Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chuyển đến chư vị hữu duyên phần ghi chép tóm lược lại bài giảng ***A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 1: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 1.***

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 12.06.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

LCX001- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Vi DIệu Pháp) - Phẩm Thứ 1 - Buổi 1|| Thích Thiện Trang

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay chúng ta mở đầu một buổi của một khóa học mới, tựa đề mà quý vị nhìn thấy trên màn hình đó là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận tức là Luận A Tỳ Đạt Ma Câu Xá, hay còn gọi là Luận Câu Xá, Luận này là của Phật giáo Bắc truyền. Chúng ta nghe tên A Tỳ Đạt Ma thì có vẻ lạ, tên này thật ra rất quen thuộc đối với những người tu học chuyên sâu. Bởi vì nếu như trong cuộc đời mỗi người tu học Phật pháp mà không biết Tạng A Tỳ Đàm hay còn gọi là A Tỳ Đạt Ma. Chữ Đạt Ma là pháp và A Tỳ giống như chữ Địa ngục A Tỳ, A Tỳ có nghĩa là vô cực vô gián tức là pháp vô cực vô gián, pháp vô cùng vi diệu, pháp mà không có gì thù thắng hơn nữa cho nên gọi là A Tỳ Đạt Ma.

Tựa đề của bộ Luận này được giải thích ở phần sau. Trong bộ Luận này có giải thích cho nên Thiện Trang cũng không mất thời gian để giải thích. Thiện Trang chỉ giới thiệu tại sao chúng ta lại học bộ này. Quý vị biết nếu đối với người học chuyên sâu dù theo Phật giáo Bắc truyền hay Nam truyền đều gần như phải học qua tạng Vi Diệu Pháp. Ở Bắc truyền gọi là Duy Thức Học

nhưng Bắc truyền thì chia ra hai, một là của Đại thừa thì gọi là Duy Thức, còn ở Tiểu thừa thường dùng từ gọi là A Tỳ Đạt Ma hay là A Tỳ Đàm, trong đó có nhiều bộ chứ không phải một bộ.

Tại sao chúng ta học môn này? Quý vị biết tất cả những gì đức Phật thuyết pháp trong 49 năm theo Bắc truyền hay là 45 năm theo Nam truyền, có bao nhiêu tạng không? Thông thường chúng ta biết sau khi kết tập lại ba tạng: Một là Tạng kinh, hai là Tạng luật, và ba là Tạng luận. Nhưng chúng ta không biết rằng thực tế đức Phật thuyết đến bốn tạng, tạng thứ tư chính là Tạng Vi Diệu Pháp hay là Tạng A Tỳ Đàm hay còn gọi là Tạng Duy Thức.

Tại sao lại có bốn tạng mà bây giờ chúng ta chỉ có nhắc ba tạng? Thiện Trang xin chia sẻ nhân duyên một chút về điều này. Nhưng Thiện Trang nói tầm quan trọng trước đã, tầm quan trọng của bộ này là gì? Ở trong cuộc đời người tu học, dù Tiểu thừa hay Đại thừa, dù Bắc truyền hay Nam truyền, nếu không học tạng này thì phải nói là mất nửa cuộc đời tu học. Quý vị nghe câu chuyện gọi là mất nửa cuộc đời, mất trọn cuộc đời rồi đúng không? Sẵn đây Thiện Trang chia sẻ vui vui một chút.

Có một câu chuyện mà chúng ta đã nghe nhiều phiên bản rất nổi tiếng, đó là có một vị Giáo sư đi qua sông, do con sông này không có cầu nên Giáo sư thuê một chiếc đò qua sông. Đang đi trên thuyền nhỏ (gọi là đò), vị Giáo sư mới hỏi vị lái đò rằng: ông có biết về Triết học hay không? Vị chèo đò nói: 'Tui làm sao mà biết được Triết học, tui quanh đây mai đó lo kiếm sống thế này, làm sao biết Triết học'. Vị Giáo sư nói: 'Vậy là anh mất hết một phần ba cuộc đời rồi đó, vì Triết học có nhiều điều hay lắm'. Tiếp theo vị Giáo sư lại hỏi: 'Anh có biết Khoa học hay không?' Người đó nói: 'Tui cũng không có biết Khoa học gì hết, tui chỉ biết chèo đò thôi'. 'Vậy thì anh đã mất nửa cuộc đời rồi. Tại vì có hai thứ anh không biết là mất nửa cuộc đời'.

Quý vị thấy giống như mình không học Tạng A Tỳ Đàm này thì mình cũng mất nửa cuộc đời, mất trọn cuộc đời luôn. Thế nào là mất trọn cuộc đời? Lát sau chiếc thuyền đó bị lật do sóng, mưa sấm chớp, sông bị động. Khi lật [thuyền] rớt xuống nước, thì người lái đò mới hỏi vị Giáo sư rằng: 'Vậy

ông có biết bơi hay không?' Vị Giáo sư nói: 'Không biết bơi, cứu tôi với!'. 'Vậy là ông có một thứ không biết mà ông mất cả cuộc đời rồi'.

Ở đây ý Thiện Trang muốn nói tạng này là gì? Chúng ta phải hiểu một chút tạng về Kinh, về Luận. Bây giờ Luật thì chúng ta hiểu rồi. Mình đang nói về Tạng kinh thôi. Về Tạng kinh là giáo pháp giải thoát của đức Phật dạy cho tất cả mọi người, mọi chúng sanh nhưng dạy theo chiều rộng. Dạy theo chiều rộng có nghĩa là tuỳ căn cơ chúng sanh mà đức Phật thuyết pháp, người chăn bò tới thì đức Phật sẽ nói ví dụ cho người chăn bò nghe hiểu được để đắc quả hoặc là có thể giải thoát. Đức Phật quán căn cơ của người đó tu đời trước, đời xưa, thời quá khứ tu những gì mà đức Phật thuyết. Cho nên gọi Tạng kinh là thuyết pháp giải thoát theo chiều rộng. Chiều rộng mỗi người sẽ thuyết cho mỗi người khác nhau tức là đức Phật sẽ thuyết cho người A khác thuyết cho người B, thuyết cho người C, mỗi người mỗi khác nhau cho nên có những công án quý vị thấy rất kì lạ.

Chẳng hạn có hai vợ chồng, một ngày nọ, đức Phật đi "bát" tức là đi khất thực. Đức Phật quán sát thấy hai người có lòng thành kính muốn cúng dường. Giống như bây giờ sư Minh Tuệ được người cúng dường vậy. Người ta muốn sớt bát tức là đưa đồ ăn vào bát, đức Phật mới che, ngăn lại. Tại sao vậy? Đáng lẽ là đức Phật sẽ nhận, nhưng đức Phật không nhận. Đức Phật ngăn lại nói: Ta không cần cái này và nói thêm một chút nữa thì hai vợ chồng đó ngộ được pháp và đắc quả. Đắc quả gì Thiện Trang không nhớ lắm, có chỗ nói đắc quả Tu-đà-hoàn, có chỗ nói đắc quả A-la-hán. Vì nhân duyên đời quá khứ hai người đó ở trong chùa suốt ngày tụng bộ kinh gì mà chỉ tụng mỗi câu đó thôi, tụng đi tụng lại hoài. Khi đức Phật vừa quán căn cơ như vậy, nhắc đúng nội dung đó thì hai vợ chồng đó đắc quả. Đó là một cách để nói kinh.

Cho nên kinh là đức Phật nói theo chiều rộng, còn Tạng Vi Diệu pháp còn gọi là A Tỳ Đạt Ma hay là A Tỳ Đàm này nội dung vẫn là giáo pháp giải thoát của đức Phật, mà dạy theo chiều thẳng đứng, có nghĩa là rất chuyên về giáo pháp. Chuyên cho nên không nói theo những ngôn ngữ của người bình thường mà lại nói theo một ngôn ngữ đặc biệt. Vì chuyên mà, điều này gọi là

học chuyên về giáo pháp giải thoát. Cho nên hiện tại Tạng này cho dù Phật giáo Bắc truyền hay Nam truyền, đặc biệt là ở nước ngoài, ở các nước phương Tây bây giờ rất thịnh hành, hầu như ai ai cũng học Tạng này. Tại vì giáo pháp này là giáo pháp theo chiều thẳng đứng, có trình tự và trình bày một cách khoa học, một cách logic, nên người dù dở mà theo học vẫn có trình tự rõ ràng. Vì vậy ai học cũng hiểu được, ai học cũng vô được nếu như có căn tánh học. Chiều này khác với chiều kia và Tạng A Tỳ Đàm này nếu mình học là sẽ hiểu. Thiện Trang xin giới thiệu trong Tạng Câu Xá này, chúng ta cần học những gì là chúng ta biết ngay.

Phẩm	**Quyển số**		**Phẩm**	**Quyển số**
分別界品	1-2		分別賢聖品	22-25
1.Phẩm Phân Biệt Giới			6.Phẩm Phân Biệt Hiền Thánh	
分別根品	3-7		分別智品	26-27
2.Phẩm Phân Biệt Căn			7.Phẩm Phân Biệt Trí	
分別世品	8-12		分別定品	28-29
3.Phẩm Phân Biệt Thế			8.Phẩm Phân Biệt Định	
分別業品	13-18		破執我品	29-30

4.Phẩm Phân Biệt Nghiệp			9.Phẩm Phá Ngã Chấp	
分別隨眠品	19-21			
5.Phẩm Phân Biệt Tùy Miên				

Luận Câu Xá này có tổng cộng 30 quyển theo Hán tạng, một quyển là 5.000 chữ, 30 quyển là khoảng 150.000 chữ. Ở quyển thứ nhất và quyển thứ hai là học về Phẩm Phân Biệt Giới. Phẩm Thứ Hai là học về Phân Biệt Căn, có sáu căn. Phẩm Thứ Ba là Phân Biệt Thế là học về Thế gian. Tại sao quý vị giàu, nghèo, tại sao vào loài rồng, tại sao đọa vào Ngạ quỷ, tại sao lên cõi Trời, đây là Phân Biệt Thế. Quý vị học thì chắc chắn thích.

Đầu tiên là nền tảng, sau đó là vào [phẩm này] đây. Rồi tại sao mình tạo nghiệp gì, nhân gì, duyên gì ở Phẩm Thứ Tư gọi là Phân Biệt Nghiệp. Ví dụ quý vị lập gia đình rồi, hai vợ chồng sống chung nhà với nhau nhưng không hạnh phúc, chúng ta dùng ngôn ngữ là oan gia ngõ hẹp, suốt ngày gặp nhau là **"oán tắng hội khổ"**, có phải như vậy không? Đó là một cách nói tạm đúng, nhưng không hoàn toàn chính xác theo Tạng Vi Diệu Pháp. Vì nếu hai người oan gia chưa chắc đã gặp nhau kiểu như vậy. Nếu là oan gia trái chủ với nhau, gặp ngoài đường lần đầu thì ngay lập tức họ đã đánh nhau rồi, họ không cùng đi chung để ký tờ đơn kết hôn. Tại sao lại như vậy? Bởi họ có một nghiệp khác nữa gọi là nghiệp ái. Nghiệp yêu vẫn có giữa hai người đó. Tức là theo Tạng này hay là theo Vi Diệu Pháp thì phân tích nghiệp rất rõ ràng. Quý vị vừa khởi lên một ý niệm yêu thích người đó ngay lập tức đã kết nghiệp rồi. Quý vị yêu thương người kết thành một nhân, nhân đó đến thời điểm nào sẽ trổ quả, nó cứ lớn mạnh theo thời gian như thế nào đó, khi có duyên nó có thể ra kết quả, đó là nhân hai người gặp nhau mà yêu thương nhau. Có nhiều nhân nữa, một số nhân nữa nó mới tạo ra hai người đi về cùng ký lên tờ giấy kết hôn để về sống chung nhà với nhau.

Còn nghiệp oan gia đối đầu nó lại ở một hoàn cảnh khác, một điều kiện khác. Có thể trong đời quá khứ khác hoặc là trong đời đó, đời nào đó hai người cũng đã từng ghét nhau vì một chuyện gì đó, vì bực mình gì đó v.v… mới kết nghiệp như vậy. Cho nên nghiệp nó ràng buộc, không phải là một nghiệp mà có quá nhiều. Mình nghĩ lên, mình có tâm yêu thương, tâm ghét là mỗi nhân để thọ sanh trong vòng sanh tử. Nên Đại sư Lục tổ Huệ Năng nói: *"Yêu ghét chẳng để lòng, thì duỗi thẳng hai chân ngủ".* Tại vì sao? Vì đó chính là một trong hai nguyên nhân chúng ta thọ sanh trong vòng sanh tử, trong vòng luân hồi. Đó là chúng ta có tham ái, tham ái ở đây có nghĩa là yêu, khi yêu chắc chắn có ghét, điều nào thích thì yêu, điều nào không thích thì ghét. Vì vậy đó là nhân, tất nhiên còn nhân Vô minh nữa, nhưng Vô minh sâu nên mình nói tham ái. Cho nên hai vợ chồng về với nhau có lúc thì hạnh phúc, có lúc thì đau khổ, có lúc thì đắng cay là do nghiệp. Nghiệp nhiều lắm, lúc thế này lúc thế kia, lúc nghiệp này trổ, lúc thì nghiệp kia trổ.

Nên người tu hành học Tạng Vi Diệu Pháp về nghiệp này, mình hiểu rõ rồi thì sợ lắm, quý vị không dám khởi tâm động niệm lung tung đâu. Vì vừa khởi một tâm nào đó là kết nghiệp rồi. Quý vị vừa khởi tâm Tà dâm nó đã kết nghiệp đọa vào những loài động vật, hoặc là Địa ngục [vì] có nhân rồi. Quý vị vừa khởi một ý niệm tham đắm gì là đi về đó rồi, nhân đó khi nào đủ duyên sẽ kết quả. Tất nhiên khi chết, mỗi người khi mạng hết thì nghiệp nào mạnh nó sẽ lôi mình đi trước, còn các nghiệp kia vẫn chạy theo, nó chạy theo rồi thì mình đâu làm chủ được.

Vì vậy học Tạng này rồi quý vị sẽ thấy khi học đến Phân Biệt Nghiệp là quý vị sẽ không trách ai hết. Không trách tại sao ông chồng đối với mình như vậy, tại sao con mình như vậy, không trách một ai cả. Vì tất cả đều do duyên nghiệp mình đã gây tạo từ đời quá khứ. Chúng ta học bài này là chúng ta hiểu rõ lắm, ở trong này phân tích chuyên mà, môn này là môn chuyên chứ không có môn khác, mấy môn khác nói lòng vòng đi lung tung lang tang. Môn này là vào giáo pháp của Phật, giáo pháp giải thoát rốt ráo gọi là giáo pháp chuyên.

Phẩm Thứ Năm là Phân Biệt Tùy Miên, Tùy miên tức là những Phiền não. Học về Phiền não, chúng ta muốn ra khỏi sanh tử chúng ta phải hiểu được Tập đế là nguyên nhân của khổ, nguyên nhân của khổ là các Phiền não. Vậy mình phải hiểu rõ Phiền não, bao nhiêu loại Phiền não v.v… thì học Phẩm này.

Phẩm Thứ Sáu là Phân Biệt Hiền Thánh dạy cho chúng ta để đắc, như hôm trước học Thiện Trang có trích cho quý vị nghe đắc Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, hoặc là đắc Thất hiền, hoặc là Tứ gia hạnh. Quý vị muốn đắc những quả vị như vậy thì quý vị được lợi ích gì, làm sao để đắc thì quý vị phải học Phẩm đó. Giống như lần trước Thiện Trang trích cho quý vị nghe, chỉ cần mình chứng đến quả vị thứ ba trong Tứ gia hạnh gọi là: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất. Nhẫn vị thì đã không đọa vào ác thú, không đọa vào ba đường ác rồi, không đọa vào bốn đường ác nói theo Phật giáo Nam truyền. Cho nên rất tuyệt vời nếu mình chỉ cần đạt tới đó, vậy làm sao đạt? Quý vị phải hiểu được phẩm đó gọi là Phẩm Phân Biệt Hiền Thánh, Hiền là chưa chứng quả Tu-đà-hoàn, còn Thánh là từ Tu-đà-hoàn trở đi.

Cho nên phải học, mình không học làm sao biết được, làm sao tu được. Muốn học Phẩm này quý vị phải học Phẩm Thùy Miên trước, tức là phải học về Phiền não trước. Rồi học nghiệp làm sao v.v… Nghiệp tại sao đời này mình thông minh mà nghèo khổ, tại sao mình học cũng giỏi mà không đi học được, ăn rồi ở nhà không, không có bằng cấp gì hết, thì đây là Phẩm Phân Biệt Nghiệp này, rồi tại sao sanh cõi nào.

Tiếp theo là Phẩm Phân Biệt Trí, đây là nói về trí huệ, và Phẩm Phân Biệt Định là Phẩm Thứ Tám nói về các tầng Thiền định, định thế nào v.v…, Định quán, Định chỉ v.v… Rất quan trọng, ai muốn đắc định phải học Phẩm này mới biết được. Phẩm Thứ Chín là phá Ngã chấp, đây là rốt ráo cuối cùng đắc quả A-la-hán.

Đây là giới thiệu sơ qua để cho quý vị biết giáo pháp này hay lắm, tuyệt vời lắm. Hòa thượng Tịnh Không cũng nói: Phật giáo thời xưa, thời nhà Đường thịnh thế là bởi vì có hai tông Tiểu thừa là Câu Xá tông và Thành Thật

tông, vì nền tảng này mới giúp cho người ta chứng quả. Bởi vì quý vị học trên cao, học Đại thừa nhưng không chỉ cho quý vị những căn bản pháp hành này, thì bây giờ nói đã lắm, nghe sướng tai, khoa học Đại thừa đã lắm, nhưng quý vị giống như bay trên tầng mây thôi, còn chứng quả thì rất khó, không phải là không được nhưng khó, khó là gì? Chỉ có những người căn tánh tốt hoặc có nhiều yếu tố gì đó, họ có thể đắc quả được, còn lại căn tánh dở là không được. Vì căn tánh dở là phải đi học từng lớp một. Lớp một, rồi lớp hai, lớp ba, lớp bốn, lớp năm, lớp sáu, bảy, tám, chín, mười, đến tốt nghiệp 12. Còn thiên tài ném vô là học lớp 10 lên lớp 12 luôn được, đó là những bậc thiên tài.

Thiện Trang lấy ví dụ này cho quý vị dễ hiểu: Đa phần giáo pháp Đại thừa giống như quý vị lái máy bay phản lực ở trên bầu trời, bay đã lắm, vèo vèo khắp nơi khắp chốn tung tăng. Nhưng nếu quý vị chỉ học Đại thừa, mà không học nền tảng này thì giống như cho quý vị học bay trên bầu trời, rồi một ngày nào đó giao cho quý vị lái máy bay phản lực từ dưới đất thì quý vị bay được không? Không bay được! Vì quý vị chưa lái chạy lấy đà trên đường băng thì làm sao để máy bay cất cánh được.

Giáo pháp Tiểu thừa trong Kinh A Hàm hoặc Kinh Nikaya, hoặc trong những bộ Vi Diệu Pháp này là giúp chúng ta đắp nền tảng dưới đất. Tức là mình điều khiển máy bay chạy trên đường băng, máy bay phản lực không lên thẳng được như trực thăng đâu, nó phải chạy lấy đà, lái thế nào để nó bay được và cất cánh máy bay cực kỳ quan trọng, nếu không cất cánh làm sao bay được. Giáo pháp này giúp như vậy, đắp lại cho nền tảng. Phật giáo Trung Hoa thời nhà Đường thịnh thế, bao nhiêu người đắc quả nhờ có giáo pháp này. Hầu như các vị Tổ sư đều học qua. Sau đó giáo pháp này không có nên Thiền tông nói trên miệng ai đắc được thì đắc, không đắc được thì thôi, đó là hên xui. Căn tánh tốt thì tự nhiên người ta cũng thành tựu, đó là thiên tài đặc biệt, người ta tu nhiều đời nhiều kiếp rồi.

Sau này chúng ta học trong này không có gì là ngẫu nhiên hết. Có những hạng người đến thế gian này không thể chứng quả vì nghiệp của họ. Nghiệp của họ đến thế gian này là đời này họ không thể chứng quả được, họ không

có chủng tánh đó, đời này đến chỉ trả nghiệp thôi. Có những người đến thế gian này có duyên để chứng quả, nhân họ có nhưng không có duyên gặp giáo pháp của Phật, không có duyên ai dạy cho, nên họ không đắc quả, hoặc họ học những giáo pháp không phù hợp cũng không đắc quả. Đó là nằm trong Phân Biệt Nghiệp. Mình học mấy bộ là có thể hiểu được, nắm rất rõ. Phân Biệt Nghiệp rõ lắm, nghiệp tướng rõ ràng từng chi tiết, cho nên mình học đã lắm.

Thiện Trang khoảng một năm nay đang cố gắng xây lại nền tảng, tại vì thấy hình như mình học bao nhiêu thứ trên trời rồi. Thiện Trang đã duyệt qua bao nhiêu kinh điển Đại thừa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Bi Hoa v.v…, nhiều kinh lắm, đọc không biết bao nhiêu kinh rồi. Nhưng thấy sao mình đọc nhiều như vậy rồi hành chỗ nào. Tạng Duy Thức này thì Thiện Trang đã coi bao nhiêu năm rồi nhưng coi trên Duy Thức Đại thừa thôi. Sau này mình chấp nhận xuống thấp hơn nữa coi lại Tạng Duy Thức, coi lại A Hàm và coi Nikaya thì thấy những điều này mình cần bây giờ. Mình đang đi dưới đất, mình cần ở dưới đất, lái máy bay trên đường băng để cho cất cánh được đã, khi cất cánh rồi bay trên bầu trời sẽ nhanh hơn. Cho nên người biết học đừng có phân biệt Nam truyền hay Bắc truyền mà hãy học cả hai. Học [cả hai] đều có lợi ích, tại vì sao? Bởi nếu quý vị chỉ học [Tiểu thừa] mai mốt quý vị lên trên bầu trời bay cũng không được, nếu không học Đại Thừa thì bay không nhanh được. Cho nên phải học điều này và học điều kia, hai con đường này nhanh hơn rất nhiều.

Ở đây Thiện Trang xin chia sẻ một chút, theo giáo pháp của Nam truyền, hoặc giáo pháp mai mốt quý vị được học trong này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu bao nhiêu kiếp thành Phật? Từ khi Ngài tu hành tới bây giờ thành Phật bao nhiêu kiếp? Thiện Trang có coi trong Tích Truyện Pháp Cú, rồi một số kinh thì thấy nói đức Phật Thích Ca vào thời đức Phật Nhiên Đăng, Ngài sẵn sàng cúng dường cho đức Phật Nhiên Đăng, Ngài trải mái tóc xuống, có chỗ nói trải mình xuống nằm trên vũng sình cho đức Phật Nhiên Đăng đi qua vũng sình đó, để khỏi bị lấm chân (dơ chân), sau đó phát tâm. Lúc đó đức Phật Nhiên Đăng mới quán sát rằng vị Bồ-tát này đã tu 16 a-tăng-kỳ kiếp

rồi, và bấy giờ mới thọ ký cho Ngài: từ đây đến khi ông thành Phật còn 4 a-tăng-kỳ kiếp, cộng 100 đại kiếp nữa thì ông sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, có nghĩa là 20 a-tăng-kỳ kiếp. 1 a-tăng-kỳ là bằng con số "1" đằng trước với 140 chục con số "0" đằng sau, tức là 10 mũ 140. Đức Phật Thích Ca mà còn tu cỡ đó đấy quý vị. Có nghĩa là 20 a-tăng-kỳ, tức là con số "20" đằng trước, thêm 140 chục số "0" đằng sau, hay là số "2" đằng trước cộng thêm 141 số "0" đằng sau, mới thành Phật. Đức Phật Thích Ca tu lâu như vậy đó, quý vị thấy con đường thành Phật dài xa.

Sẵn đây Thiện Trang nói học điều này có lợi ích gì, trong Tạng Vi Diệu Pháp này có nói chủng tánh nào thành Phật thời gian bao lâu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mất 20 a-tăng-kỳ, Ngài thuộc về bậc trí huệ, cho nên tu mất 20 a-tăng-kỳ kiếp thì thành Phật. Nghe xong sợ rồi, quá lâu. Thật ra chúng ta tu lâu lắm rồi chứ không phải bây giờ. Người bình thường mà trí tuệ, tức là ham học, học giáo pháp nhiều thì mới 20 a-tăng-kỳ kiếp. Còn người tu tinh tấn nhưng mà ít học thì quý vị biết cần 80 a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, gấp 4 lần.

Cho nên đừng nghĩ là mình tinh tấn, có nhiều người đời nay kêu tôi không học giáo pháp đâu, tôi tu tinh tấn sướng hơn, tôi tu tinh tấn sẽ mau thành hơn. Không đâu quý vị, theo giáo pháp, giáo lý A Tỳ Đàm này nói rõ, quý vị tu tinh tấn mà không chịu học các pháp, Phật pháp giáo lý A Tỳ Đàm, v.v… thì quý vị tu mất tới 80 a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, gấp 4 lần người trí huệ. Thời gian chậm 4 lần chứ không phải nhanh 4 lần đâu, chậm hơn 4 lần có nghĩa mất thêm 60 a-tăng-kỳ kiếp nữa. Quý vị thấy thảm thương không? Vì không chịu học giáo pháp Như Lai. Bây giờ nhiều lắm, kiểu người đó đông lắm. Tu, vô niệm Phật, niệm dữ lắm, Thiền định dữ lắm, Tinh tấn, Bố thí, v.v… Trì giới dữ lắm, nhưng mà không chịu học Tạng giáo pháp giải thoát, không chịu học giáo pháp nhiều, cho nên tinh tấn nhiều mà học ít thì 80 a-tăng-kỳ kiếp.

Còn một hạng ở giữa nữa mất 40 a-tăng-kỳ kiếp cho tới khi thành Phật là hạng có đức tin. Đức tin là người dễ tin, nói sao nghe vậy, nói là tin liền, rồi cứ thế mà thực hành tu theo làm theo như vậy, cho nên người đó là 40 a-

tăng-kỳ kiếp [mới thành Phật]. Hạng người đó nhiều không? Cũng rất nhiều, mấy bà hay mê tín đó quý vị, nghe niệm Phật, tu Thiền thì theo liền. Người chủng tánh đức tin họ tu 40 a-tăng-kỳ kiếp. Thiện Trang xin đúc kết lại, hạng trí tuệ, hạng đức tin và hạng tinh tấn, ba hạng đó quý vị thích hạng nào? Tất nhiên mình thích nhanh chứ ai thích chậm đâu, thích nhanh thì chúng ta đi đúng hướng Tạng Vi Diệu Pháp này là chư Phật ba đời đều thuyết hết.

Cho nên ta học Tạng này là chúng ta đi nhanh, đi tắt, nhiều người không được học đâu quý vị. Cho nên bên giáo pháp Nam truyền cũng vậy, học đến lúc nào đó, tu đến lúc nào đó, hầu như tự nhiên cũng bay vào đây. Tại vì không bay vào đây thì quý vị tu học điều gì. Quý vị muốn đoạn phiền não, mà quý vị không biết phiền não là gì. Quý vị muốn chứng Sơ quả phải đoạn phiền não nào, v.v… thế nào không biết, vậy cho nên chúng ta may mắn. Ngay cả tu niệm Phật, thời ngài Lý Bỉnh Nam Liên xã Đài Trung ví dụ một vạn người tức là 10.000 người thật sự vãng sanh có ba đến năm người. Hòa thượng nói 60 năm sau chỉ có một đến hai người, cho nên không dễ đâu. Tại vì thiếu những nền tảng này, nếu chúng ta học những nền tảng này thì dần dần quý vị hết dám khởi tâm động niệm, tự nhiên niệm Phật nhiếp tâm thôi. Tại vì mình học mình phóng khoáng quá, tại vì tâm mình dễ chạy theo cảnh, bởi vì quý vị không hiểu nguyên lý vận hành của các pháp, nếu mình hiểu được là mình tốt lắm.

Ở đây Thiện Trang xin nói Tạng này có từ đâu ra. Tạng A Tỳ Đàm quý vị coi trong Kinh A Hàm, hay Kinh Nikaya đức Phật đều nhắc hết. Quý vị có thể dở Tích Truyện Pháp Cú cũng có, đề cập tới rất nhiều. Đức Phật thuyết Tạng này năm 42 tuổi, vào ba tháng mùa hè đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết cho Mẫu hậu Ma Da Phu nhân, tức là báo đáp công ơn mẹ của Ngài - Phật Mẫu Ma Da Phu nhân. Vào năm 42 tuổi đức Phật lên cung trời Đao Lợi, có chỗ nói cung trời Đâu Suất, nhưng Thiện Trang nghĩ trời Đao Lợi thì đúng hơn, thuyết cho chư thiên tại đó, trong thời gian ba tháng liên tục không ngừng nghỉ. Ba tháng liên tục không ngừng nghỉ ở nhân gian chứ không phải ở cõi Trời.

Trời Đao Lợi một ngày ở đó bằng 100 năm ở nhân gian, cho nên ba tháng ở nhân gian là bằng ¼ năm, vậy là ¼ của 100, tức là 1/400. 1/400 của ngày ở trên cung trời Đao Lợi thôi, chẳng bao nhiêu hết. Nhưng thời gian đó thuyết liên tục không ngừng nghỉ, đổi ra số phút là tầm khoảng 3,6 phút. Quý vị đổi đi, lấy một ngày có bao nhiêu phút chia cho 400 thì ra khoảng 3,6 phút. Như vậy đức Phật lên đó thuyết khoảng 3,6 phút cho chư thiên Đao Lợi, thật ra không phải 3,6 phút đâu, thời gian dài lắm và chư thiên có thể nghe rất nhanh. Đức Phật giảng suốt như vậy. Cho nên sau khi giảng hết ba tháng, vô lượng chư thiên đắc quả. Không phải chư thiên ở mỗi Thế giới này mà Thế giới khác cũng tới nghe, đắc quả rất nhiều. Mẫu hậu Ma Da phu nhân cũng đắc quả, có chỗ nói đắc quả A-la-hán, có chỗ nói đắc quả Tu-đà-hoàn.

Vì Tạng pháp này rất vi diệu, rất hay, cho nên gọi là Vi Diệu Pháp. Chữ A Tỳ là đặc biệt, không có gì so sánh, không có gì hơn được; Đạt Ma là pháp, pháp không gì hơn được, không gì so sánh được, vậy mới gọi là A Tỳ Đạt Ma. Như vậy thuyết trên cung trời Đao Lợi, còn thuyết ở nhân gian chúng ta hưởng ké thôi, hưởng ké bằng cách nào? Trong đó nói rằng đức Phật khi giảng ở trên đó nhưng Ngài vẫn dùng thân của Ngài là thân máu thịt chúng ta. Do thân máu thịt thì đức Phật vẫn cần năng lượng, cho nên mỗi ngày sau khi thuyết pháp đức Phật vẫn phải đi "bát" (là đi khất thực). Đức Phật dùng thần thông hóa hiện ra một thân hình giống y chang như Ngài, ngồi tại đó vẫn có cử động nói năng, thuyết pháp liên tục, liên tục và Ngài ẩn đi xuống nhân gian. Chư thiên không thấy được, không biết được, cứ tưởng Ngài vẫn ngồi đó giảng nhưng [thực ra] Ngài hóa ra một thân.

Nói rõ thân đó là thân giả thôi, không phải thân thiệt, vì đức Phật không có khả năng tạo ra một chúng sanh có đầy đủ giống như một chúng sanh khác. Chỉ có thể tạo ra một hình giống như con Robot vậy, hình hài hoạt động v.v… y chang như thật nhưng đó chỉ là giả thôi, không thật được. Nếu nói đức Phật hóa ra một con người nữa thì đức Phật có quyền hóa một người là hóa vô lượng người, có đầy đủ sáu căn, sáu thức hoặc tám thức là mình sai. Đức Phật thành ra giống như bên Thiên Chúa tạo ra chúng sanh. Không phải! Đức Phật không tạo ra chúng sanh. Đức Phật chỉ tạo cho chúng sanh Vô tình

thôi không tạo Hữu tình được. Hữu tình là Hóa thân, hóa tạm thôi, giống giống vậy nhưng không thật, không đầy đủ các căn, thọ nghiệp, không có kiểu đó. Quý vị nghe cho rõ chứ không nhiều người chụp đoạn hồi nãy rồi nói Thiện Trang nói sai giáo pháp của đức Phật.

Sau đó đức Phật xuống đi khất thực, đi "bát" giống như ngài Minh Tuệ bây giờ. Quý vị biết đức Phật không đi khất thực tại Nam Thiệm Bộ châu chúng ta, tức là không tại Địa cầu mà đức Phật phải đi về nơi khác, đó là nơi Bắc Cô Lô châu. Vì thực dưỡng ở đó, thức ăn ở đó tốt hơn, Ngài cần nhiều năng lượng hơn phục vụ cho việc giảng pháp và ở tại trời Đao Lợi, nên Ngài mới đi "bát" về đó. Sau khi Ngài đi "bát" khất thực xong mới trở về núi Hy Mã Lạp Sơn, tức Himalaya bây giờ. Ngài đến ao A-nậu-đạt, quý vị thấy trong kinh Phật hay nhắc đến ao này. Đức Phật ăn và xúc miệng, xỉa răng ở đó. Khi đó ngài Xá Lợi Phất quán thấy đức Phật ở đó nên ngài biết là không có ai thị giả, cho nên ngài mới dùng thần thông đến ao A-nậu-đạt trên núi Himalaya để thị giả cho đức Phật trong bữa ăn và sau bữa ăn. Sau bữa ăn đức Phật mới thuyết lại những nội dung mà Ngài thuyết tại cung trời Đao Lợi. Tức là Tạng Vi Diệu Pháp A Tỳ Đàm, thuyết lại cho ngài Xá Lợi Phất, tất nhiên thuyết lược trong 24 giờ. Ở trên kia thuyết thế nào thì thuyết lược lại cho ngài Xá Lợi Phất. Sau đó đức Phật trở lại cung trời Đao Lợi.

Ngài Xá Lợi Phất mới bắt đầu về chúng của ngài. Ngài là Đệ tử Trí tuệ bậc nhất, ngài mới thuyết lại cho 500 vị Đệ tử và chúng của ngài. 500 vị này trong Tích Truyện Pháp Cú, thật ra nhóm đó là 500 con dơi ở đời trước vào thời đức Phật Ca Diếp, do có nhân cũng nghe được tạng A Tỳ Đàm này. Nghe bằng cách nào? Ở bên hang động có hai vị Tỳ-kheo suốt ngày đọc Tạng A Tỳ Đàm này, đọc tiếng tụng A Tỳ Đàm này rất nhiều. Cho nên [500] con dơi nghe miết thì chúng thấy hay quá. 500 con dơi nghe xong vô cùng hoan hỉ, sau khi mạng chung thì chúng sanh được về cõi Trời và đến thời đức Phật Thích Ca sanh xuống nhân gian thì làm Đệ tử của đức Phật. Do có nhân duyên nên đi theo ngài Xá Lợi Phất học Tạng A Tỳ Đàm này. Từ đó có Tạng A Tỳ Đàm, Tạng A Tỳ Đàm này do là kết tập kinh điển.

Quý vị biết ngài Xá Lợi Phất nhập Niết-Bàn trước cho nên không chứng kiến, không ở lại đến lúc kết tập kinh điển. Vì vậy lần kết tập kinh điển thứ nhất tại hang Thất Diệp thì ngài Xá Lợi Phất không có nữa, ngài A Nan và những Tôn giả khác không chấp nhận cho nên không kết tập Tạng A Tỳ Đàm này. Mãi đến lần kết tập thứ ba, thứ tư thì Tạng A Tỳ Đàm mới được kết tập. Quý vị có thể tìm những bộ Đại Tỳ Bà Sa Luận, bộ đó có 200 quyển. Những bộ đó là được kết tập lại sau này. Tuy Tạng này không được kết tập lần thứ nhất nhưng vẫn là do đức Phật thuyết. Và 500 vị Tỳ-kheo quá khứ là con dơi, sau khi nghe điều đó cũng đắc được Tuệ giải thoát, chưa đắc được Lậu giải thoát, tức là trong đó chứng Tứ thiền trở lên, nghe được Tạng A Tỳ Đàm này.

Thiện Trang giới thiệu cho quý vị nghe hiểu sơ sơ về thế nào là A Tỳ Đàm, từ đâu thì chúng ta học như vậy và quý vị nên nhớ học giáo pháp này phải kiên trì, kiên nhẫn.

Ở đây Thiện Trang cung cấp công thức để chúng ta tu, về độ tuổi, thời gian học và thời gian hành. Hành tức là hành Thiền định hoặc niệm Phật. Ở đây do có thể những người tu Pháp môn khác nữa, mỗi người tu Pháp môn nào cũng được. Quý vị nếu còn trẻ mà gặp Phật pháp thì quý vị nên dành 2/3 thời gian để học và 1/3 thời gian Thiền định để niệm Phật. Những người ở tuổi trung niên thì nên chia 50:50, tức là 1/2 thời gian để mình học, và 1/2 thời gian để mình tu. Đây cũng là trong Tạng nói ra chứ không phải Thiện Trang nói.

Bữa nay Thiện Trang báo cáo tâm đắc trước để quý vị biết điều này hay ở chỗ nào và tại sao mình phải học. Còn nếu quý vị già rồi mới gặp Phật pháp và bây giờ tuổi già rồi, sức nhớ không tốt thì quý vị chỉ học khoảng 1/3 thời gian thôi, còn 2/3 quý vị lo niệm Phật, lo Thiền định đi. Khi mạng sắp hết, sắp chết ngáp ngáp rồi, bệnh quá rồi, sắp đuối biết gần ra đi rồi, còn không bao xa nữa thì đừng học nữa, lo hết thời gian Thiền định, niệm Phật đi chứ không còn thời gian nữa đâu.

Đây là công thức ở trong bộ Vi Diệu Pháp này tặng cho chúng ta. Do Thiện Trang có học cả Nam truyền lẫn Bắc truyền, học cả Tạng Nam truyền

về phần này, và Thiện Trang bây giờ đi với quý vị để học kỹ hơn về Tạng này bên Bắc truyền. Bên Nam truyền thật ra rất thịnh [Tạng] này, rất nhiều người học rồi, nhưng Bắc truyền thì ít người học. Giáo pháp Bắc truyền gần đây gần như suy, suy bởi vì thiếu nền tảng này. Quý vị cứ đi ra nước ngoài hỏi mấy người phương Tây là người ta khinh thường Phật giáo ở Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Nhật Bản lắm. Tại vì Phật giáo nói nhiều hành ít, người chứng quả không nhiều, chứng Thiền ít. Còn họ tôn trọng Phật giáo Nam truyền như Myanmar v.v… vì các nước đó có thực hành, vì họ còn Tạng này. Hoặc là họ tôn trọng Mật tông, Mật tông vẫn học Duy Thức mà, vẫn có.

Cho nên hiện tại Phật giáo Bắc truyền suy là do thiếu nền tảng này, thiếu nền tảng này thì quý vị nói niệm Phật định, định thế nào? Quý vị ngồi chút được yên yên tưởng vô định, không phải đâu, chưa chắc đâu. Rồi quý vị tu một hồi nhiều khi vô cảnh giới nào cũng không biết luôn. Nhiều người thiền mà không học rõ, quý vị thiền lạc đường đó, không phải đơn giản đâu. Có câu chuyện, có cô đó ngồi trong Thiền đường, cô đang ngồi vô đã quá, cho nên cô kêu ở trong nóng quá, đông người quá mà hết thời gian, nên cô ra ngoài vườn ngồi chứ không ngồi trong Chánh điện nữa, ra vườn ngồi, ở Việt Nam ra đám rừng cao su ngồi. Ngồi một hồi người ta đâu biết. Tới chiều có người đi ra thấy kiến vàng bu khắp người cô, từ chân lên tới đầu, mà không biết tại sao kiến bu cắn kiểu gì mà cô ngồi im phăng phắc không biết gì hết. Quý vị biết thiền trạng thái đó tiêu rồi, có nguy cơ thế nào rồi đó. Tại vì thiền là phải tỉnh giác phải chánh niệm, thiền đến nỗi không biết như vậy là nguy cơ, thật sự là có vấn đề rồi. Lúc đó người ta hoảng sợ không biết làm sao. Vì thứ nhất là sợ kiến cắn ăn thịt cô, thứ hai là không biết cô bị sao rồi. Cho nên [họ] rất lo sợ, vô kêu, cũng may Thiền đường đó cũng có người tốt, người giỏi. Vị thầy đó biết, ra thì không có bảo gỡ gì hết. Vị thầy mới đầu dùng nhập Từ bi quán gọi là dùng lòng từ bi để nói khai thị cho cô từ từ, nói bây giờ phải thế này thế kia nói bằng những lời nhẹ nhàng. Ngài biết bất cứ một chấn động nào mạnh là tẩu hỏa nhập ma liền.

Quý vị thấy nhiều người tu thiền bị tẩu hỏa nhập ma. Tu thiền một hồi đang ngồi vô gì đó không biết, có người đánh chuông boong, rồi đùng. Ở

trong thiền, lúc đó một âm thanh "đùng" nghe to như trái bom nổ. Ở ngoài người ta đánh chuông nhỏ nghe cũng không đến nỗi nào, nhưng ở trong thiền do không hiểu bên giới nên nghe tiếng "đùng" một phát hoảng hồn, hồn bay phách lạc nói ngôn ngữ đời thường. Rớt vào kiểu gì đó là điên luôn, điên từ đó đến cuối đời luôn. Có đó, rất nhiều người thiền bị điên.

Niệm Phật cũng vậy, niệm mà quý vị không hiểu cảnh giới, niệm dở dở làm sao đó, niệm mà vô cảnh giới cũng có nhiều người có vấn đề chút nhưng xác xuất thấp hơn. Vì dù sao cũng có chỗ dựa, quý vị có gì cứ ôm chân Phật. Còn ngồi thiền người ta không ôm được ở đâu hết. Cho nên phải hiểu được, quý vị mai mốt học Phẩm Định mới hiểu được định thế nào, định tới đâu, học thì quý vị mới [biết] được. Còn không học mình không biết đâu. Ở đây Thiện Trang xin báo cáo những tâm đắc trước, tại vì đợi quý vị học hết bộ này lâu lắm. Báo cáo vài điểm để quý vị biết điều hay.

Như vậy vừa rồi Thiện Trang nói có ba chủng tánh người. Chủng tánh đức tin thì 40 a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Nếu mình không có nhân duyên vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, vãng sanh về cõi Tịnh Độ là tu cần 40 a-tăng-kỳ kiếp. Nếu [hạng] tinh tấn là 80 a-tăng-kỳ kiếp, dài hơn gấp đôi. Còn người nhanh học về trí huệ nắm rõ Tạng pháp thì người ta chỉ mất 20 a-tăng-kỳ kiếp như đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Quý vị thấy 20 a-tăng-kỳ kiếp rút ngắn được 1/4 so với người kia. Cho nên không học thì không biết. Thiện Trang giảng Tạng này là giảng theo Bắc truyền vì có hai lý do. Thứ nhất là Thiện Trang rành chữ Hán nên giảng theo Tạng này của Bắc truyền, nhưng Thiện Trang cũng có tham khảo tạng của Nam truyền. Thứ hai Tạng giảng Nam truyền có nhiều người giảng rồi, người ta giảng chắc chắn hay hơn mình. Bởi vì Thiện Trang không biết tiếng Pali, ngôn ngữ Pali bây giờ không có thời gian để học. Sau này có duyên có thể học, bây giờ không biết tiếng Pali mà giảng từ bản dịch của người ta là mình không làm chủ được ngôn ngữ. Không làm chủ được ngôn ngữ là khả năng theo ngôn ngữ ngoài đời gọi là "toang". Toang là giảng không chính xác, có những chỗ mình sẽ bị kẹt không giảng được. Cho dù đắc Thánh quả Tam quả A-na-hàm giảng cũng

không được. Bởi vì trong Thánh quả Tam quả hay Tứ quả cũng chỉ được một phần nào đó thôi không thể hết được.

Trong Kinh A Hàm, đức Phật có đưa ra những câu hỏi mà bậc chưa chứng quả có thể trả lời được. Rồi Ngài đưa ra câu hỏi bậc chưa chứng quả không thể trả lời được, nhưng bậc Sơ quả trả lời được. Rồi Ngài đưa ra câu hỏi bậc Sơ quả không trả lời được, nhưng bậc Nhị quả trả lời được, cho đến bậc Tứ quả trả lời được. Tức là những bậc trước không trả lời được, rồi bậc Tứ quả không trả lời được, nhưng ngài Xá Lợi Phất trả lời được. Từng cấp như vậy, Phật có trí huệ đặc biệt, Ngài đưa ra những câu hỏi từng cấp, từng cấp một. Cho nên mình chưa thành Phật, mình giảng không có chính xác hoàn toàn đâu, chỉ tương đối thôi. Tức là mình chỉ hy vọng giảng đúng lời Kinh lời của Phật, chứ còn để giảng thông suốt thì có nhiều điều không biết.

Thiện Trang nói như Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, bây giờ quý vị coi có nhiều chỗ cũng không hiểu. Thiện Trang thì may mắn coi được cả hai, có chỗ bên Kinh Nikaya coi không hiểu thì Thiện Trang đối chiếu qua A Hàm. Bởi vì A Hàm với Nikaya tương ưng, hầu như khớp nhau, chỉ có vài điểm không khớp. Mình thấy chỗ đó coi không hiểu, bản dịch của Hòa thượng Minh Châu, thấy sao kỳ kỳ thì mình coi qua bản của bên A Hàm là ok. Chỗ này là bên A Hàm nói rõ, ngôn ngữ này được này. Hoặc Thiện Trang coi bên chữ Hán tạng là được. Lật ngược lại có những điều coi Hán tạng chịu thua, không biết nghĩa này nghĩa gì hết, không hiểu danh từ thuật ngữ này, coi những bản dịch nào cũng chịu thua. Nhưng coi qua bên Nikaya chỗ này dịch thông suốt được. Có chỗ coi cả hai bên cũng chịu thua luôn không biết đường nào, thật sự là vậy. Đấy là không thể nào hiểu hết được, giáo pháp của Phật rộng lắm.

Cho nên Thiện Trang hy vọng sau này có thể hiểu được một chút nếu có thời gian để học. Ví dụ mình học môn này mình sẽ phân biệt được rất nhiều điều. Ví dụ như ở đời người ta nói vị này thông minh lắm nhưng thực tế trong A Tỳ Đàm, trong Vi Diệu Pháp mà mai mốt chúng ta học không phải thông minh như vậy mà chia ra nhiều tầng bậc. Người học bài nhớ nhanh, nhớ rất giỏi, mình nói người đó thông minh, không hẳn như vậy đâu quý vị. Trong này chia ra rõ người đó họ có trong Ngũ căn: Tín, Tấn, Niệm, Định,

Huệ thì đề mục Niệm họ tu tốt cho nên họ nhớ tốt, chứ chưa hẳn họ thông minh. Còn người khả năng làm việc nhanh, giải toán vèo vèo xong, làm việc gì nhanh xoẹt xoẹt, mình nói người đó thông minh. Không phải! Trong này chia rất rõ đó, không phải thông minh mà người có định tốt, họ tu Chỉ tốt. Tức là người đó ngồi thiền niệm Phật hay thiền định được, định tâm họ được, họ có định tốt cho nên giải toán nhanh làm việc nhanh.

Quý vị chưa tu, quý vị tu một thời gian thấy làm việc nhanh hơn là do quý vị có định tốt. Còn nhớ tốt là niệm, nên có nhiều người họ nói quá trời quá đất nói đông tây nam bắc điều gì cũng tốt v.v… điều gì cũng biết. Đó là học giả, nhờ niệm tốt chứ đâu phải huệ. Huệ là khác, trong này định nghĩa huệ không phải như vậy. Trong này Tín là niềm tin, Tấn là tinh tấn, Niệm là khả năng ghi nhớ, Định là khả năng tập trung rất nhanh khiến làm việc nhanh, giải quyết việc gì cũng nhanh. Còn Huệ là khả năng lý giải tốt, nắm bắt tốt, hiểu tốt, đó mới là huệ. Ví dụ bây giờ học quý vị nghe hiểu liền, người hiểu mau đó là người có huệ. Đó mới là huệ của Phật giáo. Mai mốt mình học vô mới biết được Phân biệt trí. Bây giờ dễ, ai cũng nói thông minh, người ta học nhớ như con vẹt, nói đã đời nhưng vào lý luận không được. Tức là vào phần giải không được, còn phần lý luận còn một phần khác nữa. Sau này mình học vào Tạng này mình thấy rất rõ, khi đó quý vị nắm được các pháp thế gian lẫn xuất thế gian rồi quý vị tu mới được.

Còn bây giờ mình tu liều mạng thôi, thì liều mạng cũng được, già già rồi thì thôi niệm Phật đi. Ai tin Bắc truyền thì niệm Phật, còn ai tin Nam truyền già quá rồi thiền được thì được, không đắc được thì thôi, không đắc được gieo duyên tu tiếp. Nhưng để đời sau được gặp Phật pháp, nếu quý vị không học môn này thì nhiều khi không biết. Quý vị phải gieo nhân nào, tâm quý vị hướng như thế nào thì đời sau khả năng nghiệp đó mới khơi những chủng tử nghiệp, nói theo Phật pháp Đại thừa theo Duy Thức học là khơi những chủng tử tốt về Phật pháp kéo quý vị đi về xứ đó, nơi đó, nơi mà gặp được giáo pháp, còn không quý vị rớt vào biên địa, quý vị rớt vào nơi khác. Quý vị có thể có một đời phước báu, quý vị có thứ này thứ kia nhưng quý vị không tu học được bởi vì không gặp Phật pháp.

Cho nên khi mình nắm được Tạng A Tỳ Đàm này thông thạo rồi thì quý vị tu dễ lắm. Quý vị sẽ biết từng cử chỉ, từng ý niệm trong tâm mình nguy hiểm như thế nào. Một niệm sân lên là kết một chủng tử nghiệp đi vào Địa ngục rồi. Một niệm sân là kết đi vào các đường dữ như loài beo, sói, những loài hung dữ. Niệm si mê ngủ nhiều đó đi về cảnh giới heo rồi. Có kết nghiệp đó, tất nhiên chưa hẳn là quyết định nhưng mà cứ từ từ như vậy, đi một hồi [là] tiêu, cho nên đây Thiện Trang giảng [bộ này].

Hiện tại có người hỏi: Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú có file sách chưa? Thiện Trang phải rà soát lại, hiện tại mới in Phẩm Sáu thôi. Nếu in ra bây giờ thì nhiều lắm, nhưng không có thời gian để rà ra sách. Quý vị muốn [có] thì tự in lấy, mà tự in chưa chắc đã đúng. Quý vị lên trang dieuphap.net tải về, có file word ở trên đó hết rồi. Quý vị cứ lên trên đó vào Khoa Chú 2014 tải về. Quý vị có thể tự in, tự làm được. Nhưng Thiện Trang nói phần dịch đó cũng có những sai sót nhất định chưa điều chỉnh. Vì đưa lên rồi, điều chỉnh chưa hoàn toàn.

Bây giờ mình hiểu chưa? Quý vị nhớ Tín Tấn Niệm Định Huệ. Cho nên người tu thế nào và người có khả năng nào. Quý vị thấy trong nhà Phật đề xướng rất quan trọng ở chữ Huệ, *'nhân Giới sanh Định nhân định khai Huệ'*, có nhiều là người học giả thôi. Thiện Trang thấy có người giỏi lắm biết tới mấy thứ tiếng, có bao nhiêu bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ đầy luôn. Thứ gì trên đời cũng biết, thế gian chuyện này cũng biết, chuyện kia cũng biết, chuyện trời đất gì cũng biết, nhưng mà họ tu có được không? Thông thường không được. Vì muốn tu được quý vị phải là người biết ít về thế gian. Quý vị coi năm Triền cái, quý vị muốn nhập Sơ thiền gọi là Công phu Thành phiến bên Niệm Phật, còn bên Thiền gọi là Sơ thiền thì ly các ác pháp bất thiện, ly tham dục. Một trạng thái định do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Nhưng mà có năm yếu tố hỗ trợ nữa, gọi là phải lìa được năm Triền cái.

Năm Triền cái là gì? Là quý vị có tham, tham thì dễ rồi, bỏ hết tham, học hoài đến lúc nào đó sẽ không tham. Rồi sân, không được sân, phải không sân, sân nhiều quá đâu có đắc được. Rồi hôn trầm là buồn ngủ hoặc lơ lơ đơ đơ, cho nên mệt mỏi quá không không đắc Sơ thiền được đâu. Sau hôn trầm là trạo hối, hôn trầm gọi là thụy miên; Trạo hối là tâm của mình cứ nhiều thứ trỗi lên.

Những người học ở ngoài đời nhiều quá. Bây giờ mấy người đi xuất gia lo học lấy bằng này bằng kia, học cho lắm vô là tu Thiền không đắc, khó đắc lắm. Tại vì quý vị biết quá nhiều thế gian, quý vị học quá nhiều thứ khiến cho tâm mình trạo hối, trạo cử và cuối cùng là nghi. Nên hãy làm một người vừa phải thôi, học giáo của Phật thôi thì đỡ, giáo pháp của Phật vốn thanh tịnh nên càng học càng an lạc, càng học càng vô.

Quý vị coi một người giảng tại sao người ta giảng có định, có sự nhiếp phục, bởi vì người đó không biết quá nhiều thứ bên ngoài. Còn người biết quá nhiều thứ bên ngoài dẫn đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, nhưng thực tế họ không có định và yếu tố nữa là giữ Giới nên quý vị không có những điều đó thì không được. Hồi xưa Thiện Trang biết nhiều thứ ngoài đời lắm, sau này khi học Phật pháp Thiện Trang chấp nhận làm người dốt. Bây giờ có nhiều thứ thua xa các bạn, không biết sự việc này sự việc kia v.v… không biết chuyện này chuyện kia, bởi bỏ! Phải làm [người] dở dở, mình chỉ ôm giáo pháp Như Lai là chính, quý vị tu quý vị học. Bây giờ còn trẻ thì cứ 50/50 hoặc là học ⅔ đi, mình học và mình tu sẽ vào, còn nếu như mình không biết, không có công thức. Nhiều người quý vị coi nói giáo pháp thì được nhưng vẫn sân, sân nhiều, sân dữ luôn, rồi tu không thiền không đắc do thiếu nền tảng đó. Nhờ giữ Giới cũng định, cứ học trên hình tướng đi quý vị.

Thiện Trang thấy đơn giản như từ khi có ngài Minh Tuệ, Thiện Trang học cách ngồi, cố gắng ngồi xếp bằng, hoặc kiết già hoặc bán già, lúc nào cũng ráng ngồi, trừ khi quá mỏi không chịu nổi nữa mới duỗi chân ra, ngồi như vậy một thời gian thấy tâm định tĩnh lại hẳn, quý vị tu dễ hơn nhiều. Hồi xưa ngồi khó chứ bây giờ ngồi thoải mái, ngồi hoài rồi dần dần ngồi được mấy tiếng đồng hồ, dần dần ngồi được cả ngày, không có vấn đề, tức là mình luyện. Thứ hai là mình giữ những Giới quan trọng, mình phải ráng giữ, Giới nhỏ cũng giữ. Thiện Trang chắc lâu rồi cũng không bứt lá cây v.v… thế này thế kia là không bao giờ làm.

Cho nên hiện tại quý vị gặp những quý thầy mà trong đoàn đi chung với ngài Minh Tuệ, bây giờ rã ra đi khắp nơi. Quý vi có duyên gặp thì nên tặng máy nghe pháp, tải sẵn những bộ kinh như Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, Kinh Đại thừa

v.v… rồi tải phần Giới luật. Nên tải hai thẻ đó ra để quý thầy nghe, chứ không quý thầy không giữ được 250 giới của Tỳ-kheo bên Bắc truyền, hoặc 227 giới của Nam truyền. Giới của Tỳ-kheo thì nhiều bộ lắm, quý vị tải như Luật Tứ Phần hoặc Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da, trong đó mới giữ giới được, chứ không quý thầy không biết, quý thầy bứt lá cây, bẻ cành cây v.v… là phạm Giới rồi. Mình giữ từ những Giới nhỏ.

Như Thiện Trang giữ khá lâu rồi, bây giờ ai trồng rau mình thấy rau cũng không dám hái, có sẵn thì ăn, không có thì thôi. Người ta làm sẵn rồi hoặc người ta bán thì mình còn mua được. Cứ giữ như vậy, giữ cho nghiêm. Thiện Trang thấy giữ Giới càng nghiêm bao nhiêu Định thì càng sanh bấy nhiêu, tự nhiên tâm mình thánh thoát, tu dễ dàng.

Bây giờ quý vị thấy Thiện Trang ốm, tại vì Thiện Trang giữ gần như chiều tối là không uống bất cứ loại nước nào khác ngoài uống nước trắng. Tức là uống nước khoáng giống như ngài Minh Tuệ, giữ như vậy, chỉ có ăn vào buổi sáng thôi, giữ chặt, thấy người ốm và tự nhiên gần đây tu nhiều hơn cho nên ít ngủ hơn. Ốm hơn là điều đương nhiên, ăn ít ngủ ít thì người ốm, tại vì mình chưa có công phu sâu. Bao giờ công phu sâu thì mới vượt lên được. Quý vị để ý như vậy, nên cố gắng hành trì, mình cứ giữ đi, bí quyết ngài Minh Tuệ nói đó.

Quý vị nghe cho rõ, ngài nói giống như ngài có thần thông, ngài biết trước. Ngài nói vị thầy đó ráng hãy đi vào trong đoàn đi, nếu không sau này thất lạc, bởi sự cố không gặp lại nữa. Thiện Trang để ý thấy trước đó vào Huế, thời gian đó thấy tự nhiên sắc mặt ngài đổi, Thiện Trang thấy sắp có chuyện xảy ra. Thực ra Thiện Trang cũng dự đoán được rồi, kiểu này là sắp có chuyện rồi, chắc chắn sẽ dẹp thôi, không chạy đi đâu hết, chỉ có ngày nào đó thôi, cho nên Thiện Trang đoán thế nào cũng có ngày đó. Tới ngày hôm đó sáng ra không thấy livestream gì hết v.v… là mình biết rồi. Tại vì hôm trước người ta chắn đường, rào từng bậc, từng bậc cho quen đó quý vị, Thiện Trang quá quen với chuyện đó nên biết ngay. Bữa đó tối đuổi hộ pháp đi về, Thiện Trang kêu: Có thể một ngày hoặc một ngày hôm sau nữa là xong, có khả năng là ngày hôm đó. Y chang luôn, sáng hôm sau, nghe thấy thông tin như vậy thì chẳng có gì bất ngờ, mọi người thì lo cho thầy Minh Tuệ còn Thiện Trang kêu: Không sao hết, bởi vì nếu ngài

là bậc Thánh nhân đắc Thánh quả chắc chắn không sao, đắc Thánh quả cao rồi không sao, ngài dặn: Có chuyện gì xảy ra cứ giữ Giới là được, Giới sẽ bảo vệ mình, ngài nói như vậy chẳng lẽ ngài có vấn đề gì, nên vẫn thoải mái, Thiện Trang kêu: Thế nào rồi từ từ người ta cũng đưa ra thôi, áp lực từ dư luận, từ thế giới tới rồi người ta cũng sẽ cho ngài xuất hiện thôi. Thiện Trang nghĩ có lẽ do những trận sấm sét lớn v.v… thế này thế kia cho nên người ta thay đổi, người ta phải cho ra sớm, nói chung là nhiều áp lực, nói theo ngôn ngữ nói chung "duyên", mà cũng tốt, sau đó mọi thứ trở lại bình thường thôi.

Bây giờ Thiện Trang mong muốn ai có điều kiện hãy giúp cho ngài Minh Tuệ và đoàn đi qua Ấn Độ, đi qua nước ngoài. Đi như vậy chắc một, hai năm mới về, trong thời gian lâu như vậy đất nước người ta cũng đỡ lo sợ, đỡ vất vả. Bây giờ thấy các chú công an lo lắng nhiều thứ quá cũng tội. Mà người dân Việt Nam mình thì tò mò dữ quá, việc gì cũng vậy. Hồi xưa Thiện Trang nhớ ở chỗ Bảo Lộc có mỗi chỗ "Cổng Trời" thôi, mà người ta đi rạp đường cái, chen chúc người suốt, từ đâu đổ xô đi cả năm trời mới tan, tức là một năm trời mới hết, mới bớt, còn không đông ơi là đông, đông như kiến, sáng sớm săn mây săn bình mình gì đó đông lắm.

Cho nên cách của người Việt Nam mình vậy, Thiện Trang nghĩ ở nước ngoài không đến nỗi như vậy, nhưng người trong nước như vậy, chúng sanh vậy. Dù sao cũng tốt rồi, sau sự kiện đó Thiện Trang thấy cũng không sao hết. Thiện Trang nói bao nhiêu nạn ngài Minh Tuệ gánh hết cho mình rồi, gánh cho chúng sanh rồi, đoàn ngài cũng gánh. Bây giờ dễ gì được ở thất một cách an toàn, quý thầy, quý cô nào ra ở thất thì biết, đâu có dễ, mà ngài thị hiện ở thất một cách tuyệt vời. Chưa bao giờ thấy thất nào như thất đó, về cơ sở vật chất là quá tệ, ở cái cốc nhỏ ơi là nhỏ vậy mà lại được bảo vệ, được quan tâm đủ mọi thứ. Đấy là ngài gánh cho bao nhiêu nơi, thầy cô khác ở thất gặp khó khăn, thất ngài Minh Tuệ ở được mình ở được, đó là gánh nạn cho chúng sanh, thay chúng sanh chịu khổ, gánh hết rồi. Bao nhiêu người ngày xưa đi khất thực khó, bây giờ đi khất thực dễ rồi. Những vấn đề này kia ngài gánh hết rồi. Rồi bao nhiêu chúng sanh khó khăn ngài cũng gánh nạn cho, bây giờ Phật giáo thoáng lên, rất rõ ràng được như vậy.

Còn quý vị thấy như ngài Sư Minh Đạo giống như gánh nạn cho mấy đứa nhỏ ở Tu viện Minh Đạo, nhờ có ngài chịu nạn cho nên bây giờ mấy đứa nhỏ được chăm sóc đầy đủ, lương thực đầy đủ. Cho nên hạnh Phật Bồ-tát là "Đại chúng sanh khổ" là "chịu khổ thay cho chúng sanh". Quý vị thấy hay không, có những người làm ra như vậy thì mình cố gắng học và quý vị cố gắng tặng cho các quý Thầy đó cục pin sạc dự phòng có tấm năng lượng mặt trời nhỏ nhỏ để quý thầy đi đường có thể sạc. Quý vị nên tặng như vậy, chứ không nhiều khi quý thầy phát tâm ban đầu là tốt, nhưng không có duyên gặp thầy Minh Tuệ thì nhiều khi Giới luật quý thầy nhiều điều cũng không biết hết được, tại vì không có thời gian, 250 giới của Tỳ-kheo Bắc truyền hay là 227 giới của Nam truyền thì không dễ dàng học trong thời gian thoáng chốc được, phải có thời gian mới học hết được.

Trước khi vào bộ này Thiện Trang xin chia sẻ thêm một chút nữa những tâm đắc để quý vị hiểu chúng ta đang học điều gì. Vừa rồi Thiện Trang có nói tới Tín Tấn Niệm Định Huệ thì nói ở đây quý vị muốn tu, nếu quý vị chỉ có tinh tấn mà không có mấy phần trí huệ thì khả năng lạc đường rất cao, tại vì tu mà không biết giáo pháp thì không được, tu lạc đường. Đức tin thì hên xui, có người niềm tin với thứ gì cũng tin hết, đi đâu người ta nói thứ gì cũng tin hết. Nếu nói pháp đúng mà mình tin mình tu theo thì thành công, nhưng nói pháp không đúng mình tu rớt vào đường tà. Hoặc khi mình tin thứ này dễ quá thì thứ khác nói mình cũng dễ tin, mình cũng chạy theo luôn. Cho nên cần có điều kiện nữa là phải quân bình được mấy điều đó, tức là phải có trí huệ. Mà trí huệ là phải học giáo pháp. Có người lý giải tốt gọi là huệ thế gian lý giải tốt, nhưng mà thiếu đức tin và thiếu tinh tấn thì người đó cũng chẳng tu được, vì nói lý thuyết không. Bát-nhã Ba-la-mật, rồi nói Không Không, nói cái này cái kia cũng được, nói trời nói đất cũng đã lắm, nhưng người đó tu không được, cho nên quý vị lấy Ngũ căn Ngũ lực trong 37 Phẩm trợ đạo quan trọng Tín Tấn Niệm Định Huệ, quý vị phải hiểu được, cần nắm như vậy.

Và một phần nữa Thiện Trang cũng chia sẻ luôn cho quý vị về đắc quả. Theo trong A Tỳ Đàm, nếu học đến phần đó thì học chi tiết, giờ nói thế này: người có những khả năng nào đắc đạo, đắc Sơ quả đến Tứ quả A-la-hán? Thứ

nhất là nếu người thiện căn sâu dày, tức là họ có nhiều đời nhiều kiếp tu dữ lắm, trước khi đắc đạo họ sẽ đạt các tầng Thiền định, tức là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, họ đạt các tầng Thiền định đó rồi họ mới đắc, tùy quả vị chứng. Bây giờ chúng ta không phân tích kỹ ra được vì dài lắm, nhưng mà trước khi đắc quả chắc chắn họ phải có Thiền định, đạt được định, định ở đây phải nói là định từ Sơ thiền trở lên.

Thứ hai, người có thiện căn kém hơn một chút thì lúc đắc quả lúc đó họ không cần định tức là bình thường họ không cần định, thường thường giống như mình tu do không đạt được Sơ thiền gì hết, không được Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền gì hết, nhưng được Vị đáo định, tức là mình chỉ cần Vị đáo định, bình thường mình tu đến Vị đáo định thôi, gọi là Cận định. Bên Nam truyền gọi là Cận định, mình có học [trong bộ khác] gọi là Vị đáo định, thì định đó cũng sẽ đủ cho họ đắc quả, tức là không cần tới định kia.

Còn có người thiện căn kém dở hơn, nhiều đời họ tu mà tu kém hơn, hoặc tu không đủ thì định của họ không đạt được Vị đáo định, ngồi không vô được Vị đáo định luôn, nhưng họ có một định gọi là Sát-na định tức là trong thoáng chốc đạt định thôi.

Định thì chia ra ba định, thực ra sau này học nhiều định lắm nhưng mình nói ba định. Một là có mấy định Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền v.v… còn chưa đạt tới [các bậc kể trên] thì gọi là Vị đáo định hay là Cận định, bên bộ giảng Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập Thiện Trang có chia sẻ rồi. Thứ ba là Sát-na định là đôi khi quý vị ngồi cả buổi không vô chút nào, nhưng tích tắc tự nhiên vô một trạng thái an lạc vô cùng, xong rồi một chút là hết gọi là Sát-na định. Như vậy vẫn đắc quả được chứ không phải không. Học giáo pháp này mình mới hiểu được, mình mới có cơ hội đắc quả, chứ không phải suốt ngày ngồi thiền, nhập định rồi mới đắc quả. Đó là cao, đúng rồi, tốt! Nhưng quý vị lưu ý, tuy nói như vậy nhưng mà khi đắc quả thì đều có định như nhau, có nghĩa là lúc đó phải có định, chứ không phải nói tôi không có định thì tôi không đắc quả được. Nhưng vấn đề là quý vị [đạt] định nào? Có nghĩa là quý vị chỉ cần một sát-na định thôi quý vị cũng đắc quả, hoặc là quý vị được Vị đáo định, có Vị đáo định quý vị sẽ đưa vào đắc quả và định đó tự nhiên được kéo lên, giống như vô

định Sơ thiền thì mới đắc quả được tức là lúc đó có định. Nhưng sau khi đắc quả xong thì trở lại như cũ. Người mà thường thiền định đạt Sơ thiền trở lên thì họ vẫn tiếp tục Sơ thiền trở lên thôi, còn người Vị đáo định, ăn rồi chỉ Vị đáo định thôi thì họ cũng Vị đáo định thôi. Tại vì hết đắc quả, hết thời gian đó rồi, qua rồi, thì họ vẫn còn quả vị nhưng [định] chỉ tới đó thôi.

Còn người gọi là được Sát-na định, tức là nhập không được định của Vị đáo định luôn, thì họ cuối cùng trở lại người bình thường, giống như không có định gì hết. Cho nên Sơ quả đắc đạo rồi v.v… thậm chí Nhị quả cũng vậy. Đây là Thiện Trang nói tóm lược để quý vị thấy là đắc quả không khó, chứ không phải như mình tưởng tượng khó quá đi, cao vời vợi tuốt trên đâu. Không phải! Đắc quả vị Thánh không khó. Tại mình không học, tại mình không hiểu, tại mình không hành, tại mình không tin. Niềm tin cũng là một yếu tố quan trọng. Tại sao không tin? Vì mình không hiểu nên không tin, mình cứ kêu quả vị này khó quá cho nên mình không tu được vì rớt vào nghi rồi.

Để đắc Sơ quả gồm ba điều kiện, là phá được ba Kiết sử, gọi là ngũ Hạ phần Kiết sử thì phá ba điều là Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Quý vị còn nghi, quý vị nghĩ tôi không đắc quả. Nghi có ba điều nghi (có hai điều nghi hoặc nói rộng ra là ba điều nghi). Nghi thứ nhất là mình nghi về Tam Bảo: Phật Pháp Tăng. Mình không tin giáo pháp, không tin Phật, không tin Tăng. Nghi thứ hai là nghi đối với giáo pháp, đường lối tu tập của mình, mình cứ nghi tu môn này làm sao đắc quả được, tu thế này v.v… sai rồi. Nghi thứ ba là nghi về kiến giải. Kiến giải là những hiểu của mình, mình vẫn không tin, tức là mình học tới đó rồi mình kêu điều này không biết đúng hay không, không biết ông thầy dạy sai hay không. Cứ nghi vậy là mệt lắm, nghi vậy không đắc quả. Hình như ông thầy mình dạy bậy rồi, quý vị nghĩ [vậy], hoặc quý vị không biết tôi nghĩ như vậy có đúng không. Tôi nghi, không biết chắc, tôi nghi vậy, nghi nhiều. Nghi về kiến giải cũng chướng ngại cho nên ba điều kiện nghi đó phải bỏ ra. Có nghĩa là mình phải học như vậy, mình hiểu rồi tự nhiên mình xóa được các nghi ngờ, rồi xóa được Giới cấm thủ, đoạn được trừ được Thân kiến.

Thân kiến là thân Ngũ uẩn này, Sắc Thọ Tưởng Hành Thức. Phải hiểu Sắc là thân thể này, vật chất. Thọ Tưởng Hành Thức là gì? Thiện Trang đã giảng ở

những bài khác rồi, bây giờ chỉ nói lược lại như thế. Quý vị phải hiểu được, sau này mình học vào mình sẽ hiểu được. Tất nhiên phần này Thiện Trang sẽ nói lại tại vì phần quan trọng sẽ nói lại nhiều lần. Quý vị hiểu được rồi, quý vị tu tự nhiên dễ dàng thôi. Từ đó trở đi, sau này đắc quả. Rồi có nhiều người học giáo pháp không hiểu. Ví dụ như nghĩ đắc quả Sơ quả phải có Thần thông ghê gớm lắm, thật ra nói quý vị nếu theo giáo lý này Thiện Trang coi kinh v.v… đắc quả hầu như không có Thần thông. Có người có Thần thông, có người không có Thần thông, giống như người thường vậy. Không có Thần thông cho nên mình cũng thấy người ta như bình thường, không có khác gì hết.

Sơ quả Tu-đà-hoàn chưa là gì cả. Thần thông có nhiều yếu tố. Người không đắc quả đôi khi có Thần thông. Làm sao có Thần thông quý vị biết không? Người nào có Thần thông là do người đó đắc Thiền định, quý vị đắc Sơ thiền trở lên. Tức là đắc Sơ thiền trở lên thì sẽ có Thần thông. Còn ngoài ma thông ra, ma nhập có thông thì không nói. Ở đây mình nói, thường người đắc Sơ thiền [trở lên] sẽ có Thần thông. Nhưng mà đắc thế nào, người ta mà đắc luôn thì có Thần thông, nhưng chưa hẳn, có khi không có. Điều này có nhiều yếu tố lắm, mai mốt chúng ta học về Phẩm Hiền Thánh hoặc học về Phẩm Trí thì chúng ta mới thấy rõ. Thậm chí học bộ này phải đối chiếu bộ khác nữa, coi qua coi lại. Thiện Trang thì cũng cố gắng tham khảo bên Nam truyền nữa để nhập vô, mình học được cả hai bên thì có lợi hơn. Còn mấy người phân biệt chấp trước, họ học một bên, thì họ không có lợi bằng mình.

Chúng ta có sự cung kính đối với pháp mình học thì mình sẽ được lợi ích rất nhiều. Còn nhiều người phân biệt quá, họ cứ kêu tôi học Nam truyền nên thôi tôi không học Bắc truyền. Bắc truyền, Nam truyền gì đâu! Thiện Trang nói quý vị sau bao nhiêu năm học, tu 15 năm nay, Thiện Trang phát hiện ra rằng Nam truyền, Bắc truyền không khác gì nhau bao nhiêu, nội dung giống nhau đa số, chỉ có vài điểm khác biệt. Nếu như ai là người biết học cả hai bên thì người đó được lợi ích rất lớn. Còn nếu người phân biệt chấp trước, gọi là có phân biệt chỉ có bên tôi đúng bên kia sai thì người đó bỏ đi rất nhiều gia tài của Như Lai. Thiện Trang nói như vậy để ai có duyên học, đừng nghĩ là mình không học. Thiện Trang tuy là đắp y bên Bắc truyền đây, nhưng Thiện Trang nói bên

Bắc truyền thật sự cũng có nhiều vấn đề lắm chứ không phải là đúng hoàn toàn đâu. Bên Bắc truyền, không phải giáo pháp sai mà người sai, phải nói vậy. Bên Nam truyền cũng tất nhiên cũng có vấn đề, bên nào cũng vậy, bên nào cũng có cái hay, bên nào cũng có cái dở.

Ví dụ như Thiện Trang dẫn điểm bên Bắc truyền, mình không dám nói Nam truyền, mình nói bên mình thôi. Bên Bắc truyền có một cái hay là dạy cho người ta có niềm tin vào đạo, rất tốt. Nhưng ngoài ra cũng có một số cái tôn thờ hơi quá lố. Thiện Trang tại vì có dịch kinh tạng nhiều, coi nhiều kinh lắm rồi, nên Thiện Trang phát hiện ra có một số vấn đề là có một số người được tôn xưng lên quá cao. Thực tế họ không có phải là Phật Bồ-tát tái lai thế này thế kia v.v… nhưng mà đời sau tôn lên là Phật này Phật kia cho nên mình tin 100% vào đó. Người đời sau tin, nhưng thực tế không phải. Tại vì sau khi nghiên cứu, mình học mình coi vào những tác phẩm v.v… của người đó để lại, mình thấy có vấn đề, không tương ưng với kinh điển giáo lý A Tỳ Đàm, giáo lý của Phật thì mình biết. Trong đó có những điểm rất quan trọng nên Thiện Trang biết người đó không phải là bậc Thánh nhân. Tại vì Thánh nhân thì nói sao sai được, chỉ có một kiểu thôi, mà kiểu đó trật đi là có vấn đề. Cho nên đấy là điểm cũng phải cần xem lại.

Thiện Trang không nói để quý vị nghi, nhưng mà Thiện Trang nói quý vị đó là một điểm hay bị. Nên mình phải lấy "**y pháp bất y nhân**", phải lấy pháp làm chính, người không phải là chính. Phải lấy kinh tạng [làm chính], kinh gồm có Kinh Đại thừa, Kinh Tiểu thừa. Kinh nào cũng học, học hết đi, học đến lúc nào đó thông được, hoặc là luận v.v… mình phải coi chứ không phải mình nghe theo, rồi cuối cùng chỗ đó người ta sai thì mình cũng sai theo luôn là không được. Những chỗ sai đó, những mấu chốt quan trọng đó thì mình tu hành không thành tựu lớn được, thành tựu nhỏ thôi v.v…. Đấy là những điểm mà thật ra mình là người đời sau mình cũng không dám nói. Nhưng sau khi Thiện Trang học kinh, dịch kinh v.v… rồi vào kinh tạng nhiều, Thiện Trang phát hiện thật ra cũng có nhiều chỗ có vấn đề. Không phải Tông này Tông kia, vị đó được tôn thế này thế kia nhưng mà không phải như vậy. Có những điểm không chính xác so với giáo pháp của Phật, chứng tỏ là người ta vẫn chưa phải là bậc Minh

tâm Kiến tánh, Kiến tánh Thành Phật. Nếu Minh tâm Kiến tánh, Kiến tánh Thành Phật thì đúng ra là họ phải tương ưng, phải giống nhau.

Giống như Lục tổ Đại sư Huệ Năng, quý vị coi, rõ ràng Lục tổ Đại sư Huệ Năng là chính xác. Điều ngài nói không bao giờ sai với kinh điển, cho dù ngài không học kinh, đấy là bậc đúng. Thiện Trang nói như vậy để chúng ta cố gắng học, bớt đi chớ nhiều khi "**y nhân bất y pháp**" nhiều quá. Và nhiều khi mến mộ Nam truyền quá, thần tượng Nam truyền quá cũng không được, mến mộ Bắc truyền quá, thần tượng Bắc truyền quá cũng không được mà hãy mến mộ Phật, Phật không có Nam truyền, Bắc truyền.

Ngài Minh Tuệ bây giờ cũng vậy, ngài xác nhận rõ ràng chúng ta kinh nào cũng học. Tất nhiên mình mới vô, mới tu thì mình không thể đa văn được đâu, không thể học được vậy, hên xui thôi. Chọn lấy một vị thầy nào đó nhắm hên xui đi theo được ngon lành, đi một đường dài sau khi mình giỏi rồi thì có thể thâm nhập kinh tạng để đối chiếu thử coi thầy giảng có đúng theo kinh hay không. Chứ giờ mới vô làm sao biết được, mới đầu học điều nào cũng tốt mà.

Một điểm nữa Thiện Trang muốn chia sẻ với quý vị là người học phải bỏ tri kiến đi. Tức là mình học với ai thì phải cố gắng học người đó, lấy tư tưởng đó, chứ mình đang học người đó mà mình lại chống người ta thì không được. Mình chống lại người ta là mình bị thiệt thòi thôi. Giống như câu chuyện hài, có hai phụ huynh dẫn hai đứa con tới xin đi học thêm thầy dạy Toán. Thầy để tiện lấy tiền nên hỏi: 'Luyện thi Đại học một năm mà giờ chỉ còn chín tháng, vậy ba tháng trước có đứa nào đi học gì chưa'. Người này nói: 'Con nhà em đã đi học cô đó ba tháng rồi'. Còn người kia thì nói: ''Ở nhà ôn thôi chưa có đi học gì hết''. Ông thầy mới lấy tiền đứa chưa đi học rẻ gấp đôi đứa kia, đứa đi học rồi lấy tiền gấp đôi luôn. Phụ huynh mới hỏi: 'Sao kỳ vậy, đáng lẽ đứa đi học của cô kia rồi thì phải lấy tiền bớt đi chứ, vì học nó biết rồi mà. Đứa chưa học thì thầy dạy vất vả hơn thì phải lấy tiền nhiều hơn chứ'. Thầy nói: 'Không phải đâu, đứa mà chưa học ai, dạy nó dễ hơn, dạy sao nó biết đó, như vậy là vô một cái là được. Còn dạy đứa biết rồi thì dạy là nó cãi, thậm chí sửa cái sai của nó rất là mệt'. Cho nên mình học phải có niềm tin, qua câu chuyện đó nói như vậy. Người học nhiều thầy, nhiều cô quá mà học chưa thông nó cũng có chướng

ngại, không có vô được. Khi nào học mình tốt tự bơi được lúc đó mình có khả năng.

Thiện Trang xin chia sẻ thêm một điểm nữa liên quan đến pháp hành trước khi vào học môn này. Về Thiền định và Thiền quán, Thiền chỉ tức là định, quý vị đắc được những tầng định như đức Phật nói mình phải đắc được từ Sơ thiền trở lên thì nỗi đau cơ thể mới bớt, mới nhẹ. Còn nếu mình không có định thì đau lắm. Những người có sức chịu đau của cơ thể giỏi là người đó có định. Định càng sâu thì chịu đau càng tốt. Còn định bên Thiền quán thì sức chịu đau kém hơn Thiền chỉ, đấy cũng là Vi Diệu Pháp. Nhiều khi đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn hay Tam quả A-na-hàm thì đau vẫn là đau thôi, đau dữ lắm. Tứ quả A-la-hán thì được rồi, định của Tứ quả A-la-hán thì cao, định của Thiền chỉ, Thiền quán cũng như nhau rồi. Quý vị nghe hôm bữa thầy Minh Tuệ có nói khi tu Thiền chỉ, Thiền quán thiền nào cuối cùng rồi cũng như nhau. Câu đó Thiện Trang phát hiện ra trong Kinh A Hàm, kinh số năm trăm mấy của bộ Tạp A Hàm. Trong kinh đó nói khi mà tu đến lúc nào đó thì Thiền chỉ và Thiền quán là một. Đúng là như vậy đó quý vị. Tức là đắc quả rồi thì Thiền quán với Thiền chỉ mới là một được thôi. Còn bây giờ mình tu vẫn còn chỉ quán chia hai. Thiền quán sinh ra huệ, cũng giúp đỡ đau nhưng không bằng Thiền chỉ.

Những người muốn niệm Phật vãng sanh tự tại, quý vị phải có Thiền định tức là có Thiền chỉ, công phu phải là từ Sơ thiền trở lên, Sơ thiền mới tự tại được, mới đỡ đau. Khi đau quá quý vị dùng Thiền quán không được. Niệm Phật v.v… thế này kia nhưng mà quý vị có công phu định thì sẽ đỡ đau, và Thiền chỉ đó còn giúp Thần thông như hồi nãy Thiện Trang nói. Nhưng để chứng quả, để giải thoát phiền não gọi là đoạn phiền não là Thiền quán. Thiền chỉ sẽ mất, tại Tam-muội mất mà. Định là Tam-muội mất khi quý vị chết, khi chuyển sanh ra đời sau. Ví dụ như quý vị đắc Sơ thiền trong Kinh A Hàm nói nếu như quý vị không thoái, tức là vẫn giữ được định đó thì sau khi chết nếu như định được Sơ thiền sẽ sanh về cõi Trời Sơ thiền. Có ba phẩm Thượng, Trung, Hạ. Thượng phẩm thì [sanh vào] trời Đại Phạm, còn Trung phẩm là [sanh vào] trời Phạm Phụ và Hạ phẩm của Sơ thiền thì sanh vào trời Phạm Chúng. Đó là tầng Trời thứ bảy, thứ tám, thứ chín, ba tầng Thượng, Trung, Hạ cứ chia ra. Các tầng

Thiền trên cũng vậy cứ từng tầng Thượng, Trung, Hạ. Tại sao nói có ba tầng Trời là như vậy, bởi có ba mức thiền.

Khi thọ mạng ở cõi Trời đó hết thì định lực thông thường bị mất. Định bị mất thì lại rớt xuống lại, mà không biết rớt tới đâu, theo nghiệp cũ mà lưu chuyển. Có thể rớt xuống Địa ngục, có thể rớt vào Ngạ quỷ, có thể rớt vào Súc sanh, rớt vào cõi Người, rớt vào các tầng Trời thấp hơn, tùy vào nghiệp trước đó đã tạo, công phu trước đó thế nào. Cho nên Thiền chỉ có tác dụng như vậy, có Thần thông và giúp cho đỡ đau cơ thể, thế nên vẫn nên tu Thiền chỉ.

Còn Thiền quán thì giúp cho chứng quả, giúp cho đoạn Phiền não và sanh Trí huệ. Trí huệ sanh chủ yếu là do Thiền quán. Cho nên những người có Trí huệ là đa số họ có Thiền quán tốt. Còn hồi nãy Thiện Trang nói rồi, hai hạng thông minh với trí huệ khác nhau. Đấy thì Thiện Trang chia sẻ thêm một vài chi tiết. Nên nếu mình học được thì mình cũng có được. Như ngài Minh Tuệ, quý vị thấy hình như ngài có Thần thông đúng không? Thiện Trang nghĩ ngài chắc chắn có Thần thông. Nội cái bát của ngài (cái ruột nồi cơm điện), quý vị thấy ngài biết tặng người luôn. Người đó từ nước Anh về, và ở xa không dám đến gần mà ngài gọi tới tặng cho cái bát. Cái bát đó bây giờ đi đâu rồi quý vị biết không? Được đi ra nước ngoài rồi, thờ ở một chùa bên Anh. Biết tặng đúng người, quá hay, quá tuyệt vời! Không có Thần thông thì làm sao biết được quý vị, làm sao gặp một người chưa có biết người đó từ đâu, ở xa lắc, vẫy tay vô để tặng cho cái ruột nồi cơm điện. Chú đó mang đóng vô hộp kính mang qua nước Anh. Bây giờ thờ ở chùa bên nước Anh, để cho chiêm bái. Đó là dấu hiệu có Thần thông.

Thực ra thần thông có gì đâu, quý vị nhập được định mà quý vị có duyên là có Thần thông rồi. Nhập Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, quý vị đã có định là quý vị thấy một số chuyện, biết một số chuyện rồi. Nhưng vấn đề là Thần thông thế nào. Điều đó không quan trọng đối với chúng ta tu, sau này quý vị học những bộ Vi Diệu Pháp, A Tỳ Đàm, Luận Câu Xá này, quý vị hiểu ra rõ ràng lắm. Cho nên tu có lộ trình từng tầng, từng tầng chứ mình học mù vô bảo niệm Phật đi, cũng niệm được, tất nhiên bà già rồi niệm được. Nhưng nếu còn trẻ mà mình chỉ chấp nhận nhiêu đó thôi thì Thiện Trang nghĩ hơi tiếc. Trẻ thì nên học, già

quá rồi học không nổi thì thôi nghe được bao nhiêu thì nghe, nhưng mà nãy giờ quý vị nghe có hoan hỷ không?

Thiện Trang nghĩ là nếu ai có tâm tha thiết với sanh tử, ai thích giáo pháp thì nãy giờ nghe đúng giáo pháp chuyên đó. Giáo pháp chuyên nhất như vậy mà không nghe thì thua! Có người nào đó bình luận bên ngoài, Thiện Trang thấy rất tiếc, chắc là căn cơ chưa tới, mới tu, chứ còn tu lâu thì tự nhiên mình thích học lắm. Mình thích vì đây là tạng giáo pháp của đức Phật và giúp cho mình nâng cấp. Dù quý vị tu bất cứ Pháp môn nào, quý vị học được phần này thì tự nhiên tăng lên, đi con đường nhanh, bởi vì con đường đó mình thấy rõ. Quý vị đi một con đường vừa lần mò mà đi thì làm sao bằng người nắm bản đồ cho kỹ rõ ràng, thông thuộc, thấy rồi cứ thế mà chạy, sẽ nhanh hơn chứ.

Ở đây chúng ta chia sẻ sơ qua như vậy. Bây giờ Thiện Trang chia sẻ một số tâm đắc trong này. Chúng ta chắc cũng không chia sẻ nhiều nữa. Nếu đồng tu Tịnh Độ nói học môn này không có liên quan gì, không phải! Chính Hòa thượng Tịnh Không ngày xưa cũng bắt đầu học bằng môn này. Mới đầu ngài được Đại sư Chương Gia và Giáo sư Phương Đông Mỹ giới thiệu học Duy Thức trước. Nhưng Hòa thượng không bắt đầu từ Luận Câu Xá. Thiện Trang thì chia sẻ bắt đầu từ Luận Câu Xá vì từ Tiểu thừa, là nền tảng của mình. Nói từ 'Tiểu thừa' bởi vì không có danh từ nào khác đành phải dùng từ đó thôi. Nếu quý vị vào từ Bách Pháp Minh Môn Luận, rồi v.v… Duy Thức Tam Thập Tụng, những bộ đó thì bắt đầu cao hơn. Những bộ đó cao hơn thì lại thiếu nền tảng. Bây giờ nếu bên Bắc truyền thì chọn Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận hoặc là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận hoặc Đại Tỳ Bà Sa Luận v.v… thì những bộ đó mới bắt đầu từ nền tảng. Và ở bên Bắc truyền với Nam truyền hoặc là Tiểu thừa, Đại thừa có khác nhau. Duy Thức của Đại thừa thì nói đến Thức thứ tám A-lại-da, Thức thứ bảy Mạt-na nữa, còn môn này chỉ học sáu thức thôi. Cho nên mai mốt học Luận Câu Xá quý vị thấy tới Thức thứ sáu thôi, không có thức thứ bảy, thứ tám, vì chỉ cần học như vậy là ra khỏi sanh tử rồi, nhưng để viên mãn chúng ta mới học đến Mạt-na và A-lại-da nữa.

Ở đây Thiện Trang giới thiệu quý vị coi bây giờ Việt Nam mình mới xuất bản cuốn này, cuốn này gọi là *Dẫn Vào Cửa Duy Thức* do thầy Thích Thanh Hòa

viết. Và ở đây có lời giới thiệu của ngài Tuệ Sỹ, ngài cũng giỏi Duy Thức lắm cho nên có lời này thì yên tâm. Mà Thiện Trang coi quyển này cũng không đơn giản, ai có nền tảng Duy Thức rồi mới coi được, tại vì trong này chia ra rất nhiều. Quý vị phải học được Bách Pháp Minh Luận, quý vị phải học được *Bát Thức Quy Củ Tụng* và *Duy Thức Tam Thập Tụng* thì quý vị mới coi bộ này được. Và coi thêm bộ luận của ngài Huyền Trang gọi là *Thành Duy Thức* thì mới coi bộ này được. Còn quý vị mới học, quý vị đừng vội vô mà ham ôm bộ *Du Già* này. Hồi xưa Hòa Thượng Tịnh Không có học bộ này, bộ này cao lắm, bay nhiều lắm, cho nên tốt nhất hãy học từ bộ Thiện Trang giới thiệu trong ba bộ, Thiện Trang đã coi qua [và xác định] có thể học được. Nhiều nữa thì Thiện Trang không biết nhưng mà bên Bắc truyền coi là *Câu Xá*, bộ này. *Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận* hình như bộ đó chưa có tiếng Việt, hoặc là dịch cũng tùm lum lắm, không biết. Rồi bộ nữa là *Đại Tỳ Bà Sa Luận*, bộ *Đại Tỳ Bà Sa Luận* dài quá. Mà học một bộ nào đó thì người dịch quan trọng lắm. Nhiều khi người ta dịch không rõ ràng khiến mình học cũng chẳng hiểu. Thật sự ở đây Thiện Trang dịch Duy thức cũng cũng mơ mồ lắm, khó mà dịch rõ ràng được. Quý vị học rồi quý vị biết, cho nên phải học từ đây.

Hôm nay chúng ta vào phần đầu tiên là tựa đề:

阿毘達磨俱舍論卷第一

尊者世親造

三藏法師玄奘奉詔譯

A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận – Quyển Thứ Nhất

Tôn giả Thế Thân tạo luận

Tam tạng Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu dịch sang chữ Hán.

#A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận quyển đệ nhất: Tức là quyển thứ nhất của A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, hay gọi ngắn gọn là Luận Câu Xá. Tựa đề này đằng sau có giải thích. Bộ này gồm có 30 quyển.

#*Tôn giả Thế Thân tạo*: bộ Luận này không phải được kết tập lại, mà do ngài Thế Thân, hay còn gọi ngài Thiên Thân. Có nhiều yếu tố để nói về vấn đề này, Thiện Trang xin nói một chút không có giới thiệu dài dòng, vì bây giờ mình không nói luận của ngài Thiên Thân, rồi tranh cãi với người ta mệt lắm. Thiện Trang chỉ nói ngài Thế Thân lấy giáo pháp của Phật, ngài dựa vào tạng A Tỳ Đàm. Ngài có một nhân duyên, ở trong đó nói là ngài có khả năng tu nhập định. Ngài tu cùng với ngài Vô Trước và ngài Sư Tử Giác. Ngài Thế Thân có định có thể vào Nội viện của trời Đâu Suất để gặp ngài Bồ-tát Di Lặc và học Duy Thức này với ngài Bồ-tát Di Lặc. Cho nên ngài tạo ra rất nhiều bộ luận về Duy thức cho bên Bắc truyền. Hồi xưa mới đầu ngài theo Nam truyền, sau này ngài quay qua theo Bắc truyền, ngài tạo nhiều bộ luận nên chúng ta mới có. Bộ *Luận Du Già* mà Thiện Trang vừa giới thiệu, chính là do ngài Di Lặc thuyết cho ngài Vô Trước. Ngài Vô Trước ghi chép lại bộ này, còn bộ mà chúng ta đang học thì do ngài Thế Thân tạo.

Ở đây Thiện Trang xin nói luôn là chúng ta đừng có mất thời gian đi luận lịch sử truyền thừa tin hay không tin. Thiện Trang nói đó là việc của học giả không phải hành giả. Việc đó hồi xưa Thiện Trang đã mất thời gian rồi, tìm 10 quyển sách để coi về lịch sử Phật giáo. Coi xong rồi nói giống như đống rừng, mỗi bên đưa ra một giả thuyết, lịch sử giống như là đám rừng đám mù hồi xưa. Mây mù 3000 năm trước rồi, hoặc là 2600 năm trước rồi, bây giờ đi tìm ra mỗi ông viết mỗi kiểu, biết đường nào lần. Nếu ta là học giả thì mới đi nghiên cứu. Còn mình hành giả thì mình lấy tinh hoa mà tu. Đừng có đem ra rồi nói, biện luận là có ba ngài Thế Thân, ngài nào tạo bộ luận này, v.v… mất thời gian. Rồi Tạng pháp này có hay không, v.v…. Người tin thì có, người không tin thì không có. Quý vị không tin thì quý vị quăng hết các bộ luận này ra ngoài, khỏi coi. Nhưng nếu người tin, coi vào đây người ta thấy hay vô cùng. Tại sao nội dung cung cấp cho chúng ta nhiều điều hay như vậy mà mình không học. Đó gọi là hành giả không phải học giả. Chúng ta là hành giả, không phải học giả. Học giả mới đi mất thời gian mấy chuyện đó. Còn bây giờ mình biết giáo pháp của Phật để lại tinh hoa như vậy, mình cứ theo đó thực hiện mình học là được.

Để cho chắc chắn, mình có tra so với bên Nam truyền. Thiện Trang có học phần A Tỳ Đàm bên Nam truyền nữa, đối chiếu qua đối chiếu lại để mình thấy có nhiều điều hay, thì yên tâm. Cho nên mình không có có vấn đề gì, chúng ta cứ tin tưởng mà học. Thiện Trang không có mất thời gian nhiều để vào phần này, tức là không muốn mất nhiều thời gian giới thiệu về tác giả Tôn giả Thế Thân này, chúng ta không cần giới thiệu, quý vị muốn thì lên mạng tìm, đây Thiện Trang chỉ nói lược qua.

#*Tam tạng Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu dịch*: [bộ] này do ngài Huyền Trang. Chúng ta hay biết ngài Huyền Trang, nhưng thực tế tên này có một số nhà dịch thời xưa, gọi là tiền bối của Việt Nam dịch là Huyền Tráng. Bây giờ tra Từ điển là Trang, nhưng mà có người dịch là Tráng, Tráng hay Trang cũng được. Ngài là vào thời nhà Đường, ngài dịch được gọi là Tam tạng Pháp sư, tại vì ngài thông hết [ba tạng Kinh, Luật, Luận], ngài đi qua Ấn Độ thỉnh kinh mà, tổng học v.v… 17 năm. Ngài phụng theo chiếu để dịch, tức là ngài y theo chiếu lệnh của vua thời nhà Đường hỗ trợ cho ngài dịch sang Hán tạng. Chúng ta dịch lại sang tiếng Việt. Để khỏi mất thời gian, chúng ta học trực tiếp vào chữ này. Khi dịch Thiện Trang cũng muốn chắc chắn, vì ngôn ngữ, phong cách trình bày của ngài Huyền Trang khác với ngài Cưu Ma La Thập. Cách dịch của ngài, văn pháp của ngài để gần như tiếng Phạn nên khó chịu lắm. Vì vậy có nhiều đoạn coi không có rõ nghĩa, Thiện Trang có tham khảo một bản dịch khác của ngài Chân Đế. Thiện Trang có ghi chú ở dưới này luôn để cho mọi người biết.

A Tỳ Đạt Ma: Được dịch âm từ chữ Abhidharma, tên gọi chung cho Luận bộ, cựu dịch là A Tỳ Đàm, dịch nghĩa là Đại pháp (tức là pháp lớn), *hoặc là Vô tỉ pháp* (tức là pháp không gì sánh bằng, pháp này cao nhất rồi)*. Đại pháp, Vô tỉ pháp là tôn xưng của trí huệ chân thật* (muốn có trí huệ chân thật mình phải học ở đây). *Phật giáo Nam truyền gọi là Vi Diệu Pháp, Phật giáo Đại thừa Bắc truyền gọi là Duy Thức. Khi dịch bản này, Dịch giả có tham khảo bản dịch và chú thích bằng chữ Hán của Tam tạng Pháp sư Chân Đế (499-569) người nước Thiên Trúc vào thời nhà Trần.*

Thiện Trang có tham khảo bản này nữa. Tức là khi dịch thì ngoài bản này là bản của ngài Huyền Trang, ngài viết không theo văn pháp bình thường, viết theo kiểu tiếng Phạn, cho nên đôi khi động từ v.v… chạy lung tung, đôi khi một số từ không theo cấu trúc chữ Hán bình thường. Quý vị viết tiếng Việt theo kiểu trực dịch, nên nhiều khi cứ bị khựng, chứ không có ngọt câu. Nội dung này khi Thiện Trang dịch giảng như thế này, Thiện Trang đã tham khảo song song với bản của ngài Chơn Đế nữa. Ngài Chơn Đế dịch và ngài cũng chú thích.

Trong nội dung này, bài kệ này Thiện Trang nghĩ là của ngài Thế Thân, còn phần dưới này là của ngài Huyền Trang viết. Bài kệ dài lắm tổng cộng 600 bài kệ, và sau mỗi bài kệ thì có phần giải thích. Phần giải thích này Thiện Trang nghĩ là của ngài Huyền Trang. Vì coi bản của ngài Chân Đế thì chỉ có bài kệ, và giải thích khác. Tức là bài kệ thì nội dung tương đương nhau, nhưng giải thích thì khác nhau, và ngài ghi rõ luôn, chú thích luôn. Bài kệ thì nội dung tương đương nhau, nhưng chữ chưa chắc tương đương nhau. Hai ngài cùng dịch từ tiếng Phạn sang, cho nên chữ không giống, có thể khác, nhưng mà coi tổng chung nội dung. Thiện Trang vừa coi bộ đó, vừa coi bộ này để dịch ra cho nên quý vị yên tâm là Thiện Trang đã tham khảo một bộ nữa, chứ không chỉ coi mỗi bản của ngài Huyền Trang. Thật sự coi bản dịch của ngài Huyền Trang cũng hơi khó coi, vì cách dịch của ngài không giống cách dịch của ngài Cưu Ma La Thập, hoặc là cách dịch dành cho văn phong Trung Hoa, mà văn phong kiểu khác. Cho nên có một số chỗ khó hiểu, tìm theo ngữ pháp chữ Hán là dịch không ra, không biết từ đó là từ loại gì v.v… tại sao từ loại đó lại đứng ở chỗ đó, hóa ra là do ngài để trực dịch, có một số thôi chứ không nhiều lắm. Nhờ bản của ngài Chân Đế thì coi rất dễ dàng.

Đường giải thoát có đi sẽ có đến, đi rồi từ từ cũng đến thôi. Giống như bây giờ ngài Minh Tuệ đi qua Ấn Độ đi, thì đi một hồi cũng tới Ấn Độ thôi. Quý vị đi từ Nam ra Bắc đi bộ đi hoài cũng tới thôi. Nghe 600 bài kệ mình thấy xa vời quá, nên những người bình thường nghe xong sợ lắm không dám học. Nhưng nếu quý vị chịu khó đi, có đi rồi có đến.

Thiện Trang xin phép chia sẻ theo lịch bây giờ luôn, cứ cố định vào tối thứ Tư giờ Việt Nam sẽ chia sẻ bộ này. Trừ lúc nào Thiện Trang có việc bận hoặc Thiện Trang nghỉ để tu thất v.v…thì mới nghỉ thôi, còn không thì vào thứ Tư sẽ học Luận này, còn thứ Bảy chúng ta sẽ họ Tịnh Độ đang bộ Kinh Vô Lượng Thọ Khoa Chú (Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú), chúng ta đang học bộ đó. Trừ những ngày khoá tu nữa, khoá tu có thể học cả hai. Lúc đó mới giảng qua thứ Bảy để quý vị nắm. Chứ không 600 bài kệ mà mình cứ lâu lâu mới học bữa, học chắc cả 10 năm chưa xong. Mình phải học nhanh hơn một chút.

Riêng bộ sách này quý vị có thể coi những bản nào có Luận Câu Xá thì cứ tìm mà coi. Hoặc coi bên Nam truyền là A Tỳ Đàm mà coi. Nhưng quý vị nghe A Tỳ Đàm bên Nam truyền thì quý vị cẩn thận. Quý vị nào tu Bắc truyền coi bản gốc thì không sao hết. Nhưng quý vị coi lời giảng thì một hồi quý Sư cứ chêm vô nói không tin Tịnh Độ, không tin Bắc truyền, quý vị nghe một hồi là bay luôn, không tu Tịnh Độ, không tu Bắc truyền được nữa. Tại vì quý Sư nhận qua một bên nên cũng khổ lắm. Còn Thiện Trang nếu có nghe cũng chẳng sao hết.

Phần này có trong sách Phật Học Phổ Thông nhưng mà ít lắm, phần Duy Thức, có một chút không có nhiều. Mà phần đó đa số trình bày không có đủ, không có Phân Biệt Nghiệp [nên] không có dễ. Mà phần Duy Thức này đa số đọc sách cũng khó hiểu lắm tại vì Duy Thức khó chịu vô cùng. Phải có nền tảng kiến thức, phải có trình tự, còn mình chen vô giữa là không có hiểu được. Quý vị cứ coi bộ sách nào có Câu Xá, có người nói bản A Tỳ Đạt Ma Câu Xá của ngài Thế Thân mà do ngài Tuệ Sỹ dịch có được không? Chắc là được. Tại vì ngài Tuệ Sỹ thì ok lắm, Thiện Trang chưa thấy quyển đó. Tại vì Thiện Trang có coi khi ngài Tuệ Sỹ dịch ngài giảng trực tiếp như Thiện Trang. Ngài giảng mà ngài vừa lôi cả bản Sanskrit, vừa bản của ngài Chân Đế, và bản của ngài Huyền Trang, ba bản ngài đưa chung với nhau dịch, dùng một lúc ba bản. Bộ đó cũng khó nghe cho những người căn bản, nghe không nổi. Nếu quý vị coi ngài Tuệ Sỹ được thì chắc ok, yên tâm. Quý vị có thể coi những người khác nữa để đối chiếu.

Ai có bản đó thì cho Thiện Trang xin một bản để Thiện Trang coi ngài Tuệ Sỹ để đối chiếu, vì Thiện Trang chưa thấy sách đó. Nếu có sách của ngài Tuệ Sỹ thì cũng nên coi. Thật ra ngài Tuệ Sỹ dịch, do ngài đối chiếu cả bản Sanskrit, rồi bản của ngài Chân Đế, cho nên đôi khi ngài dịch rồi ngài sửa lại. Ngài sửa lại cho nên nội dung không hoàn toàn giống ở đây. Thiện Trang cũng coi rồi, coi một số đoạn ngài bẻ lại lời trong bản này. Thiện Trang thì dùng một bản này thôi, lấy bản ngài Huyền Trang làm chính, còn của ngài Chân Đế mình tham khảo, coi ngoài thôi chứ không đưa vào đây. Hình như bản ngài Tuệ Sỹ là ba dung thành một, cho nên không giống hoàn toàn với bản này. Cho nên đừng đem ra đối chiếu, chỉ học thôi. Chứ còn đối chiếu phải mình phải hiểu được bản chất mình mới đối chiếu được.

分別界品第一

1.Phẩm Phân Biệt Giới – Thứ Nhất

#Phẩm Phân Biệt Giới - Đệ nhất: tức là Phẩm Phân Biệt Giới - Thứ nhất.

Quý vị nào hỏi ngài Tuyên Hoá có giảng Duy Thức? Ngài Tuyên Hoá giảng Duy Thức nhưng giảng Duy Thức đó cơ sở lắm, không đủ vô sâu đâu tại vì ngài giảng cho người phương Tây cơ bản mà.

Bài kệ 1

Chư nhất thiết chủng chư minh diệt	諸一切種諸冥滅，	Bậc dứt diệt tất cả Phiền não
Bạt chúng sanh xuất sanh tử nê	拔眾生出生死泥，	Cứu chúng sanh khỏi bùn sanh tử

Kính lễ như thị như Lý sư	敬禮如是如理師，	Kính lễ thầy như Lý như vậy
Đối Pháp Tạng luận ngã đương thuyết	對法藏論我當說。	Con sẽ nói Luận Đối Pháp Tạng.

Quý vị thấy có bài kệ đọc thôi mà văn phong khó hiểu.

Giải:

#Chư nhất thiết chủng chư minh diệt: bài kệ ngài Huyền Trang dịch không có tuân theo ngữ pháp chữ Hán, mà ngài dịch sát theo tiếng Sanskrit cho nên như vậy. #Nhất thiết là tất cả; #chủng là chủng loại; #chư: hai chữ chư luôn nghĩa là tất cả hay nhiều; #minh là Vô minh là Phiền não; #diệt là hết. Ở đây dịch đầy đủ là những bậc đã dứt hết được tất cả các loại Phiền não. Do bài kệ cho nên Thiện Trang dịch đỡ: bậc dứt diệt tất cả Phiền não hoặc dịch bậc dứt diệt tất cả Vô minh. Để chữ Vô minh thì rõ ràng hơn, nhưng dịch Phiền não thì quý vị nghe rõ hơn là vô minh. Do dưới này có chú thích cho nên mình cứ hiểu. Tức là đầu tiên đây là lời của ngài Thế Thân, ngài nói đối với Phật, Phật là người đã dứt diệt hết tất cả Phiền não.

#Bạt chúng sanh xuất sanh tử nê: #bạt là cứu giúp; cứu giúp chúng sanh ra khỏi bùn lầy sanh tử; chữ #nê là bùn. Chúng ta ở trong vòng sanh tử giống như bị chìm trong vũng sình. Mà sình này dữ lắm, quý vị đi lội vào sình là chìm ngập trong đó, rút chân ra không được, càng đi càng lún xuống dần, càng nặng thêm dần, cuối cùng chìm trong đó luôn ra không nổi. Giống trong Kinh Địa Tạng nói như vậy.

Đây đức Phật thứ nhất là tự độ. Ngài tự độ là Ngài dứt hết được các Phiền não, đoạn tất cả Phiền não rồi. Phiền não của Phật phải nói ba loại: Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc và Vô minh hoặc. Ngài đã đoạn hết được Phiền não Tập khí rồi, Ngài mới đi cứu chúng sanh ra khỏi vũng bùn lầy sanh tử.

Giống như có một vũng sình sâu đến nỗi vô lút người, chìm dưới đó, ngập chết hết trong đó. Giống như đức Phật có một phương tiện Ngài đi qua vũng bùn đó kéo chúng sanh ra. Kéo ở đây không phải dùng Thần thông kéo, mà Ngài dùng giáo pháp dạy cho chúng sanh. Bởi vì Phật giáo nói *'ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc'*, *'ai ăn nấy no ai tu nấy chứng'*, Phật không gia trì hỗ trợ giúp được đâu. Nếu giúp được thì Phật thành một đấng tạo hoá rồi. Đâu phải, Phật chỉ có giúp cho mỗi người là dạy phương pháp. Đức Phật nói: *'Ta chỉ là bậc Đạo sư, là thầy chỉ đường, còn đi hay không đi là chuyện của chúng sanh'*. Chúng sanh không đi thì thôi, chỉ con đường đó tốt đẹp, con đường đó đi ra khỏi sanh tử, con đường đó đến thành Niết-Bàn, con đường đó đến Cực Lạc đó con. Con không chịu đi, con không thích đi thì thôi, đâu có cách nào. Chỉ đường còn đi hay không là do mình. Cho nên đấy là cứu. Cứu cách nào thì câu sau nói tiếp.

#Kính lễ như thị như Lý sư: con kính lễ bậc thầy như Lý, Lý là Lý của giáo pháp, đúng với chân lý; #như thị là như vậy. Con kính lễ bậc thầy đúng như Lý như vậy.

Mình kính lễ bằng cách nào? Không phải cúi đầu lạy là kính lễ đâu. Bây giờ mình mê tín. Phật tử Việt Nam là một trong những vùng khá mê tín. Tức là đối diện kính lễ, thấy lúc nào cũng lễ lễ nhưng thực tế không phải. Lễ đức Phật phải vậy mà như ngài Thế Thân nói:

#Đối Pháp Tạng luận ngã đương thuyết: chữ Đối Pháp Tạng phải viết hoa; #đương là sẽ, con chắc chắn sẽ nói, hoặc con sẽ nói ra luận, tên bộ Luận này là Đối Pháp Tạng. Đối Pháp Tạng là tên. Tại sao Đối Pháp Tạng đằng sau có giải thích. #Đối là chính xác; #Pháp Tạng là kho pháp chính xác.

Bốn câu kệ này nói ngài kính lễ đối với đức Như Lai (đức Phật) là bậc đã giải thoát hết tất cả Phiền não, Ngài không còn Phiền não. Ngài cứu chúng sanh ra khỏi vũng bùn lầy sanh tử. Để kính lễ bậc Thầy đúng như chân lý như thế thì con sẽ nói ra một bộ Luận tên là Đối Pháp Tạng tức là kho pháp chính xác.

Như vậy dịch kiểu gì được. Bây giờ dịch nghĩa ra phải có dòng ở dưới nữa. Để bữa sau Thiện Trang sẽ chú thích thêm dòng ở dưới này cho người ta coi người ta còn hiểu. Chứ mình giảng thì người không có duyên coi sách thì cũng chẳng hiểu đâu. Dịch như thế này có bảy chữ mà xếp thứ tự cũng không được. Tại vì ngài Huyền Trang ngài cũng không xếp thứ tự, mình cũng khỏi có xếp luôn.

Tạm dịch:

Bậc dứt diệt tất cả Phiền não

Cứu chúng sanh khỏi bùn sanh tử

Kính lễ thầy như Lý như vậy

Con sẽ nói Luận Đối Pháp Tạng.

Quý vị thấy không có vần điệu gì hết, tại vì giáo pháp này ngài Huyền Trang dịch không có vần, mình cũng khỏi vần luôn. Duy Thức mà dịch vần nữa thì chắc tiêu, sẽ sai nghĩa lắm. Bữa sau Thiện Trang sẽ thêm dòng giải thích nghĩa, tạm dịch thành văn trường hàng (văn xuôi). Dạng kệ này khó lắm, khó lãnh hội hết ý. Đằng sau có giải thích.

論曰：今欲造論，為顯自師，其體尊高，超諸聖眾，故先讚德，方申敬禮。諸言所表，謂佛世尊，此能破闇，故稱冥滅。言一切種諸冥滅者，謂滅諸境一切品冥。以諸無知能覆實義及障真見，故說為冥。唯佛世尊得永對治，於一切境一切種冥，證不生法，故稱為滅。聲聞獨覺雖滅諸冥，以染無知畢竟斷，故非一切種。

Luận viết: Kim dục tạo Luận, vị hiển tự Sư, kỳ thể tôn cao, siêu chư Thánh chúng, cố tiên tán đức, phương thân kính lễ. Chư ngôn sở biểu, vị Phật Thế Tôn, thử năng phá ám, cố xưng minh diệt. Ngôn nhất thiết chủng chư minh diệt giả, vị diệt chư cảnh nhất thiết phẩm minh. Dĩ chư vô tri năng phú Thật nghĩa cập chướng Chân kiến, cố thuyết vi minh. Duy Phật Thế Tôn đắc

vĩnh đối trị, ư nhất thiết cảnh nhất thiết chúng minh, chứng bất sanh pháp, cố xưng vi diệt. Thanh văn Độc giác duy diệt chư minh, dĩ nhiễm vô tri tất cánh đoạn, cố phi nhất thiết chủng.

Giải:

#*Luận viết*: Luận nói.

#*Kim dục tạo Luận*: nay con muốn tạo Luận, chữ #dục này là sắp, con nay sắp sẽ tạo Luận. Ngài Thế Thân xưng, ngài không có xưng chữ con nhưng chúng ta thêm chữ con cho dễ, hay tôi nay cũng được, tôi nay sắp tạo luận.

#*vị hiển tự Sư*: vì hiển bày vị Thầy của tôi, chữ #tự là tôi, vị Thầy của con.

#*kỳ thể tôn cao, siêu chư Thánh chúng*: thể của Ngài, bản chất của Ngài, bản chất của vị Thầy tức là đức Phật thì tôn kính cao vợi; #tôn là tôn kính; #cao là cao vợi. Bậc Thầy này tôn kính cao vợi, vượt hơn các bậc Thánh; #siêu chư Thánh chúng là vượt hơn các bậc Thánh. Vì thành Phật rồi, tuyệt vời, hơn cả Bồ-tát, hơn cả A-la-hán v.v…

Thiện Trang xin nói chút, có nhiều người học Bắc truyền không không biết Nam truyền rồi nói bên Nam truyền chỉ có Phật, với A-la-hán thôi, không có Bồ-tát. Thật tế không phải như vậy. Bên giáo lý Nam truyền vẫn có Bồ-tát nha quý vị, quý vị đừng có sai. Quý vị đem quyển Thiên Thai Tứ Giáo Hoá Nghi ra so, đó là Tạng Thông Biệt Viên, đó là quý vị so theo bên Trung Quốc (Trung Hoa) thôi, Bắc truyền thôi. Còn Nam truyền vẫn có Bồ-tát. Mười Ba-la-mật của Bồ-tát của Nam truyền khác. Mười Ba-la-mật thì cũng giống vậy: Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, thứ ba là Xuất gia Ba-la-mật, thứ tư là Trí tuệ Ba-la-mật, thứ năm là Tinh tấn Ba-la-mật, thứ sáu là Nhẫn Ba-la-mật, thứ bảy là Chân thật Ba-la-mật (phải có chân thật), thứ tám là Phát nguyện Ba-la-mật, thứ chín là Tâm từ Ba-la-mật, thứ mười là Tâm xả Ba-la-mật. Đó là mười Ba-la-mật bên Nam truyền. Quý vị nghe cho biết, bây giờ mình học phải biết rộng chút, tức là mình phải biết bên người bên ta.

Việt Nam mình giữa Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền xen kẽ lẫn nhau, ăn rồi cứ phỉ báng lẫn nhau, mệt lắm. Bây giờ hãy dung thông đi. Mình hiểu bên người ta một chút, bên người ta hiểu bên mình một chút. Thiện Trang cũng mong muốn Thiện Trang không có theo phe nào hết, không có theo phe bên này, cũng không có theo phe bên kia. Thiện Trang chỉ cố gắng theo Phật thôi. Tức là bây giờ mình học theo Phật chứ không phải theo Bắc truyền hay Nam truyền.

Bây giờ Thiện Trang đang đắp y Bắc truyền, khi nào đủ duyên đắp y Nam truyền nữa. Đắp hai y luôn, lúc thì Nam truyền, lúc thì Bắc truyền cho cân bằng, để mọi người thấy mình không có chấp bên nào hết. Chứ bây giờ phân biệt cứ chấp, thấy ông thầy mặc áo vàng kêu ông thầy đó sư Bắc truyền, tu tà rồi. Rồi thấy đắp y, cuốn y của bên Nam tông nói ông thầy đó tu Tiểu thừa. Nói vậy tầm bậy rồi, không có bên nào Tiểu thừa Đại thừa. Kinh nào cũng vậy, không có Kinh Tiểu thừa, kinh Đại thừa, do người đời sau chia ra.

Thiện Trang coi rồi, bên nào cũng có giáo pháp rốt ráo viên đốn hết, tại do người mà thôi. Đấy là điểm Thiện Trang nghĩ cũng không đồng tình lắm. Cho nên Thiện Trang nói tốt nhất không theo bên nào hết, Bắc cũng được, Nam cũng được, hoặc không theo bên Bắc bên Nam. Đúng như câu của Lục tổ Đại sư Huệ Năng nói: "*Người thì có Nam có Bắc, Phật tánh thì làm gì có Bắc có Nam*". Không có Bắc có Nam đâu, chúng ta cũng vậy. Phật giáo bây giờ do người ta chia ra cho nên có Bắc truyền, Nam truyền, còn nếu đúng là không có Nam có Bắc, thời đức Phật chỉ có Phật thôi.

Quý vị nên nhớ lúc đức Phật hình như năm 66 tuổi có hai vị Tôn giả rất giỏi về ngôn ngữ. Lúc đó tại đất nước Ma Kiệt Đà dùng ngôn ngữ Magadha, tức là tiếng Phạn đó. [Hai vị đó] nói với đức Phật rằng: 'Xin đức Thế Tôn cho phép thay vì học thuộc, bây giờ chép lại nội dung các kinh Ngài thuyết lại thành ngôn ngữ để lưu truyền cho đời sau'. Tại Ấn Độ lúc đó dùng ngôn ngữ

gì? Tại nước Ma Kiệt Đà ngôn ngữ đó chính là tiếng Phạn bây giờ, tiếng Phạn cổ. Tiếng Phạn là ngôn ngữ dành cho dân cao cấp. Tức là vua chúa mới xài thôi, vua chúa hoặc Bà-la-môn, dòng Sát-đế-lợi mới được xài, còn dân nông thôn Vệ-xá [thì không]. Tức là có bốn chủng tộc giai cấp lớn ở Ấn Độ thì hai giai cấp sau không được học, mà hai giai cấp sau nhiều hơn. Dùng chữ viết đó phải dịch sang, giống như ngôn ngữ viết khác, ngôn ngữ nói ngoài đời khác. Cho nên đức Phật không đồng ý, đức Phật nói: bây giờ Ta nói như vậy mà các ông viết lại bằng ngôn ngữ này thì sẽ làm thay đổi nghĩa của Ta đi. Thứ hai là do ngôn ngữ này không phổ biến rộng rãi được, tại vì dân chúng đa phần không biết tiếng này. Thời đó không phải ai cũng được đi học hết cho nên cứ dùng truyền miệng thôi. Lý do như thế mà không có kinh được viết vào thời đức Phật, chỉ có kinh truyền miệng vào thời đức Phật. Sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn khoảng 100 năm vẫn truyền miệng, truyền miệng đến khoảng 300 năm sau, có khi nói cỡ 218 đến 300 năm, có khi hơn nữa. Lịch sử mình cũng không biết rõ, mỗi nhà viết mỗi kiểu. Khi đó mới được viết lại, lần kết tập thứ ba hay thứ tư thì mới được viết lại.

Nhóm theo Bắc truyền viết kinh bằng tiếng Sanskrit, chính là tiếng của nước Ma Kiệt Đà hồi đó. Còn nhóm theo bên Nam truyền, Thượng tọa Bộ tại Tích Lan thì họ viết bằng tiếng Pali. Sau này mới viết lại, tại vì nếu như không viết nữa mà cứ truyền miệng hoài là không được vì đời sau trí huệ không bằng được thời của đức Phật. Thời đức Phật những người hồi đó trí huệ tốt lắm, họ có thể đọc thuộc làu, nhớ được. Chia ra đoạn này, kinh này cho nhóm này đọc, nhóm kia đọc thuộc làu luôn, không cần phải viết, đọc như cái máy vậy. Hồi đó trí tuệ tốt lắm và nhiều bậc chứng Thánh Đệ tử.

Quý vị nên nhớ, người mà chứng được quả A-la-hán, người ta đắc được Tứ thiền với trí huệ đặc biệt là người đó có khả năng nhớ lại như in những chi tiết trong đời. Quý vị chứng được như vậy rồi, thì quý vị nhớ lại lớp 12 lúc đó quý vị ngồi đó viết câu nào, cô giáo đọc từng chữ nào, viết như thế nào, quý vị nhớ từng chi tiết như vậy. Như vậy có cần phải viết ra sách hay không? Không cần, chỉ cần nhớ là được rồi, bởi vì toàn bậc chứng Thánh mà. Sau này khoảng 218 đến 300 năm hoặc 400 năm sau, sau khi đức Phật nhập

Niết-Bàn thì người chứng Thánh ít đi, vì vậy người ghi nhớ không tốt bằng, cho nên đành phải viết ra để truyền cho đời sau. Sau này mới có kinh viết trên sách gọi là viết trên lá bối, gọi là Bối Đa La, Bối Diệp. Quý vị biết lá bối là lá của cây giống như cây cọ, cây cọ có lá dài dài, quý vị lên mạng tìm lá bối là ra. Cắt lá đó thành từng khúc từng đoạn dài rồi viết từng dòng kinh lên, viết lên đó, chứ hồi đó đâu có giấy. Cho nên học bộ này Thiện Trang cung cấp cho quý vị.

Giảng bên Tịnh Độ thì do toàn người già, cho nên chỉ giảng chuyên thôi. Chứ còn giảng vào [nội dung này], quý vị muốn đa văn, thích đa văn thì Thiện Trang học 15 năm nay rồi, từ lịch sử Phật giáo, từ các Kinh các Luận đã duyệt biết bao nhiêu bộ rồi, bây giờ không cần coi nữa, cũng nằm trong đầu ra thôi. Tự nhiên nói là ra mà bình thường không nhớ. Bình thường không đụng tới không nhớ, nhưng tới khi cần, lúc cần mới nhớ ra. Mình học bao nhiêu năm rồi, chứ không phải bây giờ Thiện Trang lên đây chia sẻ cho quý vị không không đâu. Cái vốn là 15 năm qua rồi, Thiện Trang học từ Đại thừa, học Kinh, học Giáo, học đủ các loại rồi.

Cho nên mấy người thuyết pháp không biết có ngộ hay không, nhưng ít nhất mình cũng gieo được chủng tử lành đối với duyên của Phật. Ngộ chứng quả được là duyên, thực ra tu đến lúc nào đó là sẽ tới. Lúc nào đó quý vị sẽ tự chứng, tự tri, tự biết. Tự tác tự tri tự chứng, tự tác là tự làm, tự hành, tu đến lúc nào đó tự nhiên mình biết là tự chứng thôi, thành tựu. Quý vị đâu cần phải đi tìm ai nữa. Học Giáo pháp Phật cứ phải giữ Giới, bí quyết tu hành là phải giữ Giới cho nghiêm, phải giữ đặc biệt giới Vọng ngữ, quý vị phải dẹp đi, quý vị đừng nói dối nữa. Người Việt Nam mình là vua nói dối, phải nói là một trong những đất nước có văn hóa nói dối rất nhiều. Cho nên người đắc đạo không được, quý vị nói dối là bị lậu hết, chảy rỉ công đức hết. Cho nên ráng tu, ở đây mình chìm trong bùn lầy sinh tử rồi.

Do hết thời gian rồi, bây giờ định giải thích kệ, nhưng nếu giải thích hết đoạn này sẽ quá giờ. Vậy để hôm sau chúng ta sẽ vào phần giải thích. Hôm nay chia sẻ cho quý vị như vậy, quý vị có thấy bộ này đáng học không? Quý vị mới đầu thật thà nghe lời cứ học cứ nghe đi, còn ham đi tìm sách này kia

coi cho rối tung rối mù lên. Riêng phần Duy Thức này là mảng mà người phương Tây rất thích, ai mà biết tiếng Anh lên mạng search ra đầy luôn. Nhưng mà họ dịch thì không phải ai cũng dịch được đâu quý vị, người phải có vốn Phật học khá, tu phải có tu có học có trình độ khá người ta dịch mới ổn. Còn không mình coi thì giống như đám rừng, chỉ lạc thêm thôi. Rồi coi mà phân biệt, chấp trước. Có nhiều người không có giỏi mà cứ phân biệt chấp trước, coi rồi cứ so sánh, không biết sao thầy giảng như vậy còn trong sách này nói như vậy. Quý vị cứ như vậy thì quý vị nghi ra, quý vị tu học cũng không được. Thôi mình mới còn dốt thì mình cứ chịu khó, thầy giảng bao nhiêu quý vị nghe bấy nhiêu đi, nghe hết đi rồi bắt đầu mình mới so sánh, sau đó mình bắt đầu mới có nền tảng sau. Còn quý vị giỏi thì quý vị mới học như vậy.

Hồi xưa Thiện Trang cũng dốt lắm, nghe Hòa thượng Tịnh Không giảng và coi kinh thôi chứ không coi lung tung lang tang, mất công coi nhiều người giảng là rối lên, tại vì mỗi người giảng mỗi kiểu. Coi kinh thôi là đã thấy rối rồi, tại vì có nhiều điều Hòa thượng và kinh là trái với nhau, mình cũng chẳng biết bên nào đúng nữa. Giống như mình tin kinh hơn, nhưng mà mình không hiểu tại sao Hòa thượng lại nói như vậy. Sau này giải dần những điều nghi đó, chẳng hạn có những điều mà mãi tới sau này Thiện Trang mới giải được. Thiện Trang nghĩ sao Hòa thượng nói như thế, tại sao kinh nói như vậy nhỉ, tại sao như vậy. Dần dần rồi giải được, gần như giải hết được các điều nghi rồi, bây giờ hết rồi, không sao nữa, bây giờ không vấn đề. Nhưng nếu quý vị không có đủ bản lĩnh đó thì quý vị sẽ nghi. Và nghi là một trong những chướng ngại lớn nhất trên đường tu của mình, tại vì mình không hiểu, mình đâu biết bên nào đúng bên nào sai.

Quý vị coi Thiện Trang giảng như vậy, rồi coi vị thầy khác giảng khác thì biết được ai đúng ai sai. Đâu biết lấy ai làm chuẩn bây giờ, biết ai tu hơn ai, ai căn cứ tài liệu hơn ai, tại vì có nhiều người giỏi bên ngôn ngữ này, nhưng không giỏi bên ngôn ngữ kia. Ví dụ như chữ Hán tạng này là ngôn ngữ khác, hoặc Luận Câu Xá này mà quý vị lấy bản của ngài Chân Đế dịch khác. Hoặc là coi bản khác sẽ khác ngay, không giống đâu, khổ lắm.

Cho nên mới đầu thật thà đi, học cho biết, chịu khó nghe bao nhiêu nắm bấy nhiêu. Bữa nay Thiện Trang chia sẻ rất nhiều phần hay. Quý vị nghe khúc đầu cố gắng học, nghe đoạn đầu đó là đoạn tinh hoa. Còn phần giới thiệu này mới giới thiệu thôi từ từ, bao giờ mình học đến phẩm Hiền Thánh rồi bắt đầu mình mới vô, rồi học Phẩm Định nữa mình tu mới được.

Cho nên Thiện Trang cố gắng hy vọng thời gian là cứ một tuần chia sẻ một buổi như vậy thì sẽ đi được nhanh hơn, còn thỉnh thoảng nghỉ. Thiện Trang bây giờ cũng rút kinh nghiệm rồi, biết rồi cho nên Thiện Trang phiên dịch, có người nào nói phiên dịch thì Thiện Trang cũng cố gắng phiên dịch nhưng mà Thiện Trang phát hiện rồi, phiên dịch cũng có vấn đề của phiên dịch. Tức là nếu mình phiên dịch nhiều quá, ham phiên dịch thì mình tu cũng không được, vào tu không có định vì bị trạo cử. Tại vì mình học phiên dịch là phiên dịch nào, ví dụ Hòa thượng Tịnh Không giảng thì ngoài phần ngài giảng trong Kinh, trong Luận, trong Chú ra thì được. Nhưng mà ngài giảng phần Văn hóa Truyền thống v.v… mình nghe những phần đó một hồi rồi mình vô tu là bị trạo cử. Cho nên Thiện Trang kêu sau này phải có cách nào, có cách là mình phải cắt bỏ đi những phần đó trong bài giảng mình đăng lên rồi, nhưng mà Thiện Trang không có thời gian. Hy vọng cắt những phần Văn hóa, cắt những phần không liên quan đến mình đi để mình chỉ có nghe chuyên bộ Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú mà toàn giáo pháp không. Mình nghe như vậy thì mới sanh định.

Đây là Thiện Trang chỉ bí quyết cho quý vị. Quý vị nào có thời gian làm dùm đi. Bộ Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú 2014 Thiện Trang dịch khá chuẩn, sai sót ít thôi, vẫn có sai sót nhưng mà ít thôi. Chứ mấy bộ của người khác thấy sai sót nhiều quá Thiện Trang không muốn coi. Ai mà có thời gian nên down file ở trên kênh Cực Lạc Diệu Độ của Thiện Trang về, cắt đi rồi đăng lại thành một bài chuyên như vậy thì làm giúp Thiện Trang, hoặc cấp video đó cho Thiện Trang để Thiện Trang tự đăng lại bên kênh Thiện Trang để sau này khi nhập thất, khi tu mình chỉ nghe video đó thôi, thì sẽ có định sâu mới vào được. Còn không thì đang nghe nhiều khi tập Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa chẳng hạn, Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú thì đỡ hơn, Tịnh Độ Đại Kinh

Giải Diễn Nghĩa nhiều khi hai tiếng đồng hồ, Hòa thượng giảng hết một tiếng hơn bốn mươi phút là phần văn hóa rồi. Mình nghe phần đó không, đâu có giúp cho mình, tại vì mình đâu có tâm lượng rộng như ngài, mình đâu có thể đi hoằng dương Văn hóa thế giới. Cho nên điều đó cũng chướng ngại. Cũng hên xui, có bữa dịch hai tập liền mà chẳng có định gì hết, tại vì vô phần đó. Còn có bữa vô đúng tập thì đã ghê, Hòa thượng giảng một tiếng bốn mươi mấy phút toàn là trong kinh, nghe vô định liền, phiên dịch như vậy thì vô định thôi.

Cho nên học pháp cũng có nhiều điều, quý vị hiểu Thiện Trang, đây Thiện Trang rút kinh nghiệm rồi, cho nên đợt này Thiện Trang vô kêu Hòa thượng giảng Văn hóa nhiều quá nên thôi, con xin phép bữa nay con dịch ít thôi để con tu, con lo nghe kinh, con niệm Phật, con có thời gian thiền định. Còn nếu khi Hòa thượng giảng mấy tập này vô sâu thì mình nghe nhiều hơn. Thiện Trang vẫn lấy là ⅔ thời gian học, ⅓ thời gian tu, vì còn khả năng học mà, Thiện Trang đã cố gắng như vậy.

Ai mà có khả năng thì làm đi, có thời gian làm. Thiện Trang bây giờ nhiều việc quá, người thì muốn Thiện Trang in sách, người thì muốn thế này thế kia. Sách bây giờ nếu in ra chắc cũng mấy bộ nữa, nhưng không có thời gian làm, mà bây giờ phải tu nữa. Bây giờ thiền định vô rồi, thích tu hơn. Hồi xưa mình không có vô được bao nhiêu, tu lâu lâu mới vô. Còn bây giờ ngồi đã hơn, ngồi mấy tiếng xếp bằng, ngồi kiết già chả thấy đau gì hết, ngồi thoải mái nên thích tu hơn. Và tu phải [có] Thiền chỉ, Chỉ Quán song vận mà. Hồi xưa vô bằng con đường Thiền quán, tức là phải học pháp rồi mới tu được. Còn bây giờ học pháp ít thôi, sơ sơ thôi, vô vẫn ngồi được rồi. Thiện Trang thích ban tối, tắt hết đèn, màn đêm buông xuống một hai giờ sáng, bắt đầu đi một cách nhẹ nhàng trong phòng nhìn ngắm trời để thấy pháp vô thường sanh diệt, thấy câu Phật hiệu nổi lên từng bước đi. Lúc đó quý vị thấy đã lắm, cuộc đời tươi đẹp biết bao, ước gì như vậy mãi. Rất tiếc thế gian vô thường, mỗi hoàn cảnh luân chuyển liên tục.

Như đợt vừa rồi ngài Minh Tuệ, coi đợt đó Thiện Trang nghĩ bao nhiêu người rớt nước mắt. Thiện Trang thấy rất buồn khi thấy cảnh của ngài Minh

Tạng, lúc đầu thấy buồn, tội! Thiện Trang không có lo cho ngài Minh Tuệ, vì bậc Thánh mà, không sao! Thiện Trang cảm giác ngài không có vấn đề gì hết, cho nên không có lo. Thiện Trang kêu trước sau gì người ta cũng phải đưa ra thôi, áp lực quá rồi người ta cũng sẽ đưa ra. Vừa coi video Thiện Trang nói video này người ta xóa phông rồi, tại vì Thiện Trang là người trong nghề làm video mà, Thiện Trang nhìn là biết ngay không có được đâu. Rồi cuối cùng người ta cũng đưa video thật lên, coi được rồi.

Ngài tu cũng đơn giản thôi, không có gì cao siêu hết. Nhưng mà quan trọng là thật thà, nghe lời, thật làm, Phật dạy sao thì làm vậy, giữ giới cho chắc vô. Khi giữ giới được chắc rồi thì có định. Và đồng thời mình đừng có ham, gọi là ham làm quá bổn phận. Ở trong kinh tạng này, Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hay là tạng Vi Diệu Pháp luôn luôn đề xuất giải thoát sanh tử là số một. Không có nói như bên Bắc truyền, kinh điển Đại thừa là nói cho Bồ-tát, toàn là nói độ sanh nhiều. Còn quý vị coi Kinh A Hàm, đặc biệt Kinh Tạp A Hàm, hầu như lúc nào cũng nói vô thường sanh tử, con đường ra khỏi sanh tử thôi, không có nói lung tung lang tang đâu, chỉ đưa nhiêu đó thôi. Mình cũng vậy, mình học rồi thì phải lấy điều đó. Bởi vì phàm phu mà, độ sanh gì được, A-la-hán kìa, công phu chưa chắc độ sanh được bao nhiêu. Mà quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn cũng chưa độ sanh được, Nhị quả cũng chưa độ sanh được bao nhiêu, phải Tam quả trở lên, có chút chút là Tứ quả mới được. Quý vị chứng được Tam quả A-na-hàm, quý có thêm thiền định, quý vị có Thần thông, hằng ngày quý vị ở nơi này quý vị đi khất thực nơi kia, sướng không? Ví dụ như quý vị ở Việt Nam, quý vị thích qua Ấn Độ khất thực cũng được, dùng Thần thông đi. Người ta thấy mình ở trên núi, đâu có biết mình đi khất thực ở nơi nào. Vậy sướng hơn không, tu hành như vậy đã hơn không. Mà Cư sĩ tại gia cũng đạt được chứ đâu phải người xuất gia mới đắc được.

Bây giờ nhiều người xuất gia vô trong chùa rồi cứ suốt ngày cúng kiếng v.v…, lên giảng nói toàn chuyện đời thế này thế kia thôi, đâu có giải quyết được sanh tử, chỉ gieo duyên thôi. Đâu có bằng mình, mình ở tại gia chăng nữa, mình chỉ cần một cái nhà nhỏ nhỏ, hằng ngày thâm nhập trong Phật

pháp, hằng ngày niệm Phật, hàng ngày tu thiền định, giữ Giới, nghe pháp, tu mấy năm vượt xa lên, thậm chí đắc quả luôn. Đời này đắc quả rồi, chẳng lẽ không vãng sanh Tây Phương Cực Lạc đối với những người tu Tịnh Độ đúng không?

Cho nên ráng đi, đời này làm được hết. Sau khi có ngài Minh Tuệ thị hiện ra làm, thật ra bên Phật giáo Nam truyền không có dùng từ thị hiện, tất cả đều là tu, không có thị hiện. Mà Thiện Trang quan sát kỹ những tấm hình từ hồi nhỏ của ngài Minh Tuệ, Thiện Trang thấy là ngài cũng giống như mình, hồi đó ngài rất bình thường, không có gì đặc biệt hết. Thiện Trang nghĩ ngài là bậc tu chứng đắc quả trong đời này, có lẽ là vậy, nhờ tu mà đắc chứ không phải thị hiện. Ngài làm được, ngài cũng giống mình mà, có gì đâu, phiền não cũng nhiều giống như mình v.v... Nhưng ngài có ý chí. Quan trọng là ngài học đơn thuần, ngài không có bị những yếu tố khác chi phối. Còn mình học mình bị chi phối nhiều yếu tố quá. Mình tu không rốt ráo, mình tu mình phải giữ giới rốt ráo, đó là điểm quan trọng. Cho nên Thiện Trang chỉ khuyên như vậy thôi.

Hôm nay, thời gian cũng hết rồi, xin hẹn quý vị bữa khác. Ai có thắc mắc gì thì thứ Sáu này có Phật học vấn đáp. Thứ Bảy chúng ta giảng Tịnh Độ. Tuần sau nếu không gì bận thì chúng ta tiếp tục. Cứ vào thứ Tư, Thiện Trang sẽ chia sẻ về phần này. Coi vậy chứ một bữa có thể học mấy bài kệ, có những phần một bữa có thể học được mấy bài kệ. Học 30 quyển này thật ra ngắn hơn bộ Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú. Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú dài hơn, hơn 40 quyển. [Bộ] này ít hơn Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú (Kinh Vô Lượng Thọ Khoa Chú Tuyển Giảng), cho nên chắc chắn học cũng sẽ hết thôi. Hôm nay chúng ta dừng ở đây, mời quý vị chúng ta hồi hướng:

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đồng sanh về Tịnh Độ".

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chuyển đến chư vị hữu duyên phần ghi chép tóm lược lại bài giảng ***A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 2: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 2.***

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 12.06.2024
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
LCX002- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Vi Diệu Pháp) - Phẩm Thứ 1 - Buổi 2|| Thích Thiện Trang
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là buổi thứ 2 của thời pháp tựa đề là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Buổi trước chúng ta đã mở màn giới thiệu sơ lược về tạng A Tỳ Đàm. Tức là một tạng Phật giáo chuyên nhất về giáo pháp giải thoát. Chúng ta học điều này thì được rất nhiều lợi ích, bởi vì mình hiểu được rất nhiều khía cạnh về Phật pháp, trong đó gọi là tu chứng, cách tu như thế nào. Ngoài ra chúng ta cũng phải hiểu được về tâm lý của mình, bởi vì Duy Thức hay A Tỳ Đàm này cũng là một môn Khoa học về tâm lý. Giúp chúng ta hiểu rõ được những suy tư, tư duy mọi trạng thái gọi là tâm, trong ngôn ngữ của Duy Thức gọi là tâm Sở.

Ở trong ngôn ngữ A Tỳ Đàm này gọi là tâm Sở. Một hành động nào đó muốn kết thành nghiệp phải có cái Tâm sở nào đi kèm và cái nghiệp đó là nghiệp gì. Nghiệp thiện hay ác, nghiệp đó cho quả gì, hoàn toàn phụ thuộc

vào Tâm sở của mình. Ví dụ như một nghiệp mình kết, có thiện có ác, quý vị biết thật ra trong luân hồi là do Tâm sở Tư. Quý vị học Duy thức học, vị dụ như Bách Pháp Minh Môn Luận có năm Tâm sở biến hành là Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, thì Tâm sở Tư đó chính là cái để mà quyết định nghiệp. Cái đó gọi là Tư có nghĩa là có chủ định, mình làm việc gì thì mình có chủ định như thế nào, từ đó nó sẽ đưa ra kết quả.

Vừa rồi Thiện Trang nói trong các món Tâm sở thì có một Tâm sở đó là Tâm sở Tư, mình nói theo ngôn ngữ bây giờ là làm việc gì mình cũng có chủ đích, chủ định thì mới kết thành nghiệp. Nếu mình làm việc mà không có chủ đích thì cái Tâm sở đó không có, khi đó không kết thành nghiệp thiện hay ác. Cho nên khi mình học bộ môn này, quý vị sẽ hiểu được mình phải tu như thế nào.

Đầu tiên chúng ta nói một chút là Phật pháp điều rất tuyệt vời, rất may mắn, bởi vì nếu như mình không có duyên được học Phật pháp thì đó là điều đáng tiếc rất lớn. Chúng ta nhớ câu chuyện của ông tiên Asita (A-Tư-Đà) Thiện Trang cũng đã kể nhiều lần nhưng mà nay xin kể thêm chút nữa, mỗi lần kể thì chi tiết thêm. Ông tiên Asita (A-Tư-Đà) là một vị tu theo giáo phái ngoại đạo, khi Thái tử đản sanh, vừa sanh ra đời, ông đã lặn lội từ núi Hi Mã Lạp Sơn (Himalaya) đến để coi tướng. Khi đó ông có ba tiếng khóc và ba tiếng cười. Ông được vua Tịnh Phạn thỉnh đến để coi tướng đứa trẻ này. Ông nói ông khóc ba tiếng bởi vì ông buồn cho thân ông là khi mà đứa bé này lớn lên sẽ thành Phật, thành một bậc Giác ngộ. Khi đó ông không có cơ duyên để nghe giáo pháp giải thoát đấy. Và ông cũng có ba điều cười là tại vì ông mừng cho nhân loại là có một bậc vĩ nhân ra đời. Tức là một đấng giác ngộ ra đời mà có thể soi chiếu giúp chúng sanh ra khỏi con đường tối tăm, nói cách khác chính là ra khỏi sanh tử Luân hồi.

Câu chuyện đó thì ai cũng biết rồi nhưng quý vị biết sau này ông tiên A-Tư-Đà đi về đâu, sanh về đâu? Thiện Trang cũng rất thắc mắc Thiện Trang cũng cố gắng coi, tìm hiểu ông tiên A-Tư-Đà sau đời đó sanh về đâu. Quý vị biết là sau tiên đoán đó, bảy ngày sau [ông] tiên A-Tư-Đà đã qua đời

sanh vào trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tức là ông là bậc đắc Tứ thiền Bát định và đức Phật cũng thọ ký cho rằng: Sau khi ông hết thọ mạng ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đến lúc phước và định lực ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ hết, thì cuối cùng quay một hồi ông trở về thành một con giòi. Quý vị nghe cho kĩ, trở thành một con giòi. Như vậy cho dù tu đến Tứ thiền Bát định cuối cùng cũng trở thành một con giòi, có nghĩa gì đâu, cho nên đường sanh tử luân hồi rất đáng sợ.

Chúng ta là những người học pháp chúng ta gặp được giáo pháp của Như Lai, chúng ta rất may mắn vì mình không tu giỏi như ông tiên A-Tư-Đà. Có lần Thiện Trang cũng nói ông Úc Đầu Lâm Phất, ông Ka-La-Ma ba vị đó đều tu tới Tứ thiền Bát định nhưng rồi cũng không giải quyết được gì. Những người đó tu như vậy ngon quá rồi đúng không quý vị? Còn mình thời nay tu chưa tới đâu nhưng mà mình may mắn được gặp giáo pháp của Như Lai, đấy là một điều may mắn và càng may mắn hơn khi chúng ta được học bộ Luận Câu Xá này. Tức là chúng ta học về Tạng A Tỳ Đàm.

Khi Thiện Trang chia sẻ thì sẽ cố gắng chia sẻ cho quý vị ngoài phần của Luận Câu Xá này, Thiên Trang sẽ chia sẻ thêm phần A Tỳ Đàm của Nam truyền. Tức là sẽ lồng ghép vào để chúng ta có thể học một bên mà được cả hai bên. Mình học được những điều tinh hoa nhất có thể thì chúng ta mới được lợi ích lớn. Nếu như chúng ta học một bên thì nhiều khi chán quá, phần đầu này mới giới thiệu, mới vào chưa hấp dẫn, có thể chưa vào sâu nội dung nên Thiện Trang tranh thủ chia sẻ một số phần trọng tâm, một số tâm đắc về Tạng A Tỳ Đàm của Nam truyền và Bắc truyền.

Hôm nay trước khi vào bài Thiện Trang vào phần gọi là tầm quan trọng của Tâm khi mà học Pháp. Thiện Trang trích từ Kinh Tăng Chi Bộ của Nikaya, chương Năm Pháp, phẩm Diệu Pháp của Tăng Chi Bộ Kinh tập II do HT. Thích Minh Châu dịch.

Năm Nguyên Do Khiến Người Nghe Pháp Không được Lợi Ích

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm?

Tức là ở đây nếu mà người có năm yếu tố này sẽ nghe pháp, giữ pháp. Mặc dù nghe Diệu pháp nhưng mà không có nhập vào được quyết định tánh, chánh tánh. Tức là mình không được lợi ích.

1. Khinh lời thuyết giảng

2. Khinh người thuyết giảng

3. Khinh tự mình

#Khinh tự mình tức là khinh chính mình. Ở đây là ngôn ngữ của Hòa thượng Minh Châu nên Thiện Trang không dám sửa, vì đây là bản dịch từ tiếng Pali chứ không phải chữ Hán. Nếu chữ Hán là Thiện Trang sẽ dịch lại. Nhưng do là bản của Hòa thượng Minh Châu, tiếng Pali Thiện Trang không biết tiếng Pali cho nên mình không dám đụng tới, kinh chữ sao mình để vậy thôi. Nếu như là bản Hán tạng thì Thiện Trang sẽ coi, rà lại, dịch lại cho rõ ràng hơn chẳng hạn. Ở đây khinh tự mình chắc quý vị cũng hiểu là khinh chính mình.

4. Nghe Pháp với tâm tán loạn

5. Không nhất tâm và không như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Như vậy quý vị muốn nghe pháp có lợi ích thì quý vị phải tránh năm điều này, tức là không được khinh lời thuyết giảng, là nội dung thuyết giảng. Thứ hai là mình không được khinh người thuyết giảng. Thứ ba không được khinh chính mình. Thứ tư mình không nghe pháp với tâm tán loạn và ngược lại là mình không nhất tâm, không như lý tác ý, như vậy là mình không tập trung. Như lý tác ý này thì nội dung này cao siêu hơn.

Ngược lại, năm nguyên do khiến người nghe pháp được nhiều lợi ích. Thực ra là ngược lại của năm điều trên thôi.

Năm Nguyên Do Khiến Người Nghe Pháp Được Nhiều Lợi Ích

(Trích từ Tập II - Kinh Tăng Chi Bộ, chương Năm Pháp, phẩm Diệu Pháp, HT. Thích Minh Châu dịch)

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm?

1. Không khinh lời thuyết giảng

2. Không khinh người thuyết giảng

3. Không khinh tự mình

4. Nghe pháp với tâm không tán loạn

5. Nhứt tâm và như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Như vậy đó là chúng ta phải có nền tảng căn bản, tại vì thời nay có nhiều người nghe nhưng thường có tâm xoi, tức là lời kinh nói vậy mình không thích, thấy ngược với mình, mình đã không thích rồi. Hoặc là mình không thích người giảng, thì dù nội dung có hay, nhưng mình ghét, mình khinh thường thì cũng không có được lợi ích. Hoặc là mình tự khinh thường chính mình, mình nghĩ là mình dở quá cho nên mình nghe không được gì. Rồi nghe pháp mà tâm mình tán loạn thì như vậy không được lợi ích. Rồi mình không có nhất tâm, không có chú ý như lý tác ý. Tức là đúng như sự thật mà tác ý mình lại có **"tâm duyên",** như trong Kinh Đại Thừa Khởi Tín Luận nói, mình nghĩ lung tung, lang tang v.v… thì như vậy không được lợi ích. Đây là Thiện Trang xin giới thiệu sơ như vậy, còn bây giờ vào phần nội dung.

Trước khi đi vào phần nội dung Thiện Trang muốn giới thiệu tiếp thêm về lợi ích khi chúng ta học bộ này sẽ được những gì. Bởi vì chắc quý vị cũng quên mất rồi, bữa trước Thiện Trang có chia sẻ sơ sơ. Hôm nay giới thiệu thêm bởi vì còn nhiều điều nữa.

Ví dụ khi chúng ta học ở trong đây thì bình thường chúng ta nói là điều gì đó do nhân gì, duyên gì, sanh ra thì mình gọi là duyên sinh. Cái này sinh thì cái kia sinh, cái này có thì cái kia có, cái này mất thì cái kia mất. Đó là mình nói theo ngôn ngữ của kinh điển bình thường, nhưng vào Tạng A Tỳ Đàm này thì không hẳn như vậy. Tức là duyên sanh và duyên hệ ở đây được chia chẻ kỹ lưỡng hơn. Phần duyên sinh thì không nói nhưng phần duyên hệ thì sơ sơ là có 24 duyên hệ và nếu mở rộng ra là 52 duyên hệ được chia ra.

Ví dụ có một điều được gọi là Tiền sanh duyên. Thế nào gọi là Tiền sanh duyên? Tiền sanh duyên là cái này có trước để giúp cho cái sau. Ví dụ như Mẹ của quý vị có mặt trước trên đời này để giúp cho quý vị ra đời, cha mẹ là hai người đã có trước ở trên cuộc đời này để giúp cho chính chúng ta ra đời, thì như vậy cha mẹ trở thành Tiền sanh duyên. Quý vị hiểu không? Đó là chia cái duyên rõ ra, Tiền sanh duyên; #tiền là trước, chứ tiền không phải là tiền bạc.

Như vậy có những sự việc ở đời, những vật v.v… những cái gì đó nó chỉ là cái trước nó tác động cho cái sau gọi là Tiền sanh duyên. Cái này mình nghe nó thuận rồi, quen rồi. Nhưng có một cái ngược lại, có tiền thì phải có hậu gọi là Hậu sanh duyên. Thế nào là Hậu sanh duyên? Hậu sanh duyên là cái đằng sau, nó chưa có, nó có sau nhưng nó lại giúp cho cái trước. Quý vị thấy có ngược đời không? Mình học rồi mình thắc mắc sao lạ vậy thầy, tại sao cái sau nó chưa có mà nó lại giúp cho cái trước. Đây là một điều cực kỳ lạ.

Ví dụ căn nhà của quý vị nó chưa có, nhưng mà nhờ quý vị định hình trong đầu là tôi sẽ cất ngôi nhà ở trên vùng đất đó, cho nên mình sẽ bắt đầu

lo đi mua miếng đất đó, mua đồ, dọn dẹp khu đất, làm bằng khu đất v.v… Như vậy vì có mặt của ngôi nhà mà miếng đất đó mình mới mua, mình mới làm lụng, sửa sang v.v… Như vậy mặc dù ngôi nhà chưa có nhưng nó đã giúp cho miếng đất đó rồi, đã thay đổi hình dáng, thay đổi mọi thứ, nên ngôi nhà gọi là Hậu sanh duyên. Quý vị hiểu không? Cái đó là chia chẻ ra chứ mình học bên các kinh điển bình thường thì không có những chi tiết này. Nhưng vào phần A Tỳ Đàm này là chia chẻ như vậy, và tất nhiên có Tiền sanh duyên thì có Hậu sanh duyên, còn hai cái cùng có mặt một lúc để giúp nhau gọi là Câu sanh duyên; #Câu sanh là cùng nhau sanh. Ví dụ hai vợ chồng cưới nhau thì hai người chắc chắn phải có mặt cùng một lúc vì hai người làm đám cưới mà, như vậy hai người có cùng một lúc để giúp cho nhau đó gọi là Câu sanh duyên.

Chính vì vậy mình học sơ sơ là có 24 loại duyên như vậy, còn học rộng thì có 52 duyên. Từ đó mình sẽ hiểu được cái này có nhân gì, duyên gì v.v.... Chứ mình học bình thường các Kinh điển không có nói sâu như vậy. Cho nên Thiện Trang mới nói đây là giáo pháp mà theo chiều thẳng đứng và đây là giáo pháp rốt ráo, chuyên về giải thoát. Tại vì mình phải hiểu những chi tiết như vậy, thì mình sống ở đời, đầu tiên là đối với tất cả những gì xảy ra trong cuộc đời, mình sẽ dễ dàng đón nhận hơn. Mình dễ dàng hiểu tại vì mình hiểu bản chất của nó thì mình đón nhận dễ hơn. Đó là một cách thay đổi quan niệm giúp bớt phiền não.

Quý vị biết không tất cả những phiền não của chúng ta, thực ra là do mình không hiểu bản chất của cuộc đời, mình không hiểu tất cả những gì đang xảy ra với mình là duyên gì. Chứ nếu mình hiểu rất rõ như vậy thì mình dễ dàng chấp nhận hơn. Không phải hồi xưa mình cứ nói là do nghiệp, không phải nghiệp không, nó có nhiều yếu tố trong đấy. Thứ hai là do mình hiểu như vậy, nên mình có trách nhiệm lớn hơn đối với cuộc đời này. Nhất cử nhất động của mình, mình làm bất cứ một việc gì cũng nghĩ rằng, việc này có hậu quả như thế nào, có tác động như thế nào đối với mọi người, đối với xung quanh, đối với chính mình.

Có nhiều điều không phải đơn giản đâu, nhiều cái nhỏ mà tác động lớn. Cho nên ngôn ngữ trong A Tỳ Đàm nói, không có cái nào lớn thực sự, cũng không có cái nào nhỏ thực sự. Tức là lớn cũng không có cái nào lớn mà nhỏ cũng không có cái nào nhỏ. Nó kỳ lạ như vậy. Như vậy vừa rồi Thiện Trang đang nói ở điểm là có những việc làm ở trong A Tỳ Đàm này không có cái nào nhỏ, cũng không có cái nào lớn. Tức là mọi việc ở đời có những cái mình tưởng là nhỏ nhưng nó không nhỏ, có những cái nó lớn mà không phải là lớn. Tại vì những cái nhỏ nhất nó vẫn tác động đến những cái lớn nhất và những cái lớn nhất cũng phụ thuộc vào những cái nhỏ. Những ngôn ngữ này nếu chúng ta nói theo lý Hoa Nghiêm gọi là không có to, không có nhỏ, gọi là đại tiểu tương dung.

Thiện Trang lấy một ví dụ để quý vị hiểu về duyên là như thế nào, gọi là một hòn đá nhỏ bên đường làm thay đổi biết bao nhiêu cuộc đời, thậm chí thay đổi cả Thế giới. Bây giờ chúng ta thấy một hòn (viên) đá rất nhỏ bên đường, mình tưởng là không có chuyện gì, nếu nó nằm đó thì không có chuyện gì hết. Nhưng một ngày nọ, có đứa trẻ con đi qua, vui vui nó đá hòn đá đó ra ngoài đường và vô tình một chiếc xe ô tô chạy qua cán vào hòn đá đó. Hoặc là mình nói đơn giản, ở Việt Nam mình có một chiếc xe máy cán vào hòn đá đó dẫn đến lủng bánh. Xe máy đó đảo đảo và định ngã xuống thì lúc đó có một chiếc xe khách chạy ngược chiều, họ phải cố gắng né chiếc xe máy bị té đó, từ đó nó tông vào một chiếc xe khác đi ngược chiều. Như vậy chỉ một sự cố nhỏ thôi mà nó dẫn đến một sự cố lớn. Và xui thêm là ở trên chiếc xe bị tai nạn có nhiều người chết, trong đó có một nhà Bác học, giả sử nhà Bác học đang nghiên cứu một công trình bảo vệ môi trường cho toàn Thế giới, và nhà Bác học đó đang nắm bao nhiêu chi tiết quan trọng của công trình Khoa học đó mà qua đời mất. Từ đó công trình nghiên cứu bảo vệ môi trường Thế giới về đề tài đó bị dừng lại. Như vậy chỉ một chuyện nhỏ nhưng nó ảnh hưởng đến toàn Thế giới. Nên không phải là không có và bất cứ việc gì ở đời nó cũng là như vậy. Nhiều khi chỉ một con ốc vít nhỏ nhỏ mà nó rớt ra khỏi chiếc máy bay thôi là gây ra cả một tai nạn. Tức là một cái gì đó nhỏ nhất nó cũng có ảnh hưởng rất lớn.

Nên cái duyên của Phật pháp được giải thích một cách rất tuyệt đối, rất tuyệt vời, không thiếu một thứ nào. Mình học như vậy mình mới hiểu là mình tu như thế nào. Có nhiều người nói, thì cứ tu thôi nhưng tu như thế nào? Đó là nói về cái duyên.

Thiện Trang nói thêm về thế nào là Tâm sở. Chúng ta ai cũng muốn tu, ai cũng muốn lên cảnh giới cao, mình muốn đắc các Thiền, đắc quả vị cho đến giải thoát thì chúng ta tu như thế nào? Ở trong bộ Luận Câu Xá này thì có 46 Tâm sở thôi, còn trong các Duy thức Đại thừa thì quý vị biết là có 51 món Tâm sở, còn bên Nam truyền thì Vi Diệu Pháp có 52 món Tâm sở. Ví dụ như chúng ta có tâm tham, thực ra Tâm sở gồm Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư thì tham tương ưng với bao nhiêu Tâm sở v.v…

Một người tu hành, theo nguyên tắc tu hành thì người nào tâm càng nhiều Tâm sở thì càng phức tạp, người đó tu tốt hay không tốt? Quý vị biết không? Người mà càng nhiều Tâm sở, tức là họ dễ sân, dễ si, buồn vui càng nhiều, càng nhiều Tâm sở thì cảnh giới họ càng chìm xuống dưới. Còn những bậc tu đắc Thiền, tức là từ Sơ thiền trở lên, đắc quả vị Thánh v.v… thì Tâm sở họ ít lại. Có nghĩa quý vị càng nhiều Tâm sở bao nhiêu thì quý vị càng chìm xuống dưới.

Mình học, mình biết ngay ai tu thành được hay không. Người mà dễ nóng, dễ giận, dễ buồn, dễ vui, v.v… Đó là tâm người ta có nhiều Tâm sở quá, như vậy họ chỉ chìm xuống dưới thôi. Ở cõi Dục giới mới nhiều Tâm sở, quý vị đắc Sơ thiền trở lên là bắt đầu ít Tâm sở. Cho nên cái đấy là cái mình phải tu về tâm lý. Chứ không phải mình nói tu, rồi tu, nhiều người nói tôi tu, rồi tu Bát-nhã giai không, v.v… tất cả các pháp đều "không" nói cho đã nhưng mà họ dễ xúc cảm quá. Ở trong cuộc đời mà dễ xúc cảm, dễ buồn, dễ vui, v.v… Cảnh gì cũng khiến họ có những cảm xúc thì những người đó là tâm họ phức tạp. Và khi tâm họ càng phức tạp, trong Tạng A Tỳ Đàm nói rất rõ, tâm mình càng phức tạp bao nhiêu thì cảnh duyên mình càng rộng. Có nghĩa là mình [có khả năng] đi đầu thai vào nhiều cảnh hơn. Còn nếu như tâm mình bớt phức tạp thì mình ít [khả năng] đi đầu thai vào nhiều

cảnh hơn. Có nghĩa quý vị tâm tùm lum, đi đầu thai vào loài rắn rết, bò cạp con gì cũng chui vào được hết. Còn nếu tâm mình thu gọn lại, Tâm sở mình ít thì cảnh giới mình để đi đầu thai đời sau ít lại, thu gọn lại, vì gọn cho nên ít đọa lạc hơn. Đó mình tu là phải tu từ chi tiết đó.

Chứ quý vị cứ nghĩ mình tu suốt ngày vô, con niệm Phật, con Thiền định, v.v… khí thế lắm, nhưng gặp cảnh, cảnh này đẹp quá, bữa nay buồn quá, trời sao mưa buồn quá, v.v… Những xúc cảm như vậy là đọa lạc hết. Tại vì những trạng thái tâm lý đó, quý vị toàn đọa ở dưới không. Người bắt đầu lên Sơ thiền trở lên là họ không có tâm, trạng thái như thế. Nên muốn biết tu, ai biết tu, người ta như thế nào, mình coi, coi như vậy tự nhiên mình rõ ràng từng thứ, tự nhiên mình biết để mình tu. Chứ còn mình suốt ngày nói tu nhưng mà tu chỗ nào? Đó là tu từ những món Tâm sở. Một câu nói nổi tiếng, trong Chứng Đạo Ca nói là: *"đại tượng bất du ư thố kính"* (con voi lớn không đi đường thỏ được), tại vì đâu chui vô được chỗ con thỏ.

Cho nên người có tâm lượng lớn, Tâm sở ít đi thì tự nhiên cảnh mà họ đi vào ít. Quý vị nghĩ cái lỗ với con mèo, có một câu chuyện hài, ông nhà Khoa học nào đó có câu chuyện nổi tiếng đó quý vị. Ông xây nhà để hai lỗ cho hai con chui, một con chó với một con mèo. Mặc dù ông là nhà Khoa học, nhà Bác học mà ông lại để vậy. Người ta nói ông để lỗ cho con chó là con mèo chui được rồi chứ cần gì đâu. Tại vì lỗ to con nhỏ cũng chui được mà, nhưng lỗ nhỏ con chó không chui được. Có nghĩa là cảnh giới tâm của mình càng nhiều Tâm sở thì mình chui đủ các đường hết. Tại vì mình nhỏ mà, giống như chuột nhắt chui chỗ nào cũng được hết.

Còn nếu tâm quý vị bao dung độ lượng rộng rãi, tức là mình ít những tham sân si, v.v…sau này mình học những món Tâm sở đó ít lại thì tự nhiên mình đi cảnh giới cao. Và bậc thánh thì càng ít. Hôm bữa Thiện Trang chia sẻ quý vị thấy Thiện Trang trích ở trong bộ giảng Tại Gia Lục Yếu Quảng Tập đó. Quý vị thấy lên các cảnh giới trên là bắt đầu những thứ mình gọi là giác quan, ngay cả giác quan tức là Sáu thức đó. Ví dụ như mình có sáu giác

quan: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý (là Ý thức thứ Sáu) thì khi lên cảnh giới trên, Sơ thiền trở lên là bớt rồi.

Ví dụ mình có sáu giác quan: mắt thì thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân có xúc giác, ý nghĩ tới pháp. Lên cảnh giới Sơ thiền trở lên là bỏ được bớt rồi, bỏ được Xúc, bỏ được Mũi, bỏ được Vị. Từ sáu còn ba, tức là tâm đã bớt phức tạp rồi. Còn nếu quý vị lên cảnh Vô Sắc Giới là xài có một thôi. Lên trên cao xài một, là chỉ dùng mỗi thức thôi, cho nên họ không cần dùng nữa. Đó là tâm càng bớt phức tạp bao nhiêu, thì cảnh giới mình càng cao. Quý vị tu là phải tu như vậy, đặc biệt các cô, người nữ hay có xúc cảm lắm. Hồi xưa mình không biết, thấy những người giỏi năng khiếu, thấy tức cảnh sinh tình viết thơ, viết văn rồi cảm xúc ào ào tràn ra. Sau này học A Tỳ Đàm mình mới hiểu ra đó là những người phiền não nhiều, xúc cảm nhiều thì rớt xuống nhiều hơn và thực sự khó tu. Còn người càng đơn giản thì càng dễ tu. Vì đó, nên là các cô có nhiều nạn lắm, nào là lo sắc đẹp, nào là này kia, những cảnh đó hèn chi chui vô cảnh giới thấp hơn. Tức là làm thân nữ chứ không làm thân nam. Đó là do Tâm sở mình chiêu cảm, học Tạng này mình thấy rất rõ.

Còn chứng quả nữa, chứng quả thì đi đầu thai với tâm nào? Bữa sau Thiện Trang sẽ chia sẻ, có ba hạng người mà chỉ có một hạng người có thể chứng quả trong đời, còn hai hạng người thì không. Đó là ba hạng người, một hạng người có thể đắc các tầng thiền Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và chứng quả trong đời này. Hạng người thứ hai có thể họ học rất giỏi rất tài ba nhưng họ không thể chứng thiền, chứng quả. Còn hạng người thứ ba nghiệp nặng hơn thì khỏi nói, không có chứng thiền, cũng không chứng quả luôn. Đó là ba hạng người lớn, phân chia ra trong đó còn một mớ hạng nữa, sau này học thì chúng ta sẽ biết. Thiện Trang sẽ giới thiệu từ từ. Lần đầu giới thiệu tổng quát như vậy, có ba hạng người như vậy để quý vị biết, sau đó, bữa sau sẽ chia chẻ ra hạng nào được vậy, hạng nào được vậy. Rồi dần mình quen rồi thì chia ra nữa trong hạng đó có những hạng nào, mình

muốn đời sau chứng quả mà lỡ rớt vô hạng không chứng quả đời này rồi thì mình xét làm sao mình tu để đời sau chứng quả.

Mình học bộ Tạng Vi Diệu Pháp hay bộ Luận về Duy Thức này thì đến lúc nào đó mình sẽ quán được căn cơ của chính mình, mình là người như thế nào, đến đời này mình tu như thế nào, và cả chúng sanh nữa. Quý vị học mà thông được tạng này không đơn giản đâu. Tạng này bên Thái Lan học bảy năm trời mới hết, chúng ta học lược qua đã, để nắm được phần chi tiết, học dần dần. Thật ra là bảy năm trời đó là người ta chưa biết gì vô học, còn quý vị đa số học Phật pháp nhiều năm rồi, nên những điều ví dụ như Thiện Trang chia sẻ vừa rồi quý vị nghe được hết, nên không mất tới bảy năm đâu. Có thể học 3 năm 5 năm là thông được rồi, hoặc học một hai năm là nắm được căn bản rồi. Bấy nhiêu đó là xài cũng đủ rồi, chỉ cần biết một phần là xài được một phần, biết thêm phần nữa xài thêm phần nữa, rất là tuyệt vời. Bởi vì những thứ này là quyết định, mình tu làm sao, có nhân như thế nào để mình đắc quả, nên mình phải có nhân. Thì những cái đấy là nội dung chúng ta học Thiện Trang giới thiệu.

Bây giờ chúng ta trở lại với bộ luận này. Thế là thêm hôm nay giới thiệu một phần hôm bữa chưa giới thiệu, đó là mình học về trạng thái tâm lý gọi là Tâm sở, ngoài Tâm vương chúng ta còn học Tâm sở nữa. Và Tâm sở mỗi bộ luận chia ra khác nhau nhưng nhìn chung vẫn không có gì khác. Bây giờ chúng ta vào bài. Hôm bữa Thiện Trang đang giới thiệu bài kệ thứ nhất, đó là:

Chư nhất thiết chủng chư minh diệt

Bạt chúng sanh xuất sanh tử nê

Kính lễ như thị như Lý sư

Đối Pháp Tạng luận ngã đương thuyết

Thiện Trang đã suy nghĩ lại, tại vì có 7 chữ, một bài kệ thì khó dịch quá cho nên Thiện Trang dịch lại thành kệ 5-5 (5 chữ 5 chữ), và dịch thành

gấp đôi số chữ lên, bảy chữ Thiện Trang dịch thành mười chữ, thì tự nhiên sẽ suôn, sẽ trình bày được hết nội dung này.

Dịch nghĩa:

Đức Phật là Bậc Thánh

Đã diệt hết Phiền não

Cứu giúp hàng chúng sanh

Ra khỏi bùn sanh tử

Vì kính lễ bậc thầy

Như chân Lý như vậy

Nên con đây sẽ nói

Bộ Luận Đối Pháp Tạng.

Bài kệ Thiện Trang dịch như thế này rõ ràng khỏi cần dịch văn xuôi. Dịch văn vần luôn, dịch kệ luôn nhưng mà mình tăng số câu lên là được hết. Hôm bữa mình đã học sơ sơ chỗ này, bây giờ chúng ta tiếp tục.

論曰：今欲造論，為顯自師，其體尊高，超諸聖眾，故先讚德，方申敬禮。諸言所表，謂佛世尊，此能破闇，故稱冥滅。言一切種諸冥滅者，謂滅諸境一切品冥。以諸無知能覆實義及障真見，故說為冥。唯佛世尊得永對治，於一切境一切種冥，證不生法，故稱為滅。聲聞獨覺雖滅諸冥，以染無知畢竟斷，故非一切種。

Luận viết: Kim dục tạo Luận, vị hiển tự Sư, kỳ thể tôn cao, siêu chư Thánh chúng, cố tiên tán đức, phương thân kính lễ. Chư ngôn sở biểu, vị Phật Thế Tôn, thử năng phá minh, cố xưng minh diệt. Ngôn nhất thiết chủng chư minh diệt giả, vị diệt chư cảnh nhất thiết phẩm minh. Dĩ chư vô tri năng

phú Thật nghĩa cập chướng Chân kiến, cố thuyết vi minh. Duy Phật Thế Tôn đắc vĩnh đối trị, ư nhất thiết cảnh nhất thiết chúng minh, chứng bất sanh pháp, cố xưng vi diệt. Thanh văn Độc giác duy diệt chư minh, dĩ nhiễm vô tri tất cánh đoạn, cố phi nhất thiết chủng.

Giải:

#*Luận viết*: là luận nói.

#*Kim dục tạo luận*: nay sắp tạo luận.

#*vị hiển tự Sư*: vì để hiển bày vị thầy của mình (thầy của con), đây ý ngài nói là ngài Thiên Thân.

#*kỳ thể tôn cao*: tức là thể của bậc thầy đó là đức Phật thì tôn kính và cao quý.

#*siêu chư Thánh chúng*: là vượt hơn các hàng bậc Thánh.

#*cố tiên tán đức*: cho nên trước hết là tán thán về đức, đức hạnh, đức năng.

#*phương thân kính lễ*: chữ #thân này là noi theo, (ở đây mình có thể dịch tại vì ngôn ngữ ngài Huyền Trang hơi khó), rồi mới bắt đầu kính lễ. Tức là trước khi mình kính lễ một người nào đó, mình phải nêu ra đức của người đó trước rồi mình mới kính lễ, chứ kính không không. Giống như mình đi nói với người ta [về] Phật, mình nói "tôi tôn kính với Phật" mà quý vị không có nói ra được rằng Phật có đặc điểm gì. Quý vị muốn cho người ta tiếp nhận thì quý vị phải nói ra đức Phật là bậc như thế nào, tức là nêu ra đức trước rồi sau đó mới kính lễ. Đây cũng vậy, quý vị thấy bài kệ này ngài Thiên Thân (Thế Thân), ngài cũng đưa ra, đức Phật là bậc Thánh, dứt hết phiền não rồi. Rồi ngài cứu giúp chúng sanh ra khỏi bùn lầy sinh tử, vì vậy mình mới kính lễ đúng không. Như vậy đó là ý rất hợp lý, nêu quả trước rồi mới đưa ra. Còn mình cứ nói ngược, mình toàn ép, học Phật theo Phật tốt lắm, thế này thế kia v.v…. Nhưng mình quên mất là làm sao để người ta phải được thuyết phục. Mình phải đưa ra đức Phật có gì tốt trước đã, rồi sau đó mình mới nói người ta nên học Phật.

#Chư ngôn sở biểu, vị Phật Thế Tôn: những lời đó, đều là biểu thị nói về đức Phật Thế Tôn. Đức Phật là bậc tôn quý trong đời nên có hiệu là Thế Tôn. Điều này chúng ta đã học ở các bộ khác.

#thử năng phá minh: đây là có thể phá minh; chữ #thử này là đại từ thay thế, đức Phật có thể phá trừ những sự tối tăm, tức là những phiền não.

#cố xưng minh diệt: nên xưng là minh diệt, tức là phá đi sự tối tăm.

#Ngôn nhất thiết chủng chư minh diệt giả: nói là tất cả các loại tối tăm, diệt đi.

#vị diệt chư cảnh nhất thiết phẩm minh: là diệt đi, diệt trừ tất cả những sự tối tăm của tất cả những cảnh giới. Tức là những phẩm loại tối tăm; chữ #phẩm này có nghĩa là phẩm loại. Ở đây ý nói: chúng sanh tối tăm rất nhiều ở trong đủ các loại đường. Như vậy sự tối tăm và phiền não của chúng sanh ở các đường nhiều lắm, ở trong tất cả cảnh giới thì đức Phật đều giúp cho họ diệt hết. Hay là đức Phật cũng có thể tự diệt, diệt hết tất cả những thứ đó nên đức Phật không rơi vào các đường ác.

#Dĩ chư vô tri năng phú Thật nghĩa cập chướng Chân kiến: bởi vì các loại vô tri, tức là các loại phiền não chúng ta hay nói là vô minh, thì có thể khiến cho ngăn che Thật nghĩa và chướng ngại cái Chân kiến. Mình không hiểu được cái Thật nghĩa tức là chân lý về giải thoát và mình không thấy được lý chân thật, không thấy đời là khổ, đời là vô thường v.v… Đấy là vì do những cái vô tri, tức là những phiền não che lấp. Điều này rất rõ ràng đúng không ạ.

Chúng ta cứ thấy ở trên đời này chúng ta sướng quá, thấy cuộc đời bình thường mà, có gì đâu mà phải tu v.v… Chỉ có những người khổ thì họ mới cố gắng tu, còn không thấy cuộc đời cũng sướng. Nhưng mà biết đâu, đời là vô thường đúng không. Tại vì chẳng có ai sống đời đời cả, ai sanh ra trên cõi đời này rồi cũng sẽ già, rồi sẽ bệnh, rồi sẽ chết, không có ai sống mãi được. Đó là một sự thật. Nhưng tại sao người đời nay không tu, chính chúng ta cũng vậy.

Chúng ta học Phật pháp rồi, nhưng do chúng ta mê, cái vô tri của chúng ta khiến cho che mờ đi, kêu: 'thôi để già rồi tu, từ từ chứ trẻ tu gì đâu'. Câu nói này theo giáo lý nhà Phật đây là câu nói thể hiện sự vô tri rất lớn, tại sao? Thứ nhất quý vị có đảm bảo là quý vị sống tới già hay không. Đó là một điều không thể, không chắc chắn. Bởi vì không ai biết là mình sống tới bao giờ, đâu biết đâu. Đâu biết ngày nào mình ra đi, cho nên đừng hẹn tới già mới tu, đó là một điều sai. Đó là điều sai thứ nhất.

Điều sai thứ hai là tới già, xin lỗi, càng khó tu. Người trẻ là dễ tu bởi vì trẻ là sửa đổi tập khí phiền não rất dễ, còn người già giống như tre già cứng quá rồi. Tre cứng quá rồi thì sửa khó vô cùng, nó thành nếp rồi. Cho dù có biết mình sai cũng không sửa, không có chấp nhận cái sai của mình, rất là khó. Cho nên câu nói đợi đến già mới tu là một cái sai, đó là điều sai thứ hai.

Điều thứ ba nữa, già rồi khả năng tiếp thu không đủ, nghe không được, nghe không có nhớ như trẻ. Nghe không được, nghe không hiểu v.v.. đủ các kiểu.

Điều thứ tư là già rồi sức khỏe không đủ để tu. Người trẻ thì khỏe lắm, tu cỡ nào cũng được. Già rồi không có sức khỏe để tu. Nên ít nhất kể ra bốn chi tiết đó mà nói, đợi tới già để tu là một điều quá sai lầm, không có chuyện đó.

Đối với giáo pháp trong sanh tử luân hồi, điều này gọi là đối với giáo pháp của Phật là mình thấy sai bét, câu đó không đúng. Cho nên đó là mình vô tri. Bây giờ hình như truyền thống như Việt Nam hay nói: "Trẻ thì vui đời, già vui chùa". Rồi cuối cùng già rồi lên chùa ngáp ngáp tu được gì đâu. Đến lúc cuối đời tu được chút [là] kết duyên, không biết đời sau đi về đâu, trong đường sanh tử luân hồi vẫn nguyên, khó lắm quý vị, thật sự khó. Người thì đến lúc đó mới hối hận rằng: sao đến cuối cuộc đời mình mới biết Phật pháp. Thật ra do quý vị lơ thôi, từ trẻ mình không chịu học, mình nghĩ già rồi mới [tu]. Tư tưởng đó che mờ và vì vậy [không] tu.

Chứ nếu tu từ nhỏ, nhỏ mà gặp Phật pháp, tu đàng hoàng, thì cơ hội để đắc quả để thành tựu trong đời này rất lớn. Tại vì mình có nhiều thời gian, nhưng mà có những hạng người không có chủng tánh đó, tức là họ không có chủng tánh Phật pháp nên họ thích những chuyện tào lao hơn. Tức là thích những chuyện ở ngoài đời, chuyện này chuyện kia thì họ thích, còn học Phật pháp, vô nghe chút là ngủ gục, buồn ngủ ngay, nghe không nổi. Đó là chủng tánh Bồ-đề yếu. Học, quý vị biết trong ba hạng người, Thiện Trang xin nói, bây giờ sẵn chia sẻ chút về ba hạng người chứng quả trong đời này, nói luôn cho quý vị nghe.

Tức là một hạng người gọi là đầu thai bằng tâm Tam nhân, thì có khả năng đắc thiền, đắc quả trong đời này. Hạng người thứ hai gọi là hạng người đầu thai với tâm Nhị nhân, thì họ có khả năng học rất giỏi, học có thành tựu giỏi, rồi có đức, có phước báo gì đó v.v… nhưng mà dù có gặp Phật pháp họ học có giỏi chăng nữa, họ có thể làm Pháp sư v.v… mà họ không có chứng quả, không có chứng thiền. Hạng người thứ ba gọi là hạng người đầu thai bằng tâm Vô nhân. Hạng người đó ở trong A Tỳ Đàm chia ra tới 18 hạng, trong đó có những hạng là không khả năng học Phật pháp, có hạng là đọa lạc trong những đường súc sanh v.v… rất khổ, có người ra đời tàn tật v.v… đấy là do tâm Vô nhân.

Vậy thì bây giờ thế nào là Tam nhân, thế nào là Nhị nhân, thế nào là Vô nhân quý vị phải biết đúng không? Trong A Tỳ Đàm chia ra có sáu tâm quyết định trong một việc làm của mình. Đó là tham, sân, si, và vô tham, vô sân, vô si. Quy kết lại là có tham sân si hay không thôi. Tâm tham, sân thì thông thường đi chung với nhau. Ví dụ như quý vị làm một việc gì đó, như bây giờ quý vị vì muốn ăn thịt con gà. Vì người đời muốn ăn thịt gà cho nên người ta bắt con gà để làm thịt. Mình nghĩ rằng họ dùng tâm nào để làm thịt con gà đó. Quý vị nghĩ là tâm gì? Chắc chắn tâm tham rồi, muốn ăn thịt mà. Đấy, nhưng mà trong A Tỳ Đàm nói rõ, quý vị dù tham cỡ nào tham nhưng đến giây phút cuối cùng mà quý vị muốn xuống tay giết con gà đó, thì quý vị phải có tâm sân ở trong đó. [Có] tâm sân đó quý vị mới giết con gà được,

chứ tham không quý vị không nỡ giết con gà đó đâu. Nên quý vị có sân trong việc đó, quý vị làm là vừa có tham, vừa có sân, tham sân đi kèm với nhau.

Hoặc là thế này, ví dụ vì tức người nào đó, vì sao quý vị tức? Đố quý vị tại sao quý vị tức? Quý vị tức Thiện Trang: ông thầy Thiện Trang, ông nói câu gì đó tôi tức quá đi v.v…. Tại sao quý vị tức? Tức là có tâm sân rồi đúng không? Nhưng mà đó là thật ra nó kèm tâm lý là quý vị có tham. Sao kỳ vậy? Tại vì quý vị tham danh. Quý vị nghĩ là mình muốn trong sạch, cho nên ông thầy Thiện Trang ông nói một câu gì đó, mình thấy đụng chạm đến cái sự trong sạch của quý vị. Quý vị nghĩ là vô lý quá, cho nên quý vị tức ông thầy Thiện Trang. Đó, quý vị hiểu không? Thực tế mình có cái tham, mong muốn tiếng trong sạch, vì vậy mình mới có tức. Nên tham với sân nó đi chung với nhau. Tham với sân lúc nào cũng đi chung với nhau hết.

Vì vậy khi người ta làm tất cả các việc thiện mà không tham, không sân, làm nhiều việc như vậy trong đời, ví dụ như mình tu hành làm rất nhiều việc tốt, việc thiện thì quý vị gieo [được] nhân gọi là Nhị nhân. Và do nghiệp tích lũy nhiều tâm không tham không sân, tích lũy như vậy khiến cho quý vị đi đầu thai bằng tâm gọi là Nhị nhân. Nhị nhân thì đời sau quý vị được quả báo giàu có, có đủ thứ tiền tài vật chất cho đến học hành đỗ đạt, học làm Pháp sư, v.v… nhưng người đó không đắc quả, không chứng thiền. Có tu Thiền định cũng không chứng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không có! Đi đầu thai bằng tâm đó thì không có khả năng chứng quả, đời đó không chứng quả, thôi hẹn đời sau. Trong A Tỳ Đàm này nói rất rõ như vậy.

Rồi hạng người dở hơn là họ làm trong đời tất nhiên vô tham vô sân họ không có, tức là không có tâm Nhị nhân, mà họ tham sân si đầy dẫy luôn, mọi thứ là nghiệp tham sân si nhiều hơn. Cho nên có 18 loại, 18 loại tùy theo mức độ nặng nhẹ, họ tích lũy nghiệp như vậy nên đi đầu thai, đời sau họ ra đời có thể là nghèo khổ, có thể là bệnh tật đau ốm, có thể đọa Súc sanh, Ngạ quỷ, đọa đủ các [đường] hoặc làm người tàn tật câm ngọng, v.v… đủ các kiểu. Thì hạng người đó vì họ cũng không có tâm Tam nhân, họ chỉ là Vô nhân, tức là họ không có được hai tâm vô tham và vô sân.

Tức là người Nhị nhân là người có hai tâm vô tham và vô sân thì họ mới thành tựu. Quý vị thấy trong đời này nhiều người có chút thành tựu, quý vị hiểu ít nhất là hạng hai, hạng hai tức là đi đầu thai với tâm Nhị nhân rồi. Còn những người họ thiếu phước báo nghèo khổ, v.v… là do họ đầu thai với tâm Vô nhân.

Tại vì sao? Đời trước mình gây nghiệp, mình không có được tâm vô tham vô sân, tức là mình có tham có sân. Nên vì vậy chiêu cảm mình đi con đường đó thôi, chẳng trách ai được. Nên đừng nói tại sao đời tôi khổ, v.v… thế này thế kia, là quý vị rơi vào 18 hạng người của tâm Vô nhân. Còn mình khá khá hơn mình có thể đi lên đi lên vào hạng hai, nhưng tất nhiên đây nói chia chẻ chưa có quá chi tiết, có khi mình không hẳn mình rớt vào đó, nhiều khi mình khó khăn nhưng cuối cùng đắc quả A-la-hán v.v… Đó là vì thực tế mình vẫn có tâm ở hạng trên, do phước của mình kém thôi.

Bây giờ tâm hạng trên là tâm Tam nhân mới quan trọng, tâm Tam nhân là người đó ngoài học hành giỏi ra, v.v… và họ có thể tu họ chứng thiền, chứng quả. Tam nhân là gì? Là khi họ tu ở đời trước tích lũy những đời trước, v.v… thế nào, khiến cho nghiệp của họ là không tham, không sân và không si. Tức là thực tế không si hay còn gọi có trí huệ, trí huệ ở đây là trí huệ về Phật pháp, do họ làm việc gì họ cũng ý thức được việc này tác động đối với chúng sanh như thế nào, v.v… thế này thế kia. Do như vậy nên họ làm bất cứ việc gì họ có trí tuệ trong đó, ngoài không tham ra (họ làm cũng không tham cầu phước báo), họ làm mà cũng không sân giận, và họ vì trí tuệ mà làm. Cho nên họ gieo được nhiều nghiệp đó, tích lũy được nhiều nghiệp đó, và khi đi đầu thai họ mang ba nghiệp đó đi đầu thai gọi là đầu thai với tâm Tam nhân. Và đầu thai với tâm Tam nhân, thì người đó gặp Phật pháp rất có khả năng thành tựu đắc Thiền là đơn giản, Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và đắc quả giải thoát là do có điều đó. Học ở đây mình hiểu rất rõ không có điều gì là không có nguyên nhân, tất cả đều do nhân duyên đời trước mà mình tích lũy.

Vậy chúng ta bây giờ biết rồi ráng gieo nhân đi, đời này không tham, không sân và phải có trí tuệ tức là không si. Làm bất việc gì cũng phải Vô ngã là không tham, Vô sân bằng cách không nóng giận, không tức giận, không vì tức giận mà làm. Vô si là mình phải có trí tuệ, trí tuệ này là trí tuệ của Phật pháp, mình phải có trí tuệ liễu giải được các vấn đề, thì mình tích lũy nghiệp đó, đời sau mình đi đầu thai là thành tựu.

Vừa rồi nhiều người nghe như vậy vẫn chưa rõ, thật ra Thiện Trang chưa giảng chi tiết nội dung này chỉ nói lược thôi. Chứ nhiều người nói: vậy con chắc không rơi vào tâm Tam nhân rồi Thầy ơi. Chưa chắc! Điều đó không đơn giản tại vì mình không biết ai đi đầu thai với tâm nào, làm sao biết được, đâu có thể quán sát được. Phải là bậc Thánh, không phải là A-la-hán nhiều khi cũng quán sát không ra, quý vị đừng nghĩ A-la-hán là ghê lắm, có nhiều điều vượt trội hơn.

Ở đây Thiện Trang xin kể một câu chuyện để quý vị nghe cho rõ hơn, vì mình vô học những điều này nhiều khi nhàm chán, mình phải kể những câu chuyện để nghe. Ví dụ như bây giờ mình học giữa Phật giáo Bắc truyền, Phật giáo Nam truyền, hồi xưa Thiện Trang cứ thấy Đại thừa, Tiểu thừa thì mình có phân biệt, mình kêu bên này Đại thừa bên kia Tiểu thừa. Thật ra sau khi học rõ rồi vào giáo pháp rồi mới thấy là không hẳn như vậy. Tức là có nhiều điều mình tưởng như vậy mà không phải như vậy.

Chẳng hạn như quý vị coi quyển sách đó là Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt, ở tập hai có một câu chuyện mà câu chuyện đó thuộc về Nam truyền chứ không phải Bắc truyền. Vì tên ngôn ngữ các nhà các vị xưng danh trong câu chuyện đó toàn của bên Nam truyền, và thuộc tạng kinh Nam truyền. Có câu chuyện, chúng ta nói bên Đại thừa lúc nào cũng nói hành Bồ-tát đạo, chú trọng Bồ-tát đạo. Còn bên Tiểu thừa đề xướng, ví dụ Bồ-tát bên Nam truyền thì thấp hơn hàng Thanh văn, còn Bồ-tát bên Bắc truyền thông thường mình cứ đề xướng Bồ-tát cao hơn hàng Thanh văn. Hai bên đề xướng vậy, nếu chúng ta lấy một câu chuyện để kể cho quý vị nghe:

Câu chuyện bắt đầu từ bà Gotami, Gotami tức là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề là di mẫu của Thái tử Sĩ Đạt Đa, mình nói di mẫu của đức Phật. Khi bà còn chưa xuất gia, sau này bà xuất gia là Ni chúng đầu tiên [của] 500 người dòng họ Thích Ca đi xuất gia đó là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề. Khi còn ở tại gia bà rất là cung kính, có lần bà muốn cúng dường cho đức Phật một bộ y, một bộ y tức là Tam y: y Thượng, y Trung, y Hạ. Chính tay bà làm, tức là tự trồng cây vải, chăm sóc phân bón lên bông vải, để bà thu hoạch rồi tự tay bà may. Nói chung không phải chăm sóc không phải bình thường, mà tưới sữa để cây vải tốt nhất có thể. Một thời gian dài như vậy thu hoạch lấy bông rồi tự dệt vải may ra một bộ y để lên cúng dường cho đức Phật. Khi cúng dường, đức Phật nói là: "Y này bà đã làm như vậy, như vậy đó, cho nên bộ y này phước báo rất lớn bà không nên cúng dường cho một mình Ta, bà nên cúng dường cho cả Tăng đoàn này thì phước báo của bà sẽ viên mãn hơn".

Tại vì cúng cho một mình Phật thì không lớn bằng cúng cho Đại chúng, nên Phật không nhận mà Phật bảo: thôi bà cúng qua cho đại chúng, bà mới cúng cho ngài Mục Kiền Liên, ngài Xá Lợi Phất, các ngài từ chối hết.

Người này thì nói: Tôi đã có đủ ba y rồi tôi không nhận nữa

Người kia nói: Y tôi còn mới chưa đến [lúc phải] đổi, không thể nhận nữa v.v…

[Mọi] người trong Tăng đoàn lần lượt từ chối hết, một hồi chỉ còn một người cuối cùng mới xuất gia, mới thọ Giới thôi thì cúng cho vị đó. Giờ mọi người từ chối hết rồi nên vị đó nhận. Tất nhiên quý vị biết mình đi cúng dường mà cúng tất cả những gì mình làm tốt đẹp nhất, mình mong cúng cho Phật thôi, mà bây giờ Phật không nhận, đại Đệ tử Phật cũng không nhận. Cuối cùng để cho người mới là Tỳ-kheo mới xuất gia, mới thọ giới Tỳ-kheo nhận bộ y đó, mình có buồn hay không? Bà Gotami rất buồn vì cảm thấy mình cúng như vậy nhưng cuối cùng lại đưa đến người như vậy. Đức Phật biết tâm niệm của bà, nên đức Phật sẵn có bát đi khất thực, Ngài cầm bát lên chú nguyện rồi quăng đi ra ngoài, sau khi quăng xong Ngài mới nói:

“Bây giờ ở trong chúng đây mọi người ai tìm được cái bát đó, hãy dùng bất cứ Thần thông hay bất cứ kiểu gì cũng được, tìm bát đó đi”.

Lúc đó tất nhiên các Đệ tử thử, ngài Mục Kiền Liên Thần thông Đệ nhất ngài dùng hết Thần thông đi soi hết Tam thiên Đại thiên Thế giới để tìm bát, giống như rà từng hạt cát trong sa mạc, tìm như vậy dùng Thần thông quán xét hết, không thấy cái bát đâu, ngài thua. Rồi ngài Xá Lợi Phất, tất cả những ngài nào có Thần thông, Thiên nhãn Đệ nhất đều quay ra xài hết mà cuối cùng không thấy cái bát đâu, lần lần mọi người thua hết. Còn mỗi vị Tỳ-kheo trẻ mới xuất gia đó thôi, tất nhiên vị đó không có Thần thông, không có gì hết, làm sao được. Đức Phật mới nói: “Còn con đó, con hãy thử vận may của con xem, con thử có cách nào tìm xem có thấy được cái bát đó không?”

Quý vị hiểu không, bây giờ mình không có Thần thông, các ngài kia toàn có Thần thông diệu dụng, mình mới vô xuất gia. Vị Tỳ-kheo trẻ mới nói rằng: “Con phát nguyện là con đi xuất gia không vì danh, không vì lợi, không vì tự tư tự lợi v.v…. Con chỉ phát tâm đi xuất gia để nguyện thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (tức là thành Phật), để độ mình, độ người, độ cho chúng sanh. Nếu như con phát tâm đó đúng thật như vậy, thì xin nguyện thành tựu cho con là cái bát của đức Như Lai hãy xuất hiện trong tay con”. Vừa nguyện xong như vậy là cái bát ở trong tay.

Tất cả đại chúng rung động, bởi vì sao? Một người thường mà phát tâm như vậy thôi mà đoạt được cái bát. Câu chuyện ấy bên Nam truyền không phải bên Phật giáo Bắc truyền, chứng tỏ là: *“Sơ phát tâm công đức thành Phật hữu dư”*, đúng như câu nói trong nhà Phật giáo Bắc truyền nói. Mới phát tâm thôi công đức đã lớn như vậy rồi, và sau đó đức Phật còn thọ ký luôn cho vị này. Lúc đó tất nhiên bà Gotami cũng vui lên, bà cũng sửng sốt tại sao một vị Tỳ-kheo đó mà có thể nhận được bát, bà cũng vui vì mình cúng đúng người. Nhưng đức Phật ấn chứng thêm, thọ ký rằng vị đó thực sự phát tâm như vậy và tương lai sẽ thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác. Vị đó chính là Maitreya tức chính là ngài Di Lặc Bồ-tát, thọ ký luôn về sau thành Phật.

Ở đây Phật giáo Nam truyền người ta không có chủ trương thị hiện, mà tu công hạnh đến lúc nào đó thành Phật. Vì vậy câu chuyện đó rõ ràng ngay cả trong Nam truyền cũng có chi tiết như vậy, rõ ràng Phật giáo Nam truyền cũng có Phật pháp Đại thừa rất tuyệt vời. Phát tâm đúng thôi, không vì danh không vì lợi, không vì điều gì cả, chỉ vì thành Phật để tự độ độ tha thôi, công đức đó vượt hơn bao nhiêu vị Thanh văn khác, sơ phát tâm công đức viên mãn thành tựu.

Đó là một câu chuyện cho chúng ta thấy phải học giáo lý, phải coi câu chuyện trong kinh điển, trong các tích chuyện thì mình mới hiểu Phật giáo vốn không có Nam truyền không có Bắc truyền. Mà do bên này tô đậm tức là đề xướng điều này, giống như bên Nam truyền đề xướng Phật giáo giải thoát ra khỏi sanh tử quan trọng, nên họ luôn luôn đề xướng Thanh văn quan trọng hơn. Nhưng bên Bắc truyền mình thì lại đề xướng Bồ-tát đạo là quan trọng hơn, toàn xuống độ sanh. Nhưng thực tế cũng không được, khi mình chưa trong sạch, chưa giữ Giới thì chỉ có đọa, đi vào trong cõi luân hồi thôi.

Thiện Trang xin dẫn chứng một câu chuyện nữa để quý vị vị thấy vấn đề này cũng nằm trong kinh bên Nam truyền. Là câu chuyện đức Phật Thích Ca Mâu Ni, để chúng ta thấy chi tiết này gần giống như trong Kinh Duy Ma Cật. Kinh Duy Ma Cật tất nhiên không được người ta [bên Nam truyền] công nhận. Nhưng câu chuyện này liên quan đến thời quá khứ của đức Phật Thích Ca vào thời đức Phật Nhiên Đăng. Quý vị nhớ câu chuyện hôm trước Thiện Trang kể:

Vào thời đức Phật Nhiên Đăng, khi đức Phật Thích Ca vào thời quá khứ Ngài tu chưa có công hạnh, Ngài tu 16 a-tăng-kỳ kiếp rồi. Lúc đó có đức Phật Nhiên Đăng ra đời, Ngài mới phát tâm dùng mái tóc của Ngài, dùng thân mình của Ngài nằm xuống vũng sình để trải cho đức Phật Nhiên Đăng

bước đi qua vũng sình không bị dơ chân. Sau đó mới được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký là sau bốn a-tăng-kỳ kiếp nữa và cộng thêm số kiếp lẻ 100 ngàn kiếp nữa thì ông ấy sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau khi được thọ ký xong như vậy thì 100 vị A-la-hán tức là bậc Thánh nhân đi nhiễu quanh ba vòng vị đó, tức là tiền thân của đức Phật Thích Ca.

Chứng tỏ là phát tâm Bồ-đề vô lượng, tại sao biết? Tại vì nếu quý vị học kỹ giáo lý quý vị mới hiểu, ở đời đa số người tu, cho dù tu thế nào đa phần họ sợ sanh tử lắm. Cho nên có ba hạng người, một hạng người chỉ nguyện ra khỏi sanh tử thôi, là tôi ra khỏi sanh tử tôi trốn luôn, nên thành A-la-hán được rồi, thành Bích-chi Phật. Còn hạng người thứ hai giống như, thôi tôi không muốn độ chúng sanh đâu, v.v… tôi vô Niết-Bàn thôi, cũng không cần ai là thầy tôi đâu, tôi tự tu tự học được rồi gọi là Độc Giác Phật. Hạng người thứ ba mới phát tâm vừa tự độ và độ tha, đó mới thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành Phật, hạng đó là đáng quý.

Cho nên học Bắc truyền cũng hay, tức là mình tuy chưa có thành tựu nhưng mình không ngại, sau này mình sẽ vào sanh tử, mình ở trong sanh tử để độ sanh, không sợ. Đấy là điều hay của Phật giáo Bắc truyền, nhưng cái dở của Phật giáo Bắc truyền khi ta chưa thành tựu Giới, chưa thành tựu gì hết mà cứ nói miệng độ sanh. Cuối cùng tâm tham, tâm ngã đủ tâm, và thực tế như vậy mình chỉ mượn danh độ sanh cuối cùng mình tạo nghiệp luân hồi.

Ở đời khổ lắm, quý vị học nhiều thì quý vị phải biết mình là ai, mình đừng mượn danh độ sanh để mình vun bồi thêm cái ngã. Ở đây nói luôn về chuyện này trong kinh đức Phật nói: Có ba hạng người có điều này, quý vị xét xem chúng ta rớt vào hạng nào.

Thứ nhất là hạng người thích danh, thích lợi, đủ các thích hết, điều này rõ ràng về hạng này thì nhiều hằng hà sa số. Hạng người thứ hai là họ có khả năng không thích danh, không thích lợi, không thích gì hết. Nhưng họ muốn người khác biết rằng họ là người như thế, tức là họ muốn cho

người khác biết mình là người trong sạch. Hạng đó thì hiếm tức là bây giờ họ không thích danh, không muốn nổi tiếng gì, họ cũng không muốn lợi gì hết, họ cũng không tham, v.v… họ cũng không thích những điều đó, nhưng họ lại muốn cho người ta biết rằng mình là người trong sạch như vậy, mình phải như vậy, đó là hai hạng. Hạng thứ ba đức Phật nói là không ham danh, không ham lợi, không ham thích gì cả, và cũng không màng tới cái danh trong sạch hay không, không cần ai biết hết, người ta thế nào cũng được. Trong ba hạng người đó chúng ta xét chúng ta rơi vào hạng nào? Hạng một là nhiều lắm rồi đúng không? Đa số chúng ta rớt vào hạng này. Hạng hai là tu mình biết mình tu v.v… mình vẫn muốn cho thiên hạ biết, hiểu rằng mình là người trong sạch như vậy, như vậy, hầu như rớt vô vào hạng hai nữa. Nên số mà rớt vào hạng ba rất ít, số người mà mình không quan tâm đến, không cần biết.

Giống như ngài Minh Tuệ, hiện tại ngài không quan tâm, họ có chê bai hay thế nào v.v… họ nói mình xấu hay như nào ngài cũng không quan trọng. Đấy! đức Phật nói hạng người thứ ba đó mới nắm được cái gấu áo của Phật. Tức là đi theo Phật được, thành đạo là ở đó. Nên cứ xét theo chiêu đó là rớt sạch hai vòng, không vô nổi vòng ba. Quý vị thấy mình tu bao nhiêu năm, bao nhiêu đời rồi. Người không có cơ hội, có danh thì không nói rồi. Người có cơ hội có danh có lợi đắm chìm trong đó đầy rồi, cũng không nói, rớt hết ở vòng một rồi. Vòng hai không ham tiền, bạc, danh gì hết nhưng mà vẫn có cái chấp để người ta biết là người tu trong sach, tôi tu giữ Giới lắm v.v…. Quý vị vẫn rớt rồi, không đậu Tuyển Phật Trường được rồi, không trúng tuyển. Phải là hạng thứ ba không màng gì hết. Vì xét cho cùng mình học theo Tạng Vi Diệu Pháp, còn có một mong muốn đó là quý vị vẫn còn tâm tham, tham danh, chỉ là vi tế hơn người ta thôi. Quý vị tham mới muốn mình trong sạch, trong sạch vẫn là tham. Mình học tới đây, thấy rớt sạch.

Ở đây cũng nói luôn người mà thường xuyên, ví dụ mình sanh ra đời, ở trong nhà, mình thiếu phước thế nào đó mà suốt ngày bị chửi, bị mắng v.v…. Những người sống trong đời, từ nhỏ bị bắt nạt, bị chửi, bị mắng rồi

lớn lên đi học cũng bị bạn bè bắt nạt, đủ kiểu thì những người đó thông thường họ nhẫn rất tốt. Tức là bị chê, họ chịu đựng rất tốt, nhưng ngày nào đó có người khen họ là họ động tâm. Động tâm thế nào? Là nghe lời khen đó, khen xong người ta nói vậy thôi, người ta quên mất rồi, còn mình về tưởng tượng lại, nhớ lại, hôm đó, anh đó khen mình đẹp lắm, cô đó khen mình hay lắm, dễ thương lắm, là ôm cả lời khen đó suốt, nên là rớt mất rồi. Người thường xuyên luyện trong bài nghịch cảnh, luyện trong bị chê thì khả năng chống đỡ với lời khen của họ yếu.

Ngược lại người thường xuyên được khen, ví dụ như Thiện Trang lên giảng pháp người này khen, người kia khen, khen nhiều quá mình quen rồi, bây giờ khen riết nên trơ trơ không có tác dụng gì hết, khen cũng như không tại vì luyện quen rồi, hết tác dụng. Nhưng chỉ cần người ta chê cái là không chịu nổi. Ai mà thích khen rồi thì chê chịu không nổi, cái đó gọi là mình quen rồi. Nên là không có khen, không có chê, làm sao không có bị động tâm. Vì thật ra là lời nói gió bay, nhiều khi họ nói ra như vậy nhưng chẳng phải vậy. Vấn đề là mình chưa hiểu bản chất cuộc đời, lời họ nói ra chẳng phải là sự thật. Có khi người ta nói ra có ý nghĩa gì đâu, đâu tác dụng gì đâu mà tự nhiên mình ôm vô, mình suy tư tưởng tượng, ảo tưởng, tự vẽ lên cho bản thân là hoàn hảo lắm, tài ba lắm, dễ thương lắm, bao nhiêu cái tô vẽ. Thật ra mình đắp lên mình bao nhiêu cái mặt nạ, bao nhiêu cái giả nữa rồi. Vì cái giả lừa mình, vì thế ngày nào đó người ta bóc trần ra, người ta nói không có cái đó là mình chịu không nổi, mình sân, buồn, đủ các kiểu. Đấy là vòng sanh tử tiếp tục luân hồi.

Tu hành khó lắm quý vị nên mới học phần Duy Thức này. Quý vị học vào rồi mới thấy khó vô cùng luôn. Coi vậy thôi, mình nói mình tu tốt nhưng mà quý vị sơ sẩy chút là rớt ngay. Nên Bồ-tát đạo hay con đường tu hành thành Phật, thành đạo lâu xa là vậy. Vì mình luyện chưa thành, đề tài đó đời này mình luyện chưa thành, nên đời sau luyện tiếp. Quý vị coi trong tiền thân của đức Phật Thích Ca có đời Ngài nguyện, Ngài đâu có biết gì đâu, mới nhỏ lớn lên Ngài kêu bố thí tất cả, cả thân này cũng cho luôn. Nên có người

tới xin Ngài về làm người hầu. Về đó ăn bữa đói, bữa no và bị hành hạ đánh đập đủ kiểu, mà tự nguyện vậy thôi. [Người ta] tới chừng hỏi Ngài: 'Tại sao Ngài chịu cảnh như vậy, tại sao người ta hành hạ bữa đói, bữa no rồi bắt làm cái này, cái kia mà cũng chịu vậy'. Mà đâu có gì đâu chỉ là [Ngài] phát nguyện rằng cho thân này, thì người ta muốn làm gì thì làm. Hỏi thì Ngài nói là: 'Tôi làm vậy để thành tựu Ba-la-mật của tôi, làm vậy tôi thấy vui, tôi chấp nhận, làm vậy để luyện'. Luyện như vậy, luyện hoài quen, đời đời Ngài luyện hoài rồi mới thành tựu, mới thành Phật.

Còn chúng ta chưa thành Ba-la-mật, tu chưa thành. Quý vị thấy khó, đâu phải đường thành Phật dễ đâu, Khó lắm! Nhưng luyện hoài thì quen, cho nên là người hên đắc quả là thành công, ra khỏi sanh tử, trốn thôi. Đa phần đắc quả rồi sợ, không dám hành Bồ-tát đạo nữa, thôi con trốn luôn, nhập Niết-Bàn luôn, chứ vô khó quá nhẫn nhục gì nổi, vô chúng sanh khảo đảo. Bây giờ quý vị thấy ngài Minh Tuệ, ngài có làm gì đâu mà bây giờ [bị] khảo đảo liên tục, hết chuyện này tới chuyện kia. Chúng ta tu hành thời nay cũng vậy, luyện kinh khủng, [tu] cỡ nào cũng bị người chê người chửi. Mình làm đúng làm sai gì không cần biết cũng bị chê, bị chửi, cựa cái là giật lên liền.

Quý vị thấy cô Tạ Kim Anh, cô trùm đầu đi thử một bữa mà người ta quay lên là "Đạo" lạ, rồi bữa đó rùm beng lên, bữa sau có video giải thích. Bữa sau này đến nhà thầy Minh Tuệ thì người ta đăng lên, là cô đến nhận làm con nuôi để nuôi cha mẹ [thầy Minh Tuệ] v.v… đủ thứ chuyện. Trong khi thực tế là cô ấy có làm việc đó đâu. Nhưng nhờ tấm hình đó, người ta gán chữ vô, cho cô te tua, tơi tả, đã đời luôn, bị thiên hạ chửi [như] tát nước, bao nhiêu người chửi. Thiện Trang phát hiện cô ta cũng tu Tịnh Độ cũng niệm A Mi Đà Phật, cũng học cả Hòa thượng Tịnh Không, cả Sư Giác Khang. Cô cũng là đồng tu Tịnh Độ của đa phần đồng tu chúng ta trong đây.

Quý vị thấy chỉ cần mình xuất hiện ra trước đại chúng thôi, có cái danh thì có nạn, mình trốn, núp ở trong lùm trong hang hốc nào đó thì không ai biết, không sao. Nhưng nếu quý vị ra công chúng là bị lãnh đạn thôi, đúng

sai gì không cần biết đều bị đạn tới. Khó lắm quý vị! Bây giờ Thiện Trang đứng giữa bao nhiêu làn đạn, rất khó luôn, nói kiểu gì người ta cũng không hài lòng, người này, người kia, thôi kệ! Người bên này đồng ý, người bên kia không đồng ý, đi giữa bao nhiêu làn đạn chứ không phải một, hai làn đạn đâu. Mình giảng Đại thừa người ta không thích, người ta nói, mình giảng Tiểu thừa thì người ta nói kiểu này kiểu kia, rồi người ta nói, phê bình, người ta chửi.

Mình khen thầy Minh Tuệ thì nhóm người không thích thầy Minh Tuệ chửi mình, cỡ nào cũng nói, nói qua nói lại đủ các kiểu. Nhưng cái giá đạt được là quen, luyện hoài quen rồi. Tức là phải ra giữa trời để chịu đựng sóng gió cuộc đời. Luyện hoài rồi năm tháng thành Kim Cang, phải luyện. Chứ mình núp ở trong thì đâu có cảnh đâu mà tu. Luyện hoài, bao nhiêu năm tháng bây giờ trơ trơ rồi, cũng chẳng có gì hết, kệ. Có một số thầy bạn của Thiện Trang nhắn tin hỏi: 'Thầy giảng pháp như vậy, nói như vậy có vấn đề gì, gặp nạn gì không' v.v…. Thiện Trang nói: 'Nạn quá trời luôn, nạn không ai biết luôn, mình biết mình chịu mình lãnh thôi, khỏi kể ra', nói chung là khủng khiếp quý vị ạ.

Thời nay khó lắm! Nên là nhiều người sợ, né luôn không dám giảng nữa. Thiện Trang còn giảng, còn chia sẻ ở đây là còn luyện, dù sao đó cũng là cơ hội tập luyện. Phải ở trên này luyện, luyện thứ nhất là mình có chấp cái danh hay không. Tức là nhiều người biết mình, mình có chấp cái danh đó hay không. Thứ hai luyện mình còn tâm tham không, đối với lời khen mình có cảm giác vui hay không, đó mình phải kiểm tra mình. Đối với những lời chê, lời phỉ báng, mình có tức hay không. Hồi Xưa mình tức lắm nhưng dần dần luyện hoài cũng quen là khá hơn, chịu đựng khá hơn. Chưa đến mức độ gọi là như như bất động được, nhưng ít nhất là tăng khả năng chịu đựng cao hơn rồi. Giống như quý thầy đi bộ chân đất, đi hoài cuối cùng chai chân, nên tu hành quý vị phải luyện chứ quý vị núp bóng, dễ gì. Con đường tu hành gian nan.

Có thời gian quý vị coi trong Kinh A Hàm hoặc Kinh Nikaya nói về tiền thân của đức Phật, hồi xưa Ngài nhẫn nhục, Ngài chịu bao nhiêu nạn, chuyện này chuyện kia, bây giờ Ngài mới thành Phật đó. Nên ngài Minh Tuệ bây giờ cũng vậy luyện cỡ đó, luyện bao nhiêu năm rồi. Bây giờ đi trước đại chúng, người ta lạy hay người ta khen, tán thán gì ngài cũng như không. Rồi người ta chửi, nói ngài sai hay đúng v.v…, ngài cũng: 'Con thế nào con cũng cảm thấy tốt đẹp, con cũng mong cho họ được tốt đẹp, mong cho họ được hạnh phúc' đó là không có sân, không chấp trước, mình phải luyện như vậy. Mình ráng học đi, học những hạnh đó phải luyện được, tu mà chưa luyện được là bài thi chưa qua, ráng, cố gắng làm sao để được như vậy.

Có vị đồng tu nói, chúng ta chỉ là Phật tử ủng hộ ngài Minh Tuệ thôi mà cũng khổ lắm. Đúng! Chính xác! Quý vị ủng hộ thầy Minh Tuệ thôi quý vị cũng bị nạn nữa, có nhiều người họ sẽ vô họ chửi quý vị, chắc chắn luôn. Quý vị đăng bài ủng hộ, share bài thôi là có người vô chửi, khổ lắm! Đủ các kiểu, đấy cũng là luyện đó quý vị. Luyện để nghiệp tiêu trí rạng, quý vị yên tâm đi, bị chửi nhiều thì nghiệp mau tiêu, rồi trí mình sẽ sáng hơn, phước báo mình lên. Phải luyện chứ, đời vô thủy kiếp tới giờ mình gây bao nhiêu nghiệp chướng, bây giờ mình muốn thoát à. Người ta phải đòi chứ, có người này đòi, người kia đòi thử thách tâm đạo, mình được thử như vậy mới thành công quý vị.

Một bậc Thánh, quý vị đắc quả Tu-đà-hoàn trở lên cho dù có kiểu gì thì kiểu, có chẻ họ ra từng mảnh, chém giết họ, họ cũng không bao giờ nói dối, không bao giờ thay đổi quan điểm đối với Phật, đối với Chánh pháp. Chứ không phải bây giờ mình nhát như thỏ đế, mình sợ thì mình là phàm phu chắc chắn. Quý vị nên nhớ vì lợi ích của bản thân mình mà không dám nói quan điểm về Chánh pháp, không giám bảo vệ Chánh pháp là mình là phàm phu thôi. Nên là giữa phàm phu và Thánh là khác nhau. Bậc Thánh là dù có chết đi chăng nữa cũng không sao hết. Quý vị thấy ngài Minh Đạo dù bị xử lý một lần rồi ngài vẫn nói: 'Đây là vị thầy, vị sư ngàn năm mới có một cho nên vẫn cứ tán thán thôi', [ngài] không có sợ.

Những người đó có biết đâu là dự vào Thánh quả hoặc là vào trong hàng Gia gia rồi v.v… Mai mốt Thiện Trang sẽ chia sẻ trong Kinh A Hàm, nội dung trong Kinh A Hàm nói trước quả vị Thánh đó. Tức là Gia hạnh, Thất hiền rồi. Trong Kinh A Hàm có, chứ không phải nói trong Luận này đâu. Trong Luận này có rồi, nhưng trong Kinh A Hàm cũng có. Tức là phải như vậy. Còn bây giờ, mình nhát như thỏ đế, thì làm thân thỏ đế thôi. Mình có một chút lợi ích thôi là mình sẵn sàng quay lưng với Chánh pháp. Đấy là mình vẫn còn phàm phu. Còn người đã bậc Thánh không có sợ, xả thân vì đạo mà. Vậy chứ!

Cho nên tu hành khó lắm, thời này thật sự khó vô cùng luôn. Thiện Trang nói quý vị Thiện Trang cũng vậy, lãnh bao nhiêu đạn, bây giờ cũng quen rồi, cũng chấp nhận rồi. Đời này đã nói rồi không phải bây giờ, cách đây mấy tháng Thiện Trang đã nói rồi thà chết vì Chánh pháp. Đức Phật hồi xưa nói: 'Chết vì Chánh pháp', mình cũng chết vì Chánh pháp được mà. Đấy như vậy! Tại vì thật ra khi nào mà niềm tin đầy đủ rồi là chết, chết là thân này chết thôi. Đời sau mình thăng, thăng được lên cảnh giới khác tốt hơn. Cho nên Ngài Minh Tuệ nói: 'Cứ có chuyện gì xảy ra chỉ cần giữ Giới, Giới sẽ bảo vệ mình'. Quý vị thấy không [đó là] niềm tin, trong bốn đức tin mà hôm bữa Thiện Trang chia sẻ, tin thánh giới là điều quan trọng, cực kì quan trọng. Nên chỉ cần mình tu đúng là mình đi lên, yên tâm! Đấy là điều Thiện Trang chia sẻ. Bây giờ chúng ta trở lại bài.

#cố thuyết vi minh: cho nên nói là minh, tức là vì sự vô tri nó ngăn che thật nghĩa, nghĩa chân thật và nó chướng ngại cái thấy chân thật, chân kiến nên gọi là 'minh'.

#Duy Phật Thế Tôn đắc vĩnh đối trị: Chỉ có đức Phật Thế Tôn mới đắc được pháp vĩnh viễn đối trị được phiền não; #Đối này là đối trị, chữ này không phải đối mà đọc âm trị, đối trị. Tức là ngài mới đắc được pháp đối trị phiền não vĩnh viễn. Mình thì chỉ đối trị được có chút thôi. Còn Phật là mãi mãi, Ngài không có bị phiền não nữa, tức là Ngài đã đắc được một pháp đối trị được phiền não mãi mãi.

#ư nhất thiết cảnh nhất thiết chủng minh: tức là đối với tất cả các cảnh, tất cả các loại tối tăm, trong tất cả các cảnh giới. Tức là các loại phiền não trong các cảnh giới giống như mình ở Địa ngục. Tại sao mình có Địa ngục? Vì mình có nhiều tâm sân quá. Nhiều tâm trái với thứ gọi là đạo đức, Giới. Cho nên mình rớt vào đó hoặc là mình ở Dục giới, tại vì mình có những tâm như thế. Cho nên đức Phật Ngài có thể đối được với những phiền não, trong tất cả cảnh giới đó hết rồi.

#Chứng bất sanh pháp, cố xưng vi diệt: Tức là Ngài đối với tất cả các loại phiền não, ở trong tất cả cảnh giới. Ngài có thể chứng được pháp gọi là không sanh các phiền não. Cho nên mới xưng là diệt; #diệt tức là diệt hết phiền não rồi.

#Thanh văn Độc giác duy diệt chư minh, dĩ nhiễm vô tri tất cánh đoạn, cố phi nhất thiết chủng: Tức là bởi vì những hàng Thanh văn, Độc giác tuy đã diệt được các minh, tức là diệt các phiền não, các tối tăm. Các hàng Thanh văn chỉ mới được vậy thôi còn đức Phật thì sự nhiễm vô tri này hoàn toàn đoạn hết rồi. Tức là bậc Độc giác với lại Thanh văn, tuy có đoạn nhưng mà đoạn một phần chưa đoạn hết. Cho nên mới nói là: "*Tất nhất thiết chủng":* tức là không có; #phi nhất thiết chủng; #phi là không có (động từ), không có tất cả các loại phiền não.

Tạm dịch: Luận nói rằng: Nay [con] sắp tạo bộ Luận này, vì để hiển bày vị Thầy[của con] Ngài là bậc tôn kính, cao vượt hơn tất cả bậc Thánh, nên trước tiên tán thán đức của Ngài, rồi mới bày tỏ kính lễ. Người mà những lời ấy biểu thị, chính là đức Phật Thế Tôn, Ngài có thể phá trừ sự tối tăm, nên gọi là 'minh diệt'. Nói rằng tất cả mọi loại tối tăm diệt tức là diệt trừ tất cả phẩm Vô minh của các cảnh giới. Vì các loại vô tri có thể che lấp Nghĩa chân thật (chân nghĩa) và chướng ngăn sự thấy chân thật (chân kiến) nên nói là tối tăm(minh). Chỉ có đức Phật Thế Tôn đối trị được vĩnh viễn [phiền não vô minh] đối với tất cả cảnh, tất cả loại vô minh, thì chứng pháp không sanh nên gọi là diệt. Bậc Thanh văn và Độc Giác chỉ diệt được các tối tăm(minh), [còn đức Phật] thì bởi đã đoạn trừ hoàn toàn sự ô nhiễm và vô

tri (Tức là sự tối tăm thì Thanh văn duyên giác diệt có một loại phiền não thôi. Còn đức Phật diệt được ba loại phiền não Trần sa hoặc và Vô minh hoặc), nên nói rằng không có tất cả các loại phiền não].

Chúng ta tiếp tục, đoạn này thì hơi khó chịu cho chúng ta vì lời giới thiệu chưa vào phần nội dung nên quý vị cố gắng nghe.

所以者何？由於佛法極遠時處，及諸義類無邊差別，不染無知猶未斷故。已讚世尊自利德滿，次當讚佛利他德圓。拔眾生出生死泥者，由彼生死是諸眾生沈溺處故，難可出故，所以譬泥。眾生於中淪沒無救，世尊哀愍隨授所應，正法教手拔濟令出。

Sở dĩ giả hà? Do ư Phật pháp cực viễn thời xứ, cập chư nghĩa loại vô biên sai biệt, bất nhiễm Vô tri do vị đoạn cố. Dĩ tán Thế Tôn Tự lợi đức mãn, thứ đương tán Phật Lợi tha đức viên. Bạt chúng sanh xuất sinh tử nê giả, do bỉ sanh tử thị chư chúng sanh trầm nịch xứ cố, nan khả xuất cố, sở dĩ thí nê. Chúng sanh ư trung luân một vô cứu, Thế Tôn ai mẫn tùy thọ sở ứng, Chánh pháp giáo thủ bạt tế linh xuất.

Giải:

#*Sở dĩ giã hà:* Tức là vì sao như thế (giải thích)

#*Do ư Phật pháp cực viễn thời xứ:* Tức là bởi vì Phật pháp thì rất xa về thời gian và không gian.

#*cập chư nghĩa loại vô biên sai biệt:* Và các loại nghĩa thì vô cùng sai biệt. Tại vì bây giờ Phật pháp thì xa lắm rồi, thời Phật đến giờ, hoặc là thời đây là thời ngài Huyền Trang, lời Chú giải của ngài Huyền Trang, thì đã xa rồi và khắp nơi, với Phật pháp thì truyền ở khắp nơi. Cho nên các nghĩa thì vô cùng sai biệt, kinh, Luận thì rất là nhiều. Mỗi kinh nói mỗi kiểu, đối khế cơ khế thời khế xứ, ý nói vậy. Vì nhiều cái khế như vậy, nên các loại nghĩa sai biệt. Cho nên ở đây phải nói như [thế] nào.

#bất nhiễm Vô tri do vi đoạn cố: Nên cái sự không nhiễm phiền não, *Vô tri* vẫn chưa đoạn. Tại sao? Vì thật ra mình ít khi gặp Phật pháp, mình tu thì không được bao nhiêu mà các loại phiền não thì nhiều quá, vô cùng sai biệt. Cho nên mình chưa có đoạn được hết Vô tri.

#Dĩ tán Thế Tôn Tự lợi đức mãn: Tức là đã tán thán về cái đức, đức Tự lợi của đức Phật một cách viên mãn rồi.

#thứ đương tán Phật lợi tha đức viên: Thì tiếp theo là tán thán, sẽ tán thán về đức Tự lợi, lợi tha của đức Phật. Đức lợi tha của đức Phật viên mãn. Ở đây quý vị thấy chúng ta xem hai bài kệ này chúng ta hiểu thôi. Câu kệ thứ nhất là tán thán về đức Tự lợi, diệt hết các phiền não. Còn câu kệ thứ hai là cứu các chúng sanh ra khỏi vòng sanh tử, đây là Đức lợi tha. Cho nên tán thán một câu là Tự lợi, một câu là lợi tha. Quý vị hiểu không? Một câu trên là tán thán về đức Tự lợi là diệt phiền não. Còn câu dưới là tán thán về đức lợi tha. Đó là ý lời giải thích này như vậy.

#Bạt chúng sanh xuất sinh tử nê giả: tức là câu này ý nói cứu chúng sanh ra khỏi bùn lầy sanh tử, giải thích về câu này là như thế nào.

#do bỉ sanh tử thị chư chúng sanh trầm nịch xứ cố, nan khả xuất cố, sở dĩ thí nê: bởi vì sanh tử này (chúng ta nói là Lục đạo Luân hồi) là nơi mà tất cả chúng sanh chìm đắm ở trong đó, nên khó có thể ra được, cho nên mới nói giống như bùn lầy vậy. Tức là mình ở trong vòng luân hồi suốt, mình ở cõi Người, cõi Trời thì ít mà mình đọa xuống các cõi cảnh giới khổ v.v… và mình cứ quay vòng ở trong đó. Hết làm người rồi đọa làm Ngạ quỷ, Súc sanh rồi Địa ngục v.v… rồi cứ quay vòng ở trong đó, khó ra khỏi. Cho nên mới lấy ví dụ về bùn lầy để thí dụ cho sanh tử luân hồi, điều này rất dễ dàng hiểu được.

#Chúng sanh ư trung luân một vô cứu: Tức là chúng sanh ở trong đó thì bị; #luân tức là luân chuyển, hay mình nói luân đây là trôi nổi; chữ luân 淪 có nghĩa là trôi nổi. Quý vị hiểu luân là chìm đắm; chữ #một 沒 này là chìm, cho nên mình nói là nổi chìm hay chìm nổi không có ra khỏi được; #vô cứu tức là không có thể cứu, không có được sự cứu giúp.

#*Thế Tôn ai mẫn tùy thọ sở ứng*: tức là đức Thế Tôn (đức Phật) thì thương xót nên bèn; #tùy 隨 dịch là bèn, bèn truyền dạy cho những điều cần thiết; #sở ứng tức là những điều cần thiết.

#*Chánh pháp giáo thủ bạt tế linh xuất*: tức là Chánh pháp truyền tay (mình nói là truyền trao) truyền trao để mà cứu vớt khiến cho ra khỏi bùn lầy sanh tử.

Ở đây ngôn ngữ của ngài Huyền Trang ngài trực dịch có hơi khó chịu. Thiện Trang thấy thích dùng bản của ngài Huyền Trang chứ dùng bản của ngài Chân Đế thì sẽ dễ dàng hơn, suôn văn hơn. Nhưng Thiện Trang nghĩ bản ngài Huyền Trang thì nhiều người dùng hơn nên Thiện Trang chọn bản của ngài Huyền Trang, chứ bản ngài Chân Đế [thì] văn sáng lắm, rất là rõ ràng đọc thì mình hiểu luôn.

Tạm dịch: Vì sao như thế? Bởi do Phật pháp thì rất xa về thời gian và không gian, và các nghĩa loại thì vô cùng sai biệt, nên sự không nhiễm(Phiền não) và Vô tri vẫn chưa đoạn. Đã khen ngợi đức Tự lợi của Thế Tôn tràn đầy rồi, tiếp theo lại khen ngợi đức Lợi tha của Phật là tròn vẹn. Về cứu chúng sanh ra khỏi bùn lầy sinh tử, bởi vì sanh tử này là nơi mà chúng sanh chìm đắm, vì khó có thể ra khỏi, cho nên thí dụ như bùn lầy. Chúng sanh trôi nổi chìm đắm không được sự cứu giúp ở trong đó, nên đức Thế Tôn thương xót bèn truyền dạy những điều cần thiết, truyền trao Chánh pháp để cứu giúp được ra khỏi [bùn lầy sinh tử].

Đây là nói tán thán về đức Phật. Quý vị thấy rõ ràng điều này rất rõ. Tức là vì chúng ta chìm đắm trong sanh tử cho nên đức Phật mới ra đời [vì] Ngài thương xót. Ngài đã đoạn hết các Phiền não rồi, Ngài vào dạy cho chúng ta những điều cần thiết, nên nhớ là dạy cho những điều cần thiết giáo pháp thôi. Ở trong Kinh A Hàm, đức Phật đã từng nói một ngày nọ có hai chi tiết, có một chi tiết là ở hai bộ kinh, một bộ kinh với ngài A Nan. Ngài A Nan cầm lên mấy lá cây thì đức Phật mới nói rằng: "Này A Nan! những lá cây này ông cầm thì ông xem thử lá cây mà trong tay ông so với những nắm

lá trong rừng nhiều hay ít?" Tôn giả A Nan mới nói rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Những lá cây mà con cầm trên tay này ít lắm so với lá trong rừng". Thì đức Phật mới nói: "Cũng vậy đó, những gì về pháp mà ta biết về Chánh đạo, về giải thoát v.v… nhiều như là lá ở trong rừng này. Còn những gì ta thuyết cho các ông thì chỉ có ít như là lá trong lòng bàn tay mà thôi". Có nghĩa những điều đức Phật thuyết là những điều cần thiết cho mình để mình tu thôi, chứ không thuyết hết, bởi vì thọ mạng của chúng ta quá ngắn, không đủ thời gian.

Đó là một bộ kinh nha, quý vị cũng đừng có cãi tại sao có chi tiết là đức Phật cầm nắm lá cây trong rừng, thì đó là của bộ kinh khác với một người khác. Thì đức Phật cũng cầm nắm lá cây lên rồi đức Phật hỏi như vậy, đây là hai bộ kinh khác nhau. Cho nên đừng có chấp trước rồi kêu thầy nói sai, không có! Tại vì phải duyệt hết Tạng kinh mới biết được, Thiện Trang duyệt cũng khá nhiều rồi cho nên Thiện Trang thấy có một câu chuyện đó nhưng mà na ná, có một câu chuyện na ná giống vậy nữa [nhưng] ở một bộ kinh khác. Cho nên trước hết mình khoan kết luận một điều gì đó, nếu như mình chưa có duyệt hết Đại Tạng Kinh. Khi nào quý vị duyệt hết Đại Tạng Kinh mà quý vị có trí nhớ tốt tốt một chút, là quý vị có thể so sánh được, chứ còn không quý vị không [nên] đánh giá.

Ví dụ như bây giờ nhiều người lên cứ nói ngài Minh Tuệ đúng hay sai v.v… rồi họ cũng lấy dẫn ra [nên] Thiện Trang phải hỏi lại quý vị duyệt hết Đại Tạng Kinh chưa? Nếu quý vị duyệt hết Đại Tạng Kinh rồi thì quý vị nói mới chính xác. Còn nếu quý vị chưa duyệt hết Đại Tạng Kinh thì có những điều chưa chính xác. Thiện Trang có thể dẫn ra những điều trong Đại Tạng Kinh để mà nói điều đó, ngài Minh Tuệ ngài nói đúng. Ngài nói theo kinh nào đó chẳng hạn, có hết đó quý vị. Giống như có người chấp trước, người ta nói là ngài Minh Tuệ đề xướng tự Quy y, rồi tự gì đó v.v… thì thực ra điều đó có trong kinh luôn quý vị. Để bữa nào Thiện Trang trích dẫn rõ ràng lên cho quý vị nghe, chứ không là mình nói không, người ta cũng không thuyết phục. Những nội dung đó là có trong kinh rõ ràng, chứ không phải là không

có trong kinh đâu. Tất cả những gì ngài nói ra, Thiện Trang quan sát hầu như là ở trong kinh điển mà ra hết, tại vì ngài đã tham khảo ít nhất là Kinh A Hàm và Kinh Nikaya rồi, còn các Kinh Đại Bảo Tích v.v... Cho nên những điều ngài nói ra đều có căn cứ, ngài đã nghiên cứu kỹ rồi ngài mới đi, mới tu, ngài mới hành, chứ không phải là ngài không có nghiên cứu đâu. Nên đi tu [không phải] là cắm đầu, rồi cạo tóc hoặc là thấy 13 Hạnh Đầu Đà rồi cứ đi như vậy, không phải đâu, không đơn giản đâu. Bao nhiêu năm trời nghiền ngẫm nát cả bộ Kinh A Hàm với Kinh Nikaya rồi, bây giờ làm theo. Rồi còn học các Kinh Đại Bảo Tích nữa v.v… nhiều kinh, tất nhiên ngài chưa coi hết Kinh Đại thừa bởi vì thấy ngài chưa có dẫn nhiều hết. Nhưng có điều là sơ sơ thôi, so với Kinh A Hàm và Kinh Nikaya thôi là ok, những điều ngài nói ra là đúng như vậy.

Ví dụ như xuất gia quý vị thấy không, mình cứ tưởng xuất gia có gì ghê gớm lắm, nhưng mà quý vị coi bộ phim cuộc đời đức Phật thôi, bộ phim Buddha đó, là quý vị thấy khá giống Tạng kinh. Ví dụ như xuất gia đâu có cần gì đâu, người đó chỉ cần tới, có người xuất gia ở trước mặt bạn bè, người thân v.v… đó là chứng kiến lễ xuất gia, thế là xuất gia được rồi. Còn Thọ giới tất nhiên mình chưa bàn tới, tại vì các vị đó đâu có thọ giới đâu, nhưng xuất gia chỉ cần vậy thôi, đó đúng như vậy. Rồi Quy y v.v… là có trong kinh hết đó quý vị, người ta không đọc người ta nói vậy thôi, mình cũng không biết [nên] mình cứ tưởng người ta nói đúng, nhưng thực tế không phải đâu, phải coi ngài Minh Tuệ ngài nói điều nào cũng có trong kinh hết, quý vị cứ rà hết ở trong kinh lôi ra là có hết. Vấn đề là kinh nhiều quá, chỉ mỗi Tạng Kinh Nikaya với Kinh A Hàm không, mà đọc qua rồi còn phải nhớ nữa, trí nhớ mình phải tốt nữa, mình phải nhớ được điều đó nằm ở đâu, chứ còn không mình đọc qua rồi cứ mơ mơ màng màng thì mình cũng không biết được đâu.

Cho nên những người mà [có] trí nhớ tốt, gọi là trong mấy hạng căn bữa trước [học], quý vị thấy người trí nhớ tốt là người ta có niệm mạnh, niệm mạnh thì trí nhớ tốt. Còn người mà có khả năng làm việc, giải toán

nhanh v.v… đó là họ Định tốt. Còn người mà lý giải về Phật pháp tốt thì người đó mới có Huệ. Và trong Kinh A Hàm đức Phật nói trong Ngũ căn, ở đây Thiện Trang không có thời gian để trích kinh nào, để bữa nào Thiện Trang sẽ lấy ra cho quý vị xem. Đức Phật nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại trong mấy bộ kinh liền là trong Năm căn đó điều nào quan trọng nhất quý vị biết không? Huệ căn là quan trọng nhất.

Nên người có trí huệ mới đáng để [học], tại vì không có trí huệ [thì] mấy cái kia cũng như không, đức Phật nói ý như vậy. Thiện Trang không có nhớ rõ vì Thiện Trang mới coi lược qua thôi, Thiện Trang tải về MP3 nghe lược qua, rồi khi nghe MP3 thấy chỗ chi tiết đó hay, đúng rồi, Thiện Trang mới mở lại kinh. Vì có những lúc mình đâu có thể coi kinh hoài được đâu, đi làm việc gì thì cứ mở MP3 nghe đọc, nghe đọc xong rồi biết: Chỗ tên này, chi tiết này, bộ kinh đó có điều hay, bây giờ quay lại mở kinh ra coi. Bắt đầu coi đi coi lại trong đoạn đó cho nhớ, tại vì những đoạn nào mình cần thiết thôi, chứ bây giờ Đại Tạng Kinh của Phật nhiều quá làm sao mà nhớ hết được. Mình duyệt qua, mình cứ nghe qua rồi đoạn nào mình thấy hay [thì] coi lại, nghe lại. Có những lúc Thiện Trang nghe qua đoạn đó có chi tiết đó nhưng chưa có thời gian coi lại, quý vị hiểu không.

Cho nên mình phải biết học, học Phật pháp có nhiều người không có khả năng trí nhớ, học trước quên sau, học sau quên trước, mà ham, đem duyệt kinh này duyệt kinh kia. Nghe giới thiệu Kinh A Hàm chạy theo Kinh A Hàm, nghe nói Kinh Nikaya chạy theo Kinh Nikaya, nói Vi Diệu Pháp cũng bày đặt lên mạng tìm coi. Trong khi đó bí quyết học là gì? Quý vị chỉ cần học điều nào nhớ điều đó, hành điều đó là được. Ví dụ như nhiều người không có khả năng nhớ, sức niệm mình kém thì mình học nội dung này, nghe đi nghe lại đi. Ghi ra chi tiết những điều gì hành trì, ráng ghi ra mà hành trì. Học đi học lại để nhuần nhuyễn, thấm đi đã. Thấm để mà trong đời sống mình ứng dụng được, thì như thế mới là một người tu hành. Còn quý vị ham quý vị cứ chạy, chạy hết cái này chưa xong chạy tới cái kia, chạy một hồi. Điều nào cũng nghe qua rồi nhưng mà không có đọng ở trong tâm, nghe

như vậy để làm gì, để kết duyên cho đời sau thôi chứ còn đời này mình tu không được, nên nhớ như vậy. Cho nên mình biết mình kém thì mình học một bộ.

Thiện Trang nói với quý vị đây là Thiện Trang căn tánh cũng tương đối, trí nhớ tốt, nhưng Thiện Trang học bộ A Tỳ Đàm là nghe ở MP3 xong rồi, coi đã kỹ chưa, coi qua rồi bắt đầu lặp lại, coi lại. Chỗ nào không có đánh máy là Thiện Trang phải đánh máy. Chỗ nào có File đánh máy sẵn thì Thiện Trang phải chọn lại, tô đậm lại và phải lọc lại cái nào đánh dấu đỏ cái nào không, rồi cái nào không cần thiết xóa bớt đi, lọc lại thành một nội dung cốt lõi lại. Rồi phân ra điều này là hành, điều này để giải, rõ ràng từng [chỗ] như vậy. Thiện Trang học như vậy đó, chứ không phải như quý vị đâu. Nhiều đồng tu trí nhớ đã kém rồi mà cứ ham, nghe bộ này cũng chạy, nghe bộ kia cũng chạy, và chạy lung tung lang tang hết. Mình không có khả năng nhớ [thì] mình học cái nào chắc cái đó, học một món xài được một món là thành công rồi. Ở đời người ta nói là: *"Nhất nghệ tinh nhất thân vinh, một nghề cho chín còn hơn chín nghề"*. Quý vị chỉ cần đúng một nghề đó thôi là đủ rồi, mình chỉ cần đúng cái chuyên đó, mình [nên] làm như vậy.

Giống như bây giờ Ngũ giới, quý vị làm cho trọn vẹn Ngũ giới, Bát Quan Trai quý vị làm cho tốt, rồi những pháp hành trong đời sống mình học tới đâu mình hành tới đó. Đừng có ham, ở đây Thiện Trang thấy có một số đồng tu ham, gọi là ham kiến thức chứ không phải là ham tu, cái đó không phải tu. Tu là mình học điều gì mình hành điều đó, đó mới là tu. Cho nên ngài Minh Tuệ thị hiện cho thấy ngài học bao nhiêu ngài hành bấy nhiêu, và ngài có thành tựu. Còn bây giờ có nhiều người cứ ham cái nào cũng học, học một hồi quý vị rớt vào hạng người đó, chắc có lẽ quý vị thuộc hạng người thứ hai: đầu thai bằng tâm Nhị nhân. Cho nên cứ học thôi [và] cuối cùng tu không có đắc gì hết trơn, mà mình gieo nhân như thế là không được, đấy vẫn là tham.

Nên nhớ nha! Học [là] phải [học] đi [học] lại, đặc biệt bộ A Tỳ Đàm này phải học rất là lâu, bởi vì bây giờ chưa vô [nên] quý vị không biết. Ví dụ

quý vị phải nhớ được 51 món Tâm sở hoặc ở đây chúng ta học 46 món Tâm sở, với từng cái Tâm sở mình phải nắm như in. Bây giờ Tâm sở này, tâm sở kia là như thế nào, rồi mỗi cái tác nghiệp như vậy, mỗi hành động tương ưng với bao nhiêu Tâm sở, ví dụ như mình làm tham có bao nhiêu Tâm sở. Ví dụ như hôm nay Thiện Trang nói sân và tham đi chung với nhau chẳng hạn, quý vị phải nhớ chi tiết đó. Tức là mình có sân thì mình đã có tham, mình có tham tức là mình đã có sân, đi chung với nhau, đừng có nghĩ là mình không có. Hỏi tại sao tham lại có sân? Bởi vì thường tham sẽ có những thứ không được. Ví dụ quý vị tu quý vị nghĩ: con tu hành thôi có gì tham đâu thầy, mà sao con cũng sân vậy?' Có! Quý vị ngồi ở nhà, chồng quý vị không cho quý vị tu, quý vị có tâm tham tu, nên quý vị tham không được cho nên nổi sân. Người ở nhà mở nhạc lên ầm ầm thì quý vị sân lên là quý vị tham, tham hoàn cảnh yên bình, đó vẫn là một cái tham, quý vị hiểu không. Nên tu hành là phải luyện được cái đó, vậy cho nên là khổ lắm! cái gì nó cũng rớt, rớt vô luân hồi không.

Đó, mình học đi, mình hành từ những điều đó đi, từ những điều nhỏ nhỏ đó quý vị, làm cho bằng được đi. Một ngày làm được một thứ thôi, một ngày làm được mấy thứ là tốt rồi, làm mấy điều là tốt. Chỉ một điều thôi, 10 ngày được mười điều, 100 ngày là một trăm điều, một năm 365 ngày làm được 365 điều là đã thành tốt rồi. Quý vị sửa 10 năm là 3650 điều, là quý vị đã thành Thánh nhân rồi. Còn không bây giờ mình cứ học, mình cứ ham nghe, cho nên đa số đồng tu chúng ta bị một cái gọi là cứ nghe thôi, mà nghe có một lần thôi, hoặc là nghe lần nữa rồi không muốn nghe nữa, thầy giảng có bấy nhiêu đó mà nghe đi nghe lại làm chi, nghe ngán quá. Trong khi đó mình quên là mình phải lọc ra.

Cho nên có đồng tu chép pháp lại đó quý vị (những người chép pháp), mình phải xin những bài đó mình lọc đi lọc lại, mình nghe mình rà rồi mình sửa, mình thu gọn lại thành nội dung của mình. Làm sao con ở vị trí này, con hành cái gì, con nghe cái nào. Chứ mai mốt quý vị học A Tỳ Đàm này quý vị thấy nội về Duyên không [là] học 52 Duyên, hoặc là 24 Duyên hệ;

#hệ tức là mối liên hệ liên quan giữa cái này với cái kia. Như vừa nãy Thiện Trang nói Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, rồi Câu sanh duyên v.v… mà tới 24 cái hoặc 52 cái thì quý vị nhớ tên không đã nhớ không nổi rồi. Rồi 46 món Tâm sở hay là 52 món Tâm sở v.v… đủ các kiểu, rồi bao nhiêu Tâm pháp, rồi bao nhiêu cái này cái kia. Môn này là môn khó ăn tại vì nhiều chi tiết đó lắm, mà mình muốn học là đầu tiên phải gặp thầy giỏi đã. Thầy giỏi mới dạy cho môn này nhẹ nhàng xuống, tức là người ta biết ứng dụng, đưa ví dụ làm sao để mà nhớ, rồi đưa cái nào ra để cho mình nhớ. Chứ còn không mình học mình cứ mơ mơ màng màng không đi về đâu hết, rồi mình không có ứng dụng được luôn, học thành ra kiến thức chơi vơi vậy đó.

Giống như vừa nãy Thiện Trang chia sẻ có những cái tưởng như vô hình nhưng mà không phải vô hình. Không có cái gì xuất hiện ở trên đời mà không có tác dụng gì với mình, quý vị tưởng nó không có tác dụng, nhưng mà thực tế nó có tác dụng. Một hòn đá lớn ở bên đường, một cái cây bên đường có giá trị gì không? Nhiều người nói đâu có giá trị gì đâu, có! Cây bên đường đó có giá trị, cái đó thuộc về Cảnh duyên.

Trong 24 duyên hệ nó thuộc Cảnh duyên, tại vì nó là đối tượng để con mắt mình thấy, để con mắt của những người đi đường họ thấy đó quý vị. Họ thấy cái cây đó thì họ biết hôm nay tôi đi tới chỗ đó rồi, cho nên có người thấy cái cây đó [biết] tôi sắp về đến nhà rồi, sắp tới nhà bạn tôi rồi v.v… Tức là cây đó là Cảnh duyên để mình định mốc được thời khoảng đó, và cây đó là chỗ để người nào đó tới đứng nghỉ chân v.v… nó rất nhiều tác dụng. Cho nên một cây thôi, tưởng như là không có tác dụng gì trong đời, nhưng mà nó có tác dụng, quý vị hiểu không? Ít nhất nó có tác dụng đầu tiên là Cảnh duyên, [và] làm đối cảnh của con mắt, để cho mình thấy. Rồi nó có thể là đối tượng cho xúc duyên, tức là để cho người dựa vào cây đó nghỉ ngơi, đó là xúc duyên. Đối với cái cây đó đôi khi nam nữ yêu đương nhau tới khắc lên cây đó nào: 'I love you', tên hai đứa gì đó v.v… Hồi xưa Thiện Trang nhớ Thiện Trang học lớp 10, 11 gì đó, Thiện Trang đi ở trọ. Có lần các bạn rủ đi

chùa, lên chùa Tu Viện gọi là Tu Viện An Lạc ở trên đường Hà Giang tại Bảo Lộc.

Đi cũng khá xa mới tới đó, vô coi chùa đó thế nào, thằng bạn thì người Thiên Chúa Giáo, ở nhà thờ gần đó. Nó cũng tu ở trong nhà thờ, bữa đó nó ra kêu: 'Dẫn mày đi vô nhà thờ', đi vô nhà thờ thì nó sợ quá. Tại vì vô nhà thờ, đi qua đi lại là bị chửi ngay, sợ bị cha chửi cho nên là thôi đi qua chùa, đi qua chùa không ai chửi hết. Vô chùa bắt đầu thấy cây sao người ta khắc: nào đứa này I love you, rồi đôi tình nhân, thế này, kia… khắc tên lên đó. Tức là cái cây đó cũng có tác dụng để chứng minh cho tình yêu của hai đứa đó. Khi mà mê rồi thì cái cây đó cũng là trợ duyên để hai đứa nó cảm thấy hạnh phúc hơn.

Cho nên mỗi thứ ở trên đời, xuất hiện không phải là vô duyên đâu, nó có duyên và đóng góp âm thầm hay là trực tiếp. Và mình xuất hiện trên đời này, nói theo ngôn ngữ A Tỳ Đàm này là mỗi sự việc làm của chúng ta đang góp vào hành trang đi về nơi nào đó trong tương lai của chính mình, điều đó đúng y chang. Tại vì quý vị vừa khởi một tâm tham, mình làm việc gì đó với tâm tham thì đã góp phần hành trang của mình về con đường Ngạ quỷ, hoặc đi xuống con đường Súc sanh v.v… đi xuống dưới rồi. Mình làm một cái tâm tham, sân là kết bao nhiêu con đường để mà mình đi vào cõi nào đó, và nếu như một giây phút Thiền định, tập trung tâm là mình mở hành trang đi về lối nào đó. Như vậy mỗi ngày chúng ta mở vô lượng con đường mở ra, mình gửi hành trang về nơi này một chút, con đường kia một chút, mình đang âm thầm bước trên những con đường đó mà mình không biết. Và ngày nào đó khi mà thọ mạng này dứt, "cạch" một phát là có các con đường đó mình cứ theo thôi. Một trong những con đường đó, lúc đó con đường nào rõ thì nó kéo mình đi, mình đi theo đường đó thôi.

Cho nên người tu hành biết rõ như vậy thì mỗi hành động, mỗi suy nghĩ, mỗi cái tâm mình tác ý đều biết rằng đây là tôi đang tô vẽ cho ngôi nhà cảnh giới tương lai của tôi. Mình phải tự chịu trách nhiệm về điều đó, không ai chịu trách nhiệm thay mình hết, cho dù người thân quyến thuộc

có giúp quý vị cũng không giúp được, chỉ có mình chịu trách nhiệm với ngôi nhà tương lai của mình, ngôi nhà tương lai ở đâu? Đối với đồng tu Tịnh Độ rất mong ngôi nhà Tây Phương Cực Lạc, có người mong ngôi nhà Thánh quả, có người mong ngôi nhà này, có người mong ngôi nhà kia, thì mỗi hành động, mỗi tác ý của quý vị, đó là đang tô vẽ ngôi nhà đó. Quý vị nhớ như vậy, thì như vậy tự nhiên mình có trách nhiệm với những hành động của mình, mình khởi tâm sân lên cái là: Tôi đang vẽ ngôi nhà Địa ngục, tôi vẽ ngôi nhà Hổ báo, mai mốt tôi về địa ngục, tôi về Hổ báo. Mỗi tâm tham khởi lên [là] tôi vẽ con đường và ngôi nhà Ngạ quỷ của tôi rồi, tôi vẽ ngôi nhà Súc sanh rồi.

Có hết đó quý vị, cho nên mình vẽ càng đậm thì sao? Thì ngôi nhà đó càng rõ, ngôi nhà đó đầy đủ rồi thì mai mốt ta chui vô ngôi nhà đó thôi chứ không chạy đâu hết trơn, hiểu chưa! Cứ như vậy, mình hiểu là tự nhiên mình có trách nhiệm với bản thân mình, có trách nhiệm với những hành động của mình, mình không có tìm phiền não nữa. Chứ bình thường mình tức người đó là mình, mình thích là mình làm như vậy thôi. Mình thích là mình làm, đó là mình phiền não, thật ra là mình đang hại chính mình đó quý vị. Quý vị tức người ta, người ta đâu biết đâu, về mình ôm trong lòng. Ôi tức quá! Tức ông thầy đó quá, tức cái cô đó quá, v.v… nói như vậy. Nhưng thực tế người ta có biết đâu, đôi khi lời nói gió bay, thoảng qua hết rồi, không có còn nữa. Nhưng mà mình thì ôm trong lòng, ôm năm này qua tháng nọ. Cho nên người ta có câu: *'Quân tử trả thù 10 năm chưa muộn'* là câu của nhà Nho chứ không phải nhà Phật. Nhà Phật mà ôm cái lòng đấy 10 năm chưa trả thù được thì chết rồi, tiêu rồi, quý vị nên nhớ nha!

Cho nên tu hành là phải **"vạn pháp giai không"**, phải nói đúng nghĩa tất cả pháp đều là **"vô thường"**. Thôi nói vậy khó quá, nói ngôn ngữ đơn giản, hãy xem nhẹ tất cả mọi thứ, hãy coi là gió thoảng mây bay, gió thổi qua rồi thì không trở lại nữa, mây bay đi rồi cũng không trở lại nữa. Không có ai tắm hai lần trên một dòng nước, mình nói dòng nước chính xác hơn là dòng sông. Không có ai tắm hai lần trên một dòng nước đâu, dòng nước

trôi qua rồi, mãi mãi không có dòng nước đó đâu mà cứ ôm hoài, ôm ấp kỷ niệm xưa làm gì. Kỷ niệm vui hay kỷ niệm buồn thì cũng đã là quá khứ, là dĩ vãng rồi. Quý vị có nhớ thương người nào đó ngày xưa, quý vị tiếc để làm gì. Vì người xưa không phải là người xưa nữa. Quý vị nên nhớ người đó theo năm tháng họ đã có những cái tác động mới, họ thay đổi tâm lý rồi.

Ngày xưa có thể anh chàng đó rất là thật thà, rất là tốt đẹp, rất là đẹp trai, bây giờ gặp lại anh chàng đó. Một người đểu cáng, một người già khằn, một người đầy bệnh tật trong người rồi thì quý vị mơ chuyện gì ngày xưa đó nữa. Rồi người đó ngày xưa xấu xí, lừa gạt v.v… Nhưng mà bây giờ họ gặp Phật pháp rồi, họ đã thay đổi rồi. Bây giờ họ đã hiền từ rồi. Ít nhất cũng thay đổi một phần nào đó, cho nên đó là quá khứ rồi, không phải là hiện tại. Vì vậy học Phật pháp là mình phải có [cách] nhìn như vậy. Cho nên Thiện Trang nói hãy nhìn người bằng cái nhìn hiện tại, đừng vì cái nhìn quá khứ, quá khứ để tham khảo, đúng! Nhưng hãy nhìn hiện tại. Họ hiện tại là người như thế nào, có nhiều người không có cái khả năng đó, nên ở đời bị khổ, ôm mớ kỷ niệm xưa để mà so vào hiện tại, chi cho khổ vậy, bỏ đi! Cái gì đã qua rồi, mãi mãi qua đi, đấy là tâm buông xả đó quý vị, tâm buông xuống của nhà Phật chúng ta đó. Mình phải nhìn bằng sự thật đúng với sự thật đó. Gọi là nhìn đối tượng A đúng với đối tượng A, nhìn đối tượng B đúng với đối tượng B, thế mới tu chứ. Mình học cái này để làm như thế.

Còn đời là gì? Có mặt trên cõi đời này là khổ nhiều hơn vui, niềm vui thực tế chỉ là ảo ảnh, hiện hữu tạm thời. Còn cái khổ đương nhiên sẽ có, bởi vì nếu quý vị không có khổ, thì quý vị sẽ không có sanh ở cõi Dục này, quý vị sẽ sanh lên cõi Trời, cõi Trời mới sướng chứ. Cho nên mình đã đến cõi này, tất nhiên đa phần ở đây chúng ta đều là đến vì nghiệp lực cả. Cho nên đừng mong là không khổ, không có chuyện đó, chắc chắn không có. Nên ai có khổ đau nhiều thì càng tốt, mau giải thoát cầu Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc, cầu ra khỏi sanh tử luân hồi, cầu thế nào đó tùy duyên của mỗi người. Cho nên là ráng, học Phật pháp mình phải có tâm như vậy, thì ở đời mình luôn luôn vui thôi, nhà Phật chỉ cần thay đổi góc nhìn.

Thiện Trang hay nói là bây giờ cái khổ đó mình không thay đổi được thì mình chỉ cần thay đổi cách nhìn, hãy nhìn khác đi là xong, vậy thôi! Cho nên cuộc đời cứ tự tại, thật ra vì luân hồi nghiệp báo nhiều cái xoay chuyển quý vị không tưởng tượng được đâu. Nhân duyên trong đời nhiều cái nó xoay mà mình không thể tưởng tượng được, tại vì sao? Vì cái dòng nghiệp nó vận hành, khi nghiệp đến rồi thì những chuyện không thành có, chuyện có thành không, trắng thành đen, đen thành trắng, có những chuyện mà mình không thể tưởng tượng được, đó là mình đi mình chấp nhận, cho nên đừng có một ngày nào đó nói: 'Sao người ta như thế, người ta như vậy. Hồi xưa người ta đâu có vậy mà bây giờ người ta vậy'.

Bởi vì người ta phàm phu, phàm phu thì tâm vô thường mà, họ vẫn sống theo dòng nghiệp. Và họ sống theo nghiệp thì họ phải như vậy thôi. Còn nếu như bậc Thánh thì tâm không có thay đổi nữa, tức là tâm họ thường rồi, thì lúc đó đỡ hơn rất nhiều. Nhưng họ vẫn chưa ra khỏi sanh tử luân hồi vẫn chịu cái dòng nghiệp, thì vẫn phải có những cái thọ nạn, bị này bị kia v.v…, đó là bình thường. Mình hiểu vậy nên mình tu dễ lắm quý vị, quý vị cố gắng đem những cái đó áp dụng. Học môn này không phải học lý thuyết mà Thiện Trang nói chúng ta là hành giả, chúng ta học môn này vận dụng để thay đổi nhân sinh quan, vũ trụ quan, thay đổi cuộc đời của mình. Mình học môn Duy Thức là để hiểu tâm lý của mình, hiểu tâm lý của chúng sanh, hiểu quả vị, hiểu đường tu, hiểu mọi thứ vạn vật ở đời không có gì không có duyên, do duyên hết.

Có những thứ có một cái duyên, ví dụ đối tượng này nó nhờ không có đối tượng này, mà nó mới giúp cho đối tượng khác và có những duyên nhờ đối tượng này xuất hiện mà nó ảnh hưởng khiến cho bao đối tượng khác mất hết. Quý vị hiểu không? Bây giờ lấy một ví dụ đơn giản [thì] quý vị dễ hiểu lắm: Là sư Minh Tuệ đó, vì ngài xuất hiện mà làm thay đổi bao nhiêu thứ, bao nhiêu người mất địa vị của họ. Đang nổi tiếng lại mất nổi tiếng, đang đức cao vọng trọng trở thành một người giả tu. Tại vì sao? Đang đức cao vọng trọng được người ta tôn mình chân tu nhưng cuối cùng ngài Minh

Tuệ xuất hiện, bị thiên hạ nói mình giả tu, đúng chưa? Đó! Chỉ cần một người thôi, một sự xuất hiện của một người mà ảnh hưởng đến bao nhiêu thứ. Cho nên người ta gọi là *"kính chiếu yêu"* soi ra bao nhiêu điều thực tế rồi người ta mới hiểu.

Tu hành khó khăn như vậy, v.v… bây giờ mới phát hiện ra đi khất thực cũng không phải đơn giản, quý thầy cũng đâu có đơn giản, v.v… cái này cái kia bao nhiêu điều. Tức là sự thật là gì? Chỉ có một viên ngọc sáng đó chiếu soi cái là thấy, ví đụ như ban đêm mờ tối, bây giờ một viên ngọc sáng sáng lánh lên, phát ra ánh sáng cho nên thấy hết. À! Góc này giấu cái này, góc kia giấu cái kia, cái này cây, cái này rựa, cái này dao búa gì đó. Góc nào cũng có hết, đó quý vị nhớ, mình tu hành cố gắng Vô ngã, Vô ngã là gì? Là mình phải phá cái ngã của mình đi. Hình như ở trong cuốn sách Tương Tự Thiền, cuốn sách của người Nhật Bản người ta viết giống như Công Án Thiền, Thiện Trang cũng tìm quyển sách đó để đọc mà đọc mệt quá, nhức đầu quá tại vì không có file pdf, chỉ coi được file ảnh thôi. Trong đó hình như có một câu chuyện là: Có một người cầm cái búa vào tiệm đó đập nát hết tất cả mọi thứ, nhưng có một thứ không đập nát được. Quý vị biết cái gì đập không nát được không? Là thứ gì?

Quý vị nghĩ coi là cái gì, đó là Công Án Thiền, đưa ra câu hỏi Thiền, thì quý vị suy nghĩ coi. Một người vào đập nát hết tất cả mọi thứ, mà có một thứ đập không nát, chút nữa trả lời nha. Cuối bài trả lời, bây giờ mình giảng tiếp, chia sẻ đã. Chúng ta tiếp tục:

已讚佛德，次申敬禮。敬禮如是如理師者，稽首接足，故稱敬禮。諸有具前自他利德，故云如是。如實無倒教授誡勗，名如理師。如理師言顯利他德，能方 便說如理正教，從生死泥，拔眾生出，不由威力 與願神通。

Dĩ tán Phật đức, thứ do kính lễ. Kính lễ như thị như Lý sư giả, khể thủ tiếp túc cố, xưng kính lễ. Chư hữu cụ tiền Tự Tha lợi đức, cố vân như thị.

Như thật vô đảo giáo thọ giới úc, danh như Lý sư. Như Lý sư ngôn hiểu Lợi tha đức, năng phương tiện thuyết như Lý Chánh giáo, tùng sanh tử nê, bạt chúng sanh xuất, bất do uy lực dữ nguyện Thần thông.

Giải:

#Dĩ tán Phật đức, thứ do kính lễ: Đã tán thán đức của đức Phật rồi, tiếp theo lại kính lễ. Trong bài kệ này, hai câu đầu là tán thán, câu thứ ba bắt đầu kính lễ.

#Kính lễ như thị như Lý sư giả: Kính lễ như bậc thầy như Lý như vậy.

#khể thủ tiếp túc: #khể thủ là dùng đầu mà tiếp chân, đây là một nghi thức lễ của Phật giáo. Chúng ta biết là lấy đầu chạm xuống chân của người khác. Đây là một lễ vào thời Phật.

#cố xưng kính lễ: Cho nên xưng là kính lễ.

#Chư hữu cụ tiền Tự Tha lợi đức, cố vân như thị: chữ #Chư là đại từ chứ không phải bình thường, bậc thầy được trình bày về đức Tự lợi và lợi Tha ở trước, cho nên nói là 'như thị'.

#Như thật vô đảo giáo thọ giới úc: #úc là gắng sức; #giới là răn dạy lời khuyên bảo. #Như thật là không có sự điên đảo; #đảo là điên đảo, mà truyền dạy những lời răn dạy, chữ 勗 này là gắng sức, mình cố gắng truyền dạy những lời như vậy. Văn phong của ngài Huyền Trang nên khó chịu lắm.

#danh như Lý sư: bậc thầy cố gắng dạy truyền trao cho những lời dạy mà không điên đảo, tức là lời dạy này đúng như Lý, đúng như chân thật nên mới gọi là như Lý sư. Chứ mình dạy những điều tùm lum, những điều mình dạy bị điên đảo, trật lất đi thì đó không phải là như Lý sư. Cho nên đây là bậc thầy, đức Phật thì Ngài dạy những điều như vậy. Đức Phật cố gắng dạy cho mình những điều tốt đẹp, những điều đây hoàn toàn là đúng, nên mới gọi là 'như Lý sư'. Chúng ta hiểu như vậy.

#Như Lý sư ngôn hiểu Lợi tha đức: #Như Lý sư là bậc thầy như Lý, ý nói đây là hiểu bày về đức Lợi tha; #Lợi tha là làm cho chúng sanh được lợi ích.

#năng phương tiện thuyết như Lý Chánh giáo: có thể là phương tiện thuyết được Chánh pháp đúng như lý; #Chánh giáo là Chánh pháp, đúng như chân Lý.

#tùng sanh tử nê, bạt chúng sanh xuất: đó là từ trong bùn lầy sinh tử mà cứu giúp chúng sanh ra khỏi đó. Bây giờ chúng ta ở trong vòng luân hồi, nhờ lời dạy của đức Phật, nhờ kinh điển, v.v… những lời dạy của Phật mà mình ra khỏi sanh tử luân hồi, mình có thể chứng được các quả vị, v.v… mình ra khỏi vòng sanh tử. Gọi là bạt sanh tử nê, ý nghĩa là như vậy.

#bất do uy lực dữ nguyện Thần thông: không phải do sức uy lực, uy thần và nguyện lực Thần thông. Ở đây không phải đức Phật đưa mình ra khỏi sanh tử bằng sức Thần thông gì cả, không phải dùng sức Thần thông, vì Thần thông không giúp mình đưa ra khỏi sanh tử. Mà Phật chỉ dạy, nhà Phật gọi là: *"Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc"*. Ai muốn ra khỏi sanh tử, không có Phật, không có mê tín, không phải Phật chụp mình đưa ra khỏi vòng sinh tử được, không có! Phật chỉ là đấng Đạo sư là vị thầy chỉ đường, Phật dạy như vậy thì quý vị cứ làm hoàn toàn như vậy, tự nhiên mình làm đúng như vậy thì mình ra khỏi sanh tử.

Còn Phật không dùng Thần thông đưa mình ra được, mỗi người là chịu trách nhiệm với nghiệp của mình, cho nên đây là khác giữa mình với Tôn giáo bạn. Nhiều khi mình bị hiểu lầm, ngay cả Pháp môn Niệm Phật, Pháp môn Tịnh Độ nhiều người cũng hiểu lầm, nghĩ là đức Phật A Mi Đà tới rước mình đi, tức là đưa mình ra. Đâu phải như vậy, thực tế đó chính là do mình, mình tu là do mình đi, Ngài chỉ là dẫn đường thôi. Đó là những người tu Tịnh Độ, còn bình thường thực ra có nhiều người không tin cũng không sao. Vấn đề ở đây Thiện Trang giảng nói vậy thôi, mỗi người có quyền của mỗi người. Nói tóm lại, Phật không thể giúp mình bằng Thần thông để đưa mình ra khỏi sanh tử được, Ngài không dùng uy lực của Ngài được.

Nếu Ngài dùng được thì Ngài sẽ giúp cho dòng họ Thích, quý vị coi trong Kinh A Hàm hay trong Kinh Nikaya v.v… Quý vị thấy câu chuyện dòng họ Thích bị vua Tỳ Lưu Ly sát hại, Ngài không thể giúp được, Ngài biết nhưng không giúp được, phải để trả nghiệp. Ngài nói về nhân của đời quá khứ, có một thôn làng nọ, Thiện Trang coi trong Kinh A Hàm đầy đủ chi tiết hơn, thấy làng đó do năm đó hạn hán đói kém, cho nên mất mùa. Họ bí quá nên mới đi bắt cá ở trong đầm lầy, bắt hết cá đó ăn, nên vẫn là nguyên nhân. Bình thường họ làm lương thực đầy đủ nhưng năm đó bị hạn hán, họ mới bắt ăn những con cá đó. Trong đó có hai con cá lớn, trong bộ kinh nói Đa ngư Đa thiện, có kinh thì nói tên khác. Tóm lại hai con cá đó nên sau này con cá đó trở thành vua Tỳ Lưu Ly và con cá kia nó trở thành vị Đại thần của Tỳ Lưu Ly và dẫn đoàn quân (là những con cá ngày xưa), vì vậy những con cá đó mới trả thù, vì một nguyên nhân. Thiện Trang không có thời gian kể câu chuyện đó dài lắm. Vô giết dòng họ Thích, v.v… đến nỗi giết hết bao nhiêu người chết, v.v… máu chảy thành sông. 500 người nữ của dòng họ Thích, khi vua Tỳ Lưu Ly để lại, tại vì người nữ mà, sau khi giết hết người nam rồi để lại 500 cô gái này để hành dâm với họ. Khi tới mấy cô này chửi nói là: 'Ông đã giết người dòng họ Thích như vậy, chúng tôi không bao giờ… có chết cũng không chịu đồng ý'. Lúc đó vua Tỳ Lưu Ly càng tức giận hơn nên sai người chém hết chân tay, để các cô nằm gục trên đất như vậy. Rất là đáng thương, các cô khi đau đớn như vậy mới nhớ tới đức Phật Thích Ca, mới nói là: 'Đức Phật sao Ngài không từ bi, Ngài không cứu giúp, v.v… để dòng họ Thích bị tàn sát các con bị như vậy, như vậy'.

Thường mình cũng có tâm trách móc như vậy đúng không? Tại sao thành Phật rồi, ngay cả dòng họ của Ngài mà cũng không cứu. Đức Phật từ xa nghe được âm thanh đó, Ngài có Thần thông nên Ngài biết. Ngài mới dẫn một vị nữa hình như là Xá Lợi Phất, hay ngài nào Thiện Trang không nhớ lắm để bữa nào coi kỹ lại, Ngài mới dùng Thần thông tới. Thì những người đó cũng bị nạn sắp chết rồi, chặt như vậy làm sao sống được. Khi Ngài xuất hiện tới cảnh đó các cô khóc lóc như vậy, chư thiên không muốn thấy cảnh đó, tức là không muốn đức Phật thấy cảnh mà người cứ bị cắt tay cắt chân

ghê gớm. Cho nên chư thiên trên trời Đao Lợi, vua trời Đế Thích mới dùng thần thông để hóa ra một mảnh vải lớn che người của các cô đó. Để đức Phật khai thị giáo hóa họ, và sau đó họ mạng chung qua đời. Thiện Trang không nhớ rõ, hình như những người đó đều sanh lên cõi Trời, vì ý niệm cuối cùng trong đời là nhớ Phật và được gặp Phật.

Cho nên đức Phật nói, không phải Ngài không giúp mà nghiệp lực của chúng sanh phải vậy, Ngài mới kể lại câu chuyện đó. Rồi sau đó vua Tỳ Lưu Ly đi về rồi v.v… gặp Thái tử Kỳ Đà, Thái tử Kỳ Đà là người cúng vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, vườn cây của Thái tử Kỳ Đà. Nếu nói về quan hệ Thái tử Kỳ Đà cũng là anh em với vua Tỳ Lưu Ly, anh em cùng cha khác mẹ. Lúc đó vua Tỳ Lưu Ly khi nói câu chuyện đó thì Thái tử Kỳ Đà cũng không đồng ý và vua Tỳ Lưu Ly giết luôn Thái tử Kỳ Đà. Sau khi [bị] giết, Thái tử Kỳ Đà cũng sanh lên cõi Trời.

Sau đó đức Phật mới nói là: Ông vua Tỳ Lưu Ly còn thọ mạng đúng bảy ngày nữa thôi, vì ông làm những việc đó nên thọ mạng ông bảy ngày sau sẽ chết. Khi đức Phật nói ra lời đó, truyền tai ra một hồi tới tai vua Tỳ Lưu Ly. Vua Tỳ Lưu Ly nói: Bậc Như Lai không bao giờ nói lời sai nên ta sắp chết rồi, bây giờ phải làm sao đây, bây giờ còn bảy ngày phải tìm mọi cách để chống đỡ. Nên sai quân canh phòng hết mọi nơi, coi thử coi đất nước phương nào có kéo quân tới đánh hay không v.v…, đủ các chuyện, canh phòng hết đến ngày thứ bảy rồi cũng không thấy dấu hiệu nào. Tất cả đều không có đất nước nào đánh, vua kêu: Chắc đức Phật nói hù mình thôi, chứ làm sao có thế có chuyện đó được. Vì nếu có thì xuất binh hồi xưa đâu có dễ, phải từ xa đi tới mới tới. Cho nên vua kêu: Vậy là thoát nạn rồi, bữa nay vui vẻ hoan hỉ đi, ngày thứ bảy hết rồi có nạn gì đâu. Nên vua với các cung tần mỹ nữ đi ra bờ sông để mở tiệc, xuống sông tắm cho thoải mái. Khi xuống sông tắm, trời đang nắng đang đẹp bỗng tự nhiên nổi cơn giông tới, nước sông dâng cuốn trôi chết và sau đó chết hết.

Đức Phật nói những người đó đọa Vô Gián Địa ngục hết. Cho nên đấy là một câu chuyện thật sự đức Phật không giúp cho chúng sanh được. Và

nạn vì nghiệp đời xưa gọi là oan oan tương báo bao giờ dứt, vua Tỳ Lưu Ly giết được bao nhiêu người dòng họ Thích để hả giận cơn giận ngày xưa, nhưng quả báo tiếp theo là vào Vô Gián Địa ngục. Như vậy đâu có được gì đâu, trong vòng luân hồi rất đáng thương. Người bị giết đã đáng thương rồi, người giết người khác càng đáng thương hơn. Dòng họ Thích đa phần sanh vào cõi Trời, cõi Người. Vì dòng họ Thích tuy bị tàn sát nhưng đa phần đã Quy y Tam Bảo, giữ giới nên chỉ có chết trong đời đó, đời sau họ được sanh cõi Trời, cõi Người. Còn vua Tỳ Lưu Ly và đoàn quân thì giết người như vậy, được hả giận nhưng sau đó đọa Vô Gián Địa ngục rồi biết bao giờ ra.

Thật là đáng thương, mình hiểu rồi mình cũng không giận vua Tỳ Lưu Ly, mình càng phải thương người làm ác nhiều hơn. Người bị hại đã đáng thương rồi nhưng người hại người bị hại thì càng đáng thương hơn, vì họ đang tạo nghiệp. Thiện Trang muốn nói một câu chuyện chúng ta phải học nhiều góc nhìn, mỗi câu chuyện cấp cho chúng ta tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề là tâm thương xót, tâm yêu thương chúng sanh chứ không phải tâm bất bình, tâm tức tối.

Thiện Trang cũng muốn nói điều này đối với quý vị đồng tu hâm mộ Sư Minh Tuệ rằng: Những người phỉ báng, chửi trách Sư Minh Tuệ, v.v… quý vị cũng không nên ghét họ mà nên thương họ. Mình phải thương những người đang đi lạc đường, người ta không hiểu hoặc người ta có thể là do nguyên nhân gì đó, v.v… người ta không hiểu. Hoặc do nghịch duyên vì lợi ích của họ, vì điều gì đó, hoặc không hiểu hoặc là thế nào đó nên mình phải thương, dù sao đi nữa chửi người là tạo nghiệp rồi.

Nếu mà chửi bậc Thánh nhân tạo nghiệp càng nặng, quý vị nên nhớ như vậy, nên mình phải có tâm yêu thương tất cả mọi người. Chứ không phải những người theo phe ta thì ta thấy thương, những người không theo phe ta thì ta ghét, không phải như vậy quý vị. Quý vị học được tâm đó, đó mới là Tâm Bồ-đề, tâm của người giác ngộ. Phải học câu này của ngài Minh Tuệ nói: “Người ta ghét mình cũng được, người ta thương mình cũng được,

con đều hoan hỷ, con đều cầu chúc cho họ hạnh phúc, chúc cho họ tốt lành". Tâm mình phải như vậy, mới đổi Tâm Bồ-đề, còn bây giờ ngã mình quá lớn mình không dung thông được ai hết. Tức là mình là chúng sanh tệ, ở dưới cảnh giới thấp rồi, cho nên cố gắng .

Ở đây Thiện Trang xin đọc đoạn dịch này vì hết bài kệ rồi, bữa sau chúng ta sẽ học bài kệ tiếp.

Tạm dịch: Đã tán thán đức của đức Phật rồi, tiếp theo lại kính lễ lần nữa. Kính lễ bậc thầy như Lý như thế: là cúi đầu chạm chân, nên gọi là kính lễ. Bậc có đầy đức Tự lợi và Lợi tha như ở trước, nên gọi là như thị. Như sự thật không có điên đảo mà truyền dạy khuyên nhủ khích lệ, gọi là như Lý sư. Bậc thầy như Lý là hiển bày đức Tự lợi và Lợi tha, có thể phương tiện thuyết Chánh pháp đúng như Lý, từ bùn lầy sinh tử, cứu giúp chúng sanh ra khỏi đó, [chứ] không phải thuận theo uy lực và nguyện cùng Thần thông.

禮如理師，欲何所作？對法藏論，我當說者，教誡學徒，故稱為論。其論者何？謂對法藏。何謂對法？頌曰：

Lễ như Lý sư, dục hà sở tác? Đối Pháp Tạng Luận, ngã đương thuyết giả, giáo giới học đồ, cố xưng vi luận. Kỳ Luận giả hà? Vị Đối Pháp Tạng. Hà vị Đối Pháp? Tụng viết:

Giải:

#Lễ như Lý sư, dục hà sở tác: Tức là kính lễ đối với bậc thầy Như Lý, bậc Sư Như Lý dùng điều gì thì sẽ làm; #dục là sẽ, sẽ làm những điều gì. Bây giờ chúng ta kính lễ chúng ta làm gì? Thường chúng ta quỳ lạy, không! Ở đây không phải như vậy.

#Đối Pháp Tạng Luận, ngã đương thuyết giả: Ở đây đối với bộ luận Đối Pháp Tạng, tức là bộ luận chính xác về Tạng Pháp, thì con sẽ nói về bộ luận đó.

Tức là ngài Thiên Thân sẽ nói về bộ luận để trả lại kính lễ thầy là phải tuyên thuyết pháp. Chứ không phải bây giờ mình kính lễ là vô lạy lạy, không phải! Mà mình phải tuyên dương giáo pháp của Phật đó là kính lễ.

Tức là làm bằng hành động cụ thể, bây giờ có nhiều người chúng ta chỉ có nói thôi, nói con kính lễ thầy mà không thực hành theo thầy là không kính lễ. Thầy dạy mình không làm theo, kính lễ Phật mà mình không làm theo, mình phải tuyên truyền lời dạy của Phật, đấy mới là thực tế. Chứ không nói ôi con lễ thầy, v.v… con kính thầy lắm, v.v… con tôn Sư lắm, mà thực tế mình làm điều ngược lại, mình không làm, đó là không kính lễ, đây là sự khác biệt. Còn nếu quý vị kính lễ kiểu kia thì thành mê tín, cho nên ngài Thế Thân ngài làm Luận này để đáp lại sự kính lễ, ngài thể hiện sự kính lễ.

#*Giáo giới học đồ*: tức là #giáo là dạy; #giới là khuyên răn. Tức là con sẽ khuyên dạy học trò; #học đồ: tức là học trò, ngài Thế Thân ngài sẽ mong dạy học trò để ngài thể hiện sự kính lễ đối với Phật.

#*Cố xưng vi luận*: cho nên gọi là luận.

#*Kỳ Luận giả hà*: tức là luận này là gì, luận này tên là gì.

#*Vị Đối Pháp Tạng*: là luận Đối Pháp Tạng, tên là Đối Pháp Tạng; #đối là chính xác, Pháp Tạng chính xác.

#*Hà vị Đối pháp*: thế nào gọi là Đối pháp, tức là Đối pháp là gì, giải thích chữ đó.

#*Tụng viết*: Tụng viết thì để bài kệ thứ hai sẽ giải thích thế nào.

Tạm dịch: Kính lễ đối với bậc như Lý sư, thì sẽ làm thế nào? Là đúng với Luận về tạng giáo pháp, con sẽ nói về điều ấy, khuyên dạy học trò, nên gọi là luận. Luận này tên gì? Là Đối Pháp Tạng. Thế nào là Đối Pháp? Kệ tụng rằng:

Hôm nay chúng ta tạm dừng học ở đây, nói chung mới đầu [chỉ] mang tính giới thiệu, nội dung đầu tiên chưa vô phần Chánh kinh, chưa nói về giáo pháp nào, bắt đầu vô các pháp Hữu vi, các pháp Vô vi, v.v… thì mới bắt đầu vô bộ luận này. Giống như bên Bách Pháp Minh Môn Luận cũng chia ra các pháp Hữu vi và Vô vi. Bách Pháp Minh Môn Luận có sáu pháp Vô Vi thì trong bộ luận này không có nhiều như vậy, chia ít hơn. Trong các bộ luận khác thì chia nhiều hơn, mỗi cách chia thì chúng ta chưa tới phần đó.

Hiện tại chúng ta mới [tới] phần giới thiệu, cho nên chưa hấp dẫn lắm, quý vị thông cảm, Thiện Trang sẽ tranh thủ những phần này Thiện Trang sẽ giảng chậm lại, nhưng Thiện Trang sẽ đem phần tâm đắc từ những bộ luận như này, A Tỳ Đàm này để chia sẻ ví dụ như hôm nay chúng ta sẽ học thêm Câu Sanh duyên quý vị hiểu được duyên hệ là sự liên hệ giữa các duyên mà liên hệ, #liên là liên hệ; #hệ là duyên liên hệ.

Còn vấn đề hồi nãy Thiện Trang đưa ra câu hỏi, bây giờ Thiện Trang trả lời. Tức là có người cầm búa vào đập tiệm đó, đập nát hết tất cả nhưng có một thứ họ không đập được nát, đó chính là cái búa. Tại vì mình đang hỏi sự kiện sự tướng thôi, cái búa là không bị đập nát tại vì nó đập nát tất cả, nhưng không đập nát cái búa, cái búa vẫn còn nó mới đập nát cái khác, đó là nói về sự tướng.

Còn nói về ý nghĩa là gì? Ý nghĩa là quý vị có thể làm tất cả các việc nhưng có một điều chúng sanh thường không làm được đó là Vô ngã. Có nghĩa là mình có thể làm bao nhiêu thứ, phá vỡ bao nhiêu thứ, mình có thể cầm búa, tức là mình có thể dùng mình để làm bao nhiêu việc. Nhưng một điều Vô ngã, phá ngã là chính bản thân mình [lại] không làm được, điều khó nhất của người tu hành, công án đó nói vậy. Tức là mình làm Vô ngã là một điều khó, mình có thể dùng sức mạnh để đập vỡ tất cả các đồ đạc trong tiệm đó là đã giỏi rồi. Nhưng điều quan trọng cuối cùng phá Ngã thì là khó.

Vì vậy bộ luận này học chín phẩm, phẩm cuối cùng mới là phá Ngã, phá chấp Ngã, quý vị nhớ không? Ở trong mục lục đó. Cho nên cái búa đó là

cái Ngã của mình, để phá Ngã chúng ta phải học tám phẩm, rồi phẩm cuối cùng mới bàn về phá Ngã. Có nghĩa là mình nói Vô ngã không dễ, mình phải học, mình hiểu từng chút từng chút từ đầu, rồi cuối cùng mình mới phá được Ngã.

Đó là bộ môn Tiệm tu, Tiệm tu thì ai ai cũng có thể thành tựu, còn đốn tu tức là những người căn Tánh nhiều đời nhiều kiếp họ tu rồi cho nên họ vào là phá Ngã luôn, đấy là nội dung này.

Hôm nay chúng ta đã chia sẻ hết rồi, hẹn quý vị vào có lẽ là tuần sau chúng ta có duyên chúng ta sẽ học tiếp, Thiện Trang sẽ chia sẻ tiếp. Mỗi lần chia sẻ nếu chưa vào nội dung phần kinh văn, phần Chánh văn mà chỉ có phần giới thiệu thôi thì Thiện Trang sẽ lại chia sẻ phần A Tỳ Đàm bên Nam Truyền và những bộ luận khác để những tâm đắc, những nội dung nào mà quý vị có thể hiểu được thì Thiện Trang giới thiệu phần. Tất nhiên là nhiều lắm không thể giới thiệu hết được và Tạng A Tỳ Đàm là tạng khó chịu nhất. Bởi vì học vô là phải học nắm rõ từng chi tiết một. Mình làm việc gì tương ưng với bao nhiêu Tâm sở, bao nhiêu Tâm vương v.v… Tâm vương Tâm sở nào rồi từ đó mình mới chia chẻ ra thì mình mới tu được.

Còn nếu không thì mình học vui vui vậy thôi, nói đã đã vậy nghe cũng sướng tai, có được ít lợi ích, nhưng không phải lợi ích lớn. Cho nên quý vị cố gắng, hôm bữa Thiện Trang cung cấp cũng có nhiều điều rồi, hôm nay cung cấp thêm cho quý vị nữa và hôm sau Thiện Trang sẽ giải đáp cho quý vị làm sao để mình tu được cái Tam nhân, đầu thai bằng tâm tam nhân thì mình mới học từ từ mỗi lần mình nâng cấp một chút. Còn bây giờ mình mới vô mà mình đưa nhiều quá thì quý vị không nắm được.

Như vậy người học phải có thứ tự, phải có siêng học, phải cố gắng học là nắm bài trước và nắm bài sau, chứ còn mình học xong rồi quên mất là dần dần không có nhớ đâu quý vị. Quý vị phải nhớ những nội dung đó, về sau này mình học vô Tâm Sở v.v… học đủ các pháp, Sắc pháp mà quý vị không nhớ là quý vị nghe đằng sau quý vị không hiểu đâu. Thiện Trang cố

gắng giảng chậm, giảng rõ ràng, giảng nhắc đi nhắc lại một vấn đề đó cho nên người [có] căn tánh chậm chút cũng nghe được, miễn là kiên trì nghe thôi.

Dạ hôm nay thời gian hết rồi cho nên hẹn quý vị vào buổi khác, chúng ta hồi hướng:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành!

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều sớm thành Phật đạo

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 3: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 3.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 26.06.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=jsCNj4MRqGo&list=PLAf-wMx-Id7Zsd52Z4chGE-rsktEpjH6A&index=3&ab_channel=Th%C3%ADchThi%E1%BB%87nTrang

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về Luận Câu Xá. Đây là một môn học về Duy Thức Pháp Tướng. Nếu như nói về Phật pháp Bắc truyền thì gọi là Duy Thức. Nếu nói về Phật giáo Nam truyền thì gọi là Vi Diệu Pháp. Pháp này là pháp vi diệu, bởi vì đi vào sâu, vào giáo pháp một cách rốt ráo nhất có thể. Và chúng ta tuy chưa học được nhiều nhưng qua hai buổi vừa rồi Thiện Trang đã chia sẻ với quý vị, quý vị cũng cảm nhận được là môn này cực kì hay và đáng để học, đúng không ạ?

Tại vì mình học thì mình biết rõ được con người của mình, biết rõ được lộ trình tu chứng, lộ trình tu tập và biết rõ được mình tu mình đang ở đâu, mình đang ở vị trí nào, mình cần tu điều gì. Mình cần tu trên tâm như thế nào, trên sự như thế nào. Môn này là môn cung cấp đầy đủ nhất. Thiện Trang rất tin rằng, do thấy hấp dẫn như vậy nên rất nhiều người đã tìm vào các sách về Luận Câu Xá hay là A Tỳ Đàm để tìm đọc. Và quý vị sẽ kết luận rằng quá khó. Tại sao vậy? Vì môn này không dành cho những người tầm thường. Nếu như

là tay mơ, mình không có nền tảng thì quý vị đọc vào không hiểu. Bởi vì vậy nên cần có người giảng. Người giảng cũng là người phải biết khá khá một chút, không biết khá khá là không biết đường học luôn.

Thiện Trang cũng xin chia sẻ với quý vị là môn này Thiện Trang cũng học lâu rồi, sau này Thiện Trang học thêm của Nam truyền nữa để bổ sung vào, thì thấy mình chia sẻ vừa cả Nam truyền và Bắc truyền vào thì rất được lợi ích. Chúng ta sẽ được lợi ích rất nhiều.

Quý vị thấy giống như bữa trước mình được học về các duyên, mình được học ba duyên trong 24 duyên hay là trong 52 duyên, gồm: Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên và Câu sanh duyên. Tiền sanh duyên là gì? Điều này rất quan trọng nếu chúng ta nắm được thì chúng ta sẽ dễ dàng để tu hành. Tiền là trước, Tiền sanh duyên là cái gì xuất hiện ở trước mà nó tác động làm duyên, nó ảnh hưởng đến cái đằng sau, thì cái đó gọi là Tiền sanh duyên. Hôm bữa Thiện Trang lấy ví dụ giống như: vì có mẹ mình ra đời mà mình mới ra đời, như vậy mẹ mình trở thành Tiền sanh duyên của mình. Như vậy đó là một cái tác động.

Hậu sanh duyên là gì? Hậu sanh duyên là những cái gì mặc dù nó chưa xuất hiện, nhưng nó có thể ảnh hưởng đến cái trước nó. Điều đó thông thường mình không được học, nhưng mà thực sự có như vậy. Ví dụ vì mình muốn cất căn nhà, căn nhà chưa có nhưng mà mảnh đất phải được dọn dẹp, được mua, được sửa chữa v.v.... Như vậy căn nhà chưa có, nó trở thành Hậu sanh duyên.

Điều thứ ba là có hai điều cùng có mặt đồng thời để giúp đỡ lẫn nhau, ví dụ như vợ chồng. Khi có vợ có chồng trong một đám cưới, cô dâu chú rể thì phải có hai người mới giúp đỡ nhau thành tựu được, thành vợ chồng. Đó gọi là Câu sanh duyên, đây là căn bản.

Chúng ta học được như vậy để chúng ta hiểu được rất nhiều điều, tu hành là mình biết ở trên cuộc đời này chúng ta có rất nhiều duyên chi phối, mà trong nhà Phật hay nói là mọi việc ở đời do duyên mà có. Mà đã do duyên thì bị ràng buộc, bị lệ thuộc, như thế thì khổ. Tại vì không tự tại.

Cho nên bậc Thánh các ngài hiểu rõ những điều đó, các ngài muốn ra khỏi dòng đời, ra khỏi vòng trói buộc. Đó gọi là Niết-Bàn, là tịch tĩnh an vui. Đấy là con đường tu hành. Bởi vì trong đời, mình rất nhỏ bé, một cái duyên

rất nhỏ có thể ảnh hưởng đến mình, nhiều cái rất đơn giản thôi. Ví dụ như chúng ta hàng ngày uống một ly nước, uống nước bình thường không có chuyện gì. Nhưng ngày nào đó vô tình một đứa trẻ con trong nhà bỏ một cái gì đó, rắc một cái gì đó vô. Nó lượm đâu bịch thuốc muỗi hay cái nhang muỗi rảy vô trong cái ly đó mà mình không biết. Mình uống vô một phát rồi sau đó thì cả cuộc đời mình không biết đi về hướng nào. Có nghĩa là sự việc ở đời có nhiều việc rất nhỏ, nhưng nó tác động rất lớn. [Vậy] chúng ta nhìn nhận được gì?

Chúng ta tu hai phương diện: phương diện thứ nhất là cái ta của chúng ta sẽ nhỏ đi, bởi vì biết rằng ta chẳng là gì trên cuộc đời này cả. Bởi vì chúng ta phụ thuộc quá nhiều duyên. Ví dụ như Câu sanh duyên, quý vị và Thiện Trang đang cùng tạo lên lớp học này. Thiện Trang chia sẻ, quý vị nghe thì mới có lớp học này. Nếu như không có quý vị, có mình Thiện Trang giảng không có ai coi là cũng không thành. Nếu như không có Thiện Trang, thì cũng không có người nghe. Đó gọi là Câu sanh duyên. Vì tương quan qua lại rất nhiều. Từ đó mình hiểu rõ, mình tu dễ dàng.

Thứ nhất là mình biết rằng mọi sự việc ở đời đều là khổ, bởi vì nó phụ thuộc duyên. Mà nó phụ thuộc càng nhiều bao nhiêu thì càng khó làm chủ được tình hình bấy nhiêu. Mình gọi là không làm chủ được cuộc chơi, cuộc đời. Cho nên vì vậy chỉ bậc Thánh nhân các ngài thoát ra, cố gắng thoát ra. Mà muốn thoát ra thì phải chuyển tâm phàm thành tâm Thánh. Chuyển bằng cách nào? Bữa hôm trước chúng ta có giới thiệu sơ qua là chúng ta phải cố gắng bớt dùng những Tâm sở của phàm phu, nếu không nhiều khi mình cũng không biết.

Thiện Trang kể câu chuyện cho đỡ nhàm chán. Quý vị biết câu chuyện rất quen thuộc đó là câu chuyện của tướng cướp Vô Não là Angulimala, có khi ở trong kinh lại gọi là Ương Quật Ma La hay là Ương Quật Ma. Ở trong Kinh Tăng Nhất A Hàm có kể như thế này, Thiện Trang cũng sẽ kể hết hợp với những bộ kinh khác nữa. Quý vị biết là ngài Ương Quật Ma La hay là ngài tướng cướp Vô Não, lúc đầu sinh ra đời là một người có tướng mạo đẹp, sức khỏe phi thường, sức khoẻ lắm quý vị. Đẹp rồi mà còn có sức khoẻ nữa, rất khoẻ mạnh, mấy người địch cũng không lại, và rất lễ phép, rất có tâm cung kính. Một người có trí tuệ, học hiểu biết rất rõ, ở trong vùng đó, lớn lên được

gửi và đi học với một vị thầy Bà-la-môn giáo. Khi học [thì] vị thầy chấm đứa học trò này học quá giỏi, học rất tuyệt vời. Không chỉ tuyệt vời mà nó còn hiền lắm, nói gì nghe đó, tin thầy, nói gì cũng nghe, nếu như không có chuyện gì thì chắc là mọi điều tốt đẹp.

Một lần nọ vị thầy có việc đi xa, do rất tin tưởng học trò này, [vị học trò] lớn tuổi rồi, tuổi 18 đôi mươi gì đó, rất là trẻ đẹp, ở nhà mình để lo liệu việc nhà. Vị thầy Bà-la-môn giáo đó đi. Khi đó ở nhà thì vợ của ông thầy tức là Sư mẫu của ngài Ương Quật Ma La hay tướng cướp Vô Não, thật ra tên của ngài là Hiền Thiện, thấy anh chàng thanh niên này rất đẹp, tướng tá, nói chung mọi thứ ngoan hiền. Cô vợ của ông thầy nổi tâm nhiễm trước cho nên chủ động tìm tới, [và] có động chạm tiếp xúc để mà lôi kéo. [Nhưng] anh này có tâm rất đoan chánh, không có chuyện đó, tức là không chịu, nói: Bà giống như là mẹ tôi vậy, làm sao bà có thể làm như thế, như thế. Cô này vì lửa dâm dục quá mạnh, không được đáp ứng nên tức lắm. Tất nhiên cô ta phải tự mình thỏa mãn, ngôn ngữ bây giờ gọi là thủ dâm, cô ta dùng ngón tay cô ta tự [làm].

Qua một thời gian cô ta bị bệnh, vừa tức do bị bệnh, vừa tức [do] không thoả mãn nên trở nên ghét anh chàng này, vì vậy bày ra chuyện. Biết người chồng mình sắp về, tức là thầy của Ương Quật Ma La sắp về, cô này mới bày ra chiêu treo cổ tự vẫn, kiểu treo cổ khiến không chết, tức là thắt dây canh làm sao đó để cho nó không hổng chân để còn đứng được, không chết. Giả bộ treo cổ như vậy. Ông chồng về thấy vợ treo cổ như vậy đỡ xuống, thấy may vợ mình không chết, mới hỏi tại sao như vậy. [Cô vợ nói]: *'Tại vì thiếp ở nhà bị thằng học trò ở nhà đó lạm dụng'*, ngôn ngữ bây giờ gọi là lạm dụng tình dục, kiểu vậy. Ông thầy này nghe vợ mình nói như vậy tức quá, thậm chí vợ mình do thủ dâm bị bệnh thế này thế kia, nghĩ là do thằng này hết nên tức lắm. Nhưng biết thằng này sức khoẻ dữ lắm, bao nhiêu người đánh không được nữa mà, làm sao mình dám ra tay giết nó. Cho nên ông nghĩ thằng này dù sao nó cũng nghe lời, mình sẽ xúi nó làm việc để nó bị người ta giết là tốt nhất.

Trong lúc dạy ông nói: *'Cái này là tâm con tà này, giờ con phải sám hối. Muốn sám hối đền tội là con phải giết 1.000 người'*. Bảo tướng cướp Vô Não hãy giết đi và giết để lấy ngón tay xâu lại thành chuỗi đeo lên người, bao giờ đủ 1.000 người thì đủ xoá hết tội lỗi, lỗi lầm. Do vị đó có căn lành cho nên nói

như vậy cũng không tin, nói sao đi giết người lại là việc để sám hối tội lỗi thế này thế kia. Ông thầy nói: Con không biết, như vậy như vậy mới đúng. Tất nhiên học trò rất tin thầy nên nghe lời. Ông đó còn nói thêm nếu giết mẹ hoặc là giết bậc Chánh đẳng Chánh giác tức là Phật, đức Thế Tôn là sẽ được sanh vào trời Phạm Thiên. Nói như vậy cho nên thằng nhỏ đó đi ra giết người, giết từng người một.

Cái xóm làng khu đó hoang mang, bởi vì tướng cướp Vô Não giết người không gớm tay. Mà người ta sợ đến vùng đó đến nỗi mỗi người đi không phải đi một mình nữa, mà kéo năm người, mười người, mười lăm, hai mươi người, thậm chí ba mươi người đi vào mà vẫn bị đánh không lại. Một vị đó [mà] giết tới bao nhiêu ngàn người như vậy, kêu là đếm bao giờ đủ số thì thôi. Đến khi gần đủ số rồi đó, đếm đi đếm lại còn thiếu một người nữa thôi, giờ không biết giết ai nữa cho đủ một 1.000 người, bây giờ khó tìm người quá. Lúc đó mẹ của ngài mới đem cơm tới, tướng cướp Vô Não nghĩ thôi mình giết luôn mẹ, nghe thầy mình nói là được sanh lên cõi Phạm Thiên, cho nên tính như vậy.

Lúc đó khi thấy mẹ đem cơm tới là nắm mẹ lại, rút kiếm định giết. Lúc đó đức Phật Thích Ca quán là người này nếu mà để phạm tội Ngũ nghịch là không còn cơ hội. Tại vì giết mẹ là tội Ngũ nghịch đó quý vị, cho nên Ngài nghĩ phải cứu. Ngài quán căn cơ Ngài cứu, cho nên Ngài dùng thần thông, tích tắc bay đến khu rừng đó và phóng ánh hào quang từ giữa chân mày, chiếu khắp khu rừng sáng lòa lên như vậy. Lúc đó Ương Quật Ma La, tức là tướng cướp Vô Não thấy ánh sáng đó dừng khựng lại, kêu sao lại có ánh sáng lạ kì như vậy, không biết ánh sáng ấy của ai, chẳng lẽ quan quân đem quân tới để bắt mình đây, v.v… Người mẹ nói đây không phải ánh sáng, nói chung làm một bài kệ, nói đây không phải ánh sáng thường, là ánh sáng của một bậc giác ngộ, v.v… Nghe vậy thì [Ương Quật Ma La] nói mình khỏi phải giết mẹ nữa, đi giết ông đó hay hơn, là đủ người khỏi cần giết mẹ.

Ông chạy tới, tìm thấy đức Phật rồi chạy theo. Đức Phật dùng thần thông đi đi như vậy, ông đuổi theo không được. Ông thấy Ngài đi bộ rất chậm mà sao đuổi hoài không được, [ông nói]: *"Ông kia sao ông không dừng lại"*. Đức Phật mới nói một bài kệ ý nói là: Ta đã dừng lại, còn ông không dừng lại. Người này mới kêu kỳ lạ, sao lại như vậy, dừng lại cái gì? Đức Phật mới nói: *"Ta đã dừng lại Phiền não, dừng lại mọi thứ".* Ông đó nghe mới đầu cũng hiểu

ra, nhưng tà kiến trỗi dậy, nên đức Phật dùng thần lực để giúp làm sao cho chánh kiến trỗi dậy, mới nhớ rằng trong bốn bộ Kinh Vệ Đà của Bà-la-môn giáo có nhắc đến đức Phật, đức Thế Tôn, một bậc ra đời hy hữu, nhớ đến đoạn đó cho nên tới hỏi đạo. Đức Phật thuyết cho bài pháp, lúc đó ông xin phép quy y, đi theo Phật. Và lúc đó đức Phật nói: *"Thiện lai Tỳ-kheo"*, thì [vị] đó [trở] thành một vị Tỳ-kheo. Ngay bài pháp lúc đó [ngài] đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, tới cảm ơn mẹ, rồi về đi xuất gia theo Phật luôn, bỏ hết.

Lúc đó vua Ba Tư Nặc đem đội quân hùng hậu tới khu đó để dẹp loạn, bắt vị này. Đi tới thì không biết đâu, nhưng gặp đức Phật, đức Phật nói: *"Ông nghĩ vị ấy như vậy rồi bây giờ lại quay đi xuất gia tu hành rồi thì sao?"* Vua Ba Tư Nặc nói: *"Làm thế nào có người như vậy được, một tướng cướp ác như vậy làm sao được, không có. Nhưng mà nếu như có thì con cũng sẽ đảnh lễ"*. Đức Phật mới chỉ đằng kia kìa, có thấy ông kia ngồi đó, chính là vị đó. Vua Ba Tư Nặc nghe thấy vậy rụng rời hết, sợ quá, lông tóc dựng đứng. Nhưng mà đức Phật nói: *"Yên tâm đi, bây giờ ông ấy tu hành rồi, không [như trước] đâu, ông hãy tới xem xem".* Vua Ba Tư Nặc tới quan sát đảnh lễ, rồi tán thán vô cùng.

Sau đó ngài tướng cướp Vô Não xuất gia là Angulimala, ngài mới trì bát khất thực và tu thời gian thì đắc được được quả A-la-hán. Quý vị nhớ nha, đắc quả A-la-hán. Sau khi đắc quả A-la-hán, [ngài] đi vào trong làng khất thực, người ta thấy và nhận ra đây là tướng cướp Vô Não này đã giết bao nhiêu người, cho nên người thì ném đá, người lấy dao, lấy kiếm, v.v… đánh, rồi chém. Cho nên [ngài] đi về quần áo thì rách tan nát, đầu chảy máu lênh láng khắp người, trở về lại Tịnh xá. Đức Phật và các Tỳ-kheo thấy vậy thì đức Phật mới an ủi rằng: *"Nghiệp của ông đáng lẽ phải chịu khổ trong một kiếp, nhưng mà nhờ nạn này coi như trả xong"*. Các vị Tỳ-kheo khác mới thắc mắc hỏi: *"Thưa đức Thế Tôn, tại sao vị Angulimala này giết nhiều người như vậy rồi mà còn có thể xuất gia, thậm chí đắc quả A-la-hán nữa?".* Đức Phật mới nói tất cả việc đều có nhân duyên trong đời trước. Quý vị biết nhân duyên đời trước không ạ? Đoạn chuyện vừa rồi Thiện Trang nghĩ nhiều người đều biết, nhưng mà còn nhân duyên đời trước là thế nào, chúng ta nghe để biết.

Đức Phật mới nói vào thời sau khi đức Phật Ca Diếp nhập Niết-Bàn. Đức Phật Ca Diếp là đức Phật thứ ba trong Hiền kiếp, chúng ta quá quen rồi, đức Phật Thích Ca là đức Phật thứ tư trong Hiền kiếp. Thì có một ông vua nước

đó gọi là Đại Quả, sanh ra một đứa con rất là đẹp. Ông vua này có rất nhiều cung phi, nữ tần, vợ ổng nhiều lắm, nhưng ổng lớn tuổi mà không sinh được con. Cho nên ông đi cầu thần cây mới sinh ra được đứa con trai rất là đẹp, khỏe mạnh v.v… ông sướng lắm, thích lắm, đặt tên là Đại Lực. Đại Lực là khỏe mạnh.

Đến khi lớn lên tám tuổi, ông muốn cưới vợ [cho con], đứa bé từ chối không nhận kêu con nhỏ như vậy làm sao lấy vợ cho con làm gì. Đến năm lên 20 tuổi, ông cũng nói đi cưới vợ, đứa bé nói con không muốn cưới vợ gì đâu, v.v… Quý vị thấy căn lành lớn như vậy đó. Cho nên ổng đổi tên lại là Thanh Tịnh, gọi là Thái tử Thanh Tịnh. Đến năm Thái tử Thanh Tịnh 30 tuổi, vị vua này mới nghĩ rằng mình già rồi mà Thái tử nối ngôi mà ngay cả chuyện đó cũng không muốn, không có tâm gì hết, thì làm cách nào chứ kiểu này làm sao nối ngôi của ta được. Cho nên ông mới bàn với quần thần truyền lệnh ra khắp nước rằng: *"Bây giờ ai có thể giúp cho Thái tử đắm say trong Ngũ dục,* tức là mê Ngũ dục (trong đó có sắc dục nam nữ) *được thì sẽ thưởng một ngàn lượng vàng và rất nhiều điều khác nữa"*, truyền lệnh như vậy.

Lúc đó có một cô dâm nữ tên là Dâm Chủng, giống như bây giờ gọi là gái lầu xanh. Cô ta tới nói: *"Tôi có thể làm được, tôi biết 64 món của nghề này nên tôi có thể làm được điều đó, hãy thưởng cho tôi đi"*. Ông vua nói: *"Nếu cô làm được thì thưởng gấp đôi, không phải một ngàn lượng vàng mà gấp đôi, hai ngàn lượng vàng và thêm những châu báu khác nữa"*. Thì cô đó mới hỏi Thái tử ở đâu, [vua nói] Thái tử ở nơi đó. [Cô này nói] được rồi cho tôi ban đêm vô, nhưng phải cho lệnh được đi thoải mái tự do trong đó.

Cô này mới vào, thì Thái tử ngủ cùng với một vệ binh (lính canh) bên cạnh thôi. Cô này mới giở chiêu khóc ở ngoài cửa ban đêm, canh hai mà khóc ngoài cửa. Thái tử nghe được, kêu sao có người nữ như vậy ra coi thử, người nữ đó tại sao khóc. Ra hỏi thì cô nàng nói là tại vì thứ nhất là bị chết chồng, chồng mất rồi và bây giờ sợ cướp, sợ bị thế này thế kia cho nên sợ quá khóc. Thái tử nói vậy thì thôi dẫn cô ta vô chuồng bò để ở đi. Dẫn vô chuồng bò cô ta cũng khóc, dẫn vô chuồng ngựa cũng khóc, cuối cùng không chịu được, Thái tử bảo: *"Thôi dẫn tới đây".*

Khi dẫn tới cho vô phòng của Thái tử. Bắt đầu cô ta tiếp cận dần dần, cô

ta cứ giả bộ khóc rồi cuối cùng Thái tử cho phép, một hồi là cô với Thái tử tiếp cận được. Rồi cuối cùng cô ta dụ một hồi là Thái tử chịu không nổi. Thái tử mới đầu thì ngại ngần, nhưng mà sau đó là hai người đó đến với nhau. Sau đêm đó, sáng hôm sau Thái tử trở thành một người khác. Tức là từ một người rất thanh tịnh, không hề có chuyện đó, nhưng mà sau bữa đó là mê chuyện đó, mê luôn. Bữa sau vua thấy Thái tử đổi sắc mặt v.v… là vua mừng rồi.

Thái tử mới yêu cầu cha: *"Từ nay, nếu như cha thương con hãy cho con những điều kiện: đó là cho lệnh tất cả những người nữ nào trong đất nước này mà chưa có chồng, vô trong nơi này trước hết rồi mới đi gả chồng",* tức là cho Thái tử trước rồi mới đi gả chồng. Cho nên vua ra lệnh như vậy, và một thời gian thì từng người nữ, từng người nữ nào chưa lấy chồng là cứ vào gặp Thái tử xong rồi được đi gả chồng.

Cứ như vậy, [lần lượt] tới một cô gái đó, ở trong một gia đình rất nổi tiếng, nổi tiếng về đức hạnh, mọi thứ, rất là xinh đẹp v.v… Tới lượt cô đó phải vào hoàng cung, vào để gặp Thái tử. Cô ta là một người rất là thông minh, cho nên cô ta chơi một chiêu bài hơi lạ kỳ. Tức là thay vì cô ta đi một cách bình thường tới Hoàng cung, cô ta không có bình thường, [mà] cởi hết quần áo, trần truồng mà đi. Đi từ nhà cô ta đi vào cung, rất nhiều người nghe cô này nổi tiếng [nên nghĩ] sao một cô gái nổi tiếng như vậy mà tại sao làm chuyện như vậy, sao lại dám ở trần ở truồng mà đi như vậy v.v… Người ta nói cô ta không ngại ngần giống như con lừa, có khác nào động vật, con lừa đâu. Cô ta nói: *"Tôi không phải là con lừa, chính các ông mới là con lừa, mấy người mới là con lừa. Mấy người nghĩ xem tại sao người ta ngại? Nếu mà người nữ đi với người nữ, người nữ thấy người nữ thì đâu có ngại đâu. Chỉ có người nữ thấy người nam người ta mới ngại. Tôi là người nữ, nhưng mà cả đất nước này đều là người nữ hết, nên tôi không có ngại. Chỉ có mỗi vị Thái tử đó là người nam, bao giờ tôi đến Thái tử tôi mới ngại thôi, còn tôi đi ở đây toàn người nữ không mà".*

Quý vị hiểu câu nói đó không, tức là cô này đánh vào tâm lý rằng: tất cả đàn ông trong đất nước đó toàn là người nữ, nhục mặt quá, không có bảo vệ vợ mình, chấp nhận vợ mình [với Thái tử] cứ để như vậy. Cô muốn tạo điều đó, tạo hiệu ứng đó để thức tỉnh mọi người, là tại sao lại để cho một ông vua trong nước này, một Thái tử trong nước này lại có thể làm chuyện nghịch lý

như vậy, chuyện bậy bạ mà cứ để như vậy.

Mọi người lúc đó [người] dân thức tỉnh, tại sao lại chấp nhận như vậy cho nên họ nổi lên. Thế là họ tự sắm giáo mác, họ trang bị áo giáp, kéo vây vào kinh thành, vây vua. Tất nhiên vua thì không thể nào đối lại tất cả dân, họ nói rằng: *"Bây giờ cho vua hai điều kiện: Một là vua phải cho Thái tử ra đây chúng tôi sẽ xử, còn hai nữa là chúng tôi sẽ cho vua qua đời"*. Ông vua lúc đó cũng hiểu ra, ông nói: *"Thà hy sinh một người mà không mất gia đình, thà hy sinh một làng mà không mất một quê hương, thà hy sinh một huyện mà không mất một đất nước".* [Vua] nói là việc này được thôi, cho nên bắt Thái tử, trói giao lại cho dân.

Người dân dẫn Thái tử Thanh Tịnh đó ra ngoài, họ nói không có giết một cách đơn giản được, bây giờ mỗi người chúng ta phải trả thù bằng cách là mỗi người tự ném đá ném gạch vào, mỗi người đánh một phát cho bao giờ chết thì thôi. Và [Thái tử] bị bao nhiêu người đánh như thế, đến lúc sắp chết rồi, ông tức quá mới phát nguyện là: *"Ta nguyện đời sau ta sẽ báo thù [việc] này, và cũng nguyện rằng đời sau ta sẽ được gặp bậc A-la-hán Chánh đẳng Chánh giác để mà đắc đạo giải thoát".*

Đức Phật mới nói vị Thái tử Thanh Tịnh đó chính là tướng cướp Angulimala tức là tướng cướp Vô Não. Vì ông nguyện trả thù, cho nên ông giết lại bao nhiêu người. Những người bị ông giết, chính là đời quá khứ đã ném đá, ném gạch vô người để ông chết, cho nên ông giết rất nhiều người. Và do ông cũng phát nguyện gặp được bậc Chánh đẳng Chánh giác nên là đắc được quả giải thoát, nên gặp Phật được đắc đạo giải thoát. Và ông thầy Bà-la-môn đó không ai khác chính là vua, còn vợ của ông thầy đó chính là cô dâm nữ đời trước.

Quý vị thấy không ạ, tức là nhân duyên trùng trùng điệp điệp cứ xoay vần, xoay qua xoay lại, cho nên đắc đạo A-la-hán mà bị tơi tả như vậy. Sau này chúng ta học bộ A Tỳ Đàm này, chúng ta mới hiểu ra là tại sao người tu hành có người thì đắc đạo ngon lành lắm, đi học vô trong gặp đức Phật, gặp giáo pháp Phật tu một cách an nhàn thoải mái sung sướng rồi đắc đạo giải thoát. Có người thì lên rừng, lên núi tu hành bao nhiêu năm, bệnh rồi thế này thế kia, rắn cắn, muỗi, bọ cạp đuổi v.v… đủ các khổ hạnh rồi mới đắc đạo giải

thoát. Có người thì phải tu trầy trật đổi Pháp môn này, Pháp môn kia, lội đèo lội suối, tu khổ bao nhiêu thứ rồi cuối cùng mới đắc đạo giải thoát, là do nhân đời trước.

Không có gì ngẫu nhiên, tất cả đều do mình gieo nhân nào trong đời quá khứ, thì đến đời này mình sẽ chịu quả như thế. Cho nên mình hiểu rồi, đời này ráng tu. Tu kiểu gì, tu làm sao gieo trồng duyên tốt lành. Mình tu ráng tốt với mọi người, ráng làm thiện làm lành, làm sao tu một cách chánh đạo thì tương lai mình sẽ thành tựu một cách tốt đẹp. Còn không thì mình tu kiểu nào, cuối cùng cũng đắc quả thôi, kiểu gì cũng đắc quả thôi. Tại vì sao? Khi nào giải thoát là quý vị nhờ do công hạnh mình đủ. Tất nhiên nghiệp mình cũng nặng, nhưng mà công hạnh đủ là thành tựu. Nếu như mình tạo nghiệp tốt lành, mình gây được nhân tốt lành, thì tương lai đắc quả mình cũng được tốt lành.

Quý vị muốn tốt lành hay là muốn bị gặp những chướng ngại rồi đắc quả, sắp chết ngáp ngáp rồi niệm Phật mới vãng sanh v.v… Đó là do mình gieo nhân nào. Mình gieo nhân tốt đẹp thì đến lúc cuối cùng cứ cười tươi, an nhàn ra đi, xả thân. Nếu tu Tịnh Độ về Tây Phương Cực Lạc, hoặc là đắc quả v.v… cười an nhàn đắc quả. Đấy là nhân duyên của mỗi người, quý vị hiểu được rồi thì mình tu dễ dàng hơn. Bây giờ tu thế nào, đầu tiên môn này nói chúng ta biết rất rõ.

Ví dụ như hôm bữa Thiện Trang nói có ba hạng người có thể chứng quả, hoặc là ba hạng người gọi là tu mất 80 a-tăng-kỳ kiếp, 40 a-tăng-kỳ kiếp, 20 a-tăng-kỳ kiếp. Còn bây giờ mình nói chung chúng sanh, đức Phật chia ra sáu hạng người:

1. Người hạng thứ nhất là Dục tánh, dục là ham muốn. Người tham nhiều, tham danh, tham tài, tham sắc, tham lợi, tham đủ các kiểu tham gọi là Dục tánh. Ở đời có không quý vị? Có nhiều người tham lắm, tham cái này tham cái kia. Đó gọi là Dục tánh.

2. Người thứ hai gọi là Nộ tánh, nộ là sân nộ, nộ là nóng. Người kiểu gì cũng khó chịu, vô ngồi chút kêu: ôi sao nóng vậy, cái này nóng quá khó chịu, cái này lạnh quá khó chịu, cơm này sao nấu khó ăn, cái gì cũng khó chịu, cực kỳ khó chịu, người này thế này thế kia. Người đó gọi là người Nộ tánh. Đây

căn lành hơi yếu, cho nên Dục tánh và Nộ tánh mạnh.

3. Thứ ba là người Độn tánh, độn tức là chậm chạp, chậm lụt, nghe pháp rồi làm gì cũng không hiểu, đó là Độn tánh.

4. Thứ tư là người Đãng tánh, đản tức là lơ đãng, tức là khả năng tập trung vào một cái gì đó không ổn. Họ học Pháp môn, họ vô Phật pháp, học môn này chút rồi chạy qua môn kia. Bữa nay nghe Tịnh Độ hay, tu Tịnh Độ vài bữa thấy thiền Vipassana hay hơn, chạy qua Thiền Vipassana. Bữa khác nghe ông thầy khác giảng, thấy cái này hay hơn, qua Mật tông. Cứ chạy vòng vòng, không có tập trung một việc gì, cứ chạy vòng vòng vậy. Đó là hạng người thứ tư Đãng tánh.

5. Thứ năm là người Mộ tánh, mộ tức là hâm mộ. Hạng người này dễ tin, rất là dễ tin việc gì thần thánh là vèo vèo vô tin ngay. Cho nên những người mà đi hầu đồng, v.v… mấy người đó là thuộc Mộ tánh. Họ rất là dễ tin và dễ tin mấy chuyện tào lao, nhiều lắm. Chuyện gì đâu thì tin, vào chánh đạo thì không tin được.

5. Hạng người tốt cuối cùng, đức Phật nói là người Ngộ tánh, ngộ trong chữ giác ngộ. Ngộ tánh là người rất dễ hiểu biết, vì dạy họ vào chánh đạo dễ dàng hơn. Họ học Phật pháp dễ hơn.

Như vậy đó là sáu hạng chúng sanh, Thiện Trang xin nhắc lại: Hạng thứ nhất là Dục tánh, hai là Nộ tánh, ba là Độn tánh, bốn là Đãng tánh, năm là Mộ tánh và sáu là Ngộ tánh. Chắc là chúng ta đây, chúng ta biết chúng ta đa số ở hạng Ngộ tánh, chúc mừng quý vị. Quý vị cũng là tốt rồi, vào được vòng sơ loại, vượt qua vòng sơ loại để vào vòng sau. Vào vòng sau rồi chúng ta mới tính tiếp mấy hạng người kiểu kiếp như hôm bữa đó, ráp vô. Quý vị thấy không, môn A Tỳ Đàm này hay ở chỗ là phân loại từng tầng, từng tầng, từng tầng như vậy đó, và như vậy thì chúng ta thấy rõ ràng mọi chuyện, mình biết.

Bây giờ học tới đây mình thấy dù sao mình cũng may mắn đúng không quý vị, mình cũng có một chút, chắc cũng còn ham nhưng mà tham không đến nỗi như người Dục tánh. Mình cũng có sân nhưng mà đâu đến nỗi sân như người Nộ tánh. Mình cũng có đôi khi không hiểu nhưng cũng không đến nỗi Độn tánh. Mình cũng có khi lơ đãng, chạy lung tung lang tang thầy này thầy kia, nhưng mà mình không đến nỗi Đãng tánh. Rồi mình cũng có sự hâm mộ

nhưng mà hâm mộ giáo pháp, chứ nhiều khi hâm mộ thần thông bên ngoài là mình cũng không hâm mộ. Đấy cũng tốt thôi, là mình có Ngộ tánh vào Phật pháp này. Đó là trạch chọn căn cơ.

Cho nên đức Phật tuy có thần thông diệu dụng, tuy có đủ năng lực gọi là bi trí song vận, có trí huệ và lòng từ bi rộng lớn, nhưng đức Phật cũng không thể cứu độ nhiều chúng sanh. Vì sao? Vì hàng Ngộ tánh thì ít mà hàng Dục tánh, Nộ tánh, Mộ tánh, Đãng tánh v.v… mấy hàng độn tánh nhiều quá. Cho nên phải trải qua Hằng hà sa số kiếp mới vào cửa Phật một cách rốt ráo. Khó lắm quý vị, tu khó lắm, nói gì nói một pháp tu thôi gọi là pháp tu Bố thí Ba-la-mật là rớt đài hết.

Thế nào là Bố thí Ba-la-mật? Nói theo ngôn ngữ của bên Phật giáo Nam truyền hay nói, đó là quý vị giống như thả chim hay thả diều. Quý vị biết thả chim, thả diều không? Thả chim là giống như mình phóng sanh đó, mình thả con chim nào nó bay vèo vèo, nó bay luôn. Còn mấy đứa nhỏ thả diều, nó cột sợi dây vô, cột sợi dây nên con diều bay lên nó kéo kéo đó. Tức là mình bố thí nhưng mà mình bố thí giống như thả chim, tức là cho đi cho tặng cúng dường v.v… không một điều kiện, không một suy nghĩ không một hối hận gì, buông ra rồi là không còn nghĩ lại, thì đó mới là bố thí Ba-la-mật.

Còn bây giờ mình bố thí mà có một mớ điều kiện kèm theo, giống như người ấy quen tôi nên tôi mới bố thí, người đó thân tôi nên tôi mới bố thí, người đó không theo tôi nên tôi không bố thí v.v… đủ các kiểu, thì đó là thả diều. Cho nên có phải Ba-la-mật không? Không phải Ba-la-mật. Quý vị thấy rất khó, rồi một hồi kể công nữa chứ, đủ thứ kiểu. Cho nên mỗi pháp tu Bố thí Ba-la-mật trong Lục độ thôi là rớt đài hết khá rồi. Vì vậy mình mới là phàm phu đó quý vị, mình phải tu qua đời này đến đời kia, luyện. Tu là luyện, luyện tới, luyện lui, luyện bao giờ thành tựu là xong. Môn này luyện chưa đủ điểm đời sau luyện tiếp, cứ luyện miết như vậy luyện mới thành công. Và tu như thế nào? Cứ luyện thôi, luyện thế nào? Luyện trở thành từ phàm phu chuyển thành Thánh nhân.

Thế làm sao từ phàm phu để trở thành Thánh nhân? Ở đây có rất nhiều người kêu: thì cứ ráng làm giống Thánh nhân thì trở thành Thánh nhân thôi. Đúng không? Chúng ta hay nói vậy! Nhưng mà khổ nỗi chúng ta không biết

Thánh nhân là sao, thì chúng ta tu bằng phương pháp gọi là loại trừ. Bây giờ chúng ta học vào bộ này, mai mốt chúng ta sẽ học Tâm sở, Tâm sở nào của bậc Thánh, Tâm sở nào của bậc phàm. Thánh thì mình không biết nhưng phàm thì mình biết. Người sân nhiều, si nhiều, mê nhiều v.v… mấy Tâm sở nào mình cố gắng bỏ đi hết Tâm sở xấu của phàm phu trong vòng Dục giới v.v… bỏ dần dần thì còn lại là Tâm sở của bậc Thánh, và tự nhiên chuyển phàm thành Thánh. Nếu quý vị chưa hiểu Thiện Trang lấy ví dụ này cho quý vị hiểu:

Bây giờ cho quý vị một cái chậu hay một cái bát đựng hai loại đậu, đậu đỏ và đậu đen (đỗ đỏ, đỗ đen), quý vị lựa ra như thế nào? Chia làm hai loại ra, chỉ lấy đậu đỏ thôi, đậu đen làm sao. Cách đơn giản nhất quý vị cứ lượm từng hạt đậu đen dụt ra ngoài, bỏ ra qua chỗ khác, thì quý vị bỏ một hồi còn lại toàn đậu đỏ, là thành công rồi.

Cũng vậy đó, tu hành là mình bỏ đi tất cả những gì của hàng phàm phu, thì còn lại chắc chắn là Thánh nhân thôi. Phàm phu là Sân, là Si, mai mốt nói có Tâm sở gọi là Phú. Phú là che giấu, mình có tật che giấu, bậc Thánh nhân không có che giấu. Như vậy mình cứ bỏ tâm đó đi. Cuống là cong quẹo, nịnh hót, cuống siểm kiểu vậy, thì mình bỏ những điều đó đi rồi từ từ mình trở thành bậc Thánh.

Đó là mình tu hành, quý vị mai mốt vô sâu, chúng ta học cho kỹ mấy Tâm sở, Tâm sở nào dành cho hàng phàm phu, Tâm sở nào của Sơ thiền, Tâm sở nào của bậc Thánh. Mình cứ bỏ những Tâm sở của phàm phu đi, [Tâm sở] phàm phu dễ thấy tại vì ai cũng thấy mà, chúng ta dễ thấy lắm. Còn Thánh nhân thì mình đâu có biết đâu, mà không biết Thánh nhân thì khó lựa lấy Thánh nhân. Mình vô ngồi thiền chút, niệm Phật chút, mình thấy định định chút [nghĩ] tôi đắc quả rồi. [Mình] đâu có biết đâu, có biết quả vị đó như thế nào. Cho nên thay vì lựa đậu đỏ để lượm qua, mình chỉ cần bỏ đậu đen (đỗ đen) ra ngoài là thành công. Tác dụng của học giáo pháp là học như vậy.

Có công án Thiền như thế này: Có vị học trò hỏi ông thầy: *"Thưa thầy! Con thấy học chi cho nhiều giáo pháp quá, mình Thiền thì Thiền cho rồi đi, chứ đâu mà học nhiều thứ nào A Tỳ Đàm, học này học kia, học Giới, học đủ các kiểu như này mệt quá Sư phụ ạ. Con chỉ muốn học một cách đơn giản thôi vô thiền là được rồi, chứ chi mà con học nhiều thứ mệt quá".*

Ông thầy cũng không mất thời gian, nói: *"Con xuống lấy đưa cho thầy con dao lên đây, cầm cho thầy con dao"*.

Đứa học trò xuống cầm con dao đưa cho thầy. Quý vị biết đưa dao là phải đưa thế nào? Dao thì có lưỡi dao và cán dao, mình đưa cho thầy thì tất nhiên lịch sự chẳng ai đưa lưỡi dao mà phải đưa cán dao dâng lên: *"Thưa thầy! Con dao đây thầy"*. Ông thầy nói: *"Ta bảo con đưa con dao, sao con đưa cán dao cho ta"*. Người học trò nói: *"Con đưa con dao thì con phải đưa cán dao mới cầm được con dao chứ"*. Ông thầy nói: *"Vậy cán dao để làm gì?"* Người học trò nói: *"Cán dao để giúp cầm con dao, nếu không có thì làm sao cầm con dao được Sư phụ"*. Ông thầy nói: *"Cũng vậy đấy, giáo pháp là cán dao, con không có giáo pháp thì con tu cái gì"*.

Nếu không có giáo pháp, nếu không có nền tảng Giới, không có nền tảng về giáo pháp A Tỳ Đàm, giáo pháp của Phật thì mình tu cái gì. Mình khác nào có dao mà không có cán, cầm con dao mà không có cán thì đứt tay, làm sao xắt được gì. Cho nên nền tảng của tu học vẫn là giáo lý A Tỳ Đàm, giáo lý Giới luật, giáo lý kinh luật của Phật. Phải học cho đủ và khi học đủ rồi đến lúc nào đó mình tu hành được. Luyện tới luyện lui một việc nào đó, luyện xuôi luyện ngược luyện hoài sẽ thành tựu, điều gì cũng phải luyện hết.

Ở đây sẵn nói về luyện, Thiện Trang kể cho [quý vị] nghe câu chuyện ở Trung Quốc vào thời xưa. Có một người rất nổi tiếng về bắn cung, đó là ông Biện Trang. Ông nổi tiếng bắn cung lắm, có người tới xin phép để ông dạy cho. Quý vị biết dạy như thế nào không? Ông nói: *"Bây giờ con luyện đi, cầm trái bưởi ta đặt cách 100 mét, làm sao con ngắm bao giờ bắn trúng trái bưởi đó là được. Bắn phát nào cũng trúng hết, luyện đi ngày nào cũng luyện, luyện hoài."*

Tất nhiên người ta luyện, nếu người có chút năng khiếu "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh" mà, luyện hoài cuối cùng bắn được trái bưởi. Bắn xong báo: *"Thưa thầy, bây giờ con bắn phát nào là trúng phát đó, trúng trái bưởi cách 100 mét rồi, tầm này là con bắn không có sai"*. Thầy nói: *"Được rồi, bữa nay cũng khá lắm rồi đó. Bây giờ thay trái bưởi bằng trái cam"*.

Trái cam thì nhỏ hơn trái bưởi, là đề mục cao hơn, mình nói tu trong nhà Phật mình là đề mục cao thêm một tầng. Rồi bắn đi con. Tiếp tục bắn một hồi, một ngày nào đó cũng bắn thành công. Rồi thành công bắn cỡ nào cũng

trúng trái cam hết. Ông thay trái cam bằng trái chanh (trái chanh nhỏ hơn nữa). Nhỏ hơn nữa có bắn được không? Rồi cũng bắn được, luyện thành cao thủ. Tiếp tục thay trái chanh bằng trái chùm ruột, trái nhỏ nhỏ thôi, quý vị biết trái chùm ruột hoặc nói trái cherry nhỏ nhỏ vậy đó. Bắn luôn, bắn xong rồi ông kêu quá tốt rồi, bây giờ thay bằng một cây kim, đầu cây kim thôi.

Luyện! Tức là từng cấp từng cấp rồi cuối cùng luyện bắn thành công. Cho nên luyện đến cỡ đó là thành công, ra phát nào trúng phát đó. Cho nên học mình hãy học giáo pháp nhuần nhuyễn, và mình thực tập đi thực tập lại để nhuần nhuyễn như câu chuyện bắn cung của ông Biện Trang là thành công. Như vậy thì mình sẽ dễ dàng thành tựu. Mình học đến khi nào giáo pháp nằm trong lòng, mọi nhất cử nhất động đều là của mình thì thành công. Mình luyện điều gì đó quá thì cũng thành công.

Giống như trong câu chuyện về hồi ký của một vị Giáo sư người Đức, ông theo Phật giáo Tây Tạng. Ông cũng thích Phật giáo Nam truyền lắm, ông không thích Phật giáo Bắc truyền, ông kêu Phật giáo Đài Loan, Trung Quốc thì cũng không có gì ghê gớm, Trung Quốc, Đài Loan hay là Việt Nam, Nhật Bản không có gì đáng. Nhưng ông thấy tu bên Nam truyền là hay, mà ông thấy Mật tông cũng hay. Một lần ông đến Tu viện Mật tông, ổng ấn tượng về một câu chuyện thế này:

Ông vào tới Tu viện Mật tông ở Tây Tạng, thấy có một ông già rồi cứ lau, nhúng miếng vải xuống rồi nằm dài người ra để lau từng miếng gạch trên Chánh điện. Lau nằm dài người ra như vậy. Ông thấy ngày hôm trước như vậy, ngày hôm sau cũng thấy ông đó làm vậy. Ổng lau từ từ, lau từ sáng tới trưa, ngày nào cũng lau vậy, rồi hôm sau nữa ông cũng thấy lau vậy. Ổng không chịu nổi [nên] tới hỏi: *"Này ông! Ông chỉ có làm việc này thôi sao? Không làm việc khác à, không có tu Thiền, làm gì hết à, ông chỉ làm việc này sao?"* Tức là ổng khinh thường ông này, kêu không học giáo pháp gì hay sao.

Ông già đó nói: *"Tôi không biết chữ nên học giáo pháp gì được mấy đâu, nghe được bao nhiêu thì nghe thôi, tôi chỉ biết làm việc này thôi"*. Ông Giáo sư kia cười, cũng khinh thường nghĩ có gì đâu, đúng là không biết dở kém. Ông [Giáo sư] hỏi: *"Vậy ông làm ở đây bao nhiêu năm trong công việc này rồi?"* Ông này nói: *"Tôi làm ở đây 50 năm rồi".*

Ông Giáo sư ngạc nhiên: *"Thế thì tội cho ông quá, 50 năm cuộc đời ông không có tu được gì hết trơn, ông chỉ vô lau Chánh điện này thôi, thế này thế kia, ông không học được giáo pháp gì hết ...".*

Ông kia nói: *"Đúng rồi! Những người như ông học nhiều thế này thế kia, luyện tu được nhiều, cho nên người ta nghĩ vậy. Nhưng mà tôi cũng thấy tôi ở đây 50 năm rồi, ông có biết không? Bao nhiêu người vô cũng chê tôi như ông, chê, chê hoài. Tôi mới đầu tôi nổi sùng, tôi khó chịu lắm, bởi vì người ta cứ chê tôi giống như là gì. Nhưng mà tôi luyện năm này qua tháng nọ, bây giờ 50 năm rồi, người ta chê tôi cũng không ăn thua gì hết trơn v.v... tôi cũng thấy bình thường an nhiên thậm chí tôi thấy thương người ta lắm, tôi thấy lòng từ bi người ta chưa hiểu v.v... Cho nên tôi thấy hình như đó là tu đó".*

Ông Giáo sư đỏ hết mặt, ông biết mình nhận định sai rồi. Người ta 50 năm tu Nhẫn nhục Ba-la-mật cỡ đó, tất cả mọi người coi khinh thường ông đó là rác, coi không ra gì hết. Mà ổng lại tự tại an nhiên, ngày ngày vui vẻ lau Chánh điện một cách vui vẻ như vậy. Đó là tu chứ còn gì nữa, tu đó quý vị, cho nên ổng ấn tượng, sợ vô cùng, rất nể luôn.

Cho nên có những điều mình tưởng không phi thường, nhưng làm đi làm lại, làm tới làm lui thì trở thành phi thường. Không dễ đâu, nhẫn [được] một điều, mỗi bữa học này, quý vị thấy bình thường phải không, nghe pháp có hơn hai tiếng có gì đâu. Nhưng mà quý vị nghe mười năm, thì quý vị nghe biết bao nhiêu kiến thức rồi, tự nhiên khiến thay đổi cả cuộc đời quý vị. Khiến chuyển quý vị thành một người khác, mà nếu người bạn quý vị mười năm qua không gặp, [giờ] gặp lại quý vị người ta ngỡ ngàng, quý vị đã chuyển đổi thành một người khác rồi, thay đổi đó quý vị.

Cho nên đừng xem những việc nhỏ, những việc bình thường mà không phải là phi thường. Điều đó mai mốt mình học trong các duyên thì đó là Vô gián duyên. Duyên nào cứ liên tục, liên tục vun bồi như vậy, thì thành Vô gián duyên. Và Vô gián duyên cực kỳ quan trọng trong việc tu hành. Bởi vì sao? Bởi tất cả những duyên tác động thì Vô gián duyên là duyên nhiều nhất, thường xuyên nhất, nên nó thay đổi cuộc đời mình nhiều nhất.

Học ở đây mình liên hệ thực tế, chứ không phải học mình nói đã lắm, Vô gián duyên, Tăng thượng duyên v.v... nói cho đã nhưng không ứng dụng. Thật

ra mình phải hiểu Vô gián duyên là duyên quyết định, bởi vì nó đi hoài với mình. Tiền sanh duyên cứ sanh ra là hết rồi, bố mẹ sanh ra mình cũng chỉ như thế thôi, sau này mình đi con đường của mình. Vậy con đường của chúng ta phải là Vô gián duyên. Hậu sanh duyên cũng tác động nhưng không bằng, quý vị biết như vậy. Mai mốt mình học vô thế nào là Trưởng duyên, thế nào là Thiền duyên, thế nào là Vô hữu duyên, Hiện hữu duyên.

Sẵn đây nói luôn, tại vì nói nhiều quá một lúc thì quý vị sẽ không nhớ, nhưng cứ nói mỗi lần một ít, lần này nói ít vì tranh thủ phần này chưa vào kinh văn, vào kinh văn nhiều khi không có thời gian nói. Nhưng nói bên ngoài để báo cáo vài điều cho quý vị nắm được sơ sơ, rồi vô học cho đỡ choáng, chứ một lúc học 24 duyên quý vị lộn qua lộn lại không nhớ được. Cho nên hôm nay Thiện Trang vừa giới thiệu cho quý vị gọi là Vô gián duyên. Bây giới giới thiệu thêm cho quý vị gọi là Hiện hữu duyên và Vô hữu duyên.

Thế nào gọi là Hiện hữu duyên? Hiện hữu duyên là muốn việc đó thành tựu thì cái này phải có. Do cái này có mà nó ảnh hưởng đến những cái khác có, những cái khác tốt hơn hay xấu đi, v.v... đó gọi là Hiện hữu duyên. Mình áp dụng vào tu hành luôn, lấy ví dụ này để quý vị dễ hiểu.

Ví dụ một người có tâm cống cao ngã mạn, gọi là Tâm sở Ngã mạn của mình, tâm cống cao ngã mạn thì sẽ khiến cho người đó xuất hiện thêm một số bất lợi trong tu hành. Chẳng hạn người ta khó tiếp nhận từ giáo huấn của người khác, góp ý của người khác, từ đó có cản trở cho những tu hành khác. Cho nên một cái gọi là hiện hữu, một cái ngã thôi là Ngã mạn khiến cho chướng ngại trong đường tu hành rất nhiều, cái đó gọi là Hiện hữu duyên.

Nghĩa là sự có mặt của Ngã mạn này khiến cho chúng ta khó đi trên con đường giác ngộ hơn, con đường của chúng ta bị gập gềnh chông gai hơn, và dễ sa đọa nhiều hơn. Vì mình ít tiếp nhận được Thiện tri thức, trong đời mình sẽ không có nhiều Thiện tri thức. Mình sẽ không học được nhiều người, thậm chí mình không học được ai nếu quá Ngã mạn.

Quý vị thấy có người phỏng vấn nói sư Minh Tuệ chẳng hạn, vô hỏi phải hỏi câu: *"Niết-Bàn có phải là cảnh giới hay không?"* v.v… thế này thế kia. Nói chung là có tâm rất Ngã mạn, người ta không có tâm cầu học đúng nghĩa. Thì cái này có một điều đó thôi là ảnh hưởng đến bao nhiêu điều, ảnh hưởng đến

con đường tu của mình, đấy gọi là Hiện hữu duyên. Nghĩa là có một cái này mà nó ảnh hưởng bao nhiêu cái khác.

Giống như Thiện Trang cũng nói sư Minh Tuệ xuất hiện là Hiện hữu duyên, cũng khiến cho bao nhiêu người từ địa vị cao sang, bậc chân tu lỗi lạc nổi tiếng bỗng bị thiên hạ xem trở thành giả nhân giả nghĩa. Đó là hiện hữu này ảnh hưởng đến bao nhiêu đối tượng khác, gọi là có sự mặt của cái này ảnh hưởng đến những cái khác gọi là Hiện hữu duyên. Ví dụ Thiện Trang có mặt đây cũng khiến giúp cho quý vị, một số người được lợi ích một phần nào trong những bài chia sẻ này, thì đó cũng là Hiện hữu duyên.

Và tất nhiên có Hiện hữu duyên thì phải có Vô hữu duyên. Vô hữu duyên là không có sự có mặt của cái đó sẽ giúp cho điều khác. Điều này thì dễ hiểu hơn, ví dụ giống như là Hòa thượng Tịnh Không bên Tịnh Độ, ngài vắng bóng năm nay cũng gần hai năm rồi. Vì không có mặt của ngài, ngài không giảng từ lâu rồi, cho nên mới có duyên cho những vị Pháp sư khác, những vị thầy khác giảng tiếp [thì] mới có người giảng. Thiện Trang cũng giảng, nếu mà Hòa thượng bao nhiêu năm nay ngài vẫn còn cứ giảng ngày ngày, giảng nhiều, thì chắc chắn là Thiện Trang không giảng. Tại vì Hòa thượng giảng rồi thì mình không giảng. Cho nên sự vắng mặt của ngài đã giúp cho Thiện Trang có cơ hội tu chút công đức, giúp cho những người Pháp sư khác tu chút công đức. Và cũng vô tình giúp cho một số người như quý vị, do quý vị không bám theo Hòa thượng nữa nên quý vị học pháp thấp hơn, học với Thiện Trang thấp hơn. Nhờ pháp thấp hơn nên phù hợp với một số quý vị, nên quý vị cũng được tiến lên. Như vậy sự vắng mặt này giúp cho bao nhiêu người khác, thì đó gọi là Vô hữu duyên, tức là cái duyên đó không có.

Như vậy Thiện Trang đã giới thiệu sơ sơ hôm nay được ba duyên nữa rồi. Hôm bữa mình học Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Câu sanh duyên, hôm nay là Hiện hữu duyên, Vô gián duyên và Vô hữu duyên. Cứ mỗi bữa cho quý vị ba duyên thôi là được rồi. Lúc nào có điều kiện giới thiệu đến quý vị ba duyên nữa. Nhưng có một cái là Thiền duyên thì rất khó giới thiệu. Thiền duyên là chính yếu trong tu hành của chúng ta lại cực kỳ khó.

Quý vị biết Thiền duyên ảnh hưởng đến tu hành. Quý vị phải hiểu thế nào là Thiền duyên, phải nắm được Bảy chi thiền. Bây giờ ở trong đây có bao

nhiêu người tu Thiền, bao nhiêu người tu Tịnh Độ mà được hỏi thế nào là Bảy chi thiền, chắc nhiều người không biết. Mình nói mình tu Thiền nhưng mà không biết thế nào là Bảy chi thiền.

Bảy chi thiền gồm có: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định, Ưu, Xả. Nghe tên đã thấy lạ hoắc như vậy rồi, thì thôi còn nói gì nữa. Đây là những món thuộc dạng Tâm sở. Tầm là thế nào, mai mốt học Tâm sở hoặc là trong Duy Thức có Hối, Miễn, Tầm, Tứ. Thế nào là Hối? Hối là hối hận, làm việc gì rồi mình hối hận, đó là dạng Tâm sở.

Hôm bữa có người hỏi Tâm sở là gì thầy? Tâm sở có định nghĩa của mỗi vị đưa ra khác nhau, có người đưa ra định nghĩa này, có người đưa ra định nghĩa kia. Hòa thượng Tịnh Không nói Tâm sở là các tác dụng của tâm. Thiện Trang thì nói đó trạng thái của tâm. Đó là một cách nói thôi, bây giờ mình phải hiểu được bản chất chứ cách nói của mỗi người thì người ta diễn đạt khác nhau.

Bây giờ quý vị có món Tâm sở gọi là Phú, Phú tức là Phú tàng, là che giấu. Quý vị thích giấu diếm, không nói sự thật thì đó là Tâm sở Phú. Rồi có Tâm sở Cuống, Cuống tức là cong quẹo. Rồi Siểm là nịnh bợ, nịnh hót. Quý vị có những Tâm sở như vậy, vậy Tâm sở là gì thì quý vị tự hiểu ra.

Vậy trong Tâm sở Tầm, Tầm là gì? Trong kinh Phật có đưa ra một ví dụ, Tầm và Tứ giống như con ong thấy bông hoa, nó bay tới. Thì Tầm là tâm tìm kiếm, tâm hướng tới bông hoa, nó thấy bông hoa, từ xa nó bay tới. Tâm sở Tầm chính là giống như con ong nhìn thấy bông hoa nó hướng về điều đó. Đó gọi là Tầm.

Trong Sơ thiền quý vị biết định nghĩa Sơ thiền là một trạng thái định, gọi là hỷ lạc do ly dục sanh, đã rời được các pháp bất thiện, ly dục mà sanh ra, có Tầm có Tứ. Vậy thì chúng ta phải hiểu Tầm là gì, Tứ là gì. Tầm là cái tâm mình hướng về một đối tượng nào đó, giống như con ong hướng về bông hoa.

Thế còn Tứ là sao? Tứ là cũng là con ong đó, nó đã thấy bông hoa, rồi nó bay tới bông hoa và bay vòng quanh bông hoa. Nó bay vòng vòng quan sát bông hoa, tức là nó duyên sâu hơn, thì đó là Tứ. Mình học như vậy mình mới hiểu chi thiền, chứ ai cũng nói Thiền, nói tôi đắc Sơ thiền, đắc các tầng Thiền mà Bảy chi thiền cũng không nắm được.

Tâm sở Tầm, Tâm sở Tứ này thuộc về Tâm sở Sơ thiền. Nhưng mà từ Nhị thiền trở lên là hết Tầm, hết Tứ rồi. Và hôm bữa Thiện Trang có trích dẫn trong Kinh A Hàm, nói là một người mà đắc Thiền định từ Nhị thiền trở lên, thì người ta có thể dùng một nắm đất mà chặn được dòng nước của một con sông. Nhị thiền trở lên là khi người ta không có tâm Tầm, tâm Tứ nữa. Có nghĩa là khả năng tập trung tâm của người ta mạnh cực kỳ, nên nó có phát ra thần thông. Có sức thần thông có thể dùng một nắm đất ngăn dòng chảy của một con sông. Đó là trong Kinh A Hàm nói chứ không phải Thiện Trang nói. Cho nên sức mạnh của tâm chúng ta, mới đầu quý vị hiểu là có Tầm có Tứ, mà Tầm Tứ này khó lắm quý vị, hầu như chúng sanh nào cũng dùng hết, tới Sơ thiền vẫn còn cái Tâm sở Tầm, Tâm sở Tứ này.

Định nghĩa Tâm sở thì mỗi bộ luận định nghĩa khác nhau, quý vị có thể tham khảo tất cả, quý vị hiểu những cái đó là gì là được rồi. Chứ bây giờ mình cãi nhau cái này cái kia, mà quý vị định nghĩa được càng nhiều càng tốt. Giống như có người bình luận trên màn hình: *"Tâm sở là sở hữu của tâm, hay là những gì tâm có",* thì cũng đúng một phần. Hoặc có người nói là những trạng thái của tâm, là những tác động của tâm v.v… cách nào đó tùy quý vị, nhưng quý vị hiểu Tâm sở như vậy.

Như vậy Tâm sở Tầm, Tâm sở Tứ này khó vô cùng, chỉ có bậc thiền định sâu từ Nhị thiền trở lên mới không có, còn lại là có hết. Dục giới chúng sanh ta là có Tầm có Tứ, chúng ta có duyên vào một đối tượng nào, có hết. Thậm chí đến bậc Thánh nhân A-la-hán, mà A-la-hán khi không nhập vào định là vẫn xài Tâm sở Tầm, Tâm sở Tứ này, khó!

Quý vị học phải rốt ráo tới cỡ đó thì mình mới tu được, chứ mình học mơ mơ màng màng, mình nói Tâm sở Tầm, Tâm sớ Tứ, nói như vậy thì có gì đâu. Mình phải hiểu rốt ráo được tới mức độ là A-la-hán nếu không nhập định vẫn sử dụng Tâm sở này. Tại vì sao? Phải hướng về một đối tượng nào đó, phải tập trung vào đối tượng nào đó. Đó là Tầm, Tứ. Còn mấy cái Hỷ, Lạc, Định, Ưu, Xả thì chúng ta dễ hiểu rồi. Đó là Bảy chi thiền mình phải nắm được.

Cứ từ từ Thiện Trang sẽ cung cấp dần dần, tại vì bộ Luận này dài lắm, mình đợi mà học tới đó, lúc đó quý vị học một lúc thì sẽ không nắm nổi đâu. Thay vì như vậy, Thiện Trang nghĩ ra cách đơn giản hơn là thỉnh thoảng chia

sẻ một khúc, chia sẻ tâm đắc cho quý vị có nền tảng, mỗi bữa mình nắm một chút như vậy. Rồi đến khi vào học dần dần mình nhắc lại và bổ sung thêm thì đỡ choáng. Chứ bây giờ ở trong này 46 món Tâm sở, bên Duy Thức là 51 món Tâm sở, bên A Tỳ Đàm là có tới 52 món Tâm sở. Mình học một lúc nhiều quá quý vị không nhớ đâu, vì lẫn lộn lẫn nhau. Còn đây cứ thỉnh thoảng Thiện Trang nói Tâm sở này, Tâm sở kia thì quý vị cứ nghe qua nghe lại một hồi là mình nắm được rồi. Vô tình theo năm tháng nhớ hết, rồi tới khi học mình mở rộng là đủ luôn.

Đây là cách Thiện Trang chia sẻ, để bộ này là một bộ môn khó trở thành bộ môn dễ, mà mình học tới đâu mình hành tới đó, chứ không phải mình học trên giáo lý, lý thuyết. Đây là một cách chia sẻ để quý vị thấy được lợi ích.

Tiện đây Thiện Trang xin chia sẻ thêm một chút nữa, tranh thủ chia sẻ về phá Thân kiến. Mình muốn phá Thân kiến lắm, bởi vì Sơ quả Tu-đà-hoàn điều kiện là phá được ba Kiết sử trong Ngũ hạ phần Kiết sử gồm: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Ai cũng biết điều này, vì điều này Thiện Trang đã chia sẻ rất nhiều lần rồi. Nghi thì gồm ba cái nghi lớn: Một là nghi Tam Bảo, hai là nghi về đường lối tu tập của mình, và thứ ba là nghi về chính mình tức là nghi về kiến giải của mình. Kiến giải mình nói hoài rồi nên không nói nữa.

Bây giờ nói về Thân kiến, vì Thân kiến là vấn đề khó nhất. Thiện Trang hồi xưa nói Thân kiến dễ, cái thân này của ta, ta bỏ cũng được, chết cũng được, ta bỏ chứ đâu có gì. Nhưng cái đó mới có Sắc thôi quý vị. Thân kiến gồm có thân Ngũ uẩn. Ngũ uẩn gồm có: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Phá Thân kiến là phải bỏ năm điều đó, không cho năm điều đó có cái nào là ta. Trong kinh nói không cho cái này là ta, không có ta trong đó, đó không phải là ta. Bây giờ phân tích từng cái một để quý vị hiểu hơn về Thân kiến. Muốn bỏ Thân kiến thì mình phải hiểu Thân kiến cho rốt ráo thì mình mới bỏ được chứ.

Thứ nhất là Sắc, Sắc thì dễ rồi, Sắc là vật chất. Thân thể này là vật chất, nói theo nhà Phật là thân tứ đại thì dễ rồi. Mình chỉ cần phá được là mình đừng coi cái thân này là ta nữa, cứ nghĩ đây là áo quần của ta. Hòa thượng Tịnh Không hay nói thân này là áo quần của ta, cho nên cái áo này không quan trọng, bao giờ áo dơ thì bỏ. Khi nào thân này đau, ốm hay bị gì thì coi nó như cái áo, mình sẵn sàng mình bỏ. Cái này thì dễ hơn đúng không quý vị? Nội cái

đó mà nhiều người cũng thấy khó quá, tại vì đau lên chút là kêu đau quá. Đặc biệt bệnh nhức răng thì mấy ai chịu nổi, nhức răng là khóc luôn, chảy nước mắt luôn. Bây giờ bị cái này bị cái kia thử coi mình có bỏ được cái đó không. Đó là cái dễ nhất, là Sắc thôi đó quý vị.

Thứ hai là Tưởng, trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Tưởng uẩn. Tưởng là khía cạnh về kinh nghiệm, về hồi ức, về kiến thức, về một cái nào đó gọi là Tưởng. Bây giờ Thiện Trang lấy ví dụ đơn giản là mọi người nắm được. Ở vùng Bảo Lộc của Thiện Trang có món chè thập cẩm rất nổi tiếng. Bây giờ chỉ cần nói tên món chè thập cẩm ở Bảo Lộc, thì những ai đã từng sống ở Bảo Lộc mà đã ăn món chè đó, là họ nghĩ ra ngay món chè đó gồm những gì. Thiện Trang đi xuất gia mười năm nay rồi, Thiện Trang không còn ăn món chè đó, nhưng Thiện Trang vẫn nhớ lại được món chè đó gồm có những gì trong đó. Người ta bỏ mười loại thì gồm có những loại như đậu ván v.v… nó khơi lại cho mình một mớ hương vị, một mớ cái gì đó. Thực ra bây giờ nó trở thành Pháp trần. Trong Nhãn trần, Nhĩ trần bây giờ nó trở thành Pháp trần. Thì cái này là khơi gợi lên cho chúng ta vị ngọt, v.v... bao nhiêu cảm giác. Cái đó là nhờ kiến thức mình phải biết đây là đậu gì, đó là đậu ván, đậu đen, sa sa, nhân sâm v.v… Rồi mình phải biết được rất nhiều kiến thức nữa, và mình nhớ lại, hồi ức lại, và kinh nghiệm mình đã học,thì đó gọi là Tưởng uẩn.

Và mình phải làm sao đừng nghĩ cái Tưởng đó là ta, đừng nghĩ trong Tưởng đó có ta, trong ta có Tưởng. Nói chung bỏ được Thân kiến phải bỏ được Tưởng. Cái Tưởng này khó, bây giờ mình nghĩ cái gì cũng nghĩ: à cái này tôi đang nghĩ, cái nghĩ này là tôi là sai, mình phải bỏ được.

Thứ ba là Thọ, Thọ là sự cảm nhận, cảm thọ tức là sự dễ chịu hay khó chịu của thân tâm. Ví dụ bây giờ mình thấy trời mùa hè nóng quá, cảm thấy khó chịu, đó là cảm thọ. Hoặc cảm thấy dễ chịu quá cũng là cảm nhận. Thọ có ba thọ: Thọ lạc, Thọ khổ và Xả thọ thì mình cũng đừng chấp, không dính vào đó. Thôi nói vậy đi, không nói rộng ra nhiều thứ quá.

Thứ tư là Hành, Hành uẩn là khía cạnh thiện ác của tâm. Bây giờ Thiện Trang lấy ví dụ, Thiện Trang cầm cây bút này đưa lên, Thiện Trang phân tích luôn một lúc để quý vị hiểu được cả Thức uẩn và Hành uẩn. Đầu tiên đưa [cây bút] lên, quý vị thấy vị sư này đang cầm cây bút màu trắng. Cái thấy đầu tiên

nó chưa nhận định được đây là cây bút đâu quý vị, mà nó chỉ thấy cái gì đó màu trắng, cái hình dáng gì đó v.v… chưa có gì hết. Cái thấy đầu tiên mà chưa phân biệt được đây là cái gì, cái thấy nguyên sơ ban đầu nhất gọi là Thức uẩn. Thức là cái biết ban sơ, rồi tới chút nữa, nó biết đây là cây bút, và là cây bút màu trắng.

Vì sao mình biết đây là cây bút? Vì mình đã có kinh nghiệm trong quá khứ, tức là trong đời mình học mình đã tiếp xúc qua rồi. Chứ một đứa nhỏ mình đưa lên thế này nó cũng không biết là cây bút đâu, nó không biết cái gì đâu. Nhưng mà do mình có kinh nghiệm, có hồi ức, có tưởng tượng. Tức là nguyên tắc các giác quan của mình là mắt chụp hình trước, nó quay cảnh đó trước, thì cảnh đó chính là Thức uẩn. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì đó là Thức uẩn.

Và bắt đầu bộ não của mình xử lý, tâm mình xử lý, nó đưa kinh nghiệm ra so sánh v.v... Ở trong Duy Thức Đại thừa nói là lôi chủng tử trong A-lại-da thức ra để so sánh, kiểm tra để biết và đưa ra kết quả: cái này là cây bút màu trắng, thì nhận định đó thuộc về Tưởng uẩn. Tưởng là đã biết được cái bút này màu trắng, vì ai cũng gọi màu trắng. Từ nhỏ tới giờ mình nói màu trắng mà, trong tiếng Anh là white. Nên là người ta biết như vậy là bình thường, đấy là do Tưởng uẩn rồi.

Bữa nay mình chia rất rõ, học Duy Thức mình phải chia như vậy, chứ không phải nói Sắc Thọ Tưởng Hành Thức rồi đọc Bát Nhã Tâm Kinh: **"Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến Ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách, sắc bất dị không, không bất dị sắc"** v.v… Đọc một hồi nhưng mà tóm lại Sắc là gì thì mình biết, nhưng Thọ Tưởng Hành Thức mình không nắm được, thì coi như Kinh Bát Nhã [làm] sao mình hành Ba-la-mật đa được, không được! Vì mình không có nền tảng này.

Cho nên Thiện Trang rất là thương cho rất nhiều Phật tử ngày nay, đi chùa bao nhiêu năm đọc hoài câu Bát Nhã Tâm Kinh nhưng không hiểu, Thọ Tưởng Hành Thức là gì, không phân biệt được. Tuy Tâm Kinh đơn giản, ngày ngày đọc nhưng mà không hiểu, và cũng nghĩ là đó là Bồ-tát Quán Tự Tại tu, chứ mình không tu đâu. Khổ nỗi kinh Phật là dạy cho mình, hàng phàm phu tu chứ Bồ-tát tu thì Bồ-tát đã thành tựu rồi. Chúng ta là phàm phu chúng ta

mới tu chứ quý vị.

Ở đây là Tưởng uẩn rồi, vậy Hành uẩn ở chỗ nào? Hành uẩn là có người thấy cây bút này nói cây bút gì ngắn quá, ghét cây bút này, thầy đừng đưa cây bút lên trước mặt tôi nữa, tôi thích cây bút kia hơn. Tức là cái khía cạnh quý vị khởi lên ý niệm yêu ghét, tức là có thiện ác trong đó. Quý vị có phân biệt thiện ác ở trong ý niệm, thấy cái bút này thì quý vị có thiện ác trong đó. Đó gọi là Hành uẩn. Mình phải bỏ được cái đó đi là mình thành tựu.

Thiện Trang xin nói lại lần nữa để cho quý vị hiểu. Hành uẩn là khía cạnh thiện ác khi tâm thức mình biết một vấn đề gì đó, đối với các Pháp trần hay là Nhãn trần, Nhĩ trần. Giống như đây là Nhãn trần, cảnh quý vị thấy cây bút. Quý vị thấy cây bút màu trắng, quý vị ghét quá, người thì thích, nói màu trắng là màu của tinh khiết, thanh tịnh, thích quá, cây bút màu trắng của thầy đẹp quá, ước gì mình có cái bút như vậy. Nhưng có người nói màu trắng là màu tang tóc, thầy cầm cây bút này khó chịu quá v.v…. Thì khía cạnh thiện ác trong tâm của quý vị xuất hiện yêu ghét, đó là Hành uẩn.

Tóm lại từ đó quý vị lấy các ví dụ, quý vị phân tích Sắc Thọ Tưởng Hành Thức, cứ như thế quý vị phân tích hết ra, rồi dần dần quý vị ngộ: trong cuộc đời mình nhìn cái này mình biết nó là cái gì, tâm mình đang chạy theo cái nào, mình đang dính vô cái gì, thì mới: "**Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật đa thời, chiếu kiến Ngũ uẩn giai không**" được. Còn không cả đời đọc cái đó chỉ là kết duyên cho đời sau thôi. Quý vị đọc miết để làm gì, để ngày nào đó đức Phật Di Lặc ra đời, hoặc là Phật Sư Tử Như Lai, v.v… vị Phật trong Hiền kiếp, Phật nào đó Vị Lai Tinh Tú kiếp, thiên Phật v.v…. Quý vị do đọc nhiều lần, đọc tới đọc lui Bát Nhã Tâm Kinh nên đức Phật thuyết cho quý vị là quý vị ngộ liền. Còn bây giờ không hiểu, tại đâu có hiểu bản chất đâu nên phải học tới nơi tới chốn.

Phật pháp không có gì khó nếu như mình hiểu tới nơi tới chốn, hiểu tới nơi tới chốn rồi thì từ từ mình mới buông được. Cho nên Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trước kia Thiện Trang học toàn Đại thừa cao quá nên không có mấy cái này. Sau này thấy mấy định nghĩa này đơn giản mà rõ ràng, chi tiết như vậy sao mình không được học. Giảng thì trên trời, không có áp dụng được cho mình. Tại vì đức Phật nói rồi trong Phật Tạng Kinh: **"Trước không học**

nền tảng Tiểu thừa mà học Đại thừa, không phải Đệ tử của Ta". Mình vô mình bay lên trên trước mà, mình không chịu học nền tảng dưới, cho nên sau khi được học nền tảng dưới thấy vô cùng hay.

Thiện Trang nói đúng là đời này mình may mắn, mình vào học được trên cao rồi mình học lại ở dưới. Có đồng tu nói với Thiện Trang: mong thầy sau này thầy giảng hết bộ Duy Thức rồi thầy giảng Hoa Nghiêm nữa là tuyệt vời. Thiện Trang cũng nói vậy đó, sau này nếu mà có duyên, Tịnh Độ thì tu chính cho nhiều đồng tu rồi, phải giảng Tịnh Độ từ nay đến cuối đời cho các đồng tu Tịnh Độ. Nhưng ngoài [ra] mình sẽ giảng mấy bộ về Duy Thức, A Tỳ Đàm này, giảng cho thông suốt rồi sau đó bay qua Hoa Nghiêm nữa là viên mãn, tuyệt vời luôn, cuộc đời còn gì tuyệt vời hơn nữa.

Quý vị thấy đấy là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức và Thiện Trang chia sẻ với quý vị vẫn chưa phải giáo lý A Tỳ Đàm rốt ráo đâu, giáo lý A Tỳ Đàm còn chia thêm một tầng nữa. Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị để quý vị hiểu môn này hay chỗ nào. Nói như [vậy] chưa đủ đâu, vẫn thường lắm, vẫn còn cao hơn một tầng nữa. Trong Tưởng uẩn, A Tỳ Đàm hay trong kinh đức Phật chia ra còn ba Tưởng nữa. Tưởng hồi nãy là khía cạnh kinh nghiệm, là hồi ức, là kiến thức về đối tượng nào đó v.v… giúp chúng ta nhận diện nó rõ ràng, đó là Tưởng uẩn. Thì Tưởng uẩn này đức Phật lại chia làm ba nữa, quý vị chưa nghe bao giờ đúng không? Nếu ai chưa nghe thì bữa nay nghe, nếu ai nghe rồi thì nghe lại.

Tưởng uẩn gồm có ba là: Dục tưởng, Thiền tưởng và Quán tưởng. Nghe thì tưởng lạ nhưng mà rồi cũng quen. Dục tưởng là những cái biết của mình về Thế giới vật chất, về màu sắc, về hình dáng, dài ngắn, âm thanh v.v…. đó là những hồi ức v.v… Chúng sanh [trong] Dục giới dùng sáu thức, cho nên Dục tưởng nhiều lắm quý vị. Dùng sáu thức từ Sơ thiền trở lên chỉ còn dùng ba thức thôi, thì Dục tưởng bớt. Nên sau này có Thiền tưởng, mà Thiền tưởng này liên quan đến môn gọi là Bảy chi thiền lúc nãy. Rồi sau đó có Quán tưởng. Quán tưởng là với một đối tượng nào đó đem ra quán.

Cho nên Tưởng có ba cái tưởng là: Dục Tưởng, Thiền tưởng và Quán tưởng. Hôm nay Thiện Trang chỉ giới thiệu bấy nhiêu đó thôi. Còn bao giờ từ từ vô, đến lúc nào đó chúng ta lại chia chẻ ra thế nào là Dục tưởng, thế nào là

Thiền tưởng, thế nào là Quán tưởng. Học như vậy mới tu được chứ quý vị, vô cứ con lạy Phật đi con, con cứ tụng đi con mà tụng không. Căn cơ cao thì thành tựu, còn mấy người căn cơ dở, lẹt đẹt như chúng ta thì đọc hoài sẽ ngán, chứ không phải "đọc sách ngàn lần tự hiểu nghĩa kia". Không! Đọc sách ngàn lần muốn vứt cuốn sách luôn rồi, ngán quá rồi, đúng không quý vị, không có vô được. Đây là sự thật, cho nên mình học môn nào, mình phải học cho thấu triệt đi, vô cùng hấp dẫn, nó tới rồi bắt đầu mới vào.

Nãy giờ Thiện Trang đã dành thời gian khá nhiều để chia sẻ những tâm đắc, để cho quý vị hiểu môn này học điều gì. Tại vì nếu bây giờ vào phần chánh văn, như hôm bữa chúng ta vào phần chánh văn thì quý vị sẽ ngán ngay, bởi vì nội dung đó mới bắt đầu giới thiệu thôi, còn chưa có vào như vậy. Cho nên Thiện Trang tranh thủ nội dung chưa tới, mình đem những điều tinh hoa, những món ăn tuyệt vời để giới thiệu cho quý vị. Giống như món ăn này ngon lắm, nhưng nếu để cho quý vị ăn một lúc là no kềnh hông, quý vị ăn không nổi. Nên thôi bữa nay ta cắt cho một miếng ăn trước, để biết hương vị của món bánh này ngon lắm, rồi hôm sau cắt cho miếng nữa. Đây góc này ngon kiểu này, góc bên kia ngon kiểu này. Rồi cắt cho miếng nữa, cứ mỗi bữa cắt cắt miếng [như] vậy cho ăn trước. Cho đến khi vô mình ăn cũng thưởng thức được cả cái món bánh.

Chứ còn bây giờ tới lúc đó, tới chương tới nội dung đó mới học thì nhiều quá. Mặc dù món ăn ngon nhưng mà nhiều quá ăn không nổi, quý vị ăn không hết rồi bỏ mứa, bỏ thừa ra, uổng lắm. Vì vậy Thiện Trang chơi chính sách là cắt một miếng cho quý vị ăn một miếng để quý vị thèm chơi, đúng một món này ngon thiệt, công nhận món bánh này ngon thật nhưng mà chưa được ăn hết, mình phải chờ đợi từ từ ăn tiếp.

Còn không quý vị vô học một lúc 24 duyên thì quý vị chịu không nổi đâu. Học một lúc mà 46 món Tâm sở ở trong này học cũng không nổi. Nhưng nếu mình học từ từ, cứ nắm từ từ. Mấy cái này cứ học rồi từ từ, từ từ mình nắm được rồi. Nắm được rồi thì mình vào nhẹ nhàng, cứ đi từ từ thôi. Mình học quan trọng là thành tựu, học trước sau gì cũng hết. Và Thiện Trang chủ trương là mình học tới đâu thì mình có lợi ích tới đó. Chứ nếu mà mình học rồi mình cứ bám chấp vào giáo trình như vậy, mình không đảo những cái đó lên trước thì quý vị học chán, môn này khó quá, môn này chán quá, [rồi quý

vị] bỏ mất.

Còn đây [Thiện Trang] giới thiệu rồi, giống như món bánh này rất ngon, chia cho miếng ăn biết ngon rồi, thì thế nào cũng ráng chờ để từ từ ăn cho hết cái bánh. Đồng thời biết công thức làm bánh đó thế nào, để mỗi người tự làm món bánh này và tự mình ăn, đúng theo sở trường của mình. Phật pháp là vậy đó. Đến cuối cùng là cung cấp cho quý vị công thức, để tự quý vị tự làm, trong kinh Phật gọi là: "Tự tác, tự tri, tự chứng". #Tự tác tức là tự làm; #tự tri tức là tự biết, và cuối cùng #tự chứng là thành công.

Chẳng hạn mai mốt quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, sau khi chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, quý vị sống ở đời vui vẻ hoan hỉ. Vì quý vị biết đời sau mình đi về đâu, cho nên vui vẻ đến lúc chết cũng chả sao. [Vì] biết mình đời sau đi về đâu.

Nên là trong công án, quý vị thấy trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao có ngài Thiền sư Viên Trạch, ngài biết được đời sau ngài đầu thai vào nhà đó, v.v… Ngài đó chắc là chứng Sơ quả hoặc Nhị quả, tại vì người chứng Sơ quả với Nhị quả họ có khả năng đấy. Tức là họ có biết được mình đi về đâu.

Cho nên tu hành đến lúc nào đó tự nhiên biết, khỏi lo, mình tự tri tự chứng mà, nên là yên tâm. Có nhiều cái nhiều khi biết nhưng mà ma gia trì cho mình biết cũng chết đó nha. Nên phải học làm sao để tâm mình tương ưng. Tâm mình tương ưng với bậc Thánh, bỏ tâm phàm đi. Mình càng tu công phu mình lên, giả sử mình có thần thông, mình có cái gì mà tâm mình có tham nhiều không. Bây giờ nếu như mình có chút thần thông mà tâm mình tham lên là mình biết mình bị ma thông rồi. Ma thông ma gia trì, cho nên là ham ăn, ham ngủ, ham danh, ham đủ các thứ, ham nhiều lên tức là mình bị tâm ma.

Rồi mình tu một hồi là cống cao ngã mạn mình ghê lên. Hồi xưa thì mình khiêm tốn lắm, thầy v.v… bây giờ thì mình cao lên hơn, mình vượt hơn tất cả mọi người, chả ai là thầy mình hết, mình coi thường mọi người. Tâm đó là tâm ngã mạn, tâm của A-tu-la. A-tu-la nên vào A-tu-la, mình tu mình biết ngay mình đi về đâu thôi.

Cho nên học hết 51 món Tâm sở bên Duy Thức Đại thừa, hoặc là bên A Tỳ Đàm là 52 món Tâm sở, hoặc là 46 Tâm sở trong bộ Luận Câu Xá này, mình sẽ hiểu rằng ta đang xây dựng ngôi nhà tương lai để ta về nơi đó. Là ngôi nhà

nào, là cảnh giới nào trong Lục đạo Luân hồi hay là ra khỏi sanh tử, mình biết rất rõ, quý vị chỉ cần thấu như vậy. Mà phải học cái này là học hiểu rốt ráo và soi xét so sánh được tâm của mình, chứ không phải học kiểu lý thuyết. Bây giờ cũng nhiều người học nhưng mà học kiểu lý thuyết. Quý vị nói khí thế tâm này tâm kia thế nhưng mà không ứng dụng.

Cho nên môn này coi vậy chứ không dễ đâu quý vị. Rất nhiều người cũng nghe Thiện Trang giới thiệu đã lắm, là bắt đầu tìm sách tìm tài liệu coi. Coi xong rồi kêu khó quá, khó quá, chịu không nổi. Tại vì môn này là cần nền tảng. Người giảng môn này có mấy bậc, mấy tầng gọi là bảy tầng Pháp sư. Có những vị Pháp sư chỉ giảng được chương này mà không giảng được chương kia, không đơn giản đâu. Tức là có người giảng được chương này mà bao nhiêu chương kia không giảng được. Có người sẽ giảng được mấy chương đó, có người thì giảng hết được. Và có người giảng được bộ này bộ kia, nhiều bộ.

Nên đây là không phải là tài giỏi gì đâu, mà phải nói là nhiều đời người ta tu thế nào, người tu môn này nhiều, người ta tu thế nào đó… vốn đủ rồi. Còn bây giờ mình không có duyên, mình vô mình nghe: sao Thầy nói cái gì đâu không, khó quá. Mà Thiện Trang cố gắng giảng dễ hiểu nhất cho quý vị rồi đó, hy vọng quý vị nghe được bao nhiêu [thì] nghe nha. Hôm nay xin giới thiệu phần gọi là tâm đắc tới đây. Bây giờ còn khoảng gần tiếng nữa, Thiện Trang sẽ vào phần chánh văn của Luận Câu Xá. Chúng ta cứ đi từ từ thôi, đi chậm thôi, rồi khi vào phần chánh văn, vào phần nội dung chính, là tự nhiên lúc đó có muốn hay không muốn thì cũng phải bám vào trong đó. Mà bám vào trong đó là đi theo hướng khác, không có thời gian để chia sẻ những tâm đắc này nữa, cho nên quý vị phải hiểu như vậy. Bây giờ chúng ta còn thời gian thì chúng ta cứ đi chậm chậm.

Hôm nay chúng ta sẽ vào phần bài kệ, tiếp tục bài kệ thứ hai trong 600 bài kệ của bộ Luận Câu Xá:

Bài Kệ 2 – phần 1

Tịnh huệ tùy hành danh Đối Pháp	淨慧隨行名對法,	Tịnh huệ cùng tùy hành

		Được gọi là Đối Pháp
Cập năng đắc thử chư huệ luận.	及能得此諸慧論。	Có thể đắc các huệ Ở trong bộ Luận này.

Ở đây ngôn ngữ này cũng tương đối khó một chút, chúng ta có thể hiểu như thế này:

Giải:

#Tịnh huệ tùy hành danh Đối Pháp: #Tịnh huệ là trí huệ thanh tịnh, trí huệ đó chính là trí huệ Vô lậu; #Tùy hành là những cái gì đi theo; #tùy là theo; #hành là đi. Những gì đi theo trí huệ Vô lậu này, tức là mình nói ngôn ngữ là những quyến thuộc. Có nghĩa là quý vị có trí huệ thanh tịnh, quý vị có trí huệ Vô lậu giải thoát, thì quý vị có những cái gì đi theo, Tâm sở của quý vị tương ưng là như thế nào, quý vị có những thần thông như thế nào, quý vị có những năng lực như thế nào, phiền não của quý vị bớt như thế nào, đó gọi là tùy hành, là những cái đi theo của trí huệ thanh tịnh, thì gọi là #Đối Pháp.

Tại vì ngôn ngữ của bộ Luận này là Đối Pháp Tạng. Chữ #Đối Pháp thì ngoài nghĩa là pháp chính xác ra, thì còn có nghĩa là pháp này đối trị căn cơ. Đối trị căn cơ là đối với người nào, giống như là người bệnh, mỗi người có một căn bệnh khác nhau thì pháp này sẽ chữa những căn bệnh của chúng ta, nên gọi là Đối Pháp, đối trị căn cơ mà cho pháp. Chúng ta có thể hiểu như vậy, đó là một cách hiểu. Cũng có nhiều người giải cách khác nữa, nếu có thời gian thì quý vị coi những bộ luận khác, những người dịch giả khác, những người giảng khác người ta sẽ giải thích khác cho. Còn Thiện Trang xin chia sẻ đơn giản như vậy.

Như vậy Thiện Trang tạm dịch câu đầu tiên này thành hai câu kệ đầu tiên gọi là:

Tịnh huệ cùng tùy hành

Được gọi là Đối Pháp

#Cập năng đắc thử chư huệ luận: tức là và có thể đắc được Luận này và trí

huệ này. Nếu mà dịch ra [thì] Thiện Trang dịch rõ là: Có thể đắc được các trí huệ ở trong bộ Luận này.

Nghĩa là nếu chúng ta học bộ Luận này, thì tự nhiên chúng ta cũng có thể đạt được những trí huệ và những tùy hành đó. Tức là mình sẽ được trí huệ của bậc giác ngộ, mình có một chút trí huệ giải thoát, rồi mình cũng bớt phiền não gì đó, do chúng ta học trong bộ Luận này. Đấy là quý vị hiểu được nửa bài kệ thứ hai. Đó là nguyên văn của ngài Thế Thân, còn Chú Giải này là của Đại sư Huyền Trang thời nhà Đường.

論曰：慧謂擇法，淨謂無漏，淨慧眷屬名曰隨行。如是總說無漏五蘊名為對法，此則勝義阿毘達磨。若說世俗阿毘達磨，即能得此諸慧及論。

Luận viết: Huệ vị Trạch pháp, tịnh vị Vô lậu, tịnh huệ quyến thuộc danh viết tùy hành. Như thị tổng thuyết Vô lậu Ngũ uẩn danh vi Đối Pháp, thử tắc Thắng nghĩa A Tỳ Đạt Ma. Nhược thuyết Thế tục A Tỳ Đạt Ma, tức năng đắc thử chư huệ cập luận.

Giải:

#*Luận viết:* tức là Luận nói rằng.

#*Huệ vị Trạch pháp, tịnh vị Vô lậu, tịnh huệ quyến thuộc danh viết tùy hành*: nghĩa là trí huệ là Trạch pháp. Trạch Pháp là một trong 37 Phẩm trợ đạo. Quý vị biết trong 37 Phẩm trợ đạo có một cái là Trạch pháp. Tức là khi mình có trí huệ thì mình sẽ biết lựa chọn pháp, trạch là lựa chọn, tuyển chọn. Là quý vị phải biết lựa chọn pháp nào đi về hướng giác ngộ, pháp nào đi về hướng khác.

Giống như chúng ta muốn làm một việc gì đó, trong tâm chúng ta phải ngay lập tức xác định là việc này nên làm hay không nên làm. Thì đó là mình phải có trí huệ. Chúng ta thấy một con kiến bò ngang qua trước mặt thì mình muốn giết nó, nhưng mà mình nghĩ lại không được, mình đã thọ giới không sát sanh rồi. Với lại giết nó là một mạng đổi một mạng, quý vị biết như vậy và quý vị dừng lại. Quý vị dừng lại như vậy đó là quý vị có trí huệ. Và trí huệ quý vị phát huy ra lựa chọn phương pháp để ứng phó lúc đó, cách thức làm lúc đó. Đó gọi là Trạch pháp, tức là mình lựa chọn được pháp.

Giống như bây giờ mình có trí huệ mình mới lựa chọn thầy, lựa chọn vị

Thiện tri thức nào mình theo, vị thầy này hay thầy kia v.v… đó là Trạch pháp. Cả một vấn đề đó quý vị. Đâu phải người lựa chọn là ngon, đâu phải người nổi tiếng là hay. Đôi khi một vị thầy không nổi tiếng là hay, mà đôi khi một vị thầy nổi tiếng là hay. Đó là bất định pháp, pháp đó phù hợp với mình, mình thực hiện, mình tu theo, mình áp dụng, có lợi ích thì đó là hiệu quả. Còn một vị thầy rất nổi tiếng nhưng mà mình áp dụng, mình tu hành không phù hợp với mình, không có giúp mình tiến bộ thì không có được.

Cho nên trong Kinh Kalama có mười điều chớ vội tin. Mười điều đó quý vị cứ xét đi, chúng ta coi thử chớ vội tin cái gì. Nhưng mà xét đến cuối cùng những điều gì mình nên tin là mình áp dụng có hiệu quả, giúp thay đổi được, có lợi ích được thì cái đó nên tin. Mình thấy sự lựa chọn đó rất quan trọng. Có nhiều người thấy vị thầy kia nổi tiếng lắm, v.v… nổi tiếng nhưng mà pháp người ta tới đâu. Mà bây giờ cách [học] pháp là hãy ‘‘y pháp bất y nhân’’, nghĩa là mình phải nương theo kinh điển. Học cái gì thì học, cuối cùng phải coi kinh điển. Người đó có giảng theo kinh điển hay không. Chứ không, nổi tiếng vì được lăng xê, rồi suốt ngày truyền thông đưa tin v.v… quý vị biết chiêu thức bây giờ chúng ta đã được người ta lôi ra quá nhiều. Các chùa bây giờ người ta có cả đội ngũ truyền thông, bao nhiêu người tuyên truyền lên, tạo nick ảo, nick này nick kia, rồi đưa pháp lên v.v… lăng xê ông thầy mình, rồi bình luận cho tốt để kéo thiên hạ vào v.v… Đội ngũ đó như vậy đó quý vị. Như vậy khiến cho mình tưởng vị thầy nổi tiếng đó là bậc tốt, nhưng mà cuối cùng không phải.

Cho nên thời nay học pháp phải căn cứ vào kinh điển, phải coi người đó giảng có phù hợp với kinh hay không. Nếu một người giảng cứ trật lất với kinh thì thôi khỏi coi. Giảng mà không dạy cho mình giáo pháp giải thoát, mà suốt ngày dạy cho mình cúng dường gì đó v.v… là không ổn rồi, đúng không quý vị? Pháp Phật đâu có mỗi pháp cúng dường, pháp Phật còn cả một kho tàng giải thoát rộng lớn bao la mà. Tạng Vi Diệu Pháp này mấy ai giảng, quý vị coi thử mấy ai giảng bộ Luận này, giảng rốt ráo để mà ứng dụng. Những người đó nhiều khi không nổi tiếng gì hết, không có bao nhiêu người biết, nhưng người ta tu hành như thế nào, điều đó mới quan trọng. Đó là phải Trạch pháp, phải có trí huệ. Chứ còn bây giờ cứ thấy thầy đó nổi tiếng, còn thầy kia đâu có nổi tiếng gì đâu, có mấy ai biết đâu, học có bao nhiêu người

học theo đâu v.v… thì đó lại một sai lầm nữa, bị lừa.

Quý vị cứ học Kinh Kalama ra là quý vị biết, 10 điều chớ vội tin là biết. Rồi quý vị coi trong kinh điển người ta trích dẫn thế nào, có đúng không, phải coi chứ. Nhiều khi nói trong kinh đó nói, nhưng mà giở mãi trong kinh đó chả thấy đâu, rồi người ta bẻ qua bẻ lại trong đó ai biết được, mình phải coi chứ. Thời nay nguy hiểm lắm, thời nay tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, người ta sẵn sàng làm những [chuyện] gì đó.

Cho nên suốt ngày giảng giảng giảng... năm tháng cứ suốt ngày quanh quẩn trong gia đình, trong gì đó, cúng dường hoài. Trong khi đó cả gia tài giáo pháp của Như Lai rộng lớn bao la, rộng vô cùng mà lại không có giảng. Vì sao không giảng? Đây là nói thật, có vị sư nói, không phải Thiện Trang nói. Vị sư nói thế này: Tại vì thời nay không phải quý thầy quý cô không muốn giảng, mà giảng nhiều sợ Phật tử giỏi quá, nó biết hết. Thứ nhất: Phật tử mà biết nhiều thì cúng dường ít, vì vậy sợ, không dám giảng, đó là điều thứ nhất. Giảng sơ sơ thôi, giảng nói yêu thương gia đình v.v… thế thôi, để họ dốt dốt chút rồi họ cúng dường mới nhiều. Còn Phật tử mà giỏi rồi, biết rồi, họ keo lắm, họ lo tu không, cho nên không dám giảng, đó là [điều] thứ nhất. Thứ hai nữa, Phật tử mà biết giáo pháp nhiều quá, biết Giới luật, biết Thiền định, biết đủ các cái [là] bắt đầu họ soi: ông thầy này, bà cô này, Sư cô, Sư thầy này không đúng như pháp, tu không có công phu, rồi phiền não nhiều, v.v… họ đâu coi ra gì nữa, cho nên không dám giảng.

Vì vậy gia tài của Như Lai thì nhiều, nhưng mà hoặc là không coi, lo đi kiếm cái bằng ở ngoài, bằng này bằng kia, khoe: tôi Tiến sĩ, tôi Thạc sĩ, tôi ngành này ngành kia, chức danh rồi đem ra đè người ta. Đem mấy cái danh đó, rồi chức vụ gì đó đem ra khè thôi, chứ không có dám coi kinh, sợ, hoặc không có thời gian coi. Còn hạng người thứ hai là: coi nhưng mà không dám giảng ra cho Phật tử, vì giảng ra như hai điều Thiện Trang đã nói [nên] không dám.

Đó không phải Thiện Trang nói nha, đây là vị sư khác nói, Thiện Trang cũng xin chia sẻ. Và điều này quý vị có biết sư nào nói không, thôi để có người chịu trách nhiệm chứ không lại [nghĩ Thiện Trang nói]. Ý đó là do sư Toại Khanh [nói], quý vị chắc biết sư Toại Khanh đúng không? Ngài cũng ở Châu

Âu này, hiện tại hình như ở Đức hay sao! Đó là sư Toại Khanh nói chứ không phải Thiện Trang nói. Mà không phải Thiện Trang nói mỗi sư Toại Khanh nói đâu, mà nhiều thầy cô khác nói rồi, nhiều người nói với Thiện Trang: Thôi giảng nhiều quá, Phật tử giỏi rồi, họ lanh lên họ không cúng dường đâu, thế này thế kia v.v… cho nên tội lắm.

Tại sao mình lại không tin nhân quả đúng không quý vị? Tu hành mà còn sợ như thế [thì] thật là đáng thương. Cho nên thời nay Phật tử muốn học mà ít người giảng. Còn quý thầy, quý cô có vô trong chùa thì chủ yếu đi cúng đám, rồi thế này thế kia, làm các Phật sự theo kiểu thế gian chứ không phải Phật sự của Phật pháp. Phật sự Phật pháp là giảng kinh thuyết pháp. Cho nên nhiều khi cuốn vào một vòng xoáy mà không ra được.

Giống như có câu chuyện vui, có vị thầy đi cúng tụng đám rồi có người hỏi: *"Thầy ơi, thầy đi cúng tụng đám để làm gì vậy thầy?"* Ông thầy nói: "*Để lấy tiền đổ xăng".* Người đó hỏi: "*Lấy tiền đổ xăng rồi, vậy thầy đổ xăng để làm gì thầy?* " "*Đổ xăng để đi cúng đám, làm Phật sự".*

Vậy tóm lại là gì quý vị biết không? Tức là cái vòng luẩn quẩn đi cúng đám để lấy tiền đổ xăng, rồi đổ xăng để đi cúng đám. Vậy là cuộc đời mình xoáy trong cái vòng như vậy, cũng hơi buồn đúng không quý vị. Tất nhiên đó là cũng khổ quá. Thực ra là mình cũng vậy, quý vị đừng có nghĩ đó là quý thầy. Quý vị nghĩ mình đi, mình cũng vậy sống ở đời suốt ngày đi làm. Làm để làm gì? Để lấy tiền. Lấy tiền để làm gì? Tiền để ăn. Ăn để làm gì? Để đi làm, để chăm sức khỏe, để có sức khỏe để đi làm. Làm rồi [để làm] gì? Lại để lấy tiền. Lấy tiền để làm gì? Lại để chăm sức khỏe, để ăn,...

Tóm lại là cái vòng luẩn quẩn trong vòng luân hồi, và ta quá quen với nó. Ta quá quen cho nên ta thấy bình thường, nghĩa là trong vô thường mà nghĩ là bình thường. Cuối cùng mình rớt vô cái gọi là Thường kiến. Trong các loại Kiến hoặc có Biên kiến, thì mình rớt vô Thường kiến rồi. Đáng thương lắm quý vị, nhiều khi cuộc đời mình ở trong cái khổ mà mình cũng biết khổ luôn.

Cho nên đức Phật dạy là: Hãy nhận diện nỗi khổ niềm đau, nhận diện nó, thật sự nó khổ như thế nào. Cái khổ thật sự là như thế nào, đó gọi là Khổ đế. Và cái khổ đó nguyên nhân vì sao, nó từ đâu ra, đó gọi là Tập đế. Nếu như

mình muốn, mình sẽ dứt được nỗi khổ đó rồi thì mình được an vui như thế nào, thì đó gọi là Diệt đế. Và làm sao để dứt được nỗi khổ, để được an vui như vậy, thì đó gọi là Đạo đế. Đạo đế là con đường giác ngộ. Cho nên đó là Tứ diệu đế, thông suốt tất cả các bộ kinh của đức Phật. Tất cả bộ kinh của đức Phật đều phải có Tứ diệu đế, hay là Tứ thánh đế.

[Giáo pháp của Phật] dạy như vậy chứ đâu phải dạy quý vị đi vào nỗi khổ đâu. Đức Phật nói có bốn hạng người trong Kinh Tăng Chi. Hay chúng ta có thể giở trong Kinh A Hàm, gọi là Kinh Tăng Nhất A Hàm, trong Phẩm Bốn, có bốn hạng người: Một hạng người là từ tối đi vào tối; Hạng người thứ hai từ tối đi ra sáng; Hạng người thứ ba là từ sáng đi vào tối; Và hạng người thứ tư là từ sáng đi ra sáng.

1. Thế nào là hạng người từ tối đi vào tối? Có nghĩa là người đó trong đời, sanh ra đời đã nhiều nỗi khổ niềm đau, đã gặp nhiều hoàn cảnh bất thiện, có nhiều hoàn cảnh không có như ý, thân thể nhiều đau bệnh, tật nguyền v.v… đủ các kiểu. Tóm lại là khổ, mà không biết học giáo pháp, không biết ứng dụng tu hành, lại tạo thêm nhiều nghiệp chướng nữa, gây thêm nhiều điều ác. Cho nên đời sau lại đi vô trong tối, tiếp tục khổ nữa, gọi là đi vào trong tối, gọi là người từ tối đi vào tối.

2. Thế nào gọi là người từ tối đi ra sáng? Đó là người sanh ra đời vốn bất hạnh, bởi vì những nghiệp nhân của đời trước đã tạo. Mình đã tạo nhiều nghiệp cho nên đời này đến đây khổ, nghèo, rồi gia đình không như ý, v.v… đủ các kiểu, các chuyện trên đời đập mình te tua. Nhưng may mắn gặp được giáo pháp của đức Thế Tôn, học được, ứng dụng được, tu hành được, biết Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, v.v… tu Bát-nhã Ba-la-mật. Và đời sau quý vị được thăng lên những cảnh giới an lành tốt đẹp, thậm chí được giải thoát. Đó là hạng người đi từ tối ra sáng. Đức Phật nói rất tuyệt vời.

3. Hạng người thứ ba là từ sáng đi vào tối: đó là những người do căn lành đời trước tu tập. Chút nữa Thiện Trang sẽ nói là hạng người nào, tại sao lại như vậy, trong hai hạng người đó để Thiện Trang nói sau, dùng Duy Thức nói. Nhưng ở đây Thiện Trang nói đơn giản là từ những đời này được quả báo tốt đẹp, có danh chức, quyền vị, giàu sang v.v… nhưng do không có duyên gặp giáo pháp Như Lai, không có duyên để tu tập. Cho nên cuối cùng tạo nhiều ác

nghiệp, giành giật rồi dùng uy quyền áp đặt, hưởng thụ đủ các kiểu. Sau khi tạo nhiều nghiệp như vậy, khi đời này hết thì họ đi vào nỗi khổ, chìm đắm trong khổ đau, gọi là người từ sáng mà đi vào tối.

4. Hạng người thứ tư là từ sáng đi ra sáng: có nghĩa là đời quá khứ đã trồng nhiều nhân lành, tốt đẹp. Đời này được quả báo tốt lành, được thân thể tốt, điều kiện, hoàn cảnh tốt, địa vị cao sang gì đó v.v… và lại gặp được giáo pháp của đức Thế Tôn, lại biết tu tập nữa, biết xả, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã. Cho nên đời sau họ càng thăng tiến hơn. [Đó] là người từ sáng đi ra sáng. Đức Phật nói đó là người tuyệt vời.

Ở đây Thiện Trang cũng xin chia sẻ. Sẵn đây nhớ thì nói, nhớ tới đâu mà nói tới đó luôn, chứ không là quên, nhiều khi bữa sau giảng không nhớ nữa. Là tại sao quý vị lại đến với đời này khổ, quý vị biết không? Nhiều người than thân trách phận khổ quá. Xin thưa quý vị, về hoàn cảnh thì chúng ta không thể thay đổi, nhưng chúng ta có thể thay đổi tâm.

Chúng ta sẽ học vào phần gọi là Sáu căn, Sáu thức, Sáu trần, chúng ta sẽ hiểu được điều này tại sao. Sáu căn là: Mắt thấy sắc, ví dụ như mắt thấy những hình ảnh đây; Tai nghe những âm thanh; Mũi ngửi những mùi hương; Miệng (lưỡi) thì nếm những vị ngọt, bùi, đắng, cay gì đó. Rồi cái thân này là xúc chạm, cảm giác êm ái, nhám trơn láng mịn gì đó... Rồi Pháp (Ý) thì biết những cái pháp, pháp là những đối tượng nào đó. Ví như mình nói A-la-hán, mình cũng hiểu tưởng tượng được A-la-hán là gì v.v…

Thì người nào khi mà đối cảnh pháp, tức là những pháp trong những cảnh trần, mà với tâm thiện tâm lành tức là Tâm sở thiện lành, thì quả báo đời sau họ sẽ được hoàn cảnh như ý. Quý vị nghe cho kỹ nha, câu này quan trọng, nói lại lần nữa này. Người nào khi Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần, và khởi lên tức là mình dùng những Tâm sở thiện lành, thì quả báo đời sau sẽ được hoàn cảnh sáu trần như ý, tức là hoàn cảnh tốt đẹp. Người nào nếu Sáu căn tiếp xúc Sáu trần mà khởi lên những Tâm sở bất thiện bất như ý, ví dụ như giận, ghét, che giấu là Phú, rồi cuống siểm, nịnh bợ [nịnh hót], đủ các Tâm sở xấu, thì chiêu cảm quả báo đời sau sẽ là khổ đau bất như ý.

Cho nên người biết tu hành là dù hoàn cảnh có tốt đẹp hay xấu xa đời này là quả của đời trước. Giả sử ta gặp hoàn cảnh tốt đẹp, tất nhiên tốt đẹp

mình hoan hỷ thì dễ rồi, thì Tâm sở thiện lành đời sau có quả báo thiện lành là dễ. Nhưng mà bây giờ mình lỡ gặp toàn cảnh trời ơi đất hỡi không, chồng chửi, con mắng, người này bịa chuyện, người kia đặt điều v.v… đủ thứ chuyện trời ơi đất hỡi, thì mình là người học giáo lý A Tỳ Đàm này, mình phải ứng dụng như thế nào. Tức là ta phải không có tức giận, ta không phải thù ghét, ta không phải thế này thế kia. Tức là ta phải khởi lên Tâm sở thiện lành, thì đời sau chúng ta mới có cảnh như ý, tức là đời sau cảnh mới tốt đẹp.

Còn quý vị tiếp tục tức giận: ôi tức quá đi, ghét người đó quá đi, tức quá bữa nay trả thù, là ôm hận vô trong lòng, Phú hận v.v… mai mốt mình học Tâm sở đó. Toàn những Tâm sở xấu thì xin thưa với quý vị đời sau lại khổ nữa. Sáu căn của quý vị tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần, đời sau của quý vị lại là hoàn cảnh bất như ý tiếp. Cho nên đó là người từ tối đi vô trong tối tiếp, khổ đau lại khổ đau tiếp.

Người biết tu hành là phải xả ra, xả ra. Cho nên trong nghịch cảnh không được sân hận, không được nổi nóng, không được thế này thế kia. Đừng có khởi lên những Tâm sở bất thiện, mai mốt mình học hết món Tâm sở rồi là mình phân ra, Tâm sở nào là Tâm sở thiện lành, Tâm sở nào là không thiện lành, mình bỏ, gạt qua. Tâm sở nào là Tâm sở của bậc Thánh, Tâm sở nào là Tâm sở của thiền định. Mình chắt lọc theo từng nhóm từng nhóm hết, mình cứ tu theo nhóm này, ta biết bữa nay ta khởi lên cái tâm này bất lành bất thiện rồi, đời sau ta sẽ bị quả báo bất như ý. Cho nên ta cứ vui vẻ hoan hỉ, Tâm sở của ta toàn là Tâm sở tốt, nên đời sau hoàn cảnh Sáu căn sẽ đối với Sáu trần là tốt.

Vì sao như vậy? Nguyên tắc mà nói quý vị đã tu vô lượng kiếp rồi, cho nên quả báo trong A-lại-da thức có đủ hết các kiểu rồi, bây giờ mình lôi theo hướng nào thì nó lôi ra quả báo hướng đó. Chứ không phải mình mỗi tu đời này, mình ở trong vòng sanh tử luân hồi vô lượng kiếp rồi. Vì vô lượng kiếp cho nên nó nhiều lắm, bây giờ quý vị duyên với cảnh ác, tức là mình khởi ra những Tâm sở ác, thì nó lôi những chủng tử ác trong A-lại-da ra, nó kéo đến gần cái cửa để sẵn đó. Đến khi mình mạng chung là nó đi theo mình, nó kết và dẫn mình đi theo lối đó. Lối đó là lối ác cho nên đời sau khổ ơi là khổ, nào là bị chồng đánh, con mắng, đuổi ra khỏi nhà, v.v… rồi bị người này vu oan giá họa, đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Cho nên là khổ ơi là khổ. Và khổ rồi

mà vẫn không biết Phật pháp nữa, không biết nhẫn nhịn, không biết tu bằng những Tâm sở thiện lành nữa, lại tiếp tục sân hận, muốn trả thù, muốn đủ các trò nữa thì quý vị lại khổ tiếp.

Có cô đó suốt ngày than, bữa nay nghe rõ rồi nha. Chưa có thời gian học tới mấy món Tâm sở nhưng mà mình nói sơ lược là quý vị cũng hiểu rồi, mình có thể chuyển đổi được ngay. Đấy là giáo lý tuyệt vời trong A Tỳ Đàm, bây giờ mình học vậy là mình biết ngay. Mà chuyển là nó chuyển từ từ, cho nên có thể quý vị tu chỉ cần thay đổi vài năm là tự nhiên hoàn cảnh mình cũng thay đổi. Tức là những chủng tử thiện lành sẽ xuất hiện, hoàn cảnh gia đình sẽ thay đổi. Còn quý vị không biết, quý vị suốt ngày sân, buồn, Tâm sở buồn cũng không tốt, Tâm sở tự ti, Tâm sở ngã mạn, những Tâm sở đó không phải là những Tâm sở tốt lành. Nó kết ra quả báo từ từ nó xấu, ngay trong đời này thậm chí nó kéo tới luôn. Tại vì A-lại-da thức lôi những cái đó ra.

Nên mình học môn này tuyệt vời như vậy đó quý vị, rõ ràng tường tận như vậy mà tại sao mình không học. Không học mất nửa cuộc đời, mất ba phần tư cuộc đời. Cho nên học rất hay, đó là Trạch pháp đó. Thiện Trang nói có trí huệ mình mới Trạch pháp được, không có trí huệ mình tu cái gì, quý vị làm sao mà tu được. Nói tu tu, lên lạy Phật nói: bữa nay con lạy được 500 lạy rồi thầy, sáng lạy 500 lạy, chiều lạy 500 lạy. Ngày mai con lạy 500 nữa, mốt lạy 500 nữa, thầy lạy được bao nhiêu thầy? Thầy đâu có thời gian đâu cô, thầy chỉ lạy có 200 lạy thôi, chắc hai ngày thầy lạy được 400 hoặc 500. Vậy là thầy thua con rồi đó v.v… Tâm như vậy là ngã mạn lên rồi, tâm ngã đó. Lạy Phật thay vì mình vô sở đắc, mình lại có sở đắc. Cho nên mình tự chiêu đến quả báo đau khổ đời sau, trong đời tiếp theo mà mình không biết, hoặc là quả báo khổ về sau này mà mình không biết. Người tu là người ta biết ngay.

Cho nên môn này có cần học không? Rất cần học luôn, cực kỳ quan trọng. Nhiều người tu có sở đắc, mà càng có sở đắc bao nhiêu, xin thưa với quý vị tâm đó là tâm A-tu-la. Quý vị có ngã lớn lên, vô trong A-tu-la, mai mốt làm thần cho vui nếu mình còn có sở đắc. Tu đạo Bồ-đề là vô sở đắc cơ mà, không có gì để đắc thì mới đắc Bồ-đề. Còn có những sở đắc: nào tôi học lâu rồi, tôi giỏi quá rồi, tôi biết nhiều lắm v.v.. tôi thiền định ngày bao nhiêu tiếng, tôi trì giới được bao nhiêu, tháng tôi tu Bát quan trai bao nhiêu, v.v… đủ các kiểu. Toàn là chấp tướng, đó là toàn Tâm sở xấu thôi, thì làm sao mà giải thoát.

Khi nào mà đắc thiền định, từ từ rồi chúng ta học vào sẽ thấy những chi thiền là rớt sạch. Bảy chi thiền trên, chi thiền thứ bảy là Xả đó, quý vị có xả được đâu, làm sao đắc thiền. Đắc thiền là từ Sơ thiền trở lên, làm sao đắc được, không có. Cho nên người tu hành theo thời gian là họ biết rất rõ, mình học mà đây không phải học giáo lý [tầm thường]. Cho nên đồng tu hiện nay [học] giáo lý quá sơ sài, vì quá sơ sài nên tu không được. Nói lý thuyết hay lắm, lý luận đủ các kiểu đưa ra, kiểu A kiểu B kiểu C kiểu D, kiểu gì cũng bẻ được hết, nói phương tiện thế này thế kia. Cuối cùng thực tế đem Tâm sở gì, quý vị đừng nghĩ dối được chính tâm của quý vị. Tâm đó là tâm Phú tàng, tâm che giấu, Tâm sở Phú, tâm Ngã mạn ở trong đó, v.v… toàn là tâm xấu, quý vị tự chiêu cảm đường xấu thôi.

Cho nên tu nhiều năm rồi, mai mốt chết ngáp ngáp rồi [có người nói]: sao đồng tu đó tu tinh tấn lắm mà thầy, sao chết thê thảm vậy thầy? Quý vị coi nhân ra quả, còn người tu tâm nào thì có quả đó. Người ta tu càng ngày càng khiêm tốn, càng khiêm cung nhẹ nhàng xuống, họ xả được tất cả mọi thứ ở thế gian, ta làm tất cả việc mà ta không vướng mắc v.v… thì mình tu vô thôi, tự nhiên đắc cho mình thôi, rồi dần dần mình thành Thánh nhân. Chứ mình tu mình cứ toàn chấp tướng không, cho nên phải học giáo pháp là vậy. Phải học, không học không được, học chưa đủ không tu được. Giống như cầm con dao không có cán thì làm sao cầm, quý vị xài con dao đó là đứt tay thôi, cho nên phải học.

Đó là Thiện Trang chia sẻ với quý vị, vì môn này quan trọng, đây là buổi thứ ba rồi nhưng vẫn còn giới thiệu. Vì vô sau này là không có thời gian giới thiệu, coi vô là vô giáo lý rồi, nên muốn giới thiệu trước một số vấn đề mình áp dụng ngay được. Đây là những điều mà Thiện Trang thấy mình áp dụng được, và áp dụng điều này hoàn toàn. Cho nên tu như vậy có nhiều người nói: *"Vậy thầy giảng nhiều thầy có ngã không?".* Thiện Trang nói: Thiện Trang đang giảng cho quý vị những nội dung này, Thiện Trang dại gì Thiện Trang đọa lạc. Thiện Trang biết món này là món ngon, tại sao mình dại mình đem cho người ta ăn mà mình không ăn. Nên theo năm tháng, Thiện Trang cứ thâm nhập, nói với quý vị rồi chia sẻ học như vậy, dần dần mình cũng ngấm, mình tự sửa mình. Vì không sửa không được, không sửa là ta đi vào đường xấu, tương lai chả ai muốn đi vào con đường xấu. Tương lai ai cũng muốn thành

đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ai cũng muốn thành A-la-hán, thành Phật. Tất nhiên mình cũng vậy thôi, cứ tu theo năm tháng.

Và nếu quý vị theo Thiện Trang bao nhiêu năm, từ tướng mạo Thiện Trang đã thay đổi, từ trí huệ Thiện Trang đã thay đổi, mọi thứ buông xả. Thiện Trang đã thay đổi rất nhiều, đó là nhờ bao nhiêu năm qua đã từng học ở trong này, thâm nhập trong này, và từ từ do căn tánh mình cũng độn căn, không phải thượng căn. Độn căn là chậm chạp, chậm chạp nên phải sửa từ từ, không phải một nghe ngàn ngộ, không như Lục tổ Đại sư Huệ Năng được, nên phải cần bao nhiêu năm. Nếu quý vị theo dõi bài giảng của Thiện Trang, từ khi bước ra giảng đến giờ, qua mấy năm trời quý vị thấy Thiện Trang bây giờ thay đổi rất nhiều.

Thiện Trang cũng có sự thay đổi của Thiện Trang, quý vị cứ nhìn đó, mình bước theo con đường này thì mình sẽ có được lợi ích. Và những đồng tu theo Thiện Trang thật thà, nghe lời, thật làm, làm đúng như vậy, không có chống trái, v.v… cứ tu, quý vị cũng đón được rất nhiều lợi ích đúng không quý vị? Vì đây là giáo pháp của Như Lai chứ không phải của Thiện Trang. Thiện Trang chỉ trình bày lại giáo pháp của Như Lai. Giáo pháp của Như Lai giống như hương thơm, những người ngửi được mùi thơm đó, Thiện Trang đốt hương lên Thiện Trang cũng được thơm lây v.v…. tất cả mọi thứ đều thành tựu.

Vậy nên chúng ta cứ yên tâm học [bộ Luận] này. Cố gắng học, học càng nhiều càng đã, càng thông suốt và học đến lúc nào áp dụng tâm thanh tịnh. Đến lúc nào tự nhiên mình đắc quả, duyên đủ là đắc quả. Giống như giọt nước trong ly đến lúc đầy sẽ đắc quả. Trong hoàn cảnh tới rồi là duyên nào đó sẽ đắc quả. Quý vị đừng lo, nếu còn thấy cầu đắc quả, còn mong đắc quả thì tâm mong đó, cái dục đó khiến cho quý vị không đắc quả. Và mình tu mình phải xả hết tất cả. Đây là Thiện Trang chia sẻ toàn pháp hành. Bây giờ trở lại [chúng ta] gắng học hết nửa bài kệ này.

#*Tịnh vị Vô lậu:* tức là trong chữ tịnh huệ, thì tịnh là Vô lậu; #Vô lậu là trí huệ giải thoát, Vô lậu là không còn rò rỉ nữa. Ở ngôn ngữ phiên dịch, dùng chữ Vô lậu giống như ly (tách) trà đựng trà, nếu nó bị rò rỉ, bị nứt, bị bể thì rót nước vô bao nhiêu nó chảy hết bấy nhiêu. Đó không gọi là Vô lậu mà gọi là Lậu;

#Lậu tức là rò rỉ. Vậy trí huệ này gọi là tịnh huệ, tức là trí huệ này phải không bị rò rỉ, không có phiền não, đây là trí huệ của bậc Thánh nên gọi là tịnh huệ. Chữ tịnh này chính là Vô lậu.

#*Tịnh huệ quyến thuộc danh viết tùy hành:* ở đây ai học chữ Hán đều biết, chữ tịnh huệ là một danh từ, chữ quyến thuộc là một danh từ. Đây là cấu trúc A chi B rất quen thuộc, chữ chi ở giữa bỏ đi, mình dịch lại là quyến thuộc của tịnh huệ gọi là tùy hành. Giải thích câu kệ trên tùy hành là gì đó. Tức là quyến thuộc của tịnh huệ, tịnh huệ là trí huệ Vô lậu. Trí huệ Vô lậu tự nhiên có nhiều điều sinh ra đi kèm với nó gọi là quyến thuộc của nó, gọi là tùy hành.

Giống như bây giờ quý vị có trí huệ, ngày nào quý vị tu đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn thì tự nhiên quý vị có trí huệ giải thoát. Tự nhiên quý vị có những năng lực đó là biết pháp nào thật, pháp nào chính xác. Từ đó về sau quý vị không bị bất cứ thế lực ngoại đạo nào, không bị bất cứ trường phái lý thuyết nào lôi kéo quý vị đi theo được. Nghĩa là quý vị có niềm tin bất động đối với Tam Bảo Phật Pháp Tăng và Thánh giới. Quý vị thà chết cũng giữ giới, dù người ta có chẻ quý vị ra cả trăm mảnh, thì người đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn cũng không bỏ đạo, người ta sẵn sàng theo đạo không bao giờ bỏ. Đức Phật có đưa ra dấu hiệu của người đắc Sơ quả, để lúc nào đó trong bộ này hoặc bộ giảng khác Thiện Trang sẽ đưa ra. Chắc bộ này không cần đưa ra, vì trong bộ này có đầy đủ hết nên không cần, nhưng bộ khác có thể đưa ra.

Như vậy tịnh huệ chính là trí huệ Vô lậu và những quyến thuộc của trí huệ Vô lậu gọi là tùy hành.

#*Như thị tổng thuyết Vô lậu Ngũ uẩn danh vi Đối Pháp:* Như vậy nói chung về những Vô lậu và Ngũ uẩn gọi là Đối Pháp.

Trong bộ Luận này nói tóm lại về trí huệ Vô lậu, về những quyến thuộc, và về Ngũ uẩn là thân thể chúng ta Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức gọi là Đối Pháp. #Đối Pháp tức là pháp chính xác của pháp chân thật hoặc pháp để đối trị căn cơ chúng sanh.

#*Thử tắc Thắng nghĩa A Tỳ Đạt Ma:* đây là ý nghĩa thù thắng của A Tỳ Đạt Ma. Tức là bộ Luận này tên A Tỳ Đạt Ma thì chữ A Tỳ Đạt Ma chính là nghĩa này. Trong bộ Luận này nói về trí tuệ Vô lậu, về Ngũ uẩn, nói tóm lại là chỉ nói bấy nhiêu đó thôi. Mà nói làm sao để đạt được kết quả thì đó là Đối Pháp và đó là

ý nghĩa quan trọng, ý nghĩa lớn nhất của chữ A Tỳ Đạt Ma. A Tỳ chúng ta đã dịch rồi là không có gì bằng, còn Đạt Ma là pháp.

#Nhược thuyết Thế tục A Tỳ Đạt Ma, tức năng đắc thử chư huệ cập luận: nếu nói về Thế tục, nói về nghĩa đơn giản theo bình thường, thì chữ A Tỳ Đạt Ma chính là có thể đắc được những trí huệ này và luận. Chữ #luận này có nhiều ý nghĩa, trí huệ đây là trí huệ Vô lậu mình sẽ đắc được. A Tỳ Đạt Ma mình nói đơn giản là mình học bộ Luận này thì mình đắc được trí huệ, và luận này có nghĩa là mình có khả năng. Chữ luận này Thiện Trang có chú giải ở đây, có thể hiểu là kiến thức của Luận này hoặc là trí huệ của Luận này, và khả năng biện luận, khả năng luận xét các pháp.

Có nghĩa là cứ học qua bộ Luận này thì quý vị ngoài được trí huệ Vô lậu ra, quý vị có khả năng hiểu được bộ Luận này, có thể phân biệt được các pháp đâu đúng đâu sai, đâu tà đâu chánh, đâu là pháp nào cần tu, v.v… Quý vị biện luận được hết tất cả thì gọi là luận, quý vị sẽ đắc được điều này.

Tạm dịch: Luận nói rằng: huệ là Trạch pháp, tịnh là Vô lậu, những quyến thuộc của tịnh huệ gọi là tùy hành. Như vậy nói chung về Vô lậu Ngũ uẩn (Ngũ uẩn hồi nãy Thiện Trang đã nói rồi) gọi là Đối Pháp, đây chính là Thắng nghĩa A Tỳ Đạt Ma. Nếu nói về Thế tục thì A Tỳ Đạt Ma, chính là có thể đắc được các trí huệ và luận.

慧謂得此有漏。修慧、思聞生得慧及隨行。論謂傳生無漏慧教。此諸慧論是彼資糧，故亦得名阿毘達磨。

Huệ vị đắc thử Hữu lậu. Tu huệ, tư văn sanh đắc huệ cập tùy hành. Luận Vị truyền sanh Vô lậu huệ giáo. Thử chư huệ luận thị bỉ tư lương, cố diệc đắc danh A Tỳ Đạt Ma.

Giải:

#Huệ vị đắc thử Hữu lậu: tức là huệ đạt được Luận Hữu lậu này. Nói đơn giản là Luận này vẫn là Luận Hữu Lậu thôi, nó chưa đạt được. Nếu trí huệ mình học bộ Luận này, mình có khả năng một chút, có trí huệ mà chưa giải thoát, thì đó gọi là Luận. Mình đạt được Luận Hữu lậu này thôi nhưng chưa đủ, mình

phải tu tiếp.

#Tu huệ, tư văn sanh đắc huệ cập tùy hành: tức là sau khi mình học bộ Luận này, mình đắc được bộ Luận Hữu lậu thôi. Tuy nhiên nếu mình tiếp tục tu huệ này, rồi mình tư duy, rồi mình nghe được; #văn là văn tư tu, thì mình sanh ra được trí huệ giải thoát và những công dụng, những điều đi theo với trí huệ giải thoát đó.

Tức là mình học bộ Luận này mới đầu mình học trên hình thức, hình tướng, nhưng dần dần mình sẽ thành tựu được những trí huệ giải thoát và những công dụng, những điều đi kèm theo.

 # Luận vị truyền sanh Vô lậu huệ giáo: tức là bộ Luận này dạy cho chúng ta sinh ra được giáo pháp trí huệ Vô lậu. Luận này không phải là Luận thường đâu.

#Thử chư huệ luận thị bỉ tư lương, cố diệc đắc danh A Tỳ Đạt Ma: chữ #luận này là học thuyết, những học thuyết về trí huệ này là tư lương của giáo pháp trí huệ Vô lậu; #bỉ là giáo pháp trí huệ Vô lậu, chữ bỉ này thay cho đoạn đằng trước. Nên cũng được gọi là A Tỳ Đạt Ma.

Giải thích đơn giản là quý vị học được những điều trong nội dung trong Luận này, quý vị hiểu được giáo pháp này thì đó là hành trang; #tư lương tức là hành trang, quý vị đi ra đường đem theo những gì. Đây cũng vậy, mình học điều này mình có những hành trang, có những dụng cụ, giống như đi ra đường đi du lịch mình phải mang giấy tờ, mang theo tiền v.v… Đây cũng vậy, mình học [bộ Luận] này để có những hành trang giúp cho mình đi trên con đường giải thoát, nên bộ Luận này cũng gọi là A Tỳ Đạt Ma là lý do như vậy.

Tạm dịch: Huệ là đạt được [Luận] Hữu lậu này. [Rồi] tu huệ, tư duy, văn thì sanh được trí huệ và những tùy hành. Luận [này] dạy cho sinh ra giáo pháp trí huệ Vô lậu. Những học thuyết trí huệ này là tư lương của giáo pháp trí huệ Vô lậu, nên cũng được gọi là A Tỳ Đạt Ma.

Do ngôn ngữ của ngài Huyền Trang hơi khó chịu, nên dịch ra Thiện Trang cố gắng dịch rõ nhất rồi, nhưng khả năng của Thiện Trang cũng có hạn nên Thiện Trang dịch cũng chỉ thế thôi. Bây giờ thêm nhiều chữ quá cũng không nên. Cho nên là không có thêm bao nhiêu chữ vậy nên hơi khó hiểu,

nhưng nhờ có lời giảng là quý vị nghe hiểu được. Thiện Trang cố gắng giải thích hết câu này là hết rồi bữa sau mình học tiếp.

釋此名者，能持自相故名為法。若勝義法唯是涅槃，若法相法通四聖諦，此能對向或能對觀，故稱對法。已釋對法。何故此論名對法藏？頌曰：

Thích thử danh giả, năng trì tự tướng cố danh vi Pháp. Nhược Thắng nghĩa pháp duy thị Niết-Bàn, nhược Pháp tướng pháp thông Tứ thánh đế, thử năng đối hướng hoặc năng đối quán, cố xưng Đối Pháp. Dĩ thích Đối Pháp. Hà cố thử Luận danh Đối Pháp Tạng? Tụng viết:

Giải:

#*Thích thử danh giả*: tức là giải thích về tên của bộ Luận này.

#*Năng trì tự tướng cố danh vi Pháp*: tức là có thể giữ gìn được tự tướng tức là tướng của nó, cho nên gọi là Pháp.

Ý nghĩa này trong Duy Thức lúc nào cũng có câu: "năng trì tự tướng cố danh vi Pháp". Nghĩa là một vật nào đó, Pháp nào đó, ví dụ chúng ta nói cây bút. Bây giờ ai cũng lớn tuổi cũng đã qua trường lớp hết rồi, nói cầm cây bút thì ai cũng hiểu được cây bút có nghĩa là nó tác dụng để ghi chép, để viết xuống. Cây bút này mình chỉ cần vặn một cái là viết, ký tên đồ đó.

Tại sao gọi là bút? Có nghĩa là tên của cây bút là một pháp, nó giữ được tự tướng của cây bút này là tác dụng ghi chép. Cho nên cây bút này thực tế không phải là cây bút, mà do người đời quy định là cây bút. Ở nước mình thì gọi là bút, còn tiếng Anh gọi là pen v.v... mỗi tiếng khác nhau. Nhưng mọi người đều hiểu đó là tác dụng của nó là gì khi nhắc tới tên của nó. Cho nên đó gọi là nó có "năng trì tự tướng", tức là nhờ cái tên đó thôi, nhưng nó giữ được cái hiểu, giúp cho chúng sanh giải mã ra tác dụng của nó là gì, đó gọi là Pháp.

Cho nên bậc giải thoát người ta không chấp tướng, người ta không chấp danh, mà người ta hiểu được công dụng của nó. Có nghĩa là ở đây chúng ta chấp trước, chúng ta nói đây là cây bút. Có người nào đó ví dụ người ta không biết tiếng Anh, một đứa nhỏ đi học ở trường trung tâm tiếng Anh về nói: Đây

không phải cái bút đâu mẹ ơi, cái này là pen, pen chứ không phải là bút mẹ ơi. Người mẹ nói: Con nói tầm bậy (mẹ không biết tiếng Anh), con nói sai rồi, đây là cây bút. Hai mẹ con cãi nhau.

Tức là chúng sanh dễ bị chấp vào cái danh, chứ không hiểu bản chất là cây bút này tên đó là người ta đặt ra để giả danh, giả lập để hiểu được tự tướng của nó, tác dụng của nó. Tác dụng thực tế của cây bút này là để ghi chép. Hai mẹ con chỉ cần nói tóm lại cái này tên gì cũng được, nhưng tác dụng nó để làm gì thì hai người sẽ tìm được điểm tương đồng.

Cho nên bậc giải thoát bậc Thánh, các ngài không chấp tướng danh tự này, không quan trọng danh từ này là cái gì, mà quan trọng tác dụng của nó là gì, và chúng sanh gọi như nào thì [các ngài] gọi như thế đấy. Điều này quý vị liên hệ đến ngài Minh Tuệ, quý vị thấy ngài đắp y Ca sa, gọi là Ca sa nhưng khi mình đắp vải đủ màu kiểu gì đó thì có video người ta hỏi ngài: *"Cái này có phải là cái y không, cái Ca sa không?".* Ngài nói: *"Ai muốn gọi y thì y, ai muốn gọi cái mảnh vải thì gọi mảnh vải, ai mà gọi Ca sa thì gọi Ca sa"*.

Có nghĩa là chúng sanh muốn gọi cái gì là gọi, nhưng quan trọng tác dụng của nó. Bậc Thánh người ta hiểu tác dụng của nó là đắp lên mình để che người, để giúp cho đỡ nóng, đỡ lạnh v.v… và cái đó là y để chúng sanh biết đây là người tu hành, vậy thôi. Tác dụng [của] nó như vậy, chứ còn lại không quan trọng Ca sa hay không Ca sa, anh muốn gọi cái gì thì anh gọi. Nên bậc Thánh người ta đơn giản hơn mình, có nghĩa là bậc giác ngộ, bậc Thánh các ngài không chấp tướng danh từ, không chấp tướng gì hết, cho nên gọi kiểu gì cũng được, nói sao cũng được, nói A nói B nói kiểu gì cũng được. Nói Cà sa thì Cà sa, nói Ca sa cũng được, nói y cũng được, nói mảnh vải cũng được, nói cái giẻ rách cũng được, cái gì cũng được, nhưng tác dụng không thay đổi.

Các ngài lấy cái tác dụng làm Pháp, cho nên năng trì tự tướng là như vậy. Nên bậc Thánh người ta đơn giản, người ta không bị dính vào những Tâm sở hơn thua nữa, tại sao? Bởi vì chúng ta phải chấp trước, cái này gọi là cây bút hoặc cái áo đó phải là cái y mới được. Còn người khác nói: *"Thầy ơi, bữa nay thầy mặc cái áo gì kì vậy?"*. Mình kêu: *"Tui mặc Ca sa mà, đâu mặc áo đâu".* Như vậy là bị chấp trước rồi.

Chúng sanh bị chấp trước vì vậy bị dính vào. Cho nên tại sao ngài Minh

Tuệ sau này ngài dùng ruột nồi cơm điện bưng đi khất thực. Tại vì ngài biết ý nghĩa của bình bát là để bưng đựng đồ ăn đi khất thực nhận cúng dường, nên bưng cái gì cũng được, bưng cái xô cũng được. Cái xô sơn đầu tiên nặng quá mà không được vệ sinh cho lắm, còn ruột nồi cơm điện thì gọn, đẹp và phù hợp hơn. Quý vị coi phỏng vấn có người nói mới đầu ngài bưng cái ruột nồi cơm điện mỏng quá bị móp, cho nên lựa cái ruột nồi cơm phải dày…

Có nghĩa là quan trọng là chất lượng của nó, quan trọng là tác dụng của cái đó. Đấy là bậc giải thoát giác ngộ, họ nhìn đời theo góc nhìn đó, cho nên họ không chấp trước. Còn chúng sanh thì phải đắp màu y này thì tôi mới là Tỳ-kheo, phải bưng cái bình bát như vậy mới giống là thật. Cho nên đồng tu Tịnh Độ mới nói: Thầy phải đắp y này để cho giống y của Hòa thượng Tịnh Không, thế này thế kia... toàn là chấp trước. Quý vị biết thật chất mới là quan trọng.

Cho nên khi nào quý vị học đến đến Tâm sở, tức là Tâm sở của bậc Thánh đơn giản lắm, các ngài không bị vướng những cái đó, mà quan trọng thấy được cái này có tác dụng gì và biết chúng sanh gọi cái gì thì mình gọi theo cái đó. Cho nên đến khi giác ngộ rồi, người giác ngộ không chấp trước. Quý vị tu Thiền thì họ nói tu Thiền tốt lắm, thù thắng lắm. Tu Tịnh Độ hả? Đúng rồi, môn này thù thắng lắm đó, tu Tịnh Độ tốt đấy, con đường tu Tịnh Độ tốt đẹp lắm. Rồi tu Vipassana, tu Vipassana chánh niệm tốt lắm… cái nào cũng tốt.

Vì sao? Vì các ngài đến cảnh giới đó rồi là các ngài không phân biệt, không chấp trước nữa. Còn chúng sanh cái gì theo mình thì mới đúng, cái gì không theo mình thì sai. Cho nên Thiện Trang có câu hỏi này đối với đồng tu Tịnh Độ: Nếu ngài Minh Tuệ nói không có Tịnh Độ thì quý vị có tin ngài không? Nếu ngài nói tu Tịnh Độ, niệm Phật không vãng sanh thì quý vị có tin không? Chắc không tin! Nhưng tất nhiên là không có chuyện đó, bởi vì người giác ngộ rồi thì không bao giờ có chuyện đó. Người chưa giác ngộ, họ chưa thông cho nên họ mới phân biệt nào là Thiền Nam truyền, Thiền Bắc truyền, Thiền chỉ, Thiền quán, Tịnh Độ v.v… thế này thế kia đủ các kiểu. Còn người giác ngộ rồi thì chúng sanh là do duyên. Do duyên là thế nào? Quý vị có hiểu không?

Hồi xưa Thiện Trang cũng chấp trước lắm, bây giờ thì tuỳ duyên, ai tu

gì thì tu, tại vì sao? Điều thứ Nhất, tu hành đời này quý vị đa số là do duyên, duyên quý vị đến môn nào trước thì quý vị tu môn đó trước. Và do duyên đời trước mạnh môn nào thì cuối cùng kéo quý vị chạy qua môn đó lại, đấy là duyên. Không phải mình cố gắng, mình bắt buộc mà được. Mình có ràng buộc cho đã mà người đó căn tánh họ không phải môn đó rồi thì họ cũng chạy về môn khác thôi. [Đấy là do] căn tánh, duyên của mình, người giác ngộ họ thấy vậy. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai, nếu bạn đi nhầm môn của bạn rồi, môn của quý vị là môn Vipassana, mà bây giờ quý vị rớt vô niệm Phật rồi khiến quý vị tu không đắc, không thành tựu cũng không sao. Bởi vì người tu có nhiều đời, đời này quý vị tu không vãng sanh, cũng có bao nhiêu người vãng sanh đâu, có nhiều người không vãng sanh mà, thì đời sau lại tu tiếp. Chuyển qua, xoay qua xoay lại bình thường, quý vị chấp trước quá các ngài nói: Thôi con đừng có tu môn đó. Còn người đáng lẽ căn tu Tịnh Độ thành tựu mà do họ rớt vào đó cũng vậy, thôi kệ bỏ qua một đời, hoặc đời này họ thật tu, họ tu hành tốt thì đời này họ trồng căn lành rồi đời sau duyên từ từ tới. Phật Bồ-tát thấy tất cả miễn quý vị tu là được, tu môn nào cũng trồng căn lành, cũng vun bồi thiện căn cho quý vị lên tầng mới, và khi thiện căn đủ rồi, lúc đó quý vị thành tựu.

Khi nào các ngài quán căn cơ, Phật Bồ-tát quán căn cơ biết vô lượng kiếp quá khứ của quý vị, biết quý vị tu bao nhiêu, tới bao nhiêu rồi, thấy đời này là thằng đó ra đời ở ngôi nhà đó, nó như vậy đó, đến năm đó là nó đủ, bây giờ mình chỉ điểm cho nó chút nữa là chứng quả. Thì thôi cho nó thấy đời vô thường, gia trì thêm một chút, chư thiên xuống đóng vai thế nào đó, cho nó thất tình, cho nó thấy đời vô thường để nó bỏ nhà ra đi, sau đó nó lên núi lên non tu một hồi đủ rồi, đắc quả thành công.

Còn biết đứa đó tu kiểu gì đời này nó cũng chẳng đắc quả, nó đầu thai bằng tâm Vô nhân hoặc Nhị nhân, cho nên đời này nó tu được bao nhiêu thì tu, cũng gia trì cho nó tu để vun bồi căn lành. Mình hiểu được rồi thì mình không chấp trước gì hết, mình tu vui vẻ vô cùng, ai tu thế nào cũng được, ai tu kiểu gì cũng được, sao cũng được.

Cho nên quý vị thấy về sau Thiện Trang rất tùy thuận hơn là vì vậy, khi mình hiểu ra được rồi mình dễ dàng chấp nhận vui vẻ. Có người nói: Thầy ơi

sao Thầy đăng pháp của Pháp sư Nam truyền, tu Tiểu thừa phỉ báng Đại thừa mà thầy? Thiện Trang hay đăng bài của sư Hạnh Tuệ, tại vì mình thấy có những điều đúng thì đăng, còn có quan trọng đâu, ngài không tin Đại thừa kệ ngài, mình vẫn tin, đâu có ảnh hưởng gì. Tại vì duyên của mỗi người khác nhau, và thành tựu hay không là lấy cốt lõi, cho nên năng trì tự tướng cố danh vi Pháp là ý nghĩa như vậy. Nếu mà giải thích câu này ra thì hay lắm nhưng mà không có thời gian, nên chỉ giải thích như thế được rồi.

#*Nhược Thắng nghĩa pháp duy thị Niết-Bàn:* nếu xét về Thắng nghĩa của Pháp thì chỉ là Niết-Bàn. Tức là trong chữ Thắng nghĩa pháp ở trên này, thì chỉ có Niết-Bàn là Thắng nghĩa pháp thôi.

#*Nhược Pháp tướng pháp thông Tứ thánh đế:* nếu xét về Pháp tướng thì thông với Tứ thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bất cứ giáo pháp nào theo Pháp tướng đều phải nói về Tứ thánh đế. Nếu không có Tứ thánh đế thì coi như Pháp đó không phải là Phật pháp.

#*Thử năng đối hướng hoặc năng đối quán:* chữ #thử là pháp này, tức là bộ Luận này có thể đối hướng; #đối hướng tức là hướng về quả Niết-Bàn, tức là dạy cho chúng ta hướng về Niết-Bàn, tức là đắc Niết-Bàn; hoặc có thể đối quán; #đối quán tức là giúp cho mình có đề mục để quán chiếu. Mình tu thì phải tu quán mà.

#*Cố xưng Đối Pháp*: nên gọi là Đối pháp.

#*Dĩ thích Đối Pháp*: tức là đã giải thích về Đối Pháp rồi.

#*Hà cố thử Luận danh Đối Pháp Tạng? Tụng viết:* vì sao Luận này gọi là Đối Pháp Tạng, thì sẽ giải thích tiếp theo; #Tụng viết là bài kệ nói tiếp. Bài kệ của phần này bữa sau chúng ta sẽ nói tiếp.

Tạm dịch: Giải thích về tên của Luận này, có thể giữ gìn tự tướng nên gọi là Pháp. Nếu [xét về] Thắng nghĩa pháp thì chỉ là Niết-Bàn, còn nếu [xét về] Pháp tướng pháp thì thông với Tứ thánh đế, pháp này có thể Đối hướng[1] (tức là hướng về Niết-Bàn) hoặc có thể Đối quán, (tức là giúp cho mình quán tưởng như quán Vipassana hay quán niệm Phật v.v… những pháp quán của Thiền tông) nên gọi là Đối pháp[2]. Đã giải thích về Đối Pháp rồi. Còn vì sao Luận này được gọi là Đối Pháp Tạng? Kệ tụng rằng:

Ở đây còn giải thích chữ Đối quán. Đối quán thì dưới đây Thiện Trang có chú giải cho quý vị: #Đối quán tức là dùng trí huệ Vô lậu Thánh đạo để quán Lý của Tứ đế. Chữ này Thiện Trang viết nhầm ở trên ghi Đối Pháp, ở dưới lại ghi Đối quán nhỉ. Không sao, quý vị cứ hiểu Đối quán là được rồi.

Hôm nay chúng ta xin phép dừng ở đây, chúng ta sẽ gặp nhau vào bữa tiếp theo. Hôm nay chủ yếu là chia sẻ tâm đắc, khi nào giải thích bắt đầu vào các pháp Vô vi, bữa sau chắc vào nội dung Vô vi pháp, Hữu vi pháp rồi thì vào bộ Luận. Xin chia sẻ tới đây, hẹn quý vị vào bữa khác, tuần sau Thiện Trang nghỉ một tuần làm công tác phiên dịch, Thiện Trang cần có thời gian để nghỉ ngơi để làm phiên dịch nữa, giảng liên tục không có thời gian nên quý vị thông cảm. Tuần sau chúng ta sẽ nghỉ một tuần không giảng, tuần này chúng ta còn thứ Bảy giảng về Tịnh Độ.

A Mi Đà Phật! Hôm nay thời gian hết rồi, xin hẹn quý vị vào hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 4: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 4.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 10.07.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

LCX004- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Vi DIệu Pháp) - Phẩm Thứ 1 - Buổi 4|| Thích Thiện Trang

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Chúng ta đang theo dõi thời khóa trực tiếp. Hôm nay là chuyên đề về Luận Câu Xá, tựa đề là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, bên Đại thừa còn gọi là Duy Thức, bên Nam truyền gọi là Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đàm). Chúng ta học qua ba buổi rồi, chắc quý vị đồng tu đều rất hoan hỷ, vì chúng ta được học một giáo pháp: Thứ nhất là rất thù thắng, đi sâu vào kinh điển, không có lòng vòng bên ngoài. Đồng thời cũng giúp cho chúng ta được rất nhiều lợi ích, trong việc tu tập, cũng như hiểu rõ đường lối tu tập, mình hiểu từ cảnh, từ tâm. Bộ này đáp ứng cho chúng ta được nhiệm vụ như thế, nên nếu như mình không học, là một sự lãng phí, uổng phí cả cuộc đời.

Trên đường tu đạo, đừng bao giờ chúng ta thỏa mãn với những gì mình đã có. Tại sao? Vì nếu mình thỏa mãn với những gì mình đã có, đã đắc, mình đã được (ngôn ngữ nhà Phật nói đắc thì cao, mình nói là đã có đã được), thì lúc đó mình không tiến lên được nữa. Mà đạo Bồ-đề không tiến thì ắt lùi. Đó là lý do mình phải cố gắng học, những điều gì mình chưa học, cần phải làm cho sáng tỏ. Đến địa vị A-la-hán mới gọi là Vô học.

Một điều nữa, nếu tu học mà không nắm rõ giáo lý, thì đường tu học có thể

bị sai lầm, vì có thể đi lạc đường. Bởi vì chân lý thì chỉ có một, nhưng những điều tương tự với chân lý thì có nhiều. Giống như đồ thật, thì chỉ có một thôi, một hãng đó chỉ có một thôi, nhưng hàng nhái thì nhiều. Cho nên nếu mình không có tri kiến chính xác, mình không có nền tảng giáo lý căn bản, thì rất có thể mình sẽ đi lạc đường. Vì mình cho những điều không chân lý trở thành chân lý.

Một người học Phật với tâm cầu giải thoát giác ngộ, thì nên học giáo lý. Quý vị nên nhớ, chúng ta tu phải hiểu, hiểu thì mới tu. Tu nhân như thế nào, thì sẽ quả như thế ấy. Quý vị thấy đọc trong kinh tạng, có những vị đắc quả rất tuyệt vời, vào xuất gia tu hành, tướng tá ngon lành, nhà gia đình quyền quý. Vô xuất gia với Phật một thời gian, đắc quả A-la-hán, rồi còn đi hoằng pháp lợi sanh, đến cuối đời mới nhập Niết-Bàn. Còn có những vị đắc quả một cách cũng rất vất vả, tu trên rừng, trên núi bao nhiêu, trồi lên tụt xuống, cuối cùng cũng không có đắc quả, thậm chí đắc quả cũng rất gay go.

Ví dụ trong Kinh Tạp A Hàm, Thiện Trang nhớ Kinh số 995 thì phải. Có một vị Tỳ-kheo, lên trong rừng vắng trên núi để tu, thì ngài đắc được Ý giải thoát (Tâm giải thoát). Sau này chúng ta học trong Luận Câu Xá này, quý vị biết là có hai điều: Tuệ giải thoát và Tâm giải thoát. Nếu mà chỉ có Tâm giải thoát thôi, dù địa vị A-la-hán đi chăng nữa, thì vẫn có thể bị thoái chuyển.

Vị Tỳ-kheo đó, hình như Cù Ba Lê hay Cù Lê Ba gì đó, Thiện Trang quên tên rồi, sáu lần như vậy, tức là cứ vô tới được Tâm giải thoát xong lại thoái chuyển, vô tới được Tâm giải thoát xong lại thoái chuyển. Cho nên [vị ấy] nghĩ mình không nên như thế, mình phải có cách nào đó, để mình không bị thoái chuyển nữa. Tại vì mới chứng được Tâm giải thoát, chưa chứng được Huệ giải thoát, cho nên chưa dứt hết được Phiền não, gặp nghịch duyên hay thế nào đó [thì] vẫn thoái chuyển. Mai mốt chúng ta học trong Luận Câu Xá, nói rất rõ điều này.

Ngài ấy mới nghĩ ra cách: là thôi mình cầm dao tự sát đi. Đang lúc Tâm giải thoát này, là cầm dao đâm tự sát để không bị thoái chuyển nữa, tại vì thoái chuyển tới sáu lần rồi. Đang nghĩ tới lúc đó thì Ma vương Ba Tuần thấy được như vậy, nên mới xuống. Vì thấy người này tính ra khỏi Tam giới, bây giờ nếu tự sát là

nhập Niết-Bàn mất, ra khỏi vùng Tam giới ông quản lý. Nên Ma vương Ba Tuần xuống nói đừng có đâm. Không nói được, [Ma vương] mới tới hiện thân trước đức Phật nói rằng: *"Đệ tử của ông ở núi đó, bây giờ đang tính tự sát, ông hãy ngăn lại đi, chứ không ông đó tự sát"*. Nhưng mà đức Phật nói không. Hai bên đối đáp bằng bài kệ. Ý là đức Phật nói không cần thiết. Sau đó Ma vương tất nhiên bỏ đi.

Đức Phật nói: *"Chúng ta hãy đến núi đó, để xem vị Tỳ-kheo đó thế nào".* Các vị Tỳ-kheo cùng đi với đức Phật, tới thì thấy vị Tỳ-kheo đó đã nằm gục chết rồi, tại vì tự sát. Đức Phật nói: "*Các ông có nhìn thấy khói đen bay ngun ngút khắp nơi không? Đó chính là Ma vương Ba Tuần, đang tìm thử coi thần thức của vị Tỳ-kheo đó đi về hướng nào. Nhưng mà không thể tìm được, bởi vì vị ấy đã nhập Niết-Bàn"*. Quý vị thấy rất là hay như vậy.

Quý vị thấy không, chúng ta học không rõ, thì chúng ta tưởng A-la-hán chỉ có một vị trí thôi, nhưng thực tế có Tâm giải thoát và Huệ giải thoát. Mà Tâm giải thoát thì vẫn có thể thoái chuyển, phải có Huệ giải thoát nữa. Mai mốt chúng ta học Luận Câu Xá, tới địa vị A-la-hán rồi quý vị sẽ thấy.

Chúng ta giới thiệu như vậy, để quý vị biết một câu chuyện. Còn câu chuyện khác nữa, đắc quả cũng thê thảm lắm. Thời đức Phật, có vị Tỳ-kheo sau khi xuất gia với Tăng đoàn, bữa đó đi khất thực thì bị quan quân rượt đuổi bắt, cứ tưởng là ăn trộm. Tại vì vị này giống một vị khác, nên [bị] rượt đuổi theo, và [bị] lấy cái giáo đâm xuyên người từ dưới lên trên, treo lên. Đang lúc hấp hối thì đức Phật biết, cho nên đức Phật mới hiện thân ở trước mặt, thuyết nhanh cho một bài pháp. Vị đó đắc quả A-la-hán, kịp nhập Niết-Bàn.

Sau đó đức Phật trở về, [Ngài] kể câu chuyện đó với các Đệ tử. Các Đệ tử nói: *"Tại sao vị này có nhân quả gì, mà đắc quả thê thảm như vậy? Tại sao đến lúc cuối đời, bị người ta đâm từ dưới đâm lên, xuyên người, treo lên như vậy rồi, mà đức Như Lai thuyết pháp để đắc quả A-la-hán?".* Đức Phật nói: "V*ị này do đời quá khứ có một nghiệp, là lấy cây tăm đâm xuyên qua con ruồi, treo lên, xâu xâu vậy đó. Nên đời này quả báo đó tới, khiến bị người ta đâm cây giáo xuyên người như vậy*''. Quý vị thấy ghê không!

Nên mình ở trong vòng sanh tử, có nhiều vấn đề lắm quý vị, nhiều nghiệp chướng, nhiều nạn lắm. Mình đâu biết mình đã tạo bao nhiêu nghiệp. Mà theo trong giáo lý này, mỗi lần một sát-na tâm tạo ra một nghiệp, nó xếp hàng đợi, xếp hàng, xếp hàng, cho đến khi tới dòng nghiệp đó, nó chạy một mạch vô.

Cho nên người tu hành là gì? Tu là chuyển nghiệp. Chuyển nghiệp là mình phải tạo ra những nghiệp khác, để lấn át nghiệp đó đi. Tức là đáng lẽ chúng ta có một nghiệp, sẽ trổ vào năm 2027 đối với mình, nghiệp đó là nghiệp ác. Nhưng nếu như mình tu tốt, mình sẽ có một nghiệp khác đủ mạnh lấn vào, chen vào. Nó mạnh hơn nghiệp kia, để nó trổ ra trước, còn nghiệp kia bị đẩy ra đằng sau. Thậm chí mình nhiều nghiệp mạnh nữa, nó đẩy đẩy dần ra, thì mình kịp có thể đắc quả giải thoát, hoặc mình ra khỏi sanh tử. Giống như những ai tu Tịnh Độ, thì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ trước khi nghiệp đó đến.

Tu hành là như vậy, mai mốt chúng ta học vào phần Nghiệp rồi, quý vị sẽ thấy rất rõ, trong mỗi sát-na tâm, chúng ta tạo ra những tâm nào. Ví dụ hôm trước chúng ta học tâm đầu thai Tam nhân, tâm đầu thai Nhị nhân, tâm đầu thai Vô nhân. Trong sát-na tâm tạo ra như vậy, và tạo quả nghiệp như thế nào. Mình học, mình hiểu rõ như vậy, thì mình sẽ biết cách tu. Chứ mình cứ nói tạo nghiệp, tạo nghiệp như thế nào, đâu có rõ, rồi cứ dễ vui theo ngày tháng. Còn nếu như mình hiểu rõ như vậy, cứ mỗi sát-na tâm đều tạo ra những tâm đầu thai, và tạo ra nghiệp. Cứ như vậy, như vậy, một mớ ở trong đó. Vì vậy mình rất chú ý, để ý đến từng giây phút trong đời, gọi là lúc nào cũng biết tu hết.

Tu không phải vô chùa mới tu, không phải vô thời khóa mới tu. Đó là người chưa hiểu giáo lý. Người hiểu giáo lý là mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm, lúc nào cũng tu. Bởi vì sao? Lúc nào quý vị tác ý, gọi là khởi tâm động niệm với tâm lành, tâm thiện, đó là đang tu. Nếu như lúc nào mình khởi tâm ác, tâm vui, tâm buồn, tâm gì đó xấu, thì đó cũng là tu, nhưng tu vô đường ác, không phải tu vô đường thiện đường lành. Phải luôn luôn [quán] như vậy. Cho nên người biết tu hành là tu trong mọi lúc mọi nơi, ở nơi đâu cũng là vô lượng công đức, nơi nào cũng được tu hết.

Cho nên người biết tu là vô phòng vệ sinh, đang ngồi vệ sinh cũng tu. Bởi vì phải chánh niệm rõ ràng, lỡ hôi cũng không ghét cái mùi ở trong đó. Không được ưa thích, cũng không được chán ghét, mà phải giữ tâm chánh niệm, thấy rõ Thật tướng các pháp. Lúc đó nếu ai mà dùng quán Tứ niệm xứ, thì phải quán thân thể này dơ bẩn, thọ cảm nhận trên thân, và ta chán ngán với thân này, ta muốn cầu giải thoát. Ai tu Tịnh Độ thì cầu thân kim cang bất hoại, "**thanh hư chi thân, vô cực chi thể**" ở Tây Phương Cực Lạc. Đó là lúc nào cũng tu, chứ không phải đến giờ lên tụng kinh, niệm Phật, tọa thiền mới tu. Đó là xưa, là dạy cho mấy người mới biết tu. Vậy mới biết là tu hành, chứ nhiều khi không biết tu, cứ tưởng lúc này mới tu.

Có một công án, hình như có một câu chuyện, có vị hỏi vị Thiền sư là: *"Phải tu lúc nào?".* Tức là việc làm phước, việc tu, cần vào lúc nào, khoảng thời gian nào, ở không gian nào và đối tượng nào? Vị Thiền sư trả lời rất đơn giản: *"Ở ngay lúc này!".* Tức là lúc nào cũng phải tu, ở ngay thời gian này, và ở ngay đối tượng nào ngay đây. Tức là lúc nào cũng là ngay đây, ngay đây tức là lúc nào cũng phải tu.

Cho nên đức Đạt Lai Lạt Ma có nói: *"Ở trong năm, có hai ngày mà mình không làm được việc gì cả. Đó là ngày hôm qua và ngày mai".* Vì ngày hôm qua đã qua rồi, còn ngày mai thì chưa tới. Cho nên mãi mãi là ngày hôm nay, là ngày mình đang tu, ngày mình đang làm việc. Người tu hành với tâm như vậy, trong Kinh A Hàm đức Phật có nói: Giống như một người gieo lúa, gieo hạt xuống, tưới nước, tưới phân, v.v… người đó mặc dù không nghĩ đến rằng: bao giờ lúa trổ bông, bao giờ lúa kết quả, mà không nghĩ tới mầm nảy nở thế nào. Nhưng mà hạt giống khi gieo xuống có nước đó, thì hạt lúa đã nảy mầm lớn lên. Cũng giống như con gà mẹ ấp trứng, nó không có ý nghĩ rằng: bao giờ sẽ mổ trứng gà để gà con chui ra, nhưng nó cứ ấp tới ấp lui. Và trong kinh đức Phật nói, ấp từ 10 đến 12 ngày, thì gà con tự nhiên biết mổ vỏ chui ra.

[Tu hành] cũng vậy, cứ tu đi, cứ lo giữ chánh niệm, tu đi. Người tu đúng, đức Phật nói là hãy tu 37 Phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát thánh Đạo phần. Cứ như vậy mà tu, thì giống như gà ấp trứng, đến lúc nào đó con gà con sẽ tự chui ra.

Cũng vậy, người cứ tu đúng như vậy, cứ 37 Phẩm trợ đạo đó mà tu, thì đến lúc nào đó, quả sẽ ra tức là đắc quả giải thoát thôi, chứ không có mong đợi. Vì quý vị mong đợi, là giống như gà mẹ mổ vỏ trứng sớm quá, làm gà con chết đó. Đó là trong kinh, đức Phật đưa ra những ví dụ như vậy. Cho nên tu hành là tu mọi lúc mọi nơi.

Còn có nhiều người không buông được thế gian, ở trong đời có nhiều điều, sẵn Thiện Trang chia sẻ một chút. Ví dụ như quý vị yêu người đó quá, mong đời sau gặp nhau nữa, hoặc là gặp người thân nữa. Không hẳn như vậy! Trong kinh nói, để gặp nhau nữa chúng ta phải có bốn điều tương đồng:

1. Điều thứ nhất là đức tin, là niềm tin. Niềm tin phải giống nhau thì mới được. Giống như ông chồng bây giờ không tu, [mà] vợ tu, là niềm tin khác nhau rồi, thì đời sau không gặp nhau được đâu.

2. Thứ hai là sự bố thí.

3. Thứ ba là giới hạnh, tức là hai người phải giữ giới như nhau. Ông chồng không giữ giới, bà vợ giữ giới, vậy là hai người đi về hai cảnh giới khác nhau. Một người giới cao, người giới thấp, là hai cảnh giới khác nhau rồi, sanh ra ở hai nơi khác nhau rồi.

4. Thứ tư là trí huệ, thì cũng tương đồng một chút, như vậy đời sau mới được gặp nhau nữa.

Trong nhân gian có câu nói: tựa như đàn chim sống trong rừng, đến khi đại hạn tới, phần con nào con nấy bay. Cho nên mình hiểu rồi, trong cuộc đời này đừng mong cầu gì hết. Đời này chúng ta gặp nhau, chắc gì đời sau chúng ta gặp nhau nữa, khó lắm! Mà một khi mất thân người rồi, thì ngàn kiếp khó tìm lại. Trong Kinh A Hàm, có mấy lần đức Phật đưa ra một ví dụ, là rùa mù trên biển.

Quý vị nhớ rùa mù mà trên biển, biển rộng 84.000 do-tuần, có một bọng cây trôi qua trôi lại, trôi nơi này nơi kia. Rồi đức Phật hỏi ngài A Nan: *“Liệu con rùa với bọng cây có gặp nhau hay không, biển lớn như vậy?”*. Ngài A Nan nói: ‘*“Khó lắm! Tại con rùa ở phía Đông, thì bọng cây ở phía Tây, cho dù gần nhau nữa cũng*

khó''. Đức Phật nói: *"Cũng vậy, một trăm năm con rùa nổi lên mặt nước một lần, đớp một hớp rồi lại xuống. Như vậy nếu mất thân người, mà trở lại được cũng khó như vậy''*. Vì trong kinh cũng nói, khi chúng ta đọa lạc xuống, nhiều khi xuống loại thấp quá là lên không nổi.

Ví dụ quý vị vô loại sò, loại ốc nhỏ nhỏ ở dưới, là ngóc đầu lên không nổi đâu, quen rồi, lâu ngày lên nó đơ. Mình học theo giáo lý này kĩ lắm, nghiệp của nó là Thường nghiệp, nó sống quen như vậy rồi, phải đến một cơ duyên nào đó, để nó phát khởi chủng tử nghiệp trong đời quá khứ nào đó. Thì chủng tử lành mới kéo nó lên thoát ra được, còn không thì ở trong đó, lâu lắm. Cho nên một khi sa chân rồi thì ngàn kiếp hận, khó lắm! Nhân cơ hội đời này có thân người, gặp được Phật pháp, là một điều trân quý hy hữu khó gặp, đừng mê thế gian, ở thế gian có nhiều cái mê lắm. Ở đời, người ta hay nói sai lầm lớn nhất của đời người, là gặp một người mình cho là định mệnh, ý trung nhân, mình lấy về sau đó mới biết là oan gia, thì muộn màng rồi. Mình không biết được Thật tướng các pháp, tội lắm!

Đó là Thiện Trang chia sẻ một chút, Thiện Trang đã chia sẻ qua một số duyên rồi, [đó là]: Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Câu sanh duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, còn có giới thiệu sơ qua Cảnh duyên, Thiền duyên rồi. Thiền duyên là có Bảy chi thiền đó quý vị, [duyên đó] giúp cho mình tu Thiền gọi là Thiền duyên. Quý vị còn nhớ không? Mọi người hay có tính mau quên, nếu mà ở đời mau quên cũng là một việc tốt. Vì mau quên thì thường không rơi vào hạng người nhớ dai thù lâu. Nhưng trong Phật pháp mau quên thì không tốt.

Bảy chi thiền gồm có: Tầm, Tứ, Hỉ, Lạc, Định, Ưu, Xả. Bảy chi thiền giúp duyên cho tu Thiền, nên gọi là Thiền duyên. Có nghĩa là giúp quý vị đắc được các tầng Thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Nên Bảy chi thiền đó gọi là Thiền duyên, "thiền" chứ không phải "thuyền''. Ở Việt Nam khi ngồi thiền, tọa thiền, có người tới đốt đèn để ở trước mặt, kêu làm gì vậy, thì thiền rồi giờ có đèn nữa, đèn là đăng, [gọi là] "thiền đăng". Thiền đăng nói lái lại là thằng điên, người ta hay chọc nhau kiểu đó, mấy thầy đôi khi hay chơi trò đó.

Thiền duyên là Bảy chi thiền. Hôm nay Thiện Trang sẽ nói tác dụng của Năm

chi thiền.

1. Thứ nhất là Tâm sở Tầm. Quý vị nhớ Tầm, Tứ không? Bữa [trước] lấy ví dụ con ong, trong kinh đức Phật lấy ví dụ, Tầm giống như là tìm kiếm, chạy, con ong hướng về bông hoa, nó bay tới, đó gọi là Tầm. Còn Tứ là con ong bay quanh bông hoa đó.

Tâm sở Tầm là đối trị hôn thụy (tức là buồn ngủ). Người có Tâm sở Tầm mạnh, sẽ ít buồn ngủ hơn. Quý vị để ý đi, khi nào đang buồn ngủ, vậy chứ có chuyện gì mà quý vị phải chú ý, là hết buồn ngủ ngay. Tức là Tâm sở Tầm đối trị với buồn ngủ. Mình [đang] buồn ngủ lan man lan man, nhưng có chuyện gì đó, có tin nhắn thì giật mình, ví dụ người ta báo vô tin nhắn giả là mất bao nhiêu tiền rồi. Hoặc là đang buồn ngủ, ngủ gà ngủ gật, mà đứa con nó nhắn về *"Má ơi má! Con đi xe bị té rồi"*. Chưa biết bị té gì hết, nhưng mà giật mình, tỉnh giấc ngay. Đó là Tâm sở Tầm sẽ đối trị được hôn thụy (buồn ngủ).

2. Tâm sở Tứ thì đối trị sự nghi ngờ, hoài nghi. Quý vị để ý, đó là chi thiền.

3. Tâm sở Hỷ thì đối trị với tâm sân. Mình có hỷ thì không bị sân. Cho nên người chứng Sơ thiền, người ta phục sân, tức là ít sân hơn, lâu lâu khởi thôi chứ không thường xuyên, ít sân.

4. Tâm sở Lạc đối trị với trạo hối. Trạo hối là gì? Trạo hối là trạo cử và hối hận. Tức là người hay nghĩ lung tung rồi hối hận, chuyện đã qua rồi, nghĩ lúc đó sao không như vậy, hồi xưa tôi sao dại quá lấy ông đó, bao nhiêu người theo tôi tôi không lấy, bây giờ tôi lấy ông đó v.v… Cứ suy nghĩ mênh mang. Hoặc là chuyện hôm qua qua rồi, biết vậy hôm qua không làm như vậy, v.v… Đó là trạo hối. Hoặc là nhiều tư tưởng chạy lên. Thường là đa số nghĩ về chuyện quá khứ nhiều, và tất nhiên cũng có nghĩ về tương lai; #hối là hối hận; #trạo là trạo cử.

Quý vị nếu mà có niềm vui (Lạc), thì sẽ không có [Trạo hối]. Cho nên người tu hành đắc lực, là mình nhìn vào mấy chi thiền này thì biết ngay.

5. Còn một cái nữa là Định, Định là đối trị với tham dục. Có nghĩa là người có Định, thì người đó ít tham, hoặc nói là không tham. Cho nên mình nhìn vào đó

để mình tu, và cũng nhìn vào đó để biết công phu của mình tới đâu.

Xin nói lại lần nữa, nói lại từ đầu để quý vị nhớ. Thứ nhất Tâm sở Tầm đối trị với hôn thụy (buồn ngủ). Tâm sở Tứ đối trị với sự nghi ngờ. Tâm sơ Hỷ đối trị với sân. Tâm sở Lạc đối trị với trạo hối, và Tâm sở Định đối trị với tham dục.

Vậy một người nào có đắc Sơ thiền hay không, thì quý vị nhớ đắc được Bảy chi thiền mà không có, thì không có đắc Sơ thiền đâu. Mình phải học như vậy, chứ không vô ngồi thiền chút, hoặc niệm Phật ngồi định định an an chút, bắt đầu tưởng mình vô thiền. Thiền cái nỗi gì, đúng không! Cái đó là thiền đăng, chứ không phải Sơ thiền đâu. Quý vị còn nguyên [như cũ], mình đem mấy chi thiền đó ra, mình bửa ra là thấy rớt sạch.

Mình vẫn còn ngủ gục, mình vẫn còn nghi ngờ, mình vẫn còn sân, mình vẫn còn trạo hối, vẫn còn tham, như vậy mấy chi thiền rớt sạch rồi, lấy gì đâu đắc Sơ thiền quý vị. Không có! Cho nên mình phải học như vậy đó quý vị, không học như vậy làm sao tu. Không học mình vô [tu] thì cứ tưởng đắc, ngồi một hồi thấy gì đó mơ mơ tưởng xứ, gọi là nhập ngủ thiền, mơ mơ tưởng xứ. Trong nhà Phật nói Tứ thiền Phi Phi Tưởng Xứ, mình [là] ngủ thiền. Ngũ của người ta là ngũ dấu ngã, còn mình thì ngủ dấu hỏi. Rồi mơ mơ tưởng xứ, còn kia là Phi Phi Tưởng Xứ. Mơ mơ màng màng ở trong cái xứ, cái nơi chốn, mơ mơ màng màng.

Cho nên là phải tu, phải học, không học làm sao tu. Nhiều người nói: *"Con cần gì đâu, học chi cho nhiều thầy ơi! Học nhiều cũng vậy thôi"*. Như vậy Thiện Trang đã giới thiệu sơ qua thêm một [duyên] nữa, gọi là Thiền duyên. Thiền duyên là "duyên", Thiền duyên, duyên của thiền. Muốn có thiền phải để ý nhiều điều đó.

Bây giờ sẵn giới thiệu tiếp, rồi chúng ta hãy vào [phần] tiếp theo. Hôm bữa có người thắc mắc, tại vì có người đọc Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận, thì có Tâm sở gọi là Tác ý, và có Tâm sở chủ định (Tâm sở Tư). Tư là chủ định, chủ định một việc gì đó. [Tâm sở] Tư với Tác ý, thì có nhiều người không phân biệt được hai cái đó là thế nào. Thiện Trang xin đưa ra ví dụ này, là quý vị sẽ phân biệt được Tâm sở Tư và Tâm sở Tác ý.

Như trong Bách Pháp Minh Môn Luận có Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư. Chúng ta phải hiểu thế nào là Tác ý và thế nào là Tư. Tư là chủ đích của một hành động mà mình đưa ra mình làm. Thiện Trang lấy ví dụ, như chúng ta đóng đinh lên tường. Chủ định của chúng ta là đóng cái đinh đó để làm gì? Đóng cái đinh đó là để treo bức tranh Phật, [vậy] tâm mình là Tâm sở tốt. Hoặc là đóng cây đinh đó, để giăng cái dây qua, cho ăn trộm đi qua té chơi, gạt nó té, chứ lỡ tối nó ăn trộm rau hay gì đó. Ở bờ rào, mình để cái dây ngang dưới chân, đen đen nó không thấy, đi vô bị ngã, hoặc là đi vô gạt cái dây kêu báo động chơi. Đó gọi là chủ đích, chủ ý của mình. Đó gọi là Tâm sở Tư.

Còn Tác ý là gì? Khi quý vị đóng đinh, đóng đinh thì quý vị phải chú ý chớ, mình phải chú ý thì mình đóng mới được. Đóng cây đinh mới đúng chỗ đó, đóng cái búa cộc cộc cộc như vậy. Đó chính là Tâm sở Tác ý, quý vị hiểu không ạ? Rõ ràng hai cái khác nhau, không có giống nhau.

Giảng ra từng chi tiết từng chi tiết, tại vì chúng ta có nhiều món Tâm sở quá, không có thời gian để giảng, giảng từ từ. Mỗi ngày giảng một chút như vậy, quý vị có một nền tảng, rồi đến khi mình ráp vô thành một miếng bánh. Giống như mỗi ngày dạy cho quý vị, bữa nay đổ cái bánh sinh nhật khó quá, nhiều thứ quá, thôi bây giờ dạy làm bột trước, dạy khâu gọi là trang trí trước đi. Dạy từng khâu, từng khâu một, mỗi bữa dạy một khâu thôi. Dạy đến bữa nào đó, bữa nay đều nhuần nhuyễn các khâu đó rồi, đem vô làm một lúc hết các khâu luôn, là ra cái bánh.

Chúng ta học bộ A Tỳ Đàm này bằng cách đó, thì Thiện Trang nghĩ rằng ai cũng học được. Tại vì mình cứ học từ từ, từng mảng từng mảng lắp ráp lại, và mỗi lần học thì mình nhắc lại cái cũ. Ai đó nghe qua nghe lại, nghe hoài cũng nhớ, rồi chịu khó coi lại thì nhớ. Như vậy học rất là dễ. Quý vị thấy, tại vì nói lên đây là chúng ta học thêm một cái là Thiền duyên rồi.

Bây giờ Thiện Trang xin giới thiệu thêm tiếp theo là Đạo duyên. Đạo là con đường, thật ra [duyên] này bữa [trước] có nói cho quý vị rồi. Đạo là gì? Tức là ở trong mỗi sát-na tâm của mình, mình luôn luôn sống, là mình tạo ra một con đường hoặc vô số con đường, để mình đi về trong tương lai. Con đường đó được

tạo bằng cái gì?

Thứ nhất là khuynh hướng tâm lý của mình, mình thích cái gì, ghét cái gì, nặng về cái gì? Ví dụ như thích cái này, thích cái kia, hoặc là quý vị tạo ra nghiệp như thế nào, thì cái đó cứ tích lũy từ từ, mỗi lần giống như xây vẽ ngôi nhà tương lai của quý vị. Đó cũng là dẫn lối con đường đi về ngôi nhà, những ngôi nhà tương lai. Đến khi mình chết, mình cũng đi về những con đường đó, sanh vào nhà đó. Đó gọi là Đạo duyên. Đạo là con đường thôi. Như vậy Đạo duyên là hồi bữa mình đã học.

Cho nên mình biết rõ là mỗi suy nghĩ của mình, mỗi hành động của mình [là] đã kết, đóng góp vô một ngôi nhà nào đó, nó đang dẫn mình đi vào một con đường nào đó. Con đường ra khỏi sanh tử luân hồi, con đường Súc sanh, con đường lên cõi Trời, con đường trở lại cõi Người, v.v… Những con đường đó đang tạo ra bởi ý nghĩ, bởi hành động, bởi việc làm của mình, đó gọi là Đạo duyên, đơn giản vậy thôi.

Trong kinh Phật nói nghiệp đen thì cho quả đen, nghiệp trắng thì cho quả trắng, nghiệp đen trắng thì cho quả đen trắng, chứ không phải bù trừ với nhau. Nhiều người bây giờ giảng pháp, không có học kinh Phật [nên] nói *"sự bù trừ của nhân quả"*. Làm gì có nhân quả nào bù trừ. Quý vị nên nhớ, trong kinh Phật đức Phật lấy ví dụ, chúng ta lấy ví dụ, cho dù một hũ muối thật lớn, quý vị cho một muỗng đường vào, một muỗng đường vẫn ngọt, cho dù muối mặn. Mặn vẫn mặn, ngọt vẫn ngọt. Người Việt Nam mình ăn nhiều vị, mình biết đúng không ạ? Quý vị vừa cho đường cũng có cái ngọt của đường, quý vị cho muối cũng có cái mặn của muối. Không thể nói tôi cho muối nhiều quá, cho nên đường không ngọt. Không có chuyện đó! Quả trắng vẫn cho nghiệp trắng, quả đen cho nghiệp đen, mà lẫn lộn cả hai thì cho quả lẫn lộn cả hai trong đó.

Đó vẫn là một ngôn ngữ chưa sâu lắm. Trong A Tỳ Đàm nói sâu hơn nữa, là nghiệp đó quý vị sử dụng Tâm sở Tư là mạnh hay yếu. Tức là chủ định của quý vị là mạnh hay yếu, là hờ hững hay là động lực lớn. Tức là bây giờ mình làm một việc nào đó, ví dụ giống như quý vị vui vui, thấy chư Tăng đi qua quý vị cúng

dường, hoặc là quý vị lên chùa, quý vị cúng dường. Thấy người ta cúng dường, mình cũng vui vui thôi cũng bỏ vô cúng dường, nhưng mình thấy hững hờ thôi. Người kia họ cúng dường bằng tâm chân thành, thì họ có phước báu lớn. Còn mình bắt chước, mình cũng cúng dường y chang vậy đó, nhưng do mình cúng dường với tâm hững hờ, gọi là cái chủ đích của mình hững hờ, thì phước báu mình nhỏ.

Cho nên mình hiểu như vậy, đấy là Tâm sở Tư, là chủ đích, chủ động. Người biết tu hành mà học bộ giáo lý này rồi, là quý vị biết tu. Tức là nếu như ta không làm được việc lớn, với tâm chủ đích lớn, thì ta cũng có thể làm việc nhỏ, với tâm chủ đích lớn. Nghĩa là không cần thiết phải làm việc gì quá lớn lao, để có phước báu lớn, mà chỉ cần làm một việc nhỏ với tâm lớn, thì sẽ có phước báu lớn. Điều này mới hay đúng không? Mình hiểu được rồi thì mình biết tu.

Có nhiều người lên chùa cúng dường cho chùa, phải cúng cái gì đó lớn, cúng cái bàn thật to để quý thầy quý cô [dùng], cúng cái xe thiệt sang v.v... để quý thầy quý cô chùa đó chạy. Mình cúng dường mình nghĩ là lớn, thì mới [được] phước báo lớn. Nhưng mà khổ nỗi quý vị cúng như vậy, thật ra chưa chắc đâu, tại vì sao? Chùa đó, quan trọng là nhu cầu, người ta không có nhu cầu đó, xe thì người ta đã có một mớ xe rồi, bàn thì người ta có một mớ bàn rồi. Hình như các chùa nhiều bàn nhiều ghế lắm đúng không? Đó là mấy chùa giàu quá trời rồi, quý vị cúng bàn ghế vô đó không có đóng góp lớn.

Quý vị chỉ cần nghĩ đơn giản thôi, quý vị thấy cái gì thiếu, cái gì cần thiết, như quý vị thấy ở trong chùa này hình như thiếu dầu ăn, mình cúng dầu ăn. Mình thấy thiếu mấy cái khăn lau nhà, mình cúng dường để người ta xài. Và tâm mình lớn, là mình nghĩ đây là cúng dường không phải cầu phước báu cho mình, mà mình nhắm là cúng dường này, để mình hộ trì cho Tăng đoàn, hộ trì chùa phát triển, thì tâm đó là tâm lớn.

Hoặc là mình ra đường gặp một người ăn xin, mình thấy họ xin ghét quá, thôi tặng cho họ cho rồi. Tâm đó rất là kém phước. Bởi vì sao? Quý vị khó chịu mà cúng, khó chịu mà tặng. Còn nếu như quý vị nghĩ rằng: đứa nhỏ đó đi ăn xin tội

quá, mình phải giúp nó được bữa nào thì giúp, giúp được nhiều bữa hơn, thôi bao nhiêu đó giúp. Thì Tâm sở chủ định, Tâm sở Tư đó, quyết định nghiệp của quý vị. Nghiệp như vậy, nghiệp nào, nghiệp thế nào, thì đó thuộc về Nghiệp duyên. Cho nên là ráng mình học, hiểu rõ rồi thì mình làm. Và việc làm gì cũng có phước báu lớn hết. Cho nên hãy cố gắng!

Nếu nói về chủ ý, nói rộng ra thì chủ ý này có khi chia làm ba hoặc chia làm bốn. Chia làm ba gồm: Một là chủ ý của mình là bất thiện, tức là không có tốt, làm việc ác. Ví dụ như muốn giết một con gà, muốn giết một con gì đó, hoặc là muốn đánh người ta, muốn chửi mắng người ta. Với Tâm sở như vậy, gọi là nghiệp bất thiện. Nghiệp đó bất thiện, chủ ý của mình tức là Tâm sở Tư của mình như vậy.

Thứ hai là chủ ý (Tâm sở Tư) của mình là thiện, nhưng là thiện của Dục giới. Thiện của Dục giới có nghĩa là mình chỉ cầu phước báo nhân thiên thôi. Mình cầu cho gia đình khỏe mạnh, làm việc này mình mong là được phước báo cho mình, phước báo cho gia đình, mình hồi hướng vậy, được đời sau quả lành gì đó, mình ham như vậy. Đó gọi là chủ định thiện Dục giới.

Thứ ba gọi là chủ định thiện Thiền. Thiện Thiền là mình làm việc này, tôi cũng muốn Thiền định lắm, tôi phải tu Vipassana, tôi phải tu Thiền, hoặc là mình tu niệm Phật, v.v… Trong cái tâm đó, mình lo nghĩ những việc đó, thì gọi là chủ ý niệm về thiện Thiền. Thường Thiền này có ý nghĩa là mình mong để mình được đời sống của cõi Phạm Thiên, v.v… là Thiền.

Nhưng mà vẫn chưa được, còn một phước báo lớn hơn, là Tâm sở Tư này mình chủ ý về cầu giải thoát. Tức là tôi mong, tôi làm tất cả những việc này, tôi tu Vipassana, tôi cúng dường hoặc tôi phóng sanh, tôi làm gì đó cũng chỉ mong là tôi ra khỏi sanh tử, tôi muốn chứng quả A-la-hán, hoặc là [tu] Tịnh Độ muốn vãng sanh Cực Lạc thôi. Đó cũng là một Tâm sở Tư, và đó cũng là nghiệp duyên, cho nên đó gọi là Tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp là như thế, nói theo ngôn ngữ Bắc truyền gọi là Tịnh nghiệp.

Cho nên mình học, mình phải hiểu rõ như vậy thì mới tu chứ, nếu mà mơ mơ màng thì không được. Cho nên người với Tâm sở nào, Tâm sở Tư mới quan

trọng, Tâm sở chủ đích quan trọng như vậy, mình phải cố gắng làm cho đúng. Đó là một cách.

Còn cách nữa là chia ba, gồm: [Một] là nghiệp bất thiện, [hai] là nghiệp thiện nhưng là thiện Hữu lậu, ba là nghiệp thiện Vô lậu. Tức là chỉ nói thiện Hữu lậu, đã đắc thiền chăng nữa, cũng ở trong vòng sanh tử, thì hai điều đó cũng xếp vô một Dục giới, hay các tầng Thiền cũng vậy thôi. Mình chỉ cầu ra khỏi sanh tử, mình chỉ cầu giải thoát, thì đó gọi là nghiệp thiện Vô lậu.

Tất nhiên chúng ta tu là cầu giải thoát, chúng ta mong nghiệp thiện Vô lậu. Như vậy giống như quý vị có mấy tài khoản ngân hàng, quý vị gửi vào tài khoản nào, tiền quý vị có đó, gửi vô tài khoản bất thiện, để đi tài trợ khủng bố, thì quý vị bất thiện. Còn nếu quý vị gửi vào tài khoản đó, mai mốt có lời có lãi, sanh ra giàu có cho vui. Còn có người gửi nhưng không có mong cầu gì hết, [chỉ] mong mai mốt chuyển visa về Thế giới khác rồi vào Niết-Bàn, tức là gửi tiền ra nước ngoài, kiểu vậy đó. Cũng giống tương tự như vậy, hàng ngày chúng ta đang tạo nghiệp gì, thì đó gọi là Nghiệp duyên. Như vậy chúng ta hiểu thêm về Nghiệp duyên rồi.

Sẵn đây nói nghiệp của quý bà quý cô, Thiện Trang xin nói là vì Thiện Trang ở đời tiếp xúc với quý bà quý cô nhiều. Thiện Trang khuyên, đây là lời khuyên chân thành, quý cô quý bà thường có tật, ở đây là tật xấu. Nếu nói trong kinh Phật, đức Phật kể ra nhiều tật lắm, đó là hay ưa xía vào chuyện của người khác, và hay quản người ta theo ý của mình. Lúc nhỏ lớn lên, tất nhiên là bị cha mẹ quản, thầy cô quản, nên bất như ý rồi. Nhưng khi lớn lớn chút, quen người yêu thì bắt đầu muốn khống chế người yêu, anh phải thế này, anh phải thế kia, v.v…. Rồi đến khi có chồng thì khống chế chồng. Khi già già rồi hết điều khiển chồng, bắt đầu có con thì khống chế con. Rồi con lớn lên, cũng không khống chế con được, bắt [nhưng] nó không theo. Nó lớn lên, con thích đi theo ngành này, con thích thằng này, con không thích thằng kia. Cho nên các bà các cô không quản được con nữa, thì bắt đầu đi quản cha mẹ. Vì cha mẹ lúc đó già rồi, cha mẹ ở nhà phụ thuộc kinh tế, gọi là phụ thuộc kinh tế thì phụ thuộc chính trị. Các bà lại quản cả cha mẹ, cha mẹ phải thế này, cha mẹ phải thế kia, lại thêm một cái quản nữa.

Rồi nhiều khi cha mẹ quản không được, hoặc là quản bao nhiêu đó chưa đủ, đi chùa, mới đầu lên [chùa] thì cung cung kính kính, rất là lễ phép quý thầy quý cô, nhưng riết rồi quản quý thầy quý cô luôn. Tức là quản: thầy phải thế này, thầy phải thế kia, cô phải thế này, cô phải thế kia. Đó là tật xấu của người nữ, và đấy là nghiệp, nghiệp không tốt, Thiện Trang khuyên là đừng nên như vậy.

Tại vì Thiện Trang thấy cũng nhức đầu lắm, nên có nhiều người hỏi: *"Tại sao con thấy hầu như các vị giảng sư, các vị giảng pháp, giảng một thời gian vị nào cũng sân hết"*. Quý vị biết tại sao không? Sân và hung dữ hơn xưa, tại sao? Tại chúng sanh dữ quá, quý thầy với quý cô phải giữ mình, nên quý thầy quý cô phun lông nhím ra, giống như con nhím phải trừng, phải phùng mang ra để bảo vệ nó.

Tại vì chúng sanh thời nay không học Giới luật, không biết cung kính chư Tăng, cung kính quý thầy gì hết. Cho nên mới đầu xa xa thì họ cung kính, nhưng gần được là bắt đầu ép luôn, nào là thầy phải thế này, cô phải thế này, cô phải thế kia.

Thiện Trang không nói quý vị, Thiện Trang nói Thiện Trang thôi. Thiện Trang cũng không tiếp xúc nhiều lắm, mà có những người chẳng quen biết Thiện Trang gì mấy, mà thấy một bài đăng trên Facebook thôi chẳng hạn, thì hết người này đến người kia chạy vô, nhắn tin: Thầy ơi! Thầy không nên đăng như thế này, Thầy nên đăng thế kia. Rất nhiều thứ như vậy.

Mà quý vị thử nghĩ xem, một mình Thiện Trang tiếp xúc mấy trăm Phật tử, mà người nào cũng như vậy, người nói thầy phải thế này, người nói thầy phải thế kia, thì làm sao chịu nổi. Sau này Thiện Trang nghĩ ra cách, tốt nhất là đóng vai ác thôi, đóng vai ác là giữa cho họ sợ, chứ không có cách nào. Tại vì càng nhân nhượng thì chúng sanh càng lấn tới, quản mình khiếp lắm, *"tối rồi thầy ơi! Sao tối khuya rồi mà thầy chưa đi ngủ đi".* Rồi sáng ra: *"sao thầy lo đi ăn sáng đi"* v.v…, họ quản từ nơi này đến nơi kia. Rồi những việc mình làm họ quản sạch hết, mà đó là Phật tử từ xa, còn Phật tử ở gần khủng khiếp nữa.

Cho nên thôi quý vị, đó thật sự là quý vị đang phạm giới đó. Quý vị coi lại trong Giới luật, quý vị coi lại giùm trong tất cả kinh luận đi, không có một vị Cư sĩ

nào như vậy hết. Quý vị coi qua Phật giáo Nam truyền đi, qua coi Myanmar kìa, Cư sĩ lễ lạy Tỳ-kheo, cung kính Tỳ-kheo như thế nào. Còn mình, đặc biệt những người học Tịnh Độ, Tịnh Độ không biết học kiểu gì, mà Cư sĩ rất là cống cao ngã mạn. Mình là nữ Cư sĩ, mình không được phép như thế, là điều thứ nhất. Thứ hai kiến giải của mình, tầm nhìn của mình, không thể bằng một vị giảng pháp, người ta đứng ở vị trí cao. Còn mình ở dưới vị trí thấp, làm sao mình có thể làm như thế được, mình có biết gì đâu. Người ta mỗi ngày tiếp xúc bao nhiêu người, người nào cũng như vậy thì thôi nổ cái đầu.

Cho nên sau này Thiện Trang chỉ cho quý thầy quý cô bí quyết, là không cần thiết, bởi vì mình tuân theo đúng Giới luật của Phật. Phật nói đối với người nữ, chỉ nói năm lời tức là năm câu thôi, đừng nói nhiều quá. Nói nhiều quá, bắt đầu họ sẽ có những vấn đề của họ. Cho nên thuyết pháp thôi, còn lại nói chuyện cũng nói chuyện năm câu thôi, thuyết pháp năm lời thôi, không nói nhiều. Và nếu họ theo thì né, chạy đi.

Quý vị coi đi, đây cũng là thể hiện sự cung kính, niềm tin. Quý vị coi trong kinh luận, những vị [Cư sĩ] như thế nào, mình có tin Phật, tin Pháp, tin Tăng hay không? Quý vị coi như vị Cư sĩ bà Tỳ Xá Khư, hoặc cô Mạt Lợi Phu nhân, quý vị coi các kinh đi là biết, họ cung kính chư Tăng như thế nào, rồi các Cư sĩ như [ông] Cấp Cô Độc, v.v… cũng cung kính chư Tăng lắm, không có vụ [đó] đâu. Tại vì đức Phật không cho phép hàng Cư sĩ, thậm chí Tỳ-kheo-ni cũng không được cử tội Tỳ-kheo. Nên nhớ như vậy, Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo, tức là Tỳ-kheo phạm lỗi thì chỉ có Tỳ-kheo Tăng xử, chứ còn Tỳ-kheo-ni không được.

Mình là Cư sĩ, [thọ] Ngũ giới, mà mình khống chế, tâm như thế không đúng. Và ở đây thể hiện Cư sĩ Trụ tín nữa. Cư sĩ Trụ tín trong kinh, trong pháp Yết-ma [có pháp] gọi là Úp bát. Thế nào gọi là Úp bát? Tức là nhà đó có chư Tăng làm pháp Yết-ma, gọi là thông qua một pháp Yết-ma, đánh dấu nhà đó không cho chư Tăng đi khất thực nữa, tức là không đi khất thực qua nhà đó nữa. Có hai trường hợp:

Trường hợp thứ nhất, ví dụ trong kinh, Thiện Trang lâu quá quên tên của vị

Cư sĩ đó là gì. Vị Cư sĩ đó có tâm cống cao ngã mạn, cúng dường chư Tăng nhưng có những đòi hỏi thế này thế kia. Cho nên [chư Tăng] về báo lại, đức Phật nói: "*Các ông hãy làm pháp Yết-ma, từ nay trở đi không khất thực qua nhà đó nữa*".

Thế là ông đó ngày nào ông làm cúng đồ ngon lắm, nhưng ông đợi không thấy chư Tăng nào qua hết. Ông đợi hoài, hết ngày này đến ngày kia, suốt bao nhiêu ngày sao không có một vị tăng nào, một vị Tỳ-kheo nào đi qua, [ông nghĩ] mất phước báo rồi, mình không được cúng dường nữa. Tại vì thời Phật, được cúng dường là phước báo lắm, chứ đâu như thời nay mình dễ cúng dường, thời đó khó lắm. Cho nên ông chạy ra ngoài, tìm gặp được một vị Tỳ-kheo hỏi: "*Sao các ngài không qua nhà con khất thực*". Vị Tỳ-kheo đó nói: "*Tại vì ông có sự ngã mạn, tức là khi chư Tăng đi qua ông cúng dường, ông có sự đòi hỏi thế này thế kia, nói thế này thế kia, nên bây giờ đức Phật ra lệnh Yết-ma Úp bát rồi. Nên chúng tôi không qua nhà ông khất thực nữa, không nhận cúng dường từ ông nữa*".

Thế là ổng sợ quá, ổng mới chạy lên đức Phật, nói: "*Bây giờ Tăng đoàn tha thứ cho con, từ nay con xin sám hối con không dám nữa*". Đức Phật mới cho Tăng đoàn mở pháp Yết-ma đó, tức là được đi khất thực tới đó. Đó là một chuyện.

Chuyện thứ hai là trường hợp Cư sĩ Trụ tín. Cư sĩ Trụ tín tức là nhà đó là nhà có những người đã chứng từ Sơ quả trở lên, cho nên họ có niềm tin bất hoại đối với Tam Bảo. Tức là bất hoại tín đối với Phật, bất hoại tín đối với Pháp, bất hoại tín đối với Tăng, bất hoại tín đối với Thánh giới. Người ta có một đặc điểm là sống chết vì Tăng, có nghĩa là niềm tin bất hoại đối với Tăng. Nên nhà người ta nghèo xơ nghèo xác, không có gì hết, mà thấy chư Tăng bưng bình bát đi ngang qua nhà họ, là họ không chịu nổi, họ phải kiếm gì đó bán đi, họ lấy gì đó cúng dường. Thậm chí đức Phật nói, họ có thể lóc thịt của họ để cúng dường cho chư Tăng, nên mới có chuyện gọi là cấm ăn thịt người đó.

Có vị Tỳ-kheo bị bệnh, bữa đó không có thịt, nên bà đó lóc thịt của mình để nấu cháo cúng dường. Tức là người ta có niềm tin đến cỡ đó, người ta mới là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Còn mình bây giờ coi chư Tăng ra rác, coi Tỳ-kheo, coi quý thầy quý cô không ra gì hết, thì làm sao bất hoại tín đối với Tăng được.

Vì có những gia đình như vậy, cho nên đức Phật cũng không muốn thấy cảnh các vị Cư sĩ cứ bán đồ, cầm đồ của mình v.v…để mà cúng dường cho chư Tăng. Cho nên Ngài cũng ra bảo Tăng đoàn, hãy làm pháp Yết-ma Úp bát nhà đó. Tức là có cách đánh dấu nhà đó, làm dấu để không đi khất thực ngang qua nhà đó nữa, để tránh trường hợp ép người ta, không phải ép gì mà là tâm người ta vì hộ trì chư Tăng nên mới vậy.

Quý vị coi câu chuyện như vậy, thì quý vị mới thấy, mình đời nay tu xa vời lắm, nên mình tu muốn vô Sơ quả, muốn chứng quả, còn xa lắm! Tại vì sao? Vì mình thiếu đức hạnh, thiếu nền tảng cung kính Tam Bảo.

Đây sẵn Thiện Trang kể câu chuyện là niềm tin với Tam Bảo như thế nào, câu chuyện này liên quan đến số lượng bữa ăn của Tỳ-kheo, tức là của những người xuất gia. Vào thời đức Phật, lúc đầu sau khi chế giới không ăn phi thời rồi, tức là không được ăn vào buổi chiều, chỉ được ăn vào buổi trưa trở lại thôi, cho ăn một bữa thôi.

Một lần nọ, có vị Trưởng giả là nhà thương buôn, từ nước khác đến nước đó, ông mang theo 500 cỗ xe. Thực ra trong kinh số 500 hay xuất hiện lắm, số 500 là con số không biết bao nhiêu, nhưng số nhiều trong kinh thường lấy 500. Nên chúng ta đừng thắc mắc tại sao chỗ nào cũng 500. Khi kiết tập kinh điển đời sau ghi lại, không biết rõ con số đó bao nhiêu, mà chỉ biết nhiều thôi, để dễ nhớ nên ghi con số 500. Dùng 500 cỗ xe đi theo để cúng, chờ ngày nào có người rảnh là cúng. Vì Tăng đoàn đức Phật chỉ ăn một bữa, nhưng người tại thành đó đăng ký danh sách dài dằng dặc, ngày hôm nay gia đình này gia đình kia cúng dày hết rồi. Vị này từ nơi khác đi đến cho nên chờ mãi không được, chờ từ mùa đông sang mùa hạ, nguyên mùa như vậy mà chờ hoài không tới lượt mình.

Vì không tới lượt, nên ổng chờ không nổi, ổng mới bạch với ngài A Nan: *“Nhờ Tôn giả A Nan lên bạch với đức Phật giùm là con từ nước xa đi tới, con phải đi kinh doanh buôn bán, con không thể ở đây. Con chờ từ mùa đông sang mùa hạ rồi, mà bây giờ con chờ nữa không nổi. Thôi mong đức Phật chấp nhận cho con, ngày mai cho con đổ hết mớ đồ ăn này, con chuẩn bị nhiều lắm, đổ hết đồ ăn này.*

Chỉ cần chư Tăng giẫm đạp lên, là con mãn nguyện. Để con đi làm ăn, chứ con không thể nào ở lại đây chờ được nữa".

Ngài A Nan mới bạch với đức Phật như vậy, đức Phật nói: "*Hãy nói ông ấy, dùng đồ ăn đó xay nhuyễn ra nấu cháo, đem dâng cúng cho chư Tăng vào sáng mai*". Sáng mai ông cho người nấu cháo đem lên dâng cúng, thì chư Tăng không dám ăn, không dám nhận, nói: *"Đức Phật chỉ cho ăn ngày một bữa thôi, làm sao cho ăn hai bữa"*, cho nên không dám nhận, kêu trưa mới ăn. Lúc đó đức Phật nói: *"Các ông cứ nhận đi, từ nay trở đi các ông được ăn thêm bữa cháo sáng nữa"*. Và cháo này là cháo không đặc lắm, hơi lỏng lỏng, vừa vừa thôi. Từ đó là được ăn thêm bữa cháo nữa. Cho nên quý vị thấy, sau này các chùa có ăn buổi sáng nữa, là lý do này.

Rồi thời gian sau có một người giống như vậy nữa, cũng không có cách nào, cháo cũng có người cúng rồi, bữa trưa cũng có người cúng rồi. [Người đó] đợi hoài nên cũng tương tự bạch với đức Phật, đức Phật nói: *"Vậy thì hãy làm bánh đi, để cúng dường vào bữa cháo sáng đó"*. Cho nên từ đó Tăng đoàn được ăn hai bữa.

Tuy nhiên hạnh Đầu đà của ngài Ma Ha Ca Diếp là đặc biệt, ngài giữ ngày chỉ ăn một bữa thôi. Cho nên chúng ta học phải học Kinh, Luật, Luận để chúng ta hiểu, rồi chúng ta nói cho đúng. Chứ không lại kêu hạnh một bữa, rồi vô thấy quý thầy quý cô ở chùa ăn hai bữa, lại phỉ báng [thì] mang tội chết. Quý vị phải nói cho rõ ràng, ăn buổi chiều là sai, đúng! Phật không cho ăn buổi chiều, đúng! Nhưng quý vị nói ăn hai bữa là sai, là quý vị mang tội đó. Đó là sai theo kinh.

Quý vị có thể tìm câu chuyện đó, lên mạng tìm Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tì Nại Da, câu chuyện đó có trong đó, có thể trong bộ luật khác cũng có. Câu chuyện đó có rõ ràng, trong giới không ăn phi thời. Cho nên mình phải thông Tam tạng kinh điển thì mình mới tu được, còn không mình cứ chấp theo ý của mình, cứ cho thế là đúng, nhưng không đúng đâu quý vị ơi. Nhớ nha! Đây là Thiện Trang sẵn chia sẻ, những nghiệp ở thân của những người nữ, ráng lên quý vị, đừng có chấp trước quá và quý vị phải hiểu cho.

Cho nên Thiện Trang nói, sau này các vị giảng sư, vị nào giảng một thời gian là thành hung dữ, thành La-sát hết, là tại cũng do quý vị. Quý vị làm khó quá, trăm người ngày nào cũng nhắn vô, bảo thầy thế phải thế này, thầy phải thế kia, cô phải thế này, cô phải thế kia, người ta cũng muốn điên cái đầu luôn. Mỗi người mỗi ý, làm sao người ta theo quý vị được. Người ta có cái học của người ta, người ta có cái tu của người ta, có nhận thức của một người xuất gia. Thông thường một người xuất gia, nói gì thì nói, nếu chỉ cần học qua giáo pháp, người ta cũng giỏi hơn mình. Đây là kinh nghiệm của Thiện Trang.

Thiện Trang thấy, thứ nhất đi học với quý thầy quý cô, thì quý thầy quý cô học nhanh hơn những người Cư sĩ. Học không biết kiểu gì, nhưng thấy học nhanh lắm. Thứ hai là thấy chia sẻ, dạy nói pháp cho quý thầy quý cô, thì quý thầy quý cô vẫn hiểu nhanh hơn Cư sĩ. Thiện Trang không hiểu tại sao, sau này Thiện Trang nghĩ kỹ lại, đúng rồi! Tại người ta có phước xuất gia, người ta có nhiều đời ở trong giáo pháp rồi. Còn mình ở ngoài, tức là mình kém hơn, quý vị hiểu không? Cho nên đừng khinh thường người xuất gia. Tuy họ đang sai đường, lạc đó, nhưng nếu họ quay lại là nhanh lắm. Còn nếu họ lạc thì tất nhiên chấp nhận thôi.

Và sẵn đây nói luôn, nói là nói tới nơi luôn, chứ không nhiều khi bây giờ suốt ngày [người ta] cứ lên chửi quá trời quá đất, mà chửi không biết đúng hay không. Chửi cũng đúng, có những điều đúng thì chấp nhận, nhưng có những điều quý vị nên nghe đây:

Trong Kinh A Hàm hoặc quý vị coi bộ kinh khác, hôm bữa Thiện Trang trích trong bộ Giới Luật, bộ Phật Thuyết Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, hoặc quý vị coi trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật nói thế này: **"Những người xuất gia, dù có phá giới, nhưng nếu như họ còn giảng đúng với Chánh pháp**, (nhớ là ở đây phải giảng đúng với Chánh pháp, chứ bây giờ giảng trật Chánh pháp, tự mình giảng [theo ý mình] thì đó là ma rồi, không tính), **thì những người đó vẫn mang lợi ích cho chúng sanh. Bởi vì lý do họ giống như người bị cùi tay** (tức là bị lở loét, cùi tay) **nhưng họ vẫn thắp ngọn đuốc lên, để soi đường cho người khác được"**.

Bởi vì giáo pháp Như Lai không có sai, giáo pháp của Phật đâu có sai, cho nên người xuất gia, dù có phá giới thế này thế kia, nhưng nếu họ giảng đúng với Chánh pháp, thì họ vẫn là cầm ngọn đuốc soi đường cho chúng sanh. Và trong Kinh Địa Tạng Thập Luân nói: "**Cho dù họ có phá giới thế nào đi chăng nữa, thì họ vẫn tốt hơn hàng ngoại đạo"**. Tại vì hàng ngoại đạo dẫn quý vị lạc luôn, còn họ vẫn tốt hơn.

Nhưng nói đi cũng phải nói lại, đức Phật cũng có nói, thôi để nói hết những điều tốt trước đã, rồi nói điều xấu sau, [quý vị] đợi chút nghe đoạn sau, nói tốt trước đã. Chứ không lại nói thầy bảo vệ quý thầy quý cô. Không có! Nói cho hai bên, nhưng mà bây giờ nói tốt trước đã.

Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật nói là: **"Đến thời mà vị Tỳ-kheo ra đường, có y Ca sa trên mình, tay trái thì bồng con, tay phải thì dắt vợ, mà cầm bình bát đi khất thực. Người đó dù chỉ còn một mảnh y Ca sa trên thân** (tức là lúc đó khiến sao đó, giống như còn có một ít mảnh Ca sa, giống như bây giờ quý vị qua Nhật Bản, Ca sa của họ còn có một chút vậy đó), **thì người đó vẫn là phước điền của chư Thiên và loài người"**. Đức Phật nói: **"Huống chi là thời những vị Tỳ-kheo, những người trì giới, thì phước báu lớn như thế nào"**.

Quý vị đọc đi, Thiện Trang không nói dối đâu, quý vị cứ tìm trong kinh, bữa nào Thiện Trang có thể tìm lại, bữa nay không kịp nhớ ra kinh nào, nhưng mà rõ ràng ở trong Kinh A Hàm có. Nhưng đó là nói xuôi, còn nói ngược là thế nào?

Những người đó tất nhiên là ruộng phước cho chúng sanh, nhưng những người phá giới, thì đọa lạc là chắc chắn. Có người phá giới thế này thế kia, thì đều đọa hết, chứ không chạy đi đâu được. Cho nên thầy Tâm Phúc, vị thầy mà người ta nói ăn thịt chó, ông nói đúng đó. Ổng nói đúng chỗ nào, quý vị biết không? Ông nói*: "Các con hãy cứ cúng cho thầy nhiều vô, cúng cho thầy thịt và đồ nhiều vô, để thầy ăn thầy làm quỷ làm ma, còn các con có phước"*. Ông nói vậy đúng đó.

Tức là người phá giới thì làm quỷ làm ma, đúng rồi! Còn người cúng thì họ có phước, bởi phước điền của Tăng Bảo. Mai mốt Thiện Trang trích cho quý vị chỗ phước điền của Ca sa, đắp y Ca sa lên có phước cho chúng sanh. Còn tất nhiên

người đắp Ca sa trên thân này mà không tu, không giữ giới, thì mai mốt mất thân người vẫn bình thường.

Quý vị nhớ câu chuyện Ngũ Phiến Đề La rồi đúng không, cô gái vì lòng thành kính, cúng dường cho năm vị Tỳ-kheo. Năm vị Tỳ-kheo thì không thật tu, mà là giả tu, *giả trang Thiền tướng, cầu bỉ cung kính* thôi. Rồi đến khi hết đời đó, cô ấy sanh lên cõi Trời, còn năm người đó đọa Địa ngục. Rồi đến đời sau, thời đức Phật, thì cô đó là Mạt Lợi Phu Nhân, còn năm người kia là Ngũ Phiến Đề La, tức là năm người hầu đi khiêng kiệu. Bốn người khiêng kiệu, còn một người làm đầu bếp cho cô đó.

Luật nhân quả công bằng lắm, chúng ta nói điều gì phải thông hết. Phật pháp không bao che một ai hết, sai là sai, đúng là đúng. Không có vụ mình cứ bao che, đúng là đúng, sai là sai, cái nào ra cái đó, Phật rất rõ ràng. Cho nên chịu khó học giáo pháp giùm, đừng đem tri kiến thế gian vào trong Phật pháp, chịu khó duyệt qua Đại tạng kinh Nikaya, Kinh A Hàm, là có hết những chuyện như vậy, hầu như có hết. Nếu có thời gian thì coi thêm Luật tạng nữa, là tự nhiên quý vị trang bị cho mình đủ hết.

Nếu như quý vị tu các Pháp môn khác cao hơn, thì tốt rồi, đó là điều tốt. Nhưng nếu quý vị không có những nền tảng đó, nhiều khi mình đang ở trong ruộng phước, mà mình lại đốt ruộng phước đó, để nó trở thành khô cằn, thì thật là uổng phí. Thậm chí mình đang ở trong cơ hội tốt, mà mình lại không có đạt được gì hết. Đó là đáng tiếc! Sẵn Thiện Trang chia sẻ một chút như vậy, không phải bênh vực nha quý vị. Quan điểm của Thiện Trang là không bênh vực người xuất gia. Người xuất gia tạo tội, thì người xuất gia đọa lạc, thậm chí đọa lạc còn hơn nữa.

Trong Kinh Đại Tập, đức Phật cũng có nói thế này: **"Giả sử hủy cấm chế, tất trụ bất thoái địa"**. Tức là những người xuất gia, dù có phá giới, thì họ đọa trước. Nhưng trong tương lai, nhờ chủng tử mà họ đã xuất gia, họ ở gần giáo pháp nhiều, họ cũng tu được chút chút, sau này họ cũng sẽ chắc chắn chứng được giải thoát. Cái gì cũng có cái giá của nó. Nhưng chúng ta không dại đi vào con đường

đó, tại vì có chủng tử đó. Mình học trong bộ này nói rất rõ, cứ mỗi ngày nói gì thì nói, cứ lên đọc một thời kinh cũng có tác dụng, bao nhiêu Tâm sở tốt hiện ra, cũng thâm nhập kinh điển được chút. Rồi chủng tử đó, nếu có lỡ đọa vào Địa ngục Vô Gián đi chăng nữa, ra rồi dần dần mò lên, thì những nghiệp đó sẽ phát huy tác dụng. Lúc nào phát khởi lên là gặp Phật pháp, gặp đức Phật, gặp giáo pháp Phật, xẹt một cái là chủng tử xưa lên. Vậy là một loạt nghiệp tốt ngày xưa khởi lên, xuất gia ngày xưa đó, [là] đắc đạo, ra khỏi sanh tử.

Nên cái gì cũng có giá của nó hết. Còn quý vị ở nhà tại gia, quý vị chưa đoạn dục, v.v… thì quý vị chưa gieo được nhân đó tốt lắm, nó chín từ từ. Cái gì cũng có duyên của nó. Mình không quan trọng, quan trọng là thực chất tu hành và Thường nghiệp. Mình tạo nghiệp nào nhiều, thì nghiệp đó gọi là Thường nghiệp.

Sẵn đây nói luôn, khi mà ra đi, mình đi về đâu, thì có bốn nghiệp quyết định, nghiệp quan trọng nhất:

1. Một là Thường nghiệp. Là nghiệp thường thường mình làm, những việc mình làm thường xuyên. Ví dụ như suốt ngày mình ăn rồi đi chơi, đi du lịch v.v…, hoặc là suốt ngày sát sanh gì đó. Đó là Thường nghiệp.

2. Thứ hai là Trọng nghiệp hay Cực trọng nghiệp. Cực trọng nghiệp ví dụ như mình làm nghiệp gì đó lớn lắm, như phá chùa, đốt chùa, đập vỡ tượng Phật. Đó là Cực trọng nghiệp. Mấy nghiệp đó nặng quá, chết thường đọa Địa ngục Vô Gián hay Địa ngục ngay.

Hoặc Cực trọng nghiệp là quý vị làm những việc thiện rất lớn, có ảnh hưởng rất lớn cho [chúng sanh]. Ví dụ quý vị xuất ra để cứu trợ cả một ngôi làng, cả một xã lớn, để giúp cho họ vượt qua được thiên tai v.v… Hoặc mình tạo ra những nghiệp [như] xây dựng hộ trì Tăng Bảo, Tăng đoàn, lớn mạnh như thế nào đó. Nói chung nghiệp đó lớn mạnh quá, thì nghiệp đó giúp quý vị sanh lên cõi Trời. Đó gọi là Cực trọng nghiệp.

3. Thứ ba là Khinh tiểu nghiệp. Tức là những nghiệp nhỏ nhỏ, lâu lâu làm chút thôi. Ví dụ có người ăn rồi bán vé số, thì Thường nghiệp của họ là bán vé số.

Lâu lâu nhớ tới bữa nay rằm, lên chùa cúng một chút, hoặc là đọc cuốn kinh, hoặc vô Đạo tràng niệm Phật chút, đó là Khinh tiểu nghiệp. Khinh tiểu nghiệp này mai mốt tới lúc lâm chung, ít khi nó phát huy tác dụng lắm. Tại vì nó nhỏ quá, yếu, mấy thằng kia mạnh nó chạy trước, nó lấn trước.

Ở trong giáo lý A Tỳ Đàm, trong kinh nói giống như mình nuôi một đàn bò, ở trong chuồng bò, con nào ra trước khi mình mở chuồng, thì có hai trường hợp: Một là con bò đứng ngay cái cửa chuồng, mình mở ra là nó chạy ra ngay; Hai là con bò mạnh, nó lấn át bao nhiêu con bò khác, nó chạy ra trước. Thì con bò mạnh, nó lấn át chạy ra trước, gọi là Cực trọng nghiệp. Con bò đấy mạnh quá, nên mấy con bò kia thua, phải để nó chạy ra trước, bị nhốt lâu ngày mà.

Cũng vậy, mình tạo Cực trọng nghiệp thì Cực trọng nghiệp thông thường đi trước. Còn con bò đứng ngay sát cửa chuồng, mà nó chạy ra đó, gọi là Cận tử nghiệp.

4. Cận tử nghiệp này thực ra có thể là Khinh tiểu nghiệp hoặc là Thường nghiệp. Nhưng đến lúc lâm chung, vô tình nó sắp chỗ đó, sắp vị trí đó. Hoặc là không phải vô tình mà là cố ý, đó là phương pháp trợ niệm. Dù Nam truyền hay Bắc truyền, đều có phương pháp trợ niệm.

Trợ niệm có nghĩa là đến lúc đó hãy nhắc cho người ta, để người ta khơi lại chủng tử, nghiệp lành nào đó, để họ nhớ tới điều tốt đẹp nào đó. Chủng tử đó, nghiệp đó bốc lên, thì nhờ nghiệp đó gọi là Cận tử nghiệp, nó kéo họ đi vào đời sau. [Rồi] từ từ tính tiếp, đời sau quả thế nào chưa biết, nhưng ít nhất đôi khi là tốt lành.

Cho nên người mà biết hộ trì người lâm chung, thì đừng để cho người ta tức giận. Nhiều khi gia đình mình không biết Phật pháp gì hết, vô bảo niệm Phật đi, niệm Phật đi. Mà họ đang tức gần chết, họ không muốn nghe tiếng niệm Phật, quý vị niệm thì họ tức nữa. Cận tử nghiệp của họ đang tức như vậy, họ đọa càng sâu. Quý vị nên nhớ, họ phải thích nghe, họ phải chấp nhận nghe, họ chấp nhận được thì mới giúp cho họ được. Còn nếu như họ không thích rồi, mà quý vị làm như vậy, là khiến cho họ tức lên, là đọa.

Cho nên đừng có dại, mình phải thương thảo trước với họ: Ba à! Má à! Ba má có ưng con đọc kinh không? Có ưng Quy y Tam Bảo không? Có ưng con niệm Phật không? Bấy giờ họ nháy mắt lắc đầu ngao ngán, thì thôi đừng ráng đọc nữa. Lúc đó để cho người ta yên, hãy an ủi bằng phương pháp nhẹ nhàng nhất, để người ta an lòng ra đi trong tâm thanh thản, thì cảnh giới đời sau cũng tốt đẹp rồi. Chứ còn ráng ép cho họ, rồi cuối cùng họ chịu không nổi, họ đọa lạc thì tội lắm.

Quý vị nhớ trong kinh có nói, vua A Dục lúc chết, bị thằng hầu làm rớt cái quạt lên người mà cũng đọa đó. Thật ra là cũng do nghiệp của ổng thôi. Mặc dù ông hộ trì Chánh pháp nhiều, nhưng mà ông cũng sát sanh giết người nhiều, cho nên đến lúc đó khiến cho thằng hầu làm rớt cái quạt, và ổng giận lên ổng đọa. Thiện Trang không nhớ ông đọa làm loài gì, bữa trước đọc mà quên rồi, không nhớ. Quý vị nhớ như vậy.

Bốn nghiệp này, mình nên nhớ: Thứ nhất, hãy tạo những nghiệp thiện tuyệt vời, gọi là Cực trọng nghiệp. Mình ráng tránh Cực trọng nghiệp theo chiều hướng xấu, đó là Ngũ nghịch Thập ác. Mấy nghiệp Ngũ nghịch nặng, nó kéo mình rớt xuống luôn. Mình hãy ráng [tạo] Thường nghiệp cho tốt. Thường nghiệp là mình làm chủ được, hằng ngày ráng tư duy Chánh pháp, thường xuyên phát tâm Bồ-đề rộng lớn. Mình vì chúng sanh, làm việc gì mình cũng nghĩ cho đại chúng, thì phước báu mình lớn, tu hành đó. Rồi Tiểu nghiệp cũng không bỏ quên, làm gì cũng ráng làm được chút nào thì được. Còn Cận tử nghiệp thì lúc đó hên xui, nó đang sắp hàng cái nào, thì nó tới cái đó. Nhờ những người xung quanh trợ niệm, tức là nhắc nhở, hướng dẫn.

Có câu chuyện thế này, có ông đó lúc sắp chết, ổng cứ ngước mắt lên nhìn, không biết nhìn cái gì. Tại vì trong đời ổng hay đi hái măng, bẻ măng, nghiệp của ổng là bẻ măng, cho nên lúc đó ổng cứ ngước đầu lên, né qua né lại. Lúc đó thằng con cũng biết Phật pháp, hỏi: *"Ba! Ba làm gì vậy?"* Thì ổng nói: *"Cây tre nhiều quá, ta phải né"*. Tức là ổng thấy cây tre không, tức là nghiệp đó quý vị, cứ thấy cây tre xiên qua người. Đứa con nói*: "Cha ơi! Đó là giấc mộng thôi, không phải thật đâu".* Nói vậy thì ổng hiểu ra, à nó không phải như vậy, là ảo ảnh thôi, lúc đó tắt hơi thở

thì đỡ. Tức là mình phải biết được nghiệp của họ hiện ra cái gì.

Trong kinh đều nói rõ, thông thường chứ không phải tất cả, mà một số trường hợp, hiện tướng lúc sắp ra đi, chính là dấu hiệu họ tái sanh vào đâu. Ví dụ họ thấy những cảnh tượng gì, thì thông thường cũng biết là người ta tái sanh vào đâu trong đời sau. Cho nên mình tu đến lúc nào đó mình sẽ tự biết. Người mà tu có công phu thì khỏi nói.

Có ba hạng người có thể biết được, đường mình đi tiếp theo thế nào: Một là những người chứng A-la-hán trở lên, họ tự tại sanh tử, nhập Niết-Bàn là ok, không cần gì phải suy xét. Người thứ hai là người biết mình sanh về đâu, là người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đó là thông thường, Thiện Trang cũng chưa coi hết, nhưng mà thấy có trường hợp như vậy. Trường hợp thứ ba là trường hợp người tu nhiều, tức là họ có công phu sâu, không biết thế nào đó họ cũng biết được đời sau họ đi về đâu. Vì vậy đến lúc ra đi, họ rất an nhiên, rất tự tại. Đó là những trường hợp gọi là chắc chắn biết.

Còn những trường hợp mơ mơ màng màng biết nữa. Tức là họ thấy phảng phất về đời sau như vậy, nó mơ mơ ảo ảo thôi. Nhưng mà họ cũng có niềm tin, là biết mình sẽ đi về đâu.

Đó là những hạng người, mà nhờ đó họ tỉnh táo lúc lâm chung. Tại vì mình sợ nhất là: *"Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng",* theo Quy Sơn Cảnh Sách nói. Tức là con đường phía trước mịt mờ, không biết rõ là mình sẽ đi về đâu, [nên] mình sợ. Còn nếu biết rõ mình đi về đâu, thì có gì đâu phải sợ đúng không quý vị? Giống như bây giờ quý vị sắp chết rồi, sắp đến lâm chung, mà quý vị biết đời sau tôi sẽ sanh vào nhà đó, sanh lên cõi Trời đó, hoặc tôi sanh về Tây Phương Cực Lạc, thì quý vị còn gì để lo sợ nữa đâu. Bởi vì tất cả các nỗi sợ trên đời, chỉ quy về một nỗi sợ, đó là sợ chết.

Mà bây giờ mình biết mình không chết, mình biết mình đi con đường tiếp theo thế nào, thì đâu còn sợ nữa. Cho nên họ an nhàn, thoải mái, tự tại. Họ nói: Bữa nay ba không có ăn nữa nha con, ba đi đó. Hoặc là thầy hôm nay không có giảng nữa nha con, thầy đi đó nghe con v.v… Đó là có những trường hợp như vậy.

Quý vị thấy mình tu nhà Phật rõ ràng như vậy, mình tu thoải mái, tại sao không tu? Đấy là Thiện Trang chia sẻ sơ sơ một chút. Ở đây sẵn chia sẻ một chút nữa, rồi vào bài một mạch luôn cho quý vị nghe. Mỗi bữa mình chia sẻ một chút đoạn đầu về tinh hoa.

Ví dụ như ở trong A Tỳ Đàm này nói, là đặc điểm của Bồ-tát, tức là chủng tánh Bồ-tát, thì có ba đặc điểm như sau. Mình kiểm tra thử xem, mình tu có phải là chủng tánh Bồ-tát không? Thứ nhất là luôn luôn nghĩ đến cái tốt hơn, cái tốt nhất, để mà sửa đổi mình. Có nghĩa là Bồ-tát luôn luôn cầu tiến lên. Tức là Bồ-tát không có hài lòng với những gì mình đang có, mà muốn là mình hoàn thiện hơn, luôn luôn nghĩ cái tốt hơn, cái tốt nhất, để mà sửa đổi thân tâm mình, sửa đổi chính mình để mình tiến lên. Đó là điều thứ nhất.

Quý vị có cái đó không? Hay là mình tu học một thời gian, là bắt đầu mình ngã mạn lên, bắt đầu nghĩ mình đắc rồi, mình có cái này, mình có cái kia, rồi mình làm thầy thiên hạ v.v… trời ơi đất hỡi. Đấy thì chứng tỏ quý vị không phải là Bồ-tát. Cho nên khó nha!

Thứ hai, Bồ-tát là luôn có khả năng buông bỏ rất tốt. Tức là các ngài không có gì không thể buông xả, cái gì cũng buông được, chủng tánh đó. Quý vị không buông được nhà, không buông được con, không buông được cái gì đó, thì chắc chúng ta chỉ là hạng đó thôi. Chúng ta biết là chúng ta phàm phu dữ lắm, còn Bồ-tát [thì] chưa.

Thứ ba Bồ-tát luôn cố gắng phá ra tất cả những vách ngăn. Tức là không muốn nhốt mình ở trong một cái lồng, mà mình muốn ra một chân trời cao rộng. Tức là không bao giờ thỏa mãn, hài lòng với những gì, ví dụ các ngài chưa đắc Sơ thiền, thì mong đắc Sơ thiền, chủng tánh Bồ-tát là vậy. Nếu đắc Sơ thiền rồi, thì các ngài sẵn sàng buông Sơ thiền để các ngài lên Nhị thiền. Nhị thiền chưa đủ, lên Tam thiền, Tứ thiền cho đến quả A-la-hán. Quả A-la-hán vẫn chưa đủ, cầu độ chúng sanh. Trên cầu quả vị Vô thượng Bồ-đề, tức là thành Phật đạo, gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, ai có những chủng tánh như vậy, thì chúc mừng quý vị. Ba chủng

tánh đó, quý vị sẽ là những người đi trên đường đạo Bồ-đề hay là đạo giác ngộ, con đường giác ngộ, hoặc là đường Bồ-tát rất tốt. Còn nếu như mình vẫn chưa có được những điều đó, mà mình chỉ là người tô vẽ mặt nạ cho mình. Làm gì cũng tự đắp lên cho mình bao nhiêu cái danh ảo hão huyền, nào là Cư sĩ, Tu sĩ, Pháp sư, nào gì đó, v.v…. và chấp vào đó, tôi tu rất trong sạch, đủ các kiểu. Thì xin thưa quý vị, quý vị còn khổ dài dài. Tại vì sao? Vì đó là quý vị sống không thật với chính mình.

Người giác ngộ người ta rất đơn giản, sống thật với mình thôi, tôi là tôi thôi. Tôi không cần quý vị công nhận tôi là một ông nào đó, tôi không cần quý vị công nhận tôi là một vị Pháp sư, cũng không cần công nhận tôi là một vị A-la-hán, không cần [công nhận] một vị Tu-đà-hoàn, không cần gì cả. Bởi vì những quả vị đó, đối với một người giác ngộ, cũng chả có nghĩa gì cả. Bởi vì sao? Trong kinh đức Phật nói rằng, những người sau khi giác ngộ, tức là chứng quả rồi, các ngài coi cái đó [tầm thường], giống như bậc A-la-hán, chỉ coi mình là người hết bệnh mà thôi.

Có nghĩa là quý vị đang bị bệnh, quý vị uống thuốc, vừa hết bệnh thì quý vị trở lại bình thường thôi, chứ không có gì lạ cả. Không có gì tự hào, một người đau bệnh vừa hết bệnh thì có gì tự hào? Người mà có thêm cái gì mới, mới gọi là tự hào. Còn tôi đang bệnh gần chết, bệnh đau khổ quá, tôi uống thuốc mấy hôm đắng miệng nhọc lòng. Rồi cay đắng lắm, nhẫn nhịn lắm, rồi cứ ăn uống khổ sở để cho nó qua cơn bệnh, bữa nay hết bệnh. Có tự hào vì tôi hết bệnh hay không? Không! Chắc chắn không!

A-la-hán nhìn cuộc đời, nhìn chính mình như vậy. Cho nên các ngài mới là Vô ngã đó quý vị. Còn chúng ta có gì? Có vô vàn cái sở đắc, giữ giới được thời gian: ừ tôi giữ giới rất tốt này, tôi tu niệm Phật được lâu, tôi thiền định được lâu v.v…. Khi mình đã nghĩ mình có những điều đó, thì quý vị đã mặc lên một lớp mặt nạ, một lớp áo choàng, bây giờ gọi là trang điểm cho đẹp. Cho nên ngày nào tôi không có giữ giới được nữa, tôi không có đắc thiền được nữa, tôi không có ngồi thiền được lâu nữa, tôi không có được trí huệ như ngày trước nữa, tôi bị áp lực vì điều đó. Vì áp lực nên tôi cố gắng che giấu, che giấu càng nhiều thì tôi còn đọa càng sâu

thôi.

Cho nên hãy làm chính mình, mình sao sống vậy, không quan trọng. Người ta nhận xét mình dở cũng được, người ta nhận xét mình tốt cũng được, không sao cả. Hãy làm một người đích thật của chính mình. Thì tâm đó gọi là tâm đơn giản, gọi là tâm trẻ em, tâm nhỏ. Ở bên Thiên Chúa nói là hãy dùng tâm của trẻ thơ, sẽ dễ vào nước Trời, hay dễ lên Thiên Đàng. Còn chúng ta hãy dùng tâm đơn giản, gọi là anh nhi hạnh như vậy đó, tức là cứ sống thật như vậy thôi. Đừng có giả dối, đừng có đắp xây lên một cái gì hết. Mấy đứa nhỏ đâu có cần gì đâu quý vị, mấy đứa nhỏ sống rất đơn giản. Thì quý vị dễ vào đạo hơn, chính là quý vị dễ chứng đạo quả hơn.

Còn quý vị xây đắp lên một mớ tường thành, gọi là mặt nạ, hoặc một lớp quần áo lên, thì quý vị ngăn cách với đạo càng xa hơn mà thôi. Hãy sống với chính mình, mình sao hãy chấp nhận mình như vậy, thì đấy gọi là Chân tâm, Trực tâm. Đó mới là đạo Bồ-đề, thì mình mới đi được xa.

Thiện Trang xin thưa quý vị, Thiện Trang cũng không phải nói được điều này đâu, phải học rất lâu rồi. Mười mấy năm rồi, học một hồi bao nhiêu thứ rồi, hành bao nhiêu rồi, dần dần giác ngộ ra. Đạo lý đơn giản nằm ngay ở chỗ mình. Tức là mình hãy sống thật với chính mình là được rồi, không cần biết gì hết. Mình chỉ cần biết mình đang dở, mình đang là phàm phu. Mình phải cố gắng mỗi bước, mỗi ngày ta đang đi trên đường giác ngộ. Ta phải sửa vì chính mình, không phải sửa vì chúng sanh nào đó. Không phải sửa vì quý vị nói tôi là Pháp sư, tôi phải sửa. Không! Điều đó không quan trọng! Điều quan trọng là ta sửa vì chính ta. Vì ta đang là người bị bệnh ta muốn hết bệnh mà thôi.

Mình bị bệnh, thì mình muốn chữa bệnh cho mình trước đã. Đừng có nói: thôi chữa bệnh để con khỏe mạnh vì cha, vì mẹ. Chưa! Ai cũng hết bệnh vì chính mình trước. Tất nhiên hết bệnh vì chính mình rồi, thì mình mới giúp [được] cha mẹ, mới đi làm việc được, có tiền cho cha mẹ, nuôi cha mẹ được. Chứ nếu mà mình mới vô, mình nói v.v… Không nên! Cố gắng không nên giả [dối], thì tâm như vậy quý vị tu mới vào. Cứ như thế, dần dần các vỏ bọc của mình nó rớt, nó tan, nó

rụng, rồi mình trở thành một con người chính mình. Giống như mình đi ra ngoài trời, mà không cần phải đeo khẩu trang, không cần mặc bất cứ bộ đồ bảo hộ nào nữa, mà mình vẫn đi được. Đó là đi trên đôi chân của chính mình, đi trên phước báu của mình, đi trên trí huệ của chính mình, và cuối cùng đi trên Thần thông của chính mình. Đấy chính là người đắc đạo giải thoát, đơn giản vậy thôi.

Bí quyết tu hành, nhiều người tu bao nhiêu năm mà lạc đường, bởi vì cầu bên ngoài. Cho nên đạo Phật là đạo cầu ở chính mình. Hãy hoàn thiện chính mình, hãy tự sống với chính mình, tự mình như thế nào mình phải tự biết. Mình đừng có bị bất cứ một cái nào bên ngoài, gây cho mình một áp lực, mình đơn giản mình là chính mình. Sau này, lỡ có ai nói thầy sân quá: Ừ! Tôi sân, tôi chưa phải là A-la-hán. A-la-hán mới hết sân, Tam quả A-na-hàm mới hết sân mà. A-la-hán mới hoàn toàn hết sân. Tôi chưa có [hết] sân là bình thường thôi, có gì đâu.

Quý vị thấy Sơ quả Tu-đà-hoàn mới chứng đoạn được ba Hạ phần Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Tham, Sân chưa hết nữa, vẫn còn nguyên si. Có gì đâu, mình chưa có chứng Sơ quả nữa, mình Tham Sân Si đầy rẫy là bình thường. Cứ nghĩ như vậy thì mình không có bị khó chịu bởi người khác. Người ta nói thầy sân quá! Ừ thì thầy sân. Người ta nói thầy tham quá! Ừ thì thầy tham. Thầy ở cõi dục mà, thầy không tham sao được, lên cõi khác là xong. Có sao đâu, quý vị không bị áp lực, thì sống với đúng bản thân mình, sống rất dễ dàng. Và chính sự dễ dàng dễ chịu đó, lại là con đường đạo thênh thang mà mình đi được.

Ở đây xin nói lại, có nhiều người lại bắt đầu rớt vào kiểu khác. Tức là không có tâm Tàm, Quý nữa, kệ họ nói trời nói đất gì, mình xấu như ma mà mình cũng không thèm sửa luôn, thì đó là sai. Mình phải có tâm cầu tiến, phải tự sửa. Nhưng mình tu cho mình, chứ còn đừng có quan trọng, người ta để lên cho mình bao nhiêu cái giả đó, vô nghĩa! Không có giải quyết được gì, như thế là tốt rồi. Hãy vui vẻ hoan hỉ như ngài Di Lặc Bồ-tát.

Thiện Trang xin phép chia sẻ tới đây, và để nhớ đến ngài Di Lặc, thì Thiện Trang có để một câu kệ, nói về ngài Di Lặc trong bài hôm nay:

大肚能容，容天下難容之事

慈顏常笑，笑世間可笑之人

“Đại đỗ năng dung, dung thiên hạ nan dung chi sự.

Từ nhan thường tiếu, tiếu thế gian khả tiếu chi nhân”.

Giải:

#Đại đỗ năng dung, dung thiên hạ nan dung chi sự: #đại đỗ tức là cái bụng to; #đỗ là bụng; #đại là to, bụng lớn; #năng dung là có thể dung chứa được, #năng này có thể nói là hay; dung được những sự việc mà khó dung của thiên hạ.

#Từ nhan thường tiếu, tiếu thế gian khả tiếu chi nhân: #nhan tức là nhan sắc, sắc mặt; #từ là từ bi; #thường tiếu là tức là thường hay cười; cười những người có thể cười của thế gian, hay mình nói cười những điều đáng cười của thế gian. Mình học tới chỗ này tự nhiên hết phiền não.

“Bụng lớn hay dung, dung những việc khó dung của thiên hạ.

Mặt từ thường cười, cười những người đáng cười của thế gian”.

Lúc nào mình cũng dung được, cười được là ok rồi. Quý vị tu như vậy là mau đắc đạo lắm, mau thanh tựu lắm, vui vẻ hoan hỉ lúc nào cũng cười, lúc nào cũng vui, lúc nào cũng sẵn sàng, như vậy thì mình không có gì phải lo.

Chúng ta vào bài kệ thứ 2, phần 2, của Luận Câu Xá. Nãy giờ Thiện Trang mất khá nhiều thời gian để chia sẻ cho quý vị. Nhưng mà Thiện Trang thích chia sẻ như vậy để quý vị học, chứ vào tới đây sợ quý vị ngán mất.

Bài Kệ 2 – phần 2

Nhiếp bỉ Thắng nghĩa y bỉ cố	攝彼勝義依彼故，	Luận này nhiếp giữ gìn Và nương vào Thắng nghĩa

Thử lập Đối Pháp Câu Xá danh	此立對法俱舍名。	Nên mới được đặt tên Là Đối Pháp Câu Xá.

Giải:

#Nhiếp bỉ Thắng nghĩa y bỉ cố: #Thắng nghĩa là nghĩa thù thắng; tức là Luận này nhiếp được, giữ gìn được, và nương vào nghĩa thù thắng, tức là nghĩa của nhà Phật.

#Thử lập Đối Pháp Câu Xá danh: cho nên mới gọi là Luận Đối Pháp Câu Xá, đây là giải thích tên của bộ Luận này.

Thiện Trang dịch như thế này thì quý vị dễ hiểu rồi, chúng ta đi lướt nhanh, vì đây giải thích tên Luận thôi. Chúng ta vào phần giải thích của ngài Huyền Trang.

論曰：由彼對法論中勝義入此攝故，此得藏名。或此依彼、從彼引生，是彼所藏，故亦名藏。是故此論名對法藏。何因說彼阿毘達磨？誰復先說阿毘達磨，而今造論恭敬解釋。頌曰：

Luận viết: Do bỉ Đối Pháp Luận trung Thắng nghĩa nhập thử nhiếp cố, thử đắc Tạng danh. Hoặc thử y bỉ, tùng bỉ dẫn sanh, thị bỉ sở tàng, cố diệc danh tạng. Thị cố thử Luận danh Đối Pháp Tạng. Hà nhân thuyết A Tỳ Đạt Ma? Thùy phục tiên thuyết A Tỳ Đạt Ma, nhi kim tạo Luận cung kính giải thích? Tụng viết:

Giải:

#Luận viết: là Luận nói rằng. Tức là ngài Thiên Thân (hay ngài Thế Thân) nói:

#Do bỉ Đối Pháp Luận trung Thắng nghĩa nhập thử nhiếp cố: tức là do bởi Thắng nghĩa được nhập vào, và duy trì trong Luận Đối Pháp này; #Thắng nghĩa là nghĩa thù thắng, vi diệu, nghĩa đó rất là tuyệt vời, tức là Phật pháp; được nhập vào, được duy trì ở trong bộ Luận này. Tức là bộ Luận này trình bày cho chúng ta được Thắng nghĩa.

#Thử đắc Tạng danh: ở đây được gọi là Tạng.

#Hoặc thử y bỉ, tùng bỉ dẫn sanh, thị bỉ sở tàng, cố diệc danh tạng: hoặc Luận này; chữ #thử là Luận này; nương vào đó tức là Thắng nghĩa; chữ #bỉ này là Thắng nghĩa; và từ Thắng nghĩa mà vẫn sanh ra Luận này, là nơi cất chứa của Thắng nghĩa.

Tức là Luận này làm bằng cách nào? Luận này ý nói phải nương vào Thắng nghĩa, từ Thắng nghĩa mới sinh ra Luận này, và Luận này chính là sự cất chứa của Thắng nghĩa, nghĩa thù thắng, nghĩa vi diệu, cho nên mới gọi tên là Tạng.

#Thị cố thử Luận danh Đối Pháp Tạng: vì thế Luận này gọi là Đối Pháp Tạng. Tức là giải thích tên của Luận này, là Đối Pháp Tạng.

#Hà nhân thuyết A Tỳ Đạt Ma: #hà nhân tức là vì sao, hay chúng ta có thể nói là nguyên nhân gì, mà nói đây là A Tỳ Đạt Ma. Đây là ngài Huyền Trang giải thích như thế.

#Thùy phục tiên thuyết A Tỳ Đạt Ma, nhi kim tạo Luận cung kính giải thích? Tụng viết: bởi trước đã nói về A Tỳ Đạt Ma rồi, còn bây giờ [người tạo luận mới] cung kính giải thích và bắt đầu tụng rằng. Tức là bây giờ bắt đầu giải thích ra. Thiện Trang xin nói tại vì văn pháp này hơi khó chịu, mình dịch thêm chữ hơi nhiều.

Tạm dịch: Luận nói rằng: Do bởi Thắng nghĩa được nhập vào và duy trì trong Đối Pháp Luận này, nên được gọi là Tạng. Hoặc Luận này nương vào Thắng nghĩa, từ Thắng nghĩa mà dẫn sinh ra [Luận này], là nơi cất chứa của Thắng nghĩa, nên cũng được gọi là Tạng. Vì thế Luận này gọi là Đối Pháp Tạng. (Tức là giải thích chữ Đối Pháp Tạng là gì; #Đối ở đây còn một nghĩa khác là đối trị căn cơ, Tạng pháp mà đối trị bệnh của chúng sanh, để chúng sanh không còn bệnh nữa, tức là chứng quả giải thoát, thì đó là Đối Pháp Tạng). Do nguyên nhân gì mà nói [Luận] A Tỳ Đạt Ma này? Bởi trước chỉ nói lại về A Tỳ Đạt Ma, còn bây giờ [người tạo luận mới] cung kính giải thích. Kệ tụng ghi:

Giờ chúng ta sẽ bắt đầu vào ý nghĩa của Luận rồi, bắt đầu hay rồi.

Bài Kệ 3

Nhược ly Trạch pháp định vô dư	若離擇法定無餘，	Nếu mà rời Trạch pháp Thì chắc chắn không có
Năng diệt chư Hoặc thắng phương tiện	能滅諸惑勝方便，	Phương tiện nào nữa hết Để diệt các Lậu hoặc
Do Hoặc thế gian phiêu hữu hải	由惑世間漂有海，	Do Hoặc mà Thế gian Trôi nổi trong biển khổ
Nhân thử truyền Phật Thuyết Đối Pháp	因此傳佛說對法。	Bởi vậy nên con truyền Đối Pháp do Phật thuyết.

Giải:

#Nhược ly Trạch pháp định vô dư: #nhược là nếu, nếu mà rời khỏi Trạch pháp; #định tức là chắc chắn, quyết định; chắc chắn không có phương pháp nào khác. Tức là quý vị muốn ra khỏi sanh tử, quý vị muốn tu, thì quý vị phải vào pháp, chứ còn nếu không không vào pháp thì không được. Ở đây tiếp tục nói, nếu chúng ta rời khỏi Trạch pháp, thì chắc chắn không có cách nào; #vô dư là không có cách nào.

#Năng diệt chư Hoặc thắng phương tiện: tức là không có phương tiện hay cách thức nào khác nữa, để diệt các Lậu hoặc.

Ý nói để ra khỏi sanh tử, thì chúng ta phải diệt các Phiền não, gọi là Lậu hoặc. Giờ nếu mình không có Trạch pháp, Trạch pháp tức là mình không có chọn được phương pháp nào để tu, theo nhà Phật thì chắc chắn không có cách nào.

Quý vị thấy Phật pháp hay hơn tất cả các Tôn giáo khác. Tại vì ở Ấn Độ hồi xưa, có 94 giáo phái ngoại đạo, có nơi nói 95, đều tu không thể ra khỏi sanh tử, tối đa là Tứ thiền Bát định thôi. Cho nên đối với Phật pháp là tuyệt vời, mà nếu quý vị rời khỏi rồi, thì không có cách nào. Cho nên không có cách nào hết Phiền não. Bởi vì để chấm dứt sanh tử, thì phải có con đường dứt hết Phiền não. Dứt hết Phiền não ở đây nói đơn giản theo Đại thừa, là hết Kiến tư hoặc, thì mình phải tu, mà muốn tu thì phải học thôi.

#Do Hoặc thế gian phiêu hữu hải: là do bởi các Hoặc; #Hoặc là các Phiền não; tức là chúng sanh trong thế gian thì họ trôi nổi; #phiêu là trôi nổi, trôi nổi ở trong biển; biển này là biển khổ của sanh tử. Điều này chúng ta nghe hoài rồi, chúng ta là người học Phật pháp lâu rồi, chúng ta biết điều này.

#Nhân thử truyền Phật Thuyết Đối Pháp: bởi vậy nên con mới truyền Đối Pháp do Phật thuyết. Tức là truyền Pháp này, do đức Phật thuyết. Đại ý ngài Thiên Thân nói như thế, ngài vẫn giải thích, vẫn chưa vào phần chánh văn.

論曰：若離擇法，無勝方便能滅諸惑。諸惑能令世間漂轉生死大海，因此傳佛說彼對法，欲令世間得擇法故。

Luận viết: Nhược ly Trạch pháp, vô thắng phương tiên năng diệt chư Hoặc. Chư Hoặc năng linh Thế gian phiêu chuyển sanh tử đại hải, nhân thử truyền Phật thuyết bỉ Đối Pháp, dục linh Thế gian đắc Trạch Pháp cố.

Giải:

#Luận viết: Luận nói rằng.

#Nhược ly Trạch pháp, vô thắng nghĩa phương tiện năng diệt chư Hoặc: tức là nếu mà rời khỏi Trạch pháp, thì không có phương tiện nào hơn (hay phương tiện nào khác) để có thể diệt các Hoặc; #Hoặc là Phiền não.

#Chư Hoặc năng linh Thế gian phiêu chuyển sanh tử đại hải: tức là các loại Phiền não khiến cho chúng sanh trong thế gian chìm nổi, lưu chuyển; #chuyển là trôi

nổi trong trong biển lớn của sanh tử.

Điều này rõ ràng, chúng ta quá quen rồi, chúng ta biết chúng ta ở trong sáu đường luân hồi: Trời, Người, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Có khi nói năm đường thôi, thì chúng ta cứ ở trong đó hoài, bởi vì do Phiền não.

Phiền não nói đơn giản là 10 loại Kiết sử: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ và Tà kiến. 10 loại Kiết sử này có khi chia cả Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, chia ra như vậy nên nhỏ hơn. Tóm lại như vậy thôi, hoặc mình nói gom lại, đức Phật nói một cái là Vô minh.

Cho nên trong vòng 12 nhân duyên, cứ Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, một hồi quý vị chỉ cần cắt dòng đó là được. Muốn cắt dòng đó thì cốt lõi là Vô minh. Vô minh tức là mình không biết được sự thật, gọi là Thật đế. Vì không biết thực tế của sự thật, cho nên mình mới bị Phiền não. Giống như chúng ta ở đời, chúng ta có Phiền não là vì sao? Ví dụ như bây giờ quý vị tức người khác, vì sao?

Tức là do mình có cái gì đó ham muốn, mà mình không đạt được, nên khiến cho mình tức. Hoặc là mình có cái gì đó rồi, mình mất cho nên mình tức, đúng không? Tóm lại là Tham, Tham đi cùng với Sân là vậy. Mà gốc của Tham, Sân là do Si. Tức là quý vị cho cái đó là của mình, nên quý vị yêu cầu như vậy, mà không biết là thế gian này vốn không thật, vốn không thể truy cầu được. Ví dụ bây giờ mình muốn khỏe mạnh, nhưng cơ thể mình lâu lâu bị bệnh, nên mình khó chịu: Khó chịu quá! Khó chịu quá! Vì vậy đó là mình cầu không được nên khổ. Thật ra sự cầu đó thuộc về Tham, và khi cầu không được thì Sân, khổ là sân, khó chịu.

Cho nên những bậc giải thoát, các ngài rất nhẹ nhàng, các ngài không có tham nữa, đơn giản vậy thôi. Vì sao các ngài không tham? Mình vẫn còn tham mà các ngài không tham, không tham vì các ngài thấy được lẽ thật, biết được sự thật trong vòng sanh tử, là không thể chiếm được cái gì hết. Vì không còn tham nữa cho nên không khổ, đơn giản vậy thôi. Ngày nào bớt bớt được một chút tham, là bớt được một chút khổ. Nên chúng ta cố gắng học giảm bớt tham, giảm bớt tham danh, tham lợi, tham gì đó v.v… mình càng giảm bao nhiêu thì mình càng bớt khổ

bấy nhiêu. Chỉ còn những nỗi là khổ của trời Sắc giới thôi.

Quý vị biết có mấy loại khổ, thì Tam giới chia ra ba khổ thôi. Nếu nói Bát khổ thì nhiều, nhưng nói gọn lại là ba khổ: Khổ khổ, Hành khổ và Hoại khổ. Chúng ta thấy cái cuối cùng là Hành khổ và Hoại khổ, nếu mà lên Sắc giới chỉ còn Hoại khổ thôi. Hành là cái biến đổi, ví dụ như bây giờ quý vị thấy yêu người ta quá, lấy người ta về, lúc đó hạnh phúc vô biên. Hai người lên trao nhẫn cưới, nhìn mắt nhau say đắm, yêu thương đi về vui quá trời. Nhưng mà tại sao thời gian sau khổ? Sao không còn muốn nhìn thấy mặt nhau nữa, mà suốt ngày vẫn gặp nhau? Đó là Hành khổ, cái khổ do sự biến đổi.

Bởi vì theo giáo lý A Tỳ Đàm, giáo lý Duy Thức này, chúng ta hiểu rằng, một con người không bao giờ là chính họ mãi mãi. Nghĩa là họ luôn luôn thay đổi, lúc quý vị cưới, quý vị lấy, quý vị yêu là anh chàng A. Nhưng sau thời gian về là thành A', thời gian sau thành A2', A3', A4', một hồi thành B mất rồi.

Ngày xưa là một chàng trai rất tốt bụng, rất đẹp trai, rất lịch sự, lo lắng cho quý vị đủ hết, thích đi cinema (đi coi phim) thì dẫn đi coi phim, thích đi đâu thì dẫn đi đó, xài tiền vèo vèo. Nhưng sau khi lấy về, anh chàng ta ki bo vô cùng, tức là không xài [tiền]. Bởi vì anh chàng ta có nhiều điều còn phải lo nữa, vì phải trả tiền điện, rồi tiền mua tã cho con, đóng tiền học cho con v.v… đủ các thứ. Nên anh chàng ta tự nhiên phải keo thôi.

Hồi xưa lâu lâu gặp nhau một bữa, cỡ nào cỡ [cũng] đãi. Còn bây giờ ngày nào cũng gặp, với lại anh chàng ta đã thay đổi, vì anh ta đã không còn nhu cầu chiều chuộng mình như xưa nữa. Hồi xưa chưa lấy được thì chiều, bây giờ lấy được rồi không cần chiều nữa đâu, bây giờ nó cũng không bỏ mình đâu! Kiểu vậy đó quý vị.

Vì vậy tâm cũng khác rồi, hoàn cảnh cũng khác rồi, cho nên là khác thôi. Với lại cũng chán quá rồi. Quý vị nghĩ người ta mãi mãi không bao giờ là chính họ nữa đâu, mà mình cứ ôm vô, có nhiều đêm mất ngủ vì suy tư cái gì đó. Nhưng nếu mà ngày nào đó, mười mấy năm, 20 năm gặp lại người xưa, người mà mình có thể bao đêm thức trắng, thức trọn đêm nay để nhớ thương anh, nhớ thương em gì

đó. Bây giờ gặp lại mình [nghĩ]: hồi xưa dại khùng vừa thôi, tự nhiên thức trắng mấy đêm để làm chi. Nhiều khi mình nghĩ tại sao khờ vậy, đúng không?

Cho nên ở trong kinh Phật, nói đúng nghĩa [là] chúng sanh hạnh phúc với hai điều kiện thôi. Có hai hạng người hạnh phúc, quý vị nghe cho kỹ nha, cái này trong A Tỳ Đàm, chứ không phải nói chuyện chơi đâu. A Tỳ Đàm nói hai hạng người hạnh phúc:

Một là, hạnh phúc của chúng sanh, là vì mê nên hạnh phúc. Tức là nhìn sự việc không có rõ ràng, họ cho là như vậy, cho là anh chàng hay cô nàng đó đẹp, nên mỗi giây phút gặp anh chàng đó, cô nàng đó họ thích vô cùng. Vì vậy họ mới thấy yêu, mới thấy thích. Chứ nếu họ biết sự thật ra thì họ không thích đâu. Và sau khi họ khám phá ra sự thật, người này ghê quá, khó tính quá, người này dữ dằn quá v.v… [là] họ sợ quá, họ hết [mê]. Sự thật được phơi bày thì họ hết mê, hồi xưa mới yêu, mối tình đầu là mối tình hơi mơ mơ màng màng, họ càng ngu họ càng yêu dữ nữa. Mà khi sáng tỏ rồi là hết yêu được rồi.

Đó là hạnh phúc của những người mê muội, và chúng sanh là thế đó. Chúng sanh lấy khổ làm vui, đem giả làm chân, đem những cái mê trong thế gian trùm lên mình, nên tưởng tượng điều đó hạnh phúc, điều đó vui. Vì họ sống trong ảo, nên cho đó là vui. Và một ngày nào đó, phát hiện ra không phải như vậy, thì họ buồn, khổ thôi.

Đó là hạnh phúc của phàm phu, hạnh phúc của phàm phu đặt trên sự giả rồi. Căn bản là do cái ảo do họ tưởng tượng ra, cho nên không thật. Giống như cô công chúa đi tìm ngọc (là mấy giọt nước mưa) đó quý vị. Vốn dĩ không thể nào xâu chuỗi thành ngọc được, nên không thể nào có. Hạnh phúc của thế gian mong manh như vậy. Mình phải hiểu tới đó thì mình mới bỏ được, còn nếu không hiểu tới đó mình vẫn mê trong hạnh phúc của thế gian.

Còn hạnh phúc thứ hai là hạnh phúc của bậc Thánh. Hạnh phúc của bậc Thánh là thấy rõ sự thật chân lý của cuộc đời. Vì thấy rõ cho nên buông bỏ, vì thấy rõ cho nên chấp nhận, vì thấy rõ cho nên không thấy Phiền não nữa. Và chính vì ta thấy rõ lẽ thật của cuộc đời, đó là Kiến đế, là thấy chân lý, vậy là ta đã thông

giáo pháp Tứ Đế. Vậy thì từ đó trở đi ta chỉ cần sống với nó, ở trong đó mà ta không có gì mong cầu, ta cũng rất hoan hỷ, rất vui vẻ. Và bậc Thánh luôn luôn sẵn sàng nhập Niết-Bàn, nếu như đã đắc quả. Hay ta ra đi, Tịnh Độ gọi là niệm Phật vãng sanh.

Cho nên mình thấy sống với niềm vui bậc Thánh, quý vị nhớ trong kinh, một vị A-la-hán nếu như không phát tâm Bồ-đề, thì các ngài nhập Niết-Bàn ngay. Bởi vì các ngài sau khi đắc quả A-la-hán rồi, các ngài thấy thân này không có giá trị gì cả, nó khổ. Mỗi ngày phải kiếm thức ăn lo cho nó, phải chăm sóc, phải tắm rửa, phải mặc quần áo v.v…, bao nhiêu thứ phiền hà trên thân thể này. Vì vậy không có hạnh phúc nào bằng nhập Niết-Bàn.

Nhưng tại sao các ngài vẫn còn trụ ở nhân gian? Đó là những bậc đại A-la-hán, tức là A-la-hán phát tâm Bồ-đề. Vì phát tâm Bồ-đề nên không ngại khổ đau, tôi ở trong thế gian này thật ra không khổ lắm, chỉ thấy hơi phiền một chút thôi. Hơi phiền là phải lo cho cái thân này, chứ cũng không khổ gì đâu quý vị. Bởi vì A-la-hán xem cái thân này, giống như người ở trong tù vậy. Người ở trong tù thì đâu có tự do đâu quý vị, ra ngoài tự do hơn chứ. Nhưng vì muốn giác ngộ chúng sanh, vì tâm Bồ-đề độ sanh, cho nên ngài vẫn ở trong ngục tù Tam giới, tức là ở trong tù. Để giúp những người có duyên, những người xung quanh cùng giác ngộ, cùng hiểu ra chân lý giải thoát giống mình, đơn giản vậy thôi!

Cho nên những người chứng quả A-la-hán rồi, mà nhập Niết-Bàn, là tâm Tiểu thừa. Đa số những người chứng A-la-hán, mà còn ở lại nhân gian này, đó là những người [theo] ngôn ngữ Đại thừa, gọi là đại A-la-hán. Thật ra các ngài là Chánh đẳng Chánh giác, tức là các ngài là Bồ-tát chứ không phải A-la-hán. Quả vị chứng thì là A-la-hán, nhưng các ngài là Bồ-tát đó, nên giá trị như vậy.

Quý vị thấy không, [như] ngài Minh Tuệ, chúng ta ở đây lâu lâu nhắc lại ngài Minh Tuệ chút. Ngài Minh Tuệ theo góc nhìn của Thiện Trang, Thiện Trang thì không có đủ khả năng [ấn chứng], nhưng Thiện Trang nghĩ ngài có thể là bậc đại A-la-hán là như thế. Bậc đại A-la-hán ở đây là A-la-hán phát tâm Bồ-đề, cứu độ chúng sanh. Quý vị có thể nhìn thấy một dấu hiệu thế này, Thiện Trang xin chia

sẻ chút để quý vị biết cách nhìn.

Tại sao chúng ta nhìn ngài, chúng ta cảm thấy mọi cử động, mọi hành vi toát lên một vẻ an lạc, dễ chịu, thánh thoát? Quý vị biết tại sao không? Có nhiều người không biết tại sao đâu, Thiện Trang xin giải thích cho quý vị, quý vị để ý chút thôi là quý vị biết.

Trong kinh nói khi người chứng Tứ quả A-la-hán, thì thân thể này người ta gọi là vô Ngã, tức là phá Thân kiến hết rồi. Thì những đau đớn trên thân thể này, gần như không có tác dụng gì. Quý vị nhớ câu chuyện Tỳ-kheo Tiểu Quân bị rắn độc cắn, rắn độc cắn là chết liền. Vậy mà ngài có thể nhập định để giữ thân không sao, mắt ngài [vẫn] tươi rói như người bình thường.

Lúc đó ngài kêu ngài Xá Lợi Phất tới và nói: *"Hãy khiêng tôi ra, để thân thể này sắp tan thành năm mảnh rồi*. Tan thành năm mảnh tức là Sắc Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngài Xá Lợi Phất mới nói rằng: *"Tại sao [bị] một con rắn độc cắn như vậy, mà sắc mặt ông không thay đổi?*". Ngài Tỳ-kheo Tiểu Quân mới nói rằng: Tại vì từ lâu ngài đã đắc quả A-la-hán, ngài không xem thân này là ngài nữa. Cho nên với định của một vị A-la-hán, là kìm lại được, nên không có khó chịu nữa. Vì không khó chịu, nên không có cử động nào khó chịu.

Chúng ta nhìn thấy một người, mà khi thân thể của họ không có ảnh hưởng đến họ nữa, họ có đạp gai, họ có bị làm sao, không có ngứa ngáy, không có khó chịu trên thân, thì những cử động của họ tạo ra những từ trường an lạc, thánh thoát. Thiện Trang nhìn thấy điều đó ở ngài Minh Tuệ. Thiện Trang nghĩ là ngài Minh Tuệ cũng đắc đến vị trí đó, Thiện Trang đánh giá như thế. Không biết đúng hay không, nhưng quý vị có thể xem xem.

Thật ra quý vị để ý một chút thôi, những người mà tu có một chút công phu, chúng ta có thể nói Thân kiến của họ phá được [một] phần, hoặc là phá hết gì đó. Thì người ta cũng có cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát, người ta không có nặng nề như chúng ta đâu. Tất nhiên có khi đau bệnh thì người ta mới nặng nề thôi. Còn bình thường [thì] họ thanh thoát, nhẹ nhàng. Người ta đi một cách nhẹ nhàng thanh thoát thế nào đó, mình nhìn vào mình cảm giác nhẹ nhàng an lạc, dễ chịu.

Đó là ít nhất Thân kiến cũng nhẹ xuống rồi quý vị. Có nghĩa là thân này, không có tác động nhiều đến tâm mình nữa.

Chúng ta ở Dục giới, trong kinh nói là chúng ta có rất nhiều sự phụ thuộc: phụ thuộc thân thể, phụ thuộc thức ăn. Mai mốt chúng ta học tới một duyên, gọi là Vật thực duyên. Vật thực duyên là duyên của thức ăn, nó cũng ảnh hưởng chúng ta ghê lắm. Những duyên đó tác động đến cơ thể này, mà từ tác động cơ thể nó tác động đến tâm. Nó tác động đến tâm, cho nên mình mới dễ phiền não, dễ khó chịu, dễ bực bội, dễ cau có v.v…, đủ các kiểu, là do dễ buồn, dễ vui, dễ hận, v.v…

Ví dụ như người nữ, tới lứa tuổi đó, hoặc tới ngày đó, tự nhiên họ khó chịu. Bởi vì thân thể này tác động tới họ. Cho nên người mà khi phá được Thân kiến, thì tự nhiên cái đó ít và nhẹ vô cùng, và A-la-hán thì tuyệt vời. Vì vậy chúng ta nhìn vào một vị A-la-hán, các ngài luôn luôn dễ chịu, các ngài cử động gì cũng nhẹ nhàng. Quý vị thấy không, ngài Minh Tuệ ôm miếng ván trên thất của ngài xuống, mình thấy rất là nhẹ nhàng, dễ chịu. Còn chúng ta ôm miếng ván thấy khó khăn, thấy mệt mỏi, rã rời, khác nhau lắm!

Quý vị nhìn đi, sau này mình học A Tỳ Đàm là mình soi ra hết, ai tu thế nào, kêu tôi Trưởng lão, Hòa thượng gì đó v.v… nhưng mà mình nhìn thấy không tự tại. Không tự tại từ lời nói, từ cái miệng nói cũng cố gắng uốn éo rồi. Còn bậc mà phá Thân kiến thì không. Tôi không cần phải diễn, không cần phải diễn bất cứ một điều gì, tôi chỉ cần tự nhiên như thế, bởi vì cơ thể tôi như thế. Tôi không có cần, tôi không có Tâm sở Phú tàng, tôi không có che dấu gì cả, cho nên tôi rất tự tại, tôi nhẹ nhàng. Và sự thánh thoát nhẹ nhàng từ đó mà sanh ra.

Còn một người cho dù có lên chức cỡ nào cỡ, nhưng mà cứ giả giả ương ương là không có thật. Và do cái không thật đó, là Thân kiến nặng, cho nên người đó khi chết thì lòi ra hết à quý vị. Nên công phu ở chỗ đó đó, quý vị hãy nhìn những người đó, rất là thoải mái. Nên tu hành đến khi nào, quý vị càng tự tại bao nhiêu, thì quý vị đắc đạo càng dễ bấy nhiêu. Quý vị gần đạo, gần vào Thánh quả rồi đó.

Còn mình tu hành một hồi, mà Thân kiến mình quá trời, sáng ra trét một lớp

phấn son lên, đủ các kiểu. Phải cột tóc, cột tai đủ [các kiểu], chỉnh tới chỉnh lui, soi tới soi lui, soi xuôi soi ngược để cho đẹp, là Thân kiến mình nặng rồi. Đó là mình đang tạo ra nhiều cái vỏ hơn đó quý vị. Nhiều vỏ hơn thì mình khổ hơn, những điều giả càng nhiều thì càng khổ.

Cho nên tu đến lúc nào là vô Ngã? Muốn vô Ngã thì hãy bắt đầu tu, hãy trở lại với chính mình. Những bài pháp dạo này Thiện Trang giảng khác người rồi, khác người vì mình biết từng chút từng chút những điều này điều kia. Thiện Trang phát hiện thêm một điều nữa, chia sẻ với quý vị về ngồi thiền, ngồi tĩnh tọa, điều này quan trọng, quý vị nghe cho kỹ.

Hồi xưa Thiện Trang chỉ cho quý vị ngồi còn có bồ đoàn, sau này từ khi thấy ngài Minh Tuệ, Thiện Trang thấy ngài đâu có ngồi bồ đoàn đâu, ngài ngồi không mà ngài ngồi cả ngày được. Ngài chia sẻ mới đầu thì đau, rồi dần dần hết đau, ngồi mấy ngày không sao, ngồi ngày này qua ngày kia cũng được.

Thiện Trang phát hiện một điều là do bồ đoàn. Nghĩa là nếu như mình có bồ đoàn, thì mình ngồi sẽ lúc cao lúc thấp, do bồ đoàn của mình chỗ này chỗ kia không đều. Thứ hai là mình đặt nó không đều. Nên nếu như người mới đầu ngồi không có bồ đoàn, họ ngồi không được. Nhưng nếu quý vị ngồi có bồ đoàn, quý vị ngồi sẽ không được lâu, quý vị ngồi hai tiếng, hơn hai tiếng. Do tư thế ngày hôm nay khác, ngày mai khác, hoặc là lúc trước khác, lúc này khác. Cho nên ngồi tĩnh tọa bằng tư thế kiết già hay bán già, thì khiến cho tư thế thay đổi, cơ xương, độ dãn của hai chân của mình không đều. Thân thể mình không đều cho nên mới đau, vì vậy quý vị ngồi không được lâu.

Quý vị muốn ngồi được lâu, mà [ngồi] lâu rồi, thì quý vị chịu đựng chút, [bỏ] bồ đoàn đi. Thiện Trang bây giờ bỏ bồ đoàn rồi, không ngồi bồ đoàn nữa. Quý vị coi cộng tu, Thiện Trang không ngồi bồ đoàn nữa. Mới đầu thì khó chịu, nhưng sau đó ngồi thoải mái luôn quý vị. Vì hai chân mình tự điều tiết, nó tự cân đối lại, cứ ngồi chỗ bằng là được. Ngồi chỗ nào đó, ngồi hoài, ngồi được mấy tiếng đồng hồ không sao hết. Ngồi được rất dài, muốn ngồi cả ngày, ngồi lâu thì phải dẹp bồ đoàn đi, đừng ngồi bồ đoàn nữa.

Ai mới tu mà không ngồi nổi, không có bồ đoàn bị đau, vì bị cong, thì có thể dùng bồ đoạn tạm một thời gian. Nhưng để ngồi lâu, hơn hai tiếng trở lên mà không đau, thì quý vị bỏ bồ đoàn đi. Bỏ bồ đoàn đi là tự nhiên ngồi miết, ngồi cả ngày cũng được.

Thiện Trang cũng phát hiện điều đó từ ngài Minh Tuệ, Thiện Trang áp dụng một thời gian rồi. Cho đến hôm nay Thiện Trang mới công bố với quý vị, là Thiện Trang đã thực hành và thấy không có bồ đoàn ngồi được lâu hơn. Cho nên đấy là chia sẻ cho quý vị. Mà những bí quyết này, đúng là phải có người thị hiện cho mình mới thấy, có thể người khác không thấy nhưng Thiện Trang thấy, thế là Thiện Trang học và áp dụng thử. Mình thử ngồi một thời gian coi, bây giờ thì thấy thoải mái rồi, thích ngồi xếp bằng cỡ nào cũng được.

Ở đây cũng chia sẻ thêm chút, là bên Nam truyền, có người thì nói bên Giới luật của Nam truyền, không cho Tỳ-kheo-ni ngồi kiết già, và cũng cấm luôn các vị Cư sĩ nữ không ngồi kiết già, bí quá cho ngồi bán già thôi. Điều đó có trong Giới luật của bên Nam truyền, nhưng quý vị coi lại nội dung đó là gì? Tại vì có người hỏi, nên Thiện Trang sẵn trả lời luôn. Nguyên nhân Phật chế giới đó là gì? Vì vị Tỳ-kheo-ni đó khi ngồi kiết già, lấy tay rờ vào hai gót chân để mà khởi dục lên, khởi tâm dâm dục, cho nên Phật mới cấm. Cấm là do nguyên nhân đó. Còn Thiện Trang cũng chưa coi hết tất cả các bộ luật, nhưng coi sơ qua bên Bắc truyền, hình như một hai bộ không có giới này. Thiện Trang kêu sao bên này có mà bên kia không có, vì điều đó không quan trọng lắm, nguyên nhân Phật chế giới là gì? Là vì vị Tỳ-kheo-ni đó, cô đụng chạm vào hai gót chân để khởi dục. Còn nếu mình không có đụng chạm vào hai gót chân để khởi dục, thì mình cứ ngồi, mắc mớ gì. Bởi vì lợi ích lớn hơn.

Đức Phật nói ở trong quyển 22, bộ Luật Ngũ Phần là: **"Những điều gì ta chế ra, nhưng các ông thấy nhỏ nhặt thì các ông bỏ đi. Những điều nào mà ta chưa chế ra, các ông thấy cần thiết thì các ông nên giữ"**. Vậy thì ở đây, thấy sự lợi ích của ngồi kiết già lớn hơn, thì tại sao mình không ngồi? Mình phải theo những điều như vậy.

Với lại bên Nam truyền, trừ Việt Nam ra, các nước Nam truyền đâu có Tỳ-kheo-ni nữa. Nếu bên đó có Tỳ-kheo-ni, Thiện Trang tin là các vị Tổ sư hay các vị bên đó, sẽ chú giải điều đó cụ thể hơn. Còn mình cứ y theo Luật tạng Pali kiểu đó, là nhiều khi mình cũng thiệt thòi. Bắt người nữ không cho ngồi kiết già, cũng là một điều thiệt thòi. Theo Thiện Trang là như vậy, còn quý vị tin hay không thì tùy quý vị nha.

Kiến giải của Thiện Trang là nên ngồi, bởi vì thế đó ngồi rất tốt, và nó giúp cho diệt dục rất tốt. Nếu mình ngồi đúng như vậy, thì tâm dâm dục sẽ giảm được rất nhiều. Mình tu là mình muốn giải thoát sanh tử, chứ mình không ham thứ đó, mình nên tu ngồi nhiều thì tốt. Tất nhiên ngồi không phải để thành Phật, ngồi cũng chưa được, mình tu phải Thiền chỉ và Thiền quán. Quán là phải sống trong đời sống hàng ngày, mỗi lúc mỗi giây, dù có đi vào nhà vệ sinh cũng phải chánh niệm rõ ràng. Thì ở trong nhà vệ sinh vẫn tu vô lượng công đức, chứ không phải là mình đi đâu mới tu vô lượng công đức. Chỉ cần chánh niệm hiện tiền, lúc nào cũng rõ ràng sáng suốt, rõ biết. Người niệm Phật thì niệm Phật, người tu Quán thì quán, hoặc là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Tâm như vậy thì mình tu đều được.

Đó là sẵn Thiện Trang chia sẻ luôn, lâu lâu nhớ điều gì thì chia sẻ điều đó. Đó toàn là những kinh nghiệm, và những hiểu biết của mình, chia sẻ quý vị thấy nghe được thì nghe. Còn quý vị cảm thấy không nghe được thì bỏ qua. Bây giờ chúng ta trở lại với bộ Luận này.

#Nhân thử truyền Phật thuyết bỉ Đối Pháp: bởi vì do đó mới truyền Đối Pháp này của đức Phật thuyết.

#Dục linh Thế gian đắc Trạch Pháp cố: bởi vì mong chúng sanh ở thế gian đạt được Trạch Pháp; #Trạch Pháp là Pháp lựa chọn, hay Trạch Pháp đằng sau có nói.

Tạm dịch: Luận nói: Nếu rời Trạch pháp, thì không có phương tiện nào hơn để có thể diệt các Hoặc[1]. Các Hoặc có thể khiến cho [chúng sanh] trong Thế gian trôi nổi trong biển lớn sanh tử, bởi do đó mà mới truyền Đối Pháp này của đức Phật thuyết, vì mong cho [chúng sanh ở] Thế gian đạt được Trạch pháp.

Chúng ta [học] thêm phần nữa, vẫn là bài giới thiệu thôi, chưa vào phần chánh kinh. Chắc bữa sau mới vào chánh kinh.

離說對法，弟子不能於諸法相如理簡擇。然佛世尊處處散說阿毘達磨，大德迦多衍尼子等諸大聲聞結集安置。猶如大德法救所集無常品等鄔陀南頌，毘婆沙師傳說如此。何法名為彼所簡擇，因此傳佛說對法耶？頌曰：

Ly thuyết Đối Pháp, Đệ tử bất năng ư chư pháp Tướng như Lý giản trạch. Nhiên Phật Thế Tôn xứ xứ tán thuyết A Tỳ Đạt Ma, Đại đức Ca Đa Diễn Ni Tử đẳng chư đại Thanh văn kiết tập an trí. Do như Đại đức Pháp Cứu sở tập Vô Thường phẩm đẳng Ổ tha nam tụng, Tỳ Bà Sa sư truyền thuyết như thử. Hà pháp danh vi bỉ sở giản trạch, nhân thử truyền Phật thuyết Đối Pháp da? Tụng viết:

Giải:

#*Ly thuyết Đối Pháp:* nếu rời khỏi thuyết về Đối Pháp này.

#Đệ tử bất năng ư chư pháp Tướng như Lý giản trạch: thì hàng Đệ tử [chúng con] (là chúng ta đó) không thể nào lý giải; #Lý tức là như Lý, đúng chính xác như Lý, mà giản trạch; #giản trạch tức là mình lựa chọn phân biệt một cách đơn giản các Pháp tướng; #Pháp tướng là tướng của các Pháp.

#Nhiên Phật Thế Tôn xứ xứ tán thuyết A Tỳ Đạt Ma: nhưng mà đức Phật Thế Tôn, mọi nơi mọi lúc đều rộng thuyết về tạng A Tỳ Đạt Ma này, chính là tạng A Tỳ Đàm.

#Đại đức Ca Đa Diễn Ni Tử đẳng chư đại Thanh văn kiết tập an trí: có một vị Đại đức; #Đại đức là một vị Tôn giả, tên là Ca Đa Diễn Ni Tử, và những vị đại Thanh văn đã kiết tập nên bộ Luận này. Bộ Luận này là bộ A Tỳ Đàm. Có nghĩa bộ Luận A Tỳ Đàm này từ đâu? Là do vị Đại đức Ca Đa Diễn Ni Tử cùng với các đại Thanh văn; #đại Thanh văn là các vị chứng quả Thanh văn rồi mà phát tâm Bồ-đề, kiết tập lại bộ Luận A Tỳ Đàm.

#Do như Đại đức Pháp Cứu: có một vị Đại đức tên là Pháp Cứu. Vị Đại đức này cũng là một vị Tôn giả.

#Sở tập Vô Thường phẩm đẳng Ô tha nam tụng: tức là có một vị Đại đức tên là Pháp Cứu, ngài đã kiết tập; #tập là kiết tập hay là tu tập; ngài có kiết tập thành một loại gọi là Ô tha nam; #Ô tha nam là tên trong phẩm và những phẩm này là Ô tha nam. Ô tha nam nếu ngôn ngữ của chúng ta gọi là Vô Vấn Tự Thuyết Kinh. Tức là bộ tụng không cần ai hỏi mà tự nói, gọi là Ô tha nam. Tiếng này [toàn] từ lạ thôi, ngài Huyền Trang hay dùng từ lạ lắm, mình hay gọi là Vô Vấn Tự Thuyết. Tức là một trong những thể loại kinh, quý vị nhớ Thiện Trang có chia sẻ nhiều lắm rồi, ai chưa nghe thì Thiện Trang xin nhắc lại. Có 12 thể loại kinh:

Trường hàng, Trùng tụng, tinh Cô khởi
Thí dụ, Nhân duyên, dữ Tự thuyết.

#Trường hàng, Trùng tụng, tinh Cô khởi: #Trường hàng là văn xuôi, thể loại kinh là văn xuôi; #Trùng tụng tức là những bài tụng lặp lại nội dung trước; #tinh là và; #Cô khởi tức là những bài tụng độc lập.

#Thí dụ, Nhân duyên, dữ Tự thuyết: #Thí dụ là đưa ra những ví dụ, trong kinh thì có đưa ra những thí dụ; #Nhân duyên là nói ra những nhân duyên; #Tự thuyết là Vô Vấn Tự Thuyết.

Ở đây là thuộc về Vô Vấn Tự Thuyết. Thiện Trang xin nói nửa bài kệ, [vì] không có thời gian nói nhiều, nói hết 12 thể loại kinh lâu lắm. Ở bên Nam truyền có chín thể loại kinh, điều đó nói lược qua để quý vị biết. Đây là một thể loại kinh Vô Vấn Tự Thuyết, tức là không cần ai hỏi mà cũng nói. Do ngài Tôn giả tên là Pháp Cứu, ngài đã tập hợp được, hay kiết tập được bộ này. Bộ này cũng gọi là Vô Vấn Tự Thuyết, tức là không cần ai hỏi mà đức Phật cũng nói, và trong phẩm Vô Thường, v.v…

#Tỳ Bà Sa sư truyền thuyết như thử: tức là một vị sư gọi là Tỳ Bà Sa.

Ở đây Thiện Trang có chú thích cho quý vị. Tỳ Bà Sa sư có lẽ là nói Tôn giả Thế Hữu, vì ngài Thế Hữu cùng với 500 vị A-la-hán đã kiết tập bộ Luận Đại Tỳ Bà Sa, bộ Luận ấy cũng thuộc Tạng A Tỳ Đàm. Tức là ở đây nói Luận A Tỳ Đàm này, thì có ngài Pháp Cứu kiết tập được phẩm Vô Thường thôi. Còn bộ Luận lớn là do

một ngài khác, là ngài Thế Hữu cùng 500 vị A-la-hán kiết tập ra bộ Luận Tỳ Bà Sa. Cho nên gọi là sư Tỳ Bà Sa, lấy tên của bộ Luận đặt cho ngài luôn, đã truyền thuyết bộ Luận này.

#*Hà pháp danh vi bỉ sở giản trạch*: tức là vì sao tên pháp này được gọi là giản trạch; #bỉ là ngài ấy. Pháp này của ngài ấy được gọi là giản trạch; #ngài ấy tức ngài Thế Thân.

#*Nhân thử truyền Phật thuyết Đối Pháp da?*: bởi đâu mà truyền Đối Pháp của Phật thuyết này.

Tức là ở đây đưa ra hai câu hỏi: Một câu là: Tại sao pháp này được gọi là giản trạch? Và vì đâu mà ngài truyền pháp này?

#*Tụng viết*: là bài tụng nói, (đằng sau sẽ giải thích).

Ở đây do những loại văn này hơi khó chịu, quý vị nghe mới phần này hơi khó, nhưng mà vào xong sẽ dễ chịu hơn.

Tạm dịch: [Nếu] rời thuyết về Đối Pháp, thì Đệ tử [con] không thể như Lý mà giản trạch (lựa chọn phân biệt) các Pháp tướng. Nhưng đức Phật Thế Tôn mọi nơi đều rộng thuyết A Tỳ Đạt Ma, Đại đức Ca Đa Diễn Ni Tử v.v... cùng chư đại Thanh văn kiết tập an trí [tạng A Tỳ Đàm này]. Còn như Đại đức Pháp Cứu đã tập hợp phẩm Vô Thường cùng kệ tụng Vô Vấn Tự Thuyết, sư Tỳ Bà Sa truyền thuyết như vậy. Pháp nào là được ngài ấy (Thế Thân) giản trạch, bởi đâu mà truyền Đối Pháp của Phật thuyết? Thì kệ nói rằng:

Ở đây nói rời ngôn ngữ thì dễ hiểu hơn. Tức là ngài đưa ra, nhắc lại một chút các bộ Luận về A Tỳ Đàm, có những ngài như ngài Ca Đa Diễn Ni Tử, cùng các đại Thanh văn, hoặc ngài sư Tỳ Bà Sa tức là ngài Thế Hữu, ngài Thế Hữu cùng 500 vị A-la-hán kiết tập Kinh này.

Nói về bộ Luận này, thì ngài Thế Thân chọn pháp nào? Bây giờ pháp của Phật thì nhiều lắm, nhưng ngài chọn những pháp nào để nói trong này? Và bởi đâu mà ngài truyền điều này? Thì trong bộ Luận này sẽ nói. Bộ Luận này nói như

thế nào, còn bộ Luận ví dụ như Duy Thức, gọi là bộ Bách Pháp Minh Môn Luận, thì ngài lấy 100 pháp. Tức là nhiều pháp quá, ở trong thế gian là vô lượng pháp, điều nào cũng là pháp. Bất cứ thứ gì trên thế gian đều là pháp. Nhưng để quy nạp lại, thì ngài Vô Trước, trong Du Già Sư Địa Luận, ngài chia thành 660 pháp. 660 pháp nhiều quá, cho nên ngài Thế Thân rút gọn lại, ở trong bộ Duy Thức gọi là Bách Pháp Minh Môn Luận là 100 pháp.

Còn bộ này Thiện Trang quên đếm, hình như là 89 pháp thì phải, chứ không đến 100 pháp. Thiện Trang quên đếm lại, để hồi nào nhớ đếm lại thử coi, trong bộ Luận này chia ra bao nhiêu pháp. Những pháp nào thì chúng ta sẽ được học trong những bài kệ tiếp theo.

Bây giờ chắc sẽ giới thiệu qua cho quý vị biết nội dung luôn, rồi chúng ta sẽ nghỉ. Thiện Trang xin giới thiệu để quý vị hiểu sơ bài kệ, bữa sau chúng ta sẽ vào phần giải thích. Bài kệ thứ bốn, năm, sáu, tức là ba bài kệ này bắt đầu vào nội dung chính, còn ở trên chỉ mới có giới thiệu thôi.

Hữu lậu Vô lậu pháp	有漏無漏法，	Pháp Hữu lậu, Vô lậu
Trừ Đạo dư Hữu vi	除道餘有為，	Ngoại trừ Đạo đế ra Còn lại là Hữu vi
Ư bỉ lậu tùy tăng	於彼漏隨增，	Với các pháp Hữu lậu Thì các Tùy miên tăng
Cố thuyết danh Hữu lậu.	故說名有漏。	Nên nói là Hữu lậu.
Vô lậu vị Đạo đế	無漏謂道諦，	Vô lậu là Đạo đế
Cập tam chủng Vô vi	及三種無為，	Và ba loại Vô vi
Vị Hư không nhị Diệt	謂虛空二滅，	Hư không và hai Diệt
Thử trung Không vô ngại.	此中空無礙。	Hư không không chướng ngại.
Trạch diệt vị ly hệ	擇滅謂離繫，	Trạch diệt lìa trói buộc
Tùy hệ sự các biệt	隨繫事各別，	Tùy theo các trói buộc Mà việc lìa khác nhau

Tất cánh ngại đương sanh	畢竟礙當生，	Rốt ráo làm chướng ngại Cho các pháp không sanh
Biệt đắc Phi trạch diệt	別得非擇滅。	Đắc riêng Phi Trạch diệt.

Ở đây ai mà có nền tảng một chút thì đọc sẽ hiểu, còn nếu không có nền tảng, thì chúng ta cứ nghe từ từ. Thiện Trang sẽ giải thích sơ qua là được rồi. Ở trong đây chia ra pháp, thì gồm có pháp Hữu lậu và Vô lậu.

Thế nào là pháp Hữu lậu, và thế nào là pháp Vô lậu, thì chúng ta phải nắm. Pháp Hữu lậu tức là còn ở trong sanh tử, tất cả các pháp nào trong sanh tử, đều gọi là Hữu lậu. Các pháp nào ra khỏi sanh tử, gọi là Vô lậu. Ví dụ chúng ta có Phiền não là một pháp, chúng ta có thân thể này, thân thể này gọi là Sắc pháp. Sắc pháp này nếu trong A Tỳ Đàm chia ra thì gồm có bốn đại: Đất, Nước, Gió, Lửa, [tức là] Địa đại, Thủy đại, Phong đại, và Hỏa đại. Nhưng đó là mình chia bình thường, còn thêm 24 loại đi kèm với nó thành 28.

Tức là nếu bây giờ nói một đặc tính nào đó, cũng là một Sắc pháp. Ví dụ quý vị có một đặc tính, đứa nhỏ [được] sinh ra đời, nó ở trong bào thai hình thành thế nào đó, để tạo ra cơ thể mà tự nhiên nó kết nối lấy dinh dưỡng từ mẹ, v.v… Bất cứ người nào, bào thai nào cũng có điều kiện như vậy. Hoặc con gà, trứng gà được sanh ra, cứ để như vậy với nhiệt độ như vậy, độ ấm như vậy, điều kiện như vậy, nó đủ trống rồi thì sẽ nở ra con gà. Đó cũng là một Sắc pháp.

Tức là Sắc pháp trong A Tỳ Đàm này chia rất kỹ, cho nên mới giải thích được tất cả những hiện tượng trong tự nhiên, và hiện tượng do nhân tạo. Ví dụ như con cừu Dolly, gọi là nhân bản, không phải [được] sinh ra, thì giải thích như thế nào? Thật ra nếu chúng ta học rõ Sắc pháp ở trong A Tỳ Đàm, thì chúng ta hiểu được ngay, giải thích được hết.

Tức là ở trong kinh, đức Phật nói là do đặc tính như vậy, thì mới sanh ra một

phôi. Ví dụ như mình, người bình thường thì tinh cha huyết mẹ thôi. Nhưng thực tế học kỹ ra, sẽ có những yếu tố nào cấu tạo như vậy. Nếu như mặc dù không phải môi trường tinh cha huyết mẹ, hoặc là môi trường để tạo ra con cừu. Nó không có tinh cừu, không có noãn trứng của con cừu, nhưng nếu như cung cấp cho nó một môi trường y chang như vậy, thì có thể giúp cho điều kiện sẽ đậu thành thai cừu, và phát triển thành con cừu.

Bây giờ người ta có thể sử dụng công nghệ đó được, ví dụ bây giờ người ta trồng rau đâu cần đất, người ta chỉ cần thuỷ canh cho nước chảy và có môi trường, người ta nghiên cứu khoa học rồi. Chỉ cần có nước chảy qua, và có dinh dưỡng chảy qua, thì với nhiệt độ như vậy như vậy là rau lên. Tức là với nhiệt độ như vậy, với điều kiện như vậy, thì sẽ giúp cho cây lớn lên. Đó cũng gọi là một Sắc pháp.

Quý vị học A Tỳ Đàm rồi là yên tâm, tất cả mọi câu hỏi vấn đáp của thế gian, khó cỡ nào quý vị cũng trả lời được hết, tại vì Phật nói hết rồi. Tất cả các pháp thế gian có hết trong này rồi, không có gì không có. Mình không có là tại vì mình dốt, mình không học thôi. Chứ học rồi mình thấy hết, lúc đó mình gọi là có Thần thông. Tức là kinh điển thông, giáo lý thông, cho nên mình hiểu được hết tất cả các vấn đề, tự nhiên nó như vậy, tại sao cái này ra cái kia.

Giống như trong Kinh A Hàm đức Phật nói: **"Một cái cây, với năng lực của một vị Tỳ-kheo, thì có thể biến cái cây đó thành đống tro**" (thành lửa). Tại sao có thể biến cái cây thành lửa? Vì đức Phật nói trong một cái cây đó có đủ bốn đại: Đất, Nước, Lửa, Gió, cho nên nó có thể biến thành lửa được, và nó có thể biến thành nước được, bởi vì nó có nước. Có thể biến thành đất được, biến thành gió được, và biến thành các cái khác. Bởi vì tất cả những yếu tố, cấu tạo nên các vật chất khác, cũng chỉ có bốn thành phần đó thôi. Vì vậy một vị có Thần thông có thể làm được như vậy, vị Tỳ-kheo có Thần thông đó chắc Thần thông phải cao.

Ở trong kinh nói Nhị thiền là có thần thông dữ lắm. Vị Cư sĩ chứng Nhị quả Tư-đà-hàm thôi, mà có Thần thông tức bởi có định của Nhị thiền, thì vị đó nói: *"Tôi có thể lấy một sợi dây cột gió lại, không cho gió di chuyển. Có thể lấy một nắm đất này, tôi ngăn được dòng chảy của con sông Hằng".* Cho nên vị Cư sĩ đó độ được

mấy người Bà-la-môn luôn. Mấy vị kia tu theo Ni-kiền-tử, tức là giáo phái Lõa thể, tu bao nhiêu năm mà không có gì hết, tới hỏi vị Cư sĩ: "*Tại sao ông theo đạo Phật*"? Vị Cư sĩ đó nói: "*Tại vì tôi có những cái đạt được, có những cái thế này thế kia*". "*Đạt được cái gì?".* Vị Cư sĩ nói: "*Thứ nhất tôi được cái này cái kia, v.v… quả vị như vậy. Rồi cuối cùng tôi có Thần thông như vậy. Bây giờ tôi có thể cầm một sợi dây thắt gió lại, không cho gió di chuyển nữa. Tôi có thể dùng một nắm cát, mà ngăn dòng chảy con sông Hằng".*

Vị Cư sĩ đó nói như vậy, và tất nhiên vị Cư sĩ đó cũng thể hiện như vậy, cho nên nhóm giáo phái ngoại đạo đó nghe và thuyết phục quá, nên xin Quy y. Vị Cư sĩ đó dẫn tới đức Phật để xin xuất gia, sau khi xuất gia những người đó đắc quả A-la-hán hết, còn cao hơn vị Cư sĩ đó nữa.

Nên sự thành tựu trong Phật pháp, không phải là nói pháp cho hay, không phải là làm bao nhiêu việc thiện, mà quan trọng là mình chứng quả. Khi nào quý vị chứng quả, là quý vị có năng lực độ sanh. Còn bây giờ mình chưa có năng lực chứng quả, thật ra Sơ quả Tu-đà-hoàn chưa độ sanh được bao nhiêu. Tại vì Sơ quả Tu-đà-hoàn nhiều khi không có Thần thông gì hết, giống như người thường. Quý vị nhìn vào người Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhiều khi cũng không biết, nên là chịu thua. Nhưng nếu mình được Nhị quả, Tam quả hoặc nếu mình đắc Thiền, Tam quả là đắc Tứ thiền rồi, thì Thần thông cũng diệu dụng lắm.

Cho nên một vị A-la-hán rất tuyệt vời, không phải mình học Đại thừa mình thường chê bai A-la-hán, không phải đâu. Quý vị đọc vào Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, quý vị coi một vị A-la-hán năng lực cỡ nào, tuyệt vời lắm. Không cần A-la-hán đâu, quý vị chứng được Nhị quả là cũng khá lắm rồi, Tam quả còn khá hơn nữa, thậm chí quý vị đắc được Nhị thiền là cũng khủng khiếp, cũng có một số Thần thông rồi, cho nên đặc biệt lắm.

Còn bây giờ mình coi mấy cái đó như rác, mình ham danh văn lợi dưỡng v.v…, thích làm Pháp sư, thích độ sanh. Đem gia tài của Như Lai quý như vàng, quý như kim cương, mà không lấy. Đem lấy mấy tán kẹo thôi, ham mấy cái danh ở thế gian, ham mấy điều gì đâu, mấy cái không đáng gì. Quý vị nghĩ coi chết rồi

có mang được gì đâu.

Thật ra bên Phật giáo Nam truyền hay hơn Phật giáo Bắc truyền ở chỗ Phật giáo Nam truyền không trọng ở những chư Tổ, chỉ trọng Phật thôi. Tức là chư Tổ thời nào cũng có, người nào chứng đạo v.v…, người này người kia chứng đạo, nhưng chỉ tôn vinh lúc đó thôi, chứ không có đời sau tôn vinh ghê gớm lắm.

Còn mình bên Bắc truyền cũng có cái hay, là tôn vinh chư Tổ. Nhưng nhiều khi tôn vinh quá, quên tôn vinh Phật. Trong khi đó quên mất là nên học Phật, học từ giáo lý Phật tốt hơn. Bởi vì chư Tổ các ngài cũng có chứng ngộ, nhưng các ngài chỉ đưa ra giáo pháp, phương pháp phù hợp với thời đó thôi. Gọi là khế thời, khế xứ, trong bốn khế: Khế lý, khế cơ, Khế thời, Khế xứ. Nếu là người chứng ngộ, thì sẽ đưa ra Khế lý, Khế cơ, Khế thời, Khế xứ, nhưng chỉ lúc đó thôi, không bằng Phật được. Phật là giáo pháp của Ngài, từ 3000 năm trước cho đến bây giờ vẫn vậy, 3000 năm sau vẫn áp dụng như vậy, làm như vậy vẫn đúng, vẫn không sai, vẫn chứng quả bình thường. Đó là khẳng định của đức Thế Tôn trong kinh, miễn là người tuân theo đúng những gì Phật dạy.

Cho nên đức Phật dặn rất kỹ, quý vị có thể coi trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, trong Trường Bộ Kinh, hoặc trong Kinh Đại Bát Niết Bàn của Đại thừa cũng được, trong Kinh Du Hành của Kinh Trường A Hàm cũng được, hoặc một số kinh khác nữa, đức Phật có nói: "**Khi ta nhập Niết-Bàn rồi các ông hãy lấy Giới làm thầy, hãy lấy giáo pháp của ta làm thầy, không nương tựa vào ai cả. Mỗi người tự thắp đuốc lên mà đi, mỗi người hãy làm hòn đảo cho chỗ cư ngụ của mình".**

Vì vậy cứ theo Phật thì sẽ thành tựu, nhiều khi Thiện Trang đưa ra cái gì đó không giống với Phật, rồi sau người ta cứ áp theo Thiện Trang là trật xa hơn nữa, cứ mỗi đời trật trật một chút là trật xa vời luôn.

Cho nên Thiện Trang vẫn khuyên quý vị, nếu như quý vị là những người tha thiết sanh tử, thì chịu khó học môn nào cũng được, nhưng nền tảng A Hàm, Nikaya và nền tảng A Tỳ Đàm này có giùm. Sau đó quý vị muốn học môn nào thì học. Muốn học giáo lý Đại thừa thì học giáo lý Đại thừa. Và giáo lý Đại thừa là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Bởi vị quý vị mà vào như Kinh Diệu Pháp

Liên Hoa hay Kinh Hoa Nghiêm, mấy kinh lớn đó, vì nếu một đời mà quý vị chạy nhiều bộ, thì quý vị không chạy nổi đâu. Một bộ thôi, sâu đến tới đâu luôn, sâu dữ lắm. Cho nên không cách nào ôm một lúc nhiều bộ mà thông được hết. Vì vậy các chư Tổ Trung Hoa mới chia tông phái, chia tông phái Đại thừa là lý do đó.

Cũng đúng! Hợp lý! Tại vì một tông phái học hết, mới sâu được kinh, tại vì nội dung của kinh điển Đại thừa quá rộng quá sâu. Cho nên chúng ta phải hiểu, chúng ta không được bác bên nào hết, bên nào cũng có cái hay, nhưng phải có nền tảng trước. Ngày xưa các ngài có nền tảng, các ngài chứng ngộ, [mới] có thể chỉ cho các Đệ tử được, những cái gốc nền tảng. Còn bây giờ chúng ta không có, thì chúng ta trở lại tìm cái gốc ở trong A Tỳ Đàm, trong Giới luật, trong A Hàm, trong Nikaya. Quý vị có thời gian thì quý vị đắp hết nền tảng căn bản.

Quý vị thấy như hôm nay Thiện Trang giảng, đa số nội dung từ trong đó. Quý vị nghe giống như từ trên trời rớt xuống, nhưng thực tế là trong đó. Vì mình cứ thâm nhập trong đó, [là có] đủ nền tảng cho mình, mỗi người hãy cố gắng như thế.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng ta sẽ để bài kệ đó bữa sau, tức là bữa sau vào nội dung. Bắt đầu giới thiệu bao nhiêu pháp Vô lậu, pháp Hữu lậu là gì, pháp Vô vi là gì, Hữu vi là gì, gồm những pháp nào, v.v… thì chúng ta sẽ hẹn lại vào bữa sau.

A Mi Đà Phật! Hôm nay chúng ta xin phép dừng ở đây, mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đồng sớm thành Phật đạo".

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 5: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 5.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 17.07.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

LCX005- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Vi DIệu Pháp) - Phẩm Thứ 1 - Buổi 5|| Thích Thiện Trang

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Chúng ta trở về với chuyên đề học một bộ Luận, gọi là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Tựa đề này hoàn toàn căn cứ theo bản dịch Hán văn, dịch ra không dư một chữ nào, không thêm một chữ nào. Tại vì hôm bữa có người không biết, họ bình luận nói tại sao dư chữ "Luận"? Thực tế là họ không biết. Nếu quý vị coi thử, thì chính ngài Tuệ Sỹ cũng dịch tựa đề y chang như vậy.

Ở đây chúng ta học về A Tỳ Đàm của Nam truyền, hay còn gọi là Vi Diệu Pháp. Ở bên Bắc truyền, nếu Đại thừa thì gọi là Duy Thức, [còn] Tiểu thừa thì gọi là A Tỳ Đàm, hoặc có khi gọi là A Tỳ Đạt Ma. #A Tỳ (hay A Tỷ) là không có gì so sánh bằng; #Đạt Ma là Pháp. Cho nên bộ này rất đặc biệt, rất hay! Cách chia sẻ của Thiện Trang, là ngoài chia sẻ nội dung trong bộ này, Thiện Trang có đưa thêm phần của bên Nam truyền vào, để chúng ta kết hợp một lúc học được nhiều thứ.

Thực ra tất cả chỉ là một thôi, có điều cách triển khai khác nhau. Ví dụ ở bên Duy Thức, Bách Pháp Minh Môn Luận, thì bộ này có tất cả 100 pháp, nhưng

ở bộ Luận Câu Xá này thì chỉ chia ra có 75 pháp thôi. Hôm bữa Thiện Trang mới coi lại là 75 pháp. Trong đó ví dụ như Bất tương ưng Hành pháp, bên Duy Thức thì có 24 pháp, còn bên này chỉ có 14 [pháp] thôi. Cũng tương tự như vậy, nhưng bớt đi cho đỡ. Vô vi pháp thì bên kia là sáu, bên này chỉ có ba. Tâm sở thì bên kia là 51, bên này là 46. Tâm vương ở bên này gọi là tâm thôi, Tâm vương chia ra làm sáu. Ở bên này chỉ nói một tâm (không có A-lại-da và Mạt-na), còn bên kia thì nói tám tâm (có A-lại-da và Mạt-na). Như vậy hầu như là tương đương với nhau, cho nên nếu chúng ta học một bộ, thì chúng ta có thể thâm nhập bộ khác được. Chỉ cần học bộ này cho chắc là được.

Hôm nay Thiện Trang xin bắt đầu vào phần chia sẻ. Chúng ta sẽ tiếp tục chia sẻ tâm đắc. Phật pháp rất tuyệt vời, có thể đưa tất cả mọi người từ biển khổ sang bến bờ an vui, từ sự mê lầm sang đến sự giác ngộ, và từ phàm phu chuyển thành Thánh nhân. Trong Kinh Tạp A Hàm có một câu chuyện như thế này, Thiện Trang xin kể tóm tắt:

Có một gia đình nọ, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, bà đó có mấy đứa con lần lượt chết, đứa này chết, đứa kia chết, [chết] đến sáu đứa con. Bà rất đau khổ, đến nỗi phát khùng lên. Do bị sốc quá đó quý vị, mất đến sáu đứa con, lần lượt đứa này chết, đứa kia chết. Nên cho đến đứa thứ sáu [chết], bà không chịu nổi, bà phát khùng. Lúc đó bà ở trần truồng đi ra ngoài, đi đến nơi gặp đức Phật Thích Ca đang giảng pháp. Bà đến gần mới thấy đức Phật, bà chợt tỉnh lại, rất xấu hổ, nên [bà] ngồi sụp xuống, vì người không có quần áo gì cả. Lúc đó đức Phật mới bảo ngài A Nan đưa tăng-già-lê (tức là y khoác bên ngoài. Bên Tỳ-kheo có ba y, trong đó có y khoác ngoài), bảo đưa cho bà. Ngài A Nan đưa cho bà, bà khoác y lên, ngồi đó nghe pháp. Sau khi khoác y, nghe pháp, thì bà rất hoan hỉ và hiểu ra được, bà đi về. Bà có niềm tin Quy y Tam Bảo rồi mới về.

Về nhà thì thời gian sau, đứa con thứ bảy của bà lại chết. Lần này do bà hiểu vô thường rồi, không có khổ nữa. Ông chồng hỏi: *"Sao lần này bà không còn đau khổ nữa?"*. Bà hiểu ra, nói một bài kệ, đại ý là hiểu được thế gian vô thường,

mỗi đứa con có nghiệp báo của nó, đứa nào sống, chết v.v… là do nó. Nói như vậy rất hay, ông chồng nghe được, kêu: "*Sao ai mà dạy cho pháp hay như vậy*?". [Bà] kêu: *"Đó là đức Thế Tôn (đức Phật), ông hãy đến đó mà nghe"*.

Ông đó cùng một người đánh xe ngựa, đi đến nghe đức Phật thuyết pháp. Nghe đức Phật thuyết pháp xong, ông cũng đắc được Sơ quả và xin xuất gia, ở lại. Đức Phật thọ ký là ba ngày sau ông sẽ đắc được quả A-la-hán (đến ngày thứ ba thì đắc A-la-hán). Sau đó vị hầu đánh xe đi về, bà nghe nói chồng mình bây giờ đi xuất gia luôn rồi, được ghi nhận đắc A-la-hán nữa, nên rất mừng. [Bà] kêu [với người đánh xe]: *"Thôi về đây ta cho hết luôn, cho xe đó luôn. Ta còn cho thêm bao nhiêu tiền vàng nữa"*. Người đánh xe nói: *"Thôi bây giờ con không mong gì nữa đâu, con chỉ cần bà hứa cho con đi xuất gia luôn"*. Lúc đó đứa con gái của bà nói: nếu vậy thì tuyệt vời quá, thế này thế kia. Cho nên từ đó, tóm lại tất cả mọi người đi xuất gia. Gia đình đó đều đi xuất gia, cả người đánh xe cũng đi xuất gia. Sau này tất cả đều đắc đạo giải thoát.

Quý vị thấy hay không ạ? Từ những người đau khổ, nhưng với giáo pháp của đức Thế Tôn [có thể] giúp [cho họ], thậm chí chuyển phàm thành Thánh. Cho nên rất tuyệt vời như vậy, mà ta không học thì uổng đúng không ạ?

Trong phần chia sẻ của bộ này, nếu chúng ta theo thứ tự, mới đầu vào sẽ là pháp Hữu vi, pháp Vô vi. Nhưng chúng ta cũng tranh thủ chia sẻ một chút về Duyên sinh, Duyên hệ, Tâm sở, những điều mà chúng ta có thể học trước. Ví dụ như về Duyên hệ có 24 duyên (chúng ta học 24 duyên thôi), thì quý vị đã học qua Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Câu sanh duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Thiền duyên, Vô gián duyên, Đạo duyên, Nghiệp duyên. Hôm nay Thiện Trang xin nói rộng thêm một chút [về] Nghiệp duyên, và chia sẻ thêm một chút về Quả duyên và Vật thực duyên.

Nghiệp duyên là gì, quý vị còn nhớ không ạ? Có nhiều định nghĩa lắm, chúng ta nói theo cách dễ hiểu thôi. Nghiệp duyên là sức (lực) tác động, từ chủ ý trong mỗi hành động. Tức là mình làm gì [thì] mình có chủ ý trong đó, chính là

Tâm sở Tư, là tạo ra Nghiệp duyên. Nghiệp thì hôm bữa chúng ta đã học, gồm có bốn nghiệp: Nghiệp ác là nghiệp đọa lạc, thiện nghiệp có thiện nghiệp của Dục giới, thiện nghiệp của Thiền và nghiệp Vô lậu, có khi chia ba thôi. Đó là chúng ta biết như vậy.

Bây giờ Thiện Trang nói rộng ra một chút, để chúng ta dễ hình dung hơn. Ví dụ như khi chúng ta làm việc với tâm lành, Tâm sở thiện, thì chúng ta sẽ có nhân quả. Thông thường chúng ta thấy ở trên đã chia bốn loại rồi, còn ở đây chia ra thêm nữa. Tùy vào nhân mà chúng ta có quả khác nhau.

Ví dụ quý vị làm việc thiện với tâm hững hờ, thì mình nhận được quả báo sau này không được lạc quan. Cho nên ở trong đời tại sao có những người sống không lạc quan, họ hay bi quan với cuộc đời, là do đời trước làm những việc thiện với tâm hững hờ. Tức là không quyết đoán, không mạnh mẽ, làm một cách hững hờ. Giống như thấy người ta bố thí cho người ăn xin, mình cũng bố thí, làm hững hờ thôi, không quyết đoán, thì quả báo sau này mình không được lạc quan.

Nếu làm với tâm Hợp trí, tức là tâm có trí huệ trong đó, mình có cân nhắc làm việc này là việc thiện, việc này tốt. Ví dụ hỗ trợ một người tu hành, giúp người ta nghe kinh nghe pháp, giới thiệu điều này tốt v.v… đó là tâm Hợp trí. Thì quý vị sẽ được quả báo là nhiều trí, thông minh.

Quý vị nghe cho kĩ nha, [quả báo] khác nhau. Tuy cùng làm việc thiện đó, giống như hai người làm: một người thì hững hờ, tôi thích thì tôi tặng quý vị máy nghe pháp, tôi giới thiệu [pháp], nhưng mà hờ hững thôi. Còn người kia làm với tâm: tôi biết là tôi tặng máy nghe pháp này, hoặc tôi giới thiệu bài pháp này v.v… người ta nghe được [thì sẽ] giác ngộ, tốt lành. Đó là tâm Hợp trí. Và tâm Hợp trí sẽ [được] nhiều trí tuệ và thông minh. Còn người kia làm mà hờ hững, thì quả báo về sau không được lạc quan.

Rồi quý vị làm việc thiện, với tâm lạc quan vui vẻ, quý vị tặng cho người ta. Cũng việc đó thôi, nhưng mình làm với [tâm] lạc quan, vui vẻ, dễ chịu, hoan hỷ,

giới thiệu chị nghe pháp này đi, tặng chị bài pháp này, tặng chị máy nghe pháp này, v.v… thì đời sau mình cũng được lạc quan, vui vẻ. Cho nên mình tu là tu ở ngay nghiệp này, mỗi hành động quan trọng lắm, nên nghiệp của mình quan trọng.

Rồi có người làm với tâm do dự chần chờ, tính trước tính sau, không quyết định, không dứt khoát, thì quả báo đời sau bị chậm chạp. Còn quý vị dứt khoát mau mắn, thì đời sau quý vị được mau mắn nhanh nhẹn. Nên mình phải biết tu.

Thiện Trang xin nói lại, vừa rồi chúng ta học là: tâm hờ hững [thì] quả báo sẽ không được lạc quan; tâm Hợp trí tức là có trí huệ, thì đời sau [được] nhiều trí, thông minh. Nếu lạc quan, vui vẻ thì mình cũng lạc quan vui vẻ. Nếu do dự, chần chờ thì đời sau chậm chạp. Và nếu mau mắn, quyết định thì đời sau mau mắn, nhanh nhẹn. Nội sơ sơ vậy thôi, tuy một việc làm mà mỗi người dùng tâm khác nhau, thì sẽ được quả báo khác nhau. Vì vậy quý vị đừng nghĩ là chúng ta sẽ giống nhau, không có giống nhau. Tu một hồi mỗi người một khác, một thời gian sau đã khác rồi.

Tại sao những người tu với nhau, cùng học pháp của một thầy, cũng hành trì tương đương giống nhau, cũng cuối tuần lên tu niệm Phật, nghe pháp, nhưng tại sao quả báo cuối cùng khác nhau? Là do tâm đó. Ở đây nếu mà tổng kết lại [thì] cần ba điều: Thứ nhất là về cảm xúc, mình phải coi tâm mình là hào hứng hay hững hờ khi làm việc. Thứ hai là có trí huệ hay không. Thứ ba là việc đó do mình chủ động tự phát lên, hay là có tác động của người khác. Tự phát thì sẽ mạnh hơn, tốt hơn là có người khác hướng dẫn. Thấy người ta làm bắt chước làm theo, thì [quả] sẽ nhỏ hơn, không bằng người ta. Mình phải đánh giá rõ ràng như vậy.

Như vậy là mình hiểu được nghiệp duyên này, thì mình phải tu trong từ hành động, từng việc làm, mỗi việc làm hằng ngày là mỗi lần để tu tập, chứ không phải mình cứ hững hờ làm. Không được! Còn chưa nói đến trong việc làm, tâm mình tác ý như nào, gọi là chủ động, Tâm sở Tư đó. Ví dụ quý vị cúng dường một

bữa ăn, cho một vị Tỳ-kheo, một quý thầy trong đoàn của thầy Minh Tuệ. Hai người cùng cúng dường giống nhau, nhưng tâm khác nhau thì sẽ [cho quả] khác nhau. Một người suy nghĩ rằng: cúng dường để thầy ấy ăn, [để] có sức khỏe qua ngày, để tu thôi. Mình nghĩ như vậy thì đời sau mình được quả báo sức khỏe. Còn người kia cúng dường, nghĩ đời sau có phước báu, thì sẽ có phước báu. Người kia cúng dường, nghĩ để thầy tu có trí huệ, đắc quả v.v... thì mình cũng được quả báo có trí huệ, đắc quả. Do Tâm sở Tư hết, đó là sự chủ động của mình như thế nào.

Nên cùng một việc bố thí đó, mà mình phải nghĩ làm sao? Quý vị làm việc đó là phải có Tâm sở với trí trong đó, tức là Tâm sở Hợp trí. Tức là ngoài tâm chủ định ra, mình phải có chủ định như thế nào? Chủ định là mình nghĩ bố thí là giúp cho người ta được gì, đừng có nghĩ cho mình, mà phải nghĩ giúp cho người ấy được gì, thì nhân quả mình nhận được sau này cũng được điều đó. Có người bố thí mong được khỏe mạnh, nên đời sau [được] nhiều đồ ăn, cũng khỏe mạnh. Có người bố thí, nhưng nghĩ đến [việc] ăn này sẽ có sức khỏe, để tu tập, sau này thầy ấy sẽ có trí tuệ, sẽ đắc đạo, thì mình có phước báu rộng hơn.

Cho nên bất cứ một việc nào, mình học điều này [thì] mình mới tu chứ. Thường người ta cúng dường, chỉ cầu quả Vô thượng Bồ-đề. Mình đừng học Bát-nhã rồi chấp tướng, đừng có nói Bố thí Ba-la-mật là không cầu gì hết. Việc đó không cầu thì khó lắm quý vị! Thường Bố thí đối với phàm phu, cầu là được rồi, cầu quả Vô thượng Bồ-đề. Quý vị coi trong kinh, câu chuyện của những người xưa, bố thí cúng dường đều cầu là: Con nguyện đời sau con gặp được Phật pháp, gặp được Phật, đắc đạo, v.v… đó là cầu đó quý vị. Chứ không phải mình nói tâm vô cầu. Cho nên chuyện này rõ ràng, và mình làm tùy hứng hay thế nào, rồi làm [mà] không nghĩ ngợi gì hết, thì tùy [theo tâm] đó mà mức độ khác nhau.

Ở đây xin kể một câu chuyện, để chứng minh điều này. Trong kinh có một câu chuyện: Có hai vị Cư sĩ gặp được đức Phật Tỳ Bà Thi. Đức Phật Tỳ Bà Thi là trong quá khứ Trang Nghiêm kiếp, không phải trong hiện tại Hiền kiếp. Khi đó

hai người đều nghèo, không có gì để cúng dường cho Phật hết, cho nên hai người nghĩ ra cách để cúng dường, là đi ra bờ sông, hốt cát vào để rải. Một người rải ở chỗ đường mà đức Phật đi, một người rải chỗ đức Phật ngồi. Thì quả báo cũng khác nhau quý vị. Quả báo của ông mà rải cát ở trên đường, để cho đức Phật đi, thì đời sau thoải mái về những phương tiện đi lại. Nếu như bây giờ sanh ra đời, chắc là đi xe xịn xe sang, tại vì giúp cho đức Phật đi mà. Còn người kia rải ở chỗ ngồi của đức Phật, thì ổng được chăn êm nệm ấm, giường cao chiếu rộng.

Quý vị thấy không, cùng một việc cúng dường cát cho đức Phật Tỳ Bà Thi thôi, nhưng vì chủ đích (tức là chủ tâm của mình), Tâm sở Tư khác nhau, mà quả báo khác nhau. Cho nên mình học Phật pháp, mình không học tới đây mà mình nói tu, thì tu gì? Ai cũng nói tu tu tu, nhưng mà khổ nỗi ngay trong vấn đề nghiệp tu thôi, là mình đã không nắm được rồi, mình đã làm không chính xác rồi. Đó là Thiện Trang đã giới thiệu xong, ôn lại Duyên hệ, gọi là Nghiệp duyên.

Như vậy do Tâm sở Tư của mình, mà tạo ra nghiệp nào, để sau này mình được nhận quả nào, đó gọi là Nghiệp duyên. Như vậy bữa nay mình học điều này, mình biết tu rồi đúng không? Cho nên người học được điều này, gọi là ở nơi đâu, việc làm nào, mình [cũng] đều tu rất nhiều công đức, và mình tu làm sao để ra khỏi sanh tử. Cho nên phải cẩn thận ở chỗ này, phải dùng Tâm sở Tư, cố gắng chủ đích của việc làm nào. Tại vì chúng ta là phàm phu, chúng ta không phải là bậc Thánh nhân đâu. Thánh nhân, Bồ-tát mới không có khởi tâm động niệm, vì các ngài làm không cần chủ đích, còn chúng ta làm vẫn có chủ đích.

Đừng nói: Thưa thầy, con cúng dường, con không mong cầu gì. Không dám không có mong cầu [đâu], quý vị cúng dường thì cũng có tâm là hướng cúng dường cho thầy đó, hướng cúng dường cho người đó, hướng cúng dường cho việc đó, hoặc là có mong cầu, cầu phước báo. Nghe nói cúng dường cho một vị A-la-hán, Bích-chi-phật được 91 kiếp không nghèo đói, là mình cúng dường đúng không? Giờ giống như cúng dường cho một vị sắp đắc đạo, công đức phước báo lớn lắm chứ đâu có đơn giản. Cho nên đấy là mình vẫn có tâm mong cầu

trong đó. Mình nghe như vậy thì mình chỉ cầu phước báo thôi. Nhưng nếu mình cúng dường với tâm chủ đích, là giúp cho người đó tu sớm đắc đạo, mình cũng được sớm đắc đạo, hồi hướng như vậy. Cho nên đó là Nghiệp duyên.

Hôm nay giới thiệu cho quý vị Nghiệp duyên rồi, bây giờ tiếp theo là Quả duyên. Quả duyên, nội dung cũng gần gần giống như Nghiệp duyên thôi, tại vì một cái là nhân, một cái là quả. Chúng ta để hiểu [về duyên] này, thì chúng ta hiểu về ba điều chướng. Chúng ta hay có bài hồi hướng:

"*Nguyện tiêu tam chướng chư Phiền não.*

Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu".

Đó là Tâm sở Tư. Nguyện tiêu tam chướng chư Phiền não hoặc là trừ Phiền não. Ở Việt Nam không biết tại sao ghi "trừ Phiền não", nhưng mà thật ra bản chữ Hán là "chư Phiền não"; Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu. Đó là Tâm sở Tư tốt đó. [Ở đây] là "tiêu tam chướng", vậy tam chướng là gì?

1. Thứ nhất là Nghiệp chướng. Hôm nay chúng ta sẽ hiểu rõ ràng ba chướng. Nghiệp chướng tức là mình làm việc gì đó, [sẽ] tạo ra một ấn tượng trong tâm mình. Có thể là một nghiệp nặng, một nghiệp nặng thông thường sẽ tạo ra một ấn tượng [mạnh]. Khi chưa đến lúc báo ứng, tức là chưa xảy ra quả báo, nhưng trước mắt [việc đó] để trong tâm mình một ấn tượng xấu, thậm chí ấn tượng rất xấu. Cho nên khiến cho mình tu cũng không yên, không an.

Ví dụ như bây giờ trong đời quý vị, có một lần nào đó, tự nhiên chửi mắng cha mẹ của quý vị chẳng hạn. Thì ấn tượng sau đó quý vị nghĩ lại, mỗi lần [làm] gì đó, [khi] ba mẹ qua đời rồi hay là còn thế nào đó, mỗi lần nghĩ lại mình thấy mình bất hiếu, mình không biết tại sao bữa đó như vậy. Cho nên việc đó tuy là chưa ra quả báo, quả báo chửi cha mẹ là mai mốt có thể đọa. Hoặc là mình chửi thầy v.v.. thế nào đó. Tuy quả báo chưa tới, nhưng nghiệp đó đã hiện ra rồi, [và] gây chướng ngại cho việc của mình, chướng ngại trong tu học [của] mình.

Ví dụ như vô ngồi thiền, nó cứ hiện ra, nhớ hồi đó sao mình chửi cha chửi mẹ như vậy, hoặc là hồi đó tại sao mình như thế, mình lại đi làm việc đó v.v… Hoặc là quý vị đã phá giới, ví dụ như có người phá giới tà dâm. Tức là tà dâm một lần nào đó rồi, [tuy] quả báo, nghiệp báo chưa tới, nhưng mà tu không được, cứ nhớ chuyện đó hiện ra. Cho nên Thiền không đắc, niệm Phật cũng không đắc, cái gì cũng không đắc, thì đó gọi là Nghiệp chướng. Là nghiệp thôi, chưa có ra quả. Chưa có ra quả, nhưng ấn tượng trong A-lại-da thức, ấn tượng trong tâm của chúng ta đã có rồi. Và điều đó khiến cho tâm không an, nên tu Thiền không đắc Thiền được đâu, không đắc đạo được luôn.

Vì sao vậy? Vì đó là Nghiệp chướng. Và Nghiệp chướng này chướng ngại rất lớn trên đường tâm linh. Cho nên đừng nói là quả báo chưa tới, nghiệp chướng tới là đủ khổ rồi. Tu không được, đắc Thiền không được, đắc định cũng không được, đắc quả vị cũng không được. Vì quý vị cứ sắp vô chút, thì [việc đó] hiện ra.

Cho nên việc này rất quan trọng, quý vị phải cố gắng né tránh những chuyện đó. Và lỡ làm rồi, thì phải ráng mà sám hối. Sám hối để bỏ qua, để ấn tượng trong tâm thức của mình không còn nữa, thì quý vị tu mới đắc được. Còn quý vị đã có rồi, quý vị cứ vô thiền là ngồi thiền hoặc là niệm Phật, hay là tu gì đó, [một] hồi là nó hiện ra. Nhập thất càng nhiều, thì càng ra hung nữa, khổ lắm quý vị!

Cho nên là những người nào phạm giới trọng, làm những việc xấu nặng v.v… là ấn tượng mạnh. Và những việc đó khiến cho mình tu không có đắc, nhớ nha! Cho nên tốt nhất là đừng làm việc sai. Việc sai lớn, những việc nào mà để ấn tượng mạnh trong tâm, đó là Nghiệp chướng.

2. Thứ hai trong tam chướng, là Quả chướng. Quả có nghĩa là chúng ta đã làm rồi, thì sau này chúng ta đi đầu thai bằng loại tâm nào. Và tâm đó, ảnh hưởng về nghiệp đó, cho nên đó là quả. Tâm đầu thai [nào] là mang quả đó đi rồi, cho nên đời này sanh ra là mình bị luôn. Ví dụ như có người sanh ra đời là bị quả: tự

nhiên không thể nghe được, sức khỏe không tốt chẳng hạn, hoặc là thân thể không có cao lớn, v.v… rồi hoàn cảnh gia đình v.v… đủ các kiểu. Hoặc là tâm thần, hồi nãy mình nói đó, tự nhiên người ta thì lanh lẹ lắm, mình thì chậm lụt. Đó gọi là quả đến rồi.

Và quả này là quả của nghiệp xấu, cho nên gọi là Quả chướng, chướng ngăn lên. Người ta học pháp [thì] hiểu lắm, còn mình học thì khờ khờ. Người ta thì sức khỏe lắm, mình tu thì cứ bệnh lên bệnh xuống, tu không được. Đó gọi là Quả chướng. Rồi người ta thì có gia đình hoàn cảnh điều kiện tốt lắm, tu cả nhà ủng hộ. Mình thì toàn bị phá, người này chướng ngăn, người kia chướng ngăn, người cản người không. Đó là Quả chướng, quả tới rồi. Đó là do mình, đời trước mình đã [tạo].

Ở đây cũng sẵn nói luôn quả là thế nào. Có nhiều người kỳ lắm quý vị, bình thường đi chơi thì không sao hết, đi chơi thế này thế kia, sống bình yên, không sao! Nhưng khi vô tu là bao nhiêu tai họa ùn ùn kéo tới, người này cản, người kia ngăn v.v… Quý vị biết tại sao không? Tại sao có hạng người đó, chúng ta hay dùng từ phổ thông, gọi là nghiệp trổ hay là nghiệp đổ ra. Và rất nhiều người sợ điều này.

Nói luôn cho quý vị, theo giáo lý A Tỳ Đàm này, chúng ta giải thích được luôn. Giải thích đó là: những người đó là những người đời trước chướng ngăn người khác tu hành. Người đời trước tu, [mà] mình không cho người ta tu. Đời này quý vị thấy những người khác, đầy người chướng ngăn quý vị. Tương lai của những người đó, chịu trách nhiệm nhân quả rõ lắm.

Ví dụ như nhà hàng xóm tu, mà mình lên mở nhạc rầm trời, thì quả báo đời sau (Quả chướng) mình cũng [bị như] vậy. Mình tu tự nhiên bị phá, tu không yên. Rồi ở nhà vợ mình tu, mình không có ăn chay [nên] mình không cho vợ ăn chay, mình ngăn [vợ] nghe pháp, rồi gây cho chướng ngại, mở tivi ầm ầm lên. Làm cho đã đi, rồi đời sau hay đời nào đó, phát tâm tu hành, bình thường [thì] không sao hết, vô phát tâm tu hành là chướng ngại tới.

Có nhiều sự chướng lắm quý vị. Có vị sư nói: chỉ vì mấy bà thôi, mà vị sư đó dẹp luôn cả lớp học. Lớp học đó không thể nào học tiếp, vì có mấy bà trong đó gây qua gây lại, chuyện này chuyện kia, cuối cùng phải dẹp. Mấy người đó sau này sẽ lãnh quả, gọi là Nghiệp chướng, Quả chướng của họ tới. Cho nên chúng ta tu hành, tại sao đời này bị nhiều chướng ngại vậy? Thật ra cũng là do Quả chướng của mình thôi. Hồi xưa đời nào đó, mình gây chướng ngại cho người ta tu hành, bây giờ mình không tu thì không sao hết, nhưng mình vô tu là bị chướng, quý vị hiểu không? Nghiệp đó, quả đó trổ ra, rõ ràng lắm, không có gì sai đâu. Cho nên [chúng ta] cần phải cẩn trọng hơn, bởi vì quả còn kinh khủng hơn nghiệp nữa.

Nghiệp là chưa trổ ra, mới ở trong tâm thôi, ấn tượng chút chút thôi, mà khó chịu rồi, thì mình ráng sám hối, ráng buông xả. Mình dùng trí huệ để mình buông được, quý vị có thể buông được mà. Ví dụ như nhớ là: chuyện đó là quá khứ xa rồi, hồi xưa mình ngu si, mình lỡ làm việc xấu rồi. Ví dụ như quý vị đồng tu lỡ phạm giới rồi chẳng hạn, thì mình nhớ là [chuyện đó] xưa rồi, thôi bỏ đi, nghe nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, thì mình bỏ được.

Nhưng nếu quả tới rồi, thì mình bỏ làm sao được quý vị, quả thì trốn đường trời. Mình trốn đâu có được đâu, giờ ở nhà, ở trong gia đình làm sao trốn đây! Cho nên suốt ngày bị chồng gây chuyện, chồng cản trở, đi chùa không xong. Ông chồng tu thì vợ không cho tu, chồng muốn tu lắm, mà bà vợ thì cứ suốt ngày dụ khị v.v... không cho tu. Thọ ngày Bát quan trai, mà bà cứ vô nằm chung, kiểu đó làm sao tu được, sợ quá trời đúng không! Những quả này là do đời trước mình đã tạo nghiệp nhân, bây giờ trổ ra. Mình chưa tu thì [quả] chưa tới, tu thì nó tới.

Cho nên không phải là nghiệp trổ nghiệp đổ đâu. Phải nói rõ hơn, đúng là nghiệp trổ nghiệp đổ, vì ngày xưa đời xưa nào đó mình đã chướng ngại những người tu hành. Cho nên cẩn thận nha! Vào trong Phật pháp, quý vị đừng vì danh, đừng vì mình, đừng vì điều gì đó, mà chướng ngại người ta nghe pháp, chướng ngại người ta tu hành, gây khó khăn, khó dễ. Rồi sau này quý vị tu đi rồi biết,

chướng ngại trổ ra trùng trùng luôn. Đó là dư báo thôi, quý vị sẽ phải đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa. Nên phải cẩn thận, mình học rồi mình hiểu. Cho nên Quả chướng này, kinh khủng hơn Nghiệp chướng, mạnh hơn Nghiệp chướng.

3. Thứ ba là Phiền não chướng. Phiền não chướng thì dễ hiểu rồi, là chướng ngăn do Phiền não. Tức là do tâm mình có nhiều vấn đề, ví dụ như quý vị ghét, hoặc là quý vị có những tiêu chuẩn đưa ra, những Phiền não kỳ cục. Ví dụ quý vị thấy ông thầy nào đẹp trai, thì quý vị mới thích nghe, [còn] ông thầy nào xấu xấu, thì không thích nghe. Đó là một Phiền não chướng. Hoặc là quý vị chỉ thích nghe những lời suông tai thôi. Đa số Phật tử, nghe giáo pháp của Phật, mà chỉ [thích] nghe những điều gì ngọt thôi, cho nên quý thầy dụ cho một tâng [là] đi luôn. Mấy bà già thích vô nghe, thầy nào giảng mà về hiếu nhiều, nghe để đưa về cho mấy đứa con: Con à, hiếu với cha mẹ nghe con. Vậy đó, khoái lắm! Còn mấy đứa trẻ trẻ, đang yêu, nên thích nghe những lời yêu đương thôi, cho nên [giảng] yêu đương họ khoái lắm, giảng đúng bài. Đó thuộc về Phiền não chướng đó quý vị, quý vị thích điều đó.

Thay vì chúng ta tìm đến giáo pháp của Như Lai, là nghe những điều chân thật, đó là Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đó là con đường ra khỏi sanh tử, [thì] mình không chịu nghe. Còn nghe những điều đó, thì cần gì phải đi tìm đến chùa. Cho nên đó cũng là một loại Phiền não chướng.

Rồi ham chơi quá, ghen tuông, hờn giận v.v… những Tập khí, những Phiền não đó, đều chướng ngăn trong tu hành của mình hết. Chướng ngăn nhiều lắm quý vị. Nhiều khi mình nghe vị thầy đó nói, thầy đó chân tu giảng hay lắm. Nhưng mình vì một lời không hay của thầy đó, nói đụng chạm, mình nổi sùng lên, không nghe nữa, đó là Phiền não chướng rồi. Thay vì mình nghe điều chân thật, [thì] mình không nghe. Hoặc trong Đạo tràng vì chuyện gì đó, hai người, người này hai người kia cuối cùng mình thôi không nghe nữa. Thôi Đạo tràng đó, có bà đó, tôi ghét quá, tôi không nghe nữa, chẳng hạn như vậy. Những điều này [là] do

những Phiền não của chính mình gây ra, cho nên người tu hành ít Phiền não, thì bớt chướng này. Như vậy đã qua được ba chướng.

Ở đây Thiện Trang tham khảo, có vị Thiền sư đưa ra kinh nghiệm Tuệ quán, tức là khi mình tu, mình có những vấn đề nào. Ví dụ như quý vị tu, tự nhiên có những giai đoạn mình tu ngon lành, không có vấn đề. Nhưng khi mình tu, không thể tập trung tư tưởng được, [cảm giác] khó chịu hay như thế nào đó v.v… mình đang thế nào đó. Nhiều khi mình nhập thất, tu tự nhiên không tập trung được, tu không được. Thì nên xem lại những chướng ngại đó nằm ở đâu, xem về ba điều vừa rồi thôi.

Thứ nhất, là mình có làm hay xúc phạm ai mà mình chưa xin lỗi, chưa có sám hối hay không. Điều này coi vậy, nhưng cứ gợn gợn trong đầu, khiến cho mình tu cũng không được. Cho nên phải coi, điều thứ nhất là coi mình có xúc phạm ai, mình làm lỗi với ai mà chưa sám hối hay không. Nếu có lo mà sám hối, lo sửa lỗi.

Thứ hai, mình có hứa với ai điều gì, mà mình quên không làm hay không. Điều này nguy hiểm lắm, Thiện Trang sợ nhất điều này. Thiện Trang có những lời hứa, xong rồi cứ nhớ quý vị. Ví dụ như người ta nhờ: "*Thầy ơi! Nhờ thầy bây giờ dịch xong sách đó để in ra*". Thiện Trang nói để Thiện Trang cố gắng làm. Bình thường quên, tại vì bận quá [nên] không nhớ. Nhưng vào tu là nhớ ra: việc đó mình chưa làm xong, cứ [nhớ] như vậy. Cho nên đấy cũng là một chướng [ngại], nên mình phải quán: không phải do mình không đáp được lời hứa cho người ta, mà do hoàn cảnh bận rộn quá. Mình phải đem mấy lý do để mình giải điều đó đi, tại vì bây giờ tạm thời chưa làm xong, chưa làm được. Giải đi thì mình mới tu được, còn không thì cứ khó chịu, nó cứ hiện lên, đắc Thiền không được, không tu được. Quý vị cẩn thận điều này!

Thứ ba là mình có kế hoạch dự trù công việc nào, mà mình cũng quên mất hay không. Tức là nhiều khi mình có những việc tính toán để mình làm, dự định rồi nhưng mà mình quên mất.

Thứ tư là mình coi sức khỏe có trục trặc hay không, tức là sức khỏe của mình có vấn đề hay không, nhiều khi bị bệnh gì đó. Hoặc mình ăn uống, mình ăn món gì bất thường hay không, nhiều khi ăn uống cũng ảnh hưởng đó quý vị. Mình ăn một món gì bất thường, hoặc ăn uống âm dương như thế nào đó v.v… [thì] cũng ảnh hưởng một chút.

Rồi mình có chỗ ở hay quần áo v.v… có vấn đề hay không. Nhiều người kêu: Sao thầy tu thiền, tu mà làm gì quan trọng mấy vấn đề đó. Quý vị chưa tu, nên quý vị nói lý thuyết. Điều này thuộc về hai phạm trù: một là mình tu, lúc mà tu Thiền quán, thông thường chúng ta nên quán Không, nên buông bỏ cho sạch. Nhưng tu Thiền chỉ thì yêu cầu gắt gao hơn, phải có môi trường trong sạch. Cho nên Thiền quán thường ít chướng ngại, nhưng Thiền chỉ để vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, mà quý vị không có bước đầu chuẩn bị cho tốt, là tu hành dễ bị chướng lắm.

Điều này quý vị ai mà học giáo pháp bên Nam truyền hoặc Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, học cho kỹ thì có. Hoặc quý vị coi quyển Tọa Thiền Tam Muội của ngài Đại sư Thiên Thai Trí Giả của bên Bắc tông, đều có bao nhiêu bước chuẩn bị trước khi tọa thiền, trước khi tu hành. Còn mình nói giỏi không, mình nói có gì đâu thầy, tất cả pháp đều không, có gì đâu, quan trọng tu là buông xả, gì đâu mà ăn uống quan trọng, mặc quần áo quan trọng, căn phòng không quan trọng đâu v.v…. Nói giỏi lắm, nhưng mà đến khi xảy ra chuyện rồi mới biết, những điều đó lại là tác nhân để mình tu không đắc Thiền, không đắc định. Điều đó không phải mình nói nha quý vị.

Cho nên tu hành ở hai thái cực: Một là hãy giữ tâm như nền gạch, gạch là nền xi măng, nền gạch bông; Và hãy giữ tâm như nền đất. Bây giờ nói vậy, [chắc có] nhiều người không hiểu. Giữ tâm như nền gạch là phải sạch sẽ, cực kỳ sạch sẽ, tức là bây giờ nhà ai cũng giữ nền sạch sẽ, không để bụi bặm gì hết. Tu phải dọn sạch sẽ như vậy, thì giúp cho tu Thiền chỉ rất tốt, Thiền chỉ là như vậy. Quý vị coi bên giáo lý Phật giáo Nam truyền, người ta để vào thiền, thì phải biết người

đó tâm họ như thế nào, để bố trí căn phòng cho phù hợp. Người mà tâm đa sầu đa cảm, [thì] phải bố trí căn phòng đơn giản, gọn gàng, nhẹ nhàng. Còn người tâm mà hay buồn buồn, thì mình bố trí màu sắc cho tươi. Rồi người mà tâm vô tư thì không sao, họ ở thế nào cũng được. Nhưng quý vị cứ để ý đi, quý vị vô trong phòng tu, mà quý vị bố trí đồ đạc hơi nhiều, lộn xộn trước mắt thôi, là tu đã khó rồi. Khó đó! Coi vậy chứ khó. Nên là coi đơn giản mà không đơn giản, đó gọi là tu giữ tâm như nền gạch, nền xi măng, là phải sạch sẽ cực kỳ.

Có nghĩa là mình phải bố trí căn phòng tu, chánh điện tu, làm sao cho gọn gàng nhẹ nhàng. Nên phương pháp là đừng ham màu mè hoa lá cành, điện chớp xẹt xẹt, rồi trang trí đủ kiểu đủ hình, càng nhiều thì càng khó vào định hơn, càng dễ loạn tâm hơn. Đừng có tưởng nói giỏi, không nói giỏi được đâu, ít có người vô được, vẫn [phải] nương vào cảnh, đó là Cảnh duyên. Quý vị chú ý!

Cho nên bên Thiền, quý vị thấy tại sao các Thiền đường, họ thờ rất đơn giản, chỉ mỗi hình đức Phật Thích Ca, và màu sắc cũng đơn giản không có gì, thờ cực kỳ đơn giản. Vì vậy những người nhìn vào đó họ dễ đắc định hơn. Còn bên Tịnh Độ chúng ta, đặc biệt những người [tu theo] giáo lý Tịnh Độ, ai tu Tịnh Độ thì màu mè hoa lá cành nhiều dữ nữa. Và chính điều đó lại chướng ngại nhiều, nên người tu hành phải biết được điều này. Điều này là giáo lý căn bản, quý vị đừng nói tài nói giỏi, không có!

Còn tu là mình phải có thái cực nữa, là tu như nền đất, giữ tâm như nền đất. Nền đất thì dơ sẵn rồi, mình chỉ cần lượm vài miếng rác gì đó thôi, còn đất thì quét cỡ nào mà sạch được! Đó là mình tu sao cũng được, ăn sao cũng được, uống sao cũng được, ở sao cũng được, dơ dơ chút cũng được, đừng quan trọng hóa vấn đề. Đó là tu thuộc về Quán mạnh. Những người có công phu Quán niệm mạnh, thì họ tu họ có thể dùng thái cực đó nhiều hơn. Còn những người công phu Quán yếu, dễ phiền, dễ não, dễ sân, dễ si, dễ buồn, dễ giận, v.v… thì hãy chịu khó tu theo thái cực kia, nghiêng về thái cực kia chút, sạch sẽ chút, né duyên đi.

Như trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đều nói: **“Âm thanh là gai nhọn của**

Sơ thiền”. Có nghĩa là người muốn đắc Sơ thiền thì phải né duyên. Còn người tu Thiền quán thì không sợ. Nhưng chúng ta biết đắc quả thì phải Chỉ Quán song vận, phải có Thiền quán [và] Thiền chỉ. Thiền chỉ [có] ba kiểu để đắc quả, ở bài thứ hai hay thứ nhất Thiện Trang có chia sẻ.

Điều kiện là phải có công phu Thiền định: Một là Thiền định, tức là từ Sơ thiền trở lên. Hai là phải có Vị đáo định, rồi lúc đó cũng phải đắc Thiền định. Thứ ba là Sát-na định, lúc đó cũng đắc Thiền định, mặc dù bình thường không có định. Cho nên đều đắc như vậy. Và nói với quý vị, đắc quả mà đắc kiểu đó, kiểu bình thường không có định mà đắc được Sát-na định, hoặc Vị đáo định rồi đắc [quả], thì những người đó tối đa chỉ đắc Nhị quả thôi, không đắc hơn được. Tại vì Tam quả A-na-hàm là quý vị phải có định của Tứ thiền. Vì A-na-hàm sau khi hết thọ mạng, là sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên trở lên. Tức là ngoài năm tầng trời Bất Hoàn, có thể sanh lên Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Đó đều là những người đắc Tứ thiền cả.

Còn quý vị chưa đắc Tứ thiền thì không có cơ hội để lên Tam quả A-na-hàm, chúng ta chỉ ở dưới thôi. Còn nếu mà đắc, thì đắc một chút thôi là thoái chuyển lại. Tại vì chỉ có định lúc đó, hết định là xuống lại, đâu có được.

Cho nên điều kiện để đắc bên Thiền, là phải trên hình thức. Hình thức đơn giản, dễ dàng, [thì] mới thanh tịnh. Còn quá nhiều, quá rối là khó lắm quý vị. Cho nên người tu hành, người ta biết cách sắp xếp, làm sao phòng tu của mình cũng phải đơn giản lại. Còn người giỏi thì thôi khỏi. Còn người màu mè hoa lá cành, vô nhìn hoa bữa nay hoa héo rồi nha, bữa nay cắm cây nhang nghiêng rồi nha, càng nhiều tâm đó thì quý vị không tu được đâu. Đắc Thiền nỗi gì, không có! Vô chút là nhang cháy hết rồi nha, phải canh đốt cây nhang đã, nên có tâm như vậy thì làm sao đắc nổi. Cho nên điều đây là mình phải coi.

Rồi điều thứ năm, khi mình tu không được, là mình phải coi Giới luật [của] mình có vấn đề hay không, tức là mình có vi phạm Giới luật gì hay không. Có nhiều người không biết đâu quý vị, tại vì mình cứ coi Ngũ giới, không biết những

giới khác, cho nên nhiều khi không biết. Thực ra có rất nhiều Oai nghi đi kèm, mình không biết thì mình làm sai. Khi đó mình phải học Giới luật khá khá chút, thì mình mới kiểm tra [được]. Nhiều khi mình phạm giới một điều gì đó, là không có đắc đâu, mình cứ thấy khó chịu, không biết tại sao vô thiền không được, định không được, niệm không được.

Và đề mục thứ sáu là pháp tu, đề mục tu của mình có ổn chưa, có phù hợp với mình chưa, mình phải xem lại, nhiều khi [pháp đó] không phù hợp [với mình].

Thiện Trang chia sẻ thêm điều thứ bảy, là mình đã hết nghi ngờ chưa. Nhiều khi mình có những nghi ngờ đối với pháp, mình nghi ngờ đối với việc tu đó. Mình vẫn còn nghi thì xin lỗi quý vị, quý vị tu không được. Cho nên khi mình nghi, thì phải tìm cách giải nghi trước, tìm người giỏi hơn mình giải nghi trước đã, rồi mới tu. Còn tu mà cứ nghi nghi, không biết [pháp] tu này đúng hay không v.v… thì còn lâu nha, nó cứ chướng ngại cho mình tu không được.

Đây là những điều [mình nên xem xét khi không tu được]. Và mình tu hành nhà Phật, là hãy đối diện với sự thật, đừng có trốn tránh, nhớ nha! Đối diện sự thật, thí dụ việc đó đã xảy ra rồi, việc như vậy rồi, thì ta hãy đối diện với nó, đừng có trốn tránh. Thế gian có câu chuyện Lan và Điệp. Cô Lan trốn tránh vô chùa, rồi có tu được đâu! Vô chùa chỉ cắt đứt duyên bên ngoài, còn tâm thì không bao giờ lặng sóng, tình yêu cứ nổi trội trong tâm. Cho nên người biết tu hành thì chỉ cần quán thôi, bây giờ lỡ vướng điều đó thì mình phải quán, đem tất cả những pháp mình học được xưa nay ra xài, để mình quán cho thông.

Giống như bây giờ các cô thấy thích anh chàng nào quá, tâm người ta cứ hiện miết trong đó. Hiện trong tâm mình miết, thì mình phải đem pháp ra, nào quán vô thường sanh diệt, đời người mong manh, biết sống ngày nào đâu mà còn ham thích người ta, luân hồi khổ đau v.v… Mình phải đem điều đó giải cho sạch đi, chứ không vô tu là tự nhiên [người đó] hiện ra. Thay vì quán Phật, tu đề mục quán, mà thấy quán người yêu trong đó, quán anh chàng đó thì thôi, làm

sao tu.

Cho nên đừng trốn tránh sự thật, học Phật là gì, tu hành là gì? Hãy đối diện với sự thật, dùng tất cả các pháp mình đã học, kinh nghiệm mình đã học, để hóa giải điều đó đi. Đó là người chưa có trí tuệ. Còn khi nào quý vị xài được, là trí phát sanh rồi. Khi gặp vấn đề gì khởi lên, thì tự nhiên tan ngay, tại vì quý vị đã có trí rồi. Kinh nghiệm thì quý vị phải suy qua suy lại một hồi mới xài được. Còn người ta tu, mà bắt đầu phát sanh trí huệ, [tâm] hiện lên một cái, là người ta biết ngay, và người ta hóa giải liền. Nhờ vậy công phu sau đó mới đắc lực, mới đắc các Thiền, đắc cái này cái kia. Đó gọi là công phu Quán niệm. Công phu Quán hỗ trợ Chỉ như vậy đó quý vị, chứ không phải đơn giản đâu.

Quý vị nhìn ai cũng tu giống nhau, cũng ngồi, ngồi thì được đấy nhưng mà vào Thiền hay không, vào định hay không, và có đắc quả hay không, có trí huệ hay không là cả vấn đề. Có người ngồi suốt vậy, nhưng tâm thì khởi vọng tưởng. Tức là họ mơ mơ màng màng, thấy cảnh gì đó thì chạy theo. Họ đâu có phải là đề mục quán đâu, họ say mê trong đó. Còn người quán là họ vô trong đó họ thiền, bắt đầu họ quán hơi thở, hay quán niệm sát-na sanh diệt. Tùy đề mục [mà] mỗi người có một cách quán, quán Thân, quán Thọ, quán Tâm, quán Pháp v.v… tùy mỗi người quán, người thì niệm Phật v.v… Người ta sống đúng với cái đó, thì như vậy tất cả những cái khác từ từ tan rụng. Tan rụng thì sanh ra định, dần dần mới đắc được Thiền, đắc được cái này cái kia. Cho nên tu, hình thức là một phần, còn phải thực tế [nữa].

Có nhiều khi Thiện Trang ngồi, thấy bữa nay sao khó chịu ở trong người, không biết kiểu gì mà ngồi không được, ngồi không yên. Vô ngồi, mình xếp bằng hai chân lên, ngồi kiết già, mà sao cứ khó chịu. Tại vì Thiện Trang có pháp hành đầy đủ, mình học mình biết, khó chịu chỗ nào, cảm thấy đôi khi quần áo có gì đó khó chịu, chỉ cần đi thay bộ đồ khác là vô ngồi im re. Đó là có thể đồ mình mặc chật quá, hay bị thế nào đó. Đó cũng là một chướng ngại. Đôi khi phòng mình nóng quá, do buổi chiều hấp nhiệt [mặt trời], nóng quá, lúc đó mình cảm thấy

bưng bưng, không có được. Thì mình mở cửa ra cho thông thoáng, hoặc mình đi ra ngoài một chút cho thoáng, rồi mình vô ngồi im re.

Đó cũng là pháp hành, pháp tu, nhiều người không có kinh nghiệm, nói lý thuyết. Lên trên mạng coi mấy người vô bình luận **"ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm",** là biết mấy người chỉ học lý thuyết thôi, còn thực hành vẫn là một vấn đề xa xôi. Cho nên mới có câu "*ba quân nhiều khi không bằng cái quần*". Tức là ba quân là quân bên ngoài, họ đánh mình ghê gớm, mà nhiều khi không bằng cái quần. Mình ngồi thiền, ngồi niệm Phật mà cái quần mình khó chịu, nó chật chội quá, là ngồi không yên rồi. Đôi khi ngứa ngáy trong thân một chút thôi, là không yên rồi, tu không được đâu quý vị.

Nhiều người không học các pháp hành, người ta không biết, người ta tưởng là tu thì tu thôi. Nhưng chưa có học, chưa có hành, cứ nói trên lý thuyết. Nói trên lý thuyết thì dễ lắm, nào **"ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**, **"tất cả pháp từ tâm tưởng sanh",** rồi nói Không Không, nhưng mà vô tu rồi thì có đủ thứ.

Cho nên tùy lúc, lúc mà đang chạy ngọt, thì thôi mình cứ bỏ qua hết, mình đang tu mình bỏ qua hết, sao cũng được, ăn thế nào cũng được, uống thế nào cũng được, đi thế nào cũng được, phòng ở sao cũng được. Nhưng khi có vấn đề hiện ra, thì mình phải đổi lại, mình phải xét, phải quán lại, mình xét lại không gian, điều kiện v.v… mọi thứ. Đó là kinh nghiệm để tu tập, chứ không phải đơn giản đâu.

Và quý vị nên nhớ, trong kinh đức Phật có nói: **"Một vật sắc nhọn, khi đặt đúng hướng, thì dù muốn dù không, nó cũng có khả năng cắt đứt vật khác, có thể đâm thủng vật khác"**. Ví dụ như quý vị đem một mớ đinh, mớ kim, ném lên giường. Bây giờ bảo quý vị nằm lên giường đi, quý vị có dám nằm không? Nằm lên thế nào cũng có cây kim đâm cho phát, tại vì nhiều [đinh] quá, thế nào cũng sẽ có cái đặt đúng hướng, thì mình nằm lên đó.

Cũng vậy, một người tu hành đúng cách, thì dù muốn dù không, cũng có

thể chứng quả. Tại vì mình tu đúng cách rồi. Quý vị hiểu không ạ? Cho nên vấn đề nằm ở chỗ tu đúng cách, giống như những vật sắc nhọn, chỉ cần đặt để đúng hướng, thì sẽ đâm xuyên thủng [vật] khác. Cũng vậy, khi mình tu đúng cách, tự nhiên sẽ cắt đứt được Phiền não, thì sẽ chứng quả thôi, đơn giản vậy thôi!

Cho nên vấn đề là mình tu có đúng cách hay không? Mà tu đúng cách là phải học giáo pháp, chứ không học, cứ vô đó ngồi dù chẳng biết gì, mà cứ tưởng đắc không à, thời nay dễ lắm. Thiện Trang thấy có vị Cư sĩ khoe: trước đây ngồi thiền thấy thân tâm thanh tịnh, an lạc v.v… thấy cả thế giới rỗng không.

Đó là trạng thái nào? Mình học một mớ rồi mình biết liền, người ta khoe như vậy tưởng ngon lắm, nhưng mình học giáo lý rồi thì mình biết. Quý vị khỏi cần phải đắc Thiền, đắc gì hết, quý vị cũng biết. Đó là họ còn cảm giác tâm mà thấy rỗng không, rồi cảnh giới này kia, thì cảnh giới tối đa là họ tới Sơ thiền thôi. Vì Sơ thiền thì còn xài Tâm sở Tầm và Tâm sở Tứ. Còn có Tầm, còn có Tứ, là Sơ thiền trở xuống thôi. Khi lên Nhị thiền là hết Tầm hết Tứ rồi, không thấy cảnh đó đâu. Vô ngồi một chút mà thấy cái này cái kia rồi chạy theo, đó là Tầm Tứ. Tầm Tứ thì chỉ có Sơ thiền trở xuống.

Mà chưa chắc đã đắc Sơ thiền, thông thường trạng thái đó rất dễ rớt vào Ngũ ấm ma, nên nhớ như vậy. Chỉ cần chấp trước là có đắc, thì bị. Lúc trước có rồi, Thiện Trang có người đồng nghiệp, người chồng của người đồng nghiệp đó, cứ thỉnh thoảng rảnh là vô chùa tu, tu nhưng không chịu học giáo lý gì hết, cứ vô tu. Tu một hồi rồi tẩu hỏa nhập ma, cứ ra nói tôi sắp đắc A-la-hán rồi, bây giờ thấy rõ cái này cái kia v.v…. Thực ra là họ bị rớt vào trạng thái đó và họ chấp là họ đắc. Quý vị thấy nguy hiểm vô cùng! Và sau đó giải rất là mệt, một thời gian sau mới giải được, đâu có dễ đâu!

Cho nên không có học thì không tu được đâu. Đừng có tưởng mình giỏi, phải học rõ ràng, phải biết các cảnh giới từ Nhị thiền trở lên. Thiền định mà ai đắc Nhị thiền thì thù thắng lắm, có Thần thông, có nhiều điều đặc biệt lắm, và tâm của họ không chạy theo cảnh giới. Còn quý vị ngồi mà thấy đời quá khứ,

thấy cái này cái kia, thì xin lỗi, đó là quý vị đang chạy theo Tâm sở Tầm, Tâm sở Tứ đó. Còn có Tầm có Tứ, thì chỉ có Sơ thiền trở lại. Thậm chí không đắc Sơ thiền nữa, quý vị thấy mà không rõ ràng, không phát huệ.

Rồi ở đây cũng sẵn nói luôn, đời này có rất nhiều người chạy theo ngôn ngữ. Nghĩa là một số người họ tu, chỉ cần có định một chút, chỉ cần đắc Sơ thiền hoặc Vị đáo định thôi, là họ có thể viết văn rất hay, viết thơ rất hay, nói ra những lời mà người thế gian nghe đã tai. Và sau đó họ nói ra, viết ra, thì thông thường một mớ người mê theo, ôm lấy và cho rằng vị đó đắc Thánh quả v.v…. đó là sai lầm.

Tại sao sai lầm? Vì nếu mà quý vị học rõ cảnh giới Thiền, quý vị tới Nhị thiền rồi thì tâm nhẹ. Tam thiền là tâm thanh tịnh vô cùng, không khởi ý niệm gì đâu quý vị. Tứ thiền là xả ý niệm luôn, Xả Niệm Thanh Tịnh địa là Tứ thiền. A-la-hán cũng vậy v.v... các ngài nói ra điều gì thì đều lợi lạc chúng sanh. Và những điều các ngài nói, không bao giờ trái ngược, chống trái với giáo lý của Phật.

Còn anh nói rất hay, người ta nói rất hay, nhưng nói một hồi nói tầm bậy, nói trái với giáo lý của Phật, là biết người đó chỉ ở tầng dưới thôi, chưa đắc gì đâu. Mà đời nay hay ủng hộ những người đó rất nhiều, và cứ cho người đó là đúng. Thậm chí khi có người nói với Thiện Trang, giới thiệu pháp của người đó, Thiện Trang nói có mấy điểm đó trái với kinh Phật, thì người ta còn không chịu. Người ta nói kinh Phật sai, thế này thế kia v.v... Thiện Trang thua luôn, vậy tiêu chuẩn ở đâu? Người ta nói người đó thanh tịnh. Thiện Trang nói tiêu chuẩn nào [là] thanh tịnh, thì [người ta] không biết trả lời. Không biết trả lời đó là mù mờ giáo lý, ôm theo người, gọi là "**y nhân bất y pháp**". Sai lầm! Lẽ ra lấy giáo pháp làm thầy.

Rồi nói pháp, kinh điển được kết tập sau này, 100 năm sau khi [đức Phật] Niết-Bàn, đến 300 năm sau mới được kết tập [kinh điển]. Ai chả biết điều đó, nhưng mà bây giờ quý vị không nương theo đó, thì nương theo ai? Đó là theo từng thế hệ cao Tăng, còn những bậc chứng quả, các ngài nương theo đó, lọc

truyền tới mình bây giờ, mà mình không tin. Mình đi tin một người phàm phu hiện nay, họ tu họ nói ngược với trong đó, mà mình tin.

Vậy thì tôi cũng có quyền nói ngược, người khác cũng có quyền nói ngược, mỗi người có quyền nói của mỗi người. Vậy thì 1000 người, thì ra 1000 Phật giáo khác nhau à? Làm gì có chuyện đó! Phật giáo chân lý chỉ có một thôi. Cho nên tuy là kinh điển truyền như vậy, tất nhiên là có vài điểm sơ sót, không thể chính xác 100%, tại vì có truyền mà. Nhưng đó là căn bản, nếu chúng ta không dựa vào đó, thì chúng ta dựa vào đâu?

Vấn đề là người đời nay, nhận thức đã sai lầm. Và do là học với vị thầy nào, là vướng vào vị thầy đó. Cho nên cẩn thận nha, đừng để [vướng] điều này. Thiện Trang khuyên quý vị cẩn thận, thời nay có nhiều điều nói hay lắm. Cho nên có nhiều người hỏi Thiện Trang: *"Vậy có nên học theo thầy hay không?"* Thiện Trang nói đừng có dại. Theo Kinh Kalama hoặc là nhiều kinh khác, đức Phật nói đừng bao giờ nương theo một ông thầy. Tại sao? Nương theo ông thầy đó, rồi khi nào ông thầy đó gặp nạn, [thì] quý vị sẽ thoái tâm sao? Ổng có vấn đề về Giới luật, thì quý vị sẽ thoái tâm sao? Hoặc là phát hiện ra phiền não của ổng v.v… chuyện gì đó, rồi quý vị thoái tâm sao?

Nên hãy lấy Giới làm thầy, lấy pháp của Phật làm thầy. Còn các vị thầy đó, thì mình chỉ coi là nơi tạm nương tựa thôi, vì chúng ta còn yếu. Chứ đừng có dại! Nhiều người chọn một vị thầy suốt đời, nhưng mà vị thầy ấy có xứng đáng để mình chọn suốt đời hay không? Tại sao mình không chọn đức Phật, là vị Phật suốt đời của mình?

Thiện Trang nói điều này, cũng có nhiều người đồng tu không đồng ý. Nhưng quý vị coi đi, kinh điển nói như vậy, [thì] mình nói như vậy. Còn quý vị mới vô, có thể là yếu quá, mới đầu nghe nhiều thầy không được, [thì đành] nghe một thầy thôi. Thời gian sau quý vị giỏi hơn rồi v.v… Mà thực ra nếu một vị thầy giỏi, một vị thầy tu đúng, thì không cần đưa ra điều kiện đó, học trò cũng chạy theo ầm ầm, nghe thầy thôi. Bởi vì nghe người khác, nghe không nổi, nghe không

đủ đô.

Quý vị biết không, giống như được cung cấp món ăn thực dưỡng, đầy đủ dinh dưỡng, ngon quá rồi, đầu bếp này nấu số một thượng hạng rồi. Quý vị đi qua đầu bếp khác, ăn không ngon, không bằng, thì tự nhiên phải học theo thầy đó thôi. Tại vì sao? Bởi người đó là chân lý, người đó là tuyệt vời, mình đi học người khác mình thấy nhạt, không đủ đô, thì tự nhiên mình học thôi. Cần gì phải ép người ta: là chỉ học một mình tôi. Cho nên Thiện Trang thấy đúng, Phật pháp như thế mới hay chứ, mới đúng là Phật pháp, gọi là **"y pháp bất y nhân".**

Cho nên Thiện Trang không dám nói gì quý vị, chỉ mong là cung cấp cho quý vị một nền tảng. Giảng bộ này cũng không thể nói là giảng rốt ráo, Thiện Trang cũng chưa đủ giỏi để giảng rốt ráo đâu, chỉ có hy vọng cung cấp cho quý vị một nền tảng, để quý vị nghe có nền tảng cho quý vị tu. Và từ đó nhận thức của quý vị đổi rồi, khi nghe ai đó hay nghe vị thầy nào đó v.v… mình cũng có nền [tảng] rồi, đắp vô được. Giống như Thiện Trang dựng cho quý vị mấy cây cột của ngôi nhà, rồi quý vị tự lợp mái, lợp ngói đi, mai mốt có thầy khác đem cho quý vị cái cửa, dựng cây cảnh, v.v… [thì] sẽ đẹp lên.

Chứ bây giờ giảng đâu có giảng hết được. Bộ này dù giảng thế nào, cũng chỉ là cung cấp kiến thức căn bản thôi, hy vọng là quý vị hiểu được những điều gì đó. Thiện Trang nói có nhiều điều khó nghe lắm, giống như những điều đó nghe không dễ, nhưng hãy ráng làm. Phật nói như vậy, thì mình nói như vậy. Thiện Trang mong muốn là Thiện Trang nói đúng tinh thần của Phật thôi, mình nói đúng theo tinh thần giáo lý của nhà Phật. Phật nhập Niết-Bàn rồi, đâu bảo nương theo ai làm thầy đâu, hãy lấy Giới làm thầy, lấy giáo pháp của Ta làm thầy.

Vậy thì chúng ta là đồng học, chúng ta cùng học, mà Thiện Trang học nhiều hơn thì Thiện Trang chia sẻ lại thôi. Quý vị thấy hợp lý, thấy hay thì nghe. Còn quý vị thấy qua vị thầy khác, người ta giảng không đủ đô, thì tự nhiên quý vị không muốn nghe thôi, có gì đâu. Mình đã làm bánh ngon rồi, còn sợ cửa hàng khác cạnh tranh sao? Nếu người ta giảng hay hơn, người ta làm bánh ngon hơn,

thì mời qua đó ăn, càng tốt đúng không? Phải như thế, tinh thần là như vậy, chứ không có gì hết, càng tốt! Cửa hàng người ta làm bánh ngon hơn, thì mời qua đó ăn, mình kéo người mình qua đó ăn nữa là khác.

Cũng vậy, giáo pháp nơi nào rốt ráo, nơi nào hay, hiệu quả, thì mình học, đừng ngại. Quan trọng sợ nhất là những người mới đầu, không có biết đường nào mà lần, thì họ lạc, họ chạy một thời gian, thì lúc đó đúng là phải nương theo một người thầy thời gian đầu, để mình có nền tảng đã. Sau đó mình khá khá lên, thì bứt phá lên. Mình sẽ tìm được minh sư đúng nghĩa.

Thiện Trang đã giảng xong về Quả duyên. Còn một [duyên] nữa là Vật thực duyên. Vật thực duyên cũng rất rộng, chia sẻ luôn cho quý vị. Thực có bốn loại: thứ nhất là Đoàn thực, thứ hai là Xúc thực, thứ ba là Tư niệm thực, thứ tư là Thức thực.

1. Đoàn thực: thực là thực phẩm, để nuôi dưỡng thân xác của những loài động vật và con người, v.v.... Ví dụ như mình ăn món gì, thức ăn mình tưởng như không có vấn đề gì, nhưng đó là một trong bốn loại của Vật thực duyên. Nghĩa là những vật thực này ảnh hưởng đến cơ thể chúng ta.

Quý vị thấy rõ ràng, người Việt Nam mà ra nước ngoài, thì tự nhiên ăn uống, dinh dưỡng ở các nước phương Tây, sẽ khác dinh dưỡng tại Việt Nam. Cho nên ăn thôi cũng tạo ra cơ thể khác nhau, tạo nên sức khỏe khác nhau, vì vậy có ảnh hưởng khác nhau. Nên ăn uống như thế nào v.v… đấy gọi là Vật thực. Và do những ăn uống đó cũng ảnh hưởng nhiều, ví dụ như ăn đồ mặn nhiều, thì sẽ có nhiều điều không tốt hơn so với ăn đồ chay. Rồi mình ăn ít, ví dụ như Phật nói ăn [ngày] một bữa thôi, không ăn phi thời, những điều đó đều rất tốt.

Cho nên là Vật thực duyên cũng quan trọng lắm quý vị. Trong Vật thực có Đoàn thực là thứ nhất, điều này không cần bàn nhiều, vì ăn uống quý vị giỏi lắm rồi.

2. Xúc thực: xúc là tiếp xúc, thức ăn của sự tiếp xúc. Có nghĩa là mình có

Sáu căn: tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý, khi tiếp xúc với Sáu trần: mắt thấy điều gì, tai nghe thấy âm thanh gì, lưỡi nếm những vị nào, mũi ngửi mùi hương nào. Những điều đó gọi là thực phẩm của chúng ta. Nó cũng là thực phẩm đó quý vị. Và thực phẩm đó mở cho chúng ta về thức ăn về tinh thần. Cho nên tùy theo mình sống theo cảnh trần nào, tức là trong sáu cảnh đó, mình sống theo cái nào, mà khiến cho đời sống chúng ta, tư tưởng chúng ta dần dần thay đổi theo. Ngôn ngữ nhân gian gọi là "*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"* đó quý vị.

Ví dụ như mấy đứa nhỏ, ăn rồi coi phim, chơi game chém giết suốt. Tức là tai nó nghe những âm thanh chém giết, mắt thấy những hình ảnh chém giết, nên nạp Vật thực vô, đó là Xúc thực đó. Toàn những thứ đó, nên nó hung dữ, mai mốt ra [đời] nó chém giết, nó làm như không. Vì hàng ngày nó nạp vào thức ăn đó, thức ăn đó gọi là Xúc thực.

Còn chúng ta hàng ngày nghe giáo pháp của Như Lai, đang học Phật pháp, thì dần dần theo năm tháng, bất di bất dịch thế nào đó tự động chuyển thôi. Thức ăn, thực phẩm mình cung cấp toàn là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã, v.v… do vậy dần dần mình cũng chuyển biến thành Thánh nhân. Còn đứa chơi game thì thành A-tu-la, La-sát, v.v… chủng tử đọa lạc [khiến] cho đi xuống. Đó gọi là Xúc thực, nằm trong Vật thực duyên. Cho nên hàng ngày mình phải cẩn thận!

Tại sao Hòa thượng Tịnh Không đề xuất là không coi Tivi là vậy đó, đó cũng là Xúc thực. Cho nên ngay bộ môn này thôi, đã cung cấp cho chúng ta, tu như thế nào, sống như thế nào. Nên thường xuyên ở trong môi trường nào, tiếp xúc với cái nào nhiều, thì dần dần bị nhiễm. Quý vị ở bên cạnh những người tốt, thì tự nhiên quý vị thành người tốt. Còn quý vị ở với toàn những người xấu, người ta gian xảo, đủ trò đủ kiểu, thì mình tiếp xúc riết rồi mình cũng quen, dần dần cũng sống theo vậy. Đây là vấn đề, điều này ảnh hưởng giúp chúng ta đi lên hay đi xuống. Và điều này quan trọng hơn thức ăn ở trên. Đoàn thực ít quan trọng, quan trọng một phần thôi. Còn [Xúc thực] quan trọng gấp đôi, gấp ba, gấp bốn, hay

gấp rất nhiều lần nữa là khác.

3. Tư niệm thực: Tư niệm, lại đụng đến chữ Tư trong Tâm sở Tư, là những ý niệm mình chủ đích trong từng giây, từng phút, từng sát-na, ta đang nghĩ gì, muốn gì. Đó chính là Tâm sở Tư, mà chúng ta đang khởi. Tâm sở Tư này cực kỳ quan trọng, quý vị nhớ giùm, là chủ định của chúng ta. Hằng ngày những giây phút trôi qua, chúng ta sống với Tâm sở Tư, tức là chúng ta chủ ý về vấn đề gì. Nói như ngôn ngữ ngày nay, gọi là chúng ta đầu tư về hướng nào. Mình đầu tư cho điều nào, thì điều đó trở thành thực phẩm nuôi lớn về con đường tâm linh, về con đường tương lai của mình.

Cho nên điều này còn quan trọng hơn điều trước nữa, cực kỳ quan trọng. Bởi vì cảnh [thì] nhiều khi mình không làm chủ được, mình phải ở trong cảnh đó thôi. Nhà mình ở đó, chẳng lẽ mình chuyển nhà đi nơi khác. Nhà mình ở xóm nhậu, bây giờ mình đâu có chuyển được. Suốt ngày nghe nhạc nhẽo, nhảy nhót, không có cách nào [chuyển].

Tức là Sáu căn của chúng ta, tiếp xúc với Sáu trần, và cảnh đó là Xúc thực, thì có thể không thay đổi được. Nhưng Tư niệm thực là chủ đích của ta, thì thay đổi được. Ta chủ đích ra khỏi sanh tử luân hồi, giải thoát đắc đạo, và vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, v.v… chủ đích đó là quan trọng. Mình làm với tâm niệm gì? Đừng có sân hận, ghét người ta [mà] nghĩ ý niệm trả thù, vì chủ đích của mình đang là trả thù. Cho nên mỗi giây phút trôi qua, là mình phải niệm niệm, chú ý chủ đích của chúng ta, chính là Tâm sở Tư đó. [Quý vị] quản lý kỹ giùm Tâm sở Tư này.

Cho nên điều này quan trọng hơn điều trước, điều này cực kỳ quan trọng. Điều này quý vị để ý, đó là một loại thực phẩm. Tư niệm tức là ý niệm suy tư về chủ đích của chúng ta. Nó là thực phẩm, để nuôi lớn cho tương lai chúng ta đi về đâu, quả báo như thế nào, giải thoát hay là mê lầm, hay là chìm đắm trong vòng sinh tử, là nằm ở Tư niệm thực này. Cẩn thận giùm! Học là học tới đó, học A Tỳ Đàm phải học vậy chứ. Nói tu, tu tâm, vậy [tu] tâm ở chỗ nào? Coi thử hàng ngày

nghĩ về đâu.

Bữa thứ Hai vừa rồi, có đồng tu hỏi: *"Vậy mình có ý niệm cầu đắc đạo, cầu giải thoát, thì có phải là tham không?*" Cầu đắc đạo, cầu giải thoát không phải là tham. Tham là Tâm sở Tham, Xan tham, sau này quý vị học, tham [là có] dính mắc, giống như tơ nhện đó quý vị. Quý vị đụng vô tơ nhện là dính dữ lắm. Hoặc là mít, các đồng tu nước ngoài không có mít nên không biết: mủ mít dính dữ lắm. Hoặc là chúng ta đụng vào tơ nhện, là bị dính dính tay rồi, thì đó là tham.

Còn tâm không tham, như trong kinh lấy ví dụ giống như nước trên lá sen, lá khoai. Hoặc bây giờ không biết lá khoai, lá sen thì lấy bao ni lông, khi mình đổ nước [lên đó], thì [nước] chảy hết trơn, không có đọng, không có dính lại, thì không tham.

Cũng vậy, người tu hành cầu đạo giải thoát, là họ dùng Tâm sở Tư. Tư là chủ đích, chủ ý của họ là ra khỏi sanh tử, thì đó không phải là tham, khác với Tâm sở Tham. Còn Tham là dính mắc. Chủ đích, nhưng mình không phải cầu một cách cuồng tín, mà mình cầu bằng trí tuệ. Tức là mình cầu bằng cách là tự mình làm, tu trong hằng ngày. Chứ không phải suốt ngày kêu: con muốn đắc đạo A-la-hán, con muốn ra khỏi sanh tử luân hồi, con muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, v.v… Miệng thì nói như vậy, nhưng làm thì trái ngược, tham, sân, si đầy hết, không sửa, không giữ giới, thì quý vị không phải là chủ đích đó, quý vị lừa dối, đó là tham thật. Còn mình làm gì, cũng là vì để sau này đắc đạo, đắc Thánh quả. Nên cực kỳ quan trọng!

Trong kinh Phật có một câu chuyện thế này: Một hôm, có một vị hỏi: ‘*'Bạch đức Thế Tôn, con thấy giữa đêm trăng, hình như có bóng người đi qua đi lại rất nhiều, ở nơi đức Thế Tôn và Tăng đoàn. Có phải các ngài thức rất khuya hay không?*" Tại vì đêm trăng người ta mới thấy, thấy Tăng đoàn của đức Phật, tại sao có nhiều vị còn đi qua đi lại như vậy, có phải các ngài thức khuya lắm không?

Câu trả lời của đức Phật, ở trong hai bộ kinh, một trường hợp thì chia làm

bốn, một trường hợp thì chia làm năm: *"Đúng như vậy, các vị Tỳ-kheo thức khuya lắm".* Tại sao, [thì] đức Phật nói: *"Trên đời có bốn hạng người thức khuya*. *Thế nào là bốn hạng? Thứ nhất là người ăn trộm.* (Ăn trộm nên họ thức khuya, họ canh để ăn trộm). *Thứ hai là nam nữ đang mùa yêu nhau* (Người nào đang yêu, họ thức khuya giỏi lắm. Đức Phật rất tâm lý, nói trúng luôn. Ở trong bộ kinh khác, thì đức Phật nói là người nam đang yêu người nữ, rồi trường hợp thứ ba là người nữ yêu người nam, thì mình nói chung là nam nữ đang yêu nhau, cho nên họ thức khuya được). *Thứ ba là ông vua ưu tư cho việc nước*. (Tức là trong nước có nhiều việc quá, cho nên vua phải thức khuya để suy tư, tính toán). *Điều thứ tư là người xuất gia cầu đạo giải thoát"*.

Thiện Trang nghe điều này thấy mừng quá, [vì] Thiện Trang hay thức khuya lắm. Ai mà tiếp xúc với Thiện Trang thì biết, Thiện Trang thức khuya dữ lắm, có khi tới một hai giờ sáng là bình thường. Nên mình nghĩ đức Phật cũng nói an ủi mình. Tức là trong bốn hạng người thức khuya, thì có người xuất gia cầu đạo giải thoát. Đêm khuya rồi, không phải lên mạng coi cái này coi cái kia, mà mình vẫn coi kinh, coi sách, vẫn còn tu, thiền định v.v…. Điều đó thật sự cũng an ủi, đức Thế Tôn nói giống mình.

Quý vị nghĩ coi, quý vị có trong hạng người nào? Có phải chúng sanh mới yêu nhau, họ cũng thức khuya dữ lắm, đêm nghĩ tới người yêu, đức Phật nói đúng quá rồi. Rồi dân ăn trộm, rồi vua ưu tư việc nước, hay mình có việc nhà cần phải lo, phải nghĩ. Còn người thứ tư là người xuất gia, cầu đạo giải thoát. Quý vị đừng nghĩ người xuất gia là Thiện Trang, [là] quý vị đó, quý vị cũng cầu đạo giải thoát, nên đêm khuya ráng học, ráng tu. Quý vị có thể coi nội dung này trong Kinh Tăng Chi Bộ, [chương] Năm Pháp, Phẩm Vua, [phần] Chúng ít ngủ [Ngủ Rất Ít] thì đại ý là như vậy, chia ra năm chúng.

Như vậy Thiện Trang đã nói ba loại thực rồi, loại thực thứ tư là Thức thực.

4. Thức thực: thức là tâm thức, chính là tâm đi đầu thai. Tức là khi mình tạo nghiệp nhân rồi, thì sẽ ra quả để đi đầu thai, có tâm đầu thai. Đầu thai vào

đâu, vào cảnh giới nào, thì tâm thức theo đó mà lựa chọn thức ăn là ăn gì. Điều này cũng dễ hiểu thôi, ví dụ bây giờ quý vị đầu thai làm con heo, thì tự nhiên quý vị sẽ chọn loại thức ăn là ăn tạp, ăn tứ tung hết. Còn mình đầu thai làm voi, sư tử, thì thức ăn của loài voi và sư tử là do Thức thực này quyết định. Quý vị sanh vào loài Người, thì do vùng miền đó họ có những thức ăn nào, người phương Tây ăn thế nào, người Mỹ ăn thế nào, người Việt ăn gì, v.v... đó là do nghiệp của mình tạo nên tâm đầu thai. Cho nên đừng nghĩ đầu thai là ngẫu nhiên, không có đâu! Do khuynh hướng, do nghiệp của mình đẩy mình đi về đâu. Đó là Thức thực.

Và xin nói với quý vị, cho người nào ham ăn, ở đây sẵn nói về ăn, nói về nghiệp thì nói cho đã luôn, nói cho hết, để bữa sau khỏi nói nữa. Ví dụ những người bây giờ thích ăn mặc đẹp, ăn mặc đẹp mà có phước báo (tức là tu hành có phước báu), thì đời sau quý vị cũng sẽ được quần áo đẹp, đủ đồ ăn, toàn đồ xịn hết. Nhưng nếu quý vị không có phước báu, [thì] đời sau quý vị làm mấy con lòe loẹt, giống như con bướm hay tắc kè, v.v… mấy loài chim nữa.

Cho nên ham đẹp mà có phước báu, thì tất nhiên về cõi Trời có thiên y đẹp, hoặc là ở cõi Người có nhiều quần áo lụa là tốt đẹp. Nếu không có phước báu, thì sanh vào mấy loài lòe loẹt như vậy, nên cũng phải cẩn thận! Điều này nguy hiểm.

Rồi đời này tâm mình thích ăn ngon, nếu có phước báu, thì đời sau chắc chắn quý vị có nhiều đồ ăn thức uống, đủ các loại, vật thực thế gian đủ các kiểu. Nhưng nếu quý vị không có phước báu, thì chúng ta sẽ trở thành loài ăn tạp. Ăn tạp là cái gì cũng ăn hết, gặp cái gì cũng ăn, đủ các kiểu. Cho nên là cẩn thận! Vậy mình có ham ăn hay không, cho nên tu hành mình sợ lắm.

Thiện Trang sau khi coi cái đó, Thiện Trang xét lại: May quá! Mình đời trước chắc không tham ăn, cho nên đời này thức ăn ít lắm, không có đồ cao sang, đồ gì đó… ít lắm. Tại vì mình không có nhu cầu [về] ăn lắm. Nên đúng rồi, tâm mình đời trước không như vậy. Nói sơ sơ để quý vị thấy như vậy.

Cho nên đó cũng là do tâm mình [mà] ra, tâm thức đó là do nghiệp đời trước tạo ra tâm đầu thai. Và còn có thêm một điều nữa, trong A Tỳ Đàm nói nghe ghê nữa: những người nào mà còn thích ăn máu tươi sống, ăn mấy đồ tươi sống, thì đó là nghiệp của mình, tập khí đó còn, ghê lắm! Chỉ có bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn, là họ hết ăn mấy đồ tươi, máu sống v.v…

Cho nên quý vị coi thử, quý vị tu có còn ham ăn mấy đồ đó không? Nhiều người còn ham ăn mấy món đó. Thiện Trang nói thật với quý vị, học vậy Thiện Trang cũng mừng cho Thiện Trang lắm. Hồi nhỏ, nói ăn trứng vịt lộn thôi mà không ăn được, khó ăn lắm quý vị, phải bao nhiêu lần tập ghê gớm lắm, mới ăn được, khó ăn lắm! Nên từ đó quý vị biết mình tu tới đâu, quý vị sắp vào Thánh quả chưa, hay là trong Tứ gia hạnh, sắp vào chưa. Mình còn ăn máu tươi sống, thích ăn mấy món đó, là mình còn xa địa vị Thánh nhân lắm. Nên nhớ như vậy, còn xa lắm!

Mình học môn này nói rõ ràng lắm quý vị. Từ đó mình có cái kiếng để soi, soi từng bước, từng bước như vậy, thì mình tu đúng. Cho nên cẩn thận, mình phải dụng tâm. Trong Kinh Hoa Nghiêm hay bất cứ kinh nào đều nói, [như] Kinh Vô Lượng Thọ hay kinh Đại thừa cũng nói "**thiện dụng kỳ tâm**" (hãy khéo dụng tâm này). Mà dụng tâm như thế nào, thì phải học bộ này mới biết dụng tâm.

Ở đây sẵn nói luôn, hôm bữa có đồng tu nói với Thiện Trang, họ phát thệ nguyện như thế này, nghe nói là phát nguyện xong chưa đủ, [mà còn] phát thệ nữa. Thệ là thề đó quý vị, cho mạnh. Họ phát nguyện rằng là: "Con mỗi ngày phải niệm bao nhiêu tiếng Phật hiệu đó, rồi đọc một bộ kinh. Nếu không làm được như vậy, thì con sẽ đọa Địa ngục".

Quý vị thấy phát thệ nguyện như vậy được không? Thiện Trang nói: Dại quá! Tại vì sao? Không nên phát như vậy. Và cô đó nói là do phát như vậy, có bữa đó quên luôn, tại vì bận rộn quá. Có người đau ốm [cổ phải] chăm lo gì đó, ngày hôm đó quên mất, không có làm được. Rồi từ đó cổ hoang mang, sợ hãi. Tại vì lỡ phát là ngày nào cũng làm vậy, mà bây giờ không làm được là đọa Địa ngục.

Vậy thì [phải làm] sao? Đầu tiên là quý vị dại quá! Trong kinh, Phật dạy rõ ràng là phát thệ nguyện, nhưng mà thệ giống như đức Phật A Mi Đà. Ngài thệ là không thành Phật, chứ Ngài không thề là đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, không có! Trong Giới luật, quý vị học giùm bộ Sa Di Luật Nghi đi, dạy là không được thề độc, dù có oan ức hay không. Thật ra điều đó là trong giới Tỳ-kheo, và do quý vị là Cư sĩ, quý vị không học, nên quý vị mới thề độc như vậy.

Trong giới Tỳ-kheo nói là dù có bị oan ức, dù có bị đổ tội, dù bị gì [chăng nữa], [thì] cũng không được vì để chứng minh trong sạch mà thề độc. Nhớ! Không được thề độc. Không có thề rằng là đọa Địa ngục, đọa Ngạ quỷ, đọa Súc sanh, ở trong vòng sanh tử luân hồi. Vì sao như vậy? Bởi vì chúng ta là phàm phu, quý vị chắc chắn không bao giờ làm được lời thề nguyện đó một cách đúng nghĩa. Nghĩa là mình phát ra rồi, mình làm không được đâu. Tại vì sao? Thứ nhất là hoàn cảnh không cho phép. Thứ hai là Phiền não của mình còn nguyên, mình chưa phải là người hết Phiền não, thì mình nói thế thôi. Lúc đó mình cảm xúc lên, mình phát lên thôi, chứ còn sẽ có lúc mình không làm được.

Vì vậy, [Thiện Trang] khuyên quý vị chỉ phát nguyện, và nếu có phát thệ thì phải phát thệ như đức Phật A Mi Đà, là thề không thành Phật thôi (tức là chưa thành Phật thôi). Hay là [thệ như] ngài Địa Tạng là:

"Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật.

Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ-đề".

Tức là chỉ có thề không thành Phật thôi, còn phải làm Bồ-tát mới cứu chúng sanh chớ, đúng không? Mình mà thề mình ở trong vòng luân hồi, là mình ở luôn đó, quý vị khỏi ra. Rồi thề đọa Địa ngục, là coi chừng đọa thiệt đó. Cho nên đừng có dại! Ai lỡ phát thề nguyện như vậy rồi, thì lên [bàn Phật] sám hối: Con vô minh, con không biết, con chưa học cho nên con không biết. Con xin xả thề nguyện đó đi.

Quý vị thề như vậy, bây giờ [thì] không có chuyện gì đâu. Nhưng cứ lấy

chuyện cô hôm bữa hỏi đó, là biết rồi, mới một ngày không làm được là hoang mang rồi. May mà còn gặp Thiện Trang đó, chứ không là đến lúc lâm chung hiện ra, nhớ là: hồi trước đã phát thệ nguyện như vậy rồi, mà không có tụng kinh, không niệm Phật được ngày đó, là đọa Địa ngục rồi. Tới lúc đó lâm chung mà hiện ra như vậy, thì đọa Địa ngục thiệt, quý vị hiểu không? Cho nên nguy hiểm vô cùng! Mình phải biết.

Cho nên giáo pháp mà học không tới nơi tới chốn, [thì] phát [nguyện] cũng phát sai nữa. Cẩn thận, đừng có bao giờ thề thốt. Đức Phật nói rồi, đừng có thề thốt. Bởi vì mình là chúng sanh trong vòng sanh tử, Phiền não nhiều lắm, lúc thế này lúc thế nọ. Người càng gần đến quả vị Thánh nhân, thì Phiền não của họ càng ít, tâm vô thường của họ càng ngày càng ít, họ sẽ **"tâm thường đế trụ, độ thế chi đạo**". Tức là tâm của họ thực sự thường trụ ở trong Phật pháp, ra khỏi sanh tử. Còn mình là hàng phàm phu, [tâm vô thường] nhiều lắm quý vị ơi! Bữa nay vui vui [thì] phát, có nhiều người phát là: con thề là từ đây cho đến khi thành Phật, con không dâm dục [nữa]. Nhưng mà con thệ nguyện vậy thôi, chứ đừng có thề là: nếu mà phạm cái đó là đọa Địa ngục. Có ngày quý vị phạm, thì đọa Địa ngục thiệt đó.

Tại vì sao? Quý vị vẫn là lúc nào đó mê, nghiệp khiến cho quý vị, quý vị không đủ giữ đâu, vì phàm phu mà. Phàm phu là tâm vô thường, ***tâm vô thường chủ***, ở trong bộ Luận có nói. Tâm vô thường làm chủ mà, đâu có phải thiệt đâu. Cho nên những người càng phát, mà phát kiểu đó là cảm xúc nhiều, mà cảm xúc nhiều tức là Phiền não nhiều. Mình cứ từ từ, nhẹ nhàng thôi.

Thiện Trang thấy đã chứng kiến rồi, có người phát nguyện là đời này đi theo hoằng pháp lợi sanh v.v… cuối cùng rớt mất, sắc giới kéo, bay mất. Phát thì phát thế thôi, đời tương lai sẽ thành tựu, chứ còn trước mắt [thì] rớt. May là không có phát thệ đó quý vị, thệ tức là thề đó, thề độc là tiêu nha!

Và quý vị nhớ ở trong kinh, có câu chuyện cô Tỳ-kheo-ni Vi Diệu, đời trước vì lời thề độc nói là: "*Nếu tôi giết, làm hại con của cô* (tức là do vợ cả với vợ bé,

vợ cả giết con của vợ bé, đóng cây kim) *thì chồng tôi sẽ bị rắn cắn chết, con tôi bị sói ăn, bị nước cuốn trôi, nhà tôi bị cháy hết, gia đình chết sạch*''. Cuối cùng cô thề như vậy, cô tưởng là không có gì, thề miệng không thôi mà, đâu có gì đâu. Nhưng mà quả báo đến, khi đức Phật Thích Ca ra đời, [thì] cô bị đúng như vậy luôn.

Ở bên Nam truyền, trong Kinh Tích Truyện Pháp Cú thì nói không rõ, không đầy đủ, nhưng mà trong kinh bên Bắc truyền có nói rõ nguyên nhân, quả báo là [do] cô thề như vậy. Cho nên đời đó cô sanh ra, yêu ai không yêu, lại yêu thằng đầy tớ trong nhà, rồi hai người trốn nhà đi v.v… Đi rồi cuối cùng, khi vô trong rừng, cô sinh nở, thì người chồng [của cô] đi kiếm cái gì đó, bị rắn cắn chết. Rồi cô một mình ôm hai đứa con đi qua sông, đi tìm về nhà, bây giờ chồng chết rồi. Lúc đi qua sông, thì [cổ] đặt một đứa con bên này sông, một đứa bên kia sông. Đặt một đứa rồi, khi cổ quay qua, thì thấy đứa kia bị con hổ, con beo ăn thịt. Sợ quá, cô hét lên, thì đứa con ở bờ bên kia tưởng cô kêu nó, nó nhảy xuống thì bị nước cuốn trôi. Cô chết chồng với cả hai đứa con. Cổ buồn quá cổ đi về, đi về gần tới nhà thì thấy khói lửa, rồi người ta lại nói: *"Cô ơi, cô biết không? Nhà đó cháy, người chết hết rồi"*. Thế là cổ điên điên khùng khùng luôn, cổ cởi hết quần áo, đi giống như một người điên.

Nói chung là do căn lành của đời quá khứ, cô có duyên nên mới gặp đức Phật Thích Ca. Đức Phật mới dùng thần lực, nói chung là do uy lực của Phật, nên cô ấy tự nhiên tỉnh lại. Và đức Phật mới thuyết bài pháp, cô ấy nghe như vậy nên sám hối. Sau đó cô ta xuất gia, sau này đắc đạo thành vị Tỳ-kheo-ni Vi Diệu, và cổ kể lại câu chuyện đó.

Cho nên đừng có thề độc, [đó là] dại nhất trên đời, điều đó đều có đó. Mình tu hành, là phải tu như vậy. Và tu đừng có màu mè hoa lá cành quá, mình tu càng nhẹ nhàng càng tốt. Hình như ở trong cuốn sách, có câu chuyện như thế này: Có một người tới nhà của người bạn, thấy người bạn đang nằm trên giường, mở kinh sách đọc, thì mới nói: "*Không được! Như vậy là không cung kính, làm sao mà đọc [như vậy]. Phải đốt nhang, rồi đốt đèn lên mới cung kính. Ai lại cầm kinh*

sách mà nằm trên giường đọc". Vị đó mới đứng dậy, co một chân lên, cầm quyển kinh đọc. Thì vị kia nói: "*Hiểu rồi, thôi ông cứ nằm đọc tiếp đi".*

Quý vị hiểu tại sao không? Tại vì nếu mà trang nghiêm thì đọc không được lâu. Vậy thôi đi, mệt mỏi thì cứ nằm trên giường đọc cũng được. Chứ bây giờ cung cung kính kính, làm cho màu mè, thì tu không được lâu. Vậy thì thà ta lấy cái nào tu đơn giản mà tu được lâu, là được rồi. Nên quý vị cố gắng, và tu hành là phải có nhiều vấn đề.

Ví dụ trong kinh đức Phật nói: những người mà tu khá khá đó, Ma vương Ba Tuần xuống, [ổng] nhìn, quan sát, rình rập. Trong Kinh A Hàm nói, [Ma vương] rình coi Sáu căn của mình tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần, còn có yếu điểm nào không, để tấn công. Mình thích sắc, thì tấn công sắc, khó chịu âm thanh thì tấn công âm thanh, thích cái gì hay ghét cái gì. Tức là ở trong đây nói, quý vị thích điều gì, thì tất nhiên có ghét cái ngược lại. Quý vị thích êm ái, thì tất nhiên là ghét sự khó chịu. Quý vị thích ngọt ngào, thì tất nhiên quý vị ghét cay đắng. Nên còn thích thì chắc chắn còn ghét. Quý vị thích nghe khen, thì tất nhiên quý vị không thích nghe chê.

Tức là mình luôn luôn có trạng thái là thích điều gì đó, thì thực ra là điểm yếu của mình nằm ở đó, [nếu] ngược lại là mình chịu không nổi. Nên học Phật là phải buông! Buông! Buông xuống! Cho nên phải học như ngài Minh Tuệ, đó là: "*Người ta nói sao cũng được, người ta khen con cũng được, người ta chê con cũng được. Người ta làm sao, con đều chúc cho họ hạnh phúc, cầu cho họ hạnh phúc, cầu cho họ tốt đẹp*".

Phải tu như vậy! Nên nhớ, càng thích cái nào, [thì] đó là điểm yếu của mình. Còn thích thì tất nhiên [là] còn ghét, tại vì ở thế gian này gọi là thế giới Nhị nguyên. Nhị nguyên tức là hai nguồn, nguồn bên này và nguồn bên kia đối lập nhau. Vậy quý vị thích nguồn này, thì tất nhiên quý vị ghét nguồn kia. Quý vị thích ông thầy này giảng pháp chính xác, thì tất nhiên quý vị ghét ông thầy kia giảng pháp sai.

Cho nên mình không được rớt vào bên nào, mình còn thích tất nhiên là mình còn ghét. Sáu căn tiếp xúc với Sáu trần còn điểm yếu, mà khi còn điểm yếu thì ma sẽ đánh cho quý vị tơi bời, trước khi quý vị đắc đạo, không được! Nên phải tu tâm, mà phải học giữ tâm như nền đất, là tâm mình sao cũng được. Nền đất thì có quăng thêm chút rác nữa, có quăng cái gì vô chút, cũng được. Coi như nhà dơ sẵn rồi, nên bỏ qua. Mình học như vậy, tu như vậy.

Và những gì mà quý vị xài được không phải là kiến thức, kiến thức chỉ giúp khi mình nhớ lại mình xài. Còn trí huệ [thì] mình mới xài được tức thời. Quý vị nên nhớ nha! Học Phật, tu hành, xài được là xài trí huệ, ngôn ngữ một số [người] gọi là trực giác. Tức là việc đó đến, mình không có suy nghĩ, mình phải đưa ra quyết định ngay. Và quyết định đó chính xác, mình thấy được. Đó là trí huệ, và những huệ đó không thể nào có trong lúc bình thường. Có nghĩa là bình thường mình xài chỉ là kinh nghiệm, gọi là kiến thức, bình thường mình chỉ có cái đó thôi.

Quý vị tu đi rồi quý vị biết, tu rồi mình có kinh nghiệm, nhiều lúc tự nhiên mình có những giải ngộ kỳ lạ lắm, kinh điển hay nội dung gì cũng vậy. Hoặc là mình nhìn thấy cảnh thôi, mà thấy tự nhiên sáng suốt một cách lạ thường, mà sau này mình muốn tìm lại được trạng thái như vậy, cũng không được nữa. Vì nó chỉ lóe lên một chút, đó mới là trí huệ. Sau này mình muốn tìm lại trạng thái đó cũng không được, đó là mình có một chút trí huệ.

Còn người thường thường có nhiều [trạng thái] đó, thì có nhiều hơn. Cho nên dấu hiệu của người tu hành gần đắc đạo, là càng ngày huệ càng sáng ra. Và người ta nói đâu là pháp tới đó, nói đúng pháp nha! Chứ không phải nói hay, ngôn từ mỹ diệu, cuốn hút lòng người, nhưng mà thật tế là trật với giáo pháp, [thì] không có phải. Lấy Tam pháp ấn ra, ấn một cái là sai mất. Hoặc là có những điều sai lệch với Tứ đế, thì sai. Mình thấy người sắp chứng đạo v.v… dấu hiệu nằm ở đó. Huệ [của] họ càng sáng, cho nên gặp chuyện gì [là] họ sáng suốt rõ ràng, họ đưa ra giải quyết rất nhanh, không cần phải suy nghĩ. Đấy mới là tu

được! Cho nên phải có kinh nghiệm. Mà đây là [phải] tu hành, chứ không có học được.

Chúng ta là những người như vậy, và mình hiểu được mình như thế nào, thì mình tu mới được. Chứ nhiều khi mình cứ [nghĩ]: đơn giản thôi mà, có gì đâu, cứ tu thôi. Tu thôi, nhưng mà một trời thứ trong đó không biết. Và không biết, thì mình vẫn là những người mò mẫn đi trong đêm mà thôi, tức là mình không biết đường đi, đi lọt hố mấy hồi. Còn khi nào ta đã sáng tỏ, lối đi lối về, thì rất đơn giản. Con đường giải thoát, là đi ngược với thế gian, vậy thôi!

Hôm nay Thiện Trang đã chia sẻ thêm ba duyên hệ nữa: Thứ nhất là Nghiệp duyên, Nghiệp duyên hôm bữa cũng nói rồi, hôm nay ôn lại; Thứ hai là Quả duyên; Thứ ba là Vật thực duyên. Như vậy chúng ta đã có nền tảng nhất định. Và nghe như vậy, thì quý vị có nền tảng để quý vị có thể học, dần dần quý vị sẽ bước lên được. Thiện Trang cũng không có mong ước gì hơn, ngoài mong ước cho quý vị tu được tốt. Quý vị cứ tu tốt đi là được rồi. Còn Thiện Trang không có mong cầu gì hết, Thiện Trang có duyên thì chia sẻ thôi. Vì đời xưa và bây giờ, [Thiện Trang] cũng nguyện rằng: từ đây cho đến thành Phật, cũng sẽ tiếp tục đi con đường này. Còn duyên thì làm, từ đây cho đến khi thành Phật, nguyện hộ trì Chánh pháp của Như Lai. [Thiện Trang] phát nguyện: cho dù đời đời nào cũng gặp được Chánh pháp, cũng sẽ là người hộ pháp, ở bất cứ vai trò nào, có thể là chia sẻ Phật pháp, giảng pháp, có thể là người dịch kinh pháp, có thể là người hộ trì cho Chánh pháp, cho tất cả chư Phật tương lai. Ngài A Nan đã làm thị giả cho 1000 đức Phật ở Hiền kiếp rồi. Chắc vị lai Tinh Tú kiếp, thiên Phật, ngài A Nan cũng làm rồi. Con không làm vị trí của ngài A Nan, con cũng nguyện làm những vị trí nào con có thể, để góp phần nhỏ của con, cho tương lai của những vị Phật, truyền giáo pháp của các bậc Như Lai, trong tương lai và hiện tại. Tu như vậy, nguyện như vậy cho đến thành Phật thôi.

Quý vị mỗi người có mỗi nguyện. Hôm nay Thiện Trang mới nói nguyện của Thiện Trang, hồi xưa không dám nói như vậy. Nhưng hôm nay Thiện Trang

cũng xin chia sẻ, bởi vì bữa nay nói về nguyện, tất nhiên có rất nhiều nguyện, nhưng mà trong đó cũng có nguyện như vậy. Và chính vì nguyện như vậy, cho nên Thiện trang bây giờ mới đi con đường này. Đó là do mình thành tựu Ba-la-mật từ nhiều đời, có một chút thành tựu, cho nên tự nhiên đời này sáng suốt, chia sẻ Phật pháp rõ ràng. Đó cũng là do nguyện đời xưa mình đã phát, chứ không phải là tài giỏi, tài ba gì đâu, tích lũy từ đời từ đời đó quý vị.

Mỗi người có mỗi hồi hướng khác nhau, có người thì hồi hướng, nguyện mau ra khỏi sanh tử, mau đắc quả. Có người thì hồi hướng giàu sang, có người hồi hướng này kia. Thiện Trang thì hồi hướng như vậy, và bây giờ Thiện Trang cũng hồi hướng nguyện mau ra khỏi sanh tử thôi. Chứ còn ở trong này, dù đời đời gặp Chánh pháp, đời đời mà cũng ở trong này, kiểu đó [thì] không nên. Muốn ủng hộ Chánh pháp, muốn giúp truyền Chánh pháp của các đức Như Lai trong thời nay cho đến mãi về sau, thì mình phải thành tựu, thành tựu càng lớn thì mới giúp được. Đó là Thiện Trang chia sẻ hết phát nguyện, có nhiều nguyện quý vị có thể học.

Bây giờ chúng ta vào phần nội dung Luận Câu Xá. Chúng ta đang ở bài kệ thứ bốn, năm và sáu.

Bài Kệ 4,5,6

Hữu lậu Vô lậu pháp	有漏無漏法，	Pháp Hữu lậu, Vô lậu
Trừ Đạo dư Hữu vi	除道餘有為，	Ngoại trừ Đạo đế ra Còn lại là Hữu vi
Ư bỉ lậu tùy tăng	於彼漏隨增，	Với các pháp Hữu lậu Thì các Tùy miên tăng

Cố thuyết danh Hữu lậu.	故說名有漏。	Nên nói là Hữu lậu.
Vô lậu vị Đạo đế	無漏謂道諦，	Vô lậu là Đạo đế
Cập tam chủng Vô vi	及三種無為，	Và ba loại Vô vi
Vị Hư không nhị Diệt	謂虛空二滅，	Hư không và hai Diệt

Thử trung Không vô ngại.	此中空無礙。	Hư không không chướng ngại.
Trạch diệt vị ly hệ	擇滅謂離繫，	Trạch diệt lìa trói buộc
Tùy hệ sự các biệt	隨繫事各別，	Tùy theo các trói buộc Mà việc lìa khác nhau
Tất cánh ngại đương sanh	畢竟礙當生，	Rốt ráo làm chướng ngại Cho các pháp không sanh
Biệt đắc Phi trạch diệt.	別得非擇滅。	Đắc được như thế đó Gọi là Phi trạch diệt.

Giải:

#*Hữu lậu Vô lậu pháp*: tức là có hai loại pháp: pháp Hữu lậu và Vô lậu. Điều này cũng dễ hiểu thôi, pháp nào mà còn trong vòng sanh tử, thì gọi là Hữu lậu, tức là

còn Phiền não. Khi nào hết Phiền não, thì gọi là Vô lậu. Cho nên tu, ở trong ngôn ngữ của Bắc truyền, nói là tu không phải để đắc gì, mà quý vị vô đắc. Ý là quý vị chỉ cần tu làm sao đó, mình chỉ cần hết Phiền não là đắc thôi, ở đây hết Phiền não là Vô lậu thôi.

Cho nên cách tu, là mình cứ so sánh các Phiền não, mình bỏ hết Phiền não được, gọi là đoạn được Phiền não thì mình sẽ đắc. Chứ bậc Thánh là thế nào, [thì] mình đâu có biết. Dù mình học Sơ quả thế nào, Nhị quả thế nào, Tam quả thế nào, Tứ quả thế nào, thì chỉ là học sơ khởi thôi. Còn để đắc thì làm sao mình biết được, nên có khi lầm tưởng [là] mình đắc. Cho nên cách tốt nhất, là mình xét các phương pháp của đức Phật đưa ra. Ví dụ như Sơ quả Tu-đà-hoàn là đoạn được Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Tức là đoạn thôi, chỉ cần những điều Phật đưa ra, chứ Phật không nói Sơ quả Tu-đà-hoàn thì được điều gì. Ít khi nói vậy, mà nói là đoạn được điều gì.

Giống như hôm bữa Thiện Trang đưa ra ví dụ: là để lựa đậu đỏ và đậu đen, thay vì mình muốn giữ lại đậu đỏ, thì mình chỉ cần bỏ đậu đen ra. Để đắc quả thì mình chỉ cần bỏ Phiền não. Vậy muốn được Vô lậu, thì chỉ cần bỏ Hữu lậu, bởi vì pháp gồm có Hữu lậu và Vô lậu.

#*Trừ Đạo dư Hữu vi:* tức là ngoài trừ Đạo đế ra, thì còn lại các pháp Hữu vi.

#*Ư bỉ lậu tùy tăng:* với các pháp Hữu lậu, thì các Tùy miên sẽ tăng. Tùy miên tức là các Phiền não sẽ tăng, phần này mình chỉ nói lược thôi.

#*Cố thuyết danh Hữu lậu*: cho nên nói là Hữu lậu. Vậy Hữu lậu là gì? Là các pháp mà Hữu lậu, thì Phiền não tăng. Còn nếu mình tu theo Vô lậu, thì tất nhiên là Phiền não giảm, hết.

#*Vô lậu vị Đạo đế*: Vô lậu là Đạo đế.

#*Cập tam chủng Vô vi:* và ba loại Vô vi. Như vậy pháp Vô lậu ở đây định nghĩa có bốn [pháp]: Một là Đạo đế; Đạo đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo; và ba loại Vô vi. Ba loại

Vô vi gồm:

#*Vị Hư không nhị Diệt*: #vị là là; là Hư không và hai Diệt; #hai Diệt đằng sau có nói: là Hư không Vô vi, Hư không là một loại Vô vi. Từ từ Thiện Trang giải thích, [để] hết bài kệ rồi nói luôn một lần.

#*Thử trung Không vô ngại*: ở trong Hư không này, thì lấy tính không chướng ngại.

Ở đây để giải thích, trong Bách Pháp Minh Môn Luận, thì chia tới sáu pháp Vô vi. Nhưng trong Luận Câu Xá này, chỉ có chia ra ba pháp Vô vi thôi. Pháp Vô lậu gồm có Đạo đế và ba loại Vô vi. Đầu tiên mình phải hiểu Vô vi là gì. Vô vi, có nhiều người lấy ngôn ngữ của Đạo gia để giải thích Vô vi. Thật ra Phật pháp khác với Đạo gia, không phải là Vô vi [của Đạo gia]. Vô vi có nhiều cách giải thích, có cách là nói "không sanh không diệt" là Vô vi, cũng như Hư không là khoảng không trên toàn bộ Hư không này. Cái gì cũng có Hư không, quý vị thấy xưa nay không có sanh không có diệt, vũ trụ hư không lúc nào cũng có. Cho nên gọi Hư không cũng là một pháp Vô vi.

Đó là một cách giải thích. Còn ở đây, ngài Thế Thân giải thích bằng cách: Hư không thì có tính là không chướng ngại. Tức là Vô vi pháp là không có chướng ngại gì cả. Ví dụ quý vị thấy Hư không, [như] bây giờ Thiện Trang đang để quyển Kinh Tăng Nhất A Hàm ở đây. Thiện Trang chỉ cần để chỗ này, đây là Hư không vẫn để được, đây là Hư không vẫn để được, chỗ nào cũng có quyền để được. Cho nên tính của Hư không là không có chướng ngại. Quý vị thấy không có chướng ngại, không có trở ngại gì hết, đó là một tính. Tính đó [là] từ xưa đến giờ và mãi mãi về sau, [thì] Hư không luôn luôn có tính chất đó. Tính chất đó không bao giờ thay đổi, cho nên đó gọi là Hư không Vô vi.

Có bao giờ Hư không này chướng ngại gì không? Không bao giờ! Hư không là khoảng không trong vũ trụ, từ đây cho đến mãi đâu đâu thì vẫn vậy, và xưa nay nó vẫn vậy. Quý vị thích thế nào, [thì] nó chiều thế đấy. Ví dụ dựng lên căn

nhà, [thì] chỉ thay đổi Hư không thôi, nhưng vẫn có tính dung chứa được, không có ngăn ngại, trở ngại gì hết. Cho nên đó là một tính chất của Vô vi. Vì vậy, những bậc Thánh nhân thì không có đối lập, không có chướng ngại đối với chúng sanh, các ngài dung hoà được hết. Tính chất không có chướng ngại, không có trở ngại với bất cứ vật gì, thì tính chất đó gọi là một trong những tính chất Vô vi. Đây là một cách giải thích như vậy.

Hư không Vô vi, ở trong Bách Pháp Minh Vô Luận giải thích, thì đó cũng là Vô vi tương đối. Tức là không phải Chân thật Vô vi, mà [là] Tương tợ Vô vi. Tại vì Hư không vẫn có sự thay đổi. Tuy là không sanh không diệt, nhưng mình bưng món đồ này, mình dựng cái nhà lên, thì Hư không ở chỗ đó đã bị biến dạng rồi. Cho nên [Hư không] vẫn là Tương tợ Vô vi, chứ không phải là Chân như Vô vi, là Tự Tánh. Đó là trong Bách Pháp Môn Minh Luận, thì nói tới sáu điều. Còn ở đây chỉ nói ba điều thôi.

Cho nên chúng ta học bộ này đỡ hơn một chút. 100 pháp, thì ở đây học có 75 pháp, nhưng thật ra nói 80 pháp mới đúng. Tại vì tâm [là] một pháp, tâm chia ra [làm] sáu: sáu [pháp] Tâm vương (sáu thức), nên cũng phải nói là 80. Bên kia học 100, bên này học có 80 thôi, đỡ bớt đi.

Đó là chúng ta hiểu về Hư không Vô vi rồi, và hai loại Diệt. Diệt tức là Trạch diệt Vô vi và Phi trạch diệt Vô vi, thì đằng sau nói:

#*Trạch diệt vị ly hệ:* đầu tiên là Trạch diệt Vô vi; chữ #vị là là; là lìa khỏi sự trói buộc.

#*Tùy hệ sự các biệt*: tùy theo các sự trói buộc, mà các việc lìa sẽ khác nhau.

Ở đây chúng ta nói đơn giản thế này. Tức là pháp tu chứng đắc, ở đây nói để đắc A-la-hán, thì quý vị tu hai điều: Một là Trạch diệt; Trạch diệt tức là nhờ trạch pháp, nhờ chọn lựa pháp, giản đơn pháp lại để tu, mà mình diệt được Phiền não, đắc được pháp đó, đắc được quả A-la-hán, thì gọi là Trạch diệt Vô vi.

Thiện Trang xin nói chậm lại một chút. Nói bằng ngôn ngữ đơn giản, là chúng ta phải lựa chọn pháp nào đó để chúng ta tu. Thay vì thế gian có nhiều pháp lắm, bây giờ quý vị chỉ cần chọn lựa những pháp nào để mình tu, tu một hồi mình diệt hết Phiền não, mình đắc quả A-la-hán, đó gọi là Trạch diệt Vô vi. Vì A-la-hán không thoái chuyển nữa, không sanh không diệt nữa, nên đó là một pháp Vô vi.

Ví dụ để đắc A-la-hán, thì đức Phật phải đưa ra Giới luật: bên Nam truyền là 227 giới của Tỳ-kheo, ở bên Bắc truyền là 250 giới, theo bộ Luật Tứ Phần. Còn có bộ luật nhiều hơn nữa, nhiều giới hơn, thật ra cũng giống nhau thôi. Nếu mình giữ như vậy, ví dụ như mình không tham, không sân, không si, v.v… đủ các kiểu, mình tu một hồi. Mình gọi là trạch mà, là mình chọn lựa tu theo hướng đó, gọi là trạch. #Trạch là lựa chọn, mình lựa chọn những pháp nào [mà] thuận lợi với con đường Bồ-đề giác ngộ, [để] mình tu theo, mình chỉ làm theo đó. Mình làm đến một lúc nào đó thì thành công, tự nhiên diệt hết Phiền não, thì mình đắc quả A-la-hán. Cho nên pháp đó gọi là Trạch diệt Vô vi. Nói vậy thì quý vị dễ hiểu, không có khó khăn gì! Chứ bây giờ theo trong bộ Luận này giải thích một hồi, là mình mơ hồ luôn. Còn nói như vậy cho đơn giản, và quý vị hiểu được.

Ở đây nói là tùy theo các sự trói buộc, tức là do sự Trạch diệt, mà lìa được các sự trói buộc, tức là mình đã gỡ đi những [sự] trói buộc. Muốn gỡ các trói buộc, thì tùy theo các sự trói buộc khác nhau, mà việc lìa đó cũng khác nhau. Tuy nói vậy, nhưng nhiều kiểu lắm. Ví dụ như mình bị trói buộc bởi Tham, thì bây giờ mình làm sao để đừng tham nữa. Nếu như mình sân, thì mình đừng sân nữa, v.v… mình lìa được các Phiền não. Thì tùy các sự trói buộc, mà các việc lìa khác nhau.

#*Tất cánh ngại đương sanh, Biệt đắc Phi trạch diệt:* [pháp] thứ hai gọi là Phi trạch diệt Vô vi, thì rốt ráo làm chướng ngại cho các pháp, mà làm sao cho nó không sanh. Đắc được như thế đó rồi, thì gọi là Phi trạch diệt.

Nghĩa là bây giờ còn cách tu thứ hai, thay vì pháp thứ nhất là mình chọn

những pháp nào mình tu, thì pháp thứ hai mình biết là để sanh ra các pháp Hữu lậu; pháp Hữu lậu là pháp thế gian. Ví dụ, đời sau mình không muốn mình tham, để biến thành những loài sặc sỡ, hoặc là đồ ham ăn, thế này thế kia. [Vậy] bây giờ mình hãy trừ duyên, giúp cho duyên thiếu đi, các pháp đó trong tương lai không đủ duyên, thì sẽ không sanh ra. Nó không sanh ra nữa, thì mình làm chướng ngại cho các pháp Hữu lậu không sanh ra. Làm đến lúc nào đó, rốt ráo đạt được như vậy, thì mình đắc được pháp A-la-hán, mình giải thoát sanh tử. Pháp đó gọi là Phi trạch diệt Vô vi. Nói vậy đơn giản vô cùng, quý vị hiểu được đúng không?

Ở đây đằng sau có giải thích rõ hơn, chúng ta sẽ nghe phần giải thích của ngài Huyền Trang. Trên là của ngài Thế Thân, còn dưới là luận giải thích của ngài Huyền Trang. Ngài giải thích lại những điều đó thôi, nhưng ngôn ngữ hơi khác một chút.

論曰：說一切法略有二種，謂有漏、無漏。有漏法云何？謂除道諦，餘有為法。所以者何？諸漏於中等隨增故。緣滅道諦，諸漏雖生而不隨增，故非有漏。不隨增義，隨眠品中自當顯說。

Luận viết: Thuyết nhất thiết pháp lược hữu nhị chủng, vị Hữu lậu, Vô lậu. Hữu lậu pháp vân hà? Vị trừ Đạo đế, dư Hữu vi pháp. Sở dĩ giả hà? Chư lậu ư trung đẳng tùy tăng cố. Duyên diệt Đạo đế, chư lậu tuy sanh nhi bất tùy tăng, cố phi Hữu lậu. Bất tùy tăng nghĩa, Tùy miên phẩm trung tự đương hiển thuyết.

Giải:

#*Luận viết:* là Luận ghi rằng, hay Luận nói rằng.

#*Thuyết nhất thiết pháp lược hữu nhị chủng, vị Hữu lậu, Vô lậu:* nói về tất cả pháp thì lược có hai loại: là Hữu lậu và Vô lậu.

#*Hữu lậu pháp vân hà?:* pháp Hữu lậu là gì?

#Vị trừ Đạo đế, dư Hữu vi pháp: là ngoại trừ Đạo đế ra, thì còn lại các pháp Hữu vi. Những pháp Hữu vi gọi là pháp Hữu lậu. Đạo đế này là không thuộc trong Hữu lậu.

#Sở dĩ giả hà?: là vì sao như thế?

#Chư lậu ư trung đẳng tùy tăng cố: bởi vì ở trong các pháp lậu, thì Phiền não sẽ theo đó mà tăng.

#Duyên diệt Đạo đế, chư lậu tuy sanh nhi bất tùy tăng, cố phi Hữu lậu: nếu như mình nương theo*;* #duyên là nương theo; nương theo Diệt của Đạo đế. Diệt trong Đạo đế, quý vị biết Đạo đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì bây giờ mình dùng Diệt đế, mình nương theo được cái đó. Tức là mình đi theo Diệt đế rồi, thì các lậu tuy sanh nhưng không tăng theo, tức là các Phiền não không tăng theo, nên không phải là Hữu lậu.

#Bất tùy tăng nghĩa, Tùy miên phẩm trung tự đương hiển thuyết: ý nghĩa của việc không tăng thêm Phiền não; #bất tùy tăng là không tăng thêm. Ở trong phẩm Tùy miên của bộ Luận này, có một phẩm chuyên nói về Phiền não, sẽ tự nhiên nói rõ ra thôi.

Tức là bây giờ mình không nói rõ, ý nghĩa [của] không tăng thêm Phiền não là thế nào, đợi tới phẩm Tùy miên là phẩm chuyên nói về Phiền não, thì mình sẽ hiểu rõ, trong đó sẽ nói rõ.

Tạm dịch: Luận ghi rằng: Nói về tất cả pháp thì lược có hai loại, là Hữu vi, Vô vi. Thế nào là pháp Hữu vi? Là trừ Đạo đế ra, còn lại là pháp Hữu vi. Vì sao như thế? Bởi vì các loại Tùy tăng[1] ở trong đó. Nương theo Diệt Đạo đế, các lậu tuy sanh nhưng không tùy tăng (tăng theo), nên không phải Hữu lậu. Ý nghĩa của không tùy tăng, thì ở trong phẩm Tùy miên sẽ tự được nói rõ. (Tức là tới phẩm đó, mới nói rõ thế nào là Phiền não không tăng theo, khi mình tu theo pháp này, thì tới đó mình sẽ hiểu.)

Ngôn ngữ ở đây hơi khó hiểu, quý vị cứ nghe nha, nhưng đại ý thì mình nắm được rồi. Mình hiểu được các pháp nào.

已辯有漏。無漏云何? 謂道聖諦及三無為。何等為三? 虛空、二滅。二滅者何? 擇、非擇滅。此虛空等三種無為及道聖諦, 名無漏法。

Dĩ biện Hữu lậu. Vô lậu vân hà? Vị Đạo thánh đế cập tam Vô vi. Hà đẳng vi tam? Hư không, Nhị diệt. Nhị diệt giả hà? Trạch, Phi trạch diệt. Thử Hư không đẳng tam chủng Vô vi cập Đạo Thánh đế, danh Vô lậu pháp.

Giải:

#*Dĩ biện Hữu lậu. Vô lậu vân hà?:* đã bàn về Hữu lậu rồi, còn lại là Vô lậu thì như thế nào?

#*Vị Đạo thánh đế cập tam Vô vi:* là gồm Đạo thánh đế (giống như đạo của chúng ta là Đạo thánh đế), và ba loại Vô vi.

#*Hà đẳng vi tam?:* thế nào là ba? Tức là ba loại Vô vi gồm những loại nào?

#*Hư không, Nhị diệt:* gồm Hư không Vô Vi và hai Diệt. Hai Diệt là: Trạch diệt Vô vi và Phi trạch diệt Vô vi. Ở đây cũng giải thích luôn.

#*Nhị diệt giả hà?:* thế nào là Nhị diệt? Nhị diệt gồm có những gì?

#*Trạch, Phi trạch diệt:* là Trạch diệt Vô vi, và Phi trạch diệt Vô vi.

#*Thử Hư không đẳng tam chủng Vô vi cập Đạo Thánh đế, danh Vô lậu pháp:* tức là ba loại Vô vi như Hư không Vô vi và Đạo thánh đế, gọi là pháp Vô lậu. Như vậy pháp Vô lậu gồm có ba loại Vô vi và Đạo thánh đế.

Tạm dịch: Đã bàn về Hữu lậu rồi. Còn Vô lậu là thế nào? Là Đạo thánh đế và ba loại Vô vi. Những gì là ba? Gồm Hư không, Nhị diệt. Nhị diệt là gì? Trạch

diệt, Phi trạch diệt. Ba loại Vô vi như Hư không ở đây và Đạo thánh đế, gọi là pháp Vô lậu.

Những ngôn ngữ này hơi khó hiểu, đúng ngôn ngữ của Duy Thức, khó nuốt lắm. Chịu khó nghe, mình cứ hiểu đại ý được rồi. Thế nào là pháp Hữu lậu, pháp Vô lậu, mình hiểu có ba loại Vô vi là Hư không vô vi, Trạch diệt Vô vi và Phi trạch diệt Vô vi. Chỉ cần nắm như vậy.

所以者何? 諸漏於中不隨增故。於略所說三無為中，虛空但以無礙為性，由無障故色於中行。擇滅即以離繫為性，諸有漏法遠離繫縛證得解脫，名為擇滅。擇謂簡擇，即慧差別，各別簡擇四聖諦故。擇力所得滅名為擇滅，如牛所駕車名曰牛車，略去中言故作是說。

Sở dĩ giả hà? Chư lậu ư trung bất tùy tăng cố. Ư lược sở thuyết tam Vô vi trung, Hư không đãn dĩ vô ngại vi tánh, do vô chướng cố sắc ư trung hành. Trạch diệt tức dĩ ly vi tánh, chư Hữu lậu pháp viễn ly hệ phược chứng đắc giải thoát, danh vi Trạch diệt. Trạch vị giản trạch, tức huệ sai biệt, các biệt giản trạch Tứ thánh đế cố. Trạch lực sở đắc diệt danh vi Trạch diệt, như ngưu sở giá xa danh viết ngưu xa, lược khứ trung ngôn cố tác thị thuyết.

Giải:

#*Sở dĩ giả hả?:* là vì sao như thế?

#*Chư lậu ư trung bất tùy tăng cố:* bởi vì ở trong các pháp Hữu lậu đó, thì không có tùy tăng, tức là Phiền não không có tăng theo; #tùy tăng là tăng theo.

#*Ư lược sở thuyết tam Vô vi trung:* ở trong đã nói sơ lược về ba loại Vô vi.

#*Hư không đãn dĩ vô ngại vi tánh, do vô chướng cố sắc ư trung hành:* bây giờ là giải thích về ba loại Vô vi. Ở đây nói Hư không vô vi, thì chỉ lấy tính chất không

có chướng ngại, hay lấy không có chướng ngại làm tính chất. Do không có chướng ngại, nên sắc có thể đi ở trong đó.

Hồi nãy Thiện Trang giải thích rất rõ ràng, giống như Hư không này, không có chướng ngại. Cho nên sắc, sắc là bất cứ vật chất nào, mình có thể di chuyển qua lại, đem thứ này thứ kia, dựng nhà, chuyển nhà, v.v… đem qua địa cầu qua chỗ khác. Do Hư không có tính chất là không có chướng ngại, nên tất cả sắc (là vật chất hay mình nói là sắc chất), đi trong Hư không thoải mái. Đó là giải thích về Hư không Vô vi.

#*Trạch diệt tức dĩ ly vi tánh, chư Hữu lậu pháp viễn ly hệ phược chứng đắc giải thoát, danh vi Trạch diệt:* thứ hai là giải thích thế nào là Trạch diệt Vô vi. Trạch diệt Vô vi lấy xa rời sự trói buộc làm tánh. Giống như A-la-hán, các ngài không còn bị trói buộc nữa. Tính chất là như thế. Các pháp Hữu lậu thì mãi mãi xa lìa; #mãi mãi xa lìa tức là xa lìa luôn, là rời rồi không vô trở lại nữa; các sự trói buộc mà chứng được giải thoát, thì gọi là Trạch diệt. Ở đây Trạch diệt là vậy thôi.

Tại vì sao? Ở đây lấy giải thích là xa rời sự trói buộc. Giống như ngài Minh Tuệ, quý vị thấy tại sao ngài không có nỗi khổ? Tại vì ngài không có mong cầu gì hết. Trong Kinh A Hàm, Thiện Trang nhớ một câu chuyện: có người bị mất bò, trong bộ Kinh Thất Ngưu; thất ngưu là mất bò. Họ tới than phiền [với] đức Thế Tôn: *"Sáu ngày nay, con bị mất bò mà chưa tìm thấy. Con có mấy đứa con có chồng rồi mà ở góa. Nó có con rồi, nhưng bây giờ không có chồng nữa, khổ! Có mấy đứa con mà con hư nên nó khổ! Con bị nợ, người ta tới đòi nợ nữa, khổ!"*, gọi là bị những sự trói buộc như vậy. Ông đó than như vậy, thì đức Phật mới nói là: *"Ta sở dĩ được an vui, là vì Ta không có những điều đó. Tức là Ta không có mất bò sáu ngày, cho nên Ta không bị trói buộc đó, nên Ta không khổ. Ta không có sáu đứa con gái có con, mà bây giờ ở góa (mất chồng rồi), cho nên Ta không khổ. Ta cũng không có những đứa con phá hoại nhà cửa, cho nên Ta cũng không khổ. Và Ta cũng không có bị người ta đòi nợ ngày đêm, phải canh chủ nợ đòi hoài, nên Ta cũng không khổ. Ta rời khỏi những trói buộc đó, cho nên Ta được giải thoát an*

vui".

Quý vị thấy không, bí quyết là vậy, đừng có vướng vào, [hãy] xa rời ra. Giống như ba y một bình bát, ngày ngày đi khất thực. Đi như vậy thì đâu có mong cầu gì, vì thế gian là vô sự, không có ràng buộc gia đình, gia đình có chuyện gì v.v… không có gì hết, tất cả mọi [thứ] đều không có. Đó là Trạch diệt pháp, là mình chọn những pháp để cho các sự trói buộc không đeo theo mình nữa, nên nghĩa là xuất gia.

Trong ba ý nghĩa [của] xuất gia, thì đó là Xuất thế tục gia, là ra khỏi nhà thế tục. Thế tục là sao? Là quý vị có nhiều vấn đề: tiền điện tháng [này] tới rồi, tiền học tới rồi, tiền ốm đau của con, tiền này tiền kia và bao nhiêu mối quan hệ, đám cưới, đám hỏi, v.v… người này yêu cầu, người kia yêu cầu. Còn tôi đi xuất gia rồi, không có gì cả, không có ràng buộc gì nữa. Nhiều người xuất gia rồi, vẫn [có] ràng buộc, [như] Sư phụ, chùa chiền, khổ! Còn mình không có gì hết. Cho nên đó là pháp lựa chọn con đường tốt, để rời khỏi các sự trói buộc, cuối cùng đắc được giải thoát. Chưa đắc được giải thoát nhiều, nhưng ít nhất đời này cũng sung sướng đã. Được như vậy rồi thì thành công.

Thiện Trang nhớ trong câu chuyện đó tiếp tục là, ông đó thấy đức Phật nói hay quá, nên ổng xin: Thôi đức Phật cho con đi xuất gia luôn. Và sau xuất gia ông đắc quả A-la-hán.

Cho nên quý vị thấy hay không? Tức là người thế gian, ở trong sự ràng buộc rất nhiều. Còn người xuất gia lựa chọn các pháp, mặc dù ở trong Hữu lậu (tức là ta vẫn ở trong trần, trong thế gian mà), nhưng ta không bị ràng buộc, mà xa rời sự ràng buộc. Đến khi mình đắc được giải thoát về thân, đắc được giải thoát về tâm, cuối cùng là đắc được hai loại giải thoát, gọi là Câu giải thoát, đó là Tâm giải thoát và Huệ giải thoát. Đó là quả vị A-la-hán, và như vậy gọi là Trạch diệt Vô vi.

Quý vị nghe như vậy thì dễ hiểu rồi, Trạch diệt là như vậy. Ở đây chưa rõ

nữa, thì trong này giải thích tiếp.

#Trạch vị giản trạch, tức huệ sai biệt, các biệt giản trạch Tứ thánh đế cố: #trạch diệt là ý nghĩa của giản trạch; #giản trạch là mình lựa chọn sao cho đơn giản lại. Bây giờ nhiều pháp quá, thế gian bị vướng nhiều quá, bây giờ bớt lại; #tức huệ sai biệt: là trí huệ sai biệt, là các trí huệ khác nhau. Sai biệt ở đây tức là mình dùng huệ, để mình chọn ra những điều sai biệt nào đó phù hợp. Mình cho pháp nào tăng, pháp nào giảm, và các sự khác biệt giản trạch đó thật ra là pháp Tứ đế. Mình phải dựa vào Tứ Thánh Đế để mình tu. Bất cứ Pháp môn nào của nhà Phật, mà rời Tứ thánh đế, thì không phải là pháp Phật. Nên nhớ như thế!

Tứ thánh đế gồm có: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ đế là sự thật về khổ, tức là mọi sự hiện hữu ở đời đều là khổ. Ở trong này thì chắc chắn khổ rồi, quý vị đừng có nói vui, vui đâu mà vui! Đức Phật nói trong kinh, có ba điều mà nếu như không có, [thì] đức Như Lai sẽ không ra đời, đó là: già, bệnh và chết. Nếu không có ba điều này, thì đức Như Lai không cần xuất hiện ở đời. Chúng sanh ở đời có ba nỗi khổ là: khổ về già, khổ về bệnh và khổ về chết.

Cho nên đức Như Lai ra đời, là để giúp chúng sanh ra khỏi ba nỗi khổ này. Và tất nhiên có nỗi khổ sanh nữa. Bốn nỗi khổ, nhưng nói tóm lại là ba nỗi khổ kia thôi, sanh ra cũng chưa biết gì [nên] sung sướng, cứ cho là như vậy đi. Nhưng ba nỗi khổ sau, thì cho dù là ông vua, làm Tổng thống, làm chúa v.v… có ai sống mãi ở đời, có ai sống hoài khỏe mạnh đâu, có ai không phải già, có ai tránh được nỗi xa gia đình. Tại vì cuối cùng rồi cũng chết, rồi cũng xa. Cho nên mãi mãi ở trong vòng đó. Như vậy đức Phật muốn giúp chúng ta thoát ra, thì đức Phật xuất hiện ở đời. Cho nên đó là Tứ thánh đế.

Tập là nguyên nhân của nỗi khổ. Diệt là khi đã hết khổ rồi, thì được niềm vui. Diệt và Đạo đế là con đường để thoát khổ. Thì đây dùng con đường là Trạch pháp (chọn lựa pháp đơn giản), dùng trí huệ để mình chọn pháp nào mình hành.

#Trạch lực sở đắc diệt danh vi Trạch diệt: ở đây nói sâu hơn, sức mà chọn lựa

đạt được, diệt hết Phiền não rồi, thì gọi là Trạch diệt, Trạch diệt Vô vi.

#*Như ngưu sở giá xa danh viết ngưu xa*: tức là giống như con bò; #ngưu là bò chứ không phải là trâu, con trâu là từ khác; con bò mà kéo xe thì gọi là xe bò.

#*Lược khứ trung ngôn cố tác thị thuyết*: tức là bởi tóm gọn lời nên nói như vậy.

Bây giờ nói tại sao lại nói là Trạch diệt Vô vi. Thật ra nói đầy đủ, là do sức của mình lựa chọn pháp đó, mình chọn [pháp] mạnh quá rồi, nên diệt được hết Phiền não. Diệt được hết Phiền não rồi, nên đắc được giải thoát. Như vậy do pháp tu là lựa chọn pháp, pháp nào cần chọn. Đây là Trạch pháp ở trong Bát chánh đạo, ở trong Thất giác chi. Trong 37 Phẩm trợ đạo có Trạch pháp, thì điều này cũng vậy, cho nên cuối cùng mới gọi là Trạch diệt Vô vi. Giống như con bò kéo xe thì gọi là xe bò, con ngựa mà kéo xe thì gọi là xe ngựa. Do Trạch pháp làm chủ nên gọi là Trạch diệt Vô vi. Trạch và diệt được Phiền não, là lựa chọn và diệt được Phiền não, nên nói như thế. Đó giải thích rất rõ ràng.

Tạm dịch: Vì sao như thế? Bởi ở trong các lậu thì không tăng theo. Và đã lược nói trong 3 loại Vô vi, thì Hư không [Vô vi] lấy không có sự trở ngại làm tánh (tính chất), do không có sự chướng ngại nên sắc (vật chất) đi được ở trong đó. Trạch diệt thì lấy rời khỏi sự ràng buộc làm tánh, các pháp Hữu lậu xa rời sự trói buộc [mà] chứng được giải thoát, gọi là Trạch diệt. Trạch là giản trạch (sự lựa chọn đơn giản), tức [trí] huệ sai biệt, bởi lược chia giảng trạch [là] Tứ thánh đế. Sức lựa chọn đã đạt diệt [phiền não] gọi là Trạch diệt, giống như con bò kéo xe thì gọi là xe bò, bởi tóm gọn lời nên nói như vậy.

Chúng ta thấy rõ ràng như vậy, ở đây còn tiếp tục, chúng ta giải thích tiếp. Nhiều khi chỗ nội dung này hay nhưng mà khó quá, nội dung này vẫn còn dài lắm, ở đây còn chút nữa [nên giải thích] cho hết luôn.

一切有漏法同一擇滅耶？不爾。云何？隨繫事別。謂隨繫事量，離繫事亦爾。若不爾者，於證見苦所斷煩惱滅時，應證一切所斷諸煩惱滅。若如是

者，修餘對治則為無用。

Nhất thiết Hữu lậu pháp đồng nhất Trạch diệt da? Bất nhĩ. Vân hà? Tùy hệ sự biệt. Vị tùy hệ sự lượng, ly hệ sự diệc nhĩ. Nhược bất nhĩ giả, ư chứng kiến khổ sở đoạn phiền não diệt thời, ưng chứng nhất thiết sở đoạn chư phiền não diệt. Nhược như thị giả, tu trừ đối trị tắc vi vô dụng.

Giải:

#*Nhất thiết Hữu lậu pháp đồng nhất Trạch diệt da?:* tức là tất cả các pháp Hữu lậu cùng một loại Trạch diệt ư?

#*Bất nhĩ*: là không phải như vậy! Tức là không phải một loại Trạch diệt, [mà] có nhiều cách.

#*Vân hà:* là vì sao.

#*Tùy hệ sự biệt:* tức là tuỳ theo những sự khác nhau về sự trói buộc.

#*Vị tùy hệ sự lượng*: là tùy theo số lượng, mình nói là nhiều; #lượng là vô lượng. Tức là có nhiều sự trói buộc, #tùy hệ là tùy sự trói buộc.

#*Ly hệ sự diệc nhĩ*: thì sự rời khỏi sự trói buộc đó cũng nhiều như vậy, cũng vô lượng theo.

#*Nhược bất nhĩ giả:* là nếu không như vậy.

#*Ư chứng kiến khổ sở đoạn phiền não diệt thời, ưng chứng nhất thiết sở đoạn chư phiền não diệt:* nếu không phải như vậy, thì chỉ khi nào mình thấy được khổ (Kiến đế) thì đã đoạn được phiền não rồi, thì đáng lẽ ra khi chứng được phải đoạn được tất cả các phiền não chứ. Đằng này không phải, mình thấy được một pháp, thì mình đoạn được một pháp thôi. Nhiều khi mình chưa đoạn được hết. Còn khi nào đủ duyên mới đoạn hết, dứt hết phiền não.

Cho nên mình tu, ở trong ngôn ngữ [nhà Phật] gọi là Đà-la-ni (trí huệ), [thì]

mình tu từ từ. Có nhiều người đời này phá được chút Thân kiến, có người đoạn chút dâm dục, có người đoạn được điều gì đó… cho nên mỗi người có thành tựu chút chút vậy đó. Khi nào đủ hết rồi mới thành được, chứ không phải đoạn một cái là đoạn hết được. Còn nói đoạn một cái mà hết, thì chẳng qua là duyên đủ rồi.

Giống như chúng ta thông thường nhìn thấy người ta đẹp, nhìn thấy xinh xắn, đẹp, thích lắm, tâm lý như vậy. Nhưng người đã bắt đầu giác ngộ rồi, [thì] nhìn khác. Ở trong kinh, có một vị Tỳ-kheo thấy một người con gái đẹp, do công hạnh tu nhiều đời, nên người con gái đẹp mà vị Tỳ-kheo đó nhìn thấy thành bộ xương khô, như vậy từ đó đắc quả A-la-hán.

Có nghĩa là do tu được nhiều đời, nhiều kiếp rồi, nói chung công hạnh đủ rồi, gom gom đủ rồi, nên khi đó duyên tới là thành tựu. Còn chúng ta đa số nhìn thấy anh chàng đẹp trai, cô nàng đẹp gái là mê tít mắt rồi, nên vẫn là phàm phu trong vòng sanh tử là vậy.

Còn người bắt đầu giác được chút kha khá, là nhìn thấy cô đó đẹp, nhưng nghĩ lại. [Như] nhìn thấy anh chàng đó đẹp, nghĩ: không được đâu, cuộc đời là vô thường, thế này thế kia… đừng có ham. Nhìn thấy người ta chạy cái xe rất đẹp, mình nghĩ: không tham đâu v.v… thì đó là những công phu của mình, cũng có kha khá một chút. Và khi quý vị tích lũy đủ nhiều rồi, đến ngày nào đó duyên hiện ra, là quý vị đắc quả, ít nhất là đắc Sơ quả là Kiến đế (Kiến đế là thấy được sự thật). Và khi đó là mình cũng có phần rồi đó. Chứ không phải tu đùng một cái là chứng đâu, chứng đó là do duyên. Nhưng trước khi đó là mình cũng thành tựu bao nhiêu món rồi, bao nhiêu món thành tựu chút chút, tích luỹ rồi.

Cho nên Phật biết, các bậc Thánh nhân có năng lực, các ngài biết được, còn mình không biết ai là ai. Không biết ai là ai, thì cách tu tốt nhất là học bộ giáo lý A Tỳ Đàm này, [là] giáo pháp theo chiều thẳng đứng, và ai học theo đó. Giống như những người đã thành tựu rồi thì không sao, còn chưa thành tựu thì bổ sung những phần chưa thành tựu vào. Còn giáo lý theo kinh điển mà đức Phật thuyết,

là tuỳ căn cơ, [thì] tuỳ căn cơ là đối tượng đó, Phật biết họ còn thiếu điều nào, nên nói về phần đó cho họ đoạn cái đó là đủ, tức là bổ sung cho họ điều đó.

Còn giáo pháp này là giống như mình đi từ đầu đường đến cuối đường, ai đi theo con đường này cũng được bổ sung đầy đủ, đắp vô hết, điều nào đi qua rồi thì được học lại, điều nào thành tựu trong đời quá khứ bây giờ được nhắc lại, điều nào chưa thành tựu thì đời này được học. Vì vậy nếu như học theo bộ A Tỳ Đàm này, một cách bài bản, thực hành đúng cách, thì học một hồi là đắc quả. Cho nên phẩm cuối cùng gọi là Phá Ngã Chấp, cuối cùng là đắc quả A-la-hán.

Đó là mục tiêu tại sao chúng ta học giáo lý A Tỳ Đàm, hay những bộ A Tỳ Đạt Ma này, là như vậy. Có nghĩa là giáo pháp chung nhất, cho mọi người học như vậy, giống như một giáo trình căn bản, dạy từ Tiểu học đến khi tốt nghiệp Tiểu học, cho tất cả học sinh đều học như vậy. Còn giáo pháp học nhanh, tức là dạy kinh điển, nhắm căn cơ người này đời này đã thành tựu rồi, biết đọc biết viết rồi, bây giờ thiếu Toán thôi, dạy kèm Toán thêm một chút, là thi đậu tốt nghiệp Tiểu học. Nhưng đứa kia thiếu kiến thức về Văn học, ghi chép chưa được, thì dạy cho Văn học, nó giỏi Toán rồi. Những bộ kinh đức Phật đưa ra, là ý nghĩa như vậy. Còn giáo pháp xuyên suốt từ đầu đến cuối, đầy đủ hết, tức là ở đây dạy hết, vừa dạy Toán, vừa Tự Nhiên Xã Hội, vừa dạy Văn, vừa dạy Tiếng Việt, dạy hết. Tuy lâu, nhưng quý vị học không sót, ai học cũng đủ hết.

Cho nên bộ Luận này, học một hồi, nếu đúng nghĩa là sau khi chúng ta học hết bộ này là phải đắc quả A-la-hán hết. Tất nhiên mình học [mà] mình chưa hành được thôi, cho nên giáo lý này để một hồi đi tới điều đó. Đó là quý vị hiểu được ý nghĩa trong bộ Luận này, những bộ luận A Tỳ Đàm khác với kinh bình thường. Kinh bình thường đâu có nhiều thời gian, xẹt cái là ra như vậy. Còn bộ này giống như gom lại, hệ thống lại, những kiến thức của Phật dạy theo một trình tự đầy đủ. Cho dù người thiếu hay đủ, thì cũng học theo đó, học một hồi là đủ hết, đủ hết thì thành công. Thực hành đúng, đủ tiêu chuẩn, thì thi tốt nghiệp là đậu.

#Nhược như thị giả, tu trừ đối trị tắc vi vô dụng: nếu mà như vậy, thì sự tu để trừ đối trị phiền não là vô dụng. Tại sao? Vì nếu quý vị đắc được một cái rồi, khi quý vị diệt được một loại phiền não rồi, mà có thể diệt hết tất cả các phiền não nữa, thì quý vị tu làm gì nữa. Tu một cái thôi, tu chi nhiều, còn đây là phải tu hết.

Tạm dịch: Tất cả pháp Hữu lậu cùng một Trạch diệt ư? Không phải vậy! Là thế nào? Theo sự trói buộc [mà] sự sai biệt, là theo sự trói buộc [mà] sự việc [vô] lượng (tức là sự trói buộc này là vô lượng), sự rời khỏi trói buộc cũng như vậy (tức là cũng vô lượng). Nếu không như thế, thì khi chứng được thấy Khổ [đế] đã đoạn diệt được phiền não, thì đáng lẽ chứng được đoạn diệt được tất cả các phiền não. Nếu như vậy thì, sự tu trừ đối trị [phiền não] trở thành vô dụng. (Tức là nếu mình đắc một cái, mà đắc được hết, thì không cần phải đối trị phiền não đâu).

Hôm nay chúng ta học tới đây, bài hôm nay tạm dừng ở đây, chúng ta học một đoạn như vậy. Và Thiện Trang cũng chia sẻ, chúng ta rất may mắn, bởi vì vừa học ở bên này, vừa học bên Nam truyền. Phần Duyên hệ là theo Nam truyền, chứ không phải ở trong bộ này. Phần nào chúng ta gom lại, học một lần, và học tới đâu xài tới đó. Quý vị thấy không? Chúng ta học tới đâu là chúng ta xài tới đó được hết, chứ không phải đợi học hết rồi mới thành công. Mà mình học tới từng bước từng bước, bởi vì giáo trình này rõ ràng cặn kẽ. Quý vị học một Tâm sở Tư thôi, là biết dùng Tâm sở Tư để tu. Học Tâm sở nào, là dùng Tâm sở đó. Học Duyên hệ nào, là dùng Duyên hệ đó. Thiện Trang cố gắng [giảng] hai phần mà Thiện Trang đang đi: Một là Duyên hệ, hai là Tâm sở, để cung cấp cho quý vị, và sau đó học nguyên lý tạo nghiệp. Tức là nguyên lý dòng nghiệp làm sao, tâm đầu thai thế nào. Khi đủ rồi, mình cung cấp như vậy. Còn lộ trình tu chứng, thì nằm trong bộ Luận này. Cứ học từ đầu đến cuối, là có lộ trình tu chứng trong đó. Và rất rõ ràng, quả vị nào: Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, cho đến các loại Phiền não, hay là Tứ gia hạnh, rõ ràng từng cái, được trình bày ở đây. Cho nên nếu chúng ta học hết bộ này, thì kiến thức nền tảng để chúng ta tu tập đầy đủ, và rất mừng cho chúng ta nếu chúng ta hành được.

Không biết quý vị cảm thấy thế nào, nhưng Thiện Trang cảm thấy: hình như qua mỗi một buổi thì mình tiến thêm được một bước, mình đã đi thêm một đoạn nữa. Cứ như vậy, chúng ta đi đến tận cùng thì sẽ thành công. Hôm nay thời gian hết rồi, hẹn quý vị vào bữa khác. Chúng tạm dừng ở đây. A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 6: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 6.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 31.07.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=-31BoVUbK10

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay chúng ta có trục trặc chút kỹ thuật, nên phát bị trễ so với thời gian [của] chúng ta mất nửa tiếng. Nhưng không sao! Chúng ta cũng có thể học được một buổi, học được phần nào thì đỡ phần đấy. Bởi vì quý vị đồng tu, lâu lắm rồi mới được nghe [pháp], thì quý vị sẽ bị thiếu động lực. Chúng ta thường phải là huân tập trong kinh giáo. Nói theo ngôn ngữ A Tỳ Đàm, bữa nay chúng ta học một duyên, đó là Thường cận Y duyên. Nghĩa là chúng ta phải thâm nhập ở trong một điều gì đó, chúng ta thường nghĩ về điều gì đó, và chúng ta thường gần cái gì đó, thì [sẽ] khiến cho chúng ta thay đổi được tất cả.

Trong thời gian vừa rồi, quý vị thấy ở Việt Nam chúng ta có một trận động đất. Lần này khá lớn, tầm hơn năm độ, ở một số tỉnh đúng không quý vị? Cho nên [mình] thấy thế gian vô thường. Đó là cảnh báo cho tất cả chúng ta rằng: cuộc đời này không biết ngày mai sẽ ra sao. Nếu chúng ta là người học bộ Luận Câu Xá này, học bộ A Tỳ Đàm, thì chúng ta có thể nhận ra rằng: ở đời mình phụ thuộc rất nhiều điều, chứ không phải mình làm chủ được. Chỉ cần một điều thay đổi trên cuộc đời này, một chút nào đó, [cũng] khiến cho toàn

bộ thế giới thay đổi. Đó là 24 Duyên hệ hay mở rộng ra là 52 Duyên hệ. Duyên sinh thì có 12, Duyên hệ thì có 24. Hiện tại Thiện Trang đã chia sẻ cho quý vị một số vấn đề. Nếu như chúng ta nắm được, thì chúng ta tu hành sẽ rất tốt, Phiền não [của] chúng ta sẽ giảm bớt.

Và quan trọng hơn, là người tu đạo phải biết mình tu điều gì. Mà muốn biết mình tu điều gì thì phải hiểu, nếu không hiểu thì nhiều khi mình tu cũng không đến đâu. Trong Kinh Trung Bộ, đức Phật có đưa ra một ví dụ, nói về bốn hạng người tu hành như sau. Đó là trong Kinh Bẫy Mồi, đức Phật đưa ra có bốn đàn nai và bị người ta săn:

1. Đàn nai thứ nhất là đàn nai khá ngu si, thấy người ta bẫy mồi thì nó xông vào ăn, vì vậy bị bắt toàn bộ. Đức Phật nói giống như hạng người thứ nhất, không biết sự khổ của Ngũ dục Lục trần, ở trong thế gian lôi cuốn như thế nào. Và cứ thế chạy theo, cuối cùng [bị] đọa vào ba đường ác.

2. Hạng người thứ hai, tức là đức Phật lấy ví dụ về đàn nai thứ hai. Đó là thấy đàn nai thứ nhất bị người ta bắt, nên [chúng] rất sợ, vì vậy tìm cách trốn ra xa, trốn vô rừng sâu. Nhưng trốn thì không có ăn, cho nên đến khi cuối mùa hạ (mùa hè) nước cũng hết, cỏ cũng hết, cuối cùng đói quá chịu không nổi, khát nước quá chịu không nổi, và trở lại chỗ mà người ta bẫy, [để] ăn uống cho thỏa cơn khát, và cuối cùng cũng bị bắt.

Ý nghĩa đó là: chúng ta là những người tu hành, nếu như chúng ta có thái cực như [hạng] trước thì không nói, hạng thứ nhất đam mê trong Ngũ dục, thì đọa lạc là đương nhiên. [Còn] hạng người thứ hai cũng rất cố gắng, phát tâm lên tu hành được một thời gian, rất dữ dội, dũng mạnh, để tránh Ngũ dục. Nhưng tránh thái quá, người ta cũng chịu không nổi, sơ phát tâm công đức thành Phật có dư, nhưng chỉ cần cố gắng một thời gian, thì tâm đó không còn nữa. Và khi trở lại với trần gian, [thì] hưởng thụ Ngũ dục y chang như xưa, cho nên vẫn bị ma phiền não kéo đi vào trong đường ác. Đó là hạng người thứ hai.

3. Hạng người thứ ba, thì đức Phật lấy ví dụ về một đàn nai. Đàn nai này khôn hơn, vì thấy hai đàn nai kia đã bị người ta săn bắt, bị bẫy rồi, cho nên khôn hơn. Lần này thì cũng không thể không ăn, vì sống ở đời thì phải có Ngũ dục Lục trần, phải có tham gia, nhưng mà cẩn thận hơn và đi rút lui. Cứ ăn rồi đi trốn, né được bẫy mồi. Nhưng [vì] đường rút lui không đủ xa, cho nên thợ săn cũng tìm được ở những đường rút lui đó mà bắt được. Cuối cùng cũng không có thoát khỏi thợ săn.

Đức Phật cũng nói rằng: đó giống như hạng người thứ ba tu hành, tu thì có đắc Thiền, đắc định, thậm chí có những thành tựu nho nhỏ. Nhưng cuối cùng cũng chưa đoạn Phiền não, chưa chứng quả, chưa ra khỏi sanh tử. Và cuối cùng vẫn y nguyên trong vòng luân hồi, vẫn khổ như thế.

4. Còn hạng người thứ tư, tức là đàn nai thứ tư. Đức Phật đưa ra là đàn nai này khôn hơn, vì rút kinh nghiệm của ba đàn nai trước. Cho nên khi ăn thì vẫn ăn, nhưng mà rút về nơi xa xăm, và khéo léo đi vượt qua các bẫy mồi của người thợ săn. Vì vậy đàn nai này không có bị gì.

Đức Phật cũng lấy ví dụ đó để minh họa, ẩn dụ cho những người tu hành: tuy ở trong dòng đời này, nhưng khéo để thích nghi với dòng đời. Và họ chứng quả giải thoát ở trong đời, nhưng không bị đời kéo, gọi là ở trong trần [mà] không nhiễm trần. Chúng ta hãy cố gắng làm như đàn nai thứ tư, cố gắng như hạng người thứ tư. Để ra khỏi sanh tử, thì ngoài sự phát tâm ra, cần phải có trí huệ. Cần phải có một trí huệ thông suốt, thì mới đi qua được dòng sanh tử, đi qua cuộc đời đầy chông gai và khó khăn này .

Người ta có câu nói: *"Con đường đi vào rừng, cũng là con đường ra khỏi khu rừng"*. Quý vị có nghe câu nói này chưa? Tức là con đường đi vào khu rừng, chúng ta đi vào rừng [mà bị] lạc đường, thì cách tốt nhất ra khỏi khu rừng đó, là quý vị chỉ cần quay ngược lại, đi ngược lại theo đường cũ, thì mình ra được khu rừng. Cũng vậy, trong Phật pháp, con đường để ra khỏi sanh tử [thì] không có gì khác hơn, vẫn là con đường sanh tử đó thôi, nhưng mà mình quay ngược

lại. Ngày xưa mình sống ở [trong] trần, mình tham sân si, mình dùng những Tâm sở Phú tàng, v.v… đủ các loại. Nhưng bây giờ mình giác ngộ, mình học bộ giáo lý A Tỳ Đàm này (bộ Luận Câu Xá này), mình biết rằng con đường ra khỏi sanh tử, là mình vẫn ở trong đó, nhưng mình dùng phương pháp là mình sống trong chánh niệm, mình sống, trụ trong sự giác, mình sử dụng những Tâm sở của bậc Thánh, và bỏ đi những Tâm sở của phàm phu. Đó là con đường ra khỏi sanh tử. Cho nên không có việc trốn đời, không có việc trốn tất cả mọi thứ mà ra khỏi sanh tử. Quý vị hiểu được như vậy, hãy cố gắng làm!

Hôm bữa chúng ta đã học Sáu trần. Đối với mỗi người, có người đối với Sáu trần [thì] bất thiện, tức là chúng ta dùng những tâm bất thiện, giống như đàn nai thứ nhất. Thứ hai là làm thiện, giống như mình ở trong cõi trần gian này, mình vẫn sống, [nhưng] mình dùng những Tâm sở thiện. Như vậy chưa đủ! Mình phải dùng Tâm sở của Thiền chỉ. Hôm bữa Thiện Trang có giới thiệu cho quý vị Bảy chi thiền. Thật ra Bảy chi thiền đó là Bảy chi thiền của Sơ thiền thôi. Khi lên Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thì các chi thiền càng ít đi, càng ít thì vào định càng sâu. Có nghĩa là người định ở tầng cao, thì người ta dùng ít Tâm sở hơn là người định ở tầng thấp. Như vậy Thiền chỉ vẫn chưa giải thoát, mà phải Thiền quán mới giải thoát.

Có nhiều người nói tu như thế nào? Bây giờ quý vị đi hỏi, rất nhiều người giảng pháp hiện nay, làm sao để biết được tiêu chuẩn ai là người giảng pháp chính xác? Quý vị cứ hỏi thử căn bản về Thiền, tức là người ta có nắm được thế nào là Thiền chỉ, thế nào là Thiền quán, thế nào là Sơ thiền, thế nào là Nhị thiền, thế nào là Tam thiền, thế nào là Tứ thiền [không]? Rồi tu như thế nào để đắc quả giải thoát? Tu như thế nào để ra khỏi sanh tử? Nếu không biết [những] điều đó, thì kiến thức của người giảng đó có vấn đề. Cho nên quý vị hãy hiểu rõ giùm điều này.

Tại sao Thiện Trang nói như vậy? Vì đây là căn bản của giáo lý nhà Phật. Mình không có căn bản này, thì mình không có tu gì được hết. Cho dù quý vị tu

bất cứ pháp môn nào, mà quý vị không biết, thì không thể [tu].

Bây giờ mình khơi gợi ra, để mình nói thế này. Bởi vì bản chất [của] chúng sanh là sống theo thói quen, tập khí. Trong kinh đức Phật đưa ra sáu con vật, [bị] nhốt lại chung một chỗ. Đó là con chim, con cá, con chồn, con rắn… Sáu con vật đem nhốt vào một chỗ, sau khi thả ra thì con chim sẽ bay, con cá sẽ tìm nước để nhảy xuống nước, con chồn thì kiếm chỗ nào núp, con rắn thì chui vô hang, nếu con rùa hay con khác nữa thì nó cũng tìm [chỗ khác]. Cho nên bản chất của chúng sanh là sống theo thói quen. Và chúng ta là người tu hành, nếu như chúng ta không sống theo thói quen, thì chúng ta mới sống theo Phật pháp được. Còn nếu chúng ta sống theo thói quen, thì rớt xuống, rớt xuống.

Hôm bữa có đồng tu hỏi Thiện Trang rằng: *"Sao thầy nói có vẻ hơi nghiêm trọng. Tại sao một hồi tu lên các cảnh giới Thiền v.v… rồi cuối cùng rớt, cũng trở về ba đường ác?"*. Vì bản chất chúng sanh là sống trong vòng sanh tử, ở đường ác quen [rồi]. Giống như viên đá hoặc một tảng đá, hay một vật gì đó, quý vị dùng sức nâng lên khỏi mặt đất. Đến khi mình hết sức, mình thả, thì viên đá hoặc vật đó rớt xuống mặt đất trở lại. Đó là lực hút của Trái đất.

Cũng vậy, bản chất của chúng sanh là quen theo tánh ác (đây là trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nói). Vì thói quen như vậy, cho nên kéo mình vô đường sanh tử, thậm chí là ba đường ác đạo. Đó là tập quán, thói quen rồi. Vì như vậy, nếu mình không tu, mình không sửa đổi những tập khí, thói quen đó, thì mình mãi mãi vẫn là một chúng sanh trong vòng sanh tử.

Hôm nay Thiện Trang nghe trong Kinh Tạp A Hàm, đức Phật có hỏi các vị Tỳ-kheo: *"Này các vị Tỳ-kheo! Nếu như lấy các cây ở trong thế giới này, mà chẻ ra thành những mảnh nhỏ, mảnh nhỏ. Thì những mảnh nhỏ đó nhiều hay không?"* Tất nhiên là rất nhiều! Quý vị thấy giống như các cây lớn mà cứ chẻ ra thành lạt, chẻ thành mảnh nhỏ, thì rất nhiều. Đức Phật nói: *"Những thân thể [được] gọi là cha mẹ của chúng ta* (số lượng cha mẹ của chúng ta), *nhiều đời nhiều kiếp từ xưa đến nay, còn nhiều hơn số mà cây được chẻ ra như vậy".*

Cho nên ở đây tại sao Thiện Trang lấy ví dụ này. Bởi vì quý vị rất mong báo hiếu đúng không? Báo hiếu, vậy cha mẹ chúng ta nhiều lắm, nhiều đời nhiều kiếp, nhiều vô lượng. Cho nên mình nói mình báo hiếu, [thì] đời này không ăn thua đâu quý vị. Từ đấy mình hiểu rằng: tu chỉ có giải thoát giác ngộ mới được.

Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ tiếp về Duyên hệ, Thiện Trang cố gắng chia sẻ 24 Duyên hệ thôi, sau này có thời gian thì chia rộng ra. Hôm trước chúng ta đã học Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Câu sanh duyên. Tiền sanh duyên là cái có trước giúp cho cái có sau. Còn cái sau chưa có mặt, mà giúp cho cái trước, thì gọi là Hậu sanh duyên. Và Câu sanh duyên là hai cái [có] đồng thời. Rồi mình học Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Thiền duyên, Vô gián duyên, Đạo duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Vật thực duyên.

Hôm nay Thiện Trang giới thiệu thêm ba duyên nữa: là Thường cận Y duyên; chữ #thường là thường thường, thường xuyên; #cận là gần; #y là nương tựa; #duyên là trong chữ duyên. Vậy duyên này là những thứ mình thường gần và thường nương tựa vào, thì gọi là Thường cận Y duyên. Mình nói theo ngôn ngữ bình thường là thói quen. Ví dụ hàng ngày chúng ta thân cận người xấu, thì dần dần chúng ta [cũng] bị xấu theo. Đó là Thường cận Y duyên, chúng ta hay nói là *"gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*.

Chúng ta nên hiểu thế này, mới đầu gặp người xấu, thường thì mình không xấu liền đâu. Bản chất lúc đầu trong kinh nói, khi mình gần người xấu, nếu mình là người tốt, thì buổi đầu mình sống với họ, mình đối với họ bằng tâm đối kháng. Tức là mình biết họ xấu, và mình là người tốt cho nên mình đối kháng họ. Có nghĩa là mình không đồng ý với những thói xấu của họ. Nhưng theo thời gian, một thời gian sau mình cũng miễn cưỡng thỏa hiệp. Và sau đó là mình đồng thuận, đồng ý với họ. Điều đó khiến cho mình dần dần trở thành cá mè một lứa với họ, tức là mình cũng y chang [như] họ luôn. Rồi dần dần mình không có phân biệt, ví dụ quý vị ở cạnh người bủn xỉn keo kiệt, riết rồi

mình cũng bủn xỉn keo kiệt theo. Mình ở gần người thoáng đạt, thì mình cũng thoáng theo. Tại vì đó là ảnh hưởng từ từ, gọi là Thường cận Y duyên.

Đây là nói một ví dụ thôi, còn một ví dụ khác nữa: là chúng ta thường nghĩ như thế nào? Ví dụ chúng ta hiện nay là người tu hành, mình hạn chế coi phim ảnh. Đó cũng là chúng ta dùng Thường cận Y duyên để tu hành. Vì nếu thường coi phim ảnh, thì sẽ dạy cho mình những thói hư trong đó, dần dần mình cho là đúng, mình quen rồi, mình nhiễm.

Cho nên Thường cận Y duyên này rất quan trọng, mình coi vậy chứ mình không tu cũng thấy. Cho nên tại sao Bát quan Trai giới phải giữ cho chắc, giữ điều này giữ điều kia. Và nếu quý vị hiểu rõ rồi, thì mình tu được, chứ không có ép mình nữa. Hồi xưa mình nghĩ đừng coi tivi, tivi là của Ma Vương v.v.... Bây giờ khỏi Ma Vương, tivi, đài truyền hình phát ra những tư tưởng đó, mới đầu coi thì mình không thích, mình ghét, [nhưng] dần dần coi rồi mình thích, mình đồng ý luôn.

Giống hồi xưa văn hóa [của] người Việt mình, Thiện Trang nhớ hồi nhỏ [thời] chưa mở cửa, coi mấy phim nước ngoài có những cảnh tình tứ, là mọi người ngại lắm, ai cũng che mặt đi. Nhưng mà một thời gian sau rồi ai cũng coi tự nhiên. Đó là Thường cận Y duyên đó quý vị. Mới đầu thì đối kháng, sau đó bắt đầu có sự thỏa hiệp miễn cưỡng, thôi chấp nhận chút. Sau đó là mình chạy theo luôn, và mình hòa vào đó luôn. Cho nên Thường cận Y duyên rất quan trọng, chúng ta cần phải như thế.

Và Thường cận Y duyên thì nằm trên hai nền tảng (background) là yêu và ghét. Quan trọng thói quen của mình là yêu và ghét, thích và không thôi. Cho nên câu này người ta thường nói là: "*Con đường vốn dĩ không phải là con đường, mà do người ta đi lâu thì mới thành đường*". Hồi xưa làm gì có đường, đâu có đường đâu, người ta đi một hồi người này đi, người kia đi, người [thứ] n đi, và cuối cùng đến một lần nào đó sẽ thành đường. Và đường càng ngày càng mòn và càng ngày càng rộng. Đó cũng thể hiện là Thường cận Y duyên.

Điều này cũng hay đó quý vị! Cho nên chúng ta hiểu được, thì chúng ta tu được. Chúng ta phải phân tích nhỏ nhỏ ra như vậy, chứ còn nếu chúng ta bắt ép người ta ngay từ đầu, là không được.

Chúng ta nên nhớ: mỗi hành động của chúng ta, mỗi sát-na tâm của chúng ta luôn luôn tạo ra hai tâm quả: Một là tâm Bình sinh và tâm Tục sinh. Bình sinh tức là tâm tạo quả hiện đời, còn [Tục sinh] là quả tái sanh cho đời sau, thì [tạo] ra nghiệp. Hiện đời chưa hẳn là hiện đời này, mà có thể hiện trong đời sau.

Ví dụ như quý vị giết một con gà, tâm đó gồm có hai Tâm sở: một là Tâm sở Sân muốn giết con gà, hai là [Tâm sở] Tham vì muốn ăn thịt con gà chẳng hạn, thì kết ra hai nghiệp. Một nghiệp là đầu thai để làm gà hay làm loài gì đó, để cho chúng sanh giết lại. Đó là quả Tục sanh, Tục sanh tức là sanh tiếp theo, hay là chúng ta gọi là tái sanh. Ngoài ra còn có một quả nữa, là quả ốm đau bệnh tật. Mình hiểu rõ ràng từng chút như vậy, thì mình sẽ tu được.

Ở đây Thiện Trang cũng xin nói, là chúng ta đừng nói đùa. Thiện Trang hồi bữa kể cho một số đồng tu một câu chuyện. Có ba người anh em, nói giỡn với nhau thôi. Một người anh nói: *"Mai mốt anh sẽ tu thành Phật, độ chúng sanh"*. Người em thứ hai nói: *"Nếu mà anh thành Phật, độ chúng sanh, thì em sẽ là Ma vương để phá anh".* Và người em thứ ba nói: *"Nếu mà anh là Ma vương tới phá ông anh, thì em sẽ bắt Ma vương nhốt"*.

Ba người đó chỉ là nói đùa thôi quý vị, tức là nói giỡn nói chơi trong đời quá khứ thôi. Và quý vị biết người anh mà cuối cùng thành Phật, đó chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni [của] chúng ta. Còn người nói làm Ma vương phá anh chơi đó, cuối cùng bây giờ [là] Ma vương Ba Tuần. Thế còn người thứ ba là ai? Người thứ ba, thì sau khi kết tập kinh điển lần thứ hai, có 500 hay là 5000, có chỗ nói 7000 vị A-la-hán, có chỗ nói 700 vị A-la-hán. Khi kết tập kinh điển thì có Ma vương Ba Tuần tới phá. Có một vị A-la-hán, lúc đó dùng Thần thông nhốt Ma vương lại, bỏ vô bình bát nhốt lại.

Ma Vương nói: *"Sao kỳ vậy! Hồi xưa tôi phá đức Phật Thích Ca, đức Phật đâu có làm gì tôi đâu. Tôi phá ngài Mục Kiền Liên, tôi phá các ngài Đệ tử của đức Phật, đâu có ai bắt tôi đâu, mà tự nhiên ông bắt tôi"*. Ngài đó nói: *"Tại vì đức Phật, cho nên không có bày bắt ai hết. Còn các Đệ tử của Ngài, thì đầy đủ lòng từ bi. Còn tôi thì chưa đủ, mặc dù tôi là A-la-hán, nhưng tôi chưa đủ lòng từ bi như vậy"*. Vị Tôn giả đó chính là người mà ngày xưa nguyện, cho nên kể lại câu chuyện như vậy. Quý vị thấy không? Nói đùa thôi nói giỡn thôi, đã có quả báo như vậy rồi.

Vừa rồi Thiện Trang đã chia sẻ thêm duyên tiếp theo, là Thường cận Y duyên. Bây giờ chia sẻ thêm duyên nữa, là Ly khứ duyên. Quý vị hiểu Thường cận Y duyên là gì rồi đúng không? Thường cận Y duyên tức là cái nào mà mình thường xuyên tiếp xúc, cái nào mình thường nương tựa, thì cuối cùng ảnh hưởng mình. Nó tạo ra một sức (lực) ảnh hưởng mình, khiến cho mình thay đổi, thì đó gọi là Thường cận Y duyên.

Còn bây giờ Ly khứ duyên là gì? #Ly là rời; #khứ là đi, rời đi, duyên của [sự] rời đi. Đây là trường hợp mà các đối tượng, hay chúng ta nói ngôn ngữ chính xác, là các pháp giúp nhau bằng cách rời khỏi nhau, thì mới giúp được nhau. Các pháp mà khi rời khỏi nhau, thì mới giúp được nhau. Điều này có nhiều ví dụ.

Như bây giờ mình muốn giúp cha mẹ mình, mình với cha mẹ của mình giống như oan gia trái chủ. Bữa có cô đồng tu hỏi: ở nhà rất muốn giúp cha mẹ niệm Phật, mà cứ về nhà là cha mẹ với con cãi nhau giống như oan gia trái chủ vậy đó, cãi suốt, nên không giúp được gì. Nhưng mà đi xa thì cha mẹ nghe lời. Vậy thì cách để giúp hai bên, đó là hãy rời khỏi nhau. [Giúp nhau] bằng cách rời xa nhau, điều này gọi là Ly khứ duyên.

Cho nên ở đây chúng ta học để mình hiểu rằng: mọi thứ trên đời đều có định nghĩa trong Phật pháp hết. Có nhiều khi ở bên cạnh nhau, không giúp nhau được, nhưng xa nhau lại giúp nhau được. Đó là một ví dụ về tu hành.

Còn trong đời sống cũng có nhiều ví dụ. Có rất nhiều thứ mà ở gần nhau không được. Ví dụ hai cây mà quý vị trồng sát nhau, thì nó không lớn nổi. Vì rễ của nó đan xen lẫn nhau, và cành lá che nhau nên không đủ nắng, không đủ gì đó… nên không tốt. Vậy thì bây giờ hãy dời nó ra, lìa ra xa nhau đi. Điều đó sẽ giúp hai cây đều tốt hơn. Đó gọi là Ly khứ duyên.

Cho nên ở đây mình cũng hiểu, là trong đường tu cũng vậy, đừng chấp trước quá. Không phải lúc nào cũng Câu sanh duyên đâu, là lúc nào cũng hai bên gặp nhau mới giúp nhau. Không! Có những điều, có những lúc phải rời nhau, thì mới giúp được nhau. Điều này gọi là Ly khứ duyên. Rất rõ ràng đúng không quý vị?

Như vậy Ly khứ duyên là sự, mình nói ngôn ngữ đúng hơn là lực đẩy, lực tác dụng, để mà nhờ cái gì đó vắng mặt, hai cái xa nhau, vắng mặt nhau, rời nhau, thì giúp cho nhau được, gọi là Ly khứ duyên. Nó cũng gần gần giống Vô hữu duyên. Cho nên đấy là mình hiểu được: thế giới này [được] tạo ra bởi nhiều duyên.

Có một ví dụ mà chúng ta thường hay gặp, đó là cái hộp quẹt, cái máy lửa mà quý vị quẹt đó. Bình thường thì quẹt ra lửa, nhưng ngày nào đó quẹt không ra lửa nữa, là tại sao? Nếu như ai đó xài hộp quẹt lâu ngày [thì] biết. Một là do bánh xe không chạy nữa, quẹt không chạy, cho nên không ra lửa. Như vậy cái hộp quẹt rồi, phải có bánh xe nữa mới đủ. Như vậy duyên hộp quẹt, bánh xe, và phải có viên đá lửa trong đó để đánh lửa, và phải có ga. Chỉ cần thiếu một cái là cái kia không đủ, cho nên phải đủ duyên hòa hợp. Vậy thì trường hợp này mình hiểu được như vậy.

Chúng ta biết nhà thơ Tô Đông Pha, [ông] có một bài thơ nói về tiếng đàn. Tiếng đàn là không phải từ ngón tay, cũng không phải từ dây đàn, nhưng nó sẽ cất lên khi ngón tay chạm (búng) vào dây đàn. Đó cũng là phải có [ngón tay và dây đàn], chứ một cái dây đàn không, nó nằm im đó [thì] đâu có phát ra tiếng đàn. Và nếu khi hai cái đó chạm vào nhau, dính cứng ngắc, thì có phát ra tiếng

không quý vị? Không! Ai đánh đàn đều biết. Đánh đàn nếu mà cái tay mình không rời khỏi dây đàn, thì sẽ không có tiếng. Vậy khi hai ngón tay và dây đàn rời nhau, thì mới phát ra tiếng. Đó gọi là Ly khứ duyên.

Có rất nhiều hiện tượng trong thực tế, mà mình có thể giải thích được như vậy. Và khi nó chạm nhau, thì lúc đó gọi là Hiện hữu duyên hay Câu sanh duyên. Nhưng có lúc thì nó vẫn phải có cái này và có cái kia. Cho nên trong đời sống chúng ta có rất nhiều duyên. Chúng ta nên nhớ [một] nguyên tắc, cứ có một cái này thêm vô, thì đã thay đổi bao nhiêu, và bớt một cái nào ra, thì cũng thay đổi bao nhiêu. Chính vì vậy mình mới hiểu được vô Ngã của nhà Phật.

Vô Ngã là mình không làm chủ được. Quý vị nghĩ là quý vị làm chủ thì quý vị không hiểu được bản chất của cuộc đời. Quý vị chỉ cần có một yếu tố nào trên người mình thay đổi, ví dụ như bây giờ gan của mình có vấn đề chút, là mình đã có vấn đề. [Hay] răng [của] mình đau thôi, là mình có vấn đề. Quý vị cứ nghĩ như vậy, từng bộ phận trên cơ thể, chúng ta có quá nhiều bộ phận. [Bởi] vì quá nhiều bộ phận, nên chúng ta phụ thuộc rất nhiều.

Rồi trong đời sống hàng ngày, chúng ta phụ thuộc quá nhiều người. Bây giờ đơn giản, chỉ cần một người nào đó làm gì, [như] họ đi xe đâm vào trụ điện gần nhà mình thôi, là cả xóm mình cúp điện. Có nghĩa là mình hoàn toàn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác. Quý vị hiểu được như vậy, thì quý vị bớt ngã của quý vị xuống, tự nhiên mình tu được, đó là bí quyết.

Cho nên học Duyên hệ này để mình thực hành, chứ không phải mình học để nói cho vui. Thiện Trang chỉ cung cấp những ví dụ như vậy, để quý vị hiểu rằng: chúng ta sống trong thế giới này, chúng ta không làm chủ được điều gì đâu. Mà chúng ta chỉ đóng góp một duyên cho thế giới này, chính chúng ta [cũng] bị phụ thuộc cả thế giới này, và có khi mình cũng đóng góp cho thế giới này. Nhiều khi không có mình, bao nhiêu người cũng khổ lắm.

Cho nên một pháp nào đó, mình nói theo ngôn ngữ nhà Phật, là một pháp

luôn có vị trí của nó. Tức là nó ảnh hưởng đến bao nhiêu pháp khác, bao nhiêu đối tượng khác, và đồng thời bao nhiêu đối tượng khác cũng ảnh hưởng tới nó. Đó là lý của Hoa Nghiêm: **"Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất"**, hay Chủ bạn Viên minh Cụ đức môn. Ai học Hoa Nghiêm thì hiểu được điều đó.

Cho nên đừng nghĩ những điều gì đó nhỏ. Giống như trong đạo Phật, mình chỉ cần thay đổi một thói quen xấu thành một thói quen tốt. Ví dụ chúng ta có một thói quen, là buổi sáng ngủ nướng chẳng hạn, đó là một thói quen xấu. Nhưng sau khi học Phật pháp rồi, mình mới dậy sớm vào buổi sáng, [nên] thành thói quen tốt. Một thói quen tốt, sẽ bỏ đi bao nhiêu tật xấu, chúng ta hiểu như vậy là được.

Quý vị biết có câu chuyện nhỏ là: một cọng tóc làm thay đổi cả gia đình chưa? Chắc điều này quý vị biết rõ đúng không? Ở nhà, bà vợ thì không có tóc dài, tóc ngắn lắm. Nhưng một ngày đi đâu về, thấy tự nhiên sao trong phòng ngủ của mình có [cọng] tóc dài dữ vậy. Là cuộc đời của gia đình có thể bắt đầu thay đổi, hạnh phúc gia đình tan vỡ. Gọi là một sợi tóc rất nhỏ, mà có thể làm thay đổi hạnh phúc của một gia đình.

Thiện Trang nói như vậy thì không hay lắm, nhưng [nếu] cọng tóc đó rớt vào đồ ăn trong một bữa tiệc nào đó, thì người ta cũng không chịu được, nên người ta cũng khó chịu với cọng tóc. Cũng vậy, bất cứ yếu tố nào, cũng ảnh hưởng rất nhiều, đừng nghĩ là không.

Thiện Trang xin chia sẻ thêm một duyên nữa, là Bất ly duyên. #Bất là không; #ly là rời, duyên này ngược với trường hợp trên. Ở trên là Ly khứ duyên, còn đây là Bất ly duyên. Ở đây là trường hợp các pháp giúp nhau, bằng cách không rời nhau. [Duyên này] cũng gần gần như trường hợp Hiện hữu duyên, cái này có để giúp cho bao cái kia, nhưng đây là các pháp không rời nhau. Cái này chia ra làm bảy, thành ra mới là 52.

Ở đây Thiện Trang chỉ nói đơn giản một điều thôi. Ví dụ quý vị không rời

khỏi Việt Nam, quý vị ở trong nước, bất ly mà, để quý vị có một nền văn hóa của Việt Nam, có một nền giáo dục của Việt Nam. Có những điều đó, cho nên quý vị mới là người thuần Việt. Nếu như quý vị đi ra nước ngoài, thì con cái của quý vị từ từ thành người nước ngoài. Cho nên quãng đời sau của quý vị, tức là có thể nửa cuộc đời của quý vị là người Việt, nhưng nửa cuộc đời sau của quý vị trở thành người nước ngoài. Điều đó rõ ràng! Nếu mình ở lại trong nước, thì mình mới là người Việt. Được sống trọn đời người ở Việt Nam, mình mới là người Việt hoàn toàn.

Cho nên đấy là Bất ly duyên, là vậy. Ở trong nước mới giúp mình sống được văn hóa đó, và mình có một nền như thế. Nên đây cũng là một yếu tố. [Duyên] kia là rời đi thì mới giúp, bây giờ ở lại thì giúp. Nhiều khi nhiều đồng tu ra nước ngoài, mong có một ngôi chùa giống như mô hình người Việt, nhưng không có! Mong đời sống [giống người Việt] nhưng không có! Thậm chí mong một món ăn của người Việt, cũng không có! Đấy là Bất ly duyên.

Nếu chúng ta ở trong nước, thì chúng ta có như vậy, ở trong nước có hết. Quý vị đồng tu ở trong nước, quý vị thấy nhiều điều sung sướng lắm, có nhiều món ăn mà quý vị ra nước ngoài tìm không có, nhiều tình cảm mà nước ngoài không có. Tất nhiên mỗi nơi đều có một điểm hay. Nhưng rõ ràng hoàn cảnh ở đây, nếu chia ra thì có bảy [duyên] gồm: 1. Câu sanh Bất ly duyên, 2. Vật tiền sanh Bất ly duyên, 3. Cảnh tiền sanh Bất ly duyên, 4. Vật cảnh tiền sanh Bất ly duyên, 5. Hậu sanh Bất ly duyên, 6. Vật thực Bất ly duyên, 7. Quyền Bất ly duyên.

Chia làm bảy, nhưng Thiện Trang chỉ giới thiệu chung, để chúng ta học có 24 duyên cho khỏe. Chứ bây giờ chia chẻ ra làm bảy, một hồi thành 52 duyên, thì nhiều quá. Chúng ta cứ hiểu rằng, ở đây Thiện Trang chỉ nói đại ý thôi. Ví dụ như mình không rời khỏi một gia đình, là mình có hoàn cảnh tốt, cũng gọi là một trong Bất ly duyên. Mình không rời khỏi cha mẹ của mình, tức là mình không rời khỏi Tiền sanh duyên, thì mình cũng có một điều tốt. Mình

không rời ước mong tương lai của mình, ví dụ tương lai mình mong thành Phật, mình không thay đổi pháp tu của mình v.v… đó là mình không thay đổi, thì cũng là Bất ly duyên. Tức là đó là Hậu sanh duyên, thêm chữ Bất ly duyên đằng sau thôi. Rồi mình không thay đổi [việc] ăn uống của mình, đó cũng là một điều ảnh hưởng. Thực ra mình chỉ chia nhỏ ra thôi, nói tóm lại là không rời khỏi thì được.

Và như vậy chúng ta đã học qua được thêm ba duyên nữa, hy vọng quý vị nhớ như vậy. Học đây là chỉ để mình nghe cho đã, rồi mình hiểu, mình sẽ thấy mỗi khi phiền não đến, mỗi khi cuộc đời này đối diện với những đau thương, thì mình sẽ nhận thức được: tu là thay đổi. Cuộc đời này vốn không có đắng, ngọt, chua, cay, mặn, chát, nó vốn là như vậy, mà do mình nhận thức về cuộc đời này như thế nào thôi. Nếu chúng ta nhận thức được tốt, thì chúng ta đón nhận mọi điều rất nhẹ nhàng. Tại vì cuộc đời này là như vậy.

Chính vì vậy, nên chúng sanh tu hành có nhiều hạng. Có hạng người thì đắm say trong Ngũ dục, tức là tham dục nhiều lắm, cho nên ở mãi [trong] Dục giới. Có hạng thì thích Thiền định, cho nên tu Thiền. Ăn rồi cứ ngồi ở trong Thiền định đã quá, ngồi lâng lâng dễ chịu, nên ngồi miết. Đó cũng là một hạng tham, nhưng mà tham đó tốt hơn [tham trong Ngũ dục]. [Tuy nhiên] họ tham Thiền định thì cũng chưa tốt. Và trong hạng người tu, quý vị biết tu tới Tứ thiền, thì có trời Vô Tưởng. Để hôm nay Thiện Trang nói cho rõ ràng, để quý vị nghe, thì quý vị mới bớt hâm mộ cõi Trời.

Ví dụ như trời Vô Tưởng, trời Vô Tưởng là hạng chúng sanh đắc được Tứ thiền, mà ngán với sự suy nghĩ, tức là không muốn nghĩ gì nữa. Bởi vì chính sự không suy nghĩ cũng đã lắm. Quý vị cứ tưởng tượng, ngồi thiền mà không nghĩ gì hết, thì đã lắm, người khỏe giống như chìm vào giấc ngủ. Mình thấy ngủ đã không? Đã mà! Thì trời Vô Tưởng cũng giống như vậy, thọ mạng là 500 đại kiếp thì phải, hay 5000 đại kiếp Thiện Trang quên rồi, hình như là 500 đại kiếp. Với thời gian đó mà họ sống hoàn toàn không có tâm. Cho nên trong bài

Duy Thức Tam Thập Tụng, Thiện Trang có trích:

“Ý thức thường hiện khởi

Trừ sanh Vô Tưởng thiên,

Cập vô tâm nhị định

Thùy miên dữ muội tuyệt”.

Tức là Ý thức thứ sáu của mình, hoàn toàn luôn luôn hoạt động, chỉ có năm trường hợp là không hoạt động thôi. Đó là trừ sanh vào trời Vô Tưởng. Người sanh vào trời Vô Tưởng, thì Ý thức thứ sáu dừng, [họ] không suy nghĩ gì hết. Giống như một giấc ngủ đông, đắp mền ngủ 500 hay 5000 đại kiếp xong rồi tỉnh giấc mộng. Quý vị hiểu không, một giấc ngủ đã như vậy đó. Trời đó là trời Vô tưởng.

Và tầng trời Vô Tưởng này có đặc điểm là: những người tu đắc được định của trời Vô Tưởng, thì khi chết tư thế nào, ví dụ như họ ngồi nhập định, thì khi sanh lên trời Vô Tưởng là được một cái tượng bằng vàng ngồi giống vậy, to lớn mấy do-tuần, chúng ta nói to mấy chục cây số. Người có Thiên nhãn, họ nhìn vào trời Vô Tưởng là toàn những tượng như vậy. Nếu như ngồi rồi ra đi, thì thấy tượng trên đó ngồi, ngồi im như vậy. Tại vì thân của họ bằng vàng, nhưng họ bất động, nên thấy giống cái tượng. Thực tế họ là một chúng sanh, nhưng mà giống như chìm vào giấc ngủ vậy. Nếu nằm mà ra đi, thì lên trên đó thấy cái tượng nằm. Ngồi thì thấy ngồi, đứng thì thấy đứng, tùy theo lúc chết họ đắc được định trời Vô Tưởng.

Chúng ta thấy như vậy, thì có hâm mộ trời Vô tưởng hay không? Thiện Trang tin rằng quý vị sẽ không hâm mộ trời Vô Tưởng. Tại vì lên trên đó, có thân đẹp như vậy, thân bằng vàng (gold), như chùa Ba Vàng, là vàng đó chứ không phải vàng của màu sắc đâu. Quý vị thấy những người, mà toàn là pho tượng, không cử động gì hết. Người ngồi, người đứng, người nằm gì đó v.v…

đầy như vậy. Mà tượng nào tượng nấy bự mấy chục cây số, to như vậy. Tại vì thân thể trên đó lớn lắm, chư thiên càng lên trên càng lớn. Đẹp! Nhưng mà im re.

Vậy cõi trời Vô Tưởng cũng không đáng để chúng ta hâm mộ. Phải như vậy, tức là mình phải hiểu được bản chất của thế giới này, trong Tam giới này, thì mình mới tu. Chứ còn mình không hiểu, thì mình cứ hâm mộ. Như đợt trước hâm mộ lên trời Tứ Thiên Vương, đúng không ạ? Trời Tứ Thiên Vương nghe nói đã lắm. Lên đó nghe nói tuổi thọ 500 năm, một ngày ở đó bằng 50 năm ở nhân gian, sung sướng, nghe đã [nên muốn] lên.

Ở đây, do trong bộ A Tỳ Đàm [nên] Thiện Trang giảng rõ hơn chút. Thứ nhất, trong Kinh A Hàm, đức Phật nói tuổi thọ không cố định. 500 năm đó là dành cho người già nhất, sống lâu nhất. Còn không thì [tuổi thọ] hết. Phước báo để sanh lên trời Tứ Thiên Vương, thì đơn giản thôi. Quý vị chỉ làm những việc thiện nho nhỏ thôi, mà làm nhiều thì sẽ được sanh. Ví dụ như quý vị hàng ngày bán nồi cháo, giữa chợ Đông Ba chẳng hạn. Đi qua đi lại thấy có mấy người ăn xin, ngày nào cũng thấy họ tội quá, [nên] cho miếng cháo. Ngày hôm nay cho miếng, ngày mai cho miếng. Cứ cho mấy người đó như vậy, quý vị làm những việc nhỏ vậy thôi, cũng đủ phước để sanh vào trời Tứ Thiên Vương. Trời Tứ Thiên Vương yêu cầu không cao, quý vị chỉ [cần] làm nhiều phước đó, [khi] đủ mạnh thì sẽ kéo quý vị vào trời Tứ Thiên Vương.

Nhưng trời Đao Lợi thì không phải như vậy, trời Đao Lợi cao hơn, là phải đụng tới Ngũ giới. Quý vị phải giữ Ngũ giới cho tốt, Thập thiện cho kha khá một chút, thì quý vị sanh vào trời Đao Lợi. Trời Đao Lợi tuổi thọ là 1000 năm, một ngày ở đó bằng một 100 năm ở nhân gian. Tuy nhiên tuổi thọ ở trời Đao Lợi cũng là con số già nhất đó thôi. Quý vị đừng nghĩ là 1000 tuổi. Không! Trong kinh đức Phật nói rõ, là có những người chưa đủ [tuổi thọ] là rơi xuống rồi. Vì phước của họ có bấy nhiêu đó thôi, họ tu phước bấy nhiêu đó. Như vậy mình thấy cõi trời Đao Lợi cũng không cứu cánh, trời Tứ Thiên Vương cũng

không cứu cánh.

Tại sao Thiện Trang phải giảng điều này? Tại vì có nhiều người lầm tưởng rằng các cảnh trời tối thắng, mình ham về đó. Và trong trời Đao Lợi thì quý vị cũng biết, là có vườn Hỷ Lạc, thì có bốn hạng chư thiên:

1. Một hạng thì chỉ thấy vườn đó, nhưng không được vào vườn. Tức là vườn đó vui chơi đã lắm, giống như công viên giải trí Đầm Sen đó quý vị. Nhưng mà quý vị không có tiền, thì không vô được. Không có đủ phước, thì không vô được.

2. Hạng người thứ hai là được vô, nhưng giống như vô công viên Đầm Sen, để phục vụ cho người ta ăn chơi, [còn] mình thì không được chơi gì hết. Thì chư thiên cũng vậy, vô đó coi người ta chơi, hỗ trợ người ta chơi, chứ mình không được gì hết. Vậy cũng đâu có ý nghĩa gì!

3. Hạng người thứ ba là vô được chơi, nhưng không được ăn. Tức là được chơi vài món, vì tiền ít quá đó quý vị. Giống như mình đi vô công viên Đầm Sen, mình đi chơi được, nhưng mà đồ ăn mắc quá nên không dám ăn.

4. Hạng [người] thứ tư là đại gia, vào công viên Đầm Sen thì đủ đồ, ăn uống gì cũng thoải mái, vì người ta nhiều tiền quá.

Thì trời Đao Lợi cũng vậy, vườn Hỷ Lạc cũng như vậy, [có] bốn hạng chư thiên đó. Vậy chúng ta thấy không có hâm mộ nữa, để quý vị bớt đi, thì quý vị mới cầu ra khỏi sanh tử được. Còn quý vị cứ ham, nghe lên cõi Trời sướng rồi chạy lên đó.

Rồi trời Dạ Ma trở đi, quý vị phải tu Bát Quan Trai. Từ trời Dạ Ma đến trời Đâu Suất là trời thứ tư, trời Hóa Lạc là trời thứ năm, và trời Tha Hóa Tự Tại là trời thứ sáu. Mấy tầng trời đó, quý vị muốn sanh về thì quý vị phải tu Bát Quan Trai. Hồi bữa chúng ta học bên Giới Luật, thì quý vị biết đó. Bát Quan Trai mà quý vị phải giữ thật nghiêm luôn, thì quý vị mới sanh lên trời Tha Hóa

Tự Tại. Còn quý vị giữ theo kiểu: tôi cũng thọ Bát Quan Trai, sáng nay thọ, thọ một ngày một đêm. Nhưng mà coi trong giới đó, có chỗ nào làm không phạm giới là được rồi. Cho nên ra vườn cũng cuốc đất, cũng làm rau, rồi làm đủ thứ chuyện. Thì quý vị chắc chỉ sanh vào trời thứ ba (trời Tu Diệm Ma) thôi.

Tại vì mình giữ chưa trọn vẹn giới đó, nên chỉ có phước báo thôi. Phải giữ nghiêm hơn, kha khá hơn: bữa nay không có đi làm nhiều, thôi uống chút nước gì đó, có cáu cáu chút cũng được, không sao! Thậm chí ráng ăn chút bột chẳng hạn, thì [Giới] đó khuyết, có thể quý vị sẽ sanh vào trời Đâu Suất thôi. Cứ thế mà lên, cho dù quý vị giữ trọn hết [các Giới], nhưng mà tâm quý vị không chánh niệm, trong kinh gọi là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, quý vị không giữ được, thì cuối cùng quý vị cũng lên trời Tha Hóa Tự Tại thôi. Còn bao giờ quý vị giữ được Bát Quan Trai [thật nghiêm] thì quý vị mới đắc đạo, đắc Tu-đà-hoàn.

Cho nên cùng một pháp tu, nhưng giá trị mang lại khác nhau, [là] do dụng tâm khác nhau. Đó là điều mà Thiện Trang muốn gửi cho quý vị: là quý vị phải tu như thế nào. Mình tu thấp là do mình không hiểu, bây giờ mình hiểu, có người chỉ cho mình rồi, thì mình sẽ tu cao, không dại gì mình tu thấp hết. Mình lo tu, tâm lúc nào cũng chánh niệm rõ ràng. Tức là mình phải sáng suốt, tu là phải giữ giới vì ra khỏi sanh tử, tu là nguyện thành Phật độ chúng sanh. Và tâm mình luôn luôn trải lòng từ với chúng sanh v.v… thì tâm đó mang cho quý vị những giá trị cao hơn.

Có nhiều người nói sợ Ma vương, bữa nay Thiện Trang cũng có coi trong kinh Nikaya. Đức Phật nói có mấy hạng, mà trong Kinh Bẫy Mồi, đức Phật nói người nào đắc Sơ thiền trở lên, thì không còn bị rớt vào lưới của thợ săn, tức là lưới của Ma vương nữa. Nên [nếu] quý vị đắc được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì quý vị không bị Ma vương [phá] nữa. Trừ khi mình thoái tâm, thoái công phu. Bởi vì Ma vương ở tầng trời thứ sáu, quý vị đắc Sơ thiền [thì] quý vị lên hơn Ma vương rồi.

Hồi xưa Thiện Trang nghĩ A-la-hán mới ra khỏi lưới của Ma Vương, nhưng mà không, thực ra [chỉ cần] Sơ thiền thôi. Tâm của người đắc Sơ thiền thôi, là đủ để vượt qua Ma vương rồi. Tất nhiên người ta vẫn còn thoái chuyển, khi nào thoái chuyển thì vẫn bị Ma vương trói thôi. Nhưng khi mình đắc được thiền là yên tâm, Ma vương không làm gì được quý vị. Cho nên đắc được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền [là] ngon rồi.

Tại sao Thiện Trang nói như vậy? Bởi vì có rất nhiều người ngộ nhận, cho rằng mấy tầng thiền đó không có giá trị gì. Đây là một điểm sai lầm nữa trong đường tu. Một điểm sai lầm nữa: là khinh thường các Thiền chỉ, mà chỉ lo tu Thiền quán. Thực ra ở đây cũng nói rõ luôn tu như thế nào, có bốn kiểu tu ra khỏi sanh tử, đó là:

1. Một là tu Thiền chỉ.

2. Hai [là] tu vừa Thiền chỉ, vừa Thiền quán. Thiền chỉ trước, Thiền quán sau.

3. Thứ ba [là tu] Thiền quán trước, Thiền chỉ sau.

4. Thứ tư [là] vừa Thiền quán vừa Thiền chỉ song vận.

5. Thứ năm là tu Thiền quán không thôi.

Hạng người thứ nhất chỉ lo tu Thiền chỉ, là lo [tu] định để vô Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Nếu người ta có duyên nhiều đời, tu như thế nào đó, khi đắc Thiền thì có thể đắc quả luôn. Đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền là đắc quả luôn. Mà không cần đến Tứ thiền đâu quý vị, hôm bữa Thiện Trang có chia sẻ ở bài đầu, quý vị chỉ cần Sát-na định thôi, cái thấp nhất trong ba định. [Thứ nhất] là [định] Sơ thiền, thứ hai là Cận định, thứ ba là Sát-na định. Ba định đó cộng với một chút Huệ quán, là quý vị đắc đạo, đó là Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Sơ quả Tu-đà-hoàn thậm chí là Nhị quả, thì cũng cần thiền, nhưng mà chỉ

cần Sát-na định thôi, chứ không cần nhiều. Có nghĩa là người mà đắc đến Tứ thiền Sắc giới là dư. Giống như để đốt một đống lửa nhỏ, mà quý vị đem nguyên [một] chảo lửa lớn tới thì dư, đem can xăng dầu lớn quá, thì không cần thiết. Chỉ cần một ít xăng thôi, là đốt được đống lửa rồi. Cũng vậy, người đắc được Sơ thiền thôi, là có cửa ra khỏi [sanh tử] giải thoát rồi. Nhưng điều đó là duyên, thông thường thì không được.

Thông thường tu Thiền chỉ không thôi, [thì] không đắc đạo. Do Thiền chỉ không đắc đạo, cho nên sau khi tu Thiền chỉ xong, [được] an lạc đã đời, thì chuyển sang tu Thiền quán. Tức là Chỉ trước rồi Quán sau, đó là hạng người thứ hai.

Hạng người thứ ba là tu Thiền quán trước, sau đó thấy dễ chịu, tâm sáng suốt rồi, bắt đầu tu Thiền chỉ là vô định. Hồi xưa Thiện Trang không biết, nhưng cách của Thiện Trang là dụng công trên văn tự. Tức là nghe pháp nhiều, [khi] tâm định rồi, lắng xuống rồi, mới bắt đầu ngồi niệm Phật, ngồi xếp bằng [là] vào định. Cách đó là tu Quán trước Chỉ sau.

Đây là Thiện Trang chỉ cho bí quyết để tu, [còn] tùy mỗi người. Mỗi người lựa ra, chứ không phải giống Thiện Trang đâu, tùy căn cơ mỗi người. Quý vị thử xem cách nào phù hợp với quý vị. Đó là cách thứ ba. Cách này cũng rất nhiều người dùng, ai là người giỏi pháp thì nên dùng cách này. Còn ai mà giỏi Định, thì nên dùng cách tu Thiền chỉ trước, rồi tu Thiền quán sau. Hôm nay [Thiện Trang] chỉ cho bí quyết luôn đó quý vị.

Thứ tư là hạng người dùng hai cách đó là song vận. Tức là dùng cả hai một lúc, vừa tu Quán vừa tu Chỉ. Thực ra Thiện Trang dùng cách đó, nhưng mà quý vị biết Thiện Trang nghiêng về cách thứ ba nhiều hơn. Cách thứ tư là sau khi nghe pháp, học, nghiên cứu [được] an lạc, tâm thanh tịnh rồi, thì tu Thiền định, ngồi xếp bằng niệm Phật, hoặc là ngồi xếp bằng kiểu thế Thiền. Thực ra [cách này] cũng là song vận, [vì] vận dụng cả hai.

Thứ năm là có người chê luôn Thiền chỉ, kêu: tôi nghe nói bắt buộc tu Thiền quán, mới ra khỏi sanh tử được, [nên] chắc chắn tôi phải tu Thiền quán. Cho nên có người chỉ lo tu Vipassana Thiền quán thôi. Được không quý vị? Được luôn! Tu đến lúc nào đó Thiền quán đủ mạnh, thì đắc luôn Thiền chỉ. Cách đó cũng được, chứ không phải là khinh thường.

Nhưng kinh nghiệm của người đi trước (chư Tổ) chia sẻ, là nên sử dụng hai cái ngang ngang. Tức là dùng hạng hai, ba, bốn thì phù hợp với đại đa số hơn. Còn hạng một với hạng năm, thì tùy một số người. Đó là Thiện Trang cũng chia sẻ cho quý vị cách tu hành.

Và tu để đắc đạo, là tùy thuộc vào duyên của mình. Cửa giải thoát trong Kinh Bát Thành, hay trong một số bộ kinh thì nói là: chỉ cần định Sơ thiền trở lên, tức là Sơ Thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, nhưng Sơ thiền thôi cũng được rồi, thì cũng đắc được đạo rồi, đắc được Sơ quả và Nhị quả. Còn [nếu] quý vị muốn đắc được Tam quả, thì thông thường phải là Tứ thiền. Mà Tứ thiền này thì không cần đến Tứ thiền Bát định đâu, chỉ cần tới Tứ thiền Sắc giới thôi, không cần lên cao. Tại vì có nhiều điều, lên Tứ thiền Vô Sắc rồi, là ở trên đó luôn.

Đức Phật có nói về tiền thân của Ngài, tức là nói về những vị Bồ-tát được thọ ký. Sau khi được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký, sau đó có những đời Ngài tu đắc tới Tứ thiền Bát định, nhưng Ngài không bao giờ nguyện sanh vào các tầng trời sau: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Ngài không nguyện sanh vào đó, mà Ngài chỉ nguyện sanh vào những tầng trời thấp hơn để tu tiếp. Chứ vào đó là uổng, giống như một giấc ngủ mơ, đóng băng lâu quá. Cho nên ta có quyền dư, nhưng mà ta xài ít thôi, giống như nhà giàu có mà ta xài ít ít thôi.

Có người hỏi: [Phải] làm gì [để] đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền? [Quý vị] đợi mai mốt học vô cụ thể, hôm bữa bên Giới Luật Thiện Trang trích mỗi khúc nhỏ về Sơ thiền thôi, [mà] quý vị thấy dài cả buổi rồi, đâu có

đơn giản! Bây giờ mà hỏi dạy cách [vào] Sơ thiền, quý vị có thể tìm thấy rõ ràng trong các bài giảng của Thiện Trang, có hết rồi. Quý vị lục lại, gom lại vô thành một, là đủ vô Sơ thiền.

Sơ thiền là gì? Đầu tiên là quý vị phải tu được Bảy chi thiền, rồi quý vị phải ly dục, ly các pháp ác bất thiện. Rồi đạt được trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tầm có Tứ, rồi sau đó có một trời thứ trong đó nữa. Có bốn trạng thái: Thoái phần, Trụ phần, Tinh tấn [phần], Quyết định phần. Rồi tâm như thế nào? Dùng Tâm sở nào trong trạng thái thiền đó v.v…. Nếu quý vị đúc kết lại tất cả những bài giảng của Thiện Trang, thì đã có những phần đó rồi, nhưng không có chuyên, mỗi bữa nói một khúc thôi. Mai mốt quý vị muốn nghe, [thì] đợi bộ Luận Câu Xá này, đến lúc nào đó thì sẽ tới phần đó, học từng [tầng] Thiền một. Còn bây giờ mình chỉ giới thiệu sơ lược thôi, để quý vị nắm được đường tu. Cho nên đừng có hâm mộ quá, cũng đừng có bi quan quá, cái gì cũng có tầng lớp của nó, hiểu rồi thì mình tu dễ.

Đạo Phật là thách thức mọi thử nghiệm, quý vị có nghi ngờ gì, thì quý vị cứ tìm trong kinh giáo là ra hết, cỡ nào cũng có, cỡ nào cũng giúp cho quý vị được. Mình chỉ cần học vô thôi, chỉ cần chịu khó học, là giải [được] hết. Đức Phật nói rồi, không có gì ngại hết, muốn biết cứ học kinh Phật đi, Ngài nói đầy đủ trong đó. Cho nên là vàng không sợ lửa, quý vị muốn thử cái nào là cũng thử được hết. Đó là Thiện Trang chia sẻ, và quý vị nghe hiểu rồi thì quý vị không nghi nữa. Không nghi thì mới tu được.

Hôm nay chỉ chia sẻ sơ lược là như vậy, bây giờ chúng ta vào phần nội dung của bài Luận Câu Xá. Vừa rồi là phần A Tỳ Đàm, nói một chút sơ lược thôi. Mỗi hôm nói sơ lược một chút, thì quý vị nắm được căn bản. Thiện Trang mong muốn là sẽ chia sẻ hết 24 duyên, bây giờ cũng được hơn một nửa rồi. Thiện Trang cũng muốn chia sẻ hết phần Tâm sở. Sau khi chia sẻ hết Tâm sở rồi, Thiện Trang mới phân tích cho quý vị: trong một sát-na tâm, chúng ta tạo những nghiệp gì, nhân gì, duyên gì, quả gì, có một trời thứ trong đó. Mình

muốn có quả thiện, thì mình phải tu như thế nào, muốn đắc Thiền, thì phải tu như thế nào, muốn đắc đạo thì phải tu như thế nào. [Những] điều đó, [thì cần] phải học hết Tâm sở. Có nghĩa là phải học hết 52 món Tâm sở của Vi Diệu Pháp Nam truyền, hoặc là 51 món Tâm sở của Duy Thức Bắc truyền, hoặc là 46 Tâm sở của Luận Câu Xá này. Khi mình học hết rồi thì mình mới nói được điều đó.

Chứ bây giờ mình nói mình xài Tâm sở nào, ví dụ Thiện Trang mới chia sẻ Tâm sở Tầm, Tứ, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, một trời thứ đó, quý vị có nắm được đâu. Không nắm được, cho nên Thiện Trang chia sẻ vào thì quý vị không hiểu, thế nào là Tham, thế nào là Sân v.v… một trời thứ như vậy, thì làm sao mình có thể chia sẻ sâu được. Có rất nhiều nền tảng, mình phải đắp xong rồi thì mới vào. Còn hôm nay chúng ta vào Luận Câu Xá, mời quý vị xem. Ở đây Thiện Trang xin chia sẻ Luận Câu Xá như thế này:

依何義說滅無同類？依滅自無同類因義亦不與他，故作是說，非無同類。

Y hà nghĩa thuyết diệt vô đồng loại? Y diệt tự vô đồng loại nhân nghĩa diệc bất dữ tha, cố tác thị thuyết, phi vô đồng loại.

Giải:

#Y hà nghĩa thuyết diệt vô đồng loại?: là căn cứ vào nghĩa nào mà nói không có cùng loại.

Bài bữa hôm trước quý vị còn nhớ không? Hay lâu quá [nên] quý vị quên bài kệ ở trên rồi. Tức là ở đây chúng ta đã học về pháp Hữu lậu và Vô lậu.

Pháp Hữu lậu, Vô lậu
Ngoại trừ Đạo đế ra
Còn lại là Hữu vi
Với các pháp Hữu lậu

Thì các Tùy miên tăng
Nên nói là Hữu lậu.
Vô lậu là Đạo đế
Và ba loại Vô vi
Hư không và hai Diệt

Hư không không chướng ngại.
Trạch diệt lìa trói buộc
Tùy theo các trói buộc
Mà việc lìa khác nhau
Rốt ráo làm chướng ngại
Cho các pháp không sanh
Đắc được như thế đó
Gọi là Phi trạch diệt.

#Tùy miên tức là các phiền não sẽ tăng theo; #hai Diệt tức là Phi trạch diệt và Trạch diệt Vô vi.

Hôm bữa Thiện Trang đã giảng mấy điều này rồi, quý vị coi lại, điều này không coi thì cứ nắm được đại ý thôi. Thật ra không cần học hết những câu kệ này, bởi vì rộng quá. Mình cứ nhớ được phần chính thôi: thế nào là Trạch diệt Vô vi, thế nào là Phi trạch diệt Vô vi thôi. Thế nào là Vô vi, giờ quý vị còn nhớ thì được rồi. Bữa nay chúng ta đang nói, thì cứ từ từ, nghe được bao nhiêu thì nghe.

#Y diệt tự vô đồng loại nhân nghĩa diệc bất dữ tha, cố tác thị thuyết, phi vô đồng loại: #y là nương vào, nương vào nghĩa của sự diệt, chính nó không có nhân cùng loại, cũng không có kết giao với điều khác, nên nói như thế, không phải không có cùng loại.

Tạm dịch: Căn cứ vào nghĩa nào mà nói không có cùng loại? Nương vào nghĩa của sự diệt chính nó không có nhân cùng loại cũng không kết giao với

điều khác, nên nói như thế, không phải không có cùng loại.

Ở đây chúng ta đang nói về pháp Trạch diệt Vô vi và Phi trạch diệt Vô vi. Trạch diệt là gì? #Trạch là lựa chọn, quý vị chịu khó nhớ giùm âm Hán thôi, còn mình không cần biết chữ Hán cũng được. Trạch diệt Vô vi là khi mình tu theo pháp mình lựa chọn, ví dụ như Tâm sở, mình biết Tâm sở này xấu, Tâm sở này tốt, thì mình lựa chọn Tâm sở tốt mình tu, mình dùng. Mình lựa chọn [như] vậy, thì dần dần tâm mình toàn tốt không.

Giống như hôm bữa Thiện Trang lấy ví dụ [về] hai loại đậu, đậu đỏ và đậu đen. Bây giờ mình muốn lựa đậu đỏ, tức là quả vị Thánh, đậu đen là của phàm phu. Vậy thì cách đơn giản, là bỏ hết đậu đen ra ngoài, một hồi còn đậu đỏ thôi, đó là lựa chọn đậu, một hồi thì mình đắc đạo. Đó gọi là Trạch diệt Vô vi.

Vì sao gọi là Vô vi? Vì không sanh không diệt nữa, khi đắc đạo A-la-hán rồi, thì quý vị yên tâm, quý vị không trở lại làm phàm phu nữa. Đắc A-la-hán thì A-la-hán có ba loại (nói ra rộng quá, thôi lỡ rồi nói luôn): Một là A-la-hán chỉ có Tâm giải thoát. Hai là A-la-hán chỉ có Huệ giải thoát. Ba là A-la-hán có Câu giải thoát (ở trong bộ Luận này sẽ nói).

Tâm giải thoát vẫn chưa được, Huệ giải thoát vẫn chưa được, mà phải Câu giải thoát thì mới bất thoái chuyển. Còn nếu chỉ được một điều trong hai điều kia, thì vẫn còn thoái chuyển, nhưng mà thoái chuyển về Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi, không có thoái chuyển thấp hơn nữa, rõ ràng như vậy.

Quý vị thấy bây giờ ít người giảng như thế này để chúng ta nghe, nghe giáo pháp này, ai mà không có duyên nghe [thì] nghe buồn ngủ lắm. Nghe chuyện đời, chuyện gì gì đó thì nghe sướng tai, nhưng nghe điều này khó, buồn ngủ, [vì] mình không có đủ vốn. Nhưng quý vị yên tâm, đó là hiện tại thôi, đến một ngày nào đó, quý vị nghe những điều này thì quý vị thích lắm. Tại vì đây là giáo pháp rốt ráo của Phật, [nên] mình nghe [thấy] đã. Còn thế gian, mình nghe một thời gian cũng chán. Cái gì cũng vậy, mới đầu [thì] khó chịu, nhưng

mà nghe hoài thì quen. Ba quả vị A-la-hán đó thì quý vị hiểu như vậy.

Ở đây đang nói về Trạch diệt. Phi trạch diệt thì lại dùng cách khác, không có chọn lựa, mà mình cố gắng tạo để cho thiếu duyên sanh tử luân hồi, khi thiếu duyên rồi thì sẽ không có sanh tử luân hồi nữa.

Giống như bây giờ mình sống, tại sao mình lại đi vào trong luân hồi? Tại vì mình ham nhiều thứ quá, mình mê nhiều thứ quá, mình sống theo ý niệm của mình. Còn bây giờ tâm mình dần dần dường như không có suy nghĩ gì nhiều, thì tự nhiên tâm mình không có trụ vào trong đó nữa, dần dần thiếu duyên. Thiếu duyên nên không có sanh ra những quả đời sau. Nhờ vậy, cho nên đó gọi là Phi trạch diệt, mình cố gắng cắt bớt duyên.

Thực ra pháp tu, tuy nói là nói như vậy, nhưng ở trong đó có nhiều cái lắm. Phi trạch diệt này, quý vị nói là tu bằng gì đây? Mình nói đơn giản là tu theo vòng 12 nhân duyên, mình cắt duyên đi, là sẽ không sanh ra nữa, đó gọi là Phi trạch diệt, nói vậy cho dễ! Nó có nhiều loại, nhưng mình chỉ nói như vậy.

Còn tu mà Trạch diệt, gọi là tu theo A-la-hán, thì tu theo Tứ đế. Nói vậy cho quý vị dễ hiểu, đó là một cách nói, chứ nói rộng ra phức tạp lắm, chỉ cần nói vậy thôi. Ở đây tiếp tục nói:

已說擇滅。永礙當生得非擇滅，謂能永礙未來法生。得滅異前，名非擇滅。得不因擇，但由闕緣。如眼與意專一色時，餘色聲香味觸等謝。緣彼境界五識身等住未來世畢竟不生，由彼不能緣過去境，緣不具故得非擇滅。

Dĩ thuyết Trạch diệt. Vĩnh ngại đương sanh đắc Phi trạch diệt, vị năng vĩnh ngại vị lai pháp sanh. Đắc diệt dị tiền, danh Phi trạch diệt. Đắc bất nhân trạch, đãn do khuyết duyên. Như nhãn dữ ý chuyên nhất sắc thời, du sắc thanh hương vị xúc đẳng tạ. Duyên bỉ cảnh giới ngũ thức thân đẳng trụ vị lai thế tất

cánh bất sanh, do bỉ bất năng duyên quá khứ cảnh, duyên bất cụ cố đắc Phi trạch diệt.

Giải:

#*Dĩ thuyết Trạch diệt*: tức là đã nói về Trạch diệt Vô vi rồi.

#*Vĩnh ngại đương sanh đắc Phi trạch diệt*: đây chính là chỗ Thiện Trang vừa mới nói. Tức là mãi mãi ngăn trở được sự sanh ở ngay trong đời này, thì đắc được Phi trạch diệt.

Có nghĩa là mình muốn đừng có tái sanh vào đời sau nữa, thì quý vị làm sao cho thiếu duyên đi, thì quý vị sẽ không tái sanh vào đời sau nữa, quý vị tự nhiên ra khỏi sanh tử thôi. Điều này là Phi trạch diệt. Còn Trạch diệt này là mình lựa chọn điều tốt, để tâm mình hướng về Tâm sở tốt thôi, thì tự nhiên đi vào A-la-hán. Còn Phi trạch diệt là mình cắt duyên, để khỏi có duyên vô luân hồi nữa. Mình tu khác nhau, nhưng thật ra bản chất cũng giống nhau thôi.

Thiện Trang lấy ví dụ con đường lúc nãy, [là] con đường đi vào rừng và cũng là con đường đi ra khỏi rừng. Thì con đường đi vào sanh tử, cũng là con đường đi ra khỏi sanh tử, nếu mình quay ngược lại. Bây giờ có một người nói: Thôi tôi không đi vô sanh tử nữa, tức là không có đi vô con đường đó nữa. Đó là người ta lựa chọn lối đi ra. Thật ra là có nhiều con đường ra, mình lựa chọn mình đi lối kia ra, ta biết con đường này ra được. Còn người kia thì nói: Ta làm sao đi ngược lại, tránh đừng để kéo vô con đường đó nữa, thì một hồi cũng ra khỏi khu rừng thôi.

Tức là có hai người: một người thì rẽ lối này đi ra, sẽ ra khỏi rừng. Còn người kia thì kêu: Ta không đi vô rừng nữa, thì [sẽ] không vô rừng thôi. Ta không vào luân hồi nữa thì không sao hết. Cách [giải thích] này đơn giản như vậy.

[Câu] vĩnh ngại đương sanh đắc Phi trạch diệt: tức là mãi mãi ngăn trở

được sanh ngay trong đời này và đời tương lai, thì gọi là đắc Phi trạch diệt.

#Vị năng vĩnh ngại vị lai pháp sanh: là có thể mãi mãi ngăn trừ được pháp Hữu lậu ở vị lai sanh ra.

Tức là ở đây người ta tu theo Phi trạch diệt, là làm sao ngăn cho pháp Hữu lậu đời này đừng có sanh nữa, và cũng ngăn luôn pháp Hữu lậu đời sau đừng có sanh nữa. Ví dụ chúng ta tu Bát quan Trai giới, ngày hôm đó thọ Bát Quan Trai, mình giữ giới không ăn phi thời chẳng hạn. Không ăn phi thời, là để đừng có gieo nhân đọa vô Ngạ quỷ, Súc sanh v.v… mấy loài ăn chiều. Mình không gieo nhân đó, thì mình không vô nữa, vậy thôi! Đời này mình cũng khỏe, mà đời sau cũng bớt nhân đó, thì cách đó gọi là Phi trạch diệt.

#Đắc diệt dị tiền, danh Phi trạch diệt: đắc diệt được phiền não khác với môn trước; #dị tiền tức là khác với môn kia; đắc diệt được phiền não khác với môn trước. Môn trước là mình loại trừ phiền não, còn môn này mình cứ ngăn là được.

Giống như vầy, môn trước là mình loại trừ phiền não đi, phiền não xấu thì loại. Còn môn này giống như là: tôi ngăn các dòng nước xấu, đừng cho vô nữa, thì một hồi là nước sạch thôi. Giống như bây giờ mình sống ở thế gian, là mình luôn luôn sống với hai dòng nước: một dòng nước trong và một dòng nước đục. Người tu theo kiểu thứ nhất, là người ta lựa nước, người ta không biết dòng nước nào, [nên] người ta lấy bộ lọc, lọc nước lại để nước trong vô thôi. Còn người này, người ta biết nước trong với nước dơ, người ta chặn nước dơ, đừng cho nước dơ vô nữa, thì khỏi phải lọc. Vậy thì cuối cùng cũng được toàn nước sạch.

Tức là bây giờ mình biết có hai cái ống [nước] đó dẫn vô chung, nối chung vô rồi, thì giờ mình phải lọc. Lọc thì gọi là Trạch diệt. Còn đây khỏi phải Trạch diệt gì hết, tôi thấy cái góc nhập chỗ này, nhưng ở đằng kia là có hai ống khác nhau. Cho nên tôi tới chặn đầu ống nước dơ ngay từ kia đi, thì tự nhiên tôi có

nước sạch. Cách như vậy gọi là pháp tu Phi trạch diệt. Miễn làm sao mình đừng cho Hữu lậu sanh nữa.

Giống như ở trong luân hồi, do mình [có] Tham, Sân, Si, rồi Thân kiến, Biên kiến, Giới cấm thủ, Tà kiến, [thì] mình chỉ cần ngăn thôi. Ví dụ như Sơ quả Tu-đà-hoàn, họ ngăn được ba điều là Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Tức là họ không còn Thân kiến nữa, họ không còn Giới cấm thủ và họ không còn Nghi nữa, thì họ sẽ đắc quả. Vậy A-la-hán, Tam quả A-na-hàm là thêm hai điều nữa: là hết Sân và hết Tham. Như vậy hết Tham và hết Sân thì ok, đó cũng là một cách tu.

Nói ra thì có nhiều pháp tu lắm, không phải ít đâu quý vị, nhưng ở đây Thiện Trang nói đơn giản như vậy thôi, để chúng ta có thể nắm được sơ sơ. Điều này quý vị nghe hiểu sơ sơ là được rồi, không cần phải cao siêu đâu. Tại vì mấy điều này là lý thuyết, quan trọng của chúng ta là tu để thực hành. Và thực hành thì nằm ở đoạn sau, điều này là cung cấp kiến thức căn bản thôi.

#Đắc bất nhân trạch, đãn do khuyết duyên: tức là đắc được mà không nương vào sự giản trạch, tức là không nương vào sự lựa chọn đơn giản, mà chỉ do là thiếu duyên thôi.

#Như nhãn dữ ý chuyên nhất sắc thời, du sắc thanh hương, vị xúc đẳng tạ: ở đây ngài Huyền Trang giải thích như sau: giống như khi mắt và ý của chúng ta; chữ #thời là khi, khi mà mắt và ý (là hai căn của mình) chỉ chuyên chú vào một cảnh sắc thôi, thì những Sắc trần khác như âm thanh, như mùi hương, như vị, hay là xúc, v.v… thì đều sẽ rơi rụng hết.

Điều này thì dễ hiểu, ví dụ như bây giờ quý vị chỉ nhìn thấy Thiện Trang thôi, và quý vị đang nghĩ tới Thiện Trang thôi. Tức là mắt quý vị duyên vào Sắc, và quý vị nghĩ tới Thiện Trang thôi, cho nên quý vị quên hết mọi thứ bên ngoài. Âm thanh cũng có, nhưng mà quý vị không nghe, nhiều khi quên mất âm thanh xung quanh. Và quý vị có nghe mùi hương không? Ở trong phòng hôi rình, mà

quý vị cũng không nghe mùi hôi. Rồi quý vị cảm thấy nóng hay lạnh, quý vị cũng quên mất luôn, đó là xúc.

Tức là do tập trung chuyên chú, khi tâm mình (Ý thức thứ sáu) và Nhãn căn tập trung vào một đối tượng nào đó, thì quên những đối tượng kia, thì tự nhiên rơi rụng thôi, chứ không cần phải lo mấy chuyện kia. Đó gọi là Phi trạch diệt. Miễn là mình lo điều này thì điều kia không có thôi, yên tâm!

#*Duyên bỉ cảnh giới ngũ thức thân đẳng trụ vị lai thế tất cánh bất sanh:* #duyên là nhờ; nhờ cảnh giới ấy mà năm thức như Thân thức, Tỵ thức, Nhãn thức, Nhĩ thức, những thức còn lại, sẽ rốt ráo không sanh ở đời vị lai.

#*Do bỉ bất năng duyên quá khứ cảnh*: do đó không thể duyên vào cảnh của quá khứ.

#*Duyên bất cụ cố đắc Phi trạch diệt*: duyên không đủ cho nên gọi là đắc Phi trạch diệt, gọi là Phi trạch diệt Vô vi.

Ở đây giải thích rõ hơn cho chúng ta, nghĩa là khi tâm mình chú ý vào Sắc thôi, sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, bây giờ mình tập trung mắt, thì tất nhiên mình phải tập trung ý nữa. Tại vì Ý thức thứ sáu là chắc chắn phải dùng rồi. Hai cái tập trung vào nhìn hình Phật thôi, cho nên mình quên hết âm thanh, mình quên hết mùi vị. Quý vị quên mùi, quên vị, quên cả nóng lạnh, quên hết. Do đã quên, thì tất nhiên về đời vị lai không sanh được, nó không hoạt động mà, và quý vị quên luôn cảnh quá khứ.

Quý vị không thể nhớ mùi vị của ngày hôm qua như thế nào, không nhớ được, tại vì tâm quý vị đang chú tâm vào cảnh rồi, vào sắc, vào hình ảnh Phật thôi. Quý vị cứ như vậy, thì tự nhiên không sanh quả Hữu lậu của đời vị lai, tự nhiên một thời gian quý vị ra khỏi sanh tử thôi. Đó là nguyên lý của Phi trạch diệt. Tức là mình khỏi cần quan tâm. Pháp tu lúc trước là phải quan tâm, lựa cái tốt để dùng, lựa cái không tốt bỏ ra, đó gọi là Trạch diệt, là phải lựa chọn. Còn đây khỏi! Tôi chỉ cần nhắm vào một cái thôi, thì mấy cái kia không đủ

duyên, không có hoạt động được đâu.

Tại vì Ý thức thứ sáu của mình, chỉ hoạt động một lúc một thứ thôi. Bây giờ mình đang duyên vào Sắc rồi, nhìn vào hình ảnh rồi, nhìn mà đang suy nghĩ đây là hình Phật A Mi Đà, đây là hình Phật Thích Ca, v.v…. Mình lo nghĩ điều đó, cho nên quên hết mấy điều kia. Do quên đó, [nên] mấy [duyên] vị lai cũng không sanh, mà quá khứ duyên cũng không sanh được, cảnh quá khứ không bốc lên được. [Vì] như vậy, [nên] không có nhớ là cơm ngày mai sẽ ngon hay dở, cơm hôm qua ngon hay dở, cũng không nhớ. Vì do tâm mình đang chú vào trong [hình Phật].

Do làm nhiều như vậy, thì thời gian sau là mình đắc được pháp đó, đó gọi là Phi trạch diệt Vô vi. Pháp tu là như vậy, cho nên các ngài tu kiểu đó. Đó cũng là một cách tu, các ngài tu kiểu như vậy. Cho nên từ đây mình thấy các pháp, ví dụ như pháp Niệm Phật, nếu quý vị niệm được thì cũng vậy. Tức là tâm mình do nghĩ nhớ đến Phật, thì tất nhiên quý vị không làm chúng sanh. Đang tâm làm Phật, thì tâm nào làm chúng sanh? Tâm làm Bồ-tát, thì tâm nào làm chúng sanh? Tâm làm A-la-hán, thì tâm nào làm chúng sanh? Vì vậy, cứ duyên vào đó.

Cho nên nếu ai nghe pháp, nghe hoài, nghe tới nghe lui, nghe tập trung trong pháp, dần dần quý vị chuyển phàm thành Thánh, thời gian sau tự nhiên quý vị khôn lên, giỏi lên v.v… Đó là do điều này nè, quý vị cứ lo tập trung vào đó là được. Vì vậy nghe pháp, phải nghe pháp rốt ráo mới quan trọng.

Còn ăn rồi lên nghe quý thầy giảng về gia đình, chồng con, vợ chồng gì đó... giảng thế gian không thôi. [Nghe] như vậy một thời gian sau, thì mình vẫn ở trong trần thôi. Tại vì mình duyên với điều đó mà, thì khởi thêm nhiều. Nói chuyện chồng con là bắt đầu mình nghĩ ông chồng mình rồi, nói chuyện tình yêu là mình nhớ tới mối tình ngày xưa đó rồi. Có nghĩa là nó khởi những chủng tử cũ ra nữa. Mà khi khởi chủng tử cũ kết hợp với hiện tại, tạo ra chủng tử tương lai, thì kéo mình về tương lai luân hồi thôi.

Còn bây giờ nếu mình toàn duyên với Phật, mình nghĩ Phật, niệm Phật, mình nhớ công hạnh Phật, Bồ-tát. Cuối cùng mình toàn nghĩ Phật, Bồ-tát, một hồi hết [nghĩ] thế gian, thì tự nhiên [chủng tử] không có. Và dần dần mình chuyển thành Phật, Bồ-tát, A-la-hán hồi nào không hay, đúng không?

Bí quyết tu là vậy đó, quý vị có thấy hay không? Vào Luận Câu Xá này là chỉ cho mình tường tận như vậy. Mình học như vậy thì mình mới thấy tốt. Bí quyết tu hành chỉ có bấy nhiêu đó.

Cho nên ai biết tu thì ngày ngày trụ trong pháp giùm. Đi, đứng, nằm, ngồi, mình nghe pháp được bao nhiêu thì nghe. Nghe thì phải nghe những pháp giải thoát, nghe thì phải nghe chuyện Phật, Bồ-tát, chuyện A-la-hán, chuyện kinh điển. Chứ quý vị nghe toàn chuyện yêu đương thì thôi, nghỉ đi! Quý vị nghe đó là trồng thêm chủng tử luân hồi. Vì nguyên lý là điều này lôi chủng tử quá khứ lên, quý vị nhớ thêm, hồi xưa hai đứa mình gì đó v.v… đủ thứ chuyện. Là quý vị lôi cả một quá khứ lên. Quá khứ này tạo nhân cho tương lai, có nghĩa là nhân đó tạo cho quý vị tương lai gặp người nào đó, là quý vị khởi tâm tiếp. Như vậy thì dòng luân hồi của quý vị mở ra tiếp. Còn nếu như mình làm một hồi, tự nhiên cửa luân hồi, chủng tử luân hồi đóng lại, không có cơ hội ra.

Cho nên người tu, trong kinh đức Phật nói, câu chuyện rùa mù và bọng cây, quý vị nhớ không ạ? Tức là con rùa cứ 100 năm nổi lên một lần, có một cái biển rộng 84.000 do-tuần, mình nói biển rộng như Thái Bình Dương đi, cỡ đó. Mà cứ 100 năm nó nổi lên một lần, rồi bọng cây thì trôi trên biển đó, mà con rùa ngoi lên đớp làm sao trúng đúng bọng cây. Đức Phật mới nói: Cũng vậy đó, những chúng sanh mà chủng tử nghiệp luân hồi quá nặng, thì khi mất thân người, họ trở lại thân người được, thì khó hơn cả rùa mù mà gặp bọng cây.

Quý vị cứ nhìn đi, mình nghe như vậy thì mình sợ lắm. Quý vị nhìn xung quanh có đúng như vậy không? Mấy con sò, mấy con kiến, vào đó rồi đâu [có muốn] ra, nó rất mong là tiếp tục làm thân đó. Bây giờ quý vị xuống nói với

mấy con sò, nói mày đừng có làm sò nữa, mày lên làm người đi. Nó đâu có chịu, mấy con chui chui đó. Cho nên đức Phật nói có hạng người đó.

Còn đức Phật nói hạng người, có thể có chúng ta [trong đó], bữa nay nghe quý vị sẽ vui hơn. Hạng người chúng ta là lúc giác lúc mê, thì đức Phật nói thoạt chìm thoạt nổi. Tức là có lúc thì mình thoát lên, và lúc mình chìm xuống. Lúc thoát lên chìm xuống, chứ không như là rùa mù bọng cây đâu. Tại vì mình đã tu nhiều rồi, nên mình nghe giáo pháp Như Lai là mình lên được. [Nhưng] khi mình lên mà lỡ mê, xui rủi đời này tạo những nghiệp gì đó bị đọa xuống, nếu đọa xuống thì cũng không sao. Vì chủng tử nghiệp giác ngộ của mình nhiều, [nên] sẽ khởi lên [và] nổi lên lại, tức là mình sẽ lên lại.

Cho nên người sắp vào dòng Thánh, hoặc vào [địa vị] Thất hiền trong Tứ gia hạnh, là thường sanh nhân thiên. Quý vị nghe cho kỹ nha! Đây là để mình hiểu được giá trị của việc tu tập. Không phải ta tu không có tác dụng gì, [mà] ngay bây giờ có tác dụng rồi. Tức là hiện tại nếu quý vị thường nghe Phật pháp, thì bây giờ giúp quý vị bớt chìm sâu trong vòng ác đạo.

Đức Phật nói là giống như có một vũng sình lầy, thì người mà đức Phật cứu được, là vì họ nổi. Họ chỉ bị dính dưới chân thôi, và Phật kéo họ lên được. Vì họ dính một chút ở chân thôi, tức là chân của họ dính ở trong sình, còn cả cái thân ở trên vũng sình, họ không bước ra được nhưng mà Phật kéo một cái [là] ra. Có người hạng người thứ hai, là họ lút tới cái lưng, cái bụng, thì Phật vẫn kéo ra được. Hạng người thứ ba nặng hơn, là tới ngực rồi, thì Phật giúp đỡ vẫn đưa ra được, vì Phật vẫn còn thấy. Còn có người lút tới đầu rồi, còn khúc nữa thôi, thấy tóc thôi. Tuy khó khăn, nhưng mà Phật vẫn cứu được. Còn hạng người chìm nghỉm ở trong đó luôn, không thấy được, thì chịu thua.

Cũng vậy, chúng sanh mê quá rồi, chìm sâu quá rồi, thì Phật cũng thua. Đợi khi xa xôi nào đó, cuối cùng [họ] mới khởi một chủng tử nào đó trong đời quá khứ, giác ngộ, thì họ mới bứt lên. Họ bứt lên những loài thấp hơn, những loài chưa là người, nhưng mà họ lên. Khi đó đức Phật, Bồ-tát mới vô đó tìm

cách dẫn họ lên nữa, khó lắm quý vị! Cho nên đó mới là ví dụ rùa mù gặp bọng cây, hay có một ví dụ là: khi làm Tịnh xá Kỳ Viên thì phải, thấy có một đàn kiến, đức Phật nói bảy vị Phật ra đời rồi, mà chúng vẫn là kiến. Lý do là vậy đó quý vị, nó chìm vô đó là chìm vô luôn.

Cho nên bây giờ Thiện Trang học xong rồi, Thiện Trang nghĩ: mình chắc không đến nỗi hạng đó, chắc không đến nỗi rùa mù gặp bọng cây, vì bây giờ mình cũng có nhiều chủng tử giác ngộ. Ít nhất mình cũng giác giác một chút, chắc chìm xuống rồi cũng thoạt chìm thoạt nổi thôi, chứ cũng không đến nỗi nào. Không đến nỗi chui tuốt luôn dưới đáy bùn đâu. Cho nên là đỡ rất nhiều. Và mai mốt quý vị học đến phần Tứ Gia Hạnh Vị trong Luận Câu Xá này, quý vị mới thấy là chỉ cần tới Noãn vị thôi, tức là địa vị đầu tiên trong Tứ gia hạnh thôi, thì quý vị chắc chắn đắc được Niết-Bàn, ra khỏi sanh tử. Dù quý vị tạo Ngũ nghịch Thập ác cũng không sao hết.

Còn trong kinh nói là khi vị Bồ-tát được Phật thọ ký, là bao nhiêu kiếp sau thành Phật, là yên tâm, cỡ nào cỡ cũng không bao giờ tạo Ngũ nghịch, không bao giờ đọa Vô Gián Địa ngục. Không có sanh vào các tầng trời Vô Tưởng, hay trời Tứ thiền Vô sắc, tại vì vô đó phí. Nguyện lực của các ngài là không vào đó, không có làm mấy người mà bây giờ mình gọi là bị đồng tính, bị rối loạn giới tính, là không có v.v…. Có rất nhiều những điều hay.

Quý vị thấy, chỉ cần tới Bồ-tát được thọ ký, tức là tới đó công hạnh đủ mạnh, tâm lực đủ mạnh, để không rơi vào những nạn đó. Thậm chí không rơi vào Bát nạn Biên địa v.v… Gần thành Phật bao nhiêu, gần ra khỏi sanh tử bao nhiêu, thì tự nhiên nghiệp lực, nguyện lực mạnh, dẫn mình đi vào những đường tốt. Cho nên tu không bao giờ uổng phí. Hồi xưa Thiện Trang kêu: nhiều khi mình tu đã đời, mà đọa một cái là đoạn luôn, không biết bao giờ mình mới quay trở lại. Nhưng không phải! [Học Phật pháp] tốt đó quý vị, giúp cho chúng ta nhiều chủng tử lành rồi, thì [khi] mê cũng đọa, nhưng đọa không lâu, không đọa sâu như những người chưa có học Phật pháp sâu dày. Cho nên tốt lắm quý

vị, ráng học!

Mình học điều này mới thấy giá trị, quý vị nghe được bộ này chứng tỏ quý vị có căn lành rất lớn. Cho nên là không đến nỗi đọa lâu trong loài nghêu, sò lâu năm đâu. Chắc không đến nỗi như rùa mù gặp bọng cây nữa đâu, không đến nỗi như vậy. Mình bây giờ là thoạt chìm thoạt nổi, lúc lên lúc xuống, và có những người chỉ cần tới quả vị thứ ba trong Tứ gia hạnh, là Nhẫn vị thôi, thì không đọa ác đạo nữa rồi, chỉ có sanh cõi Trời, cõi Người thôi. Rồi bao giờ [đắc] Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì [lên] cõi Trời, cõi Người cũng giới hạn tối đa là bảy lần thôi.

Quý vị thấy không, đúng là từng bậc từng bậc như vậy, mình học bộ này mình mới thấy rõ. Còn mình học mấy giáo pháp kia, do không đúc kết lại, [nên] mình cứ thấy mơ mơ màng màng. Tu thì tu, nhưng lỡ đời này sa đọa nữa thì sao, sa đọa rồi thì mình chìm nữa sao. Đúng! Chìm, [nhưng] chìm có giới hạn, không chìm luôn dưới đáy đại dương đâu, có nghĩa là có ngày lên. Tại vì mình học cũng nhiều mà, đời này mình cũng hiểu giáo pháp rồi, đúng không quý vị? Cho nên rất là tuyệt vời, cố gắng được như vậy.

Tạm dịch: Đã nói về Trạch diệt [Vô vi] rồi. Mãi mãi ngăn trở ngay đời này đắc Phi trạch diệt, là có thể mãi mãi ngăn trở pháp [Hữu lậu] vị lai sanh ra. Đắc diệt [phiền não] khác với môn trước, [nên] gọi là Phi trạch diệt. Đắc [mà] không nương vào sự [giản] trạch, (tức là không nương vào sự lựa chọn), chỉ vì thiếu duyên. Như khi Nhãn thức và Ý thức chuyên vào một [cảnh] sắc, thì các sắc thanh hương vị xúc khác còn lại rơi rụng. Nhờ cảnh giới ấy [mà] năm thức như Thân thức v.v… trụ vào rốt ráo không sanh của đời vị lai, do đó không thể duyên theo cảnh quá khứ, duyên không đủ nên đắc Phi trạch diệt.

Đơn giản vậy thôi, tức là quý vị chỉ cần tập trung vào những điều tốt, thì những điều xấu không sanh. Ở đây lấy ví dụ giống như Nhãn thức và Ý (Ý thức) chuyên vào một [cảnh] sắc, thì các sắc thanh hương vị xúc khác còn lại rơi rụng. Nhờ cảnh giới ấy [mà] năm thức như Thân thức v.v… trụ vào rốt ráo

không sanh của đời vị lai, do đó không thể duyên theo cảnh quá khứ. Vì nó có duyên vào cảnh quá khứ đâu, [nên] làm gì tạo ra đời vị lai nữa. Duyên không đủ nên đắc Phi trạch diệt.

於法得滅應作四句。或於諸法唯得擇滅，謂諸有漏過現生法。或於諸法唯非擇滅，謂不生法無漏有為。或於諸法俱得二滅，謂彼不生諸有漏法。或於諸法不得二滅，謂諸無漏過現生法。

Ư pháp đắc diệt ưng tác tứ cú. Hoặc ư chư pháp duy đắc Trạch diệt, vị chư Hữu lậu quá hiện sanh pháp. Hoặc ư chư pháp duy Phi trạch diệt, vị bất sanh pháp Vô lậu Hữu vi. Hoặc ư chư pháp cụ đắc nhị diệt, vị bỉ bất sanh chư Hữu lậu pháp. Hoặc ư chư pháp bất đắc nhị diệt, vị chư Vô lậu quá hiện sanh pháp.

Giải:

#*Ư pháp đắc diệt ưng tác tứ cú:* đối với pháp đắc được diệt phiền não; #diệt này là diệt phiền não. Tại vì ngôn ngữ này viết thiếu, nên chúng ta thấy khó hiểu. Đáng lẽ ra nói bốn câu, ở đây nói có hai câu, nhưng thực ra là bốn câu.

#*(1)Hoặc ư chư pháp duy đắc Trạch diệt:* Thiện Trang đánh số luôn cho quý vị rõ. Hoặc là đối với các pháp chỉ đắc được Trạch diệt thôi.

#*Vị chư Hữu lậu quá hiện sanh pháp:* là sanh pháp các Hữu lậu quá khứ hiện tại. Tức là Trạch diệt [thì] vẫn sanh các pháp Hữu lậu quá khứ hiện tại, nhưng nó ngăn lại, thì mình chọn các pháp tốt, gọi là Trạch diệt.

#*(2)Hoặc ư chư pháp duy Phi trạch diệt, vị bất sanh pháp Vô lậu Hữu vi:* hoặc là đối với các pháp chỉ Phi trạch diệt, là không sanh pháp Vô lậu Hữu vi. Ngôn ngữ này khó chịu lắm, vì ngài Huyền Trang viết văn phong [theo kiểu] trực dịch.

#*(3)Hoặc ư chư pháp cụ đắc nhị diệt:* hoặc là đối với các pháp đắc được cả hai

diệt, là Phi trạch diệt lẫn Trạch diệt. Điều đầu tiên ở trên, là chỉ đắc được Trạch diệt thôi. Điều thứ hai là đắc được Phi trạch diệt. Thứ ba là đắc được cả hai. Và điều thứ tư chắc chắn là mình không đắc được điều nào. Mình nói vậy cho dễ, chứ còn ngôn ngữ này nói lòng vòng [nên] khó hiểu.

#*Vị bỉ bất sanh chư Hữu lậu pháp:* là không sanh các pháp Hữu lậu đó, hoặc đó là không sanh các pháp Hữu lậu.

#*(4)Hoặc ư chư pháp bất đắc nhị diệt, vị chư Vô lậu quá hiện sanh pháp:* hoặc là đối với các pháp không đắc hai diệt, là sanh pháp Vô lậu quá khứ hiện tại.

Đoạn này mình nói đơn giản, có bốn loại: Một là đắc được Trạch diệt, hai là Phi trạch diệt, ba là đắc được cả hai (vì tu đôi khi đắc được cả hai), thứ tư là không đắc điều nào hết. Nói vậy cho đơn giản, chứ nói theo kiểu ngôn ngữ đó hơi dài dòng. Ngôn ngữ của ngài Huyền Trang viết hơi khó [hiểu], Thiện Trang coi bộ Luận của ngài Chân Đế viết thì dễ hơn, nhưng không đầy đủ bằng bộ này. Thiện Trang thích của ngài Huyền Trang hơn, khó thì khó, nhưng mà mình hiểu ý được rồi.

Tạm dịch: Đối với pháp mà đắc được diệt [phiền não] thì đáng lẽ nói bốn câu: (1)Hoặc là đối với các pháp chỉ đắc Trạch diệt, là sanh pháp các Hữu lậu quá khứ hiện tại. (2)Hoặc là đối với các pháp chỉ Phi trạch diệt, là không sanh pháp Vô lậu Hữu vi. (3) Hoặc là đối với các pháp đắc cả hai diệt, là đó không sanh các pháp Hữu lậu. (4)Hoặc là đối với các pháp không đắc hai diệt, là sanh pháp Vô lậu quá khứ hiện tại.

如是已說三種無為。前說除道，餘有為法是名有漏。何謂有為？頌曰：

Như thị dĩ thuyết tam chủng Vô vi. Tiền thuyết dư đạo, dư Hữu vi pháp thị danh Hữu lậu. Hà vị Hữu vi? Tụng viết:

Giải:

#Như thị dĩ thuyết tam chủng Vô vi: như vậy đã nói về ba loại Vô vi.

Ba loại Vô vi là gì, quý vị còn nhớ không? Trong bộ Luận Câu Xá này nói ba loại thôi, còn Luận Bách Pháp Minh Môn thì nói tới sáu loại. Ba loại Vô vi: Thứ nhất là Hư không Vô vi, là khoảng không vũ trụ này, lúc nào cũng là không sanh không diệt, nên gọi là Hư không Vô vi. Hoặc nó có tính chất, [là] dung chứa được tất cả mọi thứ trong đó, không có chướng ngại, mọi thứ trong đó chạy qua chạy lại được, nên gọi là Vô vi. Chữ Vô vi này có nhiều cách giải thích. Thứ hai là Trạch diệt Vô vi và Phi trạch diệt Vô vi. Vì khi quý vị đắc được một [pháp] Vô vi, thì không còn sanh, không còn diệt nữa. Vì quý vị đắc A-la-hán rồi, thì mãi mãi là A-la-hán thôi. Quý vị đắc Duyên giác, thì mãi mãi là Duyên giác thôi. Đắc một cái là đắc luôn, cho nên mới gọi là Vô vi.

Còn mấy điều trên thế gian, mình đắc rồi [nhưng] có được mãi đâu. Ví dụ như quý vị đắc được chồng, rồi cuối cùng ngày nào đó cũng không có chồng nữa. Điều đó không phải Vô vi, đó là pháp Hữu vi. Giả sử quý vị đắc được một cây bút, một thời gian sau cây bút hết [mực], không xài được, [hay] nó bể v.v… mọi thứ thế gian đều là vô thường. Riêng có ba pháp không vô thường đó là Hư không, Trạch diệt và Phi trạch diệt, ba pháp đó gọi là Vô vi pháp.

Quý vị hiểu vậy cho dễ, mình nói theo ngôn ngữ của mình thì dễ hiểu hơn, còn ngôn ngữ của ngài Huyền Trang là ngôn ngữ của nhà nghiên cứu. Nhà nghiên cứu thì cố gắng nói làm sao cao siêu, để người ta hiểu được, nếu hiểu được là hiểu được sâu. Còn dân bình thường dốt dốt như mình, nghe không hiểu. Cho nên mình hâm mộ ngài Cưu Ma La Thập là vậy. Ngài Cưu Ma La Thập dịch dễ hiểu, mình nghe là mình hiểu được, vì đó là ngôn ngữ bình dân. Chính vì vậy Kinh Đại Thừa và Kinh Nikaya, các Kinh Đại Thừa quý vị coi thấy khó hiểu lắm, nói điều này nhưng có ý kia nữa. Tức là ngoài Sự, còn có Lý trong đó nữa.

Giống như mấy vị Sư Nam truyền, thì căn cứ vào Kinh Đại Bát Niết Bàn bên Nam truyền, tức là Trường Bộ Kinh (Kinh Nikaya), tương đương với Kinh Du Hành bên Trường A Hàm. Đức Phật nói là: muốn bác điều gì, mình phải dẫn chứng ra thì mình mới bác được. Muốn công nhận điều gì, thì tôi cũng phải dẫn chứng, chứng minh rồi mới công nhận được, chứ không thể nói không không.

Ví dụ bây giờ có nhiều người nói: *tôi không tin có luân hồi, tôi không tin gì hết, tôi không tin có ma quỷ gì hết, vì tôi không thấy*. Nói như vậy đúng không quý vị? Nói như vậy không được, vì không có dẫn chứng rõ ràng. Quý vị muốn nói không có, thì quý vị chứng minh đi, chứng minh không có ma đi. Nhưng khổ nỗi không chứng minh được. Nói không có ma quỷ, mà sao có người chết rồi về nhập lên nhập xuống, chết rồi về báo tùm lum v.v… người ta tu thế này thế kia. Rồi sao Tôn giáo linh thiêng? Rồi tại sao cái này cái kia, có nhiều thứ như vậy? Rõ ràng là chưa chứng minh được, thì anh không bác được, không phải những gì anh không thấy, là không có.

Ví dụ như điện truyền trong dây, quý vị có thấy không? Rồi điện cao thế đó, không có đó, ông tới rờ đi. Rờ [vào bị] giật quá, ủa rồi không thấy mà, sao cũng có đó! Không được đâu, không dám đâu! Cho nên những gì không thấy, nghĩa là do tầm nhìn của mình kém, hoặc là kiến thức của mình kém, chưa chắc là không có. Bao giờ anh chứng minh được, thì anh mới bác được.

Nên người bên Nam truyền nói không có Tây Phương Cực Lạc, không có đức Phật A Mi Đà v.v…. Bây giờ anh chứng minh đi, chứng minh chỗ nào, lấy đâu làm dẫn chứng? [Họ] chỉ nói là trong Kinh Nikaya không có nói. Không nói, không có nghĩa là không có! Vì kinh Đại thừa có nói. Nhưng bây giờ anh không tin kinh Đại thừa thì thôi. Anh không tin điều này không tin điều kia, thì kệ anh.

Người ta lập luận như thế này: là để sanh về một Thế giới tốt đẹp, như Thế giới Tây Phương Cực Lạc, là phải có phước báu lớn lắm. Vì ở đó tuổi thọ

lâu quá mà, còn mình ở đây tuổi thọ ngắn ngủi. Nhưng quý vị coi Kinh Hoa Nghiêm, Thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng chưa bằng Thế giới của Ca Sa Tràng. Rồi Thế giới Ca Sa Tràng còn thua nhiều Thế giới khác nữa. Cho nên đó là tại vì trí của mình thấp quá, nên mình nghĩ nó xa xôi.

Thật ra nếu quý vị coi kỹ Kinh Vô Lượng Thọ hay Kinh A Di Đà chẳng hạn, thì rõ ràng đức Phật nói: **"Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc"**, tức là không dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước đó. Có nghĩa là anh tu sơ sơ làm sao về đó được, tại Thế giới đó là Thế giới của phước báu lớn. Mà người ta tu vô lượng kiếp rồi. Như Kinh Vô Lượng Thọ [nói]: Nếu xa xưa không tu phước tu huệ rồi, thì pháp này nghe không tin nổi. Nên họ hồi hướng bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp rồi, đời này hồi hướng một chút, đời sau hồi hướng một chút, giống như gửi ngân hàng.

Quý vị tưởng tượng, quý vị muốn nhập cư qua Mỹ, mà quý vị nghèo quá làm không đủ, năm này gửi một chút, năm kia gửi một chút, gửi ngân hàng bao giờ đủ tiết kiệm, gọi là visa doanh nhân. Đủ tiền visa doanh nhân, thì quý vị qua bên Mỹ được. Bây giờ như Châu Âu có một số nước, quý vị chỉ cần có tiền thôi, quý vị mua nhà được là quý vị qua đó ở được, quý vị có giấy nhập cư, có hộ chiếu quốc tịch của nước đó luôn. Tại sao? Vì quý vị đủ tiền, còn quý vị không có đủ tiền thì thôi. Lý do người ta không tin, là vì người ta không biết.

Bây giờ trong vũ trụ này, dù quý vị coi Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, đức Phật nói có vô lượng Thế giới. Bây giờ đức Phật không nói thì thôi! Mình có chứng minh được không có Thế giới Tây Phương Cực Lạc không? Chắc chắn phải có chứ, trong vũ trụ vô tận bao la [này].

Cho nên đấy là một điều bác không được, mà không bác cũng không được. Nếu nói đúng phương diện của Nam truyền, Thiện Trang nếu là người học Nam truyền, Thiện Trang sẽ nói rằng: Tôi không dám chắc điều đó. Tại vì tôi không thấy trong Kinh Nikaya nói điều đó, cho nên tôi không biết có hay

không. [Nói như vậy] thì nói được. Chứ nói không có thì không đúng, là anh bị rớt vào Biên kiến rồi. Nếu Thiện Trang đứng dưới góc nhìn của Nam truyền, thì sẽ nói như vậy. Còn góc nhìn của Bắc truyền, thì bây giờ không biết có hay không nữa. Mình nói thấy trong kinh Bắc truyền có, thì mình tin có, còn [ai] không tin thì thôi.

Cho nên muốn bác điều gì, thì phải có dẫn chứng. Bây giờ Thế giới của mình, mà quý vị coi trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, các tầng trời thôi, là tầng trời ở trên thì thấy các tầng trời ở dưới, nhưng tầng trời ở dưới thì không thấy tầng trời ở trên, trừ khi ở trên muốn cho thấy. Bây giờ mình nhìn lên trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, mình có thấy không? Không thấy! Nhưng mà họ cho mình [thấy], thì mình thấy. Tại vì cấu tạo cơ thể của mình kém quá, mà nhỏ bé nữa. Quý vị lên cõi Trời nhìn xuống, thì mình giống như mấy con kiến bò bò, làm gì đó. Còn người ta thì đi vèo vèo, đi khắp nơi, giống như máy bay, bay vèo vèo, còn mình [thì như] con kiến bò bò. Bây giờ mình nhìn mấy con kiến, mình [nói]: 'Tao đứng bên cạnh mày nè, mày có thấy không?' Nó đâu có thấy đâu.

Cho nên cũng vậy, Thế giới Tây Phương Cực Lạc được miêu tả to lớn như vậy, phước báo lớn như vậy, thì tất nhiên phước báo [của] mình phải tương đương mới được sanh về đó. Còn nếu mà tu yếu yếu thì làm sao về đó, Kinh A Di Đà cũng nói vậy, Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói vậy. Cho nên từ đó đừng có vội, chớ vội tin cũng chớ vội bác, mà hãy đưa ra một dẫn chứng.

Còn bây giờ nếu căn cứ theo Kinh Nikaya, Nam truyền, thì không tin thì thôi. Trong năm bộ Kinh Nikaya không nhắc tới Tây Phương Cực Lạc, không nhắc chứ không phải không có. Thì không tin thì thôi, còn người ta tu kệ họ, chứ bây giờ làm thế nào! Với lại thật ra niệm công đức Phật cũng tốt mà, đó là chúng ta đứng theo góc độ của Nam truyền. Còn tất nhiên mỗi người có một duyên khác nhau, nhiều khi [họ] không có duyên với vị Phật này, thì có duyên vị Phật kia, nên là có rất nhiều.

Ở đây Thiện Trang cũng không tranh cãi, là có hay không có, nếu đứng theo phương diện của Nam truyền. Còn Bắc truyền tất nhiên là ta tin là có. Thiện Trang chia sẻ thêm, để nói rõ ràng những vấn đề cho chúng ta hiểu.

#*Tiền thuyết dư đạo, dư Hữu vi pháp thị danh Hữu lậu*: trước đã nói về đạo; #đạo ở đây là Đạo đế; còn lại là các pháp Hữu vi đó là Hữu lậu. Tức là Đạo đế là pháp Vô lậu. Vô lậu giúp hết Phiền não, cho nên gọi là Vô lậu. Còn ở sau là các pháp Hữu vi, thì mình chưa học, đó gọi là Hữu lậu.

#*Hà vị Hữu vi?*: thế nào là Hữu vi?

#*Tụng viết*: là bài tụng rằng.

Ở trên đã giải thích được ba pháp Vô vi rồi, bây giờ nói về pháp Hữu vi. Vì Vô vi ít nên đem lên trước, còn Hữu vi nhiều nên để ở đằng sau.

Tạm dịch: Như vậy đã nói về ba loại Vô vi. Trước đã nói khác Đạo [đế], còn lại pháp Hữu vi đó là Hữu lậu. Thế nào là Hữu vi? Bài tụng rằng:

Bây giờ chúng ta tìm hiểu thế nào là Hữu vi, ở trên là Vô vi thì mình hiểu rồi.

Bài Kệ 7

Hựu chư Hữu vi pháp	又諸有為法,	Còn các pháp Hữu vi
Vị Sắc đẳng Ngũ uẩn	謂色等五蘊,	Là Ngũ uẩn như Sắc,...
Diệc Thế lộ Ngôn y	亦世路言依,	Cũng gọi là Thế lộ Hoặc gọi là Ngôn y
Hữu ly Hữu sự đẳng.	有離有事等。	Hoặc Hữu Ly, Hữu sự

		v.v…

[Bài kệ] này, ai không có trình độ thì đọc không hiểu gì hết, tại điều này khó, bởi vì ngôn ngữ sâu xa quá. Ngài Thế Thân tạo Luận này, ngài cũng siêu đẳng quá, ngài biết nhiều ngôn ngữ.

Giải:

#*Hựu chư Hữu vi pháp*: #hựu là còn; #chư là các; còn các pháp Hữu vi.

#*Vị sắc đẳng Ngũ uẩn*: #vị là là; là sắc; #đẳng là vân vân (v.v…) ; #Ngũ uẩn là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngũ uẩn này Thiện Trang giảng rồi, tức là các pháp Hữu vi gồm có Ngũ uẩn như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức v.v… Ở đây có chấm chấm (...) nữa mới đúng, chữ đẳng này là vân vân, mà do mình không có đủ khoảng trắng, nên mình không có [đánh vào]; như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nữa mới đủ.

#*Diệc Thế lộ Ngôn y*: cũng gọi là Thế lộ, Thế lộ là gì thì đằng sau sẽ nói. Tức là các pháp Hữu vi, gọi là Ngũ uẩn: như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mà cũng có tên khác gọi là Thế lộ.

Ngũ uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì quý vị biết rồi. Sắc nói đơn giản là vật chất. Ví dụ như thân thể chúng ta đây, gồm Sắc là các vật chất. Vật chất [trong] A Tỳ Đàm chia ra nhiều lắm, chia ra bốn đại: Đất, Nước, Gió, Lửa. Đất không phải là mỗi đất không, đất nói chung là vật chất. Nước là những gì có tính lưu chuyển được v.v… giữ được tính mềm mại, thì thường là nước. Còn Địa đại tức là đất, đất là tính cứng chắc. Ở trong kinh Phật phải giải thích như vậy, chứ đất là nắm đất thì không đúng. Mà đất là những gì mang tính cứng chắc, ví dụ như sắt cứng chắc, vàng cứng chắc. Những gì có tính chất cứng, gọi là Địa đại, là đất.

Nước là những gì mềm dẻo, cơ thể chúng ta có những yếu tố mềm dẻo. Lửa là những gì phát nhiệt, ấm, cơ thể của chúng ta cũng phải ấm. Ngược lại

ấm là phải có lạnh nữa, đó gọi là Hỏa đại. Chứ mình hiểu lửa là ngọn lửa không, thì không đúng. Cuối cùng là Phong đại, là gió. Gió là sự lưu chuyển, cái gì di chuyển được, giống như trong người chúng ta bao nhiêu thứ di chuyển, ngoài hơi ấm ra còn có nước, máu, chạy vòng vòng trong đó. Những gì di chuyển được, do chuyển động đó, nên gọi là Phong đại, là gió.

Nói mỗi Sắc thôi mà đã nhiều như vậy. Còn ở trong A Tỳ Đàm chia ra tới 28 thứ, bốn cái đó rồi thêm 24 thứ đi cùng nữa, từ từ chúng ta học sau, chứ còn bây giờ nói thì nhiều quá.

Thọ là cảm nhận, cảm thọ. Ví dụ chúng ta cảm nhận thấy nóng lạnh, rờ cái cây bút thấy nhám, đó là [mình] cảm giác được cái đó như nào. Hoặc là nghe âm thanh, mình thấy: sao âm thanh này khó chịu quá, âm thanh này to hay nhỏ… mình cảm nhận được, thì đó là cảm nhận, cảm thọ.

Hôm bữa Thiện Trang có giảng về Tưởng, Tưởng là những cái biết, dựa trên kinh nghiệm mình đã học qua. Ví dụ như Thiện Trang giơ lên cái này, bao nhiêu người nhìn thấy, thì có biết đây là cái gì không? Mọi người đều nói đây là điều khiển từ xa (remote). Tại sao quý vị biết vậy? Tại vì quý vị có kinh nghiệm, ở trong đời này mình đã học qua, mình đã tiếp xúc qua. Còn đưa một đứa nhỏ thì nó kêu: con không biết cái này là cái gì. Tưởng này phụ thuộc vào trình độ, tuổi tác, kinh nghiệm, v.v… có nhiều yếu tố.

Cho nên có một người khách đi tới nhà đó, có đứa nhỏ ba tuổi nói: *"Có một ông khách mẹ ơi"*, nhưng không biết ông nào hết. Tại vì nó mới ba tuổi, ba tuổi thì mới biết nói, nó nói có ông khách thôi là giỏi lắm rồi. Còn đứa lớn hơn, năm tuổi, nó kêu: *"Ông khách đó mặc áo trắng mẹ ạ".* Tức là nó biết được áo trắng, phân biệt được màu sắc. Rồi đứa lớn hơn kêu: *"Hình như ông hàng xóm hôm bữa đó mà mẹ ạ".* Rồi đứa lớn hơn nữa kêu: *"Ông chú thợ điện tới đó mẹ"*.

Tức là cùng một đối tượng đó, nhưng Tưởng của mọi người khác nhau, vì kinh nghiệm mà mình huân tập trong đời này khác nhau. Cái này ghê lắm

quý vị, khiến cho bao nhiêu người tu đúng đường hay lạc đường, là cũng do cái Tưởng này. Tại vì mình đã chấp vô đó rồi, mình đem mấy điều đó ra xài, đem những kinh nghiệm trong quá khứ ra xài. Mình luận tất cả những sự vật, hiện tượng, mình luận cả Phật pháp vào trong đây, cho nên cuối cùng mình đi lạc đường.

Cho nên khi mới vào đạo, mà gặp được thầy tốt, là một điều cực kỳ tốt. Còn mới vào đạo mà gặp ông thầy tà, ông dẫn tà rồi, [thì] kiến thức, kinh nghiệm của mình về Phật pháp bị sai mất. Và sau này mình đem so ra, [thì] cho dù thầy đó là [bậc] chân tu đi chăng nữa, mình so là mình thấy ông thầy đó sai. Tại vì kinh nghiệm của mình sai. Không phải thầy đó sai, mà do kinh nghiệm [của] mình huân tập sai. Đó là duyên của mỗi người, rồi cuối cùng mình đi đường tà cả đời, mà mình không biết là đường tà. Tại vì kinh nghiệm đó giải mã cho cái Tưởng của mình, cái Tưởng của mình như vậy.

Hành là gì? Hành là khía cạnh thiện ác của tâm, tức là mình dùng Tâm sở nào. Ví dụ bây giờ cùng ông hàng xóm đó vô, thì đứa nhỏ kêu: *'Ông hàng xóm đó tốt bụng lắm'*. Nhưng bà vợ [thì] kêu: *'Ông thợ sửa điện tới, nhưng ông này sửa không được đàng hoàng. Ổng tới là tìm cách kiếm thêm tiền thôi',* bắt đầu ghét. Đứa nhỏ thì bữa trước [được] ổng cho bánh, nên nó thương. Đó là khía cạnh thiện ác, và một bên là ghét, một bên là thương. Rồi thêm ông chồng nghe thấy ông thợ điện tới, ông lên coi trên camera, nghĩ thằng thợ điện này tới không biết có gì với vợ mình không. Nghĩ vậy là thêm chuyện, thêm phức tạp nữa. Đó là khía cạnh thiện ác, đó là Hành.

Còn Thức là cái biết ban đầu. Để Thiện Trang giải thích thêm, cho rõ hơn về Thức, vì quan trọng lắm. Ví dụ Thiện Trang cầm [mặt sau của cái điều khiển TV] đưa lên. Lần đầu tiên quý vị [chỉ] thấy cái gì đen đen, màu đen thôi, thì đó là Thức, tại vì mình chưa nhận được. Nhưng đưa tới đưa lui một hồi, thì mình nhận ra: cái này có mấy cái chấm trên đó, là bắt đầu vô Tưởng rồi.

Bây giờ Thiện Trang nói đơn giản, có một người đi ngang qua, quý vị thấy

có một người thì quý vị biết có một người, hoặc một cái gì đó ngang qua, thì đó là Thức. Thức là mới biết sơ sơ. Nhưng nhiều cái Thức gộp lại nhanh lắm, nó chụp chụp… một hồi đủ dữ liệu, [rồi] phân tích theo kinh nghiệm, gọi là phân tích qua Tưởng, và đưa ra kết quả. Tưởng mới đưa ra kết quả, còn Thức là cái biết ban đầu thôi.

Ví dụ quý vị thấy có màu xẹt qua, có một ông hàng xóm tới, thì quý vị chỉ biết là có một người thôi, chứ chưa nhận định là nam hay nữ gì hết. Thì những nhận biết ban đầu nhất, gọi là Thức. Vậy chúng ta đã hiểu Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

#Diệc Thế lộ Ngôn y: cũng gọi là Thế lộ và cũng gọi là Ngôn y. Tức là hai tên khác nữa.

Quý vị thấy bình thường mình học pháp Hữu vi, thì chỉ có Ngũ uẩn thôi, nhưng mà bây giờ gọi thêm Thế lộ. Thế lộ là gì? #Lộ là con đường, con đường đi vào trong thế gian. Tại vì pháp này kéo mình vô luân hồi, cho nên gọi là Thế lộ. Các pháp kia thì ra khỏi sanh tử luân hồi, còn pháp này đi vô đường chính vào luân hồi, đường chính vào thế gian, cho nên gọi là Thế lộ, là con đường ai cũng đi. Có một tấm hình người ta vẽ con đường đời thì đông người chen chúc, còn người về Tây Phương Cực Lạc rẽ lối phải, đi một mình. [Con đường] mà đông người đi, gọi là Thế lộ. Còn ít người đi, có một mình đi ra A-la-hán gì đó, là Vô vi pháp. Cho nên Hữu vi thì nhiều, Vô vi thì ít.

[Về] Ngôn y, đây cũng là một tên. Ngôn y là thế nào, thì đằng sau có giải thích.

#Hữu ly Hữu sự đẳng: cũng gọi là Hữu ly; #Hữu ly là có sự lìa khỏi; #Hữu sự là có những việc.

Ở đây Hữu ly [là] lìa khỏi con đường Niết-Bàn. Tức là mình đi theo thế gian, thì mình rời khỏi con đường giải thoát, rời khỏi Niết-Bàn. Hữu sự thì tự nhiên có nhiều nhân nhiều quả, đủ thứ chuyện ở trong này. Ra khỏi sanh tử,

[được] Niết-Bàn thì tịch tĩnh an vui, hết sự, nên trên gọi là Hữu sự. Còn chữ #đẳng là vân vân (v.v…). Ở đây dịch không hết, chắc bữa sau phải dịch lại chỗ này. Mặc dù dịch kệ rồi nhưng không dịch hết được, tại vì bài kệ phức tạp như vậy.

Hôm nay thời gian cũng hết, chúng ta nên để bữa sau giảng tiếp. Mới giới thiệu cho quý vị bài bảy thôi, chúng ta sẽ giảng tiếp nội dung này. Hôm nay Thiện Trang chỉ chia sẻ tới đây, hẹn quý vị vào hôm khác. Hy vọng mỗi bữa chúng ta học được một chút, thì quý vị sẽ cảm thấy đi được một chút. Thiện Trang sẽ cố gắng giảng, bữa thì giảng Duyên hệ, bữa thì giảng những Tâm sở. Hôm nay do không có thời gian chuẩn bị, nên không giảng Tâm sở. Nhưng cố gắng giảng, tại vì Tâm sở cũng nhiều lắm. Nếu chúng ta nắm được phần nào, thì mai mốt nhàn hơn.

Khi học Tâm sở rồi, chúng ta bắt đầu mới hiểu vô tiến trình luân hồi, tiến trình giải thoát từ đâu ra, từ Tâm sở nào. Mình dùng Tâm sở nào thì mới tương ưng để đắc Thiền, đắc đạo v.v… những điều đó cực kỳ quan trọng. Điều này Thiện Trang phải lựa, lựa nội dung nào học được thì đưa ra trước, điều nào không học được thì để lại sau, quý vị có nền tảng rồi quý vị mới học được.

Thiện Trang xin chia sẻ bấy nhiêu, hôm nay tạm dừng tại đây. Hẹn quý vị vào hôm khác, hôm nay do bận rộn quá nên cũng chỉ chia sẻ được bấy nhiêu, mong quý vị thông cảm. A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đồng sanh về Tịnh Độ”.

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 7: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 7.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 07.08.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

LCX007- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Vi Dlệu Pháp) - Phẩm Thứ 1 - Buổi 7|| Thích Thiện Trang - Phần 2

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, và theo lịch thường lệ chúng ta gặp nhau trong chuyên đề về Luận Câu Xá. Bộ này Thiện Trang cố gắng chia sẻ hai phần: Một phần là về Luận Câu Xá, của bên Phật giáo Bắc truyền, [và] Thiện Trang cũng tranh thủ đưa phần A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp của Phật giáo Nam truyền) vào. Vì hai nội dung này tương đối giống nhau. Thực ra nếu học kỹ thì giống nhau, mà do mỗi bộ luận [nên] nội dung có phần khác nhau. Nếu như quý vị tìm trong tạng của Bắc truyền, thì bộ A Tỳ Đàm cũng [có] rất nhiều bộ, và bên Nam truyền cũng vậy. Mình phải học một loạt các bộ luận, thì mình mới tổng kết lại thành một bộ có thể đầy đủ. Chính vì vậy, quý vị đừng bất ngờ, khi có những điều mà Thiện Trang chia sẻ, quý vị mở trong Luận Câu Xá không có, hay tìm bên Vi Diệu Pháp cũng không có. Đó là tại vì chúng ta chưa học đủ.

Việc học ảnh hưởng chúng ta rất nhiều. Bởi vì nhận thức khác nhau, sẽ dẫn đến hành trì khác nhau. Việc hành trì sâu hay cạn, là do nhận thức của mỗi người. Trong bất cứ lĩnh vực nào cũng vậy, trong Phật pháp cũng như thế. Ví dụ như chúng ta dạy một đứa bé đánh răng, cứ bắt nó đánh răng, nói:

“Đánh răng đi con!”. Sáng ra dậy đánh răng, tối trước khi đi ngủ đánh răng, hoặc đánh răng sau bữa ăn. Nếu với tinh thần của một đứa bé, [thì] nó có thể làm được, [vì] nghe lời mẹ.

Nó làm từ năm này qua tháng nọ, làm miết đến khi lớn lên. Nhưng nó làm theo một [cách] máy móc, một quy trình mà được đào tạo từ nhỏ. Nếu đứa bé đó học đến lớp 12, [thì] nó nhận thức được rằng: là phải đánh răng, vì bảo vệ sức khỏe của mình, bảo vệ [răng không bị] sâu răng, đánh răng để khỏi hôi miệng, đánh răng để thế này thế kia. Tức là nó sẽ nhận thức được nhiều hơn, và khi đó nó tự giác được việc [đánh răng] hơn.

Và nếu đến một người lớn tuổi hơn nữa, hoặc là một người Bác sĩ, thì hiểu rõ tác dụng của việc đánh răng hơn nữa, chăm sóc răng như thế nào. Người Bác sĩ đó lại có thể tự giác hơn nữa, tự chăm sóc răng mình kỹ hơn nữa, qua những món ăn, thế này thế kia.

Cho nên tuy là một việc, nhưng có rất nhiều nhận thức khác nhau, dẫn đến hành trì khác nhau. Cũng vậy, nếu chúng ta học giáo pháp tới nơi tới chốn, thì chúng ta hành trì rất dễ, rất rốt ráo. Còn lại nếu mình chỉ học một cách mơ mơ màng màng, thì mình hành trì cũng mơ mơ màng màng. Thậm chí mình học theo phương diện mê tín, [thì] mình hành trì theo mê tín.

Có một câu chuyện vui, gọi là tu Thiền theo Mông Cổ hay tu Thiền theo Ấn Độ mà các đồng tu trên mạng chưa được nghe. Thế nào là tu Thiền theo Mông Cổ? Thế nào là tu Thiền theo Ấn Độ? Tu Thiền theo Mông Cổ, là quý vị ráng ngồi cho ngay ngắn, lưng thẳng, mông cho bằng, cổ cho thẳng lên. Cho nên tu một hồi là tu mông với tu cổ, gọi là tu Thiền theo Mông Cổ. Còn tu Thiền Ấn Độ là Thiền của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Thiền định chánh niệm.

Cho nên một vấn đề thôi, nhưng nếu mình nhận thức được rất rõ ràng, thì tu [được]. Mà tu Thiền chánh niệm, là Thiền Tứ niệm xứ hay gọi là Thiền quán, thì không phải là vào ngồi xếp bằng mới tu. Ngồi xếp bằng là tu Thiền

chỉ. Mà Chỉ, Quán thì phải cần cả hai. Quý vị coi trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, thì đức Phật rất chú trọng điều này, Ngài nói là ráng tư duy, ngồi kiết già, ngồi xếp bằng để tư duy về pháp. Tức là khi ngồi, là giúp cho tư thế, và sau đó là tư duy. Nên việc tu hành [thì] cần phải hiểu. Mình hiểu thì mình mới hành được, còn nếu mình không hiểu thì mình không hành được.

Đạo Phật có rất nhiều Pháp môn, có 84.000 Pháp môn. Bởi vì tùy theo phương pháp nào, mà mỗi người phải có nhận thức đúng, thì mới hành trì đúng. Ví dụ như lúc này thì chúng ta dùng phương pháp này, nhưng lúc khác [lại] dùng phương pháp khác. Tùy lúc, có lúc dùng Thiền chỉ, có lúc dùng Thiền quán. Đức Phật nói là: Người Tỳ-kheo khéo biết rằng: lúc nào dùng Chỉ, lúc nào dùng Quán. Chứ không phải mình cứ áp dụng một phương pháp. Không đúng!

Giống như ở đời, có một công án Thiền như thế này: Một vị Thiền sinh (tức là học trò) hỏi vị thầy của mình: *"Thưa thầy! Sao đạo Phật có nhiều Pháp môn như vậy? Sao thầy dạy nhiều vậy? Thầy dạy con thế này, thầy dạy người khác thế khác?"*. Vị Thiền sư mới nói rằng: *"Bây giờ muốn tìm đồ đạc trong nhà, thì tìm bằng cách nào?"*.

Chúng ta dùng giác quan nào để tìm? Tất nhiên chúng ta dùng mắt để tìm đúng không! Chúng ta tìm đồ đạc trong nhà, thì dùng mắt để tìm. Nhưng có khi [chúng ta] phải dùng trí nhớ, tức là dùng Ý thức Thứ sáu. Như vậy có khi chúng ta phải dùng mắt (Nhãn căn) để quan sát, nhưng có khi chúng ta phải nhắm mắt lại, để nhớ coi mình để ở đâu. Đó là hai cách tìm đồ rồi. Giả sử bây giờ tối thui, [bị] cúp điện, không thấy đường, thì mình phải tìm bằng cách đi mò đồ, lục lục, rờ rờ để coi cái đèn pin để đâu. Như vậy là dùng Xúc. Như vậy một cái dùng Nhãn thức, một cái dùng Ý thức, một cái dùng Xúc thức. Đấy là ba ví dụ, là ba Pháp môn tu. Đôi khi mình phải nghe, gọi điện cho người thân hỏi món đồ đó để ở đâu. Đó là dùng căn tai. Hoặc đôi khi muốn tìm vật gì đó, ví dụ như người mù không thấy đường, [thì họ] gõ bong bong, gõ xem

coi tiếng nào khác để phân biệt. Cho nên tùy lúc mà dùng.

Chúng ta học cũng vậy, học bao giờ mà mình đủ năng lực, đủ khả năng, thì bất cứ pháp nào mình đều tu được. Lúc này thì tu pháp này, lúc kia thì tu pháp kia. Nhưng định hướng thực ra vẫn là dùng tâm thanh tịnh. Đó là điều mà chúng ta phải hiểu.

Nhiều đồng tu nói học thế nào? Trong đó chúng ta phải có một kiến thức nền tảng đủ rồi, thì chúng ta mới nhất môn thâm nhập được. Còn nếu không, thì không thể nào nhất môn được. Nếu không có một nền tảng, mình vào tu, thường mấy năm đầu thì được, nhưng tu dài lâu thì sẽ phiền não. Phiền não là do mình không biết tu. Người tu học mà phiền não, mà đau khổ, đó là không biết tu.

Phải tu làm sao trong mọi thời, mọi lúc, đều an lạc hiện tiền, rồi mình tu Pháp môn nào mới đắc lực. Còn nếu như mình chỉ buồn sầu thôi, thì học A Tỳ Đàm là ta thấy rõ ràng: Khi thân tâm chúng ta tiếp xúc với cảnh trần (tức là Sáu trần), bằng tâm bất như ý, thì sẽ chiêu cảm đời sau được quả bất như ý, khổ hơn nữa! Cho nên đầu tiên quý vị cứ an lạc trong từng [phút giây] hiện tại đã, là quý vị có quả đời sau tốt rồi, đó là đương nhiên! Có nhiều người tu cũng không biết.

Ví dụ nói về thức ăn, Thiện Trang có chia sẻ, các đồng tu nói nếu như mình ăn, mình không phân biệt được thì quá tốt, mình ăn món nào cũng thấy ngon thì quá tốt. Nhưng nếu mình chấp vào danh, mình cố gắng ăn đồ dở, để mình được mang tiếng ăn không phân biệt. Thì mình lừa được thiên hạ, nhưng không lừa được chính mình. Khi mình ăn, mình vẫn cảm giác món này khó chịu, khó ăn quá. Như vậy là quý vị không lừa được tâm của quý vị, Sáu căn tiếp xúc với Sáu trần bằng cảnh không như ý thì chiêu cảm quả đời sau bất như ý.

Cho nên người tu hành, học A Tỳ Đàm biết rõ rồi, không lừa được tâm

của mình đúng không? Cho nên hãy sống thật với mình, mình thế nào thì tùy theo thế đó. Rồi mình luyện từ từ theo năm tháng, dần dần cảnh giới của mình lên, thì mình chịu đựng tốt hơn. Đó là cách mà chúng ta [nên làm]. Và người tu hành, quan trọng là đường cuối cùng [mình] đi về đâu? Ở trong đây tạm nói một chút, có ba kiểu tử (chết):

1. Một là kiểu chết của người Liễu đạo. Liễu đạo là rõ ràng, sáng tỏ, sáng suốt. Có nghĩa là chờ cho đến khi duyên hết thì đi. Đó là kiểu chết của người Liễu đạo, tuyệt vời!

2. Thứ hai là kiểu chết của người Hiểu đạo. Tức là ra đi trong sự chán chường với thế giới này, không cần, không tha thiết nữa, tôi không thích thế giới này. Đó là Hiểu đạo.

3. Thứ ba là kiểu chết của người Vô đạo. Vô đạo là chúng sanh không có hiểu đạo gì hết, không biết gì hết, nên ra đi trong sự sợ hãi và tiếc nuối. Quý vị nhìn xem, đa số người ta ra đi trong sự sợ hãi và tiếc nuối.

Vậy chúng ta cố gắng, ít nhất là phải ở hạng hai. Hạng hai là kiểu chết của người Hiểu đạo. Ra đi khi không còn mong muốn gì ở thế gian này nữa, mình sẵn sàng buông xả, bởi cảnh giới đời sau sẽ tốt đẹp. Bởi vì nếu mình tu tốt thì đời sau chắc chắn tốt đẹp. Nếu ai tu về Phật quốc, thành tựu nữa thì ok. Còn nếu không nữa, chúng ta thành người Liễu đạo thì càng tuyệt vời.

Ở đây Thiện Trang xin chia sẻ một chút, để cho quý vị thấy dấu hiệu của mình tu, là rớt vào Tà định tụ hay Chánh định tụ:

Dấu Hiệu Nhận Biết Người Trụ Trong Tà Tụ Hay Chánh Tụ

(Trích từ Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nếu có người ở trong tụ tà kiến, người ấy có hình dáng như thế nào? Mặt mũi như thế

nào?

Quý vị thấy quan trọng không? Mình tu, coi mình có trụ trong tà kiến hay không, hoặc người khác có trụ trong tà kiến hay không? Mình hãy lấy tiêu chuẩn này của đức Phật đưa ra, thì chúng ta sẽ phân biệt được.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: "Như Lai là Vua các pháp, là chí tôn các pháp. Lành thay, Thế Tôn, hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành".

Thế Tôn bảo: "Các ngươi hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì các ngươi phân biệt nghĩa này".

Các Tỳ-kheo đáp: "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo: ***"Người ở trong tụ tà*** *(Tà định tụ)* ***cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này sống trong tụ tà. Sao gọi là năm?*** (Hay những gì là năm?). Đây là do bản dịch thôi. Bây giờ chúng ta coi thử điều này có mình không?

(1)Nên cười mà không cười, (2)lúc nên hoan hỷ mà không hoan hỷ, (3)nên khởi lòng từ mà không khởi lòng từ, (4)làm ác mà không hổ, (5)nghe lời thiện của người mà không để ý. Nên biết người này ắt ở trong nhóm tà. Nếu chúng sanh nào ở trong nhóm tà, người ấy cần được nhận biết bằng năm sự này".

Ở đây đức Phật không có phân tích ra, nhưng chúng ta có thể phân tích ra, để quý vị thấy năm dấu hiệu này:

1. Nên cười mà không cười: tức là người này sống không chân thật. Đây là dấu hiệu của người tà. Việc đáng cười thì cứ cười thôi, cười nhẹ nhàng thôi, không có cười quá, không cười "hố hố", nhưng mình cười vừa phải. Đấy là

nên cười mà [không] cười.

2. Lúc nên hoan hỷ mà không hoan hỷ: vậy tu kiểu gì? Rõ ràng là mình có chút vấn đề rồi, tại sao mình không hoan hỷ? Ví dụ như người ta làm việc tốt mà mình không hoan hỷ gì hết. Hoặc là thế nào đó, mình cũng không chịu khó suy nghĩ. Mình không hoan hỷ, không tùy hỷ công đức, hay mình trơ trơ rồi. Vậy rớt vào nhóm tà là đúng rồi.

3. Nên khởi lòng từ mà không khởi lòng từ: đây là vấn đề không có tâm từ bi.

4. Làm ác mà không hổ: không hổ là không xấu hổ, hổ thẹn. Vậy thì rõ ràng là tà rồi.

5. Nghe lời thiện của người mà không để ý: tức là người ta nói lời tốt cho mình, cũng không thèm để ý luôn.

Năm điều này sẽ xác định người đó rớt vào nhóm tà, quý vị phân định được ngay. Nền tảng này rất căn bản, để chúng ta phân biệt được.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào ở trong nhóm chánh, người ấy có tướng mạo như thế nào? Có nhân duyên gì?”

“**Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật: “Như Lai là Vua các pháp, là chí tôn các pháp. Cúi xin Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành”.** Đoạn này cũng tương tự vậy, Thiện Trang xin đọc phần cuối thôi.

Thế Tôn bảo: “*Người ở trong tụ chánh cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này đang ở trong tụ chánh. Sao gọi là năm? Nên cười thì cười,* (đó là điều thứ nhất, giống như trên), ***nên hoan hỷ thì hoan hỷ,*** (quý vị thấy dấu hiệu nhận ra, khi nào nên cười thì họ vẫn cười thôi, lúc hoan hỷ nên hoan hỷ thôi, không có che giấu gì hết)***, nên khởi lòng từ thì khởi lòng từ, đáng hổ thì hổ,*** (tức là đáng xấu hổ, hổ thẹn

thì hổ thẹn) ***nghe lời thiện liền chú ý.*** (đó là dấu hiệu thứ năm, để biết người ta có tâm chánh. Còn nhiều người nghe lời thiện, mà không để ý gì hết, là biết rồi.) ***Nên biết người này đã ở trong tụ chánh. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy nên bỏ tụ tà, ở trong tụ chánh*****".**

(Trích từ Kinh Số 1- Phẩm Tà Tụ Thứ 35 của Kinh Tăng Nhất A Hàm, do Tỳ-kheo Thích Đức Thắng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính).

Hôm nay chúng ta phải bổ sung thêm [những điều này], vì nhiều khi tu mà mình không hiểu, không biết tu ở đâu. Và khi mình tu như vậy, mình thân cận thiện giả mới tốt, thân cận người thiện, thân cận điều thiện. Bữa trước chúng ta học về Vật thực duyên. Vật thực duyên có những duyên nào, chúng ta quan trọng tiếp xúc điều nào, trong đó có tiền nghiệp, khuynh hướng, và môi trường ảnh hưởng đến chúng ta. Đừng nói là chúng ta giỏi, chúng ta sống ở đâu lâu, ảnh hưởng thứ gì nhiều, sẽ khiến cho mình thành ra thay đổi. Đó gọi là Thường cận Y duyên. Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ tiếp về các duyên.

Thiện Trang xin nhắc lại, chúng ta đã học học qua các duyên như sau: Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Câu sanh duyên. Tiền sanh duyên là cái trước xuất hiện giúp cho cái sau. Hậu sanh duyên là cái sau chưa xuất hiện, nhưng giúp cho cái trước. Câu sanh duyên là hai cái cùng xuất hiện, để giúp nhau, muốn giúp nhau thì phải cùng lúc. Hiện hữu duyên là có thì mới giúp, không có thì không giúp. Vô hữu duyên là không có thì giúp.

Thiền duyên (hay Thiền na duyên) là Bảy chi thiền. Đối với Sơ thiền là lên các chi thiền, Nhị thiền thì bớt xuống, Tam thiền bớt xuống, Tứ thiền bớt xuống. Chúng ta mới giới thiệu Sơ thiền thôi, Thiện Trang chưa giới thiệu sâu.

Tiếp theo là Vô gián duyên, là duyên liên tục không gián đoạn, cũng giúp cho mình rất nhiều. Ví dụ như chúng ta nghe pháp, tuần nào cũng nghe, thì quý vị thấy hoan hỷ, hoan lạc. Quý vị thấy Thiện Trang nghỉ nửa tháng thôi, là quý vị phiền não. Đó là Vô gián duyên. Rõ ràng chúng ta không được tưới

pháp một thời gian, giống như cây không được tưới nước một thời gian, là mình phiền não rồi. Quý vị thấy Thiện Trang [cũng] phiền não, Thiện Trang bỏ ra một thời gian không trụ trong pháp, [vì] sức chịu đựng [của] mình có hạn, lúc nào đó rồi cũng phiền não lên. Mình sẽ nhận thấy một chút Phiền não bắt đầu khởi, cho nên là thường trụ trong pháp mới được.

Tiếp là Đạo duyên, là mỗi ý niệm, mỗi suy nghĩ trong mỗi sát-na của chúng ta, mở cho chúng ta lối đi, lối về tương lai, gọi là Đạo duyên. Hôm bữa chúng ta chia sẻ đến Đạo duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Vật thực duyên, Thường cận Y duyên, Ly khứ duyên và Bất ly duyên.

Chúng ta học sơ sơ 14 duyên rồi, hôm nay Thiện Trang xin chia sẻ thêm duyên thứ 15 là Trưởng duyên. #Trưởng là lớn, mạnh; nhưng ở đây định nghĩa là lực đẩy của những khía cạnh tâm lý. Tức là bất cứ việc gì, dù là việc ở đời hay việc trong tu đạo, dù là thế nghiệp hay đạo nghiệp (tức là nghiệp của thế gian hay nghiệp của tu đạo), thì chúng ta cần để ý đến bốn sự tác động, gọi là bốn nguồn năng lượng chủ lực (chủ yếu) cần tới, [thì] việc đó thành tựu như thế nào.

1. Điều thứ nhất là quý vị phải có sự mong muốn tha thiết. Tức là mình làm việc gì, thì mình phải có sự mong muốn tha thiết, đó gọi là dục, dục tức là mong muốn. Ví dụ chúng ta muốn thành đạo quả, [thì] chúng ta phải có lòng mong muốn tha thiết. Chứ không có tu như bèo dạt mây trôi, mặc kệ gió đưa đi đâu thì mây bay theo tới đó, bèo trôi theo dòng nước, thủy triều lên thì lên, xuống thì xuống. Như vậy quý vị tu bất cứ Pháp môn gì, cũng khó mà thành tựu. Ở đời cũng vậy nếu không quyết tâm, không có ý chí, thì sống như vậy cũng không tới đâu.

Cho nên đầu tiên phải có dục, tức là mong muốn tha thiết. Đây là một yếu tố khía cạnh tâm lý, ảnh hưởng đến sự thành tựu, cho nên đây là một trong bốn phần của Trưởng duyên. Tức là duyên để tăng trưởng lên, duyên để việc gì đó mạnh lên, thành tựu, lớn mạnh. Duyên thứ nhất là duyên về tâm

lý, phải có lòng mong muốn, gọi là Dục, ở trong Trưởng duyên.

2. Thứ hai là Cần, cần là sự nỗ lực đúng mức. Cần là tinh tấn, tức là mình phải siêng năng, nỗ lực, cố gắng. Ở đời cũng vậy, nếu như đi học, [mình nói tôi] có lòng, tôi rất mong muốn, nhưng không chịu nỗ lực, thì thế nào học cũng không được. Rồi tu đạo cũng vậy, tôi mong muốn thành đạo quả lắm, nhưng mà tôi không có tu. Nếu không nỗ lực tu thì cuối cùng cũng không được, phải sống chết với nó.

Như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ở trong Kinh A Hàm, có chia sẻ: lúc ngài vào thời quá khứ xa xưa vô lượng kiếp về trước, có đức Phật ra đời, hiệu là Bảo Tạng Như Lai, lúc đó ngài là một công chúa tên là Mâu Ni. Công chúa có người anh đi xuất gia, làm Tỳ-kheo, công chúa này cúng dường cho đức Phật Bảo Tạng rất nhiều, còn người anh thì làm Tỳ-kheo đi xuất gia.

Ngày nọ, người anh được đức Phật Bảo Tạng thọ ký rằng: tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Đăng Quang. Đăng Quang là Phật Nhiên Đăng đó quý vị. Người anh vui lắm, khoe với người em: *"Giờ tôi được đức Phật thọ ký rồi, tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Đăng Quang Như Lai".* Người em hỏi: *"Vậy tôi có được thọ ký hay không?"* [Người anh trả lời]: *"Không! Không có nghe nói, không thấy*".

Cô gái đó mới tới hỏi đức Phật: *"Nếu Ngài không vì con mà thọ ký, thì con sẽ …"* (giống như tự sát, kiểu vậy đó). Đức Phật mới nói là: "*Này, thân nữ có năm điều chướng* (trong đó có điều không thể làm Phật). *Vì thế ta chưa thể thọ ký cho cô được. Cô [nên] nhớ, vô lượng kiếp sau, sẽ có vị Phật ra đời, hiệu là Đăng Quang Như Lai* (tức là Phật Nhiên Đăng), *chính là Thiện tri thức của cô, người ấy sẽ thọ ký cho cô*".

Và quý vị biết đó, người Tỳ-kheo xuất gia đó chính là Phật Nhiên Đăng, hay là Phật Đăng Quang. Và đến vô số kiếp sau (đó là nói trong Kinh A Hàm. Còn có chỗ khác nói là 16 a-tăng-kỳ kiếp sau, tức là từ thời đó đến [thời Phật

Nhiên Đăng] là 16 a-tăng-kỳ kiếp), thì cô ấy mới được thọ ký, dưới thời đức Phật Nhiên Đăng, và được thọ ký là [Phật] Thích Ca Mâu Ni, hội chúng sau này sẽ giống như vậy, cho nên nhân duyên là như vậy.

Quý vị thấy lòng thiết tha tu hành như vậy, thì mới được thọ ký, và sự tinh cần, tinh tấn. Đức Phật Thích Ca trong Kinh Tăng Nhất A Hàm: **"Trong ba đời chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, ta là vị Tinh tấn Đệ nhất** (đức Phật nói Ta là người Tinh tấn Đệ nhất). **Chính vì vậy ta vượt hơn đức Di Lặc (đức Metteyya) 30 kiếp, và ta mới thành Phật trước ông ấy"**. Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Thiện Trang mới nghe hôm nay, đức Phật nói như vậy.

Đó là sự tinh tấn của ngài, vượt hơn tất cả chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai. Cho nên chúng ta rất may mắn được làm Đệ tử [của đức Phật Thích Ca], dù không gặp trực tiếp, nhưng [là] Đệ tử gián tiếp thôi, học giáo pháp của Ngài. Đó là mình [cũng] nỗ lực, tinh tấn.

Đức Phật Thích Ca, cũng trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Ngài nói: **"Ta đã trải qua vô lượng kiếp, ở trong các cảnh giới, ta đều đã trải qua, chỉ trừ một nơi".** Tức là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, các cõi Trời v.v… [Ngài] đều trải qua hết, chỉ trừ một nơi. Đố quý vị: một nơi trong Tam giới, mà đức Phật chưa từng trải qua là nơi nào? Đức Phật Thích Ca nói, có một nơi mà đức Phật chưa từng trải qua, còn các nơi khác, như Thiện Trang nhớ Ngài nói là: Ta đã từng 36 lần làm chủ trời Đế Thích (là vua trời Đao Lợi), ta đã làm bao nhiêu cái gì đó v.v… Ngài nói rất nhiều. Nhưng Ngài nói có một nơi mà Ngài chưa từng đến. Đố quý vị: nơi nào trong Tam giới mà đức Phật chưa từng đến? Đức Phật chưa từng đến là tại sao?

Tất nhiên với năng lực của một vị Bồ-tát, [thì Ngài] muốn đến là đến thôi. Nhưng có một nơi Ngài không đến, trong Thế giới Ta Bà này, đó chính là Ngũ Tịnh Cư thiên (năm tầng trời Bất Hoàn) [Ngài] lại không đến. Quý vị nhớ năm tầng trời Bất Hoàn không? [Ngài khi thành] Tam quả A-na-hàm thì

không sanh vào đó, không sanh vào năm tầng trời Bất Hoàn, [gồm]: trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Sắc Cứu Cánh. Ngài nói: *"Vì nếu ta lên năm tầng trời đó, ta không trở lại nhân gian nữa. Vì ta nguyện độ sanh".* Vì đức Phật Thích Ca tu bằng con đường này, Ngài nguyện ở Thế giới Ta Bà này, và Ngài cũng không nguyện về Thế giới khác. Cho nên Ngài ở Thế giới này, quyết định dùng nguyện lực để không sanh vào năm tầng trời Bất Hoàn, để Ngài còn trở lại nhân gian độ sanh. Đó là lý do.

Còn trời Vô Tưởng, trời gì đó v.v… là trong quá khứ Ngài qua hết rồi. Tức là vô luân hồi vô lượng kiếp mà, cỡ nào cũng vô hết rồi, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cũng có rồi, có đời nào đó cũng tu. Ngài nói chỉ có năm tầng trời Bất Hoàn là Ngài chưa đến. Tại vì nếu Ngài đến đó, [là] ra khỏi luân hồi rồi. Năm tầng trời Bất Hoàn là không trở lại Dục giới. Trong khi đó Ngài thị hiện, trong kinh đó nói như vậy, có nghĩa là Ngài thật sự thành Phật lần này là lần đầu tiên. Còn sau này Ngài có thể thành Phật ở Thế giới khác.

Trong A Tỳ Đàm cũng có nói rằng: Khi Ngài được thọ ký rồi, từ thời đức Phật Nhiên Đăng, thì Ngài không nguyện tái sanh vào Thế giới khác. Tức là Ngài chỉ trụ ở Thế giới Ta Bà thôi, Ngài dùng nguyện lực của mình để không vào Thế giới khác. Và thậm chí Ngài cũng không nguyện vào các trời trường thọ, như trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tại sao? Vì lên đó phí thời gian. Trời Vô Tưởng, lên đó phí thời gian lắm. Cho nên từ khi [được] thọ ký thì mới như vậy. Còn Ngài nói từ vô thỉ kiếp tới giờ, là Ngài chưa từng lên.

Và chúng ta cũng vậy, nếu chúng ta không phải là Bồ-tát tái lai, chắc chắn có một nơi mà quý vị chưa từng lên, đó là Ngũ Tịnh Cư thiên, hay là năm tầng trời Bất Hoàn. Vì nếu chúng ta lên đó, thì chúng ta là Tam quả A-na-hàm trở lên rồi, chúng ta ra khỏi sanh tử rồi, chúng ta đâu có ở đây, bất hoàn mà. Cho nên học, mình có trí tuệ logic thì mình biết.

Thiện Trang trở lại [bài học], đó là kể cho quý vị đỡ buồn ngủ. Trưởng duyên gồm có:

1. Một là ứng bố khả thuyết, tức là Dục (Dục tưởng).

2. Hai là một sự nỗ lực tinh tấn đúng mức, đó chính là Cần.

3. Thứ ba là một trạng thái, một tâm thái thích hợp, [gọi] là Tâm. Có nghĩa là đối với việc đó thì mình phải nhận định được, mình phải có tâm thái thế nào, chứ mình tu mà mình không nhận định được, mình có tâm thái hời hợt, v.v… thì làm sao có thể thành tựu được.

4. Và thứ tư là Thẩm, #Thẩm tức là nhận thức về đường hướng, việc làm, hành động của mình. Thẩm này là thẩm tra, thẩm xét. Cho nên ở đây nói Thẩm, điều này cũng rất quan trọng. Tại vì tu, nếu mình tu không có trí huệ để soi con đường của mình, thì tu rất là dễ bị lạc đường. Cho nên mình cần phải thẩm tra, thẩm xét. Nên điều thứ tư này là Thẩm. Điều này quan trọng, để mình làm việc và việc đó nên làm [hay không]. Đối với một việc ác, thì tuyệt đối không cần ánh sáng của trí tuệ, mà cần đến Vô minh. Còn đây mình muốn làm việc thiện, thì phải cần ánh sáng của trí tuệ.

Quý vị thấy những người làm việc ác, tất nhiên người ta vô minh người ta mới làm chứ. Cho nên Trưởng duyên, [nếu] nói về tu đạo, đối với đạo thì phải cần thái độ, tức là trí tuệ này, việc thẩm xét này là trí tuệ. Còn đối với Trưởng duyên, đối với việc ác thế gian, thì cần có Thẩm, tức là sự Vô minh. Họ không tin nhân quả, không tin gì đó, v.v… thì họ mới làm ác.

Thiện Trang nói lại điều thứ ba, đó là tâm thái tương ứng, tức là trạng thái của tâm. Việc nào cũng cần một tâm lý tương ứng, đòi hỏi mình có tâm tham hay sân, đồng nghĩa mãnh liệt. Hoặc ví dụ như bây giờ chúng sanh [thì có] tâm tham, tâm sân. Còn nếu chúng ta tu, thì chúng ta phải có tâm của Thiền định. Phải có tâm như vậy, đó là trạng thái tâm tương ưng. Đó gọi là mấy Tâm sở tương ưng, tâm ly dục để đắc Thiền v.v…

Tóm lại Trưởng duyên có bốn điều, ảnh hưởng đến tất cả các đạo nghiệp, hay là sự nghiệp thế gian cho đến xuất thế gian. Đó là: Dục, Cần, Tâm

và Thẩm. Bốn duyên đó làm lớn mạnh tất cả sự nghiệp, [làm] lớn mạnh sự nghiệp xuất thế gian hay là trong thế gian, gọi là Trưởng duyên. Hơi khó hiểu chút, nhưng quý vị chắc hiểu được bốn yếu tố đó. Cho nên nói thật ra bốn duyên ở trong đó, một thành bốn đó quý vị, là Trưởng duyên.

Thiện Trang nói để chúng ta học, chúng ta hiểu, mỗi yếu tố trong đời của chúng ta, mấy duyên này quan trọng. Mình chỉ cần [hiểu], đôi khi có những duyên rất nhỏ, [nhưng] ảnh hưởng rất lớn. Ví dụ một hạt bụi nhỏ [bay] vào trong mắt, mình có thấy khó chịu không? Khó chịu, nó ảnh hưởng cả vấn đề cơ thể mình. Một bữa ăn, nhiều khi ăn miếng gì đó, là bắt đầu thay đổi cả vấn đề. Cho nên mình học [những điều] này để mình hiểu, để mình có tinh thần vô Ngã.

Học mấy duyên này, để quý vị hiểu ra. Thiện Trang xin đúc kết lại, là mình học các duyên này để:

1. Một là chúng ta có tinh thần vô Ngã: tôi không là gì trong cuộc đời này, nếu không có sự hỗ trợ của các điều kiện khác. Quý vị nghĩ coi, nếu một mình quý vị có sống được [ở] thế gian này đâu. Quý vị không thể sống được, nếu như không có nước từ nhà máy cung cấp, mình phải tự đào giếng thì cũng mệt lắm. Nhiều người không có khả năng đào giếng được, ra lấy nước sông uống. Rồi quý vị phải xài điện từ đâu đó, quý vị phải xài thiết bị nào đó v.v… Nói chung mình không là gì ở thế gian này.

Tu đạo cũng vậy, mình cũng không là gì trong con đường tu cả. Vì mình phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác, phụ [thuộc] vào nhiều duyên khác. Từ đó, tinh thần vô Ngã được đề lên, và từ đó mình tu mới phá Ngã được. Học mấy duyên này là để áp dụng vào điều đó.

2. Thứ hai là hiểu được lý Duyên khởi, để phá Pháp chấp. Đó là cái gì có mặt trên đời, cũng do sự giúp đỡ của vô số cái khác. Bản thân nó cũng đóng một mắt xích, để cho bao nhiêu cái khác tiếp tục. Tức là thằng này là do bao

nhiêu thằng kia tạo nên, nhưng nó cũng tạo nên bao nhiêu vấn đề khác.

Thiện Trang lấy mình [làm ví dụ], Thiện Trang cũng vậy, do dòng họ đó, gia đình mình đó, [nhờ] ba mẹ của Thiện Trang mới sinh ra Thiện Trang. Do anh chị, bà con, rồi thầy cô dạy cho Thiện Trang. Cho đến sau lớn lên đi xuất gia, thì được thầy dạy, rồi học được pháp của Hòa thượng Tịnh Không và bao nhiêu thầy khác dạy. Rồi kinh sách [được] bao nhiêu người dịch, bao nhiêu người tuyên truyền từ xưa đến nay, nhiều nhiều như vậy. Cuối cùng Thiện Trang đọc hết, học hết, rồi tu học một hồi, bây giờ Thiện Trang đóng [vai trò] là móc xích lại truyền cho quý vị.

Tức là mỗi người hay mỗi vật, mỗi yếu tố nào, đều là một nấc thang cho bao nhiêu cái khác. Từng bước, từng bước thang đi lên, thì nấc thang trên đó, cũng phải dựa vào một mớ nấc thang dưới. Và nó cũng [là] bước đệm cho những nấc thang ở trên. Quý vị hiểu vậy, thì quý vị hiểu được lý Duyên sinh vô Ngã, thì quý vị mới tu được. Còn bây giờ mình cứ tu một hồi là: Tôi ghê lắm! Tôi thế này ghê gớm lắm!. Cho nên quý vị chỉ cần biết được như vậy, là quý vị tu nhẹ nhàng, và tự nhiên phá Ngã chấp nhẹ nhàng thôi. Hồi xưa mình cố gắng phá [Ngã] cho cố, [nhưng] không phá được. Nhưng nếu mình học được mấy duyên này, là tự nhiên nhẹ, tự nhiên Ngã của mình giảm, và tự nhiên mình cũng hiểu được nguyên lý Vô thường vô Ngã, dần dần mình mới đắc đạo quả. Sự hiểu biết dần dần ở trong tâm mình. Mà đến khi nó ở luôn trong tâm mình, thì gọi là Kiến đế. Kiến đế tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Tại vì xưa nay mình không hiểu bản chất, nên mình cố gắng: tôi cũng muốn vô Ngã lắm mà, tôi cũng muốn thế này thế kia. Nhưng mà cuối cùng không có vô [Ngã] được, tại vì không hiểu bản chất. Còn bữa nay chúng ta học đến các duyên, 24 Duyên hệ rồi Duyên sinh, Duyên khởi, v.v… học bộ này một hồi, thì tự nhiên khỏi cần phải bắt quý vị buông, [mà quý vị] cũng tự buông. Tại vì học tới đó rồi, quý vị hiểu như vậy.

Bây giờ Thiện Trang xin chia sẻ duyên tiếp theo là Tương ưng duyên.

Tương ưng là lực đẩy, có được từ sự hòa hợp, hòa đồng của các pháp. Ví dụ trong một ly nước chanh, quý vị làm nước chanh, người Việt Nam hầu như ai cũng uống nước chanh, từ nhỏ đến lớn chắc đều có uống nước chanh. Để làm nên ly nước chanh, thì ít nhất phải có chanh, có đường, có nước, ba thứ đó phải hòa vào nhau mới thành nước chanh. Nếu mình bỏ nguyên cục đường to đùng vào, chưa tan, thì uống đâu được, đâu phải nước chanh. [Hoặc là] bỏ nguyên lát chanh vô, mà không bóp nước ra, thì [cũng] đâu có thành [nước] chanh. Cho nên đó gọi là Tương ưng duyên. Các pháp hòa hợp vào nhau, gọi là sự hòa tan hòa hợp với nhau, nói như ngôn ngữ vậy cho dễ hiểu.

Chứ quý vị giở cuốn A Tỳ Đàm ra, quý vị tra, coi một dòng dài từ trên xuống dưới, giải thích bên này là tiếng Pali, bên này là tiếng Việt, thì quý vị không hiểu đâu. Nhưng Thiện Trang nói bằng ngôn ngữ đơn giản, là các pháp hòa tan hòa hợp vào nhau, thì đó gọi là Tương ưng duyên.

Ngược lại các pháp có sự độc lập lẫn nhau, đó là Bất tương ưng duyên. Ví dụ chúng ta trở lại ly nước chanh, có chanh, đường, nước, có khi có muối nữa, có thể hòa vào nhau, thì gọi là nước chanh. Nhưng đôi khi mình lấy ngược lại, mỗi cái tuy là như vậy, nhưng mà độc lập nhau, nước vẫn là nước, chanh vẫn là chanh, đường vẫn là đường và muối vẫn là muối, thì mới tạo thành. Cho nên tuy hòa hợp, nhưng nó đứng với vai trò của nó, cùng góp vô nhiệm vụ, nhưng cũng có sự rời ra của nó.

Cho nên ở đây quý hiểu, giống như bây giờ Thiện Trang nói: mình tu cùng một Pháp môn, nhưng mỗi người ở một vị trí khác nhau. Như Thiện Trang ở vị hoằng pháp, quý vị ở vị trí hộ pháp, mỗi người đều gom vào, có nghĩa là mình hòa chung vào một chủ thể, để việc này thành tựu, đó gọi là Tương ưng duyên. Nhưng rõ ràng mỗi người sẽ có vai trò khác nhau, vị trí khác nhau. Nếu quý vị hòa tan vô giống nhau hết, cuối cùng đâu có được gì đâu! Mà phải có mỗi người độc lập riêng rẽ ra, nên gọi là Bất tương ưng duyên. Mình lấy ví dụ như vậy là dễ hiểu.

Còn bây giờ nói về pháp tu, tu đúng pháp thì sao? Nếu một người tu đúng Chánh pháp, tu đúng pháp tu và hành trì đúng, thì sẽ được an lạc. Như vậy sự an lạc đó, hòa hợp với tu đúng pháp, đó là Tương ưng duyên. Nếu tu đúng như vậy, thì quả như vậy. Từ đó mình nhận diện được ra, vấn đề nằm ở đó, như vậy đó là Tương ưng duyên.

Nhưng ngược lại, đôi khi mình tu một hồi phiền não ra, cuối cùng mình cũng nhận ra rằng: pháp tu của tôi sai rồi, cách tu của tôi sai rồi. Mình thấy sai rồi, [thì] mình phải đảo lại cho đúng. Mình đảo lại cho đúng, thì đó chính là Bất tương ưng duyên. Có nghĩa là nhờ điều sai, cho nên tôi làm ngược lại cho đúng. Từ điều sai mà lật lại cho đúng, đó là Bất tương ưng duyên.

Nên rất phù hợp trong đời sống, nói chung mình sẽ nhận diện ra được rất nhiều điều, mình chia nhỏ ra. Tức là đôi khi thuận, là nhân như thế này thì quả như thế này. Nhưng đôi khi mình tu nhân như thế này, [nhưng] mình thấy quả như thế khác, thì gọi là Bất tương ưng rồi. Bất tương ưng thì mình lật lại thành tương ưng thôi.

Và có nhiều điều kỳ lạ lắm, ví dụ như trong đời mình, nhiều khi có những điều mình gọi là trong họa có phước, gọi là Bất tương ưng duyên. Ví dụ một người, nhờ bị một bệnh nhẹ, hay một tai nạn nào đó, nhỏ nhỏ thôi, [nên] họ đi vô bệnh viện chữa bệnh, sẵn khám bệnh luôn. [Nhờ vậy] Bác sĩ phát hiện ra, người đó mang một bệnh rất nặng. May là kịp phát hiện, nếu không phát hiện ra là không chữa trị được.

Như vậy, đó là nạn, thì không phải là việc tốt. Nhưng mà [nhờ đó] mang lại cho một việc tốt khác, thì đó gọi là Bất tương ưng duyên. Tức là đáng lẽ điều tốt này thì mới mang tới điều tốt kia, gọi là Tương ưng duyên. Đằng này, điều này xấu, nhưng nó mang lại điều tốt khác, thì gọi là Bất tương ưng duyên. Không có giống nhau! Cho nên nhiều khi trong đời mình có nhiều điều như vậy. Và điều này cũng tương tự với Câu sanh duyên và Ly khứ duyên, nhưng phân tích kỹ ra thôi, vì trong A Tỳ Đàm chia chẻ ra đủ các kiểu trong đó.

Rồi trong đường tu, nhiều khi mình phải bám theo một vị thầy đó, thì mình tu mới tốt. Vì nhân tương ưng, thì quả mới tương ưng, gọi là Tương ưng duyên. Nhưng đôi khi mình phải rời vị thầy đó, thì mình tu mới tốt, thì gọi là Ly khứ duyên, mà cũng là Bất tương ưng duyên. Mình chỉ cần nắm được như vậy, nếu mình nắm được như vậy rồi thì mình tu dễ.

Tóm lại, Thiện Trang xin đúc kết: 52 duyên mà quy lại còn 24 duyên, mình chỉ bốn thứ duyên thôi. Thay vì bây giờ quý vị nhớ nhiều quá, quý vị có thể nhớ bốn duyên thôi, đơn giản là tất cả các duyên quy lại có bốn điều:

1. Một là giúp nhau bằng cách có mặt trước, đó là Tiền sanh duyên. Nhưng mở rộng ra một trời duyên nữa.

2. Hai là giúp nhau bằng cách có mặt sau, là Hậu sanh duyên. Từ đó mở rộng ra.

3. Ba là giúp nhau bằng cách cùng có mặt, gọi là Câu sanh duyên.

4. Và cuối cùng là giúp nhau bằng cách vắng mặt, tức là Vô hữu duyên, Ly khứ duyên hay Bất tương duyên thì tùy, người ta chia ra rất nhiều.

Ở đây Thiện Trang chỉ chia sẻ sơ sơ, để quý vị nắm được cái sườn, rồi sau này quý vị coi mấy quyển A Tỳ Đàm là quý vị hiểu. Còn nếu như quý vị không có sườn này, thì quý vị coi vô không hiểu, tại vì chúng ta chỉ giới thiệu sơ khởi thôi. Từ đó thì mình biết đi vào tu. Và Trưởng duyên vừa nãy Thiện Trang nói, cũng chính là điều gì ảnh hưởng lớn, nhiều, mạnh, thì cũng là Trưởng duyên. Chúng ta hiểu như vậy.

Thiện Trang đã giới thiệu hết về duyên, nếu có thời gian thì Thiện Trang sẽ chia sẻ tiếp về Tâm sở. Tóm lại hôm nay chúng ta học thêm ba duyên nữa, gồm: Trưởng duyên, Tương ưng duyên và Bất tương ưng duyên. Ba duyên này cũng dễ thôi, cũng tương tự như vậy thôi. Mình nói nhiều như vậy, Phật chia ra càng nhiều càng tốt, nhưng nếu mình rút gọn lại, thì có mấy điều thôi.

Và mục tiêu của mình, là học để hiểu được vô Ngã, để biết là mình chẳng là gì trên cuộc đời này.

Tóm lại mình không thể ảnh hưởng nhiều, mình không làm chủ được trên đời này. Nhưng đừng nghĩ mình nhỏ, vì mình cũng có tác động lớn đối với cuộc đời này. Quý vị nghĩ thử coi, mình có tác động lớn không? Có đó! Mỗi người đều có một tác động lớn đối với cuộc đời này. Chỉ cần quý vị ra ngoài đường, quý vị làm điều gì bất ngờ, là [có] ảnh hưởng. [Như] quý vị lấy xe phóng vèo vèo, là quý vị được lên báo toàn thế giới: người đó bị điên, người đó bị khùng, đã gây ra tai nạn cho bao nhiêu người.

Cho nên đó là Lý nhân duyên, Duyên khởi, mà đạo Phật mang lại cho chúng ta như vậy, để chúng ta không có bi quan, không yếm thế, mà chúng ta cũng không có cống cao ngã mạn, Kinh Vô Lượng Thọ gọi là: **"Tâm vô hạ liệt, diệt bất cống cao"** (Tâm không hạ liệt, cũng không cống cao). Mình giải thích theo Duy Thức Học là vậy, dễ hiểu lắm, không có vấn đề gì! Từ đó mình sẽ tu một cách nhẹ nhàng, mình học bộ này dần dần, thì mình sẽ đi vào.

Ở đây sẵn Thiện Trang chia sẻ luôn, đức Phật có một bộ kinh nói: Có ông chăn nuôi ngựa, ông tới nói: *"Con bạch đức Thế Tôn! Con là một người chăn nuôi ngựa, huấn luyện ngựa rất là giỏi. Từ những con ngựa hoang, con có thể đem về, huấn luyện thành những con ngựa rất là tuyệt vời. Bởi vì con có bí quyết, để huấn luyện ngựa như vậy. Những con ngựa hoang đem về, là con dạy nó theo bốn cách: Có con ngựa, con phải vuốt ve nhẹ nhàng thôi, dụ nó là nó nghe lời. Có con ngựa con phải đánh đập nó, con phải dùng biện pháp mạnh đối với nó, đánh thì nó mới nghe con. Có con ngựa lúc thì con vuốt ve, lúc thì đánh nó. Và có một loại ngựa, mà hai biện pháp đó đều không khả thi, cuối cùng con phải giết nó* (tức là làm thịt nó)".

Đó là ông chăn ngựa [nói] như vậy. Ông mới hỏi: "*Bạch đức Thế Tôn! Vậy Ngài dạy Đệ tử của Ngài như thế nào*?". Đức Phật mới nói (đây là trong Kinh A Hàm, trong Kinh Nikaya cũng có): *"Ta dạy cho Đệ tử của Ta, cũng có*

bốn kiểu (tức là y chang như vậy). *Có người ta dạy bằng cách vỗ về họ*: *Nếu mà con làm tốt điều này, thì con sẽ được quả báo tốt này".* Đó là Phật dạy Thiện pháp đó. Ví dụ, cúng dường cho đức Phật thì được phước báu lớn, rồi cúng dường cho chư Tăng, v.v… Hoặc là tu điều này, thì sẽ được quả tốt lành này. Đó là dạy theo kiểu an ủi.

"*Thứ hai là ta dạy theo kiểu đánh. Ta nói rằng: Nếu làm việc này là việc ác, thì sẽ nhận quả báo ác".* Đức Phật có dạy như vậy không quý vị? Có! Rất nhiều đúng không? Ngài dạy Ngũ nghịch Thập ác là bị đọa. Vậy là dạy quả báo xấu cho họ, nếu làm việc ác. Như vậy cũng tương ưng với cách dạy bằng phương pháp mạnh.

Và đức Phật nói: *"Có những người ta dạy cả hai: Con nên làm việc này, thì nhận quả báu tốt này. Còn nếu con làm việc này, thì quả báu xấu đến với con. Và có một hạng người cuối cùng ta không dạy được nữa, thì ta giết*''. Nghe như vậy, [người chăn ngựa] hỏi: *"Tại sao Ngài có lòng từ bi như vậy, mà lại giết Đệ tử?"*. Phật đâu có giết ai đâu, đức Phật nói ý "giết", nghĩa là Ta không dạy cho họ nữa. Không dạy họ nữa, thì đó chính là giết. Như vậy đức Phật cũng có đưa ra bốn cách, [ở] trong Kinh A Hàm hoặc quý vị có thể coi Kinh Nikaya.

Chúng ta chia sẻ Phật pháp ở đây cũng vậy, quý vị tùy theo căn cơ, đối tượng nào, mà quý vị đưa ra các pháp khác nhau. Ví dụ đối với người thích nghe những quả báo tốt lành, thì dạy cho họ các pháp thiện. Đối với người có tính khó chịu, cang cường thế nào đó. Người cang cường là họ không biết sợ gì hết, thì dạy những quả báo họ sẽ không sợ đâu, mà dạy những điều thiện thì may ra. Còn những người biết sợ, thì dạy nhân quả xấu, họ sợ họ tránh. Còn người ở giữa thì quý vị dạy cả hai. Còn người cang cường quá, dạy không được, thì thôi khỏi dạy. Đó là bốn hạng người, chúng ta học đều có hết.

Hôm nay Thiện Trang xin phép vào bài. Hôm bữa chúng ta đang ở Bài kệ thứ 7.

Bài kệ 7

Hựu chư Hữu vi pháp	又諸有為法，	Còn các pháp Hữu vi
Vị Sắc đẳng Ngũ uẩn	謂色等五蘊，	Là Ngũ uẩn như Sắc,...
Diệc Thế lộ Ngôn y	亦世路言依，	Cũng gọi là Thế lộ Hoặc gọi là Ngôn y
Hữu ly Hữu sự đẳng.	有離有事等。	Hoặc Hữu Ly, Hữu sự v.v...

Tức là các pháp Hữu vi thì có Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cũng gọi là Thế lộ. Thế lộ là gì thì đằng sau có nói, hoặc là Ngôn y, hoặc Hữu ly, Hữu sự. Bây giờ chúng ta sẽ đi tìm hiểu những điều đó, qua lời chú giải của ngài Huyền Trang.

論曰：色等五蘊，謂初色蘊乃至識蘊。如是五法具攝有為，眾緣聚集共所作故。無有少法一緣所生，是彼類故。未來無妨，如乳如薪。

Luận viết: Sắc đẳng Ngũ uẩn, vị sơ Sắc uẩn nãi chí Thức uẩn. Như thị ngũ pháp cụ nhiếp Hữu vi, chúng duyên tụ tập cộng sở tác cố. Vô hữu thiểu pháp nhất duyên sở sanh, thị bỉ loại cố. Vị lai vô phương, như nhũ như tân.

Giải:

#*Luận viết*: là trong bộ Luận này nói (trong bài kệ đó nói).

#*Sắc đẳng Ngũ uẩn*: Sắc trong Ngũ uẩn v.v... Sắc, Thọ, Tưởng, Hành Thức, điều này Thiện Trang đã giảng rồi.

#Vị sơ Sắc uẩn nãi chí Thức uẩn: là từ Sắc uẩn cho đến Thức uẩn. Điều này Thiện Trang có nói rồi, quý vị có thể kiểm tra kiến thức Thiện Trang chia sẻ này trong Kinh A Hàm. Trong Kinh A Hàm có nói về Sắc Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong Kinh Tăng Nhất A Hàm hay là Tạp A Hàm gì đó, Thiện Trang có nghe qua.

Thân thể của chúng ta được cấu tạo bởi bốn đại, nói rộng ra gồm 28 thứ nữa v.v... những cái đó gọi là Sắc (nói chung là thân thể). Thọ là cảm nhận. Tưởng là sự biết qua kinh nghiệm, qua học hỏi. Ví dụ như mình cầm vật gì lên, mình thấy là biết đó là vật gì, do mình có kinh nghiệm [nên] mới biết, nếu không có kinh nghiệm thì không biết. Hành là khía cạnh thiện ác của việc đó, khi mình tiếp xúc, mình cảm nhận thấy ghét hay thương, tức hay không, hay là yêu v.v... Những điều đó là khía cạnh thiện ác. Còn Thức là cái biết ban sơ thôi.

Có người thắc mắc tại sao không xếp Thức lên trước? Thiện Trang không biết tại sao lại như thế, chỉ biết giải thích như vậy. Có thể là cách sắp xếp khác nhau, chúng ta hiểu là được rồi. Tóm lại đối với một vật, ví dụ Thiện Trang cầm vật này lên, thì quý vị biết đây là một cái điều khiển từ xa (remote). Nhìn như thế là mình đoán ra ngay, còn mới đầu thì mình nhìn thôi. Đầu tiên mình chưa biết cái gì, chỉ nhìn thấy màu trắng trắng, đen đen, có chấm chấm gì đó. Mình mới nhìn, thấy được cái sơ khởi, thì đó gọi là Thức. Từ Thức đó mình mới tưởng. Tưởng là mình nghĩ cái này là điều khiển từ xa. Rồi Hành là cảm nhận. Ví dụ quý vị chỉ thấy bằng mắt thôi, quý vị ghét màu trắng quá, hoặc ghét cái này ngắn quá, phải dài hơn chút mới được. Đó là Hành. [Quý vị nhìn], thì chỉ cảm thọ được vật này đẹp, xấu v.v... Còn Thiện Trang cầm bằng tay, thì có cảm nhận bằng xúc giác nữa, tức là nó trơn láng quá hoặc là nhám quá, rờ trúng chỗ nhám quá v.v... Mình cảm nhận như vậy, thì đó gọi là Thọ.

Đối với một đối tượng nào đó, chúng ta thường cảm nhận qua mấy giác quan, quý vị có biết không? Thường một đối tượng, thì khả năng cảm nhận

nhiều nhất là qua năm giác quan, có đối tượng thì mình cảm nhận qua một giác quan thôi. Ví dụ bây giờ quý vị chỉ thấy [vật Thiện Trang cầm] thôi, nhưng Thiện Trang gõ âm thanh cộc cộc nữa, thì quý vị sẽ cảm nhận thêm một âm thanh nữa. Còn khi Thiện Trang cầm thế này, thì [Thiện Trang] sẽ cảm nhận được hơn quý vị, vì Thiện Trang có cả xúc giác nữa.

Ở đây ý Thiện Trang muốn nói, là chúng ta biết thế giới này qua những giác quan. Và qua những giác quan đó thì không chính xác hoàn toàn. Bởi vì mình cảm nhận qua những giác quan, [nên] mỗi người mỗi khác. Quý vị đừng mong rằng người ta sẽ cảm nhận giống mình. Quý vị vô trong nhà tắm, là thấy rõ ràng nhất. Trong nhà tắm, ai mở nước nóng hay nước lạnh, thì có người cảm nhận: *"Nước tắm mát quá, nhiệt độ vừa phải!"* Người kia nói: *"Ông tắm gì như nước sôi, luộc gà! Nóng quá!".* Người kia vô nói: *"Lạnh quá!"*

Vậy cùng nước đó, vặn với nhiệt độ giống nhau, nhưng nếu ba người vô tắm, thì ba người cảm nhận khác nhau. Đó là do điều gì quý vị? Tại sao chúng ta lại cảm nhận khác nhau? Chúng ta cùng sống trong một môi trường, cùng một nhiệt độ, máy chỉnh đâu có sai đâu.

Điều này là do nghiệp khác nhau. Vậy đố quý vị: trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì nghiệp đó nằm ở đâu? Rõ ràng phải cảm nhận giống nhau chứ, bây giờ sao lại cảm nhận khác nhau? Điều nào khác nhau, để cuối cùng dẫn đến là Hành khác nhau? Tất nhiên là Hành khác nhau rồi. Điều đó chính là Tưởng. Mà Tưởng này ngoài kinh nghiệm ra, còn yếu tố nghiệp [nữa]. Yếu tố nghiệp tâm lý của mình, tác động ở trong tâm.

Cho nên muôn ngàn chúng sanh, là muôn sai vạn biệt, không giống nhau. Vì vậy đừng mong người ta giống mình! Quý vị nên nhớ, chỉ có đức Như Lai mới giống nhau. Mà giống nhau tất cả, nhưng hai đức Như Lai (hai đức Phật) cũng có hình dáng khác nhau. Tuy các ngài đều có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nhưng cũng không giống nhau, huống hồ chúng ta.

Thiện Trang ý muốn nói: quý vị hãy bớt chấp trước, bớt tâm khống chế người ta theo mình. [Thì] mình sẽ sống một cách nhẹ nhàng, mình chỉ cần [hiểu] chúng sanh nghiệp khác nhau, nên khác nhau. Chúng ta giống giống một phần, là mừng lắm rồi! Dần dần quý vị sẽ vô ngã, và mình tu tự nhiên an lạc, tự tại. Mình dễ dàng chấp nhận mọi thứ trên đời hơn, chấp nhận những dị biệt trong cuộc sống.

Chứ còn không, cứ suốt ngày phải giống tôi mới đúng, không giống tôi là sai, giống tôi mới được, v.v…. Mỗi người do tiền nghiệp, do khuynh hướng tâm lý, rồi do môi trường và do nghiệp đời trước, gọi là tiền nghiệp. Ba yếu tố này tạo ra sự khác biệt, tuy chúng ta cùng sống một nơi. Người xưa có câu "đồng sàng dị mộng", quý vị hiểu đồng sàng dị mộng không? #Sàng là cái giường, hai người ngủ cùng giường, nhưng giấc mộng thì khác nhau. Quý vị hiểu như vậy, thì quý vị tu bớt chấp trước.

Rồi về Phiền não, tại sao người thân của mình không tu? Tại sao, tại sao…? Tất cả đều giải quyết ở trong bộ Luận này. Đó là khuynh hướng khác nhau. Khuynh hướng tức là sở thích hướng đến của tôi khác với hướng đến của bạn. Rồi tiền nghiệp khác nhau, môi trường khác nhau v.v… bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến. Như vậy đừng mong ai giống ta. Cố gắng làm sao để cho mọi người cùng đi về một nơi, mà mình chấp nhận được. Đó là quý vị hiểu được nguyên lý ở đây. Thiện Trang chia sẻ mong là quý vị hiểu. Như vậy ở đây nói Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức rồi.

#*Như thị ngũ pháp cụ nhiếp Hữu vi*: tức là năm pháp như thế nhiếp đủ các pháp Hữu vi. Thật ra pháp Hữu vi chỉ cần năm pháp như thế là đủ nhiếp rồi.

#*Chúng duyên tụ tập cộng sở tác cố*: bởi do các duyên tụ hợp cùng nhau mà dấy khởi.

Thật ra nói ở đây, quý vị coi Phẩm Ly Thế Gian trong Kinh Hoa Nghiêm cũng vậy. Thế gian là gì? Nói tóm lại là chỉ có Ngũ ấm (hay Ngũ uẩn) thôi, chỉ

có năm thứ này thôi. Ngũ ấm gồm có Sắc, Sắc là vật chất, còn lại là tinh thần. Tùy loại chúng sanh ở nơi nào, mà có tinh thần khác nhau.

Ví dụ chúng ta ở cõi Dục này, chúng ta thấy rõ ràng nhất, chúng sanh có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, có cả năm luôn. Nhưng bắt đầu lên tầng trời Vô Tưởng, thì có Sắc nhưng không có Tưởng (vì trời Vô Tưởng mà). Rồi mấy tầng trời càng cao, thì họ xài ít các giác quan hơn chúng ta. Giống như quý vị lên Sơ thiền, hôm bữa học ở bên kia, mình thấy Sơ thiền bỏ được hai giác quan: Một là mũi, ngửi mùi hương; Hai là lưỡi. Tức là Tỵ thức và Thiệt thức là hết.

Cho nên đừng nghĩ mình lên đó là giống nhau. Rồi lên trời Quang Âm Thiên, Nhị thiền, có ba tầng trời: là trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, và trời Quang Âm Thiên hay là trời Cực Quang. Ba tầng trời đó giao tiếp bằng ánh sáng, cho nên họ không nói với nhau, nói với nhau mất thời gian quá. Vậy tai của họ có thính nữa không? Không! Nhưng mà họ cảm nhận bằng ánh sáng. Mình thấy ở đó mình kêu: Kỳ vậy ta! Vậy làm sao mà nghe được? Họ nghe bằng ánh sáng.

Ví dụ như bây giờ mình không cần nghe, có những cái mình [chỉ cần] thấy thôi, thấy ánh sáng phát ra mình là biết người đó thở mạnh hay thở yếu. Thấy được ánh sáng đó, là biết họ khỏe hay yếu, v.v… đủ hết dữ kiện trong đó rồi. Có nghĩa là căn đó phát triển mạnh hơn.

Ví dụ có nhiều người bị khuyết căn, người ta không có khả năng này, nhưng khả năng kia của họ cực kỳ mạnh. Cho nên chúng ta là muôn sai vạn biệt trong thế gian này, quý vị hiểu như vậy. Nói chung năm [uẩn]: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức này là tạo ra thế gian, tạo ra các pháp Hữu vi, nền tảng chỉ có bấy nhiêu đó thôi.

#Vô hữu thiểu pháp nhất duyên sở sanh, thị bỉ loại cố: tức là không có một pháp nào, mà do một duyên có thể sanh được, là bởi loại ấy.

Tức là pháp nào cũng phải có nhiều duyên mới sanh ra, và bởi do năm loại này, nếu không có thì thành hòn đá thôi. Không có thức thì thành hòn đá, thành đất thôi. Nhưng nó vẫn nằm trong Sắc. Còn có những loại chúng sanh đặc biệt, ở trong Kinh A Hàm nói, chỉ có thức nhưng không có hình. Quý vị biết có thức mà không có hình là chúng sanh nào không? Chúng ta thường nói phải có thực chất, có thân thể chứ, nhưng đây không có thân thể mà họ vẫn sống bằng tình thức được. Đó là trời Không Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, mấy trời đó họ có tâm. Trời Vô sắc giới họ đâu có hình thể đâu, đâu cần gì đâu, họ vẫn có thể sống được mà. Họ chỉ không có Sắc thôi, nhưng mà Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có, trong Ngũ uẩn vẫn có.

Trời Vô Tưởng hôm bữa Thiện Trang có chia sẻ rồi, giống như những pho tượng vậy thôi, có Sắc nhưng mà không có tâm, ngồi yên, đứng yên, nằm yên đó. Chúng ta thấy rõ ràng như vậy, để mình hiểu được ra: thế gian này là muôn màu muôn vẻ được tạo ra. Nếu như vô lượng kiếp tới giờ, nói theo đức Phật Thích Ca, là chúng ta chắc cũng đã ở các tầng [trời] đó hết rồi, trừ [trời] Ngũ Tịnh Cư thiên (tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên) là chúng ta chưa lên đó thôi.

#*Vị lai vô phương, như nhũ như tân*: tức là không có sự trở ngại của vị lai, như sữa như củi.

Ở đây nếu nói rõ ràng, thì những điều này không có trở ngại bởi vị lai, có nghĩa là Sắc Thọ Tưởng Hành Thức này liên tục biến đổi, thay đổi, không có tương lai. Quý vị có tương lai đi chăng nữa, nó vẫn thay đổi thôi, không có trở ngại. Nên có một sức mạnh không bao giờ thay đổi, là sức mạnh gì? Ở trong Kinh A Hàm, [đức Phật] có đưa ra như thế này: Có một sức mạnh rất mạnh mẽ, trong đó có trí tuệ của ngài Xá lợi Phất, trí tuệ của bậc này bậc kia v.v… đức Phật nói có một sức mạnh lớn nhất, mà tất cả sức mạnh khác phải thua. Đố quý vị đó là sức mạnh gì?

[Đó] chính là sức mạnh của Vô thường. Vô thường là biến đổi. Bây giờ có gì tồn tại mãi mãi không quý vị? Không có! Trong các pháp Hữu vi, tất cả

đều phải có sanh thì có biến đổi (Sanh, Trụ, Dị, Diệt), có diệt. Cho nên đó gọi là Vô thường. Sức mạnh vô thường là sức mạnh lớn nhất.

Như vậy không có sự trở ngại của vị lai, như sữa như củi. Ở đây chúng ta hiểu chữ #tân này là củi hay là cỏ. Có nghĩa là sữa cũng tụ họp bởi nhiều yếu tố, và cũng biến đổi. Củi cũng vậy, hay là cỏ cũng vậy, đốt [thì] cháy. Như vậy những cái đấy có bản chất của nó, nó được tạo từ những thứ khác, và cứ biến đổi như vậy trong Sắc uẩn. Như vậy đây là đưa ra hai ví dụ về Sắc uẩn là sữa và củi.

Những ngôn ngữ của ngài Huyền Trang viết trực dịch, cho nên hơi khó hiểu.

Tạm dịch: Luận nói rằng: Sắc trong Ngũ uẩn v.v..., là từ Sắc uẩn cho đến Thức uẩn. Năm pháp như thế nhiếp đủ [pháp] Hữu vi, bởi do các duyên tụ hội với nhau mà dấy khởi. Không có một pháp nào do một duyên mà sanh, là bởi loại ấy. Không có sự trở ngại của vị lai, như sữa như củi.

此有為法亦名世路，已行正行當行性故，或為無常所吞食故。或名言依，言謂語言，此所依者即名俱義。如是言依具攝一切有為諸法。若不爾者，應違《品類足論》所說。彼說言依十八界攝。

Thử Hữu vi pháp diệc danh Thế lộ, dĩ hành chánh hành đương hành tánh cố, hoặc vi Vô thường sở thôn thực cố. Hoặc danh Ngôn y, ngôn vị ngữ ngôn, thử sở y giả tức danh câu nghĩa. Như thị Ngôn y cụ nhiếp nhất thiết Hữu vi chư pháp. Nhược bất nhĩ giả, ưng vi Phẩm Loại Túc Luận sở thuyết. Bỉ thuyết Ngôn y thập bát giới nhiếp.

Giải:

#Thử Hữu vi pháp diệc danh Thế lộ: pháp Hữu vi này cũng gọi là Thế lộ, Thế lộ là một danh từ.

#Dĩ hành chánh hành đương hành tánh cố, hoặc vi Vô thường sở thôn thực cố: nghĩa là pháp Hữu vi này cũng gọi là Thế lộ; #Thế lộ là con đường đi vào luân hồi, con đường đi vào thế gian, gọi là Thế lộ. Bởi tính chất là đã đi ngay trong đường chính; #đương hành tức là đường chính, là con đường luân hồi; hoặc bị bởi Vô thường ăn nuốt; #thôn thực ở trong Kinh Vô Lượng Thọ gọi là thôn đạm, là ăn nuốt.

Tại vì sao? Vì có năm điều này, là mình ở trong pháp Hữu vi, mà đã là pháp Hữu vi thì có sanh có diệt. Mà sanh diệt thì cuối cùng bị Vô thường ăn nuốt thôi, tức là bị chi phối bởi Vô thường, ý nói vậy.

Các pháp Hữu vi, nói tóm lại có năm loại là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mình nói hai loại thôi là: vật chất và tinh thần. Và hai thứ này hay năm thứ đó, bị tính chất là đang đi trên con đường chính, là con đường của thế gian, con đường của luân hồi. Con đường đó bị một tính chất là bị Vô thường ăn nuốt, tức là bị khống chế bởi Vô thường, cho nên gọi là Thế lộ. Thế lộ là mình càng đi vào đó, thì mình càng khổ. Cho nên đức Phật luôn nói thân thể Ngũ uẩn này là đau khổ, là Vô thường. Mà mình càng ham nó, thì cuối cùng mình không ra nổi.

Không biết bây giờ tu lâu rồi, quý vị có thấy chán thân thể này chưa, hay là mình vẫn còn yêu thích lắm? Đó là Thiện Trang hỏi thật. Thì đa số đều rất thích. Tại vì mình chưa thấy khổ, cho nên mình chưa buông ra được. Nhiều người nói: *"Con chán lắm rồi thầy ơi!"*. Nếu mà quý vị thật chán, là quý vị đắc đạo rồi. Tại vì mình chưa có chán, cho nên người mang bệnh mà chưa muốn hết bệnh, quý vị hiểu không?

Chúng ta là người mang bệnh mà chưa muốn hết bệnh, nên không hết bệnh được. Mình vẫn còn ham bệnh này, mình chưa nhận diện ra được bệnh này. Còn các ngài đắc đạo, các ngài nhìn được ra thân thể, nên đó gọi là Kiến đế, [là] thấy được sự thật. Cho nên từ đó bỏ được một chút, là Kiến đế, là [đắc] Sơ quả Tu-đà-hoàn, còn bỏ được toàn bộ luôn là [đắc] A-la-hán.

Cho nên khổ của chúng ta, là chúng ta học nhưng mà căn tánh của chúng ta kém quá. Thời mạt pháp, căn tánh quá kém, nên thành ra mình học tới học lui. Học thì học vậy thôi, chứ [đối với] chấp nhận sự Vô thường, thì mình không chấp nhận. Phải đến khi Vô thường gõ cửa cộc cộc cộc rồi, tức là thân thể bệnh đau đớn quá, lúc đó ngáp ngáp, [thì] mới tu, lúc đó không muốn buông cũng phải buông.

Cho nên do mình căn tánh kém. Nhưng không sao, mình học hoài, mỗi ngày nghe một chút, nghe dần dần lọt tai. Rồi khi nào gặp hoàn cảnh, gặp sự cố gì đó, là Vô thường tới! Vô thường tới! Rồi hát bài cảm ơn Vô thường. Lúc đó mới bắt đầu buông, buông rồi mới học được Phật pháp, thì mới thấy Phật pháp tuyệt vời lắm! Ôi tuyệt vời Phật pháp ta ơi! Lúc đó mới thấy Phật pháp tuyệt vời. Còn bây giờ đang sung sướng, thì thấy là học thôi, chứ [biết] bao giờ Vô thường [tới].

Nhưng Vô thường tới nhanh lắm quý vị, vèo vèo cái [là] hết đời. Cuộc đời mới sanh ra là già liền, rồi khổ, phải đi làm suốt, bận bịu đủ thứ, bắt đầu mới có chút giác ngộ. Còn các bậc A-la-hán v.v… các ngài [có] Thần túc thông, bay đi khắp nơi này nơi kia, người ta thích người ta dùng, đi nơi này nơi kia.

Quý vị biết tại sao đức Phật không cho các ngài A-la-hán dùng Thần thông không? Tức là trong Kinh A Hàm, đức Phật có nói là nếu ngài Mục Kiền Liên dùng Thần thông, đi qua cõi Úc Đơn Việt (Bắc Cô Lô Châu) khất thực v.v… rồi biểu diễn Thần thông cho nhiều vô. Khi đời sau, các Đệ tử của Ta không có Thần thông nữa, (Đệ tử đời sau như [chúng] ta bây giờ), thì các hàng Cư sĩ, các hàng người dân sẽ nói là: Các vị Sa môn này kém, không có được [Thần thông], và họ khinh thường, khi dễ, vì vậy họ tạo vô lượng tội nghiệp.

Cho nên đức Phật bảo đừng sử dụng [Thần thông], để tránh đời sau họ phỉ báng. Bây giờ quý vị đâu có thấy mấy người có Thần thông đâu, xài cũng đâu có xài lộ đâu, đâu có biết đâu. Nên mình biết thì cũng biết sơ sơ thôi, các

ngài bật mí một chút thôi. Chứ các ngài xài rồi, đời sau người ta tu kém hơn nữa, người ta không có Thần thông thì sao. Lại phỉ báng những bậc Sa môn (những người xuất gia) thì tội lại nặng hơn. Cho nên [đức Phật] không cho [dùng] là vậy. Còn thời Phật thì xài thoải mái, rồi sau này bắt đầu mới giảm giảm, đó là đôi khi phương tiện cũng dùng một chút, nhưng thực tế thì không có [dùng nhiều].

Chúng ta trở lại, Thiện Trang nói nếu như chúng ta tu, tại vì đạo Phật là đến để mà thấy. Quý vị tu được một phần an lạc, thì quý vị sẽ được một chút an lạc, chút giải thoát. Và nếu quý vị tu được một thời gian, quý vị sẽ vào được Thánh đạo một phần nào đó, thì quý vị thấy đã lắm, từ đó quý vị buông được thế gian. Còn mình tu mà mình chưa có buông được, là tại vì mình chưa có hiểu. Cho nên pháp tu Thiện Trang hay chia sẻ, đức Phật cũng hay nói trong kinh, Ngài hay đề xướng là tu để đắc được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, để quý vị cảm thấy được sự ngọt ngào của pháp nhanh. Còn tu Thiền quán thì lâu lắm quý vị, cứ thành tựu chút chút, phải mấy năm mình mới thấy mình thay đổi được nhiều, mọi người mới thấy mình thay đổi. Còn tu Thiền chỉ, vô Thiền là an lạc ngay tức thời, thậm chí có Thần thông liền, có cái này cái kia liền, cho nên dễ, nhanh hơn. Vì vậy quý vị nên tu cả Chỉ lẫn Quán là vậy.

Chứ mình tu, trong khi mình chưa thấy có kết quả Thiền quán đâu hết. Mình học pháp rồi [nhưng] mình chưa thấy, nghe lý thuyết không, lâu lâu mình mới chuyển được một chút. Còn nếu mà tu vô định là an lạc, thoải mái, dễ chịu, v.v… Và có nhiều người do duyên đời trước khác nhau, nên sau khi thành tựu, mỗi người sẽ có một thành tựu khác nhau. Ví dụ như quý vị vô tu một chút, người thì có Thần thông này, người thì có Thần thông kia. Hoặc là cùng bậc A-la-hán, nhưng vị này thì có năng lực này, [còn] vị kia có năng lực kia, [là] do vô lượng kiếp mình đã tu.

Bây giờ quý vị chỉ cần tu lại một chút thôi, là khôi phục lại nhiều năng

lực ở trong mình. Quý vị có cả gia tài vô lượng kiếp tu rồi. Ý Thiện Trang nói là: quý vị ráng tu đi, tu vô [một] cái, là vào dòng khơi lại những điều mà từ vô lượng kiếp tới giờ mình có, mình đã tu rồi, là nhanh lắm quý vị. Lúc đó quý vị xài đã lắm, biết đâu quý vị có Thần túc thông đầy đủ luôn, mặc dù quý vị chỉ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi. Còn người kia [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng do [quá khứ] họ không tu Thần thông, nên họ không có Thần thông. Nên đừng đem cái đó so sánh. Tại vì đó là do nghiệp từ vô lượng kiếp tới giờ.

Quý vị cứ tưởng tượng đi, một ngày nào đó quý vị có Thần thông, vui vui quý vị lén lúc không có người, quý vị đi qua Bắc Cô Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, hoặc lên trời Đao Lợi chơi. Thần thông tự tại mà, đi đã luôn, đi khắp nơi này nơi kia, sướng hơn nhiều chứ. Lúc đó quý vị thấy đã, hương vị giải thoát ngọt ngào trong tay mình, đã đời luôn, [phải] vậy chứ! Còn bây giờ mình tu, nói không à, nghe thì nghe vậy, giống như chuyện trên trời. Cho nên đạo Phật mới nói là "tự tác, tự tri, tự chứng". Mình phải làm, là tự tác; Tự tri là tự mình biết, rồi cuối cùng là tự mình kiểm nghiệm được, tự mình chứng được. Đạo Phật là vậy. Cho nên cố gắng, mỗi người làm thì mỗi người sẽ có được kết quả khác nhau.

#*Hoặc danh Ngôn y*: hoặc nói là Ngôn y, cũng gọi tên là Ngôn y.

#*Ngôn vị ngữ ngôn*: ngôn là ngôn ngữ.

#*Thử sở y giả tức danh câu nghĩa*: điều mà được nương vào đó tức là nghĩa đầy đủ.

#*Như thị Ngôn y cụ nhiếp nhất thiết Hữu vi chư pháp*: những Ngôn y như vậy thì nhiếp đầy đủ; #cụ nhiếp là nhiếp đầy đủ; tất cả các pháp Hữu vi.

Thật ra ở đây cũng nói là Ngôn y; #Ngôn y tức là mình nương vào ngôn ngữ mới nói ra được, và đầy đủ hết các nghĩa của các pháp, các pháp Hữu vi đều nói ra được hết, cho nên gọi là Ngôn y, là y vào ngôn ngữ. Tức là ở trên này đang nói về Ngũ uẩn, Hữu vi pháp. Tức là dựa vào ngôn ngữ mình mới

nói ra chứ, nếu không có ngôn ngữ mình nói cái gì. Thì đó là dùng ngôn ngữ thôi, cho nên gọi là Ngôn y.

#Nhược bất nhĩ giả, ưng vi Phẩm Loại Túc Luận sở thuyết: tức là nếu mà không như vậy, thì phải trái nghịch với điều được nói ở trong một bộ Luận gọi là Phẩm Loại Túc Luận. Đây là một bộ Luận do ngài Thế Hữu làm.

#Bỉ thuyết Ngôn y thập bát giới nhiếp: trong bộ Luận đó, thì nói Ngôn y nhiếp 18 giới.

18 giới là Sáu căn, Sáu trần, Sáu thức, thì thành 18 giới. Nói tóm lại mấy ngôn ngữ A Tỳ Đàm này khó chịu lắm, quý vị giở A Tỳ Đàm của Nam truyền cũng vậy thôi. Mình nói theo đó thì nghe mơ mơ màng màng, không hiểu gì hết. Sáu căn là: Tai, Mắt, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, tiếp xúc với Sáu trần; #trần là cảnh. Tai thì nghe tiếng, mắt thì thấy hình sắc; Mũi ngửi mùi hương, gọi là Hương trần; Lưỡi nếm vị, gọi là Vị trần; Thân thể xúc chạm với cái gì đó, gọi là Xúc trần; Ý là ý thức, mình biết được pháp gọi là Pháp trần, thì sanh ra Sáu thức. Sáu thức là sáu sự biết đó. Chúng ta nói là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỵ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức. Như vậy Sáu căn, Sáu trần, Sáu thức thì nhiếp hết tất cả, thì gọi là 18 giới. Cho nên ở đây gọi là Thập bát giới, nhiếp hết.

Tạm dịch: Pháp Hữu vi này cũng gọi là Thế lộ, bởi tính chất đã đi ngay trong đường chính, hoặc là bởi vì bị vô thường ăn nuốt. Hoặc gọi là Ngôn y, ngôn là ngôn ngữ lời nói, điều được nương vào đó tức là nghĩa đầy đủ. Như vậy Ngôn y nhiếp đầy đủ tất cả các pháp Hữu vi. Nếu không như vậy, thì phải trái nghịch với điều được nói trong Phẩm Loại Túc Luận. Ở đó nói Ngôn y nhiếp 18 giới.

Như vậy Ngôn y là lời nói có thể nhiếp được tất cả 18 giới như vậy.

或名有離，離謂永離，即是涅槃，一切有為有彼離故。或名有事，以有因故，事是因義。毘婆沙師傳說如此。

Hoặc danh Hữu ly, ly vị vĩnh ly, tức thị Niết Bàn, nhất thiết Hữu vi hữu bỉ ly cố. Hoặc danh Hữu sự, dĩ hữu nhân cố, sự thị nhân nghĩa. Tỳ Bà Sa sư truyền thuyết như thử.

Giải

#*Hoặc danh Hữu ly*: hoặc gọi tên là Hữu ly. Ở trên bài kệ có chữ Hữu ly.

#*Ly vị vĩnh ly, tức thị Niết-Bàn, nhất thiết Hữu vi hữu bỉ ly cố*: #ly là xa rời vĩnh viễn, tức là Niết-Bàn. Tức là pháp này xa lìa Niết-Bàn. Nghĩa là quý vị có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Ngũ uẩn thì xa lìa với Niết-Bàn. Chữ #cố là bởi, bởi tất cả các pháp Hữu vi là xa lìa điều đó; chữ #ly là xa rời. Có nghĩa là tất cả pháp Niết-Bàn này ngược lại với pháp Hữu vi, đó là pháp Vô vi mà, nên gọi là Hữu ly. Nó ngược lại, là có sự xa rời.

#*Hoặc danh Hữu sự*: hoặc gọi là Hữu sự, là có sự việc.

#*Dĩ hữu nhân cố*: bởi vì có nhân.

#*Sự thị nhân nghĩa*: sự có nghĩa là nhân. Tức là hoặc gọi là sự, hoặc là Hữu sự, bởi vì có nhân, nhân thì có quả. Nói tóm lại mình ở trong vòng nhân quả.

Nói đơn giản, nếu mình còn ở trong pháp Hữu vi, thì mình còn ở trong vòng nhân quả này, mình còn xa rời Niết-Bàn. Đó gọi là Hữu ly. Ở đây toàn dùng ngôn ngữ khó chịu, nếu chúng ta nói theo ngôn ngữ bây giờ thì dễ hiểu. Tại vì ngôn ngữ của ngài Huyền Trang, hay ngôn ngữ A Tỳ Đàm, quý vị [coi] ngôn ngữ bên Nam truyền cũng vậy, toàn là [từ] khó chịu gì đâu. Bởi vì nói bằng thuật ngữ xa vời với mình, mình nghe không hiểu. Quý vị mà coi mấy bài A Tỳ Đàm bên Nam truyền rồi, lên coi Vi Diệu Pháp một hồi là ngủ gục. Thậm chí Luận Câu Xá này cũng vậy, coi xong đảm bảo là buồn ngủ hết, nên là có khi mình học mình ngán quá.

Để Thiện Trang đố một công án Thiền, cho quý vị tỉnh táo. Thật ra [câu đố] này được xuất phát từ ông Alexander Đại đế (tức là một vị Đại đế hình

như của thành Rome hồi xưa), có đưa ra một công án vui vui, để đố mấy đứa con. Đứa con nào trả lời trúng, thì cha sẽ truyền ngôi cho. Câu đố thế này*: "Có một đàn sư tử do một con cừu dẫn đầu đấu với một đàn cừu do một con sư tử dẫn đầu. Hai đàn đó đấu với nhau, bên nào chiến thắng?"* Quý vị trả lời nhanh, [vì] đây là công án Thiền.

Hôm bữa đưa ra, bắt đầu có người suy nghĩ, mới đầu kêu đàn sư tử đông hơn thì thắng chứ. Nhưng con dẫn đầu lại là con cừu, nó thấy đàn sư tử kia, sợ quá, chạy mất dép rồi, nên đám [sư tử] kia chạy theo. Cũng đúng mà! Bắt đầu phân vân nghĩ tới nghĩ lui, tóm lại câu trả lời nào đúng?

Đó là công án Thiền, quý vị trả lời đi, nếu không trả lời [lại] bắt đầu suy nghĩ qua suy nghĩ lại. Để chút nữa rồi [Thiện Trang] giải đáp công án này cho quý vị. Quý vị thử suy nghĩ trả lời xem, chúng ta giải thích hết câu này, rồi tới bài kệ thứ tám thì Thiện Trang sẽ giải thích.

#Tỳ Bà Sa sư truyền thuyết như thử: sư Tỳ Bà Sa tức là ngài Tôn giả Thế Hữu, thì truyền dạy như vậy.

Tạm dịch: Hoặc gọi là Hữu ly, ly là vĩnh viễn xa rời, tức là [xa lìa] Niết-Bàn, (bởi vì đi theo đường này thì xa rời Niết-Bàn), bởi tất cả Hữu vi có sự xa lìa đó. Hoặc gọi là Hữu sự, bởi vì có nhân, sự có nghĩa là nhân (nhân này là nhân của sanh tử, thì sẽ có quả sanh tử. Cho nên gọi là Hữu sự. Sự này là sự sanh tử đó quý vị. Đoạn này không chú giải thì không hiểu gì hết). Sư Tỳ Bà Sa truyền dạy như vậy.

如是等類是有為法差別眾名，於此所說有為法中。頌曰：

Như thị đẳng loại thị Hữu vi pháp sai biệt chúng danh, ư thử sở thuyết Hữu vi pháp trung. Kệ viết:

Giải:

#Như thị đẳng loại thị Hữu vi pháp sai biệt chúng danh: những loại như vậy là tên khác nhau của các pháp Hữu vi.

Các pháp Hữu vi thì nhiều lắm, nhưng mình gọi một cái thôi, gọi là Hữu vi pháp là xong. Nhưng để cho hiểu rõ, thì mình hiểu thế nào là Hữu vi, thế nào là Hữu sự v.v… Thật ra mình chỉ biết một cái tên thôi cũng được, còn nếu biết nhiều cái tên thì tốt, sẽ rõ nghĩa hơn. Tại vì ngôn ngữ A Tỳ Đàm muốn chia chẻ cho rõ hơn, chia ra, nên Pháp Tướng Duy Thức là chia nhỏ. Còn ai không thích chia chẻ ra thì học Bát Nhã, học Pháp tánh, Bát Nhã nói Không thôi. Nhiều người [nói] Không Không, *ở* trong Kinh A Hàm nói: **"Không không phải là không có, cũng chẳng phải là có"**. Cho nên mấy người học, nghe chữ Không rồi quất vô. Ở trong Kinh A Hàm, đức Phật nói luôn đó quý vị, bữa nào Thiện Trang dẫn cho quý vị thấy. Đức Phật nói rõ ràng, trong kinh nói Không không phải là không có. Nhiều người cứ tưởng [Không] là không có, rồi nói không có. Không không phải là ý nghĩa đó. Ở đây chúng ta học hết câu này rồi giải thích công án.

#Ư thử sở thiết Hữu vi pháp trung tụng viết: ở đây đã nói ra trong phạm vi của pháp Hữu vi.

Tóm lại quý vị nên nhớ cho Thiện Trang, bài kệ này đơn giản thôi. Pháp Hữu vi tức là có sanh có diệt, gọi là Hữu vi. Đó là một cách. Và pháp Hữu vi thì có tính chướng ngại, ví dụ như Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Và pháp Hữu vi này cũng gọi là Thế lộ, vì đó là con đường chính đi vô luân hồi, là do thằng này. Hoặc cũng gọi là Ngôn y; Ngôn y là nương theo ngôn ngữ lời nói. Còn pháp xuất thế gian gọi là pháp Vô vi, thì đi ngược với Thế lộ này, ra khỏi sanh tử luân hồi, nên ngược lại gọi là xuất thế đạo. Còn Ngôn y tức là phải lìa khỏi ngôn từ lời nói, bởi vì lời nói ngôn từ không thể diễn tả được. Thánh đạo thì diễn tả kiểu gì được, diễn tả tạm tạm thôi. Điều này gọi là Hữu ly, tức là có sự xa rời Niết-Bàn. Như vậy ngược lại, nếu pháp Vô vi thì có Vô ly, tức là không rời Niết-Bàn. Còn Hữu sự tức là còn có nhân quả trong đó.

Còn khi Niết-Bàn rồi thì hết nhân hết quả, giống như là củi hết thì lửa tắt. Đừng có hỏi sanh về đâu nữa, không có trong cảnh giới luân hồi nữa.

Quý vị [chỉ cần] hiểu được chút này thôi. Tóm lại hiểu được điều này, thì mình hiểu được Vô vi, Hữu vi. Còn bám theo ngôn ngữ này, thì ngày xưa các ngài hiểu chứ mình không hiểu. Nhưng bây giờ mình phải giải thích rõ ra như vậy.

Tạm dịch: Các loại như vậy là các tên khác nhau của pháp Hữu vi, ở đây đã nói trong phạm vi của pháp Hữu vi. Kệ ghi rằng:

Trước khi đến bài kệ thứ tám, Thiện Trang sẽ giải đáp công án đó, để coi quý vị giải đáp [công án] đó đúng không. Có người bình luận là: sư tử dẫn đầu sẽ thắng. Có người nói: con sư tử dẫn đầu, thì đàn cừu thắng. Sao không ai đưa điều ngược lại? Còn nhiều người không biết thế nào. Riêng về công án Thiền đó quý vị, đầu tiên đưa ra nhiều điều: một là đưa ra điều gì đó rõ ràng. Nhưng thông thường đưa ra một cái mơ hồ, để test (kiểm tra) trình độ tư duy nhanh, trực giác của mọi người. Quý vị đưa ra nhanh chính xác là đúng. Còn nếu với công án Thiền, mà quý vị suy nghĩ tới suy nghĩ lui, thì quý vị dùng ý thức rồi. Đó không phải là trực giác. Trực giác chính là trí huệ. Nếu quý vị càng nhanh đưa ra đáp án chính xác, thì [đúng].

Bây giờ quý vị nghe người ta nói: sư tử dẫn đầu đàn cừu, thì sẽ thắng. Tại vì con sư tử dẫn đầu đàn cừu là hợp lý. Con cừu [dẫn đầu] kia chạy, thì đàn sư tử kia chạy. Có hai người đưa ra như vậy. Còn người nào đưa điều ngược lại, là con cừu dẫn đầu thì đàn sư tử thắng. Thì người ta sẽ nói là: tuy là đầu tiên con cừu chạy, nhưng nguyên đàn còn lại là sư tử thì phải thắng chứ.

Ví dụ này, đầu tiên quý vị thấy là phi thực tế, tại vì sao? Làm gì có chuyện đó đúng không? Đó là test chỗ này nè. Đầu tiên là ví dụ phi thực tế đã, phi thực tế là làm gì có chuyện đó, làm gì có một con cừu dẫn đầu đàn sư tử, và

làm gì có con sư tử dẫn đầu đàn cừu. Đây là một điều phi thực tế. Đầu tiên là người nào nhận định được điều phi thực tế đó, thì yên tâm là đúng. Tại vì chúng ta sống với đạo Phật, sống với chánh niệm, mình biết điều đó là không có. Đã không có thực tế rồi, thì ta không bàn nữa.

Nhưng nói như vậy, thì người ta không thuyết phục. Nếu như cần bàn, thì ta mới đưa vào giả thiết thực tế. Giả sử có thì sao? Tất nhiên quý vị ra đáp án nào cũng đúng, tại vì là phi thực tế mà, phi Danh chân, đâu có chân thật đâu. Cho nên đưa ra một giả thiết thế này, ví dụ có người nói: sư tử dẫn đầu thì đàn cừu sẽ thắng. Ý nói trong một cơ quan, trong một công ty, trong một đất nước, với một vị lãnh đạo anh minh và tài giỏi, thì có thể dẫn dắt khiến mọi người đi về một đường hướng tốt đẹp, một đất nước tốt đẹp, một công ty phát triển với một ông sếp tuyệt vời.

Quý vị đưa giả thiết này vào trong đó để giải thích, thì cũng đúng. Quý vị cũng ghi được điểm: à tôi cũng có trực giác đúng. Nếu quý vị nói ngược lại, có người cũng có thể nói không đồng ý với điều đó. Là tôi thấy nếu ông sếp có dở (là một con cừu), nhưng mà cả một đất nước, cả một công ty toàn là nhân viên siêu đẳng. Vậy ông sếp ngồi chơi thôi, cũng đảm bảo thành công. Cho nên đây là đưa ra một giả thiết, nhưng cũng là một mô hình trong thực tế. Tức là ly ngôn tướng (rời khỏi lời nói) đi, để mình hiểu bản chất, thì giá trị trong công án này mang lại cho chúng ta một đáp án mở như vậy. Quan trọng là quý vị đưa ra đáp án nào? Nếu như người đưa ra được cả ba tình huống trên, thì người đó mới có thể gọi là có trí huệ của công án Thiền. Mà nhanh chóng đưa ra, chứ không phải suy nghĩ một hồi mới đưa ra. Còn nếu như quý vị suy nghĩ một hồi, suy nghĩ tới suy nghĩ lui, mới đưa ra đáp án đó, thì đó không phải [là] công án Thiền nữa. Không phải là Thiền bình thường, mà là suy tư. Cho nên đã là suy tư, thì không phải là Thiền.

Còn khi người ta đưa ra phải là trực giác, đầu tiên mình đừng để thiên hạ lừa, vì việc đó không có trong thực tế. Sau đó mình vẫn nói là nếu như đưa

vào hoàn cảnh, ví dụ như Thiện Trang dẫn ra [một] công ty, một đất nước, với sự lãnh đạo của một người sáng suốt, thì có thể sự nghiệp đi lên. Nhưng mà nhân viên dốt quá, dở quá, thì làm sao kéo lên được. Quý vị thấy một con sư tử kéo đàn cừu. Trong công ty mình, mình giỏi thiệt, nhưng mà công ty đó toàn là nhân viên dở quá, thì làm sao [kéo] lên được. Quý vị nghĩ có thực tế không? Không! Không đúng! Nếu chỉ có ông sếp giỏi không, mà nhân viên của công ty dở thì cũng không được.

Vậy thì bây giờ nhân viên xuất sắc hết, mà ông sếp dở, ngược lại thì có được không? Cũng tương đối thôi, nếu ông sếp đưa ra chính sách ngu quá thì cũng không được. Tóm lại, đó chính là A Tỳ Đàm đó quý vị. Đó là phải Ly khứ duyên mới được, phải hài hoà. Vừa rồi chúng ta học, gọi là Tương ưng duyên mới được, còn đây là Bất tương ưng duyên rồi, liên quan đến đó. Cho nên trong một đối tượng nào, một sự thành công phải có sự hài hoà, phải có Tương ưng duyên. Còn nếu ngược như vậy thì không thành.

Tóm lại là hai đội quân đó đều có vấn đề. Đội quân sư tử dẫn đầu đàn cừu, hoặc một con cừu dẫn đầu đàn sư tử, đều có vấn đề. Nhưng nếu bây giờ cho ra trận đánh thiệt, một con sư tử dẫn đàn cừu thả ra, rồi một con cừu dẫn đầu đàn sư tử thả ra. Thiện Trang đảm bảo đàn sư tử thắng. Tại vì sao? Vì đàn sư tử không nghe lời đâu, nó xông ra cắn thôi. Đó là một ví dụ thực tế. Nếu mình thực tế là như vậy. Chắc chắn đàn sư tử thắng, nó đông hơn thì phải thắng thôi.

Đây là mình hiểu được, mình phân tích một chút. Nhưng mình phải hiểu trong giáo lý A Tỳ Đàm này: là mọi sự ở đời này phải có hòa hợp và phải có Tương ưng duyên. Còn nếu không hòa hợp được, như nước với lửa, chống trái nhau, vậy thì không thành tựu. Nên nhiều khi ở đời, mình hay bị lừa bởi những giả thiết nhiễu như vậy đó quý vị. Thật ra đơn giản, từ đầu mình phải xác định ngay được, là đàn sư tử phải thắng thôi. Vì chúng là sư tử, không phải là như người mình, nó đâu nghe lời đâu. Sư tử ra thấy đàn [cừu] kia, thì

nó cắn thôi, chứ đâu cần phải quan tâm gì nữa, chắc chắn thắng.

Tại vì mình suy nghĩ, mình có kinh nghiệm, tưởng của mình về loài người, mình nghĩ nó nghe lời con đầu đàn, con đầu đàn chạy thì nó cũng chạy. Đó là mình bị lừa. Cho nên mình không có trực giác là vậy. Còn khi nào quý vị thấy trực giác A-la-hán, hỏi A-la-hán là A-la-hán trả lời đúng liền, không cần suy nghĩ, không cần phải tác ý nhiều đâu. Đơn giản như vậy.

Bây giờ chúng ta sang bài kệ thứ tám:

Bài Kệ 8

Hữu lậu danh Thủ uẩn	有漏名取蘊，	Hữu lậu là Thủ uẩn
Diệc thuyết vi Hữu tránh	亦說為有諍，	Cũng gọi là Hữu tránh
Cập Khổ, Tập, Thế gian	及苦集世間，	và Khổ, Tập, Thế gian
Kiến xứ Tam hữu đẳng.	見處三有等。	Kiến xứ hay Tam hữu ...

Giải:

#Hữu lậu danh Thủ uẩn: Hữu lậu gồm Thủ uẩn; #Thủ uẩn là ngũ Thủ uẩn, cũng gọi là Ngũ ấm hay là Thủ uẩn; #ấm là ngăn che, ngăn che sự sáng suốt, nên gọi là Ngũ ấm. Còn Thủ uẩn: #uẩn ở đây nghĩa là tập hợp lại nhiều cái. Giống như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, năm thứ tập hợp lại, hoặc là nơi tập hợp các nghiệp của mình, dẫn đầu các nghiệp, giữ được các nghiệp đó, gọi là Thủ uẩn.

#Diệc thuyết vi Hữu tránh: cũng gọi là tranh (hay tránh), tức là có sự tranh đấu ở trong đó. Tại sao có sự tranh đấu ở trong đó, thì từ từ chúng ta sẽ học

sau.

#Cập Khổ, Tập, Thế gian: Thủ uẩn cũng gọi là Khổ trong Khổ đế, Tập trong Tập đế. Có thân Ngũ uẩn hay thân Thủ uẩn, thì sẽ có khổ thôi. Quý vị thấy có thân người khổ không? Có! Chúng ta có thân người là phải lo ăn uống, phải lo tắm rửa, phải lo chăm sóc thân này. Không có thì khỏe, bây giờ có khổ quá. Thân chư thiên thì đỡ khổ hơn, đỡ khổ hơn thôi chứ không phải không khổ. Còn thân này là khổ, lâu lâu bệnh [nên] khổ, và nó chứa đựng những nguyên nhân khổ ở trong đó.

Các loại Phiền não gọi là Tập. Ví dụ như mình có thân người, thời tiết nóng một chút là khó chịu quá, sân lên, thời tiết lạnh quá cũng khó chịu. Rồi ăn no quá thì mệt, buồn ngủ. Ăn không đủ thì đói quá, run tay run chân. Ngay thân Ngũ uẩn này, đã chứa một mớ khổ, và nó chứa nguyên nhân của khổ, là từ các Phiền não đi theo.

Ví dụ như thân của chúng ta, ở trong kinh Phật nói: do thân này nên chúng ta bị rất nhiều điều dễ phiền não hơn chư thiên. Vì thân của chư thiên nhẹ nhàng, nên họ ít phiền não hơn ta. Còn thân của chúng ta bị phụ thuộc nhiều yếu tố quá, thời tiết nóng lạnh. Giống như trong Kinh A Hàm, khi đức Phật lên giảng kinh trên cõi trời Đao Lợi, giảng ba tháng ở trên đó. Vua trời Đế Thích có lúc thỉnh Ngài: "*Bây giờ Ngài ăn theo thức ăn của cõi Trời, hay ăn thức ăn của cõi Người?"*. Đức Phật mới nói: *"Tất nhiên ta sanh ra ở cõi Người, ta với thân thể cõi Người, thì ta ăn thức ăn ở cõi Người. Hãy đãi ta bằng thức ăn cõi Người".* Vua trời Đế Thích mới hỏi Ngài tiếp: *"Ngài muốn không khí môi trường ở cõi Trời, hay không khí môi trường ở cõi Người?"*. Đức Phật cũng nói: *"Ta vì ở cõi Người, cho nên ta phải sử dụng không khí môi trường ở cõi Người".*

Mặc dù vua trời Đế Thích đãi món ăn cho đức Phật, nhưng phải biến hiện đồ ăn lẫn môi trường, tức là hoàn cảnh để ăn, giống như ở nhân gian. Bởi vì Ngài vẫn dùng thân thể bình thường lên đó, chứ không phải thân của

trời Đao Lợi. Có nghĩa là Ngài có thể chuyển hóa hết, nhưng Ngài vẫn thọ dụng [thức ăn] như thế. Cho nên nếu lên cõi Trời đâu có phải đâu, lý do là ăn nên khác đó quý vị. Thức ăn cõi Trời khác, điều đó trong Vật thực duyên. Vật thực duyên là ăn khác nhau, cũng ảnh hưởng khác nhau, và rồi ra khác nhau.

Nên cõi Người này mới đầu hình thành, từ trời Quang Âm xuống cũng do ăn đất, ăn càng nhiều thì càng nặng nề, càng thô xấu. Trong Kinh A Hàm, đức Phật nói rõ: càng về sau này đời Ngũ trược của chúng ta, càng ngày thức ăn càng tệ đi. Cho nên con người càng nhỏ bé hơn, thấp hơn, rồi xấu hơn, phiền não nhiều hơn.

Quý vị thấy vậy không? Bây giờ Thiện Trang nói, khỏi cần nghe trong kinh, quý vị ai đã từng ra các nước Châu Âu, Châu Mỹ rồi, sống ở Việt Nam qua Châu Phi v.v…. Mình ăn thức ăn của Ấn Độ thôi, mình ăn thức ăn của mỗi nước, mình đã cảm thấy khác nhau rồi. Ở Việt Nam ăn xong thì sao? Hồi trước thì không biết, [nhưng] bây giờ ăn xong là buồn ngủ, ngủ gà ngủ gật, vì mệt. Nếu ăn ở các nước Châu Âu thôi, các nước tốt tốt là thức ăn sạch, ăn vào người tỉnh táo hơn. Mỗi ăn thôi đã ảnh hưởng, thân thể mình bị ảnh hưởng nên Phiền não của mình nhiều hơn. Vì mình ăn nhiều, mệt mỏi, dễ nổi sân hơn. Còn người ta ăn xong thì thanh thoát. Cho nên người Châu Âu chẳng hạn, người ta khỏe khoắn hơn, người ta tỉnh táo hơn, vui vẻ hơn mình.

Rồi thời tiết [bên] mình, trưa nắng nóng quá cũng buồn ngủ, nên cựa cái là nổi sân. Còn thời tiết ở Châu Âu mát dịu hơn, nên người ta nhẹ nhàng hơn. Rồi xứ lạnh với xứ nóng, quý vị cứ để ý đi, hồi xưa Thiện Trang lên sống ở Đà Lạt [trong] bốn năm thời sinh viên. Thiện Trang thấy người Đà Lạt trầm tính hơn, bởi vì lạnh hơn mà, người ta ít nhộn nhịp. Còn người Sài Gòn thì rộn ràng vui vẻ hơn.

Cho nên quý vị thấy, tuy cùng trên đất nước hình chữ S, Việt Nam, nhưng mỗi vùng có văn hóa khác nhau, mỗi tập sống khác nhau, mỗi tính cách khác nhau, do môi trường tạo nên. Từ nhỏ mình sống, ví dụ như miền Bắc, thì vừa

có nóng vừa có lạnh, nên khác. Còn miền Nam chỉ có xứ nóng thôi, nên người ta vui vẻ hơn, người ta nhanh nhẹn hơn. Đó là điều đương nhiên. Chỉ có hai mùa mưa và nắng, chứ không có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Còn nơi nào thay đổi bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, thì người ta cũng có những điểm [riêng] của người ta, tính của người ta dễ thay đổi và cũng dễ thích nghi với những thay đổi thế này kia.

Còn người ở xứ nóng, người miền Nam, đặc biệt người miền Tây tại sao họ phóng khoáng? Quý vị biết đồng bằng sông Cửu Long, hoặc là miền Nam, nội đồ ăn trái cây hay bất cứ động vật, thực vật thì nhiều hơn miền Bắc xứ lạnh. Nên người ta sống phóng khoáng quen rồi. Bây giờ thì không nói, [nhưng] hồi xưa ở miền Tây khỏi phải tích lũy tài sản, vì ra đồng là có cá, có trái cây đầy. Quý vị xuống Bến Tre xem, dừa bát ngát luôn, quý vị muốn ăn cỡ nào ăn, thì tự nhiên người ta phóng khoáng thôi, đãi khách không cần suy nghĩ.

Còn mình coi ở vùng miền Trung khô cằn, trồng được cây mít có mấy trái thôi, đã mừng gần chết, sợ mưa bão rụng nữa. Đó là do hoàn cảnh tạo con người, mình sống riết là quen ở trong đó, cho nên tại sao mình lại như vậy. Rồi mình sống ở trong vùng nào, là [chịu] ảnh hưởng ở đó. Nên ngay những yếu tố đó, đã ảnh hưởng đến mình, đừng nói cao siêu gì hết. Mình chưa phải Thánh nhân, [nên] mình ở đâu thì bị ảnh hưởng ở đó.

Vì vậy thế gian là khổ, và nguyên nhân của khổ thì có trăm ngàn loại, từ khổ bên trong đến khổ bên ngoài. Khổ bên trong tức là khổ do Phiền não của mình. Thật ra đức Phật nói luôn, ở đây chưa có thời gian để trích, đức Phật nói do nguyên nhân gì mà đất đai khô cằn, sông ngòi rồi v.v… khó khăn, mùa màng khó. Trong Kinh A Hàm, đức Phật nói là do tâm người, tâm chúng sanh không tốt, suy nghĩ làm những điều xấu, cho nên chiêu cảm ra những điều như vậy.

Cho nên đúng như Kinh Vô Lượng Thọ nói, mai mốt học tới Kinh Vô

Lượng Thọ thấy đúng y chang, "Phật sở hành xứ", là nơi nào có giáo pháp của Phật được lưu truyền, thì tự nhiên nơi đó được phước thái dân an, binh đao vô dụng, v.v… đủ thứ các loại. Thật ra là do tâm mình, tâm chúng sanh chuyển thì [hoàn cảnh] chuyển thôi.

Bây giờ nhiều người nói: Việt Nam tu đông lắm mà, sao hoàn cảnh cũng không tốt? Thiện Trang nói có hai nguyên nhân: Nguyên nhân thứ nhất: là tu thì đông, nhưng tu rốt ráo không nhiều. Quý vị coi đi, đem Bát chánh đạo ra mà so. Bát chánh đạo là tám điều kiện tiên quyết để tu bậc Thánh, mà xét ra là rớt sạch. Bao nhiêu người tu đúng chánh đạo, quý vị coi đi, cho nên mình tu là tu hình thức thôi, tới chùa lạy lục, van xin, cầu khẩn, tụng niệm v.v… là chính. Chứ [xét] tu Bát chánh đạo xét ra là rớt sạch.

Bây giờ đồng tu ở đây cũng tu cao lắm rồi, bây giờ mỗi ngày quý vị tu bao nhiêu tiếng thiền định đúng nghĩa? Hay là lên tụng cho một bài kinh, để trả bài [cho] Phật. Đâu có tu thiền định đúng nghĩa đâu, có Chánh định không? có Chánh niệm không? Ở đây chúng ta có niệm Pháp nhiều. Nhưng quý vị nhìn xem, những người bình thường đa số đi chùa vô chùa tụng thời kinh là hết rồi, đâu có nhớ Chánh niệm gì đâu. Rồi Chánh mạng, có làm nghề nghiệp chân chánh hay không? Mình cứ xem xét Bát chánh đạo là rớt sạch, chưa cần nói tu cái khác. Đó là lý do Phật giáo ở Việt nam, có đến gần 70 triệu người biết, nhưng số người thật sự tu thì không nhiều, đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là khi tu, có chuyển liền không quý vị? Quả báo có đến liền không? Chưa đến liền! Thông thường trong Kinh A Hàm, đức Phật nói thế này (Thiện Trang xin phép, tại vì Thiện Trang nhớ Thiện Trang kể thôi): Người tạo nghiệp đời trước, tức là mình sống từ nhỏ lo tu tạo nghiệp tốt, thì nửa đời này thường tốt. Còn nửa đời sau của mình, là nửa phần sau của đời trước. Bây giờ nói Thiện Trang thôi, Thiện Trang từ nhỏ không có điều kiện tốt v.v… trong gia đình khó khăn, là Thiện Trang biết nửa đời trước của đời trước Thiện Trang không gieo được nhân tốt lắm. Thông thường nửa đời trước là

mình bỏ phí rồi đúng không quý vị? Thiện Trang tu nửa đời sau của đời trước (tức là phần đời trước [tu] trong nửa đời sau), nên bây giờ nửa đời sau này trổ quả.

Đây là trong Kinh A Hàm đức Phật nói, chứ không phải Thiện Trang nói. Tức là điều này do đời trước của mình, cho nên biết đạo sớm vẫn tốt hơn. Nếu biết đạo trễ, mình tu trễ quá, thì đời sau mình lại khổ nửa đời nữa rồi. Thậm chí tới già mình mới biết. Nếu như mình chưa ra khỏi sanh tử luân hồi, mình [vẫn] ở trong luân hồi, thì đời sau mình đầu tiên là hưởng quả của nửa đời trước (phần trước khi chưa gặp Phật pháp) rồi sau đó nó mới tới. Cho nên nhiều người tại sao mới sanh ra đời họ nghèo, một hồi rồi họ thành tỷ phú là vậy đó quý vị. Đó là đức Phật nói một phần nguyên nhân, đó là một phần thôi không phải là tất cả, nhưng rõ ràng là như vậy.

Rồi còn những quả báo tu, trong Kinh A Hàm đức Phật nói: Nếu mình cúng dường các bậc Thánh nhân v.v… thế này thế kia. Hình như ngài A Nan hay ngài nào đó nói*: "Sao ngài không khuyên cúng dường mấy người đó? Mà bảo đi cúng dường cho những người bình thường, người giữ giới thôi, sao không cúng dường cho bậc Thánh quả? Rồi [để] giúp người nghèo hèn, sao đức Phật không khuyên bảo ông đó cúng dường cho các bậc đắc quả vị Thánh?".* Đức Phật nói*: "Tại vì nếu cúng dường cho mấy người giữ giới, mấy người chưa [đắc] Thánh quả, mấy người nghèo v.v… thì quả báo đến ngay trong đời này. Còn nếu như cúng dường cho các bậc kia, thì quả báo có thể đến chậm hơn".*

Có nghĩa là bây giờ quý vị gặp vị A-la-hán, quý vị cúng dường A-la-hán, nhiều khi đời này chưa trổ quả kịp, mà quý vị cúng cho những người bình thường, thì đời này có thể trổ quả nhanh hơn. Ngược đời vậy! Có những điều mình học trong kinh mình mới thấy, có nhiều điều kỳ lạ quá. Cho nên đôi khi đức Phật quán cơ: là bây giờ cúng cho người này trước đi. Nhưng tất nhiên cúng [dường] cho các bậc Thánh như Phật, thì phước báo lớn đến liền thôi. Nhưng cúng cho các vị Thánh như A-la-hán, hay Tu-đà-hoàn, thì thông

thường quả báo đời sau, ít khi đến quả báo đời này, còn cúng [dường] Phật là tới liền. Còn những người bình thường, như giúp người nghèo, giúp gì đó, là thường quả báo đến ngay đời này. Đức Phật không nói nguyên nhân, mà trong Kinh A Hàm có chuyện như vậy.

Cho nên ở đây Thiện Trang muốn nói là: có nhiều điều mình tưởng như mình biết trong giáo pháp của Phật, nhưng cuối cùng mình không biết, và mình học theo thời gian thì rõ ràng. Nên mình hãy cúng nha, bây giờ may quá thời nay phàm tăng cũng khá nhiều, nên quý vị cúng phàm phu tăng cũng có phước liền, chứ người ta đắc đạo rồi quý vị cúng [thì] phước trổ đời sau, chưa trổ đời này. Nên đây cũng là một yếu tố, mà mình phải xem xét trong việc tu phước. Còn quý vị lo cúng cho những người đời này không, thì cũng chưa bằng, nếu có được duyên cúng cho bậc Thánh nhân. Nên mình biết mình cũng phải cúng cả hai, mình ủng hộ cả [hai] bên. Mà mình đâu biết ai là Thánh nhân, ai không [phải]. Không [phải bậc Thánh nhân] thì biết nhiều, nhưng Thánh nhân thì không biết.

Có người hỏi Bát chánh đạo v.v… Bát chánh đạo [thì Thiện Trang] giảng nhiều rồi, quý vị có thể tự coi lại, còn khi nào đụng tới thì giảng lại thôi.

Trở lại bài, Thế gian này thì chúng ta dễ hiểu rồi, Thế gian này là Thế gian trong Phật pháp. Nghĩa là chúng sanh trong luân hồi, thì là Thế gian. Còn có khi nói cả Thập pháp giới là Thế gian. Ở đây nói theo ngôn ngữ này là chỉ luân hồi thôi, Thế gian tức là từ Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới (ba cõi sáu đường).

#*Kiến xứ Tam hữu đẳng*: cũng gọi là Kiến xứ; #Kiến xứ tức là nơi thấy cái sai; #xứ là nơi, nơi đây là nơi mà có nhiều Tà kiến; #Tam hữu là Dục giới hữu, Sắc giới hữu và Vô Sắc giới hữu. Tức là Dục giới cũng là Hữu vi pháp hay là Hữu lậu, còn ở trong Tam giới. Sắc giới và Vô sắc giới thì cũng có những tên như vậy, cho nên gọi là Thủ uẩn. Hữu lậu thì nhiều, rộng lắm .

論曰：此何所立？謂立取蘊，亦名為蘊。或有唯蘊，而非取蘊，謂無漏行。煩惱名取，蘊從取生，故名取蘊，如草穢火。或蘊屬取，故名取蘊，如帝王臣。或蘊生取，故名取蘊，如花果樹。

Luận viết: Thử hà sở lập? Vị lập Thủ uẩn, diệc danh vi Uẩn. Hoặc hữu duy Uẩn, nhi phi Thủ uẩn, vị Vô lậu hạnh. Phiền não danh thủ, Uẩn tùng thủ sanh, cố danh Thủ uẩn, như thảo khang hỏa. Hoặc Uẩn chúc thủ, cố danh Thủ uẩn, như Đế vương thần. Hoặc Uẩn sanh Thủ, cố danh Thủ uẩn, như hoa quả thọ.

Giải:

#*Luận viết*: là Luận ghi rằng.

#*Thử hà sở lập?:* điều gì được lập?

#*Vị lập Thủ uẩn, diệc danh vi Uẩn*: là lập Thủ uẩn, tức là ở đây lập ra một cái tên nữa, gọi là Thủ uẩn. Ở trên kia là Ngũ uẩn, dưới này là Thủ uẩn, và có khi gọi tắt là Uẩn thôi.

#*Hoặc hữu duy Uẩn, nhi phi Thủ uẩn, vị Vô lậu hạnh*: hoặc cũng có khi chỉ nói Uẩn thôi, mà không phải là Thủ uẩn. Tức không phải là Thủ uẩn, đôi khi nói ngắn là nói Uẩn thôi; là Vô lậu hành, tức là hạnh Vô lậu.

Hạnh Vô lậu là gì? Ở đây mình nói Uẩn thôi. Thủ uẩn là thế gian, nhưng nếu bỏ đi chỉ nói Uẩn, thì bớt hơn, vì bỏ được chữ Thủ rồi. Tức là cách nói này là một cách nói thôi, Thủ uẩn có khi người ta nói Uẩn thôi. Người ta chỉ nói mỗi chữ Uẩn, thì đó không phải là Thủ uẩn, mà chính là hạnh Vô lậu, tức là hạnh xuất thế gian. Tại vì #thủ là chấp trước, là dính mắc. Khi mình bỏ được dính mắc đó ra, thì mình đi trên con đường xuất thế gian, thì thành hạnh Vô lậu. Mấy ngôn ngữ này nói tắt quá.

#*Phiền não danh thủ*: Phiền não tức là Thủ.

#*Uẩn tùng thủ sanh:* Uẩn (Ngũ uẩn) đó từ Thủ mà sanh ra, từ Phiền não mà sanh ra.

#*Cố danh Thủ uẩn:* cho nên gọi là Thủ uẩn.

#*Như thảo khang hỏa:* #khang là vỏ trấu, tức là giống như cỏ hay là vỏ trấu, thì sanh ra lửa.

Có Thủ tức là có những Phiền não, thì tự nhiên sanh ra Uẩn, sanh ra thân thể (Ngũ uẩn) này. Nếu quý vị không có Phiền não nữa, thì nó không sanh ra. Giống như cỏ và vỏ trấu, thì sanh ra lửa thôi. Có Phiền não, thì có sanh tử luân hồi. Nếu khi nào hết Phiền não, thì hết sanh tử luân hồi, đơn giản là vậy!

#*Hoặc Uẩn chúc thủ, cố danh Thủ uẩn:* #chúc là dính mắc; Uẩn này dính mắc bởi Phiền não. Nghĩa là quý vị có thân thể này, là do chúng ta còn Phiền não. Nếu quý vị hết Phiền não, quý vị là A-la-hán, thì làm gì có thân thể này, quý vị nhập Niết-Bàn rồi. Cho nên đó là lý do, do sự dính mắc, Uẩn này là dính mắc bởi Thủ, Thủ là Phiền não, nên mới gọi là Thủ uẩn.

#*Như Đế vương thần:* #thần là quan; quan thì phụ thuộc vào Đế vương, thì dính mắc, [vì] phụ thuộc vào Đế vương mà. Có ông quan nào mà không làm cho Đế vương (vua) đâu đúng không?

#*Hoặc Uẩn sanh Thủ*: hoặc là do Uẩn sanh Thủ

#*Cố danh Thủ uẩn*: cũng có ngược lại, do có thân thể này mới sanh Phiền não, nên gọi là Thủ uẩn.

#*Như hoa quả thọ*: giống như là hoa quả thì sanh ra cây.

Tức là hai cái này liên hệ với nhau, mình có thân này, là do đời quá khứ mình tạo nghiệp, mình có Phiền não mới sanh ra thân này. Rồi do thân này lại tạo ra Phiền não, để luân hồi tiếp, đi vòng như vậy. Tức là cứ vòng vòng

trong đó, gọi là vòng luân hồi, gọi là vòng 12 nhân duyên: Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên duyên Sắc. Cứ như vậy vòng vòng.

Nói tóm gọn lại, thay vì nói 12 duyên khởi, gọi là vòng tròn 12 nhân duyên, do thân thể này có Phiền não, có Phiền não nên có thân thể này, và cứ chìm trong đó, cứ chạy trong đó, nên gọi là Hữu lậu, là còn Phiền não hoài.

Mình tu hành là mình dứt. Và cách dứt là gì? Là dứt Phiền não, hết Phiền não là hết luân hồi. Hết Phiền não là tiêu chuẩn của A-la-hán đó, A-la-hán là hết luân hồi. Cho nên đó là một điều rất tuyệt vời, mình phải có khả năng này. Nếu không, nhiều khi mình tu mà không biết, lại cứ vòng vòng trong đó.

Tạm dịch: Luận ghi rằng: Điều gì được lập? Là lập Thủ uẩn, cũng gọi là Uẩn. Hoặc chỉ có Uẩn, chứ không phải Thủ uẩn, là hạnh Vô lậu. Phiền não là Thủ, Uẩn từ Thủ mà sanh ra, nên gọi là Thủ uẩn, như lửa [được sanh từ] cỏ vỏ trấu. Hoặc Uẩn bám dính [phụ thuộc] vào Thủ, nên gọi là Thủ uẩn, như quan lại của Đế vương [thì bám dính phụ thuộc với Đế vương]. Hoặc Uẩn sanh ra Thủ, nên gọi là Thủ uẩn, như hoa quả [sanh ra] cây.

Tóm lại hai cái sanh qua sanh lại với nhau, mình hiểu như vậy cho đơn giản. Có Phiền não, thì sanh ra thân thể này. Có thân thể này, lại sanh ra Phiền não, cứ vòng vòng như vậy (nếu không biết tu). Tu thì mới chấm dứt được, đó chính là pháp này.

[Bài] của chúng ta còn khá dài, nhưng Thiện Trang chia sẻ thêm một chút A Tỳ Đàm, quý vị nghe hoài điều này cũng ngán. Thiện Trang xin chia sẻ một bộ Kinh của Kinh Tương Ưng (tức là trong Kinh Nikaya). Có một bộ Kinh tên là Kinh Ví Dụ Về Núi hay là Ví Dụ Núi, có nói về điều này như sau:

Đức Phật nói: **"Này các Tỳ-kheo, các ông hãy đặt ra bảy hòn sỏi lớn, bằng hạt đậu, lên đỉnh núi Sineru** *(tức là núi Tu Di)*, **thì các ông nghĩ như thế nào? Này các Tỳ-kheo, cái nào là nhiều hơn".**

Bây giờ quý vị lấy bảy hạt sỏi (hạt đá nhỏ), giống như hạt đậu, mà đặt lên núi Tu Di. Núi Tu Di to lắm, thôi mình nói núi Hy Mã Lạp Sơn (núi Himalaya), thì cái nào nhiều hơn. Đức Phật hỏi bảy hòn sỏi lớn bằng hạt đậu, đặt lên núi Tu Di, thì cái nào nhiều hơn? Tất nhiên các [vị] Tỳ-kheo nói hạt sỏi ít, bảy hạt sỏi ít quá, không so sánh gì so với núi đó. Cũng vậy, một vị chứng đắc được Kiến cụ túc, là quả vị Tu-đà-hoàn, thì việc của người đó đã làm xong, nhiều như núi Tu-di. Còn việc người ta chưa làm xong, ít giống như bảy hạt sỏi thôi.

Tại sao Thiện Trang nói điều này? Để quý vị biết con đường chúng ta đi tới Sơ quả Tu-đà-hoàn là lâu xa lắm, cho nên đừng có thất vọng. Có nghĩa là mình tới Sơ quả Tu-đà-hoàn, là như hòn núi lớn Tu Di, là mình làm hết rồi, còn sót lại bảy hạt sỏi như bảy hạt đậu thôi. Thôi không nói như núi Tu Di, mình nói như ngọn núi to lớn, mà quý vị dọn sạch rồi, còn lại bảy hạt sỏi cuối cùng. Thì người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, là họ dọn gần sạch rồi, còn một chút nữa thôi. Bảy hòn sỏi là tối đa bảy đời đó quý vị. Cho nên người chứng được quả đó thì đáng nể lắm, chứ không phải giỡn.

Mình tu mình kêu sao tu hoài không chứng. Xin lỗi! Đức Phật nói đó là ví dụ, để đến Sơ quả Tu-đà-hoàn là người ta tu cỡ đó, lâu lắm! Cho nên thành tựu không phải là nhất thời, thành tựu là cứ từ từ, từ từ, đời này tu một chút, đời sau tu một chút. Hoặc là đời nào đó, mình tu cái vèo, khi duyên đủ rồi, gặp thì mới đắc quả. Nhiều người nếu mà đắc quả được hết, thì gặp đức Phật đắc quả rồi.

Trong kinh, có một người giáo phái ngoại đạo, họ đưa ra [câu hỏi] chất vấn đức Phật: *"Bạch Sa Môn Cồ Đàm! Sao Ngài có lòng từ bi, phổ độ tất cả chúng sanh, mà sao Ngài lại lựa chọn giảng giáo pháp cho người này trước, người kia sau. Có người Ngài không giảng, tại sao như vậy? Như vậy là Ngài đâu có lòng từ bi. Ngài nói lòng từ bi phổ độ chúng sanh mà!"*

Đức Phật nói: *"Giả sử nhà ông có ba đám ruộng: Đám ruộng thứ nhất*

màu mỡ, đám ruộng thứ hai vừa vừa, đám ruộng thứ ba khô cằn. Như vậy nếu như gieo lúa, ông sẽ lựa chọn gieo lúa trên đám ruộng nào?" Ông đó trả lời: "Tất nhiên đầu tiên tôi lựa chọn cơ hội gieo trên đám ruộng tốt, đầy đủ phì nhiêu, gieo trên đó thì mới có thu hoạch."

[Đức Phật nói]**: "***Vậy khi hết đám đó rồi, còn giống nữa thì ông làm gì?***"** [Ông đó trả lời]: *"Tất nhiên là đến đám ruộng thứ hai, còn giống thì phải gieo thôi. Cuối cùng gieo hết đám thứ hai vừa rồi, thì đám khô cằn cũng phải ráng gieo, vì còn giống, còn hạt thóc. Nó lên được thì lên, nó không lên được thì thôi".*

Đức Phật nói**:** *"Ta cũng như thế, ta sẽ giảng cho những người căn tánh chín muồi sắp được độ, ta giảng trước. Ưu tiên những người đó, [như] những người xuất gia v.v... rồi sau đó mới tới hàng bậc trung và cuối cùng là hàng bậc hạ. Còn có những người không được".*

Và đức Phật cũng lấy một ví dụ tương tự: *"Giống như ông có ba lu nước: Một cái lu rất kín, đổ nước vô đầy; Một cái lu hơi rỉ lỗ nhỏ nhỏ; Và có lu thì rỉ rất nhiều. Bây giờ có nước đựng, thì ông ưu tiên đựng ở đâu?"*

Cũng vậy, [ông đó trả lời]: *"Tất nhiên con phải ưu tiên đựng ở cái bình không bị rỉ. Khi đầy rồi, thì con đựng đỡ qua bình rỉ rỉ, [vì] dư nước mà. Rồi nếu đựng hết, thì con đựng qua cái bình rỉ nhiều." [Đức Phật nói]: "Ta giảng giáo pháp cũng vậy, ta nhắm những người nào căn cơ đắc độ, ta giảng trước".*

Cho nên đừng có trách gì, mình nghiệp nặng nên đức Phật chưa thể giảng được [cho mình], vì mình chưa làm được. Giống như đá sỏi của mình nhiều quá, chứ không phải còn bảy hòn sỏi như núi Tu Di, nên cần phải cố gắng!

[Thiện Trang] định giảng Tâm sở, nhưng hết giờ rồi, để bữa khác. Mỗi bữa mình chia sẻ một chút như vậy, có bài nội dung sẽ rất hấp dẫn, nhưng có bài cũng không hấp dẫn lắm. Thiện Trang nghĩ rằng những nội dung hấp dẫn, quý vị nghe cũng nhiều rồi, và thật ra hấp dẫn hay không hấp dẫn, là do cảm

nhận của mình. Hôm nay Thiện Trang cũng cung cấp cho quý vị rất nhiều kiến thức, để quý vị có thể hành trì. Mỗi hôm mình đưa ra một [nội dung] khác. Hôm sau mình sẽ soạn phần chi thiền đưa vô. Nhưng phần hôm nay thấy, đưa vào thì không hợp lý, hôm khác đưa nội dung này [vào] thì hợp lý hơn.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi, hẹn quý vị vào hôm khác, mời quý vị chúng ta hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đồng sanh về Tịnh Độ”

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 8: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 8.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 14.08.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

LCX008- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Vi Diệu Pháp) - Phẩm Thứ 1 - Buổi 8|| Thích Thiện Trang

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Chúng ta đang theo dõi thời khóa trực tiếp. Theo lịch chúng ta có hai buổi chia sẻ Phật pháp, vào thứ Tư và thứ Bảy. Hôm nay là thứ Tư, chúng ta vào chuyên đề A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Tức là bộ Luận Câu Xá, một bộ Luận chuyên về Duy Thức. Bên Bắc truyền thì phân phần này thành của Tiểu thừa. Sau này chúng ta sẽ học lên phần Duy Thức của Đại thừa nữa.

Theo kế hoạch, nếu Thiện Trang chia sẻ một tuần một buổi như thế này, [để] đi hết phần Duy Thức Đại thừa, thì phải cần tầm khoảng 10 năm. Có thể như thế mới hết được. Nhưng đối với chúng ta, quý vị chỉ cần học hết bộ Luận Câu Xá này thôi. Thiện Trang có chia sẻ cả phần bên Phật giáo Nam truyền vào đây. Cho nên chúng ta học cả A Tỳ Đàm của Nam truyền, vào trong Luận Câu Xá này, là chúng ta có được hai trong một. Vì vậy mình sẽ học được rất nhiều lợi ích.

Và bộ này thực ra không nhiều, vì về sau càng ngắn, lúc đầu thì dài dòng,

nhưng về sau thì chú giải càng ngày càng ngắn. Mới đầu mình tưởng là bộ này quá dài, nhưng thực tế thì không dài. Đầu tiên Thiện Trang sẽ chia sẻ về phần giáo lý A Tỳ Đàm, chúng ta đang học về các duyên. Duyên sinh tức là 12 nhân duyên, điều đó thì hầu như ai cũng biết, chúng ta xin phép để vào phần sau. Phần Duyên hệ là phần mà ít người học, gồm có 24 Duyên hệ. Chúng ta đã học qua, gồm có:

1. Tiền sanh duyên là những gì giúp đỡ cho cái sau, [tức là] có một lực tác dụng, để giúp đỡ cho đối tượng sau đó, thì nó phải có mặt trước. Đó gọi là Tiền sanh duyên.

2. Thứ hai là Hậu sanh duyên, thì ngược lại. Cái đằng sau tuy chưa xuất hiện, nhưng có thể giúp những điều đằng trước, có sức mạnh giúp điều đằng trước. Giống như người ta vì có mục đích, là để đi làm kiếm tiền, nên trước đó người ta phải đi học. Đó là một mục đích, cũng là Hậu sanh duyên.

3. Tiếp theo là Câu sanh duyên. Câu sanh duyên là hai cái có mặt với nhau đồng thời, để giúp đỡ nhau. Ví dụ như hai người là vợ chồng để đám cưới. Đó là ví dụ dễ nhớ nhất.

4. Thứ tư là Hiện hữu duyên, là cái gì có xuất hiện, thì mới giúp cho cái kia.

5. Thứ năm là Vô hữu duyên, là cái gì không xuất hiện, thì mới giúp cho cái kia.

6. Thứ sáu chúng ta học về Thiền duyên (Thiền na duyên), có các chi thiền để giúp đỡ cho việc tu Thiền. Ví dụ như Sơ thiền, thì cần có Bảy chi thiền.

7. Thứ bảy là Vô gián duyên, là một nhân duyên gì đó liên tục, liên tục, thì mới gọi là vô gián, tức là không có gián đoạn thì mới giúp được.

8. Thứ tám là Đạo duyên. Đạo duyên chính là con đường. Trong mỗi tâm niệm, mỗi suy nghĩ, mỗi hành động của chúng ta, đã tạo ra vô số con đường,

khiến [cho] tương lai mà chúng ta đi về. Đó gọi là Đạo duyên.

9. Rồi tới Nghiệp duyên. Nghiệp duyên là nghiệp mình tạo, [tuy] chưa ra quả, [nhưng] cũng đã ấn tượng trong tâm chúng ta. Nói theo Duy Thức Đại thừa, thì gọi là ấn tượng trong A-lại-da thức của chúng ta, khiến cho mình cũng bị chướng ngại, gây cho mình nhiều điều gì đó. Đó [gọi] là Nghiệp duyên.

10. Nếu [nghiệp đó] ra quả, thì gọi là Quả duyên.

11. Vật thực duyên có bốn loại: Một là thức ăn, là Đoàn thực, chúng ta bỏ vào miệng nhai nuốt, đó gọi là Đoàn thực; Xúc thực là những gì mà chúng ta tiếp xúc; Tư niệm thực là những gì ta suy tư, suy nghĩ; và Thức thực. Đó là Vật thực duyên.

12. Tiếp theo là Thường cận Y duyên; 13. Ly khứ duyên; 14. Bất ly duyên; 15. Trưởng duyên; 16. Tương ưng duyên; 17. Bất tương ưng duyên.

Đó là những điều mà chúng ta đã học. Như vậy Thiện Trang thống kê qua sơ sơ, chúng ta đã học 17 duyên. Nếu nói rõ hơn, những duyên mà chúng ta quen thuộc là Nhân duyên, Tăng thượng duyên, Cảnh duyên nữa, là 20 duyên rồi.

Hôm nay xin giới thiệu thêm cho quý vị một duyên nữa, là Dị thục Quả duyên, hay còn gọi là Dị thục duyên. Tùy sách, do dịch giả dịch sang tiếng Việt, có phần khác nhau. Có người gọi là Dị thục Quả duyên, có người [gọi là] Dị thục duyên; #Dị tức là khác; #thục là chín; có nghĩa là chín khác. Duyên này là duyên khiến cho chín khác. Định nghĩa đơn giản, là nhân ta làm việc gì, nhân thiện hay nhân ác, v.v… thì từ từ mới kết quả. Quá trình đó, kết quả đó cần thời gian, chúng không đồng thời, cho nên gọi là Dị thục duyên.

Duyên này mai mốt [chúng ta] học vô, là có tâm quả trong các tâm: tâm nhân, tâm quả, tâm đầu thai, v.v…. Điều này nói ra rất phức tạp, nhưng chúng ta cứ hiểu rằng, khi chúng ta làm một hành động nào đó, thì từ từ mới kết quả,

chứ không kết quả liền.

Ví dụ như bây giờ, nhiều người nói kết quả liền mà thầy? Ra đường đánh người ta một phát, [thì bị] người ta đánh lại liền, kết quả liền! Thực tế là kết quả đó cũng chậm hơn một chút, chậm thêm mấy giây nữa, thì người ta mới đánh lại. Hoặc chửi người ta, một hồi sau người ta mới chửi lại, tức là cũng phải mất mấy phút hoặc mấy chục giây sau. Như vậy đó vẫn là Dị thục duyên.

Có nghĩa là để từ nhân đi đến quả, thì cần có thời gian biến đổi, nhân quả này chuyển từ từ. Nó cần có thời gian, có thể ngay trong đời này, có thể đời sau, kiếp sau, v.v…. đó gọi là Dị thục duyên. Có nghĩa là nó vẫn cần một sức mạnh về thời gian.

Điều này thì chúng ta quá quen! Sẵn đây giới thiệu về Dị thục duyên, thì Thiện Trang nghĩ đến trong Kinh A Hàm, đức Phật có đưa ra ở Phẩm Thanh Văn, Kinh Tăng Nhất A Hàm. Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo**: "Nay có bốn căn duyên sự này trước khổ sau vui, thế nào là bốn?"**

Ở đây đức Phật nói là trước khổ sau vui. Quý vị thấy, trước khổ là nhân, nhưng sau đó là vui. Như vậy rõ ràng là Dị thục duyên. Bốn điều đó là:

1. Tu tập phạm hạnh, trước khổ sau vui.

2. Tập tụng văn kinh, trước khổ sau vui.

3. Tọa thiền nghĩ niệm định, trước khổ sau vui.

4. Đếm hơi thở ra vào, trước khổ sau vui.

Như vậy Thiện Trang xin nhắc lại, thứ nhất là tu tập phạm hạnh. Người tu tập phạm hạnh, là người trước khổ, nhưng sau được vui. Phạm hạnh là hạnh thanh tịnh, hạnh của bậc xuất gia, hạnh Sa-môn v.v…. Hoặc phạm hạnh, nói đơn giản là hạnh không dâm dục, thì trước khổ, nhưng sau được vui. Như vậy quá trình từ trước đến sau đó, cần có thời gian, cho nên gọi là Dị thục

duyên.

Thứ hai là tập tụng kinh văn, trước khổ sau vui. Đúng rồi! Đầu tiên mình tập đọc kinh văn, rõ ràng mới đầu [đọc] thì ngán lắm, đọc cũng mỏi mắt buồn ngủ, gục lên gục xuống, nhưng trước khổ sau vui. Vì dần dần mình cũng hiểu được chút kinh văn, dần dần mình cũng hành theo được một chút. Hoặc do chủng tử đó, khiến cho ngày nào đó mình được giác ngộ.

Giống như trong thời đức Phật Ca Diếp, có hai vị đó đi vô chùa, cũng không biết gì hết, năm tháng này qua năm tháng nọ, suốt ngày đọc bài: *"Thân này là giả tạm, giả hợp. [Là] Sắc, Thọ, Tưởng, Hành Thức, là khổ, v.v…"*. Họ đọc năm này qua tháng nọ, [dù] không hiểu được. Nhưng họ cũng hình dung được, tóm lại thân này là đồ lắp ráp từ nhiều thứ, là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cho nên có thân này là khổ. Họ chỉ nhớ vậy thôi, họ đọc qua năm này tháng nọ.

Nhưng quý vị biết không? Quả của họ được chín muồi, là Dị thục duyên đó, họ gặp được đức Phật Thích Ca và cuối cùng đắc đạo. Vì sao? Vì đức Phật biết hai người đó là "nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu". Họ đọc bài đó hoài, cho nên chỉ cần đức Phật nói đúng điểm đó cho họ, là họ ngộ ra được thân này là giả tạo, vô thường. Và sự giả tạo, vô thường đó giúp cho họ Kiến đế, đắc được đạo.

Thứ ba là tọa thiền tư niệm định, trước khổ sau vui. Tư niệm hay là nghĩ niệm. Tọa thiền, tư niệm Định Huệ, tức là nhớ nghĩ kinh pháp, mình học v.v… [Rồi] mình tu định, [thì] chắc chắn là khổ đúng không quý vị? Mình tu, sáng dậy sớm, tối thì phải thức khuya. Rồi phải vất vả nữa, người ta thì đi chơi, [còn] mình thì phải ráng tu. Nhưng trước khổ sau vui đúng không?

Thứ tư đức Phật đưa ra là đếm hơi thở ra vào (Sổ tức quán), [thì] trước khổ sau vui. Cũng vậy, đó là một pháp điều hơi thở, gọi là điều tức. Đây là một phương pháp tu, gọi là A-na-Ban-na niệm, ngôn ngữ trong kinh nói là Quán

sổ tức, hay là nhớ nghĩ đến hơi thở, thì mới đếm hơi thở ra vào. Đó là một phương pháp tu chánh niệm, thì trước khổ sau vui. Vậy là rõ ràng rồi, là Dị thục duyên.

Quả báo này chúng ta chưa thấy rõ, Thiện Trang xin làm rõ hơn, nội dung tuần trước Thiện Trang chia sẻ. Đó là ở Kinh Số 1 của Phẩm Thanh Văn, Kinh Tăng Nhất A Hàm, để quý vị có thể tra cứu. Đức Phật có nói: **"Lại vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau vui? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước vui sau vui?"**

Tức là bây giờ đưa ra Dị thục duyên có bốn loại: có loại nhân duyên là trước khổ, nhưng sau vui; có nhân duyên trước vui, nhưng sau khổ; có nhân duyên trước khổ, sau cũng khổ luôn; và cuối cùng là trước vui, sau cũng vui. Chúng ta không mất nhiều thời gian, ở đây Thiện Trang ý muốn nhấn mạnh một điều thôi. Điều này chúng ta học lâu, thì chúng ta biết rồi. Tạo nghiệp tốt, thì trước có thể là chịu khổ, đời này có thể chịu khổ, nhưng sau được vui. Hoặc đời này mình được vui, rồi sau này được vui nữa. Đó là do mình đang tạo nghiệp tốt lành rồi, mình tiếp tục tạo nghiệp tốt lành nữa. Đức Phật nói thế này (đoạn này dài lắm, nhưng Thiện Trang tóm tắt như sau):

"Nếu người sống 100 tuổi, đúng 10 lần 10 như vậy (100 là 10 lần 10) **thì người ấy sống hết đông, hạ, thu, xuân, v.v... Và nếu người ấy trong 100 năm tạo công đức, rồi 100 năm tạo ác nghiệp, tạo các Tà kiến. Một thời gian sau, thì người ấy mùa đông được vui, mùa hạ chịu khổ. Nếu 100 năm tu tạo công đức đầy đủ, rồi trong vòng 100 năm nữa, người ấy lại tạo các nghiệp bất thiện, v.v... thì trước họ chịu tội, sau đó mới chịu phước".**

Ở đây ý nói thế này, nếu nói trong đời là 100 năm, mà 100 năm đó mình tạo rất nhiều việc thiện, rồi sau đó 100 năm tiếp, mình tạo rất nhiều nghiệp bất thiện. Thì quả báo đời sau, trước mình sẽ được vui nhưng sau đó chịu khổ.

Đức Phật nói giống như hai mùa xuân hạ, thu đông, thì mùa này được vui, [nhưng] mùa kia bị khổ. Ở đây cũng chưa rõ lắm, Thiện Trang xin đọc thêm một đoạn:

"Nếu lúc nhỏ làm phước, lúc lớn gây tội. Thì đời sau lúc nhỏ hưởng phước, lúc lớn chịu tội". Đây là nội dung hôm trước Thiện Trang có nói. Đó là chúng ta giải thích tại sao đời này, có những người lúc nhỏ thì sung sướng, nhưng lớn lên lại khổ. Đức Phật nói lúc nhỏ họ làm phước, lúc lớn gây tội, thì đời sau lúc nhỏ thì hưởng phước, [nhưng] lúc lớn chịu tội, chịu khổ.

Đức Phật nói tiếp: **"Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội. Thì người ấy đời sau, trước khổ sau cũng khổ".** (Điều này đương nhiên rồi, tạo tội cả đời). **"Nếu lúc nhỏ tạo các công đức bố thí phân đàn** (phân đàn là bố thí đồ ăn)**, lớn lên cũng tạo các phước bố thí phân đàn, thì đời sau người ấy, trước vui sau cũng vui"**.

Tóm lại có bốn nhân quả. Nếu đời trước, từ nhỏ quý vị tu tốt, lớn lên không tu nữa. Thì đời sau quý vị được hưởng nửa đời đầu, còn nửa đời sau khổ. Ngược lại, nếu đời trước nửa đời đầu không tu, nửa đời sau tu. Thì đời này, nửa đời đầu khổ, nửa đời sau mới được vui, do nửa đời trước [tu].

Và nhân quả này không phải nửa đời, nửa đời, mà do đức Phật lấy ví dụ ở trên nữa, có thể chia ra. Giống như bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, thì nguyên đời trước dài như vậy, giờ mình nhét vô có khi mùa này thì sướng, nhưng mùa kia thì khổ. Tức là nó convert lại, rút gọn lại, chứ không phải dài như vậy. Đại ý đức Phật muốn nói là: sẽ có khoảng thời gian thì khổ, có khoảng thời gian thì vui. Cho nên tu tập phải là tu mãi mãi, thì mới được vui mãi mãi. Còn nếu có lúc không tu, có lúc tạo ác, thì khổ vẫn khổ thôi. Nó cứ chen vô, và tỉ lệ đó là tương ưng.

Ví dụ ở trên đức Phật nói là 100 năm tu phước, 100 năm tạo tội, thì như vậy qua đời sau, có thể mùa đông được phước, nhưng mùa thu lại chịu tội,

xen kẽ nhau như vậy. Tức là nó tương ưng, chia ngang vậy thôi, chứ không phải 100-100. Tỉ lệ là 100%-100%, chứ không phải là thời gian 100 năm-100 năm. Ví dụ mùa đông quý vị tạo phước, mùa xuân tạo tội. Bây giờ có rất nhiều, mùa đông ở nhà không làm gì, thì tu, [còn] mùa xuân đi ăn chơi, tạo tội, ăn [uống], sát sanh. Người đời nay sát sanh nhiều, đủ hết! Tỷ lệ là 100-100, vậy thì đời sau cũng vậy.

Hoặc là trong đời này, khi nào quả của Dị thục duyên tới, thì 100% thời gian nào đó, có thể một tuần khổ, một tuần sướng, tương ưng như vậy! Nó là tỷ lệ, chứ không phải tính kiểu kia. Cho nên chúng ta hiểu rồi, học thêm điều này nữa, thì mình cẩn thận hơn. Đừng nghĩ [là mình] mới tu, thì cứ đi chơi, tạo tội cho đã, không sao đâu. Không! Có [quả] hết.

Trong bộ A Tỳ Đàm nói rõ hơn, nếu thời gian dài hơn, ví dụ một ngày có bốn thời: sáng, trưa, chiều, tối, hay nói có 24 giờ. Quý vị có 18 giờ làm phước, tu tập, còn sáu giờ ăn chơi sa đọa. Vậy thì tương lai tỷ lệ là 3/4 . 3/4 thời gian trong khoảng đời, hoặc trong gì đó chia ra. [Như] một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, có thể mùa xuân, hạ, thu thì sướng, còn mùa đông thì khổ. Cứ như vậy mà xoay vần vào, thì chúng ta hiểu tỷ lệ đó.

Đức Phật đưa ra một tỷ lệ, cho chúng ta hiểu và hình dung. Thiện Trang đã chia sẻ xong về điều đó, nói sơ sơ thôi. Về Dị thục duyên, tức là từ nhân đến quả cần phải có thời gian.

Tiếp theo xin giới thiệu một duyên nữa, gọi là Hỗ tương duyên. #Hỗ là hỗ trợ, #tương là qua lại, là duyên hỗ trợ qua lại lẫn nhau. Định nghĩa là lực đẩy, thúc đẩy qua lại giữa nhân và quả. Nhân tác động lên quả, quả tương tác với nhân. Tức là nhân với quả tương tác với nhau.

Chúng ta lấy ví dụ để quý vị dễ hình dung. Nếu chúng ta tu hành đúng pháp, thì tu hành là nhân, quả báo chúng ta đạt được là thân thể khỏe mạnh, trí huệ sanh ra, phước báo hiện tiền. Như vậy chúng ta thấy là nhân quả rõ

ràng, nhân đúng thì tác động lên quả. Nhưng quả cũng tác động ngược lại nhân. Tại vì từ quả đó mình tu tốt hơn, vì trí huệ của mình sáng suốt lên. Mình tu đúng mà, nên trí huệ sáng suốt lên, rồi tác động lại pháp tu đó v.v… nên đẩy trở lại. Nói tóm lại là hai cái hỗ trợ lẫn nhau. Nhân quả như vậy, gọi là hỗ trợ, hợp tác với nhau. Cho nên nhân [giúp] ra quả, quả lại giúp cho nhân, để nhân sau tốt hơn nữa, [một] vòng như vậy. Đó là ví dụ [về] tu tập đúng.

Nếu quý vị không hiểu, bây giờ Thiện Trang lấy ví dụ khác dễ hơn, ví dụ về chữa bệnh, thuốc và cơ thể. Thuốc đưa vào cơ thể, cơ thể có hết bệnh không, nếu chỉ có thuốc không thôi? Không! Cơ thể phải tiếp nhận thuốc đó như thế nào, cơ thể phải xử lý thuốc như thế nào. Tức là nhân [là thuốc], với quả là cơ thể [của] mình, hai cái này phải hợp tác với nhau. Cơ thể của mình cũng phải điều dưỡng, nghỉ ngơi, chứ mình uống thuốc không thôi, mình không lo điều chỉnh cơ thể, thì cuối cùng bệnh không hết.

Hỗ tương duyên là hai bên hỗ trợ nhau, giống như thầy và trò trong một lớp học. Thầy dạy cho trò, nhưng trò không hợp tác với thầy, thì nhân đưa qua, nhưng quả [không] phản ứng lại, thì không được. Mà hai bên phải hợp tác với nhau. Trò phải nghiêm túc, nỗ lực học tập, gọi là y giáo phụng hành. Thì quả đó giúp cho nhân, đồng thời thầy cũng dạy tốt hơn. Còn học trò phá quá, không nghe lời thầy, thì thầy cũng phiền não, tự nhiên dạy không được. Cho nên đó gọi là Hỗ tương duyên.

Ở đời, có những thứ mình tưởng mình làm chủ, nhưng cuối cùng là nó làm chủ mình. Điều này mình phải suy xét. Ví dụ quý vị mua một chiếc xe mới về, mình kêu mình là chủ của chiếc xe, nhưng do chiếc xe mới quá, đi mà xước một chút, dơ một chút, là phải chăm chút v.v… Rồi lỡ người nào đi ẩu quá, hay thế nào đó, thì mình xót ruột chiếc xe. Hoặc đứa nhỏ tới, vô tình rờ vô chiếc xe, [khiến xe] bị xước. Hoặc dựng chiếc xe ở đó mà bị cà, hay đá trái banh trúng chiếc xe thôi, là xước xe rồi.

Cuối cùng đó là quả, nhưng tác động lại nhân. Cho nên mình đang làm

chủ, lại thành nô lệ cho chiếc xe, cuối cùng là nó làm chủ mình. Trong đời mình phải nhận rõ những nhân duyên này. Cho nên ai là chủ, ai là đầy tớ, xe làm chủ hay mình làm chủ? Hòa thượng Tịnh Không hay nói, là mình ở trong nhà hay nhà ở trong mình?

Tức là mình ở trong nhà, thì mình phải hưởng thụ cái nhà. Còn người bị nhà làm chủ, nhà ở trong mình, nghĩa là suốt ngày chăm chút cho cái nhà sạch đẹp, có bao nhiêu tiền, đầu tư cho cái nhà hoành tráng v.v… cuối cùng mình phục vụ cho cái nhà đó. Cho nên gọi là nhà ở trong mình.

Cho nên quý vị nhớ nha, Hỗ tương duyên quan trọng. Tức là hai cái giúp đỡ lẫn nhau, cái này giúp cái kia. Như vậy chúng ta liên hệ, nó cũng gần gần với Tương ưng duyên và Bất tương ưng duyên. Hai nhân quả hòa hợp với nhau, hoặc là không hòa hợp nhau, thì đó cũng tương tự nhau. Nói chung là 24 Duyên hệ này là chia cho rõ ràng thôi, mà càng chia ra cụ thể bao nhiêu, thì chúng ta càng dễ hiểu, càng dễ nắm bấy nhiêu, thì chúng ta mới hiểu được.

Thiện Trang sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện, về ngài Cưu Ma La Thập. Quý vị biết, ngài Cưu Ma La Thập là bậc dịch kinh rất nổi tiếng. Ngài dịch kinh theo kiểu là ý dịch. Tức là nguyên đoạn dài của kinh, ngài đọc bằng tiếng Phạn [để] hiểu ý, rồi diễn lại bằng ngôn ngữ chữ Hán. Cho nên văn rất suông, rất dễ đọc, dễ hiểu.

[Vì] ngài đặc biệt như vậy, nên vua muốn hạ uy tín của ngài, [bằng cách] cho ngài mười cô hầu, để bưng nước, lo phục vụ v.v… Một vị Hòa thượng, trụ trì của [một] ngôi chùa, làm [công việc] phiên dịch kinh mà phải nhận như vậy.

Ngài nhận như vậy, cho nên một thời gian sau có nhiều ý kiến, có một số người nói rằng: *“Ngài làm được, thì tôi cũng làm được”*. Có nghĩa là [họ] cũng muốn có như vậy, *“ngài có mười cô, còn tôi có một cô cũng được”*, kiểu vậy! Có một số người Đệ tử thì nói: *“Sư phụ mình có, thì chắc mình cũng có được”.*

Bữa đó ngài đem một nắm kim (kim may đồ) nhỏ nhỏ, bỏ vô một ly nước, ngài lắc lắc một hồi tan hết. Xong rồi ngài nói: *"Bây giờ, nếu ai muốn như tôi, thì được thôi! Hãy uống hết ly nước này đi! Bây giờ không thấy kim đâu, nhưng hãy uống hết ly nước này, thì sẽ giống như tôi. Còn ai muốn nói tôi, thì uống hết nửa ly nước này, là được!"*.

Rồi có ai dám uống không? Không ai dám uống cả. Bởi vì [họ] biết có kim trong ly nước đó. Mặc dù ngài lắc một hồi, kim biến đâu hết rồi, nhưng không ai dám uống. Cuối cùng ngài uống hết, [nhưng] không sao hết. Từ đó trở đi, [người ta] biết ngài không phải là bình thường, biết ngài [là] Cao tăng, có Thần thông. Tại vì quý vị bỏ kim vô ly nước, lắc lắc một hồi, kim biến [mất] hết, nhưng làm sao biến được. Hoặc là đưa cho người ta, người ta cũng đâu dám uống, có mình ngài uống. Cho nên từ đó, mới biết ngài không phải là người thường.

Ý chúng ta [muốn] nói là: mình phải có năng lực cỡ đó, thì mới độ sanh được. Ngài quán được, là vì nếu không nhận thì vua xử, cho nên ngài phải nhận.

Đó là Thiện Trang chia sẻ tiếp một số vấn đề trong A Tỳ Đàm. Thiện Trang [định] chia sẻ thêm một duyên nữa, mà duyên đó dài lắm, chia sẻ chắc một buổi mới hết, cho nên hôm nay chia sẻ tạm hai duyên.

Bây giờ chia sẻ cho quý vị về Tâm sở. Có một số Tâm sở: Tâm sở [thứ] nhất là Tâm sở Tầm. Tầm là gì? Hôm bữa Thiện Trang có đưa ra [ví dụ] về con ong. Tâm sở Tầm là một trong Bảy chi thiền. Tầm là con ong hướng về bông hoa. Và Tâm sở Tầm này giúp cho khỏi buồn ngủ, đối trị hôn trầm. Cho nên ai buồn ngủ, hãy cố gắng dùng phương pháp này để tu. Đó là mình phải cố gắng chú ý về một điều gì đó. Tầm thật ra nói đơn giản là tư duy, đồng nghĩa với tư duy, giải thích ra là tư duy về một vấn đề nào đó.

Ví dụ như đang buồn ngủ, ngủ gà ngủ gật, tự nhiên có chuyện gì đó, ví

dụ như cô hàng xóm điện tới: *"Chị ơi chị, bữa nay thấy chồng chị đang chở cô nào đi đó"*. Thế là tỉnh [ngủ] liền đúng không? Thực tế là tâm mình tập trung tư duy suy nghĩ, về vấn đề nào đó, nhờ đó [mà] đối trị được hôn trầm. Cho nên ai tu Tịnh Độ, khi niệm Phật mà buồn ngủ, thì cố gắng kiếm chuyện gì ra nghĩ, [như] nghĩ về kinh, về pháp và tư niệm. Tại vì lúc đó chi thiền này, tức là Tâm sở Tầm này yếu, [vì] yếu nên buồn ngủ. Đó là cách đối phó. Trong A Tỳ Đàm chia Tâm sở Tầm này có ba loại:

1. Một là Dục tầm, là chạy theo điều mình thích. Ví dụ như lúc đó, Tâm sở này là hướng đến điều [mình] thích, mình tư duy điều mình thích. Ví dụ như đang buồn ngủ ghê gớm, có người đem vô một ly trà sữa trân châu gì đó v.v… ngon lành quá, thì tỉnh ngủ liền. Đó là hướng về một đối tượng mình thích. Dùng ngôn ngữ bình thường là hướng đến, thật ra là mình nghĩ tới, cũng đỡ buồn ngủ đúng không? Đó là Dục tầm, dục là mong muốn.

2. Thứ hai, như câu chuyện vừa rồi, mình nghe cô hàng xóm nói: *"Tao thấy ông chồng mày, chở cô nào đi vô khách sạn kìa"*, là bắt đầu mình nổi tức lên. Đó thuộc về Sân tầm. Cứ nổi sân lên là hết buồn ngủ, quý vị thấy rõ ràng đúng không? Có nhiều người đang buồn ngủ ghê gớm, mà nổi tức lên, là hết buồn ngủ. Đó là Sân tầm. Tức là mình bực tức lên, ghét với những điều gì bất mãn. [Điều mình] ưa thích là Dục tầm, còn đây là Sân tầm.

3. Thứ ba là Hại tầm, là mình có ý tưởng chống đối, đánh phá, tấn công trần cảnh nào đó, dù người hay vật. Ví dụ đang niệm Phật, buồn ngủ ghê gớm, mà có người bưng vô cái xô gì đó vô, hôi rình! Mình thấy khó chịu quá, người ta để đó, mình tới nhanh chóng bưng ra ngoài. Tâm này gọi là chống phá, bất mãn với hoàn cảnh, cũng gần gần giống với tâm kia, nhưng đối phó lại. Hoặc là đang buồn ngủ, mà tự nhiên sực nhớ ra trời quá nóng, như vậy cũng đỡ buồn ngủ đi.

Như vậy tóm lại ở đây, Dục tầm là chỉ cho Tâm sở Tham. Sân tầm là Tâm sở Sân. Và Hại tầm là thiếu sự từ bi. Ngược lại với từ bi, không có Tâm sở Từ

bi (Tâm sở Bi). Đó gọi là Tầm. Chúng ta giải thích rõ ra, chứ hôm bữa mình nói Tầm không [thôi]. Thiện Trang đảm bảo rất nhiều người học Bách Pháp Minh Môn Luận rồi, nhưng hỏi các Tâm sở không biết gì hết. Chính vì vậy mình học mơ mơ màng màng, học cho vui thôi. Như vậy là Tâm sở Tầm.

Thiện Trang xin chia sẻ thêm một Tâm sở nữa, là Tâm sở Tưởng (trong Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư). [Thiện Trang] chia sẻ được cái nào thì chia sẻ, dần dần chia sẻ hết, rồi mình đúc kết lại luôn. Tưởng có ba loại: Dục tưởng, Sân tưởng và Hại tưởng, giống giống ở trên.

1.Dục tưởng là những điều tưởng về mong muốn. Định nghĩa Tưởng là gì? [Trong] Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì điều này cũng tương tự như thế. Tưởng là những kinh nghiệm, những sự biết của mình v.v… Có ba loại [Tưởng], cũng tương tự như trên. Mình hiểu được thì mình tu được.

Thứ nhất, trong đời sống mình sống bằng tình thức (sống bằng Tưởng) và sống bằng Trí. Tức là có hai điều: Một là sống bằng Tưởng và hai là sống bằng Trí. Vậy ai sống bằng Tưởng, thì sẽ khổ hơn người sống bằng Trí.

Như vậy Dục tưởng là những mong muốn, hiểu biết của mình. Nhưng đây là do kinh nghiệm hiểu biết. Ví dụ như có những người ăn món ăn, thấy món đó quen thuộc thì mình thích ăn. Đó thuộc về Dục tưởng. Có nghĩa là mình ham muốn, nhưng ham muốn theo cái biết của mình thôi. Còn người có trí hơn, thì họ kêu:*"Tuy món này lạ, nhưng coi thành phần cũng có vẻ ngon, có thể ăn được đây, thì chúng ta sẽ thử"*. Đó là người thuộc về Trí nhiều hơn. Đây là những điều tu hành đó, cho nên người trí bớt chấp trước hơn, [là] cũng do Dục tưởng này.

2. Sân tưởng cũng vậy, tức là mình nổi tức lên, sân lên, [là] do hằng ngày mình biết theo cái biết của mình. Xưa nay tôi biết như vậy, kinh nghiệm như vậy về vấn đề đó, cho nên bữa nay chỉ cần khác đi, là tôi bực mình lên, tôi điên lên. Còn người trí thì sao? Tuy rằng khác với những kinh nghiệm mình đã biết,

khác những tri thức xưa nay mình biết, nhưng mình phải suy xét. Nên người trí sống theo Trí tưởng, người ta không có Sân tưởng được. Người ta dùng trí [nên] phân biệt được. Cho nên trí có khả năng biện biệt được rõ.

3. Còn Hại tưởng là gì? Hại tưởng là mình thấy cái gì không giống với mình, không giống với kinh nghiệm hiểu biết của mình. Ví dụ như hồi trước giờ, nhà mình đặt cái cây bên trái, bữa nay tự nhiên sao có ai vô, đặt lại bên phải. Như vậy mình thấy khó chịu quá, mình chống lại, mình phải đem thay đổi cái cây lại. Hoặc là có nhiều điều lắm.

Tu hành cũng vậy, xưa nay mình nghe Niệm Phật là Pháp môn số một. Bữa nay tự nhiên người ta nói, Pháp môn đấy [không phải] là số một, thì tự nhiên mình khó chịu, mình phải bẻ lại. Như vậy, đó thuộc về Hại tưởng. Hại tức là mình không phải chỉ tức không nữa, mà mình làm ra những hành động, để thay đổi hoàn cảnh, thay đổi điều đó. Đó là Hại tưởng, vậy thì cũng khổ! Cho nên là người sống bằng Trí, thì đỡ khổ hơn rất nhiều. Nên là hãy cố gắng sống ngược với Tưởng, thì là Trí, chúng ta đem trí ra là xong. Như vậy [là] sống thông qua Thức.

Ở đây, Thiện Trang xin nói [thế này]: nếu theo A Tỳ Đàm, thì chúng ta sống theo ba kiểu. Một là sống theo Thức. Thế nào là sống theo Thức? Thức là cái biết ban sơ, cái biết ban đầu thôi. Ví dụ cầm một cái gì đó, thấy nóng thì nóng, thấy lạnh thì lạnh v.v... Cái biết đó có cần không? Cần! Vậy sống theo [Thức] có cần không? Cần!

Thứ hai là sống thông qua Tưởng, thông qua Tưởng thì khổ nhiều hơn. Ví dụ như một người đi qua đường, ở đây Thiện Trang nói những người yêu nhau chắc dễ hiểu hơn. Hồi xưa hai người đó chưa quen nhau, không có yêu nhau, ví dụ chơi một trò chơi gì đó, họ nắm tay nhau, [nhưng] họ không có cảm giác gì hết. Nhưng tới khi họ yêu, tự nhiên họ nắm tay nhau, thì họ có cảm giác. Đó là sống theo Tưởng. [Mình] tưởng ra thôi, do tưởng mà có cảm giác, chứ thực tế thì cũng vậy.

Thực ra nếu quý vị sống theo Thức, quý vị cầm tay người ta thì cũng vậy thôi, người này cũng giống người kia thôi. Nhưng do có Tưởng, nên là tưởng ra một trời thứ trong đó, thành ra ta đam mê, ta chạy theo cái Tưởng. Và ngày nào đó, khi kinh nghiệm của mình thay đổi, hiểu biết về con người đó thay đổi, mình không nghĩ người đó đẹp như xưa, tốt như xưa v.v... Thì cái cầm tay đó, mình thấy khó chịu.

Trong Phật pháp cũng vậy, lúc đầu tới thấy thầy rất là tuyệt vời, từ xa nghe nói đó là vị Pháp sư lỗi lạc v.v… đủ thứ. Mình thần tượng, cho nên mình tưởng toàn điều tốt đẹp. Ngày nào đó, thấy thầy đó hoặc nghe ai đó nói một điều gì đó hơi xấu một chút thôi, là bắt đầu cái Tưởng của mình thay đổi, kinh nghiệm của mình thay đổi rồi. Lúc đó mình bắt đầu khó chịu. Nên người sống theo Trí thì đỡ khổ, người sống theo Tưởng (Tình thức) thì khổ lắm.

Thứ ba là mình sống theo Trí. Sống theo Trí là khả năng biện biệt được, biết rõ cái gì nên, cái gì không nên, điều gì thiện, điều gì ác, điều nào cần, điều nào không cần, điều nào làm, điều nào không làm.

Ở đây sẵn chia sẻ cho quý vị, đức Phật chia ra, có mấy hạng người đi tìm minh sư (tìm vị thầy). Thế nào là tìm minh sư?

1. Có người tìm thầy cho mình, bằng [cách] dựa theo tướng hảo. Tức là thầy nào có tướng hảo, là thầy của mình. Điều này có được không quý vị? Điều này có vẻ không ổn! Nhưng thế gian có những người như vậy đó quý vị. Có người nói phải tìm thầy có tướng hảo, tại vì có tướng hảo chứng tỏ thầy đó có phước báo, có thể thầy đó tu đúng hướng v.v… nên họ chạy theo thầy có tướng hảo. Nhưng đức Phật nói không nên, tại vì tướng hảo là phước báo đời trước, chẳng giải quyết được vấn đề. Cho nên chưa hẳn! Chưa giải quyết được.

2. Thứ hai là theo khổ hạnh, tức là nhìn thấy người đó có vẻ khổ hạnh như vậy, thì chạy theo. Điều này có ổn không quý vị? Chưa hẳn! Tại vì nhiều khi khổ hạnh, nhưng chưa chắc đúng pháp, nên chưa chắc.

3. Thứ ba là đạo phong, đạo phong tức là dáng của vị thầy đó, nhìn có vẻ rất là có đạo, giống như có tư thế thiền, nhìn rất tốt, cách ăn mặc, nói chung oai nghi tế hạnh khá tốt, nhìn qua đó là ok. Như vậy được không quý vị? Cũng chưa chắc được! Từ từ [mình] nói tại sao chưa chắc được.

4. Thứ tư là tìm theo vị thầy nổi tiếng. Thầy đó nổi tiếng rồi, mình nghĩ là đi theo số đông thì chắc ổn. Có được không quý vị? Chưa chắc luôn!

5. Thứ năm là theo pháp. Tức là vị thầy đó giảng đúng pháp.

Nói tóm lại người thứ nhất, nếu chỉ theo tướng mạo, là không ổn rồi. Chưa chắc tướng mạo đẹp là đã ngon. Điều đó [mình] quá biết mà! Các vị A-la-hán thời đức Phật, có nhiều vị xấu lắm, không có đẹp. Thứ hai về khổ hạnh, cũng chưa hẳn! Vì có nhiều vị đâu có khổ hạnh, mà người ta cũng ngon lành, cho nên là chưa chắc. Rồi thứ ba là về đạo phong, đạo phong tức là có dáng thiền, dáng đạo oai nghi v.v…. Đức Phật nói trong Kinh Tăng Chi hay trong Kinh Tăng Nhất A Hàm: **"Nói về đạo phong với pháp, thì có người nhìn đạo mạo, ra khí thế lắm, nhưng không có đạo** (tức là không có pháp, không tu đúng pháp). **Có người thì có được cả hai, là vừa có đạo và vừa có đạo phong** (tức là vừa có [bề ngoài], vừa tu đúng Chánh pháp). **Có người nhìn bề ngoài thì dở tệ, nhưng lại tu đúng Chánh pháp. Và có người thì cả hai điều [trên] đều không có"** (tức là vừa bề ngoài không có, không có đạo cốt gì hết, và cũng chẳng có tu đạo đúng lối).

Đức Phật nói là nên chọn tán thán hai [hạng] người, người nào miễn có pháp là ổn. Và nếu như tốt hơn, là có cả oai nghi tế hạnh nữa. Còn nếu không được thì tạm tạm. Rồi người nổi tiếng thì không chắc, nổi tiếng thì càng không chắc nữa, đặc biệt vào thời nay, người ta dùng đủ các cách để nổi tiếng. Hoặc là theo số đông cũng chưa chắc là đúng. Nên nhớ số đông chưa chắc đã đúng. Thứ năm là tìm người có thực hành, [tìm] vị thầy dạy cho mình theo đúng giáo pháp của Phật.

Đức Phật nói: **"Nên chọn người đủ ba điều kiện: Một là nhìn có đạo hạnh, có Giới hạnh. Thứ hai là có được khổ hạnh nữa thì tốt. Và quan trọng là có pháp đúng với lời của Phật dạy. Nếu không được ba điều đó, thì còn hai. Nếu không được hai, thì cuối cùng còn một, nhưng [dù] điều nào, thì pháp là quan trọng".**

Cho nên phải nương theo pháp mà tìm thầy. Đức Phật xác định là phải nương theo pháp mà tìm thầy, chứ không phải nương theo những hình dáng bên ngoài, để tìm vị minh sư. Những cái bên ngoài không đánh giá được, mà phải đánh giá theo pháp. [Muốn] đánh giá theo pháp, thì mình phải học pháp mình mới đánh giá được chứ, không học thì làm sao biết được. Nên gọi là "**y pháp bất y nhân**".

Thiện Trang thấy, theo Phật giáo của Nam truyền, thì y pháp bất y nhân làm rất tốt, còn Phật giáo Bắc truyền thì chưa chắc. Phật giáo Bắc truyền dễ bị thờ thầy, thờ một hình tượng quá sâu, rồi đi về một hướng nào đó quá sâu. Cũng có hướng tốt, nhưng cũng có những hướng không được tốt, là lạc rồi. Cho nên quý vị nhớ, nếu như mình là người tỉnh táo, cố gắng hãy tìm người nào, yêu cầu đầu tiên vị thầy phải dạy đúng lời Phật dạy đã. Rồi sau đó tốt hết, có đạo hạnh, có khổ hạnh, có giáo pháp, v.v… có càng nhiều điều càng tốt. Giống như năm điều trên, nếu như quý vị có hết luôn là quá tuyệt vời.

Nhưng không có đâu, thời nay khó kiếm được vị thầy như vậy. Vị thầy tu tốt, thì thường tướng mạo không đẹp, khổ hạnh quá mà, đâu đẹp đâu, làm sao có. Rồi nhiều khi không nổi tiếng, vì họ không quan tâm đến sự nổi tiếng. Tất nhiên cũng có người được nhiều người công nhận. Đó là Thiện Trang chia sẻ sơ qua, và đây là những điều mà chúng ta nên chú ý.

Bây giờ Thiện Trang xin phép vào bài Luận Câu Xá, hôm bữa chúng ta đang ở bài Kệ số tám.

Bài Kệ 8

Hữu lậu danh Thủ uẩn	有漏名取蘊，	Hữu lậu là Thủ uẩn
Diệc thuyết vi Hữu tránh	亦說為有諍，	Cũng gọi là Hữu tránh
Cập Khổ, Tập, Thế gian	及苦集世間，	và Khổ, Tập, Thế gian
Kiến xứ Tam hữu đẳng.	見處三有等。	Kiến xứ hay Tam hữu ...

Pháp Hữu lậu gồm có Thủ uẩn (Ngũ uẩn), cũng gọi là Hữu tránh, vì còn có đấu tranh. Cũng gọi là Khổ, Tập; #Khổ là trong Khổ đế; #Tập là nguyên nhân của khổ; và cũng gọi là Thế gian. Kiến xứ thì đằng sau có giải thích rồi, hay là Tam hữu: Dục giới hữu, Vô giới hữu, Sắc giới hữu, Vô sắc giới hữu.

此有漏法亦名有諍，煩惱名諍，觸動善品故、損害自他故、諍隨增故，名為有諍。猶如有漏亦名為苦，違聖心故。亦名為集，能招苦故。

Thử Hữu lậu pháp, diệc danh Hữu tránh, Phiền não danh tránh, xúc động thiện phẩm cố, tổn hại tự tha cố, tránh tùy tăng cố, danh vi Hữu tránh. Do như Hữu lậu diệc danh vi Khổ, vi Thánh tâm cố. Diệc danh vi Tập, năng chiêu khổ cố.

Giải:

#*Thử Hữu lậu pháp*: là pháp Hữu lậu này.

#*Diệc danh Hữu tránh*: cũng gọi là Hữu tránh. Bây giờ giải thích chữ Hữu tránh.

#*Phiền não danh tránh*: tức là còn Phiền não, thì còn gọi là tránh.

#*Xúc động thiện phẩm cố, tổn hại tự tha cố*: vì làm động những bậc thiện. #Thiện phẩm này có nhiều cách giải thích, thiện phẩm là bậc thiện, hoặc là những pháp thiện, cũng gọi là thiện phẩm.

Bởi vì còn Phiền não, thì làm động đi những việc làm thiện của mình. Chứ mình làm chưa hẳn là thiện. Hoặc tổn hại mình là tự, rồi tổn hại người khác. Ở đây tất nhiên có Phiền não, thì tổn hại mình và tổn hại người khác.

Điều này nhiều người nói: *"Sao thầy nói kỳ vậy, sao Phiền não tổn hại mình, [và] tổn hại người khác".* Quý vị nghĩ, quý vị sân lên có tổn hại mình không? Quý vị sân lên, có tổn hại người khác hay không? Đấy là nói đơn giản. Còn nếu như chúng ta còn Phiền não, còn trong luân hồi, thì chúng ta còn tạo nhiều nghiệp, chúng ta khiến cho chúng sanh cũng khổ, mình cũng khổ. Cho nên là tổn hại người khác; #cố là bởi vì.

#*Tranh tùy tăng cố*: vì sự tranh chấp theo đó mà tăng thêm.

Tại vì sao? Tất nhiên [còn] trong luân hồi, [thì] mình còn tranh nhau, tranh đã luôn. Bây giờ giống như nhiều người tu rồi, vẫn còn tranh nữa, đừng nói thế gian. Muốn tranh chùa to Phật lớn, chùa này to, chùa kia to hơn, tranh tín đồ (tranh Phật tử) v.v... Có hiện tượng đó, đó là những người tu sơ sơ.

[Còn] ở thế gian này, người ta tranh đủ hết, đất nước này tranh giành với đất nước kia, đủ các kiểu. Đó là vì còn Phiền não. Chứ bậc hết Phiền não rồi, thì không tranh với ai hết.

#*Danh vi Hữu tránh*: gọi là Hữu tránh, tức là có sự tranh đấu.

#*Do như Hữu lậu diệc danh vi Khổ*: còn như Hữu lậu cũng gọi là Khổ. Giải thích [Hữu lậu] tại sao gọi là Khổ.

#*Vi Thánh tâm cố*: chữ #vi là trái; bởi vì trái với tâm của bậc Thánh.

Điều này là đương nhiên rồi! Hữu lậu gọi là Khổ, bởi vì trái với tâm của bậc Thánh. Tâm của bậc Thánh thì không tạo ra khổ nữa. Còn tâm của phàm phu thì tạo ra nhiều [sự] khổ, ít nhất khổ mình và mang đến khổ cho người khác.

#*Diệc danh vi Tập*: cũng gọi là Tập. Tập là nguyên nhân gây ra khổ.

#*Năng chiêu khổ cố*: bởi vì [chỉ] chiêu cảm ra nỗi khổ. Chữ #năng là phó từ, nghĩa là chỉ; chỉ chiêu cảm nỗi khổ.

Nghĩa là chúng ta ở trong vòng luân hồi, ở đây chúng ta còn là pháp Hữu lậu. Vì có Phiền não, cho nên còn tranh đấu, rồi khiến cho Phiền não tăng lên, thì đó chính là Khổ. Đức Phật nói mọi sự hiện hữu ở đời đều là khổ. Đức Phật có bài thuyết Tứ diệu đế, đối với người ngoại đạo rất hay, đức Phật nói thế này: **"Tại vì tất cả những gì hiện hữu trên thế gian, đều là vô thường"**. Thế nào là Vô thường? Là không còn mãi mãi.

Đức Phật lấy ví dụ như vua Chuyển Luân Thánh Vương rất tự tại. Chuyển Luân Thánh Vương là ông vua lớn, được cai trị, được quản lý, rất sướng! Ngoại đạo nói ông đó tự tại, vậy có gì đâu mà vô thường, có gì đâu mà khổ. Đức Phật nói: **"Nhưng có những thứ, ổng không làm chủ được. Đó là ổng sẽ già, ổng sẽ bệnh chết, và không còn giữ được mãi nữa".** Cho nên đó gọi là Vô thường. Vô thường sẽ dẫn đến khổ. Và khổ đó là vô Ngã. Vì sao là vô Ngã? Vì nó [là] Không. Thế nào là Không?

Đức Phật định nghĩa Không như thế này: **"Không, không phải là không có, mà không phải là của ta"**. Tức là ta không phải ở trong đó, nó không có ta, ta không có nó. Tại vì nó tạm có, nó không có mãi mãi. Thiện Trang thấy trong Kinh A Hàm, định nghĩa của đức Phật [về] chữ Không rõ ràng. Có nhiều kiến thức, quý vị nên học Kinh A Hàm để quý vị thấy.

Ví dụ Thiện Trang thấy, xưa nay mình học định nghĩa [theo] Đại thừa, là đức Phật là bậc Lưỡng Túc Tôn, và chúng ta giải thích thế nào? #Lưỡng là hai;

#Túc là đầy đủ, như vậy đức Phật có hai sự đầy đủ là phước và tuệ, gọi là phước trí nhị nghiêm. Chúng ta quen được giải thích như vậy rồi đúng không ạ? Tức là đức Phật có phước báo đầy đủ và trí tuệ đầy đủ, gọi là phước trí nhị nghiêm, cho nên gọi là Lưỡng Túc Tôn.

Nhưng Thiện Trang coi trong Kinh A Hàm, có một đoạn đức Phật giải thích như thế này: **"Đức Thế Tôn là bậc tôn quý, trong các loài gồm có hai chân, như Trời, Người v.v..."** Có nghĩa các loài hai chân đã tôn quý hơn các loài nhiều chân rồi, và đức Phật là hạng người tôn quý nhất trong các loài hai chân.

Cho nên có nhiều điều, mình giải thích nhiều khi cao siêu quá, trong khi đức Phật giải thích rất đơn giản. Thiện Trang không nói giải thích kia sai, nhưng chúng ta nên hiểu thêm một chút nữa, để mình hạ thấp xuống. Và cách giải thích này, cũng có thể chấp nhận được đúng không? Rất nhẹ nhàng thôi.

Tóm lại, quý vị biết các loài nhiều chân thì đâu có tôn quý, nhưng hai chân là tôn quý rồi. Trời, người mới có hai chân thôi, đâu có nhiều loài có hai chân đâu. Quý vị thấy có mấy con gì đó, cũng nhiều chân lắm, nhưng [các loài] hai chân cũng ít rồi. Trong các loài hai chân, thì đức Thế Tôn là tôn quý nhất, cho nên gọi là Lưỡng Túc Tôn, là bậc tôn quý trong các loài hai chân. Đây là một định nghĩa trong Kinh A Hàm, lời định nghĩa này của Phật.

Cho nên Thiện Trang nói đúng rồi, mình học, mình cứ giải thích theo kiểu Đại thừa, thì cũng hay, cũng đúng. Nhưng đôi khi mình phải chấp nhận những căn bản [mà] đức Phật [nói]. Đức Phật không làm rối tâm chúng sanh, đức Phật giải thích rất đơn giản. Có những điều đó, chúng ta nên học để chúng ta hiểu. Chứ không, chúng ta cứ thấy người ta nói vậy, thì mình lại tưởng sai. Không phải! Chính lời Phật nói như vậy, mình phải hiểu. Đấy là một trong những [cách] giải thích, đây là một định nghĩa khác trong Kinh A Hàm. Quý vị có thể coi trong Kinh A Hàm, Thiện Trang nhớ hình như trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, không nhớ đoạn nào, có nghe qua thôi, quý vị có thể tìm.

Tạm dịch: Pháp Hữu lậu này cũng gọi là Hữu tránh, Phiền não là Tránh (Tránh là tranh đấu), vì động bậc thiện (vì xúc động bậc thiện cũng được; #động là gây động) vì tổn hại chính mình và người khác, vì sự tranh chấp theo đó mà tăng thêm, gọi là Hữu tránh. Còn như Hữu lậu cũng gọi là Khổ, vì trái nghịch với tâm của bậc Thánh. Cũng gọi là Tập, vì chỉ chiêu cảm nỗi khổ (điều này chiêu cảm nỗi khổ).

Có nhiều người nói: *"Sao kì vậy thầy, thấy trong đời cũng có sướng mà?"*. Sự sướng, đức Phật định nghĩa rốt ráo thế này. Khổ là gì? Thông thường chúng ta định nghĩa là, cái gì bất như ý thì gọi là Khổ. Ví dụ bây giờ đang muốn ăn quá, mà no quá không ăn được nữa, [cũng] khổ. Hoặc ăn no quá, mệt quá, cũng khổ. Đó là hiện hữu những điều bất như ý. Nhưng đức Phật còn định nghĩa một cách rốt ráo hơn nữa: "**Khổ là mình không thể dừng giữ lại vị trí đó mãi mãi"**, đơn giản là vậy thôi!

Tức là tất cả hạnh ở thế gian đều di chuyển, cho nên "**chư hạnh vô thường, thị sanh diệt pháp**". Quý vị nhớ câu này không, chư hạnh (chư hành) là tất cả những gì ở thế gian đều chạy hết; #hành là biến đổi, thay đổi, là pháp sanh diệt. Cho nên tất cả các hành, đều là vô thường là vậy, tại vì nó đang di chuyển. Có ai đứng lại được không? Không! Không có sự đứng lại, đó chính là nỗi khổ.

Tại vì nếu đứng lại thì mình sướng rồi, mình đâu có khổ. Và thế gian này theo một quy luật vận động, là không bao giờ đứng yên. Chính điều này đây là ý nghĩa. Thật ra nó nằm trong ba khổ lớn là Hoại khổ, bao gồm cả Hoại khổ, Hành khổ, Khổ khổ nằm hết trong đó. Định nghĩa một cái thôi, thay vì ba cái, thì gom lại thành một thôi. Hành khổ cũng vậy, Hoại khổ cũng vậy, Khổ khổ cũng vậy, thật ra là do cái gì cũng thay đổi.

Nếu quý vị không thay đổi, quý vị cứ trẻ mãi không già, thì sướng rồi đúng không? Ăn hoài không no, thì sướng rồi đúng không? Ăn hoài không no, thì không có mệt. Thân khỏe hoài không bệnh, thì đâu có khổ. Rồi không bao

giờ biệt ly v.v... Thật ra mấy điều khổ kia đều nằm trong đó, định nghĩa một cái thôi: [là] tất cả đều biến đổi. Sự biến đổi đó thành khổ. Vì vậy các bậc Thánh, muốn khỏi khổ thì các ngài phải ra khỏi thế gian. Đó là chúng ta hiểu sơ qua về định nghĩa này.

亦名世間，可毀壞故、有對治故。亦名見處，見住其中隨增眠故。亦名三有，有因有依三有攝故。如是等類是有漏法。隨義別名，如上所言。色等五蘊名有為法。色蘊者何？頌曰：

Diệc danh Thế gian, khả hủy hoại cố, hữu đối trị cố. Diệc danh Kiến xứ, Kiến trụ kỳ trung tùy tăng thùy cố. Diệc danh Tam hữu, hữu nhân hữu y tam hữu nhiếp cố. Như thị đẳng loại thị Hữu lậu pháp. Tùy nghĩa biệt danh, như thượng sở ngôn. Sắc đẳng Ngũ uẩn danh Hữu vi pháp. Sắc uẩn giả hà? Tụng viết:

Giải:

#*Diệc danh Thế gian*: cũng gọi là Thế gian.

#*Khả hủy hoại cố, hữu đối trị cố*: vì có thể bị hủy hoại, vì có sự đối trị.

Có nghĩa là cũng gọi là Thế gian, vì bị hủy hoại. Tất nhiên Thế gian thì vô thường rồi. Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Phật nói ngay từ đầu: **"Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy"**. Rồi có sự đối trị, đối trị ở đây ý nói là gì? Vì Thế gian luôn luôn có đối kháng, cái này đối cái kia. Quý vị mở ra cửa tiệm, một thời gian sau thế nào cũng có cửa tiệm cạnh tranh với mình. Quý vị không bao giờ không có sự đối này, cho nên cũng khổ. Đó gọi là Thế gian.

#*Diệc danh Kiến xứ*: cũng gọi là Kiến xứ.

#*Kiến trụ kỳ trung tùy tăng miên cố*: vì ở trong sự Kiến trụ đó; #Kiến trụ là sự thấy của mình về Thế gian, mà cứ giữ như vậy, gọi là Kiến trụ. Mình ở trong đó thì tùy miên này tăng thêm, tức là Phiền não tăng thêm. Có nghĩa là mình

ở trong luân hồi càng lâu, ở trong Thế gian này càng nhiều, thì Phiền não của mình nhiều hơn.

Quý vị có công nhận thấy điều đó không? Phiền não, Tập khí [của] mình nhiều hơn, nếu mình không học Phật pháp, mà mình ở trong Thế gian. Rõ ràng nhất, là quý vị sống ở vùng nào, là bị văn hóa của vùng đó, làm cho mình trở thành Kiến thủ kiến và Giới cấm thủ.

Ví dụ ngày xưa ở Việt Nam, lớn lên có tục là lấy chồng [sớm] (tảo hôn đó). Rồi sống hoài trong đó, mới có mấy tuổi đã hứa hẹn cưới chồng. Mới có mười mấy tuổi, đã lấy chồng rồi, mà chồng nhiều khi trẻ hơn nữa, "*chồng gì mà chồng bé, bé tẹo tèo teo…*", có bài như vậy. Đó là do nỗi khổ ở Thế gian tạo ra. Nếu như mình sống lâu trong vùng đó, thì mình cũng chấp nhận điều đó. Đó là một điều khổ. Vì Thế gian có nhiều điều kỳ lạ lắm.

Bây giờ ví dụ như người Nhật Bản, Thiện Trang thấy [người] trẻ ở Nhật Bản, không có lập gia đình nữa. Hai đứa ở hai nơi, cuối tuần gặp nhau đi chơi thôi. Như vậy cũng là một hệ lụy, để khiến cho sau này không có những đứa con, [nên] cũng khổ cho xã hội, hoặc nhiều vấn đề phát sinh này kia. Vậy đau ốm thì ai lo v.v… thì chỉ được cái này, mà mất cái kia.

Có rất nhiều quan điểm, [ví dụ] Thiện Trang nói ở hai quốc gia như Đức và Pháp, thì có nền văn hóa rất khác nhau. Người Đức thì rất cẩn thận, họ làm gì cũng cẩn thận từng chút, từng chút. Nhà thì xây cho kiên cố, nhưng nhà nào nhà nấy cứng ngắc, xấu! Còn kiến trúc của người Pháp, thì họ làm kiến trúc đẹp, màu sắc dịu, dễ chịu. Tiếng nói cũng vậy, người Đức thì nói rất là logic, rất là chặt chẽ, nhưng nghe chói tai lắm, khó chịu, nghe giống như chửi lộn. Cái giọng nặng lắm, quý vị học tiếng Đức là biết. Còn Người Pháp thì giọng vui vẻ, nhẹ nhàng hơn, người ta ga lăng, thoải mái hơn. Thiện Trang đi bộ ở bên Pháp, người ta đi xe ôtô, người ta dừng lại mời mình lên xe cho đi quá giang. Còn bên Đức không có chuyện đó.

Tức là văn hóa hoàn toàn khác nhau. [Nên] mình sống riết ở vùng nào một thời gian, là mình bị ảnh hưởng [của] vùng đó. Quý vị thấy người miền Nam Việt Nam, có lẽ là do mấy trăm năm là thuộc địa của Pháp, nên văn hóa người miền Nam khá giống người Pháp. Vô quán ăn trong miền Nam, phục vụ thoải mái, nước hay cái gì cũng miễn phí hết. Qua bên Đức chẳng hạn, là cái gì cũng phải mua, mua thêm, mua thêm. Thật ra thì tiền cũng bấy nhiêu đó, vô đó người ta cũng tính hết rồi, phục vụ bấy nhiêu đó thôi. Nhưng kêu cơm thêm, cái gì thêm, nước thêm cũng được thôi, v.v… thoải mái, vui vẻ. Nhưng còn bên kia, cứ kêu thêm cái nào là tính tiền cái đó, thì thấy hơi khó chịu. Thật ra cũng như nhau thôi, nhưng rõ ràng [do] văn hóa tạo nên. Người Pháp ga lăng, ra đường thì họ rất là vui vẻ chào nhau.

Chẳng hạn mình sống một thời gian, mình lấy tiêu chuẩn nước này, đem qua [so] với tiêu chuẩn của nước kia, mình sẽ nói nước này hay, nước kia dở. Người Đức thì sạch sẽ, quý vị ra đường ít rác lắm. Còn qua Pháp thì có nhiều rác, vì người ta phóng khoáng mà, nên đôi khi cũng hơi dơ dơ chút. Nhiều khi đi ở Pháp dễ bị giẫm mìn lắm, phải rửa chân đó, kiểu vậy! Tức là mỗi nơi có một cái hay riêng, còn bên kia sạch sẽ vô cùng.

Nếu chúng ta sống ở vùng nào một thời gian, nếu quý vị ở vùng quá lâu, thì Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ nặng. Còn mình đi nhiều nơi, thì mình sẽ dung hòa được. Cho nên với trí huệ của đức Phật, Ngài không bao giờ bị Thế gian chiêu cảm, không có tăng thêm các Phiền não. Còn mình ở trong vùng đó, mình thấy [như vậy], đó gọi là Kiến trụ. Mình thấy như vậy, mình cho như vậy, mình chấp như vậy. Rồi cuối cùng mình cho mình là đúng, và tất cả những gì ngược với mình thì cho là sai. Điều đó tăng thêm Phiền não, chấp trước cho mình.

Quý vị nên nhớ, có nhiều điều mình cần phải hiểu, mỗi vùng đất mỗi khác nhau. Ví dụ như Nhật Bản, đất đai chật hẹp, nên họ thiết kế đồ đạc, dụng cụ toàn ráp lại, giấu lại, gọn lại. Lúc [cần] thì kéo ra xài, không thì gấp lại, gọn

gàng. Nhưng quý vị qua các nước Châu Âu, đất đai rộng thênh thang, người ta đâu cần mấy cái đó đâu, mua làm chi cho tốn thời gian, [vì vẫn] thỏa mái. Mỗi vùng có mỗi cái khác nhau, quý vị đừng có nghĩ là cái kiến của mình đúng.

Mình phải hiểu, mình là người học Phật, sống ở vùng nào, mình biết vùng đó có thế mạnh gì, thì phát huy. Biết điểm yếu nào, thì mình hạ xuống. Đó là người giác ngộ, gọi là thoát khỏi Kiến trụ. Ở Việt Nam cũng vậy, mình sống ở Việt Nam cũng có điều hay của mình, những điều không hay thì mình cũng nên sửa.

#*Diệc danh Tam hữu*: cũng gọi là Tam hữu. Tam hữu này [thì quý vị] cũng hiểu rồi đúng không?

#*Hữu nhân hữu y tam hữu nhiếp cố*: bởi vì có nhân, có nương tựa vào Tam hữu nhiếp. Tam hữu nghĩa là mình còn có nhân, thì còn phải có nương tựa. Tam hữu nhân là gì? Nhân là còn khổ, là ba [loại] Phiền não. Có nơi nương tựa, vì ở Dục giới, thì phải nương tựa vào dục (là ham muốn). Sắc giới nương tựa vào thân thể, cũng có hình sắc. Còn ở Vô sắc giới cũng phải nương vào Tưởng (Thức). Cho nên vẫn còn ở đó, nên vẫn có nhân.

#*Như thị đẳng loại thị Hữu lậu pháp*: những loại đó gọi là pháp Hữu lậu.

#*Tùy nghĩa biệt danh*: theo nghĩa mà có tên khác nhau; #biệt danh tức là tên khác nhau.

#*Như thưởng sở ngôn*: như đã nói ở trên.

#*Sắc đẳng Ngũ uẩn danh Hữu vi pháp*: Ngũ uẩn gồm có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, gọi là các pháp Hữu vi.

#*Sắc uẩn giả hà? Tụng viết*: Sắc uẩn là gì? Thì bài tụng sẽ nói.

Tạm dịch: Cũng gọi là Thế gian, vì có thể [bị] hủy hoại, vì có sự đối trị. Cũng gọi là Kiến xứ, vì trong sự Kiến trụ đó thì Thùy miên (Phiền não) cũng

theo đó mà tăng thêm. Cũng gọi là Tam hữu, bởi có nhân có nương vào sự nhiếp của Tam hữu. Những loại như vậy là pháp Hữu vi. Theo nghĩa [mà] tên khác nhau, như đã nói ở trên. Sắc v.v… trong Ngũ uẩn gọi là pháp Hữu vi. Sắc uẩn là gì? Bài kệ tụng rằng:

Bữa nay mới học đến Sắc uẩn, Sắc uẩn rất dài, bây giờ mới vô. Bình thường không học kỹ như vậy đâu, ở trong bộ Luận này mới học Sắc uẩn là gì.

Bài Kệ 9 – phần 1

Sắc giả duy Ngũ căn	色者唯五根，	Sắc là chỉ Ngũ căn,
Ngũ cảnh cập Vô biểu.	五境及無表。	Ngũ cảnh và Vô biểu.

#*Sắc giả duy Ngũ căn*: Sắc là chỉ Ngũ căn.

#*Ngũ cảnh cập Vô biểu*: Ngũ cảnh và Vô biểu.

[Bây] giờ chúng ta sẽ nói về Ngũ căn gồm những gì? Đừng có học một hồi rồi chạy qua Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát thánh đạo phần… Ở đây là trùng tên thôi. Ngũ căn gồm: Nhãn căn, Nhĩ căn, Tị căn,… trong đây bộ Luận có giải thích, nên Thiện Trang xin phép dùng bộ Luận để giải thích luôn.

論曰：言五根者，所謂眼、耳、鼻、舌、身根。言五境者，即是眼等五根境界，所謂色、聲、香、味、所觸。及無表者，謂無表色。唯依此量立色蘊名。此中先應說五根相。頌曰：

Luận viết: Ngôn Ngũ căn giả, sở vị Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân căn. Ngôn Ngũ cảnh giả, tức thị Nhãn đẳng Ngũ căn cảnh giới, sở vị Sắc, Thanh, Hương,

Vị, Sở xúc. Cập Vô biểu giả, vị Vô biểu sắc. Duy y thử lượng lập Sắc uẩn danh. Thủ trung tiên ưng thuyết Ngũ căn tướng. Tụng viết:

Giải:

#*Luận viết*: Luận nói rằng:

#*Ngôn Ngũ căn giả, sở vị Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân căn*: tức là Ngũ căn bao gồm: #Nhãn là mắt; #Nhĩ là tai; #Tị là mũi; #Thiệt là lưỡi, và Thân căn.

1. [Ngũ căn] gồm có Nhãn căn là mắt. Mắt, ở đây chúng ta hiểu đơn giản nhất là mắt của chúng ta. Nếu hiểu như vậy thì là cách hiểu rất bình thường. Nếu quý vị hiểu theo Duy Thức, thì Nhãn căn không phải đơn giản như vậy. Quý vị thấy nhiều người cũng có con mắt, nhưng người ta không thấy đường. Vì nó còn có [dây] thần kinh trong đó, hoặc bị cái gì trong đó, nên [mắt] có vấn đề. Định nghĩa [theo] Duy Thức một cách vừa phải, là có Tịnh sắc căn và Phù trần căn.

Cái mà mình thấy được, cấu tạo bên ngoài gọi là Phù trần căn. Phù trong chữ phù điêu, phù điêu là lòi ra. Bức tranh Phù điêu, tức là bức tranh lòi ra, giống như bức tượng. Mình tạc tượng, còn đây là tạc tranh, thì gọi là Phù điêu. Như vậy Phù trần căn, là cơ quan mà người ta thấy được, mắt này gọi là Phù trần căn.

Còn có những cái gì không lòi ra, gọi là Tịnh sắc căn. Tịnh sắc căn, mình hiểu đơn giản theo ngôn ngữ khoa học bây giờ, là những dây thần kinh. Thực ra không chỉ là những dây thần kinh không thôi, [mà] còn xử lý được thông tin của mắt đưa vào một phần. Nó truyền kiểu gì đó, gọi là Tịnh sắc căn.

2. Thứ hai là Nhĩ căn, là cái tai. Thì có Phù trần căn là vành tai, màng nhĩ, v.v... mình thấy rõ ràng, đó gọi là Phù trần căn của Nhĩ căn. Nhưng còn Tịnh sắc căn, mình hiểu là những dây thần kinh, rồi yếu tố nào ngầm ngầm ở trong đó. Để nó chuyển được thông tin của tai nghe được (là âm thanh), chuyển lên

cho Ý thức thứ sáu thấy, để xử lý. Đó là Nhĩ căn.

3. Tương tự mũi cũng có Tịnh sắc căn và Phù trần căn, để xử lý về mùi.

4. Thiệt là lưỡi, xử lý về vị. Giống như vị giác, có thể biết vị đó là gì. Quý vị có biết có bao nhiêu vị không? Ngọt, mặn, chua, chát, đắng, lạt, thật ra sau có học hết, trong này có hết, [nên cứ] từ từ. [Ở đây] mình kể ra cho biết thôi.

5. Tiếp theo là Thân căn, là thân thể [của] mình, cũng là một căn, [thì] biết được xúc chạm, trơn láng, mịn màng, nóng lạnh. Những điều về sau thì trong bộ Luận này có nói hết, yên tâm! Quý vị học Duy Thức hầu như nói kỹ hết, chứ không giống như học mấy môn khác. Môn Duy Thức hay A Tỳ Đàm, mấy môn này thì điều gì cũng nói cho đầy đủ hết. Như vậy Ngũ căn gồm có năm loại là Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân căn.

#*Ngôn Ngũ cảnh giả*: nói về Năm cảnh, Năm cảnh thì dễ rồi đúng không?

#*Tức thị Nhãn đẳng Ngũ căn cảnh giới*: tức là cảnh giới của Ngũ căn, như Nhãn (mắt);

#*Sở vị Sắc, Thanh, Hương, Vị, Sở xúc*: #sở vị là bao gồm; bao gồm Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc.

Ví dụ [như] Sắc, mắt thì thấy màu sắc. Quý vị biết mình thấy được bao nhiêu màu không? Mấy màu chính là xanh, vàng, đỏ, trắng. Rồi quý vị biết là [mắt] phân biệt được gì nữa không? Đằng sau có nói, điều này cũng chia ra nhiều thứ lắm, 21 loại. Mình học môn này chia ra nhiều lắm. Mắt mình có thể thấy được, ví dụ mình có thể phân biệt được đối tượng đó, là dài hay ngắn, gồ ghề hay bằng phẳng. Mắt mình có nhiều cái hay lắm, nhìn một cái là biết.

Ở đây sẵn nói về mắt thấy cảnh sắc, thì [có câu chuyện] về Thiên nhãn của ngài Tôn giả A Na Luật. Mới đầu, ngài nghe pháp đức Phật giảng, một hồi ngài ngủ gục. Đức Phật mới quở trách ngài: "*Tại sao lại ngủ gục, khi [đang] nghe pháp như vậy?*". Từ đó là ngài hứa là: "*Bữa nay con quyết tâm tinh tấn,*

con không ngủ nữa". Ngài không ngủ [một] thời gian, thì bị bệnh về mắt. Đức Phật mới nhờ ông Thần y Kỳ Bà (Thần y Kỳ Dật) chữa cho ngài A Na Luật. Thì vị Thần y nói là: *"Bây giờ muốn chữa được, thì hãy bảo ngài [A Na Luật] ngủ đi. Ngài không ngủ thì làm sao con chữa được!".*

Đức Phật mới khuyên ngài A Na Luật: *"Ông hãy tu trung đạo, ngủ đi! Chứ bây giờ mỗi thứ [đều] lấy thức ăn, mắt lấy ngủ làm thức ăn, mà ông không ngủ thì không được".* Ngài A Na Luật nói: *"Con hứa rồi, con không ngủ, con sẽ cố gắng thức".* Lúc đầu mặc dù ngài cố gắng, nhưng cứ ngủ gục hoài. Sau một thời gian ngài cố gắng, thì con mắt bị hư luôn, mù luôn, nhưng ngài [lại] có được Thiên nhãn.

Quý vị biết Thiên nhãn thì tất nhiên rất là sáng tỏ, Thiên nhãn Đệ nhất mà, hơn những người thường. Nhưng có những việc mà Thiên nhãn làm không được. Trong Kinh Vô Lượng Thọ gọi là **"Nhục nhãn giản trạch"**. Quý vị biết lúc ngài khâu kim thì ngài khâu được, may vá được, nhưng lúc ngài xỏ kim, thì Thiên nhãn không xỏ được. Ngài dùng Thiên nhãn không [được], ngài mới tác tâm nói: *"Bây giờ những bậc nào, như A-la-hán, Đệ tử của đức Phật, xin hãy xỏ kim cho con",* vì ngài không thấy. Tức là Thiên nhãn không có giản trạch, không có chọn lựa đơn giản [được], nên không thấy lỗ kim, vì vậy không xỏ qua lỗ kim được. Đức Phật lúc đó mới dùng Thiên nhĩ nghe được, nói chung Ngài biết được, cho nên Ngài mới xuất hiện tới, nói là: *"Ta sẽ xỏ kim cho ông".* Lúc đó ngài A Na Luật thấy điều đó thật là tuyệt vời! Từ đó có giai thoại [như vậy].

Có nghĩa là nếu chỉ dùng Thiên nhãn không [thôi], thì không làm được một số việc. Cho nên, trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là phải có đầy đủ Ngũ nhãn (năm nhãn), trong đó có Nhục nhãn giản trạch, tức là chọn lựa đơn giản mới thấy được. Chứ còn Thiên nhãn thấy thông suốt, đâu có thấy lỗ kim đâu, thấy xuyên suốt luôn. Thiên nhãn cũng có tác dụng của Thiên nhãn, nhưng phải có Nhục nhãn (mắt thường), thì mới làm được một số việc của phàm

phu.

Cho nên quý vị có Thiên nhãn, quý vị nhìn người nào cũng nhìn xuyên hết, thấy ở trong đó tim, gan, phèo, phổi hết. Quý vị không thấy gì hết thì sao quý vị bắt bệnh, chữa bệnh cho người ta được. Nên đôi khi cần có Nhục nhãn, để làm một số việc nào đó. [Vì vậy] là phải có năm loại nhãn của Như Lai. Sau này chúng ta học ở bộ Kinh Vô Lượng Thọ, thì thấy điều đó. Cho nên đừng có xem thường những điều này. Mỗi chúng sanh đều có một cái hay riêng, đừng có tưởng phàm phu là thua kém. Đúng! Đồng ý thua kém! Nhưng có những điều bậc Thánh nhân cũng phải chào thua, có nghĩa là vậy.

Như vậy ở đây gồm có năm cảnh, mắt thì thấy sắc. Tai nghe âm thanh (nghe tiếng), tiếng là cảnh trần của Nhĩ căn. Mùi hương là cảnh trần của Tỵ căn (mũi). Vị là cảnh trần của Thiệt căn (lưỡi). Được tiếp xúc là cảnh trần của Thân căn.

#*Cập Vô biểu giả:* và Vô biểu; #Vô biểu chính là Vô biểu sắc.

#*Vị Vô biểu sắc*: là Vô biểu sắc.

Thế nào là Vô biểu sắc, đố quý vị biết? Vô biểu sắc là một loại Sắc pháp, [có] cấu tạo rất nhỏ, mắt thường không thể nhìn thấy được, nó không lộ ra bên ngoài.

Ví dụ như Tịnh sắc căn là một loại Vô biểu sắc. Hồi nãy Thiện Trang có nói Tịnh sắc căn, quý vị có hiểu không? Giống như mắt mình có những cấu tạo nào đó, nằm nhỏ nhỏ ở bên trong. Bây giờ lấy kính hiển vi soi lên, thấy bao nhiêu thứ ở trong đó, cũng là một loại Sắc pháp. Nó cấu tạo rất nhỏ trong đó, mà mình không thấy được, có nhiều thứ mình không thấy lắm. Ví dụ như Vô biểu là những nguyên tử, những hạt electron v.v… Đó cũng thuộc về Vô biểu sắc. Tức là những cái nhỏ quá, không thấy được, rồi những dây thần kinh, v.v…

Có những cái không có hình sắc, cũng gọi là Vô biểu sắc. Ví dụ như năng lực thấy của mắt, khả năng mắt thấy được cái gì đó, thì đó cũng là Vô biểu sắc. Tức là không biểu thị bằng hình dáng. Bây giờ quý vị đem một vật nào đó, đồ giả y chang con mắt, nhưng có thấy được không? Nó có truyền được [như] mắt [thật] không? Không! Hai cái đó giống nhau mà, làm một cái đồ giả y chang như vậy. Nhưng rõ ràng là phải nghiên cứu làm sao đó, để nó có chức năng truyền dẫn thông tin thì mới được.

Khả năng truyền thông tin, xử lý thông tin được về hình ảnh, đó gọi là Vô biểu sắc. Mấy bộ Luận này nói kỹ lắm, phải nói vậy chứ! Chứ không, mình [chỉ] nói được phần hình sắc thôi, còn phần tinh thần bên trong thì không nói được. Ở đây nói đầy đủ hết. Thành ra là có cái Vô biểu sắc như vậy.

Ví dụ ở trong A Tỳ Đàm nói về Hư không, Hư không cũng được gọi là một trong 28 Sắc pháp, có khi gọi vậy đó. Vì không phải là Hư không, Hư không là gì thì chút nữa chúng ta sẽ hiểu. Rồi nhiều khi tính biến hóa của các Sắc pháp, ví dụ như cái này có thể biến ra cái kia v.v… thì tính chất đó cũng gọi là Vô biểu sắc.

Ví dụ, quý vị biết tại sao con tắc kè có thể đổi màu không? Thì tính mà con tắc kè đổi màu được đó, cũng là Vô biểu sắc. Điều này rất là hay, nếu mình nghiên cứu ra. Bên A Tỳ Đàm chia ra 28 Sắc pháp. Còn bên Luận Câu Xá này chia ít hơn, từ từ chúng ta sẽ hiểu được.

#*Duy y thử lượng lập Sắc uẩn danh*: tức là chỉ nương vào số lượng này mà lập thành tên của Sắc uẩn.

#*Thủ trung tiên ưng thuyết Ngũ căn tướng. Tụng viết*: trong đây trước tiên cần nên nói về tướng của Ngũ căn. Vậy là mình đã hiểu về tướng của Ngũ căn. Bài tụng nói rằng:

Tạm dịch: Luận nói rằng: Nói về Ngũ căn, đó gồm là Nhãn căn, Nhĩ căn, Tị căn, Thiệt căn, Thân căn. Nói về Ngũ cảnh, tức là cảnh giới của Ngũ căn như

của mắt, đó gồm Sắc, Thanh, Hương, Vị, và Xúc. Về Vô biểu: tức là Vô biểu sắc. (chữ Vô biểu này chúng ta phải hiểu là Vô biểu sắc). Chỉ nương vào số lượng này mà lập nên tên của Sắc uẩn. Trong đây trước tiên nên nói về tướng của Ngũ căn. Bài tụng nói rằng:

Bài Kệ 9 – phần 2

Bỉ thức y Tịnh sắc	彼識依淨色，	Thức đó nương Tịnh sắc,
Danh Nhãn đẳng Ngũ căn.	名眼等五根。	Tên năm căn như Nhãn.

Giải:

#Bỉ thức y Tịnh sắc, Danh Nhãn đẳng Ngũ căn: #bỉ là đó; thức đó nương Tịnh sắc. Tên năm căn như Nhãn.

Hồi nãy Thiện Trang cũng có nói Tịnh sắc căn. Thì ở đây, Thức phải nương vào một điều, đó là Tịnh sắc căn. Tức là ngầm ở bên trong, chứ không phải là bên ngoài không. Mỗi con mắt không thôi, thì đâu có tác dụng gì, nhưng còn có Tịnh sắc căn bên trong. Cho nên người ta mới lập nên tên của năm căn như Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân.

論曰：彼謂前說色等五境，識即色、聲、香、味、觸識。彼識所依五種淨色，如其次第，應知即是眼等五根。

Luận viết: Bỉ vị tiền thuyết Sắc đẳng Ngũ cảnh, Thức tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc thức. Bỉ Thức sở y ngũ chủng Tịnh sắc, như kỳ thứ đệ, ưng tri tức thị Nhãn đẳng Ngũ căn.

Giải

#*Luận viết*: tức là Luận nói rằng, hay Luận ghi rằng.

#*Bỉ vị tiền thuyết Sắc đẳng Ngũ cảnh*: đây là trước tiên nói về năm cảnh như là Sắc; #Sắc là hình sắc.

#*Thức tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc thức*: ở đây mở ra thêm Thức nữa, thì gồm có năm thức; #Thức là sự biết, biết về năm điều: biết về hình sắc, biết về âm thanh, biết về mùi hương, biết về vị (vị đó là mặn, ngọt,…), biết về sự tiếp xúc. Đó là những sự biết; chữ #thức này là sự biết. Thức ở đây là danh từ, Thức là sự biết về màu sắc, hình sắc, biết về âm thanh, biết về mùi hương, biết về vị, biết về sự tiếp xúc.

#*Bỉ Thức sở y ngũ chủng Tịnh sắc*: ở đây mình có năm thức thôi. Nhãn thức, mình tạm nói là sự biết của mắt, biết của thân thể chúng ta, biết về hình sắc.

Ví dụ cầm một vật gì đó đưa lên, quý vị thấy màu đen đen, xanh xanh. Hay cầm quyển Kinh Tăng Nhất A Hàm lên, thì quý vị thấy được ngay. Đầu tiên là có hai màu, màu xanh này và màu xanh kia, rồi thấy sợi dây đánh dấu trang đọc là màu khác. Quý vị thấy hình quyển sách là hình chữ nhật, chỗ này [gáy sách] cong cong, tròn tròn. Tức là quý vị thấy được tất cả, biết được những đặc tính này, hình sắc này, đó gọi là Thức. Những cái biết này, là do một hoạt động là thức, gọi là Nhãn thức.

Nhãn thức biết nhiều thứ lắm, chứ đâu phải đơn giản. Quý vị nhìn bức tranh hình Phật đằng sau, thấy có ba vòng tròn chấm chấm chấm… thấy rất rõ từng chút một, và quý vị thấy có chữ Nam Mô A Di Đà Phật, hay Nam Mô A Mi Đà Phật viết bằng chữ Hán. Hoặc quý vị nhìn trên màn hình có chữ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận màu xanh v.v… Tức là sự biết đó là nhờ mắt mới biết, thì gọi là Thức, Nhãn thức. Thức là sự biết; sự biết về sắc thì gọi là Nhãn thức.

Tương tự, sự biết về âm thanh gọi là Nhĩ thức; sự biết về mùi hương gọi là Tị thức; sự biết về vị đắng, chua, cay, mặn, ngọt, v.v… gọi là Thiệt thức. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, và cuối cùng là Thân thức. Chúng ta nói theo ngôn ngữ

ngày nay, thì mình nói là giác quan cho dễ. Đôi khi nói ngôn ngữ nhà Phật, mà nói một hồi không hiểu. Nói đơn giản lại là năm giác quan của mình đó.

Vì năm giác quan này, nương vào năm loại Tịnh sắc căn. Tức là nương vào dây thần kinh bên trong, nương vào bộ xử lý sơ sơ trong đó, thì nó [mới] nhận được. Giống như bây giờ quý vị có điện thoại, thì phải có camera mới chụp hình được. Còn nếu không có camera, là không chụp hình được. Những cái đó có [bộ] xử lý bên trong.

Thiệt là lưỡi, thì biết các loại vị mặn, ngọt, đắng, cay. Các sự biết đó, gọi là Thiệt thức, chứ không phải Vị thức. Lúc nãy Thiện Trang nói nhầm.

#*Như kỳ thứ đệ*: tức là như tầng lớp, thứ lớp, thứ tự; #thứ đệ tức là thứ tự. Thứ tự của chúng như vậy.

#*Ưng tri tức thị Nhãn đẳng Ngũ căn*: nên biết chính là năm căn như Nhãn căn v.v...

Tóm lại ở đây chúng ta đang nói về năm căn, năm trần và năm thức. Có năm căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân. Năm căn thì biết được năm cảnh trần: mắt thì biết hình sắc, tai thì biết âm thanh, mũi thì biết các mùi hương, thiệt (lưỡi) thì biết được các vị, và thân thì biết được các xúc chạm. [Thức] theo thứ tự đó mà [được] lập ra, thì sự biết đó là dựa vào Tịnh sắc căn mà biết. Như vậy đó gọi là lập ra năm thức. Cho nên là năm căn, năm trần, năm thức, chúng ta hiểu đơn giản như vậy. Điều này hình như là Phật pháp căn bản, thì ai cũng học rồi.

Tạm dịch: Luận ghi rằng: Đây là trước tiên nói về năm cảnh như Sắc v.v..., Thức tức là sự biết về: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Những Thức này được nương tựa vào năm loại Tịnh sắc căn, như theo thứ tự của chúng, thì nên biết chính là năm căn như Nhãn căn v.v...

如世尊說：苾芻當知，眼謂內處，四大所造淨色為性。如是廣說。或

復彼者，謂前所說眼等五根，識即眼、耳、鼻、舌、身識。彼識所依五種淨色，名眼等根，是眼等識所依止義。如是便順《品類足論》。如彼論說：云何眼根？眼識所依淨色為性。

Như Thế Tôn thuyết: Bật-sô đương tri, Nhãn vị Nội xứ, tứ đại sở tạo Tịnh sắc vi tánh. Như thị quảng thuyết. Hoặc phục bỉ giả, vị tiền sở thuyết Nhãn đẳng Ngũ căn, Thức tức Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân thức. Bỉ Thức sở y ngũ chủng Tịnh sắc, danh Nhãn đẳng căn, thị Nhãn đẳng Thức sở y chỉ nghĩa. Như thị tiện thuận Phẩm Loại Túc Luận. Như bỉ Luận thuyết: Vân hà Nhãn căn? Nhãn thức sở y Tịnh sắc vi Tánh.

Giải

#*Như Thế Tôn thuyết*: như là đức Thế Tôn nói. Đức Thế Tôn tức là đức Phật.

#*Bật-sô đương tri*: #Bật-sô thì chúng ta quen rồi đúng không? Bật-sô chính là Tỳ-kheo; Tỳ-kheo nên biết.

#*Nhãn vị Nội xứ*: Nhãn là chỗ bên trong; #Nội xứ là chỗ bên trong.

#*Tứ đại sở tạo Tịnh sắc vi tánh*: là bốn đại: Đất, Nước, Gió, Lửa, chúng ta hay nói là thân tứ đại. Đất, Nước, Gió, Lửa nói cũng không chính xác lắm, nhưng khi dịch ra thì phải dịch ra như vậy, thì đã tạo nên Tịnh sắc căn làm tính chất hay là tánh.

#*Như thị quảng thuyết*: nói rộng ra như vậy.

Tức là ở đây nói nhãn thật ra là ở bên trong. Do thân tứ đại mà tạo nên ở trong, chứ không phải mỗi con mắt bên ngoài không thôi, con mắt bên ngoài là một bộ phận thôi, nó còn có bên trong nữa. Nên Tịnh sắc căn là tạo ra bởi thân tứ đại, nói rộng ra như vậy.

#*Hoặc phục bỉ giả*: hoặc trở lại điều đó.

#*Vị tiền sở thuyết Nhãn đẳng Ngũ căn*: thì ở đằng trước đã nói về các căn như Nhãn căn v.v…

#*Thức tức Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân thức*: Thức thì gồm có năm thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tị thức, Thiệt thức, Thân thức. Điều này chúng ta cũng nói rồi.

#*Bỉ Thức sở y ngũ chủng Tịnh sắc*: những thức đó được nương tựa vào năm loại Tịnh sắc căn.

#*Danh vi Nhãn đẳng căn*: gọi là các căn như Nhãn căn v.v…

#*Thị Nhãn đẳng Thức sở y chỉ nghĩa*: là ý nghĩa mà nơi y chỉ của các thức như Nhãn thức v.v…

Nói tóm lại, thì chỉ có ba điều đó thôi. Quý vị hiểu như vầy cho dễ, chứ ngôn ngữ này nói vòng vòng mệt lắm. Mắt của mình, thì đầu tiên là Nhãn căn. Nhãn căn thì biết được màu sắc [và] biết được [các hình sắc]: xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn v.v… biết được những điều đó. Thì sự biết này là do nương vào Tịnh sắc căn. Tất cả những sự biết đó gom lại gọi là Thức, Nhãn thức.

Tương tự những sự biết về âm thanh, gọi là Nhĩ thức. [Đây là] các kiến thức căn bản, mình cứ hiểu như vậy đi, chứ quý vị bám theo ngôn ngữ này mệt lắm. Ngôn ngữ này nói vòng qua vòng lại, mình đôi khi cũng không hiểu.

#*Như thị tiện thuận Phẩm Loại Túc Luận*: như vậy thì liền thuận với bộ Luận gọi là Phẩm Loại Túc Luận.

Thiện Trang có chú thích ở đây, bộ Luận này là do ngài Thế Hữu soạn ra, gồm có 18 quyển. Ngài Thế Hữu cách đức Phật nhập Niết-Bàn khoảng 300 năm. Tôn giả Thế Hữu là người rất nổi tiếng, ngài soạn ra bộ Luận này. Cách nói ở đây thì mới thuận với bộ Luận đó.

#*Như bỉ Luận thuyết*: như trong Luận đó nói.

#*Vân hà Nhãn căn?*: thế nào gọi là Nhãn căn? Tức là trong bộ Luận này.

#Nhãn thức sở y Tịnh sắc vi Tánh: là chỗ Nhãn thức nương vào, đó chính là Tịnh sắc căn, lấy đó làm tánh, làm tính chất.

Nói tóm lại Nhãn thức được tạo ra từ đâu? Nhãn thức là nương vào căn, và nương vào Tịnh sắc căn.

Tạm dịch: Như đức Thế Tôn nói: Bật-sô nên biết, mắt là chỗ bên trong, 4 đại đã tạo [nên] Tịnh sắc căn làm tánh. Nói rộng như thế. Hoặc trở lại điều đó, thì trước đã nói Ngũ căn như mắt, Thức tức là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tị thức, Thiệt thức, Thân thức. Các thức ấy đã nương vào 5 loại Tịnh sắc căn, là các căn như Nhãn v.v… là nghĩa của chỗ mà các thức như Nhãn thức v.v… nương tựa. Như vậy liền thuận với bộ Luận Phẩm Loại Túc. (Bộ luận này thì Thiện Trang có ghi ra đây, cũng là một bộ luận thuộc A Tỳ Đàm). Như trong bộ Luận đó nói: Thế nào là Nhãn căn? Là Nhãn thức đã nương vào Tịnh sắc căn làm tánh.

如是廣說。已說五根。次說五境。頌曰：

Như thị quảng thuyết. Dĩ thuyết Ngũ căn. Thứ thuyết Ngũ cảnh. Tụng viết:

Giải:

#Như thị quảng thuyết. Dĩ thuyết Ngũ căn: nói rộng như thế, thì đã nói xong được Ngũ căn.

#Thứ thuyết Ngũ cảnh: tiếp theo là nói về Ngũ cảnh (Ngũ trần).

#Tụng viết: tụng viết.

Tạm dịch: Nói rộng như thế. Đã nói về Ngũ căn. Tiếp theo nói về Ngũ cảnh (hay còn gọi là Ngũ trần). Bài tụng rằng:

Bài Kệ 10

Sắc nhị hoặc nhị thập	色二或二十，	Sắc thì gồm hai loại, Hoặc gồm có hai mươi.
Thanh duy hữu bát chủng	聲唯有八種，	Thanh chỉ có tám loại
Vị lục hương tứ chủng	味六香四種，	Vị thì gồm có sáu, Hương gồm có bốn loại
Xúc thập nhất vi tánh	觸十一為性。	Xúc gồm mười một loại Đó mà làm thành tánh.

Bữa nay học về Sắc, quý vị biết bao nhiêu loại không?

#*Sắc nhị hoặc nhị thập*: tức là sắc thì gồm hai loại, hoặc có thể chia làm 20 loại. Cho nên ở đây Thiện Trang dịch Sắc thì gồm hai loại hoặc gồm có 20. Tức là mỗi Sắc thôi, thì gồm có hai hoặc 20 [loại].

#*Thanh duy hữu bát chủng*: còn âm thanh thì chỉ có tám loại, ít hơn.

#*Vị lục hương tứ chủng*: còn vị (đắng, cay…) có sáu loại.

"Tam đức Lục vị, cúng Phật cập Tăng" đó, quý vị nhớ không? Ai đi chùa [thì] có bài cúng dường Tam đức Lục vị; #Lục vị là sáu vị. Vị gồm có sáu, còn hương thì chỉ có bốn thôi; #hương tứ chủng tức là hương có bốn loại thôi. Từ từ đằng sau có chú giải hết cho chúng ta, thì chúng ta [sẽ] biết.

#*Xúc thập nhất vi tánh:* xúc thì gồm 11 loại đó mà làm thành tánh; #tánh tức là tính chất.

Như vậy Sắc gồm có hai hoặc là chia ra làm 20 loại. Ở trong bộ Luận này,

thì Sắc pháp chia ra [làm] 20 [loại], còn A Tỳ Đàm chia ra là 24 hoặc 28. Âm thanh chia làm tám, mùi hương chia làm bốn, vị chia làm sáu, xúc thì chia làm 11. Đâu mà kể ra nhiều vậy, bây giờ chúng ta coi thử gồm những gì.

論曰：言色二者，一顯、二形。顯色有四：青、黃、赤、白，餘顯是此四色差別。形色有八，謂長為初不正為後。或二十者，即此色處復說二十，謂青、黃、赤、白、長、短、方、圓、高、下、正、不正、雲、煙、塵、霧、影、光、明、闇。

Luận viết: Ngôn Sắc nhị giả, nhất Hiển, nhị Hình. Hiển sắc hữu tứ: thanh, huỳnh, xích, bạch, dư Hiển thị thử tứ sắc sai biệt. Hình sắc hữu bát, vị trường vi sơ, bất chánh vi hậu. Hoặc nhị thập giả, tức thử sắc xứ phục thuyết nhị thập, vị thanh, huỳnh, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên, cao, hạ, chánh, bất chánh, vân, yên, trần, vụ, ảnh, quang, minh, ám.

Giải:

#*Luận viết:* tức là giải thích cho chúng ta bộ Luận nói như thế nào

#*Ngôn sắc nhị giả*: tức là nói về Sắc có hai loại.

#*Nhất Hiển, nhị Hình:* toàn là ngôn ngữ viết tắt không thôi. Một là Hiển sắc, hai là Hình sắc.

Quý vị hiểu Hiển sắc, Hình sắc là gì không? Bây giờ [vào] khái niệm này, là bắt đầu ngơ ngơ ngác ngác nè. Nhưng yên tâm đi! Bây giờ kể ra là biết Hiển sắc, Hình sắc là gì.

#*Hiển sắc hữu tứ*: Hiển sắc có bốn loại. May quá có bốn loại thôi.

#*Thanh, huỳnh, xích, bạch:* tức là Hiển sắc có bốn loại là: màu xanh, màu vàng; #thanh là xanh, như Thanh xà, Bạch xà đó quý vị; còn #huỳnh là vàng; #xích là đỏ; #bạch là trắng. Như vậy là có bốn màu chính thôi. Nhưng sao mình thấy

nhiều màu lắm mà? Thì ở đây có giải thích luôn:

#Dư Hiển thị thử tứ sắc sai biệt: còn các Hiển sắc khác, thật ra là do sự khác biệt, tức là sự khác nhau của bốn sắc này mà thôi.

Ở đây định nghĩa của bộ Luận này, thì rất đơn giản. Quý vị hiểu như vầy: thứ nhất là Hiển sắc và Hình sắc. Đầu tiên, Sắc chia làm hai loại lớn: Một là Hiển sắc, là nói về màu. Màu thì có bốn màu chính: xanh, vàng, đỏ và trắng. Có bốn màu đó thôi, còn các màu khác, thực tế là pha các màu đó lại với nhau mà tạo ra, thì ai cũng biết nguyên lý đó rồi. Đó gọi là Hiển sắc.

Còn một loại nữa, gọi là Hình sắc. Hình sắc thì dễ hiểu thôi. Quý vị thấy vật dài, vật ngắn, thấy tròn, vuông. Tóm lại những hình đó kết hợp với nhau, cho nên có cái vừa vuông vừa tròn, có cái ra hình vành khuyên v.v... Đó gọi là Hình sắc.

Một loại gọi là Hình sắc, một loại gọi là Hiển sắc, có hai loại chính thôi. Nhưng hai loại đó chia ra thành một mớ loại. Vậy thì ở đây, chúng ta thấy riêng về Hiển sắc, tức là về màu sắc, mình nói màu sắc cho dễ, thì chỉ có bốn loại. Và các [màu] khác, là [do] bốn màu này pha ra, thành đủ hết các màu. Giống như ở trên máy tính, chỉ cần ba màu thôi: màu đỏ (red), màu xanh [lá cây] (green), và xanh nước biển (blue) pha vào với nhau.

Ở đây, theo ngôn ngữ này, thì bốn màu này pha ra là đủ rồi. Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, pha là đủ rồi, tất cả các màu có hết rồi, cho nên đây cũng là một cách pha màu. Mai mốt ai giỏi máy tính thì học theo cách này, chế ra một cách pha màu mới. Thay vì ta pha màu theo kiểu kia, thì ta pha màu theo kiểu này cũng được.

#Hình sắc hữu bát: còn về Hình sắc thì có tám loại.

#Vị trường vi sơ, *bất chánh vi hậu:* [ở đây] không kể ra cho mình, mà chỉ nói là dài; #trường tức là dài, là cái đầu tiên; và #bất chánh tức là không được

bằng phẳng, là cái cuối cùng.

Tại sao không kể hết cho mình, mà lại kể có loại đầu với loại cuối thôi. Quý vị thấy cái gì đó dài dài, như con rắn dài, cái cây dài, là cái đầu tiên. Dài tất nhiên là phải có ngắn rồi đúng không? Có cái bằng phẳng, ví dụ nhìn vô đám cỏ mình thấy bằng, nhìn một cái đồi thì thấy nhô nhô nhúc nhúc. Thì nhô nhô nhúc nhúc đó là bất chánh, là cái cuối cùng. Tám loại, mà ở đây kể mới có một loại dài với bất chánh [thôi], là hai loại; còn sáu loại nữa thì đằng sau có kể hết.

#*Hoặc là nhị thập giả*: hoặc là có 20 loại. Tức là lúc nãy thì chia [làm] hai, còn bây giờ thì chia [làm] 20 luôn.

#*Tức thử sắc xứ phục thuyết nhị thập:* tức là trong sắc xứ, (trong màu này); chữ #xứ là bộ phận; trong bộ phận của sắc này, lại nói ra là 20 loại, ở đây kể hết cho quý vị luôn.

#*Vị*: là gồm.

#*Thanh, huỳnh, xích, bạch*: bốn màu chúng ta biết rồi đúng không? Là xanh, vàng, đỏ, trắng.

#*Trường, đoản, phương, viên:* #đoản là ngắn*;* #trường là dài; #phương là vuông.

Nên có khái niệm gọi là Phương trượng đó quý vị. Hồi xưa người trụ trì chùa, mình nói là người điều hành công việc của chùa, cho vô phòng có một trượng vuông, tức là chiều này một trượng, chiều kia một trượng. Thì gọi là Phương trượng. Một trượng cũng dài lắm, không nhỏ đâu, cũng khá khá chút. Cho nên ở trong phòng đó, được gọi là Phương trượng, Phương trượng Trụ trì. Còn bây giờ Trụ trì có phòng thiệt bự, to ơi là to! Quý vị nhớ phương là vuông. #Viên là tròn.

Đằng trước kể về Hiển sắc, là gồm có bốn màu [xanh, vàng, đỏ, trắng].

Còn bắt đầu từ dài, ngắn, tròn, vuông, là về Hình sắc.

#*Cao, hạ:* là cao [và] thấp. Chúng ta thấy cái cây cao hay cây thấp, là thêm hai loại nữa.

#*Chánh, bất chánh:* #chánh là ngay ngắn, bằng phẳng; hoặc là không bằng phẳng, giống như đồi nhô lên nhô xuống, và mảnh đất bằng. Đó là chúng ta kể bốn thứ này rồi.

#*Vân, yên:* #vân là mây; mây cũng là một loại Hình sắc; #yên là khói; mây, khói.

#*Trần, vụ:* #trần là bụi, những hạt bụi cũng thuộc về Hình sắc, nhỏ nhỏ. Rồi có những loại, [mà] hình giống như là sương; #vụ là sương. Như trong Quy Sơn Cảnh Sách [có câu]: "*Thân cận thiện giả, như vụ lộ trung hành";* #vụ lộ là như đi trong sương.

#*Ảnh, quang, minh, ám:* #ảnh là bóng. Ví dụ như người, [khi] chiếu ánh sáng, thì có bóng; #quang là ánh sáng; #minh là ánh sáng của lửa, đèn đuốc; #ám là tối. Có sáng, tối nữa là đủ 20 loại.

Như vậy có những loại [thuộc] màu sắc, có những loại thuộc về hình dáng, và có những loại sáng tối cũng không biết định nghĩa vào kiểu gì. Không phải hình dáng đâu, cũng sáng tối, nhưng mình nhận thức được bằng mắt. Tức là mắt của mình nhận định được 20 loại này, mình có thể hiểu như vậy cho dễ.

Tạm dịch: Luận ghi: Nói về Sắc thì có hai loại. Một là Hiển sắc, hai là Hình sắc. Hiển sắc có 4 loại: xanh, vàng, đỏ, trắng, các sự hiển bày khác là sự khác biệt của 4 màu này (tóm lại bốn loại đó pha lại mà ra). Hình sắc có 8 loại, gồm dài là đầu tiên, bất chánh là cuối cùng. Hoặc nói có 20 loại, tức là bộ phận sắc ở đây lại nói có 20 loại, gồm: xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, chánh, bất chánh, mây, khói, bụi, sương, bóng, ánh sáng, sáng, tối.

有餘師說，空一顯色，第二十一。此中正者謂形平等，形不平等名為不正，地水氣騰說之為霧，日焰名光，月星火藥寶珠電等諸焰名明，障光明生於中餘色可見名影，翻此為闇。餘色易了故今不釋。

Hữu dư sư thuyết, Không nhất Hiển sắc, đệ nhị thập nhất. Thử trung chánh giả vị hình bình đẳng, hình bất bình đẳng danh vi bất chánh, địa thủy khí đẳng thuyết chi vi vụ, nhật diễm danh quang, nguyệt tinh hỏa dược bảo châu điện đẳng chư diễm danh minh, chướng quang minh sanh ư trung dư sắc khả kiến danh ảnh, phiên thử vi ám. Dư sắc dị liễu, cố kim bất thích.

Giải:

#*Hữu dư sư thuyết:* có vị Sư khác nói rằng.

#*Không nhất Hiển sắc:* #Không là Hư không, cũng là một [trong] Hiển sắc; #Hiển sắc là cái đầu, cũng là mắt mình thấy, vậy thì thành bao nhiêu?

#*Đệ nhị thập nhất:* thành 21 loại. Đây là loại thứ 21, tức là thành 21 loại luôn.

Tức là có người chia ra như vậy, và chúng ta biết A Tỳ Đàm thì chia thành 28, (bên Nam truyền chia làm 28). Nên đừng có phân biệt, mình cứ hiểu ý thôi, mỗi bộ Luận, thì mỗi vị chia ra khác nhau. Đôi khi người này thì chia theo ý này, người kia chia theo ý kia. Đôi khi thấy phức tạp quá, thì bỏ bớt đi, vì thực tế không cần, mấy cái đó bao gồm với nhau rồi.

Ví dụ như quý vị học về 24 Duyên hệ, quý vị thấy có nhiều thứ giống giống nhau, thôi gom lại cho rồi. Nếu chia ra, thì là 52 Duyên hệ, nhưng thực ra gom ít lại, thì cũng vậy. Giống như bây giờ nói Hư không. Hư không là một trong Hiển sắc, vậy thì nó nằm ở đâu trong xanh, vàng, đỏ, trắng? Nhưng có người đưa ra Hư không nằm ở trong Hiển sắc.

Thật ra Hư không mình có thấy gì đâu, không thấy gì hết, thì coi như các màu này không hiển thị, không hiển thị màu. Có một cách pha màu, mà pha làm sao cuối cùng các màu không có tác dụng gì hết, thì đó gọi là như Hư không, tức là mình không lấy màu nào bỏ vô hết. Cũng là một Hiển sắc, vì nhìn xuyên được. Bây giờ quý vị pha các màu vô, cuối cùng để đằng trước mặt, làm sao cho nhìn xuyên được. Hư không mới nhìn xuyên được chứ, nhưng tại sao nhìn xuyên được? Bây giờ cũng có chất gì đó không màu, trong suốt, nhìn xuyên qua được mà. Điều đó cũng có thể đưa vào, nên thành 21 loại.

#*Thử trung chánh giả:* #chánh là bình đẳng. Câu này nghĩa là chữ chánh ở trong đây.

#*Vị hình bình đẳng:* là hình bình đẳng, tức là bằng phẳng; #chánh là bằng phẳng. Cho nên trong Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói là bình đẳng; bình đẳng tức là bằng phẳng.

#*Hình bất bình đẳng danh vi bất chánh:* hình mà không ngay ngắn, không bình đẳng, tức là không bằng phẳng, thì gọi là không có chánh. Hoặc là [hình] cong quẹo, thì mình cũng có thể nói như vậy.

#*Địa thủy khí đằng thuyết chi vi vụ:* là những hơi nước, hơi đất; #khí là hơi; #đằng là bốc hơi; những khí bốc hơi lên từ đất hay là nước, thì đó là sương. Định nghĩa đơn giản như vậy thôi.

#*Nhật diễm:* #diễm là ngọn lửa. Diệm hay diễm, Diễm Vương Bồ-tát đó. #Nhật là mặt trời.

#*Danh quang:* là ngọn lửa hay ánh lửa của của mặt trời, thì gọi là quang; #quang tức là ánh sáng, ánh lửa mặt trời gọi là ánh sáng. Thật ra mặt trời mình nói [là] ánh sáng, [nhưng] thực tế là lửa của mặt trời.

#*Nguyệt tinh hỏa dược bảo châu điện đẳng chư diễm danh minh:* những ngọn lửa bốc lên của mặt trăng hay các hành tinh, rồi những bảo châu (hạt châu

phát sáng ra), hoặc là tia chớp phát sáng ra. Những loại lửa như vậy, thì gọi là minh; #minh là sáng. Nói tóm lại, nhờ những thứ đó tạo ra một vùng sáng, nên gọi là minh, là sáng.

#Chướng quang minh sanh ư trung dư sắc khả kiến danh ảnh: tức là bây giờ ở trong ánh sáng, quý vị lấy cái gì đó che lại, thì thứ được sanh ra bởi che ánh sáng, bởi các sắc khác, che trong ánh sáng, tạo ra có thể thấy được gì đó, gọi là bóng.

Ngôn ngữ này vòng vòng, dài quá, sắp [xếp] không theo thứ tự của mình. Nhưng quý vị hiểu đơn giản như thế này: quý vị lấy một cái bóng đèn, hoặc [dưới] ánh sáng mặt trời, mà đặt một vật gì ở trong đó, khiến sinh ra một thứ gì đằng sau, mà mình thấy được, thì đó là bóng. Bóng của cây, bóng của người, v.v… đó là ảnh. Cho nên trong Kinh Kim Cang [có câu]: **"Nhất thiết Hữu vi pháp, Như mộng, huyễn, bào, ảnh"** thì là chữ ảnh này. #Nhất thiết Hữu vi pháp: là tất cả pháp Hữu vi; #như mộng, huyễn, bào, ảnh: #mộng là giấc mộng, #huyễn là ảo, #bào là bọt nước, #ảnh là bóng. **"Như Lộ diệc như điện"**: #như lộ là như sương; #diệc là cũng; #như điện là như tia chớp. **"Ưng tác như thị quán":** là hãy thực hành pháp quán như vậy.

Đó là trong Kinh Kim Cang. Cuối Kinh Kim Cang nói: Tất cả các pháp Hữu vi, là pháp có sanh có diệt, pháp mà có những chướng ngại, v.v… thì pháp đó gọi là pháp Hữu vi, chúng ta cũng đang học. Nó giống như sương, như chớp, như bóng, như bọt v.v… Mình hãy thực hành các pháp quán như vậy, thì dần dần mình ra khỏi sanh tử, và [thoát] khỏi [những] nỗi khổ niềm đau.

Mình tu hành, mình biết thế gian là như vậy, bởi ai rồi cũng sẽ già, cũng không thể trụ trên đời, cho dù là bậc A-la-hán. Quý vị thấy trong Kinh A Hàm, ngài Ma Ha Ca Diếp dùng thần lực của ngài, để trụ cho đến khi đức Phật Di Lặc ra đời, mà dâng y cho đức Phật Di Lặc. Vừa dâng y xong, là thân thể của ngài tan ra từng mảnh. Trong Kinh A Hàm nói như vậy, tan ra từng mảnh, tức là ngài trụ lâu như vậy đó.

Một vị A-la-hán có thể trụ lâu, nhưng đức Phật nói: Dù là đức Phật, hay dù là A-la-hán, có thể trụ thế ở đời suốt một kiếp. Nhưng cuối cùng rồi cũng bị một sức mạnh Vô thường [kéo] đi. Và cuối cùng đức Như Lai cũng phải nhập Niết-Bàn.

Và đức Như Lai có một Thường pháp, đó là Đệ tử cuối cùng sẽ nhập Niết-Bàn trước. Cho nên Tôn giả Tu Bạt Đà La, ông là người cuối cùng được đức Phật độ. Khi được vào gặp được Phật, được Phật nói một chút, [thì] ông chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, sau đó xuất gia. Xuất gia xong rồi thì ổng chứng A-la-hán luôn, sau đó xin nhập Niết-Bàn trước Phật. Đó là theo Thường pháp của chư Phật.

Còn trong Kinh A Hàm, đức Phật nói, ngài A Nan chỉ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì cũng giống như một Thường pháp của chư Phật. Tức là người Thị giả [cho Phật nào] thì cũng vậy. Cho nên nếu mình coi Kinh A Hàm, từ những đoạn đó mình suy ra: điều gì gọi là Thường pháp, mà làm vậy hoài, thì đó là thị hiện. Chứ không, tự nhiên đâu mà theo quy luật nào kỳ lạ vậy? Nên đó có thể là những bậc thị hiện. Cho nên tại sao bên Đại thừa nói là thị hiện. Trong Kinh A Hàm không nói thị hiện, nhưng mình thấy Thường pháp, pháp luôn luôn như vậy, thì chỉ có thị hiện thôi chứ, nếu ngẫu nhiên thì làm sao có được.

Cho nên đôi khi mình phải có cách nhìn trí tuệ của những người học Đại thừa, thì mới thấy: Ồ Kinh này hay! Kinh này có Đại thừa. Chứ còn quý vị chỉ nhìn theo ngôn ngữ thôi, thì có gì đâu, tất cả Đệ tử cũng toàn là những người bình thường, tu hành thành đạo, thì mình không có những góc nhìn của Đại thừa.

Cho nên Thiện Trang nói, quý vị học đến lúc nào đó, mình sẽ dung thông được Đại thừa, Tiểu thừa hay Nam truyền, Bắc truyền. Và mình biết cách học, biết cách tu.

Nhiều người hỏi tu thế nào? Thiện Trang nói rất nhiều rồi, mình tu thì có năm phương pháp tu. Hoặc có người tu Thiền chỉ thôi. Nhưng [tu] Thiền chỉ, thì ai có duyên mới đắc đạo. Còn nếu không có duyên, thì không đắc đạo được. Dù có tu đến [trời] Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tức là [tu tới] Tứ thiền Bát định, tu tới cỡ đó thì là ở trên đó thôi, rồi cũng rớt xuống. Như [ông] tiên A Tư Đà, ông Uất Đầu Lam Phất, v.v… những người đó cuối cùng cũng đọa vào loài Súc sanh. Tại vì định lực, còn tu là còn, hết tu là hết. Cho nên đó không phải là cứu cánh. Thì phải tu thêm một điều nữa, là tu Quán.

Cho nên có người tu Chỉ trước, rồi [tu] Quán sau. Tu Chỉ là mình ngồi xếp bằng niệm [Phật], hay tu Thiền, v.v... Cách tu Thiền chỉ, thông thường người ta tưởng tu đó là tu Thiền, nhưng thật ra đó là Thiền chỉ. Nếu chỉ tu Thiền chỉ, thì giúp quý vị có thể đắc Thiền chỉ. Quý vị học các chi thiền, Bảy chi thiền, Năm chi thiền, từng tầng thiền như [thế] nào, thì sau này Thiện Trang sẽ chia sẻ.

Quý vị tu được như vậy, có thể giúp cho quý vị có Thần thông, giúp cho quý vị đỡ đau, chịu đựng được đau đớn tốt. Rồi quý vị có nhiều sự nhiệm màu, và thấy [tu] mau lắm, tu Phật pháp linh ứng liền. Nên khi giới thiệu pháp [cho] người ta, nếu mình giới thiệu tu Thiền chỉ, là người ta tin liền. Vô dạy cho người ta hít thở chút, niệm chút, chắp tay ngồi xếp bằng một hồi, là thấy đã, rồi từ đó họ tin nhanh.

Còn thứ ba là [người chỉ] tu Thiền quán. Ai có tâm lực mạnh, có niềm tin, thì mới tu Thiền quán trước. Tu Thiền quán, thì tiến chậm lắm quý vị, năm này qua năm kia tiến một chút. Thiền quán là giúp bớt Phiền não, đoạn Phiền não, quý vị bớt tham, bớt sân, bớt si, là đoạn [Phiền não].

Thiền chỉ thì chỉ phục Phiền não thôi. Phục nghĩa là chỉ giúp cho quý vị, lúc có Thiền thì không phiền não, nhưng khi hết Thiền, ra ngoài, hoặc rớt Thiền ra ngoài, nói chung không còn Thiền nữa, thì Phiền não vẫn Phiền não, sân vẫn sân, si vẫn si, ăn vẫn ham ăn. Tức là lúc trong Thiền thì bớt, mấy ngày

Thiền nhiều thì phục [được], cho nên bớt ham ăn, bớt tham ngủ, v.v… khỏe lắm! Nhưng mấy ngày mà không có Thiền, là phiền não như xưa, y như cũ.

Trong Kinh A Hàm, đức Phật có lấy một số người, đắc đến Tứ thiền nhưng cuối cùng vẫn hoàn tục về lấy vợ, hoàn tục về vẫn trở lại [như xưa]. Thì đức Phật nói, do họ chỉ đắc tới Tứ thiền thôi, nên họ chưa đoạn được Phiền não. Vì vậy phải tu Thiền quán.

[Tuy nhiên] Công phu Thiền quán không thôi, thì chậm lắm quý vị. Giống như năm trước, năm sau, quý vị thấy tiến được một chút, Phiền não bớt một chút, nhẹ nhẹ chút, bắt đầu bớt tham, bớt sân, bớt si, bớt bớt… Nhưng tu Thiền quán, thì giúp cho quý vị đoạn Phiền não, và chứng quả giải thoát. Ra khỏi sanh tử, là nhờ vào Thiền quán này.

Người thứ tư là kết hợp hai điều này, tu song vận cùng lúc luôn, thì chúng ta đang tu đó. Thiện Trang thì khuyên [nên] nghiêng về Thiền quán hơn, tại vì sao? Tại sao Thiện Trang không khuyên cho quý vị tu Thiền chỉ nhiều hơn? Là tại vì quý vị không có thời gian, quý vị muốn tu Thiền chỉ, thì quý vị [phải] ngồi [một] ngày [bao nhiêu tiếng đó]. Có một vị Thiền sư, hồi xưa Thiện Trang gặp, đi tu ở bên Myanmar, tu Thái Lan về, nói là một ngày họ phải ngồi 8 đến 12 tiếng, họ tĩnh tọa 8 đến 12 tiếng, thì mới vô được Nhị thiền, Tam thiền.

Còn bây giờ mình tu ít quá, nên Thiện Trang vừa dạy, chia sẻ cho quý vị cách tu, là vừa Thiền chỉ, vừa Thiền quán. Niệm Phật chăng nữa thì cũng là tu thiền, ngồi tĩnh tọa đó là Thiền chỉ nhiều hơn, Thiền quán ít. Còn khi mình nghe pháp, là tu Thiền quán. Rồi mình sống trong đời sống hàng ngày, mình nói các pháp Vô thường, vô Ngã, v.v… thậm chí quý vị niệm, nhớ là phải ra khỏi sanh tử v.v… đó là thuộc về Thiền quán. Và Thiền quán đó, dần dần giúp cho quý vị, [tuy là] chậm nhưng quý vị kiên trì theo năm tháng thì dần dần [vào] được.

Còn có một hạng người liều hơn nữa, là biết chắc Thiền quán thế nào cũng đắc quả, cho nên bỏ luôn cả Thiền chỉ, tu mỗi Thiền quán thôi. Tu Thiền quán, thì khỏi ngồi. Cho nên có người mới nói ngồi là chấp tướng này kia v.v... Tu [như thế] có được không quý vị? Được! Nhưng [tu như vậy] thì còn chậm hơn nữa, tại sao? Vì không cân bằng. Và theo tinh thần trong kinh, đức Phật cũng rất tán thán Thiền chỉ: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Cho nên mình nên tu cả hai, gọi là Thiền chỉ và Thiền quán song vận (Chỉ, Quán song vận, là Thiền định và Thiền quán đó). Cho nên phải biết tu, chứ nhiều khi không biết tu.

Có nhiều người hỏi: *"Vậy tu tới đâu mới giải thoát?"* [Thiện Trang] xin nói với quý vị, tu kiểu gì thì tu, [miễn] đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn là có cơ hội. Hôm bữa Thiện Trang có chia sẻ với quý vị, đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, lúc đắc, nói gì thì nói, Thiền quán tất nhiên là phải có rồi, mình hiểu pháp gọi là Kiến đế v.v… Nhưng Thiền chỉ cần phải có điều kiện là: ba điều, hoặc là quý vị phải đắc được Định, tức là Sơ thiền trở lên. Thứ hai là quý vị có thể đắc Cận định, tức là Vị đáo định thôi. Nhưng lúc đắc, thì [định đó] phải nhích lên thành Sơ thiền. Thứ ba là quý vị chỉ có Sát-na định, bình thường không tu định, tu thiền gì hết. Nhiều người kêu ủa không tu Thiền mà? Nhưng lúc đó cũng vô Sơ thiền, nhiều người [nói]: *"Sao kỳ lạ vậy Thầy, [con] không tu Thiền gì hết, mà lúc đó vô Sơ thiền được một sát-na?"*.

Xin nói với quý vị, không phải người tu Thiền mới đắc Sơ thiền. Có nhiều người làm việc ở thế gian họ cũng có Thiền, chi thiền đó, quý vị coi có nhiều việc làm họ có định lắm. Nhà khoa học họ ngồi miết trong đó để nghiên cứu, họ có định đấy chứ. Họ làm việc gì đó, thì họ tập trung tâm lắm chứ, một đối tượng đó. Đó cũng là Thiền chỉ, quý vị xét Bảy chi thiền của họ đi, họ làm có hoan hỉ không? Có! Họ có hôn trầm không? Không có! Họ có Tâm sở Tầm làm sao hôn trầm được. Có Hỷ lạc, rồi họ có Niệm (ghi nhớ) không? Có! Họ có ghi nhớ! Họ có định không? Có! Họ tập trung vô đó. Có xả không? Có! Cho nên họ có Thiền đó, nên họ chuyển từ việc đó vô tu nhà Phật [thì sẽ] đắc định.

Thiền định ở đây đức Phật nói là, không phải quý vị tu một đề mục nào đó, cũng là Thiền định. Mà Thiền định đó, là tất cả các môn ngoại đạo đều tu cả, và các giáo phái ngoại đạo, họ cũng đắc Sơ thiền Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thôi, quý vị hiểu không? Cho nên ở trong Thanh Tịnh Luận Đạo, hồi nãy [mình nói] có bốn màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, quý vị niệm một màu thôi. Tất cả đều màu xanh, đều màu vàng, đều màu trắng, đều màu đỏ. Hoặc đất, nước, gió, lửa, quý vị niệm một đề mục đó, mà niệm đến nơi, cũng thành tựu đắc Thiền.

Đắc Thiền rồi, là có Thần thông, đó là nguyên tắc. Tức là Thiền chỉ là dừng tâm, tập trung tâm lại. Còn Thiền quán là phải theo từng cử chỉ, hành động của mình. Nói ngôn ngữ đơn giản, thì gọi là quan sát được cử chỉ, hành động, tâm ý của mình, công phu đó gọi là công phu Thiền quán. Cho nên người tu Thiền quán, là người biết tâm của mình như thế nào, biết thân mình như thế nào, biết cảm nhận của mình như thế nào, biết các pháp bên ngoài chuyển động ra sao, gọi là tu Tứ niệm xứ, quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Tóm lại là tu như vậy! Bây giờ quý vị niệm Phật chăng nữa, một hồi rồi cũng tới đó, quý vị niệm Phật là tập trung [vào] câu Phật hiệu, đó là Thiền chỉ. Nhưng quý vị cũng phải biết được thân là giả, vậy có quán thân không? Thân này là giả, quý vị phải biết ăn cũng phải gán câu Phật hiệu vô, đang ăn cơm cũng niệm Phật. Rồi ăn cơm Hòa thượng Tịnh Không nói, phải biết ăn ngon dở thế nào, phân biệt được chứ. Trong sự theo dõi biết đó, là quán cảm nhận, cảm nhận ngon dở, và quán được các pháp bên ngoài giả tạm sanh diệt. Thế gian này vô thường, cầu Thế giới Cực Lạc, đó là thuộc về quán Pháp. Quán Thân, [quán] Thọ, quán Tâm, tâm là nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung. Đó là quán Tâm, phát tâm Bồ-đề đó.

Cho nên thật sự tu bất cứ Pháp môn nào, [một] hồi cũng đi về Tứ niệm xứ thôi, chẳng qua là mình không dùng từ Tứ niệm xứ, cho sang bên đó. Hồi xưa người ta chê, chứ không phải sang. Bây giờ thì đang sang, thì mình nói

lên vậy thôi, chứ thật tế là tu giống nhau, cùng đi về một con đường. Còn tu một hồi mà đi trật Tứ niệm xứ, thì pháp đó là pháp tà, không phải Chánh pháp của Như Lai.

Cho nên người không biết Pháp môn nào, nên người ta nói niệm Phật là tà, thế này thế kia. Thật tế cũng vậy à, quý vị trì chú hay tu bất cứ môn nào đều như vậy, có điều vận dụng như thế nào. Và điều kiện để chứng Sơ quả, là bắt đầu Sơ thiền trở lên, nếu quý vị không có Sơ thiền trong sát-na thì không được. Còn chứng Nhị quả, vẫn có thể chưa đắc Sơ thiền thực sự, cũng chỉ mới sơ sơ thôi. Còn quý vị chứng Tam quả, thì chắc chắn điều kiện là quý vị phải đắc Tứ thiền. Vì Tứ thiền thật sự, thì mới sanh vào [trời] Ngũ Tịnh Cư Thiên, tức là Ngũ Bất Hoàn Thiên (năm tầng trời Bất Hoàn). Người muốn sanh vào đó phải có Thiền định cỡ đó. Không cần Bát định, chỉ cần Tứ thiền của Sắc giới thôi. Còn [nếu có] Bát định, thì lên càng nhanh hơn.

Ở trong bộ luận kia, chia ra các pháp Vô vi thành 12 pháp, nếu như định của trời Không Vô Biên Xứ với Tam quả A-na-hàm, thì đó là một Vô vi pháp. Người đắc định của Vô Sở Hữu Xứ, cộng với chứng quả Tam quả A-na-hàm, tức là diệt được các loại Phiền não, thì quý vị cũng đắc được một loại Vô vi pháp. Đó là cách chia ra khác nhau, mỗi bộ luận có một cách chia. Tóm lại nói chung chung như vậy, và quý vị tu làm sao mình phải nắm được phần đó.

Đầu tiên Thiền, có nhiều người nói vô học tu Thiền, suốt ngày cứ ngồi lên xếp bằng, rồi thiền, thiền, thiền… Xin lỗi quý vị! Nếu quý vị thiền như vậy, thì quý vị tu Thiền chỉ thôi. Thiền chỉ đó, thì không cần có Phật ra đời, quý vị cũng tu được. Nhưng quý vị tu Thiền quán, là phải quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Quán thân trên thân, rồi quán thân trên nội thân, v.v… Quán thọ trên thọ, hoặc quán thọ thì khổ, bên Bắc truyền hay nói vậy.

Thật ra mình phải có đủ các phép quán đó, mình nói như vậy là còn chấp trước, chấp trước chỗ nào? Quý vị nói còn quán. Quý vị phải tu làm sao, mình sống tự nhiên với nó. Có nghĩa là mình ăn, [thì] mình hoạt động việc ăn. Chứ

mình còn tác ý, tôi phải quán cái này, tôi phải quán cái kia, thì quý vị tu như vậy, vẫn là mới khởi đầu. Còn nếu khi mình tu tự nhiên rồi, thì đó là công phu cao.

Nên mai mốt chúng ta học, Thiện Trang sẽ chia sẻ mấy Tâm sở xong, sẽ giới thiệu [cho] quý vị thế nào là tâm của Thiền, tâm của bậc Thánh, mình học như vậy thì mình mới biết tu. Từ đó mình mới so ra, chứ còn bây giờ thì chưa. Thiện Trang đang [giảng] 24 Duyên hệ sắp hết rồi, thì sẽ chia sẻ tiếp phần Tâm sở. Tâm sở thì nhanh thôi, sau khi chia sẻ hết Tâm sở, thì Thiện Trang sẽ nói về các tâm của bậc nào, tâm như thế nào. Quý vị tu tâm nào, tu tâm bất thiện tức là tâm Vô nhân, rồi thế nào là tâm Nhị nhân, tâm nào để được ở Dục giới, tâm nào ở Sơ thiền. Dùng những Tâm sở nào, để mình tương ưng với Tâm sở ở Sắc giới, dùng Tâm sở nào để mình được Tâm sở bậc Thánh, thì mình mới hiểu, mình học, thì mình mới hành chứ. Nếu mình không hiểu, mình tu mà không biết, thì vô ngồi an an chút, kêu: *"Thưa thầy, con đắc Thiền rồi, con đắc định rồi, con đắc quả rồi"*. Không có đâu! Quý vị phải tu, thì mới rõ ràng được.

Có người bình luận: *"Nếu chứng được Sơ thiền, thì có được Phật thọ ký không ạ?"* Lại một sai lầm trầm trọng nữa! Sơ thiền là tu bên Chỉ, không được thọ ký gì cả. Quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, là tu bên Thiền quán, thì được Phật thọ ký. Mà không cần Phật thọ ký đâu, quý vị chứng Sơ quả, thì quý vị tự biết được luôn.

Quý vị nhớ câu chuyện của ngài Xá Lợi Phất và Tỳ-kheo Mã Thắng không? Khi ngài Xá Lợi Phất gặp Tỳ-kheo Mã Thắng, thấy oai nghi như thế, nên mới hỏi: *"Thầy của ngài là ai vậy? Tôi theo dõi ngài bữa giờ, thấy ngài có oai nghi hay quá!"* Ngài Tỳ-kheo Mã Thắng mới nói bài kệ:

"Chư pháp tùng duyên sanh
Diệc tùng nhân duyên diệt
Ngã Phật đại Sa môn

Thường tác như thị thuyết”

Tức là các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt, thầy tôi là bậc Đại Sa-môn, [Ngài] thường thuyết như vậy. Nói xong thì ngài Xá Lợi Phất đắc ngay Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và câu nói tiếp theo của một vị Sơ quả Tu-đà-hoàn, là *“Thầy của chúng ta đang ở đâu?”.* Quý vị nên nhớ, lúc đó ngài nói ngay là thầy của chúng ta đang ở đâu.

Có nghĩa là người đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì xác định ngay Phật là thầy của mình, không còn một nghi ngờ nào nữa. Cho nên người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, có khả năng được thọ ký, và đó mới là thọ ký thật. Còn có khi không được thọ ký, thì họ cũng tự biết, [đó là] quý vị chứng Sơ quả. Còn người chứng Sơ thiền, thì bây giờ vô số, rất nhiều, [nhưng] không có đắc [quả]. Quý vị chứng đến Tứ thiền, thì cũng được thọ ký. Như ông Uất Đầu Lam Phất, chứng đến Tứ thiền Bát định, thì cũng được Phật thọ ký, là sau này trở thành con chồn bay. Hay là ông tiên A Tư Đà, cũng được thọ ký là sau này ông đọa làm con giòi. Như vậy cũng là thọ ký đó, mà thọ ký kiểu đó, không phải thọ ký thành Phật.

Còn bên niệm Phật, nói đắc được Công phu Thành phiến, thì được Phật thọ ký. Nhưng Công phu Thành phiến thế nào, thì không biết, điều đó không có trong kinh, mà chỉ có chư Tổ nói, nên cho phép Thiện Trang không dám dẫn. Công phu Thành phiến tức là niệm Phật đến Sơ thiền, nhưng không biết như thế nào, điều đó Thiện Trang không biết. Thiện Trang nghĩ có khả năng, là ngoài công phu Chỉ, là Sơ thiền, [thì] còn có Công phu Quán. Tại vì Hòa thượng Tịnh Không nói là Sơ quả hướng. Sơ quả hướng, thì đâu phải là Sơ thiền.

Sơ quả hướng là ghê lắm, cần có mấy yếu tố nữa, mai mốt mình học trong bộ Luận này mới biết. Sơ quả hướng, ví dụ như Bảy bậc Gia gia hoặc là Tứ gia Hạnh vị, trong bộ này chúng ta có học, Thiện Trang đã trích ra một lần rồi. Chúng ta thấy những yếu tố đó mới được, mới có khả năng. Còn nếu chỉ

có công phu Sơ thiền thôi, thì không ăn thua. Công phu Sơ thiền, là có Thiền thì còn, hết Thiền thì hết. Niệm Phật giống như lấy đá đè cỏ, lúc còn đá thì phải niệm tiếp, phải để đá tiếp, còn giở đá ra thì Phiền não lại sanh. Hiện tượng đó là bình thường, nên lúc đó đắc công phu, nếu đi được thì đi luôn, còn nếu không thì sau này thoái chuyển.

Còn như người đắc Sơ quả, thì yên tâm, Sơ quả thì không thoái chuyển nữa. Sơ quả là thấp nhất rồi, bất thoái chuyển chỗ đó mà, cùng lắm bảy đời sau sẽ ra khỏi sanh tử luân hồi. Còn đắc đến Tứ quả, trong bộ Luận Tỳ Bà Sa nói: Tứ quả A-la-hán, nhưng nếu chưa đắc Câu giải thoát, tức là chưa có Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, nếu đắc được một trong hai, thì vẫn còn thoái chuyển. Và sự thoái chuyển đó, sẽ đưa hành giả A-la-hán đó, về Sơ quả Tu-đà-hoàn là cuối cùng. Thoái chuyển có thể rớt xuống Tam quả, Nhị quả, hoặc rớt xuống [bậc] cuối cùng là Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi, không còn rớt xuống thấp hơn nữa.

Đó là trong Luận Đại Tỳ Bà Sa, quý vị có thể coi, đó cũng là bộ Luận thuộc dạng A Tỳ Đàm Duy Thức này, Thiện Trang đã coi bộ đó rồi, mai mối chúng ta học vào đây chắc cũng có thôi.

Cho nên có nhiều người học không rõ, nghĩ Sơ thiền là điều gì ghê gớm lắm. Nên nhớ, Sơ quả mới ghê gớm! Còn Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì thời không có Phật ra đời, người ta vẫn đắc được. Nhiều tôn phái tu theo những giáo phái khác, không cần Phật giáo, vẫn đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền được, không có gì lạ. Nhưng đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn thì khó, không phải dễ. Bởi vì đó thuộc về Thiền quán.

Hôm bữa chúng ta đã trích dẫn bộ kinh về núi rồi, quý vị thấy người đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn giống như núi Tu Di, hoặc núi to lớn, mà quý vị làm cỏ hết rồi, chỉ còn lại bảy cây cỏ thôi. Quý vị tưởng tượng, một đám cỏ trên núi cao to như vậy, mà quý vị dẹp sạch cỏ rồi, chỉ còn lại bảy cây cỏ thôi, thì quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Cho nên trong kinh khác, đức Phật nói là: để ngăn dòng thác sanh tử, thì khó giống như một người dùng sức mà ngăn dòng chảy của bốn dòng thác, rót vào mình. Mình chứng quả đâu có dễ, gọi là Kiến đế đó. Nên mình tu vô lượng kiếp mà không được. Thật ra không phải không được, [vì] mỗi đời được chút ít. Quý vị nghe từ nãy tới giờ, là tích được một chút, nghe một chút là tích được một chút, tự nhiên có để xài. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là Đà-la-ni, một khi đắc thì mãi mãi đắc, và điều này không mất, vẫn còn theo quý vị. Cho nên đời sau, quý vị sanh ra trong nhà đó, tự nhiên hiền thiện, có ném quý vị vô [hoàn cảnh] gì, thì quý vị vẫn hiền hơn người ta, tốt hơn người ta, bớt sân hơn người ta.

Quý vị tin không? Điều này là rõ ràng, trong đời tại sao có hạng người sân si dữ quá, có người ham quá, có người thì ít sân, mặc dù họ có học Phật pháp đâu. Đó là vì những người đó họ tu Đà-la-ni này, tức là tu Thiền quán này, đã tới đó rồi. Đời này không có duyên thôi, chứ có duyên họ tu tiếp là ngon, những điều đó là họ thành tựu rồi. Rồi có người dù ở trong thế giới hiện đại phồn hoa, nhưng họ không bao giờ tà dâm, họ không học Phật pháp, nhưng họ rất trinh lương. Vì họ cũng tu hạnh đó rồi. Cho nên không phải tu ào một cái, là thành đâu, mà tu nhiều đời tích lũy rồi.

Quý vị chịu khó coi Kinh Nikaya hay Kinh A Hàm, mình thấy đức Phật mỗi đời quá khứ của Ngài, có khi thành tựu được một chút, đời này thành tựu một chút, thành tựu chút, chút… một hồi thành tựu lớn. Có đời thi môn đó rớt, không đậu. Không đậu thì rớt luôn vô Địa ngục, rồi ra lại, thì đời sau thành tựu. Có đời bố thí giữa chừng hối hận, có đời còn ganh ghét người ta, thế này thế kia, vẫn còn. Chúng ta hiểu được, chúng ta tu bao giờ thành tựu được như thế, [thì] một hồi là thành công. [Nhưng] mà không biết khi nào. Ai có niềm tin, thì tu Tịnh Độ, để nguyện sanh về Thế giới khác. Chứ còn ở đây, đúng như các vị sư Nam truyền mà Thiện Trang đã tiếp xúc, [các ngài] nói: *"Con đường tu thành Phật, hoặc tu ra khỏi sanh tử, không biết [đến] bao giờ".*

Các ngài cũng xác định là không biết [đến] bao giờ mà. Chính các ngài tu, mà các ngài còn nói là không biết bao giờ luôn, thì mình thấy dài xa, ngán quá! Cho nên bên Phật giáo Nguyên thủy là Phật giáo Nam truyền, nhiều khi làm cho người ta không muốn tu nữa, thấy nản chí, thấy xa quá, tu đến bao giờ? Nghe nói đức Phật tu đến 20 a-tăng-kỳ kiếp, mới thành Phật, nên thôi con nguyện làm A-la-hán cho rồi! Có nhiều người nói như vậy. Còn có người thì nói: *"Con thấy ngài Xá Lợi Phất hay ngài gì đó, 100 đại kiếp, mới thành A-la-hán, nên khó quá!"*.

Cho nên bên Bắc truyền có cái hay, là dù thế nào cũng có hy vọng. Hy vọng cứu vớt đời này, niệm Phật ra khỏi sanh tử. Mặc dù chưa chứng quả, nhưng về Thế giới khác, Thế giới đó không có những nỗi khổ niềm đau, [không] có thoái chuyển. Quan trọng là có không thoái chuyển, để mình có ở hoàn cảnh tốt, để mình tu tiếp. Đó là những điều chúng ta có thể thấy được.

Còn một chút nữa, Thiện Trang nói luôn đoạn này. Tức là ở trong các sắc, mà che ánh sáng lại, có thể thấy ra được hình, đó gọi là bóng.

#Phiên thử vi ám: tức là che ánh sáng lại rồi, thì phiên dịch là tối.

#Dư sắc vị liễu, cố kim bất thích: các sắc còn lại thì dễ hiểu, nên ở đây không cần giải thích.

Tạm dịch: Có vị Sư khác nói: Không là một Hiển sắc, là loại 21 (Không này chúng ta hiểu là Hư không). Chánh ở trong đây là hình bằng phẳng, còn hình không bằng phẳng thì gọi là bất chánh; đất nước khí bốc hơi thì nói đó là sương, ánh lửa của mặt trời là ánh sáng; ánh lửa của mặt trăng sao, các loại ánh lửa của vụ nổ, bảo châu, tia chớp v.v… gọi là sáng, ở trong vùng che chắn sinh ra bởi ánh sáng thì có thể thấy các hình sắc gọi là ảnh (bóng), phiên dịch ở đây là ám (tức là cái bóng đó thì còn có tối nữa). Còn các sắc khác dễ hiểu nên ở đây không giải thích.

Hôm nay chúng ta tạm học tới đây, bài này hơi nặng về lý thuyết, Thiện

Trang cố gắng chia sẻ. Vì phần A Tỳ Đàm thì hay, nhưng phần mở màn Luận Câu Xá này, mới đầu thì hơi khó. Quý vị cố gắng nghe từ từ, nếu học chậm quá thì cũng không được, nên hôm nay Thiện Trang [giảng] vào những điều này rồi. Còn Luận Câu Xá thì vào sau mới hay, mới đầu chỉ giới thiệu mấy điều này thôi, chúng ta cũng cố gắng. Bữa sau Thiện Trang chia sẻ tiếp một phần bên A Tỳ Đàm, một phần bên Luận Câu Xá, và cũng cố gắng chia sẻ thêm với quý vị về pháp hành, pháp tu.

Do thời gian gần đây Thiện Trang hơi bận, nên quý vị thông cảm, không có chia sẻ đưa thêm nhiều thứ nữa. Bởi vì một phần là nội dung nhiều, hai là bận quá, mà đưa vô nhiều quá, [thì] không có thời gian lựa chọn để đưa vào. Thiện Trang thấy nhiều thứ hay quá, nhưng không biết đưa cái nào vào, mong quý vị thông cảm. Chúng ta hẹn qua bữa khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 9: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 9.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 21.08.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=kSxgXawCUes

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư hàng tuần, chúng ta đang chia sẻ chuyên đề về Luận Câu Xá, hay còn gọi là Duy Thức của bên Đại thừa. Nhưng bên Bắc truyền phân bộ này vào Tiểu thừa, còn bên Nam truyền thì bộ tương tự gọi là bộ A Tỳ Đàm. Nội dung chúng ta học, là những kiến thức căn bản đối với Phật pháp. Thiện Trang cũng cố gắng dành ít thời gian, để chúng ta kết hợp song song, với bộ A Tỳ Đàm của bên Phật giáo Nam truyền. Mục tiêu là để cho chúng ta học được cả hai bên, học bao nhiêu sự tinh hoa nhất, để mình có thể lãnh hội được, tất cả những gì tinh túy nhất của đức Thế Tôn, để lại cho chúng ta. Đó là Thiện Trang cố gắng dẫn dắt quý vị, để chúng ta cùng là những người học. Quý vị học, Thiện Trang cũng học. Qua mỗi buổi như vậy, thì chúng ta sẽ học được rất nhiều.

Đầu tiên Thiện Trang xin giới thiệu một chút về các nhân, để ra đời gặp được đức Phật Di Lặc trong tương lai. Hôm nay sẽ giới thiệu phần này. Bởi vì ở

đây là một lớp mang tính hàn lâm hơn, tức là dành cho nhiều đối tượng, nhiều người. Ai cũng muốn mình có thể được nhiều lợi ích trong Phật pháp. Trong đó có nhiều người mong rằng tương lai gặp Phật Di Lặc. Được [gặp] Phật Di Lặc ra đời trong tương lai, thì phải làm sao? Chúng ta coi [phần] "Các Nhân Để Ra Đời Gặp Đức Phật Di Lặc". Đây là Thiện Trang trích một đoạn, từ trong một bộ kinh từ Kinh Tăng Nhất A Hàm, vì bộ kinh này rất là dài, nói về đức Phật Di Lặc thế nào. Đây là lời của đức Phật Di Lặc, khi Ngài thành Phật vào thời tương lai. Có đoạn Ngài nói như thế này:

Các Nhân Để Ra Đời Gặp Đức Phật Di Lặc

"Trong đại chúng này, (1) hoặc có người vốn là Đệ tử của Phật Thích Ca Văn, thời quá khứ đã tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. (2)Hoặc phụng trì pháp của Phật Thích Ca Văn, nay đến chỗ Ta. (3) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn cúng dường Tam Bảo, nay đến chỗ Ta. (4)Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà tu hành gốc rễ thiện trong khoảng chừng búng ngón tay, nay đến chỗ Ta. (5) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca hành bốn vô lượng tâm, nay đến chỗ Ta. (6)Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà thọ trì năm giới, ba tự quy y, nay đến chỗ Ta. (7) Hoặc ở Phật Thích Ca Văn khởi dựng tháp miếu, nay đến chỗ Ta. (8) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca mà tu sửa chùa, nay đến chỗ Ta. (9) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà thọ trì tám pháp quan trai, nay đến chỗ Ta. (10) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà cúng dường hương hoa, nay đến chỗ Ta. (11) Hoặc ở nơi Phật ấy nghe Phật pháp mà buồn khóc rơi lệ, nay đến chỗ Ta. (12) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn chuyên ý nghe Pháp, nay đến chỗ Ta. (13) Hoặc suốt đời khéo tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. (14) Hoặc chép, đọc tụng, thọ trì, nay đến chỗ Ta. (15) Hoặc người thừa sự cúng dường mà nay đến chỗ Ta.

(1) Hoặc có người vốn là Đệ tử của Phật Thích Ca Văn thời quá khứ đã tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta: #vốn là Đệ tử của Phật Thích Ca Văn: là chúng

ta, hay là Đệ tử đức Phật Thích Ca. Nếu Đệ tử này thì chắc là Đệ tử trong thời quá khứ đã tu phạm hạnh; #đến chỗ Ta chính là đến chỗ đức Phật Di Lặc.

(2) Hoặc phụng trì pháp của Phật Thích Ca Văn, nay đến chỗ Ta: hoặc là phụng trì giáo pháp của đức Phật Thích Ca, cũng đến chỗ Ta. Mình thấy hai điều kiện này, [mình] có vẻ cũng có hy vọng.

(3) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn cúng dường Tam Bảo, nay đến chỗ Ta: điều này thì có nhiều người được nữa. Tức là cúng dường Tam Bảo trong [thời] đức Phật Thích Ca.

(4) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà tu hành gốc rễ thiện trong khoảng chừng búng ngón tay, nay đến chỗ Ta: điều này thì càng hấp dẫn nữa đúng không? Mình tu có một chút thiện thôi, chừng trong khoảng búng ngón tay thôi, cũng đến được chỗ của đức Phật Di Lặc trong tương lai.

Điều này rất mừng cho mọi người đúng không? Dù tu ít, tu nhiều, cũng có khả năng gặp được đức Phật Di Lặc trong tương lai. Tất nhiên đó là một cơ hội [được] độ thoát rất lớn. Như vậy coi ở đây, [thì chúng ta] có niềm vui hơn, chứ bình thường chúng ta thấy không có hy vọng gì trong Phật pháp cả. Thì ở đây [đức Phật] nói, gốc rễ thiện (căn lành) chỉ trong khoảng chừng búng ngón tay thôi, mà cũng đến thời đức Phật Di Lặc và gặp Phật Di Lặc.

(5) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca hành bốn vô lượng tâm, nay đến chỗ Ta: tức là hành Tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, thì cũng đến chỗ Ta.

(6) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà thọ trì năm giới, ba tự quy y, nay đến chỗ Ta: cho nên Tam quy y (Quy y Tam Bảo) và thọ trì Ngũ giới, thì nay đến chỗ Ta.

Ở đây sẵn nói thêm một chút, nếu như chúng ta chỉ quy y Tam Bảo, không thọ trì Ngũ giới thì có lợi ích không? [Chúng ta] vẫn có lợi ích, nhưng lợi ích không

lớn. Có một vị Sư bên Nam truyền nói thế này: *"Nếu như quý vị thọ Tam quy Ngũ giới, rồi quý vị tu được nhiều điều, thì quý vị được lợi ích là 100. Còn nếu quý vị chỉ thọ Tam quy Ngũ giới, [thì] quý vị được lợi ích là 10. Và nếu như quý vị chỉ quy y thôi, quý vị không thọ Ngũ giới thì quý được vị lợi ích là 1. Nếu quý vị không quy y luôn, thì quý vị được lợi ích rất ít, không đáng gì!"*.

Cho nên có quy y còn đỡ hơn là không quy y. Nhưng nếu như giữ giới nữa, thì tốt hơn. Nếu như chúng ta giữ được Năm giới và thọ được Bát quan Trai giới nữa, thì lợi ích càng lớn hơn. Cho nên ở đây cần phải để ý điều này.

Sẵn nói về Quy y, Thiện Trang chưa có thời gian [chia sẻ], nhưng Thiện Trang xin nói thế này. Ở trong Kinh A Hàm, Thiện Trang đã tìm ra được một bộ kinh, nói về sự Quy y và cho thọ trì bao nhiêu giới. Đức Phật cũng cho phép, là quý vị không giữ năm giới, thì giữ một giới cũng được, hai giới cũng được, ba giới cũng được, bốn giới cũng được, nếu giữ được năm giới thì tốt. Đấy là trong Kinh A Hàm, để bữa nào Thiện Trang sẽ trích ở một bộ giảng khác, hoặc ở bộ giảng này [nhưng] vào buổi khác, Thiện Trang sẽ lấy nguyên văn. Nhưng nói cho quý vị như vậy, để quý vị thấy Phật pháp là rất tuyệt vời, không ép quý vị phải thọ hết năm giới, mà chỉ cần thọ một giới cũng được. Thậm chí chỉ quy y Tam Bảo, không thọ giới cũng được, như thế thì thực sự lợi ích của mình không lớn.

Như vậy ở đây, điều kiện thứ sáu là ở nơi Phật Thích Ca, mà thọ trì năm giới, ba quy y thì cũng gặp được Phật Di Lặc.

(7) Hoặc ở Phật Thích Ca Văn khởi dựng tháp miếu, nay đến chỗ Ta: quý vị nghe cho kỹ, khởi dựng tháp miếu, nay cũng đến chỗ Ta, tức là đến thời Phật Di Lặc. Cho nên đừng chê những người [chỉ] lo đi xây dựng chùa chiền, [mà] không chịu tu hành. Không có [nên như vậy]! Họ cũng gieo nhân để đắc độ, gặp được đức Phật Di Lặc.

(8) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca mà tu sửa chùa, nay đến chỗ Ta: quý vị

thấy, có tu sửa chùa cũng có lợi ích, cũng sẽ được đến gặp đức Phật Di Lặc. Phật pháp hay như vậy đó! Miễn là tu hạnh nào cũng được, hiện tại chưa được lợi ích, nhưng tương lai cũng được lợi ích.

(9) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà thọ trì tám pháp quan trai, nay đến chỗ Ta: điều này thì tốt hơn nữa đúng không? Quý vị tu được càng nhiều thì càng tốt. Ở nơi Phật Thích Ca, chúng ta thọ trì Bát quan Trai giới. Những người tu học pháp với Thiện Trang, thì Thiện Trang khuyên rất nhiều, hãy cố gắng thọ trì Bát quan Trai giới, để giải thoát cho nhanh. Nếu mà lỡ lọt lại, thì quý vị cũng có cơ hội gặp được đức Phật Di Lặc.

(10) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn mà cúng dường hương hoa, nay đến chỗ Ta: mấy người đi chùa, chỉ có cúng hoa không thôi, dâng từng bó hoa lên cúng dường. Như vậy có được [lợi ích] không? Cũng có lợi ích! Cũng được gặp đức Phật Di Lặc. Quý vị thấy [đều] có lợi ích, nên đừng có chê bai. Mình học rộng ra, [thì] mình bớt chê bai người, thấy người ta không tu gì hết. Không! Người ta cũng có cơ hội gặp được đức Phật Di Lặc đó.

(11) Hoặc ở nơi Phật ấy nghe Phật pháp mà buồn khóc rơi lệ, nay đến chỗ Ta: điều này thì cũng có những người, nghe Phật pháp mà buồn thương, khóc rơi lệ, thì họ cũng có căn lành. Ở đây không nói tu gì hết, nghe [Phật pháp] mà buồn khóc rơi lệ thôi, thì cũng đến chỗ Ta. Những người này cũng có căn lành lớn đúng không?

(12) Hoặc ở nơi Phật Thích Ca Văn chuyên ý nghe Pháp, nay đến chỗ Ta: mấy người thích nghe pháp [như] chúng ta đây. Chúng ta chuyên ý nghe pháp, thì tương lai cũng được gặp Phật Di Lặc. Như vậy lợi ích quá lớn rồi còn gì nữa!

(13) Hoặc suốt đời khéo tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta: suốt đời khéo tu phạm hạnh, tức là giữ được giới không dâm dục. Đó là [một] nhân nữa để được

gặp [Phật Di Lặc].

(14) Hoặc chép, đọc tụng, thọ trì, nay đến chỗ Ta: hoặc chép, đọc, thọ trì kinh điển đó, thì nay đến chỗ Ta. Ai chép kinh, ai đọc tụng kinh, thọ trì, cũng đến được chỗ của đức Phật Di Lặc.

(15) Hoặc người thừa sự cúng dường mà nay đến chỗ Ta.

Đây là Thiện Trang đã kể ra 15 điều.

"Rồi đức Di Lặc nói bài kệ này:

"Tăng trưởng đức giới, văn,

Nghiệp thiền và tư duy,

Khéo tu hành phạm hạnh,

Người ấy đến chỗ Ta".

Tức là tu được giới đức, nghe pháp, tu Thiền, rồi tư duy trong pháp, tu hành phạm hạnh, thì đến chỗ đức Di Lặc.

"Khuyên thí, tâm hoan hỷ,

Tu hành cội nguồn tâm,

Ý không sai biệt tưởng,

Người ấy đến chỗ Ta".

Khuyên người ta bố thí, tâm mình hoan hỷ, tùy hỷ cúng dường, tùy hỷ bố thí, v.v… tu hành các cội gốc của giáo pháp, #nguồn tâm tức là giáo pháp, với ý không sai biệt tưởng, thì người ấy cũng đến gặp được đức Phật Di Lặc.

"Hoặc phát tâm bình đẳng,

Và thừa sự chư Phật,

Thức ăn cúng Thánh chúng,

Người ấy đều đến Ta”.

Quý vị thấy không, mình phát tâm là có cơ hội.

“Hoặc tụng giới, khế kinh,

Khéo tập, thuyết cho người,

Nhiệt hành nơi gốc pháp,

Ngày nay đến chỗ Ta”.

Những người mà tụng giới, những người tụng kinh, hoặc khéo tu tập, thuyết pháp cho người, #nhiệt hành tức là mình hết lòng, #nhiệt là nhiệt huyết, mà tu hành ở nơi gốc pháp, thì ngày nay đến chỗ Ta. Tức là tương lai những người như vậy thì gặp Phật Di Lặc. Chúng ta cũng có nhiều cơ hội lắm, đúng không quý vị?

“Họ Thích khéo giáo hóa,

Cúng dường các xá-lợi,

Thừa sự pháp, cúng dường,

Ngày nay đến chỗ Ta”.

Những người khéo cúng dường tháp miếu, xá-lợi, v.v… thì cũng đến [gặp được đức Phật Di Lặc].

“Nếu ai sao chép kinh,

Ban bố trên lụa trắng.

Những ai cúng dường kinh,

Nay đều đến chỗ Ta".

Những người sao chép, in ấn kinh điển, thì cũng có cơ hội gặp được Phật Di Lặc.

"Lụa là và các vật,

Cúng dường nơi chùa tháp,

Tự xưng Nam mô Phật,

Thảy đều đến chỗ Ta".

Tức là họ cúng dường các nơi chùa tháp, và tự xưng "Nam mô Phật" thôi, thì cũng có cơ hội gặp được đức Phật Di Lặc.

"Ai cúng dường hiện tại,

Và chư Phật quá khứ;

Thiền định, chánh bình đẳng,

Cũng không có tăng giảm,

Cho nên, đối Phật pháp,

Thừa sự nơi Thánh chúng,

Chuyên tâm thờ Tam Bảo,

Tất đến chỗ Vô vi".

Tức là cuối cùng đều được lợi ích lớn. Đó là đều đến chỗ Vô vi, Niết-Bàn, tức là được gặp đức Phật Di Lặc, được độ thoát.

(Trích từ Kinh Tăng Nhất A Hàm - Phẩm 48 - Mười Bất Thiện).

Tại sao Thiện Trang giới thiệu đoạn vừa rồi? Tất nhiên đối với chúng ta, đa

số là chúng ta mong ra khỏi sanh tử cho nhanh, chứ không đợi đến [thời] đức Phật Di Lặc, theo trong kinh nói là 56 ức 700 triệu năm. Nếu chúng ta tính ra số ức, thì không rõ ràng. Nhưng tính theo tuổi thọ của trời Đâu Suất, nếu mình nhân số ức ra, thì ngày nay tính ra là khoảng 576 triệu năm nữa, tức là gần nửa tỷ năm nữa. Đó là con số trong kinh nói. Con số đó không biết là con số chắc chắn hay không, bởi vì đức Phật nói thời kiếp là không cố định.

Hồi xưa Thiện Trang mới học, thì theo [thuyết] thời kiếp tính là, cứ 100 năm tuổi thọ loài người giảm đi 1 tuổi, cứ giảm giảm như vậy, từ 84.000 tuổi giảm về tuổi thọ còn 10 tuổi, rồi lại tăng từ 10 tuổi đến 84.000 tuổi. Một tăng một giảm, là một kiếp. Chúng ta đang ở thời đức Phật Thích Ca, thì tuổi thọ loài người là 100 tuổi. Bây giờ là 3.000 năm [kể từ thời đức Phật], thì [tuổi thọ] giảm còn khoảng 70 tuổi. Và giảm cho đến khi 10 tuổi, rồi lại tăng lên lại đến 84.000 tuổi, rồi mới giảm xuống còn lại 80.000 tuổi. Khi đó mới có Phật Di Lặc ra đời. Chính cách đó, thì nhiều người tính ra tuổi và thời gian đức Phật Di Lặc ra đời.

Tuy nhiên sau khi Thiện Trang duyệt qua các kinh điển, và đặc biệt coi Kinh A Hàm rất nhiều, thì Thiện Trang phát hiện ra điều đó không chính xác. Tại vì đức Phật nói là tuổi thọ loài người khi tăng, [thì] tăng lên rất nhanh. Loài người khi giữ giới, [thì tuổi thọ] tăng từ 10 tuổi lên 20 tuổi luôn, chứ không có [tăng từ từ]. Rồi tăng từ 20 tuổi lên 40 tuổi, từ 40 tuổi tăng lên gấp đôi, là 80 tuổi. Tăng rất nhanh, tăng một hồi vèo vèo lên liền. Tức là thời gian không cố định.

Hơn nữa theo thời kiếp, sau khi Thiện Trang coi rất nhiều kinh, Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, v.v… thì Thiện Trang phát hiện ra là, kiếp số, đức Phật không nói cố định. Tức là có lúc thì đức Phật nói như vậy, [nhưng] có lúc đức Phật nói khác. Nói chung là một con số, mà đức Phật nói là không cố định. Tuổi thọ ở trên trái đất này, có thể rất dài, có thể đến vô lượng, nên là bất biến. Con số đó không cố định, tùy vào thời điểm.

Còn nói từ 84.000 tuổi mà giảm xuống, đó là đức Phật đang nói kiếp này

thôi. Còn tương lai thì không chắc như vậy, nó có rất nhiều yếu tố, không có quyết định. Tại vì Phật pháp là bất định pháp.

Cho nên nói kiếp số là thời gian bao lâu, thì đức Phật có nói với ngài A Nan thế này: Kiếp số thì có Đại kiếp và Tiểu kiếp. Đại kiếp là khi thời nào có đức Phật ra đời. Còn thời nào không có đức Phật ra đời, chỉ có các vị Bích-chi-phật ra đời, thì thời kỳ đó được gọi là Tiểu kiếp. Đó là một cách nói khác nữa.

Và Kiếp là gì? Đức Phật có lấy một ví dụ: Có một miếng đất lớn, [giống như] một cái hộc, để toàn là hạt mè (hạt vừng) trong đó. Và cứ 100 năm lấy đi một hạt, lấy đến bao giờ hết chỗ hạt mè đó, thì số kiếp vẫn chưa hết. Như vậy Đại kiếp rất là lâu đúng không? Có khi nhanh hay lâu thế nào, thì không thể ví dụ được. Đức Phật đưa ra nhiều ví dụ là để phá chấp.

Hồi xưa mình chưa có coi hết những kinh điển, nên có những cách tính không có chính xác lắm. Nhưng nói tóm lại là một thời gian rất lâu dài, không cố định, cho nên tạm ướm ướm thôi. Chứ ai đó tính ra một kiếp mà bằng bao nhiêu ngàn năm đó v.v… thì đều là con số tính tương đối, không phải con số chính xác. Chính xác là không tính được. Vì nghiệp báo của chúng sanh, tùy duyên nghiệp của chúng sanh trong cõi nào đó, như cõi này chẳng hạn, như thế nào đó, mà ảnh hưởng đến thời gian.

Ở một bộ kinh khác, đức Phật cũng đưa ra những nguyên nhân, khiến cho tuổi thọ bị giảm, rồi khiến cho đất đá, chông gai, v.v… đủ các kiểu. Bữa nào đó Thiện Trang sẽ trích cho quý vị nghe, đức Phật nói nguyên nhân hết, không có cố định.

Thiện Trang xin giới thiệu thêm một nền tảng nữa, là những điều mà A-la-hán không làm. Tại vì bây giờ có nhiều người nghi ngờ, không biết người ta có phải là A-la-hán không? Hoặc mình có phải là A-la-hán không? Rồi ai đó xưng người ta là A-la-hán. Vậy chúng ta sẽ xem thử, căn cứ vào Kinh A Hàm, để coi điều

A-la-hán không làm là gì, từ đó mình suy ra mình có phải A-la-hán không, hoặc là người khác có phải A-la-hán không. Thiện Trang Trích nguyên văn bộ kinh:

Điều Mà A-La-Hán Không Làm

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật trú tại Câu-lưu-sa trong thành Pháp hành, cùng với chúng đại Tỳ kheo năm trăm vị.

Lúc bấy giờ Tượng Xá Lợi Phất trả lại pháp phục, trở về đời sống bạch y. Vào một lúc nọ, ngài A-nan khoác y, cầm bát vào thành khất thực, lần hồi đi đến nhà Tượng Xá Lợi Phất. Trong lúc đó, Tượng Xá Lợi Phất đang đứng tựa trên vai hai người phụ nữ. Ngài A-nan từ xa trông thấy thế, trong lòng buồn rầu, không vui. Tượng Xá Lợi Phất trông thấy ngài A-nan, cảm thấy rất xấu hổ, bèn ngồi xuống một mình.

Quý vị nghe đoạn vừa rồi, Thiện Trang xin nhắc lại, [ở đây] là Tượng Xá Lợi Phất, chứ không phải là ngài Xá Lợi Phất. Tên của vị này có bốn chữ, gọi là Tượng Xá Lợi Phất. Đừng có nói ngài Xá Lợi Phất không, thì mang tiếng nha. Vị này trả lại pháp phục, tức là hoàn tục trở lại đời sống bạch y. Một ngày nọ, ngài A Nan đi khất thực, đi qua nhà thì thấy vị đó đang [đứng] tựa trên vai hai người phụ nữ, hưởng dục. Ngài A Nan thấy thế trong lòng buồn rầu không vui. Và người đó, tức là ngài Tượng Xá Lợi Phất, trông thấy ngài A Nan cũng rất xấu hổ. Bởi vì ngày trước mình xuất gia tu hành, bây giờ trở lại làm người như vậy, cho nên lúc đó bèn ngồi xuống một mình.

Ngài A-nan khất thực xong, ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. "Vừa rồi con vào thành khất thực, lần hồi đi đến nhà của Tượng Xá Lợi Phất, thấy ông đang đứng tựa trên vai hai người nữ. Thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu". Quý vị thấy [ngài A Nan] xót xa cho một vị đồng tu trước đây, mà giờ hoàn tục như thế.

Thế Tôn nói: "Ông thấy vậy rồi, có ý nghĩ gì?"

Ngài A-nan bạch Phật: "Con nghĩ, Tượng Xá Lợi Phất tinh tấn, đa văn, tín hạnh nhu hòa, thường thuyết pháp cho các vị đồng phạm hạnh mà không hề biết mệt mỏi, sao nay lại trả pháp phục, trở về đời sống bạch y? Sau khi thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu. Thế nhưng, Tượng Xá Lợi Phất ấy có thần lực lớn, uy đức vô lượng. Con nhớ lại, xưa kia thấy ông đã từng đàm luận với Thích Đề Hoàn Nhân, sao nay lại đuổi theo dục vọng làm điều xấu?"

Quý vị nghe cho kĩ, vị này không phải đơn giản, trước kia là tinh tấn, đa văn, tín hạnh nhu hòa, tốt hết! Rồi thường thuyết pháp cho các vị đồng phạm hạnh (tức là các vị Tỳ-kheo) đó quý vị, không biết mệt mỏi, mà sao này trả lại pháp phục, trở lại đời sống bạch y? Thấy vậy, trong lòng ngài tất nhiên rất buồn. Người tu xấu xấu, thì thôi, không nói gì, đằng này tu ngon mà. Rồi hồi xưa có thần lực lớn, uy đức vô lượng, thấy ông từng đàm luận với Thích Đề Hoàn Nhân (tức là vua trời Đao Lợi), mà sao giờ lại như vậy?

Thiện Trang muốn nói điều gì? Không đơn giản! Mình không học kinh điển thì mình cứ nhầm, mình thấy người ta ghê gớm lắm. Đây là một vị trong thời đức Phật luôn, cũng giỏi lắm, cũng có thần lực lớn (Thần thông). Thế tại sao lại như vậy? Quý vị nghe cho kỹ.

Thế Tôn nói: "Đúng vậy, A-nan, như điều ông nói. Nhưng ông ấy không phải là A-la-hán. Nếu là A-la-hán thì không trả lại pháp phục mà trở về đời sống bạch y (A-la-hán không bao giờ như vậy). **Nhưng thôi, A-nan, chớ có sầu ưu. Sau bảy ngày nữa, Tượng Xá Lợi Phất sẽ trở lại trong đây, rồi sẽ dứt sạch các lậu, thành A-la-hán. Bởi vì Tượng Xá Lợi Phất ấy bị nghiệp đời trước lôi kéo nên mới thành như vậy. Nay hành đã đầy đủ, sẽ dứt sạch các lậu".**

Có nghĩa là một người tu hành rất là tốt, nhưng cuối cùng cũng bị nghiệp chi phối, lôi trở lại người bạch y. Nhưng đức Phật biết, là sau bảy ngày nữa ông

ấy sẽ trở lại, sẽ thành A-la-hán. Bởi vì bị nghiệp đời trước lôi kéo, nên chưa thành A-la-hán là chưa chắc chắn, nguy hiểm vô cùng!

Bấy giờ, bảy ngày sau, Tượng Xá Lợi Phất đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy bạch đức Phật: "Cúi xin Thế Tôn hứa khả cho con tu hành đời sống Sa-môn ở hàng thấp nhất"

Mới vô lại, thì tất nhiên phải chấp nhận ở hàng thấp nhất. [Nhưng] cũng tốt rồi, tức là nghiệp kia hết. Cho nên khoan đã, khi cuộc đời chưa chấm dứt, thì vẫn còn cơ hội để sửa. Nên nhớ như vậy! Đừng vội kết luận. Thiện Trang muốn nói câu chuyện này, để đừng vội kết luận, mọi thứ đều chưa chấm dứt, khi nào thành A-la-hán thì mới chắc. Còn chưa thành A-la-hán, thì chưa [chắc].

Khi ấy Tượng Xá Lợi Phất liền được nhận làm Sa-môn, ngay sau đó từ trên chỗ ngồi mà đắc A-la-hán.

Quý vị thấy không, công hạnh lúc trước tu không uổng, tinh tấn, đa văn, tín hạnh, nhu hòa, thường thuyết pháp cho các vị đồng phạm hạnh không biết mệt mỏi. Cho nên bây giờ xuất gia trở lại, thì ngay chỗ ngồi mà đắc A-la-hán luôn.

Vào một thời Tượng Xá Lợi Phất khoác y, cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy có một Bà-la-môn gặp ông, liền có ý nghĩ rằng: "Những ông con nhà họ Thích này, không chỗ nào không có, khắp mọi nơi, làm cắt đứt chú thuật mà chúng ta thực hành. Bây giờ ta hãy vào thành nói cho mọi người biết những cái xấu của Sa-môn."

Rồi Bà-la-môn này vào thành, nói với mọi người: "Các người có thấy ông Tượng Xá Lợi Phất này không? Xưa ông tự xưng mình là A-la-hán, nửa chừng cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y, hưởng thụ ngũ dục. Nay lại làm Sa-môn, đi khất thực từng nhà làm ra vẻ trong sạch. Nhưng khi nhìn thấy phụ nữ thì ý tưởng dục tình nổi dậy, trở về già-lam mà nhớ tưởng nữ

sắc mà trong lòng không dứt. Giống như con lừa hèn yếu không đủ sức mang chở nặng mà lặng lẽ nằm yên. Bọn con nhà họ Thích này cũng vậy, giả trang đi khất thực, thấy nữ sắc thì suy nghĩ trù tính".

Quý vị thấy thời đức Phật cũng bị phỉ báng. Vị này bây giờ thành A-la-hán rồi, nhưng do ông kia biết được quá khứ lúc trước, đã từng hoàn tục trở về, giờ ổng lôi ra kể. Cho nên quý vị thấy, đó là nghiệp. Bây giờ mình coi, một vị A-la-hán xử lý việc này như thế nào.

Tượng Xá Lợi Phất khi nghe Bà-la-môn này rao truyền tiếng xấu như vậy, bèn suy nghĩ rằng: "Người này rất là ngu si mới khởi tâm tật đố. Thấy người được lợi dưỡng thì tâm tham lam ganh tị nổi lên. Nếu mình được lợi dưỡng thì trong lòng vui sướng. Cho nên ông đến nhà bạch y làm việc phỉ báng. Nay ta nên ngăn lại chớ để làm ác, để người này sẽ không chịu tội báo vô lượng".

Tội phỉ báng A-la-hán là đọa thê thảm, cho nên ngài Tượng Xá Lợi Phất mới thương tình sẽ giúp.

Rồi thì, Tượng Xá Lợi Phất bay lên hư không, nói với Bà-la-môn:

"Không mắt, không tai khéo,

Khởi ý chê phạm hạnh;

Tự gây nghiệp vô ích,

Địa ngục khổ lâu dài".

Tức là mắt với tai không khéo, không có biết được, mà khởi ý chê phạm hạnh, tự gây nghiệp vô ích, thì đọa Địa ngục khổ lâu dài. Tội phỉ báng A-la-hán là đọa Địa ngục.

Tượng Xá Lợi Phất nói bài kệ này xong, trở lại bình thường, và quay

về chỗ ở của mình.

Bấy giờ người trong thành đã nghe lời phỉ báng của Bà-la-môn, lại nghe bài kệ của Tượng Xá Lợi Phất, họ nghĩ như vầy: "Nếu đúng như lời Bà-la-môn, thì sự thị hiện Thần thông sau đó khó làm được. Nhưng chúng ta đã thấy ông này cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y".

Tức là họ thấy cả hai sự kiện, đúng như ông [Bà-la-môn] nói, có chứng cứ là [vị này] trở lại đời sống bạch y, vậy tại sao ổng lại có Thần thông, cho nên là hơi thắc mắc.

Rồi thì, mọi người cùng nhau đi đến chỗ Tượng Xá Lợi Phất, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, có đông người hỏi Tượng Xá Lợi Phất: "Có vị A-la-hán nào mà cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y chăng?" (Câu hỏi này quan trọng).

Tượng Xá Lợi Phất đáp: "Không có vị A-la-hán nào cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y." Điều này chắc chắn không có.

Mọi người lại hỏi Tượng Xá Lợi Phất: "Có vị A-la-hán nào do duyên đời trước mà phạm giới không?". Quý vị nhớ, A-la-hán có phạm giới hay không?

Tượng Xá Lợi Phất đáp: "Đã đắc A-la-hán thì không bao giờ còn phạm giới". (A-la-hán thì không bao giờ phạm giới).

Mọi người lại hỏi: "Những vị trong hàng học địa có ai do duyên đời trước mà phạm giới không?". Điều này có liên quan đến chúng ta đúng không?

Tượng Xá Lợi Phất đáp: "Có. Những vị ở hàng học địa có khi vì duyên đời trước mà phạm giới".

Ở đây Thiện Trang xin nói rõ hơn một chút, học địa là địa vị nào? Là những người phàm phu, và những người còn ở địa vị hữu học, tức là chưa có vô học.

Chưa vô học thì chưa chứng quả A-la-hán. Tức là còn có Tam quả A-na-hàm, Nhị quả Tư-đà-hàm, Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì vẫn còn phạm giới. Tức là địa vị hữu học (hàng Hữu học), thì vẫn còn phạm giới, nên nhớ như vậy! Cho nên ở đây mình phải xác định cho rõ.

Thiện Trang cũng nói rõ luôn cho quý vị, những vị ở hàng học địa, có phạm nhưng chỉ phạm giới nhẹ thôi, không phạm giới trọng.

Sẵn đây, Thiện Trang kể cho quý vị nghe câu chuyện khác, tại vì cũng liên quan đến chỗ phạm giới hay không phạm giới, trì giới hay không trì giới. Đây cũng là một tiêu chuẩn, để chúng ta xác định Chánh pháp, rất quan trọng! Cũng trong Kinh A Hàm, Thiện Trang nhớ có một câu chuyện:

Vào đời đức Phật Ca Diếp, có một vị Cư sĩ tại gia, làm nghề đồ gốm. Vị đó sau này chứng được Tam quả A-na-hàm. Bởi vì chứng Tam quả A-na-hàm, cho nên vị này giữ giới rất là nghiêm, giữ giới gần giống như một vị Tỳ-kheo, tức là gần 250 giới, thì vị Cư sĩ tại gia này đều giữ được. Chỉ có một số giới là không giữ thôi, vì người ta là Tam quả A-na-hàm mà. Tam quả A-na-hàm, [nên] tự động người ta giữ được [những giới] đó.

Vì giữ giới, cho nên ngài rất nghèo, nghèo đến nỗi không có làm được gì hết. Tại vì làm đồ gốm, làm gạch, nung lấy gạch, thì ngài cũng không dám lấy đất ở nơi nào có trùng, mà phải đợi người ta đào sẵn, [họ] bỏ ra, [ngài] coi chỗ nào dư ra đó, mới lấy về làm đất nung. Mà làm như vậy thì đâu [được] bao nhiêu tiền, lại nuôi cha mẹ già nữa, rất là đáng thương! Và như vậy hằng ngày ngài ra ngoài ruộng ngoài đồng, chỗ nào người ta đào sẵn, đất người ta bỏ sẵn, thì mới lấy, chứ còn không có tự đào đất. Tại vì trong Giới Tỳ-kheo [có giới] là không được đào đất, kiểu vậy! Vị này giữ [giới] đến mức độ cỡ đó, thì mới là Tam quả A-na-hàm.

Đúng vào thời Phật Ca Diếp, đức Phật Ca Diếp một ngày nọ muốn giúp đỡ, cho nên Ngài mới tới khất thực. Khi đi khất thực, thì Ngài biết vị này đã phát

[nguyện] là: *"Con không có thời gian để đi cúng dường đức Phật Ca Diếp, nhưng con nguyện rằng tất cả đồ ăn trong nhà con, nếu như đức Phật hoặc là Tăng đoàn, các vị Tỳ-kheo đi qua nhà con, thì có thể tùy ý mà lấy".*

Cho nên đức Phật Ca Diếp ngày hôm đó cũng tự vào trong nhà, và do cha mẹ của [vị Cư sĩ] đó bị mù, cho nên Phật Ca Diếp vào nói là: *"Ta lấy đồ ăn ở trong nồi này, đó là con của hai ông bà đã cúng dường cho ta rồi, ta tự lấy nha"*. Và [Ngài] nói*: "Ta là đức Phật Ca Diếp, hôm nay ta đến khất thực tại nhà, hai ông bà hãy về nói với con trai của hai ông bà"*. Như vậy Phật Ca Diếp tự lấy và đi về.

Thiện Trang chưa thấy đức Phật nào làm như vậy hết. Mà Phật Ca Diếp làm vậy luôn, tự mình lấy cơm ở trong nồi, lấy đồ ăn trong nồi, [rồi] ra về. Khi vị đó đi làm về, nghe cha mẹ nói vậy thì rất là mừng, đó là một lần.

Lần thứ hai là khi thất của Phật Ca Diếp bị hư, cần phải sửa lại thất, đức Phật Ca Diếp mới nói: *"Các vị Tỳ-kheo, hãy tới dỡ nhà của ông đó, dỡ nhà lấy gỗ đem về mà sửa thất cho ta"*. Mọi người nghe như vậy thì rất là ngạc nhiên, tại sao một vị Phật lại bảo dỡ nhà [người khác], lấy gỗ đem về xây thất cho ngài? Một người đã nghèo nổi tiếng trong làng rồi, mà lại làm như vậy nữa. Nhưng đức Phật cứ bảo:*"Tới đó làm vậy cho Ta".*

Khi [vị kia] đi làm về, ổng nghe nói bữa nay Phật cho người tới dỡ nhà của mình, lấy gỗ để xây sửa thất cho Phật Ca Diếp, thì rất là vui. Bởi vì [đã là] một vị Thánh giả rồi, thì không bao giờ có tâm nhỏ mọn hay gì cả, rất là thoải mái, rất là vui mừng vì được cúng dường cho Phật, một cách thoải mái như vậy.

Câu chuyện hôm đó tự nhiên lan truyền ra, bởi vì nổi tiếng quá, nên lan truyền ra và đến tai vua. Vua ngay lập tức cho 500 cỗ xe, chở gỗ tới để sửa nhà cho vị đó. Và đem rất nhiều lương thực đồ ăn, đủ thứ vàng ngọc, châu báu tới, để cúng dường cho vị Cư sĩ Tam quả A-na-hàm đó. Nhưng vị ấy chỉ nhận vừa đủ thôi, không có nhận dư. Quý vị biết Thánh giả mà, nhận vừa đủ, không nhận dư, cũng

rất hay!

Câu chuyện đó để quý vị biết là đức Phật, Ngài với trí tuệ siêu việt, Ngài có thể làm được những điều mà người ta không nghĩ ra. Quý vị thấy không? Thánh giả Tam quả A-na-hàm đã như vậy, bây giờ mình có phải Thánh giả Tam quả A-na-hàm hay không là biết liền đúng không? Từ câu chuyện đó là biết ngay. Thiện Trang kể để cho quý vị thấy rõ ràng như vậy.

Như vậy ở đây, những vị ở địa vị học địa (là dưới A-la-hán), vì duyên đời trước mà phạm giới, tất nhiên không phạm giới trọng. Từ Sơ quả Tu-đà-hoàn trở đi thì không phạm giới trọng. Giới trọng, giới nhẹ thế nào, thì quý vị chịu khó nghe [trong] bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập.

Mọi người lại hỏi: “Tôn giả trước kia là A-la-hán, rồi cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Nay xuất gia học đạo trở lại. Trước kia ngài có Thần thông, sao lại như vậy?”.

Chỗ này cũng là một điều mà chúng ta cần phải lưu ý. [Trước kia ngài] có Thần thông, sao lại như vậy được? Tại vì nhiều người nghĩ, là có Thần thông thì ghê gớm lắm.

Bấy giờ Tượng Xá Lợi Phất nói bài kệ này:

An trú thiền thế tục

Rốt cuộc không giải thoát,

Chưa được vết diệt tận,

Nên quay hưởng ngũ dục.

Thiện Trang muốn đánh dấu đỏ để quý vị biết “An trú thiền thế tục” là gì? Có Thần thông, là quý vị tu chứng được, Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Những thiền này đều là thiền thế tục hết, thiền thế gian. Cho nên có Thần thông

thì có Thần thông, rốt cuộc không có giải thoát. Không giải thoát thì chưa diệt được hết các Phiền não, khi nào hết định thì quay trở lại như cũ. Cho nên cũng quay lại hưởng Ngũ dục nữa, chứ không phải là có Thần thông thì ghê gớm đâu, không phải! Đắc Thiền chưa được, phải đắc quả mới được.

Đắc Thiền là tu về Thiền chỉ. Lát nữa Thiện Trang sẽ chia sẻ cho quý vị, nói lại về Thiền chỉ cho rõ. Thiền chỉ là dừng lại, khi còn định thì còn Thần thông, còn định thì còn khống chế được Phiền não, không có tham dục. [Nhưng] khi hết định thì vẫn như cũ. Đây là một điều để mọi người đừng sai lầm, rất nhiều người học Phật sai lầm ở điểm này. Cứ nghĩ là mình đắc Sơ thiền, đắc Nhị thiền đến Tam thiền, Tứ thiền, hoặc là người khác cũng vậy, đắc Tứ thiền chăng nữa, thì cũng chỉ là trạng thái phục Phiền não. Phục là giống như lấy đá đè cỏ, khi dời đá ra, tức là không đè nữa, thì cỏ lên tiếp.

Còn đắc Thánh quả là tu Thiền quán. Tu Thiền quán là giống như diệt cỏ tận gốc. Diệt cỏ tận gốc là hết rồi, nên không lên cỏ nữa. Đó là sự khác nhau. Nhiều người tu Phật giáo, chỉ biết Thiền chỉ thôi, vô ngồi thiền thôi, không biết phải tu làm sao để đạt được chứng quả. Tất nhiên Thiền chỉ mà tu đến mức độ nào đó, hên thì có thể đắc quả. [Nhưng] Thiền quán, con đường Bát chánh đạo và Tứ niệm xứ chẳng hạn, 37 Phẩm trợ đạo, hoặc là tu bất cứ Pháp môn nào, Thiện Trang sẽ chia sẻ từ từ cho quý vị nghe. Niệm Phật có đắc quả hay không v.v… [Thiện Trang] đều chia sẻ rồi đúng không ạ? Đắc quả hết! Miễn mình tu tới mức nào đó, thì sẽ đắc được quả. Mà đắc quả mới được, chứ đắc Thiền không thôi, thì không được đâu. [Nhưng] Thiền trợ giúp, có Thần thông, trợ giúp để đắc quả. Nếu không có Thiền chỉ thì cũng khó! Đây là phải nói rõ ràng, có nhiều người bị lầm, [do] không học nền tảng. Cho nên câu chuyện này giúp cho quý vị biết được điều đó.

“Hết củi, lửa cũng tắt.

Không rễ, cành không sanh.

Thạch nữ không mang thai.

La-hán không còn lậu".

Nửa bài kệ sau nói là *"Hết củi lửa cũng tắt"*, là hết Phiền não rồi thì lửa sẽ hết thôi. *"Không rễ, cành không sanh"*, tức là A-la-hán. *"Thạch nữ không mang thai, La-hán không còn lậu",* nghĩa là bao giờ thành A-la-hán [thì] hết [lậu].

Khi ấy mọi người lại hỏi Tượng Xá Lợi Phất: "Tôn giả trước kia không phải là La-hán chăng?"

Tượng Xá Lợi Phất đáp: "Tôi trước kia không phải là La-hán. Này các Cư sỹ, nên biết, Năm thông và Sáu thông khác nhau. Nay tôi sẽ nói mười một thứ Thần thông.

Quý vị nên nhớ, đây là người Cư sĩ nên biết, năm thông tức là Ngũ thông, gồm có mấy loại thông [của] thế gian: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Thần túc thông, là năm loại thông. Còn Sáu thông là có thêm Lậu tận thông, thì mới thành A-la-hán. Cho nên Năm thông và Sáu thông không giống nhau. *"Nay tôi sẽ nói mười một thứ thần thông".*

"Phàm Tiên nhân đắc năm thứ thần thông, ái dục đã hết, nếu sanh lên trời thì sau cũng rơi trở lại Dục giới."

Quý vị thấy đây là năm thông của Tiên nhân. Người nào đắc Thiền, thì gọi là Tiên nhân. Năm thứ Thần thông vừa rồi Thiện Trang nói đó, thì ái dục đã hết, hết này là tạm hết, dùng ngôn ngữ là phục chứ không có đoạn. Nếu sanh lên trời thì sau cũng rơi trở lại Dục giới. Cho nên cuối cùng hết Thiền, hết định, thì cũng rớt [xuống].

"A-la-hán có Sáu thông, Đệ tử của Như Lai, đắc Lậu tận thông (đắc Lậu tận thông thì mới được)**, tức thì ở ngay trong Niết-Bàn giới vô dư mà Bát-Niết-Bàn".**

Ở đây đắc Lậu tận thông thì mới thành công. Cho nên tu hành Phật giáo, là đắc được sáu thông, còn năm thông ở trên nữa, cộng lại là 11 thông. Ý nói 11 thông là vậy.

Mọi người lại hỏi: "Chúng con quán sát lời nói của ngài Tượng Xá Lợi Phất, biết rằng thế gian không có vị A-la-hán nào mà lại cởi bỏ pháp phục trở về đời sống bạch y".

Tượng Xá Lợi Phất đáp: "Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như các người nói. Không có A-la-hán nào mà cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Có mười một pháp, mà A-la-hán không tập theo.

Mười một pháp ấy là gì? (1)A-la-hán lậu tận không bao giờ cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y. (2) A-la-hán lậu tận không bao giờ tập theo hạnh bất tịnh. (3) A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh. (4) A-la-hán lậu tận không bao giờ trộm cắp. (5) A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa. (6) A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối. (7) A-la-hán lậu tận không bao giờ hùa theo phe đảng. (8) A-la-hán lậu tận không bao giờ phun lời hung dữ. (9) A-la-hán lậu tận không bao giờ có hồ nghi. (10) A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi. (11) A-la-hán lậu tận không bao giờ nhận ai khác làm Thầy và cũng không bao giờ nhập thai trở lại.

Đây 11 điều mà quý vị nhận xét, nhận định về A-la-hán, quý vị coi người ta có phải là A-la-hán hay không? Mình có phải là A-la-hán hay không?

1. A-la-hán Lậu tận không bao giờ cởi bỏ pháp phục trở lại sống đời sống bạch y: vậy chúng ta còn ở bạch y, thì [chúng ta] không phải là bậc A-la-hán. Tại vì một người bạch y (Cư sĩ) thì vẫn đắc quả A-la-hán, nhưng quý vị sau khi đắc xong, thì có chỗ nói một ngày, có chỗ nói tối đa bảy ngày, thì quý vị phải xuất gia. Nếu không xuất gia, thì với thân thể của một người bạch y, với vị trí của một người bạch y, không thể đảm bảo cho [địa] vị A-la-hán. Bởi vì không thể giữ trọn

250 giới hay 227 giới của Tỳ-kheo được. Cho nên vị A-la-hán tự biết nhập Niết-Bàn, còn không thì sẽ đi xuất gia. Trong [Kinh] Mi Tiên Vấn Đáp có hỏi: Nếu không có tìm thầy được thì sao? Yên tâm! Lúc đó sẽ có những vị thầy có Thần thông tới, để truyền giới [cho quý vị] xuất gia.

Tại vì những vị A-la-hán ở trên thế gian này nhiều lắm, các ngài biết được, người đắc A-la-hán là chấn động Tam thiên Đại thiên Thế giới, lẽ nào các ngài không biết. Cho nên yên tâm! Quý vị cứ đắc quả A-la-hán đi, rồi quý vị lo chuyện đó sau. Còn bây giờ mình chưa đắc, mà mình cứ lo đắc A-la-hán rồi phải làm sao. Bây giờ đắc được thì đắc nha! Đó là điều thứ nhất, tức là không bao giờ trở lại đời sống bạch y, người ta xuất gia luôn.

2. A-la-hán lậu tận không bao giờ tập theo hạnh bất tịnh: điều này thì rõ ràng, không làm hạnh bất tịnh (hạnh bất tịnh là hạnh dâm dục).

3. A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh: quý vị nghe kỹ, A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh.

Có người hỏi: *"Vậy thì các quả vị khác có sát sanh hay không?"* Theo Phật giáo Bắc truyền, Thiện Trang chỉ nghe thôi, chưa tìm thấy chứng cứ trong kinh, không biết có hay không. Vì Thiện Trang chưa coi qua hết các bộ kinh một cách chi tiết nhất, mới coi qua lược lược thôi, nên có thể mình bỏ sót. Trong Kinh A Hàm chẳng hạn, thì chưa thấy.

Nhưng có một điều truyền, là Sơ quả Tu-đà-hoàn thì không phạm giới sát sanh. Tức là có ly ngộ sát, nếu đi làm ruộng hay làm gì đó, thì chúng sanh né ra cách mấy [lớp] đất v.v… Điều đó thì Thiện Trang nghe một số vị bên Phật giáo Bắc truyền nói. Thiện Trang chỉ nghe nói thôi, bao giờ Thiện Trang coi trong kinh có, thì Thiện Trang mới tin. Vì thấy chỗ này cũng không thông lắm, chưa thấy nói. Mà chỉ thấy nói A-la-hán không bao giờ sát sanh thôi, chứ không thấy nói Tu-đà-hoàn không sát sanh. Vì thật ra Tu-đà-hoàn cũng chỉ có năng lực bình thường

thôi, có khi không có Thần thông nữa. Cho nên chưa biết chỗ này thế nào, để từ từ Thiện Trang sẽ trả lời sau. Như vậy thứ ba là A-la-hán Lậu tận thì không bao giờ sát sanh.

4. A-la-hán Lậu tận không bao giờ trộm cắp (hay trộm cướp): bây giờ mình còn trộm cướp, thì chắc chắn mình không phải là A-la-hán rồi.

5. A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa: đây là chi tiết khó. Quý vị thấy không, xét vậy thôi là biết A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa. Ai làm được? Xin giới thiệu với quý vị, Sư Minh Tuệ làm được. Chỉ có Sư Minh Tuệ [làm được thôi]. Trong đời có bao nhiêu người làm được, thì Thiện Trang không biết, nhưng Thiện Trang thấy Sư Minh Tuệ làm được điều này. Là chỉ khất thực thôi, không bao giờ cất trữ đồ thừa, ăn [xong] rồi xả, ngày hôm sau đi khất thực tiếp. Còn Thiện Trang chưa làm được điều này, nên Thiện Trang không phải là A-la-hán, rõ ràng nha!

Đây là một tiêu chuẩn rất quan trọng, quý vị coi biết thầy của mình có phải A-la-hán hay không? Thôi đừng coi người ta, coi mình đi, chắc chắn mình không phải là A-la-hán rồi. Chúng ta có một loại Phiền não rất lớn, là toàn đem tiêu chuẩn để soi người khác, [mà] quên soi mình. Soi người khác, [thì] chứng tỏ là nhân ngã quá cao, tức là mình có quyền gì mà soi người khác. Tất nhiên soi để kiểm tra xem, người ta có đắc A-la-hán không, thì không có vấn đề. Nhưng soi để áp đặt người ta thế này thế kia, hoặc mình nhìn lỗi người ta, thì không nên.

Ở đây Thiện Trang nói rõ ràng, tuy mình biết điều này, nhưng biết [là chỉ] để biết, chứ không phải biết để phỉ báng. Rồi nghe nói vị nào đó, ông thầy đó, chưa đắc A-la-hán đâu, ổng còn cất giữ đồ ăn thừa, ổng còn cả tủ đồ ăn kìa, v.v… Quý vị như thế thì không nên. Đây là chúng ta biết, để chúng ta xác định Chánh pháp.

Quý vị học pháp mà đem mắt nhìn ra mọi người, là Phiền não của quý vị

tăng lên, nghiệp chướng của quý vị tăng lên, toàn nhìn lỗi người khác thì thời gian sau quý vị tu không được. Chúng ta học giáo pháp, là để nhìn vào mình, ở đây ai làm được? [Đối với] Cư sĩ thì điều này khó quá, thôi bỏ qua. Thậm điều này đối với Thiện Trang còn khó nữa, chứ đừng nói quý vị. Bây giờ nói đi khất thực, ngày nào cũng đi chợ, ngày nào cũng đi khất thực, thì hơi khó.

6. A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối: điều này thì dễ.

7. A-la-hán lậu tận không bao giờ hùa theo phe đảng: phe đảng đây ý nói là hùa theo phe này, phe kia. Cho nên còn lập bè kéo cánh, theo phe này phe kia, là không phải A-la-hán. Quý vị thấy rõ ràng lắm.

8. A-la-hán lậu tận không bao giờ phun lời hung dữ: không có hung dữ đe dọa người ta, kiểu [nói] lời hung dữ thì không có.

9. A-la-hán lậu tận không bao giờ có hồ nghi: tức là không có nghi ngờ đối với giáo pháp, không nghi ngờ người. Vì sao không nghi ngờ người? Vì có Thần thông, làm sao mà nghi ngờ người.

10. A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi: nhiều người bây giờ sợ lắm, người ta hù một chút là rất sợ.

11. A-la-hán lậu tận không bao giờ nhận ai khác làm Thầy, và cũng không bao giờ nhập thai trở lại: không nhận ai khác làm thầy, nghĩa là không nhận ai khác làm thầy ngoài Phật, [chỉ] Phật làm thầy thôi.

Đó là 11 điều cực kỳ quan trọng, để chúng ta xác định được Chánh pháp. Thiện Trang bôi đỏ để quý vị xác định được.

“Này các Hiền sỹ, đó là mười một trường hợp không bao giờ xảy ra đối với một vị A-la-hán.’

Bấy giờ, mọi người bạch Tượng Xá Lợi Phất rằng: “Chúng con nghe

những điều Tôn giả nói, và quán sát những người ngoại đạo dị học, giống như quán sát cái bình rỗng, chẳng có gì bên trong cả. Ở đây, quán sát nội pháp, chúng con thấy giống như bình đựng mật, ngọt không thể kể. Chánh pháp của Như Lai ở đây cũng vậy. Bà-la-môn kia sẽ chịu vô lượng tội".

Quý vị thấy không? Đây là Tập khí của những người Cư sĩ này. Chúng con nghe thấy những điều đó, thì quán sát những người ngoại đạo dị học, tức là học những môn giáo khác, thì giống như quán sát cái bình rỗng, chẳng có gì bên trong hết, thấy lỗi liền đúng không! Còn quan sát giáo pháp Như Lai, thì giống bình đựng mật, ngọt không thể kể hết. Cho nên quý vị thấy đấy là bệnh của người Cư sĩ. Chính vì vậy mới tu hành khó đắc đạo, toàn là nhìn thấy lỗi. Nhưng lời này cũng là lời để thấy giáo pháp của Phật hay.

Khi ấy Tượng Xá Lợi Phất bay lên hư không, ngồi kiết già, nói bài kệ này:

Không hiểu pháp đây, kia,

Mà hành thuật ngoại đạo;

Gây đấu loạn đây kia.

Người trí không làm vậy.

Bấy giờ, những người Câu-lưu-sa bạch với Tượng Xá Lợi Phất rằng: "Những điều được nói là quá nhiều; thật khó sánh kịp. Như người mù mà được mắt sáng. Như người điếc mà được nghe. Nay những điều Tôn giả nói cũng giống như vậy. Ngài đã dùng nhiều phương tiện để thuyết pháp. Chúng con hôm nay tự quy y Như Lai, quy y Pháp, và Tăng Tỳ-kheo. Cúi mong Tôn giả nghe cho, nhận chúng con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh". (Tức là họ cũng quy y Tam Bảo, và họ chỉ giữ một giới là không sát sanh).

Rồi Tượng Xá Lợi Phất nói những pháp vi diệu cho mọi người nghe,

khiến họ phát sanh tâm hoan hỷ. Mọi người rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân rồi cáo lui.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe nói Bà-la-môn báng bổ Tượng Xá Lợi Phất mà không đạt được gì, nên nhìn kỹ Tượng Xá Lợi Phất còn không dám, huống nữa là tranh luận. Nghe vậy, Tôn giả đi đến Thế Tôn, đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ Phật bảo A-nan:

"Phàm nói về bình đẳng A-la-hán, phải nói đến Tượng Xá Lợi Phất. Vì sao vậy? Nay Tượng Xá Lợi Phất đã thành A-la-hán. Cái danh A-la-hán được truyền tụng trước đó, nay mới đạt được. Năm thứ thần thông của thế tục không phải là hành chân thật, rồi sau sẽ mất. Sáu thần thông mới là hành chân thật. Các ngươi hãy học theo Tượng Xá Lợi Phất. Hãy nhớ nghĩ mà phụng hành ý nghĩa này".

Bấy giờ ngài A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trích từ Kinh Tăng Nhất A Hàm - Phẩm 49 – Chương Phóng ngưu– Kinh Số 4).

[Bản này] có trích dẫn, quý vị có thể tìm. Ở đây có một số lỗi chính tả, vì bản này là Đệ tử [của] ngài Tuệ Sỹ gửi cho Thiện Trang, có lẽ không phải là bản cuối cùng, cho nên có một số lỗi chính tả, quý vị thông cảm Thiện Trang sẽ sửa lại sau. Ở đây Thiện Trang đã chia sẻ xong cho quý vị, đó những điều rất hay, bình thường chúng ta đâu được nghe, thì giờ chúng ta được nghe rồi. Có giáo pháp rồi, và bây giờ chúng ta cũng biết mình tu tới đâu.

Tiếp theo Thiện Trang xin chia sẻ, lâu lâu thay vì chia sẻ lý thuyết, thì mình chia sẻ phần liên quan đến pháp hành, đó là về chi thiền. Thiện Trang cố gắng tranh thủ chia sẻ về các chi thiền. Rồi tâm Nhị nhân, tâm Tam nhân, tâm Vô nhân và tâm Thánh nhân thế nào, thì chúng ta sẽ học. Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ phần đó, trước khi vào phần Luận Câu Xá.

Chi Thiền – Tâm Sắc Giới					
Chi thiền	Triền cái	Nguyên nhân	Cách đối trị	ẩn dụ người	ẩn dụ nước
Tầm	Hôn thụy	Biếng nhác, ăn no, chán nản, tâm thụ động	Tinh tấn + Như lý tác ý	ở tù thỉnh thoảng có 1 chút ánh sáng bên ngoài chiếu vào	rong rêu
Tứ	Hoài nghi	Không như lý tác ý	Như lý tác ý	ở sa mạc, không biết lối đi	Vẫn đục
Hỉ	Sân	Đối ngại tướng	Tâm từ + Như lý tác ý	bị bệnh mất vị giác	Đun sôi
Lạc	Trạo hối	Tâm không chỉ tịnh	Tâm chỉ tịnh + như lý tác ý	Làm nô lệ; tâm luôn luôn sợ chủ	Bị gió thổi làm xao động
Định	Tham	Tịnh tướng	Bất tịnh + Như lý tác ý	Có món nợ phải trả	Pha màu

Chi thiền này thuộc về tâm Sắc giới. Nghĩa là bây giờ chúng ta học có tâm Dục giới (Dục giới thì chúng ta dễ [hiểu] rồi). Tâm Dục giới, tâm Sắc giới, tâm Vô sắc giới, tâm của bậc Thánh. Tức là chúng ta học có bốn loại tâm:

Một là tâm Dục giới, là những hàng chúng sanh như chúng ta, ở Dục giới, thì có những tâm nào? Thiện Trang xin giới thiệu, tâm Dục giới gồm có 54 tâm, nhiều lắm! Trong đó có 12 tâm bất thiện gồm: 8 tâm tham, 2 tâm sân và 2 tâm si, là 12 tâm bất thiện. 18 tâm Vô nhân là: 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện và 3 tâm tố vô nhân, là 18. Và 24 tâm Dục giới tịnh hảo. Bây giờ nhiều quá, mà chúng ta là phàm phu [ở] Dục giới, thì thôi từ từ mình học sau.

Thiện Trang có ý thế này, thay vì chúng ta học mấy tâm phàm phu trước, thì mình cứ từ từ, vì mình là phàm phu mà. [Mình] học [tâm] của Sắc giới, để mình hiểu Sắc giới là thế nào. Và mình học Vô sắc giới và tâm Thánh nhân trước, những tâm đó ít hơn. Chứ bây giờ học tâm Dục giới, [có tới] 54 tâm, nhiều quá! Mà chia 3 loại: là 12 tâm bất thiện, 18 tâm Vô nhân và 24 tâm Dục giới tịnh hảo. #Tịnh là thanh tịnh; #hảo là tốt. Như vậy nhiều quá, nên từ từ học sau.

Còn bây giờ mình tu để đắc Thiền đúng không? Thì mình học tâm Sắc giới. Rồi để đắc Vô sắc giới, thì mình học [tâm] Vô sắc giới. Để làm Thánh nhân, thì học tâm Thánh nhân trước. Quý vị thấy cách học như vậy thì đỡ hơn không? Chứ bây giờ [tâm] phàm phu, mình học trước thì thấy ngán ngẩm, tới 54 tâm, nhiều quá, nên là từ từ học.

Dục giới gồm những gì? Đầu tiên Thiện Trang xin giới thiệu với quý vị, ở trên bảng này, có liên quan đến chi thiền. Quý vị có nhớ mấy chi thiền không? Về tâm Sắc giới, thì Sắc giới là từ Sơ thiền trở lên. Nếu nói về tầng trời, thì gồm có [những] tầng trời nào? Bắt đầu Sơ thiền thì gồm có ba tầng trời là: trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ và trời Đại Phạm. Đó là ba tầng trời. Nói ba tầng trời bảy, tám, chín, thật ra thì chỉ có một tầng trời thôi, nhưng [mỗi tầng trời] có phước báo khác nhau, cho nên gọi là ba tầng trời. Phước báo làm nhân dân thì gọi là trời

Phạm Chúng, phước báo làm quan thì gọi là trời Phạm Phụ, phước báo làm vua thì gọi là trời Đại Phạm.

Lên Nhị thiền thì gồm có ba tầng trời: trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang và trời Quang Âm. Tam thiền có ba tầng trời: trời Thiểu Tịnh, trời Biến Tịnh và trời Vô Lượng Tịnh. Rồi Tứ thiền thì có chín tầng trời, trong đó có bốn tầng trời ngoại đạo, và năm tầng trời gọi là Ngũ Bất Hoàn. Tứ thiền ở đây là Tứ thiền Sắc giới, thì có chín tầng trời gồm: trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tưởng. Đó là bốn tầng trời phàm phu. Có năm tầng trời Thánh nhân Tam quả A-na-hàm, đó là: trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Sắc Cứu Cánh. Và ở trên cùng, có bốn tầng trời Vô sắc nữa là: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Chúng ta nghe hoài rồi, thì chúng ta thuộc lòng các tầng trời đó.

Thiện Trang đọc theo một tên thôi, có một số bộ kinh thì dùng tên khác, và có một số bộ kinh chia theo kiểu khác, [nên] đừng có thắc mắc. Có nhiều vị đồng tu mới học, nói sao thầy Thiện Trang nói kì vậy, bữa sau đọc sách thấy thầy đọc sai rồi. Không phải! Có rất nhiều cách nói, và cách chia. Mình khoan nói, hãy nghe đã! Như hôm bữa Thiện Trang đang giảng về mấy Tâm sở gì đó, rồi có người cũng chen vô nói. Thực ra quý vị mới học một thứ, có rất nhiều cách định nghĩa, mỗi sách định nghĩa mỗi kiểu, mỗi người định nghĩa mỗi kiểu. Vấn đề là mình nắm nền có phần đó đã, rồi sau đó mình hiểu bản chất bên trong, người ta đang mô tả ở hướng nào. Sau này quý vị coi sách là quý vị hiểu luôn.

Chứ còn vô mà quý vị lấy bộ của quý vị, so với [bộ] của Thiện Trang, hên thì quý vị cầm đúng bộ, mà Thiện Trang dùng làm tư liệu để giảng ở đây, thì giống. Nhưng nếu bộ khác thì không giống, có thể diễn tả khác đi, thế nào là Tâm sở Tư, Tâm sở gì v.v… mỗi bên có mỗi định nghĩa khác nhau.

Vì thật sự có một số điều Phật cũng không đưa ra định nghĩa, mà đời sau

mỗi người hiểu sao, thì người ta định nghĩa vậy. Phật chỉ kể ra [thôi], chính vì vậy mỗi bộ sách, mỗi người đưa ra [định nghĩa] khác nhau. Cho nên chưa gì hết mà mình đã chấp trước, thì mình không có học được gì. Thiện Trang chỉ mong là cung cấp cho quý vị nền tảng, để quý vị hiểu, rồi quý vị coi rộng ra.

Về chi thiền, ở đây nhấn mạnh về chi thiền. Để vào Sơ thiền, thì chúng ta có Năm chi thiền, gồm có: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Có khi có Ưu, Xả nữa, là Bảy chi thiền. Nhưng trong cách nói của A Tỳ Đàm, thì thông thường chỉ nói Năm [chi thiền], có khi quý vị học ở chỗ khác nói là Bảy [chi thiền]. Bữa trước Thiện Trang giới thiệu Bảy [chi thiền] rồi, giờ giới thiệu Năm [chi thiền]. Trong bộ A Tỳ Đàm này thì nói Năm [chi thiền], tùy bộ, có bộ nói Bảy [chi thiền], thì chúng ta cứ học Năm [chi thiền] đi, để bộ này thống nhất.

Tâm Tầm, chúng ta đã biết tâm Tầm rồi, bữa nay có Triền cái. #Triền là quấn quýt và ngăn che, thì gọi là Triền cái. Tâm sở Tầm đối trị với Hôn thụy; #Hôn thụy là hôn trầm, thụy miên. Tức là nếu như buồn ngủ, người cứ lơ lơ, thì hãy dùng Tâm sở Tầm. Tầm là hướng đến một đối tượng nào đó. Chúng ta có thể dùng nhiều cách để giải thích, [như] hướng đến, quan sát hay tập trung vào đối tượng nào đó, tùy theo mỗi người định nghĩa [thế nào].

Hôm nay Thiện Trang kể cho quý vị, thêm nguyên nhân của những người bị Triền cái Hôn thụy. Tức là hôn trầm ngủ gục nhiều, thì [nguyên nhân] là: biếng nhác (lười biếng); ăn no tức là ăn nhiều quá thì buồn ngủ; chán nản, những người hay chán nản cũng dẫn đến buồn ngủ; rồi tâm thụ động. Những người như vậy thì hay buồn ngủ. Quý vị coi, đây là nguyên nhân, mình phải bỏ nguyên nhân thì mới đỡ hôn trầm, thì mình sẽ mạnh được Tâm sở Tầm này.

[Về] cách đối trị, là hãy tinh tấn lên và Như lý Tác ý. Tinh tấn thì dễ hiểu rồi, là mình làm gì cũng mạnh mẽ, hăng hái lên. Như lý Tác ý tức là suy nghĩ, hành động gì đó trong tâm, giống như trong kinh điển, trong giáo pháp, thì gọi là Như

lý Tác ý, là đúng như lý mà mình suy nghĩ. Điều này [thì] mình phải học giáo pháp.

Ở đây có đưa ra một ví dụ cho quý vị thấy, là ẩn dụ về người: Người ở tù, thỉnh thoảng có chút ánh sáng bên ngoài chiếu vào. Đây là ví dụ của Phật ở trong một bộ kinh, Thiện Trang nhớ là trong Kinh Đại Kinh Xóm Ngựa. Giống như quý vị ở trong tù, mà thỉnh thoảng có một chút ánh sáng chiếu vào thôi. Lúc nào ánh sáng chiếu vào, thì người tỉnh [táo]. Còn nếu không có ánh sáng chiếu vào, thì buồn ngủ, hôn trầm, gục gà gục gật. Đây là ví dụ.

Tâm sở Tứ thì đối trị được với hoài nghi. Hay nói chính xác là hoài nghi là khiến cho Tâm sở Tứ không hoạt động, ngược lại. Nguyên nhân là do không Như lý Tác ý, tức là mình học giáo pháp có vấn đề. Nói chung là nghi ngờ nhiều, người học giáo pháp chưa hiểu thì nghi ngờ nhiều. Như vậy chúng ta phải học giáo pháp để Như lý Tác ý.

Ví dụ giống như người ở trên sa mạc, không biết lối đi, vì nghi ngờ mà. Người nghi ngờ thì giống như ở trên sa mạc, đường rộng thênh thang, không biết đi về đâu. Đó là nghi ngờ. Giống như [người] học Phật pháp, mà mình không biết đường đi, thì gọi là hoài nghi. Tâm sở Tứ thì đối trị được điều này. Bữa [trước] Thiện Trang giới thiệu Tâm sở Tứ rồi, quý vị có thể nghe lại.

Tầm là giống như con ong hướng đến bông hoa. Tứ giống như con ong quan sát, vờn bên bông hoa, tập trung vào bông hoa rồi. Còn Tâm sở Tầm là hướng tới thôi. Đó là một cách định nghĩa, còn nhiều cách định nghĩa [khác], mỗi người định nghĩa mỗi kiểu.

[Tâm sở Tứ] đối trị được với hoài nghi. Hoài nghi là giống như người ở trên sa mạc, không biết lối đi, không biết đi về đâu. Học giáo pháp cũng vậy, mình nghi ngờ. Bây giờ quý vị học nhiều quá, học Nam truyền, Bắc truyền, nghi ngờ lung tung lang tang. Quý vị rớt vào cái hoài nghi này, thì Tâm sở Tứ này rớt, chi thiền này rớt, thì quý vị không đạt được Sơ thiền.

Về [Tâm sở] Hỉ, Hỉ là vui, thì đối trị với tâm sân, ngược lại với sân. Quý vị [thấy] có người nào vui mà sân đâu. Chỉ có người sân thì không vui thôi. [Nguyên nhân] là Đối ngại tướng. Điều này là do mình đối lại hoặc là chướng ngại với tướng, tức là mình [đối] nghịch lại.

Cách đối trị là chúng ta phải dùng tâm từ (từ trong từ bi), và Như lý Tác ý. Cho nên Như lý Tác ý là lúc nào cũng phải có hết. Mà muốn có Như lý Tác ý, thì chỉ có học thôi. Ví dụ về người tâm sân, là giống người bị bệnh mất vị giác. Tức là quý vị bị bệnh rồi, [thì] ăn không ngon nữa. Người sân cũng vậy, sân là người ta mất đi [niềm] vui, họ không còn biết gì nữa hết, cho nên sân nguy hiểm lắm. Giống như người bị bệnh mà mất vị giác, ăn vô tự nhiên cái lưỡi mình không còn cảm thấy ngon nữa, đồ ăn nhạt nhẽo thế nào đó. Đó là tâm sân. Đây là ví dụ đức Phật lấy trong Kinh Đại Kinh Xóm Ngựa, chứ không phải Thiện Trang nói.

Lạc là đối trị với Trạo hối; #Trạo hối là trạo cử và hối hận. #Trạo cử là tâm lăng xăng; #hối là hối hận những gì đã qua. Nguyên nhân [của Trạo hối], là Tâm không chỉ tịnh. Tức là tâm [Trạo hối] là do thiếu chỉ tịnh, chỉ tịnh tức là thiếu tu định. Những người lăng xăng, lăng xăng, là do hàng ngày không chịu niệm Phật, không chịu ngồi thiền, không chịu ngồi yên, mà cứ lăng xăng chạy khắp đông tây, làm việc này, làm việc kia. Tâm đó là tâm Trạo hối, cho nên không được [an] lạc. Quý vị tu cùng lắm là chỉ được Hỉ thôi, chứ không có Lạc được. Lạc là niềm vui sâu hơn, thì không có được.

[Cách đối trị] là Tâm chỉ tịnh và Như lý Tác ý. Như lý Tác ý thì [phải] học pháp. [Còn] Tâm chỉ Tịnh thì mình phải tu thiền, phải ráng ngồi cho yên, ngồi ngủ gục cũng được, [nhưng] cũng chỉ tịnh lại được, đối trị được Trạo hối.

Ví dụ mà đức Phật đưa ra, là giống như người làm nô lệ, tâm luôn luôn sợ chủ. Giống như quý vị đi làm nô lệ, người làm nô lệ thì tâm luôn luôn sợ chủ, thì tâm đó không yên, cho nên gọi là Trạo hối. Trạo hối là trạo cử và hối hận.

Cuối cùng là Định. Định là một chi thiền trong Năm chi thiền. Triền cái của nó, là đối trị tâm Tham. Nguyên nhân của Tham là do thấy Tịnh tướng, tức là mình thấy điều gì cũng là tốt đẹp. Ví dụ như thấy người đó xinh đẹp quá, nên mới tham sắc. Thấy quần áo tốt đẹp, thấy điện thoại sang hay gì đó… nói chung là thấy tốt đẹp, [nên] mình không nghĩ đến vô thường, không nghĩ đến những cái dơ bẩn, cho nên mình tham. Và tâm Tham là do thấy được sự tốt đẹp. Bây giờ mình nghĩ ngược lại, tức là hãy quán bất tịnh. Nên là cố gắng quán Bất tịnh và Như lý Tác ý, thì đối trị [được] với tâm Tham.

Đây là Thiện Trang đang chỉ cho quý vị pháp hành, quý vị dùng điều này thì rõ ràng. Nếu lấy ví dụ về tâm Tham, thì giống như người có món nợ mà phải trả nợ. Tức là bây giờ mình có món nợ, thì mình phải trả nợ. Cho nên cứ day dứt, muốn đi trả nợ. Cũng vậy, người tham thì cứ muốn có cho được. Đó là ví dụ về người.

Đức Phật còn lấy một ví dụ về nước nữa, ở trong Kinh Sangàrava Sutta thuộc Tăng Chi Bộ Kinh, đức Phật nói người mà tâm có sự Hôn trầm, thì giống như nước có rong rêu. Quý vị [lấy] nước để soi mặt thì không được, vì rong rêu đóng, che hết. Tâm Hôn trầm, Hôn thụy cũng vậy.

Còn nếu người có hoài nghi, thì đức Phật lấy ví dụ như nước bị vẩn đục. Tức là nước đục quá, nên soi cũng không thấy gì. Đó là hoài nghi. Hoài nghi cho nên không thấy được Chánh pháp.

Người [có] Tâm sân thì giống như nước đun sôi, quý vị thấy nước đun sôi thì [có hơi nước] bay bay lên. Bây giờ quý vị lấy nước đó soi mặt mình được không? Không được! Hình ảnh cứ ảo ảo, [hơi nước] bay liên tục thì làm sao mà thấy. Cho nên sân thì không thấy được Thật tướng các pháp, sân cũng là một chướng ngại rất lớn. Nên mình phải dùng tâm từ bi, phải thương người ta.

Thiện Trang xin chia sẻ bí quyết, hồi xưa Thiện Trang cũng hay tức, [hay]

sân lắm. Đặc biệt thấy những người tu mà không giữ giới, họ làm sai là mình hay tức. [Nhưng] sau này Thiện Trang biết cách điều lại. Thiện Trang nghĩ do mình tu lên một tầng mới hay sao á! Sau này Thiện Trang không có nói người ta nữa, [mà] chỉ cảm thấy thương người ta hơn. Thương lắm! Tội lắm! Nhiều khi cùng là người xuất gia với nhau, mình cũng đi xuất gia, người ta cũng đi xuất gia, mà người ta không có duyên để học pháp như mình. Vì người ta bận rộn quá, mới xuất gia được bao nhiêu năm, thì vô [làm] trụ trì chùa. Rồi ngày qua tháng lại cũng không biết giáo pháp, không biết Giới luật gì hết, nên thương cho họ, chứ không có tức.

Hồi xưa mình thấy sao người ta không giữ giới v.v… Bây giờ quý vị cứ nghĩ đi, một người xuất gia [tầm] 5 năm, [là] đi trụ trì hết. Có quý thầy là bạn của Thiện Trang, bây giờ nhìn qua nhìn lại đi trụ trì hết rồi. Trụ trì thì công việc bận rộn lắm! Sáng tối, lúc nào cũng việc này việc kia, quá nhiều việc! Và khi nhiều việc quá thì bận rộn, dần dần Phật pháp cũng không biết gì hết.

Ví dụ như mình thấy Sư Minh Tuệ, hay chúng ta đây [cũng] cố gắng giữ không ăn phi thời. Thậm chí Cư sĩ cũng ráng giữ không ăn phi thời. Còn có người ăn một bữa nữa, rất là dũng mãnh tinh tấn, qua giữa trưa (tức là mặt trời đứng bóng) thì không ăn nữa, giữ kỹ như vậy cho đến sáng ngày hôm sau. Còn có nhiều vị rất đáng thương, cũng là xuất gia, mà tối khuya rồi còn chụp mấy tấm hình để đồ ăn, uống trà, rồi khoe lên. Nhiều khi họ không biết, [nên] mình thấy rất tội. Tại sao cùng nhau đi xuất gia, cùng học giáo pháp Như Lai, cùng đắp màu y Như Lai, thậm chí là người xuất gia trụ trì, nhưng lại không biết được những điều đó. Thà lén lén [ăn] đi, [đằng này] còn khoe nữa, [nên] nhiều khi thấy thương cho những người ấy.

Mình hãy thương, hãy dùng tâm từ bi để nghĩ đến chúng sanh, thì mình sẽ không có sân. Và tâm từ càng lớn, thì công phu của quý vị càng đắc lực. Còn tâm sân, suốt ngày nghĩ người này thế này, người kia thế kia, là mình chưa có lòng từ

bi, vì mình chưa hiểu người ta. Không phải người tu là ngu dốt, không biết gì. Tức là mình biết đúng sai rõ ràng, nhưng mình không có chấp ở trong tâm. Mình không ghét người, mà mình phải thương người, cố gắng nghĩ lại đi.

Ở đây Thiện Trang xin chia sẻ một điều nữa, mà Thiện Trang nghĩ là một điều rất khác, sau này Thiện Trang mới nhận ra. Đó là hồi xưa Thiện Trang coi kinh, [lúc] mới tu thích coi Địa ngục lắm, thích coi mấy phẩm kinh nói về Địa ngục hành hình, thấy đã lắm, vì kiến thức mới. Thời gian sau coi thấy sợ quá, không dám coi, coi sợ mình đọa Địa ngục, vì lưu ấn tượng trong A-lại-da thức, nên sợ, không dám coi nữa. Nhưng thời gian sau này Thiện Trang lại thích coi. Sao kỳ vậy, tại sao sau này lại thích coi?

Bởi vì mỗi lần coi, thấy những chúng sanh trong Địa ngục, bị hành hình như vậy v.v… lòng thương xót [của] mình tăng lên. Từ đó [mình] phát tâm lớn: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều không rơi vào Địa ngục. Và nguyện [nếu] họ ở trong Địa ngục rồi, [thì] mau ra. Nguyện con sớm thành đạo để cứu họ ra.

Rồi thấy vua Diêm La phát nguyện, là cho tội quá khứ của ông hết đi, trong Kinh Tăng Nhất A Hàm có nhắc lại, hồi trước Thiện Trang có dẫn trong Kinh Trường A Hàm rồi. Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, nói là ổng nguyện rằng: các tội nghiệp trước kia [của] ổng được diệt hết, khi hết đời ở Địa ngục đó, được sanh lên cõi Người để được mặc ba pháp y, xuất gia thành tựu Bồ-đề.

Mình nghe như vậy mình rất thương ổng, bởi vì mình thấy một ông vua ở trong Địa ngục cũng khổ, rất là đau xót. Cho nên mình có lòng từ hơn, mình nguyện tương lai sẽ giúp ổng, để ổng sớm được thành tựu nguyện đó. Có lẽ mình tu lâu rồi, [nên] mình có lòng từ như vậy, [nên] dù coi chúng sanh ở trong Địa ngục thì mình vẫn thương, không có sợ Địa ngục nữa. "*Ta không vào Địa ngục, thì ai vào Địa ngục?",* có câu nói này đúng không quý vị? Tức là mình vào trong đó, mình coi thấy như thế thì mình thương, chứ không còn sợ nữa.

Hồi xưa mình coi vì tò mò, đó là người mới tu, thì đúng rồi! Người tu lâu lâu [một chút], thì sợ quả báo rớt vào Địa ngục, cho nên không dám coi, sợ đọng trong A-lại-da thức những chủng tử Địa ngục, khi đủ duyên thì sẽ hiện ra. Nhưng người mà tu lâu rồi, [thì] quý vị có lòng từ lớn, quý vị ở trong Địa ngục, thấy cảnh Địa ngục, quý vị cũng phát tâm Bồ-đề. Như vậy có phải là chuyển Phiền não thành Bồ-đề không? Như vậy quý vị không còn sợ Địa ngục [nữa], vì quý vị có vào Địa ngục [thì] cũng ra ngay. Vì một niệm giác là ra khỏi Địa ngục.

Quý vị nên nhớ, đức Phật Thích Ca có kể về tiền thân của Ngài. Có lần Ngài rơi vào Địa ngục Hỏa Xa (tức là xe lửa), thấy từng chiếc xe chạy qua, cán lên người của từng tội nhân, từng người một. Ngục tốt cứ đẩy [tội nhân] ra, rồi xe cán lên, nát người như vậy, tới từng người một, từng người một. Ngài thấy rất là thương, [vì] Ngài cũng rơi vào Địa ngục mà. Ngài mới nói với con quỷ tốt là: "*Ở trong Địa ngục này còn bao nhiêu người? Bây giờ hãy cho tôi chịu [thay] hết*". Tức là Ngài nói tôi chịu thay hết cho họ.

Ngài phát tâm như vậy, thì ngay lập tức con quỷ Dạ xoa, cầm chày đánh lên đầu Ngài. Ngài chết và ra khỏi Địa ngục ngay. Quý vị thấy không? Một niệm tâm từ bi vì chúng sanh, thì thoát khỏi Địa ngục. Nếu như mình tu học, đến lúc mình có niệm như vậy, thay vì bị hành hình, mình đau đớn, mình căm thù người hành hình mình, mà quý vị có được tâm từ cỡ đó, thì quý vị có vào Địa ngục cũng không có vấn đề. Vì vào Địa ngục là ra ngay, thì còn gì mà sợ ác đạo nữa.

Cho nên Địa Tạng Bồ-tát [nguyện rằng]: **"Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề"**. Mình có tâm như vậy, thì mình mới là Bồ-tát được, mới là người giác ngộ được. Còn bây giờ mình còn sợ, thấy chỗ đó khổ quá, thôi con tránh đi. Cho nên A-la-hán [thì] không còn sợ hãi nữa, quý vị nhớ không, đoạn hồi nãy ở trên đó.

Mình tu hành, phải tu làm sao mà tâm tâm niệm niệm [đều] vì chúng sanh,

nghĩ đến nỗi khổ của chúng sanh, nghĩ đến tất cả vì chúng sanh, thì con đường giác ngộ [của] quý vị đi gần tới đích rồi. Có nghĩa là quý vị sẽ thành một vị A-la-hán, một vị Bồ-tát, một vị Bích-chi-phật, một vị Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong tương lai rất gần. Bởi vì quý vị đã làm được những điều mà không ai làm được, hoặc ít người làm được.

Và quý vị đã tu với tâm như vậy, thì ngay cả trong hoàn cảnh khốc liệt nhất là Địa ngục, quý vị cũng phát được tâm như vậy, thì lẽ nào quý vị làm hại chúng sanh, lẽ nào quý vị lại cướp của chúng sanh, lấy trộm của chúng sanh, chửi bới gây ác cho chúng sanh đâu, đúng không? Trừ khi quý vị vì lòng từ, tất cả đều vì lòng từ, vì sự nghiệp giác ngộ.

Cho nên tu hành, cuối cùng là tu ở đâu? Là tu ở đổi tâm, đổi tâm đi là con đường giải thoát giác ngộ, quý vị đi rất nhanh. Đây là bí quyết mà Thiện Trang phát hiện ra, sau bao nhiêu năm trường thâm nhập kinh tạng, hôm nay chia sẻ cho quý vị. Chỉ cần đổi tâm thôi, thấy hoàn cảnh gì cũng nghĩ cho chúng sanh, cũng nghĩ vì lòng từ, thì sân hận mình không có nữa. Dần dần [sẽ] hết, và từ đó mình tiến lên, tiến lên, dần dần công phu của mình đắc lực, trí huệ khai mở rất nhiều. Quý vị cứ nhớ nha! Tự nhiên các Phiền não khác bớt, tự nhiên tâm hoài nghi hay tâm Tham v.v… không còn nữa. Đấy là pháp tu rốt ráo, tu có lòng từ bi, quý vị nghĩ vậy đi.

Cho nên đừng sợ những điều mà người khác sợ, mình không sợ gì cả. Mình chỉ sợ mình thôi, chỉ sợ mình không phát được tâm từ bi, không phát được tâm Bồ-đề giác ngộ. Nếu quý vị luôn luôn có tâm từ bi, luôn luôn có tâm Bồ-đề giác ngộ, thì đời này quý vị ra khỏi sanh tử rất gần rồi. Quý vị không đắc đạo, thì đời này hay đời sau, quý vị cũng sớm đắc đạo thôi. Tại vì lòng giác ngộ, lòng từ bi đó là tâm của bậc Thánh nhân. Sau này chúng ta học rồi thì chúng ta thấy.

Bây giờ chúng ta trở lại với các chi thiền và tâm của Sắc giới. Tâm Sắc giới là tâm của 18 tầng trời Sắc giới. Bây giờ đưa ra ví dụ thứ hai, là người có tâm

Trạo hối (tức là Trạo cử và Hối hận), thì giống như nước bị gió thổi làm xao động. Cho nên cũng không nhìn thấy được gương mặt của mình, khi mình soi [trong] nước.

Còn người có tâm Tham, thì đức Phật đưa ra ví dụ là giống như nước bị pha màu. Nước pha màu vô, cho nên thấy cũng không có chính xác. Đây là một trong những ví dụ mà quý vị có thể nhớ. Một bên này [ẩn dụ người] là ví dụ từ Đại Kinh Xóm Ngựa, còn bên này [ẩn dụ nước] thì thuộc một bộ kinh khác. Quý vị nhớ đây là tâm Sắc giới. Nếu như quý vị muốn có chi thiền đầu tiên, thì [xem] tâm Sắc giới ở đây. Thiện Trang xin giới thiệu các bảng tâm như sau:

<table>
<tr><td colspan="2">4 loại tâm</td></tr>
<tr><td>1.Tâm Dục giới</td><td>2.Tâm Sắc giới</td></tr>
<tr><td>3.Tâm Vô sắc giới</td><td>4. Tâm Thánh nhân</td></tr>
<tr><td colspan="2">Có tất cả 54 tâm Dục giới:
* 12 tâm bất thiện (8 tham + 2 sân + 2 si)
* 18 tâm Vô Nhân (7 tâm quả bất thiện + 8 tâm quả thiện + 3 tâm tố vô nhân)
* 24 tâm Dục giới tịnh hảo (kāmasobhaṇacitta)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tâm Sắc giới: (5 tâm thiện Sắc giới + 5 tâm quả Sắc giới + 5 tâm tố Sắc giới).</td></tr>
</table>

Tâm thiện Sắc giới	Chi thiền

Sơ thiền	5: Tầm, tứ, hỉ, lạc, định
Nhị thiền	4: tứ, hỉ, lạc, định*
Tam thiền	3: hỉ, lạc, định
Tứ thiền Sắc giới	2: lạc, định
Ngũ thiền Sắc giới	2: định, xả
Tâm quả Sắc giới và Tâm tố Sắc giới: tương tự	

Bốn loại tâm: Tâm Dục giới có tất cả 54 tâm Dục giới, trong đó có 12 tâm bất thiện gồm: 8 tâm tham, 2 tâm sân và 2 tâm si. Còn 18 tâm Vô nhân, mà hôm bữa Thiện Trang nói là đầu thai bằng tâm Vô nhân, thì trong đời này không có hy vọng đắc quả, đắc Thiền. Tức là chứng Sơ thiền trở lên thì không có, mà đắc quả cũng không có luôn. Tâm này gồm có: 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện, và 3 tâm tố vô nhân. Điều này chúng ta sẽ học sau, ở đây chỉ giới thiệu thôi. Và 24 tâm Dục giới tịnh hảo, tức là tâm Dục giới tịnh và tốt. Điều này theo A Tỳ Đàm, thì chúng ta sẽ học sau. Bây giờ quan trọng [là] chúng ta học Sắc giới trở lên, học làm Thánh nhân. Học tâm Sắc giới, học tâm Vô sắc giới, và học tâm Thánh nhân trước.

Tâm Sắc giới gồm có: 5 tâm thiện Sắc giới, 5 tâm quả Sắc giới, và 5 tâm tố Sắc giới. Quý vị nhớ nha! 5x3 là 15 tâm Sắc giới. Cũng không sao hết! Nói vậy thôi,

chứ mình chỉ cần nắm điều cốt [lõi] thôi, [vì] nó giống nhau hết.

Thứ nhất, tâm thiện Sắc giới gồm: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ thiền Sắc giới. Ở đây chúng ta chỉ cần nắm được điều này. Tâm quả Sắc giới và tâm tố Sắc giới thì tương tự, cũng chỉ có mấy chi thiền này thôi. Và ở đây quý vị phát hiện ra có một điều bất ngờ, là Ngũ thiền Sắc giới. Từ xưa giờ mình chỉ nghe đến Tứ thiền Sắc giới, bây giờ [nghe] có Ngũ thiền Sắc giới nữa.

Có người nói thầy giảng sai, thầy giảng bậy rồi! Không phải vậy đâu! Ở trong đây là cách chia theo A Tỳ Đàm, thì chia thành năm tầng Thiền. Còn ở trong kinh tạng, Kinh A Hàm, Kinh Nikaya thì quý vị coi chỉ có bốn tầng Thiền thôi. Thật ra là đem Sơ thiền trong kinh tạng chia đôi ra, cho nên Sơ thiền và Nhị thiền này [trong A Tỳ Đàm] chính là Sơ thiền ở trong kinh tạng. Còn Tam thiền này chính là Nhị thiền trong kinh tạng. Tứ thiền chính là Tam thiền trong kinh tạng. Ngũ thiền chính là Tứ thiền Sắc giới trong kinh tạng.

Quý vị nhớ giùm Thiện Trang, thực ra là chia đôi [Sơ thiền] ra, điển hình chúng ta nhìn chi thiền thì biết. Ở chi thiền [của] Sơ thiền, gồm có năm Tâm sở: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Chúng ta đã học hết năm Tâm sở này rồi. (1) Tầm là hướng về. (2) Tứ là quan sát cho kỹ. (3) Hỷ là vui, mà vui bên ngoài thôi. Người ta nói là sung sướng. (4) Lạc là vui trong tâm, niềm vui sâu hơn. (5) Định là mình tập trung vào một đối tượng nào đó.

Ở đây Thiện Trang giảng luôn Định là gì. Định còn gọi là nhất tâm, là quý vị chuyên chú vào một đối tượng nào đó. Ví dụ ở bên A Tỳ Đàm hay trong Phật giáo Nam truyền, đưa ra 40 đề mục để có thể chuyên chú. Ví dụ như chúng ta có một đề mục là niệm Phật, [thì] chúng ta chuyên chú vào danh hiệu Phật. Đó cũng là một đề mục. Người tu Thiền chỉ [thì] thường có 10 đề mục là: đất, nước, gió, lửa, hư không, ánh sáng, xanh, vàng, đỏ, trắng. 10 đề mục đó, thì mình tập trung [vào] một đề mục thôi. Ví dụ như chuyên chú vào đề mục đất, để tâm mình chỉ nghĩ đất thôi, không có nghĩ gì khác hết, thì một hồi sẽ nhất tâm được (chú tâm được),

nên quên hết mọi thứ đi. Như vậy thì không bị các tâm khác chạy lên, [tâm] tham hay [tâm] gì đó [sẽ] hết.

Ví dụ như quý vị niệm Phật, cũng là một cách trong 40 đề mục để tu Thiền chỉ. Quý vị niệm Phật, quý vị chỉ lo niệm danh hiệu Phật [thôi]. Bên Nam truyền, thì họ niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Còn bên Đại thừa thì người ta niệm A Di Đà Phật; A Mi Đà Phật. Do chuyên chú như vậy, [nên] không còn hiện những điều khác. Đó cũng là một cách để tu Thiền, và đó là Định. Lâu ngày thì thành Định. Thiện Trang [chỉ] nói sơ qua thôi, mỗi lần nói một chút để quý vị hiểu, chứ bây giờ nói sâu quá thì quý vị không hiểu được.

Ở đây là Sơ thiền của A Tỳ Đàm, thì có Năm chi thiền: Tầm, Tứ, Hỉ, Lạc, Định. Như vậy quý vị phải có Tầm; Tầm có nghĩa là đừng có hôn trầm; Tứ là đừng hoài nghi; Hỉ là đừng có sân; Lạc đừng có Trạo hối; và Định là đừng có tham.

Quý vị cứ đối trị lại, cách đơn giản Thiện Trang nói với quý vị, là bỏ là giùm năm loại: Hôn thụy, Hoài nghi, Sân, Trạo hối, và Tham. Và nguyên nhân thì có hết trên bảng rồi. Mình bỏ được năm loại [Triền cái] này, thì tự nhiên sẽ đắc được năm [Tâm sở]. Quý vị làm được như vậy, thì mình mới vào được chi thiền đầu tiên, [là] mình vào được Sơ thiền. Sơ thiền này là Sơ thiền của A Tỳ Đàm. Và từ Sơ thiền này, bắt đầu bỏ Tâm sở Tầm, thì còn Tứ, Hỉ, Lạc, Định thôi, thì gọi là Nhị thiền. Nhị thiền này vẫn là Nhị thiền của A Tỳ Đàm. Thật ra là Sơ thiền trong kinh tạng.

Trong kinh tạng, thì Nhị thiền chỉ còn Ba chi thiền: Hỉ, Lạc, Định thôi, đó là Nhị thiền. Nhị thiền này chính là Tam thiền trong A Tỳ Đàm: Hỉ, Lạc, Định. Cho nên còn ít Tâm sở hơn nữa. Quý vị còn quan sát đối tượng, còn tìm kiếm, còn hướng đến đối tượng, thì quý vị chỉ ở Sơ thiền này thôi.

Còn quý vị bỏ được Tầm (là hướng đến đối tượng), bỏ đi [những đối tượng] lung tung rồi, quý vị chỉ tập trung vào một đối tượng, [thì] quý vị có niềm vui

trong tâm mình, và niềm vui bên ngoài cơ thể. Và tâm quý vị nhất tâm, định vào cảnh, định vào đề mục mà mình đang tu, người [nào] muốn tu [đề mục] gì đó thì tu. Giống như hồi nãy Thiện Trang nói có [10 đề mục] là: đất, nước, gió, lửa, hư không, ánh sáng, rồi bốn màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng. Hoặc là chúng ta tu đề mục về niệm Phật, thì cũng là một đề mục. Niệm Phật thì niệm có nhiều cách niệm, hoặc là niệm Pháp v.v… Thì ở đây mình niệm vào đó, mình tập trung được, nhất tâm được (gọi là tâm chuyên chú, tập trung vào đó được), thì quý vị không còn cảnh gì hiện ra nữa. Mình có được bốn loại này [Tứ, Hỉ, Lạc, Định], thì mình ở Nhị thiền của A Tỳ Đàm, [hay] là Sơ thiền của kinh tạng.

[Nếu] mình bỏ luôn Tâm sở Tứ này, thì quý vị sẽ lên Nhị thiền của kinh tạng, tức là Tam thiền của A Tỳ Đàm, [thì còn]: Hỉ, Lạc, Định thôi.

Tứ thiền Sắc giới của A Tỳ Đàm, sẽ còn hai Tâm sở là Lạc, Định. Ngũ thiền Sắc giới, thì loại này chia làm đôi, nên là Định, Xả, có khác một chút! [Về] tâm Xả, bữa trước chúng ta có nói là Ưu, Xả. Tâm Xả này là chi thiền ở đây [Ngũ thiền Sắc giới]. Nhưng thật ra [tâm] Xả này không quan trọng lắm đối với mình, [vì] mình tu không tới. Mình cứ tạm thời lo tu trước mấy chi thiền này đi.

Năm tâm thiện Sắc giới [thì] như vậy, [còn] năm tâm quả Sắc giới thì cũng tương tự như vậy, năm tâm tố Sắc giới cũng như vậy, cũng là mấy chi thiền này.

Nói chung quý vị cứ để ý, càng lên cao thì tâm mình càng đơn giản. Càng ít Tâm sở, thì càng đơn giản, ít Tâm sở thì mới lên cao. Còn người tu mà phức tạp quá, tâm suốt ngày buồn, thương, giận ghét, rồi thế này thế kia, đủ thứ tính toán trong tâm. Thì xin lỗi quý vị, quý vị không đắc Thiền nào hết, thì quý vị ở dưới Dục giới. Dục giới thì quý vị tu giỏi lắm là lên làm Ma vương, [ở tầng trời] Tha Hoá Tự Tại Thiên. Thật ra càng lên trên, vì là cận định (tức là gần với định rồi), thì mấy chi thiền này phải mạnh lên một chút rồi, là mình cũng phải bớt bớt rồi. Cho nên mình mà [có] nhiều tâm nhỏ mọn, nhiều tâm phức tạp quá, [như] dễ

buồn, dễ thương, dễ giận, dễ ghét, dễ yêu gì đó … quá nhiều tâm đó, thì xin lỗi quý vị, quý vị [chỉ] ở Dục giới. Chỉ có ở [trời] Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, hoặc là trở xuống cõi Người, cõi Súc sanh, cõi Địa ngục, cõi Ngạ quỷ thôi, chứ không thể nào mà ở trên được. Còn Sắc giới là không có phần.

Cho nên đó là cách tu, làm sao tu để tâm mình càng đơn giản. Người tu hành đừng phức tạp quá, người mà hay giận, hay ghét, hay buồn, hay thương v.v…. thì [không tốt]. Nên phải là bình thường tâm, tâm bình thường là đạo. Trong Kinh Vô Lượng Thọ gọi là **"tâm thường đế trụ, độ thế chi đạo"**, đó là tâm của mình thường thật sự trụ ở trong đạo xuất thế Vô vi. Phải như thế mới có hy vọng, còn không thì mình tu một hồi không biết tới đâu luôn.

Thiện Trang giới thiệu như vậy là hết phần này, mỗi bữa giới thiệu chút thôi, chứ giới thiệu nhiều quá thì quý vị rối. Hôm sau Thiện Trang sẽ nói tiếp. Hôm nay giới thiệu sơ sơ như vậy, là quý vị biết đó là Tâm sắc giới. Nhưng như vậy là đủ rồi, quý vị muốn lên Sắc giới phải dùng những điều này thôi, còn những tâm khác thì bỏ đi, [như] tham, sân, si v.v… bỏ hết đi. Còn bao nhiêu đó thôi, làm được không? Chắc khó! Có bao nhiêu Tâm sở, 51 món Tâm sở hoặc 52 món Tâm sở. Trong bộ Luận này là 46 món Tâm sở, mà mình dùng có năm loại, thì mới được lên Sơ thiền, mình dùng bốn loại thì lên Nhị thiền. Nhị thiền này là Nhị thiền của A Tỳ Đàm thôi, vẫn là Sơ thiền [của kinh tạng]. Mình dùng ba loại thì mới lên Tam thiền, rồi còn hai loại thôi thì lên [Tứ thiền].

Cho nên khó! Đâu có dễ đâu quý vị. Mình tu một hồi rồi nói mình tu đắc, đắc nỗi gì, khó quá! Mình còn bao nhiêu tâm tham, sân, si đầy rẫy. Cho nên mới có Thiền chỉ thôi, là rớt hết rồi. [Còn] Thiền Quán, thì tất nhiên là mình ở trong cảnh mà quán, mình giác được dần dần, thì tự nhiên cũng đắc Thiền chỉ thôi. Trong kinh nói tu Thiền chỉ một hồi, rồi cũng được Thiền quán. Tu Thiền quán [mà] đúng, thì một hồi cũng sẽ thành Thiền chỉ. Hai bên bổ trợ lẫn nhau. Nhưng tốt nhất là mình tu cả hai. Chúng ta nắm được cốt lõi đã, rồi mới nói tới vấn đề khác.

Thiện Trang đã giới thiệu xong về A Tỳ Đàm, tạm giới thiệu vậy thôi, bây giờ Thiện Trang xin giới thiệu vào phần Luận Câu Xá. Luận Câu Xá, quý vị nhớ hôm bữa mình đang học về Hữu vi pháp và đang học Sắc pháp, bây giờ sẽ tiếp tục.

Thiện Trang xin đọc lại bài kệ số 10 để quý vị nhớ:

Bài Kệ 10

Sắc nhị hoặc nhị thập	色二或二十，	Sắc thì gồm hai loại, Hoặc gồm có hai mươi.
Thanh duy hữu bát chủng	聲唯有八種，	Thanh chỉ có tám loại
Vị lục hương tứ chủng	味六香四種，	Vị thì gồm có sáu, Hương thì gồm có bốn
Xúc thập nhất vi tánh	觸十一為性。	Xúc gồm mười một loại Đó mà làm thành tánh.

Sắc chia ra [làm] hai, gồm 2 loại hoặc 20 loại. Còn Thanh thì chỉ có tám loại, Vị thì gồm có sáu, Hương thì có bốn, Xúc thì gồm 11 loại. Đó mà làm thành tánh. Mình chỉ cần hiểu bài đó thôi.

Nói về Sắc thì có hai loại: một là Hiển sắc, hai là Hình sắc. Hiển sắc có bốn loại: xanh, vàng, đỏ, trắng. Còn Hình sắc có tám loại gồm: dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, bình đẳng, không bình đẳng (bằng phẳng hay không bằng phẳng), rồi mây, khói, bụi, sương, bóng, ánh sáng, sáng, tối. Nói vậy là quý vị sẽ nhớ thôi.

Tiếp theo, Sắc thì có Hiển sắc và Hình sắc. Ở trên thì nói có Hiển sắc và Hình sắc, ở đây thì lại nói có Hiển sắc mà không có Hình sắc (là vô Hình). Có nghĩa là xanh, vàng, đỏ, trắng, là Hình sắc hay Hiển sắc quý vị? #Ảnh là bóng; #quang là ánh sáng; #minh là sáng; #ám là tối, những thứ này thuộc về Hiển sắc, chứ không [phải] là Hình sắc. Hoặc có bộ phận sắc xứ có Hình sắc mà [không có] Hiển sắc. Bây giờ mình nhớ lại ở trên, Hình sắc với Hiển sắc mình chia đôi ra, nói luôn một lần là giải thích được ở dưới, khỏi mất thời gian.

Hiển sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng. Hình sắc là dài, ngắn v.v…. Nhưng quý vị thấy, có [những] cái chỉ [có] xanh, vàng, đỏ, trắng thôi, đâu có dài đâu. Không có dài, [tức là] chỉ có Hiển sắc, chứ không có Hình sắc. Có cái gì mà chỉ có [màu] xanh không thôi, hay có màu vàng, đỏ, trắng thôi, mà không có dài ngắn không? Có! Có rất nhiều vật trong thế gian, giống như quý vị thấy ánh sáng màu vàng không, ánh sáng màu đỏ không, ánh sáng màu trắng không. Giống như ánh sáng mặt trời [thì] có [màu] vàng hết. Thì mình chỉ thấy vàng thôi, chứ mình đâu thấy nó dài hay ngắn, vuông hay tròn đâu. Mình đâu có phân biệt, đâu có cao thấp hay là bình đẳng, hay mây khói, sương, bụi. Không có! Cho nên nó chỉ có Hiển sắc, chứ không có Hình sắc. Ngược lại một số thứ chỉ có Hình sắc, chứ không có Hiển sắc. Ví dụ như quý vị thấy có một số thứ đâu có xanh, vàng, đỏ, trắng, không có màu, nhưng nó có dài, ngắn, v.v….

Đó là giải thích kỹ hơn cho chúng ta thôi, chứ có những vật có cả hai yếu tố đó, cũng có những vật chỉ có một yếu tố thôi. Thì mình hiểu như vậy là được.

或有色處有顯無形，謂青、黃、赤、白、影、光、明、闇。或有色處有形無顯。謂長等一分身表業性。或有色處有顯有形，謂所餘色。

Hoặc hữu sắc xứ hữu Hiển vô Hình, vị thanh, huỳnh, xích, bạch, ảnh, quang,

minh, ám. Hoặc hữu sắc xứ hữu Hình vô Hiển. Vị trường đẳng nhất phần thân biểu nghiệp tánh. Hoặc hữu sắc xứ hữu Hiển hữu hình, vị sở dư sắc.

Giải:

#Hoặc hữu sắc xứ hữu Hiển vô Hình, vị thanh, huỳnh, xích, bạch, ảnh, quang, minh, ám: tức là hoặc có bộ phận của sắc có Hiển sắc mà không có Hình sắc, là gồm: xanh, vàng, đỏ, trắng, bóng, ánh sáng, sáng, tối.

#Hoặc hữu sắc xứ hữu Hình vô Hiển: hoặc có bộ phận sắc có Hình sắc mà không có Hiển sắc.

#Vị trường đẳng nhất phần thân biểu nghiệp tánh: [đó là dài v.v…] một bộ phận thân thể biểu thị tính chất của nghiệp.

Tức là ở đây có Hình sắc, là xanh, vàng, đỏ, trắng, mà không có dài, ngắn, cao, thấp. Có một số loại như vậy, điều đó biểu hiện tính chất của nghiệp. Ví dụ chúng ta [đi] ra biển, nước mênh mông như vậy. Mình chìm vô trong đó, [thì mình thấy] toàn là nước không, mênh mông, [có] một màu thôi, đâu có cao, thấp v.v… Đó là biểu thị tính chất nghiệp. [Hoặc là] ở trên thế giới này, mình nhìn lên bầu trời, [thì] có xanh, vàng, đỏ, trắng, nhưng nó có hình dài, ngắn, to, nhỏ không? Trời xanh rộng mênh mông, hư không như vậy, [mình] đâu có thấy tròn hay vuông gì đâu. Đó là chỉ có Hiển sắc, không có Hình sắc.

Còn có một số thứ có Hình sắc, mà không có Hiển sắc. Ở đây người ta đảo lại, có Hình sắc mà không có Hiển sắc. Tức là có to, dài v.v... có những thứ to lớn, nhưng mình không thấy màu sắc, không có xanh, vàng, đỏ, trắng. Có những vật gì đó không màu, đâu có xanh, vàng, đỏ, trắng đâu.

Bây giờ có nhiều chất không màu lắm, mình đổ ra thành khối, khối đó tròn hay vuông gì đó. Bây giờ hình như có những con sứa ở đại dương, không màu, thì đó là không có Hiển sắc, [vì] đâu có màu. Quý vị nhìn kĩ, may ra mới nhìn thấy

con mắt của nó, thì mới thấy mới biết đó là con sứa. Như vậy nó không có màu, không màu là không có Hiển sắc, mà chỉ có Hình sắc thôi, thật sự là nó có hình. Có những loại như vậy. Bộ A Tỳ Đàm này hay lắm, giải thích được tất cả mọi hiện tượng trong thế giới này, giải thích được hết.

#Hoặc hữu sắc xứ hữu Hiển hữu hình, vị sở dư sắc: hoặc là có những sắc xứ; #sắc xứ là bộ phận của sắc. Tức là những vật chất nào đó, mà có cả Hiển sắc và Hình sắc, là những sắc còn lại, những sắc khác. Trên thế gian thì những thứ này nhiều nhất. Quý vị cầm lên bất cứ vật gì, thì nó đều vừa có Hình sắc, vừa có Hiển sắc.

Ví dụ Thiện Trang cầm lên một con chuột [máy tính], thì đầu tiên là quý vị thấy Hiển sắc, màu đen đen, đó là Hiển sắc. Và quý vị thấy Hình sắc, là nó tròn tròn, bầu bầu giống như con rùa, đó là Hình sắc. Hiển sắc là màu, còn Hình sắc thì nhiều hơn. Như vậy [con chuột này] có cả hai.

Còn một cái trong hai cái, thì hơi khó tìm, vì đa số mình sống ở trong cảnh giới của mình, là cảnh giới mà giao tiếp thì phải thấy cả hai thứ đó. Còn ở một số cảnh giới khác, vô hình, đâu có [thấy] đâu. Giống như chư thiên hay gì đó, nhiều khi mình đâu có thấy, không thấy Hình sắc gì hết, nhưng họ có đó. Hoặc là ánh sáng mặt trời chiếu, thì mình chỉ thấy được Hiển sắc thôi, nhưng không thấy Hình sắc của ánh sáng mặt trời. Hoặc bây giờ quý vị cứ thử [nhìn] những [đám] khói bay bay, quý vị có thấy [bụi] không? Nhiều khi đám khói bay nhiều, [nhưng] mình không thấy có bụi bay [trong đó]. Nhưng [khi] có ánh sáng chiếu vô hoặc có lửa đốt, thấy nó long lanh, thì mình mới phát hiện ra là nó có Hình sắc, chứ thực tế thì mình đâu có biết, [mình nói] nó không có. Cho nên nhiều khi hạt bụi bay nhỏ quá, [nhưng] mình không thấy, [chứ thực tế] có rất nhiều.

Tạm dịch: Hoặc có bộ phận của sắc có Hiển sắc mà không có Hình sắc, là gồm: xanh, vàng, đỏ, trắng, bóng, ánh sáng, sáng, tối; (những loại này đã đưa ra ví dụ rồi). Hoặc có bộ phận sắc có Hình sắc mà không có Hiển sắc, đó là dài v.v… (mấy loại đó không có Hiển sắc) một bộ phận thân thể biểu thị tính chất của

nghiệp; Hoặc có bộ phận của sắc có Hiển sắc vừa có Hình sắc, đó là gồm các sắc còn lại (đây là loại nhiều nhất mà chúng ta hay làm).

有餘師說：唯光明色有顯無形，現見世間青等色處有長等故。如何一事具有顯形？由於此中俱可知故。此中有者是有智義，非有境義。若爾，身表中亦應有顯智。

Hữu dư sư thuyết: Duy quang minh sắc hữu Hiển vô Hình, hiện kiến Thế gian thanh đẳng sắc xứ trường đẳng cố. Như hà nhất sự cụ hữu Hiển Hình? Do ư thử trung câu khả tri cố. Thử trung hữu giả thị hữu trí nghĩa, phi hữu cảnh nghĩa. Nhược nhĩ, thân biểu trung diệc ưng hữu Hiển trí.

Giải:

#*Hữu dư sư thuyết:* là có vị Sư khác nói.

#*Duy quang minh sắc hữu Hiển vô Hình: v*ị Sư này nói rõ hơn, chỉ có sắc ánh sáng là có Hiển sắc mà không có Hình sắc.

Điều này hồi nãy Thiện Trang đã lấy ví dụ [rồi], tức là ánh sáng chỉ có Hiển sắc, có màu thôi, nhưng không có hình. Đố quý vị tìm ra được ví dụ nữa, nên vị Sư này nói chỉ có một ví dụ này thôi. Và Thiện Trang cũng may mắn lấy đúng luôn ví dụ này.

#*Hiện kiến Thế gian thanh đẳng sắc xứ hữu trường đẳng cố:* bởi vì hiện bày ra các loại sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, của Thế gian thì có dài v.v…. Tức là những cái gì ở Thế gian, nếu có màu sắc như xanh vàng đỏ trắng, thì cũng sẽ có dài, ngắn, to, nhỏ, cao, thấp, tròn, vuông hết. Nói chung ở Thế gian, nhìn thấy cái gì cũng vậy. Cho nên vị Sư này nói chỉ có một cái này thôi [là ánh sáng], bởi vì các pháp khác luôn luôn có Hình sắc đi theo.

#*Như hà nhất sự cụ hữu Hiển Hình*: thế thì có một việc thế nào vừa có đủ cả Hiển sắc và Hình sắc.

#*Do ư thử trung câu khả tri cố*: do với trong đây thì đủ có thể biết. Điều này chúng ta thấy nhiều, tất cả Thế gian đều có cả hai: Hiển sắc và Hình sắc.

#*Thử trung hữu giả thị hữu trí nghĩa*: chữ 'có' ở trong đây là ý nghĩa của trí.

#*Phi hữu cảnh nghĩa*: chứ không phải ý nghĩa của cảnh. Tức là ở đây dùng ý nghĩa sâu hơn, là ý nghĩa của trí.

#*Nhược nhĩ*: nếu mà như vậy.

#*Thân biểu trung diệc ưng hữu Hiển trí*: trong sự biểu thị của chính mình cũng cần có trí của Hiển sắc.

Ở đây ý là nói ý nghĩa của trí thôi, chứ thực tế quý vị tìm ra một cảnh nào để có được như vậy, tức là vô Hiển [sắc] vô Hình [sắc] thì cũng khó lắm! Quý vị tìm không ra đâu. Nên mình nói ý nghĩa thôi, lấy ví dụ này cho đầy đủ, chứ thực ra những cảnh ở Thế gian của mình thì khó. Hồi nãy Thiện trang cũng nghĩ ra được [ví dụ về] con sứa, thì cũng là dạng đấy. Thật ra dưới đại dương, nhiều khi mình thấy có những động vật, mình tưởng là vô hình, nhưng thực tế là nó cũng có hình, chẳng qua là mình không thấy thôi.

Giống như [ví dụ] về con sứa, nó không có Hiển sắc hay không có Hình sắc. Thật ra đó là mình lấy ví dụ tương đối thôi. Tại vì con sứa thực tế cũng có màu đấy chứ, nó có màu nên mình nhận diện một hồi thì mới thấy, nhưng chẳng qua là mình thấy không rõ thôi. Cho nên nó vẫn có Hiển sắc. Rồi nó có Hình sắc không? Có! Nhưng tại vì nó gần với màu nước, nên mình không thấy. Giả sử con tắc kè đi vào chỗ nào đó, nó biến thành màu y chang như vậy, mình nhìn không thấy nên mình tưởng không có. Cho nên đấy là lấy ví dụ về ý thôi.

Còn nếu trong cảnh Thế gian thì khó, bao giờ quý vị có Thần thông thì quý

vị thấy rõ. Điều này là vì bộ Luận này nói một cách rốt ráo, nói cho rõ ràng. Và quý vị đừng nghĩ những con vật nhỏ nhỏ như vậy là không có, ở Thế gian này có nhiều điều gọi là không tưởng lắm.

Trong Kinh A Hàm, đức Phật đưa ra một ví dụ: Có một ông đó, đang ngồi tư duy về Thế gian. Ông nghĩ liệu Thế gian này có những việc gì có, việc gì không có? Ổng nghĩ nhiều như vậy. Tức là ổng có trí tuệ, ông cố gắng nghĩ. Đức Phật nói ông đó vào thời xa xưa, ổng ngồi bên hồ nước, ông nhìn hoa sen, nhìn nước, ông nghĩ như vậy về Thế gian, có những điều kỳ lạ thế nào đó. Ổng đang nghĩ thì đột nhiên thấy nguyên đoàn quân rất lớn, có bốn đạo binh, là quân ngựa, quân xe, quân gì đó. Họ đi một hồi, rồi chui hết vô một lỗ nhỏ, trên một ngó sen. Tức là hoa sen có hột, có lỗ nhỏ nhỏ, ổng thấy đội binh đông như vậy, mà chui vô hết trong đó. Ông mới dụi dụi mắt, ổng nghĩ ổng bị điên, phát khùng rồi. Tại sao ta thấy cảnh tượng kỳ lạ như vậy, tại sao nguyên đội quân đông lớn như vậy, mà chui vô được cái lỗ [bé] xíu trên ngó sen được, nên ổng nghĩ ổng bị khùng rồi. Ổng kêu chắc do mình tưởng tượng, suy tư về những chuyện Thế gian, [nên] bị khùng rồi.

Ổng muốn kiểm tra xem điều đó có đúng không, ông nhìn ra gần đó thì cũng có mấy người đang ngồi, cho nên mới chạy tới hỏi mấy người đó: *"Mấy người có thấy cảnh vừa rồi, nguyên đoàn quân lớn mạnh đông như vậy, mà một hồi họ chui vô hết cái lỗ của ngó sen không?"* Mọi người nói: *"Ông bị khùng rồi, phát điên rồi, tự nhiên lại thấy được chuyện đó"*. Khi người ta nói như vậy, thì ông cũng cho là ông [bị] điên.

Nhưng đức Phật nói: *"Này các Tỳ-kheo, đừng cho là ông đó bị phát khùng, bị phát điên. Vì những điều gì mà ông ấy thấy là sự thật. Bởi vì ở gần chỗ của ông đó, đang có chiến tranh, một cuộc chiến giữa A-tu-la và chư thiên. Lúc đó chư thiên thắng lợi, nên A-tu-la kéo quân chạy trốn, và cả một đoàn quân lớn thâu người trốn vào lỗ của một ngó sen"*. Tức là cảnh giới đó không phải là cảnh giới tư duy tầm thường [của] thế gian, cho nên ổng nghĩ ổng bị khùng, thực tế là ổng không

bị khùng.

Quý vị thấy, đức Phật xác nhận có những điều lạ kỳ như vậy, và đó là cảnh giới mà mình cũng không nghĩ được, làm sao có một cái ngó sen nhỏ xíu, mà nguyên đoàn quân A-tu-la đông như vậy chui qua được. Nhưng trong kinh có những câu chuyện như vậy. Có những chư thiên có tình chấp, nên họ chấp nhận sống ở trong một viên đá nhỏ. Cõi Người mình thấy viên đá, nhưng họ thấy cả không gian rộng lớn, cung vàng điện ngọc của họ ở trong đó.

Cho nên có những điều gọi là tư duy phi thế gian, tức là ở thế gian, với con mắt phàm tục của phàm phu, thì mình thấy không thể có điều đó. Nhưng ở cảnh giới khác họ có điều đó. Cho nên có nhiều điều mình tưởng không là có. Cho nên cảnh giới chư thiên có khi cũng ở đây, nhiều khi hoa nở ra, mình kêu hoa thôi mà, ai biết là trong hoa đó là nguyên cung điện vàng ngọc của người ta. Và nhiều khi mình đụng tới, mình bưng đi nơi khác, thì [khiến] họ sợ.

Giống như cuốn sách nào đó, hồi xưa Thiện Trang đọc lâu rồi: Có một ngày nọ, ông đó ra kiếm hòn đá, ổng kêu lấy hòn đá này đẹp đem về để làm nhà. [Khi] ông đang lay lay hòn đá, thì có một ông già tóc bạc phơ hiện ra nói với ông: *"Ông có thể không dời hòn đá này đi nơi khác được không?"* [Ông đó hỏi]: *"Tại sao vậy?"* Ông già nói: *"Nếu ông không dời, thì tôi sẽ cho ông một số tiền. Ông cần làm nhà, thì tôi cho ông tiền làm nhà. Miễn là ông đừng dời hòn đá này. Lý do là cách đây mấy trăm năm trước (hình như 300 năm trước), tôi cúng hòn đá này cho một ngôi chùa, để họ cất ngôi chùa ở đây. Bây giờ ngôi chùa đó không còn nữa, nhưng nhờ phước tôi cúng hòn đá này, để xây dựng ngôi chùa, mà tôi được sanh lên cõi Trời. Bây giờ [nếu] ông lấy hòn đá này đi chỗ khác, là phước trời của tôi hết. Cho nên ông mới lay lay [hòn đá], mà cung điện của tôi ở trên đó rung chuyển, sắp sập rồi. Nếu ông lấy đi, thì [cung điện của tôi] bị sập luôn. Vì vậy xin ông đừng lấy đi, để đó thì phước của tôi còn, thì tôi còn ở cõi Trời".*

Quý vị biết chư thiên ở trên trời, trong Kinh A Hàm đức Phật nói rõ ràng:

Thọ mạng của cõi trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, v.v… những tầng trời đó có giới hạn. Có nghĩa là không cố định là 1000 tuổi ở trời Đao Lợi đâu, có thể kết thúc sớm, nên trong đó có nguyên nhân là hết phước sớm.

Quý vị thấy bao giờ mình tu hành, mình tin được những chuyện thần kỳ như vậy, đó là một điều khó. Chúng ta nghe vậy, chúng ta toàn kêu không biết có hay không? Cho nên bao giờ quý vị tu phải đắc Thiền, có Thần thông, thì mới tin được. Mà đắc Thiền, có Thần thông rồi vẫn chưa đủ, phải chứng quả mới chắc ăn.

Như câu chuyện ở đầu bài, Tượng Xá Lợi Phất là vị Tôn giả có Thần thông, giỏi ghê gớm như vậy, mà cuối cùng cho dù đắc Ngũ thông vẫn thoái chuyển. Nên học giáo pháp Như Lai quan trọng lắm! Mình phải học giáo pháp Như Lai, học Phật pháp để hiểu, hiểu rồi hành, chứ mình học không hiểu rồi mơ mơ màng màng, thì nghi nhiều lắm. Còn tu nữa quý vị! [Nên] quý vị ráng tu đi, theo năm tháng dần dần, việc học sẽ giúp cho mình giải được những nghi ngờ, rồi việc tu của mình sẽ tăng lên. Mỗi năm, [mỗi] tháng, dần dần những điều mà mình chứng nghiệm qua việc tu hành của mình, từ từ đến lúc nào đó, thì mình sẽ tin như những gì mình tin.

Giống như hôm bữa Thiện Trang coi trên mạng, có một đoạn người ta cắt pháp của Sư Giác Khang. Sư Giác Khang nói: *"Có người hỏi tôi, là hồi xưa tôi có tin có Tây Phương Cực Lạc không?"* Ngài nói ngài tu Thiền, nên ngài không tin. Nhưng sau này ngài nói ngài tin, bởi vì ngài thấy rõ như vậy, chứ không cần phải nói tin hay không tin nữa. Có nghĩa là mình xác nhận đó là sự thật.

Thiện Trang nói với quý vị, với những gì Thiện Trang trải nghiệm trong cuộc đời này về Phật pháp, Thiện Trang cũng không còn nghi ngờ gì đối với Phật pháp [nữa], hết nghi. Chỉ còn nghi về kiến thức thôi, tức là có những kiến thức, mình không biết đúng hay sai, so với kinh điển của Phật thôi. Chứ không nghi ngờ gì về giáo pháp của Phật, không còn nghi ngờ về những cảnh giới như vừa rồi nói. Thiện Trang nghe là sẽ tin, còn quý vị chưa tin đó là chuyện bình thường.

Và Phật pháp phải cố gắng tự mình tu, gọi là tự tác, tự tri, tự chứng, thì mình có thể tin được. Còn không, thì nghe người khác nói một hồi cũng vậy thôi. Không được!

Do hôm nay thời gian cũng đã hết rồi, nếu Thiện Trang nói nữa thì cũng không có thời gian. Hôm nay chia sẻ cho quý vị chủ yếu về phần A Tỳ Đàm. Còn phần Luận Câu Xá thì trình bày được có một chút. Nhưng không sao! Hẹn quý vị bữa khác chúng ta sẽ học từ từ. Thiện Trang mong mỗi bữa, sẽ cung cấp cho quý vị một chút nền tảng. Vì ở đây Thiện Trang nghĩ rằng: đa số đồng tu đều học bộ này để tu, chứ không phải học để lấy lý thuyết. Cho nên Thiện Trang cũng cung cấp nhiều kiến thức hơn so với trong bộ này. Nếu chỉ kể trong bộ này, thì mình học rất nhanh. Nhưng Thiện Trang muốn cung cấp một số điều như: Những việc không làm của A-la-hán, những dấu hiệu đó v.v... những điều đó bình thường học đâu có, mình phải cung cấp vào. Những Tâm sở và cách đối trị với những Tâm sở, năm Triền cái, v.v… những [kiến thức cơ] bản đó rất quan trọng, quý vị coi đó để mình hành trì.

Hẹn quý vị vào buổi khác. Bây giờ chúng ta hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 10: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 10.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 28.08.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=NrHdsDL0CbM

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là bài thứ 10 trong chia sẻ về Luận Câu Xá. Hôm nay chúng ta vẫn học về hai phần, một phần là A Tỳ Đàm, phần thứ hai là bộ Luận Câu Xá. Phần Luận Câu Xá mở đầu [thì] hơi khó khăn cho chúng ta. Thiện Trang thấy bộ này hay, nhưng ngôn ngữ của bộ Luận Câu Xá thì hơi khó. Còn bộ A Tỳ Đàm, [vì] Thiện Trang báo cáo nội dung tâm đắc, nên quý vị nghe dễ dàng hơn.

Chúng ta biết Phật pháp rất nhiệm màu, rất thực tế. Nếu ai thực hành đúng pháp, thì đều có sự nhiệm màu, đều có sự linh ứng. Nếu mình tu mà mình không có thực hành, thì những pháp học của mình, cũng không giúp ích gì nhiều cho mình lắm. Cho nên phải có sự trải nghiệm thực hành.

Hôm nay Thiện Trang khác với mọi ngày, hôm nay Thiện Trang giới thiệu hai câu chuyện thực tế ở trong đời sống. Đầu tiên, [mời] quý vị theo dõi, có một người đồng tu gửi cho Thiện Trang trên Zalo, nội dung người ta nhắn như thế

này:

"A Mi Đà Phật! Con kính chào Thầy ạ. Con xin gửi ảnh con trai con và chia sẻ chút về cơ duyên học Phật của con, để hi vọng Thầy có dịp nào đó chia sẻ với đại chúng ạ. Bạn này lúc con mang thai bác sĩ bảo phải bỏ thai vì khả năng 90% bạn ấy sẽ bị mù điếc bẩm sinh (có hình ảnh luôn, nhưng Thiện Trang xin phép không đưa hình [ảnh] lên đây, hình trẻ nhỏ thì không nên đưa lên, [vì] vi phạm luật bảo vệ trẻ em). *Lúc đó con chưa học Phật, nhưng con cũng không làm theo lời bác sĩ mà về tìm hiểu thêm. Con đã tìm hiểu quan điểm của Phật pháp đối với việc phá thai, và con biết đó là hành động không đúng, nên con cũng không phá thai. Và từ đó con cũng đọc các sách về Phật pháp, đặc biệt con đọc về cuộc đời của đức Phật và các câu chuyện tiền thân của đức Phật.*

Sau đó con đã phát nguyện: 1. Cho con được đời đời sinh ra ở trước Phật, gặp Phật pháp tu hành. 2. Dù con trai con sinh ra có bị dị tật, con xin tín tâm của con đối với Phật pháp vĩnh viễn không thay đổi. 3. Nếu phải có một đứa trẻ bị dị tật, xin chỉ có một người đó là con của con. Còn tất cả mọi người đều được sinh con khỏe mạnh bình an.

Thực tế thì con đã sinh con rất thuận lợi, bé sinh ra đời ngoan và thương mẹ. Lúc nhỏ thường lễ mẹ và không muốn làm mẹ buồn. Hiện cháu đã học lớp 8 Thầy ạ. Con xin được chia sẻ câu chuyện của mình. Vì hiện tại nhiều người mê tín khoa học, bác sĩ bảo bỏ thai là bỏ, không có tín tâm đối với Phật pháp. Con xin tri ân công đức của Thầy ạ".

Đây là câu chuyện của một vị đồng tu, để chúng ta có thêm niềm tin. Tức là vị ấy mới đầu mang thai, lúc đó chưa biết Phật pháp. Bác sĩ nói là phải bỏ, vì 90% là bị mù điếc bẩm sinh. Tuy nhiên vị ấy đã nhờ tìm hiểu thêm về Phật giáo, có lẽ căn lành rất lớn, nên từ đó thấy hành động đấy không đúng, [và] cố gắng học theo Phật pháp. Nhờ câu chuyện về cuộc đời của tiền thân đức Phật, cuộc đời về đức Phật, mà [vị đó] phát ba nguyện. Quý vị thấy, nhờ phát ba lời nguyện

đó mà có lẽ chuyển được nghiệp, cho nên khi đứa bé sinh ra đời không sao, không có bệnh, thậm chí còn ngoan, thương mẹ, và bây giờ cũng đã học đến lớp 8 rồi.

Cho nên quý vị thấy Phật pháp rất linh ứng, nếu mình làm đúng. Quý vị để ý lại về lời nguyện vừa rồi. Có ba lời nguyện:

1. Cho con được đời đời sinh ra ở trước Phật, gặp Phật pháp tu hành. Đây là một lời nguyện rất tuyệt vời đúng không quý vị? Rõ ràng mới học Phật pháp mà nguyện được [như vậy].

2. Dù con trai con sinh ra có bị dị tật, con xin tín tâm của con đối với Phật pháp vĩnh viễn không thay đổi. Đây cũng là một nguyện chấp nhận nhân quả đúng không!

3. Thiện Trang nghĩ nguyện này quan trọng, nguyện này thay đổi vấn đề kia. Còn hai nguyện trên là để tu hành, thì đúng rồi. *"Nếu phải có một đứa trẻ bị dị tật, xin chỉ có một người đó là con của con. Còn tất cả mọi người (con của người khác) đều được sinh con khỏe mạnh bình an".* Như vậy giống như lời nguyện của đức Phật, cho nên chính nhờ đó mới thay đổi. Giống như câu chuyện mà đức Phật ở trong Địa ngục Hỏa Xa. Ngài cũng nguyện chịu tội thay cho chúng sanh.

Quý vị thấy Phật pháp rất nhiệm màu, nếu ai biết tu. Chúng ta phải biết tu, phải dụng công khi còn khỏe mạnh. Như hôm nay Thiện Trang cũng đã nhận được một tin nhắn, từ một vị đồng tu. Vấn đề là chúng ta khi tu, nếu mình không có thực hành, thì mình sẽ có nhiều vấn đề. Ví dụ như mình thực hành không đủ, thì cũng khó mà vượt qua những nghiệp chướng. Và khi nghiệp tới thì mình cũng không đủ sức để [vượt qua]. Khi mình còn trẻ, còn khỏe, thì mình tưởng là dễ, nhưng khi mình bệnh xuống thì rất khó khăn.

Ví dụ như gần đây, Thiện Trang được đọc tin nhắn của một đồng tu. Đồng

tu [đó] nói là khi vào bệnh viện chữa bệnh, thì dụng công không được. Đồng tu đó trước đây có học về Tịnh Độ, cũng tu theo Nam truyền, [học] Tứ niệm xứ. Nhưng rõ ràng đến khi bệnh xuống, thì sử dụng không được. Lúc đó nói là bây giờ thấy niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì dễ hơn.

Quý vị thấy đó, khi mình học theo A Tỳ Đàm thì mình thấy rất rõ. A Tỳ Đàm nói là lúc khó khăn nhất, lúc lâm chung, thì sử dụng [điều gì]? Đó là người có niềm tin, có đức tin, thì dễ xài. Còn mấy [phương pháp] quán v.v… nếu mình tu chưa đủ thì mình xài không được. Đó là điểm mà mình phải để ý.

Cho nên mình tu, thì phải ráng [dụng] công phu, hàng ngày phải xả Thân kiến v.v… để khi nào đó đau, bệnh tới, thì mình tự tại với [điều đó], thì mình được. Còn tới lúc đó mình vẫn nghĩ thân thể là ta, đau đớn mọi thứ, mình quán không nổi, thì chỉ xài một chiêu thôi, là xài đức tin. Là niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, hay niệm gì, thì được.

Nếu quý vị là người học có thâm nhập lâu dài, thì quý vị nhìn những sự việc đó nhẹ nhàng lắm. Quý vị nhớ trong kinh có kể câu chuyện về Trưởng giả Cấp Cô Độc, khi ổng sắp qua đời, ổng rất đau đớn. Lúc đó ngài Xá Lợi Phất với ngài A Nan tới, để thuyết pháp cho ổng. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói là ổng rất đau. Sau khi hai ngài thuyết pháp [xong] thì ổng qua đời, và ổng cũng rất là đau đớn.

Chúng ta thấy, nếu đau đớn như vậy là bình thường. Nhưng sau đó thì ổng được sanh vào cõi Trời. Ổng sanh lên cõi Trời rồi, thì ổng trở lại xuống nhân gian, đi tới thăm đức Phật, và nói bài kệ.

Nếu như ta nhìn câu chuyện đó, quý vị thấy lúc trước đó một chút, [thì ổng] rất đau đớn, rất khổ sở, nhưng chỉ sau khi chết thì [ổng] sanh lên cõi Trời, và chuyển qua thân thể mới tốt đẹp hơn. Quý vị phải thường nhớ câu chuyện như vậy, để khi nào mình đau, mình bệnh, mình sắp chết, v.v… đứng trước cửa

tử, thì mình nhớ đến câu chuyện của Trưởng giả Cấp Cô Độc, thì quý vị thấy an tâm, quý vị thấy bớt [lo].

Bởi vì chúng ta tu nhân lành, thì sẽ được sanh đến cảnh giới lành. Mình phải huân tập đầy đủ, mình phải có niềm tin. Và quan trọng nhất là nếu những người tu có công phu Thiền sâu, người tu Tịnh Độ, thì có cảnh giới mà ra đi. Cho nên đừng lo, đừng sợ! Quý vị phải vững tâm.

Và tu như thế nào? [Đó là] phải biết tu Thiền chỉ và Thiền quán. Ở bài hôm trước của lớp kia, Thiện Trang có nói là: đức Phật nói có hai pháp để tu, là Thiền chỉ và Thiền quán. Còn ở đây Thiện Trang đặt tựa đề là:

Biết Thời Nghi

Trích từ Kinh Số 1 - Phẩm 39- Đẳng Pháp – Kinh Tăng Nhất A Hàm

"Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết (biết thời gian) **khi nên tu quán thì tu quán, khi nên tu chỉ thì tu chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thời thích hợp tu chỉ, tu quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi".**

Ở đây Thiện Trang muốn nhấn mạnh cho quý vị, là biết lúc nào nên tu Quán thì tu Quán, lúc nào nên tu Chỉ thì tu Chỉ, nên im lặng thì im lặng. Điều này thì tùy theo công phu. Ở đây đức Phật nói mình phải khéo tu, có những lúc mình thì cần tu điều này, [có lúc] thì cần tu điều kia.

Ví dụ các đồng tu hỏi về nhập thất. Thiện Trang nói do mình tu pháp Niệm Phật, nhưng Thiện Trang căn tánh nhiều đời, Thiện Trang nghĩ quý vị cũng vậy, thích nghe pháp, cho nên khi [vào] các thời khóa nhập thất, thường Thiện

Trang chủ yếu sẽ nghe pháp là chính, nghe pháp, học pháp, phiên dịch. Thiện Trang bây giờ phiên dịch cũng không xen tạp gì mấy, không có tra từ điển gì mấy, nên Thiện Trang chỉ học. Học đến khi nào tự nhiên tâm thanh tịnh, một ngày mình dành nhiều thời gian để nghe pháp, nghe đang đã thì cứ nghe, nghe đến khi nào thì tự động vào công phu.

Có nghĩa là khi nghe pháp, thực ra mình tu thiên về Thiền quán hơn. Và khi Thiền quán sâu, thì tự nhiên cũng đắc được Thiền chỉ. Khi đó chỉ thích là buông xuống để tu Thiền chỉ, lúc đó tọa thiền hoặc ngồi niệm Phật v.v… thì tự nhiên vào rất sâu. Còn bình thường mình niệm kiểu đó thì không vào, khó vào, lâu vào, mất nhiều thời gian. Đấy là một cách. Mà khi vào rồi thì thoải mái, tâm mình là pháp, quý vị thấy rất dễ dàng, không cần học nhiều.

Hôm nay Thiện Trang xin trở lại với các chi thiền. Hôm bữa là tâm Sắc giới rồi, hôm nay sẽ học tiếp tâm Vô sắc giới. Trước khi vào tâm Sắc giới, thì Thiện Trang giới thiệu lại các tầng trời cho quý vị nắm về tổng quan.

TT	**Tên cõi trời**	**Tuổi thọ trời**	**Năm ở cõi người**	**Ghi chú**
1	Tứ Thiên Vương	500	9 triệu năm	Dục giới
2	Đao Lợi	1.000	36 triệu năm	
3	Dạ Ma	2.000	144 triệu năm	
4	Đâu Suất	4.000	576 triệu năm	

5	Hóa Lạc	8.000	2.314.000 năm	
6	Tha Hóa Tự Tại	16.000	9.216.000 năm	
7	Phạm Chúng	1/3 kiếp		Sơ thiền (Kinh tạng)
8	Phạm Phụ	1/2 kiếp		
9	Đại Phạm	1 kiếp		
10	Thiểu Quang	2 kiếp		Nhị thiền (Kinh tạng) – Tam thiền (A Tỳ Đàm)
11	Vô Lượng Quang	4 kiếp		
12	Quang Âm (Cực Quang)	8 kiếp		
13	Thiểu Tịnh	16 kiếp		Tam thiền (Kinh tạng) – Tứ thiền (A Tỳ Đàm)
14	Vô Lượng Tịnh	32 kiếp		

15	Biến Tịnh	64 kiếp		
16	Phước Sanh*	128 kiếp		Thuộc Tứ (Ngũ) thiền Sắc giới Phàm phu
17	Phước Ái*			
18	Quảng Quả*	250 kiếp		
19	Vô Tưởng	500 kiếp		
20	Vô Phiền	1.000 kiếp		Ngũ Tịnh Cư – thuộc Tứ (Ngũ) thiền Sắc giới
21	Vô Nhiệt	2.000 kiếp		
22	Thiện Hiện	4.000 kiếp		
23	Thiện Kiến	8.000 kiếp		
24	Sắc Cứu Cánh	16.000 kiếp		
25	Không Vô Biên Xứ	20.000 kiếp		Tứ (Ngũ) thiền Vô sắc giới

26	Thức Vô Biên Xứ	40.000 kiếp		
27	Vô Sở Hữu Xứ	60.000 kiếp		
28	Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ	84.000 kiếp		
**Có bộ phái gộp 3 tầng trời này thành 1, có bộ phái lại nói thêm trời Vô Vân gồm trời Quảng Quả và Vô Tưởng …*				

Thứ nhất là trời Tứ Thiên Vương. Tuổi thọ của cõi Trời [này] tối đa là 500 năm, có thể yểu mệnh. Ở trời Tứ Thiên Vương này có cả Súc sanh và thậm chí là có Ngạ quỷ ở trên đó v.v… Nên trời Tứ Thiên Vương tuổi thọ là không cố định, tối đa là 500 năm, có thể yểu mệnh, chết trước. Nếu đổi ra một ngày một đêm ở trời Tứ Thiên Vương, [thì] bằng 50 năm ở nhân gian. Một tháng ở đó cũng có 30 ngày, đức Phật nói ở đó một năm cũng có 12 tháng, nhân ba con số đó lại với nhau: 500 x 50 x 360 ngày/năm thì chúng ta ra được con số là 9 triệu năm.

Ở trời Đao Lợi là tầng trời thứ hai, thì tuổi thọ là 1.000 năm, tính ra ở nhân gian là 36 triệu năm. Theo cách tính như vậy, nó cũng tăng gấp đôi lên. Một ngày ở trời Đao Lợi bằng 100 năm ở nhân gian.

Trời Dạ Ma cũng tương tự, tuổi thọ [của cõi Trời này] là 2.000 năm, [tính ra] là 144 triệu năm ở nhân gian chúng ta.

Tuổi thọ của trời Đâu Suất là 4.000 tuổi, đổi ra ở nhân gian là 576 triệu

năm. Con số này có kinh nói chính là thời gian đức Phật Di Lặc ra đời.

Trời Hóa Lạc là tầng trời thứ năm, tuổi thọ tăng gấp đôi, là 8.000 năm, [đổi ra] là 2.314 triệu năm.

Tuổi thọ của trời Tha Hóa Tự Tại là 16.000 năm, đổi ở nhân gian là 9.216.000.000 năm.

Sáu tầng trời này gọi là tầng trời Dục giới. Dục giới là có tâm dục giới đó quý vị. Nhưng Dục giới của họ nhẹ hơn, họ ít hơn chúng ta, nên họ được sanh vào đây.

Hôm bữa mình học với các tầng Thiền, tâm của Sơ thiền gồm có Năm chi thiền. Nếu quý vị đắc Thiền, quý vị sẽ sanh vào ba tầng trời của Sơ thiền, [đó là] theo kinh tạng. Gồm có trời Phạm Chúng là 1/3 kiếp, Phạm Phụ là 1/2 kiếp, và Đại Phạm là 1 kiếp. Ở đây là Sơ thiền theo kinh tạng, còn Sơ thiền theo A Tỳ Đàm cũng nằm ở trong này, nhưng có tầng nghĩa giữa nữa, gọi là có Tầm mà không có Tứ, hoặc không Tầm không Tứ. Những cái giữa nữa gọi là Thiền trung gian.

Ở đây về thời gian kiếp, Thiện Trang có coi trong Kinh A Hàm hay A Tỳ Đàm, thì thời gian kiếp này có nhiều cách nói. Nhưng đức Phật nói thời gian kiếp, giống như có một cái hộc lớn, rộng một do-tuần. Quý vị biết rộng một do-tuần là lớn lắm. Do-tuần có người nói là mấy chục cây số, còn đức Phật chỉ nói do-tuần thôi, có người nói khoảng 11 cây số v.v… Đơn vị do-tuần là đơn vị, mà hồi xưa một ngày đội quân hành quân, cho nên cũng không biết đội quân đó đi được bao xa. Nhưng quý vị tưởng tượng, một cái hộp hình vuông, một cạnh hình vuông là một do-tuần, mình cứ lấy số nhỏ nhất là 11 cây số, có khi số lớn là 40 cây số, 30 cây số, 60 cây số, v.v…

Một do-tuần như vậy, mình lấy số nhỏ nhất, là 11 cây số (có người giải thích như vậy), một [hộp] hình vuông như vậy mà bỏ đầy hạt cải trong đó. Quý

vị biết hạt cải thì nhỏ lắm, có chút [xíu] à. Cứ 100 năm tới lượm đi một hạt cải, lượm bao giờ hết [số hạt cải] trong đó, mà kiếp số vẫn chưa hết. Thời gian kiếp đó là Đại kiếp. Cho nên Đại kiếp ở Trái đất là thời gian rất lâu.

Còn tuổi thọ loài người thì có nhiều cách giải thích. Hồi xưa Thiện Trang nghe có thuyết, cũng là nghe người ta giảng mà mình nói lại thôi. Đó là tuổi thọ loài người bắt đầu từ trời Phạm Thiên xuống, [là] 84.000 tuổi, rồi cứ 100 năm giảm đi một tuổi, giảm cho đến khi còn 10 tuổi. Rồi tăng ngược lại từ 10 tuổi, cứ 100 năm tăng một tuổi, tăng đến 84.000 tuổi. Như vậy gọi là một Tiểu kiếp. 20 Tiểu kiếp như vậy là một Trung kiếp. Bốn Trung kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không thì ra một Đại kiếp.

Tuy nhiên sau này Thiện Trang duyệt hết Kinh A Hàm, hầu như Thiện Trang coi gần như hết Kinh A Hàm rồi, còn sót một số là do coi chưa kỹ, lướt lướt, bây giờ ráng coi lại để bổ sung. Thiện Trang thấy là nội dung đó hình như không có trong kinh, không biết từ đâu, hay là Thiện Trang duyệt chưa kỹ, hay là từ kinh khác nữa. Nhưng Thiện Trang thấy trong Kinh A Hàm nói theo ví dụ vừa rồi. Và đức Phật nói là tuổi thọ loài người ở trên Trái đất này là vô lượng. Vô lượng, ngôn ngữ trong A Tỳ Đàm có khi gọi là a-tăng-kỳ năm.

Con số a-tăng-kỳ có hai cách nói: Một là 1×10^{140}, tức là con số 1 đằng trước với 140 số 0 đằng sau, về năm gọi là một a-tăng-kỳ. Còn cách khác nữa, a-tăng-kỳ chính là vô lượng, con số rất lớn là vô lượng. Theo trong Kinh A hàm nói tuổi thọ loài người mới đầu là vô lượng, hoặc có thời gian là vô lượng, tùy thuộc vào các vị vua Chuyển Luân Thánh Vương ra đời, họ cai trị nhân dân thế nào.

Giống như có một thời, đức Phật nói là thời đó có rất nhiều vị Chuyển Luân Thánh Vương cha truyền con nối, và đức Phật là một trong những vị đó (ở trong thời này), và ngài A Nan cũng xuất hiện. Cả thời đó bao nhiêu vị vua cứ truyền nhau, truyền nhau, thì tuổi thọ loài người rất tốt, rất cao. Nhưng đến

thời cuối cùng, có một vị vua Chuyển Luân Thánh Vương làm sai, khiến cho tuổi thọ loài người giảm. Người đó chính là Đề Bà Đạt Đa.

Tức là pháp đầu tiên xuất hiện là pháp trộm cắp. Khi người ta đói rồi, thì sẽ đi ăn cắp của người khác. Từ pháp trộm cắp, nhà vua mới bắt đầu xử lý bằng cách là bắt [được] ai [thì] chém. Thấy vậy cho nên người ta mới chống đối, sắm dao mác, vũ khí... Nên từ trộm cắp phát sinh thêm một điều nữa là giết người. Từ giết người, sau đó tuổi thọ loài người giảm. Từ trộm cắp [thì tuổi thọ] đã giảm rồi, giờ thêm giết người [thì tuổi thọ] giảm nữa. Và cứ thế giảm, giảm...

Theo trong Kinh A Hàm, có chỗ thì không nói giảm bao lâu, có chỗ [thì] đức Phật nói tuổi thọ giảm một nửa. Có nghĩa là tuổi đằng trước [giảm] rất nhanh, mà giảm hẳn một nữa luôn. Sau khi phát sinh trộm cướp, bắt đầu phát sinh tà dâm, rồi sanh dần dần, nói dối, v.v… đủ các kiểu. sanh hết 10 điều ác, thì tuổi thọ loài người giảm rất nhanh. Chúng ta hiện nay ở thời này ác nghiệp dữ lắm, vì 10 điều ác: Sát sanh, Trộm cướp, Tà dâm, Nói dối, Nói lưỡi đôi chiều, Nói lời thêu dệt, Tham, Sân, Si đầy rẫy, cho nên tuổi thọ loài người đang rất giảm. Đức Phật cũng không nói rõ trong Kinh A Hàm, là bao giờ thì tuổi thọ loài người sẽ xuống 10 tuổi. Đức Phật chỉ nói vậy thôi. Đó là một cách nói trong Kinh A Hàm, Thiện Trang vẫn chưa biết cách nói kia xuất phát từ đâu. Còn ở trong A Tỳ Đàm thì cũng nói tương tự vậy.

Như vậy thời gian 1/3 kiếp, có thể dùng là a-tăng-kỳ kiếp hay a-tăng-kỳ năm. Kiếp này có thể tính là một Đại kiếp hoặc Tiểu kiếp. Chỗ này để chữ kiếp thôi, không biết kiếp này là bao nhiêu.

Tương tự, trời Phạm Phụ là 1/2 kiếp, trời Đại Phạm là 1 kiếp. Thật ra ba tầng trời này, có kinh nói là một tầng trời thôi, nhưng do phước báo của ba hạng người: Hạng người Phạm Chúng giống nhân dân thì thấp hơn, phước báo người làm quan thì khá hơn, và phước báo những người làm vua thì khá hơn nữa, nên được [lên] trời Đại Phạm.

Tiếp theo là ba tầng trời của Nhị thiền theo kinh tạng (là Tam thiền của A Tỳ Đàm), đó là Thiểu Quang, Vô Lượng Quang và trời Quang Âm (Cực Quang). Tuổi thọ tương tự là 2 kiếp, 4 kiếp và 8 kiếp.

Rồi trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Đó là thuộc Tam thiền theo kinh tạng (là Tứ thiền của A Tỳ Đàm), thì tăng gấp đôi nữa, là 16 kiếp, 32 kiếp và 64 kiếp.

Lên Tứ thiền Sắc giới có hai kiểu: một là có thể phân trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng quả, trời Vô Tưởng [thành một nhánh]. Thọ mạng [của] hai tầng trời, trời Phước Sanh, trời Phước Ái là 128 kiếp, trời Quảng Quả là 250 kiếp, trời Vô Tưởng là 500 kiếp. Đây là Đại kiếp chứ không phải kiếp nhỏ. Có một số kinh tạng, bộ phái, đem ba tầng trời này chia khác đi, có khi nhập cả trời Vô Tưởng vào trời Quảng Quả nữa. Ở đây có khi chia ra, có khi thêm [vô] trời Vô Vân nữa. Tóm lại là do cách chia khác nhau trong này thôi, [nhưng] mình cứ lấy một ví dụ này cho đủ 28 tầng trời. Còn quý vị thấy người khác chia khác thì cũng đừng nói sai, đó là theo từng bộ phái khác nhau, tùy theo kinh của bộ phái nào, do chia khác nhau thôi. [Trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng quả, trời Vô Tưởng] là Tứ (Ngũ) thiền Sắc giới, đây là phàm phu [tu]. Và trời Vô Tưởng, những người này giống những pho tượng ở trên đó.

Còn năm tầng trời Thánh nhân là: trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến và trời Sắc Cứu Cánh (đôi khi nói Ma Hê Thủ La nữa). Ma Hê Thủ La là vua của trời Sắc Cứu Cánh. Tuổi thọ là 1000 kiếp, 2000 kiếp, 4000 kiếp, 8000 kiếp, 16000 đại kiếp.

Kiếp này là thời gian khi Trái đất sanh ra rồi tan hoại đi. Quý vị biết trời Vô Phiền tới 1000 kiếp, rất dài! Tức là 1000 lần Trái đất này sanh ra rồi diệt đi. Cho nên lên trên đó ở đã luôn, sống rất lâu. Quý vị thấy mình [đem] so sánh thời gian này thì mình chẳng là gì hết, thấy mình nhỏ bé lắm. Cho nên hôm bữa mình học mới tới tâm của Vô sắc giới thôi, là mình thấy phước báo trong tâm

Vô sắc giới lớn như vậy, được sanh về những tầng trời này.

Hôm nay chúng ta sẽ học thêm bốn tầng trời sau là: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Thọ mạng ở đây thì dài hơn nữa, 20.000 kiếp, 40.000 kiếp, 60.000 kiếp, 84.000 kiếp. Kiếp ở đây là Đại kiếp. Và đây là Tứ thiền Vô sắc giới, [cũng] có thể gọi là Ngũ thiền Vô sắc giới. Ở đây Thiện Trang chia sẻ luôn, hôm nay chúng ta học tâm Thiền Vô sắc.

Tâm Thiền Vô Sắc	
Gồm 4 tâm	
Tâm Thiện Vô sắc	Định, xả
Tâm Quả Vô Sắc	Định, xả
Tâm tố Vô sắc	Định, xả
Tâm thắng trí (Tâm Hóa thông, Tâm hiện thông)	Định, xả
**Tâm sở định còn gọi là Nhất tâm*	
*Tác dụng của nhập vào các đề mục để có Thần thông (Ngũ thông):	
Màu trắng hoặc Ánh sáng	*Có ánh sáng*

Màu xanh	*Bóng tối*
Đất	*Đi đứng trên không, dưới nước*
Nước	*Độn thổ*
Hư không	*Đi xuyên qua tất cả vật cản*
**Phàm phu và bậc Thánh hữu học: dùng Tâm thiện Sắc giới để tạo thần thông*	
**A-la-hán dùng Tâm tố Vô sắc để tạo thần thông*	
2 tâm này gọi là Tâm thắng trí, Tâm hóa thông, Tâm hiện thông	

Tâm Thiền Vô sắc gồm có bốn tâm:

1. Tâm Thiện Vô sắc có hai chi thiền là Định và Xả, giống như Tứ thiền ở dưới. Định còn gọi là nhất tâm, tức là tâm mình tập trung vào điều gì đó; và Xả là xả hết tất cả mọi thứ.

2. Tâm quả Vô sắc cũng có hai chi thiền là Định và Xả, đó là Tâm sở Định và [Tâm sở] Xả.

3. Tâm tố Vô sắc cũng vậy, có [hai chi thiền là] Định và Xả.

4. Tâm thắng trí là Tâm hóa thông hay Tâm hiện thông, đó là nói về Thần thông, thì cũng cần Định, Xả. Và Tâm sở định này còn gọi là Nhất tâm.

Ở đây quý vị tưởng tượng thế này, nếu mình tu, sau khi đắc được Tứ thiền Sắc giới rồi (như hôm bữa mình đã học), năm chi thiền mình bỏ dần dần, thì

còn lại hai chi thiền cuối thôi. Mới đầu từ Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định, Xả, mình xả bỏ dần dần, cuối cùng còn Định với Xả thôi. Đắc được Thiền đó, thì gọi là Thiền Sắc giới. Nhưng tại sao lại có lên thêm [một] tầng trời nữa?

Ở đây chúng ta hiểu thế này, những người sanh vào trời Vô Tưởng, hoặc là định Vô Tưởng, là họ chán ngán đối với tâm, tức là họ không có tâm, họ không muốn suy nghĩ nữa. [Tuy nhiên] họ chưa chán sắc, tức là họ vẫn cần thân thể, họ chưa chán nên họ vẫn có thân thể giống như những pho tượng. Còn do họ không muốn suy nghĩ, không muốn tưởng tượng nữa, cho nên họ im lặng như vậy. Vì vậy sau khi đắc được Tứ thiền Sắc giới, và với tâm chán ngán như vậy, nên họ sanh vào trời Vô Tưởng. Giống như ngủ một giấc ngủ, quý vị tưởng tượng ngủ cũng sướng lắm mà, ai cũng thích ngủ, cũng êm êm, dễ chịu mà. Với những người có tâm dễ chịu như vậy, họ thích như vậy nên tự nhiên họ sanh vào trời Vô Tưởng.

Học Phật pháp, mình tu thì mình phải hiểu nhân, nhân thế nào thì quả thế đấy. Thiện Trang kể câu chuyện cho quý vị nghe để đỡ buồn ngủ, chứ không thì quý vị ngủ gục hết, nãy giờ nói lý thuyết không. Ví dụ như người ta có tâm thế nào thì sanh vào trời Tứ Thiên Vương? Trong kinh có kể câu chuyện.

Thời đó có một vị Bà-la-môn tên là Kuvera, lúc đó chưa có đức Phật ra đời. Vị này có đời sống rất là hiền lương đạo đức, và sẵn sàng bố thí giúp đỡ mọi người. Ông làm [việc] gì? Ông ở bên [một con] đường nhỏ, có nhiều người đi qua đi lại, ông phát tâm làm một việc thiện rất đơn giản thôi, là xây dựng một quán nước mía, để hàng ngày bố thí cho khách thập phương đi qua đi lại. Tức là ổng làm một quán nhỏ nhỏ ở bên đường, đơn giản vậy thôi. Và ông làm không có mệt mỏi, không ngừng nghỉ, làm suốt như vậy. Không [cần] biết người giàu hay nghèo, quen hay lạ, ai đi đường, cứ đi qua chỗ đó là ổng bố thí nước mía cho. Và hết đời đó ổng được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, thậm chí ông làm vua trời Tứ Thiên Vương luôn. Cho nên chỉ bằng việc tu phước như vậy

thôi, mà tu tích lũy nhiều, thì được sanh vào trời Tứ Thiên Vương.

Còn [lên] tới trời Đao Lợi, thì hồi trước Thiện Trang cũng đã chia sẻ. Đụng tới trời Đao Lợi là có liên quan đến Ngũ giới Thập thiện, cho nên là khó hơn. Thôi sẵn kể câu chuyện luôn. Quý vị biết quá khứ của vua trời Đao Lợi không? Trước khi đức Phật Thích Ca ra đời, đức Phật có kể về quá khứ của vua trời Đao Lợi.

Lúc đó ở thôn làng đó, người ta sống rất ác nghiệt. Tức là họ sống ác với nhau lắm, họ có đủ các tệ nạn này kia, họ làm nhiều điều không tốt. Trong [vùng] đó, tự nhiên có ông đó sanh ra đời lại là một người sống cực kỳ tốt, ngược lại với [người ở] xóm đó. Xóm đó, thôn đó ai cũng sống xấu hết, nhưng vị này lại hiền thiện vô cùng, giúp người giữ giới... nói chung là giữ Ngũ giới rất nghiêm. Thậm chí [vị ấy] làm Thập thiện [cũng] rất nghiêm, vì [có] căn lành. Và vị này cũng có chút tiền của bố thí giúp người v.v…

Dần dần [vị đó] dạy được cho nhóm 30 thanh niên khác, để giúp 30 thanh niên khác cũng hiền thiện, làm nhiều việc tốt giúp đời. [Tuy nhiên] dân trong thôn thì [lại] ghét [họ]. Tại vì vị này làm như vậy, thì tự nhiên sẽ khiến cho họ mất mát, kiểu như không có làm ăn được. Rồi vị này lo tích lũy tài sản để sẵn, tới khi nạn tới, khi gặp hạn hán hay bị gì, là vị này xuất tiền của ra cho. Còn chỉ cho người ta vào rừng để lấy gỗ quý về bán, chỉ chỗ mua bán, rồi chỉ cho buôn bán cái này, buôn bán cái kia. [Vị ấy] giúp cho người dân trong thôn đó vượt qua những nạn khó khăn. Cho nên thời gian sau mới đào tạo được 30 người thanh niên theo vị này.

[Việc] làm tốt như vậy, [nhưng] người dân ghét quá, họ kêu: *"Hồi trước giờ mình [làm] ăn, mình buôn bán được, là nhờ trộm cướp, nhờ này kia mới làm được. Bây giờ ổng làm như vậy, thì dần dần sẽ ảnh hưởng hết dân trong làng, họ sẽ không làm ác nữa, thì mình sẽ mất mối làm ăn"*. Ông thôn trưởng cũng ác, cho nên họ bày ra kế, tâu với vua là trong thôn có 31 tên cướp gian ác, giết người

v.v... rất ghê gớm. Mong vua đem quân tới bắt và xử 31 người đó. Ổng nói là tất cả dân trong [vùng] này đều đồng ý như vậy, làm chứng cho vua, thì thế nào vua cũng nghe thôi.

[Khi] truyền lên vua, thì vua cũng không có suy xét, cho bắt 31 người đó để xử tử, [bằng cách] cho đàn voi tới giẫm đạp cho chết. Khi đó 30 thanh niên kia rất là hoang mang và sợ. Còn riêng vị đó nói rằng: *"Đừng lo, có gì mình cứ giữ giới. Giới sẽ bảo vệ mình"*. Câu nói mà ngài Minh Tuệ nói là xuất phát từ câu chuyện đó. Tức là có chuyện gì thì cứ giữ giới, Giới sẽ bảo vệ mình, cho nên giữ đến cùng.

Khi đàn voi dữ chạy tới thì tự nhiên nó sợ, không biết tại sao nó sợ, nó lùi lại giống như có bức tường thành đằng trước vậy. [Khi] cho đàn khác [tới] thì cũng vậy. Cứ [cho] mấy đàn voi tới, mà không có đàn voi nào giẫm chết 31 người đó hết. Cho nên tin đó truyền về vua, vua thấy lạ mới xuống tìm hiểu, hỏi: *"Các người đó có thuốc gì ở trong người không? Lục ra coi!".* Lục kiếm hết trong người thì không có thuốc. Tại vì có thuốc gì thì voi mới sợ chứ, chứ tự nhiên sao nó lại sợ. [Vua hỏi]: *"Vậy mấy người có trì chú, có bùa chú gì không?"*. [Vị đó] nói: *"Có! Con có bùa chú"*. *"Bùa chú là gì?".* [Vị đó nói:] *"Bùa chú chính là Giới. Con giữ được Ngũ giới, con làm thiện thế này thế kia. Cho nên chúng tôi có cái bùa chú đó"*.

[Khi] nói ra thì vua mới tin, vua mới điều tra lại thì biết là 31 người này bị vu oan. Cho nên [vua] cắt chức thôn trưởng, đổi cho vị này làm thôn trưởng, thậm chí còn ban phát tiền bạc, ban thưởng thêm, [vì] giáo hóa nhân dân tốt đẹp. Và sau vị đó có thêm mấy bà vợ nữa, [tiếp tục] làm [việc] tốt nữa, tổng cộng là 33 người. Như vậy 30 người với 3 bà vợ là 33 người, và thêm ổng nữa là 34 người. Cho nên [kiếp sau họ] lên trời Tam Thập Tam, là trời Đao Lợi. Mỗi người làm thiện như vậy, thì đều có một cung trời để cai quản, cho nên là 33 nước trời, nên gọi là trời Tam Thập Tam.

Trong câu chuyện này, [thì vị đó] còn có một người vợ. Quý vị nghe trong bộ giảng khác, thì Thiện Trang có kể là người vợ thứ tư bị rớt lại làm súc sanh, rồi [được] ổng cứu lên. Ổng cứu lên như thế nào thì quý vị biết rồi, [kể nữa] thì quý vị nghe dài quá, thôi Thiện Trang kể tới đó. Tóm lại đụng tới trời Đao Lợi trở đi là phải đụng tới Ngũ giới. Còn trời Tứ Thiên Vương là làm phước nhỏ mà làm hoài, làm nhiều, là lên được. Đây cũng là có câu chuyện [như vậy].

Còn bây giờ mình tu lên Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền Sắc giới, thì mình dùng các chi thiền. Nếu như người [đắc] Tứ thiền Sắc giới, nhưng nhàm chán không muốn dùng tâm nữa, giống như là thôi đừng có suy nghĩ gì nữa hết, thì những người đó đạt được định, gọi là định Vô Tưởng, chính vì vậy họ sanh vào trời Vô Tưởng.

Lên trên đó rồi, giống như chúng ta, nếu chúng ta quan sát thân thể mình, thì mình cũng nhàm chán. Đôi khi thấy thân thể của mình nặng nề quá, đôi khi [thấy] mệt mỏi, trời nóng trời lạnh... [nên] chán. Cho nên hạng người tiếp theo đắc được Tứ thiền rồi, hay là Ngũ thiền Sắc giới, như trong A Tỳ Đàm bữa trước mình học rồi, nhưng họ chán với thân thể, họ không muốn có thân thể nữa. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật, thì gọi là hai phần Danh và Sắc. Sắc là thân thể, thì họ chán sắc. Còn người trời Vô Tưởng thì họ chán danh. [Chán] danh tức là chán về tinh thần, không muốn sử dụng tinh thần nữa. Cho nên họ mới có định Vô Tưởng, và sanh vào trời Vô Tưởng, [trở] thành những pho tượng vàng ở trên đó. Tại vì [họ] không dùng [suy nghĩ] nữa.

Và ở đây thì có hạng người họ chán, không muốn có thân thể nữa. Giống như Trang Tử nói: *"Ta có đại họa, vì ta có thân"*. Cũng vậy, tức là có thân này thì phải lo cho nó ăn uống. Thậm chí nếu lên trời Sắc giới, thì cũng cần phải sống mà, vẫn cần thân thể, [thấy] nặng nề quá! Quý vị nghĩ [có] thân thể đâu có sướng đâu, cho nên họ nghĩ chán thân thể quá. Và đề mục chán thân thể đó, mới lúc đầu thì họ nghĩ tất cả mọi thứ đều là không. Tức là đề mục quán của họ

là tất cả đều không, cái gì cũng không, khoảng không vô tận. Thì Không đó gọi là Không Vô Biên. Và [họ] đắc được định là Không Vô Biên định. Họ đắc được Không Vô Biên định rồi, sau khi thọ mạng hết thì họ sanh về trời Không Vô Biên Xứ. Có nghĩa là họ quán tất cả đều không, họ nghĩ tất cả đều là hư không hết, để họ không có thân thể nữa, cho nên vô tình họ được như vậy.

Và khi lên được định Không Vô Biên rồi, những người tu đạt được tới đó rồi, [nhưng] họ vẫn thấy chưa được. Hình như mình vẫn còn suy nghĩ, [sự] suy nghĩ của mình còn nhiều quá, nên vẫn chưa được. Họ vẫn còn nghĩ, vẫn còn tâm thức để nghĩ. Cho nên họ nghĩ là thôi, không có suy nghĩ gì hết, đừng có nghĩ gì nữa. Nên khi đó họ vừa chán cả thân rồi, và họ chán đừng có suy nghĩ gì nữa, thì họ lên một tầng nữa là Thức Vô Biên Xứ, đắc được định đó gọi là Thức Vô Biên [định].

Tức là họ nghĩ là tâm của họ trải khắp mọi nơi, chứ còn ở trong vùng nào đó [thì vẫn] là hạn hẹp, [tâm thức] rộng bao la, cho nên gọi là Thức Vô Biên. [Đạt] định này thì sanh về trời Thức Vô Biên, tức là họ muốn rộng cho nên tu Tứ vô lượng tâm: Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Rõ ràng Không Vô Biên và Thức Vô Biên đều phải quán hai đề mục. Một đề mục là quán tất cả Hư không rộng lớn bao la, vô cùng vô tận, đó là Không Vô Biên Xứ. Còn một đề mục là quán tâm thức của mình không có giới hạn, vô cùng vô tận, thì là Thức Vô Biên Xứ. Thiện Trang giảng bộ A Tỳ Đàm này thì giảng cho rõ ràng hết luôn.

Nhưng người ta sẽ phát hiện ra, là hình như [sự] vô tận đó thật sự không phải là vô tận. Tâm thức vô tận cũng không được, mà Hư không vô tận đó hình như vẫn chưa vô tận. Người ta phát hiện ra điều đó, cho nên họ kêu: nghĩ [là] còn có vô tận, như vậy thì vẫn còn có hữu hạn. Nên họ mới xả luôn, thôi không có gì hết, khỏi có Hư không [vô tận] hay tâm thức vô tận gì hết. Cho nên sanh ra [một] định, gọi là định Vô Sở Hữu, tức là không có gì cả. Cho nên cuối cùng

họ đắc được định đó và họ [sanh vào] trời Vô Sở Hữu Xứ.

Quý vị coi lại, nãy giờ Thiện Trang đang nói về ba [tầng trời]: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ. Còn [tầng trời] thứ tư cao nhất, là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì sao? #Phi Tưởng tức là chẳng phải tưởng, tức là họ không có nghĩ ba khái niệm trên nữa, Hư không vô biên cũng không nên, thức của mình vô biên cũng không nên, rồi không có gì cũng không nên, họ bỏ hết. Bỏ hết, đừng có nghĩ gì hết, nên gọi là Phi Tưởng. Nhưng cũng đừng cho rằng là mình không nghĩ gì hết.

Cho nên Phi Tưởng tức là không nghĩ, và cũng đừng có ý niệm không nghĩ. Tại vì chấp trước vào là tôi không nghĩ gì hết, thì cũng dính vào, cho nên họ xả luôn cả hai điều đó, thì họ đắc được một định, gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng định. Tức là không cũng sai mà có cũng sai, hữu hạn cũng sai mà vô hạn cũng sai. Tóm lại nghĩ gì cũng đều sai, cho nên họ khỏi nghĩ gì hết, không có thân thể gì hết, nên họ lên tới trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Và định này là tám vạn Đại kiếp, chỗ này nói là 84.000 Đại kiếp, rất lâu! Trái đất này sanh diệt 84.000 lần, thì quý vị thấy rất là xa xôi.

Mình tu như vậy, bốn tầng thiền mà vừa rồi Thiện Trang nói, còn gọi là Tứ thiền Vô sắc giới. Nếu nói [theo] A Tỳ Đàm thì gọi là Ngũ thiền Vô sắc giới. Tóm lại là do họ nhàm chán về Sắc pháp. [Nhàm chán về] Sắc pháp tức là không có muốn về vật chất. Còn nếu như không muốn về tinh thần, thì họ rơi vào trời Vô Tưởng.

Vậy thì bây giờ còn có pháp nào tu cao hơn nữa không? Đó là phải chánh niệm, cho nên A-la-hán vượt hơn. Bốn tầng thiền này thực tế cũng tương tự, chi thiền tương tự như Tứ thiền Vô sắc giới, hay là Ngũ thiền Vô sắc giới theo A Tỳ Đàm. Nhưng chỉ có đối tượng khác nhau, đối tượng ghi nhận về tâm mình khác nhau, đề mục quán khác nhau, đề mục hướng đến khác nhau, cho nên sanh ra như vậy, mình trụ trong định khác. Cho nên không có khác gì nhiều, còn chi

thiền [thì] giống vậy.

Về chi thiền thì Thiện Trang cũng có để ở đây, quý vị thấy cũng gồm có Định và Xả thôi. Tâm thiện Vô sắc cũng [gồm] Định và Xả. Tâm quả Vô sắc cũng gồm Định, Xả. Tâm tố Vô sắc cũng là Định và xả. Nhưng có Tâm thắng trí (Tâm hóa thông, Tâm hiện thông) cũng là Định và Xả.

Ở đây hôm nay Thiện Trang xin nói thêm một chút về Thần thông. Đề mục mà bên ngoại đạo tu, thông thường để tu đắc [những] thiền này thì chỉ cần tu về 10 mục. 10 đề mục đó là: Tứ đại [gồm] Đất, Nước, Gió, Lửa và bốn màu sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng, thêm hai điều nữa là Hư không và ánh sáng. Tu 10 đề mục này là có thể đạt được các tầng Thiền định này. Cho nên khi tu, ở đây Thiện Trang [xin] nói lược qua một chút.

Nếu như tu từ Sơ thiền trở đi, quý vị niệm một đề mục trong 10 đề mục đó, thì cũng đắc được Sơ thiền đến Tứ thiền. Ví dụ quý vị nghĩ tất cả đều là đất, nghĩ đến lúc nào mà đạt được thấy tất cả đều là đất hết. Nếu người niệm đắc được định đó, định đó có thể đạt được tới Nhị thiền, thì họ sẽ có Thần thông. Thần thông của họ chỉ có được một điều thôi, tức là họ quán tất cả biến thành đất. Mình thấy Hư không là [một] khoảng không, thì mình không lên được. Nhưng họ quán được Hư không thành đất, nên là họ đi lên Hư không được bình thường. Họ quán nước thành đất, cho nên họ đi qua nước được, họ đi [trên] mặt sông được. Nếu họ tu một đề mục thì [được] như vậy.

Còn nếu họ tu đề mục thứ hai, là tu đề mục về nước chẳng hạn. Họ quán tất cả đều [là] nước, thì có tác dụng gì? Nếu họ đạt được định tới cỡ đó, thì họ có Thần thông. Họ quán tất cả đều là nước, nên nếu đất mà họ quán thành nước thì họ chui xuống dưới được, nên họ có khả năng độn thổ lên xuống.

Đó là tu như vậy. [Tu] các đề mục này [thì có] Thần thông, [điều này thì] ngoại đạo tu cũng được, chưa cần nói đến nhà Phật. Nhà Phật thì có tới 40 đề

mục tu [như thế này]. Còn ngoại đạo tu thì chỉ có 10 [đề mục] là đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng đỏ, trắng, Hư không và ánh sáng [thôi].

Ở đây Thiện Trang muốn nói về tác dụng của việc nhập vào các đề mục để có Thần thông, thì có thêm tâm Thần thông (còn gọi là Tâm Thắng trí, Tâm Hóa thông, Tâm hiện thông) nữa. Tâm Thần thông này, nếu như ở tầng thiền dưới, họ chưa đạt tới đây, thì họ sử dụng có khi đắc một thứ thôi. Ví dụ như họ niệm đề mục đất, thì họ chỉ có được tác dụng đi đứng trên Hư không, dưới nước được thôi. Tại vì chỉ cần luyện được đề mục này là được. Còn nếu quán về nước, thì một hồi họ thấy tất cả đều là nước, cho nên họ độn thổ được. Còn họ quán tất cả đều là Hư không, thì họ đi xuyên qua tất cả vật cản. Đây là quý vị thấy họ có năng lực này.

Nếu họ quán màu trắng hoặc là ánh sáng, thì họ sẽ phát ra được ánh sáng, bằng cách là họ quán tất cả đều là màu trắng, cho nên nó biến thành màu trắng thì có ánh sáng thôi. Hoặc là họ lấy luôn ánh sáng ra thì có ánh sáng. Còn nếu họ quán tất cả là màu xanh, họ niệm đề mục đó, thì họ có thể biến thành bóng tối, cho nên họ che tối thui được. Đó là Thiện Trang lấy ví dụ thôi, còn những ví dụ khác nữa, như xanh, vàng, đỏ, trắng, Hư không, ánh sáng rồi đất, nước, lửa, gió. Giống như họ muốn ra lửa, [thì họ] phải lấy đề mục lửa để tu.

Nhưng quý vị biết là khi lên tới Tứ thiền Vô sắc rồi, thì họ đắc tất cả các đề mục này luôn. Tức là các tầng Thiền bên dưới như Sơ thiền, Nhị thiền, thì chỉ đắc được một đề mục. Còn lên trên này (Tứ thiền Vô sắc) thì họ đắc được 10 đề mục. Vì đắc được 10 đề mục này, cho nên họ có đủ các loại Thần thông. Họ nhập vào các đề mục để có Thần thông, cho nên họ có được Ngũ thông.

Ví dụ họ muốn đi trên Hư không, thì họ dùng đề mục Đất. Họ sẽ dùng đề mục là quán tất cả là đất, nhập vô đề mục đó thì họ thấy Hư không giống như đất liền vậy thôi, [thì họ cứ] đi thôi. Nước cũng vậy, [họ cũng] đi được. Rồi họ muốn đi qua vật cản, thì họ dùng đề mục [là quán] tất cả đều là Hư không, nên

họ đi qua được. Cho nên họ nhập vào đề mục nào, thì họ thấy như vậy, vì vậy họ thành công.

Đến Tứ thiền Vô sắc hoặc Tứ thiền Sắc giới, nếu họ đắc 10 đề mục là họ có Ngũ thông (Ngũ Thần thông). Nên tu Thiền chỉ có Thần thông, là lý do như vậy.

Ở đây có dòng này quan trọng: Phàm phu và bậc Thánh hữu học: dùng Tâm thiện Sắc giới để tạo Thần thông. Tức là phải dùng Tâm thiện Sắc giới, Sắc giới thôi chứ không phải Vô sắc đâu. Thánh hữu học là gì? Từ Tam quả trở xuống thì vẫn dùng Tâm thiện Sắc giới, đó là Định và Xả. Do có định này nên nhập vào các đề mục này vô tư, đây có định sẵn rồi.

Giống như lúc đầu Thiện Trang chia sẻ, mới đầu mình nghe pháp, nghe một hồi định sâu rồi, thì tự nhiên mình buông xuống, mình niệm Phật mới được là vậy. Hoặc là tu Thiền, thì mình thấy an lạc, mình vô được. Tại vì khi đắc định rồi, thì mình chỉ cần đổi đề mục thôi, dễ dàng! Cho nên người tu Thiền mà đổi sang đề mục niệm Phật thì cũng thành công. Mà người niệm Phật đổi sang tu Thiền thì cũng thành công. Bất cứ [pháp tu] nào cũng vậy, một hồi vô định rồi, thì mình chỉ [cần] đổi đề mục thôi.

Cho nên ở bậc Thánh nhân hữu học, là từ Tam quả A-na-hàm trở xuống, thì có thể dùng Tâm thiện Sắc giới để tạo Thần thông. Và hạng phàm phu cũng vậy. Tức là Tâm thiện Sắc giới thì cũng giống như Tâm thiện Vô sắc, Tâm thiện Sắc giới thì cũng là Định, Xả thôi.

Còn A-la-hán thì dùng Tâm tố Vô sắc để tạo Thần thông, cho nên A-la-hán cao hơn. Tâm tố hay tâm gì thì từ từ sau này chúng ta học, chứ còn bây giờ nhiều kiến thức quá.

Và hai tâm: Tâm thiện Sắc giới và Tâm tố Vô sắc, thì gọi là Tâm thắng trí (hay Tâm hóa thông, Tâm Hiện thông). Thông là Thần thông. Tóm lại bây giờ

có Thần thông là nhờ những điều này, quý vị hiểu nguyên lý không? [Cho nên] người tu mà muốn có Thần thông, [nếu] thực sự tu, mà muốn có Thần thông, thì dạy là tu nhanh lắm.

Điển hình là Đề Bà Đạt Đa, quý vị thấy khi đức Phật không cho [ổng xuất gia], thì ổng tự cạo tóc xuất gia. [Ổng] tìm đến một vị Tỳ-kheo, vị đó có đắc Thần thông. Đề Bà Đạt Đa nói [là hãy] dạy cho tôi có Thần thông, thì vị đó quên quán là dạy cho ổng để làm gì. Nên khi [được] dạy là [Đề Bà Đạt Đa] liền có Thần thông, ổng luyện một thời gian là có Thần thông, ổng đem Thần thông đó xài đã đời luôn. Cho nên ổng lên trời Đao Lợi lấy hoa Ưu-bát-la (tức là hoa sen), xuống tặng cho vua A Xà Thế. Rồi dùng đủ các thứ Thần thông, lên xuống, qua lại đủ các kiểu, nên vua A Xà Thế mê tít mắt. Vậy thì vua mới hộ trì [cho ổng], thì ổng mới phá Phật được.

Nên nếu người muốn có Thần thông, họ tu mấy định này thì dễ có Thần thông lắm. Nhưng đối với chúng ta, tu thì không quan trọng Thần thông, chúng ta tu quan trọng là giải thoát. Những Thần thông này, [nếu] mình có định thì cứ nhập vào các đề mục. Quý vị thấy 10 đề mục đó, mình tu làm sao để định đủ mạnh. Bây giờ quý vị muốn trời sáng, thì quý vị cứ nghĩ tất cả là màu trắng, tất cả đều là ánh sáng. Do sức định của mình mạnh, [thì] có thể tạo ra được như vậy. Vì vậy mình sẽ thấy ánh sáng phát ra, mà thậm chí người khác cũng thấy nữa.

Rồi mình muốn đi qua tường, thì mình chỉ cần nghĩ là tất cả đều là không. Do sức nghĩ của mình mạnh quá, nên mình [đi] xuyên qua được. Người khác thì thấy mình đi xuyên qua tường, còn mình thì thấy đâu có bức tường đó đâu, [cho nên] có Thần thông là vậy. Cho nên đây là nguyên tắc Thần thông, những điều này ai tu có định sâu thì mới hiểu được. Còn không cứ hiểu hiểu vậy đi, để mình hiểu nguyên lý. Hôm nay Thiện Trang nói thêm về Thần thông là như vậy, và quý vị biết nguyên lý này.

Sẵn đây Thiện Trang nói luôn, chúng ta tu để làm gì? Ở đây đáng lẽ nói về phần Tâm Thánh nữa, nhưng do không có thời gian, Thiện Trang chỉ nói đơn giản. Mức tối thiểu để đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, là quý vị phải có định chỉ Sơ thiền, [hoặc] chỉ cần Sát-na định hoặc là cận định là ít [nhất]. Còn không thì đắc định Sơ thiền (Thiền chỉ) luôn. Còn công phu Quán thì quý vị bớt được ba loại Phiền não: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Tất nhiên [nếu] mình có thể đắc cao hơn nữa thì càng tốt, nhưng mình đắc tối thiểu là vậy, thì [đắc] Sơ quả Tu-đà-hoàn. [Còn] Nhị quả Tư-đà-hàm cũng vậy, nhưng có khác là bớt được Tham và Sân. Tam quả A-na-hàm thì hết Ngũ hạ phần Kiết sử gồm có: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham và Sân. Và định [của] họ chắc chắn là định của Tam quả A-na-hàm, do sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên. Nếu đúng là sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên, thì phải có định từ Tứ thiền. Tất nhiên là do sức kia hàng phục thôi, khi Sân và Tham hết, [Tham, Sân được] hàng phục, thì tự nhiên Thiền chỉ đắc theo. Còn có khi nói khác đi, thì như vậy.

Còn A-la-hán thì diệt Năm thượng phần Kiết sử. Kia là Năm hạ phần Kiết sử thì còn Năm thượng phần Kiết sử nữa. Năm thượng phần Kiết sử còn gọi Ngũ thượng phần Kiết sử, gồm có:

1. Sắc ái kiết: Sắc ái kiết là còn ham có thân này. Mình còn ràng buộc bởi thân, mình còn muốn có thân. Do mình nghĩ mình cần có thân, đó là một loại Phiền não. Phiền não đó gọi là Sắc ái kiết. Cho nên những người tu tới Tứ thiền Sắc giới, thì họ vẫn còn [Sắc ái kiết].

2. Vô sắc Ái kiết: Vô sắc ái là không có sắc, cho nên đây là bốn tầng trời mình vừa mới học, là bốn định: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Thì chấp vào Vô sắc cũng không được, nên phải giải Vô sắc đó cho hết đi, là giải được hết Phiền não, gọi là Vô sắc Ái kiết. Như vậy Vô sắc ái là bốn tầng Thiền đó, [bị] dính vào đó thì vẫn là Vô sắc Ái kiết. Vì ái là yêu thích, yêu thích vào sự có Vô sắc (tức là không có hình tướng),

thì cũng không được, mà yêu thích vào [việc] có hình tướng thì cũng không được, [cả] hai đều không được.

3. Mạn [kiết]: Thượng phần Kiết sử thứ ba là Mạn kiết; #mạn là Ngã mạn. Cho nên A-la-hán mới diệt được Ngã mạn. Ngã mạn ở đây có ba mạn chung: Một là Ty liệt mạn, tức là mình cho mình dở hơn người ta. Thứ hai là Bình đẳng mạn, tức là mình cho mình ngang với người ta, mặc dù thực tế mình chưa có ngang với người ta. Nhưng mình tự ảo tưởng là mình ngang với người ta. Còn Ty liệt mạn mình tự cho mình thấp hơn người ta. Rồi Ngã mạn là [mình cho] mình hơn người ta, gọi là Thượng mạn. Một cái là đẳng, một cái là cho mình thấp hơn, một cái cho mình cao hơn. [Cho là] thấp hơn hay cao hơn đều dính vào Ngã mạn hết, nên phải bỏ.

Còn có hai cách chia nữa: Một là Như thật mạn, Như thật mạn là đúng như vậy mà mình chấp. Tam quả A-na-hàm trở xuống vẫn còn có Như thật mạn. Có nghĩa là tôi thấy rõ ràng là tôi hơn người ta mà, và sự hơn đó là hơn thật, hơn đúng như vậy. Nhưng do mình chấp mình có cái hơn đó, thì vẫn gọi là Như thật mạn, vẫn có ngã mạn. Cho nên Tam quả A-na-hàm thì vẫn dính vào điều đó.

Còn chúng sanh thì không phải như thật, [chúng sanh] thì đối ngược lại, là mạn đó không có thật, gọi là Vô thật mạn. Vô thật mạn tức là tôi không có giỏi hơn người ta, nhưng mình tưởng tượng, mình cho là mình giỏi hơn họ, thì điều đó là mình rớt vào Ngã mạn. Phàm phu thì dính vào điều này.

Tam quả A-na-hàm thì vẫn còn Như thật mạn. Còn A-la-hán thì hết rồi, không có đối đãi, không có so sánh là tôi hơn người nữa, cho nên A-la-hán rất đặc biệt.

[Về] Ngũ thượng phần Kiết sử, thì Thiện Trang mới nói ba điều, vẫn còn 2 điều nữa, đó là:

4. Phóng dật kiết: phóng dật là mình hay tùy tiện, mình không giữ giới

v.v… đó là phàm phu dính hết. Tam quả A-na-hàm vẫn chưa làm hết, Tứ quả A-la-hán mới diệt được.

5. Vô minh kiết: Vô minh thì khó hơn nữa, [Vô minh] nằm trong 12 nhân duyên. Vô minh nói chung là chưa biết rõ sự thật đối với Thánh đạo một cách rốt ráo, cho nên vẫn còn. Điều đó rất khó, bây giờ diệt được điều đó thì mới được.

Thiện Trang giới thiệu sơ như vậy, quý vị nghe được phần đề mục trước đi. Tóm lại Ngũ thượng phần kiết gồm có Sắc ái kiết, Vô sắc ái kiết, Mạn kiết, Phóng dật kiết, và Vô minh kiết. Mình hiểu rồi thì từ từ bữa sau mình chia sẻ sau, mỗi lần chia sẻ một chút. Tại vì bộ A Tỳ Đàm khó, nên phải giới thiệu nội dung như vậy. Đó là Thiện Trang đã giới thiệu xong, bây giờ chúng ta xin phép vào Luận Câu Xá.

已說色處，當說聲處。聲唯八種，謂有執受或無執受大種為因，及有情名、非有情名差別為四，此復可意及不可意差別成八。執受大種為因聲者，謂言手等所發音聲。風林河等所發音聲，名無執受大種為因。

Dĩ thuyết Sắc xứ, đương thuyết Thanh xứ. Thanh duy bát chủng, vị hữu chấp thọ hoặc vô chấp thọ đại chủng vi nhân, cập Hữu tình danh, phi Hữu tình danh sai biệt vi tứ, thử phục khả ý cập bất khả ý sai biệt thành bát. Chấp thọ đại chủng vi nhân thanh giả, vị ngôn thủ đẳng sở phát âm thanh. Phong lâm hà đẳng sở phát âm thanh. Danh vô chấp thọ đại chủng vi nhân.

Giải:

#Dĩ thuyết Sắc xứ, đương thuyết Thanh xứ: đã nói về bộ phận của Sắc rồi, bây giờ sẽ nói về các loại âm thanh. Tức là hôm bữa mình học bên Luận Câu Xá nói

về Ngũ uẩn thì gồm có Sắc; Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đó quý vị. Hôm bữa mình học xong phần Sắc rồi. Bữa nay mình nói về Thanh, các bộ phận của Thanh; #Thanh là âm thanh.

#*Thanh duy bát chủng*: âm thanh chỉ có tám loại thôi. Chúng ta biết Sắc thì có chỗ [nói gồm] 20 loại, còn âm thanh này có tám loại thôi. Vậy tám loại gồm:

#*Vị hữu chấp thọ hoặc vô chấp thọ đại chủng vi nhân*: là có chấp thọ hoặc không có chấp thọ đối với các đại lớn. #Đại chủng này thật ra là ngôn ngữ của ngài Huyền Trang, ngài thích dùng từ đại chủng. Nhưng ngôn ngữ chúng ta quen [gọi] là Tứ đại, là Đất, Nước, Gió, Lửa. Cho nên chữ nào đại chủng quý vị cứ để thành Tứ đại cho dễ. Nên ở đây chúng ta dịch là: Có chấp thọ hoặc không có chấp thọ các đại lớn (Tứ đại) làm nhân.

#*Cập Hữu tình danh*: và tên của Hữu tình.

#*Phi Hữu tình danh:* hoặc không phải tên của Hữu tình.

#*Sai biệt vi tứ:* tức là sai biệt là bốn.

Ở đây có nghĩa là mình có chấp trước, là mình chấp thọ hay không chấp thọ về bốn đại. Rồi có tên của chúng sanh. Bây giờ Thiện Trang nói điều này dễ hơn, ví dụ về âm thanh của Hữu tình. Tức là bây giờ có một số âm thanh phát ra: ví dụ âm thanh của con bò phát ra, mình nghe tiếng thì mình biết, vì nó giống con bò. Cho nên âm thanh này là tên của một Hữu tình.

Rồi âm thanh đó có thể không phải xuất phát từ Hữu tình, mà xuất phát từ Vô tình. Ví dụ như tiếng chuông bong, bong, hay của vật gì đó va đập nhau, như hòn đá lăn [phát ra tiếng] cộc, cộc, cộc, thì đó là Vô tình, là một loại âm thanh.

Rồi âm thanh thứ hai nữa là từ Hữu tình, tức là từ con bò hay con gì đó kêu, rống lên, hoặc là [từ] con người. Những âm thanh đó gọi là Hữu tình. Chúng

ta hiểu được như vậy, và chúng ta biết được đó là hai loại.

Còn đằng trước thì chấp thọ hay không chấp thọ. Chấp thọ tức là mình chấp có nghe hay không nghe. Hoặc không chấp thọ là không nghe. Mình có những loại như vậy, mình rớt vào hai điều này, thì chia ra làm bốn. Tức là tám loại âm thanh, có hai loại là chấp thọ và không chấp thọ. [Về] chấp thọ, ví dụ âm thanh được phát ra bởi tay, mình vỗ tay thì phát ra tiếng cạch cạch gì đó. Còn có loại âm thanh phát ra [mà] không phải do mình, tức là [mình] không có tác động tới [mà nó phát ra], thì gọi là vô chấp thọ. Mình cố tình tạo ra thì gọi là chấp thọ, còn cái nào mình không tạo ra, mà tự động có, thì gọi là vô chấp thọ.

Chúng ta hiểu như vậy cho dễ, chứ mấy ngôn ngữ này Thiện Trang thấy đều là thuật ngữ không thôi. Vì ngôn ngữ của ngài Huyền Trang sử dụng toàn là thuật ngữ. Thuật ngữ cho nên mình giải thích mờ cả mắt, mình đọc cũng không hiểu gì hết. Vì vậy chúng ta thấy khó, là do nhiều [thuật] ngữ quá.

#*Thử phục khả ý cập bất khả ý sai biệt thành bát*: bốn điều này lại có sự khác biệt [của] hài lòng hay không hài lòng. Tức là vừa lòng hay không vừa lòng, mà thành tám.

Âm thanh thì có bốn loại âm thanh, [có loại] âm thanh là do mình tác động mà phát ra, thì gọi là chấp thọ. Còn âm thanh mình không tác động mà phát ra, thì gọi là vô chấp thọ. Có âm thanh từ loài Hữu tình phát ra, và có âm thanh từ loài Vô tình phát ra, cho nên thành bốn. Trong đó nghe thì có hai loại, mình nghe thì cảm thấy hài lòng [hay không hài lòng]. Ví dụ như về tiếng nói, cũng có người nói giọng hay thì mình vừa lòng, mình thích nghe. Đó là một loại. Còn có người nói [nhưng] mình nghe thấy chán ghét, nghe giọng bà đó là mình thấy ghét rồi, [nghe] giọng ông đó là mình ghét rồi. Kiểu như vậy chia làm đôi nữa, cho nên bốn chia đôi thành tám.

Tức là có tiếng con vật kêu, ví dụ như [nghe tiếng] chim hót thì mình thích,

nhưng [nghe] con bò rống hay con gà gáy gì đó, thì mình khó chịu. Như [mình] đang ngủ mà gà gáy ò ó o… thì mình thấy khó chịu. Đó là sai biệt về đồng ý hay không đồng ý, vừa lòng hay không vừa lòng. Cho nên từ âm thanh của Hữu tình mà chia làm hai loại, nên [từ] bốn trở thành tám là vậy.

Vô tình cũng vậy, nhiều khi [nghe] tiếng gió thì dễ chịu, nhưng có khi nghe tiếng gió lại khó chịu, đó là [tiếng của] Vô tình. Tiếng [của] Vô tình ví dụ như sấm sét, tiếng sấm sét thì Thiện Trang đảm bảo ai cũng [thấy] khó chịu hết đúng không? Nhưng cũng có người thấy dễ chịu, nghe sấm sét mà tại sao thấy dễ chịu? Giống như nhà hàng xóm đang hát karaoke, nghe tiếng sấm 'rầm', mình kêu: Đã quá! Sấm to lên đi cho họ nghỉ, dẹp đi, họ không hát nữa, thì kiểu đó gọi là vừa lòng. Mặc dù tiếng sấm [khiến] người ta ghét, nhưng mình lại thích. Chính vì vậy âm thanh có tám loại, thì cách chia là như thế.

#Chấp thọ đại chủng vi nhân thanh giả, vị ngôn thủ đẳng sở phát âm thanh: tức là chấp thọ các đại chủng; #đại chủng là thân Tứ đại; làm nhân để phát ra âm thanh. Ví dụ như mình nói lời nói, hoặc là âm thanh được phát ra bởi tay v.v… nói chung [âm thanh] nào được phát ra từ Tứ đại của mình, thì đó cũng là một cách để chia ra.

#Phong lâm hà đẳng sở phát âm thanh. Danh vô chấp thọ đại chủng vi nhân: ngoài ra ở đây có nói cách khác, là những âm thanh được phát ra bởi gió, rừng, sông, v.v… thì gọi là không chấp thọ. Tại vì điều này mình không cố ý làm ra, mà nó tự có, không cần tác động của tay chân gì hết mà [âm thanh] tự phát ra, thì gọi là vô chấp thọ đại chủng. Tức là không chấp vào bốn đại lớn làm nhân, cho nên đấy là cách phân chia thôi.

Tạm dịch: Đã nói về bộ phận của Sắc rồi, giờ sẽ nói về bộ phận của Thanh. Âm thanh chỉ có 8 loại, là có chấp thọ hoặc không có chấp thọ các đại lớn (Tứ đại) làm nhân [phân loại], và tên theo Hữu tình, tên theo không phải

Hữu tình mà có 4 loại [âm thanh khác nhau], 4 loại đó lại có sự khác biệt của sự hài lòng và không vừa lòng [nên] thành 8 loại. Chấp thọ các đại lớn làm nên [loại] âm thanh, là như nói, âm thanh được phát ra bởi tay v.v... (Tức là âm thanh được phát ra từ Tứ đại của mình thì gọi là chấp thọ). Âm thanh được phát ra bởi gió, rừng, sông v.v... gọi là không có chấp thọ đại lớn (Tứ đại) làm nhân.

Những âm thanh vừa rồi, một [loại] thì chia [theo] Hữu tình với Vô tình, một [loại] là chấp thọ và không chấp thọ. Chấp thọ là phát ra từ Tứ đại của mình. Còn [không phát ra từ Tứ đại của mình] mà phát ra từ nơi khác, thì đó là không chấp thọ. Tóm lại là vậy, dễ hiểu hơn. [Tiếp theo] thì nói tới Hữu tình:

有情名聲謂語表業，餘聲則是非有情名。有說：有聲通有執受及無執受大種為因，如手鼓等合所生聲。如不許一顯色極微二四大造，聲亦應爾。

Hữu tình danh thanh vị ngữ biểu nghiệp, dư thanh tắc thị phi Hữu tình danh. Hữu thuyết: Hữu thanh thông hữu chấp thọ cập vô chấp thọ đại chủng vi nhân, như thủ kích đẳng hợp sở sanh thanh; Như bất hứa nhất Hiển sắc cực vi nhị tứ đại tạo, thanh diệc ưng nhĩ.

Giải:

#Hữu tình danh thanh vị ngữ biểu nghiệp: âm thanh theo [tên] của Hữu tình là biểu; #biểu là biểu nghiệp của ngôn ngữ.

#Dư thanh tắc thị phi Hữu tình danh: còn các loại âm thanh còn lại, thì không phải theo tên Hữu tình.

Có nghĩa là bây giờ âm thanh theo tên của Hữu tình là biểu nghiệp của ngôn ngữ. Giống như âm thanh của người là sự biểu hiện ra; #biểu nghiệp tức là biểu hiện ra nghiệp của mình. Mình là loài người, cho nên ngôn ngữ của mình

là ngôn ngữ loài người. Tiếng của loài người, dù tiếng Tây, tiếng Tàu, tiếng nước nào chăng nữa, khi mình nghe thì cũng xác định được là ngôn ngữ của người đúng không quý vị? Không thể nào nghe tiếng người nói, mặc dù mình không hiểu, nhưng mình cũng xác định đó là tiếng người, đâu đến nỗi [không nhận ra], đó là Hữu tình.

Các loài khác cũng vậy, mình nghe là mình có thể nhận định được. Đó gọi là Hữu tình là biểu nghiệp của ngôn ngữ. Tức là đó là biểu hiện của nghiệp. Nghiệp của loài người cho nên mới có ngôn ngữ, âm thanh đó. Nếu nghiệp của loài thú, thì tiếng của con thú không thể giống tiếng người được. Mặc dù có một số con như con két, con vẹt gì đó, nó cố gắng giả giọng người được. Nhưng nó giả cũng có phần nào đó thôi, nếu nghe kỹ thì cũng không giống được 100%. Quý vị cứ hiểu âm thanh này là âm thanh theo Hữu tình. Còn những âm thanh còn lại, không phải Hữu tình phát ra, thì là Vô tình. Đơn giản là vậy thôi!

#*Hữu thuyết:* là có khi nói, có chỗ nói.

#*Hữu thanh thông hữu chấp thọ cập vô chấp thọ đại chủng vi nhân:* có chỗ nói: có âm thanh thông có chấp thọ và không chấp thọ đại lớn làm nhân. Chúng ta đọc hết câu này thì mới hiểu được.

#*Như thủ kích đẳng hợp sở sanh thanh:* giống như là hai tay của mình, gõ vào vật hợp lại, thì phát ra âm thanh.

Ở đây nói như vậy thì cũng chưa đủ, ở trên cũng nói chưa đủ. Tức là có những âm thanh từ mình phát ra, từ loài người phát ra, từ Hữu tình phát ra. [Nhưng] có những âm thanh thì chưa hẳn là từ Hữu tình phát ra, thì đó là Vô tình phát ra. Giống như tiếng gió, tiếng sấm sét là [âm thanh của] Vô tình, nhưng có loại thì đâu phải vậy đâu. Như mình dùng tay gõ cái bàn cộc cộc cộc, thì rõ ràng tay mình là thuộc về Tứ đại, là do người, còn cái bàn là Vô tình, thì điều đó là thông hai cái lại. Chỗ này ý nói là có âm thanh là thông chấp thọ và không

chấp thọ các đại lớn làm nhân, như âm thanh được sinh ra bởi tay gõ vật hợp lại. Tức là hai đối tượng này hợp lại nữa, nói như vậy thì mới đầy đủ.

#Như bất hứa nhất Hiển sắc cực vi nhị tứ đại tạo, thanh diệc ưng nhĩ: như không cho phép một Hiển sắc cực vi hai [sắc] bốn đại tạo thành, âm thanh cũng phải như vậy.

Tức là bây giờ mình nói chỉ có một thứ thôi, một loại Hiển sắc, #cực vi là giống như hạt vi trần, hay chúng ta nói mấy nguyên tử nhỏ; bốn đại hay là hai sắc trong bốn đại tạo thành, thì âm thanh cũng phải như vậy. Tức là đôi khi kết hợp hai loại lại, chứ nói bốn đại không [thôi] cũng không được, mà nói những cái kia không thôi thì cũng không được. Cho nên âm thanh cũng phải như vậy. Đó là cách nói thêm cho viên mãn.

Tức là âm thanh ngoài Hữu tình ra, ngoài Vô tình ra, hay là riêng biệt, thì có hai [loại] kết hợp lại thành một. Nói chung mấy điều này không giúp cho chúng ta nhiều, cho nên chúng ta nghe hơi khó, không đạt được lợi ích gì lắm. Nhưng quý vị cứ nghe để hiểu thôi. Tại đây là Luận Câu Xá, Duy Thức chia chẻ nhỏ ra như vậy.

Tạm dịch: Âm thanh theo tên của Hữu tình là biểu nghiệp của ngôn ngữ, [loại] âm thanh còn lại là tên không phải theo Hữu tình. Có [chỗ] nói: có âm thanh thông có chấp thọ và không có chấp thọ các đại lớn (Tứ đại) làm nhân, như âm thanh được sinh ra bởi tay gõ [vật] hợp lại v.v... Như không cho phép 1 Hiển sắc cực vi 2 [sắc] 4 đại tạo thành, âm thanh cũng phải như vậy.

已說聲處，當說味處。味有六種，甘、醋、鹹、辛、苦、淡別故。

Dĩ thuyết Thanh xứ, đương thuyết Vị xứ. Vị hữu lục chủng: cam, thố, hàm, tân, khổ, đạm biệt cố.

Giải:

#Dĩ thuyết Thanh xứ, đương thuyết Vị xứ: tức là đã nói về những bộ phận của âm thanh rồi, giờ nói về bộ phận của vị. [Trong] Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, thì bây giờ là Vị.

#Vị hữu lục chủng: #vị này tức là vị của ăn, mình ăn có những vị đắng, cay, ngọt gì đó, thì ở đây có sáu loại. Trong bài cúng: *"Tam đức Lục vị, cúng Phật cập Tăng, phổ đồng cúng dường, nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh, thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn".* Quý vị nhớ bài cúng đó không? Ai đi chùa thì chắc biết. Tam đức Lục vị: Lục vị tức là sáu vị. Trong Luận Câu Xá nói rõ sáu vị đó là:

#Cam, thố, hàm, tân, khổ, đạm biệt cố: thứ nhất là #cam là ngọt, vị ngọt thì gọi là cam; #thố là chua, giống như mấy trái me, ai đó nhắc tới me là biết chua liền. Còn cam là ngọt, cam này không phải là trái cam, mà là vị ngọt, vị ngọt như đường. Còn thố là chua, chua như trái me, ai đang hát mà đem trái me để trước mặt, là không hát được. Tiếp theo #hàm là mặn, tính mặn của muối đó quý vị. Đó là ba vị rồi. Thứ tư #tân là cay, như ớt có vị cay; rồi #khổ là đắng. Cho nên mới có món gọi là khổ qua, nhiều người kêu ăn khổ qua cho nhiều, để cho qua cái khổ, đúng vậy không? Đó là mấy người không biết chữ Hán. Quý vị thấy chữ tượng hình của Trung Quốc, chữ khổ (苦) là từ bộ khẩu (là miệng) ở dưới, thêm bộ thập thành ra chữ thiệt, rồi thêm bộ thảo ở trên nữa. Nên mình tưởng tượng giống như người bị khổ (đắng cay) là thế nào, đắng là tại vì bị cái miệng người ta nói về mình nhiều quá, thì mình bị khổ. Cho nên khổ qua không phải là để cho qua khổ, mà chữ #khổ là đắng, còn chữ #qua là dưa, dưa đắng gọi là khổ qua. Quý vị hiểu chữ khổ qua là dưa đắng, là như thế. Cuối cùng là #đạm biệt cố: #đạm là nhạt, là không mặn, ngược lại. Kêu bữa nay sao món ăn này nhạt quá!

Sáu vị: vị thứ nhất là ngọt, cam tức là ngọt, thố là chua, hàm là mặn, vị mặn của muối đó, rồi tân là cay, vị cay của ớt, nên tân khổ là cay đắng. Người

ta hay dùng từ tân khổ, là mượn sự cay đắng của hai vị mà người ta không thích. Tiếp theo, đạm là nhạt. Những điều này thì dễ, mình quen quá rồi. Người nào thích nhiều vị bao nhiêu, thì cũng khá đúng không quý vị? Ăn uống đa số người ta thích ngọt, thích mặn, có người thích chua nữa, chua quá thì không thích, chua sơ sơ thôi. Có người thì không thích đắng, còn có người lại thích cay, đắng. Còn nếu mà quý vị thích cả sáu vị luôn thì giỏi. Cho nên người Việt Nam mình ăn được nhiều vị lắm, còn người nước ngoài ăn ít vị hơn. Sáu vị này khiến cho chúng sanh điên đảo, chính mình sống trong Ngũ dục. Cho nên nếu nói về dục, là nói về sự mong muốn, thì có bốn hạng người:

1. Hạng người thứ nhất là có dục: tức là có ham muốn rất nhiều, nhưng không có điều kiện. Tại vì nhà nghèo quá, hoặc không có điều kiện, cho nên người ta rất là thanh cao. Vì sao thanh cao? Vì không có điều kiện cho nên thanh cao, chứ không phải thật sự thanh cao. Cho nên gọi là có ham muốn, có tham, tức là có nhu cầu nhưng lại không có điều kiện.

Giống như đứa nhỏ [sống] nghèo quá, khi lớn lên nó kêu: tôi sống rất là tốt đẹp, tôi có làm gì xấu đâu v.v… Nhưng thực tế là họ không có cơ hội làm xấu, có danh gì đâu. Tôi đâu có vì danh đâu. Thật ra là tại vì tôi không có cơ hội thôi. Cho cơ hội lên làm vua mấy ngày thôi, hay làm Tổng thống, hay chức gì đó lớn lớn chút, là biết liền. Cho nên là không có cơ hội thôi.

2. Hạng người thứ hai là có ham muốn và có cơ hội: ở đây ít hơn, thể hiện ra là họ có nhiều ham muốn, [và họ có] tài sản, rồi nhà giàu, danh vọng có nữa v.v... điều đó thì rõ ràng.

3. Hạng người thứ ba là không có ham muốn và không có cơ hội: hạng này thì mình khó thấy đúng không quý vị? Mình đâu có biết được, bây giờ họ nghèo quá, họ [cũng] không có điều kiện. Không có [ham muốn], và cũng không có cơ hội, nên không biết được, không đo được. Thực tế là họ nghèo nhưng họ sống rất vô tư, họ sống rất là nhẹ nhàng v.v…

4. Hạng thứ tư là có điều kiện nhưng không có ham muốn: những người này thì đặc biệt. Tức là ở trong hoàn cảnh rất tốt đẹp, có thể nổi tiếng v.v… đủ các kiểu. Nhưng họ không chấp vào đó, họ cũng không ham, họ coi như gió thoảng mây bay. Tiền bạc thì nhiều nhưng xài sơ sơ, nhẹ nhàng thôi.

Ở trong kinh có nói có hạng người, bữa nay [Thiện Trang] không nhớ để trích dẫn. Đức Phật có nói về [cách] xài tiền, xài tài sản là thế này: Có người không có tiền mà xài nhiều, thì đức Phật nói điều đó thì không tốt. Có hạng người có tiền nhiều mà không xài, giữ cho kỹ không dám xài, đức Phật nói thế nào quý vị biết không, tốt hay không tốt? Không tốt! Đức Phật nói là hãy xuất nhập bình đẳng, tức là xuất nhập bằng nhau, trong Kinh A Hàm [nói]. Tức là cố gắng, tiền [hay] tài sản tới thì hãy dùng sao cho hợp lý, để ra vào cân bằng nhau. Không nên để tiền chết, không nên để tài sản chết.

Đức Phật có nói trong một bộ kinh khác, câu chuyện này hình như Thiện Trang đã kể rồi: Có một ông Trưởng giả tên là Ma-ha-nam (ở đây không phải là Thích Ma-ha-nam), ông rất giàu có, nhưng lại sống rất keo kiệt. Ổng không có xài gì hết, giữ tiền bo bo, cất tài sản rất nhiều. Đến khi ổng qua đời thì để lại rất nhiều tài sản, và vua Ba Tư Nặc tới thâu tài sản đó. Bởi vì ông không có con nối dõi. Cả đời ông xài rất ti tiện, ông xài ít lắm, cho nên ông [sống] khổ, ăn mặc cũng khổ v.v…. Vì vậy vua Ba Tư Nặc thâu được rất nhiều tài sản, nên mới thắc mắc, và tìm tới đức Phật. Người ông dơ hết, ông nói: *"Con đi thâu tài sản mệt quá, ông ấy có rất nhiều tài sản. Mà tại sao ông lại sống cuộc đời như vậy?"* Đức Phật nói: *"Tiền giống như nước trong hồ, nếu không đem xài cho họ, và xài cho những người thân của họ hay bố thí v.v.. mà cứ giữ như vậy. Thì giống như nước trong hồ, để lâu ngày rồi cuối cùng nước cũng khô cạn".* Cho nên nếu dùng thì phải cho nước chảy ra chảy vô. Tức là giống như nước trong hồ, cứ ra rồi vô, ra rồi vô, tức là xuất nhập bình đẳng. Đức Phật nói là xuất nhập bình đẳng. Xài tiền hay tài sản như vậy thì mới đúng cách.

Đức Phật nói: *"Còn ông đó [bị như vậy], thì nguyên nhân là trong đời quá khứ ổng bố thí cho một vị Bích-chi-phật. Cho nên mấy lần ông được sanh lên cõi trời Đao Lợi và sanh xuống nhân gian được giàu có như vậy. Nhưng do khi bố thí bằng tâm không tốt, bố thí xong rồi hối hận. Ông nghĩ bữa ăn đó, nếu mà để dành cho mấy đứa đầy tớ trong nhà ăn, thì còn tốt hơn bố thí cho một vị Bích-chi-phật. Nhờ quả báo đó nên ông được rất nhiều phước báo, nhưng vì điều đó mà ông không xài được. Vì tâm bố thí xong rồi hối hận, nên tiền thì có, được giàu có, thậm chí ở cõi Trời, nhưng không hưởng thụ được, ổng không xài được, ổng cứ tích luỹ vậy thôi.*

Rồi có một nguyên nhân nữa khiến ổng không có con, là tại vì ông đã giết một người em của mẹ kế, để cướp tài sản của người đó. Vì [nhân] đó mà sau khi bị đọa ra, ổng không có con nối dõi".

Rồi vua Ba Tư Nặc mới hỏi: *"Vậy sau khi ổng chết thì ổng đi về đâu?"* Đức Phật nói: *"Đời này ổng hết phước rồi, sau khi chết thì ổng vô Địa ngục".* Như vậy quý vị thấy uổng phí đúng không!

Rồi còn chỗ xài tài sản, bữa nào Thiện Trang sẽ trích ở bộ kinh khác, nói về cách xài tài sản. Cho nên hãy xài hợp lý, nhiều người tích lũy tài sản nhiều quá, tức là nước đọng. Hòa thượng Tịnh Không nói là nước đọng giống ao tù, thì cuối cùng sẽ hôi thối. Cách tốt nhất là tài sản đến rồi thì cho ra, bằng cách là mình xài, mình xuất nhập hợp lý. Tức là mình bố thí, làm phước, làm gì đó v.v… nếu [tiền] dư thì mình cho ra. Đức Phật có nói ở trong bộ kinh khác, trong đó chia các phần ra để làm gì. Để bữa nào Thiện Trang giới thiệu nguyên văn để cho quý vị thấy, trong Kinh A Hàm có dạy hết.

Cho nên chúng ta phải hiểu được, đôi khi mình nói về đời sống tu hành, nhiều người kêu: *"Tôi [phải] giữ tiền cho nhiều vô"*. Đức Phật nói tiền đó không đem ra xài, thì giống như nước trong hồ, rồi cũng bốc hơi bay hết. Nên mình muốn có phước báo, thì xuất nhập phải bình đẳng. Cứ vào [thì] cho ra, tiền bạc

cứ vào thì cho ra, vào ra thì tốt.

Thiện Trang thấy cũng bao nhiêu năm nay mình không có tích lũy gì hết, cho nên khi cần tiền để [làm] gì thì cũng không có, nhưng lại có được tự tại, [tiền] cứ ra vô, ra vô. Nhiều khi mình chưa kịp làm thôi. Ví dụ như quý vị gửi Thiện Trang [tiền] ấn tống in kinh thì chưa kịp làm. Vì in kinh thì lâu lâu mới in một lần. In kinh sách phải có thời gian, đáng lẽ đợt này có thời gian thì Thiện Trang sẽ in kinh sách, nhưng tại [Thiện Trang] không có thời gian, vì việc này việc kia dồn dập tới liên tục, nên là không kịp [in]. Chứ còn không, thì cũng in cho hết quỹ. Chỉ có mỗi quỹ in kinh là còn thôi, còn các quỹ khác cứ liên tục, liên tục, cứ gần cạn lại [có] tiếp tục. [Như] quỹ ấn tống máy nghe pháp chẳng hạn, đợt vừa rồi Thiện Trang ấn tống cạn luôn, phải coi có quỹ tiếp [thì] mới làm tiếp được. Tức là có những việc làm, mình có bao nhiêu thì mình làm bấy nhiêu. Thiện Trang bao nhiêu năm nay tin vào nhân quả. Cho nên cái giá của việc đó là như vậy, mình cứ học theo đúng lời Phật mình làm thôi. Mình tin là khi nào có vấn đề gì, thì tự nhiên tiền bạc sẽ đến, và sẽ tốt hơn. Đó là lời Phật, còn quý vị tin hay không thì là quyền của quý vị.

Tạm dịch: Đã nói về các bộ phận của âm thanh rồi, giờ nói về các bộ phận của Vị. Vị có 6 loại khác biệt (biệt cố là khác biệt): ngọt, chua, mặn, cay, đắng, lạt.

已說味處，當說香處。香有四種：好香、惡香、等、不等香，有差別故。本論中說香有三種：好香、惡香及平等香。

Dĩ thuyết Vị xứ, đương thuyết Hương xứ. Hương hữu tứ chủng: hảo hương, ố hương, đẳng, bất đẳng hương, hữu sai biệt cố. Bổn luận trung thuyết hương hữu tam chủng: hảo hương, ố hương cập bình đẳng hương.

Giải:

#*Dĩ thuyết Vị xứ*: đã thuyết về bộ phận của Vị rồi.

#*Đương thuyết Hương xứ*: tiếp theo hay giờ sẽ nói về các bộ phận của Hương; #Hương là mùi hương.

#*Hương hữu tứ chủng*: Hương thì có bốn loại, ít hơn. [Vị] thì có sáu loại. Sắc có 20 loại, [trong đó] âm thanh có tám loại, Vị thì có sáu, bây giờ còn có bốn thôi, khỏe hơn nữa.

#*Hảo hương, ố hương, đẳng, bất đẳng hương, hữu sai biệt cố:* tức là hương thì có bốn loại, gồm có hảo hương; #hảo hương là hương thơm; #ố hương: chữ này (惡) cũng là ác, nhưng đọc là ố, ố thì mới đúng âm. Ố tức là hôi, còn nếu [đọc âm] ác thì [nghĩa] là ác rồi, cho nên không phải. Ác là tính từ, ác với thiện. Còn đây là ố hương tức là hương hôi thối, người Miền Nam gọi là thúi. #Đẳng là hương bình đẳng, tức là [hương] ngang nhau. Hương bình bình, không có hôi, không có thối. Còn #bất bình đẳng hương là hơi nghiêng về là thơm [hơn] một chút (nhưng vẫn hơi hôi), hay là hôi hơn một chút.

Giống như chúng ta thấy hương thơm của nước hoa, thì có người kêu là thơm, nhưng có người kêu khó chịu quá, hương gì đâu mà hôi quá. Hoặc như trái sầu riêng, có nhiều người thì kêu sao thối quá, còn có người thì nói thơm mà. Cho nên mùi hương cũng khó phân biệt, do nghiệp và cũng là do thói quen nữa. Có nhiều khi mình ăn chay lâu rồi đó quý vị, giờ mình đi ngang qua mà nghe mùi người ta nướng thịt, thì mình thấy thơm hay là hôi, hay khó chịu?

Nếu là người ăn mặn, thì họ kêu thơm quá, thơm quá! Đó là thành hảo hương. Nhưng đối với mình, thì mùi này khó chịu quá, nên thành ố hương. Đây cũng là do nghiệp của chúng sanh mà cảm ra.

Rồi có mùi thì không rõ ràng, nó ngang ngang nhau thôi. Có mùi thì hơi hôi một chút. Ví dụ có người xài nước hoa kiểu gì, người đó thì thấy thơm,

nhưng người khác thì thấy hôi. Và có một số loài như bọ xít, thì hôi. Có một số loài thì hơi hôi thôi, mình ngửi kỹ thì mới thấy hôi, còn nếu không ngửi kỹ thì bình thường. Đó là bất bình đẳng hương (hương không bình đẳng).

#*Bổn luận trung thuyết hương hữu tam chủng: hảo hương, ố hương cập bình đẳng hương*: ở trong Luận này, thật ra nói có ba loại thôi, là hương thơm, hương thối (thúi) và hương bình đẳng (hương ngang nhau). Trong bộ Luận này, ngài Thế Thân nói chỉ có ba thôi, nhưng ngài Huyền Trang thì thấy chưa [đủ], ngài nói thêm hương bất bình đẳng nữa, là thành bốn hương.

Hết Hương rồi, bây giờ nói tới Xúc, Xúc thì nhiều hơn.

Tạm dịch: Đã nói về các bộ phận của Vị rồi, giờ nói về các bộ phận của Hương. Hương có 4 loại: hương thơm, hương thối, hương bình đẳng, hương không bình đẳng, vì có sự sai biệt. Trong Luận này nói Hương có 3 loại: hương thơm, hương thối và hương bình đẳng.

已說香處，當說觸處。觸有十一，謂四大種、滑性、澁性、重性、輕性及冷、飢、渴。此中大種後當廣說。柔軟名滑。麁強為澁。可稱名重。翻此為輕。煖欲名冷。食欲名飢。飲欲名渴。此三於因立果名故，作如是說。如有頌言：

Dĩ thuyết Hương xứ, đương thuyết Xúc xứ. Xúc hữu thập nhất, vị Tứ đại chủng, hoạt tính, sáp tính, trọng tính, khinh tính cập lãnh, cơ, khát. Thử trung đại chủng hậu đương quảng thuyết. Nhu nhuyễn danh hoạt. Thô cường vi sáp. Khả xưng danh trọng. Phiên thử vi khinh. Noãn dục danh lãnh. Thực dục danh cơ. Ẩm dục danh khát. Thử tam ư nhân lập quả danh cố, tác như thị thuyết. Như hữu tụng ngôn:

Giải:

#Dĩ thuyết Hương xứ, đương thuyết Xúc xứ: đã nói về các bộ phận của Hương rồi, giờ nói về các bộ phận của Xúc.

#Xúc hữu thập nhất: Xúc có 11 loại. #Xúc là thân thể của mình tiếp xúc với gì đó, thì có 11 loại. Mình xem thử 11 loại là gồm những gì?

#Vị Tứ đại chủng: gồm có Tứ đại. Tứ đại là: Đất, Nước, Gió, Lửa. Ví dụ như mình tiếp xúc, thì mình biết đó là đất. Mình tiếp xúc, thì mình biết đó là lửa, vì nó nóng hay lạnh. Nóng hay lạnh, [thì] là lửa. Nước thì dễ rồi, cảm giác của mình [khi] rờ vào nước, thì [thấy] chất lỏng lỏng, thì mình biết đó là nước. [Về] gió, thì mình thấy gió thổi nhè nhẹ, thấy mát mát, hay cái gì đó có gió. Bốn điều đó là thuộc về bốn xúc của mình.

#Hoạt tính (hoạt tánh): là tính chất trơn. Ví dụ mình đi trên đường, mình thấy đường trơn. Hay là có những lớp gì đó trơn, như dầu trơn [chẳng hạn].

#Sáp tính (tính hay tánh đều được): #sáp thì ngược lại với trơn, là rít. Rờ vào [thấy] dính, rít, là không trơn.

#Trọng tính, khinh tính: #trọng tính là tính nặng. Ví dụ mình cầm một vật, thì mình biết vật này nặng quá. [Còn] khinh tánh là mình biết vật này nhẹ, giống như bông gòn.

Đó là bốn đại: Đất, Nước, Gió, Lửa, với tính về trơn, rít, nặng, nhẹ, là tám rồi. Mình còn ba điều nữa là đủ 11 thứ.

#Cập lãnh, cơ, khát: #lãnh là rét (lạnh). Quý vị tiếp xúc với gì đó, thì mình thấy lạnh. [Như] quý vị đi ngoài đường, tiếp xúc với không khí, hay là dựa vào tường thì thấy lạnh quá. Đó cũng là một trạng thái của Xúc. #Cơ là đói, đói cũng là một trạng thái cửa Xúc. Đói là mình thấy đói, thì cũng xếp vào là Xúc. #Khát là thấy thiếu nước.

Muốn ăn thì là đói, muốn uống thì là khát. Khi nào mình thấy cần phải ăn,

rất muốn ăn, thì mình biết là đói. Còn khi nào mình cần phải có nước, thì đó là khát. Đó cũng là Xúc. Như vậy là thành 11 [loại].

#*Thử trung đại chủng hậu đương quảng thuyết:* ở trong các loại lớn thì về sau sẽ nói rộng thêm; #hậu là về sau.

#*Nhu nhuyễn danh hoạt:* cái nào mềm mại thì gọi là trơn. Điều này thì dễ hiểu rồi! Cái nào mềm mại thì trơn, trơn thì mới chạy theo, còn cứng quá [thì không chạy được].

#*Thô cường vi sáp:* #thô là to, lớn; #cường là cứng, không mềm dẻo; cứng mà lớn thì gọi là sáp. Ví dụ như mình rờ vào cục đất, thì thấy cứng, nó vừa to vừa rít nữa. Đó là to cứng, [là rít].

#*Khả xưng danh trọng:* #khả xưng là đáng kể; đáng kể thì gọi là nặng. Tức là mình cầm một vật lên, mình thấy nó có sức nặng một chút, sức đáng kể, vì ảnh hưởng đến tay mình, thì là nặng.

#*Phiên thử vi khinh:* ngược lại với điều đó, thì gọi là nhẹ. Nhẹ là mình cầm một vật lên, thì mình cảm thấy như không. Giống như cầm bông gòn, thì mình đâu có cảm giác gì đâu, không có đáng kể gì hết, nên gọi là nhẹ.

Đúng là Luận Câu Xá, Duy Thức, giải thích mấy vấn đề [này] đơn giản. Giống như mình hỏi thế nào là nặng, thế nào là nhẹ, thì không trả lời được. Nhưng trong này giải thích rõ [ràng], như mình cầm một vật gì đó lên, mình cảm thấy [vật đó] đáng kể, thì gọi là nặng. Còn như bông gòn, mình cầm cũng như không cầm. Hay là bông cỏ, dính vào người mình, mình đâu có cảm giác gì đâu, thì đó là nhẹ. [Hay] là con muỗi đậu lên má của mình, mình cũng không cảm giác được, thì con muỗi là nhẹ. Còn nếu như vật gì đó nặng nặng, mà dính lên má của mình, thì mình cảm thấy nặng rồi, thấy khó chịu rồi.

Cho nên Duy Thức Học định nghĩa chính xác, ghê thật! Gọi là Duy Thức

mà, Duy Thức Pháp Tướng, A Tỳ Đàm, Luận Câu Xá, những bộ thuộc về mảng này, thì chia chẻ rất chi tiết.

#*Noãn dục danh lãnh:* #noãn là ấm; #dục là mong muốn; muốn ấm thì gọi là lạnh. Ở đây định nghĩa đúng quá! Định nghĩa đơn giản, là bây giờ mình muốn ấm lên, thì tất nhiên lúc đó là mình đang bị lạnh rồi.

#*Thực dục danh cơ:* khi muốn ăn thì gọi là đói.

#*Ẩm dục danh khát:* khi muốn uống thì gọi là khát.

Điều này là đương nhiên! Định nghĩa như vậy, chứ bây giờ mình đâu biết định nghĩa khát [theo] kiểu gì. Khát nước là tình trạng thiếu nước, thiếu nước thì biểu hiện ở đâu? Biểu hiện ở chỗ mình thấy cần uống nước, thì gọi là khát. Còn đói thì định nghĩa thế nào? Là khi nào mình cảm thấy đang cần ăn, muốn ăn, thì gọi là đói. Định nghĩa này theo Duy Thức cũng hay!

#*Thử tam ư nhân lập quả danh cố:* ba điều này là nương vào nhân mà lập thành tên; #ư là nương vào. Tức là coi nhân đó là nhân gì, nhân muốn ăn thì lập thành đói, nhân mà cần uống nước thì lập thành khát, nhân muốn ấm thì gọi là lạnh.

#*Tác như thị thuyết, như hữu tụng ngôn:* tức là đã nói như vậy, như có bài tụng:

Bài tụng này thì không phải bài tụng của kinh văn, mà tụng này là bài tụng của ngài Huyền Trang.

Chư Phật xuất hiện lạc	諸佛出現樂，	Vui thay Phật xuất hiện
Diễn thuyết Chánh pháp	演說正法樂，	Vui thay diễn Chánh

lạc		pháp
Tăng chúng hòa hợp lạc	僧眾和合樂，	Vui thay Tăng hòa hợp
Đồng tu dũng tấn lạc.	同修勇進樂。	Vui thay chúng đồng tu Cùng dũng mãnh tinh tấn.

Giải:

#*Chư Phật xuất hiện lạc*: là chư Phật xuất hiện ở đời thì vui; #lạc là vui. Mình dịch suông câu là: Vui thay chư Phật xuất hiện. Hoặc là mình dịch năm chữ là: Vui thay Phật xuất hiện (tức là Phật sẽ ra đời). Chúng ta hay có bài "Vui thay Phật ra đời". Ý này là đáp ứng lại với Xúc, mình tiếp xúc được Phật ra đời thì mình thấy vui.

#*Diễn thuyết Chánh pháp lạc*: là Vui thay diễn Chánh pháp. Ở đây do thiếu chữ, nên không thể thêm chữ 'thuyết' nữa; #diễn là làm, biểu diễn cho người ta thấy, thực hành Chánh pháp cho người ta thấy; #thuyết là nói cho họ.

#*Tăng chúng hoà hợp lạc:* chữ #lạc đằng sau này mình dịch lại theo đúng ngôn ngữ, là sự vui khi Tăng chúng hoà hợp. Ở đây giống như A là một danh từ, B là một danh từ, A đứng trước B, thì trong cấu trúc chữ Hán sẽ đảo ngược lại thành B đứng trước A. Vì B đứng trước nên mình dịch là: Vui thay Tăng hòa hợp.

#*Đồng tu dũng tấn lạc*: tức là niềm vui khi các đồng tu cùng nhau dũng mãnh tinh tấn, thì mình vui mừng.

Tạm dịch:

Vui thay Phật xuất hiện

Vui thay diễn Chánh pháp

Vui thay Tăng hòa hợp

Vui thay chúng đồng tu

Cùng dũng mãnh tinh tấn.

Ở đây mình dịch dư ra một câu, nhưng chúng ta dịch vậy cho đủ nghĩa.

於色界中無飢渴觸，有所餘觸。彼界衣服，別不可稱，聚則可稱。冷煖於彼雖無能損而有能益。傳說如此。

Ư Sắc giới trung vô cơ khát xúc, hữu sở dư xúc. Bỉ giới y phục, biệt bất khả xưng, tụ tắc khả xưng. Lãnh noãn ư bỉ tư vô năng tổn nhi hữu năng ích. Truyền thuyết như thử.

Giải:

#*Ư sắc giới trung vô cơ khát xúc, hữu sở dư xúc:* tức là ở trong trời Sắc giới, trời Sắc giới quý vị nhớ từ đâu không? Là từ Sơ thiền trở lên đến Tứ thiền Sắc giới, tức là trừ bốn tầng trời: Không Vô Biên xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Suốt 18 tầng trời từ Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên, Thiểu Quang Thiên, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tưởng, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến, trời Sắc Cứu Cánh. Đó là 18 tầng trời của Sắc giới.

Để quý vị dễ nhớ, thì Thiện Trang xin nói thế này: quý vị nhớ là ở tầng Sơ thiền là có chữ Phạm, nên đầu tiên là Phạm Chúng Thiên, đến Phạm Phụ rồi Đại Phạm. Sơ thiền thì gắn với chữ Phạm, là vì Sơ thiền đã lìa được các dục rồi, các dục nam nữ hết rồi. Chư thiên ở cõi trời dưới thì còn nam nữ, như trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi thì họ còn ôm ấp nhau, giống như ở nhân gian, chỉ có khác là họ không có ra những thứ bất tịnh (không có xuất tinh chẳng hạn). Đó là trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi như vậy. Còn lên trời Tu Diễm Ma thì đỡ hơn, trời Đâu Suất còn đỡ hơn nữa. Trời Hoá Lạc thì nhẹ hơn và trời Tha Hoá Tự Tại thì nhẹ hơn nữa. Ví dụ như ở trời Tha Hoá Tự Tại, họ chỉ cần nhìn thoáng qua thôi, thì họ thoả mãn dục vọng của họ rồi. Còn trời thứ năm là Trời Hoá Lạc, thì họ nhìn nhau kỹ một chút, tức là nhìn nhau hơi lâu một chút, thậm chí là mỉm cười với nhau. Còn ở dưới hơn là họ nắm tay nhau thôi là đủ rồi. Đó là do dục càng lên trên càng nhẹ. Cho nên từ Sắc giới là họ không còn dục nữa, không có ăn uống, không có gì hết. Đó là từ Sơ thiền Sắc giới, đến tầng trời cuối cùng là Sắc Cứu Cánh Thiên.

Ở đây nói trong cõi Vô sắc thì không có xúc về đói khát, tại vì họ hết ăn uống rồi, sướng không? Mình còn ăn uống, cho nên còn khổ, bây giờ nhiều người nói: *"Ăn sướng mà thầy!".* Nhưng thực tế ăn là khổ. Thứ nhất là phải đi làm, phải kiếm tiền mới có ăn, đó là khổ rồi. Thứ hai ăn xong thì cơ thể nặng nề, rồi ăn [vào] còn phải đi đại tiện, tiểu tiện, [nên] ăn uống là khổ rồi. Rồi ăn uống là nạp vào người bao nhiêu thứ, cho nên bệnh cũng từ ăn uống mà ra. Cơ thể mình ở nhân gian, tại mình sống quen rồi nên mình thấy sướng, thậm chí mình kêu ăn mới đã, nhưng thực tế thì không phải.

Đối với 18 tầng trời Vô sắc, thì họ không còn ăn nữa và không cần uống nữa. Cho nên Xúc bớt đi, 11 loại Xúc thì họ chỉ còn chín [loại], [họ] bớt đi, nhẹ đi rồi, đây nói là như vậy.

#*Hữu sở dư xúc*: nhưng có những xúc còn lại.

#Bỉ giới y phục, biệt bất khả xưng, tụ tắc khả xưng: tức là y phục ở cõi đó, chia ra (phân ra) thì không thể nào kể hết được. Tại vì nhiều lắm, đủ các loại y áo, y phục. Nhưng nếu gộp lại cũng có thể kể hết được. Cho nên quý vị nghe nói là mình phải hiểu, tức là mình ở cõi này phước kém lắm. Quý vị ở [cõi này] mặc quần áo, mình thấy y phục thời trang, qua Paris hay là Rome, mấy kinh đô thời trang (kinh đô ánh sáng), mình ăn mặc thấy đẹp vậy thôi, nhưng so với y phục của chư thiên Sắc giới là khỏi bàn. Ở trên đó có nhiều loại, nhiều kiểu, đủ các chủng loại, và [rất] dễ chịu nữa.

Quý vị đồng tu trong nước thì có thể không biết, nhưng những đồng tu nào đã đi ra nước ngoài, ra Châu Âu là thấy có sự khác biệt giữa quần áo trong nước và nước ngoài. Quần áo ở trong nước, mình mặc vào, tại do mình mặc hoài nên mình không có cảm giác, nhưng ngày nào đó quý vị qua bên Châu Âu, mà qua các nước phát triển kha khá chút. Quý vị chỉ cần được người ta tặng cho một bộ quần áo, đúng của nước đó, quý vị mặc vô xong là sau này quý vị cảm thấy không muốn mặc đồ của Việt Nam nữa. Tại sao vậy? Bởi vì nó rát. Không biết sao nữa, [chắc] do mình mặc đồ [của Việt Nam] quen rồi, hình như da mình chịu quen rồi hay sao ấy. Nhưng nếu mình mặc đồ kia một thời gian, sau này mình trở lại mặc đồ của Việt Nam, mình cảm thấy người bị rát. Thậm chí có người bị ngứa, khó chịu, tại vì vải bị sao đó.

Cho nên ở cõi Người thôi mà đã khác rồi. Thiện Trang thấy một số đồ thời trang của nước mình, mình mặc vô thấy nặng. Còn đồ của [nước] người ta, có những bộ đồ sao mặc vào thấy nhẹ một cách lạ lùng. Giống như Việt nam mùa đông mặc quần áo phải dày lên, dày ơi là dày, lớp này lớp kia, mặc [vào] nặng người ghê gớm thì mới ấm. Còn đồ mùa đông ở Châu Âu, Châu Âu họ lạnh hơn Việt Nam mình nhiều, thì mặc đồ rất mỏng thôi nhưng vẫn ấm, đồ nhẹ mà vẫn ấm.

Đó là việc ăn [mặc] ở Thế giới này thôi đã khác biệt như vậy, huống hồ chi

lên cõi Trời. Cho nên chúng ta sống ở đâu thì mình quen ở đó rồi, mình cứ nghĩ như vậy, nên không bao giờ mình cảm thấy [khổ]. Chứ ngày nào đó cho quý vị lên sống trên cõi Trời, thì quý vị không bao giờ thích trở lại xuống nhân gian nữa đâu. Tại mình không có trải nghiệm, cho nên nhiều người sang nước ngoài xong rồi, cũng chẳng muốn về ở Việt Nam nữa, nhiều người nói vậy.

Tại vì mình sống ở đó mình cảm thấy môi trường, đồ đạc, mọi thứ đều tốt. Giống như đồ bên Châu Âu quý vị không cần đi mua, quý vị đi lượm đồ người ta bỏ về xài là đã rồi. Thiện Trang đi lượm rồi Thiện Trang thấy, hồi xưa mình kêu: Ôi mình đi lượm đồ là tiết kiệm. Xin lỗi quý vị! Đi lượm mấy đồ người ta [bỏ đi], giống như Thiện Trang ở chỗ này, Chủ nhật cuối tháng người ta bỏ đồ đầy bên ngoài trước cửa nhà. Đồ nào họ cần bỏ thì cứ bỏ đó, là có người đi gom. Mình đi dạo dạo, coi đồ nào mình lấy được thì đem về xài, toàn là đồ ngon không đó quý vị. Những đồ [họ] làm bao giờ cũng ngon hết, cho dù là đồ gì vẫn còn xài được. Nhưng tại vì [dùng đồ] lâu rồi, bao nhiêu năm rồi, người ta thấy cần đồ mới hơn [nên] người ta bỏ. Cho nên đồ [đó] thì mình xài còn ngon lắm, đem về Việt Nam mình xài là ok luôn. Rất nhiều thứ, đồ này đồ kia.

Đó là nội trên Trái đất này của mình thôi, mà nền văn minh đã khác nhau một trời một vực giữa các nước trên Thế giới. Rồi quý vị qua Châu Phi, thì quý vị còn thấy khổ nữa, mấy nước nghèo cực kỳ khổ luôn, họ không có để sống nữa, khổ lắm! Cho nên người ta sống ở mỗi nơi, thì đã nhận thức khác nhau rồi, huống hồ mình lên cõi Trời, thì mình thấy khác biệt lắm. Cho nên ở đây nói kể về y phục thì không kể hết được, mà trời Sắc giới còn hơn nữa, trời Dục giới đã hơn mình rồi.

Cho nên quý vị học Phật pháp, quý vị tư duy như vậy đó, thì mới xả ly Thế giới này được. Còn quý vị mà không có tư duy [như] vậy, thì quý vị ham Thế giới này lắm, ham thì không đi được. Có nhiều người bây giờ thân thể đau bệnh rồi, Thiện Trang nói là quán thân thể này giống như ngôi nhà của mình thôi,

mỗi đời là một ngôi nhà. Thì thôi giống mình bỏ [căn] nhà này, mình chuyển nhà đó mà. Đời này thân thể mình sắp ra đi, bị bệnh đau gì đó. Thì thôi [bỏ] đi, mình cứ quán là: Ta sắp có nhà mới, nhà mới sẽ tốt hơn nhà cũ. Cứ nghĩ như vậy, ta sắp có thân thể mới, thân thể mới sẽ tốt hơn thân thể cũ. Vì ta có một đời tu tập hoặc là ít nhất mình có Chánh niệm rõ ràng lúc ra đi, thì chắc chắn mình sẽ có căn nhà mới tốt đẹp hơn, tức là thân thể mới tốt đẹp hơn. Và mình phải tin rằng mình tu thì mình sẽ được như vậy.

Giống như trong Kinh, Thích Ma Ha Nam, Thích Ma Ha Nam là người Cư sĩ tại gia của dòng họ Thích, ông thấy mấy người cưỡi ngựa hung dữ, chạy rầm trời ngoài đường, ổng sợ quá, kêu: bây giờ mà bị mấy con đó tông một phát chắc là chết, chết bất ngờ thì đi về đâu. Ổng sợ quá nên hỏi [đức Phật]: *"Bạch đức Thế Tôn! Nếu bây giờ con bị mấy người cưỡi xe ngựa, chạy ầm ầm, tông một phát chết, thì con sanh về đâu? Hay là con bị những tai nạn, như bị cây đè hay bị gì đó, [mà] chết đột ngột, thì con sanh về đâu?"*. Đức Phật mới nói: *"Ông nhìn cây to kia kìa, nó đang nghiêng về bên phải đó (có kinh nói nghiêng về bên phải). Bây giờ [nếu] cây đó ngã xuống, thì sẽ ngã về hướng nào?". [Thích Ma Ha Nam nói]: "Dạ, tất nhiên cây đó sẽ ngã về hướng bên phải"*.

Đức Phật mới nói: *"Vậy ông đừng có sợ rằng ông chết sẽ bị đọa lạc. Bởi vì khi tu hành, với công đức giữ giới, những việc làm trong đời, thì những nhân đó giống như cây đã nghiêng về hướng đó rồi, thì khi chết vẫn được sanh vào cảnh giới lành thôi. Giống như khi hũ bơ, hũ dầu bị bể ra, thì các mảnh của hũ dầu rơi xuống dưới sông, nhưng dầu thì nổi trên mặt sông. Cũng vậy, khi cơ thể gặp những chuyện tai nạn, chết một cách kinh hoàng như vậy. Nhưng ông yên tâm, là thần thức ông sẽ được sanh lên các cõi lành"*.

Mình tu thì mình phải có quán niệm như vậy, càng đau đớn bao nhiêu thì hãy cố gắng quán rằng: Ta sắp có thân thể mới, thân thể đó tốt đẹp hơn thân thể này. Ai tu Tịnh Độ thì biết Tây Phương Cực Lạc, có hy vọng về Tây Phương

Cực Lạc, thì thân thể càng tuyệt vời hơn nữa, trong Kinh Vô Lượng Thọ nói còn hơn cả thân thể của chư thiên nữa. Cho nên điều đó tốt đẹp hơn.

Mình cứ nghĩ như vậy thì mình quán, mình tu. Chứ nhiều người đến lúc sợ chết quá, vì sao sợ chết? Vì sao sợ đau? Vì Thân kiến nặng quá. Thiện Trang không nói là quý vị bỏ được Thân kiến. Nhưng quý vị bỏ bớt đi, xả được một phần Thân kiến, thì đỡ được một phần đau.

Và muốn đỡ đau thì chúng ta tu [phải] có Thiền định, Định chỉ sẽ giúp đỡ đau, thật ra Định quán cũng giúp đỡ đau. Những điều nghĩ như vừa rồi là chỉ Định quán, những cách đó là cách quán. Còn nếu không [quán] nổi nữa, thì [dùng] Chỉ, là niệm Phật. Niệm Phật cũng là một cách để quên đi những vọng niệm đau, thì tự nhiên sẽ không đau. Nhiều khi quý vị chỉ cần tập trung vào việc gì đó, [thì] quý vị đâu có đau đâu. Nhiều người bị bệnh, như bệnh dạ dày chẳng hạn, bình thường đau lắm, nhưng đang suy nghĩ việc gì đó, một hồi đâu có biết đau đâu.

Cho nên đó là do vọng niệm của mình đặt tâm ở đâu. Đó là mình trụ ở đó, [và] đó cũng là chi thiền. Quý vị biết Thiền gì không? Nó nằm trong định, định không phải là tu Thiền mới có định, mà định ở ngay trong đời sống, mình phải có một chút định. Chi thiền [là] phải tập trung tâm, thì tập trung tâm về đâu sẽ giải quyết vấn đề [ở đó].

Cho nên khi nghiệp tới, khi chuyện gì tới, [hãy] cố gắng tập trung tâm vào điều tốt đẹp. Đừng tập trung tâm vào những điều xấu, để cho nghiệp trổ mạnh hơn nữa thì không tốt, mình cố gắng được như vậy. Đó là Thiện Trang chia sẻ những bí quyết, mà chúng ta cần nên tu tập.

#Lãnh noãn ư bỉ tư vô năng tổn nhi hữu năng ích. Truyền thuyết như thử: tức là sự lạnh ấm đối với người ở cõi ấy (cõi Trời đó), tuy không gây ra sự tổn hại, mà lại còn có ích nữa.

Quý vị thấy không! Ở đây muốn nói là chư thiên ở trời Sắc giới, khi mình bị lạnh nóng thì mình khó chịu, còn đối với chư thiên trời Sắc giới thì họ không có khó chịu, không có tổn hại gì hết, mà còn có lợi ích, gây cho họ sự hưng phấn hơn, tốt hơn.

Cho nên quý vị thấy phước báo trời Sắc giới khác hơn [so với] ở chúng ta. Chúng ta tới mùa đông thì lạnh lắm, lạnh run cầm cập. Ở Việt Nam thì tới miền Bắc mới có lạnh. Có người nói [với] Thiện Trang, là tại sao độ lạnh ở Việt Nam không thấp bằng Châu Âu, mà lại chịu không nổi? Còn ở Châu Âu thì lạnh hơn, âm độ luôn, mà người ta chịu nổi, người ta ra đường cũng thoải mái.

Quý vị biết hai cái lạnh này khác nhau, lạnh [ở] Việt Nam là lạnh mà còn có ẩm nữa, hơi ẩm tức là hơi nước trong không khí. Giống như mình ở trong căn phòng toàn hơi nước, cho nên là lạnh hơn. Đã lạnh rồi mà còn có hơi nước nữa, nên thành ra cảm giác lạnh hơn. Còn ở Châu Âu là lạnh mà khô, nên ít lạnh hơn. Tức là trong không khí có ít hơi nước, hơn nên ít lạnh hơn. Vì vậy âm độ cũng không sao, người ta vẫn chịu đựng được.

Quý vị cứ tưởng tượng trong phòng lạnh khô, thì khác với trong phòng lạnh mà ẩm. Cho nên bây giờ mùa nắng, quý vị thấy có quạt gió thôi là khác, có quạt hơi nước thì khác. Việt Nam hay xài quạt hơi nước, có hơi nước thì tự nhiên mát, quý vị [có thể] tưởng tượng như vậy. Cho nên lạnh khác nhau. Mà ở trên trời Sắc giới thì lạnh ấm hay lạnh nóng, cũng không có tổn hại gì với họ, mà còn mang lại cho họ lợi ích nữa. Và được truyền thuyết như thế, tức là trong kinh truyền thế nào thì mình nói như vậy. Đây là chúng ta hiểu thêm để học.

Cho nên Thiện Trang nói là học bộ này, để mình hiểu rõ cảnh giới, mình hiểu từng chút tích lũy dần dần, [để] mình buông được Thế giới này, mình mới tu được. Còn không mình ở đây, mình cứ hâm mộ Thế giới này khủng khiếp lắm, mình muốn ở Thế giới này [thôi]. Mình ham cái nhà, ham toàn mấy thứ đồ dỏm không. Còn trên [cõi Trời] thì sướng, quý vị thấy cõi Trời hồi nãy mình

lược [qua], tuổi thọ cõi Trời rất dài xa so với nhân gian, mình đâu có nghĩa gì đâu! Quý vị tu có một chút, tu có mấy chục ngày, tu bao nhiêu đâu mà đắc Thiền một cái là ngon. Và Thiền lên một phát là lên luôn ở trên đó, ở đã luôn. Nhưng vẫn chưa bằng người giải thoát ra khỏi sanh tử.

Cho nên nếu không học, thì mình thấy Thế giới này quá tuyệt vời. Còn nếu mình học, thì mình thấy Thế giới này chẳng là gì hết. Cho nên phải học những bộ này, từ từ mình sẽ hiểu. Tuy là nói thấy không liên quan gì, nhưng thật ra cũng có liên quan đó quý vị.

Tạm dịch: Ở cõi Vô sắc không có xúc về đói, khát, nhưng có những xúc còn lại. Y phục ở cõi ấy, chia ra thì không thể kể hết, gom lại thì có thể kể hết. Sự lạnh ấm ở cõi ấy dù có nhưng không bị tổn hại mà lại có được sự lợi ích. [Được] truyền nói như vậy.

此中已說多種色處。有時眼識緣一事生，謂於爾時各別了別。有時眼識緣多事生，謂於爾時不別了別，如遠觀察軍眾山林、無量顯形珠寶聚等。應知耳等諸識亦爾。

Thử trung dĩ thuyết đa chủng sắc xứ. Hữu thời Nhãn thức duyên nhất sự sanh, vị ư nhĩ thời các biệt liễu biệt. Hữu thời Nhãn thức duyên đa sự sanh, vị ư nhĩ thời bất biệt bất liễu biệt, như viễn quan sát quân chúng sơn lâm, vô lượng hiển hình châu bảo tụ đẳng. Ưng tri nhĩ đẳng chư thức diệc nhĩ.

Giải:

#*Thử trung dĩ thuyết đa chủng sắc xứ*: tức là trong đây đã nói rất nhiều loại bộ phận của Sắc.

#*Hữu thời Nhãn thức duyên nhất sự sanh*: tức là có lúc Nhãn thức noi theo một sự việc mà sanh; #sanh tức là khởi. Ví dụ như mắt chúng ta nhìn thấy một điều

gì đó, thì nó nương theo cái đó mà sanh khởi, hoạt động của thức về mắt gọi là Nhãn thức.

#*Vị ư nhĩ thời các biệt liễu biệt*: thì vào lúc đó, sự biết rõ phân biệt mọi thứ. Tức là [mình] biết rất rõ, ví dụ như quý vị nhìn vào một vật gì đó, như một chiếc xe chạy chậm chậm qua, và người xuất hiện ở đằng trước, mình có thể thấy rất rõ người đó tướng tá như thế nào, mang đôi giày như thế nào, đeo cái đồng hồ như thế nào cầm cái gì, v.v… Tức là mình thấy rất rõ từng thứ, từng thứ, thì đó là các biệt liễu biệt.

#*Hữu thời Nhãn thức duyên đa sự sanh*: có lúc thì Nhãn thức của mình, tức là sự biết của mắt, duyên với nhiều sự việc mà sanh ra. Ví dụ như bây giờ có quá nhiều người, không phải một người, mà mình thấy cả chục người đi vô một lúc. Thì làm sao mình quan sát rõ ràng, hết một chục người cùng một lúc được, mình thấy nhiều việc quá.

#*Vị ư nhĩ thời bất biệt bất liễu biệt*: tức là vào lúc đó thì sự biết không thể nào biết rõ từng thứ được, không phân biệt được.

Bây giờ một lúc mà 10 người vào, 10 người xuất hiện trước mặt mình, thì nhiều quá làm sao mình phân biệt rõ được. Mình chỉ biết 10 người đó là người nào, là may lắm rồi đúng không? Chứ bây giờ bắt đầu để ý từng người cầm cái gì, mang đôi dép màu gì, rồi thế nào, thế nào, thì chắc phải có thời gian. Tại vì có nhiều đối tượng quá. Tức là mắt của mình (Nhãn thức của mình) có làm việc khả năng tới đó thôi, nó không thể chụp nhanh giống như những bậc Thánh nhân được. Bậc Thánh nhân, hoặc bậc chư thiên phân biệt rất nhanh, nhưng mình thì kém, mình không được như vậy.

#*Như viễn quan sát quân chúng sơn lâm, vô lượng hiển hình châu bảo tụ đẳng*: tức là như ở xa mà quý vị quan sát được quân đội; #chúng là đông, núi rừng thì vô lượng hiển hình; #hiển hình tức là Hiển sắc và Hình sắc. Hôm bữa mình có

học Hiển sắc và Hình sắc rồi. #Hiển sắc là đủ màu sắc. Còn #Hình sắc là đủ các kiểu dài, ngắn, to, nhỏ. Một thứ là về màu, một thứ là về hình dạng. Rồi châu báu, v.v… Tức là mình thấy có quá trời thứ trong đó.

Tức là nếu mình quan sát từ xa, thì mình thấy nhiều thứ lắm. Nhưng không thấy rõ ràng, chỉ thấy được tổng quan thôi. Đoàn quân đó đông, màu gì, trong đó có dài, ngắn như thế nào, [mình thấy] sơ sơ thôi. Chứ mình không thấy chi tiết từng người trong đó, từng núi rừng, từng cây nhỏ trong đó như thế nào. Rồi trong núi đó có bao nhiêu hang hố gì, thì mình đâu có nhìn thấy được, mình chỉ nhìn thấy tổng quan thôi. Tại vì sự duyên của Nhãn thức (con mắt) khởi lên, duyên với nhiều đối tượng rộng quá, [nên] không thể thấy hết chi tiết được.

#Ưng tri nhĩ đẳng chư thứ diệc nhĩ: cần phải biết rằng những thức còn lại giống như Nhĩ thức (tai), Tỵ thức (là những điều biết về mùi), Thiệt thức (là những điều biết về vị), và Thân thức (là sự biết về xúc). Thì những điều đó cũng như vậy.

Tạm dịch: Trong đây đã nói rất nhiều loại bộ phận của Sắc. Có lúc Nhãn thức noi theo một sự việc mà sanh, thì vào lúc đó sự biết rõ phân biệt riêng mỗi thứ. Có lúc Nhãn thức noi theo nhiều sự việc mà sanh, thì vào lúc đó sự biết rõ không phân biệt riêng [mỗi thứ], như quan sát quân binh núi rừng, thì [thấy] vô lượng Hiển sắc Hình sắc như châu báu tụ họp v.v… Nên biết các thức như Nhĩ thức v.v… cũng như thế.

Tức là sự biết của mình có giới hạn, không phải một lúc mà biết nhiều thứ được, chỉ biết vừa vừa thôi, không thể nào biết hết. Còn một [đoạn ngắn] nữa Thiện Trang giảng luôn cho hết bài này.

有餘師說：身識極多緣五觸起，謂四大種，滑等隨一。有說：極多總緣一切十一觸起。若爾，五識總緣境故，應五識身取共相

境非自相境。約處自相，許五識身取自相境非事自相，斯有何失? 今應思擇，身舌二根兩境俱至，何識先起? 隨境強盛彼識先生；境若均平舌識先起，食飲引身令相續故。

Hữu dư sư thuyết: Thân thức cực đa duyên ngũ xúc khởi, vị Tứ đại chủng, hoạt đẳng tùy nhất. Hữu thuyết: Cực đa tổng duyên nhất thiết thập nhất xúc khởi. Nhược nhĩ, ngũ thức tổng duyên cảnh cố, ưng ngũ thức thân thủ cộng tướng cảnh phi tự tướng cảnh. Ước xử tự tướng, hứa ngũ thức thân thủ tự tướng cảnh phi sự tự tướng, kỳ hữu hà thất? Kim ưng tư trạch, Thân Thiệt nhị căn lưỡng cảnh câu chí, hà thức tiên khởi? Tùy cảnh cường thịnh bỉ thức tiên sanh; Cảnh nhược quân bình Thiệt thức tiên khởi, ẩm thực dẫn thân linh tương tục cố.

Giải:

#*Hữu dư sư thuyết*: có vị Sư khác nói.

#*Thân thức cực đa duyên ngũ xúc khởi, vị Tứ đại chủng, hoạt đẳng tùy nhất*: có vị Sư khác nói rằng: Thân thức duyên rất nhiều với #Ngũ xúc, tức là năm sự tiếp xúc mà khởi, là các bộ phận ở trong Bốn đại; #Bốn đại là: Đất, Nước, Lửa, Gió.

Tức là thân thể mình tiếp xúc một lúc với nhiều thứ lắm. Thân mình vừa tiếp xúc cái này, vừa tiếp xúc cái kia, nhiều lắm! Ví dụ như tính chất nóng lạnh, ở đây nói tính trơn v.v... tùy theo mỗi loại. Tại vì cơ thể mình đâu phải tiếp xúc một thứ đâu. Ví dụ quý vị ngồi trên ghế, thì biết cái ghế có cảm giác như thế nào. Rồi quý vị tiếp xúc với gió, gió cũng thổi tới. Quý vị tiếp xúc với ánh sáng, ánh sáng chiếu thì có nhiệt lượng ở trong đó, nó có nóng lạnh ở trong ánh sáng mặt trời. Một lúc mình tiếp xúc với năm thứ, nhiều thứ lắm, chứ đâu phải một. Cho nên Thân thức tiếp xúc được nhiều thứ một lúc, chứ không phải một thứ

mà khởi lên. Đó là vị Sư đó nói như vậy.

#*Hữu thuyết*: có cách nói.

#*Cực đa tổng duyên nhất thiết thập nhất xúc khởi*: tức là rất nhiều duyên; #cực là rất nhiều; rất nhiều duyên đứng đầu trong tất cả các xúc (11 xúc) đều khởi.

Có nghĩa là 11 xúc khi đó hầu như khởi hết. 11 xúc như ở trên mình thấy [có] Tứ đại, trơn, rít, nóng, lạnh, đói, khát, thì đôi khi khởi hết. Đôi khi mình ngồi đó, mình cảm nhận được cái ghế này mềm quá, êm êm. Rồi quý vị cũng cảm nhận được gió thổi mát mát, [hay] ánh nắng chiếu vào nóng quá. Rồi mình cũng cảm giác được là đang đói, đang khát nữa, v.v… đủ các kiểu, kiểu gì cũng tiếp xúc hết, có khi là như vậy. Ở đây đưa ra để nói điều gì?

#*Nhược nhĩ*: nếu mà như vậy.

#*Ngũ thức tổng duyên cảnh cố*: tức là năm thức đó hợp duyên; chữ #tổng là hợp, tổng hợp duyên với cảnh. Tức là thực tế có nhiều cảnh một lúc, chứ không phải một cảnh.

#*Ưng ngũ thức thân thủ cộng tướng cảnh phi tự tướng cảnh*: tức là cần phải nói chính năm thức; #thân là chính, chính là năm thức này phải chọn tổng tướng của cảnh, [hay] không phải tự tướng của cảnh.

Tức là quý vị tiếp xúc một lúc nhiều thứ như vậy, nhưng quý vị cảm nhận thấy một thứ thôi. Lúc đó kêu đói quá, là khi quý vị cảm thấy đói. Thực ra là chọn lại trong những cảnh mình tiếp xúc, thay vì thấy nắng quá cần phải lấy cái gì che lại, hay đang cảm thấy nóng quá thì lấy quạt, hay đang cảm thấy cái ghế này cứng quá, thì mình phải đổi cái gì để ngồi cho êm. Nhưng bây giờ mình đang chọn từng cái, mình đang thấy đói quá, đang khát quá, nhưng một lúc mình tiếp xúc với nhiều cảnh, là tổng tướng như vậy, nhưng thực tế phải chọn ra một cái biệt tướng (tự tướng) riêng thôi. Hoặc nó cung cấp vô, tổng hợp tất

cả điều đó thấy đồng thời như vậy, nhưng thực tế thì phải giản lược lại, phải chọn lại, chứ không nhiều quá thì xử lý đâu hết.

#*Ước xử tự tướng:* #ước là đại khái; #xử là ở trong, ở trong tự tướng, tức là ở trong tướng.

#*Hứa ngũ thức thân thủ tự tướng cảnh phi sự tự tướng, kỳ hữu hà thất?:* tức là đại khái ở trong tự tướng, cho phép chính là năm thức này, chọn cảnh tự tướng [hay] không phải cảnh tự tướng. Người ta hỏi là vậy thì tại sao [sự có đó] lại mất? Có nghĩa lúc đó tại sao mình chỉ thấy một cảm giác êm êm thôi, hoặc cảm giác đói, mà quên hết mấy cái kia. Vậy tại sao mấy điều kia mất?

#*Kim ưng tư trạch:* ở đây phải tư duy lựa chọn.

#*Thân Thiệt nhị căn lưỡng cảnh câu chí, hà thức tiên khởi?:* thực ra trong điều này quý vị hiểu thực tế là nó đang lựa chọn, tức là mình tiếp xúc một lúc nhiều thứ như vậy, thì nó sẽ lựa chọn cảnh nào đưa lên để mình thấy, chứ không mất, mà chỉ lựa chọn [cảnh] để đưa lên.

Ví dụ như bây giờ Thiện Trang ngồi, thì Thiện Trang cảm thấy chỗ này êm ái dễ chịu quá. Thì mình cảm thấy điều đó hơn, chứ thật ra Thiện Trang quên mất là mình đang khát nước, quên mất đang đói. Thật ra đó là đang chọn cảnh cho mình. Hoặc Thiện Trang quên mất là mình đang ở trong phòng rất nóng, chẳng hạn như vậy, thì thực tế là mình chọn cảnh.

Vậy ở đây đưa ra: khi cảnh của hai căn Thân và Thiệt (lưỡi) đồng thời đến, thì thức nào khởi trước, tức là Thân thức khởi trước hay Thiệt thức khởi trước? Ví dụ thực tế rất rõ, như mình ăn, mình đưa đồ ăn vô trong miệng, thì đồ ăn đó vừa tiếp xúc với thân (Thân thức), là lưỡi mình, lưỡi cũng là thân mà. Đồng thời lưỡi của mình cũng tiếp xúc với vị của món đồ ăn đó. Vậy thì ở đây hỏi là thức nào khởi trước, tức là thức nào nhận biết trước được, đố quý vị thức đó nhận ra thức ăn đó cứng, mềm, hay vị của thức ăn đó trước? Nếu nó nhận ra thức ăn

đó cứng mềm, v.v… thì thuộc về Thân thức, [Thân thức] khởi trước. Còn nếu như nó nhận ra vị đó là ngọt hay mặn, thì là Thiệt thức khởi trước. Và nó đưa vào Ý thức thứ sáu, Ý thức thứ sáu này sẽ chọn. Cho nên mình tu mình dựa vào Ý thức thứ sáu là vậy.

Vấn đề ở đây là hai thức này thức nào khởi trước. Điều này mình học Duy Thức thì mới biết, chứ bình thường đâu có ai nói. Bây giờ đưa thức ăn vô, mình coi thử coi, đố quý vị mình cảm nhận độ cứng mềm trước hay là vị trước? Một bài rất đơn giản, nhưng rõ ràng không nói, trong Duy Thức thì nói, ở đây nói luôn cho chúng ta.

#*Tùy cảnh cường thịnh bỉ thức tiên sanh*: tức là tuỳ theo cảnh mạnh mẽ; #cường thịnh là mạnh mẽ, mà thức đó sanh trước.

Bây giờ quý vị đưa đồ ăn vô, một cái là đồ ăn đó có vị ngọt và một cái là đồ ăn đó cứng, cái nào mạnh hơn thì khiến thức đó khởi trước. Ví dụ đồ ăn đó cứng quá, nhám quá, [chạm] vô đau lưỡi liền, thì mình cảm nhận được ngay thức nào khởi trước. Chính là Thân thức khởi trước, nó nhận độ nhám, độ cứng, độ khó chịu trước, còn vị ngọt [thì] quên mất. Còn nếu ngược lại, đồ ăn đó mềm dịu, dễ chịu, bình thường, khiến cho thân thể của mình không có cảm nhận mạnh mẽ, mà độ ngọt của đồ ăn đó thì mạnh. Như vậy thì mình sẽ nhận được vị ngọt trước, tại vì vị ngọt mạnh hơn, cho nên Thiệt thức khởi trước.

Duy Thức giải thích rõ như vậy, vì vậy tu cũng nằm trong này. Tu là vậy, mình biết lựa chọn điều nào thuận duyên theo mình. Cho nên đừng nói tài, nói giỏi, nó khởi lên là lúc đó quán không kịp đâu, mà hãy chọn thuận theo mình để thức kia khởi trước. Bây giờ mình nói quán Không, quán đã luôn, [nhưng] mà nóng quá mình chịu không nổi. Người bên cạnh chịu nóng rất tốt, cho nên họ sẽ lựa chọn môi trường đưa vô. Cho nên hai người tu khác nhau. Một người chịu nóng tốt, một người không chịu nóng tốt, ở cùng trong một môi trường, thì người chịu nóng tốt sẽ nhận biết về yếu tố khác trước. Còn người chịu nóng

dở thì họ nói nóng trước.

Cho nên tu lựa chọn môi trường quan trọng, tại vì năm thức (tiền ngũ thức) của mình khởi lên, là do điều nào mạnh yếu. Mà mạnh yếu là do nghiệp của mình. Cho nên cảnh nào mạnh sẽ đi trước. Nhưng trường hợp cảnh quân bình (hai cái ngang nhau) thì sao? Ở đây đưa ra ví dụ:

#Cảnh nhược quân bình Thiệt thức tiên khởi: nếu cảnh quân bình, đồ ăn quân bình nhau, thì Thiệt thức nhạy hơn, tức là lưỡi nhạy hơn, nhận biết vị của đồ ăn đó trước. Còn độ nhám, trơn gì đó do không mạnh lắm, nên nhận sau. Quý vị thấy học Duy Thức này hay, chia chẻ ra độ mạnh yếu của các thức luôn.

*#Ẩm thực dẫn thân linh tương tục cố: v*ì ăn uống dẫn Thân thức khiến cho liên tục.

Cho nên đối với chúng sanh Dục giới, thì việc ăn uống rất mệt. Chúng sanh Dục giới ăn uống dẫn đầu, khiến cho thân mình liên tục, nên thức này mạnh lắm. Ăn uống là nỗi khổ của chúng sanh ở cõi Dục. Cho nên tại sao chúng ta hâm mộ [ở trời] Sắc giới họ không ăn nữa, [nên] đỡ [khổ].

Tạm dịch: Có vị sư khác nói: Thân thức duyên rất nhiều với Ngũ xúc mà khởi, là các bộ phận của Tứ đại, theo một [loại] như trơn v.v… Có nói: rất nhiều duyên đứng đầu tất cả 11 xúc khởi. Nếu như vậy, thì vì 5 thức họp duyên [các] cảnh, cần phải chính 5 thức chọn cảnh của tổng tướng [hay] không phải cảnh của tự tướng. Đại khái ở tự tướng, cho phép chính 5 thức chọn cảnh tự tướng [hay] không phải tướng của sự tướng, sự có đó vì sao mất? (đoạn này Thiện Trang đã giải thích ở trên rồi, Thiện Trang chỉ đọc lại thôi vì ngôn ngữ này hơi khó hiểu). Ở đây cần phải tư duy chọn lựa, hai cảnh của Thân căn và Thiệt căn cùng đến [đồng thời], thì thức nào khởi trước? Tùy theo cảnh nào mạnh mẽ mà thức đó sinh khởi trước; [Nếu hai] cảnh bình đẳng thì Thiệt thức khởi trước, vì ăn uống dẫn Thân thức khiến cho liên tục.

Tóm lại việc ăn uống của mình dẫn liên tục, mạnh hơn, cho nên cõi Dục khổ lắm. Ở đây học mình cũng biết một chút nỗi khổ của cõi Dục, để chúng ta biết chừng mà cố gắng.

Thiện Trang hôm nay chỉ chia sẻ tới đây, hẹn quý vị vào bữa khác Thiện Trang sẽ chia sẻ tiếp. Bây giờ mình học Luận Câu Xá đôi khi có bài cũng ngán, có bài cũng hấp dẫn. Vì chúng ta có cảm nhận của mỗi người, mà Thiện Trang nghĩ có những bài có rất nhiều kiến thức hấp dẫn. Bây giờ Thiện Trang giảng A Tỳ Đàm, mà không giảng Luận Câu Xá, thì không bao giờ hết. Luận Câu Xá thực ra ở phần này ngán, nhưng tới phần khác có phần hấp dẫn. Phần này ngán ngán, mình học thấy không liên quan gì tới mình, nhưng thực tế cũng có liên quan đến. Mong quý vị cố gắng học tiếp.

Thiện Trang xin phép hôm nay dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 11: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 11.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 18.09.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=zVYIe5GyQwQ

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Lâu rồi chúng ta lại gặp nhau. Hình như Thiện Trang đã nghỉ hai tuần về chủ đề Luận Câu Xá, hôm nay chúng ta mới có cơ hội gặp lại. Thời gian qua có một số vấn đề về nhiều mặt, cho nên Thiện Trang tạm nghỉ. Thứ nhất là để cho Thiện Trang có thời gian khôi phục, để học hành chút, tu hành chút, chứ bận rộn quá không có thời gian. Thứ hai là cũng vì cơn bão, ảnh hưởng lũ lụt ở miền Bắc, các quý vị đồng tu không có thời gian để học tập. Cho nên Thiện Trang cũng để quý vị có thời gian ổn định lại tâm lý. Đó là lý do tại sao chúng ta nghỉ trong thời gian qua.

Nếu quý vị là những người học, mình là hành giả thâm nhập sâu vào kinh tạng. Chúng ta có chánh tri kiến của xuất thế gian, thì những sự việc xảy ra trong đời, dù là thuận cảnh hay nghịch cảnh, [thì] mình cũng nhẹ nhàng đón nhận. Và không chỉ thế, mình cũng chuyển Phiền não thành Bồ-đề.

Thiện Trang nhớ có câu chuyện ở trong Tiểu Bộ Kinh, thuộc tạng Nikaya. Có một cô Phật tử tại gia, vào thời đức Phật, sau khi nghe pháp thì rất hâm mộ pháp của đức Phật, [nên] xin đi xuất gia. Nhưng gia đình chồng không cho. Vì

muốn đi xuất gia, thì gia đình phải đồng ý, cho nên cô đành phải ở nhà. Tuy ở nhà, nhưng cô rất cố gắng học. Vào một hôm nọ, đang lúc nấu ăn, cô sơ ý để cho lửa bốc cháy mạnh lên. Giống như chúng ta đang chiên đồ ăn, mà để dầu [với] lửa bốc [lên], cháy khét hết đồ ăn, cháy xèo, xèo, xèo. Trong lúc nhìn thấy những thức ăn bị cháy, cùng với những tiếng kêu xèo xèo đó, thì cô chợt giác ngộ và đắc được Tam quả A-na-hàm.

Quý vị thấy đó là một vị Cư sĩ tại gia thôi, nhưng trong tâm luôn luôn hằng tồn, tức là luôn luôn giữ được tâm giải thoát, tâm giác ngộ, thì dù một cảnh nào đó, đến lúc đủ duyên, sẽ chứng được đạo giải thoát. Cô ấy đã chứng được Tam quả A-na-hàm ngay ở tại gia. Đấy là một câu chuyện ở trong kinh, quý vị tìm trong Tiểu Bộ Kinh thì có câu chuyện này.

Quý vị thấy vấn đề ở chỗ, là mình biết tu trong mọi hoàn cảnh. Trong hoàn cảnh nào thì mình cũng hiểu được. Ví dụ thời gian qua, nếu chúng ta là người huân tập lâu dài trong Phật pháp, thì thấy những cảnh đời, dù quý vị ở trong hoàn cảnh của tai nạn, của bão, của lũ lụt. Hoặc chúng ta không thấy trực tiếp, mà chúng ta coi qua mạng, qua xã hội, nếu quý vị là người thâm nhập sâu, thì tự nhiên giác ngộ đời là vô thường, đời là giả tạm, Phiền não của mình sẽ bớt sanh hơn, và trí tuệ của mình lại sanh nhiều. Và biết đâu ngày nào đó quý vị sẽ đắc đạo.

Bởi vì đắc đạo thông thường có hai hạng: Một hạng người là nhìn vào thuận cảnh mà đắc đạo, một hạng người là nhìn vào nghịch cảnh mà đắc đạo. Vấn đề là chúng ta tu [trong] hoàn cảnh nào nhiều hơn. Trong đời quá khứ nếu mình tu trong khổ hạnh, trong nghịch hạnh, thì thông thường chúng ta sẽ đắc đạo trong hoàn cảnh nghịch. Và nếu trong đời quá khứ mình thường tu ở trong thuận cảnh nhiều, thì có thể mình đắc đạo trong thuận cảnh. Nhưng Thiện Trang coi trong kinh, Thiện Trang thấy có lẽ do cõi Ta Bà này, Thế giới chúng ta là Thế giới rất khổ, cho nên đa số những người đắc đạo, đều là những người thấy hoàn cảnh khó khăn mà đắc đạo.

Chúng ta học bộ môn này để làm gì? Nói chung là học Phật pháp để huân bồi, huân tập. Bởi vì nếu chúng ta thường xuyên huân tập, thì đến lúc nào đó sẽ đủ để chứng quả giải thoát.

Ở trong Kinh Khúc Gỗ Trôi trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, hoặc quý vị có thể tìm Kinh Khúc Gỗ hình như trong Kinh Tăng Chi, bên Tạng Nikaya, có một đoạn nói như thế này:

Đức Phật chỉ một khúc gỗ trôi trên sông và nói: *"Khúc gỗ này nếu không bị vướng vào bờ bên này, không bị vướng vào bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không mắc ở bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, không bị người ta vớt lên, không bị Phi nhân giữ lại, cũng không bị mục, thì sẽ xuôi theo dòng nước, thuận dòng mà rót về, cuối cùng ra biển lớn"*.

"Cũng vậy, một vị Tỳ-kheo (chúng ta nói người tu hành) ***không vướng vào bờ bên này, không vướng vào bờ bên kia, không bị chìm, không bị mắc ở bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, không bị người vớt, không bị Phi nhân giữ lại, cũng không bị mục thì vị ấy sẽ xuôi dòng về Niết-Bàn"***.

Nghĩa là nếu chúng ta tu được tốt, thì yên tâm, chắc chắn chúng ta sẽ ra khỏi sanh tử. Đó là điều chắc chắn. Trong này đức Phật có nói nhiều về vấn đề đó, nhưng Thiện Trang xin phép chỉ nói sơ qua ở trong đây. #Bờ bên này là Sáu nhập xứ, tức là những gì mình tiếp xúc hàng ngày qua Sáu căn. #Bờ bên kia là Sáu ngoại nhập xứ. Tức là một bên là nội xứ (là trong tâm), hai [là] ngoại xứ. #Bị người vớt lấy: tức là như người nào gần gũi với người thế tục hay người xuất gia. Nếu gặp chuyện sướng, khổ, buồn, vui, những việc làm của họ cũng đều cùng cộng đồng với họ. Nói chung là người xuất gia mà đồng hạnh với người tại gia, thì cuối cùng gọi là bị người vớt lấy. #Bị Phi nhân giữ lại: tức là mình tu phạm hạnh, khổ hạnh, v.v… để sanh lên các cõi Trời. Có nghĩa là [mình] mong muốn, ước mơ lên cõi Trời, chứ không phải tu để giải thoát. #Bị dòng nước xoáy: tức là thoái chuyển trở lại. #Bị hư mục: tức là bị phạm giới, phạm các pháp bất thiện.

Như vậy nếu tu đúng pháp, thì chắc chắn sẽ giải thoát. Quý vị yên tâm về điều đó.

Ở đời quý vị biết là rất nhiều chuyện, mình [không] biết như thế nào. Giống như có câu chuyện hài thế này, câu chuyện cũng vui mà cũng không cũng hẳn là [vui]. Có một người đi đám cưới, đám cưới bây giờ ở Việt Nam, hình như Thiện Trang thấy người ta để bảng ghi là: *"Đừng đi dưới 300. 300 tội lắm! Nhà lỗ"*. 300 ngàn đó quý vị. Có hai vợ chồng đó, sau khi đám cưới xong, thì mở xấp phong bì ra đếm tiền. Khi đếm thì thấy có [phong bì] của ông chú ruột, ghi là: *"Chúc hai cháu năm trăm hạnh phúc"*.

Quý vị nghe cho kỹ nha, "chúc hai cháu năm trăm hạnh phúc". Và số tiền ổng để trong đó là hai tờ 500, tức là 1 triệu, nhưng lại ghi là "chúc hai cháu năm trăm hạnh phúc". Năm trăm hạnh phúc, chứ không phải trăm năm hạnh phúc.

Do là chú cháu, nên bữa sau người chồng mới gọi điện [cho chú] hỏi: *"Thưa chú, chú có lộn không vậy? Hôm bữa chú đi đám cưới tụi cháu, chú đi 1 triệu mà chú ghi "chúc hai cháu năm trăm hạnh phúc" là sao? Chú ghi lộn rồi! Đáng lẽ chú phải [ghi] chúc hai cháu hoặc là "một triệu hạnh phúc", hoặc là "chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc" chứ. Chắc chú ghi lộn đúng không? Chắc [chú] đưa cho đứa em ghi lộn đúng không?".*

Người chú nói: *"Không! Tao không ghi lộn, tao ghi đúng rồi. Nếu tao ghi trăm năm hạnh phúc, thì tao vọng ngữ. Vì tụi mày sống chắc không được trăm năm nữa đâu. Cho nên tao đi một triệu, nhưng tao cũng nghĩ tụi mày khó được một triệu hạnh phúc lắm, thôi được 500 lần hạnh phúc là được rồi"*. Tức là trong đời có 500 lần hạnh phúc, cho nên gọi là 500 hạnh phúc. Thực tế đúng không quý vị?

Nghĩa là ở trong cuộc đời không có phải lúc nào cũng vui vẻ, hạnh phúc nhiều được đâu. Mình cứ nói chúc hoài, thật ra đó là [về] mặt tâm lý đúng không

quý vị? Còn đây là một lời chúc thực tế. Cho nên mình hiểu được thực tế cuộc đời là khổ, còn hiện hữu ở cõi đời này là còn khổ.

Vừa qua trận bão, trận lũ như vậy, chúng ta thấy rõ ràng đúng không quý vị? Thật sự lúc xảy ra chuyện thì chẳng ai biết được. Quý vị cứ tưởng tượng, mình là người đi qua cây cầu, mấy phút trước mình còn đang vui vẻ, mấy phút sau thì mình rớt xuống sông. Hoặc là tất cả những gì mà mình mong đợi, mình dựa vào, mình tính toán giàu sang, nhà cửa... một cơn lũ quét qua thì không còn nữa, tất cả đều thành không.

Cho nên ở đời nương tựa vào đâu? Quý vị biết về câu chuyện nương tựa, Thiện Trang có lấy nhiều ví dụ. Có một vị thầy lấy một hình ảnh rất hay, đó là con chim đậu trên cành cây, [nhưng] nó nương tựa vào đôi cánh. Nó có đậu trên cành cây, nhưng nó khác với người. Người thì mình tin vào cành cây, mình leo lên cây, thì chắc chắn mình [sẽ] dựa hết sức của mình vào cành cây đó. Còn con chim, tuy là đậu trên cành cây, nhưng không dựa hết sức vào cành cây đó, mà nó tin vào đôi cánh của nó. Vì bất cứ lúc nào, cành cây cũng có thể gãy, thì nó dùng đôi cánh bay đi. Còn chúng ta, nếu cành cây gãy, thì chúng ta không còn chỗ dựa nào khác, cho nên rớt theo.

Ý nói là thông thường chúng ta nương tựa vào những điều bên ngoài, những vô thường, những giả tạm, những gì của thế gian, cho nên chúng ta mới đau khổ. Người học Phật, nếu biết thì hãy nương tựa vào chính mình. Nương tựa vào chính mình bằng điều gì? Ít nhất là [nương tựa vào] phước báo của mình, thứ hai là giới hạnh của mình, trí tuệ của mình, và quan trọng là giải thoát của mình. Khi quý vị có nhiều tư lương của bản thân, thì quý vị sẽ không có đau khổ khi thế gian vô thường. Lỡ một mai vô thường đến, ta cũng có chỗ tốt lành mà đi. Chúng ta cũng có thể có được nhiều điều tốt đẹp, nếu chúng ta đã yên tâm, hoặc là chúng ta đắc đạo rồi thì không còn lo lắng nữa.

Cho nên hãy làm ốc đảo cho chính mình. Đức Phật nói là hãy tự thắp đuốc lên mà đi, hãy làm ốc đảo cho chính mình. Mà ốc đảo này phải xây dựng dựa vào

Giới, Định, Huệ. Muốn có Giới, Định, Huệ, không có cách nào khác hơn là chúng ta phải học, [và] thâm nhập kinh tạng. Thâm nhập kinh tạng càng sâu, thì tự nhiên Giới, Định, Huệ của mình đầy đủ. Bởi vì nếu không có thâm nhập kinh tạng, thì ở đời chúng ta, theo A Tỳ Đàm, thì mọi người do ba điều: Một là tiền nghiệp, tức là nghiệp đời quá khứ, nghiệp trước; hai là khuynh hướng tâm lý; [và] ba là môi trường sống, mà dẫn đến sự yêu thích, ghét, v.v… của mỗi người không giống nhau.

Chúng ta sống ở môi trường đó, thì chúng ta bị ảnh hưởng [bởi] môi trường sống. Chúng ta có khuynh hướng thế nào, thì chạy theo khuynh hướng đó. Ví dụ người khuynh hướng thích đẹp, thì chắc chắn họ cũng sẽ thích đến nơi đẹp, chạy một hồi rồi cũng tới nơi đẹp, thích vậy mà. Còn người thích khổ hạnh, thế nào rồi [họ] cũng lên rừng sâu núi thẳm, hoặc là tìm những người thầy khổ hạnh. Đó là khuynh hướng tâm lý. Và tiền nghiệp tức là nghiệp đời quá khứ của mình, đưa đẩy, dẫn dắt mình đi về đâu.

Cho nên mình là người tu học, mình phải có điểm tựa. Quý vị nên nhớ, con đường giải thoát không nằm xa, đừng có nghĩ xa xôi quá. Hãy nghĩ chúng ta đang sống trong hằng ngày, là chúng ta đang đi trên đường giải thoát, nếu chúng ta biết đổi lại. Bởi vì Thiện Trang từng nói với quý vị: con đường để đi ra khỏi rừng, cũng chính là con đường đi vào rừng thôi. Mình biết đường thì mình ra, [còn] mình không biết đường thì mình không ra được. Nó có hai lối, nếu con đường đó là đường cụt, thì đi ngược lại là ra khỏi rừng. Nếu là đường xuôi thì mình đi hai lối, lối nào cũng ra khỏi rừng được hết.

Khi đi thì mình phải biết lựa chọn. Con đường ra khỏi rừng, thì tất nhiên nó không nằm ở ngoài rừng. Không có con đường nào ra khỏi rừng, mà nằm ngoài rừng hết. Mình lựa chọn như thế nào? Có phải là lựa chọn một con đường thơ mộng, đầy hoa hồng, đẹp mắt, mình thấy con đường đẹp như vậy nên mình đi theo. Hay là con đường nhiều gồ ghề, nhiều vũng sình lầy, rồi mình đi? Cũng không đúng! Quan trọng là mình lựa chọn con đường nào ngắn nhất, con đường nào an toàn, con đường nào hợp lý, con đường đó phải ra khỏi khu rừng.

Tức là học Phật pháp hãy chọn con đường ra khỏi sanh tử, con đường tu học là chọn con đường lý trí, không dựa vào những điều thơ mộng: nào thầy đẹp trai, thầy tướng hảo, thầy nổi tiếng, v.v… thế này kia. Đó là chọn con đường thơ mộng. Còn ngược lại, cũng có thể chọn thầy quá khổ hạnh, thế này thế kia v.v… mà quên mất là không biết điều đó thế nào. Đó gọi là chọn những con đường gồ ghề. Có người có khuynh hướng như vậy, đó là khuynh hướng tâm lý. Cho nên quý vị hãy cứ tu theo lý trí. Phật Pháp là phải chọn lý trí.

Chúng ta tu phải nói là không biết bao nhiêu kiếp, bao nhiêu đời rồi. Quý vị biết như hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, tới thời đức Phật Thích Ca là tu bao nhiêu kiếp không? Hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, sở dĩ làm Thượng thủ trong chúng hội của đức Phật Thích Ca, là bởi vì hai ngài đều đã tu một a-tăng-kỳ kiếp, cộng thêm 100.000 Đại kiếp. Một a-tăng-kỳ, con số nếu chúng ta tính là 1×10^{140}, tức là con số 1 đằng trước với 140 con số 0 đằng sau, và đơn vị là Đại kiếp đó quý vị. Tức là trái đất này sanh diệt tính ra là 1 và 140 con số 0 đằng sau nữa. Nhiều như vậy, rồi cộng thêm 100.000 Đại kiếp nữa. Cho nên [với] năng lực cỡ đó, thì các ngài mới làm Thượng thủ trong chúng hội của đức Phật Thích Ca.

Còn Tôn giả được đắc độ đầu tiên, là Tôn giả Kiều Trần Như. Quý vị biết ngài Kiều Trần Như tu bao nhiêu kiếp không? Ngài tu 100.000 Đại kiếp. Đấy là những bậc [tu như vậy], cho nên toàn làm Thượng thủ đắc độ đầu tiên, v.v… là tu lâu. Còn mình không biết mình tu được bao nhiêu.

Sẵn đây Thiện Trang nói luôn, thật ra mình cứ tu thôi quý vị. Coi vậy thôi chứ thời gian 100.000 Đại kiếp, hay một vài kiếp, hay một a-tăng-kỳ kiếp, so ra với vô lượng kiếp từ khi mình tới đời này tới giờ, gọi là mình tới trong luân hồi đó, thì không là gì cả. Cho nên ví dụ như chủng tánh tệ nhất là 80 a-tăng-kỳ kiếp, thì cũng không là gì [so] với thời gian vô lượng đó.

Sẵn hôm nay nói luôn, có nhiều người nói con tu nhiều vậy sao không đắc quả? Đắc quả hay không thì có nhiều yếu tố. Trong đó yếu tố là Ba-la-mật phải

đủ, tức là mình tu phải đủ, và cũng có nguyên nhân. Hôm nay Thiện Trang xin bật mí thêm một nguyên nhân nữa, mà bao nhiêu năm nay Thiện Trang cũng thắc mắc, là tại sao có những người tu học rất giỏi mà không đắc quả. Mà có người tu đâu có giỏi lắm, [nhưng] tu một hồi cũng đắc quả, trong kinh cũng có như vậy. Và tại sao thực tế cũng có như vậy? Bởi vì hạng người đắc quả thì bình thường rồi, [còn ở đây] chúng ta nói hạng người không đắc quả.

Thứ nhất là chưa đủ Ba-la-mật, tức là mình tu chưa đủ. Hạng người đó không đắc quả được là đương nhiên, và đó là số đông. Nhưng có một phần số ít, là những người đó nếu đắc quả thì họ thừa sức đắc quả, nhưng do nguyện lực mà không đắc quả.

Tại sao gọi là do nguyện lực mà không đắc quả? Tại vì đời quá khứ người ta phát tâm A-nậu-Đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là phát tâm thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chỉ phát tâm thành Phật thôi, cho nên những quả vị nhỏ như Tu-đà-hoàn, A-la-hán v.v... [thì] không đắc. Vì nếu đắc những quả vị đó, thì theo giáo lý của Nam truyền, theo giáo lý A Tỳ Đàm, nói là như vậy thì trái nghịch với tâm để thành Phật. Vì họ đắc đó là họ nhập Niết-Bàn mất rồi.

Hồi xưa Thiện Trang học trong giới Bồ-tát, có một giới mà Thiện Trang không hiểu lắm. Trong giới Bồ-tát có nói rằng: Nếu đang tu học thọ giới Bồ-tát, mà mình khởi lên ý niệm là chứng quả Tu-đà-hoàn, chứng quả A-la-hán thì phạm giới Bồ-tát. Sao kì vậy? Sao [khởi ý niệm] chứng quả A-la-hán lại phạm giới Bồ-tát? Sau này Thiện Trang mới hiểu, Thiện Trang dung thông giữa Nam truyền và Bắc truyền lại, thì hiểu rằng: nếu quý vị chứng những quả vị đó, thì quý vị nhập Niết-Bàn. Vì nhập Niết-Bàn nên mất thời gian để độ sanh, theo kinh điển Đại thừa, theo Bắc truyền, thì A-la-hán nhập vô Niết-Bàn hết hai vạn Đại kiếp. Cho nên vì thời gian đó, rồi sau đó họ mới phát tâm Bồ-đề. Chính vì như vậy nên không đắc.

Và con đường đó không ai khác đi, chính là con đường của đức Phật Thích Ca. Đức Phật Thích Ca đã đi con đường đó, cho nên quý vị coi ngay vào thời đức

Phật Ca Diếp, đức Phật Thích Ca vẫn chưa chứng đạo. Điển hình có câu chuyện: ở trong thời Phật Ca Diếp, Ngài cùng với mấy anh em, mấy người thân nữa, tổng cộng là bảy người, thấy giáo pháp của đức Phật Ca Diếp mai một, người tu hành không tốt. Các ngài chán nản quá, nên rủ nhau lên một mỏm đá ở đó [để] tu, và đều nguyện rằng: cho đến khi chết cũng không rời khỏi nơi này. [Các ngài] phát tâm như vậy.

Quý vị thấy lời nguyện đó, giống như lời nguyện lúc Ngài ngồi dưới cội cây Bồ-đề. Ngài cũng nguyện là nếu không đắc đạo, thì sẽ không rời khỏi cây đó. Và không phải một lần Ngài phát nguyện như vậy, [mà] đã bao nhiêu lần rồi. Và lần đó tức là lần trong thời đức Phật Ca Diếp, bảy người anh em đó, sau khi làm vậy, thì chỉ có hai người đắc đạo giải thoát. Năm người còn lại chết và không đắc đạo, dù thề nguyện như vậy.

Cho nên không phải thề nguyện nào cũng thành tựu ngay lập tức. Và tất nhiên cái giá cũng có quả ngọt, năm người sót lại đó, trong đó có đức Phật Thích Ca. Đức Phật Thích Ca thì sau này thành Phật, còn mấy vị kia thành Thanh văn, đắc A-la-hán trong đời của đức Phật Thích Ca. Quý vị thấy tu cỡ đó mà còn chưa thành tựu.

Mà đức Phật Thích Ca [khi làm Bồ-tát] còn luân hồi lên xuống rất nhiều, bởi vì Ngài không nguyện đắc những quả nhỏ. Giống như thuyền lớn không thể đậu ở bến nhỏ. Quý vị đi thuyền to quá mà, đi tàu lớn, thì làm sao đậu ở cảng nhỏ được. Cho nên cũng vậy, một người đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nguyện thành Phật độ chúng sanh, do nguyện lực đó nên không đắc các quả vị nhỏ của Tiểu thừa.

Chính vì vậy, đức Phật Thích Ca mới nói trong Kinh A Hàm rằng: Ngài có 37 lần làm vua trời Đế Thích, 16 lần làm vua trời Phạm Thiên, v.v... kể ra biết bao nhiêu như thế. Và Ngài nói Ngài chưa từng đến năm tầng trời Bất Hoàn (Ngũ Bất Hoàn Thiên). Vì nếu lên đó thì không trở lại thế gian này nữa, nên Ngài

nguyện như vậy thôi. Chính vì nguyện như vậy nên khổ, chìm đắm, cứ lên xuống lên xuống. Có nhiều đời cũng đọa chứ quý vị.

Và trong A Tỳ Đàm nói, một vị Bồ-tát được đức Phật thọ ký, tức là thọ ký bao nhiêu đời sau, bao nhiêu kiếp sau thành Phật, có đọa cỡ nào thì cũng không đọa vào loài nhỏ hơn một nắm tay. Bởi vì nếu đọa vào những loài nhỏ hơn một nắm tay, thì trí huệ không đủ, tức là đầu óc không đủ, thì khó mà ngóc đầu lên được. Cho nên mình thấy con đường đó dài xa quá, ngán! Nghe nói tới đây, Thiện Trang tin là đa số nói thôi con nguyện chứng A-la-hán, ra khỏi sanh tử thôi, chứ không dám tu theo con đường của đức Phật, dài xa quá! Ngài tu hết 20 a-tăng-kỳ kiếp mới thành tựu. Con nghe vậy, con cũng sợ quá.

Thật ra không hẳn như vậy! Quý vị nên nhớ, nếu quý vị chịu khó thâm nhập kinh tạng một chút, quý vị coi nhiều câu chuyện, thì quý vị mới hiểu rằng: đức Phật thật ra chỉ khổ giai đoạn đầu thôi, hành Ba-la-mật khổ lúc đầu thôi. Khi vượt qua, Thiện Trang nhớ là từ khi được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký rồi, thì sau này hầu như những gì mà Ngài làm, tuy ở trong vòng luân hồi, có lúc làm con này, lúc làm con kia, nhưng Ngài sống tự tại. Thế nào là tự tại? Tự tại là Ngài nguyện điều gì thì thành điều đó. Ngài muốn điều gì thì thành điều đó. Có đời Ngài gần chết, nên Ngài nguyện là bệnh đó hết thì hết bệnh thật. Có đời Ngài bị thương, Ngài nguyện không bị thương thì hết bị thương. Tại vì Ba-la-mật trong vô lượng kiếp quá khứ (ba a-tăng-kỳ kiếp trước), đủ mạnh để giúp cho điều đó.

Cho nên Đại thừa gọi là Bồ-tát thị hiện đó quý vị. Nên mình tu giai đoạn đầu cực kỳ khó khăn, mà đến khi có một chút tích lũy đủ rồi, thì giai đoạn sau đi thong dong tự tại, dù có còn đọa trong vòng luân hồi. Cho nên học thì mình học cho tới nơi. Chứ học không tới nơi, thì [mình nói] sợ quá. [Nếu] ai sợ quá, thì bữa nay Thiện Trang giới thiệu cho giải pháp, có con đường là sanh về Thế giới khác, sanh về Tây Phương Cực Lạc đó. Nếu ai tin được Đại thừa, ai tin được Tịnh Độ, thì đó là con đường [để] né. Còn ai sợ nữa thì thôi, phát tâm Tiểu thừa, nguyện thành A-la-hán ra khỏi sanh tử, [rồi] từ từ độ sanh sau. Chứ còn phát

tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là phát tâm thành Phật, đi con đường đó thấy sợ quá.

Nhưng Thiện Trang khuyên rằng: tùy căn tánh mỗi người, đức Phật cũng có lúc khuyên phát tâm Bồ-đề, nhưng có người thì Phật cũng không khuyên. Điều đó thì tùy thôi. Và mình muốn tu được, thì cố gắng vượt qua. Ví dụ hôm nay Thiện Trang nhắc lại một chút về năm Triền cái, trích từ trong kinh:

5 Triền Cái

Có năm chướng ngại Triền cái này, này các Tỷ-kheo, bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Năm Triền cái này bao phủ tâm mình, và làm cho trí huệ yếu ớt. Vậy thế nào là năm, chúng ta học rõ ràng theo kinh.

1. Một là Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại Triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Dục tham là tham dục.

2. Hai là Sân, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại Triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

3. Ba là Hôn trầm Thụy miên, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, Triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

4. Bốn là Trạo hối, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, Triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

5. Năm là Nghi, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, Triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Những điều này chúng ta biết rồi, thông thường mình cứ nói gọn lại, chứ ngôn ngữ Kinh Nikaya cứ lặp lại hoài. Quý vị thấy [câu]*"là chướng ngại, Triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ"* cứ lặp đi lặp lại. Vậy thì mình chỉ cần nhớ [thứ nhất là] Dục tham (tham dục), thứ hai là Sân, thứ ba là Hôn trầm Thụy miên, thứ tư là Trạo hối, và thứ năm là Nghi.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không đoạn tận năm chướng ngại Triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, không có sức mạnh, và trí tuệ yếu kém, sẽ biết lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay có thể biết lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện này không xảy ra.

Có nghĩa là nếu mình không đoạn được năm Triền cái này, thì mình không có khả năng trí huệ, trí huệ mình yếu kém. Và mình không biết được lợi ích của mình, cũng không biết được lợi ích của người, cũng không chứng ngộ được pháp Thượng nhân, cũng không có tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Bởi vì sự kiện này không xảy ra. Đức Phật lấy ví dụ:

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông chảy, từ núi xuống, chảy thật xa, dòng chảy nhanh cuốn trôi mọi vật. Rồi có người lấy cày mở hai bên bờ sông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, dòng sông ấy ở chặng giữa bị trở ngại, tràn rộng, bị chuyển hướng, không còn chảy ra xa, không còn chảy nhanh, không cuốn trôi mọi vật. Tức là nếu bị năm Triền cái thì bị như vậy.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không đoạn tận năm chướng ngại Triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, không có sức mạnh và trí tuệ yếu kém, sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay có thể biết lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh; sự kiện này không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy, sau khi đoạn tận năm chướng ngại Triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, có sức mạnh và có trí tuệ, sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay sẽ biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh; sự kiện này có xảy ra.

Trích Từ Kinh Số 51 – Phẩm 5 Pháp – Kinh Tăng Chi

Tóm lại đó là năm Triền cái mà mình phải để ý. Thiện Trang nhắc lại năm Triền cái này: Thứ nhất là Dục tham (tham dục) là mong muốn, ham muốn

nhiều. Thứ hai là Sân. Ba là Hôn trầm Thụy miên; Hôn trầm là cứ lờ đờ buồn ngủ, Thụy miên [là] ngủ nhiều quá. Thứ [tư] là Trạo hối; Trạo là trạo cử, hối là hối hận, tức là mình cứ lăn xăn, hối hận với những điều gì xảy ra rồi v.v…Và thứ năm là Nghi.

Ở đây thật ra mình nói thế này, nói ngôn ngữ dễ hiểu hơn nữa, là quý vị còn thích điều này, bất mãn điều kia. Thích thuộc về Tham, bất mãn điều này điều kia là thuộc về Sân. Hôn trầm, Thụy miên là ngủ quá nhiều. Hôn trầm quá là người lờ đờ lờ đờ, không được! Và ray rứt bồn chồn, hoang mang, nghi ngờ, đặc biệt thời nay nghi dữ lắm. Cho nên người học Phật pháp thời nay nghi quá nhiều. Đặc biệt người Việt Nam mình, càng về sau càng nghi, nghi càng nhiều. Sắp tới đây quý vị sẽ chứng kiến thêm một số chuyện, để quý vị nghi nhiều hơn nữa.

Thiện Trang thấy cũng tội cho người Việt mình lắm. Các Đạo tràng tu hành dần dần tàn hết. Đạo tràng nào nổi nổi một thời gian là bị tàn, tan tác. Và tan tác rồi họ đưa lên, lôi ra những chuyện [khiến] mình cũng nghi luôn, riết rồi mình cũng không biết tin ai. Thiện Trang nói là quý vị nên nhớ, chúng ta là phàm phu, những điều gì chúng ta nghe, những gì chúng ta thấy, mặc dù có thể đưa lên mạng như vậy, nhưng chưa chắc là như vậy. Đó có thể phản ảnh một phần nào đó thôi, quý vị hãy dùng trí tuệ để quan sát.

Thiện Trang nói thế này, nếu một sự việc xảy ra đối với một nơi, hai nơi, thì đó có thể là ngẫu nhiên, có thể là một lỗi lầm gì đó. Còn nếu một sự việc mà xảy ra liên tục, cứ hết nơi này đến nơi kia, thì mình phải hiểu là đằng sau đó có vấn đề gì đó, mang tính hệ thống. Chúng ta phải hiểu như thế nào? Chính vì đã biết là mang tính hệ thống, cho nên chúng ta không phải nghi ngờ về gì hết. Chúng ta tu, là tu cho chính mình. Quý vị đừng vì những người, một vài người mà mình mất niềm tin với đạo. Phật pháp luôn luôn là Chánh pháp, nếu như mọi người đều tin theo, thực hành theo.

Bữa nào Thiện Trang sẽ trích trong kinh, để quý vị thấy Mạt pháp là gì. [Mạt pháp] là không có những người truyền Chánh pháp, không có người giảng

dạy Chánh pháp, không có người tu hành Phật pháp, chứ không phải pháp mạt. Càng về sau, những người có khả năng giảng [mà] không được người khác hộ trì, không được người khác giúp đỡ [để] giảng, thì đó là Mạt pháp.

Cho nên mình cần phải để ý những điều này, chứ không phải mình cứ nhìn vào hiện tượng như vậy. Bởi vì nhìn hiện tượng thì khổ lắm. Mọi sự việc ở đời này, có mặt là phụ thuộc [vào] rất nhiều duyên, cho nên người ta không làm chủ [được].

Thiện Trang nói đơn giản thôi, người ta có một câu châm ngôn như thế này*: "Muốn đi cho nhanh thì chúng ta nên đi một mình, nhưng muốn đi xa thì phải cần đông người".* Có nghĩa là nếu mình muốn đi một mình thì đi nhanh, nhưng mình muốn đi xa thì phải có nhiều người giúp đỡ mình. Câu này là thuộc về ngạn ngữ của Châu Phi. Tại vì Châu Phi có sa mạc Sahara đó quý vị. Muốn đi nhanh, thì đi một mình [để] khỏi vướng víu. [Còn] đi càng đông người, kéo càng nhiều người thì chậm, đợi người này, đợi người kia. Quý vị thấy không!

Cho nên ai bước ra con đường hoằng pháp lợi sanh, thì người ấy gánh trên vai bao nhiêu nghiệp của chúng sanh, tức là mình cộng nghiệp với chúng sanh. Vì cộng nghiệp cho nên mình đi chậm lại. Còn mình đi một mình thì đi nhanh hơn, nhưng đi nhanh thì nhanh, nhưng do tu hành không có bạn thì cũng có những nỗi khổ của tu hành [không] có bạn. Đó là một hồi rồi rớt. Tại vì đi không được xa. Cho nên cũng phải nương tựa, mà nương tựa tương đối. Đó là mình phải hiểu. Đời mà, nhiều nổi khổ lắm!

Và muốn hết khổ thì không có cách nào khác hơn, là hãy thay đổi nhận thức của mình. Hãy hiểu rằng mọi vật ở đời đều vô thường, đều rốt ráo rồi cũng sẽ khổ. Và nếu còn có yêu, có thích, có ghét, có giận, v.v… thì còn khổ thôi. Đừng chấp trước những điều đó thì bớt khổ. Rồi muốn mau hết khổ, thì hãy chán đời sống này, mà nguyện ra khỏi [sanh tử], giải thoát. Chỉ có giải thoát là hết khổ.

Hôm nay Thiện Trang giới thiệu thêm một điều nữa. Đó là trong các quả vị Thánh, trong Kinh A Hàm hay nhiều bộ kinh lắm, có giới thiệu cho chúng ta một

địa vị nữa là Tùy tín hành, và tất nhiên có Tùy pháp hành nữa. Tùy tín hành và Tùy pháp hành là gì?

Tùy tín hành là người nhập vào dòng giải thoát dựa vào niềm tin. Họ có niềm tin đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng mạnh mẽ, thì người đó nhập vào Tùy tín hành. Trong Kinh A Hàm, đức Phật có nói rằng: Nếu người hạng Tùy tín hành, nếu trong đời này mà không chết giữa chừng, thì chắc chắn họ sẽ đắc đạo, có nghĩa là sẽ đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Cho nên quý vị ráng tu làm sao đó, để được Tùy tín hành. Tùy tín hành là ngon rồi đó! Có một địa vị là niềm tin không thoái chuyển đối với Tam Bảo. Thực ra nói đầy đủ người Tùy tín hành, thì trong Kinh số 10, phẩm Khổ Lạc thứ 27, trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật có nói:

"Sao gọi là người Tùy tín hành? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan, có tín tâm nơi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cũng có tín nơi lời dạy của Như Lai. Cũng có tín nơi lời dạy của đồng phạm hạnh, và hằng có (tức là luôn có) **tín nơi lời của người khác. Không tùy theo trí của mình, đó gọi là người tín hành hay người trì tín."**

Thiện Trang xin tóm tắt lại, người Tùy tín hành là có sự lãnh thọ được sự giáo giới của người khác, tức là người khác dạy cho mình, thì mình lãnh thọ. Và có niềm tin chí thiết, ý không nghi ngờ. Rồi mình tin vào Phật, tin vào những lời dạy của Phật và tin vào những lời dạy của đồng phạm hạnh (là những người cùng tu với mình). Và luôn có niềm tin nơi người khác, không theo trí của mình. Người đó gọi là Trì tín, và đó là Tùy tín hành. Và đức Phật nói người đó trong Kinh A Hàm, hay ở một bộ kinh khác đức Phật [cũng] nói, nếu người đó giữa chừng trong đời này không chết, thì họ chắc chắn đắc đạo, đắc Tu-đà-hoàn. Cho nên cố gắng nha!

Tại sao Thiện Trang nói điều này? Tại vì thời nay là thời nghi quá nhiều. Người Tùy tín hành là niềm tin của họ vững mạnh như vậy. Còn bây giờ mình

nghi đủ hết, nghi người giảng pháp, nghi lời Phật, nghi cả người đồng phạm hạnh với mình, v.v… đủ các kiểu. Cho nên làm sao mà tu vô được.

Mà đặc biệt Thiện Trang thấy thời nay người nghi ngờ nhiều lắm. Học Phật pháp, càng học càng nghi. Lẽ ra mình càng học thì mình phải càng tin, đằng này càng học thì càng nghi. Cho nên làm sao được! Đây là từ Kinh số 10, quý vị kiếm Kinh số 10 trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, ở phẩm thứ 27, phẩm Khổ Lạc, trong đó đức Phật nói là có hạng Tùy tín hành. Quý vị để ý hạng [người] Tùy tín hành này nha. Và [người] Tùy tín hành này đức Phật cũng nói, là nếu giữa đường không bị thoái chuyển, không bị chết giữa đường, thì chắc chắn là chứng được quả giải thoát. Đó mình phải ráng tu!

Còn hạng Tùy pháp hành thì để hôm khác nói, nhưng Thiện Trang giới thiệu qua. Tùy pháp hành là người nhập đạo bằng trí tuệ. Nếu mình không có trí tuệ, thì mình hãy đi bằng niềm tin. Còn Tùy pháp hành là người có căn tánh đặc biệt tốt về trí tuệ. Mình học như vậy thì mình mới hiểu được.

Còn quả Dự lưu, Sơ quả Tu-đà-hoàn thì mai mốt mình học. Không chỉ đơn giản có mỗi bảy đời tái sanh đâu. Ví dụ như Thất sanh, ở trong đó chia ra, gồm có Thất sanh tức là bảy lần tái sanh. Và có Gia gia tức là tái sanh hai hoặc ba lần, trong các gia đình cao quý. Tu-đà-hoàn có mấy loại. Thứ ba [là] Nhất chủng, là tái sanh thêm vào cõi Người một lần nữa.

Mai mốt mình học kỹ vậy đó. Ở bên các bộ khác thì không học kỹ như vậy đâu. Chỉ có bộ Luận này, A Tỳ Đàm, Luận Câu Xá hoặc là duyệt kinh tạng cũng có. Thật ra những điều này trong kinh tạng có nói, nhưng chúng ta thông thường học lướt lướt qua. Còn ở đây mai mốt chia ra.

Quý vị nên nhớ, nếu chia mấy quả vị từ Sơ quả đến Tứ quả A-la-hán, [nếu] chia đầy đủ [thì có] bốn mươi mấy quả vị, bốn mươi mấy bậc, chứ không phải chúng ta chia ra có bốn [thôi đâu]. Không phải! Chia ra nhiều lắm. Ví dụ như quả Bất Lai cũng vậy, Bất Lai là Tam quả A-na-hàm. Có lúc thì đắc lên A-la-hán trong đời đó, có lúc thì đắc A-la-hán trước khi chết, có lúc thì lên được Ngũ Bất Hoàn Thiên nửa đời thôi là đắc rồi. Có người thì đi chậm hơn, hơn nửa đời mới đắc.

Có người thì lên hết, phải đi năm tầng trời Bất Hoàn rồi mới đắc. Đó là tùy theo căn cơ, mai mốt chúng ta sẽ học dần dần vào đó.

Cho nên là cả bộ Luận này, chúng ta học nhiều thứ lắm. Và càng chia chẻ nhỏ ra, thì mình thấy dễ dàng hơn, mình nhận thức chính xác hơn. Chứ còn mình học mà cứ mơ mơ màng màng, nói chung chung không, thì nhiều khi mình sẽ có những nghi ngờ, hoặc là có những vấn đề mà mình chưa hiểu thấu suốt được.

Đấy là Thiện Trang giới thiệu sơ sơ cho quý vị thấy, Phật pháp là một biển lớn. Và nếu mình càng sáng tỏ bao nhiêu, giống như mình thấy rõ trong lòng bàn tay, thì mình sẽ dễ dàng thâm nhập, và hết nghi ngờ. Một khi nghi ngờ hết thì mình tu vô, trong đó có Tùy tín hành. Hôm nay Thiện Trang giới thiệu thêm, có một vị trí trước Sơ quả Tu-đà-hoàn, đó là Tùy tín hành, dễ hơn nữa. Có nghĩa là nếu quý vị vô đó, là gần như chắc chắn quý vị đắc [quả]. Nếu không đắc thì qua đời sau cũng sẽ đắc, kiểu vậy đó!

Tại vì nếu trong đời [này] không đắc được, thì qua đời sau [sẽ] đắc. Có những quả như vậy đó quý vị. Đấy là một điều hay, mình biết càng nhiều một chút, thì mình có hy vọng [tu] dễ hơn. Chứ [không mình] thấy xa quá, tu hành hoài không thấy tới đâu, thì thấy khổ quá. Cho nên có nhiều phương pháp: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, v.v...

Thiện Trang xin phép vào phần Luận Câu Xá:

已說根境及取境相，無表色相今次當說。頌曰：

Dĩ thuyết căn cảnh cập thủ cảnh tướng, Vô biểu sắc tướng kim thứ đương thuyết. Tụng viết:

Giải:

#Dĩ thuyết căn cảnh cập thủ cảnh tướng, Vô biểu sắc tướng kim thứ đương thuyết. Tụng viết: tức là đã nói về căn; #căn tức là Sáu căn hay Ngũ căn. Chúng ta biết căn này là căn tai, căn mắt, v.v... #Cảnh là đối tượng của căn, và những tuyến

chọn tướng của cảnh rồi. Tức là mình cũng giới thiệu về cảnh rồi, nhưng cảnh thì mình chỉ nói đơn giản thôi. Còn về phần Vô biểu sắc, tướng của Vô biểu sắc thì bây giờ sẽ lần lượt nói. Ở trong bài tụng nói rằng.

Tạm dịch: Đã nói về căn, cảnh và tuyển chọn tướng của cảnh rồi, còn tướng của Vô biểu sắc thì bây giờ sẽ lần lượt nói. Kệ tụng rằng:

Bài Kệ 11

Loạn tâm vô tâm đẳng	亂心無心等，	Loạn tâm, Vô tâm, khác
Tùy lưu tịnh bất tịnh	隨流淨不淨，	Theo dòng tịnh, không tịnh
Đại chủng sở tạo tánh	大種所造性，	Tánh do Tứ đại tạo
Do thử thuyết Vô biểu.	由此說無表。	Do đó nói Vô biểu.

Giải:

#*Loạn tâm:* là tâm tán loạn, nhiều tâm. Phàm phu là Loạn tâm.

#*Vô tâm:* là khi mình vào mấy định như trời Vô Tưởng, ở trời Vô Tưởng là Vô tâm. Ví dụ như người ta là những pho tượng, tức là Vô tâm đó.

#*Đẳng:* là còn những loại khác nữa, những tâm khác nữa.

Tức là mình là phàm phu thì Loạn tâm rồi. Còn có Vô tâm là không có tâm, ví dụ như nhập được định trời Vô Tưởng, là không có tâm. Lên trời Vô Tưởng

thì đâu có tâm đâu. Rồi những tâm khác nữa, chữ #đẳng là khác, [như] tâm Thánh hay tâm gì đó v.v...

#*Tùy lưu:* là theo dòng.

#*Tịnh bất tịnh:* là theo dòng tịnh và không tịnh. Ngôn ngữ của ngài Huyền Trang, ngài dùng chữ tịnh bất tịnh. Chữ #tịnh này chính là chữ thiện, chúng ta nói là thiện, bất thiện, là thiện ác.

Tức là tâm tán loạn hay là Vô tâm v.v... thì thật ra là mình theo dòng thôi, ở đời gọi là *"gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*. Nghĩa là do mình sống ở đâu quen, thì cuối cùng mình bị ảnh hưởng [bởi] môi trường đó, mà theo dòng nghiệp thiện ác.

Có những điều mình sanh ra trong đời, mình bị hoàn cảnh chi phối riết rồi quen, mình cứ cho đó là bình thường, mà không biết đó là ác. Ví dụ quý vị sanh ra trong một gia đình, mà ngày nào cũng thấy cha mẹ làm thịt mấy con gà, mấy con vịt để ăn. Cứ làm vậy hoài, cho nên mình cũng thấy bình thường. Lớn lên mình cũng thấy bình thường, mình đâu có thấy bất thường, đâu có thấy ác. Đó là theo dòng ác mà mình không biết. Cho nên những tâm đó là tâm tán loạn, theo dòng nghiệp đó.

Còn một đứa nhỏ sanh ra trong gia đình ở Châu Âu, ở Mỹ... thì nó được giáo dục là phải yêu thương động vật. Ra đường lỡ có con gì chạy ngang qua, [như] chim bồ câu đậu giữa đường hay con gì bò qua đường v.v... thì nó cũng né, nó bảo vệ như vậy. [Đó] là theo dòng tịnh.

Cho nên theo dòng nghiệp mà tịnh hay bất tịnh, tức là thiện hay không thiện. Đó là hoàn cảnh môi trường. Và chúng ta là phàm phu, thì luôn luôn bị môi trường đó đồng hóa. Mới đầu có thể do chủng tánh đời trước khá, nhưng theo năm tháng dần dần thì mình cũng chấp nhận sống theo đó. Và sống một hồi thì mình [cũng] như vậy.

Giống như người Việt mình, đây không phải là nói xấu, mà nói thật, là có tính rất nhiều chuyện, và sự nghi ngờ của mình lớn. Tại vì mình nhiều chuyện

quá. Quý vị thấy người nước ngoài, người ta không quan tâm nhiều đến chuyện đời tư của người khác, không có mấy khi đem bàn tán chuyện này chuyện kia. Còn Việt Nam mình nào hết bàn tán, hồi xưa là giới showbiz, ca sĩ, nghệ sĩ, rồi cầu thủ bóng đá gì đó, v.v… cứ bàn tán đời tư của họ. Rồi sau này những năm gần đây, ăn rồi bàn tán đời của quý thầy, tu thế này thế kia, bình luận không biết thật giả, rồi gán ghép v.v… đủ thứ các kiểu. Cứ in rồi chế tạo hình photoshop, ghép dòng chữ đăng caption (tiêu đề) lên. Rồi kéo thị phi đủ thứ chuyện. Đó là thị phi.

Có hai nguyên nhân tạo ra [điều đó]: Một là người Việt mình thích những chuyện đó, hai là pháp luật của mình không chặt. Ở nước ngoài mà quý vị làm những việc như thế, sử dụng hình ảnh trái phép, người ta kiện thì quý vị cũng mệt đấy, ít nhất là đền hơi bị nhiều tiền. Cho nên những việc đó, nếu quý vị đụng tới người nước ngoài là không được. Nhưng người trong nước mình quen rồi, và chẳng ai kiện cáo mấy chuyện đó. Một là không kiện, hai là kiện cũng chả ai giải quyết. Cho nên thành ra mới có những chuyện thị phi. Và mình xem như vậy, mình sống hoài, mình coi đó là bình thường.

Nên ngay [đó là] mình đã tạo nghiệp. Và quý vị hỏi tại sao có nhiều thiên tai, lũ lụt? Thời nay người ta lên mạng, cứ gặp thầy nào thì chửi thầy đó. Quý vị thấy bây giờ, dần dần riết rồi thầy nào cũng sợ hết. Ví dụ như thầy Pháp Hòa, thầy nói là sang năm 2025 thầy không đi giảng nữa, thầy ở nhà lo độ cho mấy chú mới xuất gia v.v… Nhưng thực tế, Thiện Trang nghĩ là thầy bị chửi nhiều quá. Người ta nói là thầy Pháp Hòa bị chửi nhiều quá, tức là nhiều người không biết gì hết, thấy thầy giảng là vô chửi thôi, chửi quá mà.

Rồi Sư Giác Nguyên cũng nói vậy, [họ] cũng chẳng cần biết gì hết, cứ vô chửi tới nơi vậy thôi. Cho nên có những người như vậy, chửi riết rồi dần dần [làm] người ta thoái tâm, người ta sợ luôn. Tức là những người phỉ báng, chửi đúng thì không nói, đằng này cứ lên nhắm thấy Thầy nào, Cô nào giảng pháp [là vô chửi]. Như Thiện Trang thiếu gì người chửi, người nào chửi thì Thiện trang khóa luôn, cho lần sau khỏi chửi nữa. [Nếu] phát hiện bình luận chửi, sau bài

giảng thì Thiện Trang kiểm lại bình luận, thấy [người] nào bình luận chửi là chặn luôn, cho bữa sau khỏi vô chửi nữa. Vậy cho hết, để khỏi tạo nghiệp. Phải thế thôi! Thời nay là vậy đó. Tại vì chúng sanh làm như vậy. Và quý vị biết, thiên tai là chiêu cảm từ điều đó.

Trong Kinh Nikaya có câu chuyện, đó là có vua Tần Bà Sa La hay vua Ba Tư Nặc, Thiện Trang quên rồi. Có mời năm vị Tôn giả tới, cất cho một cái thất. Đang cất giữa chừng, còn thiếu cái mái nữa, mà quên mất lợp mái. Sau khi cất thì các vị đó ở thôi, các vị Tỳ-kheo thời đức Phật mà, rất thanh tịnh, nên cứ ở. Thất mà không lợp mái, [nhưng các vị ấy] cứ ở như vậy. Và nguyên thời gian cả mấy năm đó, trời không mưa. Dân thấy hạn hán, khổ quá, mà không biết tại sao. Lúc đó họ mới nói: *"Có phải do vua không lợp thất cho các quý Tôn giả đó không?"* Vua nghe nói như vậy, sợ quá, rồi cho quân tới lợp lại thất, vì lúc trước chưa lợp. Sau khi lợp xong thì trời mưa.

Quý vị biết do chư thiên thấy như vậy, cho nên họ trừng phạt. Quý vị hiểu rồi đấy, mình thấy có câu chuyện đó trong Kinh Nikaya, không phải chúng ta tự bịa lên. Trong những vị Tôn giả đó, thì có một vị chứng A-la-hán.

Cho nên thời nay quý vị thấy loạn nhiều, tại vì chúng ta đối xử như thế nào? Trong những người xuất gia thời nay, tất nhiên có những người chân chánh, có những người không chân chánh. Nhưng nếu chúng sanh với tư tưởng quá cực đoan như vậy, thì không tốt, dần dần sẽ chiêu cảm nhiều điều. Và nhiều người làm, nhiều người tu không đúng chánh pháp, cả Cư sĩ lẫn Tu sĩ v.v… thì góp phần thêm thiên tai, tai nạn nhiều thêm. Và chúng ta cũng là những người cộng nghiệp trong đó.

Hồi xưa Thiện trang thấy Châu Âu chẳng có lũ lụt, mà bây giờ thấy Trung Âu và Đông Âu có bị lụt rồi đó. Quý vị thấy Cộng Hòa Séc, Ba Lan bị rồi, các nước Đông Âu và Trung Âu bị. Cho nên càng về sau thế giới này không yên. Tất nhiên Tây Âu vẫn là các nước có phước báo lớn hơn, nên không có. Vùng Địa Trung

Hải, quý vị học Lịch sử, Địa lý thì biết, vùng đó không có bão. Tại vì sao? Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở.

Còn vùng nào mà bão nhiều, quý vị biết tại sao không? Vì thiếu phước, thiếu tu. Để bữa nào Thiện Trang trích trong kinh, đức Phật có nói nguyên nhân vì sao đất đai, thiên tai thế này thế kia. Đức Phật cũng nói luôn trong kinh, chứ không phải không có đâu. Tại vì không có đủ thời gian để tìm lại, trong Kinh A Hàm có.

Cho nên mình có Loạn tâm, loạn tâm rồi tạo nhiều nghiệp bất thiện. Và chúng sanh thì có ba hạng người:

1. Một là mong quả tốt, nhưng tạo nhân xấu. Bây giờ là vậy, ai cũng mong quả tốt đến cho mau, nhưng lại tạo nhân xấu.

2. Hạng người thứ hai khá hơn, mong quả tốt và tạo nhân tốt. Tạo nhân tốt, nhưng mong quả tốt cũng đến cho nhanh. Đời mình phải khá chút, giàu có, thân thể khỏe mạnh, sống lâu, gia đình êm ấm, và cũng ráng làm việc lành, v.v… Nhưng muốn có quả, thì từ nhân đến quả phải có thời gian, gọi là Dị thục duyên, hôm bữa mình học rồi.

3. Hạng người thứ ba, là tạo nhân tốt mà không cầu quả. Đó là hạng người giác ngộ. Vẫn làm bao nhiêu việc tốt, nhưng không cầu quả. Bởi vì sao? [Vì] khỏi cần cầu, thì quả cũng tới thôi. Quý vị hiểu không? Không cần cầu, quả tới thì tới thôi, chứ cần gì cầu. Khi đủ duyên thì quả tới.

Cho nên ở đây có ba tâm: Loạn tâm, [Vô tâm] là không có tâm, và những tâm khác nữa, theo dòng thiện hay không thiện.

#*Đại chủng sở tạo tánh*: ngôn ngữ của ngài Huyền Trang, thì ngài dùng chữ Đại chủng. Còn chúng ta hay dùng chữ Tứ đại, thành ra quen. Tứ đại tạo nên tánh, hay là tánh là do Tứ đại tạo.

#*Do thử thuyết Vô biểu*: do đó nói là Vô biểu; #Vô biểu này chính là Vô biểu sắc.

Quý vị còn nhớ Vô biểu sắc không? Vô biểu sắc này chúng ta đã học ở bài trước, là những gì mà mình không thấy rõ. Ví dụ quý vị bị bệnh ngầm trong người, không biết tại sao, nó đâu có lộ ra đâu. Hoặc là mình có giọng [nói], âm thanh rất ngọt ngào. Và có những người cất tiếng ra, là nghe âm thanh khó chịu. Có người cất giọng ra thì giống như trẻ con. Đó là Vô biểu sắc, cũng gọi là Vô biểu. Tức là còn thấy được, tuy là nghe âm thanh như vậy, nhưng không biết nghiệp gì trong đó, có yếu tố nào bên trong đó. Đó gọi là Vô biểu. Và điều đó là cũng biểu hiện ra rồi. Nhưng thực ra nó có một cái ngầm bên trong, gọi là Vô biểu.

Vô biểu này do đâu? Do nghiệp thiện và bất thiện của mình tạo ra. Điều này thật ra là do thân thể Tứ đại này hình thành. Tánh này hay tính chất này là do Tứ đại hay là Đại chủng tạo ra.

Và thật ra Loạn tâm, Vô tâm v.v... thì cũng theo dòng này. Nói chung là một dòng nghiệp vòng với nhau, do Loạn tâm, do ác tâm, do không thiện, nên tạo ra nghiệp bất thiện, [từ đó] tạo ra thân Tứ đại và kèm theo đó là Vô biểu sắc (là những gì đi kèm với mình) không tốt. Rồi do Loạn tâm, Vô tâm, v.v… tạo ra những nghiệp tốt, và theo dòng nghiệp đó tạo ra thân thể Tứ đại này (là thân thể mình), trong đó có những Vô biểu sắc tốt đi theo mình.

Cho nên mỗi người mỗi khác, không ai giống ai. Có người thì chịu nóng rất giỏi, nhưng chịu lạnh rất dở. Có người thì chịu nóng, lạnh gì cũng dở hết. Có người thì chịu được cả hai. Vì trong đời quá khứ, ở trong cả Địa ngục Hàn Băng lẫn Địa ngục Đại Hỏa rồi, Địa ngục nào cũng vô nên sức chịu đựng khá lắm. Còn có người thì yếu, [do] ở trên những cảnh giới lành.

Quý vị nên nhớ, chúng ta cũng may mắn lắm, thật ra quý vị biết ở trong Kinh Tăng Chi, đức Phật có nói: **“Hạnh phúc thay cho những ai, sanh ra đời đã được thân người, mà còn được xuất gia dưới những bậc Đạo sư giống như Ta”.** Tức là mình được [đi] xuất gia là ngon đó. **“Còn như ở trên cõi chư thiên, khi có một chư thiên sắp mạng chung (sắp qua đời) thì họ còn có**

pháp, giống như bây giờ mình gọi là pháp hộ niệm. **Chư thiên xúm lại nhắc nhở vị ấy là: *"Ông hãy cố lên! Hãy nguyện sanh vào cõi lành, để tiếp tục tu, để làm lành"*.**

Đức Phật nói [xong] thì có một vị hỏi:*"Bạch đức thế Tôn! Vậy cõi lành đó là cõi lành nào? Vì trên chư thiên rồi, cõi lành đó là cõi nào? Cõi lành có phải trở lại chư thiên nữa không?* Quý vị biết trên chư thiên hết phước thông thường có mấy khi trở lại chư thiên. Đức Phật nói là: **"Không phải! Cõi lành đó chính là cõi Người".** Có nghĩa là chư thiên cũng biết rằng: đối với họ thì cõi Người là cõi lành.

Nhiều khi chúng ta thì ngược lại, chúng ta hâm mộ, thích lên trời. Bây giờ chư thiên hết thọ mạng, thì họ mong là xuống cõi Người. Vì họ biết rằng ở cõi Người mới tu tập tốt được. Tu được phước báo gì đó, thì cõi Người mới dễ tu. Còn ở cõi chư thiên, giống như quý vị đi du lịch, thì chỉ có xài tiền thôi, mấy khi mà làm ăn được gì. Quý vị đi du lịch đâu có làm được gì, đâu có kiếm tiền được, đi du lịch mà làm việc thiện cũng khó lắm. Mình nói đi du lịch mà kiếm được tiền là khó lắm, kiếm tiền được là chắc mấy người Việt Nam mình, tranh thủ mua thêm mấy đồ xách tay về bán kiếm thêm. Nhưng cũng không đáng bao nhiêu hết, làm sao bằng nơi chuyên để kiếm tiền được. Cho nên ở cõi Người này là nơi chuyên kiếm tiền.

Ví dụ như bây giờ mình cứu giúp những đồng bào khó khăn trong tai nạn, thiên tai, đó cũng là một cách. Tại vì sao? Quý vị bố thí cho những người cần là phước báo có, bố thí cho những người không cần thì phước báo nhỏ hơn. Nhớ nha! Phước báo lớn là mình bố thí cho người đang cần. Người ta đang cần, người ta đang khó khăn mà mình bố thí, thì phước báo lớn. Còn người ta dư rồi, mình bố thí thêm thì phước báo không lớn bằng. Tất nhiên bố thí trong Phật pháp cũng được, mà bố thí bên ngoài cũng được. Cho nên [bố thí] theo nhu cầu thì tốt. Đấy cũng là trí tuệ. [Quý vị] tranh thủ nha! Đợt này quý vị thấy những nơi khó khăn thực sự [thì nên giúp].

[Nhưng] Thiện Trang thấy cũng bất cập lắm, [như] các đoàn cứu trợ, quý vị đi thì biết, toàn đi ngoài đường [lớn]. Cho nên nhà nào hai bên mặt đường thuận lợi, thì được hưởng nhiều lắm, hết đoàn này đến đoàn kia, cho cái này cái kia, đồ ăn nhiều lắm. Còn mấy nhà trong hẻm sâu, mấy con đường chưa đổ nhựa, đường thấp trũng [khó đi], v.v… thì không có đoàn nào vô được đó đâu, nguy hiểm quá người ta đâu có vô. Chính vì vậy cũng bất cập, không có được. Mấy ai mà vào trong mấy chỗ khó khăn, người ta đi cũng lựa chỗ mà đi. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là nhiều khi mình đi, thì mình cũng xài tiền [ủng hộ] đó. Thiện Trang không nói hết, mà có ít người lấy tiền của mình để làm tiền chi phí đi lại, còn tiền mà mọi người góp thì ủng hộ [hết] luôn. Cho nên cũng không có viên mãn lắm. Nếu mình xài ít ít thôi thì còn đỡ. Nhiều người xài sang chút, là cứ tính vô hết, nào ăn bao nhiêu, thậm chí thuê chiếc xe ngon ngon để đi, v.v…. Người ta ủng hộ với tâm mong muốn cứu giúp những người kia, không phải để cho mình đi [dùng] số tiền đó.

Cho nên nhiều khi những việc từ thiện mình làm, thì mình cũng phải suy xét lại một chút. Theo Thiện Trang thì mình nên bỏ số tiền của mình ra, để mà lo đi lại thì tốt hơn. Còn mình xài tiền [người ta ủng hộ], đôi khi không đúng mục đích, thì cũng ảnh hưởng. Đó là Thiện Trang xin chia sẻ thêm một chút.

Quả lành thì muốn có ngay, nhưng nhân lành thì cứ hẹn nay hẹn mai miết. Đó là mình muốn điều gì cũng mau tới, nhưng nhân thì mình lười [làm]. Chính vì vậy tu hành cứ từ từ, không [có] trổ nhiều quả. Quý vị cứ làm đi, thật ra làm đến lúc nào duyên đủ thì quả đủ. Như vậy bài này tạm dịch là:

Tạm dịch:

Loạn tâm, Vô tâm, khác

(#khác là những tâm khác)

Theo dòng tịnh, không tịnh

Tánh do Tứ đại tạo

Do đó nói Vô biểu.

論曰：亂心者，謂此餘心。無心者，謂入無想及滅盡定。等，言顯示不亂有心。相似相續說名隨流。善與不善名淨不淨。為簡諸得相似相續，是故復言大種所造。

Luận viết: Loạn tâm giả, vị thử dư tâm. Vô tâm giả, vị nhập Vô tưởng cập Diệt tận định. Đẳng, ngôn hiển thị bất loạn hữu tâm. Tương tự tương tục thuyết danh tùy lưu. Thiện dữ bất thiện danh tịnh bất tịnh. Vị giản chư đắc tương tự tương tục, thị cố phục ngôn đại chủng sở tạo.

Giải:

#*Luận viết: Loạn tâm giả, vị thử dư tâm*: Luận ghi: Loạn tâm là tâm khác với được nói ở đây.

#*Vô tâm giả:* tức là Vô tâm là (gì).

#*Vị nhập Vô tưởng cập Diệt tận định:* là nhập vào định Vô tưởng và Diệt tận định.

Điều này Thiện Trang đã chia sẻ nhiều rồi, chúng ta có mấy trường hợp Vô tâm. Có một bài kệ trong Duy Thức Tam Thập Tụng nói:

"Ý thức thường hiện khởi

Trừ sanh Vô Tưởng thiên

Cập vô tâm nhị định

Thụy miên dữ Muội tuyệt".

#*Ý thức thường hiện khởi*: tức là Ý thức Thứ sáu của chúng ta, là sự biết mọi thứ đó, thì luôn luôn hoạt động; #thường hiện khởi là luôn luôn hiện hành và khởi, khởi tức là hoạt động; trừ năm trường hợp là:

#*Trừ sanh Vô tưởng thiên*: là sanh vào trời Vô Tưởng. Người nào người nấy ngồi như pho tượng, đứng như pho tượng, nằm như pho tượng, giống như pho tượng thôi chứ không có hoạt động.

#*Cập Vô tâm nhị định*: tức là hai định Vô tâm.

Trong đây nói định của trời Vô Tưởng, nghĩa là mình ngồi một hồi thì nhập vào định của trời Vô Tưởng, là mình ngồi im luôn, im re, không có gì hết. Thứ hai là định của A-la-hán, gọi là Diệt tận định. Nhập được định đó cũng là Vô tâm, không có tâm.

#*Thụy miên dữ muội tuyệt*: #Thụy miên là ngủ, mà ngủ say như chết, không biết gì hết. Thì [khi đó] Ý thức Thứ sáu dừng, không hoạt động, không mơ mộng gì hết. Mơ mộng là ý thức còn hoạt động; #Muội tuyệt là người bị chết ngất (ngất xỉu). Năm trường hợp đó là không có tâm. Ở bộ Luận này thì chỉ nói hai trường hợp, còn [bộ] kia nói tới năm trường hợp, cho nên là nhiều hơn.

Ở đây sẵn nói về một vấn đề, mà chúng ta cũng nên biết. Đó là nếu quý vị tu định, quý vị có định của Tứ thiền trở lên, thì sẽ không có đau đớn mấy. Người nhập được Tứ thiền Sắc giới, Tứ thiền Vô sắc giới, nói chung Tứ thiền trở lên thì ok. Đối với những đau đớn của thế gian là họ vô tư, nói chung định của Tứ thiền là không [thọ] khổ, không [thọ] lạc. Nên quý vị hỏi: "Làm sao để khỏi đau đớn?" Thì quý vị cố gắng tu đến Tứ thiền.

Cho nên có những vị A-la-hán v.v… mà chưa đắc được Tứ thiền, tức là chưa đủ, thì vẫn đau đớn một chút. Nhưng nếu đắc được Tứ thiền rồi thì ok, mấy sự đau đớn [chịu được]. Như câu chuyện của Tỳ-kheo Dũng Quân, nhẹ nhàng lắm. Nên ai tu hành muốn tự tại, khỏi đau đớn, thì ráng tu làm sao tới Tứ thiền. Tứ thiền là chắc ăn. Sơ thiền là bắt đầu bớt đau rồi, nên Thiền chỉ giúp cho đỡ đau đớn. Còn người tu chỉ có Tuệ giải thoát thôi, tức là có thể đắc đến Thánh quả, nhưng thiếu định cao, thì họ vẫn đau đớn bình thường.

Mình nói vậy [thôi], nghe Tứ thiền đời nay thấy xa vời quá quý vị! Mình tu mãi mà không vô được tới Sơ thiền nữa, còn nói gì tới Tứ thiền. Nội xem mấy chi thiền [là] mình rớt sạch rồi, đâu có chịu nổi đâu. Cho nên thời đại nay, nhiều khi học Phật pháp thấy toàn thân cận những người học giả, những người tu giả nhiều quá, cho nên mình không thấy có gì hết. Và đôi khi thấy tội! Đúng! Rất là thương! Thiện Trang nói Phật pháp là đến để thấy. Đức Phật nói vậy mà, [thì] chúng ta cũng nên làm như vậy.

Quý vị thấy thời gian qua có một số đồng tu, Thiện Trang hướng dẫn cách tốt nhất là hãy nhập thất đi, mới thấy Phật pháp nhiệm màu. Nhập thất năm ngày [hoặc] bảy ngày thôi. Vô [nhập thất] Thiện Trang nói không có gì nhiều, cứ buông hết xuống, đừng có lo lắng chuyện gì hết, đừng lên mạng coi cái này, coi cái kia. Cứ nghe pháp cho nhiều vô, nghe cho đã, nghe từ sáng đến tối cũng được. Nghe pháp [nhưng phải] là pháp giải thoát, rốt ráo này nè. Rồi có thời gian nữa thì tọa thiền, niệm Phật, v.v… Có thời gian [nhập thất], làm mấy ngày như vậy thôi, thì tự nhiên sẽ thấy Phật pháp nhiệm màu. Vì sao? Tự nhiên tâm mình thay đổi, tự nhiên người bớt ngủ lại, phấn chấn, niềm vui lâng lâng dễ chịu. Bắt đầu thấy cuộc đời này khác, bắt đầu nhận thức mình thay đổi, thì từ đó mình có niềm tin.

Thiện Trang nói thật ra thời nay, chúng ta không có phước báo để chúng ta tu, chứ không phải là chúng ta tu không được. Có phước báo thì quý vị có thời gian tu. Vừa rồi có mấy đồng tu làm thử, từ đó thấy thay đổi hẳn. Quý vị nghĩ, nếu thường xuyên có thời gian nhiều hơn, thì sẽ tốt biết bao đúng không? Tu vài lần như vậy là mình vô sâu, mà tại vì không có thời gian.

Thiện Trang quan sát rồi, các đồng tu khổ lắm. Ngày thì đi làm việc 8 giờ, rồi còn [phải] mất công đi với về nữa, mỗi lần chuẩn bị đồ đi rồi về mất 1 tiếng, như vậy thêm 2 tiếng nữa là 10 tiếng. 24 giờ [thì] mất 10 tiếng dành cho đi làm. Rồi phải ăn, ăn thì cũng mất 2 đến 3 tiếng, vậy là 13 tiếng rồi. Nhà ai mà có con thì [còn phải] chăm sóc con 2, 3 tiếng nữa, [là] 16 tiếng rồi. Còn lại bao nhiêu đó

ngủ nữa, ai giỏi lắm ngủ 4 tiếng, còn không thì 6 tiếng. Vậy hằng ngày còn lại có 2 giờ để nghe pháp thôi.

Vậy nên hèn chi các đồng tu than rằng: "Một tuần thầy giảng có 2 bài mà con nghe không kịp". Đúng là nghe không kịp thật rồi! Toàn là phải tranh thủ đang đi làm, đang đi trên xe mới nghe [pháp] được. Vậy thì thời gian đâu mà Thiền, mà tĩnh tọa, thời gian đâu mà thâm nhập. Cho nên học Phật pháp bằng niềm tin thôi, còn không có học bằng sự thân chứng, không bằng sự trải nghiệm. Cho nên tu hành bao nhiêu năm cũng dậm chân tại chỗ, tiến rất ít. Nghe được chút nào thì hay được chút đó, chứ còn có vô đâu.

Cho nên Thiện Trang khuyên quý vị, dù thế nào đi chăng nữa, [hãy] sắp xếp một lần trong đời, hoặc một lần trong năm, [hay] ráng một lần trong tháng cũng được, hay là nửa năm một lần, v.v… nhập thất giùm cho Thiện Trang, năm đến bảy ngày theo phương pháp đó. Quý vị thích nghe pháp, thì quý vị cứ vô đó nghe pháp từ sáng đến tối, cứ nghe, không sao hết. Bao giờ nghe đã rồi, thấy tâm thanh tịnh rồi, thì đi [dụng công]. Ai tu Thiền thì tọa thiền, ai tu niệm Phật thì niệm Phật. Thậm chí nếu như nghe đã mà vẫn thích nghe, thì nghe cả đêm cũng được, nghe làm sao mà không [cảm thấy] buồn ngủ luôn.

Quý vị chỉ cần huân tập như vậy một thời gian, thì quý vị sẽ thấy đời sẽ khác, Phật pháp sẽ khác. Một lần như thế là quý vị có vốn rồi. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là **"tu một ngày một đêm cho đến mười ngày mười đêm"**, tu như vậy đó. Quý vị làm vậy đi! Làm được mấy lần như vậy trong đời, nhiều khi đắc đạo. Hoặc nhiều khi không đắc đạo thì cũng gieo được chủng tử lành, để đắc đạo vào đời sau, cho những người không tin. Còn những người tin Tịnh Độ, thì đời này có thể ra khỏi sanh tử, có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc. [Hãy] ráng làm! Cố gắng sắp xếp, lâu lâu lấy ngày phép, chẳng lẽ một năm không có mấy ngày phép sao? Được 15 ngày phép, làm hai thất là được rồi, một năm hai lần cũng được. Cho nên ráng làm! Chứ không cứ tu tà tà hoài, tu cả năm cũng không bằng đâu. Quý vị chỉ cần tu một đợt như vậy là tu hơn mấy năm. Khi mình có

nền đó rồi, lần sau thì mình tu dễ lắm. Ra ngoài nghe pháp cũng khác, và quý vị cũng có niềm tin đối với những điều mà Thiện Trang chia sẻ.

Nếu quý vị nghe không, [không có nhập thất], thì niềm tin mình yếu lắm, khi gặp chuyện gì đó là mất niềm tin. Ví dụ ngày nào đó nghe ai phỉ báng Thiện Trang, nói sơ sơ thôi, vậy là quý vị mất niềm tin ngay. Bởi vì sao? [Vì] quý vị không có trải nghiệm, Phật pháp là phải trải nghiệm bằng chính mình, phải mình kiểm nghiệm, đến để thấy, không phải nghe để thấy. Trí tuệ trong Phật giáo chia ra, gồm có trí tuệ của Văn, Tư, Tu. Thế nào là trí tuệ của Văn? Là quý vị có trí tuệ qua việc nghe giảng, qua việc đọc kinh sách, là nghe. Trí tuệ đó mới là trí tuệ lần một, tức là nghe qua và hiểu ra được chỗ đó v.v… sự biết từ những kiến thức cung cấp cho mình, đó gọi là trí tuệ của Văn.

Quý vị phải tiến thêm một bước nữa, gọi là trí tuệ của Tư. Tư là gì? Tức là do mình nghe đó, tự nhiên mình kết nối trong tâm, mình tư duy tức là hay nghĩ về vấn đề đó. Một hồi tự nhiên nó bừng ra một điều gì hay hơn nữa, kết nối với những kiến thức cũ, liên kết với những kiến thức khác, và đưa ra cho mình một kiến thức mới. Đó là trí tuệ của Tư. Tư này thì cũng đã phải tu khá hơn một chút rồi, tức là do mình thường xuyên thâm nhập nhiều, cho nên dữ kiện mới, dữ kiện cũ mới kết nối vào với nhau được.

Trí tuệ thứ ba quan trọng, là trí tuệ của Tu. Tu là quý vị phải thực hành. Thực hành rồi, thì tự nhiên quý vị thấy đúng như những gì mà thực tế thấy như vậy. Sự thấy đó có được là nhờ mình thấy cảnh bên ngoài, và kết hợp với hai trí đằng trước [là] trí của Văn và của Tư. Ví dụ bình thường nhìn bông hoa, quý vị chỉ thấy bông hoa đó thôi. Nhìn hoa hồng, quý vị cũng chỉ thấy hoa hồng thôi. Nhưng do một người tu, họ có Văn rồi, họ cứ nghe: *"Các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt. Thầy tôi Đại Sa-môn, hay thường thuyết như vậy".*

Mình nghe bài kệ đó hoài, rồi mình thấy các pháp giả hợp, duyên sanh, duyên hợp... Mình nghe như vậy thì mình cũng có một khái niệm trong đầu. Ngày nào đó mình bước ra, mình nhìn thấy, bình thường hoa hồng ở trước nhà mình

nở hoài, ngày nào cũng nở. Hôm nay nó cũng nở, nhưng nhìn [bông] hoa hồng đó mình thấy khác. Vì sao [thấy] khác? Bởi vì mình biết [bông] hoa hồng này là giả tạm, mình thấy thực sự nó là giả tạm. Hồi xưa mình cố gắng nghĩ là nó giả tạm. Nhưng bây giờ không, mình thấy [bông] hoa hồng này, chẳng qua là do mấy cái cây đó lên, do có nước tưới, và do có gì đó [nên] nó lớn lên. Và nó mong manh, đủ nước, đủ nắng, thì hoa nở v.v… [phụ thuộc rất] nhiều duyên. Và hoa này còn tồn tại, là do không có con vật nào, không có người qua hái hoa v.v…

Tức là mình nhìn một bông hoa thôi, nhưng mình thấy cả các pháp sanh diệt. Duyên sanh, Duyên hệ, 24 duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên có hết ở trong đó. Quý vị hiểu không ạ? Tiền sanh duyên cũng có, là bông hoa này có được nhờ Tiền sanh duyên, là ý của ai đó giúp trồng để có hoa này. Hậu sanh duyên là hoa này giúp cho cái sau đó, tức là tự nhiên mình sẽ nghĩ ra, bông hoa này mai mốt sẽ đem vô chưng trong bàn thờ Phật chẳng hạn. Rồi Hỗ tương duyên, là mình nhớ ra hoa này do bà hàng xóm tặng cho mình, tới chăm [hộ] mình, bữa đó cắt cành, v.v… Tức là cả một giáo pháp tràn ngập vào trong một bông hoa, mà bình thường có nhiều điều mình nghĩ không ra.

Trí tuệ đó là trí tuệ giác ngộ. Và xin nói với quý vị, là [trí tuệ này] chỉ có trong nhất thời, có lúc nào đó mình có thôi. Còn sau này mình muốn nghĩ như vậy, thì cũng không nghĩ được. Nhiều lần như vậy, gọi là tích tiểu tiểu ngộ nhiều thì thành tiểu ngộ. Người do tu hành nhiều, nên dần dần họ giác ngộ. Và mỗi lần giác ngộ được một chút như vậy, thì cuộc đời của họ bớt khổ, bớt đau, họ được vui vẻ hoan hỉ nhiều hơn, họ được tự tại hơn trong cuộc đời này. Và khi Vô thường có đến, có chuyện gì xảy ra, họ cũng hiểu đúng như vậy. [Nên] Văn, Tư, Tu quan trọng nha quý vị! Điều đó phải tu, không tu thì không được.

Cho nên hãy cố gắng làm sao để được như vậy. Chứ còn mình không có tu, thì đến ngày nào đó quý vị cũng như người bình thường. Quý vị cứ nhìn đi, thỉnh thoảng quý vị thấy những người già lụ khụ, hoặc những người bệnh nằm trên giường, với ánh mắt mỏi mòn theo năm tháng. Đêm ngủ không được, ngày cũng ngủ không được, ăn cũng không nổi, chỉ nghe thấy tiếng đi của từng người, tiếng

đồng hồ ban đêm gõ cộc cộc cộc. Ánh mắt thì mỏi mòn, chờ không biết đến bao giờ mình chết. Lúc đó cuộc đời chẳng có ý nghĩa gì. Không biết tu, thì mình cũng tới ngày đó.

Còn nếu mình tu, mình có vốn liếng của một người có trí tuệ giải thoát, có trí tuệ của người xuất thế gian, thì đến lúc đó, hoàn cảnh đó, quý vị vẫn nhìn thấy mọi thứ bình thường. Người ta đến lúc đó, nghe tiếng đồng hồ kêu cạch, cạch, cạch, [thì] khó ngủ, mệt mỏi, mong chờ, ánh mắt mỏi mòn. Còn ta nghe 'cạch' thì biết thế gian đang đếm, đồng hồ đang đếm, thế gian vô thường, quy luật xưa nay vẫn như thế, cho nên an nhiên mà đón nhận. Ta nằm trên giường đó, dù có bệnh, dù có đau, dù không đi được chăng nữa, thì ta cũng vui vẻ. Vì ta có thêm một phút giây để nhớ pháp. Pháp gì? Là pháp Vô thường. Đồng hồ đó đếm, là đồng hồ của Vô thường. Mình thấy rõ Vô thường như vậy, và mình nghe rất rõ, [nhưng] mình cũng không có chán nản gì, ta sẵn sàng, duyên đến thì ta đi. Bây giờ ta chưa đi, ta kệ, cứ như vậy.

Cho nên phải tu, tu làm sao để tâm mình luôn luôn sáng tỏ, không có chán nản. Chứ không đến lúc đó chán nản mà [ra] đi. Quý vị thấy có rất nhiều người, thậm chí những bậc Trưởng lão, Hòa thượng lớn, đến cuối đời nhìn ánh mắt chán nản với cuộc đời. Muốn đi mà cũng không đi được, nhìn vào ánh mắt mỏi mòn, mong chờ ngày ra đi. Chúng ta thấy học Phật [thì] phải sử dụng được. Làm sao đó phải sử dụng được thì mới được. Chứ còn không sử dụng được, đến khi nghiệp tới rồi thì khó lắm!

Quý vị nên nhớ, khi nghiệp tới rồi thì không ai dám chắc đâu. Thiện Trang cũng vậy thôi! Thiện Trang cũng đâu dám chắc là trong người của Thiện Trang mang bao nhiêu chứng bệnh, ngày nào đó bệnh một phát, đâu có biết được. Bây giờ có những bệnh mang trong người, mà mình đâu có biết. Rồi ra ngoài thì mình đâu có đảm bảo được, là không có tai nạn giao thông. Đâu có dám đảm bảo là không có động đất. Cho nên bất cứ lúc nào, cũng là phút giây để chúng ta tu hành. Phải giữ chánh niệm giải thoát, phải luôn luôn như vậy. Đối với người tu Tịnh Độ, là tâm thường thật sự trụ để nguyện vãng sanh, để giữ chánh niệm. Còn

người tu Thiền, thì phải giữ chánh niệm, cần phải biết thế gian này như vậy. Cho nên bất cứ lúc nào, mình cũng sẵn sàng buông xuống để ra đi.

Và tâm ta không có lo lắng, bởi vì trong đời này ta cũng tu được có vốn liếng, có vốn [thì] có phần. Giả sử lỡ mình đi đầu thai, mà nghiệp ác nào đó trong quá khứ chen vào, mình đi đầu thai với tâm không tốt, để nhận quả báo đời sau không tốt, thì cũng không lo. Bởi vì mình phải chấp nhận với cái giá của nó. Đời là như thế! [Dù] đời sau có xuống, [nhưng] mình gieo nhân tốt nhiều rồi, thì đến lúc nào đó những nhân tốt đó khởi lên, thì mình lại lên.

Đừng nghĩ rằng mình tu được nhiều lắm rồi, thì đời sau sẽ tốt. Không chắc! [Điều] đó thì không đảm bảo, không chắc chắn. Trừ khi quý vị là Thánh nhân. Chứ còn bây giờ [mình] chưa phải là Thánh nhân, thì chưa [chắc]. Chưa phải là Thánh nhân, thì chưa biết đời sau thế nào đâu. Nhiều khi mình tu cả đời tốt, nhưng nghiệp quá khứ kéo vô, lúc đi đầu thai vẫn là đầu thai với một nghiệp quả báo của đời quá khứ. Mai mốt chúng ta học vào phần Nguyên lý tạo nghiệp đi đầu thai, [thì mình biết] mình tạo những nghiệp nào.

Mà trong đời này dễ tạo nghiệp lắm quý vị. Thiện Trang nói nhiều khi đi trên đường, thấy có người ăn xin. [Dù] mình học kỹ lắm rồi, giáo lý của mình đầy trong tâm, nhưng Thiện Trang nghĩ bố thí cho ổng mất thời gian quá, mình đang phải đi đã. Hoặc là mình kêu bây giờ mình không có tiền lẻ để cho, thì làm sao cho được. Thì ngay khi đó, với tâm đó thôi là tâm keo kiệt, tâm không rộng lượng rồi. Thì một nghiệp đã kết rồi, mà nghiệp đó mai mốt đi đầu thai là nghèo khổ đó. Đâu có cản được đâu, mà làm sao mình phải nghĩ cho nhanh. Thiện Trang biết, nhưng Thiện Trang kêu: Ôi sao mình lại tác ý như vậy? Lẽ ra mình phải tác ý là: Tôi rất muốn mình bố thí, nhưng tôi không có thời gian, tôi đang bận đi. Cho nên nếu mình tác tâm tốt, thì nghiệp đó tạo tâm đầu thai và tạo nghiệp không đến nỗi nào. Còn nhiều khi mình chỉ cần khởi tâm sai một chút thôi, [thì tạo nghiệp không tốt rồi].

Rồi có những việc đơn giản, như người ta gọi điện nói chuyện gì đó. Mình đang nói, một hồi bị mất chánh niệm, mình nói người đó xứng đáng bị như vậy lắm. Giống như mình tùy hỷ việc xấu của họ. [Quý vị] nên nhớ, một người đang gặp nạn hay đang bị gì đó, mà mình tùy hỷ, mình nói: "Ừ! Người đó đáng bị như vậy", là mình cũng gây nghiệp xấu rồi đó.

Quý vị học Phật pháp rồi, [thì mình] đừng hùa theo đám đông. Thấy người ta gặp nạn, ví dụ như phanh phui ông thầy nào đó phạm giới. Thế là mình kêu: "Ừ! Xứng đáng đó. Tội như vậy đó, đáng lắm!" Thế này thế kia. Xin nói với quý vị, chúng ta làm như vậy thì chúng ta tạo nghiệp xấu rồi. Người đó không cần chúng ta nói, nhân như vậy thì quả như vậy, họ tự tạo nghiệp thì họ tự nhận lấy. Mình lên án là mình tạo nghiệp, nghiệp của mình thì mình nhận, chứ còn người ta đâu có nhận, người ta đâu có biết. Quý vị lên chửi trực tiếp thì họ nghe, chứ còn bây giờ mình nói từ xa, [thì họ đâu có biết].

Từ đó mình thấy là mình dại. Nhưng rõ ràng theo quán tính là như vậy. Quý vị thấy khó lắm! Cho nên một vị Bồ-tát được Phật thọ ký rồi, [cũng] còn có những nghiệp nói dối, có những nghiệp chửi người ta, vẫn chưa hết! Nhưng có điều là sẽ không khiến cho người ta chết vì lời nói của mình. Tức là không bịa đặt nói dối đến nỗi đưa người ta vào chỗ chết, nhưng vẫn có nghiệp đó. Đó là Bồ-tát được Phật thọ ký rồi đó, mà còn như vậy.

Cho nên phàm phu [Tập khí, Phiền não] vẫn còn nguyên si, một hồi Tập khí ác nổi lên, thì tùy hỷ lời chửi, rồi mong quả báo xấu cho người ta. Mình vẫn còn trù ẻo, mong những điều xấu [cho người khác] là điều không tốt. Điều này khó cực kỳ! Rồi còn nói dối nữa. Và xin nói với quý vị, là người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi sẽ không nói dối. Bây giờ quý vị coi đi, người [Việt] mình nói dối đầy luôn. Nói dối nhiều nên có ai chứng Sơ quả đâu. Cho nên muốn chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì phải giữ gìn được [không nói dối].

Và sẵn đây nói luôn, người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, nếu trước đó chưa thọ Tam quy Ngũ giới, thì họ cũng đắc được Ngũ giới. Họ trở thành một người

[có] Ngũ giới ngon lành. Còn nếu một vị Thánh giả Tam quả A-na-hàm, dù quý vị là Cư sĩ, dù quý vị chưa thọ giới, thì quý vị cũng sẽ đắc được Giới thể. Giới gì quý vị biết không? Tam quả A-na-hàm làm được trọn vẹn 10 giới Sa-di. Dù sống tại gia thì họ cũng trì được rất nhiều giới, thậm chí giới của Tỳ-kheo nữa. Đối với tiền tài, tất nhiên người tại gia thì vẫn cần tiền, họ vẫn có. Nhưng họ không tham nữa, không tích trữ nữa, không tích chứa nhiều. Còn mình vẫn tham, tu học lâu rồi nhưng mình vẫn muốn giàu, muốn có nhiều tiền hơn đúng không? Cho nên mình coi mình với Thánh nhân, thì còn xa xôi lắm!

Vậy mà tu hành cứ mong đắc đạo, chứng quả. Ngũ giới (Năm giới) thôi mà làm không được, thì [đắc] Sơ quả Tu-đà-hoàn ở đâu ra? Cho nên nhiều khi mình nói nghe hay lắm, nghe hoành tráng lắm. Nhưng thực tế mình tu, bản chất phàm phu của mình không thay đổi được. Cho nên học ở đây, Thiện Trang chia sẻ cho quý vị, không phải là nói quý vị đâu, mà nói bản thân Thiện Trang cũng vậy. Đôi khi xét lại [có những điều] mình làm chưa được, mà mình mong cầu quả báo. Muốn quả báo tốt lành, thì phải tạo nhân tốt lành. Xưa ta không biết, nhưng nay biết rồi thì ta sửa.

Và chúng ta phải mạnh dạn đi ngược với thế gian. Đặc biệt người Việt mình giả dối nhiều, gian dối nhiều, không tin nhiều v.v... Kệ! Họ làm kệ họ, mình làm việc của mình. Mình ra khỏi sanh tử, mình lo tu cho mình. Ai làm gì thì có nhân quả điều chỉnh. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là: **“Thiên địa thi trương, tự nhiên củ cử".** Thiên địa thi trương tức là luật của trời đất (luật nhân quả), tự nhiên thi hành thôi, trương ra tức là triển khai ra. Tự nhiên củ cử tức là tự nhiên uốn nắn lại. Cho nên khỏi lo! Chúng ta lo cho chúng ta thôi.

Và quý vị thấy đó! Những người nào giả tu một hồi cũng lòi ra hết, thiên hạ cũng lôi ra hết, ai thế nào thì họ lôi ra sạch, một hồi cũng hết tránh được. Bao nhiêu năm gây dựng rồi cũng bị mang tiếng, cũng bị thế này thế kia, rồi cũng không có thoát được đâu. Luật nhân quả không sai, [chỉ là] chưa đến thôi. Rồi cũng đến lúc [nhân quả] đến. Dù mình tu giỏi cỡ nào, mà mình không thật tu, thì

đến cuối đời mình cũng không lừa được ai đâu, đến cuối đời rồi [nghiệp] cũng dắt mình đi thôi.

Cho nên đã tin nhân quả luân hồi, đã tin Phật pháp, thì hãy cố gắng hành pháp. Hành để làm gì? [Là] thương cho mình mà hành, vì mình mà hành. Mình cứ nghĩ như vậy là đơn giản nhất. Vì ta đi với nghiệp của ta, không ai đi theo với nghiệp của mình đâu. Mình đi theo nghiệp của mình đó. Mình cứ nghĩ như vậy thì tự nhiên mình tu được. Còn bây giờ tôi phải làm khách sáo chút, tôi phải giả bộ tu cho đàng hoàng, để cho người ta nhìn. Thì đó đâu phải là vì mình đâu, nếu như vậy là không phải vì mình.

Còn bao giờ quý vị thấy mình giống như người bệnh, quý vị cần uống thuốc cho hết bệnh, vì mình hết bệnh mà uống thuốc. Cũng vậy, vì mình muốn thoát khổ, vì mình muốn thoát luân hồi, vì thương cho mình mà mình uống thuốc của Phật. Tức là tu hành theo đúng giáo lý của Phật, chỉ cần vậy thôi thì quý vị tự nhiên tu tốt.

Chứ còn tôi làm để cho người ta [xem] thế này thế kia, thì khó! Bởi vì chúng ta thời nay, nói phát tâm Bồ-đề [nhưng] đa số là phát tâm giả. Nói làm tấm gương cho chúng sanh, làm một hồi cuối cùng là làm cho mình. Ít lắm! Ít có ai làm cho chúng sanh lắm. Cho nên hãy ráng thực hiện theo đó, Thiện Trang nghĩ đó là cách nói đơn giản nhất. Cứ thương chính mình, mình làm nghiệp xấu thì mình chịu quả xấu, mình làm việc tốt thì mình được quả tốt. Mình tu Tâm sở của bậc Thánh, thì mình sẽ được bậc Thánh. Mình tu Tâm sở phàm phu, thì mình sẽ thành phàm phu. Mình tu Tâm sở của ác đạo, thì cuối cùng vô ác đạo. Không có ai chịu thay cho mình [được]. Cứ nghĩ vậy [thì] tự nhiên sẽ cố gắng.

Còn [như nghĩ mình phải] tu cho tốt, làm màu [làm mè], lúc thì làm được, [nhưng] lúc sau thì hết làm được. Bởi vì mình vẫn chưa nghĩ cho mình. Quý vị chỉ cần cố gắng như vậy thôi. Còn ai có chủng tánh cao siêu, thì nói "phát tâm Bồ-đề làm gương cho chúng sanh" v.v… Thì điều đó là tuyệt vời! Nhưng Thiện Trang thấy không mấy người làm được vậy đâu, đa số một hồi nói cho cố, rồi

cuối cùng cũng vì mình thôi. Tóm lại vì mình cho dễ. Vì tôi sợ đọa lạc, vì tôi sợ quả báo ác nghiệp, vì tôi sợ đọa trong ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Vì tôi sợ tôi không ra khỏi sanh tử. Vì những lý do như vậy mà tôi tu. Nói đơn giản vậy thôi, tu cho mình.

Vì vậy ai nói gì tôi cũng không quan tâm, tôi tu cho tôi thôi. Mà quý vị nên nhớ, khi mình tu cho mình rồi, thì tự nhiên chúng sanh có lợi ích. Một người tu tốt thì vùng đó cũng được tốt, một người tu tốt thì tự nhiên cũng ảnh hưởng đến người khác, một người tu tốt thì tự nhiên gia đình của mình sẽ tốt. Gia đình mình cũng hưởng phước báo, cho nên tự nhiên đều tốt hết. Cứ làm tốt đi, chứ còn bây giờ mình nói toàn phát tâm cho người khác, mà cuối cùng mình làm cho mình không được, thì là giả hết.

#*Đẳng*, *ngôn hiển thị bất loạn hữu tâm*: tức là chữ đẳng này là nói rõ ràng là trạng thái có tâm mà không loạn. Tại vì có những trạng thái khác nữa. Tức là ở trên này có Loạn tâm, rồi không có tâm, vậy thì còn chữ đẳng là trạng thái là có tâm. Tức là [ở trên] là Vô tâm rồi, thì ở đây là có tâm, và tâm này là không loạn.

#*Tương tợ tương tục thuyết danh tuỳ lưu:* tức là tâm luôn tương tợ liên tục nối nhau. Tâm mình thay đổi liên tục thì gọi là tùy lưu; #tùy lưu là theo dòng, theo dòng thiện ác.

#*Thiện dữ bất thiện danh tịnh bất tịnh*: tức là thiện và bất thiện thì gọi là tịnh và không tịnh. Thiện thì gọi là tịnh, bất thiện thì gọi là bất tịnh.

Đây là cách [dùng từ] của ngài Huyền Trang, ngài toàn dùng từ khác. Thật ra mình không trách ngài được, vì mình học quen cách của ngài Cưu Ma La Thập rồi, nên bây giờ mình học qua vị thầy khác [thì sẽ khó hơn]. Ngài Huyền Trang thì mình thấy ngôn ngữ khác.

Giống như nếu quý vị đọc bộ Kinh Nikaya của Hòa thượng Minh Châu dịch, [hay] quyển Nhật Tụng Kalama này của Sư Toại Khanh, thì quý vị thấy ngôn ngữ của hai bên khác nhau. Thiện Trang thấy ngôn ngữ của Sư Toại Khanh, thì rõ

ràng và có phần quen thuộc. Còn ngôn ngữ của Hòa thượng Minh Châu thì tương đối khó hiểu. Ví dụ có những chỗ ngài Minh Châu dịch là "làm cho sung mãn", thì ngài Toại Khanh dịch tương ưng với ngôn ngữ Bắc Truyền là "huân tập". Nếu mình đọc cả hai thì sẽ dễ hiểu hơn. Mình kết hợp hai bên lại, tóm lại là làm điều gì đó nhiều lên, thì gọi là làm cho sung mãn. Còn ngôn ngữ bên Bắc Truyền của mình, thì dùng hai từ huân tập, huân tu, chỉ đơn giản vậy thôi.

Thiện Trang nói nhiều khi mình cứ chấp một bên, thì mình sẽ không hiểu hết được nghĩa. Nếu cùng một vấn đề, nhưng mình đọc được hai nguồn, với hai cách dịch khác nhau, thì mình sẽ hiểu rõ vấn đề đó hơn. Giống như mình đọc Bát Nhã Tâm Kinh, thì chữ Tâm Kinh là gì? Bắt đầu có người nói: Tâm Kinh là trọng tâm của kinh. Như vậy đúng không? Nếu là Kinh Tâm, thì mới là trọng tâm của kinh. Còn Tâm Kinh là kinh để nằm ở trong tâm, tức là kinh cần nằm trong lòng.

Nghĩa là nếu một người nào khác nữa, dịch khác đi, thì tự mình sẽ hiểu ra được vấn đề. Còn Bát-nhã là trí tuệ giải thoát. Như vậy Bát Nhã Tâm Kinh, là trí tuệ giải thoát mà cần nắm ở trong lòng. Đấy là cốt lõi của Phật pháp, mình cần nắm trong lòng, đó là Bát Nhã Tâm Kinh. Cho nên có những điều rất đơn giản vậy thôi.

Rồi quý vị thấy có bộ Kinh, gọi là Nhất Dạ Hiền Giả, ngài Hòa thượng Minh Châu [có bài kệ], mà thường người ta hay trích là:

"Quá khứ không truy tìm

Tương lai không ước vọng

Chỉ sống trong hiện tại

Hạnh phúc chính là đây".

Và đức Phật nói đi nói lại mấy lần, bộ Kinh đó gọi là Kinh Nhất Dạ Hiền Giả. Nếu mình không có trí, không hiểu, thì mình không biết Nhất Dạ Hiền Giả là gì? Nhất Dạ Hiền Giả, mình tưởng chữ "giả" là người, mình tưởng là một người Hiền

giả. Nhưng chữ giả này không phải [là người]. Do Thiện Trang có vốn về Hán cổ, cho nên nghe Nhất Dạ Hiền Giả Kinh thì mình hiểu. Mình đọc một hồi đâu có thấy nhắc thầy nào, người nào, một đêm đâu, không có! Mà tóm lại là Kinh đó nói là một đêm trọn lành, một đêm tốt đẹp.

Chữ giả đó không phải người. Tóm lại nếu mình thực hành theo điều đó, thì có một đêm ngủ ngon, một đêm tốt đẹp. Vì mình không nghĩ về quá khứ, không mong ước về tương lai, mình hãy sống trong tuệ quán, trong hiện tại. Tu hành luôn luôn giữ, vì ngày mai thì chưa đến, quá khứ đã qua rồi, giữ quá khứ làm chi cho đau khổ. Tương lai chưa tới, mà mong muốn thì cũng đâu có theo như ý mình đâu. Tại sao không bắt đầu từ bây giờ, hãy ráng tu, hãy ráng giữ niệm Phật, giữ chánh niệm v.v... Bởi vì sao? Có ba điều chúng ta nên nhớ:

1. Thứ nhất là mình không chắc mình chết lúc nào. Chưa chắc tới ngày mai, cho nên đâu cần tính toán làm chi nữa, mơ ước xa xôi làm chi. Vì [mình] không biết chết lúc nào, nên lo giữ chánh niệm ngay lúc này. Để lỡ khi mình ra đi, mình đang lúc chánh niệm [thì] sẽ theo hướng tốt lành.

2. Thứ hai là mình có nghĩ về quá khứ cũng vô ích, và nghĩ về tương lai cũng vậy thôi. Vì thực thế không như mình nghĩ.

3. Điều thứ ba những gì mà mình nghĩ, chỉ là mình nghĩ mà thôi. Nghĩ là vọng tưởng, là tạo nghiệp mà thôi. Còn lại muốn không tạo nghiệp, thì phải trong Phật pháp, trong chánh niệm, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Người sống nhiều vọng tưởng, thì hãy lấy đoạn đó kiểm tâm mình. Đó là những cách. Tức là mình phải có những đề mục quán tưởng như vậy. Và thật ra quý vị cứ thường xuyên sống như vậy, thì đó là tu Thiền quán. Tu Thiền quán thì ngày nào đó sẽ đắc đạo giải thoát, đâu biết lúc nào. Mình nhiều khi ngơ ngơ vậy chứ biết đâu đắc đạo, đủ thì đắc đạo. Người tu hành giỏi chưa chắc đắc đạo, vì nguyện lực của họ lớn như lúc đầu Thiện Trang nói, họ nguyện thành Phật. Còn mình do đời quá khứ chỉ nguyện thành tựu nhỏ thôi, con xin làm con thuyền nhỏ, để đậu ở bến sông nhỏ mà thôi. Còn người ta giỏi quá, tài ba quá, lấy thuyền

lớn ra biển khơi, làm sao đậu ở bến thuyền, bến tàu nhỏ được. Phải ra đại dương có bến tàu lớn, hải cảng lớn mới đậu được, chứ hải cảng nhỏ cũng không vừa được. Vì xe của người ta là xe Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyên chở vô lượng chúng sanh mà. Vậy cho nên đâu có biết được. Trong quyển Giới Luật Cương Yếu, Hòa thượng Thánh Nghiêm nói là "*tu ba kiếp, năm kiếp là xong được Thập tín"*, tức là chứng được hơn A-la-hán. Nhưng có người tu hoài không tới, đó là do vậy đó.

Cho nên hôm nay nói thêm, để có một số người nào chưa hiểu giáo lý thì hiểu thêm. Thiện Trang khuyên: chúng ta nếu có thể thì nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Còn nếu như sợ sanh tử, thì đi con đường khác, không đi theo con đường của đức Bổn Sư của chúng ta, là nguyện ở Thế giới này cho đến khi thành Phật, thì trôi lăn hơi nhiều. Nhưng Thiện Trang coi mấy câu chuyện, về sau này thì Ngài tự tại lắm, đời nào cũng giống như vậy, đọa gì cũng được hết.

Hôm bữa có người hỏi một câu hỏi cũng hay: *"Thưa thầy, tại sao mấy vị thần ở trên cây, mà sau đợt mưa bão này cây cối ngã đổ hết?".* Quý vị biết tại sao không? Ở trong Kinh A Hàm nói: dù những cây cỏ nhỏ thôi, cũng có những quỷ ở trên đó. Theo độ lớn nhỏ, mà những con quỷ đó sẽ ở trên những cây lớn hay nhỏ.

Trong Kinh Nikaya, hình như trong phần Trưởng Lão Tăng Kệ, đoạn Chuyện tiền thân, có một câu chuyện như thế này: Trong đời đó có một nơi, có một nhóm thần ở trên mấy cây lớn. Đức Bồ-tát là đức Phật Thích Ca trong đời quá khứ, Ngài làm một vị thần nhỏ, ở trên cây cỏ lau. Cỏ lau nhỏ lắm, còn mấy vị thần kia thì [toàn ở] cây to không à. Ngày đó nhà vua có một [cây] cột trong cung đình bị hư, nên vua sai quân ra kiếm cây nào thay cho cây cột. Mấy người đó đi vô rừng, thấy cây đó ngon lành quá [nên] chọn, mai sẽ về trình báo vua, hai hôm sau sẽ tới đó đốn về để thay cho cây cột, vì cây đó rất tốt.

Mấy ông thần nghe vậy rất sợ. Vì trong [cảnh giới của] quỷ thần, họ cũng sống rất có quy luật, vua có phước báu lớn [nên] họ không chống lại được. Bây

giờ không biết cách nào, [mấy vị thần] mới than khóc: *"Bây giờ cây đó bị đốn rồi, tôi không có chỗ ở nữa"*. Vị nào cũng là thần lớn, mấy vị thần cả khu rừng đó mà cũng không có cách nào hết, kêu: *"Bây giờ không biết giờ làm sao? Vua cũng có phước báu lớn, đâu thể chống lại được"*. Thì [các vị ấy] mới tìm đến Bồ-tát, là tiền thân của đức Phật Thích Ca, Ngài chỉ [là] thần của cây cỏ lau, [xem] có cách nào giúp không. Ngài nói: *"Có! Ngày mai khi nào họ tới, thì tôi sẽ có cách giúp"*.

Hôm sau đoàn quân vô để đốn cây, thì Ngài mới dùng Thần thông để hiện ra một con sóc, nhảy lên cây đó, chạy gõ cốc, cốc, kêu cho họ thấy. Bắt đầu ẩn mình vô, rồi hiện ra ở khúc khác. Cứ như vậy, chạy qua chạy lại. Mấy người đó nhìn cái cây kêu: *"Vậy là ở trong cây này có lỗ hổng, bên trong bị rỗng ruột, cho nên con sóc này mới chạy vô chạy ra được. Vậy mình đốn cây đó về thay cho vua là không được rồi. Phải tìm cây khác thôi, cây đó không được đâu"*. Nhờ vậy mà giúp giữ được cây đó, mấy ông thần cây kia mừng quá, [vì] giữ được cây, kêu: *"Mình là thần cây lớn, mà mình không có trí tuệ bằng vị thần cây cỏ lau".*

Đức Phật mới nói [đó là] trong đời quá khứ, hình như mấy vị thần cây đó là mấy vị Tôn giả gì Thiện Trang quên tên rồi, còn Ta chính là thần của cây cỏ lau. Quý vị thấy không, với trí tuệ như vậy là đủ giải quyết được vấn đề, vì Ngài đã tu nhiều đời nhiều kiếp [rồi]. Khi mình đã tu nhiều đời nhiều kiếp, thì mình mới có trí tuệ thông suốt. Cho dù phước báu của mình đời đó không tốt, nhưng mình có trí tuệ để giải quyết được nhiều vấn đề. Mình đỡ đau khổ hơn và mình sống tự tại hơn. Đó là đi con đường của đức Phật.

Còn bây giờ ai tu Tịnh Độ, thì nguyện ra khỏi sanh tử, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc đi, chứ đi con đường đó khó quá. Còn ai tâm nhỏ thì thôi, nguyện chứng quả ra khỏi sanh tử trước, rồi từ từ vô độ sanh sau. Làm các hành giả Tiểu thừa, không dám phát tâm Bồ-đề, nguyện thành Phật luôn.

Hôm nay nói rõ, càng học về sau thì Thiện Trang [sẽ] kết hợp giữa hai bên Bắc truyền và Nam truyền. Thiện Trang đúc kết lại để hiểu tạng giáo pháp của đức Phật. Những người không hiểu thì có tri kiến môn hộ rất lớn. Bên Nam

truyền thì cứ chê trách Bắc truyền, bên Bắc truyền thì khinh thường Nam truyền. Có những người không hiểu, không nghe hết những bài giảng của Thiện Trang, nên họ cũng nói thầy có tình cảm với bên này, bên kia.

Thiện Trang nói, thật sự khi nào quý vị còn những tri kiến như thế, thì quý vị vẫn là phàm phu rất xa. Vì mình vẫn còn tri kiến môn hộ, mình còn Phân biệt, Chấp trước quá nhiều. Giáo pháp của Phật không có Nam hay Bắc, mà Nam hay Bắc là do người đời sau phân biệt mà thôi. Và càng về sau này, thì chia chẻ ra càng xa, vì có những vị bên này, bên kia. Nói chung quý vị nghiên cứu về tạng kinh và lưu truyền kinh điển, thì quý vị mới hiểu tại sao Phật pháp bây giờ như vậy.

Nếu ai cũng học kinh thôi, thì chắc chắn gần với Phật. Nhưng chúng ta theo thời sau, chúng ta cứ học theo người, gọi là "y nhân bất y pháp" thay vì "y pháp bất y nhân", nên dần dần có những sai lệch càng xa. Cùng một vấn đề đó, nhưng thầy này giảng khác, thầy kia giảng khác, một hồi nhét qua nhét lại rồi xa ra [thêm]. Rồi mỗi người mở một lối khác nữa, nên càng ngày càng xa.

Cho nên Thiện Trang mới phát nguyện, là đời này sẽ coi hết tạng Kinh. Trong ba tạng Kinh, Luật, Luận của Nam truyền và Bắc truyền, [thì Thiện Trang] cố gắng coi hết tạng Kinh. Và nếu còn thời gian nữa, thì Thiện Trang coi hết tạng Luật. Còn tạng Luận bên Nam truyền, Chú Giải và Sớ Giải nhiều lắm, dịch ra tiếng Việt thì ít, chứ thật ra cũng đầy rẫy ở trong đó. Bên Bắc truyền cũng vậy, nhiều lắm, không coi hết được. Cho nên không thể nào coi tạng Luận được hết, mà chỉ coi những bộ nào điển hình thôi. Ví dụ như bộ Luận Câu Xá này, là một bộ điển hình của Bắc truyền, nên coi, và chúng ta đang học.

Nhờ Thiện Trang học như vậy và nghiên cứu nhiều, nên Thiện Trang cũng dung thông được rất nhiều điều, mà hồi xưa mình không thông. Mới học thì có thể thấy có khoảng cách hai bên, nhưng sau khi học một thời gian thì Thiện Trang thấy hai bên giống nhau, bên này nói giống bên kia. Ví dụ bên Nam truyền nói Bắc truyền cứ thị hiện, thị hiện. Còn Nam truyền họ nói đâu có thị hiện.

Nhưng quý vị coi thử Thường pháp của chư Phật, ví dụ có những Thường pháp, như ngài Tôn giả A Nan là Thị giả của đức Phật và là Thị giả của các chư Phật khác. Trong kinh nói đấy là Thường pháp của chư Phật. Tức là những vị Thị giả thì không chứng quả A-la-hán, khi đức Phật chưa nhập Niết-Bàn. Cho nên đức Phật ở trong kinh an ủi rằng: **"Này A Nan! Ông chớ có buồn, vì đó là Thường pháp của chư Phật, Thị giả nào cũng vậy thôi".** Nếu một lần thì là ngẫu nhiên, chứ vị nào cũng như vậy thì chứng tỏ đâu phải bình thường, tức là thị hiện đó.

Rồi có một thị hiện nữa, quý vị coi trong kinh, nói về đức Di Lặc trong tương lai. Trước khi ngài xuất gia thị hiện thành Phật, và sau khi xuất gia rồi, thì mẹ của ngài cũng chỉ chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi. Người mẹ của đức Từ Thị (tức là đức Di Lặc), sau khi nghe pháp, mặc dù bao nhiêu người trong hội chúng đó đều chứng quả A-la-hán, [nhưng] riêng bà thì chỉ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Quý vị đúc kết lại, link tức là liên kết lại với mẹ của đức Phật Bổn Sư Thích Ca, là Ma Da phu nhân thì cũng vậy, bà cũng chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn [thôi]. Tại sao không chứng quả cao hơn, mà [chỉ chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn? Quý vị phải nghĩ sao kỳ vậy, sao giống nhau vậy?

Thì sự giống nhau như vậy, quý vị phải coi trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Ma Da phu nhân không phải là bình thường, mà là Đẳng giác Bồ-tát, thị hiện làm mẹ [của đức Phật]. Tại vì bà tu Pháp môn đó, là làm mẹ của tất cả chư Phật trong Hiền kiếp, thậm chí trong Vị lai kiếp.

Cũng vậy, ở trên cõi này bà đã nguyện như vậy rồi. Và vì nguyện như vậy, nên với nguyện lực của [một vị] đại Bồ-tát Đẳng giác, chỉ giữ thân phận là Tu-đà-hoàn. Vì chỉ có Tu-đà-hoàn mới ở cõi Dục giới, để làm mẹ của chư Phật được. Như vậy là thị hiện rồi, mặc dù trong kinh Tiểu Thừa, Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya không nói là thị hiện, nhưng ngầm có trong đó. Đấy thì mình cũng hiểu.

Cho nên tại sao có những người [nói]: *"Sao bao nhiêu người đắc quả cao, còn tôi đắc quả thấp?"* Vì nếu đắc quả cao thì đi về cảnh giới trời cao hết rồi, đâu xuống cõi Dục nữa, thì đâu làm mẹ của chư Phật được. Cho nên cứ ở cõi Người và cõi trời Dục [giới] thôi, rồi từ từ xuống làm tiếp. Đấy là một hạnh nguyện của đại Bồ-tát, theo tinh thần của Đại thừa.

Nếu mình đúc kết được như vậy, thì mình thấy đâu có gì mâu thuẫn đâu, tại vì sao? Vì với trí huệ, đức Phật chỉ nói làm sao ra khỏi thôi, thì từ đó quý vị mới thấy, ba xe trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là hợp lý. Đức Phật nói: "**Miễn các con cứ ra khỏi nhà lửa thôi là được rồi, sau đó Ta tính tiếp**". Ra được rồi thì tính tiếp, cho xe trâu trắng lớn (đại bạch ngưu xa), xe Nhất thừa thôi.

Còn khi mình ở trong vòng sanh tử, thì tùy căn cơ chúng sanh. [Người] kém thì Phật dạy cho pháp kém, để ra [khỏi sanh tử]. [Người] giỏi thì Phật [dạy] cho pháp giỏi, kiểu nào đức Phật cũng quán xét được, chỉ có Phật thôi. Còn các Thánh giả A-la-hán thì không đủ trí tuệ, không phân biệt được, không biết căn cơ được.

Cho nên mình thâm nhập kinh tạng lâu rồi, thì tự nhiên [trí] huệ của mình sanh, mình tự hiểu ra. Và lúc đó mình không phân biệt, không chấp trước nữa. Cho nên nếu quý vị thấy càng về sau này, Thiện Trang tự tại hơn nhiều so với hồi xưa. Vì Thiện Trang thâm nhập kinh tạng, tự mình coi, không qua lăng kính của những người khác. Những người khác nói như thế, nhưng mình cứ nghe thôi. Nghe nhưng không soi mói, không suy xét điều đó, mà Thiện Trang vẫn cố gắng tìm lại trong kinh.

Ví dụ như Thiện Trang nghe người ta giảng về nội dung kinh đó, Thiện Trang phải coi kinh đó nói gì, và mình coi thử người ta nhìn ở góc độ nào. Từ đó mình đúc kết lại, thì ra là như vậy thôi, có gì đâu. Sau này Thiện Trang nói, Nam truyền và Bắc truyền là một, vì không hiểu nên mới có Nam truyền và Bắc truyền. Vì có truyền thừa, nên mới có Nam truyền và Bắc truyền.

Nếu quý vị qua Myanmar, quý vị hỏi mua Đại tạng kinh, thì người ta sẽ hỏi Đại tạng kinh gốc hay là có thêm Chú Giải chú thích. Tức là có một bộ Đại tạng

kinh thôi, còn có thêm Chú Giải, rồi có thêm Chú Giải đời này, đời sau, mấy đời, cho nên có nhiều đời ở trong đó. Và có một số điều mình cứ theo thôi, mình cũng biết Chú Giải đó thôi, mình nương theo đó. Chứ mình đâu biết Chú Giải đó có phải chính xác 100% không đâu. Và do những điều đó, chỉ cần có một điều không đúng, là khiến cho mình đi xa hơn. Và bên kia cũng có mở một hướng mới, cũng có thể đúng, nhưng khiến cho hai bên đi xa nhau hơn. Có những điều do mình không hiểu, cho nên khiến mình đi xa nhau hơn. Và từ đó chúng ta xa nhau, từ đó Nam Bắc càng xa.

Thời đại nay của chúng ta là thời đại công nghệ mới, tất cả Phật pháp đều có ở trên mạng. Thiện Trang tìm được một trang web bằng tiếng Anh rất tuyệt vời, họ đăng Đại tạng kinh của tất cả các tiếng. Trong đó tiếng Việt thì họ lấy bản dịch của ngài Tuệ Sỹ của Kinh A Hàm để đăng lên, rất là tuyệt vời! Thiện Trang kêu mình tìm kinh của ngài Tuệ Sỹ, mà sao lại nằm trong trang này (là một trang nước ngoài). Hay như vậy! Vừa có chữ Hán, vừa có bản tiếng Sanskrit, bản tiếng Anh, bản tiếng Nhật, tiếng gì cũng có, mà tiếng Việt thì thấy [có bản của] ngài Tuệ Sỹ.

Tức là thời nay là thời đại toàn cầu hội nhập rồi, chúng ta đừng phân phái chia phe này, phe kia nữa, mà hãy cố gắng ngồi gần lại nhau. Mà muốn như vậy, thì hãy thâm nhập vào, hãy tự mình bỏ tri kiến môn hộ, nhà tôi, nhà kia, v.v… Bỏ đi! Mình vô thâm nhập, để một thời gian mình sẽ thấy giống nhau, không có chia rẽ nữa. Khi đó mình mới ngồi nói chuyện với nhau được. Còn bây giờ cứ đóng cửa, nào là phe tôi này v.v...

Cho nên có nhiều người nói: *"Bây giờ thầy Thiện Trang có phải phản bội lại Đại thừa không? Phản bội lại Bắc truyền không?"* Nếu quý vị lắng nghe những điều gì Thiện Trang giảng, thì sẽ [thấy Thiện Trang] không bao giờ [làm việc đó]. Tại vì một hồi rồi giáo pháp nào [cũng] quy về một nguồn. Và những hành trì của Nam truyền, hành trì gốc của nền Nikaya, A Hàm rất tốt.

Quý vị thấy thời gian những năm qua, bao nhiêu nạn của các quý thầy toàn là Bắc truyền, chứ Nam truyền đâu có, ít lắm! Tại vì sao? Vì bên Nam truyền có nền tảng tốt. Cho nên chúng ta không phủ nhận, chúng ta phải học. Và từ khi Thiện Trang bước vào giảng pháp, Thiện Trang đã nói là chúng ta nên học giáo lý của Bắc truyền, nhưng phải hành theo Nam truyền. Thiện Trang đã nói từ đầu rồi. Vì Thiện Trang tiếp xúc từ xưa rồi, Thiện Trang biết gốc của A Hàm, Nikaya, gốc của Giới luật là gốc để giúp chúng ta đi được xa. Còn các vị Pháp sư, các vị Giảng sư Bắc truyền, những năm qua một hồi rớt vào nạn, là vì thiếu nền tảng đó.

Quý vị để ý đi, bao nhiêu người rớt vì sắc giới, năm ngoái cũng có người, năm trước nữa cũng có người thế nọ thế kia. Toàn là sắc giới, sắc giới với người nữ đó. Tại vì sao? Vì thiếu nền tảng đó. Cho nên quan trọng lắm! Thiện Trang đã giảng cho quý vị nghe hết 41 bài của bộ Giới Luật Tại Gia thôi, là quý vị có nền tảng, quý vị đi xuất gia cũng có thể nói khó mà phạm giới.

Còn tại sao có những người phạm giới? Vì họ không học qua, khinh thường những lời của Phật, Phật dạy không chịu nghe. Mình thích, mình kêu: Tôi chỉ cần môn này, một môn thâm nhập, trường thời huân tu. Nhưng quý vị chưa đủ nền tảng, quý vị thâm nhập không được. Quý vị chưa đủ tư lương, quý vị không thể đi lên đường lớn được. Chạy ra xa lộ một hồi, mới đầu chạy ngon ngon, một hồi bị tai nạn. Quý vị phải chuẩn bị tư lương, lái được tất cả các đường gồ ghề, đường trơn đường dốc, đường kiểu gì cũng lái cho nhuần nhuyễn, rồi mới ra xa lộ chạy được. Đường tu không bao giờ bằng phẳng.

Người tu hành phải có nền tảng tốt, rồi sau đó quý vị muốn đi chuyên sâu môn nào, thì đi chuyên sâu môn đó. Không bắt quý vị phải học rộng, đa văn, nhưng đầu tiên phải có nền tảng. Còn những người như Thiện Trang đã học rộng đa văn, là Thiện Trang đã chấp nhận rồi. Và quý vị thấy, mặc dù Thiện Trang học rất nhiều, nhưng không sao cả. Thiện Trang vẫn như thế thôi, vẫn một con đường đó và rất tôn trọng. Quan trọng là Thiện Trang có lòng tin, lòng tôn trọng

với những người [giảng pháp]. Và đừng mong cầu rằng, những người giảng pháp là những người [như] viên ngọc sáng, không có tì vết, điều đó không có.

Vì những người giảng pháp cũng là hạnh nguyện như mình, lúc xưa người ta phát nguyện, cho nên đời này họ đi tiếp. [Trong đó] vẫn có những người phàm phu, [họ] cũng có những điểm không tốt. Mình phải gạn đục khơi trong, mình học nội dung mình cần học, chứ mình đừng soi mói. Soi mói một hồi thì quý vị lại thấy thầy này không như pháp, thầy kia không như pháp, quý vị tìm một hồi không có ai hết. Bởi vì thời nay lấy đâu ra? Nếu quý vị học theo tinh thần của Nam truyền rất hay, Nam truyền dạy tôn trọng màu áo Như Lai.

Quý vị nên nhớ, trong Kinh A Hàm Thiện Trang chưa có thời gian để trích ra, đức Phật nói: **"Về đời sau này, đến khi Tỳ-kheo tay trái dắt con trai, tay phải dắt con gái** (hay tay trái dắt con gái, tay phải dắt con trai)**, mà đi khất thực. Thì người đó vẫn là phước điền** (tức là ruộng phước) **cho chúng sanh, cho Trời và Người cúng dường".** Điều này ở trong Kinh A Hàm, và ở trong Kinh Nikaya cũng có nói.

Sau này Tỳ-kheo đi khất thực, thì không đi bằng bình bát mà đi bằng đôi gánh. Gánh đôi gánh để khất thực được nhiều, người ta cho gì là bỏ vô hết. Rồi y áo lúc đó không còn nữa, mà quấn một [mảnh] vải vàng trên cổ thôi. Và gánh hai cái giống như thùng gánh, để đi khất thực được nhiều đồ, người ta cho gì cũng nhận hết. Tới thời đó pháp mạt, và lúc đó Tỳ-kheo chỉ giữ bốn giới Ba-la-di, là bốn giới trọng. Mà trong Kinh Nikaya, đức Phật nói người đó vẫn là ruộng phước cho chúng sanh, và người đó vẫn là người gần với đạo giải thoát. Tức là đời đó họ không giải thoát, nhưng đời tương lai họ gần với giải thoát. Họ vẫn giữ được bốn giới Ba-la-di: Giới thứ nhất là không dâm dục; Giới thứ hai là không giết người, phá thai và tự thai; Giới thứ ba là không trộm cắp lớn (tức là trộm cắp năm tiền trở lên); Giới thứ tư là không đại vọng ngữ.

Họ chỉ giữ được bốn giới đó mà vẫn còn được như vậy, đức Phật nói trong kinh (kinh gì Thiện Trang quên rồi): **"Giống như một rừng cây chiên đàn, dù**

cây chiên đàn đó đổ xuống, thì nó vẫn có mùi thơm hơn rừng cây y lan kia". Rừng cây y lan kia thối rình, còn cây chiên đàn mặc dù ngả rồi, nhưng nó vẫn thơm. Cho nên quý vị đừng khinh thường.

Trong Kinh Nikaya cũng có nhiều chi tiết hay, tức là bây giờ Tỳ-kheo bên Nam truyền có 227 giới, [nhưng] sau này chỉ giữ được 17 giới, tức là 13 giới thiên Tăng tàn với bốn [giới] thiên Ba-la-di. Rồi sau thời đó thì còn có bốn giới. Nhưng bốn giới đó giữ được thì vẫn còn ngon, Tỳ-kheo đó vẫn là Tỳ-kheo như pháp. Chưa phạm bốn giới trọng thì vẫn là Tỳ-kheo như pháp, cho dù có phạm mấy giới nhỏ kia. Như pháp ở đây là vẫn là bản thể Tỳ-kheo.

Tất nhiên phạm giới nhỏ thì vẫn đọa thôi, nhưng đỡ hơn một chút. Và theo ngôn ngữ của đức Phật là tương lai họ có thể vào Thánh đạo. Tương lai thôi, còn đời đó thì không được. Vì không giữ được trọn vẹn là xong rồi, đời đó không được vào Thánh đạo. Nhưng tương lai họ gần với Thánh đạo giải thoát, và đời đó họ vẫn là ruộng phước [cho] chư thiên và loài người. Còn người phá giới thì khó, họ bị đọa thì chấp nhận thôi. Dù giới trọng hay giới nhẹ gì cũng nguy hiểm lắm, không sám hối là đọa.

Cho nên mình phải có tấm lòng như thế, mình nhìn Phật pháp thì mới hiểu và mình tin. Những người tu hành thời nay khốc liệt lắm, quý vị đừng mong nương tựa, mình hãy nương tựa vào chính mình là tốt nhất, **"y pháp bất y nhân".** Học cũng vậy, vị thầy nào mình học được điều gì thì mình học, mình thấy điều nào không học được thì mình bỏ ra ngoài. Đừng đem tâm soi mói, soi một hồi mình mang hai tội: Một là tội phỉ báng Pháp; Hai là tội phỉ báng Tăng.

Mình biết vị thầy đó không tốt, ví dụ quý vị không thích Thiện Trang, quý vị nghe thấy có những điều Thiện Trang giảng, nghe được thì cứ nghe, còn điều nào không nghe được thì thôi, thầy đó giảng theo tri kiến của ổng, kệ ổng, không cần nghe cũng được. Mình bỏ qua, nhưng mình đừng phỉ báng. Nhiều khi đó chính là pháp của Phật, mà mình phỉ báng là mình phỉ báng Pháp. Rồi mình phỉ

báng thầy đó là phỉ báng Tăng, thì mình mang tội. Quý vị biết tội đó cũng hơi nặng, đừng có tưởng, bởi vì mình không biết người ta tu thế nào.

Ở đây sẵn [Thiện Trang] nói luôn, không phải là Tăng không, mà người bình thường thôi. Mình phỉ báng, chửi rủa hay nói lời nặng với họ đúng lúc họ đang tu (đang tu nghĩa là đang đang chánh niệm). Họ đang thanh tịnh, chánh niệm, lúc đó mình nói nặng, mình chửi họ là quả báo của mình lớn. Cho nên Phật có điều kiện: là người chứng quả thì không nói với những người bình thường là "tôi chứng quả".

Tại sao không nói? Vì nói ra sợ quý vị không tin. Ở đây là người chứng quả rồi, chứ không phải người không chứng quả. Nói sợ quý vị không tin, quý vị phỉ báng là quý vị ăn hết luôn quả báo của quý vị. Tức là không tin một vị Thánh giả, một vị A-la-hán chẳng hạn, người ta nói chứng A-la-hán rồi mà mình không tin. Mình nói: "Ông nói xạo", là quý vị đọa chết luôn. Nên vì lòng từ bi, mà Ngài không [cho] nói.

Cho nên quý vị đừng hỏi người ta chứng quả tới đâu, chứng [quả] gì. Đó là lý do. Quý vị đừng tưởng, tội phỉ báng Thánh nhân là đọa khủng khiếp lắm. Quý vị nhớ trong Tích Truyện Pháp Cú, Tích Truyện Pháp Cú là lấy từ trong Kinh Nikaya ra, có một câu chuyện là cô đó chỉ rủ vị Tỳ-kheo hành dâm thôi, mà cô ấy nhận quả báo đọa làm rồng nữ. Cho nên không đơn giản đâu, đó là vị Tỳ-kheo thôi, mà trong đó không nói vị Tỳ-kheo đó thanh tịnh hay tâm ghê gớm gì đâu, bình thường thôi. Nên đừng giỡn! Mình phải cẩn thận với [những] nghiệp thân, khẩu, ý của mình. Còn ai gieo nhân gì thì chắc chắn họ nhận quả báo đó thôi.

Người phá đại giới (tức là bốn giới trọng), trong Kinh Đại Bảo Tích, đức Phật nói: **"Giống như biển không chứa tử thi. Cũng vậy, người phá giới thì trong giáo pháp của ta không nhận".** Cho nên người phá giới, trước sau gì thì cũng bị đẩy ra ngoài. Cũng vậy, giống như xác chết nằm trên biển một hồi thì biển cũng đẩy vô bờ. Cho nên không tránh được đâu, quý vị yên tâm, nhân quả tới thôi, tự xử. Mình không tạo nghiệp thêm cho mình, còn thiên hạ có nhiều

người chửi lắm rồi, nhiều người nói đã rồi. Để họ nói đủ rồi, còn mình cứ vui vẻ, hoan hỉ, cuộc đời của mình, mình phải ráng tu cho mình. Đó là phương pháp để tu thời nay.

Thiện Trang thấy càng về sau chúng sanh cực đoan quá. Cứ dựa theo sự kiện của ngài Minh Tuệ, một bên thì cuồng tín, một bên thì bắt đầu chửi, chửi hết tất cả mọi người. Chửi riết rồi các quý thầy cũng sợ luôn. Thầy Pháp Hòa cũng sợ, ai cũng sợ. Chỉ những người cứng đầu, chịu trận nổi mới ra. Quý vị nghĩ thực ra cũng tội lắm, chửi như vậy biết đâu người ta là chân tu. Chân tu trong nhất thời thôi, lúc đó người ta đang thanh tịnh, đang giảng pháp thanh tịnh, lên đài là thanh tịnh mà. Mình chửi là mình mang quả báo, mai mốt mình đọa thì uổng. Có thể lúc khác [người ta] không thanh tịnh, nhưng lúc đó thì họ thanh tịnh.

Ở đây nói với bản chất của một người tu, Cư sĩ thôi, quý vị đang chánh niệm hiện tiền, mà Thiện Trang chửi quý vị, thì Thiện Trang cũng phải nhận quả báo rồi. Đừng nói là một người xuất gia.

Cho nên mình càng phải cẩn thận với nghiệp của mình, đặc biệt thời nay khẩu nghiệp rất dễ tạo. Về sau này quý vị khôn khéo thì dùng ngôn ngữ làm sao đúng mức, vừa phải. Mình nói sự thật, không nên nói dối. Bởi vì mình muốn vào Thánh quả, muốn vào Sơ quả thì không nên nói dối, không nịnh hót một ai, cũng không a dua theo những điều xấu, v.v… Mình phải là người chánh kiến giữa dòng đời phức tạp [như] hiện nay.

Tu trên khẩu nghiệp, tu trên ý nghiệp, tu trên thân nghiệp. Quý vị làm một thời gian, thì phước báu của quý vị lên rất rõ ràng, và quý vị tu tự nhiên công phu đắc lực. Từ đó trở đi thì tâm quý vị mới thanh tịnh được.

Ở đây sẵn nói về tâm thanh tịnh, Thiện Trang trước giờ không biết tiêu chuẩn tâm thanh tịnh là gì. Hôm nay nghe trong Kinh Nikaya, thấy đức Phật nói: **“Tâm thanh tịnh là tâm của Tứ thiền”**. Bây giờ mình chưa đến Tứ thiền thì

tâm không có thanh tịnh. Cho nên mình chưa thanh tịnh tâm đâu, [mà] ô nhiễm, nhiều nghiệp lắm. Đấy là Thiện Trang xin chia sẻ như vậy.

#*Vị giản chư đắc tương tự tương tục, thị cố phục ngôn đại chủng sở tạo:* vì đơn giản bớt các loại trạng thái tâm tương tự và liên tục (tâm mình thật ra cứ tương tự, liên tục, chứ không phải một tâm), vì thế nên nói rằng do Tứ đại (Đại chủng) mà tạo ra.

Tức là những Loạn tâm, những trạng thái tâm này, tâm kia, thực ra là do diễn biến của tâm mình tương tự nhau, liên tục nhau thôi. Lúc thì mình giận hung (nhiều), lúc thì mình giận nhẹ hơn một chút, cứ theo dòng đó dần dần ra. Lúc thì sân, lúc thì tham, lúc thì từ bi. Những tâm [đó] thật ra không phải bùng lên một phát là hết, mà cứ từ từ, từ từ, âm ỷ giống như ngọn lửa cháy, cứ nhấp nháy, nhấp nháy giống như làn sóng của bài hát, đó là tương tự, tương tục. Tâm mình như vậy, bây giờ có nhiều tâm quá, đủ kiểu tâm, đều do Tứ đại của mình tạo ra.

Tạm dịch: Luận ghi: Loạn tâm, là tâm khác với [được nói] ở đây. Vô tâm, là [khi] nhập Vô tưởng định và Diệt tận định. Đẳng, nói rõ ràng [trạng thái] có tâm mà không loạn (tức là những tâm khác nữa). [Tâm thay đổi] tương tự liên tục thì nói là theo dòng (dòng đây là dòng của thiện và bất thiện). Thiện và bất thiện thì gọi là tịnh và bất tịnh. Vì đơn giản bớt các loại [trạng thái tâm] tương tự liên tục, vì thế lại nói là do Đại chủng (Tứ đại) tạo ra. (Tức là bây giờ ở đây có nhiều tâm, nhưng nói đơn giản, nói gọn lại).

Hôm nay mình chia sẻ tới đây, để bữa khác Thiện Trang chia sẻ tiếp cho quý vị. Lâu rồi Thiện Trang mới chia sẻ kiểu khác, hôm nay chia sẻ chủ yếu là tâm đắc, chứ không chia sẻ sâu vào A Tỳ Đàm. Cũng có cung cấp một số kiến thức A Tỳ Đàm, như Tùy tín hành, Tùy pháp hành, v.v… hay Tứ thiền để tâm thanh tịnh, v.v… Thật ra đó là những kiến thức A Tỳ Đàm. Và có nhiều điều nhưng Thiện Trang nói chung chung như vậy, quý vị nghe được bao nhiêu thì nghe. Mỗi ngày mình nghe một chút ít, và theo năm tháng dần dần mình tích lũy

đủ vốn, thì tâm mình tự nhiên thanh tịnh hơn tu được. Mà tu được rồi thì thấy an lạc, thấy hoan hỷ vui vẻ, và thấy con đường giải thoát dễ dàng, gần gũi. Đó là lợi ích trước mắt mình được như vậy. Khi mình tu có lợi ích rồi, thì tự nhiên sẽ lan tới những người xung quanh, những người khác cũng thấy giáo pháp này tu được, hành động được.

Cách tu phước lớn nhất là tâm luôn chánh niệm, tâm luôn giữ được tốt, thì đó là tu phước. Tu phước ngay lúc này, ngay thời điểm này, đó là cách tu dễ nhất. Chánh niệm thì tùy quý vị tu Pháp môn nào. Nếu quý vị niệm Phật, thì quý vị giữ tâm thanh tịnh niệm Phật, [nếu] quý vị tu Thiền [thì] quý vị giữ quán niệm, chánh niệm nhiều. Đó là quý vị tu phước ngay trong lúc này, đâu cần đợi lúc nào, còn gặp chuyện khác thì ta vẫn làm.

Cho nên tại sao người ta tu Thiền, người ta tu chánh định thôi, mà người ta vẫn sanh về cõi Trời, thậm chí trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Còn mình đi làm phước ghê gớm, mà cuối cùng mình chỉ ở Dục giới. Rõ ràng là tâm chánh niệm, tâm trụ pháp [thì có] phước báo lớn hơn. Tuy nhiên chúng ta không bỏ những việc kia, nhưng mình phải biết điều nào là quan trọng. Các vị tiên như [ông] A Tư Đà, ông Uất Đầu Lam Phất [tu] Thiền thôi, mà lên được trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, phước báo lớn như vậy. Người ta tu sơ sơ, người ta [chứng] Sơ thiền, [có] phước báo lớn thì mới lên đó. Còn mình tu, mình lo làm mấy việc hình tướng bên ngoài [thì] phước nhỏ hơn.

Cho nên tâm quan trọng, tóm lại tu là tu tâm. Tâm rồi sẽ tới những hình tướng, các hành động tự nhiên sẽ tốt, đó là bí quyết. Cho nên tâm dẫn đầu các pháp, tâm tạo ra cả thế giới. Kinh A Hàm, Kinh Nikaya hay Kinh Hoa Nghiêm cũng nói vậy, kinh Đại thừa cũng nói về tâm. Đó là bí quyết để tu hành, mình đã nắm được cốt lõi rồi. Bộ A Tỳ Đàm, bộ Luận Câu Xá này nói một hồi cũng chỉ tu tâm thôi. Đó là Thiện Trang chia sẻ với quý vị.

Hôm nay chúng ta tạm dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 12: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 12.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 25.09.2024
Phật trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=490fETCxtQ0&t=4516s
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu, đang theo dõi trực tiếp thời khóa phát trên kênh Youtube Thích Thiện Trang và Fanpage Thích Thiện Trang. Chúng ta đang học một bộ Luận thuộc về Duy Thức của Đại thừa, nếu xếp bên Bắc truyền thì gọi là Duy Thức, [còn] bên Nam truyền thì gọi là A Tỳ Đàm. Chúng ta kết hợp học cả hai vào trong một, và bộ này là Luận Câu Xá.

Chúng ta là những người con Phật, danh từ của nhà Phật gọi là Phật tử. Phật tử có hai ý nghĩa: Một là những vị Phật. Tức là chúng ta đúng là những vị Phật trong tương lai, chúng ta tương lai đều sẽ thành Phật, cho nên gọi là Phật tử. Ngoài ý nghĩa đó ra, Phật tử còn có nghĩa là con Phật, tức là một người con của đức Phật. Điều này là trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, đức Phật có xác nhận rằng: **"Những người Đệ tử của Ta** (tức là Đệ tử của đức Phật Thích Ca) **là sanh ra từ pháp của Ta** (tức là từ giáo pháp của Ngài), **cho nên gọi là Đệ tử của Ta hay con của Ta"**. Quý vị hiểu như vậy!

Chúng ta rất may mắn, vì tuy chúng ta không gặp được trực tiếp đức Phật Thích Ca, nhưng vào thời hiện nay chúng ta vẫn gặp được giáo pháp của Ngài, vẫn còn có thể tiếp xúc, để học, để nhận biết. Đó là một sự rất may mắn, bởi vì "nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn".

Nếu người ở đời không biết Phật pháp, thì mấy chục năm của cuộc đời có thể trôi qua một cách hoang phí. Vì sao nói như vậy? Bởi vì cuộc đời thật sự là vô thường, không có ai tồn tại mãi mãi. Và có sanh thì phải có lớn lên, phải có già, phải chết, thậm chí có người chưa kịp lớn lên, chưa già, [mà] cũng đã chết. Cuối cùng rồi cũng đi về đoạn diệt, một cuộc đời trôi qua.

Nếu như [cuộc đời] kết thúc như thế thì khỏe rồi. Nhưng không! Cuộc đời đó kết thúc, thì cuộc đời khác lại tiếp tục, và mang theo dòng nghiệp mà chúng ta đã tạo từ quá khứ cho đến giờ đi tiếp, để thọ sanh ở đời sau. Vì nếu như mang nghiệp không tốt, hoặc là do dẫn nghiệp không tốt, khiến chúng ta phải chấp nhận một cuộc đời khổ đau, và thông thường là khổ đau nhiều. Đức Phật nói cho chúng ta biết sự luân hồi [rất] khổ.

Cho nên ở đây chúng ta phải thấy rằng: mỗi một mùa trôi qua, ví dụ bây giờ chuẩn bị vào mùa thu, mùa đông. Bữa cộng tu Chủ nhật vừa rồi, quý vị thấy cứ một chút thì lá vàng [lại] rớt xuống, từng chiếc lá rơi xuống. Cảnh cũng lãng mạn đúng không quý vị? Thấy rất là lãng mạn! Nhưng thực tế mình là người học Phật, mình nhìn thấy mọi sự ở đời, [đều] báo hiệu Vô thường. Những cành lá đó hồi xưa cũng xanh, và không bao lâu thì chuyển thành vàng và rớt [xuống].

Cho nên nhận thức cuộc đời rất quan trọng. Nếu mình nhận thức đúng, thì con đường của mình đi, hay là cuộc đời của mình sẽ được tốt đẹp. Ví dụ quý vị thấy, các bạn lứa tuổi nhỏ lớn lên [thì] rất thích hoa phượng hồng, và những tình yêu đầu đời. Nhưng nếu là mình, với tầm nhìn của một người bốn mươi mấy tuổi, năm mươi mấy tuổi, sáu mươi mấy tuổi, [khi] nhìn mấy đứa học trò cầm hoa phượng chơi vui, thì mình kêu lãng xẹt, không có gì hấp dẫn. Bởi vì ở lứa tuổi

của mình, mình [đã] trải qua cả một dòng đời, thì mình thấy họ là những người mê muội. Quý vị thấy những em bé đó, những bạn trẻ đó, mình thấy mê muội. Tình yêu đầu đời hay yêu hoa phượng, yêu trang giấy trắng gì đó, v.v… thật sự mình thấy mê lắm.

Ý Thiện Trang nói không phải các bạn đó mê, mà nói chúng ta cũng mê. Tức là với cái nhìn của một bậc giác ngộ, là những người đã ra khỏi sanh tử như đức Phật, thì nhìn chúng ta cũng vậy thôi. Ở thế gian này, chúng ta cũng mê những thứ giống như hoa phượng đỏ hay những trang sách vậy thôi. Đó là chúng ta mê nhà, mê tiền, mê đủ thứ. [Rồi] mong cuộc đời hạnh phúc, mong gia đình hạnh phúc, mong đủ thứ dài lâu.

Nhưng một sự thật là những điều đó không bao giờ xảy ra theo ý mình được, một ngày mai rồi [tất cả] cũng sẽ lũ lượt ra đi. Lũ lượt có nghĩa là lần lượt ra đi không thương tiếc, chứ không phải đi một cách thương tiếc, [nếu] còn lưu luyến mình thì khỏe biết mấy.

Ngay cả thân thể chúng ta đây, một ngày nào đó rồi cũng vào quan tài, thậm chí có người không được vào. Rồi giả sử quý vị được gia đình giàu có, được con cháu thờ, thì cùng lắm cũng thờ 100 năm [là] hết. Không tới đâu! Thiện Trang nghĩ mấy chục năm sau, [ngôi] mộ đó cũng [chẳng có] mấy ai viếng, và hũ cốt gửi trên chùa cũng chẳng có ai viếng đâu, [rồi] người ta cũng bỏ mất.

Đó là dù muốn hay không, thì chúng ta cũng phải có nhận thức như vậy. Nhận thức cuộc đời là ngắn ngủi, là Vô thường, và mọi sự theo đuổi hạnh phúc ở thế gian này đều không rốt ráo. Nói như vậy không phải bi quan, mà để chúng ta nhận thức rằng: chúng ta hãy tìm niềm vui tối thượng. Tìm niềm vui tối thượng ở đâu? Đó là ở giải thoát giác ngộ.

Nếu nhìn theo cách nhìn của Phật giáo, để có phước và để hưởng phước, [thì] không phải dễ đúng không quý vị? Quý vị phải tu rất nhiều, nào phải từ

thiện, bố thí, cúng dường, làm đủ các việc, tu các hạnh lành. Tu vất vả lắm mới có chút phước. Có phước rồi mà hưởng thụ hơi nhiều một chút thôi, thì lại đọa lạc, đời sau lại mất thân người. Cho nên [điều đó cũng] nguy hiểm!

Quý vị nhớ câu chuyện ở trong Tiểu Bộ Kinh, câu chuyện thứ 207, [về] tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong đời quá khứ Ngài là một vị tu khổ hạnh. Lúc đó có một vị vua tên là Assaka, vị vua này có một hoàng hậu rất xinh đẹp, là hoàng hậu Ubbari` (tiếng Pali). Quý vị coi trong Tạng Kinh Nikaya có câu chuyện đó.

Nhà vua rất sủng ái vị hoàng hậu này, [nên phong] làm chánh cung hoàng hậu. Hoàng hậu thì xinh đẹp, vì có phước báo đời quá khứ và hưởng thụ cũng rất tuyệt vời. Tại vì phước báo làm chánh cung hoàng hậu, nên không thiếu gì, nên suốt ngày [bà lo] trang điểm cho đẹp, lúc nào cũng ướp hương thơm khắp người, rồi đủ các món đồ ăn. Nhưng hoàng hậu này số mạng cũng không được dài, sau đó thì [bà] qua đời. [Vì bà] qua đời sớm, [nên] vị vua đó rất buồn, không muốn [chôn], và luyến tiếc giữ cho ướp xác suốt như vậy. [Vua] giữ hoài và không muốn rời đi.

Câu chuyện đó [kéo dài] suốt bảy ngày, nhân dân thấy ông vua này si tình quá, không biết làm sao. Ông không chịu đem chôn, ông ướp xác để đó, để ngắm nhìn vì bà hoàng hậu quá đẹp. Câu chuyện đó lan ra, thì khi đó có vị Sa-môn tu khổ hạnh (là tiền thân của đức Phật) mới tới đó [gặp một vị thanh niên và] nói: *"Bây giờ tôi muốn giúp vua. Tại vì vua cai trị đất nước, thì không thể say đắm một người như vậy hoài được. Nhưng tôi không biết làm sao để gặp vua?".*

Vị [thanh niên] nói: *"Tôi có thể giúp [ngài] gặp được vua. Nếu vua tới đây thì có thể gặp"*. Vị thanh niên này [đến gặp vua và tâu]: *"Có cách để giúp ngài, có thể giúp hoàng hậu, miễn là ngài gặp vị tiên nhân đó. Vị đó có Thần thông, đắc đạo, nên có thể giúp được ngài, và giúp cho hoàng hậu"*.

Khi đó gặp thì [vua] mới hỏi hoàng hậu sanh vào chỗ nào? Quý vị biết sanh vào chốn nào không? [Một vị] chánh cung hoàng hậu, một người với [sự] hưởng thụ đầy đủ, [luôn] ướp hương hoa thơm lừng. Vị tiên nhân mới nói rằng: *"Bà ấy đã đọa làm một con bọ hung"* (bọ hung cánh cam). Ở trong kinh mà Hòa thượng Minh Châu dịch là một con sâu đi lăn phân. Có lẽ là ngài dịch cho ngôn ngữ đỡ thô, còn các vị dịch giả khác thì dịch ra là con bọ hung có màu sắc sặc sỡ, vì bà ưa lòe loẹt.

[Con bọ hung cái này] đang cặp với một con bọ hung khác, gọi là bọ hung chồng. Hằng ngày hai con bọ hung đi lăn từng chút phân và đắm say trong đó, quên mất vị vua trước là chồng mình. Tại vì vô trong loài súc sanh rồi. Nên đó là hưởng thụ quá nhiều.

Quý vị nhớ bữa Thiện Trang đã chia sẻ rồi, theo tinh thần của Phật giáo, nếu đam mê sắc, đam mê hưởng thụ, v.v… mà không đủ phước báo, thì làm các loài giòi, bọ, v.v… ham ăn, loài ăn tạp. Rồi ham mê lòe loẹt thì được màu cánh, màu áo, màu gì đó tốt đẹp, vì thiếu phước. Thiện Trang xin kể luôn câu chuyện đó cho trọn vẹn.

Sau khi [nghe nhưng] vua không tin điều đó. [Vì] vị đó cũng có Thần thông, có thể để cho con bọ hung đó nói chuyện, nên hỏi [con bọ hung]: *"Có biết được quá khứ không?"*. [Bọ hung] kêu: *"Biết chứ! Tôi biết đời quá khứ, tôi là chánh cung hoàng hậu. Nhưng bây giờ tôi có chồng mới rồi, đây là chồng của tôi"*. [Vị đó] kêu: *"Nếu bây giờ lỡ gặp vua đó thì sao?"*. [Con bị hung] nói: *"Không quan tâm! Nếu ông đó tới đây thì tôi cũng có thể lấy cái càng này, cắt cho cổ ổng chảy máu, để rửa lên chân của chồng tôi, chứ tôi không quan tâm"*.

Ông vua nghe câu nói đó, biết rằng mình đã quá mê. Khi chúng sanh, chính là người vợ cũ của mình, bây giờ đã đắm chìm vào một hoàn cảnh khác nữa, cho nên ông tỉnh. Và từ đó [vua] mới cho đem chôn thân thể của hoàng hậu.

Câu chuyện đó quý vị có thể tham khảo đầy đủ ở trong chuyện 207, chuyện tiền thân của đức Phật, trong Kinh Tiểu Bộ. Vị tiên nhân đó (vị Sa-môn đó) chính là tiền thân của đức Phật. Còn vị vua đó không ai khác chính là một vị Tỳ-kheo, [vì] sau này vẫn mê sắc dục, nên đức Phật dùng bài đó kể lại đời quá khứ, để cho vị Tỳ-kheo đó nghe mà giác ngộ: *"Hồi xưa ông cũng mê như vậy, bây giờ cũng mê vậy".* [Và] vị thanh niên kia, hình như là tiền thân của ngài Xá Lợi Phất. Thiện Trang không nhớ rõ lắm, nhưng quý vị có thể tra cứu trong kinh. Thiện Trang cố gắng nói có sách, mách có chứng. Quý vị có thể tra cứu, Thiện Trang đã cho nguồn rồi.

Ở đây Thiện Trang muốn nói là, quý vị muốn hưởng thụ cũng khó nữa, có phước rồi mà hưởng quá, thì cũng không được. Hưởng quá nghĩa là sao? Mình muốn hưởng thụ, để đời sau hưởng phước thì phải có tu, ít nhiều gì cũng phải tu. Mình có phước rồi thì mình phải chia phước cho thiên hạ, mình phải chia cho chúng sanh. Phải chia bao nhiêu phần trăm đó, thậm chí phải chia nhiều nữa, thì may ra đời sau được thân người. Mà hưởng quá đáng là thôi, đời sau mất thân người.

Thiện Trang nói cho quý vị vòng vòng để làm gì? Nói tóm lại trong luân hồi là khổ, còn ngụp lặn trong luân hồi là còn khổ. Cho nên chúng ta chỉ có một con đường, đó là mong ra khỏi sanh tử. Để ra khỏi sanh tử, thì mình phải thường xuyên quán niệm: Thứ nhất [là niệm] Vô thường, đời là vô thường, đời là khổ. Không phải nói để mình bi quan, mà mình quán niệm tâm như vậy. Thứ hai nữa là mình phải luôn luôn nhớ Tam Bảo, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Quán chiếu cuộc đời vô thường, thì mau ra khỏi sanh tử.

Thiện Trang không có nhớ rõ trong kinh nào, hôm bữa có nghe một vị Sư nhắc lại. Nếu chúng ta tu tập đúng và đủ, đức Phật có đảm bảo cho chúng ta năm điều kiện để thành tựu như sau:

1. Điều kiện thứ nhất là chứng đạo ngay trong đời này, khi còn khỏe mạnh,

nếu tu đúng và đủ. [Quý vị] nhớ, [phải] đúng pháp và đủ, chứ còn tu sai thì đức Phật không đảm bảo. Tu đủ có nghĩa là mình phải tu đủ, chứ không phải tu một hồi [rồi] thôi.

Giống như quý vị đi đúng đường rồi, đường từ Sài Gòn ra Hà Nội đi đúng. Nhưng chạy tới Đà Nẵng, thôi vô Đà Nẵng, đi dạo phố cổ Hội An chơi, hay đi ra Vinpearl Nha Trang chơi gì đó. Đi chơi mất rồi thì làm sao ra được? Tức là đi chưa đủ. Cho nên phải kiên trì kiên dũng. Đúng và đủ thì đức Phật nói đảm bảo chứng đạo ngay trong đời này. Nhưng có trường hợp không được, nếu trường hợp không được thì rơi xuống điều kiện thứ hai.

2. Điều kiện thứ hai là nếu không chứng đạo ngay còn lúc khỏe mạnh đây, thì đến lúc lâm chung, cận tử nghiệp sẽ chứng đạo. Điều kiện thứ hai ngon không? Điều này hình như trong Kinh A Hàm cũng có nói, và Kinh Nikaya cũng có nói.

3. Điều thứ ba là nếu [điều thứ hai] cũng không được luôn, [tức là] tới lúc cận tử nghiệp mà bệnh đau, rồi chết, mà cũng không được [đắc đạo], thì được sanh về cõi Trời. Và khi sanh về cõi Trời, thì được chư Thiên (các Thiên tử), sẽ nhắc nhở cho quý vị tu tiếp. Đó là điều thứ ba.

4. Nếu điều thứ ba cũng không được, tức là lên [cõi Trời] rồi mà tu cũng chưa chứng đạo nữa, thì khi gặp đức Phật ra đời (ví dụ như chúng ta gặp đức Phật Di Lặc) thì cũng sẽ là bậc tốc chứng. Có nghĩa là mau chứng lắm, lẹ chứng lắm, vào nghe pháp thì liền chứng ngay thôi, không có mất thời gian lâu nữa. [Quý vị thấy] ngon không? Đó là điều thứ tư.

5. Nếu điều thứ tư cũng không được, thì đức Phật nói: khi đủ Ba-la-mật hay Ba-la-mật chín mùi, dù không có đức Phật ra đời, thì người ấy cũng tự động chuyển nguyện thành một vị Độc giác. Có nghĩa là không cần có thầy gì hết, tôi cũng chứng đạo.

Như vậy năm vòng đó là đức Phật đảm bảo cho người tu đủ và tu đúng. Phải đủ và đúng. Mà Thiện Trang xin nói với quý vị, chúng sanh thời nay mê lắm. Mới vào thông thường gọi là bái sư, bái sư là gặp vị thầy nào là coi như một thầy đó thôi, ôm tới già, tới chết luôn. Thầy có bê bết cỡ nào, cũng ôm luôn. Đây là nạn mà chúng sanh thời nay, đặc biệt người Việt mình hay bị.

Tại sao mình cứ vào là mình đã chọn rồi? Mình phải có suy xét trước chứ. Cho nên theo thầy, nhưng phải coi thử vị thầy đó giảng có đúng theo Phật hay không? Những gì không tương ưng với Phật, thì chúng ta không thể theo được. Chúng ta theo thì cũng phải có trí tuệ. Theo một vị thầy, thì cũng phải coi vị thầy đó có giảng đúng với [lời] Phật hay không. Mà muốn biết có đúng với [lời] Phật hay không, thì phải coi kinh. Thậm chí kinh, mình coi một bản dịch chưa đủ, mà mình phải coi bản dịch thứ hai, coi bản dịch thứ ba, coi nhiều để mình so sánh lại, thì mới chính xác 100%. Chứ đâu phải vô một cái [là] ôm [thầy đó luôn].

[Hôm] bữa có người gửi cho Thiện Trang: *"Thưa thầy, hai bản dịch Kinh Vô Lượng Thọ: một bản của Hòa thượng Thích Đức Niệm dịch, một bản của Trung tâm phiên dịch Huệ Quang dịch, sao khác nhau xa giữ vậy?".* Cùng một bộ kinh thôi, mà hai nhóm dịch khác nhau rồi. Vậy mà mình đi theo một người không đảm bảo, người ta bê bết tệ hại mà mình vẫn còn theo, pháp của người ta [giảng] không đúng mà mình vẫn theo. Rồi lên mạng nghe ai đó nói ngược với tư tưởng của mình, thì mình chống đối. Tại sao không chịu suy xét?

Chúng ta hãy lấy kinh của Phật làm chuẩn, lấy Sớ Giải, Chú Giải của chư Tổ làm bậc hai. Tức là bậc một thì phải là đức Phật, bậc hai là chư Tổ, tới bậc ba mới là những người thời nay như Thiện Trang chia sẻ, quý vị phải coi có đúng tinh thần của kinh hay không? Phải đúng chứ! Không đúng [mà] mình vô thờ phụng một vị thầy, nhưng vị thầy đó thế nào, có ổn chưa? Cho nên là hãy cố gắng suy xét, thời nay nhiều người vô là ôm luôn [một vị thầy], rồi đi theo đường tà mà không biết, thì thật là đáng thương. Thiện Trang chỉ nhắc vậy thôi, bởi vì thời

nay người ta cũng có cách nói hay lắm.

Để chọn thầy, thì quan điểm của Thiện Trang thế này, có bốn hạng người:

1. Thứ nhất là người rất bê bết, tức là tu không được và giảng sai. Hạng người này chắc là mình bỏ đúng không, không cần phải tính nữa, bê bết rồi còn giảng sai kinh điển, [sai] pháp thì thôi khỏi [nói].

2. Hạng thứ hai là bê bết nhưng giảng đúng, tức là họ tu không tốt lắm, nhưng họ giảng đúng.

3. Hạng người thứ ba là tu được, nhưng giảng không đúng theo kinh sách, không đúng theo tinh thần của Phật pháp.

4. Hạng thứ tư là tu được và giảng đúng.

Vậy thì quý vị chọn hạng nào? Hạng thứ nhất thì khỏi [nói] rồi đúng không? Tu trật rồi, tu không được, mình nhìn thấy đời sống của người ta có vấn đề, phá giới đủ thứ, lên giảng tùm lum tào lao nữa, [thì] thôi bỏ. Hạng người thứ hai cũng vậy, hoặc là giới hạnh của họ chưa trang nghiêm, nhưng họ tu tạm tạm và họ nói đúng. Hạng thứ ba là tu thì thấy ok lắm, rất là tốt, nhưng giảng thì không trúng theo kinh Phật. Và hạng thứ tư là được cả hai.

Theo Thiện Trang, tất nhiên mình nên ưu tiên hạng thứ tư là số một, là tu được và giảng đúng. Nếu tìm người hạng thứ tư không có, thì người hạng thứ hai cũng được. Mình biết họ tu dở, họ tu chưa được, nhưng họ giảng đúng theo kinh Phật thì vẫn còn nghe được. Nếu không có hạng tư, thì mình phải xuống hạng hai. Còn tu có giỏi mà giảng sai, thì mình không thể học được, học chỉ có tà thôi. Đó là vấn đề mình phải có Phật pháp.

Bởi vì trong kinh đức Phật nói có những hạng người [như vậy], [thì] mình phải có trí tuệ [để chọn]. Và chọn thầy thì đừng chọn theo tiêu chuẩn thế gian. Tức là [thấy] thầy nổi tiếng, thầy đẹp. Không! Yếu tố đó là yếu tố phụ. Yếu tố

quan trọng là phải chính xác, phải coi người ta giảng điều gì.

Ở đời quý vị nên nhớ, có những thứ đôi khi nghe chói tai, nghịch tai, nhưng phải nghe vì đó là sự thật. Có những điều mặc dù nghe êm tai, dễ chịu, nhưng mình phải bỏ ra ngoài. Bởi vì đôi khi thuốc đắng mới dã tật, mà sự thật thì mất lòng.

Bây giờ nói kiến thức ăn uống thôi, quý vị thích ăn, đặc biệt mấy bạn nhỏ thích ăn đồ chiên, đồ ngọt v.v... toàn ăn mấy đồ béo ngậy, thích ăn lắm. Nhưng người lớn như chúng ta thì biết rằng, ăn mấy đồ đó nhiều, độc, không tốt cho sức khỏe đâu. Cho nên mặc dù mấy món như khổ qua đắng, khó ăn, nhiều món khó ăn lắm, nhưng ta biết tốt nên ta phải ăn. Thuốc tuy đắng, nhưng phải uống để hết bệnh, chứ không phải cứ nghe những lời ngọt ngào.

Bây giờ thời nay thích ngọt ngào, dụ khị, cho nên có bộ phim gọi là Ngọt Ngào Và Man Trá đó quý vị. Tức là càng ngọt bao nhiêu, thì [càng] nguy hiểm [bấy nhiêu]. Ăn nhiều đường quá [thì bị] bệnh tiểu đường, ăn nhiều đồ béo quá thì dầu tăng, gọi là mỡ [trong máu] cao. Cho nên không ổn đâu!

Chúng ta phải là một người có trí huệ. Có những điều lúc trước mình học ở đâu đó, bây giờ mình học bị ngược, bị chói với mình, nhưng vì đúng [nên] mình vẫn phải lắng nghe. Chưa biết đúng hay không, thì từ từ mình phải suy xét, chứ đừng có vội lên phán: "Ôi! Thầy giảng khó quá!". Khó! Nhưng đó là thuốc quan trọng thì vẫn phải nghe, phải hành. Mình chưa làm được, thì cũng ráng làm.

Giả sử quý vị bị ung thư, lúc đó dù khó cỡ nào thì quý vị cũng tìm cách chữa đúng không? Lúc đó chạy đông, chạy tây, thuốc nam, thuốc bắc, thuốc gì cũng có. Nghe nói trên núi cao, có vị thầy chữa bệnh ung thư tốt bằng lá gì đó, thì cũng ráng lặn lội, bò lên. Sao lúc đó tinh tấn dữ vậy? Mà học Phật pháp là huệ mạng nhiều đời nhiều kiếp, cơ hội để ra khỏi sanh tử là giáo pháp phải chính xác, phải đúng theo tinh thần của đức Phật, mà mình lại bỏ qua. Cho nên hình như có vấn

đề. Thiện Trang chỉ nhắc một chút, để quý vị lựa chọn minh sư trong thời hiện đại, rất khó!

Đó là một chút cảm nhận thôi. Thiện Trang xin vào phần nội dung hôm nay, Thiện Trang chia sẻ tiếp các duyên cho hết. Có lẽ chúng ta sẽ chia sẻ bữa nay và bữa sau nữa cho hết các duyên. Hôm bữa [đã học 19 duyên], Thiện Trang xin nhắc lại trong 24 Duyên hệ là gồm có : (1) là Tiền sanh duyên, (2) là Hậu sanh duyên, (3) là Câu sanh duyên, (4) là Hiện hữu duyên, (5) là Vô hữu duyên, (6) là Thiền duyên, (7) là Vô gián duyên hay Đẳng vô Gián duyên, (8) là Đạo duyên, (9) là Nghiệp duyên, (10) là Quả duyên, (11) là Vật thực duyên, (12) là Thường cận Y duyên hay Cận y duyên, (13) là Ly khứ duyên, (14) là Bất ly duyên, (15) là Trưởng duyên, (16) là Tương ưng duyên, (17) là Bất tương Ưng duyên, (18) Dị thục duyên hay Dị thục Quả duyên, (19) là Hỗ tương duyên.

Đó là 19 nội dung mà Thiện Trang đã chia sẻ với quý vị. Có khi Thiện Trang nói Nhân duyên và Cảnh duyên thì dễ nên không nói, nhưng thôi bữa nay giảng luôn. Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ Nhân duyên, Cảnh duyên, Y chỉ duyên, và nếu có thời gian thì chia sẻ luôn Trùng Dụng duyên. Còn Quyền duyên thì dài quá, để bữa sau.

Thiện Trang sẽ chia sẻ [duyên] thứ (20) là Nhân duyên. Nhân duyên tức là đối tượng A tác động lên đối tượng B, giúp cho đối tượng B, bằng các tính chất thiện ác của mình. Trong đó có sáu nhân chính: là Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si.

Nói vậy khó hiểu quá, bây giờ nói tóm lại thế này: Giả sử quý vị làm một việc thiện, với tâm lành, vô tham. Tức là quý vị đi bố thí cho một đứa nhỏ nghèo, giúp cho nó ăn học. Như vậy quý vị đã làm nhân cho đứa nhỏ đó, mai mốt lớn lên nó đi học, [rồi] nuôi nó v.v... để nó trở thành Kỹ sư, Bác sĩ hay một người tốt. Thì lúc đó quý vị là nhân, giúp cho bên kia. Mà nhân đó của quý vị là nhân Vô tham, hay nhân từ bi, nói chung là có trí tuệ. Đó là một nhân [trong] đời sống bình

thường.

Trong tu hành cũng vậy, khi mình tạo ra nhân với những tâm Tham, Sân, Si. Tâm Tham, [ví dụ] tôi vô học Phật pháp, vì tôi tham được nổi tiếng. Nhân như thế thì mai mốt rớt đài, tại vì mình đi sai đường. Học Phật pháp bằng tâm Tham [thì] không được. Rồi học Phật pháp bằng tâm Sân, Si cũng không được. Phải bớt tham, bớt sân, bớt si, giảm xuống. Nhân đó giúp cho đối tượng kia, thành ra mai mốt [đó là] sự thành tựu của mình. Vậy đối tượng này tác động đến đối tượng kia bằng sáu nhân: Tham, Sân, Si, Không tham, Không sân, Không si. Nói vậy cho dễ! Điều này là nhân duyên, thì quá dễ rồi, [vì] nhân quả mình học hoài rồi.

Tiếp theo [duyên] (21) là Cảnh duyên. Cảnh là gì? Đối tượng này giúp cho đối tượng kia, bằng cách đóng vai trò làm cảnh, để cho đối tượng kia nhận biết. Ví dụ Thiện Trang đang giúp cho quý vị nghe pháp, thì Thiện Trang đang làm Cảnh duyên cho quý vị. Như vậy Thiện Trang đã giúp cho quý vị. Và quý vị cũng giúp cho Thiện Trang, là quý vị làm Cảnh duyên để Thiện Trang giảng. Có người bình luận ở trên đó, thì Thiện Trang đọc chẳng hạn. Như vậy đó là Cảnh duyên.

Nhờ đọc bình luận đó mà Thiện Trang giảng tiếp sẽ tốt hơn. Hoặc là [đọc] bình luận đó [khiến] mình nổi sân lên, mình không giảng được nữa, chẳng hạn như vậy. Đấy là Cảnh duyên. Đối tượng này giúp đối tượng kia bằng cách [làm] cảnh duyên. Có một sự tác động, và chữ Cảnh duyên này có khi gọi là Sở tri duyên.

Sở tri duyên là nơi chốn, [là] chỗ, [là] điều mà mình biết được qua các giác quan. Thiện Trang nhìn thấy quý vị bình luận, quý vị nghe Thiện Trang nói. Hoặc là mình ở trong nhà, đang lúc tu thì một hồi nghe mùi [gì đó] thơm. Đó là Cảnh duyên, cảnh về mùi vị, mình nghe thơm thơm, nghĩ: "Ôi bữa nay có mùi thơm lạ quá, chắc chư thiên xuống". Một hồi ra không phải chư thiên tới, mà là người trong nhà nấu ăn, nhiều khi có mùi như vậy. Đó là Cảnh duyên. Mà lúc đó mình tưởng là chư thiên tới, cho nên mình phấn khích, mình tu tinh tấn, đang mệt ghê

gớm mà mình [cũng cố gắng] tu. Đó cũng là [một sự] giúp đỡ.

Hoặc là mình nghe một tiếng khen của người đồng tu, xong rồi bữa đó tự nhiên mình tinh tấn lên. Hoặc là mình nghe tiếng chửi của ông chồng từ xa, biết là ổng sắp về rồi đó. Nghe ổng chửi đứa con từ ngoài ngõ rồi, [nên] thôi giả bộ ngồi nhập định luôn. Ráng, phải cố gắng nhập định, chứ không một chút ổng vô ổng chửi nữa. Ngồi im phăng phắc để ổng khỏi thấy, ngồi một hồi giả thành thiệt luôn, nhập [định] luôn. Nhập rồi lát sau quên mất chuyện [ông chồng]. Những điều đó làm cảnh để giúp mình. Thì đó là Cảnh duyên hay Sở tri duyên.

Thế có một số người nói: *"Thưa thầy, hình như học một hồi rồi không phân biệt được duyên nào hết"*. Đúng không quý vị? Quý vị có thắc mắc không? Có lúc thì nói Cảnh duyên, lúc thì Hỗ tương duyên, lúc thì Câu sanh duyên. Ba duyên đó có giống nhau không? Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên v.v… sao giống nhau vậy? Đúng rồi! Ai phát hiện ra điều đó, thì người đó có trí tuệ, là phát hiện đúng. Tại vì sao? [Vì] có một duyên đó thôi nhưng phải chia ra.

Giống như nói thế này, một người nữ, quý vị đồng tu [ở đây là] người nữ nhiều, kêu cần một người đàn ông để vác đồ đạc từ dưới nhà lên lầu. Như vậy trong nhà cần phải có người đàn ông, người đàn ông vác bao đồ 50kg từ dưới nhà lên. Rồi bữa sau [đứa con] nói với người khác: *"Bữa đó ba tao vác bao đồ 50kg từ dưới nhà lên lầu hai cho tao"*. Có khi nói "người đàn ông" cũng được, nói "ba" cũng được. Tức là cũng một người đó thôi, nhưng có lúc nói ba, có lúc nói đàn ông. Cũng được mà, ba cũng là đàn ông đúng không quý vị?

Tức là cái này cũng là cái kia, nhưng chúng ta muốn nói về khía cạnh nào. Tức là bữa đó mình nói ở khía cạnh là: phải là đàn ông mới vác lên nổi, người nữ thì vác không nổi. Tức là có khi mình nói Cảnh duyên, có khi mình nói Hỗ tương duyên, có khi mình nói Câu sanh duyên. [Đó thì] tùy, mình muốn nhấn mạnh về vấn đề nào mà chia chẻ ra. Đấy là giáo lý này muốn cho chúng ta hiểu rõ từng mối quan hệ, từng chi tiết trong đó, cho nên [chia] ra.

Hoặc là có người hàng xóm nói: *"Bữa đó tao thấy có một người mặc áo trắng, vác cái bao khoảng 50kg, từ dưới lên trên lầu hai cho mày"*. Cuối cùng điều tra ra vẫn là ông ba đó thôi. Tức là [cùng một người], là ba (bố) của mình thôi, nhưng [đưa ra] ba dữ kiện khác nhau. Rồi đứa con của mình nói: *"Bữa đó ông ngoại vác cái bao lên cho mẹ".* Cho nên là cũng một người đó thôi, nhưng mối quan hệ khác nhau. Đứa nhỏ nói là cấp cho mình thông tin khác, hàng xóm nói là cấp cho mình thông tin khác, mình đi nói với người khác là thông tin khác. Dữ kiện thì cùng một sự việc đó thôi, nhưng mình khai thác được [nhiều khía cạnh]. Quý vị nghe như vậy thì quý vị tổng hợp lại, là bà này có một đứa con trai, ông bố của đứa con đó thì khỏe mạnh. Vậy mình tự đúc kết ra một trời dữ liệu, và từ đó mình nối kết lại với nhau. Đó là trí tuệ đó, chia chẻ [ra].

Cho nên môn Duy Thức, môn A Tỳ Đàm là như vậy đó. Tức là thay vì nói một chiều, giống như bên Bát-nhã Tánh không nói một điều thôi **"Tất cả pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc"** là được rồi. Còn bên này thì không có như vậy, bên Pháp tướng Duy Thức khác bên Pháp tánh. Pháp tánh là nói Không thôi, là vô rồi, nhưng bên đây thì phải nói từ từ. Để quý vị hiểu 'Không', thì phải nói chút chút vậy đó, để quý vị hiểu từng chút từng chút, rồi [dần dần] tự nhiên buông được. Còn người căn tánh như Lục tổ Đại sư Huệ Năng [thì] khỏi, vô phát là xong luôn. Cho nên điều này cũng là điều kia.

Quý vị cứ lục lại, bây giờ 21 duyên rồi, duyên nào cũng có thể là duyên kia. Như vậy trong câu chuyện vừa rồi, là bố (ba) mình giúp mình. Như vậy là mình phải nương tựa bố mình để sống, mình nương tựa [vào] bố giúp đỡ mình, thì bố mình trở thành một đối tượng giúp cho mình theo kiểu đó, thì gọi là Y chỉ duyên; #y chỉ là nương tựa.

Cho nên cũng là ông bố đó thôi, bây giờ trở thành Y chỉ duyên. Vậy quý vị hiểu Y chỉ duyên là gì [rồi đúng không?] Y chỉ duyên là đối tượng này giúp đối tượng kia, bằng cách có mặt để tác động, giúp đỡ, là điểm tựa cho đối tượng kia.

Điều này thì dễ hiểu, y chỉ là nương tựa. Như vậy đó là Y chỉ duyên.

Ví dụ như bây giờ quý vị nương tựa Thiện Trang để học tập, đó là Y chỉ duyên. Thiện Trang là Y chỉ duyên cho quý vị. Như vậy cùng một vai trò đó mà mình có thể [hiểu] thế này hay thế kia, cho nên là điều nào cũng [có thể] có. Như vậy Cảnh duyên, Câu sanh duyên, Tăng thượng duyên [đều] có trong đó hết, tùy trường hợp có khi có. Tăng thượng duyên là nói theo Duy Thức Đại thừa, chứ còn ở trong A Tỳ Đàm thì không chia ra Tăng thượng duyên. Nhưng mình cũng hiểu là ở trong đó đều có hết, nếu mình phân tích cùng một điều đó.

Nếu quý vị hiểu được một cách rốt ráo như vậy, thì quý vị tu rất dễ. Chứ không mình học nhân quả ba mớ, tức là mình học sơ sơ, suốt ngày mình cứ nói ông chồng là oan gia của con. Tức là mình chỉ thấy một duyên thôi, là nghịch duyên oan gia, mình không thấy Y chỉ duyên trong đó. Ổng cũng giúp mình chớ, không có ổng thì mình cũng khổ, không có ổng thì ai lo thế này thế kia. [Rồi] mình cứ thấy bà vợ toàn là oan gia. [Mình] quên mất hàng ngày nếu không có bà vợ, thì ai nấu cơm cho mình ăn, ai giặt đồ, đủ thứ các kiểu. Cho nên là khổ chưa?

Ý Thiện Trang muốn nói là, quý vị học qua 24 Duyên hệ này, chịu khó về lục lại viết ra và hiểu từng duyên. Vấn đề nào quý vị cứ chẻ ra, thì quý vị nhìn cuộc sống này bằng màu sắc khác. Quý vị sẽ có trách nhiệm hơn trong cuộc sống, quý vị cũng dễ buông hơn, trước các cảnh khổ của thế gian. Và quý vị nhìn thấy mọi việc thấu suốt, chu đáo. Ta tu như vậy dễ dàng, khỏe!

Còn mấy người không học, [hay] học lý thuyết ba mớ, thì khi cảnh tới là buồn. Sao mà buồn? Quý vị buồn làm gì? Bởi vì có nhiều duyên như vậy, mình xét duyên này duyên kia. Duyên này không tốt thì mình đổi qua duyên khác, mình nhìn theo góc khác đi. Đức Phật luôn cung cấp cho chúng ta, cách nhìn tổng quan về cuộc sống. Để nhìn tổng quan thì quý vị phải nhìn được nhiều góc độ, góc độ này nhìn không được thì [nhìn] góc độ khác. Chứ không phải Phật ép: *"Tất cả pháp là Không đó con. Thôi ráng nhẫn đi con! Nhẫn, nhẫn, nhẫn, nhẫn*..." Có nên

nhẫn không quý vị? Có! Nhẫn nhưng không phải [như vậy]. Ở đây sẵn nói pháp hành.

Thiện Trang nghe trong Kinh Nikaya, ở bộ Kinh Tăng Chi, phần Sáu pháp. Để đoạn hết Lậu hoặc, tức là đoạn Phiền não, thì có sáu cách. Chúng ta thường nghe nói là nhẫn thôi: *"Ráng nhẫn đi con, ráng nhẫn đi con".* Không! Nhẫn chỉ là một trong sáu cách thôi. Đức Phật nói sáu cách để hết Lậu hoặc, tức là đoạn Phiền não. Đoạn Phiền não [để làm] gì? [Đó] là để mấy vị chứng quả A-la-hán... Đúng! Chứng quả A-la-hán, chứng quả Tu-đà-hoàn, là nhờ hết Phiền não. Nhưng Thiện Trang nói, đầu tiên là quý vị hết Phiền não trong đời sống trước đã, cũng là một cách giải quyết.

Giống như có cô suốt ngày than thở: Thầy ơi, gia đình con thế này, gia đình con thế kia. Đó là học mà không có áp dụng gì hết. Tại sao? [Vì] không nhìn vào thực tế, đời là vô thường, thế này thế kia. Sáu cách đó như thế nào? Chúng ta chỉ biết lúc nào cũng nhẫn, thì ráng chịu đi, như vậy có đúng không? Không [phải như vậy]! Đức Phật nói:

1. Cách thứ nhất là hãy phòng hộ. Phòng hộ là gì? Phòng hộ các căn, tức là đừng để các căn chạy theo [cảnh]. Có nghĩa là quý vị phải giữ gìn, đừng ham gì hết. Mắt đừng ham sắc, thì không bị chạy theo sắc, là hết Phiền não. Tai không nghe những âm thanh ngọt, âm thanh hay, thì [không] chạy theo đó, nên hết Phiền não. Phòng hộ sáu căn là cách thứ nhất để hết Phiền não.

2. Cách thứ hai là thọ dụng. Thọ dụng có nghĩa là mình được sử dụng, chứ chúng ta toàn là từ chối không thôi. Không [phải như vậy]! Đức Phật nói là hãy thọ dụng. Ví dụ quý vị ăn, nhưng phải ăn thế nào? Ăn, nhưng thay vì tham ăn, thì đức Phật nói hãy nghĩ rằng thức ăn này để chúng ta sống được lâu, để có thời gian tu tập, để có sức khỏe, để tu. Chứ không phải ăn vì tham. Rồi nghe pháp này là để mình tăng sự tu hành. Tức là những cảnh đó để [mình] thọ dụng lấy. Được thọ dụng nha! Thọ dụng nhưng đừng có tham, sân, si thì được rồi.

3. Điều thứ ba, khi gặp nghịch cảnh thì chúng ta thường dùng cách là nhẫn đúng không? Sư phụ thường dạy: "*Thôi nhẫn đi con*". Các Sư phụ bình thường thường dạy nhẫn đi, nhẫn nhục Ba-la-mật. Nhẫn nổi không? Nhẫn nổi được thì nhẫn, còn không nhẫn nổi thì thôi. *"Thầy nói thôi là sao thầy?"*. Đức Phật nói, [chứ] Thiện Trang không nói. Đức Phật nói nhẫn không được thì quý vị chuyển sang cách giải quyết thứ tư. Cách giải quyết thứ ba là nhẫn nhục, đó là nói theo Bắc truyền, nói theo Nam truyền là kham nhẫn.

4. Cách thứ tư là Ly khứ duyên, né tránh đi, tránh đi. Đức Phật nói không nhất định phải nhẫn, mà tránh được thì tránh đi con, nhớ nha! Chúng ta thường là tự trói mình vào. Mình nhẫn không nổi, mình chịu không nổi, thì né đi, đức Phật đâu có bắt [mình nhẫn]. Bao giờ không có trường hợp nào khác, không né được, [thì] phải nhẫn thôi.

Đức Phật không bao giờ tán thán, những người chịu khổ hạnh một cách ép xác. Mà đức Phật nói là: ở hoàn cảnh nào, ví dụ như Tỳ-kheo, hãy lựa cư trú ở nơi nào có ăn để tu hành, khất thực không quá khó khăn. Chứ không phải đi [đến những] chỗ khó quá, rồi cuối cùng tu không được. Và đức Phật nói đừng có đắm say vào hưởng thụ, tức là đừng có say vào hưởng thụ, và đừng có né tránh với thế gian. Mình né Ngũ dục Lục trần cũng không được, kiểu nào cũng sai hết.

Rồi quý vị gặp nghịch cảnh, thì đức Phật nói né được thì né đi. Biết đường đó nguy hiểm [thì] đừng đi đêm. Biết chỗ đó, bà đó dữ quá [thì] đừng tới. Biết ông chồng mình như vậy, tránh mặt được lúc nào thì tránh lúc đó. Nếu gia đình khó khăn quá, tan vỡ thì thôi, đường ai nấy đi, rõ ràng như vậy!

Ở đây sẵn có người hỏi: *"Thưa thầy, nghe nói ly hôn đọa Địa ngục phải không thầy?"*. Quý vị coi hết giùm đi, tra giùm [trong] Tam tạng kinh điển, chỗ nào nói ly hôn đọa Địa ngục? Không có! Đức Phật chỉ nói là đừng xúi giục vào, đừng đi vào đường sanh tử. Quý vị giở ra trong Kinh Tương Ưng Chư Thiên, trong Kinh Tạp A Hàm. Thiện Trang quên kinh số bao nhiêu rồi, là 1200 mấy đó. Có một chư

thiên xuống nói với đức Phật rằng: *"Có gia đình kia vui lắm, bữa nay sinh ra một đứa con".* Đức Phật nói: *"Có gì đâu mà vui. Ông nói sai rồi! Phải buồn mới đúng. Họ sanh ra thêm, tức là họ đi vào đường sanh tử thêm".* Đức Phật không tán thán chuyện đó, nên nhớ như vậy!

Cho nên đức Phật không tán thán việc lập gia đình, nhưng đức Phật luôn luôn có giải pháp. Tức là lỡ có [gia đình] rồi, thì cứ tiếp tục sống đi. Còn khi nào khó khăn quá thì cứ chấm dứt. Ví dụ trong câu chuyện, có cô đó trốn nhà đi xuất gia mà mang bầu (đã mang bầu từ trước khi đi xuất gia). Câu chuyện đó thì Thiện Trang nói rồi, nhưng bữa nay kể lại cho quý vị nghe rõ hơn.

[Câu chuyện về] cô đó trong Kinh Nikaya có kể chi tiết hơn. Tức là cô đó [vì] bị chồng đánh quá, nên bỏ nhà đi luôn, vô Tăng đoàn xuất gia. Xuất gia một thời gian sau thì bụng bự lên. Người ta nói cô phạm giới dâm dục rồi, [mất] phạm hạnh rồi. Cổ nói không, cổ không có phạm. Lúc đó mới triệu tập Tôn giả Ưu Ba Ly, rồi bao nhiêu người tới để giải quyết, tính toán thời gian cổ mang thai v.v... có đức Phật nữa. Và xác định là cô ấy mang thai khi cổ còn ở nhà, chứ không phải là sau này đi xuất gia rồi mới mang thai.

Bây giờ lỡ rồi thì cũng phải chịu thôi. Bây giờ ôm bình bát đi khất thực, mà bụng bầu như vậy thì sợ người ta nói. [Cho nên] Tăng đoàn giải quyết bằng cách truyền tin, là cô đó lỡ có [thai], cô mang thai trước khi [xuất gia]. Tức là đi đâu, người ta phải nói, phải thông báo với đại chúng: là cô đó mang thai trước khi đi xuất gia, chứ không phải là như vậy.

Sau đó cổ sinh con thì lại khổ lắm. Tại trong giới Tỳ-kheo-ni thì không được ngủ với người khác, mà đứa con nhỏ thì khóc la, làm mấy cô kia không ngủ được, cả Tinh xá inh ỏi lên như vậy, thì khổ đến mức nào. Bắt đầu các cô mới trình lên Phật. Phật nói bây giờ ráng chịu thôi, chứ làm sao.

Bữa đó vua Ba Tư Nặc đi qua, nghe đứa bé khóc, vua Ba Tư Nặc mới hỏi:

"Sao trong Tinh xá của các cô có đứa bé này?" Vua mới trình lên đức Phật, xin cho con đem về chăm sóc. [Vua] chăm sóc đứa bé đó như một hoàng tử. Đứa bé cũng có phước đó quý vị, mẹ đi xuất gia, con có phước, được chăm sóc như hoàng tử.

Quý vị biết cô đó sau này đắc đạo. Đứa con đó lớn lên, hình như bảy tuổi đi xuất gia, sau này cũng đắc A-la-hán. Đấy! Cho nên là cũng ngon! Nhưng rõ ràng quý vị thấy, không có gì [về việc cổ bỏ đi xuất gia] nha.

Và có người nói: *"Ủa chứ bây giờ đời sống gia đình ly thân, ly hôn như vậy, thì có tội không?"* Thiện Trang nói, trong kinh không thấy có nói tội. Thật ra thì Thiện Trang nói, là quý vị bị vướng vào tình chấp thôi. Bây giờ quý vị thấy ở Nhật Bản, ở các nước phương Tây, [họ] sống theo xu thế thế này. Là hai đứa cưới nhau, đăng ký kết hôn, nhưng cuối tuần họ gặp nhau đi chơi thôi, còn phần ai, nhà ai nấy sống. Bây giờ hạnh đấy là ở Nhật Bản rất thịnh, ở các nước phương Tây cũng rất thịnh.

Vậy có sai không? Vậy những người đó có đọa Địa ngục không? Đây là theo Thiện Trang thôi nha, ở trong kinh không có nói, nhưng chúng ta dẫn chứng như sau. Ở cõi Bắc Cô Lô Châu (Uất Đơn Việt), ở trong Kinh Vô Lượng Thọ có câu **"Uất Đơn thành thất bảo"** đó. Thì quý vị nhớ ở cõi Bắc Cô Lô Châu, người ta không có gia đình. Người ta chỉ đến với nhau, hai người nam nữ gặp nhau, thì vô trong lùm cây. [Lùm] cây đó thấy hai người này, thì biết nghiệp lực của họ thế nào, hai người không có quan hệ huyết thống, thì nó phủ lá xuống cho [họ] sống ở trong đó 7 ngày thoải mái. Sau khi xong 7 ngày thì đi ra, người nữ mang thai xong rồi đẻ con. Đẻ con ra thì cũng bỏ ở ngoài đường, không có nuôi luôn. Mỗi người đi ngang qua, đưa cái ngón tay vô trong miệng cho đứa bé, giống như tiết ra chất sữa cho nó bú. Sau một thời gian thì đứa bé lớn lên. Chế độ của họ sống là như vậy, họ đâu có gia đình.

Và trong kinh có nói thêm, quý vị có thể coi Kinh Trường A Hàm, ở Phẩm Uất Đơn Viết. Hoặc là quý vị coi trong Kinh Nikaya, ở Trường Bộ Kinh cũng có,

và coi trong Kinh Tăng Nhất A Hàm cũng có. Đức Phật nói: *"Những người ở cõi Uất Đơn Viết tu Thập thiện. Sau khi chết, tất cả đều sanh về cõi Trời, không có đọa lạc".* Vậy thì họ đâu có đọa Địa ngục đâu.

Cho nên Thiên Trang nói, mô hình gia đình là do tùy hoàn cảnh, tùy thời đại, mỗi thời đại mỗi khác, ở mỗi nơi mỗi khác. Đừng lấy Kiến thủ kiến đập vô đó, để mình trói mình. Rồi nhiều người nói: *"Thầy ơi, chồng con say rượu đánh con miết, mà con không dám ly hôn. Bởi vì con sợ đọa Địa ngục quá!".*

Đó là Tà kiến. Tại sao? Bây giờ quý vị nghĩ kỹ coi, chồng say rượu đánh mình, rồi mình [vẫn chịu đựng vì] lo cho mấy đứa con. [Nhưng] mấy đứa con sống trong môi trường thấy cha say rượu đánh mẹ, vậy mai mốt lớn lên nó có tốt không? Nếu như nó sống ở hoàn cảnh khác, thì [sẽ] tốt hơn. Nên không chịu được, không kham nhẫn được, hoàn cảnh khốc liệt quá, thì ưu tiên né tránh đi. Đó là cách thứ tư để giải quyết Phiền não.

5. Cách thứ năm là diệt trừ, là trừ bỏ đi, trừ bỏ là sao? Đức Phật nói rất rõ trong kinh, quý vị có thể tìm trong kinh, Thiện Trang chỉ nói đơn giản. Ví dụ khi tâm tham khởi lên, mình biết đó là tâm tham, thì mình bỏ đi. Khi sân khởi lên, mình biết đó là sân thì đừng sân nữa. Tham, Sân, Si, Thân kiến, Biên kiến v.v… mình bỏ đi. Đó là cách thứ năm để diệt trừ.

6. Cách thứ sáu để đoạn trừ Phiền não, là bằng cách tu tập. Tu tập thì phải tu hai thứ: Một là Thiền chỉ, hai là Thiền quán. Trong đó Thiền quán rất quan trọng để đối trị Phiền não. Ví dụ mình rất tham điều gì đó, thì mình kêu sao mình tham quá, như mình thích sắc, thích người nam đẹp quá, hay người nữ đó đẹp quá, thì mình phải quán bất tịnh, quán Vô thường. Vô thường nghĩa là đời không được bền lâu, đâu biết ngày mai lỡ chết mất sao, ai dám bảo đảm sống được bao lâu, mà ham chuyện đó. Mình đâu biết mình tu còn bao nhiêu năm trên cuộc đời này nữa, nên ráng tu. Rồi thân thể người đó có gì đâu, nhìn thế thôi, [họ] trát lên vài lớp phấn lớp son, hay là xịt nước hoa, nhìn ham vậy thôi, chứ thực tế là [họ]

hôi rình à. Cho nên mình phải quán bất tịnh v.v… để diệt lòng dục đi.

Rồi khi đang sân, [thì] mình nhớ là: *"Một ngọn lửa sân thiêu đốt hết cả rừng công đức",* [nên] mình không sân lên làm chi. Mình ráng nhẫn, mình bỏ sân. Hoặc [là mình quán] từ bi, họ chọc tức mình, thôi kệ họ v.v… mình có các phép quán đó để trừ.

Còn tu Chỉ là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v… nhưng mình quán thì dễ hơn. Như vậy tu tập nhiều thì sẽ bớt Phiền não, sẽ hết Phiền não. Sáu phương pháp đó là để đoạn trừ [Phiền não]. Và đức Phật nói:*"Tỳ-kheo nào mà thành tựu được sáu pháp đó, thì xứng đáng là ruộng phước cho chư thiên và loài người cúng dường, xứng đáng được lễ kính"*.

Thiện Trang xin nhắc lại sáu phương pháp để đoạn trừ Phiền não: (1) Phòng hộ. (2) Thọ dụng, tức là Thọ dụng đúng cách. (3) Kham nhẫn, hay chúng ta nói là nhẫn. (4) Né tránh. (5) Đoạn trừ hay diệt trừ. (6) Tu tập.

Chúng ta làm được những [điều đó], chứ không phải nhất định chịu trận đâu. Chúng ta thường cứ toàn là chịu trận, tức là thay vì sáu phương pháp, mình chỉ dùng một phương pháp là nhẫn thôi. Trong khi mấy phương pháp kia thì không [dùng], từ chối hết, nên thật là đáng thương. Mình phải học nha! [Những điều] Thiện Trang chia sẻ, toàn là trong kinh thôi đó.

Vừa rồi Thiện Trang đã chia sẻ duyên thứ 22 rồi, là Y chỉ duyên. Tiếp theo duyên 23 là Trùng dụng duyên; #trùng là lặp lại; #dụng là tác dụng, tác dụng lặp lại. Tức là khi đối tượng này giúp đỡ cho đối tượng kia, nhận biết bằng cách lặp lại, ngôn ngữ chúng ta gọi là tô đậm. Giống như mình viết chữ xong rồi, mình viết lại, đồ lại, tô cho đậm lên, [cho] đối tượng này mạnh hơn. Đó gọi là Trùng dụng duyên.

Điều này ngôn ngữ bên Bắc truyền gọi là huân tập. Điều gì lặp lại nhiều lần, lặp tới lặp lui, giúp cho điều kia mạnh lên. Ví dụ chúng ta nghe pháp hôm nay

chưa đủ, ngày mai mở ra nghe lại tiếp, nghe tới nghe lui, nghe hoài, nghe nhiều lần, gọi là Trùng dụng duyên. Tức là mình sử dụng điều đó nhiều lần, thì sẽ giúp điều đó mạnh lên, nghe phải nghe nhiều lần.

Có đồng tu nói: *"Thầy giảng cao quá, con nghe được nửa bài thôi con tắt, mai con nghe tiếp. Rồi bữa sau con phải nghe lại"*. Đúng rồi quý vị, muốn nghe những pháp cao là phải nghe như vậy. Nghe như vậy chừng một thời gian, dần dần nền tảng của mình đầy đủ, thì mình mới tu được, đó là nghe pháp.

Còn trong đời sống, quý vị muốn học giỏi, thì cũng phải học như vậy. Cũng phải siêng học, học tới học lui, giải bài tập, phải giải cho nhuần nhuyễn. Đó là Trùng dụng duyên. Điều nào tô đậm hơn, [thì] giúp cho mạnh mẽ hơn. Cho nên phải tu tập nhiều, phải tu tập thường xuyên, gọi là "trường thời huân tu", môn nào cũng vậy thôi.

Đấy là duyên thứ 23, là Trùng dụng duyên. Còn một duyên nữa là Quyền duyên, Quyền duyên thì dài tới 22 quyền, giảng chắc gần hết một buổi rồi, nên thôi để bữa sau. Bữa sau giảng Quyền duyên nữa là hết 24 duyên.

Quý vị [học được] 23 duyên rồi, quý vị về lọc lại, coi lại. Coi để mình hiểu, mình cố gắng học Phật pháp là áp dụng trong đời sống, chứ không phải là mình học cho vui. Quý vị làm sao [khi] ra ngoài đời sống, quý vị thấy gì cũng là vô thường, thấy các pháp sanh diệt. Nếu người tu niệm Phật thì nên niệm Phật, quay lại biến tất cả các cảnh tượng thành niệm Phật, thì mới thành công.

Chứ còn bây giờ mình tu, mình học lâu rồi, mà mình ra ngoài gặp cảnh, người ta buồn mình cũng buồn, người ta sân mình cũng sân, người ta si mình cũng si, [như thế là] mê quá. Rồi tới khi [lâm chung] thì thôi, ngay lúc sống đây mình tỉnh táo, mà còn như vậy, thì mai mốt chết sẽ không có hy vọng đâu, khó lắm! Quý vị mong ra khỏi luân hồi thì cực kỳ khó. Nhớ phải thường trực Tam Bảo hiện tiền, nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng. Nhớ rằng ta đang tu hành, phải nhớ

làm sao đến nỗi khi vô trong mơ, nếu lỡ nằm ngủ mơ vẫn nhớ như vậy, thì người đó ít nhất đi về đường lành. Còn nếu như quý vị rõ ràng sáng suốt, thường trực như vậy, luôn luôn như vậy, thì sẽ có một ngày, Thiện Trang nói biết đâu quý vị đắc quả ngay trong đời này. Quý vị chứng được quả vị. Vì đó là quý vị tu Thiền quán.

Nhiều người không hiểu Thiền quán là gì? Quán là tư duy, nghĩ nhớ những niệm về Phật, về Pháp, về Tăng. Nghĩ nhớ những đối tượng nào đó rất nhiều, quán rất nhiều.

Còn Thiền chỉ là mình chỉ cần tập trung vào một đề mục. Trong A Tỳ Đàm hay bên Nam truyền nói là 40 đề mục. Thật ra bên Bắc truyền thì cũng có 40 đề mục. Ví dụ mình cứ [tập trung vào] một đề mục niệm Phật cũng được. Tập trung vào một đối tượng, đó là dừng tâm lại, cho nên gọi là Chỉ. Chỉ là dừng tâm, tập trung tâm lại vào một đối tượng đó thôi. Ví dụ như người ta niệm A Di Đà Phật, hay A Mi Đà Phật, hoặc là niệm nước, nghĩ toàn bộ là nước. Niệm lâu ngày thì công phu đó dừng tâm lại hết, và cuối cùng đắc định. Vì vậy có định là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, và nói theo A Tỳ Đàm là Ngũ thiền nữa. Cũng vậy, tùy theo đề mục niệm đó, thì gọi là Thiền chỉ. Và chúng ta tu Thiền quán thì giúp ra khỏi sanh tử.

[Thiện Trang] xin nhắc lại: Thiền chỉ giúp đỡ đau. Ví dụ Sơ thiền giảm nhẹ đau, người nào chịu đựng được tốt, là do một phần có thể họ đã đắc Thiền. Nếu đắc đến Tứ thiền thì yên tâm, quý vị không có đau đớn, thọ lạc, thọ khổ [nên] vô tư.

Thứ hai, Thiền chỉ có Thần thông, Thiền chỉ trợ cho tu Quán. Còn tu Quán thì thứ nhất giúp đoạn Phiền não, khai trí tuệ. Tất nhiên bên Thiền chỉ cũng giúp trí mình khá hơn. Khi đắc được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thì trí của mình cũng sáng hơn, nhưng không bằng Thiền quán.

Cho nên những người trí tuệ, mình phải phân biệt, có nhiều người nhớ tốt [nhưng] không phải là trí tuệ, nhớ tốt là niệm thôi. Trong Niệm - Định - Huệ, thì Niệm khác, Định khác, Huệ khác. Huệ là khả năng connection (kết nối), từ những dữ kiện cũ, anh có thể kết nối lại thành ra những dữ kiện mới. Mà những kết nối đó, là đối với thế gian thôi. Còn khi nào ngộ ra pháp, có những điều mình ngộ, mà không có lúc nào mình nghĩ ra được. Giống như hôm qua Thiện Trang đi qua sông, bây giờ Thiện Trang cố gắng nhớ lại điều đó, mà không thể nhớ lại để diễn tả trạng thái đó được.

Khi [Thiện Trang] đi qua sông, quý vị biết có một con tàu lớn đi qua, nên nước sông động lắm, thì chuyến phà của mình bị lắc, chao đảo, và [Thiện Trang] cảm thấy hình như tất cả mọi thứ cảnh vật xung quanh bị chao đảo hết. Thiện Trang chợt hiểu ra: thế gian này sao mong manh như vậy, chỉ cần có một tác động nhỏ thôi, mà hình như tất cả mọi thứ cũng thay đổi. Hình như toàn bộ con sông này, khúc sông này thay đổi hết. Tức là một con tàu đi qua thôi, là bao nhiêu nghiệp được tạo ra ở dưới sông rồi. Có thể bao nhiêu loài sinh vật ở dưới bị tác động, như cá, hay những con gần bên bờ sông như kiến, cũng sẽ bị rớt xuống sông. Rồi có thể [có] những người sơ ý thế này, thế kia, v.v… rồi những chiếc lá rớt xuống sông, cũng bị trôi dạt theo hướng khác.

Tức là một đối tượng nhỏ là con tàu thôi, mà có tác động lớn như vậy. Còn người đi trên tàu thì họ không biết rằng: mình có tác động lớn như vậy đến cả môi trường xung quanh. Lúc đó Thiện Trang ngộ ra nhiều thứ lắm. Tức là một hình ảnh đó thôi, chao đảo con tàu của mình thôi, nhưng mình thấy được như vậy. Bây giờ Thiện Trang cố gắng diễn tả lại, nhưng Thiện Trang nghĩ chỉ diễn tả được 20% thôi, không thể diễn tả được cảm giác lúc đó. Cảm giác lúc đó tự nhiên an lạc vô cùng. Vì mình hiểu ra được vấn đề, là thế gian vô thường và vạn vật [phải] nương [vào] duyên. Tức là mình ảnh hưởng rất nhiều đến người khác, và mình cũng phụ thuộc rất nhiều vào người khác.

Và lúc đó Thiện Trang cũng hiểu là, con tàu đó đi được cũng là nhờ lượng nước trên sông phải đủ, và lượng nước trên sông này đủ là nhờ bao nhiêu cơn mưa, bao nhiêu dòng suối chảy ra v.v… Nếu chỉ cần vài thứ không đủ, thì con tàu đó không đi được. Có nghĩa là chỉ có một hình ảnh đó thôi, nhưng mình thấy ra cả bầu trời pháp như vậy, sống động với ta. Và Thiện Trang nghĩ đó là một chút giác ngộ, một chút tỉnh giác, gọi là tiểu tiểu ngộ thôi, nhưng thường xuyên như vậy.

Khi Thiện Trang lên tàu đi về, lại thấy một cảnh vật khác, đó là Thiện Trang phát hiện ra cây lớn bên bờ bị người ta đốn hạ lúc nào, cắt ra từng khúc, từng khúc. Thiện Trang nhìn xuống [thì thấy] có một tổ ong trên cây đó đã bị đập phá. Thiện Trang thấy vô thường thực sự. Tức là mọi cảnh vật hôm trước mình đi, mình vô tình đâu có thấy. Những con ong cũng không nghĩ ngày nào đó người ta phá tổ ong, bao nhiêu đàn chim [cũng] không còn đậu trên cành cây nữa, v.v…. Tức là vạn vật vô thường như vậy.

Quý vị nếu thường sống được như vậy, thì Thiện Trang tin là dần dần quý vị đắc đạo. Không đắc đạo trong đời này thì cũng như lúc nãy nói, lúc cận tử nghiệp tới, lúc sắp chết tới cũng đắc đạo. Còn không thì cũng có mấy điều kiện kia.

Nếu quý vị là người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì càng ngon nữa. Bởi vì lúc đó tâm thanh tịnh lắm quý vị, tự nhiên không biết [sao] trạng thái đó an lạc, thanh tịnh [lắm]. Lúc đó mình nghĩ đến câu Phật hiệu, câu Phật hiệu nổi lên rất nhẹ nhàng, và hình như mình chìm vào một thế giới khác, chứ không phải thế giới thật này nữa.

Quý vị tu [muốn được] như vậy, thì mình phải thường trực nhớ nghĩ (niệm) Vô thường, nhớ nghĩ về các pháp sanh diệt, duyên này, duyên kia. Mình học lâu rồi, đến lúc nào đó tự động nó ra, mà không cần suy nghĩ gì hết. Tự nhiên có một sự chấn động nào đó, một điều thay đổi nào đó trong đời, một sự thay đổi nhẹ

nhàng biết đâu làm mình đắc đạo, quý tu nhiều đời rồi mà. Hay lắm quý vị! Từ đó mình mới sống được với cuộc đời này một cách vui vẻ tự tại. Từ đó các khổ não trên thân, như bệnh đau tự nhiên tan biến hết, vì sao? Bởi lúc đó quý vị sống giống như vào thế giới khác, mình không biết là quên hay thế nào đó, nhưng tự nhiên [mọi thứ] tan biến hết. Nếu thường xuyên sống như vậy là tuyệt vời.

Thiện Trang nói, quý vị cứ sống như vậy, có một lần như vậy thì sẽ có nhiều lần như vậy. Dần dần nhiều lần như vậy rồi, thì quý vị mở kinh ra đọc một câu, đọc một bài kệ, hoặc nghe ai giảng, tự nhiên người ta nghe không ra nhưng mình nghe ra, mình hiểu ra nhiều điều mà người khác không hiểu được. Và từ đó Phiền não tự nhiên tiêu tan, tự nhiên sống ở đời đã lắm. Quý vị sống có tinh thần như vậy thì mới đắc quả được. Mình có thể đắc Sơ quả, Nhị quả, Tam quả. Nếu đắc Tam quả, quý vị chưa tu Thiền chỉ phải không, thì quý bị dở nhất cũng tự nhiên đắc Thiền chỉ.

Đố quý vị: nếu đắc Tam quả, thì quý vị đắc được Thiền chỉ gì? Trong các tầng Thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì quý vị đắc được tầng Thiền nào? Nếu đắc được Tam quả, chắc chắn dù quý vị không tu Thiền [chỉ], tức là không ngồi nhập định gì hết, thì quý vị cũng đắc được Sơ thiền. Vì sao? [Vì] Tam quả A-na-hàm là Bất lai (là không còn sanh về cõi Dục). Cho nên người chứng Tam quả, dở gì thì dở, cũng chứng được Sơ thiền. Đây là trên kinh tạng Nam truyền, bên A Tỳ Đàm, v.v… nói. Nên tự nhiên mình về Sơ thiền thôi, nên tu Thiền quán đến lúc nào đó thì đắc [luôn] Thiền chỉ.

Tại vì không lo tu Thiền chỉ, cho nên tới đó thôi, nên không có Thần thông. Nhưng lúc đó quý vị quay qua tu Thiền chỉ thì dễ lắm, ngồi [một lúc] là ok. Tại vì điều này giúp điều kia, và hai bên [tương] trợ nhau. Mà tu điều nào rốt ráo? Xin nói với quý vị, là tu Thiền quán mới [giúp] ra khỏi sanh tử, còn Thiền chỉ không [thôi] thì khó. Trừ khi duyên của quý vị phải đủ, có nghĩa là Ba-la-mật quý vị đầy đủ rồi, thì Thiền chỉ giúp quý vị đắc đạo luôn. Còn không thì phải tu Thiền quán,

tức là hàng ngày quán niệm. Cho nên mới đầu thì tu Thiền chỉ để mau [vào định], Chỉ Quán song vận thì nhanh. Nhưng đến lúc nào đó mình đủ khả năng, thì mình phải nhắm vào Thiền quán nhiều hơn. Đó là phương pháp của các vị tu Thiền bây giờ.

Tu Tịnh Độ thì cũng vậy, đừng nói tôi tu Tịnh Độ thì không có quán. Không phải! Cũng có niệm là tu Thiền chỉ, cũng có quán Tây Phương Cực Lạc, quán thân thể vô thường. Quán Tây Phương Cực Lạc cảnh giới đẹp, đời vô thường, ngắn tạm, v.v… Giống như Kinh Vô Lượng Thọ ở trong Phẩm Ba Mươi Hai nói: **"Vô cực chi thắng đạo, dị vãng nhi vô nhân",** tức là con đường đạo thù thắng đến vô cùng, dễ đi mà không có người. Bữa nào mình đi ra đường, tự nhiên thấy con đường rộng thênh thang, sao bữa nay không ai đi hết? Thì tự nhiên mình nhớ câu kinh đó. Đấy cũng là một sự ngộ, tức là vẫn có quán đấy chứ. Hoặc là mình nhớ Tây Phương Cực Lạc đông người lắm, coi vậy chứ cũng dễ đi, cũng đông người, tại [ở] đây không ai đi thôi, chứ trên Tây Phương Cực Lạc thì đông. Quý vị thường xuyên niệm những niệm đó, thì mai mốt quý vị ra đi vãng sanh dễ dàng.

Đừng niệm Phiền não, có nhiều người suốt ngày niệm chồng con gì đó. Vậy thì Thiện Trang xin chia buồn, nếu học lâu năm rồi mà cứ chồng, con, cha, mẹ, anh, em, vợ chồng [thì] cứ khổ hoài trong đó. Đó là *tâm thường đế trụ sanh tử chi đạo*, là tâm thật sự luôn luôn trụ trong đạo sanh tử, hay là con đường sanh tử. Xin lỗi quý vị! Mai mốt chết là quý vị đi vô sanh tử tiếp thôi, đó là quý vị tự hại mình chứ không ai hại mình hết.

Thiện Trang đã chia sẻ xong 23 duyên rồi, bây giờ trở lại Luận Câu Xá. Mỗi bữa học bấy nhiêu đó thôi, nghe nhiều quá rồi, nghe không hiểu nữa. Hôm bữa chúng ta đang học bài kệ 11.

Bài Kệ 11

Loạn tâm vô tâm đẳng	亂心無心等，	Loạn tâm, Vô tâm, khác
Tùy lưu tịnh bất tịnh	隨流淨不淨，	Theo dòng tịnh, không tịnh
Đại chủng sở tạo tánh	大種所造性，	Tánh do Tứ đại tạo
Do thử thuyết Vô biểu.	由此說無表。	Do đó nói Vô biểu.

Luận ghi: Loạn tâm, là tâm khác với [được nói] ở đây. Vô tâm, là [khi] nhập Vô tưởng định và Diệt tận định. Đẳng, nói rõ ràng [trạng thái] có tâm mà không loạn. [Tâm thay đổi] tương tự liên tục thì nói là theo dòng. Thiện và bất thiện thì gọi là tịnh và bất tịnh. Vì đơn giản bớt các loại [trạng thái tâm] tương tự liên tục, vì thế lại nói là do Đại chủng (Tứ đại) tạo ra.

Thiện Trang lỡ soạn rồi nên xin phép chia sẻ thêm đoạn này, đó là "Làm Chủ Các Căn". Đoạn này Thiện Trang thấy hay quá, nên đưa vào nguyên đoạn kinh trích trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya.

Làm Chủ Các Căn

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: "Chẳng thà cứ thường hay ngủ nhiều, chứ đừng trong khi thức mà tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sanh vào nẻo dữ".

Quý vị nhớ nha! Đức Phật nói là chẳng thà ngủ nhiều đi, chứ đừng thức mà nghĩ tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sanh vào nẻo dữ. Điều này

nói cũng vui, xưa nay mình tưởng ngủ là ghê lắm, nhưng không, đức Phật nói ngủ thì tốt hơn tư duy loạn tưởng.

Như có cô đồng tu đó tội lắm, suốt ngày cổ phiền não, tìm [Thiện Trang] than, chưa chuyển nhà, chồng mới tính nói chuyển nhà thôi, là bắt đầu [kêu]: Thầy ơi làm sao, thế này thế kia... Rồi suốt ngày con đi học cũng lo cho con, con nhập học rồi, đi kiếm nhà trọ cũng lo [lắng]. Tâm như vậy là tư duy loạn tưởng. Thì ở đây đức Phật nói luôn: chẳng thà ngủ nhiều, chứ đừng thức mà tư duy loạn tưởng, nghĩ xấu, nghĩ lung tung lang tang. Mai mốt chết sanh vào nẻo dữ, tức là ba đường ác. Chưa đâu, đức Phật nói đã hơn nữa:

"Chẳng thà để cho dùi sắt, đang rực cháy ịn vào mắt, chứ không để nhìn sắc mà nổi lên loạn tưởng. (Tức là bây giờ mắt nhìn vào sắc thì loạn tưởng, như nhìn thấy người ta đẹp v.v… thì đức Phật nói là thà để cho dùi sắt ịn vào mắt). **Tỳ-kheo khởi tưởng như vậy bị bại hoại bởi thức** (Thức gồm: [sự biết của] mắt, tai mũi… đây là Thiện Trang trích một đoạn thôi). **Tỳ-kheo bị hủy hoại bởi thức sẽ rơi vào ba nẻo dữ Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ. Điều ta muốn nói là như vậy.** (Cho nên là thôi đừng có nghĩ, thà ngủ đi còn hơn, thà hủy hoại các căn còn hơn như vậy).

"Người kia chẳng thà cứ thường hay ngủ, chứ đừng khi thức mà tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm vào lỗ tai cho nó hư hoại, chứ không thể để vì nghe tiếng mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo nổi lên loạn tưởng sẽ bị bại hoại bởi thức.

Nhiều người nói sao đức Phật cực đoan thế? Không phải đâu! Quý vị không hiểu. Tức là mình ngủ nhiều còn đỡ hơn nghĩ lung tung, [thì] mình sẽ đọa vào đường ác. Quý vị ngủ nhiều, một hồi rồi cũng tỉnh táo, quý vị sẽ giữ được thân người ở đời sau. Còn chạy theo Sắc trần, Thanh trần, tức là những âm thanh, hình sắc, sắc dục, v.v... chạy theo rồi nghĩ lung tung lang tang, thì mai mốt đọa lạc.

Cho nên bây giờ mấy người trẻ mà thủ dâm, tưởng tượng cho lắm vô, rồi chơi game đúng không, [đều] là loạn tưởng đó. [Nên] ai mà mê game, thì nhớ giùm đoạn kinh này nha. Loạn tưởng đi, Sáu căn tiếp xúc với Sáu trần, thì mai mốt vô trong đường ác. Đây là đức Phật nói, không phải Thiện Trang nói. Thiện Trang bôi đậm đoạn này:

"Chẳng thà cứ thường xuyên ngủ, chứ đừng để khi thức mà tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy kìm nóng làm hư hoại mũi, chứ đừng vì ngửi mùi mà khởi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo nổi lên toạn tưởng thì bị huỷ hoại bởi thức. Do bị hoại bởi thức mà rơi vào ba nẻo dữ Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ.

(Trích từ Kinh Số 6-Phẩm Phi Thường thứ 51-Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Đoạn này nếu tham cứu ở Kinh Nikaya thì hay hơn, Kinh Nikaya có đoạn giải quyết rốt ráo hơn chỗ này nữa, tức là gần giống vậy, [nhưng] dài hơn. Tương ưng với Kinh Hỏa Dụ, tức là nằm ở [phần] Tương Ưng Sáu Xứ - Kinh Tương Ưng Bộ của tạng Nikaya. Thiện Trang xin đọc những trích đoạn thôi, quý vị có thể tìm những bộ Kinh này để đọc cho đầy đủ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người chấp giữ sự ngọt ngào của cảnh sắc, dán tâm vào đấy với sự chấp chặt các chi tiết ngọt ngào thì nếu trong thời điểm ấy, đương sự mệnh chung thì người ấy sẽ thác sanh vào một trong hai sanh thứ này: "Địa ngục hay Bàng sinh".

Quý vị nghe cho kỹ nha! Ai mà ham cảnh sắc ngọt ngào, thích cảnh đẹp, v.v… hoặc ham sắc, nếu chấp chặt vô, thì lúc chết [sẽ bị] như vậy. Có nghĩa là khi ra đi, quý vị ham mấy cảnh nhà cửa đẹp, buông không nổi mấy cảnh sắc đó, thì chết sẽ đi về Địa ngục hay Bàng sinh. Bàng sinh tức là loài súc sanh đi ngang. [Cho nên] cẩn thận nha! Điều này nguy hiểm!

……. ([Dấu] chấm chấm chấm là đoạn này không trích), trích tiếp:

Này các Tỳ-kheo, tốt hơn nên để cho Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn (tức Sáu căn) **bị huỷ hoại với một que sắt nung đỏ, hừng cháy rực cháy, cháy lửa ngọn, vì lúc ấy các ngươi không chấp thủ chi tiết và tổng thể đối với các sắc do Nhãn căn tiếp nhận, các âm thanh do Nhĩ căn tiếp nhận, các mùi do Tỷ căn tiếp nhận, các vị do Thiệt căn tiếp nhận, các xúc do Thân căn tiếp nhận. ...**

Này các Tỷ-kheo, do thấy sự nguy hiểm này, Ta nói rằng tốt hơn nên nằm ngủ, (ở đây đức Phật đã giải thích luôn, cho nên Kinh này hay hơn, Thiện Trang nói phải đối chiếu hai tạng lại thì coi mới hay), **vì dù sao giấc ngủ không có gì là hại cho chúng sanh. Nó không để lại hậu quả gì, nhiều lắm cũng chỉ là một sự mông muội. Trong giấc ngủ, kẻ phàm phu không bị tà tư duy chi phối để làm các đại tội như chia rẽ Tăng chúng.**

Ở trên đã nói năm tội rồi, ở đây nói thêm một tội nữa, là tội chia rẽ Tăng chúng. Đức Phật nói thà ngủ đi còn tốt hơn. Cho nên ở đây ai ham ngủ thì thấy đoạn này, hôm nay có chỗ chữa cháy rồi, ngủ còn tốt hơn nghĩ lung tung, đi tạo nghiệp. Quý vị thấy không! Nhưng may quá, mình không có ham ngủ. Nhưng nếu vậy thì Phật giáo nhàm chán lắm, phải đoạn sau này, Thiện Trang thích đoạn sau này.

...

Thay vì nằm ngủ, ta hãy tâm niệm như sau (tức là ở đây đức Phật đưa ra giải pháp, chứ gì mà đốt hủy các căn [nghe] ghê quá, điều đó tiêu cực quá. Không! Đoạn này [Phật] giải quyết không tiêu cực): **"Ý căn này là vô thường. Các pháp là vô thường, Ý thức là vô thường, ý xúc là vô thường. Bất cứ cảm thọ nào có từ ý xúc, dù là lạc thọ, khổ thọ, hay xả thọ cũng đều là vô thường**. (Tức là tóm lại niệm vô thường giùm cho Thiện Trang. Đức Phật nói về Vô thường, tất cả là vô thường.)

Bất cứ cảm thọ nào có từ nhãn xúc… vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy, (tức là bây giờ các căn mình tiếp xúc với điều gì, thì mình cũng thấy đó là vô thường giùm, rồi nhàm chán đối với cảm thọ đó)**… nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp….**

Do nhàm chán ấy, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát.

Trong đoạn này không nói rõ quả A-la-hán, nhưng đức Phật nói là phạm hạnh đã thành v.v… Tóm lại nếu như thường xuyên tu như vậy, thì quý vị đắc A-la-hán. Cho nên đơn giản lắm, thay vì mê trong đó, [thì] bây giờ tỉnh lại giùm chút. Tức là mình vẫn [tỉnh], còn không tỉnh [được] thì thôi, mệt quá thì đi ngủ đi, ngủ cũng đỡ hơn là tạo nghiệp. Nên Thiện Trang thương cho những người suốt ngày phiền não. Phiền não nhiều tội lắm, đó là tự mình mở cửa đi vào con đường sanh tử (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh) đó, nhớ nha!

Cho nên nghĩ gì thì nghĩ, đừng nghĩ loạn tưởng, hãy dành thời gian nghĩ Phật, nghĩ Pháp, nghĩ Tăng đi. Học Phật pháp bao nhiêu năm rồi, mà căn lành yếu kém quá, nên toàn nghĩ thế gian thôi, không nghĩ được thế gian vô thường, không thấy được đời này là giả tạo. Cứ nghĩ hoài, nghĩ để làm gì? Mình cứ việc đến thì làm. Ở đây chúng ta không phải là buông xuôi, đức Phật không có bảo là buông xuôi, mà mình buông là buông trong tâm. Tức là việc đến thì vẫn làm, trách nhiệm việc của mình [thì] mình cứ làm, nhưng làm với sự giác ngộ, tỉnh giác, và biết thế gian này là giả tạm. Ta giống như người sẵn sàng đi làm tạm thôi, nhà ta ở nơi khác, ta xách vali ta đi về. Ai tu [nguyện vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc, thì về Tây Phương Cực Lạc. Còn ai tu chánh niệm, thì chánh niệm rõ ràng. [Nếu] thường trực như vậy, tu như vậy thì được.

Còn quý vị lo lắng thì chứng tỏ quý vị đắm vào đó rồi, mà đắm vào đó là tạo nghiệp đó. Trong [Kinh Hỏa Dụ] và [Kinh Tương Ưng Bộ của tạng Nikaya], hai bộ Kinh đó chúng ta cứ đối chiếu với nhau, mạng chung là đọa liền.

Cho nên ai mà mỗi lần sân, si lên, hay nghĩ lung tung lang tang mấy chuyện con cái, vợ chồng, v.v… thì quý vị nói: "Tôi đang mở cửa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh cho chính tôi". Đó gọi là Đạo duyên. [Quý vị] nhớ Đạo duyên trong 24 duyên chưa? Và đó cũng là Vật thực duyên đấy. Mình đang [dùng] Tư niệm thực, Xúc thực đó, nhớ chưa? Nhớ rồi thì áp dụng giùm nha! Học bấy nhiêu đó, ai ôm được 23 duyên, mai mốt học thêm một duyên là Quyền duyên nữa, thì đủ 24 duyên. 24 duyên đó mà tu được là xong, đơn giản lắm! Còn nếu ai giỏi thì học bộ Kinh Kim Cang, một câu thôi [là] đúc kết được cả Kinh Kim Cang Bát Nhã: "**Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc**". Đó là đại Kinh Kim Cang Bát Nhã, còn Kinh Kim Cang rút gọn thì chỉ cần nhớ:

"**Nhất thiết hữu vi pháp.**

Như mộng, huyễn, bào, ảnh

Như lộ diệc như điện

Ưng tác như thị quán".

Tức là tất cả pháp Hữu vi; Như mộng, như ảo, như bọt, như bóng; Giống như sương, cũng như tia chớp; Nên quán sát như thế. Thực ra là nói gom lại có bấy nhiêu đó, nhưng mình quán không nổi, thì đức Phật chia ra. Đức Phật có phương tiện, đối với người này thì nói ngắn, đối với người kia thì nói dài. Cho nên mới [có] Tam tạng kinh điển nhiều vậy, là vì đối trị những căn cơ khác nhau.

Và Thiện Trang đã chia sẻ từ bài đầu, là tạng A Tỳ Đàm này để dành cho tốt hết. Tức là quý vị [thuộc] căn cơ nào, [thì] quý vị học theo A Tỳ Đàm [cũng] đều thành tựu được. Bởi vì sao? Vì đó là một lộ trình, giống như quý vị đi học đầy đủ từ lớp 1 đến lớp 12, thì chắc chắn tốt nghiệp Trung học Phổ thông. Còn mấy bộ kinh khác, thì thông thường giống như là chen lớp. Quý vị đang ở trình độ cao lớp 7, [thì] vô học từ lớp 7 đi, không cần phải học từ lớp 1 nữa. Quý vị ở trình độ cao nữa, thì vô Bát-nhã luôn. Vô lớp 12 học luôn đi, thi đậu tốt nghiệp luôn.

Nhưng căn cơ quý vị phải cao, còn căn cơ dở thì học từ đầu cho đầy đủ.

Vì vậy những bộ Duy Thức như Luận Câu Xá này, hoặc là A Tỳ Đàm, v.v… những bộ đó là cung cấp kiến thức từ đầu đến cuối, cứ từ từ, từ từ tiến, giống như học từ lớp 1. Và học một cách đầy đủ trọn vẹn giáo pháp của đức Phật, theo một lộ trình rõ ràng, như từ lớp 1 tới lớp 12. [Lộ trình này] hơi chậm, cho nên có nhiều người lười, học hoài mà không thấy tới đâu hết. Nhưng đó là tại vì mình học từ lớp 1 tới lớp 12, thì phải chậm như vậy thôi. Còn nếu mình học chen lớp thì nhanh.

Nhưng đôi khi chen lớp vô, ví dụ như đứa con giỏi lắm, [mình] dạy nó vô lớp 12, một hồi bảng cửu chương không xài được. Tính tích phân, ấn máy tính, tính dữ lắm, khí thế lắm. Một hồi ra hai tích phân, kết quả [vế này] bằng 3, vế kia bằng 6, rồi đến phép cộng thì nó lấy máy tính bấm 3 + 6 =. Trường hợp này hồi xưa Thiện Trang đi dạy nên Thiện Trang biết, có những người học trò như vậy. Thiện Trang mới hỏi: *"Ủa chứ học không thuộc bảng cửu chương à? Không biết cộng trừ à?"* Nó kêu: *"Quên rồi thầy ơi, hồi nhỏ học cái này, không biết thầy cô dạy kiểu gì mà em không nhớ [nên] không biết cộng. 3 + 6 không biết bằng bao nhiêu, [nên] em phải bấm máy tính thôi".*

Vậy thì thôi chứ! Có nghĩa là quý vị học mà không có nền tảng, thì không được. Vậy thì học lớp 12 cho đến [khi] tốt nghiệp như vậy, thì đâu có được. Cho nên cuối cùng bằng tốt nghiệp 12 là bằng không có thực chất, không xài được. Mình học Phật pháp giống như là thuộc bảng cửu chương đó quý vị. Ra ngoài chợ, 3 + 6 bằng bao nhiêu, không lẽ bây giờ mình lấy điện thoại, mở máy tính bấm 3 + 6. Ta phải biết 3 + 6 = 9 ngay, và 3 x 6 = 18 ngay.

Học Phật pháp đến nỗi nhuần nhuyễn như vậy đó, thì khi gặp chuyện gì là Phật pháp ra ngay, giống như học bảng cửu chương vậy đó. Phải học như vậy! Chứ còn mình học kiểu gì, mà khi gặp chuyện là quên hết. Quên thì Thiện Trang cho là kém đi, quên một chút cũng được, [nhưng] lát sau phải nhớ. Còn một hồi

sau nói chuyện, rồi người ta nhắc cho cũng không nhớ nữa. Có những đồng tu Thiện Trang nói: *"Đời vô thường, thôi kệ họ đi!".* Vậy mà cũng không chịu, rồi thế này, thế kia, v.v… Đó là mình phiền não quá lớn rồi, đến nỗi người ta nhắc luôn mà cũng không nhớ nữa. Tức là có người nhắc cho bảng cửu chương, mà mình cũng không nhớ luôn. Học như vậy thì thôi chứ, đời này chắc kết duyên với Phật pháp, còn chìm đắm trong luân hồi tiếp thôi, chứ không có đường nào ra khỏi, khó lắm!

Bởi vì mình học không vô tâm (vô tâm tức là vào tâm, là ngôn ngữ của Miền Nam), mình [học] phải nhập vào tâm. Giống như Phật pháp, đặc biệt là quán niệm Vô thường, quý vị nhớ được như vậy. Niệm Phật cũng vậy, niệm Phật đến [nỗi] đụng chuyện gì cũng ra niệm Phật. Không biết quý vị thế nào, chứ Thiện Trang thấy dễ lắm, khi tâm mình thanh tịnh rồi, thì Phật hiệu muốn niệm dễ ợt. Còn khi tâm mình lao chao rồi, thì niệm hét bể cổ họng cũng không vô. Cho nên cứ giữ được tâm, [quán niệm] Vô thường, các pháp sanh diệt v.v… thì nhẹ nhàng, hoan hỉ lắm. Lúc đó tu dễ lắm quý vị, Thiện Trang thấy tu từ đó dễ dàng, đâu có khó đâu. Còn hồi xưa mình không biết, mình cứ ráng gào lên, rồi cuối cùng cũng đâu có [vô được].

Quý vị coi đi, trong đời này Thiện Trang chứng kiến bao nhiêu người nhập thất rồi. Những người tu Tịnh Độ nhập thất ba năm rồi đó, mấy năm mấy tháng cũng chứng kiến rồi, riêng Thiện Trang chứng kiến chưa thấy ai thành công. Còn nghe nói thì có, mình không có đủ phước [nên] mình không thấy. Nhưng mấy người nhập thất, đa số nhập mấy tháng là bắt đầu ngán rồi quý vị. Đáng lẽ nhập thất là phải thanh tịnh, [nhưng] niệm một hồi [ngán]. Tức là một câu Phật hiệu niệm tới cùng, họ niệm không nổi. Tu Thiền chỉ không [thôi], không được, chưa biết tu.

Bây giờ chúng ta tu, ta học pháp là quán, rồi cộng với quý vị tu Tịnh Độ thì niệm Phật, còn người nào tu Thiền thì thiền. Quý vị muốn tu môn nào thì tu. Ở

đây Thiện Trang giảng môn này, thì Thiện Trang cố gắng đứng ở vị trí trung gian, để Thiện Trang không bị Tri kiến Môn hộ. Quý vị đừng nghĩ Thiện Trang tu Tịnh Độ, rồi ép quý vị tu Tịnh Độ. Không! Quý vị muốn tu môn nào thì tu, tu môn nào cũng được, Thiện Trang đều tán thán hoan hỉ, muốn tu Nam truyền, Bắc truyền, môn nào cũng được. Quý vị nghe Thiện Trang, thấy điều nào hợp lý thì nghe, điều nào không hợp lý thì bỏ qua, coi như ông thầy đó nói gì kệ ổng, nói vậy cho khỏe!

Chứ không rồi nói [Thiện Trang] nhồi sọ, áp đặt quý vị. Không! Thiện Trang không có tư tưởng như thế, thoải mái lắm. Bây giờ ai muốn tu thế nào thì tu, ai muốn nghe thì nghe, ai không muốn nghe thì [cũng] không sao, chúng ta chỉ là cùng nhau đi học. Và Thiện Trang nói rõ ràng: ai chứng ngộ thì đều xác định đức Phật là thầy. Thiện Trang cũng chỉ là đồng học với quý vị. Bao giờ quý vị chứng đi thì là như vậy, không có thầy, chỉ là đồng học thôi.

[Quý vị có] nhớ câu chuyện Tỳ-kheo Mã Thắng độ ngài Xá Lợi Phất [không]? Lần đầu tiên thì ngài Xá Lợi Phất hỏi thầy của ngài là ai? Nhưng sau khi ngài Xá Lợi Phất chứng được Sơ quả rồi, thì ngài Xá Lợi Phất hỏi là: *"Thầy của chúng ta ở đâu?"*. Từ đó rõ ràng, tức là ngài xác định thầy của mình là đức Phật, chỉ có Phật là thầy.

Bây giờ chúng ta trở lại với kinh văn. Như vậy đoạn này rõ ràng rồi, bữa nay mình biết, là mệt quá thì thà đi ngủ, còn hơn là nghĩ lung tung. Khi nào nghĩ lung tung, phiền não quá, [thì] đi ngủ cũng là một cách giải quyết. Còn bao giờ tư niệm Vô thường được thì tốt hơn, đừng có ngủ, đấy là tốt hơn. Và điều này thì mới được giải thoát.

Hôm bữa chúng ta đã tới đây, bây giờ chúng ta giải thích.

毘婆沙說：造是因義，謂作生等五種因故。顯立名因，故言由此。無表

雖以色業為性如有表業，而非表示令他了知，故名無表。說者顯此是師宗言，略說表業及定所生善不善色名為無表。

Tỳ Bà Sa thuyết: Tạo thị nhân nghĩa, vị tác sanh đẳng ngũ chủng nhân cố. Hiển lập danh nhân, cố ngôn do thử. Vô biểu tuy dĩ sắc nghiệp vi tánh như hữu biểu nghiệp, nhi phi biểu thị linh tha liễu tri, cố danh Vô biểu. Thuyết giả hiển thử thị sư tông ngôn, lược thuyết biểu nghiệp cập định sở sanh thiện bất thiện sắc danh vô biểu.

Giải:

#*Tỳ Bà Sa thuyết*: tức là Luận sư Tỳ Bà Sa, hoặc là Sư Tỳ Bà Sa nói cũng được. Mình có thể ghi Luận sư cũng được, Luận sư tức là người tạo Luận Tỳ Bà Sa nói:

#*Tạo thị nhân nghĩa*: tạo là ý nghĩa của nhân, ngôn ngữ tiếng Việt mà chúng ta nói như vậy thì hơi khó hiểu. Chữ tạo có nghĩa là nhân, thêm chữ 'có' cho dễ hiểu hơn.

#*Vị tác sanh đẳng ngũ chủng nhân cố:* nên làm sinh ra nhân của 5 loại [Cảnh]. #5 loại Cảnh: cảnh đối với mắt là Sắc trần, cảnh đối với tai là âm thanh, cảnh của mũi là mùi hương, cảnh đối với lưỡi là vị (như vị ngọt, đắng v.v...), cảnh đối với thân là những [cảm giác] lạnh, nóng, dễ chịu hay khó chịu v.v... Đó gọi là Cảnh.

#*Hiển lập danh nhân:* hiển bày nguyên nhân của [sự] lặp tên. Lặp tên tức là tại sao mình gọi các tên. Là do từ các Cảnh này [mà] gọi.

#*Cố ngôn do thử:* nên nói là do đó. Tức là ở đoạn trên, vì hôm bữa mình học giữa chừng, nên quý vị khó hiểu.

#*Vô biểu tuy dĩ sắc nghiệp vi tánh như hữu biểu nghiệp:* tuy Vô biểu [sắc] lấy Sắc nghiệp làm tánh như có sự biểu hiện của Sắc nghiệp.

Đoạn này hôm bữa hình như [Thiện Trang] giảng rồi, nhưng chắc là quý vị quên rồi. Vô biểu sắc là những [gì] mình không thấy được. Ví dụ chúng ta nghe âm thanh, thì không phải chỉ có tai này không [thôi], mà có những có vấn đề ở bên trong. Cho nên có người thì tai thính, có người thì nghe không thính lắm. Đó là do Vô biểu sắc ở bên trong. Vô biểu sắc là những thành phần nhỏ nào đó, [như] dây thần kinh hay màng nhĩ, v.v... những gì mà mình không thấy được.

Nhưng [những gì] biểu [hiện] ra bên ngoài, thì thật ra là biểu [hiện] của nghiệp. Mình có phước báo, mình có tu những gì ở đời trước, ví dụ như cúng dường cho chùa chiếc chuông, để đánh [chuông], cho nên bây giờ tai của mình được thính. Rồi mình cúng dường dầu để thắp sáng đèn cho Phật, cho nên mắt của mình sáng. Mặc dù nhìn mắt của hai bên giống nhau, thậm chí nhìn mắt của người ta đẹp hơn mình, nhưng mắt của người ta mờ, bị cận. Đó đều là do nghiệp của đời trước. Không phải tự nhiên đâu quý vị, khiến như vậy đó, nghiệp chiêu cảm nên bị cận. Chứ có người đâu có bị cận đâu.

Như Thiện Trang đâu có bị cận đâu. Thiện Trang làm việc trên máy tính dữ lắm, từ bao nhiêu năm nay rồi, mà đâu có bị cận. Không biết sau này có bị không, chứ hiện tại thì không bị. Tức là mình không có bị nghiệp đó. Quý vị nhớ Hòa thượng Trí Tịnh không? Ngài có kể nguyên nhân ngài bị bệnh mắt, mà sau này ngài phải đi mổ đến mấy lần. Đó là khi ngài đi xuất gia, Sư phụ của ngài chắc có Thần thông, nên nói: *"Thằng này không khinh thường được đâu, nó năm đời làm Hòa thượng rồi đó. Và nó bị bệnh mắt, là tại vì nó lén nhìn gái* (tức là nhìn nữ sắc)". Tức là đời trước ngài làm Hòa thượng rồi đó, mà lén nhìn gái. Tức là không có nhìn thẳng, nhìn lén lén thôi, thấy cô nào đẹp nên nhìn.

Mình dễ bị [chuyện đó] lắm quý vị. Tu thì tu tâm, nhưng lâu lâu Phiền não khởi. Thiện Trang dám chắc, quý vị cũng vậy thôi. Mình tu, đừng nói tài nói giỏi, một hồi tự nhiên [Phiền não] khởi lên như vậy. Khi khởi lên thì mình biết, là không được nhìn như vậy, nhưng lén lén nhìn, trong tâm nói cô đó cũng đẹp, anh

chàng đó cũng đẹp. Đó thì mai mốt bị bệnh mắt đó nha. Đừng có giỡn! Nhớ dùm câu chuyện đó, [mình] bớt quan sát đi. Rồi nghĩ gì là có đó.

Điều này là Vô biểu sắc, là biểu thị nghiệp. Tuy là vô hình, dường như không có, nhưng thật ra là nó biểu hiện nghiệp, chứ không phải là không đâu. Ý của đoạn này nói như vậy đó.

#*Nhi phi biểu thị linh tha liễu tri:* nhưng không phải biểu thị khiến người khác biết rõ được.

#*Cố danh Vô biểu:* nên gọi là Vô biểu [sắc].

Đây là giải thích từ Vô biểu sắc. Vô biểu sắc tức là không thấy rõ bên ngoài. Ví dụ quý vị nhìn một người bị cận, thì quý vị đâu biết là họ bị cận. Khi người ta đọc không được, thì mình mới biết là [họ] bị cận. Hoặc [người ta] đeo kính lên, thì mình mới biết họ bị cận, chứ mình đâu có biết. Tức là người khác không biết được. Ở trong đây ngôn ngữ là [phi] biểu thị linh tha liễu tri, tức là không biểu thị khiến cho người ta biết rõ được, nên mới gọi là Vô biểu sắc. Còn Biểu sắc, Hình sắc là ở bên ngoài [nên] mình thấy rõ. Tuy [Vô biểu sắc] ngầm ở bên trong, nhưng nó duy trì tánh nghiệp. Đoạn này ý nói như vậy. Tức là mình tạo nghiệp thế nào, thì tạo những cái ngầm ở bên trong, [nên] khiến ra như vậy. Và có nhiều người đi chữa bệnh, nhưng chữa mãi không hết, chữa không được. Tại vì đó là nghiệp. Nghiệp nằm ở đâu? Nó là Vô biểu sắc, duy trì nghiệp làm tánh, mình hiểu như vậy.

Tức là Luận Câu Xá nói rất rõ, bình thường quý vị đâu có học những điều này. Bây giờ mình học Luận Câu Xá mình mới thấy, là nghiệp nằm ngầm ngầm ở trong đâu đó, nằm trong Vô biểu sắc, đôi khi chưa biểu hiện ra bên ngoài. Biểu hiện ra bên ngoài như người bị khuyết căn, bị mù, hay bị gì đó thì rõ ràng. Nhưng ở đây Vô biểu sắc là ngầm ở bên trong, không [biểu thị] ra bên ngoài.

Giống như tướng tá của ai cũng giống nhau, nhưng giọng nói [thì khác]. Có

người thì giọng như anh hùng, mạnh mẽ. Còn có người mặc dù là nam nhi đại trượng phu, nhưng giọng thì éo éo giống như nữ. Quý vị biết đó là [do] nghiệp. Cho nên trong phim Bao Công, có mấy ông công công giọng éo éo. Quý vị biết tại sao không? Nó thay đổi một chút là bị ngay. Đó là Vô biểu sắc, nó biểu thị nghiệp, những điều đó ngầm ở bên trong.

Những bộ Luận Duy Thức hay A Tỳ Đàm thì nói rất rõ những điều này, nói tận cùng nguyên nhân. Chứ còn mình nói nghiệp, [vậy] nghiệp thế nào, nghiệp nằm ở đâu? Nghiệp nằm ở trong [Vô biểu sắc] đó. Cho nên có nhiều người thì giọng ngọt ngào, nghe thấy đã. Còn có người thì giọng nghe chói tai. Như giọng của Thiện Trang thì chắc cũng khó nghe. Tại vì mình luyện ngôn ngữ là nói thẳng, nói thật, trực tính. Đó là nói bào chữa cho mình. Thật ra là tính của mình ngoài thẳng thắng ra rồi, mình cũng hay nói những lời không hay, thì giọng nói sẽ như vậy. Khi mình nói toàn ngôn ngữ tốt, thì dần dần tiếng của mình sẽ là tiếng Phạm âm, tiếng rất hay, giống như Phật. Điều đó phải tu lâu thì mới có được, chứ Ba-la-mật chưa đủ thì chưa có đâu. [Còn] ai mà tu được điều đó, thì được một phần rồi đó.

#*Thuyết giả hiển thử thị sư tông ngôn:* #thuyết giả là người nói; người nói hiển bày điều này là lời nói căn bản (hay gốc rễ) của Sư [Tỳ Bà Sa]; #tông là căn bản.

#*Lược thuyết biểu nghiệp cập định sở sanh thiện bất thiện sắc danh vô biểu:* nói tóm lược sắc thiện và bất thiện được sinh bởi nghiệp thiện và bất thiện và định thì gọi là Vô biểu sắc.

Ngôn ngữ này hơi khó hiểu, Thiện Trang xin giải thích rõ thế này. Tóm lại là do đời trước của mình tu tập, là thiện hay bất thiện, và [cùng với] định của mình ở đời trước nữa, những điều đó tạo ra nghiệp. Và nghiệp đó ngầm trong những cơ quan bên trong của mình, nằm trong đâu đó thì không biết. Đó là gọi Vô biểu sắc. Tức là nó không [biểu thị] hình sắc ra bên ngoài rõ ràng, nhưng [lại] duy trì nghiệp thiện và bất thiện, và định lực của mình tu.

Cho nên có nhiều người ở đời này không tu gì hết, nhưng họ có thân tướng rất đẹp. Đó là do thiện nghiệp đời trước mà họ [đã] tu. Và họ cũng rất có định, họ làm việc điềm tĩnh, nhanh nhẹn v.v... Đó là do duy trì nghiệp của họ. Đó là Vô biểu sắc, không thấy được bên ngoài, nhưng khi đụng chuyện mới thấy. Là như vậy đó quý vị. Còn mình lanh chanh, lanh chanh, [làm gì cũng] xẹt, xẹt, xẹt, đó cũng là do nghiệp đời trước của mình. Có những người có nhiều Tập khí lắm, nói ra thì nghĩ mình nghĩ xấu, nhưng thật tế người có nhiều nghiệp xấu lắm. Có người đời trước làm khỉ chuyền cành, xẹt, xẹt, xẹt, làm khỉ vượn quen rồi, nên đời này cũng chí chóe, phải thế này thế kia, không nghiêm trang được. Đó là do nghiệp, do mang theo Tập khí đời trước.

Và đó là Vô biểu sắc, đâu có [biểu thị] ra bên ngoài đâu. Chụp hình lên thì ai cũng đẹp giống ai, đứng nghiêm trang, khí thế. Lên trên mạng thì ai cũng là Thiền sư hết, ai cũng tu ngon lành hết, ai cũng là Cư sĩ chân chánh hết. Diễn mà! Quay video cũng vậy đó. Tu ở Đạo tràng niệm Phật khí thế lắm, tụng kinh nghe pháp ngon lành lắm. Nhưng là lúc đó thôi, còn thật tế thả ra thì theo thói quen (Tập quán nghiệp). Trong tâm thì vọng tưởng lung tung lang tang, đọc kinh thì đọc, miệng niệm Di Đà nhưng tâm để ở đâu, gọi là “miệng niệm Di Đà, tâm nhớ nhà", kiểu như vậy.

Tức là mình hoàn toàn có những điều đó. Đó là Vô biểu sắc. Và nói thì dễ nhưng tu thì khó. Đây là Thiện Trang nói với quý vị như vậy thôi. Tức là có những giây phút mình tu được, có những giây phút mình tu chưa được. Nếu lúc nào cũng tu được thì chắc làm Thánh nhân rồi, không có ngồi đây. Trừ khi cũng có một số người đi con đường Bồ-tát đạo, muốn thành Phật. Cho nên theo giáo lý cơ bản, thì mình đi theo con đường của đức Phật Thích Ca, do mình nguyện [thế nào đó], nên không chứng các quả vị Thánh của Tiểu thừa. Nhưng Thiện Trang nói số người đó ít lắm, đa số chúng ta sợ sanh tử [nên] lo ra.

Thiện Trang nói, không biết đời quá khứ con phát nguyện kiểu gì, con có

phát nguyện đó không, nhưng đời này gặp Tịnh Độ rồi, đằng nào cũng nguyện về Tây Phương Cực Lạc rồi, nên thôi con nguyện chứng quả sớm. Mình dung thông Đại thừa lại quý vị, tức là mình học vừa Nam truyền và Bắc truyền, vừa Đại thừa và Tiểu thừa, mình biết cách dung thông. Đằng nào cũng có con đường ra khỏi luân hồi rồi vô trở lại được, theo Đại thừa mà, thì mình đi con đường đó cho khỏe. Chứ mình đi theo con đường của đức Phật Thích Ca xa quá, thêm 1-2 a-tăng-kỳ kiếp nữa, lâu lắm, hoặc là trăm ngàn Đại kiếp nữa, nghe thấy ngán quá!

Như quý vị thấy ngài Xá Lợi Phất, trong Kinh Nikaya thì không có ghi câu chuyện đó, nhưng hình như ở trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập có câu chuyện đó. Ngài Xá Lợi Phất vừa phát nguyện tu Ba-la-mật thì thoái tâm liền, bị vua trời Đế Thích giả dạng xuống xin cặp mắt, thì thoái tâm liền. Ngài kêu thôi ta tu con đường A-la-hán cho rồi. Mà lúc đó quý vị biết ngài tu cũng lâu rồi đó, lúc đó ngài thoái chuyển tâm Bồ-đề. Sau đó vua trời Đế Thích xuống hiện lại nguyên hình, nói ngài phát tâm như vậy, trả lại cặp mắt cho ngài. Nên ngài Xá Lợi Phất mới phát tâm Bồ-đề [trở lại]. Vì vậy ngài tu 1 a-tăng-kỳ kiếp cộng 100 ngàn Đại kiếp nữa, mà ngài mới phát tâm Bồ-đề, đi con đường thành Phật giống như đức Phật Thích Ca. Và quý vị coi trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thọ ký cho ngài kiếp số xa xôi nữa mới thành Phật. Cho nên không có dễ đâu! Đi con đường đó chông gai. Cho nên ai tâm nhỏ thì thôi mau chứng đạo sớm, hoặc là về Tây Phương Cực Lạc đi, cũng có nguyện tốt rồi.

Về đó [hay] sanh vào thế giới khác, thành tựu rồi quay trở lại. Tại vì bên Đại thừa thì có thừa nguyện tái lai, còn Nam truyền thì không nhắc tới điều đó. Nam Truyền nói chỉ có một con đường đi theo đức Phật thành Phật, còn không [thì] thôi, làm vị A-la-hán để ra khỏi sanh tử. Còn không đủ duyên nữa, không có Phật ra đời, thì lo mà chứng quả Độc giác đi. Cho nên nếu mình học, mình biết kết hợp đó quý vị, thì Nam truyền, Bắc truyền gom lại học một lúc hay lắm.

Thiện Trang nói, nếu như bỏ các Chú Giải, Sớ Giải ra, đối chiếu kinh Nam

truyền và kinh Bắc truyền thì không khác nhau nhiều, hầu như giống nhau. Nhưng do Chú Giải, Sớ Giải đời sau của các chư Tổ, mỗi người dẫn thêm một chút. Rồi bây giờ thời nay, những người học bên này, học bên kia, dẫn thêm một chút nữa, thành ra chúng ta xa nhau từ đây [và] càng ngày càng xa nhau.

Đấy là Thiện Trang nói chỉ cần coi kinh thôi, thì không xa nhau lắm đâu, [mà] gần. Còn [nếu] coi Sớ Giải, Chú Giải thì xa nhau thêm một chút, và nghe những người đời nay giảng thì càng xa nhau hơn. Vì đa số [những vị] thầy bên Bắc truyền, bây giờ giảng một hồi thì dẫn đi đâu đó. [Chỉ] có một số thầy, một số người thì mới đi theo gốc là kinh điển thôi. Còn bây giờ mở rộng quá, mở rộng theo mình, cho nên có dấu ấn cá nhân trong đó.

Cho nên Thiện Trang khuyên những người muốn hoằng pháp lợi sanh, hoặc những người có tâm với Phật pháp, thì trước hết quý vị chịu khó thâm nhập kinh, lấy kinh làm chuẩn. Còn những người đời sau giảng [thì] mình cũng nghe, mình cũng tôn trọng, nhưng đừng lấy đó làm 100%, nếu như những điều đó không khớp với kinh. Hãy lấy kinh làm chuẩn, gọi là "Y pháp bất y nhân", chứ không một hồi mạt pháp là do mình.

Vì sao? Vì chính mình tuyên truyền những điều đó, khiến cho dần dần mạnh hơn cái gốc. Tức là nội dung trong kinh có bao nhiêu đó [thôi], mà triển khai một hồi [thành ra] đi đâu luôn, không đúng theo tinh thần của kinh và thậm chí trái với kinh. Mình tưởng mình hoằng pháp, mình tu chư công đức, cúng dường pháp là tối thắng đệ nhất, cuối cùng thì mình gây nhân mạt pháp.

Cho nên Thiện Trang rất quan tâm vấn đề này, Thiện Trang cũng mong rằng sau này sẽ đối chiếu được kinh điển nhiều hơn. Để [điều nào trong kinh] thì ghi kinh, điều nào trong luận thì mình ghi luận, điều nào của người đời nay nói, thì mình nói [điều] này [do] vị này giảng, vị đó giảng, Thiện Trang không tìm thấy trong kinh. [Như vậy] thì tốt hơn. Điều đó thì mình có quyền tham khảo, không có bác, nhưng mình nói không có trong kinh, còn điều nào trái với kinh thì không

chấp nhận. Rõ ràng như vậy, gọi là "Y pháp bất y nhân".

Nếu quý vị hoằng pháp trong tương lai, thì quý vị cố gắng làm như vậy. Đừng để vì [sự] chấp của mình, mà vô tình khiến cho mạt pháp. Đó là vì sao? Vì mình đi xa đức Phật quá, mình triển khai theo một lối nào đó, trong khi mình không biết mình tới đâu. Cho nên là cứ y theo kinh, và quý vị thấy Thiện Trang giảng hầu như căn cứ theo kinh. Hồi xưa Thiện Trang căn cứ theo luận nhiều, nhưng sau này Thiện Trang căn cứ theo kinh nhiều. Và [lấy] kinh làm gốc, còn luận thì tham khảo.

Có một chi tiết, mà Thiện Trang cũng nói luôn. Ví dụ như bây giờ, một bên thì nói chứng Tứ quả A-la-hán thì phải cần tới Tứ Thiền, còn bên khác thì nói là chứng quả A-la-hán chưa hẳn cần đến Tứ thiền. Và tu Thiền quán có thể chứng quả A-la-hán, tức là không cần Thiền chỉ. Chi tiết này Thiện Trang chưa tra cứu được trong kinh tạng, nên không biết là từ đâu. Có thể trong bộ Sớ Giải nào đó, Thiện Trang không biết Sớ Giải nào, cho nên Thiện Trang không biết. Nhưng rõ ràng theo tinh thần ở trong kinh, mà Thiện Trang đã duyệt qua, thì chưa thấy nói điều đó, chỉ có nói là tu Thiền quán thì chứng đắc như vậy. Thông thường các vị tu theo lộ trình chứng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền rồi chứng A-la-hán, v.v… Hoặc là có người đắc luôn A-la-hán, mà không có [đắc] Thiền nào hết.

Vì trong kinh, có những người thấy đâu có tu gì đâu, đâu có tu Thiền gì đâu, tới nghe đức Phật thuyết một bài [pháp] thì chứng quả luôn. Quý vị thấy không? Người ta chứng quả A-la-hán luôn, [mà] đâu có tu Thiền đâu. Nhưng khi người ta đắc A-la-hán rồi, thì người ta tự nhiên có Thiền định, và Thiền định ít nhất là phải Sơ thiền. Và người ta đắc Tam thiền, Tứ thiền là chuyện nhỏ, bởi vì A-la-hán rồi, với tâm Phiền não hết, Lậu hoặc hết, thì ngồi vô định quá đơn giản, dễ hơn. Mặc dù không có định thì không có Thần thông, nhưng có thể Sơ thiền đối với họ thì dễ.

Thiện Trang thấy lý đó [giải thích] cũng đúng, theo mình thì chắc các chư

Tổ cũng có tu có chứng, các ngài đưa ra như vậy, đúng. Mình phải có dẫn chứng rõ ràng, chứ không phải A-la-hán phải tu Thiền ghê gớm, nhiều khi không phải như vậy. Mình phải xác định điều đó. Cho nên tại sao có dòng phái là tu Thiền quán không thôi, là do vậy.

Thiện Trang có bao nhiêu thì đã chia sẻ hết rồi, đoạn vừa rồi là của Thiện Trang, [nên] quý vị có quyền tham khảo. Nói rất rõ ràng, Thiện Trang phân ra ba tầng cấp, và Thiện Trang chịu trách nhiệm với những điều Thiện Trang nói. (1) Theo kinh thì quý vị có thể tra kinh, (2) theo Sớ Giải thì quý vị tra theo Sớ Giải, (3) theo Thiện Trang [thì] quý vị theo. Chứ không có y nhân bất y pháp, bây giờ có nhiều người thờ thầy một cách cuồng tín. Thiện Trang không chấp nhận như thế, và Thiện Trang không đi theo con đường đó. Và quý vị nên suy xét, có những người dù nổi tiếng thế nào v.v… cũng chớ vội tin. Vì chưa chắc người ta nổi tiếng thì đã đúng. Cho dù được nhiều người theo, thì cũng chưa chắc đúng, nếu như chưa đúng với kinh, nên nhớ như vậy! Đó là tinh thần của Kinh KaLaMa. Và không chỉ Kinh KaLaMa đâu, trong Kinh Tăng Chi cũng nói như thế. Quý vị hãy coi để xác định.

Tạm dịch: Luận sư Tỳ Bà Sa nói: Tạo có nghĩa là nhân, nên nói là làm sinh ra các nhân của 5 loại [Cảnh]. Hiển bày nguyên nhân của sự đặt tên, nên nói do đó. Tuy Vô biểu [sắc] lấy Sắc nghiệp làm tánh như có sự biểu hiện của Sắc nghiệp, nhưng không phải biểu thị khiến người khác biết rõ, nên gọi là Vô biểu [sắc]. Người nói hiển bày điều này là lời nói căn bản của sư [Tỳ Bà Sa], nói tóm lược sắc thiện và bất thiện được sinh bởi Biểu nghiệp và định gọi là Vô biểu sắc.

既言無表大種所造，大種云何？頌曰：

Ký ngôn Vô biểu Đại chủng sở tạo, Đại chủng vân hà? Tụng viết:

Giải:

#Ký ngôn Vô biểu Đại chủng sở tạo: #ký là đã; đã nói về Vô biểu sắc được tạo bởi Đại chủng.

#Đại chủng vân hà?: Đại chủng là gì?; #Đại chủng là Tứ đại, vì ngài Huyền Trang dùng từ khác.

#Tụng viết: là bài tụng nói rằng.

Tạm dịch: Đã nói về Vô biểu sắc được tạo bởi Đại chủng (Tứ đại), Đại chủng là gì? Bài tụng viết:

Bài kệ thứ 12

Đại chủng vị tứ giới	大種謂四界，	Đại chủng là bốn giới
Tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong	即地水火風，	Tức Đất, Nước, Lửa, Gió
Năng thành trì đẳng nghiệp,	能成持等業，	Trì thành nên các nghiệp
Kiên thấp noãn động tánh.	堅濕煖動性。	Lấy cứng, ẩm, nóng, động Để mà làm thành tánh.

Giải:

#Đại chủng vị tứ giới: #Đại chủng là Tứ đại; bốn giới tức là nói bốn loại, giới là phân chia ra. Ngôn ngữ chúng ta nói bây giờ là bốn loại.

#Tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong: Bốn đại tức là Đất (Địa), Nước (Thủy), Lửa (Hỏa), và Gió (Phong).

#Năng thành trì đẳng nghiệp: có thể trì và tạo ra được các nghiệp. Thật ra là chúng ta duy trì nghiệp, nghiệp chúng ta nằm ở đâu? Đều là do từ bốn điều này tạo ra, có người hình dáng đẹp như hoa hậu, có người thì xấu như ma lem, là do Tứ đại mà ra. Người thì giọng nói thánh thót như chim nga, người thì giọng giống như con quạ, ai nghe cũng ghét. Đó là do Bốn đại này mà ra. [Bốn đại này] giữ gìn, tạo ra, và thành tựu; chữ #thành là tạo, tạo ra các nghiệp của mình. Nghiệp của mình là do bốn điều này duy trì ra mà thôi. Đất, Nước, Gió, Lửa không phải là đơn giản.

#Kiên thấp noãn động tánh: có những loại tính chất, thứ nhất là #kiên là cứng chắc. Đây là Đất, Đất thì cứng chắc. Những gì có tính chất cứng chắc, như trong người mình có xương cứng đó quý vị, thì gọi là Đất. Đất mình phải hiểu là cứng chắc. #Thấp là ẩm ướt, gọi là Nước. Chỗ nào trong người mình mà ẩm ướt, thì đó là tính chất của Nước, chứ không phải mình nói là nước không thôi. #Noãn là ấm hay nóng, đó là tính của Lửa; #động là chuyển động, là tính của Gió.

Cho nên mình phải hiểu qua, không phải dịch là Đất, Nước, Gió, Lửa rồi suốt ngày nói Đất, Nước, Gió, Lửa không thôi. Mà nói đến Đất, là những gì có tính chất cứng rắn, cứng chắc, thì gọi là Đất. Chứ không phải quý vị hiểu Đất không thôi, thì nghĩa hẹp lắm. Rồi những gì ẩm ướt, thì đó gọi là tính Nước. Những gì có tính nóng, lạnh, thì gọi là Hỏa. Và điều nào có tính chuyển động được, thì gọi là Phong (Gió). Như thân thể chúng ta có cả bốn tính chất này, và tất cả vật chất cũng hầu như cũng có bốn tính chất này. Thân thể chúng ta có những thứ cứng, ví dụ như xương cứng, thì đó là Đất. Có nhiều chỗ trong người thì ẩm, có nước đó, nhiều lắm, chỗ nào cũng ẩm hết. Rồi có chỗ nóng, như nhiệt độ của mình là 37 độ C, là bình thường. Rồi có tính chất chuyển động, ví dụ như máu lưu thông, khí huyết lưu thông, v.v… rất nhiều thứ chuyển động, thì đó là tính chất của Gió. Phải hiểu như vậy thì mới hiểu đúng.

Bộ Luận Câu Xá cung cấp cho chúng ta những kiến thức căn bản này, nên

nhiều người hỏi: *"Tại sao học bộ Luận Câu Xá dài dữ vậy thầy?"*. Đúng rồi! Học từ Tiểu học mà, thì phải học [từ] căn bản này chứ. Ví dụ vô nghe pháp mà quý vị không có nền tảng này, quý vị nghe Đất, Nước, Gió, Lửa, thì mình hiểu sơ sài lắm. Thân Tứ đại [là] Đất, Nước, Gió, Lửa, rồi ngày nào đó người ta nói: *"Nói Tứ đại, đâu ông chỉ ra trên người coi".* Lúc đó [mình] chỉ không ra. Do mình hiểu không rốt ráo, sau này mình nghe pháp cao thì mình cũng không hiểu, vì vậy mình mơ mơ màng màng. Cho nên học thì phải học nền tảng là vậy. Nền tảng Tiểu thừa, nền tảng căn bản này mà nhiều người không học. Chịu khó học nha!

Mình còn trẻ thì mình học. Còn người già quá rồi thì thôi, Thiện Trang bữa đầu đã cung cấp cho công thức rồi, già thì thế nào, trẻ thì thế nào. Ai còn trẻ, khỏe [hãy] học, già quá học không nổi thì thôi, chứ mình còn học được thì ráng học. Học không mất đâu, quý vị học trước sau gì thì cũng đắc đạo, ra khỏi sanh tử là nhờ [việc] học này đó, nên hãy ráng học nha!

Tạm dịch:

Đại chủng là bốn giới

Tức Đất, Nước, Lửa, Gió

Trì thành nên các nghiệp

Lấy cứng, ẩm, nóng, động

Để mà làm thành tánh.

Quý vị đọc ở trên và nghe Thiện Trang giảng rồi, thì đọc [bài kệ này] hiểu, còn không nghe giảng thì đọc chắc cũng không hiểu luôn. Vì bài kệ này hơi khó dịch, [nhưng] dịch [như] vậy là rõ rồi.

論曰：地、水、火、風能持自相及所造色，故名為界，如是四界

亦名大種，一切餘色所依性故、體寬廣故。或於地等增盛聚中形相大故，或起種種大事用故。

Luận viết: Địa, Thủy, Hỏa, Phong năng trì tự tướng cập sở tạo sắc, cố danh vi giới, như thị tứ giới diệc danh Đại chủng, nhất thiết dư sắc sở y tánh cố, thể khoán quảng cố. Hoặc ư địa đẳng tăng thịnh tụ trung hình tướng đại cố, hoặc khởi chủng chủng đại sự dụng cố.

Giải:

#*Luận viết:* là Luận nói

#*Địa, Thủy, Hỏa, Phong năng trì tự tướng cập sở tạo sắc, cố danh vi giới:* tức là Đất, Nước, Gió, Lửa có thể trì được tự tướng; #trì là giữ, giữ được tự tướng và tạo nên Sắc, nên gọi là giới. Chỗ này là định nghĩa chữ giới. Tức là nó có thể giữ được tự tướng các pháp.

Giống như mình là người, thì tướng của mình cũng là Đất, Nước, Gió, Lửa, bốn thứ đó thôi. Mà vô con chó thì [biến] thành con chó. Quý vị thấy hay không? Nó biến ra đủ thứ hết. Nội thân thể mình có bao nhiêu tế bào, [ban đầu] từ một cái phôi, [do] cha mẹ thụ tinh rồi tự nhiên chuyển biến một hồi thành thân thể này. Và theo năm tháng cứ lớn lên, rồi thay tế bào… thay một hồi thành người như thế nào đó.

Mình có một sai lầm thế này, nếu quý vị hiểu rõ thì quý vị đỡ sai lầm. Đó là quý vị nghĩ mình là người hồi xưa, là người hồi nhỏ. Nhưng không phải! Thực tế bây giờ khoa học chứng minh được, là bảy năm các tế bào thay thành mới hết. Có nghĩa là tôi của bây giờ, không phải là tôi của ngày xưa, bảy năm trước và bảy năm sau khác nhau. Mình đã vay mượn những thứ bên ngoài vào, để tạo nên những tế bào mới, và mình đã bỏ đi những tế bào cũ, sự thay thế đó [diễn ra] một cách từ từ.

Cho nên mình có một thân thể khác đi, mà mình cứ nghĩ là thân thể cũ. Và ai hiểu được [điều] đó, thì cũng hiểu được lý vô Ngã luôn. Nghĩa là thân thể này không phải là ta, mà chỉ là giả duyên hợp thành, nó chỉ là như vậy. Thì quý vị cũng quán được một phần trong chấp Thân kiến. Trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì ít nhất mình bỏ được Sắc.

Nếu quý vị hiểu sâu hơn một chút, thì quý vị sẽ thấy Thọ, Tưởng, Hành, Thức là nương vào Sắc này, và Sắc này không phải là Sắc xưa. Cho nên Thọ, Tưởng, Hành, Thức đó cũng là giả, không phải có trong ta. Nó chỉ nương vào Sắc giả này mà hiểu, và nhận được cảm thọ (cảm nhận) của mình, rồi sinh ra Phiền não, nóng lạnh, thiện ác, đủ các kiểu. Quý vị quán được như vậy, thì dần dần đi vào vô Ngã, vô Ngã được một phần thì bỏ được Thân kiến.

Nếu quý vị hiểu được như vậy thì tốt, còn không hiểu thì không sao hết, điều này cao quá. Thôi mình học thấp thôi, mình cứ hiểu được tới đâu thì hiểu tới đó. Tóm lại bốn điều này là năng giữ được tự tướng; #tự tướng tức là giữ được tướng của mình, tướng riêng của mỗi chúng sanh, và tạo nên Hình sắc đó, nên gọi là giới.

#*Như thị tứ giới diệc danh Đại chủng*: bốn loại như vậy; #giới là loại, bốn loại như vậy cũng gọi là Đại chủng (hay gọi là Tứ đại).

#*Nhất thiết dư sắc sở y tánh cố*: tức là bởi tất cả các Sắc khác; #Sắc tức là Hình sắc (là vật chất), đều nương tựa vào tánh đó. Tánh đó là cứng, ẩm, nóng và chuyển động; #động là chuyển động.

#*Thể khoán quảng cố*: #thể là hình trạng; tức là thể (bản chất) thì rất rộng lớn; #khoán là rộng; #quảng cũng là rộng, hai chữ kết hợp với nhau là rộng lớn.

Nên quý vị thấy, thật ra bốn tính chất này kết hợp với nhau thôi, nhưng tạo ra Hình sắc và thể rất rộng lớn. Quý vị thấy nội cõi Người của chúng ta [thôi, mà] người da đen, người da đỏ, người da vàng, người da trắng, và mỗi người [đều]

khác nhau. Bây giờ khoa học cũng chứng minh được, người ta phát hiện ra là rất khó tìm được hai người giống nhau. Đó là cõi Người thôi đó. Còn các loài động vật khác nữa, đủ các con, con này con kia, nhiều lắm. Như vậy chúng từ đâu ra? Chúng chỉ từ Tứ đại mà ra thôi, từ bốn điều là Đất, Nước, Gió, Lửa gọi là Tứ [đại] hay Đại chủng. Nó có bốn tính chất: cứng, ẩm, nóng, lạnh và chuyển động [mà] tạo ra tất cả Hình sắc (vật chất) [trên] thế giới. Thế giới quy lại có bốn loại đó thôi.

Cho nên bữa sau có ai hỏi: *"Tất cả vật chất thế giới có gom lại được không?"* Thì quý vị nói có bốn loại: [Đất, Nước, Gió, Lửa]. Bốn loại đó gọi là Tứ đại hay là Đại chủng. Quý vị hiểu được như vậy, thì dần dần mình có nền tảng, sau này vào học mấy bài sau thì mình mới học được.

#*Hoặc ư địa đẳng tăng thịnh tụ trung hình tướng đại cố*: #hoặc là bởi do; #cố là bởi. Bởi ở trong sự tụ họp này thêm rất nhiều của Đất; #tụ họp là sự tụ tập về hình tướng, tức là tụ họp bốn yếu tố (cứng, ẩm, nóng, động) mà tạo ra rất nhiều hình tướng rộng lớn.

#*Hoặc khởi chủng chủng đại sự dụng cố*: hoặc khởi lên đủ các loại tác dụng lớn.

Thật ra đơn giản, mình nói ngôn ngữ dễ hiểu, tức là bốn thứ: tính chất cứng, tính chất ẩm, tính chất nóng, lạnh, tính chất chuyển động, mà tạo ra rất nhiều hình tướng khác nhau. Chúng ta có rất nhiều hình tướng, đủ các loại cây, gỗ, người, động vật, v.v… đủ các kiểu. Và không chỉ hình tướng không [thôi], mà tác dụng của mỗi loại [cũng] khác nhau.

Ví dụ nó pha thêm kiểu gì đó, mà thành cây sắt cứng ngắc, hay là thành con người, thành con nhím có lông cứng, thành con cá có xương cứng, thành con nòng nọc mềm ơi là mềm. Kiểu gì cũng chỉ có bốn loại đó thôi, mà pha trộn để tạo ra hình dáng đa dạng, và tác dụng của những loại đó cũng vô biên. Cho nên có thứ tự nhiên cứng, có thứ mềm, có thứ hay nữa là có thể chuyển từ cứng sang

mềm, mềm sang cứng. Nó chuyển đủ loại từ khí, từ hơi... Giống như nước, lúc thì là nước ở thể lỏng, mà âm [độ C], hoặc (0 độ C) trở về trước, lạnh hơn thì trở thành chất rắn, và 100 độ C thì thành hơi. 100 độ C là ở các nước chuẩn, còn có một số nước thì chưa tới 100 độ C là nó bay hơi [rồi].

Cho nên [cùng là] vật chất đó thôi, mà có những tác dụng rất đặc biệt, mỗi thứ mỗi kiểu. Cho nên cũng bốn loại đó, mà tại sao ăn loại rau này vô thì tốt, mà ăn loại rau kia vô thì bệnh, nên là đủ các kiểu. Nhưng trong kinh Phật chỉ quy về bốn loại đó thôi. Đây là một cách quy đổi rất hay, và quy gọn rất tốt. Khoa học đâu có quy như vậy đâu, khoa học nói đủ các chất, phân ra bảng nguyên tố tuần hoàn. Ai học Trung học Phổ thông thì biết bảng nguyên tố tuần hoàn, nhiều lắm, quá trời chất [nguyên tố]. Nhưng đức Phật nói bốn loại thôi con, cho đơn giản. Cho nên mình thấy học Phật pháp hay, trí tuệ nằm ở trong này.

Tạm dịch: Luận ghi rằng: Đất, Nước, Lửa, Gió có thể giữ tự tướng và tạo nên Sắc, nên gọi là giới, bốn loại như vậy cũng gọi là Đại chủng, bởi tất cả sắc khác nương vào tánh [đó], nên cách thức hình dạng rất rộng lớn (đa dạng). Hoặc ở trong sự tụ họp thêm rất nhiều của Đất v.v... mà hình tướng rộng lớn (tức là những vật chất bình thường, thật ra là có nhiều tính chất của Đất, nên ra nhiều hình tướng), hoặc bởi khởi lên đủ loại tác dụng lớn (tức là cũng nhiều tác dụng).

此四大種能成何業？如其次第能成持、攝、熟、長四業，地界能持，水界能攝，火界能熟，風界能長。長謂增盛或復流引。

Thử tứ Đại chủng năng thành hà nghiệp? Như kỳ thứ đệ năng thành trì, nhiếp, thục, trưởng tứ nghiệp, Địa giới năng trì, Thủy giới năng nhiếp; Hỏa giới năng thục, Phong giới năng trưởng. Trưởng vị tăng thạnh hoặc phục lưu dẫn.

Giải:

#Thử tứ Đại chủng năng thành hà nghiệp?: tức là bốn loại Đại chủng này (hay là Tứ đại này) có thể hình thành ra những nghiệp nào?

#Như kỳ thứ đệ năng thành trì nhiếp, thục, trưởng tứ nghiệp, Địa giới năng trì, Thủy giới năng nhiếp; Hỏa giới năng thục, Phong giới năng trưởng. Trưởng vị tăng thạnh hoặc phục lưu dẫn: tức là Bốn đại này có thể hình thành ra những nghiệp nào? Ở đây như theo thứ tự đó, mà có thể giữ bốn điều; #trì là giữ. Tức là theo thứ tự là Đất, Nước, Lửa, Gió, thì Đất có thể giữ.

Quý vị thấy vật chất là do điều gì mà giữ được tướng? [Là] do tính chất cứng rắn mà giữ được, chứ vật mềm mềm thì đâu giữ được hình tướng đó. Nên tất cả sự tồn tại là do tính chất cứng giữ được. Như Trái đất của chúng ta, hoặc cơ thể chúng ta, do cứng [nên giữ được tướng]. Chứ nếu cơ thể của quý vị mà mềm xèo, thì hình tướng của quý vị không thể giữ được. Đấy là điều đầu tiên. Đất thì có khả năng giữ gìn, bảo vệ, bảo vệ hình tướng, bảo vệ cho mình, nên phải có tính chất cứng rắn. Một người mà mềm xèo thì không được rồi. Phải có cứng rắn, thì mới thành hình người được.

Theo thứ tự đó, thì thứ hai là nhiếp; nhiếp là có thể giúp đỡ. Tức là nhờ Nước mới lưu thông, mới giúp đỡ được, ý nghĩa là như vậy. Thứ ba, thục là tính chất của Lửa, [Lửa] thì giúp lớn lên, lớn mạnh. Thứ tư trưởng là [tính chất của] Gió; [trưởng] có nghĩa là lớn lên, nhưng ở đây phải lấy nghĩa là sinh ra. Tức là nhờ Gió thì mới chuyển động, lan truyền ra được. #Tứ nghiệp là bốn nghiệp đó.

Tức là nhờ bốn điều này, mà duy trì được bốn tính chất nghiệp, đó là: giữ gìn các nghiệp là nhờ Đất, giúp đỡ nghiệp đó hình thành được là nhờ Nước, giúp cho nghiệp đó lớn mạnh lên là nhờ Lửa, và cuối cùng có thể sinh ra thêm nữa là do Gió. Đây là nói chung thôi, còn thật ra mỗi từ này có mỗi nghĩa trong đó, cho nên dịch một nghĩa thì không rõ. Ví dụ như từ trưởng cũng là lớn lên, mà thục cũng có nghĩa là sinh ra, thì đôi khi đảo trong đó, ở đây thì mình tạm dịch như vậy.

#*Địa giới năng trì*: #Địa giới tức là loại Đất hay là tính chất của Đất, thì có thể giữ gìn.

#*Thủy giới năng nhiếp*: loại Nước thì nhiếp; #nhiếp là giúp đỡ. Ví dụ mình muốn lưu thông vật chất, lưu thông dinh dưỡng đến cơ thể là nhờ Nước, nước lưu thông.

#*Hỏa giới năng thục*: tức là Hỏa giới giúp cho mình lớn lên. Mình không có năng lượng, thì làm sao mình lớn lên được. Đó là Lửa, tức là tính chất ấm trong cơ thể mình, giúp cho cơ thể mình lớn lên.

#*Phong giới năng trưởng*: tức là Gió giúp cho mình sinh ra những tế bào khác v.v… thật ra chữ #trưởng này cũng có nghĩa là lưu dẫn; #lưu dẫn là giúp cho vận chuyển.

#*Trưởng vị tăng thạnh hoặc phục lưu dẫn*: ý nghĩa của chữ #trưởng là lớn lên hoặc là lưu dẫn, tức là truyền tiếp nữa. Không có Gió thì làm sao mình có thể lớn lên được, rồi mình có thể mạnh mẽ được. Và không có Gió tức là không có tính chất chuyển động, thì làm sao vận chuyển những chất hay vận chuyển cái này tới cái kia được. Ngôn ngữ này hơi khó chịu, nhưng mình hiểu vậy là được.

Tạm dịch: Bốn Đại chủng này có thể hình thành nghiệp nào? Theo thứ tự đó có thể giữ gìn, giúp đỡ, lớn lên, sinh ra 4 nghiệp, (do tự dịch ra như thế này thì không rõ, lẽ ra [Thiện Trang] để nguyên văn, nhưng như vậy thì quý vị không hiểu. [Nếu] để nguyên văn thì tra từ điển từng từ, từng từ, thì có nhiều nghĩa, và nghĩa đó mới bao quát được), Đất giới có thể giữ gìn, Nước giới có thể giúp đỡ, Lửa giới có thể lớn lên, Gió giới có thể sinh ra lớn lên (vì đây là thuật ngữ, [nên] quý vị có thể bỏ chữ giới đi, [mình hiểu] là Gió thôi). Chữ trưởng là tăng lên hoặc là dẫn truyền tiếp nữa.

業用既爾，自性云何？如其次第即用堅、濕、煖、動為性，地界

堅性，水界濕性，火界煖性，風界動性。由此能引大種造色，令其相續生至餘方，如吹燈光，故名為動。

Nghiệp dụng ký nhĩ, tự tánh vân hà? Như kỳ thứ đệ tức dụng kiên, thấp, noãn, động vi tánh, Địa giới kiên tánh, Thủy giới thấp tánh, Hỏa giới noãn tánh, Phong giới động tánh. Do thử năng dẫn Đại chủng tạo sắc, linh kỳ tương tục sanh chí dư phương, như xuy đăng quang, cố danh vi động.

Giải:

#*Nghiệp dụng ký nhĩ*: tức là nghiệp dụng đã như thế.

#*Tự tánh vân hà?*: #tự tánh là tính chất; còn tính chất của chúng thì sao?

#*Như kỳ thứ đệ tức dụng kiên, thấp, noãn, động vi tánh:* theo thứ tự đó, tức là tính chất về cứng chắc, ẩm ướt, nóng, động; những tính chất đó là tính chất của hoạt động làm tánh; #dụng là hoạt động. Điều này thì mình nói ở trên rồi, bốn tính chất này.

#*Địa giới kiên tánh:* tức là về loại Đất, thì tính chất của Đất là vững chắc, cứng chắc.

#*Thủy giới thấp tánh:* tính chất của Thủy giới (Nước) là ẩm ướt.

#*Hỏa giới noãn tánh:* tức là tính chất của Lửa là ấm nóng.

#*Phong giới động tánh:* tính chất của Phong (Gió) là động.

#*Do thử năng dẫn Đại chủng tạo sắc*: do điều này mà có thể dẫn đến Đại chủng (Tứ đại) tạo ra Sắc (Hình sắc).

#*Linh kỳ tương tục sanh chí dư phương:* khiến cho Sắc liên tục sanh đến phương khác.

Tức là không phải Sắc sanh ra thì đứng im đó, mà quý vị thấy một hồi từ chỗ nhỏ mà phát triển to ra, lan rộng ra, nên mới có tính chất truyền dẫn. [Như] cơ thể mình đầu tiên thì nhỏ xíu, mà từ từ to dần ra, lớn lên thành mấy chục ký, đó là do tính chất này.

#*Như xuy đăng quang, cố danh vi động:* giống như việc thổi ánh sáng của đèn, nên gọi là động. Ý nói Gió có tính chất là truyền ra, giống như thổi ánh sáng đèn thì ánh sáng truyền ra, đó là động.

Nói chung ngôn ngữ này viết theo ngôn ngữ thời xưa, nên hơi khó hiểu. Bây giờ mình có những ví dụ dễ hiểu hơn. Ví dụ như ánh sáng có tính chất truyền ra. Gió cũng vậy, cũng có tính chất lan rộng ra. [Giống như] cơ thể mình cứ [lớn dần]. Hoặc quý vị bỏ [cọng] cỏ xuống, một cọng cỏ [thôi mà] một hồi [nó] bò ra. Cái cây cũng vậy, một hồi lan ra. Thì tính chất lan ra đó là nhờ tính chất của Gió. Quý vị hiểu như vậy là được rồi. Đó là [Thiện Trang] giải thích mấy hiện tượng bình thường.

Tạm dịch: Nghiệp dụng đã như thế, còn tính chất của chúng thì sao? Theo thứ tự ấy tức là dùng cứng chắc, ẩm ướt, nóng ấm, chuyển động làm tính chất, tính chất của Địa giới là cứng chắc, tính chất của Thủy giới là ẩm ướt, tính chất của Hỏa giới là ấm nóng, tính chất của Phong giới là chuyển động. Do đây có thể dẫn đến Đại chủng (Tứ đại) tạo ra Sắc (#Sắc là Hình sắc), khiến cho Sắc liên tục sanh đến phương khác, như việc thổi ánh sáng của đèn, nên gọi là động. (Đây là giải thích chuyển động của Phong).

《品類足論》及契經言：云何名風界？謂輕等動性。復說輕性為所造色，故應風界動為自性，舉業顯體故亦言輕。云何地等？地等界別。頌曰：

Phẩm Loại Túc Luận cập Khế kinh ngôn: Vân hà danh Phong giới? Vị khinh đẳng động tánh. Phục thuyết khinh tánh vi sở tạo sắc, cố ứng Phong giới động vi

tự tánh, cử nghiệp hiển thể cố diệc ngôn khinh. Vân hà Địa đẳng? Địa đẳng giới biệt. Tụng viết:

Giải:

#*Phẩm Loại Túc Luận cập Khế kinh ngôn:* tức là Phẩm Loại Túc Luận và Khế kinh; #Khế kinh là kinh thể loại Trường hàng, nhưng không biết kinh nào, [vì] tác giả không nói.

#*Vân hà danh Phong giới:* thế nào là Phong giới? Tức là thế nào là Gió, nhưng thuật ngữ gọi là Phong giới.

#*Vị khinh đẳng động tánh:* chữ #khinh là nhẹ, mềm; tính chất nào cũng đúng hết, và tính chất chuyển động. Tính chất của Gió là mềm, nhẹ, và chuyển động. Ở đây [nói] ba tính chất này.

#*Phục thuyết khinh tánh vi sở tạo sắc, cố ứng Phong giới động vi tự tánh*: lại nói rằng, tính chất mềm, nhẹ, chuyển động mà tạo ra Hình sắc. Tức là do tính chất là mềm, nhẹ, nên mới chuyển động được. Nên ứng với Phong giới (Gió), thì lấy chuyển động làm tính chất của nó.

Tóm lại là giải thích rõ hơn một tầng nữa, là vì sao Gió chuyển động được. Đó là do Gió nhẹ, mềm. Nếu Gió mà cứng ngắc thì làm sao chuyển động được, nhẹ thì mới chuyển động được. Tức là những gì chuyển động được là do nguyên nhân như thế.

#*Cử nghiệp hiển thể cố diệc ngôn khinh:* chữ #cử nghiệp là toàn bộ; toàn bộ [sự hiển bày của nghiệp] nên cũng gọi là mềm yếu. Tức là toàn bộ tính chất của Gió thực ra là mềm yếu hoặc là mềm nhẹ. Tức là Gió thì tất nhiên là mềm, và uốn cong [được]. Quý vị thấy gió đi xuyên qua cái này cái kia, nó có thể thay đổi, có lỗ nào gió cũng chui qua được, thổi được, [vì] có tính mềm và nhẹ, và vì nó bay được.

#*Vân hà Địa đẳng*: thế nào là Địa v.v…?

#*Địa đẳng giới biệt:* thực ra chữ #đẳng là v.v… là phân biệt ra các loại khác nhau giống như Đất, Nước, Lửa, Gió. Mà ở đây người ta viết ngắn.

#*Tụng viết:* là bài tụng rằng.

Tạm dịch: Trong Phẩm Loại Túc Luận và Khế kinh nói: Thế nào là Phong giới? Là tính chất như mềm nhẹ, chuyển động v.v… Còn nói do tính chất mềm nhẹ chuyển động mà tạo ra Sắc, nên ứng với Phong giới thì lấy chuyển động làm tính chất của nó, toàn bộ sự hiển bày của nghiệp nên cũng nói là mềm yếu. Thế nào là Địa đẳng? Là các loại giới khác nhau như Địa (Đất), Thủy (Nước), Hỏa (Lửa), Phong (Gió). Bài tụng rằng:

Bài kệ tụng tiếp theo chúng ta để ở bữa sau, Thiện Trang xin chia sẻ tới đây, quý vị hiểu được bao nhiêu thì hiểu. Thực ra những điều này không cần phải ép mình hiểu ghê gớm lắm, chỉ cần hiểu đại ý thôi. Vì ngôn ngữ này là ngôn ngữ thời xưa, và ngài Huyền Trang cũng viết theo kiểu của ngài, nên đoạn này hơi khó hiểu. Thật ra thì kiến thức đơn giản, mình chỉ cần nhớ: tính chất Đất, Nước, Gió, Lửa gọi là Tứ đại hay gọi là Đại chủng. Đất có tính chất cứng, một cái gì đó cứng cáp thì gọi là Đất. Và Đất giữ gìn, bảo vệ tự tướng, hình tướng của các Sắc pháp (là các hình dáng). Đất giữ gìn nghiệp ở trong đó. Nước thì có tính chất là mềm, có tính chất ẩm ướt. Lửa là nóng, lạnh. Và Gió thật ra là tính chuyển động. Mình [chỉ cần] hiểu vậy thôi.

Bốn loại đó tạo ra tất cả Hình sắc, và duy trì các nghiệp, v.v… cho nên người thì mập, người thì ốm, v.v… đều do nghiệp mà ra, đều do bốn loại đó.

Thiện Trang chia sẻ tới đây, hôm sau sẽ tìm hiểu: "**Thế nào là yêu thương chính mình".** Đây là định nghĩa của đức Phật. Đức Phật nói thế nào là yêu thương chính mình, quý vị đợi bài hôm sau Thiện Trang sẽ chia sẻ. Hôm nay hết giờ, quý vị cứ nghe Thiện Trang chia sẻ đoạn đầu, đoạn A Tỳ Đàm, v.v… chia sẻ

tâm đắc, quý vị nghe được bao nhiêu thì nghe, mình cứ nghe thấy an lạc là được rồi, nghe từ từ sẽ thấm. Tu hành không phải là một bước lên trời được đâu, thật ra mình tu nhiều đời nhiều kiếp, tu dữ lắm rồi. Mỗi đời tu được một chút, rồi duyên nghiệp thế nào đó, ghét ông thầy nên chạy mất, rồi tu một hồi chết mất, rồi tu một hồi bỏ theo ngoại đạo, rồi chồng không cho tu nữa, v.v… nhiều duyên lắm.

Tóm lại mỗi đời tu một chút, đời này tới đây rồi thì ráng tu, nghe được bao nhiêu thì nghe. Quý vị cố gắng nghe, và hiểu được bao nhiêu thì hành bấy nhiêu. Chỉ cần hành một phần là [được] một phần lợi ích. Quý vị thực hành được một chút thôi, còn một bài giảng mênh mông bát ngát như biển cả, nhưng ta không cần uống hết nước trên biển lớn, chúng ta chỉ cần uống một ly là đủ hết khát rồi. Miễn là chịu khó uống, chứ đừng thấy nước biển nhiều quá rồi không chịu uống.

Quý vị uống được một gáo nước là được, múc thêm ít ca để tắm nữa là được rồi, sạch sẽ rồi. Như vậy từ từ mình sẽ chiêm nghiệm. Chứ quý vị làm một phát hết luôn thì quý vị thành Thánh nhân rồi, không phải! Mình ra sông ra biển nước nhiều, nhưng cứ xài được bao nhiêu thì xài, mình cần nhu cầu uống thì uống, cần nhu cầu rửa thì rửa, múc lên rửa, biết lấy nước đúng cách là được.

Giáo pháp của Phật là mênh mông như biển vậy, mình vào chỉ cần biết cách sử dụng là tốt. Chứ không biết cách sử dụng mà nhảy xuống đó chết chìm thì không được. Học pháp phải có trí tuệ, những gì mình học, mình hiểu thì mình hành, những gì chưa hiểu thì để tạm qua đó, đừng cố tình hiểu, để rồi hiểu sai. Và cứ nghe theo năm tháng thì mình sẽ hiểu thôi.

Đó là Thiện Trang chia sẻ, bởi vì có nhiều người nghe nhiều phần khó, phần Duy Thức lúc nào cũng vậy, A Tỳ Đàm cũng vậy. A Tỳ Đàm và Duy Thức có chỗ mấy Pháp sư giảng cũng không được. Mình không hiểu là đúng rồi, đó là bình thường, nếu mình hiểu hết thì mình thành A-la-hán hết rồi. Thậm chí A-la-hán có những chỗ của A Tỳ Đàm cũng không hiểu được.

Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 13: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 13.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 02.10.2024

Phật trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=h4CG9NtELUY&t=52s

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta đang học chuyên đề về Duy Thức. Bộ Luận chúng ta đang học là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, hay còn có tên là Luận Câu Xá. Tạng Duy thức của Nam truyền thì gọi là Vi Diệu Pháp hay là A Tỳ Đàm, còn bên Bắc truyền thì gọi là Duy Thức, nhưng nếu bên Tiểu thừa Bắc truyền thì gọi là A Tỳ Đạt Ma. Quý vị sẽ thấy có rất nhiều bộ luận có chữ là A Tỳ Đạt Ma. Bộ nào có chữ A Tỳ Đạt Ma, thì quý vị biết nội dung là Vi Diệu Pháp, và quý vị có thể coi rất rõ ràng những nội dung đó.

Bây giờ mời quý vị vào phần nội dung mà Thiện Trang hứa tuần trước:

Thế Nào Là Yêu Thương Chính Mình?

Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này không tự thương yêu. Dầu cho họ tự nói, tự thương yêu, nhưng thật ra không phải tự thương yêu. Vì sao? Vì không có điều xấu ác nào mà người bạn xấu ác làm cho không phải là điều không là thân thương đối với người mà nó không thân thương, không phải là điều được yêu mến đối với người mà nó không yêu mến. Cho nên những người này không phải tự yêu thương mình.

(Trích Từ Kinh 1032. Tự Niệm – Kinh Tạp A Hàm)

Ở đây đức Phật đưa ra thế nào là yêu thương chính mình? Người nào mà thân hành ác hạnh, tức là thân làm (#hành tức là làm) những việc ác. Rồi miệng (#khẩu tức là miệng) làm những điều ác, rồi ý làm những điều ác. Thì những người này không biết tự yêu thương mình, tức là không có tự yêu thương chính mình. Dù cho họ nói họ tự yêu thương, nhưng thật ra không phải yêu thương. Vì sao thì đoạn sau đức Phật đưa ra: giống như nói với một người xấu ác nào đó, mà người bạn xấu ác làm cho, thì không phải là điều thân thương đối với người đó.

Tóm lại là mình không có yêu thương. Mình yêu thương ai thì mình phải giúp đỡ, phải lo lắng, phải chăm sóc cho tốt. Còn đây nếu mình yêu thương chính mình, mà mình không có lo cho mình. Không lo ở đây thể hiện là mình làm các việc ác: thân làm việc ác, miệng nói lời ác, rồi ý làm các điều ác. Như vậy làm ra những việc ác đó là hại chính mình. Vì là hại chính mình, cho nên cuối cùng là không phải yêu thương mình. Vì làm những điều đó sẽ đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc là chiêu cảm những quả báo hiện đời, hoa báo hiện đời không tốt. Đức Phật nói để yêu thương chính mình thì phải làm những điều tốt.

Ở đây đằng sau đức Phật nói tiếp:

"Lại nữa, Đại vương (Đại vương ở đây là một vị vua, hình như trong Kinh này là vua Ba Tư Nặc)**, người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này tự thương yêu mình. Dầu cho những người này tự nói không tự thương tiếc thân mình, nhưng thực ra những người này tự thương yêu mình. Vì sao? Vì không có điều tốt nào mà người bạn tốt làm không phải là đáng thân đối với người mà nó thân, không phải là đáng yêu đối với người mà nó yêu. Cho nên những người này là người tự thương yêu mình".**

Có nghĩa là đối với [chính] mình, quý vị làm việc tốt trên ba nghiệp thân, khẩu, ý: Thân thì làm việc tốt, miệng nói lời tốt, ý nghĩ việc tốt. Như vậy cho dù quý vị không nói là quý vị yêu thương chính mình, nhưng quý vị cũng là thật sự yêu thương chính mình. Vì sao? Vì làm những việc đó thì tự nhiên tốt cho mình.

Giống như một người bạn tốt, tất nhiên khi họ làm điều gì cho người bạn của mình, thì đều là làm việc tốt cả, không bao giờ làm [việc] xấu. Còn ở trên là làm việc xấu, thì không bao giờ là người bạn tốt đúng không quý vị? Đây là điều yêu thương chính mình.

Cho nên ai không làm việc tốt, thì đó là tự hại mình thôi. Đấy là đức Phật nói, là không tự yêu thương chính mình. Cho nên việc tu hành là [tự] thương mình, tu hành ít nhất trên ba nghiệp: thân, khẩu, ý là thương yêu chính mình, chứ không phải thương ai khác đâu. Đầu tiên là thương chính mình. Còn nếu mình không làm những việc tốt, tức là làm việc xấu, nghĩ việc xấu, nói lời xấu thì đó là mình không yêu thương chính mình. Quý vị thấy phải định nghĩa rõ ràng như vậy thì mình tu dễ dàng. [Chứ] toàn cứ nghĩ tu đâu đâu không, [hãy nghĩ] tu cho mình là dễ nhất. Đấy là [lời] đức Phật nói, trích từ Kinh [Tạp A Hàm].

Chúng ta đến một đoạn thứ hai. Thiện Trang xin giới thiệu một đoạn kinh để nhắc nhở vô thường, đó là **"Âm hưởng tử vong"** cũng trong Kinh A Hàm. Kinh này rất dài, nên Thiện Trang chỉ trích một đoạn thôi.

Âm Hưởng Tử Vong

"Tỳ-kheo, nên biết, con người trong Diêm Phù Địa cũng có khi thọ mạng dài đến vô lượng.

Tức là thọ mạng ở cõi Diêm Phù Địa, quý vị hay nghe tên là Diêm Phù Đề. Diêm Phù Địa cũng là cõi của chúng ta, [và] có khi thọ mạng dài đến vô lượng. Nhớ nha! Không phải thọ mạng có 84.000 tuổi đâu, mà dài đến vô lượng. Đây là lời đức Phật nói trong Kinh A Hàm. Cho nên có những kiến thức mà xưa nay mình chỉ nghe, là tuổi thọ loài người cao nhất là 84.000 tuổi. Đó là một kiến thức chưa chuẩn xác hoàn toàn, chúng ta bổ sung vào trong đây.

Trong thời quá khứ lâu xa, có vị vua tên gọi là Liệu Chúng Bệnh, thọ mạng rất dài, nhan sắc xinh đẹp, hưởng thọ khoái lạc vô lượng. Thời bấy giờ không có các tai hoạn về tật bệnh, tuổi già và chết.

Quý vị thấy hay không? Khi tuổi thọ loài người cao, thì không có một tai nạn nào về tật bệnh, tuổi già và chết. Còn bây giờ thì chúng ta đủ thứ bệnh tật: ung thư, sida, v.v... Rồi tai nạn đủ hết, và già chết nữa. Còn ở thời đó thì không có. Cũng ở Trái đất chúng ta thôi, ở Diêm Phù Đề (Diêm Phù Địa) chúng ta thôi, mà như vậy.

Khi ấy có cặp vợ chồng sinh một người con. Đứa con liền mạng chung. (Đứa nhỏ này bị bất thường). **Cha mẹ nó ẵm cho ngồi, lại mang đồ ăn đến cho. Nhưng đứa con ấy không ăn, không uống, không ngồi. Vì sao? Nó đã chết. Cha mẹ nó bấy giờ mới nghĩ như vầy: 'Sao con ta hôm nay giận hờn gì mà không chịu ăn uống, cũng không nói năng gì?' Sở dĩ như vậy, con người thời đó chưa nghe đến âm hưởng tử vong nên mới như vậy.**

Quý vị biết là vào thời đó, người ta chưa thấy có chết bao giờ, người ta sống lâu quá, không bao giờ có sự chết bất ngờ như vậy. Cho nên người ta không biết đến sự chết luôn. Đứa bé chết mà cha mẹ cũng không biết.

Rồi cha mẹ ấy lại nghĩ: "Đã bảy ngày rồi con ta không ăn, không uống; và cũng không biết vì sao nó im lặng. Nay ta hãy đem nhân duyên này tâu cho vua Liệu Chứng Bệnh biết'.

Người cha mẹ ấy liền đi đến vua, đem nhân duyên ấy tâu lên vua đầy đủ. Khi ấy Đại vương liền nghĩ: 'Ngày nay đã nghe đến âm hưởng tử vong rồi.' Và bảo: 'Các người hãy mang đứa nhỏ ấy đến ta.' Cha mẹ liền ẵm đứa nhỏ đến chỗ quốc vương. Vua thấy nó, bèn nói với người cha mẹ ấy: 'Đứa nhỏ này chết rồi.' Cha mẹ nó hỏi: 'Chết nghĩa là sao?'. (Quý vị thấy người ta không biết chết là sao luôn. Còn bây giờ mình thấy chết nhan nhản, nên mình cũng biết rồi). **Vua nói: 'Đứa nhỏ này không còn đi, đứng, nói năng, ăn uống, nô đùa; mình mẩy cứng đơ, không còn làm gì được nữa. Ấy gọi là chết'.** (Vị vua này định nghĩa rất thông minh, định nghĩa đơn giản)**. Người cha mẹ ấy hỏi: 'Sự biến đổi này trải qua bao lâu?' Vua nói: 'Chẳng bao lâu nữa thân thể đứa nhỏ này tan rữa, sình trương, hôi thối không chịu được'.**

“Cha mẹ nó khi ấy chưa tin lời vua. Họ lại ẵm con trở về nhà”. Quý vị thấy điều này rõ ràng là người ta không quen, nên [khi] nghe như vậy thì cũng không tin luôn. Giống như bây giờ mình nghe Tây Phương Cực Lạc, mình không tin. Mình nghe có cõi Trời, mình cũng chẳng tin. Nói nghe tuổi thọ loài người dài đến vô lượng cũng không tin luôn. Vì sao? Là vì những điều lạ lẫm. Hồi đó điều lạ lẫm là điều này. Còn bây giờ điều lạ lẫm [với] mình là điều ngược lại đúng không? Trái ngược hoàn toàn, cũng tại Trái đất chúng ta, tại Diêm Phù Đề mà, tại nơi chúng ta.

Không bao lâu, thân thể nó rữa, hôi thối cực kỳ. Bấy giờ cha mẹ này mới tin lời vua nói rằng: ‘Thân thể đứa nhỏ này không lâu sẽ sình trương, tan rữa. Bấy giờ cặp vợ chồng này lại mang đứa nhỏ sình trương ấy đến chỗ quốc vương, tâu vua rằng: ‘Tâu Đại vương, nay chúng tôi mang đứa nhỏ này cống hiến cho Đại vương.’ Khi ấy cha mẹ này cũng không than khóc. Sở dĩ như vậy, vì chưa nghe đến tiếng chết.

Có nghĩa là [sự việc] này bất ngờ và chưa bao giờ xảy ra, [nên] người ta cũng không than khóc, không gì hết. Việc gì đó người ta biết rõ ràng, thì người ta mới than khóc, chứ đằng này [người ta chưa biết]. Mình nghe đoạn Kinh này giống như nghe [chuyện] thần thoại. Tại vì những điều bây giờ không có. Nhưng Thiện Trang muốn giới thiệu đoạn này là có ý nghĩa, quý vị từ từ đợi chút.

Sau đó, Đại vương lột da nó làm trống, lại sắc lệnh dựng ngôi lầu bảy tầng, mang cái trống lớn này đặt vào đó, rồi sai bảo một người: ‘Nhà ngươi phải biết, hãy giữ gìn cái trống này. Cứ 100 năm, đánh một tiếng, không được sai thời’. Người ấy vâng lệnh vua, đúng 100 năm thì đánh một tiếng. Nhân dân nghe tiếng trống ấy, quái lạ chưa từng có. Mọi người hỏi nhau: ‘Âm hưởng gì vậy? Đó là tiếng của ai mà thấu đến đây?’ Vua bảo: ‘Đó là tiếng của da người chết.’ Chúng sanh nghe điều này, bèn nghĩ: ‘Lạ thay, tiếng trống nghe được này!’.

100 năm mới đánh tiếng trống một lần, có nghĩa là tuổi thọ loài người quá lâu, quá lâu. Vô lượng mà quý vị! Nên 100 năm đánh một tiếng như vậy, cho mọi

người nghe một chút cho vui vậy thôi. Giống như lâu lâu nghe tiếng chuông cho tỉnh giấc vậy đó, chứ không có tác dụng gì đúng không quý vị? Chúng ta thấy đấy cũng là tại cõi Diêm Phù Đề này (tại [cõi] chúng ta), mà lại có thời gian lâu xa nhường ấy.

"Tỳ-kheo, quốc vương bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Quốc vương thời bấy giờ chính là thân Ta vậy. Do đây mà biết, thuở xưa thọ mạng của người Diêm Phù Địa cực kỳ dài. Còn nay, thọ mạng của người Diêm Phù Địa cực ngắn; số giảm thiểu khó giới hạn. Vì sao vậy? Do sát hại quá nhiều, khiến cho tuổi thọ cực ngắn, sắc da cũng mất đẹp. Do nhân duyên này dẫn đến biến đổi quái lạ.

Đoạn này Thiện Trang tô đỏ lên, quý vị hiểu đó là vào thuở xưa, thọ mạng của người [tại] Diêm Phù Đề thật sự cực kỳ dài. Còn bây giờ thì thọ mạng ngược lại, cực kỳ ngắn. Và số giảm thiểu khó giới hạn, tức là giảm một cách khủng khiếp.

Ở trong Kinh A Hàm có những đoạn khác, đức Phật nói: **"Khi sát sanh nổi lên, là tuổi thọ giảm đi phân nửa. Trộm cướp nổi lên, là tuổi thọ giảm đi phân nửa"**. Ví dụ như người cha 500 tuổi thì con còn có 250 tuổi thôi. Cứ giảm giảm, giảm cực kỳ nhanh như vậy. Nguyên nhân là gì? Đức Phật nói ra nguyên nhân, quý vị nghe cho kỹ: "Do sát hại quá nhiều, khiến cho tuổi thọ cực ngắn". Mình sát sanh quá nhiều, bây giờ toàn ăn thịt, toàn giết con này, giết con kia. Rồi "sắc da cũng mất đẹp". Bây giờ nhan sắc cũng xấu xí, mà cứ tưởng mình [là] hoa hậu. "Do nhân duyên này dẫn đến biến đổi quái lạ". Biến đổi quái lạ, đó là thiên tai, đó là nạn lũ lụt, đủ các nạn.

Thiện Trang muốn nhắc lại một điều, đó là hiện tại thế giới này biến đổi dữ lắm rồi, chúng ta hãy cố gắng tu hành. Bây giờ ở Trung Đông, gần như chiến tranh bùng nổ rồi đúng không quý vị? Ở khu vực Trung Đông, nhiều nước đã tham chiến, dần dần đã tăng nhiều lên. Ở Châu Phi vẫn còn chiến tranh, lâu nay rồi, chúng ta không quan tâm nữa. Ở Myanmar thì cũng còn chiến tranh. Và dự đoán tiếp theo, là [chiến tranh] có thể dần dần lan ra nữa. Ở Châu Âu thì vẫn chưa hết chiến tranh, ở Ukraine, và ở nhiều nước [khác] v.v…

Và không cần nói chiến tranh, ở Việt Nam chúng ta cũng [có] những thiên tai chưa từng thấy. Quý vị thấy hồi xưa, người ở đồng bằng thì sợ bị lụt, bây giờ ở miền núi cũng lụt. Ở dưới đồng bằng không yên tâm, chạy lên chỗ cao, [giờ] ở trên cao cũng không thoát nổi. Ở trên cao thì núi lở, đất sụp. Cho nên bây giờ không biết trốn đi đâu hết, hết cách. Vậy trốn ở đâu? Phải trốn trong nghiệp của chính mình thôi. Hãy tu thiện, hãy tích đức, hãy giữ giới, hãy làm tất cả việc thiện. Trong đó hãy tu tập Thiền định, tu tập tất cả mọi thứ, để gây công đức lành cho mình, để trong cộng nghiệp của chúng sanh thời nay, thì mình có biệt nghiệp. Có thể sắp tới đây sẽ là những trận khủng khiếp hơn nữa. Như vậy thì chúng ta hãy ráng tu tập khi còn khỏe mạnh, khi còn có cơ hội.

"Tỳ kheo, nên biết, 50 năm ở Diêm Phù Địa bằng một ngày một đêm trên cõi Tứ Thiên Vương. Tính theo số ngày đêm ở đó, 30 ngày làm một tháng. 12 tháng làm một năm. (Có nghĩa là một năm chỉ có 360 ngày thôi, không phải 365 ngày). **Thọ mạng trời Tứ thiên vương là 500 năm, cũng có kẻ yểu nửa chừng.** (Nhớ nha! [Ở] trời Tứ Thiên Vương, [có người] yểu nửa chừng tức là chết trước khi 500 năm tuổi).

"Tính theo số năm theo loài người, 18 ức năm (của trời Tứ Thiên Vương) là một ngày một đêm trong Địa ngục Hoàn Hoạt. Địa ngục này còn có tên là Địa ngục Đẳng Hoạt**.** Quý vị đã nghe Thiện Trang giảng nhiều rồi, nên biết Địa ngục này. Tức là quý vị thấy thời gian lâu như vậy, mà chỉ bằng một ngày một đêm ở Địa ngục này thôi. Địa ngục này đáng sợ nữa.

Tính theo số một ngày một đêm ở đó, 30 ngày là một tháng; 12 tháng là một năm. Tuổi thọ cực dài trong Địa ngục Hoàn Hoạt là 1.000 năm, cũng có kẻ yểu nửa chừng. (May quá! Chết sớm thì ra khỏi, chứ không thì phải ở lâu). **Tính theo số năm theo loài người là 36 vạn năm.** (Quý vị thấy [tuổi thọ ở đó] đổi ra là thời gian 36 vạn năm [tính theo số năm loài người].

"100 năm loài người bằng một ngày một đêm trên trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi)**. Tính theo số năm tháng ở đó, tuổi thọ trời Tam Thập Tam là**

1.000 năm; cũng có vị nửa chừng yểu (tức là chết nửa chừng)**. Tính số năm theo loài người là 36 ức năm, bằng một ngày một đêm trong Địa ngục A Tỳ.**

Có nghĩa là 36 ức năm mà bằng có một ngày một đêm trong Địa ngục A Tỳ thôi quý vị. Mình tính số ức theo bây giờ đi, con số ức hầu như trong kinh xài. Thôi mình lấy một ức là 100 triệu, vậy 36 ức tức là 3600 triệu, tức là 3,6 tỷ năm, là một ngày một đêm trong Địa ngục A Tỳ, nếu như Thiện Trang tính đúng. Quá sợ!

Tính theo số ngày đêm ở đó, 30 ngày là một tháng; 12 tháng là một năm. Theo số ngày đêm ở đây, tuổi thọ là hai vạn năm. Tính theo tuổi thọ loài người, đây thọ một câu-lợi (câu-lợi có khi là một ức, có khi là câu-chi, thì tùy vào con số này).

"Như vậy, Tỳ kheo, tính theo số tuổi như vậy càng lúc càng tăng, trừ trời Vô Tưởng. Trời Vô Tưởng thọ tám vạn bốn nghìn kiếp. (Thời gian này quá dài, tức là 84.000 lần Trái đất này sanh ra diệt đi) **Trừ trời Tịnh cư không sinh trở lại đời này**.

"Cho nên, Tỳ kheo, chớ để tâm buông lung, ở ngay nơi hiện thân mà chứng đắc lậu tận. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy."

Các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trích Từ Kinh Số 10 - Phẩm Thiện Ác Thứ 47 – Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Ở đây chúng ta thấy tại sao lại giới thiệu đoạn này? Để chúng ta thấy, thứ nhất đời là bể khổ, nhiều nỗi khổ. Rồi các cảnh giới trong luân hồi cũng khổ nữa. Ngay cả trời Đao Lợi, trời Tứ Thiên Vương cũng có yểu mạng, lên đó không phải yên thân, lên đó hết phước [cũng] rớt sớm. Và cũng không đáng gì, nếu chúng ta đi vào Địa ngục như Địa ngục Hoàn Hoạt (Đẳng Hoạt), Địa ngục A Tỳ thì thời gian quá lâu, quá xa. Quý vị có thể tự tính ra thời gian, để biết một ngày một đêm ở đó lâu chừng nào. Nên vào đó rồi không biết bao giờ ra, chúng ta phải biết quý trọng.

Quý vị coi trong Kinh Trung Bộ, có một đoạn kinh nói về câu chuyện rùa mù trên biển, trong tạng Nikaya chứ không phải trong tạng A Hàm. Trong Kinh Nikaya có Kinh Hiền Ngu (Kinh Hiền Ngu của Nikaya khác Kinh Hiền Ngu của Bắc

truyền) nói: Có con rùa mù, 100 năm nổi trên biển một lần. Và có một bọng cây, lúc thì gió thổi đưa bọng cây đi về hướng Đông, lúc thì đưa bọng cây đi về hướng Tây, [trên bọng cây] có một cái lỗ. Con rùa thì lâu lâu mới ngoi lên đớp hơi nước, một trăm năm nổi lên một lần. Lâu lắm mới lên, mà khi nào gặp được bọng cây đó, chui vào đúng cái lỗ đó, thì đức Phật nói đó là còn dễ. Còn khi [lỡ] sa đọa vào các loài Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, thì ở trong đó toàn là ác nghiệp thôi, và cơ hội trở lại làm người nữa cũng cực kỳ khó. Dầu có trở lại làm người, thì cũng thường sanh ở vùng biên địa. Tức là không gặp được Phật pháp, cũng không được đầy đủ nền giáo dục tốt, hoặc là có nhiều tai nạn, thiên tai.

Giống như bây giờ mình ở những vùng không biết Phật pháp gì hết, dù Sư Minh Tuệ đi ngang qua thì cũng không biết sư Minh Tuệ là ai, cũng không biết cúng dường một bữa. Và sống như vậy đến ngày nào đó, đất sụp đất lở rồi chết. Rất là tội! Rất là đáng thương! Cứ sống một cuộc đời như vậy. Cho nên mình biết Phật pháp rồi, thì phải ráng tu, bởi vì "nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn". Mà tu không ra hồn gì, thì uổng phí một đời mình gặp Phật pháp.

Gặp phật pháp rồi phải có nhiều điều kiện, bên nhà Phật chúng ta gọi là thiện căn, phước đức, nhân duyên. Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu. Phước đức là có thể tu. Nhân duyên là phải gặp được pháp tốt, thầy tốt, bạn tốt. Nếu mình không có đủ ba điều kiện đó, thì thật sự [tu] rất khó khăn. Dù quý vị có thiện căn sâu dày mà gặp pháp tà, thì [được] dạy một hồi rồi chạy đi đâu, tu không tới nơi tới chốn.

Tu pháp nào cũng vậy, giống như nhiều người cứ nghĩ, vào tu Thiền là ngồi xếp bằng, lên ngồi xếp bằng là tu Thiền. Thật ra đó chỉ là Thiền chỉ mà thôi. Thiền quán mới ra khỏi sanh tử. Nên nhiều người cứ tưởng ngồi thiền, thấy trên hình người ta ngồi, mình cũng bắt chước mình ngồi, ngồi miết mà cũng không [vô]. Rồi có người tu niệm Phật, niệm Phật hoài mà sao vọng tưởng phiền não nhiều. Vì cốt lõi mình không biết.

Cho nên tuy là Phật pháp đó, nhưng nhiều khi mình không có duyên. Còn đa số đời nay chỉ dạy cho bố thí, cúng dường, từ thiện thôi. Như vậy một đời mình cũng quy y, cũng có bằng gọi là Chứng điệp Quy y Phật pháp, cũng nổi tiếng mấy

chục năm đi chùa. Thậm chí treo bằng công đức đầy nhà, bằng tuyên dương công đức của người này người kia, của thầy này thầy kia, chùa này chùa kia, v.v.... Và mình hài lòng với điều đó, cuối cùng biết đâu mai mốt đi xuống Diêm Vương không xài được gì hết. Nói đi xuống Diêm Vương là nói cho vui vậy, còn nói thật là [do] nghiệp lực của mình [dẫn dắt], không thể [kháng lại]. Bởi vì mình không có thời gian, không hiểu được Phật pháp dạy cho chúng ta điều gì.

Quý vị coi trong những bộ kinh của đức Phật, kinh Đại thừa, kinh Tiểu thừa, coi kỹ đức Phật dạy cho [chúng ta] điều gì? Đức Phật dạy: sanh tử là khổ đau, hãy nhận diện ra nó, hãy tu hành để thoát ra khỏi. Như Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa còn nói: "**Tam giới vô an, do như hỏa trạch"**. Có nghĩa là ba cõi không an, giống như nhà lửa. Kinh Đại thừa còn nói được vậy mà, huống hồ những kinh như Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, thì luôn luôn nói rằng hãy lánh xa cõi đời này, bằng cách là tìm con đường ra khỏi sanh tử. Vì ở trong này khổ nhiều, vui ít, những niềm vui mình đã thoáng qua, giống như nếm mật trên đầu dao mà thôi, còn đau khổ thì kéo dài.

Cho nên nếu mình là một người hiểu được điều đó thì hãy ráng tu. Và tu thì phải có căn cứ, phải coi kinh, chứ còn bây giờ [người] giảng nhiều quá, không biết đường nào. Rồi cũng đâu có nói được tới đâu, cho nên là hãy tu. Mà tu làm sao? Ở đây Thiện Trang trích thêm một đoạn nữa, đoạn này thật ra Thiện Trang đã nói rồi, nhưng bữa nay xin phép nói lại. Đoạn này trích tiếp trong Kinh Tăng Chi Bộ.

Tâm Đặt Đúng Hướng Thì Có Thể Chứng Đạt Niết-Bàn

Này các Tỷ-kheo, ví như các sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch được đặt đúng hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm cho đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt đúng hướng.

Đoạn này ngài Minh Châu dịch là sợi râu của lúa mì, râu của lúa mạch là những vật nhọn, có chỗ khác thì nói là vật nhọn. Đại ý là những vật nhọn mà đặt đúng hướng, thì tự nhiên sẽ đâm thủng những vật khác. Lấy ví dụ này dễ hiểu

hơn nữa, là mấy hạt lúa có sợi râu nhọn nhọn, mà quý vị đặt đúng hướng, khi đưa tay chân vô là đâm chảy máu đó.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm được đặt đúng hướng, có thể đâm thủng Vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết-Bàn; sự tình này có thể xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm được đặt đúng hướng.

(Kinh Tăng Chi Bộ - Chương Một Pháp - Phẩm Đặt Hướng Và Trong Sáng)

Ở đây Thiện Trang giới thiệu cho quý vị, quan trọng là tâm phải đặt đúng hướng, đúng hướng là phải tu. Chứ còn chúng ta đang lo việc này việc kia, là không đặt [tâm] đúng hướng. Đúng hướng là mình phải học giáo pháp. Tu để hiểu thì phải tu, phải học. Nhiều người nói: *"Thế không phải ngồi thiền, đắc Thiền là chứng [quả] à?"*

Quý vị coi trong kinh điển, tất cả các pháp hội, hầu như có thấy ai ngồi rồi chứng đâu, mà toàn là nghe xong một bài pháp, nghe một đoạn pháp của đức Phật thuyết, của một vị Tôn giả nào thuyết, vị này thuyết hay ai thuyết, [thì] người đó chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm hoặc Tam quả A-na-hàm, Tứ quả A-la-hán. Hoặc là có nhiều người chứng nữa. Rõ ràng là [như vậy].

Điều đó chứng minh là gì? Không phải ngồi xếp bằng tĩnh tọa mà chứng đắc, mà nhờ nghe pháp [nên] tư duy của mình chạy theo đó, gọi là Thiền quán. Và chúng ta biết là như vậy [rồi], thì nhiều người lo tu Thiền quán không, bỏ tu Thiền chỉ. Không [nên]! Đức Phật dạy nên tu cả Thiền chỉ, phải có thời gian ngồi xếp bằng để tu.

Và nhập định được là mới đầu mình phải ngồi mà nhập. Đó là tư thế dễ, sau này quý vị tu khá rồi, thì đi, đứng, nằm, ngồi đều nhập định được. Đó là 4 tư thế. Nằm cũng nhập định được. Mình thì tu chưa tới đó, cho nên đầu tiên mình tu phải chấp hình tướng, nhưng ngồi là một phần. Có nhiều người thì lo ngồi quá nhiều. Thiện Trang xin chia sẻ về cách ngồi tĩnh tọa, quý vị nên như thế này:

Đức Phật nói nên lúc nào cần tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc nào tu Thiền quán thì tu Thiền quán. Quý vị đừng cố gắng chịu đựng. Có nghĩa là sức của quý vị ngồi, giả sử quý vị ngồi tĩnh tọa được 45 phút là đau quá rồi, thì không nên cố gắng, mà nên đổi tư thế. Có thể đi đứng gì đó, [hoặc] mình ngồi thế khác [cũng] được, miễn [là] tư duy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, [thì] tùy. Hoặc là tư duy một đề mục nào đó, thì đó là tu, chứ không phải [chỉ] ngồi [đó không thôi].

Bởi vì sao? Vì ngồi với sự đau đớn và chịu đựng, thì đó là quý vị đang hành xác quý vị, gọi là Sáu căn đối với cảnh giới Sáu trần mà thọ khổ, thì đời sau chiêu cảm quả bất như ý. Cho nên người học pháp không có dại mà làm việc đó. Mình ngồi được bao lâu thì ngồi, đến lúc nào đó tự nhiên vô [thì] ngồi được lâu. Tất nhiên ngồi càng lâu càng tốt, nhưng ngồi trong tâm như thế nào? Tâm phải đặt đúng hướng. [Muốn] đặt đúng hướng là phải học pháp, thì mới đặt đúng hướng được.

Cho nên ở đây muốn chứng đắc Niết-Bàn, thì tâm phải đặt đúng hướng, đặt đúng hướng trong tu tập. [Muốn được như vậy] thì phải học Thiền chỉ, Thiền quán, quán điều này, quán điều kia. Thật ra học pháp là quán. Quý vị thấy nhắc lại những câu chuyện vừa rồi, những người đắc quả họ đâu có tu Thiền chỉ đâu. Họ vừa mới tới nghe một bài pháp, quý vị thấy mấy người Cư sĩ trong kinh đó, có rất nhiều câu chuyện, toàn là [họ] nghe xong thì chứng [quả]. Họ đâu có tu, toàn là giáo phái ngoại đạo, thậm chí có người là nông dân, người chăn bò, ông bà già, người đi ăn xin v.v… Mà tại sao nghe một thời pháp của đức Phật, hoặc của một vị Tôn giả, hoặc một người Cư sĩ khác giảng mà họ đắc quả? Họ có tu tập Thiền chỉ đâu?

Cho nên điều gì quan trọng? Thiền quán quan trọng, nghe pháp [quan trọng]. Nghe pháp dần dần [khi] sự nghe của mình đủ, thì tập trung lại thành Thiền quán. Tức là quán được, tư duy được trong đó, đó là Thiền quán. Chứ quý vị cứ nghĩ nghe pháp thì không phải là tu. Không phải! Nghe pháp cũng là tu. Nhưng nếu nghe không [thôi], thì cũng không được, mà phải có thực hành. Mình phải sống trong đời sống, đi, đứng, nằm, ngồi thường nghĩ nhớ Vô thường, nghĩ đời là giả tạm v.v...

Khi nào quý vị bệnh xuống, thì quý vị thấy dễ chán cuộc đời này lắm, biết đâu [quý vị] đắc quả lúc đó. Tại sao? Vì lúc đó mình thấy cuộc đời chẳng có ý nghĩa gì cả. Còn bây giờ khỏe mạnh, tung tăng, vui vẻ, cười tươi, ăn uống, ham cái này, ham cái kia v.v… Nhưng rồi cũng có ngày mình bệnh, bệnh rồi thì mình thấy cơm cũng ăn không nổi đúng không quý vị? Rồi không muốn làm gì nữa, thấy cuộc đời chán. Lúc đó biết đâu nhờ tư duy đó mà quý vị đắc quả. Đó là mình tu dạng không tốt lắm. Còn người tu tốt hơn, thì thấy ngay hoàn cảnh thuận lợi cũng đắc quả được. Cho nên là phải học, phải hiểu nha.

Những người tu đắc quả kiểu đó, là họ đắc theo kiểu gì quý vị biết không? Đó là họ có Sát-na định. Tức là trong một phút chốc đó thôi, nhờ nghe pháp mà họ có định. Định của họ là Sát-na định, tức là định lúc đó tương đương với [định] của Sơ thiền bên Thiền chỉ, cộng với pháp họ nghe được, nên họ đắc Thiền quán. Pháp Thiền quán đó chính là quả giải thoát, Sơ quả [Tu-đà-hoàn] đến Tứ quả A-la-hán. Như vậy quý vị hiểu chưa? Chứ không - nhiều khi mình học, cứ tưởng ngồi mới là tu, rồi niệm Phật quá trời thì mới là tu.

Quý vị nên nhớ, Thiền quán là quan trọng số một. Thiền chỉ phụ [trợ] cho Thiền quán. Vẫn phải tu Chỉ, Quán song vận, nhưng dùng Thiền quán quan trọng. Bởi vì có những người chỉ cần tu Thiền quán thôi, [là] ra khỏi sanh tử, nên nhớ như vậy!

Có những người tu Thiền chỉ không [thôi], thì có ra khỏi sanh tử không? Có! Nhưng người đó là đời quá khứ họ tu Thiền quán khá tốt rồi. Nếu đời quá khứ họ tu không đủ, [bây giờ] tu giỏi lắm [thì chỉ] lên [tới trời] Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thôi, giống như ông Uất Đầu Lam Phất hay ông tiên A Tư Đà đó. Họ tu cỡ đó, đến cuối cùng lên đó rồi cũng vẫn [luân hồi]. Ông Uất Đầu Lam Phất mai mốt hết tuổi thọ ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, rồi cũng làm loài chồn bay, ăn mấy loài [như] chim cá cho đã, [hình như] rồi về sau cũng vô Địa ngục. Còn ông Ka La Ma, một trong hai vị thầy của đức Phật cũng vậy, lên trời Vô Sở Hữu Xứ cho đã, rồi xuống làm vua một nước cũng không lớn lắm. Nhưng sau đó sát hại biết bao nhiêu người, rồi cuối cùng cũng vô Địa ngục.

Cho nên dù tu Thiền chỉ giỏi lắm, lên [các tầng trời] rồi thì cũng rớt xuống lại thế gian. Từ từ, thêm đời thứ ba nữa mới vô Địa ngục. Cho nên đấy là thật đáng tiếc!

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu tiếp cho quý vị về 24 Duyên hệ. Duyên cuối cùng là Quyền duyên. Quyền duyên là khi đối tượng này giúp cho đối tượng kia, ngôn ngữ gọi là Năng duyên, [còn] đối tượng được giúp thì gọi là Sở duyên, bằng một trong 22 quyền. Có chỗ nói là 20 quyền thôi, còn 2 quyền không có giúp. Chúng ta học tạm 22 quyền rồi phân định sau.

Quyền là gì? Chữ quyền trong "quyền uy", giống như nắm chính quyền. Quyền là những yếu tố, 22 yếu tố đó là những thành tố căn bản tạo ra chúng sanh và vũ trụ. Việc mà 22 yếu tố này giúp cho các đối tượng khác, cho các pháp khác, thì gọi là Quyền duyên. Định nghĩa Quyền duyên là như vậy. Chữ quyền có nghĩa là kiểm soát, cai quản, điều hành v.v... Giống như Bộ trưởng Bộ Giáo dục, thì có quyền điều hành Bộ Giáo dục. Như vậy có 22 quyền, hay có sách nói là 20 quyền, [cho nên] đừng có cãi nhau. Có người học Sư Toại Khanh thì nói là 22 quyền đó đều là Quyền duyên hết. Nhưng có người lại học theo vị Sư khác, thì nói là có 20 quyền thôi, bỏ ra 2 quyền. Quý vị đừng có tranh cãi ở đây, bao giờ học sâu rồi quý vị hiểu. Thiện Trang chỉ giới thiệu sơ khởi. Thiện Trang xin giới thiệu bảng Quyền duyên.

<table>
<tr><td></td><td colspan="4">Quyền Duyên</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4">22 Quyền</td></tr>
<tr><td rowspan="2">I. Sắc quyền
(1-8)</td><td rowspan="2"></td><td>1. Nhãn quyền</td><td>2. Nhĩ quyền</td><td>3. Tỷ quyền</td></tr>
<tr><td>4. Thiệt quyền</td><td>5. Thân quyền</td><td>6. Nữ quyền</td></tr>
</table>

		7. Nam quyền	*8. Sắc Mạng quyền*	
II. Danh mạng quyền (9-14)		*9. Ý quyền*		
	Thọ	*10. Lạc quyền*	*11. Khổ quyền*	*12. Hỷ quyền*
		13. Ưu quyền	*14. Xả quyền*	
III.Quyền đưa Đến giác ngộ (15-19)		15. *Tín quyền*	16. *Tấn quyền*	17. *Niệm quyền*
		18. Định quyền	*19. Tuệ quyền*	
IV. Siêu thế quyền (20-22)		*20. Vị tri quyền*	*21. Dĩ tri quyền*	*22. Cụ tri quyền*

22 quyền này thật ra cũng không có gì [khó]. Có nhiều cách chia, ở đây Thiện Trang chia thành thế này:

I. Chia theo Sắc quyền (1-8): thì có [8 quyền], gồm: 1. Nhãn [quyền], 2. Nhĩ [quyền], 3. Tỷ [quyền], 4. Thiệt [quyền], 5. Thân [quyền], 6. Nữ quyền, 7. Nam quyền, và 8. Sắc mạng quyền.

Nhãn quyền, Nhĩ quyền, Tỷ quyền, Thiệt quyền, Thân quyền, thì [đây là] 5 căn. Thêm Nam quyền, Nữ quyền cũng liên quan đến Sắc, và Sắc mạng căn, cho

nên đưa vào Sắc quyền. Có người kéo thứ quyền thứ 8 [Sắc mạng quyền] này đi xuống dưới. Thiện Trang giới thiệu từ từ cho quý vị đỡ choáng.

1. Nhãn quyền: #Nhãn là con mắt. Khả năng của mắt là kiểm soát, quản lý, điều tiết để thực hiện chức năng thấy. Có nghĩa là chúng ta thấy, ví dụ như bây giờ quý vị vào nhìn màn hình, thì quý vị thấy Thiện Trang hay thấy hình Phật? Đằng trước có hình Phật, hoặc đằng sau có hình Phật. Thì khả năng lọc dữ liệu, [tức] là điều khiển con mắt của mình để tập trung vào đối tượng nào đó, để gom dữ liệu v.v… Đó gọi là quyền.

Quyền có nghĩa là cai quản, điều hành, kiểm soát v.v… Đây là mới nói quyền thôi, chưa nói Quyền duyên. Quyền này ảnh hưởng đến một đối tượng nào đó. Ví dụ cùng nghe pháp với nhau, nhưng người thì lo nhìn thầy Thiện Trang thôi, người thì lo nhìn Phật: *"Đằng trước thầy có tượng Phật trắng đẹp quá!"*. Có người thì nói: *"Bức tranh đằng sau Thầy đẹp quá!"* Lo nhìn Bồ-tát gì đó, nhìn hình ở trên, v.v… nhìn một hồi quên mất, không để ý đến pháp, thì đó là Quyền duyên.

Có nghĩa là sự thấy của mình, mình thấy điều gì, tập trung vào điều gì, thì cũng tác động ảnh hưởng đến một yếu tố nào đó. Yếu tố là quý vị nghe pháp có tốt hay không. Vì chúng ta thấy không đúng đối tượng, cho nên mình nghe pháp dở, trật lất. Nghe pháp, không lo tập trung nghe, mà lo nhìn đâu đâu. Đó là Quyền duyên của mình kiểm soát không chính xác, cho nên nghe pháp không nắm được nội dung, quý vị hiểu không? Đó là Nhãn quyền.

2. Nhĩ quyền: #Nhĩ là tai. Quyền [của tai] là điều hành, kiểm soát âm thanh, những gì nghe được, có chức năng nghe được. Có khi mình ở giữa đám đông, [ví dụ] bây giờ có nhà hàng xóm thì hát karaoke, nhà kia thì đang cãi nhau chí chóe, ở ngoài đường tiếng xe chạy ầm ầm, nhưng quý vị vẫn nghe được tiếng pháp của Thiện Trang đang giảng. Bởi vì sao? Vì quý vị có Nhĩ quyền. Có nghĩa là nó sẽ tự động lọc lại dữ liệu, tự động chỉnh lại, bỏ mấy cái này đi, bỏ mấy cái kia đi. Và khả năng ai chỉnh được tốt hơn, lọc được tốt hơn, gọi là bộ lọc của Nhĩ thức tốt hơn, thì quý vị nghe pháp hiệu quả hơn. Còn người kia thì nổi sùng lên, một hồi toàn lạc vô bài hát gì đó của hàng xóm v.v… Đấy cũng là tác động đến, tức là đối tượng

này tác động đến đối tượng kia, bằng cách kiểm soát được tốt hay không, [tức là] giúp cho nghe pháp thành tựu hay không. Pháp này giúp pháp kia như vậy, đó gọi là Nhĩ quyền.

3. **Tỷ quyền**: #Tỷ là mũi. Cũng vậy, Tỷ quyền là khả năng kiểm soát, chắt lọc, điều tiết được những mùi mà mình [ngửi] được. Tỷ quyền này cũng có chức năng tương tự. [Ví dụ] đang nghe pháp, mà mình nghe có mùi gì ở ngoài bếp ngon quá, hình như đang ăn sầu riêng (người miền Nam hay ăn sầu riêng), thơm quá. Ngửi một hồi thì quên mất nãy giờ thầy Thiện Trang giảng đến gì rồi. Hoặc là ở nhà đang có món bánh xèo hay món gì đó, nghe thơm phức. Hoặc là đang nghe pháp mà có mùi nước hoa bay phảng phất ngang qua, nghe khó chịu quá.

Như vậy những điều đó [đều] tác động đến. Nếu như mình biết điều tiết tốt, mình loại bỏ ra, thì như vậy sẽ thành yếu tố giúp cho việc nghe pháp của mình tốt. Ngược lại thì sẽ thành tựu cho mình một [việc] gì đó.

Có những người vì mê mùi nước hoa, mà cuộc đời người ta bị thay đổi. Ví dụ đi ngang qua [ai đó], mà nghe một mùi nước hoa thơm quá, thích quá, rồi từ đó nhớ cái mùi đó. Từ đó không biết trong nhóm mấy người đi ngang qua là người nào, [làm cho] đêm về say mộng uyên ương. Rồi ngày nào đó rước người ta về. Rước người ta về, rồi từ đó đời anh thay đổi, từ đó cuộc đời anh khổ miết luôn, đúng không?

Đấy tức là vì không kiểm soát được một vấn đề gì đó hay một yếu tố nào đó. Ý Thiện Trang nói vậy cho quý vị dễ hiểu. Tức là [vì] cái mùi đó, nhờ sự không kiểm soát của mũi (Tỷ thức), mà khiến cho dẫn đến một ngày nào đó người ta cưới một cô nàng nào đó, đúng chưa? Cho nên tuy là một đối tượng nhỏ, nhưng [có] quyền. Nó nắm quyền là vậy đó quý vị. Quyền đó ghê lắm! Nó có quyền mà, dẫn mình đi đâu luôn.

Cho nên người tu hành tại sao phải tu Tứ niệm xứ là vậy, [để] kiểm soát các căn. [Còn] người thế gian thì họ chạy theo [các căn]. Mình cũng xài các quyền này,

vì các quyền này [là] thành tố tạo ra vũ trụ. Chúng sanh với vũ trụ là do mấy điều này mà ra thôi. Nếu như chúng ta kiểm soát tốt, thì chúng ta sẽ đi vào Thánh đạo.

Người tu hành là gì? Là mình biết mùi đó. Thu nhiếp các căn là không phải không biết. Ta biết mùi này, mùi này là mùi nước hoa, mùi này là mùi bánh xèo, mùi này là mùi bắp nướng v.v… Mùi nào cũng được, nhưng ta không quan tâm đến, tức là mình không chạy theo nó. Đó gọi là tu hành, mà bình thường gọi là tu Tứ niệm xứ.

Còn người không biết thì chạy theo: "Ôi thơm quá!" Người ăn chay lâu năm rồi, ra ngoài hàng quán bữa đó họ nướng món gì nghe thơm phức, ngửi ngửi. Ngửi một hồi là mê luôn. Còn có người thì chịu không nổi: "Khó chịu quá! Khó chịu quá!" Vì tanh quá. Đấy cũng là quyền, là Tỷ quyền.

4. **Thiệt quyền**: #Thiệt là lưỡi. [Thiệt quyền] là khả năng kiểm soát về cảnh vị, tức là mùi vị. Lưỡi mình nếm mùi vị. Người tu hành nên cực kì kiểm soát điều này. Mình ăn uống cũng là một trong những điều kiện để sống được ở thế gian.

Và nếu người ăn khoa học thì họ biết cách ăn. Tuổi trẻ thì khác, trẻ thì có sức khỏe, ỷ mạnh nên ăn cái gì cũng được, ăn kiểu gì cũng được. Nhưng lớn lên rồi thì bắt đầu người ta có xu hướng ăn rau nhiều, tự nhiên lớn lên là ăn rau nhiều thôi. Tại vì sao? Vì tuổi trẻ thì cần nhiều mỡ, nhiều dầu, để cho cơ thể mập, lớn cho nhanh, nên ăn mấy thứ đó. Còn khi người lớn tuổi rồi, thì cơ thể đâu có lớn nổi nữa, cho nên chỉ thường ăn rau thôi, bổ sung các chất đó. Đó là lý do tại sao khẩu vị của người trẻ, với khẩu vị của người lớn tuổi khác nhau. Mình cũng phải kiểm soát được các mùi vị v.v... Mình kiểm soát được, mình nắm được, đó gọi là Thiệt quyền.

5. Thân quyền: #Thân là thân thể này. Cảnh của thân thể là cảnh xúc. Cảnh xúc tức là những gì mà cơ thể mình tiếp xúc. Ví dụ mình đặt tay vào cái gì đó, thì mình cảm thấy êm ái [chẳng hạn]. Có người thì thích êm ái, có người thì thích mềm mại, có người thì không thích. Nhưng Thiện Trang nghĩ đa số đều thích mềm mại, chẳng có ai lại không thích. Rồi trơn láng, kiểu gì đó, thì đó [là] xúc chạm.

Những xúc chạm đó đôi khi cũng làm cho người ta dẫn khởi lên những chánh niệm và tà niệm. Người tu hành thì biết rõ từng thứ, từng thứ như vậy, mình kiểm soát được. Đó gọi là Thân quyền. Tương tự như vậy! Quý vị hiểu năm quyền này, đầu tiên là Nhãn quyền, Nhĩ quyền, Tỷ quyền, Thiệt quyền và Thân quyền.

6. **Nữ quyền**: Nữ quyền không phải là quyền của người nữ. Nữ quyền này nói cũng vui lắm, hay lắm! Nữ quyền là gì? Có nhiều định nghĩa, ở đây chúng ta có thể định nghĩa là trạng thái của người nữ, tức là người nữ thì có những đặc tính người nữ. Ví dụ như khi sanh ra, tự nhiên lớn lên thì người ta có khả năng ẻo lả, cười rồi chống tay, chống cằm, tạo duyên, tạo dáng đủ các kiểu... Dịu dàng, mềm mại, cười rồi làm duyên, làm dáng, thì đó gọi là Nữ quyền.

Có người nói những điều này là do hormone. Thực ra người ta nghiên cứu thì cũng có một phần [do] hormone, [và cũng] có những yếu tố nào đó. Điều đó rất kỳ lạ! Và quý vị làm thân nữ thì thường [có yếu tố] này. Ở đây các cô nhiều nên các cô biết.

Thiện Trang sẵn nói trong Kinh Tăng Chi, đức Phật có đưa ra mục số tám, tám pháp (tám hình tướng) mà nữ nhân trói buộc người nam, gồm:

1. Này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với sắc. (Sắc là dáng hình của người ta đẹp).

2. Nữ nhân trói buộc nam nhân với tiếng cười. (Người ta cười thôi là nam nhân cũng tiêu rồi, bị trói buộc rồi đó).

3. Nữ nhân trói buộc nam nhân với lời nói.

4. Nữ nhân trói buộc nam nhân với lời ca.

5. Nữ nhân trói buộc nam nhân với nước mắt. (Người nữ có sức mạnh kinh khủng là sức mạnh của nước mắt).

6. Nữ nhân trói buộc nam nhân với quần áo. (Người nữ mặc đồ diện cho đẹp vô. Bây giờ người ta mặc mấy đồ khêu gợi đó, khiến cho trói buộc bao nhiêu ông).

7. Nữ nhân trói buộc nam nhân với vật tặng. (Vật tặng tức là tặng quà).

8. Nữ nhân trói buộc nam nhân bằng xúc chạm.

Tám điều đó cũng là tám điều mà nam nhân trói buộc nữ nhân, chứ không phải mỗi nữ nhân trói buộc nam nhân không, ngược lại như vậy. Đấy là trong kinh đức Phật nói.

Như vậy Nam quyền với Nữ quyền cũng tương tự nhau thôi, tức là người nữ thì có những tính ẻo lả, mềm mại, nói chuyện cứ ẻo ẻo, không biết thế nào, nhưng tự nhiên như vậy. Nếu quý vị là thân nam thì quý vị không có kiểu đó.

7. Nam quyền: Tính của người nam thì sao? Nam quyền tức là những điều này giúp cho thực hiện được [tính cách] của người nam. Người nam thì mạnh mẽ, hùng dũng, mạnh bạo, xông pha không sợ gì cả.

Đó là Nam quyền và Nữ quyền. Những yếu tố này hay lắm, nó tự nhiên như vậy, và giúp cho những điều khác thành tựu.

[Về] Nữ quyền, ví dụ như nhờ quý vị có thân nữ, nên quý vị rất dễ tin. Nhờ dễ tin, chịu khó, chịu khổ nên quý vị tu được. Người nữ thì siêng năng, làm công quả không biết ngại ngần, thường là vậy. Còn mấy ông thì lười, mấy ông thích làm mấy việc lớn thôi, mấy việc nhỏ nhỏ như bắt vô chà rửa nhà vệ sinh, hay làm gì đó, thì mấy ông ngại lắm. Mấy ông thích khiêng cây, hay khiêng gì thì làm được. Đấy là Nữ quyền và Nam quyền. Tức là do yếu tố đó tác động đến sự tu tập của mình, tác động đến những yếu tố khác trong đời.

Cho nên nam thì có điều hay của nam, nữ thì có điều hay của nữ. Tất nhiên trong kinh đức Phật nói người nữ nghiệp nặng hơn, có nhiều điều xấu hơn. Đây không phải là chúng ta nói xấu, mà thực tế là vậy. Ví dụ người nữ [chịu] nhiều thiệt thòi hơn, sức khỏe người nữ thông thường yếu hơn người nam về sức lực.

Bây giờ cho ra vác bao gạo 50 ký, thì người nam vác nổi, còn người nữ vác không nổi, 20 ký nhiều khi đã không vác nổi rồi, đó là Nữ quyền.

Nên điều này cũng khiến tác động đến một số vấn đề. Ví dụ như tu tập, người nữ không thể hành hạnh Đầu đà được, không thể ở trong rừng vắng được, không thể ở trong nghĩa địa hoang sơ, hoang vu một mình được. Tỳ-kheo-ni phải có đôi, đi đâu cũng phải có người, cho nên hai cô đi chung với nhau thôi, thậm chí phải ở nơi có Tỳ-kheo tăng. Tại vì sao? Không có Tỳ-kheo tăng, lỡ đông người tới cướp, nguy hiểm. Cho nên phải ở gần. Đấy cũng là Nữ quyền. Vì [là người] nữ, tính nữ v.v… yếu đuối thế này thế kia, mà ảnh hưởng đến sự tu hành, khiến không tu được hạnh Đầu đà.

Còn người nam thì xông pha trận mạc, không sợ gió sương, cho nên tu tập cũng tốt hơn. Lên trên rừng cất chòi, cất cái am hay thất gì đó. Hoặc là khỏi cất, ở trên cây luôn cũng được, làm như Ô Sào Thiền sư cũng được. Đó là về tính cách, về mọi phương diện, cũng ảnh hưởng đến rất nhiều yếu tố khác. Cho nên đó là thành tố quan trọng xây dựng nên vũ trụ. Và yếu tố này ảnh hưởng đến những pháp khác, để thành tựu các pháp. Nên gọi là Nữ quyền hay là Nam quyền.

8. **Sắc mạng quyền**: Sắc mạng quyền có người chia ra [2 phần] Danh và Sắc. #Sắc là hình sắc; #Sắc mạng nói đơn giản là thọ mạng của mình. Sắc mạng quyền này duy trì tuổi thọ. [Quyền] này [duy trì] tuổi thọ, thì mấy yếu tố trên Nữ quyền, Nam quyền, Nhãn quyền, Nhĩ quyền mới duy trì được. Nếu không có tuổi thọ này, thì mấy điều kia cũng tiêu luôn.

Điều này quý vị nên để ý, điều này quan trọng! Nếu Sắc mạng quyền không còn, thì mấy [quyền] trên không còn. Nhưng ngược lại, mấy quyền trên không còn, thì Sắc mạng quyền có còn không? Bây giờ hỏi ngược lại, mấy [quyền] trên như Nhãn quyền, Nhĩ quyền, Tỷ quyền, Thiệt quyền, Thân quyền, Nữ quyền, Nam quyền không còn, thì Sắc mạng quyền có còn không? Tức là thọ mạng của mình còn không? Vẫn có thể còn! Có nghĩa là thọ mạng của mình còn, Nhĩ quyền không còn nữa thì chẳng qua là bị điếc tai thôi, không nghe được thôi, không sao! Hoặc là mất đi Nữ quyền, tức là đi phẫu thuật chuyển đổi giới tính v.v… thì vẫn được.

Còn Sắc mạng quyền là duy trì tuổi thọ, và điều này cũng mạnh mẽ lắm. Ví dụ như tu hành cũng vậy, mình cũng cần Sắc mạng quyền, vì sao? [Vì] Sắc mạng này, thân mạng này, tuổi thọ này còn [thì mình mới tu được], chứ mình không có tuổi thọ, chết mất rồi [thì] làm gì được. Và những [yếu tố] trên cũng là quyền, bởi vì nếu mình không có tai thì cũng không nghe pháp được, mắt mình không thấy thì đọc chữ cũng không được. Rồi người ta tả nhiều thứ nào là mùi vị, hương... mà mình bị bệnh nào đó thì mình cũng không ngửi được.

[Những điều này] ảnh hưởng đến rất nhiều yếu tố, nên mới gọi là quyền. Quyền là 22 yếu tố này, 22 thành tố này ảnh hưởng quá lớn đối với vũ trụ và chúng sanh, nên nói là quyền. Quyền là lớn giống như vua hay Bộ trưởng gì đó nắm quyền, gọi là nắm quyền cả thế giới, nắm quyền cả vũ trụ, cả chúng sanh, là 22 yếu tố này. Đó là Sắc mạng quyền, Sắc mạng quyền này có khi chia ra khác nhau.

II. Danh mạng quyền (9-14): gồm có:

9. Ý quyền: Ý quyền cũng dễ thôi, là dẫn dắt các Tâm sở. Tâm sở là cảm giác của mình, hay cảm thọ của mình, nào nóng giận, tức tối, hay gì đó... thì điều này thuộc về Ý quyền. Tại vì sao? [Vì] nó dẫn dắt, ví dụ có nhiều yếu tố, có người [gặp] chuyện này [thì] họ chịu đựng được. Cũng chuyện đó, nhưng người khác thì không chịu đựng được.

Ví dụ như Thiện Trang đi lên độ cao tầng bốn, tầng năm, khi nhìn xuống thì Thiện Trang thấy cảm giác hơi sợ sợ. Đó là Thiện Trang chịu không được. Nhưng có người khác lên tầng bốn, tầng năm, thậm chí lên tầng tám, tầng mười, thì họ vẫn ra lầu đứng vui vẻ, tung tăng, [hay] đu trên dây điện vô tư. Đó là họ không sợ độ cao. Như vậy đây là thuộc về Ý quyền. Có nghĩa là tuy cùng một cảnh, mình thấy cảnh độ cao, tức là mắt mình thấy, đưa vào, nhưng ý của mình xử lý khác nhau, là do ba yếu tố: Một là yếu tố Tiền nghiệp, hai là khuynh hướng tâm lý, và ba là môi trường sống, do ba yếu tố này thôi.

1. Tiền nghiệp là nghiệp đời trước. Do đời trước tôi té cây chết, nên tôi sợ, có ấn tượng trong A-lại-da thức như vậy. Còn người đó đời trước làm khỉ quen

rồi, trèo cây nhảy nhót quen rồi. Khỉ, vượn quen đu trên cây cho nên không sợ. Đó là Tiền nghiệp.

2. Khuynh hướng tâm lý là tại tôi thích sống dưới đất quen rồi, tôi không thích sinh sống trên cao. Còn người kia thì quen sống trên cao rồi. Đó là do sở thích nhiều đời, đời này đời kia thích như vậy. Họ thích sống trên núi cao, quen rồi.

3. Ba là môi trường sống. Ví dụ Thiện Trang toàn sống ở dưới đất hoài nên quen. Còn người đó ở nhà chung cư, suốt ngày ở trên tầng cao, nên dần dần quen.

Ba yếu tố đó tác động, dẫn đến Ý quyền của mình khác nhau. Quý vị hiểu đại ý như vậy. [Ý quyền] là cai quản, khởi tâm với nhau. [Như] Thiện Trang thì khởi Tâm sở sợ, còn người ta lên thì [thấy] đẹp quá. Đó là Tâm sở hoan hỉ khởi lên, sự dẫn dắt đó là Ý quyền. Nhưng nếu mình tu tập thì mình chuyển [được] một phần. Tức là chuyển một phần thôi, chứ không chuyển được nhiều. Bao giờ phải thành Thánh nhân, A-la-hán thì mới hết sợ hãi. Còn mình phàm phu thì mình cũng hơi sợ sợ chút. Thậm chí bậc Hữu học cũng còn chưa hết được. Đến đây thì chúng ta hiểu được Ý quyền.

Tiếp theo từ 10 đến 14 là thuộc về Thọ; #Thọ là thọ lạc, [thọ khổ]. Thọ này gồm năm quyền trong đó:

10. Lạc quyền: là điều khiển để có niềm vui. Giống như Thiện Trang nói, cũng độ cao đó mà người kia thì vui vẻ, hoan hỉ, cười ha hả, còn mình thì sợ. Đấy là do Lạc quyền điều khiển mình, ảnh hưởng tới mình. [Hoặc là] cùng bài pháp Thiện Trang đang giảng, có người nghe thì thấy sao hoan hỉ, an lạc, *"bữa nay thầy Thiện Trang giảng hay"*. [Còn] có người thì nói: *"Bữa nay ổng nói xấu mình không à"*. Đó là do cảm nhận của mỗi người.

Và tại sao quý vị lại nghe ra là ông thầy nói xấu mình? Thiện Trang xin phân tích thế này, có hai yếu tố: Thứ nhất là do mình có nhiều tật xấu quá, cho nên thầy nói gì cũng [có mình] trong đó. [Thật tế] là họ không có nói mình, nhưng mình thì nghe ra toàn là nói mình không à. Tức là mình có nhiều tật xấu quá. Và [thứ hai]

xui cho mình nữa, là mình ở gần thầy, nên mình nghĩ là thầy biết mình. Hoặc là mình có tiếp xúc với thầy, nên nghĩ thầy biết mình, ổng nói mình.

Cho nên phúc thay cho những người nghe pháp, thấy thầy nói mình không, [nhưng nghĩ]: *"May quá! Thầy không ở gần mình, chắc ổng nói người khác vô tình trúng mình thôi"*. Thì điều đó mình tiếp nhận được đúng không? Mình tự sửa được. Còn xui cho những người ở bên cạnh, ở gần, nghe thì thấy thầy toàn nói xấu mình, toàn nhắm vào mình không à. Mặc dù người ta giảng không có ý đó, nhưng do mình không ok, tức có mình nhiều vấn đề quá, cho nên mình thấy như vậy. Đó là cũng tạm tạm chút. Còn quý vị tốt hơn, nghe ra thì tốt rồi, [thì] mình sửa thôi. [Dù thầy] nói cố tình hay vô ý gì, mình nghe qua thì mình sửa. Còn như [trên] thì không được, nghe rồi thì phải sửa, chứ nghe mà tức tối lên là tiêu rồi.

Đa số đồng tu trên mạng đâu biết Thiện Trang, Thiện Trang nói thì nói vậy thôi, chuyện đó vô tình lỡ trúng quý vị thì quý vị ráng chịu thôi. Giống như bắn mũi tên lên trên hư không, nó rớt xuống đâu mình đâu biết, tên bay đạn lạc đúng không? Cũng vậy, mình nghe mà thấy [lỗi] của mình thì mình lo sửa, đó là tu hành. Còn người nghe, nghe xong mà thấy không liên quan gì đến mình hết, toàn nói ai, v.v… rồi cười ha hả, toàn nghĩ [lỗi] người ta, thì đấy cũng là một vấn đề, gọi là mình thiếu quán sát vào bên trong.

Tu hành thật ra là phải quan sát bên trong mình, gọi là Tứ niệm xứ, quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Quý vị để ý, trong Tứ niệm xứ, thì Thân, Thọ, Tâm thì ba điều là của mình rồi, chỉ có Pháp là bên ngoài thôi. Thân là của mình, Tâm của mình, Thọ cũng của mình, chỉ có Pháp là ở bên ngoài thôi. Cho nên tu là phải xoay vào bên trong. Mình tu mà mình cứ toàn hướng ra bên ngoài, thì thời gian sau [không ổn].

Có câu chuyện, hình như trong [cuốn sách] 30 Năm Chiếc Áo Cũ: Có ông thầy cho Đệ tử xuống núi, kêu: "Cho con cái kính chiếu yêu, con đi đến đâu, muốn biết người ta [có phải] là yêu tinh, yêu quái hay không, tà hay chánh, thì con cứ cầm cái gương (cái kính) này soi lên gương mặt người ta, thì biết người ta là tà hay chánh". [Người này] đi đâu cũng soi soi, mới đầu thấy người này là chánh này,

người này là tà này, một hồi sau soi thấy sao mà nhiều tà quá. Một ngày nọ, soi một hồi quay qua soi mình, sao cũng thấy tà luôn, thấy hiện con ma trong đó luôn.

Tóm lại là do tâm, thời gian đầu thì mình chánh, nhưng mình lo đi soi người ta riết rồi cuối cùng mình thành tà. Quý vị có thời gian thì tìm cuốn sách 30 Năm Chiếc Áo Cũ. Thiện Trang nghe đại ý thôi, Thiện Trang cũng có file của quyển sách này, nhưng chưa có thời gian coi. Câu chuyện đại ý là như vậy.

Quý vị có thể thấy là, nếu như mình tu mà mình cứ hướng tâm ra bên ngoài tìm lỗi người, nhìn một hồi thì ngày nào đó tâm mình cũng chất chứa toàn là rác. Tức là lượm rác [từ] nhà người ta bỏ vô nhà mình. Nên ngày nào đó nhà mình cũng là toàn rác thôi.

Ý quyền này toàn là Lạc quyền, Thọ quyền, Khổ quyền thì [quý vị] cẩn thận nha! #Lạc là niềm vui, niềm vui cũng làm ảnh hưởng đến sự tu tập rất lớn, ảnh hưởng đến tất cả các yếu tố của chúng sanh. Ví dụ hai người vui với nhau, thì họ mới đến với nhau được. Tu mà có niềm vui thì mới tu được. Nên mình là người tu hành, yếu tố này cũng tác động tới [mình]. Vì vậy hãy cố gắng làm sao nghe pháp bằng tâm hoan hỉ, bằng tâm vui vẻ, đừng có để Khổ quyền.

11. **Khổ quyền:** là nỗi khổ cũng làm chủ cả thế giới. Chúng ta thấy nhiều khi khổ là tốt mà. Ví dụ nhờ sanh ra trong gia đình khổ quá, từ nhỏ quá khổ nên một đứa nhỏ rất nỗ lực phấn đấu, học hành rất ngoan hiền, và lớn lên nó tu hành rất tốt, [vì] có nền tảng đó. Còn người giàu sang quá [nên] khó tu. Làm công tử, công chúa ở nhà quen rồi, vô chùa tu không nổi. Cho nên khổ cũng là [tốt]. [Tuy nhiên] nhiều khi [sự] khổ cũng đẩy người ta đi vào con đường không tốt. Cho nên nỗi khổ cũng nắm một quyền rất lớn trong đời sống của chúng sanh, trong vũ trụ này.

Chính vì nỗi khổ mà người ta có thể đứng lên, lật đổ một đất nước. Và cũng chính vì nỗi khổ mà người ta sẵn sàng làm việc xấu. Cũng vì nỗi khổ mà người ta làm việc tốt, cũng vì khổ mà người ta tu hành. Sự khổ này cũng nắm một quyền rất quan trọng, cho nên gọi là Khổ quyền.

Thiện Trang chia sẻ như vậy thì quý vị dễ hiểu hơn đúng không? Chứ đi vô phân tích đủ thứ [thì khó hiểu]. Tóm lại là cảm nhận về khổ của mình, giúp mình được bao nhiêu, mình tuyển chọn. Người biết tu hành thì biến khổ đau thành niềm an vui, hãy chuyển lại thì đó là biết tu. Hãy cố gắng như vậy! Đó là Khổ quyền.

12. **Hỷ quyền**: #Hỷ là niềm vui, mà niềm vui này sâu hơn niềm vui của Lạc. Đôi khi có người thì nói ngược lại. Nói chung chúng ta cứ hiểu một điều là Lạc quyền, một điều là Hỷ quyền. Chữ Hỷ này có thể giải thích theo kiểu khác nữa; #Hỷ là hoan hỷ, tùy hỷ. Tức là mình thấy những niềm vui của người ta thì mình vui theo. Niềm vui đó cũng có thể giải thích kiểu vậy. Hoặc #Hỷ là niềm vui sâu trong nội tâm. Có khi người ta giải thích ngược lại. Tóm lại chúng ta cứ hiểu rằng: Hỷ là có thể mình tùy [hỷ] với niềm vui của người ta, hoặc là niềm vui sâu hơn ở trong tâm.

Những điều này thì cũng nắm quyền rất lớn trong đời sống tu tập, trong đời sống hằng ngày, quyết định hạnh phúc hay an vui v.v…. [Những quyền này] có quyền lớn như vậy, [có thể] điều hành, điều khiển những điều đó. Cho nên chúng ta nhận được an lạc hay khổ đau v.v… là do mấy [quyền] này. Mấy [quyền] này có quyền ghê gớm lắm, tu hành mà mặt mày nhăn quá là biết mình khổ rồi, là Ưu quyền đó. Có nghĩa là mình bị những điều đó làm chủ. Mình hiểu được như vậy.

13. **Ưu quyền**: #Ưu là lo lắng, ở đây có nhiều người quá lo lắng. Vì quá lo lắng cho nên ngày nào đó ngã bệnh, vô bệnh viện tâm thần, đó là Ưu quyền. Lo càng nhiều thì khổ càng nhiều, và trí tuệ càng giảm, bệnh càng nhiều. Cho nên người biết tu hành thì không có lo. Mình nói không lo thì không phải là mình không lo, [mà] mình lo tu tập, mình không lo lắng theo kiểu sợ điều này sợ điều kia, lo như vậy cũng không giải quyết được gì, mà mình hãy làm đi.

Ví dụ Việt Nam mình bây giờ, đang ở thời buổi kinh tế khó khăn, thì mình cứ làm, làm được bao nhiêu thì làm, tiền thiếu thì cũng phải chịu thôi, có cách nào làm thì cứ làm. Chứ ngồi đó tính, lo ngày mai tiền này tiền kia, tiền học cho con. Bây giờ kinh tế khó khăn quá thì bớt đi. Thiện Trang khuyên đừng cho đi học

thêm nữa, cho con ở nhà học, học được bao nhiêu thì học. Nó học được bao nhiêu, mai mốt nó có phước bao nhiêu thì làm bấy nhiêu. Đó là mình bớt lo.

Ai bảo đua đòi cho hung, lo cho nhiều, tiền bạc không có thì khổ nhiều. Tiết kiệm lại một chút thì mình sống vẫn vô tư. Gia đình ăn chay thì đâu tốn bao nhiêu tiền đúng không quý vị? Đó là những tiết kiệm trong thời nay mình có thể làm được, mình bớt lo, bớt ưu. Chuyện chưa tới thì mình đừng có lo quá, lo làm gì. Chuyện có tới cũng đâu có giống như ý của mình đâu, mà mình suy nghĩ, mình lo tính. Cho nên những người lo [lắng], toan tính nhiều, thì đấy [là Ưu quyền]. Cho nên [Ưu quyền] này cũng nắm quyền quan trọng trong đời sống. Và khi đã căng thẳng lên rồi thì khổ.

Hồi xưa người ta nói: *"Một mái nhà tranh, hai trái tim vàng"* nghe đã lắm, nhưng khi không có tiền là bắt đầu khổ rồi. Lúc đó một mái nhà tranh, hai trái tim vàng không sống được đâu. Hồi xưa Thiện Trang nhớ năm đó lớp 12, Thiện Trang nghe câu hơi lạ một chút, [là] cô giáo dạy Lịch sử nói: *"Hai đứa mà cỡ như mấy đứa* (cỡ học lớp 12)*, tụi nó lấy nhau về thì chỉ có cạp đất mà ăn thôi"*, ngôn ngữ như vậy. Tức là không thể nào sống trong mơ mộng được, phải thực tế. Đấy gọi là Ưu quyền, [là] lo lắng. [Phải] sống thực tế, chứ đừng có sống ảo tưởng. Mình không có việc làm thì mình làm qua ngày, mình sống qua ngày.

Như Việt Nam mình những năm gần đây, thì đa số là xuất khẩu lao động đi nước ngoài rất đông. Người Việt mình liên tục đi, và dòng người ra đi vẫn chưa dứt, ngôn ngữ nói như vậy. Đó là vì kinh tế khó khăn thì người ta phải đi, người ta phải lo lắng đời sống, và đi một cách thoải mái. Đôi khi có những người chuyển khổ đau thành an vui. Tức là nhờ đi như vậy mà gia đình đổi khác, giàu có lên. Tất nhiên không phải ai đi cũng thành công. Cuộc đời mà, có số mạng trong đó, có phước báo trong đó. Mình nghĩ đơn giản, cuộc đời [như vậy] thì mình cứ sống, [và] điều tiết làm sao cho phù hợp. Quý vị đừng lo lắng, đừng nghĩ nhiều. Cho nên Ưu quyền này, tức là sự lo lắng cũng chiếm một phần quyền lớn để tạo ra vũ trụ, tạo ra chúng sanh khổ đau hay vui vẻ.

14. **Xả quyền**: #Xả là thọ xả, tức là mình phải bỏ đi những điều gì, gọi là mình thản nhiên đón nhận với tất cả mọi thứ. Ở đời thì mình phải có điều này. Thứ nhất xả đối với nội tâm, đối với mình. Có nghĩa mình nhẫn được những gì người khác không nhẫn được. Ví dụ nóng quá, lạnh quá, v.v… mình cũng chịu trận được một chút khá khá. Rồi khi bị người ta chửi, người ta làm khó, làm gì… [thì] mình phải xả. Quý vị phải có nhẫn.

Và nhẫn này thì mình cố gắng học nhẫn trong tâm, đừng có nhẫn bên ngoài. Có nhiều người chỉ nhẫn bên ngoài thôi. Tức là người ta chửi, người ta mắng, người ta nhiếc thì không nói lại, nhưng trong tâm thì hờn giận người ta, tức lắm, chẳng qua không nói lại thôi, nhưng tức. Đó là chưa xả được. Tu hành phải có khả năng này. Nên việc xả này cũng nắm một quyền quan trọng trong hạnh phúc.

Một gia đình hạnh phúc, là khi hai vợ chồng có khả năng xả đi những điều không nên mang trong tâm. Có những điều đôi khi quý vị thấy không đúng, không tốt, nhưng nhiều khi phải ngó lơ. Đơn giản khi quý vị về nhà, thấy ông chồng bày bừa đủ các đồ đạc, mà quý vị hét lên, thì đôi khi ổng bực, ổng quánh (đánh) hoặc chửi lại, rồi cuối cùng gia đình tan tác. Trong khi đó nếu mình xả được thì thôi, tính ổng như vậy thì thôi kệ đi, mình sống với ổng bao nhiêu năm mình biết rồi, thôi mình bỏ qua, thì được. Tức là mình phải có khả năng xả (nhẫn), buông nhẹ ra. Cho nên xả nắm một quyền rất lớn, nên mới là Quyền duyên chứ.

Tu hành cũng vậy, nhiều khi vô Đạo tràng, mới tu mấy hôm mà gặp người đồng tu nói khích bác gì đó, chịu không nổi, chạy luôn. Hoặc bữa đó gặp thầy giảng, nói khó quá chịu không nổi, nghe không được, hay nói đụng chạm mình nghe không được, không êm tai, nên chạy luôn. Đó cũng là Xả quyền, và [như vậy thì] chạy cả đời.

Quý vị thấy những người tu hành được là người ta trụ được. Còn không thì chạy vòng vòng, vòng vòng. Lúc nào làm khách thì cũng sướng, nhưng tới khi quen quen thời gian rồi thì [khó khăn]. Đặc biệt có nhiều người có tính kì lắm, đối với người lạ thì rất tốt, đối với khách thì rất tốt. Nhưng khi quen rồi thì đối tệ lắm, bắt đầu chửi rủa tùm lum hết. Đấy là mình sống không được. [Nên] phải làm sao

đó, đối với người thân thì quý vị phải nghĩ là: người sống với nhau càng thân, mình [phải] quý hơn người xa lạ chứ. Quý vị ham thích đồ mới không à, quên mất rằng đồ cũ trong nhà, đồ càng để lâu thành đồ cổ thì mới quý, còn đồ mới xài vài bữa là hư mất rồi.

Cho nên mình phải trân trọng mối quan hệ với đồng tu cũ, với người cũ. Đặc biệt mình sống càng lâu, mình càng hiểu người ta hơn. Còn nếu mình chỉ thích những cái mới, cái mới thì nhìn dáng đẹp, nhưng bên trong chưa chắc đã tốt. Thiện Trang không nói xấu hết, nhưng chưa chắc! Mình phải cần thời gian tìm hiểu, cần này kia.

Đấy là một điều dại mà Thiện Trang thấy đa số, không phải tất cả, nhưng có nhiều người dại như vậy. Tức là toàn thích tìm mới, đồng tu mới thì mới tốt, thầy mới thì mới tốt, cái này mới thì mới tốt. Nhưng quên mất rằng mình có những cái cũ mà mình vẫn xài được. Cho nên mình phải hiểu. Đấy là các quyền thuộc về Danh mạng quyền.

III. **Quyền đưa Đến giác ngộ (15-19)**, gồm có: 15. Tín quyền, 16. Tấn quyền, 17. Niệm quyền, 18. Định quyền, 19. Huệ quyền (Tuệ quyền). Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, đây là năm mục quan trọng trong việc tu tập, và đưa đến giác ngộ.

15. **[Tín quyền]:** #Tín là niềm tin. Niềm tin này nói đơn giản là sự tin tưởng. Tại vì điều này đưa đến giác ngộ, cho nên không nói đi đâu hết, tin ở đâu? Tin vào Tam Bảo. Tâm sở đó là Tâm sở Tín. Vậy niềm tin này có được khi nào?

Hôm thứ hai vừa rồi, trong lớp học cũng có người hỏi: *"Làm sao để có được niềm tin?"* Câu hỏi cũng rất hay. Thiện Trang trả lời trong đó rồi, nhưng Thiện Trang vẫn chia sẻ lại cho quý vị, tại vì có nhiều người vẫn chưa được nghe. Quý vị xây dựng niềm tin đối với Tam Bảo qua ba điều, đó là ba loại trí: trí của Văn, trí của Tư, và trí của Tu. Chúng ta có Tam học (Văn, Tư, Tu) và Tam vô Lậu học (Giới, Định, Huệ).

Văn là nghe, quý vị có niềm tin qua nghe. Ví dụ Thiện Trang giảng pháp, giảng kinh v.v… thì quý vị có thể nghe. Văn này là không chỉ nghe qua tai, mà có

thể đọc nữa. Mình nghe qua một hồi mình thấy tin tưởng vị thầy đó, tin tưởng Thiện Trang, tin tưởng kinh Phật, tin tưởng Pháp môn mình tu, tin tưởng lời Phật dạy, tin tưởng Tam Bảo (tin Phật, tin Pháp, tin Tăng)... Niềm tin đó [có được là] qua việc nghe.

Do mình nghe một hồi nên [mình] tin, tại vì mình nghe hoài thì mình sẽ có niềm tin thôi, đó là điều đương nhiên, [và] niềm tin của mình sẽ củng cố. Niềm tin đó là tín qua Văn (tức là qua nghe). Niềm tin này mới là bước một thôi. Vì niềm tin [qua] nghe thì bữa nay mình nghe điều này, bữa sau mình nghe điều ngược lại, thì mình hết tin.

Ví dụ mình nghe thầy đó tốt lắm, ca ngợi thầy đó tốt. Nhưng bữa nào nghe người ta nói xấu thì mình hết tin. Nghe thuận thì tốt, [nhưng] nghe ngược thì không tốt. Tin người này thì cũng dễ tin người kia, cũng nghe [người kia] thôi. Vậy thì niềm tin đó yếu lắm.

Nghe nhiều thì chỉ có một hướng thôi. Cho nên vô người ta bắt theo một vị thầy. Người ta sợ điều đó đó quý vị, tức là sợ [chúng sanh] nghe theo người khác, hết tin mình nữa. Đó là người ta nhốt quý vị vì lý do đó. Tín đó thì yếu lắm quý vị. Thiện Trang nói đa số người tu bây giờ là nghe [như vậy] đó, nghe vị thầy nào là tin vị thầy đó, và [không] nghe thầy khác nữa. Bữa nào nghe thầy khác là bắt đầu chỏi nhau, là thôi không tin nữa. Tín đó thì kém, là bước một.

Tín thứ hai là tín qua Tư, Tư là nâng cấp lên một bậc. Tư là tư duy, suy nghĩ. Có nghĩa qua những dữ kiện mình nghe, nghe thầy này cũng được, nghe thầy kia, một hồi nghe nhiều thì tự nhiên mình tư duy logic lại. Ngày nào đó có người nói điều đó không đúng, [hoặc là nói] thầy đó nói vậy thôi chứ ổng không có tu đâu, thế này thế kia. Bắt đầu mình có tư duy, mình suy ra: Không phải đâu, vị thầy đó tu thiệt đấy chứ. Nếu ông tu giả thì làm sao được [như vậy]. Nếu tu giả thì ổng phải có đông đồ chúng, ổng phải xây chùa to Phật lớn, phải kêu gọi cúng dường cho nhiều chứ. Đằng này đâu có thấy đâu, nói ổng tu giả là không hợp lý. Việc tư đó là mình đem dữ kiện từ văn (là từ nghe) mình đúc kết lại, mình rút ra được logic.

Ví dụ thầy Thiện Trang đâu có thấy đăng số tài khoản kêu gọi cúng dường đâu, không có! Thậm chí còn nói này nói kia nữa v.v… Nghe Phật nói hợp lý mà, [nên] mình tin luân hồi. Mình nghe một hồi thì mình thấy luân hồi là có thật, mặc dù mình chưa thấy quỷ ma gì hết, mình cũng không thấy Địa ngục. Nhưng với những gì mình nghe được, mình tư duy lại thì mình thấy hợp lý quá. Đức Phật không thể nào nói dụ dỗ người ta, bày ra được nhiều điều hợp lý đến mức độ cỡ đó. Tin đó là tin qua Tư, là quý vị vượt lên một bậc nữa. Ít nhất phải có hai niềm tin đó.

Hai niềm tin đó, nói thật với quý vị là xài được tương đối [thôi], là quý vị đứng được hơi cứng. Có nghĩa là đối với những ngọn gió người ta cung cấp thông tin ngược, thông tin xuôi về vấn đề nào đó, thì quý vị cũng có thể tư duy đem ra bác lại được, gạt ra được, biết đâu là chánh, đâu là tà được. Nhưng niềm tin đó chưa xài tốt được. Tại sao? Niềm tin đó không xài được khi nghiệp tới, nghiệp tới là quý vị có thể không tin người đó nữa, [nghiệp] cỡ nào đó khiến cho quý vị không tin người đó nữa, không tin Tam Bảo nữa, lôi một hồi quý vị đi theo đạo khác. Cho nên niềm tin đó chưa đủ, tuy khá rồi nhưng chưa đủ.

Niềm tin đủ là niềm tin thứ ba, là niềm tin của Tu, (Văn, Tư, Tu). Tu là gì? Bây giờ có hai điều tu: một là tu Chỉ, [hai] là tu Quán. Tu Chỉ là ngồi nhập định, một hồi ngồi vô được Nhị thiền, thì quý vị thấy rõ ràng ma quỷ là có thiệt, thấy Địa ngục kìa, chư Thiên kìa, thấy rõ ràng, các cảnh giới khác thấy hết. Cho nên tin lời Phật dạy, tin Tam Bảo. Thấy ông thầy đó tâm sáng ghê, hào quang sáng chói. Với Thần thông của một người tu đến Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền càng tốt, tu nhiều quá cho nên quý vị thấy các cảnh giới, vì vậy quý vị có niềm tin vững hơn. Đó là tin nhờ Thiền chỉ và niềm tin đó là nhất thời. Có nghĩa là khi nào có định thì quý vị tin được nhiều hơn, và niềm tin đó cứng hơn. Nhưng [niềm tin đó] chưa đủ! Quý vị phải có niềm tin của Thiền quán. Niềm tin của Thiền quán là tin kiểu gì? Có nghĩa là quý vị tu một hồi, không biết tu làm sao đó, mà tự nhiên thấy ra những điều mà mình không thấy. Mình hiểu ra được những điều mà [bình thường] mình không hiểu. Ví dụ như quý vị ngộ ra: Ồ! Phật pháp hay quá! Tức là bình thường quý vị cố nghĩ, nhưng cũng không nghĩ ra. Lúc đó do định lực của

mình tu thế nào đó, tự nhiên sáng lên một ánh sáng, giống như mình tin, mình thấy Phật pháp rất [hay].

Ví dụ như quý vị ở trong nhà, ngày nào đó quý vị thấy: hóa ra ông chồng của mình đời trước là người nợ mình, nên đời này ổng tới, ổng đi làm rồi cho mình [tiền] vậy thôi. Mà mình tự nhiên thấy như vậy, chứ không phải là nghe nói. Rồi tự nhiên mình nghe pháp, mình thấy sao Phật pháp hay quá, có điều gì đó đặc biệt mà [khiến] mình tin một cách tuyệt đối. Và niềm tin tuyệt đối đó được xây dựng. Quý vị thấy những đồng tu vào nhập thất, tự nhiên thấy niềm tin lóe lên một chút thôi. Sự lóe lên một chút đó, là niềm tin tăng lên một chút. Và [niềm tin đó] mới vững quý vị à. Còn hai điều trên thì không vững.

Và người vào được trạng thái đó thường xuyên, mình gọi là Tiểu tiểu ngộ (một chút ngộ), thật ra là do mình hiểu pháp Tứ đế, bằng sự ngộ của mình. Thì sự ngộ đó [giúp] dứt nghi đối với Tam Bảo một cách rốt ráo. Và khi mình đủ, gọi là mình chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì niềm tin đối với Tam Bảo không có lay sụt.

Chứ còn bây giờ tu chưa tới đó thì không được. Điều đó thuộc về tu công phu Thiền quán. Thiền quán nghĩa là do mình tư duy nhiều, mình nghe nhiều, rồi mình nghĩ nhiều với pháp đó, mình duyên với pháp đó. Giống như là gặm nhấm, cứ nhai đi nhai lại hoài, một hồi đến lúc nào đó tự nhiên mình bừng sáng ra, lóe sáng ra. Những người tu nhập thất, nghe pháp nhiều v.v… tu tập một hồi tâm thanh tịnh, tự nhiên những [sự] ngộ bừng ra mà bình thường mình muốn cũng không được.

Nhiều khi đang ngồi vậy đó, [có] mặt trăng đi ngang qua, ánh sáng chiếu vào, tự nhiên mình thấy cả bầu trời đêm dường như sáng rực lên, và hình như thế gian này chả có gì là quý giá hết. Tất cả vạn vật là vô thường, đúng như lời Phật nói. Mặt trăng kia cũng chỉ là bóng trăng tạm thời đi qua bầu trời. Những đám mây kia giống như những chúng sanh, đang luân hồi chuyển động theo nghiệp của họ, và gió nghiệp đang thổi v.v... Mình nghĩ ra cả bầu trời đêm lung linh huyền ảo, đẹp một cách lạ lùng. Và thấy thế gian vô thường, không có gì lưu luyến cả.

Và Thiện Trang nói đến vấn đề mà người ta khó bỏ nhất, đó là sắc dục. Nhìn một người nam, người nữ, tự nhiên thấy thân thể của họ từ trên xuống dưới toàn là nghiệp. Tức là hồi xưa mình thấy thì mình thích lắm, nhưng tự nhiên bữa đó thấy [thân thể của] họ toàn là nghiệp. Họ có cái đó là do nghiệp, cái này cũng do nghiệp, cái kia cũng do nghiệp, tội cho họ quá! Họ mang thân đó khổ đau. Nếu như họ mang thân tốt hơn, thì họ đâu phải khổ như vậy. Thân thể người nữ có bao nhiêu nỗi khổ, nỗi khổ này, nỗi khổ kia. Một tháng phải tốn tiền hơn người nam, nào sức dầu thơm v.v... đủ các loại phụ tùng, rất tốn kém!

Mình nghĩ như vậy, tự nhiên mình thấy có gì đâu, cũng tội cho họ, thương họ. Như vậy thì lòng từ của mình khởi lên. Và mình hiểu ra thêm [một điều], là nam nữ chỉ là do thân thể mà thôi. Chứ thật tế người ta cũng giống mình, đời trước có thể hai người giống nhau. Chỉ có một khoảnh khắc tích tắc đó, xóa tan đi nghiệp ái của quý vị ngay, và tự nhiên dứt hết. Nhiều lần như vậy thì quý vị vào công phu, và tự nhiên không có ái dục nữa.

Cho nên tu đến lúc nào đó, [quý vị biết] A-la-hán không nằm mơ. Còn nằm mơ thì chưa phải là A-la-hán. Quý vị coi trong kinh đi, không có vị A-la-hán nào nằm mơ hết. Ngài A Nan còn nằm mơ, vì ngài thị hiện ở địa vị Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật cũng không có mơ. Những giấc mơ là những ông vua hay người nào đó mơ thôi. Vì sao? Vì A-la-hán hết Vô minh rồi, nên không có mơ. Mình học, mình hiểu ra những điều này.

Cho nên khi mình thông giáo lý Tứ đế được một phần, tức là Tu-đà-hoàn thông được [một] phần Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Mình thấy rất rõ sự thật về Khổ, nên mình biết nguyên nhân của Khổ một phần, và mình tu được một phần, mình chứng được một phần. Đó là Sơ quả Tu-đà-hoàn, hay còn gọi là Sơ tín vị Bồ-tát.

Mình cứ từ từ tu, niềm tin này phải từ tu mà có. Và ở đây niềm tin đối với Tam Bảo, là yếu tố quyết định để đưa đến giác ngộ. Cho nên ai chưa tin Tam Bảo, thì không thể đưa đến giác ngộ, vì đó là Tín quyền. Ví dụ quý vị đi qua cửa khẩu, quý vị muốn nhập cảnh vào quốc gia nào đó, tới đó đóng dấu thì quý vị mới vô được. Cũng vậy, Tín quyền nắm quyền rất quan trọng để đi đến giác ngộ. Khi mình

chưa có niềm tin đối với Tam Bảo, thì thật sự mình chưa thể đi đến giác ngộ. Đó là tín nắm quyền như vậy.

16. Thứ hai là **Tấn [quyền**]. Tấn là tinh tấn, nói tinh tấn thì thấy cao siêu, nói đơn giản thì tấn là sự cố gắng, sự nỗ lực. Còn nếu giải thích ra thì chữ tinh tấn là tinh chuyên, tiến tới. Ở đây mình nói đơn giản là phải có sự siêng năng. Sự siêng năng cũng nắm quyền quan trọng. Nếu không có sự siêng năng, không có sự cố gắng, không siêng cần, thì dù việc thế gian hay xuất thế gian cũng không thành tựu. Cho nên đây là một quyền.

Quý vị không thể nào ăn rồi nằm ngủ li bì, không học pháp v.v... chơi tà tà, mà quý vị đắc đạo. Điều đó là không có. Mình phải cố gắng. Nếu nằm đó mà đắc đạo, thì chắc do đời trước tu dữ lắm rồi, [chỉ còn] thêm một chút nữa thôi. Chứ nếu thật sự [muốn đắc đạo] thì phải có [sự tinh tấn]. Tấn quyền là sự tinh tấn, sự cố gắng, cũng giúp rất nhiều để các pháp thực hiện. Mà pháp này (Tấn quyền) chính là Tâm sở để đưa đến sự giác ngộ.

17. Thứ ba là **Niệm quyền** là sự ghi nhớ. Điều này cực kỳ quan trọng. Bởi vì nếu quý vị không có khả năng ghi nhớ, thì học Phật pháp không được. Mình không nhớ gì hết, thì làm sao mình dùng. Giữ giới mà không nhớ giới là gì, rồi học pháp cũng không nhớ pháp là gì, thì không thể nào tu được. Cho nên đấy là Niệm quyền.

Niệm là khả năng ghi nhớ, khả năng chú ý. Mà chú ý, ghi nhớ điều gì? Mình phải nhớ Vô thường, vô Ngã v.v... Chứ còn quý vị nói con nhớ tốt lắm, nhưng quý vị toàn nhớ gia đình, nhớ người yêu, nhớ những điều gì đó không. Quý vị nhớ những điều đó thì cũng được, quý vị vô luân hồi nhanh. Còn ở đây để đưa đến giác ngộ, thì mình phải nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Niệm Thí, Thí là thí xả, tức là buông xả ra. Niệm Giới tức là Giới luật. Niệm Thiên không phải là niệm vị tên này tên kia, mà là nhớ công hạnh của chư Thiên. Chư Thiên là họ tu Tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỉ, Xả, rồi Thập thiện v.v... Họ tu những hạnh đó thì họ mới làm chư Thiên. Mình nhớ được như vậy, thì đó là niệm Thiên.

Cho nên khả năng ghi nhớ cũng là một yếu tố quan trọng. Và những người thông thường ghi nhớ về Tam Bảo tốt, thì tất nhiên là dễ tu đạo hơn. Còn không nhớ gì hết, thì chỉ có ông Châu Lợi Bàn Đà Già (Châu Lợi Bàn Đặc), ổng có một bài kệ mà học hoài không thuộc, Giới luật cũng không thuộc nữa, chỉ có Phật độ ổng thôi. Quý vị kiếm được người như vậy chắc cũng khó lắm! Vào thời nay mình kiếm người như vậy mà có người độ, thì chắc là không có. Bởi vì sao? Bởi vì đơn giản là thời nay không có Phật, thời nay chỉ [đa số] toàn là phàm phu thôi.

Thời xưa, những người như vậy, thì thứ nhất có hàng Đệ tử là A-la-hán [độ họ], thứ hai là có Phật. Hàng Đệ tử A-la-hán thì giỏi rồi, nhưng vẫn chưa, Phật mới là số một. Cho nên đời này toàn là phàm phu với nhau không. Mà thời nay [người] giảng pháp đa số, không phải đa số mà chắc chắn gần như 100%, người giảng pháp là giảng những gì mình thích, giảng những điều gì mình tâm đắc, chứ không phải giảng theo nhu cầu của chúng sanh. Quý vị hiểu điều đó không?

Tức là chúng sanh có nhu cầu cần điều đó, nhưng mình đâu biết họ có nhu cầu về điều gì, mình chỉ giảng theo mình thôi. Và ai hên, đi cùng hướng với mình, cần cầu giống mình thì chụp vô, là ngon. Chứ còn giảng đúng theo chúng sanh thì không được. Bây giờ làm sao giảng đúng theo nhu cầu của chúng sanh? Mình đâu có biết, mình là phàm phu mà. A-la-hán nhập định thì còn biết được mấy đời, giảng may ra mò mò thì trúng. Nhưng cũng không trúng, chỉ có Phật thôi. Phật có đầy đủ trí Tam minh Lục thông, Ngài có thể soi được vô lượng kiếp của mình, vì vậy Ngài biết mình cần điều gì, thì Ngài mới bốc thuốc đó, tức là giảng pháp đó cho mình, nên mình đắc đạo nhanh.

Còn bây giờ là phàm phu, thì đâu có biết quý vị đời trước tu pháp nào, chỉ đoán mò. Cho nên phải dò, phải dạy đủ môn hết, nào Duy Thức, nào Hoa nghiêm, Pháp Hoa, Tứ Niệm Xứ, nào niệm Phật… đủ các kiểu. Dò dò thử coi quý vị giỏi môn nào, thì dạy cho môn đó sâu hơn. Đấy là mình chỉ quán được như vậy thôi. Hên thì trúng, tất nhiên là theo cảm nhận của mình thôi.

Đó là còn may, gặp thầy cũng tốt đó. Còn thầy không tốt nữa, thì thôi các con vô đây, ta chỉ dạy cho mỗi [pháp] đi từ thiện, đi cúng dường thôi, không có dạy

pháp tu luôn. Như vậy thì thôi, thua luôn! Hoặc là thầy chỉ tu môn đó, nên chỉ dạy môn đó, bỏ hết đi con, đừng có học nữa. Thì kiểu đó là thua luôn!

Cho nên người thầy ngoài đem tâm đắc của mình ra, nội dung sở trường của mình ra, còn [phải] vì chúng sanh nữa. Lâu lâu cũng nghĩ cho chúng sanh, tội họ quá, thôi bảo họ niệm Phật cho rồi. Họ học không được, họ yếu môn đó, nên dạy cho họ môn đó. Cho nên cố gắng thường tu. Dạy pháp cũng phải có trí tuệ nữa. Đây là Niệm quyền, quý vị cố gắng ghi nhớ [những điều] nào tốt.

18. **Định quyền**: #Định là Thiền định (Thiền chỉ), Định này thì rõ ràng. Thời gian đầu phải tĩnh tâm, tĩnh thân, thì mới có định. Còn khi quý vị vô định rồi, như những vị A-la-hán, vị nào đó… những vị đó thì nằm cũng định được. Hoặc quý vị thấy trời Vô Tưởng, họ tu đến Tứ thiền, họ nằm thì họ cũng nhập định được nữa. Họ đi kinh hành, họ cũng nhập định được. Còn mình mới đầu thì chịu khó ngồi.

Nhưng Thiện Trang nói rõ, mình ngồi phải tùy sức. Nhiều người ham ngồi quá, ngồi mệt mỏi, ngồi mà không biết gì hết, thì ngồi như vậy cũng không đúng. Tu hành là mình phải biết mình, làm sao trí tuệ sáng suốt, rõ biết, và không mộng tưởng điên đảo. Tức là không phải vô trong đó rồi mơ thấy điều này điều kia. Mơ mộng nhiều tức là Phiền não nhiều, Trạo cử đó. Và Hôn trầm là ngủ gục.

Ở đây sẵn nói ngủ gục cũng có nhiều yếu tố lắm, như thân thể không khỏe, rồi bị hàn trong người, thiếu ngủ, rồi bản chất là Phiền não nhiều… đủ các kiểu để ngủ. Và bây giờ đa số chúng ta là ngủ nhiều. Ngủ nhiều thì quý vị phải khắc phục lại, chống đỡ bằng cách nào đó, mỗi người có mỗi pháp, phải bớt đi. Còn không thì mình ngủ chút chút thôi, rồi tỉnh lại cũng được. Ví dụ như thời khóa tu lâu, quý vị thấy hồi xưa Thiện Trang cho ngồi rất là dài, rất lâu. Thì quý vị cũng tiến bộ được thời gian rồi, nhưng sau này Thiện Trang thấy tu mỗi giai đoạn mình [nên] điều chỉnh. Về giai đoạn luyện hồi xưa mọi người học pháp nhiều quá mà mọi người ít ngồi thì [Thiện Trang] kéo theo Thiền chỉ. Rồi khi mà Thiền chỉ mọi người đủ rồi thì Thiện Trang kéo lại Thiền quán. Vì Thiền quán quan trọng, hồi xưa thì không nói Chỉ Quán gì, nhưng tùy.

Cho nên mỗi giai đoạn mỗi khác, quý vị tu Thiện Trang quán sát đại chúng nữa. Sức chịu đựng của đại chúng dài, tốt thì Thiện Trang cho tu ngồi nhiều. Nếu sức của quý vị có bấy nhiêu đấy mà thấy người cử động hết trơn rồi, tức là mong chờ đổi tư thế thì Thiện Trang sẽ đổi nhanh cho quý vị. Đấy là bí quyết người dẫn chúng, và ai vô được thì vô, ai không vô được thì thôi. Việc đấy cũng là một duyên, và định này quý vị muốn nhập định làm sao đúng không?

Muốn nhập định thì bữa trước học rõ ràng Năm chi thiền đó, quý vị bỏ năm Triền cái đi. Trừ năm Triền cái trừ năm cái, thiền rồi không có ham muốn gì hết. Sơ thiền là gì? Là một trạng thái định do ly dục sanh, ly các pháp ác bất thiện, có Tầm có Tứ. Và tập trung tâm của mình vào một đề mục nào đó thì sẽ sinh ra định. Tập trung đó gọi là nhất tâm, và chuyên chú vào đó thì sẽ [có] thiền định, điều kiện là mình phải giữ được giới. Quý vị không giữ được giới quý vị làm lung tung, lang tang thì không định được đâu.

Định là nền tảng trên giới, có giới, có các chi thiền, và bỏ được năm Triền cái, quý vị có thể tìm ở những bài giảng khác, những buổi trước Thiện Trang đã chia sẻ rồi, bây giờ không có thời gian để nói lại, quý vị coi đó thì quý vị nhập định được thôi. Quý vị giữ được thì có thể nhập định được [nhưng] cũng tuỳ, nhiều người thời nay không có khả năng.

Ví dụ: quý vị đầu thai bằng tâm Vô nhân hoặc tâm Nhị nhân thì quý vị không nhập định được đâu. Đời này có tu cỡ nào tu, thì quý vị cũng không chứng Sơ thiền đâu. Có người hỏi: "Thưa thầy có phải con đầu thai với tâm đó không?" tâm Vô nhân chúng ta chỉ học [thôi], nhưng tâm Vô nhân là những người nghiệp chướng nặng, đọa làm Súc sanh, v.v… hay là loài người nhưng nhiều nghiệp chướng lắm.

Còn [đầu thai bằng] tâm Nhị nhân thì người ta không có trí tuệ, nghe pháp không có hiểu thế này, thế kia. Quý vị ở đây nghe pháp cũng hiểu mà đúng không? Thì chắc là hy vọng quý vị thuộc tâm Tam nhân, có thể là như thế.

Còn nhiều người nghe pháp không hiểu nhưng tự cho mình là hiểu luôn, thì điều đó thì không nói. Đó là tâm Vô nhân mà mình tưởng là tâm Tam nhân. Thì

thật ra điều đó mình cũng không biết được, nên là cứ tu đi để mà có hy vọng. Và quý vị nên nhớ, đừng nghĩ là mình dốt, mình tệ ở đời này, đời sau mình dốt tiếp, điều đó không phải nha! Có nhiều người có quan niệm Thường kiến, đó gọi là Tà kiến, trong 62 Tà kiến đó. Thì đó là Thường kiến, có nghĩa là mình thấy đời này con dốt quá chắc là đời trước con dốt, đời sau con dốt tiếp, không phải!

Quý vị đầu thai bằng tâm nào, trong một loạt tâm đầu thai được tạo ra từ nghiệp đời này. Đời quá khứ xếp một hàng dọc vậy đó, và khi đi đầu thai bốc cái nào ra thì thằng đó quyết định. Lỡ mình đầu thai bằng tâm Vô nhân, tâm Nhị nhân thì đời này không có khả năng chứng Thiền, chứng Đạo. Nhưng nếu như mình hên mình đến đời này bằng tâm Tam nhân (là Tâm hợp trí). Tức là gồm có không tham, không sân và có trí tuệ trong từng việc làm.

Cho nên người ta tu là cần phải có trí tuệ sáng suốt, quý vị cứ làm bất cứ việc gì mà không có tham, không có sân và có trí tuệ hiểu biết rõ việc này là tôi đang làm với mục đích gì, tôi đang làm với [điều] gì và tôi biết là tôi đang tu. Thì mỗi việc làm đó tạo ra trong mỗi sát-na, nó tạo ra một tâm đầu thai và tâm đầu thai đó là tâm đầu thai Tam nhân.

Nhờ tâm đó, nếu quý vị đi đầu thai bằng tâm đó khả năng chứng Thiền chứng Đạo được. Nên người tu phải sáng suốt, rõ biết. Thứ nhất là giữ đừng tham, ăn quý vị thấy ngon thì biết ngon, nhưng ăn ngon đừng sân với món này. Bữa nay ăn món sườn chiên nhưng thấy món sườn ông này làm hoặc ông chồng làm giùm cho nên mặn quá, thì sân là không được. Mà mình phải thấy là món sườn này là món mình yêu thích, nhưng món này bữa nay ông chồng làm giùm nên ông làm quá nhiều muối rồi [nghĩ]: 'Xe chở muối lật vô nồi đó nên muối hơi nhiều'. Vậy thì ta cứ ăn nhưng ta nghĩ món này là món ta thích là được rồi, còn mặn chút thì cơm nhiều chút ráng ăn và không sân, ăn với tâm không sân, không tham. Và biết rằng mình tu nên mình phải ăn và ăn tỉnh giác thì đó là quý vị đã tạo nghiệp đầu thai Tam Nhân. Và tâm đầu thai Tam Nhân đó mai mốt kéo quý vị đời sau đi đầu thai.

Rồi đi vào nhà vệ sinh nghe mùi gì đó mình cũng bỏ qua, ông mới vô nên hôi rình "à không sao", mình phải có tâm từ bi nên không sân, không sao, ông bị gì đó kệ ông, vui vẻ không sao. Không tham, không sân, không si mê tức là có trí tuệ, tu là phải nhẫn v.v…. Nhớ thầy Thiện Trang nói vô nhà vệ sinh cũng là vô lượng công đức nếu tâm mình tốt. Thôi mình ráng chút rồi mình dọn dẹp nhà vệ sinh sạch sẽ, thơm tho trở lại. Nếu quý vị luôn luôn chánh giác như vậy, gọi là tâm giác như vậy thì quý vị đi, đứng, nằm, ngồi đều là đang tu. Quý vị tu Tịnh Độ thì nhớ là mình về Tây Phương Cực Lạc, nhà vệ sinh trên Tây Phương Cực Lạc không có, nên ở đây vui vẻ, hoan hỉ, ta giống như ở khách sạn thôi.

Hoàn toàn mình tu được như vậy thì quý vị tu dày đặc tâm Tam nhân và nếu như lỡ đầu thai kiếp sau thì khả năng chứng Thiền, chứng Đạo rất lớn và duyên đến là chứng. Còn nếu như tu tốt hơn nữa thì đời này chứng luôn. Đó là nguyên tắc tu hành của Tứ niệm xứ, A Tỳ Đàm. Người tu Tịnh Độ cũng vậy, đới nghiệp vãng sanh, cứ nguyện vãng sanh là được. Nói chung là phải tu, đó gọi là trí tuệ và trí tuệ đó [phải] giữ được nhiều. Trí tuệ này sanh ra từ đâu? Nó sanh ra từ hai điều là khả năng ghi nhớ, [tức là] trí nhớ mình phải nhớ tốt. Thứ hai là Định, thật ra quý vị có định mới tập trung được như vậy, còn không thì một chút là quên. Có nhiều người hay quên là do không có năng lực này, không nhớ được hoặc không tập trung tâm được. Vô nhà vệ sinh là quên mất.

Nên mỗi phút mỗi giây đều là tu hành, bất cứ lúc nào quý vị nấu ăn cũng là tu hành, quý vị làm việc cũng là tu hành. Người ta tu là tu như vậy, chứ không phải lên ngồi xếp bằng rồi mới tu, ngồi đợi thời gian [lên ngồi xếp bằng] thì ngày tu được bao nhiêu đâu, không nhiều. Và những người đắc đạo, thông thường là đắc đạo trong đời sống đó quý vị, chứ không phải đắc đạo trong [khi] ngồi [xếp bằng]. Quý vị coi kinh, coi Luận đi! Chư tổ ngồi tu rách bao nhiêu chiếc bồ đoàn rồi có đắc đạo đâu. Nhưng tới khi ra ngoài gặp chuyện gì [mới] đắc.

Tức là [việc] ngồi đó vẫn có tu, nhiều người phá bỏ là không đúng. Vẫn ngồi, vẫn tu thế này, thế kia nhưng thời gian đó là để tu Chỉ. Bởi vì tu Chỉ thì không cách nào mà vừa làm vừa tu được, còn tu Quán vừa làm vừa tu được. Nên môn này tu dễ lắm, quán niệm Phật, là vẫn nhớ Phật, v.v…. Mình niệm A Di Đà Phật không nổi

thì mình nhớ Pháp Tạng Tỳ-kheo, ngày trước ngài Tỳ-kheo đó ngài tu như thế nào v.v…, tiền thân ngài trong Kinh Bi Hoa là vua Vô Tránh Niệm. Mình cứ nhớ những chuyện đấy, đấy là niệm Phật và nhớ công hạnh của Phật, vẫn cứ niệm Phật. Mình biết cách mình tu là thời gian nào cũng là thời gian để tu. Chứ không phải mình đợi đến giờ, đó là định mình phải dùng.

19. [Thứ năm] **Tuệ quyền**: #Tuệ quyền là sự hiểu biết đúng theo sự thật. Đồng thời mình hiểu biết các pháp đúng theo sự thật, tức là mình nói đây là Tâm Sở Trí. Có nghĩa là sự thật đây chính là Chân đế hay chúng ta nói là giáo lý Tứ đế, thấy sự thật đời là khổ, là Vô thường, Vô ngã v.v…. Rồi thế giới này không có gì bền chắc cả, ta đến thế gian này là giả tạm, gia đình là giả hợp v.v…. Quý vị có trí tuệ như vậy, thường xuyên nghĩ như vậy thì quý vị sớm thành tựu.

Nên trí tuệ này phải nghĩ và trong đời sống thường quán như vậy. Giống như quán hồi nãy Thiện Trang nói vô nhà vệ sinh biết ông chồng giả, nhà vệ sinh cũng giả, tất cả đều giả thì mình không có chấp. Còn mình thấy vô ông chồng thật là ông chồng, nhà vệ sinh hôi cũng thật là do ông chồng cho nên nổi sân. Vừa đi vệ sinh vừa sân kêu: "ta ráng mau mau hết, ra nhanh chửi cho ông một tăng". Thế thì tâm vừa sân, vừa si mê, vừa tâm tham nữa. Tức là tham mùi thơm, vô đó thơm không được, nên sân. Vì vậy, tâm đầu thai, tâm tạo nghiệp lúc đó là [tâm] Vô nhân rồi, không có nhân [của tâm Tam nhân] là mai mốt nghiệp quả nặng nề.

Trí tuệ này cũng cai quản, quyết định cho đi đến giác ngộ. Trí tuệ này là trí tuệ xuất thế gian. Vì con đường đưa đến giác ngộ những Định, Tuệ đều thuộc Phật pháp. Đó là thứ 19.

IV. Siêu thế quyền: (từ 20 đến 22)

#Siêu thế là vượt khỏi thế gian rồi, là đắc đạo rồi. Ở trên [những nhóm] đầu tiên là chúng sanh, nhóm một, nhóm hai là chúng sanh chung. Rồi đến nhóm ba bắt đầu tu tập, năm điều Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, Ngũ căn, Ngũ lực. Rồi sau khi đủ sức mạnh, Ngũ căn Ngũ lực đủ rồi thì chúng ta xuống nhóm thứ tư là Siêu thế quyền. Đây là quyền Siêu thế, tức là phải chứng đạo, Niết-Bàn.

20. Vị tri quyền: chữ quyền chúng ta giải thích nhiều rồi; chữ #Vị là chưa; #tri là biết. Trí tuệ mà biết được những gì chưa biết. Hay vậy đó, hồi nãy Thiện Trang nói quý vị có nhớ không? Có nghĩa là mình tu đến lúc nào đó mình có những thứ mình biết mà xưa nay mình chưa biết.

Ví dụ ngày nào đó tự nhiên quý vị "ồ ông chồng này đúng là mang nghiệp", bình thường mình cứ nghe nói chồng giả, gia đình oan gia nghiệp báo, đòi nợ trả nợ, đền ơn báo ơn. Nhưng mình chỉ nghe nói thôi và mình cứ ừ, "ông chồng là giả nhưng mình thấy ông thật không à". Nhưng ngày nào đó do trí mình tu được giáo pháp này [tự nhiên] hiểu ra, hiểu ra điều bình thường mà mình chưa hiểu. Đó là trí tuệ mà trước đây chưa từng có, gọi là mình biết được điều gì mà mình chưa biết. Và điều đó nắm quyền quan trọng trong con đường giải thoát. Đó là Vị tri quyền và tri (cái biết) này phải bậc Tu-đà-hoàn mới có. Vì Siêu thế vượt khỏi thế gian rồi mà, cho nên phải Tu-đà-hoàn mới có Vị tri quyền nha! Đây là tâm trí trong tâm Sơ đạo là Tu-đà-hoàn có. Cho nên Vị tri quyền này Tu-đà-hoàn có, còn mình lâu lâu có một chút, mình có một chút chưa đủ.

Nghĩa là nếu mình theo Vị tri quyền, lâu lâu mình có một chút nhưng mỗi lần có một chút chưa đủ. Giống như nước lâu lâu nhỏ vài giọt nhưng chưa đủ đầy ly, khi nào đầy ly thì mình chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Dù sao cũng có một chút, góp một chút, lâu lâu giác ngộ một chút. Quý vị lâu lâu có thấy giác ngộ được chút nào không? Học hoài mà, lâu lâu cũng phải có chút giác ngộ, nhìn thấy đời [vô thường]. Ví dụ như đợt vừa rồi, thấy các cảnh như cầu sập, hay là đất sụt, mình cảm thấy một sự thật thế gian vô thường, quốc độ này không yên ổn. Nếu mà mình thấy một cảm giác như thật, nỗi khổ Tứ đế, thì điều đấy là Vị tri [quyền]. Trí tuệ của mình biết được những điều mà bình thường mình không thấy. Cũng một cảnh đó thôi, người ta khóc, người ta la, còn mình bình thường và thấy cả pháp sanh diệt [ở] thế gian này. Cho nên [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn các ngài có trí tuệ này.

21. Dĩ tri quyền: #quyền tức là cai quản, quản lý cái biết mà đã biết; #Dĩ tri là đã biết; #Dĩ là đã. Tại mình chưa học tới Tâm sở của bậc Thánh, nên điều này đơn giản là trong sáu tâm trí Siêu thế, là từ Sơ quả đến A-la-hán có điều này. Coi

như mình sẽ biết được nhiều điều, nó lắp lại mình biết rồi. Những sự biết này hình thành luôn khi mình biết được rồi là nó có luôn cho mình, tại vì không thoái chuyển nữa, vì mình chứng Sơ quả rồi.

Bây giờ hiện tại như chúng ta chưa chứng Sơ quả là tại sự biết, Vị tri (trí tuệ) của mình, nó biết những điều chưa biết, [và] nó chỉ biết một lát, một hồi nào đó thôi là hết. Có nghĩa là nó không hiện hữu được hoài. Còn khi nó hiện hữu luôn là [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn, vì hiện hữu luôn nên nó có hoài. Cho nên cái mà nó có hoài từ trước rồi thì cái đó trở thành Dĩ tri, tức là điều đã biết rồi. Đó là bắt đầu vô từ Sơ quả Tu-đà-hoàn đến Nhị quả, Tam quả, Tứ quả và A-la-hán, thì có trí này. Trí này [là] có trí đã biết đó, tích lũy đã biết rồi, cho nên điều này cũng là cái nắm quyền quan trọng trong việc ra khỏi thế gian, nên gọi là quyền, và cái trí là trí biết.

22. Cụ tri quyền: là quyền cuối cùng; #cụ là đầy đủ, có nghĩa là sự biết một cách đầy đủ trọn vẹn về Tứ đế, Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, biết hết bốn sự thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì biết đầy đủ hết. Điều này bậc A-la-hán mới có, cho nên cái này là Cụ tri quyền. Cụ tri quyền là người ta chứng vào trọn vẹn Niết-Bàn, A-la-hán, thì thông suốt giáo lý Tứ đế.

Còn nếu mới tới Vị tri quyền thì biết một phần thôi là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Chúng ta thật ra cũng có, lâu lâu cũng biết một chút. Vì biết một chút nên không đủ. Và cái biết không đủ, cho nên niềm tin mình không mạnh. Tức là lúc tin, lúc không, giống như ngọn đèn trước gió thổi [là] tắt luôn, khi gặp một chút chướng ngại, khó khăn chịu không nổi. Còn khi người ta đã chứng quả rồi, thì cho dù có chết cũng không bao giờ người ta làm sai, không bao giờ phá giới.

Sơ quả Tu-đà-hoàn, có bắt họ nói dối họ cũng không nói dối, không chịu đâu, người ta tu có niềm tin dữ lắm, người ta không có [bị] đọa ác đạo mà. Người ta giữ cứng lắm, chứ không phải như mình, mình cựa [cái là] thôi nói dối cho qua, thế này thế kia… Cho nên trí của các bậc Thánh đặc biệt lắm, mà mình muốn có nhân Thánh thì ráng tu. Nhiều người Thiện Trang khuyên, không dám nói thẳng, mà khuyên thôi. Ở Việt Nam chúng ta, Văn hóa người Việt Nam bây giờ tạo ra nền

tảng không tốt lắm cho mình học Phật. Ở những điểm là không chân thật. Để mà tu chứng quả quý vị phải chân thật.

Không chân thật ở chỗ nào? Thứ nhất là hay nói dối, nói [dối] đường này, nói [dối] đường kia, có nhiều điều kỳ lắm. Ví dụ như hai người đi chung với nhau, mình với người ta đi chung với nhau, gặp một người thứ ba ở nơi này, thì nói người kia như vậy, một hồi mình đi chung với người kia cũng đi với người đó nữa, tới người thứ tư thì lại nói ngược lại. Thì mình thấy kỳ quá, nói xấu, nói dối, nói trái vậy mà cũng không xấu hổ, và người ta hay nói móc, nói xấu gì đó, v.v… quen rồi, thì điều đấy là không tốt rồi. Điều đấy nên bỏ nha! Quý vị tu hành, chúng ta không muốn ở trong vòng luân hồi nữa, thì hãy bỏ.

Thứ hai sự thật thì phải tôn trọng, phải bảo vệ, có nhiều người rất qua loa kêu: "Sao ông Thầy dám nói sự thật như vậy", thế này thế kia v.v... Quý vị còn có tâm không dám [nói] với sự thật, quý vị sẵn sàng dễ vui với những sự dối trá là quý vị ủng hộ sự dối trá, thì xin thưa quý vị vẫn là phàm phu. Quý vị muốn chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, là không có!

Cho nên những điều nào đúng, đặc biệt về giáo pháp, điều nào mà mình thấy lơ được thì lơ. Tức là mình thôi kệ, biết nó sai rồi nhưng mình không đụng tới được, thì mình bỏ qua. Nhưng đụng tới đúng giáo pháp, không phải mình bảo vệ nhưng mình phải nói để ủng hộ, tinh thần là như thế chứ không phải cứ theo như vậy.

Giống như bây giờ có nhiều điều sai lắm, mà mình nói ra đụng chạm chẳng hạn. Thiện Trang nói đơn giản, ví dụ như nhiều người không biết một vị Tỳ-kheo, một người xuất gia, nếu như đã phạm Giới trọng, một trong bốn [giới] Ba-la-di. Tỳ-kheo có bốn Giới là: Dâm dục, giết người phá thai và tợ thai, đại vọng ngữ và trộm cắp lớn. Tỳ-kheo-ni thêm bốn giới đằng sau nữa, mà thật ra bốn giới đằng sau, thì Hòa thượng Minh Thông nói đôi khi còn du di, vì bốn giới [trọng ở sau] của Tỳ-kheo-ni cũng hơi ép quá, nên có thể còn suy nghĩ. Nhưng bốn Giới đó mà phạm thì không còn là Tỳ-kheo nữa, không được làm người xuất gia nữa, phải đuổi ra. Trừ khi người ta vừa phạm mà người ta sám hối ngay, người ta xin phép

được ở lại Tăng đoàn, không để quá cách đêm, thì người ta được sám hối, và được giữ hình tướng đó, với không được làm 35 việc. Nói chung là không có Hoằng pháp lợi sanh, không làm gì được, thì được.

Phải như vậy, chứ bây giờ nhiều người không biết, rồi cứ thấy có một người họ phạm giới, rồi cứ vẫn để cho họ nhởn nha, vẫn tiếp tục làm, rồi Cư sĩ cũng thế cũng nhởn nha coi như không có chuyện gì. Như vậy mà mình vẫn ủng hộ, thì điều đó là không được. Điều đó là không được là mình phải nói rõ ràng chứ, không được! Mà người ta nói: "Thầy Thiện Trang nói đâu nặng như thế". Không được! Phật pháp không có vì tình cảm, Phật pháp phải chân lý, cái nào đúng là đúng, cái nào không đúng [thì] thôi. Rồi giáo pháp v.v…, nếu như những điều gì Thiện Trang giảng, mặc dù trái với những gì quý vị nghe xưa nay nhưng đó là chân lý, đó là lời của Phật, lời trong kinh mình "**Y pháp bất y nhân**" thì mình phải nương theo pháp. Chứ không phải tôi thần tượng người đó quá, rồi tôi cố gắng, tôi ôm điều đó, còn Phật nói sao thì nói.

Như vậy mình không có đủ tiêu chuẩn để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu, và thậm chí [mắc] tội phỉ báng Chánh pháp, tội đó là nặng, mai mốt nằm trong tội đọa vào ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, rồi mình không biết tại sao. Mình tu mình đòi đắc lực, mình đòi niệm Phật vãng sanh, mình đòi ra khỏi sanh tử thì không được. Phải cố gắng hiểu như vậy, mình tu là mình phải có trí tuệ, mình phải nói cho rõ ràng việc nào ra việc đấy, cố gắng nha! Mình sống ở đời ô nhiễm quý vị phải cẩn thận.

Trong 22 quyền này có người nói Nam quyền và Nữ quyền không thuộc Quyền duyên, tại vì sao? Vì theo định nghĩa của Năng duyên giúp cho Sở duyên là phải tạo ra, hỗ trợ và duy trì. Riêng Nam quyền và Nữ quyền không được như vậy. Ví dụ: khuôn bánh không tạo ra bánh cũng không hỗ trợ và duy trì cho cái bánh. Tại sao? Vì cái bánh khi được làm bằng khuôn lúc đầu nhờ khuôn thiệt, nhưng sau khi ra thành bánh rồi thì khuôn đó không giúp gì cho cái bánh và không giúp duy trì cho cánh bánh đó nữa, cho nên đấy không thuộc về quyền.

Quý vị hiểu, quyền là phải năng duyên, tức là pháp này giúp cho pháp kia bằng ba cách là tạo ra, hỗ trợ và duy trì. Thì đấy không tạo ra, cái khuôn bánh không tạo ra bánh. Bánh phải nhờ bột, nhờ người nấu, v.v… và nó chỉ hỗ trợ [cho] hình dáng lúc đầu, về sau nó không hỗ trợ và duy trì cái bánh nữa. Nam quyền và Nữ quyền cũng vậy, chỉ [hỗ trợ] lúc đầu thôi và sau đó cứ như vậy, cho nên có khi có người nói đó không thuộc về Quyền duyên, 22 trừ hai thì thành ra chỉ 20 Quyền duyên, còn 22 quyền nhưng nói về Quyền duyên có 20 thôi. Quý vị coi Thiện Trang giảng như vậy và có người thì giảng 22 quyền này thành 22 Quyền duyên luôn. Cho nên chúng ta cứ nghe và suy xét tại vì điều này bây giờ biết ai nói, Phật nói hay là người đời sau phân ra thế nào mà mỗi người nói theo một kiểu, chúng ta tự suy xét. Đó là Thiện Trang chia sẻ hết về điều này.

Tóm lại, 22 Quyền này chúng ta hiểu được và chúng ta đã học đủ 24 Duyên hệ. Phần Quyền duyên này có thể chia làm ba nữa, chia làm ba là có ba duyên: 1. Đồng sinh Quyền duyên; 2. Quyền sinh Tiền duyên; 3. Sắc mạng Quyền duyên. Có khi người ta chia ra ba thì quý vị chỉ cần nắm sơ sơ thế thôi.

Tu hành thực ra khi nào quý vị có Chánh niệm hiện tiền thì khổ đau sẽ bị đẩy lui. Khi nào quý vị cảm thấy đời mình khổ đau thì quý vị hiểu rằng mình không có Chánh niệm hiện tiền. Thì quý vị lục lại giùm cho Thiện Trang 24 duyên này, nhớ 24 duyên này mình kiểm lại thì mình thấy đỡ ngay, đó là một cách. Có nhiều cách, Thiện Trang chỉ cho nhiều cách lắm, quý vị nhớ mình ở trong cuộc đời này bị phụ thuộc quá nhiều duyên, điển hình là 24 duyên. Một thân thể này mình có những thứ biết, mình cùng nghe nhưng do chọn lọc của mắt mình, tai của mình nghe không giống nhau, nên điều mình biết với điều người kia biết, và sự nghe của mình với sự nghe của người kia cũng chưa chính xác 100%.

Và những nỗi khổ niềm đau là do ta chọn cái gì? Nó thuộc về chọn dữ liệu, nếu ta chọn điều tốt để đưa vào thì ta sẽ được những điều tốt đẹp, tâm ta hoan hỉ, ta vui vẻ. Nếu như mình chọn những điều xấu, cảnh xấu đưa vào thì mình sẽ khổ. Cho nên người tu đạo khi nào Chánh niệm hiện tiền, tức là nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng, rõ biết tất cả mọi việc, thấy đời là giả tạo, đời là vô thường, v.v… thì quý vị sẽ không đau khổ, cho dù hoàn cảnh khốc liệt thì chỉ là thân khổ chứ

tâm không khổ. Chỉ cần nhớ như vậy là được rồi và nếu như chúng ta tu với tâm thái như vậy thì quý vị tu rất nhanh, dụng công ít nhưng hiệu quả nhiều, tu không phải quá khổ, do người ta không hiểu cho nên người ta khổ, còn mình hiểu rõ thì mình không khổ. Tu tập bằng cách như vậy.

Người đắc đạo, nên nhớ đa phần trong khoảnh khắc đau khổ người ta dễ đắc đạo hơn, tất nhiên có những người tu sướng cũng đắc đạo ví như Tôn giả Thi Bà La (bên Nam truyền gọi là Sivali) tu sướng lắm, ai muốn tu sướng ráng tu như ngài Sivali (ở bên Bắc truyền gọi là Thi Bà La). Ngài sướng lắm, từ khi sanh ra trong gia đình cho đến khi lớn lên, đi xuất gia cũng vật chất đầy đủ, được đức Phật cho nhận vàng, v.v… ai thích tu sướng thì tu theo hạnh ngài Sivali (Thi Bà La). Còn ai muốn tu khổ thì tu theo hạnh ngài Ma Ha Ca Diếp, Sư Minh Tuệ. Tu kiểu gì cũng được, đừng nghĩ mình tu khổ là mình đắc đạo mà đừng nghĩ tu sướng không đắc đạo và đừng nghĩ tu khổ không đắc đạo mà tu sướng đắc đạo, tuỳ mỗi người, tuỳ căn duyên, do phước [của mỗi người].

Trong Kinh Nikaya đức Phật có nói: Nếu mình tu phước bằng phước bố thí thì quý vị chỉ được sanh lên trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi. Tức là mình tu bố thí, và giữ thập thiện thì quý vị lên trời Tứ Thiên Vương với Đao Lợi. Còn nếu như quý vị giữ giới thì khá hơn, như tu Bát quan trai thì quý vị lên được trời Tu Diệm Ma (trời thứ ba), trời Đâu Suất, có thể trời Hoá Lạc, trời Tha Hoá Tự Tại. Còn nếu như quý vị tu tập thêm về Tuệ thì Thiền định quý vị lên được nữa, lên được [trời] Phạm Thiên, là Sơ thiền trở lên.

Cho nên nếu mình biết tu thì công đức vô lượng và thang điểm trong đó Phật cho 10 điểm, 10 điểm, 10 điểm thì nó tăng và cứ thêm 10 điểm là lên được tầng nữa. Bữa nào Thiện Trang sẽ trích dẫn, tại dài quá nên làm biếng trích dẫn, nói đại ý như vậy thôi. Quý vị có thể tìm ra, bữa nào Thiện Trang chỉ cho quý vị [một] chút trích đoạn cho quý vị dễ tìm. Và cách tu, mình tu rất dễ thôi, quý vị đừng khó quá, khổ quá, có nhiều đồng tu làm căng quá. Ví dụ như bây giờ mình giữ Bát quan Trai giới thì đúng rồi, ngày nào thọ Bát quan trai ráng giữ, nhưng ngày bình thường có nhiều người học sư Minh Tuệ ăn một bữa, nếu như quý vị là

người khoẻ khoắn, mạnh khỏe thì không sao nhưng nếu quý vị là người tại gia, quý vị đi làm thì không nhất thiết như vậy, nên nhớ Phật không ép quý vị điều đó.

Mình ăn uống làm sao cho bình thản để có sức khỏe để tu tập, tại vì cơ thể mình yếu rồi là [tu] khó lắm, khi [cơ thể] đang bình thường thì không sao nhưng [cơ thể] yếu rồi muốn trở lại như xưa khó. Và ăn cũng dễ rớt vào hai thái cực, dư rồi cũng khó, bệnh như tiểu đường, bị dư mỡ máu là chữa khó và chữa bệnh khó nên mình hãy lo phòng bệnh, cho nên ăn uống là một duyên (đó là Vật thực duyên), nên quý vị [ăn uống] phải khoa học.

Nhiều người ăn quá đơn sơ, ví như ăn [mình] chay mà lo cho [người] nhà ăn mặn, nên mình lo cho người ta ăn ngon, còn mình lo cho mình không được. Mới đầu thì không sao, quý vị tự hào là mình ăn rất đơn giản nhưng qua một năm, hai năm sau quý vị mới thấy sao. Đó là thấy rằng cơ thể tự nhiên mệt mỏi rũ rượi tu không nổi, hôn trầm, đủ các kiểu. Đấy là tới lúc báo động, lúc đó chữa lại khó, quý vị muốn trở lại cũng phải một hai năm sau mới trở lại thậm chí phải nhiều năm sau.

Cho nên cần cẩn thận, đừng có cực đoan quá, mình phải biết chính mình, cơ thể chúng ta là một bộ máy hoạt động rất tốt, không thể nào khoa học bây giờ công nghệ cỡ nào cũng không chế tạo được một cơ thể như vậy. Ví dụ cơ thể của quý vị nhiễm độc sẽ báo cho quý vị ngay, ví dụ như tự nhiên quý vị suốt ngày bị chảy máu [chân] răng, đó là độc ở trong người mình nhiều quá sẽ thải ra bằng những chỗ nào có thể thải được, cho nên nhiều khi lợi mình chảy máu. Có nhiều cái đơn giản lắm, tự nhiên báo cái này báo cái kia thì mình phải biết, phải sống làm sao vừa phải, tại vì có nhiều người sống khổ hạnh quá, có nhiều người sống buông lỏng quá cũng không được.

Đức Phật nói là: Vừa ăn, mà mỗi lần ăn hãy cố gắng nghĩ là mình ăn để tu, ăn để còn sức khoẻ tu, không tham là được. Đấy là cách tu hành, mình ăn uống làm sao [phải] cẩn thận, Thiện Trang thấy có nhiều đồng tu khổ hạnh quá sau này bệnh, mà bệnh rồi thì chữa lại khó lắm, cho nên đang khoẻ thì ráng giữ. Số người bị bệnh béo phì chắc đồng tu không bị nên Thiện trang ít nói, toàn mấy người thế

gian ăn nhiều đạm quá, ăn này kia nên bệnh Gout, bệnh này bệnh kia đủ các bệnh là do ăn uống quá nhiều. Còn hầu như đồng tu chúng ta chỉ bị thiếu thôi, ít có người bị dư lắm bởi vì đa số chúng ta đều hiểu, chúng ta giữ ăn ngày hai bữa là chỉ có hụt nên không dư được. Cho nên mình phải biết cách thay đổi, mình ăn uống bổ sung các chất đầy đủ thì cơ thể mình bình thường thì quý vị mới tu được. Đức Phật không cực đoan, đức Phật luôn luôn trung đạo.

[Khi] ăn, cố gắng ăn chậm. Điều này Thiện Trang nói nhưng làm không được, [Thiện Trang] ăn nhanh quen rồi tại vì vô chùa cũng luyện ăn nhanh riết rồi quen, ngày xưa tập ăn chậm được nhưng giờ khó quá. Ăn càng chậm bao nhiêu thì sức khỏe càng tốt bấy nhiêu. Cũng không nên ăn chậm quá nhưng ăn chậm, nhai chậm, nhai kỹ, nuốt từ từ, thì sức khoẻ tốt hơn và ăn trong Chánh niệm rõ ràng tỉnh thức. Ai tu Tịnh Độ vừa ăn vừa nhớ Phật, niệm Phật, nhớ Tây Phương Cực Lạc không ăn cái này nhưng ở đây Ta Bà cho nên phải ăn. Đấy là những pháp căn bản quý vị phải hành và mình áp dụng được. Quan trọng nhất là tâm thanh tịnh, đừng nổi sân, đừng khó chịu, đừng bứt rứt, đừng lo lắng, đừng buồn phiền, sống đời càng vui vẻ thì sức khỏe càng tốt hơn.

Đấy là những yếu tố mà quý vị cần phải nắm bởi vì nhân cơ hội học hết 24 duyên rồi, Thiện Trang chia sẻ như vậy và quý vị tổng kết lại 24 duyên đó, quý vị coi những duyên này, Thiện Trang [chỉ] giảng lược thôi. Quý vị nhớ để đi đến một thành tựu nào đó thì cần có 24 yếu tố và 24 yếu tố này cực kỳ quan trọng nên không thể xem thường, mình học cho kỹ rồi nắm [chắc].

Lần sau Thiện Trang sẽ chia sẻ về các Tâm sở, hôm nay thời gian hết rồi Thiện Trang không chia sẻ vào Luận Câu Xá. Hôm nay hoàn toàn là phần A Tỳ Đàm. Cũng xin lỗi quý vị là Thiện Trang chỉ chia sẻ sơ lược chứ đào sâu cái này thì khó lắm, mà mình cũng chỉ cần yêu cầu ở mức đó, chỉ cần nắm được những đại ý rồi quý vị muốn coi sách, muốn nghe giảng thì từ từ quý vị vào sâu hơn. Lần thứ nhất mình nên học như vậy, chứ một lúc học nhiều quá [thì khó], chúng ta chỉ cần nắm được cơ bản, rồi từ từ học nâng cao lên dần.

Hôm nay thời gian hết rồi. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo

A Mi Đà Phật!”

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 14: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 14.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 16.10.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=TADpMc5pvIY

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay chúng ta tiếp tục gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về Luận Câu Xá. Hôm nay là bài thứ 14. Hôm trước chúng ta học bài thứ 13, chủ yếu là học về A Tỳ Đàm. Cho nên hôm nay chúng ta sẽ ưu tiên cho Luận Câu Xá nhiều hơn, để bù lại với bài hôm trước.

Phần đầu tiên, Thiện Trang xin giới thiệu về các cửa giải thoát ở trong kinh tạng. Thực ra phần này cũng không có trong Luận Câu Xá, nhưng chúng ta cần phải nắm phần này. Thiện Trang xin giới thiệu trong kinh văn như sau:

11 (12) Cửa Giải Thoát

Tức là mình tu trong nhà Phật, thì có bao nhiêu lối để ra khỏi sanh tử. Cửa giải thoát ở đây tức là nói chứng A-la-hán, ra khỏi sanh tử. Theo trong một bộ kinh, ở đây là Kinh Bát Thành. Trong Kinh này có một vị gia chủ tên là Dasama, người ở thành Aṭṭhaka (Bát thành), đến hỏi Tôn giả Ānanda (Tôn giả A Nan). Vị này hỏi là trong nhà Phật có bao nhiêu con đường giải thoát? Tôn giả A Nan nói giống như trong Kinh Bát Thành, bên Kinh Trung Bộ. Còn nếu bên Kinh Trung A Hàm thì lấy ví dụ hay hơn. Trông giống như một ngôi nhà đang bị lửa cháy, chỉ

các cửa ra khỏi ngôi nhà, nên lấy tên là Kinh Bát Thành, là lấy theo tên của người đó. Còn cửa ra thì giống như ra khỏi nhà lửa Tam giới vậy đó.

Ở đây ngài A Nan có trả lời như thế này. Tại vì bài Kinh này rất dài, Thiện Trang chỉ tóm lược thôi. Những đoạn nào [lấy] thì tóm lại, nhưng không có cắt bỏ mà lấy nguyên văn, chỉ có bỏ những đoạn nào chúng ta không cần.

Gia chủ Dasama, người ở thành Aṭṭhaka (Bát thành) đến hỏi Tôn giả Ānanda…

Này Gia chủ, có pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Tóm lại là nếu còn Phiền não, còn chưa giải thoát, chỉ có đoạn Lậu hoặc (là các loại Phiền não), thì đức Phật có dạy cho phương pháp. Tức là giống như cửa (con đường) để ra khỏi những vấn đề đó, ra khỏi các triền phược, các ách nạn trong sanh tử. Có bao nhiêu cửa? Ở đây [nói] như thế này:

Ở đây, này Gia chủ, Tỷ-kheo (Tỳ-kheo) **ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: "Sơ Thiền này là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các Lậu hoặc. Và nếu các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm Hạ phần Kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này…**

Nếu quý vị có chuyên môn một chút, quý vị sẽ hiểu được đoạn này nói đơn

giản thôi. Thực tế là có hai điều: Một điều là một vị Tỷ-kheo, thôi chúng ta nói chúng ta đi, tu thì phải chứng được Sơ thiền. Đó là tu Thiền chỉ. Tại vì ly dục, ly các pháp bất thiện, đã rời dục, hết ham muốn và các pháp bất thiện, thì trú và chứng vào Thiền thứ nhất. Nhưng chưa được! Đó là mới tu Thiền chỉ, cần [phải] có Thiền quán.

Ở đây [câu] **"vị ấy suy tư và được biết"**, [là] suy tư và chứng được. Pháp Sơ thiền này cũng là Hữu vi, nên không có gì, họ xả luôn. Nhờ đó mà đoạn được các Lậu hoặc, tức là chứng được A-la-hán. Tức là đoạn này [nói là] đoạn trừ được các Lậu hoặc thì chứng được A-la-hán. Và nếu chưa đoạn được thì cũng không sao, cũng đoạn được năm Hạ phần Kiết sử thì hóa sanh và nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, tức là sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên. Tại vì đoạn được năm Hạ phần Kiết sử rồi thì tương đương với Tam quả A-na-hàm.

Có nghĩa là ở đây nói rất rõ công thức. Nếu chúng ta có chuyên môn, thì chúng ta hiểu công thức để ra khỏi sanh tử. Đó là chứng Sơ thiền (là Thiền chỉ), [và] tâm buông xuống các pháp, ngay cả Sơ thiền, [và] tâm quán các pháp Sơ thiền giống như pháp Hữu vi, không có [mãi mãi], mà chỉ là vô thường, sanh diệt. Tất cả các pháp thế gian đều như vậy. Nhờ vậy người đó sẽ chứng được A-la-hán, đoạn trừ được hết các Lậu hoặc tức là chứng A-la-hán. Nếu không chứng được A-la-hán, thì sẽ chứng được Tam quả A-na-hàm. Đây là cửa giải thoát đầu tiên.

Điều này nếu [ai] có chuyên môn thì mới hiểu, còn không có chuyên môn thì đọc đoạn này cũng không hiểu. Tóm lại là chứng được Thiền chỉ (là Sơ thiền) và Thiền quán là phải có tâm xả bỏ đi, và nhận thấy thế gian vô thường v.v… thì đắc được A-la-hán, đoạn trừ được các Lậu hoặc. Nếu chưa đoạn trừ được các Lậu hoặc, thì cũng có thể chứng được Tam quả A-na-hàm, bởi vì đoạn hết năm Hạ phần Kiết sử. Khi đó nhập vào cảnh giới trung gian, đó là Ngũ Bất Hoàn thiên, rồi [sau đó] chứng Niết-Bàn, không trở lui lại đời này nữa. Đó là cửa giải thoát đầu tiên. Cửa thứ hai là:

Lại nữa, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đoạn này là chứng được Nhị thiền trong kinh tạng. Tỷ-kheo diệt được tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai. Trạng thái ở trên là hỷ lạc do ly dục sanh thôi, còn dưới đây là hỷ lạc do định sanh, có định rồi. Cho nên định thực sự phải là định của Nhị thiền. "Không tầm không tứ" thì chúng ta hiểu tầm tứ là như thế nào rồi. [Và] "nội tĩnh nhất tâm". Nhưng đó là mới Thiền chỉ thôi. Còn bây giờ là Thiền quán:

Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ hai này là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Đoạn này là Thiền quán, phải quán tất cả các pháp giống như Kinh Kim Cang nói: **"Nhất thiết Hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán"**. Tức là mình quán tất cả các pháp Hữu vi giống như mộng, như ảo, như bọt nước, như bóng, như sương cũng như chớp, nên quán như vậy. Ở đây cũng vậy, ngay cả các pháp Hữu vi nào cũng phải quán xả đi, phải quán Vô thường, chịu sự đoạn diệt. Nên [việc] quán Vô thường quan trọng lắm.

Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các Lậu hoặc (là chứng được A-la-hán)**. Và nếu các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này** (tức là vẫn còn thích vào pháp Nhị thiền)**, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm Hạ phần Kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này...** Ở đây nói "ấy", mình không biết là ấy nào. "Ấy" là Nhị thiền, nhưng mình thấy đoạn được năm Hạ phần Kiết sử thì phải là Tứ Thiền (Ngũ Bất Hoàn Thiên). Đây là cửa giải thoát thứ hai. Tức là mình phải chứng được Nhị thiền của Thiền chỉ, và Thiền quán là tâm phải xả đi các pháp, thì chứng được A-la-hán. Không chứng được A-la-hán thì chứng được A-na-hàm.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền

thứ ba (Thiền chỉ là tới định của Tam thiền)**. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ ba này là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các Lậu hoặc. Và nếu các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm Hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này…**

Trong đây nói như vậy, tóm lại quý vị cứ hiểu là đoạn trên và đoạn dưới giống nhau. Mình cứ hiểu đại ý là chứng được Tam thiền, rồi xả ly, không có ham muốn điều gì hết, quán các pháp đều là Hữu vi, đều là vô thường, mình bỏ. Đó là Thiền quán, [còn] Thiền chỉ là Tam thiền. Như vậy thì [sẽ] đắc được A-la-hán. [Nếu] không đắc được A-la-hán, thì đắc được A-na-hàm, bởi vì đoạn được năm Hạ phần Kiết sử rồi. Đây là cửa giải thoát thứ ba. Chúng ta học chi tiết như vậy trong kinh, chứ chúng ta không tự nói.

Đoạn thứ tư thì cũng tương tự như vậy:

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ tư này là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các Lậu hoặc. Và nếu các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này…

Ai hiểu thì quý vị đọc đoạn này sẽ thấy được ý nghĩa của Tứ thiền. Như xả lạc là xả niềm vui đi, xả khổ là xả thọ khổ đi, không vui, không khổ gì hết, rồi diệt hỷ ưu, thì chứng được Thiền thứ tư. Cũng vậy, điều này gọi là xả niệm thanh tịnh. Rồi cũng quán như trên thì đắc được A-la-hán, không thì cũng đoạn được năm

Hạ phần Kiết sử là chứng được Tam quả A-na-hàm.

Đấy là bốn cửa giải thoát. Ở đây tại sao nói tới 11 cửa giải thoát? Thiện Trang xin đọc tiếp theo:

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ (đây là tu với Tứ vô Lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, thì đây mới là Từ thôi)**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư.** (Tức là với bốn phương đều với tâm câu hữu, câu hữu là có cùng với tâm Từ, (Từ trong Từ, Bi, Hỷ, Xả). Do tâm từ lớn như vậy mà mãn hết, khắp hết một vùng, gọi là hết mười phương). **Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.** (Tức là bây giờ thay vì tu Thiền, thì có một cách để tu Thiền khác, đó là tu Thiền chỉ với tâm Từ (Từ vô lượng tâm). Sau đó là tu Thiền quán này: **Vị ấy suy tư và được biết: "Từ tâm giải thoát này là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp Hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các Lậu hoặc. Và nếu các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này…**

(theo Kinh Bát Thành – Trung Bộ Kinh)

Những nội dung này là kiến thức về chuyên môn. Lâu lâu Thiện Trang vào ngay từ đầu, cho kiến thức chuyên môn luôn, tại vì mấy lần trước giảng kiểu kia rồi, [hôm nay mình] đổi kiểu.

Tóm lại ở đây quý vị hiểu rất đơn giản, bốn tầng Thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền là Thiền chỉ, cộng với tâm quán các pháp là Hữu vi, là đoạn diệt, là vô thường, mà xả đi, thì tự nhiên chứng được Tứ quả A-la-hán. Nếu không chứng được Tứ quả A-la-hán, thì cũng đoạn được Ngũ Hạ phần Kiết sử, chứng

được Tam quả A-na-hàm, và không trở lại Dục giới nữa. Đó là ý nói của đoạn trên, là bốn cửa giải thoát.

Cửa thứ năm thì cũng tương tự như vậy, thay vì chứng Thiền thứ nhất thì dùng tâm câu hữu với Từ. Tứ vô Lượng tâm thì đây là Từ vô Lượng tâm. Rồi cũng với pháp xả ly như vậy, thì chứng đắc được quả y chang như trên. Nên cửa đó là cửa giải thoát thứ năm.

Thiện Trang không có đọc dài nữa, nội dung tương tự với ba tầng thiền Vô sắc: Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, và mỗi một vô lượng tâm trong Tứ vô Lượng tâm: Từ, Bi, Hỉ, Xả, nên thành 11 cửa giải thoát: chứng quả A-la-hán hoặc A-na-hàm. Nội dung tương tự, chỉ đổi mấy chữ đó thôi, nên Thiện Trang không trích trong kinh nữa, quý vị tự đọc.

Ở trên nói Không vô Biên, Thức vô Biên, Vô sở Hữu và Từ, Bi, Hỷ, Xả. Thiện Trang đếm cho quý vị dễ nhớ. Gồm có bốn tầng thiền Sắc giới: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền [cộng] với pháp quán Vô thường, xả ly, thì đủ để chứng được quả giải thoát, gọi là bốn cửa. Ngoài ra có Bốn vô Lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả, đắc được một trong Bốn vô Lượng tâm đó, cộng với pháp quán kia, thì cũng được như vậy, nên cũng được giải thoát. 4+4 thành 8. Còn 3 [cửa] nằm ở 3 tầng định Không vô Biên, Thức vô Biên, Vô sở Hữu, [cộng] với pháp quán như trên, là được 11 [cửa].

Riêng Kinh này là Kinh Bát Thành của Kinh Trung Bộ thì nói 11 cửa giải thoát, hoặc Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết của Kinh Trung A Hàm cũng đều nói là có 11 cửa giải thoát này thôi. Ở đây Thiện Trang có chú thích, riêng Kinh Bát Thành của Trung A Hàm - Kinh 217/ 222 - Trung A Hàm thì nói khác. Tức là Kinh Trung A Hàm thì có 222 Kinh, quý vị giở Kinh 217 tại quyển Trung A Hàm. Quý vị tìm quyển thứ 4, Kinh thứ 217, Kinh Bát Thành của Kinh Trung A Hàm thì nói thêm một điều nữa. Đó là nói thêm trường hợp chứng được định Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, rồi cũng với [quán pháp] như trên, thì thành ra 12 cửa giải thoát.

Thiện Trang mới đầu coi, kêu có khi nào lộn không vậy? Sao bên kia nói 11 cửa, còn bên này thì nói 12 cửa. Mà trong Kinh Trung A Hàm thì bộ Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết cũng nói 11 thôi. Thế tại sao [lại nói] 12? Nhưng Thiện Trang coi kỹ Kinh Bát Thành của Trung A Hàm, thì thấy rõ ràng vị Cư sĩ kia tán thán là có 12 cửa giải thoát. Giống như một ngôi nhà lửa đang cháy, lẽ ra chỉ cần một cửa để ra là được rồi. Mà Tôn giả rất tuyệt vời, đức Như Lai rất tuyệt vời, chỉ cho 12 cửa luôn, muốn ra cửa nào cũng được hết. Tán thán như vậy, rõ ràng là 12 cửa. Thế tại sao bên này lại nói 11 [cửa], còn bên kia nói 12 [cửa]?

Thật ra là có lý do. Lý do là ở chỗ khác, đức Phật có nói rằng: những người nhập vào định Phi Tưởng Phi Phi Tưởng rất khó ra, vô đó rồi là không có ra được. Hình như [chỉ] có hai vị Tôn giả là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, thì [đức Phật] khuyến khích là có thể vào thôi. Còn các Đệ tử khác thì đức Phật không khuyên [vào đó], mà Ngài khuyên là đừng nhập vào định Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Vì nhập vào đó rồi là ra không được, vô luôn đó. Vì vậy có lẽ là để cẩn thận, nên không có đưa thêm cửa giải thoát thứ 12. Chúng ta hiểu được như vậy.

Ở đây chỉ cho 12 cửa giải thoát hoặc là có người nói 11 cửa giải thoát, thì quý vị biết là chúng ta nói có căn cứ, có kinh đàng hoàng, chứ không phải nói không [không]. Tiếp theo Thiện Trang xin giới thiệu một phần cũng cực kỳ quan trọng, đối với người tu muốn chứng quả, đó là Các Tầng Đoạn Phiền Não. Thiện Trang giới thiệu từ bộ Kinh Tam Pháp - Phẩm Mười Pháp - Kinh Tăng Chi. Thiện Trang chỉ trích ngắn thôi, không để dài quá, vì quý vị đọc cũng không nắm được.

Các Tầng Đoạn Phiền Não

1. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận ba pháp thời không có thể đoạn tận sanh, thời không có thể đoạn tận già, thời không có thể đoạn tận chết. Thế nào là ba? Như vậy muốn khỏi sanh, già, chết thì phải đoạn được ba pháp, đó là:

Không đoạn tận Tham, không đoạn tận Sân, không đoạn tận Si. Do

không đoạn tận ba pháp này, không có thể đoạn tận sanh, không có thể đoạn tận già, không có thể đoạn tận chết. Tóm lại Phiền não tuy rất nhiều, nhưng có ba loại thôi là Tham, Sân, Si. Đoạn hết Tham, Sân, Si thì ra khỏi sanh tử. Nhưng để đoạn Tham, Sân, Si thế nào, thì đức Phật nói:

2. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận Tham, không có thể đoạn tận Sân, không có thể đoạn tận Si. Thế nào là ba? Bây giờ muốn đoạn Tham, Sân, Si, thì phải đoạn ba pháp khác, tức là xuống tầng thấp hơn.

Không đoạn tận Thân kiến, không đoạn tận Nghi, không đoạn tận Giới cấm thủ. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận Tham, không có thể đoạn tận Sân, không có thể đoạn tận Si. Tóm lại là nếu không đoạn được Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, thì không đoạn được Tham, Sân, Si. Tức là hạ thêm tầng nữa. Tương tự như thế, đức Phật nói tiếp:

3. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận Thân kiến, không có thể đoạn tận Nghi, không có thể đoạn tận Giới cấm thủ. Thế nào là ba?

Không đoạn tận phi như lý tác ý, không đoạn tận tu tập tà đạo, không đoạn tận tánh thụ động. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận Thân kiến, không có thể đoạn tận Nghi, không có thể đoạn tận Giới cấm thủ.

Tiếp theo là muốn đoạn Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ thì phải đoạn tận phi như lý tác ý. Tức là để đoạn các Phiền não, thì đức Phật chia ra mấy tầng. Cả đoạn dài này, quý vị có thời gian thì có thể đọc. Bây giờ muốn đoạn được Tham, Sân, Si, thì phải đoạn ba pháp là Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ. Mấy điều này chúng ta giảng nhiều rồi. Và muốn đoạn được Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ thì mình phải đoạn tiếp ba điều là phi như lý tác ý...

Như lý tác ý là ngôn ngữ của Hòa thượng Minh Châu dịch; #phi như lý tác ý tức là không phải như lý tác ý. Mình nói đơn giản là hãy suy nghĩ cho đúng, tư duy cho đúng với Chánh pháp. Nói vậy cho dễ, chứ nói như lý tác ý thì khó hiểu quá. Mình phải làm sao suy nghĩ cho đúng, thì gọi là đoạn phi như lý tác ý.

Rồi phải đoạn thêm một điều nữa là tu tập tà đạo. Tức là mình đừng có tu tà, đó là thuộc về Tà kiến. Rồi ở đây phải đoạn tánh thụ động (tính thụ động), người nào mà thụ động quá cũng không được. Tu hành thì phải [đoạn những điều đó]. Đây là tầng tiếp theo.

Và muốn đoạn ba điều này, thì rớt xuống một tầng nữa, là phải đoạn tận vọng niệm, [đoạn tận không] tỉnh giác, và đoạn được tâm loạn động.

Tương tự như vậy, Thiện Trang thấy dài quá, quý vị đọc mệt mà không hiểu, nên Thiện Trang rút gọn lại nguyên đoạn kinh văn dài này thành bảng ngắn như thế này. Bảng này chính là Bộ Kinh Tam Pháp trong Kinh Tăng Chi - Phần Mười Pháp, bảng tóm lược lại thì thành tầng như thế này cho dễ.

(10.76) Tam Pháp: Tayodhamma – Kinh Tăng Chi – Phần Mười Pháp

Bảng tóm lược – để đoạn dứt sanh già bệnh chết thì cần đoạn phiền não theo các tầng

Tầng	**Phiền Não Cần Đoạn**		
9	**Tham**	**Sân**	**Si**
8	**Thân kiến**	**Nghi**	**Giới cấm thủ**
7	Phi như lý tác ý	Tu tập tà đạo	Tính thụ động

6	Vọng niệm	Không tỉnh giác	Tâm loạn động
5	Không muốn yết kiến các bậc Thánh	Không muốn nghe Thánh pháp	Bới lông tìm vết
4	Trạo cử	Không chế ngự	Ác giới
3	Không có lòng tin	Xan tham	Biếng nhác
2	Không cung kính	Khó nói	Ác bằng hữu
1	Không xấu hổ	Không sợ hãi	Phóng dật

1. [Tầng thứ 9]: Mình cần phải đoạn các Phiền não, tầng cao nhất là Tham, Sân, Si. Chúng ta có bài kệ sám hối là: *"Con xưa đã tạo bao ác nghiệp, đều do vô thủy Tham, Sân, Si"* đó. Để đoạn được Tham, Sân, Si, chúng ta cứ cắm đầu vô đoạn Tham, Sân, Si, nhưng đoạn không nổi. Vì chúng ta muốn đoạn được Tham, Sân, Si thì phải hạ xuống một tầng, đoạn [tầng bên dưới] được trước đã.

2. [Tầng thứ 8]: Đức Phật nói trong bộ Kinh này là phải đoạn Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ. Mấy phần Kiết sử này chúng ta học hoài rồi, [đoạn] ba điều này [thì chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cho nên muốn làm A-la-hán, nếu giỏi thì làm luôn hết những điều trên. Nhưng mình không giỏi thì mình hạ xuống một cấp thấp hơn, làm Tu-đà-hoàn [thì phải đoạn] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Điều này Thiện Trang giảng rất nhiều rồi, cho nên không cần phải nói lại Thân kiến là gì, Giới cấm thủ là gì, Nghi là gì. Quý vị có thể tìm bài khác [để đọc].

3. [Tầng thứ 7]: [Đoạn Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi] vẫn không làm được nữa, thì hạ xuống một cấp nữa, cấp thứ bảy là phải đoạn được [ba điều]:

- Phi như lý tác ý: mình hãy cố gắng làm sao suy nghĩ luôn luôn đúng với Chánh pháp. Bây giờ ví dụ có nhiều đồng tu tu lâu rồi, nhưng [vẫn coi] gia đình là thật, vợ chồng con cái là thật, cứ gặp chuyện gì cũng thấy là thật hết. Đó là không như lý tác ý. Cho nên khó!

- Đoạn trừ tu tập tà đạo: tức là mình không tu các phép tà. Ví dụ bây giờ [người ta] bày ra nào là tu năng lượng, luân xa, hay tu gì đó, v.v... đó là tà đạo, thì không được rồi. Đó là mình chưa hết nghi.

- Đoạn tính thụ động: mình phải có tính chủ động, chứ không nhiều khi thụ động quá. Đồng tu bây giờ hầu như không biết gì hết, ngơ ngơ ngác ngác, tu cũng không biết gì hết. Đức Phật dạy sao thì biết vậy, biết mà cứ ngơ ngơ không thực hiện. Tu hành là phải tích cực lên, chứ không phải thụ động.

Rồi như vậy vẫn còn cao quá, thì hạ thấp thêm tầng nữa.

4. [Tầng thứ 6] là đoạn vọng niệm, không tỉnh giác và tâm loạn động. Điều này thì dễ hiểu hơn.

- Vọng niệm: tức là mình nghĩ lung tung lang tang, nghĩ chuyện này, nghĩ chuyện kia, nghĩ đủ thứ hết, đó là tâm vọng niệm nhiều quá, rồi tâm chạy tán loạn. Bây giờ rất rõ ràng, có nhiều người tâm chưa hết [lo] chuyện này, lại [lo] tới chuyện kia, gặp chuyện gì thì chạy theo cảnh đó. Ví dụ như cô giáo gọi điện về nói: *"Con của chị hôm nay không học bài".* Thế là bắt đầu mình nổi xung lên, đó là tâm loạn động.

- Không tỉnh giác: cũng là một tâm mơ mơ màng màng, mê mờ. Đặc biệt là không nhớ Phật pháp gì hết, gặp chuyện gì cũng vậy, toàn là nghĩ thế gian. Ví dụ như mất chìa khóa, rồi bắt đầu bực mình, suy nghĩ lung tung lang tang, quên mất mình phải tỉnh giác. Nếu mất chìa khóa thì mình phải tìm chìa khóa, mình nhớ coi chìa khóa lúc trước để ở đâu, mình phải tỉnh giác. Cho nên những điều này là những tầng thấp hơn nữa.

Rồi nếu chưa được nữa, muốn đoạn được những điều đó, tại vì có nhiều người nói: "Tâm con bị tán loạn, con không tỉnh giác, con có nhiều vọng niệm". Vậy thì làm sao đoạn? Ở đây đức Phật hạ thêm cấp nữa:

5. Tầng thứ 5:

- Không muốn yết kiến các bậc Thánh: mình phải bỏ được tâm này. Tức là mình phải muốn gặp các bậc Thánh, suốt ngày mình cứ mong chờ gặp được những bậc Thánh nhân. Mình có tâm này, tâm này tha thiết thì tự nhiên đoạn trừ được vọng niệm.

- Không muốn nghe Thánh pháp: tức là lười, không muốn nghe pháp. Nghe pháp nhiều sẽ được tỉnh giác. Cho nên ở dưới [muốn nghe Thánh pháp] là nhân để được [quả ở] trên là [tỉnh giác].

- [Bới lông tìm vết]: tâm loạn động là do mình bới lông tìm vết. Tội bới lông tìm vết thì nhiều, chúng ta hay thích như vậy đúng không? Không phải là tất cả, nhưng đặc biệt những người phụ nữ thường hay có tính này. [Họ] đã ghét một điều gì rồi thì sẽ bới lông tìm vết, tìm cho ra lỗi. Những điều này sẽ chướng ngại, khiến cho tâm mình loạn động. Cho nên phải nhìn tất cả mọi người đều là Phật, Bồ-tát. Nếu chưa làm được nữa thì còn [các tầng] ở dưới.

6. [Tầng thứ 4]:

- Trạo cử: phải đoạn được Trạo cử. Trạo cử là tâm lăng xăng, lúc nào cũng nghĩ [chuyện này chuyện kia]. Mình phải cố gắng giữ chánh niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đối với Tịnh Độ là niệm Phật.

- Không chế ngự: là mình không giữ được tâm mình, cho nên tâm chạy, không tỉnh giác được. Tức là mình cứ để tâm mơ mơ màng màng.

- Ác giới: là làm những việc ác.

7. [Tầng thứ 3]: là hạ cấp xuống nữa. Trạo cử là do không có lòng tin. [Còn]

không chế ngự] là do xan tham; xan tham là tham và keo kiệt, nói chung là keo kiệt thì không được rồi.

- Không có lòng tin: mình phải có lòng tin đối với Chánh pháp... mình phải có lòng tin. Bây giờ thời nay [để] tin thì hơi khó đúng không? Thời nay nhìn mấy thầy, mấy đồng tu thì nghi ngờ v.v… [đối với] pháp cũng nghi luôn. Cho nên làm sao có được mấy điều trên.

- [Xan tham:] rồi tâm thì tham. Học Phật pháp cũng muốn có thêm sách, người ta ấn tống sách thì cũng thỉnh chất đầy đó, nhưng thực tế thì không coi. Đó là Tham. Hòa thượng Tịnh Không nói là đổi đối tượng tham, hồi xưa là tham vật chất ở ngoài, bây giờ thì tham danh, tham kinh sách cũng là tham. Rồi #xan là keo kiệt, học rồi cái gì cũng sợ, làm gì cũng sợ hết phước. Sợ con mình hết phước, sợ người này hết phước, sợ người kia hết phước, rồi sợ mình hết phước, riết rồi thành keo. Thật ra điều đó cũng có. Keo với người là bản chất xưa [nay] rồi. Rồi có một tâm nữa là biếng nhác.

- Biếng nhác: mình cũng phải đoạn [tâm] này. Biếng nhác là làm biếng đó, tu mà làm biếng thì không được rồi. Đó là tầng thứ ba.

8. Tầng thứ hai: thì thấp hơn nữa.

- Tâm không cung kính: không cung kính thì không học được gì hết. Vì không cung kính, nên không có lòng tin.

- Khó nói: khó nói tức là hơi dối dối đó, có gì cũng giấu giấu, khó nói.

- Ác bằng hữu: là những người bạn bè xấu, bạn bè ác. Chữ ác hay ố (xấu) thì cũng vậy thôi. Mình né những người xấu ra.

9. Tầng thứ nhất: là tầng thấp nhất.

- Không xấu hổ: phải đoạn tâm đó đi. Phải có sự xấu hổ. Mình tu không được, mình làm cũng không được v.v… mình không có tâm cung kính, mà mình cũng

chẳng biết xấu hổ gì hết.

- Không sợ hãi: là mình không có sợ luân hồi sanh tử gì hết. Do tâm này mà dẫn lên những điều trên. Mình phải có tâm sợ hãi, phải có tâm xấu hổ.

- Phóng dật: là tùy tiện, thích thì tu, không thích thì thôi, rồi giữ giới làm chi, v.v... điều này, điều kia. Đó là tùy tiện.

Cho nên đây là 9 tầng để đoạn trừ Phiền não. Quý vị thấy đức Phật kể ra hết ở đây rồi. Quý vị chỉ cần thuộc bảng này, làm từ dưới lên trên. Mình kiểm tra thử coi, mình có tâm xấu hổ chưa? Có người nói:*"Thưa thầy, con đâu phải tuổi con hổ đâu mà xấu. Con tuổi sửu (là con trâu), cho nên không có xấu hổ được. Con hổ xấu thì kệ nó chớ, con tuổi trâu mà"*. Cho nên đó là không được.

Rồi không sợ hãi là không sợ đối với luân hồi sanh tử, không sợ gì hết. [Mình nghĩ] chưa đâu, phước mình lớn lắm v.v… hoặc là mình còn sống dai lắm v.v… Như vậy thì không được. Rồi tùy tiện, ví dụ như có người thọ Bát quan trai, vừa mới thọ xong là vô nhắn điện thoại ngay: *"Thưa thầy, bữa nay con thọ Bát quan trai. Bữa nay con đi chợ mua được rất nhiều đồ ăn, con nhớ tới thầy v.v…"* Kiểu đó là phóng dật, tại sao? Vì mình nói đang thọ Bát quan trai thì lo mà giữ giới, lo mà giữ tâm chánh niệm đi chớ. Thọ Bát quan trai mà như vậy thì rõ ràng là phóng dật.

Cho nên Thiện Trang thấy đức Phật nói đầy đủ chi tiết trong kinh đó. Xưa nay mình đâu có học các tầng này đâu. Ở trong Kinh này có hết rồi, 9 tầng để đoạn Phiền não. Rồi đắc được quả, cho nên là 10 tầng đó. Quý vị thấy có từng tầng, từng tầng như vậy.

Quý vị cứ so trong bảng này, [xem] quý vị làm được bao nhiêu. Thiện Trang chỉ cho bí quyết, quý vị coi, đầu tiên là mình có tâm xấu hổ chưa? Nhiều người không biết xấu hổ đâu, nói vậy thôi chứ không biết xấu hổ. Bị phê bình, bị chê mà cũng không sợ. Thầy nói kệ thầy, bạn nói kệ bạn, ai nói gì thì nói. Ổng nói ai chứ

đâu có nói mình. Đó là không biết xấu hổ. Còn nói thẳng mình luôn, thì cũng kêu mình không có [như vậy] đâu. Đó là không thấy xấu hổ.

Rồi không cung kính, ví dụ như học Phật pháp, thì không cung kính đối với pháp, không cung kính đối với Phật, không cung kính đối với thầy, không cung kính đối với mọi người v.v... thì làm sao học được. Rồi tâm mình khó nói, người Việt mình hay bị dính vào điều này. Tức là điều gì cũng giữ, thôi không nói đâu, giấu hết, nói mất công cãi qua cãi lại. Rồi thân cận toàn là người ác, người xấu [ác bằng hữu] không. Rồi coi có lười biếng, xan tham và không có lòng tin không v.v...

Nếu như trong bảng này mà mình có hết thì khó tu. Còn nếu coi kỹ mấy tầng dưới trong bảng này, mà mình làm được hết, thì mình có khá khá. Quý vị coi thử quý vị đang ở tầng nào? Và đang ở tầng nào thì thực hiện theo tầng đó. Mình cứ coi điều nào rớt thì mình làm lại, hãy làm từ dưới làm lên: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Bí quyết tu hành chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Nếu mà quý vị hiểu và nắm được, thì tu bấy nhiêu đó.

Bảng này không có gì khó khăn, nhưng thực tế thì rất quan trọng. Nhớ nha! Bảng này thực tế rất quan trọng, vì đây là lộ trình đức Phật đưa ra. Để đoạn dứt Phiền não, thì cần phải đoạn Phiền não theo 9 tầng.

Cho nên mới đầu vô toàn cứ nói đoạn Tham, Sân, Si. Làm sao đoạn được? Bây giờ muốn đoạn Tham, Sân, Si, thì đức Phật nói hãy đoạn giùm Thân kiến đi. Thân kiến mà không đoạn được, rồi không đoạn được Nghi, không đoạn được Giới cấm thủ, thì lấy đâu [đoạn được những điều trên].

[Nếu] không đoạn được ba điều đó, thì cứ xuống dưới, xuống dưới, dần dần [làm] 9 tầng đó. Cho nên Thiện Trang thấy đúng là nhiều khi mình không học thì mình không biết. Chứ mình học mà có trình tự rõ ràng như vậy, thì mình tu theo đó, mình cứ coi. Cho nên bí quyết là quý vị cứ ôm bảng này, cứ so tiêu chuẩn trong bảng này. Mình có tính nào trong [bảng] này, rớt hay phạm vi điều nào, thì mình đang ở đó. Nếu như đạt được các tầng dưới rồi thì lên tầng trên. Mà lên tới

đâu, rớt ở chỗ nào thì ráng làm ở chỗ đó.

Đây là 9 x 3 là 27 [điều], nhưng bỏ tầng cuối cùng là Tham, Sân, Si, thì còn 24 điều thôi. Làm cho tốt hết 24 điều này thì ok, mình sẽ là bậc Thánh nhân, ít nhất sẽ là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và khi đó nếu quý vị tu niệm Phật, thì đời này chắc chắn vãng sanh rồi. Bởi vì Sơ quả là Thánh nhân rồi, có gì nữa mà không vãng sanh. Còn quý vị tu Pháp môn khác thì cũng yên tâm, quý vị tối đa còn bảy đời trong Dục giới nữa thôi, là quý vị đắc A-la-hán rồi, yên tâm!

Chúng ta trở lại với đoạn tiếp theo. Bữa nay Thiện Trang sẽ chia sẻ về Luận Câu Xá.

Bài kệ 13

Địa vị Hiển, Hình sắc	地謂顯形色，	Đất chính là Hiển sắc, Cùng với loại Hình sắc
Tùy thế tưởng lập danh	隨世想立名；	Gọi tên theo thế tưởng
Thủy Hỏa diệc phục nhiên	水火亦復然，	Nước, Lửa cũng như vậy
Phong tức giới diệc nhĩ.	風即界亦爾。	Gió giới cũng như thế.

Giải:

Thiện Trang xin giải thích từng chữ, rồi sau đó tới bài dịch. Bây giờ chúng ta đang học về Sắc pháp. Sắc pháp thì mình đang học về Đất, Nước, Gió, Lửa, ở đây đang nói là:

#Địa vị Hiển, Hình sắc: #vị là là; #Hiển, Hình sắc là Hiển sắc và Hình sắc. Tức là

Đất ở trong Bốn đại (hay là Đại chủng), ngôn ngữ của ngài Huyền Trang gọi là Đại chủng, thì có Đất. Đất là gì? Đất chính là Hiển sắc, và cùng với một loại khác là Hình sắc. Cho nên Thiện Trang dịch là*:* "Đất chính là Hiển sắc, cùng với loại Hình sắc". Tức là Đất thật ra có hai [loại]: một là Hiển sắc, hai là Hình sắc.

Quý vị nhớ Hiển sắc và Hình sắc không, hay là quên luôn rồi? [Hiển sắc] là xanh, vàng, đỏ, trắng; [Hình sắc] là tròn, vuông, méo, mấy cái hình. [Hiển sắc] là không có hình, ánh sáng thì không có hình. Còn hình vuông, hình tròn thì gọi là Hình sắc. Về Hiển sắc, hiển là thấy được. Ví dụ như mấy màu sắc là mình thấy được. Mình nhớ như vậy! Đất rõ ràng là có hai tính chất.

Địa ở đây không phải là chỉ mỗi đất [không thôi], mà là tất cả vật chất. [Bất kỳ] những vật chất nào, rõ ràng là có hai điều thôi: một là có màu nào đó, hai là sẽ có hình thù nào đó. Ví dụ Thiện Trang giơ lên cho quý vị xem [bảng màu] này, quý vị coi bảng màu này có hình gì đây? Nguyên khối này có hình chữ nhật, và [có] từng màu. Nếu mình để sát vào, tập trung nhìn màu không [thôi], thì đây là Hiển sắc. Và mình thấy hình này là hình vuông, hình chữ nhật, thì đấy là Hình sắc. Để như thế này thì rất rõ ràng, quý vị có thể phân biệt được Hình sắc và Hiển sắc.

Tất cả vật chất đều như vậy. Giống như quý vị thấy tượng Phật trắng trắng ở trước Thiện Trang, trên màn ảnh quý vị đó. Màu trắng là Hiển sắc, và đức Phật thì có hình dáng như thế nào, đó là Hình sắc. Như vậy là có Hiển sắc và Hình sắc. Quý vị có nhớ không? Hay là học lâu quá quên luôn rồi.

#*Tùy thế tưởng lập danh:* #tùy là theo; #thế là Thế gian; #thế tưởng là sự tưởng tượng, sự suy tưởng của Thế gian mà lập danh. Tức là gọi tên theo Thế gian, những tưởng tượng của Thế gian.

Ví dụ Thiện Trang đưa [bảng màu] này lên cho quý vị thấy, thì ai cũng nói là hình vuông. [Nhưng khi] Thiện Trang để chéo chéo, thì có người nói là hình thoi. Tức là hình vuông [hay] hình thoi là do sự tưởng của mình, mình tưởng thế nào. Thế gian người ta tưởng tượng thế nào, thì đặt tên thế đó. Họ quy định thế

này, thế kia. Ví dụ như Thiện Trang đưa cuốn sách lên (trên quyển sách có hình), thì quý vị tưởng ra hình gì tròn tròn đây. Như vậy là mình tưởng, toàn là tưởng tượng theo thế gian mà gọi tên. Vật gì cũng vậy, là đặt tên theo thế gian.

Như vậy Địa, hay là tính chất cứng chắc của vật chất, thì theo thế gian cảm thấy cho rằng cứng chắc, nên đặt tên là Địa.

#*Thủy Hỏa diệc phục nhiên*: #Thủy là nước; #Hỏa là lửa; #diệc là cũng; #phục nhiên là như vậy. Tức là trong Bốn đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, ở trên nói Địa rồi; Địa là tính chất cứng chắc của vật chất; #Thủy là tính chất ướt hay khô của vật chất; #Hỏa là tính ấm (nóng) hay là lạnh; Nước, Lửa cũng như vậy. Tức là cũng chính là Hiển sắc và Hình sắc, và cũng được gọi tên theo sự tưởng, [theo] suy nghĩ của Thế gian.

#*Phong tức giới diệc nhĩ*: #Phong là gió, tức là sự chuyển động của các vật chất, chuyển động của gì đó v.v… Đó cũng là giới. Thật ra ở trên không nói giới, nhưng ở đây nói đến giới; #giới là kiểu, loại. Loại gió này cũng như vậy thôi. Tóm lại là theo suy nghĩ của Thế gian, mà lập tên bốn loại này.

Ngôn ngữ của bài kệ viết cho dài vậy thôi, chứ thực tế mình hiểu là Đất, Nước, Lửa, Gió. Bốn điều này vừa là Hình sắc, vừa là Hiển sắc. Và gọi tên như thế chẳng qua là tùy thuận theo suy nghĩ của Thế gian mà thôi.

論曰：地謂顯形，色處為體，隨世間想假立此名。由諸世間相示地者，以顯形色而相示故。水火亦然。風即風界，世間於動立風名故。或如地等隨世想名，風亦顯形，故言亦爾。如世間說黑風團風，此用顯形表示風故。

Luận viết: Địa vị Hiển Hình, sắc xứ vi thể, tùy Thế gian tưởng giả lập thử danh. Do chư Thế gian tướng thị địa giả, dĩ Hiển Hình sắc tương thị cố. Thủy hỏa diệc nhiên. Phong tức Phong giới, Thế gian ư động lập phong danh cố. Hoặc như Địa đẳng tùy Thế gian tưởng danh, Phong diệc Hiển Hình, cố ngôn diệc nhĩ. Như

Thế gian thuyết hắc phong đoàn phong, thử dụng Hiển Hình biểu thị phong cố.

Giải:

#*Luận viết: Địa vị Hiển Hình*: tức là Luận nói; #Địa là Hiển sắc và Hình sắc; #Hiển Hình tức là gồm có hai thành phần: Hiển sắc và Hình sắc.

#*Sắc xứ vi thể*: #xứ có nghĩa là thể loại, hay chúng ta có thể nói là thành phần. Do thành phần về Sắc mà làm bản thể; #thể là bản thể.

#*Tùy Thế gian tưởng giả lập thử danh*: theo suy nghĩ, tưởng tượng của Thế gian mà giả lập thành tên này. Tức là tên này giờ gọi là Đất, chứ biết gọi là gì. Tất cả các vật rắn cứng chắc, thì nói là Đất chứ nói gì bây giờ. Người ta thích thì gọi như vậy, bởi vì Đất là nhiều nhất.

Quý vị biết không? Ở trong thế gian có mấy thứ người ta thường thấy nhất là Đất và Nước. Như Trái đất của chúng ta là Đất nhiều, tức là vật chất cứng là nhiều nhất. Cho nên theo Thế gian thì gọi như vậy thôi, chứ gọi là gì bây giờ.

#*Do chư Thế gian tướng thị địa giả:* chữ #do là tùy, hay là theo; #thị có nghĩa là nói; Tùy theo tướng của các Thế gian mà mình nói thế nào là Đất (Địa). Thực ra là do tướng của Thế gian thôi, bây giờ mình thấy vật nào cứng chắc v.v… thì mình nói là Đất.

#*Dĩ Hiển Hình sắc tương thị cố*: bởi vì dùng Hiển sắc và Hình sắc để thẩm xét mà nói. Nói tóm lại, đơn giản là những thứ [như] Đất v.v… ở Thế gian, là do dùng những thứ mình thấy được như xanh, vàng, đỏ, trắng (là Hiển sắc), hay dài, ngắn, vuông, tròn (là Hình sắc), từ đó mà mình thẩm xét, mình nói về vấn đề đó.

#*Thủy hỏa diệc nhiên*: còn Nước và Lửa cũng như vậy. Hai đại khác là Hỏa và Thủy thì cũng như vậy, tức là cũng giả lập tên theo Thế gian thôi. Ví dụ quý vị ra thấy nước mênh mông thì gọi là Nước. Rồi quý vị thấy ngọn lửa cháy như thế, có hình dáng như thế, thì mình đặt tên là [Lửa].

#*Phong tức Phong giới*: #Phong tức là Phong giới. Ở đây mình gọi tắt là Phong, nhưng thực tế gọi đầy đủ là Phong giới.

#*Thế gian ư động lập phong danh cố*: tức là Thế gian đối với sự chuyển động mà lập nên tên; #cố là bởi vì.

Vì tại sao gọi là Gió? Bởi vì đơn giản là theo sự chuyển động, cái nào chuyển động thì lập tên là Gió. Gió là [sự] chuyển động, tính chất là như vậy. Vì thật ra đây là ngôn ngữ của thời xưa, mà bây giờ thì cũng vậy thôi, chứ biết lấy tên gì đâu. Chúng ta thấy Gió là sự chuyển động, thì gọi là Phong, gọi Phong là đại diện thôi, chứ bây giờ lập ra tên gì. Ngôn ngữ bây giờ mới đa dạng hơn, người ta nói sự chuyển động, hồi xưa người ta chỉ dùng Phong, tức là Gió.

Mỗi thời [đại] mỗi khác, giống như bây giờ đi học mình chia ra đủ cấp bậc. Mới nhỏ bắt đầu là Mầm non, hồi xưa làm gì có Mầm non, không có! Hồi xưa vào là phải học luôn Tiểu học, đâu có [Mầm non]. Càng về sau thì chia ra, hồi xưa đâu có mấy ngành như ngành Robot, [hay] những ngành Trí tuệ Nhân tạo. Có những ngành cứ phát triển dần, phát triển dần, nên có những ngành mới.

Do chúng ta học ngôn ngữ thời xưa, nên nhiều khi mình học mình thấy xa, sao khó hiểu, chứ thực tế thì cũng vậy thôi. Nếu mình sống ở thời đại đó, thì mình sẽ thấy dễ hiểu. Ở đây Thiện Trang sẵn nói về ngôn ngữ một chút. Người nào học ngôn ngữ nào thì cũng khoe ngôn ngữ đó hay. Ví dụ như chúng ta học Hán ngữ, học Hán cổ, thì mình cứ khoe chữ Hán hay, chữ Hán là chữ tượng hình, dễ nhớ, rồi có nhiều ý nghĩa v.v… Mình khoe chữ Hán này tách bạch với phát âm, nên muôn đời mình vẫn xài được, thế hệ trước cho tới thế hệ sau. Đúng! Chữ Hán có thế mạnh đó. [Vì] mình chỉ học mỗi chữ Hán, nên mình thấy vậy thôi.

Nhưng người học bên tiếng Sanskrit, thì họ lại nói tiếng Sanskrit hay, văn ngọt, nên diễn tả văn thanh cao, hay. Rồi người học tiếng Pāli, thì nói ngôn ngữ Pāli chặt chẽ, chi tiết. Giống như trong các ngôn ngữ, Thiện Trang thấy ngôn ngữ tiếng Đức rất chặt chẽ về ngữ pháp, không thể nào mơ mơ màng màng được, tức

là nói A là A, B là B. Cho nên khác với tiếng Việt mình, tiếng Việt mình mơ hồ, không rõ ràng, nên bắt lỗi được, lúc thì kéo lên, lúc thì hạ xuống được. Còn tiếng Đức một là một, hai là hai, từ nào ra từ đó. Lấy ví dụ bên tiếng Đức, chẳng hạn thấy đứa con đi học về, quý vị hỏi nó. Nếu [trên đường về], nó ghé thăm một nơi khác rồi mới về tới nhà, thì phải dùng từ khác. Và từ đó sẽ khác với từ [trong trường hợp] nếu đứa con đi thẳng từ trường về nhà. Hai từ [dùng trong hai trường hợp] sẽ khác nhau. Cho nên [tiếng Đức] chặt chẽ ở chỗ đó, không có vụ lén lén, lút lút, nói "con đi từ trường về nhà". Không được! Đó là thành nói dối ngay. Nó đã ghé qua chợ hay ghé qua đâu, thì nó sẽ dùng từ khác. Đấy, cách [nói] như vậy thì cực kỳ chặt chẽ.

Tiếng Pāli cũng khá chặt chẽ. [Vì] khá chặt chẽ, nên người ta cũng tán thán khi học ngôn ngữ Pāli. Thậm chí người ta nói tiếng Sanskrit sang, hay, nhưng hồi xưa Bà-la-môn giáo dùng cho bốn bộ Kinh Vệ Đà hết rồi. Còn tiếng Pāli phát triển sau này, tuy là phát triển sau nhưng tiếng đó nguyên sơ, tức là chưa dùng cho nền hệ thống nào cả.

Giống như bây giờ mình học kinh Phật, mình học chữ Hán. Do chữ Hán hồi trước chuyển tải cho Đạo gia và Nho gia, nên bây giờ có nhiều từ trùng lặp giữa Nho gia với Đạo gia, với Phật pháp. Ví dụ [trong Phật pháp] có từ 'Vô vi', bên đạo gia cũng có từ 'Vô vi'. Cho nên hai bên dễ lầm, tức là người học Đạo gia rồi mà vô Phật pháp, thì tưởng chữ Vô vi bên Phật pháp cũng giống chữ Vô vi bên đó, nên cứ tưởng lầm. Rồi các tầng tâm rời v.v… cũng gần gần, tương đương. Vì các chư Tổ dịch kinh cũng dùng rất nhiều từ giống như vậy, chứ đâu có bịa ra từ mới.

Chính vì vậy cũng có những hạn chế nhất định, đó là người ta dễ hiểu lầm. Rồi bên Pāli, vì sao họ tự hào? Giống như cô gái chưa từng có người yêu, thì tiếng Pāli chỉ xài cho kinh Phật thôi. Cho nên người ta tán thán tiếng Pāli như vậy. Nhưng rõ ràng nếu mình đứng ở góc nhìn trung lập, thì mình sẽ thấy là mỗi ngôn ngữ có cái hay riêng. Ngôn ngữ này có hay của nó, ngôn ngữ kia có hay của nó. Cho nên người thâm nhập nhiều ngôn ngữ, thì tự nhiên hiểu được vấn đề rõ ràng,

sâu sắc hơn. Còn người chỉ biết một, không biết nhiều, thì khó khăn hơn. Tức là Thiện Trang nói về tri kiến thế gian.

Còn đối với đức Phật, Ngài giác ngộ rồi, nên ngôn ngữ không quan trọng nữa, Ngài có thể nói bất cứ ngôn ngữ nào. Tức là với một người giác ngộ, thì có thể diễn tả cho chúng sanh, tùy loại chúng sanh, [mà dùng] ngôn ngữ nào cũng được. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là: Phật có thể dùng một âm thanh mà thuyết pháp, chúng sanh Hữu tình tùy theo âm thanh của mình mà hiểu được. Điều đó mới hay!

Cho nên ở đây tại sao nhiều khi mình học, Thiện Trang thấy bộ Luận Câu Xá này, ở đoạn đầu thì hơi khó chịu đối với nhiều người, nghe xong rồi ngủ gục hết. Cho nên nghe đoạn sau hay lắm, nhưng học hoài chưa tới. Vì phần đầu là mới vô phần cơ sở, mà phần cơ sở này, nghe nhiều từ thuật ngữ, thực tế đối với nhiều người học lâu rồi, thì chúng ta thấy không cần lắm. Nhưng đối với người chưa [học thì cần]. Tại vì bộ này cung cấp cho những người bắt đầu sơ khởi học, cho nên có những kiến thức rất quan trọng. Chúng ta cứ đi từ từ, như Đất, Nước, Gió, Lửa thì ai cũng biết, nghe hoài rồi. Chúng ta cố gắng học, đừng nản chí. Cứ học từ từ, Thiện trang cố gắng lướt qua chỗ nào được thì lướt.

#*Hoặc như Địa đẳng tùy Thế gian tưởng danh*: hoặc là giống như Đất v.v… là Đất, Nước, Gió, Lửa, [thì] tùy theo Thế gian tưởng mà lập tên.

#*Phong diệc Hiển Hình*: Phong cũng là do Hiển sắc và Hình sắc.

#*Cố ngôn diệc nhĩ*: nên nói rằng cũng như vậy.

#*Như thế gian thuyết hắc phong đoàn phong*: giống như Thế gian nói #hắc phong là gió đen. Tức là tùy theo Thế gian tưởng, thấy gió đen thì nói gió đen, thấy màu đen thì nói gió đen; #đoàn phong: #đoàn là hình cầu, hình tròn, gió có hình cầu, bây giờ gọi là vòi rồng đó quý vị. Tùy theo hình thể mà người ta đặt tên như vậy.

#*Thử dụng Hiển Hình biểu thị phong cố*: ở đây là dùng Hình sắc và Hiển sắc để

biểu thị về Gió.

Giống như bây giờ nói về bão, chúng ta coi [bão] bên Mỹ hay có vòi rồng, cuốn, xoay, xoay, xoay. Vòi rồng thực ra là gió thôi. Cho nên tùy theo Thế gian, Thế gian như thế nào thì gọi như thế ấy, miễn là giống nhau về Hình sắc thì mình gọi. Ở đây Đất, Nước, Gió, Lửa cũng là dùng Hình sắc thôi, gió đen thì nói gió đen, gió lốc thì nói gió lốc, gió xoáy thì nói gió xoáy, vòi rồng, bão v.v… Đó là cách gọi.

Tóm lại mình không cần nhớ đoạn này nhiều, mà chỉ cần nhớ bốn tên gọi Đất (Địa đại), Nước (Thủy đại), Gió (Phong đại), Lửa (Hỏa đại), là gọi tên theo Thế gian mà thôi. Và [Bốn đại này] có Hình sắc và Hiển sắc, tức là nó có hình dáng và màu sắc. Tóm lại [giải thích] như vậy thì mình hiểu được.

Tạm dịch: Trong Luận ghi rằng: Địa là [gồm] thành phần Hiển sắc, Hình sắc làm thể, theo sự tưởng của Thế gian mà giả lập thành tên này. Tùy theo tướng của các Thế gian mà nói về Địa này, bởi dùng Hiển sắc Hình sắc mà thẩm xét nói. Nước lửa cũng như thế. Phong tức là Phong giới, bởi Thế gian đối với sự chuyển động mà lập tên. Nếu như Đất v.v… theo Thế gian tưởng mà [lập] tên, thì giới cũng [do] Hình sắc và Hiển sắc, nên nói cũng như vậy. Như Thế gian nói gió đen gió xoáy, bởi đây dùng Hiển sắc và Hình sắc để biểu thị về Gió. (Gió đen là gió có màu đen, là Hiển sắc. Còn gió xoáy có hình vòi rồng, thì là Hình sắc).

何故此蘊無表為後說為色耶？由變壞故。如世尊說：苾芻當知，由變壞故名色取蘊。誰能變壞？謂手觸故即便變壞。乃至廣說。變壞即是可惱壞義，故義品中作如是說：

Hà cố thử Uẩn Vô biểu vi hậu thuyết vi Sắc da? Do biến hoại cố. Như Thế Tôn thuyết: Bật-sô đương tri, do biến hoại cố danh Sắc thủ uẩn. Thùy năng biến hoại? Vị thủ xúc cố tức tiện biến hoại. Nãi chí quảng thuyết. Biến hoại tức thị khả não hoại nghĩa, cố nghĩa phẩm trung tác như thị thuyết:

Giải:

#Hà cố thử Uẩn Vô biểu vi hậu thuyết vi Sắc da?: #hà cố là vì sao; Vì sao Vô biểu (#Vô biểu là Vô biểu sắc) của Uẩn này lại nói là Sắc.

Ở đây đặt ra câu hỏi là tại sao Vô biểu sắc của Uẩn này lại nói là Sắc? Vô biểu sắc thì không có hiển thị ra. Bây giờ nói cách khác, Biểu sắc thì chúng ta dễ thấy rồi, bởi vì xanh, vàng, đỏ, trắng, [hay] tròn, vuông, méo, tam giác thì thấy được, nhưng có những điều không hiển thị ra bên ngoài.

Ví dụ như chúng ta, mỗi người có mỗi nghiệp. Như quý vị có một thân thể nhìn rất xinh đẹp, nhưng thật ra bên trong thì bệnh đầy, [mà chúng ta] không biết. Đó là Vô biểu sắc. Rồi có người nhìn tướng thì đẹp lắm, mình nghĩ là cất giọng lên nghe hay lắm, [nhưng] ai ngờ cất giọng lên thì nghe chói tai quá. Đó là những điều bên trong, gọi là Vô biểu sắc. Nhưng tại sao đó cũng gọi là Sắc, trong khi [Vô biểu sắc] đâu có Hình sắc gì đâu? Ở đây đưa ra câu hỏi như vậy.

Ví dụ cho hai người đẹp lên thi hoa hậu, mới đầu lên thi thì đi vòng vòng. Hai người đẹp như nhau, nhưng lát sau tới vòng thi nói, phỏng vấn thì bắt đầu khán giả [mới] chia ra: cô này nói giọng ngọt hơn, cô kia nói giọng âm thanh chói chang v.v…. Đó là nếu như chỉ nhìn Hình sắc hoặc là Hiển sắc thôi, thì không có phân biệt lắm. Nhưng có một điều bên trong khiến [họ] khác nhau, đó là Vô biểu sắc, là nghiệp của họ khác nhau.

Ví dụ như nhìn quý thầy đắp y lên, đầu tròn, áo vuông, ai cũng đẹp, trang nghiêm, tăng tướng đường đường, trong Quy Sơn Cảnh Sách nói là "Thiền tướng trang nghiêm". Nhưng một hồi mình thấy hai người khác nhau. [Đó là] bởi vì nghiệp, [do] Vô biểu sắc của họ mang không giống nhau. Một hồi vô lĩnh vực nào đó là khác, cách suy tư hay cách đưa ra vấn đề, rồi bắt đầu giọng nói, cách cư xử, mọi thứ đều khác nhau. Những gì ngầm ngầm bên trong, gọi là Vô biểu sắc, Vô biểu nghiệp. Thế tại sao điều đó gọi là Sắc, nó có đâu mà gọi là Sắc? Ở đây đưa ra vấn đề đó, là tại sao gọi là Sắc?

#*Do biến hoại cố*: bởi vì do sự biến hoại.

#*Như Thế Tôn thuyết*: như đức Phật tức là như đức Thế Tôn nói:

#*Bật-sô đương tri*: #Bật-sô tức là Tỳ-kheo; Tỳ-kheo nên biết.

#*Do biến hoại cố danh Sắc thủ uẩn*: do sự biến hoại; #biến hoại này là [biến hóa] hoại diệt, mà gọi là Sắc thủ uẩn.

#*Thùy năng biến hoại*: ai bị biến hoại hay là cái nào biến hoại?

#*Vị thủ xúc cố tức tiện biến hoại*: là vì tay tiếp xúc với việc thì liền biến hoại.

#*Nãi chí quảng thuyết*: cho đến nói rộng.

#*Biến hoại tức thị khả não hoại nghĩa*: #biến hoại tức là ý nghĩa của não hại.

#*Cố nghĩa phẩm trung tác như thị thuyết*: cho nên ở trong Phẩm Nghĩa nói như thế này.

Ở đây chúng ta phải dịch từ từ thì quý vị mới hiểu được. Tức là giải thích nguyên nhân vì sao Vô biểu sắc cũng gọi là Sắc, lẽ ra phải gọi bằng tên khác đi chớ. Ở đây là do sự biến hoại, tức là biến đổi và hoại diệt.

Tạm dịch: Vì sao Vô biểu sắc của Uẩn này lại nói là Sắc? Do sự biến hoại. Như đức Thế Tôn nói: Bật-sô (Tỳ-kheo) nên biết: Do sự biến hóa hoại diệt mà gọi Sắc thủ uẩn. Ai bị biến hoại? Là tay tiếp xúc với sự việc thì liền biến hoại. Cho đến nói rộng. Biến hoại tức là nghĩa của có thể não hại, nên trong Phẩm Nghĩa nói như thế này.

Có nghĩa là bình thường chúng ta không thấy biến hoại, nhưng nếu có tiếp xúc thì sẽ gây ra [sự] não hại, tức là gây ra sự hoại diệt, phá hoại. Ví dụ thân thể chúng ta thì ai cũng giống ai, Thiện Trang lấy ví dụ [lúc] nãy: hai người nhìn giống nhau, nhưng khi va chạm, ví dụ như ra đường gặp tai nạn giao thông [thì sẽ] biến hoại. Biến hoại là thân thể của mình biến hoại, nhưng đồng thời Vô biểu sắc, tức

là nghiệp của mình cũng mất luôn.

Ví dụ như sau một trận tai nạn, người đó trước kia có giọng rất hay, nhưng sau đó giọng lại không hay nữa, rồi âm thanh thay đổi v.v… nhiều thứ lắm, như Vô biểu sắc hay những điều đó cũng thay đổi theo, nên cũng gọi là Sắc. Tức là nó bị tác động bởi điều khác được, cho nên gọi là Sắc. Chứ nếu là vô hình rồi, không bị tác động bởi điều khác, thì đâu cần phải gọi là Sắc. Ý nghĩa là như vậy đó.

Cho nên hơi khó hiểu, chúng ta thấy ngôn ngữ Duy Thức đôi khi giải thích hơi sâu. Biến hoại tức là nghĩa có thể não hại, tức là phá hoại. Mình nói là có thể bị huỷ hoại, nói vậy cho dễ. [Đây là] ngôn ngữ của ngài Huyền Trang, [ngài] thích dùng mấy từ khó hiểu, từ không quen. Nên trong Phẩm Nghĩa có nói một bài kệ như thế này. Chúng ta tìm hiểu tiếp bài kệ thứ 14:

Bài Kệ 14

Thú cầu chư dục nhân	趣求諸欲人，	Người hướng cầu các dục,
Thường khởi ư hi vọng	常起於希望，	Thường sanh khởi hi vọng
Chư dục nhược bất toại	諸欲若不遂，	Nếu không toại các dục
Não hoại như tiễn trung.	惱壞如箭中。	Não hoại như trong[làn] tên.

Giải:

#*Thú cầu chư dục nhân*: #nhân là người; người mà hướng cầu nhiều ham muốn; #các dục là nhiều ham muốn.

#*Thường khởi ư hy vọng*: thường sanh khởi nhiều hy vọng.

Điều này thì rõ ràng, ham muốn nhiều thì hy vọng nhiều. Quý vị biết, ai [mà] ham muốn nhiều thì hy vọng nhiều. Còn người mà thiểu dục tri túc thì người ta không ham muốn, không có hy vọng gì nhiều. Cho nên hy vọng nhiều thì Thiện Trang xin nói là thất vọng [càng] nhiều. Bởi vì ở đời có một điều khổ, đó là Cầu bất Đắc khổ.

Quý vị mong con học giỏi, cuối cùng con không học giỏi được. Quý vị mong con đậu Đại Học, [nhưng] con không đậu được. Quý vị mong chồng đối xử tốt với mình, chồng làm ra nhiều tiền, [nhưng] không được. Rồi mình mong có nhiều thời gian tu hành, mà cũng không có nhiều thời gian tu hành. Rồi mình mong Thầy Thiện Trang bữa nay giảng đúng đề tài hấp dẫn để mình nghe, mà cuối cùng ông giảng điều gì đâu, cũng không được.

Có nghĩa là ở đời, người có nhiều mong cầu, nhiều ham muốn, thì người đó khổ nhiều, vì thường sanh khởi những hy vọng, những mong muốn. Quý vị nên nhớ, ở đời người mong cầu càng nhiều thì khổ nhiều, vì không bao giờ được hết tất cả. Ai có phước nhiều thì được nhiều. Quý vị nên nhớ nha! Cầu được là có phước.

Có nhiều người toàn trách móc người ta, tại sao người ta đối xử với mình không tốt, tại sao con không có thời gian tu tập, tại sao người ta quấy nhiễu con, tại sao thế này, tại sao thế kia. Thật ra là do mình mong cầu, mình hướng ra bên ngoài. Quý vị nên nhớ, phước của mình bao nhiêu thì mình được nhận bấy nhiêu, không phải mong cầu mà được. Quý vị mong cầu mà được thì quý vị [phải] lên phước cao.

Giống như mình ở cõi Người, phước của mình kém lắm, cho nên mong cầu của mình không lớn. Nhưng quý vị lên cõi Trời thôi, ví dụ như lên trời Tứ Thiên Vương thì sướng hơn được một chút, lên trời Đao Lợi thì được sướng hơn nữa, [rồi] trời Tu Diệm Ma thì sướng hơn [trời Đao Lợi]. Trời thứ Tư là trời Đâu Suất

thì sướng hơn [trời Tu Diệm Ma]. Lên trời thứ năm, quý vị muốn điều gì thì biến ra điều đó. Và tầng trời thứ sáu thì sướng hơn nữa, là khỏi cần biến, muốn điều gì thì tầng trời ở dưới là tầng trời thứ năm họ biến, họ dâng lên, cho nên gọi là Tha Hoá Tự Tại thiên. Bao giờ quý vị có phước cỡ đó, giống như trời Tha Hoá Tự Tại, thì quý vị cầu gì cũng được.

Còn mình ở cõi Người, mình cầu quá trời, cầu ông chồng phải tốt với mình, cầu hàng xóm phải tốt với mình, cầu đồng tu phải tốt với mình v.v… Làm sao cầu được? Cầu được ít lắm quý vị.

Trong Phật pháp dạy cho chúng ta điều gì? Là hãy đối diện sự thật, hãy nhìn vào thực tế, đừng ham những gì của thế gian. Những gì của thế gian đều là vô thường. Càng mong cầu nhiều thì sao? Trong bài kệ này nói luôn, bài kệ này nói rất hay.

#Chư dục nhược bất toại: tức là những ham muốn, mong muốn đó, nếu không đạt được; #bất toại là không được như ý.

#Não hoại như tiễn trung: #não hoại nói đơn giản là bực mình; #não là tức giận, bực mình, ray rứt, phiền muộn, buồn bực; #hoại là phá hỏng, làm hỏng. Tức là mình bực mình lên, mình nổi sung lên, bắt đầu làm những chuyện không tốt; #như tiễn trung là như ở trong tên; tên là giống như trong làn tên bắn, mà mình ở trong đó.

Cho nên bài kệ này dạy cho mình: là những người nhiều ham muốn, nhiều dục vọng, khi các mong muốn đó không được thì họ khó chịu, họ bắt đầu quờ quạng, họ phá và làm hại người khác nữa. Đó là Phiền não của chúng ta. Mà đời nay [việc] này nhiều đúng không quý vị? Thời nay đa số toàn là đổ lỗi cho người khác, không phải đổ lỗi cho mình.

Cho nên là mình không có phước báu. Có người [nói]: *“Thầy ơi, con mong muốn tu hành”.* Tu hành thì có phải có phước báo. Thiện Trang chỉ rồi, muốn có

phước báo thanh tu thì hãy ủng hộ người thanh tu, hãy đi giúp cho những người thanh tu, thì mình mới thanh tu. Mình muốn có điều gì, thì hãy làm cho [người khác] như thế. Còn bây giờ ở nhà cứ cầu hoài. Cho nên là không biết tu nhân mà mong đạt quả.

Mình đã sanh ra trong thời đại này, đa phần đến đây là để trả nghiệp, bị người ta đòi [thì] ráng chịu chứ. Nên hãy hiểu được [như] vậy, và đừng có mong cầu nhiều, điều gì cũng [nên] vừa ý. Còn quý vị có phước rồi, cứ cầu điều gì thì vừa nghĩ là có. Giống như trời Tha Hoá Tự Tại vậy đó. Mặc dù là ở nhân gian, nhưng nếu quý vị muốn thường xuyên tu phước, [thì] hãy giúp cho người khác.

Ví dụ có nhiều người được phước đó, tại vì thường hay giúp cho người ta được phước, như người ta muốn điều gì thì mình đáp ứng điều đó. Ví dụ như ông chồng muốn Iphone mới, điện thoại mới, [thì mình] đáp ứng ngay. Sau này đến lúc nào đó quả báo đến, thì quý vị cũng có được như vậy. Có người muốn tu hành, thì mình giúp cho người khác tu hành, thì quả báo tới. Phải giúp cho người ta có điều kiện. Muốn giàu sang thì bố thí, giúp đỡ người nghèo, giúp người khó khăn thực sự, v.v… Giúp đi thì tự nhiên mình giàu. Muốn khỏe mạnh [thì] phóng sanh, ăn chay. Cho nên có nhân thì mới có [quả], chứ bây giờ [toàn là] mong cầu không à.

Nhiều người học Phật lâu năm rồi mà vẫn không hiểu được điều đó. Toàn cứ mong [cầu], mà trong khi Thiện Trang đã giảng hết rồi. Thiện Trang chia sẻ là cố gắng, quý vị muốn rảnh rỗi tu hành [thì] [hãy] hộ trì cho [người tu]. Ví dụ bây giờ các quý Thầy quý Cô muốn lên núi tu, muốn có thất, thì quý vị lên núi giúp cất thất cho quý Thầy, quý Cô ở trên đó tu. Rồi giúp cho các Cô, các Thầy có thời gian để tu tập, đừng có lo lắng nhiều.

Điều đó thì hơi xa, còn gần [là] mình đừng làm mất thời gian của người ta, để mình không bị người ta làm mất thời gian của mình. Có nhiều người suốt ngày quấy nhiễu, làm phiền hà người khác. Ví dụ như việc đáng [hỏi] thì mình hỏi, còn

việc không đáng [hỏi] mà mình đi quấy nhiễu người này, quấy nhiễu người kia. Rồi cuối cùng quý vị hỏi: "Thưa thầy, sao suốt ngày con bị người ta quấy nhiễu, người ta làm phiền mình?" Thật ra mình đi làm phiền bao nhiêu người, mà mình không biết. Chính mình gây nhân thì mình gặt quả. Cho nên người ở trong thế gian, biết tu hành là chuyện nào đáng thì mình hãy xen vào, còn chuyện nào không phải của mình, không đáng, thì thôi bỏ ra.

Bây giờ người mình hay hóng hớt, hay xen vào chuyện của người ta nhiều, thì sau này mình cũng bị nhân là người ta xen vào [chuyện của] mình nhiều. Y chang luôn! Nhân quả không có sai. Cho nên nhiều người hỏi: "Thưa thầy, sao ông chồng khó chịu với con vậy?" Đơn giản vì mình khó chịu với nhiều người quá, mà mình không biết.

Quý vị mà hiền thiện, chỉ lo tu không thôi. Quý vị sống đúng với vai trò của quý vị, thì đảm bảo tự nhiên thời gian [sau] yên bình lắm. Quý vị để ý đi, một số đồng tu làm được đó. Có một số đồng tu, họ chỉ biết việc của họ là tu hành, nghe pháp, rồi làm công việc hàng ngày. Chỉ làm như vậy thôi. Còn ai làm gì đó, chuyện trời trăng mây gió, đất nước gió lửa, chuyện bàn dân thiên hạ không biết, không quan tâm. Thời gian sau tự nhiên người đó không [phải] gánh những chuyện rắc rối, không bị người này gây chuyện này, gây chuyện kia. Còn mình xía vô nhiều chuyện, thì gieo nhân sẽ gặt quả, gieo gió sẽ gặt bão, không sai một chút nào, quý vị cứ để ý đi. Quý vị cứ nhìn những người khác thì thấy rõ ràng hết.

Cho nên người mà xía vô chuyện của thiên hạ nhiều thì khổ nhiều. Thiện Trang rút kinh nghiệm rồi, về sau này Thiện Trang đóng các căn lại, cố gắng không biết nhiều chuyện. Nếu biết cũng cố gắng ngậm miệng, không nói. Tại vì sao? Nói vô là bắt đầu gây nghiệp tiếp, cho nên thôi kệ, dần dần ai muốn làm gì thì làm, chuyện này chuyện kia v.v… Lâu lâu mình góp ý một chút nhỏ nhỏ thôi, chứ không dám nói nữa, sợ lắm!

Tại vì càng xía vô chuyện của người ta nhiều, [thì] họ cứ tìm mình, [mà

mình] không có rảnh, không có thời gian đâu. Cho nên [Thiện Trang] không có bày vẽ cho người ta tu thế này, tu thế kia. Không có! Chỉ có người ta hỏi thì mình mới chỉ thôi, còn nếu không thì thôi, đừng có tài lanh. Cho nên có nhiều người toàn gieo gió, cuối cùng bão tới thì không chịu đón nhận. Đấy là cách tu.

Và cách chúng ta tu, là cố gắng nhìn vào trong nội tâm của mình. Tâm mình [đã] tĩnh lặng chưa? Tâm mình còn động hay không? Tâm mình còn hướng ra bên ngoài hay không? Vì càng tu sâu bao nhiêu, thì mình thấy không có thời gian để tu cho mình, thì lấy thời gian đâu mà đi điều chỉnh cả thiên hạ, đúng không quý vị? Dần dần mình phát hiện ra như vậy. Lâu lâu có một số việc vì thiên hạ thì mình phải làm thôi, phải đến thôi, chứ thời gian sau thì thôi khỏi.

Giống như nhiều người hỏi Thiện Trang, bây giờ chuyện của người này thế nào, người kia thế nào. Thiện Trang không biết, người ta tu thế nào mình không biết, người ta không nói với mình thì thôi. Có duyên thì người ta nói, người ta khoe thì mình biết, còn không thì thôi. Do người ta nói thì mình mới biết. Có nhiều người vẫn thích cung cấp thông tin cho Thiện Trang, nên Thiện Trang còn biết chút chút đó, còn không thì không biết gì luôn. Về sau [do] không biết như vậy đó, [nên] mình học và tu dễ hơn rất nhiều đó quý vị.

Người xưa nói: “Tri sự đa thời phiền não đa”, tức là khi mình biết nhiều sự việc, thì Phiền não cũng nhiều theo. “Thức nhân đa sử thị phi đa”, tức là quen nhiều người thì thị phi cũng nhiều, người này mang đến cho mình, người kia mang đến cho mình, mang qua mang lại rất nhiều chuyện. Cho nên ở đời cố gắng bớt chuyện xuống. Đó là bí quyết để tu hành, những bài này mình học lâu lâu chen vô một bài.

Tạm dịch:

Người hướng cầu các dục,

Thường sanh khởi hi vọng

Nếu không toại các dục

Não hoại như trong [làn] tên.

Ở đây bị thiếu chữ, phải là não hoại như trong làn tên mới đúng. Họ bị não hoại tức là họ bị phiền phức, rồi họ cũng bị hại, giống như người ta bắn tên, và mình ở trong làn tên đó. #Làn tên: tên là cung tên. Nhiều người không biết tên là gì.

色復云何？欲所惱壞，欲所擾惱變壞生故。有說：變礙故名為色。若爾，極微應不名色，無變礙故。此難不然。無一極微各處而住，眾微聚集變礙義成。過去未來應不名色，此亦曾當有變礙故；及彼類故，如所燒薪，諸無表色應不名色。有釋：表色有變礙故，無表隨彼亦受色名。譬如樹動影亦隨動。此釋不然，無變礙故。

Sắc phục vân hà? Dục sở não hoại, dục sở nhiễu não biến hoại sanh cố. Hữu thuyết: Biến ngại cố danh vi Sắc. Nhược nhĩ, Cực vi ưng bất danh sắc, vô biến ngại cố. Thử nạn bất nhiên. Vô nhất Cực vi các xứ nhi trụ, chúng vi tụ tập biến phá nghĩa thành. Quá khứ vị lai ưng bất danh sắc, thử diệc tăng đương hữu biến ngại cố; Cập bỉ loại cố, như sở thiêu tân, chư Vô biểu sắc ưng bất danh Sắc. Hữu thích: Biểu sắc hữu biến ngại cố, Vô biểu tùy bỉ diệc thọ sắc danh. Thí như thọ động ảnh diệc tùy động. Thử thích bất nhiên, vô biến ngại cố.

Giải:

#*Sắc phục vân hà*?: Sắc còn gọi là gì? Ở trên gọi là Sắc rồi, bây giờ còn gọi là gì nữa?

#*Dục sở não hoại*: bị dục não hoại, tức là bị những ham muốn quấy rầy, phá hoại mình.

#Dục sở nhiễu não biến hoại sanh cố: #cố là bởi vì; bởi vì do dục quấy rối phá hoại mà sanh ra.

Sắc là do bởi vì dục quấy rối mà sanh ra, thật ra là do Phiền não mà sanh ra. Nếu mình tu mà mình không có những Phiền não, không có những ham muốn gì, thì mình không có Hình sắc. Ít nhất mình sẽ ở trên cõi trời Vô sắc giới, còn không thì sẽ về cõi Niết-Bàn. Còn bây giờ chúng ta ở trong [cõi] này, có thân hình sắc, rồi thấy tứ tung hết, thì tóm lại là do có nhiều Phiền não, trong đó có ham muốn (là lòng tham). Cho nên ngài Đại sư Vĩnh Gia mới nói là:

"Mộng lý minh minh hữu lục thú.

Giác hậu không không vô đại thiên"

Tức là trong mộng rõ ràng thấy có sáu đường luân hồi, nhưng sau khi giác rồi thì ngài thấy có mà như không. Đối với chúng sanh thì có, nhưng đối với mình thì không.

Cũng vậy, các Phiền não là do đâu? Là do ban ngày tâm của mình nghĩ nhiều, xao động nhiều, nên ngủ mơ. Chứ nếu ban ngày mình không nghĩ gì nhiều, không mơ tưởng nhiều, thì tối không có mơ. Cũng vậy, trong vòng sanh tử là do dục mà sanh ra. Và những dục này quấy rầy mình, phá hoại mình, từ đó là nguyên nhân chính của luân hồi.

Đó là nói đơn giản. Còn nếu nói theo nghĩa khác, thật ra những Sắc (là Hình sắc) này tại sao bị phá hoại? Là cũng vì do ham muốn. Ví dụ tảng đá là một Hình sắc, nhưng do người ta ham muốn, nghĩ rằng tảng đá này có thể chạm trổ lại, viết chữ lên, đẽo gọt… Đó là do dục (ham muốn, mong muốn) của người ta, mà phá hoại Hình sắc đó, từ đó mới sanh ra được tượng Phật, sanh ra được cái bảng bên đường. Thật ra tất cả những Hình sắc, những gì ở thế gian, đều là do sự mong muốn của những người này, người kia mà phá hoại, hủy hoại, quấy rầy chúng. Chứ không thì thế gian này cứ trơ trơ, không bị gì hết. Đó cũng là một cách nói.

#*Hữu thuyết*: là có cách nói.

#*Biến ngại cố danh vi Sắc*: biến đổi ngăn trở nên gọi là Sắc.

Cách nói này hay hơn! Tức là Sắc là những gì có thể thay đổi được. Sắc ở đây là vật chất. Ví dụ như Thiện Trang cầm quyển sách lên, thì quý vị thấy rõ ràng là quyển sách có thể sẽ bị biến đổi. Vì sao? Vì dần dần rồi quyển sách sẽ bị rã, bị hư mục v.v... [Ngoài ra] Sắc còn có thể ngăn trở, cản trở [không cho] những vật khác đi ngang qua được, nên gọi là Sắc. Đó là một cách nói khác.

#*Nhược nhĩ, Cực vi ưng bất danh sắc, vô biến ngại cố*: nếu như vậy thì Cực vi sắc; #Cực vi sắc là một thành phần rất nhỏ trong kinh Phật nói, bây giờ gọi là các hạt nhỏ như neutrino, điện tử (electron) hay nhỏ hơn nữa như neutron (nơtron), proton v.v... thì hạt nhỏ nhất trong kinh Phật là Cực vi sắc; thì không phải là Sắc. Bởi vì [Cực vi sắc] không có biến đổi và cũng không có ngăn ngại.

Đây là cách nói khác của người ta, và cách nói này không thông. Bởi vì sao? Ở đây nói Sắc là do sự biến đổi và ngăn trở. Giống như [vách] tường thì ngăn trở, hoặc là Thiện Trang có một thẻ nhớ nhỏ thế này, nhưng cũng ngăn cản khiến cho tay của mình không đi qua được, và bản chất là lúc nào đó thì nó sẽ hư. Cho nên [Sắc] có hai tính chất: Một là sẽ biến đổi, hư hoại; Và tính chất thứ hai là có thể ngăn cản những vật khác [đi qua nó] v.v…

Nếu nói như vậy thì không thông lắm. Tại vì Cực vi sắc là những yếu tố nhỏ nhất, bây giờ chúng ta gọi là những hạt electron, neutron, proton, nhỏ hơn nữa là neutrino, hạt quark. Những hạt nhỏ như thế đâu có ngăn cản [vật gì] đâu, thì không gọi là Sắc sao? Bởi vì những hạt này biến đổi nhanh quá, và chúng không có ngăn cản gì hết. Cho nên cách nói này không ổn rồi. Đây là cách dẫn thôi.

#*Thử nạn bất nhiên*: #thử nạn là vấn nạn này; #nhiên là như vậy; vấn nạn này không phải như vậy, tức là [vấn nạn này] không đúng. Mình hiểu ngôn ngữ bây giờ là không đúng.

#Vô nhất Cực vi các xứ nhi trụ, chúng vi tụ tập biến phá nghĩa thành: nghĩa là không có một loại nào của Cực vi sắc mà trụ. Bởi vì không có trụ được, và biến đổi liên tục. Những hạt [Cực vi sắc] rất nhanh, chớp tắt, chớp tắt, giống như làn sóng vậy. Những hạt nhỏ này nhanh lắm, và thời gian tồn tại [của chúng] không lâu. Và những thứ nhỏ bé đó tụ lại thành ra những vật chất lớn, thì cũng có tính chất ngăn cản vậy. Ví dụ như thẻ nhớ, hoặc bất cứ thứ gì cũng được cấu tạo từ những thứ nhỏ như vậy. Những thứ nhỏ tụ tập lại thì cũng có tính ngăn cản, ngăn trở. Cho nên vấn đáp này không được ổn lắm.

#Quá khứ vị lai ưng bất danh sắc, thử diệc tăng đương hữu biến ngại cố: nói về quá khứ vị lai thì cũng không nên gọi là Sắc, bởi vì điều đó cũng đã từng có sự biến đổi ngăn trở.

Nếu nói theo cách vấn như vậy, thì bây giờ đưa ra hai điều là quá khứ và vị lai; quá khứ thì đã qua rồi, còn vị lai thì chưa đến, nên cũng không gọi là Sắc pháp được. Bởi vì [quá khứ và vị lai] cũng đã từng có sự biến đổi và ngăn ngại. Điều này thì rõ ràng, mình thấy quá khứ và vị lai cũng không thể gọi là Sắc. Bởi vì không có biến đổi và ngăn ngại. Vì quá khứ thì qua mất rồi, còn tương lai thì chưa đến, nhưng mình cũng không vào được tương lai, nên cũng không có những sự ngăn ngại. Cách nói như đoạn luận này thì không thông. Thật ra mình cũng không cần biết những điều này lắm, vì những điều này chia chẻ ra sâu quá, mình chỉ cần biết lược qua thôi.

#Cập bỉ loại cố: và kiểu loại này.

#Như sở thiêu tân: như củi bị đốt. Tức là những loại này giống như củi bị đốt.

#Chư Vô biểu sắc ưng bất danh Sắc: giống như củi bị đốt, thì các loại Vô biểu sắc cũng không gọi là Sắc. Vì sao thì chúng ta [xem] ví dụ ở đây là biết.

#Hữu thích: là có người giải thích rằng.

#Biểu sắc thử biến ngại cố: #Biểu sắc là những gì hiện hữu ra bên ngoài, thì gọi

là Hình sắc. Vì Biểu sắc có sự biến đổi và sự ngăn ngại.

#Vô biểu tùy bỉ diệc thọ sắc danh: nên Vô biểu sắc thì cũng theo đó mà bị gọi tên thuộc về Sắc.

#Thí như thọ động, ảnh diệc tùy động: lấy một ví dụ giống như cây bị lay động, chuyển động, thì bóng của cây đó cũng động theo. Hoặc nếu Thiện Trang ở trong phòng, có đèn điện chiếu qua, thì có bóng đằng sau. [Cũng vậy] khi cây có bóng, mà cây thay đổi, chuyển động, thì bóng [của cây] cũng chuyển động theo. Cũng vậy, người đi dưới ánh đèn thì có bóng, khi người chuyển động thì cái bóng cũng chuyển động theo. Ở đây ý nói là như vậy.

Tức là bây giờ ở đây chúng ta có hai điều: Một là Vô biểu sắc, hai là Biểu sắc. Biểu sắc là [những gì] mình thấy bên ngoài, và có tính chất biến đổi. Như thân thể của mình có tính biến đổi, và có tính chất ngăn cản. Vì nó chiếm không gian, chiếm chỗ của cái khác.

Còn Vô biểu sắc thì cũng theo đó, tại vì nó đi kèm theo Biểu sắc. Thân thể của mình có những yếu tố ngầm ngầm ở bên trong đó, giống như giọng nói hay, hay là thân thể này có những đặc tính đặc biệt gì đó của mỗi người v.v… Đó là [những] tính chất đi theo. Cho nên cũng nên gọi tên là Sắc, tại vì nó thuộc về Sắc.

Giống như cây thì tất nhiên là Biểu sắc rồi, nhưng bóng [của] cây thì đi kèm theo cây, và phụ thuộc vào cây. Cây chuyển động thì bóng của cây cũng chuyển động, nên mình gọi theo như vậy. Cách giải thích này là như vậy.

#Thử thích bất nhiên: cách giải thích này không phải như thế. Tức là điều giải thích này cũng không hợp lý.

#Vô biến ngại cố: bởi vì không có sự biến đổi trở ngại.

Tạm dịch: Sắc còn được gọi là gì? Bị dục não hoại (quấy rầy, phá hoại), bởi vì do dục quấy rối phá hoại mà sanh. Có cách nói: [vì sự] biến đổi ngăn trở nên

gọi là Sắc. Nếu như vậy, thì Cực vi sắc không nên gọi là Sắc, bởi không có sự biến đổi hủy hoại. Vấn nạn không phải như vậy. Không có một loại nào của Cực vi sắc mà trụ, [mà] ý nghĩa là do nhiều thứ nhỏ bé tụ lại biến thành ngăn trở. Quá khứ vị lai cũng không nên gọi là Sắc, bởi điều đó cũng đã từng có sự biến đổi ngăn trở; Và kiểu loại này, như củi bị đốt, các loại Vô biểu sắc không nên gọi là Sắc. Có [người] giải thích rằng: Vì Biểu sắc có sự biến hoại ngăn trở, nên Vô biểu sắc ấy cũng bị gọi là tên thuộc về sắc. Thí dụ như cây động thì bóng của cây cũng động theo. Điều giải thích này không phải như thế, bởi không có sự biến đổi trở ngại.

Thật ra điều này giải thích như vậy thì không hợp lý. Nếu giải thích theo hướng là có biến đổi và trở ngại, thì rõ ràng Hình sắc (Biểu sắc) thì có tính chất biến đổi. Nhưng quý vị thấy Vô biểu sắc thì chưa chắc biến đổi, ngăn ngại.

Bởi vì sao? Nếu gọi là Sắc thì có hai tính chất: Một là biến đổi và ngăn cản. Sắc ở bên ngoài, [còn] gọi là Biểu sắc, thì rõ ràng có tính chất đó. Nhưng Vô biểu sắc thì không, [vì] Vô biểu sắc rõ ràng là ngầm ở bên trong, đâu có ngăn cản ai đâu. Giọng nói của tôi, nếu tôi chưa cất tiếng nói thì đâu ai biết giọng tôi hay thế nào. Thậm chí có người nhìn tướng rất 'men', bao nhiêu cô gái rất mê, nhưng cất giọng lên thì nghe lớ lớ, là biết người đó có vấn đề về giới tính, thì bắt đầu tự nhiên hết ham. Thấy anh chàng men ơi men, mà cất giọng nghe lớ lớ, rồi thôi, bao nhiêu cô thất vọng quá, kiểu như vậy đó.

Tức là Vô biểu sắc đâu có ngăn ngại, đâu có chặn đứng [điều] gì đâu, nhưng ngầm ở trong đó. Thật ra ở trong đời có nhiều ví dụ, bây giờ lấy ví dụ về Sắc, nói về tu tập. Sắc là ham muốn, [mình nói] sắc dục nam nữ đi. Quý vị rất thích người đó. Vì sao quý vị gặp người khác thì không mê, mà gặp người đó thì mê? Vì quý vị không hiểu được bản chất của người ta.

Thiện Trang lấy ví dụ này cho quý vị dễ hiểu. Quý vị đi ra đường thấy một cô nàng đẹp ơi là đẹp, rồi mê người ta [như] điếu đổ luôn, đi theo tán tỉnh, [vì] cổ quá đẹp. Đi theo một hồi, thằng bạn nói: *"Tao biết mày đang theo đuổi cô đó.*

Mày có biết là hồi xưa tao ở cùng khu nhà với nó, thực tế mày biết nó là gì không? Nó mới đi Thái Lan về cách đây hai năm, nó chuyển giới đó. Hồi xưa nó là con trai". Mình nghe như vậy là tắt liền, tắt cả ngọn lửa tình trong tim hay lửa ham dục gì đó, chỉ còn thấy lạnh mình thôi.

Tức là mình chỉ cần biết sự thật về bản chất của vấn đề đó thôi. Vấn đề là người ta không phải là con gái thuần, mà là con gái chuyển giới, từ nam chuyển sang nữ. Mình nghe là rùng mình rồi, là sợ ngay. Vì vậy chúng sanh mê trong luân hồi, là do không thấy bản chất của sự thật là khổ đau trong luân hồi, không biết đó là giả tạm, v.v…. Mình [chỉ] thấy vẻ bề ngoài, nào là lớn lên lập gia đình, thấy toàn là hạnh phúc thôi. Rồi thấy người ta đi chơi khoe trên facebook, thấy hạnh phúc lắm. Hai vợ chồng xây một ngôi nhà, có xe ô tô nhãn hiệu gì đó Thiện Trang không biết, đi du lịch suốt ngày.

Mình thấy toàn là điều đẹp không [thôi], nhưng mình không biết bản chất của cuộc đời là đau khổ. Khi về, hai người ăn cơm cũng phải nhường nhau một chút, nhường đồ ăn. Bà này không thích ăn món đó, nhưng ông kia thích ăn thì phải ráng nấu cho ổng ăn. Nhường qua nhường lại một chút, tức là để được hạnh phúc đó, thì họ cũng phải đấu tranh với bao nhiêu điều.

Rồi phải nhịn chút tiền để đưa [cho] con đi học v.v… Tối ngủ phải tranh thủ làm sao đấy, chứ ổng ngáy quá, ngủ không nổi... bao nhiêu thứ. Rồi [có] bữa không vui vẻ gì mà bạn bè của ổng tới, thì mình cũng phải lo cho ổng nhậu v.v… mệt gần chết! Rồi có bữa thì bả ốm đau, khổ quá trời, mà mình cũng phải ráng chăm sóc, đưa đi bệnh viện, đưa đi shopping. Dẫn đi thì mình cũng ngán, không muốn đi shopping (mua sắm) mà cũng phải bày đặt giả vờ đi theo, rồi cười 'cái này đẹp, cái kia không [đẹp]' v.v…. Thực tế là vừa sót tiền, vừa không muốn [đi] chút nào.

Nghĩa là chúng sanh chỉ nhìn vẻ bề ngoài, mà không nhìn được thật chất bên trong, cho nên mới mê. Còn người đã thấy được bản chất bên trong rồi, thì

người ta không mê nữa. Vậy tu hành là gì? Nếu quý vị thấy được bản chất của luân hồi, mọi sự hiện hữu ở đời đều là khổ. Có thân thể, có hiện hữu ở thế gian này thì chắc chắn là khổ, và không bao giờ [hết khổ]. Dòng luân hồi này cứ khổ như vậy. Quý vị hiểu được khổ, đó là Khổ đế. Quý vị hiểu được nguyên nhân của khổ là do Phiền não, đó là Tập đế. Và mình hiểu được con đường để chấm dứt sự khổ, đó là Đạo đế. Mình tu được, mình biết nếu sau khi mình tu theo con đường đó, thì mình sẽ chấm dứt nỗi khổ đau trong vòng luân hồi, đó là Diệt đế.

Tóm lại, khi nào quý vị hiểu được rõ bản chất của cuộc đời, bản chất của vòng sanh tử là như vậy, thì quý vị tự nhiên buông được thôi. Còn bây giờ mình vẫn chưa hiểu rõ, [vì] trí của phàm phu mà. Cho nên bậc Thánh nhân, [mình nói] Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi, [thì] thấy rất rõ được một phần giáo lý Tứ đế đó. Nhưng một phần đó lớn lắm quý vị. Còn mình biết chưa tới, cho nên mình buông chưa được.

Bây giờ Thiện Trang nói trở lại ví dụ về sắc, tại sao người ta mê? Bởi vì mình không biết có những nỗi khổ, ví dụ như bây giờ nhìn người đó, tại sao mình thấy mê? Vì thấy người ta đẹp nên quên mất. Nếu suy xét ra, nghĩ kĩ lại, cho quý vị kính hiển vi để soi, [thì] quý vị sẽ thấy toàn là vi khuẩn, vi trùng bám đầy trên da mặt của họ, trên cơ thể họ. Rồi nếu mình soi dưới tia X-quang, mình xét nghiệm ra, thì sẽ thấy các loại bệnh đầy ở trong người. Mình thấy người ta gớm thì mình hết ham. Cho nên quan trọng là nhìn thấy bản chất của sự việc.

Tu hành trong nhà Phật, mình học giáo lý nhiều để nắm được điều đó, để hiểu được thế gian này không yên ổn đâu, gọi là "**Tam giới vô an, do như hỏa trạch".** Đây là trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói. Tam giới là ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Dục giới là từ Địa ngục cho đến tầng trời thứ sáu, trong đó có cõi Người, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Sắc giới là từ tầng trời thứ bảy đến tầng trời thứ 24. Và Vô sắc giới là tầng trời 25, 26, 27, 28. Ba cõi đó đều không an, giống như trong nhà lửa (nhà cháy). Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lấy ví dụ là nhà cháy.

Nhà cháy rồi thì quý vị thế nào? Quý vị đừng nói là ở trong nhà thôi, lửa chưa cháy tới mà. Ở nhà đang tắm mát, hay ở trên sân thượng ngắm cảnh đẹp, vì nhìn được khung cảnh ở xa, lửa chưa cháy tới mà. Nhưng nếu quý vị không ra, thì trước sau gì lửa cháy [tới rồi cũng] chết. Ở trong nhà tắm thì cũng chết ngộp, chết cháy ở trong đó thôi. Cho dù ở trong biệt thự đẹp, sang trọng, máy lạnh điều hòa, TV Oled hạng sang, rồi đầy đủ thức ăn giàu có như vậy. Quý vị đang ăn bàn tiệc nhưng nhà cháy, thì quý vị cũng phải bỏ để mau mau chạy ra. Quý vị ở trên lầu cao, tầng sân thượng, đang ngắm cảnh đẹp, ánh bình mình đang lên. Nhưng lửa cháy sắp tới rồi, nếu quý vị không ra là chết cháy chắc. Kiểu vậy đó!

Bao giờ quý vị hiểu được luân hồi sanh tử đáng sợ, một khi mình chết rồi thì lại luân hồi. Mà không biết lúc nào mình chết, chứ nếu mình biết lúc nào mình chết thì còn đỡ. Mình chưa có ký hợp đồng với vua Diêm La mà. Mình đâu biết mạng mình chết lúc nào. Mình đâu biết là mình có [bị] ung thư, [bị] đột quỵ, hay bệnh gì trong người đâu. Vì không biết trước lửa cháy tới mình lúc nào, nên trước sau gì chết là đi luân hồi. Rồi luân hồi thì mình đi [về] đâu? Vì sợ như vậy, nên mình ráng mau mau ra khỏi nhà lửa Tam giới, tức là mình phải tu.

Bao giờ quý vị hiểu được như vậy thì mới tu được, còn bây giờ mình nhởn nha. Tại vì ở trong phòng đó, giả sử mình đang tắm mát, từ từ, nước ấm hay là nước lạnh dễ chịu quá. Ở trong phòng đó đang coi bộ phim hay, phim chưa kết thúc mà. Hoặc là đang ăn bữa ăn ngon, nhưng mình không biết là nhà đang cháy. Nhà cháy tới rồi, mình ăn không kịp đâu, lo mà chạy ra v.v…. Có người thì lo tìm đồ, tìm vàng, tìm của. Có tìm nổi không? Nhà cháy mà cứ lo [đi] tìm. Nhưng chúng ta đang tìm đó, lo xây dựng sự nghiệp, gia đình êm ấm, tiền bạc, lo làm cho hung (nhiều). Trong khi đó mình biết nhà cháy tới nơi rồi, thì kiếm coi cái nào quan trọng nhất, cầm cái đó [mà] chạy ra cho nhanh. Thậm chí tìm đường nào thoát cho nhanh. Chứ còn ở đó mà lân la, lửa chưa tới, từ từ, chưa có gì đâu, [mà không biết] lửa [tới] là sập tầng, sập nhà luôn…

Cho nên chúng ta tu hành không tha thiết, vấn đề ở chỗ là do chúng ta vẫn

chưa nhận diện được nỗi khổ đau trong luân hồi. Mình giống như đang ở trong căn nhà cháy, nhưng mình đang thưởng thức những món ăn ngon, đang thưởng thức bộ phim hay, đang tắm cho đã, đang muốn ngắm cảnh đẹp, v.v… Và mỗi người ở trong đó thì trước sau gì lửa sanh tử cũng tới. Tới lúc muộn rồi thì chạy không được nữa.

Cho nên bây giờ nhân lúc còn khỏe mạnh, nhân lúc còn đang hừng hực tuổi trẻ, còn có thời gian, thì lo mà tu tập. Giống như nhân lúc này lửa còn chưa cháy tới, thì mình tranh thủ kiếm đường chạy, mình xuống cầu thang coi cửa thoát hiểm ở chỗ nào v.v… Hoặc bây giờ nhắm [lửa tới] rồi, không có đường nào chạy, thì leo lên tầng nào đó, cột dây rồi đu xuống. Còn không thì ôm tấm nệm mút quăng xuống, rồi nhảy lên đó, may rớt xuống nệm mút thì còn sống sót được, kiểu vậy.

Đấy là những người tha thiết với sanh tử. Còn mình bây giờ ở trong đó mà vẫn nhởn nha lên, nhởn nha xuống. Nhìn qua nhà hàng xóm, thấy hai người hàng xóm đang cãi nhau vẫn còn thích nghe, hóng hớt coi họ cãi thế nào. Rồi còn lên trên sân thượng để ngắm cảnh kia đẹp lắm v.v… Đó là chưa có tha thiết với sanh tử. Tức là mình chưa thấy được lửa cháy, và mình cứ nghĩ là chưa cháy tới đâu, lửa còn lâu lắm mới cháy tới mình, con cũng tuổi thọ mấy chục năm nữa thầy ơi, kiểu vậy đó.

Cho nên mình tu hành là mình nhận phải diện được. Nếu khi nào mình nhận diện với tâm tha thiết, với tâm cực kỳ dũng mãnh như vậy, thì tự nhiên quý vị ra khỏi sanh tử rất dễ. Vì quý vị có thể dễ dàng bước vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Vì quý vị thấy được nỗi khổ, đó là thấy được giáo lý Tứ đế. Thấy được một phần, không thấy được trọn vẹn, nhưng thấy được một phần lớn. Một phần lớn đó thì đủ [để] quý vị chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đó là quý vị phá [được] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Còn bây giờ do mình tu cứ tà tà [theo] năm tháng.

Thiện Trang xin chia sẻ với quý vị, đa phần công phu không đắc lực là vì

sao? Thiện Trang lâu lâu cứ nảy ra ý tưởng, tại sao người Việt Nam mình biết Phật pháp rất đông, nhưng người tu hành không thành tựu, ít quá? Thiện Trang nghĩ có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đầu tiên là học giáo pháp, nhưng ít có người học rốt ráo. Học toàn cứ giống như vỗ về an ủi, học toàn thấy khen này khen kia, dạy bố thí cúng dường [để có] phước báo, toàn thấy đời sau quả lành tốt đẹp không. [Nhưng] lại quên mất học sanh tử đáng sợ, quên học căn nhà lửa đó cho kỹ, bài học đó thì không học.

Thứ hai là vì không có sự tha thiết. Vì nghĩ [đời] còn lâu dài, và chẳng thấy có ai làm gương cho mình. Giáo pháp thì không biết, tâm tha thiết không có, thiếu tấm gương. Quan trọng là bận rộn quá, đây là nguyên nhân thứ tư.

[Tóm lại có bốn nguyên nhân]: Một là không biết giáo lý, học giáo lý không tới; Hai là tâm không tha thiết; Ba là không có tấm gương; Và thứ tư là vì bận rộn quá, nên đầu cứ quay vòng vòng suốt ngày. Sáng ra đi [làm], thấy xăng hôm nay lên giá rồi, không biết [giá xăng] bao nhiêu. Đang đi thì cũng không nhớ để niệm Phật, niệm pháp. [Toàn] là nghĩ chưa đóng tiền cho con, phải đi đón con, chiều đi chợ nấu cho chồng món gì v.v…. Một ngày hình như toàn là suy nghĩ những công việc không tên, những công việc hàng ngày chiếm hết thời gian. Và đầu óc cứ quay như vậy, đến khi tối thì rã rời, mệt mỏi, nằm xuống ngủ gục. Rồi sáng hôm sau cũng ráng dậy vì đồng hồ kêu, ráng dậy đi thôi chứ đâu có thời gian, và [người] thì đơ đơ, mang thêm một ngày não nề, mệt mỏi. Với tâm trạng như vậy mà học pháp, thì xin lỗi, [quý vị] khó mà tu tập được. Chỉ có những người rảnh rỗi thì [mới tu được].

Quý vị coi trong Kinh Nikaya, bộ Kinh Sừng Tê Giác, [hay] bên Kinh A Hàm thì gọi là Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm gì đó, còn bên Nikaya là bộ Kinh Sừng Tê Giác. Thiện Trang nhớ là bộ kinh đầu tiên luôn, đức Phật nói rất rõ ràng: **“Hãy cố gắng làm như con tê giác có một sừng”**. Bộ Kinh tên là Ngưu Giác; #Ngưu giác là sừng trâu, nhưng thực tế là con tê giác, tê giác có một sừng thôi. [Nên] cố gắng độc lập, đừng vướng bận ai, đừng có vướng này vướng kia, chỉ có độc hành, độc

giác như vậy, thì mình mới có thời gian để suy nghĩ, thì tu tập mới tốt.

Còn đằng này mình bận rộn bao nhiêu thứ. Trong Kinh Di Giáo [nói] cũng vậy: **"Giống như một cái cây mà có quá nhiều chim bay tới đậu, thì bị nạn gãy cành"**. Một người mà bận rộn suốt ngày, chỉ lo chuyện này, lo chuyện kia, lo cơm áo gạo tiền, lo đủ thứ các kiểu, thì tâm họ bấn loạn, không có thời gian để tư duy Chánh pháp. Cho nên tu tập nghe pháp thì nghe vậy thôi, [nhưng] nghe tai này lọt tai kia, và chính vì vậy nên không có ngộ tánh.

Cho nên không có thời gian, một tâm trạng mệt mỏi, một tâm trạng rã rời, một tâm trạng bận rộn, thì không bao giờ ngộ. Khó ngộ lắm! Phải có chút [rảnh rỗi] nào đó, phải trung đạo, phải có những lúc ngắm được trời, mây, nước một chút, hoặc có gì đó thanh thản, đầu óc rảnh rang ra thì quý vị mới ngộ được.

Thiện Trang cũng nói với quý vị, hồi xưa Thiện Trang hay than là Thiện Trang bận. Sau này Thiện Trang thấy là do ai mà mình bận? Thiện Trang nghĩ là mình bận là do mình, chứ có ai bắt mình bận đâu. Nếu mình biết cách sắp xếp công việc, mỗi thứ buông một chút, thì tự nhiên khác hẳn. Quý vị thấy thời gian năm 2024 này, Thiện Trang buông bớt nhiều công việc. Ví dụ như việc phiên dịch, Thiện Trang không chạy đua như hồi xưa. Việc phiên dịch hồi xưa là phải dịch liên tục [đến] đuối sức thì thôi. Còn bây giờ thì không, dịch từ từ lại, dịch nhẹ nhàng lại. Vì Thiện Trang thấy là chỉ cần có thời gian coi kinh, coi sách, rảnh rỗi. Không cần ngắm gì nhiều, đi ra ngoài đường nhìn một điều gì đó, hay một con vật gì đó, thì tự nhiên tâm sáng hẳn. Tại vì đầu óc mình không bấn loạn, không bận rộn.

Thứ hai là bớt phan duyên, không lên trên mạng coi [điều này điều kia], ai muốn làm gì thì làm, không quan tâm. Ai tu được thì tu, ai không tu được thì kệ họ. Người phiền não mà tìm mình nhiều quá thì cắt duyên. Đức Phật nói là né duyên đi, tránh duyên đi. Những người mà Phiền não nhiều, trong Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh cũng nói là "**đừng có thân cận người giải**

đãi". Người giải đãi là người không lo tu, họ cứ tìm chuyện này, tìm chuyện kia, than thở trời đất. Những người nhiều chuyện thì né hết. Quý vị cứ né hết những người đó ra, thì yên tâm, quý vị sẽ đỡ khổ rất nhiều. Những người nhiều chuyện thì hay kể những chuyện linh ta linh tinh, kể chuyện đời của họ, kể chuyện đời của người này người kia, rồi Đạo tràng này, [Đạo tràng] kia v.v… dần dần bỏ hết. Thiện Trang thấy dần dần về sau mình không biết gì hết, và người ta hỏi Thiện Trang thì Thiện Trang cũng nói không biết gì mấy, dần dần không biết.

Và nhờ sự không biết đó, nhờ không có những việc giống như nỗ lực phiên dịch, bận rộn mệt mỏi như hồi xưa. Cứ phiên dịch, mệt quá thì thôi, ta dịch bấy nhiêu đó thôi. Hồi xưa dịch ráng một ngày một tập, bây giờ hai ngày một tập cũng được, miễn là mình tu an lạc. Khi mình có an lạc rồi, trí mình sáng rồi, thì làm gì cũng chuẩn. Quý vị thấy an lạc thoải mái hơn chứ, tự nhiên quý vị trói buộc mình vào cái khổ [làm gì].

Cho nên ở đời tuy mình không có phước báo, nhưng quý vị hãy cố gắng xem lại, suy xét lại coi mình làm việc như thế nào, mình phải cho mình có những thời gian [rảnh rỗi] trong ngày, chứ đừng ham làm việc từ sáng đến tối, đờ đẫn như vậy thì không nên. Phải có thời gian để nghe kinh, nghe pháp, rồi thoải mái nhẹ nhàng. [Đối với] con cái phải biết phân công lao động cho nó, để mình cũng rảnh bớt. Còn mình lo quá, chăm sóc từ A tới Z, con lớn rồi cũng cơm bưng, nước rót, đủ các kiểu. Mà quý vị làm như vậy là tổn phước người ta, tổn phước con cái, hãy để nó tự làm.

Sống ở đời phải biết quản lý thời gian. Người nào biết quản lý thời gian của mình tốt, thì người đó tự nhiên hạnh phúc. Người không biết, cứ chạy theo [nhiều] chuyện, thì chạy đến già, đến chết cũng mệt. Cho nên quý vị hãy cố gắng nha! Lâu lâu Thiện Trang chia sẻ những pháp hành. Quý vị cố gắng lập ra lịch cho mình, làm sao công việc phải giải quyết nhanh, gọn, và việc nào đáng thì làm, còn không đáng thì thôi. Bớt giao du với thiên hạ lại, [làm] những điều nào cần thiết, điều nào không cần thiết thì thôi. Đặc biệt đừng ham hố những chuyện showbiz,

những chuyện hội nhóm gì đó.

Giống như bây giờ Thiện Trang thấy đồng tu cứ [đưa] lên những chuyện của Sư Minh Tuệ. Nếu mình thực sự chuyên tu thì quý vị không cần quan tâm. Bây giờ cả thiên hạ bảo vệ Sư Minh Tuệ, đó là chuyện của Sư Minh Tuệ, mình không cần lo. Sư Minh Tuệ đâu có quan tâm. Mình quan tâm làm gì? Tốt nhất là như vậy.

Tại vì chúng sanh cực đoan quá, bây giờ có hai đường hướng: một là bảo vệ thì bảo vệ tới chết; hai là chống phá, nói xấu, phỉ báng tới chết. Hai đường đó đều cực đoan quá. Chúng ta không nên cực đoan, gọi là người tu hành phải sống chánh niệm. Việc nào cần nói thì nói, việc nào không nên nói thì không nói. Đừng có theo những dòng đó, hết chuyện này rồi bữa sau lại có chuyện khác. Mà cứ nhiều chuyện như vậy, quý vị theo dõi những điều đó một hồi là quý vị không có thời gian tu. Mà tâm của quý vị rối, tâm của quý vị còn bênh vực người này, bênh vực người kia, còn muốn nói xấu người này, nói xấu người kia, thì tâm của quý vị loạn rồi. Loạn rồi thì tu làm sao được, đúng không ạ?

Cho nên hãy cố gắng điềm tĩnh tâm, mọi thứ ở đời mình hãy tùy duyên. Chúng sanh nhiều vô lượng, mình mà góp thêm một chút vô làn sóng đó, thì mình [làm] khổ mình thôi. Còn chúng sanh dù sao thì cũng theo dòng nghiệp. Cho nên đây là bí quyết giữ tâm thanh tịnh, để tu tập tốt. Hãy cố gắng làm như vậy, thì quý vị sẽ có một quỹ thời gian và có phước báo. Khi mình có trí sáng rồi, thì mình nhìn mọi sự việc khác. Nhớ nha quý vị! Khi trí tuệ mình sáng rồi, thì mình nhìn mọi sự việc khác.

Còn người suốt ngày phiền não, bận rộn, thì thường nhìn đời bi quan, bi lụy, giống như mình tu thì tu vậy thôi. Và khi tu chưa có an lạc mà như vậy, thì mai mốt lỡ đứt bóng giữa chừng, giống như bất ngờ có chuyện gì xảy ra, thì mình đi theo dòng nghiệp. Thông thường là theo chiều hướng đi xuống, tức là không đi lên được, cho nên khó thành tựu lắm. Còn nếu mình tu mà lúc nào tâm trạng

của mình cũng sáng suốt, cũng rất rõ ràng, thì lỡ có chết bất đắc kỳ tử, mình cũng có nẻo lành mà đi. Đối với đồng tu Tịnh Độ, thì gọi là niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Còn đối với những người không tin Tịnh Độ, thì cũng có cõi lành mà đi.

Thậm chí nếu với trí tuệ của mình, mình huân tập về Khổ, Vô thường, vô Ngã, rồi mình hành pháp đầy đủ, có niềm tin đối với Phật, không nghi, và thân thể này mình coi là giả tạm. Có thể đến lúc khi xảy ra những việc đó, thì mình thậm chí nhập vào dòng Thánh, tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Hãy tu như vậy! Còn tu mà cứ chạy theo, giống như tu kiểu công nghiệp thì không được đâu.

Phật pháp khác với thế gian, Phật pháp không phải là thế gian. Ở thế gian, nếu quý vị bận rộn trong một việc gì đó, [thì] có thể quý vị [sẽ] thành công. Nhưng Phật pháp không phải [như vậy]. Trong Phật pháp, nếu bận rộn quá mức thì không thể thành công. Phật pháp khác với thế gian, ở thế gian nếu quý vị học giỏi, [rồi] quý vị cống cao ngã mạn, [thì] quý vị có thể thành công. Quý vị có bằng tốt nghiệp Đại học loại giỏi, rất khí thế, quý vị ngã mạn nhất trường đó, nhưng quý vị học giỏi nhất thì cũng được.

Nhưng trong Phật pháp [như vậy] thì không được. Phật pháp mà ngã mạn lên thì không đắc được gì hết. Phật pháp mà còn tham chấp thì không đắc. Phật pháp mà còn si mê thì không đắc, khó như vậy! Điều khó của Phật pháp là phải xả bao nhiêu thứ. Cho nên phải tự tại tùy duyên, nhưng không bị cảnh làm lay động, phiền phức. Nãy giờ ở trong đoạn này, Thiện Trang nói có mấy từ gọi là "ưu phiền đệ nhất", là mấy Phiền não đó.

Tóm lại, mình phải sống làm sao mà không phiền não. Ở đời vẫn có niềm vui, mình làm việc mỗi ngày. Chúng ta làm việc với tâm lượng của Bồ-tát Đại thừa: làm việc là đang tu, đang tạo phước. Hằng ngày mình vô công ty làm việc là đang kết duyên với chúng sanh, [ta] vui vẻ, hoan hỉ. Mình làm đừng có căng thẳng, làm với trách nhiệm, chứ đừng vừa làm vừa ray rứt là: đang làm thì không

tu được. Xin lỗi! Đang làm thì cũng tu được. Cứ nghĩ một chút là chánh niệm. Người niệm Phật là: bữa nay ta làm thêm công việc này, là ta đang kết duyên thêm với mấy chúng sanh nữa, mấy người nữa. Quý vị trực điện thoại: "Alo! Vâng, anh chị đang gọi tới tổng đài...", thì mình hiểu là đang kết duyên thêm được một người nữa, mai mốt thành Phật, thành Bồ-tát thì độ thêm một người nữa rồi. Mình nghĩ vậy thì tự nhiên vui vẻ thêm một chút. Hôm nay có thêm việc này nữa, làm xong một công việc này là [đã] trả thêm bớt nghiệp rồi đó. Cứ như vậy, tức là tâm mình vẫn vậy thôi, mình ở trong đó và mình vui vẻ. Mình biết là mình đang làm việc, nhưng cũng là đang tu đó. Ráng nhớ Phật, Pháp, Tăng, nhớ niệm Phật v.v...

Làm như vậy thì mình vẫn rất hoan hỉ, rất vui vẻ. Đi ra ngoài đường vẫn vui, đi đâu cũng vui, làm việc gì cũng vui, nấu cơm cũng vui, đi vô nhà vệ sinh cũng vui, không sao hết. Vì sao? Vì thấy tất cả thế gian này đang là cơ hội để tu. Tu là tu như vậy đó. Chứ bây giờ đợi lên chánh điện thì không có nhiều thời gian, mà tu ở trên chánh điện thì đa số là tu Thiền chỉ. Còn mình tu Thiền quán là chính, là mình tu trong mọi lúc mọi nơi. Quý vị vừa tu trên chánh điện (vừa tu trước bàn Phật), vừa tu trong mọi đời sống, ai cũng tu được hết. Quý vị đừng nói quý vị không có phước báo. Có! Ai cũng có phước báo hết, ai cũng có thể tu được.

Thiện Trang nói vấn đề là ở chỗ nghe pháp. Nghe pháp thì quý vị phải có thời gian để tập trung nghe, làm việc nhẹ nhàng thì mới nghe được, còn làm việc phân tâm thì nghe không được sâu, mà nghe không sâu thì phải nghe đi nghe lại nhiều lần. Nghe đi nghe lại nhiều lần thì mới vô được một chút. Đấy là điều khó! Và quý vị nên nhớ, những bài mà người khác đúc kết, chép lại, hay có những bài trong sách thì nên coi. Thỉnh thoảng mặc dù mình nghe rồi nhưng mình coi lại, thì cũng củng cố cho mình nhiều điều lắm.

Cho nên hãy biết học pháp, chứ còn nghe Thiện Trang giảng, vị thầy khác giảng, Hòa thượng Tịnh Không giảng, hay ai giảng, mà quý vị nghe qua một lần,

xong rồi tai này chạy qua tai kia, thì không xài được đâu. Phải làm sao ngấm vào để thành của mình, thì ra ngoài mới xài được. Và dần dần như vậy, biết đâu ngày nào đó quý vị giác ngộ đắc đạo.

Cách là như vậy thôi, không có khó đâu. Thiện Trang nghĩ điều khó trong tu hành là mình giữ được tâm không phiền não, chỉ cần [bị] Phiền não là công phu mất hết. Quý vị chỉ cần đừng ray rứt, đừng khó chịu, đừng có bực dọc, đừng có tức tối, đừng có tham chấp một điều gì hết. Quý vị cứ giữ được như vậy lâu dài là tu được hết, dù hoàn cảnh cỡ nào thì quý vị cũng tu được hết, công phu sẽ đi lên theo năm tháng. Còn quý vị mà khó chịu, quý vị say mê, mê điều này, mê điều kia, quý vị tức người ta, quý vị ghét hận người khác, quý vị ray rứt, nhớ chuyện ngày xưa, chuyện năm tháng cũ, rồi mơ tưởng chuyện tương lai, những điều đó đều phá công phu của quý vị hết.

Cho nên những người tu được là người tự tại trong hiện tại. Theo Kinh Nhất Dạ Hiền Giả, là quá khứ qua rồi thì thôi, đừng nghĩ nữa. Tương lai chưa tới thì đừng có truy tìm, đừng ước vọng làm chi. Mình cứ sống như vậy, an nhiên tự tại, rất rõ ràng, sáng suốt, không phiền, không não. Dù hoàn cảnh có bi đát, bi thương hay vui vẻ như thế nào, [thì] mình cũng giữ được tâm bình thường, gọi là bình thường tâm thị đạo (tâm bình thường là đạo). Cứ giữ như vậy thì dù quý vị không tu nhiều, nhưng quý vị rất hoan hỉ, rất vui vẻ, đó là quý vị đang tu đắc lực đấy. Thời gian tu không nhiều chăng nữa thì cũng được.

Thiện Trang thấy thà như vậy, còn hơn những người tu rất tinh tấn, dùng thời gian mười mấy tiếng đồng hồ. Tu thì [có vẻ] ghê lắm, vô tụng bao nhiêu bộ kinh, bao nhiêu câu Phật hiệu, nghe bao nhiêu [bài] pháp. Nhưng khi ra gặp chuyện là nổi khùng lên, rồi ray rứt với chuyện của người khác, tức mình với người này, hận người kia v.v… chuyện quá khứ nhớ như in, không bỏ được. Đó là đốt sạch công phu. Không bằng một người tu nhẹ nhàng, hằng ngày vui vẻ, hoan hỉ, họ tu ít nhưng họ giữ được.

Giống như bình nước đó quý vị, tích nước được, không có rỉ chảy, mặc dù rót vô rất ít, nhưng có bao nhiêu thì giữ bấy nhiêu. Còn người kia thì tu dữ lắm, nào thọ Bát quan trai, nào tu một ngày mười mấy, hai chục tiếng, trông ghê gớm lắm, nhưng Phiền não nổi lên là xong. Giống như đổ nước vô cái bình cho nhiều, nhưng bình bị lủng cho nên nước chảy hết sạch. Thậm chí nhiều người tức giận lên thì bị âm nữa quý vị. Thù hận ghét người ta v.v… cứ suốt ngày nghĩ người ta nói xấu mình, nghĩ như thế này thế kia. Nhiều khi người ta nói vô ý, không có nói mình, [nhưng] mình cũng ghi nhớ rồi ray rứt. Rồi người ta lườm mắt là bắt đầu cũng nhớ, nhớ ngày này qua tháng nọ. Những người đó giống như những cái bình lủng, không chứa được nước, tức là không chứa được công đức, mình tu Ba-la-mật bị chảy sạch hết.

Cho nên bí quyết là hãy cố gắng giữ, giữ thì dù mỗi ngày mình tu một ít, nhưng từ từ rồi cũng đầy. Còn những người tu nhìn thì [có vẻ] tinh tấn, nhưng chỉ là hình thức tinh tấn, còn tâm không tinh tấn, tâm không giữ được công phu. Nổi sùng, nổi điên, thế này thế kia, tham, sân, si, mạn, nghi, đầy hết v.v… thì những điều đó cuối cùng không giải quyết được, cuối cùng không có chứa lại được gì hết.

Đấy là bí quyết tu hành, chắc hôm nay cũng hết giờ rồi, Thiện Trang xin chia sẻ tới đây. Tại vì bài này cũng hơi ngán, [nên Thiện Trang] chia sẻ những điều này, mong là quý vị hiểu được, mỗi lần chia sẻ một chút pháp hành.

A Mi Đà Phật! Hẹn quý vị vào bữa khác, hôm nay chúng ta dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 15: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 15.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 23.10.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=pIOWKjM4A3E

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta trở lại với chuyên đề A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, tức là Luận Câu Xá hay là một bộ Luận về Thắng pháp hay Vi Diệu Pháp, hay còn gọi là Duy Thức Pháp Tướng, tùy tên gọi. Chúng ta học về Pháp tướng [của] các pháp.

Trong bộ này thì Thiện Trang cố gắng chia sẻ cả phần của Nam truyền là A Tỳ Đàm, thỉnh thoảng cũng có đưa một số trích dẫn từ [Kinh] A Hàm, Kinh Nikaya, v.v… để chúng ta học nền tảng cho chắc chắn. Chúng ta đã đi qua được 14 bài, lúc đầu đi khá chậm nhưng Thiện Trang thấy về sau đi nhanh hơn, vì về sau phần Chú Giải sẽ ít hơn.

Chúng ta học Phật là để giải thoát sanh tử, ra khỏi luân hồi. Muốn như vậy thì cách đơn giản nhất, là thay vì mình nhớ nghĩ những chuyện thế gian, mình nhớ chồng, nhớ con, nhớ việc này việc kia, thì mình dành thời gian đó để học Phật, nghe pháp. Thiện Trang cố gắng chia sẻ rất nhiều câu chuyện trong kinh, v.v… mình nghe hoài dần dần mình cũng nhớ toàn chuyện của đức Phật, chuyện của các vị Thánh Đệ tử, các Tôn giả, v.v… [thì] dần dần tâm mình tương ưng. Nếu

như đời này mình đủ duyên, thì mình ra khỏi sanh tử. Còn không đủ duyên, [nhưng] do tâm cũng thường xuyên nghĩ như vậy, thì đó là nhân để kết quả đời sau, hoặc những đời sau nào đó ra đời cũng gặp Phật, mình cũng trở thành hội chúng trong các đức Phật tương lai, rồi sẽ thành tựu. Đó là cho những người nào còn sót lại.

Mình học là học như vậy. Mình cố gắng học làm sao để có một tinh thần, gọi là tâm thái rất hoan hỷ, vui vẻ, học một cách ưa thích. Giống như bây giờ ở ngoài thế gian, quý vị thấy là có nhiều cảnh đẹp, mùa thu lá vàng, lá đỏ, đẹp lắm! Nhiều người thấy như vậy đúng không? Rất là đẹp! Đặc biệt ở các nước xứ lạnh. Thực ra nếu mình là người học Phật pháp sâu rồi, mình thấy [cảnh] đẹp thì đẹp đó, nhưng mình hiểu tại sao đẹp. Chứ không phải mình nói là: "Ừ, tôi học rồi, tôi không thấy đẹp gì hết". Không! Vẫn thấy [cảnh] đẹp, nhưng mình biết tại sao đẹp. Còn người không học, người ta thấy đẹp thì người ta chạy theo thôi, chứ người ta không biết tại sao [lại] đẹp.

Thực ra rất đơn giản thôi! Tại vì lạ nên [thấy] đẹp. Một năm nếu lá cây toàn là màu vàng, màu đỏ hết, thì chẳng có gì đẹp hết, vì ngày nào cũng thấy vậy. Tại vì do một năm đa số lá màu xanh là chính. Cho đến khi đổi mùa, chuyển sang lá vàng, lá đỏ, cho nên mình thấy đẹp. Tóm lại là do lạ nên thấy đẹp. Vậy thôi! Thực tế [thì] không đẹp gì đâu. Bản chất Sắc pháp là như nhau, do tâm phân biệt. Các Tâm sở [của] chúng ta thế nào, hôm nay chúng ta học ở đây, học bộ Luận Câu Xá này, bộ A Tỳ Đàm này, thì chúng ta hiểu tại sao lại như vậy.

Từ những vấn đề như vậy, dần dần mình sẽ nhận thức được thế gian này không có gì đáng để mình lưu luyến. Và tự nhiên ngày nào đó mình tiếp xúc lá vàng, lá đỏ, hay cảnh gì đẹp, thì cũng giúp cho mình tâm giải thoát, tâm giác ngộ. Tâm nhận thức rằng vạn pháp đều là vô thường, và chỉ có xuất ly sanh tử là con đường rốt ráo thù thắng.

Qua những buổi học như thế này, thì mình cũng đúc kết được rất nhiều

kinh nghiệm. Giống như hôm nay Thiện Trang chia sẻ, hi vọng quý vị có một câu chuyện này, để quý vị nhớ thêm được một điểm tựa. Tức là khi mình nhìn lên bầu trời, biết đâu mình sẽ nhớ ra Phật pháp. Đó là giải thích hiện tượng tại sao có hình con thỏ ở trên mặt trăng. Điều này trong Tiểu Bộ Kinh, tức là Kinh tạng Nikaya phần Tiểu Bộ Kinh, ở câu chuyện tiền thân của đức Phật thứ 316, có giải thích như thế này:

Thuở xưa có một con thỏ, có ba người bạn là một con khỉ, một con chó rừng, và một con rái cá. Bốn con này chơi rất thân thích với nhau. Thời đó các loài vật có thể giao tiếp với nhau được. Nếu mình coi trong kinh, thời kiếp Sơ, các loài vật có cùng một ngôn ngữ, cũng có thể giao tiếp với nhau được. Lúc đó con thỏ có đặc điểm rất tuyệt vời, tuy là loài súc sanh nhưng có tánh giác ngộ. Cho nên sống rất trí tuệ và thường tu giữ gìn đạo đức và hành Trai giới (giống như tu Bát quan trai). [Con thỏ] cũng khéo khuyên dụ ba người bạn của mình là con chó rừng, con rái cá, và con khỉ cũng đều tu tập.

Cứ thế mỗi ngày, ngày nào con thỏ nhìn lên bầu trời, nhìn mặt trăng là biết hôm nay là ngày Trai giới, thì dặn ba người bạn kia: *"Hôm nay là ngày Trai nhật (ngày trai), các bạn hãy thực hành Giới luật và giữ gìn ngày trai. Như vậy hãy cố gắng tỏ ra kiên định và cố gắng bố thí những gì có thể, [như] thức ăn, v.v... bố thí mọi thứ"*. Tất cả đều đồng ý, rồi ai về chỗ mình để giữ giới. Cứ nhắc trước ngày như thế.

Tờ mờ sáng hôm sau, con rái cá đi tìm mồi và xuống tới bờ sông Hằng. Có người đánh cá, bẫy được bảy con cá hồng và xâu vào một sợi dây mây, chôn xuống dưới cát bên bờ sông, rồi ổng đi đánh tiếp. Con rái cá ra đánh hơi được, thấy mấy con cá đó được chôn vùi, nên đào bới lên, và kêu lớn lên ba lần: *"Cá của ai đây?"* Để coi thử có chủ hay không. Không thấy ai trả lời, không thấy chủ nhân đâu, [nên nó] nghĩ là không có chủ. Vậy là nó đem về để nơi của mình ở, định sẽ ăn vào lúc nào thích hợp (tức là tới giờ ăn thì sẽ ăn). Rồi nằm xuống suy nghĩ: "Mình thật là đạo hạnh quá". Tức là mình tu tốt quá, hôm nay chả có sát

sanh gì hết, có cá sẵn cho mình, kiểu vậy đó. Tu tốt đến mức độ đó.

Rồi con chó rừng cũng vậy, cũng đi kiếm thức ăn. Nó trông thấy trong túp lều của một người coi đồng ruộng, họ xiên nướng thịt một con rắn mối và một lọ sữa đông. Nó cũng kêu như vậy và không thấy chủ nhân đâu hết, nên cũng lấy đem về. Nó không thấy chủ nhân trả lời, [nên] nghĩ cái đó lấy được, đem về. Và cũng suy nghĩ: "Mình tu thật tốt, thật là đạo hạnh".

Con khỉ cũng vậy. Con khỉ đi lượm một cành xoài đem vô [chỗ] cất của nó. Nó cũng định ăn như vậy.

Riêng con thỏ thì định đi ăn mấy đọt cỏ non trên bãi cỏ KuSa. Lúc nằm ở trong rừng thì nghĩ rằng: "Ta chẳng giàu có gì, [chẳng có] cơm hay những thứ như thế. Nhưng nếu ai đến xin ta điều gì thì ta cũng cho. Thậm chí ta sẽ cho cho cả thịt của mình cho người ấy".

Do tâm khởi lên muốn cho cả thịt [nên] chiêu cảm, lúc đó có một Bà-la-môn đến thử lòng mấy con đó. Thử lòng con rái cá thì con rái cá cho đồ ăn, kêu: *"Đồ ăn của tôi đó. Bữa nay tôi nhịn đói giữ Trai giới cũng được, có gì để ăn, tôi cho hết"*. Ông đó kêu: *"Tốt lắm! Tôi sẽ lấy nhưng ăn khi thích hợp"*. Rồi cứ tới thử từng con kia, con nào cũng cho đồ ăn hết. Đến khi thử tới con thỏ, con thỏ nói: *"Bây giờ ông hãy chất củi đốt lửa lên cho nóng đi, rồi tôi nhảy vào trong đó để tôi thành thịt nướng cho ông ăn, để ông giữ được bổn phận không sát sanh và giữ được đạo hạnh"*.

Quý vị thấy một con thỏ mà như vậy đó. Thực ra người Bà-la-môn đó không phải [là người] bình thường, nên cũng có thể làm ra đám cỏ cháy như vậy, đốt lửa cho con thỏ nhảy vô. Trước khi con thỏ nhảy vô thì nó cũng nghĩ đến các loài động vật khác. Câu chuyện này mình nghe cho kỹ nha! Nó rùng mình cho rớt hết mấy con bọ chét, con trùng, con gì trên người nó ra, để khỏi chết chung với nó, để nó nhảy vô một mình thôi. [Khi] nhảy vô đống củi đang cháy bùng đó, nó nghĩ là hôm nay mình hy sinh thân mạng để cúng dường cho ông Bà-la-môn đó một

bữa ăn.

Khi [con thỏ] nhảy vô thì thấy lửa củi lạnh ngắt. Hóa ra người Bà-la-môn đó chính là Thiên chủ của trời Đế Thích, xuống thử mấy vị này thôi. Thấy con thỏ phát tâm như vậy, nên [ngài] thu lại Thần thông, cho nên con thỏ không bị cháy. Lúc đó ông Bà-la-môn (là vua trời Đế Thích) khen [con thỏ] rất là tuyệt vời. Lúc đó mới nói: *"Ta là vua trời Đế Thích, ta thử thôi"*. Lúc đó vua trời Đế Thích ép một trái núi lấy nước từ trong đó ra, để vẽ hình một con thỏ lên mặt trăng, và sau đó trở lại.

Quý vị biết con thỏ đó chính là tiền thân của đức Phật Thích Ca. Trong Kinh Nikaya (Kinh Tiểu Bộ) nói hình tượng con thỏ đó sẽ giữ mãi trong suốt kiếp này. Tức là tại sao chúng ta nhìn lên mặt trăng có hình con thỏ, là do vua trời Đế Thích đã vẽ kỷ niệm một vị Bồ-tát, tức là tiền thân của đức Phật Thích Ca, dám hi sinh thân mình để cúng dường cho một vị Bà-la-môn một bữa ăn. Còn mấy vị kia, con rái cá chính là tiền thân của ngài A Nan, con chó rừng chính là tiền thân của ngài Mục Kiền Liên, và con khỉ chính là tiền thân của ngài Xá Lợi Phất.

Trong Kinh Nikaya có nói bốn Thần thông sẽ tồn tại suốt kiếp này trên Trái đất: Thứ nhất là tướng con thỏ trên mặt trăng. Quý vị yên tâm, bao giờ Trái đất này tan [thì] mới hết, còn kiếp này sẽ có hình đó và câu chuyện đó. Quý vị tin hay không là chuyện của quý vị, nhưng trong kinh kể như vậy. Thứ hai là câu chuyện mà Thiện Trang cũng đã kể rồi, đó là câu chuyện vị Cư sĩ chứng Tam quả A-na-hàm trong thời đức Phật Kassapa (đức Phật Ca Diếp), mà được đức Phật Ca Diếp cho người tới dỡ hết mái nhà để sửa thất cho Ngài đó. Vị đó được cảm là nhà của vị đó mưa không ướt, tức là mưa khắp nơi nhưng nhà vị đó không ướt. Đức Phật cũng nói suốt kiếp này (tại vì đức Phật Ca Diếp cũng trong thời Hiền kiếp chúng ta mà), cho đến hết Hiền kiếp này, nơi đó không bị mưa ướt. Đó là điều thứ hai. Còn hai điều nữa thôi để bữa khác [Thiện Trang] kể. Đó là những điều mà chúng ta kể rồi.

Cho nên ráng tu làm sao để cảm được như vậy. Ai có niềm tin thì mình tu được như vậy, cảm được như vậy. Thiện Trang xin kể câu chuyện để quý vị nhớ là các ngài tu để thành tựu, [thì] các ngài tu cỡ đó. Còn mình tại vì niềm tin đối với Phật pháp yếu lắm, cho nên tu giữa chừng và không đạt được nhiều lợi ích, cũng không được nhiều cảm ứng. Nếu khi không đạt được nhiều lợi ích, không nhiều cảm ứng thì lại càng nghi. Nghi là một trong Ngũ hạ Phần kiết, thì chúng ta hãy cố gắng [bỏ].

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu phần đầu tiên trong Kinh Nikaya, đó là: "Con Đường Đoạn Tận Ngũ Hạ Phần Kiết Sử". Thực ra điều này chúng ta đã học qua, nhưng [Thiện Trang] xin giới thiệu lại:

Con Đường Đoạn Tận Ngũ Hạ Phần Kiết Sử.

Này Ananda (tức là "này A Nan", trong Kinh Nikaya thì thường dùng chữ "Ananda". Bên Hán tạng thì bỏ bớt một chữ đi cho ngắn, "A Nan" thôi)**, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm Hạ phần Kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra. Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây, nếu người ấy không đẽo vỏ trong** (thực ra chỗ này phải là vỏ ngoài)**, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra.**

Đầu tiên muốn đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử thì mình phải có một lộ trình. Giống như muốn đẽo được lõi cây, thì đầu tiên phải đẽo được cái vỏ (vỏ ngoài, vỏ trong), đẽo giác cây xong rồi mới đẽo được lõi cây. Nếu không làm vậy, thì sự tình không xảy ra.

Cũng vậy, này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm Hạ phần Kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra. Và này Ananda, con đường

nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm Hạ phần Kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy xảy ra.

Tóm lại là mình theo con đường, vậy con đường đó là thế nào? Đoạn tiếp theo đức Phật cũng lấy ví dụ như trên thôi, nên chúng ta lướt qua:

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẽo vỏ trong, sau khi đẽo giác cây, thời sẽ đẽo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy, này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm Hạ phần Kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Bây giờ lấy ví dụ mới:

Này Ananda, ví như sông Hằng (là con sông lớn tại Ấn Độ)**, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ Thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.**

Quý vị nhớ năm Hạ phần Kiết sử không? Thứ nhất là Thân kiến, thứ hai là Giới cấm thủ, thứ ba là Nghi, Tham và Sân. Nếu đoạn hết ba Hạ phần Kiết sử đầu tiên là Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi [thì] chúng ta sẽ chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nếu đoạn hết năm thì chứng được Tam quả A-na-hàm. Còn nếu ở giữa, tức là đoạn Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi rồi, giảm được Tham, giảm được Sân, thì sẽ chứng được Nhị quả Tư-đà-hàm.

Cho nên ở đây đức Phật nói vấn đề đầu tiên là đoạn Thân kiến. Cũng vậy, một người nào mà khi được nghe giảng pháp là đoạn trừ Thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thì vị ấy cũng giống như người ốm yếu kia, tức là không qua được sông Hằng.

Vậy mình coi, khi mình nghe được những điều này mình có thích không? Không thích, không có hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát gì hết, tức là mình đúng là người kia rồi đó. Nhiều người bây giờ nghe những giáo pháp giải thoát, [cũng] không thích nghe luôn. Dù đó là lời Phật dạy cho mình để đoạn Thân kiến. Người tu ngay cả tu Tịnh Độ, đoạn Thân kiến để tu cho tốt mà cũng không muốn. Nhiều khi như vậy! Nên chẳng khác nào người muốn qua sông Hằng mà ốm yếu quá, qua không nổi. Nghĩ là qua được nhưng qua không nổi. Đức Phật không nói rõ nhưng chúng ta hiểu là qua không nổi, qua không nổi thì chết giữa sông. Cho nên ráng phải nghe những giáo pháp giải thoát.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ấy có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ Thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia.

Có nghĩa là sẽ đoạn được Thân kiến. Đầu tiên là mình phải thích thú, hoan hỉ đã, rồi có định tĩnh đã, có giải thoát đã, chứ không nghe xong mà không có mấy điều đó là thôi rồi, [thì] mình là người yếu đuối, không phải là lực sĩ trong Phật pháp rồi.

Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka), do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh

thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Đó là điều kiện thứ nhất, là phải tu Sơ thiền. Muốn tu Sơ thiền thì đức Phật nói một loạt [những điều] đằng trước nữa. Nào là phải viễn ly các sanh y, nói chung là mình rời các pháp bất thiện. Thật ra điều này nằm trong bảng [ở] bài hôm trước, bảng chín tầng đó, thì quý vị cứ làm từ tầng một lên, bữa sau để Thiện Trang chiếu lại cho quý vị nhớ.

Tầng một [là] quý vị không được sợ hãi, bây giờ nhiều người còn sợ này, sợ kia thì không thể được. Đó là viễn ly các sanh y đó. Rồi đoạn các pháp bất thiện, chứ có gì đâu mà sợ. Nhiều người tu hành mà còn sợ ma, sợ chuyện này, sợ chuyện kia. Như vậy thì không thể nào đắc Thiền được. Đó là những nền tảng căn bản, chúng ta tu hành phải hiểu như vậy.

Rồi do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, rồi ly dục, ly bất thiện pháp. Ly dục ở đây tức là không ham muốn. Rồi rời khỏi các pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tóm lại là chứng được Thiền thứ nhất, [nhưng] chưa đủ! Chứng thiền đó mới Thiền chỉ thôi, còn Thiền quán nữa.

Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là Không, là vô Ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào bất tử giới (Amatadhatu) và nghĩ rằng: **"Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-Bàn". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các Lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các Lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm Hạ phần Kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-Bàn ở**

đấy, không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử.

Đây là đức Phật nói luôn đoạn hết năm Hạ phần Kiết sử, thực ra [điều] này giống bài Kinh Bát Thành hôm bữa. Cho nên đấy là lộ trình giống như bắt buộc, quý vị muốn đoạn năm Hạ phần Kiết sử thì chứng từ Sơ thiền trở lên, và Thiền quán. Ở đây Thiền chỉ, Thiền quán rõ ràng. Tại vì Thiện Trang nói nhiều, nhưng quý vị không tin thì phải trích dẫn kinh như vậy, để quý vị khỏi phải nghi ngờ mất công đi tìm ở đâu, thì có [ở] trong Kinh này, tất cả đều có hết.

Tóm lại những điều này ở trên là Thiền chỉ, ở dưới là Thiền quán. Và để tu Thiền chỉ, Thiền quán, thì chúng ta cũng đã học rất nhiều rồi. Học pháp nhiều, quý vị thấy quán các pháp, thọ các pháp vô thường, lúc nào cũng nói vô thường, khổ. Giống như các điều mình sợ này: giống như cục bướu mình cũng sợ, giống như mũi tên mình cũng né ra, giống như điều bất hạnh mình cũng không muốn, giống như kẻ địch mình cũng sợ, mình né ra. Giống như phá hoại, là Không, [là] vô Ngã.

Tóm lại chỉ cần quán pháp [là] Vô thường, Không, vô Ngã, và lìa xa giùm đi, thì tự nhiên mình sẽ đạt được những thứ sau. Mà ở đây là năm Hạ phần Kiết sử luôn, thì tới Tam quả A-na-hàm, hoặc thậm chí ở đây nói đoạn hết Lậu hoặc, hoặc là nhập Niết-Bàn là chứng A-la-hán luôn đó.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba... xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Nói tóm lại là có thể chứng được Thiền thứ hai đến Thiền thứ tư. Rồi đoạn

sau cũng quán y chang như vậy. Ở trên là Thiền chỉ, ở dưới là Thiền quán, thì cũng đạt tới lộ trình đó. Giống như Kinh Bát Thành bữa trước, chứ không phải là mỗi bộ Kinh Bát Thành [không thôi]. Nội dung này cực kỳ quan trọng cho nên đức Phật nói rất nhiều kinh, nói đi nói lại, tóm lại là phải tu cả Thiền chỉ và Thiền quán để đạt được như vậy. Còn nếu Sơ quả Tu-đà-hoàn thì không cần Thiền chỉ cũng được. Nhị quả Tư-đà-hàm cũng vậy, không đạt được Sơ thiền cũng được, nhưng những quả vị này là phải cần như vậy. Chứ không cần là không được, không chứng mấy [điều] này thì không đoạn được mấy điều đó, nên phải có Thiền. Rồi đằng sau nói thêm Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, v.v... thì cũng vậy thôi, giống bài [Kinh] Bát Thành, cho nên Thiện Trang chỉ lược qua.

Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng Tâm giải thoát, một số chứng Tuệ giải thoát?

Ở đây ngài A Nan đưa ra một câu hỏi, mà chắc cũng nhiều người thắc mắc, là tại sao Thiện Trang [khi] giảng hay chia sẻ rằng: là tại sao có một số người chứng Tâm giải thoát, có người chứng Tuệ giải thoát, có người chứng Câu giải thoát (là vừa [có] Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát). [Lý] do tại sao thì đây ngài A Nan cũng hỏi cho mình luôn.

Tại vì A-la-hán cũng có mấy bậc A-la-hán. A-la-hán chứng Tâm giải thoát, có A-la-hán chứng Tuệ giải thoát, và có A-la-hán [chứng] Câu giải thoát. Chứng Tâm giải thoát mà tuệ chưa giải thoát thì có thể thoái chuyển về sơ quả Tu-đà-hoàn. Giống như có câu chuyện đợt trước Thiện Trang chia sẻ đó, có vị đó bảy lần chứng được Tâm giải thoát rồi, nhưng chưa chứng được Tuệ giải thoát nên thoái chuyển, nên lần thứ 7 chứng được là lo tự sát luôn. Tại sao lại có những trường hợp như vậy? Ở đây ngài A Nan đã đưa ra câu hỏi rồi.

Ở đây, này Ananda, Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.

(64. Đại kinh Màlunkyà (Mahà Màlunkyà sutta)–Trung Bộ Kinh)

Tóm lại là căn tánh mỗi người khác nhau. Cho nên tu lộ trình thì giống nhau, nhưng có người thì chứng được Tâm giải thoát, có người thì chứng được Tuệ giải thoát, có người chứng được cả hai. Quý vị thấy như vậy đó, cho nên là tại sao có người chứng A-la-hán mà Thần thông không có bao nhiêu, hoặc là chứng Tam quả A-na-hàm mà Thần thông không có bao nhiêu v.v... là tại vì điều đó. Hoặc là có người chứng Sơ quả có Thần thông, có người chứng Sơ quả không có Thần thông, có người chứng Nhị quả có Thần thông, có người chứng Nhị quả không có Thần thông, v.v... là do sự sai khác về căn tánh. Đây là trích từ Đại Kinh Màlunkyà, đó là Kinh thuộc Trung Bộ Kinh, Kinh Số 64, quý vị có thể tìm bộ Kinh này.

Tóm lại quý vị thấy tu gì [thì] cũng phải [tu] Thiền chỉ và Thiền quán, để đoạn năm Hạ phần Kiết sử một cách rốt ráo. Nếu không thì thôi, ráng tu Thiền quán để may ra chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Bài đầu tiên, bài thứ hai Thiện Trang đã chia sẻ rồi. Nếu như Sơ quả và Nhị quả có trường hợp, lúc chứng quả lúc đó mình chưa đắc [thiền], tức là trước đó mình chưa tu Thiền gì hết, nhưng lúc đó mình có Sát-na định hoặc là Cận định thì cũng có thể chứng quả, mà thậm chí chứng quả cao nữa. Điều đó có thể được, [nhưng] chứng xong là tuột lại, chứ không còn.

Hôm nay Thiện Trang sẽ tiếp tục chia sẻ phần A Tỳ Đàm cho quý vị. Trong A Tỳ Đàm này, hôm nay giảng về Tâm sở. Trong A Tỳ Đàm có 52 món Tâm sở, khác với bên Duy Thức. Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận, Duy Thức Đại thừa là có 51 món Tâm sở. Trong bộ Luận Câu Xá chúng ta đang học đây thì có 46 Tâm sở. A Tỳ Đàm bên Nam truyền, Vi Diệu Pháp bên Nam truyền nói 52 món Tâm sở, chia ra gồm có 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện và 25 Tâm sở Tịnh hảo. Quý vị cộng 13 với 14 là 27, 27 với 25 là 52.

Ở đây Thiện Trang tranh thủ giải thích một chút về thuật ngữ Tâm sở là gì? Nhiều người cũng chưa nhớ. [Khái niệm] Tâm sở do trong kinh không thấy đức Phật định nghĩa, cho nên là mỗi người tự đưa ra theo cảm nhận của mỗi

người. Có người nói đó là những trạng thái thuộc về tâm. Ví như Sân là một trạng thái, Tham là một trạng thái đúng không ạ? Rồi ví dụ như có tâm gọi là Tầm. Tầm là gì? Tầm là tìm kiếm, hướng về một đối tượng nào đó, [đó] là một Tâm sở. Hoặc là Tâm sở Niệm chẳng hạn. Niệm là gì? Niệm là ghi nhớ về điều gì đó.

Như vậy đó là những trạng thái tâm, có thể tạm hiểu là những trạng thái tâm, hay là những thành tố để tạo ra tâm. Tức là tâm mình phức tạp, đủ hết mọi thứ trong đó, cho nên gọi là Tâm sở, hay là Tâm sở hữu. Tóm lại nếu dịch theo Tâm sở hay Tâm sở hữu, tức là những điều gì đó thuộc về tâm. Và có tới 52 món [nói] theo A Tỳ Đàm, quý vị hiểu chưa?

Ví dụ như mình có tâm chánh ngữ, thì tự nhiên mình nói ra sẽ thành lời chánh ngữ, mình nhớ kỹ đó v.v… Còn người tâm tà ngữ thì nói ra lời không tốt. Đó [là] tà ngữ, thì ngược lại chánh ngữ. Hoặc là mình có Tâm sở Tư, Tâm sở Tư tức là có chủ ý, chủ đích của việc làm đó như thế nào. Chúng ta đã học qua những tâm đó. Những tâm đó gọi là Tâm sở, và nhiều Tâm sở, 52 món Tâm sở này đều thuộc về tâm, cho nên gọi là Tâm sở hữu. Nếu tên đầy đủ thì gọi là Tâm sở hữu pháp, tức là các pháp thuộc về tâm, mình hiểu như vậy.

Bây giờ Thiện Trang giới thiệu thứ nhất là 13 Tâm sở Tợ tha. #Tợ có nghĩa là tương tự, thật ra nói đúng nghĩa ra là cung cấp. Nó giống như nương theo người khác thôi, Tợ tha tức là nó cung cấp cho người khác thôi. Bữa nay có người nói nghĩa khác là Tâm sở Trung tính, tức là lúc nào nó cũng đi kèm, 13 Tâm sở này đi kèm hoặc là [với] 14 Tâm sở Bất thiện hoặc là 25 Tâm sở Tịnh hảo (Tâm sở tốt).

Bên Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận thì nói Tâm sở thiện và Tâm sở Bất thiện, có 11 Tâm sở Thiện và 26 Tâm sở Bất thiện. Nhưng bên này thì chia ngược lại, 25 Tâm sở Thiện (Tịnh hảo là thiện), 14 Tâm sở Bất thiện, [Tâm sở Thiện] nhiều hơn, ngược với bộ Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận. Thật ra là giống nhau thôi, chỉ có cách chia khác nhau.

Còn điều này [Tâm sở Tợ tha], gọi là trung tính, thật ra là nó đi kèm với [Tâm sở Bất thiện và Tâm sở Tịnh hảo]. Từ từ [chúng ta] học vô rồi thì ta hiểu tại sao nó đi kèm. Có khi những thằng ở trong 13 [Tâm sở Tợ tha] này, sẽ đi kèm với những Tâm sở Bất thiện, hoặc đi kèm với Tâm sở Tịnh hảo (Tâm sở tốt). Đấy là những Tâm sở, mình chỉ cần nắm 52 món Tâm sở này là mình tu được.

Con đường chứng Thánh, ngoài cách tu theo kiểu hôm bữa [trong] Kinh Bát Thành, và Thiện Trang có chia sẻ về chín tầng đoạn Phiền não. Hoặc là vừa rồi, là tu theo cũng giống như Kinh Bát Thành, cũng phải chứng Sơ thiền bên Thiền chỉ rồi [Thiền] quán nữa v.v… trở lên. [Tu mức] độ đó là độ thô. Nếu mình làm không được, thì có điều gì tỉ mỉ hơn? Chính là điều này. Tâm sở này chính là cái tỉ mỉ nhất để tu. Khi mình nắm thuộc làu 52 món Tâm sở này, khi tâm mình khởi lên điều gì thì mình biết điều đó, mình điều tiết để cho nó hướng đến đạt được kết quả. Ở đây Thiện Trang có chốt dòng này:

** Sự kết hợp của Tâm* (Tâm là riêng nha)*+ các loại Tâm sở thuộc các nhóm trên thì tạo ra 121 loại tâm gồm: 67 Tâm thiền + 40 Tâm siêu thế + 12 Tâm bất thiện + 24 Tâm thiện Dục giới + 18 Tâm vô nhân.*

Có nghĩa là tâm là riêng rồi, nhưng phải kết hợp với các loại Tâm sở này. 52 món, kết hợp đủ kiểu hết, lúc có thằng này, lúc không có thằng này. Tức là thằng đó có khi có, thằng kia có thể có cùng với nó, có khi hai thằng cùng có với nhau v.v… thì kết hợp lại, không phải kết lộn cào cào mà chỉ kết hợp ra được 121 trường hợp thôi. Nghĩa là 52 món này, không phải quý vị học xác suất, quý vị học tổ hợp chỉnh hợp rồi quý vị lấy C có chập bao nhiêu? Không phải như vậy, mà nó kết hợp có quy luật trong đó, đưa ra 121 loại tâm thôi, gồm:

- 67 Tâm thiền: Ai muốn tu đắc Thiền, thì phải điều tiết các món Tâm sở làm sao đó, để mình đạt 67 trường hợp Tâm thiền này.

- [40 Tâm siêu thế]: Ai muốn đắc đạo thì điều tiết làm sao để được 40 loại Tâm siêu thế. Mình điều tiết, kết hợp các Tâm sở nào với Tâm sở nào, để làm sao

phát huy mạnh lên thì được Tâm sở như thế. Đắc đạo là 40 trường hợp này.

- [12 Tâm bất thiện]: Quý vị muốn đọa lạc phải không? 12 Tâm bất thiện, là đọa lạc đây, muốn xuống các đường ác [thì dùng] Tâm bất thiện.

- 24 Tâm thiện Dục giới: Ai muốn [lên] cõi Người, cõi [Trời] cho tới trời Tha Hóa Tự Tại, mấy cõi Dục giới là 24 Tâm thiện Dục giới.

- 18 Tâm vô nhân: trường hợp 18 Tâm vô nhân là không chứng Thiền, không chứng quả được, thì cũng xếp vào bất thiện thôi, đa số là vậy. Như vậy mình nắm được bảng này rồi mới tu.

Cho nên học, tại sao môn A Tỳ Đàm hay? [Là] hay ở chỗ này. Mình chỉ cần nắm vậy thôi là mình tu. Thiện Trang đưa ra ví dụ luôn.

<u>Ví dụ</u>: Khi phát triển duy trì đồng thời sự có mặt 8 Tâm sở, gồm Tâm sở Niệm, Tầm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Nhất hành, Cần, Trí tuệ (có khi ghi Tuệ thôi) thì tạo thành một trong các loại Tâm siêu thế (đầy đủ Bát chánh đạo) thì đắc đạo chứng Thánh quả. (Niệm->Chánh niệm; Tầm-> Chánh tư duy; Nhất hành ->Chánh định; Cần->Chánh tinh tấn; Tuệ -> Chánh kiến)

Quý vị muốn đắc đạo chứng Thánh quả thì công thức đây. Quý vị học quý vị nắm được, quý vị làm sao vận dụng được tám món Tâm sở này.

1. Tâm sở Niệm: niệm là ghi nhớ.

2. Tâm sở Tầm: tầm là mình hướng đến một đối tượng nào đó, giống như con ong hướng về bông hoa.

3. Chánh ngữ là tâm mình tự nhiên nghĩ toàn những lời nói ra, hay lời viết ra là lời tốt, lời hay. Không phải Chánh ngữ này là tốt, hay bình thường đâu, mà phù hợp với Chánh pháp. Từ từ chút nữa [sẽ] nói phù hợp Chánh pháp thế nào.

4. Chánh nghiệp thì dễ hiểu, là ba nghiệp: nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp

ý. Là những nghiệp của mình tạo ra, những nghiệp đó tương ưng với Chánh pháp, cho nên gọi là Chánh nghiệp. Chánh pháp là quý vị phải tin nhân quả. Quý vị tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, làm theo giáo pháp [của] Phật.

5. Chánh mạng là nuôi mạng chân chánh. Nuôi mạng chân chánh là mình làm, mình tránh nghề trộm cắp, sát sanh, mấy nghề hại chúng sanh v.v... mình né ra. Đó là Chánh mạng. Tâm mình khởi lên, tức là mình làm gì mình nghĩ: "À không được, nghề này phải là nghề chánh mạng". Thì dần dần mình có được Chánh mạng này.

Còn Chánh nghiệp là mình nghĩ trong tâm, mình duy trì được, làm ra việc gì [thì] ba nghiệp thân, khẩu, ý cũng đúng với Chánh pháp. Điều này khó! Nhiều người không biết, thì từ từ mình [xem] nó nằm ở đâu.

6. Nhất hành là sao [thì] mình chưa học. Nhất hành thật ra là định, tâm mình hướng vào đối tượng nào đó, tập trung vào đối tượng đó.

7. Cần tức là siêng năng.

8. Tuệ là trí tuệ, thì sẽ tạo ra một loại trong các loại Tâm siêu thế.

Lúc đủ tám tâm này, sẽ chuyển thành đầy đủ Bát chánh đạo. Khi đầy đủ Bát chánh đạo là đắc đạo Thánh quả. Bởi vậy cho nên đức Phật mới nói là con đường để đắc Thánh quả là Bát thánh đạo (Bát chánh đạo), gồm tám chi phần. Ở đây tại sao như vậy, thì Thiện Trang có giải thích. Đầu tiên, Niệm là ghi nhớ, khi huân tập Tâm sở này đủ mạnh, thì sẽ chuyển thành Chánh niệm. Chánh niệm là sao? Điều này thì nhiều khi khó quá, thôi giải thích Bát chánh đạo theo thứ tự:

**Bát chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.*

1. Chánh kiến: Tâm sở Tuệ sẽ biến thành Chánh kiến. Tại sao? Vì khi nó đủ mạnh thì biến thành Chánh kiến. Nhưng Tâm mình hướng về, mình tập trung

vào đâu đúng không ạ? Quý vị nhớ, bình thường mình hướng về Phật pháp, mình suy nghĩ với Phật pháp, có nghĩa là mình tin nhân quả luân hồi, tin đọa lạc, tin thế này thế kia, điều này khó lắm! Hồi xưa mình tưởng Chánh kiến dễ, sau này Thiện Trang coi kinh rồi Thiện Trang mới thấy, định nghĩa Chánh kiến không đơn giản.

Chánh kiến là gì? Chánh kiến là quý vị tin có cha, có mẹ, có đời sau, có Thánh nhân, có đắc đạo, có lành ác, tin đời giả tạo v.v… Bây giờ mấy ai tin? Quý vị thấy có Chánh kiến chưa? Bây giờ nghe nói, Chánh kiến là thế này. Chánh kiến nghe nói thầy giảng đời vô thường, con cái trong gia đình là giả tạo, nó tới đòi nợ, [vì] nghiệp nhân [nên] nó tới thôi, chồng vợ [là] giả hết. Tất cả điều này điều kia là giả. Mình nghe vậy thôi chứ mình có thấy vậy đâu. Bao giờ mình thấy được như vậy thì mình mới có Chánh kiến. Đó là quý vị có Chánh kiến. Có Tâm sở Tuệ này thì mới có Chánh kiến nha.

2. Chánh tư duy: là điều thứ hai trong Bát chánh đạo. Chánh tư duy là [Tâm sở tầm hướng đến] trí tuệ, tức là khi đó mình có trí tuệ. Trí tuệ đó [khi mình] suy nghĩ, tức là mọi suy nghĩ của mình, tư duy là suy nghĩ mà, suy nghĩ của mình toàn là hợp với Phật pháp. Còn bây giờ mình thì sao quý vị? Mình nghe thầy Thiện Trang giảng, nghe thầy nào đó giảng đời là giả tạo, con không phải thật, nó tới đầu thai thôi v.v... Nhưng mình vẫn lén lén nghĩ: "Ông thầy giảng kệ ổng, còn mình [coi] con mình là con mình mà, con mình đẻ ra mà thầy lại nói nó đầu thai v..v…"

Tức là mình chưa có [Chánh] tư duy. Tư duy đó là tà tư duy, không phải là Chánh tư duy. Chánh tư duy là [hướng về] trí tuệ, là quý vị suy nghĩ hoàn toàn đúng với Phật pháp cơ. Mình có đúng đâu. Chưa! Rớt rồi đó. Chánh kiến, Chánh tư duy rớt sạch, thì lấy đâu ra chánh tiếp theo.

3. Chánh niệm: Chánh niệm là quý vị ghi nhớ, nhớ như vậy. Lúc nào trong đầu cũng nhớ đời là vô thường, là giả tạo. Con cái cũng vậy, [do] nhân duyên mà

đến. Cha mẹ cũng vậy. Đời này có một đứa con, đời quá khứ có mấy đứa con v.v… Tâm luôn luôn nghĩ như vậy thì đó mới là Chánh niệm, nhớ luân hồi, nhớ mọi thứ. Còn bây giờ mình có nhớ không quý vị? Thường quên đúng không? Cho nên Kinh Vô Lượng Thọ gọi là **"Tâm thường đế trụ, độ thế chi đạo"**. Đó là Chánh niệm. Chúng ta không nhớ, chúng ta quên hoài, đúng không? Quên hoài nên đâu có Chánh niệm.

Cho nên Bát chánh đạo chỉ cần khi đầy đủ cùng một lúc thôi, tức là tám điều đó hiện diện [cùng] một lúc thì đắc đạo. Còn thông thường ở đây, chúng ta có điều này mà không có điều kia. Tức là tám điều này phải có [cùng] một lúc, đúng một lúc có đầy đủ, chứ không phải là lúc có điều này, không có điều kia. Cho nên người tu là họ nhắm vào đây, ai học A Tỳ Đàm là họ nhắm vào đây, công thức nằm ở đây, làm sao tám điều này có mặt cùng một lúc. Nếu như tám điều này có mặt cùng một lúc [thì] đắc đạo. Đơn giản vậy thôi. Ít nhất là cũng [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn, khi tám điều này [có mặt đầy đủ cùng lúc].

Như vậy Thiện Trang đã nói về Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh niệm rồi.

4. Chánh định: tâm Chánh định là Nhất hành. Nhất hành là tập trung vào đối tượng. Đó là Tâm sở Nhất hành. Chúng ta sẽ học Tâm sở Nhất hành là như thế nào. [Mình] không biết, nhưng thật ra [Tâm sở này] mạnh lên, [thì] đủ chuyển thành Chánh định. Định đó cần sự tập trung.

5. Chánh tinh tấn: Tâm sở Cần chuyển thành Chánh tinh tấn. Chánh tinh tấn là mình luôn luôn [đặt] tâm ở trong đó, mình luôn luôn nghĩ về Chánh pháp, luôn luôn, xuyên miết hướng đến giải thoát.

Còn ba điều Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thì đủ Bát chánh đạo rồi, khỏi phải phân tích.

Bây giờ Thiện Trang chỉ phân tích: Niệm trở thành Chánh niệm. Tâm sở Tầm phát triển mạnh lên sẽ thành Chánh tư duy. Tâm sở Nhất hành chuyển

thành Chánh định. Tâm sở Cần chuyển thành Chánh tinh tấn. Tâm sở trí tuệ (Tâm sở Tuệ) chuyển thành Chánh kiến. [Quý vị] cứ nhớ vậy.

Cho nên ngay vào đây Thiện Trang đã cung cấp cho công thức đắc đạo rồi. Quý vị nhớ giùm bấy nhiêu đây, mai mốt mình học hết mấy Tâm sở rồi, mình làm sao phát huy được tám Tâm sở này thôi. [Tám Tâm sở này] có mặt đồng thời một lúc, thì quý vị được một loại Tâm siêu thế, là do đầy đủ Bát chánh đạo, thì ngay lúc đó đắc quả Thánh.

Như vậy ở dưới này Thiện Trang có ghi rõ Bát chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Chúng ta đã học hết mấy điều này, hầu như ai cũng biết. Quý vị thấy không ạ? A Tỳ Đàm tu hay lắm, là dùng tâm. Vậy thì bây giờ làm sao tu? Bây giờ phải nắm được tâm đúng không? Thiện Trang nói không cần nắm nhiều tâm lắm đâu, mình chỉ cần nắm 52 món Tâm sở này, và mình làm sao để phát triển được ít nhất tám tâm đó. Tất nhiên sẽ có những tâm khác đi kèm, nhưng chỉ cần tám [tâm] đó có mặt đồng thời.

Thông thường chúng ta tu, người nào tu giỏi lắm thì thông thường sẽ xuất hiện được nhiều điều trong tám Tâm sở này. Có khi quý vị có Niệm (có ghi nhớ). Có người thất niệm không nhớ gì Phật pháp hết, đó là mất niệm. Còn nếu mà chúng ta tu có hướng về Phật pháp, hướng về chánh đạo thì dễ rồi. Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thì dễ. Nhưng có khi Niệm có, nhưng Tuệ không có, Tuệ này nhiều khi không có. Có khi Cần mình có, nhưng Nhất hành không có, là không có định. Mình cứ rớt qua rớt lại, cho nên không đủ. Nếu mình đầy đủ tám điều đó là đủ Bát chánh đạo, thì chứng quả ngay, ít nhất cũng [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn. Vào [được] một lần là vào luôn đó quý vị, cho nên ráng nha, mình duy trì được.

Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ 13 Tâm sở Tợ tha trước. 13 Tâm sở Tợ tha này chia ra 2 loại, gồm có: 7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh. Ai học

Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận của Đại thừa, thì cũng có hai loại tâm này, nhưng [chỉ có] 5 Tâm sở Biến hành và 5 Tâm sở Biệt cảnh thôi. Còn bên này thì tăng lên thành 7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh.

Ở đây Thiện Trang nói về Tâm sở Tợ tha là gồm 13 [loại], thì chia thành 2 nhóm. [Lúc] nãy [Thiện Trang] đã nói Tợ tha là gì rồi. Tức là thằng này có đi kèm với những thằng khác, có thể đi kèm với Tâm sở Bất thiện hoặc là Tâm sở Tịnh hảo (Tâm sở thiện).

Tợ tha giống như trung tính, thực ra không phải trung tính, mà nó đi kèm với mấy nhóm kia. Và [Tâm sở Tợ tha] này không làm chủ được nó, đi với [nhóm] ác thì thành ác, đi với [nhóm] thiện thì thành thiện, đi với [nhóm] tốt thì thành tốt. Giống như đi với Phật thì mặc áo cà sa, còn đi với ma mặc áo giấy vậy đó. Có nghĩa trong mấy nhóm này, nó đi kèm với mấy thằng đó, và không quyết định đó là thiện hay ác. Mà quyết định thiện hay ác, tốt hay xấu, là do thằng khác.

Giống như có thằng ba phải, không biết gì hết, trong xóm rủ đi chơi, mấy thằng kia kêu đi làm việc tốt, ra lượm ve chai, lượm rác. [Khi] ra gặp đoàn thanh niên, bảo làm toàn việc tốt thì nó làm việc tốt. Chiều đi về mấy thằng kia rủ đi nhậu thì nó cũng đi nhậu, rủ đi ăn trộm thì nó cũng đi ăn trộm. Tóm lại thằng đó là ba phải, bên phe nào [cũng] theo. [Nói] ngôn ngữ như vậy thì quý vị hiểu rồi. 13 Tâm sở Tợ tha là kiểu như vậy.

Hôm nay có lẽ chúng ta chỉ có thời gian học bảy Tâm sở Biến hành thôi, còn hôm sau mình sẽ học sáu Tâm sở Biệt cảnh. Tại vì học một lúc nhiều quá quý vị không nhớ đâu, học ít ít thôi.

I. Tâm sở Tợ tha gồm 13 chia làm hai nhóm
I.A. Tâm sở Biến hành gồm 7:

1.Xúc	2.Thọ	3.Tưởng	4.Tư
5.Nhất hành (định)	6.Mạng quyền	7.Tác ý	

Thiện Trang giải thích thế nào là Tâm sở Biến hành? Bây giờ nhiều người học Bách Pháp Minh Môn Luận rồi, có biết thế nào là Tâm sở Biến hành, tại sao lại gọi là Biến hành không? Cho nên có chút vốn biết chữ Hán cũng đỡ lắm quý vị. #Biến có nghĩa là khắp; #hành là đi, đi khắp. Có nghĩa là bảy Tâm sở này gồm có: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành (định), Mạng quyền, và Tác ý. Bảy tâm sở này luôn luôn có mặt trong tất cả các trường hợp, tức là trong 121 trường hợp Tâm này, thì bảy điều này không thể không có. Tức là luôn có, cho nên mới gọi là Biến hành.

Còn sáu Tâm sở Biệt cảnh, gọi là Biệt cảnh tức là riêng biệt theo cảnh, có cảnh thì có, tức là trong 121 [tâm] này có lúc có, có lúc không cần có. Còn bảy [Tâm sở Biến hành] này bắt buộc lúc nào cũng có hết, cho nên gọi là Tâm sở Biến hành.

Có nghĩa là giống như quý vị đi đâu thì cũng phải mang chân, mang tay của quý vị đi theo. Quý vị làm việc ác, việc thiện gì, thì tay chân cũng phải đi theo. Không thể nào quý vị đi mà bỏ chân, bỏ tay ở nhà. Trừ khi mấy người bị cụt chân, cụt tay mang đồ giả thôi. Còn thực tế mình đi đâu cũng phải mang chân mang tay theo. Làm việc ác, việc thiện gì cũng mang tay mang chân theo.

Tâm sở Biến hành [cũng như] vậy, việc thiện, việc ác, việc gì, nó cũng phải có mặt hết. Có mặt nhưng nó không quyết định, nghe mấy thằng kia thôi, mấy thằng kia xúi đi hướng nào thì đi hướng đó. Giống như tay chân mình theo đầu mình thôi, xúi thế nào thì làm theo thế đó, chứ không biết thiện hay ác, nó chỉ thực hiện theo thôi. Nên quý vị hiểu Tâm sở Biến hành là vậy.

Còn Biệt cảnh, Biệt cảnh tức là cảnh riêng biệt, có thể trong hoàn cảnh này thì có, còn cảnh kia thì không có. Các cảnh đó sẽ học bữa sau, hôm nay ráng học bảy Tâm sở Biến hành này.

Bảy Tâm sở Biến hành này cũng không khó gì, nếu ai học Đại thừa Bách Pháp Minh Môn Luận thì chúng ta có: Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư. Chúng ta đọc Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, thì ở đây chỉ thêm hai điều là Nhất hành và Mạng quyền thôi. Bên A Tỳ Đàm thêm hai điều nên tăng thêm. Bây giờ chúng ta tìm hiểu từng điều:

1. Xúc: Xúc là gì? Chúng ta nghe xúc là biết liền; #xúc có nghĩa là mang tính xúc chạm, là tiếp xúc. Nhưng xúc chạm này mang tính tinh thần, chứ không phải xúc chạm là mình lấy tay này chạm vào tay kia, không phải. Nó đâu cần chạm đâu, mắt thấy một đối tượng nào đó, đâu cần chạm, đâu cần tiếp xúc. Nói đơn giản là, đối tượng nào đó rơi vào tầm ngắm của các giác quan, và các giác quan có nhận thức về đối tượng đó.

Ví dụ quý vị đang nhìn trên màn hình điện thoại, hay tivi, quý vị đang thấy cảnh gì, thấy Thiện Trang đang đưa tay lên, thấy tượng Phật đằng trước v.v… thấy gì đó. Tức là cảnh đó, đối tượng đó đã rơi vào tầm ngắm của cặp mắt quý vị, tức là Nhãn thức quý vị đã làm việc để thấy được hình tượng đó. Đó gọi là xúc chạm về mặt tinh thần của mắt.

Tương tự, âm thanh truyền từ đâu đó, nhưng nó truyền vào tai của quý vị, thì quý vị mới tiếp xúc được âm thanh đó, nghe được âm thanh đó. Tức là rơi vào tầm ngắm của tai, tầm ngắm của giác quan là tai, tai mình nghe được âm thanh, đó gọi là Xúc. Và Xúc này gọi là Nhĩ xúc.

Tương tự mình nghe mùi rất khó chịu bay từ đâu đó. Thật ra có mùi [là vì] nó đã chạm được, rơi vào tầm ngắm của mũi mình, cho nên mình ngửi được.

Tương tự [với] Vị; #Vị tức là vị ngọt, chua, đắng, cay gì đó, rơi vào tầm

ngắm của lưỡi mình, tức là các giác quan mình hoạt động.

Thân mình tiếp xúc thấy êm ái, nhẹ nhàng, hay là ngồi ghế cứng quá v.v… Những điều đó gọi là Xúc. Và Ý nữa, ý là đối với pháp, những điều đó thuộc về Xúc.

Tóm lại, mình chỉ cần hiểu đơn giản là sự xúc chạm mang tính về tinh thần. Có đối tượng nào đó rơi vào tầm ngắm của các giác quan của mình, và mình có nhận thức về đối tượng đó, như vậy là Xúc. Mình hiểu vậy thôi, đừng có nặng nề về vấn đề từ ngữ.

Học Phật pháp, mình đừng có thuộc như con vẹt, mà hãy hiểu được, mình hiểu được là được. Mình hiểu được thì mình hành. Và [những tâm sở] này gọi là Tâm sở Biến hành. Biến hành là lúc nào cũng có rồi, cho nên quý vị muốn hay không thì nó cũng có rồi, cứ tiếp xúc là có, lúc nào cũng có hết. Cho nên chân tướng của Tâm sở Xúc này, là sự xúc chạm, chạm nhau mang tính tinh thần. Và điều này mang tính chất là tiếp xúc với cảnh.

[Tâm sở Xúc] do ba yếu tố thành lập nên: Một là Tâm, là của tâm mình; Hai là căn, căn tức là các giác quan của mình; Ba là cảnh, cảnh tức là cảnh trần gộp lại. Ba yếu tố này tạo nên. Và lúc đó phải có cảnh thì mới có xúc được, không có cảnh thì làm sao có xúc. Ví dụ quý vị ở trong môi trường im ắng quá, không có âm thanh gì hết, thì làm sao tiếp xúc được âm thanh. Hoặc cho quý vị vô trong phòng tối quá, không có ánh sáng, thì mắt của quý vị đâu có thấy gì, thì đâu có xúc. [Nên] những điều đó, cần phải có cảnh.

[Xúc] này tất nhiên có sáu xúc: Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỷ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc, Ý xúc. Trong đó đối với ý là pháp, pháp là ý nghĩ ra điều gì đó. Ví dụ mặc dù mình chưa đến Niết-Bàn bao giờ, nhưng bây giờ Thiện trang nói Niết-Bàn, thì quý vị cũng hình dung, mường tượng được Niết-Bàn là thế nào đó. Tức là ý mình đã tiếp xúc với khái niệm Niết-Bàn, cho nên bắt đầu mường tượng ra được Niết-Bàn.

Hoặc mình nói quả A-la-hán, mặc dù mình chưa đắc quả vị A-la-hán bao giờ, nhưng mình cũng mường tượng ra được, thì từ ngôn ngữ dịch qua cho mình gọi là Pháp trần. A-la-hán là một pháp, Niết-Bàn là một pháp v.v… Ví dụ ở miền Nam có bánh xèo chẳng hạn, thì quý vị nghe tưởng tượng ra được bánh xèo như thế nào, đó là Pháp trần. Từ nghe chuyển qua thành ý thức của mình nhận được, thì Ý thức Thứ sáu nhận được thông tin đó, gọi là Xúc thức.

2. Thọ: #Thọ là trạng thái tiếp thu, cảm nhận đối tượng qua sáu căn. Ở đây nói đơn giản, ví dụ như chúng ta có cảm nhận về mắt, chúng ta thấy bữa nay hình đẹp quá, bữa nay có gì đó v.v… đó là cảm nhận. Mình thấy rồi mình [mới] nói đẹp hay xấu, đẹp quá cho nên hoan hỉ. Hôm nay nghe âm thanh của thầy nói nghe chát tai, khó chịu quá. Đó là cảm nhận, cảm thọ về âm thanh. Hoặc là hôm nay âm thanh của điện thoại rè rè, nghe khó chịu quá, thì đó là cảm nhận. Hoặc là mạng yếu quá, giật giật khó chịu, đó là cảm nhận của mình qua các giác quan. Hoặc cảm nhận mùi thơm dễ chịu, cảm nhận mùi thơm đó thấy khó chịu quá. Như mùi trái sầu riêng ở miền Nam có người thì thích, nhưng có người không chịu được. Rồi cảm nhận về vị, như có người thích ăn ngọt thì [cảm thấy] món này ngọt vừa đó, còn người kia thì [cảm thấy] ngọt quá, khó chịu. Có những cảm thọ như vậy.

Cảm thọ này là yếu tố đóng vai trò quan trọng để tạo ra thiện hay bất thiện. Tại sao? [Vì] khi mình cảm thọ, mình thấy khó chịu là mình [có tâm] bất thiện thôi, chống đối liền đúng không? Mùi hôi quá! Mở cửa, mở cửa. Còn [nếu] thấy dễ chịu thì [kêu] cho ngửi chút đi. Đó là gì? Thọ này là nguyên nhân tạo ra hầu như những yếu tố quan trọng, đóng vai trò để [tạo Tâm sở] thiện hay không thiện. Cho nên tu hành mình chú ý chỗ thọ này nha. Chỗ thọ này nguy hiểm lắm, mình phải làm chủ.

Thọ thì thông thường chia làm 3 loại (chia rộng là 5 loại), gồm có: Thọ khổ, Thọ lạc, Thọ xả.

- Thọ khổ: là cảm thấy khó chịu, như mùi hôi quá, ánh sáng chói mắt quá.

- Thọ lạc: là bữa nay ánh sáng dịu dàng, đẹp, âm thanh nghe êm tai, rồi mùi hôm nay dễ chịu quá, đồ ăn ngon. Những cảm thọ do các giác quan tiếp xúc với vật, đối tượng, mà mang lại. Rồi nghe pháp cũng vậy, cũng câu nói bữa nay thầy Thiện Trang giảng hay quá. Rồi một hồi thầy giảng buồn ngủ, khó chịu, thầy giảng gì đâu toàn lý thuyết không. Đó cũng gọi là cảm thọ, cảm thọ qua pháp.

[Như vậy] có ba thọ là: Khổ thọ, Lạc thọ, và [Xả thọ]. Còn nếu chia rộng thêm ra: là Ưu và Hỉ.

- Ưu là khó chịu, ray rứt. Tức là chưa đến mức độ khổ lắm, khổ là nặng hơn. Nhưng nếu thấy vừa vừa, hơi hơi khó chịu một chút thì gọi là Ưu.

- Hỉ là vui. Nhưng Hỉ này là vui sơ sơ, còn Lạc thì vui nhiều hơn. Hỉ là chỉ vui sơ sơ thôi.

- Thọ xả là không có lạc, không có khổ, không có hỉ, không có ưu gì hết. Giống như trơ trơ, [ví dụ] như ba người vô một cái phòng chất đầy sầu riêng, thì một người nói: "Ôi! Sầu riêng thơm quá!" Người đó là đang thọ hỉ, hoặc là thọ lạc. Người kia nói: "Ôi! Sao mùi sầu riêng khó chịu quá, hôi quá, khó chịu quá!" Người đó là đang thọ khổ, có thể nói là thọ ưu, đúng không? Người thứ ba nói: "Có gì đâu, tôi thấy mùi này quen rồi, tôi ở đây hoài nên tôi thấy mùi này bình thường, không có gì hết. Ngày nào tôi chẳng ở đây." Đó gọi là Thọ xả.

Xả có nghĩa là không lạc, không khổ, không ưu, không hỉ. Và tu để ra khỏi sanh tử, thì quý vị chú ý giùm chỗ Thọ xả này. [Nếu] mình khổ thì mình đọa lạc, công thức trong A Tỳ Đàm nói là: Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần, mà cảm thọ bất như ý, tức là thọ khổ hoặc thọ ưu, thì tạo nghiệp đầu thai, khiến cho tâm đời sau lại thọ cảnh không như ý, đời sau khổ tiếp. Cho nên đời sau sẽ khổ. Còn nếu như quý vị thọ lạc, Sáu căn tiếp xúc với Sáu trần cảm thấy dễ chịu, cảm thấy hoan hỷ, vui vẻ, thì tạo tâm đầu thai, nghiệp đó tương lai quý vị được cảnh

như ý.

Cho nên nó thường chạy theo vòng đó, đã như ý rồi, lại như ý tiếp, nếu như mình biết. Nhưng muốn ra khỏi sanh tử thì phải trơ trơ, nghĩa là thọ lạc, [thọ] khổ cũng được, kệ nó! Ta xả thọ. Cho nên nóng cũng được, lạnh cũng được, cũng thấy bình thường. Cảm thấy bình thường, chứ đừng gắng gượng, gắng gượng là giả, lừa mình là không được, phải cảm thấy bình thường cơ.

Nếu không chịu đựng được thì sao? Ví dụ như bây giờ nhiệt độ lạnh quá, chịu không nổi, thì phải tăng nhiệt độ lên đúng không? Mình chỉnh như thế nào cho vừa đủ, cảm nhận nhiệt độ vừa với mình, thì mình mới xả thọ được chứ, sức mình chịu đựng không nổi mà. Cho nên Thiện Trang nói đôi khi quý vị ăn, mà ăn uống khổ quá, [nếu] quý vị cảm nhận bình thường thì ok, tuyệt vời. Nhưng quý vị cảm thấy: Ôi! Sao khó ăn, khó nuốt vậy dữ ta. Nhưng mình cũng ráng ăn, ráng ăn, vì mình ăn món này là không phân biệt.

Thực tế quý vị không phân biệt không được đâu. Tại vì không phân biệt là ở tầng hai, quý vị chưa làm được tầng một mà. Quý vị phải nâng cấp lên cho bình bình, ngang với sức chịu đựng của mình, thì mình ăn với tâm xả thọ.

Cho nên Thiện Trang giảng, nhiều khi có người bảo thầy tu mà đề xướng ham ăn. Không phải! Ham ăn là cũng chết nữa, ham ăn là Lạc thọ rồi, Lạc thọ cũng bị đọa mà, cũng ở trong Dục giới thôi, không được! Phải là Xả thọ. Tức là mình nâng cấp vừa phải, đừng có [thấy] ngon quá, ăn cho nhiều vô, ăn ào ào là đang trong loài Súc sanh đó. Có phước mới được cõi Người, cõi Trời. Nhưng nói chung đó là Thọ lạc. Không được!

Cho nên tu mấy Tâm sở này là tu, đạo Phật dạy là trung đạo. Quý vị thấy đức Phật đâu có chủ trương ăn khắc khổ đâu. Quý vị thấy thời xưa đức Phật đi khất thực, khất thực thì người ta cho gì ăn nấy, có những gia đình cúng dường toàn đồ ngon không. Quý vị coi trong kinh, toàn cúng dường đồ ngon không, mà các ngài ăn vẫn bình thường. Rồi có gia đình cúng dường toàn đồ [dở] không

thôi, [các ngài] cũng ăn bình thường. [Phải] trung đạo, khổ cũng không được, mà vui cũng không được, kiểu gì không cũng được. Cho nên tu hành khó vậy đó, phải là bình thường tâm thị đạo. Ngôn ngữ của Đại thừa gọi là 'bình thường tâm thị đạo', tức là tâm bình thường là xả thọ đó.

Quý vị thấy không? Xúc thì mình cũng phải tu nữa, giờ mình quay từ Thọ [trở lại] Xúc.

Xúc: Điều nào [làm mình] khó chịu quá, chịu trận không nổi thì mình tránh. Đức Phật luôn nói là tránh. Ví dụ như trong Kinh Khu Rừng, hay rất nhiều bộ kinh, đức Phật nói nơi nào không yên ổn, không có giáo pháp, nơi đó không giúp cho mình tăng trưởng về thiện pháp tu hành, nơi đó còn khó khăn quá, không có đồ ăn. Thì đức Phật nói đi ngay trong đêm, không cần phải từ giã, đi luôn. Còn nếu nơi đó tuy hơi khó, hơi khổ một chút, nhưng [giúp] tăng trưởng đạo tâm, tu tốt, thì ráng ở. Dù người ta đuổi cũng ráng năn nỉ xin ở lại. Còn nơi nào ăn uống đầy đủ, nhưng không giúp cho tăng trưởng đạo tâm, con đường tu đạo không tốt, thì cũng xin từ giã mà đi. Mình lịch sự, nên xin phép đi, còn đi không [thì] có lỗi với người ta. Còn những nơi không có [giáo pháp] thì khỏi cần từ giã, đi luôn. Đây là trong Kinh Khu Rừng. Còn nơi vừa được ăn uống đầy đủ, vừa được tăng trưởng đạo tâm, điều kiện tốt, v.v… thì đức Phật nói ráng ở suốt đời. Quý vị cứ tìm trong Kinh Khu Rừng, có hết nha! Không phải không có đâu, tất cả đều có. Cho nên ráng tu, ráng học pháp để mình hiểu. Còn nếu khó quá thì né.

Có nhiều người ở trong gia đình, kêu con nhẫn nhục Ba-la-mật, con ráng chịu trận. Chịu trận thì chịu, nhưng phải xả thọ. Chứ chịu trận mà còn có thọ khổ, suốt ngày mặt mày buồn hiu, thế này thế kia, sân giận lên. Xin lỗi quý vị! Đời sau tiếp tục khổ nữa, đời này khổ, đời sau khổ. Phải tránh duyên, đức Phật nói là phải tránh duyên.

Quý vị coi trong Tiểu Bộ Kinh, Thiện Trang không nhớ tên kinh nào, nhưng có câu chuyện: Đức Phật cùng với đoàn tùy tùng đi tới thành phố đó, thấy vị Tỳ-

kheo đó đang ngồi thiền rất tinh tấn. Đức Phật lắc đầu, nói không được. [Khi] đi vô trong cánh rừng, thấy vị Sa-di đang nằm ngủ gục. Mấy vị đi cùng thấy đức Phật cười, [và] hỏi đức Phật: *"Bạch đức Thế Tôn, sao Ngài lạ vậy? Sao Ngài thấy vị kia đang ngồi thiền tinh tấn lại lắc đầu, còn vị này ngủ khò mà Ngài lại cười, lại vui?"* Đức Phật nói: *"Tại vì Ta biết ông kia ở ngoài phố thị, đông người. Tuy ổng tinh tấn vậy đó, thiền định dữ lắm, nhưng khi ổng xả ra, ổng ra gặp cảnh, cảnh ở ngoài đô thị kéo ổng, thì khó tu. Còn ông Sa-di kia, tuy ở trong rừng ngủ, nhưng khi nào ổng tỉnh dậy thì ổng sẽ tu thôi. Tại vì không có cảnh, không có ai dụ dỗ ổng, cho nên ổng ngủ đã rồi thì ông sẽ tu"*. Cho nên mới có bài kệ: *"Tăng tại thị thành, Phật tổ ha".* Tức là Tăng ở tại thành thị, thì Phật tổ (là đức Phật) rầy. Và đức Phật nói: *"Này các Tỳ-kheo, nên lựa chọn nơi thanh vắng, trú xứ thanh tịnh để tu hành".*

Bây giờ thì mình thích những nơi ồn ào, náo nhiệt, nơi đông, tu phải đông. Phật tử cũng vậy, lên thấy giảng pháp mà có một mình thầy Thiện Trang, không có thính chúng thì không thấy vui. Chỗ nào đông người, tu phải đông, livestream đông người mới hấp dẫn. Cho nên toàn là ngược với [lời] Phật dạy. Thời nay kỳ cục vậy, quý vị thấy đa số là như vậy.

Quý vị thấy ngay cả Đạo tràng tu online của Thiện Trang, hầu như không nói gì, vào tu là tu thôi, tu xong chào [mọi người] rồi ra, không nói [gì hết]. Còn các Đạo tràng thì dặn dò, là lên phải cho nghiêm trang, trong quá trình tu thì đừng tắt màn hình, ráng phải để ảnh lên cho đẹp v.v… Họ dặn dò không à, [đó là] hình thức.

Ráng tu thực chất đi, quý vị ráng tu thực chất vào. Bây giờ là tu giải thoát sanh tử, không phải tu gieo duyên để mà lên khoe, livestream, chụp hình, hôm nay đi chùa tu, Thiền viện này, Thiền viện kia, gặp vị Cao tăng này, Cao tăng nọ. Xin lỗi quý vị! Quý vị cứ gặp 10.000 vị Cao tăng chăng nữa, quý vị có đắc đạo không? Không có đâu! Đắc đạo hay không là do mình. Nên nhớ mình tu là do mình chứ. Không biết quý vị ở đâu, nhưng quý vị tu đúng, đắc đạo là được.

Đức Phật nói hoàn cảnh ảnh hưởng đến mình rất nhiều. Nó nằm trong Thường cận Y duyên và Vật thực duyên, nên nhớ như vậy. Chúng ta học 24 Duyên hệ đó, áp dụng giùm nha. Thường cận Y duyên, mình thường gần, thường nương tựa điều nào, thì điều đó nguy hiểm, ảnh hưởng mình lớn lắm. Điều nào thường tiếp xúc nhiều là Vật thực duyên trong Tứ thực. Tứ thực đó không phải Thiện Trang nói đâu, quý vị giở Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya có Kinh Tứ Thực. Có hết đó! Nên cẩn thận dùm nha! [Đó là] mới nói hai điều thôi.

Cho nên bộ giảng này cực kỳ quan trọng để tu, chứ không phải nói lý thuyết không đâu. Nên học quan trọng lắm, từ Xúc, Thọ thôi. Bây giờ tới Tưởng.

3. Tâm sở Tưởng: Tưởng là gì? Hình như Thiện Trang đã giải thích Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có nhiều định nghĩa, ở đây Thiện Trang có một cách định nghĩa, mỗi người định nghĩa mỗi kiểu. [Tưởng] là sự nhớ lại, hay sự nhận biết đối tượng qua những kinh nghiệm, hồi ức của mình. Đó là hôm bữa Thiện Trang giảng bên Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. [Tâm sở] Tưởng cũng vậy, là trạng thái tâm của mình. Tâm của mình có khả năng chép, nhớ lại các pháp, nhận biết các đối tượng qua kinh nghiệm, hồi ức v.v… Hoặc mình nghĩ tưởng về tương lai, mơ mộng về tương lai, chiêm bao, giấc ngủ gì đó. Rồi những suy tính trong tương lai v.v… đủ các kiểu. Đó đều là Tưởng, chứ không phải mỗi quá khứ không, có cả tương lai nữa.

Tương lai là gì? Ví dụ mình nghĩ: Sau khi thầy giảng xong, mình sẽ làm một cốc cà phê rồi đi ngủ, hoặc một ly nước rồi đi ngủ. Đó là tưởng về tương lai. Trong giấc ngủ có mộng mị cũng là tưởng. Ngoài ra [Tưởng] là hồi ức về quá khứ, hôm bữa Thiện Trang giảng chưa có chuyên, giảng sơ sơ thôi. Mình giảng chuyên thì giảng Tâm sở này mới rõ ràng.

Tưởng là những sự nhận biết đối tượng qua kinh nghiệm, hồi ức. Ví dụ Thiện Trang cầm [viên pin tiểu] đưa lên. Quý vị sẽ nhận ra ngay là cái gì, quý vị thấy cái gì đây không? Mới đầu quý vị thấy cái gì trắng trắng. Tại sao quý vị biết

cái đó trắng trắng? Là vì cái đó màu trắng. Tại sao biết màu trắng? Tại vì mình đã học qua, kinh nghiệm trong tâm mình có, đó gọi là hồi ức. Hồi ức là hồi lại trí nhớ, mình nhớ lại. Mình đã biết qua màu trắng và mình cũng từng tiếp xúc qua, đây là viên pin tiểu ba chữ A (tiêu chuẩn AAA). Đó [là] do mình tiếp xúc qua. Còn đứa nhỏ nhìn qua, nó có thể biết màu trắng, nhưng không biết đó là viên pin, nếu như nó chưa có kinh nghiệm. [Vì] chưa có kinh nghiệm, [nên] hồi ức của nó không đủ dữ liệu, không lôi ra được dữ liệu. Đó là Tưởng.

Và mình có thể nghĩ về tương lai. [Ví dụ] Thiện Trang nói: ngày mai Đạo tràng của người nào đó có khoá tu, và đãi toàn món hảo hạng, ví dụ như chè trôi nước. Thế là bắt đầu quý vị tưởng tượng ngày mai có món chè trôi nước. Chưa tới mà đã tưởng rồi, như vậy chẳng hạn. Đó là Tưởng. Tưởng nhưng cũng phải dựa trên hồi ức, trí nhớ của mình, lục trong tàng thức của mình, lôi ra kinh nghiệm đó, mình bắt đầu tưởng tượng ra, hình dung ra món ngày mai.

[Hoặc] Thiện Trang nói ngày mai có món cơm chiên Dương Châu. Món đó có cà chua xắt để lên, giống như bông hoa. Bắt đầu mình tưởng quá trời trong đó, mỗi người tưởng mỗi kiểu. Giống nhau không quý vị? Không giống nhau. Do kinh nghiệm khác nhau, tầng tiếp xúc khác nhau, nên đưa ra không giống nhau. Vì vậy Tưởng này là muôn sai vạn biệt. Vì vậy đừng nghĩ người ta giống mình.

Cho nên quý vị phải biết tại sao mình ‘đồng sàng dị mộng’. Quý vị hiểu khái niệm ‘đồng sàng dị mộng’ không? Là hai người ngủ cùng giường, nhưng suy nghĩ, tính toán của họ khác nhau. Vì sao khác nhau? Vì chúng ta không thể nào giống nhau trong vô lượng kiếp đến giờ. Đời này cũng vậy thôi, hai người vợ chồng tuy về ở chung nhà, chung phòng, gọi là chung thân, ký vào đơn cam kết ở tù chung thân. Ở một nhà, một giường, nhưng [hai người] khác nhau. Vì từ nhỏ hai người không ở chung nhau, hai người được hai nền đào tạo khác nhau từ hai gia đình, hai hoàn cảnh khác nhau, [và] môi trường khác nhau. Đó là thuộc về Vật thực duyên, Thường cận Y duyên.

Ngoài ra còn có suy nghĩ nhiều đời nhiều kiếp, tập tính, xu hướng, những tính cách của mình, v.v…. Cho nên cỡ nào cỡ, cũng không thể giống nhau được. May mắn lắm thì giống giống nhau được một phần là khá rồi. Những người nào giống giống nhau là quý vị biết tại sao không? Là cộng nghiệp, những đời trước đi chung với nhau nhiều rồi. Càng đi chung với nhau nhiều bao nhiêu, thì giống nhau nhiều bấy nhiêu, và xu thế đó lại tiếp tục gặp nhau.

Quý vị thấy như cô Diệu Hiền với ngài Ma Ha Ca Diếp. Hai người cũng đi chung với nhau khá nhiều. Tất nhiên có nhiều đời không đi chung với nhau, mặc dù đã thề nguyện từ 91 kiếp trước, thề nguyện làm vợ chồng để hộ trì nhau tu tập. [Nên] khi nào gặp nhau mà làm vợ chồng nữa, thì vẫn giữ được giới hạnh (giữ không dâm dục) để tu đạo. Nguyện như vậy, hồi hướng như vậy, khi cúng dường dưới thời đức Phật Tỳ Bà Thi, mà chờ suốt 91 kiếp.

Về ngài Ma Ha Ca Diếp thì không có tả nhiều, nhưng riêng cô Diệu Hiền gặp năm vị Phật với một vị Độc giác Phật nữa là sáu vị. Gặp được Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, gặp một vị Độc giác Phật, rồi gặp thêm một vị Phật nữa. Nhưng rõ ràng cũng không có giống nhau hoàn toàn, cô ấy vẫn là thân người nữ, vì cô ấy thích làm người nữ. Sau này chứng A-la-hán rồi cô ấy mới hối hận, cô nói nếu hồi đó biết như vậy thì hồi hướng đắc quả A-la-hán sớm rồi. Quý vị biết tại sao không? Cũng một phần là do nguyện cùng đắc đạo với ngài Ma Ha Ca Diếp cho nên mới vậy, [nghiệp] che. Chứ cổ thù thắng hơn ngài Ma Ha Ca Diếp mà, ngài Ma Ha Ca Diếp đâu gặp được năm vị [Phật] như vậy đâu. Còn cổ gặp được nhiều hơn, lẽ ra cổ đắc đạo sớm hơn, mà cuối cùng phải chờ. Cho nên nguyện xưa cũng quan trọng.

Ở đây sẵn nói cô Da Du Đà La, từ thời đức Phật Nhiên Đăng cúng dường năm cành hoa. Cô có bảy cành hoa sen, lúc đó vị tiền thân của đức Phật Thích Ca xin mua, cổ không cho, cổ nói sẽ nhường cho năm bông hoa đó, với điều kiện là cổ phải làm vợ. Anh chàng đó kêu: *“Không! Tôi đã tu hành rồi, không muốn có vợ”.* [Cổ] nói: *“Không làm vợ đời này, thì đời khác”*. [Anh chàng đó] kêu: *“Không!*

Đời khác tôi cũng nguyện tu thành Phật, nên có nữ nhân đi theo vướng chân vướng tay lắm, bố thí cũng không được, người ta cản thế này, cản thế kia". Cô nói: *"Phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ của chàng, thì sẽ không cản chàng. Chàng muốn bố thí cái gì thì cũng cho cái đó".* Cô nguyện rồi. Cho nên [anh chàng này] đồng ý, anh chàng này cúng năm bông hoa, cô nàng cúng luôn hai bông hoa. Lúc đó đức Phật [Nhiên Đăng] thọ ký cho vị đó sau này thành Phật.

Quý vị để ý dùm nha, rất nhiều người hâm mộ câu chuyện này. Vì sao? Một cặp rất tuyệt vời, đến khi thành Phật, người con gái đó vẫn tiếp tục làm vợ của Thái tử trước khi Thái tử xuất gia, rồi còn ủng hộ thành Phật. Nghe làm vợ của tiền thân đức Phật, nghe đã quá đúng không? Nhưng quý vị nghĩ đi, từ thời đức Phật Nhiên Đăng thọ ký rằng: sau ba a-tăng-kỳ kiếp nữa (cộng 100 ngàn Đại kiếp) ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Ba a-tăng-kỳ kiếp chỉ để một cô Da Du Đà La đắc đạo A-la-hán thôi sao? Quý vị có thấy uổng không?

Quý vị nghĩ kĩ đi, nếu không phải là Bồ-tát, nếu là người phàm, mà qua ba a-tăng-kỳ kiếp chỉ để chờ người ta thành đạo, để mình đắc đạo theo. Nếu theo Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, thì cô Da Du Đà La đắc đạo A-la-hán thôi. Người ta tu 100 kiếp thì người ta thành A-la-hán rồi, 100.000 ngàn Đại kiếp là dữ lắm rồi, như ngài Kiều Trần Như đó, thì được rồi. Bây giờ mình đi như vậy có phí hay không?

Cho nên đừng có luyến ái. Thiện Trang muốn nói là đừng có luyến ái. Luyến ái khiến con đường mình đi xa hơn, mà trong đó đau khổ bao nhiêu lần. Có lần Thái tử Tu Đại Noa bố thí hết vợ con, kinh thành [đều cho] hết. Mới đầu cho kinh thành, cho ngôi vua. Rồi đi ra ngoài người ta xin con, cho con luôn. Nàng khóc quá trời, nhưng lỡ nguyện lúc xưa rồi, nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ của chàng, chàng muốn bố thí gì thì em chiều hết. Rồi bố thí nàng luôn. Hạnh tu Ba-la-mật mà, ai xin gì thì cho nấy, rồi cho nàng luôn. Nàng khóc quá trời mà phải đi. Đấy! Thấy tội không? Cho nên làm Da Du Đà La không có sướng đâu.

Quý vị chịu khó đi, Thiện Trang có những suy nghĩ hay lắm. Thiện Trang nghĩ là, thôi mình đi độc thân, độc mã cho rồi, độc hành độc bộ đi. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là: **"Độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai"**. Vì mình đi một mình thì dễ hơn quý vị à. Còn mong chúng ta là 'đồng vi pháp lữ' như trong Quy Sơn Cảnh Sách nói nghĩa là cùng là bạn lữ (bạn pháp). Chúng ta gặp nhau đời nào thì cũng là bạn pháp của nhau. Bạn pháp nghĩa là cùng nhau tu hành thì tốt hơn.

Chứ còn kiểu đó, chờ người ta thì chờ đến bao giờ? Chờ em chờ đến bao giờ, chờ anh chờ đến bao giờ. Chờ bao giờ anh thành Phật, thì em cũng thành Phật theo. Hai vị Phật không ra đời cùng một lúc, trong đó người nữ có năm điều chướng là không thể thành Phật. Làm sao thành Phật trong một lúc được, phải thành Phật ở Thế giới khác. Cho nên thôi, Thiện Trang thấy ớn quá. Coi mấy câu chuyện đó xong rồi Thiện Trang nghĩ: thôi giờ ai nguyện thế nào thì nguyện, còn mình thì nguyện mau thành tựu chứng quả, chứ ớn quá, vô Địa ngục v.v... đủ các kiểu, các cảnh [sợ lắm].

Cho nên đừng luyến ái, 'luyến ái làm chi, sẽ khổ lắm em'. Người ta hay có bài hát đó. Ở đời, mình học Phật pháp thì cố gắng, phải nhìn dưới góc [độ] đó. Tại vì bữa nay vừa qua ngày 20/10, Thiện Trang nói thật ra các cô đừng buồn, nếu các cô tu tốt thì các cô thành thân nam hết rồi. Ở trên đời, tại sao người ta nói người nữ rất tuyệt vời, đóng góp 50% vào xã hội. Nhưng người mũi nhọn trong các ngành, trong các lĩnh vực toàn là nam. Tại vì sao? Vì nếu quý vị giỏi thì quý vị thành thân nam rồi. Quý vị chưa chuyển thành thân nam, quý vị còn thân nữ, tức là [do] nghiệp hay phước báo gì đó. Thôi an ủi quý vị theo trong Kinh Địa Tạng nói, là trừ khi có nguyện lực mới làm thân nữ. Chứ trong Kinh Địa Tạng nói là đời sau chuyển thân nữ thành thân nam mà. Mai mốt mình học nguyện chuyển thân nữ thành thân nam, trong Kinh Vô Lượng Thọ nói cõi nước không có người nữ đó.

Cho nên các cô đừng buồn, vì nghiệp của mình là như vậy. Quý vị muốn làm thân nam, thì hãy cố gắng học bộ A Tỳ Đàm này, thì từ từ mình sẽ hiểu sau.

Mình phải có tính chất của người nam, thì sẽ được thân nam, có phước của người nam thì sẽ được thân nam. Cho nên đừng có buồn. Người nam có phước nhiều nhưng ít tu, còn người nữ thì tu đông. Trong kinh đức Phật nói hết rồi, thời Mạt pháp thì người nữ tu đông, người nữ tinh tấn. Cho nên người nữ cũng hay, cũng rất tuyệt vời, nhưng quý vị nên nhớ là tại sao mình lại kém hơn. Và nam nữ cũng không có gì đâu, đổi đời thì thân thể [liền] khác. Và thân thể khác có thể là thân nam.

Cho nên Thiện Trang nói với quý vị, hồi xưa Thiện Trang coi bao nhiêu kinh xong, Thiện Trang [nói]: thôi nguyện con từ đây đến khi thành Phật, đời đời kiếp kiếp con không làm thân nữ nữa, sợ lắm. Không làm thân nữ vì độ chúng sanh nữa, không hâm mộ những hạnh đó nữa. Không biết quý vị thế nào, chứ Thiện Trang thì sợ lắm.

Như vậy đó là Tưởng. Tưởng là kinh nghiệm, những suy nghĩ ký ức, hồi ức mà nhận thức được các pháp. Và có thể là những suy tính, mơ mộng, dự định các việc trong tương lai. Và Tưởng có 6 [loại]:

- Tưởng về hình sắc, gọi là Sắc tưởng. Ví dụ như mình tưởng về màu sắc hay gì đó v.v... như mình nói mai mốt đi mua máy tính xách tay, mua macbook, hay điện thoại gì đó, mình tưởng tượng ra.

- Thinh là âm thanh, [như] có bài nhạc nào đó hay lắm, đó là mình cũng tưởng được về âm thanh. Rồi nhớ về bài hát đó của ai hát hay lắm, rồi mình tưởng lại.

- Tỵ tưởng (khí) là mùi.

- Vị tưởng là tưởng về các vị mặn, ngọt, cay, đắng gì đó.

- Xúc là tiếp xúc. Mình tưởng về sự tiếp xúc, mình kêu mua tấm nệm đó về nằm êm lắm, chẳng hạn như vậy. Hoặc Thiện Trang kêu ngồi thiền mà ngồi trên tấm gỗ thì vững, nhưng đau lắm. Thế là mình cũng tưởng tượng ra cứng là đau

rồi.

- Pháp là những gì mình tưởng tượng ra, ví dụ như bây giờ có xe hơi bay được. Đó cũng là do mình tưởng ra. Hoặc nói ở Tây Phương Cực Lạc ăn không cần rửa chén, tại vì đồ tự biến hết, tự rửa. Thế là mình cũng tưởng tượng ra. Đó là những điều tưởng, Tưởng có 6 loại.

4. Tâm sở Tư: lúc trước đã giảng kỹ rồi, Tư là chủ định, suy tính. Trong một hành động hay trong một suy nghĩ nào đó, thì thông thường phải có Tư. Ví dụ như chúng ta nghe pháp để làm gì? Mỗi người có những chủ đích [khác nhau], có người thì nói nghe pháp để đỡ phiền não thầy ạ. Nói như ngài Lý Bỉnh Nam hay Hòa thượng Tịnh Không là không có việc gì làm, nên nghe pháp để đỡ phiền não, gọi là giải trí thôi. Tu thì chưa tu, nghe pháp để giải trí. Nhưng có người nói nghe pháp để tu tập. Đa số chúng ta nghe pháp là để giác ngộ, để tu tập. Chủ đích đó là [Tâm sở] Tư. Và Tư cũng là những dự định, suy tính, tính toán của mình để được điều gì.

Thật ra Tâm sở này cũng quan trọng, vì nó phối hợp, đốc thúc các pháp đồng sanh khác, thì làm việc mới thành tựu. Chứ nếu mình không có chủ định, thì mình làm việc gì cũng trơ trơ, [vì] mình không có chủ định. Cho nên Tâm sở Tư này cũng cần phải phát triển, để mình tu tinh tấn. Đó là Tư, là chủ định. Tương tự như vậy, Tư cũng có 6 loại.

Về Tâm sở Tư, trong kinh đức Phật nói: "Này các Tỷ-khưu (hay Tỷ-kheo), nghiệp là Tâm sở Tư". Tâm sở Tư là yếu tố tinh thần quan trọng nhất trong việc tạo nghiệp. Tại sao? Vì quý vị làm một việc nào đó, thì liên quan đến nghiệp. Nghiệp thì có nghiệp thiện, nghiệp ác, hoặc nghiệp không thiện không ác. Ví dụ mình uống một ly trà, thì mình đâu có chủ động thiện ác trong đó đúng không quý vị? Mình cầm ly trà, thì mình nghĩ là uống trà thôi. Hoặc là khát nước thì mình uống nước thôi. Tâm chủ định uống nước đó thì không có tạo nghiệp ác, nghiệp thiện gì cả, vì chỉ có uống nước thôi.

Nhưng có khi cũng là ly nước đó, mình cầm lên uống, mình nghĩ: uống hết ly nước này để có sức khỏe, để ra ngoài kia đi ăn trộm. Tuy là cũng uống nước, nhưng Tâm sở chủ định của mình là uống để có sức khỏe đi ăn trộm, thì là Tâm sở xấu rồi, kết nghiệp xấu ngay. Rồi có người uống nước kêu: mình uống nước để khỏe mạnh, tỉnh táo, để chút nữa tu tiếp. [Như vậy] cùng là [việc] uống nước, nhưng với Tâm sở chủ định tốt thì tạo thành nghiệp tốt. Và điều này là yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo nghiệp.

Cho nên mình hiểu Tâm sở thì mới tu được. Nhiều người kêu thầy Thiện Trang giảng gì đâu không thôi. Thật ra mình muốn tu được là phải hiểu được những điều này, thì tu mới dễ. Chứ còn không thì quý vị đâu có quyết định được, cứ mơ mơ màng màng nghĩ điều xấu không. Trong khi đó mình tu thì mình phải nghĩ tốt. Còn không có chủ định tốt, thì phải chủ định về điều lành, còn không thì phải xả thọ. Phải cố gắng không nghĩ thì không tạo nghiệp, chứ còn mình nghĩ xấu, nghĩ tệ thì thôi rồi.

Khi làm việc gì đó thì Thiện Trang thấy thế này, để mình tu tốt, thì quý vị nên quay về nhìn vào vấn đề của mình. Ví dụ bây giờ quý vị đang coi giảng ở đây, khi mạng bị giật giật, thì quý vị kiểm tra lại mạng của mình bị giật hay là mạng của bên kia giật. Mình phải bình tĩnh, có nhiều người vô là toàn nghĩ là do bên Thiện Trang không à. Ví dụ có người bình luận: "Thưa thầy, âm thanh bị dội thầy ạ, âm thanh bị dội thầy ạ". Bình luận mấy lần [như vậy], trong khi người ta quên mất là mình phải kiểm tra bên mình trước, tức là bên họ trước. Trong khi tất cả đồng tu đều bình thường, mà sao có một mình mình [bị] bất thường.

Khi tu [cũng] vậy, việc gì mà quý vị nhìn vào quý vị trước, thì quý vị có khả năng giác ngộ, quý vị mới tu được. Ví dụ hôm nay mình vào ăn cơm, [khi] dọn ra các món ăn, tự nhiên thấy hôm nay thiếu đôi đũa cho mình, mình nổi sân lên nói: "Dọn cơm kiểu gì mà dọn cũng không xong nữa, thiếu đôi đũa". Đó là tốt hay không tốt? Tất nhiên là không tốt. Một người biết tu tập, có khả năng tu Tứ niệm xứ, có khả năng tu về Bát chánh đạo, có khả năng tu niệm Phật tốt, thì khi họ

thấy thiếu đôi đũa, họ im lặng, họ đi lấy cho họ. Còn nếu họ không tự đi lấy thì họ nhờ: Chị thiếu đôi đũa này, em lấy giùm chị. Hoặc anh thiếu đôi đũa hoặc con ơi con, con dọn thiếu đôi đũa cho ba rồi, con dọn thiếu đôi đũa cho mẹ rồi, con đi lấy giùm đi.

Tức là phản ứng đầu tiên [là] nhìn vào mình trước, cho nên người tu tập về sau là họ nhìn vào trong mình. Còn mình tu kém cho nên thường nhìn ra ngoài, tức là điều gì cũng đổ lỗi cho thiên hạ, điều gì cũng cầu ra bên ngoài. Mà Phật pháp là nội cầu, quý vị [nên] nhớ như vậy! Đây toàn là tu hành thôi đó, Thiện Trang để ý, khi tâm mình càng sáng thì càng nhìn rõ mình bấy nhiêu. Và khi có gì đó bất thường, thông thường mình cần quay lại kiểm tra bản thân mình đã. Nhớ nha! Quý vị cứ nhớ như vậy, chuyện gì bất thường xảy ra thì quý vị hãy kiểm tra bản thân mình trước.

Ví dụ bây giờ ra đường tai nạn đùng một phát, thì mình phải kiểm tra xem có vấn đề gì không? Bình thường thì mình [phải giữ] chánh niệm trước. Còn nếu là người không biết tu, thì lúc đó người ta hoảng loạn, vì thấy tai nạn giao thông. Hoặc là chuyện gì đó là mình phải chánh niệm trước, phải giữ mình trước, để cảnh không chuyển mình trước đã, rồi sau đó mới xử lý. Mình thấy vấn đề đó là do bên ngoài chứ không phải bên trong, thì mình xử lý bên ngoài. Đó là cách để duy trì tu Tứ niệm xứ, hoặc là duy trì chánh niệm.

Thiện Trang thấy là hầu như ai tu mà công phu càng sâu, thì hình như họ nhìn vào bên trong của họ được sâu hơn. Còn bình thường mình chỉ nhìn ở bên ngoài không à, [mà] người càng phiền não bao nhiêu thì họ sẽ nhìn vào bên ngoài nhiều hơn. Tức là việc gì cũng đổ lỗi cho thiên hạ, việc gì cũng [là] vấn đề ở thiên hạ, không phải [là] vấn đề của mình.

Thật ra mình tu, đầu tiên mình coi mình giải quyết được không đã, bao giờ [vấn đề] không phải là của mình, [mà] của người ta thì mình bắt đầu mới nhờ tới. Đó là kinh nghiệm, Thiện Trang thấy là trong từng vấn đề [khi] phiền não,

thì mình sẽ giải quyết nhanh hơn nếu như mình nhìn vào bên trong mình. Quý vị hiểu không? Tức là nếu nhìn vào bên trong mình, à Phiền não này là từ mình, thì mình giải quyết được trước. Còn khi mình bị cuốn theo là mình bung ra liền, và thông thường sẽ bể chuyện, lúc đó mình đưa ra [cách giải quyết] nhiều khi bị trật mất.

Đó cũng là một chủ định, điều đấy cũng cần quan trọng, chứ không phải mình tu nói đơn giản. Mình học mấy bộ A Tỳ Đàm, bộ về Duy Thức này, thì mình sẽ thấy được rõ về tâm của mình. Cho nên những đồng tu nào mà không học, thật sự là một điều đáng tiếc. Có thể là họ chưa đủ trình độ để học, có thể là họ không có duyên để học. Chứ có đủ trình độ để học, có duyên để học, quý vị học chi tiết, kỹ càng và mình nhìn vào bên trong mình. Bộ luận Tiểu thừa thì càng nhìn vào bên trong nữa, [còn] Đại thừa thì nhiều khi nhìn bên ngoài nhiều. Hoặc những bộ thiên về Tiểu thừa là dành cho con đường giải thoát ra khỏi sanh tử. Giải thoát ra khỏi sanh tử thì toàn là nhìn vào trong, rất là hay! Nên mình muốn tu được mình phải có điều này. Còn Đại thừa thường độ sanh, độ sanh thì nhìn ra ngoài, nên mới có nhiều vấn đề.

Quý vị thấy thật ra nhìn ra ngoài nhưng nhìn không tới. Giống như có nhiều người nói Thiện Trang: đời tu phải tùy duyên, việc gì cũng được, thế này thế kia. Thiện Trang nói, nói thì hay lắm, nhưng có phải tùy duyên thật không? Thiện Trang hỏi: *"Đức Phật có tùy duyên không?"* [Họ nói]: *"Đức Phật tùy duyên chứ"*. Thiện Trang nói: xem lại coi, đức Phật trước khi xuống nhân gian để thành Phật, Ngài cũng phải quán sát sanh vào thời nào, quốc độ nào, đất nước nào. Như vậy thì có tùy duyên đâu, tùy duyên thì Ngài cũng bay xuống đi chứ, Ngài đầu thai vô chứ. Tại sao Ngài lại chọn tại Ấn Độ, vào thời 2600 năm trước?

Và trong Đại Tỳ Bà Sa Luận có nói là: Đáng lẽ ra thời này là thời ngài Di Lặc ra đời, và đức Phật Thích Ca chưa ra đời. Nhưng vì trong đời quá khứ, đức Phật trước đó thấy như vậy không hợp lý. Bởi vì nếu như vậy, theo dòng đó thì chúng sanh được độ không nhiều. Bởi vì [nhiều] người có duyên với đức Phật Thích

Ca, thì đức Phật Di Lặc lúc đó ra đời nhiều [khi không hợp lý]. Vì chúng sanh lúc đó toàn có duyên với đức Phật Thích Ca. Cho nên để đức Phật Thích Ca ra đời trước, đức Phật Di Lặc ra đời sau, nên Ngài giúp chuyển lại. Như vậy thì đâu phải là tùy duyên. Cho nên mình học không tới rồi mình nói như vậy.

Quý vị coi Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, mỗi ngày các Thánh Đệ tử và đức Phật trước khi đi khất thực, thì các ngài luôn luôn nhập định quan sát, xem hôm nay trong thành ai có duyên, ai được độ, người nào, người nào v.v… Như vậy đâu phải là tùy duyên đâu, cho nên đừng nói. Nhiều khi mình học ngôn ngữ quá, mình bị chết vào ngôn ngữ. Mình phải hiểu, chúng sanh là phải nương theo nhân để uyển chuyển duyên, và để độ thoát. Có nhân, có duyên, thì mới ra quả.

Những bộ này học cực kỳ hay, cực kì hấp dẫn, và mình học được rồi thì mình áp dụng luôn. Không rườm rà, [không] nói ngôn ngữ bay bổng ở trên cao, nào Thiền đăng, Thiền đường, Thiền gì, v.v… không cần. Ngay trong nhà của quý vị là Thiền đường, ở trong đâu cũng là Thiền hết, Thiền chánh niệm. Chánh niệm trong tâm là Thiền, chứ không phải đốt đèn lên nói là Thiền đăng, treo chuông gió đẹp đẹp nói là Thiền linh (là chuông thiền). Rồi để vườn đẹp, để mấy hòn đá, nước… là Thiền viên (vườn thiền).

Đó không phải là Thiền, Thiền là phải chánh niệm chính xác, tu như vậy. Và khi ăn cơm cũng là Thiền, khi ăn cơm mình quan sát được tâm. Mình ăn một hồi mình kêu: "Ôi! Sao nãy giờ mình ăn giống như súc sanh vậy, là mình tham rồi". Đó là biết chánh niệm rồi đó. Hoặc là ăn một hồi mình nhớ ra. Còn không thì quý vị vừa niệm Phật vừa ăn. Nói chung là giữ chánh niệm được, [đó] là Thiền định, Thiền chỉ, Thiền quán, [nhưng] mà tu Thiền quán nhiều hơn. Đó là Thiền.

Cho nên Tâm sở Tư này là [yếu tố trong việc] tạo nghiệp. Mà nghiệp thì mình cố gắng kiểm soát được. Sau này nếu học sâu vào Tâm sở Tư này, thì quý vị nghĩ bậc Thánh có không? Mình là phàm phu, thì mình tạo nghiệp, [còn] bậc Thánh không có luân hồi nữa. [Thật ra] các bậc Thánh cũng có Tâm sở Tư, nhưng

Tâm sở của các ngài không đủ để khiến cho tạo nghiệp. Tức là các ngài làm việc gì vẫn có chủ đích, Tâm sở Tư này vẫn còn ở bậc Thánh. Mai mốt quý vị học vô Tâm bậc Thánh thì có. Nhưng dụng của các ngài, là dụng ở mức độ để làm việc đó thành tựu thôi. Còn dụng của mình sâu sắc, cho nên thành tạo nghiệp. Đây là khác giữa phàm phu và bậc Thánh trong Tâm sở Tư này.

Cho nên bộ A Tỳ Đàm này hiểu ra thì giảng hay lắm, cực kỳ hay. Mỗi Tâm sở giảng miết không hết. Quý vị thấy Thiện Trang có bộ này, giới thiệu cho quý vị, gọi là "Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp". Bộ này dày cộm, mà đọc một hồi nếu không có kiến thức nền tảng, thì đọc không hiểu. May là mình cũng có kiến thức nền tảng, mình đọc [hiểu] được. Thiện Trang cũng đọc nhiều bộ, học thì thấy mỗi bộ có cái hay riêng. Tất nhiên mỗi người dùng ngôn ngữ khác nhau, nhưng không sao, mình có nền tảng. Vì Thiện Trang có nền tảng từ Duy Thức Đại thừa, nên học qua A Tỳ Đàm cũng tương tự thôi, chỉ có đổi một chút, không có nhiều, chỉ là gom lại vào nhìn bên trong nhiều hơn. Thiện Trang thấy hấp dẫn thì cũng được, học kiểu nào cũng được hết.

Nói tóm lại Tâm sở Tư là yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo nghiệp. Quý vị nhớ Tư là chủ đích, chủ định. Thật ra nếu quý vị học, thì một số vị Sư nhấn về điều này, còn một số vị Sư lại nhấn về điều kia. Nhưng quý vị nhớ Tâm sở [Tư] này là yếu tố tạo nghiệp, tạo nghiệp là do nó, cho nên cẩn thận.

5. Nhất hành: có [một] số sách sẽ ghi là Tâm sở Định. Nhất hành còn gọi là định. Mình muốn hiểu định thì mình cứ [hiểu] Nhất hành. Nếu định nghĩa, Thiện Trang thấy thuyết phục nhất, là Nhất hành này mà nâng cấp thì trở thành định trong chi thiền. Còn nếu không thì mình nói sơ sơ cũng được, nói là định cũng được, nhưng là định bình thường. Đó là sự gom tâm vào một đề mục, an trụ tâm trên một đối tượng nào đó. Hay nói ngôn ngữ đơn giản là tập trung tâm, mình tập trung tâm vào đâu đó. Điều này đơn giản vô cùng, ví dụ quý vị niệm Phật, quý vị tập trung tâm vào danh hiệu Phật. Hoặc là nghĩ nhớ đến công đức của đức Phật, nghĩ nhớ đến việc đức Phật đang làm v.v….

Ví dụ như Thiện Trang hay kể những câu chuyện thời đức Phật, thật ra đó là quý vị đang niệm Phật. Quý vị đang nhớ Phật, đang nghĩ tới Phật, nào là đức Phật Thích Ca hồi đó ôm bình bát, Ngài là Thái tử, Ngài đi ra bốn cửa thành. Ngài thấy các hình tướng: một người già, một người bệnh, một người chết, rồi một vị Sa-môn. Chứ đừng nói Ngài thấy tới bốn tướng: sanh, già, bệnh, chết, không thấy tướng sanh nha. Chỉ có già, bệnh, chết và một vị Sa-môn (vị Sa-môn tức là vị xuất gia, [nhưng] xuất gia theo giáo phái khác). Từ đó Ngài mới phát tâm đi xuất gia, đó là Thái tử.

Và quý vị biết ở trong kinh có nói, thật ra vua Tịnh Phạn canh kỹ lắm, không cho người nào ra được hết. Đâu có người già nào ra đường, cấm hết người già ra đường, mà tại sao [Thái tử] lại thấy ông già? Trong kinh cũng nói, là do chư thiên ở [trời] Ngũ Tịnh Cư hóa hiện ra. Và hóa hiện đó chỉ có Ngài với người đánh xe Sa Nặc thấy thôi, người khác không thấy.

Nên mình thấy có những chi tiết [như vậy], vì chư thiên hóa ra nên vua Tịnh Phạn cũng chịu thua. Lần thứ nhất thấy người già cũng vậy, lần thứ hai thấy người bệnh, lần thứ ba thấy người chết, lần thứ tư thì thấy Sa-môn. Bốn lần đấy giúp cho Ngài hun đúc. Còn nếu mình nhìn thấy thì chắc mình không có cảm nhận đâu, tức là mình thấy người già thì cũng là người già thôi. Nhưng trong kinh nói là do Ngài tu tập nhiều đời quá rồi, nên chủng tánh giác ngộ của Ngài đầy đủ rồi. Thấy cảnh già thôi là Ngài nghĩ đến ngay là sự khổ của Vô thường. Rồi Ngài sẽ già, người khác sẽ già, và chúng sanh sẽ già. Ngài phát được không chỉ sự khổ đối với Ngài [mà còn nghĩ đến người khác khổ]. [Còn] chủng tánh A-la-hán lúc đó thấy người già, người bệnh, người chết thì sợ mình già, mình bệnh, mình chết, nên phát tâm đi tu.

Còn Ngài không phải như vậy. Ngài nghĩ Ta và [những] chúng sanh khác. Quý vị nhớ câu hỏi của Ngài đối với Sa Nặc không? Không phải là Ta [không thôi], mà là Ta có bị không? Rồi người khác có bị không? Sau rồi Ngài nói: "Vậy ta không thể yên tâm được. Những người khác cũng như vậy, thì Ta cũng như

vậy. Ta phải đi tìm con đường làm sao để giúp cho Ta, và giúp cho mọi người khác đều thoát khỏi". Đó là chủng tánh của một vị Phật, chủng tánh của một vị Bồ-tát [sắp] thành Phật. Còn mình thì sợ quá, [nên] mình [muốn] ra khỏi sanh tử cho mau, đó là chủng tánh của mình, là A-la-hán Tiểu thừa. Còn Ngài mới vừa nghĩ thôi, đâu có ai dạy đâu, không cần ai dạy.

Mà cũng phải thôi, Ngài tu đến 20 a-tăng-kỳ, bốn a-tăng-kỳ sau bắt đầu mới tính. Trong kinh thì nói bốn a-tăng-kỳ kiếp, [thêm] 100 kiếp nữa, nên bảo sao [Ngài có chủng tánh của một vị Phật]. Còn mình tu bao nhiêu đâu, ai giỏi lắm tu chắc cũng trăm kiếp gì đó, trăm ngàn kiếp là dữ lắm rồi, là chắc đắc A-la-hán hết rồi.

Ở đây xin nói như thế này, tu trăm ngàn kiếp nghĩa là tu trong giai đoạn đó, chứ không phải đời nào cũng tu. [Còn] đời nào quý vị cũng gặp Chánh pháp, thì quý vị tu mấy đời là xong, không nhiều đâu, nhanh lắm, vèo vèo. Mà khổ nỗi mình tu một đời, rồi đời sau hết tu. Và cứ vòng lên, vòng xuống, đời này tu môn này, đời sau tu môn khác. Đời này tu được một chút là chết mất rồi, đời sau có phước báo lại tạo nghiệp [rồi] đọa lạc. Chứ nếu đời đời không thoái chuyển, đời đời bất thoái, thì nhanh lắm, không có lâu. Cho nên Tịnh Độ mới có Tây Phương Cực Lạc, hoặc là mấy cõi Phật khác, để về đó một đời thành Phật, tu hành một đời là vậy.

Còn mình ở đây, quý vị thấy, người tu thì nhiều lắm, mình nói theo ngôn ngữ của bây giờ là Hằng hà sa số, đông lắm, nhưng tu xong thì đâu hết rồi? Đời sau lên làm vua, Tổng thống, làm chức quyền rồi hưởng thụ, chứ đâu có tu được nữa. Còn người tu được không có bao nhiêu, nên tu [phải] liên tục, khó là ở chỗ đó. Nên ai tin Tịnh Độ, thì Tịnh Độ là một phương pháp giải thoát cứu cánh.

Còn nếu không tin thì cứ nguyện là đời đời kiếp kiếp được gặp Chánh pháp, đời đời luôn luôn có chủng tánh giác ngộ, ra khỏi sanh tử. Đời đời chán thế gian, chán với những Ngũ dục Lục trần của thế gian. Hoặc là đời đời khiến cho con

duyên tình trắc trở, cứ khiến như vậy để cho con giác ngộ. Tức là đời sau khổ miết thôi, cứ yêu anh nào cũng không được, yêu cô nào cũng không được v.v… Cứ như vậy, cứ trắc trở, không lập gia đình được, rồi thành tựu. Tất nhiên không thành tựu hoàn toàn đâu, nhưng nguyện càng lớn thì càng mau thành tựu.

Đấy là những cách nguyện, có nguyện thì trước sau gì cũng đều thành tựu hết. Cho nên mình có nguyện tốt, thì Tâm sở đó là Tâm sở Tư. [Quý vị] chú ý giùm chỗ này! Còn Nhất hành là định, Tâm sở Nhất hành nếu được trau dồi và phát triển đến mức định, thì sẽ phát triển được các loại Diệu trí, tức là trí tuệ vi diệu.

Ví dụ giống như sức nóng của mặt trời, nếu dùng kính lúp (thấu kính) mà hội tụ lại, thì sẽ đốt cháy, thiêu đốt được các vật khác. Thì Tâm sở này là [Tâm sở] Định. Và Tâm sở Nhất hành này phát triển thành chi thiền. Điều này thật ra mình nói ngôn ngữ đơn giản là cần sự chú ý, tập trung. Người nào có định là người đó có khả năng chú ý tốt, và tập trung tốt.

Còn người đầu óc cứ lảng lảng, nghe điều này mà nghĩ điều kia, nghe Thiện Trang giảng [pháp] nhưng cứ nhớ những chuyện đâu đâu, thì đó là định của mình yếu. Định của mình yếu thì ráng tập nha. Đây là một trong Năm chi thiền hoặc Bảy chi thiền, Nhất hành theo ngôn ngữ này nói là [Tâm sở] Định, thì cũng quen thôi.

6. Mạng quyền: Những người học theo Đại thừa thì không biết Mạng quyền là gì. #Mạng là thọ mạng; #quyền như hôm bữa mình [học], tức là nó làm chủ, nó có quyền. Như vậy Mạng [quyền] là Tâm sở giúp nuôi dưỡng cho các Tâm sở khác cùng sanh ra với nó, tồn tại đủ trong ba sát-na tiểu, đó là: sanh, trụ và diệt.

Tức là một Tâm sở khác, ví dụ Tâm sở Tham, Tâm sở Thọ, Tâm sở Tưởng, Tâm sở Tư, Tâm sở Xúc gì đó khởi lên, thì phải có thời gian để tồn tại. Nó sanh ra, thì phải có thời gian tồn tại, rồi mới diệt đi. Điều nào giúp mấy điều đó đủ

thời gian, đó là Tâm sở Mạng quyền. #Mạng quyền có nghĩa là nó nắm quyền hành về sự tồn tại của các Tâm sở khác, duy trì cho các Tâm sở khác đủ thời gian là ba sát-na tiểu, gọi là sanh, trụ và diệt. Nhớ là không có chữ dị nha, đừng đọc sanh, trụ, dị, diệt.

Tâm sở nào sanh ra? Ví dụ mình tham, hoặc mai mốt mình [học] Tâm sở Cần; #cần là siêng năng, quý vị phải có siêng năng, thì quý vị mới học pháp được. Như vậy Tâm sở đó được duy trì liên tục, liên tục, thì điều này là do Mạng quyền. Tâm đó có thể duy trì được lâu, thì gọi là Mạng quyền. Chúng ta hãy nhớ như vậy!

Mình nói thêm chút nữa về Tâm sở Định ở trên. Tâm sở Định quan trọng nhất là không loạn trước đối tượng, tức là mình tập trung tâm về đối tượng đó, thì đừng có loạn. Ví dụ như quý vị đang nghe pháp, thì quý vị không thể nào đang nghe pháp mà nghe tiếng hát của ai đó ngoài kia, đó là bị loạn tâm. Và Tâm sở này gom các pháp đồng sanh thành một, ví dụ như gom cho quý vị hình ảnh của Thiện Trang, tai nghe âm thanh v.v… tất cả những cảnh gì đó, gom lại thành một đối tượng.

Cho nên niệm Phật muốn nhất tâm, muốn định thì cũng vậy, mình làm sao gom tất cả các giác quan lại thành một, gọi là 'đô nhiếp Lục căn', thì mới thành định. Nguyên tắc là như vậy.

Và sự thành tựu của Tâm [sở] Định (Tâm sở Nhất hành) này là sự yên tĩnh. Cho nên nếu tâm mình lao xao là không thành tựu được. Và kết quả của Tâm sở đó là đạt được Thọ lạc. Ở đây mình nói cho đầy đủ để bổ sung ở trên, hồi nãy Thiện Trang quên không nói. Cho nên mấy Tâm sở này, nếu mình không học vào đây thì mình cứ tưởng đơn giản, lướt lướt qua. Thật ra có nhiều vấn đề lắm.

Tâm sở Tư này là Tâm sở để quyết định, để định đoạt về nghiệp thiện ác hay nghiệp gì đó. Còn Tâm sở [Mạng quyền] này cũng quan trọng, bởi vì nó duy trì, nuôi dưỡng sự tồn tại của các Tâm sở khác. Tức là bảy Tâm sở [Xúc, Thọ,

Tưởng, Tư, Định, Mạng quyền, Tác ý] lúc nào cũng có, vì chúng là Tâm sở Biến hành. Thì [Tâm sở Mạng quyền] này giúp duy trì các Tâm sở khác. [Nghĩa là] ngoài Tâm sở [Mạng quyền] này, thì những Tâm sở khác cũng được duy trì.

Ví dụ như Xúc, [nếu] không có Mạng quyền, thì quý vị vừa tiếp xúc [nhìn] thấy Thiện Trang, chớp một cái sau đó là biến mất, vì chưa kịp xử lý, không được đúng không quý vị? Vừa tiếp xúc mà đã quay qua cái khác rồi thì không được. Cho nên Mạng quyền phải duy trì để quý vị thấy Thiện Trang đủ lâu, hoặc nghe âm thanh của Thiện Trang đủ lâu, thì Tâm sở Mạng quyền này giúp cho Tâm sở Xúc như vậy.

Cũng tương tự, Tâm sở Thọ tức là cảm nhận, quý vị cảm thấy hay. Thật ra nếu nó nhanh quá thì làm sao quý vị cảm nhận âm thanh đó hay được. Đồ ăn mà [ăn] nhanh quá, vừa chui vô miệng là chui tọt xuống dưới bụng rồi, thì đâu cảm nhận được.

Cho nên [sự] cảm thọ hay [sự] tiếp xúc, phải duy trì đến mức độ nào đó, một thời gian nào đó. Tâm sở có chức năng đó, gọi là Tâm sở Mạng quyền. Định cũng vậy, thực ra sát-na định vẫn cần Mạng quyền để duy trì được định đó. Còn nếu nhanh quá, xẹt một cái hết mất thì không được. [Tâm sở] Tưởng, [Tâm sở] Tư, những [Tâm sở] sau này như Chánh ngữ hay Chánh nghiệp, hay bất cứ điều gì [cũng cần có thời gian]. Hoặc mấy Tâm sở như Tâm sở Niệm là ghi nhớ, ghi nhớ cũng phải cần có thời gian. Và niệm thì phải có [thời gian], nếu không thì thành lơ đãng. Những niệm đó muốn lâu dài thì cần Tâm sở Mạng quyền. Điều này là một khái niệm mới, quý vị cố gắng nghe.

Vậy thì chân tướng của Tâm sở Mạng quyền này, là giúp bảo tồn các pháp đồng sanh, và giúp các Tâm sở khác tồn tại trong ba sát-na tiểu: là sanh, trụ, và diệt. Quý vị cứ nhớ như vậy là được rồi. Sự thành tựu của [Tâm sở Mạng quyền] này là [giúp] cho sự tồn tại của các Tâm sở [khác] đến khi diệt. Thật sự Tâm [sở] này liên quan đến nhiều thứ, nên cũng quan trọng, nhưng nó tự động chạy thôi.

Thật ra mình muốn tu, là mình cố gắng duy trì cho bền bỉ, mình liên hệ là điều gì cũng phải cần tồn tại lâu dài. Chứ quý vị đổi ý định liên tục, hết chạy cái này, [rồi] chạy cái kia, giống như Mạng quyền nhanh quá thì không xài được. Việc gì cũng phải kiên trì, kiên nhẫn.

7. Tâm sở Tác ý: hôm trước Thiện Trang giảng thì có người đã hỏi. Tác ý nếu giảng không kỹ thì rất dễ trùng với Tâm sở Tầm; #Tác ý là thâu gom đối tượng lại thành cảnh cho tâm, và đưa tâm đến đối tượng để làm tròn chức năng nào đó.

Ví dụ quý vị cần đóng đinh, thì Tâm sở Tư là chủ định đóng đinh đó để làm gì. Thiện Trang lấy ví dụ hài cho quý vị dễ nhớ: Có người đóng đinh để treo tranh Phật, có người đóng đinh để làm dây cột qua hàng rào, giăng cho ăn trộm té chơi. Có người thì đóng đinh để tường chắc chắn hơn, để miếng gỗ v.v... Hoặc có người đóng đinh để làm gì đó v.v… Mỗi chủ định đó gọi là Tâm sở Tư.

Còn Tác ý là quý vị muốn đóng đinh thì quý vị phải tập trung tâm, gom tâm vào cây đinh, cái búa, bức tường. Gom thâu các đối tượng đó lại, thật tập trung chú ý để đóng cho chính xác, là mình ra tay, mình hành động. Để đưa đến hành động (tác ý) đó chính xác, thì mình cần phải tập trung. Như vậy phải cần mấy Tâm sở trong đó. Tất nhiên Tầm là hướng về cây đinh, hướng về cái búa, hướng về bức tường. Mục tiêu của mình đóng đinh đó là để treo bức tranh, đó là Tâm sở Tư. Còn Tác ý là gom mấy đối tượng đó làm một, để đưa ra hành động đóng cọc…cọc…cọc. Đó là [Tâm sở] Tác ý.

Cho nên để hoàn thành một nhiệm vụ nào đó, thì cần gom các đối tượng lại, cho nên khác với Tâm sở Tầm. Tầm là hướng đến, tìm kiếm đối tượng nhưng chưa rõ, còn [Tâm sở Tác ý] là vào luôn. Tâm sở Tứ thì bữa trước giảng rồi, Tứ là quan sát, tập trung hơn vào đối tượng đó. Tác ý là đưa ra hành động, kết quả. Đó là quý vị hiểu được sơ sơ nha! Như vậy [Tâm sở Tác ý] sẽ giúp hướng dẫn các pháp tương ưng, tức là bắt cảnh một cách trọn vẹn, phải tập trung cực kỳ,

kỹ lắm, mới đóng được cây đinh, và giúp cho tâm phối hợp với cảnh được tốt. Như vậy Tâm sở Tác ý này phải có cảnh thì mới hiển bày được, chứ không thể nào không có cảnh được.

Nói chung bảy Tâm sở Biến hành; #Biến hành có nghĩa là tất cả các trường hợp tâm (121 loại này), [thì] yên tâm bảy [Tâm sở] này luôn luôn có mặt. Có nghĩa là quý vị tu kiểu gì thì tu, cuối cùng cũng phải có Tâm thiền, Tâm siêu thế (Tâm bậc Thánh) cũng có, [Tâm sở] Bất thiện, Tâm sở Dục giới cũng có, rồi Tâm thiện Dục giới, và 18 Tâm vô nhân cũng phải có bảy [Tâm sở] này đi theo hết. Cho nên gọi là bảy Tâm sở Biến hành, còn bên Duy thức Đại thừa [thì] có năm thôi.

Thiện Trang giảng hết A Tỳ Đàm là hết giờ rồi, nên không còn thời gian cho Luận Câu Xá nữa. Hôm nay nghỉ sớm một chút, bây giờ vô Luận Câu Xá thì có vẻ không khớp, nên hôm nay xin phép nghỉ sớm. Thiện Trang chỉ ôn lại thôi.

Như vậy Tâm sở trong A Tỳ Đàm thì có 52 món Tâm sở, chia ra làm ba loại: 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện, 25 Tâm sở Tịnh hảo. Có nhiều người sẽ nói: *"Thưa thầy Tâm sở Tịnh hảo nhiều quá, còn Tâm sở Bất thiện thì có 14 à. Vậy sao chúng sanh toàn ở trong đường ác nhiều, mà ở đường thiện thì ít?"*. Thực ra cách chia này là chia theo chủng loại, chứ không phải chia theo số lượng. 14 Tâm sở Bất thiện thật ra là đa số chúng sanh có, còn 25 loại [Tâm sở Biến hành] này là thiểu số.

Ví dụ mà Thiện Trang hay đưa ra để quý vị hiểu, là 14 [Tâm sở Bất thiện] này giống như hạng người học từ Trung học Phổ thông trở xuống Tiểu học, Mẫu giáo hay thất học, thì hạng người đó đông, nhưng chia ra mấy cấp: lớp 12, lớp 11, lớp 10, lớp 9, lớp 8, lớp 7… tất cả là 12 lớp. Thêm mẫu giáo với [hạng] không biết chữ nữa, vậy là có 14 lớp. Thì số lượng đó đông. Còn số lượng 25 [Tâm sở Tịnh Hảo] này gồm có Cao đẳng (Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Dược), rồi Đại học (Đại học Y, Đại học Công nghệ Thông tin), rồi Thạc sỹ, Tiến sỹ (Tiến sĩ ngành

này, Tiến sĩ ngành kia) v.v... có đủ trăm ngàn kiểu, toàn học vị cao. Nhưng số người cầm mấy bằng đó thì ít hơn số người ít đi học, cho nên loại đó tuy nhiều loại nhưng số lượng ít. Còn số loại [14 Tâm sở Bất thiện] này ít, nhưng lại chiếm đa số. Chứ không, mình nhìn thấy 25 [Tâm sở Tịnh Hảo] này tưởng là nhiều hơn, nhưng không phải. Cách chia ở đây khác.

Còn nếu quý vị học Đại thừa Bách pháp Minh Luận thì lại chia kiểu khác, chia Tâm sở Bất thiện nhiều hơn, và Tâm sở Thiện ít hơn. Thiện Trang học hai bên, nên Thiện Trang nói thế này: một bên là bộ Luận Duy thức Đại thừa, vì Đại thừa là phải học qua Tiểu thừa rồi mới học Đại thừa, nên việc ra khỏi sanh tử là mình là đã hoàn thành rồi, nên không cần học vào trong nhiều, mà học ra bên ngoài nhiều. Nên Bất thiện và Thiện mình không cần quan tâm nhiều, để hướng tới quả vị nữa, mà bây giờ mình lên cao hơn. Cho nên hướng học kiểu khác. Nên [quý vị] phải hiểu nha!

Còn Luận Câu Xá với Bách Pháp Minh Môn Luận cũng là do ngài Thiên Thân (Thế Thân) [tạo luận] thôi, mà tại sao hai bộ luận lại chia khác nhau? Và A Tỳ Đàm chia khác nhau? Mình phải hiểu muốn ra khỏi sanh tử, thì cần phải quan tâm tới [Tâm sở Tịnh Hảo] này. Mình có hai cách để phát triển, hai hướng tu: một hướng là bỏ hết Tâm sở Bất thiện để mình hướng về Tâm sở Tịnh hảo. Mình bỏ hết [Tâm sở] Bất thiện đi thì tự nhiên sẽ thành tốt.

Còn ở đây quý vị thấy độ phức tạp, là 67 Tâm thiền thì cần tu Thiền nhiều, 40 Tâm siêu thế cũng nhiều. Tâm bất thiện có 12 loại, Tâm vô nhân có 18 loại, tổng là 30 [loại]. Nhưng 30 [Tâm sở] này mai mốt quý vị học sẽ biết mình toàn rơi vào đây không à. Còn mấy Tâm thiền thì cực kỳ ít luôn, quý vị coi mấy chi thiền là mình rớt sạch. [24 Tâm thiện Dục giới] may ra còn ngon, chứ lên Tâm thiền với Tâm siêu thế thì khó lắm. Cho nên tuy có nhiều loại như vậy, nhưng lại không dễ đạt. Còn [12 Tâm bất thiện] này tuy ít nhưng lại dễ [mắc vào].

Giống như đi học, học dốt nghỉ ở nhà thì dễ hơn chứ. Còn quý vị học lên

đến bằng Tiến sĩ thì khó. Mặc dù nhiều Tiến sĩ ngành này ngành kia, ai giỏi lắm [mới] kiếm được mấy bằng Tiến sĩ, người nào giỏi lắm ở đời học được bảy bằng Tiến sĩ là hết nổi rồi, cho nên tuy nhiều loại nhưng lấy không được. Còn [Tâm bất thiện] kia tuy ít loại nhưng dễ lấy, dễ sa vào.

Thời gian hôm nay hết rồi. Hẹn quý vị học vào bữa khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đồng sanh về Tịnh Độ

A Mi Đà Phật!”

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 16: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 16.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 30.10.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=KengKJ_1k5I

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư nên chúng ta học chuyên đề A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, tức là Luận Câu Xá. Tuy mang tiếng là Luận Câu Xá, nhưng Thiện Trang cũng cố gắng đưa vào đây những nội dung của kinh tạng, và nội dung của A Tỳ Đàm (giáo lý của Nam truyền) để chúng ta có thể học được cả ba vấn đề. Nói chung mục tiêu của Thiện Trang là cung cấp cho quý vị, quý vị học được một bộ nào đó thì quý vị cũng có pháp hành, cũng có tổng quan chung chung về Phật pháp. Chứ chúng ta chỉ học chuyên về bộ đó thì nhiều khi thiếu sót. Cho nên đó là mục tiêu mà Thiện Trang mong muốn, thì mọi người đều hiểu được. Tại vì môn này là môn Duy Thức bên Đại thừa hay là môn A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp) bên Nam truyền.

Học để làm gì? Học để chúng ta hiểu, chúng ta hành, thì mới tới nơi tới chốn. Ví dụ chúng ta hay nói là tu, mọi người hình như tu giống nhau. Quý vị thấy có những người tu rất tinh tấn, nhìn thời khóa kín hết, lúc nào sáng cũng đầy đủ, trưa cũng đầy đủ, chiều tối cũng đầy đủ, nhập thất, rồi tu rất nhiều. Nhìn thế thôi, nhưng không biết tại sao mặt mày của họ tối thui và hay sân si, hung dữ. Có thể là như vậy. Còn những người nhìn dường như không có tu gì mấy, không có thời

khóa, do cuộc sống của họ bận rộn, họ có rất nhiều vấn đề trong đời sống cần giải quyết. Cho nên họ rất bận rộn, họ không có thời gian nhiều để lên thời khóa, để tu, v.v… Nhưng mặt mày thì vui vẻ, hoan hỷ, và cũng rất sáng láng.

Đó là tại sao? Bởi vì [họ] tu ở tâm, Phật pháp là tu ở tâm. Bên ngoài hình tướng, thì mình tưởng có thể lừa được tất cả. Nhưng không! Trong tâm chúng ta nghĩ gì, hay chính xác nói theo A Tỳ Đàm ở đây, chính là trong tâm chúng ta sử dụng Tâm sở gì, thì khiến ra như vậy.

Hôm bữa chúng ta học, chúng ta thấy rất rõ đúng không quý vị? Tâm là [được] tạo ra bởi các Tâm sở, Tâm sở nào đi với điều nào. Giống như cùng là gạo thôi, gạo thì ai cũng biết nấu cơm hết. Nhưng dọn ra bữa ăn thì mỗi món ăn khác nhau, tại vì mình có thêm gia vị vô. Thêm một chút mắm thì ra cơm mặn, không ăn được. Món ăn chay thì phải có xì dầu (nước tương), đậu hũ. Còn nếu chúng ta thêm thịt, cá vô thì thành ra món mặn. Vấn đề là tâm thì ai cũng biết rồi, hình tướng tu hành là như vậy rồi. Nhưng chúng ta dùng Tâm sở nào trong quá trình tác ý tạo nghiệp của thân, khẩu, ý. Do như vậy mà dẫn đến quả khác nhau. Quả đầu tiên thấy rõ ràng nhất là trên thân của chúng ta, trên thân của mỗi người.

Vì vậy nếu không học bộ môn này, thì mình cứ thấy người ta lên thời khóa sáng, thời khóa trưa, thời khóa chiều, thời khóa tối, lúc nào cũng có thời khóa đầy đủ, thậm chí nhập thất, nghe pháp cả ngày v.v… Nhưng tu một thời gian thì mặt mày của họ tối thui, họ hay sân si, ngã mạn, hoài nghi vẫn còn nhiều, thậm chí còn tăng nữa. Tại vì [họ] không biết dụng tâm, mà cụ thể là dụng Tâm sở.

Cho nên nếu chúng ta không học bộ môn này [thì] không biết đâu. Cứ tưởng tu như vậy, như vậy. Tâm là tâm thế nào? Có tới 52 món Tâm sở, 52 món đó kết hợp qua lại như thế nào, để tạo ra những tâm thế nào là Tâm thiện, tâm thế nào là Tâm bất thiện, thế nào là Tâm của bậc Thánh, thế nào là Tâm thiền. Giống như Tâm của bậc Thánh có đến 40 tâm bậc Thánh. Quý vị làm sao tu để có được một trong 40 Tâm của bậc Thánh đó, thì mình mới đắc Thánh quả.

Như vậy mình phải tu như thế nào? Có 121 loại tâm như vậy, mình phải nghiên cứu, học để mình hiểu, để mình quan sát tâm mình. Không phải quan sát người, mà quan sát mình. Đó là nội dung chúng ta cần phải học. Do nhiều người không học nên không biết điều đó, họ cứ nghĩ dụng công trên hình tướng. Ví dụ như khi dụng công, chỉ cần họ có tham trong đó, chỉ cần có chút Tâm sở Tham đi kèm thôi, thì tự nhiên là [việc] dụng công của họ rớt sạch, trở thành mặt mày tối thui. Hoặc họ có tâm ngã mạn ở trong đó thôi thì cũng không được rồi. Họ mong là tôi tu để tôi được điều gì đó, được hơn thiên hạ hay gì đó, chỉ cần một chút Tâm sở chen vào là bao nhiêu thứ kia trở thành khác xa hết.

Giống như món cơm, đang là cơm chay mà quý vị đem mắm mặn, thịt cá bỏ vô, thì món chay đó trở thành món mặn ngay. Cho nên người học giáo lý này, thì mới nhận định được, mới quan sát được tâm mình, từ đó mình mới hành trì. Và sự hành trì đó mới đem lại lợi ích.

Ở trong Kinh Trung Bộ hay Kinh Tạp A Hàm, cũng có một vấn đề đưa lên, có một vị đó hỏi: *"Bạch đức Thế Tôn, con rất thắc mắc là tại sao hai người bà con của con: một người thì tu giữ Phạm hạnh, một người thì chỉ tu bình thường thôi. Mà sao đức Thế Tôn lại nói cả hai người đều chứng quả Tư-đà-hàm và sanh về trời Đâu Suất hết vậy? Tại sao lại như vậy? Hai người tu nhìn khác nhau mà"*. Một người tu giữ Phạm hạnh (tức là không dâm dục), một người tu thì còn gia đình v.v… thấy tu đâu có gì đâu. Còn một người thì tu dữ lắm mà. Sao cuối cùng [cả hai] đều chứng qủa Tư-đà-hàm và đều sanh về trời Đâu Suất hết vậy? Sao kỳ lạ vậy?

Đức Thế Tôn nói: *"Này ông phải biết là do tâm hai người khác nhau. Họ tu tuy hạnh lớn nhưng có khi quả nhỏ, tu có khi hạnh nhỏ nhưng quả lớn"*. Trong Kinh Trung Bộ đức Phật nói: Sự nghiệp lớn, nhưng nếu mình làm với tâm sai, thì thành ra sai lớn. Sự nghiệp nhỏ, nhưng mình làm với tâm tốt, tâm đúng, thì thành tựu lớn. Cho nên cuối cùng vẫn là phải dụng tâm. Chúng ta học môn này là để chúng ta dụng tâm cho đúng. Hy vọng quý vị học để biết, [để] chúng ta dụng tâm cho đúng.

Hôm nay phần đầu tiên Thiện Trang xin cung cấp một số kiến thức về các bậc A-la-hán và các quả vị A-la-hán. Vấn đề này Thiện Trang đã nói lược qua, hôm nay sẽ nói rõ hơn cho quý vị. Ở đây Thiện Trang chia ra năm bậc A-la-hán. Thông thường chúng ta nghe có một bậc A-la-hán thôi, nhưng ở đây là năm bậc.

5 Bậc A-La-Hán

Tứ Thánh Quả A-la-hán: Là vị đã chấm dứt tất cả Phiền não, không còn gì phải làm thêm trong đạo nghiệp giải thoát nên cũng gọi là bậc Thánh Vô học. Trên phương diện chấm dứt Phiền não và chứng ngộ Niết-Bàn là giống nhau. Nhưng do phước duyên khác nhau nên vẫn có những điểm dị biệt:

Vì thế có năm loại, Thiện Trang chia ra, điều này là theo A Tỳ Đàm. Quý vị có thể tìm thấy rất nhiều sách A Tỳ Đàm đều nói điều này.

1. A-la-hán Tuệ giải thoát: Là những vị A-la-hán *không từng tu qua thiền Chỉ* nên bên cạnh việc hết sạch Phiền não thì *không có thêm khả năng gì đặc biệt (không có đắc các tầng Thiền, không có Thần thông)*.

Ở đây quý vị nghe cho kỹ nha. Như vậy hạng đầu tiên của A-la-hán là A-la-hán có Tuệ giải thoát [không] thôi. Tức là [đoạn] được hết Phiền não, gọi là đoạn hết Kiến Tư hoặc. Tức là đoạn hết mười Kiết sử: năm Hạ phần Kiết sử và năm Thượng phần Kiết sử. Nhưng người đó chưa từng tu qua Thiền chỉ, cho nên chỉ hết Phiền não thôi, và không có khả năng đặc biệt gì hết. Tức là không đắc các tầng Thiền, cũng không có Thần thông, do không có duyên.

Ở đây cũng xin nói là, vị đó hết Phiền não rồi, nếu có duyên [được] ai dạy tu Thiền chỉ thì cũng dễ đắc thôi, không khó! Nhưng vị này có thể trước kia chưa từng tu, và sau đó cũng không có duyên, nên cũng không đắc.

Ở trong Luận Tỳ Bà Sa cũng có nói điều này. Vị chỉ có Tuệ giải thoát này, trong Luận Tỳ Bà Sa nói có thể thoái chuyển về Sơ quả Tu-đà-hoàn là thoái chuyển

thấp nhất. Quý vị cũng đã từng nghe Thiện Trang kể câu chuyện trong Kinh A Hàm hoặc Kinh Nikaya cũng có, có vị đó đã chứng đến sáu lần A-la-hán Tuệ giải thoát này rồi, và cứ thoái chuyển lại, thoái chuyển lại. Nên lần thứ bảy vị đó chứng xong, thì vị đó tự sát luôn, để khỏi phải thoái chuyển nữa, để nhập Niết-Bàn.

Xưa nay có rất nhiều đồng tu do không học kỹ kinh tạng, không học về A Tỳ Đàm, học mấy bộ luận này, cứ tưởng A-la-hán có đầy đủ Thần thông, Ngũ thông v.v… Không phải! Có vị A-la-hán không có điều đó. Bởi vì chưa từng tu qua Thiền chỉ nên không có Thiền gì hết, không có Thần thông. Điều này làm sao mình biết được đúng không? Nên cẩn thận nha! Đừng nghĩ là A-la-hán [có đầy đủ Thần thông]. Không học giáo lý thì cứ mơ mơ màng màng, là khổ lắm.

2. A-la-hán Câu phần Giải thoát: Là những vị A-la-hán chứng đắc các tầng thiền *trước hoặc sau* khi chứng quả A-la-hán.

Nghĩa là vị này tốt hơn, có thể là trước đó [đã] tu Thiền chỉ rồi, sau đó có thể tu Thiền quán nữa. Đắc Thiền chỉ rồi, ví dụ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, rồi sau đó đắc được Thiền quán (tức là tu đắc được Thiền quán), gọi là Câu phần Giải thoát. Hoặc có thể đắc Thiền quán trước, do nền tảng đắc Thiền quán, [nên] bây giờ tu Thiền chỉ cũng dễ thôi. Tại vì hết Phiền não rồi thì dễ lắm, có ai dạy cho cách tu Thiền chỉ nữa là được thôi.

Thật ra Thiền chỉ này Thiện Trang có nghiên cứu kỹ, thì hiện nay hình như mọi người cũng không biết tu. Cứ vô ngồi ngồi vậy thôi, chứ dụng tâm không đúng. Tại vì Thiện Trang coi kỹ trong A Tỳ Đàm, hay coi kỹ cách tu Thiền chỉ, thì hình như mọi người dụng công cũng không đúng lắm, cho nên không vào Thiền chỉ là đúng. Thứ nhất là thời gian quá ít, tại vì mình không có miệt mài tu. Ở trong A Tỳ Đàm nói là có khi dụng công phải [một] năm, hai năm gì đó, mà miệt mài luôn chứ không phải dụng [công] kiểu như chúng ta. Không phải là chúng ta không đạt được, mà do thứ nhất là chúng ta dụng công chưa đúng cách, thứ hai là không có thời gian, cho nên không đắc được Thiền.

Như vậy A-la-hán này ngon hơn. A-la-hán này là chứng đắc các tầng Thiền trước hoặc sau khi chứng A-la-hán. Tức là chứng A-la-hán rồi chứng tầng Thiền cũng được, thì cũng xếp vào đây. Tức là mới đầu là A-la-hán Tuệ giải thoát, là thấp hơn, rồi tu thêm thì thành bậc A-la-hán Câu phần Giải thoát. Hoặc có thể bậc A-la-hán Câu phần Giải thoát là tu đắc các tầng Thiền trước [như] Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền v.v…

3. A-la-hán Tam minh: Là những vị A-la-hán *tu trọn cả thiền Chỉ và thiền Quán* và có thêm *2 khả năng Túc mạng minh và Sanh tử minh*.

A-la-hán này cao hơn nữa, tức là A-la-hán này ngon nha. Túc mạng minh là biết rõ về đời quá khứ của mình. Còn Sanh tử minh là trong đường sanh tử, biết ai chết đâu sanh đâu, v.v… A-la-hán này ngon hơn nên mới gọi là A-la-hán Tam minh, vị này có trí tuệ tốt hơn nữa. Mà tu là trọn cả Thiền chỉ lẫn Thiền quán, chứ không phải tu một thứ.

4. A-la-hán Lục thông: Là những vị A-la-hán có thể sử dụng cả Ngũ thông (Ngũ thần thông).

Tức là ngoài đoạn Phiền não ra, vị này phải chứng đến Tứ thiền, ít nhất là Tứ thiền Sắc giới. Tứ thiền Sắc giới này cũng phải dạng cao thủ chứ không phải bình thường đâu, mới dụng các Thần thông được cỡ đó, đủ năm loại Thần thông. Năm loại Thần thông thì chúng ta biết rồi. Thứ nhất là Tha tâm thông, là biết tâm của người khác nghĩ gì. Thiên nhãn thông là có mắt của người trời, có thể thấy được chúng sanh chết đây sanh kia, ở đâu đó, thấy các đường trong Lục đạo Luân hồi như Địa ngục v.v… Thiên nhĩ thông thì có thể nghe những âm thanh ở xa, nghe âm thanh của cõi Người, cõi Trời. Ở trong kinh thì chỉ nói là nghe được âm thanh của cõi Người, cõi Trời. Còn những vị mà có thể nghe được [tiếng] của những loài Súc sanh thì đặc biệt khác. Còn nếu định nghĩa Thiên nhĩ thông, ở trong Kinh Nikaya, hình như Kinh Trung Bộ thì phải, nói rằng: với Thiên nhĩ thông thì có thể nghe được âm thanh của loài người và loài trời không có chướng ngại. Tức là quý vị người Việt Nam nhưng có thể nghe người nước khác được, có thể nghe hiểu

được. Còn các loài động vật thì [nghe] chưa được, [điều] đó còn cao nữa. Cho nên Phật Bồ-tát có năng lực cao hơn nữa.

5. A-la-hán Vô ngại giải: Là những vị A-la-hán có thêm được 4 trí phân tích về Văn, Từ, Nghĩa, Lý Phật ngôn (về những lời Phật dạy: về Từ (từ ngữ) thì mình có thể hiểu được, về đoạn Văn, về Nghĩa và Lý) **và khả năng ứng đối** (chúng ta hay nói là Tứ vô Ngại biện) (**Từ vô Ngại giải, Nghĩa vô Ngại giải, Pháp vô Ngại giải, Biện vô Ngại giải).**

Người này có năng lực thuyết pháp. Nhiều người [đắc] A-la-hán rồi nhưng không có điều này, thì thuyết pháp cũng không tốt lắm. Cho nên sơ sơ ở đây chúng ta thấy, là tuy cùng A-la-hán nhưng cũng khác nhau nhiều lắm. Sự khác nhau này là do nhiều đời, nhiều kiếp mình tu thế nào mà có những điều đó. Cho nên người có điều này, người có điều kia, chứ không phải A-la-hán là bình đẳng. Chưa [đâu]! Mới có bình đẳng [về] Tuệ giải thoát thôi, còn mấy điều khác thì chưa chắc.

Nhiều quý vị cứ kêu A-la-hán phải ghê gớm lắm, phải Thần thông diệu dụng này kia ghê gớm lắm. Đó là một sai lầm rất lớn. Cho nên học không tới, không chịu đọc Kinh A Hàm, không chịu đọc Kinh Nikaya, không đọc các bộ luận về A Tỳ Đàm, thì có những nhận định không chính xác. Những nhận định đó cũng khiến cho mình tu tập có vấn đề. Tại vì mình cứ nghĩ mình đắc quả rồi, sao mình không có Thần thông? Đó là một sự nghi đúng không quý vị? Thực ra đắc quả A-la-hán cũng không có Thần thông mà. Quý vị thấy A-la-hán đầu tiên đâu có Thần thông gì đâu, không có gì đặc biệt, [đắc] các tầng Thiền cũng không có nữa, không ai dạy tu Thiền [nên] không có đắc Thiền luôn. Cho nên cẩn thận nha! Đây là kiến thức chúng ta phải kiểm tra cho kỹ, quý vị để ý giùm. Đây là một sai lầm lớn. Nhiều người nói ví dụ như Sơ quả Tu-đà-hoàn có Thần thông, thậm chí không có.

Nên nhớ A-la-hán cũng có thể không có Thần thông, A-la-hán Tuệ giải thoát nhập Niết-Bàn được, nhưng có thể không có điều gì hết. Cho nên phải cẩn thận, mình học giáo lý ba mớ là chết. Rồi sau này mình tưởng tượng là mình [không đắc]. Cho nên [những điều] này khó, người nào chứng đắc thì người ta biết thôi,

mình làm sao biết, mình căn cứ vào đâu được.

Phần này rải rác, quý vị có thể tra trong các kinh tạng, Thiện Trang lượm lại khó quá, Thiện Trang lượm trong bộ A Tỳ Đàm. Trong A Tỳ Đàm, quý vị tìm bất cứ bộ nào cũng có nói điều này, thậm chí nói rộng hơn nữa, có các kiểu khác nữa. Nhưng chúng ta chỉ lấy năm kiểu này cho dễ.

Tiếp theo Thiện Trang giới thiệu luôn các quả vị trong Tứ quả. Phần này Thiện Trang xin trích dẫn từ Kinh A Hàm. Để bữa nào Thiện Trang sẽ rút gọn lại thành cái bảng, bữa nay tạm thời giới thiệu kinh để quý vị có niềm tin, chứ không biết nãy giờ Thiện Trang nói từ đâu. Ví dụ như Kinh 787, tựa đề là Học (4), trong Kinh Tạp A Hàm. Thiện Trang xin đọc đoạn đầu.

Các quả vị trong Tứ Quả

KINH 787. HỌC (4)

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hơn hai trăm năm mươi giới, (đối với Tỳ-kheo thì bên Bắc truyền có 250 giới, bên Nam truyền chỉ có 227 giới thôi) **cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa** (tức là lại thuyết Giới)**. Để cho kia tự mình cầu học mà học, nói ba học có thể tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là Tăng thượng Giới học, Tăng thượng Tâm học, và Tăng thượng Tuệ học".**

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Ở đây là ba khái niệm, một là Tăng thượng Giới học, hai là Tăng thượng Tâm học và ba là Tăng thượng Tuệ học. Kinh này ngắn như vậy [nhưng] là nền tảng cho ở dưới này. Ở dưới Thiện Trang xin phép đọc lướt thôi, kinh tiếp theo:

KINH 788. HỌC (5)

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *Nói như trên, nhưng có một vài sai biệt*:

"Thế nào là Tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi Giới, Giới tăng thượng; Không thiên trọng nơi Định, Định không tăng thượng; không thiên trọng nơi Tuệ, Tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận Phạm hạnh, làm lợi ích cho Phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài Phạm hạnh; Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại, giới thường tùy thuận mà sinh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, sẽ đoạn trừ ba kiết là Thân kiến, Giới thủ, và Nghi. Ba kiết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào các đường dữ, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần trời người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là Tăng thượng Giới học.

Đoạn này tuy dài nhưng Thiện Trang rút gọn lại như sau, ở đây ý nói người chỉ lo giữ giới, tu chú trọng về Giới thôi, còn phần Định thì không siêng năng tu, phần Huệ cũng không siêng năng tu. Và nếu phạm những giới nhỏ vi tế thì cứ theo đó sám hối, không có sao, miễn giới trọng không phạm. Và [tu] đúng pháp như vậy thì người đó giữ được Giới vững chắc. Do làm được như vậy, nên họ đoạn được ba Hạ phần Kiết sử đầu tiên: là Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Và chắc chắn là đắc được Tu-đà-hoàn.

Ở đây Phật nói tắt, là người đó tất nhiên không đọa vào các đường dữ và chắc chắn chỉ còn tối đa bảy lần ở cõi Trời, cõi Người, cho nên gọi là Tăng thượng Giới học. Cho nên ráng giữ giới, giữ giới được mà tốt như vậy đó, là đắc Tu-đà-hoàn. Đắc Tu-đà-hoàn nhờ giữ giới, không cần gì ghê gớm lắm, Định cũng không cần học, Huệ (tuệ) cũng không cần học [nhiều] lắm, nhưng cũng có thể đạt được Tu-đà-hoàn. Đó là Tăng thượng Giới học.

"Thế nào là Tăng thượng Tâm học? Tỳ-kheo thiên trọng Giới, Giới

tăng thượng (cũng phải có Giới nha)**; thiên trọng Định, Định tăng thượng; không thiên trọng Tuệ, Tuệ không tăng thượng.** Giống như trên, tức là cũng trọng về Giới, nhưng còn thiên trọng tu Định nữa, nhưng về trí tuệ thì không lo. Tương tự, cũng giữ giới như vậy. **Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ Năm hạ Phần kiết, là Thân kiến, Giới thủ, Nghi, Tham dục, Sân nhuế** (tức là Tham và Sân)**. Năm hạ Phần kiết này đã đoạn trừ, đắc Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là Tăng thượng Tâm học.** (Tức là chú ý tu Định nữa thì được tới Tăng thượng Tâm học).

"Thế nào là Tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng Giới, Giới tăng thượng; (tất nhiên cũng phải có Giới) **thiên trọng Định, Định tăng thượng;** (tức là tăng Định lên) **thiên trọng Tuệ, Tuệ tăng thượng** (tức là siêng năng học pháp, quán pháp)**. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến, tự biết rằng: 'Ta, sự sanh đã chấm dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.' Đó gọi là Tăng thượng Tuệ học".**

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cho nên phải làm hết rốt ráo ba [điều] này, thì mới đắc quả cuối cùng là A-la-hán. Còn nếu làm như kia thì chỉ được hai quả trước thôi. Thiện Trang xin nói thêm chỗ này một số điều nữa, đức Phật có chia ra, thật ra phải nhập mấy bộ kinh này lại thì mới nói ví dụ như đây:

Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ ba kiết (Thân kiến, Giới thủ, Nghi) và Tham, Nhuế (Sân), Si đã mỏng, thành tựu Nhất chủng đạo. Nhất chủng đạo là địa vị mà ngài Tuệ Sỹ có chú giải cho chúng ta, là địa vị thuộc Tư-đà-hàm. Tại vì ở đây có thêm chữ Nghi và Si nữa, Si đã mỏng, thì làm cho mấy điều này nhẹ bớt.

Ở vào địa vị này chưa phải là đẳng giác, nên gọi là Tư-đà-hàm, hay gọi là Gia gia, gọi là Thất hữu, gọi là Tùy pháp hành, gọi là Tùy tín hành. Đó gọi là Tăng thượng Giới học.

Cho nên mấy địa vị này, thật ra chứng được mấy điều này thì được quả vị thứ hai. Quả vị thứ hai có mấy quả [như] Gia-gia. Còn nếu chưa phải là đẳng giác thì thấp hơn nữa, cho nên là Gia-gia, Thất hữu, Tùy pháp hành, Tùy tín hành. Có thể xếp vào địa vị Sơ quả hoặc là hơn Sơ quả, nói chung nằm trong tầm Sơ quả đến Nhị quả. Có khi người này thì kéo về Sơ quả, người kia thì kéo về Nhị quả, tùy mức độ. Vì thật ra những địa vị như Gia gia, Thất hữu, Tùy pháp hành, Tùy tín hành v.v... cũng nằm trong đó. Dưới này nói thêm:

Nếu đoạn trừ được Năm hạ phần này (Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi...) **có thể được Trung bát-niết-bàn. Ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được Sanh bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được Vô hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được Hữu hành Bát-niết-bàn; ở địa vị này nếu chưa được đẳng giác, được Thượng lưu Bát-niết-bàn.**

Thiện Trang giới thiệu mấy quả vị vậy thôi, còn mấy quả vị này thế nào thì chúng ta hãy đợi bữa khác. [Thiện Trang] giới thiệu cho biết tên vậy thôi, chứ giới thiệu nhiều quá thì quý vị sẽ rối. Ví dụ như ở đây nói: Đoạn trừ được ba kiết là Thân kiến, Giới thủ, và Nghi, thì đắc Tu-đà-hoàn. Điều này thì chúng ta quá quen rồi. Còn Sanh bát-niết-bàn v.v... một loạt các quả vị.

Thiện Trang chỉ muốn giới thiệu cho quý vị biết thôi. Biết để quý vị thấy biển học mênh mông, và trong đó có rất nhiều đồng tu Tịnh Độ nghĩ rằng mình rất giỏi, thì quý vị hãy xem lại. Vì những gì mình học xưa nay, mình thấy so với mấy giáo pháp Tứ đế này, đây là thuộc giáo pháp Tứ đế đó quý vị, giáo pháp Tứ đế mình còn chưa nắm được. Và nên nhớ, khi một vị A-la-hán chứng được A-la-

hán, [thì] không có vị A-la-hán nào mà không nắm được giáo pháp Tứ đế, không có vị Bích-chi-phật (Độc giác Phật) nào mà không nắm được giáo pháp Tứ đế và 12 nhân duyên. Cho nên sau khi chứng A-la-hán, thì A-la-hán thông được Tứ đế, thông được 12 nhân duyên. Bích-chi-phật cũng vậy.

Nếu mình tu lâu rồi, mình nói mình đắc A-la-hán, mình nói mình là Bồ-tát tái lai v.v... mà quý vị không biết mấy điều này, thì quý vị là Bồ-tát đất, A-la-hán đất, A-la-hán giả, chưa phải là A-la-hán thật. Nên nhớ như vậy! Đấy cũng là một cách để kiểm chứng. Chứ không thời nay mình cứ nghe người ta nói vị này là Bồ-tát tái lai, vị kia là Bồ-tát tái lai, thầy đó đắc A-la-hán v.v... Vậy bây giờ [những vị đó] nắm được những điều đó không? Những vị đó không nắm được mấy điều đó thì giáo pháp Tứ đế chưa thông, thì chưa thể nào là những người tái lai được.

Bồ-tát tái lai theo Đại thừa là phải cao hơn A-la-hán, phải là Sơ trụ Viên giáo Hoa Nghiêm mà. Sơ trụ là hơn Thập tín vị Bồ-tát mà. Quý vị nên nhớ, theo Đại thừa chia ra, A-la-hán là mới bậc thứ bảy, bậc thứ tám mới tới Bích-chi-phật, bậc thứ chín là Bồ-tát trong Quyền giáo (Bồ-tát trong Thập pháp giới), Phật trong Thập pháp giới là thứ mười, rồi mới tới Sơ trụ Viên giáo Hoa Nghiêm. [Tới] đó thì mới [có] năng lực độ sanh. Mà Sơ trụ Viên giáo Hoa Nghiêm là Sơ địa của Biệt giáo bên Đại thừa, [tới] đó thì quý vị mới đi độ sanh.

Những người tôn vinh nào [là] ai đó tái lai, thầy đó tái lai, cô đó tái lai, v.v… mà không biết mấy điều này, thì có phải người ta là tái lai hay không? Quý vị nên nhớ nha! Đã thông đạt Tứ đế rồi thì mới tới đó. Cho nên đây là một biện pháp, chúng ta học để chúng ta hiểu, để chúng ta không bị lạc đường trong dòng đời tăm tối hiện nay. Hiện nay chúng sanh mê muội quá, nên đôi khi [họ] tôn vinh những vị thầy của [họ], nào là người này tái lai, người này là A-la-hán v.v… Rồi cuối cùng mình chạy theo ầm ầm, vì mình không biết.

Thực tế khi mình học kinh điển, kinh chính là chìa khóa để vào kho tàng của Phật pháp. Vào biển của Phật pháp là kinh, nên không học thì nhiều khi mình bị lạc mà mình không biết. Đó là Thiện Trang mong quý vị hiểu được. Hôm nay

chúng ta học pháp hành, học để hành là học điều này.

Chúng ta trở lại với chuyên đề về Tâm sở trong A Tỳ Đàm. Có 52 món Tâm sở, gồm có: 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện và 25 Tâm sở Tịnh hảo. Thật ra [còn] chia riêng trong mỗi loại nữa, nhưng đầu tiên quý vị nhớ giùm cái nút này. Cách chia sẻ của Thiện Trang là thay vì đem cho quý vị nếm một mớ thứ, thì quý vị sẽ [bị] rối. Thiện Trang chỉ cắt một khúc thôi, học từng khúc vậy đó. Giống như để làm bánh, thay vì dạy quý vị nguyên công đoạn làm bánh từ đầu đến cuối, nào phải mua bao nhiêu bột, bao nhiêu đường, bao nhiêu gì, làm một hồi quý vị rối.

Thiện Trang chỉ dạy, bữa nay vô đây, giai đoạn thứ nhất thầy đã mua hết sẵn sàng rồi, bột bao nhiêu, đường bao nhiêu, muối bao nhiêu, dầu bao nhiêu, v.v… chuẩn bị hết rồi. Bây giờ làm giùm giai đoạn này, giai đoạn nướng bánh. Đi nướng xong rồi, ăn được ngon đúng không? Rồi bữa sau lên đây, dạy nhuần nhuyễn nướng bánh rồi, bắt đầu dạy thêm công đoạn nữa là trang trí bánh, bữa sau dạy công đoạn tiếp là pha bột. Cứ từng bữa, từng bữa, dạy từng công đoạn. Và cứ dạy đến một bữa nào đó ráp lại là thành ra công đoạn làm bánh, một cái bánh ngọt rất hoàn chỉnh.

Cách dạy như vậy thì quý vị thấy dễ học hơn, chứ mới [vào] mà tung hỏa mù nhiều quá, [trong khi] Phật pháp thì rộng lớn bao la. Nhiều người dạy A Tỳ Đàm, nhưng vô giới thiệu có một buổi thôi là hết bảng A Tỳ Đàm luôn (bảng Vi Diệu Pháp đó). Quý vị thấy 121 tâm, rồi bao nhiêu cái bảng, từng nút, từng nút, nút đỏ, nút xanh, nút vàng, đủ các nút hết, nói một loạt. Học như vậy thì cũng được, nhưng là tri thức thôi. Chứ còn nếu học để hành, thì mình học điều nào cố gắng nắm vững điều đó. Mình học mình nắm vững rồi, ráp lại là thành thôi. Cách như vậy gọi là phương pháp chia để trị, phương pháp chia nhỏ để nắm.

Thiện Trang xin giới thiệu trở lại. Hôm bữa chúng ta đã học về 13 Tâm sở Tợ tha. Tợ tha là như thế nào? Chữ Tâm sở này có một số giáo trình, một số sách ghi là Sở hữu tâm. Ví dụ như Sư bà Tâm Tâm dạy là dùng chữ Sở hữu tâm. Thiện

Trang thích dùng chữ Tâm sở, ngắn gọn và dễ hiểu. Rồi có người dịch là Trạng thái tâm v.v… mỗi bộ sách [ghi] khác nhau.

Ai học Nam truyền mới thấy nỗi khổ của người học Nam truyền. Nam truyền do ngôn ngữ Pali với ngôn ngữ tiếng Việt mình xa quá, không có dòng họ với nhau. Cho nên các sách dịch, mỗi sách dịch mỗi kiểu. Cùng một từ đó mà bên này dịch thành chữ này, bên kia dịch thành chữ kia, rồi mình không biết đường nào lần hết. Mấy người mới vô học, coi là thua. Tại vì cùng một thuật ngữ mà bên này dùng chữ khác, bên kia dùng chữ khác. Mỗi người dịch mỗi kiểu, cho nên coi vô không giống nhau gì hết.

Bên Bắc truyền đỡ hơn, bởi dù sao cũng dịch từ chữ Hán ra chữ Việt. Chữ Hán và chữ Việt thì có dòng họ với nhau, cho nên chữ đó không thể đọc khác được, cũng âm đó thôi, hầu như ít khi [đọc] âm khác được lắm. Ví dụ như chúng ta có chữ Khinh tiểu nghiệp và Khinh thiểu nghiệp đó quý vị. Chữ 'tiểu' với 'thiểu' là một chữ Hán thôi mà hai âm, âm tiểu và âm thiểu. Mấy người dịch đúng, ai biết chính xác, ai rành chữ Hán thì sẽ dịch là Khinh tiểu nghiệp. Tức là hai tính từ: #khinh là nhẹ, #tiểu là nhỏ; còn #thiểu thì đâu phải là tính từ. #Thiểu là động từ, là thiếu, nghiệp thiếu thì đâu được, đặt vô chỗ đó không đúng. Nhưng người không biết ngữ pháp Hán cổ, thì họ dịch thành Khinh thiểu nghiệp. Đó là do họ không biết thôi. Nhưng thực ra chữ đó đáng lẽ chỉ có thể dịch là Khinh tiểu nghiệp, tức là nghiệp nhỏ nhẹ.

Quý vị nhớ mấy nghiệp đó không ạ? Có những nghiệp như: Cận tử nghiệp, Khinh tiểu nghiệp, Thường nghiệp, Trọng nghiệp. Những nghiệp đấy chúng ta học [rồi]. Và Thiện Trang thấy Hán truyền dễ học hơn là ở chỗ đó, tại vì ngôn ngữ từ bên Hán dịch qua tiếng Việt gần. Còn bên Pali mà dịch qua tiếng Việt là thôi, mỗi người dịch mỗi kiểu, tùy trình độ học vấn, tùy khả năng Phật pháp của mỗi người, cho nên ngôn ngữ loạn cào cào. Quý vị cứ coi đi, cùng một bản kinh, cùng một bản giáo lý A Tỳ Đàm đó, mà vị Sư này với vị Sư kia dịch đã khác nhau rồi, khác nhau một trời một vực luôn, coi vô là thấy chóng mặt. Nhưng đối với những người am

hiểu sâu thì người ta coi không sao, vì người ta biết bản chất là vậy thôi, từ ngữ dùng khác nhau thì kệ, không sao!

Cho nên ở đây Thiện Trang dùng chữ Tâm sở. Quý vị coi tài liệu khác có thể là Trạng thái tâm hay là Sở hữu tâm thì cũng không sao. Tâm sở là dễ nhất, Thiện Trang thấy chữ Tâm sở là hay nhất. 13 Tâm sở Tợ tha gồm có 7 Tâm sở Biến hành, hôm bữa chúng ta đã học rồi.

Thiện Trang nhắc lại 7 Tâm sở Biến hành gồm có: 1. Xúc, 2. Thọ, 3. Tưởng, 4. Tư, 5. Nhất hành, 6. Mạng quyền, 7. Tác ý. Gọi là Biến hành là vì trong 121 loại tâm đó, thì luôn luôn có mặt 7 Tâm sở này. Tức là 7 Tâm sở này luôn luôn đi kèm, không có trường hợp nào mà không có 7 thằng này. Tức là luôn luôn có, cho nên gọi là Biến hành. Trong 121 loại tâm thì đều có tất cả 7 Tâm sở này, cho nên [Tâm sở] này lúc nào cũng có mặt hết, nói chung là 7 Tâm sở này lúc nào cũng đi kèm.

Hôm nay chúng ta học tới 6 Tâm sở Biệt cảnh.

I. Tâm sở Biệt cảnh gồm 6:

#Biệt là riêng biệt; #cảnh là hoàn cảnh. Ví dụ như cảnh sắc là hoàn cảnh về hình tướng, cảnh về âm thanh v.v… Ở đây chúng ta sẽ hiểu 6 Tâm sở Biệt cảnh là lúc có, lúc không, có thể tùy theo cảnh. Ở đây chúng ta học cũng dễ thôi.

[Tâm sở Biệt cảnh] gồm có Tâm sở: 1. Tầm, 2. Tứ, 3. Thắng giải, 4. Cần, 5. Hỷ, 6. Dục. Bên Duy Thức Đại thừa quý vị biết [có] năm Tâm sở Biệt cảnh thôi. Ở đây hơn bên Duy Thức Đại thừa một [Tâm sở], thì chúng ta cũng dễ dàng hiểu được, không có gì khó khăn. Thiện Trang xin chia sẻ thứ nhất là về Tâm sở Tầm.

1. Tâm sở Tầm: Tâm sở Tầm thì chúng ta học rồi, nhưng Thiện Trang nhắc lại. Tầm là tìm, ý nghĩa trực tiếp của chữ Hán Việt [là] tìm, là trạng thái tìm kiếm, áp sát ban đầu, hay nghĩ ngợi tư duy suy xét về pháp. Ví dụ chúng ta muốn nói là đưa cho cây bút bi, thì trong đầu bắt đầu phải tìm cây bút bi, nhớ ra, quan sát trong tâm coi cây bút bi hình ảnh như thế nào, mới gợi lên hình tượng cây bút bi

v.v… Rồi một hồi nghĩ nghĩ cây bút đặt ở đâu, rồi đi tìm. Đó là Tầm. Tầm là trạng thái tìm, áp sát, giám sát, đưa tâm và Tâm sở vào cảnh.

Tâm sở tức là những tâm như: Xúc là tiếp xúc; Thọ là cảm nhận về cây bút đó dễ chịu hay không dễ chịu; Tưởng là hồi ức nhớ lại. Thiện Trang đang phân tích 7 Tâm sở Biến hành này. Tức là nói về cây bút bi, thì quý vị phải có cảm xúc về cây bút bi, tiếp xúc với cây bút đó, cây bút dài hay ngắn, rồi quý vị thấy dễ chịu hay không v.v… cảm thấy là cây bút này hình dài như thế nào. Rồi Tư là mục đích cầm cây bút để làm gì? Để viết đúng không? Và tập trung vào cây bút thì mới cầm được chớ. Mạng quyền tức là ý nghĩ về cây bút đó phải đủ dài. Chứ nếu không [nghĩ về cây bút đủ] dài thì mình quên mất, quý vị cầm cây bút nhưng không nhớ [thì] cũng như không. Rồi Tác ý là việc cầm cây bút đó như thế nào. Như vậy 7 Tâm sở Biến hành này phải có về cây bút đó.

Rồi bây giờ mới vô Tâm sở Biệt cảnh. Bây giờ mình đang cần cây bút đó để làm gì? Ví dụ như cây bút đó cầm để viết, thì như vậy việc tìm kiếm cây bút là Tâm sở Tầm.

Trong ví dụ, Tâm sở Tầm giống như là cận thần thân tín nhất [của] vua. Để đưa vua đi đến gặp bất cứ ai, thì luôn luôn có cận thần đi theo, gọi là cận vệ, là người đi theo vua liên tục. Cũng vậy, muốn biết cảnh như thế nào, thì Tâm sở Tầm này là Tâm sở để đưa tâm mình đến cảnh. Và không chỉ đưa tâm mình đến cảnh, mà những Tâm sở của mình như tâm tham, tâm hoài nghi hay tâm vui vẻ, tâm gì đó v.v… là cũng do [Tâm sở] Tầm này dẫn tới, chứ không phải ai khác, giống như là cận vệ đi theo mình.

Cho nên Tâm sở Tầm [trong] Tâm sở Biệt cảnh này, cần có trong một số cảnh. Tất nhiên là trong một số cảnh thôi, chứ không phải trong tất cả [cảnh] đều có. Có một số [trường hợp] thì không cần đâu, tại vì thật ra là không có, nhưng ở đây là chúng ta hiểu như vậy. Quý vị hiểu không ạ? Tâm sở Tầm là như vậy.

Để phân biệt Tâm sở Tầm, Tâm sở Tư và Tâm sở Tác ý, vì ba Tâm sở này dễ

lộn với nhau lắm. Tâm sở Tầm là gì? [Mình] vừa mới học, [Tầm] là tìm kiếm, hướng đến một đối tượng nào đó, gọi là Tầm. Giống như con ong hướng đến bông hoa, tìm đến bông hoa. Còn Tâm sở Tác ý là gì? Tác ý là mình phải điều khiển hành động đó, mình đưa ra hành động đó làm như thế nào. Giống như con ong muốn bay tới bông hoa, nó tác ý là phải bay tới. Bây giờ mình phải tập trung đóng cây đinh, thì mình mới [đưa] cái tay ra để hành động. Còn Tâm sở Tư là chủ đích, chủ định. Ví dụ như mình đóng cây đinh đó để làm gì, mình lấy cây bút đó để làm gì, đó là Tâm sở Tư.

Ba Tâm sở này, trong A Tỳ Đàm đưa ra một ví dụ rất hay, giống như đưa con tàu đến một đích nào đó. Tâm sở Tầm là giống như người chèo thuyền trên con tàu đó. Tâm sở Tác ý thì giống như bánh lái, tức là người điều khiển con tàu đi theo hướng nào, Tác ý là theo hướng nào. Còn Tâm sở Tư là [Thuyền] trưởng, chủ của thuyền, người ta không cần chèo, nhưng người ta hướng là đi đến đâu. Muốn hướng đến đâu [thì] phải điều khiển các nhóm kia đi đâu, con tàu hướng về hướng nào. Tâm sở đó là Tâm sở Tư. Hơi khó hiểu, [nhưng] quý vị hiểu sơ sơ như vậy là được rồi.

Chúng ta cũng biết Tâm sở Tầm là một trong Năm chi thiền. Chi thiền ở đây, phải nói chi thiền đầu tiên là Sơ thiền. Tâm sở [Tầm] giúp ngăn chặn sự Hôn trầm và Thụy miên. Hôn trầm là buồn ngủ, Thụy miên là người đơ đơ, buồn ngủ. Và khi Tâm sở Tầm này được phát triển đến lúc nào đó đủ mạnh, thì trở thành chi thiền đầu tiên. Và [Tâm sở Tầm] này phát triển mạnh hơn, ở bên Thiền quán, thì sẽ trở thành Chánh tư duy trong Bát chánh đạo.

Cho nên quý vị chú ý nha, ý này quan trọng. Đừng xem thường Tâm sở Tầm, bởi vì không có [Tâm sở] này thì không phát triển lên để đắc các tầng Thiền (Thiền chỉ), và cũng không thể giúp cho mình có Chánh tư duy trong Bát thánh đạo. Cho nên khi nào mình có sự mạnh mẽ lên thì là vậy thôi, mình hiểu đơn giản như vậy. Tâm sở đó là Tâm sở Tầm.

Cho nên người nào tu mà bị buồn ngủ, hôn trầm nhiều, thì người cứ man

man, miên miên, buồn ngủ thì mình biết: Một là do cơ thể mình thiếu ngủ, mệt mỏi quá, hay bị cảm v.v… Lúc đó là bất khả kháng rồi thì phải ngủ thôi. Nhưng nếu như cơ thể mình đã ngủ đủ mà vẫn buồn ngủ man man, miên miên, đầu óc cứ mờ mờ, mịt mịt, thì Tâm sở Tầm của mình yếu. Hãy cố dụng [Tâm sở] này lên. Bằng cách nào?

Có nhiều cách, hôm bữa có bài kinh là 11 bước để chống buồn ngủ, Thiện Trang đã giới thiệu ở bộ giảng trước rồi. Nhưng Thiện Trang xin nói cách nữa, sở dĩ mình hôn trầm là do tâm mình ít thay đổi trạng thái, cơ thể mình đứng yên. Quý vị chỉ cần thay đổi trạng thái thôi, ví dụ quý vị đang ngồi thì chịu khó đứng lên, đi qua đi lại, đi tới đi lui. Nói chung một người mà thường xuyên cử động, thay đổi trạng thái, tư thế, thì sẽ ít hôn trầm, buồn ngủ.

Quý vị có để ý không? Đang buồn ngủ ghê gớm mà cho quý vị làm gì, [như] cầm cái búa để đóng cây đinh, thì đố quý vị buồn ngủ đó, khó lắm! Trừ khi quý vị buồn ngủ [do] thiếu ngủ quá, thì có nhiều người đóng cây đinh, đóng xong ngủ gục luôn. Có nhiều người lạy Phật đó quý vị, lạy Phật xong nằm ngủ luôn, im re, không biết gì hết luôn. Đó là buồn ngủ quá rồi, thì không chữa được nữa, mà phải đi ngủ thôi. Tùy mỗi người, khoa học nói cơ thể người bình thường mỗi ngày phải ngủ từ 8 đến 10 tiếng. Thiện Trang thấy ngủ gì mà dữ vậy, đối với người tu hành chúng ta thì ngủ chắc là 5 đến 7 tiếng là nhiều lắm rồi.

Thiện trang thông thường thấy ngủ 4 tiếng là hơi thiếu, mà lâu ngày thì buồn ngủ, mệt mỏi lắm. Nếu ngủ 5 tiếng được thì thấy bình thường. Còn bữa nào thiếu ngủ quá rồi thì [ngủ] hơn 5 tiếng. Tức là do mấy bữa trước thiếu ngủ, hoặc mệt quá, chứ còn thực tế thì chỉ [ngủ] vậy thôi. Và nếu ngày nào ngủ được 5 tiếng rồi đó, thì trưa không buồn ngủ, không mệt. Còn nếu mình thiếu ngủ là buổi trưa đơ đơ, buồn ngủ, đó là do thiếu ngủ.

Chứ còn thực tế người hoạt động đầu óc nhiều, và quý vị khéo thay đổi trạng thái [thì ít buồn ngủ]. Và đặc biệt chúng ta phải có các trạng thái để đối phó, đó là tâm của mình phải dán đến đối tượng, thay đổi đối tượng. Tại vì mình đang nhìn,

quý vị cứ nhìn một thứ thôi thì Tâm sở Tầm này không hoạt động, nó chuyển sang Tâm sở Tứ rồi. Còn nếu như quý vị muốn thay đổi đối tượng, quý vị làm việc gì đó, thì tâm mình liên tục áp vào đối tượng mới, tìm đối tượng mới, quan sát đối tượng mới, cho nên tâm này thay đổi liên tục để chuyển tâm mình. Tâm sở này chuyển tâm mình tới những Tâm sở khác, cho nên nó mạnh lên và hoạt động liên tục. Khi hoạt động liên tục thì sẽ dứt được Hôn trầm, Thụy miên.

Bí quyết là vậy đó! Cho nên ngồi tọa thiền niệm Phật mà buồn ngủ quá, thì quý vị cứ mạnh dạn đứng dậy đi lại. Còn khi quý vị vừa đứng vừa đi lại, mà vẫn còn buồn ngủ, gục gà gục gật, thì chỉ có thiếu ngủ thôi. Thiếu ngủ quá rồi thì biện pháp là nên nghỉ ngơi cho đủ giấc. Đừng có để thiếu ngủ lâu ngày thì đầu óc mình không sáng được, cứ mơ mơ, màng màng. Quý vị học pháp cũng không vô đâu, không có giải ngộ được đâu. Phải [có] một cơ thể bình thường, một trạng thái bình thường thì mới tu được. Cho nên mình phải để ý [điều] này nha.

Có nhiều người tinh tấn quá mức, có người giải đãi quá mức, ham ngủ. Ham ngủ là một ngày quý vị ngủ quá nhiều. Có ai ngủ quá nhiều không? Chắc là không! Đồng tu bây giờ chắc là đa số ngủ ít, đều thiếu ngủ cả, do thiếu ngủ lâu năm. Nhiều khi chưa có gì hết, vô ngồi [tọa thiền niệm Phật] một chút là ngủ rồi, đó là thiếu ngủ. Chứ còn nếu không thiếu ngủ, thì làm gì ngủ cỡ đó. Cho nên chúng ta phải luyện, luyện trên Tâm sở Tầm.

2. Tâm sở Tứ: Tứ định nghĩa là trạng thái duy trì, giữ gìn, chăm nom, kìm giữ liên tục, không có suy nghĩ lan man. Tức là khác với Tâm sở Tầm, là chỉ mới quay hướng đến bông hoa thôi. Bây giờ giống như con ong đã thấy bông hoa rồi, thì nó phải liên tục giữ gìn bông hoa, phải vờn quanh bông hoa để hút mật chứ, kiểu như vậy đó. Cho nên [Tâm sở Tứ] là phải kiểm tra, giữ gìn, kìm giữ liên tục.

Cũng vậy, nếu nói trong tâm của chúng ta, thì Tâm sở Tứ là quý vị tập trung liên tục, dán tâm vào đối tượng đó, áp sát liên tục vào đối tượng đó. Ví dụ chúng ta cầm cây [bút] viết, mà viết thì phải chú ý dòng chữ v.v… từng chút từng chút. Sự chú ý tập trung đó chính là Tâm sở Tứ. Còn [việc] đưa ra quyết định làm gì,

[như điều khiển] cây bút lên xuống, viết thế này thế kia, đó là Tác ý.

Chúng ta phải hiểu Tâm sở rõ ràng như vậy. Tâm sở Tứ này là một chi thiền, khi phát triển mạnh lên thì thành chi thiền trong Sơ thiền và Nhị thiền, có Tầm, có Tứ. Nhị thiền của bên A Tỳ Đàm, chứ không phải Nhị thiền của kinh tạng. Tâm sở Tứ này có chức năng đó, và là một chi thiền ngăn chặn được sự hoài nghi.

Tại sao Tâm sở Tứ ngăn chặn được sự hoài nghi? Bởi vì sở dĩ chúng ta nghi, là [do] chúng ta chưa biết rõ về đối tượng. Ở đây không nói nghi trong Phật pháp, ở đây chỉ nói nghi trong đối tượng đó thôi. Ví dụ mấy bữa trước nghe Thiện Trang nói về A-la-hán, thì có người hỏi: "Có phải A-la-hán có đủ Thần thông hay không?" Thế này thế kia.

Nhưng hôm nay học được đoạn đầu thì mình hết nghi, mình biết A-la-hán có năm loại, có loại không có Thần thông, có loại có Ngũ thông, thậm chí có loại có Túc mạng minh (Tam minh đó), rồi có A-la-hán có Tứ vô Ngại biện nữa. Mình hiểu như vậy, do mình tiếp xúc được rõ ràng thì mình sẽ không còn nghi nữa, dứt hoài nghi. Tức là xác định được rõ ràng vấn đề đó rồi, thì hết được hoài nghi về điều đó. Hết hoài nghi về vấn đề đó thì mới là chi thiền, chi thiền là như vậy. Chứ còn nói hoài nghi trong Phiền não thì chưa phải, đó là cao hơn nữa, hoài nghi đó là hoài nghi cao. Tâm sở Tứ này thì rõ ràng như vậy.

Ở đây người ta ví dụ Tâm sở Tầm và Tứ để phân biệt như thế này, tại vì Tầm Tứ khó phân biệt, cứ mơ mơ màng màng. Một cái là quan sát đối tượng, hướng tới đối tượng, [còn một cái] là quan sát tập trung vào đối tượng, thì người ta đưa ra ví dụ như thế này:

Tâm sở Tầm là điều báo trước của Tâm sở Tứ, báo trước cụ thể như sau: Ví dụ như con chim vỗ cánh sắp bay, là Tâm sở Tầm. [Còn] Tâm sở Tứ là ví như con chim đang lượn bay trên bầu trời. Như vậy bay trên bầu trời là Tâm sở Tứ rồi. Còn con chim khi chưa bay, mới vỗ cánh cạch cạch thôi, là mình biết nó báo trước cho điều kia. Sự báo trước đó là Tâm sở Tầm, là biết trước con chim sắp bay rồi.

Còn con chim bay lên là chuyển sang Tâm sở Tứ rồi.

Hoặc lấy ví dụ khác như tiếng trống, thôi lấy tiếng chuông vì chúng ta hay đánh chuông. Khi đánh tiếng chuông đầu tiên mình nghe cái boong (beng), thì đó chính là Tâm sở Tầm, mình nói đấy là Tâm sở Tầm. Còn âm thanh vang boong... rung động sau là Tứ. Quý vị hiểu như vậy.

Cho nên khi mình dán tâm vào một đối tượng nào đó, ví dụ như bây giờ Thiện Trang cầm viên pin này lên, thì quý vị quan sát, ngay đầu tiên quý vị nhìn vô thấy cái gì trắng trắng, chữ gì đó v.v… Quý thấy như vậy, thì đó mới là Tầm. Còn Tứ là đã xác định đây là viên pin, nhưng không biết là pin mấy A, 2A hay 3A. [Khi] quý vị xác định luôn đó là 2A, vì là pin to, là xong, đó là Tâm sở Tứ.

Tầm là mới quan sát đối tượng, mới nhìn vào thì biết đó là viên pin, nhưng vẫn còn hoài nghi, nghi là không biết viên pin này là pin nào, là pin tiểu đấy, nhưng không biết 2A hay 3A. Còn khi đã rõ ràng là 2A rồi, đó là Tâm sở Tứ, [thì sẽ] dứt hết hoài nghi.

Cho nên Tâm sở này vẫn có, có trong một số đối tượng thôi, chứ không phải lúc nào cũng có. Có khi không có, không rõ ràng, cảnh đó nhanh quá, xẹt qua. Ví dụ chiếc xe chạy nhanh cái vèo qua, mình thấy có người giống như người yêu của mình, mình thấy vợ mình, chồng mình ngồi trên đó. Mình thấy [người] ngồi, không biết vợ của mình đi với thằng nào mà chạy nhanh quá, thế thì mình đang có hoài nghi. Nhưng mình không thể dứt hoài nghi đó được, bởi vì chiếc xe chạy nhanh quá, cảnh chạy qua nhanh quá.

Tức là Tâm sở Tầm hướng đến đối tượng, nhưng Tâm sở Tứ không kịp hiện, cho nên mới gọi là Biệt cảnh, không dứt hoài nghi được. Lúc đó phải ráng lấy xe đuổi theo, đuổi không kịp, [nên] thôi. Rồi vẫn còn nghi ngờ trong tâm, thì đó rõ ràng chỉ có Tầm, chứ không có Tứ. Nhưng Tầm lúc đó đã đủ tỉnh táo chưa? Đang ngồi uống cafe buồn ngủ ghê gớm, thoáng qua thấy bà vợ mình, ông chồng mình đi với cô nào chạy ngang qua, nhanh quá, mình chạy ra mà không kịp. Nhìn biển

số, thấy xe giống giống mà nhìn không thấy được, không biết có phải ổng không chở cô nào không, v.v…

Lúc đó là hết buồn ngủ ngay, tại vì có Tâm sở Tầm, nhưng không có Tâm sở Tứ, vì không quán xét được. Còn nếu như mình ra kịp, nhìn thấy ổng dừng đèn đỏ rồi, hóa ra không phải, mình nhìn lộn. Biển số xe không phải là xe của chồng mình, ông đó cũng không phải là chồng mình v.v… thì dứt [được] hết hoài nghi. Đó là Tâm sở Tứ.

Cho nên một cảnh có cả hai, có Tầm có Tứ. Nhưng một số cảnh thì không có. Vì vậy mới gọi là Biệt cảnh, Biệt cảnh là như vậy. Tức là có cảnh có, có cảnh không, chứ không phải lúc nào cũng có, và điều đó rất hay. Thiện Trang đưa ra ví dụ đó chắc mọi người đều hiểu, tại vì ở đời hầu như ai cũng là chúa ghen. Cho nên lấy ví dụ về ghen tuông là hầu như ai cũng hiểu hết, đấy là một ví dụ rất rõ ràng.

3. Tâm sở Thắng giải: Thắng giải là trạng thái quyết đoán, quyết định hay là sự xác định. Tức là đối với cảnh đó mình đã nhận biết rất rõ ràng rồi, và không còn phân vân, do dự gì cả. Tức là [Tâm sở Tứ] thì vẫn còn hoài nghi, chưa rõ ràng 100%. Nhưng [Thắng giải] này là đưa ra quyết định như đinh đóng cột rồi đó, tôi xác định điều đó là như vậy.

Giống như lấy ví dụ vừa rồi, mình từ quán cafe đi ra, mình thấy [một người] giông giống ông chồng, nhưng không biết, vì nhìn cũng xa xa. Thấy biển số xe hơi giống giống, xe cũng dáng đó, người cũng giống dáng đó, không biết có phải như vậy [không]? Tức là Tâm sở Tứ của mình nhìn thấy cảnh rồi, đủ duyên với cảnh. Nhưng vẫn chưa xác định được 100%, nên vẫn còn nghi ngờ.

Còn mình ra mình thấy đúng y rồi đó, biển số xe đó rồi, ông đó rồi, hết chối với tôi nha. Đó là xác định rõ ràng, giống như vị quan tòa đã xác định được, quyết định được vụ án này, đã đưa ra phán quyết rồi, phán quyết chính xác rồi, đó gọi là Thắng giải.

Thắng giải là một quyết định đã đưa ra một cách kiên cố, kiên định, và hết

sự hoài nghi, chắc chắn đối lập hoàn toàn với sự hoài nghi, không hoài nghi nữa. Và thực ra trong đời sống chúng ta có rất nhiều điều này, ví dụ gặp một chuyện gì đó trong tu hành thì mình có nhiều điều nghi ngờ đúng không? Mình không biết rõ ràng thì phải gặp một vị Thiện tri thức nào đó giải cho mình, nói cho rõ ràng vấn đề đó để mình không còn nghi. Vì hết nghi nên giúp cho mình giải quyết được vấn đề, nên mới gọi là Thắng giải. #Giải nghĩa là giải quyết, giải quyết thù thắng rồi thì vững chắc lắm. Và khi mình đã xác định vững chắc rồi, mình không thay đổi, thì điều này quan trọng.

[Tuy nhiên] Tâm sở Thắng giải này cũng có điều hại. Quý vị biết điều đó là chính xác rồi, và cứ cho đó là như vậy, thì quý vị sẽ sanh ra một loại là Trạo cử hay là Điệu cử. Tại sao? Vì quý vị cứ nhận định điều đó là như vậy rồi, thì quý vị không tiếp thu được điều nào nữa, [đưa] điều nào vô nữa thì không được. Ví dụ như có nhiều đồng tu nghe pháp từ sáng đến tối, nghe suốt ngày, nhưng tâm của họ bị Trạo cử.

Quý vị biết Trạo cử không? Trạo cử là do Tâm sở Thắng giải này mà ra. Tại vì [tâm] lăng xăng nghĩ suốt ngày, niệm pháp, vì họ cho rằng đó là đúng. Họ cho là như vậy, và họ thường không nghe được điều khác. Cho nên người có Thắng giải nhiều thì khó tu định. Vì sao? Vì buông không được, người ta cứ cho điều đó như vậy, ông đó như vậy. Ví dụ bữa đó mình thấy nhưng chưa chắc đúng là ông chồng, nhưng mình tin chắc là đúng rồi. Cho nên khi ông chồng về, ổng giải thích là bữa đó không phải là [tôi] đâu, thằng bạn mượn xe, thế này thế kia mình cũng không chịu. [Nên ông chồng nói]: "Đúng! Hôm đó là xe tôi đó, tôi cho thằng bạn mượn xe chở vợ nó đi, không phải là tôi". Nhưng bà vợ [nói]: "Không! Tôi thấy rõ ràng cái xe đó rồi, ông chở chứ còn ai nữa" v.v… Đó là Thắng giải. Và Thắng giải này xác định như vậy nhưng chưa chắc đúng, nên chỉ là đưa ra phán quyết xác định. Và người nào có nhiều phán quyết xác định như vậy, mà là phàm phu, thì sanh ra Trạo cử rất nhiều. Những người này thường không có tiếp thu được những điều mới.

Cho nên trong tu hành nhiều người bị nạn này, và thường khi Trạo cử lên thì họ thích nói nhiều, thích thuyết pháp cho người ta chứ không thích nghe. Vì họ xác định như vậy rồi, xác định pháp là như vậy. Và những người này thường rớt vào trong Tam tướng nghe pháp của ngài Mã Minh, được nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, là rớt vào tướng Tâm duyên. Cho nên tu là phải tu được mấy [Tâm sở] này. Đừng có tưởng đơn giản, nhiều người có những Tâm sở [Thắng giải] này cho nên nguy hiểm.

Khi nào [Tâm sở] Thắng giải là tốt? Khi nó đi với thằng tốt thì là tốt, nhưng lỡ nó đi với sự giải sai lầm hoặc điều gì sai lầm khi khởi cùng với Tâm sở khác, [ví dụ] như Thắng giải mà rớt vào chấp gọi là đi với Tâm sở Ngã mạn, thì rớt vô điều sai. Cho nên mới gọi là Tâm sở Tợ tha. Tợ tha tức là nó kết nối cho mấy [Tâm sở] kia, [Tâm sở] nào xấu thì kết nối với điều xấu, [Tâm sở] nào tốt thì kết nối với điều tốt. Tợ tha là nương tựa, kết nối cho cái khác. Cho nên Tâm sở Tợ tha mà đi với [Tâm sở] thiện thì thành thiện, đi với [Tâm sở] xấu thì thành xấu.

Cho nên những người nào tu mà nghe pháp thì cẩn thận nha. [Tâm sở] Thắng giải này cũng nguy hiểm, nếu như mình nghe sai. Nếu đúng thì không sao, tốt lắm! Tuyệt vời! [Tâm sở Thắng giải] này vào giúp làm duyên để mai mốt làm cho tâm mình quyết đoán, quyết định được. Nhưng [Tâm sở] Thắng giải này mà sai rồi, [thì] mai mốt sẽ là nhân [sanh] ra: thứ nhất là Trạo cử, thứ hai là tâm Sân.

Sân là khi mà có một kiến thức, tri kiến khác đối nghịch với Thắng giải của mình. Tức là mình đã phán quyết đó là A rồi, mà bây giờ có người đưa ra là B, thì mình chịu không được, mình tức. Thấy chưa! Học Tâm sở đó, ghê không! Phải cẩn thận! Ví dụ như quý vị xác định người đó là vị Bồ-tát tái lai rồi, nhưng bữa nay nghe thầy Thiện Trang nói [không phải Bồ-tát] tái lai, [thì mình nghĩ] ông thầy Thiện Trang nói xấu, dám nói Sư phụ của mình không phải Bồ-tát tái lai, thế này thế kia v.v…. [Mình cho] người đó là A-la-hán rồi, mà ổng dám nói không phải là A-la-hán. Ổng lấy kiến thức nào, ở đâu ra, mà ổng bác bỏ, v.v… [xong] rồi mình tức. Tại vì sao? [Vì] mình đã xác định như vậy rồi, mình đã thắng giải như vậy rồi

mà. Đó là Thắng giải. Và khi đó mình không tiếp thu điều mới, nên tức lên. Cho nên Sân thường là [như] vậy.

Có nhiều yếu tố tạo nên tâm Sân, nhưng Sân cũng là do Thắng giải của mình, mình đã xác định là A rồi mà bây giờ không phải là A, thì mình tức lên đúng không quý vị? Rõ ràng tôi thấy ông chồng chở cô đó rồi, mà giờ ổng chối, nói cho thằng bạn mượn xe. [Thế] là mình tức lên, đúng chưa? Cho nên tu là tu từ Tâm sở này, và mình biết nó từ đâu. Tâm sở này cũng nguy hiểm.

Cho nên học, mình biết Tâm sở này là Biệt cảnh. Nói chung 13 Tâm sở Tợ tha này, nếu mình biết thì mình điều nó đi theo những [Tâm sở] tốt. Sau này mình học Tâm sở tốt thì mình điều nó đi kèm với mấy [Tâm sở] tốt giùm, thì sẽ chuyển thành tốt hết. Còn mình không biết, mình để cho nó đi tự do, thì thông thường nó đi với mấy [Tâm sở] xấu. Tại vì chúng sanh đa phần ở trong cảnh xấu, bản chất chúng sanh trong luân hồi là xấu, chứ không nói bản chất chúng sanh là xấu. Nói theo Đại thừa thì Tự Tánh của chúng sanh vốn là giống Như Lai, nhưng bây giờ mình đang là xấu. Nói như trong Kinh Địa Tạng là chúng sanh quen theo tánh ác. Cho nên những Tâm sở này cứ chạy theo xấu thôi.

Bây giờ đố quý vị làm sao để tu được Tâm sở tốt? [Đó] là quý vị kéo giùm Tâm sở Tư này, trong mấy Tâm sở Biến hành gồm Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, thì quý vị kéo giùm Tâm sở Tư là chủ đích của mình, mình ráng có chủ đích tốt. Việc gì cố gắng nghĩ theo chiều hướng tốt, làm những việc tốt, tốt, tốt. Và Tâm sở Tư này muốn tốt, thì ngoài không tham, không sân, không si, cũng phải không có ngã mạn, không có hoài nghi, đủ thứ các kiểu. Và mỗi kiểu đó đưa ra [quả] khác nhau. Mai mốt chúng ta học sâu hơn Tâm sở này thì chúng ta sẽ hiểu rõ.

[Ví dụ] cùng một việc ăn trộm, nhưng Tâm sở nào hiện hình lên đi cùng thì tạo ra [quả] khác nhau. Ví dụ, một người tới thấy cái điện thoại để đó, người ta nói: "Điện thoại này không có chủ, thôi mình cứ lấy đi, đằng nào họ cũng bỏ quên rồi, thôi mình cứ lấy". Với Tâm sở như vậy, thì tội nhẹ hơn so với một người đến

kêu: “Không cần biết điện thoại này là của ai, ta cứ lấy”. Còn trong đầu người kia thì biết lấy là có chịu nhân quả đấy, nhưng [nghĩ]: “Thôi kệ, mình cứ lấy, mình thích cái điện thoại này quá rồi, mình lấy đi”. Như vậy Tâm sở đó có Tâm sở Hợp trí trong đó. Tuy họ lấy là sai, tham thì mới lấy, nhưng có Tâm sở Hợp trí trong đó, có trí tuệ trong đó. Họ vẫn tin sâu nhân quả, nhưng bây giờ tin chưa tới nơi thôi, vì tham mạnh quá cho nên họ lấy. Còn người kia cũng tới lấy điện thoại, [nói]: “Của ai tao không biết, tao cứ lấy. Chẳng có nhân quả nghiệp báo gì đâu, tao sợ gì mấy ông thầy chùa hù tao, thế này thế kia, không sợ!”. Đấy là Tâm sở xấu hơn nữa, tệ hơn nữa.

Cho nên cùng một đối tượng đó [nhưng Tâm sở khác nhau], thì quả khác nhau nha quý vị. Có một người khác đến, chưa muốn lấy, nhưng có một người nói: ‘Cứ lấy đi, không sao đâu’. Có người thúc giục cho lấy thì quả báo khác nữa. Quý vị thấy không? Mỗi Tâm sở thúc giục vô, thêm một yếu tố khác [vào] là ra [quả] khác. Giống như chúng ta làm bánh, mà quý vị thêm một gia vị khác vào là [vị] bánh khác. Bữa nay món này bỏ thêm chút hành vô là có người ăn không được, bỏ thêm chút ớt là cay quá, ăn không nổi. Có người bỏ thêm chút tiêu hay pha chế chút gì đó, cái bánh đang ngọt mà bỏ gì đó vô là ăn không được. Tức là chỉ cần thêm một Tâm sở nào xuất hiện, trong 52 món Tâm sở này, chỉ cần có món Tâm sở nào chạy vô thêm là quả khác rồi. Vì vậy mới sanh ra 121 tâm chứ quý vị. Vì vậy mới khác biệt một trời một vực.

Cho nên chúng sanh muôn hình vạn trạng. Cùng sanh ra trong thời đại này, cùng ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu (Nam Diêm Phù Đề), cùng lứa tuổi, sanh ra cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, cùng địa phương đấy, nhưng nghiệp không giống nhau. Vì sao? Vì những Tâm sở này không giống nhau. Khi tác nghiệp, tác ý, nghĩ trong đầu làm gì v.v… tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý, do những món Tâm sở này không giống nhau, có người dùng nhóm Tâm sở này, có người dùng nhóm Tâm sở kia. Tuy 7 Tâm sở Biến hành đều giống nhau, nhưng [Tâm sở] Biệt cảnh khác nhau. Rồi sau này mấy Tâm sở sau khác nhau, nó kéo một dây lên thành quân đoàn khác nhau, và ra quả khác nhau. Vì vậy sau này thọ báo khác nhau.

Cho nên có người rất khỏe mạnh, xinh đẹp, giàu có, đầy đủ, tại vì họ toàn là Tâm sở tốt. Có người thì cũng giàu có, xinh đẹp, nhưng yếu xìu, bệnh lên bệnh xuống. Có người thì có Tâm sở khác, cũng giàu có, cũng xinh đẹp, yếu thì không yếu lắm, nhưng dốt, không thông minh. Kiểu vậy đó! Do Tâm sở nào mà chúng ta phải [thọ báo khác nhau].

Cho nên nếu không học bộ này, mình tu mình cứ [nghĩ] tu dễ lắm, nhưng tu điều gì thì không biết. Lên tụng kinh, niệm Phật, thì chưa hẳn là tu. Nếu theo Đạo gia bên Trung Hoa nói, là đọc sách ngàn lần thì tự hiểu nghĩa kia. Đó là bên Đạo gia. Nhưng nói theo Phật giáo Tiểu thừa, nếu quý vị không hiểu, quý vị đọc nhiều như vậy, thì thực tế mà nói là không phát huy được trí tuệ của quý vị. Khi không có Tâm sở đi đến trí tuệ, thì sau này quý vị đầu thai có khả năng không phải là đầu thai với tâm Tam nhân, không có tạo ra tâm đầu thai Tam nhân. Quý vị đọc bộ kinh đó phải hiểu biết một chút, tức là phải tin vào trong đó. [Còn] đọc như đọc thần chú thì không được. Đọc thần chú mà muốn có tâm trí tuệ, là khi đọc mình phải tin vào sự linh ứng mầu nhiệm, phải tin Phật thì mới linh. Còn nếu mà cứ đọc **"Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành"** v.v… đọc hoài như vậy, đọc mà không có một suy nghĩ gì hết thì không khởi lên những Tâm sở kia, [thì] không được [kết quả lớn].

Cho nên Thiện Trang học, Thiện Trang nghĩ đúng là một bên dạy kiểu này, một bên dạy kiểu kia, cũng hay. Nói chung là mỗi cách [đều] có thể thành tựu. Khi quý vị đủ vốn rồi, đủ Ba-la-mật rồi, thì quý vị tu kiểu gì cũng thành tựu hết. Còn người chưa đủ vốn, thì những điều này cũng phải rèn luyện qua lại. Cho nên có người đọc sách ngàn lần thì họ tự hiểu nghĩa, nhưng có người đọc hoài cũng không hiểu, là do vốn của mình không có.

Nên những bộ Tiểu thừa như A Tỳ Đàm này, dạy cho những hàng căn cơ bình thường. Hạng bình thường thì học những điều bình thường, thì sẽ đi đến những thành tựu từ từ. Còn mình muốn đua đòi, bay lên trên để học, [nhưng] mình không phải chủng tánh đó, thì đời này học chỉ là kết duyên thôi. Tất nhiên

theo Duy Thức Luận (Luận Duy Thức) thì chúng ta yên tâm, điều gì đọc qua thì đều lưu trữ trong tàng thức (A-lại-da-thức) hết. Cho nên không có uổng đâu. Nhưng hiệu quả trước mắt (nhất thời) thì không có.

Cho nên Tâm sở Thắng giải này cũng cần phải coi cho kỹ. Thứ nhất Thắng giải cũng sanh ra Điệu cử (hay là Trạo cử), và cũng sanh ra dễ sân nữa. Ai học thì cẩn thận nha! Cho nên điều gì mình đã quyết định đúng rồi, thì quý vị xem lại giùm một chút. Tức là đức Phật nói trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương là: **"Ông chớ tin ý ông. Vì ông chưa đắc A-la-hán thì chưa tin được"**. Bao giờ đắc A-la-hán thì mới tin được ý mình đúng, [quý vị] nhớ như vậy.

Khi [Tâm sở] Thắng giải này phát triển lên [mà kèm với sai] thì nguy hiểm, nó trở thành Sở tri chướng. Thắng giải nào cũng như thế hết, có thể trở thành Sở tri chướng nếu như Thắng giải đó sai lầm, mà mình khư khư ôm miết. Cho nên nguy hiểm là từ những điều này. Và Tâm sở nếu mình không học thì mình không biết. Nên cẩn thận nha!

4. Tâm sở Cần: Cần thì chúng ta biết rồi, Cần là trạng thái siêng năng, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực. Điều này thì dễ rồi.

Cần là siêng năng, tinh tấn, nỗ lực, thì ai cũng có. Mà điều này thì quý vị nghĩ tốt hay xấu? Thiện Trang tin tất cả mọi người đều nói Tâm sở Cần này là Tâm sở tốt, đúng không quý vị? Nếu quý vị nói vậy thì quý vị sai rồi. Tại vì sao? Vì nó nằm ở trong 13 Tâm sở Tợ tha thì làm sao là tốt được. Tợ tha tức là nó đi với thằng tốt thì nó tốt, đi với thằng xấu thì nó xấu. Mọi người nói: "Siêng năng là tốt chứ thầy!" Đúng! Siêng năng theo hình thức tốt là tốt. Nhưng có khi siêng năng, người đời nói là siêng năng mà cộng với ngu dốt thì thành phá hoại.

Bây giờ siêng năng, nhưng siêng năng đi ăn trộm thì đâu có tốt đâu, không tốt! Siêng năng, nhưng siêng năng mảng nào? Siêng năng là cần, là cố gắng v.v… ráng thêm, bền bỉ, nghị lực, nỗ lực, tính mạnh mẽ, kiên cường. Nhưng tu trật lất, thì càng tu càng đi xa chánh đạo bấy nhiêu, đó là đi vô đường tà rồi. Ví dụ như

qua đất nước [người ta] xúi đi khủng bố, khủng bố cho nhiều vô thì được lên thiên đàng gì đó… có đất nước xúi bậy vậy đó. Mà họ lại siêng năng, tin vào điều đó [nên] làm. Càng làm hung thì càng tạo nghiệp nặng chứ được gì.

Còn trong tu tập chúng ta nói đơn giản, là mình đã không có Chánh kiến, [mà] có Tà kiến, Tà tư duy rồi, mà mình dụng công cho nhiều thì càng xa với đạo thôi. Cho nên Tâm sở Cần này là [Tâm sở] Biệt cảnh, trong 13 Tâm sở Tợ tha, tại vì nó đi với thằng nào thì chịu [cùng] với thằng đó. Và Cần này thì tốt đúng không quý vị? Tốt, nếu như nó đi với điều tốt. Cho nên cần là siêng năng, bền bỉ, trạng thái chịu đựng được, điều này thì người tu cũng phải cần. Nên phải biết nha! Nhiều người không biết đâu.

Trong này có một ví dụ, giống như ngôi nhà cũ bị nghiêng, chống đỡ bằng những cây cột, không thể bị ngã. Cũng vậy, Tâm sở này sẽ giúp cho những Tâm sở khác trụ lại vững vàng, không thoái thất. Ví dụ như quý vị có tâm hỷ, thì tâm Cần này sẽ giữ cho hỷ của mình vui vẻ. Cho nên Cần là một điều quan trọng.

Quý vị biết [Tâm sở Cần] này cũng liên quan đến Ba-la-mật, trong Ngũ căn Ngũ lực, và Cần như Ý túc cũng có. Nên ở trong bộ Pháp Tụ nói: Cần là căn nguyên của tất cả sự thành tựu. Cần là mình phải siêng năng, nếu mình không có siêng năng thì không thành tựu được. Quý vị nhớ bài hôm trước Thiện Trang có nói, sau này khi [Cần] mạnh lên, duy trì được tốt, thì biến thành Chánh tinh tấn. Có nghĩa là mình tinh tấn đúng cách, và đúng với Chánh đạo thì thành Chánh tinh tấn (là một trong Bát chánh đạo). Cho nên Tâm sở Cần này cực kỳ quan trọng, không phải là bình thường đâu. Chứ không, mình mơ mơ màng màng thì thôi, mình không [thành công] được.

Mọi sự thành công phải có sự bền bỉ, siêng năng. Ở trên đời không có gì lười biếng mà thành công hết. Người ta hay có câu nói là: “Trên con đường thành công, không có dấu chân của người lười biếng”, đúng không quý vị? Tu hành đạo quả, [nếu] không có Cần (là siêng năng) thì cũng không được, nhưng mình phải siêng năng đúng cách. Cho nên mới gọi là Chánh tinh tấn.

[Trong tu hành] cũng vậy, giống như tu Thiền, bây giờ nhiều người nói: "Thưa thầy! Sao tu không có ai đắc Thiền hết?" Tại vì quý vị chưa có qua Thiền đường, quý vị chưa tu Thiền bao giờ, cho nên kêu không đắc Thiền. Rồi mình tưởng mình đầu thai với tâm Nhị nhân. Thực ra không phải! Quý vị có tu Thiền đâu. Nói thật, người ta tu Thiền là người ta phải dành thời gian một ngày 12 tiếng ngồi quán hơi thở, mà phải dạy đúng cách nữa. Còn bây giờ mình cũng không biết cách thiền.

Thiền là gì? Rất đơn giản, ví dụ như dùng một đề mục là quán hơi thở, quý vị chỉ cần ngồi xếp bằng đúng cách, rồi theo dõi hơi thở, quán hơi thở ra vô. Hoặc là quý vị coi Luận Thanh Tịnh Đạo, coi cách niệm đó, người ta niệm đề mục Đất. Trong 10 đề mục: Đất, Nước, Gió, Lửa, Hư không, ánh sáng, xanh, vàng, đỏ, trắng, thì chỉ cần niệm Đất. Bảo quý vị nặn một cục đất to to cỡ [nắm tay] để trước mặt, cứ quán đi, nhìn hoài, nhìn cục đất này miết, nhìn một tháng hay mấy tháng gì đó. Nhìn đến khi bỏ cục đất ra ngoài mà vẫn thấy cục đất, mà thấy luôn màu đất đó như vậy. Và thấy đằng trước mặt chỉ còn cục đất đó thôi, thấy mức độ sâu hơn nữa là cho dù đi, đứng, nằm, ngồi, hay làm gì cũng thấy [cục] đất đó thôi, thì quý vị mới đắc được vô Sơ thiền. Mình có tu như vậy đâu mà đắc.

Quý vị thấy không? Đó là mới đắc Sơ thiền, [rồi] lên Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Còn mình đâu có tu như vậy. Pháp quán đó y chang pháp Quán mặt trời trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ đó. Pháp quán đầu tiên là Quán mặt trời, quán mặt trời mà quán phải cỡ đó, tức là phải vậy.

Còn bây giờ mình tu gì đâu. Mình nói niệm Phật, mình niệm bao nhiêu? Niệm có chút [thì] chạy ra mất rồi, hay niệm gì đó cũng chút chút không à. Cho nên không phải là mình không đắc Thiền, mà do mình không biết tu Thiền. Người ta phải bỏ ngày này qua ngày nọ, tu cả tháng trời [cho đến] mấy tháng. Thậm chí ở trong A Tỳ Đàm nói luôn, là phải tu có khi hai, ba năm, mòn mỏi như vậy, mới biết mình đắc Thiền hay không. Còn mình chưa, mình mới tu sơ sơ, tu chơi chơi, lâu lâu vô ngồi chút xếp bằng cho an lạc, thì vô Vị đáo định là khá rồi. Chứng tỏ đó là

mình giỏi rồi đó. Chứ mình có tu xuyên suốt đâu, mình còn tạp tu mà, mình đâu có xuyên suốt. Cho nên là chưa, mình chưa thử sức thôi.

Rồi kêu: "[Sao con] tu không đắc Thiền vậy thầy?" [Có] tu đâu mà đắc. Tu Thiền chỉ cũng khó, thôi bây giờ mình lấy Thiền quán ra an ủi. Nghe nói tu Thiền quán đắc A-la-hán, bữa nay có luôn bài đó rồi, đắc A-la-hán kìa. Cho nên tu Thiền quán thôi, quán pháp Vô thường, vô Ngã v.v… nghe pháp đã hơn. Đắc Thiền quán trước, rồi mai mốt đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, [đắc] A-la-hán rồi bắt đầu vô tập tu nhập định, tu Thiền chỉ. Bây giờ chắc là tu như vậy cho khỏe. Thực ra tu Thiền chỉ cũng phải có thời gian.

Cho nên quý vị coi những vị mà tu [một] hồi ra, thì người ta phải có thời gian. Còn mình đời nay do thiếu phước báo, bận quá, tâm lúc nào cũng chạy. Quý vị nghĩ quán đề mục Đất mà quán cỡ đó, thì mới đắc Thiền chỉ. Giờ mình có thời gian đâu, một chút cái mình ra đi chợ, nấu cơm, tính toán điều này, tính toán điều kia. Cảnh đổi liên tục [thì] làm sao quán thành. Quý vị đem 16 phép quán của Kinh Quán Vô Lượng Thọ đó, quý vị quán được một cái thành thôi, là cũng được rồi. Quý vị [có] quán được đâu!

Cho nên thời nay là thời Mạt pháp là vậy đó. Là do mình không có thời gian. Mà để có thời gian thì phải bỏ hết công việc thì mới tu được, nên tại sao lại không đắc Thiền. Còn mấy người đắc Thiền, [thì] có được mấy ai? Có nhiều người niệm Phật, làm sao mà đi, đứng, nằm, ngồi, mình niệm làm sao mà đến mức độ lúc nào cũng có Phật. Bây giờ quý vị có [làm] được không? Niệm một chút thì quên mất.

Cho nên đâu phải đâu, [do] mình chưa tu, chưa có dụng công. Cho nên không biết ai đầu thai thế nào, nhưng Thiện Trang tin là quý vị học pháp quý vị cũng hiểu, giải ngộ được, thì những người đó đầu thai bằng tâm Tam nhân. Đây là mình tin thôi nha, không phải là ấn chứng đâu, không phải là mình phải khẳng định như vậy. Còn những người học thì cũng giỏi, nhớ dai v.v... nhưng không có sự giải ngộ, thì khả năng là họ không đầu thai bằng tâm Tam nhân. Tại vì họ không giải được, không có trí, không đầu thai bằng tâm Hợp trí đó. Cho nên họ nhớ ghê lắm, nhưng

không giải được. Đây là Thiện Trang nói thôi, không có chắc chắn, bao giờ mình chứng quả thì mới chắc. Còn không thì chúng ta cứ tu đi, hên xui. Đó là nói về Tâm sở Cần.

Như vậy ở đây Tâm sở Cần cũng rất mạnh mẽ, [quý vị] nhớ là mình thành tựu được là nhờ Tâm sở Cần. Nhưng tu làm sao để có [Tầm sở] Cần, để siêng năng? Ở trong A Tỳ Đàm có đưa ra, chúng ta hãy quán những pháp như thế này:

Quán về 8 nỗi thê thảm (8 nỗi khổ), để mình siêng năng:

1. Thứ nhất là quán nỗi khổ của Sanh. Khi sanh ra là mình bị đau đớn, nhưng mình đâu có nhớ. Thôi quán sống ở đời khổ quá, suốt ngày đi làm, sáng ra ngủ chưa đủ giấc mà đã phải dậy đi làm sớm, rồi nấu cơm cho chồng, con… Đi làm về mệt mỏi, rã rời, chưa được nằm nghỉ thì phải rửa một đống chén đứa con bỏ ở đó. Rồi phải đi giặt quần áo tới khuya, mệt gần chết. Mà cũng chưa yên thân, chưa được đi ngủ, phải đờ đẫn rồi mới đi ngủ. Như vậy vẫn chưa đâu, sáng hôm sau lại tiếp tục, ngày nào cũng như ngày đó. Ăn rồi lại đi làm, làm để trả tiền nhà, trả tiền điện, trả tiền nước, rồi tiền sữa cho con, tiền đi học cho con, tiền gì đó v.v... Đó là quán nỗi khổ về sanh, sanh là đời sống của mình khổ.

2. [Thứ hai] là nỗi khổ của Già. Già thì bệnh, yếu, đi không vững, v.v... thế này thế kia. Già rồi thì đầu óc mơ màng. Đó là nỗi khổ của già.

3. [Thứ ba] là khổ về Bệnh. Bệnh thì trong đời ai cũng bị bệnh hết rồi, khi bệnh thì mệt mỏi, đau đớn v.v...

4. Thứ tư là nỗi khổ của Chết.

Nếu quý vị quán được bốn nỗi khổ: Sanh, Già, Bệnh, Chết, thì tự nhiên quý vị siêng năng tinh tấn tu hành. Tại vì mình muốn thoát khổ mà. Tu để trước mắt được có phước báo, cũng đỡ. Tu có phước thì cuộc sống cũng đỡ hơn, đi làm đỡ khổ hơn xưa. Hồi xưa đi làm bon chen gần chết, bây giờ đi làm đỡ hơn. Già cũng chậm tới hơn, vì có phước mà. Rồi cũng ít bệnh hơn, do mình tu hành tích lũy nên

cũng đỡ. Cuối cùng là tử (chết), khi chết thì cũng đỡ khổ hơn.

5. Thứ năm là nỗi khổ của Địa ngục. Vô Địa ngục khổ lắm, bị hành hình, giống như mỗi ngày bị 300 ngọn giáo đâm: buổi sáng 100, buổi chiều 100, buổi tối cũng như vậy. Thế thì khổ lắm! Chưa nói là bị quăng vô chảo dầu, khổ lắm!

6. [Thứ sáu] là nỗi khổ của Bàng sanh (là Súc sanh). Súc sanh cũng khổ. Có nhiều người nói [trong đường] súc sanh, có nhiều con đâu có khổ, chúng được người chăm sóc. Thật ra là chúng vẫn khổ, khổ vì ngu si, chúng đâu có thưởng thức được niềm vui của nhân gian, đúng không quý vị? Ở nhân gian, người ta có phước báo thì được đi chơi nơi này nơi kia, dạo cảnh v.v... Còn bây giờ quý vị dẫn mấy con thú đi dạo cảnh, thì chúng cũng đâu có biết dạo cảnh. Cho chúng coi tivi hay trò chơi truyền hình thì chúng cũng không hiểu. Rồi nỗi khổ của Bàng sanh là bị ép nhốt trong chuồng, bị ăn thịt v.v…

7. [Thứ bảy] là nỗi khổ của Ngạ quỷ. Nỗi khổ của Ngạ quỷ là bị đói khát v.v...

8. [Thứ tám] là nỗi khổ của A-tu-la là chiến tranh suốt ngày. Vậy thì mình [ráng] quán 8 nỗi khổ đó để tinh tấn.

Ngoài ra, để tinh tấn thì mình có thể quán 8 [sự] đoan cần. #Đoan là đầu mối, đầu mối để mình siêng năng. Có bốn đôi:

1. Thứ nhất là nói về việc làm: thì có việc đã thành tựu và việc sắp làm. Tức là để mình tinh tấn, siêng năng, thì hãy nghĩ về những thành tựu của mình. Ví dụ học pháp với thầy Thiện Trang bao nhiêu năm nay, thì thấy mình cũng bớt Phiền não, tự tại hơn xưa, thấy mặt mày sáng hơn một chút. Tu bao nhiêu năm nay có phước báo thì mình cũng bớt bệnh rồi đó v.v... Tức là mình nghĩ về những thành tựu của mình. Do mình thấy có thành tựu rồi nên mình cố gắng tiến lên, mình tu tiếp, cho nên mình sẽ siêng năng. Đó là muốn tinh tấn thì mình [quán] như vậy.

Rồi mình quán những việc sắp làm, tức là mình tu thêm hai ba năm nữa, biết đâu mình được niệm Phật Tam-muội, biết đâu đắc Thiền định, đắc quả Tu-đà-

hoàn, rồi tu như vậy thì mai mốt có phước báo v.v… Quán như vậy thì tự nhiên mình siêng năng.

Tức là nghĩ về những điều đã thành tựu và những điều sắp thành tựu trong tương lai, thì mình sẽ tinh tấn. Quý vị thấy không? A Tỳ Đàm chỉ kỹ như vậy đó. Những điều này không học thì mình cũng biết đó, nhưng không có ai đúc kết lại cho mình.

2. Thứ hai là nghĩ về đường đi: tức là nghĩ về đường đã đi và đường sắp đi. Nói đơn giản thế này, có nghĩa là mình đi được đến bây giờ, thì mình có những khả năng gì đó, mình có trí tuệ… Hay là nhờ việc [tu hành] đó mà nhà mình có phước báo, nên mình được chuyển đến đây. Tức là mình chuyển được đến nơi này sống, rồi mình tu, thì tương lai mình được đi về cảnh giới nào đó v.v... Mình có thể nói là nghĩ đến cảnh giới do mình tu Thập thiện đời trước, nên mình được cảnh giới Người ở đời [này], rồi mình tu tiếp thì mình được lên cõi Trời ở đời sau v.v... Mình nghĩ những điều đó thì cũng là nghĩ về lối đi. Điều này cũng khiến cho mình tinh tấn.

Hoặc là mình nghĩ thế này: giống như một người đi đường từ Hà Nội vào Sài Gòn xa quá, nhưng đi đến Đà Nẵng rồi, nghĩ là mình đi được một đoạn rồi, hơn nửa đường rồi, nên ráng đi thêm chút nữa chắc là tới đó. Cũng vậy, nhiều khi mình đi cũng được một đoạn đường sắp tới đạo quả rồi đó, thầy Thiện Trang nói có đi thì sẽ có đến, thôi mình ráng thêm một thời gian nữa là đến đạo quả đó. Nghĩ như vậy là mình nghĩ về đường sắp đi và đường đã đi, thì mình sẽ tinh tấn thôi.

3. Thứ ba là nghĩ về bệnh hoạn. Ví dụ như vừa rồi mình bị bệnh, bị bệnh nên người mệt mỏi, ngán quá, bây giờ ráng tu thôi, chứ mai mốt lỡ bệnh nữa thì mệt lắm. Và nghĩ đến việc nhóm bệnh, trong người của mình còn nhiều bệnh tật đang chờ ở trong này, có thể phát ra bất cứ lúc nào, nên là tranh thủ tu trước khi bệnh phát. Nhờ [nghĩ] như vậy mà mình tinh tấn. Đó là những pháp quán để mình tinh tấn đó quý vị.

4. Thứ tư là nói về vật thực: tức là đủ ăn hay thiếu ăn. Nghĩa là trong quá khứ có lúc mình thiếu ăn, nghèo khổ lắm. Bây giờ nhờ mình tu mới có được như vậy, cho nên mình tranh thủ tu, lỡ mai mốt đói thì sao. Mình cứ nghĩ đến việc đủ ăn và thiếu ăn, trong quá khứ, hiện tại và tương lai, thì mình cũng sẽ cố gắng.

Đây là những cách [quán] để mình siêng năng. Quý vị thấy không? Một Tâm sở Cần này thôi, để huy động nó, thì mình phải dùng những cách quán, những tác ý, những suy nghĩ như vậy, thì mới kéo lên được. Cho nên A Tỳ Đàm dạy kỹ lắm, không có sai chút nào đâu. Dạy chút nào là dính chỗ đó, mình học chỗ đó.

5. [Tâm sở] Hỷ: Hỷ là trạng thái phấn khích hay thích thú. Tâm sở Hỷ là sự vui mừng, hớn hở, giống như trạng thái tâm của mình khi được ăn no, cảm giác giống như vậy. Nói chung là tâm của mình phấn khích, vui tươi, hạnh phúc với sự quan tâm và hăng hái. Đó là Tâm sở Hỷ.

Về Tâm sở Hỷ này, có rất nhiều người sẽ không hiểu rõ và dễ bị lộn với Thọ lạc và Thọ hỷ. Nhưng ở đây là Tâm sở, chứ không phải là [cảm] thọ. Tâm sở là trạng thái tâm. Còn Thọ lạc, Thọ hỷ thì khác.

Thọ lạc là giống như quý vị cầm vật gì đó êm êm thì mình cảm thấy dễ chịu, đó là Thọ lạc. Tức là mình phải có sự tiếp xúc với cảnh ở bên ngoài, thì mới mang đến cảm giác, cảm thọ. Còn Thọ hỷ là niềm vui vi tế hơn ở trong tâm, thấy êm êm rồi thấy dễ chịu. Còn Tâm sở thì chưa hẳn. Giống như quý vị nghĩ đến mai mốt được đắc quả Tu-đà-hoàn thì mình vui, đó là Tâm sở Hỷ rồi đó. Quý vị hiểu không? Thích thú rồi hỷ lên, là như vậy đấy. Chứ đầu cần cảnh đâu, Tâm sở mà, khác nhau. Rồi quý vị thích thú làm việc đó, ví dụ thích nghe pháp, bởi vì mình biết là nghe pháp trước sau gì cũng sẽ giúp đắc đạo A-la-hán, cho nên thích nghe. Mình thích thôi, mặc dù chưa làm.

Cho nên Hỷ và Lạc ở trong A Tỳ Đàm nói rất rõ, ví dụ một người đi đường đang khát nước mà thấy một ao nước, người ta chưa tới ao nước nhưng thấy ao nước trong veo [thì] mừng quá, đó là [Tâm sở] Hỷ. Còn Thọ lạc là tới đó múc nước

lên uống, mát mẻ quá, tắm rửa đã đời, đó là Lạc. Hỷ và Lạc trong A Tỳ Đàm đưa ra ví dụ như vậy, thì đó là Hỷ.

Còn Tâm sở này là tâm mình vui lên, đôi khi không cần cảnh, có thể hỷ là thích thú, phấn chấn lên thôi. Và trạng thái này là trạng thái trong tâm, còn kia là cảm thọ, cảm nhận. Cảm nhận là quý vị lấy nước tát vào mình, quý vị thấy mát mát và cảm thấy dễ chịu. Còn [Tâm sở] Hỷ là thích thú, hứng khởi. Ví dụ như mấy đứa trẻ mới yêu, nghĩ đến người yêu là vui rồi, nó đâu cần [cảnh] đâu.

Còn mình nghĩ mai mốt vãng sanh Tây Phương Cực Lạc là mình vui rồi, mai mốt mình đắc đạo A-la-hán, đắc sơ quả Tu-đà-hoàn là mình vui rồi. Có người nghĩ mai mốt mình đắc Thần thông bay lên không, rồi vui tự nhiên thấy vui, đó là Tâm sở Hỷ. [Hoặc] mình làm việc gì đó mà có Tâm sở Hỷ, thì cũng giúp cho mình tinh tấn.

Và pháp Hỷ này mạnh lên nhờ những pháp như: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Vì những pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng [là] những pháp về tu tập, thì sẽ giúp tâm của mình hỷ. Cho nên người tu tập thường hoan hỷ là vậy đó. Tại sao? Vì người ta tu tập có hỷ lạc trong đó, là do những pháp trợ [như] niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v… Đó là rõ ràng. [Tâm sở Hỷ] này tạo niềm vui nên rất tuyệt vời.

Và [Tâm sở] Hỷ này là một chi thiền. Chúng ta biết là Năm chi thiền, Sáu chi thiền hay Bảy chi thiền thì tùy cách nói. Nói chung tầng Thiền đầu tiên thì cần năm chi thiền, và quý vị thấy chi thiền đầu tiên là Hỷ. [Tâm sở] Hỷ này tuyệt vời là không bao giờ xuất hiện trong tâm Sân. Tại sao? Vì sân thì không bao giờ hỷ được hết, chẳng có ai sân mà vui được hết. Nghĩa là nó không bao giờ xuất hiện trong tâm Sân.

Quý vị sân lên là bực mình, khó chịu rồi, thì làm sao có hỷ được. Cho nên yên tâm! [Tâm sở] Hỷ này giúp chặn được sân, chặn được sự ghét và chặn được sự ác cảm. Cho nên ai tu tập ráng kéo được Tâm sở Hỷ này lên, thì tự nhiên quý vị không

có sân. Quý vị thấy những người tu nhập thất ra là biết. Ai nhập thất đang vui mà mình có chửi mắng gì thì cũng như không, tại vì người ta đang vui nên chặn được. Còn tại sao mình sân? Vì mình [không] có hỷ.

Cho nên mấy người nào mà tu thường xuyên tinh tấn quá, tinh tấn vô cùng, nào là nhập thất, nào là thời khoá từ sáng tới tối nhưng [vẫn] sân. Tại sao sân? Vì họ không có hỷ. Vì sao không có hỷ thì quý vị kiểm tra lại ở trên, pháp Hỷ là nhờ có niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v… Như vậy thì chứng tỏ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng ở trên là giả. Có nghĩa là chỉ tu trên tướng, không tu được tâm. Trên hình tướng thì dụng công ghê lắm, nhưng không biết trong tâm họ nghĩ gì… Họ đang kéo lên toàn những Tâm sở xấu, cho nên họ đã tu sai. Mới có câu gọi là 'tu tâm sửa tánh'. Tu thì tu tâm, nhưng sửa thì sửa tánh thôi, chứ tâm đâu có sửa được. Mà mình phải tu tâm, sửa tánh. Tu tâm là mình sửa những Tâm sở của mình. Điều này rất quan trọng!

Ở trong A Tỳ Đàm chia ra năm mức độ Hỷ, Thiện Trang cũng xin giới thiệu đơn giản vậy thôi, quý vị cứ hiểu như vậy. Nên những điều này mình hiểu sâu [thì] dễ tu lắm, và mình sẽ biết mình như thế nào. Chứ còn quý vị tu, nhiều khi thấy mình tinh tấn, lúc nào cũng thời khóa đầy đủ v.v…. nhưng tại sao mình sân? Vì mình không có pháp hỷ. [Tâm sở] Hỷ [thì] đối trị ngăn chặn được tâm Sân. Đó là chi thiền. Còn mình tu hoài mà không thấy vui, mà thấy mình buồn, mình sân, rồi thế này thế kia, thì quý vị hãy xem lại coi mình tu kiểu gì, mình phải hiểu.

Cho nên học môn này gọi là môn khoa học về tâm lý. Tâm lý của Phật giáo giúp chúng ta nhìn được tâm mình rõ hơn, và giúp mình nhìn được tâm của người khác rõ hơn. Ở đây Thiện Trang xin chia sẻ, [vì] có nhiều đồng tu không biết, học môn này thì phải học với người nào có sự thực hành, thực tu. Thiện Trang thử vào lớp học A Tỳ Đàm ở Việt Nam, coi thử người ta học như thế nào? Có những vị Cư sĩ nói vanh vách, đọc các bảng vèo vèo hết. Mình thấy cũng ngưỡng mộ thiệt vì thuộc làu hết. Nhưng vào những pháp hành thì không nắm [được]. Nói chung giống như học tri thức thôi, chứ không có [pháp] hành. Hành là nằm ở phần khác,

mà học pháp hành không được. Thiện Trang cũng thông cảm, vì những người Cư sĩ không có thời gian để hành. Vì bình thường [thì lo] cơm áo gạo tiền v.v… thời gian rảnh rảnh chút thì lo đi hưởng Ngũ dục. Nào đi quán cafe, nào nghe nhạc, nào là yêu đương gì đó v.v… đủ thứ các kiểu, thì thời gian đâu để hành.

Thiện Trang thấy thỉnh thoảng có những vị Sư, vị Thầy, những người xuất gia, khi họ giảng thì có [pháp] hành ở trong đó. Nên môn này nhìn thì đơn giản, nhưng thật sự không đơn giản. Người nào phải có trải nghiệm sống với nó, thì mới thấy ra được nhiều điều. Quý vị muốn hành được là quý vị phải học nắm căn bản, rồi quý vị quán sát tâm, quán sát đời sống thường ngày, quán sát mọi thứ xung quanh. Nói chung [tâm mình] phải có sự rảnh rang và mình bớt dục đi thì trí sẽ sáng. Còn không thì học như con vẹt.

Môn này khác với những môn khác. Có nhiều đồng tu chỉ có nghe không thì quý vị không nắm được bao nhiêu đâu. Quý vị học xong rồi phải viết ra. Ví dụ như ở đây quý chịu khó bỏ thời gian vẽ sơ đồ ra. Thiện Trang đã chia sẻ tổng cộng 52 Tâm sở gồm có những gì thì mình vẽ ra, vẽ thành sơ đồ hết, thì nhìn vào đó mình nhớ.

13 Tâm sở Tợ tha: 6 Tâm sở Biệt cảnh, 7 Tâm sở Biến hành, bữa nay đã học được gần hết rồi. Mình nhìn vào đó, do mình đã nghe, mình biết Biến hành là gì, Biệt cảnh là gì. Rồi bữa sau mình mới vô Tâm sở khác là như thế nào. Từng nhóm từng nhóm, mình thuộc, mình nắm từng nhóm như vậy, thì khi đụng chuyện là ra: "À! Ta đang sử dụng Tâm sở nào?". Như vậy thì mình mới tu, còn không thì học như con vẹt, cứ nghe nghe vậy thôi, nói vanh vách hết nhưng đụng chuyện thì không xài được.

Trong Phật pháp, xài được là mình phải nhìn vào được tâm của mình. Và khi đó nó phát ra những trí tuệ, và từ từ tự nhiên có những điều mà không ai nói cho mình hết. Điều đó gọi là ngộ, mà mai mốt sẽ giúp cho quý vị đắc đạo. Đắc đạo là nhờ những điều đó. Mình đâu có biết đâu, trong một sát-na tâm nào đó tự nhiên quý vị đắc đạo, là nhờ vào điều đó.

Mai mốt [Thiện Trang] giới thiệu cho quý vị lộ trình đắc đạo bằng mấy sát-na tâm như thế nào, để quý vị thấy. Tự nhiên tại sao nó kéo mình vô đắc đạo, là do mình có những yếu tố nào, chứ không phải tự nhiên đâu. Tất nhiên có thể vô tình nó tới, nhưng vô tình thì cũng phải có lộ trình của nó.

Đó là Tâm sở Hỷ, [quý vị] nắm được tâm sở Hỷ rồi. Bây giờ chúng ta đến Tâm sở cuối cùng trong 6 Tâm sở Biệt cảnh là Dục.

6. [Tâm sở] Dục: Dục là gì? Nghe nói dục là bắt đầu toàn nghĩ lung tung, lang tang. Dục chỉ đơn giản là trạng thái tâm mong muốn thôi. Quý vị mong muốn, ước muốn, nói chung là vậy. Chúng ta muốn những gì? Thật ra tất cả mọi thứ đều phải có sự muốn. Giống như quý vị muốn uống nước, thì quý vị mới lấy nước uống chứ, muốn tu thì quý vị mới lên chánh điện tu, quý vị muốn nghe pháp thì mới mở YouTube, Facebook ra nghe chứ. Tất cả đều là muốn. Cho nên Tâm sở Dục này xếp vào Tâm sở Tợ tha. [Tâm sở] Dục này không phải là dục xấu. Đã Tợ tha thì không phải là xấu, chứ mình cứ nghĩ dục là xấu. Không phải! Mong muốn thì có thể xấu, và mong muốn có thể tốt.

Ví dụ quý vị mong muốn đi ăn trộm, thì đó là một mong muốn xấu. Nhưng mong muốn được đắc đạo Thánh quả, mong muốn được giàu có để làm từ thiện, v.v…. Những mong muốn đó là mong muốn tốt. Cho nên đừng đè [Tâm sở] Dục cho là xấu. Giống như Tâm [sở] Hỷ ở trên, có nhiều người nói: "Hỷ là tốt chứ thầy, làm gì có Tâm sở Tợ tha?" [Hồi] nãy Thiện Trang không có giải thích chỗ đó, Tâm sở Hỷ tức là vui, thì làm sao xếp vào là Tâm sở Tợ tha? "Lúc nào mình vui thì tốt, chứ vui sao lại xấu thầy?"

Có ai thắc mắc không? Chắc chắn có người thông minh thì sẽ hiểu ra, là có những sự hỷ thì chưa chắc là tốt. Ví dụ mình thấy người ta bắt con chó đi làm thịt mà mình vui. Nếu như vậy thì Hỷ đó là xấu, đó là vui [trong] Vô minh chứ gì nữa. Nên nhớ vui mà Vô minh là vui xấu. Thấy người ta làm sai mà mình vui theo thì tạo nghiệp, khiến Hỷ đó không tốt. Nên mới gọi là Tợ tha, [vì] kết nối với thằng nào thì theo thằng đó.

Tại sao gọi là Biệt cảnh? Vì không phải lúc nào quý vị cũng có tâm Hỷ. Có nhiều việc quý vị đâu có hỷ, đâu có vui đâu. Có nhiều khi khổ, sân ghê gớm [thì] vui chỗ nào? Rồi có nhiều khi thờ ơ, Thọ xả mà, đâu có Hỷ đâu. Nên Tâm sở này gọi là Biệt cảnh, tức là tùy cảnh. Có cảnh thì có, có cảnh thì không.

Thiện Trang trở lại với Tâm sở Dục, [Tâm sở] này gọi là Biệt cảnh, vì lúc có lúc không. Có nhiều người nói: "Ủa Thầy, sao Dục là mong muốn làm việc, chứ có hay không?" Thật ra có nhiều việc mình làm [nhưng] cũng chẳng có mong muốn làm gì hết, cứ trơ trơ. Giống như đang nghe điện thoại, hoặc thỉnh thoảng uống nước v.v... chả thấy khát gì hết, nhưng cứ cầm uống vậy đó. Hoặc nói chuyện điện thoại, nhiều khi cũng không muốn nói, nói cho vui vậy thôi. Vì bên kia [người ta] đang phiền não, họ nói thì mình cứ nghe vậy thôi, thậm chí không muốn nữa, hoặc nhiều khi cứ trơ trơ vậy đó. Cho nên Tâm sở Dục này là Biệt cảnh là vì vậy, lúc có lúc không. Không phải việc nào đó, trạng thái tâm nào đó cũng có nó. Có thể có, cũng có thể không.

Giống như [Tâm sở] Thắng giải cũng vậy, không phải lúc nào có. Tầm, Tứ cũng vậy, tương tự. Tùy cái cho nên mới gọi là Biệt cảnh. Còn nhóm ở trên [Tâm sở Biến hành] thì lúc nào cũng có hết, hôm bữa Thiện Trang đã nói hết rồi. Và sau này khi mình học tới Tâm sở thiện, có một nhóm lúc nào cũng phải có, thì mới thành thiện được. Không có mặt mấy thằng đó thì không thể thành thiện. Cũng vậy, có một nhóm luôn đi với ác, mấy thằng đó xuất hiện mới thành ác được. Không có mấy Tâm sở đó thì không thể thành ác được.

Cho nên mình học tới Tâm sở Bất thiện (Tâm sở ác), là mình biết luôn rồi, thì mình kìm được tâm mình. Cho nên môn này cần học là vậy, còn nếu không thì mình học làm chi. Mình cứ nói:

"Con xưa đã tạo bao ác nghiệp,

Đều bởi vô thỉ Tham, Sân, Si

Từ thân, ngữ, ý mà sanh ra

Hết thảy con nay xin sám hối”

Nhưng Tham, Sân, Si từ đâu? Tham, Sân, Si có một trời [Tâm sở], [có] 52 món Tâm sở này, [Tâm sở] nào kéo theo, thì chúng ta cứ thấy 7 Tâm sở Biến hành lúc nào cũng có, mình chỉ cần cố gắng thay đổi ở mấy chỗ Thọ, Tưởng, Tư là mình thay đổi được. [Tâm sở] Nhất hành thì mình cũng ráng, [Tâm sở] Mạng quyền thì tự nhiên có rồi, [vì] Mạng quyền là duy trì Tâm sở đó thì có rồi. Mình tu thật ra mình chỉ quan tâm tới mấy [Tâm sở] này thôi, xuống dưới Tâm sở Biệt cảnh thì mình cũng chỉ quan tâm mấy [Tâm sở] thôi.

Cho nên nói thì nhiều, nhưng thật ra có 52 món [Tâm sở] thôi, mình chỉ cần quan sát bấy nhiêu món [Tâm sở] đó thôi, đâu có nhiều lắm đâu. Mai mốt [học] Tâm sở thiện, tối đa là nó đi kèm hết với 13 Tâm sở Tợ tha và 25 Tâm sở Tịnh hảo, để tạo ra 38 Tâm sở thiện, 13 với 25 là 38. Nhưng thực tế thì không đủ 38, tối đa là chỉ có 34 Tâm sở, mà tối thiểu là có 31 [Tâm sở] thôi.

Cho nên kể ra thì nhiều vậy, nhưng [Tâm sở] này có mặt thì [Tâm sở] kia không có mặt, và mình chỉ quan tâm mấy [Tâm sở] thôi, không quan tâm nhiều lắm. Mình tu là như vậy, tu là tu tâm ở chỗ đó. Chứ nhiều người tu tướng không à, giống như tu thì suốt ngày ở đâu cũng có mặt, Pháp hội nào cũng có mặt, bài nào thầy Thiện Trang giảng cũng bình luận ầm ầm v.v… Nhưng Phiền não thì vẫn Phiền não, không chuyển được. Đó là mình tu tướng, không tu tâm.

Còn nếu tu tâm thì dù nghe một bài pháp, một câu kệ thôi cũng đã thay đổi cuộc đời. Đâu cần nghe nhiều đâu, chỉ cần nghe một bài thôi là: “À! Bữa nay phải tu rồi đó”. Không tu nhiều nhưng [cũng] tu được ít, cũng thay đổi được một chút, bớt tham, bớt sân, bớt si. Mà muốn bớt tham, bớt sân, bớt si thì phải coi những điều này.

Chúng ta trở lại Tâm sở thứ sáu là Tâm sở Dục. Dục là gì? Giống như bây giờ quý vị mong muốn làm gì đó, quý vị muốn lấy một vật thì tay đưa ra lấy, như vậy phải có mong muốn. Hoặc bây giờ quý vị thấy Thiện Trang đặt cái micro ở đây,

cảm thấy đặt ở đây vướng mắc quá, [phải] nhích qua một bên. Việc mình muốn nhích qua một bên cho khỏi vướng mắc đó, cũng là [Tâm sở] Dục; #dục là mong muốn. Hoặc mình thấy những bài trí trên bàn thờ rối mắt quá, mình muốn xếp lại cho gọn gàng, thì đó là dục, những dục đấy là tốt. Dục là như vậy, mình phải biết. Cho nên rất hay!

Và Dục này khác với tâm Tham. Nhiều người bây giờ không phân biệt được tâm Tham với Dục. Dục là mong muốn về việc nào đó, nhưng mong muốn này không có sự dính mắc, tức là thuận theo tự nhiên. Ví dụ bây giờ mình muốn cái bàn gọn gàng, mình đem đặt qua chỗ kia, mình thấy rối mắt thì người ta rối mắt, như vậy thì chỉ là mong muốn thôi. Còn tâm Tham là sự ham muốn và có sự khao khát, tức là muốn cho được và có dính mắc trong đó, đó là tâm Tham. Tâm Tham bữa sau mình học thì sẽ rõ hơn, nhưng đó là mình phân biệt được, cho nên mong muốn là khác. Ví dụ như từ nhỏ quý vị mong muốn làm Bác sĩ, như vậy có mong muốn đó thì quý vị phải cố gắng học, như học khối B, học môn này, môn kia v.v… để trở thành Bác sĩ. Đó là Tham hay Dục?

Chúng ta hay đọc là Tham, nhưng không phải, đó là Dục, là mong muốn mà. Còn Tham là khác, buổi sau [Thiện Trang] sẽ giảng về Tham. Tham là sự dính mắc, Tham là tham danh, tham lợi, tham gì đó v.v… mình dính vô đó. Còn mong muốn thì khác, cho nên [Tâm sở] Dục này mãnh liệt thì sẽ giúp cho sự quyết tâm. Mình phải có mong muốn chứ! Cho nên tu hành mà muốn thành đạo quả thì phải có dục chứ. Dục là mong muốn, "tu hành đạo quả, vô dục nan thành". Nếu không có dục thì không thể thành được.

Cho nên phải có sự quyết chí, quyết tâm. Dục này mạnh thì sẽ trở thành sự quyết chí, quyết tâm. Và nó đạt đến một trong Tứ như Ý túc, đó là Dục như Ý túc trong 37 Phẩm trợ đạo, cho nên có hết đó. Mình cứ nghĩ Dục là xấu, nhưng không phải! Mình biết phát triển [Tâm sở] Dục này thì sẽ thành tốt. Còn mình không biết thì nó sẽ chuyển qua thành Tham, đó là xấu. Đơn giản là như vậy, quý vị chỉ cần nắm được thì đơn giản thôi.

Cho nên sau này mình học nền tảng của 12 Tâm bất thiện, là 7 Tâm sở Biến hành ở trên cộng với bốn [Tâm sở] Si, Vô tàm, Vô quý, Phóng dật, đó là nền tảng. Tức là lúc nào cũng có 11 [Tâm sở] đó. Thiện Trang xin nhắc lại, 7 Tâm sở Biến hành thì tất cả 121 tâm đều phải có rồi, và cộng thêm bốn Tâm sở: Si, Vô tàm, Vô quý, và Phóng dật, thì sẽ tạo nên nền tảng của 12 Tâm bất thiện. Cho nên có Si, Vô tàm, Vô quý, Phóng dật là bất thiện. Còn bất thiện mức độ nào thì kèm theo một trời thứ nữa.

Quý vị nên nhớ để mình sống không có cảm giác bất an thì quý vị cố gắng sống: Thứ nhất là sống thật với chính mình thì mình sẽ không bất an. Quý vị sống cảm thấy bất an là tại sao? Những người [sống] bất an là họ cố gắng tạo hình tượng nào ghê gớm lắm cho họ. Ví dụ tôi ở trước đại chúng là phải ngon lành, tôi là tu tốt, tôi là thế này thế kia, đó là tâm bất an. Tại vì họ luôn luôn có sự lo sợ rằng người ta thấy mình là không tốt, thấy mình xấu, thấy mình v.v… Cho nên Thiện Trang nói bí quyết để người tu được tự tại, an lạc là hãy sống thật với mình. Mình sao cứ như vậy, thiên hạ họ nhìn kệ họ, họ nhìn mình sao cũng được. Ông thầy đó tu dở, cô đó tu dở cũng được, như thế nào cũng được hết.

Quý vị cứ sống thật với mình thì không có tâm bất an, không bị bất an. Sự bất an đó từ đâu ra quý vị biết không? Bây giờ chúng ta đang học Tâm sở này, [vậy] bất an từ đâu ra? Là từ Tâm sở Ngã mạn mà ra. Tức là tại vì ta tự tôn mình lên, mình cho mình ghê gớm lắm, thế này thế kia, chấp vào ngã đó, cho nên mình mới sợ người ta nói ông thầy đó tu giải đãi, ổng làm biếng, rồi sợ [người ta] nói ổng dốt, nói gì đó v.v… Tại vì ta có ngã của ta.

Nếu ta không có cái ngã đó thì người ta nói gì cũng kệ họ, họ nói sao cũng được. Cho nên là mình không có ngã thì mình không bất an. Bất an rồi dần dần [họ] sống kỳ lắm, và từ nguyên nhân đó mà thành ra có sự dối trá. Tại vì người sống không thật với mình thì dần dần mình che giấu, che điều này, che điều kia, đậy điều này, đậy điều kia. Vô thời khóa cộng tu thì buồn ngủ, ngủ gục cho nên bất an, sợ người ta thấy ngủ gục, nên lén lén tắt camera, quay chỗ khác, quay bên

này, quay bên kia, đó là mình sợ. Còn người không sợ thì họ kệ, ta ngủ gục thì ngủ gục, lên mạng thì lên mạng, kệ, không sao thì mình sẽ tự tại.

Cho nên đó là do Tâm sở Ngã mạn, sự ngã mạn của mình đi trong đó mà mình không biết. Nên mình không học A Tỳ Đàm này, mình không học môn tâm lý này, thì mình không biết từ đâu, nhưng thực ra mình tìm ra được cốt lõi hết.

Vấn đề mà Thiện Trang chia sẻ, toàn là pháp tu thôi đó quý vị. Cho nên mình muốn an lạc thì phải sống thật với mình. Và thứ hai là không mong đợi, mong chờ kết quả tương lai theo hướng nào đó, thì mình sẽ an lạc, tức là không tham. Mình mong là mong thành đạo quả, mong gì đó, nhưng sự mong đó là mong chính đáng. Chứ không mong là tôi phải đạt điều này, tôi phải đạt điều kia. Chính vì sự mong đợi tương lai đạt là tâm tham, thì không an lạc được. Cho nên hai điều cốt lõi của sự không an lạc là Ngã mạn và Tham.

Cho nên một người tu tại sao người ta tự tại? Bởi vì người ta đâu có sợ gì đâu. Quý vị thấy người ta ngủ gục, quý vị nói ngủ gục cũng được, không sao hết. Tôi ngủ gục, tôi sân cũng được, không sao hết, tôi dốt cũng được, nói sao cũng được. Còn khi quý vị tự xây dựng lên cho quý vị bao nhiêu thứ, tức là quý vị có ngã mạn, nào là tôi rất tốt, tôi tu rất giỏi, thế này thế kia. Cho nên [nghe] người ta nói: "Bữa đó chị ngủ gục đó chị". [Thì mình] nói: "Không! Tao có ngủ gục đâu". Hay [người ta] nói: "Bữa đó tôi thấy chị ngu quá, dốt quá, chị học không vô". Mình lại kêu: "Không! Tôi học giỏi mà v.v…" Tức là mình tự ngã mạn lên, đấy là tâm bất an nổi lên.

Quý vị nhớ mai mốt mình học có nhiều điều hay lắm, tâm này tâm kia, bây giờ giảng nhiều thì quý vị không nhớ, để mỗi bữa giảng một chút thì quý vị sẽ nắm được, và quý vị sẽ hành theo đó. Cho nên bộ giảng này phải giảng như vậy, chứ còn lên đọc Tâm sở Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ v.v… là gì, thì quý vị lên mạng coi sách cho rồi, đúng không? Trên mạng có đầy.

Cho nên Thiện Trang coi nhiều vị thấy tội, thương cho nhiều người học

vanh vách, đọc vèo vèo, coi bảng có mấy cái nút chỉ vèo vèo, một hồi vô thì không có hành gì hết. [Nhưng] thấy cũng mừng, có vài vị Thầy, Cô chắc học lâu, tu được, bắt đầu có pháp hành trong đó. Còn mình giảng tri thức thì Phật pháp trở thành môn thế gian. Giống như ở ngoài đời học mấy môn kia không được, nên vô đây học giải trí cho đã thôi.

Cho nên Phật pháp phải có sự chiêm nghiệm, sự tu. [Muốn có] sự chiêm nghiệm, sự tu này thì mình phải có nền tảng, nền tảng đó là nhìn về trong tâm mình. Nhìn trong tâm là nhìn vào đâu? Hãy nhìn vào Tâm sở này. Cho nên Thiện Trang nói, đầu tiên nhìn bên ngoài là nhìn 24 Duyên hệ giùm. Hôm bữa dạy Duyên hệ là [giúp quý vị] nhìn ra bên ngoài, giúp mình phá ngã, giúp mình thấy nhỏ nhoi hơn, sống có trách nhiệm hơn, đó là 24 Duyên hệ. Còn vào 52 Tâm sở là để nhìn mình vào bên trong mình. Sau khi mình chỉnh được bên trong của mình tốt rồi, thì tự nhiên đi vô lộ trình Thánh đạo đúng, tự nhiên quý vị đi lên Tâm thiền, đắc các tầng Thiền hay đắc đạo là cũng từ sự chỉnh này.

Cho nên Thiện Trang giảng bộ này khác người là vậy, quý vị thấy Thiện Trang giảng không giống người ta. Người ta vô giảng vòng vòng, đi vòng hết một lượt, học mãi cuối cùng người ta đè đầu ôm mấy Tâm Dục giới, Tâm thiện, v.v… cứ đè ở trong đó. Thật ra mình không cần, mình chỉ cần học những phần mình cần trước đã, điều nào quan trọng để tu đạo thì mình đem ra xài trước, học trước. Rồi từ từ mình ghép mấy điều kia lại, mấy điều về Thế gian, A-tu-la, cảnh, nghiệp nhân, nghiệp báo v.v…. những điều đó mình bổ sung sau, giúp dần dần sau này mình sẽ có những thành tựu.

Ví dụ như quý vị biết nghiệp báo, [thì giúp] quý vị biết được tại sao mình ngu dốt, tại sao mình bị điều này điều kia. Đó là mình học về chương Nghiệp Báo. Chương Nghiệp Báo giống như mình học tới 12 loại nghiệp chẳng hạn. Như hôm bữa mình học: Cực trọng nghiệp, Khinh tiểu nghiệp, Thường nghiệp và Cận tử nghiệp, có 4 loại nghiệp nhưng có 12 cách để chia ra nghiệp. Mình nắm được như vậy để giải thích được, giúp mình an lạc tâm, mình định tâm v.v… Những điều đó

là pháp trợ, cũng tốt, nhưng mình cần sau.

Thiện Trang cố gắng chia sẻ. Quý vị thấy hai bữa rồi Thiện Trang không giảng Luận Câu Xá mà giảng A Tỳ Đàm, bởi vì Tâm sở quan trọng, bữa sau có thể tranh thủ giảng Luận Câu Xá. Thực ra Luận Câu Xá một hồi cũng tới đây, nhưng Thiện Trang thấy cái nào học để hành trước thì học, và mình cứ đúc kết từng đoạn, từng đoạn vậy thôi. Mỗi bữa học một chút như vậy, và học một hồi là hết, bữa sau chạy qua Luận Câu Xá thì quý vị sẽ dễ dàng nắm được, cũng tương tự nhau. Quý vị học hết được bộ này thì quý vị bay lên Bách Pháp Minh Môn Luận của Đại thừa cũng học được luôn, tại vì cũng giống nhau vậy thôi. Ví dụ bên đó là 5 Tâm sở Biến hành, 5 Tâm sở Biệt cảnh, còn bên này là 7 Tâm sở Biến hành, 6 tâm sở Biệt cảnh, chỉ hơn thêm thôi, mình học dư mà, khi rút gọn lại thì dễ dàng. Cho nên quý vị học một bộ thông rồi, thì thông hết các bộ là vậy đó, quý vị học bộ khác đều được.

Hiện nay trường phái học Phật trở thành nghiên cứu nhiều quá. Thiện Trang mong là chúng ta học với tinh thần là học để tu. Có nghĩa là mình học để biết và để nhìn tâm, tu tâm. Chứ không phải mình học để nói cho hay, thật ra mấy người đó mình vô hỏi một cái thì họ không biết trả lời. Thiện Trang thấy người xuất gia vẫn tốt hơn các vị Cư sĩ ở chỗ: là quý thầy quý cô có thời gian, nên học rồi chiêm nghiệm trong đó, cũng làm thay đổi tâm của mình. Mình nói hoài thì ít nhiều gì cũng phải bị ảnh hưởng chứ quý vị ha, ngày ngày mình nghe, nói qua nói lại, đọc kinh đọc luận, riết rồi thâm nhập vào trong tâm mình, thấy ra được nhiều vấn đề. Khi mình thấy ra, mình sống với nó thì mình thấy rất tuyệt vời.

Hôm nay Thiện Trang chia sẻ đoạn này thôi. Hôm bữa Thiện Trang có đánh nhầm một chút ở chỗ: Công thức đắc đạo là khi quý vị đủ Bát chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Thực tế thì cần 8 Tâm sở: Niệm, Tầm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Nhất thành, Cần, Trí huệ, thì tạo thành một trong các loại Tâm siêu thế, thực ra là một trong 40 Tâm siêu thế này. 40 Tâm siêu thế này là

giúp cho mình đắc đạo, chứng Thánh quả, thực ra ở đây có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm thì có mấy điều sắp xếp theo thứ tự. Niệm thì thành Chánh niệm, Tầm thì thành Chánh tư duy. Hôm trước Thiện Trang đánh lộn chỗ này, là Tầm thì thành Chánh kiến. Thật ra là Trí tuệ mới thành Chánh kiến. Bữa đó Thiện Trang đánh nhầm và đọc nhầm, do copy qua copy lại, nhờ quý vị điều chỉnh lại giùm. Thật ra mình chỉ cần tu được 8 Tâm sở [Niệm, Tầm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Nhất thành, Cần, Trí huệ,] này thì thành công. Quý vị để ý giùm chỗ này.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi, chúng ta tạm dừng ở đây, hẹn quý vị hôm khác. Thực ra nếu mình nắm được hết 52 món Tâm sở, rồi mình học thêm một số điều nữa, thì coi như mình học được cốt lõi của bộ Vi Diệu Pháp. Chúng ta đã bỏ đi được rất nhiều râu ria, học để thực hành hoặc để tu, [nên] rất tuyệt vời. Thiện Trang cảm thấy tuyệt vời, còn quý vị cảm thấy tuyệt vời hay không thì tùy.

A Mi Đà Phật! Hẹn quý vị bữa khác. Mời quý vị chúng ta hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 17: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 17.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 13.11.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=9YapxPEjdUI

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta trở lại tiếp tục học về Luận Câu Xá, là bộ luận về Duy Thức ở bên Phật giáo Bắc truyền. Còn nếu [ở] bên Phật giáo Nam truyền thì bộ này được gọi là A Tỳ Đàm, nội dung là học về lộ trình tu chứng quả. Để hiểu được lộ trình đó một cách rốt ráo, một cách viên mãn, thì chúng ta phải học từ những điều căn bản, những pháp tướng, những vấn đề về tâm thức, lộ trình như thế nào. Chỉ có những bộ như thế này thì mới cung cấp cho chúng ta được rõ ràng.

Chúng ta vừa qua có nghỉ một khoảng thời gian, lý do là Thiện Trang cũng bận một số việc, nên quý vị thông cảm. Hôm nay chúng ta trở lại. Phần A Tỳ Đàm chúng ta đã học qua rồi, chắc quý vị cũng nhớ. Thiện Trang xin nhắc lại một số kiến thức bổ sung, bởi vì A Tỳ Đàm thì mình cứ từ từ học. Ví dụ như thế gian là vô thường, đó là một kiến thức căn bản nhất mà mọi người cần phải nắm được. Hôm bữa Thiện Trang có đưa ra cho quý vị bài tóm lược, để dứt được sanh, già, bệnh, chết, thì cần phải đoạn Phiền não theo 9 tầng. [Đó là] theo Kinh Tam Pháp - Kinh Tăng Chi - Phần Mười Pháp.

Bảng Tóm Lược – Để Đoạn Dứt Sanh Già Bệnh Chết Thì Cần Đoạn Phiền Não Theo Các Tầng **((10.76) Kinh Tam Pháp: Tayodhamma – Kinh Tăng Chi – Phần Mười Pháp)**			
Tầng	**Phiền Não Cần Đoạn**		
9	**Tham**	**Sân**	**Si**
8	**Thân kiến**	**Nghi**	**Giới cấm thủ**
7	Phi như lý tác ý	Tu tập tà đạo	Tính thụ động
6	Vọng niệm	Không tỉnh giác	Tâm loạn động
5	Không muốn yết kiến các bậc Thánh	Không muốn nghe Thánh pháp	Bới lông tìm vết
4	Trạo cử	Không chế ngự	Ác giới
3	Không có lòng tin	Xan tham	Biếng nhác
2	Không cung kính	Khó nói	Ác bằng hữu
1	Không xấu hổ	Không sợ hãi	Phóng dật

Chúng ta muốn thực hành thì quý vị chỉ cần coi vào đây, mình cứ bắt đầu từ tầng thấp nhất. Mình coi thử mình có xấu hổ hay không? Mình có sợ hãi gì không? Mình có phóng dật hay không? Tầng đầu tiên thì có rất nhiều người rớt mất rồi, tại vì [người ta] thường có sợ hãi. Sợ chuyện này, sợ chuyện kia, sợ mang tiếng, sợ đủ thứ, cho nên làm sao có thể lên được các tầng khác. Rồi không có xấu hổ nữa, tức là làm xấu mà cũng không biết xấu hổ. Nói chung tầng đầu tiên là rớt. Và

tầng này cũng thuộc về Giới, [không] phóng dật là giữ giới. Mình ngay tầng đầu tiên đã rớt mất rồi, thì lấy gì đến tầng thứ hai.

Chúng ta coi tầng thứ hai, ở đây là tâm không cung kính. Mình phải bỏ, đoạn trừ [tâm] không cung kính. Rồi mình cũng phải đoạn sự giấu diếm, khó nói. Và ác bằng hữu thì mình cũng phải bỏ.

Tới tầng ba là mình phải đoạn trừ được nghi ngờ, đoạn trừ được sự xan tham (xan và tham). Tham là ham lấy vô, còn xan là không chịu buông ra, tức là không chịu cho. Xan là keo kiệt, tham là ham. Rồi mình phải đoạn trừ biếng nhác (là lười biếng).

Lên trên bắt đầu tầng thứ tư là Trạo cử (tâm lăng xăng). Nhiều đồng tu nếu tu được ba tầng này rồi, thì [lên] tầng thứ tư là Trạo cử, Không chế ngự, [và] Ác giới là mình thực hành theo những điều mà không đúng với Chánh pháp.

[Tầng thứ năm] là mình không muốn yết kiến với các bậc Thánh, không muốn nghe Thánh pháp, rồi mình có tâm bới lông tìm vết. Nói chung là rớt hết sạch, đó là tầng thứ năm.

Tầng thứ sáu [là] mình ráng đừng có vọng niệm, đừng có không tỉnh giác, [và] tâm loạn động. Đây là đã cao rồi.

Tầng thứ bảy là phải đoạn được Phi như lý tác ý, tức là mình cố gắng suy nghĩ điều gì cũng theo đúng với Chánh pháp. Mình không có tu tập theo tà đạo, rồi mình phải có tính chủ động, chứ không phải thụ động. Từ đó mới đoạn được Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ. Đây mới là Sơ quả Tu-đà-hoàn, ở tầng thứ tám này.

Cuối cùng tầng thứ chín là mình đoạn được Tham, Sân, Si, thì mình chứng được A-la-hán. Có nhiều người muốn lên tới tầng trên cùng, muốn [chứng] A-la-hán, hoặc muốn làm Tu-đà-hoàn, nhưng coi lại xem ngay tầng đầu tiên mình có làm được không? Có rất nhiều người có nỗi sợ hãi, rất nhiều sợ hãi, thì điều này là không được rồi. Rồi nhiều người không có tâm cung kính, không cung kính ai cả, [và] giấu giếm nữa, thì rớt hết hai tầng đầu. Đấy thì chúng ta cố gắng.

Bản đó cực kỳ quan trọng, Thiện Trang tóm lược lại từ trong kinh. Cách đây hình như hai bài, Thiện Trang đã tóm [tắt] rồi. Điều quan trọng nữa là ở trong kinh đức Phật dạy: Có một vị Tôn giả (Thiện Trang quên vị Tôn giả đó tên gì rồi) hỏi: *"Bạch đức Thế Tôn! Làm sao để dứt được sanh, già, bệnh, chết* (tức là ra khỏi sinh tử)*?"* Đức Phật nói cách thực hành như thế nào, đầu tiên có một nguyên tắc, đó là: **Thành Tựu Bất Hoại Tịnh Đối Với: Phật, Pháp, Tăng, Thánh Giới Thì Cầu Gì Liền Được Thành Tựu.** Đây là trích trong kinh:

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu tại nước Tì-xá-li.

Bấy giờ có người luyện voi giỏi người Li Xa, tên là Nan Đà, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân đức Phật, rồi ngồi một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Li Xa Nan Đà rằng: (Tức là lúc đó có một người dòng họ Li Xa, tên là Nan Đà, đến đảnh lễ Phật).

"Thánh đệ tử thành tựu bất hoại tịnh, mà muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng; Muốn cầu dung sắc, sức lực, khoái lạc, biện tài, liền được một cách tự tại. Những gì là bốn?

Bây giờ quý vị muốn cầu đúng không? Ai cũng muốn cầu thọ mạng, có được không? Được! Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là **"sở nguyện triếp đắc"**. Ở đây muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng, tức là mình muốn sống lâu thì được sống lâu. Muốn cầu dung sắc (xinh đẹp) [thì] được xinh đẹp. Muốn cầu sức mạnh (sức lực) [thì] được sức lực. Muốn cầu được an vui (khoái lạc) thì [được] khoái lạc. Muốn cầu được biện tài thì được biện tài, liền được một cách tự tại. Vậy làm sao [để] cầu được các điều này? Điều này quan trọng, [nếu] quý vị muốn cầu được như vậy, mấu chốt là dòng này: "Thánh đệ tử thành tựu bất hoại tịnh". Phải thành tựu được bốn điều này:

Thành tựu Phật bất hoại tịnh; Thành tựu Pháp, Tăng bất hoại tịnh; Thành tựu Thánh giới bất hoại tịnh.

Ở đây điều quan trọng là mình phải 'bất hoại tịnh'. Có một ngôn ngữ khác,

chúng ta hay nói là niềm tin không thoái chuyển, niềm tin không còn bị lui sụt đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, và đối với Thánh giới (giới của Phật). Nếu làm được bốn điều này, thì quý vị cầu thọ mạng liền được thọ mạng, cầu dung sắc (nhan sắc xinh đẹp) liền được [dung sắc], cầu khỏe mạnh được khỏe mạnh, cầu an vui được an vui, và cầu biện tài được biện tài, liền thành tựu được một cách tự tại. Đây là lời đức Phật nói.

Đây là căn bản tu hành cực kỳ quan trọng. Bây giờ mọi người làm được điều này không? Bây giờ chúng ta nghi nhiều quá, nghi Phật. Có nhiều người nói con không nghi Phật, nhưng nghi Pháp mình tu, nghi Tăng là nhiều, [rồi] đối với Thánh giới (Giới luật) thì cũng không tin, không thèm học nữa nên biết đâu mà nghi. Tất nhiên không học thì tức là nghi.

Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sinh lên cõi Trời và ở đó được mười pháp. Nếu làm [được] như vậy thì là thành Thánh đệ tử rồi. Vì bốn điều này là để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, nên tất nhiên là thành Thánh đệ tử rồi. Khi mạng chung ở đây sẽ sanh lên cõi Trời và được mười pháp nữa.

Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi Trời, sắc đẹp cõi Trời, danh xưng cõi Trời, khoái lạc cõi Trời, tự tại cõi Trời và sắc, thinh, hương, vị, xúc cõi Trời. Như vậy là được rất nhiều thứ, chỉ cần làm cho bốn niềm tin trên không thoái chuyển. #Hoại tịnh: #tịnh là thanh tịnh; niềm tin thanh tịnh đối với Phật, niềm tin thanh tịnh đối với Pháp, niềm tin thanh tịnh đối với Tăng, niềm tin thanh tịnh đối với Thánh giới (tức là giới của Phật), #giới là Giới luật.

Nếu Thánh Đệ tử ở trên Trời mạng chung sẽ sinh vào cõi Người. Ta thấy người ấy đầy đủ mười điều. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi Người, xinh đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và, sắc, thinh, hương, vị, xúc cõi Người. Tại vì đây mới là Sơ quả Tu-đà-hoàn, cho nên có thể lên cõi Trời rồi xuống tiếp.

Ta nói vị đa văn Thánh Đệ tử này tín không phải do người khác, ước muốn không phải do người khác, không nghe từ người khác, không lấy ý

người khác, tư duy không nhờ vào người khác. Ta nói vị ấy có tri kiến chánh tuệ như thật".

Quý vị làm được như vậy thì quý vị yên tâm, niềm tin của quý vị không còn do người khác nữa, quý vị tự tin được. Còn bây giờ đa số đồng tu chúng ta tin là nhờ người khác. Phải nhờ thầy Thiện Trang, phải nhờ Hòa thượng Tịnh Không, phải nhờ thầy này thầy kia, giảng cho quý vị [thì] quý vị mới tin. Còn nếu không, thì tự mình không có niềm tin được, cho nên chưa phải là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Sơ quả Tu-đà-hoàn thì ok, không cần phải nhờ người khác nữa, mình có thể thâm nhập kinh được. Khi đó ước muốn không nhờ vào người khác, không nghe từ người khác, không lấy ý người khác, tư duy không nhờ vào người khác nữa. Bởi vì lúc đó mình có một điều gọi là Chánh kiến. Tri kiến Chánh tuệ nói tắt là chữ Chánh kiến; #như thật là đúng.

Bấy giờ, có người đi theo Nan-đà, thưa Nan-đà rằng: "Giờ tắm đã đến, bây giờ xin Ngài đi cho!" Tức là bây giờ có người nhắc ông Nan-đà này là đi tắm.

Nan-đà đáp rằng: "Nay ta không cần tắm gội theo thế gian, mà nay ta ở trong pháp thắng diệu này tự tắm gội; Vì đối với đức Thế Tôn ta đã có được tín lạc thanh tịnh".

Người huấn luyện voi Li Xa Nan Đà sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, thì hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

(Kinh 801. Li-Xa – Thuộc Phẩm Tương Ưng Bất Hoại Tịnh Thứ 22 – Kinh Tạp A Hàm)

Đầu tiên vẫn là giống như trong Đại Trí Độ Luận nói: "Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập" *(Biển lớn của Phật pháp, phải tin thì mới vào được)*. Thời nay thực ra khó cho chúng ta lắm. Giữa thời đại này mình dễ nghi lắm, nghi Phật, nghi Pháp, nghi Tăng, nghi cả Giới.

Cho nên để được điều này thì bí quyết là gì? Thiện Trang nói bí quyết của mỗi người mỗi khác. Bí quyết của Thiện Trang là bao nhiêu năm nay, Thiện Trang thâm nhập kinh tạng, nhờ coi nhiều kinh. Tạng kinh trong Đại tạng kinh (ba tạng:

Kinh tạng, Luật tạng, và Luận tạng) thì Luật tạng [Thiện Trang] mới coi được ít. Luật tạng cũng không nhiều lắm, nhưng coi được một phần thôi. Kinh tạng thì Thiện Trang coi gần hết rồi. Sau khi coi gần hết, thì niềm tin đối với Phật là mình có niềm tin. Đối với Pháp thì mình cũng có niềm tin, tại vì mình không sợ [những] điều nghi ngờ [khi] ai đó đưa cho mình một kiến thức nào đó về Phật pháp. Mình biết [kiến thức đó] nằm ở đâu, mình biết [kiến thức] đó đúng hay sai so với kinh điển, cho nên không nghi. Còn một hồi, quý vị cứ nghe người này nói thế này, người kia nói thế kia, bữa nay người ta nói thế này, bữa sau người ta nói ngược lại, thì mình sẽ nghi về Pháp. Ngay cả pháp tu của mình cũng vậy, lúc tu thế này, lúc tu thế kia, làm sao biết được. Đó là vẫn còn nghi.

Thứ ba là đối với Tăng. Tăng thì có nhiều bậc Tăng: Thánh tăng, Phàm tăng. Đời nay khó, [gặp] Thánh tăng thì may ra, [nhưng] Thánh tăng thì mình không thấy đâu, rất khó, [mình] có thấy thì cũng không biết nữa. Còn đối với Phàm tăng thì mình nghi nhiều nữa. Nên thôi, coi như thành tựu bất hoại tịnh đối với Tăng thì khó.

Còn đối với Thánh giới, có ai giảng Giới đâu mà biết, mà có niềm tin. Cho nên nói thì đơn giản, bốn điều này thành tựu thôi là được, nhưng thời nay thì hầu như không thành tựu được. Vì không học Giới luật thì làm sao mà tin Giới được. Mình cứ tưởng thế này mới đúng giới, thế kia mới đúng giới, nên không biết. Giới thì Thiện Trang đã giảng bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, quý vị có duyên thì nghe. Bộ đó thì cũng tương đối cho người tại gia, quý vị đủ xài. Cho nên cố gắng nha! Mình coi tại sao muốn chứng quả Thánh khó, là tại vì điều này mình chưa làm được.

Ở đây nếu làm được rồi, thì vị này không cần đi tắm nữa. Người hầu bảo đi tắm thì [nói] không cần đi tắm [như] ở trong thế gian nữa đâu. Điều này rất tuyệt vời! Để bổ sung điều đó, Thiện Trang [xin] nói thêm:

Kinh 804. Tứ Bất Hoại Tịnh – Kinh Tạp A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngươi nên khởi lòng thương mến, và lòng từ bi. Đối với những gì các ngươi nói, nếu có người nào thích nghe, thích lãnh thọ, các ngươi hãy vì họ mà nói về bốn bất hoại tịnh, khiến cho chứng nhập, khiến cho an trụ.

Thiện Trang thấy đoạn này nên mới nói với quý vị. Đức Phật dặn: các ngươi hãy khởi lòng thương mến, lòng từ bi đối với những người nào thích nghe, thích lãnh thọ, thì hãy nói về bốn điều này, (Thiện Trang đang làm điều này), để khiến cho họ chứng nhập, an trụ. Đó là Thiện Trang nói theo lời đức Phật.

Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật; Bất hoại tịnh đối với Pháp; Bất hoại tịnh đối với Tăng; Thành tựu Thánh giới. Vì sao? Nếu bốn đại: đất, nước, lửa, gió có sự thay đổi, tăng giảm, nhưng bốn bất hoại tịnh này chưa từng có sự tăng giảm biến đổi khác. (Có nghĩa là điều này thành tựu rồi thì không bao giờ thay đổi nữa).

Chúng không tăng giảm biến khác chỉ vì đa văn Thánh đệ tử đã thành tựu được đối với Phật, nên nếu bị đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, điều này không thể có được.

Có nghĩa là quý vị yên tâm, quý vị làm được bốn niềm tin đó bất hoại rồi, thì chúc mừng quý vị, quý vị không bao giờ đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa. Bởi vì quý vị xác chứng, quý vị đã là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Thực ra điều này cũng không nói rõ là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cho nên bộ Luận Câu Xá chúng ta đang học đây, điều này kéo vào địa vị trước Sơ quả Tu-đà-hoàn. Trước Sơ quả Tu-đà-hoàn có bốn quả vị nữa, thậm chí nói rõ ra là năm quả vị, nhưng mình nói bốn quả vị đi. Điều này là Nhẫn vị, có nghĩa là quý vị được niềm tin không thoái chuyển, thì quý vị cũng không đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vầy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; Thành tựu bất hoại tịnh với Pháp, Tăng, thành tựu Thánh giới, và sẽ thiết lập cho người khác cũng được thành tựu”.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Thiện Trang cũng mong là quý vị thành tựu bốn điều này. Kinh này đức Phật dặn như vậy thì Thiện Trang làm theo như vậy.

Một điều quan trọng nữa là Tứ đế. Ai học giáo pháp Nam truyền [hay] cho dù học giáo pháp nào, thì Tứ đế (Tứ Thánh đế): Khổ, Tập, Diệt, Đạo có cần tu theo thứ tự hay không? Có rất nhiều người không biết điều này, cứ vô cắm đầu mà tu, không biết đúng hay không. Ở đây Thiện Trang có đưa ra đề mục này và cũng trích từ kinh:

Tứ Đế: Khổ Tập Diệt Đạo – Có Cần Tu Theo Thứ Tự Không?

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, gia chủ Tu Đạt Đa đến chỗ đức Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch đức Phật rằng:

Quý vị biết gia chủ Tu Đạt Đa này là ai không? Nhiều người nghe tên rất lạ. Tu Đạt Đa hay gọi tắt là Tu Đạt, chính là ông Cấp Cô Độc (đây không phải tên thật của ông). Tên thật của ông là Tu Đạt hay Tu Đạt Đa. Nhưng sở dĩ có danh Cấp Cô Độc vì [ổng] hay cung cấp, chúng ta hay nói là bố thí, cho những người cô độc, những người ăn xin. Ông Tu Đạt Đa hay cung cấp, bố thí, vì vậy ông mới đặt tên là Cấp Cô Độc.

Giống như quý vị làm gì đó, hạnh gì nổi tiếng quá, ví dụ Hương heo chẳng hạn, người ta chuyên làm nghề bán thịt heo ở ngoài chợ, cho nên cũng lấy tên mình là Hương heo luôn. Còn mình bán quần áo nên gọi là Hương quần áo, [kiểu] vậy đó. Ở đây ông Cấp Cô Độc cũng vậy, ông chuyên cung cấp, bố thí cho những người bần cùng nghèo khổ, những người cô độc, cho nên được danh là Cấp Cô Độc. Thôi mình lấy tên nào hay hay, Đệ nhất Cư sĩ hay là Thành tâm Cư sĩ, Thành kính Cư sĩ. Có nhiều người lấy tên Thành kính Cư sĩ, Thành tâm Cư sĩ, nhưng chả thấy thành kính, thành tâm gì hết, hữu danh vô thực. Mình phải làm sao để thiên hạ công nhận mình, đặt cho mình. Chứ mình lấy danh mà mình làm trật lất thì cũng không được, cố gắng làm sao đó [để] danh xứng với thực. [Chúng ta] tiếp tục để coi ông Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi đức Phật [điều] gì:

“Bạch đức Thế Tôn, bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời?”

Có nghĩa là bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là sự thật về khổ, Tập là nguyên nhân của khổ, Diệt là niềm vui sau khi đã diệt hết khổ, và Đạo là con đường để diệt khổ. Ổng hỏi là bốn Thánh đế đó là hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời? Tức là mình phải quán theo thứ lớp là Khổ trước [sau đó đến] Tập, Diệt, Đạo, hay là quán một lúc đồng thời luôn bốn điều này.

Nhiều người tu Tứ niệm xứ ghê lắm, nhưng họ không biết kiến thức này. Cho nên tu nhiều khi trật, mà trật rồi thì không đúng. Bây giờ coi đức Phật trả lời thế nào.

Đức Phật bảo gia chủ: “Bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời”. Phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời. Đây là câu quan trọng.

Phật bảo gia chủ: “Nếu có người bảo: ‘Đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà có thể hiện quán Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế,’ lời nói này không đúng. Nghĩa là mình chưa quán Khổ đế trước, mà mình chạy vô lo học Thánh đế Khổ tập, Khổ diệt, rồi Khổ [diệt] đạo, thì lời này không đúng.

Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế nếu chưa hiện quán mà có thể hiện quán Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế (nói chung là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, gọi tắt như vậy cho ngắn, ở đây đức Phật nói tên đầy đủ) **thì điều này không thể có được.**

Giờ nhiều người tu sai cho nên không có hiệu quả. Đức Phật lấy ví dụ đằng sau cho chúng ta nghe.

Cũng giống như có con đường có bốn bực thềm đi lên điện đường. Nếu có người nói: ‘Không cần lên bậc thứ nhất mà lên ngay bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư, lên điện đường,’ điều này không thể có được. Vì sao? Phải do bậc thứ nhất rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư để lên được đến điện

đường. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế,' điều này không thể có được.

Để Thiện Trang giải thích cho quý vị nghe, chứ không quý vị ngủ gục hết. Bây giờ trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo, quý vị muốn thành tựu ba điều sau, thì đầu tiên phải [quán] Khổ đế trước. [Quán] Khổ đế thì nhận diện được Vô thường. Trong một bộ kinh đức Phật có nói: Bí quyết để tu là phải quán từ Vô thường, Vô thường là khổ. Khổ đế thì trong đó [quán] Vô thường [là] quan trọng. Cho nên xuyên suốt các bài giảng đức Phật đều nói về Vô thường, và Thiện Trang cũng vậy, luôn luôn nói về Vô thường. Nhiều người nghe chán nhàm rồi, nhưng nếu quý vị không quán niệm được Vô thường, tức là Khổ đế, không biết đời là khổ, quý vị vẫn còn mê ở thế gian này, vẫn còn thích thế này thế kia. Thì nói thật, không có cách nào quý vị tu được những điều sau, coi như con đường Tứ Thánh đế không được. Nhớ như vậy nha! Cho nên đầu tiên phải quán điều gì? Ở đoạn trên Thiện Trang để một bài kệ trong Kinh A Hàm.

一切行無常，

生者必有死，

不生則不死，

此滅為最樂。

"Nhất thiết hành vô thường

Sanh giả tất hữu tử

Bất sanh tắc bất tử

Thử diệt vi tối lạc".

Tức là tất cả hành (hạnh) vô thường, điều đó mà sanh thì chắc chắn có chết (tử), có sanh thì có tử, không sanh thì không tử. Diệt được sự Vô thường này, thì đó là tối lạc, #tối lạc là vui nhất. Cho nên Thiện Trang dịch là:

"Hết thảy hành vô thường

Có sanh thì có tử

Không sanh thì không chết

Diệt đó là vui nhất".

Diệt đó là diệt được dòng sanh tử, là vui nhất. Đây là Kinh Số 2 – Phẩm Tám Nạn 42 – Kinh Tăng Nhất A Hàm. Quý vị thấy [việc quán] Vô thường quan trọng, và quý vị có thường quán Vô thường hay không? Thiện Trang nói bí quyết để chúng ta loại trừ được hay tu được Tứ Thánh đế, hay tu bất cứ Pháp môn nào, [thì] quý vị phải quán Vô thường. [Quán] Vô thường thế nào? Chắc chắn rồi chúng ta ngày nào đó cũng phải 'lên bàn thờ', lên bàn thờ là chết đó. Còn [nếu] không nói lên bàn thờ, thì chắc chắn sẽ chui vào hòm hoặc chui vào nhà xác, chui vào nhà hỏa táng, v.v... nói chung là chắc chắn mình sẽ chết. Nếu quán được như vậy, đó là quán Vô thường. Và không phải chỉ mình ta, mà tất cả ai trên đời này đều như vậy. Gia thân quyến thuộc, bà con, họ hàng, cha mẹ, anh em chồng vợ, con cái, tất cả đều như vậy. Quý vị phải có hiện tiền quán như vậy, thì quý vị mới hiểu được Vô thường.

Còn bây giờ suốt ngày nói vô thường, vô thường, mà tới khi có một chuyện gì đó xảy ra, quý vị vẫn đau khổ, vẫn không chấp nhận được điều đó, tức là quý vị không quán Vô thường. Trong Tứ đế, quý vị đã không làm được bước đầu tiên, đó là bài Khổ đế chưa [học] xong, thì quý vị tu gì được nữa. Mình muốn tu tập thì nằm ở Đạo đế. Còn mình hiểu được nguyên nhân của khổ, đó là Tập đế. Và mình biết được niềm vui sau khi hết nỗi khổ đó, thì gọi là Diệt đế. Nhưng bây giờ ngay điều đầu tiên mà mình chưa làm được, thì mình chạy vô mấy điều sau cũng không được.

Đức Phật nói rõ ràng, giống như có đường đi lên một cái điện có bốn bậc

thang. Quý vị không bước lên bậc thang thứ nhất, mà đòi bước lên mấy bậc thang kia thì không được. Bậc [thang] này cao lắm, không phải bậc nhỏ để nhảy lên. Không nhảy được, cao lắm! Thì mình phải đi từng đoạn đường. Có nhiều người học với Thiện Trang, học Phật pháp rất lâu, nhưng bài về Vô thường không làm được, không học được. Cho nên khi gặp chuyện gì thì họ rung động, họ bị động tâm ngay. Ví dụ [khi] bệnh đau tới, hay một người thân bị chuyện gì đó v.v... thì quý vị không thể trụ được tâm.

Cho nên vấn đề là học phải hành, phải hiểu đời là vô thường, giả tạm. Ai rồi cũng phải đi thôi, trước sau gì cũng phải từ bỏ thế gian này, quý vị có muốn [tiếp tục] cũng không được đâu. Tại vì tất cả thế gian đều là vô thường. Quý vị không dám chắc là quý vị sẽ sống được bao lâu, ngay cả thân ta còn không làm chủ được, thì huống hồ chi những điều gì khác. Quý vị còn mong tất cả những điều khác, đó là không thể.

Trong Kinh 312 - Kinh Tạp A Hàm, [nói] về quán Vô thường, đức Phật có đưa ra: Giống như có một ông vua, xưa nghe một tiếng đàn rất hay, bèn truyền là hãy đem tiếng đàn tới đây. Đại thần đem cây đàn tới, nói: *"Bạch Bệ hạ! Không có tiếng đàn, mà tiếng đàn xuất phát từ cây đàn. Từ cây đàn này, phải gảy đàn thì mới lên được âm thanh. Và để được tiếng đàn hay như thế thì phải có người gảy, mà người gảy đàn cũng phải có trình độ".* Thế vua mới nói là: *"Vậy thì khó quá, vậy thôi ta không cần. Bởi vì cây đàn này không có ý nghĩa gì, chỉ là [vật] vô tri. Cho nên hãy phá bỏ cây đàn này, đem giục hết ra mười phương (bỏ khắp nơi đi), [Ta] không không cần nghe nữa".*

Bởi vì sao? Quý vị nghe vậy thì quý vị không hiểu, nhưng Thiện Trang hiểu thế này: là mọi niềm vui hưởng thụ được trên thế gian đều nương nhờ vào bao nhiêu điều khác, mà chúng ta nói là phụ thuộc rất nhiều duyên, 24 Duyên hệ. Bây giờ [có] cây đàn không [thôi] thì không thể phát ra tiếng đàn, mà phải có người, [cây đàn] phụ thuộc vào người đánh. Mà người đánh đàn cũng phải có tâm trạng [để] đánh, người đó phải khỏe mạnh, phải giỏi, tài năng, phải nhập tâm đánh thì mới ra tiếng đàn. Trong thời điểm họ vui thì họ đánh ra tiếng đàn khác, [khi] họ

buồn thì [đánh] ra tiếng đàn khác. Vì thế, thế gian có quá nhiều yếu tố. Họ run rẩy một chút thì không đánh được, [hay] tâm họ không ổn thì đánh cũng không thể hay được.

Cho nên ở thế gian, nếu truy cầu những niềm vui thế gian, thì thường mình sẽ truy cầu không được, rất ít khi được một cách mãn nguyện, đúng không? Ngay cả khi quý vị nấu ăn thôi, bây giờ các cô nhiều, [đa số] biết nấu ăn. Mình nấu ăn, mình muốn món ăn ngon, [nhưng] nhiều khi cũng không ngon. Bởi vì ngày hôm đó mình không được tốt lắm, đầu óc không được sáng suốt lắm. Đang nấu ăn, một cuộc điện thoại tới nói chuyện gì đó, [là] đồ ăn không ngon rồi, đúng không quý vị? [Quý vị] thấy một yếu tố phụ thuộc rất nhiều duyên. Đang nấu ăn mà điện cúp hay thiếu gas, lửa gì đó v.v... là không được ngon rồi. [Thức ăn] đổ vung vãi, hay là đang làm gì đó, bận gì đó. Nên một bữa ăn ngon cũng không dễ nữa, đừng nói là những yếu tố khác.

Cho nên ở đời, chúng ta phụ thuộc rất nhiều duyên, nào là người thân quyến thuộc, nào là bạn bè, nào là thầy bạn, nào là gia đình, nào là đất nước, phụ thuộc nhiều quá. Càng phụ thuộc nhiều bao nhiêu thì càng khó làm chủ bấy nhiêu, bởi vì chỉ cần một yếu tố thay đổi, thì tất cả đều ảnh hưởng tới mình, đúng không? Quý vị đừng tưởng là không có gì ảnh hưởng [đến mình]. Như vừa rồi ông Donald Trump bầu cử đắc Tổng thống Mỹ kỳ tiếp theo, Tổng thống lần thứ 47. Mình tưởng dường như là không có ảnh hưởng gì đến mình. Nhưng thật ra là ảnh hưởng rất nhiều, ảnh hưởng thế nào? Ổng lên là chính sách kinh tế khác, ổng có thể làm khuấy động cả thế giới này theo một hướng khác. Có thể kinh tế thế giới sẽ đi lên thì mình cũng được hưởng phước, mình cũng được tốt. Việt Nam xuất khẩu qua Mỹ được nhiều hơn, kinh tế của mình đi lên. Nếu ổng làm khó quá, xuất khẩu trì trệ thì mình cũng khổ, mình thiếu việc làm, doanh nghiệp [bị ảnh hưởng], thế này thế kia.

Quý vị thấy không? Một yếu tố thôi mà đã như vậy rồi, [huống hồ] có rất nhiều yếu tố khác [nữa]. Mà ổng còn nói là ổng sẽ trục xuất một triệu người nhập cư vô Mỹ bất hợp pháp nữa, nghe như thế thì nhiều người bắt đầu run rồi. Tại vì

quý vị biết ở Mỹ thì người nhập cư lậu nhiều lắm, họ toàn là trốn đi qua các đường biên giới Mexico rồi họ vô, hay vượt biên qua biển thế nào đó để vào Mỹ.

Bởi vì chính sách ở Mỹ, thật ra người ta cũng có lý do, đặc biệt các cô thì dễ ở lại Mỹ lắm, miễn sao vô nước Mỹ rồi đẻ một đứa con thôi, làm sao đó có bầu đẻ được một đứa con. Sinh xong thì đứa con đó nghiễm nhiên được hưởng chính sách công dân Mỹ, nó được sinh ra tại nước Mỹ mà. Mười tám tuổi thì tự nhiên nó được mặc định là công dân Mỹ, được quốc tịch Mỹ, trừ khi 18 tuổi nó từ chối. Và người mẹ đó được hưởng theo con luôn, cho nên là người mẹ được trở thành thường trú nhân thôi, tức là được ở thường trú tại Mỹ.

Mới đầu Thiện Trang nghĩ kêu sao chính sách đó kỳ vậy, nhưng sau nghĩ kỹ lại [thì thấy] đúng. Tại vì một đứa nhỏ được sanh ra ở Mỹ, khi lớn lên nó sẽ được học theo chế độ nền kinh tế chính trị giáo dục ở đó, thì tự nhiên nó trở thành người Mỹ thôi, [được] quốc tịch Mỹ là đúng rồi, chứ còn gì nữa. Cho nên đất nước bảo vệ trẻ em như vậy là hợp lý. Mà trẻ em là do ai chăm sóc? Do mẹ chăm sóc là tốt nhất, phải có mẹ chứ.

Cho nên một chính sách thôi, một người lên [làm lãnh đạo] đã ảnh hưởng rất nhiều, và đôi khi [cũng] khổ đúng không? [Giống như] chiến tranh ở tại Ukraina hay là ở tại Trung Đông, kết thúc hay không là nhiều khi cũng nhờ một vị Tổng thống Mỹ.

Cho nên chúng ta biết được thế gian này là vô thường. Vô thường có nghĩa là gì? Vô thường là không làm chủ được, điều gì rồi cũng thay đổi. Nếu mình hiểu được điều đó thì mình sống rất nhẹ nhàng. Chúng ta đối với sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đức Phật nói mắt thì thích sắc đẹp, tai thích nghe âm thanh hay, mũi thích ngửi mùi hương tốt... Đức Phật lấy một ví dụ như thế này: Có sáu con vật gồm chó, chim, rắn độc, dã can, cá sấu và khỉ. Có một người bắt sáu con đó nhốt vào trong một chỗ, cột nó lại, không cho nó di chuyển. Nếu thả ra thì tự nhiên con chó sẽ chạy vào làng thôi, nó thích đi vào làng. Con chim sẽ bay lên trời. Con rắn độc thì tất nhiên là chui vô hang, nó kiếm bụi cây để trốn. Con dã can thì thích đi vô trong rừng. Cá sấu thì thích xuống dưới [đầm] nước sình lầy. [Còn] con khỉ thì

thích leo lên cây.

Đức Phật nói cũng vậy, sáu căn của chúng ta nếu được thả tự do thì nó cũng chạy thôi. Mắt thế nào cũng tìm cảnh sắc đẹp để nhìn, cái nào đẹp thì nhìn. Tai thì thế nào cũng thích nghe âm thanh hay. Mũi thì thế nào cũng thích ngửi mùi hương thơm, chứ chẳng bao giờ thích ngửi mùi thối. Rồi lưỡi thích vị ngon ngọt là đương nhiên rồi, vị đó theo sở thích của mỗi người. Và thân thể thì thích êm ái, tiếp xúc được những gì êm ái.

Đức Phật nói tu là như thế nào? Tu là giống như người kia, bắt sáu con vật đó cột lại, khiến nó không thể chạy theo ý của nó được. Có nghĩa là con chó không thể chạy vào làng, con chim không thể bay lên trời, con rắn độc không thể chui vào hang hay chui vào bụi cây được, con dã can không thể trốn vào trong rừng, con cá sấu không thể xuống dưới vũng sình lầy, và con khỉ không thể leo lên cây. Cũng vậy, người tu hành đối với việc quản lý sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng phải kìm hãm, giữ lại, không cho chạy theo [cảnh]. Mình tu hành là tu như vậy. Đó là làm chủ được sáu căn. Chúng ta ráng tu nha!

Đây là một ví dụ rất hay! Thiện Trang thấy đúng là khuynh hướng theo tự nhiên thì như vậy thôi. Con chó thì thích chạy rong, con khỉ thì thích leo cành cây rồi. Nếu chúng ta không tu tập, thì tất nhiên tai chúng ta thích nghe âm thanh hay, mắt chúng ta thích sắc đẹp, thích cảnh đẹp lung linh huyền ảo gì đó, mới dễ chịu chứ. Cho nên phải tu, không tu thì không được.

Thiện Trang trở lại với bài kinh này.

“**Này Tỳ-kheo, nếu có người nói: ‘Bằng bốn bậc thềm đưa lên điện đường, nhưng phải do từ bậc thềm thứ nhất, rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư mới lên được điện đường,’ nói như vậy mới đúng. Vì sao? Vì phải do bậc thềm thứ nhất, sau đó mới leo lên bậc thềm thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên được điện đường, việc này có thể có được.**

Cũng vậy Tỳ-kheo, nếu đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, tuần tự có thể hiện quán Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích

Thánh đế.' Nên nói như vậy. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán, sau đó theo thứ lớp đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán, việc này có thể có được".

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 435 - Kinh Điện Đường - Kinh Tạp A Hàm)

Quý vị thấy không ạ? Rất nhiều người tu theo Nam truyền không biết điều này, cứ chạy vô lo tu mấy điều sau, thì gốc của mình không được viên mãn. Cho nên học gì thì học, [bài học] Vô thường thì phải học cho thật nhuần nhuyễn, học về Khổ đế. Ở đời có Ba khổ, có Bát khổ, học cho thuộc nhuần nhuyễn. Rồi quán Vô thường khổ. Khi quý vị thấy được như vậy, thấy đời là khổ, đời là giả tạm, đời là vô thường rồi, thì tự nhiên không cần nói quý vị, quý vị cũng tinh tấn tu hành thôi. Và không cần nói quý vị buông, quý vị cũng buông thôi. Còn những người chưa buông được trước gia thân quyến thuộc, gia đình đủ thứ chuyện, là chưa học bài Vô thường, tức là học bài Khổ đế chưa xong, chưa tốt nghiệp môn đó, môn quán đó chưa xong. Cho nên tu những điều sau là không có gốc. Mà không có gốc thì giống như leo lên bốn tầng nhà, quý vị không leo lên tầng thứ nhất thì làm sao lên mấy tầng kia. Cho nên đấy là điều quan trọng.

Ở đây nhiều khi mình học mà mình không có nền tảng. Và quý vị nên nhớ, nếu mình không học theo thứ tự đó, nhiều người mới vô học Bát-nhã, học điều này điều kia v.v… nói niệm Phật vãng sanh, nhưng không có nền tảng về Khổ đế, tức là không biết sợ nỗi khổ vô thường. Thì coi như ở thế gian này quý vị tu cỡ nào tu, [nhưng] thường không có tinh tấn được, không tốt được. Đó là lý do chúng ta cần phải học [có] thứ tự.

Đây là những nền tảng mà Thiện Trang cung cấp cho quý vị, hôm nay cung cấp thêm. [Quý vị] cố gắng thành tựu được bốn Bất hoại tịnh này. Cố gắng hiểu, học giùm nền tảng. Cho nên những Kinh này cực kỳ quan trọng. Không phải là không quan trọng, mà là rất quan trọng, nên cố gắng học. Mà khi học rồi thì mình

sẽ dễ dàng tu hành rất nhiều.

Đức Phật có đưa ra một ví dụ, Thiện Trang cũng thích ví dụ này, ví dụ này rất trí tuệ. Ở trong Kinh 315 - Kinh Tạp A Hàm, đức Phật có đưa ra: Có một người rất thông minh, rất giỏi giang. Có một người bạn đưa cho một cái tráp, cái tráp giống như cái hộp vậy đó, ở trong đó có bốn con rắn độc. Người đó nói là: *"Bạn hãy chui vào cái hộp lớn đó* (cái hộp giống như cái chuồng) *có bốn con rắn độc trong đó, để chăm cho nó, hãy nuôi nó, thỉnh thoảng cho nó ăn rồi lo cho nó"*.

Người đó nghe nói có bốn con rắn độc, sợ quá cho nên bỏ chạy. Người kia nói: *"Bạn à, bạn còn bị năm kẻ oán thù cầm dao đuổi bạn đó"*. Người đó bỏ chạy, sau đó thì thấy còn có sáu tên giặc, ác tặc đang đuổi theo nữa. Người đó chạy vô một cái xóm vắng. Trong xóm vắng đấy lại có bọn giặc nữa, núp ở trong đó. Người đó càng sợ hơn, chạy tiếp, thì gặp một con sông, dòng nước chảy xiết vô cùng. Người này sợ hãi không biết làm sao bây giờ. Bên bờ này thì sợ hãi, nhưng nhìn thấy chỉ cần qua được dòng sông đó thôi, là đến bên bờ kia mát mẻ an lạc rồi, không còn gì phải lo nữa.

Người đấy mới nghĩ là: "Bây giờ sông nước chảy xiết như vậy làm sao qua được?" Người ấy nghĩ là phải làm chiếc bè, bèn lấy cây rồi lấy cỏ cột lại, đóng thành một chiếc bè để vượt qua sông. Người đó vượt sông bằng cách là dùng tay chân để bơi qua. Tức là làm cái bè rồi dùng tay chân chèo để qua được bờ bên kia.

Câu chuyện đó đức Phật lấy ví dụ thế này: Bốn con rắn độc đó là dụ cho trong người chúng ta được tạo bởi Tứ đại chủng. Đại chủng, ngôn ngữ ở bên kinh này là Tứ đại: Đất, Nước, Lửa, Gió. Đất, Nước, Lửa, Gió là rắn độc của mình đó quý vị, tại vì sao? Thân Tứ đại này là Đất, Nước, Lửa, Gió (hôm bữa mình giải thích Đất, Nước, Lửa, Gió rồi) khiến cho mình khổ, cho nên nó là rắn độc.

Rồi chúng ta có năm Thủ uẩn là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đó chính là năm oán thù của mình. Đó là oán thù cầm dao theo giết mình hằng ngày mà mình không biết. Bao nhiêu sự tu hành của mình thành tựu hay không là do nó, nó kéo mình ghê lắm.

Rồi có sáu tên giặc ở bên trong chính là sáu căn của mình. Sáu căn của mình về hỷ ái, tức là yêu thích rồi ham muốn điều gì đó. Ví dụ như mắt thì ham muốn sắc đẹp, tai [thích] nghe âm thanh [hay]. Đó là sáu tên giặc bên trong đi theo mình.

Khi người đó chạy vào xóm vắng, xóm vắng là sáu Nội xứ ở trong đó. Tức là ở trong tâm của chúng ta, ngoài [sáu căn] bên ngoài ra còn [có] bên trong, sáu Nội xứ về sáu căn xử lý thông tin đó.

Khi người đó chạy qua gặp một dòng sông nước chảy xiết. Nước chảy xiết là do bốn Bộc lưu, gồm có: Dục bộc lưu, Hữu bộc lưu, Kiến bộc lưu và Vô minh bộc lưu. [Dục bộc lưu] tức là dòng chảy về tham dục của mình mạnh lắm. Rồi [Hữu bộc lưu] là sự muốn hiện hữu của mình, gọi là Dục giới hữu, Sắc giới hữu, [tức là] có cái mình mong muốn, mình muốn hiện hữu (muốn có đó). Rồi sự thấy sai lầm gọi là Kiến bộc lưu, là một loại Phiền não, giống như dòng chảy, mình có những [sự] thấy sai lầm không đúng với Chánh pháp. Ví dụ người ta thấy con mình là thật, gia đình mình là thật, chồng mình là thật, vợ mình là thật. Tất cả những gì của mình đều thật hết, thấy thân này là thật, thì đều là Kiến bộc lưu. Điều đó khó như vậy, có bốn dòng chảy. Thứ tư là Vô minh Bộc lưu, là thấy không đúng với Chánh pháp. Điều này khó cực kỳ. Đó là [dụ] về dòng nước chảy xiết.

Và con sông dụ cho ba ái: Dục ái, Sắc ái và Vô sắc ái. Tức là niềm yêu thương, yêu thích ở cõi Dục, sự yêu thích ở cõi Sắc giới, và sự yêu thích ham muốn, tức là mình muốn hiện hữu ở cõi Vô sắc giới. Đó là con sông.

Rồi bên bờ sông này có nhiều sợ hãi, dụ cho là nếu chúng ta có thân là chúng ta còn có khổ. Còn bên kia bờ kia mát mẻ an lạc đó chính là Vô dư Niết-Bàn. Để vượt qua dòng sông như vậy thì phải có chiếc bè. Chiếc bè đó chính là Bát chánh đạo hay Bát thánh đạo.

Và dùng tay chân phương tiện để bơi, chèo qua sông, là dụ cho sự dũng mãnh tinh tấn. Cách vượt sanh tử là phải có Bát chánh đạo, phải có dũng mãnh tinh tấn.

Cho nên tu gì thì tu, cũng quay về như thế. Đấy là một ví dụ mà Thiện Trang thấy rất hay, nhưng chắc nhiều người nghe cũng không hiểu lắm. Ai hiểu được thì

hiểu nha, tại vì đó là một hình ảnh ẩn dụ chúng ta có thể hiểu được.

Thiện Trang xin phép trở lại với bài Luận Câu Xá, hôm nay chúng ta không học về A Tỳ Đàm. Thiện Trang nhớ Thiện Trang đã chia sẻ hai buổi về A Tỳ Đàm rồi. Cho nên hôm nay mình trở lại Luận Câu Xá một chút, chứ không là Luận Câu Xá bỏ qua lâu quá. Quý vị tiếp tục nha. Tại vì hai bộ này học một hồi cũng giống nhau. Lâu lắm rồi mình không học, nhưng phần này cũng dễ thôi, mời quý vị theo dõi.

又表滅時無表應滅，如樹滅時影必隨滅。有釋：所依大種變礙，故無表業亦得色名。若爾，所依有變礙故，眼識等五應亦名色。此難不齊。無表依止大種轉時，如影依樹，光依珠寶。眼等五識依眼等時則不如是，唯能為作助生緣故。

Hựu Biểu diệt thời Vô biểu ưng diệt, như thọ diệt thời ảnh tất tùy diệt. Hữu thích: Sở y Đại chúng biến ngại, cố Vô biểu nghiệp diệc đắc Sắc danh. Nhược nhĩ, sở y hữu biến ngại cố, Nhãn thức đẳng ngũ ưng diệc danh sắc. Thử nạn bất tề. Vô biểu y chỉ Đại chủng chuyển thời, như ảnh y thọ, quang y châu bảo. Nhãn đẳng ngũ thức y Nhãn đẳng thời tắc bất như thị, duy năng vi tác trợ sanh duyên cố.

Giải:

#*Hựu Biểu diệt thời Vô biểu ưng diệt*: là thêm nữa, khi Biểu sắc diệt thì Vô biểu sắc phải diệt theo.

#*Như thọ diệt thời ảnh tất tùy diệt*: giống như cây mất rồi thì bóng của cây cũng diệt theo.

Chúng ta quên khái niệm về Biểu sắc và Vô biểu sắc rồi đúng không ạ? Vô biểu sắc và Biểu sắc là gì? Biểu sắc thì chúng ta thấy rõ ràng, [gồm Hiển sắc]: là xanh, vàng, đỏ, trắng, [và] Hình sắc: là dài, ngắn v.v... Như thân thể chúng ta đây là Biểu sắc. Bên cạnh đó còn có những thứ duy trì đi theo, có những thứ vô hình, ngầm bên trong. Ví dụ nhìn hai người hay hai chị em, tuy là sinh đôi giống nhau,

thân thể giống y chang, nhưng nghiệp của hai người khác nhau, đó là có Vô biểu sắc khác nhau. Biểu sắc thì giống nhau đấy, nhưng Vô biểu sắc thì khác nhau. Người kia thì không có bệnh gì hết, nhưng người còn lại thì bị bệnh. Đó là rõ ràng Biểu sắc và Vô biểu sắc khác nhau.

Khi Biểu sắc diệt thì Vô biểu sắc cũng diệt. Bây giờ thân thể tan mất rồi, thì nghiệp không thể dựa trên [thân] này nữa, những nghiệp theo trong đời này hết. Trong A Tỳ Đàm gọi đó là hộ kiếp, những tâm đó là tâm hộ kiếp, nó tạo và mang theo, cho nên điều này diệt thì điều kia diệt. Giống như quý vị chặt một cái cây, cây mất rồi thì bóng [của] cây cũng không còn. Hai thứ đó đi chung với nhau, nên Vô biểu sắc nương nhờ Biểu sắc mà có.

#*Hữu thích*: tức là có (một người hay vị nào đó) giải thích.

#*Sở y Đại chủng biến ngại, cố Vô biểu nghiệp diệc đắc Sắc danh*: tức là nói có vị giải thích rằng: bởi vì nương theo sự biến đổi và hủy hoại; #hoại là hủy hoại; của Đại chủng. Tức là thân Tứ đại của chúng ta biến đổi, cho nên Vô biểu nghiệp cũng được gọi tên theo Sắc (tức là thuộc về Hình sắc) nên gọi là Vô biểu sắc.

Ở đây nói như thế này thì quý vị dễ hiểu hơn, là nó nương theo thân thể này, mà mình có những nghiệp khác nhau. Ví dụ quý vị biết chúng ta ở thời đại này, là thời kỳ Phật pháp yếu, mạt pháp, chúng sanh nghiệp nặng nên thân thể nhỏ bé, không to lớn, và mang nhiều nghiệp. Còn trong kinh nói, ví dụ như thời của đức Phật Di Lặc, thì loài người thọ đến 80.000 tuổi, lúc đó không có những bệnh gì hết, bệnh cảm, bệnh này bệnh kia là không có. Có nghĩa là vào thời đó, tự nhiên thân thể tốt đẹp. Tứ đại tốt đẹp thì tự nhiên nghiệp đi theo (tức là Vô biểu sắc) cũng được tốt thôi. Còn bây giờ tệ quá!

Nên trong A Tỳ Đàm, mới đưa ra câu hỏi như thế này: Tại sao các đức Phật thì như nhau, đức Phật nào cũng tu bao nhiêu kiếp mới thành Phật, phước báo vô lượng, mà tại sao các vị Phật có thọ mạng khác nhau? Đức Phật Thích Ca tuổi thọ 100 năm, Ngài chỉ trụ thế có 80 năm. Còn các đức Phật như đức Phật Ca Diếp thì trụ thế tới 20.000 năm. Tại sao lại như vậy?

Giải thích liên quan đến vấn đề này, thì trong A Tỳ Đàm nói: Bởi vì đức Phật tuy đã thành Phật, thì phước báo của Ngài với các vị Phật khác ngang nhau, Phật Phật đạo đồng mà. Nhưng Ngài sanh ở cõi Diêm Phù Đề này, vào thời kỳ đó, thì cơ thể của Ngài cũng phải được cấu tạo từ Đất, Nước, Lửa, Gió. Mình nói cho đơn giản là cấu tạo từ những vật chất ở Thế giới này. Và Thế giới này đang là vật chất đó, với những hình hài được cấu tạo từ những vật chất nào là thức ăn này, thức ăn kia v.v… toàn là đồ ô nhiễm, đồ dở. Cho nên thân thể của Ngài cũng chỉ có thể duy trì được như thế thôi, Ngài không thể chống lại được. Mặc dù trong kinh nói là Ngài có thể trụ thế một kiếp, nhưng đó là dùng định lực, dùng cách nào đó để chống lại, còn không thì không được.

Cho nên đó gọi là Vật thực duyên, có nhiều duyên [như] Tiền sanh duyên... Tiền sanh duyên là những vật chất ở thời đại đó ăn vô. Cho nên mình sanh ra trong đời này bị nhiều bệnh là tại vì sao? [Vì] mình cũng toàn ăn những đồ gì đâu không, những thức ăn toàn là hóa chất, thời nay xài toàn hóa chất chứ thời xưa đâu có đâu. Ông bà xưa thọ lâu bởi vì ít xài hóa chất, còn bây giờ hóa chất nhiều quá. Cho nên có người chết xong rồi, thân thể để hoài cũng không rã. Bởi vì sao không rã? Bởi vì toàn hóa chất bảo quản trong cơ thể mang theo đầy. Hóa chất từ đâu ra? Từ đồ ăn.

Quý vị thấy bún người ta trộn cho một mớ [chất] tẩy trắng, tẩy trắng tách, rồi thứ gì cũng tẩy trắng. Còn không thì bún đâu có trắng được như vậy đâu. Làm [mấy] thứ nào cũng bỏ chất tẩy trắng, [như] đường đó quý vị. Ai vô làm đường thì biết, đường làm ra thì phải đen đen, hơi nâu nâu, chứ đâu có trắng. Mà [người ta] cho thứ gì đó vô một phát thì đường trắng tách. Xài đường cát trắng toàn là hóa chất hết. Và hằng ngày mình nạp hóa chất đó vào người, nên người cứ đơ đơ, mệt, và tu không nổi.

Đấy là thời đại ảnh hưởng, và thời đại này là do nghiệp của mình chiêu cảm ra, chiêu cảm nên mình mới sanh vào thời đại này. Cho nên thân thể này không tốt đẹp, đừng nói tài, nói giỏi. Phật ra đời có giỏi lắm thì Phật cũng chỉ trụ thế 80 năm, mà Ngài có thể trụ thế 100 năm. Nếu muốn trụ thế một kiếp thì Ngài phải

dùng thần lực. Còn chúng ta đâu có thần lực.

Thiện Trang nghĩ đơn giản, nhiều khi tu, hồi xưa thì không hiểu lắm, nhưng Thiện Trang cũng chỉ ước mong thế này thôi, Thiện Trang kêu: nếu mình không nổi tiếng là sướng lắm, mình ráng tu, hồi xưa nghe Hòa thượng Tịnh Không giảng nói là tới Tam quả A-na-hàm thôi là có Thần túc thông, [có thể] bay đi, rồi biến hóa cho đã. Nên Thiện Trang kêu: Ồ! Vậy [mình] ráng tu để đến chứng quả Tam quả A-na-hàm, xong rồi không cần phải ở nhân gian, ở trên thành phố này mệt lắm, cứ đi tìm mấy đảo hoang vắng trên đại dương không có bóng người, hay vào trong sơn động ở thì sướng hơn. Mình sống giữa thành thị làm chi cho mệt, rồi cứ ngày ngày đi khất thực thôi. Bắt đầu dùng Thần thông lên các thành phố nào đó, quốc gia hay nơi nào có thể đi khất thực được là đi thôi. Mình hiện ra hình tướng vị tăng nào đó đi khất thực. Còn nếu không, nơi nào không có Phật pháp thì mình cứ giả dạng biến thành người ăn xin đi khất thực, cũng tự tại, rồi đi về. Như vậy ngày ngày rong chơi ở trên đảo hoang vắng, như đảo Đào Hoa [chẳng hạn]. Thiện Trang thích như vậy lắm, hồi xưa [nghĩ] như vậy, nên cứ nguyện mong ít nhất chứng đến Tam quả A-na-hàm.

Sau này học rồi, hiểu rồi, không phải [như vậy]. Thần thông không phải thuộc về chứng quả Tam quả A-na-hàm, mà Thần thông thuộc về tu Thiền chỉ. Cho nên sau này Thiện Trang kêu: Vậy không cần, mình chỉ cần chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi, và mình ráng tu Thiền chỉ để đạt tới Tam thiền, Tứ thiền, thì mình vô tư thoải mái. Mình có thể vô các đảo hoang vắng trên đại dương, đi vô các hang động trong núi sâu. Rồi hàng ngày [dùng] Thần thông biến hóa đi ra khất thực một chút thôi, đi vô [đi ra] như vậy sướng. Mình chỉ cần chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn đời này là được rồi, đâu có sợ nữa, luân hồi sanh tử có hạn kỳ mà, sướng không!

Như vậy Sơ quả Tu-đà-hoàn dễ tu không? Dễ! [Còn] Thần thông Thiền chỉ thì sao? Thiền chỉ cũng không khó, nếu như mình biết tu. Phải tu như thế nào? Quý vị phải xả thân mà tu, chứ không phải tu chơi chơi. Phải tu như Sư Minh Tuệ, Thiện Trang tin là Sư Minh Tuệ có Thần thông tại vì ngài có mấy năm ở trên núi tu. Cách tu mấy năm ngồi kiết già cả ngày, ngày này qua ngày nọ, tu cỡ đó, tu như

vậy mới vô Thiên chỉ chứ. [Đắc] Thiền chỉ thì sẽ có Thần thông thôi, quý vị đắc Nhị thiền là có Thần thông rồi. Cho nên không khó!

Thiện Trang ước mơ như vậy, nhưng bây giờ nổi tiếng rồi cũng khó, bây giờ trốn đi đâu? Người ta biết rồi, bây giờ đâu có đi đâu được. Trốn lên núi thì người ta cũng biết, đâu có được, đi đâu cũng khó, đi đâu người ta cũng để ý. Lỡ có Thần thông cũng không dám sử dụng, giả bộ đi đâu cũng khó, thành ra đôi khi cũng không sướng.

Quý vị sướng hơn Thiện Trang, quý vị tu đi, quý vị đắc được Sơ quả Tu-đà-hoàn, rồi quý vị tu Thiền chỉ đạt được Tam thiền cho chắc, Tứ thiền thì chắc chắn hơn, [có] Thần thông lên cõi Trời, đi cõi này cõi kia, đã! Lên cõi Trời cũng được, vô núi sâu rừng thẳm, hay ra đảo, đại dương, hay vô hang động không bóng người [cũng được], sướng không! Ngồi kiết già, [vừa] niệm Phật [vừa] ngắm cảnh, đẹp lắm! [Ngắm] đại dương, nhìn nước biển, khi nào đói thì mình biến thành người [ăn xin] vô phố ăn xin cũng được. Đi vô đó thì mình dùng Thần thông ẩn mình, đi ăn xin cũng được. Nếu quý vị là Tỳ-kheo thì quý vị đi khất thực, người ta sẽ cho. Cuộc đời như vậy sướng không! Tu hành như vậy đã không! [Chứ quý vị] suốt ngày quay đi quẩn lại [nào là] chồng con, đóng tiền học cho con, tiền này cho con, suốt ngày bị chửi lên, chửi xuống v.v… khổ không?

Cho nên giữa con đường giải thoát với con đường ở trong thế gian, mà người ta ham con đường thế gian. Phải lên chức vụ cho cao sang, quyền quý, rồi nổi danh, làm chi cho mệt vậy! Quý vị thấy tự tại sướng hơn chứ! Thiện Trang không biết quý vị nghĩ sao, chứ Thiện Trang thấy như vậy sướng lắm. Cho nên sau này [Thiện Trang nghĩ] không có gì sướng hơn, mà chỉ có đắc đạo, đắc Thần thông là sướng rồi. Cuộc đời tự nhiên đã, mình đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn là đời sau này đâu còn lo nữa. Nếu đắc Thiền chỉ trước mà chưa đắc Sơ quả, chưa đắc Thiền quán thì hơi khó, [nên] cũng phải ráng. Chứ còn đắc Thiền quán, đắc Sơ quả trở lên rồi thì không còn sợ gì nữa, đi thoải mái, cuộc đời vui không! Tuyệt vời!

Thiện Trang nghĩ Sơ quả không khó, Thiền chỉ cũng không khó, bỏ thời gian ra luyện là được. Chứ còn tu chơi chơi, ngày [tu] chút chút thì làm sao được. Phải

tu mấy tháng mới vô, chứ không phải tu chơi chơi đâu. Ai có phước báo thì ráng tu. Còn bây giờ mình tu giống như kiểu chống cháy, tu chơi chơi thôi, ngày vô ngồi thiền chút rồi ra. Mà thật ra phương pháp tu ngồi thiền cũng không đúng nữa, rồi tu Thiền quán cũng không biết tu, nhiều người mơ mơ, màng màng, nên tu làm sao mà đắc được. Nhưng nếu mà đắc được thì tuyệt vời lắm quý vị, Thiện Trang nghĩ như vậy, sướng không!

Quý vị nghĩ coi, hàng ngày đâu có phụ thuộc vào thế gian, thế gian người ta chửi lên, chửi xuống, nợ tiền nước, tiền điện… đủ thứ tiền. Lúc đó mình nói thôi ta mượn cớ lên núi cao tu, chứ mình trốn luôn, đâu có ai tìm mình đâu. Mình ra hải đảo ở, mình lên rừng sâu núi thẳm ẩn mình vô đó, hằng ngày đi khất thực, đi chỗ này, chỗ kia, sướng! Cuộc đời từ đó [thỏa mái].

Không biết quý vị có thích không, nhưng Thiện Trang thích như vậy đó. Nhưng bây giờ lỡ vô con đường này, nổi tiếng rồi nên trốn không được, bây giờ phải giảng pháp, phải thế này thế kia, khổ quá, đôi khi cũng không sung sướng gì. Nhưng Thiện Trang hy vọng tương lai, [có] lúc nào đó làm được [như vậy], không biết tại sao Thiện Trang thích như vậy.

Đấy là giới thiệu cho quý vị thấy là tu không khó. Khó là mình không [chịu] buông, không buông được thế gian này, mình nhìn thế gian này thật quá đi. Nên mình coi người thân quyến thuộc là thật, vì vậy mình khổ đau nhiều. Mình vẫn chưa học xong được bài Vô thường, đó là thế gian là giả, con cái, cha mẹ, anh em đều là màn kịch mà thôi, đầu thai cùng với nhau thì gặp nhau như vậy. Chứ còn hết gặp rồi thì phần ai nấy đi. Giống như nghiệp, mỗi người đi một đường thôi, không gặp nhau nữa đâu. Và chúng ta đã như thế vô lượng kiếp rồi, cứ thấy trước mắt mà không thấy lâu dài.

Quý vị nghĩ coi, đời trước quý vị có những người bà con không? Có! Bà con có giống đời này không? Thiện Trang tin là ít giống lắm. Tại sao mình không yêu thương bà con đời trước mà mình lo yêu thương bà con đời này? Rồi đời sau có [bà con nữa] không? Nếu quý vị còn luân hồi thì quý vị lại có những bà con khác. Tại sao quý vị không nghĩ: đã vô lượng kiếp như vậy rồi, cứ diễn như vai tuồng

như vậy. Đến mấy mươi năm có bao nhiêu bà con quyến thuộc, anh em, vợ chồng v.v… rồi lại chia tay. Tại sao mình cứ ôm ấp mấy điều giả đó làm gì, nhà cửa, tiền tài, tất cả đều là giả. Giả như vậy thì mình hãy buông trong tâm, mình vẫn làm, tại vì mình ở thế gian, không thể không làm được. Trừ khi quý vị được Thần thông diệu dụng, thì quý vị mới làm được cỡ đó, như đoạn vừa rồi Thiện Trang nói thì quý vị mới bỏ được. Còn không thì quý vị phụ thuộc trong đó thôi.

Tu thì không tu, thì làm sao có được kết quả? Buông thì không buông, làm sao có kết quả? Đầu tiên phải thấy được đời là giả, thế gian là vô thường, là Khổ đế. Và những điều khổ đó từ đâu ra? Là do Tập đế. Tập đế là do những Phiền não của mình, do mình còn Tham, Sân, Si, Thân kiến, Biên kiến, Giới cấm thủ, Tà kiến v.v… những Kiến hoặc, Tư hoặc đó còn. Thì bây giờ mình buông, còn mình không buông thì khó. [Nên] phải tập, cố gắng làm theo bảng 9 tầng vừa nãy, quý vị làm hết 9 tầng đó. Quý vị cứ lấy bảng [9 tầng đó] canh xem hằng ngày mình làm được mấy tầng rồi. Làm từ dưới lên, đừng có ham làm từ trên, làm từ trên không được đâu. Ở dưới làm chưa được [thì] làm ở trên [không được đâu].

Bây giờ hãy sống thật với mình, không xấu hổ, đừng có sợ hãi điều gì. Nhiều người sợ hãi, sợ ma cũng không được, sợ điều này điều kia, sợ hết tiền, sợ nợ nần, sợ bị người ta chửi, sợ ông chồng, sợ bà vợ, sợ con, sợ con học không giỏi, sợ con bị gì đó… [Tất cả] đều [là] sợ hãi, thì quý vị rớt ngay tầng từ đầu tiên rồi, khỏi nói những tầng sau. Thiện Trang thấy sự không sợ hãi này đứng tầng thứ nhất là [đã] rớt sạch rồi, khỏi cần phải nói những tầng sau, [nên] quý vị cố gắng làm giùm.

Như vậy Thiện Trang đang giảng Luận Câu Xá, vừa rồi là đang giải thích: 'Bởi nương theo sự biến đổi hủy hoại của Tứ đại, nên Vô biểu nghiệp cũng được [gọi] tên theo Tứ đại, được theo tên thuộc về Sắc'. Tiếp theo:

#*Nhược nhĩ*: nếu mà như vậy.

#*Sở y hữu biến ngại cố, Nhãn thức đẳng ngũ ưng diệt danh sắc*: nếu mà như thế, thì bởi chỗ nương tựa có sự biến đổi hủy hoại, cho nên năm thức giống như Nhãn thức, Nhĩ [thức], Tị [thức], Thiệt [thức], Thân [thức], cũng phải có tên thuộc về

Sắc, tức là cũng gọi là Sắc.

#*Thử nạn bất tề*: chữ #nạn là vấn nạn, vấn nạn tức là câu hỏi mà hỏi cho khó; #bất tề tức là không đủ. Tức là cách hỏi như vậy chưa đủ. Vì sao thì ở đây có giải thích.

#*Vô biểu y chỉ Đại chủng chuyển thời, như ảnh y thọ, quang y châu bảo*: bởi vì khi Vô biểu sắc hay Vô biểu nghiệp nương tựa vào Đại chủng (tức là Tứ đại), và Tứ đại đó thay đổi (tức là sự thay đổi của Tứ đại); #chuyển là thay đổi, như ảnh nương theo cây, (bóng của cây nương theo cây), giống như ánh sáng nương theo hạt châu. Điều này thì rõ ràng, hạt châu phát ra ánh sáng, cây thì có bóng, giống như vậy.

#*Nhãn đẳng ngũ thức y Nhãn đẳng thời tắc bất như thị, duy năng vi tác trợ sanh duyên cố*: ở đây bác thuyết ở trên đi, năm thức như Nhãn thức... khi nương vào mắt... thì không phải như vậy, mà nó chỉ có thể hỗ trợ sanh duyên thôi, cho nên không phải như vậy.

Có nghĩa là ở đây nói nếu lấy ví dụ [theo] cách giải thích ở trên này thì không chính xác lắm. Bởi vì nếu như nói cây với bóng cây, thì bóng cây phụ thuộc hoàn toàn vào cây. Rồi ánh sáng với hạt châu, thì ánh sáng hoàn toàn phụ thuộc vào [hạt] châu. Nhưng ở đây không phải như vậy, bởi vì năm thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, khi nương vào các cơ quan như mắt, tai, mũi, lưỡi... thì không phải như vậy, mà nó chỉ có thể hỗ trợ cho việc sanh duyên, tức là duyên để sanh ra các thức đó thôi.

Mình nói ngôn ngữ này hơi khó hiểu, ví dụ mắt chúng ta là Biểu sắc, trong đó Vô biểu sắc thì không nói. Nhưng thức là sự biết của mắt thì không được gọi tên theo sắc được, mà phải gọi là thức, chứ không gọi là sắc. Bởi vì sao? Bởi vì [thức] không phụ thuộc hoàn toàn vào mắt này, mà chỉ là nương vào mắt này cung cấp dữ liệu cho nó, để sanh ra dữ liệu của nó thôi, chứ không phụ thuộc hoàn toàn.

Trong A Tỳ Đàm có nói rõ hơn thế này: khi người lâm chung, một trong những giai đoạn chết, thì có người các căn tan hoại rồi, nhưng cảnh vẫn còn. Cảnh vẫn còn, cảnh ở đâu vậy? Có khi mắt của mình không thấy đường, nhưng Nhãn

thức của mình vẫn dùng được dữ liệu cũ, cho nên người ta vẫn thấy cảnh này, thấy cảnh kia, gọi là ôm ấp trong tim kỷ niệm ngày xưa, kiểu vậy đó. Nó hiện ra những cảnh cũ thì vẫn xử lý được.

Cho nên Nhãn thức khác với mắt. Mắt thì gọi là sắc, nhưng Nhãn thức thì không gọi là sắc, mà gọi là thức (là sự biết). Ý của đoạn này nói như vậy, ngôn ngữ này hơi khó hiểu.

Tạm dịch: Thêm nữa khi Biểu sắc diệt thì Vô biểu phải diệt, như khi cây mất thì bóng [của cây] chắc chắn mất theo. Có [vị] giải thích: Bởi vì nương theo sự biến đổi hủy hoại của Đại chủng (Tứ đại), nên Vô biểu nghiệp cũng được gọi tên thuộc về sắc. (Tức là Vô biểu nghiệp cũng được gọi là sắc) Nếu như thế, thì bởi chỗ nương tựa có sự biến đổi hủy hoại, năm thức như Nhãn thức cũng phải gọi là sắc. Nạn vấn này không đầy đủ. (Tức là không có chính xác hoàn toàn) khi Vô biểu nương tựa vào sự chuyển của Đại chủng, như bóng dựa vào cây, ánh sáng dựa vào hạt châu quý. Khi năm thức như Nhãn thức v.v… nương theo mắt v.v… thì không phải như vậy, (tức là không phải như vậy, nó chỉ nương một phần thôi, không phải nương hết) chỉ có thể làm thành việc hỗ trợ sanh duyên (mắt chỉ hỗ trợ cho Nhãn thức thôi).

Tại vì sao? [Về] sự biết của mắt, thực ra sự biết cũng phức tạp lắm, không phải biết một phần. Mắt thấy nhiều thứ lắm, nhưng Nhãn thức chọn lại, đâu có thấy hết đâu. Ví dụ như [khi] quý vị nhìn, thực ra là mắt đang quay cả khung cảnh to lớn trên màn hình đó, nhưng Nhãn thức của quý vị đã chọn lại vùng, thấy một ngón tay thôi, thấy một hình Phật trước mặt thôi, thấy một micro này thôi v.v… Có nghĩa là nó chỉ nương vào duyên thôi, chứ không phụ thuộc hoàn toàn đâu. Chúng ta hiểu sơ sơ [là như] vậy. Đoạn này không hiểu cũng không sao nha. [Quý vị] cứ nghe từ từ đi, tại vì có những điều mình nghe, mình biết được bao nhiêu thì biết.

此影依樹光依竇言，且非符順毘婆沙義。彼宗影等顯色極微，各自依止四大種故。設許影光依止樹竇，而無表色不同彼依，彼許所依大種雖滅，而無

表色不隨滅故。是故所言未為釋難。

Thử ảnh y thọ quang y bảo ngôn, thả phi phù thuận Tỳ Bà Sa nghĩa. Bỉ tôn ảnh đẳng hiển sắc Cực vi, các tự y chỉ tứ Đại chủng cố. Thiết hử ảnh quang y chỉ thọ bảo, nhi Vô biểu sắc bất đồng bỉ y, bỉ hứa sở y đại chủng tuy diệt, nhi Vô biểu sắc bất tùy diệt cố. Thị cố sở ngôn vị vi thích nạn.

Giải:

#*Thử ảnh y thọ quang y bảo ngôn*: cách nói bóng ảnh dựa vào cây, rồi ánh sáng dựa vào hạt châu này.

#*Thả phi phù thuận Tỳ Bà Sa nghĩa*: hơn nữa còn không phù hợp với nghĩa trong Luận Tỳ Bà Sa. Tức là cách giải thích ở trên là không phù hợp.

#*Bỉ tôn ảnh đẳng hiển sắc Cực vi*: nghĩa là Luận ấy chủ trương rằng những Hiển sắc Cực Vi như ảnh v.v… #Tôn là chủ trương; #bỉ là Luận ấy (Luận Tỳ Bà Sa).

#*Các tự y chỉ tứ Đại chủng cố*: mỗi loại tự nương tựa vào bốn Đại; Bốn Đại là Đất, Nước, Gió, Lửa.

Những Hiển sắc như vật chất thì nương vào bốn điều đó [Tứ đại]. Điều này thì rõ ràng dễ hiểu đúng không quý vị? Thật ra tất cả vật chất đều có bốn tính chất là Đất, [Nước, Gió, Lửa]. Đất là tính chất cứng rắn; Nước là tính chất ẩm ướt, khô ráo; Gió là sự chuyển động; Và Lửa là [tính] nóng, lạnh. Vật chất nào [cũng] có bốn tính chất đó, [và] đều nương vào đó mà thành. Cho nên điều đó là đương nhiên.

#*Thiết hử ảnh quang y chỉ thọ bảo*: #thiết là giả sử; #hử là có thể; giả sử có thể bóng cây nương tựa vào cây, và ánh sáng nương tựa vào châu báu.

#*Nhi Vô biểu sắc bất đồng bỉ y*: nhưng Vô biểu sắc không cùng chung làm chỗ nương tựa cho nó.

#*Bỉ hứa sở y đại chủng tuy diệt, nhi Vô biểu sắc bất tùy diệt cố*: bởi vì nó có thể nương theo Tứ đại (hay là Đại chủng) mà diệt, nhưng Vô biểu sắc thì không diệt theo. Vô biểu sắc là nghiệp của mình thì không bị diệt theo.

#Thị cố sở ngôn vị vi thích nạn: vì thế sự giải thích ở trên chưa đầy đủ, chưa đúng. Đoạn này nói thêm thôi, chúng ta không hiểu đoạn này cũng được.

Tạm dịch: Cách nói bóng ảnh dựa vào cây, ánh sáng dựa vào châu báu này, hơn nữa còn không phù hợp với ý nghĩa trong Luận Tỳ Bà Sa. Luận ấy chủ trương rằng những Hiển sắc Cực vi như ảnh v.v..., vì mỗi loại tự nương tựa vào bốn Đại. Giả sử có thể bóng cây và ánh sáng dựa vào cây và châu báu, nhưng Vô biểu sắc không cùng chung làm chỗ nương tựa cho nó, bởi vì nó có thể nương theo Đại chủng (tức là Tứ đại) mà chỉ diệt, nhưng Vô biểu sắc thì không diệt theo. Vì thế đã nói là sự giải thích [trên] chưa đầy đủ.

Tóm lại sự giải thích trên chưa đầy đủ, nhưng quý vị thấy đoạn giải thích này là như vậy. Còn quý vị hiểu được thì hiểu nha. Chúng ta cố gắng đi cho hết đoạn này.

復有別釋彼所難言：眼識等五所依不定，或有變礙謂眼等根，或無變礙謂無間意，無表所依則不如是，故前所難定為不齊，變礙名色理得成就。

Phục hữu biệt thích bỉ sở nạn ngôn: Nhãn thức đẳng ngũ sở y bất định, hoặc hữu biến ngại vị Nhãn đẳng căn, hoặc vô biến ngại vị vô gián ý, Vô biểu sở y tắc bất như thị, cố tiền sở nạn định vi bất tề, biến ngại danh sắc lý đắc thành tựu.

Giải:

#Phục hữu biệt thích bỉ sở nạn ngôn: lại có sự giải thích khác về vấn nạn đó như sau. Lại có một cách giải thích nữa.

#Nhãn thức đẳng ngũ sở y bất định: tức là chỗ nương tựa của năm thức như: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, thì không có cố định.

#Hoặc hữu biến ngại vị Nhãn đẳng căn: hoặc do có sự biến đổi hủy hoại các căn như Mắt v.v...

#Hoặc vô biến ngại vị vô gián ý: hoặc không có sự biến đổi hủy hoại thì là do ý nghĩ không có sự gián đoạn. Tại vì ý nghĩ của mình thì liên tục, liên tục.

#Vô biểu sở y tắc bất như thị: chỗ mà nương tựa của Vô biểu sắc thì không phải như vậy.

#Cố tiền sở nạn định vi bất tề: cho nên nạn vấn trước đó nhất định là không đầy đủ.

#Biến ngại danh sắc lý đắc thành tựu: có nghĩa là sự biến đổi hủy hoại gọi là trong Sắc mà được thành tựu.

Đoạn này ngôn ngữ nói khó hiểu quá, chúng ta giải thích đơn giản theo ngôn ngữ của chúng ta cho dễ hiểu. Có nghĩa ở đây nói rằng: nạn vấn (là cách nói ở trên) tại sao lại xếp Vô biểu sắc (có khi gọi là Vô biểu nghiệp) cũng gọi tên là Sắc. Bởi vì sao? Vì chỗ nương tựa của các [thức như] Nhãn thức, Tỷ thức, Thiệt thức… (các thức thì không xếp vào Sắc) là không cố định. Hoặc là có sự biến đổi hủy hoại về các căn như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bị huỷ hoại. Hoặc là do ý của mình không có sự biến đổi gián đoạn, [mà nó] liên tục. Mà chỗ nương tựa của những Vô biểu sắc này thì không phải như vậy. Có nghĩa là các căn của mình có thể hủy hoại, nhưng nghiệp của mình có thể huỷ hoại hay không? Không! Rồi ý của mình (suy nghĩ của mình) thì có sự biến đổi và không có sự gián đoạn, nhưng nghiệp của mình thì vẫn tiếp tục. Quý vị có nghĩ hay không nghĩ, quý vị có làm gì thì Vô biểu sắc (hay còn gọi là Vô biểu nghiệp) và các thức (là sự biết của mình) [như] Nhãn thức... không bao giờ bị ảnh hưởng, bị chi phối bởi mấy điều đó đâu. Cho nên nó không xếp vào trong dạng Sắc được.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có đưa ra một ví dụ, đó là khi vua Ba Tư Nặc gặp đức Phật (vua Ba Tư Nặc cùng tuổi với đức Phật), vua Ba Tư Nặc nói là: *"Bạch đức Thế Tôn! Nhãn thức của con già rồi nên kém, không có được như xưa nữa"*. Đức Phật mới lấy một ví dụ cho vua hiểu, Ngài nói là: *"Ông thấy sông Hằng từ bao giờ? Lần đầu tiên ông thấy là vào lúc nào?"* Vua Ba Tư Nặc nói: *"Lúc còn nhỏ, mẹ con dẫn con đi, con thấy sông Hằng".* [Đức Phật hỏi]: *"Khi 20 tuổi ông thấy sông Hằng như thế nào? Lúc 40 tuổi ông thấy sông Hằng như thế nào? Và bây giờ ông có thấy sông Hằng không?"* [Vua Ba Tư Nặc trả lời]: *"Con không thấy. Chỉ thấy được sông Hằng lúc đó".* Đức Phật nói: *"Bây giờ ông già, mắt bị mờ [nên] ông thấy sông Hằng*

không rõ. Nhưng sự biết (thấy) về sông Hằng của ông từ nhỏ đến lớn không thay đổi". Đó gọi là Nhãn thức. Nhãn thức không bao giờ thay đổi, không bị ảnh hưởng bởi căn, quý vị hiểu không?

Mình thì nói [Nhãn thức] bị ảnh hưởng bởi các căn, nhưng thật ra không phải. Do mắt đó bị bệnh, bị già thôi, nếu mình đổi con mắt đi, hay mắt mình được giải phẫu gì đó v.v… thì sự thấy, sự biết của mình vẫn tốt, bình thường. Có nghĩa là sự thấy biết không bao giờ thay đổi. Mắt này chỉ là cảnh duyên, thu thập dữ liệu khác đi thôi, chứ còn bản chất biết đó không thay đổi.

Điều này nói trong Kinh Lăng Nghiêm. Thêm một ví dụ nữa nữa, đức Phật nói: *"Bây giờ đánh tiếng trống, hỏi ông có nghe không?"* Vị Tôn giả Tu Bồ Đề đó nói: *"Con có nghe tiếng trống"*. [Đức Phật] hỏi: *"Rồi bây giờ không đánh tiếng trống nữa thì ông có nghe hay không?"* [Tôn giả Tu Bồ Đề] kêu: *"Dạ không! Con không có nghe"*. Lúc đó đức Phật mới nói là: *"Ông bị điên đảo rồi, rõ ràng ông nghe mà ông nói là không có nghe"*.

Tức là rõ ràng tai nghe đó chứ, nghe âm thanh của sự im lặng, thì mới biết là không có tiếng trống chứ. [Tức] là có nghe. Có tiếng trống hay không có tiếng trống, thì Nhĩ thức của mình vẫn nghe đó thôi. Nó nghe, nhưng nghe sự im lặng, không thấy âm thanh cho nên nói không nghe, thật tế là vẫn nghe. Có nghĩa là tai duyên với bên ngoài, nhưng ý nói là sự biết ở bên trong biết là không có âm thanh, không có tiếng trống, và lúc đánh trống thì biết là có tiếng trống.

Cho nên đức Phật nói sự biết đó là không sanh không diệt, và đi theo chúng ta. Còn việc bị ù tai, nghe không được âm thanh, thì đó là chỉ là căn ở ngoài thôi. Còn thức thì không sanh không diệt. Chúng ta có những sự biết từ vô lượng kiếp đến giờ, không bao giờ mất. Đó là tánh nghe, tánh biết, tánh thấy. Cho nên Kinh Lăng Nghiêm mới đề xuất là 'xả Thức dụng Căn', tức là biết mà không cần qua thức nữa, sự biết vốn ban đầu đó, thì thành tựu. Tu hành là như vậy.

Ở đây cách nói này nếu nâng cao thì là nói như vậy. Mình học những điều này là để bổ trợ, để nâng cao thêm một chút thôi. Thật ra Thức của mình biết là

[do] nó có phụ thuộc một phần vào duyên bên ngoài như Căn và Cảnh. Ví dụ quý vị thấy cảnh đó khác, như trời sáng thì sẽ thấy cảnh khác, mà trời tối thì thấy cảnh khác, hay trời mù sương thì sẽ thấy cảnh khác. Đó là những duyên giúp cho thức biết.

Nhưng quý vị nên nhớ, mình có một [tánh] biết không thay đổi. Ví dụ sáng ra quý vị thấy hôm nay trời đẹp là vì nắng đẹp. Thật ra là quý vị đã phân biệt được rồi đó. Tức là mắt của quý vị thì thấy dữ liệu khác, nhưng trong tâm của quý vị đã xử lý là: hôm nay do nắng đẹp, cho nên trời mới đẹp. Rồi quý vị ra thấy hôm nay trời có sương mù. Vậy tại sao quý vị biết có sương mù? Vì thức bên trong đã biết rồi. Cho nên thức đó quan trọng. Còn nếu không có thức đó, mà chỉ có căn thôi, thì ngày nào nó đưa lên chi tiết nào thì mình cũng chỉ thấy như vậy thôi. Hôm trước thì thấy nắng đẹp, rồi hôm sau ra thấy sương mù thì kêu: hôm nay mình đi lạc chỗ nào rồi, đâu có giống cảnh hôm qua đâu. Nhưng cái biết của mình xác định rằng: do sương mù nên cảnh hôm nay khác cảnh hôm qua. Và do ban ngày với ban đêm khác nhau, nên mình biết cảnh tối với cảnh sáng, [dù] vẫn là cảnh đó thôi. Cho nên [tánh] biết quan trọng.

Học Duy Thức sâu như vậy đó. Điều này không hiểu thì cũng không sao. Lâu lâu có những đoạn hơi khó chịu một chút.

Tạm dịch: Lại có sự giải thích khác về vấn nạn đó như sau: Chỗ nương của năm thức như Nhãn thức là không cố định, hoặc có sự biến đổi hủy hoại là các căn như Mắt, hoặc không có sự biến đổi hủy hoại thì là ý nghĩ không có gián đoạn, chỗ mà Vô biểu [sắc] nương tựa không như vậy, nên nạn vấn ở trước nhất định là không đầy đủ, biến đổi hủy hoại gọi là trong sắc được thành tựu.

Tóm lại mình chỉ cần hiểu là đoạn vấn nạn lúc nãy không chính xác là được rồi. Còn bây giờ mình vào bài kệ tiếp theo.

頌曰：

Tụng viết: là bài tụng rằng

Bài kệ 15 - Phần 1

Thử trung Căn dữ Cảnh	此中根與境，	Căn và Cảnh trong đây
Hử tức thập xứ giới.	許即十處界。	Bao gồm mười Xứ giới.

Những bài kệ đầu này giải thích hơi nhiều, nhưng giải thích càng nhiều thì càng rối đúng không? Những bài kệ sau thì Thiện Trang thấy giải thích ít hơn. Chúng ta cố gắng nghe.

#*Thử trung Căn dữ Cảnh:* #Căn là 6 căn của mình: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; #dữ là và; #Cảnh là cảnh; Căn và Cảnh trong đây.

#*Hử tức thập Xứ giới:* #hử là bao gồm; Bao gồm mười Xứ giới.

Căn gồm có mắt... mắt thì có cảnh của mắt, là sắc. Tức là chúng ta thấy những hình ảnh. Cảnh của tai là âm thanh; cảnh của mũi là mùi hương; cảnh của lưỡi (thiệt) là vị ngọt, béo v.v... Ở đây là mười Xứ giới, tại vì có 5 Căn thôi, 5 Căn với 5 Cảnh gọi là 10 Xứ và Giới. Cho nên gọi 10 Xứ giới, thật tế chỉ là 10 Căn và Cảnh này thôi. Tức là gồm có mắt là một căn, tai là một căn, mũi là một căn, lưỡi là một căn, và thân của mình là một căn, là 5 căn. Và đối với mỗi căn thì có cảnh. Mắt thì thấy tất cả hình tướng, hình sắc, là một cảnh. Tai nghe âm thanh thì là một cảnh. Mũi ngửi mùi hương, mùi hương thơm hay thúi gì cũng vô đó, thì cũng là cảnh. Vậy là 8 rồi. Còn thiệt (lưỡi) thì nhận được các vị như ngọt, chua, chát gì đó... vị đó là một cảnh. Rồi thân của mình chạm vào, mình biết chỗ đó là trơn láng, êm ái, mềm mịn... Tổng cộng là 5 Căn với 5 Cảnh thành ra 10, 10 điều đó gọi là Xứ giới (Thập Xứ giới).

Đoạn giải thích này rất ngắn, về sau này thì đa số mấy đoạn luận giải thích ngắn.

Tạm dịch:

Căn và Cảnh trong đây

Bao gồm mười Xứ giới.

論曰：此前所說色蘊性中，許即根境為十處界，謂於處門立為十處。眼處色處廣說乃至身處觸處。若於界門立為十界，眼界色界廣說乃至身界觸界。

Luận viết: Thử tiền sở thuyết Sắc uẩn tánh trung, hử tức Căn Cảnh vi thập Xứ giới, vị ư Xứ môn lập vi thập xứ. Nhãn xứ Sắc xứ quảng thuyết nãi chí Thân xứ Xúc xứ. Nhược ư Giới môn lập vi thập giới, Nhãn giới Sắc giới quảng thuyết nãi chí Thân giới Xúc giới.

Giải:

#*Luận viết:* là Luận nói.

#*Thử tiền sở thuyết Sắc uẩn tánh trung:* trong tính chất của Sắc uẩn đã được nói trước đây. Quý vị còn nhớ Sắc uẩn không? Trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì Sắc uẩn là thân thể của mình.

#*Hử tức Căn Cảnh vi thập Xứ giới:* #hử là bao gồm; Bao gồm Căn và Cảnh là 10 Xứ giới. Giống như ở trên đã giải thích.

#*Vị ư Xứ môn lập vi thập xứ:* là theo Xứ môn, tức là nói theo môn thì gọi là 10 Xứ. Nói chung nếu mình không nói gộp 2 thứ lại, mà tách ra nói theo một cái thì gọi là 10 Xứ.

#*Nhãn xứ Sắc xứ quảng thuyết nãi chí Thân xứ Xúc xứ:* bình thường mình nói Nhãn xứ là 1 thứ, rồi Sắc xứ… Tức là lúc nãy mình nói riêng 2 thứ, là Nhãn, Nhĩ, Tỵ, Thiệt, Thân, Ý, rồi đem Cảnh chia ra. Bây giờ gom chung lại luôn, nói Nhãn xứ là được. Còn đối tượng của Nhãn (mắt) là cảnh sắc, thì bây giờ đem cảnh sắc này gán chữ xứ vô thành [Sắc] xứ luôn. Rồi nói rộng ra cho đến cuối cùng là Thân xứ. Đối tượng của thân là những gì thân tiếp xúc, gọi là Xúc xứ. Cách nói này là nói 10 môn theo Xứ.

#*Nhược ư Giới môn lập vi thập giới:* nếu theo Giới môn mà lập thành 10 Giới.

#*Nhãn giới Sắc giới quảng thuyết nãi chí Thân giới Xúc giới:* là Nhãn giới, Sắc giới

nói rộng ra cho đến Thân giới, Xúc giới. Tương tự như vậy, người ta đổi chữ Xứ thành chữ Giới thôi.

Những kiến thức này là kiến thức căn bản để chúng ta hiểu thôi, sau này lúc thì nói Giới, lúc thì nói Cảnh, lúc nói Căn, lúc nói Xứ gì đó. Thật ra những điều đó đều giống nhau thôi. Quý vị hiểu như vậy là được.

Tạm dịch: Luận nói: Trong tính chất của Sắc uẩn đã được nói ở trước đây, bao gồm Căn và Cảnh là 10 Xứ giới, đó là theo Xứ môn mà lập thành 10 xứ. [Gồm]: Nhãn xứ, Sắc xứ nói rộng cho đến Thân xứ, Xúc xứ. Nếu theo Giới môn mà lập thành 10 Giới, [gồm]: Nhãn giới, Sắc giới nói rộng cho đến Thân giới, Xúc giới.

Đây là những kiến thức căn bản mà mình sẽ gặp lại ở phần sau, nên mình chỉ cần biết là đôi khi nói Căn, khi thì nói Cảnh, khi nói 10 Giới cũng được, mà nói 10 Xứ cũng được, thì quý vị cũng hiểu 10 Xứ là gì. 5 Căn với 5 Cảnh thì gọi là 10 Xứ, hay cũng gọi là 10 Giới.

已說色蘊并立處界，當說受等三蘊處界。頌曰：

Dĩ thuyết Sắc uẩn tịnh lập Xứ giới, đương thuyết Thọ đẳng tam uẩn Xứ giới. Tụng viết :

Tạm dịch: Đã nói về Sắc uẩn và xây dựng về Xứ giới, [giờ] sẽ nói về Thọ uẩn và ba Uẩn Xứ giới [còn lại]. Bài tụng rằng.

Tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì bây giờ nói về Sắc. Sắc uẩn này là có mười [Xứ] giới. Sắc là vật chất, còn nói về tinh thần thì sẽ bắt đầu nói về: Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có năm điều, ở đây mới nói một điều, bây giờ sẽ nói tiếp Thọ uẩn. Rồi ba Uẩn còn lại, thì bài kệ thứ 15 ở phần 2 và bài kệ thứ 16 sẽ nói tiếp.

Bài Kệ 15 – Phần 2 + Bài Kệ 16

Thọ lãnh nạp tùy xúc	受領納隨觸，	Thọ lãnh nạp theo xúc

Tưởng thủ tượng vi thể	想取像為體，	Tưởng lấy hình làm thể
Tứ dư danh Hành uẩn	四餘名行蘊，	Ngoài bốn loại Hành uẩn
Như thị Thọ đẳng tam	如是受等三，	Và ba thọ như thế
Cập Vô biểu Vô vi	及無表無為，	Cùng Vô biểu Vô vi
Danh Pháp xứ Pháp giới.	名法處法界。	Là Pháp xứ Pháp giới.

Giải:

Ở đây chúng ta giải thích sơ lược cũng không khó, bài này chỉ cần giải thích mấy thuật ngữ căn bản.

#*Thọ lãnh nạp tùy xúc:* #Thọ là sự cảm thọ của mình, bây giờ đang học về Thọ uẩn, thì Thọ lãnh nạp theo sự tiếp xúc. Xúc ở đây không phải là xúc của tay chân, mà là xúc của mắt. Ví dụ chúng ta thấy một hình sắc rất đẹp, thì mình có cảm nhận vui vẻ. Đó là sự lãnh thọ theo sự tiếp xúc của mình, tiếp xúc về âm thanh, về hình sắc, về mùi hương.

Ví dụ quý vị đi vô mấy nhà vệ sinh mà là lạ, thấy hôi rình, ghê quá, thì mình cảm thấy khó chịu. Đó là cảm nhận lãnh nạp được theo duyên, đó là duyên xúc, xúc đó là về mùi. Còn có khi mình ăn uống mình thấy ngon, thấy dở v.v… đó cũng là [do] Thọ mà ra. Cho nên tu hành là phải tu trong mấy hoàn cảnh đó, hay là tu theo mấy xúc đó, tu làm sao để mình làm chủ được.

Phàm phu khác Thánh nhân như thế nào? Như ví dụ [ở] trên đức Phật nói là làm sao cột mấy con khỉ, con chó, con dã can, con rắn độc, con chim, [con cá sấu]. Cột lại là hết, đừng để nó chạy theo ý của nó. Mình tu hành là gì? Là mình tiếp xúc với tất cả mọi cảnh, nhưng mình phải giữ mình, đừng để cảm thọ xấu. Tại

vì trong vòng 12 nhân duyên, quý vị cẩn thận, nó chạy một phát là mất luôn. Cho dù công phu niệm Phật hay [công phu] thế nào… mà quý vị chạy theo cảnh miết là quý vị khổ. Cho nên nhiều người vừa mới [gặp] cảnh bất như ý là họ bị dao động tâm, thì quý vị phải luyện. Bí quyết tu hành là giữ công phu, là quý vị phải giữ được tâm mình.

Thật ra là mình mong đợi nhiều điều quá. Ví dụ quý vị mong đợi ông chồng sẽ đối xử tốt với mình, bình thường ổng đối xử tốt lắm, bữa đó đi làm về, bỗng nhiên ổng nổi giận lên. Ổng đang tức chuyện gì đó, ổng nói một câu không hài lòng. Thế là [câu nói] không hài lòng đó làm mình tức lên, thì ngay lập tức mình đã bị chuyển cảnh. Đó là mình cảm nhận theo gì quý vị biết không? [Theo] xúc đó, xúc đó là theo lời nói, lời nói tức là âm thanh. Đôi khi [mình cảm nhận] xúc theo hình tướng, là thấy mặt ông chồng hằm hằm thì mình không vui rồi. Tức là mình thấy hình tướng, mắt của mình có thể cảm nhận được bữa nay ông không vui. Bữa nay mình nấu cơm ngon lành, lẽ ra ổng về ổng phải vui vẻ nói: hôm nay vợ nấu cơm ngon lắm, cảm ơn vợ v.v… [Vậy mà] bữa nay ổng ăn mà ổng còn gầm lên với mình, ổng chê cơm và còn nói: sao bữa nay nấu dở thế. Thế là mình tức lên. Mình bỏ cả buổi sáng để nấu cho ổng món ngon, mà ổng không ghi nhận công đó, không khen tiếng nào, mà còn nói như vậy nữa. Đó là khi mình có những mong đợi, cho nên càng mong đợi bao nhiêu thì thường càng khổ bấy nhiêu. Nhớ nha!

Cho nên tu hành là gì? Sống ở đời tuy là có mong, nhưng mình phải chuẩn bị tâm lý [trước những] cảnh xấu. Mình không thể nào không mong được, tu hành mà vô dục thì quý vị thành Thánh nhân rồi. Nhưng nếu mình có mong, thì cũng luôn luôn nghĩ lỡ xấu nhất thì như thế nào? Sáng hôm nay giả sử ta đã nấu bữa ăn ngon, tốn cả nửa buổi để nấu bữa cơm trưa hay cơm tối ngon cho chồng. Ổng về, giả sử ổng không ăn mà còn nói mình nấu dở v.v…. thì mình cũng vui vẻ hoan hỉ, không có gì. Đó là nếu mình đã lường trước được cảnh như vậy, khi gặp chuyện thì quý vị sẽ đón nhận nhẹ nhàng.

Còn thông thường chúng ta tu là không bao giờ lường được cảnh xấu. Cho nên khi gặp cảnh xấu là tâm bị rung động, chuyển động ngay, và mất công phu.

Quý vị tu Thiền định gọi là đắc Tam-muội. Hằng ngày quý vị cứ niệm A Di Đà Phật hay là tu Thiền định cỡ nào không biết, nhưng bị chuyển [cảnh] thì lúc đó tâm quý vị bị dao động là mất công phu Tam-muội, thì không đắc định, và lúc đó công phu Thiền quán cũng mất luôn.

Cho nên người tu hành hãy lường trước tình huống tốt nhất và tình huống xấu nhất. Mình chỉ cần biết là nếu như chuyện này xảy ra, thì xấu nhất là như vậy và tốt nhất là như vậy. Đó là Thiện Trang chỉ cho cách của Thiện Trang. Nên nhiều khi có chuyện xấu ghê gớm, nhưng Thiện Trang kêu: 'Nó chưa xấu mình nghĩ, mới tới đó thôi', vì mới tới đó nên bình thường.

Giống như lúc trước, quý vị thấy Thiện Trang vẫn hoan hỷ vui vẻ giảng, Thiện Trang thấy không có gì, [vì Thiện Trang] đã lường trước [được sự việc] rồi. Cùng lắm thì trả nhà cho người ta, mình đi thuê nhà khác. Mình cứ nghĩ chuyện đơn giản, rồi cùng lắm là mình giả dạng đi ăn xin. Tức là mình luôn luôn [chuẩn bị] tâm thế, mình đã rất sẵn sàng rồi.

Còn một tâm thế này mà quý vị cần chuẩn bị, [là] tâm thế chuẩn bị sẵn sàng lúc chết. Có thể bây giờ hay bất cứ lúc nào, lỡ lát nữa tăng xông lên hay bị gì đó mình chết. Cho nên khi lỡ bị đau gì đó, quằn quại kêu, có thể mình [sẽ] chết bây giờ đó, nên rất nhẹ nhàng: chết thì thôi, ta cũng sẵn sàng chết, chết thì chết, ok, không sao!

Bởi vì sao? Chết không phải là hết, chết rồi thì mình vẫn sẽ tiếp tục vòng sanh tử, nếu như mình chưa ra khỏi sanh tử. Còn người tu Tịnh Độ thì có nơi chốn về, đó là Thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì sợ gì chết nữa. Những người tu Nam truyền, không có nguyện sanh Tịnh Độ thì mới sợ. Sợ là chết rồi mà bây giờ chưa chứng quả gì hết thì đi về đâu, [cho nên] họ sợ. Còn nếu quý vị là người tu Tịnh Độ, thì quý vị có điểm tựa. Quý vị nói chết thì [niệm] A Di Đà Phật, con đi về Tây Phương Cực Lạc đây. Còn nếu người tu Nam truyền không tin điều đó thì không sao, chết với những gì mình đã tu, mình đã sẵn sàng chết. Chết cũng chỉ là thân thể này chết thôi mà, mình vẫn chánh niệm rõ ràng, nguyện hồi hướng đời sau gặp Phật pháp để tu hành tiếp.

Tâm nguyện như vậy, hồi hướng như vậy, con nguyện đem hết phước báu này hồi hướng để đời sau con gặp Phật pháp, Chánh pháp để tu tiếp. Chỉ cần như vậy, thì rõ ràng mình đi cũng đâu có sợ gì. Đó là người tu Nam truyền, còn người Bắc truyền thì không sợ.

Và cũng phải chuẩn bị rằng tất cả người thân trong gia đình mình lúc nào cũng có thể bỏ mình ra đi. Nếu tâm thế quý vị luôn luôn chuẩn bị tình huống tệ nhất rồi, thì quý vị đón nhận mọi thứ trên đời lúc nào cũng bình thường hết. Và điều đó mới là có công phu. Còn quý vị bị cảnh chuyển hoài thì không có công phu đâu. Khi làm gì đó [mình hay bị chuyển], là tại vì mình không có dự trù trước.

Còn người tu chứng quả rồi, tại sao họ không động tâm? Vì họ trước biết rồi. Người tu chứng quả, giống như quý vị chứng A-la-hán nhập định, quan sát trước bảy ngày rồi, thì quý vị thấy [được] mọi việc sắp xảy ra. Có chuyện gì đó là quý vị biết hết rồi, thì lúc đó động tâm gì nữa. Cho nên tu chứng cũng quan trọng, hỗ trợ mình ghê lắm. Không cần chứng A-la-hán đâu, quý vị tu kha khá, mà có duyên thì quý vị cũng biết được những chuyện sắp xảy ra, những chuyện quan trọng là biết hết sạch.

Vì biết nên khi có chuyện xảy ra thì mình thấy bình thường, lúc đó mới 'bình thường tâm thị đạo', tức là bình thường tâm là đạo. Đạo gì? Đạo trong Chánh định, lúc đó mới giữ được công phu. Còn bây giờ mình bị những sự cố bất ngờ thì hoảng hốt, bị chuyển, bị lo lắng, bị này bị kia. Thông thường lúc đó mới nghĩ, mà nghĩ toàn là những điều xấu, điều tệ, và nghĩ theo chiều hướng tiêu cực, nên càng tệ hơn. [Vì vậy] mất công phu, niệm Phật Tam-muội [cũng] bay mất, Thiền định Tam-muội gì đó cũng không còn. Và lúc đó trở thành phàm phu, đau khổ như người thường. Nên công phu phải có nha!

Bí quyết tu hành là chỗ chữ Thọ (là cảm nhận) này mình giữ được. Hãy giữ làm sao tâm thật sự bình tĩnh, điềm tĩnh. Mà muốn giữ được thì Thiện Trang nghĩ bí quyết đơn giản, mình là phàm phu thì hãy nghĩ trường hợp xấu nhất sẽ có thể xảy ra. Và cũng hãy nghĩ trường hợp tốt nhất có thể xảy ra. Vì sao? Có những người [khi gặp] trường hợp tốt quá xảy ra, thì cũng bị cảnh chuyển. Có nghĩa là họ mê.

Giống như quý vị không ngờ rằng hôm nay mình được một diễm phúc gì đó quan trọng lắm, nên bắt đầu vui quá, vui quá thì mất chánh niệm. Có người vui quá thì khóc sướt mướt.

Giống như gặp Sư Minh Tuệ để đảnh lễ, có người quay video clip lên, có đoạn clip thấy người ta khóc. Xin lỗi quý vị! Quý vị khóc [thì] theo tiêu chuẩn trong Kinh Lăng Nghiêm là không được, là mất chánh định. Chưa được! Phải làm sao tâm bình thường, nên khó à! Khi nào tâm bình thường? Phải là A-la-hán thì tâm [mới] bình thường. Còn quý vị là phàm phu thì tất nhiên khóc, cười là bình thường thôi. Nhưng [những điều] đó đều khiến [cho] mất công phu. Quý vị nên nhớ, niệm Phật muốn đắc lực, [hay] quý vị tu Thiền định, Thiền chỉ, Thiền quán, tu bất cứ [Pháp môn] gì, thì [phải] giữ được tâm.

Muốn giữ [được] tâm thì Thiện Trang nghĩ điều đầu tiên phải 80 đến 90% là cảm nhận, cảm thọ của mình, theo cảnh mà mình tiếp xúc là quan trọng. Giữ được công phu đó, rồi mới nói tới vấn đề thứ hai. Cố gắng làm sao đón nhận, mà đón nhận bằng gì quý vị biết không? Trong ba thọ: Thọ lạc, Thọ khổ và Xả thọ, thì điều đó thuộc về Xả thọ. [Quý vị] hãy cố gắng tương ưng với Xả thọ giùm. Hãy dùng Xả thọ, đừng cảm thọ vui, cũng đừng cảm thọ khổ. Vì vui hay khổ thì đều không tốt hết. Cảm thọ khổ thì quý vị đọa vào ba đường ác, còn cảm thọ vui thì sanh cõi Người, cõi Trời, cũng không tốt. Nếu muốn ra khỏi sanh tử luân hồi thì hãy cố gắng xả thọ.

Tức là đối với mọi việc cứ bình bình, không có chuyện gì hết. Chúng ta cũng vui, nhưng vui nhẹ nhàng. Vui trong an lạc, chứ không phải vui kiểu vui không kiểm soát được. Và chúng ta cũng không buồn theo kiểu buồn không kiểm soát được. Tu hành bí quyết chỉ như vậy thôi. Đầu tiên [quý vị] hãy làm giùm đi. Trong ba thọ hoặc là năm thọ, thì quý vị cố gắng xả thọ giùm. Hay ngôn ngữ trong kinh gọi là thọ bất lạc bất khổ. Đừng để dính vô đó. Chúng ta đang học phần này nên cố gắng nắm cho kĩ.

#*Tưởng thủ tượng vi thể*: #Tưởng là lấy hình tượng làm thể, làm thể là bản chất quan trọng nhất. Bây giờ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành Thức, thì Sắc và Thọ đã học rồi,

còn Tưởng là lấy những hình tượng của mình. Tức là bây giờ mình tưởng tượng, [nhưng] tại sao mình tưởng? Ở đây nói rất rõ là do mình nạp vào những hình.

Ví dụ như mình nạp vào [hình ảnh] về người đó là cao ráo, đẹp trai, hay xinh gái gì đó. Rồi nạp vào những âm thanh ngọt ngào của người đó. Đó cũng là tượng đó quý vị. Tượng là hình. Rồi nạp vào mùi hương của người đó. Hay [nạp vào] những mùi vị của thức ăn đó, hay những êm ái nhẹ nhàng của cái ghế ngồi đó v.v…. Nói chung là qua xúc, gọi là cảnh về năm căn tiếp xúc với điều đó. Hoặc là thêm các pháp nữa, tức là các chi tiết đó tạo thành cho đối tượng đó, gom lại thành một hình (hay gọi là tượng), và làm chủ thể để Tưởng của mình nương theo đó.

Ví dụ như nói về thầy Thiện Trang, [thì] mọi người tưởng ra trong đầu: người thì tưởng ra thầy Thiện Trang hay mặc cái áo đó lên giảng, thầy thường hay cười, giọng nói, âm thanh của thầy như vậy, thầy hay truyền đạt như vậy, v.v… Mọi người đều có một cảm nhận khác nhau. Tất nhiên là không hoàn toàn giống nhau, đó là do mình nạp vào như vậy.

[Và] từ Tưởng mà mình nghĩ nhiều thứ nữa, giống như mình lên [facebook] thấy bữa nay thầy đi đâu đó v.v… mặc dù thầy post hình cũ, hoặc đồng tu tải hình cũ xa xưa rồi, bắt đầu mình lấy những chi tiết đó mình tưởng là chắc thầy đi đâu đó nên thầy nghỉ v.v… Cho nên Tưởng cũng nguy hiểm. Tưởng lấy dữ liệu đó để chuyển biến tiếp, suy luận đủ thứ nên gọi là Tưởng. Tưởng là từ kinh nghiệm, những điều biết trong quá khứ, biết trong hiện tại, bắt đầu đúc kết suy ra những điều tương lai. Và Tưởng này cũng đem đến nhiều nỗi buồn phiền.

Nên người nào sống [mà] Tưởng [nhiều] quá [thì] khổ lắm. [Quý vị] nên nhớ lời Phật dạy trong Kinh Nhất Dạ Hiền Giả là: **“Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng”.** Quá khứ đã đoạn tận, tương lai thì chưa đến, chỉ có hiện tại này mới là điều quan trọng với mình. Tức là mình đừng nghĩ về quá khứ, cũng đừng mong ngóng về tương lai, quan trọng là giữ được tâm mình ngay hiện tại, ngay giây phút này.

Trong Kinh Nikaya, Kinh Trung Bộ, kinh bao nhiêu Thiện Trang quên rồi,

hình như là 100 mấy đó, đức Phật nói: Có hạng người nào tu đắc đạo, người có mong muốn hay không mong muốn không quan trọng, mà tu đúng cách thì đắc đạo. Quý vị có mong muốn đắc đạo hay không mong muốn đắc đạo, mà quý vị cứ tu đúng cách thì đắc đạo thôi. Có mong muốn hay không mong muốn cũng kệ, có người không mong muốn đắc đạo gì hết, mà cứ tu đúng với cách đó thì sẽ đắc đạo. Có người mong muốn mà tu đúng cách thì đắc đạo, và người không mong muốn mà tu đúng cách cũng sẽ đắc đạo.

Còn ngược lại, quý vị có mong muốn nhưng tu sai cách thì cũng không đắc đạo. Quý vị không mong muốn mà tu sai cách thì cũng không đắc đạo. Không có mong muốn, cũng chẳng có không mong muốn, tu đúng cách thì vẫn đắc đạo. Không mong muốn, cũng chẳng có không mong muốn, mà tu sai cách thì cũng đều không đắc đạo. Có nghĩa là miễn làm sao tu đúng cách là đắc đạo. Cho nên ai muốn đắc đạo thì ráng tu đúng cách. Có nhiều người mong đắc đạo lắm: 'Thưa thầy, con mong là con đắc đạo'. Đúng! Mong đó là động lực tu hành, nhưng nếu như tu trật thì không được. Đức Phật nói quan trọng là tu đúng cách.

Tu đúng cách là gì? Đức Phật dạy trong Kinh Nhất Dạ Hiền Giả rồi, quá khứ đừng truy tìm nữa, đã qua rồi, diệt rồi, hết rồi, đừng nghĩ những chuyện xa xưa nữa. Đặc biệt những ông già bà cả toàn là sống về quá khứ, nào chuyện ngày xưa đó có hai đứa mình, khi anh với em gì đó v.v… đủ thứ chuyện. Rồi sau đó [nghĩ] chuyện tương lai. Tuổi trẻ thì ngóng tương lai, người già thì ngóng quá khứ. Thế còn tuổi thanh niên, tuổi trung niên giữa giữa thì Thiện Trang nghĩ là vừa nghĩ về quá khứ vừa ngóng về tương lai, cho nên hai điều đó cân bằng nhau. Còn lại có mấy ai sống trong hiện tại? Những người sống [theo] hiện tại là những người sống chánh niệm, những người tu hành. Chỉ có ai sống trong tu hành hiện tại, là những người đó mới sống [trong] hiện tại mà thôi.

Còn mình mơ tưởng tương lai, mai mốt hay điều gì đó v.v… Thật ra mình có quyền mơ, nhưng mình mơ thì điều đó có đến hay không? Muốn đến thì phải thực hành. Có quyền mơ, nhưng mơ ít thôi, đừng mơ hão huyền: mai mốt con đắc đạo, con thế này thế kia, con làm Pháp sư v.v… Thiện Trang nói [với] quý vị, Thiện

Trang cũng không mơ làm Pháp sư, Thiện Trang cũng không mơ là Thiện Trang đang ở vị trí này, Thiện Trang cũng không biết luôn. Đi xuất gia Thiện Trang chỉ nguyện rằng: "Mong con đi tu để đời này con sớm thành tựu. Và nếu có thể con sẽ giúp ích gì đó cho Phật pháp, con góp một phần để lưu truyền Chánh pháp". Thiện Trang cũng không tưởng tượng là bao nhiêu năm sau, bây giờ 10 năm rồi trở thành một vị Giảng sư, giảng pháp cho quý vị nghe. Thiện Trang có nằm mơ cũng không tưởng tượng rằng, Thiện Trang đang ở một nơi mà Thiện Trang hoàn toàn không tưởng tượng trước. Cho nên đấy là điều không tưởng, và không biết tương lai [như vậy]. [Quý vị] hãy cố gắng như vậy. Mọi người hỏi tương lai thế nào? Thiện Trang cũng không biết luôn, vì Thiện Trang biết là có tưởng cũng không đúng như vậy, tưởng rồi cũng vậy, vô nghĩa!

Quý vị tưởng đi, rất nhiều đồng tu đã tưởng tượng rồi đó, mai mốt tới chỗ thầy tu thế này thế kia. Đúng! Nên tưởng như vậy, vì tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Nhưng rõ ràng có những người tưởng ở chỗ này thành ra chỗ khác, cho nên không biết được. Chỉ là duyên thôi, còn duyên như thế nào, đi đến đâu thì không biết. Có nhiều yếu tố lắm, chúng ta đã học 24 Duyên hệ rồi. Cho nên bớt vọng tưởng, [thì] công phu sẽ đắc lực.

[Quý vị] cứ ráng tu hành đi, giống như con gà ấp trứng, đức Phật nói trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya: Con gà ấp trứng, nó không quan tâm cái trứng đó, mà chỉ cần biết là ấp đúng thì trứng sẽ nở thành gà. Tức là đừng mong kết quả nhiều quá, mà hãy hành cho đúng, làm cho đúng thì sẽ có kết quả. Một ngày nào đó biết đâu quý vị đắc đạo, đâu biết được đâu, ai biết được. Có nhiều người nói: 'Thầy tu giỏi, thầy [sẽ] đắc đạo'. Không! Chưa chắc! Đắc đạo hay không đắc đạo là do Đà-la-ni, do Ba-la-mật của mình. Thiện Trang nói rồi, giống như chúng ta học theo giáo pháp của Nam truyền là phải có đủ 30 Đà-la-ni thì mới thành Phật, 20 Đà-la-ni thì thành Bồ-tát, 10 Đà-la-ni hay gọi là 10 Ba-la-mật đủ thì thành A-la-hán.

Bây giờ mình đủ chưa? Có nhiều người đủ, dư luôn, nhưng lại không đủ, tức là 10 môn: A, B, C, D, E, F, G, H, mấy môn đó là môn bắt buộc. Có những người do học mấy môn sau đậu rồi, giống như có người giỏi thuyết pháp, tại họ đậu môn đó

rồi, chứng chỉ đó đậu rồi, nhưng môn bắt buộc chưa đậu [nên] chưa tốt nghiệp.

Cho nên A-la-hán có nhiều bậc A-la-hán, bữa [trước] mình học có năm bậc A-la-hán. Có vị A-la-hán vừa đủ điểm đậu, tức là học đủ 10 môn của Thiền quán, vừa đủ [đậu] được 10 Ba-la-mật đó thôi. Nên vừa tốt nghiệp A-la-hán, chẳng có năng lực gì hết, không có Thần thông diệu dụng gì hết. Còn có người học dư, học mấy môn tự chọn [như] Thần thông, Thiền chỉ rồi, nên sau khi đắc A-la-hán thì có Thần thông thêm một chút. Có người có Thần thông ghê hơn chút nữa. Có người thì có khả năng biện tài thuyết pháp, bởi vì họ học thêm môn đó, môn tự chọn. Giống như trường Đại học có mấy môn đó thuộc khóa trình sau Đại học, nhưng tôi học rồi, tôi học giỏi quá nên tôi học luôn, kiểu như vậy.

Cho nên tự nhiên thành muôn sai vạn biệt, có người có Thần thông diệu dụng, có người có này có kia. Thật ra cũng không uổng phí đâu. [Như] người kia đắc A-la-hán rồi, nếu theo giáo pháp Bắc truyền, bây giờ muốn tu lên thành Phật thì phải mất thời gian lâu hơn, vì phải hoàn thành bao nhiêu môn kia nữa. Còn mấy người hoàn thành môn này trước rồi, thì trước mắt chưa đắc A-la-hán, nhưng khi họ đắc A-la-hán là có bao nhiêu Thần thông. Ví dụ như ngài Mục Kiền Liên đời nào hầu như ngài cũng tu Thiền chỉ hết, nên sau khi ngài đắc A-la-hán thì ngài thành Thần thông Đệ nhất. Còn ngài Xá Lợi Phất đời nào gần như cũng tu Trí huệ, tu Thiền quán, nên khi ngài đắc thì ngài thành Đệ nhất Trí tuệ. Ngài A Nan đời nào cũng siêng học hết, học nhiều học giỏi, trí nhớ siêu phàm. Cho nên sau khi đắc đạo A-la-hán thì ngài thành Đa văn Đệ nhất. Không có ngẫu nhiên đâu.

Cho nên có người hỏi: "Tại sao có người không phải bậc này, không phải [bậc Thánh] kia, mà sao họ giảng pháp được?" Tại vì nhiều đời họ tu môn đó, nghiêng về môn đó, thích môn đó. Còn 10 môn Ba-la-mật đủ để đắc đạo A-la-hán, thì do [họ] thiếu môn nào đó nên chưa đủ, đến ngày nào đó đủ là [họ] dư. Cho nên có những người dư môn này, dư môn kia, và mình biết là A-la-hán không giống nhau. Ngay cả [những] vị Phật, mặc dù thành Phật nhưng rõ ràng phước báu hiện tiền, gọi là thị hiện thân đâu giống nhau. Đức Phật Kassapa (tức là đức Phật Ca Diếp) tuổi thọ đến 20.000 tuổi, đức Phật Di Lặc sau này tới 80.000 tuổi, đức Phật Thích

Ca thị hiện được có 80 tuổi, đức Câu Lưu Tôn Phật là 80.000 tuổi, còn đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni là 40.000 tuổi, và Ca Diếp Phật là 20.000 tuổi.

Cho nên mỗi vị Phật khác nhau [là] do tu khác nhau. Cho nên mình hiểu rồi thì mình tu không bao giờ uổng. Tất cả những gì quý vị tu không bao giờ uổng. Nhưng quý vị muốn thành tựu ra khỏi sinh tử thì quý vị chăm chăm tu giùm Vô thường, vô Ngã cho nhanh. Tu Vô thường, vô Ngã, các Ba-la-mật đó trước, thì quý vị sẽ mau ra khỏi sinh tử hơn. Còn quý vị muốn thành Phật thì quý vị tu đến lúc nào đó cũng đủ. Quý vị phải có Tam minh Lục thông, rồi quý vị phải có Tứ vô ngại Biện tài, Bố thí Ba-la-mật gì đó, v.v… đều thành tựu hết thì quý vị mới thành Phật được.

Nghe nói như vậy thì nhiều người nói: *"Thôi con làm A-la-hán cho nhanh"*. Muốn làm A-la-hán thì môn đầu tiên là Tứ diệu đế (tức là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế) làm cho nhanh. Quý vị làm được môn đó nhanh nhất thì quý vị ra khỏi sinh tử nhanh nhất. Còn quý vị nói: *"Thưa thầy, con tu Kinh Vô Lượng Thọ, niệm Phật vãng sanh Tây Phương mà, đâu có Tứ diệu đế đâu".*

Không có Tứ diệu đế thì quý vị tu không được. Trong Kinh Vô Lượng Thọ quý vị nhớ có đoạn: Có hạng chúng sanh tuy tu rất nhiều thiện căn, làm nhiều phước đức, nhưng họ không cầu xuất luân hồi, vì họ còn ham đắm phước báu thế gian. Người ham thế gian tức là chưa thấu hết Tứ đế, cho nên môn Tứ đế là môn họ chưa thông. Và nếu quý vị chưa thông Tứ đế thì thực ra tâm sanh tử của quý vị không tha thiết. Quý vị đâu có thấy đời khổ, quý vị thấy niệm Phật cũng vãng sanh được mà, niệm cũng vui vui, nên niệm. Nhưng ham thế gian, vì ham thế gian cho nên niệm thì niệm nhưng tâm không mạnh, mà tâm không mạnh thì mai mốt khó vãng sanh.

Còn người thông được giáo pháp Tứ đế, biết khổ rồi, đời là khổ, nguyên nhân của khổ, con đường diệt khổ và được an vui thế nào rồi, thì người ta rất tha thiết, người ta tu bằng tín nguyện trì danh, họ tu bất tự niệm Phật mạnh lắm. Bây giờ tại sao nhiều đồng tu tu mà không vãng sanh? Vì thiếu tín nguyện. Thiếu tín nguyện do đâu? Do chưa học Tứ đế. Mình thấy thế gian vẫn sướng quá, đời đang

an vui, vô gặp thầy Thiện Trang suốt ngày nói đời vô thường. Chưa gì hết, đang trẻ mà, hai mươi mấy, ba mươi tuổi, mà thầy nói mai mốt lên bàn thờ bất cứ lúc nào. Gia đình đang hạnh phúc mà nói là người ta có thể lên bàn thờ bất cứ lúc nào, nói gì đâu không, không muốn nghe. Nhưng quý vị nghe hoài [thì sẽ] có tác dụng đó, tác dụng là ngày nào đó [việc đó] cũng đến.

Quý vị dám chắc là không có không? Không bao giờ có chuyện không có. Chắc chắn sẽ có, ngày nào việc đó ập đến một phát, thì quý vị sẽ thấy lúc đó người học khác với người không học. Người học thì vui vẻ đón nhận, tại vì đời là vô thường, đời là giả tạm, thầy Thiện Trang nói hoài, Phật nói hoài. Có gì vui đâu trong kiếp sống này, kiếp sống toàn là giả tạm, toàn tạo nghiệp, đời khổ suốt ngày. Sáng ra dậy sớm, chưa kịp ngủ đủ đã phải dậy rồi, dậy nấu cơm cho con, lo gì đó rồi đi làm. Làm tới trưa mệt mỏi, nghỉ trưa rồi làm tiếp. Chiều tối về quần quần chăm lo cho con, chăm lo này kia, ngày mai lại tiếp tục. Cuộc đời quần quần mấy mươi năm trong đó, khổ ơi là khổ. Chưa thấy khổ sao? Chưa muốn thoát ra nữa? Cho nên còn ham. Vui thì cũng có, đời chắc chắn lâu lâu cũng có một chút vui, nhưng niềm vui ngắn lắm.

Cho nên vì chưa thấy được khổ và chưa thấy niềm vui của Niết-Bàn, niềm vui ở Tây Phương Cực Lạc, đó là chưa thấy Diệt đế. Cho nên tín nguyện trì danh, tu hành Pháp môn Niệm Phật không được. Người khác cũng vậy, Pháp môn nào cũng vậy, khi nào quý vị nhận thức được tu là vì quyền lợi mà tu, thì quý vị tự nhiên hăng hái.

Giống như ở thế gian tại sao quý vị hăng hái đi làm? Vì quý vị thấy có quyền lợi, có tiền. Đăng bài bán hàng, người ta vô mua là lật đật trả lời ngay. Bởi vì sao? Vì có tiền, đi làm có tiền. Bây giờ mình nghĩ mình đầu tư cho việc xuất thế gian này là vì lợi ích. Nhiều người nói: *"Lợi ích ở đây con thấy trước mắt liền, có liền. Còn lợi ích trong xuất thế gian con đâu có thấy. Con thấy con tu hoài mà có thấy quả gì đâu?"* Quý vị tu có kết quả, tại quý vị không thấy đấy chứ. Đầu tiên là thân thể khỏe mạnh hơn, sức khỏe an vui hơn, rồi quý vị có nhiều điều nhiệm mầu hơn. Do quý vị tu chưa rốt ráo, tu nhiều rốt ráo rồi [thì] trong đời sống quý vị được an

vui, mấy chuyện nhỏ nhỏ hình như chư thần, chư hộ pháp lo hết.

Quý vị không biết đâu, Thiện Trang càng về sau càng tin, bởi vì sao? Mình không biết vì sao có nhiều chuyện tự nhiên có thể làm được hết. Có những nhiệm mầu mà mình không nghĩ tại sao có thể làm được. Thiện Trang xin phép không kể câu chuyện của Thiện Trang, mà kể câu chuyện của Phật. Trong Kinh Tiểu bộ (Kinh Nikaya) nói về tiền thân của đức Phật trong đời quá khứ, Ngài cũng tu giỏi lắm. Lúc đó có người muốn hại Ngài, cho nên xúi vua bảo ông ấy làm cho một khu vườn, nếu ổng làm không được thì sẽ giết ổng. Vua nghe theo và bảo chắc chắn là làm không được. Vị này nói làm sao mà làm khu vườn giống như vườn thượng uyển, đâu được. Đang suy nghĩ như vậy thì vua trời Đế Thích thấy vị này tu hành cho nên hộ trì, hiện thân xuống ngay đầu giường hỏi: *"Bây giờ ngài muốn làm gì?"* [Vị này nói]: *"Bây giờ ta không thể làm vườn thượng uyển cho vua được, làm sao có khả năng làm được, chắc ta chết thôi, không có cách nào".* [Vua trời Đế Thích] kêu: *"Không! Ngài yên tâm, tôi sẽ giúp ngài. Bây giờ ngài cứ đi vào trong khu rừng đó đi, thì tự nhiên cánh rừng đó sẽ trở thành một khu vườn thượng uyển giống như vườn của vua*. *Ngài vô đó, đi vòng vòng rồi về nói với vua là: tôi đã làm xong rồi".* Vua trời Đế Thích biến mà, ngài biến hoá ra, làm một chút là xong. Cho nên vị ấy đi vô đó rồi về báo cho vua là: *"Tôi thấy khu vườn đấy đúng là vườn thượng uyển của vua".* Vua không tin, nên cùng với ông quan (người xúi để hại ngài) vô [coi], thì thấy đúng [giống vườn thượng uyển], đạt luôn, không thể nào bắt được, nên [bèn] nghĩ cách khác. Ngài cũng có cách, vua trời Đế Thích bốn lần giúp như vậy, đều vượt qua được, cuối cùng vua thay đổi tâm ý, biết người này là một người đặc biệt.

Cho nên những [người] tu hành, thật ra vua trời Đế Thích, Tứ Thiên Vương, chư thần gia trì [cho] mình ghê lắm. Quý vị làm đúng, giữ giới, tu hành, tâm ngay ý thẳng. Trong Kinh Vô Lượng Thọ là **"đoan thân chánh niệm, ngôn hành tương phó".** Quý vị làm đúng như vậy thì tự nhiên sự nhiệm mầu đến, đừng sợ chuyện gì hết. Có gì khó khăn, mình có phước báu, mình tu hành chân chánh thì các ngài giải quyết cho mình. Những chuyện nhỏ nhỏ là êm xuôi hết, còn những chuyện

lớn sanh tử sự đại thì các ngài không làm được, điều đó phải mình tự làm thôi. Còn mấy chuyện nhỏ Thiện Trang thấy hầu như qua bài được hết, qua một cách tuyệt vời luôn.

Cho nên ai không tin, chứ Thiện Trang càng về sau càng [tin], hồi xưa mình cứ nghĩ là Phật, Bồ-tát làm, nhưng sau này học trong kinh mới biết là không phải, đa số là chư thần hộ pháp, trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, vua trời Đế Thích các ngài hộ trì, thậm chí là [trời] Phạm Thiên [nữa].

Quý vị coi trong kinh nói về sự kiện đức Phật đi dạo bốn cửa thành, lúc Ngài còn là Thái tử Tất Đạt Đa (Sĩ Đạt Ta). Mặc dù vua Tịnh Phạn đã cho người dẹp sạch, không để cho Ngài thấy lão, bệnh, tử, tức là không thấy hiện tượng người già, không thấy người bệnh, không thấy người chết. [Nhưng] Ngài ra đi một hồi rồi cũng thấy. Thấy ông già yếu chống gậy đi, [Thái tử] hỏi Sa Nặc: *"Đó là gì vậy?"* [Sa Nặc nói]: *"Đó là người già. Rồi ai cũng già v.v..."*. [Ngài] đi lần dạo thứ hai thì thấy người bệnh, đi lần thứ ba thì thấy người chết, và đi dạo lần thứ tư thì thấy vị Sa-môn. Thái tử mới hiểu ra con đường giúp thoát khổ, không thể nào tránh được sinh, già, bệnh, chết, nên [nghĩ] phải thoát khổ, [thì chỉ có] con đường xuất gia làm Sa-môn.

Trong kinh nói, mấy vị đó bị vua Tịnh Phạn dẹp hết rồi, nếu có người già thì quân lính đã tới hốt hết rồi, không có để đâu, [vậy vì] sao có? Trong kinh nói đó là do một vị ở trời Ngũ Tịnh Cư, vị đó cũng có nhân duyên với đức Phật Thích Ca, là bạn của đức Phật Thích Ca trong thời quá khứ, làm Thần thông hoá hiện ra và chỉ có hai người đó thấy. Ngài hoá hiện cho Thái tử Sĩ Đạt Ta và Sa Nặc thấy, còn lại những người khác không thấy.

Cho nên mình hãy tin vào những vị Thánh nhân ở Ngũ Tịnh Cư Thiên, hãy tin vào vua Sakka tức là vua trời Đế Thích, tin vào trời Tứ Thiên Vương, tin vào chư thần hộ pháp ở thế gian này. Quý vị cứ tu đúng, đoan thân, chánh ý, đừng nghĩ cong quẹo, đừng nghĩ lung tung bậy bạ, thì các ngài gia trì mình hết. Phật pháp nhiệm mầu, tuyệt vời lắm! Mình cứ tu đúng, suy nghĩ đúng, giữ giới, làm đúng, không sao hết. Yên tâm! Mấy chuyện nhỏ nhỏ trong đời, những khổ đau nhỏ nhỏ,

những khó khăn gì, quý vị cầu sơ là các ngài thấy. Thậm chí không cần cầu, các ngài thấy điều nào cần thì các ngài giúp đỡ, là các ngài giúp xoay chuyển ngay. Thiện Trang thấy càng về sau hình như mình cảm thấy rõ ràng như vậy.

Cho nên yên tâm tu đi, ráng tu đi, cứ thật thà, trước mắt thế gian mình tưởng là thiệt thòi nhưng không thiệt thòi đâu. Còn những người không thật thà, dối trá v.v… làm thế này thế kia, rồi từ từ bị nhân quả hết, không lừa được đâu, ma dụ cho thấy liền. Các ngài không gia trì là chịu thua, quý vị nên nhớ như vậy. Cho nên yên tâm! [Quý vị] cứ làm đi, từ từ về sau Phật pháp nhiệm mầu, khởi tâm động niệm muốn [điều] gì thì quý vị cũng [được] thành tựu, cho nên trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là: **"tự nhiên cảm giáng, sở nguyện triếp đắc".** Tự nhiên cảm giáng tức là cảm ứng được ở trên giáng xuống, tức là các ngài âm thầm giúp đỡ cho mình, và tự nhiên sở nguyện (là mong muốn) của mình liền đạt được, mấy chuyện nhỏ nhỏ có gì khó đâu. Các ngài cũng muốn tu phước, các ngài cũng muốn giúp đỡ cho mình [để] tu phước. Mình muốn tu phước, thì các ngài cũng vậy. Nếu quý vị là ruộng phước tối thắng thì các ngài mới giúp, còn quý vị không phải ruộng phước tối thắng thì các ngài không giúp đâu. Khó lắm! Cho nên ráng nha! Học thì hiểu được rồi.

Tiếp theo câu thứ ba là:

#*Tứ dư danh Hành uẩn*: ngoài bốn loại Hành uẩn ra. Tức là ngoài Sắc ra, thì bốn loại Hành uẩn là Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

#*Như thị Thọ đẳng tam*: và ba thọ như thế.

#*Cập Vô biểu Vô vi*: và Vô biểu sắc và các pháp Vô vi

#*Danh Pháp xứ Pháp giới*: là Pháp xứ Pháp giới.

Tức là có khi gọi là Pháp xứ hay là Pháp giới, mình hiểu thực ra là ngoài Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì có thêm Vô biểu sắc và Vô vi nữa. Những loại như vậy được gọi là Pháp giới hay Pháp xứ.

Tạm dịch:

Tưởng lấy hình làm thể

Ngoài bốn loại Hành uẩn

Và ba thọ như thế

Cùng Vô biểu Vô vi

Là Pháp xứ Pháp giới.

Hôm nay có lẽ mình sẽ học tới đây. Những điều này thật ra càng về sau Thiện Trang thấy càng dễ, mấy đoạn đầu thì khó chịu lắm, và chúng ta chỉ cần ráng lướt qua được đoạn này. Thiện Trang định giảng lướt, nhưng lướt thì sợ đụng tới phần sau, mình lại không hiểu, cho nên cứ giảng từ từ. Về sau các bài kệ giải thích rất ngắn, không cần giải thích dài nữa, có rất nhiều kiến thức quan trọng cho chúng ta.

Hôm nay thời gian hết rồi, hẹn quý vị hôm khác, Thiện Trang đang chia sẻ song song hai bộ, buổi sau sẽ chia sẻ phần Tâm sở cho quý vị. Thật ra chia sẻ một hồi, hai phần nhập lại một thì sẽ dễ dàng hơn. Quý vị nghe, có đoạn nào nghe được thì nghe, đoạn nào không hiểu thì cứ nghe lướt qua cũng được, không sao, quan trọng là mình nắm được căn bản. Sau này vào học phần hành trì, chỉ cần niềm tin vững rồi thì mình hành trì sẽ đắc lực. Đó là bí quyết để tu hành, dù quý vị tu bất cứ môn nào thì cũng bất hoại tịnh, tức là không mất niềm tin đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đối với Thánh giới, niềm tin càng mạnh bao nhiêu càng dễ tu bấy nhiêu, cho nên hãy cố gắng. Hôm nay chúng ta tạm dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

A Mi Đà Phật!"

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 18: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 18.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 20.11.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=8D4zb7h7nb0

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư hàng tuần, thông thường chúng ta gặp nhau trong loạt bài chia sẻ Luận Câu Xá (A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận). Phần này chúng ta đã học 17 buổi. Thiện Trang cố gắng cung cấp cho quý vị ngoài kiến thức về Luận Câu Xá, thì còn có kiến thức về căn bản tu tập của bộ bên Nam truyền lẫn bên Bắc truyền. Nói chung có rất nhiều kiến thức, nên chúng ta không có chuyên hoàn toàn 100% theo Luận Câu Xá. Tuy nhiên những nội dung chúng ta học thì hầu như cũng nằm trong Luận Câu Xá, chúng ta chỉ có mở rộng và đưa tới trước một số thôi.

Hôm nay Thiện Trang xin chia sẻ một số vấn đề. Vấn đề thứ nhất là **"5 Việc Cần Làm Ở Đời Của đức Như Lai"**. Trong một bộ kinh đức Phật nói:

Như Lai ở đời cần làm năm việc. Những gì là năm?

Một là chuyển pháp luân;

Hai là thuyết pháp cho cha;

Ba là thuyết pháp cho mẹ;

Bốn là dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát;

Năm là thọ ký riêng cho Bồ-tát.

Này Ca-diếp, đó gọi là Như Lai xuất hiện ở đời cần làm năm việc như vậy.

(Trích Kinh Số 5 – Phẩm Cao Tràng – Tăng Nhất A Hàm)

Như vậy ở đây đức Phật làm năm việc ở đời:

1. Chuyển pháp luân: để độ chúng sanh, chuyển bánh xe pháp.

2. Ngài cũng có lòng hiếu, Ngài thuyết pháp cho cha.

3. Ngài thuyết pháp cho mẹ. Cho nên cha mẹ của đức Phật (Thái tử Siddhattha) cũng được đắc đạo.

4. Dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát. Đây là Kinh A Hàm. Người ta nói là kinh Tiểu thừa, nhưng thực tế ở đây quý vị thấy "dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát".

5. Thọ ký riêng cho những vị Bồ-tát. Ví dụ như thọ ký bao giờ ngài Di Lặc sẽ thành Phật v.v…

Đó là năm việc chính. Chúng ta hưởng ké vào việc thứ nhất và việc thứ tư. Chúng ta là những người tiếp nhận giáo lý của Phật, và đồng thời chúng ta cũng cố gắng lập hạnh Bồ-tát để trở thành một vị Phật, một vị Bồ-tát trong tương lai.

Thiện Trang nhân cơ hội ngày hôm nay là ngày lễ 20/11, đức Như Lai cũng là một vị thầy, Ngài làm năm việc đó. Chúng ta là những người học hạnh của Ngài, thì chúng ta cũng cố gắng học để làm được năm việc chính đó.

Trong tu tập, ở đây Thiện Trang cũng xin giới thiệu thêm một phần nữa. Đó là quán về thức ăn trong Tứ thực. Trong A Tỳ Đàm thì chúng ta biết rồi, Tứ thực gồm có: Đoàn thực, Xúc thực, Tư niệm thực, Thức thực. Ở đây đức Phật nói như sau (đoạn này rất quan trọng):

Quán Đối Với Tứ Thực

Và này các Tỷ-kheo, Đoàn thực cần phải nhận xét như thế nào? Đây là lời dịch của Hòa thượng Minh Châu, ngài [dịch là] "nhận xét". Nhưng theo Thiện Trang thì [nên dịch] là "nên nhìn nhận như thế nào?". Đây là bản Pali, mình không biết tiếng Pali, mình không thể nào tự chỉnh được. Cho nên ngài để [từ] "nhận xét" thì ta cũng để "nhận xét" thôi, chứ thực ra là "nhìn nhận như thế nào?".

Ví như, này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã, với một đứa con khả ái, thương mến.

Rồi này các Tỷ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao mòn, khánh tận. Và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua.

Rồi này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: "Đồ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao mòn, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua; vậy chúng ta hãy giết đứa con một, khả ái, dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả ba chúng ta đều bị chết hại".

Rồi hai vợ chồng ấy giết đứa con một, khả ái, dễ thương ấy, làm thịt khô và thịt ướp, ăn thịt người con và vượt qua vùng hoang vu còn lại ấy. Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực, than khóc: "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở đâu?"

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Họ ăn món ăn có phải để vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?

Đây là đức Phật đưa ra một ví dụ chứ không phải thật. Đưa ra ví dụ để nói về việc ăn uống của chúng ta. Trong bốn loại ăn uống: Thứ nhất là Đoàn thực chính là ăn uống của chúng ta. Xúc thực là những tiếp xúc của mình trong hằng ngày. Thức thực là những gì mình biết. Tư niệm thực là suy nghĩ hằng ngày của

mình. Điều này chúng ta đã học rồi, trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya đều nói điều này.

Đoạn này Thiện Trang muốn đưa ra để chúng ta biết ăn như thế nào, đức Phật dạy ăn như thế nào. Ở đây đưa ra ví dụ hai vợ chồng đi qua sa mạc hoang vu, hết lương thực rồi, bất đắc dĩ họ giết đứa con đó để làm thịt, để ăn, để khỏi chết ba người, chết một người thôi. Họ ăn như vậy có phải là để vui chơi hay không? Ăn như vậy có phải để tham đắm hay không? Ăn vậy để trang sức (làm đẹp) hay không? Ăn vậy để béo tốt hay không? Chắc chắn là không rồi!

- Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

- Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tức là khi đó họ ăn không có biết ngon nữa đâu, mà ăn để sống, để đi qua.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Đoàn thực cần phải nhận xét (nhận định) **như vậy. Này các Tỷ-kheo, khi Đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết. Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết, thời không còn Kiết sử, do Kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này.**

Đoạn này có nghĩa là nếu mình ăn giống như hai người trong câu chuyện đó, ăn thịt con thì không thể nào tham đắm được hết, không thể nào ăn để vui chơi, không thể nào ăn để béo tốt được, không thể ăn để trang sức được. Họ ăn vì để vượt qua. Nếu Tỳ-kheo mà tu quán được như vậy, nhận định được với ăn như vậy, thì diệt được những Kiết sử, tức là họ không trở lại với cõi đời này. Không phải đơn giản đâu! Điều này là đoạn hết Tham rồi, không trở lại, tức là Thánh đệ tử mà, phải chứng đến Tam quả A-na-hàm (Bất lai).

Cho nên ai muốn có quả Bất lai trở lên, thì phải tu theo điều này. Hơi khó! Đối với ăn uống thì chúng ta thường khó làm được điều này. Cho nên chúng ta vẫn còn ở Dục giới. Còn nếu chúng ta làm được đoạn này thì hết Kiết sử này

(Tham hết rồi), đối với năm dục hết rồi. Kiết sử này hết rồi thì yên tâm. Tất nhiên là nó sẽ đi kèm với những Kiết sử khác nữa.

Còn đối với Xúc thực:

Và này các Tỷ-kheo, Xúc thực cần phải nhận xét như thế nào? Ở đây Hòa thượng Minh Châu ghi "nhận xét", Thiện Trang nghĩ là "nhận định như thế nào?"

Này các Tỷ-kheo, ví như một con bò cái bị lở da, nếu nó đứng dựa vào tường, thời các sanh vật sống ở tường cắn nó. Nếu nó đứng dựa vào cây, thời các sanh vật sống ở cây cắn nó. Nếu nó đứng ở trong nước, thời các sanh vật sống ở trong nước cắn nó. Nếu nó đứng giữa hư không, thời các sanh vật giữa hư không cắn nó. Này các Tỷ-kheo, con bò cái ấy đứng dựa vào chỗ nào, thời các sanh vật trong các chỗ ấy cắn nó. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Xúc thực cần phải được nhận xét.

Này các Tỷ-kheo, khi Xúc thực được hiểu biết, thời ba cảm thọ được hiểu biết. Khi ba cảm thọ được hiểu biết, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

Có nghĩa là xong rồi đó, việc đã làm xong, xong tức là A-la-hán. Đối với Xúc thực, tức là những gì mà chúng ta tiếp xúc. Nếu như ba cảm thọ (thọ lạc, thọ khổ, bất lạc bất khổ tức là thọ xả) mà nhận biết được như vậy, tâm mình luôn luôn tiếp xúc với mọi điều cũng nhận biết rất rõ. Ví dụ như con bò kia, con bò cái bị lở da, bây giờ tiếp xúc với cái gì thì nó cũng biết hết. Nó dựa vào tường thì cũng bị những con sinh vật ở trên tường cắn nó, nên nó cũng sợ, nó cũng phải kiểm tra, quan sát kỹ lưỡng. Nó dựa vào cây thì cũng bị những con sinh vật ở trên cây cắn, đau rát lắm, vì nó bị lở da mà, nên sợ. Rồi đứng trong nước cũng không được, đứng trên hư không cũng phải quan sát kỹ càng, [hay đứng] giữa hư không thì cũng đều canh me như vậy.

Cũng vậy, một vị Tỷ-kheo (một người tu hành) mà quan sát được ba cảm thọ của mình (thọ lạc, thọ khổ, và xả thọ). Nếu mình kiểm soát được cỡ đó, thì

đức Phật nói đó là Thánh đệ tử không cần làm gì thêm nữa, bởi vì thành tựu A-la-hán. Có nghĩa là tu phải chánh niệm, rất rõ biết tất cả những việc mình làm.

Thiện Trang thì có kinh nghiệm. Nếu chúng ta là người sáng suốt rõ biết, thì mình không bao giờ có vấn đề gì, ví dụ như phạm giới là không. Quý vị không thể nào phạm giới khi quý vị rất là sáng suốt [trong] mọi vấn đề. Trong mọi hoàn cảnh, dù hoàn cảnh có thế nào thì quý vị cũng giữ giới được. Nên những người phạm giới là những người mất chánh niệm, tức là không nắm được, thất niệm. Mai mốt chúng ta học lại Tâm sở thì sẽ thấy rõ. Và luân hồi chính là nguyên nhân [khiến] mình không giữ được chánh niệm, tức là khi mọi cảm thọ mình chạy theo đó. Ví dụ mai mốt quý vị chết, thấy một người nam, một người nữ nào đó trong mơ, trong lúc chết, mình sanh khởi tham ái. Khi đó là mất chánh niệm thì đi đầu thai, chui vào bụng người ta, hoặc chui vào bụng con này, chui vào bụng con kia, là lý do đó.

Còn nếu như lúc nào mình cũng sáng suốt rõ biết đối với những cảm thọ, vừa thấy một cái là biết đẹp, nhưng nghĩ không được, mình là người tu hành mà. Quý vị trong mơ có công phu cỡ đó thì chết cũng vậy, khả năng đi vào đường ác là thấp rồi. Cộng với chánh niệm, nếu ai tu mà có tin niệm Phật vãng sanh nữa, thì gần như chắc chắn. Đây là việc cố gắng tu.

Thiện Trang chỉ dẫn hai điều thôi. Ở trên là đối với thức ăn bình thường, ở dưới là Xúc thực. Xúc thực không phải là đồ ăn, mà là những gì chúng ta tiếp xúc hằng ngày, tiếp xúc liên tục. Mình hãy cố gắng canh giùm ba cảm thọ này. Ở đây là tu Tứ niệm xứ đó, canh ba cảm thọ: thọ lạc là cảm thấy vui vẻ, sung sướng; [thọ khổ] là cảm thấy đau khổ; [còn] xả [thọ] là không có cảm giác gì, không cảm thấy sung sướng, [cũng không cảm thấy khổ gì], cảm thấy bình thường. Nếu mình kiểm soát được tức là mình biết rất rõ, nhận thức được, giữ được hoài như vậy, thì coi như xong việc ra khỏi sanh tử rồi, chứng A-la-hán, không cần làm gì nữa. Điều này quan trọng.

Điều trên [Đoàn thực] là ép làm, thực ra làm khó quá, ăn mà cứ đem đề mục ăn thịt con ra quán thì khó quá. Mình cứ đem đề mục dưới mình làm cũng được.

Mình dùng cách là: [tuy] đồ ăn đó ngon, nhưng mình không được đắm say vào đó. Mình biết đồ ăn hôm nay ngon, đồ ăn hôm nay dở, đồ ăn hôm nay cay quá, đồ ăn hôm nay mặn quá, v.v… Mình biết rất rõ nhưng mình không bị chạy theo nó. Việc tu như vậy quan trọng, chứ không phải mình né. Nhiều người né, ăn cho khổ lên, hoặc ăn cho sướng lên. Thật ra tu làm sao [mình] ăn bình thường là được.

Thời đức Phật, quý vị thấy các vị Đệ tử ăn khổ hay ăn sướng? Nhiều người nói ăn khổ. Thiện Trang nói với quý vị, thời kỳ đầu có lẽ là ăn khổ, thời kỳ sau thì các Đệ tử và đức Phật đa số ăn sướng. Vì người ta cúng dường, quý vị coi trong kinh, toàn là cúng dường đồ ngon. Quý vị thấy nào là thức ăn cứng, thức ăn mềm, rồi có những loại cao lương mỹ vị, những món gì đó, toàn là những đồ ngon nhất. Họ muốn tu phước mà, họ cúng dường cho những bậc Thánh, Đệ tử đức Phật mà, v.v… Thật ra chúng ta không cần coi thời đức Phật đâu, đợt vừa rồi quý vị coi Sư Minh Tuệ, mấy ngày đầu đi vùng nào đó không có ăn, tới sau này đồ ăn người ta cúng dường nhiều, ăn không hết, đủ các loại. Thiện Trang coi thấy nào là những món trái cây, món gì v.v… Thiện Trang kêu sao mà họ tìm ra được nhiều món dữ vậy, ở miền Trung sao mà có những món đặc biệt như thế, cũng là quá đầy đủ.

Lúc đó là luyện đó quý vị, tu với ba cảm thọ đó. Cho nên ai tu cũng phải như vậy, ráng luyện điều này. Dù quý vị tu Pháp môn nào thì cũng vậy thôi. Quý vị tu niệm Phật mà quý vị rớt vào điều đó, quý vị ăn ngon một hồi, mê quá rồi quên luôn. Đức Phật không cấm là không cho ăn ngon, nhưng ăn mà hiểu biết, biết rõ là ta đang ăn đồ ngon đó, ta không được tham với đồ ngon này, ta đang ăn với đồ dở đó, ta không được sân với đồ dở này. Ta đang ăn đấy, chứ không phải ta nhai nhai rồi không biết gì hết, đó là không được. Nên [mình] phải biết cảm giác đó. Đó là tu.

Hôm nay Thiện Trang xin đổi một chút, Thiện Trang xin chia sẻ. Điều này Thiện Trang cũng suy nghĩ lâu rồi, không biết có nên giới thiệu cho quý vị hay không? Và cũng muốn giới thiệu, nhưng giới thiệu ở những bộ giảng khác không được, chỉ có thể giới thiệu ở bộ giảng này. Đó là các đề mục của tu Thiền chỉ. Vì nếu không giới thiệu điều này thì [quý vị không biết]. Mình nói mình tu đạo Phật

là Thiền quán, Thiền chỉ. Thiền quán thì lúc nào cũng có [nói], nhưng Thiền chỉ thì không phải lúc nào cũng được học. Thiện Trang cố gắng tìm rất nhiều, nhưng trong kinh đức Phật ít nói về tu Thiền chỉ, tức là không có chỉ chi tiết, mà [nói] đa số là Thiền quán. Vì Thiền quán mới ra khỏi sanh tử mà, còn Thiền chỉ hồi đó các đạo Bà-la-môn có sẵn rồi, đức Phật chỉ có nói thêm thôi.

Ở đây Thiện Trang xin phép trích một số phần về đề mục:

40 Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)

Tên loại	Số lượng	Cụ thể	Kết quả
A. Biến xứ	10	Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng	*Chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
B. Bất mỹ (tịnh)	10	Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch; Tử thi nứt nẻ; Tử thi bị gặm xé; Tử thi bị rời rạc; Tử thi bị phân đoạn; Tử thi bê bết máu; Tử thi bị dòi đục; Tử thi hài cốt.	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*

C. Tùy niệm	10	Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh;	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành.*
		Niệm thân thể trược;	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
		Niệm hơi thở;	*Chỉ chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
D. Phạm trú	4	Từ; Bi; Hỷ;	*chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền*
		Xả.	Chứng Tứ thiền Sắc giới
E. Vô sắc	4	Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ.	Chứng Tứ thiền Vô Sắc giới
F. Tưởng	1	Tưởng nhờm Gớm thức ăn	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*

G. Phân biệt	1	Phân biệt Bốn nguyên tố	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*

Quý vị thắc mắc là tại sao Thiện Trang không trích từ kinh Phật? Tại vì Thiện Trang lục hết các kinh nhưng ít nói quá, thôi thì mình lấy luận của vị này. Ngài Phật Âm cũng không phải là bình thường, ngài Buddhaghosa (Phật Âm) chính là người kết tập kinh điển Nikaya vào thế kỷ thứ V sau Tây lịch, tức là khoảng gần 1.000 năm sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn. Kinh Nikaya được ngài này dịch lại từ tiếng Tích Lan sang tiếng Pali. Cho nên mình có thể tin tưởng. Có nhiều quyển, như quyển A Tỳ Đàm v.v… thì cũng viết lại. Nhưng Thiện Trang thấy trích dẫn từ một người nổi tiếng tốt hơn là một người bình thường thời nay, nên [Thiện Trang] lấy luôn. Bộ Luận Thanh Tịnh Đạo (Thanh Tịnh Đạo Luận) này rất nổi tiếng, được rất nhiều người sử dụng, coi như kim chỉ nam để tu Thiền chỉ và tu Thiền quán. Cho nên Thiện Trang xin trích ở đây ra.

Vì hôm trước có người cũng hỏi là 40 đề mục tu Thiền chỉ là gì, thì hôm nay [Thiện Trang] giới thiệu đầy đủ, tất nhiên không có nhiều nhưng giới thiệu lược qua, rồi từ từ giới thiệu dần dần kỹ hết. Quý vị coi 40 đề mục tu Thiền chỉ để đắc Thiền. Chia ra làm mấy loại:

1. [Tu đề mục] Biến xứ: Thiện Trang hay nói là hãy quán Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư Không Giới Hạn (phân biệt với Hư Không Vô Biên ở trên), và Ánh Sáng. Tu 10 đề mục này. Một trong 10 đề mục này sẽ mang đến kết quả là chứng đến Tứ thiền Sắc giới, tức là chỉ tới Tứ thiền Sắc giới thôi. Còn mấy tầng trời trên [như]: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì tu 10 đề mục này không thể tới được.

Hôm bữa Thiện Trang có nói lược qua một số đề mục như về Đất rồi. Bữa nay giới thiệu cho quý vị [đề mục] Đất và Nước, nói lại [đề mục] Đất một lần nữa

theo bộ Luận này cho đầy đủ, chứ quyển A Tỳ Đàm không đầy đủ như quyển này. Thiện Trang giới thiệu Nước đi, bữa nào đó Thiện Trang giới thiệu về Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, giới thiệu một hồi cũng hết. 40 đề mục này cố gắng giới thiệu từ từ là hết. Bây giờ chúng ta chỉ giới thiệu đại diện thôi.

[Về] đề mục Đất, quý vị muốn tu Thiền chỉ bằng đề mục Đất thì tu như thế nào? Nếu mình là người đã nhiều đời tu đắc rồi thì không nói, khỏi cần tu nữa, chỉ cần nhìn đất một hồi thì nhìn thấy đâu cũng là đất hết. Và người đó đắc rất nhanh và chứng [cũng] rất nhanh. Nhưng người bình thường thì phải lấy một cục đất sét màu hồng (trong đây ghi rõ ràng là màu hồng, chắc màu hồng cho dễ chịu hay rõ ràng gì đó thì không biết, chưa có giải thích), bỏ hết tạp chất đi, rồi tạo thành một vòng tròn.

Tức là làm sao đó để tạo cục đất sét thành một vòng tròn, đường kính khoảng một gang tay rưỡi. Gang tay của chúng ta bây giờ có 20cm, [một gang rưỡi là] 30cm. Làm cho mặt phẳng tròn giống như hình vừa rồi Thiện Trang đưa cho quý vị. Làm như vậy không tì vết, đừng để thấy vết nứt trên đó, rồi đem phơi cho khô cứng đi. Khi hành thiền thì mang cục đất đó để lên trên vách, làm sao cho ngang với tầm mắt, khoảng cách xa khoảng sáu gang tay, tức là khoảng 1.2m. Tức là mình nhìn khoảng cách như thế, bữa nay mới nói rõ. Ngồi kiết già hay bán già, lưng thẳng, mắt nhìn chăm chú vào cục đất [sét] màu hồng đó, rồi niệm đất, đất, đất... Niệm như vậy một hồi thì từ từ sẽ xuất hiện một điều gọi là Trì tướng. Dần dần khi đủ mạnh thì Tợ tướng xuất hiện, rồi sau đó sẽ chứng được Thiền định. Có thể chứng từ Sơ thiền đến Tứ thiền.

Trì tướng và Tợ tướng thì lát nữa Thiện Trang sẽ nói. Nói sơ về cách tu là như vậy, chứ không phải chúng ta nói không không, bữa [trước] mình nói cũng chưa rõ, bữa nay Thiện Trang coi thấy trích trong này nói rõ hơn. Như vậy đó là tu về [đề mục] Đất. Tất nhiên có người không thích đất, thích tu đề mục khác. Ở trong bộ Luận này cũng nói rõ là tùy người, có người tu đề mục này được, nhưng tu đề mục kia không được, không phù hợp. Cho nên mình phải học 40 đề mục để coi thử mình tu đề mục nào phù hợp. Mình phải thử, mình phải kiểm tra là mình

thích đề mục nào. Có nhiều người nhìn thấy cục đất là ghét rồi, làm sao mà tu được. Thiện Trang đã giới thiệu xong [cách] tu đề mục Đất.

Đề mục thứ hai là Nước, gọi là tu Biến xứ nước. Nếu người nhiều đời tu đắc [đề mục] này mạnh quá rồi, lâu rồi, thì rất dễ. Ở đời họ chỉ cần nhìn thấy mặt nước của ao, hồ, sông, biển thôi, thì Trì tướng hiện ra rồi, người ta dễ tu lắm, người ta đắc liền. Cho nên ai thích nước, thích nhìn nước nhiều, thì có lẽ là nên tu đề mục Nước này. Chứ không phải là ai cũng phải tu đề mục Đất cả. [Vậy thì] tu như thế nào?

Lấy một cái bát (cái chén) hay cái lu gì đó, miệng rộng chừng hơn một gang tay. Đổ nước vào tràn miệng bát. Tức là sử dụng nước để trước mặt, nhưng nước phải trong sạch, chứ nước bẩn đục thì không được. Có thể dùng nước nào cũng được, bây giờ mình không thiếu nước trong. Đặt ở một nơi yên tĩnh, thanh vắng, tức là nơi nào đừng ồn ào, thì mình sẽ tập trung được. Rồi hành giả ngồi ngay ngắn, tức là ngồi kiết già, bán già, ngồi thẳng một cách thoải mái, có thể ngồi thẳng thôi cũng được. Rồi mở mắt nhìn vào mặt nước, không suy nghĩ đến đặc tính, màu sắc của nước, mà chỉ chú tâm niệm nước, nước... Tức là đừng quan tâm đến màu nước, đừng có pha màu gì hết, dùng nước trắng đó. Đừng nghĩ nước màu gì, mà chỉ niệm nước, nước. Ở trên thì niệm đất, đất, niệm như vậy đến lúc nào đó, trong này nói nếu tu [có] căn lành nhanh thì cũng mau thôi, thời gian không lâu có thể đắc được Trì tướng hiện ra. Trì tướng là thuộc về Vị đáo định hiện ra, sau đó Tợ tướng sẽ hiện ra, rồi bắt đầu vô, và sau đó chứng Thiền, chứng định. [Có thể chứng] từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Đó là Thiện Trang giới thiệu sơ qua, quý vị cứ thử xem.

Đề mục tiếp theo Thiện Trang sẽ giới thiệu ở đây là màu Xanh. Thiện Trang thích màu xanh. Đất, Nước, Lửa, Gió, thì bây giờ giới thiệu được hai rồi, bữa nào đó sẽ giới thiệu thêm Lửa và Gió. Bây giờ bốn màu: Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, thì mình giới thiệu màu xanh. Vì Thiện Trang thích màu xanh hơn, cho nên xin phép giới thiệu màu xanh.

Để tu Biến xứ đề mục Thiền chỉ màu xanh thì dễ lắm. Quý vị lấy tướng nào

màu xanh là được. Nếu có nhiều duyên của đời trước, thì nhiều khi quý vị thích màu xanh lắm, quý vị [thích] nhìn vào vải xanh hay là viên ngọc xanh hay là bụi cỏ, đám cỏ xanh, v.v... những người đó có khả năng tu đề mục này dễ.

[Cách] tu thì cũng vậy, quý vị chỉ cần lấy những cái gì đó miễn là có màu xanh, ví dụ như những cánh hoa màu xanh hay cái mâm xanh. Nói chung là làm một vòng tròn màu xanh để trước mặt, rồi cũng giống như trên, vừa quan sát vừa niệm xanh, xanh, xanh... cứ như vậy. [Niệm] một hồi đến khi Trì tướng [xuất hiện], tức là mình thấy bắt đầu xanh hết, một hồi nhìn đâu cũng thấy xanh, thì đắc được Cận định. Rồi bắt đầu chứng lên được định, tức là từ Sơ thiền đến Tứ thiền.

Đó là [Thiện Trang] giới thiệu sơ qua cho quý vị biết là như vậy. Ở đây là 10 đề mục Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng. Mấy [đề mục] kia thì cũng tương tự thôi, quý vị muốn biết thì từ từ Thiện Trang sẽ giới thiệu. Giới thiệu một lúc nhiều quá, quý vị không nhớ nổi đâu. Bữa nay mình chỉ cần biết được ba [đề mục] trong 10 [đề mục] này. Và nhớ: ở đây tu Thiền chỉ như vậy thì chứng được Tứ thiền Sắc giới, tức là Sơ thiền đến Tứ thiền Sắc giới trong tám tầng thiền, đây là nói theo kinh tạng. Còn nói theo A Tỳ Đàm là chứng được Ngũ thiền Sắc giới. Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ thiền nếu nói theo A Tỳ Đàm.

2. Tu đề mục Bất mỹ: Bất mỹ là ngôn ngữ của Nam truyền, bên Bắc truyền hay nói là Bất tịnh, thì mình phải quán. Số lượng đề mục cũng là 10, gồm có: quán Tử thi sình trương... Ở đây [Thiện Trang] nói lược, quý vị thấy trong kinh có nói là ra nghĩa địa [nơi] người ta để xác chết đó, bên Ấn Độ có, chứ ở Việt Nam bây giờ thì chắc không có. Ra đó nhìn xem thân thể sình trương, phù ra như thế nào. Đó là một cách, quán miết [như] vậy thì thành. Hoặc là quán Tử thi xanh tái, là thân thể tái rồi. Tử thi tràn dịch tức là trào dịch ra, trào ra đủ thứ [chất] ghê gớm, quán điều đó. Tử thi nứt nẻ là thân thể chết rồi nứt nẻ ra. Tử thi bị gặm xé tức là bị những con vật tới nhai gặm. Tử thi rời rạc tức là rớt ra từng mảnh. Tử thi phân đoạn tức là bị chặt từng khúc, từng khúc. Tử thi bê bết máu thì ghê lắm. Rồi tử thi bị dòi đục. Tử thi hài cốt là toàn xương cốt không. Có một số Đạo tràng lấy bộ

xương người để vậy, [là] hình nộm, giả thôi chứ không phải thật, để quán Tử thi hài cốt. Quán một trong 10 điều này thôi chứ không phải [tất cả].

Thiện Trang thì không thích [đề mục] này lắm, cho nên giới thiệu cho biết thôi chứ thấy ghê ghê sao đó. Không phải sợ mà thấy [ghê ghê]. Mà xin nói với quý vị tu 10 đề mục này, chỉ chứng được tới Sơ thiền thôi, và giúp đoạn được tham dục. Do mấy đề mục này bất tịnh, cho nên là chỉ giúp hành giả tu chứng được tới Sơ thiền thôi. Cho nên không ngon bằng [đề mục] ở trên [là Biến xứ] đúng không quý vị? Nhưng đề mục này cũng hiệu quả đối với nhiều người, đặc biệt là người tham dục nhiều thì hãy quán bất tịnh.

Quán thân thể dơ quá, nhìn thấy gớm quá, nên mình sợ thân thể của mình, mình nhàm chán. Hoặc là quán thân thể đối phương, người nào mình thích, mình nghĩ kỹ thì thấy dơ lắm, gớm lắm. Cho nên dần dần mình thấy ớn ớn, không thích nữa. Hoặc là mình quán một trong những đối tượng đó, trước sau gì cũng chết như vậy, ghê lắm. Cho nên là thôi, [lo] tu, đúng không? [Đề mục] này cũng giúp tu được, trợ duyên, chứ đừng nói là không có. Có những người tu [đề mục] này đắc lực, thì giúp họ chứng tới Sơ thiền.

Quý vị thấy rõ ràng, mấy khi mình học được như vậy. Quý vị tìm [trong] Luận A Tỳ Đàm nhiều khi không có đủ đâu. Thiện Trang cố gắng chia sẻ điều nào thì chia sẻ cụ thể đầy đủ luôn, nói một lần thôi là đầy đủ hết. Như vậy là [đã nói] được 20 đề mục: A. Biến xứ có 10 đề mục (tối đa chứng tới Tứ thiền Sắc giới); B. Bất mỹ (bất tịnh) có 10 đề mục (chứng tới Sơ thiền thôi).

3. Đề mục thuộc về Tùy niệm: có 10 đề mục, đó là: Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm tử (chết); Tùy niệm tịch tịnh; Tùy niệm thân thể trược (thân thể trược tức là thân thể dơ bẩn); Tùy niệm hơi thở.

Ở đây Thiện Trang sẽ cố gắng đưa ra thành ba mục, mặc dù cùng là Tùy niệm hết. Chúng ta đã quá quen với [đề mục] niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Nhưng chúng ta không quen bốn đề mục sau là

niệm tử, tức là niệm về chết. Chúng ta niệm Phật thì ai cũng biết, [nhưng] chưa chắc là niệm đúng. Lát nữa Thiện Trang sẽ lấy đề mục Tùy niệm Phật theo bộ Luận Thanh Tịnh Đạo này, và theo trong Kinh A Hàm xem như thế nào, để coi chúng ta niệm Phật đúng chưa, nếu theo hai bộ đó.

Còn Tùy niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, [thì] quen rồi. Niệm thiên là niệm chư thiên, là nhớ ân đức của chư thiên, do sao mà họ được sanh về [cõi trời]. Còn niệm chết thì dễ rồi, Đại sư Ấn Quang nói nhớ dán chữ chết trên trán. Còn Niệm tịch tịnh, rồi niệm thân thể trược. Thân thể trược tức là thân thể ô nhiễm, dơ bẩn, cũng là một kiểu quán bất tịnh. Nhưng quán bất tịnh ở trên là quán tử thi, là người chết rồi. Còn ở đây là mình quán [thân thể trược] là quán cho người sống, người mình đó, có 32 thể trược, như là có nước ghèn, rồi trong người có máu mủ gì tùm lum, dơ lắm.

Niệm hơi thở là mình theo dõi hơi thở. Niệm hơi thở này là một đề mục mà rất nhiều người thích tu, theo dõi hơi thở, thở ra thì biết thở ra, thở vào thì biết thở vào đang thế nào. [Hơi thở] nhanh biết nhanh, chậm biết chậm. Đó gọi là theo dõi hơi thở, gọi là Tùy tức, niệm hơi thở.

Mười đề mục này đều gọi là Tùy niệm, nhưng kết quả theo bộ Luận này, Thiện Trang nói theo bộ Luận này thôi, quý vị đừng có cãi, từ từ rồi Thiện Trang giải thích, cứ theo bộ này đã rồi tính. Đặc biệt những đồng tu Tịnh Độ nghe mục bên này [có thắc mắc].

Mười đề mục này thì ở đây có Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh [thì] không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay [định] cận hành. Đây là trong bộ Luận A Tỳ Đàm này nói. Có nghĩa là nếu mà tu mấy đề mục này (tức là Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh) thì chỉ đắc được Cận định thôi. Cận định là Vị đáo định, hay tên khác là Định cận hành (định gần sát đó). Có nghĩa là quý vị chỉ được định tới trời Tha Hóa Tự Tại thôi, không thể nào đắc được Sơ thiền trở lên.

Đấy là theo bộ Luận này nha, chúng ta chưa có cãi. Chút nữa Thiện Trang có phân tích ở đằng sau là tại sao như vậy, và điều này có đúng hay không. Không biết thế nào, chúng ta cứ từ từ, để nói cho hết những điều này đã.

Còn nếu niệm thân thể trược thì chỉ chứng được tới Sơ thiền thôi, tại vì cũng thuộc về quán bất tịnh, nên cũng chỉ tới đó thôi. Nhưng pháp niệm hơi thở này thì lại chứng tới Tứ thiền Sắc giới luôn, tức là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Còn bốn đề mục trên [là] Không vô Biên xứ, Thức vô Biên sứ, Vô sở Hữu xứ, Phi tưởng Phi phi Tưởng Xứ thì không chứng.

Học là phải học như vậy, chứ học kiểu mơ mơ màng màng thì tu gì. Cho nên bây giờ Thiện Trang nói thật, tội cho các đồng tu Việt Nam lắm. Tu thiền cũng không biết tu thiền, tu pháp nào cũng không biết. Tại vì sao? Giáo lý căn bản mình chưa học, mình học mơ mơ màng màng, ngơ ngác, vô đó ngồi xếp bằng chút [rồi nói là] Thiền, Thiền gì? Cho nên đôi khi nói ra thì buồn, nhưng thực tế là nền tảng giáo lý mình học chưa đủ. [Học] chưa đủ mà đã nhào vô lo thực hành rồi, cho nên kết quả đâu có cao được. Mình phải học lý thuyết đủ đã, rồi hãy vào thực hành. Mà nói thì toàn là ngôn ngữ cao siêu, nào là tâm không động, đã lắm, nhưng thật ra tâm động liên tục, đúng không?

Mười đề mục nữa là 30 [đề mục] rồi, còn 10 [đề mục] cuối cùng thôi.

4. Đề mục về Phạm trú: đề mục Phạm trú, tức là trú về chư thiên, thì có 4 đề mục: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Chúng ta có tu pháp tu này, trong 12 cửa giải thoát hôm bữa học quý vị nhớ không ạ? Có Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Từ [là] thế nào? Từ là cố gắng tu không sân, Từ là ban vui cho chúng sanh. Cho nên đừng có sân, không sân với mình, không sân gì hết. Tu như thế gọi là tu tâm Từ. Tu đến khi nào? Tại vì ở đây không có thời gian, cho nên Thiện Trang không giải thích nhiều. [Còn] Bi là yêu thương, thương xót chúng sanh. Phải có lòng từ bi, lòng bi như vậy. Hỷ là tùy hỷ, là vui với những gì mà người ta thành công, không có ganh tị, không có ghét, không có tật đố. Thấy chúng sanh thành công trong sự nghiệp, hay thấy điều gì đó v.v… mình cứ toàn nghĩ cho chúng sanh

mình vui. Mai mốt thấy chúng sanh đắc đạo [thì mình cũng] vui, thấy tất cả điều gì cũng vui hết, đấy [là] tu Hỷ.

Và điều cuối cùng là tu Xả. Xả ở đây nói đơn giản là xả những điều mà mình cho là chúng sanh vui hay buồn hay thế nào, kệ họ. Kệ không phải là mặc kệ, nhưng mình không có buồn theo chúng sanh, cũng không vui theo chúng sanh, không có bực tức mà cũng không có vui, cho nên mới [gọi là] xả. Tu [đề mục] Xả thì tu mới lên, nên mới chứng được đến Tứ thiền Sắc giới, Xả niệm Thanh tịnh địa là cảnh giới này. Ở đây, [tu] Từ, Bi, Hỷ thì quý vị chứng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền thôi. Nhưng tu đề mục Xả này [thì sẽ] chứng tới Tứ thiền Sắc giới.

Hôm bữa trong lớp học thứ Hai, có đồng tu hỏi là Từ, Bi, Hỷ, Xả này nằm ở đâu? Thiện Trang nói là nằm ở Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền Sắc giới thôi, chứ không phải Vô sắc giới. Nếu tu bốn đề mục này, ba đề mục trên (Từ, Bi, Hỷ) là [đạt] tới Tam thiền thôi, còn đề mục ở dưới (Xả) thì tới Tứ thiền Sắc giới. Chứng là chứng được tới đó.

5. Đề mục về Vô sắc: có 4 đề mục: Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ, thì chứng đến Tứ thiền Vô sắc giới. Điều này hôm bữa Thiện Trang có giảng ở trong bài nào đó rồi, không biết bộ này hay bộ nào. Thiện Trang giảng nhiều quá nên quên. Nhưng Thiện Trang nhớ là Thiện Trang có giảng trong bộ Luận Câu Xá này rồi, quý vị có thể coi lại cách nói của Thiện Trang về Không vô Biên xứ nói thế nào, Thức vô Biên xứ thế nào, Vô sở Hữu xứ thế nào, Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ thế nào.

Nhưng Thiện Trang nghĩ, mới đầu mình cứ nhắm vô mấy điều [đã] học ở trước, vừa vừa [để] chứng Sơ thiền đó. Có nhiều người chứng Sơ thiền không nổi, thì bắt đầu mới chạy xuống tu mấy [đề mục] kia thấp hơn nữa, thì đó từ từ. Tóm lại ở đây là 38 [đề mục].

6. Đề mục Tưởng: Tưởng này là một đề mục thôi, Tưởng nhờm Gớm thức ăn. Tu đề mục Tưởng này có hiệu quả cho những người ham ăn, ham gì đó. Nhưng [đề mục] này không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hoặc Định cận hành, tức là

cũng [được] Vị đáo định thôi, giống như mấy đề mục trên này, không tới [Thiền], chỉ là tạm thời tu.

7. Đề mục Phân biệt: Phân biệt Bốn nguyên tố: bốn nguyên tố đó thật ra là Đất, Nước, Gió, Lửa. Phân biệt bốn điều đó ra gọi là quán Phân biệt giới. Tu đề mục này, [kết quả] mang lại không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành. Đây là trong bài luận nói.

Cho nên quý vị thấy 40 đề mục này, tuy là nói ra nhiều như vậy, nhưng có những [đề mục] đưa đến kết quả cao, có những [đề mục] đưa kết quả thấp, ở đây chúng ta phải hiểu như vậy. Và để có Thần thông thì ở đây có ghi luôn, 10 đề mục Biến xứ (Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư Không Giới Hạn, và Ánh Sáng), tại vì Hư Không Vô Biên là ở dưới rồi. [Tu đề mục] này mới mang lại Thần thông, đắc Thần thông là 10 đề mục đó. Tu một trong 10 đề mục đó là có Thần thông. Cho nên mình cố gắng tu, nếu mình [hợp đề mục] đó.

Cho nên có nhiều vị A-la-hán không tu mấy [đề mục] đó thì cũng không có Thần thông, mặc dù là đã đắc rồi, nên có năm loại A-la-hán. Ví dụ quý vị muốn biến một thân thành nhiều thân, thì quý vị dùng đề mục nào trong 10 đề mục Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư Không Giới Hạn, Ánh Sáng? Mình muốn dùng một thân để hiện ra nhiều thân, thì quý vị dùng một đề mục nền tảng là Đất. Tại vì đất thì mình có thể biến ra rất nhiều đất (địa mà), cho nên có rất nhiều thân hình. Và như vậy từ một thân biến ra nhiều thân là dùng đề mục Đất.

Ví dụ như đề mục Biến xứ về nước thì hôm bữa Thiện Trang có giới thiệu rồi, là có thể dùng Thần thông để độn thổ. Tại sao độn thổ được? Bởi vì thấy toàn bộ là nước, xung quanh là nước hết, cho nên chui xuống nước dễ quá mà. Nước thì mình chui được, độn thổ được, chui ra khỏi đất rồi lên lại được. Rồi có thể làm mưa, bởi vì mình thấy nước mà, mình biến ra đủ thứ nước, tạo ra sông biển. [Làm cho] rung chuyển mặt đất bằng cách quán là nước, cho nên làm cho nước rung thì cái gì cũng rung theo.

Còn nếu tu Biến xứ Lửa thì có thể đốt cháy. Ví dụ như các vị A-la-hán hay vị

Bích-chi-phật khi thu thân tịch diệt thì tự mình đốt mình luôn. Đó là các ngài nhập vào đề mục Biến xứ Lửa để làm ra như vậy.

Còn Biến xứ Gió là để làm ra những Thần thông, ví dụ như làm ra những trận gió, cuồng phong, rồi có thể đi chỗ này đến chỗ kia, có thể bay được, tại vì mình làm gió mà.

Còn Biến xứ về màu xanh, quán đề mục màu xanh thì có Thần thông biến hóa ra những hình màu đen, hoặc tạo ra bóng tối... Còn Biến xứ về màu vàng là phát ra những ánh sáng vàng này kia, nói chung là vậy. Biến xứ về màu đỏ thì có Thần thông hiện màu đỏ hết. Biến xứ về màu trắng thì cũng vậy, tạo ra ánh sáng gì đó v.v…

Còn Biến xứ Ánh Sáng thì tạo ra hào quang, làm cho thân chiếu sáng, rồi [giúp] đắc Thiên nhãn để thấy những sắc vi tế như chư thiên, hay là cảnh Ngạ quỷ. Những điều này là thuộc về Biến xứ Ánh Sáng.

Thiện Trang giảng chi tiết như vậy đó, cho nên mình học như vậy thì mình mới hiểu. Còn mình học kiểu mơ mơ màng màng thì thôi một câu Phật hiệu niệm tới cùng cũng được, không sao. Nhưng nếu muốn học để hiểu được thì phải học cho rõ ràng.

Và Biến xứ Hư Không thì chúng ta biết là đi qua xuyên tường, xuyên vách, tại vì mình nghĩ, quán tất cả đều là hư không. Bữa sau Thiện Trang sẽ giảng từng đề mục, lâu lâu giảng một chút, dần dần cũng hết. Cho nên có nhiều thứ phải giảng lắm. [Nhưng] bây giờ giảng mấy điều thôi, chứ một lúc mà quý vị học nhiều quá thì tan cái đầu mình ra luôn. Mình biết vậy thôi, đó [mới] là sơ sơ, mình biết được [vậy].

Thiện Trang xin nói tiếp, trở lại với các đề mục ở đây. Như vậy là quý vị biết các đề mục này rồi. Và Thiện Trang dám cá với quý vị, là có rất nhiều đồng tu Tịnh Độ đang nghi chỗ này, là tại sao mình tu niệm Phật không đắc Thiền, mà chỉ đưa đến Cận định, Vị đáo định thôi? Và hình như có vẻ đúng. Tại vì rất nhiều người tu niệm Phật lâu rồi mà không có đắc Thiền nào hết. Có phải đúng như vậy

không? Bởi vì đây chỉ là bộ luận thôi, không phải là kinh, nên chưa chắc là đúng. Chưa biết đúng hay không, cho nên từ từ, đừng có vội cãi là sao trong bộ luận tác giả nói như vậy.

Và có một đề mục đặc biệt là đề mục niệm hơi thở, vừa là đề tài để tu Chỉ và tu Quán. Cho nên rất nhiều người thích tu niệm hơi thở trong đề mục Tùy niệm này. Bởi vì sao? Vì vừa chứng được Tứ thiền Sắc giới mà cũng là Thiền quán, quán A-na-Ban-na niệm, quán hơi thở, thì đắc luôn cả Tứ niệm xứ ở trong đó. Cho nên rất nhiều người thích tu đề mục niệm hơi thở. Ngay cả Tổ sư Ấn Quang niệm Phật ngài cũng dùng hơi thở. Và Thiện Trang cũng thấy cách tu niệm hơi thở này hiệu quả, tức là Thiện Trang theo dõi hơi thở rồi Thiện Trang gắn thêm câu Phật hiệu vô. Thiện Trang thấy có vẻ hình như đề mục này đối với Thiện Trang là đắc lực nhất, [nhưng] còn tùy vào mỗi người nha.

Bây giờ chúng ta trở lại đề mục Tùy niệm Phật, theo Luận Thanh Tịnh Đạo, nên niệm Phật thế nào? Chúng ta so sánh thử coi, tại vì rất nhiều đồng tu bây giờ tu niệm Phật. Bây giờ mình sẽ dẫn hai điều: một là dẫn niệm Phật theo bộ Luận này, tại vì ở đây nói là [tu đề mục này] không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành. Ở đây nói Thiền chỉ, không nói Thiền quán. Thiền quán thì niệm Phật có thể được những gì thì từ từ tính.

Đề Mục Tùy Niệm Phật (theo Luận Thanh Tịnh Đạo)

Tùy niệm Phật (Buddhānussati) là phiên âm Pali: **Sự niệm tưởng những đức tính đặc biệt của đức Thế Tôn hoặc tùy niệm có cảm hứng từ đấng Giác Ngộ, gọi là niệm Phật.**

Đây là những đức tính đặc biệt của đức Thế Tôn, tức là mười hồng danh cao quý của đức Phật; Vị hành giả muốn tu tập tùy niệm Phật trước hết phải học thông thuộc và hiểu ý nghĩa mười đức tính như sau:

Mười đức tính này thật ra là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cho nên quý vị thấy không? Tu niệm Phật là phải thuộc

10 danh hiệu của Như Lai. Ở đây nói:

"Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Nghe tới đây mình thấy quen quen, có thể niệm được rồi đúng không? Đấy [là] Tùy niệm. Ở đây có giải thích luôn.

Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán (arahaṃ) vì ngài đã xa lìa tội lỗi, đã triệt tiêu phiền não, đã bẻ gãy bánh xe luân hồi, không có sở hành khuất lấp, và vì ngài tuyệt đối xứng đáng được cúng dường. Bậc A-la-hán, thật ra là Đại A-la-hán chứ không phải A-la-hán đâu. Tức là trong Bắc truyền [xưng] là Như Lai, [còn] bên Nam truyền nói Đại A-la-hán thôi.

Đức Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác (sammāsambuddho) vì ngài đã tự mình tìm ra chân lý, tự mình khám phá ra con đường giải thoát. Tức là mình phải hiểu 10 danh hiệu Phật. Mình phải hiểu, phải thuộc làu luôn đó. Ở đây nói học thông thuộc và hiểu ý nghĩa.

Đức Thế Tôn là bậc Minh Hạnh Túc (vijjācaraṇasampanno) vì ngài đã thành tựu viên mãn ba minh (túc mạng minh, sanh tử minh, lậu tận minh). Ai tu lâu đều biết những khái niệm này.

Và thành tựu viên mãn mười lăm hạnh (cụ túc giới, phòng hộ môn quyền, tiết độ ẩm thực, luôn khi tỉnh thức, có tín, có tàm, có quý, đa văn, chuyên cần, trú niệm, có trí tuệ, chứng sơ thiền, chứng nhị thiền, chứng tam thiền, chứng tứ thiền).

Điều này cũng dễ hiểu, Ngài đầy đủ giới rồi, Ngài giữ giới trọn vẹn rồi, không có sót, giới nào cũng trọn vẹn. Rồi phòng hộ môn quyền là phòng hộ được các căn của Ngài. Tiết độ ẩm thực tức là Ngài ăn uống vừa đúng vừa đủ. Lời Ngài luôn luôn tỉnh thức, rồi Ngài có tín là có niềm tin, có tàm, có quý, có đa văn, có chuyên cần, có trú niệm, có trí huệ, chứng Sơ thiền đến Tứ thiền. Điều này là đương nhiên rồi, đó là giải thích theo Nam truyền.

Đức Thế Tôn là bậc Thiện Thệ (sugato) vì ngài đã đi trên con đường tốt đẹp là chánh đạo, ngài đã đi đến mục tiêu tốt đẹp là níp-bàn, ngài đi bước đi vô nhiễm, ngài chỉ tuyên bố pháp đích đáng (điều chân lý đưa đến lợi ích).

[Chữ] níp-bàn này không phải là viết lầm đâu, chữ Niết-Bàn đôi khi người ta [phiên dịch là] níp-bàn, phiên [dịch] từ tiếng Pali sang. Còn phiên dịch từ chữ Hán sang là Niết-Bàn, khác nhau. Ở đây Thiện Thệ là khéo đi qua, đi một cách tuyệt vời, Ngài đi đã đến được đích rồi, nên gọi là Thiện Thệ. Ý nghĩa chữ Thiện Thệ mà dịch theo chữ Hán đúng nghĩa là như vậy. Cho nên con đường chánh đạo Ngài đã đi qua rồi, mình hiểu là con đường tốt đẹp này Ngài đi xong rồi, nên bây giờ Ngài chỉ cho mình đi đó.

Đức Thế Tôn là bậc Thế Gian Giải (lokavidū) vì ngài biết rõ cuộc đời ở mọi phương diện: chúng sanh trong đời, cõi sống trong đời, các hành trong đời (thế giới hữu tình, thế giới sanh trú, thế giới tạo tác) không có pháp thế gian nào mà ngài không biết. Thế Gian Giải tức là biết hết tất cả những pháp Thế gian. Thế Gian Giải [là gì] thì chúng ta quá biết rồi.

Đức Thế Tôn là bậc Vô Thượng Sĩ (anuttaro) vì ngài cao thượng hơn tất cả chúng sanh, không có ai trong đời cao cả hơn ngài, toàn vẹn hơn ngài về giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Đây là giải thích về chữ Vô Thượng Sĩ. Quý vị thấy, mặc dù đồng tu học bao lâu rồi, nhưng mỗi khi đụng tới thêm một lần thì lại thấy khác. Tức là kiến thức Phật pháp rất rộng lớn, mình học được ít thôi, và mình thấy thì ra cách giải thích của mỗi bộ luận và mỗi tông phái cũng có phần giống nhau, nhưng cũng có phần khác khác chút. Không sao! Mình học mình hiểu ý ở trong đó [là được].

Chữ Vô Thượng Sĩ giải thích tương đối rõ ràng, quý vị thấy rất rõ ràng luôn. Vô Thượng Sĩ là không bậc nào cao hơn Ngài được, bởi vì sao? Ngài toàn vẹn hơn, không có ai toàn vẹn hơn Ngài, về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Năm điều này là Ngài nhất rồi, cho nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

Đức Thế Tôn là bậc Điều Ngự Trượng Phu (purisadammasārathi) vì ngài như người huấn luyện, thuần hóa những con người khó thuần hóa và cần được thuần hóa.

Điều ngự tức là điều phục chúng sanh; Trượng phu thì chúng ta thường nói Ngài là bậc Trượng phu. Còn ở đây nói Ngài có thể điều hóa chúng sanh, huấn luyện được chúng sanh, những người cang cường khó giáo hóa, cũng giáo hóa được. Quý vị coi trong Kinh A Hàm, Thiện Trang nhớ có câu chuyện điều phục vị Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (hay Ưu Tỳ La Ca Diếp). Vị Ca Diếp mà thuộc đạo thờ lửa, Đạo sĩ bện tóc, trong Phẩm Cao Tràng, Kinh Tăng Nhất A Hàm. Thiện Trang nhớ, Ngài phải dùng bao nhiêu thứ thì mới độ được.

Ngài đi tới nơi có con rồng độc, rồi xin phép vô hang động đó nghỉ qua đêm. [Lúc đó] ông Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp nói: *"Tôi thấy chưa có ai vô trong đó mà sống được hết. Còn ngài giỏi thì ngài vô ở đi, chứ con rồng độc đã nuốt và giết hết người"*. Ngài kêu: *"Không sao! Ta vô được"*. Thế là Ngài vô, đến tối con rồng phun lửa cháy hết cả hang động. Đệ tử của ngài Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp và ngài nói: *"Thương cho ông Sa-môn Cồ Đàm đó quá! Thế là ổng chết cháy rồi, con rồng phun lửa cháy hết"*.

Ai ngờ sáng ra vô coi thử, nhìn vô thì thấy ngài ngồi im đó, không sao hết, ngài thu phục được con rồng luôn. Lúc đó thấy như vậy, ngài Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp thấy vị này ghê thật đó, nhưng ngài nghĩ: "Cũng không bằng ta, ta chứng đạo chơn".

Tức là lần thứ nhất là vậy, xong rồi đức Phật cũng kiên nhẫn, thấy chưa độ được nữa, nên vẫn kiên nhẫn ở đó. Mỗi ngày tới giờ ăn thì Ngài đi tới một châu. Ngày đầu tiên Ngài đi tới châu Nam Diêm Phù Đề, lượm trái ở Diêm Phù về ăn, Ngài mời vị đó. Vị đó nói: *"Sao ngài có trái này?"* [Đức Phật] kêu: *"Ta đi tới núi gì đó để lấy về v.v... nên Ta mới về".* [Vị đó] kêu: *"Thần thông ngài ghê thật!"* Nhưng sau đó ngài Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp [nghĩ]: "Tuy ổng có Thần thông như vậy, nhưng cũng không bằng mình, mình đắc đạo ngon hơn". Cho nên cũng không nghe.

Sau đó tới ngày thứ hai, Ngài lại đi lượm trái ở xứ khác, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, rồi Bắc Cô Lô Châu, bốn ngày như vậy. Ổng cứ xoay chuyển một chút rồi trở lại, ổng nghĩ: "Ông này tu ngon, [nhưng] đạo của ta ngon hơn", cho nên lại không theo.

Như vậy là [đức Phật thi triển] năm lần Thần thông rồi. Khi mấy Đệ tử bửa củi, thì Ngài dùng Thần thông khiến cho búa bửa xuống mà không rút ra được, không biết tại sao. Cho nên ổng nghĩ không biết có phải do Sa-môn Cồ Đàm làm không, nên tới [hỏi]: *"Có phải Ngài làm chuyện đó không?"* [Đức Phật] kêu: *"Bây giờ ông bửa tiếp đi, rút ra là được đó"*. Ngài dùng Thần thông cỡ đó.

Bắt đầu [ngài Ca Diếp nghĩ]: "Ồ! Vị Sa-môn này ghê thật đó!" Hết bửa củi, nhóm lửa, rồi tới ngày cúng tế, ổng nghĩ: "Không được, vị này Thần thông quá đi, mình sẽ mất tín đồ, mất hết đồ cúng. Mong ngài đi chỗ khác giùm". [Đức Phật] không cần nghe, mà Ngài quán Tha tâm thông, hôm đó Ngài đi chỗ khác, đến ngày hôm sau mới tới. Ổng nói: *"Sao ngày hôm qua Ngài không tới?"* [Đức Phật] kêu: *"Hôm qua ông đâu muốn Ta ở đây, ông sợ mất tín đồ, sợ người ta không cúng dường cho ông mà, cho nên ta đi"*. [Vị Ca Diếp nghĩ]: "Vị này có Thần thông ghê thật, biết được tâm mình luôn". Nhưng rồi sau đó ngài lại nghĩ là ông ấy không có đắc đạo hơn mình.

Cuối cùng tới hôm sau nữa, bắt đầu vua trời Tứ Thiên Vương đêm xuống thỉnh giáo Ngài. Chư thiên không biết sao xuống toàn ban đêm không à, xuống thỉnh giáo Ngài, hào quang chiếu rực hết. Sáng ra vị Ca Diếp hỏi: *"Hôm qua [là] ai tới vậy?"* [Ngài] kêu: *"Trời Tứ Thiên Vương tới đó".* Vị này nghĩ: "Công phu của vị Sa-môn này ghê thật! Nhưng không bằng ta, ta tu đắc đạo cao hơn".

Rồi lần lượt tới trời Đao Lợi, trời Phạm Thiên v.v... Ổng cũng xoay chuyển một lúc, rồi quay lại kêu ta tu đạo của ta ngon hơn. Quý vị biết bao nhiêu lần như vậy mà không độ được, cho nên Điều Ngự Trượng Phu, Thiện Trang nghĩ đây là vị cứng đầu nhất mà đức Phật độ.

Sau bữa đó, đức Phật cần giặt y áo thì có vua trời Đao Lợi hóa ra hồ nước

để đức Phật có nước để giặt. Rồi trời Tứ Thiên Vương hóa ra tảng đá cho đức Phật có chỗ để chà, giũ. Rồi thần cây hóa ra cái cây để Ngài treo áo. Tức là mỗi lần thấy như vậy, là vị Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp đều rung động hết, và nghĩ vị Sa-môn này ghê thật, toàn là chư thiên, thần cây ủng hộ... Nhưng cứ nghĩ được một chút rồi ổng lại nghĩ: thôi ta tu đạo của ta ngon hơn. Cứ như vậy, nên rồi cũng không theo Phật.

Cuối cùng nước lũ cuốn tới, lúc đó ổng nghĩ: "Chết rồi! Kiểu này chắc là ta với Sa-môn Cồ Đàm chết luôn". Lúc đấy đức Phật dùng Thần thông ngăn dòng nước lũ lại, tức là nước lũ thì vẫn trôi qua bình thường, nhưng Ngài không bị dính một chút nước nào hết. Lúc đó vị Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp mới nghĩ" "Vị này ghê ha, nhưng không sao! Ta cũng tu đạo, đắc đạo hơn, đạo của ta ngon hơn".

Đức Phật nói: *"Thôi đi, ông Ca Diếp à! Ông có biết từ bữa đến giờ, Ta đã dùng bao nhiêu Thần thông biến hóa, Ta hàng phục độc long (tức là rồng độc), cho đến lấy bốn loại trái ở bốn châu Diêm Phù và các châu kia đem về. Rồi bửa củi Ta đã làm như vậy, nhóm lửa Ta làm như vậy, ngày cúng tế, cho đến trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, rồi Ta giặt y áo cũng vậy. Bây giờ đến nước lũ Ta cũng làm như vậy. Mà đến giờ ông vẫn còn cố chấp, ông vẫn kêu là đạo của ông hơn nữa. Ông có làm được gì đâu"*. Lúc đó [đức Phật] nói thì vị đó mới xoay chuyển ý niệm và sám hối: *"Bạch đức Thế Tôn! Con đúng quả thật ngu si, Ngài đã làm bao nhiêu thứ như vậy mà con vẫn không giác ngộ".*

Lúc đó [vị ấy] mới xin quy y và nói: *"Con xin quy y Ngài, xin làm Đệ tử của Ngài. Còn các Đệ tử của con thì xin phép tùy họ, họ muốn về thì về, muốn tu thì tu, không sao hết".* 500 Đệ tử của ngài Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp lúc đó nói: *"Thưa Sư phụ! Khi chúng con chứng kiến Ngài ấy thị hiện làm cho lửa tắt, không nhóm được lửa, thì chúng con cũng muốn theo Ngài ấy lắm rồi. Nhưng vì đợi Sư phụ, [nên chúng con] đợi tới giờ, lâu như vậy"*. Lúc ấy đức Phật độ được nhóm đó.

Ngài Ca Diếp này có ba anh em: hai anh em ở dưới đầu sông thấy đồ bị nước lụt cuốn trôi hết, tưởng người anh ở trên này chết rồi, nên khóc than đi lên thì thấy người [anh], lúc đó họ nói: *"Sao [anh] lại theo ông Sa-môn này?"* [Ngài Ca

Diếp nói]: Vị này có Thần thông như vậy, như vậy… bởi vậy [hai người kia] lật đật quy y theo, cho nên ngài độ được ba anh em nhà Ca Diếp (là Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp).

Quý vị thấy đó là Điều Ngự Trượng Phu, không dễ đâu, những người như vậy quá khó độ, Thần thông của đức Phật mà phải dùng bao nhiêu lần, dùng bao nhiêu cách. Chúng ta dù sao cũng dễ hơn đúng không quý vị? [Chúng ta] nghe không [thôi] cũng còn tin được mà. Cho nên mới gọi là Điều Ngự Trượng Phu, là hóa độ được, huấn luyện, thuần hóa được những người khó thuần hóa. Hoặc là vị tướng cướp Angulimala (tướng cướp Vô Não), rất khó [độ] mà Ngài độ được.

Đức Thế Tôn là bậc Thiên Nhân Sư (satthā devamanussānaṃ) vì ngài là bậc thầy dạy dỗ pháp giải thoát cho trời và người, một vị Đạo Sư có lòng thương tưởng cho đời. Điều này thì dễ, Thiên Nhân Sư là thầy của Trời, Người.

Đức Thế Tôn là Phật (buddho), vì ngài đã thức tỉnh khỏi giấc ngủ vô minh, đã giác ngộ con đường giải thoát, đã thấy rõ bốn chân lý: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chữ Phật trong tiếng Pali có một nghĩa là tỉnh thức, vì ngài thức tỉnh khỏi giấc ngủ vô minh, hết vô minh rồi đó. Giác ngộ cũng có nghĩa là giác ngộ theo con đường giải thoát. Và vị ấy đã thấy rõ được bốn chân lý về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Điều này quá quen rồi, ai học giờ mà không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo là gì thì nên học bộ khác nha. Bộ này chúng ta đã học nhiều lắm rồi.

Đức Thế Tôn là bậc Thế Tôn (bhagavā) đây là một danh xưng cao quý mà thế gian tôn sùng, gán cho ngài, bởi ngài đáng tôn kính, đáng quy phục nhất trong đời, hơn nữa, thế gian gọi ngài là bhagavā vì ngài là người hữu hạnh may mắn nhất trong đời do ngài đã đạt đến toàn thiện phúc lạc hiệp thế và lạc siêu thế. Nói chung niềm vui trong đời [thì Ngài] cũng là nhất, và niềm vui siêu thế gian cũng là nhất. Ở đây muốn tu theo đề mục niệm Phật thì phải nhớ điều này:

Hành giả sau khi thông thuộc mười đức tính đặc biệt của đức Phật rồi, muốn tu tập tùy niệm Phật thì nên độc cư tại một trú xứ yên tĩnh, thích

hợp, khởi niềm tin tuyệt đối nơi đức Phật, và bắt đầu niệm tưởng:

Ở đây phải có điều kiện này nữa, chứ không phải mình thích tu kiểu gì thì tu đâu. Không phải! Phải chọn một nơi độc cư, tức là ở một mình. Còn bây giờ thì mình [thích] niệm Phật đông người. [Ở đây nói] phải độc cư, một trú xứ yên tĩnh, thích hợp, khởi niềm tin tuyệt đối nơi đức Phật, và bắt đầu niệm tưởng, và niệm mấy đề mục sau:

"Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán – Itipi so bhagavā arahaṃ, vì ngài đã xa lìa tội lỗi... Ngài xứng đáng được cúng dường".

"Đức Thế Tôn là bậc Chánh đẳng giác – Itipi so bhagavā sammāsambuddho, vì ngài đã tự mình tìm ra chân lý" v.v...

Đó chính là niệm mấy đề mục ở nội dung trên. Và niệm như vậy thì nhiều lắm, không ít đâu.

Hành giả tiếp tục niệm tưởng cho đến mười ân đức cao quý của đức Phật.

Khi hành giả nhớ lại những đức cao quý của Phật thì ngay khi ấy tâm hành giả không bị ám ảnh bởi tham, sân hay si; Vị ấy chế ngự được những triền cái, (tức là năm Triền cái) **tâm trở nên trong sáng.**

Hành giả liên tục hướng tâm trên đối tượng là những đức tính đặc biệt của đấng Giác Ngộ thì hỷ khởi lên nơi hành giả. Khi có hỷ thì thân tâm được khinh an; Nhờ khinh an nên tâm định tĩnh và những chi thiền khởi lên. (Nói chung tu điều này thì sẽ giúp mạnh các chi thiền). **Tuy nhiên, hành giả chỉ đạt đến cận định (upacārasamādhi), không đạt đến định an chỉ** (tức là không đạt được đến định như Sơ thiền trở lên) **(appanāsamādhi), bởi do hành giả bận tâm suy tưởng nhiều ý nghĩa của những đức tính đặc biệt, ân đức Phật**.

Tức là tu theo kiểu này, Thiện Trang muốn nói là mình dẫn thì dẫn cho đàng hoàng, chứ không mình kêu vậy niệm Phật tới đâu? Bây giờ mình niệm Phật

có giống như vậy không? Không giống đúng không? Ngài giải thích luôn: bởi do hành giả bận tâm suy tưởng nhiều ý nghĩa của những đức tính của đức Phật. Tức là đối tượng rộng quá, cho nên chỉ tới đó thôi.

Khi một Tỳ-kheo chú tâm đến việc tưởng niệm đấng Giác Ngộ như vậy, vị ấy cung kính, tôn trọng bậc Đạo Sư, đạt đến viên mãn đức tin, chánh niệm, trí tuệ và công đức. Vị ấy có nhiều hạnh phúc, trú an lạc, chinh phục sự sợ hãi, khủng bố. Do tâm vị ấy hướng về đức Phật nên dễ sanh tàm quý, khi gặp trường hợp sắp phạm giới, như thể đang đứng trước mặt đức Đạo Sư. Và dù cho hành giả niệm Phật không thâm nhập được gì cao siêu, thì ít ra cũng là nhân lành đem đến một cảnh giới an lạc.

Nói chung nếu tu theo kiểu này, thì trong bộ Luận này nói là giúp được các chi thiền, giúp để mau vào định. Nhưng chưa tới định, chỉ tới Cận định thôi. Và cũng giúp cho [chúng ta] rất nhiều trong đó có không phạm giới, vì mình có tâm tàm quý (tức là xấu hổ, hổ thẹn), cho nên không dám phạm giới. Nhưng điều này giúp cho [có] nhân lành. Cho nên tại sao người ta đưa ra 40 đề mục, sao không bỏ hết đi, thì quý vị hiểu mình tu là như vậy.

Điều này có giống tu niệm Phật không quý vị, những đồng tu tu Tịnh Độ có thấy giống không? Không giống! Chúng ta toàn có trì danh niệm Phật. Bây giờ vấn đề là trong kinh thì [đức Phật] dạy như thế nào, Thiện Trang xin dẫn một bộ kinh nữa:

Theo Kinh Số 1 - Phẩm Quảng Diễn Thứ 3 – Kinh Tăng Nhất A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc (vườn của ông Cấp Cô Độc)**, rừng cây Kỳ-đà** (rừng cây của Thái tử Kỳ-đà, vì bản dịch này dịch theo chuẩn cho nên không thêm chữ Thái tử vô), **nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là**

niệm Phật".

Quý vị thấy hình như khác nhau rồi đó, ở trên nói là niệm Phật thì không có được các điều kia. Còn ở đây thì nói được các Thần thông. Nếu không đắc Thiền thì làm sao có Thần thông? Ở đây lại nói là có được Thần thông, vậy thì chữ niệm Phật này có giống ở trên hay không? Thiện Trang muốn nhắc cho mọi người, mọi người thông thường chấp vào danh tự, mình nghe niệm Phật thì là tưởng chỉ có một pháp niệm Phật thôi. Còn ở đây niệm Phật có những pháp khác nhau, rõ ràng mình nghe ở đây chắc chắn là khác. Bây giờ chúng ta coi thử ở đây dạy như thế nào?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế nào là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn (chứng quả Sa-môn là từ Sơ quả đến Tứ quả A-la-hán), **tự đến Niết-bàn?"**

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn rằng: "Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ngươi."

Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Kính vâng, bạch đức Thế Tôn".

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng: "Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tưởng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. Trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức Như Lai.

Quý vị thấy pháp này không giống với pháp chúng ta niệm đúng không ạ? Rõ ràng đó là một điều khác nữa. Cho nên Thiện Trang mới nói nhiều khi mình không biết mình đang tu môn nào nữa. Quý vị phải coi cho kỹ, mình đang tu môn nào. Đây cũng là niệm Phật, nhưng là trong Kinh A Hàm.

Tỳ-kheo chánh thân: thôi giờ chúng ta nói chúng ta đi; chánh thân là thân phải ngay ngắn; chánh ý là tâm phải nghĩ điều tốt, nghĩ điều chân chánh; ngồi kiết già: Thiện Trang có tra bản này, ngài Đức Thắng dịch là ngồi chéo hai chân, Thiện Trang thấy từ hơi lạ nên Thiện Trang coi trong bản Hán là "kiết già phu tọa" tức là ngồi kiết già; buộc niệm ở trước. Như vậy Thiện Trang dạy cho quý vị là ngồi kiết già niệm Phật đúng không? Đây là lời Phật đấy. Chuyên tinh niệm Phật: ở đây không biết niệm thế nào, nhưng không có niệm tưởng nào khác. Ở đây có thêm quán hình của Như Lai, mắt không hề rời: điều này thì hình như mình không có làm. Trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức của Như Lai. Mình không làm điều này, niệm tưởng công đức Như Lai chính là 10 đề mục ở trên.

Ở đây pháp niệm Phật này có vẻ khác rồi đúng không ạ? Không giống niệm kiểu của mình. Thiện Trang cũng không bàn luận ở đây, Thiện Trang chỉ giới thiệu cho quý vị để quý vị có sự so sánh. Còn đúng hay sai, pháp nào thì mình học cho hết đã, từ từ mình hãy bàn, rồi mình mới suy xét. Thiện Trang khuyên thế này: muốn liều một điều gì đó thì mình hãy thử xem, rồi hãy theo tới cùng, [xem] cách nào hiệu quả hơn. Ví dụ nhiều người niệm không hiệu quả, biết đâu đổi sang niệm kiểu này lại hiệu quả. Xưa nay chúng ta chỉ trì danh niệm Phật. Trong 16 phép quán của Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì chọn kiểu cuối cùng là trì danh, thì rất nhiều người ngủ gục v.v… thế này thế kia.

Từ khi Thiện Trang coi Kinh A Hàm (chính là coi đoạn này), Thiện Trang có đổi lại một chút. Tức là Thiện Trang không có trì danh như xưa nhiều nữa, mà khi tu một mình thì Thiện Trang dùng cách này, thì thấy không buồn ngủ, rất tốt đối với Thiện Trang. Hoặc là Thiện Trang dùng cách [niệm] hơi thở kèm theo câu Phật hiệu, thì Thiện Trang thấy không mệt. Còn bữa nào trì danh là buồn ngủ, Thiện Trang không biết thế nào, đó là Thiện Trang thôi. Còn quý vị thấy phương pháp nào [hiệu quả], thì mỗi người hãy [thử nghiệm] nha.

Khi nào đó Thiện Trang sẽ chia sẻ lại cho quý vị ở trong bộ giảng Khoa Chú Tuyển Giảng, 16 phép quán của Kinh Quán Vô Lượng Thọ, để quý vị nắm rõ, mình

học từ kinh. Phương châm của Thiện Trang là hãy học từ kinh, kinh Phật nói sao, mình làm như vậy, thì hiệu quả hơn đúng không? Còn nếu mình học theo người đời sau, thì cũng được, mình cũng có thể thử nghiệm, thử coi [có] ổn không. Chứ nhiều khi mình thấy tu một hồi không ổn, thì mình phải đổi lại chứ. Còn nếu ổn thì không sao, ổn là được rồi. Điều đó mình phải có thử [nghiệm], bởi vì lời văn chưa chắc đã đúng hoàn toàn, nhưng ý khác. Đôi khi từ những lời văn đó mỗi người diễn dịch theo một kiểu nữa thì lại khác nữa.

Cho nên mình nên học từ gốc để mình so sánh, và không biết [phương pháp] nào đúng, [phương pháp] nào sai nha. Một điều chắc chắn là lời Phật gần như đúng, trừ khi kinh chép lộn hoặc bị thiếu thôi, chứ còn hầu như là đúng. Ở đây chúng ta phải lấy Phật làm chuẩn, Thiện Trang nghĩ như vậy thôi, còn tùy quý vị.

"Thể của Như Lai được thành tựu từ kim cương, (đoạn này chính là niệm công đức của Như Lai) **đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, dõng mãnh giữa đại chúng. Gương mặt của Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hoại** (ở đây dịch là kim cương, thật ra là kim cang), **trong sạch không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam-muội của Như Lai chưa từng sút giảm, đã tĩnh chỉ, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Các thứ tình kiêu mạn, ngang bướng đã vắng im, ý tham dục, tưởng sân hận, tâm ngu hoặc, mạn kiết do dự, tất đều tận trừ. Huệ thân của Như Lai, trí không bờ đáy, không bị chướng ngại. Thân Như Lai, được thành tựu từ giải thoát, các cõi đã hết, không còn sinh phần để nói 'Ta sẽ đọa nơi sinh tử.' Thân Như Lai được vượt qua thành trì của tri kiến, biết căn cơ người khác đáng được độ hay không đáng được độ, chết đây sinh kia, xoay vần qua lại trong ngằn mé sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát; Như Lai thảy đều biết tất cả.**

"Đó là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Phật, liền sẽ được những thứ công

đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này."

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Nãy giờ không biết quý vị có buồn ngủ không? Tóm lại ở trong bộ Kinh này dạy niệm công đức Phật. Bộ Kinh này cũng tương đương với một bộ kinh trong Kinh Tăng Chi. Cho nên quý vị có thể coi trong tạng Nikaya cũng giống vậy thôi. Nên thường niệm Phật là niệm khác, còn mình bây giờ là niệm trì danh, cũng có căn cứ là [trong] Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Mỗi cách đều có [trong kinh], nhưng Thiện Trang khuyên quý vị: nếu quý vị niệm pháp này không hiệu quả, thì quý vị thử các pháp khác xem. Cũng là niệm Phật [nhưng] có nhiều cách niệm. Chứ mình niệm không hiệu quả, mà mình cứ cố gắng niệm thì không được. Ngay cả 40 đề mục ở trên, không phải đề mục nào cũng phù hợp với quý vị. Đề mục tu Thiền chỉ, ai muốn có Thần thông thì tu [đề mục] nào, muốn tu gì đó cũng rất rõ ràng. Và [Thiện Trang] cung cấp nền tảng như vậy, [quý vị] học hiểu rồi thì mới vô tu. Chứ còn chưa [biết], tu mờ mờ ảo ảo, rồi kêu Phật pháp không linh, nghe nói người ta đắc Thiền, còn mình không đắc Thiền gì hết.

Bây giờ Thiện Trang cung cấp thêm một chút kiến thức nữa cho quý vị đó là:

3 bước để tu đề mục Thiền chỉ

B1: Nghĩ (Quán) về thế gian Khổ, Vô thường:

Quý vị thấy pháp Phật lúc nào cũng dạy quán thế gian là khổ, Vô thường, vô Ngã. Thiện Trang cũng nói hoài [rồi], chúng ta không ráng tu, mai mốt chết khổ lắm, nào là ở thế gian sáng ra phải đi làm, khổ, tối về mệt mỏi v.v…. Đó là khổ ở thế gian.

Vô thường là không có bền chắc, gia đình, gia thân quyến thuộc rồi cũng phải chia lìa, tất cả mọi tài sản rồi cũng phải biệt ly, không có gì là mãi mãi. Bài đó phải thuộc lòng thì mới tu được Thiền chỉ. Không nắm [chắc] phần này thì quý

vị tu cái gì? Chưa tu được. Bước một là quý vị thấy thế gian khổ, vô thường chưa? [Nếu] chưa thì học lại bài đó cho nhuần nhuyễn, thế gian là khổ, là vô thường.

Cho nên có rất nhiều đồng tu không tu được, là bởi vì không có nền tảng này. Họ [bước] vào [Phật pháp] là nghe nói niệm Phật vãng sanh Tây Phương tốt đẹp lắm. Tây Phương Cực Lạc toàn là nơi tốt đẹp, thanh tịnh. Họ để ý mấy điều đó không à, họ quên mất rằng nền tảng đầu tiên là Khổ, Vô thường. Không có bài học đó thì không đi được. Tứ Diệu Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tuần tự bốn bước. Bài hôm trước [Thiện Trang] đã [giảng rồi], kinh Phật dạy rõ ràng. Đức Phật dạy là phải tu theo thứ tự, thứ lớp, phải tu Khổ đế trước. Chưa tu Khổ đế mà quý vị tu Thiền chỉ, Thiền quán là Đạo đế rồi. Không được! Cho nên bộ luận nào cũng [nói] như vậy thôi.

B2: Nghĩ nhớ đến Tam Bảo và suy nghĩ "Đây là con đường giải thoát mà tất cả chư Phật, chư Độc giác và chư Thánh chúng đã đi qua". Rồi có tâm hăng hái: "Bằng cách này, chắc chắn ta cũng sẽ nếm được vị ngọt của hạnh phúc Thiền tịnh".

Cho nên đầu tiên là nghĩ thế gian vô thường, khổ rồi. Thứ hai là hãy nhớ đến Tam Bảo giùm, và suy nghĩ con đường giải thoát này là tất cả chư Phật đã đi qua. Nói đơn giản là mình tu con đường thì yên tâm, vì đã có nhiều người đi qua rồi. Và ta yên tâm, tu theo con đường này thì ta cũng được như vậy. Đây vừa là động lực để tu tập, vừa là nhớ ân Tam Bảo.

[Quý vị] thấy không? Không có điều này thì mình cứ bay vô tu đề mục ở trên, thì làm sao thành tựu? Cho nên nền tảng giáo lý của Phật tử Việt Nam mình thật sự là hổng rất nhiều, học không đúng theo thứ tự. Tu cũng vậy, vô thì cứ ngồi xếp bằng, tu Thiền. Còn người thì vô niệm Phật, không học giáo lý gì hết. Cho nên tu một hồi không tới đâu là vậy. Khó! Trừ khi căn cơ của quý vị siêu đẳng, giống như Lục tổ Đại sư Huệ Năng hay là Hòa thượng Hải Hiền, chứ còn lại khó lắm, ít có người thành tựu lắm. Ở đây là mình phải theo trình tự.

B3: Chú tâm niệm đề mục và khai triển nó cho đến khi khởi hành ấn

chứng (tức là đắc được. Khởi hành ấn chứng là gì, thì ở đây có nói luôn:

***Ấn chứng sanh là hiệu quả của trú niệm đề mục, có hai ấn chứng: lúc đầu là Trì tướng, sau đó là Tợ tướng. Do niệm đề mục chú tâm nên khắn khít, có khắn khít nhưng *chưa vắng lặng năm Triền cái*, đó gọi là Trì tướng.** (Thế nào là Trì tướng? Trì tướng là quý vị mới đầu tu vô vô được một chút, nhưng năm Triền cái [chưa vắng lặng]. Quý vị còn nhớ năm Triền cái không? Năm Triền cái là chướng ngại, ngược lại với năm chi thiền: Trạo cử, Hôn trầm (Thụy miên), Nghi, [Tham và Sân]. Đối ngược lại với 5 chi thiền thì chúng ta phải tránh, như phóng dật... Phóng dật thật ra theo ngôn ngữ là Trạo cử thôi. Chúng ta phải loại 5 điều này. Nếu năm điều này chưa hết, thì đó mới là Trì tướng thôi. Thông thường chúng ta niệm Phật, các đồng tu được Trì tướng này là khá rồi, niệm nhiếp tâm, nhưng chưa hết buồn ngủ, hôn trầm v.v… Đó là chưa được.) **Chú tâm đến mức đề mục được tỏa sáng và *vắng lặng năm Triền cái*, đó gọi là Tợ tướng.** (Tợ tướng này chính là Vị đáo định. Được Vị đáo định rồi thì bắt đầu vô, ở đây có nói luôn) **Khi ấn chứng tợ tướng xuất hiện, những Triền cái được trừ bỏ, giai đoạn này gọi là Cận định hay Định cận hành.** (Lúc này là bắt đầu vô Vị đáo định. Vị đáo định có nhiều tầng, cao nhất thì tới đây. Rồi mới bắt đầu bay lên trên nữa).

Để được điều này thì Thiện Trang có trích dẫn ở đây **Bảy yếu tố duy trì Tợ tướng.** Để bỏ được năm Triền cái v.v... thì chúng ta phải tu, tu như thế nào?

Có bảy yếu tố duy trì Tợ tướng:		
1. Trú xứ thích hợp.	2. Hành xứ thích hợp.	3. Đàm thoại thích hợp.
4. Người thích hợp.	5. Thực phẩm thích hợp.	6. Thời tiết thích hợp.

7. Oai nghi thích hợp.		
*Khi có bảy yếu tố thích hợp như thế, nỗ lực tu niệm thì không bao lâu sẽ đạt được an chỉ định.		
*An chỉ định là định của Thiền chứng sắc giới và Vô sắc giới. Ở tâm thiền chứng thì các chi thiền: tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất hành khởi lên mạnh mẽ; Vì thế khi định an chỉ sanh khởi, tâm thiền có thể diễn tiến liên tục thành một dòng đổng lực tâm suốt cả đêm ngày (nhập thiền).		

1. Trú xứ thích hợp: lựa chọn trú xứ thích hợp tức là chỗ ở thích hợp. Nhiều khi ở chỗ không thích hợp thì không được.

2. Hành xứ thích hợp: là chỗ tu hành [thích hợp]. Có chỗ ở rồi, như ở nhà quý vị, quý vị lựa chỗ nào? Quý vị lựa chỗ bếp để tu thì không được, đó gọi là hành xứ không thích hợp.

3. Đàm thoại thích hợp: tức là khi mình nói chuyện, những bàn luận của mình có thích hợp không?

4. Người thích hợp: điều này thì rõ ràng. Nếu mình gặp toàn là người trời ơi đất hỡi không thì đố mà tu được.

5. Thực phẩm thích hợp: đây là về ăn uống. Ăn âm quá thì cũng buồn ngủ, rồi ăn no quá cũng buồn ngủ. Rồi ăn không đúng đồ, ăn lung tung lang tang. [Cho nên] kiến thức thực phẩm cũng quan trọng.

6. Thời tiết thích hợp: là trời nóng quá cũng không được, mà trời lạnh quá thì cũng không được. Ví dụ mùa đông mọi người ở nước lạnh quá thì dễ hôn trầm, cũng khó! Ăn rồi cứ bật lò sưởi, ở trong đó buồn ngủ lắm. Thiện Trang biết rồi, có hai loại sưởi, ở Châu Âu loại sưởi [bằng] ga thì buồn ngủ hơn loại sưởi bằng điện. Cho nên loại sưởi điện thì đỡ buồn ngủ, còn sưởi ga thì buồn ngủ lắm. Ai dùng rồi thì biết, nếu quý vị chưa lắp thì Thiện Trang khuyên nên lắp sưởi điện

đi. Có thể điện tốn kém hơn, nhưng giúp mình đỡ buồn ngủ, chứ sưởi ga buồn ngủ lắm. Đó là lý do. Và mình cũng điều chỉnh nhiệt độ vừa phải thế nào đó.

7. Oai nghi thích hợp.

Chúng ta thấy rõ ràng, phải có chỗ ở, chỗ tu, rồi những điều mình nói nữa. Ví dụ nhiều khi ăn rồi mình cứ toàn nói chuyện thế gian không, bàn phim ảnh, bàn chuyện gì đó. Đó là bàn luận không thích hợp, thì thế nào cũng tán tâm, vô tu không được. Mình phải bàn về Phật pháp, bàn về tu. Rồi người phải thích hợp, chứ mình ở với toàn người gì đâu không, thì không thể nào tu được đâu. Mình ở phải với người dễ chịu một chút, chứ người ăn rồi cứ sân si, cựa một chút là chửi lên chửi xuống, rồi bắt lỗi suốt ngày v.v… Họ làm giống như canh me mình, thì mình tu cũng không được đâu, khó lắm! Tu cũng không đắc được Tợ tướng, tức là tu không vào được Cận định (Vị đáo định). Cho nên nhiều người tu không vô được Vị đáo định. Vì hoàn cảnh của quý vị không phù hợp, 7 điều này không đủ. Quý vị không đủ 7 điều này thì làm sao [vào định], 7 điều này là để duy trì Tợ tướng mà. Cho nên nhiều đồng tu kêu con tu tinh tấn lắm mà. Tinh tấn nhưng điều kiện không đủ. Cho nên nhiều người không học những điều này thì mình không biết.

Còn oai nghi thì dễ rồi, đi đứng nằm ngồi mình chọn oai nghi nào, trong lúc nào. Lúc nào mỏi mệt quá mà ráng ngồi, ngồi ngủ gục thì không được, mình phải đi. Lúc nào cần nghỉ ngơi, hay cần gì đó, thì [phải chọn] oai nghi thích hợp.

***Khi có bảy yếu tố thích hợp như thế, nỗ lực tu niệm thì không bao lâu sẽ đạt được an chỉ định.**

Ở đây nói tu không lâu đâu, đủ yếu tố thì tu không bao lâu là đạt được định liền. Còn mình tu hoài sao không đạt được, thì [quý vị] nên coi lại. Hôm nay Thiện Trang dạy cho cách tu Thiền chỉ đầy đủ rồi đó. Và thật ra tu Thiền chỉ này cũng góp cho tu Thiền quán, chứ đừng nói không liên quan thì thôi, không quan trọng. Không phải! Thiền chỉ cũng giúp cho Thiền quán. Thiền quán thì không ngặt nghèo bằng, nhưng cũng phải cần những yếu tố nhất định.

***An chỉ định là định của Thiền chứng Sắc giới và Vô sắc giới. Ở tâm thiền chứng thì các chi thiền: tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất hành khởi lên mạnh mẽ;** (Nhất hành là định. 5 chi thiền: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất hành, những điều này chúng ta học hết rồi, cho nên bữa nay Thiện Trang mới giảng được những điều này, chứ không đưa vào khúc trước được. Có người nói sao thầy Thiện Trang bây giờ mới đưa ra? Không phải! Những điều này bữa nay mình mới học được, như Tầm, Tứ, Nhất hành [lúc trước] mình chưa học). **Vì thế khi định an chỉ sanh khởi (tức là đắc được định rồi đó), tâm thiền có thể diễn tiến liên tục thành một dòng đổng lực tâm suốt cả đêm ngày (nhập thiền).**

Mình học tới 121 tâm, trong đó có bao nhiêu tâm thiền thì quý vị nhớ lại, từ đó trở đi mới có, tâm thiền diễn tiến liên tục suốt cả đêm ngày, thì lúc đó quý vị mới nhập Thiền được. Chứ không phải tu là dễ nhập Thiền đâu. Tu chơi chơi, rồi điều kiện không phù hợp, hành xứ không phù hợp, đàm thoại không phù hợp, người không phù hợp, thực phẩm không phù hợp, thời tiết không phù hợp, oai nghi không phù hợp, pháp tu không phù hợp, đề mục tu sai mất rồi, thì lấy gì mà Thiền.

Nếu căn cứ theo bảng ở trên, thì không phải đề mục nào cũng đưa đến đắc Thiền, tức là đắc Sơ thiền trở lên. 10 đề mục đầu thì ngon, đắc sơ Thiền. [10 đề mục Bất tịnh] thì chắc không có tu cho nên khỏi nói. [Đề mục] Tùy niệm cũng vậy, Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, Tùy niệm Tăng, Tùy niệm giới, Tùy niệm thí, Tùy niệm thiên thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành. Rồi [đề mục] Niệm thân thể trược thì chỉ chứng tới Sơ thiền thôi. Còn đề mục Niệm hơi thở thì chỉ chứng đến Tứ thiền Sắc giới. Rồi phải tu Từ, Bi, Hỷ, mà [đề mục] này [Thiện Trang] chưa giảng nên cũng khó, chưa biết. Tu [đề mục] Vô sắc [Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ] thì phải tu sau. Chứ chưa tu mấy [đề mục] trước, mà bay vô đây thì tu không được đâu.

Mình thấy đa số đề mục mà chỉ có mấy đề mục đó để tu, mà mấy bữa mình có học đâu đúng không? Quý vị có biết tu đề mục nước [như] thế nào đâu, quý vị đâu có biết đề mục nào tu như thế nào thì làm sao mà đắc. Còn mình niệm Phật

thì mình niệm, may may thì vẫn có người đắc.

Bây giờ trở lại, có người thắc mắc: "Vậy người niệm có đắc không thầy?" Đắc với điều kiện: Thứ nhất là nhiều đời quý vị tu rồi, bây giờ quý vị tu kiểu gì thì cũng đắc thôi. Có nghĩa là người mạnh quá rồi thì tu kiểu gì cũng tự nhiên vô, chuyện đó là chuyện coi như hiếm có. Còn nếu mà muốn tu theo dạng cơ sở, thì phải tu đúng mới vô được. Đấy là tu Thiền chỉ. Còn tu Thiền quán thế nào nữa. Nên ai biết rồi, nếu có thời gian thì hãy thử. Ở đây cần thêm một điều nữa, Thiện Trang chia sẻ đó là:

10 yếu tố thuần thục định

#Thuần thục: nghĩa là nhuần nhuyễn định, tức là để vào định.

*Trong quá trình tu tập Thiền định, trường hợp hành giả nỗ lực tu niệm, và có những điều kiện thích hợp, nhưng vẫn không chứng thiền định, thì phải nhờ đến mười cách trợ thuần thục định.
1. Làm sạch sẽ thân thể, đồ đạc, chỗ ở.
2. Tập cân bằng ngũ quyền: tín, tấn, niệm, định và huệ.
3. Thiện xảo làm sanh ấn chứng và giữ ấn chứng.
4. Khi nào tâm cần được sách tấn, thì khi ấy sách tấn tâm, bằng cách tu tập: Trạch pháp, Tinh tấn, và Hỷ giác chi.
5. Khi nào tâm cần được chế ngự, thì khi ấy chế ngự tâm, bằng cách tu tập ba giác chi: tịnh, định và xả.

6. Khi nào tâm cần được kích động, thì khi ấy kích động tâm bằng cách suy xét khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ đọa xứ, khổ luân hồi ở quá khứ, khổ luân hồi vị lai, khổ hiện tại phải nuôi mạng, và tùy niệm đức Tam Bảo.
7. Khi tâm cần được ngó lơ thì khi ấy ngó lơ tâm, tức là khi tâm đã được định tĩnh rồi thì hành giả không cần bận tâm đến việc sách tấn, chế ngự hay khích động tâm nữa.
8. Tránh xa người không định tĩnh.
9. Thân cận người định tĩnh.
10. Quyết tâm tu tập để đắc định.

***Trong quá trình tu tập Thiền định, trường hợp hành giả nỗ lực tu niệm, và có những điều kiện thích hợp** (tức là 7 điều kiện trên được rồi)**, nhưng vẫn không chứng Thiền định, thì phải nhờ đến 10 cách trợ thuần thục định.** Quý vị thấy không? Tu như vậy chưa được nữa, còn phải có cách hỗ trợ nữa. Thật ra mấy điều này [Thiện Trang] giảng hết rồi.

1. Làm sạch sẽ thân thể, đồ đạc, chỗ ở: Thân thể dơ quá thì không được, đồ đạc dơ quá cũng không được. Chỗ ở xếp đồ lung tung lang tang thì tu không được đâu, hoàn cảnh này làm ảnh hưởng tới mình.

2. Tập cân bằng ngũ quyền, tín, tấn, niệm, định và huệ: Điều này sâu lắm, để bữa sau Thiện Trang giảng đến phần là: khi nào [cần] dùng các giác chi nào, hoặc là khi nào dùng Ngũ quyền: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Ngũ quyền này mình học bài hôm trước, trong 22 Quyền duyên đó quý vị. Cho nên không học thì làm sao mình biết được khái niệm này. Thế nào là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, và làm sao để cân bằng. Đây là một bài để bữa nào đó [Thiện Trang] chia sẻ riêng,

chứ bây giờ nói nhiều quá.

3. Thiện xảo làm sanh ấn chứng và giữ ấn chứng: Điều này cũng hơi mới mới, thật ra sanh ấn chứng và giữ ấn chứng là mình phải khéo làm sao để đắc Thiền, và giữ được Thiền đó.

4. Khi nào tâm cần được sách tấn, thì khi ấy sách tấn tâm, bằng cách tu tập: Trạch pháp, Tinh tấn và Hỷ giác chi: Tức là ba điều này làm cho tinh tấn, thì phải chọn Trạch pháp, Tinh tấn, và Hỷ giác chi. Bài này đức Phật dành nguyên một bài kinh, để lựa cho mình khi nào [cần] tu pháp nào trong bảy giác chi này. Thiện Trang thấy dài quá nên để từ từ, lúc nào đó rồi trích dần cho quý vị. Ở trong Kinh A Hàm có, Kinh Nikaya cũng có, cho nên [rất] nhiều kiến thức mà mình không biết. Ví dụ như quý vị bị Hôn trầm, Thụy miên phải tu điều nào, khi nào quý vị Trạo cử thì tu điều nào, khi quý vị bị cái gì thì tu điều nào trong bảy giác chi. Đức Phật dạy hết rồi, [nhưng] mình có học đâu mà biết.

5. Khi nào tâm cần được chế ngự, thì khi ấy chế ngự tâm, bằng cách tu tập ba giác chi tịnh, định và xả: Lời này là ngài nói theo Phật. Khi muốn chế ngự tâm, tâm đang chạy loạn xạ, gọi là bị Phóng dật hay Trạo cử, thì hãy tu ba đề mục trong Thất giác chi là: tịnh, định và xả.

6. Khi nào tâm cần được kích động, thì khi ấy kích động tâm bằng cách suy xét khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ đọa xứ (tức là đọa vào chỗ khổ)**, khổ luân hồi ở quá khứ, khổ luân hồi vị lai** (tức là mình nghĩ đến quá khứ mình ở trong Địa ngục, Ngạ quỷ rồi; khổ tương lai là mình đọa lạc nữa), **khổ hiện tại phải nuôi mạng, và tùy niệm đức Tam Bảo.**

Thiện Trang hay giảng điều này đúng không quý vị? Thiện Trang hay giảng đời khổ quá, sáng ra lo cho con ăn học, con còn nhỏ nên phải đưa đón con đi học. Rồi nấu cơm cho chồng, đi làm v.v…. Tới chiều về quần quật suốt ngày, rửa một đống chén, rồi giặt một đống đồ, các cô chắc là rõ nhất. Đó là khổ hiện tại, dễ quán. Khi nào quý vị cần kích động tâm, tâm đang giải đãi, làm biếng (gọi là Hôn trầm, Thụy miên), thì quý vị dùng pháp này. Hãy xét nỗi khổ của sanh, già, bệnh,

chết, khổ vì đọa, khổ vì luân hồi ở trong quá khứ, khổ luân hồi ở vị lai, rồi khổ hiện tại do nuôi sống thân mạng. Và thêm một điều nữa là tùy niệm đức Tam Bảo, hãy nhớ lấy Tam Bảo, thấy Tam Bảo đã lắm, các ngài rong chơi, đi thế này thế kia.

Giống như Thiện Trang lâu lâu hay giảng cho quý vị, ước mơ đi đến núi Tuyết Sơn, đi vô hang động hay đảo nào đó trên đại dương. Mình dùng Thần thông bay cho sướng, đó là niệm đức Tam Bảo, thì khiến cho mình tinh tấn lên. Tại vì mình đang giải đãi, nên mình phải dùng những đề mục đó. Thật ra những điều này trong kinh [đức Phật] đều dạy hết, toàn là những lời và những cách rất hay. Cho nên mỗi khi mình bị gì đó thì mình [biết] dùng điều nào để chế ngự.

Còn quý vị nói 'một câu Phật hiệu niệm tới cùng', niệm một hồi có người niệm được, [nhưng] có nhiều người niệm hoài không được. Quý vị thấy không? Niệm một hồi rồi sân, si, đủ thứ các kiểu. Bởi vì tu kiểu ép buộc tu. Còn đây là người ta dùng quán để hóa giải thân tâm. Khi thân có vấn đề thì người ta hóa giải về thân, khi tâm có vấn đề thì hóa giải về tâm. Mà muốn biết tâm mình có vấn đề gì, thì phải học 52 món Tâm sở. Mình không học thì làm sao mình biết được.

Cho nên mình kém mà muốn tu dạng cao. [Những người] dạng [căn cơ] cao thì người ta tu được, một câu Phật hiệu niệm tới cùng, ok, không sao. Đó là người [căn cơ] dạng cao. Chứ không chê bai người ta. Nhưng rõ ràng đa số chúng ta không biết tu. Không biết quý vị biết tu hay không, nhưng Thiện Trang không biết tu. Thiện Trang nói vậy cho quý vị hài lòng. Thiện Trang cảm thấy là Thiện Trang phải học những căn bản và áp dụng. Từ khi áp dụng những căn bản thì Thiện Trang tu được.

Còn hồi xưa làm gì cũng ép, không phải ép mình mà ép người nữa. Thấy người ta không giữ giới thì [nói]: tại sao không giữ giới, thấy người ta thế này thế kia. Mình thấy thật ra đâu cần, quý vị coi các đồng tu đa số đăng bài lên mạng toàn là ép thiên hạ không, toàn là nói thiên hạ phải tu như thế này, thế kia. Sao mình không lo tu cho mình đi? Việc của mình chưa xong, mà toàn đi chỉ người ta thế này thế kia, [toàn việc] trời ơi đất hỡi. Đó là mình [tu] không được, tâm đó là tâm phóng ra ngoài. Đó thuộc về tâm Trạo cử mà đồng tu không biết. Cứ đăng

pháp mà toàn nghĩ đăng bài đó để cho người ta coi, đăng bài đó để cho người ta tu. Còn mình [thì] sao? Mình đang chưa điều khiển được tâm của mình kìa. Cho nên phải đăng bài bằng tâm tùy hỷ.

Thật ra [xem] bài đăng là mình biết ngay. Có những người đăng pháp, thật sự là để chia sẻ pháp cho đồng tu tu. [Nhưng] có những người đăng pháp là để chỉ trích đồng tu, để nhắc đồng tu, thế này thế kia. Đó là chưa biết tu, mà không biết tu là vì chưa học [giáo lý] căn bản.

Thiện Trang chia sẻ với quý vị bữa nay là bài thứ 18. 18 bài thôi nhưng quý vị thấy một trời kiến thức và rất nhiều lợi ích. Nếu như không học bộ này thì sẽ không [biết]. Quý vị đi tìm đi, đi [tìm] qua Vi Diệu Pháp v.v… cũng không có mấy ai chia sẻ như thế này. Vì người ta chia sẻ theo trình tự giáo trình. Còn Thiện Trang ngoài giáo trình là Luận Câu Xá rồi, [Thiện Trang] còn chia sẻ những điều cần mình phải đem ra xài trước. Những [điều] cần này mà đợi quý vị học hết bộ Vi Diệu Pháp cũng chưa có. Phải quay qua học bộ Thanh Tịnh Luận Đạo, rồi học vào tạng kinh một hồi thì mới có. Như vậy mất thời gian quá, sao mình không lấy vô học trước đi, học được thì mình học luôn. Và những [điều] căn bản quan trọng phải được học trước. Hôm nay [Thiện Trang chia sẻ] Thiền chỉ phải tu như vậy, toàn là những điều quan trọng.

7. Điều thứ bảy, khi nào tâm cần được ngó lơ thì khi ấy ngó lơ tâm. Tức là khi tâm đã được định tĩnh rồi thì hành giả không cần bận tâm đến việc sách tấn, chế ngự hay kích động tâm nữa.

Đây là những người tu lo giữ giới quá, giữ cực kỳ nghiêm, giữ khổ hạnh quá, thì lúc này nên ngó lơ đi. Tức là tâm mình đã định tĩnh rồi thì đừng quan trọng nữa. Cho nên Thiện Trang hay nói với quý vị: quý vị đắc rồi, tu an lạc rồi, thì đừng ôm giữ thọ Bát quan trai nữa. Ngày đó phải canh miết: giờ nào ăn, giờ nào ngủ… thì quý vị không vô được [công phu]. Lúc đó tâm mình đã tịnh rồi, đang vô rồi, thì chịu khó buông xuống, đừng kích động tâm nữa. Khi nào tâm mình giải đãi, thì mới cần kích động tâm bằng ba đề mục kia. Còn khi nào tâm mình phóng dật thì phải chế ngự tâm lại bằng ba giác chi: tịnh, định và xả. Rồi khi tâm cần sách

tấn thì mình phải quán. Cho nên phải biết tu nha.

Những điều này toàn là kinh nghiệm xương máu. [Quý vị] phải dùng thời gian thử đi, mà quý vị đâu có thời gian [để] thử. Thiện Trang thì thử nhiều lắm rồi, cho nên Thiện Trang biết. Tức là hình như mình tu như vậy, lý thuyết thì một trời, nhưng vô thực hành là một chuyện khác. Nếu cứ áp dụng cách là: bốn giờ sáng dậy [công phu], rồi ăn sáng, xong rồi [công phu] tới trưa. Ráng không ngủ trưa, lên [công phu] luôn tới chiều tối v.v…. làm một hồi người đơ đơ mấy ngày, tu không được. Không được! Vì mình không biết cân bằng.

Cho nên sau khi thực hành và học những bộ này thì Thiện Trang thấy áp dụng được, rất dễ dàng thôi. Tức là tâm mình thế nào, ví dụ như tâm mình bây giờ đang Trạo cử thì mình phải dùng pháp nào? Đang Trạo cử mà quý vị nghe pháp nhiều thì càng bị Trạo cử hơn, tại vì tâm đang lăng xăng quá, thì quý vị phải vô tĩnh tọa. Mà tĩnh tọa không được, vẫn cứ [bị] Trạo cử (Phóng dật), thì quý vị đi kinh hành. Nói chung sẽ có những đề mục phù hợp. Rồi khi tâm mình buồn ngủ, ngủ gục quá nhiều, nếu mình đã ngủ đủ giấc rồi mà vẫn còn buồn ngủ, làm biếng, thì mình phải có biện pháp là sách tấn mình lên. Sách tấn là mình phải nghe pháp, phải vận động một chút cho người tỉnh táo. Đó là những phương pháp [đối trị tâm].

Còn có người bây giờ tu kiểu gì, tu bao nhiêu năm vẫn niệm Phật đếm số để cho đủ số lượng, lạy bao nhiêu lạy để cho tiêu nghiệp v.v…. Những người đó tu còn xa lắm, nói thật là để đắc các đề mục Thiền hay thế này thế kia thì còn xa lắm. Không có cơ hội đâu, còn xa lắm!

Quý vị nên nhớ tu là phải hiểu giáo lý. Nếu không hiểu giáo lý, không có nền tảng thì mình tu trật lất. Mà trật rồi có người nói thì nhiều khi buồn: sao bao nhiêu năm trời không ai nói với tôi. Nói cũng có chịu nghe đâu, nói là dội lại liền. Thông thường chúng ta cũng quen rồi, gọi là "tiên nhập vi chủ", điều nào vào trước thì làm chủ rồi, nghe điều nào ngược thì không muốn nghe. Nên không nghe thì thôi, đừng nghe cho mệt, cứ tu theo [phương pháp của] mình đi.

8. Tránh xa người không định tĩnh: Đây là [yếu tố] trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đều nói. Những người không định tĩnh, suốt ngày làm phiền. Thì thôi, excuse me! Tôi xin lỗi! Tôi không có thời gian. Những người không định tĩnh, họ chỉ gây rối cho quý vị thôi. Họ suốt ngày cứ lăng xăng, chuyện không đáng mà họ cũng tìm quý vị. Họ mất định tĩnh rồi, mà họ còn làm cho quý vị lao chao theo. Nên đừng bao giờ như vậy, mà hãy thân cận người định tĩnh.

9. Thân cận người định tĩnh: Phúc cho ai được gần những người định tĩnh. Bởi vì mình gần những người ấy thì tâm mình được kéo xuống. Tâm mình lăng xăng mà mình gặp được người định tĩnh, là tự nhiên tâm mình định lại.

Quý vị để ý đi, chỉ cần gặp người tu có công phu, người ta vui vẻ hoan hỷ thì mình cũng đỡ. Còn người suốt ngày lăng xăng, đặc biệt đồng tu Tịnh Độ, Thiện Trang thấy ớn nhất là đồng tu Tịnh Độ. Vì Thiện Trang thấy hình như các đồng tu khác, người ta có vẻ hoan hỉ, người ta tu Thiền hay thế nào đó, họ có nền tảng, họ không quán nhiều. Còn đồng tu Tịnh Độ có chuyện gì sốc là: thầy ơi thầy, chuyện này chuyện kia, người này sao thế này, người kia sao thế kia... Mà sao mình không lo là mình làm sao đi? Mình đang quan tâm người ta kìa, mình toàn lo chuyện gì đâu không, trong khi mình tu không được.

Đăng pháp cũng vậy, lên [mạng] thấy đăng bài là bắt đầu lên chửi: không nên nói lỗi người, thế này thế kia, rồi xưng thế này, xưng thế kia, không nên như vậy, rồi tại sao lại như vậy v.v... Tức là toàn quan tâm thiên hạ [thôi]. Tâm đó là Trạo cử, đó là phóng ra ngoài. Cho nên những người đó không có định tĩnh. Những người định tĩnh thì không có như vậy đâu, những người định tĩnh thì họ nhẹ nhàng lắm. Quý vị thấy ai nhẹ nhàng là những người có khả năng định tĩnh, nhẹ nhàng mà thật thà chứ không phải nhẹ nhàng mà xảo trá. Xảo trá thì đó cũng là người không định tĩnh đâu, và khi có chuyện gì là biết ngay.

10. Quyết tâm tu tập để đắc định: Mình phải có quyết tâm.

10 yếu tố này giúp cho thuần thục định, hôm nay Thiện Trang báo cáo toàn là những điều [hay]. Bữa nay đãi cho món ăn đặc sản vừa lạ, vừa hấp dẫn, vừa

thiết thực, quý vị lượm được thì lượm, bài này [rất] quan trọng. Đây là nền tảng để tu Thiền chỉ và cũng là nền tảng để tu Thiền quán. Chỉ, Quán song vận. Thiện Trang cố gắng trích lại những điều quan trọng nhất, [nhưng] vẫn chưa đủ, có lẽ phải cần thêm thời gian nữa. Và một số đề mục cần phải làm cho rõ ràng, để cung cấp cho quý vị, nhưng tạm thời là như vậy.

Bây giờ có một điều, chắc là các đồng tu đều thắc mắc: Ở đây nói là tu niệm Phật thì không thể đắc được các tầng Thiền, vậy thì bên Tịnh Độ niệm Phật kiểu như vậy có đắc hay không?" Thiện Trang đâu phải Như Lai, không thể nào có đủ kiến thức để nói được. Nhưng Thiện Trang nói là niệm Phật có nhiều cách niệm Phật. Quý vị niệm theo cách nào thì quý vị cứ thử, chứ bây giờ mình không biết, không phán định được. Bởi vì đây đều là những lời nói [trong kinh, trong luận]. Và trong Kinh A Hàm chỉ dạy niệm Phật theo kiểu đó, chứ không phải niệm theo kiểu của hiện nay là trì danh.

[Phương pháp] Trì danh, thật ra coi trong các kinh tạng cũng không có nói nhiều, không biết tại sao thời nay được đề xướng nhiều, chứ còn thật tế trong kinh tạng không nói nhiều. Và [trong kinh thường dạy] thiên về quán nhiều hơn, ví dụ quán về tướng hảo của Phật, quán về công đức của Phật, gọi là niệm công đức Phật thì nhiều. Thiện Trang thấy trong các kinh điển thì nói thiên về [phép đó]. Có lẽ là do chư Tổ thấy về sau này căn cơ của chúng sanh kém quá, cho nên [đề xướng] [pháp] Trì danh.

Quý vị có thể niệm thử xem, chứ Thiện Trang không dám xác định điều nào hết. Thiện Trang không chịu trách nhiệm nhân quả về việc tu của quý vị, quý vị tu thế nào là chuyện của quý vị nha. Thiện Trang không bảo là quý vị tu thế này, tu thế kia, mỗi người có lựa chọn của mình. Thiện Trang cũng nói là Thiện Trang tu thế nào lợi ích cho Thiện Trang là được. Thiện Trang thấy hiệu quả [nên] Thiện Trang cung cấp các đề mục đó [cho quý vị]. Bữa sau Thiện Trang cung cấp cho thêm mấy đề mục nữa, để biết đâu có người chỉ cần luyện là đắc Thần Thông, đắc Định, [đắc] Thiền. Xưa nay tu hoài không đắc, nhưng Thiện Trang chỉ trúng môn của quý vị, quý vị vô tu là đắc luôn.

Ví dụ những người nhiều đời tu [quán] màu xanh, họ thích màu xanh nữa, quán toàn màu xanh, quán màu xanh rất dễ. [Quý vị] thử bỏ ra một, hai ngày để tu môn đó, biết đâu đắc. Đắc định rồi, từ đó chuyển sang tu niệm Phật dễ dàng, rồi đắc luôn Thiền quán, biết đâu được, có thể rất dễ. Còn có người thích đề mục nước, suốt ngày thích nước, nước, thì tu đề mục nước, Thiện Trang cũng chỉ cho rồi. Quý vị tu biết đâu đắc, đắc định xong rồi quý vị đắc lên Nhị thiền là có Thần thông, đắc được Tam thiền thì có Thần thông ghê gớm nữa. Quý vị bay ra khỏi nhà, hằng đêm trốn đi dạo chơi trên trời Đao Lợi, biết đâu được!

Thật ra trong số người hiện tại, có rất nhiều người có căn cơ tu nhiều đời. Nhưng không ai chỉ cho mình, cho nên mình tu không trúng môn. Có những người tu môn này trúng, [nhưng tu] môn kia thì trật lất. Quý vị thấy trong Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, có hai người: một người là thợ rèn, và một ông gì đó, tới ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên dạy cho trật mất đề mục. Ông đó thì bảo cứ suốt ngày quán bất tịnh đi, ổng quán hoài mà không được gì hết. Còn ông kia thì bảo quán hơi thở đi, ổng [quán] hoài cũng không được. Cho tới khi gặp đức Phật, đức Phật nói: *"Hai ông chỉ sai rồi. Ông này 500 đời sanh trong gia đình giàu có khá giả, mà bắt ổng quán bất tịnh làm sao được. Phải quán tịnh, quán đẹp"*. Đức Phật mới cho ổng một bông hoa sen, chỉ ra ngoài hồ sen đó: *"Con cầm cái này ra ngoài hồ đó, con quán đi"*. Nhìn hoa sen thế nào, quán hoa sen nở ra đẹp thế nào, lung linh thế nào v.v… quán một hồi thì ổng đắc. Tại vì 500 đời [ổng] sanh ra trong gia đình giàu có, toàn đồ tốt đẹp, mà giờ bắt ổng quán bất tịnh thì làm sao được, không được! Cho nên [quán tịnh] thì đắc đạo. Còn ông kia quán gì đó thì đổi lại đề mục, bao nhiêu đời ổng làm thợ rèn, làm gì đó, nên ổng quán hơi thở được. Đức Phật dạy quán hơi thở thì ổng đắc.

[Chỉ có] đức Phật mới biết, ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên còn không biết, nên làm sao mình biết được. Chúng ta không biết cho nên chúng ta phải mò, mà chỉ có mình mới biết rõ thôi. [Muốn] biết thì Thiện Trang chỉ luôn: thông thường thể hiện ra ở khuynh hướng tâm lý. Vì ba biểu hiện của nghiệp, trong đó khuynh hướng tâm lý là biểu hiện quan trọng. Khuynh hướng tâm lý là mình thích cái gì, thông thường mình thích điều gì là nhiều đời mình tu rồi. Cho

nên rất nhiều người thích khổ hạnh là vì sao? Vì nhiều đời tu theo khổ hạnh. Có nhiều người thích tu quán bất tịnh, vì nhiều đời người ta tu pháp đó. Có nhiều người thích Thiền thôi, không thích niệm Phật, bởi vì nhiều đời họ tu Thiền. Có nhiều người thích đẹp, thích màu xanh, thích nước, v.v… bởi vì nhiều đời họ tu [pháp] đó. Và khi tu pháp đó thì sẽ có hiệu quả, có lợi lạc.

Cho nên nguyên nhân của Hôn trầm (buồn ngủ), mai mốt mình học tới Tâm sở Hôn trầm thì mình biết. Hiện tượng đó là do mình không thích đề mục đó. Vì sao mình không thích? Vì nhiều đời mình không tu đề mục đó. Ví dụ niệm Phật: A Mi Đà Phật, A Di Đà Phật một hồi ngủ gục hết trơn. Vì tâm mình không thích thú đối với đề mục đó. Khi không thích thú thì không thể khởi mạnh lên, Tâm sở Tầm không hiện được. Vì tầm là tìm kiếm, [ví dụ] anh thích tìm kiếm điều gì? Như con ong chỉ thích bông hoa đẹp, bông hoa lạ thì nó mới thích bay tới.

Cũng vậy, Tâm sở Tầm chỉ thích hướng về điều gì mà nó thích, chứ không thể hướng về điều mà nó ghét được. Học về Tâm sở là biết ngay. Ghét là Tâm sở Sân hiện, nó có sự chán ghét trong đó, thì đẩy tới trạng thái hôn trầm. Cho nên học rõ ràng lắm quý vị, từ đó mình mới tu được. Còn mình nói lý thuyết: 'Câu Phật hiệu vô lượng công đức', nhưng mình không tu được. Vì mình chưa thấy câu Phật hiệu vô lượng công đức. Còn khi nào quý vị thấy câu Phật hiệu vô lượng công đức, thì quý vị sẽ thích, thích câu Phật hiệu rồi thì Tâm sở Tầm sẽ chắc chắn tới.

Cho nên Đại sư Ngẫu Ích mới nói: phải làm sao đó có tín, có nguyện, thì nhất định vãng sanh, nhưng tín của mình không đủ. Mình học cỡ nào học, mình nói niệm Phật, nhưng tại sao niệm câu Phật hiệu không có tín được? Không có tín để thích được câu Phật hiệu đó. Bởi vì: Thứ nhất là nhiều đời mình tu không phải là đề mục đó. Thứ hai là mình hiểu trên nghe, là trí Văn thôi, không có trí Tư và trí Tu. Mà trong đó trí Tu mới quan trọng. Phải có lần nào đó mình niệm vô được công phu, vô được an lạc, thì lần sau mình phấn khởi, mình biết: "Ồ, bữa sau thế nào niệm cũng vô nữa", cho nên mình hứng thú với đề mục niệm Phật, thì khi đó quý vị niệm Phật mới vô.

Cho nên lúc đầu cực kỳ khó, dù tu bất cứ đề mục nào thì lúc đầu cũng khó, bởi vì mình chưa nếm được niềm vui của nó. Nhưng nếu quý vị đã nếm được niềm vui một lần, thì lần sau có thể quý vị thích. Nhưng vô được thông thường là nhiều đời mình đi với nó, nên dễ lắm. Quý vị cố gắng hành trì, tại vì có người thích quán tưởng hình Phật, thì quý vị tu theo quán tưởng hình Phật. Chứ không nhiều người đồng tu tu nhiều năm rồi, người ta tu Thiền mấy bữa thì người ta đắc, còn mình tại sao tu bao nhiêu năm vẫn không đắc Thiền hay không đắc gì hết. Thì phải xem lại có khả năng là mình tu sai. Tu sai là mình tu không đúng phương pháp, không đúng pháp của mình v.v… Quý vị có nhiều thời gian, quý vị có thể bỏ ra mấy ngày để thử. Thử xem với kiến thức giáo lý bao nhiêu năm nay mình học rồi, tại sao mình không đem ra thử một đề mục nào đó, cho nên thử đi.

Còn có người muốn nói là quán ánh sáng, thì thôi để bữa sau. [Thiện Trang] nói một lúc nhiều đề mục quá thì không nên. Để bữa sau Thiện Trang chỉ luôn cho quý vị quán ánh sáng, [vì] có người thích quán ánh sáng. Có 10 đề mục căn bản, Thiện Trang nghĩ là 10 đề mục đó phải chỉ hết, bởi vì 10 đề mục đó giúp cho đắc tới Tứ thiền. Còn mấy đề mục kia đâu có đắc nhiều, chỉ phụ trợ tu giai đoạn nào đó thôi rồi phải dùng đề mục khác. Đó là tu Thiền chỉ.

Và Thiền chỉ có tác dụng là có Thần thông, giảm đau (quý vị đắc Sơ thiền là đỡ đau lắm, đắc Tứ thiền thì cực kỳ đỡ đau), rồi trợ giúp cho Thiền quán. Thiền quán [mới] ra khỏi sinh tử, Thiền chỉ thì không. Tất nhiên có người tu Thiền chỉ một hồi thì cũng đắc Thiền quán, nhưng hy hữu.

Và thời nay niệm Phật, mình niệm sao để hiệu quả, [thì] Thiện Trang chỉ [cho] quý vị như vậy. Còn ai nếu không tin, nói thầy Thiện Trang [giảng] xen tạp, thì thôi đừng nghe, đừng nói mất công. [Thiện Trang] đang giảng cho những người đang cần nghe, còn quý vị không muốn nghe thì tùy hỷ công đức nha. Đó là yếu tố khiến mình không thể tu được. Khi mình cần thì mình nghe, nhưng khi mình tiếp nhận mà mình lại phản bác thì không nên. Phản bác nhiều thì mất công đức, vì phỉ báng pháp mà, sau này mình khó tu. [Thiện Trang] mong quý vị hãy cố gắng, điều nào nghe được thì nghe, điều nào không nghe được thì bỏ qua.

Chỉ cần mình tu như vậy, khi có Thần thông thì cũng hỗ trợ, vì cái này hỗ trợ cái kia. Đức Phật nói trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya rất rõ ràng là: Khi nào cần tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, khi nào tu Thiền quán thì tu Thiền quán. Và Thiện Trang cũng đã chia sẻ có năm hạng người tu: 1. Thiền chỉ trước Thiền quán sau. 2. Thiền quán trước Thiền chỉ sau. 3. Hai [pháp tu] song hành. 4. Chỉ tu Thiền chỉ không thôi. 5. Chỉ tu Thiền quán không thôi.

Có năm hạng người như vậy, chúng ta muốn biết thì chúng ta tu. Và chỉ có giảng bộ này thì mới có thời gian đưa vào, chứ [giảng] Tịnh Độ mà đưa vào, thì mấy người nghe Tịnh Độ một hồi chới với, không thông, tội lắm. Còn đã nghe bộ này mà nghe theo tuần tự, thì chắc là không có vấn đề gì. Những điều mình biết chỉ là hạt cát trong sa mạc, còn những điều mình chưa biết thì rộng lớn bao la, nhiều lắm. Cho nên mong rằng quý vị nghe, quý vị hãy hiểu, Thiện Trang hôm nay chia sẻ toàn Thiền chỉ không thôi.

Không biết có nên chia sẻ tiếp phần Luận Câu Xá không vì bây giờ hết giờ rồi, thôi chúng ta để bữa sau. Thiện Trang xin nói lại 40 đề mục Thiền chỉ này, đó là quý vị có thể tu: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư Không Giới Hạn, và Ánh Sáng. Tu những đề mục này thì chứng đến Tứ thiền Sắc giới. Còn tu đề mục Bất tịnh (Bất mỹ) về quán Tử thi, thì chỉ chứng đến Sơ thiền thôi. Tu đề mục Tùy niệm: Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, Tùy niệm Tăng... mấy đề mục này thì chưa đắc đến Sơ thiền. [Tu] Niệm thân thể trược thì chứng đến Sơ thiền. [Tu] Niệm hơi thở thì giúp chứng tới Tứ thiền Sắc giới. [Tu] đề mục Từ, Bi, Hỷ thì chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền. Và [tu] Xả thì chứng Tứ thiền Sắc giới.

Còn [tu mấy đề mục] Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ... thì chắc chúng ta không mơ đến. Thiện Trang nghĩ không cần quan tâm lắm, vì mình chưa đạt mấy [đề mục] kia. Thực ra mình chưa cần đến Thiền này làm chi, mình chỉ cần tới cửa giải thoát, chỉ cần [chứng] Sơ thiền thì đủ đắc A-la-hán rồi, đâu cần nhiều. Mình chỉ cần [chứng] Sơ thiền, thậm chí Vị đáo định (Cận định) thôi, ở đây dùng ngôn ngữ là Định cận hành, đôi khi cũng sẽ đắc được, nhưng chúng ta phải tu Thiền quán mạnh. Có nhiều người nói: “Con cứ niệm Phật thôi, may ra con được

Cận định cộng với con đắc Thiền quán nữa là được". Cũng có thể được! Điều đó có thể được, nhưng không mạnh, muốn chắc ăn là phải tới Sơ thiền, bởi vì trong 12 cửa giải thoát nói là Sơ thiền. [Còn] nói Cận định, Sát-na định là hên mới đắc thôi. Nhưng đó thường là người ta nghe pháp, lúc đó người ta chưa tu Thiền chỉ bao giờ, cho nên người ta đắc. Còn mình đã tu, mình nghe [nhiều] quá rồi mà mình có đắc đâu.

Còn mấy [đề mục] Phân biệt: quán Tứ đại (Phân biệt Bốn nguyên tố), hay là Tưởng nhờm Gớm thức ăn là hỗ trợ thôi. Nếu những người bị tham dục nặng v.v… người ta tu những [đề mục] này để phụ trợ.

Đấy là 40 đề mục, nhớ là 10 đề mục đầu quan trọng, vì giúp đắc Thần thông. Muốn sử dụng Thần thông là dùng mấy đề mục này. Đây là [Thiện Trang] giới thiệu sơ qua.

Hôm nay Thiện Trang nghĩ chúng ta nên nghỉ sớm một chút, tại vì bây giờ mình đang học điều này lại chạy vô điều kia, giống như đang ăn bữa cơm ngon mà tự nhiên dẹp sạch, để đưa cho toàn món khó ăn. Cho nên để cho trọn vẹn thì hẹn quý vị bữa khác. Chúng ta cứ từ từ học, bởi vì phần Luận Câu Xá cứ từ từ, không quan trọng bằng phần tinh hoa. Phần tinh hoa là học tới đâu dùng tới đó, còn Luận Câu Xá thì cứ bổ sung, sẽ lại có những phần như thế này nhưng không giống hoàn toàn. Như vậy chúng ta nghe dần dần theo một trình tự thì [cũng đầy] đủ kiến thức.

Thời gian hôm nay cũng hết rồi. Thiện Trang xin hẹn quý vị bữa khác. Quý vị muốn nghe những điều này thì Thiện Trang sẽ chia sẻ nữa, chia sẻ cho quý vị đủ mười đề mục đầu tiên. Và sẽ chia sẻ thêm một số phần về kỹ thuật, kinh nghiệm ở trong những bộ kinh, bộ luận, chỉ cho quý vị để quý vị tu tập được đắc lực. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 19: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 19.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 27.11.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=rkk8J0a_v4Q

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay thứ Tư, chúng ta tiếp tục gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Luận Câu Xá). Hôm nay là bài thứ 19. Chúng ta vẫn như mọi lần, ở trong này Thiện Trang chia sẻ gồm ba phần: Một phần là nền tảng về kinh tạng, tức là những nền tảng trích từ trong kinh; Thứ hai là phần về Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đàm của Nam truyền); Thứ ba mới là Luận Câu Xá. Vì mục tiêu của Thiện Trang là để những quý vị nào chỉ học một bộ này thôi, thì cũng hành trì tương đối đầy đủ rồi. Tất nhiên là không đầy đủ hoàn toàn, nhưng ít nhất cũng biết được, cũng có một kiến thức căn bản để mình tu. Chứ nếu mình học chỉ chuyên một thứ thôi, thì mình có thể không được đầy đủ. Nên Thiện Trang cố gắng đưa vào.

Chúng ta học để làm gì? Học để mình có một nhận thức chính xác về Phật pháp, mình có một Chánh kiến, và sự tu tập đạt đến công phu nhất định, thì mình sẽ không thoái chuyển trên con đường tu tập để ra khỏi sanh tử.

Thiện Trang nhớ trong Kinh Tương Ưng của Nikaya, đức Phật có đưa ra một ví dụ: Giống như dòng sông Hằng, nước sông đổ ra hướng Đông. Mình biết là Việt Nam mình thì các dòng sông cũng đổ ra biển Đông đó. Đức Phật nói là: Nếu có một nhóm người dân rất đông, họ đến với xuổng, cuốc, rợ, và họ nói rằng:

“Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này chảy về hướng Tây, để nó xuôi về Tây và nhập vào phía Tây”, tức là làm cho sông Hằng chảy về phía Tây. Như vậy có làm được hay không? Chắc chắn là không làm được! Vì [từ] xa xưa, từ lâu rồi sông Hằng vốn nghiêng về phía Đông quá mạnh rồi, và một dòng sông dài như vậy thì không thể làm được điều đó.

Đức Phật nói cũng như vậy, nếu một vị Tỳ-kheo với sự tu tập, hiểu rõ về Vô thường, vô Ngã, hiểu rõ các pháp, giống như chúng ta hiểu được Thế gian [này] là giả tạm v.v… đủ các chuyện. Giả sử có gia đình của vị Tỳ-kheo đó, cùng với vua quan đem tới rất nhiều tiền của cúng dường, và nói hãy trở lại hoàn tục để nhận tiền đó, không cần tu tập nữa. Việc đó đối với vị Tỳ-kheo cũng không có tác dụng. Có nghĩa là vị Tỳ-kheo đã an trụ ở trong pháp, đã an trụ trong đường giải thoát, giống như con sông Hằng đã an trụ đổ về phía Đông.

Cũng như thế, nếu chúng ta tu tập được đến mức độ cỡ đó, tức là chúng ta hiểu được giáo pháp Vô thường, vô Ngã, đời là bể khổ, không thể nào vui được mãi, mình biết chỉ có con đường giải thoát sanh tử, con đường ra khỏi luân hồi là con đường cứu cánh, là con đường duy nhất. Mà mình đã tu được như vậy, đúng hướng như vậy, giống như dòng sông Hằng đổ về phía Đông, thì chúng ta cũng sẽ không bao giờ lui sụt với bất cứ cám dỗ nào ở trần gian. Để được như vậy thì không có con đường nào khác là chúng ta phải học và tu, thâm nhập kinh tạng, học hiểu giáo lý, để dần dần quán sát được như vậy.

Cho nên đó giống như trong Kinh Bát Đại Nhân Giác nói là **“Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy. Tứ đại khổ không, tâm là nguồn ác, thân là nơi tạo nghiệp”.** Nếu thường xuyên quán sát như vậy thì sẽ dần dần rời khỏi sanh tử, tức là yểm ly sanh tử. Chúng ta cũng vậy, chúng ta học tất cả các bộ môn, tất cả các pháp là để chúng ta có cái nhìn như vậy.

Hôm nay, đầu tiên Thiện Trang xin trích dẫn một chút. Đây là điều chắc chắn muốn an ủi mọi người:

Hai Hạng Người Không Tội Mà Mạng Chung Được Sinh Lên Trời Trong Khoảnh Khắc Co Duỗi Cánh Tay

Trong kinh đức Phật nói có hai hạng người khi mạng chung (khi mạng họ

hết) được sanh lên cõi Trời khoảnh khắc trong co duỗi cánh tay. Đức Phật nói như sau:

Có hai hạng người không tội mà mạng chung được sinh lên trời trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sao gọi là hai?

Một là người không tạo gốc tội mà tu thiện: tức là người ta không tạo tội lỗi mà tu thiện. Đây là điều rõ ràng đúng không? Chúng ta chắc ít có người rơi được vào trường hợp này, nhưng trường hợp thứ hai thì có thể.

Hai là người cải hối tội mà mình đã tạo: cho nên đừng sợ xưa kia con đã tạo bao ác nghiệp, đều bởi vô thủy Tham, Sân, Si, từ thân miệng ý đều sanh ra… Chúng ta không nói xưa kia nữa, đời này con đã lỡ tạo bao ác nghiệp, thì bây giờ quý vị chỉ cần cải hối tội mà mình đã tạo.

Đó gọi là hai hạng người khi mạng chung sẽ sanh lên trời không có gì nghi ngờ.

(Kinh Số 7 - Phẩm Thiên Tử Mã Huyết Hỏi Tám Chính Thứ 43 – Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Quý vị thấy đâu phải là mình đã tạo nhiều tội nghiệp quá khứ, mà mình không có đường giải thoát. Có nhiều đồng tu hoang mang, thì ở đây nói cải hối tội lỗi mà mình đã tạo là được. Nên ai lỡ tạo nhiều tội nghiệp thì ráng tu, chỉ cần mình sám hối, mình tu làm thiện, tích đức lại là được.

Ở đây có nhiều đồng tu chưa nghe bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, Thiện Trang khuyên nếu có thời gian mà [quý vị] chưa nghe, thì nên nghe bộ đó. Bởi vì giữ giới vẫn là nền tảng để giải thoát. Quý vị cứ giữ, đặc biệt bốn giới trọng là phải giữ. Nếu không giữ được bốn giới trọng thì dần dần rớt khỏi đường tu.

Trước kia Thiện Trang cũng đã gặp một đồng tu, phải nói là vị đó tu tinh tấn lắm, mới đầu tu Tịnh Độ. Sau này Thiện Trang nghĩ do người đó phạm giới Tà dâm, điều đó rõ ràng nên thấy rồi. Sau đó người ta từ Đại thừa chạy qua Nam truyền, Nam truyền nhưng rơi vào pháp tà, chứ không phải pháp chánh, theo một vị Tà sư. Rồi hôm qua hôm kia, Thiện Trang mở vô tình thấy Facebook của người đó (người ta hủy kết bạn với Thiện Trang lâu rồi). Quý vị biết bây giờ

người ta làm gì không? [Thiện Trang] hoàn toàn ngỡ ngàng! Người ta đăng những video đi bắt cá, nướng cá ăn, bắt con này bắt con kia, rồi ăn đủ các loại, các kiểu. Mặt mày thì không giống một [người tu] nữa, bây giờ thay đổi một cách khủng khiếp, tạo rất nhiều nghiệp. Tức là bị kéo từ từ, đang tín tâm tu Tịnh Độ, đang học Đại thừa thì rớt xuống Tiểu thừa, từ Tiểu thừa chạy qua Tà sư chứ không phải Chánh sư (Chánh sư của Tiểu thừa Nam truyền thì ngon rồi), rồi dần dần không tu nữa. Dần dần giờ tạo nghiệp hơn người đời, ăn rồi đi bắt cá, bắt con này, con kia, khoe là hôm nay có món mới. Thiện Trang thấy khủng khiếp quá, nướng rồi làm gì [đó]. Mà hồi xưa tha thiết tu hành lắm đó. Thiện Trang nghĩ do người đó phạm giới Tà dâm.

Thiện Trang gần đây cũng sực nhớ ra: tại sao có người bị thoái chuyển. Thiện Trang nghĩ [đến] có một đồng tu đó, hồi xưa cũng tu rất tha thiết, sao bây giờ rớt khỏi dòng tu của mình rồi. Thiện Trang nghĩ là do phạm giới Sát, phạm giới trọng. Trong bốn giới chúng ta biết, có hai giới dễ phạm: Một là giới Tà dâm đối với người Cư sĩ, [còn] đối với người xuất gia là giới Dâm. Cả tại gia lẫn xuất gia, còn một giới nữa có thể phạm, đó là giới Sát. Sát này là giết người, phá thai, và tợ thai. Bởi vì lúc đó người ta đang có công phu, tu hành rất tốt, rất tuyệt vời. Nhưng có một sự kiện, là một đồng tu khác bị mang thai ngoài tử cung. Bác sĩ nói là chỉ có thể mổ thôi, nói chung là phá thai đó đi thì mới cứu [được] người mẹ. Chứ để lớn nữa thì sau này sẽ khó, có thể là người mẹ cũng chết mà con cũng khó được bảo toàn, tại vì mang thai ngoài tử cung.

Khi [người ta] hỏi Thiện Trang về vấn đề đó, Thiện Trang nói là Thiện Trang học Giới rồi. Hòa thượng Minh Thông có nói là cũng đã từng gặp trường hợp đó, và Hòa thượng nói là Hòa thượng không có trả lời. Tại sao thì sau này Hòa thượng giải thích là: nếu mình nói kiểu nào thì mình cũng phạm giới Sát hết. Mình bảo người ta giết, hoặc biết người mẹ chết, hoặc đứa con chết, thì cũng là giết người. Cho nên Hòa thượng không trả lời, và để người ta tự giải quyết thôi.

Thiện Trang cũng không trả lời. Đồng tu đó hỏi Thiện Trang, vì Thiện Trang không trả lời nên vị đồng tu đó hỏi lại một đồng tu khác. Đồng tu kia chỉ cho cách là đi phá thai. Sau này Thiện Trang biết là cả hai người đó đều có vấn đề, là tu tập bị thoái chuyển. Thiện Trang nghĩ nguyên nhân xuất phát từ đó. Vì người kia

không hỏi Thiện Trang, lẽ ra người kia [nên] hỏi Thiện Trang thì Thiện Trang sẽ chỉ cho.

Vì năm đó Thiện Trang chưa giảng bộ Luật Yếu Tại Gia Quảng Tập, sau này giảng Thiện Trang mới nói: thực ra mấy trường hợp đó thì quý vị phải xả giới đi. Trước khi làm [hoặc] chỉ người ta làm, quý vị phải xả Ngũ giới thì quý vị chỉ phạm nghiệp sát sanh thôi, thì đỡ hơn, rồi sau này quý vị thọ lại giới được. Vì quý vị là Cư sĩ tại gia mà, quý vị thọ lại được, thì không sao, vẫn còn giới. Còn nếu không xả thì quý vị đứt giới đó, giới đó thuộc về giới trọng (phá thai, tợ thai, giết người là giới trọng, và Tà dâm cũng là giới trọng), thì từ đó trở đi đường tu bị tuột. Và sau này có rất nhiều thứ người ta không làm chủ được nữa.

Cho nên cẩn thận nha! Rất nhiều người, đặc biệt các vị Cư sĩ tu theo kiểu không có nền tảng, không có gốc gác, bay vào là học giáo pháp, và cứ thế mà tu, cứ nghĩ mình làm mấy việc như tà dâm v.v… không sao. Không có đâu quý vị! Quý vị làm một thời gian, quý vị không dừng lại là thôi rồi, không còn cơ hội đâu, dần dần nghiệp cuốn quý vị đi nơi khác.

Thiện Trang thấy rất nhiều rồi, người tại gia hay người xuất gia cũng vậy. Cho nên quá khứ lỡ phạm thì sám hối, cố gắng giữ không bao giờ phạm nữa, phát nguyện lại. Còn nếu trường hợp bất đắc dĩ như trường hợp vừa rồi, thì cứ [xả giới], vì tại gia có quyền xả giới mà. Còn người xuất gia thì không được, người xuất gia chúng tôi xả giới thì phải làm lại từ đầu. Bên Bắc truyền rất mệt, nếu bây giờ xả giới thì phải bắt đầu vô xuất gia lại, phải làm lại từ đầu, rất là mệt. Bên Nam truyền thì không sao, bên Nam truyền thì làm đúng theo thời Phật thôi, vào lại là được thọ Tỳ-kheo rồi. Không sao! Mình cứ xả.

Giống như Tôn giả Thất Lai (Tôn giả Tăng Già La Ma) trong Kinh Nikaya kể rất rõ. Quý vị biết tại sao ông ra, vô bảy lần không? Tại vợ ổng đẹp quá mà. Vợ ổng đẹp dạng số cao trong kinh thành nên khó bỏ lắm. Đi tu xuất gia mà nhớ vợ nên về, cứ nhớ vợ là về, về rồi lại đi, [cứ ra, vô] suốt [như vậy] đến lần thứ bảy. Lần đó cơ duyên là do ổng đi làm về, ổng cầm cái cuốc đi vô thì thấy bà vợ nằm trên võng, mà nước miếng phì phèo vì đang ngủ. Ổng thấy cảnh nước miếng chảy ghê quá, nên sợ quá, rồi dụt cái cuốc, bỏ đi luôn.

Trong Kinh Nikaya nói rõ, trên đường đi thì ông nghĩ đến việc xuất gia, ông đã tư duy thấy đời vô thường nên chán rồi. Vợ mình đẹp như vậy mà bây giờ nhìn gớm quá, có con rồi bây giờ phì ra, thấy bà vợ chảy nước miếng ghê quá. [Nhìn thấy] cảnh đó ghê quá [nên] ông sợ quá. Nên ngay khi ông bước đến Tịnh xá, ông đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Do thấy cảnh đó mà chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Đến khi gặp đức Phật, đức Phật bảo ngài A Nan hãy đi lấy y, lấy bát cho ổng. Ngài A Nan nói: *"Bạch đức Thế Tôn! Ông này ổng ra vô như cái chợ. Ổng đã sáu lần [như vậy] rồi, lần này là lần thứ bảy rồi. Giờ bắt con đi tìm y, tìm bát cho ổng nữa".* Đức Phật nói: *"Không! Lần này ổng hàng phục được ma rồi. Ổng vào là ổng đắc quả A-la-hán"*. Ông vào xuất gia lại thì thời gian sau đắc quả A-la-hán.

Sau khi đắc A-la-hán rồi thì bà mẹ vợ dẫn đứa con gái (tức là vợ của ông) trang điểm cho thật đẹp, rồi ôm thêm đứa con nữa đến tìm ổng. [Người vợ] nói: *"Đây là con này, tại sao anh bỏ con?"* Còn bà mẹ vợ thì nói: *"Tại sao ngươi bỏ con gái của ta? Có biết là trong kinh thành này, bao nhiêu người đàn ông nhìn thấy nhan sắc con gái ta là mê mệt, chỉ muốn được chung giường với nó thôi. Mà ông lại bỏ nó như đám giẻ rách vậy đó"*. Nhưng lúc đó ổng chứng A-la-hán rồi nên trơ trơ bất động, để đứa con trước mặt ổng cũng trơ trơ bất động. Thấy vậy [hai mẹ con] chán quá, cuối cùng hai người dẫn đứa con (đứa cháu) đi về.

Cho nên vị đó được đức Phật gọi là đệ nhất về khả năng gì đó, Thiện Trang quên mất rồi. Cho nên phải là những người đặc biệt như vậy, rất là tuyệt vời! Quý vị thấy người ta nặng nề [về việc đó], [nhưng] người ta vẫn tu được. Quan trọng là quý vị [phải] tu, phải học. Ở đây Thiện Trang đã giới thiệu hai hạng người: Một người là không tạo gốc tội mà tu thiện, hạng người thứ hai là cải hối tội. Cho nên ráng học, ai chưa nghe bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập thì ráng nghe, không có dài lắm, [nên] ráng học.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu phần: Đoạn Phiền Não Nào Chứng Quả Vị Thánh Nào? Phần này thì chúng ta đã học rất nhiều ở những bộ giảng khác. Tuy nhiên thứ nhất là Thiện Trang muốn trích dẫn kinh tạng, thứ hai là muốn cho quý vị được học có bài bản đối với những người không nghe những bộ kia.

Chúng ta nghe từ nguyên trong kinh, thì sẽ đầy đủ hơn là cứ nói đoạn ba Kiết sử nào thì chứng quả gì v.v… thì không đầy đủ bằng nghe trong kinh. Trong kinh thì sẽ có nhiều chi tiết hay hơn nữa.

Ở đây do Thiện Trang trích một đoạn nằm trong Kinh Trung A Hàm, đức Phật có đưa ra bảy hạng người từ dưới nước chui lên khỏi mặt nước. Có người chui lên rồi chìm vô lại; Có người chui lên đứng đứng một hồi rồi cũng chìm vô lại; Có người lên, bơi một hồi không vô tới bờ, lại chìm xuống; Có người bơi lên, ngoi lên rồi trụ; Có người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi đi quanh, v.v… Thật ra đức Phật ví dụ cho những hạng người, như có người biết được niềm tin đối với Phật pháp rồi, mà tu một thời gian thì chìm luôn, hết tu nữa, hết niềm tin. Có người thì chìm miết ở trong nước vì không gặp Phật pháp, giống như bị chìm luôn trong ba đường ác, chìm trong luân hồi. Những trường hợp đó thì Thiện Trang đã trích dẫn ở trong một bài giảng của Khoa Chú Tuyển Giảng lâu rồi. Bây giờ Thiện Trang trích dẫn tiếp, nhưng là đoạn tiếp theo để nói về các Kiết sử và chứng quả, cũng trong bài kinh đó.

Đoạn Phiền Não Nào Chứng Quả Vị Thánh Nào?

Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh? Đó là người làm trỗi dậy tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp.

Điều này thì dễ rồi, họ được trỗi lại niềm tin đối với thiện pháp, rồi trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Nhớ nha! Một loạt điều nha, không phải chỉ mỗi [một điều]. Không có trì giới thì không được, không có đa văn thì không được, chắc với bố thí thì chúng ta làm được. Nhưng rõ ràng là trì giới, đa văn, trí huệ, tu tập thiện pháp thì coi chừng thiếu chỗ này: Trí huệ thì mình đang học pháp đây, [nhưng] đa văn thì chưa chắc, trì giới thì chưa chắc.

Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; (Quý vị nhớ là không mất nha, chứ không phải thoái chuyển. Chưa đủ! Đoạn này quan trọng:) **biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo.** (Tức là Tứ đế. Quý vị thấy không? Xuyên suốt các bài giảng lúc nào đức Phật cũng nói

bốn Thánh đế này: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế).

Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba Kiết liền dứt sạch, đó là Thân kiến, Giới thủ (có chỗ ghi là Giới cấm thủ) **và Nghi. Ba Kiết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến Chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần,** (tối đa là bảy lần, chứ không phải bảy lần) **qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự Khổ** (tức là ra khỏi sự Khổ). **Đó là hạng người ngoi lên rồi lại trụ, trụ rồi nhìn quanh. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.**

Thiện Trang chủ yếu nói cho quý vị, thông thường chúng ta chỉ nói ngắn gọn là dứt sạch ba điều: Thân kiến, Giới cấm thủ, và Nghi. Nhưng quý vị thấy nếu đọc trong nguyên tạng kinh thì đoạn này nói rõ ràng. Phải bắt đầu từ niềm tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí huệ, tu tập thiện pháp. Và tu vững như vậy rồi vẫn chưa đủ, phải biết như thật về Khổ, về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ đạo. Điều này có ai biết không? Không nhiều người biết. Nội nghe về Khổ, Không là không muốn nghe rồi, thích nào là nói toàn điều tốt. Rồi nguyên nhân của Khổ là gì, con đường diệt Khổ là gì v.v... thì nằm ở đâu? Chính là bộ chúng ta đang học đây, chính là nói về bốn điều đó.

Cả bộ giảng Vi Diệu Pháp hay bộ Luận Câu Xá thì chỉ nói về sự thật về Tứ thánh đế mà thôi. Cho nên không học thì làm sao biết được, mình cứ bay vô là muốn được quả. Quả là hết ba Kiết sử, nhưng khổ nỗi đây là nhân. Nhân này mình phải tu như thế này, rồi mình phải biết sự thật về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo, mà mình không biết. Người ấy biết như vậy, thấy như vậy thì ba Kiết sử liền dứt sạch. Còn mình vô là mình tu điều này, trong khi đó mình không có nhân. Đó là những điều mà Phật tử ngày nay phạm phải, là không chịu tu nền tảng mà vào đã muốn học cao sang. Muốn thành tựu cao [trong khi] mình không có nền tảng. Như mình chưa học lớp một mà đòi đăng ký thi tốt nghiệp Tiểu học, kiểu vậy đó.

Cho nên đấy là lý do tại sao Thiện Trang phải trích dẫn kinh điển. Chỉ có trích dẫn kinh điển thì mới đầy đủ như vậy. Còn nếu không thì cứ nói, để chứng

Sơ quả Tu-đà-hoàn thì chỉ cần đoạn ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi. Nhưng khổ nỗi đằng trước đó là gì thì không nói. Làm sao [để] đoạn Thân kiến, làm sao đoạn Giới cấm thủ, làm sao đoạn Nghi? Thì đằng trước đã nói. Cho nên cực kỳ quan trọng. Quý vị thấy không? Nền tảng này chỉ có bộ giảng này Thiện Trang nói, Thiện Trang giảng bộ Luận Câu Xá này, học một bộ này là tu cũng kha khá, đủ hết các nền tảng. Và [Thiện Trang] đã sắp xếp một trình tự để cho quý vị học dễ.

Như vậy muốn chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn phải trừ được ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Mà muốn được như vậy thì [phải] có nền tảng đằng trước. Bây giờ muốn chứng Nhị quả thì sao? Ở đây nói tiếp :

1.5. Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp (quý vị thấy đây là nhân, chưa tu những điều này mà vào đã lo tu những điều kia). **Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo** (phải có Tứ đế)**. Biết như vậy, thấy như vậy, ba Kiết liền dứt sạch. Đó là, Thân kiến, Giới thủ, Nghi; ba Kiết đã dứt sạch** (tới đây mới là Sơ quả Tu-đà-hoàn). **Dâm, nộ, si vơi mỏng** (tức là ba yếu tố nữa: Dâm, nộ, si vơi mỏng, vơi mỏng chứ chưa hết). **Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng** (tức là phải sanh lên cõi Trời, cõi Người một lần nữa. Hoặc là từ nhân tu, có thể nhân tốt thì tên cõi trời Dục giới, hoặc là ở cõi Người một lần nữa). **Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.**

Quý vị thấy đây là Tu-đà-hoàn trở thành Tư-đà-hàm. Quả vị Tư-đà-hàm là dứt ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Ba Kiết sử này hết rồi, sau đó còn phải làm vơi mỏng tức là làm giảm nhẹ đi đối với dâm, nộ, si. Đối với chữ dâm này thì có chỗ khác nói là tham dục. Ở đây thì nguyên văn là dâm, nộ, si. Nộ

là sân si, tức là đối với tham, sân, si giảm bớt. Có khi giảm bớt gọi là hai Hạ phần Kiết sử là Tham và Sân giảm bớt. Có chỗ nói như vậy. Thật ra là dâm dục cũng phải bớt, bớt thôi chứ chưa hết, cho nên vẫn còn ở Dục giới.

Đó là Nhị quả Tư-đà-hàm. Bây giờ chúng ta tìm hiểu Tam quả A-na-hàm thì thế nào:

1.6. Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm Hạ phần Kiết dứt sạch (tức là dứt sạch được năm Hạ phần Kiết sử)**. Đó là Tham dục, Sân nhuế, Thân kiến, Giới thủ, Nghi.** (Năm Hạ phần Kiết sử là Tham dục, Sân nhuế (là sân hận) Thân kiến, Giới thủ, Nghi. Ở đây thật ra chỉ thêm hai [Kiết sử] là Sân và Tham dục thôi). **Năm Hạ phần Kiết dứt sạch rồi, sanh vào cõi ấy, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thoái, không trở lại thế gian này nữa.**

Đó chính là Tam quả A-na-hàm, người ta sẽ sanh vào cõi ấy. Cõi ấy đó chính là Ngũ Bất Hoàn Thiên. Năm tầng trời Bất Hoàn gồm: trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Sắc Cứu Cánh. Năm tầng trời đó tùy vào công phu tu tập. Ở đây không nói rõ, nhưng tùy vào công phu tu tập mà mỗi người có thể lên tầng trời nào trong năm tầng trời đó. Ở trong bộ Luận Đại Tỳ Bà Sa có nói rõ hơn nữa. Ngoài năm cõi đó có thể người ta còn lên được cả trời Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tại vì công phu của những người đó cao cỡ đó, cho nên họ lên đó được. Và họ lên đó xong rồi thì họ sẽ chứng A-la-hán nhập Niết-Bàn.

Thiện Trang nói một cách đầy đủ là như vậy, cho nên lâu lâu chúng ta phải học để Thiện Trang nói. Và những bộ chuyên giảng về giáo pháp này thì mới nói được, chứ mấy bộ khác nói mất thời gian quá, chúng ta chỉ nói ngắn ngắn thôi. Còn bên đây là mình học chuyên về giáo pháp, ai học được thì học, còn ai không học nổi, thấy giảng giáo pháp [cao] quá, chưa đủ căn cơ thì thôi từ từ học sau.

Đấy là mình cứ hiểu như vậy.

Đó là người ngoi lên rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ kia. Như người chìm trong nước ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

Đây là Tam quả A-na-hàm. Ví dụ cuối cùng chính là Tứ quả A-la-hán.

1.7. Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là người Bà-la-môn đứng trên bờ? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu.

[Quý vị] nhớ đây là tâm giải thoát thôi nha. A-la-hán này là A-la-hán Tâm giải thoát, chứ đức Phật không nói Tuệ giải thoát hoàn toàn, mà nói như thế thôi, là tiêu chuẩn thấp nhất. Dục lậu là Phiền não ở cõi Dục, Hữu lậu là Phiền não ở cõi Sắc [giới], Vô minh lậu là Phiền não Vô minh.

Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Vậy là xong, hết việc, A-la-hán được tới đây. Và trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya thì thông thường chúng ta thấy tinh thần là nói như thế. Và các vị Sư bên Nam truyền thông thường cứ chụp tới đó rồi nói rằng: "Như vậy là xong, hết rồi! Không còn làm gì nữa", cho nên không có gì hết.

Còn bên Đại thừa, những người tu theo căn tánh Đại thừa, đặc biệt như Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta hãy lấy Kinh Lăng Nghiêm làm chuẩn, Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: Những người chứng A-la-hán rồi, vẫn có một số người (hay nói

là có nhiều người) căn tánh Đại thừa, tiếp tục phát tâm Bồ-đề để tu tiếp, chứ họ không nhập Niết-Bàn. Đó là lời trong kinh, quý vị coi trong Kinh Lăng Nghiêm là có, gọi là Độn căn A-la-hán và Lợi căn A-la-hán. Độn căn là họ nhập Niết-Bàn, còn hàng Lợi căn thì họ tiếp tục update [(nâng cấp)] lên làm Bồ-tát Đại thừa để tu tiếp.

Bên Nam truyền người ta không chấp nhận tư tưởng đó. Nhưng chúng ta nếu học cả hai tư tưởng thì chúng ta thấy như vậy. Thiện Trang theo tư tưởng Kinh Lăng Nghiêm, Thiện Trang tin cả kinh Đại thừa. Cho nên là học Tiểu thừa cũng học, mà học Đại thừa cũng học. Bởi vì thật ra trong kinh Tiểu thừa đâu có phủ nhận [kinh] Đại thừa. Quý vị thấy đâu có phủ nhận, chẳng qua là không thấy nói tới [mà thôi]. Còn mấy vị Sư Nam truyền tự khẳng định như vậy thôi, chứ đâu phải Phật nói vậy đâu, đúng không ạ? Mình phải tin Phật. Với lại mình phải có sự kiểm nghiệm. Kiểm nghiệm thì phải tu chứng mới kiểm nghiệm được, chứ còn bây giờ quý vị nói không [không] [thì] làm sao được. Ai có duyên thì người ta sẽ kiểm nghiệm được.

Đó là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vị Bà-la-môn đứng trên bờ. Như người chìm trong nước, ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

(Trích Từ Kinh Thứ 4 - KINH THỦY DỤ (1) – Thuộc Trung A Hàm).

Quý vị có thể mở bộ Kinh Trung A Hàm ra, ngay đầu kinh, Kinh Thứ 4 - Kinh Thủy Dụ. Quý vị thấy khi giảng, Thiện Trang thích cách giảng là trích dẫn kinh điển. Tại vì Thiện Trang thấy sợ nhất, có những người tóm tắt lại kinh điển rồi nói ý ở trong kinh đó nói như vậy. Nhưng một hồi mình đọc trong kinh thì có những ý khác nữa. Thậm chí có người nổi tiếng đã xuất bản những cuốn sách như Toát yếu kinh nào đó v.v… đủ thứ. Hồi xưa mình cũng coi, lúc đó mình mới [học Phật nên] ngơ ngơ ngác ngác, nhào vô coi, coi xong rồi một thời gian sau mình kêu: “Sao kinh Phật ngắn thế nhỉ! Mình phải coi kinh gốc thử xem”. Coi

xong mới tá hỏa ra, hóa ra có rất nhiều chi tiết quan trọng mà không có trích trong đó.

Ví dụ Thiện Trang nói đơn giản thôi, thông thường Thiện Trang giảng cứ nói đoạn mấy Kiết sử này thôi, trong khi dòng chữ đỏ này là tu đó, mà không có là chết rồi, đúng không quý vị? Tại vì mình phải bắt đầu từ tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, rồi phải vững chắc như thế. Rồi phải biết như thật về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo, phải tu những điều đó rồi mới dứt được mấy Kiết sử. Mà mình bỏ mất khúc đó rồi, mình nói tắt, người ta nghe thì người ta thấy cũng được, ngắn gọn, ngon lắm. Nhưng tu thì sao? Tu không được. Cho nên ai giảng kinh mà không trích dẫn kinh thì cẩn thận. Hãy cẩn thận với cách như thế. Mình chưa phải là chư Thánh, thì việc trích dẫn đó có thể thiếu sót, nên cẩn thận như vậy.

Và có rất nhiều người hiểu theo một ý nghĩa khác nữa, đó là diễn một hồi [dẫn] đi đâu. Thiện Trang thấy ai mà giảng kinh kiểu đó thì Thiện Trang không thích coi. Thiện Trang thích cách trích dẫn kinh, rồi thà anh hiểu sai, anh nói sai cũng được. [Tuy] anh nói sai nhưng tôi học theo dòng chữ đó, nên tôi cũng hiểu ra được những điều mà anh nói sai, tôi phát hiện ra, và tôi sẽ không bị thiếu, bởi vì tôi đọc kinh Phật.

Cho nên đừng thụ động quá mức nha. Thụ động quá mức, y nhân quá mức, rồi ngày nào đó mình sẽ ngã ngửa bởi vì sự quá mức đó. Và Thiện Trang đã rút kinh nghiệm, Thiện Trang thường trích dẫn nhiều nhất có thể về một bộ kinh. Ví dụ như bộ kinh này Thiện Trang đã trích dẫn, đã nói ở một lần khác, nhưng lần này thì lại khác. Có thể lần sau Thiện Trang cắt khúc khác đưa vô, để phù hợp với nội dung đang cần. Tức là mình vẫn không lấy trọn vẹn được bởi vì dài quá, [Thiện Trang] không phải giảng kinh [đó], nhưng mình có quyền lấy khúc này của kinh đó, khúc này của kinh kia v.v… những điều cùng một chủ đề gom lại thì hiệu quả rất lớn. Thiện Trang nghĩ như vậy, còn quý vị nghĩ như thế nào thì tùy quý vị nha!

Đoạn trên đã nói như vậy, ở đây chúng ta cũng nên nói Ngũ Hạ phần Kiết sử và Ngũ Thượng phần Kiết sử theo kinh. Phải có trong kinh, chứ không chúng

ta cứ nói hoài [ở đâu đâu]. Ở trong Kinh Chúng Tập - Kinh Trường A Hàm có nói như thế này.

Ngũ Hạ Phần Kiết sử và Ngũ Thượng Phần Kiết sử

5. PHÁP NĂM

Như Lai nói năm Chính pháp, tức là năm xứ: mắt, sắc; tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, xúc.

Lại có năm pháp tức là năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn.

Lại có năm pháp, tức là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thụy miên cái, trạo cử cái, nghi cái.

Lại có năm pháp tức là Năm hạ Phần kiết: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham dục và Sân nhuế.

Lại có năm pháp tức là năm Thuận thượng Phần kiết (ở đây thêm chữ Thuận cũng không sao)**: Sắc ái** (Sắc ái kiết)**, Vô sắc ái** (Vô sắc ái kiết)**, Vô minh, Mạn, Trạo hối.**

(Kinh Chúng Tập - Kinh Trường A Hàm).

Đây là ở trong kinh Phật hoàn toàn, chứ không phải mình tự bịa ra được. Những danh từ này giới thiệu thôi chứ Thiện Trang đã giảng hồi lâu rồi. Quý vị nói thầy chỉ trích dẫn Kinh A Hàm, [còn] Kinh Nikaya đâu? Kinh Nikaya còn nói nhiều nữa, ở đây Thiện Trang trích dẫn luôn: **Ngũ Hạ Phần Kiết sử và Ngũ Thượng Phần Kiết sử** theo kinh Tăng Chi:

(10.13) Kiết sử: Saṃyojana

- Này các Tỷ-kheo, có mười Kiết sử này. Thế nào là mười? Năm Hạ phần Kiết sử, năm Thượng phần Kiết sử. Tức là năm Hạ phần và năm Thượng phần là mười.

- Thế nào là năm Hạ phần Kiết sử? Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Dục tham, Sân. Đây là năm Hạ phần Kiết sử. Như vậy những điều Thiện Trang nói

là hoàn toàn căn cứ theo kinh.

- Thế nào là Năm Thượng Phần Kiết sử? Sắc ái, Vô sắc ái, Mạn, Trạo cử, Vô minh. Đây là năm Thượng phần Kiết sử.

- Này các Tỷ-kheo, đây là mười Kiết sử.

(Trích từ Kinh Tăng Chi - Tạng Nikaya).

Đây là trích từ kinh, quý vị có thể tìm rất rõ ràng, cho nên không thể nói sai được. Bây giờ tu điều nào để chứng [Thánh] thì đoạn vừa rồi đã nói, nên Thiện Trang làm bảng tổng kết luôn cho quý vị, tại vì thật ra mình chỉ cần bảng này nhìn vào là đủ.

	Tu Thiền Quán - Phiền Não Cần Đoạn Để Chứng Thánh									
	Hạ phần Kiết sử					**Thượng phần Kiết sử**				
	Thân kiến	Giới cấm thủ	Nghi	Tham	Sân	Sắc ái kiết	Vô sắc ái kiết	Mạn	Phóng dật	Vô minh
Sơ quả (Tu-đà-hoàn)	x	x	x							
Nhị quả (Tư-đà-hàm)	x	x	x	Giảm	Giảm					Giảm
Tam quả (A-na-hàm)	x	x	x	x	x					

Tứ quả (A-la-hán)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Thiện Trang chia ra bên này là Hạ phần Kiết sử, và bên này là Thượng phần Kiết sử. [Hạ phần Kiết sử] gồm có Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham, Sân. [Những điều] này gọi là Ngũ Hạ phần Kiết sử. Còn Sắc ái kiết, Vô sắc Ái kiết, Mạn kiết, Phóng dật kiết và Vô minh kiết. Chỗ [Phóng dật kiết] này có khi gọi là Trạo cử kiết, ở đây ghi chữ Phóng dật kiết cũng không sao. Trạo cử với Phóng dật, từ đó có khi chỗ này dùng, chỗ kia không dùng.

Để chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì quý vị đoạn giùm ba [Kiết sử]: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Điều này chắc quý vị thuộc rồi, Thiện Trang đã giảng trong bài, rất nhiều đồng tu cắt [đăng] lên mạng, bài nói về Sư Minh Tuệ đó. Thiện Trang có nói rồi, đã phân tích rất rõ, liên hệ thực tế luôn, cho nên quý vị có thể nhớ được điều này. Nếu không thì đợi ngày nào đó Thiện Trang sẽ giảng lại thế nào là Thân kiến, thế nào là Giới cấm thủ, thế nào Nghi. Đoạn hết [ba điều đó] thì quý vị chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Nhị quả Tư-đà-hàm thì chỉ cần làm được ba điều đó, thêm giảm Tham và Sân. Có chỗ như hồi nãy thì giảm bớt Vô minh nữa, nhưng tất nhiên là sẽ có giảm ở đây, mình có thể hiểu như vậy. Còn có chỗ thì chỉ nói giảm hai điều [Tham và Sân] thôi. Tất nhiên là với trí tuệ của một vị Sơ quả Tu-đà-hoàn thì tự nhiên giảm được Vô minh rồi. Yên tâm! Mình tu được phần nào sáng suốt thì bóng tối bị đẩy lùi. Giống như trong phòng, đèn càng sáng thì bóng tối trong căn phòng càng ít đi đúng không ạ? Cũng vậy, một người khi Kiến đế thì Vô minh sẽ giảm, mà [chứng quả] càng cao hơn thì [Vô minh] càng giảm hơn. Đơn giản vậy thôi, cho nên không lo. Điều quan trọng là mình đoạn các Phiền não [năm Hạ phần kiết sử] ở đằng trước.

Thứ ba là Tam quả A-na-hàm thì cũng vậy, là đoạn Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, và đoạn luôn hết Tham dục và Sân nhuế.

Thứ tư là Tứ quả A-la-hán thì đoạn hết 10 Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham, Sân, Sắc ái kiết, Vô sắc Ái kiết… Sắc ái kiết đây chính là sự ham thích ở cõi trời Sắc giới. Mình còn thích thân thể, là mình còn muốn hiện hữu. Nếu không thích hiện hữu mà muốn sống về tinh thần, gọi là Vô sắc Ái kiết, thì phải đoạn điều này. Rồi Mạn (là Ngã mạn) thì phải là A-la-hán mới đoạn được. Cho nên đừng nói tại sao thầy nhiều ngã mạn (Mạn). Xin lỗi quý vị! A-la-hán thì mới hết nha, còn [chúng ta] chưa đâu. Mạn này là như thế nào thì từ từ chúng ta học.

Phóng dật kiết hay gọi là Trạo hối kiết, có khi gọi là Trạo cử kiết. Ba chữ đó thì A-la-hán mới làm được. Điều này khó! Lâu lâu tâm mình phóng đi chỗ này, phóng đi chỗ kia, tức là mình không làm chủ tâm hoàn toàn được 100%. Có lúc sẽ có những điều khác xen vào liên tục nên gọi là Phóng dật kiết (Trạo cử). Còn Vô minh là căn bản Phiền não, điều này thì chỉ A-la-hán mới dứt hết.

Chúng ta đã có bảng này thì chúng ta dễ nhớ. Cho nên giảng chuyên giáo pháp tu chứng, chuyên giáo pháp giải thoát, Thiện Trang thích giảng như thế này. Còn giảng [thế gian] thì cứ quay qua quay lại, nói một hồi thế gian gì đó... ngán lắm! Thật sự Thiện Trang thích giống như dòng sông Hằng đổ về phía Đông. Thôi mình nói ở Việt Nam đi, các con sông Việt Nam đều đổ về biển Đông cả, không thay đổi. Cũng vậy, do lâu năm, lâu ngày học giáo pháp Phật, tu tập trong giáo pháp Phật, bây giờ [có người] cho 10 lượng vàng hay 100 lượng vàng, hay cho hết tài sản của thế giới này, bảo: "Thôi thầy về lấy vợ đi", thì [Thiện Trang] cũng không chịu đâu. Tại vì sao? Bởi vì mình đã thích đi con đường này rồi, mình đã hướng về đó rồi, thì không chịu nữa đâu. Bao giờ mình học được như vậy thì mới được. Chứ còn quý vị học mà mới bị dụ một chút là thích rồi, là chạy theo rồi, thì không xong đâu nha.

Thiện Trang tranh thủ hôm nay giới thiệu một điều, tức là trong 10 điều này Thiện Trang sẽ giới thiệu hết nhưng hôm nay chỉ giới thiệu [một] điều, và cũng theo kinh. Đó là Thân kiến là gì? Hôm trước Thiện Trang đã giới thiệu ở trong Kinh A Hàm rồi, ở trong bộ giảng khác. Hôm nay [Thiện Trang] giới thiệu lại, nhưng không phải Kinh A Hàm mà là Kinh Nikaya, một bộ kinh khác để quý vị biết Thân kiến là gì. Ở đây nói ngắn hơn.

Thân kiến là gì?

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là có Thân kiến? Chúng ta muốn phá Thân kiến đúng không? Mình phải hiểu Thân kiến là gì.

- Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ bậc Thánh, (quý vị hiểu "vô văn" là gì không? Có nhiều người không hiểu chữ "vô văn phàm phu". Phàm phu thì [biết] rồi, nhưng #vô văn: vô là không có, văn là nghe; nghĩa là không nghe pháp, không hiểu pháp, thậm chí là không nghe được) **không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân.**

Đoạn này là nói nguyên nhân. Vậy bây giờ mình muốn hiểu thế nào là Thân kiến, thì mình phải cố gắng nghe. Phàm phu mình phải nghe, phải biết bậc Thánh, phải thuần thục pháp các bậc Thánh, rồi tu tập pháp các bậc Thánh, rồi phải thấy rõ các bậc Chân nhân (là bậc A-la-hán trở lên), phải thuần thục các pháp đó, tu tập pháp đó, rồi mới vô tới [phá] Thân kiến được. Chúng ta thấy những đoạn này là cơ sở, nhưng đoạn này Thiện Trang cũng thấy không quan trọng lắm, [mà] chúng ta phải bắt đầu từ đây.

Quán sắc như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có sắc, hay quán sắc ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc... thọ... tưởng.. hành... quán thức như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có thức, hay quán thức ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là có Thân kiến.

(Trích từ Phẩm Những Gì Được Ăn - Tương Ưng Uẩn (d) – Kinh Tương Ưng – Tạng Nikaya)

Như vậy quý vị có hiểu không? Nếu quý vị chưa nghe những bộ giảng trước thì chỗ này quý vị không hiểu. Chỗ này đơn giản thôi, thật ra là Thân kiến gồm có năm điều: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Sắc là thân thể này. Thân Tứ đại bình thường này gọi là Sắc. Nếu mình có quán, cho rằng thân thể này chính là ta, tự ngã chính là ta. Rồi cho rằng thân này có ta trong đó. Hay là quán tự ngã ở trong Sắc, tức là ta ở trong thân này. Nếu

quý vị [cho là như] vậy, là bị dính một điều.

Rồi tương tự, Thọ là cảm nhận của mình. Mình cho cảm nhận nóng, lạnh, mưa, gió, ấm êm hay cảm nhận gì đó... là chính mình. Và mình cho chính mình ở trong cảm nhận đó, cho hai điều đó là một, thì đó cũng thuộc về Thân kiến.

Tưởng cũng tương tự như vậy. Tưởng là những sự biết của mình về quá khứ, sự biết về tương lai, tưởng tượng tùm lum hết. Mình cho Tưởng đó là mình, mình sống với nó lâu quá rồi, mình tưởng như vậy cho là mình hết. Chính như vậy, đó là Thân kiến.

Tương tự Hành và Thức cũng là như vậy. Hành nói đơn giản là khái niệm thiện ác trong những tư duy, suy nghĩ của mình. Mình cho đó là mình, rồi mình quán. Thông thường chúng ta cho đó là mình hết. Khi nào chúng ta nghĩ rằng: những cảm nhận [Thọ], [Tưởng] là sự biết của mình về vấn đề nào đó, hoặc mình tưởng tượng về tương lai, hoặc Hành là khái niệm thiện ác của mình, cho đến Thức là những sự biết về vật chất, về những gì mình tiếp xúc qua. Đến khi nào quý vị nghĩ rằng đó là sự biết bởi do Vô thường và do duyên tạo nên, đó không phải là ta. Đó là do nhiều yếu tố hợp nên, nên ta mới biết như vậy. Ví dụ đời này do Thiện Trang với quý vị đều ở Việt Nam, ai cũng nói đây là cuốn sách, nhưng người Anh nói 'this is a book' (đây là cuốn sách), rồi người khác cũng nói như vậy. Tức là những quan điểm, những gì đó, chúng ta đã mặc định là như vậy. Vì nghĩ như vậy mà cho đó là mình, những điều đó thuộc về Thân kiến.

Cho nên không dễ đâu quý vị, mình phá Thân kiến là cực khó. Hồi xưa Thiện Trang cứ nghĩ Thân kiến chỉ là cái thân thể thôi, thân thể thì dễ quá, mình học đến lúc nào đó thì mình biết thân thể này không phải là ta, bởi vì sao? Đời này là thân này, đời sau lại thân khác, đời trước là thân khác, thì đến lúc nào đó mình cũng chấp nhận rằng thân này không phải là ta. Và thân xác này không phải là ta, thì mới phá được một trong năm điều của Thân kiến mà thôi. Cho nên tại sao chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn khó, khó là nằm ở chỗ Thân kiến này. Chứ còn Giới cấm thủ và Nghi thì không khó, Giới cấm thủ và Nghi nếu có tu tập, có học, đến một lúc nào đó thì có thể phá được.

Nhưng Thân kiến mà Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì cực kỳ khó phá, bởi vì

sao? Vì mình quá quen rồi, mình thấy bây giờ có ai nói nóng không phải là ta đâu. Mình cảm nhận thấy trời hôm nay nóng quá, trời hôm nay lạnh quá: "Ôi tôi bị nóng quá, tôi bị lạnh quá", quên mất rằng sự cảm nhận đó là do giả hợp mà tạo nên. Khi nào mình phát hiện ra: Điều này không phải, đây là do ở trong môi trường đó, do tôi ở nơi đó v.v… thân thể đó, nên thấy nóng, lạnh như vậy. Chứ còn thực tế, nếu tôi không phải là thân thể này, tôi không ở nơi này v.v… thì sẽ không [có cảm giác đó].

Cho nên Thiện Trang cứ cài trong điện thoại, chọn một loạt các thành phố, nào là Hà Nội, Bảo Lộc, Sài Gòn, Berlin, Paris, Vacsava v.v… Một số thành phố khác nhau trên thế giới, để mỗi lần mở nhiệt độ, Thiện Trang mở tới đó để thấy rằng: hóa ra không giống nhau. Để mình biết sự cảm nhận nhiệt độ, cảm thọ về nóng lạnh của mình là giả. Đó cũng là một cách để Thiện Trang nhắc nhở. Và nhắc nhở nhiều lần như vậy thì dần dần mình sẽ chấp nhận: sự cảm nhận này, tưởng tượng này, Hành, Thức này đều không phải là ta. [Quý vị] giác được như vậy thì dần dần phá được Thân kiến. Phá được Thân kiến thì mới có cơ hội vào được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cho nên Sơ quả Tu-đà-hoàn không dễ, không dễ ở đâu? Không dễ ở ngay Thân kiến.

Còn Nghi thì mình học hoài, tu hoài sẽ hết Nghi. Giới cấm thủ hồi xưa mình giữ là do mình bị tục lệ của dân làng, rồi Sư phụ dạy, huynh đệ dạy, cha mẹ dạy, xóm làng dạy v.v… Mình giữ mấy điều đó là mình bị Giới cấm thủ. Nhưng bây giờ mình học Phật pháp rồi, mình đổi lại, mình theo Phật hết, mình thấy mấy thứ đó là giả hết. Ví dụ như ở Việt Nam cứ lớn lên là phải lập gia đình, đó là Giới cấm thủ. Còn sống ở phương Tây thì chưa chắc họ lập gia đình. Cứ thời đại nào có mỗi kiểu nhìn khác nhau, đó là Giới cấm thủ.

Tu tập cũng vậy, rất nhiều người tu tập nghĩ là phải tu như vậy mới chứng quả. Thật ra không phải, ngày nào đó mình đọc kinh Phật mình hiểu ra, tu tập như vậy không phải, không chứng quả được, mà phải tu tập theo như vậy mới đúng được, theo trong kinh Phật dạy mới tu được. Đó cũng là quý vị đã bị dính vào Giới cấm thủ. Và phá Giới cấm thủ đó qua sự học tập lâu ngày, mình tu tập, mình trải nghiệm, thì mình phá được. Nhưng Thân kiến cực kỳ khó, khó nằm ở bốn yếu tố sau: Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Hôm nay Thiện Trang đã giảng như vậy, chắc quý vị hiểu rồi, quý vị rất rõ ràng về Thân kiến, mỗi lần chỉ giảng một chút thôi. Thực ra giảng sơ qua về Giới cấm thủ, nhưng lúc nào đó sẽ nói rõ các yếu tố này, thì mình sẽ chứng quả được. Thiện Trang nói sơ về Nghi, Nghi này là nghi ba yếu tố, hồi trước có giảng rồi, nhưng để bữa khác từ từ giảng, rồi dần dần giảng hết mười Kiết sử này.

Cho nên để giảng một bộ giảng về tu tập, vừa Thiền chỉ, vừa Thiền quán, điều này thuộc về Thiền quán. Bữa vừa rồi Thiện Trang đã giới thiệu qua 40 đề mục tu Thiền chỉ, và đem những gì trọng tâm để ở đằng trước, những gì chưa cần thiết để đằng sau. Để tu Thiền quán là phải học Duyên hệ, học Tâm sở v.v… Và để biết tu như thế nào thì phải học từng đề mục, từng thứ. Phải học như vậy thì mới tu được. Chứ mình nói vô tu, vô ngồi xếp bằng chút rồi gọi là tu, ngồi một chút niệm mấy tiếng Phật hiệu thì gọi là tu. Chưa đâu! Không phải đâu! Quý vị học chưa đủ, hành chưa đủ, Thiện Trang thấy có nhiều đồng tu tu hai mươi mấy năm rồi, không vô được chút nào hết, đó là vì sao? Vì mình không học, không hiểu, mình biết gì mà tu.

Mình cứ tự cho mình giỏi, nhất môn thâm nhập trường thời huân tu gì đó, nhưng khổ nỗi môn đó chưa vô được, môn đó không đúng. Quý vị đi trật cửa rồi, mà đòi nhất môn làm sao được, mình phải đúng hướng, đúng cửa. Trong kinh, luận, đức Phật có nói: Những người mà kiến (tức là thấy được, gọi là dấu tích), giống như thấy được dấu tích con thỏ, đã thấy dấu của con thỏ rồi, thì người ta mới đuổi theo con thỏ được. Còn mình chưa thấy con thỏ thì sao mà đuổi theo con thỏ được.

Cũng vậy, nếu mình chưa thấy được giáo pháp của Phật, thì làm sao mình có thể đi đúng đường được? Mà muốn thấy thì phải học. Vậy thì bao giờ thấy? Người nào mà thấy được, ngôn ngữ trong Kinh A Hàm gọi là "dĩ kiến đạo tích". #Dĩ kiến là đã thấy; #đạo tích là dấu vết, dấu tích của đạo. Người đó trong kinh, đôi khi giải thích gọi là đắc Pháp nhãn tịnh, tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn hướng (Sơ quả hướng), có khi là Sơ quả. Tại vì khi đã thấy được dấu tích rồi, thì bước tới mấy bước nữa thôi là thành công.

Bây giờ mình thấy dấu chân rồi, giống như mình đi tìm một con vật bị lạc,

tìm con ngựa hay con gì đó bị lạc trong bãi sa mạc. Nhưng mình đã thấy dấu chân rồi, ở trong bụi cây, hoặc mình nói trong khu rừng, mình thấy dấu chân rồi, thì mình tìm tới sẽ rất gần. Cho nên nếu như đã tìm được dấu tích của đạo pháp, có nghĩa là mình đã đúng đường, thì mình sẽ đến thôi, nên đó có thể gọi là Sơ quả hướng.

Còn bây giờ mình học bao nhiêu năm rồi, mình tu bao nhiêu năm, mình vẫn chưa thấy đạo, mình vẫn không biết đường tu, thì quý vị có tu hoài cả đời cũng vậy thôi. Giống như người đi lạc giữa bãi sa mạc Sahara mênh mông, hay lạc giữa rừng Amazon vậy, không biết lối ra. Cho nên quan trọng là phải tìm được lối, tìm được lối rồi, thì đi chắc chắn sẽ đến. Có đủ thời gian tu chứng thì người đó sẽ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đó gọi là Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Trong kinh [Phật] nói hết, mình không học mà cứ tự cho mình ngon, thì xong rồi.

Thiện Trang nói với quý vị, Thiện Trang cũng mất rất nhiều thời gian xưa nay. Thiện Trang bây giờ nghiên cứu Đại tạng kinh, Thiện Trang mới thấy là có quá nhiều thứ mà mình không biết, và có thể nói là mình cũng bị Giới cấm thủ rất nhiều. Bây giờ thì biết rồi, không sao, giờ mình có thể thay đổi. Cho nên cố gắng học, không học nhiều đâu, bữa nay mới bài 19 thôi, đâu có nhiều đâu, mà Thiện Trang cung cấp cho quý vị rất nhiều điều, nên giảng chừng mấy chục bài là ok rồi, là đủ khá khá nền tảng [để] tu rồi.

Như thế nào là có Thân kiến, ở đây trích từ **Phẩm Những Gì Được Ăn trong Tương Ưng Uẩn - Kinh Tương Ưng - Tạng Nikaya**. Thật ra đức Phật nói về Thân kiến này nhiều lần lắm, nên chúng ta thấy cách nói này giống như cách nói trong Kinh A Hàm, ngôn ngữ có khác một chút thôi, nhưng [nội dung] giống nhau.

Đó là phần thứ nhất Thiện Trang cung cấp theo Tạng kinh. Phần thứ hai chúng ta sẽ tới phần Tạng A Tỳ Đàm, chúng ta đang học Tâm sở. Hôm nay sẽ tiếp tục giới thiệu cho quý vị về các món Tâm sở. Tâm sở trong A Tỳ Đàm có 52 món, quý vị nhớ 52 món Tâm sở gồm có: 13 món Tâm sở Tợ tha, 14 món Tâm sở Bất thiện và 25 Tâm sở Tịnh hảo. Và 52 món Tâm sở này kết hợp một hồi thì ra 121 [loại tâm]. Kết hợp như thế nào để ra 121 [loại tâm] thì quý vị từ từ rồi học, quý

vị đừng thắc mắc, rồi ngồi cộng một hồi không ra con số 121. Không phải! Có cách ở trong đó, sau này mình tìm hiểu sau, đừng có vội thắc mắc.

Hôm bữa chúng ta đã tìm hiểu về 13 Tâm sở Tợ tha, tức là nó nương theo điều khác, gồm 7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh, Thiện Trang xin nhắc lại.

I. Tâm sở Tợ tha gồm 13 chia làm hai nhóm
I.A. Tâm sở Biến hành gồm 7: 1.Xúc; 2.Thọ; 3.Tưởng; 4.Tư; 5.Nhất hành (định); 6.Mạng quyền; 7.Tác ý
I.B. Tâm sở Biệt cảnh gồm 6: 1.Tầm; 2.Tứ; 3.Thắng giải; 4.Cần; 5.Hỷ; 6.Dục
II. Tâm sở Bất thiện gồm 14 chia làm hai nhóm:
II.A. Tâm sở Bất thiện Biến hành gồm 4: 1.Si; 2.Vô tàm; 3.Vô úy; 4.Trạo cử.
II.B. Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm 10:
1.Tham; 2.Tà kiến; 3.Ngã mạn; 4.Sân; 5.Tật (Tật đố); 6. Lận (che giấu);
7.Hối (Hối hận); 8.Hôn trầm; 9.Thùy miên; 10.Hoài nghi

I. Tâm sở Tợ tha gồm 13 chia thành 2 nhóm

I.A. Tâm sở Biến hành gồm 7: 1.Xúc, 2.Thọ, 3.Tưởng, 4.Tư, 5.Nhất hành (định), 6.Mạng quyền, 7.Tác ý. Bảy Tâm sở này luôn đi cùng khắp tất cả các tâm trong 121 loại tâm. Vì lúc nào nó cũng có mặt nên gọi là Biến hành, lúc nào cũng có, và nó nương tựa theo thằng khác nên gọi là Tợ tha. Tức là nó đi với nhóm thiện thì

thành thiện, mà đi với nhóm Tịnh hảo thì thành tốt đẹp.

I.B. Tâm sở Biệt cảnh: [Tâm sở] Biệt cảnh cũng vậy, Biệt cảnh thì không phải lúc nào cũng có trong các tâm khác, có thể [lúc] có, lúc không có. Chúng ta tìm hiểu về Tâm sở Biệt cảnh gồm có 6: 1.Tầm, 2.Tứ, 3.Thắng giải, 4.Cần, 5.Hỉ, 6.Dục. Các [Tâm sở] này đang nằm trong Biệt cảnh.

Hôm nay chúng ta sẽ vào 14 Tâm sở Bất thiện. 14 Tâm sở Bất thiện này có nhiều cách chia, ở đây tạm chia [theo] Biến hành và Biệt cảnh. Có 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành và 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh. Có nghĩa là ở đây có 4 Tâm sở này lúc nào [cũng] có mặt hết, miễn Bất thiện là có mặt. 4 [Tâm sở Biến hành] này dẫn đầu trong Bất thiện, là chủ trong những điều Bất thiện. Chúng ta học được 4 Tâm sở này, thì chúng ta biết ngay là Bất thiện lúc nào cũng có mặt 4 [Tâm sở Biến hành] này. Còn 10 [Tâm sở Biệt cảnh] sau này trong Bất thiện thì có lúc có, có lúc không. Sau này chúng ta sẽ học. Hôm nay Thiện Trang sẽ giới thiệu đủ 14 [Tâm sở Bất thiện] này, nhưng chỉ giới thiệu tên thôi, còn giảng thì giảng 4 [Tâm sở Biến hành] ở trên.

II. Tâm sở Bất thiện gồm 14 chia làm hai nhóm:

II.A. Tâm sở Bất thiện Biến hành gồm 4: 1.Si, 2.Vô tàm, 3.Vô úy, 4.Trạo cử.

II.B. Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm 10: 1.Tham, 2.Tà kiến, 3.Ngã mạn, 4.Sân, 5.Tật (tật đố), 6.Lận(che giấu), 7.Hối(Hối hận), 8.Hôn trầm, 9.Thùy miên, 10.Hoài nghi.

Chúng ta đọc qua cũng thấy quen hết đúng không quý vị? Đâu có gì lạ đâu, toàn là những [Tâm sở] quen. Bữa nay chúng ta sẽ cố gắng học về 4 [Tâm sở] này.

1. Tâm sở Si: Si là si mê, là sự hiểu biết mê mờ về nghiệp, quả của nghiệp, và về Tứ đế. Quý vị nhớ nha! Si ở đây định nghĩa trong Phật pháp không phải là si tình, không phải si là mờ mịt như thế nào đó, mà thế gian gọi là si tình. Si tình là yêu một cách mê mờ, không rõ ràng, ngơ ngơ ngác ngác, thì gọi là si tình. Còn ở trong Phật pháp thì không phải là si kiểu đó, mà là mê mờ về nghiệp, về quả của nghiệp, và về giáo pháp Tứ đế.

Vậy thì chúng ta có Si không? Nhiều người bây giờ cũng mê mờ về nghiệp lắm, không biết quả của nghiệp, giáo pháp Tứ đế cũng mê mờ luôn, cho nên đó mới gọi là Si. Si đó mới là Si của nhà Phật, không phải si kiểu mê mờ bình thường. [Si] được định nghĩa như vậy. Và Si này là nguyên nhân dẫn đến nhận định sai hay Tà kiến, từ đó mình tạo ra nhiều việc mang đến khổ và thống khổ cho đời sau. Vì Si cho nên mới khổ.

Thiện Trang lấy ví dụ là quý vị hiểu ngay, đơn giản vì chúng ta không hiểu về nghiệp, quả của nghiệp và [giáo pháp] Tứ đế, nên ta sinh ra đời ta [cảm] thấy tuyệt vời. Phải đi lập gia đình, phải kiếm một ngôi nhà xây, hai trái tim vàng, thêm mấy đứa con nữa, người ta gọi là một vợ, hai con, nhà ba lầu, xe bốn bánh, nói tóm lại là như vậy. Do điều đó mà ta đã khổ. Cho nên đó là Si. Si thì khổ thôi, vì không biết giáo pháp Tứ đế.

Giáo pháp Tứ đế nói rằng: Mọi sự hiện hữu trên đời này là khổ, còn ở trong này chắc chắn khổ thôi em ơi! Không thể nào [hết khổ]. Đời là bể dâu, đời là biển khổ, chắc chắn rồi! Không thể ở trong này mà không khổ. Có người nói: "Thưa thầy, nói vậy có sai không? Con thấy ở trên đời có những người sướng quá trời, sướng cực kỳ mà". Đức Phật nói: Người sướng nhất trên đời là Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương là được như ý, có đầy đủ bảy báu vật, muốn gì được nấy. Nhưng Chuyển Luân Thánh Vương có nỗi khổ của già, bệnh và chết, vẫn luân hồi tiếp. Cho nên đó vẫn là khổ.

Quý vị ở thế gian này, dù quý vị là người giàu nhất hành tinh, quý vị mua hết đảo Hawaii đi, khu đó đẹp lắm, cho quý vị mua hết luôn. Quý vị có ô tô rồi máy bay riêng, quý vị đi con đường riêng, quý vị thích đi đâu thì đi, cho quý vị đi chơi khắp thế giới luôn. Quý vị muốn ăn hải sản hay muốn ăn món gì, món ẩm thực gì trên thế giới đều cho quý vị hết. Cho quý vị sống như vậy 100 năm, rồi quý vị cũng đến ngày bệnh, già, chết, đúng không quý vị? Thế thì vẫn là khổ đấy thôi. Đó là quý vị chưa nhận thức được về Khổ.

Sự thật về Khổ là có hiện hữu trên đời thì phải khổ. Cho nên đức Phật nói có ba nỗi khổ là nói chung, hay là có tám nỗi khổ là chia riêng cõi Người: nào là Sanh khổ; Già khổ; Bệnh khổ; Chết khổ; ghét nhau mà gặp hoài nên khổ, gọi là

Oán tắng hội khổ; yêu thương mà không được nên khổ, gọi là Ái biệt ly khổ (yêu thương mà phải chia lìa cho nên khổ); cầu mà không được nên khổ, gọi là Cầu bất đắc khổ; điều khổ cuối cùng là Ngũ ấm xí thạnh khổ, tức là thân thể của chúng ta (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) biến đổi liên tục, lúc thì mạnh, lúc thì yếu, lúc thì điều này mạnh hơn điều kia.

Ví dụ như thân thể bệnh đau thì dễ nói rồi, nhưng bây giờ mình nói đến tinh thần. Tinh thần nhiều lúc cảm nhận hừng hực nên cũng khổ, mà cảm nhận lạnh, nóng, v.v… đủ các khổ. Những nỗi khổ đó mình phải nhận thức được. Mình phải biết được nguyên nhân từ đâu mà khổ, con đường giải quyết khổ đó như thế nào, và sau khi giải quyết [khổ] thì được niềm vui như thế nào. Mình phải nắm rõ được như vậy, đó mới gọi là không si.

Đó là nói về si. Còn Tâm sở Si là gì? Tâm sở Si là khi chúng ta làm tất cả những việc gì, như suy nghĩ, hành động (tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý), khi mình nghĩ trong đầu mà không có yếu tố của trí tuệ về nghiệp, không có yếu tố hiểu về quả báo của nghiệp, không hiểu về Tứ thánh đế, thì coi như mình đang si. Cho nên Si này khi nào [chuyển] thành trí tuệ thì mới không si. Vì vậy người ta nói đắc đạo A-la-hán dễ lắm, đắc Bát chánh đạo là được mà. Nhưng khổ nỗi hằng ngày tâm mình làm sao lúc nào cũng thường trực được trí tuệ về nghiệp, về quả của nghiệp, và về Tứ thánh đế. Khi nào trí tuệ về Khổ, Không, Vô thường cũng hiện tiền trong mọi suy nghĩ của mình, thì quý vị mới có được tuệ đó, gọi là Chánh tri kiến, Chánh tư duy mới có được.

Còn bây giờ mình đâu có. Cho nên không học giáo pháp nhuần nhuyễn thì làm sao có được, vừa khởi tâm động niệm là đã sai rồi. Đang nghe pháp đây, một chút đứa con tới đụng đụng, [kêu]: ‘Mẹ! Mẹ! Con cần cái gì đó…’ là nổi sân lên rồi. ‘Mày làm cái gì đó?’ Thì ngay lập tức mất [Chánh niệm]. Hoặc ông chồng chửi: ‘Làm gì mà nghe pháp suốt vậy?’ Là bắt đầu nổi xung lên rồi, thế thì không có [Chánh niệm] hiện tiền. Cho nên Tâm sở Si này thường xuyên đi với chúng ta, Tâm sở Si này là Vô trí đó. Cho nên mình làm những nghiệp đi với Vô trí như vậy, thì kết quả là đầu thai bằng tâm Vô nhân. Cho nên khó nha!

Học tới Tâm sở này rồi mới biết khó tu lắm! Làm sao được, đúng không?

Nên quý vị phải [biết] Tâm sở Si này là pháp dẫn đầu cho tất cả các Tâm sở Bất thiện. Và [Tâm sở] này cùng với ba pháp còn lại tức là Vô tàm, Vô úy và Trạo cử, phối hợp với tất cả Tâm sở Bất thiện, cho nên gọi là Biến hành. Và [Tâm sở] Si này dễ nhận thấy lắm, vì trái với Trí, và không biết rõ về các pháp Chân như, nói chung là vậy.

Chính vì vậy nên càng si bao nhiêu, thì đẩy cho mình đi càng xa với Chánh đạo bấy nhiêu, quý vị hiểu không? Tâm sở Si này nguy hiểm lắm, nó dẫn mình đi sai lúc nào [không biết]. Ví dụ đơn giản có những đồng tu không theo được Chánh pháp [là] vì sao? Vì Tâm sở Si này quá mạnh, nên họ nhận định sai về Thiện tri thức. Đáng lẽ họ theo thầy đó, nhưng họ không theo, họ thấy thầy đó không ok, họ phải theo thầy kia. Theo thầy tà tà một chút, mê mê một chút, đẹp trai, đẹp mã gì đó…. còn nghe thầy Thiện Trang thì [họ] không nghe được, [như thế] chẳng hạn, hoặc vì [điều] gì đó. Điều đó thuộc về Si. [Nên] là rất khó, có nhiều thứ lắm.

Và điều này luôn luôn xoay chiều. Nhân là mình thường huân tập với những điều trái với Chánh pháp. Mình càng gom nhiều, thì càng si nhiều. Cho nên hãy cố gắng làm sao để bớt si. Đó là thường xuyên học giáo pháp [về] nghiệp, giáo pháp về Tứ đế. Chỉ có học [hiểu] rõ đời là Vô thường, vô Ngã v.v… Quý vị coi, mai mốt mình học, đức Phật lúc nào cũng giảng Khổ, Không, Vô thường, vô Ngã. Cứ nhớ giùm bốn điều đó, làm sao hiện tiền trong đầu mình, và mình biết là ta đi với nghiệp của ta. Mỗi hành động trên tâm, trên thân của chúng ta đều kết nghiệp, và nghiệp đó mình phải nhận lấy.

Cho nên nếu như quý vị luôn luôn hiện tiền được suy nghĩ đó trong đầu (tức là mình luôn luôn nhớ được điều đó trong đầu) thì chúc mừng quý vị, quý vị đã vượt qua Si. Và như vậy quý vị sẽ liên tục tạo ra [nghiệp] đầu thai với tâm Tam nhân, ít nhất có thể tin tưởng điều đó, vì quý vị lúc nào cũng có trí tuệ. Và có thể quý vị sẽ đưa đến giác ngộ giải thoát, chứng quả. Quý vị kiểm tra thử quý vị làm được không nha! Chứ không mình nghe thấy tu thì dễ lắm, nhưng tới Tâm sở bắt đầu soi ra là rớt hết. Cho nên Thiện Trang hay nói: đa phần đồng tu chúng ta không học môn này, thì tu là tu trên hình tướng, tức là chỉ đoạn phần thô chứ không đoạn được phần tế. Tức là mình cứ nghĩ là mình có trí tuệ rồi đó, nhưng

cựa một cái, ví dụ như Thiện Trang nói, nhiều người thần tượng một vị thầy nào đó. Ngày nào đó mình nghe người khác nói thầy của mình sai rồi, [thì] nổi sân lên, không chấp nhận, rất là tức tối.

Đó là Tâm sở gì quý vị? Chính là [Tâm sở] Si chứ gì nữa. Nếu mình biết Chánh pháp, thì đúng sai đâu có quan trọng gì đâu, miễn đúng thì thôi. Còn thầy mình cũng là phàm phu, sai thì thôi. Nếu như mình hiểu được, [thì] mình không có si. Nói vậy thôi, [nhưng] [chúng sanh] si ghê lắm quý vị, phải huân tập lâu ngày thì dần dần mới bớt [được]. Thiện Trang nói quý vị phải nhận diện được Tâm sở Si nha! Và tiêu chuẩn ở đây là hiểu rõ về nghiệp, về quả của nghiệp, về [giáo pháp] Tứ đế. Bao giờ mình hiểu rõ được điều đó thì hết si, còn không thì vẫn còn si.

2. Tâm sở Vô tàm: [Vô tàm] là không có sự hổ thẹn, không mắc cỡ đối với chính mình, đối với lương tâm. Tức là [Tâm sở Vô tàm] này khiến cho chúng sanh làm việc sai trái về hành vi, về lời nói, về ý nghĩ, làm không đúng. Nhưng họ không cảm thấy xấu hổ, và họ cũng không tôn trọng đức của mình.

Cho nên trong Chú Giải nói là chẳng thẹn, chẳng mắc cỡ với cách làm xấu ác, thì gọi là Vô tàm. Có nghĩa ở đây mình phải giải [nghĩa] hai điều: Một điều là Vô tàm, và một điều là Vô úy. Vô tàm là quý vị làm sai mà quý vị cảm thấy trơ trơ, không có gì hết. Nghĩ sai, làm sai, làm bậy, rồi tỉnh bơ, không có gì hết, kêu: "Ôi! Có gì xấu hổ đâu". Cho nên nói chuyện vui vui là: con không phải tuổi hổ, con tuổi con trâu, cho nên không có xấu hổ. Con hổ xấu thì kệ nó chứ, con [là] con trâu mà, kiểu vậy đó. Đó là không phải! Tức là mình không cảm thấy áy náy, ray rứt với những việc làm sai, những hành động sai, suy nghĩ sai. Người như vậy gọi là không có hổ thẹn, tức là Vô tàm. Tức là lương tâm bị trơ rồi, hồi xưa ngôn ngữ ngoài đời gọi là "bị chó gặm rồi, chó ăn mất rồi", kiểu vậy đó, nên làm sai [mà coi như] không có gì hết.

Ví dụ như xã hội hiện nay người ta phá giới, mình thấy ở Việt Nam bây giờ hay tà dâm. Tà dâm tức là họ có vợ, có chồng rồi, mà họ còn đi ra ngoài, họ cứ quan hệ tùm lum hết, nhưng họ cứ tỉnh bơ, cho đó là bình thường, đó là không có ray rứt. Còn người có ray rứt, có một chút lương tâm, có Tàm là họ về thì họ

cảm thấy sao sao, cảm thấy bất an, trái với [lương tâm] mình. Mình có lỗi với chồng, có lỗi với vợ, có lỗi với con, v.v…. Nếu quý vị là người chưa có gia đình thì quý vị cảm thấy có lỗi với cha mẹ v.v… Còn chúng ta học Phật pháp rồi, chúng ta cảm thấy có lỗi với Phật, Bồ-tát, Thiện tri thức của mình. Nếu mình còn có tâm đó, thì mình còn có tâm Tàm. Còn bây giờ không có điều đó là thôi, không có [tâm Tàm] luôn.

Tâm Tàm này ở trong A Tỳ Đàm đưa ra một ví dụ như thế này: "Như một con lợn ở trong làng, không cảm thấy ghê tởm trong việc ăn phân người. Cũng thế, Vô tàm không cảm thấy ghê tởm trong việc phạm vào những ác nghiệp". Tức là làm việc ác [như]: sát sanh, trộm cướp, rồi làm đủ những việc ác, mà họ không cảm thấy ghê tởm, ghê sợ. Tức là tự mình thôi, tự mình cảm thấy không sợ gì hết, không áy náy lương tâm, thì như vậy là Vô tàm. Đó là bất thiện, và bất thiện này rất rõ ràng, là trạng thái không hổ thẹn với việc làm ác, khiến đưa đến làm nhiều việc bất thiện, việc ác. Và điều này sẽ thành tựu tăng trưởng các việc ác, tăng trưởng việc ác thì việc lành cũng dễ bị giảm. Bản chất (nhân) của [việc đó] là thiếu tôn trọng đức của mình, cho nên người tôn trọng đức của mình thì người ta sẽ không có điều đó, tức người ta sẽ có tâm Tàm. Mình tự đánh giá mình, lúc nào mình cũng thấy mình ok, mình cũng tốt đẹp mà v.v… lúc nào cũng cảm thấy vậy. Mà không cảm thấy áy náy là: À! Hôm nay ta đã lỡ làm một việc sai v.v… Mà [vẫn] cảm thấy bình thường, không có hổ thẹn. Người tu hành nhiều thì người ta sẽ có tâm Tàm, chứ không phải Vô tàm.

3. [Tâm sở] Vô úy: chữ #úy là ghê sợ; Vô úy có nghĩa là không có ghê sợ, không có sợ hãi. Tức là khiến cho một chúng sanh không có sợ hãi trong việc phạm vào những hành vi, lời nói bất thiện, và không tôn trọng ân đức của tha nhân (tức là người khác).

Úy là mình sợ tiếng của dư luận, có nghĩa là mình làm việc gì mình cũng phải sợ dư luận, thì gọi là Úy. Úy là mình sợ bên ngoài. Còn Tàm là tự [áy náy với] mình thôi, nhiều việc mình làm xấu có ai biết đâu, nhưng mình vẫn cảm thấy áy náy lương tâm thì đó là Tàm. Còn việc này mình làm ra, mình sợ thiên hạ biết: Tôi là Đông Tây Cư sĩ, nhưng tôi sợ mất cái danh đó quá, vì tôi làm việc đó mang tiếng. Rồi mình sợ thiên hạ biết, nói chung là sợ những tiếng gì đó, thì đó là Úy.

Nếu như không có sợ: Thôi kệ! Thiên hạ nói mặc kệ, đạp lên dư luận mà sống, kiểu vậy đó. Những người như vậy thông thường là họ không có Úy, mà thông thường cũng đẩy chúng sanh đi vào đường ác rất nhanh.

Cho nên có ví dụ: giống như những con thiêu thân, con bướm cứ bay vào ánh đèn mà chết. Tức là nó thấy thích cái nào thì bay vào thôi, không sợ bay vào đó [sẽ] nóng, chết. Bao nhiêu con chết rồi [mà] nó không sợ, cứ bay vô thôi. Tâm sở Vô úy này cũng vậy, chỉ cần thích điều gì đó [là] bay vô, và bất chấp những hoàn cảnh xung quanh. Cho nên Úy là không sợ những điều bên ngoài. Và những người mà không sợ những điều bên ngoài thì thông thường ác pháp lên rất nhanh, thời nay cũng có như vậy.

Cho nên người tu tập phải có tâm Tàm, tâm Úy. Tức là mình phải có xấu hổ, hổ thẹn với bản thân mình, mình xấu hổ với gia đình, xã hội, v.v… Tại vì mình thấy mình là một người con trong nhà, đâu thể như thế được. Mình là một người học trò, đâu thể như vậy được, gọi là không xứng đáng với thầy của mình. Nếu mà thầy mình biết thì mình sẽ xấu hổ lắm v.v… Những người có những điều đó thì gọi là có Úy. Còn nếu không có, thì: Ôi! Mình sợ gì, thầy đâu có liên quan tới mình đâu, cha mẹ đâu có liên quan tới mình đâu. Cha mẹ có chửi mình, có mang tiếng thì kệ cha mẹ mình v.v… Cứ như thế, [thì] đó là Vô úy. Quý vị kiểm tra thử quý vị có không nha! Cho nên nếu mình tu thì mình hiểu, mình biết từ gốc là như vậy.

Cho nên ở trong Kinh Tăng Chi đức Phật có nói là: **“Có hai pháp xấu ác, đó là Vô tàm và Vô úy”**, đây là hai pháp xấu ác nha. Và sự liều lĩnh này là do Vô tàm và Vô úy. Thật ra là do quả Si che phủ tâm, khiến cho người ta lòa mắt đi. Cho nên lúc đó người ta cứ làm như vậy, họ bị cuốn hút vô đó, thấy điều đó là làm.

Ví dụ như bây giờ Thiện Trang nói đơn giản: một đứa thanh niên 18 tuổi lớn lên, nó được cha mẹ nuôi dưỡng từ nhỏ. Nó ra thành phố ăn học, bắt đầu bị dụ dỗ nghiện xì ke ma túy. Mới đầu nó không nghĩ tới hậu quả là sau này gia đình mang tiếng, cho nên nó cứ chui vào đó để nghiện. Sau này lỡ rồi, thì cũng biết sợ. Nhưng điều đó là do nó không lường trước được hậu quả đó, thì cũng thuộc về Vô úy. Tức là nó không có sợ, nếu không thì nó cũng biết chứ. Nó được giáo dục

là nếu mình trở thành một con bị nghiện xì ke ma túy, hoặc là phạm pháp, rồi mai mốt mang tiếng cho gia đình. Nó nghĩ như vậy, đó là nó sợ dư luận xã hội.

Còn bây giờ nhiều khi không sợ luôn, đúng không quý vị? Thật ra ít nhất bây giờ còn có nhiều người còn biết sợ, còn nhiều người không có sợ gì hết. Rồi ăn mặc cũng vậy đó, quý vị thấy có nhiều người ăn mặc đâu có sợ thiên hạ nói đâu, cứ ăn mặc thiếu vải, chẳng hạn. Đó cũng một hiện tượng, đó là không sợ tiếng dư luận, những điều đấy đều là ác pháp cả. Cho nên nếu mình tu hành là mình phải có Tàm, Úy thì mới được, phải ngược lại, đó là nằm trong Tâm sở thiện. Còn đây là [Tâm sở] Bất thiện.

Ở đây Tâm sở Vô úy là trạng thái không ghê sợ đối với tự mình làm ác, việc của nó là làm các việc ác thành tựu và khiến cho các cảnh ác càng ngày càng tăng. Điều này là do mình thiếu tôn trọng ân đức của người khác, có nghĩa là do mình không có tâm nghĩ đến ân cha, ân mẹ, ân thầy, v.v… Cho nên mình làm gì mình cũng không sợ. Còn nếu quý vị nghĩ mình phải là một người con tốt, mình phải là một người học trò tốt v.v… thì tự nhiên mình sẽ có tâm đó. Nên quý vị hiểu [rằng]: không sợ là do mình không sợ, [và] mình không tôn trọng tha nhân, không tôn trọng ân đức của người khác đối với mình. Còn [Vô tàm] là do mình không tôn trọng đức hạnh của mình. Một điều là Vô tàm, còn đây là Vô úy.

Cho nên sẵn đây [Thiện Trang] kể cho quý vị nghe một câu chuyện để đỡ buồn ngủ, chứ không một hồi là quý vị ngủ gục hết, toàn nói lý thuyết không. Thiện Trang nhớ có câu chuyện thế này: Có một vị Bà-la-môn tên là Magandhiya, ông đó có một người con gái đẹp tuyệt trần, tên là Magandhi. Có bao nhiêu người đến hỏi cưới con gái của ông, nhưng ông lại thấy con gái của mình đẹp như vậy, thì phải gả cho người nào xứng đáng. Ngày đó do đức Phật quán thấy ổng có căn duyên sẽ được độ, nên đức Phật đến vùng đó để gặp ổng. Khi đi ở ngoài đường thì ổng thấy người này có tướng mạo rất tuyệt vời, tại vì đức Phật có 32 tướng tốt mà, cho nên ổng thích lắm, kêu: “Đây rồi! Đây là chàng rể tương lai của ta”. Cho nên ổng tới xin phép Sa-môn Cù Đàm (tức là đức Phật), kêu: Tôi có đứa con gái [đẹp] như vậy, như vậy... Tôi muốn gả cho ông, ông hãy đợi một chút. Đức Phật quán sát là sẽ độ ổng, cho nên Ngài đợi.

[Lúc đó] thì ông này đi về nhà nói với bà vợ là: *"Hôm nay ta tìm được chàng rể rồi, tướng của [anh ta] đẹp lắm, mình hãy mau mau trang điểm cho con gái, cho ăn mặc xinh đẹp rồi dẫn ra, thế nào cũng có được chàng rể"*. Sau đó hai vợ chồng dẫn đứa con gái tới gặp đức Phật. Khi đi ra thì đức Phật không chờ ở đó, mà Ngài đã đi chỗ khác, [nhưng] Ngài để lại dấu chân để cho ổng thấy dấu chân đó thì ổng biết đức Phật ở chỗ nào. [Vì] bà vợ có khả năng coi tướng, nên khi nhìn thấy dấu chân thì biết người này không phải người thường, nên nói: *"Ông tìm làm sao, chứ tôi thấy dấu chân là biết người này vô dục rồi, họ không còn ham muốn đâu. Mình không thể gả con gái cho người đó được đâu".* Nhưng ông này không tin, nên hai người dẫn đứa con tới.

[Lúc đó] đức Phật thuyết cho một bài pháp, nói là hồi trước Ngài ngồi dưới cội cây Bồ-đề 49 ngày, thì [gặp] được ba cô con gái của Ma vương Ba Tuần cực kỳ xinh đẹp, đẹp còn hơn đứa con gái của ông nữa, mà Ta còn không động tâm. Ông có biết không? Đứa con gái của ông thực tế chỉ là lớp da bọc xương trong đó, rồi bên trong chứa toàn phân, nước tiểu, toàn là đồ ô uế v.v… Đức Phật giảng cho một bài pháp như vậy. Sau khi nghe xong thì hai người đó đắc Thánh quả, rồi xin xuất gia. [Hai người] gởi đứa con gái lại cho người cậu, để hai vợ chồng đi xuất gia. Sau khi xuất gia thì sau này hai người đều đắc Thánh quả A-la-hán.

Nếu mình nghe câu chuyện như vậy thì mình thấy bình thường, nhưng vấn đề nằm ở chỗ cô con gái. Tức là tuy là [cùng] một bài pháp, nhưng ba người lại nhận được khác nhau. Hai người cha mẹ thì ở trong kinh nói [nghe xong] là chứng được Nhị quả Tư-đà-hàm, còn cô con gái thì khi nghe đức Phật giảng, chê thân mình giống như cái bọc da chứa phân, nước tiểu ghê quá, cho nên cô ta uất hận, tức. Cô ta tức là vì sao mình đẹp nhất như vậy, mà bị Sa-môn Cù Đàm chê, cho nên cô ta nuôi lòng căm giận trong đầu, nói là tương lai mà ta có cơ hội lấy chồng tốt, thì ta sẽ trả thù.

Thật ra là đức Phật đã quán sát được điều đó, đức Phật biết, nhưng Ngài nhận thấy là sự lợi ích của bài pháp đó lớn, mang đến cho hai người được giải thoát, hai người đắc đạo. Cho nên việc kết oán với một người thì đức Phật cũng chấp nhận, vì lợi ích nhiều hơn, chứ không phải đức Phật không biết. Ngài biết cô gái này nghe xong thì cổ sẽ như vậy.

Về sau này thì cô gái đó làm Hoàng hậu thứ ba của vua Ưu Điền. Câu chuyện này dài lắm, Thiện Trang xin cắt, Thiện Trang kể về quả thôi, còn những chuyện lung tung ở giữa thì bỏ bớt. Có nhiều chi tiết hay lắm, nhưng [Thiện Trang] kể về cô này thôi. Sau khi cô này vào [cung], vị vua này đã có hai hoàng hậu rồi, nhưng vì cổ đẹp quá nên phong cho làm vị Hoàng hậu thứ ba. Chuyện này hay lắm, để bữa nào kể đoạn đó. Sau khi cô này biết đức Phật đến kinh thành đó khất thực, nhận [cúng dường] Trai tăng tại các nhà, thì cổ mới trả thù. Cổ thuê một nhóm người vô chửi đức Phật và Tăng đoàn thậm tệ, chửi đủ các kiểu, chửi rất tệ. Đến nỗi ngài A Nan nói là: *"Bạch đức Thế Tôn! Họ chửi quá, họ chửi như vậy chúng ta nên bỏ đi chỗ khác, chúng ta không nên ở trong thành này nữa".* Đức Phật nói là: *"Ông cứ nghĩ coi, việc gì xảy ra mà mình cứ trốn tránh, thì không bao giờ được giải quyết. Ông đi qua thành khác mà lỡ người ta chửi như vậy, thì cũng vậy thôi. Cho nên cứ ở đây, hãy đối diện với nó. Sau 7 ngày thì người ta sẽ không chửi nữa"*. Quả thật là qua 7 ngày thì người ta không chửi nữa.

Trong câu chuyện này thì nhân quả của cô này là do cổ ghét một người hầu, nên đốt lửa giết người hầu. Sau đó vua mới trừng phạt, đáng lẽ là tội tử hình, nhưng sau đó là cắt chức [Hoàng hậu] và biệt giam vào trong đó. Đó là quả báo mà cổ [phải] nhận. Còn đoạn giữa thì có câu chuyện của một vị khác nữa, để khi khác Thiện Trang sẽ kể, câu chuyện cũng hay lắm.

Quý vị thấy có nghĩa là khi giảng pháp thì đức Phật luôn quán sát, việc lời giảng đó có lợi ích nhiều hay không. Nếu có nhiều lợi ích cho chúng sanh thì đức Phật vẫn giảng. Hai người đi xuất gia, thậm chí là đắc quả A-la-hán, thì đức Phật vẫn chấp nhận kết nghiệp với một người. Tức là đức Phật cũng không thể làm được việc lợi ích hoàn toàn 100%. Cho nên Thiện Trang cũng an ủi cho Thiện Trang thôi, có những điều mình giảng thì có người nghe thấy lợi ích, nhưng cũng có những người nghe cảm thấy không lợi ích. Nên quý vị cũng thông cảm, đức Phật còn như vậy, huống hồ chi Thiện Trang. Như vậy quý vị cố gắng hiểu cho.

Ở đây quý vị lưu ý là Tâm sở Vô tàm và Tâm sở Vô úy, dù làm việc gì mà quý vị có tâm đó thôi là đã bất thiện rồi, chứ không phải là làm việc thì mới bất thiện.

4. Tâm sở Trạo cử: Trạo cử có chỗ dịch là Điệu cử, [tra] chữ Hán thì chữ đó là chữ điệu hay chữ trạo cũng được. Có người thì đọc là điệu, có người thì đọc là trạo. #Điệu giống như trong chữ vũ điệu, vũ điệu là nhảy nhót; #trạo là xăng lăng. Cũng vậy, trạo với điệu, một cái là nhảy nhót, một cái là lăng xăng thì cũng giống nhau thôi.

Trạo cử là trạng thái tán loạn, lao chao, không kìm một cảnh. Tức là ý nghĩ của mình chạy lung tung không ngừng. Cho nên điều này thuộc về Tâm sở Bất thiện. Trong A Tỳ Đàm [đưa ra] ví dụ là giống như trạng thái mà quý vị cầm hòn đá ném vào một đống tro tàn, thì [tro] tung tóe ra hết. Đó là Trạo cử, là [trạng thái] tán loạn, lao chao. Giống như mình nhìn vào nước sôi, vì nước sôi quá nên mình không nhìn thấy rõ gương mặt của mình. Cũng vậy, người có Tâm sở Trạo cử thì sẽ không nhìn thấy hậu quả của những ác nghiệp. Cho nên họ làm lung tung lang tang.

Những người có tâm như vậy thì thông thường họ tu tập không tốt. Họ làm một hồi thì mới biết là họ sai rồi. Chúng ta không nói họ, mà nói mình, lâu lâu mình cũng bị. Lâu lâu quý vị có bị nổi sùng, nổi tức, hay là nghĩ lung tung lang tang không? Đó là Trạo cử đó. Thiện Trang tiếp xúc nhiều rồi, đa số người nào cũng có trạng thái đó, nhưng hình như người nữ nhiều hơn. Người nữ lâu lâu hay nổi sùng, nổi sùng một cách không biết kiểu gì, có một việc gì đó là không kiềm chế được. Sau này thì họ mới nghĩ ra là mình sai rồi. Đó là thuộc về Trạo cử. Cho nên công phu Thiền định sẽ giúp cho trạng thái đó ít [hơn]. Người nào nhiều Trạo cử thì sẽ khổ thôi.

Trạo cử này cũng sanh ra theo tâm Si, và làm xáo trộn tâm, cho nên tâm mình cứ [chạy] liên tục. Cho nên trạng thái Trạo cử (chữ Trạo là 'tr' chứ không phải 'ch') sẽ làm cho tâm mình thường không yên tịnh, khiến cho mình làm việc không cẩn thận, và làm việc không vững vàng. Cho nên thường những người Trạo cử là những người thiếu cẩn thận. Tất nhiên là chúng ta thông thường chưa hết Trạo cử đâu, nhưng lúc có mà càng ít thì càng tốt. Và đây là nguyên nhân cho tâm không yên tịnh. Cho nên người tu vô định thì tâm của người ta yên tịnh. Còn mình không có định thì [Tâm sở] này nhiều.

Nguyên nhân dẫn đến Trạo cử là không khéo tác ý, tức là mình thường không sống được với Chánh pháp. Chánh pháp là một chuyện, mình học thì học vậy thôi, chứ mình sống theo Chánh pháp không được, tức là mình suy nghĩ gì đó lâu lâu bị trật khỏi Chánh pháp. Lấy ví dụ thực tế, [khi] quý vị nói chuyện với cha mẹ của quý vị, nếu quý vị luôn luôn có suy nghĩ rằng: đây là cha mẹ của mình, thì mình luôn luôn có lòng tôn trọng nhất định. Cho nên cỡ gì thì cỡ, mình cũng không bao giờ chửi cha mẹ. Đó là mình có trạng thái tâm yên định. Nhưng một hồi quý vị nổi giận lên, quý vị chửi cha mẹ, thì đó là Trạo cử. Vì quý vị không nhận định được đây là cha mẹ của mình, mình sống với Chánh pháp thì mình không được [như vậy]. Cho nên Trạo cử này cũng thỉnh thoảng xuất hiện, và là bất thiện, làm tâm của mình không yên định.

Cho nên 4 Tâm sở: Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử là 4 Tâm sở Si phần, tức là thuộc về nhóm Si. Si phần là ngu si, Si ở đây là không rõ nhân quả. [4 Tâm sở này] biến hành trong tất cả các việc bất thiện (tâm bất thiện), và làm nền tảng cho tất cả các pháp bất thiện. Cho nên pháp bất thiện là luôn luôn đi với 4 Tâm sở này. Vì nếu có Si thì quý vị mới làm [những việc] bất thiện thôi, còn nếu có ánh sáng của trí tuệ thì làm sao quý vị làm bất thiện. Tất nhiên mấy [Tâm sở] Vô tàm, Vô úy này đi kèm với [Tâm sở] Si này. Và [Tâm sở] Trạo cử cũng vậy, cứ kéo lên liên tục làm cho mất Chánh niệm, mất ánh sáng của trí tuệ, nên mình mới làm việc ác thôi. Cho nên 4 [Tâm sở này] đi chung với nhau, mà chúng đi nhanh quá nên mình kìm không kịp và mình làm những việc ác là vì vậy. Quý vị coi có việc bất thiện nào mà không có 4 [Tâm sở] đó, lúc nào cũng có hết, quý vị cứ để ý xem có đúng không?

Thiện Trang nói đơn giản, [chẳng hạn] như mình lấy việc phá giới cho rõ. Ví dụ như một vị Tỳ-kheo, một vị xuất gia phá giới (năm vừa qua ở Việt Nam mình có), họ phá phạm hạnh của họ, tức là phá giới dâm. Vậy rõ ràng họ có Tâm sở Si không? Lúc phá chắc chắn họ có si mê chứ, [vì] họ đang thích thú chuyện đó, họ quên mất là mình đang ở địa vị đó, nên không được như vậy. Đó là Si. Rồi họ không có hổ thẹn, bởi vì một vị Tỳ-kheo không được làm chuyện đó, mình phải hổ thẹn với lương tâm, mình không được làm. Rồi họ cũng không sợ: là tôi làm như vậy tôi cũng không sợ gì cả, không sợ thiên hạ nói tôi là Tỳ-kheo thế này

thế kia. [Họ] đâu có sợ đâu.

Giống như chuyện ở một [ngôi] chùa ở Đồng Nai đó, thì lúc đó [vị đó] có tâm Trạo cử không? Trạo cử lúc đó có rồi, tâm rạo rực quá trời, không yên định cho nên mất Chánh niệm. Nếu có Chánh niệm thì làm gì người ta làm chuyện đó, người ta sẽ dừng lại được. Cho nên do 4 [Tâm sở] đó phối hợp đồng thời, tất nhiên còn một mớ đằng sau nữa, mấy [Tâm sở] Bất thiện đi kèm nữa. Nhưng ít nhất có bốn [Tâm sở] đó, gọi là bốn Tâm sở Bất thiện Biến hành, nên mới khiến cho người ta làm việc đó.

Quý vị nghĩ coi, quý vị là Cư sĩ tại gia thôi, khi quý vị làm việc xấu thì quý vị cảm thấy an hay bất an? Nếu quý vị làm việc xấu mà quý vị không cảm thấy bất an, thì chứng tỏ quý vị không có Tàm, không có Úy rồi. Còn nếu mình làm việc xấu nào đó mà mình lỡ làm rồi, tức là làm việc xấu là có bốn yếu tố đó rồi, nhưng mình cảm thấy bất an. Vì sao bất an? [Vì mình nghĩ]: "Ôi không được! Mình tu hành mà thế này thì hổ thẹn với đức hạnh của mình, bữa nay mình thiếu đức rồi. Mình cảm thấy hổ thẹn với Phật, Bồ-tát". Quý vị thì không biết sao, [còn] Thiện Trang thấy nếu mình làm sai mà lên đối trước tượng Phật, Bồ-tát thôi, thì mình cũng thấy ngại rồi: "Con xấu hổ quá! Hôm nay con làm việc này sai". Cảm thấy [làm] một việc sai thôi là áy náy, cắn rứt lương tâm vô cùng, huống hồ chi làm mà không có [Tàm, Úy], thì nói chung là đi quá xa [rồi].

Cho nên đây là nhân tố để tu tập, mình hãy làm ngược lại những yếu tố này, mình phải cố gắng sáng suốt, tức là có trí tuệ. Hãy cố gắng có Tàm, có Úy. Và thay vì Trạo cử thì mình định lại, mình không lăng xăng. Mai mốt mình học hết thì mới đưa vào tu, và tu như thế nào thì mình phải phối hợp 52 món Tâm sở này thế nào để mình tu. Mình nhìn thấy cứ [Tâm sở] Bất thiện thì mình bỏ ra.

Đó là Thiện Trang đã giới thiệu xong, còn mấy Tâm sở [Bất thiện Biệt cảnh] thì để bữa khác, bữa nay mình cố gắng trở lại với Luận Câu Xá một chút, học được bao nhiêu thì học, chứ giảng toàn A Tỳ Đàm không thì không biết bao giờ mới hết. Bây giờ Thiện Trang xin trở lại với Luận Câu Xá. Hôm bữa học bài kệ 15 phần 1, chúng ta đọc lại một chút cho nhớ, chứ không chúng ta quên mất rồi. Lâu quá rồi [Thiện Trang] toàn giảng A Tỳ Đàm với giảng kinh thôi, mặc dù mang

tiếng là giảng bộ Luận Câu Xá, nhưng [Thiện Trang] phải giảng mấy phần đó để chúng ta tu trước đã, chứ còn đợi giảng tới đó lâu lắm.

Bài kệ 15, phần 1:

Thử trung Căn dữ Cảnh	此中根與境，	Căn và Cảnh trong đây
Hử tức thập xứ giới.	許即十處界。	Bao gồm mười Xứ giới.

Bữa nay chúng ta học phần 2 của [Bài kệ 15]:

Bài Kệ 15 – Phần 2 + Bài Kệ 16

Thọ lãnh nạp tùy xúc	受領納隨觸，	Thọ lãnh nạp theo xúc
Tưởng thủ tượng vi thể	想取像為體，	Tưởng lấy hình làm thể
Tứ dư danh Hành uẩn	四餘名行蘊，	Ngoài bốn loại Hành uẩn
Như thị Thọ đẳng tam	如是受等三，	Và ba thọ như thế
Cập Vô biểu Vô vi	及無表無為，	Cùng Vô biểu Vô vi
Danh Pháp xứ Pháp giới.	名法處法界。	Là Pháp xứ Pháp giới.

Giải:

Bài kệ này thuộc vào dạng một trong những bài kệ dễ, thật ra Luận Câu Xá này phần đầu hơi lung tung lang tang, hơi khó một chút, vì có nhiều nghĩa giải thích nâng cao. Nhưng nếu mình học trong bài kệ ra thì cũng không khó lắm. Ví dụ câu đầu tiên trong bài kệ:

#Thọ lãnh nạp tùy xúc: tức là Thọ trong Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, thì chúng ta cũng đã học [rồi]. Trong Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì Thọ này chính là lãnh nạp theo xúc. Thọ này có được, lãnh thọ được và nạp vô được là nhờ từ tiếp xúc.

Ví dụ chúng ta có cảm nhận là hôm nay trời nóng quá, đó thật ra là do thân thể chúng ta tiếp xúc với không khí, thì mới lãnh nạp được cảm giác; #lãnh là nhận; #nạp là thu nhận vô; cho nên hiểu được rằng: hôm nay thời tiết nóng là do tiếp xúc qua Thân thức của mình. Hoặc mình nhìn thấy hôm nay thầy Thiện Trang mặt mày sáng láng lên, hoặc là xấu đi chẳng hạn. Quý vị thấy như vậy là tại vì quý vị lãnh nạp điều đó qua Sắc, tức là quý vị nhìn thấy hình ảnh. Thọ là cảm nhận của mình, mình cảm nhận là tốt hay xấu.

Thọ có ba thọ là: Thọ khổ, Thọ lạc và Thọ xả. Có người nhìn thấy hôm nay thầy hoan hỉ quá, cười tươi. [Cho nên] mình cảm thấy vui vẻ, hoan hỉ [theo]. Đó là Thọ hỷ, do mình nhìn ở trên sắc (hình tướng). Do mình nghe âm thanh của thầy Thiện Trang đang giảng, hôm nay nghe giọng thầy tốt [thì] mình thấy vui vẻ. Đó là do lãnh nạp của xúc; #xúc là tiếp xúc. Mắt quý vị tiếp xúc thấy hình sắc, còn tai của quý vị tiếp xúc với âm thanh, từ điện thoại, tivi, máy tính của quý vị phát ra. Thọ đó thật ra là nương trên những thứ nhận được từ xúc, nói theo ngôn ngữ bây giờ là như vậy.

#Tưởng thủ tượng vi thể: Tưởng thì lấy hình tượng làm bản thể (bản chất). Sau khi mình hiểu được tất cả các vấn đề rồi, bắt đầu mình tưởng ra. Tưởng là lấy đối tượng, ví dụ quý vị mở YouTube lên, thấy hôm nay thầy Thiện Trang giảng, đây là hình thầy Thiện Trang nè. Vì sao? Vì quý vị có Tưởng. [Tưởng] lấy hình của Thiện Trang, lấy hình kênh Thích Thiện Trang v.v… nạp vô qua thức, gọi là Nhãn thức. Nhãn thức của quý vị xử lý, đem hình đó so sánh với dữ liệu đã có trong quá khứ gọi là kinh nghiệm. Và qua kinh nghiệm đó đưa ra kết quả: Đây là thầy Thiện Trang, chứ không phải thầy khác. Và xác định là ta đã mở đúng bài, đúng kênh.

Tưởng chính là lấy hình làm thể, rồi tưởng về tương lai [như] [ngày] mai thầy giảng như thế nào... [hay] mình nghĩ ngày mai thế nào v.v…. Đều là lấy hình [của] năm nay, bắt đầu biến đổi dự đoán sang năm, [ngày] mai thế này thế kia...

Ví dụ như Thiện Trang nói năm nay Thiện Trang đang 42 tuổi, đó là nói theo người Việt, còn nói theo người Tây thì 41 tuổi thôi. Thiện Trang nói mai mốt Thiện Trang sẽ 60 tuổi, Thiện Trang sẽ già. Bắt đầu quý vị tưởng tượng ra ngay: À mai mốt thầy Thiện Trang sẽ già như thế này thế kia v.v…

Do đâu mà quý vị tưởng tượng như vậy? Vì quý vị sẽ kết hợp những hình tướng, những hình của Thiện Trang bây giờ, rồi hình của ông già nào đó, ông nội ông ngoại của ai đó v.v…. Quý vị tự đem những kinh nghiệm mà quý vị tưởng tượng về người già, quý vị ráp một hồi ở trong đó, [cuối cùng] tạo ra: À mai mốt thầy già sẽ như thế này v.v… nghĩ đủ các kiểu.

Tức là do Tưởng và mỗi người tưởng ra một hình khác nhau. Nếu cho vẽ ra thì không giống nhau. Cho nên Tưởng đó lấy hình làm thể. Hình không phải mỗi hình ảnh, mà có cả âm thanh. Giả dụ như quý vị sẽ đoán là [khi] thầy Thiện Trang 60 tuổi thì sẽ nói giọng chậm lại, giọng sẽ không còn mạnh mẽ như bây giờ v.v… quý vị tưởng một trời [thứ]. Những điều đó thuộc về lấy hình làm tưởng, làm thể, làm bản chất. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì mình học Thọ và Tưởng rồi đó.

#*Tứ dư danh Hành uẩn:* tức là ngoài bốn loại Hành uẩn. Điều này chúng ta đã học rồi. [Ngoài] bốn loại Hành uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Thức, thì còn có một điều là Hành uẩn. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là năm điều.

#*Như thị Thọ đẳng tam:* Và ba thọ như thế. Ba thọ là: Thọ lạc, Thọ khổ và [Thọ] không lạc không khổ. Ba thọ như vậy, rồi ở trên có bốn Hành uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành. Ở đây không nói Thọ nữa, vì mình đã nói bốn loại có Hành uẩn rồi. Thật ra Tứ dư là bốn loại, #dư là ngoài, [ngoài bốn loại thì] gọi là Hành uẩn. Ngoài bốn loại rồi thêm Hành uẩn nữa là năm. Và ba thọ như thế là Thọ xả, Thọ khổ và Thọ lạc.

#*Cặp Vô biểu Vô vi:* Vô biểu sắc chúng ta đã học rồi. Các pháp Vô vi mình cũng học rồi. Ở trong bộ Luận Câu Xá này có ba pháp Vô vi thôi.

#*Danh Pháp xứ Pháp giới:* gọi là Pháp xứ và Pháp giới. Định nghĩa Pháp xứ, Pháp giới thật ra là kể hết các Sắc, Tưởng, Hành, Thức, [và] mấy Thọ này, rồi Vô vi pháp, Vô biểu nghiệp. Cộng hết lại những thứ đó gọi là Pháp xứ hay Pháp giới.

Bữa sau mình đụng tới khái niệm Pháp xứ, Pháp giới thì mình hiểu là gồm tất cả các Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, rồi Vô biểu nghiệp, Vô vi. Mình hiểu như vậy là được.

論曰：受蘊謂三，領納隨觸，即樂及苦、不苦不樂。此復分別成六受身，謂眼觸所生受乃至意觸所生受。

Luận viết: Thọ uẩn vị tam, lĩnh nạp tùy xúc, tức lạc cập khổ, bất khổ bất lạc. Thử phục phân vi thành lục thọ thân, vị Nhãn xúc sở sanh thọ nãi chí Ý xúc sở sanh thọ.

Giải:

#*Luận viết:* tức là Luận nói rằng.

#*Thọ uẩn vị tam:* Thọ uẩn gồm ba loại.

#*Lãnh nạp tùy xúc:* là sự lãnh nạp cảm nhận theo sự tiếp xúc; #xúc là tiếp xúc.

#*Tức lạc cập khổ, bất khổ bất lạc:* #cập là và; tức là gồm Thọ lạc và Thọ khổ, rồi Thọ không khổ không lạc.

#*Thử phục phân vi thành lục thọ thân:* Thọ này lại chia ra làm sáu thọ thân. Tại sao? Ở đây có nói luôn:

#*Vị Nhãn xúc sở sanh thọ nãi chí Ý xúc sở sanh thọ:* tức là chia [thọ] này làm sáu, bởi vì gồm có mắt tiếp xúc mà sanh ra. Mắt tiếp xúc với cảnh mà sinh ra cảm thọ.

Lúc nãy Thiện Trang có nói rồi, như mắt của mình thấy hình sắc, ví dụ quý vị vô một ngôi nhà mà người ta trang trí toàn những đồ chông gai, [rồi góc] cạnh, cạnh, cạnh thì mình thấy khó chịu. Đó là cảm thọ khó chịu do mắt mang tới. [Còn] mình vô nhà đó mà mình cảm thấy nhà đó sao vuông vức, đẹp quá. Mình thấy người dễ chịu ra. Đó là cảm giác [thọ] lạc do mắt đem tới, do Nhãn thức của mình đem tới. [Tức là] sự tiếp xúc của mắt với cảnh sắc mà sanh ra. Rồi có khi mình vô căn nhà đó mình thấy bình thường, vì căn nhà đó ngày nào mình cũng ở trong đó mà, giống y chang căn nhà của mình thôi, cho nên trơ trơ ra, thì gọi là xả thọ, tức là không lạc không khổ. Thông thường mình ở nhà của mình thì ít có cảm

giác lạ. Còn quý vị lâu lâu đi tới nhà người ta, hoặc là ai đi công tác tới ở khách sạn, thì tới đó mới có cảm giác mới mới. Nhưng quý vị ở một thời gian rồi cũng quen, cũng [thấy] bình thường.

Tương tự như vậy, loại thứ hai là về Thọ, là do từ Nhĩ (là tai) nghe. Có những âm thanh mang lại cho mình cảm giác dễ chịu, hoặc là cảm giác khó chịu, hoặc là trơ trơ, vì [âm thanh] nghe hoài cũng quen rồi. Điều này nếu nói ra thì có nhiều pháp lắm. Ví dụ có nhiều người do nghe quen âm thanh như thế, và họ thích nghe âm thanh đó. Có một số người có xu hướng như vậy. Cho nên họ nghe như vậy quen rồi, họ thích như vậy thôi, nghe âm thanh khác thì họ không chịu được. Cũng vậy, có những người thích hoàn cảnh như vậy, màu sắc như vậy, và suốt ngày họ chỉ thích như vậy thôi, khi đổi thì họ không chịu được. Còn một số người thì ngược lại, điều nào nhàm quá là chán, [mà chỉ] thích điều mới.

Điều này là tu đó, và [tu là] nằm ở đây. Quý vị mà rớt vào hai trạng thái đó, Thiện Trang nói quý vị: chúng ta đều là phàm phu cả, nghiệp nặng lắm, nếu bị nặng về điều đó thì là phàm phu. [Và muốn] nhẹ lại thì mình phải xả thọ. Tức là làm sao cảnh đổi cũng được, không đổi cũng được, thế nào cũng được, cứ trơ trơ ra, gọi là xả thọ. [Đối với] âm thanh [mình] cũng phải như vậy.

Tiếp theo loại thứ ba là mùi hương. Loại thứ tư là vị, vị tức là những đồ ăn mình ăn vô. Cho nên có những người thích ăn món đó miết thôi, tức là họ chỉ có khuynh hướng ăn một món đó miết. Còn có những người thay đổi miết, vì người ta thích cảm giác mới. Đó là khuynh hướng tâm lý. Nếu mình biết tu là mình làm sao để không rớt vào Chấp trước, tức là mình ăn [món nào] cũng được, ta ăn món mới cũng cảm thấy bình thường, ta ăn món cũ cũng cảm thấy bình thường, sao cũng được. Đấy là luyện công phu.

Thứ năm là tiếp xúc của thân thể đối với vật chất. Điều này cũng vậy, có người thích kiểu êm êm, gối, chăn mềm, dễ chịu. Còn có người thì thích cứng, mỗi người mỗi kiểu. Đó là khuynh hướng tâm lý, [do] nghiệp nhiều đời tạo nên. Nếu mình làm chủ được những điều đó, thì cố gắng đưa xúc này về xả thọ hết, làm sao [để] mình chịu được.

Nhưng tất nhiên nói [là nói vậy thôi], chứ phàm phu khó lắm, vì theo thói

quen mà. Thiện Trang nói thế này: nếu chúng ta tu mà không thế chống đối được với cảnh, tức là cảnh thay đổi [nhưng] mình không thay đổi được, thì hãy cố gắng sống y như cũ. Tức là mình sống y như cũ thì tâm mình dễ xả thọ. Tại vì bây giờ mình bị đổi liên tục, mình chạy theo nó mà, [thì khó].

Trong mấy điều đó, thì [có] pháp cảnh nữa, còn một điều nữa là Ý, Ý tiếp xúc với pháp. Pháp là nghe những điều gì mới mẻ thì mới cảm thấy hấp dẫn, [còn] nghe hoài, nhàm chán [thì sẽ] trơ trơ ra. Thật ra trơ trơ thì đỡ, nhưng nhàm chán là cũng thọ ưu, thọ khổ. Cho nên điều này khó. Khó thì Thiện Trang khuyên quý vị là sống làm sao để cân bằng, làm sao mình sống với xả thọ càng nhiều thì càng tốt. Trong sáu loại thọ này, mình cứ đưa vào thọ cân bằng, tức là xả thọ, tức là bất lạc bất khổ. Tùy thế mạnh của quý vị là thế mạnh nào thì quý vị hãy dùng điều đó.

Ví dụ hoàn cảnh của mình, mình thích là phải để trơ trơ như vậy thì không sao, cảnh không thay đổi. Nhưng có người phải có sự thay đổi thì mới tạo sự phấn chấn lên, thì mình cũng thay đổi. Trong tu tập Thiền định, quý vị phải cẩn thận. Coi vậy chứ ảnh hưởng ghê lắm! Quý vị cứ đắp lên phòng mình những màu mà mình không thích, thì suốt ngày mình cảm thấy khó chịu. Nếu mình không chuyển đổi nổi, mình không quán nổi, thì quý vị hãy lựa màu mình dễ chịu. Và màu mình dễ chịu lâu ngày thì [trở thành] bình thường, sẽ thành xả thọ. Vì không có mới mẻ nữa thì thành bình thường thôi.

Còn nếu người nào đó, ví dụ như tâm của quý vị đang hôn trầm, buồn ngủ quá, mệt mỏi quá, rũ rượi quá. Đó là do chán cảnh hoặc trơ trơ đối với cảnh, thì lúc đó mình có thể trang trí lại phòng, hoặc mình ăn uống gì đó làm cho mới mẻ lại. Thay đổi món ăn, thay đổi điều gì đó, những sự thay đổi đó kích thích tạo nên tâm Thọ hỷ, Thọ lạc. Tuy là vẫn còn đọa lạc, nhưng nó kích thích đỡ hơn, [giúp] mình vượt qua những trạng thái tâm lý không tốt.

Nên những người bị những bệnh trầm cảm thì quý vị hãy chữa cho người ta bằng sáu cảnh này. Hãy làm cho người ta thấy, mình phải biết sở thích của người đó là gì, để mình tạo cho họ sống theo tâm Lạc thọ nhiều, thì họ sẽ bớt bệnh trầm cảm. Còn người trầm cảm mà quý vị đẩy họ toàn vào [những cảnh

nhàm] chán, với Thọ khổ không thôi, thì một hồi bệnh nặng hơn. Cho nên điều đấy học thì nói đơn giản vậy, mà thật ra là cả quá trình tu hành và sống trong đời hạnh phúc.

Quý vị không biết đâu, hoàn cảnh tạo ra con người, hoàn cảnh tạo ra niềm vui hạnh phúc. Có người sống ở đâu cũng được hết, đó là định lực cao. Nhưng có những người phải ở môi trường yên yên một chút, tĩnh lặng một chút, nhìn cây cối, mây, trời, hoa, nước một chút, thì họ mới có thể tu tập tốt được. Có người ở nơi yên tĩnh thì được, còn có người ở nơi yên tĩnh thì buồn, ngược lại như vậy. Cho nên mỗi người mỗi khác nhau, quý vị hãy tự [lựa chọn cho phù hợp], và ai đó đi đường nào cũng được.

Thiện Trang cũng xin chia sẻ là sức chịu đựng của Thiện Trang rất tốt, cho nên bao nhiêu năm qua Thiện Trang ở nhiều nơi lắm. Ví dụ như hồi xưa ở chùa Sư phụ, phòng vừa nóng, vừa chật, ồn ào, bên cạnh đó là đường xe chạy rầm trời rầm đất. Rồi người ta hát nhạc, người ta có tiệm làm sắt cứ kêu re re, re re suốt ngày. Nhưng ở hoài nên Thiện Trang thấy bình thường, không biết gì hết, giống như không vậy. Người khác tới kêu sao thầy ở phòng đó được? Thiện Trang nói ở hoài nên quen, không có tác dụng gì hết, cũng như không, tai vẫn nghe re re re.

Giống như hồi xưa, Thiện Trang nhớ hồi sinh viên, đầu năm thứ hai Thiện Trang với bạn chuyển từ khu Đồi Trà ra khu Thông Thiên Học ở Đà Lạt. Quý vị biết ở trước trường Đại học Đà Lạt có khu Đồi Trà, khu đó cũng gọi là khu lý tưởng. Sau rồi mình thấy khu đó ăn chơi dữ quá, mình thấy không học được nên mình xin chuyển nhà trọ đi nơi khác, thì lại ở ngay khu Thông Thiên Học, không biết là đối diện ngay cổng doanh trại quân đội. Mà quý vị biết doanh trại quân đội thì ban trưa thổi ò í e gì đó, làm cho một tăng, chắc đánh thức hay gì đó, [còn] buổi sáng thì chạy bộ rầm trời, rầm đất. Thế là mình tới là mình mất ngủ, vì cứ sáng sớm là họ chạy, hồi đó mình dậy trễ. Bộ đội thì năm giờ bắt chạy rồi, chạy mà la hét rầm trời ngoài đường, chạy sát phòng trọ. Trưa thì thổi còi, tối thổi còi gì đó, inh ỏi hết, mất ngủ. Bây giờ lỡ chuyển rồi, đóng tiền rồi, không ở không được.

Nhưng quý vị biết không? Ở một thời gian cũng quen, sau đó chẳng nghe

thấy tiếng gì cả, tiếng gì cũng vậy thôi. Có nghĩa là ở một hồi thành xả thọ, mới đầu thì thọ khổ, sau đó là xả thọ. Cho nên ở môi trường nào quen, một hồi là mình xả thọ được thôi. Còn có nhiều người, người ta khó chịu thế nào đó. Ở bên đường tàu, chỗ nào tàu chạy thì quý vị có thể không cảm nhận rõ, nhưng Thiện Trang đã từng ở nên Thiện Trang biết, mỗi lần tàu hỏa chạy qua là nhà mình rung khủng khiếp lắm. Nhưng người ta ở lâu người ta quen, họ không cảm thấy rung, ngủ ngon lành, không biết gì luôn. Tức là lâu ngày cơ thể mình tự điều tiết thế nào đó, điều tiết được. Nhưng Thiện Trang để ý thấy nó rung, bữa nào đang ngồi tĩnh tọa là thấy rung dễ sợ, giống như bay.

Cho nên mình học điều này là để mình luyện nhận thức. Người tu là phải biết được cảm nhận của mình, chứ còn một hồi mà cứ xả thọ kiểu đó, mà không biết, cứ xả thọ cách tự nhiên thì đó vẫn là si. Còn mình phải biết là đang thọ này, đang thọ kia, cho nên biết thì mới cảm nhận được. Nếu không biết thì ráng luyện, còn luyện không nổi thì ráng tìm môi trường thuận lợi. Nên bên Nam truyền người ta tu, họ biết lựa môi trường. Biết người đó thường hay mơ mộng, suốt ngày nhìn cảnh nào cũng mơ mộng, thì cho vô phòng không có cảnh gì hết, bốn bức tường cùng một màu, không trang trí gì [để] hết khỏi tưởng tượng. Chứ không vô đó tưởng tượng đủ thứ hết, [thế] là khỏi mơ mộng.

Cho nên mình phải có những điều đó, quý vị ở nhà cũng vậy, quý vị coi trang trí phòng tu như thế nào. Thiện Trang thấy cách đơn giản là trang trí càng đơn giản bao nhiêu, thì càng đỡ khởi tâm động niệm bấy nhiêu. Và như vậy đó là cách tu. Vì chúng ta là phàm phu, chúng ta bắt cảnh nhanh lắm, bắt cảnh rồi chạy theo cảnh nhanh lắm, chứ mấy ai có định lực đến nỗi không có gì.

Giống như hồi xưa thầy Thiện Trí đến thăm Thiện Trang ở thất tại Long Khánh, Đồng Nai, thầy Thiện Trí nói: *"Sao huynh không trồng gì hết, không có cây cảnh, không có gì hết?"*. Thiện Trang nói *"Có cây cảnh nữa à? Đâu biết đâu"*. [Thầy Thiện Trí nói]: *"Vậy là tâm huynh là tâm 'Không', không có gì hết"*. Không có gì là tại vì mình không nghĩ tới, người ta nhắc mình mới [nghĩ]: À! Hóa ra mình không trồng gì hết, là vì mình không nghĩ tới. Có người nhắc thì mình mới nhớ là mình không làm. Đó là do mỗi người đặt tâm vào một điều khác nhau, mình cứ hiểu khuynh hướng tâm lý của mình như thế nào. Mình càng để ý bên ngoài nhiều thì

trong tâm mình thường không rõ.

Tạm dịch: Luận ghi rằng: Thọ uẩn gồm ba loại, lãnh nạp [cảm nhận] theo sự tiếp xúc, tức là gồm lạc và khổ, không khổ không lạc. Thọ này lại chia ra thành sáu loại thọ thân, là do sự tiếp xúc của mắt mà sanh ra thọ cho đến sự tiếp xúc của Ý thức mà sanh ra thọ.

Do những giác quan của mình tiếp xúc với điều gì mà sinh ra thọ, có sáu loại đó. Như vậy nếu nhân ra: 6 x 3 là 18 loại. Bữa nay mình học Thọ rồi, mình học thêm Tưởng nữa.

想蘊謂能取像為體，即能執取青黃長短、男女怨親、苦樂等相。此復分別成六想身，應如受說。除前及後色、受、想、識，餘一切行名為行蘊。

Tưởng uẩn vị năng thủ tượng vi thể, tức năng chấp thủ thanh huỳnh trường đoản, nam nữ oán thân, khổ lạc đẳng tướng. Thử phục phân biệt thành lục tưởng thân, ưng như thọ thuyết. Dư tiền cập hậu Sắc, Thọ, Tưởng, Thức, dư nhất thiết hành danh vi Hành uẩn.

Giải:

#*Tưởng uẩn vị năng thủ tượng vi thể*: tức là Tưởng uẩn có công dụng lấy hình tượng làm vật chất, lúc nãy Thiện Trang đã giải thích rồi.

Ví dụ như quý vị gom những thông tin lại, nên quý vị tưởng ra Thiện Trang như thế này, như thế kia. Mỗi người xây dựng một hình tướng như thế ở trong tâm. Và nếu vẽ ra thì mỗi người vẽ ra một thầy Thiện Trang không giống lắm. Bây giờ [vẽ thì] còn giống nhau, nhưng cho vẽ thầy Thiện Trang vào 30 năm sau, là bắt đầu mỗi người vẽ mỗi kiểu, không giống nhau, có thể khác. Có người bị bệnh cận [thị], cho nên họ vẽ thầy Thiện Trang lúc đó đeo kính cận vô, vì họ tưởng tượng theo kinh nghiệm của họ.

#*Tức năng chấp thủ thanh huỳnh trường đoản, nam nữ oán thân, khổ lạc đẳng tướng*: #năng là công dụng; tức là [Tưởng] có công dụng chấp giữ những tướng như xanh, vàng, dài, ngắn, nam, nữ, kẻ oán, người thân, khổ, vui v.v... những tướng như vậy. Tức là tự nhiên Tưởng này có công năng là giữ gìn, giữ lại những

bản chất. Ví dụ như thầy Thiện Trang da vàng, (xanh, vàng, đỏ, trắng), biết thầy Thiện Trang cao khoảng bao nhiêu, biết thầy Thiện Trang là nam chứ không phải Ni cô, rồi biết đó là người thân chứ không phải người oán. Quý vị ghi nhận những điều đó trong đầu, đó gọi là kinh nghiệm, rồi khổ hay vui là do người đó mang lại v.v… Những tướng như vậy tự nhiên đưa vào trong tâm chúng ta. Nên khi gặp người đó mình nhận ra ngay, xác định đây là người đó. Bởi vì mình sẽ biết đó là người thân, da vàng hay da trắng, cao hay thấp, mập hay ốm, nam hay nữ đưa ra ngay, đó là tưởng của mình. Rồi người đó thân hay quen hay là kẻ thù của mình, người đó mang lại cho mình những kỉ niệm đau buồn hay khổ thì một trời dữ liệu đó gọi là Tưởng.

Chúng ta học vào đây, chúng ta mới thấy khái niệm Tưởng rõ, chứ còn học ở trên kia cứ nói Tưởng, Tưởng gì đâu v.v... không rõ. Cho nên Luận Câu Xá dạy cho quý vị kỹ những chi tiết căn bản này, nên ta phải học là vậy. Mình học ở trên kia là học đại khái, còn khi mình học vào mấy bộ luận kiểu này thì mới chia chẻ kỹ ra. Cho nên mình nói Tưởng là kinh nghiệm, sự biết này kia, rồi Tưởng về tương lai... [Đó] là chưa đủ sâu, mà phải nói là Tưởng giữ lấy những hình tướng. Những hình tướng đó là về màu sắc, về độ cao lớn, nhỏ bé, mập ốm, rồi nam nữ, quen thuộc hay [xa lạ], kẻ thù hay thân thương, rồi vui hay buồn v.v… Cho nên Tưởng dẫn đến cuộc đời khác nhau.

Một ngày nào đó quý vị đi trên đường, gặp một người giống như người yêu xưa cũ, bắt đầu quý vị sẽ khởi lên: "À, đây là người yêu cũ". Hoặc là [nghĩ] hồi xưa anh đó như thế nào: [cao, thấp], mập, ốm gì đó. Sao hồi xưa ảnh ốm mà giờ mập dữ vậy? Rồi sao hồi xưa anh ta 'men' lắm, mà giờ giống nữ thế, sao 'nữ quyền' nhiều thế. Sao hồi xưa mình thấy thân thiết lắm mà giờ gặp nhau như xa lạ thế này v.v… Bắt đầu bao nhiêu ký ức đau buồn, đắng cay, vui khổ, v.v… hiện ra. Đó là do Tưởng, [giữ] tất cả những hình tướng đó làm bản chất, và mỗi người đã lưu cho mình [dữ liệu] khác nhau.

Cùng một người đó, ví dụ Thiện Trang đi với quý vị, hai người chúng ta cùng gặp một người, nhưng Tưởng khác nhau, và nhắc đến người đó là hai người có dữ liệu khác nhau hoàn toàn. Đó mới là Tưởng. Mình học mình hiểu tới đó, chứ mình chỉ nói tưởng tượng không [thôi] thì không phải. Nên chúng sanh là

muôn sai vạn biệt, do những điều kiện nào đó mình đã nhận định, và nhận định đó (Thiện Trang nói lại Thân kiến, đem điều này mới giải được Thân kiến bên trên) mình đã mặc định rằng người đó là như vậy, như vậy, thì đó thuộc về Thân kiến.

Quý vị hiểu không? Tại vì mình cứ nghĩ người ta như vậy, nhưng khổ nỗi đó là nhận định của mình thôi, còn nhận định của người khác thì không phải như vậy. Ngày nào đó quý vị phát hiện ra rằng: À, hoá ra người đó qua lăng kính của mình, qua camera của mình, qua nhận định của mình, Tưởng của mình không giống với người khác, và ta không nên chấp Tưởng đó là như vậy. Đó mới phá Thân kiến được quý vị ạ. Bữa nay tại sao Thiện Trang đưa Thân kiến lên trong bài này? Là vì mình đang học Thân kiến gồm có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc thì dễ rồi, nhưng Tưởng là phải như vậy.

Cho nên ngày nào đó đừng nói rằng cái đó đẹp hay xấu, đẹp hay xấu là do mình thôi. Dễ thương hay không dễ thương là do mình. Nếu thế gian ai cũng có một tiêu chuẩn, Tưởng giống nhau, thì sẽ có rất nhiều người thế gian ế, bao nhiêu người chạy tới tìm hoa hậu hết. Mấy cô không đủ tiêu chuẩn hoa hậu thì chắc ế hết. Nhưng quý vị thấy không phải như vậy.

Đức Phật cũng nói rất rõ cho chúng ta là do ba yếu tố: Do khuynh hướng tâm lý, do tiền nghiệp và do môi trường sống. Mỗi người có [mỗi] chi phối khiến cho Tưởng của mình khác nhau, nên đưa ra những tiêu chuẩn khác nhau. Có người thích người mập mạp, to cao. Có người không cần mập mạp, to cao, mà chỉ cần một người bình bình thôi. Có người thích hình thức là vợ hay người yêu phải sang trọng. Có người thì không, có người thích kiểu khác. Cũng vậy, mấy bà cũng có mấy tiêu chuẩn khác nhau. Mỗi tiêu chuẩn đó đối với chuyện người yêu, chuyện gia đình, vật dụng trong nhà, mọi thứ như vậy. Nếu ngày nào chúng ta vẫn sống theo như vậy và vẫn như thế, thì chúng ta vô tình đi theo một khuynh hướng, và khuynh hướng này càng ngày theo nghiệp càng nặng và cứ đi như vậy.

Khi nào quý vị nhận thức ra: À, đó là Tưởng của mình, Tưởng đó không phải là ta. Tưởng đó do khuynh hướng tâm lý, do tiền nghiệp, và do môi trường sống. Vì ta sống ở Việt Nam nên thấy người da vàng mới đẹp. Mình thấy người da đen,

thấy người da đỏ, người da trắng mình cho là xấu, v.v… những quan điểm đó là do môi trường sống. Ngày nào nếu quý vị phát hiện ra tất cả những Tưởng của mình là do như vậy, thì quý vị mới có cơ hội phá Thân kiến.

Ở đây Thiện Trang không cần đòi hỏi quý vị phải bỏ sở thích của quý vị, vì sở thích đó là một tầng lớp sâu nữa, tu không được, chưa tu được điều đó. Nên nhớ một vị A-la-hán vẫn còn tập khí theo sở thích của mình. Có nghĩa là tập khí thôi, thật sự các ngài không thích nữa nhưng các ngày vẫn theo. Ví dụ như ngài Ma Ha Ca Diếp lúc đó vẫn thích đi hạnh Đầu đà, vẫn không thích [nhận cúng dường] Trai tăng, mà [thích] tự đi khất thực thôi. Mỗi ngài có một cái khác, toàn A-la-hán không đó.

Cho nên ở đây muốn phá Thân kiến, quý vị hiểu ra ngày nào đó mình biết rằng: À, hoá ra trong đời mình có mấy điều này là do ba yếu tố: Tiền nghiệp, môi trường sống, khuynh hướng tâm lý. Ba điều đó tạo ra muôn sai vạn biệt, và mỗi người có một cái Tưởng khác nhau, cho nên Tưởng đó không phải là ta. Tưởng này của ta đời này với Tưởng đời quá khứ không giống nhau.

Cho nên những quan niệm trong đời sống có rất nhiều điều không giống nhau. Và do quý vị thường suy nghĩ như vậy, cho nên quý vị không chấp trước, dần dần quý vị phá được Thân kiến và quý vị phá luôn Giới cấm thủ. Quý vị phải học như vậy thì mới tu được. Còn không thì cứ bắt phá [Thân kiến] đi, phá đi … nhưng phá không được. Vì không hiểu bản chất thì làm sao mà phá [được]. Đức Phật nói là khi nào mình hiểu được bản chất của vấn đề là xong.

Thiện Trang xin cử một ví dụ rất nổi tiếng mà Thiện Trang đã kể rồi, nhưng Thiện Trang nghĩ nên kể lại cho quý vị nghe: Có hai người phụ nữ ở hai gia đình, nuôi đứa con của mình lớn lên. Đến ngày nào đó, họ phát hiện ra rằng đứa con đó không phải là con của mình, thì họ không còn yêu thương đứa con đó nữa, vì họ biết ngày xưa trao nhầm con ở bệnh viện. Tất cả những gì họ nhận định rằng là: Con tôi, con tôi, lo cho con tôi, v.v… thì họ không còn yêu thương như ngày xưa nữa. Đó là thế gian, vì không phải cùng dòng máu. Người đó không còn yêu thương đứa con đó nữa, mặc dù họ nuôi bao nhiêu năm nhưng họ không còn yêu thương như trước nữa, vì họ xác định đó là con của người ta, không phải con của

mình.

Từ ví dụ đó mình đem vào Phật pháp, ngày nào đó quý vị cũng hiểu ra rằng: À, hoá ra đứa con này không phải con ta, nó chỉ là từ đâu đầu thai tới, v.v… rồi quý vị sẽ không thương đứa con mình như ngày xưa nữa. Gia đình mình cũng vậy, mình cũng thấy hết, nên bỏ được gia đình. Rồi còn bỏ thân mình là sao? [Vì] mình biết: À, thân này không phải là thân ta. Vì sao? Vì ta cũng đến thế gian này với một duyên nào đó, ta có duyên với cha, với mẹ, cho nên ta đầu thai vào gia đình này, ta được nền giáo dục của đất nước Việt Nam cho nên ta mới có nhận thức này, và do ta học pháp Đại lão Hòa thượng Tịnh Không nên ta có tri kiến này, v.v… Nhưng tất cả những điều đó đều không đúng hoàn toàn với tiêu chuẩn của Phật, và ta không theo nữa. Từ nay ta biết theo tiêu chuẩn của Phật, và ta cũng biết uyển chuyển làm sao để sống giữa dòng đời mà không bị ngang trái.

Ngày nào đó quý vị nhận ra như vậy thì xin chúc mừng quý vị: con đường để phá ba Kiết sử đó, quý vị đi được hơn phân nửa rồi. Có nghĩa là con đường giải thoát sinh tử quý vị cũng đã đi được rất xa. Còn nếu mình vẫn mê, lúc nào tôi cũng đúng, suy nghĩ này của tôi đúng, đó là quý vị đang dính vào Tưởng. Nên nhớ [những gì] ở trên thế gian chỉ là tương đối, chỉ có chân lý đó là Phật pháp, còn lại mọi thứ chỉ là tương đối. Do thời đại, tức là môi trường, do hoàn cảnh đó đẩy mình vào, do nền giáo dục đó, do môi trường sống đó, do tiền nghiệp (tức là nghiệp đời trước) dẫn mình, và do khuynh hướng tâm lý của mình mà tạo ra những sở thích, những nhận định, những điều này điều kia, rất nhiều điều. Và ta đã sống với lớp ảo đó quá lâu. Ngày nào quý vị bỏ lớp ảo đó là xong, [việc phá] Thân kiến hoàn thành, có khả năng đắc đạo. Vì Thân kiến [phá] xong rồi, thì Giới cấm thủ và Nghi cũng rất dễ thôi, không khó nữa. Nghi đối với giáo pháp thì mình học nhiều sẽ hết được. Khi đó mình thấy rất rõ ràng Thật tướng Các pháp.

Thật tướng Các pháp là thế gian này toàn nương theo [những điều] giả, do chúng sanh, do những yếu tố trên lập nên, chứ không phải là như vậy. Khi đó quý vị thấy gọi là "thấy đúng như sự thật" mà lời trong kinh lúc nãy đã nói. Khi nào quý vị sống được như vậy, là ok, xong! Coi như con đường ra khỏi sinh tử gần như bắt đầu chuẩn bị cầm được vé. Tới đặt vé, dù chưa nhận vé nhưng được chấp nhận rồi, accept (chấp nhận), chuẩn bị được rồi đó. Cho nên cứ từ từ, từ từ.

Cho nên điều này là trí tu, chứ không phải trí bình thường. Học thế nào? Học chỉ là nền tảng thôi, còn đến lúc nào huân tập nhiều quá, đủ rồi, thì tự nhiên bung ra. Và khi bung ra là thành công. Chỉ đơn giản vậy thôi, nên Tưởng uẩn là như vậy.

#Thử phục phân biệt thành lục tưởng thân, ưng như thọ thuyết: tức là Tưởng này cũng chia ra thành 6 loại về tưởng thân: Tưởng do mắt cung cấp, Tưởng do tai cung cấp…

#Dư tiền cập hậu Sắc, Thọ, Tưởng, Thức, dư nhất thiết hành danh vi Hành uẩn: những điều đằng trước và những điều ở sau như Sắc, Thọ, Tưởng, Thức (ở đây không có Hành, chỉ có Thức thôi), tất cả các Hành khác được gọi là Hành uẩn. Các Hành không nói chung ở đây, nhưng nói tóm lại mấy điều sau cũng vậy, Thọ, Tưởng, Thức cũng vậy, đều gọi là Hành uẩn.

Tạm dịch: Tưởng uẩn là công dụng lấy hình tượng làm bản chất, tức là công dụng chấp giữ những tướng như xanh, vàng dài, ngắn, nam, nữ, kẻ oán, người thân, khổ vui v.v… Tưởng uẩn này còn được chia ra thành sáu loại tưởng thân, cần nên biết giống như nói về Thọ uẩn. Những điều đằng trước và những điều ở sau như Sắc, Thọ, Tưởng, Thức, tất cả các hành khác (tức là ở đây không đưa Hành, Hành nói riêng) được gọi là Hành uẩn.

Chúng ta tạm dừng ở đây để buổi khác, nói chung bữa nay chỉ cần học bấy nhiêu đó. Học một chút thôi, nhưng học về Tưởng uẩn rất rõ ràng, chứ xưa nay mình học chưa rõ ràng. Nên phải có những bộ luận như thế này, những thời gian như thế này, thì chúng ta mới học được. Và khi mình học thì dần dần sẽ xóa tan được hết những mê mờ, thì mới hết Si được. Còn mình không học thì cứ mơ mơ… rồi khi mơ mơ thì mình tu gọi là gượng ép, bắt buộc mình phải như vậy. Giống như cứ bắt buông đi, buông đi, nhưng buông không được. Vì sao? Vì không hiểu bản chất, giống như cặp vợ chồng kia họ đang chấp đó là con của họ, ngày nào đó họ phải hiểu rằng đứa con đó là con bị trao lộn, thì họ không chấp vào đứa con của mình nữa.

Cũng vậy, nếu ngày nào đó quý vị nhận ra rằng: thế giới này giả thật sự, Vô thường, Vô ngã, tức là đau khổ, v.v… rồi ta không phải là ta, mà ta chỉ là do các

duyên hợp thành, thân thể này do các yếu tố khuynh hướng tâm lý, tiền nghiệp, và đời sống môi trường tạo ra những quan niệm của chúng ta v.v… Khi nào mình nhận thức được như vậy, thì mình mới có hy vọng phá được Thân kiến.

Như vậy Thiện Trang đã chia sẻ hết rồi, hôm nay thời gian đã hết, hẹn gặp quý vị vào buổi khác. Thiện Trang chia sẻ như thế này, vì nghĩ bộ này rất hay đối với những người tu muốn đắc Thánh quả, muốn nâng cao công phu. Ai hiểu được thì tốt, không hiểu được cũng không sao. A Mi Đà Phật! Chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 20: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 20.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 04.12.2024
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=YPHZkmbuo5k
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư. Chúng ta có hai buổi chia sẻ Phật pháp vào thứ Tư và thứ Bảy. Buổi thứ Tư hiện đang chia sẻ về đề tài Luận Câu Xá. Đây là nền tảng của Phật giáo, dù là Nam truyền hay Bắc truyền thì nền tảng này cũng cực kỳ quan trọng.

Chúng ta học có ba nội dung trong chuyên đề Luận Câu Xá này: Một là Luận Câu Xá, hai là Vi Diệu Pháp của bên Nam truyền, và ba là phần nền tảng từ Kinh A Hàm và Kinh Nikaya. Đó là chuyên đề [của buổi] thứ Tư, còn chuyên đề [buổi] thứ Bảy là chuyên về Tịnh Độ, dành cho những đồng tu tu Tịnh Độ. Thiện Trang cũng xin nói là hai bài giảng này nội dung tuy thống nhất, nhưng Thiện Trang đứng về hai góc đứng khác nhau. Bộ này Thiện Trang cố gắng giảng làm sao để cho mọi người dù theo tông phái nào, Nam truyền hay Bắc truyền, dù Đại thừa hay Tiểu thừa, hay tu bất cứ môn nào cũng học được. Còn bộ kia Thiện Trang nghiêng về Tịnh Độ để cho những đồng tu Tịnh Độ được chuyên tâm hơn. Giới thiệu như vậy để quý vị đồng tu khỏi thắc mắc, là tại sao lúc Thiện Trang giảng

theo kiểu này, lúc giảng theo kiểu kia. Không phải thắc mắc nữa! Bên kia thì nói rồi nhưng bên này chưa nói, thì quý vị biết như vậy.

Bài hôm nay là bài 20 về Luận Câu Xá. Sở dĩ Thiện Trang nói số bài để những đồng tu nghe MP3, họ biết được là mình đang mở bài nào. Cho nên quý vị thông cảm, [Thiện Trang] phải nhắc như thế.

Phần mở đầu hôm nay, chúng ta học Phật để làm gì? Học Phật để mình trồng được một thiện căn sâu dày. Quý vị đừng lo là mình không được độ, chỉ sợ là mình không đủ thiện căn thôi. Nếu quý vị có thiện căn thì đức Phật bằng cách nào đó, Ngài sẽ giúp chúng ta. Chư Phật, chư Bồ-tát không bao giờ bỏ rơi chúng sanh, chỉ có chúng sanh bỏ rơi Phật Bồ-tát mà thôi.

Ở trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, đức Phật nói: **"Lòng từ bi, thương yêu của Như Lai đối với chúng sanh giống như là con đỏ"**. Con đỏ tức là đứa con mới sanh ra đời, thì người mẹ rất thương con. Đức Như Lai cũng vậy, với lòng từ đó Ngài không bỏ một ai.

[Thiện Trang xin] trích dẫn một câu chuyện ở Phẩm thứ Hai của Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập: Vào thời quá khứ kiếp xa xưa, vô số kiếp về trước, khi đó có một đức Phật ra đời hiệu là Chiên Đàn Quật. [Tên] Chiên Đàn Quật là vì cõi nước đó là cõi nước toàn mùi hương, hương thơm của Chiên đàn. Ở nơi đó thì tất cả các vị Phật ra đời giáo hóa chúng sanh bằng cách tỏa ra nhiều mùi hương thơm, để chúng sanh ngửi mùi hương mà được đắc độ. Cho nên cõi nước đó tên là Diệu Hương thì phải, đức Phật là Chiên Đàn Quật.

Khi Ngài sắp nhập Niết-Bàn, vì [đã] hết duyên với chúng sanh, Ngài quan sát thấy còn một người có thể được độ. Nhưng người ấy đang ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Quý vị biết ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thì không có cách nào độ họ được. Vì ở đó là trạng thái không có tâm, không có hình tướng. Tức là nhập vào đó rồi là không có suy nghĩ, không có gì hết, v.v… Kiểu như vậy, thì làm sao độ được. Người ấy thì lại ở trên trời này. Đức Phật ấy thì hết duyên rồi, Ngài phải nhập Niết-Bàn. Cho nên khi vào Niết-Bàn, đức Phật từ giã mọi

người, Ngài ẩn mình tức là Ngài không nhập hoàn toàn, mà chờ người đó ra đời. Tức là đợi vị đó ở cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ sau tuổi thọ tám vạn Đại kiếp (thực ra ở trong đó thì không tới tám vạn Đại kiếp vì họ đã sống một thời gian rồi), thì họ sanh xuống nhân gian và làm người.

Khi làm người, đợi vị đó đến năm 80 tuổi (vì thời đó tuổi thọ loài người khá dài), thì đức Phật mới xuất hiện trước mặt người đó để thuyết cho người đó một bài pháp. Chỉ có vị đó nghe, tất cả mọi người, tất cả hàng Thanh văn v.v… không thấy. Vì đức Phật đã nhập Niết-Bàn rồi, nhưng Ngài không hoàn toàn nhập Niết-Bàn, vì Ngài chờ người đó để độ. Sau bài thuyết pháp đó, người đó giác ngộ, được đắc độ chứng quả. Chư thiên cũng thấy được điều đó, và có rất nhiều chư thiên được đắc độ theo.

Qua câu chuyện đó để Thiện Trang nói rằng: quý vị thấy lòng từ của đức Như Lai (đức Phật) rất tuyệt vời. Dù còn một chúng sanh đáng được độ thì Ngài vẫn chờ, [người đó] vẫn có cơ hội [được độ]. Cho nên chúng ta dù có sanh ra [trong] đời Mạt pháp, dù thế nào đi nữa, quý vị cũng đừng lo. Chỉ sợ rằng mình không có đủ căn lành, mình không chịu tu tập. Chứ nếu mình đủ căn lành, có cơ hội giác ngộ giải thoát, đắc độ (chứng quả), trở thành Thánh nhân, thì chắc chắn đức Phật sẽ chiếu cố mình. Bằng cách nào đó, Ngài sẽ thị hiện Thần thông hay bằng bất cứ bằng cách nào đó để giúp căn lành chín muồi của mình trở thành thành tựu.

Đây là câu chuyện trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập. Thiện Trang đang coi bộ Kinh này rất dài, mới coi tới Phẩm thứ Hai thôi nhưng thấy rất hay. Vì thấy đúng là thực sự tuyệt vời. Cho nên đức Phật mới nói là: **“Dù chỉ vì một chúng sanh, Như Lai cũng sẽ trụ đời suốt trăm ngàn vạn kiếp, vô số kiếp, không nhập Niết-Bàn”**. Đó là lời trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập (hay chúng ta nói Kinh Đại Tập). Cho nên quý vị tu, quý vị đừng lo.

Chúng ta tu như thế nào? Có một câu nói rất nổi tiếng của Hòa thượng Tuệ Sỹ, ngài nói: *“Thập phương Bạc Già Phạm, nhất lộ Niết-Bàn môn”.* Câu nói này không phải của ngài Tuệ Sỹ, câu nói này ai học Kinh Lăng Nghiêm thì biết. Kinh

Lăng Nghiêm có mười quyển, ở quyển thứ năm của Kinh Lăng Nghiêm có một bài kệ, cuối cùng có [đoạn]: **"Thập phương Bạc Già Phạm, nhất lộ Niết-Bàn môn"**. Quý vị có hiểu câu nói này không ạ? #Thập phương là mười phương; #Bạc Già Phạm là chữ dịch khác của đức Thế Tôn (đức Phật); tức là đức Phật trong mười phương; #nhất lộ là một con đường; #Niết-Bàn môn là cửa Niết-Bàn. Tức là chư Phật trong mười phương chỉ có một con đường để đi đến Niết-Bàn (vào Niết-Bàn).

Ngài Tuệ Sỹ có một video mà được người ta cắt ra, ngài nói là: *"Không có giáo pháp nào khác ngoài con đường duy nhất là Bát chánh đạo, Tứ niệm xứ, để đi vào Niết-Bàn"*. Có phải đúng như vậy không? Nhiều người nghe như vậy thì thấy tu môn khác chắc không vô được Niết-Bàn. Thực ra đoạn đó người ta cắt hơi ngắn, chứ nếu người ta để dài một chút, ngài Tuệ Sỹ chia sẻ rất rõ ràng. Ngài nói là giống như con đường đi từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội, quý vị đi một hồi cũng phải qua Quốc lộ 1 thôi. Nhưng để tới Hà Nội thì quý vị có thể đi rất nhiều đường để ra Quốc lộ 1. Tức là mỗi Pháp môn: Tịnh Độ niệm Phật, hay Thiền tông, v.v… tất cả các Pháp môn, là những con đường nhỏ để dẫn vào một con đường lớn. Con đường lớn để đắc đạo chính là phải tu Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo. Có nghĩa là dù Pháp môn nào, quý vị muốn chứng quả Thánh, cuối cùng quý vị cũng phải đi tới đó.

Ví dụ Tịnh Độ, Tịnh Độ thì chúng ta đới nghiệp vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: Người chưa chứng quả Tu-đà-hoàn thì chứng Tu-đà-hoàn, chưa chứng A-na-hàm thì chứng A-na-hàm, chưa chứng A-la-hán thì chứng A-la-hán. Có nghĩa là nếu mình chưa thành tựu Bát chánh đạo, Tứ niệm xứ, thì rồi về đó mình cũng tu điều đó, một hồi sẽ thành tựu. Kiểu vậy đó! Cho nên tất cả con đường, thực ra chỉ có một con đường ra cuối cùng. Nhưng yên tâm, con đường nào rồi cũng đi về La Mã, con đường nào rồi cũng sẽ đến thành Niết-Bàn. Cho nên đừng có vội chê là con đường khác thì không thành tựu.

Tu hành khi nào có trí thực chứng thì mình mới đảm bảo rằng mọi sự [nhìn nhận là] chính xác. Còn nếu chúng ta chỉ có tu qua nghe, học, biết, và suy tư thôi, thì giống như thế này. Có một khung cảnh, quý vị đứng ra vào buổi sáng hoặc buổi chiều, quý vị thấy một lớp sương mù. Cho một người đang ngủ dậy, họ không biết buổi sáng hay buổi chiều, lôi đầu ra cho họ coi. Họ thấy làn trắng quá trời, họ sẽ không biết là khói hay là sương. Nhưng nếu quý vị là một người đang rất tỉnh táo, quý vị biết buổi sáng chắc là sương mù, còn buổi chiều là khói thôi. Vì buổi chiều không có sương, còn buổi sáng thì chắc chắn là sương thôi. Trí đó là trí Tư. Với kiến thức mình biết được gọi là trí Văn, mình biết sương như vậy, khói như vậy, trong thiên nhiên có hiện tượng đó. Và mình cộng với suy luận là mình biết buổi sáng thì phải là sương, buổi chiều thì phải là khói. Như vậy đó là trí Tư.

Nhưng với hiện tượng đó vẫn có thể [nhận định] sai. Có nghĩa là trí Tư của mình đôi khi sai. Đôi khi sai nghĩa là có những hiện tượng thiên nhiên bất thường, không như vậy, thì mình sẽ bị sai. Sự xác định không bị sai đó là trí thực chứng, tức là người đó đến gần rồi, họ đã chạm được vào và họ biết đó là khói chứ không phải sương, [hoặc] là sương chứ không phải khói.

Cho nên tu Phật pháp, quan trọng là tu chứng. Tu chứng mới xác thực những gì mình thấy, mình biết, mới đúng. Tu chứng thì phải trải qua quá trình tu chứng. Cho nên quý vị phải hiểu cho, chúng ta học rồi chúng ta mới tu, không biết thì không tu được.

Hôm nay phần đầu tiên Thiện Trang xin giới thiệu một nội dung trích trong kinh rất quan trọng, để quý vị nghe.

Tu Thế Nào Thì Không Sợ Chết Thảm Bị Đọa Lạc?

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Kapilavatthu tức là nước Ca Tỳ La Vệ theo tiếng Pali, đây là dịch từ kinh Pali)**, khu vườn Nigrodha.**

Rồi họ Thích Mahànàma (tức là Ma Ha Nam ở bên Kinh A Hàm. Đoạn này Thiện Trang trích trong Kinh Nikaya, Kinh A Hàm thì cũng giống vậy) **đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:**

- Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quần chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. (Có nghĩa là vị này gặp mấy con voi khùng (voi điên), ngựa điên, người điên, cỗ xe lớn chạy như điên, cỗ xe nhỏ cũng chạy như điên luôn).

Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phật bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"

Đoạn này Kinh A Hàm nói rõ hơn, Kinh Nikaya chỗ này nói không rõ. Kinh A Hàm nói rõ là ông ấy thấy mấy con đó chạy ghê quá, chúng tông vào người nào thì có khả năng gây chết người. Cho nên ổng nghĩ rằng nếu ổng bị con voi cuồng tông như vậy, hoặc con ngựa cuồng tông, hoặc cái xe chạy nhanh quá tông vào người ổng, thì ổng sẽ chết một cách bất đắc kỳ tử. Như vậy sau khi ông chết thì ông sẽ sanh vào đâu? Ý là như vậy.

Chỗ này Kinh A Hàm nói rõ, còn Kinh Nikaya thì không nói rõ. Quý vị thấy lợi thế là mình học được cả hai bên, thì mình học được như vậy. Thiện Trang học là Thiện Trang đối chiếu cả hai bên, nên Thiện Trang thấy được rõ ràng. Nhưng đoạn sau giải thích thì Thiện Trang thích chỗ giải thích của Kinh Nikaya, nên Thiện Trang mới trích Kinh Nikaya chứ không trích Kinh A Hàm.

- Chớ có sợ, này Mahànàma! Chớ có sợ, này Mahànàma! (Đức Phật phải nói hai lần để ổng bớt sợ đi). **Không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác**

sẽ là cái chết của ông! (Tức là yên tâm, cái chết này không đáng sợ đâu). **Này Mahànàma, với ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay dã can ăn, hay các loại chúng sanh sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.**

Nghĩa là yên tâm, quý vị tu được mấy điều: Thứ nhất về tín (niềm tin) là mình được trọn vẹn về niềm tin; trọn vẹn về Giới tức là mình giữ giới tốt; mình tu tập trọn vẹn về sở văn là mình nghe các pháp về Vô thường, vô Ngã, Ba-la-mật, v.v… mình nghe Phật pháp nhiều; mình tu tập về thí xả là bố thí, buông xả; mình có trí huệ về Phật pháp. Với bao nhiêu đó thôi, thì quý vị yên tâm là quý vị không đọa vào ba đường ác, không đọa vào ba đường dữ. Đây là lời của đức Phật nói, cho nên bớt sợ giùm, đừng có sợ chết thảm bị đọa lạc.

Chúng ta tu tập cũng lâu ngày rồi, quý vị có đủ mấy điều này chưa? Niềm tin về Giới, những điều mình được nghe (nghe pháp), sự buông xả, và trí tuệ. Năm điều này chính là hành trang tư lương để chúng ta không đọa lạc vào đường ác, cho dù có chết bất đắc kỳ tử như trong trường hợp trên. Cho nên học đến đây thì [quý vị] bớt sợ đi nha. Nhiều người sợ tai nạn thảm khốc, v.v… bị đọa lạc. Nếu như quý vị đầy đủ niềm tin đối với Phật pháp, quý vị trọn vẹn về Giới, quý vị tu tập nghe pháp, buông xả, bố thí, có trí tuệ, thì yên tâm, không sao.

Đức Phật lấy ví dụ này hay, Thiện Trang thích ví dụ này:

-Ví như, này Mahànàma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ, hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên,

trồi lên trên. Cũng vậy, này Mahànàma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm được tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái (tan nát)**, đoạn tuyệt** (cắt ra từng mảnh)**, đoạn diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, dã can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ; thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.**

Kinh Nikaya chuyên gia lặp lại, một đoạn đó thôi mà nói đi nói lại hoài thành ra dài. Quý vị hiểu được ý như vậy thôi, [tức là] mình giống như cái ghè (mình nói là chiếc xuồng hay là chiếc thuyền nhỏ) mà chở đầy bơ, dầu mè. Đập bể [ghè] ấy từng mảnh rồi nhấn chìm xuống dưới, thì yên tâm là bơ sữa, dầu sẽ nổi lên trên. Cho nên thân thể mình cho dù tan nát, bị con gì ăn, rắn cắn hay bị bất cứ thứ gì [tổn hại], mà mình tu tập đầy đủ như vậy rồi, có đủ năm điều đó rồi, thì yên tâm là mình không đọa vào ba đường ác.

Đó là xác tín niềm tin, để quý vị khi chết hay bất kỳ ai sắp lâm chung đừng hoang mang, chúng ta đã tu trong đời đủ vốn, thì ít nhất mình không đọa vào ba đường ác. Đó là một niềm tin mà mình phải có, chứ không là mình hoang mang. Đặc biệt là những người tu Tịnh Độ, nếu tới lúc đó mà mình sợ là không nên, hãy bình tĩnh. Bình tĩnh này là nhờ hằng ngày ta nghe pháp, nhờ hằng ngày ta đã vun bồi những đức tin về Giới, về những điều mình buông xả, mình bố thí, về trí tuệ, thì không sợ. Cho nên người tu hành lâu rồi, đủ nền tảng thì họ không sợ chết nữa. Còn tu mà sợ chết là vì mình chưa nắm được những điều này, cho nên mình mới sợ. Ở đây tiếp tục nói:

Này Mahànàma, (tức là ngài Ma Ha Nam)**, đã lâu ngày tâm ông được tu tập trọn vẹn về tín, được tu tập trọn vẹn về giới, được tu tập trọn vẹn về sở văn, được tu tập trọn vẹn về thí xả, được tu tập trọn vẹn về trí tuệ.**

Chớ có sợ, này Mahànàma, chớ có sợ, này Mahànàma, không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác là cái chết của ông! Cho nên [đây là] đức Phật an ủi, rõ ràng rồi nên [quý vị] yên tâm, không sao.

(Kinh Mahànàma (1) - Phẩm Saranàni - Chương XI - Tương Ưng Dự Lưu (b) – Kinh Tương Ưng- Thuộc Tạng Nikaya).

Cho nên từ nay trở đi bớt sợ nha, bớt lo đi. Mình càng học, càng tu thì càng bớt lo, bớt sợ. Quý vị yên tâm đi, còn nhiều niềm tin nữa, từ từ rồi Thiện Trang sẽ dẫn, dần dần mình tu mình yên tâm, không có sợ, lo lắng nhiều quá thì cũng không tốt.

Thiện Trang xin dẫn tiếp là hôm nay chúng ta sẽ học vào các quả vị Thánh. Thông thường chúng ta học thì chỉ biết được mấy quả vị Thánh: là Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, Tứ quả A-la-hán. Nhưng không phải ít như vậy. Hôm nay Thiện Trang sẽ giới thiệu cho quý vị có bao nhiêu quả vị Thánh, đây là theo kinh nha, có nhiều đồng tu học nền tảng ít quá. Đặc biệt có một số đồng tu học ít nhưng tự cho mình giỏi. Hôm nay học ở đây Thiện Trang nghĩ là ngã của quý vị sẽ giảm bớt, vì khi quý vị học sẽ thấy kiến thức của mình chưa tới đâu hết.

Các Quả Vị Thánh Quả

127. Kinh Phước Điền – Thuộc Trung A Hàm

Thiện Trang cố gắng lấy cả hai tạng: Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, để chúng ta học cả hai bên Nam truyền và Bắc truyền. Mời quý vị xem, bộ kinh này ngắn thôi.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá Vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn ông Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền?" Tức là ông Trưởng giả Cấp Cô Độc tới đảnh

lễ đức Phật, và hỏi là ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền. Phước điền tức là ruộng phước, nơi mà chúng sanh có thể gieo trồng phước. Nghĩa là mình cúng dường cho vị ấy thì mình sẽ có phước. Vậy thì những người nào là phước điền, ở đây đức Thế Tôn dạy:

Đức Thế Tôn dạy: "Này Cư sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai? Một là hạng Học nhân, hai là hạng Vô học nhân. Chúng ta quá quen với hai hạng là Hữu học và Vô học. Hữu học là còn học nữa, còn thứ hai là Vô học thì từ từ Thiện Trang sẽ giải thích. Ở đây chúng ta có thể nói đơn giản thế này: Hữu học ví dụ như [những người] chứng Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, còn Tứ quả A-la-hán thì Vô học rồi. Đó là bên Tiểu thừa, bên đó là hết học rồi, không còn học nữa thì gọi là Vô học.

Hạng Hữu học có 18, hạng Vô học có 9.

Quý vị có nghe rõ không ạ? Hữu học có 18, hạng Vô học có 9, cộng lại là 27. Nếu chúng ta chỉ kể ra Sơ quả Tu-đà-hoàn và Tứ quả Tứ hướng là 8 chứ mấy, sao mà ra 27 được? Quý vị thấy không? Có nghĩa đó là kiến thức phổ thông [mà] quý thầy chỉ giảng một cách sơ lược, còn thực tế trong kinh nói rất rõ đầy đủ các quả vị. Cho nên một số đồng tu Tịnh Độ cứ tưởng người ta rất giỏi, họ cứ ôm bấy nhiêu đó mà không biết rằng thật ra kinh Phật nói nhiều lắm, và ở đây chúng ta sẽ được học từ từ.

Này Cư sĩ, 18 hạng người Hữu học là những ai? Là Tín hành, Pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng, Hướng Tu-đà-hoàn, Đắc Tu-đà-hoàn; Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm; Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm, Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc cứu cánh. Đó là 18 hạng Hữu học.

Quý vị thấy chưa? Chưa kể quả vị A-la-hán mà đã có 18 quả vị, chứ không phải suốt ngày chúng ta cứ ôm nào là Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, Tứ quả A-la-hán, có 4 quả và thêm 4 hướng nữa là 8. Không

phải! Mới kể sơ sơ thôi là đã 18 rồi. Thật ra những tên [quả vị] này, nếu quý vị nghe Thiện Trang thì Thiện Trang cũng hay nhắc: là Tùy tín hành; Tùy pháp hành đúng không? Cho nên là có hết, chứ không phải là không có.

Vậy Tùy tín hành là gì? Tùy pháp hành là gì? Bài trước Thiện Trang đã giới thiệu Tùy tín hành và Tùy pháp hành rồi, nhưng Thiện Trang cũng chỉ giới thiệu sơ sơ. Quý vị cũng thắc mắc là học những điều này ở đâu, 9 hạng này và 18 hạng này học ở đâu? Xin giới thiệu với quý vị là không học ở đâu hết, chính là học ở trong bộ Luận Câu Xá này, ở phẩm thứ năm và phẩm thứ sáu của Luận Câu Xá này có một phẩm gọi là Phẩm Hiền Thánh, chính là học về những vị trí này. Cho nên đó là tại sao Thiện Trang giới thiệu bộ Luận Câu Xá, là vì chọn bộ này có luôn. Bộ Luận Câu Xá này tương ưng với kinh. Mặc dù Luận Câu Xá là luận của chư Tổ, luận của ngài Thế Thân, nhưng tương ưng với kinh điển vì giới thiệu cho chúng ta đầy đủ. Thiện Trang tìm trong Kinh Nikaya thì cũng có giới thiệu những hạng này, nhưng không có chi tiết mà phải tìm ở bộ Vi Diệu Pháp và bộ Luận Câu Xá.

Quý vị thấy kiến thức một trời như vậy, không phải đơn giản đâu, xưa nay mình cứ nói là Sơ quả Tu-đà-hoàn v.v... [Thật ra là] có Tùy tín hành, có Tùy pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng, Hướng Tu-đà-hoàn. Mấy hướng này thì phải biết, nhưng cụ thể như thế nào thì bên đây giới thiệu sơ, còn tới phẩm đó mình phải học một trời thì mới biết. Mình muốn biết Tùy tín hành là gì thì mình phải học, vậy thì phải đợi. Chúng ta mới đang ở phẩm thứ nhất, ráng học tới phẩm thứ năm, phẩm thứ sáu, Phẩm Hiền Thánh thì sẽ được học.

Ở đây Thiện Trang xin giới thiệu một chút: Tùy tín hành, Tùy pháp hành [còn được] chú giải là: Tín giải thoát, Tín thắng giải, Kiến đáo hay Kiến chí, Thân chứng. [Quý vị muốn biết thì] xem kinh này. Thật ra kinh này cũng giới thiệu thôi, không có nói rõ. Chúng ta muốn nói rõ thì vào Vi Diệu Pháp hoặc Luận Câu Xá này.

Bên đây giới thiệu thêm Gia gia, Gia gia là những vị chứng quả Dự lưu phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng (tức là trên trời) hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-Bàn. Còn hạng Nhất chủng là những vị chứng quả Dự lưu (tức là Sơ quả) chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-Bàn. Cho nên Gia gia thì [còn lên xuống] nhiều đúng không? Còn Nhất chủng thì một lần thôi, mặc dù là Sơ quả Tu-đà-hoàn nhưng họ tái sanh có một lần thôi, chứ không phải nói Sơ quả Tu-đà-hoàn tái sanh bảy lần nữa, không có. Cả hai hạng này thuộc Nhất lai hướng hay Tư-đà-hàm hướng (thật ra Sơ quả Tu-đà-hoàn là như vậy), tức là từ Dự lưu quả (Sơ quả) hướng đến Nhất lai quả.

[Thiện Trang] sẵn nói luôn thêm chút nữa để cho quý vị hiểu rõ hơn. Ở đây có mấy quả vị A-na-hàm, nhiều lắm. Nhưng từ từ, đọc hết kinh đi rồi nói tiếp. Như vậy là 18 hạng.

Này Cư sĩ, chín hạng người Vô học là những ai? Là Tư pháp, Thăng tấn pháp, Bất động pháp, Thoái pháp, Bất thối pháp (thoái hay thối cũng được)**, Hộ pháp, Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái, Thật trụ pháp, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát. Đó là chín hạng Vô học".**

Quý vị thấy A-la-hán có 9 hạng lận, chứ không phải có bấy nhiêu đó đâu. Cho nên xưa nay quý vị nghe thấy Thiện Trang giới thiệu là Tuệ giải thoát, [Tâm giải thoát] và Câu giải thoát thì quý vị thấy lạ rồi đúng không? Nhưng thực tế là [có] 9 hạng A-la-hán, cho nên là muôn sai vạn biệt. Muốn [biết] vậy [thì] mình phải học.

Có nhiều người nói: "Ủa, thế thầy giới thiệu mấy điều này để làm gì?" Quý vị không hiểu! Khi giới thiệu những điều này thì mình mới sáng tỏ được [pháp] Tứ đế. Tứ đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Điều này là nằm ở trong Đạo đế. Có nhiều quả vị mà chúng ta có thể vào được. Tức là nếu lấy tiêu chuẩn A-la-hán tuyệt đối, thì chúng ta làm không nổi. Nhưng nếu chúng ta lấy những tiêu chuẩn nhẹ nhẹ chút, ví dụ như Tùy tín hành, Tùy pháp hành v.v... mấy [quả vị] đó thì dễ hơn. Sau này quý vị học rồi thì quý vị biết là có những tiêu chuẩn rất dễ.

Ví dụ trong Kinh Nikaya đức Phật nói người thành tựu bốn điều này sẽ được vào quả Dự lưu. Bốn điều gì? 1. Là thành tựu niềm tin bất hoại đối với Phật; 2. Thành tựu niềm tin bất hoại đối với Pháp; 3. Thành tựu niềm tin bất hoại đối với Tăng; 4. Thành tựu niềm tin bất hoại đối với Thánh giới. Tức là [thành tựu] niềm tin bất hoại với bốn điều đó, thì người đó được xác nhận là Sơ quả Tu-đà-hoàn, khỏi mất công [phá] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi.

Hồi xưa mình kêu: "Ủa, sao đức Phật nói đoạn kia là phải đoạn ba Kiết sử: là Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, mà đoạn này đức Phật nói là chỉ cần bốn niềm tin bất hoại là đủ Sơ quả Tu-đà-hoàn?" [Đó] chính là Tùy tín hành, quý vị hiểu không ạ? [Địa vị này] còn dễ hơn, còn có cách dễ hơn nữa. Mình không đạt được, không [phá được] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, thì quý vị chỉ cần niềm tin không hoại đối với bốn điều: Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Vậy thì mình làm điều đó dễ hơn, và người đó không còn thoái chuyển nữa. Bởi vì sao? Người đó coi như đời này giả sử không chứng, thì họ sẽ chứng ở đời sau, kiểu vậy đó. Có nghĩa là coi như cũng bất thoái chuyển rồi, cho nên cũng tạm xếp vô [quả] Dự lưu, hoặc là trong Luận Câu Xá này xếp vào Bốn gia hạnh nữa.

Đó, [quý vị thấy] nhiều lắm! Cho nên ở đây kể ra 18 hạng Hữu học và 9 hạng Vô học. Thật ra là chưa đủ, chút nữa chúng ta sẽ chia Tam quả A-na-hàm ra mấy trường hợp nữa. Từ đó kể một trời hạng nữa thành ra 43 hạng. Thực tế 43 hạng ở đây vẫn là kể lược, chứ chưa kể hết. Cho nên học rồi mình mới [thấy] rõ ràng sáng tỏ vô cùng, và mình thấy tu mới dễ. Còn hồi xưa mình [thấy] Sơ quả Tu-đà-hoàn phải [đoạn] Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi. Khó quá! Hoặc là Tứ quả A-la-hán [phải đoạn] Ngũ Hạ phần Kiết sử, Ngũ Thượng phần Kiết sử, thì khó quá đi! Nhưng nếu chia nhỏ ra thì mình thấy ở giữa còn một trời thứ nữa, mình chen vô đó được là ngon, chen vô được đó là cũng có hy vọng rồi. Tại vì sao? Đức Phật nói người đó không có đọa lạc nữa, cho nên chỉ cần niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng, niềm tin bất hoại đối với Thánh giới. Người đó trong Kinh Nikaya đức Phật nói

là vào Sơ quả Dự lưu, nhưng thật ra đó là đức Phật nói tắt, chúng ta sẽ học kỹ càng hơn, chứ không cần [đoạn] ba [Kiết sử] kia. [Ba điều] này dễ làm hơn.

Cho nên không học thì mình thấy con đường tu chứng quá xa xôi, quá khó khăn. Nhưng sau khi học xong rồi thì mình thấy cũng có hy vọng đó chứ, có hy vọng. Đặc biệt là Luận Câu Xá mở ra cho chúng ta thêm Bốn gia hạnh nữa. Và từ Bốn gia hạnh thì chúng ta [thấy] càng dễ, tiêu chuẩn càng thấp hơn. Cho nên mình không học, không biết [thì] uổng lắm. Cho nên Thiện Trang nói không học là phí nửa cuộc đời tu. Không học, đặc biệt mình tu Tịnh Độ cứ suốt ngày nói: "Ôi, tu không có chứng đâu v.v.. Thời nay tu làm gì v.v..." Nhưng thực tế [đó là do] mình không học, chứ nếu mình học mình tu thì có thể chứng được, quý vị hãy tin điều đó.

Có nhiều [sự việc], hồi xưa mình nghe những câu chuyện, mình nói là những người phạm giới thì không chứng. Phạm giới trọng thì Thiện Trang chưa thấy [chứng quả], nhưng thực tế quý vị thấy, ví dụ trong câu chuyện mà có cô Tỳ-kheo-ni dụ ngài A Nan, quý vị nhớ không ạ? Cô đó dụ ngài A Nan, đáng lẽ [có] tội, sau đó ngài A Nan thuyết cho bài pháp, cô ấy chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và ngài A Nan nói luôn là vì cô phạm giới [nhẹ] đó nên đời sau cô mới thành tựu được Giới. Quý vị nghe thấy vô lý không? Không thành tựu được Giới thì làm sao chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn?

Có nghĩa là giới đó là giới Tỳ-kheo-ni, cổ không thành tựu 100% thì cổ không thể đắc quả A-la-hán trong đời này. Nhưng xét về Sơ quả Tu-đà-hoàn thì chỉ cần [giữ] bấy nhiêu đó là đủ rồi. Rồi có một vị nữa cũng trong Kinh A Hàm, vị đó lúc đầu chống trái với Phật, sau đó đức Phật thuyết cho một bài pháp, cuối cùng Ngài xác chứng là vị đó đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn và đời sau ông ấy mới thành tựu được Giới. Tại sao kỳ vậy?

Tại vì người ta đã đủ tiêu chuẩn giới của Tu-đà-hoàn, thì người ta chứng Tu-đà-hoàn thôi. Còn để chứng A-la-hán thì phải thành tựu đủ các giới của A-la-hán. Giống như chúng ta đã học qua câu chuyện của ngài Tượng Xá Lợi Phất

đúng không quý vị? Khi chứng A-la-hán thì phải có dấu hiệu cỡ đó, còn chưa được thì chưa chứng [quả vị A-la-hán]. Cho nên mình học nhiều thì mình mới hiểu, chứ nhiều khi mình [nói]: "Con phạm giới rồi, con không chứng được" v.v… thế này thế kia. [Đó là mình] phạm [giới] nào, phạm ở mức độ nào. Nhẹ thì còn chứng được, chứng được những quả thấp hơn, nhưng nếu mình muốn chứng quả vị A-la-hán là phải trì giới nghiêm như A-la-hán.

Cho nên ở trong tu Bát quan trai, thọ tám giới mà lúc nào cũng như A-la-hán, suốt đời phải thế nào đó. Mình cũng ráng làm được như vậy để mình vào Sơ quả, Nhị quả. Và từ từ quý vị học rồi thì quý vị thấy Sơ quả, Nhị quả đa phần là không có định. Hồi xưa Thiện Trang tìm không có căn cứ, sau này Thiện Trang tìm thấy có căn cứ rồi: là không cần tu Thiền định (Thiền chỉ), chỉ cần Cận định thôi là có thể đắc Sơ quả, Nhị quả. Nhưng Tam quả trở lên thì không phải, ở đây chúng ta đọc Chú Giải này thì sẽ thấy, mặc dù chúng ta chưa nghiên cứu sâu nhưng chúng ta biết sơ sơ.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Học, Vô học trong đời,

Đáng tôn, đáng phụng kính;

Các ngài tu chánh thân,

Miệng, ý cũng chánh hành.

Ruộng tốt cho tại gia,

Cúng dường được phước lớn.

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và chư Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Ở đây Thiện Trang xin giới thiệu thêm chỗ Chú Giải này. Ở đây có 27 hạng người là phước điền, [trong đó] nói về A-na-hàm [có năm hạng]. [Sẵn] có cơ hội nói nên Thiện Trang xin nói lược qua.

Năm hạng A-na-hàm (Ngũ bất hoàn 五不還) xem Tập Dị 14 (tr. 425 c-26 c):

1.Trung Bát-niết-bàn *(Pāli: antaraparinibbāyī), nhập Niết-bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh Cư thiên (Niết-bàn với thân trung hữu, theo Hữu bộ).* [Được quả] này ngon nha, lên cõi đó là nhập Niết-Bàn, đắc A-la-hán luôn đó.

2. Sanh Bát-Niết-bàn *(Pāli: upahacca-parinibhāyī: tổn hại Bát-niết-bàn): thác sanh Tịnh Cư thiên một thời gian mới nhập Niết-bàn.* Tức là phải lên trên đó rồi một thời gian sau mới chứng quả A-la-hán. Còn Trung Bát-niết-bàn lên đó là chứng luôn. Tức là Tam quả A-na-hàm thôi mà [có] mấy trường hợp.

3. Hữu hành Bát-niết-bàn *(Pāli:* sasaṅkhāra-parinibbāyī*): thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-bàn.* Tức là mất thời gian tu tập lâu, tinh tấn nữa. Còn người ta lên [tu] tà tà cái là xong rồi.

4.Vô hành Bát-niết-bàn *(Pāli:* asaṅkhāra-parinibhāyī*): không cần tinh tấn tu tập nữa.* Lên đó rồi cũng chứng thôi, không cần tinh tấn tu tập nữa, tu chơi chơi cũng được.

5. Thượng lưu Sắc cứu cánh *(Pāli:* uddhaṃsota-akaniṭṭhagāmī*), lần lượt tái sinh qua các cõi từ Sơ thiền, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-bàn tại đó.*

Ở đây, quý vị thấy có một kiến thức mà Thiện Trang xin phép đính chính, đó là hồi xưa Thiện Trang nghe nói Tam quả A-na-hàm thì sanh lên Ngũ Bất Hoàn Thiên. Bây giờ Thiện Trang cũng coi kinh nhiều rồi, Thiện Trang biết là không phải. Chính trong Kinh Tạp A Hàm, đức Phật nói người chứng Tam quả A-na-hàm đời sau họ có thể đi về những cảnh giới nào. Quý vị coi Kinh [Tạp A Hàm], hình như từ 840 mấy đến 860 mấy đó, đức Phật có nói là [các vị Tam quả A-na-hàm] đi về các cảnh trời từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, bốn tầng trời đó rải khắp hết.

Trời Sơ thiền gồm có: trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm. Trời Nhị thiền gồm có: trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quan Âm. Trời Tam thiền gồm có: trời Thiểu Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh. Trời Tứ thiền thì chúng ta hay nghe nói là: trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tưởng, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến, trời Sắc Cứu Cánh. Trong Kinh A Hàm, đoạn đó không nói như vậy, mà nói trời Vô Vân, trời Vô Phong Thiên v.v… Rải khắp từ Sơ thiền tới Tứ thiền, trừ trời Vô Tưởng ra, trong vòng Sắc giới thì Tam quả A-na-hàm đều có mặt ở đó.

Quý vị nghe cho kỹ nha! Không phải Tam quả A-na-hàm là sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên, mà họ có thể sanh vào trời Sơ thiền rồi đi lên từ từ, đó là hạng thấp nhất. Cho nên là lên lâu lắm, lên không biết bao giờ mới xong. Đó là hạng tu tệ nhất. Tức là người đó chứng Tam quả A-na-hàm rồi, nhưng chỉ có định lực của Sơ thiền, cho nên lên được trời Sơ thiền thôi. Và từ đó tu tiếp nên lên lâu lắm. Cho nên mới gọi là Thượng lưu Sắc cứu cánh, là đi hàng loạt [các tầng trời] như vậy, rất lâu.

Cho nên chưa chắc lên trước là ngon, đôi khi ở dưới nhân gian này tu dở dở vậy, đời này trồi lên tụt xuống, nhưng đời sau quất một cái [chứng] A-la-hán [là] xong. Hoặc là đời này về Tây Phương Cực Lạc [để tu tiếp] [là] ngon. Còn nếu Tam quả A-na-hàm lên rồi đi một vòng trên đó nữa thì lâu lắm, trừ trời Vô Tưởng (là trời của ngoại đạo) thôi, còn các bậc Thánh thì có ở các tầng trời khác. [Quý vị] nhớ như vậy để chúng ta biết là con đường Phật pháp rộng mênh mông, chứ hồi xưa mình nói cứ lên chư thiên là không có Phật pháp. Không phải! Đó là không chính xác hoàn toàn.

Nói như vậy thì có nhiều người hâm mộ lên cõi Trời. Chúng ta cũng học nhiều rồi chúng ta biết, sáu tầng trời Dục giới thì có cả Thánh nhân lẫn phàm phu. Và cũng chính trong Kinh Tạp A Hàm đức Phật nói, ví dụ tầng trời thứ tư là trời Đâu Suất, tầng trời thứ năm là trời Hóa Lạc, trời thứ sáu là trời Tha Hóa Tự Tại, thì hàng phàm phu vô văn (đức Phật dùng từ vô văn tức là không được

nghe pháp) [do] ngu si cho nên sau khi chết họ đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Tức là ở ba tầng trời đó nếu không học pháp, không tu tập, thì sau khi chết rớt vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Còn hàng Thánh nhân, Đệ tử Thánh nhân của đức Phật thì ở ba tầng trời đó không bị đọa lạc.

Quý vị nghe cho kỹ nha! Ngay cả trời Đao Lợi, trời Tứ Thiên Vương, Thiện Trang quên mất coi lại trời Dạ Ma. Trời Đao Lợi với trời Tứ Thiên Vương thì tuổi thọ cũng không cố định, lên đó có thể hết phước sớm [là] rớt xuống, chứ không phải 500 năm rồi 1000 năm đâu. Vì vậy cõi Trời vẫn là không cứu cách. Nhớ như vậy! [Cho nên] hãy ráng tu Thánh đạo, chúng ta cứ vào một quả vị nào đó rồi chúng ta lên thì không sao, [hoặc] ở cõi Người cũng không sao. Còn nếu ai có niềm tin Tịnh Độ thì về Tây Phương Cực Lạc cũng không sao. Chứ còn ở thế gian này là vô thường, cuộc đời là vô thường, xoay vòng nhanh lắm. Một hồi là chui vào đường súc sanh, một hồi chui vào đâu đó, thì khổ.

Quý vị biết để tu đắc đạo mình phải quán được qua sáu hình tướng của thế gian. Đó là:

1. Tướng Thô: Thô là gì? Thô tức là mình ở thế giới này, quý vị biết thân thể này dơ bẩn lắm. Nếu quý vị tu Thiền định, thì thông thường mình mới phát hiện ra là thân thể mình dơ bẩn, không sạch. Và từ đó mình chán, bắt đầu mình mới [không] thích thân này. Từ đó rơi vào tướng thứ hai là tướng Tịnh.

2. Tướng Tịnh thì bắt đầu lên cõi Trời. Sau đó là bắt đầu có tướng nữa là tướng Khổ.

3. Tướng Khổ tức là mình thấy, ví dụ như ở thế gian mình sống lâu ngày mình cảm thấy ăn cũng khổ. Muốn ăn phải nấu mất thời gian, chuẩn bị bao nhiêu. Ăn xong rồi rửa chén, ăn xong người cũng nặng nề, cũng mệt, đơ đơ, buồn ngủ v.v… Nỗi khổ đó là do tướng khổ này ở tại thế gian. Mới đầu mình sẽ chán điều đó, mình thích tướng nhẹ nhàng, thì đó là tướng Diệu.

4. Tướng Diệu là ở cõi Trời. Và sự diệu đó thì cũng chưa đủ đâu.

Ba [tướng] ở trên thật ra là nói theo Dục giới, còn tướng tướng thứ năm là tướng (Chướng).

5. Tướng Chướng là gì? Ví dụ ở đây mình muốn đi đứng thì mình phải né điều này, né điều kia đúng không quý vị? Mình phải ở trong không gian [này] thì mình phải né. Còn ở cõi Trời người ta bay đi vèo vèo, tướng đó là **Tướng Ly (6)**.

Khi người ta tu đắc Thiền, người ta sẽ chán sáu tướng đó thì mới lên được Sơ thiền. Vậy thì quý vị muốn chứng Sơ thiền là mình phải chán, chán cả Thô, Tịnh, Khổ, Diệu, Chướng và Ly. Mà muốn chán như vậy thì mình chỉ có tu tập thôi. Tu tập Phật pháp nhiều thì dần dần mới được, chứ còn nếu không thì mình cứ gọi là chấp nhận thế gian.

Ở trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, trong đó nêu về Năm y. Chúng ta hay nghe là Tứ y pháp, thì trong đó nêu Năm y, tức là thêm một y nữa thôi. Chúng ta thường nghe là: 1.Y pháp bất y nhân: tức là căn cứ theo pháp, đừng căn cứ theo người; 2.Y nghĩa bất y ngữ: là theo nghĩa đừng theo lời. 3.Y trí bất y thức: tức là theo lý trí, chứ đừng theo tình cảm. 4.Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa: tức là kinh nào nói về liễu nghĩa, rốt ráo thì mình nên nương theo, đừng theo kinh nào không rốt ráo. Trong Kinh Đại Tập nói thêm một y nữa là: 5.Y xuất thế gian bất y thế gian: tức là pháp nào dạy chúng ta xuất ly thế gian thì mới là pháp cứu cánh, mới nương tựa.

Quý vị thấy nếu mình không có tu tập, thì mình thường dễ bị rớt vào y thế gian, mình thích những gì ở thế gian. Ví dụ bây giờ mình thích làm việc nào to lớn, giàu có, hoằng pháp gì đó... đủ thứ. Thật sự đức Phật không có dạy [chúng ta] như vậy. Đức Phật dạy điều gì? Quý vị tu tập giải thoát là quý vị hoằng pháp. Ví dụ quý vị thấy Sư Minh Tuệ đâu có cần gì đâu, đâu cần phải làm bất cứ thứ gì đúng không? Mà sau khi ngài tu, chỉ có hạnh tu của ngài thôi, không biết thế nào nhưng sự ảnh hưởng rất lớn. Cho nên để hoằng pháp lợi sanh thì cách tốt nhất là mình cứ tu. Mình chưa tu được [như vậy] thì mình phải học.

Ở đây Thiện Trang xin giới thiệu sơ sơ thôi, các địa vị như A-la-hán có nhiều lắm, Thiện Trang giới thiệu qua để quý vị biết danh tự thôi, còn chờ chúng ta học Luận Câu Xá này đến phẩm thứ sáu là Phẩm Hiền Thánh, thì sẽ được học kỹ về những điều này. Bây giờ nói không hết đâu, bởi vì một địa vị này tu những gì và chứng được gì đúng không ạ? Mình phải biết trong đó, mình không biết thì làm sao mình [tu] được. Thật sự phải đợi tới chừng đó, [còn bây giờ Thiện Trang] giới thiệu cho biết vậy thôi.

Ở đây Thiện Trang trích dẫn kinh để quý vị không nghi ngờ điều Thiện Trang nói.

Làm Sao Đạt Quả Dự Lưu, Không Còn Thoái Đọa?

(Kinh Tương Ưng)

Một thời, Tôn giả Sàriputta (Tôn giả Xá Lợi Phất) **và Tôn giả Ànanda** (ngài A Nan) **trú ở Sàvatthi** ([thành] Xá Vệ)**, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika** ([vườn] ông Cấp Cô Độc, [cây] Thái tử Kỳ Đà).

Rồi Tôn giả Ànanda, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda thưa với Tôn giả Sàriputta (Tôn giả Xá Lợi Phất)**: Thưa Hiền giả Sàriputta, do nhân thành tựu bao nhiêu pháp, chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?**

Này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp nên chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Hiền giả, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

Này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này nên các chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

([55] Chương XI - Tương Ưng Dự Lưu (a) - Thiên Đại Phẩm – Kinh Tương Ưng Tập V – Tạng Nikaya)

Quý vị thấy đây là một tiêu chuẩn khác của quả Dự lưu, dễ hơn [đoạn] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi đúng không? [Tu thành tựu] bốn [pháp] này dễ hơn, điều này là được rồi. Và đức Phật cũng nói rõ là không đọa vào ba đường ác nữa. Tại vì sao? Vì thành tựu điều này thì thuộc về Tùy tín hành, cũng nằm trong dạng đó, cho nên trước sau gì cũng vô Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi.

Bởi vì quý vị đã có niềm tin trọn vẹn đối với Phật, đối với pháp, đối với Tăng, và quý vị giữ giới, thì trước sau gì quý vị cũng phá Thân kiến thôi, rồi quý vị hết Nghi (đến [địa vị] này thì hết nghi rồi), và Giới cấm thủ quý vị cũng phá được thôi. Tại vì điều quan trọng nhất chúng ta tu chưa được là [vì] chúng ta còn nghi, và chánh kiến của mình không có. Hoặc khi tu, tuy mình không nghi Phật, nhưng mình tu trật. Tức là mình tu không đúng theo giáo pháp đó, thì không đến được.

Còn khi mình đã có niềm tin vào mình, đã có niềm tin đối với pháp, ở đây bất động đối với pháp tức là kiến thức mình học chính xác, thì quý vị đi con đường đó trước sau gì cũng tới đích. Chính vì vậy, tuy mình chưa thấy ba Kiết sử là Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi được đoạn, nhưng ba niềm tin đó và [niềm tin về] Thánh giới là đủ rồi.

Vậy thì bữa nay quý vị thấy, chúng ta tu chỗ này dễ hơn không? Dễ rồi đúng không? [Phải] có niềm tin chứ! Còn tu kiểu kia khó quá, phá Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi khó quá, rồi biết bao giờ mới đắc đạo. Thôi bữa nay có một tiêu chuẩn thấp hơn nữa, vậy không học những điều này là uổng phí một đời đúng không? Nửa cuộc đời tu hành, cứ tu rồi nghi: "Không biết bao giờ chứng đây? Không biết bao giờ thành tựu đây? Khó quá! Học thì thầy toàn quất quả A-

la-hán không thôi, khó quá!" Bữa nay [học mình thấy] có một tiêu chuẩn dễ hơn Sơ quả Tu-đà-hoàn nữa. Thực ra đây là một kiểu trong những kiểu của Sơ quả Tu-đà-hoàn, Sơ quả Tu-đà-hoàn có nhiều kiểu lắm. Sau này chúng ta học, chúng ta hiểu tại sao lại như vậy.

Đoạn kinh này trích trong: ([55] Chương XI - Tương Ưng Dự Lưu (a) - Thiên Đại Phẩm – Kinh Tương Ưng Tập V – Tạng Nikaya). Cho nên quý vị thấy tu dễ hơn chưa? Có niềm tin chưa? Không học thì uổng phí, từ đó mình mới thấy dễ tu.

Hôm nay Thiện Trang trở lại giới thiệu cho quý vị 40 đề mục tu Thiền chỉ, theo Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Buddhaghosa (Phật Âm):

40 Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)			
Tên loại	**Số lượng**	**Cụ thể**	**Kết quả**
A. Biến xứ	10	Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng	*Chứng tới Tứ thiền Sắc giới*

B. Bất mỹ (tịnh)	10	Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch; Tử thi nứt nẻ; Tử thi bị gặm xé; Tử thi bị rời rạc; Tử thi bị phân đoạn; Tử thi bê bết máu; Tử thi bị dòi đục; Tử thi hài cốt.	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
C. Tùy niệm	10	Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh;	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến cận định hay định cận hành.*
		Niệm thân thể trược;	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
		Niệm hơi thở;	*Chỉ chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
D. Phạm trú	4	Từ; Bi; Hỷ;	*chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền*
		Xả.	Chứng Tứ thiền Sắc giới

E. Vô sắc	4	Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ.	Chứng Tứ thiền Vô Sắc giới
F. Tưởng	1	Tưởng nhờm Gớm thức ăn	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
G. Phân biệt	1	Phân biệt Bốn nguyên tố	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
*10 đề mục biến xứ là điều kiện cho đắc Thần thông Thắng trí			
**Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán.*			

Thiện Trang [đã] hứa là sẽ chia sẻ hết từng đề mục một, nhưng hôm nay cũng không chia sẻ đề mục. Mục tiêu là giới thiệu phương pháp để tu tập Thiền chỉ và Thiền quán. Ở đây [Thiện Trang] xin nhắc lại trong Luận Thanh Tịnh Đạo, thực ra ngài Phật âm tức là ngài Buddhaghosa, cũng chỉ tổng hợp trong kinh điển rồi đưa ra thôi.

A. Đề mục Biến xứ: có 10 đề mục, đó là: Đất; Nước; Gió; Lửa; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư không Giới hạn; Ánh sáng. Điều này là tu chứng tới Tứ thiền Sắc giới.

B. Đề Mục Bất mỹ (tịnh): Mình quán về Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch... thì chứng tới Sơ thiền thôi.

C. [Đề mục] Tùy niệm: có Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm Giới; Tùy niệm Thí; Tùy niệm Thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh. [Những đề mục này] không đắc Thiền mà chỉ đưa đến Cận định, hoặc là Định cận hành. Niệm thân thể trược thì chỉ chứng tới Sơ thiền. Niệm hơi thở thì chứng tới Tứ thiền Sắc giới.

D. Đề Mục Phạm trú: tu ba đề mục: Từ; Bi; Hỷ thì chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền. Đề mục Xả thì chứng tới Tứ thiền Sắc giới.

E. [Đề mục] Vô sắc: là Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ, thì chứng Tứ thiền Vô Sắc.

F. [Đề mục] Tưởng: Tưởng nhờm gớm thức ăn thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành (Vị đáo định).

G. [Đề mục] Phân biệt: Phân biệt Bốn nguyên tố. Tức là mình cố gắng phân tích về Đất; Nước; Lửa; Gió. Đề mục này không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành (Vị đáo định).

10 đề mục biến xứ là điều kiện cho đắc Thần thông Thắng trí

Để tu có Thần thông thì quý vị phải tu mười đề mục Biến xứ này. Thực ra nói như vậy cũng chưa đầy đủ, trong kinh đức Phật có nói thêm các Thần thông biến hóa nữa. Quý vị phải dụng [đề mục] nào thì để bữa khác Thiện Trang nói, bây giờ chúng ta chỉ nói lược thôi.

Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán: Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa tu Chỉ và tu Quán được.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu:

5 Lợi Ích Của Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)

Có năm lợi ích, tu phải có lợi ích chứ, không có lợi ích thì tu làm chi.

1. Hiện tại lạc trú: Hiện tại lạc trú là sao? Đây có nhiều cách giải thích, giải thích sơ đẳng là được niềm vui trong hiện tại. Tức là mình luôn trú trong niềm vui hiện tại. Thật ra giải thích đó là cạn, giải thích sâu hơn là trong hiện tại ngoài mình được niềm vui, chữ #hiện là thấy, mình sẽ thấy được những điều mà bình thường người thường không thấy. Cho nên mình có niềm vui và niềm vui đó hay.

Nên có đồng tu hỏi: "Thế thì tu làm sao?" Thiện Trang nói: Thật ra mình cứ tu đi, cứ nghe pháp, cứ tu tập đúng cách, thì theo thời gian tâm quý vị tự động bất động. Bất động là vì sao? Có hai điều mà khiến quý vị bất động, thật ra là ba điều: Thứ nhất là do quý vị có định, nên bất động. Thứ hai là do quý vị cảm nhận được, chúng ta gọi là có tiểu Thần thông về tương lai. Cho nên có một số chuyện sắp xảy ra quý vị biết luôn, tự quý vị biết. [Vì] biết rồi, nên khi chuyện đó xảy ra thì mình kêu: "À, mình đã biết rồi, chuyện đó thế nào cũng tới đó". Cho nên tâm mình nhẹ nhàng, không sân, không bị rối loạn, không bị sợ hãi.

Giống như bây giờ quý vị chết, tại sao quý vị sợ? Vì quý vị không biết chết như thế nào, thứ hai là chết rồi [sẽ] đi về đâu, cho nên quý vị sợ. Còn nếu như một người mà biết rằng: "Tới hôm đó tôi sẽ chết, và sau đó tôi chết tôi sẽ đi về đâu, biết rất rõ", thì tôi có sợ không? Chắc chắn không sợ, đó là biết về tương lai.

Có một sự biết nữa là biết về quá khứ, tự nhiên quý vị sẽ cảm nhận bằng cách nào đó, hoặc có Thần thông trong lúc Thiền v.v… có thể giúp cho quý vị biết một số chuyện trong quá khứ. Ví dụ quý vị gặp một người chửi hay đánh đập quý vị, quý vị cũng biết là hồi xưa mình đã gây nghiệp gì với họ. Hoặc là quý vị thích một người nào đó, quý vị có tâm ưa thích, yêu thương một người nào đó, yêu đứa con chẳng hạn, thì quý vị phát hiện ra: À, đứa con đó không phải là con của mình, nó là oan gia trái chủ của mình, hay là đời trước mình có duyên gì với nó. Từ đó quý vị dứt được sạch [chấp trước về việc đó].

Cho nên tu Thiền chỉ trợ cho quý vị bớt Phiền não, mặc dù tu Thiền chỉ là khi còn tu thì còn định, hết tu thì hết định. Giống như câu chuyện tuần trước

Thiện Trang dẫn trong bộ giảng kia, quý vị thấy tiền thân của đức Phật, câu chuyện đấy là tiền thân thứ 66. Đức Phật mặc dù tu rất tốt trong thời quá khứ rồi, nhưng khi gặp chuyện bất ngờ, bữa đó ngài [dùng] Thần thông bay vô [thì thấy] Hoàng hậu Từ Tâm vô tình mới tắm xong, bà quàng áo lên thôi, quên không cột dây. Cuối cùng lúc bà đứng lên lễ [thì quần áo] bị tụt hết xuống. Từ đó [ngài] khởi tâm thì mất hết Thần thông định lực. Đấy là khi nào mình có định lực thì [Thần thông] còn, khi không có định thì hết. Cho nên dở là dở chỗ đó, nhưng quý vị yên tâm, chỉ trừ trường hợp đó thôi, nếu mình duy trì được định thì sẽ có [Thần thông]. Nên hiện tại lạc trú thì được điều này.

2. Đạt được Thần thông Thắng trí: Chính là điều Thiện Trang nói ở trên. Có những Thần thông, [ví dụ] quý vị có một số chuyển biến, như cơ thể quý vị đau đớn thì quý vị chỉ cần quán là hết. Rồi quý vị có Thắng trí thì quý vị biết tương lai, quá khứ, v.v… Thần thông Thắng trí là lợi ích thứ hai. Cho nên điều này hỗ trợ cho mình tu tập rất lớn.

3. Đạt đến Thiền diệt: tức là niềm vui ở trong Thiền; chữ #diệt này là diệt Phiền não. Thực ra không phải diệt Phiền não hoàn toàn, mà là phục Phiền não, giống như lấy đá đè cỏ thôi, vì là tu Thiền chỉ.

4. Trợ duyên tuệ minh sát (hỗ trợ cho Thiền quán): hỗ trợ [Thiền quán] như thế nào thì Thiện Trang nhớ trong Luận Câu Xá này cũng như bộ Vi Diệu Pháp có nói rõ: là trình tự chứng quả Thánh đối với bậc Tam quả hay Tứ quả, thì quý vị phải đắc được Sơ thiền cho đến Tứ thiền, v.v…. phải từ Sơ thiền trở lên. Và sau khi đắc Sơ thiền thì quý vị phải xả Sơ thiền, vừa xả Sơ thiền thì trong sát-na xả Sơ thiền đó, tâm mình bắc qua bên Thiền quán đầy đủ Bát thánh đạo, lúc đó đủ thì Thiền quán minh sát tuệ phát huy, chuyển mình vào luôn địa vị Thánh, và từ đó trở đi không còn thoái chuyển nữa, đắc là đắc luôn.

Cho nên cần phải có tu Thiền chỉ, cụ thể là cần phải có từ Sơ thiền trở lên thì mới đắc được mấy quả vị trên. Trừ mấy trường hợp đặc biệt, mấy trường hợp đặc biệt thì không nói, trường hợp bình thường là phải như vậy.

Còn Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm thì thực tế không cần định đó cũng được, vì người ta nghe pháp rồi thì người ta kiến đế thôi. Kiến đế tức là thấy rõ bản chất của sự thật. Sự thật là thế gian là Vô thường, là Khổ - Không, vô Ngã, đời là giả tạm, tất cả đều sanh diệt, v.v... Nhìn thấy được như vậy thì có thể đắc đạo Sơ quả Tu-đà-hoàn, người đó tự nhiên buông được tất cả. Buông tất cả này là theo kiểu phàm phu chứ chưa buông hết đâu, tất nhiên họ vẫn còn dục, vì họ ở cõi Dục nên họ còn ham dục, v.v… [Nhưng] những dục đó không đủ khiến cho họ đọa lạc. Ví dụ như nam nữ vợ chồng thì họ chỉ có chánh dâm chứ không có tà dâm, cỡ nào thì cỡ, họ cũng không bị phạm vào chuyện đó.

Giống như câu chuyện vừa nãy Thiện Trang kể, có vị tiên nhân (tiền thân của đức Phật Thích Ca), quý vị thấy rõ ràng là Ngài ấy không phạm giới. Nếu trong tình cảnh thấy bà Hoàng hậu như vậy thì phải phạm giới chứ. Nhưng không! Ngài vẫn mê bà Hoàng hậu, nghĩ đến bà Hoàng hậu đẹp như vậy, nhưng Ngài về ôm mối tơ lòng tương tư thôi, chỉ có như vậy thôi. Chính vì như vậy nên sau đó Ngài giác ngộ được, không có phạm giới. [Đây là điều] chắc chắn, bởi vì người ta tu đến cỡ đó thì sẽ không bao giờ phạm giới. Nếu bình thường phạm giới là xong, [bị] thoái đọa luôn, không có chứng quả thì người ta sẽ phạm giới. Cẩn thận điều đó! Đó là trợ duyên cho minh sát tuệ (Thiền quán).

5. Dẫn đến sanh hữu đặc biệt (Sanh vào Phạm thiên hoặc Cận định cũng sanh trời Dục giới): có nghĩa mình còn sanh trong cõi Hữu vi, có nghĩa là sanh vào trời Phạm Thiên. Hoặc nếu mình không đắc định, quý vị đắc Cận định thôi cũng sinh vào trời Dục giới. Cho nên tu tập rất quan trọng. Giả sử không đắc Thiền chỉ (là Sơ thiền), quý vị đắc Cận định tức là Vị đáo định thì quý vị cũng về trời Dục giới. Nên ai tu tốt tốt một chút thì ngon rồi đó, còn những người không biết tu thì uổng.

Cho nên đừng nghĩ tu Thiền chỉ không có lợi ích. Nhiều người cứ ăn rồi chăm tu Thiền quán thôi, mà trong kinh đức Phật nói rõ ràng: Phải tu tùy thời, lúc thì tu Chỉ, lúc thì tu Quán, lúc nào cần tu Chỉ, lúc nào cần tu Quán. Chứ tu Thiền quán không [thôi] thì lâu giải thoát, [nên] phải có [Thiền chỉ] hỗ trợ.

Thật ra là mình học chưa kĩ về phần này, nếu học kĩ thì quý vị sẽ thấy rằng tại sao tu Thiền chỉ lại giúp cho Thiền quán. Bởi vì sao quý vị có biết không? Quý vị sống bình thường thôi, Thiện Trang nói đơn giản, quý vị đang ở ngoài chợ búa ồn ào, đủ thứ [việc], quý vị vô mở pháp của Thiện Trang nghe, thì quý vị nghe một lát mới định tâm được đúng không ạ? Lúc đó quý vị nghe mới thấy hay. Có nghĩa là lúc đó mình không có tu Thiền chỉ nên bị như vậy. Còn nếu quý vị đang trong Niệm Phật đường, quý vị đang ngồi tọa Thiền, tọa Thiền một lát, quý vị ra nghe thì khác ngay.

Điều đó có nghĩa là với tâm định tĩnh của Thiền chỉ thì quý vị tu Thiền quán [sẽ] rõ ràng. Chính vì vậy khi định tâm càng sâu thì trí tuệ minh sát tức là khả năng quan sát (chúng ta gọi là quán) sẽ sáng suốt, rõ ràng. Nhờ vậy quý vị mới thấy được, mới quan sát được điều tế, chứ còn không thì mình chỉ quan sát được điều thô, mình không biết Sân, mình không biết Si, mình không biết Tham. Cho nên không quan sát được đâu, nếu mình không có định.

Đức Phật mới thường dạy [chúng ta] là phải tu cả hai, tùy thời, lúc nào cần tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc nào cần tu Thiền quán thì tu Thiền quán, và điều này hỗ trợ điều kia, nên nhớ hai cái hỗ trợ lẫn nhau. Vì sao? Vì Thiền chỉ giúp cho trí tuệ sáng suốt, [còn] tu Thiền quán để làm gì? Có nhiều người hỏi: "Vậy tôi tu Thiền chỉ [không] thôi, tu Thiền quán làm chi?" Thiền quán để chứng quả thì đương nhiên rồi, đó là mục tiêu, tuy nhiên Thiền quán giúp Thiền chỉ chỗ nào?

Thiền quán giúp quý vị không rớt vào ma cảnh. Tức là do trí tuệ sáng suốt, nhờ Thiền quán quán sát được. Ví dụ như quý vị ngồi một hồi quý vị vô cảnh gì đó, tự nhiên thấy thân tướng mình ở đâu đâu, rồi tự nhiên mình thấy ma hay thấy mây, trời, nước, hoặc thân thể bữa nay tự nhiên thấy khổng lồ, tự nhiên thấy nước ở đâu mà ngập hết mặt trời. Nếu [gặp những] điều đó mà quý vị không có Thiền quán thì quý vị sẽ bị mê ngay, quý vị sẽ sợ hãi, v.v… đủ thứ. Nhưng do quý vị có Thiền quán thì quý vị biết: Tôi nhớ cảnh này là cảnh mộng, là giả thôi v.v… Điều đó thuộc về minh sát tuệ (Thiền quán) hỗ trợ.

Cho nên hai điều này hỗ trợ nhau, và mình biết lúc nào [cần] tu điều nào. Đó là tùy mỗi người, mình phải tu tập nhiều thì mới biết được, chứ mình nói trên lý thuyết thì chỉ là lý thuyết thôi. Mỗi người phải có vận dụng, vận dụng một thời gian nào đó thì mình sẽ biết lúc nào mình cần tu điều nào nhiều. Có khi thời gian này mình tu Thiền quán không [thôi] cũng được, có khi thời gian khác mình tu Thiền chỉ không [thôi]. Nhiều người vô ráng tu Thiền chỉ thì không đắc được, vì lúc đó tâm mình không có tương ưng, thì lúc đó mình phải tu Thiền quán. Hai đề tài đó mình phải đổi qua đổi lại, [điều đó] thì từ từ chúng ta học.

Bữa nay Thiện Trang giới thiệu phần này quan trọng, [đó là]:

Sự Chuẩn Bị Để Tu Thiền Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa

[Đây là] tu Thiền thôi. Thật ra nhiều người nói: "Con tu niệm Phật mà Thầy". Niệm Phật cũng là tu Thiền, [quý vị] nên nhớ như vậy. Điều này nói là tu Thiền, [nhưng] ở đây nói chung tu cả Thiền chỉ và Thiền quán. Có 10 bước, quý vị nghe cho kĩ 10 bước này.

I. Bước 1: Cắt đứt 10 điều vướng bận: Có 10 điều vướng bận mà chúng ta nên cắt đứt.

1. Trú xứ (chỗ ở): Người tu hành mà chỗ ở không ổn thì không được, vướng bận này có ảnh hưởng rất lớn. Ví dụ quý vị ở chỗ ồn ào, bận rộn, chật chội, hôi hám quá, rồi đủ thứ chuyện, v.v… thì đố mà quý vị tu được. Cho nên trước khi tu tập, mình cố gắng làm sao cho chỗ ở tương đối sạch sẽ, gọi là Trú xứ. Đừng có vướng bận bởi điều này, điều kia. Không nên quá quan tâm về chỗ ở nhưng cũng không nên quá xuề xòa, phải vừa phải. Có nhiều người lo đủ thứ về chỗ ở, lo cho sạch sẽ, lo chăm cây cối cho tốt, v.v… thì cũng không tu được, đó là vướng bận.

2. Gia đình: Vướng bận về gia đình thì rõ ràng đúng không ạ? Gia đình thì có nhiều người an ủi quá, nói: Tu [mà] bữa nay sao ốm quá, mập quá, hoặc là

mình lo lắng về gia đình, đủ các kiểu, v.v… Những điều đó khiến cho mình thoái niệm (thoái niệm là mất ý niệm tu tập). Cho nên hãy tránh điều này.

3. **Lợi lộc**: Vướng bận về lợi lộc đối với người xuất gia là nhận nhiều cúng dường vật phẩm quá, chất đồ nhiều quá, cuối cùng mình tham đắm vào đó, thì mình cũng không tu được. Người tại gia cũng vậy, nếu tài sản nhiều quá, cuối cùng cũng lo lắng, vô chuẩn bị sắp sửa hành Thiền, mình nhớ chiếc xe còn để ở đâu ngoài kia, chiếc điện thoại còn để đâu đó, tiền cho ai mượn đó v.v… [Như vậy] thì không được rồi, cứ nghĩ như vậy thì sẽ không tu được. Cho nên phải buông được điều này, và điều này thì dễ rồi.

4. Đồ chúng: Đồ chúng là sao? Đối với người xuất gia thì có nhiều Đệ tử, học trò. Người tu tập tại gia thì chắc ít, không đến nỗi lo điều này. Nếu lo về đồ chúng là dạy dỗ người ta quá, rồi lo điều này điều kia, [lo] thời khóa, [rồi] tiếp [chúng], thì không có thời gian để tu tập được. Cho nên phải dứt được điều này thì mới tu Thiền được.

5. Công việc: Vướng bận về công việc thì chúng ta dễ hiểu rồi đúng không? Trong chùa thì bày ra đủ việc, việc này việc kia, trồng hoa (bông), cây cảnh, v.v… rồi những việc nào đó của mình. Người đời thì nhiều nữa. Nếu như nhiều việc quá thì quý vị cũng không thể nào chuyên tâm, nên sẽ thoái niệm. Tu Thiền chỉ hay Thiền quán cũng không đạt được.

6. Du hành: Vướng bận về du hành có nghĩa là mình nghĩ đến sắp tới mình đi đâu, [có] công việc [gì đó], rồi người này người kia mời đi đâu v.v… Quý vị phải cắt hết những điều đó, thì quý vị mới tu được, điều này chúng ta quá biết rồi.

7. **Quyến thuộc**: tức là bận lòng với người thân, như cha mẹ, anh em, gia đình hay là các vị thầy, Đệ tử v.v… Ví dụ như người tại gia thì nói: "Con lâu rồi không đi thăm cha mẹ, v.v…" đó là quyến thuộc [của] mình. [Còn] người xuất gia thì phải đi về thăm Sư phụ v.v… rồi cuối cùng mình đi miết. Hoặc là người ta

tới thăm mình rồi, thì mình phải đi thăm người ta, cứ lễ nghĩa qua lại, cuối cùng riết rồi không có tu được. [Quý vị] phải bước ra khỏi những vướng bận này.

8. **Bệnh tật**: Vướng bận về bệnh tật là thân thể thông thường có bệnh. Để vào tu một khóa, thì hãy chữa bệnh cho hết bệnh đi. Trường hợp xui quá, chữa bệnh không thuyên giảm được, thì cuối cùng phải chấp nhận bỏ qua, và nhủ rằng: "Ta không nô lệ cho thân xác này nữa", rồi chuyên chú thiền định, chịu kham nhẫn luôn. Chứ không phải là chữa miết, [có khi] chữa cả đời cũng không hết bệnh mà, thì nói: "Ta không lệ thuộc thân thể này nữa". Bỏ luôn! Vô ráng mà tu. Đó là cách vượt qua. Phải cố gắng hai điều: Một là chữa bệnh, [hai là] chữa bệnh không hết thì [áp dụng] cách đó.

9. Học hành: Vướng bận về học hành, ví dụ như chúng ta ham học kinh điển, học thuộc tụng, nghiên cứu cho lắm. Người xuất gia thời nay thì tội hơn nữa, không chịu học kinh điển, lại còn đi học [để lấy] học vị ngoài đời nữa, học nhiều, cho nên đâu có tu được gì đâu. Người tại gia thì cũng vậy.

Vấn đề này có nhiều người nói: "Vậy thôi khỏi học đi cho khỏe, để [còn] tu". Quý vị nếu không học thì cũng không tu được. Chính Thiện Trang nói: hồi xưa mình không học đủ thì mình tu thật sự có vấn đề. Sau này thấy học cũng khá khá rồi, thì bây giờ muốn dụng công nhưng không được. [Vì bây] giờ vẫn vướng bận đồ chúng, [phải] giảng [pháp], rồi vướng bận về học hành, cũng phải học này. Nhưng bây giờ dần dần cũng ngán rồi, hết muốn phiên dịch, cũng không muốn học nữa rồi, bây giờ muốn có một nơi yên tĩnh để tu thôi. Mà Thiện Trang nghĩ thời gian dần dần [học cũng] hết, kinh điển coi cũng gần sạch rồi, Đại tạng kinh cũng coi gần hết rồi, dần dần cũng chẳng có gì để học nữa đâu, học mấy năm nữa chắc cũng hết [cái] để học rồi. Lúc đó có thể chuyên tâm để [tu] được nhiều hơn. Điều này thì [phải] cố gắng, bởi vì không học thì không thể nào mà tu [được]. Quý vị thấy mấy điều vướng bận này là mình dính hết.

10. Thần thông: Vướng bận về Thần thông tức là khi tu Thiền thì mới chứng được Thần thông, nhưng có thể do mình tu một chút nào đó hoặc do túc duyên đời quá khứ mình có thể có Thần thông. Khi có Thần thông rồi thì lại

ham, nên cứ lo sợ thế này, thế kia, rồi cứ để ý đến Thần thông, riết rồi cuối cùng tu không được. Mình phải xả, vì tu có lúc có [Thần thông], có lúc không có [Thần thông]. Có nhiều khi mình có Thần thông một chút đấy, nhưng sau đó không có [nữa].

[Cho nên] tu đừng có lo, có hay không có [Thần thông] thì kệ nó, cứ để ý Thần thông thì không được. Điều này hiếm có, nhưng sẽ có một số người có. Ví dụ như Thiện Trang thấy có một số đồng tu cũng báo cáo nói là họ có thể biết, cảm nhận được một số chuyện xảy ra sắp tới v.v… Nhưng đó là Tiểu Thần thông đơn giản, không có chuyện gì. Những chuyện đó là chuyện nhỏ, quý vị tu có định chút là có, Vị đáo định là bắt đầu có rồi.

***10 điều vướng bận trên đây cũng là thoái niệm cho Thiền quán.** Quý vị nhớ! [10 điều vướng bận này] cũng làm thoái niệm cho Thiền quán luôn, chứ không phải là Thiền chỉ không đâu.

***9 điều (trừ Thần thông) là thoái niệm cho Thiền chỉ**.

Cho nên ai nãy giờ nói học điều này là cho tu Thiền chỉ. Không phải! Học điều này là chung cho Thiền chỉ và Thiền quán. 10 điều trên [cũng] là thoái niệm cho Thiền quán. Tại vì quý vị còn lo nghĩ gia đình, quyến thuộc, bệnh tật, học hành, v.v… đủ thứ. Cứ còn bận tâm về điều gì thì sẽ thoái niệm, công phu không đắc lực. Còn Thần thông thì trợ giúp cho Thiền chỉ rồi, nên không bị thoái niệm.

Đó là bước thứ nhất, bước này cũng dễ thôi. Các bước sau này Thiện Trang thấy khó hơn.

Bước 2: Cắt đứt những vướng bận nhỏ như là: râu tóc dài, lông mũi dài, móng tay chân dài, y phục bẩn thỉu, bình bát nứt bể hay rỉ sét, giường ghế hư hỏng hay bụi bám. Những điều linh tinh này cũng làm cho hành giả không được thoải mái, bởi vậy, cần phải giải quyết.

Đấy! Chứ không phải tu rồi là buông hết. Không phải! Rõ ràng là tóc dài, rồi móng tay dài, y phục bẩn thỉu. Đây là nói bình bát của người xuất gia, còn

chúng ta thì mình nói là nhà bếp, nhà vệ sinh dơ quá, giường ghế hư hỏng, bám bụi, v.v…. [Những chuyện này] quý vị tưởng chừng như không có chuyện gì, nhưng khi vô Thiền rồi thì mới thấy có chướng ngại. Cho nên trước khi nhập thất là phải dọn dẹp cho sạch sẽ, cắt móng tay, móng chân, làm nail gì đó, làm cho kỹ. Làm nail thì đừng sơn lên, hay làm kiểu cọ gì đó, mất công làm một hồi rồi vào tu không được đâu. Ráng tu làm sao phải có nghệ thuật một chút. Những điều này không học thì không biết đâu. Hồi xưa mình cứ tưởng tu là thôi bỏ hết mấy điều này, nhưng không! Đây là kinh nghiệm rõ ràng.

Bước 3: Tìm đến bạn lành (Thiện tri thức), người cho đề mục Thiền: Có nghĩa là mình phải có Thiện tri thức để chỉ cho mình, chọn cho mình [đề mục phù hợp], thì đằng sau có bước chọn đề mục. Ở đây, nếu quý vị không có Thiện tri thức thì quý vị ráng học điều này, rồi mình tự chọn lấy. Làm sao để biết chọn, thì bước bốn này quan trọng.

Bước 4: Chọn một đề mục phù hợp cá tính của mình (để tu Thiền chỉ)**: Có nhiều hạng người có thể có cá tính lẫn lộn, phân chia tạm thành 6 hạng.** Quý vị coi thử mình thuộc tính nào, Thiện Trang để luôn đề mục.

Tính người	Đề mục phù hợp	
1.Tính ái	6 Biến xứ: Đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng; 4 đề mục Vô sắc	10 đề mục Bất mỹ (niệm tử thi), 1 thân hành niệm (Niệm thể trược)
2.Tính sân	6 Biến xứ: Đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng; 4 đề mục Vô sắc	4 Phạm trú (từ, bi, hỷ, xả), 4 Biến xứ màu (xanh, vàng, đỏ, trắng).
3.Tính si	6 Biến xứ: Đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng; 4 đề mục Vô sắc	Niệm hơi thở
4.Tính tin	6 Biến xứ: Đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng; 4 đề mục Vô sắc	6 Tùy niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên)
5.Tính thông minh	6 biến xứ: Đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng; 4 đề mục Vô sắc	Niệm chết, Niệm tịch tịnh, tưởng nhờm gớm thức ăn, phân biệt bốn nguyên tố.

6.Tính suy tầm	6 Biến xứ: Đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng; 4 đề mục Vô sắc	Niệm hơi thở

1. Tính ái: Người có tính ái thì tu được 6 Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Hư không, Ánh sáng và 4 đề mục Vô sắc. Thực ra 10 đề mục này ai cũng tu được hết, cá tính nào cũng tu được hết. Nhưng người có tính ái thì họ chỉ tu được 10 đề mục đó, cộng với 10 đề mục nữa là đề mục về Bất mỹ (Bất tịnh), và một đề mục Thân hành niệm (tức là niệm thể trược). Họ chỉ tu được tất cả 21 đề mục đó thôi. Bây giờ vấn đề là mình có thuộc tính ái hay không? Vậy người có tính ái là thế nào? Mình phải hiểu tính này.

Người có tính ái là sống thiên về tình cảm, họ thích tầm cầu tức là tìm cầu khoái lạc về giác quan (tức là tai, mắt..), thích đẹp, thích ăn ngon, thích âm thanh hay, v.v… Họ ưa thích những điều đó mà không từ bỏ, mặc dù biết là có hại. Nếu người như vậy là họ có tính ái. Người có tính ái này chỉ tu được các đề mục này, tức là 6 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Hư không, Ánh sáng và 4 đề mục Vô sắc, rồi tu về 10 đề mục Bất tịnh (tức là niệm về Tử thi). [Đề mục] này nhiều người sợ lắm, không dám tu, rồi một [đề mục] niệm thể trược nữa. Như vậy nếu bình thường thì có thể tu như thế thôi. Đó là [người có] tính ái. Ai có tính ái [thì] mình xét lại nha. Ở đây nói có sáu hạng người, hạng người thứ nhất là như vậy.

2. Tính sân: Người có tính sân là người không tình cảm, dễ nổi nóng, cố tìm ra những lỗi không thật có, và thường buộc tội người khác. Thiện Trang thấy điều này cũng có người thấy rõ nha. Quý vị nhớ bước ba là tìm bạn lành tức là Thiện tri thức cho đề mục. Đoạn này lúc nãy Thiện Trang không dẫn kĩ, nhưng nếu quý vị tin vào vị Thiện tri thức của mình, thì vị Thiện tri thức đó thông thường sẽ xác định được quý vị ở cá tính nào và cho quý vị đề mục phù hợp.

Ví dụ nếu quý vị sân, người ta biết [nhưng] người ta không nói đâu. Người ta biết quý vị thuộc tính sân thì người ta sẽ cho quý vị đề mục thuộc về điều đó. Còn không biết thì thôi kệ, cho nghiễn Đất, Nước, Gió, Lửa, Hư không, Ánh sáng, và 4 đề mục Vô sắc. [Cho đề mục như vậy] tu nhiều khi không khớp, cho dù ai cũng tu được nhưng không khớp hoàn toàn, muốn tốt hơn thì phải dò.

Người có tính sân này thì phải tu 4 đề mục Phạm trú là: Từ, Bi, Hỉ, Xả và 4 [đề mục] Biến xứ: Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng thôi, rồi cộng với [đề mục] kia nữa. Quý vị thấy người tính sân này cũng nhiều mà đúng không? Tự nhiên bày ra những tội không có rồi quất ra cho có, rồi buộc tội người khác. Rồi dễ nổi nóng, và sống không có tình cảm. Thật ra sống không có tình cảm hay có tình cảm thì làm sao mà biết được, phải ở gần nhau thì mới biết. Còn ở xa [thì thấy] ai cũng tốt hết, ai cũng là Phật, Bồ-tát hết, nhưng ở gần thì mới biết.

Giống như hồi xưa các cô, các anh chọn người yêu, lấy nhau về sống một thời gian rồi nói: Ôi! Sao ông chồng sống chẳng có tình cảm gì hết, hoặc bà vợ sống chẳng có tình cảm gì hết, hồi xưa mình thấy tình cảm lắm mà… Điều đó là do mình nhìn từ xa, nhưng sau này mình thấy khác, điều đó phải có sự trải nghiệm. Điều này thì đồng tu với nhau mới hiểu. Cho nên chỗ Thiện tri thức thì thông thường thời xưa người ta tu phải có Tha tâm thông hoặc là phải có Thần thông. Nếu không thì phải quan sát, phải quan sát thì hơi mệt một chút, nhưng cũng quan sát được.

3. **Tính si**: Người có tính si là người thường có tâm trạng đờ đẫn, dao động, lo âu, hay cố chấp do nông cạn. Thiện Trang cũng thấy trong đồng tu cũng có người như vậy. Rõ ràng họ rất dễ đờ đẫn, dễ dao động lắm, gặp chuyện gì là bắt đầu dao động liền, họ rất hay lo và cố chấp, do trí của họ không có. Si mà, không trí có, cho nên cố chấp, nông cạn. Điều này thuộc về Si.

Có người lại nói: “Nãy giờ thầy kể ba điều, thì con có hết cả ba thì sao?” Thiện Trang nói đây không phải là sáu hạng, mà là sáu hạng lớn, trong đó có những người vừa có điều này, vừa có điều kia luôn, điều này nặng, điều kia nhẹ, cộng lại thì ra một trời hạng trong đó, chứ không phải ít đâu. Có người nặng

[nhiều điều], nhưng mình thấy điều nào nặng nhất thì mình xếp điều đó để chữa trước. Giống như trong nhiều bệnh, mình thấy bệnh nào nặng thì mình chữa trước. Chứ bây giờ vừa bị dạ dày, vừa bị ung thư, thì phải đi chữa ung thư trước chứ, bệnh dạ dày nhẹ thì không thể chữa trước được. Cho nên là tùy vào [người nặng về điều nào nhất].

Và tính si này thì rõ ràng là dễ nhìn ra. Người si thì tất nhiên cũng tu được 6 đề mục Biến xứ và 4 đề mục Vô sắc. Người si thì nên tu có một đề mục thôi, là Niệm hơi thở. Niệm hơi thở này là quan sát hơi thở. Không biết có kịp thời gian để giới thiệu không, nếu không kịp thì để bữa khác, nói rõ ràng thì mình tu mới trừ được tính si, chứ mình tu mà mơ mơ màng màng thì vẫn si thôi. Điều này thì phải học từ từ, để bữa khác [Thiện Trang] giới thiệu đề mục này.

4. Tính tin: Người có tính tin là điều gì cũng tin được hết. Người có tính tin là người thường dễ tin với những gì gợi lòng tin. Người này vui vẻ, rộng rãi, thích tò mò, và muốn gặp những nhân vật đặc biệt.

Quý vị có điều này không? Giống như giới thiệu có vị thầy nào đó nổi tiếng lắm, nghe nói vị Thiền sư nào đó hoặc Tịnh Độ sư nào đó giỏi lắm, v.v… hoặc là nghe nói thầy Thiện Trang tu ghê lắm, thì thích gặp. Đây là thuộc dạng tính tin. Và đồng tu Tịnh Độ đa số là tu theo điều này. Chắc chắn! Vì người thông thường dễ vào Tịnh Độ là nhờ họ có đức tin. Quý vị có nhớ lúc đầu của bộ giảng này có mấy chủng tánh đó, thì điều này cũng tương tự như vậy. Quý vị nghe lại điều này nha, [người có tính tin] vui vẻ thì họ vui vẻ đấy, nhưng họ dễ tin và họ lại có một bệnh là thích tò mò và muốn gặp những nhân vật đặc biệt nổi tiếng. Cho nên mình không học những điều này thì mình không biết đâu, mà không biết thì tu cái gì. Ngay cả mình là hạng nào, mình bệnh gì mà mình không biết thì làm sao chữa bệnh, đúng không ạ?

Cho nên người học Phật pháp không có khờ đâu, họ biết rõ lắm. Học xong một thời gian thì biết cả ta lẫn người, "biết người biết ta, trăm trận trăm thắng". Đó là câu nói "tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng". Cho nên không học thì thiếu nền tảng này. Mà không [ai] chịu dạy, cứ vô kêu thôi ta học mấy điều kia đi, nào

là "nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu". Nhưng khổ nỗi mình chưa có nền tảng mà đòi nhất môn thì làm sao được. Quý vị hiểu không? Phải có nền tảng thì mới vào được. Cho nên vào Phật pháp gặp được thầy [giỏi] là rất quan trọng. Gọi là "tiên nhập vi chủ", gặp được vị thầy như thế nào cũng là duyên của mỗi người.

[Hạng] người đức tin thì có thể tu được 6 Tùy niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Đồng tu Tịnh Độ tu những điều này chứ gì nữa. Chính xác! Và tất nhiên là họ cũng tu được 6 đề mục Biến xứ như trên. 6 đề mục Biến xứ này thì ai cũng tu được.

Qua đây vừa mới học 4 điều, mà một số người thấy mình vừa si, vừa tin; có người thì vừa sân, vừa si, vừa tin; có người thì có cả 4 điều luôn. Quý vị thấy là có người có đủ hết.

5.Tính thông minh: [Người] thông minh là người nổi bật về trí tuệ, không thích lụy về tình cảm, không bám víu, dễ dạy, thích bạn tốt, ưa nhận thức những gì cần nhận thức, hay nhìn những lỗi thật của người khác.

Điều này thì rõ ràng đúng không? Nổi bật về trí tuệ thì dễ dàng rồi. Nhưng thường không thích lụy về tình cảm, không bám víu, tức là không thích bám vào người khác, không dựa dẫm. Quý vị thấy đồng tu, ai cũng thích dựa dẫm vào người khác đúng không? Nhưng người này được một điều là dễ dạy, vì họ thông minh nên họ dễ dạy. Họ thích bạn tốt, ưa nhận thức những gì cần nhận thức: tức là họ rất rõ ràng, họ có trí tuệ mà. Không có vụ mà nói thầy Thiện Trang bây giờ giảng Luận Câu Xá, đi khác con đường của Đại lão Hòa thượng Tịnh Không rồi nên không nghe. Những người đó là không có tính thông minh. Bởi vì họ không có nhận thức được điều gì cần nhận thức. Mình thấy rõ ràng đó. Nhưng họ có một điểm yếu là hay nhìn lỗi thật của người khác.

Điều này thì quý vị thấy Thiện Trang là rõ ràng nhất, Thiện Trang hay nhìn lỗi thật của người khác. Tức là người ta có lỗi là mình thấy người ta có lỗi đó. Và Thiện Trang không chỉ thấy lỗi, mà còn nói luôn đó, kiểu vậy đó! Quý vị thấy rõ

ràng, Thiện Trang tự xếp mình vào đây. Cũng không biết đúng hay không? Nhưng chắc chắn mình cũng có một chút những điều trên kia nữa, mỗi cái có một chút. Nhưng điểm mạnh của mình là điều này. Bởi vì Thiện Trang không thích dựa dẫm người khác, điều đó là rõ ràng. Và Thiện Trang thích bạn tốt là đúng. Và Thiện Trang cũng rất dễ dạy, ai dạy đúng là nghe. Và việc không thích lụy về tình cảm, thì xưa nay Thiện Trang rất lý trí. Nếu đứng giữa lý trí và tình cảm thì lúc nào Thiện Trang cũng chọn lý trí, không bao giờ chọn tình cảm. Chính vì vậy nên nhiều người chịu không nổi, kêu thầy ác quá, thầy không có thương con gì hết. Đó là rõ ràng, Thiện Trang thấy hình như là mình thuộc hạng này, và nặng về hạng này. Còn về niềm tin, mình nói tin thầy tuyệt đối thì Thiện Trang thấy khó quá, mình chỉ tin Phật thôi. Cho nên là khó! Mình tu Tịnh Độ, nhưng hình như mình mạnh về điều này, cho nên mình học đủ các môn hết.

Vậy thì [người có tính thông minh] tu điều gì? Tất nhiên là 6 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Hư Không, Ánh Sáng, và 4 đề mục Vô sắc, thì mình có thể tu thêm là Niệm chết, Niệm tịch tịnh, Tưởng nhờm gớm thức ăn, Phân biệt bốn nguyên tố. Những điều này thì không thuộc về [đề mục Tùy niệm]. Muốn tu tốt đề mục Tùy niệm thì phải có tính tin một chút. Trí tuệ quá thì cuối cùng không tu được những [đề mục Tùy niệm], cũng khó!

6.Tính suy tầm: tầm là tìm. Người này được nhận dạng bằng cách nào? Người này có đặc điểm là dễ tánh, nói nhiều, nói không có chủ đề, nghĩ ngợi lung tung, hay bỏ dở những công việc đang làm, tâm không tập trung vì mãi suy nghĩ.

Điều này thì rõ ràng, những người hay nói nhiều, nói không có chủ định gì hết, nghĩ ngợi thì lung tung, làm việc nào thì không xong việc đó, cứ bỏ dở vì tâm không tập trung được. Đó là do [nguyên nhân] gì? Do tính của họ là quay [việc này] quay [việc kia], do tâm không tập trung được. Người này thì ngoài 6 đề mục Biến xứ, và 4 đề mục Vô sắc, thì họ có thể tu đề mục Niệm hơi thở.

Ở đây chúng ta đã học xong 6 tính người: là tính ái, tính sân, tính si, tính tin, tính thông minh, và tính suy tầm, quý vị tự chọn ra là mình ở trong hạng nào. Có người vừa có tính này, vừa có tính kia, gọi là Hữu phần, tức là trộn lẫn

lộn trong này. Mình phải coi mình là tính nào trong các tính này. Thật ra nếu quý vị có nhiều tính quá, tức là quý vị quá phức tạp. Quá phức tạp giống như người đa nhân cách thì cũng mệt lắm. Người càng rõ ràng (gọi là định tánh) thì dễ hơn. Nhưng thông thường chúng ta sẽ có pha pha một chút. Ví dụ quý vị có tính thông minh, nhưng quý vị lại có tính sân. Có người thì vừa sân, vừa si, đã dốt rồi mà còn sân nữa. Có người có tính tin, nhưng tin một cách si mê. Đó là tin với si. Tính si và tính thông minh thì không bao giờ đi chung với nhau, vì hai điều này đối nhau. Còn các tính kia thì pha trộn với nhau.

Vì vậy mình phải nhận định được. Quý vị thấy không ạ? Môn Duy Thức là vậy đó, học thì phải học cho ra hồn. Chính vì vậy chúng ta phải tìm thầy để tu tập, chứ không thì mình tự tu tập [thì khó]. Chỗ tìm thầy thì mình chưa học tới, nhưng Thiện Trang xin nói một chút về chỗ này. Tức là để nhận định được thì vị thầy thông thường phải có Tha tâm thông, thì mới biết rõ tính người. Còn không thì quan sát qua sinh hoạt, cách tiếp xúc đối người của họ.

Thật ra thì Thiện Trang thì chẳng biết gì hết, nhưng tiếp xúc với người nào đó qua một thời gian thì Thiện Trang cũng biết được. Dù Thiện Trang chưa gặp quý vị đồng tu nhưng Thiện Trang cũng biết người đó sân quá, người đó si quá, hoặc là người đó thông minh, vừa nói chuyện qua là biết người ta thông minh rồi, có những tính như vậy. Và Thiện Trang cũng rất rõ ràng với những chuyện này, hầu như Thiện Trang nói nhưng người ta không tiếp nhận. Có những người tiếp nhận, có những người không tiếp nhận, chứ không phải là tất cả. Người mà tiếp nhận được thì dễ dạy. Người dễ dạy thì thường là người thông minh, thông minh nên dễ tiếp nhận. Còn người ta si quá rồi thì thật sự khó. Còn người ái quá cũng khó, giống như là 'tiên nhập vi chủ', họ vào mà họ mến mộ hoặc thần tượng một vị thầy nào đó, họ chấp quá rồi thì không thoát ra được. Quý vị thấy là cũng khó. Ngày nào đó nghe câu nói nào đụng tới thần tượng của mình là nổi điên lên rồi. Cho nên không chấp nhận được.

Những điều này thì phải tự mình biết cho mình, chứ bây giờ gặp thầy cũng khó. Mình phải tự mình biết. Cho nên tu, giống như trong kinh đức Phật nói: tu

để trừ tâm tham thì phải quán bất tịnh, niệm hơi thở để có tầm, tứ; hoặc niệm Vô thường để bỏ Ngã mạn v.v… Những bài này thì để từ từ Thiện Trang giới thiệu sau, chứ học nhiều quá một hồi thì quý vị loạn. Thiện Trang chỉ giới thiệu ý chính thôi. Bộ Luận Câu Xá này hay lắm, mình học từ từ cũng hết thôi.

Đó là bước thứ tư, là mình coi mình thuộc căn cơ nào. Bây giờ đến bước thứ năm.

Bước 5: Rời bỏ chỗ ngụ không thuận lợi cho sự tu tập định (nếu có) tức là nhiều khi mình tu nhưng chỗ đó không phù hợp.

Khi tu thì nên ở cùng nơi vị Thiện tri thức hoặc ở cách nửa dặm hoặc một dặm. Mình tu thì tốt nhất là ở cùng nơi với Thiện tri thức, còn không thì cách nửa dặm hoặc một dặm. Chứ không có Thiện tri thức thì cũng khó. Quý vị thấy thời nay thì đa số là không có. **Nếu không được vậy thì phải hỏi rõ để hiểu hết và giải tỏa mọi nghi vấn về đề mục đã lựa chọn rồi mới đi thực hành.** Bây giờ có ai làm làm được điều này không? Không có, ít người lắm! Cho nên tu không được.

Thứ nhất là mình không ở gần Thiện tri thức, thì làm sao mình biết được. Mình tu một hồi gặp nạn mà mình cũng không biết, khi mình không biết thì khó. Không biết thì mình phải làm sao? Không biết thì mình phải hỏi rõ đề mục đó, mình phải hiểu giáo pháp rõ ràng thì mình tu mới không gặp nạn. Chứ bị nạn rồi thì sau này cũng khó cứu. Biết đâu quý vị có Thần thông thì sao, tu một hồi có Thần thông, tự nhiên đang bay mà quý vị nghĩ: "Ủa sao mình bay được ta?" Quý vị giật mình nên mất Thần thông, rớt từ trên trời xuống đất, chết. Cũng có thể có trường hợp đó. Nhưng trường hợp đó cũng khó đúng không? Kinh nghiệm là lần đầu tiên bay thì mình bay sơ sơ, thấp thấp đã, mình biết mình cũng bay được rồi đây. Rồi dần dần mới bay cao lên hơn, chứ ít có trường hợp mà đột biến như vậy lắm.

Hoặc là mình có một chút Thần thông thì bắt đầu mình nghĩ bậy, mình muốn thử điều gì đó, muốn bắt người nào đó v.v… thành ra mình phạm giới. Nói chung là phải có kiến thức, phải có đầy đủ giới hạnh, đủ trí tuệ.

Ở đây nói ra **18 khuyết điểm của trú xứ không thuận lợi:**

1. Chỗ ở rộng lớn có nhiều người ở ồn ào: Quý vị thấy đời nay nhiều khi vô trong Tu viện, chùa chiền đông người quá, ồn ào, tu không được. Điều này là trong Luận này nói, chứ không phải Thiện Trang nói nha.

2. Chỗ ở mới tạo lập nên có nhiều việc phải làm: Thiện Trang bị điều này. Đang tu ngon, không có cách nào phải chuyển chỗ mới. Chuyển chỗ mới thì lại có nhiều việc phải làm quá, chỗ này Thiện Trang đang gặp, đang tu chuyển chỗ mới thì nhiều việc phải làm quá tu không được, mất hết công phu.

3. Chỗ ở hư sập phải sửa chữa: Quý vị thấy chư Tổ đưa ra điều nào [cũng] tuyệt vời lắm, mình không cần phải sáng tạo. Các ngài dạy hết rồi, mình không chịu học, bây giờ mới biết chứ đâu biết đâu mà học.

4. Chỗ ở gần đường đi lúc nào cũng có người đi qua đi lại: [Có chỗ ở như vậy] cũng tu không được.

5. Chỗ ở có ao nước, dân làng thường đến tắm giặt: Ngày xưa thì có hiện tượng này, bây giờ thì chắc ao nước để tới câu cá thôi. Câu cá giống như [chỗ] Sư Minh Tuệ ở, [họ đến] câu cá riết rồi ngài cũng bỏ đi luôn.

6. Chỗ ở có nhiều rau lá mà người ta thường đến hái rau bẻ lá: Điều này ngày xưa có chứ bây giờ cũng ít rồi. Cho nên đừng có ham trồng nhiều rau lá cúng dường, người ta tới bẻ miết, mình ngồi đó thiền thấy người miết.

7. Chỗ ở có nhiều bông hoa để người ta đến thưởng ngoạn: Mấy Thiền viện, chùa làm cho cảnh đẹp cho người ta tới ngắm người, gọi là Thiền nhân. Thiền nhân chữ thiền là "i" ngắn, Thiền nhân là người thiền là ngắm người.

8. Chỗ ở có nhiều trái cây để người ta đến bẻ hái: Vườn có nhiều trái cây quá, vô đi trong vườn trái cây ngồi thiền, người ta tới người ta hái miết. [Cho nên] không được! Tất nhiên là mình rào lại, điều này thì chắc cũng ít, [nên] không có sợ.

9. Chỗ là thắng cảnh để người ta thăm quan: Quý vị thấy không? Thời nay [toàn làm] ngược hết, cho nên mình học trong này mình thấy được rõ ràng, thời nay là đi ngược hết, chư Tổ đã nói rồi.

10. Chỗ gần đô thị luôn luôn náo nhiệt ồn ào: Chỗ gần chợ, đô thị đông người quá, tu không được, cho nên là phải kiếm chỗ nào vắng vắng để tu.

11. Chỗ ở gần nơi lấy gỗ mà người ta thường đến đốn cây, chặt củi: Ở trong rừng [thì có nạn] phá rừng. [Nhưng] bây giờ thì chắc cũng khó, [vì] cũng có bảo vệ rừng rồi.

12. Chỗ ở gần ruộng rẫy nơi người ta đến để trồng lúa, trồng hoa màu: Điều này thì rõ ràng, nên chỗ ở cũng phải cách cách ra chút.

13. Chỗ ở có nhiều người đối nghịch nhau: tức là người ta đánh nhau, đánh qua đánh lại, đủ thứ chuyện, chửi bới... thì làm sao mà tu được.

14. Chỗ ở gần bến tàu có nhiều ghe thuyền cập bến, rời bến ồn ào: Điều này thì [cũng] không được.

15. Chỗ ở trong vùng biên địa của cư dân lạc hậu hung hãn: Điều này thì rõ ràng, có chú Phật tử nói chuyển lên vùng đó tưởng ngon, ai ngờ tới đó [làm] ăn rồi suốt ngày bị lấy trộm, với họ hung hãn rồi lấn ranh gì đó v.v... tu cũng không được. Quý vị thấy không? Cất cái thất mà ở nơi đó cũng không yên, họ cứ tò mò dòm ngó, họ nhìn miết thì làm sao tu, tu cũng khó nữa. Cho nên cũng vừa phải thôi.

16. Chỗ ở vùng biên giới quốc gia luôn có quân binh hai nước canh gác: Đừng ham ở vùng gần biên giới mà có quân binh hai bên canh gác, nếu như hai nước mà ganh nhau nữa thì khỏi tu luôn.

17. Chỗ ở không an ổn có nhiều mối nguy hiểm đe dọa: Ở trong rừng có cọp, rắn nhiều thì nguy hiểm, không nên.

18. Chỗ ở không có Thiện hữu tri thức: tức là mình ở một mình mình tu cũng không được, mình chưa có trình độ căn cơ cao. Số người mà tự mình tu được ít lắm, phải học đủ vốn. Mà quý vị đâu có thời gian để học đủ vốn. Cho nên là phải có Thiện tri thức, không có Thiện tri thức thì ráng học cho giỏi đi rồi tự ở nhà mình tu. Còn bây giờ thì cũng không sao, hồi xưa thì không có điện thoại, chứ bây giờ có điện thoại nên có gì thì hỏi Thiện tri thức được.

Bước 6: Sống ở nơi trú xứ thuận lợi

Trong Kinh Tăng Chi (A. V, 15), đức Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, sống ở trú xứ hội đủ năm chi phần, không bao lâu vị Tỳ-kheo tự mình có thể chứng đạt vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát (nghĩa là ở nơi trú xứ tốt được năm điều kiện, thì sẽ chứng được Vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, chính là A-la-hán Câu giải thoát). **Thế nào là trú xứ hội đủ năm chi phần? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Trú xứ không quá xa, không quá gần; Trú xứ ban ngày không náo nhiệt, ban đêm không ồn ào. Trú xứ ít có ruồi muỗi gió nắng và các loại rắn rít** (điều này thì thời nay cũng có cách tránh ruồi muỗi rồi. Gió nắng khốc liệt quá thì cũng không được); **Trú xứ ở nơi dễ tìm được bốn món vật dụng** (tức là ăn uống cũng dễ, thuốc men cũng dễ, chỗ để nằm ngủ ở cũng dễ, rồi y phục cũng dễ. Bây giờ nhiều người ở nơi khó quá rồi cuối cùng ăn uống không được, [nên] phải [ở nơi] dễ. Đức Phật dạy hết rồi); **Trú xứ có những Tỳ-kheo trưởng lão đa văn, thông kinh điển, trì pháp, trì luật, có khả năng giải tỏa nghi vấn** (điều thứ năm này nên để ý: Tỳ-kheo trưởng lão, trưởng lão không phải già mà ý nói là giỏi về pháp, đa văn, thông kinh điển, trì pháp, trì luật, có khả năng giải tỏa nghi vấn).

Chúng ta thấy là đức Phật dạy hết rồi, không học mà đòi tu, [gọi là] tu mù luyện đui. Cho nên tu thời gian không có thành tựu, là do mình thiếu những nền tảng này. Quý vị thấy những điều này có cần không? Quý vị muốn tu bất cứ môn nào, đặc biệt tu muốn thành tựu thì quý vị phải thỉnh thoảng nhập thất. Thiện

Trang nói không nhập thất tu cũng được thôi, nhưng lâu lắm, chậm. Bởi vì vậy Thiện Trang thấy là không nhập thất thì tu miết không biết bao giờ, lâu lâu mới vô được một chút. Nhưng nếu nhập thất thì vô nhanh lắm, cứ nhập thất là hầu như vô, và như vậy là vô công phu được liền. Mình muốn nhập thất thì học theo những điều này, có 10 bước, chúng ta tới bước tiếp theo.

Ở đây nói về trú xứ thì đức Phật có nói trong kinh, dạy cho chúng ta [phải] rải lòng từ. Tức là ở nơi nào, trước khi tu tập thì quý vị rải lòng từ đến cho mọi người. Ví dụ quý vị nghĩ là mọi người ở đây được sự an vui, chư thiên, v.v… khu vực ở đây được tốt đẹp v.v…. Nói chung mình tu thì mình nhớ hồi hướng cho [chúng sanh ở] vùng đó, thì quý vị sẽ đỡ chướng ngại. Còn nhiều người tu, vì tâm họ không có tương ưng, tức là họ không nghĩ tới chúng sanh khác, cõi hữu hình và vô hình, người với động vật, chư thần, chư thiên v.v…. Cho nên họ tu có rất nhiều chướng nạn, là do họ không rải tâm từ.

Thiện Trang hồi xưa không học những điều này, nhưng Thiện Trang chắc có lẽ là do có chủng tử. Thiện Trang đến đâu thì luôn nguyện là Thiện Trang tu tập, nếu có công đức nào thì Thiện Trang luôn hồi hướng cho chư vị thần linh xá trạch, hộ pháp rồi chư thần, tất cả hương linh, vong linh, v.v… vùng này. Hồi xưa không biết, lúc đó hồi hướng cho chúng sanh, những người ở đây nữa v.v… thì ít. Nhưng sau này học rồi thì biết phải hồi hướng cho cả những loài động vật hữu tình cho đến người v.v…

Trước khi quý vị tu tập mà quý vị có tâm như vậy, thì tự nhiên đi đến đâu sẽ không có chuyện trở ngại, chướng ngại. Còn mình vô tu mà mình toàn tính thành tựu cho mình. Rồi mai mốt [muốn] làm gì đó thì chướng ngại nhiều lắm. [Nên] phải rải lòng từ nha! Đây là [đang nói về] trú xứ, những điều này là kinh nghiệm mà chư Tổ và đức Phật đều dạy cho chúng ta, đó là phải có lòng từ bi.

Như vậy là thành tựu được sáu bước rồi, chưa đâu quý vị. Bước thứ bảy là phải thành tựu sáu khuynh hướng của Bồ-tát. Điều này không có là tu không được.

Bước 7: Thành tựu sáu khuynh hướng của Bồ-tát

1. Khuynh hướng vô tham và thấy lỗi trong tham: Mình hãy cố gắng không tham và thấy lỗi trong tham. Điều này cũng khó, vì đôi khi mình tham gì đó, mình thích gì đó. Ví dụ như bây giờ lên mạng thấy quảng cáo suốt ngày nên mình thích mua thứ đó, nhưng mình phải nghĩ lại là mua thứ đó có phải tham hay không? Và nếu mình mua, thì mình thấy mình mua món này là xứng đáng, còn mình mua món kia thì là tham đó. Rồi đôi khi mình mua rồi, mình nghĩ chắc là có lỗi trong việc mua thứ này. Đó là mình thấy lỗi trong tham. Hoặc mình thấy người ta tặng đồ gì đó mình cảm thấy sướng quá, thì là mình tham. Rồi khi ăn uống v.v…

Quý vị phải có khuynh hướng được như vậy. Chứ còn nếu mình trơ trơ ra, mình không hướng đến vô tham mà mình cũng chẳng thấy có lỗi trong việc tham của mình. Đó là không có giác ngộ. Bồ-tát tức là Bồ-đề Tát-đỏa tức là giác ngộ, chúng sanh hữu tình giác ngộ mà.

2. Khuynh hướng vô sân và thấy lỗi trong sân: Điều này khó, đôi khi sân mà không biết mình sân. Cố gắng làm sao bớt sân và thấy những lỗi trong sân. Tham, Sân, Si, ba thứ độc này thôi.

3. Khuynh hướng vô si và thấy lỗi trong si: Si là si mê, si là không có trí tuệ. Nhiều người họ cứ cho mình đúng, nếu mình luôn luôn cho mình đúng là mình không thấy lỗi trong si. Mình biết mình là phàm phu, mình có nhiều điều sai. Khi quý vị còn là phàm phu thì sẽ có lúc mình vẫn sai. Nên nhớ vậy! Không có ai đúng hoàn toàn khi là phàm phu. Bao giờ là bậc Thánh thì mới không sai. Còn chúng ta là phàm phu, thì có lúc thế này lúc thế kia, không duy trì được mãi mãi. Quan trọng là mình thấy được Tham, Sân, Si để mình giác, mình quay trở lại. Chứ còn nếu không thấy thì mình sẽ thoái chuyển luôn.

4. Khuynh hướng xuất gia và thấy phiền toái trong đời sống tại gia: Điều này rõ ràng, xuất gia thì tốt hơn trong trường hợp có phiền toái trong đời sống tại gia. Thật ra bây giờ đời sống tại gia là có gia đình v.v… thì khổ. Thiện

Trang hay khuyên các bạn trẻ nếu không thể đi xuất gia, thì ở nhà cũng ráng đơn thân độc mã, ráng chịu khó chịu khổ một chút, rồi mình tu dễ hơn. Bởi vì một mình mình không bị phiền toái, không bị chi phối về thời gian, con cái, tiền bạc v.v… mình tự chủ được hết. Muốn bố thí cúng dường cũng tự mình làm được, muốn đi tu cũng đi được. Còn suốt ngày con đeo thì làm sao mà tu được. Chồng không cho, vợ không cho v.v… đủ các điều khổ. Phải thỏa thuận lên, thỏa thuận xuống, sắp xếp lịch dày cộm rồi mới đi được. Rất là phiền toái trong đời sống tại gia.

Đó là nếu lập gia đình. Còn nếu quý vị không đi xuất gia được, tiền và hoàn cảnh không tốt, thì quý vị cứ ở tại gia. [Nhưng] ráng giữ đơn thân mình tu, thì mình sẽ tu được. Chứ không phải cứ phải đi xuất gia, rồi tìm chùa không ra chùa nào hết, chui ngay vô chùa mà không yên ổn như những điều trên nói, thì mình ở tại gia còn tốt hơn.

5. Khuynh hướng viễn ly và thấy phiền toái trong sự hội họp: Viễn ly tức là mình né xa ra, rồi mình đừng thích hội họp ồn ào, tránh ra. Thông thường chúng ta thấy đông quá, rồi ồn ào hội họp mệt lắm. Phải thấy được điều đó. Đây là khuynh hướng của Bồ-tát.

6. Khuynh hướng xuất ly và thấy phiền toái trong mọi sanh hữu: Điều này nói đến khuynh hướng xuất ly ra khỏi sanh tử. Nói chung mọi sanh hữu (tức là mọi Hữu vi), mình sống trong đời sống Hữu vi, dù là cõi Sắc giới hay Vô sắc giới thì vẫn khổ. Phải có khuynh hướng đó, chứ không học một hồi thấy lên cõi Trời sướng quá, rồi thích lên cõi Trời thôi. [Cõi Trời] vẫn khổ, [nên] phải chán khổ.

Quý vị biết bí quyết để Kiến đế là gì không? Kiến đế tức là vào Sơ quả, là thấy được sự thật về Khổ. Mà bản chất của Khổ là: Không, Vô thường, vô Ngã, v.v…. Vô Ngã tức là không làm chủ được, thế gian này mọi sự hiện hữu đều là khổ. Bởi vì nó theo một quy luật gọi là Vô thường sanh diệt. Và mình không làm chủ được rồi cuối cùng trở về không. Quý vị thấy được điều đó thì quý vị thấy

được sự thật về Khổ. Chính vì vậy mình sẽ không muốn gì nữa, mình chỉ muốn ra khỏi nỗi khổ đó. Đó là khuynh hướng thứ sáu này.

Còn bây giờ mình muốn nhiều thứ quá, muốn con học giỏi, muốn gia đình êm ấm, muốn gì đó... Mọi sự [mong] muốn đó đều là muốn ở trong khổ. Mà muốn nhiều thì khổ nhiều, gọi là Cầu bất Đắc khổ. Cho nên phải thuộc bài học về khổ. Phải tu làm sao nhuần nhuyễn để thấy được đời là Vô thường, là Khổ, là giả, là Không, chỉ cần quý vị nhớ điều đó thôi thì mọi ý niệm khác sẽ dứt được.

Thiện Trang nói quý vị: Thiện Trang tu được cho đến giờ là nhờ điều này. Ví dụ như người ta nói: "Thầy ơi, thầy đến nơi đó v.v… Đạo tràng đó tốt lắm, đẹp lắm..." Nhưng Thiện Trang nghĩ tới đó cũng khổ vậy thôi, [nên] không thích nữa. Còn có người hồi xưa ở trong gia đình mấy chục năm, đến ngày nào đó rồi cũng già, cũng bệnh, cũng chết thôi. Vậy nên không có một con đường nào khác ngoài con đường xuất ly sanh tử, muốn xuất ly sanh tử mình phải nhận thấy đời là khổ. Quý vị chưa nhận thấy đời khổ, vẫn còn ham trong cõi trần quá thì không thể xuất ly [sanh tử] được. Khi quý vị nhận thấy đời là khổ, vô thường, ngắn tạm, giả tạm, không bao lâu thì quý vị [không] có ham, thế nào cũng được.

Giống như hôm bữa Thiện Trang nhớ Thiện Trang đăng bài của Sư Toại Khanh, ngài chia sẻ cũng thật thà lắm, kể rằng đời tu hành nếu có nhiều nỗi khổ, trong đó có một là nỗi khổ về sự cung kính. Người ta cung kính mình quá, rồi thấy cũng không được. Rồi nỗi khổ về khảo đảo, Sư Tuệ Khanh nói vẫn chưa đủ, thật ra có nhiều lắm. Thử thách về khảo đảo, tức là có người nâng mình lên trên trời, có người thì đạp mình xuống đất. Quý vị có cảm nhận được [điều đó] không? Nếu là người xuất gia càng nổi bao nhiêu, thì hai thái cực đó càng rõ ràng [bấy nhiêu]. Rồi nỗi khổ về cô đơn, cô đơn nghĩa là có khi mình phải bước độc hành một mình.

Quý vị toàn ở nhà, tại gia, nên ít có cảm nhận, nhưng Thiện Trang cảm nhận được nhiều nhất. Thiện Trang là người chuyên gia bước độc hành, vì Thiện Trang thường ở một mình. Khi quý vị ở một mình thì quý vị sẽ thấy, khi nào đêm ngủ mà bệnh thì quý vị mới thấy cuộc đời giả như thế nào. Tức là mình biết

đêm mình bệnh rồi, nhưng mai mình vẫn phải dậy ráng tiếp tục cuộc đời của mình thôi, chứ không có ai lo cho mình được. Nên lúc đó mới thấm câu trong Kinh Vô Lượng Thọ là: "**Độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai",** lúc đó mới cảm thấy đời giả.

Thiện Trang nghĩ là rất may mắn khi có những giây phút như vậy, bởi những giây phút như vậy giúp mình buông hết, mình biết trước sau gì mình cũng chết. Và ngày nào đó có thể mình chết như vậy mà mấy ngày sau người ta mới biết. Mình cảm thấy thân thể này là giả, chết thì thôi kệ, bỏ luôn, không sao hết. Thường thường quán niệm như vậy thì mình thấy đời giả lắm.

Còn quý vị ở trong nhà, thấy mai mốt đau thì có chồng lo, con lo, vợ lo, anh chị em lo, v.v… chứ quý vị không có cảm giác được **"độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai",** thì quý vị không cảm nhận được rằng mai mốt chết rồi mình đi theo nghiệp của mình. Còn Thiện Trang cứ mỗi sáng thức dậy thì Thiện Trang thấy: Thế là một ngày nữa rồi, vậy là mình lại bắt đầu một ngày mới. Và cảm giác mỗi sáng thức dậy mà mình dậy sớm hơn chúng sanh xung quanh, thì mình thấy hình như chỉ có một mình mình, còn chúng sanh im re hết. Khi đó mình thấy hóa ra không gian này không phải chỉ có một mình mình, nhưng mình đi có một mình mình thôi. Tức là con đường ra khỏi sanh tử hình như chỉ có một mình mình đi, chúng sanh thì ngủ hết rồi, họ không có đi. Lúc đó mình mới cảm thấy: tuy là một mình mình đi, nhưng mình hạnh phúc, hạnh phúc vì mình biết Phật pháp, hạnh phúc vì mình đang đi trên con đường giải thoát. Còn nếu mình không cảm nhận được như vậy, thì mình thấy khổ lắm, quý vị sẽ thấy cô đơn, lẻ loi giữa dòng đời hiu quạnh.

Còn mình thì mình cảm thấy hạnh phúc, vì hàng ngày mình đang đi trên con đường giải thoát sanh tử. Thật ra người tu hành không bao giờ cô đơn vì xung quanh mình luôn luôn có chư thần hộ pháp, chư thiên thần, chư Phật Bồ-tát các ngài luôn ngóng trông và mong đợi mình giác ngộ. Bất cứ lúc nào nếu như mình có vấn đề gì thì các ngài luôn chiếu cố. Quý vị tin điều đó thì quý vị mới đi được. Còn quý vị sợ quá, mai mốt già phải có con lo, chồng lo, bà con lo,

v.v… đủ thứ. Đặc biệt các đồng tu nước ngoài ít thấy sự Vô thường, sự già khổ. Bởi vì ở nước ngoài thông thường họ lớn lên, ở phương Tây người ta đưa người già vô Viện dưỡng lão hết, rồi chết ở trong đó luôn, cho nên mình đâu thấy. Ngoài đường toàn là người trẻ, người khỏe mạnh, v.v… nên mình ít thấy sự lão (già) và tử (chết). Già quá, bệnh quá, vô Viện dưỡng lão thì mới thấy, chết cũng thấy ở trong đó. Cho nên ở nước ngoài quý vị đâu có thấy đám tang nào có xe tang, xe rồng chạy qua chạy lại đâu.

Ở Việt Nam thì thỉnh thoảng giơ cờ trắng, cờ đen, chạy xe rồng qua đánh trống tùng tùng, thổi còi inh ỏi, thì còn nhắc được vô thường. Nên các đồng tu nước ngoài thường tâm xuất ly yếu hơn, vì ít thấy cảnh đó. Quý vị ở Việt Nam mà ở mấy thành phố lớn, thì thỉnh thoảng cũng thấy xe ò e í e chạy qua, thì mình biết thêm một người nữa chết rồi. Thỉnh thoảng đi trên đường thấy tai nạn giao thông, người chết, người khóc, người la v.v… đủ các kiểu, thì mình thấy vô thường. Còn ở các nước phương Tây tai nạn ít lắm, không có tai nạn như vậy, nên các đồng tu phương Tây ở các nước Âu Mỹ, v.v… họ có tâm tu tàn tàn hơn, điều đó là sự thật.

Vì sao mình không thấy những cảnh khổ? Thực ra cảnh khổ vẫn có, bây giờ ở trong Viện dưỡng lão có thấy đâu, vô bệnh viện mới thấy. Trong bệnh viện người ta mổ chỗ này, mổ chỗ kia, người ta đau đớn quằn quại. Cho nên mỗi lần vào bệnh viện là mỗi lần được hun đúc tâm thoát ly sanh tử mạnh hơn. Thiện Trang thấy vô bệnh viện khổ lắm, quý vị muốn thấy thì quý vị đến bệnh viện, bệnh viện nào cũng vậy. Toàn là người bệnh mặt mày nhăn nhó, đau đớn, thỉnh thoảng bấm chuông báo động tới, thỉnh thoảng có người gọi điện thoại khóc: "Ba mày lên đi, nó đi rồi." Quý vị nghe những giọng nói đó, thì quý vị mới thấy đời vô thường.

Bây giờ mình sống mà mình thấy sướng quá, cho nên tâm giải thoát giác ngộ không đủ mạnh, và vì vậy tu hành không tinh tấn. [Nhưng] Thiện Trang nói: nếu quý vị thấy thường xuyên thì cũng trơ luôn, thỉnh thoảng thấy thì mới được. Chứ còn giống như những người làm ở trong nhà xác, ngày nào họ cũng thấy.

Hoặc là Bác sĩ làm trong bệnh viện, thì ngày nào họ cũng thấy chết, ai chả chết, chết hoài nên trơ luôn.

Cho nên điều gì mới mẻ, hấp dẫn, có tác động là vì nó mới, nó kích thích thần kinh của người ta cảm xúc được. Còn nếu thấy hoài thì thành trơ luôn, nên lâu lâu phải khai thị vô thường sanh tử để quý vị nghe, chứ ngày nào cũng khai thị thì cũng vậy, cuối cùng trơ ra, lờn thuốc. Khi đã lờn rồi thì khó chữa, bệnh nào lờn rồi là khó chữa. Tất nhiên có những điều lờn thì tốt, nhưng cũng có những điều lờn [thì lại] không tốt.

Lờn thuốc, thuốc giải thoát sanh tử mà lờn thì không tốt, còn nếu thế gian mà lờn thì tốt. Có những người trải đời đủ rồi thì tự nhiên người ta chán đời, còn có người trải đời chưa đủ thì không chán đời, lý do là như vậy thôi. Tại sao những đứa trẻ mười mấy, hai mươi mấy, quý vị có khuyên cỡ nào, bảo tu đi con, tu đi, đời khổ lắm, nhưng nó có chịu nghe đâu. Nó vẫn thích vào đời, vì chưa trải nghiệm đời. Nhưng mình sống lên 30 tuổi rồi thì mình thấy cuộc đời bắt đầu chán, 40 tuổi thì thấy cuộc đời càng chán hơn nữa, chẳng có gì hết, rồi 50 tuổi thì chỉ mong về Tây Phương Cực Lạc thôi, đắc đạo ra đi, chứ không còn trông mong gì ở đời nữa. Bởi vì hết mong được rồi, bao nhiêu năm phấn đấu trong cuộc đời, mình biết khổ nhiều vui ít, và bao nhiêu đó chẳng là gì hết, cuộc đời nhanh lắm, thoáng qua, vèo qua là hết.

Thiện Trang nhớ Thiện Trang có mấy đứa cháu, hồi xưa mới sinh ra đời có chút xíu, bây giờ hai mươi mấy tuổi đầu rồi, đứa nào đứa nấy lớn rồi. Nên cuộc đời nhanh lắm, mà mới đây thôi, hồi xưa mình cũng là một đứa nhỏ trong xóm trong làng, đâu ai biết đâu, bây giờ làm Pháp sư giảng kinh. Cuộc đời vô thường, ngày xưa mình cũng mến mộ những bậc trưởng lão, những bậc giảng kinh hoằng pháp. Bây giờ mình cũng đi trên con đường đó, mà mình thấy cũng chẳng có gì hết.

Tức là có nhiều người nghĩ Thiện Trang đi lên con đường đó rồi Thiện Trang ngã mạn, Thiện Trang thành tựu. Thiện Trang nghĩ không phải như vậy, tại vì quý vị chưa lên vị trí đó, quý vị lên rồi, ngồi hoài thì quý vị sẽ thấy thường,

không có gì lạ hết. Bởi vì chẳng có gì đặc biệt, những người không có thì ham, những người có rồi thì họ xem tất cả mọi thứ bình thường và thấy cuộc đời không có gì để vui. Các niềm vui là ngắn tạm một thời gian rồi thôi, cho nên chỉ vui trong Chánh đạo, vui trong ánh đạo vàng là niềm vui tối thượng.

Thiện Trang thấy rõ ràng nhất, tất nhiên chúng ta là phàm phu thì có lúc thoái chuyển, lúc cũng ham cái này, ham cái kia một chút. Nhưng quý vị cứ ham một thời gian là quý vị giác ngộ, bởi vì tánh của mình là tánh giác ngộ. Mình nhận ra được đời là vô thường, nhớ học thật kỹ bài học Khổ, Vô thường giùm, là quý vị tu được hết. Cho dù quý vị tu Pháp môn nào cũng vậy, nắm đời là Khổ, Vô thường, vô Ngã, chỉ có Niết-Bàn tịch tịnh là an vui, chỉ có chứng Thánh là vui. Khi nào quý vị vô được Sơ quả rồi thì từ đó trở đi không còn lo lắng gì nữa, dù có luân hồi thì cũng chỉ tối đa bảy đời mà thôi.

Trong Vi Diệu Pháp có đặt ra câu hỏi là: "Tại sao Sơ quả Tu-đà-hoàn tối đa chỉ có bảy đời thôi, không có đời thứ tám?" Lý do đơn giản thôi, bởi vì với một nhận thức về Khổ, Vô thường, giả sử họ có nằm dài sáu đời rồi, đến đời thứ bảy thì họ cũng sẽ tinh tấn, tại vì họ biết rõ khổ mà. Giống như quý vị ở trong một hầm phân, quý vị ở hoài đến một lúc nào đó thì quý vị cũng nhẫn không nổi, hôi quá, dơ quá, quý vị chịu không nổi, chịu trận sáu ngày thôi, đến ngày thứ bảy thì cũng phải ra, hết chịu nổi rồi. Vì vậy khi nhận thức được thế gian này là khổ đau, là vô thường, không mong đợi gì, không trông cậy được gì, thì tự nhiên quý vị sẽ buông. Đấy là một cách dễ dàng nhất.

Còn nếu chúng ta cứ mê trong đó, khi nhỏ lớn lên thì lo kiếm công việc, lo chuyện học hành, lớn lên chút nữa thì lo kiếm người yêu, lập gia đình, rồi lo có con. Có con rồi thì lo chăm con, yêu thương con. Con lớn lên, nói nó hết nghe thì mong có cháu, chăm cháu, rồi mai mốt già, cháu lớn lên thì chăm chắt, tới khi chết thì thôi, cũng không được gì.

Cuộc đời ngắn ngủi rồi lại luân hồi, mà luân hồi thì con đường đi vô ba đường ác rất lớn. Con đường đi lên ba cõi lành là Trời, Người, thật ra A-tu-la trong kinh Nam truyền cũng xếp vào đường ác luôn, còn bên Bắc truyền mình

thì nói là Trời, Người, A-tu-la là đường thiện. Còn Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc Sanh là đường ác. Nhưng dù thế nào, ngay cả cõi Người cũng không sung sướng gì, cho nên chúng ta cố gắng, mọi sanh hữu này cố gắng thoát ra.

Sáu khuynh hướng này là sáu khuynh hướng của Bồ-tát.

Bước 8: Thành tựu xác tín mục tiêu: Điều này đơn giản lắm, mục tiêu chúng ta tu chỉ có hai điều thôi.

1. Tu Thiền chỉ thì mục tiêu là để đắc Định: để hỗ trợ cho Thiền quán.

2. Tu Thiền quán thì mục tiêu là Niết-Bàn: tức là phải chứng quả giải thoát. Khi mình không xác định mục tiêu này thì thôi, mình tu làm gì đúng không? Không được gì.

Bước 9: Giao phó mạng sống cho vị thầy: Điều này nghe hơi bị ghê gớm, nhưng chúng ta đọc thử xem.

Khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, vị hành giả đi đến đảnh lễ Ngài và nói: "Bạch đức Thế Tôn, con xin xả bỏ mạng sống này cho Ngài". (Đoạn này Thiện Trang không dám tự nói, mà để nguyên như vậy, Thiện Trang chỉ rút ngắn lại thôi.)

Sự quy phục dâng mạng cho vị bổn sư sẽ là động lực giúp đỡ vị hành giả vững bước, được lớn mạnh và được thành tựu trong giáo pháp, bởi vì nếu không quy phục dâng mạng như thế, thì khi sống ở một nơi xa xôi hẻo lánh, hành giả không thể kiên cường khi gặp hoàn cảnh bất trắc xảy ra, và vị ấy có thể trở lui về thế tục, thối thất trong giáo pháp; Nhưng khi hành giả đã quy phục dâng mạng cho thầy thì không còn nỗi sợ hãi nào khởi lên trong vị ấy, bởi có niềm hoan hỷ nghĩ rằng "há ta đã không quy phục dâng mạng cho vị đạo sư của ta hay sao?"

Tại sao ở đây lại nói như vậy? Tại vì giống như mình [có chỗ để] dựa vào, mình có niềm tin vượt qua được sợ hãi. Còn nguyên nhân là đây:

Một người chưa quy phục trọn vẹn thì trơ lì không chịu sửa đổi, khó dạy, không nghe lời khuyên can, muốn đi đâu thì đi, mà không hỏi ý vị thầy.

Cho nên lời này quan trọng. Đoạn này nói nhiều, nhưng tóm lại ở đây là: nếu mình chưa quy phục một vị Thiện tri thức trọn vẹn, mình trơ lì, cho nên khi người ta dạy thì mình khó sửa đổi, khó dạy, và không nghe lời khuyên can, nên từ đó mình tu rớt, trật đi. Điều này thì cũng hơi khó đúng không?

Điều này trong kinh có nói, về việc chọn vị thầy, nếu chọn thầy thì ưu tiên điều gì? Ở thời đức Phật thì tất nhiên chọn Phật là tốt rồi. Nếu không chọn được thầy là Phật, thì phải chọn ai? Bắt đầu hạ cấp xuống, mình phải chọn những người thấp hơn, đó là chọn đến những người tu chứng A-la-hán. Còn không [có] [người] chứng A-la-hán thì hạ thấp nữa là Tam quả A-na-hàm, không thì Nhị quả, Sơ quả. Sơ quả không có thì bắt đầu chọn đến những người thông Tam tạng kinh điển. Người thông Tam tạng không có thì bây giờ thông một tạng kinh cũng được. Rồi [không có] những người [thông] một tạng [kinh], thì thông một bộ kinh cũng được, bí quá mà.

Và những người đó đức hạnh phải đảm bảo một chút, chứ nếu không đảm bảo thì [nhiều khi] người ta dẫn mình đi trật lất. Trong đoạn nào đó đức Phật cũng có dạy là mình phải chọn Thiện tri thức đúng, nên người không thông Tam tạng được thì thông một tạng kinh, còn nếu bí quá thì [người thông] một bộ kinh cũng được, đó là trường hợp bất đắc dĩ. Và người thầy nương tựa cũng phải xứng đáng, nhiều khi không có cũng không biết đường nào, bởi thời Mạt pháp rồi. Bây giờ tu [Thiền thì] trong đó [phải] có vị thầy tu Thiền, chứng Thiền, v.v… Bây giờ kiếm ai chứng Thiền, mà người ta có chứng thì người ta có nói đâu mà biết, cho nên là chỉ có thể coi thử cách thế nào. Đoạn này Thiện Trang chỉ nói sơ như vậy.

Bước 10: Không bỏ sót mọi chỉ dẫn tu tập: Có nghĩa là sự tu tập nào mình cũng nắm vững hết thì mình mới tu được.

Đó là 10 bước để tu Thiền, thật ra tu tất cả các môn đều như vậy. Thiện Trang chiếu lược lại, chắc chúng ta cũng đều nắm hết rõ ràng: Bước 1 là mình phải cắt đứt 10 điều vướng bận, điều này thì rõ ràng. Bước 2 là [cắt đứt những điều vướng bận nhỏ]. Bước 3 là tìm được Thiện tri thức để người đó cho đề mục cho mình.. Muốn cho đề mục thì mình coi thử cá tính của mình thuộc tính nào (tính sân, tính ái, tính si, tính tin, tính thông minh hay tính suy tầm). Đó cũng là bước 4: là chọn đề mục phù hợp cá tính của mình. Bước 5 là coi chỗ tu có thuận lợi không, nếu không thuận lợi thì mình nên tránh đi, để lựa chọn chỗ tu thuận lợi theo bước thứ 6. Bước 7 là mình cần khuynh hướng này, cố gắng đừng tham, đừng sân, đừng si, khuynh hướng thấy lỗi, khuynh hướng xuất gia, viễn ly trong sự ồn ào đông người, xuất ly khỏi sanh tử. Rồi bước 8 là mình xác định tu phải có mục tiêu, tu Thiền chỉ mục tiêu để đạt Định, và trợ cho Thiền quán. Mình tu Thiền quán mục tiêu là để chứng quả giải thoát. Sau đó bước 9 là mình hướng tới một vị Thiện tri thức, nếu không có thì mình nghe pháp từ xa, v.v… mình tự tu. Và mình hướng về vị [thầy] nào thì phải quy phục chứ nếu mình trơ lì, không chịu sửa, thầy dạy không nghe, khuyên can không được thì cuối cùng không được [gì hết].

Điều này Thiện Trang thấy rõ thời nay đa số là khó, vì học cũng không tin thầy, tin sơ sơ, kinh Phật cũng không hiểu, cuối cùng là tu mù luyện đui thôi, khi đó mình tu không đắc lực. Cho nên khó! Thiện Trang thường nói quý vị hãy cầu Phật Bồ-tát gia trì để không bị rớt khỏi.

Thời gian hôm nay hết rồi, đáng lẽ [Thiện Trang] giới thiệu cho quý vị mục pháp tu niệm hơi thở theo Kinh Tăng Nhất A Hàm và theo bộ Luận Thanh Tịnh Đạo, nhưng hết giờ rồi, để bữa khác, mỗi bữa giảng bấy nhiêu đó thôi, hẹn quý vị vào hôm khác. Chúng ta học như vậy, thật ra mỗi bữa quý vị học rất nhiều kiến thức căn bản, Thiện Trang tranh thủ đưa vào đây, để quý vị học một bộ này thì quý vị tu được luôn, chứ không phải mình học lý thuyết không thôi.

Quý vị thấy bộ Luận Câu Xá này thật ra rất hay, nếu quý vị thâm nhập được, quý vị có nền tảng, quý vị coi và hiểu thì mình nên tu. Thiện Trang nói đơn giản

mình tu, thật ra pháp học không nhiều, mới đầu mình thấy [kiến thức] mênh mông, nhưng nếu quý vị học đủ một nền tảng nào đó thì dễ thôi. Hồi xưa Thiện Trang nghĩ học Phật pháp phải học nhiều lắm, nhưng thực tế không phải, tại vì mình học không đúng, nên học rất nhiều. Nhưng nếu mình học đúng trọng tâm, thì học bao nhiêu đó là đủ để hành trì. Còn việc học sau này là để mình nâng lên được phần nào thì tốt phần đấy. Nếu mình học không đủ, nhiều khi học quá trời mà cuối cùng không hiệu quả, vì mình học trên ngọn, mà không học gốc.

Những kiến thức ngày hôm nay rất nhiều, Thiện Trang nghĩ nhiều đồng tu chưa được học bao giờ. Đặc biệt nhìn cá tính của mình thôi, mà mình [cũng] không nhìn được thì làm sao mình biết tu, mình sửa Phiền não. Bữa sau Thiện Trang có những bài nữa, như phần với cá tính nào tu tập như thế nào, lúc nào mình bị sân thì mình tu đề mục nào, mình tu điều gì, mình tu phần nào trong Thất giác chi để trừ Phiền não, v.v… Những phần đó thật ra đức Phật dạy hết rồi, mà có mấy người coi đâu, nên không lấy [để giảng]. Mà khi giảng thì giảng hướng ngoại nhiều, giảng nào tình, tài, tiền bạc, âu lo, hoằng dương xã hội, v.v… chứ thực tế mình tu tập cho tốt là mình hoằng dương được xã hội.

Quý vị tu chứng Thánh rồi thì tự nhiên chư thần gia trì quý vị, giúp quý vị làm lợi ích cho đời. Quý vị tu đắc đạo thì tự nhiên thành tựu, đâu cần đội ngũ Youtuber hay gì đâu, tự nhiên có hết. Không cần! Tự nhiên có hết. Cho nên mình phải tin vào trí huệ xuất thế gian, đức Phật tuyệt vời lắm. Còn mình ham duyên, chưa gì hết, chưa tu tới đâu mà toàn ham hoằng pháp. Thiện Trang nói đồng tu mình có nhiều người kỳ lạ lắm, ham cái này ham cái kia, nhưng Thiện Trang nói việc đó cũng tốt, dù sao như vậy cũng tu phước, tu phước cũng tốt, sau này dần dần mình vào được tu huệ. Chứ mới đầu mình vào nhắm tu huệ luôn, đâu biết ai dạy thế nào mà tu. Cứ từ từ tu phước rồi từ từ phước dẫn, dẫn một hồi sẽ gặp Thiện tri thức, gặp người này người kia, cho nên phải có [tu phước].

Hôm nay chúng ta học rõ ràng, quý vị hiểu rồi đúng không? Và không nói nhiều nhưng những lời này là trích từ bộ Luận Thanh Tịnh Đạo, Thiện Trang cô [đọng cho] gọn lại, và cũng thêm một ít trong kinh. Cho nên những điều này

không phải của Thiện Trang, Thiện Trang cũng không có kinh nghiệm đến cỡ đó. Nhưng không biết sao đó, Thiện Trang chịu khó tìm hiểu nhiều, học nhiều nên có duyên biết được nhiều thứ. Và Thiện Trang biết thì chia sẻ lại cho quý vị để quý vị áp dụng, quý vị tu được tốt, thì [được] thành tựu, chúng ta cùng sớm giác ngộ, sớm ra khỏi sanh tử. Nguyện đời đời kiếp kiếp [chúng ta] cùng là pháp lữ, tức là bạn về pháp. Chúng ta tương tai sẽ đều là những bậc Thánh nhân để mà độ sanh.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 21: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 21.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 11.12.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=b-fi2a1TPt0

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta chia sẻ về Luận Câu Xá. Hôm nay là bài thứ 21, chúng ta đang học ở Phẩm thứ nhất của Luận Câu Xá. Những nội dung mà Thiện Trang giới thiệu ở đây, thực ra có rải rác trong Luận Câu Xá, nhưng chúng ta có kết hợp với bộ A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp) của bên Nam truyền, cho nên có những phần chúng ta được học trước. Phần trong Tạng kinh giới thiệu có nhiều bộ kinh như Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, đều là những kiến thức cần thiết. Thiện Trang cố gắng sắp xếp lại trình tự để cho quý vị học, quý vị nắm được trình tự để mình học tới đâu thì mình hành được tới đó. Cho nên có những thứ tự không giống theo bất cứ một giáo trình nào khác. Vì vậy cho dù quý vị có nghe bộ Luận Câu Xá của ai đi chăng nữa thì cũng không thể giống với bộ Luận này. Cho nên đừng nói là giống rồi, chúng ta không cần học.

Chúng ta không mất nhiều thời gian [nữa], hôm nay chúng ta giới thiệu vào phần nội dung. Đầu tiên Thiện Trang trở lại với "27 Địa Vị Hiền Thánh" đã giới thiệu ở bài 20, trích từ Kinh Phước Điền thuộc Trung A Hàm. Thiện Trang xin nhắc lại, vì bữa trước chỉ giới thiệu thôi, hôm nay sẽ nói rõ hơn một chút.

27 Địa Vị Hiền Thánh

Này Cư sĩ, 18 hạng người Hữu học là những ai? Là Tín hành, Pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng, Hướng Tu-đà-hoàn, Đắc Tu-đà-hoàn; Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm; Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm, Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc cứu cánh. Đó là 18 hạng Hữu học.

Ở đây Thiện Trang muốn giới thiệu lại một chút về các địa vị: Tín hành, Pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng. Các địa vị này là trước khi chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, bỏ luôn cả Hướng Tu-đà-hoàn (Tu-đà-hoàn hướng) vào nữa. Bên Vi Diệu Pháp gọi là Tu-đà-hoàn đạo, đạo với hướng thì cũng giống nhau. Quý vị đếm từ Tín hành (Tùy tín hành), Pháp hành (Tùy pháp hành), Tín giải thoát, Kiến đáo (#đáo có khi dịch là đảo, đảo hay đáo cũng vậy, nhưng nên dịch là đáo thì đúng hơn. Vì chữ đáo hay đảo là cùng một âm, nhưng phải dịch là Kiến đáo), Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng. Tổng là bảy. [Những địa vị] này ở trong một số bộ luận hay Thiên Thai Tứ Giáo Hóa Nghi thì gọi là Thất hiền (là bảy địa vị Hiền).

Từ Hướng Tu-đà-hoàn, Đắc Tu-đà-hoàn; Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm; Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm, Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc cứu cánh, [được] xếp vô là địa vị Thánh. Thiện Trang muốn nói về các địa vị [Hiền] này, quý vị có thể coi trong bất cứ một bộ luận nào, ví dụ như của Tông Thiên Thai, hay mai mốt chúng ta học trong Luận Câu Xá này cũng có, trong những bộ luận khác cũng có. Chứ không phải mỗi trong kinh có, nhưng ở đây chúng ta muốn dẫn trong kinh để quý vị thấy rõ.

Ví dụ hôm bữa chúng ta có một tiêu chuẩn để không đọa lạc, [đó là] vào quả (Dự lưu) mà chỉ là [niềm tin] bất động (niềm tin bất động đối với Phật, niềm

tin bất động đối với Pháp, niềm tin bất động đối với Tăng, và đầy đủ Thánh giới), thì nằm trong địa vị Thất hiền này: Tín hành, Pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng. Ở trong Luận Câu Xá, mai mốt chúng ta học, có một địa vị gọi là Nhẫn vị hay Thế đệ Nhất vị. Hai địa vị đó, nếu chúng ta chỉ cần tới Nhẫn vị thôi thì đã không đọa vào ba đường ác rồi. [Quý vị] nhớ: tới đó là không đọa đường ác. Nên quả Dự lưu hôm bữa mà niềm tin bất động đối với Phật, Pháp, Tăng, và đầy đủ Giới thì chưa phải là Tu-đà-hoàn. Vì Tu-đà-hoàn là phải phá Thân kiến, Giới cấm thủ, và Nghi. Nhưng từ đó trở đi, ngôn ngữ của Phật giáo Nam truyền gọi là vào dòng Thánh rồi, bên Bắc truyền thì gọi là vào dòng Hiền. Hiền, Thánh thật ra bên Pali hay tiếng Phạn cũng là một thôi. Nhưng qua Trung Hoa thì các chư Tổ Trung Hoa chia ra thành Hiền, Thánh cho rõ ràng.

Chúng ta phải hiểu được như vậy. Cho nên chỉ cần tới địa vị đó là mình đã không đọa vào ba đường ác rồi. Còn quý vị bước thêm một hồi nữa, quý vị tới Tu-đà-hoàn (phá Thân kiến, Giới cấm thủ, và Nghi), thì quý vị mới còn tối đa bảy đời nữa ở trong Dục giới, rồi sau đó không còn ở Dục giới nữa, và tối đa 7 đời [sẽ] chứng A-la-hán, địa vị này thì cao hơn. Còn có những địa vị thấp hơn.

Cho nên mình học [nhưng] nhiều khi mình không hiểu, rồi mình thấy tiêu chuẩn để vô Sơ quả Tu-đà-hoàn lớn quá, khó quá. Ở đây xin giới thiệu với quý vị: tính luôn cả Sơ quả Tu-đà-hoàn hướng là tám địa vị. Tám địa vị này thấp hơn Tu-đà-hoàn. Quý vị vào được [những địa vị] đây là cũng ngon rồi.

Còn A-la-hán thì ở đây:

Này Cư sĩ, 9 hạng người Vô học là những ai? (A-la-hán đó) **Là Tư pháp, Thăng tấn pháp, Bất động pháp, Thoái pháp, Bất thối pháp, Hộ pháp, Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái, Thật trụ pháp, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát. Đó là 9 hạng vô học".**

(Trích từ Kinh Phước Điền thuộc Trung A Hàm).

Quý vị để ý, từ Thật trụ pháp, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát, ba địa vị này là không thoái chuyển A-la-hán. Còn những địa vị đằng trước là có khi thoái chuyển lại. Trong Luận Đại Tỳ Bà Sa nói rằng: họ có thể thoái chuyển nhiều nhất tối đa về Tu-đà-hoàn thôi, không có [thoái] hơn nữa. Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái dịch nghĩa là #hộ tức là mình hộ trì được pháp, thì sẽ không có thoái chuyển, [còn] nếu mình không hộ trì được pháp đó thì thoái chuyển. Hạng này là hạng ở giữa. Mấy hạng ở trước thoái là bình thường. [Trong] chín bậc thực ra có ba bậc A-la-hán (Thật trụ pháp, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát) là không thoái chuyển thôi.

Ở đây so với bài hôm trước, Thiện Trang giới thiệu năm kiểu A-la-hán ở A Tỳ Đàm nữa. Quý vị thấy còn có A-la-hán chứng thêm Tam minh, rồi nhiều thứ nữa, thì [những địa vị này] ở đâu? Là nằm ở Câu giải thoát này, kèm thêm [và] chia nhỏ ra. Cho nên chia tất tần tật hết từ đầu đến cuối, trong một bộ Vi Diệu Pháp khác người ta có thể chia ra thành 43 địa vị. Ở đây mới có 27 [địa vị], nhưng mình chia thêm Câu giải thoát ra. Rồi chia thêm chỗ A-na-hàm từ Sơ thiền cho đến Tứ thiền. Tức là A-na-hàm có thể sanh về trời Sơ thiền, Sơ thiền có mấy tầng trời đó, hoặc Nhị thiền có ba tầng trời, Tam thiền có ba tầng trời, cho đến Tứ thiền, cộng một hồi thành ra 43 địa vị. Quý vị hiểu số 43 từ đâu ra là như vậy. Chứ không thì một hồi [thấy] sao [thầy] Thiện Trang giảng lại mâu thuẫn thế, lúc thì nói có mấy địa vị, lúc thì nói nhiều thế. Tức là từ đó mà chia ra, chia càng nhỏ ra thì càng nhiều [địa vị], còn không lại nói lược thì có bao nhiêu đó thôi. Chúng ta cũng hiểu dễ dàng thôi.

Những địa vị như từ Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm, Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc cứu cánh, là A-na-hàm hết. Đó là vẫn chia chưa kỹ, Đắc A-na-hàm cũng phải chia ra Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc cứu cánh, toàn là ở trời Ngũ Tịnh Cư Thiên. Thực tế là còn một loạt hạng đắc A-na-hàm ở đằng trước nữa, sanh về trời Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền. Một loạt như vậy thành ra nhiều.

Nếu chúng ta chia tỉ mỉ ra, càng kỹ bao nhiêu thì càng dễ tu. Vì mình tu tới đâu, mình thấy đắc tới đó. Giống như bây giờ quý vị học, kêu ráng học đến lớp 12 thì mới tốt nghiệp, mới phát cho quý vị bằng tốt nghiệp. Quý vị cảm thấy mới vô học lớp 1 thì bao giờ mới tới lớp 12. Nhưng bây giờ thôi cứ học hết lớp 1 thì phát cho sổ học bạ, ký đã học hết lớp 1, xong lớp 2, v.v… xong lớp 5 cấp đỡ cho một cái bằng đi, rồi tới lớp 9 cấp đỡ một cái bằng đi, v.v… Càng như vậy thì một người học sẽ cảm thấy mình tu, mình học, mình có gì đó để đắc. Vì chúng sanh phàm phu mà, cho nên chia nhỏ ra như vậy dễ hơn. Còn nói lược thế kia thì mình cứ nhìn tiêu chuẩn Tu-đà-hoàn trở lên là mình thấy ngán quá. Phá Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, khó quá, thì bây giờ mình chỉ cần nhẹ nhẹ hơn, cố gắng vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành, hoặc Gia gia, Nhất chủng, v.v… những địa vị đó, nói chung là nhiều lắm. Đó là lý do mình học kỹ càng vậy đó. Không kỹ thì mơ mơ màng màng, nhưng mình học rất kỹ.

Hôm nay Thiện Trang giới thiệu thế nào là Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Tức là mỗi bữa giới thiệu chút thôi, từ từ rồi lúc nào đó giới thiệu mấy địa vị kia. Bữa nay địa vị đầu tiên là Tùy tín hành và Tùy pháp hành, trích trong kinh luôn:

Thế Nào Là Địa Vị Tùy Tín Hành, Tùy Pháp Hành?

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: (Ở đây cũng là pháp tu của người vào Tùy tín hành, tất nhiên có nhiều cách tu nhưng ở đây có một cách, tức là bộ kinh khác thì nói cách khác nữa).

Có năm thủ uẩn. Những gì [là] Năm? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thủ uẩn. (Điều này quen không quý vị? Chúng ta đang học điều này và chúng ta vào là vào Tùy tín hành luôn).

Thế nào là sắc thủ uẩn? Những gì là Sắc, tất cả chúng đều là bốn đại. (Rất quen đúng không quý vị? Chúng ta đang học Sắc là bốn đại: Đất, Nước, Lửa, Gió mà), **và sắc do bốn đại tạo; đó gọi là Sắc thủ uẩn** (chúng ta học tới đây biết

rồi)**. Lại nữa, sắc kia là vô thường, khổ, là pháp biến dịch** (Quan trọng là điều này, nhớ giùm sắc đó là vô thường, khổ, là biến dịch; biến dịch là biến đổi, thay đổi, di chuyển. Cho nên nhớ giùm chân lý Tứ đế là Khổ, Không, Vô thường, vô Ngã, chỉ cần nắm [mấy điều] đó thôi)**. Nếu Sắc thủ uẩn này vĩnh viễn bị đoạn trừ không dư tàn, rốt ráo xả ly, diệt tận, ly dục, tịch diệt, các Sắc thủ uẩn khác không tương tục, không xuất hiện, không khởi lên; đó gọi là vi diệu, cũng gọi là tịch tĩnh, cũng gọi là xả ly tất cả Hữu dư, Ái tận, Vô dục, Diệt tận, Niết-bàn.**

Đầu tiên là nói Sắc uẩn rồi, tiếp theo:

Thế nào là Thọ thủ uẩn? Đó là sáu thọ thân. Những gì là sáu? Thọ phát sanh do xúc con mắt; thọ phát sanh do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là Thọ thủ uẩn. Lại nữa, Thọ thủ uẩn này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

Quý vị thấy đoạn này quen không? Quá quen! Chúng ta đang học điều này mà, Luận Câu Xá [cũng] đang học điều này luôn. Điều này ở trong kinh, Thiện Trang dẫn để quý vị thấy Luận Câu Xá này là trong kinh ra, không phải mình học theo chư Tổ rồi trật lất. Không có! Có căn cứ [trong] kinh điển. Chúng ta học Thọ này là do tiếp xúc của mắt, thọ do tiếp xúc của tai, tai thì nghe âm thanh, rồi mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu cảm thọ khởi lên do sự tiếp xúc đó.

Thế nào là Tưởng thủ uẩn? Đó là sáu tưởng thân. Những gì là sáu? Tưởng phát sanh do xúc con mắt; cho đến, tưởng phát sanh do xúc của ý (giống y chang Luận Câu Xá rồi đúng không quý vị? Đây là kinh nha)**. Đó gọi là Tưởng thủ uẩn. Lại nữa, Tưởng thủ uẩn này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.** Nói tóm lại là nhớ giùm Khổ, Vô thường, là pháp dời đổi, và cuối cùng cũng sẽ đi đến không (diệt tận). Tương tự như vậy:

Thế nào là Hành thủ uẩn? Đó là sáu tư thân (#tư là suy nghĩ, đây là định nghĩa của đức Phật)**. Những gì là sáu? Tư phát sanh do xúc con mắt; cho đến,**

tư phát sanh do xúc của ý. Đó gọi là Hành thủ uẩn.

Ở đây nói [hành là] suy nghĩ, còn ở trong A Tỳ Đàm có người giải thích là suy nghĩ về thiện ác. Nhưng trong kinh này, đức Phật nói là "tư" thôi, tư là suy nghĩ. Suy nghĩ do mắt của mình tiếp xúc, ví dụ chúng ta thấy hình ảnh của Thiện Trang đang hiện lên, bắt đầu suy nghĩ bữa nay thầy Thiện Trang, sư Thiện Trang không vui, thầy buồn hay thế nào đó, v.v… Cảm giác đó là do phát sanh từ mắt.

Tương tự, tư (suy nghĩ) do phát sanh từ âm thanh. Ví dụ nghe âm thanh, bữa nay nghe giọng thầy Thiện Trang có vẻ rõ ràng, bữa nay chắc sức khỏe của thầy tốt, chẳng hạn. Như vậy [đó là] tư do điều đó. Không chỉ mỗi âm thanh do tai, rồi mình ăn, miệng là vị giác, mũi ngửi mùi, thân tiếp xúc với môi trường, ý là pháp mình nghe hôm nay. Ví dụ mình nghe hôm nay mình thấy hoan hỷ, vui vẻ. Thầy Thiện Trang đang trích dẫn trong kinh, để chứng minh rằng Luận Câu Xá này hoàn toàn tương ưng với kinh, để mình có niềm tin hơn, mình hoan hỷ. Những sự tư (suy nghĩ) như vậy gọi là Hành uẩn. Cho nên đôi khi mình phải học trong kinh [thì] mình mới biết chữ tư này. Hành uẩn này mà theo định nghĩa A Tỳ Đàm thì lại khác, đôi khi có khác chút. Có thể do mỗi người nhận thức khác nhau.

Lại nữa, Hành thủ uẩn này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.

Thế nào là Thức thủ uẩn? Đó là sáu thức thân. Những gì là sáu? Thức thân con mắt; cho đến ý thức thân, đó gọi là Thức thủ uẩn. (Cũng giống vậy thôi! Thức là sự biết. Những gì là sáu? Mấy sự biết này chúng ta đã học hết rồi). **Lại nữa, Thức thủ uẩn này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, cho đến, diệt tận, Niết-bàn.**

Tóm lại là vậy. Cuối cùng nhớ giùm tất cả điều đó là Khổ, Vô thường, là pháp biến dịch. Quý vị tu được Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì chúc mừng quý vị. Đức Phật nói luôn:

Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ, đó gọi là Tùy tín hành, siêu thăng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. (Nghe đã không? Nếu đối với các pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ. Mình học mình phải có trí tuệ tư duy trong đó, mình quán sát, mình phân biệt, mình nhẫn thọ. Chúng ta đang học, đang làm những điều này đúng không? Đó gọi là Tùy tín hành. Và sẽ siêu thăng (là vượt hẳn lên), ly sanh (ở trong đây có chú giải là nhập Chánh tánh Ly sanh. Trong ngôn ngữ của mấy bộ luận là nhập Chánh tánh Ly sanh), vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Cho nên Tùy tín hành là đã vượt qua địa vị phàm phu, vào dòng Hiền, dòng Thánh rồi. Bên Pali gọi là dòng Thánh, bên Hán tạng gọi là dòng Hiền). **Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.**

Có nghĩa là mình tu theo điều này thì chắc chắn đến quả Tu-đà-hoàn, nếu như mình không chết giữa chừng. Còn chết thì chưa chứng Tu-đà-hoàn, [nhưng] cũng được vào Tùy tín hành rồi, trước sau gì quần quần một hồi rồi cũng chứng. Có điều nếu mình đủ thời gian, mình tu được tới đây rồi, đời này quý vị tu được điều này [trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ], nói chung nắm được năm Thủ uẩn này, và nhớ Khổ, Không, Vô thường, vô Ngã giùm. Cứ nhớ vậy, tư duy đi tư duy lại, nghĩ đi nghĩ lại, nhớ hoài, học hoài, cuối cùng thì quý vị cũng ra khỏi địa vị phàm phu thôi, vượt khỏi địa vị phàm phu. Và nếu quý vị còn đủ thọ mạng, còn đủ thời gian tu được như vậy, thì chắc chắn chứng Tu-đà-hoàn. Nhớ [như vậy]! Còn nếu không đủ [thời gian] thì đức Phật không nói tiếp, nhưng chúng ta tự biết là không đủ [thời gian] thì chúng ta cũng ra khỏi địa vị phàm phu rồi. Nhớ là ra khỏi địa vị phàm phu rồi nha, không phải là phàm phu nữa, cũng là lên một bậc rồi. Coi như là được cấp bằng mẫu giáo [hay] lớp lá, lớp mầm, lớp chồi gì đó, cũng được một lớp rồi. Đó là Tùy tín hành, ngon không? Ngon chứ!

Chứ không, ăn rồi cứ suốt ngày nói Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn khó quá. Bây giờ xin giới thiệu, trước Tu-đà-hoàn có tám địa vị nữa, địa vị đầu tiên là Tùy tín

hành. Mai mốt mình học Luận Câu Xá có địa vị ngon lắm, Nhẫn vị thôi là không đọa ác đạo rồi. Còn Noãn vị, địa vị đầu tiên trong Luận Câu Xá, là chắc chắn sẽ chứng đạo. Tại vì vô đây rồi là chắc chắn chứng đạo rồi, không nói gì hết, nhưng không biết bao giờ chứng thôi, và thậm chí còn đọa Địa ngục A Tỳ nữa. Noãn vị trong Tứ gia hạnh vẫn có thể đọa Địa ngục A Tỳ, nhưng không sao, trước sau gì cũng chứng.

Còn mấy vị trí kia, còn phàm phu là không biết bao giờ [chứng] luôn. Cho nên học như vậy thì mình mới thấy dễ tu, mới thấy mình tu được. Còn không, học [mấy địa vị] kia thấy mơ màng quá, xa vời quá, đạo quả quá khó, rồi mình không muốn tu nữa đúng không? [Còn] mình học [những địa vị] này thì mình thấy phấn chấn rồi: À, con có hy vọng đó. Tiêu chuẩn này quá dễ mà, quý vị chỉ có dùng trí tuệ tư duy quán sát, phân biệt, nhẫn thọ đối với năm Thủ uẩn này thôi. Và mình quán sát Vô thường, Khổ, là pháp biến dịch, [cho đến] diệt tận, rồi Khổ, Không, Vô thường, vô Ngã, tóm lại là [những điều] đó.

Đó là Tùy tín hành. Bây giờ là Tùy pháp hành.

"Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này, mà bằng tăng thượng trí tuệ, tư duy quán sát, nhẫn thọ, đó gọi là Tùy pháp hành, siêu thăng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.

Địa vị này là tu tốt hơn địa vị kia một chút thôi, là bằng "tăng thượng trí huệ". Tức là ở trên này chỉ là trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ thôi, mới sơ sơ thôi. Còn đây là tăng thượng trí tuệ, rồi cũng tư duy quan sát… giống vậy. [Nếu] chưa đạt Tu-đà-hoàn mà không chết, thì chắc chắn sẽ đạt quả Tu-đà-hoàn. Có nghĩa là [nếu] quý vị có thời gian thì quý vị chứng luôn Sơ quả. Quý vị thấy sướng không? Sung sướng hơn đúng không?

Thấy chưa? Học Phật pháp như vậy mới hấp dẫn, chứ suốt ngày nói đời Mạt pháp tu không có ai chứng gì hết. Xin lỗi! Không học, không tu, [thật ra là do]

không biết tu, không biết học, không có ai dạy cho nên mạt pháp, chứ còn tu đúng thì không có chuyện mạt pháp, nhớ vậy! Pháp của Phật không bao giờ mạt, chỉ có người mạt và người truyền [pháp] mạt. Khi truyền [pháp] là dụt hết kinh, che hết mấy dòng này đi. Rồi tu một Pháp môn nào đó, chọn pháp nào đó mà pháp đó cao quá, không phù hợp thì mới mạt, đúng không? Không phù hợp tại vì cao quá, mình tu không vào. Cho nên hôm nay mừng rồi nha!

Quý vị nhớ nha! Nếu mà tu được vậy là [đắc] Tu-đà-hoàn luôn. Vậy mình ráng có tuổi thọ lâu lâu chút là mình chứng Tu-đà-hoàn được nha. Cho nên Thiện Trang sau khi học kinh tạng, duyệt gần hết tạng kinh rồi, Thiện Trang mới phát hiện ra: hóa ra chứng Sơ quả, Nhị quả cũng không khó lắm, quan trọng là biết đường và cần có thêm thời gian một chút. Có thời gian thôi [là được], tại vì mình ở trong pháp, mình trụ năm này qua tháng nọ, cứ thấm dần thấm dần. Mưa dầm thì thấm lâu, nước nhỏ giọt hoài cũng đầy ly thôi, đầy thùng luôn.

Cho nên là ở đây đức Phật nói: nếu mình tu sơ sơ theo [đoạn] trên thôi, chưa có trí tuệ lắm thì cũng được [quả] Tu-đà-hoàn, nếu mình không chết giữa chừng. Còn nếu mình không chết giữa chừng, mình có trí tuệ tăng thượng, tức là trí tuệ lên nữa thì mình chứng luôn Nhị quả Tư-đà-hàm. Ở đây chắc người ta đánh nhầm, để [Thiện Trang] coi lại bản chữ Hán cho chắc. Hồi bữa nhớ coi là chữ "Tư" rõ ràng đầu tiên mà, mới sửa là Tư-đà-hàm mà sao thành Tư-đà-hoàn vậy không biết. Để coi lại nha, nhưng Thiện Trang nhớ bữa đó Thiện Trang sửa lại chữ "Tư" rồi, là chắc chắn đằng sau phải là "hàm" chứ không phải là "hoàn". Còn nếu mà sai thì cũng không sao, điều này không quan trọng lắm, để bữa sau coi lại, chứ bây giờ không kịp coi chữ Hán.

"Này Tỳ-kheo, đối với pháp này nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, ba Kiết (ba Kiết sử) **được biết rõ là hoàn toàn đoạn trừ; đó là: Thân kiến, Giới thủ, Nghi. Tỳ-kheo, đó gọi là quả Tu-đà-hoàn, sẽ không rơi vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác** (Chánh giác đây là A-la-hán), **bảy lần sanh qua lại giữa Trời Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.**

Có nghĩa là nếu mình tu tốt nữa là sẽ chứng luôn Tu-đà-hoàn, trừ được ba Kiết sử [Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi]. Cho nên đây là tới Tu-đà-hoàn luôn rồi. Vậy thì còn nguyên đoạn giữa nữa [là] một trời quả nữa, ở trên nói rồi. Ở đây nói bảy lần qua lại giữa Trời Người là nói tắt. Ở bộ kinh khác Thiện Trang đã trích rồi, đức Phật nói là tối đa bảy lần thôi, chứ không phải là chắc chắn bảy lần.

"Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, tâm sẽ không khởi lên Lậu hoặc, đó gọi là A-la-hán. Khi các lậu đã sạch rồi, những gì cần làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình, các Kiết sử hữu dứt sạch, chánh trí, tâm đạt được giải thoát."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 52. Phân Biệt (1) - Tạp A Hàm).

Đoạn này là trích từ Kinh A Hàm, Thiện Trang muốn nói cho quý vị, tại vì sao Thiện Trang hay trích Kinh A Hàm hơn Kinh Nikaya? Nguyên nhân đơn giản là tại vì: Thứ nhất có nhiều người nói: "Thầy Thiện Trang đang theo Nam truyền". Xin lỗi! Tôi trích luôn Kinh A Hàm - Hán tạng, Kinh Bắc truyền. Thứ hai, những người học Nam truyền chê Bắc truyền là Tổ sư Trung Hoa nói, giảng v.v... truyền không đúng Chánh pháp Như Lai. Xin lỗi! Quý vị học những gì mà Thiện Trang trích từ Kinh A Hàm thì hoàn toàn đúng. Cho nên nếu quý vị học Nam truyền rồi phê phán Bắc truyền là cũng sai. [Bắc truyền] có sai là do "y nhân bất y pháp", là nương theo người không nương theo pháp. Kinh Nam truyền, kinh Bắc truyền không khác nhau nhiều, nội dung A Hàm và Kinh Nikaya là gần tương đương. Quý vị không tin, quý vị cứ tra cứu mà xem.

Thiện Trang cũng xin chia sẻ thêm một chút để quý vị muốn nghiên cứu Kinh A Hàm và Kinh Nikaya thì tổng quan như thế nào. Sau khi Thiện Trang đã coi gần hết, nói là coi gần hết chứ thật ra là coi hết rồi, nhưng cuối cùng có những

đoạn coi, hoặc là nghe lướt qua, không nắm được hoàn toàn. Cho nên đang tiếp tục nghe lại, coi lại. Nếu mọi người muốn học Kinh A Hàm và Kinh Nikaya thì bắt đầu từ đâu? Và kinh nào nói nội dung nào? Thiện Trang xin chia sẻ như thế này:

Về Kinh A Hàm có bốn bộ, đó là: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm và Tăng Nhất A Hàm. Trường A Hàm tương đương với Kinh Trường Bộ của Tạng Nikaya. Một bên là chữ Hán của Bắc truyền, một bên là của Nam truyền, hai bộ kinh này gần như khớp nhau. Thiện Trang không dám nói là khớp nhau hoàn toàn, bởi vì số bộ kinh gần ngang nhau. Kinh Trường A Hàm ít hơn Kinh Trường Bộ một chút (mấy bài kinh). [Về] nội dung thì có những nội dung bên này có, nhưng bên kia không có. Trường A Hàm và Trường Bộ Kinh là những kinh dài cho nên gọi là "trường".

Quý vị coi Kinh Nikaya, Thiện Trang xin phép quý vị là quý vị đừng coi Trường Bộ Kinh trước, bởi vì mở đầu là Kinh Phạm Võng, là thôi rồi, mệt rồi đó. Kinh Phạm Võng là kinh nói về phá 62 Tà kiến của ngoại đạo. Như vậy [nếu] quý vị nghe những điều đó thì quý vị không thấy giống kinh Phật, rồi quý vị đọc ngán lắm, mà dài lắm. Đọc khoảng 2 tiếng rưỡi mới hết bộ kinh đó, rất dài. Tương đương với A Hàm cũng có một bộ kinh tương tự như vậy. [Vì vậy] không nên coi bộ đó trước.

Kinh thứ 2, Kinh Sa Môn Quả cũng khá dài, nhưng Kinh Sa Môn Quả nói về Tứ quả A-la-hán thế này thế kia v.v… thì cũng hay. Quý vị coi bên này với bên kia, Trường Bộ Kinh với Trường A Hàm tương đương nhau. Trong đó nói nhiều về các giáo phái ngoại đạo, nói nhiều về: ví dụ như Thế giới này được hình thành như thế nào, con người từ đâu mà có, rồi các cõi Bắc Câu Lô Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Đông Thắng Thần Châu, cõi Trời, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh v.v... thì hai bộ kinh này nói nhiều nhất. Ai muốn nghiên cứu về phần Triết học, thì hai bộ kinh này nói nhiều. Nói nhiều thôi nha, chứ không phải là thiếu pháp hành. Bởi vì có những phần pháp hành cũng có trong đó. Pháp hành ví dụ như [việc tu] chứng quả v.v… Như Kinh Sa Môn Quả cũng nói về cách tu chứng quả, hoặc là Kinh Nhất

Thiết Lậu Hoặc (là Tất cả các Lậu hoặc), cũng toàn nói về tu hành chứng quả, cho nên cũng không thể bỏ qua. Đó là Trường A Hàm và Trường Bộ Kinh.

Và nếu quý vị muốn nghe đầy đủ về các cảnh giới, thì Kinh Trường A Hàm nói đầy đủ hơn Kinh Nikaya, Trường Bộ Kinh nói không đầy đủ. Ví dụ những đoạn nói về cõi Người bắt đầu từ tuổi thọ bao nhiêu, từ trời Quang Âm rồi sanh ra, tại sao bây giờ chúng ta có Thế giới này như vậy, thì Kinh Trường A Hàm nói đầy đủ hơn. Các cõi Long (Rồng), Điểu, Thần, các cõi A-tu-la... thì Kinh Trường A Hàm nói đầy đủ hơn Kinh Trường Bộ. Đấy thì chúng ta phải biết là hai bộ có khác nhau một chút, nên học cả hai để đối chiếu.

Thứ hai là Kinh Tăng Nhất A Hàm. Tăng Nhất là gì? Tăng Nhất A Hàm là kinh mà [có] từng chi phần, ví dụ như cái nào là một pháp thì xếp vô một, hai pháp, rồi ba pháp thì xếp vô [hai], ba, rồi bốn, năm, sáu cho đến 11. Kinh Tăng Nhất A Hàm tương đương với Kinh Tăng Chi Bộ bên Nam truyền, thì cũng xếp các pháp [như vậy]. Ví dụ như có bảy pháp bất thoái là gồm những gì, hoặc là có năm con đường để diệt trừ khổ đau, v.v… cứ tầng tầng như vậy, sắp xếp theo tăng số như vậy, một trật tự sắp xếp hơi khác lạ. Chính vì vậy chúng ta cần tìm điều gì mà số bảy thì vô tìm Thiên Bảy, cần tám thì vô Thiên Tám. Trong đó nói tu chứng cũng có, mà nói cả bên ngoài cũng có, nói cả Thế giới đủ các chủ đề. Tại vì sắp xếp theo con số tăng dần, cho nên không biết đường nào mà lần. Vì vậy phải có thời gian để coi. Đó là hai bộ Kinh: Tăng Chi Bộ và Tăng Nhất A Hàm thì tương đương nhau.

Thiện Trang thấy Kinh Tăng Chi nhiều hơn Tăng Nhất A hàm một chút (vài bộ), Kinh Tăng Nhất A hàm có vẻ ít hơn. Nhưng ngược lại có một số bộ mà trong Kinh Tăng Nhất A Hàm có, mà Kinh Tăng Chi không có. Cho nên cũng không thể bỏ Kinh Tăng Nhất A Hàm được.

Thứ ba là Kinh Trung A Hàm. Kinh Trung A Hàm có 222 bộ kinh. Kinh [này] tương ưng với Kinh Trung Bộ của bên Nikaya. Nhưng Trung Bộ của Nikaya thì có trăm mấy bộ kinh thôi, ít hơn. Vậy Kinh Trung A Hàm có nhiều bộ kinh quan trọng

và hay hơn, và coi qua coi lại thì nói chung cũng có khác nhau. Như vậy riêng phần Trung Bộ Kinh, thì Thiện Trang thấy thích Trung A Hàm hơn bên kia, thích hơn thôi nhưng vẫn phải coi bên kia, bởi vì có những điều mà bên A Hàm không có, nhưng Trung Bộ Kinh có.

Thứ tư của A Hàm đó là Kinh Tạp A Hàm mà Thiện Trang mới vừa trích chẳng hạn. Kinh Tạp A Hàm là gì? Tạp là đủ thứ các kiểu. [Tương ưng với] bên kia là Tiểu Bộ Kinh, và còn một bộ kinh nữa của Nikaya là Kinh Tương Ưng. Thực ra Tạp A Hàm có phần vừa giống cả Kinh Tăng Chi, có phần thì giống cả Kinh Tương Ưng, có phần giống luôn cả Kinh Tiểu Bộ. Nhưng lấy hết bốn bộ A Hàm so với Tạng Nikaya, thì thua [về] phần tiền thân của đức Phật, không đủ. Phần tiền thân của [đức Phật] v.v… mấy câu chuyện Ngạ quỷ sự thì bên A Hàm không đủ. Thiện Trang cứ thắc mắc sao bốn bộ A Hàm cuối cùng vẫn thua Tiểu Bộ Kinh của Nikaya. Thiện Trang mới coi, vậy chứ có nhiều chuyện nữa ở đâu?

Quý vị phải tra ở những kinh khác nữa, tức là bên Hán tạng còn có những kinh, ví dụ như Kinh Xuất Diệu, rồi mấy bộ kinh khác nữa, không nằm trong Kinh A Hàm. Coi lại cuối cùng cũng giống bên Nikaya. Cho nên là bốn bộ A Hàm không hoàn toàn tương ưng với năm bộ Kinh Nikaya.

Đó là Thiện Trang đã lượt qua hết rồi, Thiện Trang xin đúc kết như vậy cho quý vị thấy. Cho nên nếu quý vị muốn học mà thấy sao bên này có mà bên kia không có, thì quý vị chịu khó nghiên cứu duyệt hết Hán tạng. Tức là Hán tạng bây giờ hình như cũng dịch ra khá nhiều rồi, [nhưng] chưa đủ đâu quý vị. Thiện Trang có biết chữ Hán cho nên Thiện Trang dịch ra những kinh: Kinh Xuất Diệu, kinh này kinh kia Thiện Trang coi được. Hình như có một Đại tạng kinh Linh Sơn gì đó ở Việt Nam dịch hết rồi, quý vị có thể coi trong đó là có hết. Cho nên là không có thiếu đâu, có hết. Vì vậy [quý vị] cứ coi đầy đủ, và nếu ai giỏi thì cứ học đi. Học bởi vì sao? Học để mình có Chánh kiến, mình có Chánh kiến rồi thì mình không bị người ta dẫn dắt đi đâu hết.

Mục tiêu của Thiện Trang là cung cấp cho quý vị để quý vị có một trí tuệ sáng suốt, rõ biết, không bị chúng sanh lừa. Thời nay dễ bị lừa lắm, nào vô đó là bắt đầu đóng khung, bắt học theo một vị thầy ở đó thôi. Học theo thầy đó cho nên cuối cùng mình có giỏi lắm thì mình cũng giỏi thua vị thầy đó, đúng không? Tại vì mình đâu có học với đức Phật đâu. Còn Thiện Trang cung cấp với quý vị như vậy để quý vị tiến lên. Quý vị phải giỏi, quý vị phải là Đệ tử của đức Thế Tôn, chứ không phải là Đệ tử của Thiện Trang, nhớ vậy nha! Mục tiêu của Thiện Trang cung cấp cho quý vị là vì như vậy.

Mai mốt Thiện Trang trích Kinh KaLaMa ra cho quý vị nhớ: chớ vội tin dù đó là thầy dạy cho mình, chớ vội tin dù đó là truyền thống v.v…. Có nhiều điều chưa chắc tin được đâu. Tuy là vậy, nhưng vì thầy mình cũng học với một vị thầy nào đó, mà lỡ ông thầy nào đó tà kiến ổng chỉ cho mình, mà mình cũng học rồi truyền lại cho Đệ tử của mình tà kiến sao. Cho nên hãy học với Phật thì chính xác, và chúng ta đều là Đệ tử của Phật.

Thiện Trang cũng là một người học với đức Thế Tôn, Thiện Trang mong là Thiện Trang truyền để quý vị bước lên, quý vị học với đức Thế Tôn. Và quý vị học được với đức Thế Tôn thì quý vị mới thành tựu hơn Thiện Trang được. Căn tánh của quý vị giỏi hơn Thiện Trang, thì quý vị mới thành tựu hơn Thiện Trang được. Còn quý vị mà học với Thiện Trang thôi, thì cùng lắm là quý vị bằng với Thiện Trang thôi đúng không? [Cho nên] đừng có dại, mình phải là Đệ tử của đức Phật, [bậc] Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì mình mới thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được. Còn Đệ tử của một ông phàm phu thì thế nào mình cũng là phàm phu, mình giỏi lắm thì mình cũng chứng quả. Tất nhiên về nguyên tắc ở trong kinh có dẫn ra nhiều câu chuyện, là phàm phu cũng có thể dạy cho người ta chứng quả được, thậm chí chứng đến Tam quả, Tứ quả được. Nhưng việc đó hy hữu, hiếm có. Còn thực tế thì ráng học theo Phật đi. Cho nên là phải như vậy.

Như hôm nay Thiện Trang không có thời gian để tìm lại bộ kinh, là có một câu chuyện nói về ba vị Tỳ-kheo thì phải. Ba vị Tỳ-kheo sau khi tu, dạy cho bà Cư

sĩ đó tu đã một hồi, thì bà đó nói: *"Các thầy tu thế nào thì con tu thế đó"*. Bà vô trong rừng để tu, tu một thời gian thì đắc Tam quả A-na-hàm. Sau khi đắc Tam quả A-na-hàm rồi, [bà đó] mới quán sát lại thấy mấy vị thầy của mình chưa chứng quả vị nào hết. Bả nghĩ sao các thầy tu tinh tấn lắm mà, quý thầy dạy cho mình cũng phương pháp đó mà mình tu thì đắc Tam quả, còn quý thầy thì không chứng gì hết. Bả mới quan sát để tìm coi nguyên nhân, với địa vị A-na-hàm và có Thần thông hay sao đó, bả quan sát thì mới biết nguyên nhân là do Vật thực, tức là do thức ăn. Các thầy ăn những thức ăn không phù hợp. Sau đó bả chỉ lại cho mấy vị thầy cách ăn uống cho phù hợp, và sau khi ăn uống phù hợp thì các vị đó cũng đắc quả luôn.

Cho nên đôi khi trong kinh đức Phật nói phải khéo ăn, ăn không đúng, không phù hợp thì coi chừng không chứng quả. Tại vì sao? Ví dụ như bây giờ chúng ta ăn đồ ăn âm quá, suốt ngày quý vị ăn nấm rồi ăn chay nhiều đồ âm, mà cơ thể mình yếu nữa nên cứ hôn trầm, thụy miên. [Cơ thể] không khỏe mạnh thì làm sao tu được. Rồi ăn món này bị bệnh, ăn món kia [bị bệnh], v.v… Cho nên ăn cũng phải biết ăn, ăn phù hợp. Ăn không phù hợp thì không được, nhớ nha!

Cho nên đức Phật dạy [hết], [mình] đừng có học Đại thừa theo kiểu là cảnh giới của Bồ-tát Đại thừa thì không cần ăn uống gì, vô cái là chuyển thành tốt hết. Điều đó đúng, chính xác, [nhưng là] cảnh giới của Bồ-tát Sơ trụ Hoa Nghiêm trở đi, bậc 41 của Biệt giáo, bậc 11 của Viên giáo. Còn chúng ta là phàm phu thì chúng ta không học cách đó được đâu, chúng ta học theo đức Phật đi. Đức Phật dạy là bệnh thì hãy khéo chữa bệnh, ăn cũng phải khéo ăn, ở cũng phải khéo chọn chỗ ở, nhớ như vậy. Chứ đừng có tưởng mình vô tướng rồi, không có đâu. Mình là phàm phu, chưa vô tướng được đâu, nên quý vị để ý vậy. Ví dụ như ăn, quý vị biết bí quyết ăn làm sao không?

Bây giờ có nhiều người Việt Nam mình ăn, Thiện Trang biết [là ăn chưa đúng]. Hồi xưa Thiện Trang không biết, tại vì Thiện Trang người từ nhỏ suy dinh dưỡng rồi, mới có mấy tuổi chui vô trong rừng ở cho nên suy dinh dưỡng, ăn thì

quen ăn [vậy] rồi. Quý vị biết không? Hồi nhỏ cơm còn không có ăn nữa mà, làm sao ăn ngon được. Sau này có cơm thì cũng quen ăn với một chút đồ ăn thôi. Ở Việt Nam mình có món gọi là món mắm kho quẹt. Tức là bỏ một chút dầu, hồi xưa là mỡ chứ không phải là dầu nữa, rồi cho một chút mắm, một chút nước gì đó, khuấy khuấy là ăn [với] nguyên một tô cơm được rồi đúng không? Những kiểu ăn như vậy thì không đủ dinh dưỡng. Quý vị ăn như vậy, ăn nhiều chỉ no bụng mà thôi, không có đủ dinh dưỡng. Vì thật ra khoa học nói những thức ăn từ tinh bột như gạo, v.v… thì không có nhiều dinh dưỡng.

Vậy nguyên tắc ăn, quý vị không cần ăn nhiều như vậy. Người Việt Nam mình ăn nhiều nhưng không đủ dinh dưỡng, ăn như vậy chỉ no bụng chứ không đủ dinh dưỡng. Nếu muốn đủ dinh dưỡng thì quý vị nên học cách ăn của phương Tây. Người phương Tây ăn thế nào? Người ta ăn ít tinh bột thôi, trong bữa ăn đó người ta ăn 1/4 tinh bột thôi. Có nghĩa là ví dụ như cơm gạo, mì, bánh mì hay gì đó thì người ta ăn 1/4 thôi. Người ta sẽ ăn thêm 1/4 nữa là rau, là [một] nửa rồi đó, hoặc là hơn chút tùy cơ thể. Một nửa 50% thì 25% là tinh bột, 25% là rau, rau sống rồi [trái cây] gì đó để cho đủ vitamin. Và ăn thêm 50% là các loại đạm, chúng ta ăn chay thì [đạm là] các loại đậu, nấm v.v… Ăn các loại đạm cung cấp vô cơ thể như vậy mới đủ.

Và Thiện Trang thử rồi, Thiện Trang tập. Bây giờ thì do ăn kiểu kia quen rồi, bây giờ ăn kiểu đó khó. Nhưng Thiện Trang ăn thử, chỉ cần ăn một ngày một bữa và ăn nhẹ thôi, không cần ăn no, thì Thiện Trang cũng đủ dinh dưỡng cả ngày, không đói, không mệt. Cho nên thay đổi ngay. Quý vị cố gắng học [cách ăn này], cách ăn này hơi sang một chút đối với người nghèo. Nhưng là hồi xưa thôi, chứ còn bây giờ điều kiện mình cũng khá mà đúng không quý vị? Thiện Trang thấy bây giờ đồ ăn chay đầy đủ các kiểu mà, quý vị ăn được như vậy, tập được như vậy một thời gian, thì quý vị ăn ít thôi mà cũng khỏe. Thiện Trang thấy ăn như vậy mà ăn một ngày một bữa vẫn đủ dinh dưỡng. Đủ dinh dưỡng là cơ thể không bị ốm. Còn mình ăn kiểu kia thì mình ăn nhiều nhưng vẫn ốm, tại vì mình ăn không đủ.

Cho nên là dinh dưỡng cũng là một vấn đề.

Quý vị coi thời đức Phật cũng vậy, thời đức Phật trừ những giai đoạn khó khăn thôi, còn bình thường các ngài đi khất thực hoặc là được đi dự Trai tăng, người ta cúng dường đầy đủ nào là thức ăn cứng, thức ăn mềm, thức ăn này kia, đầy đủ hết các vật thực, cho nên mới khỏe như vậy. Đệ tử của đức Phật đó. Chúng ta cũng phải vậy, chúng ta đừng có vội học Bồ-tát Đại thừa. Bồ-tát Đại thừa là các ngài vô quái ngại rồi, các ngài ăn gì cũng chuyển vào thành đồ tốt hết. Còn chúng ta [đừng] học theo cảnh giới đó, cảnh giới đó không phải của mình, chưa đâu.

Giống như quý vị nghe nói trong kinh, Bồ-tát Đại thừa ở đâu thì cảnh ở đó sẽ không có tai nạn, không có gì, [vì] cảnh tùy tâm chuyển mà, chuyển hết. Nhưng quý vị coi giùm Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đi, thời đức Phật, đức Phật ở nơi đó, sét vẫn đánh người ta chết kìa. Rồi ở nơi đó vẫn có lũ lụt này kia, ví dụ như câu chuyện lũ lụt mà nhóm ngài Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp đó, vẫn bị lũ lụt kìa. Và đức Phật ở [đó nhưng] mùa màng [nơi] đó vẫn mất [mùa], thất bát, vẫn bị đói kìa.

Cho nên không phải đâu, bởi vì đó là học theo Kinh Hoa Nghiêm, mấy kinh Đại thừa thì đúng ở Thế giới phương khác như Thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đúng. Còn Thế giới Ta Bà này thì không phải như vậy. Chúng phải hiểu, chứ đừng có học rồi chấp tướng. Chấp rồi mình ráng hành theo Bồ-tát Đại thừa, hành một thời gian rồi mình phiền não, tại vì mình làm không được.

[Quý vị] nên nhớ, ba loại Phiền não gồm Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc và Vô minh hoặc, giống như ba lớp áo: lớp áo trong, lớp áo giữa và lớp áo ngoài. Không có chuyện cởi lớp áo trong mà chưa cởi lớp áo ngoài, nên nhớ như vậy. Lớp áo ngoài là Kiến tư hoặc, lớp áo giữa là Trần sa hoặc, và lớp áo trong là Vô minh hoặc. Vậy thì quý vị muốn cởi luôn [lớp áo] ở trong là Vô minh hoặc, làm Bồ-tát Đại thừa là thành Sơ trụ Viên giáo Hoa Nghiêm, thì xin lỗi quý vị, quý vị làm không được đâu. Một lúc mà quý vị cởi ba lớp áo là không thể rồi, cho nên hãy cởi lớp áo đầu tiên. Kiến tư hoặc chính là mười Kiết sử mà chúng ta đang học đây, gồm

năm Hạ phần Kiết sử và năm Thượng phần Kiết sử. Mình là phàm phu, mình xác định rõ ràng, mình cứ đi chậm mà chắc, đừng ham trèo cao để rồi té đau, vì sao? Vì mình không phải cảnh giới đó.

Tất nhiên, có một số người có thể làm được, nhưng Thiện Trang nghĩ không phải là chúng ta. Tự Thiện Trang thấy, Thiện Trang cũng học rất nhiều rồi, [nhưng] không hiệu quả bằng, tức là mình cứ tưởng mình vào được, nào nghe đã lắm, rồi chuyển tâm, v.v... đang nghe thì đã thiệt, nhưng tới khi gặp cảnh là mê.

Và trong Vi Diệu Pháp nói: một bậc A-la-hán (mình nói chứng quả A-la-hán nha), các ngài dù là A-la-hán [nhưng nếu] không thường xuyên [nhập] Thiền định, "Thiền duyệt vi thực" tức là dùng Thiền định, mà các ngài vẫn tiếp cảnh, cứ suốt ngày gặp người này người nọ hoài, thì các ngài cũng ốm nhách, các ngài cũng bệnh thôi. Nên nhớ là vậy!

A-la-hán còn chưa làm được huống hồ chi là mình. Cho nên các bậc A-la-hán, các ngài sợ đám đông lắm, các ngài né, né. Còn lên Bồ-tát rồi thì mới tự tại thôi. [Như] quý vị thấy Sư Minh Tuệ, không biết ngài chứng [quả] gì, nhưng rõ ràng đợt trước đó ngài bị chúng sanh bu hoài một thời gian là cũng ốm nhách, chịu không nổi, mặt mày cũng xanh luôn. Mình không biết cảnh giới của ngài, Thiền định thế nào, nhưng rõ ràng [là ngài cũng] không chịu nổi.

Cho nên đừng tưởng mình giỏi, mình hãy làm một người thật thà. Mà thật thà tốt nhất là dành thời gian học giùm, coi Kinh A Hàm, Kinh Nikaya. Còn nếu không có thời gian, thì quý vị học ở đây, Thiện Trang cũng toàn trích dẫn kinh để quý vị vừa coi đó, quý vị lỡ thấy Thiện Trang giảng sai, thì quý vị thấy: À kinh này không thể sai được, đức Phật nói mà, kinh nói mà.

Còn nếu Thiện Trang tóm tắt lại, mà tóm tắt theo kiểu giảng theo ý của Thiện Trang thì nhiều khi sai. Giống như chỗ 7 phương pháp để đoạn Phiền não, hoặc 6 phương pháp đoạn Phiền não, bữa nghe bên kia nói như vậy, Thiện Trang đã giảng rồi. Nhưng hôm nay coi lại kinh, thấy mấy điều bị trật rồi, tại vì sao? Nói

theo người ta mà, người ta nói vậy, tóm tắt lại, nên mình cũng nói theo như vậy. Cuối cùng không phải, là người ta tóm tắt sai, có mấy chi tiết hay hơn nữa nằm trong đó. Cũng không sao, bữa nào mình giảng lại theo kinh.

Cho nên phải cẩn thận, tóm tắt của người ta cũng hay, nhưng chưa chắc đã đúng với ý của Phật, bởi vì người ta lãnh hội như thế, thì người ta nói như thế thôi. Cho nên sau này Thiện Trang rút kinh nghiệm rồi, Thiện Trang chia sẻ hầu như dẫn kinh, và Thiện Trang thích cách này. Còn ai nói gì thì nói, muốn thế nào cũng được, không phải mọt sách, nhưng mình phải nói có sách, mách có chứng. Còn những điều Thiện Trang chưa trích dẫn được thì mong quý vị thông cảm. Vì Kinh tạng Nikaya, Kinh A Hàm nhiều quá, hồi đó coi qua, nghe hay hay, chưa kịp ghi lại thì tụt luôn. Mình kêu để bữa sau ghi lại, nhưng bữa sau không biết nằm ở đâu, rồi cứ nhớ nhớ vậy thôi, nên có khi nhầm chút. Hoặc không có dẫn cho quý vị, thì quý vị thông cảm, từ từ rồi [Thiện Trang] tìm lại.

Hôm nay xin giới thiệu cho quý vị pháp tu Niệm hơi thở theo Kinh Tăng Nhất A Hàm. Tức là bữa mình giới thiệu 40 đề mục tu Thiền chỉ, trong đó có pháp tu [Niệm hơi thở]. Ở đây Thiền Trang không nói là tu Thiền chỉ, đây là Kinh A Hàm, không biết người ta tu Thiền chỉ hay Thiền quán. Quý vị coi thử xem là Thiền chỉ hay Thiền quán. Bởi vì đề mục Niệm hơi thở là vừa Thiền chỉ, vừa Thiền quán.

Pháp Tu Niệm Hơi Thở Theo Kinh Tăng Nhất A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà ở nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là Niệm an ban”.

Đoạn này quý vị thấy quen không ạ? Rất quen, chúng ta đã dẫn đoạn này

hôm bữa, muốn đề xướng niệm Phật thì người ta đổi chữ 'những gì là một pháp' thành niệm Phật. Người ta muốn niệm pháp thì đổi thành niệm pháp, muốn niệm hơi thở thì đổi thành niệm an ban, muốn niệm Tăng thì đổi thành niệm Tăng. Đây là trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, ở thiên Một Pháp.

Cho nên chúng ta không học Kinh Tăng Nhất A Hàm, người ta đề xướng niệm Phật thì cứ quất niệm Phật thôi, người ta thích niệm Tăng thì cứ quất niệm Tăng thôi. Tại vì có những bộ kinh tương tự như nhau, chỉ đổi một chữ này. Đó là giá trị của việc coi kinh với không coi kinh. Có thầy thấy tâm đắc niệm Phật thì dẫn niệm Phật thôi. Rồi có thầy tâm đắc niệm hơi thở thì quất niệm hơi thở, ổng thích niệm gì quất lên cho mình. Và Đệ tử [nói]: "Kinh Phật mà!" "Cũng đúng, cũng đúng! Là kinh Phật, [mình] theo thầy". Nhưng khổ nỗi thầy đã lọc bỏ mấy bộ kia.

Cho nên khiến một số người có căn tánh khác, họ không vào được. Tất nhiên căn tánh của ông thầy thì ok, căn tánh của những người theo ổng thì ok, nhưng có những người căn tánh khác đã không được học, vì pháp của Phật rất bình đẳng. Thiện Trang cũng chỉ nói cho đầy đủ thôi. Ở đây Niệm an ban là Niệm hơi thở đó quý vị.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế nào là tu hành Niệm an ban, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?"

Có nghĩa là niệm hơi thở cũng đến Niết-Bàn, giống như niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, 6 pháp niệm đó ở trong phẩm này đều có hết. Cho nên pháp pháp bình đẳng, không có cao thấp là vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng: "Gốc rễ của Pháp do đức Thế Tôn nói. Nguyện xin đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì".

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ (ở trong âm Hán Việt là thiện tư niệm chi). **Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông".**

Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Kính vâng! Bạch đức Thế Tôn".

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, đức Thế Tôn bảo rằng:

Bây giờ cách niệm theo hơi thở như thế nào, đây là theo kinh nha, chứ không phải tự mình nói thì người ta không tin.

"Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm An ban. Nói An ban, tức là khi hơi thở dài, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang dài; Nếu hơi thở lại ngắn, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang ngắn; Nếu hơi thở rất lạnh, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang lạnh; Nếu hơi thở lại nóng, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang nóng. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, tất cả đều nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài ngắn, cũng hãy quán hơi thở có dài ngắn. Dụng tâm đặt nơi toàn thân, biết hơi thở dài ngắn, tất cả đều biết rõ, cho đến khi hơi thở ra vào được phân biệt rõ ràng. Nếu tâm đặt nơi thân, biết hơi thở dài ngắn, cũng lại biết rõ, đếm hơi thở dài ngắn cũng phân biệt rõ ràng".

Như vậy cách này là nguyên lời văn của Phật. Chánh thân tức là thân của mình đừng làm việc tùm lum; Chánh ý là ý nghĩ đừng suy nghĩ tùm lum, tà la; rồi ngồi kiết già. Cho nên có những người nói không nên ngồi kiết già, thực tế đức Phật lúc nào cũng bảo ngồi kiết già. Tuy nhiên, có những người ngồi kiết già không được, ngồi kiết già không được thì quý vị ngồi bán già, ngồi bán già không được thì ngồi chân trong chân ngoài, không thì ngồi sao cũng được. Chứ còn ngồi kiết già mà đau quá rồi suốt ngày tu gì được. Đó là nói tư thế tốt nhất, chứ không có nhiều người cứ chấp, nói "tu hành ngồi chấp tướng". Thật ra Phật cũng bảo như vậy, toàn chấp tướng không đó. Cho nên học Đại thừa riết, cuối cùng bác Sự, thành ra mình tu không đạt được gì.

Buộc niệm ở trước có nghĩa là ý niệm phải hướng về trước, không có tư tưởng nào khác, rồi chuyên tinh niệm An ban tức là niệm hơi thở, niệm ghi nhớ hơi thở. Đơn giản lắm quý vị! Quý vị chỉ cần biết: hơi thở dài thì biết hơi thở đang dài, hơi thở ngắn thì biết hơi thở đang ngắn, hơi thở lạnh thì biết hơi thở lạnh, hơi thở nóng thì biết hơi thở nóng. Rồi quán hết thân thể từ đầu đến chân, quán biết như vậy. Dụng tâm đơn giản vậy thôi quý vị, có khó gì đâu, phân biệt rõ ràng như vậy, rồi cuối cùng đắc được đạo luôn.

Thấy chưa? Pháp tu của Phật đơn giản lắm. Thiện Trang coi trong kinh, tức là cách tu của Phật không có khó khăn, không có phức tạp gì hết, rất đơn giản, cứ tu vậy thôi là thành tựu. Ở đây đức Phật nói:

"Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm an-ban, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả (có nghĩa là khỏi đi làm thiện cũng đủ thiện luôn), **được vị cam lồ** (là nước uống của cõi Trời, của chư thiên, nên đã lắm)**, đến chỗ Vô vi** (là không sanh không diệt)**, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng** (hết các loạn tưởng)**, được quả Sa-môn** (Tứ quả Sa-môn hoặc là nói 27 quả Sa-môn như lúc nãy nói)**, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm an ban, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này".**

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 8 – Phẩm Quảng Diễn Thứ 3 - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy phương pháp này tu không có khó gì hết, không có cao siêu gì hết, rất đơn giản. Thiện Trang coi đúng kinh Phật dạy [rất] đơn giản, và hình như đời sau mỗi người bày thêm một chút hay sao ấy, bày thêm kiểu này, bày thêm kiểu kia. Ở đây Thiện Trang không có trích từ đề mục tu Niệm hơi thở của bên [Luận] Thanh Tịnh Đạo, vì Thiện Trang thấy bên đó nói cũng y chang như này, nhưng nói dài hơn, vòng lên vòng xuống, nói chung là chỉ thêm. Thiện Trang thấy thôi mình theo Phật là được rồi. Giống nhau thì trích một bên là được rồi, không

cần trích theo Luận Thanh Tịnh Đạo.

Và ở bên Kinh Nikaya thì có một bộ kinh nói khác một chút, là khi trụ hơi thở thì trụ ngay ở chóp mũi, thế là bao nhiêu người bắt đầu cố gắng vận hết khí trụ ngay chỗ mũi, thì lại là sai. Thật ra là để ý hơi thở thở ra từ mũi. Đây là bộ Kinh A Hàm [nói], thì quý vị coi, Thiện Trang thấy ok, quý vị theo là được rồi.

Cho nên tu, quý vị thấy có khó không ạ? Đạo Phật phải đơn giản vậy, chứ [khó] gì đâu. Ai tu niệm Phật thì chư Tổ như Đại sư Ấn Quang chỉ thêm một cách, là gắn câu Phật hiệu vào trong hơi thở, gắn cách nào cũng được. Quý vị muốn gắn chỗ nào thì gắn, gắn vào lúc thở ra hay vào thì tùy quý vị. Cho nên tu đơn giản lắm, có [khó] gì đâu, gì mà Thật tướng các pháp ghê gớm lắm. Không [cần]! Cho nên học thì đã thiệt, nhưng thực hành không được. Còn nếu thực hành được thì mình thực hành những điều này dễ, chỉ cần để ý hơi thở, theo dõi hơi thở ra, hơi thở vô. Thiện Trang thấy thực hiện theo [phương pháp] này dễ, không buồn ngủ, không biết sao [Thiện Trang] thấy không buồn ngủ, mình [không] chạy theo những điều gì mà mình suy nghĩ.

Thật ra những pháp học cao, ở đây không phải mình phản bác, nhưng mình học các pháp cao thì cũng đã, hưng phấn lắm. Ví dụ như học Thập Huyền môn của Hoa Nghiêm thì đã lắm, nhưng đã được lúc đó thôi. Tức là tới khi đem xài thì xài không được, còn [phương pháp] này xài được. Học thì không có gì hứng thú gì ghê gớm, không có cao siêu gì, nhiều khi không đã, nhưng thực hành thì được. Tức là tâm mình thì chạy lên được, nhưng mình hành không tới. Quý vị cứ thử đi, Phật Pháp là đến để mà thấy. Chỗ ‘đến để mà thấy’ là nằm ở chỗ Công đức niệm Pháp, đức Phật nói rất nhiều lần, mình phải thực hành thì mới thấy được [lợi ích].

Hôm nay [Thiện Trang] đã giới thiệu cho quý vị đề mục Niệm hơi thở theo kinh. Ở đây đức Phật có nói kết quả của pháp tu quán Niệm hơi thở. Để cho công bằng chút, nãy giờ [trích] Kinh A Hàm không thôi, bây giờ trích [Kinh] Nikaya.

Kết Quả Của Pháp Tu Quán Niệm Hơi Thở

5. V. Quả (2) (S.v,314)

...Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt (quý vị thấy giống ở trên không? Khá giống, chỉ có khác là [Phật] dạy đi vô rừng, đi vô gốc cây, đi vô nhà trống, rồi ngồi kiết già, lưng thẳng, là Chánh thân đó, đặt niệm trước mặt); **vị ấy chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.**

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Đoạn 'làm cho sung mãn' là ngôn ngữ dịch của Hòa thượng Minh Châu, nếu quý vị thông tiếng Pali, thông Hán tạng thì quý vị thấy bên chữ Hán gọi là 'huân tập, huân tu' tức là làm cho sung mãn. Tại vì mình dịch từ tiếng này qua tiếng kia rồi mình thấy từ ngữ khác nhau, nhưng thật ra mình tập đi tập lại, làm miết, gọi là làm cho sung mãn).

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích? (Không biết được bảy quả gì, thì quý vị nghe luôn nha).

Ngay trong hiện tại, lập tức thành tựu Chánh trí (tức là Trí tuệ chân chánh). **Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu Chánh trí, thời khi mệnh chung, thành tựu Chánh trí** (Chánh trí ở đây là A-la-hán). **Nếu khi mệnh chung không thành tựu Chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm Hạ phần Kiết sử, được Trung gian Bát-niết-bàn, được Tổn hại Bát-niết-bàn, được Vô**

hành Bát-niết-bàn, được Hữu hành Bát-niết-bàn, được Thượng lưu, đạt đến Sắc cứu Cánh thiên.

Như vậy điều này chính là những quả vị ở Kinh [A Hàm], quý vị thấy tương đương nhau không? Tuy là hai bộ kinh khác nhau nhưng một hồi rồi cũng nói các quả vị này thôi. Đây chính là đoạn mà Thiện Trang có nói đức Phật có hứa năm điều ngay hiện tại mà quý vị không chứng, thì sau đó mệnh chung sẽ thành chứng. Nếu [mệnh chung] không chứng thì đời sau [sẽ] được chứng mấy [quả vị] này, thì nằm trong đoạn đó.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích này.

(V. Phẩm Bộc Lưu – Kinh Tương Ưng – Tạng Nikaya).

Như vậy quý vị thấy hay không, rất dễ, rất đơn giản thôi, có gì đâu mà tu khó khăn. [Chỉ cần] niệm hơi thở thôi, thở vô thở ra, có gì đâu mà bày đủ chiêu, nào là pháp khí v.v... Thời xưa làm gì có pháp khí, đánh beng beng, tùng tùng đâu. Không có! Thời đức Phật không có những điều đó. Chúng ta cứ tu càng đơn giản đúng với những gì Phật dạy, thì càng dễ chứng đắc. Còn thời nay tu phải đông chúng, lên hò hét, đánh trống, đánh chuông, đánh mõ, đủ các kiểu, càng đánh nhiều thì tâm mình bị [dễ bị] phân tán. Nên nhớ vậy!

Còn pháp Phật đơn giản: vô khu rừng đi con, vô gốc cây đi con, ngồi nhà trống, ngồi kiết già xuống, lưng thẳng tức là chánh thân, đặt niệm trước mặt giùm, rồi theo dõi hơi thở. Hơi thở ra biết thấy hơi thở ra, vô biết vô, dài biết dài, ngắn biết ngắn, lạnh biết lạnh, nóng biết nóng, [theo dõi] hơi thở vậy thôi. Để ý [hơi thở] hoài một hồi, [rồi] đắc đạo hồi nào không hay, chứng luôn Thần thông v.v... Đề mục tu hơi thở là đắc cả Thiền chỉ và Thiền quán. Đó là đề mục chung để tu Thiền chỉ và Thiền quán.

Cho nên nếu ai tu niệm Phật thì gắn thêm [câu Phật hiệu vào]. Đại Sư Ấn

Quang cũng có nói gắn một câu Phật hiệu vô nên ngài không sợ, vì đằng nào một hơi thở vừa dứt thì ngài cũng có một câu Phật hiệu đó, nên chết cũng không sao, vừa dứt hơi thở là qua đời khác [rồi]. Trong kinh đức Phật nói như vậy đúng không? Mạng người chỉ trong hơi thở. Vậy ai tu niệm Phật thì họ tu kiểu đó được, không sợ!

Chúng ta thấy những pháp tu này rất đơn giản, đâu cần bày ra ghê gớm quá. Còn sau này thì tất nhiên các chư Tổ có bày ra cho phù hợp với chúng ta, phù hợp với mỗi đời, thì quý vị cũng có thể theo. Trong đó có những chư Tổ cũng là những ngài tu đắc đạo, chắc cũng cao thủ, nhưng không phải ai cũng vậy, nên [quý vị] phải cẩn thận. Những điều gì được lưu truyền mà không giống trong kinh thì chúng ta phải suy xét, để thực hành thử, chứ không mình cứ tin quá, rồi nhiều khi mình tu một hồi không được gì. Còn những gì đức Phật đã nói, thì bậc Như Lai không bao giờ nói sai đâu. Quý vị yên tâm!

Để cho quý vị thấy hưng phấn hơn, Thiện Trang tiếp tục trích phần Những Lợi Ích Hiện Tại Của Tu Tập, trích từ Kinh Sa-Môn Quả - Kinh số 2 trong Trường Bộ Kinh của Tạng Nikaya. Bộ kinh này rất dài, không thể trích dẫn hoàn toàn, [Thiện Trang sẽ] cố gắng.

Bộ Kinh này nói về hoàn cảnh của vua A Xà Thế sau khi phạm tội giết cha, sau này ông sám hối, ông rất mong tìm được những người mà nói cho ông pháp nào để được an tâm. Ông tìm tới tất cả các vị giáo chủ của các giáo phái ngoại đạo, nhưng ông ấy không hài lòng, vì những cách trả lời của các vị đó không được. Cuối cùng có người giới thiệu ổng đến gặp đức Phật.

Bữa đó đêm trăng sáng, có một vị đại thần dẫn ông ấy đi, khi đi nửa chừng thì ông giật mình, [vì nghe nói] có đức Phật [cùng] 152 Tỳ-kheo hay 1,250 Tỳ-kheo ở trong khu rừng, mà ông không [nghe] thấy một tiếng tằng hắng, không thấy một tiếng nhảy mũi cho đến một cử động nào hết. Ông sợ quá, run lên, tại vì ổng nghĩ chắc vị đại thần này dẫn [mình] đi vô chỗ kẻ thù, định phục kích [để] hại

mình. [Chứ] tại sao đông người như vậy mà không có tiếng động.

Tại vì các vị Tỳ-kheo thời đức Phật toàn là cao thủ, chứ không như mình, chút lại nhảy mũi, ho, rồi đủ các kiểu ồn ào, [ở đây] không như vậy cho nên ổng [sợ]. Vị đại thần nói: *"Không! Các vị chư tăng của đức Phật tuyệt vời lắm",* thì sau đó ổng đã phục rồi. Khi vào [gặp Phật] ổng nói: Con đã đi hỏi các giáo sĩ ngoại đạo, nhưng [họ] đã nói những điều như vậy, như vậy. Và đức Phật đã giải cho ổng những tư tưởng đó.

Đoạn sau này thì ổng mới hỏi: *"Thưa [đức] Thế Tôn, tu thì được những gì ở hiện tại, lợi ích ở đâu? Chứ trong kinh nói toàn hứa hẹn ở đời sau không [thôi]".* Bây giờ mình nói tu phải được lợi ích gì trong đời này chứ, đạo Phật mê tín quá, toàn nói đời sau không thôi. Thiện Trang thấy đoạn này hay nên mới dẫn [đoạn này], đức Phật nói lợi ích trước mắt cho người xuất gia trong đời hiện tại, mời quý vị coi:

Những Lợi Ích Hiện Tại Của Tu Tập

(Trích từ Kinh Sa-Môn Quả - Kinh số 2 trong Trường Bộ Kinh của Tạng Nikaya).

Vua A Xà Thế nói**: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"** Tức là tu theo hạnh Sa-môn xuất gia thì hiện tại được lợi ích gì, phải có kết quả thiết thực chứ. Chứ bây giờ toàn nói đời tương lai, toàn hứa giàu có v.v… thì mơ hồ. Mình phải học những điều này thì mới biết được.

Đại vương có thể được. Này Đại vương, ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

.....

Đoạn đầu rất dài, Thiện Trang cũng không có trích dẫn. Đoạn đầu ý nói về lợi ích của sự cung kính. Ví dụ như người bình thường, nhưng sau khi đi xuất gia vào Tăng đoàn thì được sự cung kính từ những người khác, ngay cả đức vua cũng

cung kính, v.v…. Rồi không phải nộp thuế, không phải đi làm v.v… Đó là những lợi ích mà đi làm hạnh Sa-môn hiện tại, đấy là [lợi ích] rõ ràng. Đức Phật nói rất là chi tiết.

Sau đó đức Phật nói về giữ giới, tránh các tà mạng như xem sao, bói quẻ, coi ngày tốt, ngày xấu cho đám cưới, đám tang gì đó. Nói chung quý vị mà đem đoạn này ra là đánh sập các chùa hiện tại, cho nên là thôi mình không đưa ra. Những hạnh đó là thuộc tà mạng đó. Bây giờ mình thấy mấy điều này là tà mạng hết, đám cưới, đám tang gì đâu [mà xem ngày tốt, xấu], v.v… không cho phép. Cho nên đoạn này nói vậy thôi, thì chúng ta biết vậy. Chúng ta không có trích, quý vị muốn biết thì tự coi.

Này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

…..

Tức là việc giữ giới để làm gì? Quý vị thấy là: không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Và nhờ vậy cho nên được hưởng lạc thọ, nội tâm không vẩn đục. Không phải giữ giới để làm gì, mà giữ giới thì tự nhiên quý vị được an tâm, được niềm vui, và tâm mình sẽ không vẩn đục tức là tâm mình sáng. Đó là những lợi ích. Chứ mấy lợi ích ở trên thì quá thế gian, quá bình thường rồi, như cung kính, không phải nộp thuế, không phải đi làm, không phải vất vả thế này thế kia... Điều đó là bình thường, còn đây là lợi ích bắt đầu trong tâm rồi v.v…

Đoạn sau này rất dài:

Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này Đại vương, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái,

ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Tóm lại Thiện Trang muốn dẫn đoạn này là do sự tu tập mà được. Ở trên là do giữ giới mà được, còn ở đây là do hộ trì các căn mà được sự hưởng lạc thọ nội tâm, và nội tâm không vẩn đục.

Tiếp theo ở dưới này nữa, Chánh niệm tỉnh giác, đoạn này cũng quan trọng.

Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo Chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo Chánh niệm tỉnh giác.

Đoạn này cực kỳ quan trọng, quý vị tu phải được như vậy. Cho nên lâu lâu test thử, bữa nào quý vị thử coi, quý vị mở cửa ra mà có một người đứng bên cạnh hù một phát. [Nếu] quý vị giật mình là quý vị không có tỉnh giác, công phu của quý vị không có đủ định. Tức là lúc đó mình đang mê mê, cho nên mình không có giác được, không giác được thì người ta hù một phát là mình giật mình. Còn nếu mà mình tỉnh giác thì mình sẽ nhìn được nhanh hơn, mình cũng có thể giật mình nhưng mình chỉnh được ngay. Còn có người công phu sâu, là khi đó họ trơ trơ luôn, vì họ thấy rất rõ. Điều đấy là cũng để [kiểm tra] công phu tỉnh giác của mình. Cho nên đạo Phật là đạo tỉnh giác. Quý vị tu là phải được như vậy, tất cả các việc

làm mình đều tỉnh giác thì mới được.

Ở đây chỉ có nói là nằm, ngồi, thức thôi, không có nói ngủ, đức Phật chưa nói tới ngủ. Nhưng quý vị luyện công phu như vậy thì từ từ mới được. Chứ bây giờ mình mê quá, ban ngày cũng mê, ban đêm ngủ cũng mê luôn, thì làm sao ra khỏi sanh tử luân hồi được, quý vị hiểu không? Bây giờ nhiều khi ngay cả ban ngày mà chúng ta sợ đủ điều hết, không cần ai hù, một chuyện rất đơn giản thôi. Ví dụ đang bình thường vậy, [tự nhiên] có một cuộc điện thoại kêu: "Em ơi em, bữa nay con em bị té xe ở chỗ đó rồi đó, em ra mau lên". Rồi bắt đầu cuống lên, chạy lung tung, run rẩy hết [lên], kêu: "Chìa khóa của tui đâu rồi v.v…" đủ thứ các kiểu, không biết làm gì hết. Đó là không có công phu một chút nào hết. Quý vị vẫn là một phàm phu trong vòng sanh tử, xin chia buồn với quý vị nếu quý vị như vậy.

Cho nên người tỉnh giác lúc đó nghe như vậy thì sao? [Người tỉnh giác sẽ nghĩ] thế gian vô thường, con mình cũng có vận mạng của nó, không biết nó có sao không, nên bình tĩnh [hỏi]: "Chị ơi chị, vậy nó có bị sao không?" [Họ] kêu: "Chưa biết nữa!" "Chưa biết [thì] không sao, để chút em ra". Cứ bình tĩnh, bởi vì sao? Thế gian vô thường! Vì tất cả mọi việc trên thế gian đều không có gì cả.

Và quý vị phải có nhận thức là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Thiện Trang nói là [quý vị phải có] Tam Bảo thường trực hiện tiền. Tam Bảo có nghĩa là gì? Là Phật, là Pháp, là Tăng. Phật là gì? Phật là sự giác ngộ, tức là mình phải luôn nhớ Phật, nếu mình nói hơi mê tín là mình phải nhớ đến đức Phật. Còn nếu mình nói là sự giác ngộ thì mình phải có kiến thức về Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã theo mình. Rồi Pháp là gì? Pháp là tất cả các pháp cũng vậy, thế gian này là Vô thường, Vô ngã, điều gì cũng không làm chủ được. Cho nên học thuộc bài Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã đi, Tam pháp ấn đó phải nắm được, [khi] gặp chuyện gì [xảy] ra thì mình cũng thấy như vậy. Tăng là gì? Tăng là thanh tịnh. Thanh tịnh là gì? Tất nhiên mình nhớ đến các vị thầy, vị tăng chứng quả vị Thánh rồi, thì không nói. Nhưng mình phải nhớ là mình luôn luôn phải thanh tịnh.

Khi nào quý vị tỉnh giác thanh tịnh được như vậy, dù [trong] hoàn cảnh nào, thì gọi là 'thường trực Tam Bảo hiện tiền'. Quý vị gặp bất cứ cảnh duyên nào [mà] quý vị vẫn làm chủ được, thì quý vị yên tâm, sớm hay muộn gì thì quý vị cũng sẽ đắc đạo giải thoát. Nếu mà tu được như vậy, Thiện Trang tin là quý vị đời này ít nhất cũng vào địa vị Tùy tín hành, hoặc là vô trong mấy địa vị Thất hiền, chứ không phải ít đâu. Còn quý vị tu một hồi, cuối cùng thấy con mình cũng [là] thật, chồng mình cũng là thật v.v… đủ các kiểu. Thì quý vị vẫn khổ miết thôi, không có hết khổ được đâu.

Cho nên bài giáo lý của Phật giúp chúng ta hiểu, hiểu rồi thì hành. Hành là gì? Mình sống với được [giáo lý]. Chứ quý vị cứ suy đi nghĩ lại, rồi cuối cùng con vẫn là con, chồng vẫn là chồng, nhà vẫn là nhà của tui, v.v… Trong khi đó đức Phật nói trong kinh:

"**Con ta tài sản ta**

Người ngu sanh Phiền não

Đến ta còn không có

Con đâu, tài sản đâu".

[Quý vị] nhớ giùm Kinh Pháp Cú, Kinh Pháp Cú là Tiểu Bộ Kinh. Trong Tiểu Bộ Kinh có một câu chuyện như vậy và một bài kệ, cứ một câu chuyện là một bài kệ. Và quý ngài thấy như vậy dài quá, nên rút bài kệ đó ra một đoạn và tập hợp lại chung, góp vô trong Tiểu Bộ Kinh. Nhưng trong Tiểu Bộ Kinh có đoạn đó rồi, gọi là Kinh Pháp Cú. Và Kinh Pháp Cú chính là Kinh Xuất Diệu bên Hán tạng. Kinh Xuất Diệu thì không nằm trong bốn bộ Kinh A Hàm. Quý vị nhớ như vậy, và quý vị tìm trong Kinh Xuất Diệu thì có. Xuất diệu tức là trích ra những điều vi diệu.

Cho nên đừng nói là bên Hán tạng thiếu kinh, không phải! Thiếu kinh là do mình không coi ngoài bốn bộ A Hàm, mình tưởng chỉ có bốn bộ A Hàm là hết rồi. Không phải! Còn có kinh khác nữa, nên có nhiều điều khác nữa. Quý vị cứ coi các

cách tu hành là được như vậy.

Thiện Trang nói lợi ích trước mắt của việc Chánh niệm tỉnh giác là quý vị làm việc gì cũng giỏi hết. Quý vị ở thế gian thì quý vị trở thành siêu sao, quý vị làm việc gì cũng giỏi, học cũng giỏi, nấu cơm nấu nước, đi làm hay chạy xe, việc gì cũng giỏi. Cho nên người tu hành một thời gian thì sự tỉnh giác của mình sáng suốt lắm, mình làm việc được nhiều lợi ích. Quý vị nhớ, tu là phải như vậy, chứ không phải tu một hồi rồi mê. Pháp tu nào mà đưa đến người tu càng ngày càng mê, ngơ ngơ ngác ngác, hồi xưa thì [tâm] toàn nghĩ xuất thế gian, còn bây giờ thì toàn nghĩ trong thế gian, nào là tình cảm, anh chị em, vợ chồng gì đó, v.v… thì quý vị đang mê và càng ngày càng mê thêm. Và xin lỗi! Quý vị đã thoái chuyển rồi. Quý vị cứ nhìn vào đó thì biết.

Làm sao học mà càng ngày càng giác ngộ, càng sáng suốt, càng buông nhiều, càng bớt tham, sân, si, thì đó là Chánh pháp. Còn pháp nào mà dạy cho quý vị càng ngày càng ngã mạn, càng cống cao, càng chấp trước, càng ngày càng yêu đương, càng ngày càng gì đó v.v… thì đó là [Tà pháp]. Yêu đương ở đây là yêu đương trai gái, còn yêu thương trong nhà Phật là từ bi. Quý vị tu như vậy là đúng rồi. Mình phải phân biệt được các pháp: Xuất thế gian là luôn luôn học Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, cho nên mình chán hết, dần dần mình không ham thế gian này nữa đâu.

Ở đây còn vài bạn trẻ đúng không? Các bạn trẻ hồi nhỏ lớn lên thì cũng thấy các bạn yêu đương sướng quá, mình cũng muốn yêu cho đỡ cô đơn. Tới ngày Valentine ở nhà không có yên tâm, hồi xưa Thiện Trang biết mà. Đời của Thiện Trang là không có ngày Valentine nào hạnh phúc hết, cho nên Thiện Trang biết lắm. Hồi xưa cứ tới ngày Valentine, không biết số mình làm sao đó mà không có người yêu, hoặc có người yêu chăng nữa thì cũng ở xa, không có cơ hội, thế là yên tâm, không có gì hết. Cho nên Thiện Trang biết là cuộc đời này cũng vui, vì ngược đời. Sau này học Phật pháp Thiện Trang mới biết là do mình đã phát nguyện trong đời quá khứ rồi, nên không sao hết. Mình rất tỉnh táo, sáng suốt. Nhưng chúng

sanh thì không tỉnh táo, sáng suốt, ngày đó thì họ cảm thấy buồn. Buồn là sai rồi đó.

Quý vị nên nhớ là ở thế gian, mọi sự hiện hữu, có điều gì cũng là khổ cả, càng có nhiều thì càng khổ nhiều. Quý vị thấy không? Ở đây có các cô các chú đã lập gia đình rồi, hồi xưa mình tự do, muốn đi đâu thì đi, muốn ăn gì thì ăn, muốn mua gì thì mua, muốn xài gì thì xài, muốn làm gì cũng được, muốn tu cũng được… Khi không lấy ông đó về, lấy bà đó về, bây giờ ăn cũng không yên thân, ăn thì vừa phải nấu món cho mình, vừa phải nấu món người ta thích. Đã chiều ông chồng rồi, bây giờ phải chiều thêm món cho đứa con nữa. Muốn đi cúng dường, muốn xài điều gì cũng phải suy xét, đàm phán với đối phương, và phải chia ra: anh mua cái này, em mua cái này. Còn có nhiều ông keo là không cho luôn. Khổ chưa? Rồi đi đâu cũng không được, con bám, chồng bám v.v… hết tự do.

Cho nên ở đời có nhiều thì khổ nhiều, quý vị nhớ như vậy. Cho nên trong Kinh A Hàm, đức Phật kể câu chuyện mà Thiện Trang đã kể rồi đó: Có ông đó tới than: *"Bạch đức Thế Tôn, con khổ quá, vì con nợ người ta, mỗi đêm sợ chủ nợ tới đòi. Con có 7 đứa con ở góa, chúng chưa có chồng nên khổ quá. Con có mấy con bò bị lạc mất mà 7 ngày rồi chưa tìm được"* v.v… đủ các khổ. Đức Phật nói: *"Ta không có những nỗi khổ đó, bởi vì Ta không có con nên Ta không có những đứa con ở góa. Ta không có con bò đi lạc vì Ta đâu có nuôi bò. Ta cũng không có nợ tiền ai nên đâu có ai đòi. Hằng ngày Ta chỉ đi du hóa…"* Đức Phật nói một hồi ổng giác ngộ, sau đó ổng xuất gia và chứng quả A-la-hán hay Tu-đà-hoàn gì đó, Thiện Trang quên rồi.

Quý vị nhớ nha! Chỉ cần đổi thôi. Mọi sự hiện hữu ở đời, có ở đời là khổ thôi. Quý vị càng có [nhiều] ràng buộc bao nhiêu thì quý vị càng khổ bấy nhiêu. Người tu hành là gì? Con đường đi ra khỏi sanh tử là phải tự mình đi. Cho nên đức Phật mới nói: *"Hãy tự thắp đuốc lên mà đi, hãy tự xây dựng ốc đảo cho chính mình",* nên nhớ như vậy. Và ở đời càng phụ thuộc bao nhiêu thì càng khổ thôi. Quý vị đừng mong cầu, đừng trông mong vào ai hết thì đỡ khổ, phải tự mình bước đi. Quý vị càng phụ thuộc vào người khác thì quý vị càng khổ. Cho nên bí quyết là đừng phụ

thuộc nhiều. Mình phụ thuộc người ta, [trong khi] đời là Vô thường, Vô ngã mà, pháp đó đâu có chắc được đâu.

Ở đây nhiều người lập gia đình thì chắc quá biết rồi. Đến tối ngủ nhiều khi cũng ngủ không yên, ông chồng ngáy khò khò không ngủ được, hoặc bà vợ ngáy khò khò không ngủ được. Rồi ban đêm ổng thức dậy đi vệ sinh thì mình ngủ cũng không được. Cho nên được một điều mà [phải] khổ bao nhiêu điều. Thiện Trang nói để cho các bạn trẻ cố gắng vượt qua. Chứ còn mấy người lớn tuổi, mấy ông già bà già thì chắc hiểu quá rồi. Cho nên bây giờ ráng chuyển tình duyên thành pháp duyên đi, ráng nương nhau mà tu trong cuộc đời còn lại để ra khỏi sanh tử, để tránh đời sau lặp lại.

Đó là nỗi khổ trong cõi Người thôi, còn nỗi khổ trong Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì còn khổ nữa. Súc sanh, Địa ngục quý vị thấy rồi đúng không? Làm mấy con kiến bò bò, làm mấy con ong bay bay đâu có sướng gì đâu. Đó là mình thấy Súc sanh thôi đó. Rồi làm con heo bị người ta giết, khổ lắm, không nên. Và Ngạ quỷ thì đói khát vô cùng. Còn Địa ngục thì không có thời gian nữa, vô đó bị hành hình, bị chém giết, bị ném lên núi đao, rừng thẳm, rồi bị ném vào vạc dầu, chảo lửa v.v… đủ các khổ. Thôi khổ lắm! Hãy [mau] thoát ra khỏi thôi. Con đường thoát khổ mình đang đi, ráng đi cho trọn vẹn, cho xong.

Đoạn tiếp theo là nói về **Chứng các tầng Thiền,** sẵn [Thiện Trang] nhắc lại các tầng Thiền luôn:

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy (năm Triền cái gồm: Tham dục, Sân hận, Hôn trầm (Thụy miên), Trạo cử Hối quá, và Nghi ngờ. Nếu nói đơn giản là Dục triền, Hận triền, Hôn thụy, Trạo hối, và Nghi. Mình muốn bỏ năm Triền cái thì phải dùng 5 Tâm sở: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất hành (định). Những điều này đã học rồi, nên Thiện Trang không nhắc lại), **hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và**

trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Thiện Trang muốn trích đoạn dẫn dài như vậy là để chúng ta thấy rõ Sơ thiền gồm những gì. Thông thường người ta vô là nói: '[Sơ thiền] là ly dục, ly các ác pháp bất thiện, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tầm có Tứ'. Chúng ta mới thấy đoạn này thôi. Nhưng quý vị thấy đoạn gia hành là đoạn ở đằng trước này nè: 'Khi quán tự thân đã xả ly năm Triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh'.

Cho nên mình không học kinh tạng mà học theo các vị giảng, thì các ngài chỉ cắt khúc này thôi. Mà thật ra đoạn gia hành là đoạn dụng công trước, gọi là đoạn khởi động. Cái gì cũng phải có bắt đầu và khởi động, xe trước khi chạy cũng phải khởi động, điều gì cũng vậy, phải có giai đoạn đó thì mới ổn được, mà bị bỏ đi mất, vô dạy cho mình đoạn này thôi, thì quý vị tu khó là vậy.

Quý vị xem đoạn gia hành này: Phải xả ly năm Triền cái, đừng tham, đừng sân, đừng giận ghét ai hết. Rồi đừng buồn ngủ, người đừng có đơ đơ, đừng có lăng xăng (Trạo cử), đừng có nghi. Đó mới là xả ly 5 Triền cái. [Tiếp tục] là [phải có] hân hoan sanh, tu mà không vui thì làm sao vô Sơ thiền đây. Do hân hoan nên hỷ sanh, tức là càng vui hơn nữa. Do tâm hoan hỷ, thân được khinh an. Bây giờ quý vị được khinh an chưa? Hay vô ngồi mà thấy đau đớn quá, bắt chước ngồi kiết già thấy đau quá thì đố mà vô được Sơ thiền đó. Cho nên nhiều người tu mà không có đoạn gia hành này thì làm sao thành tựu được. Rồi do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Phải có nguyên đoạn này, rồi mới tới đoạn ly dục, ly các ác pháp bất thiện, rồi mới chứng và trú Thiền thứ nhất được. Mình toàn là đem quả ra xài mà quên mất nhân.

Cho nên Thiện Trang nói xưa nay mình toàn học theo kiến giải của người ta, sau này Thiện Trang kêu: thôi mình đọc kinh cho chắc. Đọc kinh thì thấy: Ô! Đoạn này là có đoạn [gia hành] này nè, áp dụng đoạn [gia hành] này là tới kết quả thôi. Quý vị thấy không? Hồi xưa mới vô mình cứ đòi diệt 3 Hạ phần Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, thì sẽ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Ăn rồi cứ đè đầu chỗ đó. Nhưng làm sao để diệt 3 Kiết sử đó thì không học, mình cứ nhắm làm sao phải phá Thân kiến đi, phá Giới cấm thủ và Nghi đi. Nhưng khổ nỗi đức Phật dạy một trời, cách đơn giản nhất là [phải có] niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng. Đó là một lối vào, một lối thôi nha. Có khi thì nói Bát chánh đạo, Thất giác chi v.v… đủ các kiểu.

Nhưng tóm lại Thiện Trang thấy điều đầu tiên là quý vị cố gắng tin giùm Phật, tin giùm Pháp, tin giùm Tăng và tin Thánh giới đi. Hãy làm được như vậy. Thật ra làm sao để tin? Mình cứ học nhiều, rồi thực hành theo thì dần dần mình tin thôi. Dần dần niềm tin mạnh rồi thì cuối cùng thành bất động thôi chứ có gì đâu. [Làm] cách như vậy thì Phiền não dần dần rơi rụng, mình thực hành theo năm tháng mình thấy được lợi ích, thì mình tu như vậy. Chứ mới vô mà bắt bỏ Thân kiến, rồi có bỏ được đâu. Rồi Thân kiến thế nào cũng không biết, Nghi thế nào cũng không biết.

Cho nên phải có giai đoạn gia hành. Mà gia hành là giống như hôm bữa có bài có bảng 9 tầng đoạn Phiền não đó. Hãy làm một người thật thà trước đã. Tu hành gì mà quý vị không thật thà thì quý vị tu không đắc Thiền, không đắc định, không đắc quả đâu. Thật thà là để tâm mình không ray rứt. Không thật thà thì mình có thể lừa người khác đúng không quý vị? Quý vị có thể lừa được người khác, nhưng quý vị sẽ không lừa được chính quý vị. Khi vô Thiền thì tâm cứ ray rứt, hiện ra. Người phá giới thì ray rứt do phá giới, còn người dối trá thì tâm sẽ ray rứt và không an. Cho [nên] không đắc được Thiền đâu, các chi thiền rớt sạch.

Rồi ở đây nói 5 Triền cái, quý vị mà còn có Sân, ghét ai đó, hay khó chịu với việc gì đó, thì quý vị không thể đắc Sơ thiền, vậy làm sao đắc các tầng Thiền khác.

Cho nên mình tu mà mình rõ ràng thì tu được thôi. Chứ còn tu mà cứ đem quả ra ép thì làm sao được. Quý vị cứ tu nhân đi, nhân chánh thì quả sẽ chánh, thì sẽ thay đổi thôi. Người ta hay nói: 'Hình ngay thì bóng sẽ dài'. Mình cứ làm sao đúng là được.

Và theo năm tháng Thiện Trang không biết quý vị cảm nhận thế nào, chứ Thiện Trang quay lại học kỹ nền tảng Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, đặc biệt phần A Tỳ Đàm về Tâm sở, thì không cần bảo quý vị không tham, không sân, không si, quý vị cũng tự nhiên không tham, không sân, không si, bớt đi rất nhiều. Bởi vì sao? Mình vừa tham là mình biết mình khởi ý niệm tham rồi, thì tự nhiên mình sẽ điều chỉnh. Mình chỉ cần biết thôi, cho nên đức Phật đâu có bảo là xả tham đâu, mà bảo là mình chỉ cần biết thôi, biết rồi thì mình sẽ xả. Rồi mình thấy mình khó chịu với ai đó, khó chịu chuyện gì đó, thì mình biết là mình đang sân đó, cho nên mình cũng tự nhiên bỏ thôi, thì dần dần tự nhiên hết sân. Và như vậy tự nhiên Tham, Sân, Si sẽ giảm thôi. Rồi học pháp nhiều thì mình sẽ sáng suốt, rõ biết, nhẹ nhàng. Rồi mình cũng chả quan tâm tới ai hết, hồi xưa mình học trên cao, mình đem tiêu chuẩn ra áp đặt cho người này người kia. Còn bây giờ ai tu thì cũng vậy thôi, ai tu được thì tu, vì người ta chưa tới lúc mà. Và đối với những chúng sanh mê thì mình thấy thương hơn.

Quý vị thấy không ạ? Cho nên là tự nhiên thôi, mà tự nhiên thì tu nhẹ nhàng, thấy càng ngày càng khỏe, càng dễ tu. Hồi xưa tu thì áp lực, phải xem tất cả chúng sanh đều là Phật, Bồ-tát, chỉ riêng ta là phàm phu. Nhưng làm không được, rồi không biết tại sao lại như vậy. Rồi "Bồ-tát, Bồ-tát niên niên thập bát" (là Bồ-tát, Bồ-tát năm nào cũng tuổi 18), mà sao mình bệnh quá trời, bệnh thế này thế kia, chắc là mình tu sai rồi, v.v…

Thật ra quý vị coi giùm Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đi, đức Phật còn bệnh kia mà. Đức Phật với các đại Đệ tử như ngài Xá Lợi Phật còn bệnh quá trời kìa, có sao đâu! Cho nên tại vì mình đặt tiêu chuẩn cao quá, mình nghĩ mình ghê gớm, rồi mình thấy mình làm không được, mình bị áp lực, áy náy… [Thành ra] mình nghi

pháp: "Ủa vậy mình tu có đúng hay không? Không biết pháp đó có sai không? Hay là mình tu bị sai rồi? Chứ sao mình tu mà mình bị bệnh".

Cho nên tri kiến đó sai, [nên] dẫn đến bất an, thành ra nghi pháp. Trong ba Kiến hoặc: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, đó là mình nghi pháp hành của mình, nghi về bản thân của mình, thì làm sao quý vị phá được Nghi. Cho nên pháp phải phù hợp với mình thì mới tu được. Mình chưa phải là Thánh nhân, Bồ-tát thì mình tu theo pháp của mình. Tất nhiên pháp Đại thừa rất hay, phải học Đại thừa để mở rộng tâm lượng.

Thật ra cũng không sao, đức Phật từ bi lắm, quý vị xem Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đi, có đồng tu hỏi Thiện Trang: *"Mình tu mình chứng quả A-la-hán rồi thì sao?"* Quý vị chứng quả A-la-hán rồi, nếu quý vị là Bồ-tát Đại thừa thì quý vị đi lên thôi. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có phẩm Hóa Thành Dụ, quý vị nhớ không? Hóa Thành Dụ là gì? Đức Phật có đưa ra một ví dụ: Có một người dẫn một đoàn người đi tìm kho báu, nơi của kho báu đó gọi là Bảo sở. [Vì] đi đoạn đường quá dài, họ mệt mỏi, đuối quá, không muốn đi nữa, cho nên vị đó mới dùng Thần thông hóa hiện ra một thành gọi là Bảo sở, bảo với mọi người là đến rồi đó. [Sau khi mọi người] đi vào đó thấy đã quá, ăn uống, nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi, thì người đó mới thu Thần thông và nói rằng là: "Ở đây mới là nơi Hóa thành thôi, chứ chưa phải là Bảo sở. Đến Bảo sở thì chúng ta chỉ mới đi được một nửa thôi, còn một nửa đường nữa". Nhưng mọi người thấy khỏe mạnh rồi nên đi tiếp được.

Đức Phật nói cũng vậy, nếu Ta dạy cho chúng sanh một pháp Nhất thừa thành Phật, thì chúng sanh thấy con đường thành Phật quá dài, quá xa, nên họ thấy ngán, đi không nổi. Cho nên ở giữa Ta phải chia ra nào là các địa vị Thanh văn, Duyên giác v.v… đủ các địa vị (như chúng ta đang học đó), chia càng nhỏ ra thì chúng sanh tu được tới đâu thì thấy hưởng được quả vị đó, họ được pháp lạc giống như Hóa thành đó, và như vậy họ sẽ tinh tấn đi lên bởi vì có được như vậy.

Đó là tinh thần của Đại thừa, quý vị thấy hay không? Hay mà! Kinh Lăng

Nghiêm nói là có hai hạng A-la-hán: Một là Độn căn A-la-hán, và hai là hàng Lợi căn. Độn căn là khi họ chứng A-la-hán, họ sợ sanh tử quá nên nhập Niết-Bàn trước. Còn hàng Lợi căn thì sau khi chứng A-la-hán họ sẽ nâng cấp lên thành Bồ-tát và độ sanh tiếp. Điều này thì quý vị tin hay không tin cũng không sao. Vì quý vị tu đến lúc đó thì quý vị sẽ tự biết, có những người như thế. Và đức Phật cũng không có chê trách gì đâu. Tại vì đến lúc nào thì quý vị cũng sẽ đi con đường đó thôi, vì **"Thập phương Bạc Già Phạm, Nhất lộ Niết-Bàn môn"**. Hôm bữa Thiện Trang có nói câu đó rồi. Hoặc là câu: **"Trong thế giới mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện thuyết"**.

Khi quý vị lên rồi thì quý vị cũng đi con đường đó thôi. Còn bây giờ chưa đi thì từ từ đi, trước sau gì cũng phải đi thôi. Nên quý vị yên tâm! Chuyện đó không quan trọng. Quan trọng là bây giờ quý vị làm sao thoát khổ đã. Đức Phật dạy cho chúng ta ra khỏi sanh tử là quan trọng. Phải ráng ra khỏi sanh tử trước đi. Khi quý vị thành tựu rồi thì quý vị mới độ người được. Trong kinh rất nhiều lần đức Phật nói là: **"Giống như người chưa biết bơi, thì không thể nào cứu người chết đuối được"**. Hình như trong Kinh Kim Quang Minh đức Phật nói câu đó thì phải. Thiện Trang đọc nhiều kinh quá, Thiện Trang không nhớ là kinh nào, Kinh Kim Quang Minh hay Kinh Đại Bảo Tích gì đó, có câu nói như thế.

Cũng vậy, chúng ta hãy ráng tu đi, khi nào mình tu an lạc rồi thì mọi người sẽ theo mình thôi. Quý vị không cần nói độ sanh gì hết, người ta cũng tìm đến quý vị, người ta cũng bái quý vị, xin quý vị chỉ cho cách tu. Còn mình nói mình tu an lạc lắm, mình tu pháp Đại thừa thù thắng lắm v.v… mà mặt mày đầy sân si. Rồi người ta nói một chút là mình nổi điên, nổi khùng, chửi người ta tu thế này thế kia. Hoặc là mình tu càng ngày đầu óc ngơ ngơ ngác ngác, thì không được đâu, [tu như vậy] không đúng. Pháp đó không sai nhưng mình tu không phù hợp.

Như vậy đấy là chứng được các tầng Thiền, đây là [Thiện Trang] giới thiệu luôn Sơ thiền rồi đó. Ở đây có ví dụ cũng vui lắm:

Này Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm (hồi xưa thời Phật đã có người hầu tắm rồi)**. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.**

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. (Quý vị thấy không? Được luôn Sơ thiền).

Ở đây nói tiếp [là chứng được] Nhị Thiền, cũng tương tự như vậy, Thiện Trang xin đọc nhanh:

Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Tiếp đến là [chứng] Tam thiền:

Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và an trú thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần

Quý vị muốn chứng được các tầng Thiền thì cứ chứng Sơ thiền trước đi đã, rồi diệt Tầm và Tứ thì chứng Thiền thứ hai. Thiền thứ ba là ly hỷ trú xả, tức là bỏ niềm vui đó đi, thì tự nhiên sẽ được Chánh niệm tỉnh giác, thì sẽ được [chứng] tới Thiền thứ ba thôi. Thiền thứ tư cũng tương tự như vậy. Thiện Trang để nguyên [văn] ở đây, để quý vị thấy thôi, chứ Thiện Trang không đọc lại. Quý vị có thời gian thì coi lại hoặc bấm tạm dừng video lại để coi, nếu muốn coi.

Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. (Ngay hiện tại được như vậy chứ không phải chỉ hứa hẹn đời sau).

[Tiếp đến là chứng được] Tứ thiền:

Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. (Thiền thứ tư khó hơn phải xả ý niệm không khổ, không lạc gì hết, ở đây cũng đưa ra ví dụ).

Này Đại vương, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Thiện Trang nói tiếp theo là chứng Thần thông, tức là hiện tại chứng Thần thông luôn.

***Chứng được các loại Thần thông**

Với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hoá hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Đoạn này nói là có thể biến ra một thân khác. Quý vị thấy không? Nhiều người không tin điều này, nhưng lời Phật nói thì mình không thể không tin. Nếu Thiện Trang nói thì quý vị nói ông thầy nói, nhưng đây là lời Phật [nói ở] trong kinh.

Trong đây có mấy loại Thần thông, Thiện Trang muốn giới thiệu cho quý vị luôn các loại Thần thông, để sau này mình không nói lại nữa, chứ không mình toàn nghe người ta giảng, còn lời Phật giảng thì như thế nào. Đây là lời Phật:

1. Thần túc thông:

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh không cấu nhiễm không phiền não nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy. Tỳ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các Thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không, độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên.

Đó là Thần túc thông, [quý vị] nghe đã không? Đây là quả hiện tại chứng được. Vậy tại sao chúng ta tu không có được điều này? Vì mình tu kém quá. Rồi bữa nay tin chưa? Hồi xưa cứ nói thầy Thiện Trang nói xạo. Không, [đây là] Phật nói. Quý vị không tin được thì xin chia buồn [với] quý vị, đó là quý vị chưa bất hoại tịnh đối với Phật, chưa bất hoại tịnh đối với Pháp, thì quý vị là phàm phu, vậy thôi! Còn tin được những điều này thì khó.

Những điều này thật ra không khó, nếu quý vị có thực hành, quý vị có một chút tiểu định thì cũng có một chút Thần thông nho nhỏ. Sau này quý vị thấy những điều nhỏ nhỏ mình làm được, chắc mình định hơn thì sẽ làm được điều lớn hơn. Từ từ mình sẽ tin: đi qua tường, qua vách, qua núi, rồi độn thổ, đủ các kiểu biến hình. Đi, ngồi kiết già trên hư không như con chim. Thậm chí bàn tay sờ tới mặt trăng, mặt trời luôn. Bây giờ làm gì được. Và thậm chí tự thân bay lên cõi Phạm Thiên. Đã như vậy tại sao không tu?

Mình thấy học miết rồi kêu thần thoại, nhưng thật ra không phải. Quý vị tu

thì biết. Cho nên ngày nào đó mà quý vị chứng được Thần thông này thì quý vị sướng lắm. Quý vị đâu sống ở nhân gian nhưng chẳng có ham muốn gì nhiều đâu. Vì mấy Thần thông này đã hơn, mình đi đâu chơi sướng hơn chứ. Ở thế gian này quý vị ham đi du lịch, đất nước này đất nước kia, cảnh đẹp này cảnh đẹp kia. Xin lỗi! Quý vị có mấy [Thần thông] này thì quý vị chả cần, quý vị lên cõi Phạm Thiên, lên cõi Trời đẹp hơn. Ở dưới này người xấu hoắc, lên đó toàn là người đẹp. Tiên nữ, Thiên tử (tiên nam) cũng đẹp, cái gì cũng đẹp hết. Nhưng với tâm định tĩnh thì quý vị cũng chẳng thấy người ta đẹp, đẹp cũng bình thường. Cho nên mình phải tu chứng mới được. Đạo Phật là đến để thấy.

Đoạn này y chang rồi [vậy] chúng ta nói tiếp:

Này Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên.

Này Đại vương đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước (đức Phật nói luôn quả như vậy. Đó là Thần túc thông).

2. Thiên nhĩ thông:

Đoạn đằng trước giống nhau, chúng ta chỉ cần nói: **"Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần".** Quý vị nhớ Thiên nhĩ thông mới nghe được hai loại tiếng: chư Thiên và loài người thôi, xa và ở gần, để mình thấy rõ ràng.

Này Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng". Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

3. Tha tâm thông:

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân (điều này thì dễ mà đúng không?)

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si

(điều này thì khó, nhiều khi si nhưng không biết).

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm (Thiện Trang quên tra cứu đại hành tâm là gì).

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiền định, biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định (điều này khó, đâu có đơn giản).

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

Quý vị biết luôn người ta giải thoát hay chưa, điều đó rõ ràng. Những ví dụ này quý vị có thể coi. Thiện Trang chỉ trích dẫn sơ sơ như vậy. Đó là Tha tâm thông. Tâm của người ta ra sao mình biết hết.

Này Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không có tham, biết tâm không có tham.

..... (Đoạn này giống với đoạn trên).

4. Túc mạng thông:

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh (Túc mạng minh hay Túc mạng thông cũng vậy thôi; #minh tức là sáng tỏ. Sáng tỏ được mạng đời trước gọi là Túc mạng minh). **Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp[1]. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp[2] như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.**

Quý vị có tin điều này không? Điều này khỏi cần, ráng tu đi. Mình tu không được Túc mạng thông cỡ này, nhưng đôi khi có biết một chút một số chuyện, [trong] nhất thời quý vị có thể biết một vài đời nào đó. [Hoặc] có khi mình tu tương ưng thế nào đó mình cũng biết. Điều đó là bình thường.

Thiện Trang thấy nếu quý vị biết được điều này cũng đỡ lắm. Vì quý vị sẽ diệt được rất nhiều Phiền não. Ví dụ quý vị biết được đứa con đó không phải là con của mình, nó là oan gia hoặc là người kẻ thù của mình, hoặc là người tình của mình ở đời trước v.v…. thì [mình thấy] bình thường lắm. Và mình biết được nguyên nhân tại sao mình với người ta ở đời này thù oán nhau, tại sao mình gặp người ta thì mình thích, v.v…. đủ các kiểu. Và mình nhìn thấy được đời quá khứ của mình, quý vị càng biết được thì hầu như chẳng ham trong luân hồi nữa. Cho nên những điều này thuộc về tu Thiền chỉ thôi, mà cũng có Thần thông. Tất nhiên, đôi khi tu Thiền quán cũng có.

Quý vị có những điều này thì cũng hỗ trợ rất nhiều. Bởi vì mình sáng tỏ với luân hồi. Và mình cũng sáng tỏ nghiệp báo của mình và chúng sanh, thì tự nhiên Phiền não cũng bớt nhiều lắm. Vì những chấp trước của mình ghê gớm lắm, đa số các quý vị tại gia là chỉ [nghĩ] con, chồng, suốt ngày chỉ nghĩ con là con, chồng là chồng. Nếu quý vị có một chút Túc mạng [thông], cho quý vị biết đứa con đó không phải là con quý vị. Đời trước nó là một đứa nào đó, bây giờ nó tới nhà quý vị thôi, là quý vị hết thương nó thôi, quý vị không mê nó nữa. Rồi người yêu cũng vậy, Thiện Trang xin nói nếu quý vị biết đó không phải là người yêu, mà chỉ là một kẻ tới đòi nợ, thì quý vị hết yêu nổi. Giả sử quý vị biết [đó là] người yêu thật, người chồng, người vợ của mình trong đời quá khứ thì cũng vậy thôi. Vì đời trước cũng vậy, rồi đời này cũng vậy thôi, mai mốt cũng chết giống nhau. Rồi từ từ mình buông được.

Đây là thuộc về Thiền chỉ, [tu] Thiền chỉ có Túc mạng thông này. [Nhưng] đôi khi mình tu Thiền quán cũng có. Điều này [mình] không biết được nhiều đời lắm, nhưng đôi khi mình chỉ biết chút thôi là cũng đỡ lắm. Thiện Trang nói với quý vị, sau đó là quý vị thấy đời giả ghê lắm. Vì mọi lời hứa trong vòng luân hồi đa số là giả. Tức là người ta hứa hay phát nguyện [gì đó] thì đa phần là không thành tựu, phải tới lúc nào đó đủ thì mới thành tựu. Chứ không phải phát nguyện là thành tựu, hoặc hứa hẹn gì là thành tựu. Có thành tựu, nhưng là giả hết. Dần dần sau đó mình không có trách người, không than thân trách phận, chẳng trách gì ai. Lúc đó quý vị mới thấy: hóa ra chỉ có phàm phu là khổ, khổ vì không biết đời trước, cho nên cứ chạy theo đời hiện tại. Kẻ thù mà cứ chạy theo yêu thương, [còn] người đáng lẽ thương, đáng lẽ tốt cho mình thì mình không chịu theo, mình lại theo thằng trời ơi. Kiểu như vậy, [luân hồi] qua lại, mình thấy chán lắm rồi.

Và đối với Thiện tri thức cũng vậy. Quý vị nghĩ là quý vị đang nghe pháp của Thiện Trang, mà quý vị kính tin thì cũng không phải đơn giản đâu. Tức là Thiện Trang với quý vị cũng đã kết thiện duyên trong đời quá khứ rồi. Còn nhiều người vì kết ác duyên nên họ tới một thời gian rồi cũng chống đối, cũng bỏ đi,

hoặc thế này thế kia. Vì sao? Vì người ta đã từng kết ác duyên với mình, nên nghiệp duyên khiến tới, như nước và lửa vậy, không hòa hợp với nhau được. Không biết thế nào, nhưng có những điều như vậy.

Ví dụ như bên Đạo gia, họ đưa ra Ngũ hành: Kim sanh Thủy, Thủy sanh [Mộc], v.v… mấy Ngũ hành tương sanh tương khắc gì đó, nhất thời Thiện Trang quên mất. Thiện Trang không nghiên cứu, nhưng thấy hình như cũng có những chỗ đúng. Ví dụ như Thiện Trang là mạng Đại hải thủy, nên không biết sao đi đến đâu cũng mưa, nước nhiều. Xưa nay mình tự hào mình là Đại hải thủy, cho nên không sợ chuyện gì hết. Nhưng khi gặp Thiên hà thủy là vẫn bị lấn ép ngay thôi. Cho nên cũng không biết tại sao lại như vậy, mình nghĩ: "Ủa sao lại mê tín nhở, nhưng mà đúng nhở". Thiện Trang không tin mấy chuyện đó lắm, nhưng sao kì vậy, hình như cũng đúng đấy chứ.

Thật ra hồi xưa [Thiện Trang] không học kinh Phật, sau này học kinh Phật mới biết. Chính Kinh Phạm Võng trong Trường Bộ Kinh đức Phật nói: Do những vị đó họ có Thiền định, họ tu Thiền, ở trong Thiền định họ thấy nên nói ra như vậy. Và những cách nói của họ không đúng hoàn toàn. Tức là họ thấy nhưng họ không thấy hết tất cả trường hợp, họ thấy chỉ bao nhiêu trường hợp đó thôi, và họ mặc định đó là chân lý. Cho nên đức Phật nói có những điều họ không thấy, có những điều họ nói là: "Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiền định" (bên Đạo gia). Tức là một miếng ăn, một ngụm nước đều do tiền định hết, nhưng họ không biết là có 'Bất tư Nghì nghiệp'.

Đức Phật [nói] có một loại nghiệp gọi là Bất tư Nghì nghiệp, nghiệp đó chỉ có Phật biết thôi, còn hàng Thanh văn, Duyên giác cũng không biết, huống hồ chi phàm phu. Có những nghiệp này nghiệp kia nhiều đời quá mà họ không biết. Cho nên những lý thuyết của ngoại đạo cũng đúng một phần, chứ không phải là không đúng.

Rồi tại sao người ta xưng mình là Phạm thiên v.v… thì đức Phật có nói hết.

Quý vị cứ coi trong Kinh Phạm Võng của Trường Bộ Kinh, đức Phật giải thích hết những hiện tượng đạo, Tôn giáo… Mình học những điều đó thì Chánh kiến của mình rõ ràng và không bị dụ hoặc được. Điều đó là [dành] cho những người thích nghiên cứu, còn mình tu thì cũng không cần phải quan tâm chuyện đó.

Quý vị thấy đây là Túc mạng thông hay Túc mạng minh, là mình biết được nhiều đời nhiều kiếp.

5. Thiên nhãn thông:

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh (điều này cũng gọi là Sanh tử minh). **Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.**

[Điều này] không trách ai hết, biết rõ tại sao cao sang hay hạ liệt, đẹp hay thô xấu, may mắn hay bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ (hạnh nghiệp tức là nghiệp làm của họ).

"Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục".

Nhớ nha! Làm những ác hạnh về thân, lời, ý (là ba nghiệp thân, khẩu, ý), mà quan trọng là phỉ báng các bậc Thánh, theo Tà kiến và tạo các nghiệp theo tà kiến, thì người này sau khi chết sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Bây giờ người ta cũng làm những việc này nhiều đúng không?

Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các

nghiệp theo Chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Quý vị thấy không? Tu tới mức độ này thì quý vị còn nghi với giáo pháp của Phật không? Chắc chắn là không, đúng không? Nên cứ tu đi, tu đi rồi biết, đạo Phật có nói là "tự tác, tự tri, tự chứng" đến để thấy. Tự tác là tự mình thực hành, tự tri là tự mình biết, tự chứng là tự mình trải nghiệm đúng như vậy, mình thấy đúng như vậy, mình thấy thật chứ không phải mình thấy qua việc hiểu, việc nghe. Cuối cùng mình sẽ đến để thấy, khi đó quý vị mới không nghi, quý vị mới tu được, chứ không quý vị nói Phật giáo mê tín, thế này, thế kia. Đức Phật nói những điều siêu nhân này, mình tu tới được chưa? Chưa tới thì ráng tu rồi mới thấy.

Mấy điều đó vẫn là phàm phu, còn cuối cùng kết quả tiếp theo trong lợi ích hiện tại là chứng quả vị Thánh nhân. Ở đây đức Phật chỉ nói một quả vị thôi.

***Chứng quả vị Thánh nhân**

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy.

Quý vị nhớ nha! Ở đây là phải có tâm định tĩnh nè. Quý vị có tâm định tĩnh chưa? Thuần tịnh chưa? Không cấu nhiễm chưa? Không Phiền não chưa? Nhu nhuyến chưa? Dễ sử dụng chưa? Vững chắc chưa? Bình thản chưa? Hay gặp chuyện gì thì bắt đầu nhảy lên, cho nên Thiện Trang nói đa số người khi gặp chuyện gì là nhảy cẫng lên, bắt đầu phiền não, nên chưa định tĩnh được, chưa bình thản được. Hãy ráng tu, tu làm sao trơ ra, luyện làm sao trơ hết với mọi cảnh giới, thì quý vị sẽ thành công. Dù thuận cảnh hay nghịch cảnh, dù có chuyện gì đi chăng nữa cũng phải trơ ra. Giống như bữa coi mấy video Sư Minh Tuệ đọc đơn tố cáo hay đơn gì đó của bà đó, đọc xong mà cũng thấy ngài vui cười, bình thường.

Phải cỡ như vậy, chứ không tự nhiên ai đó mà kiện mình rồi bực mình lên. Quý vị tu làm sao mà quý vị tỉnh bơ, tất cả mọi chuyện y như không. Quý vị phải làm được như vậy).

Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật "đây là khổ", biết như thật "đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật "đây là khổ diệt", biết như thật "đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật "đây là những Lậu hoặc", biết như thật "đây là nguyên nhân của Lậu hoặc", biết như thật "đây là sự diệt trừ các Lậu hoặc", biết như thật "đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các Lậu hoặc". Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu[1], thoát khỏi hữu lậu[2], thoát khỏi Vô minh lậu[3]. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Đó là quả vị A-la-hán. Cho nên bây giờ quý vị muốn tu chứng A-la-hán, [thì phải làm đoạn] gia hạnh đẳng trước: Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy; rồi [tu] Tứ đế giùm: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Phải biết như thật, chứ không phải biết kiểu như mình là chỉ biết [qua] nghe thôi, nghe nói khổ thì biết khổ, nhưng mai mốt khổ cũng không biết luôn. Rồi con đường diệt khổ là sao, nguyên nhân khổ là sao, các Lậu hoặc chính là mười Kiết sử, quý vị biết như thật chưa? Hay mười Kiết sử không biết luôn? [Biết] trật lất, [rồi] giảng cũng trật luôn, cho nên là không được đâu. Bao giờ biết như vậy rồi mới thoát khỏi Dục lậu, Dục lậu là Phiền não ở cõi Dục; thoát khỏi Hữu lậu, Hữu lậu là còn có Phiền não. Hữu lậu này là ở cõi Sắc và Vô sắc; thoát khỏi Vô minh lậu thì hết hoàn toàn, không còn Vô minh nữa. Lúc đó làm A-la-hán rồi thì tự mình biết: “Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa”, tức là mình không còn luân hồi nữa.

Đó là quả báo hiện tại, đức Phật nói với vua A Xà Thế như vậy. Mình thì thấy

mấy quả vị này hơi xa quá, thầy ơi khó quá. Mình không biết tu hành kiểu gì, mà sao những điều đức Phật dạy toàn là những lời rất đơn giản, rất bình thường, mà cuối cùng mình tu sao thấy khó quá. Tại vì sao? Vì mình không nhuần nhuyễn.

Thật ra nếu quý vị học được nền tảng kỹ càng, mình học chừng mười năm [thì sẽ] khác hẳn. Tại vì mình chưa học, mình mới vô nhưng mình thấy cũng đã rồi. Vấn đề là phải có người dẫn cho mình, chỉ cho mình, chứ Tam tạng kinh điển nhiều như vậy làm sao học hết được. Phải có người chỉ cho mình những phần trọng tâm để mình vào. Chứ không, quý vị ở tại gia thì bao giờ mới đọc hết được mấy bộ Kinh A Hàm, Nikaya, Vi Diệu Pháp, Luận Câu Xá, v.v… Đâu thể nào đọc hết được, phải có người chỉ dẫn.

Quý vị thấy Thiện Trang chỉ cho quý vị đâu có nhiều, bữa nay là buổi 21 mà các đồng tu kha khá một chút là theo kịp, các đồng tu chưa có nền tảng thì theo không nổi, phải từ từ. Nhưng những đồng tu tạm tạm thôi, vào là thấy 21 bài của bộ này đã thay đổi cuộc đời của mình. Vậy đâu có khó, học 100 bài là khác ngay.

Mà quý vị biết Thiện Trang là phàm phu, Thiện Trang chỉ là người nhiều Phiền não ở tại đời này, mà Thiện Trang chia sẻ như vậy. Nếu mình sanh ở thời đức Phật, mà mình nghe được 100 bài, đức Phật ngày nào cũng giảng như vậy mà không đắc đạo A-la-hán mới lạ. Đó là gì? Phàm phu như mình còn có thể chuyển đổi được, huống chi [thời đức Phật]. Quý vị học A Tỳ Đàm, quý vị học Luận Câu Xá, học Tâm sở rồi, thì quý vị thừa biết người nào có sân si hay không. Quý vị biết trong giọng nói của vị thầy đó có sân hay không, có bất mãn hay không? Bất mãn là có Tâm sở Sân, là chưa phải A-la-hán rồi. Biết người ta có phải là phàm phu hay không, biết liền.

Tất nhiên Sơ quả Tu-đà-hoàn thì chưa xác định được, Sơ quả, Nhị quả thì hơi khó, nhưng Tam quả là hết Ngũ Hạ phần Kiết sử rồi, quý vị đem Ngũ Hạ phần Kiết sử ra so là quý vị biết hết, bây giờ học Tâm sở là biết hết rồi, không ai lừa được hết. Cho nên chắc chắn không có ai dụ hoặc được quý vị hết. Không có

[chuyện người ta] nói Thánh nhân rồi mình tin ầm ầm như ngày xưa, rồi nói Bồ-tát tái lai gì đó, A-la-hán gì đó, v.v… không tin đâu. Vì sao? Ta có nền tảng giáo pháp Như Lai, ta có kính soi của Như Lai. Không phải kính chiếu yêu đâu, mà đây là kính soi cả phàm phu lẫn Thánh nhân. Mình soi được hết và mình soi được tâm mình, soi được tâm người, và mình thấy con đường giải thoát gần.

Cho nên giá trị của bộ này học hay vậy, ai không học thì uổng mất nửa cuộc đời tu, thậm chí ¾ cuộc đời tu luôn đó, chứ không phải một nửa đâu. Bây giờ còn một chút thời gian Thiện Trang sẽ chia sẻ về Tâm sở, bữa nay ráng chia sẻ được bao nhiêu thì chia sẻ. Hôm nay Thiện Trang dùng chương trình để vẽ lại Tâm sở trong A Tỳ Đàm cho đẹp hơn, chứ thấy vẽ trong Word thấy đồng tu chia sẻ lên xấu quá, thấy xấu nên mình vẽ lại.

Ở đây 52 món Tâm sở thì có 13 Tâm sở Tợ tha chúng ta đã học, trong đó có 7 Tâm sở Biến hành, 6 Tâm sở Biệt cảnh. 7 Tâm sở Biến hành là: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. Còn 6 Tâm sở Biệt cảnh là: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục. Hôm bữa mình đang học tới 14 Tâm sở Bất thiện. Thiện Trang thấy Bất thiện nên tô đỏ rực lên cho dễ [thấy]. 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành gồm có: Si, Vô tàm, Vô uý, và Trạo cử, hôm bữa học rồi. Bữa nay chúng ta học tới 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh, gồm có:

1. Nhóm thứ nhất là nhóm Tham phần gồm có: Tham, Tà kiến và Ngã mạn. Tức là mấy thằng này luôn luôn có Tham đi chung với nhau. Ví dụ Ngã mạn là do tham về thân, tham danh, tham gì đó thì mới có Ngã mạn. Hoặc Tà kiến là cũng do Tham, có Tham đi theo nên gọi là Tham phần.

2. [Nhóm] thứ hai là Sân phần gồm có: Sân, Tật, Lận, Hối.

3. Nhóm thứ ba là nhóm Trì trệ và Do dự gồm: Hôn trầm, Thụy miên và Nghi. Ở đây chia ra Hôn trầm, Thụy miên là hai điều, còn lại là Nghi.

Sau này chúng ta sẽ học 25 Tâm sở Tịnh hảo. Bản này đẹp rồi, chúng ta sẽ

nhìn thấy dễ hơn, bữa sau học tới đây sẽ vẽ tiếp. Hôm nay chúng ta học tới phần Tham, Tà kiến và Ngã mạn. Nếu có thời gian thì học hết, còn không thì học về Tham cũng được.

Ở đây Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm 3 nhóm: nhóm Tham phần, nhóm Sân phần, nhóm Trì trệ và Do dự.

II.B. Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm 10:

1.Tham; 2.Tà kiến; 3.Ngã mạn; (Nhóm Tham phần).

4.Sân; 5.Tật (Tật đố); 6. Lận (che giấu); 7.Hối (Hối hận) (Nhóm Sân phần).

8.Hôn trầm; 9.Thụy miên; 10.Hoài nghi; (Nhóm Trì trệ và Do dự).

Quý vị nhớ [Tâm sở] Biến hành và Biệt cảnh chưa? Biến hành là có trong tất cả các trường hợp tâm. Ví dụ như nhóm Tâm sở Bất thiện Biến hành thì 4 Tâm sở [Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử] lúc nào cũng có. Quý vị muốn làm việc bất thiện thì quý vị phải có Si, phải có Vô tàm, Vô uý và Trạo cử. 4 Tâm sở này là chắc chắn phải có trong các việc bất thiện và ý nghĩ bất thiện. [Còn] nhóm [Tâm sở] Biệt cảnh thì có thể có, có thể không. Có lúc thì có Tham, có lúc không phải Tham mà do cái khác. Những vấn đề đó thì chúng ta nghiên cứu [sau], khi học hết rồi chúng ta sẽ đưa ra các ví dụ lúc nào thì như thế nào.

1. Tâm sở Tham: Tham là gì? Tham với Dục khác nhau. Ở trên kia mình học về Dục rồi, chứ không một hồi Dục và Tham lẫn lộn với nhau. Dục thuộc về [Tâm sở] Tợ tha, là mong muốn, có thể là mong muốn tốt hoặc là mong muốn không tốt, cho nên điều này là Tợ tha. Còn Tham định nghĩa như sau: Tham là sự ham muốn nhiễm đắm chấp cứng. Có nghĩa là ham muốn nhưng có nhiễm đắm và chấp cứng ở trong đó. Tham là sự khát khao mạnh mẽ về vật dục hay sự sung sướng, sự hạnh phúc trong Thiền.

Ở đây Tham là sự khát khao mạnh mẽ về vật dục, có nghĩa là những mong muốn về vật chất; hay là sự sung sướng, sự hạnh phúc trong Thiền. Ngay cả trong

Thiền quý vị vẫn có Tham, chứ không phải mình tu, mình ngồi trong Thiền thấy đã đã, dễ chịu quá, rồi mình muốn ngồi Thiền hoài thì cũng là Tham. Tại vì sao? Quý vị tham là tham Thiền định. Cho nên định nghĩa Tâm sở Tham rộng hơn.

Tham sẽ không bao giờ từ bỏ thực tính khát khao, nên mọi người cố gắng sở hữu lấy, chiếm lấy. Ví dụ quý vị thích Iphone 16, mà phải có cho bằng được Iphone 16. Cho nên ở Việt Nam mặc dù nghèo nhưng chơi sang, 30 mấy triệu cũng được, ráng nhịn ăn, ăn mì gói một, hai tháng gì đó để mua Iphone. Đó là Tham, cho nên khổ thôi.

Rồi sự sung sướng là gì? Là sung sướng trong dục của thế gian. Ví dụ như vì thích cô đó, mong cô đó, cho nên theo đuổi, mua bao nhiêu quà cáp, dẫn đi ăn chè v.v… rồi rước về nhà cho bằng được, cho nên khổ. Đó là những nỗi khổ, vì tham nên khổ.

Rồi tham trong Thiền, tu Thiền đắc được Sơ thiền hay Vị đáo định gì đó, thấy an an rồi lo ngồi thiền suốt, không chịu học pháp. Tại vì mình muốn chiếm hữu nó nên dính mắc, dính mắc đó mới là Tham. Còn chúng ta tu Thiền định cũng có an lạc, nhưng chúng ta biết Thiền này không phải là rốt ráo, chỉ là Thiền vui vui, an lạc thôi, nên sẵn sàng bỏ. Ta không dính chấp vào đó thì không phải là Tham. Tham là dính mắc, quan trọng là từ "dính mắc", "chấp cứng", "muốn chiếm hữu", thì đó là Tham.

Vậy [quý vị] có Tham không? Tâm sở [Tham] này nhiều lắm. Đảm bảo chúng ta ở Dục giới thì Tâm sở Tham nhiều lắm. [Tham] là khát khao mong muốn hướng tới tìm những điều mới. Tức là tâm này luôn luôn mong muốn tìm đến những điều mới. Do đó chúng sanh không thể thực sự được hạnh phúc nếu không đoạn trừ Tham. Vì sao? Người ta nói là 'lòng tham không đáy', bởi vì có điều này rồi lại muốn điều kia.

Ở đời, thời xưa kêu: "Một túp lều tranh, hai trái tim vàng" là được rồi. Nhưng không! Về sau phải có xe đạp, rồi lên đời mua xe máy, xe máy chưa xịn nên phải

mua xe máy xịn hơn. Rồi xe máy xịn hơn chưa được, phải mua ô tô. Ô tô chưa đủ phải có nhà to, nhà một lầu chưa đủ phải hai lầu, ba lầu, bốn lầu mới được. Rồi có máy bay mới được, máy bay cũng chưa được phải có thêm nữa. Nói chung là không bao giờ dừng, vì không bao giờ dừng cho nên không bao giờ hạnh phúc. Quý vị không bao giờ hạnh phúc hết, người biết hạnh phúc là người biết 'tri túc thường lạc'. Đức Phật dạy là biết đủ thì thường vui. Trong Kinh Di giáo đức Phật cũng nói: **"Tri túc chi nhân, [tuy ngọa địa thượng du vi an lạc]"** tức là người biết đủ thì tuy nằm trên đất cũng vẫn an lạc. Còn người không biết đủ thì dù ở trên thiên đường cũng không vừa ý. Đó là trong Kinh Di giáo của Hán tạng.

Cho nên rõ ràng, thực tính này là dính mắc, bám dai dẳng vào vật dục hay Thiền, và sự sung sướng, hạnh phúc cả trong Thiền và bình thường. Trong Vi Diệu Pháp đưa ra một ví dụ giống như con khỉ bị dính keo, do thợ săn biết con khỉ thích keo nên bôi keo lên cây. Keo đó khi có ánh nắng chiếu vào thì tỏa ra ánh sáng lấp lánh, con khỉ thấy đẹp nên chạy tới để tay vô, thì bị dính tay này, nó tiếp tục để tay kia thì bị dính tay kia, nó dúi đầu vô thì dính luôn và cuối cùng nó bị bắt.

Đấy là do tham, càng tham thì càng dính vô. Tại vì thích nên khổ, cho nên ở đời thường khổ là do mình tham. Quý vị muốn không khổ thì bớt tham, tham gì cũng khổ, mong được tiếng cũng khổ. Nói chung đừng có mong muốn gì, không có dính mắc. Cho nên ở đời hãy tùy duyên, có cũng được, không có thì thôi. Chứ nhiều người nói không có gì hết, không có thì cũng khổ. Mà mình có, nhưng vừa phải và xứng đáng, đừng cố đeo đuổi điều gì để khổ, gọi là 'tri túc thường lạc', là biết đủ thường vui.

Để nhìn ra Tham là khi có sự ham, sự muốn, sự rất muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến, và khi nào có những bất thiện như thế thì trong đó có Tham. Quý vị thấy mình muốn cái gì đó quá là Tham, điều đó dễ nhìn nhất. Rất muốn nhưng mình phải xét coi. Cho nên có những cái phải vừa phải, tức là mình sống trung đạo thôi, đừng chấp quá rồi cuối cùng khổ, làm sao đó sống vừa phải là được.

Tâm sở Tham có bốn ý nghĩa: 1. Thứ nhất là trạng thái chấp cứng cảnh: tức là mình thích chấp cảnh đó. 2. Phận sự là dính mắc vào cảnh. 3. Thành tựu là không buông cảnh, tức là mình cố gắng cầm giữ lấy cảnh đó. 4. Nguyên nhân chủ yếu nhất là thấy các pháp cảnh truyền và cho rằng đáng ưa thích, và tâm hiệp thế (hợp với Thế gian), Tâm sở là Sắc pháp. Điều này không rõ lắm, nói đơn giản là mình thấy cảnh ưa thích quá cho nên mình chạy theo nó.

Nếu Tham trong Tập đế của Tứ đế thì có ba kiểu: 1. Một là thích hiện hữu, ví dụ như mình không chịu nhập Niết-Bàn, mình kêu phải có thân hình này mới sướng, phải có thế này thế kia, đó là thích hiện hữu; 2. Thứ hai là thích sở hữu, cái gì cũng muốn chiếm lấy; 3. Thứ ba thích hưởng thụ, đó là tham ái.

Còn kể theo cảnh giới thì có: tham ở Dục giới, tham ở Sắc giới, và tham ở Vô sắc giới. Cho nên phải đến Tam quả A-na-hàm mới hết tham, diệt được tham rồi, vì diệt được Ngũ Hạ phần Kiết sử rồi mà, tập khí còn thôi nhưng đỡ rồi. A-la-hán thì hết hoàn toàn.

Tại sao gọi [Tham] là Tâm sở Biệt cảnh? Biệt cảnh là có lúc mình không có tâm Tham, ví dụ như quý vị có lúc mình từ bi, bố thí. Hay quý vị cung kính một vị thầy nào đó, mình cúng dường nhưng đâu mong cầu được quả báo gì đâu. Hoặc mình thấy người ta nghèo quá mình bố thí, mình từ bi bố thí chứ không mong cầu gì trong đó. Đó là không tham. Hoặc có những việc làm bất thiện là vì mình ghét người đó quá, mình tức mình chửi gì đó, v.v… thì mình đâu có tham, chỉ ghét thôi, đó là sân. Hoặc lúc bất thiện có trạng thái hôn trầm, buồn ngủ, thì có tham gì đâu. Có những trạng thái như vậy nên nó là Biệt cảnh, tức là lúc có, lúc không.

2. Tâm sở Tà kiến: Tà kiến dịch là mê tín. Tà kiến là sự nhận định hay cố chấp theo pháp sai, không đúng với chân lý bản thể thật. Có nghĩa là mình nhận định một điều gì đó rồi chấp theo nó, nhưng điều đó không đúng với thực tế, thì đó là Tà kiến. Và Tà kiến là sản phẩm phụ của Tâm sở Si. Si là [Tâm sở] Bất thiện Biến hành, sinh ra Tà kiến. Vì nếu quý vị không si thì làm sao mà tà kiến được.

Quý vị có trí tuệ, quý vị biết đúng rồi, thì quý vị chấp cái đúng chứ đâu chấp cái sai.

Quý vị nhớ Tâm sở Si không? Nói đơn giản Si là không rõ ràng, không hiểu biết về Tứ đế, gọi là Si. Tứ đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Giống như Thế gian vô thường mà mình cho là thường, đó là Si. Đời người là giả tạm, đứa con đâu phải là con mình, nhưng mình cứ cho là con mình, cho nên đó là Si. Và mình chấp giữ những điều đó thì gọi là Tà kiến. Sự nhận thấy sai so với Chánh pháp gọi là Tà kiến. Đơn giản vậy thôi! Tức là do mình si nên sanh ra Tà kiến.

Liên hệ giữa [Tâm sở] Si, Tham và Tà kiến, ví dụ Tâm sở Si ở trên là che mù đi ý chí, làm mù Pháp nhãn, không thấy được thực tính của Pháp. Si làm cho chúng ta thấy các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Ví dụ như mình thấy mình còn sống lâu dài là thường, thế gian có biến đổi đâu, đời vui mà, đâu thấy đời khổ. Rồi mình thấy mình làm chủ được cuộc đời, cho nên mình có ngã. Rồi mình thấy cũng thanh tịnh chứ không thấy Khổ, Vô thường, Vô ngã, thì đó là Si. Mình nhận thấy Thế gian như vậy.

Cho nên ở đời quý vị thấy người si nhiều không? Đa số không học Chánh pháp Như Lai thì si thôi. Đâu có mấy ai không học mà thấy cuộc đời chán đâu, [thấy] Khổ, Vô thường, Vô ngã đâu. Mấy người [không học mà thấy] đó chắc là chủng tánh giác ngộ rồi, [chẳng qua] chưa gặp Phật pháp thôi, [nhưng] trước sau gì cũng chứng quả Độc giác Bích-chi-phật.

Bởi Tà kiến này nên Tham bám dai dẳng, dính mắc vào ta hay người, và Tà kiến nhận định sai cho ta và người thực sự hiện hữu. Tức là Tà kiến làm mình nhận định là ta luôn luôn hiện hữu v.v… Thực ra có đoạn kinh nói rất hay, nhưng hôm nay không kịp giờ, thôi để bữa khác dẫn cho quý vị nói về nhận định ta và người như thế nào.

Tà kiến là căn bản và phổ biến nhất của Thân kiến và Ngã kiến. Cho nên Tà kiến dẫn đến Thân kiến và Ngã kiến. Quý vị có biết Thân kiến và Ngã kiến là khác

nhau không? Có nhiều người không hiểu Thân kiến và Ngã kiến khác nhau ở chỗ nào. Thân là thân Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mình chấp có mình ở trong đó, Sắc này là ta, thân thể này là ta, ta ở trong đó, ở trong đó có ta. Rồi mình chấp thêm Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tương tự như vậy. Đó là Thân kiến.

Còn Ngã kiến là mình tin có một sự hiện hữu của một cái ngã hay một linh hồn, hay một bản thể, thực thể ở trong thân. Ví dụ chưa chắc mình chấp vào thân mình, nhưng mình chấp là: Tôi bỏ thân này là tôi có một linh hồn, tôi lên cõi nào đó v.v… Sự chấp đó vẫn là một Ngã kiến. Nhiều người nói sao Ngã kiến khó vậy thầy? Đúng rồi, A-la-hán đâu có chấp như vậy nữa, cho nên các ngài mới ra khỏi. Ngã kiến sâu hơn nữa, nên gọi là Vô minh kiết ở trong Ngũ Thượng phần Kiết sử, cho nên khó. Bây giờ mình diệt được Thân kiến là may rồi.

Và hai nhận định đó đều thuộc về Tà kiến, cho nên Tà kiến khó lắm. Thân kiến cũng là một trong 10 Kiết sử, và chỉ bỏ được khi quý vị tới Thất lai đạo, tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn mới hết, cho nên khó. Còn Ngã kiến thì A-la-hán mới diệt được, mới Vô ngã được.

Hôm nay hết giờ rồi, để bữa khác [Thiện Trang] giảng tiếp, kiến thức hôm nay cũng đã quá nhiều rồi. Chúng ta coi lại 52 món Tâm sở trong A Tỳ Đàm. Bữa nay [Thiện Trang] giảng rõ ràng, [quý vị] chụp lại hình này để coi. Nhớ là chúng ta đang học đến Tà kiến, và sau đó đến Ngã mạn, thì nhóm này là nhóm Tham phần.

Thời gian hôm nay cũng hết rồi, hẹn quý vị vào lúc khác, Thiện Trang sẽ chia sẻ mỗi bữa một chút. Hy vọng chúng ta học, mọi người đều cảm thấy hoan hỷ, an lạc. Thiện Trang chỉ cố gắng chia sẻ với quý vị, quý vị nghe được thì nghe, không nghe được thì thôi. Thiện Trang nói với quý vị, Thiện Trang không mong cầu gì ngoài mong quý vị sớm giác ngộ, sớm đắc đạo giải thoát, sớm ra khỏi sanh tử. Quý vị làm được như vậy là tốt rồi. Ai đi được thì đi, ai nghe được thì nghe, Thiện Trang không mong cầu gì hết, ai có duyên thì nghe, chứ không phải Thiện Trang

giảng để cầu điều gì.

Chúng ta học tới đây, quý vị cũng học được 20 bài vừa rồi, bài hôm nay bài 21, thì chả ai dại gì đọa lạc trong sanh tử luân hồi, chẳng ai dại tham, sân, si gì hết, chỉ có mình làm chưa được thôi chứ mình đều cố gắng. Thiện Trang tin là quý vị đều như vậy, cho nên quý vị cũng nghĩ Thiện Trang như vậy. Thiện Trang là người chia sẻ cho quý vị, chẳng lẽ nào mình dại, bán thuốc cho người mà mình không uống, nấu món ăn ngon cho người ta mà mình không ăn. Quý vị cứ ráng học đi. Hôm nay chúng ta hồi hướng tại đây:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 22: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 22.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 18.12.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=WvkNcgD5owc

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học bộ Luận Câu Xá, hôm nay là bài 22. Đầu tiên Thiện Trang xin giới thiệu một khai thị ở trong kinh. Mời quý vị theo dõi:

Khai Thị Về Vô Thường

Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ? Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong".

Đoạn này là một đoạn khai thị ở trong Kinh Trung A Hàm. Đây là đức Phật đang kể về một câu chuyện từ đời trước, tức là tiền thân của Ngài, Ngài là một vị Đạo sĩ dạy cho các người Đệ tử của mình. Ngài khai thị cho những người Đệ tử Vô thường là như thế nào? Đây chính là khai thị trong đời quá khứ, chứ không phải khai thị [ở] đời hiện tại của đức Phật. Tuy nhiên chúng ta có thể xem, khai thị này rất hay.

Sanh mạng đời người thì thực sự là quá ngắn ngủi, phút chốc là đã qua đời khác. Quý vị nhớ giùm câu này, thì chúng ta bớt Phiền não ở thế gian. Ở thế gian mình có nhiều Phiền não, là do mình không nhìn thấy được sự Vô thường. Cho nên cần phải làm các việc lành, việc tốt (việc thiện), và cần tu Phạm hạnh. Vì đã sanh ra thì không thể nào không chết, chắc chắn sẽ có ngày chúng ta chết. Đó là điều chắc chắn, cho nên đoạn khai thị này rất quan trọng.

Chúng ta chỉ cần nhớ đoạn: "Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết". Đã sanh ra thì chắc chắn sẽ chết, đừng có trốn. Đừng nói là đức Phật nói bi quan, bi lụy quá, hoặc thầy Thiện Trang suốt ngày cứ hù chết. Thực tế là vậy! Dù muốn hay không, dù thế nào đi chăng nữa thì cũng đến ngày đó thôi.

...

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

(Trích Từ Kinh Số 160 - Kinh A-Lan-Na Thuộc Trung A Hàm).

Tức là đức Phật đưa ra một hình ảnh để ẩn dụ, đó là dệt vải. Chắc ngày xưa người ta sẽ cảm nhận được rõ hơn, [khi] dệt vải thì người ta đan các đường chỉ dọc trước, sau đó đan các đường chỉ ngang, cứ [lần lượt như vậy]. Cứ thêm một đường chỉ [ngang] như vậy, thì tấm vải dệt đó sẽ mau thành hơn. Đức Phật khai thị: Cứ thêm một sợi chỉ dệt vải, thì miếng vải sắp thành. Cũng vậy, mạng người cứ thêm một chút thời gian nữa, là cũng thấy sắp đi. Cuộc đời khó giữ được lắm, quá ít vị ngọt, mà đau khổ và những hoạn nạn (tai nạn, khổ nạn) thì nhiều.

Hôm nay cũng vào dịp cuối năm của năm dương lịch rồi, hôm nay là ngày 18/12, thoáng cái là hết năm 2024 rồi, chúng ta chuẩn bị bước sang năm 2025.

Tuổi âm, tuổi dương gì thì mỗi người cũng cộng thêm một tuổi nữa, tặng thêm trên đầu một tuổi nữa. Người nào hồi xưa tự hào là em vừa tròn 18, thì bây giờ thành 19 rồi, người nào U30 thì nhiều khi chuẩn bị bước sang U40. Cứ thế cộng thêm một tuổi nữa, và không biết từ bao giờ mình đã già.

Thiện Trang thấy cuộc đời thoáng chớp mắt mấy chục năm qua rất nhanh. Ngày xưa [còn] nhỏ mình xem thường lắm, tại mình nghĩ cuộc đời rất dài. Nhưng càng về sau thì cảm nhận hình như cuộc đời ngắn quá, và mình cảm thấy thời gian là không đủ. Tức là mình không có đủ thời gian để học tập, để tu tập, và để làm nhiều điều mình mong muốn. Nhiều khi lâu lâu coi những khai thị này thì có chút cảm động. Vì nhận thấy đúng là cứ thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong trong [việc] dệt vải. Cũng vậy, trong mạng sống con người thêm một ngày nữa, thêm một tháng nữa, thêm một năm nữa, thì cũng giống như mình sắp từ giã cõi đời này càng gần hơn.

Có vị đồng tu hỏi Thiện Trang rằng: *"Thưa thầy, chúng con muốn nghe bộ Kinh Nikaya và Kinh A Hàm theo sự giới thiệu của Thầy. Vậy thì nên nghe bộ nào trước? Bởi vì Kinh Nikaya và Kinh A Hàm nhiều quá"*. Quý vị biết [Kinh] A Hàm thì có bốn bộ: Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Trường A Hàm; [còn Kinh] Nikaya [có] năm bộ: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Tiểu Bộ Kinh, một bộ nữa Thiện Trang nhất thời quên mất [Tương Ưng Kinh]. Năm bộ Nikaya tương đương như vậy, thực ra hai bộ đó cũng ngang ngang nhau thôi. Nhưng nếu quý vị học thì Thiện Trang khuyên là: quý vị hãy bắt đầu từ bộ Trung A Hàm. Tại vì bộ Trung A Hàm có nhiều pháp hành nhất, nhiều khai thị về Vô thường nhất, và nhiều vấn đề hay nhất nằm ở [bộ] Trung A Hàm.

Thiện Trang thích nhất bộ Trung A Hàm. Trung A Hàm cũng gần gần, tương đương với Trung Bộ Kinh, nhưng Trung Bộ Kinh bên Nikaya thì ít kinh hơn, nếu xét về trung là không bằng. Còn nếu xét về nhiều bộ kinh thì Kinh Tiểu Bộ có nhiều câu chuyện hơn, thì quý vị có thể coi. Quý vị có thời gian thì nghe đi [để] thấy đời vô thường, cứ suốt ngày vô thường, mà có rất nhiều pháp hành. Như vừa rồi là một đoạn khai thị về Vô thường, cứ thỉnh thoảng mấy bộ là lại nhắc Vô thường.

Cho nên nền tảng A Hàm và Nikaya cực kỳ quan trọng là vậy. Nếu mình không học Vô thường thì mình không biết được.

Kinh điển thì quá nhiều, chúng ta muốn học, muốn biết thì phải làm sao? Tùy căn tánh! Nếu quý vị có căn tánh tốt thì quý vị học đơn giản cũng sẽ vào, nhưng nếu quý vị có căn tánh không tốt thì phải chia chẻ ra. Ở trong Tiểu Bộ Kinh, chuyện tiền thân, đức Phật có đưa ra một ví dụ: Có một vị Tỳ-kheo đến xin đức Phật: *"Con xin phép hoàn tục, bởi vì Giới luật của Phật nhiều quá, con không thể nào hành trì được"*. Tức là có vị Tỳ-kheo xin hoàn tục, thì đức Phật hỏi tại sao. Người ấy nói là tại vì Giới của Ngài đưa ra nhiều quá, con không nhớ được. Quý vị biết giới Tỳ-kheo có 250 giới theo Bắc truyền, Nam truyền là 227 giới, nhiều quá nên không nhớ được. Cho nên ngài ấy cảm thấy làm không được, thôi xin phép hoàn tục.

Đức Phật nói: *"Nếu bây giờ Ta không cho nhiều như vậy, ông chỉ giữ ba điều thôi được không?"* Ngài [ấy] nói: *"Ba điều thì chắc con làm được"*. Đức Phật nói: *"Vậy thì giờ ông chỉ cần giữ ba nghiệp: nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý. Không cần phải giữ tất cả các giới kia. Làm sao thân, khẩu, ý luôn luôn tốt, thanh tịnh là được".* Vị Tỳ-kheo đó về hành trì có bao nhiêu đó thôi, thời gian sau thì đắc quả A-la-hán.

Các vị Tỳ-kheo khác mới hỏi đức Phật: *"Bạch đức Thế Tôn, tại sao một người chỉ cần [giữ] như vậy thôi cũng có thể đắc A-la-hán?"* Đức Phật nói thật ra tổng cương lĩnh chỉ có bao nhiêu đó thôi, giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nhưng vì tổng thì nặng, [còn] chia càng nhỏ ra thì càng dễ làm. Giống như thời xưa, tiền thân [của Ta] gặp được khối vàng lớn, thay vì Ta mang không nổi thì ta chia ra làm bốn phần, thì nhẹ nhàng [nên] mang được. Cũng vậy, nếu giáo pháp của Phật quá rộng, quá lớn, gom lại nói một điều gì quá cao siêu, thì thay [vào đó] chúng ta học chia chẻ ra. Chia chẻ chính là những bộ như Vi Diệu Pháp, A Tỳ Đàm, hay Luận Câu Xá, gọi là học chia chẻ ra.

Mai mốt mình học vào phẩm Hiền Thánh, quý vị sẽ thấy là riêng các địa vị

Thánh thôi mà chúng ta học cả một phẩm rất dài. Mà phải học phẩm Phiền Não đằng trước đó nữa. Ví dụ hôm qua có đồng tu hỏi Thiện Trang cho xin phần Tứ gia hạnh (Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất Vị). Thiện Trang copy chụp hình sơ sơ mấy trang giấy mà vẫn chưa đủ, chỉ là một phần thôi. Thiện Trang thấy nhiều quá sợ người ta đọc không được nên gửi bấy nhiêu thôi, mà thấy khó chứ không phải dễ. Cho nên những bộ Duy Thức như thế này cần phải có người thông suốt để giảng.

Chúng ta cứ từ từ học, Phật pháp vô biên, càng học chi tiết bao nhiêu thì càng dễ tu bấy nhiêu. Vì mình tu giống như đi con đường từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh. Người ở trong kia gọi [hỏi]: *"Đến chưa? Đến chưa?"* Kêu *"Chưa! Chưa đến gì hết, còn lâu lắm, đợi hoài không thấy"*. Nhưng nếu cứ đi được một chút, xong rồi người ta hỏi đến chưa, thì mình nói đến được Huế rồi, chút sau nói đến được Quảng Ngãi rồi, một thời gian sau nói đến Nha Trang rồi, đến Đồng Nai rồi, v.v… Vậy thì gần tới rồi đó. Mỗi lần một nấc đến, là mình cảm thấy mình đã đi qua được một đoạn đường.

Cũng vậy, nếu học bộ Luận Câu Xá này hay bộ A Tỳ Đàm này, thì quý vị sẽ cảm thấy hình như dễ hơn rất nhiều. Tại vì mình đi được một đoạn là hình như mình đã bước được một bước rồi. Vì Tứ gia hạnh vị thì còn dễ hơn nữa, quý vị chỉ cần tới Nhẫn vị thôi là quý vị không đọa ác đạo rồi. Cho nên là dễ hơn. Còn Tùy pháp hành, Tùy tín hành là đằng sau nữa. Tức là đằng sau Tứ gia hạnh một hồi mới tới Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Mà Tùy tín hành, Tùy pháp hành là mình đã thấy dễ rồi, bây giờ có những địa vị đằng trước dễ hơn nữa. Đằng trước Tứ gia hạnh vị còn có những địa vị khác nữa, dễ hơn rất nhiều. Cho nên mình cảm thấy mình đi tới đâu thì có thành tựu tới đó, mình đi tới đâu, mình có đạt được tới đó, thì quý vị sẽ yên tâm hơn.

Khi mình đã vào được như Tứ gia hạnh thôi là quý vị sắp ra khỏi sanh tử rồi, [sanh tử] mình cũng có hạn kỳ. Ví dụ vô Noãn vị thì chắc chắn sẽ chứng Niết-Bàn, trước sau gì cũng đắc quả Thánh thôi. Tức là chỉ cần địa vị đầu tiên là Noãn vị trong Tứ gia hạnh thôi, là ngon rồi. Cho nên mình tu là mình thấy, và mình phải học tiêu chuẩn đó là gì, làm theo đó là gì, mình đoạn Phiền não nào, v.v… Chứ mới

vô mà bắt quý vị [đạt] Sơ quả Tu-đà-hoàn thì khó quá.

Tại vì quý vị biết tiêu chuẩn Sơ quả Tu-đà-hoàn là phải phá Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Và người đó giống như trong Kinh Nikaya có một bộ kinh cũng ví dụ về núi (bữa trước có người nào đó trích, nhưng trích không đúng bộ kinh đó, có hai bộ kinh ví dụ về núi), đức Phật lấy ví dụ giống như lấy bảy hòn đá đặt trên núi Tu Di, thì so bảy hòn đá đó với núi Tu Di thế nào? Các vị Tỳ-kheo nói: *"Bạch đức Thế Tôn, bảy hòn đá đó so với núi Tu Di không là gì hết"*. Đức Phật [nói]: *"Cũng vậy, một người mà chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì Phiền não của họ còn ít giống như bảy hòn đá, còn Phiền não mà họ đã đoạn được giống như núi Tu Di vậy"*.

Tức là tới Sơ quả Tu-đà-hoàn là cỡ đó, cho nên mình thấy khó là đúng. Bởi vì Phiền não mình nhiều như núi Tu Di, mà đoạn còn có bảy hòn đá thôi thì mới chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cho nên thấy là quá khó.

Nhưng nếu mình học, mình thấy có những quả vị trước đó không tới mức đó, thì thấy dễ hơn. Chúng ta thấy tới đó là ngon rồi, ví dụ quý vị tới Noãn vị thì cũng ít đọa ác đạo rồi, thậm chí có những vị trí khác đỡ [hơn nữa]. Còn hồi xưa mình thấy chúng sanh giống như rùa mù gặp bọng cây, thì thấy khó quá. Nếu mình tu kha khá thì không đến nỗi rùa mù gặp bọng cây trên biển đâu. Cho nên từ đó quý vị yên tâm.

Sau khi chúng ta học những phẩm vị đó, chúng ta thấy hình như mình tới đó, nhiều khi vậy đó! Từ đó mình tự tin hơn trên con đường lộ trình giải thoát. Chứ còn không thì mình cứ bi quan, bi lụy, sợ, tại vì mình không biết mình đang ở đâu. Giống như một người đi từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh, họ không biết họ đang đi ở đâu, họ kêu không biết bao giờ tới, vì con đường chưa bao giờ đi. Nhưng nếu họ có bản đồ, bữa nay tới Nghệ An, bữa nay tới Quảng Bình, bữa nay tới Huế rồi đây, là mình biết con đường mình đi cũng có ngày đến. Có nghĩa là mình đã đi được một đoạn, thì niềm tin của mình đối với Phật pháp sẽ mạnh hơn, đối với chính mình sẽ mạnh hơn, và sự an lạc cũng theo đó mà đi theo.

Tiếp theo có một cách nói về con đường giải thoát nữa, cũng là trích trong

kinh:

Con Đường Giải Thoát

"Ở đây tôi là Bà-la-môn. Sa-môn là dòng Sát-lợi. Nhưng Sa-môn, Bà-la-môn đều chung một con đường, tìm cầu một giải thoát như nhau. Sa-môn có thừa nhận chúng ta cùng một con đường chăng?"

Ở đây có một ông Bà-la-môn tới hỏi đức Phật. Đoạn kinh này quá dài nên Thiện Trang không trích, nói chung tới chất vấn đủ thứ, nhưng đoạn lúc này là ổng hỏi (đức Phật): Tôi cũng là Bà-la-môn, Sa-môn. Vậy chúng ta có cùng một con đường (tức là con đường giải thoát) không?

Đức Phật bảo Bà-la-môn: "Ông có thấy vậy chăng?"

Bà-la-môn đáp: "Tôi thấy như vậy".

Đức Phật bảo: "Ông hãy khởi tâm ý hướng về một giải thoát duy nhất, đó là Chánh kiến".

Hôm nay mục tiêu của đoạn này là Thiện Trang giới thiệu cho quý vị một giải thoát, đó là Chánh kiến. Bây giờ Chánh kiến là gì? Chúng ta suốt ngày hay nói Bát chánh đạo, tóm lại Chánh kiến là gì? Bữa sau Thiện Trang sẽ giới thiệu Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, v.v… mình sẽ học hết. Những điều này [là] căn bản mà.

Bà-la-môn bạch đức Phật: "Chánh kiến tức là một giải thoát duy nhất, hay còn có giải thoát nào nữa?"

Đức Thế Tôn nói: "Còn có giải thoát khác nữa, để đắc Niết-Bàn. Sự ấy có tám. Đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. (Chúng ta biết Bát chánh đạo nằm ở đây). **Bà-la-môn, đó là đạo có tám chi dẫn đến Niết-Bàn".**

Cho nên khẳng định tu để đến Niết-Bàn phải có tám điều này: Chánh kiến,

Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Mỗi vị sư giảng thông thường đưa ra một định nghĩa khác nhau. Định nghĩa này có trong kinh, nên Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị lần lượt Bát chánh đạo này theo trong kinh.

Bà-la-môn hỏi: "Có chúng sanh nào biết được đạo tám chi này không?" (Tám chi này quan trọng như vậy [thì] có chúng sanh nào biết không?)

Đức Phật nói: "Số ấy không chỉ một trăm nghìn. Bà-la-môn, nên biết, có vô số trăm nghìn chúng sanh biết đạo tám chi ấy". (Chúng ta chắc cũng biết đúng không? Cũng may mắn).

Bà-la-môn hỏi: "Có hạng chúng sanh nào không hiểu được đạo tám chi này chăng?" (Có hiểu không? Chắc chúng ta chưa hiểu đó).

Đức Phật nói: "Hạng chúng sanh không hiểu, không phải chỉ một người". Tức là rất đông. Cho nên mình không hiểu cũng [đúng].

Sẵn ở đây giới thiệu tiếp, cũng bộ kinh đó:

11 Hàng Chúng Sanh Không Đắc Đạo

Mình phải tránh, cố gắng né điều này, tại vì không đắc đạo mà.

Bà-la-môn hỏi: "Có hạng chúng sanh nào không thể đắc pháp này chăng?"

Đức Phật nói: "Cũng có hạng chúng sanh không đắc đạo. Hạng người ấy có mười một. Những gì là mười một? Đó là: (1) gian ngụy, (2) ác ngữ, (3) khó can gián, (4) không biết đền trả, (5) hay ganh tị, (6) giết cha mẹ, (7) giết A-la-hán, (8) đoạn thiện căn, (9) việc thiện trở lại làm ác, (10) chấp có ngã, (11) khởi ác niệm nhắm đến Như Lai. Bà-la-môn, đó là mười một hạng người không thể đạt đến đạo tám chi này".

Đây là đoạn khai thị rất quan trọng. Tại vì sao? Nếu chúng ta rơi vào 11 hạng

người này thì chúng ta không thể nào đắc đạo được. Mình phải tránh!

1. Gian ngụy: Gian ngụy là thế nào thì chắc quý vị cũng biết rồi đúng không? Ngụy là ngụy quân tử, dối trá. Gian là gian xảo, dối trá. Như vậy nếu tu hành mà gian xảo, dối trá thì không đắc đạo được đâu.

2. Ác ngữ: Ác ngữ là những lời [nói], viết, v.v… ác.

3. Khó can gián: Người này tính tình ngang bướng quá, nói không nghe, khó can gián. Họ thích làm gì thì họ làm thôi.

4. Không biết đền trả: Đây là những người vô ơn, không biết đền trả, thì điều này không được.

5. Hay ganh tị: Tính hay ganh tị là cũng không được đắc đạo.

6. Giết cha mẹ: Điều này là phạm vào Ngũ nghịch, không đắc đạo.

7. Giết A-la-hán: Cũng phạm vào Ngũ nghịch.

8. Đoạn thiện căn: Đoạn thiện căn này mai mốt chúng ta học trong phẩm Hiền Thánh có. Tức là mình tu mình có thiện căn rồi, nhưng mà sau đó mình làm gì đó thụt mất thiện căn. Đáng lẽ vào địa vị, xong [lại] rớt. Bao giờ quý vị tới địa vị thứ hai trong Tứ gia hạnh là Đảnh vị, thì không đoạn thiện căn. Còn nếu [vào] mấy địa vị trước thì [vẫn có thể bị] thụt [lại]. Giống như vào Noãn vị rồi nhưng thiện căn có thể bị mất. Tất nhiên chắc chắn [rồi] cũng sẽ chứng Niết-Bàn, nhưng sẽ lâu hơn. [Còn] Thiện căn mà còn là đi miết với mình.

Thiện Trang nói cho quý vị biết điều này, đây là Thiện Trang cảm nhận thôi: là ai ở trong đời này mà rất hiền thiện, thật thà, sống chân chất. Rồi người ta dù có thế nào chăng nữa thì cũng làm người tốt, không bị xã hội phồn hoa này chi phối, tức là không kéo người ta vào đường xấu được. Những người đó có thể là rơi vào chỗ không đoạn thiện căn này. Không đoạn thiện căn tức là người ta phải từ địa vị thứ hai trong Tứ gia hạnh, là Đảnh vị. Nên biết đâu [có] những người như vậy. Quý vị là những người như vậy thì quý vị có thể vui mừng, biết đâu mình đã

vào Đảnh vị mà mình không biết. Tại vì vô mấy địa vị đó thì quý vị không biết đâu, phải vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thì quý vị mới biết được. Còn [vào] mấy địa vị trước, [như] Thế đệ Nhất vị thì quý vị cũng không biết đâu, chỉ khi học thì may ra mình cảm nhận được.

9. Việc thiện trở lại làm ác: Điều này đang thiện rồi mà trở lại làm ác thì thôi rồi, không đắc đạo.

10. Chấp có Ngã: điều này cũng khó, chưa phá Ngã thì không thể nào đắc đạo. Vô Ngã là Niết-Bàn mà, tức là A-la-hán mới Vô ngã.

11. Khởi ác niệm nhắm đến Như Lai: Điều này cũng thuộc về tội Ngũ nghịch. Quý vị coi thử coi mình có rớt vào đây không? Cho nên cứ coi cho kỹ nha. Có những vị tu, ví dụ như quý vị thấy ông tướng cướp Vô Não (Angulimala) giết tới 999 người, mà cuối cùng cũng chứng A-la-hán, vì không rớt vào trường hợp này. Hoặc là như Tôn giả Ca Lưu Đà Di là một người quậy tưng bừng thời Phật, thuộc về Lục quần Tỳ-kheo. Quý vị thấy có việc vui lắm, Thiện Trang kể cho [quý vị nghe] cho vui.

Có một Đạo sĩ Bà-la-môn khác, họ hằng ngày giảng dạy pháp dưới một gốc cây, giống như cây Bồ đề vậy đó. Hồi xưa thời Ấn Độ [là] vậy. Sáng ra có người Đệ tử lúc nào cũng ra quét qua quét lại cho sạch, rồi trải tòa ra cho Sư phụ tới giảng. Sư phụ ở cái thất gần đó, ngày nào cũng tới đó giảng, rồi đại chúng tới đó ngồi nghe. Bữa đó Tôn giả Ca Lưu Đà Di đi ngang qua, xong rồi cãi cọ gì đó. Tôn giả Ca Lưu Đà Di [đi] vô thì có người cúng dường tiền, nên ngài mới thuê người tối nay tới chặt cái cây đó, bứng đi chỗ khác. Thế là ban đêm cho chặt, bứng cây.

Sáng ra, người Tiểu đồng, gọi là Đệ tử của ông Bà-la-môn kia, cũng như mọi ngày ra quét quét mà không thấy cái cây đâu hết, thì mới khóc nói: *"Ủa sao qua một đêm mà cái cây đâu mất rồi?"* Về báo Sư phụ cái cây mất rồi, không biết tại sao. Thế là thầy trò ôm nhau khóc: *"Cái cây mất rồi, bây giờ làm sao giảng pháp?"* Thế này thế kia...

[Lúc đó] Tôn giả Ca Lưu Đà Di đi ngang qua, ngài cười haha, nói: *"Ông biết tại sao cái cây mất không?"* [Vị kia nói:] *"Tại sao mất? Ông thần nào lấy?"* [Tôn giả Ca Lưu Đà Di nói]: *"Tui nè, tui thuê người tối hôm qua tới chặt sạch".* Từ đó [ông kia] méc lên Phật. Phật mới cấm là sau này không được làm vậy nữa. Tức là ngài quậy tưng bừng.

Rồi có giới là cấm sát sanh. Tôn giả Ca Lưu Đà Di vốn là tướng quân, cho nên có khả năng bắn cung thiện xạ. [Tôn giả] thấy người ta bắn chim, kêu: *"Mấy người bắn kém quá. Đưa đây tui".* Thế là ngài bắn một loạt tên, vèo, vèo, vèo, cả đàn quạ rớt xuống. Ổng nói: *"Ô, bữa nay có đàn quạ đem nướng thịt rồi".* [Thế là] ăn. Các Tỳ-kheo mới báo lên Phật. Đức Phật từ đó chế giới là không được sát hại chúng sanh. Quý vị thấy Tôn giả Ca Lưu Đà Di có nhiều chuyện hài lắm. Sau này quý vị biết ngài có rất nhiều chuyện, nhưng sau ngài cũng đắc đạo A-la-hán.

Cho nên là không rơi vào 11 điều này thì có thể đắc đạo A-la-hán. Chúng ta có thể nói như vậy. Tất nhiên còn nhiều điều khác nữa, nhưng mà ở đây nói tóm tắt.

Bà-la-môn, đó là mười một hạng người không thể đạt đến đạo tám chi này.

Khi Phật nói đạo tám chi này, ông Bà-la-môn liền dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn Thanh tịnh. Rồi Bà-la-môn Thi La nói với năm trăm Đệ tử: "Các ngươi ai có sở thích gì thì hãy tự mình tụng tập. Ta nay muốn theo Như Lai khéo tu Phạm hạnh".

Tức là [vị Bà-la-môn] được nghe giảng pháp một chút thôi là đắc đạo luôn, dứt sạch trần cấu, đắc Pháp nhãn Thanh tịnh. Có chỗ chú giải đây là chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, tại vì có chữ "dứt sạch trần cấu". Còn nếu chỉ có Pháp nhãn [Thanh] tịnh thôi, thì có chỗ cũng nói là Tu-đà-hoàn, có chỗ nói là đắc địa vị trước Tu-đà-hoàn. Điều này Thiện Trang cũng không biết, do không thấy chú giải, không ai chú giải. Chỉ lời Phật nói mới chính xác, [còn] các chú giải đời sau thì mình cứ tham khảo thôi.

Các Đệ tử bạch rằng: "Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo". (Tức là ông Bà-la-môn này được độ rồi, ổng đi theo đức Phật. Các Đệ tử của ổng cũng xuất gia học đạo).

Bấy giờ, Bà-la-môn cùng năm trăm Đệ tử thảy đều quỳ xuống, chắp tay bạch Thế Tôn: "Cúi mong Thế Tôn nhận cho chúng con xuất gia học đạo".

Đức Phật nói: "Hãy khéo đến đây, Tỳ-kheo! (Tức là Thiện Lai Tỳ-kheo đó.) **Hãy đến với Như Lai mà tu hành phạm hạnh Vô thượng, để dần dần dứt sạch nguồn khổ".**

Đức Như Lai nói xong lời này, năm trăm Bà-la-môn tức thì thành Sa-môn. Sau đó Đức Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói các đề tài vi diệu cho năm trăm người này nghe; đề tài về thí, về giới, sanh thiên (thí là bố thí, về giới, về sanh thiên. Chúng ta hay niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên đó). **Dục là bất tịnh tưởng, xuất yếu là an lạc. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Thế Tôn bấy giờ rộng nói chi tiết cho những người này nghe. Tức thì năm trăm người hoàn toàn dứt sạch các Lậu, đắc Pháp thượng nhân.**

(Kinh số 6-Chương 9: Phóng Ngưu – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

(Phóng ngưu là thả bò).

Như vậy đắc Pháp thượng nhân này là pháp nào? Dứt sạch các Lậu, hết hoàn toàn các Lậu tức là hết các Phiền não, thì phải là quả vị A-la-hán. Cho nên Khổ, Tập, Diệt, Đạo này rất quan trọng. Quý vị thấy cứ gặp đức Phật là ngon đúng không? Cách Phật giảng là gì? Đầu tiên là giảng cho người ta mấy đề tài về bố thí, về giới, về sanh thiên, cho người ta thấy vui. Xong rồi lên đó một hồi giảng luôn Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, giảng một hồi là đắc đạo thôi. Còn chúng ta do căn lành yếu, duyên nghiệp của chúng ta nặng, chúng ta không sanh vào thời Phật, không chính thức được gặp đức Thế Tôn, cho nên chúng ta học nhiều [mà vẫn] trơ trơ, đúng không?

Tại vì thứ nhất là thuốc mình uống không đúng. Thứ hai là bác sĩ không phải là bác sĩ chuyên nghiệp, toàn là y tá mới học nghề, chưa tốt nghiệp bác sĩ, cho nên không thể nào chữa bệnh tốt được. Giống như y tá mới ra nghề đó, kiểu như vậy. Chứ còn y tá mà là A-la-hán thì cũng tốt. Còn bây giờ Pháp sư toàn là người phàm phu, có người nào giỏi lắm thì cũng vào các địa vị Tứ gia hạnh v.v… hoặc Sơ quả Tu-đà-hoàn thì vẫn chưa ăn thua. Nói chung A-la-hán thuyết pháp còn chưa được tốt nữa, tức là chưa tốt bằng Phật, huống hồ chi người bình thường.

Ở đây Thiện Trang muốn giới thiệu thế nào là Chánh kiến, và có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên để sanh Chánh kiến. Quý vị thấy không ạ? Cách của Thiện Trang là gì? Thiện Trang muốn giới thiệu cho quý vị điều nào cũng có trình tự, rất là trình tự, rất là bài bản. Quý vị có để ý không? Ví dụ như Bát chánh đạo là con đường để giải thoát sanh tử, vậy thì Chánh kiến là gì? Chánh tư duy là gì? Chánh nghiệp, Chánh mạng v.v... Và muốn thành tựu những điều đó thì phải thành tựu những gì? Thiện Trang luôn luôn dạy theo trình tự logic như vậy. Cho nên nếu quý vị học với Thiện Trang, ai mà chịu khó là thu nhận đạt được rất nhiều lợi ích. Quý vị nên học một trình tự [như vậy], để sau này quý vị truyền lại cho những người đời sau, cố gắng truyền như vậy.

Chứ chúng ta cứ đem lên hỏa mù, không sắp xếp một thứ tự nào cả, thì việc tu học của mình khó lắm. Mình học phải có sơ đồ, bước trước, bước sau. Bây giờ mình biết Bát chánh đạo là bí quyết để chứng đạo Thánh. Vậy thì Bát chánh đạo mình tu như thế nào? Bây giờ có 8 Tâm sở [để tu] đó, hồi bữa mình hỏi công thức 8 Tâm sở. Nhưng bây giờ Chánh kiến là gì thì mình phải biết, và làm sao để đạt được Chánh kiến thì phải [học]. Hôm nay giới thiệu cho quý vị Chánh kiến trong Bát chánh đạo.

Thế Nào [là] Chánh Kiến Và Bao Nhiêu Nhân, Duyên Để Sanh Chánh Kiến?

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: (Đoạn này là một đoạn dài, nhưng Thiện Trang trích ngài Xá Lợi Phất hỏi) **“Hiền giả Đại Câu**

Hy La, thế nào là Chánh kiến?" (Chánh kiến là thế nào? Chứ còn bây giờ mình suốt ngày nghe các vị thầy giảng, tóm lại đức Phật giảng trong kinh Chánh kiến là gì?).

Tôn giả Đại Câu Hy La đáp: "Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Đó gọi là Chánh kiến".

Quý vị thấy không ạ? Xưa nay quý vị nghe Chánh kiến, nào là biết đúng Chánh pháp, rồi nói vòng vòng nào là nói biết rõ điều này đúng, điều kia sai, v.v… Nhưng thật ra theo trong kinh, định nghĩa đơn giản thôi, là: "Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo". Tức là Tứ đế, mà quý vị biết như thật thì gọi là Chánh kiến.

Vậy mình biết như thật chưa? Đảm bảo chúng ta chưa biết như thật. Chúng ta biết thì biết sơ sơ thôi. Nói khổ, mình đã chấp nhận khổ chưa? "Thưa thầy đúng là đời khổ". Vậy biết đời khổ rồi mà vẫn chưa [buông], cũng còn ham đời mà, chưa buông đâu!

Rồi biết nguyên nhân của khổ chưa? Là Khổ tập đó. Rồi biết niềm vui sau khi diệt khổ là thế nào chưa? Biết như thật cũng không biết luôn. Và cuối cùng Khổ diệt đạo là con đường để diệt khổ, là Bát chánh đạo, hay là Tứ niệm xứ, hay là bộ chúng ta đang học [A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận] v.v… Biết như thật được như vậy mới là có Chánh kiến. Mà sự biết này, bây giờ học còn chưa học được nữa, thì làm sao biết như thật được, đúng không?

Quý vị coi thử, có rất nhiều đồng tu không có năng lực này. Ví dụ như học vô nền văn hóa truyền thống là ôm bên thế gian luôn, đâu biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo gì đâu. Cho nên là hãy học, học thì mới biết như vậy được.

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe xong khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu Hy La". (Như vậy là bữa nay có định nghĩa Chánh kiến rồi nha, rất ngắn gọn, là biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nói tóm lại là vậy).

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: "Hiền giả

Đại Câu Hy La, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên sanh Chánh kiến?" (Quý vị thấy hay không? [Ngài] từ bi hỏi cho mình đó, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên để sanh ra Chánh kiến. Chứ mà biết như thật, [vậy] bây giờ làm sao?).

Tôn giả Đại Câu Hy La đáp: "Có hai nhân, có hai duyên sanh Chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân, có hai duyên sanh Chánh kiến".

Quý vị thấy ở đây muốn có Chánh kiến, [một là] phải từ người khác, tức là nghe người khác giảng. Và hai là quý vị phải từ nội tâm tư duy. Cho nên trong kinh đức Phật hay nói là: "Này các Tỳ-kheo, đây là bìa rừng, đây là gốc cây, đây là căn nhà trống. Các Tỳ-kheo hãy ngồi kiết già (có khi là nói ngồi bán già gì đó) mà tư duy về các pháp Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã v.v..."

Tư duy là nội tâm mình tư duy. Cho nên học rồi phải có thời gian thỉnh thoảng tư duy một chút. Chứ không phải là "đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến", điều đó khác. Học Phật pháp, ở đây đức Phật khuyên là thường tư duy, tức là mình thường xuyên nghĩ về điều đó. Ví dụ bữa nay nghe Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã rồi, thì ngày nào [đó] mình ngồi, có khi quý vị không cần công phu niệm Phật đâu, quý vị chỉ cần ngồi đó [tư duy]: "Đời khổ thiệt đó ha! Sanh ra khổ, đi làm khổ, có con cái khổ, rồi sinh con cũng khổ. Bây giờ có chồng cũng khổ, tiền nhà tiền tháng gì đó cũng khổ, lúc chết cũng khổ". Nói như Kinh Vô Lượng Thọ là sanh khổ, già khổ, chết cũng khổ, bệnh cũng khổ, hôi thối bất tịnh chẳng có gì vui.

Mình thường xuyên tư duy như vậy thì mới thành tựu được về Khổ. Rồi bắt đầu mình nói: "Vậy tại sao mình khổ?" Tại vì có nhiều ham muốn nên khổ, mong cầu nhiều thì khổ nhiều v.v... Tóm lại nhiều Phiền não cho nên khổ v.v.. đủ các khổ. Đó là mình tư duy. Rồi nghĩ: "Sao các ngài không khổ?" Vì các ngài diệt được hết các [Phiền não] đó. Các vị Thánh giống như đức Phật Thích Ca, đức Phật Ca Diếp, hoặc là các vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, các ngài đã vượt qua con đường đó. Bởi vì các ngài không còn khổ nữa, diệt được hết khổ rồi. Và con đường đó chính là [sự] tu tập.

Thường xuyên nghĩ như vậy, thật ra quý vị không biết có tác dụng gì đâu. Nhưng Thiện Trang thấy thế này, rất là đơn giản, là cứ tư duy nhiều như vậy thì dần dần hình như tư duy của mình mạnh lên, tức là nó dồn vào trong A-lại-da thức đó, cho nên dần dần phát ra được, thì chúng ta mới mạnh được. Đó là lời đức Phật dạy.

Đây mới là Chánh kiến thôi đó, phải tu như thế. Như vậy phải có: Một là duyên từ người khác, tức là mình phải nghe giảng pháp; hai là nội tâm tư duy. Hai nhân này, hai duyên này để sanh Chánh kiến.

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe xong khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu Hy La".

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: "Hiền giả Đại Câu Hy La, có bao nhiêu chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức?"

Bây giờ làm sao để thâu nhận được, để cuối cùng mình được tâm giải thoát (tâm giải thoát quả tức là tâm giải thoát), rồi tuệ giải thoát (điều này nằm trong quả vị A-la-hán), rồi đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức? Cho nên bài Kinh này cực kỳ hay, quý vị thấy không ạ? Có đầy đủ hết. Những chữ Thiện Trang để đỏ là quan trọng, quý vị cứ nhớ những dòng chữ đỏ này.

Tôn giả Đại Câu Hy La đáp: "Có năm chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả; đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức. Những gì là năm? (Vậy bây giờ mình chỉ cần tu năm điều này đúng không? Tức là mình phải có Chánh kiến, Bát chánh đạo rồi, nhưng mình phải tu năm điều này).

Một là được thâu nhiếp bởi chân đế. Chân đế thì tất nhiên khác Tục đế. Mình nói đơn giản, quý vị hay nói tất cả các pháp Thế gian là Vô thường, mình hiểu được Chân đế [là như vậy]. [Ngoài ra] Chân đế chính là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nói

chung có rất nhiều cách nói.

Hai là được thâu nhiếp bởi Giới. Quý vị biết là [mình phải] có Giới. Tức là đằng trước là thật ra nói Tứ đế: Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, hoặc là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thứ hai là mình phải có Giới (Giới trong Giới luật).

Ba là được thâu nhiếp bởi bác văn. Bác là rộng rãi, văn là nghe. Tức là quý vị phải học rộng nghe nhiều. Muốn được giải thoát thì phải học rộng nghe nhiều.

Bốn là được thâu nhiếp bởi Chỉ. Chỉ này là Chỉ trong Thiền chỉ, phải tu Thiền chỉ.

Năm là được thâu nhiếp bởi Quán. Quán là Thiền quán.

Cho nên năm điều này đưa đến giải thoát là đúng. Tại vì thật ra, tóm lại [là] quý vị phải thông được giáo pháp, quý vị phải giữ giới. Rồi quý vị phải nghe nhiều, chứ nghe ít quá thì mình lấy gì để xài, đúng không? Rồi bốn là phải tu Thiền chỉ, năm là tu Thiền quán.

Đó gọi là năm chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức". Tu bấy nhiêu đó thôi. Bộ Kinh này cực kỳ quan trọng, quý vị thấy trích đoạn vậy thôi mà có bao nhiêu thứ quan trọng.

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe xong khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu Hy La".

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành.

(Trích từ Kinh Số 211: Kinh Đại Câu Hy La – Kinh Trung A Hàm).

[Đây là] Thiện Trang dẫn từ Kinh A Hàm. Quý vị thấy Kinh Trung A Hàm không [thôi] mà thấy cũng đủ hay, tại vì Kinh Trung A Hàm nhiều hơn Kinh Nikaya. Kinh Trung A Hàm có tới 222 bộ kinh, còn Kinh Trung Bộ bên Nikaya thì chỉ có được một trăm mấy bộ kinh đó, ít hơn, nhất thời Thiện Trang quên mất [số chính

xác].

Kinh Tạp A Hàm và Trung A Hàm rất hay. Nếu quý vị có thời gian, mà quý vị thích nghe về nền tảng cơ bản [Kinh] Nikaya và [Kinh] A Hàm, thì Thiện Trang khuyên quý vị hãy nghe bắt đầu từ Trung A Hàm. Kinh Trung A Hàm hay và giọng đọc cũng rất hay, có rất nhiều câu chuyện và nhiều tấm gương tốt. Ví dụ Thiện Trang thích câu chuyện mà nói ba vị Tôn giả sống với nhau rất hòa hợp: Tôn giả Nan Đề, Tôn giả Kim Tỳ La và [một vị] Tôn giả nữa. Ba vị đó sống trong rừng rất là đoàn kết, sống rất là tuyệt vời với nhau.

Đó là những câu chuyện, những hành trạng, mà thực sự Thiện Trang thích coi Kinh A Hàm, Kinh Nikaya hay hơn những câu chuyện của Tổ sư Trung Hoa. Hay hơn chỗ nào quý vị biết không ạ? Tức là ở trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya hoặc là tạng Giới luật của Phật thì luôn luôn nói sự thật. Sự thật thì có khổ đau, đắng cay, và cũng có ngọt ngào, có cả nước mắt lẫn nụ cười. Nghĩa là trong các câu chuyện đó, có những câu chuyện mình đọc lên [thấy] xót xa vô cùng, nhưng mang lại những bài học rất tốt. Tại vì sao?

Ví dụ như câu chuyện hôm bữa quý vị thấy Thiện Trang trích từ Kinh Tạp A Hàm, câu chuyện Lão Nam Nữ. Tức là hai vợ chồng già đó, họ già quá rồi, [họ đang ngồi] hơ lửa. Đức Phật mới nói thấy họ tội không! Người thì lưng cong rồi mà họ vẫn còn ái nhiễm với nhau như vậy. Nếu hồi xưa, lúc còn trẻ nếu họ đi làm lụng siêng năng, thì họ đã có thể giàu nhất thành Xá Vệ. Nếu thời gian đó mà họ đi xuất gia thì có thể đắc được Đệ nhất Thánh quả A-la-hán. Vào phần thứ hai của cuộc đời, nếu họ làm lụng siêng năng thì họ cũng giàu thứ nhì của thành Xá Vệ, và nếu họ đi xuất gia, tinh tấn tu tập thì họ đắc được đệ Tam quả A-na-hàm. Vào thời kỳ thứ ba của cuộc đời, nếu họ siêng năng làm lụng thì họ cũng giàu thứ ba của thành Xá Vệ, và nếu đi xuất gia thì họ cũng đắc được Nhị quả Tư-đà-hàm. Và phần thứ tư của cuộc đời, nếu như họ siêng năng làm lụng thì họ cũng giàu thứ tư của thành Xá Vệ, và nếu đi xuất gia thì họ đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nhưng này A Nan, bây giờ họ quá già rồi, không có cách nào, dù có làm lụng cũng không có giàu được nữa. Dầu có đi xuất gia chăng nữa thì cũng không đắc được pháp Thượng nhân.

Quý vị thấy câu chuyện đó rất là xót xa, nhưng mà mình hiểu ra được rất nhiều điều. Thứ nhất là số phận không phải là một điều gì đó mình bị trói buộc, mà do mình nỗ lực, do những nỗ lực trong đời. Và thời gian tuổi trẻ rất quan trọng. Cho nên nếu không biết [lo tu từ sớm], thì không có được [nhiều lợi ích]. Và quý vị rút ra được: là tu học Phật pháp [nên] tu từ lúc còn trẻ, càng trẻ bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu, xóa đi câu: *"Tuổi trẻ vui nhà, tuổi già vui chùa"*, và câu *"tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ hơn là đi tu"*. Thờ cha kính mẹ hơn đi tu sao được? Đi tu người ta đắc quả A-la-hán kìa, quý vị thấy không?

Câu chuyện đó là trong Kinh Tạp A Hàm. Trong Kinh Nikaya cũng có câu chuyện như vậy, nhưng chi tiết có khác một chút, là hai vợ chồng đó được kế thừa gia sản, mỗi người 8.000 lượng vàng, hai người giàu lắm, 16 ngàn lượng vàng, mà cuối cùng già như vậy đó. Và quả vị chứng thì nói khác nhau chút, ví dụ người chồng đắc quả A-la-hán, vợ thì đắc Tam quả A-na-hàm, cứ rớt xuống một bậc như vậy.

Thực ra thì cũng giống nhau, Thiện Trang kêu thôi mình không cần, chỉ cần lấy câu chuyện một bên là được rồi. Nhưng nói để quý vị bên Nam truyền, những người coi Kinh Nikaya đừng nói Thiện Trang nói sai, mà hai bên có khác nhau một chút. Mình đừng nói: "Thầy Thiện Trang nói bậy". Không! Quý vị nên coi cả hai, rồi quý vị nói.

Nhiều người lâu lâu cứ học một bên, rồi bắt đầu kêu: "Thầy đó nói bậy". Không phải! Quý vị chưa học bên kia, mình phải có sự so sánh. Cùng một câu chuyện, có khi chính ngay trong Kinh Nikaya, nhưng câu chuyện đó lặp qua hai bộ kinh khác nhau: Một bên là Tăng Chi, một bên là Kinh Trường Bộ, hoặc Tiểu Bộ, v.v… thì đã không giống nhau rồi, có khi khác một chút. Đó là mình nói khác một chút, không sao đâu, mình học thì lấy đại ý.

Quý vị thấy những câu chuyện như vậy mang lại nỗi buồn, mình thấy xót xa cho hai vợ chồng đó. Cho nên có người hỏi: "Thưa thầy, lẽ ra đức Phật biết hai người đó có khả năng đắc độ, mà sao không cứu họ, không giúp cho họ đi xuất gia

để chứng đạo quả, cuối cùng để người ta già như vậy? Trong khi ông tướng cướp Vô Não (Angulimāla) trước khi giết mẹ, đức Phật thấy không ổn rồi nên phải tới cứu ngay, để ổng không giết mẹ, để còn đắc quả A-la-hán. Chứ ông giết mẹ thì rơi vào tội Ngũ nghịch rồi, không đắc A-la-hán được. Tại sao [đức Phật] không làm như vậy?"

Quý vị có thắc mắc tại sao không? Tại sao đức Phật không công bằng? Ngài tướng cướp Vô Não thì giúp, còn hai người vợ chồng đó sao không giúp đi, vì người ta cũng có thể đắc A-la-hán mà. Quý vị có thấy đức Phật có một năng lực thông hết tất cả, mà tại sao như vậy?

Thật ra mình nghe tóm tắt câu chuyện nên mình không hiểu, nhưng nếu đọc kỹ lại kinh, thì mình thấy ngài tướng cướp Vô Não là đã phát nguyện trong đời trước rồi, khi ra bị dân ném đá cho đến chết thì ngài phát nguyện trả thù, và cũng phát nguyện đời sau gặp đức Phật sẽ thành tựu. Còn hai vợ chồng kia không có phát nguyện, và họ [tu] không đủ, trong đó nói là họ phải nỗ lực siêng năng thì mới đạt được như vậy. Còn bây giờ không nỗ lực siêng năng, tà tà thì không đạt được. Đức Phật biết duyên chưa tới, thì thôi kệ, cho họ đi tiếp, có thể đời sau nào đó họ [sẽ được] độ.

Cho nên đức Phật cũng chỉ độ người có duyên, và trong Kinh A Hàm chúng ta thấy đức Phật nói: *"Giống như nhà có ba đám ruộng: một đám ruộng rất tốt, một đám ruộng vừa, và một đám ruộng xấu. Khi gieo lúa thì phải ưu tiên gieo cho đám nào?"* Ông đó nói: *"Tất nhiên là phải gieo cho đám ruộng tốt trước chứ, sau đó hết rồi mới gieo sang đám ruộng vừa".* [Đức Phật hỏi]*: "Hết rồi sao?"* [Ông đó nói]: *"[Hết rồi thì gieo sang đám ruộng xấu"*. [Đức Phật nói]: *"Cũng vậy, đức Như Lai không phải không bình đẳng với tất cả chúng sanh. Nhưng Ta phải ưu tiên độ người có thiện căn chín muồi trước, rồi mới tới hạng trung, rồi mới tới hạng hạ"*.

Cho nên mình là hạng hạ, mình không được độ nè! Mình không được độ là do mình không chịu nỗ lực, không chịu cố gắng. Quý vị thấy học kinh Phật, mình càng học thì càng thông suốt, hay như vậy, có những câu chuyện xót xa, nhưng

[giúp mình] tốt lên. Còn nếu chúng ta chỉ nghe những câu chuyện như bên Trung Hoa, quý vị thấy thường là những câu chuyện theo hướng rất tốt đẹp. Vị nào cũng tốt đẹp, không có Tập khí, Phiền não. Rồi sanh ra đời là đồng chân đi xuất gia, lớn lên đắc đạo thành Tổ sư. Mình thấy các ngài tuyệt vời quá. Còn nếu mình nghe trong Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, quý vị thấy có [những vị] có Tập khí, Phiền não ghê gớm, nhưng cuối cùng cũng đắc được. Ví dụ như ngài Tôn giả Ca Lưu Đà Di, trước khi đắc quả ngài là một trong những vị đắc A-la-hán mà Tập khí, Phiền não [rất nhiều], đủ thứ chuyện. Có những chuyện đọc ra cười vỡ bụng, những chuyện dâm dục v.v… đủ luôn, nhưng ngài được một điều là thật thà, Phật chế ra giới nào là ngài giữ giới đó.

Cho nên có chuyện Thiện Trang kể rồi đó, ví dụ như chuyện ngài trang trí phòng (thất) cho thật đẹp, rồi mời các Phật tử nữ vô trong đó để sàm sỡ. Cô nào không chịu được thì ra nói: *"Hôm nay trong Tịnh xá, mà lại giống như trong nước mà tự nhiên có lửa, tự nhiên có chuyện kỳ lạ như vậy".* Còn mấy cô khác thích thì nói: *"Ngài làm đi chứ, ngài vô việc chính đi, ngài cứ vòng vòng hoài, không làm việc chính".* Ngài nói: *"Phật cấm dâm dục rồi, tôi không làm được việc chính, tôi chỉ vòng vòng vậy thôi".* Tức là có những chuyện như vậy. Nhưng rõ ràng là ngài có căn lành đấy chứ, và cuối cùng sau khi bị một nạn thì ngài cũng giác ngộ.

Đó là mới kể những chuyện sơ sơ, còn những chuyện ghê hơn nữa kìa, thôi để lúc nào kể. Nhưng thật sự quý vị thấy có rất nhiều người có Phiền não, Tập khí rất lớn, vào trong đạo Phật, xuất gia [với] đức Phật. Hoặc là vị Tôn giả tên gì Thiện Trang quên rồi, ông mê Phật quá nên theo Phật xuất gia. Tức là nhìn thấy tướng Phật đẹp quá, mê mà không có cách nào nên đi theo Phật. Phật vô cứ cho, ổng mê đức Phật nên suốt ngày nhìn ngắm đức Như Lai mắt mãi không rời. Ngắm nhìn kiểu ô nhiễm, chứ không phải ngắm nhìn Như Lai không rời giống như mình, mình nhìn là chiêm ngưỡng cung kính. Còn ổng là nhìn say đắm theo kiểu ái dục.

Cuối cùng đức Phật biết, nhưng Ngài chưa thuyết pháp gì hết, dần dần bỏ ổng, không cho ổng đi theo. Ổng nằm giống như bệnh tương tư vậy, tương tư Phật, riết rồi bị bệnh. Khi ổng bị bệnh sắp chết thì Phật mới quay về thăm. Ổng mừng

lắm, ngồi dậy, sau đó đức Phật thuyết cho một bài pháp. Quý vị có thể coi Kinh Nikaya, có câu chuyện đó rõ ràng, đức Phật thuyết: *"Có gì đâu, thân thể Như Lai hôi thối này" v.v… "Ai thấy pháp là thấy Như Lai, ai thấy Như Lai là thấy pháp".* Khi thuyết xong bài đó thì ổng cũng đắc quả. Tức là sắp chết rồi, bệnh tương tư Như Lai mà cuối cùng được đắc quả, đắc độ. Nghĩa là đức Phật luôn quán xét rằng: miễn là có duyên thì Ngài sẽ độ, cho dù là thiện duyên, hay ác duyên v.v…

Hoặc là có [câu chuyện]: Có bà thấy đức Như Lai vào, bà chạy ra ôm Phật, kêu: *"Ơ, con trai ta! Con trai ta".* [Có vị] Tôn giả nói: *"Bà không thể ôm đức Thế Tôn được".* Đức Phật nói: *"Cứ để bả ôm".* Bả ôm, bả nói con trai của bả mà. Một hồi xong rồi đức Phật thuyết pháp, thì bà cũng đắc đạo, hình như là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói*: "Tại vì hồi xưa bả cũng là mẹ Ta trong đời quá khứ, nên bây giờ khi gặp lại thì giống như tiềm thức của bả khởi lại. Cho nên khi bả thấy Ta là nhận ngay con của bà. Nhờ [sự việc] đó, nên Ta thuyết pháp thì bà có thể tiếp nhận và đắc đạo".*

Đức Phật luôn luôn có phương tiện độ sanh, Ngài với trí tuệ của một bậc giác ngộ thông suốt ba đời. Còn chúng ta chẳng có năng lực đó, nên chúng ta nói mỏi cả miệng, rớt nước mắt, rồi đủ thứ các kiểu, nghe xong thì cảm động nhưng rồi cũng như không. Quý vị cố gắng nha, Thiện Trang chia sẻ là tại sao học kinh điển hay như vậy.

Và những câu chuyện trong kinh luôn luôn có hai chiều, tốt có, xấu có, lẫn lộn. Có những chuyện, ví dụ Thiện Trang nhớ học trong Giới luật, có vị đó rất tội nghiệp. Tức là bỏ hết sự nghiệp giàu có, tất cả mọi thứ, từ một người đại gia đi xuất gia, nhưng cuối cùng lại phạm giới với một cô kỹ nữ, để bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Có những chuyện mình nghe thấy rất xót xa, nếu quý vị nhìn theo chiều hướng xấu thì quý vị sẽ nói: "Sao kỳ vậy?" Nhưng những câu chuyện đó gợi lên cho mình ấn tượng rất mạnh, bởi vì sao? [Vì] thấy xót xa như vậy, cho nên những người nào học qua câu chuyện đó, mỗi khi người ta muốn phạm giới hay đụng tới chuyện sắc giới chẳng hạn, thì người ta sẽ liền nhớ tới chuyện đó, vì người ta có

ấn tượng.

Cho nên tại sao đạo Phật là đạo của sự thật, cứ nói thẳng ra, nói trắng ra, nói cho tới cùng, thì người ta sẽ giác ngộ. Còn cứ thêu hoa dệt gấm, nào [là] mai mốt viết lịch sử cho đẹp vô, nào là vị thầy đó [tuyệt vời], v.v… Quý vị thấy vị nào [viên] tịch xong rồi chúng ta cũng viết như vậy, viết lên cả lịch sử đẹp vô cùng, nào là từ nhỏ sinh ra trong gia đình, giống như cha mẹ có người báo mộng cho được mang thai. [Rồi] ra đời, lớn lên không có một chút nào xấu, đi học rất tốt, ngoan hiền, không có bóng hồng nào ở trong tim. Sau này lớn lên đi xuất gia, hoằng dương Phật pháp, cuối cùng chứng đạo quả làm Tổ sư.

Mình nghe vậy thì thật sự cũng tốt, cũng hay, một sự trong sạch thật là tuyệt vời, nhưng mình làm không được. Vì sao? Vì chúng ta là người trong trần, vì trong trần nên chúng ta còn rất nhiều những Phiền não, Tập khí, kiểu này kiểu kia. Cho nên chúng ta thấy chắc mình không có hy vọng rồi, đúng không?

Còn nếu quý vị coi những câu chuyện thời đức Phật ở trong kinh, đặc biệt trong Luật tạng. Thiện Trang hơn quý vị tại gia một chút là Thiện Trang được học Luật tạng, có nhiều câu chuyện mà Thiện Trang cảm thấy rất hay. Những người nào mà khùng khùng, điên điên [giống] như cô mà bị mất mấy đứa con, rồi mất chồng, v.v… nhưng cuối cùng vẫn đắc đạo. Rồi những người quậy phá tưng bừng vô [cũng đắc đạo], miễn là vào [được Phật pháp].

Cho nên trong Kinh Đại Bảo Tích, đức Phật mới nói là: **"Giống như các con sông chảy vào biển lớn, tuy là có nhiều dòng nước, có nhiều vị. Nhưng vào biển lớn thì chỉ có một vị, đó là vị mặn. Cũng vậy, giáo pháp của Như Lai chỉ có một vị, đó là vị giải thoát".** Tất cả mọi người vào trong giáo pháp Như Lai đều đạt được giải thoát, tất nhiên [sớm] hay muộn mà thôi. Quý vị thấy tuyệt vời như vậy tại sao không học? Thiện Trang thấy cứ ôm kinh mà học, quý vị chỉ cần học kinh thôi là thành công.

Đời nay quý vị thấy Sư Minh Tuệ chứng minh cho mọi người thấy: là ta không cần phải biết ngôn ngữ gì cao sang, nào là Hán cổ, nào là Pali, nào là

Sankrit… không bằng ta chỉ ôm hai bộ chính là Nikaya và A Hàm. Tất nhiên ngài cũng không bỏ Kinh Đại Bảo Tích, kinh Đại thừa. Nhưng rõ ràng chỉ cần thực hành theo Nikaya và A Hàm thôi, là đã có được lợi ích lớn rồi, huống hồ chi nếu có thể thọ trì được cả kinh Đại thừa nữa. [Quý vị] phải cố gắng theo nha! Cho nên Thiện Trang nói vẫn phải là "y pháp bất y nhân", kinh Phật vẫn tuyệt vời hơn. Kinh Nikaya và Kinh A hàm quá nhiều, quý vị học chưa hết đâu, [còn] kinh Đại thừa nữa, nhiều lắm, quý vị cứ học đi rồi từ từ [sẽ] sáng tỏ.

Còn những người có tâm phân biệt, nói kinh này không phải Phật thuyết, kinh kia không phải Phật thuyết, quý vị chưa đủ các Chánh kiến để xác định điều đó. Nên nhớ, chưa chứng quả Tu-đà-hoàn thì quý vị chưa có Chánh kiến, khi chưa có Chánh kiến thì quý vị chưa xác định được bộ kinh nào là Phật thuyết hay không. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn của Trường Bộ nói rõ: **"Chớ vội bác điều gì nếu chưa có căn cứ".** Nên nhớ như vậy! Cho nên phải cố gắng khiêm tốn học, chứ đừng có vô mà thấy điều gì trái ngược với mình là bác hết. Chưa chắc! Những điều gì trái ngược với mình chưa chắc đã sai, nên nhớ như vậy! Những gì thuận theo mình chưa chắc đã đúng. Tại vì sao? Có thể mình vào đã sai, cho nên là chưa chắc nha!

Đạo Phật là đạo giác ngộ, giác là tỉnh giác, luôn sáng suốt, con đường mình đi không được sai, một bước chân lỡ sai là sai rồi, hướng đi lỡ sai là trật rồi. Một lối rẽ khác thì có thể dẫn đến Tà đạo rồi. Làm sao ta biết là ta đã bước đi được chính xác chưa, khi ta chưa có Chánh kiến của một người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Trong kinh nói rõ ràng: là chỉ có người [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì mới xác nhận được niềm tin không cần dựa vào người khác. Điều này Thiện Trang đã trích rồi. Và người đó từ đó trở đi chỉ có quy y Phật, không bao giờ bỏ nữa. Bởi vì sao? Bởi vì họ xác định rất chính xác giáo pháp, còn chúng ta chưa tới Sơ quả Tu-đà-hoàn thì chưa đâu. Nhớ học cho nhiều đi, học nhiều thì tự nhiên sáng tỏ, nó bung ra. Chứ còn quý vị cứ nghe ít quá, học không đủ, mình không có bác văn (là đa văn) thì [sẽ] có vấn đề. Đó là Thiện Trang chia sẻ kinh nghiệm [như vậy] .

Hôm nay Thiện Trang xin trở lại với mục Tâm sở. Ở đây có 52 món Tâm sở.

Thiện Trang xin nhắc lại, nhắc đi nhắc lại cho quý vị thuộc luôn, khỏi mất công học nhiều.

[52 món Tâm sở] gồm: 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện và 25 Tâm sở Tịnh hảo. 13 Tâm sở Tợ tha gồm: 7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh. Chúng ta biết trong tất cả các trạng thái hoạt động của mình, thì luôn luôn có 7 Tâm sở [Biến hành] là: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. Có thể có một số trường hợp có 6 Tâm sở Biệt cảnh: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỉ, Dục. Còn bây giờ chúng ta đang học ở phần 14 Tâm sở Bất thiện gồm: 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành (chúng ta đã học qua), Biến hành tức là trong Tâm sở Bất thiện luôn luôn có 4 [Tâm sở]: Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử; và 10 Tâm sở Biệt cảnh thì chúng ta đang học.

Hôm trước chúng ta đang học nhóm Tham phần gồm có: Tham, Tà kiến, Ngã mạn. Hôm nay chúng ta sẽ học nhóm Sân phần gồm: Sân, Tật, Lận, Hối. Bữa sau nữa chúng ta sẽ học nhóm Do dự và Trì trệ gồm: Hôn trầm, Thùy miên và Nghi. Hôm bữa mình đang học đến Tâm sở Tham thôi, bữa nay chúng ta học Tâm sở Tà kiến và Ngã mạn. Và nếu có thời gian thì chúng ta sẽ học luôn hết cho đủ. Chúng ta cố gắng học, bởi vì học hết những điều này [thì] chúng ta tu được khá nhiều.

Bữa nay chúng ta học [Tâm sở] Tà kiến, Tà kiến là gì? Nãy mình học Chánh kiến rồi, thì ngược lại với Chánh kiến là Tà kiến, [điều này] dễ đúng không quý vị? #Tà kiến dịch nghĩa trong A Tỳ Đàm là mê tín, là quan điểm. Tức là Tà kiến là sự nhận định, sự cố chấp theo một pháp sai, không đúng với chân lý, [với] bản thể thật. Có nghĩa là bây giờ [điều] đúng là như vậy mà mình lại cho là khác. Mình không chịu chấp nhận sự thật, mà mình nhận định, chấp chặt theo, và đi theo pháp sai, không đúng với chân lý, bản thể sự thật.

Thật ra Tà kiến là sản phẩm phụ của Si, tức là do Si mà ra, nên nó biến hành là vậy đó. Tức là [Tâm sở] Biến hành chắc chắn có mặt [Tâm sở] Si. Có Si thì sẽ dẫn thêm Tà kiến, và tất nhiên có Si thì sẽ dẫn thêm Tham v.v… Do Si mà kéo theo Tà kiến, chứ nếu quý vị có trí tuệ thì khó có Tà kiến lắm, mà quý vị sẽ có Chánh kiến.

Đằng trước thì chúng ta thấy có tâm Tham, bây giờ thì chúng ta thấy có Tà kiến.

Tà kiến là nhận thức sai đối với Chân pháp, gọi là Tà kiến. Tức là đối với pháp chân thật thì mình nhận thức sai. [Học] Tâm sở này thì chúng ta liên hệ giữa Tâm sở Si, Tham và Tà kiến, chúng ta đối chiếu luôn. [Tâm sở] Si đã được giải thích ở trên, bữa trước mình học rồi, bây giờ [Thiện Trang] nhắc lại luôn. [Si] là che mù ý và làm mù Pháp nhãn, không thấy được Thật tánh Các pháp, tức là Si nên không thấy được Thật tánh của các pháp. Si làm cho chúng sanh thấy các pháp là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Đáng lẽ chúng ta phải thấy Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã thì mới được, đằng này chúng ta thấy Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ví dụ chúng ta thấy cuộc đời còn dài cho nên cứ từ từ tu, đó là thấy Thường. Đời vui mà Sư Thiện Trang nói khổ, đâu có phải đâu, đời vui mà, đó là ta thấy Lạc. Rồi thấy mình làm chủ được cuộc đời mà, mình [muốn] giàu sang thì có giàu sang, muốn có xe thì có xe, đó là Ngã, trong khi biết là Vô ngã. Rồi Tịnh cũng có nghĩa là mỹ, là đẹp. Mình thấy cuộc đời vẫn vui, vẫn đẹp mà, người yêu đẹp, vợ con đẹp, chồng vợ đẹp, nhà đẹp. Mình thấy là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh rõ ràng mà, đâu có thấy Khổ - Không, Vô Thường, Vô ngã đâu. Cho nên nhận định đó là Si.

Bởi vì Tà kiến này nên Tham bám theo dai dẳng, dính mắc. Tức là từ Si kéo theo Tham và Tà kiến, Tà kiến là mình nhận định sai, mình thấy đời vui, thanh tịnh, đẹp, v.v… mình thấy thức ăn ngon, đâu có thấy bất mỹ, bất tịnh đâu, cho nên mình thích. Đó là do từ Si, nên dẫn đến Tham, dẫn đến Tà kiến, mình chấp như vậy, chấp mọi sự thật là hiện hữu.

Và Tà kiến này là căn bản phổ biến nhất để sanh ra Thân kiến và Ngã kiến. Thân kiến và Ngã kiến cũng là từ Tà kiến mà ra. Cho nên trong Duy Thức Đại thừa, quý vị thấy học Bách Pháp Minh Môn Luận, có chia ra sáu loại căn bản Phiền não là: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi và Ác kiến. Ác kiến chia ra 5 loại: Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ và Tà kiến. Đó là Ác kiến [theo] Đại thừa Bách pháp Minh Môn Luận. Quý vị thấy rõ ràng là từ Tà kiến mà ra thôi.

Thân kiến thì thuộc về Tà kiến này chứ không ở đâu ra. Thân kiến là do mình có chấp chặt thân này là ta, đó là một nhận định sai, [do] mình không thấy được Vô ngã, Không, Vô thường. Cho nên lúc đó mình có Thân kiến.

Còn Ngã kiến là gì? Có hai [loại] kiến: là Thân kiến và Ngã kiến. Thân kiến là chấp thân Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức này là ta, có ta trong đó, trong đó có ta. Còn Ngã kiến thì sao? [Nói đến] Ngã kiến là nhiều khi mình không biết. Ngã kiến thì vi tế hơn Thân kiến, Ngã kiến là mình chấp tin rằng có sự hiện hữu của một cái Ngã, hay chúng ta nói là có một linh hồn bất diệt. Tức là mình nói: À! Tôi có một linh hồn, nên chấp có linh hồn, nên gọi là Ngã kiến. Cho nên Ngã kiến phải tới địa vị A-la-hán mới hết.

Thân kiến thì Sơ quả Tu-đà-hoàn mới hết được. Tức là phần thô là Thân kiến thì Sơ quả Tu-đà-hoàn hết được, nhưng Ngã kiến thì khó lắm, phải tới Tứ quả A-la-hán mới hết. Cho nên không đơn giản đâu, coi vậy chứ Tà kiến này theo mình ghê lắm, từ Thân kiến quấn thêm [nhiều thứ] nữa. Như vậy Thân kiến thì từ Sơ quả Tu-đà-hoàn [là hết], còn Ngã kiến thì phải Tứ quả A-la-hán [mới hết].

Tà kiến này thông thường do nhiều kiến thức Biên kiến, #Biên kiến là chấp Thường và chấp Đoạn. Chấp qua một bên là đời dài mãi mãi, không bao giờ hết, hoặc là trong kinh thì nói đức Như Lai thường còn hay là không thường còn. Chấp một bên nào đó thì gọi là Thiên kiến. Rồi những ý tưởng kì lạ thì gọi là Hoang vu kiến. [Rồi] kiến của khu vực này, [khu vực kia], [như] quý vị sống ở khu vực đó có văn hóa như vậy, ví dụ khu vực đó người ta chết xong rồi thì lấy kim châm vào người, hoặc là chết rồi thì đem chôn gì đó… Đó gọi là Khu vực kiến. Rồi có những điều kì lắm, mỗi thời đại có đủ các loại. Nói chung có rất nhiều điều sinh ra Tà kiến.

Ví dụ mình sinh ra ở Châu Âu thì mình có kiến của Châu Âu, chưa chắc là tà nhưng mình theo [kiến] của Châu Âu. Rồi mình [ở] Châu Mỹ thì theo kiến của Châu Mỹ, hoặc mình [ở] Việt Nam thì theo văn hóa Việt Nam. Và bên nào cũng mặc định là mình đúng hết. Tại vì mình sống ở đó mọi người như vậy mà. Giống như Việt Nam mình thấy [mọi người] ra đường thì phải đi xe bên phải, nên mình mặc định

ra đường là phải đi xe bên phải. Và mình sống từ nhỏ đến lớn ở Việt Nam ra đường là luôn phải đi xe bên phải. Nhưng quý vị qua Thái Lan, Anh quốc (nước Anh) người ta đi xe bên trái. Vậy thì bên nào đúng? Bên nào cũng đúng. Đó là do có khu vực, do vùng đó [tạo] ra kiến [như vậy].

Cho nên các nền văn hóa mỗi [nơi mỗi] khác, và mỗi thời đại mỗi khác. Chính vì vậy huân tập cho mình rất nhiều Tà kiến. Tức là những điều nào không đúng với giáo lý của Phật thì gọi là Tà [kiến], những điều nào đúng với giáo lý của Phật thì không phải là Tà kiến, nói vậy cho dễ.

Cho nên có rất nhiều điều do mình sống ở trong môi trường đó, do mình ở thời đại đó, do mình ở trong gia đình đó, do mình học từ đâu đó, riết rồi mình áp đặt theo đó. Và mình bị 'tiên nhập vi chủ', tức là cái nào vào trước thì làm chủ. Và xui cho mình là cái đó không đúng với giáo pháp của Như Lai, thì trở thành Tà kiến. Và Tà kiến càng sâu bao nhiêu thì không gỡ ra được, khi mình nghe [điều khác đi] thì bị dội ngược [lại].

Ví dụ như mình học thuyết tiến hóa của Darwin, ai học cũng được trang bị lý thuyết đó, và mình mặc định thuyết đó đúng rồi, tại vì mình học từ nhỏ đến lớn mà, giả sử như vậy. Nhưng nếu quý vị có nghiên cứu sâu, người ta nói thuyết đó không đúng, khi nghe ai đó nói không đúng là mình [phản bác lại]: Người đó nói sai rồi, không đúng. Rồi khi nào mình học vào kinh Phật, ở đây Thiện Trang nói Thiện Trang hồi xưa không có tìm hiểu bên ngoài trước, Thiện Trang chỉ vô kinh Phật thôi. Thiện Trang thấy trong kinh Phật nói đâu phải loài người xuất phát từ động vật như vậy đâu, mà ngược lại loài người là từ trời Phạm Thiên (Quang Âm) xuống, v.v… thế này thế kia mà.

Lúc đó là một sự đấu tranh rất lớn, bởi vì sao? Mình thấy điều này khoa học nói có trình tự logic, còn kinh Phật lại nói một cách mơ hồ như vậy, làm sao mà biết được đây? Mình đâu có [chứng minh] được, bây giờ tin bên nào? Mình rất là đấu tranh, giằng xé giữa hai bên. Lúc đó Thiện Trang mới biết Phật pháp thôi, Thiện Trang chưa có biết sâu. Thiện Trang kêu: Điều này khó quá! Khó thực sự!

Nhưng mình phải tin vào đức Phật chứ, cho nên ráng tin. Và nghĩ thôi kệ, là điều kia sai nhưng mình không biết tại sao sai, còn tin kinh Phật đúng nhưng không biết tại sao đúng. Sau này bắt đầu học dần dần rồi hiểu cõi Trời, học điều này, học điều kia, đọc nhiều kinh thì biết: À, kinh Phật dạy tất cả hiện trạng ở Thế gian đều đúng hết. Tại vì hồi xưa mình ít biết quá, nên đức Phật đưa ra điều đó mình tưởng là mê tín.

Sau này Thiện Trang học về các châu khác, ví dụ như Châu Uất Đơn Việt (Bắc Cô Lô Châu), chế độ xã hội của họ hoàn toàn không giống với mình ở đây. Ví dụ như họ sanh ra đời, họ chẳng phải đi làm gì hết, ăn rồi đi chơi. Muốn ăn thì tới lấy mấy cây củi, lấy đá sắp sẵn rồi bỏ lên đó thành cái bếp, nấu nướng một chút rồi ăn, hoặc lượm trái cây ăn. Và người ta cũng chả có chế độ gia đình gì hết, nam nữ đi chơi thỏa mái vậy đó. Rồi gặp nhau [nếu] thích thì dẫn nhau vô trong bụi, bụi cây đó không biết nghiệp lực thế nào đó, biết hai người không có huyết thống thì phủ lá xuống, rồi ở trong đó sống với nhau bảy ngày. Xong ra là sinh đứa con, mà cũng chẳng nuôi đứa con luôn, còn sinh ở đầu gối nữa. [Nghe vậy] mình cũng khó mà tin được đúng không? Quý vị nghe sinh con ở đầu gối. Rồi đặt đứa bé ở ngoài đường, mỗi người đi ngang qua họ lấy ngón tay để vô trong miệng đứa bé, thì tiết ra chất giống như sữa, bảy ngày sau nó lớn.

Bảy ngày là một con số, chứ không phải là con số 7 ngày. Quý vị nên nhớ, số 7 trong kinh Phật là một thời gian lâu, chứ không phải là nhất định. Đứa bé lớn lên rồi cũng trở thành người bình thường. Y phục ở đó người ta cũng chả cần trộm cắp, khi xuống tắm thì họ cởi hết quần áo để ở trên bờ, tắm xong rồi họ lên thì cứ lấy [bất cứ] đồ nào [của ai] mặc vô thôi, chứ không cần quan tâm là đồ của ai hết.

Hồi xưa mình nghe như vậy thì mình rất khó chấp nhận, bởi vì sao? Một xã hội như vậy sẽ loạn hết đúng không ạ? [Vì] họ không giống mình, mình thấy rất khó chịu, bởi vì mình có Kiến thủ kiến, mình giữ Tà kiến của mình rồi. Nhưng sau này Thiện Trang học nhiều, Thiện Trang kêu: Sao đức Phật nói họ đều giữ Thập thiện, tất cả người Bắc Cô Lô Châu đều sanh lên cõi Trời. Mai mốt mình học tới Thị xứ Phi xứ, trong mười điều lực của Như Lai, có một điều gọi là Thị xứ Phi xứ lực,

là trí tuệ năng lực mà biết đâu là đúng, đâu là sai. Đức Phật mới cử một ví dụ như người Bắc Cô Lô Châu sau khi chết mà sanh vào đường ác, không sanh lên cõi Trời, thì đó là một điều Phi xứ. Và nếu biết tất cả người Bắc Cô Lô Châu mạng chung đều sanh lên cõi Trời, đó là Thị xứ, đó là điều chính xác. Và đức Phật nói họ đều tu Thập thiện, mình thấy: 'Ủa, Thập thiện đâu? Họ tà dâm mà!' Mình thấy sao nam nữ [họ lại] như vậy, nhưng mà đức Phật nói là Thập thiện, tại vì sao? Vì xã hội là như vậy.

Cho nên về sau khi Thiện Trang qua nước ngoài ở một thời gian rồi, thì Thiện Trang mới nói là: Tà dâm của người Việt thì tội nặng, nhưng tà dâm ở phương Tây thì tội nhẹ. Có người hỏi: *"Thưa thầy, bên phương Tây nam nữ cũng tà dâm nhiều lắm, mà sao mặt mày của họ sáng vậy? Còn bên Việt Nam người ta tà dâm thì mặt mày lại tối thui?"*

Thiện Trang kêu có nguyên nhân, đó là vì quan điểm xã hội khác nhau. Ở phương Tây người ta chấp nhận chuyện đó, cho nên họ không bị áy náy, bức rức khi làm chuyện đó, sau việc đó thì họ thấy bình thường. Còn ở Việt Nam, người ta làm xong thì họ giấu giếm, họ có cảm giác tội lỗi, mặc cảm. Đó là bị tội rồi, [đã] kết nghiệp, trong A-lại-da thức lưu rồi.

Thứ hai nữa là bị áp lực từ gia đình, xã hội, mọi thứ, bị người ta nói: Con đó không đàng hoàng, thằng đó không đàng hoàng, hay cô vợ đó không đàng hoàng, thằng chồng đó không đàng hoàng v.v… Từ những người kia họ nghĩ xấu về mình, [nên] kết nghiệp từ đó. Còn ở phương Tây thì họ thấy bình thường. Nếu quý vị qua Châu Mỹ La-tinh v.v… thì nạn đó còn nhiều hơn nữa. Do họ quen rồi nên nghiệp nhẹ, [nhưng] không thể nói là không có nghiệp. Vì sao? Vì không phải tất cả mọi người ở trên thế giới này đều sống như vậy. Nếu tất cả mọi người ở trên thế giới này đều sống như vậy, thì việc đó không phải là nghiệp. Bởi vì [nếu] ai cũng mặc định chấp nhận chuyện đó, thì xã hội trở về nguyên thủy giống thời xưa, chế độ mẫu hệ người ta sống như vậy, thì không sao hết. Nhưng do phương Tây họ sống như thế, còn ở phương Đông, đặc biệt các nước Hồi giáo, các nước phương Đông… họ vẫn nhìn vào đó và thấy khó chịu, [nên] nghiệp kết từ đó. Chẳng qua là

anh ít nghiệp hơn thôi, chứ không phải là không có nghiệp.

Quý vị hiểu không? Tại vì có chúng sanh khó chịu, việc làm của mình mà khiến cho người khác khó chịu là có nghiệp trong đó, nghiệp xấu, nghiệp ác, và như vậy là có nghiệp. Chúng ta học Phật pháp thì phải hiểu biết như vậy, chứ không là mình không giải được những hiện tượng đó. Sau này Thiện Trang đọc nhiều kinh điển nên Thiện Trang giải được. Cùng một việc đó, làm ở xứ sở đó thì có thể nhẹ tội, nhưng làm ở xứ khác thì tội nặng hơn.

Cho nên đức Phật mới nói trong Giới luật, quý vị có thể coi ngay trong bộ Kinh Đại Bát Niết Bàn của Nam truyền, Kinh Nikaya: **"Này các Tỳ-kheo, tuy là những giới do đức Như Lai đã chế ra, nhưng sau này nếu các ông thấy không quan trọng, không cần thiết ở vùng nào đó, thì các ông có thể bỏ"**. Quý vị nhớ nha, [đức Phật nói] là có thể bỏ. Nhưng bây giờ chúng ta không biết giới nào là nhỏ nhặt. Rồi trong bộ Luật Ngũ Phần, quyển 21 hay 22 gì đó, đức Phật có nói: **"Có những điều tuy là Như Lai chưa chế ra, nhưng ở thời đại đó, ở quốc độ đó cần giữ thì các ông phải giữ"**. Hòa thượng Minh Thông nói: bây giờ ở Việt Nam bắt đi xe máy phải đội mũ bảo hiểm, nên Tỳ-kheo cũng phải đội mũ bảo hiểm khi đi moto. Đó là luật, tùy thời đại.

Bởi vì sao? Đức Phật chế ra giới là "tị thế cơ hiềm", tức là tránh những sự chê bai, những sự phỉ báng của chúng sanh đối với mình. Đó là đức Phật chế ra thêm mấy giới đó, còn thật ra giới chính thì chỉ có mấy giới thôi. Cho nên quý vị thấy Tỳ-kheo chỉ có 4 giới trọng là 4 giới Ba-la-di: là giới giết người, phá thai, và tợ thai; giới Dâm dục; giới Đại trộm cắp; và giới Đại vọng ngữ. Còn Tỳ-kheo-ni thì có 8 giới, thêm 4 giới nữa, nhưng nói chung cũng quy về 4 giới đó. Nếu phạm 4 giới đó thì không còn là Tỳ-kheo nữa, nhưng phạm ở mức độ trọng nha. Tức là trong 4 giới đó chia ra các mức độ: trọng… nếu chưa tới mức đó thì phạm ở mức độ thứ hai, quý vị cứ căn cứ theo đó. Người Cư sĩ cũng vậy, chúng ta đã học bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập rồi, quý vị biết thì quý vị suy ra. Thật ra Giới luật chỉ có bấy nhiêu giới đó, còn các giới sau là giới phụ, hỗ trợ cho giới đó, để [giữ giới đó] tốt hơn, và tránh tị thế cơ hiềm, tức là tránh để người ta không chê bai, chỉ trích.

Cho nên mình học kinh Phật thì phải học cho thấu đáo thì mới hiểu được, còn không thì mình học mơ mơ màng màng thì bị trói buộc trong đó rất nhiều. Có rất nhiều điều như phong tục của địa phương trói mình, rồi thêm học kinh mà cũng không biết thì [tự] trói mình luôn, như vậy rất khổ.

Thiện Trang xin trở lại chỗ Tâm sở, chúng ta chưa học xong Tâm sở Tà kiến. Tà kiến có 4 yếu tố: 1. Là trạng thái chấp cứng những gì không đáng chấp; 2. Phận sự là suy xét điều sai với sự thật; 3. Thành tựu của nó là chấp cứng theo sự nhận định sai; 4. Nguyên nhân chủ yếu nhất là chấp cứng rằng: chỉ có sự nhận thấy của ta là đúng, hay là không chịu gặp bậc hiền trí, nhất là đức Phật.

Quý vị để ý nha, ở đây nguyên nhân chủ yếu nhất [của Tà kiến] là chấp cứng, cho rằng sự nhận thấy của ta là đúng, rồi không chịu gặp bậc hiền trí, nhất là đức Phật, mình không chịu tiếp nhận, đó là mình rớt vào Tâm sở Tà kiến. Và sự chấp chặt này khó vượt qua lắm, rơi vào đó rồi thì khó ra, cho nên cũng nguy hiểm. Và những người nắm giữ Tà kiến thì dễ gây ra những sự va chạm ở thế gian. Ví dụ bây giờ quý vị thấy văn hóa ở phương Đông, như các nước Hồi giáo v.v… thì thường họ va chạm nhiều, khủng bố nhiều. Đó là do họ chấp chặt vào điều này, nên khi họ thấy [người] phương Tây làm những gì đó không đúng [với tri kiến của họ] thì họ khó chịu.

Tâm sở Tà kiến là thuộc về [Tâm sở] Biệt cảnh. Tại sao vậy? Biệt cảnh nghĩa là trong Tâm sở Bất thiện không phải nhất định lúc nào cũng có Tâm sở Tà kiến này, có lúc có, lúc không. Mình lấy ví dụ Tâm sở Sân, sân thì chưa chắc là có Tà kiến, nhiều khi sân nhưng không phải là Tà kiến. Ví dụ quý vị có Chánh kiến đấy, nhưng thấy người ta Tà kiến nên mình mới tức (sân). Hoặc là quý vị có tâm trạng Hôn trầm (buồn ngủ), thì quý vị đâu có Tà kiến được. Đang buồn ngủ thì Tà kiến chỗ nào, buồn ngủ thì ngủ thôi chứ. Cho nên Tà kiến là thuộc về Biệt cảnh. Biệt cảnh tức là có lúc không có, chứ không phải lúc nào cũng có. Còn Biến hành trong Bất thiện là lúc nào cũng có mặt hết. Ví dụ đang hôn trầm thì chắc chắn là có Si rồi, còn Tà kiến thì chắc chắn có Vô tàm, Vô úy.

Nhiều người nói: "Ủa sao Tà kiến mà có Vô tàm, Vô úy được?" Có, nhưng mình không biết, mình không nhận ra thôi. Tại vì sao? Vì Vô tàm, Vô úy này là đối với Phật pháp, mình có Tà kiến thì tất nhiên là mình có Vô tàm, Vô úy đối với Phật pháp rồi, cho nên rõ ràng là có.

Và Tà kiến thì tất nhiên là có Trạo cử rồi, vì tâm mình chấp vào đó và hướng về đó mà. Cho nên [Tâm sở] Biến hành có đầy đủ hết trong này.

Thiện Trang xin giới thiệu Tâm sở tiếp theo là Ngã mạn. Ngã mạn là gì? Ngã mạn là nhìn thân này như là ta, ta là giỏi nhất, ta biết nhiều nhất, ta không có đối thủ trong thế gian. Thiện Trang lấy ví dụ thôi, tức là thông thường mình tự cho là mình ngon lắm, mình giỏi nhất, như Thiện Trang cho Thiện Trang là giỏi nhất chẳng hạn. Rồi cho tôi là biết nhiều nhất, không ai biết bằng tôi, tôi đọc hết 5 bộ Kinh Nikaya, 4 bộ A Hàm, rồi bao nhiêu kinh Đại thừa tôi biết hết, kiểu vậy đó. Cho nên đó là Ngã mạn. Rồi ta không có đối thủ trong thế gian, đó là Ngã mạn to nữa. Ví dụ ta không có đối thủ trong xóm đó, ta không có đối thủ trong Pháp môn đó, đó thuộc về Ngã mạn hết.

Và [Tâm sở] Ngã mạn là sản phẩm phụ của 2 Tâm sở Si và Tham, có nghĩa là Ngã mạn là từ 2 Tâm sở Si và Tham mà ra. Si là mình nhận thấy sự vật sai, tại vì quý vị cho là có Ngã nên quý vị mới Ngã mạn. Đó là Si rồi. Và tại sao quý vị có Ngã mạn? Bởi vì quý vị có Tham. Tại sao tham? Bởi vì quý vị ham danh hay ham gì đó… Như tôi có danh là Đệ nhất Cư sĩ, Đệ nhất Pháp sư, Đệ nhất học vấn hay Đệ nhị, Đệ tam gì đó v.v… Nói chung là có những sự ham trong đó, cho nên sản phẩm phụ Ngã mạn xuất hiện. Nếu quý vị không có Si, không có Tham, thì chúng ta yên tâm, sẽ không có Ngã mạn đâu, vì có Chánh kiến mà.

Cho nên nhiều người nói: vậy mình có Tâm sở Ngã mạn không? Điều này thì mình phải thường xuyên suy xét. Mình học thì mình chịu khó kết nối lại. Tại vì ở đây Thiện Trang không có nhiều thời gian, Thiện Trang chỉ nói lược thôi. Nên quý vị cứ để ý từng chi tiết là tại sao [Tâm sở đó] có. Như vậy bây giờ muốn không ngã mạn thì phải làm sao? Điều này thì từ từ, để mình học rồi mình sẽ biết.

Tâm sở Ngã mạn này do Tâm sở Si hỗ trợ cho. Và ở đây thông thường có 9 trường hợp. Có người nói: ở trên nói không đủ. Thật ra Thiện Trang nói: ở trên nói không đủ. Tại vì sao? Có những người không cho là mình giỏi nhất, mà cho mình là dở nhất thì có được không? Có phải là Ngã mạn không? Trong này nói có 3 loại 9 trường hợp: 1. Mình giỏi hơn người và ỷ mình giỏi hơn người, là có Ngã mạn; 2. Mình giỏi bằng người mà mình cho là giỏi hơn người, cũng là Ngã mạn; 3. Mình kém hơn người mà mình cho rằng mình hơn người, cũng là Ngã mạn. Chứ không phải mặc định là tôi giỏi hơn, hay là tôi dở mà cho là tôi giỏi hơn, là Ngã mạn. Mà thật tế là mình có giỏi hơn mà cho là mình giỏi hơn, thì cũng là Ngã mạn. Hoặc bằng người ta mà mình cho là giỏi hơn thì cũng là Ngã mạn. Đó là 3 trường hợp.

3 trường hợp tiếp theo: là bằng người ta mà mình cho là mình bằng người ta. Hoặc mình giỏi hơn mà cho là mình bằng người ta, và mình dở hơn mà cho là mình bằng người ta, thì đều là Ngã mạn. Trường hợp này có không quý vị? Có luôn.

Còn trường hợp nữa là: Thưa thầy, con là phàm phu ngu dốt, con học dở v.v… Quý vị nghĩ trường hợp này có phải [là Ngã mạn] không? Có luôn. Đó là rơi vào 3 trường hợp cuối cùng, gọi là Ỷ thua. Tức là mình giỏi hơn người ta mà mình cho là mình thua người ta, mình bằng người ta mà mình cho là mình thua người ta, và mình thật sự thua người ta mà mình cho là mình thua người ta, thì [3 trường hợp] này đều là Ngã mạn.

Định nghĩa của Ngã mạn là quý vị xác định vị trí của mình so sánh với người khác. Khi còn có sự xác định so sánh như thế thì có Ngã mạn. Và xin nói với quý vị là chúng ta có Ngã mạn không? Ai nói không có [Ngã mạn] thì xin giơ tay thử coi, bình luận là con không có đi. Nếu quý vị bình luận mình không có Ngã mạn thì quý vị là siêu đẳng luôn. Quý vị biết là tại sao là siêu đẳng không? Vì Ngã mạn là 1 trong 10 Kiết sử, thuộc về năm Thượng phần Kiết sử, [chỉ] A-la-hán mới hết Ngã mạn, Tam quả A-na-hàm thì vẫn còn có sự so sánh giữa mình với người khác. Cho nên khi chúng ta là phàm phu thì chắc chắn chúng ta có Ngã mạn. Đừng nói sao (Sư) thầy Thiện Trang ngã mạn. Thôi khỏi nói! Chắc chắn là thầy Thiện Trang có luôn,

vì thầy Thiện Trang chưa chứng Tứ quả A-la-hán.

Cho nên đừng có nói giỏi, nói tài, tại vì mình không học giáo pháp nên mình cứ tự cho là mình ngon, mình nói là con không có Ngã mạn. Xin lỗi! 9 trường hợp trên là dính hết. Có ai mà không dính? Chỉ có A-la-hán mới không còn Ngã mạn thôi, tức là họ không còn có ý niệm so sánh nữa, không còn so sánh là tôi hơn người, tôi thua người, hay tôi bằng người nữa. Người không còn so sánh nữa thì mới hết Ngã mạn. Đó là [thuộc về] Ngũ Thượng phần Kiết sử.

Và tại sao chúng ta có sự so sánh? Bởi vì chúng ta sống nương tựa theo quá nhiều thứ. Ví dụ chúng ta [nói về] xuất thân: Tôi tự hào là tôi xuất thân từ gia đình quý phái, có học thức; còn thầy Thiện Trang thì xuất thân từ gia đình nông dân v.v… Đó là một sự so sánh. Và sự so sánh đó là Ngã mạn. Rồi nói về dòng dõi: Tôi ở cung đình Huế nè, [tên là] Công Tằng Tôn Nữ Bành Thị Lộ Liễu gì đó… nghĩa là tôi là con cháu của đời vua triều Nguyễn v.v… đủ thứ các kiểu. Đó là mình có sự Ngã mạn rồi, [cho mình] thuộc dòng dõi con nhà gia thế. Hoặc là ỷ mình là con của Bộ trưởng cấp nào đó… Ở Việt Nam có câu: "Ở nhà mặt phố, bố làm to". Kiểu như vậy đều là Ngã mạn.

Tiếp theo là so sánh về vẻ đẹp, vóc dáng: Tôi đẹp hơn bạn, tôi là Hoa hậu nè v.v… Hoặc là so sánh về [dáng vẻ] xấu xí như: tôi xấu hơn thầy, tôi không trang nghiêm bằng thầy… Đó cũng là Ngã mạn luôn. Đẹp hay xấu, hơn hay thua hay bằng gì [cũng đều] là Ngã mạn hết. Quý vị nên nhớ, so sánh cỡ nào, còn có sự so sánh là còn Ngã mạn.

Tiếp nữa là so sánh về tài sản: là tôi giàu hơn, tôi nghèo hơn, hay tôi bằng người ta, thì cũng là Ngã mạn. Rồi so sánh về trình độ học vấn, ví dụ như thầy Thiện Trang là trình độ Đại học Sư phạm Toán, còn tôi là Tiến sĩ nè. Hoặc là tôi thua thầy Thiện Trang, tôi học tới lớp 12 thôi. [So sánh] hơn hay thua hay bằng gì cũng đều là Ngã mạn cả, có sự so sánh là Ngã mạn.

Rồi về công việc thì dễ rồi: mình làm ngành này là ngành cao quý trong các ngành nghề cao quý. Hồi xưa Thiện Trang học ngành Sư phạm thì được mệnh danh

như vậy đó. Hoặc tự ti là tôi làm nghề này không được tốt, nghề bị người ta chê v.v… Đó là Ngã mạn. Mình bị [vướng vào] điều đó thì là Ngã mạn. Cho nên quý vị làm sao hết [so sánh] được, đâu có hết được.

Tiếp tục là so sánh về tài nghệ, về kiến thức (là biết nhiều hay biết ít), về sự học hỏi (là tôi học nhiều hay học ít), về biện tài (tôi nói giỏi, biện luận giỏi hơn hay thua gì đó) v.v… nhiều lắm. Nói chung biểu hiện của [Ngã mạn] là giương lên ngọn cờ tự khoe, nâng cao hoặc tâm đắc, hoặc là mình hạ xuống. [Dù là] nâng cao hay hạ xuống hay bằng người thì đều là [Ngã mạn]. Nói chung là chúng ta bị dính hết. Còn ai không dính thì quý vị là A-la-hán. Chứ không có cách nào quý vị [khỏi điều này], vì đây là Kiết sử mà. Cho nên mình muốn bớt thôi, bớt so sánh.

Và Thiện Trang thấy đa số đồng tu ai cũng có so sánh hết, so sánh thầy mình, rồi so sánh người này với người kia v.v… tu có tốt hơn không, đẹp hơn không, xấu hơn không, hiền hơn không v.v… so đủ các kiểu. Cứ so sánh hơn thua trong đó, còn so sánh thì còn có sự Ngã mạn. Mình tự hào kiểu gì, hay mình tự ti kiểu gì, đó đều là Ngã mạn. Cho nên cho rằng thấp hèn cũng là Ngã mạn, mà cho cao sang hay ngang bằng cũng là Ngã mạn hết. Cho nên điều này khó lắm.

Và nguyên nhân cơ bản nhất của Tâm sở Ngã mạn là Tham và Tà kiến. Tham là gì? Tại vì chúng ta có mong muốn một điều gì đó nên chúng ta mới so sánh. Ví dụ như muốn có địa vị thì người ta so sánh cho ngon: À, tôi học 5 bộ Kinh A Hàm rồi nè, còn quý vị chưa học. Mình có một cái danh trong đó, có một sự tự hào trong đó, đó là tham danh rồi. Hoặc là quý vị nói là: Tôi đâu có học được nhiều như thầy Thiện Trang đâu, tôi chỉ học bấy nhiêu đó thôi. Quý vị nói nghe tưởng như khiêm tốn lắm, nhưng thật ra là quý vị đang tham danh, nên đưa ra để bào chữa. Tức là mình so sánh như thế để bào chữa cho việc tham của mình. Cho nên đó cũng là Tham.

Và trong đó cũng có Tà kiến, vì mình nhận định sai. Nhận định sai này là nhận định sai về tà. Thật ra trên đời này những việc đó không có thật, tất cả những gì Thiện Trang kể như dòng dõi, xuất thân, địa vị quyền quý hay học vấn, v.v… thì

đâu có thật đâu. Vì sao không có thật? Vì đời này thì như vậy, nhưng đời sau thì không như vậy nữa. Đời này mình ra đời, mình có phước báo gì đó, hay mình đầu thai bằng tâm tốt rồi phước báo đi theo, mình làm vua hay làm chức này chức kia đủ các quyền, rồi mình đi học cao… Nhưng đời sau nghiệp quay một phát, xuống đi làm ăn mày, ăn xin. Rồi học vấn thì đời này giỏi ghê gớm, [nhưng] đời sau thì dốt đặc. Giống như ông Châu Lợi Bàn Đà Già, đời trước làm Pháp sư, cuối cùng quý vị thấy đời sau dốt, đâu có biết được.

Cho nên có rất nhiều nguyên nhân do mình chưa nhận định được, còn khi nào quý vị nhận thức được dòng luân hồi, quý vị biết là tất cả những điều đó là do duyên mà thành. Đời này ta có thân hình xinh đẹp, học giỏi hay là quyền quý cao sang là do nhiều duyên, mà thật ra là do phước cộng duyên tạo ra. Chứ nếu cho quý vị sinh ra ở Châu Phi thì quý vị có tự hào không? Không! Chắc chắn là không tự hào về những điều đó.

[Ví dụ] Thiện Trang sanh ra mà sanh vào gia đình khác thì cũng chưa chắc Thiện Trang được như bây giờ. Hoặc Thiện Trang sanh vào gia đình cao sang hơn thì Thiện Trang có thể ở một địa vị khác, có nhiều yếu tố như vậy. Đó là nghiệp thôi, do không hiểu về nghiệp nên chúng sanh có định chấp như vậy. Và chấp đó là Tà kiến, từ đó sanh ra Ngã mạn.

Còn nếu khi nào mình hiểu tất cả chúng sanh luân hồi từ vô thỉ [kiếp] đến nay đều là bình đẳng, vì địa vị quyền quý cao sang, học vấn, tất cả mọi thứ trên đời này đều là vô nghĩa. Bởi vì nó thoáng chốc như mây bay, thay đổi liên tục, qua mấy chục năm, mấy trăm năm là thay hình đổi dạng. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là **“cải hình dịch đạo”**; #cải là đổi, cải hình là thân hình; #dịch đạo là chuyển con đường [giữa]: Trời, Người, Ngạ quỷ, Địa ngục, Súc sanh, A-tu-la... Chúng ta đổi liên tục và quay như vậy cho nên không có điều nào để tự hào, cũng không có gì để so sánh.

Địa vị A-la-hán với nhận thức đó thì mới là A-la-hán, các ngài mới hết được [Ngã mạn], còn mình chưa có nhận thức đó. Mình nói là nói trên miệng chơi vậy

thôi, nói cho vui vậy thôi, chút nữa [lại] cũng tự hào: Tôi bữa nay giảng hay lắm đó, trên đời này ít có người Việt nào giảng hay được như tôi, đó là Thiện Trang tự nghĩ vậy đó. Rồi một hồi quý vị nói: Bữa nay mình tự hào là mình cũng may mắn lắm, bởi vì nghe được bài pháp rất tuyệt vời, bao nhiêu đồng tu kia đâu có được nghe. Tức là mình cũng có so sánh trong đó. So sánh hơn thì dễ nhìn thấy, còn ti liệt mạng là so sánh thua thì mình khó thấy, rồi so sánh bằng cũng khó thấy nữa. Thiện Trang nói Ngã mạn, là thường chúng ta thấy được ở sự so sánh hơn, còn so sánh thua, so sánh bằng là khó. Vậy phải làm sao? Quý vị cố gắng bám chặt giùm sự so sánh hơn, rồi sau đó bỏ đi.

Thiện Trang thấy ở trong lớp học các đồng tu cũng vậy, một hồi rồi cũng bắt đầu so sánh. Cho nên tâm [so sánh] đó không thể không [có]. Hồi xưa thì mình thấy khó chịu, nhưng sau này mình thấy điều này nằm ở Ngũ Thượng phần Kiết sử mà, A-la-hán mới hết, cho nên bình thường. Cho nên quý vị cứ so sánh nói thế này thế kia, thầy này thế này, thầy kia thế kia, cô này thế này, cô kia thế kia. [Mình đều] cười hết, vì sao? Vì chúng sanh là như vậy, vì phàm phu là như vậy. Cho nên hãy xem tất cả chúng sanh là phàm phu, vì họ còn nhiều Phiền não mà thương họ, như vậy thì dễ hơn. Còn xem tất cả chúng sanh là Phật, Bồ-tát, mình là phàm phu thì không được, tại vì thấy [chúng sanh] là phàm phu rõ ràng mà.

Quý vị thấy hay không? Học như thế này mới vui vẻ, hoan hỷ và từ đó trở đi ta không chấp lỗi người nữa. Bởi vì ai cũng có Ngã mạn thôi. Đừng nói là không có Ngã mạn, có Ngã mạn [nhưng] cao hay thấp, ít hay nhiều thôi. Cho nên từ đó vô tư, [thấy] đời vui phơi phới. Quý vị học bộ A Tỳ Đàm này, quý vị [sẽ] nhìn mọi người theo cách nhìn thông cảm, nhìn mình rõ hơn, nhìn sáng suốt hơn, và tự nhiên sống một cách đơn giản nhẹ nhàng, đâu có căng thẳng, đâu có ép buộc người ta đâu.

Còn học kiểu Đại thừa mà suốt ngày ép buộc người này, ép buộc người kia, tại sao thầy Thiện Trang giảng pháp ngã mạn thế, tại sao thế này, tại sao thế kia, tại sao huynh đệ ngã mạn... Chính mình đang so sánh là mình có Ngã mạn rồi. Còn người ta Ngã mạn cũng là bình thường thôi, bởi vì người ta chưa phải là A-la-hán.

Nên nhớ như thế! Cho nên từ đó tâm mới thanh tịnh. Ở đây chúng ta đang học [Tâm sở] Ngã mạn, bây giờ chúng ta học luôn cho hết mấy Tâm sở tiếp theo.

Ở đây còn một vấn đề nữa, để [Thiện Trang] chiếu lại ba Tâm sở: Tham, Tà kiến, Ngã mạn. Ba [Tâm sở] này gom chung lại gọi là nhóm Tham phần. Nhóm Tâm sở này có nhiệm vụ kéo dài vòng đời hay vòng sanh tử mà chúng ta gọi là vòng luân hồi. Cho nên chủ yếu ba [Tâm sở] này kéo chúng ta đi vào vòng đời sanh tử luân hồi. Vì chúng ta có Ngã, có Tà kiến, có Tham, ba điều này là chính yếu để chúng ta đi vào dòng đời. Dù kinh Đại thừa nói cỡ nào, quay quay một hồi quý vị [cũng] phân tích những điều đó ra, nó cũng nằm ở trong này. Nếu quý vị sáng suốt [thì] phá được, nhưng điều này khó, vì [những Tâm sở này] thuộc [nhóm] Tham phần.

Ví dụ chư Tổ hay nói là: *"Ái bất trọng bất sanh Ta Bà".* Ái chính là tham, mà mình [lại] quá nặng, không nặng thì không thể sanh vào Thế giới Ta Bà này. Tham đó từ đâu mà ra? Thật ra là do Tà kiến nhìn ra sai, và do chấp có Ngã mạn 'tôi thế này, thế kia', cho nên từ đó mà ra. Thực ra là ba loại Phiền não Tham, Sân, Si thôi. Si sâu quá, Tà kiến là thuộc về Si rồi. Về Ngã mạn, thông thường Ngã không được thì có Sân. Nhưng Sân chúng ta chưa học, bây giờ chúng ta học luôn.

Còn một điều nữa là vì sao Tâm sở [Ngã mạn được] gọi là Biệt cảnh? Tâm sở Ngã mạn này là Biệt cảnh. Thông thường chúng ta có sự so sánh, nhưng có những lúc thì không có sự so sánh. Trạng thái nào không có sự so sánh, quý vị biết không? Quý vị cứ lấy ra một trường hợp là được. Ví dụ như chúng ta đang buồn ngủ, thì có so sánh gì đâu. Khi đang hôn trầm, đang buồn ngủ thì làm gì có so sánh ai với ai đâu, đang ngủ gục mà. [Nên] [Tâm sở] Hôn trầm này không có [Ngã mạn đi kèm]. Cho nên mới gọi là Biệt cảnh, tức là có những trường hợp không có.

Còn [Tâm sở] Biến hành thì những trường hợp xấu là có hết. Hoặc trong trường hợp có nghi, nhiều khi đâu cần phải có Ngã mạn mới nghi. [Ví dụ] nghi vấn đề nào đó thì đâu cần có Ngã mạn đâu. Có khi nghi cũng là do bị Ngã mạn mà nghi, nhưng có trường hợp nghi mà không cần có Ngã mạn. Ví dụ chúng ta nghi về giáo

pháp, nghi về một người nào đó đúng hay sai, thì mình đâu có Ngã mạn, đâu có sự so sánh hơn thua gì trong đó. Nên đấy là bình thường. Nhưng có những lúc nghi, vì [cho] mình giỏi hơn người đó, mình không biết nên mình nghi về vấn đề đó chẳng hạn. Đó là thuộc về Ngã mạn. Nhưng có những điều nghi bình thường thôi, ví dụ như nghi là không biết A-la-hán có Thần thông hay không? Đó chỉ là một sự nghi bình thường thôi. Tâm sở Nghi như vậy không thuộc về Ngã mạn, không có Ngã mạn đi kèm. Cho nên gọi là Biệt cảnh.

Như vậy Thiện Trang đã giới thiệu qua hết được ba Tâm sở Biệt cảnh: Tham, Tà kiến và Ngã mạn. [Thiện Trang] giảng luôn hết Tâm sở, để mai mốt mình học Luận Câu Xá dài dài chút. Tiếp theo chia sẻ về nhóm Sân phần. Nhóm Sân phần thì gồm có: Tâm sở Sân, Tật, Lận, Hối. Những [Tâm sở] này thì chắc chúng ta cũng có nhiều lắm, đúng không?

1. Tâm sở Sân: nếu chúng ta đếm trong này [thì Tâm sở Sân] là Tâm sở thứ tám trong Tâm sở Bất thiện, hoặc là Tâm sở thứ tư trong Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh. Sân chính là sự tức giận, sự hờn, sự buồn rầu, sự ghét, sự ác cảm, sự căm thù, v.v…

Phần này mình phải học rộng như vậy, chứ nói Sân không [thôi] thì quý vị không hiểu. Sân là gì? Sân là sự tức giận, ai cũng biết điều này rồi. Nhưng sự hờn trách cũng có Sân, và buồn rầu cũng thuộc về Sân. Chứ không phải mình nói buồn rầu không phải là Sân, buồn rầu [cũng] là đang sân. Tại sao quý vị buồn? Vì bất mãn với điều gì đó nên mới buồn. Cho nên ngay điều đó mà mình cũng không biết là mình sân. Buồn vì ta bất mãn với cuộc đời sao éo le quá, buồn vì ta cầu mà không được.

Ví dụ như người ta thất tình người ta buồn, đó là Cầu bất Đắc khổ. Rồi buồn vì đáng lẽ mình cầu thầy Thiện Trang khen mà thầy Thiện Trang chê mình quá, [nên] mình buồn. Đấy cũng là Sân. Buồn là Sân nha! Cho nên học bộ A Tỳ Đàm, học Duy Thức rõ như vậy thì mới tu. Chứ suốt ngày mình nói sân, sân… nhưng mình chỉ biết sân là tức giận thôi. Còn mình đâu biết buồn cũng thuộc về Sân đâu. Hờn

là sân thì cũng có thể hiểu được. Rồi ghét ai đó hay ghét việc gì đó là Sân.

Mà tại sao ghét? Thông thường có yêu thương thì có ghét, tức là có thích thì có ghét. Thích không được thì ghét, đối ngược [lại]. Giống như quý vị thích màu xanh, mà ra tới chỗ đó người ta chơi toàn màu đỏ rực, [nên mình ghét]. Ghét màu đỏ rực, vì mình kêu màu đỏ là màu của những người háo thắng. Hoặc thầy Thiện Trang để [bảng] Tâm sở [Bất thiện] toàn màu đỏ. Thiện Trang cố tình để màu đỏ [vì bất thiện là] xấu mà, xấu nên để màu đỏ. [Mình thì] nhìn màu đỏ chói mắt quá, khó chịu quá, [đó là] Sân đó. [Hoặc] thấy màu đen mình ghét thì cũng là Sân. Ghét là [thuộc về] Sân.

Rồi có ác cảm không? Có nhiều! Thấy người đó là có ác cảm rồi, là Sân đó. Nên đừng nghĩ mình không có, mình không học bộ này thì mình không biết được đâu. Mình cứ nói sân, sân, sân… tưởng tức lên là sân, đó là một trạng thái thôi. Rồi sự căm thù [cũng là] Sân, điều này rõ ràng rồi, sự căm thù này thì ai cũng biết, v.v… có những trường hợp như vậy. Cho nên định nghĩa trong [tiếng] Pali là: tự ác độc hại gọi là Sân. Tức là những gì ác, mà độc hại cho chính mình thì gọi là Sân. Tại sao Sân độc hại cho chính mình? Vì nó hại mình trước.

Cho nên sự tức giận, sự hờn, sự buồn rầu, sự ghét, sự ác cảm, sự căm thù, đều là Sân. Không học [bộ này] mà quý vị đòi *"Con xưa đã tạo bao nhiêu ác nghiệp; Đều do vô thủy Tham, Sân, Si; Từ thân ngữ ý mà sanh ra; Tất cả con nay xin sám hối"*. Sám hối có hết đâu! Vì sao? Vì có biết Sân là gì đâu. Nên không học vô kiến thức này, mình cứ học trên văn tự, suốt ngày nói sân, sân... Quý vị thấy không? Không học bộ này thì tu điều gì. Nền tảng căn bản không có thì làm sao tu được.

Cho nên tu bao nhiêu năm, mình sân mà đâu có biết mình sân. Tôi tưởng tôi buồn vì tôi tu không được, tôi buồn vì sao hôm nay thầy Thiện Trang giảng khó hiểu quá, nghe không được. Buồn là Sân đó, đang bất mãn đấy. Nói chung sự bất mãn nào đó là Sân. Nếu chúng ta định nghĩa đơn giản thì bất mãn là Sân, có một sự không hài lòng là Sân. [Sự] ác cảm, sự ghét, sự căm thù là không hài lòng về người nào đó, cho nên sau này mình thấy: Ồ, hèn chi tới Tam quả A-na-hàm mới

hết điều này.

Chứ nếu hết sân kiểu tức giận thì dễ mà. Cho quý vị hoàn cảnh như ý, sung sướng chút là quý vị hết tức đó mà. Điều gì cũng được đáp ứng hết, là hết Sân. Nhưng khổ nỗi quý vị cho như vậy nhưng có những điều khác, ví dụ như lâu lâu quý vị cũng buồn, lâu lâu quý vị cũng hờn, lâu lâu quý vị cũng thấy có gì đó khó chịu, v.v… nên vẫn là Sân đó thôi. Cho nên không có cách nào, phải Tam quả A-na-hàm mới hết được Sân, vì Sân thuộc về Ngũ Hạ phần Kiết Sử.

Sơ quả Tu-đà-hoàn chỉ đoạn được ba thứ: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Nhị quả Tư-đà-hàm giảm thêm được ba thứ, đôi khi thì nói là giảm hai thứ là: Tham và Sân. Thật ra giảm thêm được Vô minh nữa. Rồi tới Tam quả A-na-hàm mới hết Tham, hết Sân. Cho nên đừng nói tôi không sân nha quý vị. Khi quý vị nói xác định là mình không sân, thì lạy quý vị được rồi, [vì] quý vị tới Thánh nhân rồi đó. [Là] một vị Tam quả A-na-hàm, thì xứng đáng lạy quý vị được rồi. Nên đừng nói tôi không sân. Quý vị sai lầm hết, chúng ta [đều có] sân hết.

Cho nên đừng nói sao mà thầy Thiện Trang (Sư Thiện Trang) sân. Bây giờ thì [Thiện Trang] bớt sân hơn chút rồi, theo năm tháng mình tu, mình bớt sân được một chút là đỡ rồi. Bây giờ Thiện Trang để ý giọng nói của Thiện Trang lắm, đôi khi mình nghe thử coi mình đang nói chuyện với người ta bằng giọng nói gì. Nếu có giọng hơi khó chịu một chút là chúng ta đang sân. Cho nên phải rất kiểm soát giọng nói. [Vì] mình kiểm soát được giọng nói là mình nhận ra, gọi là "tùy hình mà bắt hình dong". Mình phải nhận được đối tượng của nó, thì quý vị mới quan sát, mới tu được.

Giống như hôm qua, hôm kia, có đồng tu nhắn tin [cho Thiện Trang] là biết người ta đang sân, đang bất mãn. Thiện Trang cũng cũng nhắn lại bình thường thôi, không có gì hết, [vì biết] họ đang sân, thì mình đừng sân theo họ, đơn giản vậy thôi. Quý vị tu như vậy thì mới có ngày vào dòng Thánh được. Nên nhớ Sơ quả Tu-đà-hoàn nói không đoạn Sân, nhưng thật ra là giảm Sân rồi, quý vị vào dòng Thánh là bớt mấy điều này. Ngay cả không phải Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu, mà Tứ

gia hạnh vị, những địa vị trước cũng bớt rồi, bớt được một phần chứ không phải [sân] nguyên si.

Tu là chuyển hóa, chuyển từ từ, giống như hồi xưa mình có 100 điểm, bây giờ giảm bớt về còn 50, thì mới vào dòng Thánh chứ. Còn quý vị chưa giảm được chút nào, vẫn y nguyên, thì chỉ là phàm phu thôi. Cho nên cố gắng coi [Tâm sở] Tham, Sân, nói chung các loại Phiền não này, mình học thì mình phải quan sát được. Học ở đây không phải học kiến thức để cho vui, [mà hãy] cố gắng quan sát tâm mình trong mọi hành động, mọi lời nói, mọi cử chỉ, mọi việc làm, mọi ý nghĩ. Và mình biết mình là phàm phu, nên đừng buồn nha! Đừng buồn em hỡi! Vì em cũng là phàm phu thôi mà! Quý vị cũng vậy, quý vị là phàm phu thì đừng buồn, buồn làm gì! [Vì] buồn là Sân. Khổ nỗi buồn cũng là Sân, cho nên không được buồn, phải tu tự tại, càng tự tại thì [sẽ] không bị sân.

Khó vậy đó! Cho nên quý vị thấy tại sao nhiều người tu Tịnh Độ lâu năm mà mặt mày họ sân? Tại vì chính họ có trạng thái không hài lòng với lộ trình tu tập của họ. Họ cảm thấy: "Sao con tu lâu năm, thời khóa kín như vậy, tu nhiều như vậy mà con không đạt được gì hết?" [Đó là] đang buồn đấy. Buồn là sân đó, quý vị biết không? Có ai nói đâu mà biết! Hôm nay mới nghe, nghe rồi thì sửa đi, tu tự tại. Nên có nhiều Tâm sở mà lát nữa mình học thêm.

Ví dụ như sáng ra lỡ [quên] bật [chuông đồng hồ], hoặc ngủ quên quá giờ, đáng lẽ bốn giờ dậy công phu, bốn giờ rưỡi dậy công phu, năm giờ dậy công phu. Nhưng bữa nay ngủ tới sáu giờ, thấy khó chịu bứt rứt trong người, đó là trạng thái Tâm sở Hối (là hối hận). Hối hận vì chuyện đã qua, và đang buồn vì chuyện đó, thì [Tâm sở] Hối đi cùng với [Tâm sở] Sân. Sân với ai? Sân với mình chứ ai. [Như vậy] không được! Tu hành phải tự tại, lỡ rồi [thì thôi], cho nên phải đem Kinh Nhất Dạ Hiền ra xài, lúc nào [Thiện Trang] trích cho quý vị Kinh Nhất Dạ Hiền. Bên Trung A Hàm cũng có Kinh Nhất Dạ Hiền, nhưng để tên khác.

Nói chung chuyện đã qua đừng đuổi theo nữa, chuyện quá hãy khứ bỏ qua đi, [còn] chuyện tương lai chưa tới thì đừng nghĩ, càng nghĩ nhiều, càng lo nhiều,

thì quý vị chạy theo mấy điều đó nhiều. Không hối thì Trạo cử, không Trạo cử thì Sân, lúc nào cũng chạy theo mấy Tâm sở đó thôi. Cho nên đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp: là hãy sống ngay trong hiện tại, chỉ có hiện tại là đây. Và người càng làm chủ được hiện tại bao nhiêu, thì người đó rất tuyệt vời, người đó tự nhiên nhẹ nhàng, an lạc. Còn nghĩ về quá khứ, mà thông thường quá khứ thì đau buồn và buồn thương nhiều. [Vì] đời mấy khi vui, đời lúc nào chẳng là những ngày đau thương, buồn vì những chuyện chưa làm được, những chuyện bứt rứt, v.v… Giống như hồi xưa biết vậy tôi đã đi xuất gia rồi, đâu như bây giờ có hai đứa con ở trong nhà, còn phải chăm ông chồng say xỉn, bệnh tật nữa, v.v… mệt quá. Thế là buồn đó, buồn là sân, nên tu hoài mà mặt mày tối thui.

Còn quý vị tu tại sao mặt mày sáng? Vì người đó sống trong hiện tại nhiều, người ta đang vui vẻ, hằng ngày nghe pháp an lạc, hằng ngày nghe Sư Thiện Trang giảng, hằng ngày mở kinh nghe nên vui quá trời. Vì mình đang sống trong Chánh niệm, mình chỉ biết đời mình đang vui vì được nghe Chánh pháp, được nghe Phật pháp, nghe những điều xưa nay chưa từng được nghe. Quá vui rồi còn gì nữa! Còn quá khứ đâu có sửa đổi được, đó thuộc về Tâm [sở] Hối, mà Hối kéo theo Sân. Cho nên cố gắng học Tâm sở này [vì] cực kỳ quan trọng. Ở đây [Thiện Trang] cũng nói theo kiểu Ngã mạn chút, là rất khó có ai giảng được kiểu này, đó là nói ngã mạn luôn, [vì] mình đang so sánh, nói rõ ràng là mình biết mình đang ngã mạn.

Cho nên [tu] Tứ niệm xứ là khi tâm ta sân thì ta biết ta sân, khi si thì ta biết ta si, khi ta đang hoài nghi thì ta biết tâm ta đang hoài nghi, tâm tham biết tâm tham, v.v… biết hết tất cả. Vì biết tất cả cho nên ta dừng lại được. Còn người không biết cho nên người ta chạy theo, càng chạy thì càng khổ, càng đau, và càng luân hồi. Bí quyết tu hành đơn giản vậy thôi. Khi tâm quý vị thanh tịnh, thì quý vị tu bất cứ Pháp môn nào đều có hiệu quả, đối với người tu Tịnh Độ thì quý vị niệm một câu Phật hiệu cũng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc. Quý vị tu dở dở cũng chắc chắn được cõi Người, cõi Trời, không kém đâu, thậm chí [được] cõi Trời rất tốt. Vì tâm quý vị toàn Tâm sở thiện đang hiện tiền. Các Tâm sở ác hiện lên là ta dứt liền, tức là ta dừng ngay.

Bí quyết tu hành có bao nhiêu đó thôi, nắm chắc 52 món Tâm sở, nhào cho nhuyễn, nhào qua nhào lại, quan sát tâm, quan sát tới quan sát lui, [tâm] chạy đi đâu [mình] bắt hết bỏ vô là xong, thì tự nhiên một thời gian là hết. Bí quyết có vậy thôi.

Cho nên Thiện Trang nói những bài thi gần đây [của] Thiện Trang rất khó, thi một lúc mấy bài, nào là người không hiểu phỉ báng, nào là người chê trách, người nói phản bội Sư phụ, người nói thế này thế kia, nói đủ các chuyện, thi một lúc. [Nhưng] không sao cả! Đó là chuyện xưa rồi, bây giờ ta không quan trọng, người ta sống thế nào thì kệ họ, không quan trọng, ai muốn thế nào thì cứ sống thế đấy.

Thực ra mình thương cho họ vì họ không hiểu. Nếu quý vị hiểu được bộ A Tỳ Đàm, bộ Luận Câu Xá này, tới bài hôm nay thì quý vị đã biết giá trị Sư Thiện Trang đang chia sẻ bộ này mang lại cho đồng tu rất lớn. Mà tại sao lại nói bây giờ ổng đi theo con đường khác. Nên nhiều khi rất đáng thương, thay vì hiểu ra là mình tùy hỷ, tán thán thì [được] vô lượng công đức, mà mình [lại] phỉ báng thành ra tội nghiệp. Cho nên đó là mình thương họ, chứ còn với mình chẳng có gì hết, trên đời này tất cả vốn là: Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã.

Cho nên một người tán thán cũng không có chết chóc gì đâu, một người chê trách cũng chỉ vậy thôi, không ăn thua, thêm một người nữa [cũng thế] thôi, chỉ có kết thêm thù oán nhiều thêm thì tội cho nhau mà thôi. Còn kết thêm bạn thì tốt hơn, tương lai gặp nhau còn cười tươi được, dễ độ. Còn nếu kết nhiều ác duyên thì không tốt, nhưng cuộc đời luôn luôn phải vậy. Trong cuộc đời luôn luôn có lối rẽ, và những lối rẽ đã khiến cho những người không còn đi chung với nhau. Cho nên chúng ta phải hiểu điều đó, và chúng ta cứ buông xả chúng ta tu thôi, còn kệ chúng sanh.

Như vậy Thiện Trang mới nói sơ về Tâm sở Sân, Sân cũng có tên là Phẫn, nên ở [trong] Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận chia ra là Phẫn, nghĩa là xâm phạm pháp Câu sanh, làm cho hư hại, bầm dập, nứt bể. Có nghĩa Phẫn là ta tức, mà ta hại

cho chúng sanh khác, hại đến các pháp Câu sanh (sanh cùng), làm cho hư hại, bầm dập v.v… Chú Giải của Pali là cách xâm phạm, đè nén pháp Câu sanh, gọi là Phẫn, điều này tức là bực mình. Ví dụ quý vị bực mình mà [làm] ra hành động [thì] gọi là Phẫn. Sau này chúng ta học bộ Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận thì chia rõ hơn, thế nào là Phẫn, Hận… tức là những mức độ của Tâm [sở] Sân này chia ra kỹ [hơn]. Ở đây do Thiện Trang nghĩ thôi mình cứ học như thế là đủ rồi, còn để mai mốt [Thiện Trang] dạy qua bộ đó, nếu chúng ta còn thời gian. Chứ mình đem bộ đó kéo vào đây thì dài quá, mà bộ đó là Bách Pháp Minh Môn Luận, cho nên không nghiên cứu sâu về điều này. Chỉ cần giới thiệu qua là mình nhận dạng được [Tâm sở] Sân được rồi.

Và thông thường khi chúng sanh đối diện với sự khát khao về vật dục, sự bám chặt, sự dính mắc, hay Tham thì sẽ sanh khởi Sân. Thông thường tại sao mình sân? Bởi vì mình khao khát về vật dục, tức là mình mong muốn một điều gì đó, ví dụ như mong muốn chiếc xe, mong muốn cái này cái kia... đó là Sân. Giống như quý vị thấy chúng ta đang cầm điện thoại, mà sơ ý rớt xuống, bể mất cái kiếng màn hình, thì quý vị cảm thấy tức lên, vì sao? Vì tiếc, đổ lỗi cho mình, đổ lỗi cho thằng con tại sao vô ý như vậy, đụng vào tay mình làm rớt cái điện thoại. Đó là do quý vị tham, tham không được cho nên sân.

Nên người có công phu nếu bị rớt thì sẽ nói: “Các pháp tùng duyên sanh, diệc phục tùng duyên diệt”. Các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt, đức Phật là [bậc] Đại Sa-môn, Ngài thường nói như vậy mà. Nên ta không sao hết, duyên hết rồi thì thôi. Bể màn hình thì ráng xài đỡ, còn có tiền thì đi thay màn hình mới. Còn không thay thì từ từ kiếm cái [điện thoại] nào đó xài đỡ. Có nghĩa là việc đó qua rồi, quý vị tiếc để làm gì nữa, đâu có thay đổi được gì đâu. Cho nên nhiều người bực tức lên, rồi chửi con, chửi chồng, chửi vợ, chửi đủ các kiểu, bởi vì làm bể đồ. Nhiều khi bể một cái rất đơn giản [như bể] một cái chén, một cái ly mà mình đã sân lên rồi, vì sao? Vì tham vật dục, đó là một điều.

Rồi vì sự bám chặt, tức là mình bám chấp vào một điều gì đó và mình cho đó là chân lý. Ví dụ như quý vị đồng tu Tịnh Độ học pháp hay nói: Kinh Vô Lượng Thọ

là Đệ nhất kinh, một bộ Kinh Vô Lượng Thọ thôi. Nghe nói thầy Thiện Trang hồi xưa xiển dương Kinh Vô Lượng Thọ, bữa nay ổng xiển dương bộ Luận Câu Xá, thấy không giống mình nữa nên tức. Xưa nay nghe nói ổng theo Hòa thượng Tịnh Không, bữa nay ổng không theo nữa, hình như ổng theo Nam truyền, thế là tức lên. Đó là sự bám chặt, dính mắc vào đó. Mà khổ nỗi quên mất mình học là học theo đức Phật Thích Ca, chúng ta là học với đức Phật, đâu có phân biệt môn phái, tông phái thế này thế kia. Quý vị càng phân biệt bao nhiêu, thì quý vị càng sân nhiều bấy nhiêu. Người học Nam truyền nói: Kinh Pali mới là kinh hay, kinh nào đó thế này thế kia không được, cho nên bực mình.

Có cô nhắn như sau: *"Các bạn của con nói con tu pháp này là theo tà. Kinh này là ngoại đạo, là tà, thế này thế kia v.v..."* Thiện Trang nói vậy là toàn những người sân, không biết họ tu bao nhiêu năm, nhưng nếu họ nói mình là tà, là gì đó v.v... là coi chừng họ sân rồi đó. Nếu người tu có công phu thực sự thì kêu: "Thôi, từ từ đi, coi kinh đi".

Hôm qua cũng có một đồng tu lạ nào, Thiện Trang không biết, nhắn [tin] vô thì Thiện Trang nói: Thôi, coi kinh đi, chịu khó coi kinh đi thì biết đúng sai. Chứ bây giờ vô thấy Trưởng lão Thích Thông Lạc cũng đúng, rồi người này đúng, Sư Thiện Trang cũng nói hay quá, không biết ai đúng ai sai, ai tà ai chánh, người nào cũng nói hay hết mà. Thiện Trang nói chịu khó coi kinh đi, coi kinh đi rồi từ từ trí tuệ sáng ra là mình biết. [Người kia nói]: *"Nhưng mà kinh toàn là kinh phi Phật thuyết, không biết kinh nào".* Thiện Trang nói: Phi Phật thuyết hay không phi Phật thuyết thì làm sao biết. Cứ coi đi, coi từ từ rồi biết phi Phật thuyết hay không phải phi Phật thuyết, tức là của Phật hay không phải của Phật, mình phải coi.

Thiện Trang cũng hướng dẫn hãy chịu khó coi Kinh Nikaya và Kinh A Hàm, rồi từ từ mò lên coi kinh điển Đại thừa. Cứ coi đi, còn không biết coi từ đâu thì Thiện Trang chỉ luôn: cứ coi nghiễn đi, thật ra những bộ kinh, coi một hồi cũng [hiểu] được thôi. Trường A Hàm thì nói về vấn đề khác, hôm bữa Thiện Trang có nói rồi. [Còn] nếu muốn tu tập thì coi Trung A Hàm trước, nếu nghi ngờ thì coi song song với Trung Bộ Kinh của bên Nikaya. Đối chiếu coi có viên mãn hay không,

cứ coi từ từ, những vấn đề chính đức Phật nói rất nhiều lần. Lúc nào đức Phật cũng nói Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Các Kiết sử Phiền não, v.v… những quả vị Thánh lúc nào đức Phật cũng nói. Lúc nào đức Phật cũng nói đoạn ác tu thiện, khuyến tấn ra khỏi sanh tử, lúc nào mà Phật chẳng nói như vậy, bộ kinh nào chẳng nói vậy. Quý vị cứ coi dần dần, thì quý vị ấn được một pháp [gọi là] Tam [pháp] ấn: Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã nằm trong tâm quý vị. Quý vị mở bộ kinh nào mà thấy không nói về Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, thì quý vị biết đó không phải là Chánh pháp của Như Lai. Đáng lẽ dạy chúng ta sáng suốt, tự nương bước chân mình đi, tự làm ốc đảo của chính mình mà không dạy, [lại] dạy chúng ta nương tựa vào một điều gì đó mê tín, không rõ ràng, thì đó là tà, cầu cúng gì đó v.v… là tà thôi.

Tự mình biết chứ cần ai nữa. Còn bây giờ nghe thầy này nói cũng hay, thầy kia nói cũng hay quá, tại vì mình không có Chánh kiến nên nghe điều nào cũng hay. Còn nếu có Chánh kiến rồi, thì xin lỗi quý vị, người ta có nói trời nói đất cũng không nghe được đâu, tại sao? Tại vì có pháp ấn rồi. Cho nên chịu khó học đi, bỏ thời gian ra nghe, học một thời gian. Thiện Trang không nói Thiện Trang đúng hay sai, quý vị không nên nói Thiện Trang đúng hay sai, mà hãy coi kinh Phật thì sẽ biết Thiện Trang đúng hay sai. Cho nên bây giờ [Thiện Trang] không tuyên truyền như hồi xưa nữa, hồi xưa mình không biết nên mình tuyên truyền. Giờ Thiện Trang nói hình như mình cũng có Tâm sở Hối (hối hận), nhiều khi ngày xưa mình tuyên truyền như vậy, mà thôi, bây giờ tùy duyên, không sao hết.

Thiện Trang nói nếu có cơ hội, sau này Thiện Trang trở lại giảng Kinh Vô Lượng Thọ thì sẽ giảng khác, giảng một cách tuyệt vời hơn. Có nghĩa là mình tự tại, thoải mái, không ép buộc ai hết. Học và giảng theo đúng tiêu chuẩn lấy Kinh A Hàm, Nikaya để chú giải cho Kinh Vô Lượng Thọ. Tức là câu kinh văn này trong Kinh Vô Lượng Thọ, bên Kinh Nikaya nói như thế nào, giải thích thuật ngữ đó như thế nào, Kinh A Hàm giải thích như thế nào, hoặc Kinh Đại Bảo Tích giải thích như thế nào, v.v… Lấy toàn kinh ra để chú giải lại cho Kinh Vô Lượng Thọ. Giảng như vậy quý vị nghe còn đã hơn nữa, bởi vì toàn trong lời Phật. Lời Phật nhiều hơn, tốt

hơn lời Tổ. Tất nhiên lời Tổ cũng tốt rồi, nhưng lời Phật càng đáng tin hơn, cho nên hy vọng tương lai sẽ làm được như vậy.

Không sao! Mình cứ tự tại, vì tương lai không truy tìm, không truy cầu, có duyên thì làm, không có duyên thì thôi, làm được bao nhiêu thì làm. Ngày mai biết đâu lên tăng xông (lên máu) chết biết đâu được, đời vô thường mà, chúng ta phải luôn luôn thường trực nhận thức đời là Vô thường. Không tham, không mong cầu gì ở thế gian, có duyên thì làm. Sống một ngày ráng nỗ lực một ngày, sống hai ngày ráng nỗ lực hai ngày, tương lai ta không biết như thế nào, kệ! Thiện Trang chia sẻ như vậy.

Còn quý vị đồng tu nào theo Nam truyền nói kinh đó là kinh phi Phật thuyết, mai mốt nếu Thiện Trang có duyên chia sẻ thì quý vị thấy có phải phi Phật thuyết hay không? Tại vì mình chưa coi thì làm sao mình đánh giá được. Muốn đánh giá là mình phải coi, điều đó có khớp với Kinh A Hàm và Kinh Nikaya hay không? Nếu khớp thì không phải là phi Phật thuyết. Nếu nói không phải là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, không đúng với Tam pháp ấn: Khổ - Không là một cặp đi [với nhau], [cùng với] Vô thường, Vô ngã nữa là thành Tam pháp ấn. Mình nói bốn điều, nhưng thực ra Khổ là Không, Vô thường, Vô ngã. Quý vị coi thử Kinh Vô Lượng Thọ có những điều đó không? Chứ nhiều khi cứ nghe không [thôi], qua [người nào] diễn dịch lại sẽ không thể đúng được, nếu như mình không tự tìm hiểu. Thiện Trang chia sẻ như vậy.

Cho nên khi chúng sanh đối diện với một cảnh không mong muốn, thì sự Sân, sự ghét, sự ác cảm sinh khởi. Nên khi mình gặp những gì không mong muốn, thông thường mình bị sân. Cho nên sống ở đời có một chiêu để tránh, đức Phật dạy là: "Thiểu dục tri túc" là ít muốn biết đủ, và "Tri túc thường lạc" là biết đủ thường vui. Mình càng mong cầu bao nhiêu, thì chắc chắn mình sẽ sân nhiều bấy nhiêu, bởi vì không đạt được.

Và Sân này, đầu tiên là hủy hoại tự thân trước khi hủy hoại tha nhân. Tức là nó hại mình trước rồi hại người sau. Hại mình theo hai phương diện về khoa học

và tâm linh. Khoa học là gì? Một khi sân tức lên, thì quý vị thấy người có dễ chịu không? Tiến sĩ Masaru Emoto người Nhật (ông Giang Bổn Thắng) nghiên cứu rồi, sân sẽ [làm cho] nước kết tinh xấu, khi đưa vô tủ lạnh rồi chụp dưới kính hiển vi thì thấy nước [kết tinh] xấu. Vậy thì theo quảng cáo của Aquafina: 70% cơ thể bạn là nước, thì mỗi lần quý vị sân lên là nước trong mình xấu. Cho nên một hồi người nào sân nhiều thì mặt mày nhìn là biết liền. Chuyển biến đầu tiên là mặt nhăn hơn, khó chịu hơn, sân lên, rồi xấu, da dẻ không đẹp, không căng bóng được đâu, mà [mặt mày nhìn] khó chịu lắm. Cho nên người sân nhìn tướng là biết sân, [bởi vì Sân] hủy hoại mình về mặt Vật lý Khoa học.

Về tâm linh, Sân là nhân để đưa vào các cõi khổ, thọ các quả báo khổ, ví dụ như Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Nếu chúng ta nói nặng, thì sân quá nặng sẽ đọa vào Địa ngục. Nói như vậy là một cách nói theo Kinh Thập Thiện. Thực tế khi quý vị tu kha khá hơn, sân nhiều nhưng có phước thì chỉ vào A-tu-la thôi, không vào Địa ngục. Còn sân nhiều thì có thể làm sư tử, làm mấy loài hung dữ, hoặc làm người nhưng là người không có phước báu. Cho nên Sân là một yếu tố. Mà đọa Địa ngục là thuộc về Tà kiến, nặng về Tà kiến thì đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nhiều hơn; Sân chỉ là một yếu tố thôi.

Cho nên hủy hoại [một] mặt về chính mình, còn huỷ hoại người khác, [điều này] không cần phải bàn. Quý vị sân rồi thì ai cũng sợ hết. Thiện Trang bây giờ sợ mấy người sân lắm, ở gần những người sân thì mình thấy bất an. Mình mà còn cảm thấy bất an, đừng nói gì người khác, cho nên mình né được ai thì né bớt đi. Hồi xưa thì thích tiếp duyên, nhưng bây giờ Thiện Trang sợ lắm, ai mà sân quá thì thôi né đi cho khoẻ. Tại vì mình biết cảnh giới tu Thiền, mình học các bước tu Thiền là đừng thân gần, đừng ở gần những người nào hay sân, hay buồn phiền, hay thế này thế kia. [Họ] nhiều Phiền não là mình phiền não theo, suốt ngày họ mang cho mình [thêm Phiền não] thôi. Cho nên hãy ở bên những quyến thuộc, những người nào vui vẻ, vui tươi, lạc quan, yêu đời, v.v… thì quý vị dễ tu lắm. Còn người nào suốt ngày buồn rầu, buồn rầu là sân đó, còn sân kiểu giận tức, tâm tánh bất thường, lúc nổi điên, lúc nổi khùng, giận dỗi, [những điều] đó khổ lắm.

Mà Thiện Trang thấy điều này là thiện căn nhiều đời của mỗi người hay sao đó, không phải là trẻ nhỏ hay người lớn, trẻ nhỏ hay người lớn không quan trọng, mà do thiện căn nhiều đời. Nhiều người già rồi cũng sân, cũng si, cũng giận hờn y như trẻ nhỏ, là [Thiện Trang] cũng sợ lắm. Ở đây quý vị nào mà sân quá là Thiện Trang xin phép né.

Sân có nhiều điều, [nhưng] thông thường có thể hiện ra trạng thái trả thù, cách tính của ác độc là tính ác độc và thái độ ác độc; cách tính ám hại là sự ám hại, thái độ, và tính ám hại; sự sân, sự tức tối, sự hung hãn v.v… Nói chung điều nào mà biểu hiện ra như vậy là tâm sân nặng quá rồi. Cho nên bốn ý nghĩa của Tâm sở Sân: 1. Là trạng thái làm cho thân tâm thô tháo. Điều này rõ ràng, quý vị mà sân là làm việc thô tháo, làm việc tầm bậy, làm việc sai, không đúng nữa. 2. Phận sự là thiêu đốt sắc, ý vật, và nơi nương tựa của mình nóng nảy. Tức là thiêu đốt, làm nóng, nói chung là hủy hoại xung quanh, tính nóng nảy. 3. Thành tựu là hư hoại thân tâm. Cho nên là hư hoại cả thân lẫn tâm. Đừng dại mà sân nha! Sân ở đây có nhiều yếu tố, như ở [phần] trên [nói] Sân là sự tức giận, hờn, buồn rầu, sự ghét, ác cảm, sự thâm thù, v.v… chứ không phải là sân bình thường mà chúng ta học. Đó là chúng ta học cạn quá. 4. Nhân gần nhất (nhân cận) là độ sát hại. Nói chung do mình tiếp xúc với những thứ gì mà không hài lòng.

Và Sân cũng là một Tâm sở Biệt cảnh. Vì sao? Biệt cảnh tức là có lúc không có tâm sở Sân trong những Tâm sở xấu. Quý vị coi lại Tâm [sở] Sân nằm ở Biệt cảnh thôi. Có những lúc mình không có sân đâu. Vậy lúc nào không sân? Điều này cũng khó đúng không? Lấy ví dụ, trong Tâm sở xấu (Tâm sở Bất thiện), thì tất nhiên bốn [Tâm sở]: Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử thì có rồi. Bây giờ mình coi thử trong 3 nhóm [Tham phần, Sân phần, Trì trệ và Do dự] thì có điều nào không có Sân không? Ví dụ như Nghi thì không có Sân, có những điều mình nghi đâu có vì sân đâu. Mình muốn biết pháp đó, mình muốn hiểu vấn đề đó nên mình nghi, lúc đó mình đâu có sân, mình nghi để mình học hỏi mà.

Còn Ngã mạn thì dễ đi theo Sân. Hoặc đôi khi có những cái tham mà mình đạt được thì mình không sân. Ví dụ quý vị đang tham ăn, ăn ngon, uống nước ngọt

được thoả mãn thì đâu có sân, lúc đó Tham không đi chung với Sân. Nhưng tham không được thì mới sân, chứ không phải lúc nào cũng sân. Rồi lúc buồn ngủ, ngủ bình thường thì không sân. Còn khi ngủ mà bị quay hình, lên video, thấy người ta nói, v.v… thì mới nổi sân. Hoặc đôi mình không muốn ngủ mà cứ buồn ngủ, cho nên mình buồn phiền, bực mình với chính mình, nên sân. Nên trong trạng thái Hôn trầm, Tâm sở Hôn trầm có thể đi chung với Sân và cũng có thể không đi chung với Sân. Chúng ta thấy [rõ] được rồi nha.

Thời gian hôm nay đã hết rồi, mà [Thiện Trang] mới giảng tới [Tâm sở] Sân, để hôm sau Thiện Trang cố gắng chia sẻ hết mấy Tâm sở. Chúng ta dành mấy buổi để học về Tâm sở, để quý vị ứng dụng thực hành trước. Còn kiến thức của bộ Luận Câu Xá thì từ từ mình học bổ sung sau, bởi vì có nhiều [kiến thức] lắm. Ví dụ quý vị muốn học các địa vị Hiền, Thánh, quý vị phải học từ Sơ quả đến Tứ quả A-la-hán, rồi học Tứ gia hạnh, Tùy tín hành, Tùy pháp hành v.v… Những điều đó phải học hai chương, hai phẩm, thì quý vị mới học được. Noãn vị thôi cũng phải một đoạn, cho nên rất dài. Những điều đó đều quan trọng cả, thì chúng ta phải học từ từ.

Ở đây chúng ta tranh thủ đưa lên những tâm đắc, những điều quan trọng để dạy trước. Nếu quý vị học bộ A Tỳ Đàm, hay bộ Vi Diệu Pháp thì bao giờ mới tới đây. Mà khi học tới đây thông thường người ta giới thiệu rất nhanh, cho nên mình học mà mình không ứng dụng được. Thiện Trang thích mình học tới đâu thì mình xài được tới đó, thà biết ít nhưng biết tới đâu dùng được tới đó, thì mình đi được một đoạn đường. Còn mình biết nhiều kiến thức, nói thì vanh vách, nhưng mình không ứng dụng được, tức là pháp đó không hiệu quả.

Phật pháp là pháp để thực hành, pháp là để thực hiện, để được lợi ích ngay. Cho nên mong quý vị thông cảm, chúng ta cứ đi chậm chậm. Thiện Trang tin những bài giảng như vậy tương lai sẽ được nhiều người truyền hơn, bởi vì những điều này ứng dụng thực tế, bất cứ tông phái nào, Pháp môn nào cũng cần. Mới đầu người ta thấy lạ, lạ thì thông thường khó tiếp nhận. Giống như trong một khu rừng có nguyên một đàn khỉ sống quen rồi, tự nhiên có một con khỉ rất đẹp, rất dễ

thương tới, nhưng thấy con khỉ lạ thì chúng tấn công. Cũng vậy, có những gì không quen với mình thì khó tiếp nhận, nhưng thời gian quen rồi thì mình sẽ dễ dàng tiếp nhận, nếu như mình biết điều đó hiệu quả, lợi ích.

Quý vị thấy hiệu quả, lợi ích thì hãy cố gắng giới thiệu cho những người nào có duyên, biết đâu họ nghe thì sẽ thay đổi được đời tu của họ. Không phải Thiện Trang quảng cáo Thiện Trang, nhưng chỉ mong là giúp cho giáo pháp của Như Lai được truyền ở đời. Thêm một chút nữa, phần nhỏ thôi, không lớn, cũng giúp cho những người tu có tâm muốn giải thoát sanh tử, muốn đến bờ kia Niết-Bàn, thì họ ứng dụng được chút nào đó. Chúng ta chính là những người đồng tu, đồng học thôi, tương lai chúng ta đều nhận đức Phật làm thầy chứ không có ai làm thầy đâu. Quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn chỉ nhận Phật làm thầy thôi, không nhận người khác làm thầy. Chúng ta chỉ là đồng học.

A Mi Đà Phật! Thời gian hôm nay hết rồi, Thiện Trang xin chia sẻ đến đây, hẹn quý vị vào buổi khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 23: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 23.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 25.12.2024

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=Cl_Edc_on6E

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Chúng ta đang theo dõi thời khóa trực tiếp vào thứ Tư hàng tuần, với chuyên đề là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, nói ngắn gọn là Luận Câu Xá. Bộ luận này là bộ luận thiên về giáo pháp tu chứng. Nói về lộ trình tu chứng thì bộ Luận Câu Xá này khá đầy đủ, tương đương với một bộ bên Nam truyền là bộ Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đàm). Thiện Trang đã chia sẻ hôm nay là bài 23, chúng ta giới thiệu một số vấn đề trong kinh tạng, Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, cũng như trong A Tỳ Đàm của bên Nam truyền (Vi Diệu Pháp là của Nam truyền) và cả phần Luận Câu Xá này, để chúng ta có một kiến thức tổng quan, học đến đâu thì tu được tới đó. Cho nên Thiện Trang đã cố gắng đưa rất nhiều kiến thức, sắp xếp một trình tự khác, không giống với giáo trình Luận Câu Xá.

Nếu như quý vị có duyên thì quý vị có thể tìm bộ Luận Câu Xá, ví dụ như Thiện Trang đang có bộ Luận Câu Xá của ngài Tuệ Sỹ. Rất tiếc bộ này Thiện

Trang tìm trên mạng không thấy, tức là chỉ có bán sách, chứ không thấy có file, cho nên hơi khó cho quý vị. Thực ra coi quyển này, nếu quý vị không có trình độ, thì quý vị coi cũng không hiểu mấy. Tại vì thuật ngữ của ngành Duy Thức cũng tương đối khó, nếu mình không có kiến thức căn bản thì mình coi cũng mơ mơ màng màng thôi. Cả bên A Tỳ Đàm cũng vậy, nếu không có người giảng, mình đọc thì đọc vậy thôi.

Thiện Trang có vào một trang web Vi Diệu Pháp, mọi người chia sẻ rất nhiều tài liệu, hầu như không thiếu một điều gì. Thiện Trang thấy rõ ràng là mọi người chia sẻ tất cả lên đó thôi, chứ còn để áp dụng vào pháp hành, pháp tu, thì khó. Có lẽ là kiến thức thì có, nhưng để hiểu sâu và thực hành thì khó. Dù sao chúng ta cũng rất may mắn vì chúng ta học có thực hành.

Hôm nay Thiện Trang xin cung cấp một phần đầu tiên, đó là bổ sung nền tảng về kinh tạng và những kiến thức căn bản về pháp hành.

Sử Dụng Tài Sản Như Thế Nào?

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi đức Phật:

Điều đầu tiên vốn quen thuộc, là trong kinh Phật lúc nào cũng giới thiệu đức Phật ở nơi đâu, lúc đó có ai tới, v.v… Đây là một vị chư thiên (cõi Trời). Thông thường trong kinh hay nói, vào ban đêm chư thiên hay đến thăm đức Phật. Đây là một vị chư thiên, một vị Thiên tử tức là một người cõi Trời. Cõi Trời có Thiên tử và Thiên nữ. Thiên nữ là người nữ ở cõi Trời, trời Dục giới thì có người nữ, còn từ trời Phạm Thiên (Sơ thiền) trở lên thì toàn là người nam thôi. Ở đây không nói vị Thiên [tử] này ở trời nào, hỏi đức Phật như thế này:

Người tạo tác thế nào,

Trí tuệ để cầu tài;

Cùng giữ gìn tài sản,

Hoặc hơn, hoặc lại kém?

Vị Thiên tử này muốn hỏi vấn đề về tài sản, #tạo tác là làm việc như thế nào để có trí tuệ để cầu tài sản, cùng giữ gìn tài sản hoặc hơn hoặc lại kém; #hơn là tăng thêm; [#kém là] bị suy sút đi. Đây là một kiến thức pháp hành căn bản cho tất cả những người tu hành chúng ta.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Bắt đầu học nghề khéo,

Tìm cách gom tài vật;

Được tài vật kia rồi,

Phải nên chia làm bốn.

Một phần tự thọ dụng,

Hai phần cho kinh doanh;

Phần còn lại cất dấu,

Để phòng khi thiếu thốn.

Đức Phật rất là trí tuệ đúng không quý vị? Đức Phật nói đầu tiên phải học nghề khéo đã, học [nghề] cho giỏi đã, chứ không phải nói bảo mình đi làm liền. Không! Đức Phật bảo phải đi học, bắt đầu phải đi học. Rồi tìm cách gom tài vật, cũng cho đi gom đấy chứ. Được tài vật kia rồi: tức là mình làm ăn có tiền rồi, thì phải nên chia làm bốn, tức là chia tài sản đó ra làm bốn phần. Một phần tự thọ dụng: tức là mình để sử dụng. Hai phần cho kinh doanh: #hai phần tức là một nửa (50%), là đem đầu tư cho kinh doanh. Trong bộ kinh này thì không nói rõ, nhưng trong một bộ kinh khác thì đức Phật có nói là: phần đi kinh doanh là gồm có bù vào những công cụ sản xuất như máy móc, hay dụng cụ

hao mòn. Một nửa trong số tiền để kinh doanh thì đầu tư tiếp, phát triển lên. Phần cuối cùng ở đây là phần còn lại [thì] cất dấu, để phòng khi thiếu thốn. Đồng tu Tịnh Độ hình như bị trật điều này đúng không quý vị? Chúng ta học cách là xả hết, đừng có tích trữ, và thôi đừng có thọ dụng, gắng tiết kiệm, tiết [kiệm] phước, tiết [kiệm] gì đó, v.v…

Mình thấy đức Phật dạy rất là trí tuệ. Mình không học, xong mình cứ "y nhân bất y pháp" cho nên đời mình khổ. Thứ nhất là mình không có tự thọ dụng, tiết kiệm quá đáng, rồi thành ra đời khổ. Rất nhiều người làm ăn cũng khá lắm, nhưng quá tiết kiệm cho nên đời họ khổ, và những người thân của họ khổ. Và tạo ra một điều nữa là những người khác nhìn thấy mình học Phật thì họ cũng sợ mình luôn, họ không dám học Phật, học Phật kham khổ quá.

Quý vị thấy đức Phật rất trí tuệ. Như vậy nếu quý vị làm ăn được bốn phần thì quý vị hãy dùng 25% để xài (tự thọ dụng); rồi quý vị đem một nửa tài sản (tiền làm ra đó) đi đầu tư để kinh doanh tiếp, để bổ sung, sửa chữa đồ đạc, máy móc, v.v… [phần] còn lại 25% [là để] tích trữ. Nhớ nha! [Phần] còn lại cất dấu để phòng khi thiếu thốn. Điều này hồi xưa mình không học [nên] mình không biết. Chính Thiện Trang gặp khó khăn chỗ này, khi mình có việc gì cần làm thì không có tiền. Tiền đâu ra? Phải chờ thời gian! Cho nên khi đó khó khăn.

Chúng ta cố gắng học, Phật giáo của chúng ta rất trí tuệ. Thực ra chúng ta quen học theo chư Tổ Trung Hoa. Chư Tổ Trung Hoa thì bị ảnh hưởng của Đạo gia. Quý vị coi ở bên Đạo gia rất kỹ về tiết kiệm phước, ví dụ như ăn mà đổ xuống thì lượm lên. Nhưng quý vị coi trong Luật tạng, Tỳ-kheo có một giới là không được lượm đồ ăn đổ. Tại vì có một vị Trưởng giả đó cúng dường cho các vị Tỳ-kheo, có một vị Tỳ-kheo ăn rớt đồ gì đó xuống, ông lật đật lượm lên ăn. Vị Trưởng giả đó mới báo lên Phật*: "Bạch đức Thế Tôn, chúng con cúng dường tài sản đâu có thiếu, rất nhiều. Các vị Tỳ-kheo là những người phải nói là có oai nghi mô phạm, mà bây giờ lượm cơm, lượm đồ ở dưới đất giống như mấy con gà".* Từ đó đức Phật mới chế giới là không được lượm những đồ ăn đổ xuống đất.

Quý vị để ý, [điều này] khác với Hòa thượng Hải Hiền. Cho nên chúng ta hãy học theo kinh Phật. Thiện Trang khuyên là quý vị hãy "y pháp bất y nhân". Tại vì chư Tổ Trung Hoa ảnh hưởng của Đạo gia, người ta rất là khắc khổ, tu càng khổ hạnh càng tốt. Nhưng rõ ràng ở đây, so với trong bài kệ này thì chúng ta thấy đã sai rồi đúng không? Được thọ dụng ¼ (25%), cho nên quý vị được quyền thọ dụng mà. Rồi còn cất dấu ¼ nữa để phòng khi thiếu thốn. Chứ chúng ta cứ nói tin vào vận mạng. Phật nói không phải như vậy, phải có duyên, có nhiều yếu tố. Trong mạng có, nhưng [phải] có duyên, có hoàn cảnh, có này kia [thì] mới có tiền. Rồi lỡ quý vị đau ốm, quý vị có vấn đề chuyện gì v.v… mà quý vị không có tiền trả. Cho nên ngay bài đầu tiên trong học Phật là bài xài tiền, [thì mình] đã không học đúng. Hồi xưa đôi khi mình cứ y theo truyền thống thì rất nguy hiểm. Chúng ta cố gắng làm sao học theo kinh Phật, những lời đức Phật dạy rất tuyệt vời, rất trí huệ. Ở đây khi mình có vấn đề gì thì mình cũng còn có 25%.

Quý vị nghe tiếp, đoạn sau còn hay nữa:

Người kinh doanh sự nghiệp,

Làm ruộng hay buôn bán;

Chăn bò, dê thêm vốn;

Nhà cửa để kiếm lời,

Có nghĩa là đức Phật cho phép mình giàu lên: thêm vốn, nhập thêm, cất dấu. Từ đó thêm vốn kinh doanh và thêm cả tích trữ. Quý vị nhớ cứ 25% để thọ dụng, theo tài sản mình càng nhiều thì mình được thọ dụng càng nhiều. Quý vị coi trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, đức Phật không có chê trách việc thọ dụng. Đức Phật đâu có chê là bà đó sao mặc đồ (y) lòe loẹt, xa hoa quá, trang điểm, anh lạc nhiều, v.v… Không có chuyện đó! Quý vị hãy coi kỹ Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, đức Phật không nói điều đó. Đây là một điều mà chúng ta phải coi lại.

Vì Phật giáo cần truyền ở nhân gian, những người học Phật mà kham khổ quá thì quý vị khó độ chúng sanh. Họ kêu tu là khổ. Quý vị thấy những vị Cư sĩ tại gia, càng học mà thấy giàu có, xinh đẹp, hột xoàn đeo quá trời, v.v… đủ các kiểu, thì người ta càng tin là Phật pháp linh. Cho nên quý vị là Cư sĩ tại gia thì để ý nha, chúng ta không nói những người xuất gia, ở đây là nói cho người tại gia.

Tạo phòng ốc giường nằm;

Sáu nhu yếu sinh hoạt,

Phương tiện tạo mọi thứ;

An lạc sống suốt đời.

Quý vị thấy [đức Phật] cho phép quý vị: tạo phòng ốc giường nằm, sáu nhu yếu sinh hoạt, phương tiện tạo mọi thứ, an lạc sống suốt đời. Chứ đâu phải là không cho thọ dụng đâu. Cứ xây nhà, xây cửa, làm gì cũng được. Ok! Đức Phật cho hết, sáu nhu yếu của sinh hoạt là ok.

Đức Phật dạy tiếp:

Khéo tu nghiệp như vậy,

Trí tuệ dùng cầu tài;

Của báu theo đó sanh,

Như các sông về biển.

Quý vị [nghe] đã không? Nếu tu đúng như vậy thì trí tuệ dùng cầu tài, của báu theo đó mà sanh, như các sông về biển, tức là càng ngày càng nhiều.

Tài sản nhiều như vậy,

Như ong gom vị ngọt;

Ngày đêm của tăng dần,

Như kiến dồn đống mồi.

[Đức Phật] không có bắt quý vị xả sạch như bên Đạo gia đâu. Như vậy là có quyền gom, như ong gom vị ngọt, ngày đêm của tăng dần, như kiến dồn đống mồi, càng ngày càng nhiều. Quý vị sẽ càng ngày càng giàu.

Không giao của người già,

Không gởi người biên cảnh;

Không tin người gian xảo,

Cùng những người keo kiệt.

Đức Phật dạy: là không giao của cho người già, của đem giao cho người già [thì có] nguy cơ mất. Vì người ta chết rồi [là] mất tiền. Không gởi người biên cảnh, [vì] gởi người đi xa, đi ra biên cảnh, đi ra nước ngoài, đi vượt biên mất. Rồi xong mất tiền! Quý vị thấy ngay bài pháp này, đức Phật quá trí tuệ. Không tin người gian xảo: Không tin! Đừng có chơi với mấy người gian xảo, giao cho họ là mất tiền. Cùng những người keo kiệt: trên đời này thực ra có rất nhiều người keo kiệt, keo kiệt lắm, nên không chơi luôn. Đừng có tin họ! Đức Phật dạy luôn.

Gần gũi người nên việc,

Xa lìa người hỏng việc;

Người thường làm nên việc,

Giống như lửa cháy bùng.

Tức là cố gắng gần gũi những người làm nên việc, còn mấy người làm việc tầm bậy, hư hỏng việc, thì thôi né đi, xa lìa đi. Thấy chưa! Đức Phật dạy như vậy. Đâu có phải [như] mình, nào là từ bi độ chúng sanh gì ghê quá. Những bài này rất tuyệt vời, quá hay. Người thường làm nên việc, giống như lửa cháy bùng: tức là càng ngày càng lên, càng phát triển lên.

Đức Phật tiếp tục dạy:

Bạn lành, người quý trọng,

Người cẩn mật, chân chất,

Đồng cảm như anh em,

Khéo đùm bọc lẫn nhau.

Quý vị thấy không? Ráng chơi với bạn lành, người quý trọng, người cẩn thận, người chân chất. Còn bây giờ mình thích chơi với người gian xảo, người nói cho ngọt, thế này thế kia, rồi không cẩn thận, ẩu đả nữa. Đồng cảm như anh em, phải xem người ta giống như anh em mình luôn. Khéo đùm bọc lẫn nhau, vì nói như ngôn ngữ bây giờ là "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".

Quý vị thấy không? Rất hay! Thiện Trang nói trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đức Phật dạy hết rồi. Chúng ta chỉ có lười học, chúng ta cứ y nhân, người ta dạy một hồi là đi đâu rồi, đi xa lơ xa lắc. Còn mình cứ học trong kinh, y trong kinh thôi, là bảo đảm được lợi ích rất lớn. Thiện Trang may mắn là coi hết Kinh A Hàm, Kinh Nikaya rồi. Thiện Trang bây giờ cứ nhớ tới đâu thì trích lục lại, [để] chuyển cho quý vị những bài tinh hoa. Tất nhiên không thể giới thiệu hết một lúc được, nhưng những tinh hoa thì cứ từ từ [giới thiệu]. Mình học tới đâu thì mình xài tới đó. [Mình học] bài này [thì] biết cách xài tiền rồi, biết cách dùng tài sản, và biết cách để chơi với người rồi đúng không?

Ở trong vòng quyến thuộc,

Biểu hiện như trâu chúa;

Tùy chỗ cần mọi người,

Chia của, cho ăn uống;

Tức là đối với những người quyến thuộc, thân thuộc của mình, thì hãy biểu hiện như trâu chúa. Tức là phải cung kính, trâu chúa nói chung rất là siêng năng. Tùy chỗ cần mọi người: tức là mọi người cần điều gì [thì] hãy chia của cho họ và cho ăn uống.

Khi tuổi hết mạng chung,

Sanh về trời hưởng lạc.

Đức Phật cắm cho câu cuối cùng luôn, quý vị sống như vậy thì yên tâm, sống đến cuối đời, hết mạng, thì quý vị sẽ lên cõi Trời. Vì sao? Vì [ở] nhân gian quý vị sống quá tốt rồi, tu được như vậy, thì được lên cõi Trời. Đâu cần phải khắc khổ, nào không dám ăn, không dám làm gì, v.v… Quý vị nhớ có câu chuyện ông đó không dám ăn, không dám xài, không dám cho bà con, không dám cho thân thuộc xài. Cuối cùng ổng chết, để lại tài sản quá trời quá đất. Hình như cũng trong Kinh Tạp A Hàm hay Kinh Tăng Nhất A Hàm, trong Kinh Nikaya cũng có. Sau đó rồi cuối cùng vua Ba Tư Nặc tới thâu hết, mà thâu mệt mỏi luôn, quá nhiều tài sản. Ông đó ăn uống rất kham khổ, không dám cho bà con xài, cuối cùng cũng chả có đứa con nào, nên không có ai thừa kế tài sản. Hai câu chuyện đó rõ ràng.

Hôm nay quý vị thấy [lời dạy của đức Phật] rất hay, quý vị cố gắng truyền những điều này cho các đồng tu học, chứ không sống ở đời khổ quá. Ở đời này khổ, thì đời sau khổ tiếp. Tại vì nguyên lý trong A-lại-da thức, A Tỳ Đàm nói: Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần bằng tâm như ý, thì đời sau được quả như ý, là được quả an vui. Mà quý vị Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần khổ quá, khắc khổ quá là bất như ý, thì đời sau quý vị sẽ tiếp tục khổ nữa. Nên nhớ như vậy! Đây là nguyên tắc.

Đức Phật dạy rất trí tuệ, chứ không phải như mình là mình chấp. Có những Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ, giữ không đúng theo lời Phật dạy. Mình cho là mình tu ngon, thật là đáng thương! Cho nên không học kinh Phật làm sao biết, đạo lý này không ai nói, ai hay. Chỉ có Phật là đấng giác ngộ, một đấng Đạo sư tuyệt vời, thoát khỏi ba cõi, Ngài nhìn thấu vô lượng kiếp đời về trước, vô lượng kiếp đời vị lai, thấu tỏ tất cả nghiệp báo của chúng sanh, dù là nghiệp cỡ nào Ngài cũng thấu rõ, [nên] Ngài dạy thế nào thì chúng ta phải tin. Còn người

thời nay dạy, đó là kiến giải của họ thôi. Nên nhớ vậy! Chúng ta hãy học theo Phật.

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn Niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Phần này ở bên Kinh Tương Ưng của Nikaya, chương này gọi là Tương Ưng Chư Thiên, nhưng đây là bên Kinh Tạp A Hàm.

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

(Trích từ Kinh 1197. Cầu Tài [43] – Phẩm Tương Ưng Chư Thiên – Kinh Tạp A Hàm).

Nhớ [đây là trong] kinh nha, chứ không phải Thiện Trang nói đâu quý vị. Đừng có nói [là] ông thầy Thiện Trang bịa ra nói. Không có! Đây là [từ] trong kinh hết. Quý vị thấy hay không ạ? Rất hay! Thiện Trang thấy hay rõ ràng. Sống cuộc đời tu hành phải như vậy, đời này cũng hạnh phúc an lạc, giao tiếp toàn người tốt v.v... [Phật] cũng đâu bắt quý vị phải sống kham khổ. Cuối cùng hết mạng, đời sau quý vị [được] sanh lên cõi Trời. Nếu có tu tập thì càng được giải thoát, quá hay rồi còn gì nữa!

Còn khổ hạnh kiểu tiếc phước, kiệm phước v.v… là của Đạo gia. Quý vị nhớ trong kinh đức Phật nói: Khi người có phước báo là tự nhiên của cải sanh. Tức là Châu Diêm Phù [Đề] này mai mốt tự nhiên giàu có lên, trù phú lên rất nhiều, tài sản dùng không hết. Còn khi phước báu của chúng sanh yếu, thì tự nhiên chiêu cảm chúng sanh làm nhiều việc xấu, cho nên chiêu cảm đất đai cằn cỗi, mất mùa, hạn hán, và những vàng bạc ẩn mất.

Nên nhớ như vậy, chứ không phải mình tiết kiệm, giống như bây giờ nhiều người nói tiết kiệm nước. Thật ra nếu quý vị tu tốt thì cảm được nước càng ngày càng nhiều. Còn bây giờ quý vị tiết kiệm, [nhưng] chống lại nghiệp của chúng sanh được không? Không! Chắc chắn không! Đúng không quý vị? Cho nên là phải lo tu, tu nhân để được quả, chứ không phải là làm như vậy. Cho nên có nhiều điều không có chính xác, đây là kiến thức mà mình không học Phật pháp thì mình không biết.

Đó là phần đầu tiên. Hôm nay Thiện Trang cung cấp một [điều] lạ, đó là cung cấp kiến thức đời sống. Thỉnh thoảng đổi chiêu, tất nhiên lúc nào cũng đạo giải thoát là quan trọng. Nhưng đôi khi mình cũng cung cấp những kiến thức này để cho quý vị đều cảm thấy rằng: À, thật ra đạo Phật rất tuyệt vời, dạy cả những điều đời sống, dạy cả những điều xuất thế, những điều tuyệt vời. Và chỉ có đức Phật thôi, không có ai bằng đức Thế Tôn đâu, yên tâm. Chúng ta quá may mắn chúng ta được học.

Bây giờ tất nhiên chúng ta sẽ nói đến vấn đề tu tập giải thoát. Bữa nay [mình học] phần: Tứ Thánh Đế: Khổ - Tập - Diệt - Đạo là gì? Hôm bữa giới thiệu đi giới thiệu lại, bí quyết để ra khỏi sanh tử là quý vị hãy thông giùm Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Hôm nay giới thiệu [tiếp], cũng là từ một bộ kinh.

Tứ Thánh Đế: Khổ - Tập – Diệt – Đạo Là Gì?

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu tập pháp bốn đế. Những gì là bốn? Thứ nhất là Khổ đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Tức là trong Tứ thánh đế, bắt đầu là Khổ đế. Đế là chân thật. Sự thật về khổ gọi là Khổ đế. Ở đây nói [về] nghĩa thì đức Phật nói không thể tận, không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Tức là nói về mỗi điều khổ này mà nói hoài cũng không hết.

Thứ hai là Khổ tập đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Cũng tương tự như thế, Tập là sự tu tập, tức là

nguyên nhân, mình nói đơn giản là nguyên nhân của khổ, chân lý hay là sự thật về nguyên nhân của khổ.

Thứ ba là Khổ tận đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Cũng tương tự như vậy, Khổ tận đế tức là sự thật khi khổ hết, #tận là tận diệt.

Thứ tư là Khổ xuất Yếu đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Khổ xuất Yếu đế là gì? Là sự thật, #yếu là quan trọng, để ra khỏi khổ, cho nên gọi là con đường diệt khổ, chúng ta gọi là Đạo đế. Tất nhiên có nhiều lắm, nhưng ở đây nói là xuất yếu thôi, là những điều quan trọng nhất thôi, chứ còn để nói hết thì cũng không thể nào hết được.

Thế nào là Khổ đế? Bây giờ định nghĩa thế nào Khổ đế. Bây giờ người ta định nghĩa mỗi kiểu, nhưng tất nhiên mình [định nghĩa] theo Phật. Đức Phật định nghĩa cho mình luôn**. Khổ đế: là khổ bởi sanh, khổ bởi già, khổ bởi bệnh, khổ bởi chết, khổ bởi buồn lo phiền não, khổ bởi oán ghét gặp nhau, khổ bởi ân ái bị chia lìa, khổ bởi những gì cầu mà không được, nói tóm lại là khổ bởi năm Thủ uẩn. Đó gọi là sự thật về khổ.**

Điều này quan trọng cho nên Thiện Trang xin phân tích một chút. Khổ đế là gì? Đức Phật định nghĩa dễ hiểu lắm. Khổ đế là khổ bởi sanh [già, bệnh, chết…].

Đầu tiên là **Khổ bởi sanh:** [Điều này] thì tất nhiên mỗi người phân tích mỗi kiểu. Người thì nói sanh là đứa nhỏ được sanh ra, nó khổ lắm, chui ra là đã khóc oe oe. Vì nó được sanh ra từ sản môn (tức là cơ quan sinh sản của người nữ), cho nên giống như là bị hòn núi đè ép, nó đau đớn, khổ. Đó gọi là khổ bởi sanh.

Có người giải theo nghĩa bóng, nói rằng khổ bởi sanh tức là cuộc sống khổ (chữ sanh cũng là cuộc sống). Cuộc sống khổ bởi vì sao? Vì hằng ngày chúng ta đi làm lụng, rồi ăn uống, ngủ cũng mệt, v.v… Nói chung cuộc sống bị bao nhiêu sự ràng buộc, ràng buộc càng nhiều, mất tự tại cho nên khổ. Hai cách giải này

Thiện Trang đều đồng ý, và chúng ta học cả hai. Tóm lại đời là khổ. Từ khi sanh ra cũng khổ, mà sống cũng khổ.

Thứ hai là **Khổ bởi già:** Già thì ai cũng biết khổ rồi, già thì bắt đầu xấu, sức khỏe không đủ nữa. Hồi xưa thì khỏe lắm, nhưng bây giờ thì yếu rồi, dần dần già rồi thì người run run, tay cầm ly nước cũng run nữa. Rồi đi đứng cũng không được, ăn ngủ cũng không yên.

Quý vị có thể lên mạng [xem], hôm bữa Thiện Trang thấy có một cảnh rất là đáng thương. Có một video quay từ camera, có một người bà, hình như già già chút. [Bà] đi bình thường lắm, đi từ dưới nhà, bước lên thềm có mấy bậc thang là lên nhà thôi. Đi giữa chừng thì tự nhiên bà bị trượt chân thế nào đó, quay quay té rầm vô trong góc. Có hai đứa cháu nhỏ, thấy bà nội (bà ngoại) gì đó té nó chạy ra, nhưng bà nằm im luôn. Xong rồi nó chạy đi kêu người, chạy qua chạy lại, hai đứa nhỏ quá nên nó không biết làm sao hết. Đoạn video đó cũng khoảng bốn phút mấy. Một hồi bà cũng tỉnh rồi ngồi dậy, ngồi mà ngồi không nổi.

Quý vị thấy già là khổ. Đó là mới thấy sơ sơ đó, còn có nhiều điều khổ lắm. Trong nhà quý vị có người già là quý vị biết. Thiện Trang thì thấy có ông nội, bà nội của Thiện Trang hồi xưa đó, già lẫn rồi, đủ các kiểu khổ, cho nên là sợ già lắm, khổ bởi già. Mà ai dám chắc mình không bị khổ già. Cho nên khổ già, đó là một nỗi khổ. Chính vì nỗi khổ đó mà nhiều người kêu thôi ráng có chồng, có con để mai mốt con chăm sóc, rồi ráng có vợ để [vợ] chăm sóc, v.v… Nhưng khổ nỗi đời là vô thường, không biết chắc được ai đi trước ai. Cho nên là nhiều người tính không bằng trời tính.

Giống như hồi xưa Thiện Trang nhớ là có một người đó, Thiện Trang xin phép không nói tên. Thiện Trang biết rõ ràng, là khi [họ] có được hai người con trai lớn rồi thì kêu đi triệt sản đi, vì đủ [con] rồi. Khi triệt sản xong, mấy năm sau thì hai thằng con trai chết đuối. Vậy là cuối cùng cũng khổ, mà già rồi. Lúc đó hai đứa con trai hình như là mười mấy tuổi đó, hai đứa chết đuối luôn,

thế là không có con. Cho nên gọi là 'người tính không bằng trời tính'. Đó là nói theo kiểu nhân gian. Mình nói theo đúng nghĩa là mình không có phước, mà có nghiệp.

Mà thật ra quý vị nếu mà tin sâu nhân quả, thì quý vị không có lo chuyện đó lắm. Tại vì khi mình tu mà có phước báo, mình có thế nào thì già mình sẽ không bị già kiểu khổ đau, dù không có người chăm sóc [nhưng] mình cũng khỏe. Còn nếu mà mình không có phước báo, thì khi già cho dù đám con cháu đông đầy mà chúng cũng không chăm mình đâu, nên nhớ vậy. Còn nếu mình có phước báo, mình tu tập tốt, thì không đến nỗi nào, mình gieo nhân nào được quả đó mà. Mình sẽ có một sức khỏe, nguyện cầu [khỏe mạnh] đến lúc ra đi.

Thiện Trang nguyện vậy đó. Thiện Trang kêu: lúc nào mình già yếu quá mà phải cần đến người ta chăm sóc thì thôi, cho con đi cho rồi. Con không [muốn] ở cõi đời này để báo hại bất cứ một ai. Chỉ mong vậy thôi! Cố gắng làm sao ra đi tốt đẹp. Sẵn sàng bỏ, không cần đâu! Thà sống không thọ mà khỏe mạnh, còn hơn sống thọ mà yếu đuối. Đó là phương châm của Thiện Trang.

Thứ ba là **Khổ bởi bệnh:** Điều này thì nhiều người biết rồi. Lúc nào bệnh mà chẳng khổ đúng không quý vị? Đủ các bệnh, bệnh nhẹ cho đến bệnh nặng. Mỗi trúng gió thôi là đã mệt đờ đờ rồi, còn các nỗi khổ khác nữa, thì khỏi nói luôn. Cho nên là ở đây [nói về] bệnh, thì quý vị cố gắng giữ gìn, ăn uống [để có] sức khỏe.

Nếu quý vị để ý từ khi Thiện Trang chuyển địa điểm, chuyển qua nơi này thì quý vị thấy sức khỏe Thiện Trang tốt hơn xưa. Có lẽ một phần là về khí hậu đỡ hơn, thứ hai có lẽ là do tâm mình cũng dễ hơn, thứ ba là do hoàn cảnh tốt hơn, thứ tư nữa là do ăn uống.

Hồi xưa Thiện Trang cũng không biết, Thiện Trang cũng ăn uống rất là khắc khổ, và không có chú trọng ăn lắm. Sau này, sau khi coi trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya thì thấy mình đã sai lầm, đức Phật không có dạy như vậy. Đức Phật dạy là phải ăn uống cho được bình thường. Nói chung là phải khéo biết

chú trọng ăn uống để có sức khỏe. Tại vì không phải điều nào mình cũng đổ cho nghiệp. Cho nên rất nhiều người sai lầm kêu: "Tôi có sức khỏe tốt, vì nghiệp tôi tốt". Chẳng qua là quý vị có phước báo. Phước báu đang có, nhưng quý vị nên nhớ duyên thay đổi thì vẫn ảnh hưởng. Giống như cái cây là nhân, nhưng duyên không tốt thì cuối cùng cái cây không có trổ quả được đâu.

Cho nên có nhiều nguyên nhân, để [có sức khỏe] tốt thì ăn uống là một trong những nguyên nhân. Nhiều người tu cực đoan, ăn uống quá khổ, ăn uống thiếu chất rồi cuối cùng bị bệnh. Rồi ăn uống không cân bằng về âm dương, v.v...

Thật ra Thiện Trang cũng chẳng ăn uống gì sang hết đâu, ăn uống bình thường thôi, nhưng mình biết cách ăn hơn. Ăn không cần ăn nhiều mà ăn đủ, hồi bữa Thiện Trang nói rồi. Ví dụ như hồi xưa mình chỉ lo ăn cơm không, ăn cơm nhiều quá còn đồ ăn ít. Thực tế mình ăn cơm nhiều không giúp [đủ dinh dưỡng], chỉ là no bụng thôi. Quý vị chỉ cần ăn theo công thức, ví dụ như bây giờ người ta đưa ra công thức là 25% rau, trái cây, rồi 25% là ăn các loại tinh bột, còn 50% là các loại đạm, ví dụ như chúng ta có thể ăn từ đậu nành, đậu hũ, v.v… cộng lại là 100%.

Còn chúng ta ăn theo kiểu người Việt là 90% là cơm, còn chút xíu đồ ăn nữa thôi. Cho nên quý vị ăn nhiều cũng không mập được đâu, mà thiếu dinh dưỡng. Cho nên người Việt Nam nhỏ, còn người phương Tây quý vị thấy không, họ ăn chế độ dinh dưỡng khác. Người phương Tây họ ăn khoai tây, phô mai các loại v.v… ăn đủ các loại cho nên là người họ to khỏe. Đó là do ăn uống. Người Việt Nam nào mà qua sống nước ngoài một thời gian, họ ăn theo chế độ của người phương Tây thì người đó cũng [mập] lên.

Bây giờ Thiện Trang bỏ luôn, không ăn buổi chiều, cũng không uống các loại nước khác mà chỉ uống nước trắng thôi. Do như vậy mới ốm, chứ thật ra Thiện Trang mà ăn uống đàng hoàng thì chắc cũng mập thôi, tại vì [ăn kiểu] của phương Tây mà. Nếu ai gặp Thiện Trang mà quan sát kỹ người Thiện

Trang, thì xương chân tay của Thiện Trang cũng to lắm chứ không có nhỏ. Nhưng tại vì người ốm là do ăn thiếu dinh dưỡng, suy dinh dưỡng từ nhỏ rồi. Còn bây giờ già rồi ăn không được nữa, với lại mình tu [nên] ít ăn quá. Chứ nếu cho Thiện Trang ăn đầy đủ suốt ngày, nào là cà phê, trà sữa gì đó, thì bảo đảm mấy ngày là lên cân liền, bảo đảm luôn.

Tại vì Thiện Trang nhớ hồi xưa, quý vị coi có tấm hình hồi Thiện Trang đi an cư kiết hạ ba tháng, hồi xưa lâu lắm rồi, hình như 2016 thì phải, ở một trường hạ. Thiện Trang cũng nhịn ăn chiều, không ăn uống gì vào buổi chiều, nhưng buổi sáng là cũng có đầy đủ. Các cô Phật tử già già đó, lên chùa cúng dường, nào là: "Thầy ơi, thầy có uống nước gì không?" Nước này nước kia, rồi trà tùm lum, là mập lên liền. Hồi đó được 49kg, là mập nhất trong thời đi xuất gia. Nhưng được 3 tháng đó thôi, hết 3 tháng về thì không được như vậy nữa.

Cho nên do là mình không có ăn uống thôi, chứ không phải là mình có thể trạng đó. Nên đó cũng là một nguyên nhân. Rồi người Thiện Trang do ăn uống bao nhiêu năm, hồi xưa cứ uống trà để chống buồn ngủ khi đi học, riết rồi người bị âm. Sau này phát hiện mình âm quá thì dương hóa lên. Giống như bây giờ, quý vị biết là Thiện Trang uống kiểu này là nóng lắm, mỗi ngày là phải ba ly nước, nấu nước sôi xong rồi xắt lát gừng bỏ vô đó, ngâm cho nguội rồi rót uống. [Vậy] là nóng lắm, người đáng lẽ phải nổi mụn nổi đủ các kiểu, nhưng [Thiện Trang] chỉ đủ cân bằng lại âm dương thôi, tức là người Thiện Trang quá âm.

Và từ đó trở đi quý vị biết sao không? Sức khỏe bây giờ ok, hồi xưa sợ mưa, sợ gió v.v… bây giờ đi mưa gió không sao hết. Bây giờ đi ra ngoài mưa gió lạnh cỡ nào cũng chịu đựng được hết, và lâu rồi không bị trúng gió. Hồi xưa sợ thần gió, chứ bây giờ hết sợ rồi. Đó là Thiện Trang chỉ bí quyết cho những người nào bị âm quá. Tại vì mình là người ăn chay, ăn toàn đồ hàn, rồi [cơ thể bị] âm. Đấy, quý vị nên thay đổi đi là quý vị sẽ khỏe hơn.

Cho nên Phật pháp là khoa học, khoa học về đời sống, khoa học về ăn uống, khoa học về bệnh tật, khoa học về tâm linh, khoa học về tâm sinh lý, tất cả đều là khoa học. Mà mình không biết học vào Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, mình cứ chạy theo kinh Đại thừa ở trên cao, nói cho cảnh giới Bồ-tát. Bồ-tát thì khỏi cần ăn uống gì cũng được, nhưng mình không phải, mình là phàm phu. Quý vị coi trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đức Phật còn bị bệnh, đức Phật còn phải chữa bệnh. Rồi các vị Tỳ-kheo như ngài Xá Lợi Phất v.v... cũng bị bệnh hết. Cho nên là các ngài cũng phải chữa bệnh, huống hồ chi mình.

Cho nên đừng có chấp trước, đừng nghĩ bệnh rồi thôi, số mạng chưa hết thì chắc chắn sẽ không chết, số mạng hết rồi sẽ chết. Cách nói như vậy đúng không? Không đúng! Thiện Trang đã dẫn trong bộ giảng nào đó, là có câu chuyện vị Tỳ-kheo đó lo tu tập quá, ăn ít quá cuối cùng chết, số mạng chưa hết mà chết. Trong kinh đức Phật nói có những trường hợp số mạng chưa hết mà chết, đó là có trường hợp bệnh mà không được chữa cho nên chết. Số mạng họ chưa hết, nhưng do bệnh mà không được chữa nên chết. Nên nhớ vậy, đừng có Tà kiến nha, thật sự rất nguy hiểm. Từ từ rồi Thiện Trang sẽ dẫn ra những điều đó. Tại vì nghe qua mới biết, nhớ vậy thôi chứ còn lúc nào đó dẫn [cụ thể]. Giống như hôm nay [Thiện Trang] đã dẫn cho quý vị câu chuyện về xài tài sản, là quý vị thấy chóng mặt rồi đúng không? [Từ đó giờ] cứ tưởng mình xài đúng. Nhưng không! Đức Phật dạy hay lắm. Như vậy đó là khổ bởi bệnh.

[Thứ tư] là **Khổ bởi chết:** Chết thì tất nhiên trong Kinh Vô Lượng Thọ nói hôi thối bất tịnh, chẳng có gì vui, đau đớn. Hoặc là trong kinh, trong chỗ nào đó nói là giống như con rùa sống bị lột mai, đủ các khổ, khổ của chết. Tất nhiên nếu quý vị có phước báu thì cũng không đến nỗi khổ cỡ đó.

Tiếp theo là **Khổ bởi buồn lo phiền não**: Điều này thì ai cũng biết rồi, trong đời thì mấy ai không có buồn lo phiền não.

[Thứ năm] là **Khổ bởi oán ghét gặp nhau:** Ở trong gia đình nhiều khi vợ chồng là oan gia, gặp nhau là cứ suốt ngày cãi vã. Thiện Trang thấy không phải

người không biết tu là không có nạn này, mà người biết tu cũng vậy. Thiện Trang nhớ hồi xưa Thiện Trang có quen hai ông bà già, họ lấy nhau từ trẻ, mà hai người đều là những người Phật tử thuần thành, tu từ trẻ, Phật pháp thâm sâu. Một người tu Thiền, một người tu Tịnh Độ. Vậy mà đến già rồi vẫn không bao giờ nhường nhau được lời nói. Cho nên ông đó nói: "Bí quyết của tôi đó là tôi rút kinh nghiệm, tôi muốn làm việc đó theo hướng A thì tôi phải nói B, để bả bác lại. Thế nào bả cũng bác lại, bả nói A là đúng ý của tôi". Có nghĩa là ổng cứ đưa ra bất cứ trường hợp nào thì bả cũng phải nói trường hợp ngược lại. Cho nên ổng kêu: "Sau này tôi rút kinh nghiệm, tôi cứ muốn theo hướng A thì tôi phải nói B, để bả bẻ lại là được".

Rồi bả cũng vậy, hai người phải như vậy, tức là khắc khẩu nhau. Vậy mà làm vợ chồng với nhau mấy chục nhau. Quý vị thấy không? [Hai người đó là] học Phật pháp, tinh tấn tu hành. Học Phật pháp mà còn như vậy. Tức là có một nạn gọi là oán ghét mà gặp nhau, đó là Oán tắng Hội khổ. Cho nên là điều đó đương nhiên, mà mình gặp nhiều [trường hợp] trong đời. Trừ khi quý vị sống một mình thôi, chứ còn nếu quý vị sống với người khác là thường bị điều này. Đi làm công ty cũng vậy, nhiều người đi làm cơ quan cũng có những người ghét mà mình gặp hoài. Rồi ở nhà, trong nhà là khổ nhất, hình như chồng vợ [rơi vào trường hợp này] nhiều. Thông thường là vậy, khổ lắm! Cho nên đó là nỗi khổ oán ghét mà gặp nhau.

Rồi [thứ bảy] là **Khổ bởi ân ái bị chia lìa:** Đây chính là Ái biệt Ly khổ. Điều này thì rõ ràng, yêu nhau, thương nhau nhưng bị chia lìa. Ở đây nói yêu nhau, thương nhau theo hai phương diện. Một là phương diện tình cảm gia đình: cha khóc con, con khóc cha. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói huynh đệ v.v… khóc thương lẫn nhau. Còn nếu nói yêu nhau mà chia lìa, thì ở đời [nói] tình chỉ đẹp khi còn dang dở, điều này rất nhiều. Đó là bình thường. Cho nên đó là khổ bởi ân ái bị chia lìa. Điều này nhiều lắm, quý vị chắc đủ kinh nghiệm rồi, khỏi cần phải nói.

[Thứ tám] là **Khổ bởi những gì cầu mà không được:** Đây là Cầu bất Đắc khổ, cầu không được cho nên khổ. Điều này thì nhiều nữa. Ai cũng mong cầu nhiều, đặc biệt là lứa trẻ, mộng mơ nào là cầu lên địa vị tột đỉnh nhân gian. Nhưng càng lớn giấc mơ đó càng nhạt nhòa, và thậm chí tan theo mây khói, thậm chí chỉ mong ước một cuộc sống bình thường thôi. [Mà cuộc sống] bình thường như ai cũng không có nữa, cho nên cầu không được, nên cuối cùng mình đâu có cầu. Hồi nhỏ mình kêu: mai mốt mình sẽ lên địa vị này địa vị kia.

Hồi đi dạy Thiện Trang biết, Thiện Trang hỏi những người học trò, đặc biệt những bạn học tàm tạm, kha khá, học giỏi... là ước mơ tương lai của tụi em làm gì? Tụi nó nói là tương lai em sẽ làm giám đốc công ty, em sẽ làm chủ tịch tập đoàn này kia, em sẽ xây nhà mặt phố Mỹ Hưng gì đó v.v.. đủ các kiểu. Nhưng quý vị biết không? Theo năm tháng, khi học lớp 10 hỏi thì nó nói vậy, [nhưng] tới lớp 12 hỏi thì [nó] kêu chắc bây giờ giảm bớt đi, chứ không làm được [đến] đó thầy ơi, bây giờ thi Đại học nhắm chắc không đậu, sống bình bình là được rồi.

Bắt đầu vài năm sau học xong rồi Thiện Trang hỏi: "Bây giờ thì sao?" [Có đứa nói]: "Bây giờ mong ước được sống một cuộc đời bình thường", thậm chí có đứa nói: "Mong sống bằng thầy là được rồi". Có nghĩa là ước mơ [mong] cầu, hồi xưa mình đặt ra, mình mong ước ghê lắm, nhưng càng ngày càng nhỏ, cầu không được ở thế gian. Muốn lắm chứ, ai cũng muốn hạnh phúc, ai cũng muốn cầu những địa vị tốt đẹp tài sản, v.v… nhưng đời mình đâu có được như vậy.

Đó là một phần phước báo trong mạng của mình và nhiều yếu tố khác nữa. Chứ không phải là [do] phước báo hết tất cả. Có những phước báo thì nằm trong vận mạng mình. Và nguyên lý ở trong A Tỳ Đàm nói: tức là phước của chúng sanh giống như vô tận, đặc biệt những người tu tập như chúng ta đó. Quý vị nói là chúng ta hết phước hả? Xin lỗi, nếu quý vị hết phước thì quý vị chỉ ở Địa ngục A Tỳ thôi, chứ quý vị làm gì ở cõi Người. Chúng ta nên nhớ chúng

ta tu Ba-la-mật bao nhiêu kiếp rồi, phước chúng ta cũng nhiều lắm đó. Nhưng tại sao phước không trổ? Tại vì không có duyên, quý vị phải có điều kiện.

Giống như câu chuyện hôm bữa Thiện Trang dẫn trong Kinh Tạp A Hàm, quý vị nhớ không ạ? [Câu chuyện] Lão Nam Nữ, vợ chồng già đó. Hai người rõ ràng có phước đấy chứ, có thể họ giàu nhất thành Xá Vệ, giàu nhì thành Xá Vệ, giàu thứ ba thành Xá Vệ. Vậy mà cuối cùng đâu có được gì. Cho nên đừng đổ cho vận mạng, mà có nhiều yếu tố nữa. Và tất nhiên [phước đó] không bao giờ mất, phước đấy lại lưu chuyển đời sau còn nữa, có tu thì còn. Và do chúng ta là những người tu tập nhiều đời, thì chắc chắn còn. Kho tàng của chúng ta nhiều lắm quý vị, xài không hết đâu. Mà có điều mình không có duyên để ra thôi, phải tin những điều đó.

Nói tóm lại là khổ bởi năm Thủ uẩn, là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ở trong Tám khổ thì nói là Ngũ uẩn (Ngũ ấm Sí thịnh khổ): Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm điều này [khiến cho mình] khổ. Sắc là vật chất, vật chất không có cho nên khổ, vật chất thiếu nên khổ. Còn Thọ là những cảm nhận của mình trong đời. Lúc này đang muốn vui mà nó cho buồn, đang buồn mà chuyển thành vui, vui quá thì cũng khổ. Rồi Tưởng là suy nghĩ, lo lắng, đó là Tưởng. Rồi Hành là những khía cạnh thiện ác, hay là những suy nghĩ. Để bữa nào Thiện Trang trích ra một đoạn khác nói: Hành là những tư tưởng ở trong mình, những thiện ác ở đời, v.v.. đủ các kiểu khổ. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói tóm lại đấy là những điều khổ.

Đó là sự thật về khổ. Như vậy mình biết sự thật khổ này là ngon rồi, cơ hội ra khỏi sanh tử là do điều này. Bởi vì sao? Bởi vì khi nào quý vị chán quá, là quý vị không muốn vô trong vòng sanh tử đâu. Và sự chán đó khiến quý vị tu tập đạo, thì trước sau gì quý vị cũng sẽ thoát khỏi khổ. Cho nên sau này chúng ta học ở trong Luận Câu Xá, nói là hãy nhìn trong lạc có khổ. Bao giờ nhìn trong sự vui mà thấy được khổ là thành công.

Bây giờ trong lúc vui, quý vị có nhìn thấy được khổ không? [Ví dụ] đang ăn món chè rất ngon, mà quý vị có nghĩ là sẽ khổ không? Đâu có, đang ăn ngon mà, thầy nói kỳ vậy, ăn ngon mà khổ gì. Mình nghĩ: ăn xong rồi buồn ngủ, món ngon này chỉ là giả tạm ngon. Vì bữa nay mình ăn xong rồi ngày mai không có ăn nữa, mai mốt không có ăn nữa, nên khổ.

Tức là bao giờ quý vị luôn luôn nhìn cuộc sống, nhìn thấy phương diện: "À, niềm vui này là ngắn hạn, niềm vui này không lâu dài, không bền, v.v…" Quý vị nhìn dần dần như vậy, thì tâm xuất ly sanh tử của mình mạnh. Do tâm đó thì trước sau gì quý vị cũng ra khỏi sanh tử. Còn nếu mình mê trong đó, gọi là Dục ái, Hữu ái, Vô hữu ái, thì quý vị còn ở trong đó thôi. Sắc giới hữu và Vô sắc Giới hữu, tức là mình còn ham trong cõi Dục giới, mình còn ham trong cõi Sắc giới, và còn ham trong cõi Vô sắc giới, thì chúng ta vẫn còn ở trong luân hồi thôi. Còn người ra khỏi luân hồi, là do họ đã nhìn thấy trong ba cõi là khổ, cho nên họ chỉ có con đường tu tập Thánh đạo để ra khỏi sanh tử.

Thế nào là Khổ tập đế? Tập đế: là ái tương ưng với dục, tâm thường nhiễm đắm. Đó gọi là Khổ tập đế.

Đức Phật nói luôn: Tập đế là ái tương ưng với dục, là do sự ái, hay mình nói là sự ham muốn, tương ưng với ham muốn, tâm thường nhiễm đắm trong đó nên khổ. Nguyên nhân của khổ là như vậy. Cho nên ngày nào đó mình hết ham, hết tham đắm trong đó rồi là xong. Nói vậy chứ khó lắm, [phải] Tam quả A-na-hàm mới hết tham. Một người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn đi nữa thì vẫn còn tham, họ chỉ bớt tham, bớt dục hơn thôi, chứ vẫn còn. Và do họ nhìn thấy một phần của khổ rồi, họ nhìn thấy [nên] cũng chán ngán, họ cũng muốn xuất ly, đến một lúc nào đó họ ngán quá thì thôi, ra khỏi sanh tử đi. Chấm dứt sanh tử đó nên tối đa chỉ bảy đời thôi. Cho nên đó là nguyên nhân khi họ nhìn thấy được rồi.

Thế nào là Khổ tận đế? Tận đế: là dục ái bị diệt tận không còn tàn dư, không tái sanh khởi. Đó gọi là Khổ tận đế.

Khi nào thì hết khổ? Chỉ cần dục ái bị diệt tận, không còn tàn dư, không tái sanh khởi nữa, thì được. Vậy bây giờ muốn diệt khổ thì hết ham đi. Nhưng nói vậy chứ chúng ta chưa nhìn thấy sự thật, nên chúng ta còn tham.

Mai mốt chúng ta học tới phẩm Hiền Thánh của bộ Luận Câu Xá này, có trích dẫn trong kinh nói: Giống như một người bị cùi (ghẻ lở), do bị ghẻ lở nên hằng ngày họ đưa tay cào cho đỡ ngứa, hơ qua lửa cho đã. Và khi nóng, đã như vậy, họ cho đó là vui. Chúng sanh, trong vòng sanh tử cũng vậy, đem niềm vui giống như người bị cùi, ghẻ lở đó, hơ trên lửa, mà họ cho là vui. Thực tế đó là một nỗi đau, nó đau chứ, tại vì do đỡ ngứa nên thấy vui, chứ thực tế bị chảy máu, đốt tay nóng như vậy, đâu có gì vui đâu. Bao giờ mình nhìn thấy được như vậy, tất cả hưởng thụ ở thế gian, niềm vui thế gian là điên đảo, là khổ, thì quý vị dứt được niềm ái dục, sự ham muốn ở trong đó, thì mình mới ra khỏi sanh tử, tức là A-la-hán. Còn bây giờ mình giảm được một chút thì mình chứng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm.

Thế nào là Khổ xuất Yếu đế? **Khổ xuất yếu: là tám phẩm đạo Hiền thánh. Nghĩa là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh hành, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh tam-muội** (Chánh tam-muội chính là Chánh định. Điều này quá quen rồi. Đây là tám Chánh đạo của Hiền Thánh, hay chúng ta gọi là Bát chánh đạo). **Đó gọi là Khổ xuất Yếu đế.** Là đạo lý quan trọng nhất để xuất thế, để ra khỏi khổ. Đó là quý vị phải có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định là Chánh tam-muội. Chúng ta học từ từ, bữa [trước] Thiện Trang đã giới thiệu về Chánh kiến rồi.

Chánh kiến là biết như thật về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Tức là biết như thật, phải biết như thật nha! Chứ không phải nhiều người nói, giống như một Sư cô nhắn cho Thiện Trang nói: "Sư Minh Tuệ tu không đúng Chánh pháp, là do không có Chánh kiến". Thiện Trang không thích tranh cãi làm chi, Thiện Trang chỉ nói: "Vậy cô biết Chánh kiến là gì không? Mà cô dám nói người

ta không có Chánh kiến". Thì cô nói rằng: "Chánh kiến tức là tri, tri về Khổ, tri về Tứ đế".

Thiện Trang nói: "Vậy như thế thì không được rồi, cô về coi lại kinh đi, rồi cô hãy nói". Tại vì sao? Không phải biết, mà là biết như thật, phải biết đúng như thật cơ. Chứ biết không thì quá dễ rồi, biết thì chúng ta cũng biết vậy. Biết như thật, phải có khái niệm biết như thật, là mình thấy đúng như bản chất của nó. Giống như nhìn trái am-la (tức là trái xoài) trong lòng bàn tay. Quý vị để trái xoài trong lòng bàn tay, quý vị nhìn rõ ràng mồn một, và thấy trái xoài như thế nào.

Vậy một người mà có Chánh kiến, là thấy đủ Tứ Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, giống như thấy trái xoài trong lòng bàn tay. Bây giờ mình thấy chưa? Tất nhiên là không thấy rồi, bởi vì nếu mà thấy thì đâu có đi nhắn tin nói chuyện đó nữa, ta thấy rồi, ta còn thời gian đâu mà nhắn tin. Quý vị hiểu không?

Một người mà còn thị phi nhân ngã, thì chắc chắn họ không bao giờ có Chánh kiến. Đây là Thiện Trang nói chính Thiện Trang, Thiện Trang chưa có Chánh kiến, tại vì sao? Mình vẫn thấy chưa đúng như thật, mình thấy, nhưng chưa thấy đúng như thật về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Mình chỉ thấy mơ mơ màng màng, đời cũng khổ đó, bắt chước nói đời khổ, nào là Tám khổ, Ba khổ, rồi nguyên nhân của Khổ, là do ái dục, do Phiền não, 10 Kiết sử. Rồi mình nói con đường diệt khổ là Bát chánh đạo, hoặc Tứ niệm xứ, nói như thật. Hoặc mình nói mai mốt diệt khổ rồi được Niết-Bàn. Xin lỗi! Ai nói diệt khổ rồi được Niết-Bàn, đã chứng Niết-Bàn chưa? Chưa chứng mà! Làm sao biết như thật được.

Cho nên chỉ nói lý thuyết thôi, không phải đâu. Còn khi nào có Chánh kiến là người đó vào dòng Thánh rồi, chỉ có vào dòng Thánh mới có Chánh kiến thôi. Còn lại chỉ là sự biết [do] học trên lý thuyết một mớ, không xài được. Chắc tương lai xài được, vì biết lý thuyết cũng còn đỡ hơn là không biết. Có nghĩa là

giống như sinh viên học Đại học ngành Y, quý vị học lý thuyết hết rồi, nhưng chưa đi thực tập, quý vị chưa được cấp bằng Bác sĩ.

Cũng vậy, chúng ta là những người chỉ học mớ lý thuyết Phật pháp bòng bong đó thôi, còn ứng dụng để đi thực tập sinh trong ngành đó thì chưa xong. Quý vị biết hầu như các ngành nào học xong rồi [nhưng] vẫn chưa được công nhận tốt nghiệp mà, quý vị phải đi thực tập xong thì người ta mới công nhận quý vị tốt nghiệp chứ.

Thiện Trang hồi xưa học Sư phạm, nếu như không có kiến tập và thực tập, thì Thiện Trang ra đi dạy rất khó khăn. Nhưng nhờ đi kiến tập một kỳ, hình như cũng hơn một tháng, rồi đi thực tập nguyên một mùa mấy tháng. Xuống trường Phổ thông, phải làm giống y như giáo viên, nào phải dẫn dắt học sinh, nào này kia, sinh hoạt, dạy dỗ, tập lên tập xuống, thầy cô hướng dẫn, v.v… ra trường mới đi dạy ngon lành được chứ. Quý vị mới học lý thuyết ra, bảo đi dạy, viết bảng, viết không xong mà nói này nói kia. Rồi phải mất mấy năm luyện xong, khoảng một đến hai năm sau mới trở thành giáo viên được. Mà ra đi dạy được chưa? Chưa! Thiện Trang nói năm đầu đi dạy cũng tùm lum, chưa được nữa, phải dạy qua mấy năm.

Khi dạy, Thiện Trang nói hầu như Thiện Trang dạy ba năm, để giáp chương trình Trung học Phổ thông môn Toán. Sau khi giáp vòng rồi, mình biết đây là trọng tâm, điều này cần dạy, điều này không cần dạy, điều này dạy bao nhiêu, xoáy vào điều này, xoáy vào điều kia. Mà mỗi khi dạy như vậy, họ đổi bộ sách mới là mệt, lại mất ba năm sau để quay lại vòng đó, mới nắm được kiến thức quan trọng trong chương trình Trung học Phổ thông. Để biết lớp 10 cần dạy điều gì, lớp 11 cần dạy điều gì, và trong lớp 10 đó, học kỳ một cần dạy điều gì là chính. Còn dạy trật trọng tâm là học sinh đau đầu thêm, mai mốt đi thi, kết quả thấp thêm thôi.

Cho nên giữa lý thuyết và thực hành thì cách xa nhau như trời cách xa đất. Chứ đừng có tưởng mình học vài ba chữ Phật pháp, nói vanh vách, nghe ghê!

Không có! Phật pháp không phải như vậy đâu quý vị. Đó là Thiện Trang nói Thiện Trang, không nói người khác.

Cho nên chúng ta thật sự chưa có Chánh kiến đâu, chỉ là biết một chút mà thôi. Nhưng sự biết này trước sau gì cũng dẫn mình đến sự biết thực sự. Giống như đã tìm thấy dấu chân con thỏ, thì trước sau gì cũng đi tìm được con thỏ đó thôi, bởi vì cứ đi theo dấu chân của nó. Thôi khỏi nói con thỏ, nói quý vị để lạc con chó trên sa mạc, trên sa mạc cũng không có nhiều chó lắm, nên quý vị nhìn dấu chân đi, quý vị tìm một hồi thì cũng ra con chó đang nằm ở đâu thôi.

Người học Phật pháp như chúng ta là đang đi tìm, lần theo dấu chân của con chó trên sa mạc mà thôi. Còn khi nào quý vị tìm được con chó, đó chính là Chánh kiến, thì lúc đó chúng ta mới có hy vọng vào Thánh đạo. Chứ không phải học [một chút] rồi nói tôi có Chánh kiến. Chưa! Xin lỗi chưa đâu!

Bởi vì định nghĩa của đức Phật là 'biết như thật' cơ mà. [Còn] mình mới biết sơ sơ, mình không có Chánh kiến thì làm sao dám nói người không có Chánh kiến, làm sao nói người ta là tà. Cho nên chỉ nên nói là: "Theo những gì họ làm, mà giống như trong kinh nói, thì điều đó là đúng".

Nên Thiện Trang nói: Cứ coi đi, Sư Minh Tuệ làm đúng theo Kinh A Hàm và Kinh Nikaya đó, cứ thế mà coi. Chứ còn nghe người này nói, nghe người kia nói, thì không bàn. Thiện Trang nói thôi không có tranh cãi, thích coi thì coi, còn không thích coi thì thôi, không sao. Thiện Trang cũng không tranh cãi, Thiện Trang chỉ nói: "Thiện Trang không biết, cô cố gắng coi lại trong kinh đi, để hiểu Chánh kiến là gì. Chứ cô nói dẫn như vậy là chưa đủ". Thiện Trang chỉ nói chưa đủ thôi.

Quý vị thấy rõ ràng, có rất nhiều vấn đề, đây là Phật pháp, không phải đơn giản đâu. Để mình có một Chánh kiến thì rất khó, phải đọc Tam tạng kinh điển, rồi học, rồi tu hành lâu ngày thì dần dần ngấm. Còn mình biết đúng là may lắm rồi, gọi là biết được đúng, [nhưng] đó chưa phải là Chánh kiến. Mà biết đúng theo kinh Phật là may lắm rồi.

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn đế này là thật hữu, không hư dối, là điều mà đức Thế Tôn nói, cho nên gọi là đế. Trong các loài chúng sanh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu bốn đế này, nên gọi là bốn đế.

Quý vị thấy: Bốn đế này là thật hữu, tức là thật sự có, không hư dối, là điều mà đức Thế Tôn nói, cho nên gọi là đế. Vì đức Phật nói ra nên gọi là đế. Trong các loài chúng sanh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu bốn đế này. Chỉ có Như Lai [là tối thượng] thôi nha! Chứ không phải mấy loại kia, mình chưa có đâu. Nên nhiều người tưởng dễ ăn lắm. Vào bậc Thánh mới có, A-la-hán mới thực sự thông được Tứ đế. Sơ quả Tu-đà-hoàn vẫn chưa thông hoàn toàn, thông được một phần [thôi].

Ở đây có một định nghĩa của chữ 'Lưỡng Túc Tôn', quý vị thấy: trong các loài chúng sanh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, … Như Lai [là tối thượng], thì trong bộ kinh khác cũng có giải thích. Chữ Lưỡng Túc Tôn có nghĩa là trong các loài hai chân, thì đức Thế Tôn (đức Phật) là người tôn quý nhất, nên gọi là Lưỡng Túc Tôn. Tức là tôn quý trong những loài hai chân, bởi vì hai chân đã là tôn quý rồi. Vì bốn chân làm sao mà tôn quý được, bốn chân quý vị đi bò bò dưới đất, nhiều chân càng bò nữa, con rắn thì không có chân, nó trườn trườn còn tội nữa. Cho nên loài nào hai chân đã là tôn quý rồi. Chúng ta may mắn sinh vào loài hai chân, [nhưng] chúng ta vẫn chưa phải tôn quý trong những loài hai chân. Tôn quý nhất trong loài hai chân là Lưỡng Túc Tôn, đó chính là đức Phật.

Cho nên định nghĩa trong Kinh A Hàm, trong Kinh Nikaya, nói đơn giản lắm: Lưỡng Túc Tôn tức là bậc tôn quý trong những loài hai chân; hai chân là loài tôn quý trong tất cả các loài khác. Chứ không phải Lưỡng Túc Tôn giải thích theo Đại thừa, các chư Tổ Trung Hoa giải thích là hai điều tôn quý: là Phước trí Diệu nghiêm, thì cũng đúng, cũng hay. Cho nên Thiện Trang thấy là theo Đại thừa thì giải thích điều gì cũng thành hay hết, nhưng theo nguyên

thủy, [Kinh] Nikaya và [Kinh] A Hàm thì chỉ là giải thích những điều gì rất đơn giản và gần gũi với chúng ta.

Nếu ai biết học [thì] học cả hai bộ đó. Còn nếu mình bay lên trên Đại thừa quá, cuối cùng xa rời mình quá, thì nhiều khi mình sẽ thực hành không được. Mà thực hành không được thì mình tu đến cuối đời chả có thành tựu gì.

Còn nếu quý vị áp dụng được những điều mà gần gũi với mình, sau đó quý vị học thêm giáo lý Đại thừa, phát huy ngôn ngữ bay bổng lên thì tuyệt vời. Quý vị thấy, giống như hồi xưa [Thiện Trang] lỡ dịch trong Kinh A Di Đà, về xa luân [của] Chuyển Luân Thánh Vương to giống như là đĩa bay. Sau này Thiện Trang đọc Kinh A Hàm mới ngã ngửa ra là không phải, xa luân là bánh xe của Chuyển Luân Thánh Vương. Quý vị [gõ google tìm] Kinh Trường Bộ ở [trong] bộ Kinh Đại Thiện Kiến Vương hoặc là coi Kinh Du Hành ở trong Kinh Trường A Hàm, cũng nói về Đại Thiện Kiến Vương thôi, nhưng hai bộ tách ra thành hai tên, có nói rõ xa luân chỉ là một cái bánh xe bằng vàng không phải cõi Người làm, mà do chư Thiên cõi Trời làm. Xa luân chỉ [có] bán kính một trượng tư, nhỏ thôi, đâu có to gì đâu, Chuyển Luân Thánh Vương cầm lên được mà. Cho nên đôi khi mình phát huy ý nghĩa theo hướng nào đó thì thấy xa rời Phật pháp.

Thiện Trang nói [ở] đây là sám hối với quý vị, Kinh A Di Đà Thiện Trang lỡ dịch như thế rồi, sau này Thiện Trang phải điều chỉnh lại, vì đó là sai. Cho nên có những điều mình tưởng là chân lý nhưng không phải chân lý, nếu [như] mình không coi kinh. Nên ngôn ngữ phát huy là tốt, nhưng [phải] phát huy đúng theo kinh điển thì được, mà phát huy trật đi thì là sai. Có nhiều điều lắm và sau này quý vị coi [thì biết]. Tức là kinh thì đúng, nhưng người phát huy ra ý nghĩa sai. Rồi có những ngôn ngữ Duy Thức rất đơn giản, Thiện Trang phát hiện ra ở trong Kinh Lăng Già nói hết, [nhưng] sao người ta giảng kiểu khác rồi. Kinh Lăng Già không phải là kinh Tiểu thừa mà là kinh Đại thừa, và nói về ngôn ngữ Duy Thức mà mình nghe người ta giảng đi đâu.

Cho nên càng về sau thì Thiện Trang nói: Thôi! [Con] không tin các ngài. Con xin cám ơn các ngài, nhưng con học theo kinh thôi, chỉ có kinh điển con mới tin được thôi. Còn mặc dù các ngài được tôn vinh là chư Tổ v.v… thế nào con không biết, nhưng con thấy các ngài giảng không đúng với kinh, thì con không nương theo các ngài được.

Đó là lý do tại sao sau này, Thiện Trang trích dẫn kinh là chính, quý vị thấy không ạ? [Thiện Trang] toàn trích dẫn kinh thôi. Và chúng ta học với đức Thế Tôn, đức Phật, lời [trong] kinh Phật là yên tâm nhất. Thiện Trang cũng mong quý vị hãy phát huy tinh thần đó, và chúng ta có thời gian thì chúng ta nên coi thêm [lời của] chư Tổ, để chúng ta phát huy thêm những [gì của] thời đại. Những điều nào mà chư Tổ nói đúng với tinh thần của kinh, thì chúng ta nên sử dụng. Còn những điều nào mà trật, thì mình cứ mạnh dạn bỏ qua, đừng có chấp trước quá. Bởi vì các ngài cũng như mình thôi, các ngài cũng có những sai sót nhất định, vì các ngài cũng chưa thành Phật. Nên chúng ta phải thông cảm, chứ chúng ta không phỉ báng. Nhưng Thiện Trang muốn nói là [quý vị] cố gắng "y pháp bất y nhân". Như vậy [là đã giảng] về Lưỡng Túc Tôn rồi.

Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, có bốn đế mà do không giác tri nên sống chết xoay vần mãi trong năm đường (năm nẻo).

Ở đây đức Phật nói luôn nguyên nhân mà chúng ta xoay vần trong năm đường: Trời, Người, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Tất nhiên có A-tu-la nữa, và cũng xếp chung vô trong đó luôn. Tại sao có năm đường đó? Vì chúng ta không có giác tri. Ở đây thay vì ngôn ngữ là 'biết như thật' thì gọi là giác tri. #Tri là biết; còn #giác là giác ngộ, phải ngộ ra nữa. Mình giác ngộ rồi, biết rồi thì quý vị không xoay vần trong năm đường này nữa. Cho nên tiêu chuẩn này khó đúng không quý vị? Đâu có đơn giản đâu. Khi nào mà ngộ rồi, là giác tri; tri là biết, giác là giác ngộ hoặc là biết như thật. Ngôn ngữ là biết như thật, biết như thật Tứ đế rồi thì mình ra khỏi sanh tử thôi.

Nay Ta do đạt được bốn đế này, từ bờ này đến bờ kia, thành tựu nghĩa này, đoạn trừ cội gốc sinh tử, như thật biết rằng không còn tái sinh nữa".

Quý vị thấy không ạ? Đức Phật mới nói: Do Ta đạt được bốn đế này từ bờ này đến bờ kia, thành tựu nghĩa này, đoạn trừ được cội gốc sanh tử, như thật biết rằng không còn tái sinh nữa. Cho nên là đâu có đơn giản đâu, mình tu làm gì tới đó được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nay có pháp bốn đế,

Nếu không như thật biết,

Luân hồi trong sinh tử,

Quyết không được giải thoát.

Như nay có Tứ đế,

Đã giác, đã hiểu rõ,

Nên đoạn gốc sinh tử,

Cũng không còn tái sinh.

Quý vị thấy không ạ? Nếu mà không biết như thật thì luân hồi trong sanh tử thôi, không chạy đi đâu [được], nên quyết không được giải thoát. Tứ đế này phải biết, mà biết như thật. Cho nên nhiều người nói: "Biết như thật khó quá thầy ơi". [Thiện Trang nói]: đầu tiên là biết đã, biết đã là mừng rồi, rồi ngày nào ngộ ra [gọi] là giác. Ở dưới này nói thay vì biết như thật, thì đức Phật đổi chữ cho mình đúng không? Ở trong những Kinh A Hàm hay ở chỗ đó, tức là ở trên này là biết như thật, mình không biết như thật, biết như thật là như thế nào? Ở dưới này nói: 'Như nay có Tứ đế; Đã giác, đã hiểu rõ', tức là giác và hiểu rõ gọi là biết như thật. 'Nên đoạn gốc sanh tử; Cũng không còn tái sinh'.

Khi nào mình giác, khi nào mình hiểu rõ [thì đoạn gốc sanh tử]. Cho nên Thiện Trang nói trong ba trí: là Trí văn, Trí tư và Trí tu, thì Trí tu giúp mình hiểu rõ ra, hiểu mà phải hiểu đúng như thật thì đó là giác. Còn mình có hiểu rõ Tứ đế là gì v.v… Khổ, nguyên nhân của khổ, rồi con đường diệt khổ, rồi khi hết khổ thì được điều gì, mình nói vanh vách, mình hiểu rõ luôn, sự hiểu rõ đó gọi là Trí tư. Còn quý vị nghe không [thôi] thì có Trí văn thôi, [ví dụ như] bây giờ là [quý vị] đang nghe [là Trí văn] thôi. [Còn] Trí tư có nghĩa là quý vị ngồi xuống, quý vị nghĩ thấy đời vô thường, đời khổ thiệt, hồi nhỏ mình sanh ra lớn lên rồi bị cha mẹ bắt đi học, bị thầy cô đánh đập, bảo đi học cho đàng hoàng. Rồi đi [học] về [gặp] những cơn mưa [quần áo bị] ướt đẫm, [rồi] bị bạn bè chặn đường đánh, v.v… đủ các kiểu, nên mình mới thấy [được] khổ. Và mình thấy đời sau mà như vậy nữa thì khổ nữa. Rồi bây giờ lớn lên cũng có được bao nhiêu ngày vui đâu. Có vui, tức là không phải nói không vui. Thật tế mà nói trong cõi Người này, một ngày nếu mình sống bình thường, thì thật ra mình có mấy tiếng vui, còn mấy tiếng khổ, đúng không quý vị?

Ví dụ như có 24 giờ, cho giờ ngủ là vui đi. Thật ra Thiện Trang thấy ngủ cũng chưa chắc vui, vì mệt rã rời nên [cơ thể] muốn ngủ, chứ [mình] có muốn ngủ đâu. Bây giờ mình tu rồi, mình ngủ ít lắm, khoảng 4 đến 6 tiếng thôi, cho chẵn 6 tiếng đi. 6 tiếng đó là ngủ không biết gì và ngủ cũng mệt. Thôi cứ cho 5 tiếng là ngủ trong an lạc vui vẻ, mà chưa chắc nữa, nhiều khi nằm mơ ác mộng, phải mộng thấy điều gì đó vui vui mới được, chứ ác mộng thì không được. Như vậy cho 5 tiếng vui luôn, 18 tiếng còn lại thì quý vị đi làm mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ. Đi làm thì chắc đa số không ai vui, thôi [cứ] cho một tiếng vui đi, như vậy là 6 tiếng vui. [Rồi] đi công việc tức là từ nhà đến chỗ làm, đi chợ búa, hay đi đâu đó, mình cho hai giờ đi. Hai giờ đó thì chắc lúc nào vô tiệm mua sắm gì đó v.v… mới vui được chút, chứ còn đi ngoài đường nóng nực, mưa gió thì chắc không có vui đâu. Cho nên là cho vui thêm 1 tiếng nữa, là quý vị được 7 tiếng vui. Như vậy là còn mấy giờ ăn uống đúng không? Thôi cho ăn uống vui đi, nhưng ăn xong phải rửa chén, rồi nấu ăn thì cũng mệt mỏi.

Tóm lại trong 24 giờ cho tối đa quý được 1/3 [là vui]. Tức là 8 giờ vui, còn lại 16 giờ là khổ. Như vậy khổ nhiều hơn vui, đó là cõi Người, mà ai có phước báo nhiều thì chắc có thể là 50/50. Cõi Trời thì người ta vui luôn, không có khổ. Còn Địa ngục thì khổ hoàn toàn, không có gì vui. Ở Súc sanh thì có vui không? Có! Lâu lâu cũng vui chứ, giống như con heo lâu lâu cũng được ăn vậy, cũng được cho gặp tình nhân, nó cũng vui chứ. Ở cõi Ngạ quỷ lâu lâu cũng được [ăn], như vậy là cũng có vui. Nhưng nói chung càng xuống dưới thì càng khổ nhiều, ít vui. Cho nên sự thật là khổ, ý là nói bản chất của tất cả mọi điều là khổ, chứ không phải mình nói tất cả đều là khổ. [Nói như vậy] thì người ta không chịu, phải nói là khổ nhiều vui ít. Và chúng sanh ở trong ba đường thì ở cõi dưới nhiều hơn ở cõi trên, tức là ở cõi khổ nhiều hơn ở cõi sướng.

Mình nói như vậy thì mình mới hiểu Tứ đế, chứ đè đầu đứa con ra nói: "Con ơi con! Ráng tu đi, đời là khổ, đời là khổ". Nó [nghĩ]: "Bà bị khùng hả? Khổ đâu, tôi đang sướng ghê gớm mà. Hằng ngày tôi đi học có người cho tiền đi học, đi tới quán trà sữa, ăn uống trà sữa, lâu [lâu] đi hẹn hò bạn gái, bạn trai, đi chơi đá banh. Sướng [như] vậy mà khổ đâu". Khi đó nói đời là bể khổ thì nó đâu có tin. Nhưng mình [phải] phân tích cho nó là: Con đang lứa tuổi đó, con được nhiều niềm vui hơn, còn [khi] lớn lên thì con sẽ [thấy] càng ngày càng khổ nhiều hơn. [Con] nhìn mẹ, nhìn cha, nhìn ông bà [đi]" v.v… [Quý vị] phân tích cho nó thấy, thì nó mới chán được. Chứ không phải quý vị cứ đè đầu nói: khổ, khổ, khổ...

Cho nên có phải trí tuệ biện tài, mà điều đó là từ mình hiểu rõ, đó là Trí tư thôi. Còn bao giờ mà quý vị ngộ, ngộ là gì? Khi nào đó [quý vị] đang ngồi đây, ví dụ Thiện Trang đang giảng pháp, quý vị thấy thầy Thiện Trang là Pháp sư giảng pháp sung sướng lắm, được bao nhiêu người nghe, bao nhiêu người cung kính, cảm ơn thầy, v.v… Thiện Trang nói thật, [giảng cũng] khổ. Vì sao? Ở cõi này, ngay cái thân này là khổ rồi, lên giảng [pháp] mệt mỏi, đâu có tự tại đâu. Giảng cũng phải học, bao giờ giảng không cần học, không cần chuẩn bị giống như đức Phật, thì mới tự tại, mới sướng. Đức Phật đâu cần học gì đâu, ai

gặp đức Phật thì Ngài quán căn cơ nói ngay, và nói mọi thứ ở đời đều rõ ràng sáng suốt. Đó mới gọi là ngộ.

[Còn] mình ngộ là gì? Tức là mình biết mọi thứ, mình đang sống trong khổ đó, và đừng nghĩ là vui. Đang ăn, mình biết việc ăn này thật sự có niềm vui một chút thôi, rồi sau này cũng khổ. Ăn xong no [rồi] buồn ngủ, và nhiều khi ăn hóa chất [vẫn còn] trong [người]. Còn ăn là còn khổ, vì ăn là phải tốn tiền, tốn tiền thì phải đi kiếm tiền để [mua thức] ăn nữa. Rồi thân này khổ, vì sao? Không có nhà ở là khổ! [Phải] tự mình ngộ ra, không ai dạy mình cơ. Điều nào mà mình tự mình giác ngộ ra, không ai dạy mình thì may ra mới gọi là giác. Và sự giác đó nhiều đến mức độ, đủ để lúc nào cũng thấy được như vậy, thì đó gọi là biết như thật về khổ. Mà [đấy] mới biết như thật về khổ thôi, [còn] phải biết về nguyên nhân của khổ là Tập đế đó, rồi biết như thật về con đường để diệt khổ là Đạo đế, và biết như thật về Diệt đế nữa, thì đó mới thành công. Khi đó chúc mừng quý vị, quý vị xong [việc] rồi đó, quý vị coi như bye bye dòng Sanh tử Luân hồi, quý vị trở thành A-la-hán.

Còn nếu chúng ta biết được một phần, thật ra quý vị biết được khổ thôi, là quý vị cũng có tâm xuất ly. Quý vị sẽ học Phật pháp rất mạnh mẽ, dần dần trước sau gì thì quý vị cũng vô dòng Thánh thôi, chả chạy đi đâu hết. Cho nên quý vị hãy ráng tu tập nha!

"Nếu có chúng bốn bộ (là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di) **nào không được đế này, không giác, không tri, thì sẽ đọa vào năm đường** (năm nẻo). (Đọa năm đường là Trời, Người, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, [còn] A-tu-la là có trong năm đường đó)**. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn đế này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".**

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trích Từ Kinh Số 1 - Phẩm Tứ Đế Thứ 25 – Chương Bốn Pháp - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Vậy thì quý vị hiểu rồi đúng không? [Thiện Trang] xin chia sẻ để quý vị vui thêm một chút. Thật ra mai mốt mình học Luận Câu Xá này vào phần sau, quý vị sẽ thấy lộ trình (con đường) ra khỏi sanh tử rõ lắm. Đó là gì? Thiện Trang xin tóm tắt nói ngắn gọn cho quý vị dễ hiểu, nếu nói và học tới chỗ đó thì dài lắm.

Có nghĩa đầu tiên là mình phải gieo trồng được thiện căn. Hôm bữa Thiện Trang có nói trong lớp [học] thứ hai, giống như quý vị có một đám vườn, đám ruộng, thì Thiện Trang là người giảng pháp, hoặc chúng ta là những người học pháp, mục tiêu là chúng ta ném vô trong đó những hạt giống, [ví dụ] hạt giống [của] lúa, hoặc cây ngô (bắp), cây gì đó… mình trồng cây gì thì mình ném [hạt giống] đó vô. Mình muốn trồng thành cây lúa thì mình ném hạt lúa, muốn cây ngô (bắp) thì ném hạt ngô vô, cây đậu thì ném [hạt đậu] vô. Những đám [vườn] đó đang khô cằn lắm, không cách nào lên được. Nhưng mình cứ quăng [hạt giống] vô đó đi, để trồng thiện căn, để mai mốt được trái bắp [giống như] là quả vị Bích-chi-phật, hạt lúa là giống như quả vị Thanh văn, còn hạt đậu giống như quả Tu-đà-hoàn vậy đó. Mình ném vô đó tức là mình đang học, đang nghe pháp đây, là để mình vun trồng như vậy. Và đến lúc nào đó khi bất chợt có một cơn mưa xuống, các hạt đủ điều kiện thì tự nhiên sẽ nảy mầm, rồi sẽ đơm hoa kết trái, ra được [là] chứng quả.

Giai đoạn đầu tiên gọi là trồng thiện căn, quý vị phải tu tập được giai đoạn như vậy. Khi có thiện căn rồi thì vị trí đó gọi là Đảnh vị trong Tứ gia hạnh, có nghĩa là quý vị đã trồng được thiện căn rồi. Cho nên ở trong bài kệ có nói: "Đảnh bất đoạn thiện căn". Đảnh vị là không mất thiện căn nữa, vì hạt giống đó đã vô trong vườn của quý vị rồi. Còn Noãn vị là ấm ấm, giống như ta ném hạt vô, nhưng hạt đó bị nước trôi ra ngoài mất, hoặc mình ném vô nhưng bị sâu hay bị kiến ăn mất rồi, [nên] hạt đó không lên được, đám đất đó chẳng có cây nào.

Đó là Noãn vị, ấm ấm thôi, nhưng dù sao cũng có cơ hội. Noãn vị là chắc chắn vào rồi, trước sau cũng có hạt đó, nên [sẽ] lên, gọi là Noãn vị. Còn nếu

Đảnh vị là ngon rồi, hạt đó chắc chắn lên. Rồi tới Nhẫn vị thì quý vị không đọa đường ác nữa. Có nghĩa là đám ruộng của quý vị tới mùa rồi, chắc chắn phải trổ, và Thế đệ Nhất vị là ngon rồi, chắc chắn là sẽ vào [quả vị Thánh]. Sau này mình học ra những quả vị như vậy, rồi một hồi mới tới Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Cho nên chỉ cần vào dòng Tứ gia hạnh thôi là ngon rồi quý vị! Miễn là mình trồng được căn lành. Mà mình muốn trồng được căn lành như vậy, thì chúng ta [phải] cố gắng nghe pháp, học pháp đi, nghe tới nghe lui, học tới học lui, thì thiện căn [sẽ] đủ mạnh. Và trong đó có đưa ra một dấu hiệu, là người nào [khi] nghe kinh Phật, nghe pháp Phật, thấy những chuyện của Phật, v.v… mà có cảm động, rơi lệ, chảy nước mắt, thì những người đó đã có được hạt giống Bồ-đề rồi, chính là có hạt giống giác ngộ rồi. Có nghĩa đã ném được vô trong đó những hạt lúa, hạt đậu, hạt bắp rồi. Chúc mừng quý vị! Trước sau gì cũng chứng quả thôi, không lâu nữa đâu. Cho nên ai mà có những cảm động đối với Phật pháp, thế này thế kia, thì chúc mừng quý vị! Quý vị cũng đã đi qua được một giai đoạn khá dài để vun trồng thiện căn.

Bữa nay nói như vậy để quý vị vui hơn, quý vị yên tâm nha! Chứ không phải mình tu đường dài xa quá. Không! Bây giờ con đường đã gần. Thiện Trang tin là những người đang nghe những bài pháp khó như Thiện Trang chia sẻ trong Luận Câu Xá này, là những người đã vào dòng đó rồi, tức là vào dòng trồng được thiện căn rồi. Chứ không [là] nghe không nổi đâu, chắc là bỏ chạy sớm rồi. Hôm nay chia sẻ thêm niềm vui cho quý vị. Chúc mừng quý vị! Quý vị đã gần tiến đến địa vị Thánh nhân rồi đó. Nếu mà học thì có thể gọi là vào dòng Hiền rồi, hoặc là sắp vào dòng Hiền. Từ dòng Hiền lên đến dòng Thánh không có lâu nữa, cho nên quý vị cố gắng! Nếu chậm quá [thì] mấy đời nữa, còn nhanh thì giải quyết luôn, đời này làm xong. Vậy nên [quý vị] ráng tu đi nha! Hạt giống Bồ-đề mình đã có, ráng làm sao dò dò, tưới nước đúng chỗ đó, để hạt giống lên là ok.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu thêm một phần nữa trong 40 Đề mục tu Thiền chỉ (Samatha) theo Luận Thanh Tịnh Đạo. Tại vì Thiện Trang nói là

sẽ chia sẻ hết 40 đề mục này, ít nhất là giới thiệu sơ qua. Chúng ta coi lại để nhớ:

40 Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)			
Tên loại	**Số lượng**	**Cụ thể**	**Kết quả**
A. Biến xứ	10	Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng	*Chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
B. Bất mỹ (tịnh)	10	Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch; Tử thi nứt nẻ; Tử thi bị gặm xé; Tử thi bị rời rạc; Tử thi bị phân đoạn; Tử thi bê bết máu; Tử thi bị dòi đục; Tử thi hài cốt.	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
C. Tùy niệm	10	Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh;	*Không đắc Thiền, chỉ đưa đến cận định hay định cận hành.*

		Niệm thân thể trược;	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
		Niệm hơi thở;	*Chỉ chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
D. Phạm trú	4	Từ; Bi; Hỷ;	*Chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền*
		Xả.	Chứng Tứ thiền Sắc giới
E. Vô sắc	4	Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ.	Chứng Tứ thiền Vô Sắc giới
F. Tưởng	1	Tưởng nhờm Gớm thức ăn	*Không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
G. Phân biệt	1	Phân biệt Bốn nguyên tố	*Không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
*10 đề mục biến xứ là điều kiện cho đắc Thần thông Thắng trí			
**Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán.*			
Các Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Tiếp Theo)			

*Đề mục Biến xứ lửa
*Đề mục biến xứ gió
*Đề mục Tùy niệm Pháp theo Luận Thanh Tịnh Đạo.

Đề mục Biến xứ thì có 10 đề mục: Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng, thì chứng tới Tứ thiền Sắc giới. Đề mục Bất tịnh (Bất mỹ) thì có 10 đề mục quán về Tử thi, thì chỉ chứng tới Sơ thiền. Đề mục Tùy niệm gồm có: Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm tử (Tùy niệm chết); Tùy niệm tịch tịnh, thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành (Vị đáo định). Đề mục Niệm thân thể trược thì chứng tới Sơ thiền; Và Niệm hơi thở thì chứng tới Tứ thiền Sắc giới. [Những đề mục] Tùy niệm như Tùy niệm Phật thì mình đã học qua rồi. Hình như hôm bữa [Thiện Trang] cũng chỉ cho [quý vị] về Đất và Nước rồi. Hôm nay [Thiện Trang] sẽ chia sẻ thêm về [đề mục] Lửa, Gió và Tùy niệm Pháp. Mình chia sẻ dần dần rồi cũng hết thôi. Một lúc thì quý vị nghe không nổi, nên mình cứ từ từ, mỗi bữa chia sẻ một chút rồi cũng hết.

Đề mục Phạm trú: Từ; Bi; Hỷ thì chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền; còn [đề mục] Xả thì chứng tới Tứ thiền Sắc giới. Đề mục Vô sắc: Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ, thì chứng Tứ thiền Vô Sắc giới. Đề mục Tưởng nhờm Gớm thức ăn thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Vị đáo định. Còn đề mục Phân biệt Bốn nguyên tố: Đất, Nước, Lửa, Gió thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Vị đáo định.

10 đề mục Biến xứ là điều kiện cho đắc Thần thông Thắng trí: tức là muốn có Thần thông Thắng trí (trí thù thắng về Thần thông) thì chúng ta phải tu 10

đề mục trên. Còn đề mục Niệm hơi thở là đề tài vừa tu Thiền chỉ vừa Thiền quán.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu: Các đề mục tu Thiền chỉ tiếp theo, là đề mục Biến xứ Lửa. Tức là có người thích tu niệm đề mục Lửa để đắc Thiền chỉ, thì tu như thế nào? Bây giờ xin giới thiệu.

Về đề mục Lửa này, nếu một người có căn lành nhiều đời tu tập đề mục này rồi, thì cũng chẳng cần phải tu đề mục này đâu, mà họ chỉ cần nhìn thấy những gì có [ánh] lửa như ngọn nến, ngọn đèn, bếp lò hay đám cháy rừng, v.v… thì tự nhiên họ khởi được Vị đáo định, từ đó là họ vào luôn, có thể là họ đắc luôn. Giống như ngài Mục Kiền Liên, do nhiều đời tu Thiền chỉ nên ngài có Thần thông rất mạnh mẽ. Cho nên có những người trong đời này, chỉ cần có duyên một chút là tự nhiên họ có Thần thông, chẳng cần phải tu. Giống như quý vị chỉ cần có duyên với đề mục này thôi, vì nhiều đời quý vị tu đề mục này nhiều quá mà, quý vị quán một cái thì quý vị thấy toàn là lửa. Từ đó là mình đắc Thần thông, đắc được đề mục này.

Còn những người mới mẻ như chúng ta thì phải tu thôi. Cách tu như thế nào? Trong Luận Thanh Tịnh Đạo nói rằng: dùng củi gỗ cháy lâu, bó lại, chất lên, để làm lửa đốt (giống như đốt lửa trại), nhưng phải lấy tấm màn che trước đám lửa. Tức là để mình chỉ thấy đám lửa thôi, đừng thấy cảnh đằng sau đó. Chứ không phải đốt lửa trại rồi ngắm cảnh, rồi nhìn ra xa xăm thấy nước, mây, trời gì đó, nhìn thấy người đi qua đi lại, v.v… thì sẽ bị phân tâm. Mà quý vị phải dùng tấm màn che lại, chỉ thấy lửa không thôi.

Thật ra tấm màn này là che đằng trước, chứ không phải che đằng sau. Và trên tấm màn thì khoét lỗ tròn có đường kính hơn một gang tay, để người ngồi đằng sau nhìn lửa qua lỗ của tấm màn đó, rồi chú tâm niệm: Lửa, lửa, lửa… Làm sao đó đến khi nhắm mắt lại vẫn thấy ánh lửa còn bập bùng lên, lay động, thì đó là ứng chứng Trì tướng, tức là mình đắc được Vị đáo định rồi. Mãi một

thời gian sau thì tới Tợ tướng, rồi bắt đầu vào đạt đến Cận định, và dần dần chứng lên tới Sơ thiền trở lên.

Điều này cũng dễ thôi, không khó! Thời nay cũng chẳng cần phải đốt lửa đâu, có một cách là quý vị cứ mở tivi lên, có video nào chuyên về lửa, rồi lấy gì đó che hết lại, làm sao chỉ để thấy lửa thôi, thấy vòng tròn có ánh lửa cứ bập bùng, bập bùng. Bây giờ có kính thực tế ảo nữa, ai giàu thì xài cái đó, cứ coi ánh lửa miết đến khi nhắm mắt lại cũng thấy lửa. Cứ luyện lâu ngày như vậy thì sẽ nhập vào định, lúc nào cũng thấy lửa một hồi dần dần toàn thấy lửa không, cả trời lửa. Mà tu đề mục này dễ cháy nhà lắm nha. Lỡ đắc định rồi mà nghĩ nhà cũng là lửa thì cháy nhà luôn, cho nên cũng nguy hiểm.

Cho nên tu đề mục này thì phải [tìm] vị trí nào tu cho phù hợp, chứ nhiều khi đắc định rồi, mà lỡ nghĩ lửa, lửa, lửa một hồi là nhà bùng cháy luôn. Vì lúc đó quý vị đắc Thiền rồi, đắc được Nhị thiền trở lên thì định lực của quý vị tạo ra lửa, cho nên cháy nhà thì nguy hiểm. Cho nên thôi ra ngoài khu nào vắng, hay thất nào đó ở đi, thì tu đề mục này mới được. Vì lần đầu quý vị chưa làm chủ được, sau này khi quý vị làm chủ rồi thì quý vị muốn thu lửa lại thì thu thôi. Đấy là một đề mục tu. Đơn giản không quý vị? Rất là đơn giản, không có khó khăn gì.

Tiếp theo chúng ta đến đề mục Biến xứ Gió. Đề mục Lửa thì tất nhiên là có Thần thông rồi, Thần thông để đốt cháy cái gì đó thì dùng lửa. Còn đề mục Gió để làm gì quý vị biết không? Đề mục Gió là để tạo ra gió, và để di chuyển. Ai muốn có Thần thông để di chuyển thì tu đề mục Gió này.

Đề mục Biến xứ Gió này thì tu thế nào? Đề mục này khó, vì mình đâu có thấy gió. Gió thổi ào ào nhưng mình đâu có thấy gió đâu mà tưởng, cho nên khó. Vì gió là hiện tượng dao động của không khí, nên làm sao thấy được. Nhưng nếu mình có cách tu thì vẫn tu được. [Đó là] nhận biết cảm giác mát trên thân, trên da của mình, rồi sự lay động của lá cây. Tức là quý vị chú ý sự xúc chạm của gió trên da thịt, ví dụ như quý vị chắc phải mặc đồ mỏng mỏng

thế nào đó, để cảm thấy gió [chạm vào da thịt]. Hoặc là nhìn lá cây rung rung hay ngọn cỏ bị lay động bởi gió, rồi tưởng tượng là có gió, rồi bắt đầu niệm gió, gió, gió… Quý vị cứ niệm như thế, đến khi đủ thì xuất hiện hiện tượng là quý vị nhắm mắt hay mở mắt lúc nào cũng thấy gió. Và dần dần vào được Thiền chỉ của Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền.

Đó là đề mục tu về Gió, đề mục này hơi khó tu. Nhưng những người có duyên thì họ sẽ tu được. Và khi tu đề mục Gió mà quý vị đạt được định Nhị thiền trở lên, thì quý vị muốn thu mình bay theo gió thì cũng được luôn. Khi đó là mình đắc Thần thông. Đề mục này thì giới thiệu cho quý vị biết thôi, chứ Thiện Trang nghĩ cũng khó tu, vì bây giờ ở trong nhà đâu có gió. Nhưng nếu mở quạt thì có gió, chắc cũng tu được, mình có thể tưởng tượng.

Trong 4 đề mục: Đất, Nước, Lửa, Gió thì Thiện Trang đã giới thiệu thêm 2 đề mục nữa rồi. Đề mục màu Xanh đã giới thiệu rồi, còn đề mục Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không và Ánh sáng nữa là hết 10 đề mục Biến xứ. Vì tu 10 đề mục Biến xứ này có Thần thông mà, nên chắc quý vị muốn biết rõ hơn. Rồi Thiện Trang sẽ giới thiệu mấy đề mục về Tùy niệm cũng quan trọng. Còn mấy đề mục Vô sắc (Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ) thì chắc khỏi, vì có ai tu đến đó đâu. Còn ai muốn tu đến đó thì tự đi học. Thiện Trang chỉ giới thiệu thêm đề mục Từ, Bi, Hỷ, Xả nữa. Mục tiêu của Thiện Trang là như thế.

Hôm nay [Thiện Trang] giới thiệu thêm đề mục Tùy Niệm Pháp Theo Luận Thanh Tịnh Đạo.

***Đề Mục Tùy Niệm Pháp Theo Luận Thanh Tịnh Đạo**
Niệm tưởng những đức tính đặc biệt của pháp được đức Phật thuyết, gọi là niệm Pháp.
A. 6 đức tính hay 6 ân đức của Pháp:

(1) Giáo pháp được khéo thuyết bởi đức Thế Tôn	(2) Thiết thực hiện tại
(3) Vượt ngoài thời gian	(4) Đến để mà thấy
(5) Hiệu năng hướng thượng	(6) Trí giả tự chứng
B. Các bước tu tập	
1. Học hiểu và thông ý nghĩa sáu ân đức Pháp	2. Đi đến chỗ yên tĩnh độc cư
3. Ngồi xuống và khởi niềm tin mãnh liệt đối với giáo pháp.	4. Bắt đầu niệm tưởng những đức tính đặc biệt của giáo pháp
C. Kết quả	
1. Khi hành giả suy nghiệm những đức tính đặc biệt của Pháp như vậy thì ngay khi ấy, tâm vị ấy không bị tham sân si chi phối và tâm được an tịnh nhờ cảm hứng từ Pháp.	
2. Do tâm an tịnh nên chế ngự Triền cái, hỷ sanh, khinh an sanh, Chi thiền khởi lên.	
3. Bởi do tâm bận niệm tưởng nhiều khía cạnh của những ân đức Pháp nên vị ấy chỉ đạt đến cận hành định (Vị đáo định), chứ không đắc được An chỉ định (các tầng thiền).	
4. Chuyên tâm niệm tưởng đặc tính cao quý của giáo pháp, vì thấy những đức đặc biệt của Pháp nên vị ấy tôn trọng Pháp, tịnh tín Pháp, vị ấy sẽ được nhiều hạnh phúc, nhiếp phục được nỗi sợ hãi, có khả năng nhẫn khổ.	

Thế nào là Tùy niệm Pháp? Là pháp mà niệm tưởng những đức tính đặc biệt của pháp được đức Phật thuyết, gọi là niệm Pháp. Ở đây là giới thiệu theo Luận Thanh Tịnh Đạo, chứ không phải là giới thiệu trong kinh.

Đầu tiên là quý vị phải nắm được giáo pháp của Phật có 6 đức tính hay 6 ân đức của Pháp.

A. 6 đức tính hay 6 ân đức của Pháp:

1. Giáo pháp được khéo thuyết bởi đức Thế Tôn: điều này thì cũng dễ thôi. Giáo pháp là do ai thuyết? Lời Phật dạy thì là do đức Phật thuyết thôi, thì có tính là: hoàn hảo ở chặng đầu, hoàn hảo ở chặng giữa, và hoàn hảo ở chặng cuối. Ở trong Chú Giải của Kinh Vô Lượng Thọ gọi là: Sơ thiện, trung thiện và hậu thiện. Mình nói theo ngôn ngữ là kinh Phật lúc nào cũng hoàn hảo ở đoạn đầu, hoàn hảo ở đoạn giữa và hoàn hảo ở đoạn cuối.

Giáo pháp của Phật hoàn hảo là vì sao? Vì văn nghĩa đầy đủ, vì đưa đến kết quả tốt đẹp cho người thực hành. Vì hoàn toàn viên mãn, không cần gì thêm bớt. Vì được tuyên bố thích đáng, không có sự mâu thuẫn. Và vì đạo lộ thực hành cùng với mục đích cứu cánh, được tuyên bố một cách xác thực chắc chắn, nên được gọi là khéo được đức Thế Tôn thuyết.

Như vậy ở đây có mấy điều, chúng ta nói lại: Giáo pháp của Phật là hoàn hảo ở đoạn đầu, hoàn hảo ở đoạn giữa, hoàn hảo ở đoạn cuối. Tức là giáo pháp của Phật rất tuyệt vời. Thiện Trang thích những bộ kinh ngắn ngắn như Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, tức là một đoạn kinh ngắn ngắn thôi, nhiều khi nghe có 3 phút, 4 phút hay 5 phút thôi, hoặc là mình coi qua có mấy phút, nhưng thấy hoàn hảo ở đoạn đầu, hoàn hảo ở đoạn giữa và hoàn hảo ở đoạn cuối rõ ràng đúng không? Mình nghe xong mình thấy có được lợi ích liền. Tuy ngắn thôi, như một câu chuyện, một vấn đề rất nhỏ nhưng đức Phật nói rất hoàn hảo, không thể nào hoàn hảo hơn.

Và văn nghĩa đầy đủ, quý vị thấy nghĩa đầy đủ, rõ ràng lắm. Rồi đưa đến kết quả tốt đẹp cho người thực hành. Tức là người thực hành thì thấy hiệu quả luôn. Ví dụ như đoạn kinh ở trên đâu có dài đâu, nói về Tương ưng chư Thiên, nói về cách xài tài sản thế nào, mình học một chút mà thấy có lợi ích liền. Từ nay trở đi hết nỗi lo sợ thiếu tiền, vì đức Phật cho phép tiết kiệm, tích lũy 25%. Rồi từ nay trở đi mình cũng bớt sống khổ hạnh, vì đức Phật cho phép 25% xài cho gia đình. Như vậy là đỡ rồi đúng không?

Tất nhiên trong một bộ kinh khác thì đức Phật nói là chia ra ba phần: Một phần là để bố thí, cúng dường để tạo phước thêm. Chúng ta thấy chỗ đó thì mình cũng ok, cũng giống nhau thôi. Tức là chia thế nào thì cũng tùy, nhưng mình thấy thực hành là có lợi ích ngay.

Tiếp theo là [giáo pháp của Phật] hoàn toàn viên mãn, không có gì thêm bớt. Lời Phật nói là đủ rồi, [còn] những bộ kinh cần thêm bớt là do những bộ kinh đó đức Phật đã nói bên [bộ] kia rồi, chẳng qua mình bổ sung qua bổ sung lại thôi. Nói chung là nói giáo pháp mà, chứ đâu phải một bộ kinh đâu. Giáo pháp của Phật là quá hoàn hảo, không cần thêm bớt nữa. Cho nên ai nói thêm bớt, hồi xưa đức Phật không nói điều đó, bây giờ mình nói ngoài nắm lá của đức Phật. Giống như trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đức Phật nắm một nắm lá trong tay và hỏi: "Lá trong tay Ta nhiều, hay lá trong rừng nhiều? Này A Nan, những pháp mà Ta giảng so với pháp mà Ta biết, thì ít giống như lá trong tay so với lá trong rừng".

Cũng vậy, bây giờ mình nói hơn Phật, giảng pháp ở đâu bên ngoài nắm lá trong tay [của Phật] thì thôi luôn, không có chuyện đó. Nên nhớ đức Phật nói tuy không nhiều, nhưng cũng quá đầy đủ. Và với những gì đức Phật nói thì đủ cho mình suy luận trong thời hiện đại, đủ xài rồi. Chứ không phải thời xưa Phật nói rồi bây giờ không xài được. Từ từ chúng ta sẽ nói đến tính chất đó.

Tiếp theo là sự tuyên bố thích đáng, không có sự mâu thuẫn. Giáo pháp của Phật không mâu thuẫn. Nếu quý vị thấy mâu thuẫn, thì quý vị hãy xem lại.

Tại sao? Mâu thuẫn đó từ đâu ra? Thiện Trang tin rằng mâu thuẫn đó là từ người giảng, từ chư Tổ nào đó đưa ra. Cho nên hôm bữa có người hỏi Thiện Trang một câu hỏi rất hay là: Theo một số vị chư Tổ nói là Sơ quả Tu-đà-hoàn thì có một năng lực gọi là 'ly ngộ sát'. Ly ngộ sát có nghĩa là mình đi đâu thì mấy con trùng, con gì đó núp hết, cho nên cày ruộng gì đó thì không sát sanh. Nhưng tại sao trong Tích Truyện Pháp Cú, tức là Kinh tạng Nikaya, Tiểu Bộ Kinh, có đưa ra [câu chuyện] một vị Tỳ-kheo (ngài A Na Luật) sau khi chứng được A-la-hán rồi, mà do bị mù mắt nên ngài đi giẫm đạp chết bao nhiêu con. Tại sao kỳ vậy? Rồi trình lên đức Phật nói là vị đó đi đạp chết bao nhiêu con trùng, con này con kia… Đức Phật nói là vị đó không phạm giới, vì ổng đã chứng A-la-hán rồi. Vì ổng mù, không thấy đường cho nên ổng giẫm vậy thôi.

Quý vị thấy rõ ràng có câu chuyện như vậy, thì người đó đưa ra [câu hỏi] là: "Sao mâu thuẫn vậy thầy? Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi mà người ta đã ly ngộ sát rồi, còn ngài đó là Tứ quả A-la-hán thì phải hơn Sơ quả chứ, sao lại như vậy?" Thiện Trang nói là: Hồi xưa Thiện Trang không biết, nhưng giờ Thiện Trang đã coi hết Kinh A Hàm với Kinh Nikaya rồi, Thiện Trang khẳng định với quý vị là không có chi tiết nào nói Sơ quả Tu-đà-hoàn ly ngộ sát. Nên nhớ ngay cả A-la-hán còn giẫm chết bao nhiêu con vật, nếu như ngài không thấy đường. Cho nên đấy là một phát kiến của một vị nào đó, từ đó truyền cho đến giờ. Đó là một điều truyền không chính xác. Thiện Trang khẳng định điều đó không có trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya.

Còn quý vị giỏi, quý vị tìm từ đâu đó thì quý vị chỉ giùm cho Thiện Trang là từ bộ kinh nào. Còn Thiện Trang không tìm thấy, nên Thiện Trang nghĩ có khả năng đó là một phát kiến của ai đó. Có thể do người ta tu tập bằng sức Thiền định người ta thấy như vậy. Thấy là vị Sơ quả Tu-đà-hoàn đó có năng lực như vậy, rồi [cho là như vậy]. Nhưng đó là vị đó thôi, có rất nhiều nguyên nhân để có năng lực đó. Ví dụ như đời trước quý vị phát nguyện Ba-la-mật là: "Con từ đây cho đến đời vị lai, với công đức tu tập của con, con sẽ khiến cho chúng sanh không bị giẫm đạp dưới chân con, không bị tan nát dưới chân con.

Con nguyện từ đây cho đến khi thành Phật, con không làm những nghiệp đó". Do nguyện lực đó, khi Ba-la-mật của quý vị đủ thì phát huy tác dụng. Và do có câu chuyện như vậy, nên khi có người nhập định thấy như vậy, nên họ mặc định là Sơ quả Tu-đà-hoàn thì có năng lực đó. Quý vị hiểu không ạ?

Điều này thì đức Phật có nói rất nhiều, có những Tà kiến là do một người chỉ thấy một trường hợp, mà họ đoán là các trường hợp [khác đều như vậy]. Này các Tỳ-kheo, đó là các vị chư Thiên, các vị Phạm thiên v.v… họ như vậy. Nhưng đức Phật nói đó chỉ là một trường hợp thôi, chứ không [phải] đúng như vậy.

Giống như nói người tu thiện, tu lành, v.v… sau khi chết thì họ sẽ sanh về cõi lành. Và tất cả mọi người đều như vậy. Đức Phật nói: Này các Tỳ-kheo, đó là một sai lầm. Họ tu lành cả đời nhưng chưa chắc lúc lâm chung họ sẽ sanh vào cõi lành. Vì đến lúc lâm chung họ sanh về cõi lành là đương nhiên, nhưng có những trường hợp khi lâm chung họ khởi lên những ý niệm chấp giữ một Tà kiến nào đó, họ khởi lên thì họ sẽ đọa theo Tà kiến đó, và sẽ đọa vào đường ác.

Cho nên không phải 100%. Đức Phật luôn khẳng định rằng: Không có sự tuyệt đối cho những phàm phu. Chỉ có tuyệt đối cho Thánh nhân thôi, còn phàm phu thì không có tuyệt đối. Bao giờ quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì không có lý do nào quý vị đọa vào đường ác hết. Không có! Bởi vì Sơ quả Tu-đà-hoàn không còn [bị đọa vào đường ác]. Đức Phật nói rõ trong Thập lực của Như Lai, tức là trong 10 trí lực của Như Lai thì có một trí là Tri thị Xứ phi Xứ lực (là trí biết về đâu là đúng, đâu là sai), thì đức Phật khẳng định là: Một vị Sơ quả Tu-đà-hoàn không bao giờ có quá 7 lần [lên xuống] trong cõi Dục. Không có chuyện đó! Và một vị Sơ quả Tu-đà-hoàn không bao giờ đọa vào đường ác. Không phải một vị Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu, mà một vị Chuyển Luân Thánh Vương không đọa đường ác sau khi chết, chắc chắn sẽ sanh lên cõi Trời. Một người ở cõi Bắc Cô Lô Châu không thể nào đọa được, họ chắc chắn sanh lên cõi

Trời hết. Đó là trí lực của Như Lai, một trong 10 điều gọi là Thập lực Vô úy, mai mốt chúng ta sẽ học tới đó.

Cho nên hãy tin vào giáo pháp của Phật, còn lại những gì mình thấy, giống như mình phát kiến ra [một điều gì đó] thì một hồi trật ráng chịu. Tại vì sao? Vì mình không phải là Phật, nên nhớ như vậy. Mình thấy điều đó đúng. Đúng! Có thể đúng đến 99, 9999… nhưng vẫn còn 0,000…1 là sai, có một chút sai thì vẫn là sai, không có tuyệt đối đâu. Chỉ có Thánh nhân mới đúng thôi, nên mình là phàm phu chưa chắc [đúng] đâu.

Cho nên chớ vội tin điều nào tuy là được truyền thống lưu truyền, tuy là thầy mình dạy, nhưng chưa chắc đúng, mà phải suy xét, phải thực hành, phải coi đúng như vậy không? Và đối với kinh, đối với luật có đúng không? Đó là tinh thần trong Kinh Du Hành, trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật nói là phải coi, phải xét. Rồi trong Kinh Ka La Ma đức Phật nói phải soi xét, chứ tin quá rồi cuối cùng bị mê muội. Như vậy là giáo pháp tuyệt vời.

Đó là điều thứ nhất: Giáo pháp khéo được thuyết bởi đức Thế Tôn. Mình phải nhớ điều này thì mới niệm Pháp được chứ.

2. Thiết thực hiện tại: Điều này dễ hiểu đúng không quý vị? Có nghĩa là giáo pháp của Phật đem đến hiệu quả thấy rõ trước mắt, chứ không phải đợi, toàn hẹn đời sau. Nào là ráng tu cúng dường đi để đời sau giàu có, để được gì đó v.v…. Thôi khỏi! Quý vị nói như vậy là đạo Phật trở thành mê tín, lấy ví dụ ở đâu? Chính là bộ kinh lúc nãy Thiện Trang trích dẫn. Quý vị biết chia tài sản ra xài: [để] thọ dụng này, [dùng cho] đầu tư kinh doanh, rồi bố thí cúng dường hay [làm] gì đó v.v... Làm một cách bình thường thôi, ngay đời này mình được giàu có, mà đời sau [được] lên cõi Trời, chứ đâu phải đợi đời sau đâu. Thiết thực hiện tại mà! [Mình được] kết quả rõ ràng trước mắt.

Và nếu điều đó khó quá thì thôi, nói [như] trong này nói là: như một người bị Tham, Sân, Si chi phối, suy nghĩ làm hại mình, hại cả người, hại cả hai bên, và cảm thấy khổ và lo lắng. Khi Tham, Sân, Si của họ được trừ diệt, thì không

còn nghĩ hại mình, không hại người ta nữa, không hại cả hai và lúc đó không có khổ, không lo lắng nữa.

Quý vị thấy không? Bây giờ tại sao mình buồn, mình mệt? Tại vì mình tham, sân, si nhiều quá. Ví dụ như bây giờ mình sân quá nên mình khổ, có ai sân mà vui đâu, sân là khổ. Rồi mình bị nhiều Phiền não quá, vì mình lo lắng. Nếu mình hiểu, mình học giáo pháp rồi tự nhiên sẽ bớt Phiền não, bớt sân, bớt tham, bớt si. Khi bớt được một phần đó là đã sướng hơn một phần rồi, tức là ngay trong đời này mình được hiệu quả, được lợi ích rồi.

Quý vị có thấy hiệu quả lợi ích chưa? Thiện Trang thấy có đấy, nhiều người được hiệu quả lợi ích. Hồi xưa vô Đạo tràng mặt mày tối thui tối mò, buồn buồn, giống như gì Thiện Trang không nhớ ra ví dụ, nhưng mặt rất buồn. Nhưng sau khi học giáo pháp thì mặt mày tươi tỉnh, sáng bừng, vui. Vì sao? Vì ta đang đi trên con đường giải thoát giác ngộ, và ta đã bớt Phiền não. Bởi vì thế gian là giả, đời là giả tạm, và mình tu một thời gian phước báu lên ào ào. Nhiều người chỉ cần tu thọ Bát quan trai một thời gian thôi, ngày nào cũng tranh thủ rảnh là thọ, không được một ngày thì thọ nửa ngày, thọ một thời gian thôi là phước báu lên ào ào, đời sống sung sướng, thoải mái. Phước báu hiện tiền ngay, không đợi đến đời sau đâu. Còn đạo Phật mà quý vị nói đời sau, [đúng] là có kết quả. Nhưng chỉ nói đời sau không [thôi], thì đạo Phật trở thành mê tín.

Cho nên là phải hiểu nha! Nên 'thiết thực hiện tại' là ân đức của giáo pháp. Rồi khi quý vị biết được ví dụ như tính chất của Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã rồi thì tự nhiên quý vị cởi mở được tâm mình. Hồi xưa không biết Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, nên khi có một người thân ra đi thì khóc sướt mướt, rồi buồn đau, v.v… Nhưng nếu người nào càng ngộ ra được đạo lý Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã thì đối trước sanh ly tử biệt như vậy, mình vẫn bình yên, vẫn tự tại, vẫn bình thường. Và mai mốt thậm chí lúc mình chết, mình cũng rất vui vẻ, không sợ nữa. Bởi vì ta tu như thế, thì ta đi theo nghiệp như vậy. Cho nên tuyệt vời như vậy còn gì nữa! Học giáo pháp đề mục này [rất] tuyệt vời.

3. Vượt ngoài thời gian: là giáo pháp của Phật không chỉ có giá trị hữu hạn, mà giá trị của giáo pháp là vô hạn. Những gì đức Phật đã tuyên bố: Đời là khổ, sống chân chánh thực hành Thánh đạo sẽ diệt khổ, đoạn được khổ, thời xưa và nay và sau này vẫn đúng như vậy, không phải khác hơn.

Có nghĩa là sao? Không phải nói giáo lý Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã hợp với thời xưa (thời Ấn Độ)… Nếu đem giáo pháp đó áp dụng tới bây giờ và cho đến tận đời vị lai thì vẫn hiệu quả. Giả sử nếu ngược thời gian được, cho quay về quá khứ mấy chục ngàn năm trước, thì giáo pháp đó vẫn [được áp dụng] như vậy.

Nhiều người nói làm gì có chuyện đó. Có chứ! Hồi xưa đức Phật Ca Diếp và những đức Phật khác vẫn truyền đạo đó thôi, vẫn là giáo pháp Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. [Thực hành theo giáo pháp này], quý vị luôn luôn được lợi ích. Cho nên giáo pháp này vượt ra ngoài thời gian, tức là không bị ảnh hưởng bởi thời gian. Thời gian không quan trọng, chỉ cần ứng dụng thôi.

Hoặc là đức Phật dạy gieo nhân xấu thì sẽ gặt quả xấu, tạo nhân tốt thì được quả tốt. Thì xưa đến nay và sau này vẫn vậy thôi. Đó là tính vượt thời gian của giáo pháp. Bây giờ làm một thời gian thấy liền đó mà, quý vị sống thiện một thời gian thì tự nhiên cuộc đời quý vị cũng tốt lên. Làm nhân gì một hồi cũng thấy nó trổ đó mà. Đạo lý đó thì trước đây, đời này, và đời sau này đều như vậy. Đó là tính thứ ba: Vượt khỏi thời gian.

4. Đến để mà thấy: câu này ở trong kinh, nghĩa là giáo pháp này đáng được công khai, mời gọi. Hãy đến để mà thấy pháp này. Vì giáo pháp này là chân lý đã được tìm thấy, và vì giáo pháp là thật sự thanh tịnh. Một lẽ nữa là giáo pháp này đến để thấy chân lý giải thoát, chứ không phải tín ngưỡng cúng bái, cầu nguyện, nên đến để mà thấy.

Nhớ nha! Phật giáo không phải tới quỳ lạy cúng bái, cúng bái quỳ lạy là hơi mê tín rồi đó. Mà Phật giáo là tới để mà học, để thực hành, để thấy. [Tức là] để tự mình trải nghiệm, tự mình thực hành, thì tự mình vô, mình thấy.

Giống như có người nói: Thầy Thiện Trang suốt ngày nói, có lợi ích gì đâu! Quý vị thấy, quý vị thực hành đi thì có được lợi ích. Còn ai thực hành được bao nhiêu thì được lợi ích được bấy nhiêu. Thiện Trang cũng may mắn thực hành được chút chút, cho nên Thiện Trang thấy được lợi ích bấy nhiêu đó. Và qua mỗi năm [Thiện Trang] thấy, phải cảm ơn Hòa thượng Tịnh Không trích dẫn câu nói của ngài Giáo sư Phương Đông Mỹ, một Triết học gia nổi tiếng tại Đài Loan: *"Học Phật là sự hưởng thụ tối cao của đời người"*. Tức là sự học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Đúng như vậy! Và chúng ta đã có. Cho nên câu nói này quá hay!

Mà muốn được như vậy thì hãy thực hành đi, hãy nghe và làm. Thiện Trang tin là những người ở đây đều là những người thực hành cả, ít nhiều gì cũng thực hành. Cũng biết là hay rồi nên mới nghe, chứ ai rảnh, có thời gian đâu mà ngồi nghe hai tiếng, hai tiếng rưỡi bao giờ. Thiện Trang thấy giảng pháp hai tiếng rưỡi có mấy người giảng đâu. Sau này Thiện Trang phát hiện ra, ngoài Thiện Trang có một người nữa, đó là ngài Tuệ Sỹ. Hòa thượng Tuệ Sỹ mỗi lần giảng cũng là hai tiếng rưỡi. [Thiện Trang] kêu hóa ra mình giảng cũng giống ngài. Ngài giảng cũng vậy, miệt mài không biết mệt, chỉ có người nghe thấy mệt thôi chứ người giảng không thấy mệt. Thiện Trang thấy mình hình như cũng ốm ốm giống ngài Tuệ Sỹ, dù sao mình cũng [được] an ủi một chút. Rồi thời gian [giảng pháp cũng giống ngài], ở cũng giống như [ngài], ở Đạo tràng do Cư sĩ làm. Đó là nhà của cô Phật tử cho ngài, ngài cũng ở thất. Cũng vậy, cuộc đời mình cũng giống giống ngài Tuệ Sỹ. Tất nhiên mình không có đạo hành bằng ngài, không có trí tuệ, không thông minh bằng ngài Tuệ Sỹ. [Đúng] là lực của ngài Tuệ Sỹ rất đáng nể.

Nên quý vị hãy đến để mà thấy, học Phật pháp hãy ứng dụng đi. Người ta nghe thời gian năm phút nghe không nổi, mà mình nghe hai tiếng rưỡi vẫn còn thấy an lạc. Giáo pháp nói thao thao bất tuyệt hai tiếng rưỡi thì đâu phải đơn giản, đúng không quý vị? Phải đến để mà thấy, chứ không thì mệt, ngán liền, sao mà nghe được. [Quý vị] cứ thực hành đi rồi thấy.

5. Hiệu năng hướng thượng: #Hiệu năng là hiệu quả, công năng, là khả năng hiệu quả; #hướng thượng tức là đi lên. Nghĩa là giáo pháp này hướng đạo, dẫn dắt con người đi đến thánh thiện, đưa con người đến giác ngộ giải thoát.

Điều này thì rõ ràng! [Giáo pháp của Phật] đưa một người từ bậc phàm sang bậc Thánh. Thiện Trang thích câu nói của Hòa thượng Tịnh Không, phải nói là trong đời của Hòa thượng Tịnh Không có để lại những câu nói rất hay. Giáo pháp của Phật là gì? Có bốn điều chuyển: Thứ nhất là 'chuyển khổ đau thành an vui', tức là chuyển một người khổ đau thành an vui; Thứ hai là 'chuyển mê thành ngộ'; Rồi 'chuyển phàm thành Thánh', là chuyển phàm phu thành Thánh nhân. Còn một điều chuyển nữa Thiện Trang nhất thời quên mất, vì lâu rồi không đọc lại. Cứ nhớ là chuyển mê thành ngộ, chuyển khổ đau thành an vui, [chuyển ác thành thiện], chuyển phàm phu thành Thánh nhân. Điều quan trọng nhất là chuyển phàm phu thành Thánh nhân.

Giáo pháp Phật là vậy, trong Kinh Đại Bảo Tích đức Phật nói, thật ra không phải [chỉ] trong Kinh Đại Bảo Tích, mà kinh khác cũng nói, là: "**Giống như nước của ngàn con sông xuôi về biển lớn, mỗi con sông có một vị khác nhau** (nước của sông có vị khác nhau). **Nhưng khi chảy vào biển lớn, thì chỉ có một vị, đó là vị mặn. Cũng vậy, giáo pháp của đức Như Lai** (là giáo pháp của Ta), **chỉ có một vị, đó là vị giải thoát"**.

Dù các hạng người Bà-la-môn, thợ thuyền, Cư sĩ, nam nữ, trưởng giả hay bất cứ quan quân gì; dù là hạng người giàu sang, quyền quý, hay là nghèo khổ, v.v… từ người ăn xin cho đến người đại gia (trưởng giả)... Cuối cùng vào giáo pháp của Ta đều [nếm] một vị, đó là vị giải thoát khỏi khổ đau, giác ngộ giải thoát, và tương lai đều trở thành bậc Thánh. Cho nên đó là 'hiệu năng hướng thượng'. Rất tuyệt vời đúng không quý vị! Có giáo pháp nào tuyệt vời như vậy nữa đâu. Chúng ta quá may mắn được gặp, nên rất tuyệt vời.

6. Trí giả tự chứng: #Trí giả tức là người trí; #tự chứng nghĩa là giáo pháp này cần được chứng nghiệm do chính mình, và phải là người có trí mới chứng nghiệm giáo pháp này được. Bởi không phải nhờ người khác tu tập giùm, đắc đạo quả giùm. Và giáo pháp này không phải là lĩnh vực dành cho kẻ ngu có thể chứng nghiệm. Câu cuối cùng nghe hơi buồn một chút, nhưng phải rõ ràng.

Quý vị muốn chứng nghiệm thì quý vị phải có trí mới hiểu được, không có trí thì không học nổi. Và điều này không ai tu tập giùm được cho quý vị, đắc đạo giùm cho quý vị. Không được đâu! Quý vị phải tự tu, tự chứng. Trong kinh nói là: "Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc". Nghĩa là ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng. Quý vị muốn no thì quý vị tự ăn, không ai ăn cho mình được. [Ví dụ] nói: "Chồng ơi chồng, bữa nay vợ không có thời gian, chồng ăn giùm cho vợ đi". Không có chuyện đó! Hoặc là: "Bữa nay con bận học quá, mẹ ăn giùm cho con để con no". Không có chuyện đó!

Cũng vậy, Phật pháp là phải tự mình tu tập, tự mình cảm nhận, tự mình chứng. Và chứng quả là tự mình chứng mà thôi, không có liên quan người khác. Ai chứng đây? Ai tu được? Ai chiêm nghiệm được điều này? Chỉ người có trí mà thôi. Còn kẻ khờ quá, trong ngôn ngữ đây là kẻ ngu thì không chứng nghiệm được. Vì họ không hiểu, vô chùa lạy chút, cúng dường rồi đi về. Còn bảo vào đây nghe giảng pháp, thì họ nói: "Thôi thầy giảng gì đâu, nghe sao được".

Ví dụ có những người vô, suốt ngày thích cúng bái, lễ lạy thôi, chứ người ta không muốn nghe pháp. Đó là thiếu trí, cho nên không chứng nghiệm được hiện tại. Và quý vị thấy là chúng ta áp dụng được một bài, [như] bài kinh lúc nãy thì mình cũng chứng nghiệm được. Thiện Trang thấy có những người rất tội, họ học buông xả nên giao hết tài sản cho con cho cháu, thôi mình buông xả rồi mà, không cần tích lũy đâu. Học Phật pháp như vậy, cuối cùng con cầm hết tiền bạc, rồi bắt đầu mình [phải] phụ thuộc nó. Nó muốn cho đi thì đi, muốn cho ở thì ở, khổ chưa! Tại vì không nghe bài kinh trên, là mình phải tích lũy, giữ lại tài sản cho mình phòng thân.

Cho nên học [Phật] đúng thì bớt khổ, còn học sai thì khổ. Bởi vì phụ thuộc kinh tế là phụ thuộc chính trị. Đời là vậy mà, không biết thì học. Đức Phật dạy nguyên tắc rõ ràng, mình không chịu học. Không phải không chịu học, mà tại vì mình không có duyên để học, mình học nhiều khi bị trật. Nên nhiều khi không phải những gì mình học đã là chân lý, nếu như mình chưa thâm nhập kinh tạng.

Thiện Trang khuyên quý vị: nếu quý vị không có thời gian nhiều thì thôi, chứ có thời gian cứ coi Kinh Nikaya, Kinh A Hàm trước đi, rồi từ từ coi lên kinh điển Đại thừa. Quý vị kết hợp lại là thấy kinh điển hay vô cùng, và mình học là đúng là tự tác, tự tri, tự chứng, đúng như đức Phật nói.

Cho nên đây là sáu đặc tính của giáo pháp hay là sáu ân đức của giáo pháp. Quý vị phải nhớ sáu ân đức này rồi thì quý vị mới tu tập được. Sau khi biết được sáu ân đức này, thì [sang] phần thứ hai là các bước tu tập.

B. Các bước tu tập:

1. Học hiểu và thông ý nghĩa sáu ân đức Pháp: Đoạn Thiện Trang giảng vừa rồi, quý vị phải hiểu thì mới niệm Pháp được, [còn] quý vị chưa hiểu [ý nghĩa sáu ân đức Pháp] thì làm sao niệm Pháp. Nên bây giờ mình niệm thế nào? [Pháp] tu niệm này đâu có giống kiểu niệm của chúng ta. Vô cứ đọc kinh cho nhiều để có phước. Sai lầm rồi đó, rõ ràng là sai rồi. Rồi 'đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến'. Không phải! Đó là bên Đạo gia, Đạo nho, còn giáo pháp của Phật là phải học hiểu.

2. Đi đến chỗ yên tĩnh độc cư: Nghĩa là muốn tu [phải đến chỗ yên tĩnh độc cư]. Quý vị thấy tu Thiền chỉ lúc nào cũng phải độc cư, yên tĩnh, chứ không phải đông người. Bây giờ vô chùa đông quá trời, tu giống như khu công nghiệp thì không được.

3. Ngồi xuống và khởi niềm tin mãnh liệt đối với giáo pháp: [Quý vị] có chỗ rồi thì ráng ngồi xuống, và khởi niềm tin mãnh liệt để tạo hứng khởi.

Mà muốn có niềm tin mãnh liệt thì quý vị phải hiểu sáu đức tính này, không hiểu sáu đức tính này thì [tu làm] sao được.

4. Bắt đầu niệm tưởng những đức tính đặc biệt của giáo pháp: Tức là tư duy về những điều này, bắt đầu nghĩ giáo pháo này khéo được thuyết bởi đức Thế Tôn, v.v… bắt đầu nhớ lại đoạn hồi nãy Thiện Trang nói. Rồi thiết thực trong hiện tại, vượt qua thời gian, giáo pháp này tuyệt vời lắm… Rồi đến để thấy, hiệu năng hướng thượng, người trí sẽ tự chứng. Cứ suy nghĩ ở trong đó, niệm miết, niệm hoài thì đắc Thiền. Và [việc niệm Pháp này] chỉ đắc tới Cận định (Vị đáo định) thôi, không đắc Sơ thiền. Tùy niệm pháp này chúng ta đã học ở phần trên rồi.

C. Kết quả:

1. Khi hành giả suy nghiệm những đức tính đặc biệt của Pháp như vậy thì ngay khi ấy, tâm vị ấy không bị tham sân si chi phối và tâm được an tịnh nhờ cảm hứng từ Pháp: Đúng! Chính xác! Vì chúng ta nhớ được sáu ân đức này và niệm sáu ân đức này, thì tự nhiên tâm hết tham, sân, si. Và tự nhiên an tịnh nhờ cảm hứng từ pháp, vì học đã quá, dễ chịu mà, đúng không? Điều đó đương nhiên.

2. Do tâm an tịnh nên chế ngự Triền cái, hỷ sanh, khinh an sanh, Chi thiền khởi lên: Do tâm an tịnh rồi nên tự nhiên chế ngự được Triền cái, hỷ sanh, khinh an cũng sanh, tức là được niềm vui và chế ngự được Triền cái. Quý vị còn nhớ Triền cái không? Triền cái có năm Triền cái là: Tham dục, Sân hận, Trạo hối, Thùy miên và Hoài nghi. Như vậy điều này là để trừ được Triền cái.

Ở đây quý vị đừng nghĩ là không liên quan gì tới chúng ta, ai bị mấy Triền cái thì quý vị tu đề mục này. Hồi xưa Thiện Trang không biết, bây giờ biết rồi. Ai buồn ngủ quá thì quý vị nhớ điều này, an tịnh lên là hết buồn ngủ, ai bị sân hận (buồn cũng là sân), quý vị niệm mấy ân đức của giáo pháp này thì hết buồn. Thấy mình đang sướng quá, đang học giáo pháp của đức Thế Tôn, mình

đang được hưởng thụ lớn nhất của đời người, là vui liền, hết buồn, hết bực, hết sân, hết trạo cử, hối hận.

Tức là do mình tập trung tâm vào những điều này thì sao mà trạo cử, hối hận được, cho nên hết. Rồi mình cũng hết buồn ngủ, vì đang hưng phấn, đang đã mà, nên hết vật vờ. Và hết hoài nghi, vì mình nhớ đến những ân đức này, mình thấy nghiệm đúng mà, còn nghi ngờ gì nữa, nên hết nghi. Cho nên tu trì pháp này thì [sẽ] trừ được năm Triền cái.

Rồi các chi thiền khởi lên, [tức là] Sơ thiền có Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định (Nhất hành). [Các chi thiền] khởi lên, tức là lúc đó những Tâm sở đó nổi lên, nên được lợi ích ngay.

3. Bởi do tâm bận niệm tưởng nhiều khía cạnh của những ân đức Pháp nên vị ấy chỉ đạt đến cận hành định (Vị đáo định)**, chứ không đắc được An chỉ định** (các tầng Thiền). Tức là Sơ thiền trở đi thì mình không đạt được. Điều này giống như pháp tu bổ trợ thôi. Tu Thiền chỉ, mình muốn lên các tầng Thiền kia nhưng mình chưa lên được, thì mình tu điều này trước, để trừ Triền cái, và khởi chi thiền lên, rồi sau đó mình tu đề mục khác thì mới đắc Thiền. Cho nên tại sao mình phải tu điều này.

4. Chuyên tâm niệm tưởng đặc tính cao quý của giáo pháp, vì thấy những đức đặc biệt của Pháp nên vị ấy tôn trọng Pháp, tịnh tín Pháp, vị ấy sẽ được nhiều hạnh phúc, nhiếp phục được nỗi sợ hãi, có khả năng nhẫn khổ: Ai mà thiếu lòng tin, tôn trọng, thiếu hạnh phúc, sợ hãi, không chịu khổ được thì tu điều này. Tu điều này thì được hiệu quả, lợi ích liền.

Quý vị thấy những điều này rất căn bản mà mình không học, mình cứ vô một câu Phật hiệu niệm tới cùng, một đề mục thiền nào đó tới cùng, [nhưng] tu hoài không đắc. Đắc gì nổi? Vì mình thiếu bước Gia hành. Điều này gọi là Gia hành, tức là gia công trước. Giống như quý vị muốn đổ bánh xèo, quý vị không chuẩn bị trước, đi chợ mua bột, mua gì đó, v.v… đủ các nguyên liệu để làm. Mà cứ vô, thôi bữa nay làm bánh xèo, thấy trong nhà có món gì đem ra làm bánh

xèo, đem gạo xay ra làm bột, làm luôn, rồi có gì đem ra trộn một hồi, thì đố mà ra bánh xèo được. Điều gì cũng vậy, phải có sự chuẩn bị.

Đây là một phương pháp tu tập, đừng tưởng không liên quan. Quý vị thử coi, lúc nào quý vị buồn, Phiền não nhiều, v.v… thì quý vị đem sáu ân đức của giáo pháp này suy luận, nghe lại đoạn Thiện Trang chia sẻ, quý vị nhớ rồi suy luận thì [sẽ thấy] tuyệt vời quá, pháp Phật hay quá. Rồi bắt đầu nhớ tới những chuyện, như có bà đó bị mất sáu đứa con, bả buồn quá trời, giống như bị khùng, đi lang thang, rớt hết quần áo. Nhưng tới đức Phật thuyết cho một bài pháp thì bả tỉnh, bả [đi] về [nhà]. Sau [khi] đứa con thứ bảy của bà bị [chết], thì bà không khóc nữa, không còn [bi thương] nữa, thì ông chồng hỏi tại sao vậy. [Bả nói] là giờ bả hiểu là Vô thường, Vô ngã rồi, hiểu đứa con cũng không phải con của mình, nên chết đứa thứ bảy cũng vậy thôi. Ông đó nói hay quá, thôi để tôi tới, tôi nghe đức Phật thuyết pháp. [Nghe] xong ông xin đi xuất gia, đức Phật nói ba ngày sau ổng sẽ chứng quả A-la-hán. [Rồi] bà cũng xin đi xuất gia, người hầu cũng đi [xuất gia] luôn.

Mình nhớ câu chuyện đó, mình thấy là [giáo pháp của Phật] giúp chuyển khổ đau thành an vui, chuyển phàm thành Thánh. Cho nên giáo pháp của Phật rất tuyệt vời. Có rất nhiều câu chuyện như vậy, mình nhớ, mình niệm một hồi, thì mình thấy tuyệt vời quá, nên tự nhiên hết buồn ngủ, hết hôn trầm, hết tức giận, hết hoài nghi, v.v… Rồi từ đó mình tu vào đề mục của môn mình, như là tu niệm Phật hay tu Thiền Vipassana, thì mới dễ nhiếp phục được tâm. Quý vị nhớ như vậy nha.

Ví dụ như ở đây nói là mình sẽ tôn trọng Pháp, tịnh tín Pháp, giống như bữa trước mình [học], là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng. Quý vị phải niệm như vậy thì quý vị mới bất hoại tịnh được, mới tịnh tính Pháp được. Rồi quý vị thấy được nhiều hạnh phúc, hạnh phúc ngay trong đời này.

Cho nên Thiện Trang nói không biết mấy người đồng tu, tu kiểu gì mà sao thấy không hạnh phúc, suốt ngày phiền não thì không học được gì hết. Suốt ngày than vãn, nếu đạo lý Vô thường lúc nào cũng nằm trên đầu mình, thì làm sao mình buồn được. Mình thấy đời vui, mình đang biết con đường giải thoát giác ngộ, chúng sanh ngoài kia mê quá trời. Họ ham đi làm kiếm tiền, rồi mai mốt chết cũng đâu giải quyết được gì. Còn ta ngồi đây, ngày ngày nghe pháp được an vui, an lạc như vậy, còn gì bằng nữa. Vậy mà buồn, buồn làm gì!

Cho nên nhiều khi không biết tại sao, học kiểu gì mà mới có một chút chuyện trong gia đình là buồn, người thân ra đi là buồn, vậy thì học giáo pháp để làm gì? Người ta chết cũng đâu phải chết thật đâu, người ta chỉ là đổi thân này qua thân khác. Giả sử có đọa lạc thì cũng đọa lạc có thời hạn. Đức Phật cũng thấy bao nhiêu chúng sanh đọa trong các đường dữ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh đó thôi, đức Phật cũng chờ họ, đợi khi nào có duyên họ ra thì độ. Sao mình còn tình chấp, anh em, bà con, vợ chồng. Cha mẹ từ nhiều đời nhiều kiếp, chứ đâu phải có một đời. Quý vị thấy có một đời, còn bao nhiêu đời kia người ta đọa trong ác đạo chờ mình [cứu kìa], nếu mình đắc đạo thì mình cứu.

Tầm nhìn của mình hạn hẹp thì không thể xuất thế gian được, cho nên quý vị khổ. Còn bây giờ mình học giáo pháp của Phật, mình thấy cả bầu trời vũ trụ bao la, có vô lượng chúng sanh vẫn đang chờ mình giác ngộ, vẫn đang chờ mình giúp họ. Nếu mình ngày nào ra khỏi sinh tử là mình giúp được họ, bởi vì chỉ có người biết bơi mới cứu được người chết đuối. Còn mình không biết bơi, thì vô đó cứu gì nổi. Cho nên là tự nhiên mình có khả năng chịu được nỗi sợ hãi. Quý vị tu hoài thì [sẽ] không sợ gì nữa, và có khả năng nhẫn được khổ. Nên nhớ đây là đề mục để trị những Phiền não rất tuyệt vời.

Thiện Trang đã giới thiệu xong đề mục tu Tùy niệm pháp theo Luận Thanh Tịnh Đạo. Bây giờ chúng ta sẽ giới thiệu pháp niệm Pháp theo Kinh Tăng Nhất A Hàm. Pháp niệm Pháp này ngắn thôi, không phải Thiền chỉ, Thiền gì thì không nói, nhưng ở trong Kinh Tăng Nhất A Hàm.

***Pháp Niệm Pháp Theo Kinh Tăng Nhất A Hàm**

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà (ở đây không để Thái tử Kỳ Đà và ông Cấp Cô Độc, nhưng chúng ta hiểu là vườn của ông Cấp Cô Độc và Thái tử Kỳ Đà. Câu chuyện này Thiện Trang đã kể rất nhiều lần rồi), **tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, đủ cả các điều thiện, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là Niệm Pháp."**

Đoạn này quý vị thấy quen không? Quen! Tại sao quen? Hôm bữa mình giới thiệu pháp niệm Phật, lời văn cũng y chang như vầy, chỉ đổi cuối cùng là niệm Phật thôi. Cho nên quý vị thấy không? Nếu mình không học kinh, gặp người tu niệm Phật là họ quất câu này, và họ lấy bộ kinh xưng tán hay tán thán về niệm Phật họ truyền, họ nói về niệm Phật là nhất rồi đó. Bây giờ mình gặp người họ thích niệm Pháp, họ lấy đoạn kinh này, họ đưa ra niệm Pháp là số một, Phật tán thán nè. Nguy hiểm là ở chỗ đó, pháp nào Phật cũng tán thán hết, pháp nào cũng bình đẳng, và ai căn cơ nào thì theo [pháp] đó. Thậm chí tu, nhiều khi có thể kết hợp nữa v.v… đủ các kiểu. Nhưng nói chung là mình phải học kinh gốc, nếu không mỗi người dẫn [mỗi kiểu].

Cho nên Thiện Trang nói việc dẫn là nguy hiểm, dẫn một hồi đi đâu mất tiêu, còn mình theo kinh thì từ từ [sẽ rõ]. [Còn] Thiện Trang thì không dẫn quý vị đi đâu hết, Thiện Trang chỉ nói là Thiện Trang chia sẻ như vậy, quý vị tin được bao nhiêu thì quý vị hành bấy nhiêu. Quý vị tin được Thiện Trang thì quý vị hành theo Thiện Trang. Quý vị chưa tin thì cứ vô trong tạng Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, những kinh Đại thừa, quý vị coi trong đó quý vị thực hành theo đó. Chứ đừng nghe thầy Thiện Trang, thầy Thiện Trang cũng chỉ là một phàm phu, chưa phải bậc như đức Phật được đâu. Chắc phải tu thêm mấy a-tăng-kỳ

nữa, chắc cũng phải một, hai a-tăng kỳ [kiếp] nữa mới tới thành Phật được. Còn bây giờ mới sơ sơ thôi, cho nên quý vị thông cảm.

Đoạn này nói như vậy, nếu tu niệm Pháp quý vị sẽ được danh dự, tức là được tiếng tăm; [được] thành tựu quả báo lớn; đủ cả các điều thiện. Tức là khỏi đi từ thiện cũng đủ hết. Được vị cam lồ, cam lồ là thức uống của chư Thiên, ngọt lắm; rồi đến chỗ Vô vi là không sanh không diệt; được Thần thông là tu được Thần thông luôn; trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn: tức là chứng quả các vị Thánh; tự đến Niết-Bàn. Pháp đó là tu niệm Pháp. Và niệm Pháp như thế nào thì đoạn này nói:

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế nào là tu hành niệm Pháp, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, đủ cả các điều thiện, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn rằng: "Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì".

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe (tức là đế thính, đế thính), **và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông".**

Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Kính vâng, Bạch Thế Tôn".

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng (Đoạn này quan trọng): **"Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Pháp, trừ các dục ái, không còn trần lao, tâm khát ái vĩnh viễn không nổi lên nữa. Phàm Chánh pháp là ở nơi dục mà đạt đến vô dục, lìa các kiết phược và các bệnh của Triền cái. Pháp này giống như mùi các loại hương, không có tỳ vết của niệm loạn tưởng".**

Đoạn này Thiện Trang đã cố gắng sắp xếp, quý vị để ý Thiện Trang đưa bài ở trên lên trước, cho nên đoạn này giống như là bổ sung thêm. Tức là nếu lấy [đoạn] ở trên đọc xuống đây thì rõ ràng, chứ nếu không có đoạn ở trên, đoạn Tuỳ niệm Pháp của ngài Buddhaghosa (tức là ngài Phật Âm) ở trong Luận Thanh Tịnh Đạo, thì có lẽ mình sẽ không rõ, nhưng [Thiện Trang] đưa lên đó rồi cho nên ở đây nói rất rõ.

Chánh thân là ngồi ngay ngắn, người thẳng, v.v… gọi là Chánh thân. Chánh ý là ý nghĩ chân chánh, rồi ngồi kiết già. Thiện Trang thấy tất cả trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đức Phật hay dạy ngồi kiết già lắm. Không hiểu sao đời nay có người nói ngồi kiết già là tu Thiền, [nói] tùm lum, nói chấp tướng... Thật ra chúng ta nên nghe theo đức Phật, đức Phật khuyên nên ngồi kiết già. Nếu không ngồi được thì ráng ngồi bán già, không thì ngồi chân trong chân ngoài, nhưng ngồi được kiết già là tốt nhất.

Buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác: tức là đừng nghĩ lung tung; chuyên tinh niệm Pháp, trừ các dục ái: là trừ được các ham dục, mong muốn ái dục; không còn trần lao: là không còn những nỗi khổ ở đời; tâm khát ái vĩnh viễn không nổi lên nữa. Phàm Chánh pháp là ở nơi dục mà đạt đến vô dục: [tức là] mình đang ham muốn nhiều, mình niệm Chánh pháp một hồi sẽ đưa đến vô dục; lìa các kiết phược: chính là những Phiền não; và các bệnh của Triền cái. Pháp này giống như mùi các loại hương, không có tỳ vết của niệm loạn tưởng. [Đó là] mình tu như vậy.

Niệm Pháp là gì? Ở chỗ này không giải thích, theo Thiện Trang giải thích thôi nha, thì trong kinh đức Phật hay nói là: *"Này các Tỳ-kheo, đây là cánh rừng, đây là gốc cây, đây là căn nhà trống, đây là cái thất trống. Các ông hãy vào đó mà ngồi kiết già, chánh thân ngay ngắn, suy nghĩ tư duy về Pháp"*. Tức là mình nghĩ đến những điều mà đức Phật dạy, ví dụ lúc nãy mình nghĩ về công đức của Pháp, hay bữa nay mình nghe được đoạn nào nói Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, Bát chánh đạo, v.v… Nói chung mình nghe điều đó, mình ngồi suy nghĩ, mình tư duy nhiều về điều đó. Trong kinh đưa ra những ví dụ như vậy. Các Tỳ-

kheo tư duy một hồi là đắc đạo A-la-hán, chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn v.v… là nhờ tư duy như vậy.

Cho nên không phải ngồi đó niệm Pháp như vậy thì không được hiệu quả gì, mà được hiệu quả rất lớn. Nên không nhất định. Quý vị niệm Phật mà buồn ngủ, cứ niệm A Mi Đà Phật, A Di Đà Phật, hoặc thiền về đề mục gì đó, biết có chân tâm gì đó, v.v… mà buồn ngủ, thì quý vị tu qua các pháp nào thử xem. Mình trạch pháp, mình thử qua niệm Pháp xem, bữa nay nghe thầy Thiện Trang giới thiệu bộ kinh đó, hoặc mình đọc bộ kinh đó thấy hay chỗ này, hay chỗ kia, thì tư duy suy nghĩ. Đó là niệm Pháp. Chứ không phải bắt buộc một điều gì đó.

Thiện Trang nói với quý vị là mình phải khéo [tu] các đề mục, đề mục đức Phật đưa ra là cho người đó, [nhưng] chưa chắc hợp với mình, mình phải có đề mục nào đó phù hợp với mình. Gọi là đối trị Phiền não thì mình phải biết Phiền não đó từ gốc gác nào. Ví dụ như có người suốt ngày [có] nỗi khổ trong gia đình, suốt ngày chấp con, chấp chồng, chấp cha, chấp mẹ, v.v… suốt ngày lo nghĩ gia đình, thì đề mục quý vị phải tu đầu tiên là gì? Là hãy cố gắng niệm: gia đình là giả, gia đình là giả. Mỗi lần khởi lên [phiền não thì quán] gia đình là giả, không phải thật. Con cái là đến đầu thai, cha mẹ mình cũng chỉ có duyên vô đây thôi, đời này không riêng đời kia, v.v… cứ nghĩ như vậy. Quý vị phải niệm đề mục đó trước, để trừ Phiền não cho những người quá nặng về gia đình.

Còn người nào nặng về tình yêu thì đem quán bất tịnh ra, quán được không? Thiện Trang nói với quý vị quán bất tịnh chỉ đối với người lạ thôi, còn người mà quý vị thích rồi thì đố mà quán bất tịnh được. Cho nên chỉ quán Vô thường thôi, quán Vô thường đời là giả tạm, đời sống không được lâu, mai mốt lấy về khổ lắm, thế này thế kia… Quý vị đem những đề mục đó quán, thì đối với những người trẻ mới vượt qua được, vì người trẻ có thử thách lớn. Còn những người già thì không sao, mấy chục năm có gia đình họ chán rồi, bây giờ chỉ ghét ông chồng thôi. Nếu ghét ông chồng, ghét bà vợ quá thì quán: tất cả

thế gian chỉ là giả thôi, ông chồng đối với ta chắc là oan gia, thôi nhường nhịn oan gia, bà vợ đó chắc là oan gia, thôi nhường nhịn, nhẫn nhục Ba-la-mật, v.v… Mỗi lần thấy ông chồng, bà vợ có gì đó, tức là nếu họ có một suy nghĩ gì đó nổi lên chọc mình, là mình phải nhường ngay. Phải nhường, phải nhường, phải nhường, phải nhẫn, phải nhẫn, phải nhẫn. Đề mục đấy gọi là người cho mình thi nhiều nhất, để mình cảnh giác với đề mục này. Đề mục nào yếu là mình đánh vô đề mục đó, mình niệm trước.

Thiện Trang chia sẻ cho quý vị nghe, hồi xưa Thiện Trang có giai đoạn ở tại gia, tu mấy năm, suốt ngày cứ ngủ là thấy sắc dục, tức là toàn thấy nữ sắc tới dụ, mà người nam thì có hiện tượng gọi là xuất tinh. Bị như vậy rất mệt, không sung sướng gì, mỗi lần dậy là mất công phu, tu không được, bị phiền não, loạn tâm. Cho nên phải tu làm sao? Nào bất tịnh quán… [Thiện Trang] quán miết mà không ăn thua gì hết. Sau này Thiện Trang nghĩ cách làm sao vượt qua được. Tức là Thiện Trang để ý, hồi đó ở ngoài đời Thiện Trang đi dạy, cứ bữa nào nhìn cô bé nào, nhìn cô học trò nào, hoặc nhìn cô giáo nào, cứ nhìn ai là tối hiện ra người đó. Cho nên kêu, bữa nay trước khi đi ngủ ta phải niệm người đó trước, tức là nếu cô bé đó hoặc cô đó hoặc ai đó bữa nay mình nhìn thấy trúng ai, thì chắc chắn tối nay hiện. Nếu hiện ra thì ngay lập tức ta phải nhớ ngay: Ta là người đã tu hành, ta đã giữ năm giới, không có chuyện đó, không phải vợ chồng, không có chuyện đó.

Cho nên khi [ngủ, người đó] xuất hiện, thì nhớ ra: "À, ta không phải vợ chồng, không có chuyện đó". Rồi thắng được một lần, thì dần dần mới thắng trận quý vị ạ. Dần dần lần sau cứ nhớ, đổi đề mục: Cứ nhớ rằng ta đã thọ Ngũ giới rồi, vì ta đang độc thân, cho nên không có chuyện đó. Vậy vô trong giấc mơ, họ dụ cỡ nào dụ, cũng không ăn thua. Vì mình luôn luôn nhớ câu: "Ta đã giữ giới rồi, không phạm tà dâm nha", cho nên trong giấc mơ cỡ nào thì cỡ cũng không bị [dụ]. Và đề mục đó qua, Thiện Trang nhớ là mất một năm. Ví dụ lần đầu là 10 giấc mơ như vậy, thì thua hết 9 trận rồi. Dần dần thua 8, thua 7,

thua 6, thua 5, rồi dần dần chiến thắng 100%. Tức là chiến thắng hết 10 trận, thì phải là một năm trời.

Đó là một đề mục trước khi đi ngủ mình phải quán như vậy, phải tu như vậy. Chứ kêu niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, khổ nỗi vô giấc mơ có Quán Thế Âm Bồ-tát không? Không có nha! Cho nên đề mục là do mình biết mình phiền não [điều] nào, thì mình tự đưa ra đề mục đó, để mình trừ đi các vọng tưởng, chứ không phải là mình cứ tu nhất nhất như vậy. Tất nhiên đức Phật đưa ra rất nhiều đề mục, nhưng không phải 100% đề mục đó có thể xài trong nhất định. Khi mình xài được rồi, hiệu quả rồi, thì mình quay trở lại đề mục chính, mình tu môn của mình. Tu hành phải khéo, giáo pháp của Phật 84.000 Pháp môn, vô lượng Pháp môn, tùy căn cơ, tùy mỗi người.

Cho nên có hai vị đó tới, được ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên dạy cho hai pháp tu. Một ông thì bảo hãy tu Bất tịnh quán, một ông thì bảo tu Sổ tức quán. Hai người đó tu miết mấy tháng trời mà không đắc đạo. Sau đó mới trình lên đức Phật, đức Phật nói: Tại vì hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên chỉ tu đề mục sai rồi. Ông này 500 đời được sanh trong gia đình quyền quý cao sang, nhà ông toàn cảnh đẹp và thanh tịnh. Bây giờ bắt ông quán bất tịnh, thì làm sao ông quán được. [Ông đó] 500 đời toàn ở nhà sang, nhà cao cửa rộng, cảnh đẹp, trang trí nào là tiểu cảnh, vườn Thiền đủ các kiểu, cổng trời cổng đất, cổng thiên đường gì đó đẹp quá, cho nên không thể nào quán bất tịnh được, không có chủng tử trong đó. Cho nên đức Phật nói: "Thôi, ra đây ta chỉ cho pháp quán", trong Kinh Nikaya, Kinh Tiểu Bộ, đức Phật hoá ra một bông hoa sen [nói]: "Con hãy ngồi nhìn đóa hoa sen ở giữa hồ". Bắt đầu đức Phật biến ra bông hoa đẹp như thế nào, từ từ chuyển, [ông đó] quán tịnh một hồi thì đắc quả A-la-hán.

Phương pháp [dành cho] người đó là quán tịnh, chứ không phải quán bất tịnh. Cho nên ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dạy quán bất tịnh không thành. Mà hai vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên trình độ cỡ nào, tu bao lâu, chứng

quả A-la-hán rồi, kinh Đại thừa gọi là Đại A-la-hán chứ đâu phải đơn giản, mà không thành.

Còn một vị kia thì hình như cũng được chỉ cho tu pháp Quán bất tịnh, nhưng cũng không thành luôn. Đức Phật hỏi ổng ở nhà làm gì? Ổng nói làm thợ rèn. [Đức Phật mới kêu] vô chỉ cho pháp Quán sổ tức (đếm hơi thở và theo dõi hơi thở). Ông đó quán một hồi thì đắc đạo luôn.

Quý vị thấy chưa? Phật chỉ phương pháp mới đúng, những vị A-la-hán như vậy vẫn có thể chỉ sai. Thời nay mình không có A-la-hán luôn, toàn phàm phu như cỡ Thiện Trang đây, thì xui nhiều hơn hên nha. Quý vị phải khéo thông minh, khéo biết bệnh của mình để uống thuốc cho đúng. Thiện Trang chia sẻ như vậy đã rõ ràng.

Đoạn cuối cùng là:

"Đó gọi là Tỳ-kheo tu hành niệm Pháp, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, đủ cả các điều thiện, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Pháp, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này".

Quý vị nhớ: luôn phải tư duy không rời niệm Pháp, cho nên hằng ngày quý vị niệm Phật cũng được, quý vị niệm Thiền cũng được, quý vị cố gắng tu niệm Pháp, tư duy trong pháp không rời. Hình như Thiện Trang tu đúng môn này, Thiện Trang luôn tư duy không rời niệm Pháp, đi đâu, thấy gì cũng quán hết. Đi ra bờ sông thấy con chim bị trôi trên dòng nước, nó không bay hay sao đó, nó cứ trôi trôi trên dòng nước. Mình thấy: "À, nó nhắc cho mình thấy đời là vô thường, đời là dòng nghiệp". Có con chim bay ngược theo dòng được, còn con đó không bay mà cứ bị trôi theo dòng nước. Tu hành cũng giống vậy, không tiến thì lùi. Không tiến lên, không bay được lên ra khỏi dòng nghiệp thì [sẽ bị] dòng nghiệp kéo, là tuột luôn.

Đó là tư duy niệm Pháp hằng ngày, thấy lá cây cũng là vô thường, nhà cửa vô thường, bữa ăn là vô thường. Khổ - Không, Vô thường, thường trực Tam Bảo hiện tiền luôn ở trong tâm ta, thì chúc mừng quý vị, ngày nào đó quý vị sẽ giác ngộ thôi, không sớm thì muộn, chắc chắn giác ngộ, tức là chắc chắn vào dòng Hiền, dòng Thánh. Không vào được Sơ quả Tu-đà-hoàn thì cũng vào dòng Hiền (dòng Hiền là Tứ gia hạnh rồi), quý vị vào dòng đó là ngon rồi, trước sau gì cũng sẽ chứng quả thôi. Nếu ai tin Tịnh Độ nữa thì giống như "hổ mọc thêm sừng (cánh)". Bởi vì quý vị không vãng sanh thì quý vị cũng không sợ nữa, trước sau gì cũng ở trong dòng Thánh. Nếu quý vị vào được Nhẫn vị trong Tứ gia hạnh, thì chúc mừng quý vị, quý vị không đọa ác đạo nữa rồi.

Còn hôm bữa chúng ta học là Tùy tín hành, Tùy pháp hành đó. Thiện Trang đã xem lại Tùy pháp hành rồi, Tùy pháp hành cũng giống như Tùy tín hành, nếu giữa đời không bị chết, tức là nếu họ có đủ thời gian để tu, thì họ sẽ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Tại sao Tùy tín hành khác Tùy pháp hành? Tùy tín hành là người nhập vào đạo bằng niềm tin. Còn Tùy pháp hành là những người có trí tuệ, họ hiểu pháp, cho nên họ hành theo pháp. Quý vị không có trí tuệ sâu xa, thì quý vị dùng theo con đường Tùy tín hành. Còn quý vị có trí tuệ tốt thì quý vị sẽ đi theo con đường Tùy pháp hành. Do mình hiểu nên mình thực hành, gọi là Tùy pháp hành. Con đường nào một hồi cũng vào Sơ quả, nếu như đủ thời gian. Đủ thời gian là vào Sơ quả trong đời này. Còn nếu không đủ thì cũng không sao, cứ từ từ, cũng sắp vào rồi. Cho nên những địa vị đó trên những địa vị kia, nên nếu mình tính ra cũng vào dòng Hiền, nên yên tâm, không sợ nữa.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 2 – Phẩm Quảng Diễn Thứ 3 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Cũng hết thời gian rồi, Thiện Trang định giảng Luận Câu Xá nhưng quá giờ rồi. Hẹn quý vị bữa khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 24: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 24.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 02.01.2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=qEC_E-QjVG8

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta tiếp tục gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về bộ giảng A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, tên ngắn gọn là Luận Câu Xá. Trong bộ này, chúng ta vừa học cả Nam truyền lẫn Bắc truyền, vừa học phần Vi Diệu Pháp và cả phần kinh tạng. Thiện Trang cố gắng cung cấp bộ đầy đủ theo thứ tự, [để] làm sao chúng ta học tới đâu thì dùng được tới đó. Chứ nếu chúng ta học theo Luận Câu Xá thôi, thì có lẽ là phải mất rất nhiều thời gian, gần cuối của bộ Luận này thì chúng ta mới được lợi ích lớn. Còn đa số quý vị đồng tu đều là những người tu học lâu năm rồi, thì không nhất thiết phải chờ đợi lâu như thế, chúng ta học tới đâu thì mình xài được tới đó.

Giống như cái cây bây giờ, người ta đem trồng là ra trái liền, chúng ta cũng vậy, cũng ăn được chút chút để cảm được vị ngọt của pháp thì chúng ta sẽ thích hơn. Mới đầu vào nào là Phân biệt giới, Phân biệt nghiệp, học nghiệp của chúng sanh, rồi các cảnh giới đọa lạc, cảnh giới thiên đường (cõi Trời) v.v… thì mất thời gian. Một hồi mới học được tới vị trí của các quả vị Thánh, rồi tu tập làm

sao v.v… đó là nội dung của bộ Luận Câu Xá. Nhưng Thiện Trang cố gắng đưa [thêm] phần kinh tạng bên Nam truyền là phần A Tỳ Đàm, chúng ta học tới đâu đều có hiệu quả. Và mỗi bữa thì Thiện Trang cung cấp mỗi phần kiến thức, để quý vị học và hành ngay, từ những người học sâu xa cho đến những người học cơ bản.

Ví dụ như hôm bữa Thiện Trang [đã] cung cấp cho quý vị về 27 địa vị Hiền Thánh gồm: Hữu học thì có 18, Vô học thì có 9. Mỗi lần mình học chút chút thì mình hiểu, và sau này học vào bộ Luận Câu Xá thì quý vị thấy con đường tu hành, đường giải thoát của mình rất dễ, không phải khó như hồi xưa nữa. Tại vì hồi xưa mình cứ bám vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thì khó quá. Bây giờ mình biết rằng dưới Sơ quả Tu-đà-hoàn còn có những địa vị dễ hơn rất nhiều, và mình hoàn toàn có thể tu tập được, như vậy chúng ta cũng có thể yên tâm. Và dưới Sơ quả Tu-đà-hoàn còn có những địa vị đảm bảo chúng ta không bị rơi vào ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, thì chúng ta rất vui mừng. Đó là lý do của bộ này, nên chúng ta cố gắng học.

Phần đầu tiên hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu một nền tảng căn bản, trích từ kinh tạng. Nội dung đầu tiên là:

Làm Sao Để Mang Lại Lợi Ích Cho Quyến Thuộc?

Hôm nay là năm mới, ngày 01.01.2025, đa số mọi người chúng ta đều mong muốn lợi ích cho quyến thuộc của mình, những người thân của mình, Thiện Trang xin trích dẫn kinh như sau:

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. (Vườn của ông Trưởng giả Cấp Cô Độc, cây của Thái tử Kỳ Đà và nước Xá vệ).

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nếu có chúng sanh muốn khởi từ tâm, có ý chí tín, vâng phục phụng sự cha mẹ, anh em, tông tộc, gia thất, bè bạn tri thức, nên an lập những người này trên ba xứ khiến

không di động. Những gì là ba? Như vậy năm mới dương lịch, chúng ta cũng mong muốn người thân quyến thuộc, như cha mẹ, anh em rồi bà con, bạn bè tri thức v.v… mà mình thương tưởng, muốn giúp ích cho họ thì làm sao đây? Đức Phật dạy cho chúng ta là hãy giúp những người đó không di động trên ba xứ (chỗ) tức là ba điều. Những gì là ba? **Khiến họ phát tâm hoan hỷ đối với Như Lai, tâm không di động rằng: 'Ngài là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn'.**

Thực ra đây là giống Quy y Phật, tức là hãy giúp cho những người thân của mình phát tâm hoan hỉ đối với đức Phật (đức Như Lai), bằng cách là hãy tin vào 10 danh hiệu của đức Như Lai. Giúp cho họ hiểu được 10 danh hiệu này, thì tự nhiên họ hoan hỉ. Đó là điều thứ nhất.

Lại khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Chánh pháp rằng: 'Pháp được Như Lai khéo nói, vô ngại, cực kỳ vi diệu, do đây mà thành quả; pháp như vậy được học và biết bởi người trí'. Như vậy đây là Quy y Pháp, mình hãy giúp cho họ phát tâm hoan hỉ nơi Chánh pháp. Mà muốn biết như vậy, thì hãy [nói] cho họ rằng: 'Pháp được đức Như Lai khéo nói, vô ngại, cực kỳ vi diệu, do đây mà thành quả; pháp như vậy được học và biết bởi người trí'. Cho nên quý vị giới thiệu cho họ là học Phật pháp không phải dễ đâu, Phật pháp là [phải] người có trí mới học được, còn ai không có trí thì không học được. Người ta nghe như vậy cũng tò mò, kêu: "Vậy tôi ngu à? Đâu có! Tôi cũng phải thông minh chút chứ, có trí chứ". Có trí thì học, còn ai không học được là không có trí. Đó là một bài kích thích cho người ta, gọi là khích tướng, chúng ta có thể hiểu được [ý nghĩa] ở đây là như vậy. Rất hay! Đây là Quy y Pháp.

Cũng khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Thánh chúng này rằng: 'Thánh Chúng của Như Lai tất cả đều hòa hợp, không có lẫn lộn, thành tựu pháp, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến huệ. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám hạng, mười hai Hiền Thánh. Đây là Thánh Chúng của Như Lai, đáng kính,

đáng quí. Đây là ruộng phước vô lượng thế gian'.

Ở đây điều thứ ba này thì quý vị giới thiệu cho kỹ, bắt đầu vô điều thứ ba là chúng sanh thời nay khó chấp nhận, cũng khiến cho họ, tức là gia đình mình, người thân của mình hoan hỷ nơi Thánh chúng. Mình tưởng Thánh chúng là Tỳ-kheo Tăng, nhưng không phải, đây là Thánh chúng của Như Lai, tất cả đều hòa hợp, không có lẫn lộn, thành tựu pháp, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội (thành tựu định), thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, rồi thành tựu giải thoát tri kiến. Cuối cùng là thành tựu giải thoát kiến huệ tức là giải thoát tri kiến.

Nghe như vậy thì chắc chắn là chúng sanh không phục, nhưng quý vị nên nhớ: Quy y Tăng ở đây không phải là phàm phu Tăng, mà đây là 'Thánh chúng ấy gồm bốn đôi tám hạng'. Bốn đôi tám hạng này chúng ta học rồi, gồm có: Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hướng, A-na-hàm, A-la-hán hướng, A-la-hán. Bốn đôi tám cặp từ Sơ quả đến Tứ quả và cả hướng nữa. Không chỉ như vậy mà còn xếp vào 12 Hiền Thánh nữa. 12 Hiền Thánh ở trong này không có chú giải, mình cũng không biết, nhưng Thiện Trang nghĩ là ở trong phần Gia hạnh, Gia hạnh cũng xếp vào Hiền. Như vậy thì tính thêm bốn Gia hạnh nữa thành ra là 12, tám [địa vị] này cộng với Tứ gia hạnh nữa là 12. Do không có chú giải nên không biết, đó là Thiện Trang đoán như vậy.

Tứ gia hạnh cũng được xếp vào dòng Hiền nha quý vị, mai mốt chúng ta học vào phần Tứ gia hạnh ở bên Luận Câu Xá thì chúng ta thấy dễ dàng lắm, không phải đến nỗi khó khăn. Vào hạng đó mình tu pháp rất đơn giản thôi, ví dụ như chúng ta tu Bất tịnh quán, tu Quán sổ tức, tu mấy [đề mục] Ngũ đình Tâm quán đơn giản thôi, mình tu khá khá chút là vào được. Học Phật pháp quan trọng là giáo pháp Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; và Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Nếu chúng ta học thời gian lâu, thì tự nhiên bừng sáng trong tâm, mình trồng được căn lành, đó là mình vào dòng Hiền. Có thể vào dòng Hiền là bắt đầu vô Tứ gia hạnh, hễ vào Tứ gia hạnh là có ghi nhận thành tựu trong Phật pháp.

Quý vị hiểu không? Vô Noãn vị, Nhẫn vị, vô Đảnh vị hoặc Thế đệ Nhất vị, là coi như đã ghi tên thành tựu trong Phật pháp. Còn đằng trước thì chưa, đằng trước thì tu có rồi mất, có rồi mất, không chắc. Nhưng đã vào [Tứ gia hạnh] thì dễ rồi, và từ đó bước lên thêm chút nữa là lên các địa vị như Sơ quả Tu-đà-hoàn được. Những địa vị đằng trước dễ hơn rất nhiều.

Cho nên chúng ta học rõ rồi, chúng ta không sợ đường tu hành nhiều kiếp dài xa. Tại vì để thành Phật thì dài xa thật, nghe nói đến ba đại a-tăng-kỳ kiếp hay chúng ta học ở đây là 80 a-tăng-kỳ kiếp hay là 40 a-tăng-kỳ kiếp hay là 20 a-tăng-kỳ kiếp đối với từng chủng tánh, thì xa quá, [nghe như vậy mình] ngán đúng không? Nhưng thực tế để đắc đạo ra khỏi sanh tử, A-la-hán hoặc là Bích-chi-phật (Độc giác Phật) thì không khó như vậy, chúng ta tu không mất nhiều thời gian như vậy. Và để ghi nhận vào những địa vị Hiền Thánh này, thôi chúng ta nói Hiền đi, Tứ gia hạnh lại càng dễ nữa.

Cho nên Phật pháp không khó đâu, khó là không có ai dạy mình, khó là mình không đi đúng đường. Còn nếu như chúng ta đi đúng đường thì chắc chắn chúng ta sẽ được ghi nhận kết quả, và chúng ta sẽ sớm ngày ra khỏi dòng sanh tử. Chỉ có những ai phát tâm thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì con đường đó thực sự dài xa. Bởi vì để bước lên tới địa vị Phật thì lâu thật. Nhưng nếu quý vị chỉ phát tâm là con thành Độc giác, Thanh văn thì nhanh lắm. Và yên tâm, nếu quý vị đi con đường kia, dù đi thế nào thì theo tinh thần là quý vị cũng sẽ lên tới đó, cũng sẽ có chứng quả, chứ không phải là không chứng gì. Chẳng qua là không chứng quả A-la-hán, không nhập Niết-Bàn thôi. Không chịu nhập Niết-Bàn thôi, chứ không phải là mình không chứng gì, mình vẫn chứng. Cho nên ở đây chúng ta phải hiểu rõ ràng thì chúng ta tu hành mới được.

Như vậy ở đây là hãy giúp cho [người thân của mình nhớ tới] Thánh chúng. [Quý vị] nhớ, phải tính vào đây, ít nhất là 12 Hiền Thánh thì mới là Quy y Tăng đúng nghĩa, chứ không phải dễ đâu. **Đây là Thánh Chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý. Đây là ruộng phước của vô lượng của thế gian.** (Quý vị thấy không? Phải cỡ đó mới là ruộng phước vô lượng của thế gian. Còn phàm

phu Tăng, Tỳ-kheo bình thường thì chưa đến mức độ đó). **Các Tỳ-kheo nào học ba xứ nầy sẽ thành tựu quả báo lớn.**

"Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều nầy như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 4 - Phẩm Tam Bảo Thứ 21 - Chương Ba Pháp - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị hãy cố gắng giúp cho người thân hoặc cho chính mình, làm sao có niềm tin hoan hỷ đối với đức Phật, đối với Pháp của Phật, và đối với Thánh chúng. Thánh chúng ở đây không phải là phàm phu Tăng, mà toàn là bậc Hiền tăng và Thánh tăng. Còn Hiền Thánh thế nào thì mai mốt mình học vào Phẩm thứ sáu của Luận Câu Xá này sẽ có.

Điều thứ hai mà Thiện Trang giới thiệu cho quý vị, là pháp căn bản: Thế nào là Tam tự Quy y. Bữa nay chúng ta học lại điều căn bản [về] Quy y. Nhiều khi mình học cao siêu quá, mình không biết Quy y Phật là gì? Quy y Pháp là gì? Quy y Tăng là gì? Làm sao để quy y? Hôm nay Thiện Trang giới thiệu cho quý vị luôn, đây là kiến thức căn bản, thỉnh thoảng chúng ta bổ sung những nền tảng này. Thiện Trang cũng từ trích từ kinh thôi, chứ không có tự mình nói.

Thế Nào Là Tam Tự Quy Y?

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn [ông] **Cấp Cô Độc, rừng cây** [Thái tử] **Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Tự quy có ba đức. Những gì là ba? Đó là quy y Phật là đức thứ nhất; quy y Pháp là đức thứ hai; quy y Tăng là đức thứ ba.** Tại vì có người thắc mắc là mình có được tự quy hay không? Và mình quy y như thế nào? Hôm nay xin giới thiệu luôn cho quý vị tinh thần ở trong kinh. Chúng ta có kinh để làm ấn chứng.

Sao gọi là đức Quy y Phật? (Chúng ta có Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng, bây giờ sao gọi là đức (đức tính) quy y Phật?) **Trong các loại chúng sanh**

hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tưởng, không tưởng; cho đến trên trời Nê-Duy-Tiên, trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng không ai có thể sánh bằng. Đoạn này Thiện Trang xin giải thích trước đã, trong các loại hai chân, bốn chân, nhiều chân (điều này thì chúng ta dễ hiểu), thì loài hai chân là loài tôn quý trong các loài nhiều chân. Hoặc các loài có sắc (là có hình) như chúng ta hoặc là cõi trời Sắc giới, [còn] không sắc là cõi trời Vô sắc giới. Hoặc có tưởng là cõi trời bình thường, còn không tưởng là trời Vô Tưởng; cho đến trời Nê-Duy-Tiên. Trời Lê-Duy-Tiên chính là tên gọi khác của trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Trong đó Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai có thể sánh bằng, [đây là] khẳng định đức Phật là bậc [tôn quý] nhất, hơn tất cả chúng sanh.

Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô, từ tô được đề-hồ. (Tức là ở đây kể ra mấy món ngon từ sữa của Ấn Độ, như từ bò được sữa, từ sữa được lạc, từ lạc được tô, từ tô được đề-hồ. Trong chú thích có ghi luôn: Nhũ, lạc, tô, đề-hồ là năm vị, sữa đông đặc là lạc, bơ sống là sanh tô, bơ lỏng rồi bơ đặc là đề-hồ. Có năm vị, nhưng người ta tóm tắt có bốn thôi. Bây giờ món ăn quý nhất mà người ta làm từ sữa là phomai, yaourt các kiểu chiết xuất từ sữa. **Song ở trong đó đề-hồ lại tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, trong các loại chúng sanh hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tưởng, không tưởng; cho đến trên Nê-Duy-Tiên thiên** (Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ) **trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai có thể sánh bằng. Những chúng sanh nào phụng thờ Phật, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.**

Quý vị thấy Quy y Phật chỉ đơn giản vậy thôi. Phụng thờ Phật tức là mình vâng làm theo những lời Phật dạy, thì được đức thứ nhất. Và quý vị nhớ là chúng ta liền hưởng phước trời ngay trong loài người, nghe đã không? Mình tu chưa gì hết, vô một cái là được hưởng phước trời ngay trong loài người, nếu quy y Phật thôi. Quy y Phật nghĩa là nương tựa, phụng thờ, tức là mình phải làm

theo những gì phật dạy. Chứ không phải mình lên lấy chứng điệp Quy y xong rồi về, nói là Quy y Phật, kiểu đó không phải. Ở đây nói là mình phải phụng thờ mà, phụng thờ nghĩa là vâng làm theo những điều Phật dạy. Như vậy thì quý vị liền hưởng phước trời ngay trong loài người, chứ không phải chờ đến đời sau, ngay bây giờ liền được lợi ích, cho nên Quy y Phật là quan trọng. Bây giờ là Quy y Pháp:

"Sao gọi là đức tự quy y Pháp? Các pháp Hữu lậu, Vô lậu, Hữu vi, Vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-Bàn; trong các pháp đó, pháp Niết-Bàn là tối tôn, tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô; từ tô được đề-hồ. Song trong đó đề-hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, các pháp Hữu lậu, Vô lậu, Hữu vi, Vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-Bàn. Song ở trong các pháp đó, pháp Niết-Bàn là tối tôn tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Chúng sanh nào phụng thờ Pháp, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời ở ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất. Ở đây phải nói là đức thứ hai thì đúng hơn, không biết tại sao lại ghi là đức thứ nhất. Nhưng chúng ta cứ hiểu đức thứ nhất là đức đệ nhất cũng được.

Ở đây nói là Quy y Pháp. Bây giờ nhiều người không biết Quy y Pháp là gì. Thật ra ở đây chúng ta thấy rõ ràng, Quy y Pháp, pháp nào là quy y? Đó là pháp Niết-Bàn. Có nghĩa là chúng ta nương tựa để tu để chứng Niết-Bàn, ít nhất là A-la-hán. Đó mới là Quy y Pháp. Chứ còn mình nói quy y, lên chùa thọ trì bộ kinh, suốt ngày cầu an, cầu siêu, rồi gì đó v.v… Mình quy y đó thì đâu phải là Quy y Pháp. Quy y Pháp là mình nương tựa pháp tu giải thoát rốt ráo, ít nhất chúng ta cũng học pháp Tứ đế và Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, nghe đi nghe lại.

Thật ra nhiều người kêu: Thầy ơi, sao tu khó quá! Sơ quả Tu-đà-hoàn phá ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi. Vậy tu như thế nào? Thiện Trang nói thật ra không khó, khó ở chỗ là tại mình không biết. Vậy biết điều gì? Thật ra quý vị cứ nắm căn bản trong tất cả kinh, hầu như đức Phật nói yếu tố đầu tiên

đó là hãy biết rằng thế gian này là Khổ, Vô thường, Vô ngã. Có một số chỗ nói Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, thêm chữ 'Không' nữa. Thật ra chữ Không là bổ sung cho chữ Khổ mà thôi, tức là tất cả rồi cuối cùng cũng không có gì hết, để khỏi chấp tướng. Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, quý vị cứ nắm giùm bốn chữ đó, thì dần dần quý vị chán thế gian này, rồi quý vị có tâm xuất ly, quý vị cũng muốn chứng Niết-Bàn thôi.

Tâm như vậy đó, quý vị cứ học tới học lui, ngày ngày quý vị cứ nhớ như vậy, rồi ngày nào đó bùng ra. Ví dụ như quý vị thấy đời khổ thiệt, đúng là [như] thầy Thiện Trang nói: Đức Phật nói đời là khổ, sanh ra [cuộc] sống này đã khổ. Ăn rồi đi làm, mệt mỏi, bệnh tật v.v… Yêu nhau mà phải chia lìa, ghét nhau mà phải gặp hoài. Rồi thân thể lúc khỏe, lúc mạnh, bị người ta chửi, rồi không có thời gian v.v… dần dần mình chán thế gian. Cứ mỗi lần quý vị nhận ra được điều đó, là một lần quý vị ngộ một chút. Và sự ngộ đó lúc nào đó đủ mạnh, thì tự nhiên ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi tự động tiêu trừ một chút. Dần dần đủ mạnh thì xin chúc mừng quý vị, quý vị vào Sơ quả Tu-đà-hoàn mà không cần phải qua một điều gì nữa cả.

Cho nên bí quyết là buông. Làm sao buông? Là hiểu như vậy và mình học giáo pháp nhiều. Mình cứ học tới học lui, học xuôi học ngược, học dần dần rồi mình tin Phật, mình tin pháp, tin Tăng chúng (Hiền, Thánh, Tăng). Mình tin đến độ đủ mạnh như vậy, mình tin con đường tu tập rõ ràng rồi, v.v… thì mình phá được Nghi. Và mình đã tin rồi thì tất nhiên mình sẽ không bao giờ theo những pháp thế gian cả. Thế gian họ dạy mình làm thế này [thế kia], [nhưng] mình theo Phật thôi. Cho nên mình phá được Giới cấm thủ.

Giới cấm thủ là giữ những điều cố chấp, những điều gì mà theo thế gian hoặc những pháp ngoại đạo, v.v… Những gì không đúng với Chánh pháp, không đúng với Phật pháp thì mình [không] theo. Dần dần do học nhiều thì tự nhiên [mình] phá được [Giới cấm thủ]. Phá Giới cấm thủ là dễ nhất, phá Nghi là dễ nhì, còn Thân kiến thì khó hơn. Quý vị sẽ phá được Thân kiến qua nghe pháp nhiều, mình tư duy nhiều, một hồi [mình] cũng chán, rồi cũng vô được [Sơ quả].

Tại vì sao? Thật ra Thân kiến nói Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, khó đúng không quý vị?

Sắc là thân thể ta. Bây giờ đa số quý vị thật ra cũng đã phá một phần Thân kiến, đó là Sắc. Vì đa số bây giờ mình biết chết không phải là hết, mình biết chết là thân thể này chết thôi, ta có thân thể mới rồi. Ai cũng nghĩ đời sau mình sẽ có một thân thể nào đó, người thì mong là lên Tây Phương Cực Lạc, có người mong lên cõi Trời, có người thì mong đời sau làm người nữa v.v... Mỗi người đã định hình rằng mình sẽ có một thân khác, có nghĩa là mình không có chấp thân này là ta rồi đó. Sắc thân này không chấp. Như vậy là mình đã bỏ qua được Sắc, coi như một phần Thân kiến đã phá được đúng không ạ? Và mình chấp nhận chết, còn hồi xưa mình sợ lắm, mình nghĩ thân này chết là mình chết luôn, bây giờ thì hết rồi. Vậy là phá được một điều.

Tiếp theo là Thọ. Thọ là những cảm nhận, có ba thọ là: Thọ lạc, thọ khổ và không lạc không khổ. Ví dụ như bây giờ mình đang ăn, mình thấy ngon nên nói: "Tôi đang ăn ngon, tôi đang ăn ngon". Nhưng do mình học giáo pháp nhiều quá, mình nhớ ra là không phải tôi ăn ngon, mà thức ăn hôm nay ngon, miệng mình thấy ngon v.v… có nhiều yếu tố. Mình cảm nhận thấy, mình biết những điều này cũng không thật là của ta, chỉ là đang cảm nhận từng món ăn đang ngon, đồ ăn ngon, miệng đang ngon, thời tiết đang [tốt] v.v… Dần dần mình không có dính vào đó nữa, tức là mình không cho là mình đang cảm nhận hoàn toàn. Mà mình chỉ là ta đang cảm nhận thế thôi, còn nó không phải là mình. [Nhờ vào] điều đó, dần dần mình phá được Thân kiến về Thọ, rồi Tưởng, Hành, Thức, từ từ bay hết.

Nên điều đó là do quá trình tu tập. Và nếu như quý vị ngộ pháp một cái là bỏ được nhanh. Như vậy dần dần phá được Thân kiến và tự nhiên vô Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi. Giả sử không phá được điều đó thì cũng do tu tập lâu ngày, quý vị cũng vô được trong Tứ gia hạnh, hoặc là những địa vị thấp hơn nữa. Chúng ta thấy hôm bữa mình học rất nhiều, từ từ mình học [thì sẽ] biết.

Cho nên con đường để chứng đạo không khó, nếu như mình biết đường đi. Giống như mình đi con đường từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù xa xôi như thế, nhưng quý vị có đi thì chắc chắn một ngày là quý vị tiến thêm được [một đoạn]. Quý vị đi qua 30 cây số rồi, ngày hôm sau quý vị đi thêm được 30 cây số nữa. Bây giờ Thiện Trang lấy ví dụ thực tế, là đoàn của Sư Minh Tuệ bây giờ đang đi từ Việt Nam qua Lào, qua Thái Lan, rồi một hồi đi tới Ấn Độ. Chúng ta thấy bây giờ hình như là hơn nửa tháng rồi, [các vị ấy] đã đi được một đoạn rồi, tới Thái Lan rồi đó. Có nghĩa là con đường chứng đạo giống như đi từ Việt Nam tới Ấn Độ mà đi bộ vậy đó, nghĩ thì xa xôi vậy, nhưng có đi thì có đến.

Cũng vậy, quá trình tu tập của chúng ta, cứ tu mỗi ngày, nghe pháp mỗi ngày, suy nghĩ, tư duy về pháp rồi dần dần tự nhiên phá đi tất cả, rồi dần dần thành tựu thôi. Bí quyết chỉ có vậy! Miễn là kiên trì, kiên nhẫn, say sưa ở trong đó, chứ đừng có bi quan. Mà mình phải đi đúng đường nha! Đi lạc đường đó là rớt vào Giới cấm thủ, là thôi, thua rồi, không được rồi. Hoặc là đi lạc đường là trật mất hướng Chánh đạo. Tức là thay vì mình đi qua Ấn Độ, mà một hồi mình đi ra biển Đông thì chịu thua, không có cách nào. Cũng vậy, mình phải học pháp cho đúng để mình tu cho chính xác. Muốn học pháp cho đúng thì chúng ta phải coi trong kinh thôi.

Ở đây Thiện Trang đang nói tới chỗ Quy y Pháp, cũng được liền hưởng phước trời ở ngay trong loài người. Cho nên mới tu tập [là] sướng rồi. Quý vị thấy không ạ? Ai tu một thời gian là tự nhiên phước báo lên. Thiện Trang nói là Chánh pháp mình dễ thấy lắm, tu tập một thời gian là tự nhiên phước báo mình lên ào ào. Ai cũng thấy đời yên bình hơn, dễ chịu hơn rồi, v.v… Nhưng chỉ cần ai lệch khỏi Chánh pháp thôi, thì cũng thấy rõ ràng lắm, cũng nhanh đó. Đi trật [Chánh pháp] là bắt đầu phiền não nhiều hơn, rồi đủ thứ chuyện này kia, rõ ràng lắm. Cho nên trong nhà Phật, tu đúng [thì] phước hiện tiền. Đây là đức Phật nói: 'Liền hưởng phước trời (phước của cõi Trời) ở ngay trong trong loài người'. Đó Quy y Phật, Quy y Pháp [được] như thế. Bây giờ đến Quy y Tăng.

"Sao gọi là đức tự quy y Thánh chúng? (Tức là thay vì Quy y Tăng, chúng

ta nói Tăng nên bị nhầm là phàm phu Tăng, ở đây nói là Thánh chúng (Tăng là Hiền Thánh Tăng đó)). **Trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sanh, trong các chúng ấy, Chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng.** (Trong các đại chúng, ví dụ như bây giờ mình nói đại chúng của một đàn bò, đàn linh dương, sư tử v.v… hoặc là đàn người, rồi đại tụ tập tức là đông lắm. Trong các loài hữu hình, các loài chúng sanh, trong các chúng ấy thì ai tốt nhất? Chúng Thánh Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng).

Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô; từ tô được đề-hồ. Song trong đó đề-hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sanh trong các chúng ấy, Chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời trong loài người.

Quý vị thấy Quy y Tăng là phải quy y như vậy, phụng theo, chứ không phải Quy y Tăng như chúng ta bây giờ (chúng ta là phàm phu Tăng). Quý vị quy y Tăng này là Hiền Thánh Tăng, và liền được phước trời ngay trong loài người.

Đây gọi là đức thứ nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thứ nhất tôn thờ Phật,

Tối tôn không gì hơn.

Kế lại tôn thờ Pháp

Vô dục, không dính trước.

Kính phụng Chúng Hiền Thánh,

Là ruộng phước tốt nhất.

Quý vị thấy tôn thờ Phật, chúng ta quy y Phật - Lưỡng túc tôn; Quy y Pháp - Ly dục tôn. Ly dục là vô dục, không dính trước. Quy y Tăng - Chúng trung tôn, đó là bậc ruộng phước tối thắng, tốt nhất.

Người đó trí bậc nhất,

Thọ phước ở trước hết.

Nếu ở trong trời người,

Thủ lãnh trong các chúng.

Ngồi trên chỗ vi diệu;

Tự nhiên thọ cam lồ;

Thân mặc y bảy báu;

Được người đời tôn kính.

Giới thành tựu bậc nhất;

Các căn không khuyết mất;

Cũng được biển trí huệ;

Dần đến Niết-bàn giới.

Ai có ba quy nầy

Đến đạo cũng không khó.

Quý vị thấy đã không ạ? Ở trên này là nói những phước báo: là mình được ở trong cõi Người, được thủ lãnh trong chúng, rồi được chỗ vi diệu, được sự mát mẻ như uống nước cam lồ ở cõi Trời Đao Lợi vậy đó. Rồi mình được y bảy báo tức là mình được nhiều tài sản v.v… Rồi mình được tôn kính; các căn không khuyết mất tức là mình không bị những bệnh, sau này (đời sau) mình không bị khuyết căn, không bị tật nguyền. Rồi mình được trí huệ, cuối cùng là mình dần

đến Niết-Bàn giới. Từ từ rồi cũng đến Niết-Bàn. Ai có ba quy y này: Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng thì đến đạo cũng không khó, chắc chắn đạt đạo. Đạt đạo là chứng quả giải thoát. Quý vị thấy sướng không? Học mới một chút thôi mà lợi ích lớn vô cùng. Trong Phật pháp là được lợi ích lắm.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 1 – Phẩm Tam Bảo Thứ 27 – Chương Ba Pháp - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Đó là trong kinh. Như vậy bữa nay chúng ta mới biết việc Quy y có lợi ích như thế nào đúng không? Bữa nay biết Quy y rồi đó. Bây giờ Thiện Trang cũng xin giới thiệu đoạn này, hồi bữa có giới thiệu rồi nhưng xin giới thiệu lại, bởi vì có liên quan một mạch luôn.

Giữ Giới Và Tam Quy Y

Phàm pháp Ưu-bà-tắc, giới cấm có năm (tức là nói về pháp của vị Ưu-bà-tắc, thì giới cấm có năm). **Trong đó có thể giữ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới thảy đều phải giữ.** (Có nghĩa là quý vị có năm giới đối với người Ưu-bà-tắc: Một là không sát sanh; Hai là không trộm cắp; Ba là không tà dâm; Bốn là không nói dối; Năm là không uống rượu. Đức Phật không bắt quý vị giữ hết tất cả. [Đức Phật] nói là có thể giữ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới. Quý vị giữ hết cũng được).

Nên hỏi lại ba lần, người có thể giữ thì khiến cho họ giữ. (Quý vị thấy đây là khi truyền giới đó, phải hỏi ba lần. Điều này thì Thiện Trang trước giờ không có hỏi ba lần, sau này chắc phải hỏi ba lần. Nhưng thôi khỏi đi, hỏi một lần thôi được rồi. Ai cũng nói giữ được: "A Di Đà Phật!" Hoặc "Mô Phật, giữ được!" Hoặc "Vâng! Con giữ được". Cho nên là thôi, tóm lại là không cần hỏi ba lần. Đây là cách truyền giới trong kinh).

Nếu Ưu-bà-tắc nào phạm vào một giới rồi, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào Địa ngục. (Quý vị nhớ nha! Không thọ thì thôi, thọ thì phải giữ, tại vì

phạm một giới thôi là thân hoại mạng chung sẽ sinh vào Địa ngục. Quý vị nghe như vậy sợ chưa? Tất nhiên là quý vị phải học bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, [vì] chưa hẳn là như vậy, khi phạm không phải là giới trọng, [thì] quý vị vẫn có thể sám hối được. Thậm chí phạm giới trọng, thì quý vị mất giới, không được thọ nữa thôi, chứ còn quý vị sám hối thì không có đọa Địa ngục đâu. Vì tội đó là Giá tội, chứ không phải Tánh tội, Tánh tội thì mới sợ.

Quý vị phải hiểu Tánh tội là gì, Giá tội là gì, chứ đừng có hoang mang, nghe nói vậy rồi: Thôi chết rồi, con lỡ phạm một giới rồi, con đọa Địa ngục. Không phải! Quý vị sám hối đúng cách thì không đọa Địa ngục, nên nhớ vậy. Tại vì đức Phật không ép để tự nhiên mình đọa Địa ngục đâu, đức Phật chỉ mong mình lên cao thôi. Còn quý vị muốn hiểu rõ ràng thì quý vị nghe bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập mà Thiện Trang đã chia sẻ. Đó là nếu phạm một giới thì thân hoại mạng chung sẽ sinh vào Địa ngục).

Nếu Ưu-bà-tắc nào vâng giữ chỉ một giới, sẽ được sinh về cõi lành, trên trời, huống chi là giữ hai, ba, bốn, năm giới. (Nhớ nha! Sướng không! Có nghĩa là quý vị không thọ hết năm giới, quý vị giữ một giới thôi cũng được, sẽ sinh vào cõi lành, trên trời, huống chi là mình giữ hai, ba, bốn, năm giới. Cho nên giữ được năm giới thì quá tuyệt vời. Thiện Trang khuyên quý vị nên giữ năm giới. Mình giữ mà giữ phải trọn vẹn cơ, chứ [đừng] giữ kiểu nửa chừng, ví dụ như con thọ giới không sát sanh [mà mình sát sanh]. Ở trong kinh quý vị coi có những vị tới bạch đức Phật, là họ giữ một giới thôi, nhưng họ giữ là giữ chắc chứ không phải như mình. Mình nói con thọ giới, con giữ giới không nói dối, nhưng con nói dối suốt ngày là không được. Hoặc là mình thọ giới không sát sanh, nhưng thỉnh thoảng mình vẫn giết chúng sanh, ví dụ như làm thịt con già, làm thịt con [này], con kia v.v… Đó là không được.

Cho nên quý vị thấy đa số đồng tu, thật ra chúng ta cũng giữ được khá nhiều mà. Cho nên giữ được nhiều thì quý vị có phước báo, sau này sanh về ít nhất là cõi lành, cõi Trời, cho nên rất lợi ích. Đây là toàn lời trong kinh nha).

Người kia sau khi nhận lãnh những lời dạy từ Phật rồi, đảnh lễ sát chân Phật và lui đi. Người kia đi chưa xa, bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Từ nay về sau, cho phép trao năm giới và ba tự quy cho Ưu-bà-tắc. (Tất nhiên là có Ưu-bà-di nữa, Ưu-bà-tắc là nam Cư sĩ, Ưu-bà-di là nữ Cư sĩ). **Nếu Tỳ-kheo nào khi muốn trao giới cho Thanh tín nam nữ, dạy họ để trống cánh tay, chắp tay, bảo xưng tên họ, nguyện quy y Phật, Pháp, chúng Tăng ba lần** (tức là cũng đọc vậy thôi, lễ [thọ Tam quy Ngũ giới] rất là đơn giản).

Sau khi bảo xưng tên họ quy y Phật, Pháp, chúng Tăng rồi, lại tự xưng: 'Nay con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Như Phật Thích Ca Văn lần đầu tiên đã cho năm trăm khách buôn thọ ba tự quy, con nguyện suốt đời không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu'. Nếu ai giữ một giới thì còn lại bốn giới; nếu giữ hai giới thì còn lại ba giới; nếu giữ ba giới thì còn lại hai giới; nếu giữ bốn giới thì còn lại một giới; nếu giữ năm giới, đó là người giữ đầy đủ.

Ở đây đức Phật không bắt quý vị giữ hết. Quý vị cứ thọ Tam quy cũng được, quý vị giữ một giới cũng được, thì đọc một giới thôi. Nếu [giữ] hai giới thì đọc hai giới, [giữ] ba giới thì đọc ba giới, [giữ] bốn giới đọc bốn giới, hoặc đọc hết năm giới cũng được. Như vậy đây là lễ Quy y và Truyền giới, rất là đơn giản.

Hồi xưa thì Thiện Trang theo nghi thức của chư Tổ. Nhưng quý vị coi kĩ nha, nghi thức này rất ngắn gọn, đâu có gì khó khăn. Và ở đây nói cũng nên thọ với Tỳ-kheo, tất nhiên là trường hợp không có Tỳ-kheo tăng, Tỳ-kheo ni, thậm chí không có Sa-di (trong luật nói cho phép thọ [Tam quy Ngũ giới] với Sa-di), thì mình có thể phát nguyện tự quy y cũng được, tự giữ giới cũng được, nhưng là trong trường hợp nào đó thôi. Còn mình nên tôn trọng, mình nên quy y và thọ giới trước một người xuất gia.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trích từ Kinh Số 1 – Phẩm Tam Bảo Thứ 27 – Chương Ba Pháp - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy bữa nay là mình biết quy y rồi đúng không? Đây là những kiến thức căn bản, lâu lâu phải dạy lại những kiến thức căn bản, chứ không mình học A Tỳ Đàm cao quá. Nhưng rồi từ từ cũng bay lên trên học cao thôi.

Bây giờ Thiện Trang cung cấp thêm một nền tảng căn bản nữa, đó là:

Làm Sao Để Được Quỷ Thần Bảo Vệ

Quý vị thích được bảo vệ đúng không? Ở đây đức Phật dạy luôn.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: "Tất cả chỗ ở như nhà cửa của mọi người đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. (Nhớ nha! Nhiều người sợ ma lắm, thì xin lỗi quý vị, ở đâu cũng có [quỷ thần] hết. Đức Phật nói chỗ nào cũng có, nên đừng có sợ. Tại sao? Ở đây nói tiếp). **Tất cả mọi đường sá, mọi ngã tư, hàng thịt, chợ búa, cùng bãi tha ma đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả.** (Cho nên có nhiều người sợ ma, đi đến nơi nào sợ ma, ra nghĩa địa sợ ma v.v… Xin lỗi! Ở đâu cũng có hết, nên khỏi phải sợ, quỷ thần chứ không phải ma). **Phàm các loài quỷ thần đều tùy thuộc vào chỗ nương náu mà có tên. Như nếu nương vào người thì gọi là người.** (Quý vị thấy không? Ở trong người cũng có quỷ thần luôn). **Nương vào thôn thì gọi là thôn; nương vào thành thì gọi là thành; nương vào nước thì gọi là nước; nương vào đất thì gọi là đất** (có thần nước, thần đất, [thần] thôn, thành, đủ các kiểu thần)**. Nương vào núi thì gọi là núi** (là thần núi)**. Nương vào sông thì gọi là sông".**

Quý vị thấy không ạ? Ở đâu cũng có [quỷ thần] hết, cho nên là đừng có sợ. Học rồi, hiểu rồi, lúc nào cũng có [quỷ thần]. Cho nên là đừng nghĩ là mình đang ở một mình, không có ai. Thiện Trang thì sợ điều này lắm, tại vì Thiện Trang biết lúc nào cũng có các ngài quỷ thần xung quanh mình, chư thiên, chư thần hộ pháp, không biết [có không] nhưng ít nhất cũng có quỷ thần ở bên cạnh. Cho nên mình làm gì mà có lỗi, thì cảm thấy rất là xấu hổ. Cho nên lỡ làm gì [sai] thì

nhớ sám hối nha, quý vị lỡ có sai sót lỡ gì thì chúng ta nhớ sám hối, xin các ngài từ bi. Tại vì các ngài thấy hết đó, chứ mình đừng có tưởng mình làm gì không ai thấy.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: "Tất cả mọi loại cây cối dù là cực nhỏ như trục xe cũng đều có quỷ thần nương tựa, không có chỗ nào là không có. Quý vị nhớ nha, cây cối cực nhỏ như trục xe (tức là cỏ v.v…) thôi cũng có quỷ thần, chứ không phải [chỉ] cây [cao mới có]. Hồi xưa Thiện Trang nghe nói cây cao [tầm] đầu người trở lên thì mới có quỷ thần. Không phải [vậy]. Trong kinh đã nói là cực nhỏ như trục xe. Trục xe thì nhỏ lắm rồi, nhỏ xíu à, trục xe mà. Ở đây đức Phật dùng từ cực nhỏ rồi. Còn Thiện Trang nhớ là ở trên cỏ cũng có hết, chứ đừng tưởng là không có. Cho nên đừng có nghĩ mình làm chuyện gì mờ ám không ai biết. Biết hết đó!

Tất cả mọi người nam, người nữ khi mới bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên ủng hộ. (Quý vị nghe điều này mừng chưa? Tức là khi mình mới sanh ra đều có quỷ thần đi theo bên mình để ủng hộ. Cho nên yên tâm đi, có người bảo hộ hết). **Nếu khi nào họ chết thì quỷ thần giữ gìn họ, thu nhiếp tinh khí của họ, nên người này sẽ chết ngay"** (Khi nào mình hết mạng thì họ giúp mình thu nhiếp tinh khí, để mình chết luôn, cũng là giúp đó).

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: "Giả như có Phạm chí ngoại đạo hỏi rằng: 'Chư hiền, nếu như tất cả nam nữ khi bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên giữ gìn, ủng hộ; khi người kia sắp chết, quỷ thần giữ gìn ủng hộ kia sẽ thu nhiếp tinh khí họ, thì người này chết. Nhưng tại sao người hiện nay lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu?'

Cho nên Thiện Trang nói là hầu như những vấn đề gì, chỉ cần chịu khó coi trong kinh là có hết. Bây giờ có những người tại sao bị quỷ thần quấy nhiễu, bị phá, rồi mơ mộng thấy quỷ, rồi bị ma nhập, v.v… điên điên khùng khùng. Tại sao có người thì không bị, có người sao khỏe vậy? Vấn đề nằm ở đâu? Đức Phật biết đời sau sẽ có câu hỏi này, cho nên đức Phật tự đưa ra luôn giả thuyết. Giả

sử có người hỏi như vậy thì bây giờ trả lời sao.

Quý vị thấy không? Đâu cần kiếm ở đâu đâu, Thiện Trang nói chịu khó học giùm trong kinh, duyệt hết kinh tạng. Không cần kinh nào nhiều, Kinh A Hàm và Kinh Nikaya thôi là có đầy đủ hết rồi. Tất nhiên chúng ta coi thêm những kinh khác nữa thì càng tốt, tất cả đều có rồi. Mình nghe trong kinh là chắc ăn, chứ còn bây giờ mỗi người nói một nẻo. Giống như hồi xưa Thiện Trang nói cây cao từ đầu người trở lên thì mới có quỷ thần ở, nhưng sau này Thiện trang coi trong kinh thấy ở đâu cũng có hết, cây cực nhỏ, tức là rất nhỏ, như trục xe thôi cũng có. Cho nên đừng có vội tin, nếu không có căn cứ theo kinh.

Nếu có người hỏi câu này (tức là hỏi tại sao có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không?), **thì các ngươi nên trả lời cho họ rằng: 'Người thế gian hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, những người như vậy, trong trăm hay nghìn mới có một thần theo bảo hộ thôi.** (Có nghĩa là những người thế gian này tại sao không có ai bảo hộ, thần ở đâu? Tại vì họ tạo mười nghiệp ác, họ tà kiến điên đảo, hành động phi pháp, cho nên những người như vậy, trăm nghìn người thì có một vị thần theo bảo hộ thôi. Tức là số đông người như vậy, mà có một vị thần theo thôi. Đức Phật lấy ví dụ:) **Giống như đàn bò, đàn dê, trong trăm hay nghìn con cũng chỉ có một người chăn giữ. Ở đây cũng như vậy, vì hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, nên những người như vậy, trong trăm hay nghìn người mới có một thần bảo hộ thôi.**

Quý vị thấy không? Tại sao mình bị quỷ thần quấy nhiễu, tại sao mình bị điên, bị khùng v.v… Là do mình làm phi pháp, hành động không đúng với Chánh pháp, làm [những việc] Tà kiến. Tà kiến tức là mình chấp sai, điều đó không phải là Chánh pháp mà mình chấp vô đó, điên đảo. Rồi tạo mười ác nghiệp, là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt; rồi Tham, Sân, và Tà kiến (có chỗ nói là Si, trong mười ác nghiệp thì có chỗ nói là Tà kiến). Như vậy cả trăm nghìn người mà có một vị thần theo hộ vệ thôi. Giống như một đàn bò, đàn dê đông trăm nghìn con mà chỉ có một người

chăn, thì làm sao họ chăm sóc, lo hết cho được. Cho nên bị [vấn đề] thôi! Không có ai bảo vệ mình, bây giờ có một vị thần, mà một trăm người, một ngàn người, cả xóm cả làng đó, thậm chí cả xã đó, đông như vậy, mà cho một vị thần tới bảo vệ, thì làm sao bảo vệ hết nổi, nên bị nạn này nạn kia thôi. Còn mình muốn được bảo vệ, thì đức Phật cung cấp luôn:

Nếu có người nào tu hành pháp thiện, chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm nghìn thần bảo hộ rồi.

Quý vị nghe đã không? Ai tu hành pháp thiện, chúng ta có tu hành pháp thiện không? Có, đúng không? Có Chánh kiến, ai học Phật mới có Chánh kiến chứ; rồi Chánh tín là niềm tin chính xác; Chánh hạnh là mình làm những việc làm đúng với Chánh pháp; đầy đủ mười nghiệp thiện. Chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm nghìn thần bảo hộ rồi. Cho nên yên tâm, mình tu tốt, một người thôi, một mình mình thôi, thì cũng có trăm nghìn thần tới bảo hộ, thấy đã không?

Vậy tại sao mình làm ngược lại, chúng sanh ngày càng điên đảo, toàn thích không có thần bảo vệ. Còn nếu quý vị tu tốt, thì có rất nhiều [thần bảo vệ], một người thôi mà có trăm nghìn thần tới bảo vệ, chưa nói giữ giới gì hết, mới làm sơ sơ thôi. Quý vị thấy đã không? Cho nên không học những bộ kinh này, mình không biết thì thiệt thòi lắm, chúng sanh ở thế gian thiệt thòi.

Vì sao thiệt thòi? Họ cứ nghĩ, họ làm việc đó được lợi ích, chiếm được tài sản, được lợi ích v.v… Nhưng thực tế họ không biết là chư thần bỏ đi sạch. Trong khi đó nếu tu hành theo Chánh pháp, có Chánh kiến, có Chánh tín, có Chánh hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, thì một mình mình thôi cũng có trăm nghìn thần bảo hộ. Tuyệt vời không? Vậy mà không theo.

Giống như quốc vương, Đại thần của quốc vương có trăm nghìn người hộ vệ một người. Ở đây cũng như vậy, người tu hành pháp thiện, đầy đủ mười nghiệp thiện, như một người có trăm nghìn thần hộ vệ. Vì

nhân duyên này, cho nên, người thế gian có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu.

(Trích từ Phẩm Đao Lợi Thiên - Kinh Thế Ký – Kinh Trường A Hàm).

Quý vị thấy mấy vấn đề này ở trong kinh có hết, vậy mà không chịu học. Hồi xưa Thiện Trang cũng có học Pháp Uyển Châu Lâm rồi, sau này Thiện Trang thấy bộ Pháp Uyển Châu Lâm vẫn chưa bằng Đại tạng kinh. Tại vì hồi xưa kiếm mấy bộ này dịch ra tiếng Việt mà không có, và hồi đó không có thời gian coi, với lại không có thời gian coi chữ Hán. Sau này những bộ này đã được dịch ra, có chữ Hán rồi, mình coi được rồi, nên mình thấy tuyệt vời quá, Đại tạng kinh hay hơn, chứ bộ Pháp Uyển Châu Lâm, rồi An Sĩ Toàn Thư cũng hay, nhưng [chỉ là] trích thôi, trích thì không đầy đủ. Còn coi trong đây mình thấy chi tiết này cực kỳ hay.

Quý vị có thấy hay không? Quá hay! Nên ráng tu nha! Ráng tu để một mình quý vị được trăm nghìn thần bảo hộ, còn không thì không có ai hộ vệ. Trăm nghìn người mà có một vị thần hộ vệ, nên bị quỷ thần quấy nhiễu, mới bị tai nạn gì đó v.v… Chứ quý vị được bảo vệ như vậy, ra đường làm gì bị tai nạn được. Còn một mình mình đi, "độc sanh độc tử, độc khứ độc lai", ra đường nên mới bị tai nạn giao thông, bị chuyện này chuyện kia. Cho nên không oan uổng chút nào, ráng lên! Đây là từ Kinh Thế Ký, Phẩm Đao Lợi Thiên, phẩm này là Phẩm thứ tám, quý vị có thể giở Kinh Trường A Hàm ra coi.

Nãy giờ là [Thiện Trang] cung cấp kiến thức căn bản, để quý vị vui thôi, còn bây giờ mình vô tu tập A Tỳ Đàm.

4 Kiết Sử Che Lấp Tâm Người

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Mặt trời, mặt trăng, bị bốn sự che khuất khiến không phóng ra được ánh sáng. Thế nào là bốn? (Đức Phật đưa ra một ví dụ như mặt trời, mặt trăng bị che, không phát

ra ánh sáng được, bây giờ hỏi coi bốn yếu tố bị che là gì?) **Một là mây, hai là bụi gió, ba là khói, bốn là A-tu-la.**

Mây che mặt trời, mặt trăng đúng rồi, hai là bụi gió, ba là khói, bốn là A-tu-la. Trong kinh hay nói A-tu-la mỗi khi xuất hiện, thân to lớn lắm, có thể che cả mặt trời, mặt trăng luôn. Trong Kinh Trường A Hàm có phẩm về Thiên Tử (Nhật Cung Thiên, Nguyệt Cung Thiên) [nói là]: ở trên mặt trời và mặt trăng thực ra có nguyên dòng họ đó, họ tu phước lành nên được sanh ở trên mặt trời và mặt trăng. Và có hiện tượng giải thích là tại sao mặt trăng lúc thì tròn, lúc thì khuyết. Những điều này thì khoa học đưa ra giải thích có một kiểu, nhưng đức Phật đưa ra giải thích đầy đủ, để bữa nào Thiện Trang trích cho quý vị nghe, còn bây giờ nhiều quá nên không trích.

Tóm lại là có nhóm người ở trên đó, khi A-tu-la lên hù họ thì họ cũng sợ lắm, A-tu-la che được mặt trời, mặt trăng mà. Nhưng do phước lực của chúng sanh, cho nên A-tu-la không thể nào khiến cho mặt trời hay mặt trăng có thể mất được. Tại vì mặt trời, mặt trăng ảnh hưởng đến cả chúng sanh ở bốn châu. Ví dụ như mặt trời ảnh hưởng đến cõi Nam Thiệm Bộ châu hay Trái đất của chúng ta. Nên khiến cho A-tu-la cũng không làm được gì, chỉ có đi hù cho sợ chơi thôi. Nhưng A-tu-la che được, có khi [mặt trời, mặt trăng] bị che. Đây là nói A-tu-la, hơi trừu tượng.

Khiến mặt trời, mặt trăng bị che khuất, không phóng ánh sáng được. Này Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời, mặt trăng bị bốn sự che khuất này, khiến không phóng ánh sáng lớn được. Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo có bốn Kiết sử che kín tâm người không khai mở được. Thế nào là bốn? (Điều này quan trọng, tại sao tâm của chúng ta bị che, tâm bị mờ không khai mở được? Chúng ta phải biết bốn nguyên nhân này, gọi là bốn Kiết sử. Kiết sử là điều ràng buộc, sai sử).

Một là Dục kiết (Dục kiết tức là tham muốn, mình ham muốn nên đầu óc mình không sáng), **che lấp tâm người không khai mở được.** Điều này thì rõ

ràng, nếu chúng ta có sự ham muốn gì đó là quên hết, trí không mở ra được. Mà càng ham muốn nhiều, là niệm niệm điều đó. Nói đơn giản, quý vị muốn mua điện thoại mới, muốn mua xe mới, muốn mua nhà mới, hoặc cái gì đó, thì cứ niệm xe, niệm điện thoại, niệm nhà, [nên] niệm đó che hết, đâu sanh trí huệ được. Còn người thảnh thơi, bắt đầu mới ra ngắm trời, ngắm nước. Còn người muốn mua nhà, thì đi đâu cũng thấy nhà, so sánh trong đầu nhà này với nhà kia, mai mốt mình mua cái nhà này hay xây nhà này. Hoặc muốn mua xe, thì ra thấy xe này, xe kia v.v… Trong đầu toàn [nghĩ về] xe thì làm sao khai ngộ được, làm sao sáng suốt được. Nên Dục kiết này là một Phiền não che mất tâm mình.

Hai là Sân nhuế (Sân nhuế tức là sân hận. Mình đang sân (tức) ai đó, thì đố quý vị có đầu óc sáng được, đầu óc mình mờ mờ, vì tức quá, tức quá nên che lấp [tâm mình]. Cho nên đừng giận tức ai. Và sân nhuế này, thực ra Tâm sở Sân mình đã học rồi, không chỉ sân người ta, mà đôi khi bực với chính mình, đôi khi buồn, buồn buồn cũng là sân đấy. Cho nên kiểu gì cũng là sân, không được, đầu óc không sáng. Cho nên người tu hành là phải tự tại, phải vui vẻ, phải hoan hỉ, không hối tiếc quá khứ, không mơ mộng tương lai, không có giận tức ai, luôn luôn tâm phải bình thường, thì trí tuệ mới sáng được, đó là bí quyết tu hành).

Ba là Ngu si (Ngu si là si mê, chẳng có Chánh kiến, tức là không biết về Tứ thánh đế: là Khổ, Tập, Diệt, Đạo; và Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Nói chung là quý vị không nhận ra được điều đó, suốt ngày mê ở trong trần, thì trí không sanh được).

Bốn là lợi dưỡng, che khuất tâm người không khai mở được. (Lợi dưỡng là những điều gì mình đạt được, thế là mình ham mình nghĩ, bữa nay có người cho mình cái này, cho mình cái kia. Rồi lo kiếm tiền cho nhiều vô, kiếm tài sản cho nhiều, thì điều đó cũng che tâm luôn, che khuất không mở được).

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn Kiết này che khuất tâm người không khai mở được, hãy tìm cầu phương tiện tiêu diệt liền bốn Kiết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy". (Ở đây không nói các Tỳ-kheo đâu, mà

nói chúng ta luôn đó).

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

(Kinh Số 2 - Phẩm Thanh Văn Thứ 28 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Đây cũng là một cách tu tập. Cho nên muốn tu thì phải không tham, tức là không ham một điều gì hết, đừng mong muốn nhiều quá. Mong muốn Chánh đạo thôi, chứ còn mong muốn tùm lum là không được. Rồi không sân, là không sân với người, không sân với mình, nói đơn giản là vậy. Vì sân với mình là buồn, tức những gì vừa qua v.v… Rồi không ngu si, muốn không ngu si thì phải học pháp nhiều. Cuối cùng là không ham những lợi dưỡng, lợi dưỡng là muốn được thứ này, muốn được thứ kia, người này cho thứ này, cho thứ kia, [vì] tu một thời gian là có phước báo, cho nên cứ mong. Tâm như thế, toàn ham lợi dưỡng, [thì sẽ] che lấp tâm, nên tu khó là vậy đó. Nhưng thật ra mấy điều này, nếu ai học hiểu được Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã là buông được hết. Hiểu được chữ Khổ thôi là buông được hết.

Thiện Trang xin giới thiệu tiếp một điều nữa, bữa nay giới thiệu tu tập, hôm bữa mình đã giới thiệu rồi, bữa nay giới thiệu lại Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Thân chứng, Kiến Đáo, bốn địa vị này. Tại vì sao giới thiệu bốn [địa vị] này? Quý vị nhớ bài hôm bữa Thiện Trang giới thiệu cho quý vị trong Kinh Phước Điền, Kinh 127 của Trung A Hàm, nói đến có bao nhiêu bậc, thì chúng ta thấy có 27 bậc địa vị Thánh, gồm: Hữu học có 18, Vô học có 9. Trong đó mới đầu vô kể là: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Thân chứng, Kiến đáo, Gia gia, Nhất chủng v.v… Bữa nay Thiện Trang xin giới thiệu tiếp.

Mỗi hôm Thiện Trang giới thiệu rõ hơn về địa vị đó. Bữa rồi Thiện Trang nói chỉ giới thiệu tên thôi, hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị bốn địa vị: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Thân chứng và Kiến đáo. Rồi mai mốt quý vị học trong Luận Câu Xá, thì mình sẽ thấy mấy địa vị này như thế nào, chia chẻ ra. Tức là mỗi lần giới thiệu rộng ra thêm một chút. Lần này giới thiệu cũng mở ra một chút, nhưng chỉ sơ lược thôi. Còn sau này cứ càng ngày càng [mở rộng] thêm.

Cách chia sẻ của Thiện Trang là như vậy. Tại vì nghe qua một lần thì quý vị sẽ không nhớ được, vì nhiều [thông tin] quá thì không nhớ được. Thay vì vậy thì mình cứ nghe một chút, rồi lần sau mình mở rộng thêm một chút nữa. Và những địa vị này là chúng ta có thể vào được.

Ở đây cũng trích từ kinh thôi, cho nên quý vị yên tâm, Thiện Trang toàn trích từ kinh nên quý vị khỏi phải mất công suy nghĩ, khỏi nói là thầy [Thiện Trang] nói có đúng hay không. Quý vị có thể coi kinh.

Thế Nào Là Địa Vị: Tùy Tín Hành, Tùy Pháp Hành, Thân Chứng, Kiến Đáo?

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay có bốn hạng người đáng kính, đáng quý, là ruộng phước thế gian. Sao gọi là bốn? Là Tùy tín hành[1], Tùy pháp hành,[2] Thân chứng,[3] Kiến đáo[4].

Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Thân chứng, Kiến đáo, bốn hạng người này là đáng kính, đáng quý và là ruộng phước thế gian. Ruộng phước là nơi gieo [hạt] giống phước, ta gieo để gặt được phước thế gian. Tức là nơi đó nếu mình cúng dường cho họ, giúp đỡ họ v.v… thì phước mình lớn lắm, [đó là] ruộng phước thế gian. Đây là địa vị Hữu học thôi.

Sao gọi là người Tùy tín hành? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan; có tín tâm nơi Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Hiệu Là Phật Thế Tôn, cũng có tín nơi lời dạy của Như Lai, cũng có tín nơi lời dạy của đồng phạm hạnh; hằng có tín nơi lời người khác, không tùy theo trí của mình. Đó gọi là người trì tín (hay còn gọi là người Tùy tín hành).

Đây là một bậc trong các quả vị của Phật. Đây là bậc Hữu học, không phải đơn giản đâu. Thấp hơn địa vị Tu-đà-hoàn, nhưng vào đây là ngon rồi. Hôm bữa Thiện Trang giới thiệu Tùy tín hành là gì rồi, trong kinh trích rồi: "Nếu đời này người đó tu mà không chết giữa chừng, thì chắc chắn sẽ chứng quả Tu-đà-hoàn". Cho nên mình vào đây là ngon rồi đó, thật ra là vào bậc Hiền rồi. Cho nên không có thoái đọa xa nữa, thậm chí không có đọa lạc nữa, nên là ngon lắm. Mà mình tu như thế nào? Tại quý vị thấy vô thấy Sơ quả Tu-đà-hoàn khó quá. Ở trong Kinh Tương Ưng của Nam truyền nói rằng: Người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn giống như núi Tu-Di đã dọn sạch sẽ hết rồi, còn để lại bảy cây cỏ thôi. Phiền não giống như núi Tu Di, nhiều như vậy, mà làm sạch sẽ hết, chỉ còn bảy cây cỏ thôi, tại vì họ còn tối đa bảy đời nữa thôi. Nếu [chứng quả] Sơ quả Tu-đà-hoàn khó quá thì có những [địa vị] dễ hơn, [trong đó] Tùy tín hành là dễ nhất. Tất nhiên là sau này chúng ta học [thì có các địa vị] Gia hạnh còn dễ hơn nữa.

Ở đây làm sao để vào được Tùy tín hành, vì Tùy tín hành nếu có thọ mạng đủ thì chắc chắn mình vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nhớ như vậy! Vậy thì mình không chết giữa chừng là được, là chắc chắn mình vô Sơ quả Tu-đà-hoàn, và thậm chí là mình chứng cao hơn nữa. Cho nên tiêu chuẩn là gì? Đoạn vừa rồi nói rất là đơn giản, không cần phá Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi gì hết, mà ở đây nói: 'Sao gọi là người Tùy tín hành? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan'. Đó là điều thứ nhất.

Như vậy là quý vị nghe lời lãnh thọ, tức là nghe sự giáo giới, sự dạy dỗ của người khác, và quý vị phải có tín tâm chí thiết (là chí thành, chí thiết), rồi ý không nghi nan tức là ý mình không nghi người ta. Quý vị coi thời nay [người ta] toàn là nghi. Đây là đức Phật nói nghi người khác, chứ chưa nói nghi Phật. Ví dụ như Thiện Trang chia sẻ cho quý vị, mà quý vị nghi là xong rồi đó, là quý vị rớt khỏi, không vào được [địa vị] này.

Đời nay quý vị thấy đa số là như vậy. Nghe một hồi rồi chạy đi chỗ khác, bây giờ thầy Thiện Trang theo Nam truyền rồi, hoặc là ổng phản bội, không đi

theo đường lối cũ nữa, bắt đầu là [nói] tùm lum lên, rồi không thèm theo nữa. [Đó] là nghi rồi, cho nên rớt, không vào [được] địa vị này đâu, quý vị rơi khỏi Tùy tín hành rồi. Ngay tiêu chuẩn dễ nhất là tin lời dạy của người khác, mà mình không tin được.

Tín tâm là niềm tin mà không có chí thiết, rồi ý không có nghi nan. Bây giờ mình dễ nghi lắm, nhìn thầy nào cũng nghi hết, mình học thấy ai cũng là phàm phu hết. Thì đúng là phàm phu thiệt, nhưng người ta truyền giáo pháp Như Lai, người ta dạy kinh điển, chứ người ta đâu phải dạy theo ý của người ta đâu mà mình cũng nghi luôn. Cho nên là rớt rồi. Nếu ai có căn lành lớn thì tự nhiên họ sẽ không nghi. Đầu tiên là không nghi đối với lời người dạy mình (đối với giáo giới của người khác), và niềm tin đó phải chí thiết, tức là thật sự tha thiết, chí là rất, là cực kỳ, cực kỳ tha thiết. Điều này có mấy ai làm được? Đó là rớt rồi nha, coi chừng Tùy tín hành là rớt luôn.

Chưa đủ đâu, [ở đây còn nói]: 'có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan; có tín tâm nơi Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu Là Phật Thế Tôn'. Tóm lại đây là tin Phật, điều này thì dễ, nhưng tín tâm nhiều người cũng không tin được luôn thì thua, [nên] khỏi tu gì hết. Nhiều người đâu có tin đâu, ví dụ như biết việc đó là sai nhưng vẫn cố gắng làm, nghĩa là mình chống lại Chánh pháp.

Giống như bây giờ nhiều người biết thừa là Sư Minh Tuệ đúng, nhưng vì lợi ích của mình, vì [mục đích] gì đó, cho nên cố gắng chống tới cùng. Đó là vì mình không tin đối với Như Lai, không tin đối với Chánh pháp. Cho nên là đó là rớt khỏi [Tùy tín hành], đừng có hy vọng vào Sơ quả. Tại vì những người đó là không có đủ niềm tin đối với Như Lai.

[Ở đây nói]: 'Cũng có tín nơi lời dạy của Như Lai, phải có niềm tin đối với lời dạy của Phật, [nếu Phật] mà cũng không tin luôn thì thôi chịu thua; cũng có tín nơi lời dạy của đồng phạm hạnh, đồng phạm hạnh là những người tu cùng

với mình; hằng có tín nơi lời người khác, không tùy theo trí của mình. Đó gọi là người trì tín. Bây giờ có mấy ai làm như vậy, toàn là tin vào trí của mình thôi, mình chưa có trí nhưng còn không tin người khác. Cho nên là không có cách nào vô địa vị này được, nếu như không có điều đó.

Quý vị thấy khó không ạ? Tùy tín hành nghe thì dễ, nhưng xét ra thì rớt sạch, có vài người được thôi. Cho nên từ đó quý vị biết là quý vị có vào được Tùy tín hành hay chưa, nếu chưa thì bây giờ điều chỉnh lại nha. Đó là đời Phật dạy chứ không phải Thiện Trang tự bịa ra để nói. Như vậy Tùy tín hành thì dễ thôi. Thật ra Thiện Trang thấy điều này dễ đó, điều này là mình làm được. Mình cứ tin một người, ráng lựa chọn người nào giảng đúng Chánh pháp, thì mình tin theo. Rồi tin theo những lời Phật dạy, và những người đồng phạm hạnh dạy, nhưng đồng phạm hạnh thì phải tu tốt, điều này dễ. Như vậy quý vị cứ thực hành theo đó.

Cho nên Phật Pháp có một câu nói là 'cứ tin là vô được', trong Luận Đại Trí Độ nói: *"Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập",* tức là biển lớn của Phật pháp, tín thì có thể vào được. Muốn vào được cửa thì đầu tiên là tin giáo pháp Phật, tin Phật, tin người dạy giáo pháp [cho] mình. Tin vào những lời đó mình làm theo, thì quý vị làm rốt ráo. Và tất nhiên phải đúng với Chánh pháp, chứ trật Chánh pháp [thì không] nói. Quý vị làm [được như vậy] thì một đời quý vị vào được Sơ quả Tu-đà-hoàn. [Chỉ] vậy thôi! Nếu một đời mà thọ mạng vẫn còn [thì có thể vào được Sơ quả]. Tại vì bài trước mình học rồi, Tùy tín hành là nếu người đó đã có niềm tin như vậy, và một đời mà họ không chết giữa chừng thì họ sẽ chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Bí quyết bữa nay còn dễ hơn nữa. Tại sao vậy? Ở đây Thiện Trang giải thích theo Thiện Trang, quý vị nghe có hợp lý thì nghe. Đó là khi mình có niềm tin như vậy thì mình sẽ thực hành, và khi mình thực hành bằng niềm tin như vậy thì mình sẽ tự động [phá] ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Từ từ phá, trước sau gì cũng phá [được] thôi. Tại vì với thời gian huân tập pháp lâu ngày, thì tự nhiên sẽ phá được Giới cấm thủ, phá được Nghi và phá được

Thân kiến, từ từ sẽ thấy. Quý vị cứ tu đi, theo năm tháng [thì sẽ phá được].

Cho nên Thiện Trang có nói với một số đồng tu, quý vị nghĩ xem quý vị tu được bao lâu rồi. Có người nói con tu mười mấy năm rồi. Thiện Trang cũng tu 15 năm rồi, từ năm 2010 đến bây giờ là 2025, là coi như 15 năm. 15 năm nhưng thật ra thời gian đầu tu đâu có đúng, tu tùm lum, đâu có tu [đúng] đâu, phải bao nhiêu năm sau, mấy năm sau thì mới tu đúng. [Nhưng] từ khi tu đúng là bắt đầu như diều gặp gió vậy, như cá gặp nước, như hổ về rừng. Có nghĩa là mình đi rất nhanh và từ đó mình thấy: Ôi! Phật pháp không khó, con đường tu chứng không khó. Nếu như mình tu, mình thực hành như vậy thì một thời gian thôi là mình vượt lên khỏi địa vị phàm phu được. Vấn đề là mình có đủ niềm tin để được đến đó hay không, mình gặp được Chánh pháp như vậy hay không. Bởi vì thời nay Chánh pháp không dễ nghe, khó lắm! Nghe dụ thì dễ lắm, ngon ngọt, dụ này dụ kia, rồi họ nói theo ý của họ, họ dẫn cho đã, nghe đã tai, nhưng so với trong kinh thì trật. Vấn đề là chỗ đó, vấn đề là phải đúng theo kinh, đúng theo luật, đúng theo A Tỳ Đàm.

Điều này thì chúng ta đã học lâu rồi, Thiện Trang có trích dẫn trong kinh, đức Phật nói là phải suy xét, phải coi đúng trong kinh hay không, đúng trong luật hay không, đúng theo A Tỳ Đàm hay không. Bây giờ mình coi có đúng không, không đúng thì con đường đó là mình tu hành trật. Trật rồi thì không có cách nào vào Tùy tín hành, không có cách nào vào quả Sơ quả hết. Còn khi đã đúng rồi, quý vị thực hành đủ thời gian là được. Còn nếu không đủ thì chưa được Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng quý vị vào được [Tùy tín hành] rồi thì đời sau quý vị cũng không đọa ác đạo. Vì Tùy tín hành là cũng vào dòng Thánh rồi mà, đức Phật khẳng định là [địa vị này] vô bậc Hữu học rồi.

Quý vị có nhớ không? Bộ Kinh Phước Điền ở trong Trung A Hàm, hôm bữa Thiện Trang trích, rõ ràng là vào dòng Thánh rồi, dòng Hiền rồi, ngon quá rồi, làm sao có thể đọa lạc vào ác đạo được. Điều này cũng giống như bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, bất hoại tịnh đối với Thánh giới. Cho nên ngon lành, dễ không quý vị? [Địa vị này] dễ hơn

nhiều, đường tu hành đâu khó đâu, tại vì mình không biết, mình thấy tu chứng gì đâu mà khó quá.

Đó là Tùy tín hành, hôm nay [Thiện Trang] giới thiệu xong rồi. Bây giờ tới Tùy pháp hành:

"Sao gọi là người Tùy pháp hành? Ở đây, có người phân biệt ở nơi pháp, không tin người khác; quán sát pháp rằng: 'Có chăng? Không chăng? Thật chăng? Hư chăng?' Rồi người ấy nghĩ thầm: 'Đây là lời Như Lai, đây là lời đồng phạm hạnh*.' Vì biết đây là pháp ngữ của Như Lai, người ấy liền phụng trì. Nếu là những lời của ngoại đạo, người ấy xa lìa. Đó gọi là người Tùy pháp hành."

Ở đây quý vị thấy, lỡ mình không được như trên, như trên là không cần biết [gì hết], cứ cắm đầu vô tin, nhưng may là đi đúng đường. [Còn] quý vị là hạng người có trí tuệ, thì quý vị sẽ rơi vào hạng người này, có nghĩa là không tin một cách mù quáng. Quý vị thấy ở đây là người phân biệt nơi pháp, không tin người khác. [Tức là] tôi không tin, chưa chắc, tôi thấy ông cũng chưa ổn lắm, thấy thầy cũng chưa ổn lắm, không tin. Nhưng người ta có quán sát pháp rằng: Có chăng? Không chăng? Tức là có đúng không? Có sai hay không? Có thật không hay là giả dối đây? Người ta sẽ biết cách chọn. Rồi người ấy than rằng: 'Đây là lời của Như Lai, đây là lời của đồng phạm hạnh' tức đây là những lời đúng. Đây là lời Phật đúng, đây là lời của đồng phạm hạnh đúng, [nên] mình thực hành theo. 'Vì biết đây là pháp ngữ Như Lai, người ấy liền phụng trì. Còn nếu là những lời ngoại đạo thì người ấy xa lìa'. Và người ta thực hành như vậy, cho nên người ta chứng quả và quả này cũng là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Bài hôm bữa Thiện Trang nói không biết Sơ quả hay Nhị quả, thì [ở bài này] khẳng định là Sơ quả Tu-đà-hoàn luôn.

Như vậy hạng người này là người có trí, ở trong Chú Giải của Luận Câu Xá hay trong bộ nào thì Thiện Trang quên rồi, nói rõ người Tùy pháp hành khác với người Tùy tín hành ở chỗ nào. Người Tùy tín hành là họ vào đạo bằng niềm

tin, tức là họ chỉ tin thôi, cắm đầu vô tin lời của Phật dạy, tin Phật và tin người thầy dạy cho mình, tin người đồng phạm hạnh tức là những người tu chung với mình. Họ tin và họ thực hành như vậy, nên họ vô được Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì họ là Tùy tín hành. Tất nhiên là họ có thể chưa vào nha.

Còn hạng người Tùy pháp hành là người có trí tuệ, tức là họ phân biệt rõ ràng: Tuy thầy đó dạy mình, tuy người đó dạy mình, nhưng họ quan sát có đúng không, sai không, họ biết đúng sai và [biết] thật hay không. Họ biết suy xét rằng lời của người này đúng với Phật, lời này là trật nè. Và người ta thực hành lựa chọn theo lời đúng. Như vậy người ấy đời này nếu không chết giữa chừng, thì chắc chắn họ sẽ chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn. Người đó gọi là Tùy pháp hành, cho nên họ có trí tuệ.

Quý vị nào có trí tuệ thì có thể tu theo điều này. Được không? Được mà! Tức là ở trên [Tùy tín hành] là [người] không có trí tuệ, cứ tin nghiễn đi. Còn ở dưới này là [người] có trí tuệ, tu có chọn lọc, dù thầy đó giảng tầm bậy, nhưng có những chỗ ổng giảng đúng, tôi nghe theo chỗ đúng thôi, tôi thấy chỗ này đúng theo lời Phật, nên tôi chọn. Quý vị thấy Tùy pháp hành cũng dễ mà, đâu có khó đâu. Không khó nha! Và nếu giữa chừng không bị chết thì chắc chắn vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Sướng không!

Bây giờ Thiện Trang thấy trong lớp này có rất nhiều người đủ Tùy pháp hành, nhiều người đâu có tin sái cổ, tin kiểu mù quáng đâu, toàn soi ghê lắm. Nhưng [quý vị] soi quá, mà soi trật là xong luôn, có nhiều người soi trật đó quý vị, không đủ trí tuệ, không phân biệt [được]. Ví dụ như nói thầy đó giảng tầm bậy rồi, trong khi đó thầy đó giảng đúng với Chánh pháp. Còn người giảng bậy mình lại cho là đúng, thì xong rồi, người đó không phải là Tùy pháp hành, người đó trật, họ không đủ trí tuệ, mà họ cũng không phải Tùy tín hành luôn. Những người đó là phàm phu, thì tiếp tục trôi lăn trong vòng sanh tử thôi, biết sao được. Điều đó là do mình đã không có trí tuệ, lại không có niềm tin, thì chịu thua.

Phật pháp hoặc là vào bằng niềm tin, và may mắn [gặp] người dạy cho mình đúng là vào được. Còn không, mình thông minh, mình trí tuệ, mình biết phân biệt đúng sai, mình quán sát được pháp, mình phân biệt đây đúng, đây sai, đây thật, đây không thật, mình chọn để thực hành thì mình vào được Tùy pháp hành. Và cuối cùng mình chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, nếu như trong thời gian thọ mạng mình chưa hết, có đủ thời gian thì mình sẽ chứng. Như vậy dễ mà! Đó là hai bậc. Coi vậy chứ cũng khó, bậc này khó hơn, phải có trí tuệ.

Hôm bữa [Thiện Trang nói] có tới 18 địa vị, [Thiện Trang] giới thiệu được hai rồi đó. Địa vị thứ ba là [Thân chứng].

Sao gọi là người Thân chứng? (Hôm bữa quý vị nhớ có [hạng] Thân chứng không ạ? Thân chứng là như thế nào?) **Ở đây, có người tự thân tác chứng, cũng không tin người khác, cũng không tin lời Như Lai, và những ngôn giáo của các Tôn túc đã dạy lại cũng chẳng tin, chỉ theo tính mình mà chứng nhập. Đó gọi là người Thân chứng.**

Người này giỏi hơn nữa, tức là họ chẳng cần tin ai hết, tự thân tác chứng, tức là tự tác, tự tri, tự chứng. Họ chẳng tin ai hết, không cần tin người khác, không tin luôn lời của Như Lai, và những ngôn giáo của bậc Tôn túc, gọi là Thiền sư này, Thiền sư kia tôi cũng chẳng cần quan tâm, tôi tự hành tôi tự biết, cuối cùng họ vào được luôn. [Hạng này gọi] là người Thân chứng. Người này thuộc chủng tánh Độc giác, họ tự mình đi được, khỏi cần [thầy]. Hay chúng ta nói cách khác là Ba-la-mật nhiều đời của họ mạnh quá, cho nên thầy tà tôi cũng không cần quan tâm, giáo pháp Như Lai giảng tôi cũng chưa biết. Người này đúng là tuân theo Kinh Kalama đó quý vị, là 'chớ vội tin, chớ vội tin'. Điều nào tôi áp dụng, tôi thực hành thấy hiệu quả thì tôi tin, tự tôi tu. Lời Phật dạy tôi chưa biết tin hay không, nhưng tôi cứ áp dụng thử coi, thử một hồi tôi thấy điều này hiệu quả thì tôi tự tu, tôi tự đi, cuối cùng một hồi cũng chứng vô Sơ quả. Cho nên gọi là Thân chứng.

Quý vị có chủng tánh cao thì quý vị đi con đường này. Thiện Trang tin là

đời nay ít người đi con đường này lắm, đa số bậc một là mê tín, cứ vô đi, miễn có thầy giỏi chỉ cho mình, Phật dạy sao thì làm theo vậy, là vô được Tùy tín hành bằng niềm tin. Còn chủng tánh thứ hai là có trí tuệ phân biệt, là tôi cũng phải tin người chứ, cũng phải coi thầy đó dạy điều nào đúng thì tin, còn điều nào không đúng thì không tin, còn Phật dạy là phải tin tuyệt đối 100%. Còn [hạng] người này ghê hơn, Phật dạy nhưng tôi chưa tin luôn.

Cho nên quý vị thấy [địa vị] Sơ quả Tu-đà-hoàn có câu chuyện của ngài Xá Lợi Phất hay ngài nào đó, Thiện Trang nhất thời không nhớ tên, nhưng ở trong kinh. Ngài đó đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi, thì ngài đó nói là bây giờ con không cần nương vào người nào để tin, con cũng không cần nương vào Như Lai nữa, bởi vì con đã kiến đế rồi, con đã thấy sự thật rồi. Hồi xưa con chưa thấy nên con phải nương vào Như Lai, còn bây giờ con kiến đế, con tự thấy rồi, con biết thật như vậy rồi, nên không cần nương vào người khác.

Vì vậy Sơ quả Tu-đà-hoàn quý vị đọc trong kinh là người đó không cần tin vào người khác nữa, bởi vì họ đã thấy Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo rồi, người kiến đế là họ tự đi được rồi. Giống như người đã thấy đường rồi, quý vị đã biết rõ đường đi từ Hà Nội vô Sài Gòn rồi, thì quý vị cần gì phải đi hỏi người ta, cần gì phải chỉ nữa, cần gì cầm bản đồ để coi nữa, giờ ta biết thì ta đi đường đó là chắc chắn tới rồi. Sự biết 100% như vậy gọi là Kiến đế, thấy được sự thật rồi.

Ở đây cũng vậy, người này là căn tánh cao hơn nữa, tức là tự thân họ tác chứng (thực hành), rồi họ chứng nghiệm thấy: À, điều này đúng rồi đó, họ không cần tin vào người khác đâu, cũng không cần tin vào lời của Như Lai luôn, những ngôn giáo của bậc Tôn túc dạy, họ cũng không cần. Tôi chỉ thực hành theo ý của tôi thôi, theo tính mình thôi, vậy là chứng nhập. Như vậy là ngon quá đúng không? Đó là người Thân chứng.

Ở đây có nói Thân chứng là 'hàng thứ năm từ dưới, nhảy hàng ba và tư. Trong liệt kê này, Hán dịch nhảy sót hàng thứ ba: tín thắng giải'. Ở đây thiếu địa vị Tín thắng giải này, nhưng không sao, trong một bài khác thì chúng ta sẽ

giới thiệu. Ở đây có lẽ chép thiếu thế nào đó, bỏ mất một địa vị. Cũng không quan trọng lắm, chúng ta chỉ cần học thôi.

Sao gọi là người Kiến đáo? (Tiếp theo là hạng người thứ tư) **Ở đây, có người đoạn ba kiết, thành pháp bất thối chuyển Tu-đà-hoàn. Người ấy có kiến giải này: 'Có bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán v.v.' Người ấy vâng lời dạy, tin vào tự thân tác chứng mà tự chứng nhập.**

Kiến đáo định nghĩa đơn giản là những người này đã đoạn ba Kiết sử, và thành bất thoái chuyển Tu-đà-hoàn. Ở đây là Tu-đà-hoàn bất thoái chuyển, tức là không lui sụt nữa. Còn mấy địa vị ở trên cũng là Tu-đà-hoàn, trong kinh nói có 9 hay 10 bậc Tu-đà-hoàn, Thiện Trang nhớ là 9 bậc Tu-đà-hoàn thì phải, thì có những bậc Tu-đà-hoàn thoái chuyển. Còn địa vị Kiến đáo này là Tu-đà-hoàn bất thoái chuyển, thì đoạn được 3 Kiết sử rồi: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Người này có kiến giải rằng: 'Có bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán v.v.' Điều này là định nghĩa của Chánh kiến, thật ra người này là họ có Chánh kiến. Họ có Chánh kiến nên họ vào. Và người đó có Chánh kiến rồi thì họ vâng theo lời dạy thôi, tự thân họ làm và tự chứng nhập thôi. Điều đó là đương nhiên.

Cho nên quý vị thấy cơ hội để vào Sơ quả rất nhiều, Thiện Trang nhớ trong Kinh Trường A Hàm, đức Phật khen ngài Xá Lợi Phất thì phải: Ta thì thuyết có một hạng Tu-đà-hoàn thôi, còn ông thì khéo hơn, ông thuyết thì chia ra đến 9 hay 10, 11 bậc gì đó, Thiện Trang không nhớ rõ, để bữa nào Thiện Trang tra lại kinh. Như vậy đây đều là những bậc Tu-đà-hoàn đó quý vị. Cho nên [địa vị] Tu-đà-hoàn có thoái chuyển và không thoái chuyển. Nên mình học mấy bộ này mới đầy đủ như vậy, chứ còn cứ nói Tu-đà-hoàn là có một địa vị Tu-đà-hoàn, rồi 7 đời sau thành A-la-hán, ở trong cõi Dục 7 đời. Điều đó là kiến thức căn bản và không đủ, thiếu quá nhiều. Quý vị thấy Tu-đà-hoàn có quá trời kiểu mà, có kiểu Tu-đà-hoàn 3 đời, có kiểu Tu-đà-hoàn 1 đời ở trong gia đình tôn quý, Thất chủng, Gia gia v.v… rồi đây cũng là Tu-đà-hoàn. Cho nên [địa vị] Tu-đà-hoàn có

nhiều lắm. Bất thoái chuyển Tu-đà-hoàn thì họ phải tu được [phá ba Kiết sử].

Cho nên không học thì không biết, [có người] kêu những điều này ở trong A Tỳ Đàm. Xin lỗi! Ở ngay trong kinh có, chứ không phải A Tỳ Đàm. Nếu ở trong A Tỳ Đàm, Luận Câu Xá thì người ta nói: "Tôi học kinh tạng thôi, tôi không học những bộ đó nên tôi không biết". Nếu cho là như vậy thì cũng được đi. Còn đây là ngay trong Kinh A Hàm, ngay trong Kinh Nikaya, Kinh Niyaka cứ cho là Nam truyền đi, lấy Kinh A Hàm là thuộc về Hán tạng, mình học không biết mà đòi làm Pháp sư, thì điều đó nguy hiểm.

Đôi khi Thiện Trang nói làm Pháp sư nhiều khi nguy hiểm lắm, làm Pháp sư dẫn bao nhiêu người, nếu mình dẫn đúng thì công đức vô lượng, còn mình dẫn sai mà họ cứ nương theo mình để học, rồi họ tu không chứng, tu không đạt được gì. Lẽ ra những người đó gặp người khác dạy đúng, thì họ sẽ đắc đạo ra khỏi sanh tử. Còn mình dẫn một hồi họ không ra khỏi sanh tử, thì tội của mình lớn hơn, nghiệp của mình nặng hơn. Rồi bao nhiêu người nương theo mình, thấy người ta giảng đúng Chánh pháp lại không tin mà còn phỉ báng nữa, như vậy thì tội của mình nặng.

Cho nên cẩn thận nha, ai muốn làm Pháp sư, muốn giảng kinh thuyết pháp, thì Thiện Trang khuyên là mình hãy học, ít nhất trong Đại tạng kinh thì coi giùm cho được một tạng, đó là tạng Kinh. Không coi được nhiều thì cũng phải coi A Hàm và Nikaya. Bây giờ Kinh Nikaya đầy, hãy coi hết đi thì mới nắm được lộ trình tu tập. Và nếu như có thể thì hãy coi thêm A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp ở bên Nam truyền, coi những bộ luận bên Bắc truyền như: Luận Câu Xá, Đại Tỳ Bà Sa Luận, v.v… những bộ về Duy Thức của Tiểu thừa. Khi quý vị nắm được rồi, quý vị làm Pháp sư thì may ra mới khỏi nạn.

Do ở đây là công án của chư Tổ, chứ không phải công án từ thời Phật. Chứ nếu mà công án từ thời Phật thì Thiện Trang cũng sợ lắm, đó là công án: 'Sai một chữ chuyển ngữ, đọa 500 đời làm hồ ly', thời ngài Bá Trượng ở Trung Hoa. Sai có một chữ chuyển ngữ thôi, vị đó làm Pháp sư từ thời đức Phật Ca Diếp, có

người hỏi: *"Người đại tu hành có rơi (lạc) vào vòng nhân quả hay không?"* Ngài ấy trả lời sai một chữ, đáng lẽ ra là 'bất muội nhân quả', mà ngài trả lời là 'bất lạc nhân quả'. Bất muội tức là không mê muội, không mê lầm về nhân quả, đại tu hành là kiến tánh rồi. Thật ra không cần đại tu hành gì ghê gớm đâu, theo định nghĩa trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, một người Sơ quả Tu-đà-hoàn là đã có Chánh kiến, chính là nội dung vừa rồi chúng ta học đó: Kiến đáo là người ta tin vào: 'Có bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán v.v.' Người có Chánh kiến thôi là họ đã biết nhân quả rồi, là họ đã bất muội nhân quả rồi. Bất muội nhân quả mà trả lời thành bất lạc nhân quả, họ vẫn còn ở trong vòng nhân quả mà, chưa ra khỏi. Trả lời sai vậy thôi mà 500 đời (500 đời chứ không thể là 500 kiếp được), từ thời đức Phật Ca Diếp mà mãi đến thời nhà Đường vẫn chuyển thân thành một con hồ ly, đọa 500 đời như vậy, và sau đó mới giải được.

Cho nên quý vị thấy Thiện Trang giảng, xưa nay Thiện Trang không nói càn, có nhiều đồng tu thắc mắc: "Hòa thượng Tịnh Không giảng như vậy, sao thầy không trích dẫn như vậy?" Thiện Trang nói đoạn đó Thiện Trang chưa tìm thấy trong kinh, có những điều mà Thiện Trang thấy không giống trong kinh nên Thiện Trang không dám trích. Vì sao vậy? Vì sợ, không dám nói càn. Đôi khi nói càn thành nói liều. Cho nên sau này sợ quá, thôi trích kinh cho chắc, có gì kinh sai thì đó là lỗi của người dịch, lỗi của người chép kinh gì đó v.v… còn mình cứ giảng theo kinh.

Còn có những chi tiết nào Thiện Trang nói, thì Thiện Trang nói đó là Thiện Trang nói, thỉnh thoảng Thiện Trang nói đây là theo Thiện Trang thôi, quý vị tin hay không thì tùy quý vị. Đó là những lời của Thiện Trang, còn tùy vào quý vị nhận định. Thiện Trang chia ra rất rõ là: lời nào của Phật (tức là lời trong kinh), lời nào trong luận, lời nào của chư Tổ, lời nào của Thiện Trang, lời nào của ai đó thì người đó chịu trách nhiệm. Chứ không là mình giảng không được bao nhiêu phước đức, mà mình tiêu hết, mình giảng sai Chánh pháp là tiêu hết. Đừng tưởng dễ, mình dẫn bao nhiêu [người] đọa lạc thì nhân quả mình cũng

đọa lạc luôn.

Đó là mình tự nói nha, chứ trong kinh Phật cũng không nói như vậy, đó là mình tự suy diễn nhân quả. Thật tế thì Phật cũng không nói như vậy đâu, Thiện Trang nghĩ là cũng không hẳn như vậy. Tại vì người giảng pháp thì ít nhiều gì họ cũng huân tập được pháp. Pháp cho dù không rốt ráo chính xác 100%, nhưng cũng đưa họ đến gần địa vị giải thoát. Tất nhiên mình dẫn chúng sanh sai lạc, họ không chứng quả thì tội của mình là hơi thiếu từ bi, mình muốn người ta ra khỏi sanh tử mà mình dẫn người ta đi vào sanh tử. Đó là do ngu si, do mình không có kiến đế, không sáng suốt. Cho nên đó là lỗi của mình. Chứ còn Thiện Trang nghĩ nhân quả thật ra có nhiều thứ trong đó, rắc rối phức tạp, chứ không phải nói mình dẫn người ta lạc thì mình lạc luôn, không hẳn như vậy. Nhân quả của nhà Phật rất phức tạp, có khi mình lạc luôn, [nhưng] có khi do mình huân tập trong kinh giáo, vì mình cũng có tín tâm mà, mình cũng cố gắng, giảng một hồi cũng Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã đó thôi. Rồi cuối cùng mình cũng sẽ đắc đạo thôi. Đó là những điều Thiện Trang tự phát kiến mà nói, quý vị tin hay không thì tùy quý vị tự suy xét.

Chúng ta trở lại, đó là địa vị Kiến đáo.

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn hạng người này. Hãy niệm trừ ba hạng người đầu. Hãy niệm tu pháp thân chứng.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 10 – Phẩm Đẳng Thú Bốn Đế - Thứ 27 – Kinh Tăng Nhất A Hàm). (Như vậy đây là thứ 27, còn ở trên là 21).

Cho nên hãy cố gắng tu theo 3 hạng người đầu, còn hạng người sau là thành tựu rồi. Như vậy quý vị thấy những nội dung này quan trọng không ạ? Dễ mà, đâu có khó đâu, sao đồng tu nói tu khó quá thầy ơi! Quý vị chỉ cần 4 điều thôi: là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối

với Tăng, và bất hoại tịnh đối với Thánh giới. Quý vị đi vào cửa đó là Tùy tín hành, là dễ nhất. Và nếu như không vào Tùy tín hành, mai mốt chúng ta học thì chúng ta sẽ thấy, chúng ta cũng có thể vào Tứ gia hạnh, nhớ như vậy.

Cho nên không khó đâu. Con đường giải thoát không khó, chỉ cần có đi là sẽ có đến. Đời này quý vị làm xong là ok, quý vị vào Noãn vị cũng ok, quý vị vào Đảnh vị càng ok nữa, còn [nếu] vào được Nhẫn vị là quý vị không đọa ác đạo nữa, và vào được Thế đệ nhất vị là quý vị gần đến Sơ quả Tu-đà-hoàn lắm rồi. Những địa vị đó là dễ hơn rất nhiều. Nếu quý vị không vào được những địa vị đó, thì ít nhất quý vị cũng trồng được căn lành trong Phật pháp, đời sau quý vị gặp lại cũng nhanh lắm, không đọa vào đường ác đâu, đừng có sợ, đừng có lo lắng lắm. Bởi vì mình tu tập một đời, với Chánh pháp như vậy, với khả năng nỗ lực như vậy, thì không bị đọa đâu. Chỉ khi mình không tu, mình phá giới, mình làm tùm lum tùm la, do mình không biết. Thậm chí khi mình phá giới rồi, nhưng nếu biết sửa lỗi, nếu biết Phật pháp tu hành thì vẫn thoát khỏi Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, miễn là quý vị đừng làm những việc Ngũ nghịch thôi. Ngũ nghịch thì khó, trong kinh chưa thấy ai làm những việc Ngũ nghịch mà thoát khỏi Địa ngục. Nhưng rõ ràng là vẫn có con đường để thoát, nhưng chưa thấy thôi. Chỉ có trường hợp đó là khó, còn lại quý vị vẫn còn có cơ hội để tu hết. Hãy cố gắng tu tập.

Tiếp theo Thiện Trang xin giới thiệu thêm một phần nữa, Thiện Trang muốn sửa lỗi của Thiện Trang, đó là phần **Tuổi Thọ Của Các Cảnh Giới.** Một mặt là để bổ sung thêm, một mặt là để bổ sung phần lỗi của bài hôm trước Thiện Trang trích từ A Tỳ Đàm. Tức là một cuốn sách giáo lý A Tỳ Đàm của Giáo sư gì đó bên Miến Điện, dịch giả là Sư Toại Khanh, thì có trích ra Tuổi thọ của cõi Người và các tầng trời, quý vị có nhớ không ạ? Bữa đó Thiện Trang trích xong ở trong đó thì Thiện Trang nghĩ đúng rồi. Nhưng bữa nay coi lại Kinh A Hàm thì Thiện Trang thấy không chính xác, cho nên Thiện Trang muốn đính chính lại, theo kinh vẫn chuẩn hơn là theo A Tỳ Đàm. Không biết tại sao cuốn đó sai, có những chi tiết mà Thiện Trang thấy là cần phải bổ sung, và có những chi tiết

mở rộng, cho nên xin hôm nay giới thiệu lại tuổi thọ của các cảnh giới, từ cõi Người, cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, và một số cõi khác v.v… cho đến cõi Trời. Nếu quý vị kết hợp với bài hôm bữa thì quý vị so lại, và lấy bài này làm chuẩn, còn bài hôm bữa thì hãy bỏ đi. Chứ không thì Thiện Trang có lỗi, quý vị cứ share bài hôm bữa thì Thiện Trang có lỗi, để bữa sau Thiện Trang làm lại cái bảng cho chuẩn hơn. Hôm nay xin giới thiệu lại, đoạn này ngắn thôi. Đây là lời của Phật dạy:

"Tuổi thọ của người Diêm Phù Đề là 100 năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Đoạn này là lời đức Phật Thích Ca nói. Vào thời đó thì tuổi thọ tại cõi Nam Thiệm Bộ Châu (Trái đất của chúng ta) là chỉ có 100 năm thôi, và ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới (tức là dưới 100 tuổi). Điều này thì chúng ta quá quen.

Tuổi thọ của người Câu Da Ni là 200 năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Thiện Trang nhớ Câu Da Ni là cõi Đông Thắng Thần Châu, không biết có nhầm không, nhưng Thiện Trang nhớ là Đông Thắng Thần Châu.

Tuổi thọ của người Phất Vu Đãi là 300 năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tất nhiên kể Đông Thắng Thần Châu rồi, thì tới Phất Vu Đãi chính là Tây Ngưu Hóa Châu; chữ Hóa trong hàng hóa. Tức là cõi đó lấy bò để trao đổi làm hàng hóa, ai có nhiều bò thì người đó giàu. Cõi đó lúc đó tuổi thọ là 300 tuổi, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới.

Tuổi thọ của người Uất Đan Viết là 1.000 năm, không có tăng hay giảm (ở trong Kinh Vô Lượng Thọ có trích là: 'Uất Đơn thành thất bảo', cõi Uất Đơn (Đan) Việt là cõi Bắc Cô Lô Châu, thì tuổi thọ ở đó là 1000 năm. Quý vị để ý là không có tăng hay giảm, tức là tuổi thọ của người ở Bắc Cô Lô Châu chỉ cố định là 1000 năm, không có yểu mệnh, thậm chí họ không có bệnh nữa kìa.

Và không chỉ vậy đâu, quý vị coi trong Kinh A Hàm nói rất rõ: là người ở đó giống nhau, hình như người đều giống như 22 tuổi ở cõi Nam Diêm Phù Đề chúng ta. Tức là người ở đó sanh ra một thời gian sau là lớn nhanh lắm, sẽ thành

người như vậy, và họ giống nhau. Họ cũng giống như người ở Tây Phương Cực Lạc vậy đó, họ cũng cao như nhau, rồi quần áo cũng không phân biệt. Cho nên khi xuống tắm xong rồi lên là họ lấy đồ mặc thôi, không cần phải suy nghĩ. Vì sao? Vì trong kinh đức Phật nói họ là Vô ngã, vì họ không có phân biệt nữa, rất là sung sướng. Trong 4 châu thì chỉ có cõi Uất Đơn Việt (Bắc Cô Lô Châu) là họ ăn chay, còn 3 châu còn lại là vừa ăn chay vừa ăn mặn, ăn thịt, ăn cá tùm lum. Giống như cõi của chúng ta là ăn thịt, ăn cá... Cho nên tuổi thọ của người ở cõi Uất Đơn Việt (Bắc Cô Lô Châu) tới 1000 năm. Và sau khi chết, trong kinh nói vì đó là nơi thắng xứ (nơi thù thắng) nên họ lại tiếp tục được sanh lên cõi Trời, và sau khi cõi Trời hết thọ mạng thì họ lại sanh xuống nhà tôn quý ở nhân gian. Và thông thường là họ sanh vào cõi của chúng ta, trong kinh nói như vậy.

Cho nên đó là một cõi rất là thù thắng, thù thắng nhưng không có Phật pháp, đời đó coi như vô đó chơi hưởng phước thôi, sướng lắm, sướng vô cùng, không có phải làm lụng như ba châu kia. Ba châu kia đi làm mệt lắm, chúng ta đi làm mệt, chứ sống ở cõi đó hưởng thụ sướng lắm. Sướng thì sướng nhưng không có Phật pháp, mất 1000 năm rồi lên cõi Trời thêm thời gian nữa. Trên cõi Trời có Phật pháp chứ không phải không có, nhưng có gặp và học được Phật pháp hay không thì lại là một chuyện khác.

Tuổi thọ của Ngạ quỷ là 70.000 năm (hay là 70 vạn năm). Dài không quý vị? Không cẩn thận là vô Ngạ quỷ luôn, **ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới.** Nhưng may quá, tuổi thọ ngắn, phần nhiều là dưới, chứ không 70.000 năm là chết luôn, ở trong đó biết bao giờ ra. Cho nên đừng ham vô Ngạ quỷ, Thiện Trang muốn trích dẫn điều này để nói đường Ngạ quỷ dễ vô mà lâu ra. Nếu mà mình sống đến 70.000 năm thì biết đến bao giờ ra.

Tuổi thọ của loài rồng và Kim sí điểu là một kiếp hoặc có giảm đi. Điều này còn kinh khủng nữa, một kiếp luôn, một kiếp này là Trái đất tan hoại rồi sanh ra lại. Nếu như vậy thì làm loài rồng với Kim sí điểu (chim cánh vàng) mệt lắm, nếu may mắn tuổi thọ giảm đi thì cũng được ra sớm.

Tuổi thọ của A-tu-la là 1000 năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của A-tu-la là 1000 năm, bằng [tuổi thọ của] trời Đao lợi rồi. Ở đây nói cõi Trời nhưng không thấy nói là trời nào.

Tuổi thọ của Tứ Thiên Vương là 500 năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi (trời Tứ Thiên Vương thì chúng ta biết), **mà phần nhiều là dưới.** Thiện Trang muốn đính chính chi tiết này, 'phần nhiều là dưới' có nghĩa là không phải lên cõi trời Tứ Thiên Vương là chơi 500 năm đâu, mà phần nhiều là dưới, tức là chưa tới 500 năm thì rớt xuống tiếp. Cho nên đừng ham lên cõi Trời, bài hôm nay là có chữ 'phần nhiều là dưới', khác với [bài hôm trước] ở chỗ đó.

Tuổi thọ của trời Đao Lợi Thiên là một 1000 năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Cũng vậy, nghĩa là quý vị lên cõi Trời Đao Lợi hết thọ mạng lúc nào không biết, rớt xuống, [nên] đừng có ham. Năm tướng suy hao hiện ra trên thân là rồi, đọa xuống. Cho nên lên cõi Trời không cứu cánh đâu, không phải 1000 năm, lên đó mà cười hề hề kêu: Tôi có tuổi thọ 1000 năm.

Thiện Trang nhắc điều này, [nếu] sau này có người sanh về cõi Trời thì nhớ nha, lên cõi Trời là không biết thọ mạng bao lâu đâu, mà thọ mạng hết là rớt đó, nên lên đó lo mà tu tiếp nha! Ai lên cõi Trời được thì ráng lên, lên cõi Trời có Phật pháp, cho nên yên tâm, trên cõi Trời có Phật pháp chứ không phải là không có. Chẳng qua là sung sướng quá, ăn rồi đi chơi miết, như ở trời Đao Lợi có 4 cái vườn, nào là vườn Hoan Hỷ (Hỷ Lạc), ăn rồi chơi, còn nam nữ một tháng hai lần, mùng 8 với rằm mở ra, tức là giống như phố đèn đỏ, kiểu vậy đó. Nam nữ vô đó muốn thế nào thì muốn, cho thoải mái luôn, hoặc có chỗ mở tiệc ăn chơi quá trời. Nếu quý vị có phước thì quý vị vô trong đó.

Có người hỏi như sau: *"[Có phải] thời gian tính theo ngày đêm như cõi Ta Bà chúng ta?"* Điều này thì ở bài trước [Thiện Trang] nói rồi, ở đó một ngày một đêm bằng bao nhiêu năm ở nhân gian có rồi. Kết hợp bài đó đi là biết, cần gì phải hỏi nữa. Ở đây chỉ nói tuổi trên đó thôi mà, đây là tính tuổi theo trên đó.

Còn một ngày một đêm của trời Đao Lợi bằng 100 năm của nhân gian, điều đó mình học rồi, tự mình biết đi chứ. Như vậy lên trời Đao Lợi chưa ngon đâu nha quý vị, coi chừng rớt xuống sớm. Vậy [tuổi thọ] của các cõi Trời khác thì sao?

Tuổi thọ của cõi trời Diễm Ma là 2000 năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. [Quý vị] tưởng lên trời thứ ba, trời Tu Diệm Ma ngon lắm hả? Nhiều lắm cũng chỉ 2000 năm ở trên đó thôi, một ngày ở trên đó bằng 200 năm ở nhân gian, cứ thế mà tính 1 năm 360 ngày nhân lên, chúng ta đã có bài tính hết rồi, quý vị nhớ 'phần nhiều là dưới'. Có nghĩa là đa số rớt xuống trước rồi, chứ không phải lên đó là ngon đâu. Nhớ là ở cõi Trời cũng vô thường.

Tuổi thọ của trời Đâu Suất là 4000 của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới (cũng vậy luôn, cũng rớt nha). **Tuổi thọ của trời Hóa Tự Tại là 8000 năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới**. **Tuổi thọ của Tha Hóa Tự Tại thiên là 16000 năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới.** (Như vậy [tuổi thọ các tầng trời sau này] cũng vậy nha, chứ không phải cố định đâu).

Cho nên Thiện Trang nói hôm bữa [ở trong] bộ Luận A Tỳ Đàm viết kiểu đó là viết số lớn nhất thôi, chứ không phải là con số cố định, mà có thể thấp hơn, phần nhiều (đa số) là rớt. Có nghĩa là ai sống thọ lắm được 16000 năm, phước báu lớn lắm mới đủ. Còn không thì lên đó vài bữa là xài hết phước. Giống như đi du lịch, mình mang nhiều tiền thì mình lên đó sống được 16000 ngày. Còn không mới lên mấy ngày là hết tiền rồi, thôi đi về đi làm tiếp để kiếm tiền nữa. Ở trên đó rớt một phát là rớt thê thảm luôn, nhiều khi rớt vô Súc sanh luôn. Cho nên hãy cẩn thận, thế gian vô thường thực sự.

Tuổi thọ của trời Phạm Ca Di là một kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của trời Phạm Ca Di là ba tầng trời: thứ bảy, thứ tám, thứ chín. Chúng ta hay nói ba tầng trời, thực tế có một tầng trời thôi, gồm: Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ và trời Đại Phạm. Ba tầng trời đó thật ra là một, chẳng qua tuổi thọ của ba

nhóm đó [khác nhau]: Nhóm vua là trời Đại Phạm, nhóm làm quan chức tạm tạm là trời Phạm Phụ, còn nhóm làm dân thường là trời Phạm Chúng. [Tuy] khác nhau, nhưng tuổi thọ cao nhất cũng chỉ là một kiếp thôi. Một kiếp là thời gian Trái đất này sanh ra rồi diệt đi, rồi sanh ra lại. Đó là Đại kiếp. Đức Phật không nói thì đó là Đại kiếp. Hoặc có giảm bớt, nên cũng có thể giảm sớm hơn. Không chắc đâu!

Tuổi thọ của trời Quang Âm là hai kiếp, hoặc có giảm bớt. Ở đây chỉ nói Quang Âm Thiên, Quang Âm Thiên thực ra là trời Nhị thiền. Thực tế có ba tầng trời là: Trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, và trời Quang Âm. Nhưng ở đây lấy cao nhất là hai kiếp, còn ở giữa tất nhiên sẽ có giảm bớt. Vì ở giữa nên đức Phật nói tắt. Thật ra ba tầng trời đó cũng như một tầng trời, nên mới nói vậy. Thật ra mình gom vô Nhị thiền thôi, cũng giống nhau. [Trời] Nhị thiền này khác nhau ở chỗ: có người thì ánh sáng mạnh cực kỳ, gọi là Quang Âm Thiên (hay gọi là trời Cực Quang); còn người ánh sáng yếu yếu thì gọi là Thiểu Quang; trời Vô Lượng Quang là người có ánh sáng mạnh giữa giữa. Quý vị nhớ nha! Lúc nào cũng chữ 'hoặc có giảm bớt', nên không chắc chắn đâu.

Hồi xưa có người thắc mắc: *"Thưa thầy, hình như con ở cõi Trời xuống, còn thầy ở dưới nhân gian, mà sao con thấy một hồi cũng gặp nhau?"* Thì quý vị lên cõi Trời có bao lâu đâu, phước của quý vị có bấy nhiêu đó [thôi]. Thiện Trang ở nhân gian cũng được, nhưng quý vị ở trên trời rồi cuối cùng cũng gặp nhau nữa. Thật ra là quý vị lên đó không đủ tuổi thọ để sống lâu trên đó, vì phước báu quý vị tu được bấy nhiêu đó thôi. Tâm thức của mình lúc lâm chung tương ưng với cõi Trời, mình có thiện tâm, thiện hạnh, nên mình được sanh vào cõi Trời, nhưng phước mình ít quá.

Giống như quý vị có phước đi du lịch, quý vị mua vé du lịch đi chơi, nhưng tiền ít quá thì đi chơi mấy ngày rồi về. [Đó là] quý vị không đủ phước. Còn Thiện Trang ở cõi Người, tâm thức của Thiện Trang không hướng về chư Thiên, nên Thiện Trang không lên chư Thiên, Thiện Trang ở cõi Người thôi. Phước của Thiện Trang cũng có thể ngang ngang với quý vị. Hoặc ví dụ Thiện Trang có

phước hơn quý vị, nhưng Thiện Trang ở cõi Người, và Thiện Trang lo tu nên không hưởng được phước gì hết. Còn quý vị lên đó đi du lịch, đi chơi bao nhiêu ngày đó.

Cho nên càng học kinh giáo bao nhiêu thì càng thấy sáng tỏ bấy nhiêu. Và quý vị thấy chán Tam giới chưa? Chứ không thì ham lên cõi Trời, mình thấy [tuổi thọ] 1000 năm, 16000 năm, rồi lên trời Tha Hóa Tự Tại sướng lắm. Trời Tha Hóa Tự Tại sướng lắm quý vị, nhưng dứt cho câu 'mà phần nhiều là dưới', nên hết tuổi thọ là thôi, ngán rồi đó. Nên học để thấy thế gian vô thường, mới bỏ được, mới ra khỏi được [Tam giới]. Lên trời Sơ thiền, [trời] Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng vậy, [như vậy] quý vị mới bỏ được phần Kiết sử trong Ngũ Thượng phần Kiết sử là Sắc ái kiết.

Sắc ái kiết là sự yêu thích về cõi trời Sắc giới. [Trời Sắc giới], mình cũng ngán luôn. Học những điều này thì mình mới buông được, cho nên phải học giáo pháp cho rõ ràng. Khi rõ rồi thì không ai chui vào chỗ khổ hết, ai cũng muốn vào chỗ sướng. Chỗ sướng nào? Là Niết-Bàn tịch tĩnh, an lạc, vô vi. Niết-Bàn thì tất nhiên là tịch tĩnh; #tịch tĩnh là vắng lặng, dễ chịu, nhẹ nhàng; rồi #an lạc là vui vẻ; #vô vi chính là không sanh không diệt nữa. Chứ còn mình học mà không hiểu, thì mình cứ ham lên các cõi trời Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền Sắc giới, vô những [cõi trời này] đều là Sắc ái kiết hết. Ham điều đó, còn yêu thích là Sắc ái kiết. Cho nên A-la-hán bỏ luôn điều đó.

Còn quý vị lên các tầng trời trên như: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tức là mình vẫn yêu thích, [nhưng] không phải xác thân nữa mà yêu thích tinh thần của mình, muốn hiện hữu trong tinh thần [thì gọi là] Vô sắc Ái kiết. Còn có yêu thích, thì sự yêu thích đó trói buộc mình trong Tam giới, nhưng không phải Tam giới ở dưới, mà ở bốn tầng trời trên gọi là Vô sắc Ái kiết. Cho nên phải bỏ điều đó đi. Mình học, mình hiểu 'thế gian vô thường, ba cõi không an, giống như nhà lửa', ở đâu cũng toàn là sanh tử rình rập chờ sẵn như vậy.

Hồi trước mình nghe hai ông A La Ma và ông Uất Đầu Lam Phất, hai ông đó là thầy của Thái tử Tất Đạt Đa, khi đức Phật còn đi học đạo. Cuối cùng một ông sanh về trời Vô Sở Hữu Xứ, một ông sanh về trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ, mình nghe mình hâm mộ ghê gớm. Đức Phật nói hai ông đó mà nghe Ngài giảng pháp là hai ông đắc đạo liền. Nhưng rồi không đủ duyên, hai ổng ở trên đó. Cuối cùng một ông sau này đức Phật thọ ký xuống làm Quốc vương, vua của một nước nào đó, rồi đánh cướp, giết người quá trời nên đời sau vô Địa ngục. Còn ông kia thì sau rớt qua một đời kiếp đọa, kiếp giữa tức là một kiếp độn ở cõi Người hoặc cõi Trời gì đó. Rồi sau ông đọa làm loài chồn bay (do hồi xưa ổng tức quá, nên [nguyện] là sẽ bắt hết cá hoặc là bắt những con thú trong rừng để ăn thịt). Do ăn thịt nhiều quá nên đời sau cũng vô Địa ngục luôn. Trong Kinh A Hàm nói là hai ông đó đều vô Địa ngục hết.

Quý vị thấy đau không? Đau chớ! Đọa Súc sanh thì chưa đâu, [còn phải bị] đọa Địa ngục [nữa]. Câu chuyện đó trong Kinh A Hàm, sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn, có một vị Cư sĩ hỏi một vị Tôn giả (Thiện Trang quên tên vị Tôn giả đó rồi): *"Sao đức Phật không thọ ký cho hai ông đó bao giờ đắc đạo?"* Vì ổng tu cũng khá mà. Vị Tôn giả đó nói là: *"Nếu như có đức Phật còn ở đời, chắc chắn Ngài sẽ thọ ký cho ổng"*. Vì với sự tu tập đó không uổng đâu, tu tập tới đó rồi chắc chắn ông sẽ chứng đạo thôi. Nhưng chưa, vì không có Phật nên bây giờ làm sao biết được. [Vị Cư sĩ đó] hỏi: *"Ngài là một bậc A-la-hán, mà sao ngài không trả lời được?"* [Ngài] nói: *"Duyên nghiệp trong vòng luân hồi phức tạp quá. Với trí tuệ của một vị A-la-hán không thể nào trả lời được, không thể quán sát được từng đó. [Chỉ] với trí của Phật thì mới quán sát được chuyện tương lai sau này [ổng] sẽ đi về đâu"*.

Ví dụ như quý vị thấy, đời này gặp Thiện Trang thì quý vị tu như vậy. Còn [lỡ] đời sau quý vị gặp tà sư thì đi đâu mất tiêu. Ngay cả thầy đang tà mà chuyển sang chánh hồi nào mình cũng đâu có biết, rồi đang chánh mà ổng bị gì đó, ổng chuyển thành tà thì ai biết được, đúng không quý vị? Nhân quả nghiệp duyên thay đổi loạn cào cào hết. Là một vị A-la-hán chỉ quan sát được trước 7 ngày

thôi, còn sự kiện sau 7 ngày là thua, quan sát không chính xác nữa rồi. Quý vị nên nhớ vậy!

Còn đức Như Lai có Tam minh Lục thông, Ngài có đủ hết các trí, trong đó có trí Tri sanh tử, tức là [Ngài] biết được việc sanh tử của chúng sanh trong vô lượng kiếp đến tận đời vị lai, Ngài thấy được luôn. Cho nên Ngài mới thọ ký cho một vị nào đó thành Phật được chứ. Còn mình bây giờ mình có thọ ký được đâu, quý vị chứng A-la-hán quan sát được rõ việc chắc chắn trong 7 ngày thôi, còn sau 7 ngày không thể chắc chắn nữa.

Cho nên mình học càng rõ, càng sáng tỏ bao nhiêu thì mình tự tin lắm, biết mình là chúng sanh trong vòng luân hồi, nên lo mà tu. Mình tự tin thì mình lo tự tu đi, chứ không trông chờ vào ai được đâu, không ai bước đi với mình trong đường luân hồi đâu. Thật ra có một người luôn luôn bước theo mình, là nghiệp của mình. Còn nếu nói bước theo mình trong đường luân hồi thì chỉ có chư Phật các Ngài mới bước theo mình thôi, chứ còn chúng sanh thề thốt điều gì thì [đều] là vô nghĩa. Dù có thề là đời đời kiếp kiếp là đồng tu với nhau, đời đời kiếp kiếp hỗ trợ nhau tu hành, là thề giả hết. Vì nghiệp mỗi người đi con đường khác nhau, lâu lâu gặp nhau thề như vậy, có gặp nhưng thỉnh thoảng gặp.

Quý vị cứ coi câu chuyện cô Diệu Hiền với ngài Ma Ha Ca Diếp là biết, đời nào cũng thề nguyện là sẽ làm vợ chồng, hỗ trợ nhau tu Phạm hạnh cho đến khi chứng đạo. Nhưng quý vị coi lại xem, từ 91 kiếp trước thề như vậy (từ thời đức Phật Tỳ Bà Thi), rồi họ gặp nhau được mấy lần? Lần nào gặp cũng đẹp hết, tình luôn luôn đẹp, bởi vì thề nguyện như vậy mà. Nhưng gặp được mấy lần thôi, còn lại đường ai nấy đi, đúng như Kinh Vô Lượng Thọ nói "**độc sanh độc tử, độc khứ độc lai**", tức là mình tự mình sinh ra một mình, chết đi một mình, tự mình đi, tự mình đến, không ai thay thế được.

Hay chúng ta lấy một câu chuyện hay hơn nữa, là câu chuyện tiền thân của [cô] Da Du Đà La và tiền thân của đức Phật Thích Ca. Quý vị thấy từ thời đức Phật Nhiên Đăng là xa xưa lắm rồi, hai người phát nguyện. Tức là cô Da Du Đà

La kết chàng này quá, nên nguyện là bắt chàng phải yêu, bắt chàng hứa phải cưới. Anh chàng đó không đồng ý, vì tôi tu để giải thoát sanh tử, tôi đâu muốn người nữ làm vướng víu chân tôi làm gì. [Nhưng] nàng cũng bắt là phải đồng ý, nàng hỗ trợ hết, như vậy nàng mới tặng cho mấy bông hoa để cúng dường đức Phật Nhiên Đăng. Hình như Thiện Trang nhớ là bảy cành hoa sen thì tặng cho chàng năm cành, còn nàng giữ lại hai cành để tự cúng dường cho đức Phật Nhiên Đăng. Vậy mà quý vị coi lịch sử tiền thân của đức Phật Thích Ca, coi Ngài mấy đời gặp Da Du Đà La, cũng không nhiều. Cho nên trong vòng sanh tử đừng mê gì hết, chỉ có nghiệp đi theo mình là rõ ràng nhất, chúng ta thấy rõ ràng như vậy, [nên] mình [đừng] có thề nguyện.

Thực ra ngài Ma Ha Ca Diếp và cô Diệu Hiền gặp nhau nhiều hơn, vì hai người đều sắp thành đạo rồi, và càng về sau nguyện lực đó càng mạnh thì dễ gặp nhau nhiều, vì Ba-la-mật đủ, còn lúc trước gian nan lắm. Cho nên đừng mong, đừng nguyện nhiều. Nguyện đời đời kiếp kiếp gặp Tam Bảo, gặp Chánh pháp thì được, đời đời giác ngộ tu hành thì được, chứ [nguyện] đời đời đi chung với nhau thì khó lắm, trừ khi Ba-la-mật của quý vị sắp thành, quý vị làm Bồ-tát hạnh đủ rồi thì quý vị mới có duyên đó thôi, còn không thì khó lắm.

Như vậy là Thiện Trang đã giải thích tới trời Quan Âm Thiên rồi.

Tuổi thọ của Biến Tịnh thiên là ba kiếp hoặc có giảm bớt. Ở đây nói gộp ba tầng trời là [trời Thiểu Tịnh], trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Ba tầng trời này cũng là một tầng trời, nên có cách chia khác nhau.

Tuổi thọ của trời Quả Thật thiên là bốn kiếp hoặc có giảm bớt. Quả Thật thiên cũng gồm 3 tầng trời là trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả. Ba tầng trời này xếp vô một, gọi là trời Quả Thật.

Tuổi thọ của trời Vô Tưởng thiên là 500 kiếp hoặc có giảm bớt. Trời Vô Tưởng thì riêng một mình trời này là 500 kiếp, nhưng có giảm bớt. Như vậy lên trên đó cũng chưa chắc là 500 kiếp làm pho tượng, điều này chúng ta đã giảng rồi, pho tượng cũng không hẳn là 500 kiếp.

Tuổi thọ của trời Vô Tạo là 1000 kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của trời Vô Nhiệt là 2000 kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của trời Thiện Kiến là 3000 kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của trời Đại Thiện Kiến là 4000 kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc Cứu Cánh thiên là 5.000 kiếp, hoặc có giảm bớt. Như vậy đây là năm tầng trời Bất Hoàn, có chia ra rõ ràng từ 1000 kiếp đến 5000 kiếp. Cho nên ai mà ở hàng Tam quả A-na-hàm kiểu độn căn, thì đi vòng hết mấy trời đó luôn là ngán lắm. Quý vị đi một loạt hết, mai mốt chúng ta học quả vị A-na-hàm, thì có quả vị vô là đi một vòng luôn hết năm tầng trời đó mới chứng đạo, như vậy thì lâu lắm, mệt lắm. May ở đây có chi tiết là giảm bớt, cho nên có thể lên nhanh, đỡ.

Tuổi thọ của Không Vô Biên Xứ thiên là một vạn kiếp, hoặc có giảm bớt, (tức là 10.000 kiếp, cũng may là có giảm bớt). **Tuổi thọ của Thức Vô Biên Xứ thiên là hai vạn một nghìn kiếp** (là 21.000 kiếp) **hoặc có giảm bớt**. **Tuổi thọ của Vô Sở Hữu Xứ thiên là bốn vạn hai nghìn kiếp** (là 42.000 kiếp), **hoặc có giảm bớt**. **Tuổi thọ của Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thiên là tám vạn bốn nghìn kiếp** (là 84.000 kiếp)**, hoặc có giảm bớt.** (May là có giảm bớt, chứ không lên đó lâu quá cũng không có tác dụng gì). **Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sinh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là Thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp Uẩn, Xứ, Giới, qua lại trong các cõi, sinh, già, bệnh, chết".** Quý vị nghe đoạn này, trong giới hạn đó gọi là chúng sinh, và chữ Uẩn, Xứ, Giới chúng ta đang học bên bộ Luận Câu Xá, cho nên quý vị thấy đoạn này hoàn toàn khớp.

(Trích từ Phẩm Đao Lợi Thiên - Kinh Thế Ký - Trường A Hàm).

Cho nên ở đây cũng không thoát khỏi. Mình học hết rồi mình thấy Thế gian cũng chán đúng không quý vị? Bây giờ hết ham rồi nha, hồi xưa chắc hâm mộ cõi Trời, bữa nay học xong thì hết hâm mộ cõi Trời luôn. Thấy đúng là ba cõi không an giống như nhà lửa, không chỗ nào an được hết, trước sau gì cũng vậy, thôi thôi ta mau ra khỏi sanh tử, mong chứng đạo trong đời này. Con nguyện hồi hướng đem bao nhiêu Ba-la-mật con tu được từ vô lượng kiếp tới giờ, con

nguyện cho con sớm đắc đạo. Nếu có thể đắc đạo sớm trong đời này, còn không thì con cũng nguyện đắc đạo trong đời tương lai, hoặc ai nguyện về Tây Phương Cực Lạc, Tịnh Độ thì phát nguyện, tùy mỗi người.

Hôm nay Thiện Trang đã giới thiệu những kiến thức căn bản và Thiện Trang nghĩ những điều này đều quan trọng, chứ không phải mình giới thiệu chơi chơi. Hôm nay chắc hết thời gian rồi Thiện Trang xin giới thiệu phần Luận Câu Xá. Luận Câu Xá lâu rồi mình cũng không học, vì Luận Câu Xá có nhiều điều hay lắm, giải thích rất nhiều điều hay, chứ không phải mình thấy ngán ngán đâu, nhưng do mình học ít. Bữa nay học được đoạn nào thì học nha.

然薄伽梵於契經中說六思身為行蘊者，由最勝故。所以者何？行名造作，思是業性造作義強，故為最勝。是故佛說若能造作有漏有為名行取蘊。

Nhiên Bạc Già Phạm ư Khế kinh trung thuyết lục Tư thân vi Hành uẩn giả, do tối thắng cố. Sở dĩ giả hà? Hành danh tạo tác, tư thị nghiệp tánh tạo tác nghĩa cường, cố vi tối thắng. Thị cố Phật thuyết nhược năng tạo tác Hữu lậu Hữu vi danh Hành thủ uẩn.

Giải:

#Nhiên Bạc Già Phạm ư Khế kinh trung thuyết lục Tư thân vi Hành uẩn giả: Như #đức Bạc Già Phạm tức là đức Thế Tôn (đức Phật) ở trong #Khế kinh tức là trong kinh điển; thường kinh điển có khi gọi là Khế kinh; thì nói về sáu Tư thân, #Tư tức là suy nghĩ; là Hành uẩn. Tư ở đây là suy tư hay là Thức, là Hành uẩn.

Thiện Trang đang giảng tới chỗ Thân kiến, hôm bữa [giảng] đến Thọ rồi, hôm nay là [giảng] về Hành uẩn. Hành uẩn là gì? Nhờ chi tiết này chúng ta sẽ nói về Hành uẩn. Tại vì hôm bữa Thiện Trang có nói Hành uẩn là khía cạnh thiện ác của một hành động, suy nghĩ gì đó, tức là Tư niệm. Thật ra điều đó cũng có giới thiệu trong một cuốn sách A Tỳ Đàm, và Sư Toại Khanh có nói. Nhưng

Thiện Trang coi lại Hành uẩn trong kinh, và coi mấy bộ của bên Nam truyền (bảy bộ về Vi Diệu Pháp), thì không phải như vậy, tức là không đủ. Nói như vậy cũng đúng nhưng chỉ nói tóm lược thôi.

Tức là mình nói: Khía cạnh thiện ác trong suy nghĩ, trong hành động của mình gọi là Hành. Trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức: Sắc thì chúng ta biết rồi; Thọ là cảm nhận, vui, buồn, không vui không buồn, không thọ lạc, không thọ khổ; Tưởng là những suy nghĩ dựa trên kinh nghiệm. Bây giờ mình nói về Thân kiến, quý vị cho rằng Tưởng đó, kinh nghiệm về những vấn đề đó là mình, và cho mình có trong Tưởng đó, thì quý vị dính vô Thân kiến về Tưởng.

Ví dụ quý vị cho là thầy Thiện Trang phải là người như thế này, người như thế kia v.v… Quý vị mặc định như vậy, theo nhận định của quý vị, theo kinh nghiệm quý vị biết: là thầy Thiện Trang khó tính lắm, lên [giảng] ổng hay nói lỗi người ta lắm. Quý vị mặc định như vậy, cho là như vậy, mình nhận định thầy Thiện Trang là như vậy, thì quý vị dính vô Thân kiến về Tưởng uẩn.

Vậy làm sao phá được Thân kiến này? Muốn phá Thân kiến này là do quý vị học Phật pháp nhiều, huân tập nhiều, tu tập nhiều, thì dần dần quý vị biết mình nhận định sai rồi, đó không phải nhận định của mình, đó là do nhiều duyên. Ví dụ do mình tiếp xúc với thầy Thiện Trang qua bài giảng, được nghe thầy dạy như vậy, nên mình nhận định như vậy. Chứ nhận định đó không phải là mình, nhận định đó là do duyên thôi. Thực tế có thể là thầy khác, ngoài đời thầy có thể vui vẻ hơn, nghe nói ngày xưa thầy đi dạy hay kể chuyện cười nữa. Thiện Trang đi dạy Toán thỉnh thoảng hay kể chuyện cười cho học sinh nghe, cười cho bài giảng đỡ căng thẳng.

Thiện Trang rất vui vì học trò của Thiện Trang nhận định là: *“Sao thầy hay quá, các thầy cô khác thông thường vì chuyện gia đình, vì chuyện gì đó, vô trong lớp là chửi, làm căng thẳng lắm. Còn thầy bước vào lớp lúc nào thầy cũng vui”.* Thiện Trang nói: Tại vì các em không chịu trách nhiệm chuyện đó, không phải thầy lúc nào cũng vui, mà tại vì chuyện thầy buồn, bị người ta chửi hay ai nói gì

đó v.v… giả sử có bị chuyện gì chăng nữa, thì chuyện đó bỏ ở ngoài, bây giờ gọi là Nhập xứ quán. Tức là mình vào nơi đó thì mình phải nghĩ rằng mình đóng vai trò khác rồi, không thể đem chuyện ở nhà: bữa nay bị mẹ chửi, hay bị đồng nghiệp chửi, bị người yêu chửi, là không liên quan. Mà khi mình vào trong lớp thì mình phải đóng vai trò là thầy của học sinh, ngôn ngữ nhà Phật gọi là Nhập xứ quán.

Vì vậy mình vào đó mình đối với học sinh vui vẻ, nên không phiền não. Nếu quý vị biết được những chi tiết đó thì quý vị sẽ [thấy]: hoá ra những nhận định, tưởng của mình không đúng, không phải là ta, không phải có ta trong đó, mà do duyên này duyên kia, do mình tiếp xúc với dữ liệu này, dữ liệu kia không đủ, cho nên mình tưởng như vậy. Ngày nào quý vị tách Tưởng đó ra, không cho Tưởng đó là mình, thì quý vị phá được Thân kiến về Tưởng.

Bữa nay chúng ta có một điều gọi là Hành uẩn, để mình phá Thân kiến: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bữa nay mình đang học đến chi tiết này, mà chi tiết này cực kỳ quan trọng, đừng xem thường. Hành uẩn nói theo cách đơn giản là khía cạnh thiện ác, nhưng không phải như vậy, quý vị coi trong bộ A Tỳ Đàm (bộ nào thì Thiện Trang quên tên rồi) cũng có đầy đủ. Ở trong bộ Luận Câu Xá này cũng nói đầy đủ là:

Đức Bạc Già Phạm (đức Thế Tôn) ở trong kinh nói về sáu Tư thân là Hành uẩn; #tư là suy nghĩ. Sáu Tư thân là sáu suy nghĩ dựa trên sáu giác quan: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý thức. Những suy nghĩ nào lọt vào trong đó, thì những suy nghĩ đó thuộc về Hành uẩn. Suy nghĩ có thể là suy nghĩ thiện, suy nghĩ ác, giống như Sư Toại Khanh nói. Và suy nghĩ không thiện không ác, cũng là một suy nghĩ. Nhưng ngoài ra còn những suy nghĩ khác.

Thiện Trang lấy ví dụ cụ thể hơn để quý vị nghe cho dễ hiểu: Quý vị suy nghĩ rằng người Việt Nam mình là da vàng, và mặc định suy nghĩ là da vàng, đó là Tư (suy nghĩ). Nghĩ đến người Việt Nam là da vàng, người Campuchia da vàng, thì người Campuchia cũng giống mình, đó là một suy nghĩ. Và ngay suy

nghĩ đó, quý vị dựa trên ba yếu tố: Một là dựa theo mắt, quý vị thấy thật sự người Việt Nam da vàng, người Campuchia da vàng, vì là hàng xóm láng giềng. Rồi quý vị chưa đi qua Campuchia, nhưng quý vị nghe nói, hay coi trên hình thấy như vậy, đó là dựa trên kiến thức cung cấp từ những giác quan của mình, nói đơn giản như vậy. Hoặc quý vị dựa theo suy luận của mình, [dựa theo] Thức là sự biết, thì người Châu Á là da vàng thôi, và mình cứ suy nghĩ như vậy. Suy nghĩ đó là mình chấp, mình giữ điều đó, mình nghĩ như vậy là đúng rồi, thì suy nghĩ của mình thuộc về Thân kiến về Hành uẩn.

Hành uẩn là suy nghĩ, những điều gì suy nghĩ trong tâm, suy nghĩ này khác với những suy nghĩ ở đằng trước về kinh nghiệm. Có kinh nghiệm mình mới suy nghĩ, còn ở đây là mình suy luận ra thêm. Suy luận đằng trước là Tưởng, còn suy luận rộng hơn thì gọi là Hành uẩn. Trong suy nghĩ đó thông thường có thiện ác hoặc không thiện không ác. Có khi người ta rút gọn lại cho dễ hiểu là khía cạnh thiện ác trong suy nghĩ của mình. Nhưng tóm gọn lại [Hành] là suy nghĩ, suy tư. Nếu quý vị chấp vào suy tư đó là mình, và có mình trong đó, thì quý vị dính vào Thân kiến.

Ví dụ quý vị nhận định là người Việt Nam da vàng, ngày nào đó Thiện Trang đưa ra có một người Việt Nam không phải da vàng. Giống như có người dân tộc thiểu số ở đâu đó da đen, đâu phải da vàng, hoặc có người nhập quốc tịch là da đỏ, da trắng, ví như cầu thủ bóng đá [chẳng hạn]. Bây giờ người Việt Nam mình cũng cho nhập quốc tịch nhiều, có cả những người da trắng. [Những nhận định đó] hoàn toàn là trật.

Khi nào quý vị tu tập nhiều, huân tập nhiều, thì mình hiểu rằng: đừng cho ý đó, suy nghĩ đó là suy nghĩ của mình, vì suy nghĩ đó chẳng qua do duyên mà thành. Những duyên này do mình học mình biết, do tiếp xúc, rồi tư tưởng v.v… Bao giờ quý vị tu đến lúc nào tách ra được: À, do ta ở đây nên ta suy nghĩ như vậy. Nhưng nếu ta ở cõi Trời thì ta suy nghĩ khác, hoặc ta ở cõi Bắc Cô Lô Châu thì ta suy nghĩ khác, hoặc là ở Việt Nam thì ta suy nghĩ khác, hay ở đất nước khác thì ta suy nghĩ khác. Dần dần mình tách ra được, mình không chấp rằng

suy nghĩ đó là mình, mình không cho nó đúng theo mình, v.v… thì mình tách được Thân kiến.

Thân kiến khó là do vậy. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc thì dễ rồi, nhưng Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc về suy nghĩ, tư duy trong đầu, mà mấy tầng lớp tư duy như vậy. Cho nên mình tách ra được, tóm lại quý vị chỉ cần nhớ giùm một câu: Chớ cho rằng những suy nghĩ, kinh nghiệm, những gì mình biết là mình và có mình trong đó. Mình chỉ biết rằng đó là do đời này mình sống ở giai đoạn này, mình học như vậy, mình tiếp xúc như vậy, v.v… và những suy nghĩ của ta trật lất, tức là những suy nghĩ đó chưa hoàn toàn đúng.

Cho nên đức Phật nói một câu rốt ráo trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương: **"Chớ có tin vào ý ông, ý ông không đáng tin, trừ khi ông chứng A-la-hán rồi thì mới tin được ý ông".** Tức là những suy tư, suy nghĩ của mình đều thuộc về Hành uẩn. Hành uẩn này mình tách ra khỏi là hết Thân kiến. Nhiều người nói khó quá thầy ơi. Mới đầu mình biết vậy đi đã, rồi mình tu tập nhiều, dần dần do kiến đế gọi là mình thấy được một phần chân lý, thấy được những chân lý về pháp Khổ - Không, Vô thường, v.v… Và hồi xưa mình học mình cho là đúng, nhưng sau mình biết hoá ra là chưa phải.

Nhiều đồng tu bây giờ cũng phát hiện ra rồi, hồi xưa mới vô 'tiên nhập vi chủ', nghe vị thầy đó giảng mình kêu đúng, đúng, lúc nào cũng kêu thầy giảng tuyệt vời, thầy giảng đúng, mình ca ngợi, mình tôn sùng ghê gớm. Nhưng dần dần học một hồi thì thấy thầy đó cũng phàm phu, ổng giảng trật lất, giảng không đúng lời kinh v.v… Tức là qua năm tháng quý vị tích lũy dần dần, hồi xưa tưởng là mình đúng, môn này là tuyệt vời, v.v…

Giống hôm qua có cô học trò nói với Thiện Trang: *"Bây giờ con mới nghe mấy bài giảng Luận Câu xá của thầy, con mới tiếc quá, biết vậy con coi sớm,* [bộ Luận Câu Xá] *hay quá. Xưa nay con ôm, chấp nói Tịnh Độ là nhất rồi. Bây giờ con mới biết có pháp dễ tu, học bộ này dễ tu. Học bộ Luận Câu Xá thấy hay, học bộ A Tỳ Đàm của Nam Truyền dễ tu như vậy, hay như vậy mà không được học, bây giờ*

con mới biết".

Tức là mình cho suy nghĩ của mình đúng rồi, xưa nay mình cho là như thế, đó là thuộc về Thân kiến. Bây giờ mình phá ra, hoá ra không phải, hồi xưa mình biết một chút này thôi, bây giờ mình biết nhiều thứ hơn. Do sự tu tập, đầu óc của mình sáng ra dần, thì tự nhiên mình phá được. Lúc nào đó phá được [Thân kiến] thì mình thấy được chân lý Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, nhân quả rõ ràng. Thực ra Thân kiến là chân lý Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, là Tứ đế đó mà, đó là một cách thu gọn lại. Khi nào mình nhận thức rằng những gì mình thấy trong đời, mình suy nghĩ v.v… mấy điều đó không phải là ta, không có ta trong đó. Bởi vì điều gì cũng vô thường, hôm nay đúng nhưng chưa chắc ngày mai đúng, không phải là suy nghĩ hoàn toàn chính xác. Đó thuộc về Thân kiến, và Thân kiến này về Hành. Cho nên học bộ Luận Câu xá này hay lắm, giải quyết được cho chúng ta, chúng ta mới có nền tảng chính xác.

#*Do tối thắng cố:* bởi thuận theo sự tối thắng.

#*Sở dĩ giả hà?:* là vì sao như thế?

#*Hành danh tạo tác, tư thị nghiệp tánh tạo tác nghĩa cường, cố vi tối thắng*: #Hành là tạo tác, suy nghĩ, ta làm gì đó hay ta suy nghĩ; #Tư là ý nghĩa về sức mạnh của tính chất mà nghiệp được tạo ra. Cho nên việc làm của chúng ta là tạo tác, nhưng Tư là tính chất sức mạnh ý nghĩa của việc làm, đó là về nghiệp.

Ví dụ chúng ta có suy nghĩ mạnh bao nhiêu, thì nghiệp mình gây mạnh hơn. Còn quý vị làm lờ đờ lờ đờ, ví dụ sáng ra buồn ngủ quá, vô công việc [sếp] kêu làm thư ký, viết một hồi rồi chả biết viết cái gì. Đó là không có lực mạnh, tức là sức mạnh, suy nghĩ không mạnh. Trưa về [có người hỏi] sáng nay làm gì đó? Mình kêu sáng nay vô làm việc, tao viết cái gì tao cũng không biết nữa. Tại vì sức mạnh của Tư không đủ, cho nên Tư là nghiệp, chủ nghiệp càng mạnh thì Hành uẩn [càng mạnh]. Cho nên người ta mới nói: Hành uẩn là sức mạnh về nghiệp, nghiệp được tạo ra là do sức mạnh của Tư. Tư là sự chú trọng tập trung của mình, suy nghĩ của mình. Mình tập trung càng mạnh bao nhiêu, thì nghiệp

kết càng mạnh bấy nhiêu. Cho nên nhiều người tu hành, tại sao họ có những giấc mơ sợ điều này, điều kia.

Ví dụ như hồi xưa Thiện Trang cũng hay có, bây giờ thì đỡ rồi, tức là mình mơ đi thi, sao gần hết giờ rồi mà mất hết bài, ai lấy mất bài thi của mình, v.v… Điều đó là do ngày xưa mình dùng tâm lực vào việc đó quá mạnh. Tức là khía cạnh Hành uẩn của mình mạnh quá, mình chú ý vào việc đó quá, cho nên kết nghiệp sâu trong tâm mình. Vì vậy bây giờ có duyên thì nó trổ ra lại.

Bây giờ Thiện Trang hiểu ra thêm, là trước giai đoạn chuyển sang tâm thanh tịnh, những ấn tượng nào càng mạnh sẽ xuất hiện. Giống như trong hồ nước, bao giờ [nước] trong sẽ thấy dưới đáy đá lởm chởm càng rõ. Cho nên tu càng thanh tịnh tâm bao nhiêu, thì quý vị thấy rõ nghiệp của mình xưa nay tạo những gì hiện ra hết. Hồi xưa làm nghiệp ác gì, sợ gì, nhớ gì, yêu ai, hiện ra hết. Khổ lắm! Cho nên giai đoạn đó tu cực kỳ khó.

Vì hồi xưa mình tu mê mê mờ mờ, mình đâu có biết gì đâu, mình đang tu thì nó không hiện, nhưng bây giờ tâm mình càng vắng lặng bao nhiêu, thanh tịnh bao nhiêu, giống như nước trong hồ trong bao nhiêu thì lại hiện ra, cho nên mình thấy phiền não. Hồi xưa mình không thấy, bởi vì [giống như] rong rêu, nước đục che hết rồi. Nhưng bây giờ tâm thanh tịnh, thì những gì dưới đáy hồ hiện ra. Chính là nghiệp này, Tâm sở Tư hồi xưa mình dùng vào việc đó mạnh quá, đó là khía cạnh Hành uẩn. Cho nên sức mạnh của Hành uẩn ghê lắm, và như vậy mới tạo ra nghiệp, và nghiệp này chính là nghiệp quyết định. Cho nên ai tu thì nhớ giùm: Những lỗi lầm trong quá khứ, những việc ác, những ấn tượng sợ sệt, bất cứ điều gì, thì hãy lo quán 'Không' đi, quán về điều đó.

Thiện Trang chỉ cho người đồng tu cũng bị như Thiện Trang, dùng đề mục quán. Tại vì nằm mơ thấy đi thi hoài [cũng khiến] mình khó chịu, mệt lắm, đi thi làm bài không được, làm bài sắp hết giờ, hoặc đi thi mà trễ giờ… mệt lắm. Thiện Trang kêu sao cứ nằm mơ như vậy ta. Bây giờ mới quán Không, đề mục quán của Thiện Trang là trước khi đi ngủ thì nghĩ rằng: "Việc đi thi là ngày xưa

rồi, bây giờ ta không thi nữa, bây giờ ta đã học xong hết rồi". Cứ nghĩ vậy, nhớ về tu đề mục đó, đề mục đã thi rồi, bây giờ không thi nữa, không còn gì để thi nữa, không có gì để học nữa, nên [khi ngủ mơ] có hiện ra là đi thi thì cũng không sao. Có bữa cũng nằm mơ, vô một hồi nhớ: Môn này thi lâu rồi mà, hồi xưa mình nhớ mình đi làm rồi mà, bây giờ có đi học Đại học nữa đâu mà còn thi, vậy là hết giấc mơ, [giấc mơ] đó qua. Quý vị [phải] quán được như vậy. Bữa khác mơ tiếp cũng thi, đề mục vẫn vậy, nhưng thấy thi ở trường Phật học, Thiện Trang nhớ là mình tốt nghiệp trường Phật học rồi mà. Vừa nhớ tốt nghiệp trường Phật học rồi thì giấc mơ đó hết. Sau đó Thiện Trang nhớ Thiện Trang quán mấy lần sau này là hết, không thấy nữa, bây giờ thì hết rồi.

Cho nên đó là [cách] để đối trị Phiền não. Mỗi người có một Phiền não khác nhau, ví dụ quý vị là người phạm tội gì đó [thì quý vị quán về điều đó]. Như Thiện Trang có ấn tượng một việc trong đời là cắt cổ một con gà, cho nên Thiện Trang phải có đề mục quán về chuyện đó. Tức là Thiện Trang nói: Đó là ngày xưa mình mê, bữa đó không có cách nào, bữa đó mình đã bị trừng phạt, ra đường té xe chảy máu ướt cả cái áo, cho nên nhớ rồi, mình sám hối rồi. Nếu trong quá trình tu hành, nếu hiện tượng đó có hiện ra nữa thì mình nói là mình đã sám hối rồi, mình đã hồi hướng cho chúng sanh đó rồi, v.v… thì mình không áy náy trong tâm nữa.

Trong đời mình thế nào cũng có việc áy náy, cho nên Thiện Trang khuyên quý vị, chỉ cho quý vị bí quyết, trước khi vào tu là hãy nhớ mình đã từng có lỗi lầm gì, có [làm gì] chưa đúng với Giới luật, v.v… thì mình quán 'Không' trước. Tức là mình lấy đề mục là: Việc đó qua rồi, là quá khứ rồi. Hãy lấy Kinh Nhất Dạ Hiền Giả ra xài: **"Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, chỉ có hiện tại thôi"**. Cho nên vào mới tu được, còn không thì vô là trạo cử, hối hận. [Rồi] cứ nhớ đến hồi xưa đó như vậy… Nếu tu theo thầy Thiện Trang sớm thì đỡ rồi, nếu hồi đó học điều này điều kia, v.v… là tốt rồi. Hoặc là hối hận, giá như lấy ông chồng khác là đỡ rồi, cứ kiểu đó là quý vị tu không được. Quý vị luôn luôn lấy đề mục quán là quá khứ đã qua rồi, lấy Kinh Nhất Dạ Hiền Giả ra xài.

Kinh Nhất Dạ Hiền Giả là bộ Kinh cực kỳ quan trọng, xóa tan những gì thuộc về quá khứ, dù là ác, là thiện, dù đẹp hay xấu, dù tốt hay không tốt, những gì đã qua thì bỏ hết. Rồi tương lai chưa tới, cho nên đừng biết gì hết, chỉ biết hiện tại thôi, đừng suy nghĩ gì, thì quý vị tu được. Bộ Kinh Nhất Dạ Hiền Giả quan trọng lắm, quý vị nhớ giùm. Thật ra cứ nhớ quá khứ qua rồi, đừng truy tìm, tương lai đừng ước vọng làm chi, vì chưa tới. Chỉ có giây phút hiện tại là đây, là tốt nhất. Quý vị chánh niệm như vậy thì tu mới mau thành tựu, vượt lên hết. Quý vị cố gắng được điều đó là được.

#*Thị cố Phật thuyết nhược năng tạo tác Hữu lậu Hữu vi danh Hành thủ uẩn:* Vì thế đức Phật nói nếu có thể tạo ra Hữu lậu, Hữu vi thì được gọi là Hành thủ uẩn. Hành uẩn khó đến như vậy đó quý vị. Tức là mọi suy nghĩ của mình đều tạo ra pháp Hữu lậu là còn trong luân hồi, còn Phiền não; hoặc là Hữu vi tức là còn sanh còn diệt. Đó là Hành thủ uẩn hay Hành uẩn. Cho nên Hành uẩn này khó.

Hầu như mình suy nghĩ đều dính vô điều này, quý vị thấy có ai suy nghĩ vượt qua khỏi điều này không? [Không!] Cho nên dính vô Hành uẩn, Hành uẩn này sâu. Cho nên khía cạnh không có thiện không có ác, tức là mình làm với tâm xả thọ, xả thọ được thì Hành uẩn mới hết được. Còn không, mình làm bằng Tâm sở Tư thì cứ ghim vào, ghim vào.

Ví dụ như chúng ta bố thí, cứ nghĩ là đời sau ta có phước báu, rồi dính vô đó là đi luân hồi. Có Hữu vi, có tạo tác, có Hữu lậu rồi đó, mình làm mà phải làm sao vô tâm cơ. [Nhưng mình làm] không được. Rồi mình làm một việc bất như ý, ví dụ lỡ chửi người ta một cái là xong rồi đó, lại kết nghiệp với người ta rồi, nghĩ là tương lai chắc người ta trả thù mình v.v… thì ngay lúc đó là kết Hữu lậu và Hữu vi rồi.

Đó là Hành uẩn. Cho nên có thể nói [Hành uẩn] là khía cạnh thiện ác thì cũng đúng. Còn thoát khỏi Hành uẩn là bỏ ra, xả thọ đi, xả tức là không để, làm thì vẫn làm. Tức là thế gian này mình làm thế nào thì làm, trơ trơ ra, như thế mới thoát khỏi. Hành uẩn này [nói vậy] chứ không dễ đâu. Cho nên Thiện Trang

nói đúng là bộ Luận Câu Xá định nghĩa rất chuẩn xác, và theo tinh thần trong kinh.

Tạm dịch: Như đức Bạc Già Phạm (đức Thế Tôn) ở trong Khế kinh nói sáu Tư thân là Hành uẩn, bởi thuận theo sự tối thắng. Vì sao như thế? Hành là sự tạo tác, Tư là ý nghĩa về sức mạnh của tính chất mà nghiệp được tạo ra (rõ ràng, Tư là tâm mình tập trung càng mạnh thì tạo ra sức mạnh càng nhiều. Vì những bậc A-la-hán dùng Tâm sở Tư này nhẹ nhàng, cho nên các ngài không kết nghiệp thiện ác ở trong đó, không kết nghiệp để đi vào luân hồi), nên là tối thắng. Vì vậy đức Phật nói nếu có tạo ra Hữu lậu Hữu vi thì được gọi là Hành thủ uẩn.

Bữa nay mình học bấy nhiêu là đủ rồi, đoạn sau nói về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. [Quý vị] đừng xem thường bộ Luận Câu Xá này. Thiện Trang giảng, do [quý vị] chưa đủ nền tảng nên mới đầu học ngán vậy đó. Nhưng thực ra toàn những điều tuyệt vời, những điều phải nói là toàn đãi món ăn ngon, món ăn chất lượng. Giảng điều gì cũng chi tiết, đầy đủ, càng học thấy bộ Luận Câu Xá này càng hay. Mà nền tảng mình phải đủ thì mình mới thấy hay, còn không thì mình vô học cứ trơ trơ. Quý vị thông cảm, mới đầu học, do mình chưa đủ nền tảng nên học cứ trơ trơ, vì bộ Luận này ngài Thế Thân (Thiên Thân) viết rất chuẩn, viết ngôn ngữ cao chứ không viết theo ngôn ngữ cho người mới nhập môn. Cho nên mới vô là quất cho khó rồi, nhưng càng học về sau thì càng dễ, càng rõ ràng, càng chi tiết. Vì vậy Thiện Trang mới chọn bộ Luận Câu Xá này, chứ không là Thiện Trang chọn bộ khác rồi.

Nhưng để học được bộ này thì mình phải có nền tảng, vì vậy trong thời gian qua Thiện trang đã cấp cho quý vị nền tảng về A Tỳ Đàm, nền tảng từ kinh. Để quý vị có nền tảng rồi, bây giờ quý vị học Hành uẩn này thì rõ ràng, sáng lắm. Học Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức rõ rồi. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức [mà] rõ thì mới phá Thân kiến được. Vì Thân kiến là cho sắc này là ta, có ta ở trong sắc đó, nó có trong ta. Tưởng cũng vậy, cũng có ta trong Tưởng, Tưởng đó là ta. Cứ cho như vậy là dính hết, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là dính hết. Mình phải

hiểu Sắc là gì, Thọ là gì, Tưởng là gì, rồi mình tách ra, tách Ngã ra. Ngã kiến bay ra khỏi thì mới phá được Thân kiến.

Mà muốn được như vậy, ngoài hiểu ra thì phải tu tập từ từ. Nhưng cũng không sao đâu, cứ cắm đầu học đi, học đến lúc nào đó bùng nổ ra. Giống như nhóm lửa, quý vị cứ để lửa và củi đầy đủ, một hồi nó bùng lên là cháy. Đừng lo, nếu chưa làm được thì cứ từ từ mình giảm nhẹ. Quý vị tu bất cứ đề mục Thiền nào hoặc tu niệm Phật, tu [Pháp môn] gì cũng mạnh hết, và từ đó Phiền não bớt. Thiện Trang nhờ học bộ này nên Thiện Trang đối trị được nhiều Phiền não lắm. Thiện Trang thấy được lợi ích, và hy vọng quý vị cũng cảm nhận được như vậy.

Thời gian hôm nay cũng hết rồi, hẹn quý vị bữa khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 25: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 25.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 08.01.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=VaUdRSie1X0
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Luận Câu Xá). Hôm nay là bài thứ 25. Nội dung ở đây chúng ta học ba phần, một là phần từ trong Đại tạng kinh của Nam truyền và của Bắc truyền, chủ yếu là Kinh A Hàm và Kinh Nikaya. Đó là nội dung thứ nhất. Nội dung thứ hai là chúng ta học phần A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp) hay còn gọi là Thắng pháp của Phật giáo Nam truyền. Phần thứ ba là chúng ta học Luận Câu Xá của Bắc truyền. Hai nội dung này tương tự nhau. Chúng ta đem ba nội dung này gộp làm một để chúng ta học, để có nền tảng. Học một bộ thôi là đủ để tu tập luôn cho những người muốn tu tất cả các Pháp môn. Vì đây là nền tảng căn bản về Duy Thức Học, về các pháp chi tiết nhất mà chúng ta có thể học được. Cho nên Thiện Trang cố gắng chia sẻ như vậy, quý vị nghe qua 24 bài rồi thì chắc quý vị cũng sẽ thấy có nhiều sự lợi ích.

Có một số đồng tu nói: từ khi nghe được bộ này thì bây giờ cảm thấy tu rất nhẹ nhàng, khỏe, không có gì khó khăn, thấy sự an lạc. Còn hồi xưa tu cảm thấy có rất nhiều áp lực, mệt mỏi, rất căng thẳng, bởi vì thấy điều gì cũng không làm được. Bây giờ học bộ này, thứ nhất là thấy tiêu chuẩn để vào Thánh nhân dễ hơn. Ví dụ như chúng ta thấy tiêu chuẩn để vào Sơ quả dễ hơn, hoặc cho dù chưa vào

Sơ quả thì mình cũng có những địa vị đẳng trước đó dễ hơn. Rồi những Tâm sở, học kỹ thì chúng ta thấy chúng sanh tất nhiên là có Phiền não thôi, chứ mình là phàm phu [làm sao] mình không có Phiền não. Cho nên nói mình không có Phiền não [thì] mình làm không được, nhưng mình ít Phiền não là được rồi. Tại vì A-la-hán hoặc Tam quả A-na-hàm thì mới hết được rất nhiều Phiền não. Còn chúng ta phàm phu, tất nhiên phiền não là bình thường, quan trọng là nhận diện Phiền não để làm giảm bớt mỗi ngày. Và Chánh niệm tức là mình phải quán được Tứ niệm xứ để chúng ta tu tập. Như vậy theo thời gian thì Phiền não [của] mình bớt, tự nhiên bất chợt ngày nào đó chúng ta sẽ vào được dòng Thánh.

Hôm nay đầu tiên, [để] an ủi quý vị cũng như Thiện Trang, chúng ta giới thiệu một đoạn kinh văn như sau:

Hai Hạng Người Khó Được

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai hạng người xuất hiện [ở] thế gian, rất khó gặp được. Hai hạng người ấy là ai? Người hay thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp được (điều này là Thiện Trang an ủi Thiện Trang. Thứ nhất là người hay thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp được)**; người hay nghe pháp, thọ trì phụng hành, thật là khó gặp được. Tỳ-kheo, đó là hai hạng người xuất hiện thế gian, thật khó gặp được.**

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thuyết pháp. Hãy học nghe pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 10 – Phẩm Khuyến Thỉnh – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy [hai hạng người] ở đây: Một là những người hay thuyết pháp, hai là người hay nghe pháp, thọ trì phụng hành, thật là khó gặp được. Điều này tuyệt vời đúng không? [Đây là] hai [hạng] người khó được. Chúng ta rất may

mắn, chúng ta là những người thích nghe pháp, chúng ta là những người cũng thích giảng pháp, chia sẻ pháp. Đó là những hạng người khó gặp được.

Ở đây không có nói, nhưng trong kinh cũng có chỗ nói (Thiện Trang không nhớ là ở đâu), đức Phật nói những người thường thâm nhập trong kinh, coi kinh, nghe kinh, giảng kinh, thì con đường vào được dòng Thánh của họ gần [rồi]. Nói cách khác, cơ hội để mình ra khỏi sanh tử rất gần. Quý vị thấy rất may mắn cho chúng ta, chúng ta vào được, hạng người này thì khó được. [Quý vị hãy] cố gắng! Chúc mừng quý vị!

Thứ hai là một đoạn khai thị về Vô thường. Thiện Trang thôi không khai thị, để đức Phật khai thị hay hơn. Mời quý vị xem.

Khai Thị Về Vô Thường

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà (vườn của Trưởng giả Cấp Cô Độc và rừng cây của Thái tử Kỳ Đà)**, nước Xá Vệ. Bấy giờ, Tôn giả A Nan đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Sau đó không lâu, lại lấy hai tay sờ chân Như Lai, rồi dùng miệng hôn lên chân Như Lai, mà nói như vầy: "Thân thể của đấng Thiên Tôn vì sao thế này? Thân nhăn quá vậy! Thân Như Lai không như xưa".** Đoạn này nói về ngài Tôn giả A Nan là thị giả đến đảnh lễ [đức Phật]. Theo nghi thức từ thời Ấn Độ, đảnh lễ là chúng ta dùng hai tay úp xuống, sờ lên chân của Như Lai (đức Phật Thích Ca Mâu Ni). Ngài cũng rất cung kính, dùng miệng hôn lên chân của Như Lai. Nhưng ngài phát hiện ra rằng: thân thể của đức Phật vì sao thế này? Thân nhăn quá vậy, thân Như Lai không như xưa.

Đức Thế Tôn bảo: "Thật vậy, A Nan! Như những gì ông nói. Nay thân Như Lai, da thịt đã nhăn, thân thể hiện tại không như xưa. Sở dĩ như vậy là vì: phàm có thân thể là bị bệnh thúc ép. Đáng bệnh, chúng sanh bị bệnh vây khốn; đáng chết, chúng sanh bị chết bức bách. Nay Như Lai tuổi đã suy vi, đã hơn 80".

Đoạn này nói một điều là ngay cả đức Phật [cũng không tránh được]. Chúng ta học Đại thừa, ăn rồi mình cứ tưởng thân [Như Lai] là kim cang bất hoại

v.v… nhưng thực tế không phải. Thiện Trang muốn dẫn cho quý vị thấy rằng, ngay cả đức Phật vào thời hiện tại (thời chúng ta) hoặc 3.000 năm trước, thì Ngài cũng có nỗi [khổ] thân thể già và bệnh. Đây muốn nói về già, bữa nào Thiện Trang sẽ dẫn cho quý vị [về] bệnh.

Điều này có nhiều người sẽ thắc mắc rằng: trong kinh nói thân Như Lai [là] kim cang bất hoại thân là sao? Có điều đó! Thực ra điều này cũng có lý, trong kinh nói là tùy thời. Ví dụ thời của đức Phật sau này (đức Phật Di Lặc), lúc đó tuổi thọ loài người ở trên nhân gian chúng ta là 80.000 tuổi. Với tuổi thọ thời đó, người dân thời đó cũng không có các bệnh, thì thân Như Lai quả thật là không bệnh. Do thân Như Lai (đức Phật Thích Ca) ra đời vào lúc tuổi thọ loài người có 100 tuổi thôi. Cho nên với thân thể vật chất giống như chúng sanh, cũng từ cha mẹ sanh ra, từ vật chất ăn uống, v.v… cho nên không khác, cũng phải chịu những nỗi khổ như chúng ta.

Ở đây để thấy chúng ta học kinh điển Đại thừa là không có trái, kinh điển Đại thừa nói đúng rồi, thân Như Lai là như vậy, nhưng ở Thế giới khác, ở thời kỳ khác. Còn thời kỳ này không được như thế. Quý vị phải hiểu điều này, nhiều khi mình không hiểu, mình học rồi mình cứ chấp trước. Do những người nói thân không bệnh, cả đời không bệnh, v.v… Đó là những người chỉ học kinh điển Đại thừa, không học hết giáo lý A Tỳ Đàm, không học hết Kinh tạng Nikaya và Kinh A Hàm. Cho nên đem tiêu chuẩn ở Thế giới khác, ví dụ như Thế giới Tây Phương Cực Lạc **“thanh hư chi thân, vô cực chi thể”,** hoặc ở trong thời các đức Phật khác, [áp vào]. Nên nhớ là tùy thời đức Phật, đức Phật ra đời trong thời kỳ nào thì đoạn này cũng có nói sơ sơ.

Ngài A Nan nghe những lời này, buồn khóc nghẹn ngào không tự nén được lời liền nói lời này: "Than ôi! Sự già đã đến đây rồi"! Tức là đức Phật lúc này đã 80 tuổi, Ngài chuẩn bị nhập Niết-Bàn cho nên thân thể thực sự là không tốt.

Bấy giờ, đã đến giờ, đức Thế Tôn khoác y mang bát vào thành Xá Vệ khất thực. Đức Thế Tôn đi khất thực, lần hồi đến cung vua Ba Tư Nặc. Trong lúc đó, trước cửa của vua Ba Tư Nặc có vài mươi chiếc xe hư cũ bị

bỏ một bên. Tôn giả A Nan thấy những cỗ xe bị vất ở một bên như vậy, liền bạch đức Thế Tôn: "Đây là những chiếc xe của vua Ba Tư Nặc. Ngày xưa, lúc mới làm thật là tinh xảo, nhưng ngày nay trông chúng cũng như màu gạch đá".

Đức Thế Tôn bảo: "Thật vậy, A Nan! Như những gì ngươi đã nói. Những chiếc xe như đang được thấy đây, xưa kia thật là tinh xảo, làm bằng vàng bạc. Ngày nay đã hư hỏng, không thể dùng được nữa. Vật bên ngoài còn hư hoại như vậy, huống chi là bên trong".

Đây là khai thị về Vô thường. Ngay cả những vật như những chiếc xe, xe ngày xưa không phải như xe ô tô bây giờ, chỉ là những cỗ xe ngựa nhưng làm bằng vàng, bằng bạc, v.v… rất là tốt. Vì thời xưa vàng bạc rất nhiều, nhưng rồi cũng vứt bỏ vì cũ kỹ. Những vật ngoài còn như thế, huống chi là bên trong. Tức là bên trong cơ thể chúng ta thì tất nhiên phải có những nỗi khổ của già, bệnh, chết. Điều đó là không thể tránh khỏi.

Trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, quý vị thấy cuối cuộc đời đức Phật cũng có những bệnh. Cho nên đừng có thần thánh hóa quá, thần thánh hóa không đúng vào thời kỳ này. Thời kỳ này nghiệp chúng ta nặng hơn, tuổi thọ loài người bây giờ giảm hơn nữa, thì chắc chắn chúng ta không thể nào tránh được. Quý vị có tu giỏi cỡ nào, trừ khi phước báu quý vị lớn. Phước báu của quý vị lớn mới không bị bệnh thôi, còn phước báu của quý vị thiếu chút là bị bệnh. Ở trên đời, quý vị nên nhớ Chuyển Vương Thánh Vương mới không bệnh, mà Chuyển Luân Thánh Vương không ra đời vào thời kỳ này. Nên nhớ là vậy! Cho nên là không có đâu.

Chúng ta phải hiểu như vậy, đừng ảo tưởng, học Đại thừa rồi ảo tưởng là tôi tu Bồ-tát, “Bồ-tát niên niên thập bát”. Đó là Bồ-tát thật. Đúng! Bồ-tát thật thì tuổi nào cũng là tuổi 18. Nhưng đó là ở Thế giới khác, hoặc Thế giới này vào thời kỳ khác. Còn ở Thế giới hiện nay chúng ta vào thời này thì không có chuyện đó, để quý vị thấy cho dù vị nào đó tu có tốt cỡ nào, mai mốt mà lỡ đau bệnh thì quý vị cũng không thoái tâm. Chứ không nhiều đồng tu do học không đủ, không hiểu [rồi] bị thoái tâm. Và chính những người giảng cũng vậy, cứ tưởng là mình sẽ

làm được nhưng cuối cùng không làm được đâu. Bởi vì thực tế không phải như vậy, đức Phật còn không làm được mà.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Ôi! Già, bệnh, chết này,

Hoại người sắc cực thịnh.

Lúc đầu tâm hoan lạc,

Nay bị chết bức bách.

Dù tuổi thọ trăm năm

Đều qui về cái chết.

Không ai thoát khổ này;

Hết thảy về đường này.

Những gì có trong thân,

Bị chết rượt đuổi đi.

Bốn đại ở bên ngoài

Đều quay về gốc không.

Cho nên cầu không chết,

Chỉ có về Niết-Bàn;

Nơi không chết không sinh

Đều không các hành này.

Nghĩa là gì? Chúng ta chỉ có một con đường thoát khỏi thôi, gọi là con đường bất tử. Đó là con đường đi vào Niết-Bàn, hay chúng ta nói nhập Niết-Bàn, [cũng] chính là nói con đường bất tử, con đường để làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Đó là

con đường tu để ra khỏi sanh tử. Con đường để chúng ta thoát sanh tử, không cách gì khác chính là học Phật pháp, tu theo Phật pháp. Chỉ cần vào địa vị A-la-hán là hết, từ A-la-hán trở lên là hết sanh tử.

Tuy nhiên nếu chúng ta không làm được địa vị đó, thì ít nhất quý vị cũng tu để làm sao đến Sơ quả Tu-đà-hoàn. Sơ quả Tu-đà-hoàn còn tối đa bảy đời nữa thôi [là chứng A-la-hán]. Mà Sơ quả Tu-đà-hoàn thật ra còn nhiều bậc lắm, còn bậc dưới nữa, ví dụ như Tùy tín hành v.v… Hoặc là chúng ta thấy còn có bậc thấp hơn nữa, quý vị chỉ cần tới Nhẫn vị trong Tứ gia Hạnh vị, chưa tới Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì quý vị không đọa ác đạo nữa rồi, chỉ có lên cõi Trời, cõi Người và đường thiện đường lành trong cõi A-tu-la. Thiện Trang xin nhắc lại, ngoài cõi Trời, cõi Người, còn có đường thiện đường lành trong cõi A-tu-la. Vì trong kinh đức Phật nói trong cõi A-tu-la có đường lành đường thiện, và trong cõi A-tu-la cũng có đường ác.

Cho nên phải nói rõ, chứ không là chúng ta sẽ mâu thuẫn với một bộ kinh nói về cha của vua A Xà Thế. Sau khi bị vua A Xà Thế trói chân, cho người cắt chân v.v… thì sau khi [vua cha] chết, mặc dù đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng vẫn sanh vào làm loài Dạ-xoa của trời Tứ Thiên Vương. Nghe như vậy thì người ta tưởng ông bị đọa ác đạo, nhưng không phải. Dạ-xoa thuộc thống lĩnh của Tứ Thiên Vương vẫn là thiện đạo, vẫn là con đường thiện, cho nên vẫn được tính là sanh vào đường thiện. Nên nhớ như vậy, do sự sân một chút mà sanh vào cõi đó. Cõi đó cũng tính là A-tu-la, nhưng A-tu-la của đường lành. Chứ không thì chúng ta lại nghĩ tại sao kỳ vậy? [Sơ quả] Tu-đà-hoàn không đọa ác đạo mà sao sanh làm Dạ-xoa.

Quý vị coi trong Kinh Nikaya có câu chuyện đó, chúng ta phải hiểu là đức Phật có nói là: Trong các cõi A-tu-la, giống như Dạ-xoa, cũng có đường lành, không phải A-tu-la nào cũng ác đâu, cho nên có lành có thiện và có ác ở trong đó. Nên là mình phải hiểu, học kinh phải học cho rốt ráo. Không học rốt ráo, học giữa chừng [rồi] nghi điều này, nghi điều kia, rồi nói đức Phật nói mâu thuẫn. Không! Đức Phật không bao giờ nói mâu thuẫn. Chỉ có những người học chưa kỹ, những người học không tới mới [thấy] mâu thuẫn thôi.

Chúng ta thấy đoạn này là đức Phật khai thị về Vô thường.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền tới chỗ vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc bày biện đồ ăn thức uống cúng dường Thế Tôn. Thấy đức Thế Tôn đã ăn xong, vua liền lấy một ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, bạch đức Thế Tôn: "Sao vậy, Thế Tôn, hình thể của chư Phật đều là kim cương, mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?"

Đây là chúng ta rất thắc mắc đúng không ạ? Chính vua Ba Tư Nặc hỏi cho chúng ta: "Hình thể của chư Phật đều là kim cương, mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?"

Đức Thế Tôn bảo: "Thật vậy, Đại vương, như lời Đại vương. Như Lai cũng phải có sinh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma Da, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương".

Có nghĩa là đức Phật giải thích là tại vì Ngài cũng là sanh ra ở cõi Người. Ở đây giải thích rõ, [có] chỗ khác giải thích rõ hơn. Như lúc nãy Thiện Trang nói, Ngài cũng là con người, có cha [tên] là Chân Tịnh (vua Tịnh Phạn), mẹ [tên] là Ma Da. Cho nên là dù có thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương đi chăng nữa (thuộc dòng thôi, chứ Ngài không phải là Chuyển Luân Thánh Vương, vì Ngài đã xuất gia thành Phật), cho nên Ngài cũng chịu nỗi sinh, già, bệnh, chết.

Chúng ta nghe cho kỹ, đây là lời Phật nha: "Như Lai cũng phải có sinh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma Da, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương". Cho nên [Ngài cũng] là người như mình thôi, mình phải hiểu. Còn bây giờ quý vị muốn [không sinh, già, bệnh, chết, thì] quý vị về Thế giới khác, về Tây Phương Cực Lạc đi, thì được thân rất tuyệt vời. Hoặc là quý vị sanh vào thời khác nha, [chứ] thời này không được [như vậy]. Cho nên chúng ta phải chán ngán mà rời khỏi Ta Bà, rời khỏi Thế giới này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật hiện giữa loài người,

Cha tên là Chân Tịnh,

Mẹ tên Cực Thanh Diệu,

Dòng sát-lợi quyền quý.

Đường chết thật là khốn

Đều không xét tôn ti.

Chư Phật còn không khỏi,

Huống chi lại phàm phu.

Quý vị nhớ nha! Đức Phật nói: "Chư Phật còn không khỏi", cuối cùng cũng không thoát được nạn đó, "huống chi lại phàm phu".

Ở trong một bộ kinh khác, đức Phật có nói là có nhiều sức mạnh, có đem ra so sánh nhiều sức mạnh, lúc nào đó Thiện Trang đem đoạn trích đó ra, nhưng [hôm nay] Thiện Trang nói đại ý. Mới đầu là lấy sức mạnh của mấy con voi, một hồi tới sức mạnh gì đó, v.v… dần dần lấy một sức mạnh rất là mạnh, đó là sức mạnh của Bích-chi-phật, nào là Chuyển Luân Thánh Vương, một hồi tới sức mạnh của đức Phật. Đức Phật (Như Lai) có thể dùng sức mạnh của Ngài, để đưa một tảng đá to lên đến trời Phạm Thiên. Và Ngài chỉ cần cho một phát là tảng đá đó lại rớt xuống cõi Nam Diêm Phù Đề, người ta sợ quá mà né ra, nhưng Ngài có thể lấy tay ra đỡ. Và Ngài nói là tảng đá lớn đó, giả sử có người ném từ trời Phạm Thiên, và nó rơi một cách bình thường theo tốc độ ném đó, thì sẽ cần thời gian 12 năm mới tới cõi Nam Thiệm Bộ Châu của chúng ta, tức là tới Trái đất của chúng ta.

Quý vị thấy rất khoa học đúng không ạ? Đức Phật rất khoa học luôn. Tức là nếu quý vị lên cõi trời Phạm Thiên, ở đâu đó mình không biết, ở trên cao cỡ nào, nhưng quý vị ném một hòn đá xuống (tảng đá lớn), bay với vận tốc thế nào đó, mà phải 12 năm sau mới tới được cõi Nam Diêm Phù Đề. Cho nên chúng ta thấy rất là khoa học. Khoa học bây giờ nói: Ánh sáng chiếu từ Mặt trời đến Trái đất hơn 8 phút, [là] 8 phút 32 giây thì phải.

Quý vị thấy một hòn đá mà ném từ cõi trời Phạm Thiên, tức là từ trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ và trời Đại Phạm (ba tầng trời Sơ thiền, [là] một tầng trời thôi, nhưng ba phước báo khác nhau), ném một hòn đá xuống, mà tới Trái đất là hết 12 năm. Vậy biết bao giờ tới? Nhưng dù sao 12 năm thì mình cũng còn hy vọng, máy bay bay một hồi cũng tới được. Còn không thì không có hy vọng, bay không tới được. Cho nên chúng ta thấy [đức Phật nói điều] đó rất khoa học. Thiện Trang thấy là có rất nhiều kiến thức khoa học nằm ngay trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, chứ không cần phải cao siêu gì đâu. Kinh Đại thừa tất nhiên là càng khoa học hơn nữa.

Cho nên ở đây nói là đức Phật còn như vậy, không có xét tôn ti, tôn quý hay là ti tiện gì hết, mà chư Phật còn không khỏi, huống chi là phàm phu. Và có rất nhiều sức mạnh, trong đoạn vừa rồi đức Phật nói có một sức mạnh, mạnh hơn sức mạnh của Như Lai, đó là sức mạnh của Vô thường. Và chính vào đêm nay, đức Như Lai bị sức mạnh đó [mà] phải nhập Niết-Bàn. Quý vị nhớ như vậy!

Cho nên là chúng ta ráng tu thôi, không có cách nào thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi cái chết đâu, trước sau gì cũng chết thôi. Cho nên nhớ thường niệm Vô thường thì sẽ mau thành Phật đạo, mau ra khỏi sanh tử. Quý vị cứ nhớ được [đoạn kinh] này. Trong nhiều bài pháp đức Phật nói là người mà thường nhớ Vô thường, thường niệm Vô thường, tâm thường mong ra khỏi sanh tử. Và do nhớ Vô thường nhiều quá, nên dần dần mình chứng đạo lúc nào đó không biết.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ này cho vua Ba Tư Nặc:

Tế tự: tế lửa nhất;

Thi thơ: tụng tối tôn;

Nhân gian: vua là quý;

Các sông: biển là đầu;

Các sao: trăng trên hết;

Ánh sáng: mặt trời nhất.

Tám phương, trên, dưới, giữa

Nơi thế giới vận hành,

Trời cùng người thế gian:

Như Lai là tối tôn

Muốn cầu phước lộc kia

Hãy cúng dường Tam-Phật.

Tam-Phật tức là Tam-Phật-đà, mà do ngắn quá. Tức là ở đây nói là ở trong tế tự, đàn cúng tế, thì thờ lửa là nhất; trong thi thơ thì kệ tụng là nhất; trong nhân gian thì vua là nhất; trong các sông thì biển là nhất; trong các sao thì trăng là nhất; trong các [loại] ánh sáng thì mặt trời nhất; trong tám phương thế giới vận hành, ở trong người thì Như Lai (đức Phật) là nhất. Chúng ta muốn cầu phước lộc thì hãy cúng dường đức Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ này rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, trở về Tinh xá Kỳ Hoàn, đến chỗ ngồi mà ngồi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo (đoạn này là khai thị tu hành đây). **"Có bốn pháp được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn?** (Chúng ta có bốn pháp được ái kính, chúng ta thích đó là gì?) "**Tuổi trẻ tráng niên được người thế gian ái kính** (điều này rõ ràng, ai chả thích trẻ và khỏe mạnh)**; không có bệnh đau được người ái kính** (điều này ai cũng thích đúng không ạ?)**; tuổi thọ được người ái kính** (ai cũng muốn sống lâu)**; ân ái tụ hợp được người ái kính** (điều này cũng rõ ràng). **Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp được mọi người thế gian ái kính**. Tất nhiên ái kính thì sẽ có bốn pháp ngược lại.

Lại nữa Tỳ-kheo, lại có bốn pháp không được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo nên biết, tuổi trẻ tráng niên đến lúc già bệnh, người đời không thích (không thích nhưng cuối cùng cũng tới)**; người không bệnh sau lại mắc bệnh, người đời không thích** (rõ ràng không bệnh nhưng cuối cùng cũng bệnh. Dù không thích nhưng vẫn bị)**; được tuổi thọ mà sau lại**

mạng chung, người đời không thích (ai cũng muốn sống lâu nhưng cuối cùng cũng chết); **ân ái hội hợp sau lại chia lìa. Đó là những điều người đời không thích. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp cùng đời xoay chuyển. Chư thiên, người đời cho đến Chuyển luân Thánh vương, chư Phật, Thế Tôn cùng có pháp này** (tóm lại là không có ai thoát hết, trong vòng sanh tử, trong vòng luân hồi không có ai thoát. Ngay cả đức Phật, Ngài thành Phật rồi nhưng cuối cùng phải nhập Niết-Bàn)**. Tỳ-kheo, đó là thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, phải chịu lưu chuyển trong sinh tử, xoay tròn trong năm đường** (bây giờ có nói thêm bốn pháp nữa, mở ra cho chúng ta).

Bài kinh này quý vị hiểu ở trên là nói về Khổ đế, còn bây giờ là nói về Đạo đế, con đường ra khỏi sanh tử. Khổ đế là sự thật về khổ, là ở thế gian này không có gì ngon đâu. [Còn] bây giờ giải quyết cho chúng ta, [nói về] con đường để thoát khỏi khổ, ở đây nói:

Nếu không biết bốn pháp này, phải chịu lưu chuyển trong sinh tử, xoay tròn trong năm đường (nếu mình biết điều này thì mình thoát ra được)**. Thế nào là bốn? Giới Thánh hiền, Tam-muội Thánh hiền, trí tuệ Thánh hiền, giải thoát Thánh hiền**. Như vậy mình phải có Giới, Giới Thánh hiền hay nói là Giới của bậc Thánh. Giới của Thánh hiền là Giới của A-la-hán, Giới của các bậc Hiền như các bậc Hữu học, như Sơ quả đằng trước đó. Rồi Tam-muội là Thiền định, Thiền định của bậc Thánh và bậc Hiền. Thánh hiền chúng ta học rồi, mai mốt tới phẩm thứ sáu của Luận Câu Xá, phẩm Hiền Thánh, chúng ta sẽ hiểu Tam-muội của Thánh hiền là gì. Chúng ta có một phẩm nữa là phẩm Định. Trí tuệ của Thánh hiền, giải thoát của Thánh hiền, mình có bốn điều đó là mình ra khỏi sanh tử đó.

Tỳ-kheo, đó là có bốn pháp này mà ai không giác tri, thì phải thọ nhận bốn pháp trên. Nay Ta cùng các ngươi nhờ giác tri bốn pháp Thánh hiền này mà đoạn gốc sinh tử không còn tái sinh đời sau. Như vậy chúng ta muốn không có tái sinh trong đời sau, không có sanh tử, gọi là con đường bất tử, thì quý vị hãy tu được bốn điều: là Giới, Tam-muội (là Thiền định), Huệ và cuối cùng

là Giải thoát. Tất nhiên ba điều đầu có [thì] điều thứ tư [giải thoát] sẽ có thôi.

Nay Ta cùng các ngươi nhờ giác tri bốn pháp Thánh hiền này mà đoạn gốc sinh tử không còn tái sinh đời sau. Như nay thân thể Như Lai suy già, phải chịu báo suy hao này. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu Niết-Bàn vĩnh tịch này, không sinh, không già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly, thường niệm tưởng Biến dịch Vô thường. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy". Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 6 - Phẩm Bốn Ý Đoạn Thứ 26 – Thiên Bốn Pháp - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy đoạn này chúng ta chỉ cần nhớ điều gì? Cố gắng nhớ ở đời không có gì là bền chặt lâu dài mãi đâu, nói chung là chán thôi đúng không? Đường nào chúng ta cũng chết, đường nào cũng lên bàn thờ ngồi. Cho nên là ráng tu để sớm ra khỏi sanh tử, chắc chắn không có ai sống mãi được đâu, chắc chắn rồi cũng có ngày phải ra đi.

Hôm bữa Thiện Trang có giới thiệu cho quý vị một điều nữa là ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu chúng ta tuy là có kém hơn ở những cõi khác, nhưng [cũng] có những điều thù thắng. Hôm nay Thiện Trang sẽ giới thiệu cho quý vị nghe, để an ủi mình được điều gì [ở cõi này].

Sự Thù Thắng Của Người Cõi Diêm Phù Đề Chúng Ta

Người cõi Diêm Phù Đề có ba điều hơn người Câu Da Ni (Tây Ngưu Hóa Châu) (thật ra là cũng hơn luôn các cõi kia, đây là Thiện Trang lấy đại diện thôi. Tại vì có lúc đức Phật so sánh từng châu lục trong bốn châu, thì có Bắc Cô Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu Và Nam Diêm Phù Đề chúng ta (Nam Thiệm Bộ Châu). Ở đây Thiện Trang chỉ trích một đoạn thôi, đoạn này là so sánh với cõi Tây Ngưu Hóa Châu. Chữ Hóa này không phải là biến hóa, mà là trao đổi hàng hóa), **đó là: một, dõng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo nghiệp hành** (chúng ta ở cõi này cũng hay lắm, [mình có sự] dõng mãnh, có khả năng nhớ dai, có khả năng tạo nghiệp hành)**; hai, dõng mãnh, nhớ dai, siêng**

tu phạm hạnh (cõi này siêng tu phạm hạnh, hay không! Phạm hạnh là gì? Chúng ta có thể nói Phạm hạnh tức là không có dâm dục. Nhưng thật ra Phạm hạnh là hạnh của giải thoát, thì tu rất nhiều [điều]. Cho nên cõi này chúng ta có cái hay hơn cõi Câu Da Ni (cõi Tây Ngưu Hóa Châu); **ba, vì dõng mãnh, nhớ dai, nên Phật ra đời ở cõi này**.

Quý vị thấy trong bốn châu lục thì cõi Nam Thiệm Bộ Châu được đức Phật ra đời, cho nên mình ở đây cũng may mắn đúng không? Thứ nhất là mình có khả năng dũng mãnh, quý vị thấy người ở thế gian dũng mãnh lắm, không có sợ gì hết. Làm việc ác cũng chẳng sợ, mà làm việc lành cũng chẳng sợ, quý vị thấy đâu có sợ đâu. Có những người làm việc ác đâu có sợ chết, có người làm việc thiện cũng không sợ chết. Ví dụ như quý vị thấy bây giờ có đoàn của Sư Minh Tuệ đó, quý vị thấy [các ngài] đi ở ngoài rừng, ở ngoài bụi cây, v.v… đâu có sợ đâu, [rất] dũng mãnh. Cho nên đây là sự lợi ích.

Và [còn] nhớ dai, có tạo nghiệp lành, những nghiệp tốt lành cũng có ở nơi này. [Ngoài] hai điều đó, còn có một điều thù thằng nữa là đức Phật ra đời ở cõi này. Cho nên chúng ta may mắn, chúng ta được ở cõi này.

Do có ba điều này nên hơn người Câu Da Ni. Người Câu Da Ni có ba điều hơn người Diêm Phù Đề (đây là so sánh với Câu Da Ni)**, đó là: một, nhiều bò** (người Tây Ngưu Hóa Châu ở đó giàu lắm, chữ #ngưu này là bò, ở đó bò nhiều lắm)**; hai, nhiều dê** (cũng được nha, hơn cõi mình đó)**; ba, nhiều châu ngọc. Do có ba điều này nên hơn người Diêm Phù Đề.**

Quý vị có cần ba điều này không? Chắc chắn là không. Nhiều bò, nhiều dê với nhiều châu ngọc làm gì. Họ giàu [bò, dê, châu ngọc] nên đó mới gọi là Tây Ngưu Hóa Châu. Cõi đó lấy gì [trao đổi]? Có hai điều: Một là họ trao đổi hàng hóa thông qua bò. Ai có nhiều bò, ai có nhiều dê thì người đó giàu; và có thứ nữa [là] hóa châu, trao đổi bằng châu ngọc. Nên là cõi đó hơn [cõi này, nhưng] hơn mấy điều này không ngon. Hôm nay Thiện Trang so sánh một châu này thôi, hôm nào đó Thiện Trang sẽ dẫn cho quý vị so sánh với Bắc Cô Lô Châu, thử coi mình với Bắc Cô Lô Châu hơn nhau được gì.

(Trích từ Phẩm Đao Lợi Thiên - Kinh Thế Ký – Kinh Trường A Hàm).

Hôm nay Thiện Trang giới thiệu thêm một điều nữa, để chúng ta tu chúng ta [được] yên tâm. Mục tiêu là đưa ra cho quý vị pháp an tâm, để chúng ta yên tâm tu trong Phật đạo. Đó là hôm nay dạy cho quý vị một pháp gọi là không nghèo. Quý vị nghe cho kỹ.

Không Nghèo Nếu Thành Tựu Niềm Tin Bất Hoại

Đây là Thiện Trang đặt tựa đề, chúng ta nghe xem bộ kinh này nói như thế nào.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu tại Tì Xá Li. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thánh Đệ tử nếu thành tựu được bốn bất hoại tịnh, ở giữa loài người không sống cuộc sống nghèo khốn (quý vị thấy không? Quý vị thành tựu được bốn niềm tin bất hoại, thì ở giữa loài người không có sống cuộc sống nghèo khốn đâu, quý vị giàu lắm, yên tâm, đây là đức Phật nói); **không bị lạnh rét, xin ăn; mà tự nhiên giàu sang đầy đủ** (quý vị nghe điều này ai cũng thích đúng không? Người thế gian muốn không nghèo khổ, không bị lạnh rét, không phải đi xin ăn, mà tự nhiên được giàu sang đầy đủ, thì bữa nay [Thiện Trang] giới thiệu [một] bí quyết, trong kinh nói luôn. Quý vị chỉ cần thành tựu được bốn bất hoại tịnh).

Những gì là bốn? Thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới. Đoạn này chúng ta nghe hoài, chúng ta thuộc rồi đúng không? Thiện Trang luôn luôn nhấn mạnh điều này. Tức là có bốn niềm tin bất hoại: Niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng, và niềm tin bất hoại đối với Thánh giới. Nếu quý vị làm như vậy, thì ở đây nói bảo đảm cho quý vị luôn, đức Phật nói là không nghèo, chắc chắn là giàu, giàu sang đầy đủ luôn; không bị lạnh rét, khỏi đi xin ăn, khỏe chưa! Cho nên gia tài trong Phật pháp, mình tu thì tự nhiên mình giàu, quý vị thấy hay không? Điều này chúng ta học hoài rồi. Thật ra quý vị biết, không chỉ là giàu đâu mà còn được Thánh quả, xác định luôn là Thánh quả Tu-đà-hoàn (một hạng trong Sơ quả Tu-đà-hoàn).

Tu-đà-hoàn này theo Chú Giải trong kinh có nói là Độn căn Tu-đà-hoàn. Có

nghĩa đây là một hạng Tu-đà-hoàn, là Tu-đà-hoàn độn căn, ghi nhận rằng không đọa vào đường ác, tức là chỉ có cõi Người, cõi Trời và đường thiện trong A-tu-la. Người đó không còn đọa vào ác đạo, nhưng chưa xác chứng là tối đa bảy lần để thành A-la-hán. Còn Lợi căn Tu-đà-hoàn thì còn tối đa bảy đời, còn lợi hơn nữa là Nhất chủng và Gia gia. Nói chung là có mấy bậc Tu-đà-hoàn, để từ từ Thiện Trang sẽ giới thiệu [cho] quý vị.

Ví dụ như hôm bữa Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị được bốn bậc, đó là: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Thân chứng và Kiến đáo. Đó cũng là Tu-đà-hoàn. Cho nên Tu-đà-hoàn, trên thì có Tu-đà-hoàn mặc định là bảy đời [chứng quả A-la-hán], có Tu-đà-hoàn nhanh hơn là Tu-đà-hoàn một đời, gọi là Nhất chủng; Tu-đà-hoàn giữa giữa chút nữa là Tu-đà-hoàn Gia gia, là đời sau sanh vào nhà tôn quý. Như vậy sơ sơ kể được bảy rồi. Bất hoại tịnh này cũng xếp vào một [hạng] Tu-đà-hoàn nữa, [là] tám. Còn nữa, chưa hết, cứ từ từ chúng ta học, [chia] chẻ quả Tu-đà-hoàn ra nhiều bậc Tu-đà-hoàn lắm. Cho nên có rất nhiều bậc Tu-đà-hoàn, và chúng ta cũng có thể vào một bậc nào đó, ví dụ như bậc này, bậc này là một bậc Tu-đà-hoàn. Quý vị nói: "Ở đâu nói?". Chút nữa rồi có, từ từ rồi cũng trích ra, đây là Sơ quả Tu-đà-hoàn đó, chứ không phải là ở đâu đâu. Cho nên con đường vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, tiêu chuẩn trung bình là bảy đời, còn tối đa bảy đời để thành A-la-hán ra khỏi sanh tử, đó là phải đoạn ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi.

Điều đó là hơi khó, nghe đến Thân kiến là sợ quá, Nghi, Giới cấm thủ thì được, nhưng Thân kiến khó quá. Ở đây không cần, quý vị đoạn hết Nghi là được rồi, hết nghi đối với Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới là đủ rồi. Và bữa nay nói thêm một điều nữa, là quý vị không nghèo. Cho nên gia tài trong này có hết mà không chịu học, không chịu tu, cứ đi lo gì đâu không.

Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vầy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới".

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 802. Bất Bần (không nghèo) - Tương Ưng Bất Hoại Tịnh – Kinh Tạp A Hàm).

Có nhiều người nói: "Kinh Tạp A Hàm thì có liên quan gì, có Kinh Nikaya không? Ở đây trong Chú Giải này nói, Kinh này tương đương với Kinh Mahaddhana của Kinh Pāli, chứ không phải là không có bên Pāli đâu nha.

Và Thiện Trang vừa nói là làm sao để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, có nhiều cách lắm, đây cũng là một cách mà chúng ta học rồi. Chúng ta rất mong vào [được] Sơ quả Tu-đà-hoàn, cho nên hôm nay Thiện Trang chia chẻ Sơ quả Tu-đà-hoàn ra, chỉ cho quý vị kỹ từng chi tiết, con đường đầu tiên chính là phá ba điều: Thân kiến, Giới cấm thủ, và Nghi. Con đường thứ hai là hãy thành tựu giùm bốn niềm tin bất hoại.

Và tiêu chuẩn Tăng ở đây, nếu trong tạng kinh thì Tăng là Thánh tăng, là Hiền tăng, toàn là bậc từ Tứ gia hạnh trở lên, chứ còn Tăng phàm phu thì không tính. Nên quý vị cứ yên tâm, không đến nỗi nào đâu, mấy Tăng phàm phu thì khỏi cần tin cũng được. Còn bên Giới luật thì Tăng là Tăng phàm phu, Tỳ-kheo thọ giới rồi thì gọi là Tăng. Chúng ta phải hiểu [như vậy].

Vậy hôm nay Thiện Trang tiếp tục giới thiệu một trong nhiều cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, Thiện Trang đánh số hai, vì số một chúng ta học rồi, là phá Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, một bậc Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn. Hôm nay giới thiệu cho cách hai, ghi số hai là cách hai. Cách hai là:

Một Trong Nhiều Cách Để Vào Sơ Quả Tu-Đà-Hoàn (2)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn [ông] Cấp Cô Độc, rừng cây [Thái tử] Kỳ Đà, tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá Lợi Phất đi đến chỗ Tôn giả A Nan, sau khi thăm hỏi khích lệ xong, rồi đứng qua một bên, Tôn giả Xá Lợi Phất nói với Tôn giả A Nan: "Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ trả lời cho không?"

Bây giờ hai ngài Đại Đệ tử là Xá Lợi Phất và A Nan, hôm bữa có người hỏi Thiện Trang: "Tại sao các Đệ tử khác không được xếp vô trong mười (thập) Đại Đệ tử của Phật?" Xin lỗi quý vị, hôm bữa không biết ai hỏi, Thiện Trang có trả lời

hay không thì Thiện Trang không nhớ. Nhưng Thiện Trang xin nói với quý vị, đó là tại vì đời sau tôn vinh lên mười vị Đại Đệ tử đó thôi, chứ thực tế quý vị giở giùm Kinh Tăng Nhất A Hàm ra, mở phẩm đầu tiên, Phẩm Đệ Tử, thì đức Phật kể một loạt các Đệ nhất Đệ tử, đủ các hạnh, nhiều lắm, hạnh này hạnh kia v.v… mỗi người một hạnh. Cho nên không phải mười [vị] đó [thôi] đâu, mà nhiều lắm. Tại vì chúng ta thần tượng mười vị đó, nên chúng ta đưa ra mười vị đó, [là] do người đời sau [đưa ra]. Còn đức Phật không có xác chứng rằng ai là nhất, trong mười người nhất. Mà Ngài chỉ xác chứng là ngài Mục Kiền Liên với ngài Xá Lợi Phất là nhất, rồi ngài Ma Ha Ca Diếp là nhất nữa thôi. Còn mấy [hạnh] kia bao nhiêu người nhất nữa, nhất [hạnh] này, nhất [hạnh] kia.

Quý vị coi Kinh Tăng Nhất A Hàm, phẩm đầu tiên là kể về những Đệ tử đệ nhất bên Tăng, đệ nhất bên Ni, đệ nhất [hạnh] này, đệ nhất [hạnh] kia. Rồi tới nam Cư sĩ nhất [hạnh] này, nhất [hạnh] kia, một loạt dài danh sách mấy trang, rồi tới nữ Cư sĩ nhất này, nhất kia, một loạt nữa, nên rất công bằng. Chúng ta không học, [mình] cứ theo đời sau [nên] mình thắc mắc, học trong kinh thì không thắc mắc đâu.

Bây giờ trở lại, hai vị Tôn giả rất nổi tiếng, là Xá Lợi Phất với A Nan hỏi nhau điều gì?

Tôn giả A Nan bạch Tôn giả Xá Lợi Phất: "Theo ý Tôn giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ đáp". Ngài cũng khôn lắm, và trả lời rất hay, ngài nói: "Nếu biết tôi sẽ đáp". Chứ mình thì [nói]: "Ngài cứ hỏi đi, tôi sẽ đáp" đúng không? [Ở đây ngài Xá Lợi Phất nói] là nếu biết thì tôi sẽ đáp, còn không biết thì tôi không đáp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Tôn giả A Nan: "Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ?" Hôm nay [ThiệnTrang] giới thiệu cách hai để vào Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn này cũng ngon, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ. Đây là Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn, tức là trong bao nhiêu bậc Tu-đà-hoàn, thì có Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn.

Tôn giả A Nan bạch Tôn giả Xá Lợi Phất: "Do đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn?

Quý vị chắc cũng rất thắc mắc, ở đây có bốn pháp thôi, chúng ta nghe bốn pháp thì chúng ta cũng đoán được bốn pháp đó là những pháp gì. Chắc là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và bất hoại tịnh đối với Thánh giới. Nếu như vậy là Tu-đà-hoàn này ngon, dễ vô, chắc bảy lần thôi, không đến nỗi nào. Chúng ta coi phải vậy không?

Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, ([quý vị] nghe kỹ nha, [ở đây nói] 'Thánh đệ tử', tại vì sao? [Vì] vô pháp này là dòng Thánh rồi, nên gọi là Thánh đệ tử luôn. Như ở trên, quý vị thấy Thánh đệ tử này thành tựu được bốn niềm tin, xác định cho quý vị là Thánh luôn, chứ không phải bình thường đâu. Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, có nghĩa là người đó có tâm bình thường bất tín đối với Phật, nhưng điều đó được đoạn rồi, trở thành tín rồi, và đã biến tri, tức là biết rõ ràng, biết rộng rãi rồi. Mục tiêu ở đây Thiện Trang đều tô đậm) **thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã được đoạn, đã biến tri,** (tóm lại dòng đỏ này) **thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp, và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, mới rốt ráo thoát khổ".**

Quý vị thấy sướng không? Xác định luôn, đây là trong kinh chứ không phải Thiện Trang nói. Trong kinh nói quý vị thành tựu được niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng [và thành tựu Thánh giới] là vô Tu-đà-hoàn. Và Tu-đà-hoàn này là Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn là còn bảy lần qua lại trời người. Chúng ta vô tới chưa? Dễ vô không?

Chưa vô nhưng thấy dễ rồi, chứ phá Thân kiến thì nhiều người nói khó quá. Thế nào là Thân kiến đã không hiểu rồi, làm sao phá Thân kiến, bữa nay nói [cho quý vị] con đường này dễ hơn.

Cho nên hôm nay, Thiện Trang giới thiệu cách thứ hai để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và hôm nào đó lại giới thiệu cách thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy gì đó, từ từ rồi chúng ta sẽ học. Toàn là trong kinh, không phải ở đâu hết, cho nên cứ căn cứ vào đây, dễ không? Chứ xưa nay nhiều người học, cứ học tiêu chuẩn quá cao, [là phải phá] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Thân kiến khó quá, Sắc, Thọ, Tưởng Hành, Thức khó quá, làm sao vô nổi. Nhưng ở đây nói chỉ cần niềm tin bất hoại thôi.

Thật ra quý vị nói phá Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi là cao, Tu-đà-hoàn đó là Tu-đà-hoàn lợi căn. Còn đây là Tu-đà-hoàn, trong chỗ khác gọi là độn căn, độn căn nên mới còn bảy đời. Còn Tu-đà-hoàn kia không đến bảy đời đâu, thông thường có thể vào Gia gia, Nhất chủng, nên sẽ nhanh. Thậm chí họ lên một phát, lên luôn Nhị quả, Tam quả ngay trong đời đó, cho nên có thể họ ngon hơn. Còn ở đây, Tu-đà-hoàn này hơi bị tệ, nên mới được niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng. Và ở đây không phải nói niềm tin, mà phải nói rõ là thành tựu được Thánh giới, tức là giữ giới cho được. Quý vị nhớ giữ giới cho được nha! Điều này khó, nói thì dễ, ba điều đầu tiên làm được, nhưng điều cuối cùng là Giới thì không làm được, tức là niềm tin đối với Thánh giới không được. Điều này khó! Cho nên ta phải làm được điều này.

Tôn giả A Nan bạch Tôn giả Xá Lợi Phất: "Đúng vậy, đúng vậy! Do đoạn trừ được bốn pháp, và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ".

Sau khi hai vị Chánh sĩ luận bàn xong, đều tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

(Kinh 812. Xá-Lợi-Phất (2)[84] - Tương Ưng Bất Hoại Tịnh – Kinh Tạp A Hàm).

Và quý vị đừng thắc mắc, ở đây có số 84 chú giải rằng: đây chính là Đại kinh của Pāli, quý vị có thể tìm Kinh Sāriputta là Kinh Xá Lợi Phất, của bên Pāli, có tương ưng hết. Tại vì bản Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh của Nhật Bản [được] làm rất kỹ, khi họ chép lại kinh thì họ cũng tra cứu bên Nikaya, họ ghi chú luôn là tương ưng với kinh nào. Còn nếu không có [kinh] tương ưng, thì họ nói là tìm không ra kinh tương ưng.

Như vậy quý vị yên tâm, có bên Kinh Nikaya, quý vị có thể coi. Dễ chưa? Sau khi giảng một hồi tuyệt vời đúng không? Bây giờ có đồng tu nói là tu Tịnh Độ nữa. Tu Tịnh Độ thì còn ngon nữa, vì sao? Quý vị tu pháp này là quý vị vào Thánh quả, nếu không vào Thánh quả thì quý vị cũng vãng sanh. Còn nếu vào Thánh quả rồi vãng sanh nữa, là càng ngon.

Cho nên con đường dễ đi mà không chịu đi, bây giờ nhớ đến câu trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: "**Vô cực chi thắng đạo, dị vãng nhi vô nhân**", con đường đạo thù thắng như vậy, dễ đi mà không có người. Không có người, vì sao? Không có ai dạy, vì sao không dạy? Không chịu học. Cho nên Đại tạng kinh dạy rõ ràng, trong Kinh Nikaya cũng có, Kinh A Hàm cũng có, chỉ cần lấy trong đó [ra xài]. Con đường dễ mà, bây giờ ráng tin, cố gắng học pháp đi, để tin đối với Phật một cách rốt ráo, không còn nghi nữa, đoạn được Nghi.

Ở đây có bốn pháp đoạn: là đoạn Nghi và tin trọn vẹn. Ráng tin Phật, ráng tin Pháp, tin Tăng, và thành tựu được Thánh giới (tức là giữ giới), là xong, là vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Chứ không cần nhiều đâu, chỉ cần tối đa bảy đời nữa thôi là ra khỏi sanh tử, chứng quả A-la-hán, là ngon đó!

Cho nên ở đây còn dễ hơn Tùy tín hành, thật ra Tùy tín hành với chỗ này là chỗ nào, để bữa nào học hết thì Thiện Trang sẽ tổng kết lại, để coi điều này với Tùy tín hành, Tùy pháp hành nằm ở đâu. Điều này là xác định Tu-đà-hoàn luôn, [pháp] này cao hơn Tùy tín hành, tại Tùy tín hành nói: Nếu như giữa chừng không chết, thì mới đắc Tu-đà-hoàn. Còn giữa chừng tuổi thọ hết, thì chưa đắc

Tu-đà-hoàn đời đó, nhưng người đó cũng không đọa ác đạo, điều đó thấp hơn.

Chúng ta thấy không? Điều này cao hơn Tùy tín hành, không phải đơn giản đâu, nhưng dễ tu không? Dễ! Từ đó trở đi Thiện Trang thấy dễ quá mà. Chứ gì đâu vô là đè đầu Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, đoạn không nổi, thấy khó quá, khó quá, hiểu còn không nổi. Nhưng hôm nay coi tiêu chuẩn này dễ hơn rất nhiều, nên Tùy tín hành cũng dễ, Tùy pháp hành cũng dễ, Thân chứng, Kiến đáo, hoặc ở đây có thêm bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và bất hoại tịnh đối với Thánh giới, [điều này] dễ hơn.

Vậy cho nên chúng ta có rất nhiều con đường để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, chứ không phải một con đường đâu. Chúng ta cứ học cho rõ ràng thì sẽ thấy hoan hỉ, nhẹ nhàng, không có gì khó khăn. Ai tu Tịnh Độ nữa thì ngon quá rồi, đúng là như hổ mọc thêm sừng, hổ mọc thêm cánh, [quý vị] yên tâm. Bữa nay Thiện Trang sẽ giới thiệu, vì hôm bữa Thiện Trang có trích trong A Tỳ Đàm nói là các quả vị Thánh chưa chắc có Thần thông. Hôm nay Thiện Trang trích luôn trong kinh, khỏi phải cãi:

Quả Vị Tu-Đà-Hoàn Có Thể Chưa Có Thần Thông

(Thiện Trang đặt tựa đề này, và cũng trích từ trong một bộ kinh).

Ngay lúc đó, một Thượng tọa trong chúng Tăng, tên là Quân Đầu Ba Hán đắc Tu-đà-hoàn, Kiết sử chưa diệt tận, không được Thần túc.

Thiện Trang muốn nói cho quý vị đoạn trích thôi, câu chuyện này dài lắm, thôi không kể, Thiện Trang chỉ trích [đoạn] thôi. Có một người thỉnh chúng Tăng đi thọ thực, nói là [chỉ các vị] A-la-hán mới đi. Vị này là Quân Đầu Ba Hán, mới đắc Tu-đà-hoàn thôi, Kiết sử chưa diệt tận, tức là chưa diệt hết được năm Hạ phần Kiết sử và năm Thượng phần Kiết sử. [Vị này] mới [đắc] Tu-đà-hoàn và không được Thần túc, tức là không có Thần thông. [Quý vị] nhớ nha! Cho nên Tu-đà-hoàn có thể có, hoặc có thể không có Thần thông. Có thể có hay không là tùy thuộc vào tu Thiền chỉ, chứ không phải Tu-đà-hoàn là có hai loại Thần thông.

Thiện Trang xin đính chính lại, hồi xưa Thiện Trang giảng theo người ta, có

nói là Tu-đà-hoàn có hai loại Thần thông, nhưng thực tế không phải. Sau này học A Tỳ Đàm, học Luận Câu Xá, học trong kinh [mới] biết là Tu-đà-hoàn không chắc là có Thần thông hay không, thậm chí A-la-hán cũng có thể không có Thần thông, nếu không tu Thiền chỉ.

Hôm bữa có đồng tu nói là tu Thiền chỉ khó quá, quán mấy đề mục đó khó quá. Quý vị không tu được thì thôi, quý vị tu Thiền quán. Quý vị học pháp là tu Thiền quán, rồi hằng ngày quán Vô thường, v.v… nghĩ nhớ đời vô thường, rồi nhớ tâm ta đang sân, tâm ta đang si, tâm đang gì đó. Phải cố gắng để quan sát được tâm. Quý vị cứ tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tu theo Thiền quán, thì ngày nào đó quý vị cũng đắc Tu-đà-hoàn. Đâu cần [Thiền chỉ] đâu, thậm chí nghe một bài pháp mà ngộ ra thì [sẽ] đắc Tu-đà-hoàn, thậm chí đắc tới Nhị quả, Tam quả.

Cho nên điều đó không quan trọng, nếu như quý vị không tu được Thiền chỉ thì tu Thiền quán cũng được rồi. Nhưng không tu Thiền chỉ thì không có Thần thông, ai đắc Thiền chỉ thì mới có Thần thông được. Theo trong Kinh A Hàm nói là đắc Nhị thiền trở lên [mới] có Thần thông. Cho nên chúng ta không đắc Nhị thiền [thì] không có Thần thông. Vị này không đắc Thần thông, vì ngài cũng là Tu-đà-hoàn nhưng chưa có Thần túc, tức là chưa có Thần thông.

Thượng tọa này nghĩ thầm: 'Nay trong đại chúng, ta là hàng Thượng tọa lớn, mà Kiết sử lại chưa dứt, chưa được Thần túc. Ngày mai, ta không được đến trong thành Mãn Phú thọ thực. Song, trong chúng của Như Lai, vị Sa-di hạ tọa nhỏ nhất tên là Quân Đầu, người có Thần túc, có đại oai lực, được đến đó thọ thỉnh. Nay ta cũng nên đến kia thọ thỉnh".

Tức là [vị này] hơi bị quê, [vì] vị Sa-di nhỏ tuổi Quân Đầu thì lại có Thần túc ghê gớm lắm, đại oai lực luôn. Trong kinh nói là ngài đến núi Tuyết Sơn, núi Himalaya giặt y, hoặc làm gì thôi mà bao nhiêu chư thiên hộ vệ, [có] Thần thông bay trên trời đã lắm. Vị Sa-di nhỏ tuổi mà như vậy, còn vị này là Thượng tọa trong Tăng, đắc Tu-đà-hoàn rồi nhưng Kiết sử chưa diệt hết, rồi không đắc Thiền chỉ nên không có Thần túc, không có Thần thông gì hết, cho nên hơi quê. Ngày mai đi thọ thực, người ta thỉnh toàn A-la-hán không [thôi], mà mình không được

đi, bây giờ làm sao đi đây? Ngài nghĩ như vậy, đây cũng một suy nghĩ thiếu tự tin (hơi hơi xấu hổ).

Bấy giờ, Thượng tọa dùng tâm thanh tịnh, nơi địa vị Hữu học mà nhận thẻ. Nhận thẻ tức là hồi xưa cứ phát thẻ ra, ai là A-la-hán thì nhận thẻ. Ngày mai đi thọ thực có cái thẻ, chứ không phải là ai muốn đi thì đi. Tại vì gia chủ mời có bao nhiêu người thì phát bấy nhiêu thẻ đó, phát theo thứ tự là phát cho Thượng tọa trước. Thượng tọa tức là người có tuổi hạ cao nhất (là [tuổi] vào thọ giới Tỳ-kheo), có bao nhiêu thẻ thì phát trước. Nhưng ở đây không phải phát như vậy, mà kèm thêm điều kiện: ai là A-la-hán thì mới được. Mà vị này không phải A-la-hán thì làm sao được. Cho nên bây giờ ngài nghĩ cách, ngài mới là [địa vị] Hữu học (Hữu Học tức là chưa tới A-la-hán, Vô học mới là A-la-hán). Bây giờ làm sao, địa vị Hữu học mà nhận thẻ, ngài nhận như vậy là sai, nên không được.

Lúc đó, đức Thế Tôn, bằng Thiên nhãn thanh tịnh, thấy Quân Đầu Ba Hán đang tại địa vị Hữu học mà nhận thẻ tức thì đạt được Vô học. Có nghĩa là lúc đó do cố gắng nhận thẻ, và nhận thẻ xong là ngài đắc luôn quả A-la-hán. Cho nên ép bức quá, đôi khi phải khích tướng: Khó quá! Bây giờ mình là Thượng tọa mà thua một vị Sa-di, [vị Sa-di lại] được nhận thẻ đi dự tiệc ngày mai. Ông gia chủ đó mời, bây giờ mình là Thượng tọa mà mình không đi được [thì] quê. Cho nên thôi, lúc đó dùng tâm thanh tịnh nhận thẻ, và vừa nhận thẻ thì đắc A-la-hán luôn, từ Tu-đà-hoàn lên A-la-hán. Đức Phật thấy như vậy nên mới khen ngợi.

Đức Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo: "Trong Đệ tử của Ta, người nhận thẻ đệ nhất chính là Tỳ-kheo Quân Đầu Ba Hán vậy". Tức là từ địa vị Hữu học, đang mới là [quả Tu-đà-hoàn] thôi, không có gì hết, mà lúc nhận thẻ thì ngài quán ngài đắc A-la-hán để được đi, để khỏi quê, và ngài đắc thật luôn. Quý vị thấy không? Cuộc đời đôi khi phải có những gian nan, có những điều gì đó thử thách lớn, nhiều khi bị chấn động một phát rồi đắc đạo. Cho nên quý vị thấy đôi khi có những câu chuyện rất hay, áp bức chút có khi đắc đạo.

(Kinh Số 3 – Phẩm Tu Đà Thứ 30 – Thiên 5 Pháp – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy không? Đôi khi tu hành, 'tu nhất kiếp ngộ nhất thời', nhiều khi

hoàn cảnh bức bách quá mà đắc đạo, nhiều khi hoàn cảnh sung sướng quá mà đắc đạo. Tùy người, có người hoàn cảnh bức bách quá, là do Phiền não nào đó, chúng ta bị Phiền não chấn động. Tại vì vị này mới là Sơ quả Tu-đà-hoàn nên còn Ngã, lúc đó vì Ngã mà ráng nhận thẻ bằng tâm thanh tịnh, và đắc đạo A-la-hán. Cho nên đôi khi [còn chấp ngã] cũng tốt. Chứ đừng nói ta vô Ngã rồi trơ trơ ra, cũng không tốt đâu.

Cho nên Phật pháp không biết được đường nào, mình đừng có bi quan, đôi khi hoàn cảnh thuận lợi sẽ đắc đạo, nhưng đôi khi hoàn cảnh nghịch duyên, ép mình là đắc đạo, miễn làm sao đắc đạo thôi, tùy mỗi người. Đó là căn cơ nhiều đời, đức Phật khen đây là Đệ nhất Đệ tử. Người nào thắc mắc đây là Đệ tử thế nào, thì đây là Đệ nhất Đệ tử về nhận thẻ để đi cúng dường, nhận cúng dường Trai tăng, chính là Tỳ-kheo Quân Đầu Ba Hán. Bởi vì sao? Vì ngay lúc nhận thẻ thì ngài đắc luôn A-la-hán. Như vậy đây là trích trong Kinh Tăng Nhất A hàm, rất hay!

Thiện Trang xin giới thiệu thêm một trong nhiều cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn lần thứ ba (cách ba). Hôm nay giới thiệu thêm một cách nữa để quý vị coi. Có nhiều cách vào Tu-đà-hoàn lắm, chứ không phải có bấy nhiêu đó đâu, [không phải] suốt ngày [phải phá] Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi đâu. Đây cũng là trong kinh thôi. Cho nên có nhiều con đường để vào Tu-đà-hoàn. Hôm nay giới thiệu thêm con đường nữa, hồi nãy là con đường thứ hai, bây giờ con đường thứ ba. Hôm sau Thiện Trang sẽ giới thiệu dần dần, bao giờ hết thì thôi.

Một Trong Nhiều Cách Để Vào Sơ Quả Tu-Đà-Hoàn (3)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn [ông] Cấp Cô Độc, rừng cây [Thái tử] Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nay, Ta sẽ nói về tụ thiện, các ngươi hãy suy nghĩ kỹ".

Các Tỳ-kheo thưa: "Kính vâng, bạch đức Thế Tôn".

Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Đức Thế Tôn bảo: "Sao gọi pháp ấy là tụ thiện? Đó là năm căn. Thế nào

là năm căn? Đó là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có Ngũ căn (năm căn) **này. Nếu có Tỳ-kheo nào tu hành Ngũ căn, liền thành Tu-đà-hoàn được pháp bất thối chuyển, ắt thành đạo chí thượng. Tu hành thêm nữa sẽ thành tựu Tư-đà-hàm, tái sinh đời này một lần rồi dứt sạch biên tế khổ kia. Tiến tới đạo này nữa, sẽ thành tựu A-na-hàm, không còn tái sinh đời này, liền nhập Bát-niết-bàn. Chuyển tiến tu hành, diệt tận Hữu lậu, thành tựu Vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng, mà tự an trú, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.**

Hôm nay [Thiện Trang] giới thiệu cho quý vị một con đường vào Sơ quả Tu-đà-hoàn dễ nữa. Đó là con đường gì? Đó là con đường quý vị tu giùm Năm căn (hay Ngũ căn). Quý vị nhớ Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát thánh Đạo phần không ạ?Trong 37 Phẩm trợ đạo, ở đây đức Phật nói là quý vị dùng Năm căn: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm Căn, Định căn, Huệ căn. Mấy điều này chắc ai học Phật pháp lâu thì biết hết rồi. Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, còn gọi là Ngũ quyền hay là Ngũ căn, trong 37 Phẩm trợ đạo, quý vị tu như vậy thôi.

Ở đây đức Phật nói là: Tỳ-kheo nào (thôi mình nói là Đệ tử đi, chứ nói Tỳ-kheo thì quý vị nghĩ là người xuất gia không thôi), Đệ tử nào tu được [pháp] đó thì liền thành Tu-đà-hoàn, được pháp bất thoái chuyển, ắt thành đạo chí thượng. Chắc chắn là thành đạo chí thượng, tức là thành A-la-hán. Còn nếu tu khá hơn nữa thì thành tựu Tư-đà-hàm, [tái sanh] một lần nữa. Nếu tu tiến hơn nữa thì thành luôn A-na-hàm. Cho nên mấy pháp này đều quan trọng hết. Còn tu tốt nữa là thành A-la-hán nhập Niết-Bàn luôn, Phạm hạnh đã lập, sanh tử đã dứt, việc làm cần làm đã làm xong, coi như là hết, không còn gì để làm nữa.

Quý vị thấy con đường này có dễ không? Dễ! Chúng ta có học mấy điều này không? Học hết rồi. Nên là có rất nhiều cách để có thể vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, đừng có bi quan, suốt ngày cứ đè đầu Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Thật ra có nhiều con đường để vào, miễn quý vị tu điều nào theo giáo pháp của Phật là vào được. Cho nên mình tu mấy [điều] này thì tự nhiên cũng sẽ dứt trừ được Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, chứ không phải là mình cứ [nhắm] vào ba điều

đó thôi. Cho nên có rất nhiều cách để vào Thánh quả, chứ không phải mình bi quan quá, mình thấy khó quá. Con đường đó khó, nhưng con đường này thì dễ hơn.

Gọi là tụ thiện, chính là năm căn. Vì sao vậy? Vì đây là tụ lớn nhất, là vi diệu trong các tụ (tức là đức Phật khen ngợi tu Ngũ căn này, rất quan trọng). **Nếu ai không hành pháp này thì không thành tựu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác. Nếu ai đạt được năm căn này liền có bốn quả, đạo ba thừa. Nói về tụ thiện, năm căn này là trên hết.**

Tóm lại ở đây nói là Ngũ căn, [trong đó] Tín là niềm tin thì cực kỳ quan trọng, lúc nào đó chúng ta sẽ học lại mấy điều này, bây giờ chúng ta chỉ giới thiệu thôi. Đồng tu tu lâu năm thì biết rồi, phải tinh tấn, phải ghi nhớ, phải có Định và có Huệ. Tín, Tấn Niệm, Định, Huệ, ở bên A Tỳ Đàm gọi là Ngũ quyền, thì nắm sự quan trọng để vào được Sơ quả cho đến Tứ Thánh quả, thậm chí là thành Phật.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện học những điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 1 - Phẩm Thiện Tụ Thứ 32 – Thiên Năm Pháp – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Vậy quý vị thấy rõ ràng có nhiều con đường để tu, cho nên đâu có khó đâu quý vị. Mấy điều này không khó, vào Sơ quả cũng không khó đâu, mình tu rồi mình thấy tự tin hơn. Và hôm nay Thiện Trang giới thiệu một pháp học nữa trước khi vào phần A Tỳ Đàm, đó là:

Cúng Dường Bậc Nào Được Quả Báo Hiện Tiền?

Điều này Thiện Trang có nói qua ở một bài giảng nào lâu rồi, nhưng Thiện Trang muốn trích dẫn theo kinh để quý vị thấy, chứ còn Thiện Trang nói không thì quý vị không tin.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn [ông] Cấp Cô Độc, rừng cây [Thái tử] Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Những ai là bảy hạng người? Một là hành Từ, hai là hành Bi, ba là hành Hỷ, bốn là hành Xả, năm là hành Không, sáu là hành Vô tướng, bảy là hành Vô nguyện. Đó gọi là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Vì sao vậy? Vì có chúng sanh nào hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được quả báo lớn".

Bảy pháp này thật ra cũng dễ thôi. Quý vị mà tu được Từ, Bi, Hỷ và Xả, Tứ vô Lượng tâm và tu thêm Không, Vô tướng, Vô nguyện (nhập Không, Vô tướng, Vô nguyện Pháp môn). Thế nào là Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì Thiện Trang sẽ giới thiệu sau, chứ bây giờ mà giới thiệu thì nhiều quá, [sẽ làm] quý vị rối. Thiện Trang muốn nói là: nếu quý vị tu được Từ, Bi, Hỷ, Xả, [hoặc] tu một trong mấy [pháp] này thôi, hoặc tu Không, Vô tướng, Vô nguyện thôi, là quý vị trở thành phước điền vô thượng của thế gian, là quý vị ngon lắm đó. Người ta cúng dường quý vị là có phước lắm. Quý vị tu một [pháp] đó thôi đã là như vậy rồi, huống hồ chi nhiều, điều đó rất là tuyệt vời.

Khi ấy, ngài A Nan bạch đức Thế Tôn: "Vì sao không nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật. Mà lại nói bảy pháp này?"

Sao kì vậy, ngài A Nan thắc mắc tại sao phước điền vô thượng của Thế gian phải là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, và Phật chứ. Những ngài đó mới là ruộng phước điền vô thượng của thế gian chứ, tại sao lại nói bảy hạng người tu mấy pháp kia, [những vị đó] chưa có quả chứng gì hết mà, tại sao ngược vậy? Cho nên không học nhiều khi mình thấy sao kì vậy, mình phải cúng dường cho Phật mới có phước chứ. Ở đây Phật giải thích luôn:

Thế Tôn nói: "Bảy hạng người, hành Từ, v.v, hành của họ cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật không giống nhau. Tuy cúng dường Tu-đà-hoàn

cho đến Phật cũng không được báo hiện tiền; nhưng cúng dường bảy hạng người này, ở hiện đời được báo.

Có nghĩa nếu chúng ta cúng dường các bậc Thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, thì quý vị được quả báo rất lớn, nhưng sẽ trổ ở đời sau, không trổ ở đời này. Còn quý vị muốn [phước báo] trổ đời này, thì quý vị phải cúng cho hàng phàm phu, như người tu Từ, Bi, Hỉ, Xả, tu hành môn Không, tu hành môn Vô tướng, môn Vô nguyện. Quý vị thấy ngược không? Tại vì sao vậy? [Điều này] Thiện Trang giải thích rồi, nếu như quý vị cúng dường cho các vị Thánh Tu-đà-hoàn trở lên, thì quả báo mình nhận được lớn lắm, mà thân này không kịp trổ, phải đợi đời sau mới trổ, khổ vậy đó! Còn [cúng dường] cho mấy hạng người kia, [họ còn là] phàm phu, thì quả báo nhỏ hơn, không bằng, nên trổ được liền.

Cho nên quý vị đừng khinh thường, cứ toàn đi kiếm cúng dường cho A-la-hán. Cúng dường A-la-hán, cúng dường cho Phật v.v... [thì cũng] được, có quả báo, quả báo đời sau rất tốt. Nhưng quý vị đời này muốn đổi mạng, tức là muốn trở thành giàu có, v.v… thì quý vị chịu khó cúng cho phàm phu đi. Điều đó ngược đời như vậy đó. Mà hạng phàm phu nào? Là bảy hạng tu: Từ, Bi, Hỷ, Xả, và Không, Vô tướng, Vô nguyện này, chứ không phải hạng phàm phu bình thường. Nhớ nha quý vị!

Cho nên không học Phật pháp, nhiều khi mình sai lầm. Thiện Trang nghĩ nếu mình có dịp thì cúng cho cả hai, để đời này mình cũng được quả báo ngay, mà đời sau mình cũng được quả báo luôn, cho nên nếu có dịp thì cúng. Tranh thủ người ta chưa vô Sơ quả, mình cúng để mình được quả báo đời này. Mai mốt lỡ người ta vô Sơ quả rồi thì mình được quả báo đời sau thôi. Cho nên đừng có chú trọng mà sai lệch nha, phải hiểu như vậy. Đây là pháp hành đấy.

Ở đây [Thiện Trang] sẵn chia sẻ câu chuyện luôn, tại vì có nhiều người nói phải tu Thiền, v.v… mới có quả báo thành Phật... Nhưng thật tế quý vị coi trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, những chuyện như tiền thân, chuyện này chuyện kia, người ta chỉ cần tu một hạnh nào đó thì người ta cũng có thể đắc đạo được, chứ không phải tu [nhiều] hạnh đâu. Nhưng tất nhiên Thiền định, các pháp quán Tứ

Niệm Xứ quan trọng, đó là chính, còn có các pháp khác [là] hỗ trợ.

Thiện Trang cử câu chuyện tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vào thời quá khứ, kiếp xa xưa, Ngài là công chúa Mâu Ni, thời đó có đức Phật ra đời hình như tên là Bảo Tạng Như Lai thì phải. Khi đó có một vị Tỳ-kheo già rồi, có chỗ khác nói là anh của công chúa Mâu Ni, trong Kinh A Hàm không nhắc đến vai trò hai người đó là bà con như thế nào. Vị Tỳ-kheo đó già rồi nên tu Thiền không được, tu định không được, thấy mình già rồi không biết có cách nào để tu không. [Vị Tỳ kheo đó] hỏi đức Phật Bảo Tạng: *"Bây giờ con tu không đắc Thiền được nữa rồi, bây giờ có cách nào tu để con có thể thành Phật không?"* Đức Phật Bảo Tạng dạy: *"Bây giờ ông hãy đi cúng dầu (đèn dầu) cho Phật"*.

[Sau đó] hằng ngày vị đó mới đi vô trong thành khất dầu (xin dầu), để thắp đèn cúng dường cho Phật, cúng cho Phật trực tiếp luôn. Công chúa Mâu Ni thì cúng dường rất nhiều. Một ngày nọ, vị Tỳ-kheo đó được đức Phật Bảo Tạng thọ ký là: Do công đức cúng dầu đó mà tương lai sau bao nhiêu vô lượng kiếp sau, ông sẽ thành Phật hiệu là Nhiên Đăng (Minh Đăng Quang). Nghe như vậy nên ngài rất mừng, mặt mày tươi tỉnh, sáng suốt, vì ngài được thọ ký là sau này thành Phật rồi mà, cho nên vui lắm. Khi [thấy] như vậy thì công chúa Mâu Ni mới hỏi vị Tỳ-kheo già: *"Sao hôm nay ngài vui vậy?"* Vị Tỳ-kheo nói: *"Bao lâu nay tôi đi xin dầu cúng dường* (vì Tỳ-kheo làm gì có dầu, phải đi xin người ta cho thì mới có đem về cúng), *giờ được đức Phật Bảo Tạng thọ ký là tương lai sẽ thành Phật Nhiên Đăng (Minh Đăng Quang), cho nên tôi vui lắm"*. Công chúa Mâu Ni nói: *"Sao tôi bố thí cho ngài, tôi cũng cúng dường nhiều lắm mà. Còn ngài chỉ đi khất thực thôi mà cũng được thọ ký?"*

Sau đó [công chúa Mâu Ni] tới khiếu nại với Phật (mình gọi là khiếu nại): *"Sao con cúng dường nhiều dầu như vậy, mà ngài không thọ ký cho con [khi nào] thành Phật?"* Đức Phật Bảo Tạng mới nói: *"Này công chúa Mâu Ni, phàm thân nữ có năm điều chướng* (chúng ta biết năm điều chướng là: 1. Không thể làm Chuyển Luân Thánh Vương, 2. Không thể làm vua trời Đế Thích, 3. Không làm Ma vương, 4. Không làm Phạm thiên vương, 5. Không thể làm Phật), *cho nên cô chưa được thọ ký thành Phật"*. Lúc đó cổ rất mong phát tâm [làm Phật], nói: *"Nếu ngài không*

thọ ký cho con, thì con sẽ tự vẫn". Lúc đó đức Phật nói: *"Này cô, cô có thể đợi đến vô lượng kiếp sau, sẽ có đức Phật ra đời hiệu là Minh Đăng Quang* (chính là vị Tỳ-kheo đó), *vị đó sẽ thọ ký cho cô thành Phật"*. Quý vị biết đức Phật đó là Phật Nhiên Đăng, và Ngài thọ ký cho đức Phật Mâu Ni là sau này thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Và câu chuyện đó bắt đầu từ việc cúng dường năm đóa hoa sen của cô Da Du Đà La. Sau khi cúng xong thì được thọ ký thành Phật.

Cho nên là phải vô lượng kiếp sau mới được thọ ký thành Phật. Và câu chuyện đó ghi nhận: đó là lần đầu tiên đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni phát tâm thành Phật độ chúng sanh vào thời kiếp xa xưa như thế. Và bên A Tỳ Đàm nói là 20 a-tăng-kỳ kiếp về trước, xa như thế! Cho nên mới đầu ngài chỉ là một người nữ thôi, mà ngài phát tâm, Mâu Ni tức là công chúa Mâu Ni, và qua 20 a-tăng-kỳ kiếp sau ngài trở thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Và từ thời đức Phật Nhiên Đăng cho đến nay, trong kinh khác có nói là 4 a-tăng-kỳ kiếp. Có nghĩa là ngài đã tu 16 a-tăng-kỳ, và đến 16 a-tăng-kỳ mới được thọ ký thành Phật.

Cho nên con đường thành Phật dài xa quá, nghe vậy ngán quá nên khỏi tu luôn, đúng không? Xin lỗi quý vị! Đó là con đường thành Phật, còn quý vị muốn thành A-la-hán hay Tu-đà-hoàn thì nhanh lắm. Đặc biệt là vô [địa vị] Tu-đà-hoàn hay mấy địa vị như Gia gia, Nhất chủng, chúng ta nói là Tứ gia hạnh, thì con đường đó dễ hơn rất nhiều, không có mất thời gian nhiều đâu. Cho nên con đường thành Phật thì xa, còn con đường ra khỏi sanh tử thì gần. Quý vị đừng có lẫn lộn hai con đường đó. Nghe nói 3 đại a-tăng-kỳ kiếp hay 20 a-tăng-kỳ kiếp hoặc là 40 a-tăng-kỳ hay 80 a-tăng-kỳ xa quá, ngán. Đó là con đường thành Phật.

Quý vị thấy hôm bữa chúng ta giảng đến Kinh Quán Vô Lượng Thọ, từ Hạ phẩm Hạ sanh đến Thượng phẩm Thượng sanh là 12 đại kiếp, mới hoa nở thấy Phật, chứ không nói là bao giờ thành Phật. Cả bậc Thượng phẩm Thượng sanh cũng không nói là bao giờ thành Phật. Kinh Vô Lượng Thọ cũng không nói thời gian chính xác bao giờ thành Phật. Còn các cách nói, Thiện Trang nghĩ là chỉ có chư Tổ nói, chứ chưa có kinh nào nói rõ ràng. Thiện Trang thấy Kinh Hoa Nghiêm cũng không có nói rõ [thời gian] là bao nhiêu lâu. Cho nên chúng ta cứ học đi, rồi

từ từ mình rõ.

Mà quan trọng Thiện Trang nghĩ mình là sợ sanh tử mà, nên ra khỏi sanh tử đã. Còn việc thành Phật thì từ từ, không sợ, thời gian lâu xa cũng được, đúng không? Giống như người đã biết bơi thì không bao giờ sợ chết đuối nữa, ta cứ xuống sông, xuống biển ta bơi cũng được, không sao. Mình đâu có chết đuối nữa đâu mà sợ, có phao rồi. Phao đó là đắc đạo Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì không sợ đọa đường dữ, đường ác là được rồi, con đường thành Phật dài xa thì có sao đâu. Còn ai sợ quá thì nhập Niết-Bàn đỡ đi, theo Nam truyền (đây là theo thuyết chứ Thiện Trang chưa đọc hết kinh, chưa thấy nói), có vị Sư bên Nam truyền nói là thành A-la-hán rồi thì nhập Niết-Bàn luôn, không ra nữa. Còn bên Kinh Lăng Nghiêm của chúng ta thì nói là thành A-la-hán rồi cũng [tiếp tục] cầu Bồ-đề. Dù sao sau này [ai] rồi cũng thành Phật thôi. Chúng ta tin theo Đại thừa thì mình thấy con đường dài xa cũng được, miễn là ra khỏi sanh tử trước đã. Đó là Thiện Trang nói với quý vị như vậy.

Như vậy ở đây nói là cúng dường cho những bậc từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật thì không được hiện báo.

Cho nên, A Nan, cần phải nỗ lực dũng mãnh để thành tựu bảy pháp này. A Nan, hãy học điều này như vậy.

A Nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 4 – Phẩm Bảy Ngày Thứ 40 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy Kinh Tăng Nhất A Hàm có rất nhiều chi tiết hay, nếu quý vị có thời gian thì quý vị nghe. Nếu quý vị muốn nghe những đoạn ngắn ngắn thì quý vị nghe Kinh Tăng Nhất A Hàm, có nhiều bộ kinh ngắn. Còn Kinh Trường A Hàm thì dài.

Mình đang học phần Ngũ uẩn, nên hôm nay Thiện Trang giới thiệu luôn cho quý vị phần Ngũ uẩn theo tạng kinh. Chúng ta cũng đã học bên Luận Câu Xá, hôm nay ôn lại một chút.

Ngũ Uẩn Theo Kinh Tăng Nhất A Hàm

Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp cho hàng nghìn vạn chúng trước sau vây quanh; thuyết về khổ của năm thủ uẩn (Ngũ uẩn).[1] Sao gọi là năm? Đó là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Sao gọi là Sắc uẩn? Đó là thân do bốn đại (Tứ đại), là sắc được tạo bởi bốn đại. Đó gọi là Sắc uẩn. Điều này thì dễ rồi, thân của chúng ta là do: Đất, Nước, Gió, Lửa tạo nên, đó là Sắc uẩn. Tại vì hôm bữa Thiện Trang nói Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mà Thiện Trang coi thấy mệt quá, mỗi người giảng mỗi kiểu. Thiện Trang thì không muốn giảng theo nhiều kiểu không có căn cứ, nên chúng ta căn cứ vào kinh. Đây là một bộ kinh nói về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [mời] chúng ta nghe.

Sao gọi là Thọ uẩn? Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc. Đó gọi là Thọ uẩn. Chi tiết này thì dễ đúng không? Chúng ta có thể cảm nhận thấy khổ, hay là thấy vui, cảm thấy không khổ không vui tức là trơ trơ, không có tác dụng gì hết. Giống như mình đang ngồi mà thấy đau chân quá, đó là cảm thọ khổ. Còn vô tắm thấy nước ấm áp [hay] mát quá, đó là cảm thọ lạc. Hoặc là có khi đi ngoài mưa, mình thì thấy lạnh, còn người ta quen rồi nên thấy trơ trơ. Người mà thấy trơ trơ, không cảm thấy khổ, không cảm thấy lạc, thì đó là xả thọ. Ba thọ đó gọi là Thọ uẩn. Thọ là cảm nhận, cảm thọ.

Sao gọi là Tưởng uẩn? Đó là sự tụ hội của ba thời. Đó gọi là Tưởng uẩn. Tưởng uẩn là sự tụ hội của ba thời, đó là quá khứ, hiện tại, và tương lai. Điều này đằng sau có nói, nên chút nữa sẽ nói lại. Chúng ta cứ tiếp tục đi, vì nếu Thiện Trang giảng thì sẽ bị lặp lại.

Sao gọi là Hành uẩn? Đó là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó gọi là Hành uẩn. Thân hành là việc làm của thân, khẩu hành là việc làm của miệng, ý hành là việc làm của ý. Ba điều này gọi là Hành uẩn. Chúng ta nghe điều này thấy khác đúng không? Chút nữa chúng ta còn phần đằng sau sẽ giải thích lại.

Sao gọi là Thức uẩn? Đó là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Đó gọi là Thức uẩn. Tức là sự biết của mắt, sự biết của tai, sự biết của mũi, sự biết của lưỡi, sự biết của thân, và sự biết của ý, gọi là Thức uẩn.

Ở đây đức Phật nói lại một lần nữa:

Sao gọi là Sắc? Sắc bao gồm lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc. Điều này thì hơi sâu một chút. Sắc uẩn là do bốn đại, nhưng cảm nhận đói là mình cảm thấy đói, rồi nóng, lạnh, khát, cũng là sắc.

Sao gọi là Thọ? Thọ là giác biết. Giác biết điều gì? Giác biết khổ, giác biết lạc, giác biết không khổ, không lạc. Đó gọi là giác biết. Điều này thì rõ ràng là giải thích cho cảm nhận ở trên. Sự biết này là biết về điều gì? Biết về khổ, biết về vui, và biết không khổ không vui. Sự biết đó gọi là thọ. Quý vị thấy chúng ta học tạng kinh thì rõ ràng đúng không? Còn người ta cứ dẫn đi, Thiện Trang thấy mệt quá, mỗi người dẫn mỗi kiểu, biết đường nào mà lần. Cũng đúng, nhưng không có căn cứ, Thiện Trang thấy căn cứ theo kinh là rõ ràng nhất. May mắn là Thiện Trang cũng đã duyệt rất nhiều kinh, nên Thiện Trang biết là chỗ nào có hết. Thiện Trang nói thôi trong kinh có hết, nghe người ta giảng mệt, người ta giảng theo ý của người ta, thôi coi trong kinh cho nguyên gốc.

Mà quý vị thấy coi trong kinh nguyên gốc thì tu dễ lắm, Thiện Trang thấy tất cả các pháp tu nào mà coi trong kinh, mình tu theo đều thấy hiệu quả, an lạc, nhẹ nhàng. Giống như niệm Phật mà niệm theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ chỉ phương pháp quán tưởng v.v… hoặc là tu theo Thượng phẩm Thượng sanh, mấy phẩm cao đó quý vị, thì tu rất đơn giản, tu Lục niệm thôi: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, v.v… tu nhẹ nhàng lắm. Hoặc là quán tưởng niệm công đức của Như Lai thì thấy dễ. Còn tu theo người ta, người ta chỉ trì danh, ăn rồi cứ A Mi Đà Phật… thì niệm mệt hơn. Tất nhiên là cũng tốt, nhưng không bằng cách của Phật chỉ. Rồi quán hơi thở v.v… tất cả các pháp mà Thiện Trang coi trong kinh, Phật dạy sao mình làm vậy thì thấy hiệu quả, nhẹ nhàng, mà cũng đơn giản nữa. Còn đời sau này bày vẽ đủ các kiểu, thành ra mệt hơn nhiều.

Cho nên Thiện Trang khuyên là quý vị cứ học theo kinh, học theo kinh sẽ hiệu quả hơn rất nhiều, bởi vì đó là lời của Phật. Lời của Phật thì chắc chắn hơn lời của người thời nay và lời của chư Tổ đời sau [Phật]. Chư Tổ đời sau và người thời nay chắc chắn không bằng Phật. Nên nhớ như vậy! Nếu mình coi một kinh

chưa đủ, thì mình coi mấy kinh, đức Phật nói đi nói lại nhiều lần, nên mình coi chỗ này một chút, coi chỗ kia một chút, gom lại là đủ. Khổ nỗi thời nay không có thời gian để coi thôi. Thiện Trang xin phát tâm coi giùm cho quý vị, coi xong thì sẽ trích dẫn lên bài giảng ở đây. Cho nên quý vị nghe được là quý vị đủ rồi. Thiện Trang trích kinh thôi, Thiện Trang đâu có nói theo Thiện Trang đâu, quý vị thấy lời kinh rõ ràng mà. Quý vị thông minh, trí tuệ hơn Thiện Trang, quý vị [coi] là hiểu liền. Có nhiều người giỏi hơn Thiện Trang chớ. Còn người không giỏi thì cũng không sao, nghe Thiện Trang chia sẻ thì quý vị cũng hiểu. Cho nên yên tâm nha! Bữa nay mình hiểu rồi.

Thọ cũng là giác biết, nhưng giác biết về điều gì? Đó là giác biết về khổ, giác biết về lạc, giác biết về không khổ không lạc. Tức là [biết] về vui, khổ, và không vui không khổ là được.

Tiếp theo là nói về Tưởng và Hành. Tưởng và Hành mới khó.

Sao gọi là tưởng? Tưởng cũng là biết (đức Phật nói tưởng là biết; quý vị thấy [thọ] là biết, mà tưởng cũng là biết)**. Đó là biết xanh, vàng, đỏ, trắng, biết khổ, biết lạc. Đó gọi là biết.** Chỗ này hơi khó hiểu. Biết xanh, vàng, đỏ, trắng là mình biết về màu sắc; rồi biết khổ, biết lạc là thuộc về cảm nhận. Nhưng quý vị phải kết hợp với ở trên thì sẽ tương ưng với những điều mà Thiện Trang giảng từ bữa giờ. Ở trên chữ Tưởng uẩn là tụ hội của ba thời, cũng là biết, nên người ta diễn ra thành kinh nghiệm. Kinh nghiệm biết về ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Tức là bây giờ mình biết xanh, vàng, đỏ, trắng về quá khứ. Ví dụ mình nhớ là thầy Thiện Trang hồi xưa là Cư sĩ nên thầy mặc áo trắng, hoặc áo lam, cho nên mình tưởng tượng ra ngay. Rồi hồi xưa da của thầy đen đen… mình tưởng tượng ra như vậy. Đó là sự biết về quá khứ, xanh, vàng, đỏ, trắng.

Rồi sự biết này là tụ hội của ba thời, [ví dụ] bây giờ mình biết là da của thầy Thiện Trang trắng hơn hồi xưa, rồi mặt mày cũng đẹp hơn xưa… [Còn] mình tưởng về tương lai là mình nghĩ tương lai chắc thầy già lắm, da dẻ nhăn nheo, tưởng tượng mắt cận, lưng gù gì đó v.v… Những sự biết đó cũng là biết, nhưng sự biết này là tụ hội của ba thời: quá khứ, hiện tại và tương lai dồn chung lại, do kinh nghiệm về quá khứ, do mình thấy những gì ở hiện tại, và mình tưởng về

tương lai, mình suy nghĩ, mình đoán được tương lai là như vậy. Và sự biết này sâu hơn, sự biết này gọi là Tưởng uẩn.

Quý vị thấy không ạ? Theo kinh thì chúng ta kết hợp lại chúng ta nói, nên cách nói hôm bữa của chúng ta là đúng, nhưng đó là diễn đạt lại, còn đây là nguyên văn của Phật. Bữa nay chúng ta học về Tưởng rõ ràng rồi đó, chứ không là mơ mơ màng màng, không biết.

Rồi Hành là khó nhất, hôm bữa mình cũng chưa giảng về Hành rõ ràng đúng không? Ở trên này nói: Hành uẩn là thân hành, khẩu hành, ý hành. Hành là hành động; hành động của thân, hành động của miệng, hành động của ý. Còn ở dưới này thì nói thế nào?

Sao gọi là hành? Nó tác thành nên gọi nó là hành. Tác thành những gì? (Tác thành là làm nên thành một việc gì đó) **Hoặc thành hành vi ác, hoặc thành hành thiện. Cho nên gọi là hành.** Vì vậy cho nên có người giảng là việc thiện ác. Đó là tính chất thiện ác đúng không? Ý nghĩa là vậy. Ở đây nói là hành vi ác, hành vi thiện, ở nơi thân, khẩu và ý. Cho nên nói gọn là tính chất thiện ác, hay suy nghĩ thiện ác. Tại vì nếu trên thân thì đâu có suy nghĩ đâu, miệng thì nói, nhưng ý thì suy nghĩ. Nếu suy tư về ác hay thiện, thì gọi là ý hành; còn miệng nói có tính chất thiện hay ác, thì gọi là khẩu hành; và thân như tay, chân mà làm việc tốt, ví dụ quý vị chép kinh thì đó là việc thiện, hoặc là quý vị đánh người ta thì là ác, nên đó gọi là [thân hành].

Cho nên mình hiểu tính chất là hành vi ác, hành vi thiện của thân, khẩu, ý. Tóm lại là vậy. Cho nên rõ ràng rồi đúng không ạ? Từ đây mình giảng lại Thân kiến là gì, thì mình mới hiểu được. Mình biết Thân kiến là gì, mình bỏ những điều này ra thì mới phá được Thân kiến chứ.

Sao gọi là Thức? (Ở trên nói Thức uẩn là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, tức là 6 căn của mình) **Thức là phân biệt nhận biết phải hay không phải, cũng nhận biết các vị. Đó gọi là Thức.** Tức là quý vị nhận biết phải hay không phải, sự biết này sâu hơn sự biết kia. Sự biết này là phân biệt [nhận biết] phải hay không phải, ví dụ quý vị mở đúng kênh YouTube của thầy Thiện Trang không,

đúng trang Facebook của thầy Thiện Trang không. Đó là biết phải hay không phải. Rồi nhận biết đến các vị. Đó là Thức.

Các thiên tử nên biết, có năm Thủ uẩn này, là biết có ba đường: ác đạo, thiên đạo và nhân đạo. Năm thủ uẩn này diệt, biết là có đạo Niết-bàn.

Khi Phật nói pháp này cho các vị trời, có sáu vạn người trên trời được mắt pháp trong sạch.

Sau khi thuyết pháp xong, đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu Di nói kệ này:

Các ngươi hãy siêng học

Nơi Phật, Pháp, Thánh chúng.

Diệt đường đến tử vong,

Như dùng móc dạy voi.

Những ai không biếng nhác

Ở trong Chánh pháp này;

Người ấy dứt sanh tử,

Không có nguồn gốc khổ.

(Trích từ Kinh Số 5 – Phẩm thứ 36 - thiên Sáu Pháp - Kinh Tăng nhất A Hàm).

[Bài kệ nói] chỉ cần tu siêng năng, không biếng nhác thôi, thì người ấy dứt sanh tử. Như vậy ở đây là có căn cứ. Thiện Trang xin không giải thích thêm, để lúc nào đó Thiện Trang sẽ giảng lại cho quý vị về phá Thân kiến. Muốn phá Thân kiến thì quý vị về tìm hiểu cho rõ những điều này, đó là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức theo trong kinh. Rồi sau đó mình tách ra, đừng cho thân thể này có ta trong đó, đừng cho nó là ta. Điều này thì dễ rồi đúng không? Mình biết thân này không phải chỉ mỗi đời này, chết rồi mình có thân khác. Đó là bỏ được Sắc, loại ra [được] Thân kiến trong Sắc. Rồi [đến] Thọ: [Thọ] là cảm nhận, đừng cho cảm nhận đó là

ta. Ví dụ như mình cảm nhận ta bị nóng quá. Không phải! Điều đó là do môi trường làm cho nóng quá thôi.

Hình như hôm bữa có đồng tu nói cho Thiện Trang, ngôn ngữ khoa học bây giờ người ta nói là sự biết đó không phải là ta, suy nghĩ đó không phải là ta. Quý vị cứ [nghĩ] vậy, sự biết đó không phải là ta, suy nghĩ đó không phải là ta, Tưởng đó không phải là ta, cảm nhận đó không phải là ta. Tóm lại nói một điều đó thôi, quý vị xác nhận được điều đó thì quý vị phá được Thân kiến.

Bao giờ quý vị thấy thật [được] như vậy [thì phá Thân kiến]. Còn bây giờ quý vị thấy sự biết này là ta, ta biết như vậy, ta biết thầy Thiện Trang như thế. Cho nên không được, thấy hành vi thiện ác đó [là do] ta làm, ta đang làm hành [vi] ác, ta đang làm thiện, thì đó là ta đó. Điều này khó! Ngày nào đó mình kêu hành vi thiện ác (Hành uẩn này) không phải là ta. Vì sao? Nó là do duyên thôi, do duyên mà ta như thế, hoàn cảnh ta như thế, cho nên ta làm việc đó.

Giống như ngày xưa Thiện Trang có cắt cổ một con gà thôi mà nhớ cả đời. Thiện Trang nhớ đó không phải là Thiện Trang làm việc đó, mà do duyên như thế, trong hoàn cảnh như thế, bữa đó không có ai làm, nên bắt mình làm, rồi cuối cùng phải làm thôi. Sau đó bị phạt, bữa đó đi xe bị té chảy máu quá trời, từ đó sợ quá không làm nữa, nghỉ luôn.

Quý vị thấy mình nhớ như vậy, một ngày nào đó mình nói là do mê, không phải mình làm, do nghiệp nên mình mê. Cho nên [phải] bỏ ra, không cho hành vi thiện, hành vi ác là mình, và không làm nữa, đó là bỏ được Hành.

Còn Thức là sự phân biệt, nhận biết được phải hay không phải, nhận biết các vị, nhận biết được mùi, tùm lum hết. Sự nhận biết đó không phải là ta, mà do mắt ta không được tốt lắm cho nên nhìn màu đen thành ra màu khác v.v… Hoặc là màu đó đẹp lắm nhưng mình nhìn thấy xấu, cho nên đó không phải là sự biết (Thức) của mình.

Rồi vô bữa ăn, cùng một món đó dọn lên nhưng mỗi người cảm nhận khác nhau. Người nói tôi thấy món ăn này vừa miệng, ngon quá, ngon quá, người kia thì nói mặn quá, có ngon đâu, còn người kia nói lạt (nhạt) quá, không được. Cho

nên sự biết đó không phải ta, do nhân duyên như thế, nhân như thế, quả như thế. Duyên gì? Duyên là từ nhỏ đến lớn mình ở trong nhà ăn mặn quá, toàn ăn nước mắm quá mặn, nên là mình ăn mặn. Cho nên người ta dọn ra, mình ăn thấy vị lạt (nhạt). Còn người kia do từ nhỏ đến lớn ở trong gia đình ăn nhạt quá, nên thấy mặn. Rồi người kia họ thấy vừa, bởi vì họ nấu món đó, ngày nào họ cũng nấu như vậy cho nên họ ăn thấy vừa. Điều đó không phải là sự biết của ta, mà sự biết đó là do hoàn cảnh đó, môi trường đó, cơ thể đó, ta luyện hoài thành quen. Cho nên sự biết đó không phải là chân lý và không phải là ta.

Quý vị làm sao đó [phải] quán [được] như vậy. Cho nên tu trong đời sống hằng ngày phải thường trực hiện tiền, đó gọi là quán Tứ niệm xứ và đó là [cách] phá Thân kiến. Quý vị nghe cho rõ, khi quý vị hành trì một thời gian thì quý vị phá [được] Thân kiến. Quý vị nhớ nha! Bất cứ cảm nhận nào, ví dụ Thiện Trang thấy ở Pháp lạnh quá, bây giờ mùa đông lạnh quá, có 3-4 độ, có bữa xuống âm 2-3 độ luôn, lạnh quá. Vì sao? Thiện Trang thấy lạnh là vì Thiện Trang ở xứ nóng mới qua, còn nếu một người ở đây thì [họ] thấy bình thường mà, ngày nào năm nào chả vậy.

Đó là sự biết, sự cảm nhận, (cảm thọ) của mình, là Thọ uẩn đó, không thật, không phải là ta, mà chỉ do duyên như thế, nhân như thế, quả như thế, và cứ biết như vậy. Khi mình tách được điều đó ra, tách những cái biết, những cảm nhận, những suy nghĩ thiện ác, những việc làm thiện ác, rồi thân này mình tách ra được hết, không phải là ta nữa, mà mình biết là do duyên mà thành. Quán đó là Tứ niệm xứ, và Tứ niệm xứ này giúp cho quý vị phá Thân kiến. Cho nên mình không sân, bởi vì mình không thể nào đem mấy điều giả đó lấp vô mình, cho là mình hết. Vì sao? Món ăn bữa đó đâu phải ngon hay dở, mặn hay nhạt, mà là do mình cảm nhận, do hoàn cảnh đó.

Cho nên người dân miền Tây có một cách ăn rất ngon, quý vị có biết người dân miền Tây [ăn] thế nào không? Người dân miền Tây luôn luôn nấu lạt thôi, và để nước chan ở đó, ai thích chan bao nhiêu thì chan, chan thêm vô cho ngon. Ví dụ nấu cháo vừa vừa, lạt lạt thôi để đó, rồi làm nước chấm gừng, đủ các loại chấm v.v… chan vô thì vừa. Vừa miệng mình là mình thấy ngon, không đổ lỗi cho

ai được hết, lỡ chan nhiều quá, mặn thì ráng chịu thôi. Cho nên tại sao quý vị tới miền Tây, [thấy] người miền Tây nấu ăn cực kỳ ngon. Mà Thiện Trang thấy đúng, ai là người miền Tây thì đa số nấu ăn cực kỳ ngon. Tại vì có nghệ thuật nấu ăn, được học bài bản v.v… đủ các kiểu.

Đó là cách để mình thích nghi, và quý vị học như vậy [một] thời gian là quý vị phá được Thân kiến. Cứ thường xuyên biết: 'À, hôm nay nỗi khổ này không phải là ta đâu, mình biết sự khổ đó là giả'. Chứ người ta cứ thấy vui mà. Giống như người bị bệnh phong cùi, họ thấy gãi mới đã, còn mình thấy gãi thì đau. Điều đó là rõ ràng! Sự cảm nhận, cảm thọ đó không phải thật, không phải là ta. Mình tách ra đi, suy nghĩ đó không phải là ta, cảm nhận đó không phải là ta, thân này không phải là ta, tay chân này không phải là ta, sự biết đó không phải là ta v.v… Quý vị tách ra được một thời gian, cứ thường xuyên nghĩ như vậy. Tách ra được hoài là phá [được] Thân kiến thôi, đến một ngày nào đó là xong, và Thân kiến đã hoàn thành. Còn Nghi và Giới cấm thủ mà quý vị cũng dứt được, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã vào Sơ quả Tu-đà-hoàn.

[Chỉ] vậy thôi, mình cứ quán. Cho nên tu là tu như vậy, còn quý vị muốn tu Pháp môn nào cũng phải như vậy, mình quán, mình tu thêm, thích Thiền thì thiền, muốn niệm Phật thì niệm Phật. Quý vị tu [Pháp môn] nào cũng vậy thôi.

Như vậy hôm nay Thiện Trang đã nói rõ hơn về phá Thân kiến rồi, quý vị cứ đúc kết đoạn đó lại thì quý vị sẽ hiểu.

Khi Phật nói pháp này cho các vị trời, có sáu vạn người trên trời được mắt pháp trong sạch (tức là đắc Pháp nhãn tịnh)**.**

Đắc Pháp nhãn tịnh cũng là Tu-đà-hoàn, [điều này] ở trong kinh, Thiện Trang đã coi kỹ rồi. Trong kinh có một đoạn, đằng trước đức Phật nói về vị Ni-kiền-tử gì đó, sau khi tới chất vấn đức Phật, đức Phật nói một hồi khai thị về Vô thường, lấy tiêu chuẩn là Chuyển Luân Thánh Vương, cũng bị già bệnh chết. Sau khi [đức Phật] thuyết, thì cuối cùng ổng thua, lúc đó ổng đắc được Pháp nhãn tịnh (tức là mắt pháp trong sạch). Sau khi đắc Pháp nhãn tịnh thì ổng trở về, mời đức Phật và chư Tăng để cúng dường. Cúng dường xong, 500 Đệ tử của ổng thấy

ông này phản đạo rồi, nên giết ổng luôn. Sau khi chết, các Tỳ-kheo mới hỏi [đức Phật] là: *"Ông ấy bị chết như vậy thì sanh về đâu?"* Đức Phật nói: *"Ổng đã đắc Tu-đà-hoàn, cho nên sanh về cõi Trời".*

Quý vị thấy rõ ràng, đằng trước thì nói đắc Pháp nhãn tịnh, còn đằng sau lại nói đắc Tu-đà-hoàn. Như vậy trong bộ kinh đó xác chứng là: đắc Pháp nhãn tịnh chính là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cho nên Pháp nhãn tịnh là được mắt pháp trong sạch, vậy thì chúng ta biết thêm [kiến thức này].

Như vậy ở đây nói thêm: có sáu vạn người trên trời (tức là người cõi Trời) đắc pháp Nhãn tịnh. Cho nên lên cõi Trời cũng đắc pháp nha quý vị, quý vị đừng lo là lên trời không có Phật pháp, không đắc pháp. Hồi xưa Thiện Trang thấy, cứ nói cõi Người thù thắng, cõi Người mới đắc đạo v.v… [Thật ra] không phải, mà cõi Trời cũng đắc đạo nha, thậm chí [không chỉ] cõi Trời, mà cõi A-tu-la trong đường thiện cũng đắc đạo.

Ví dụ trong Kinh A Hàm có câu chuyện bốn ông thần: Thần gió, thần đất, còn hai thần nữa Thiện Trang quên tên rồi, đức Phật thuyết pháp cho mấy ổng, mấy ổng cũng đắc đạo. Cho nên chúng ta phải hiểu, chứ không học một hồi mình cứ nói lên cõi Trời không có đắc đạo, đó là sai. Lên cõi Trời cũng đắc đạo, nhưng khó tu hơn thôi. Khó tu là tùy cõi, chủ yếu một nỗi khổ của cõi Trời [mà] trong kinh đức Phật nói: là khi sanh về cõi Trời, mà cõi trời Dục giới thì nguy hiểm ở chỗ: mới đầu lên quý vị có trí nhớ tốt lắm, bắt quý vị quán là quý vị từ đâu tới. Quý vị biết là tôi ở năm hai ngàn không trăm bao nhiêu đó, ví dụ 2050 tôi ở cõi Nam Diêm Phù Đề, tôi chết thì được sanh lên cõi trời Đao Lợi đây. Và do tôi được nghe Sư thầy Thiện Trang thuyết pháp, rồi tôi tu tập, và tu Bát quan trai v.v… nên tôi được sanh lên cõi Trời này, tôi được cung điện như vậy, được bao nhiêu thiên nữ hầu v.v… chẳng hạn, tôi được dự tiệc bàn đào. Lúc đầu thì nhớ, và cũng nguyện rằng [tôi] phải ráng tu nữa.

Nhưng trong kinh nói, sau khi lên như vậy, ví dụ quý vị là người nam tử (là thiên tử), chứ không phải thiên nữ, mà quý vị thấy thiên nữ đẹp quá là quý vị say mê vào đó, quý vị quên mất quá khứ. Cho nên từ đó dễ [đắm say], không còn tu hành nữa, lo hưởng phước, lo đi chơi với tiên nữ v.v… rồi cuối cùng hết phước,

rớt xuống. Tại vì tuổi thọ cõi Trời không cố định, không phải 1.000 tuổi ở trời Đao Lợi đâu.

[Tuổi thọ] các cõi Trời chúng ta đã học ở bài trước rồi, tuổi thọ cõi Trời không cố định, chỉ có một cõi Trời cố định thôi, còn lại trời nào cũng không cố định hết. Cho nên rớt, không biết đằng nào mà lần đâu, hãy cẩn thận. Cho nên lên cõi Trời nguy hiểm ở chỗ đó. Ở nhân gian mình cũng vậy, ở nhân gian mình cũng đâu có biết là mình chết lúc nào đâu.

Sau khi thuyết pháp xong, đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu Di nói kệ này:

Các ngươi hãy siêng học

Nơi Phật, Pháp, Thánh chúng.

Diệt đường đến tử vong,

Như dùng móc dạy voi.

Những ai không biếng nhác

Ở trong Chánh pháp này;

Người ấy dứt sanh tử,

Không có nguồn gốc khổ.

(*Trích từ Kinh Số 5 – Phẩm thứ 36- thiên Sáu Pháp - Kinh Tăng nhất A Hàm*).

Đoạn này hết rồi, Thiện Trang đã trích dẫn cho nhiều bộ kinh, không biết quý vị nghe nổi không? Bữa nay nhiều kiến thức lắm, nhưng thật ra chỉ có mấy kiến thức quan trọng thôi. Thời gian còn lại, Thiện Trang chia sẻ thêm Tâm sở trong A Tỳ Đàm, chúng ta nghe được bao nhiêu thì nghe. Cứ từ từ nghe, học rồi dần dần sẽ hiểu.

Trong A Tỳ Đàm có 215 pháp, giống như Bách Pháp Minh Môn Luận có 100 pháp. Còn A Tỳ Đàm chia ra 215 pháp, trong đó có 52 món Tâm sở, là 52 pháp.

Chúng ta đã học qua 13 Tâm sở Tợ tha, gồm: 7 Tâm sở Biến hành là Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. Thiện Trang xin nhắc lại, Tợ tha tức là nó nương vào nhóm Tâm sở Bất thiện, hoặc nhóm Tâm sở Tịnh hảo. Còn Biến hành là tại vì lúc nào nó cũng đi hết, tức là trong các loại tâm, trong 121 tâm đều có các [Tâm sở] này, tức là suy nghĩ của mình lúc nào cũng có những Tâm sở này. Rồi có 6 Tâm sở Biệt cảnh: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục. Biệt cảnh tức là lúc có lúc không, và [những Tâm sở] này là Tợ tha, vì đi với thằng thiện thì thành ra thiện, mà đi với thằng ác thì thành ra ác.

Chúng ta đã học tới 14 Tâm sở Bất thiện, và đã học được một ít gồm 4 Tâm sở Biến hành. Tức là trong bất thiện luôn có mặt bốn [Tâm sở]: Si, Vô tàm, Vô úy, và Trạo cử. Nếu không có bốn thằng này thì không thể nào bất thiện được, lúc nào bất thiện thì [những Tâm sở này] cũng có mặt. [Còn] 10 Tâm sở Biệt cảnh, thì chúng ta đã học qua Tham, Tà kiến, Ngã mạn và Sân rồi. Bữa hôm nay Thiện Trang chia sẻ Tâm sở Tật, nếu còn thời gian thì thêm [Tâm sở] Lận và [Tâm sở] Hối. Còn không thì chia sẻ được bao nhiêu thì chia sẻ, bữa nay chia sẻ từ [Tâm sở] Tật.

II. Tâm sở Bất thiện gồm 14 chia làm hai nhóm:
II.A. Tâm sở Bất thiện Biến hành gồm 4: 1. Si; 2.Vô tàm; 3.Vô úy; 4.Trạo cử.
II.B. Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm 10:
1.Tham; 2.Tà kiến; 3.Ngã mạn; *(Nhóm Tham phần)*
4.Sân; 5.Tật (Tật đố); 6. Lận (che giấu); 7.Hối (Hối hận); *(Nhóm Sân phần)*
8.Hôn trầm; 9.Thùy miên; 10.Hoài nghi; *(Nhóm Trì trệ và Do dự)*

Chúng ta đã quá quen với bảng này, hôm bữa hình như Thiện Trang cắt

nhầm, [Tâm sở] Hối nằm ở dưới này, thực tế thì [Tâm sở] Hối phải nằm ở trên. Nhóm Sân phần gồm có 4 Tâm sở: Sân, Tật, [Lận, Hối]; #Tật là tật đố; #Lận là che giấu, và che giấu này là che giấu tài sản; và #Hối là hối hận.

Bây giờ chúng ta sẽ học Tâm sở Tật, là Tâm sở thứ năm trong 10 Tâm sở Biệt cảnh của Bất thiện. Tật là tật đố. Thế nào là tật đố? Quý vị chắc nhiều người cũng biết, trong đầu cũng hình dung được. Ví dụ như đi học, thấy có đứa hơn điểm mình là mình ghét, mình không thích, điều này là tật đố. Tật đố là trạng thái ganh tị với sự thành tựu hay sự phát đạt của người khác, đơn giản vậy thôi. Tức là người ta thành công mà mình ghét, mình không thích. Hay trong Vô Tỷ Pháp Tập Yếu của Hòa thượng Trưởng lão Tịnh Sự nói: Là trạng thái tâm không mong muốn người khác được điều gì, tức là trạng thái tâm không mong muốn người ta thành tựu điều gì. Trạng thái như thế gọi là ganh tị hay là tật đố.

Và hầu như người đời đều có điều này, có rất nhiều. Tật đố là không nhìn vào chính mình, mà nhắm vào tha nhân (tức là nhắm vào người khác). Quý vị thấy rõ ràng, Tật đố là mình nhìn người khác chứ không phải nhìn mình, thấy người khác thành công mình không chịu, mình ghét, mình ganh, đó là Tật đố. Điều này là do nhìn ra ngoài, không nhìn vào trong.

Ở trong Chú Giải của Pali nói là: Không chịu được người khác hơn mình, gọi là Tật đố. Tức là thấy người ta hơn mình là mình chịu không được, điều này cũng rõ ràng. Thông thường [nếu] thấy người ta dở hơn mình thì mình đâu có tật [đố], ta thấy họ dở hơn mà, thành tựu một chút cũng đâu có ăn thua gì.

Thông thường đi học, Thiện Trang thấy có nhiều lớp, có nhiều đứa [ganh] tị lắm. Ví dụ [đứa đó] được 9 điểm, còn mình thi được 8 điểm, thì nó cũng cười bình thường, nó không ghét mình đâu. Nhưng bữa sau nó thấy mình được 9.5 điểm, còn nó 9 điểm là nó không thích. Điều này là Tật đố. Thiện Trang thấy hồi xưa đi học là có.

Và xin nói với quý vị, ai đi học với Thiện Trang, tại trong này cũng có những người bạn của Thiện Trang đang nghe pháp, nên Thiện Trang xin nói là Thiện Trang không có tính này. Hồi xưa những người đi học chung với Thiện Trang có

thể thấy là Thiện Trang không có tính này. Mà [Thiện Trang] thấy bạn thành công là mình vui, cũng mừng, cho nên Thiện Trang có tùy hỉ. Và trong Phật pháp nếu quý vị tu giỏi hơn thì Thiện Trang cũng mừng cho quý vị, đấy là sự thật. Điều này là do không biết tùy hỷ công đức, tùy hỷ tức là vui theo [khi thấy] người ta thành tựu. Cho nên những người này dễ sân lắm, vì tức mình khi thấy người ta thành tựu.

Tật đố [vì] ganh tị, thái độ ganh tị, tật đố vì sự lợi lộc, vì sự cung kính, vì tín ngưỡng. Ví dụ như mình thấy lợi, người ta được cho quà, còn mình không được quà, là mình khó chịu. Về sự cung kính: tức là thấy người ta được cung kính, còn mình không được cung kính là mình ghét, mình ganh tị. Về tín ngưỡng: là mình thấy người ta học Phật pháp giỏi hơn mình, người ta học Phật, Pháp môn đó mà mình không học, nhưng mình cũng không chịu. Tật đố về cách lễ bái: tức là mình [được người ta] cúi đầu lễ vậy thôi, còn thấy người ta được [người khác] nằm sấp xuống lễ luôn, là mình cũng khó chịu. Giống như bây giờ Sư Minh Tuệ được nhiều người cung kính, rất nhiều người cũng tật đố, ganh ghét, nên bày đặt nói xấu này kia chẳng hạn.

Rồi tật đố về sự cúng dường của người khác: điều này trong Phật pháp là rõ ràng nhất. Có nhiều người thấy người khác cúng dường nhiều hơn mình thì mình ghét, chùa đó được nhiều người cúng, còn chùa mình không được ai cúng hết nên mình ghét. Đó là Tật đố. Những Tật đố như thế gọi là Tật đố triền, tức là sự quấn quýt, quấn mình vô trong vòng khó chịu.

Ý nghĩa của Tật đố, chủ yếu là tật đố với tài sản, danh lợi của người khác. Phận sự của nó là không vừa lòng với tài sản, danh lợi của người khác. Và thành tựu là tránh mặt với tài sản, danh lợi của người khác. Nhân tố quan trọng nhất là có tài sản và danh lợi của người khác, tức là toàn nhìn vào người khác thôi.

Tâm sở này là Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh. Vì sao là Biệt cảnh? Bất thiện Biệt cảnh là lúc có, lúc không có. Bây giờ có thì rõ rồi, ví dụ mình ngã mạn thì tất nhiên có tật đố rồi. Vì do tôi ngã mạn, nên tôi thấy người ta hơn tôi, là tôi không chịu được, thấy như vậy thì tôi sẽ tật đố. Điều đó là đương nhiên. Nhưng bây giờ quý vị lấy một ví dụ, một trường hợp trong những Tâm sở Bất thiện mà không

có Tâm sở Tật đố này. Để Thiện Trang chiếu lại cho quý vị những Tâm sở mà chúng ta đã học.

I.A. Tâm sở Biến hành gồm 7: 1.Xúc; 2.Thọ; 3.Tưởng; 4.Tư; 5.Nhất hành (định); 6.Mạng quyền; 7.Tác ý
I.B. Tâm sở Biệt cảnh gồm 6: 1.Tầm; 2.Tứ; 3.Thắng giải; 4.Cần; 5.Hỷ; 6.Dục
II. Tâm sở Bất thiện gồm 14 chia làm hai nhóm:
II.A. Tâm sở Bất thiện Biến hành gồm 4: 1. Si; 2.Vô tàm; 3.Vô úy; 4.Trạo cử.
II.B. Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm 10:
1.Tham; 2.Tà kiến; 3.Ngã mạn; (Nhóm Tham phần)
4.Sân; 5.Tật (Tật đố); 6. Lận (che giấu); 7.Hối (Hối hận); (Nhóm Sân phần)
8.Hôn trầm; 9.Thùy miên; 10.Hoài nghi; (Nhóm Trì trệ và Do dự)

Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh gồm: Tham, Tà kiến, Ngã mạn, bây giờ mình học mấy [Tâm sở] sau, có trường hợp nào mà không có Tật đố hay không? Có rất nhiều. Ví dụ như Hôn trầm, đang ngủ thì tật đố với ai, ngủ gà ngủ gục, Thùy miên thì đâu có Tật đố đâu. Hoặc Tâm sở Hoài nghi, khi quý vị có Hoài nghi thì đâu có Tật đố, đang nghi vấn đề gì thì đâu có tật đố với ai. Hoặc Tâm sở Tham, tham thì có khi có tật đố, vì tham danh cho nên thấy người ta hơn mình thì mình tật đố. Nhưng có khi mình tham một cái gì đó, ví dụ như tham ăn, thì đâu có tật đố với

ai trong lúc ăn đó. Nên đó cũng là một trường hợp mà không có Tật đố, nên mới gọi là Biệt cảnh, ý nghĩa là như vậy. Và có thể có trong nhiều [hoàn cảnh] khác nữa, hoặc có lúc có, lúc không. Đó là Tật đố, [Thiện Trang] giảng như vậy thì quý vị hiểu rồi nha.

Tâm sở tiếp theo là [Tâm sở] **Lận**: Lận dịch ngắn nghĩa là che giấu, nhưng nói rõ hơn Lận là trạng thái che đậy, giấu giếm tài sản của mình, không cảm thông, không chịu chia sẻ tài sản với người khác, hay là đặc ân của mình đối với người khác. Chữ Lận này [đối với] người miền Nam thì dễ hiểu hơn, Lận có ví dụ rất rõ ràng. Có câu chuyện hài, Thiện Trang nhớ là hồi xưa nghèo lắm, có ông đó đào được một ít khoai lang, miền Nam gọi là củ lang, miền Bắc gọi là khoai lang. Bắt đầu ổng đốt lửa nướng, [nhìn khoai] ngon quá. Nhưng có mấy đứa nhỏ tới, ổng kêu ta có mỗi củ khoai lang này, mà chia cho nó hết thì giờ làm sao, mới vừa bóc ra, còn chưa chín. Ổng không biết phải làm sao cho đúng, nên nghĩ cách lận vào trong quần đùi để giấu đi (nên gọi lận tức là giấu). [Ổng] cuốn vô trong cái quần, nhét ra đằng sau lưng để giấu đi. Tất nhiên giấu như vậy là bình thường thôi, ổng giấu sau lưng rồi quay mặt tới tụi nhỏ, thì tụi nhỏ không thấy và không xin được củ khoai lang đó, đợi chút rồi ổng ăn.

Nhưng ổng không nghĩ ra là lận như vậy một lát nó nóng quá. Do nóng quá nên ổng nhảy tưng tưng lên, một hồi củ khoai rớt xuống, tụi nhỏ cười quá trời. Quý vị tự hiểu cảnh lúc đó thế nào. Đó được gọi là lận. Lận nghĩa là che giấu tài sản của mình để không chia cho người khác, điều đó thuộc về Xan tham; Xan là bủn xỉn. Tức là Lận là mang tính bòn rút, keo kiệt, bủn xỉn, không muốn chia tài sản của mình cho người khác, cho nên gọi là Lận, tức là giấu.

Qua câu chuyện vừa rồi chắc quý vị nhớ lắm, vì câu chuyện đó hài thì sẽ dễ nhớ hơn. Cho nên mình bỏn xẻn thì gọi là Lận (ngôn ngữ miền Bắc gọi là bỏn xẻn, ngôn ngữ miền Nam gọi là lận). Thật ra Bỏn xẻn không chỉ mỗi tài sản đâu, mà trong Kinh Tăng Chi có năm loại bỏn xẻn:

1. Bỏn xẻn về chỗ ở, ví dụ như mình có chỗ ở, mà mình nói thôi không cho, bữa nay để bảng nhà có khách hoặc phòng trọ đang có khách, nên hôm nay không tiếp khách nữa v.v… Đó là bỏn xẻn. Tức là mình không muốn cho người

ta chỗ ở. 2. Bỏn xẻn về lợi lộc: tức là có gì mình cũng không cho người ta, không chia sẻ với người ta. 3. Bỏn xẻn về sắc đẹp: tức là mình biết bí quyết làm đẹp mà không chia cho người ta, không chỉ cho người ta. 4. Bỏn xẻn pháp: tức là bỏn xẻn về Phật pháp, [hoặc] phương pháp làm. 5. Bỏn xẻn về dòng giống (trong kinh nói bỏn xẻn về dòng giống mình thấy hơi lạ). Dòng giống là sao? Dòng giống chắc là không cho dòng giống. [Ví dụ] dòng mình [là] Sát-đế-lợi ngon quá, nên không chịu chia sẻ dòng giống mình cho người khác. Hoặc là bây giờ nói: Tôi đẹp quá, mà bây giờ lấy người đó xấu thì con [sinh ra] sẽ xấu, cho nên không chịu, hay thế nào đó. Trong kinh nói vậy, chứ Thiện Trang không biết vì sao ở Ấn Độ thời đó tại sao lại bỏn xẻn dòng giống. Có thể do họ phân biệt dòng dõi, dòng Sát-đế-lợi, dòng Bà-la-môn...

Đó là năm loại bỏn xẻn, tức là không chỉ bỏn xẻn về tài sản, mà bỏn xẻn cả về chỗ ở, bỏn xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về sắc đẹp, bỏn xẻn pháp. Bỏn xẻn pháp là tôi biết Phật pháp nhưng tôi keo, tôi không muốn nói rõ, tôi nói mơ mơ màng màng, để quý vị nghe không hiểu chẳng hạn. Tôi cố tình như vậy, hoặc sợ người ta nghe người ta hiểu hết, người ta giỏi hơn mình rồi mình không giảng được cho ai. Hoặc nhốt người ta vô, kêu là học theo tôi thôi, đừng học theo ai hết, v.v… Hoặc là đừng đọc kinh, đọc kinh rồi giỏi hơn tôi, thì làm sao tôi giảng nữa, chẳng hạn. Những điều đó là thuộc về bỏn xẻn pháp.

Cho nên ngược lại [với Lận], là chúng ta phải rộng rãi lên. Những người rộng rãi là không có Lận (bỏn xẻn). Nếu ai tiếp cận với Thiện Trang [thì biết], từ nhỏ cho đến giờ, chứ không phải [khi] biết Phật pháp đâu. Hồi chưa biết Phật pháp thì Thiện Trang cũng rộng rãi rồi. Từ hồi sinh viên Đại học hay hồi Phổ thông thì Thiện Trang đều rộng rãi. Cho nên Thiện Trang không có Tâm sở Tật và Lận, thực sự nếu có thì chắc ít thôi, chứ không nhiều, vì Thiện Trang rất rộng rãi. Quý vị thấy, người nào hay đồng tu tới cần gì là [Thiện Trang] cho hết, tặng cũng được. Rộng rãi là mình bố thí, tâm bố thí ngược lại với [Tâm sở Lận].

Tại vì sao? Thật ra do học không hiểu Chánh pháp và nhiều đời mình học không tới, bây giờ có nhiều người học Phật pháp rồi nhưng Lận (bỏn xẻn) vẫn còn nhiều. Cho nên trong kinh, đức Phật khuyên chúng ta hãy bố thí, hãy xả, chứ

không phải mình giấu hết.

Ở đây, Tâm sở Lận thực ra là quan điểm cá nhân, tức là quan niệm về mình, nhìn về tài sản của mình, nhìn về những gì của mình. Còn Tâm sở Tật thì nhìn về đối phương, nhìn về người khác, ngược nhau. Nhìn ra ngoài là ghét sự thành tựu của người ta, tài sản của người ta, những gì của người ta mà mình không hài lòng, đó gọi là Tật. Còn Lận thì ngược lại, là nhìn vào mình, mình thấy có của mình, mình có thành tựu này kia, nhưng không muốn chia sẻ thành tựu của mình cho người khác. Hai [Tâm sở] đó ngược nhau, [quý vị] hiểu như vậy cho dễ.

Cả Tâm sở Tật và Tâm sở Lận đều làm cho chúng sanh buồn, mà không cần pháp hỗ trợ từ những pháp khác. Nghĩa là chúng sanh sẽ buồn, vì sao? Quý vị thấy có ai vui vì hai Tâm sở này không? Có ai vui khi ganh ghét với người khác không? Chắc chắn ghen ghét là tức (là sân), nên [hai Tâm sở này] đi kèm với Sân, cho nên xếp vào nhóm Sân phần. Tật thì tất nhiên là ghét, có người tu tinh tấn lắm nhưng tại sao mặt không tươi tỉnh mà sân? Là do có Tật đố này, [vì] không muốn người khác hơn mình. Hoặc là có keo (keo kiệt, bỏn xẻn) là Lận, tức là che giấu. Cho nên không hài lòng, sợ mất, sợ gì đó nên sân, khó chịu khi người ta tới, mình đang ăn mà không muốn chia sẻ như trong ví dụ đó. Hoặc mình có pháp hay mà không chia sẻ, sợ người ta hơn mình, v.v… điều này là Lận. Điều đó cũng thuộc về Sân, vì làm chúng sanh buồn, khó chịu, cho nên đi với nhóm Sân. Quý vị hiểu đơn giản vậy thôi.

Vậy khi nào chúng sanh vui? Quý vị tu tuỳ hỷ công đức đúng không? Vậy quý vị hãy bỏ giùm hai Tâm sở Tật và Tâm sở Lận này, thì quý vị sẽ vui. Cho nên người thường thường pháp hỷ sung mãn, thường vui, là do họ bỏ được hai [Tâm sở] đó. Từ nhỏ Thiện Trang tự hào về điều này, [Thiện Trang] nói hơi ngã mạn chút điều này, tại vì Thiện Trang từ nhỏ đến lớn hay cười, vui. Thiện Trang nhớ năm học lớp 7, có một lần cô giáo nói là: *"Sao em cười suốt vậy, lên kiểm tra bài cũng cười nữa?"* Chắc bữa đó cô cũng hơi buồn nên cô cũng khó chịu với mình, [cô] đang buồn mà thấy mình cười miết. Thiện Trang tâm xả nên lúc nào cũng rộng rãi với mọi người, và không ganh tị, cho nên Thiện Trang không có gì hết.

Quý vị chỉ cần bỏ được hai Tâm sở này, thì Tâm sở Sân ít hiện hơn, như vậy

quý vị được vui nhiều hơn, mặt mày của quý vị sẽ sáng hơn, đời sống sẽ bớt [phiền não] hơn. Thiện Trang thấy ngay cả những người đồng tu với nhau vẫn có sự ganh tị, thấy người ta hơn mình chút là bắt đầu nói đồng tu đó thế này, đồng tu đó thế kia. Rồi kêu đồng tu đó nói điều đó hay nhưng thực tế làm không được v.v… Toàn là như vậy, thì đó là Tật đó.

Rồi về Lận, có nhiều cái Lận lắm. Lận mở rộng ra là che giấu những yếu điểm của mình. Ngoài che giấu thành công của mình, sợ người ta hơn mình, hoặc chia sẻ những tài sản của mình. Cho nên coi vậy chứ xét hai Tâm sở này, ngay cả những đồng tu lâu năm cũng rớt rất nhiều. Điều này là thiện căn nhiều đời. Thiện Trang thấy không phải giàu là họ sẽ rộng rãi đâu, có nhiều người giàu mà keo kiệt, bỏn xẻn, rồi có nhiều người nghèo nhưng rộng rãi. Cho nên [quý vị] ráng rộng rãi đi. Thiện Trang thấy có những người không rộng rãi được, họ thấy mình rộng rãi là họ khó chịu, thì làm sao họ rộng rãi được, nên là khó.

Tật đố là gì? Tật đố là không mong người ta thành tựu, điều này cũng khó. Không phải người giỏi là họ không có Tật đố đâu, họ vẫn có Tật đố, vẫn ganh tị. Mà không phải người dở là họ sẽ có Tật đố, có nhiều người dở nhưng họ luôn tùy hỷ với sự thành công của người khác. Tất nhiên có nhiều người dở cũng có Tật đố. Cho nên [quý vị] cố gắng nha! Tu nằm ở đây, và bỏ được hai [Tâm sở] này là giảm được Sân rất nhiều.

Cho nên bỏn xẻn này thì cũng là bỏn xẻn đủ thứ hết, trong đó nói bỏn xẻn về chỗ ở, bỏn xẻn về dòng dõi, sắc đẹp v.v… Mình giấu giếm tài sản, không cho người khác dính líu đến tài sản của mình. Giống như có cái điện thoại hoặc có gì mà không đưa cho người ta xài. Nhân thân cận (tức là nhân gần nhất) là do tài sản hay những thành công về điều gì đó.

Tâm sở này là Biệt cảnh, vì sao? Vì có những lúc không có. Ví dụ Tâm sở nào, mình giấu cái gì mà không có. Bây giờ coi trong mấy ví dụ, xem Tâm sở nào không có Tâm sở Lận. Ví dụ lúc chúng ta hoài nghi, thì chúng ta không có Lận. Hoặc lúc ngủ thì thời gian đâu nghĩ đến tài sản hay gì nữa, ngủ mơ mơ màng màng, cho nên không có Tâm sở này. Vì vậy Tâm sở này mới là Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh. Thông thường nhóm dưới không đi kèm với nhóm trên (thông thường

chứ không phải tất cả). Cho nên tu hãy cố gắng bỏ hai Tâm sở này thì bớt Sân.

Thật ra còn một Tâm sở nữa là Tâm sở Hối. Hối là hối hận. Hối hận là trạng thái đau buồn, ăn năn về những ác pháp đã làm và những thiện pháp chưa làm. Tức là có hai điều: mình hối hận, ăn năn, đau buồn vì những pháp ác mình đã làm, mình làm chuyện nào xấu rồi mình hối hận. Ví dụ tiếc rằng hồi xưa mình vô minh quá, người nữ thì phá thai, hoặc người nam hối hận vì hồi xưa không biết học bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, cho nên lỡ phạm tà dâm rồi. Vì nhớ miết, ray rứt như vậy, thì đó là đau buồn, ăn năn với pháp ác đã làm.

Ngoài ra còn đau buồn, ăn năn với các pháp thiện chưa làm, tức là mình chưa làm pháp thiện [nên] mình ăn năn. [Ví dụ] như hồi đó biết vậy thì tôi đã tu sớm rồi, năm đó biết thầy Thiện Trang giảng pháp hay như vậy, vô nghe sớm là được rồi. Bây giờ nghe không kịp, nghe không nổi v.v… Những điều đó là pháp thiện mà đáng lẽ mình làm. Hoặc mình nhớ, bữa đó gặp Sư Minh Tuệ, biết Sư Minh Tuệ đi qua nhà mình, bữa đó mà mình cúng dường, thì biết đâu là cúng dường được một vị Thánh nhân rồi, được phước báu lớn rồi. [Lại] bữa đó đi qua nhà mình, mà mình không cúng dường, thậm chí [vào] nhà xin mà mình không cho. Như vậy đó là hối hận vì thiện pháp mình đã không làm, hay chưa làm.

Những gì đã qua rồi mà mình hối hận về việc đó; hối là quay trở lại, hận là tức về những gì đã qua, hướng về quá khứ, ăn năn, đau buồn, đó là hối hận. Điều này thuộc về Tâm sở Sân. Tức ai? Tức [chính] mình.

Hai Tâm sở ở trên: Tật đố và Lận, (là tức người). Tật đố là tức vì người khác thành công. [Lận (che giấu)] là tức vì mình phải chia sẻ tài sản, chia sẻ thành công, hay chia sẻ những gì của mình cho người khác, vì tham mà tức. Còn Hối hận là tức vì chính mình, cũng là sân luôn. Cho nên ba [Tâm sở: Tật, Lận, Hối] này điều này thuộc về nhóm Sân, và làm cho [Tâm sở] Sân mạnh lên. Nên ai có ba điều này là sân nhiều lắm. Tại sao tu hành nhiều mà mặt mày tối thui, mặt mày sao sân vậy, thì quý vị chịu khó bỏ giùm ba Tâm sở: Tật, Lận, Hối ra.

[Thứ nhất] muốn buông bỏ được Tật, thì mình phải tùy hỷ tán thán sự thành công của người ta, vui với sự thành công của người ta. Tán thán sự thành

công của người ta bằng sự tán thán thật lòng, mình thấy người ta thành công mình phải mừng vui. Thứ hai mình đừng có lận, mà phải rộng rãi lên. [Cho nên] ki bo, keo kiệt quá, không muốn chia sẻ thì sẽ có sân thôi. Thứ ba là không nhớ về những điều quá khứ. Trong A Tỳ Đàm nói: **Việc khóc than một ly sữa đã đổ rồi, là một điều vô ích**. Bởi vì sữa đã đổ đi thì không thể hốt lại. Giống như hồi xưa người ta nói 'ly nước đã đổ rồi thì không hốt lại được đâu', một cái ly đã vỡ không thể nào gắn lại được đâu. Cho nên những gì đã qua thì hãy bỏ đi, và bài kinh nói về điều đó chính là Kinh Nhất Dạ Hiền Giả.

Bữa nay Thiện Trang giới thiệu luôn Kinh Nhất Dạ Hiền ở bên Kinh A Hàm. Trong Kinh A Hàm có Kinh Nhất Dạ Hiền, [xin] giới thiệu luôn cho quý vị đoạn kinh này, bài kệ để quý vị học luôn:

Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;

Tương lai cũng chớ mong cầu.

Quá khứ đã qua, đã mất,

Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có

Thì nên quán sát suy tư.

Niệm niệm mong manh không chắc,

Người khôn biết vậy nên tu.

Nếu có làm theo hạnh Thánh,

Ai hay nỗi chết ưu sầu.

Nhất định tránh xa sự chết;

Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

Như vậy thực hành tinh tấn,

Ngày đêm không chút biếng lười.

Vì vậy phải thường tụng đọc

Bạt-địa-la-đế kệ này

(Trích từ Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên – Kinh 165 – Trung A Hàm).

Kinh 166 của Trung A Hàm cũng có bài kệ này, bài kệ này gọi là Bạt Địa La Đế, thực tế là tương đương với Kinh Nhất Dạ Hiền Giả bên Kinh Nikaya.

Quý vị chỉ cần nhớ: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ; tương lai cũng chớ mong cầu. Diễn nghĩa khác thôi, nhưng thực tế là đừng nghĩ về quá khứ, cũng đừng mong cầu hướng về tương lai. Vì sao? Quá khứ đã qua, đã mất; còn tương lai thì chưa đến, còn xa; hiện tại những gì đang có thì nên quán sát suy tư. Cho nên mình hãy nghĩ về hiện tại thôi. Niệm niệm mong manh không chắc; người khôn biết vậy nên tu; nếu có làm theo hạnh Thánh; ai hay nỗi chết ưu sầu; nhất định tránh xa sự chết. Từ đó mình xa lìa được hiểm nguy, và từ đó thực hành tinh tấn đừng có lười biếng. Nhớ thường xuyên đọc tụng bài kệ này.

Đây là Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên – Kinh 165 (Kinh 166 cũng có bài kệ này) – Trung A Hàm. Quý vị thấy hai bộ Kinh đều rất rõ ràng. [Quý vị] cố gắng đừng nghĩ về quá khứ, đừng vọng về tương lai. Nếu nghĩ về quá khứ thì dễ bị hối hận, hối hận ngày xưa tại sao như thế. Ngày xưa có nhiều hối hận lắm, trên đời có rất nhiều sự hối hận, vì sao? Vì chúng ta có quá nhiều thứ mà mình làm không đúng. Vì sao không đúng? Vì hồi đó nghiệp che, vì hồi đó trí tuệ chưa đủ, vì hồi đó tầm nhìn chưa đủ. Và sau khi mình có tầm nhìn, mình có trí tuệ, hoặc mình thoát ra khỏi nghiệp đó thì mình thấy mình ngu, mình khờ, v.v… Những điều đó khiến cho mình hối hận, vì những việc làm không tốt, và những việc tốt mình bỏ qua.

Bây giờ lấy một ví dụ cơ bản thôi, như đi phỏng vấn 100 cặp vợ chồng, [hỏi]: "Có hài lòng với người chồng, người vợ đó không?" Thiện Trang đảm bảo đa số [trả lời] là không, chẳng ai hài lòng hết, biết vậy lấy người khác. Nhưng thực tế lấy người khác cũng vậy thôi, tại vì chưa vô đó cho nên nghĩ là tốt đẹp, thế gian gọi là 'tình chỉ đẹp khi còn dang dở', dang dở cho nên đẹp, tưởng tượng đẹp. Bằng kinh nghiệm thời mộng mơ, mình tưởng như vậy, ai ngờ sau này người ta

cũng xấu hoắc.

Cho nên đừng hối hận vì những chuyện đã qua, vì nếu hối hận đó là mình đang tức chính mình: Tại sao ngày xưa tôi lựa chọn sai, tại sao hồi đó tôi không đi xuất gia cho rồi v.v… Những tâm này khiến mình sân. Hối hận cũng thuộc về Sân, Sân phần mà. Cho nên cố gắng tránh. Hối hận là sân, sân này là bất mãn với chính mình.

Cho nên ba Tâm sở: Tật đố, Lận, Hối hận là ba Tâm sở đồng hành, hay bầu bạn với Tâm sở Sân. Chúng cùng sanh khởi để tạo cho sân mạnh hơn. Sân là chính, còn mấy thằng kia giống như là phụ tá đi theo, hoặc mấy thằng kia khởi lên châm lửa cho thằng Sân. Cho nên muốn diệt Sân, muốn giảm Sân, thì cố gắng làm từ mấy Tâm sở: [Tật, Lận, Hối hận], tại vì mấy [Tâm sở] này trợ duyên.

Cho nên học bộ Duy Thức hay học bộ A Tỳ Đàm rõ ràng lắm. Chứ mình cứ đè đầu nói đừng có sân. Quý vị muốn đừng sân thì đừng tật đố, hãy tùy hỷ công đức với mọi người. Quý vị muốn đừng sân thì cố gắng rộng rãi, đừng keo kiệt bỏn xẻn, đừng che giấu tài sản, đừng che giấu tài năng hay che giấu gì đó, mà hãy rộng rãi lên là được. Hãy bố thí nhiều cũng bớt sân, cố gắng đừng hối hận về những gì đã qua, hãy giữ Chánh niệm. Đừng hối hận nghĩ về quá khứ: sao hồi đó lấy ông đó, sao hồi đó thế này thế kia, sao hồi đó không đi xuất gia, sao hồi đó [không] học Phật pháp sớm hơn. Toàn là hối hận, [tức] là đang sân với chính mình. Và ba [Tâm sở] Sân đó gộp thành một Sân lớn, là Sân bự này (Tâm sở Sân). Tức là mấy Sân nhỏ gộp thành Sân lớn.

Giống như nhà quý vị có một cái sân nhỏ, nhà hàng xóm có sân nhỏ, ba nhà hàng xóm gộp lại thành cái sân lớn (sân của sân vườn). Còn ở đây là sân giận, sân tức. Cho nên học đến đây ta thấy rõ lắm, nên phải học vào bộ A Tỳ Đàm, bộ Duy Thức này thì mới hiểu được nguyên nhân, khi hiểu rồi thì mới tu được. Còn trước giờ nói đừng sân, đừng sân, nhưng [không] biết sân từ đâu. Bữa nay [Thiện Trang] chỉ cho quý vị Sân có nhiều nguyên nhân: do Ngã mạn mà sân, do Tà kiến mà sân, do Tham không được mà sân, do Tật đố, do Lận, do Hối hận mà sân. Cho nên người nhiều vọng niệm là sân nhiều, còn người ít vọng niệm là vui vẻ hoan hỷ. Sống ở đời phải theo tiêu chuẩn tích cực thì mới bớt sân.

Chắc cũng hết giờ rồi, để bữa khác chúng ta chia sẻ tiếp. Hôm nay Thiện Trang xin chia sẻ tới đây. [Bộ này] kiến thức nhiều thì quý vị phải học đi học lại, nghe đi nghe lại. Hôm nay là bài thứ 25, quý vị nghe nhiều lần, rồi quý vị nhớ chép ra, in ra, coi tới coi lui thì mới nhớ được. Quý vị nhớ, để có nền tảng lúc trước thì sau mới học được, vì Thiện Trang mở rộng ra dần. Có những điều trước giảng rồi, thì đằng sau giảng lướt qua, để có thời gian mở rộng thêm.

Quý vị cố gắng học như vậy, chứ bộ này không học là tu hành thiếu sót rất lớn. Hy vọng quý vị học. Thiện Trang không có mong gì, chỉ mong quý vị thành tựu. Quý vị không thành tựu cũng là chuyện của quý vị, Thiện Trang lo phần sanh tử của Thiện Trang. Đường sanh tử của ai người nấy lo, và chúng ta nguyện đời đời là đồng vi pháp lữ (bạn pháp). Chúng ta sẽ còn đi trên con đường giải thoát, mong quý vị cũng sẽ sớm ra khỏi sanh tử, ít nhất đời này chúng ta sẽ vào vòng bất thoái, ít nhất không đọa ác đạo nữa. Mong quý vị được như vậy .

Hôm nay thời gian đã hết, kính chúc quý vị an lạc. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.
“Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 26: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 26.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 023.01.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=ur2vmv3wodc
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về bộ giảng A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, tức là Luận Câu Xá. Nội dung ở đây Thiện Trang xin nhắc lại, chúng ta có ba phần: một phần là phần Kinh tạng từ Kinh A Hàm, Kinh Nikaya; phần thứ hai là tạng Vi Diệu Pháp của bên Nam truyền, tức là A Tỳ Đàm của Nam truyền; và phần thứ ba chính là phần Luận Câu Xá.

Chúng ta cố gắng học một bộ này để chúng ta đủ hành trang, tư lương tu tập. Cho nên Thiện Trang cố gắng hết sức đưa cả ba bộ này vào, và sắp xếp theo một thứ tự làm sao để quý vị học tới đâu, nghe tới đâu thì [mình] tu hành được tới đó. Đó là mục tiêu của bộ giảng này và hy vọng quý vị đón nghe. Qua 25 bài rồi, hôm nay là bài thứ 26, thì quý vị sẽ được nhiều lợi ích.

Hôm nay [để] bắt đầu thì Thiện Trang cũng xin vào phần kinh tạng, nhờ lời của Phật để triển khai. Phần thứ nhất là:

Khai Thị Của Đức Phật Về Sự Khó Có Được Để Nghe Pháp

(Trích từ kinh trong Kinh Tăng Nhất A Hàm).

"**Này Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện thế gian được nói là rất khó gặp, thân người khó được, sinh ở trung tâm đất nước cũng khó được, gặp gỡ Thiện tri thức cũng vậy. Nghe pháp được giảng thuyết cũng rất khó. Pháp pháp tương sinh, thật lâu mới có một lần**".

Đoạn này nói cho chúng ta có mấy tầng bậc về sự khó. Đầu tiên, sự khó thứ nhất là đức Phật xuất hiện ở thế gian là khó gặp. Ở trong nhiều bộ kinh như Kinh A Hàm, chúng ta lấy cụ thể là Kinh Du Hành hay là Kinh Đại Bát Niết Bàn, có vị Tôn giả khác nói là đức Như Lai ra đời như hoa ưu đàm, hiếm khi, khó có gặp được [một] lần. Chúng ta là người rất may mắn, tuy chúng ta không gặp Phật trực tiếp, nhưng chúng ta cũng còn giáo pháp của Phật. Sự khó đó là một điều khó rồi, lâu lâu mới có một đức Phật ra đời ở thế gian.

Như ở trong Hiền kiếp này, chúng ta thấy mới đầu có Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp và Phật Thích Ca Văn (tức là đức Phật Thích Ca) cũng không dễ dàng gì chúng ta có được điều đó, cho nên lâu lâu mới có một lần. Trong Kinh A Hàm cũng nói 31 kiếp trước thì mới có hai vị Phật ra đời: là Phật Thi Khí và Phật Tỳ Xá Phù. Còn [thời] Hiền kiếp của chúng ta thì có bốn vị Phật.

Ở đây chúng ta có tầng thứ hai khó là: thân người khó được. Thông thường chúng ta hay nghe nói là: *"Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn"*. Ở trong bài phỏng vấn Sư Minh Tuệ của Phật tử tại Úc, người ta cũng có hỏi là:*"Thân người khó được, giống như là rùa mù ở trên biển mà gặp bọng cây, vậy thì có sợ hay không [để] được thân người?"* Rất nhiều người chúng ta nghe câu chuyện này.

Câu chuyện này có cả ở trong Kinh Trường Bộ, Kinh Trung Bộ lẫn Kinh A Hàm đều có, không chỉ một lần mà đức Phật nói rất nhiều lần. Đó là tất cả những chúng sanh ở trong vòng sanh tử, giống như là con rùa ở trên một biển lớn rất rộng. Có một ví dụ thì đức Phật nói là rộng bao nhiêu đó, có ví dụ đức Phật nói là rộng 84.000 do-tuần. 100 năm con rùa nổi lên mặt nước một lần, gặp được bọng cây trôi trên đó, mà đút đầu trúng cái bọng cây đó. Nếu một

chúng sanh bình thường ở trong vòng tạo nghiệp, họ tìm lại được thân người sau khi đã mất thân người, cũng giống như rùa mù gặp bọng cây. Cho nên mới nói là thân người khó được.

Như vậy chúng ta rất lo lắng đúng không? Nhưng thật ra đức Phật cũng nói rất nhiều trong bộ kinh: Người có Chánh kiến, ví dụ như trong Kinh Tạp A Hàm, Thiện Trang mới nghe, tất nhiên nghe nhiều rồi nhưng không để ý. Đức Phật nói: Nếu một người có Chánh kiến, thì dù trải qua thời gian trăm ngàn năm, họ cũng không đọa vào đường ác. Cho nên Chánh kiến cực kỳ quan trọng. Chúng ta phải học pháp để có Chánh kiến. Khi có Chánh kiến rồi, chúng ta sẽ không sợ đọa vào các đường ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Điều thứ hai chúng ta cũng có được là thân người khó được, mà chúng ta đã có được.

[Điều thứ ba khó, đó là]: sinh ở trung tâm đất nước cũng khó được. Trung tâm đất nước, tức là một nơi có văn minh, có Phật pháp lưu truyền. Chứ nếu chúng ta sinh ra ở nơi rừng hoang, nơi khỉ ho cò gáy, thì chắc chắn chúng ta cũng khó gặp được Phật pháp. Cho nên phải sinh ra ở nơi trung tâm đất nước, tức là nơi có nền văn minh, văn hóa tương đối tốt. Đó là tầng thứ ba khó.

Tầng thứ tư [khó] là: gặp gỡ Thiện tri thức. Thiện tri thức là những người biết Phật pháp, những người có thể dẫn dắt chúng ta tu tập. Tu hành phải có người như vậy. Vậy nếu chúng ta gặp được [Thiện tri thức] thì cũng là một điều khó. Thời nay càng về sau, Thiện tri thức càng ngày càng ít, cho nên [đó] là điều khó thứ tư.

Điều khó thứ năm là: nghe pháp được giảng thuyết cũng rất khó. Chúng ta còn được nghe pháp nữa, như vậy chúng ta đến được tầng thứ năm. Đó là năm điều khó.

Đức Phật nói là pháp pháp tương sinh, thật lâu mới có một lần. Tức là các pháp nương nhau mà sinh ra, cái này sinh cái kia. Cho nên để có nhân duyên có được giáo pháp của đức Phật, được thân người, được ở trung tâm của đất nước, được gặp Thiện tri thức, được nghe pháp, năm điều đó thực sự

là khó.

"Tỳ-kheo nên biết, nay Như Lai xuất hiện ở thế gian, ông được nghe chánh pháp, các căn không thiếu để nghe chánh pháp kia, mà nay không ân cần, sau này hối không kịp. Đây là lời giáo giới của Ta".

Có nghĩa là đức Phật nói bây giờ là chúng ta đã có được hết tất cả những điều đó rồi, các căn của chúng ta không bị đui, mù, câm, điếc để nghe được Chánh pháp, mà không có ân cần tức là không chịu cố gắng, thì sau này hối hận cũng không kịp nữa. Đó là lời giáo giới của đức Phật.

(Kinh Số 7 – Phẩm Chín Chúng Sanh Thứ 44 - Chương Chín Pháp – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Chúng ta thấy mình cũng rất may mắn đúng không? Chúng ta đã vượt qua. Đức Phật nói, bây giờ mình có pháp để nghe, mà mình không chịu nghe, thì sau này mình sẽ hối hận cũng không kịp, không chịu siêng năng tu hành thì hối hận cũng không kịp.

Chúng ta đến đoạn khai thị thứ hai là:

Tùy Thời Nghe Pháp Có Năm Công Đức.

Ở trên nói những điều khó có, thì chúng ta đã có rồi, bây giờ chúng ta tùy thời tức là tuỳ lúc, lúc nào chúng ta tranh thủ nghe pháp được thì có năm công đức.

KINH SỐ 1[87]

Tôi nghe như vầy, một thời đức phật trú tại vườn (ông) Cấp Cô Độc, rừng cây (Thái tử) Kỳ Đà (ông Cấp Cô Độc và Thái tử Kỳ Đà thì chúng ta quá quen rồi)**, nước Xá Vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Tùy thời nghe pháp có năm công đức, tùy thời vâng lãnh không mất thứ lớp. Sao gọi là năm?** (Chúng ta đang nghe pháp đây [thì có] được năm công đức, vậy chúng ta được năm công đức gì? Thiện Trang xin phép đánh số cho dễ):

(1). Điều chưa từng nghe nay được nghe: Đây là điều thứ nhất. Chúng ta nghe được những điều mà xưa nay chưa từng được nghe. Ví dụ chúng ta nghe trong bộ giảng Luận Câu Xá này, xưa nay chúng ta cứ nghĩ rằng để chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì phải đoạn ba [Hạ] phần Kiết sử trong Năm Hạ phần Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Khó quá! Nhưng thật ra chúng ta chỉ cần nghe được những điều như bốn niềm tin bất hoại: Bất hoại đối với Phật, [bất hoại] đối với Pháp, [bất hoại] đối với Tăng và thành tựu được Thánh giới, hay có chỗ nói là niềm tin bất động đối với Thánh giới. Nếu làm được vậy thì [được] Sơ quả Tu-đà-hoàn, và người đó không đọa vào các đường ác nữa. Đấy là những điều chưa từng nghe, thì đã được nghe. Hôm nay chắc chắn quý vị sẽ được nghe những điều chưa từng được nghe nữa. Đây là công đức thứ nhất.

(2). Điều đã được nghe, tụng, đọc lại: điều thứ hai là mình nghe rồi nhưng mình quên, được tụng đọc lại thì đó là nghe lại. Và sự nghe lại nhắc cho mình nhớ và mở rộng thêm điều cũ đó, cho nên cũng rất tốt.

(3) Kiến giải không tà lệch: nhờ nghe pháp mà kiến giải không tà lệch. Quý vị thấy Sư Minh Tuệ cũng khuyên chúng ta: là Phật tử nên nghe kinh của Phật. Kinh Phật bây giờ còn, hãy ráng nghe. Và quý vị thấy những người không nghe kinh thì thông thường kiến giải sẽ bị tà lệch.

Ví dụ như có rất nhiều đồng tu, Thiện Trang xin nói thẳng luôn là đồng tu Tịnh Độ chẳng hạn, có rất nhiều kiến giải không chính xác so với kinh Phật, đó là do họ không có nghe kinh. Nên Sư Minh Tuệ đã thầm thị hiện, đó là nghe hết Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, Kinh Đại Bảo Tích, kinh nào đưa cho Sư là Sư nghe hết, Sư nghe như vậy. Cho nên tu tập không cần nhiều, thật ra chỉ cần nương theo Kinh A Hàm, Kinh Nikaya là đủ rồi. Thậm chí quý vị không cần nương theo cả hai bộ Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, một trong hai bộ loại đó thôi là quý vị tu cũng có lợi rất lớn. Thiện Trang thấy rất nhiều kiến thức căn bản của Phật pháp đều được nói trong hai bộ đó.

Còn bây giờ chúng ta không học, mà chúng ta cứ nghe những người sau này giảng, người ta không có đọc kinh đó, người ta giảng tào lao, thật sự là rất

tào lao. Thiện Trang nói cho quý vị biết là như vậy. Đó là một điều đáng tiếc! Và mình tưởng người ta giảng đúng, ví dụ như Chánh kiến là gì, rồi Chánh tư duy là gì, thì người ta cũng giảng ầm ầm. Nhưng người ta quên mất trong kinh đức Phật có nói [những điều đó] rồi. Người ta giảng một hồi, họ suy luận theo ý của họ, thì sai đi, kiến giải bị tà lệch. Cho nên nghe pháp mà nghe đúng Phật pháp thì rất tốt, không bị kiến giải tà lệch, hay kiến giải không tà lệch, đó là điều thứ ba.

(4) Không có hồ nghi: tức là không có nghi ngờ. Chữ #hồ là con hồ ly, con hồ ly là con cáo rừng, nó thường nghi ngờ nên gọi là hồ nghi. Ở đây ý nói nếu mình nghe pháp và thường xuyên học kinh điển, thì dứt sự hoài nghi. Điều này rất quan trọng. Vì đây là những điều mà chúng ta muốn vào Sơ quả, thì chúng ta phải dứt nghi. Làm gì thì làm, phải dứt được Kiết sử Nghi, ngay cả tiêu chuẩn thấp hơn là niềm tin bất hoại với ba điều hay bốn điều thì cũng là không nghi. Mà muốn không nghi thì quý vị phải nghe chánh kinh. Còn nếu quý vị không nghe những người trích dẫn từ chánh kinh, mà quý vị nghe người ta giảng một hồi, thầy này giảng một đường, thầy kia giảng một đường, là quý vị nghi thêm.

Cho nên Thiện Trang có nói, may mắn là sau này Thiện Trang coi trong kinh, thấy điều này Phật giảng trong kinh hết rồi. Những kiến thức căn bản của Phật pháp thì Phật đều nói ở trong kinh, chỉ cần coi trong đó là có hết, cho nên mình dứt được Nghi. Đồng thời những vấn đề nào mình còn chưa hiểu, mình còn phân vân, thì chỉ cần nghe trong đó là hiểu hết và dứt được nghi. Cho nên là biết được rồi thì sẽ không nghi nữa. [Đó là điều] thứ tư rồi.

(5) Hiểu nghĩa sâu xa: tức là hiểu ý nghĩa được sâu xa, điều này rõ ràng.

Tùy thời nghe Pháp có năm công đức, cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời nghe Pháp. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 1 – Phẩm Thính Pháp Thứ 36 - Chương Năm Pháp – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Cho nên là ráng nha! Đức Phật nói là tùy thời nghe pháp có năm công đức, cho nên các Tỳ-kheo tức là nói chúng ta đó, hãy tìm cầu phương tiện tức là làm mọi cách để tùy thời (tùy lúc), bất cứ lúc nào cũng nghe pháp. Quý vị nghe pháp nhiều thì tự nhiên quý vị tu được.

Thời nay thì có tư tưởng ngược đời, đó là thôi, nghe làm chi cho nhiều, nghe nhiều thì Tà kiến, thế này thế kia... Trong khi đó đức Phật luôn luôn khuyên là đa văn, luôn luôn khuyên học pháp, nên nhớ như vậy! Chính mình không nghe nên dễ bị người ta dẫn dụ, dẫn dắt mình đi vào con đường nào đó. Còn nếu mình nghe hết trong kinh rồi, thì đố ai dẫn dụ quý vị đi sai đường được.

Thiện Trang thấy tuy thời gian Thiện Trang chia sẻ không nhiều, hôm nay mới bài 26 thôi, nhưng quý vị đồng tu nào mà chịu khó nghe, thì dường như mình bắt đầu xây dựng được Chánh kiến, và rất khó để có thể lôi quý vị đi đâu trật đường Chánh đạo. Cho nên rất là tuyệt vời! Thực ra mình nghe không nhiều lắm, nhưng chúng ta toàn là trích dẫn từ lời kinh, lời Phật, chứ không phải lời của Thiện Trang, cho nên quý vị nghe liền có lợi ích. Chúng ta nghe mấy chục bài thôi là chúng ta đã có Chánh kiến rồi. Lúc đó ai dẫn dắt lung tung lang tang, thì quý vị cũng không bị xê dịch, niềm tin của mình sẽ vững vàng. Cho nên là ráng nghe, hãy cố tranh thủ mọi phương diện, lúc nào nghe được thì nghe, đó là tư duy về pháp.

Đấy là hai điều nói về pháp hành cho chúng ta. Hôm nay Thiện Trang giới thiệu cho quý vị một điều nữa là:

Chăm Sóc Người Bệnh Cũng Như Chăm Sóc Đức Phật Không Khác Vậy.

Đây là lời của đức Phật luôn, đây là một bộ kinh rất dài, Thiện Trang chỉ trích một đoạn thôi.

....

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vì mục đích mà các ngươi xuất gia học đạo, cùng một Thầy, hòa một như nước với sữa, nhưng lại không chăm sóc lẫn nhau. Từ nay về sau hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh nào không có đệ tử thì trong chúng hãy cử người theo thứ tự chăm sóc người bệnh. Vì sao? Ngoài đây ra, Ta không thấy nơi nào mà sự bố thí có phước hơn chăm sóc người bệnh. Chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy."

Nhân duyên của đoạn này là có một vị Tỳ-kheo bị bệnh mà không có ai chăm sóc cả. Từ đó đức Phật mới tới và quở trách, Ngài thuyết một bài pháp khá dài. Đoạn này là đoạn gần cuối, đức Phật nói là vì sao lại không chăm sóc người bệnh? Từ nay trở đi nhớ là phải chăm sóc lẫn nhau, và quý vị nhớ câu này: 'chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy'. Tức là chăm sóc người bệnh, phước bố thí đó cũng giống như là chăm sóc đức Phật vậy. Người bệnh này là người tu hành, ở đây nói các vị Tỳ-kheo.

Quý vị thấy người tại gia cũng vậy, quý vị nhớ nương nhau, chăm sóc người bệnh có phước rất lớn. 'Ta không thấy nơi nào mà sự bố thí có phước hơn chăm sóc người bệnh', nhớ nha! Chứ không, nhiều khi tu hành, nhiều người không quan tâm chăm sóc người bệnh khác. Chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy, đây là pháp tu rất cơ bản.

Rồi đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu có cúng dường Ta

Cùng chư Phật quá khứ;

Phước đức thí cho Ta,

Như nuôi bệnh không khác.

Quý vị thấy không? Cúng dường đức Thế Tôn cùng chư Phật quá khứ,

phước đức thí cho Ta, như nuôi bệnh không khác. Như vậy là nuôi [người] bệnh phước lớn lắm đó. Cho nên tại sao những người làm Bác sĩ, Y tá, mấy ngành nghề đó mà làm đúng, thì họ có sức khỏe lắm. Quả báo hiện đời là có sức khỏe, đó là phước rất lớn, chúng ta phải hiểu được điều đó.

Đức Thế Tôn sau khi dạy những lời này xong, bảo ngài A Nan: "Từ nay về sau, các Tỳ-kheo hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào biết mà không làm sẽ căn cứ vào pháp luật mà xử trị. Đây là những lời giáo giới của Ta". (Đây là lời giáo giới của Phật, là ở trong trong Tăng đoàn phải chăm sóc lẫn nhau, vì đi xuất gia rồi, không có người thân chăm sóc được nữa).

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 7 – Phẩm Chín Chúng Sanh Thứ 44 - Chương Chín Pháp – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Đó là một pháp hành mà chúng ta cũng nên [hành theo], chứ không, tu riết rồi cuối cùng cũng xả ly thế gian, không quan tâm gì hết. Bệnh thì đức Phật nói phải tùy thời mà uống thuốc. Không uống thuốc, không chịu [chữa bệnh] thì bệnh sẽ nặng hơn v.v... Chúng ta đã học điều đó rồi. Cho nên là không rơi vào Tà kiến, nói bệnh là theo nhân quả, có chữa cũng chết, vì hết mạng rồi thì chắc chắn chết. Nếu không chữa thì vẫn sống được, vì mạng chưa hết.

Đó là một Tà kiến nha quý vị. Đức Phật nói rõ ràng, dẫn trong kinh rõ ràng, là chữa bệnh được thì mới hết. Còn tất nhiên có những người hết mạng rồi, thì có chữa cũng chết, đó là trường hợp bình thường.

Chúng ta nên nhớ, học nhân quả là gì? Nhân cộng duyên ra quả. Bệnh mình chưa đáng chết, nhưng do mình không biết giữ gìn, do mình không biết uống thuốc, do mình không chữa bệnh, thì cuối cùng chết sớm. Đó là trong kinh đức Phật có nói, cho nên phải hiểu, chứ đừng học nhân quả theo kiểu Tà kiến. Tà kiến là cứ nghĩ: số mạng hết rồi thì sẽ chết. Không phải! Số mạng chưa chắc hết, nhưng do duyên hết mà chết. Duyên gì? Duyên không chữa bệnh.

Cho nên là đừng có Tà kiến, hãy học kinh điển cho rõ ràng, trong kinh đều có những câu chuyện như vậy.

Tiếp theo, Thiện Trang xin giới thiệu với quý vị một trong nhiều cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Hôm nay là cách thứ tư. Quý vị nhớ, có ba cách: Cách thứ nhất là phá ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Cách thứ hai là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu được Thánh giới. Cách thứ ba là thường quán Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Đó là ba cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Có nhiều cách lắm, bữa nay, giới thiệu [cho] quý vị cách thứ tư, cũng trích từ kinh.

Một Trong Nhiều Cách Để Vào Sơ Quả Tu-Đà-Hoàn (4)

Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Xá Lợi Phất cùng 500 Tỳ-kheo ở trong vườn (ông) Cấp Cô Độc, rừng cây (Thái tử) Kỳ Đà, tại nước Xá Vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ ngài Xá Lợi Phất, thăm hỏi ngài rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Xá Lợi Phất: "Tỳ-kheo thành tựu về giới nên tu những pháp gì?" Tỳ-kheo đã thành tựu về giới rồi thì nên tu những pháp gì? Cho nên đây là nói thành tựu về giới quan trọng. Không có thành tựu về giới thì tu hơi khó.

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Tỳ-kheo giới thành tựu (tức là thành tựu về giới) **nên tư duy về năm Thủ uẩn là Vô thường, là Khổ, là Não, là nhiều đáng sợ, cũng nên tư duy về Khổ, Không, Vô ngã. Sao gọi là năm? Đó là Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn. Khi Tỳ-kheo giới thành tựu tư duy năm uẩn này liền đắc quả Tu-đà-hoàn".**

Quý vị nghe cho kỹ nha, đây là một cách để đắc quả Tu-đà-hoàn. Đó là phải giữ giới, thành tựu giới. Điều nào cũng nói giới trước. Rồi tư duy về năm Thủ uẩn. Năm Thủ uẩn thì chúng ta biết [là]: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Những điều này chúng ta đang học, rất quan trọng, [là] những kiến thức cơ bản. Mà tư duy thế nào? Phải [tư duy] là Vô thường, là Khổ, là Não (Não là khó

chịu, bứt rứt), là nhiều đáng sợ, cũng tư duy về Khổ, Không, Vô ngã. Tỳ-kheo thành tựu giới rồi mà làm như vậy thì liền đắc Tu-đà-hoàn.

Cho nên quý vị thấy để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn có khó không? Nếu khó thì chúng ta thấy đâu có nói như vậy đúng không? Cho nên kiến thức cơ bản về Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là quan trọng. Và chúng ta phải quán Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Não (Não là khó chịu), và nhiều đáng sợ. Nói tóm lại là chỉ cần [quán] Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Và năm Thủ uẩn là: Sắc (thân chúng ta), Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những điều này chúng ta đã học ở bài trước, quý vị có thể coi lại. Chúng ta thấy toàn là kiến thức quan trọng, kiến thức cơ bản. Quý vị chỉ cần nắm được như vậy, tu được như vậy, giữ giới được thôi, thì liền đắc được Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Cho nên thời nay chúng ta tu điều gì? Học một hồi, mà không học Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, không học về Ngũ uẩn, mà đòi đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì chúng ta lại quay quay đi đâu? Cho nên chúng ta muốn đi vào cách khác thì làm sao được. Đấy là một cách rất dễ đúng không ạ? Cho nên hôm nay là biết thêm cách nữa để đắc Tu-đà-hoàn rồi nha. Bữa giờ chúng ta học Luận Câu Xá, đang học về Ngũ uẩn, và chúng ta suốt ngày học Khổ, Không, [Vô thường], Vô ngã, suốt ngày nói đi nói lại. Quý vị cứ nắm [những điều này], suốt ngày nhớ Khổ, Không, Vô Thường, Vô ngã là được rồi.

Hôm bữa hình như cách thứ ba Thiện Trang chỉ, không phải là cách Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, mà Thiện Trang nhớ là cách dùng Ngũ căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Như vậy bữa nay [nữa là] bốn cách. Cách này là quán Ngũ uẩn là Khổ, Không, Vô Thường, Vô ngã. Tư duy về Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, rồi thành tựu về giới, thì chắc chắn là sẽ đắc quả Tu-đà-hoàn. Như vậy ráng giữ giới.

Tỳ-kheo bạch ngài Xá Lợi Phất: "Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn phải tư duy những pháp gì?" Tức là Tỳ-kheo đã đắc Tu-đà-hoàn rồi, thì phải tư duy những pháp gì.

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy về năm Thủ uẩn này: là Khổ, là Não, là nhiều đáng sợ, cũng nên tư duy về Khổ, Không, Vô ngã. Các Hiền giả nên biết, nếu Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm Thủ uẩn liền thành quả Tư-đà-hàm". Tóm lại cũng lại tu pháp đó nữa, cũng vậy thôi. Nhưng nếu là Tu-đà-hoàn rồi, mà tu pháp đó nữa thì nâng cấp lên thành Tư-đà-hàm (Nhị quả).

Tỳ-kheo bạch ngài Xá Lợi Phất: "Tỳ-kheo Tư-đà-hàm phải tư duy những pháp gì?"

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Tỳ-kheo Tư-đà-hàm cũng nên tư duy về năm Thủ uẩn này: là Khổ, là Não, là nhiều đáng sợ, cũng nên tư duy về Khổ, Không, Vô ngã. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tư-đà-hoàn tư duy về năm Thủ uẩn này liền chứng quả A-na-hàm".

Tóm lại lên Nhị quả cũng tu như vậy thôi, để lên Tam quả. Quý vị thấy, pháp tu cơ bản là biết đời là khổ, thân này là khổ, thân này là nhiều đáng sợ. Vì sao khổ? Có nhiều người nói: "Học Phật bi quan quá, học suốt ngày nói khổ, khổ, khổ hoài". Thật ra đạo Phật có nói bi quan [không]? Đức Phật không nói như vậy. Đức Phật nói thế này: "Ở đời có khổ lẫn có vui", phải nói vậy. Nhưng nỗi khổ nhiều hơn niềm vui, và nỗi khổ là rốt ráo, còn niềm vui thì ngắn tạm. Chứ nói khổ không thôi thì không đúng.

Rõ ràng ở đời quý vị lâu lâu cũng có vui mà. Đang ăn là vui, đúng không? Đang đói [mà được] ăn ngon [thì] vui. Đang đi làm tới tháng nhận lương [thì] vui, đang buồn ngủ được ngủ [thì] vui. Rồi đang gì đó v.v… rất nhiều điều vui. Nhưng niềm vui đó không cứu cánh, không lâu dài. Ví dụ ăn một hồi thì thành khổ, vì mệt, no quá không ăn nổi được nữa. Đi làm mình nhận tiền nhưng muốn có tiền thì cũng mệt do làm nhiều. Rồi có một nỗi khổ là khổ sanh, già, bệnh, chết. Nỗi khổ già, bệnh, chết không thể nào thoát được.

Trong Kinh Tạp A Hàm, đức Phật đưa ra một ví dụ: Giống như hai mẹ con đó, thương yêu nhau lắm, nhưng đến khi con bệnh thì mẹ cũng không có

cách nào bệnh thay cho con: "Này con, mẹ có thể chịu bệnh thay con". Không được! Người con cũng vậy, không thể nào chịu bệnh thay mẹ. Rồi khi chết cũng vậy, người mẹ không thể nào chết thay cho con, và người con cũng không thể nào chết thay cho mẹ. Cho nên rốt cuộc rồi cũng quy về khổ. Khổ là vậy đó.

Rồi khổ đó là do gì? [Do] Không. Không là gì? Rồi mọi thứ sẽ trở về không, chứ còn hoài thì mình cần gì tu nữa. Đức Phật nói nếu thế gian toàn niềm vui thì cần gì đức Như Lai ra đời, hoặc thế gian toàn nỗi khổ thì đức Như lai ra đời để làm gì? Mà [cuộc đời] có khổ, có vui, nên đức Như Lai mới ra đời.

Quý vị thấy như ở Địa ngục, đức Phật có xuống [độ họ] được đâu. Họ khổ quá, [khổ] suốt ngày, họ đâu có thời gian để nghe Phật pháp được. Nhưng người ở dưới Địa ngục tu vẫn khổ mà. Cho nên muốn thoát khổ là gì? Chúng ta phải có ở cõi Người, vừa khổ vừa vui. Và tranh thủ thời gian đó để tu, để chuyển nỗi khổ thành nhiều niềm vui hơn. Ở đời hiện tại được an vui, đời tương lai được an vui, và rốt ráo là giải thoát, đó là ra khỏi sanh tử, được vui rốt ráo. Đó là lý do mà đức Như Lai (đức Phật) ra đời ở thế gian. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, chứ không hiểu, nói một hồi đạo Phật là khổ, khổ, khổ hoài.

Rồi Vô ngã là gì? Vô ngã có nghĩa là không làm chủ được. Đức Phật lấy ví dụ trong kinh thế này: Giống như một vị vua, [như] vua Ba Tư Nặc, vua Tần Bà Sa La, hay vua A Xà Thế v.v… những vị vua đó có quyền hành rất lớn ở trong đất nước của họ. Vua muốn trục xuất ai [là] trục xuất, muốn đuổi ai là đuổi, muốn cho ai cái gì là cho. Bởi vì [có] quyền hành, cho nên ông vua đó là được quyền gì? Là có ngã trong đất nước đó. Nhưng có một cái Vô ngã, đó là ổng không làm chủ được ổng. Đến ngày nào đó ổng cũng già, ổng không làm chủ được. Đến ngày nào ổng cũng chết, ổng không làm chủ được. Đó gọi là không làm chủ được, gọi là không phải của ta, hay chính là Vô ngã. Định nghĩa như vậy rất rõ ràng.

Vì chúng ta sống ở đời, chúng ta biết thế gian này rõ ràng không thuộc về ta một cách rốt ráo. Chẳng qua ai có phước lớn thì ép thiên hạ phải theo mình. Thiên hạ phải theo mình vì mình có phước lớn, nhưng phước đó cũng

có hạn chế. Đến lúc nào đó rồi phước đó cũng hết, mình cũng chết, mình cũng buông. Quý vị thấy không? Có ông nào lãnh đạo đất nước nào mà lãnh đạo được lâu dài đâu. Dù có là đại đế, dù có cỡ nào chăng nữa, thì cũng chôn vùi trong lịch sử mà thôi. Cho nên đó chính là Vô ngã, đó chính là Vô thường, đó chính là Khổ, là Không.

Chúng ta nhờ đó quán sát được thân thể chúng ta, [quán sát] tâm của chúng ta. Đó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bốn điều đó thuộc về tâm, là Danh pháp. Còn Sắc pháp tức là thân thể vật chất này. Tất cả năm điều đó gọi là Ngũ uẩn, và đều là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã.

Cứ hằng ngày mà quý vị nghĩ được như vậy, thì dần dần quý vị đắc quả Tu-đà-hoàn. Chắc chắn! Bởi vì sao? Quý vị thường nghĩ như vậy thì quý vị sẽ giữ giới, quý vị sẽ tu tập, vì quý vị biết đời không như là mơ. Đời rồi ngày nào đó mình sẽ tạm biệt nó thôi, cho nên không có cách nào hết. Quý vị cứ nghe như vậy, nghe tới nghe lui, rồi dần dần quý vị đắc được quả Tu-đà-hoàn. [Đắc] Tu-đà-hoàn thì quý vị không đọa ác đạo nữa. Nếu là Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn thì quý vị còn tối đa bảy lần ở trong vòng sanh tử thôi, rồi quý vị đắc được Niết-Bàn, ra khỏi sanh tử, tức là mình đã đi được trên con đường bất tử.

Còn nếu không thì chúng ta cứ vòng vòng trong đó, còn khổ hoài. Hết cõi Trời thì rớt xuống cõi Người, rồi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Chúng ta cứ đi vòng vòng trong đó, khổ lắm. Đó là rốt ráo khổ. Còn nếu chúng ta muốn cứu cánh vui thì phải từ A-la-hán trở lên. Mà muốn được như vậy thì phải ráng tu những pháp đơn giản. Tam quả A-na-hàm vẫn tu những pháp này, vẫn là quán Ngũ uẩn là Khổ, là Không, là Vô thường, là Vô ngã, là Não, là nhiều đáng sợ. Cứ nghe hoài như vậy, nói hoài như vậy, thì quý vị sẽ trồng được căn lành. Và trồng được căn lành rồi thì chúc mừng quý vị, ngày nào đó quý vị sẽ đắc quả, sớm [hay] muộn thôi.

Như vậy tới Tam quả A-na-hàm thì tu [pháp] gì đây?

Các Tỳ-kheo bạch ngài Xá Lợi Phất: "Tỳ-kheo A-na-hàm phải tư duy

những pháp gì?"

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy về năm Thủ uẩn này: là Khổ, là Não, là nhiều đáng sợ, cũng nên tư duy về Khổ, Không, Vô ngã. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-na-hàm tư duy về năm Thủ uẩn này liền chứng quả A-la-hán".

A-na-hàm vẫn là tu pháp đó. Cho nên quý vị thấy rõ ràng trong thời gian qua, Thiện Trang chia sẻ nhiều nhất vẫn là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã thôi. Tại vì đức Phật nói vậy mà. Pháp này là pháp căn bản, pháp quan trọng nhất. Nếu không có pháp này thì chúng ta không thể tu các pháp khác. Bởi vì trong Tứ thánh đế chúng ta đã học qua, tu tập phải theo thứ tự. Đầu tiên phải là quán về Khổ đế trước, rồi mới tới Tập đế, rồi mới Diệt đế, rồi Đạo đế, theo thứ tự như vậy. Và chúng ta đang học rõ ràng như vậy. Cho nên không có tốt nghiệp đề mục Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã này thì không thành công đâu.

Các Tỳ-kheo hỏi: "Tỳ-kheo A-la-hán nên tư duy những pháp gì?". Bây giờ A-la-hán tu pháp gì đây?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Điều các Thầy hỏi đã vượt quá rồi. Tỳ-kheo A-la-hán, việc cần làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm được giải thoát khỏi Hữu lậu, không còn hướng đến năm đường trong biển sanh tử, lại không còn tái sinh, không còn tạo tác gì nữa. Cho nên, các Hiền giả, Tỳ-kheo trì giới, bậc Tu-đà-hoàn, bậc Tư-đà-hàm, bậc A-na-hàm hãy tư duy về năm Thủ uẩn này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì ngài Xá Lợi Phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 1 - Phẩm Đẳng Kiến Thứ 34 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy Kinh Tăng Nhất A Hàm [có] rất nhiều điều hay. Ở đây muốn nói lại là, theo thói quen ta hỏi luôn A-la-hán tu [pháp] gì? A-la-hán xong rồi, thì còn gì phải tu nữa. Tại vì việc [cần] làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm

được giải thoát khỏi Hữu lậu rồi, không còn hướng đến năm đường trong biển sanh tử. Cho nên là đâu cần nữa đâu, chúng ta cứ thế mà tư duy thôi.

Ở đây nói là không còn hướng đến năm đường trong biển sanh tử, cho nên quý vị yên tâm. Ở đây không nói sáu đường mà nói năm đường thôi, năm đường là gồm có: Trời, Người, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là năm đường. Nếu nói thêm một đường nữa là đường A-tu-la, thì là sáu đường. Chúng ta thấy ở đây chỉ nói năm đường, không còn đường nào nữa, A-la-hán là xong rồi. Như vậy ở đây là Phẩm Đẳng Kiến Thứ 34 của Kinh Tăng Nhất A Hàm.

Như vậy chúng ta thấy pháp tu quan trọng là gì? Là phải nhớ thân thể chúng ta, tức là năm Thủ uẩn. Thông thường gọi là "Uẩn", năm uẩn, mà thêm chữ "Thủ uẩn". Thủ là gì? Thủ là chấp giữ, mình chấp giữ nó. Chứ còn thực tế thân này là bình thường. Năm uẩn thì chúng sanh nào cũng có, A-la-hán vẫn còn năm uẩn đó thôi. Nhưng chúng sanh chúng ta là chấp giữ, chấp vào đó cho là mình, chấp vào đó cho là ngã, cho nên mới có đường sanh tử. Khi nào mình thoát được ra là được, cho nên chữ 'Thủ' là vậy. Thủ là chấp trước, là lấy, cầm, là chấp giữ.

Cho nên hãy cố gắng! Mình không phải là bỏ thân này, giống như mấy vị Tỳ-kheo trong Kinh Tạp A Hàm nói, là có 60 vị Tỳ-kheo, sau khi đức Phật dạy pháp Bất tịnh quán thì thấy thân thể này chán quá, cho nên cuối cùng nhờ vị kia giết mình luôn. Đó là một sai lầm. Không phải như vậy, mà chúng ta vẫn tận dụng thân thể này để tu hành.

Còn khi mình tu hành, thì mình cố gắng bỏ, bỏ tức là đừng nghĩ thân này là ta. Vì đây không phải là ta, từ vô lượng kiếp tới giờ ta có vô số thân. Đời này cũng như một thân thôi, do nhiều yếu tố giả duyên mà hợp thành. Ví dụ chúng ta do tinh cha, huyết mẹ, rồi chúng ta có duyên đầu thai vô, rồi được nuôi lớn đến bây giờ. Giống như Thiện Trang sinh 1983, năm nay là 2025, quý vị tự tính ra coi [Thiện Trang] bao nhiêu năm trên đời này. Đó là duyên. Nếu trước 1983, thôi trừ luôn đi 10 tháng mang thai, cho năm 1982, như vậy từ năm 1981 về trước Thiện Trang có một thân Ngũ uẩn khác. Và vô lượng đời rồi, cứ

như vậy, quay vòng, nỗi khổ rất nhiều.

Nếu chúng ta không có chấp giữ, đừng cho thân này là ta, đừng cho những suy nghĩ này, những cảm nhận là ta. Chỉ cần như vậy thôi là quý vị phá được Thân kiến. Quán thân này là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, tức là phá Thân kiến đấy. Thực tế là [điều này] thuộc về phá Thân kiến. Thân kiến là gì chúng ta đã giảng rồi, gồm có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta đã giảng nhiều, lâu lâu sẽ giảng lại, nhưng giờ nói sơ lược vậy thôi.

Còn bây giờ Thiện Trang xin chia sẻ về Giới luật một chút. Thật ra không phải điều gì ghê gớm, đề mục ở đây gọi là:

Phá Giới Bị Quỷ Ám

Tức là phá giới thì bị quỷ ám. Điều này là trong kinh, Thiện Trang muốn giới thiệu [cho] quý vị, để nhiều người họ nói hình như mình đề xướng hơi lố, là tại sao nói ma quỷ, rồi [đem] Giới luật ra hù dọa, v.v… Thật ra đây chính là thời Phật, là có bộ kinh nói về người phá giới bị quỷ ám. Chúng ta coi thử bộ kinh này nói gì.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, có con trai của Ưu-bà-di thọ trai tám chi, sau đó phạm giới, liền bị quỷ thần ám. Lúc ấy, Ưu-bà-di liền nói kệ: (ở đây có một người con trai của Ưu-bà-di thọ trai tám chi, tức là thọ Bát quan trai. Nhưng sau đó phạm giới nên bị quỷ thần ám. Lúc đó vị Ưu-bà-di đó liền nói kệ. Câu chuyện này thì quý vị coi "Ưu-bà-di tử", tiếng Pali, [là] con trai của một Ưu-bà-di tên là Sānu. Chút nữa Thiện Trang sẽ quay lại câu chuyện này. Bây giờ đang nói theo kinh. Ưu-bà-di, tức là bà mẹ, nói kệ với con quỷ đó).

Ngày mười bốn, mười lăm,

Mồng tám mỗi phần tháng;

Tháng điềm hiện Thần thông,

Tám chi khéo chánh thọ.

Nơi trai giới thọ trì,

Không bị quỷ thần ám.

Xưa tôi hỏi mấy lần,

Thế Tôn nói điều này.

Đây là một đoạn kệ trong kinh nói rất rõ về tầm quan trọng của tu giới, giới này là giới Bát quan trai. Tức là ngày 14, ngày rằm, mùng 8 mỗi phần tháng (thật ra tháng hồi xưa ở Ấn Độ, chỉ có nửa tháng thôi, cho nên có ngày 14, 15 và ngày mùng 8) thọ giới Bát quan trai. Đối với người Cư sĩ thì phải tuân thủ như thế, cho nên là họ như thế. Và còn thêm nữa.

"Tháng điềm hiện thần thông": điều này gọi là Tháng thần biến. Tháng thần biến là ba tháng: tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, cũng phải thọ Bát quan trai nữa. Đây là theo Kinh Bồ Tát Giới, yêu cầu cao hơn, là tháng Năm, tháng Giêng và tháng Chín, ba tháng này do vua trời Tứ Thiên Vương đi xuống tuần tra nhân gian, cho nên là ráng mà thọ giới, tu Bát quan trai. Quý vị thấy tu như vậy mới được, mà thời nay có ai tu như vậy không? Cư sĩ nào tu được một tháng sáu ngày trai, tức là 14, 15, mồng 8, mà nhân đôi thì thành ra là còn hai ngày cuối tháng, và ngày 23. Tại chúng ta thọ tháng 30 ngày, còn tháng Ấn Độ là Hắc nguyệt và Bạch nguyệt, chia đôi ra. Cho nên đó là tu như vậy. Rồi ba tháng Thần biến nữa: là tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín. Như vậy là một năm có [rất nhiều ngày] tu Bát quan trai. Còn bây giờ mình tu không có bao nhiêu hết, cho nên mình không đắc quả là đúng rồi, không có gì lạ.

Ở đây nói rõ ràng, đây là lời trong kinh, ngày 14, 15, ngày mồng 8 mỗi phần tháng. "Tháng điềm hiện thần thông": tức là Tháng thần biến. "Tám chi khéo chánh thọ": tức là khéo mà thọ cho đúng về Tám chi, tức là Bát quan trai. 'Nơi trai giới thọ trì, Không bị quỷ thần ám. Xưa tôi hỏi mấy lần, Thế Tôn nói điều này'.

Tức là bà này nói sao con bả lại bị quỷ ám. Trong khi đó hồi xưa, bả hỏi mấy lần rồi, đức Thế Tôn nói rõ ràng, nếu thọ giới Bát quan trai thì không bị quỷ thần ám, vậy sao con trai của bả bị quỷ thần ám. Ý là nói vậy. Quý vị thấy bí quyết để không bị quỷ thần ám là hãy thọ Bát quan trai, trong đoạn kinh này nói rõ như vậy. Cho nên có công đức hiệu quả như vậy đó. Cho nên người nào mà hay bị ma nhập gì đó, thì ráng biểu họ thọ Bát quan trai. Đây là trong kinh nói. Nhưng bà này thắc mắc là tại sao con của bả bị quỷ thần ám? Vì đoạn trên nói rồi, là do sau đó [con bả] phạm giới, thọ rồi mà phạm cho nên bị quỷ ám. Cho nên là những người bị quỷ ám là gì? Là giữ giới không được, nhớ nha, [đây] rõ ràng ở trong kinh đó. Đây là kinh tạng nha, quý thấy kinh này có câu chuyện trích tên là Sānu, bên Kinh Pali cũng có, chứ không phải Kinh A Hàm không [thôi].

Chúng ta coi thử con quỷ đáp làm sao.

Lúc ấy, Quỷ kia liền nói kệ (con quỷ cũng từ bi, nó cũng nói kệ lại):

Ngày mười bốn, mười lăm,

Và mồng tám mỗi tháng;

Ứng tháng thần túc tốt,

Tu tám chi chánh thọ.

Con quỷ cũng nói lại là ngày 14, 15 và mùng tám mỗi tháng, rồi vào Tháng thần túc (là Tháng thần biến), thì tu Tám chi chánh thọ (tức là Bát quan Trai giới).

Sống trai giới thanh tịnh,

Khéo giữ gìn giới đức;

Không bị quỷ trêu đùa,

Lành thay, nghe từ Phật.

Tức là nó cũng khẳng định rằng, đúng rồi đó, tu như vậy là yên tâm, quỷ không có trêu đùa đâu. Đức Phật nói mà, con quỷ cũng nói vậy.

Theo những lời bà nói,

Ta sẽ thả con bà.

Ai có nghiệp chậm hoãn

Nhiễm ô hành khổ hạnh,

Phạm hạnh không thanh tịnh,

Trọn không được quả lớn.

Tức là con quỷ nói: đức Phật nói đúng rồi, cho nên theo những lời bà nói thì ta không dám hại con bà, mặc dù nó phạm giới, nhưng thôi, cũng thả luôn. Cho nên ai có nghiệp chậm hoãn, ý chỗ này nói nghiệp, thì không phải là nghiệp đâu, mà nghiệp này là nghiệp trì giới. Nghiệp trì giới của mình lỏng lẻo, không được thành công, thì trọn không được quả lớn.

Thí như nhổ cỏ may,

Nắm lỏng thì hại tay;

Sa-môn hành ác xúc,

Tất sẽ đọa Địa ngục.

Tức là giống như mình đi nhổ cỏ may mà nắm lỏng, thì đứt tay. Quý vị biết cỏ may không? Cỏ may mà nắm chặt gốc thì không sao, nhưng nếu nắm lên một chút là xước tay. Cũng vậy, vị Sa-môn mà làm ác xúc, tức là không giữ giới, thì tất sẽ đọa Địa ngục.

Thí như nhổ cỏ may,

Nắm chặt không hại tay;

Sa-môn khéo nhiếp trì,

Tất đến Bát-niết-bàn.

Cũng vậy, nếu một người nhổ cỏ may mà nắm chặt, không tuột tay lên thì không đứt tay đâu. [Chỗ] ai có cỏ may thì biết, bây giờ chắc quý vị không biết cỏ may là gì, lên mạng tìm thử nha.

Sa-môn khéo nhiếp trì,

Tất đến Bát-niết-bàn.

Khi ấy, Quỷ thần kia liền thả con của Ưu-bà-di này ra. Bấy giờ, Ưu-bà-di nói kệ dạy con (tức là may quá, cuối cùng con quỷ cũng thả ra, chứ không thì nó ám. Câu chuyện này chút nữa Thiện Trang sẽ kể chi tiết cho):

Nay con hãy nghe mẹ,

Nhắc lời quỷ thần nói.

Nếu có nghiệp chậm hoãn,

Nhiễm ô tu khổ hạnh,

Phạm hạnh không thanh tịnh,

Thì không được quả lớn.

Ý là bà mẹ nói lời con quỷ nhắc, là tại vì con tu không giữ giới thanh tịnh, cho nên không được quả lớn.

Thí như nhổ cỏ may,

Nắm lỏng thì hại tay.

Sa-môn khởi ác xúc,

Tất sẽ đọa địa ngục;

Như nắm chặt cỏ may,

Tất tay mình không hại.

Sa-môn khéo giữ gìn,

Tất đắc Bát-niết-bàn.

Cho nên giữ giới quan trọng là như vậy.

Khi ấy, con Ưu-bà-di tỉnh ngộ như vậy rồi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, nhưng tâm không được vui, trở về nhà mình. Người mẹ từ xa thấy con liền nói kệ (tức là đứa con cũng khá, sau khi nghe xong cũng tỉnh ngộ, đi xuất gia, đắp áo ca-sa, nhưng một thời gian sau lại trở về nhà, lại không vui, thì người mẹ tiếp tục nói con):

Lánh tục mà xuất gia,

Tại sao trở về làng?

Nhà cháy, của kéo ra,

Sao ném vào lửa lại?

Tức là giống như đi xuất gia rồi, tại sao lại trở về nhà? Nhà cháy, đem đồ hết ra ngoài rồi, tại sao lại ném vô trong nhà cháy nữa, cháy hết đồ thì sao? Ý [bà mẹ] nói như vậy.

Tỳ-kheo con Ưu-bà-di kia nói kệ đáp (tức là lúc này người con thọ giới Tỳ-kheo rồi):

Chỉ nghĩ mẹ mạng chung,

Còn mất không gặp nhau;

Nên trở về thăm viếng,

Sao thấy con không vui?

Ý là người này đi xuất gia rồi mà nhớ mẹ, nghĩ đến mẹ sau này chết sẽ không gặp nhau, cho nên trở về nhà thăm viếng.

Lúc ấy, người mẹ Ưu-bà-di nói kệ đáp:

Bỏ dục mà xuất gia,

Trở về muốn thụ hưởng;

Cho nên mẹ lo buồn,

Sợ bị Ma lung lạc.

Sau khi Ưu-bà-di đã giác ngộ con mình như vậy, như vậy rồi, người con trở lại chỗ thanh vắng, tinh cần tư duy, đoạn trừ tất cả Phiền não Kiết phược, chứng đắc quả A-la-hán.

Quý vị thấy kết quả cuối cùng vẫn là kết thúc tốt đẹp, mặc dù trầy trật. Vị này tu hành mới đầu bị quỷ ám [do] phá giới, rồi đi xuất gia một thời gian thì trở về, rồi bà mẹ nói nữa, cuối cùng cũng phải đi vô, quần quần vậy đó. Cho nên tu hành cũng gian nan, nhưng cuối cùng cũng đắc quả A-la-hán, đoạn trừ hết tất cả Phiền não, Kiết phược, chứng được quả A-la-hán.

(Kinh 1239. Quỷ Ám - Kinh Tạp A Hàm).

Nếu quý vị nghi ngờ về Kinh này, thì có chú thích đây, tương đương với kinh nào ở trong Tạng của Pali, thì lúc nữa coi.

Nhân đây thì Thiện Trang kể câu chuyện này, trong Kinh Pali, Thiện Trang cũng đã tham khảo. Coi Kinh Pali thì câu chuyện này dài hơn, nằm trong Tích Truyện Pháp Cú, thực ra là trong Tiểu Bộ Kinh.

Câu chuyện này dài hơn, có một bà, có đứa con đi xuất gia, rồi sau đó buồn quá bỏ trở về nhà. Khi đi xuất gia mới làm Sa-di thôi, chứ không phải làm Tỳ-kheo. Làm Sa-di nhưng có tài năng, thuyết pháp rất hay, và được rất nhiều người ưa chuộng, nói chung rất nhiều người thích nghe.

Vị này do tu có công đức như vậy, nên vị này cũng thường xuyên nhớ hồi hướng đến những người thân của mình, trong đời này và đời trước. Trong đó có một con quỷ, thực ra con quỷ đó là mẹ của vị Sa-di đó ở đời trước, nên cũng nhận được sự hồi hướng đó. [Vì] nhận được hồi hướng đó, nên được rất nhiều lợi lộc, được người ta chăm sóc chu đáo, tức là được chúng quỷ chăm sóc. Còn những con quỷ khác cũng được hưởng như vậy.

Vị Sa-di đó mới đầu nhỏ tuổi, theo năm tháng thì vị đó lớn lên. Khi lớn rồi thì nhiễm trần, bắt đầu thích chuyện gia đình, chuyện yêu đương gì đó, nên thoái tâm, không tu nữa và đi về. Đi về nhà, bà mẹ mới nấu cơm cho con, nói chung cũng khuyên con, đang đi tu mà sao bỏ về nhà, khuyên đi khuyên lại, nhưng đứa con không chịu [nghe]. Bà mẹ đành đi nấu cơm, còn đứa con thì lên ghế ngồi hay nằm gì đó.

Lúc đó đám quỷ thần kia quán sát, không biết ông này đi đâu rồi, mà không thấy hồi hướng cho mình. Cho nên quỷ mẹ (mẹ của ông đời trước), nghĩ chắc là [con mình] về, đã thoái tâm và hết tu rồi, [vì vậy] mình mất lợi ích, không được hồi hướng nữa, nên mình phải tới để độ nó. Độ bằng cách nào? Đang thấy ổng ngồi trên đó, giới không còn thanh tịnh, tại vì về rồi, giới không thanh tịnh nên nhập vô được. Bắt đầu cho ổng lăn từ trên ghế xuống đất, rồi khóc la gì đó v.v... Bà mẹ sợ quá, hỏi tại sao? Con quỷ mới nói bài kệ giống như nội dung vừa rồi, nói là: Tôi là quỷ, thế này thế kia, do con bà như vậy, như vậy.

Bà mẹ lo [cho] con mình quá, không biết phải làm sao. [Con quỷ] kêu: *"Lát nữa tôi xuất ra rồi, bà hãy nói lại với con bà như vậy, như vậy".* Nội dung giống tương tự như bài kệ trên. Sau khi xuất ra, bà mẹ nói đúng [lại] như vậy, xong rồi khuyên đứa con. Đứa con trở lại tu tập, thọ giới Tỳ-kheo, tu hành sau đó một thời gian thì đắc quả A-la-hán. [Về việc] đắc quả A-la-hán, thì trong tạng Pali không nói, trong Kinh Nikaya cũng không thấy nói, mà chỉ nói tới đoạn đi tu tiếp thôi.

Nhưng rõ ràng câu chuyện đó khai thị cho chúng ta rất nhiều: Thứ nhất

là giữ giới thì không bị quỷ ám, rồi giới Bát quan trai phải thọ như thế nào, phải giữ như thế nào. Trong vòng một tháng là phải thọ sáu ngày, rồi ba Tháng thần biến nữa, theo Bồ-tát giới là phải thọ ba tháng: tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín.

Rồi ngoài ra tu hành, quý vị thấy nếu phạm giới hay phá giới, thì dễ bị quỷ ám. Ở đây nói nếu quay trở lại tu thì vẫn đắc quả A-la-hán. Chúng ta thấy rõ ràng vấn đề này là để quý vị lỡ phạm. Nếu căn cứ vào nội dung câu chuyện, thì chúng ta thấy người này cũng không phạm giới trọng nào, chỉ phạm những giới nhỏ. Cho nên sau này xuất gia thì đắc A-la-hán. Đó là chúng ta cũng hiểu thêm về Giới luật. Quý vị, nếu ai chưa học Giới luật, thì cố gắng nghe bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, để hiểu hơn và tu tập, vì Giới luật quan trọng.

[Tiếp theo] Thiện Trang xin chia sẻ thêm một chút pháp hành nữa, đó là:

7 Pháp Làm Cho Chánh Pháp Tăng Trưởng Không Bị Tổn Giảm (1)

Đây là bảy pháp thứ nhất đánh số một, bữa khác sẽ đánh số hai, số ba.

“Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

1. Có tín tâm, tin đức Như Lai, Chí Chân, Chánh giác, đủ mười đức hiệu. Đầu tiên mình phải có niềm tin, tin ai? Tin Phật giùm đi, tin Phật là đức Như Lai, hoặc là Chí Chân tức là chân thật nhất, rồi Chánh giác, đủ mười đức hiệu.

2. Có tàm, biết hổ với điều thiếu sót của mình. Mình phải có tàm, có quý. Ở đây nói là phải biết hổ, biết thẹn, với những điều thiếu sót của mình.

3. Có quý, biết thẹn với việc ác mình đã làm. Điều này mà mình không biết thì không tu được, Chánh pháp của mình sẽ bị tổn giảm. Cho nên mình phải biết mình thiếu sót điều gì, mình đã làm việc sai gì, mình phải biết hổ, biết thẹn.

4. Đa văn, những điều đã được thọ trì đều thiện xảo ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh không cấu uế. Quý vị nhớ là phải đa văn nha, đa văn chứ không phải học kiểu: thôi tôi biết bao nhiêu đó được rồi. Không phải! Phải học đa văn. Đa văn có hai nghĩa: [một] nghĩa là mình hiểu điều nào [phải] cho rõ ràng, thấu suốt.

Bây giờ nhiều người đề xướng "nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu", nhưng nếu họ đa văn thì cũng được. Đa văn là môn đó quý vị học cho thấu suốt, kinh của Phật pháp, một kinh là tất cả kinh, thì cũng được. Nhưng Thiện Trang check (kiểm tra) qua thì thấy không ổn, tại vì hiện tại, Thiện Trang thấy những người học như vậy, đa phần là học bị sai, học một hồi không khớp với kiến thức của Phật dạy. Ví dụ như kiến thức rất căn bản về Tứ đế v.v… rồi những kiến thức căn bản, ngay cả giáo nghĩa căn bản thôi cũng sai bét, thì làm sao có thể nói mình đa văn được. Cho nên đa văn kiểu nhất môn thâm nhập là không ổn. Nếu có người phải thật giỏi, họ dạy một môn mà thông được các môn khác, thì quý vị học một môn, vẫn đa văn.

Còn đây mình học một môn, mình cứ nói một bộ kinh v.v… nhưng mình học một hồi sai bét so với kinh Phật. Những kiến thức căn bản, nào là quả vị tu chứng, nào đoạn Phiền não, nào là giáo lý Ngũ uẩn, rồi Thân kiến, Biên kiến v.v... cũng sai hết. Những kiến thức rất căn bản, như Chánh kiến là gì v.v… cũng sai nữa, thì thôi, chúng ta không dám nói nha.

Thiện Trang khuyên quý vị, những người như vậy nên coi lại. Ví dụ như hồi xưa Thiện Trang thấy, mình cứ học Tam-muội là gì, rồi Chánh định là gì. Cứ dịch ra Tam-muội là Chánh định, Chánh thọ, nhưng trong kinh không phải nói như vậy. Thiện Trang kêu: "Sao kỳ vậy?" Sau này Thiện Trang mới biết, phát hiện ra rằng, có rất nhiều kiến thức mà xưa nay mình học, không phải với một người, mà nhiều người, đều không chính xác so với kinh. Lý do là những người đó cũng chỉ được học lại, hoặc người ta tự suy diễn theo thuật ngữ đó, rồi bắt đầu đoán nghĩa, chữ Hán như vậy nên mình giải như vậy thôi. Chứ thực ra đức Phật giải kiểu khác, đức Phật giải hết trong kinh rồi, những

kiến thức căn bản đó đức Phật giải hết trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya rồi. Mà mình không học, mình tự suy luận, mình tự giải theo ý nghĩ của mình, thành ra trật. Rồi mình truyền cho đời sau, đời sau truyền tiếp, truyền tiếp, truyền một hồi đi đâu [luôn].

Nên bây giờ tại sao có rất nhiều kiến thức Phật pháp, mình nghe thầy này khác, nghe thầy kia lại khác, là tại vì điều đó. Tức là thầy này dẫn theo hướng này, thầy đó hiểu sao [thì] giảng theo hướng [của] ổng, ổng lấy thuật ngữ đó rồi giảng theo điều đó. Ví dụ Chánh kiến là gì, [thì] ổng giảng theo ý hiểu của ổng. Thầy kia cũng vậy, Chánh kiến là gì, thì cũng giảng theo ý hiểu của ổng. Cho nên hai ông giảng một hồi đi đâu luôn, nên mình nghe không khớp. Còn nếu quý vị nghe người nào giảng đúng theo trong kinh, thì chỉ có một kiến thức đó. Phật giảng như vậy, hoặc Đệ tử của đức Phật giảng như vậy, mình học y chang vậy, là đúng.

Đó là do thời Mạt pháp, người học thì ít mà người giảng thì nhiều. Tức là không chịu học mà ra làm Pháp sư, biết gì đó rồi lên giảng nghiễn. Còn chúng sanh thì chấp, Đệ tử theo thầy đó 'tiên nhập vi chủ', vô đó là sống chết với thầy đó luôn. Cho nên họ không thoát ra được, rồi cố bảo vệ thầy tới cùng, tôn vinh thầy lên mức độ nào đó. Cho nên là nguy hiểm lắm.

Thiện Trang khuyên, nếu quý vị có thời gian thì quý vị hãy coi Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, rất nhiều kiến thức được đức Phật giảng, và có thời gian nữa thì quý vị nên coi kinh điển Đại thừa. Bởi vì kinh điển Đại thừa cũng rất hay, không thể bỏ kinh nào hết. Hãy học tất cả và khi quý vị học đến mức độ nào đó thì quý vị sẽ hiểu được: À, kinh hay lắm!

Mới đầu quý vị coi [thì thấy] khó lắm, khó cực kỳ, nhưng Thiện Trang đã chia sẻ cho quý vị rất nhiều kiến thức trong thời gian qua rồi. Với nền tảng Thiện Trang cung cấp cho quý vị, bây giờ [khi] nghe Kinh A Hàm, Kinh Nikaya thì quý vị sẽ hiểu được, không khó nữa. Bởi vì những kiến thức nào là Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, nào là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, v.v…. Những kiến thức [cơ bản] từ từ

Thiện Trang đều cung cấp. Rồi Ngũ uẩn v.v… Khổ, Không, Vô thường, vô Ngã, những kiến thức đó được lặp đi lặp lại rất nhiều. Cho nên quý vị nghe thì sẽ hiểu, và từ từ quý vị có Chánh kiến.

Còn không, mình học hoài, mình sẽ bị rớt vào Tà kiến, vì học sai với giáo pháp của Phật. Mà đã Tà kiến thì không thể nào chứng quả Thánh được, nên nhớ vậy! Mình càng học, mình càng nghi. Vì sao? Vì mình học sai. Ráng lên nha! Thời nay là kinh sách được dịch đầy đủ rồi, [quý vị] ráng học. Không cần biết chữ cũng được, không cần biết ngoại ngữ, nào là tiếng Pali hay là Sanskrit hay là Hán cổ, quý vị vẫn học được. Những người biết là để tra cứu, để coi, để so sánh.

Như Thiện Trang thì thấy có những chỗ Thiện Trang nghi: À! Hình như người ta dịch có vấn đề, thì Thiện Trang mới phải tra lại, coi lại bản gốc. Hình như chỗ này không thông, thì Thiện Trang coi bản gốc. Thiện Trang còn coi A Hàm với Nikaya, vì tương ưng nhau mà, coi bên này xong rồi coi bên kia nữa. Tại vì [Thiện Trang] duyệt cả hai bên rồi, cho nên biết đoạn này [bên kinh này] tương ưng với đoạn nào bên [kinh kia], đoạn này là đoạn nào của Kinh Nikaya, của Kinh A hàm, thì từ đó mình so sánh.

Đó là những người hơi thiên về học giả. Còn quý vị là hành giả, quý vị học vậy được rồi. Tại vì sai sót ít lắm, không nhiều đâu, và sự sai sót đó không đáng kể. Bởi vì ở chỗ này sai, thì chỗ khác sẽ đúng. Tại vì những vấn đề quan trọng thì đức Phật sẽ nói nhiều lần. [Quý vị] nên cố gắng học nha! Chứ đừng có tự phụ, kêu: "Ôi, tôi học không nổi".

Điều thứ tư này, để Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm, là phải đa văn, mình hiểu được 'nghĩa vị thâm áo rồi phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh không cấu uế'. Tức là mình phải tu cho tốt, giữ giới.

5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu thiện, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng. Ở đây mình phải siêng năng, phải chịu khó, chịu khổ, rồi bỏ những việc ác để làm những việc lành. Ở trong Kinh Vô Lượng Thọ gọi là **"khử**

ác tựu thiện" hay "**cải vãng tu lai**," rồi tập luyện mãi [không ngừng].

6. Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên. Điều nào học rồi thì cố gắng nhớ, ôn đi ôn lại những điều căn bản, để mình học điều nào thì mình nhớ điều đó, mình xài điều đó, chỉ cần vậy thôi. Quý vị cứ thấy những điều quan trọng [thì] Thiện Trang hay đức Phật cũng nói đi nói lại, nói nhiều lắm. Quý vị cứ nghe hoài, nhớ hoài, và hành bao nhiêu đó là quý vị có thành tựu rồi.

7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sinh diệt, hướng đến con đường xuất ly của Hiền Thánh, dứt sạch gốc khổ. Điều này là phải tu tập trí huệ, bởi vì trí huệ quan trọng. Biết pháp sinh diệt, tức là biết các pháp thế gian là do sinh do diệt, nên không tồn tại mãi mãi; mà mình phải hướng đến con đường xuất ly, tức là ra khỏi thế gian của bậc Hiền, bậc Thánh; rồi dứt sạch gốc khổ. Mình phải nhắm tới đó, quý vị [nhớ] bảy điều này.

Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn".

(Trích từ Kinh Du Hành - Thuộc Trường A Hàm).

Điều này quý vị có thể coi trong Kinh Nikaya cũng có thôi, Kinh Nikaya gọi là Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Du Hành ở bên Trường A Hàm, thì hai kinh này đều có. Và không chỉ có bảy pháp này đâu, mà còn nhiều bảy pháp khác nữa, để bữa khác Thiện Trang sẽ giới thiệu bảy pháp khác. Quý vị cố gắng làm theo điều này, thì chúng ta sẽ được lợi ích. Và Chánh pháp tăng trưởng tức là tăng lên, lớn mạnh lên, không bị hao tổn. Còn nếu làm ngược lại thì chắc chắn sẽ bị hao tổn.

Thiện Trang trích thêm, đây cũng là một pháp hành nữa, đó là:

Yếu Tố Làm 5 Triền Cái Tăng Thêm

[5 Triền cái] là tu Thiền chỉ đúng không ạ? Thật ra là tu Thiền quán nữa, tu Thiền quán mà có năm Triền cái thì sẽ không tốt, tu không được. Năm Triền

cái là gì, thì đoạn này chính là cách để làm sao tăng thêm, tăng thêm là không tốt, thì mình giảm ngược lại cho tốt. Đoạn này đức Phật nói luôn:

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Có năm triền cái, bảy giác chi, có thức ăn, không thức ăn. Nay Ta sẽ nói. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói.

Năm Triền cái là chướng ngại để vào các tầng định, thiền. Còn bảy giác chi là ngược lại, giúp cho tu tập. Hôm nay Thiện Trang chỉ giới thiệu năm Triền cái thôi, còn bảy giác chi thì để bữa khác. Lần sau sẽ giảng bảy giác chi là gì, rồi làm sao tăng được bảy giác chi, thì ở trong đoạn kinh này chính là nói điều đó luôn. Nhưng Thiện Trang chỉ cắt đoạn đầu nói về năm Triền cái thôi.

Thí như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn. Cũng vậy, năm triền cái nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn.

Năm Triền cái là gì, thì đoạn này nói luôn, tại sao có năm Triền cái, phải có thức ăn để cung cấp năng lượng cho nó. Vậy chúng ta muốn tu Thiền, thì chúng ta phải dứt được năm Triền cái, thì chúng ta mới tu Thiền, tu Định được, tu tập mới được. Còn nếu ai có năm Triền cái là tu không được đâu. Cho nên ở đây chúng ta phải coi nguồn cung cấp năng lượng của nó là gì, tức là thức ăn của nó là gì. Chỉ cần biết được gốc của nó là từ đâu, mà mình cắt nguồn.

Giống như mình biết đứa con mê chơi game, nó đi chơi một ngày 10 tiếng ở quán game, thì mình phải biết là nguyên nhân do đâu mà nó có thể đi chơi 10 tiếng một ngày, và mình biết là do nó có tiền thì mới trả được. Vậy chỉ cần tra tiền đó là từ ai: cha cấp, anh em cấp hay là mẹ cấp, hay bà nội, bà ngoại cấp, hay là nó đi ăn cắp. [Mình] biết được, cắt tiền đó [là] xong, là nó không đi chơi được nữa.

Cũng vậy, nếu muốn không bị [tham], hôn trầm (ngủ gục), sân hận, phóng dật [trạo hối], hoài nghi, thì chúng ta [phải] cắt nguồn lương thực (thức

ăn) của năm món đó đi. Đức Phật ý nói ví dụ như vậy, chúng ta sẽ dễ dàng [hiểu được]. Và đây là lời trong kinh, Thiện Trang cố gắng giảng toàn là lời kinh Phật thôi. Quý vị không thể nói là Thiện Trang giảng theo ý của Thiện Trang được, đây là lời Phật, quý vị không nghe thì quá đáng tiếc thôi. Cho nên là cố gắng nghe nha!

Đức Phật nói là 'giống như thân thể thì nhờ thức ăn mới tồn tại. Cũng vậy, năm Triền cái nhờ vào thức ăn mới tồn tại, chứ chẳng phải không nhờ thức ăn'.

1. Tham dục Triền cái :

Tham dục triền cái lấy gì làm thức ăn? (Tức là đầu tiên là Tham, chúng ta có Tham thì không thể nào nhập Sơ thiền được đâu. Tham có nhiều [loại] tham, nhưng Tham dục là tham ở cõi Dục, chứ còn tham ở cõi Sắc hay cõi Vô sắc thì không ảnh hưởng đến Sơ thiền). **Đó là tướng xúc. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, thì tham dục chưa khởi sẽ khiến khởi, tham dục đã khởi rồi thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của dục ái triền cái.**

Như vậy đức Phật chỉ luôn nguyên nhân tại sao mình tham dục, mà tham dục này là tu không đắc Thiền. Muốn đắc được năm chi thiền hay bảy chi thiền thì quý vị phải bỏ được năm Triền cái trước đã, cho nên nhiều người tu không được. Giống như hôm bữa có chú Phật tử ở Úc tới phỏng vấn Sư Minh Tuệ, hỏi: "Hồi xưa con tu Thiền thì con có thể vào định được, mà bây giờ con tu lâu năm rồi tại sao không vào được?" Sư Minh Tuệ trả lời là do mình có lỗi, bây giờ mình không buông được, hồi xưa buông được nhiều hơn.

Quý vị mới phát tâm tu hành thì dễ buông, buông dữ lắm, tu dữ lắm, giữ giới nghiêm, rồi không tham, không sân, không si, không có này, không có kia. Còn tu lâu là bắt đầu tham nhiều hơn đúng không? Vẫn tham, hồi xưa thì không có danh, mới đầu vô tu đâu có danh. Người Cư sĩ cũng có danh của Cư sĩ, người xuất gia có danh của người xuất gia. Rồi hồi xưa thì mình giữ giới

ngon lành, sau này mình tùy duyên [nhiều hơn], điều nào cũng tùy duyên. Rồi mình vẫn ham ở đời nhiều hơn, cho nên rớt mất mấy chi thiền (mình nói năm chi thiền để vào Sơ thiền đi).

Mình rớt năm chi thiền này là do năm Triền cái, năm Triền cái này đầu tiên là Tham dục. Tham này là những mong muốn ở cõi Dục, nên gọi là tham dục. Chứ còn nếu nói về Tham [trong Kiết sử] thì phải tới Tam quả A-na-hàm mới hết tham, [quý vị] nên nhớ vậy. Còn tham này là ở cõi Dục thôi. Cõi Dục là mình ham về ăn uống, ham về sắc dục, ham tiền bạc, ham danh, ham đủ các thứ. Đó là những ham muốn rất thô, chứ không phải [ham] nhẹ.

Đức Phật nói mấy điều này lấy gì làm thức ăn? Đó là Tướng xúc. Tướng xúc là gì, ở đây có chú giải luôn cho chúng ta, nghĩa là là Tịnh tướng. Tức là mình tiếp xúc với gì đó thì có tướng. Có nghĩa là do quý vị thấy có thức ăn thì quý vị mới tham ăn chớ. Hoặc là quý vị tiếp xúc qua, biết món đó gọi là bánh bèo, rất ngon, hoặc là mình nghe người ta nói ở miền Bắc có phở Hà Nội ngon lắm, thì mình tưởng tượng ra. Tức là có tiếp xúc qua thì mình mới khởi tham về ăn món đó. Còn không, bây giờ nói món gì đó, kêu tôi cũng không biết món đó. Hoặc là mình tưởng tượng món đó ghê gớm lắm, giống như có món thịt thối gì đó, hoặc món đậu hũ thối, mình nghe nói món đó có mùi hôi lắm không ăn được. Thế là mình không muốn, thì mình đâu có tham.

Cho nên Tham này là do tiếp xúc. Xúc này không phải là một xúc ở trong Luận Câu Xá, mà chúng ta [coi] trong kinh đức Phật nói có tới mấy xúc. Chúng ta có mấy giác quan là có mấy sự xúc.

Ví dụ như xúc qua mắt, mắt nhìn thấy, mình biết bữa nay quảng cáo ra cái điện thoại Iphone mười mấy đó, rất đẹp. Mình thấy đẹp, màu đó hợp với tôi, giống như màu tím dành cho những người bị gì đó, kiểu đó hợp. Hoặc là có quần áo gì đó hợp [với mình], đó là mình thấy trên tivi quảng cáo như vậy. Hoặc là thấy chiếc xe đó màu hợp [với mình], hay thế nào đó. Đó là do tiếp xúc của mắt mà mình tham, mình phải niệm niệm mua cho được cái điện thoại đó, mua cho được chiếc xe đó, mua cho được bộ quần áo đó. Đó là tướng xúc.

Rồi nghe tiếng, tức là xúc này là do qua tai nghe, nghe người ta nói, nghe người bạn nói: bữa nay có ra chiếc xe mới đó, hoặc là có kiểu nhà mới đó, làm mà ở. Hoặc là mua cái này xài ngon lắm v.v… nghe chứ chưa thấy, đó là tướng nghe.

Rồi tướng ngửi, tức là mũi mình ngửi được mùi thơm, [do] đi qua quán ăn đó, nghe [nói] có món gì đó ngon quá, [người ta] bưng ra mình không thấy món gì, nhưng nghe mùi thôi là mình biết món này ngon, bữa sau phải ăn cho được. [Đó] là tham rồi, chẳng hạn như vậy.

Rồi tướng chạm của lưỡi, tức là lưỡi của mình nếm qua. Ví dụ bình thường mình không biết món ăn đó, nhưng người ta cho chút mật vô đó, [mình nếm thấy] ngon quá, thế là từ đó mình tham theo.

Rồi xúc chạm, ví dụ như câu chuyện của Thái tử Thanh Tịnh, đầu tiên là ngài không biết nữ [sắc] là gì hết. Nhưng do cô dâm chủng chạm vào người, thế là từ đó biết người nữ, và từ đó thích luôn. Mặc dù bao nhiêu năm thanh tịnh, [trước đó] không ai đụng được hết. Cho nên đó là tướng xúc, mà xúc này qua xúc [chạm] thân thể.

Cuối cùng là xúc qua ý, ý tức là ý thức của mình, mình tự nghĩ, suy nghĩ tưởng tượng ra, đa số là tưởng tượng. Ví dụ như mình lớn lên thế nào đó, rồi tưởng tượng mai mốt lập gia đình sướng lắm thế này thế kia, cưới vợ hay có người yêu gì sướng lắm, thế này thế kia, cho nên từ đó tưởng. Nếu không ai dạy, không có tiếp xúc, thì không biết điều đó.

Cho nên nguyên nhân của tham dục là sự tiếp xúc của mình đối với ngoại cảnh (môi trường bên ngoài), và có sáu căn nên có sáu sự tiếp xúc. Sáu cửa mở ra, nên nhận vô nhiều thứ lắm. Vậy làm sao để giảm được tham dục? Đó là cố gắng bớt tiếp xúc. Cho nên Hòa thượng Tịnh Không nói là đừng coi ti vi. Để làm gì? [Để] khỏi coi mấy phim ảnh yêu đương, khỏi coi quảng cáo, [vì] nhiều quá.

Mà bảo đảm với quý vị, nếu quý vị coi quảng cáo hằng ngày mà không

mua đồ, là quý vị giỏi đó, tức là công phu định lực của quý vị dữ lắm đó. Chứ không, lên mạng [coi] quảng cáo một hồi thôi là mình cũng thích mua, không thích mua cái này thì cũng thích mua cái kia. Khó lắm quý vị! Hay là quý vị nghèo quá [nên] không mua được thôi, chứ quý vị cũng muốn, thật ra là vậy.

Cho nên có rất nhiều thứ mà mình chỉ cần tiếp xúc qua là tham, mà tham đó là tham dục. Nên đức Phật chỉ ra nguyên nhân là như vậy. Vậy thì bây giờ phải làm sao? Cố gắng bớt tiếp xúc. Thứ nhất là đừng tiếp xúc với quảng cáo, đừng tiếp xúc với những người xa hoa, đừng tiếp xúc với những người hay quảng cáo những gì đó mà mình thấy đúng tầm ưa thích của mình. Cố gắng bớt bớt đi. Rồi đừng đi qua những chỗ nào mà dễ khiến cho mình thích, vì điều đó làm cho tham khởi lên. Mình tránh duyên đi, thì sẽ tránh được tham dục.

Quý vị thấy đức Phật dạy hay lắm, đức Phật chỉ luôn nguồn tận cho mình. Còn mình cứ nghe người ta nói một hồi, đâu có rõ đâu. [Điều này] rất rõ ràng. Đó là Triền cái thứ nhất, là tham dục.

2. Sân nhuế Triền cái:

Những gì là thức ăn của Sân nhuế Triền cái? (Sân nhuế là sân hận, bây giờ mình sân lên thì cũng không thể đắc Thiền được, tu Thiền không được). **Đó là tướng chướng ngại. Đối với tướng ấy mà không tư duy đúng, Sân nhuế cái chưa sinh khởi sẽ khiến khởi; sân nhuế cái đã khởi rồi, thì có thể khiến cho tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của Sân nhuế Triền cái.**

[Thức ăn của Sân nhuế Triền cái] là tướng chướng ngại. Quý vị hiểu tướng chướng ngại này không? Có nghĩa là tại sao mình sân? Tóm lại là do mình bị chướng ngại, có nghĩa là đối nghịch lại, mình làm việc gì đó mà nó cứ ngược lại với ý mình, nó chống lại. Giống như mình muốn đi qua bức tường, mà người ta ngăn cái tường lại không cho qua, mình muốn làm việc đó nhưng không thành công. Tướng này gọi là tướng chướng ngại, khiến cho sân.

Cho nên ai mà luôn luôn được thỏa mãn thì sẽ không sân. Nhiều người nói tự hào: "Con đâu có sân gì đâu thầy. Con thấy con ngon lành, con đâu có

sân". Tại vì quý vị chưa có luyện trong hoàn cảnh đó thôi, hoàn cảnh của quý vị toàn là cảnh thuận. Về nhà quý vị hét một cái, tất cả người nhà im re, không ai dám nói. Quý vị lên công ty, quý vị làm chủ công ty, giám đốc công ty mà, quý vị hét một cái [là] nhân viên im re hết. Rồi đi vô Đạo tràng, quý vị [làm] chủ Đạo tràng, quý vị cũng hét một cái là người ta sợ hết. Lên gặp thầy trụ trì, quý vị cũng nói một cái, thầy trụ trì cũng sợ mất tín đồ cúng dường, nên thầy cũng im luôn, nhịn luôn. Thì có ai cho quý vị bài chướng ngại đâu mà quý vị sân, đó là do không có cảnh.

Còn mấy người đi chùa thì sao? Đi chùa thì thân phận nghèo, giống như 'em vốn mang thân con gái nhà nghèo', lên chùa vô rửa chén cũng bị chửi nữa. Rồi ở nhà thì bị ông chồng ăn hiếp, đi tu thì bị bà chủ Đạo tràng chửi, kiểu nào đi đâu cũng thế. Toàn là chướng ngại, chướng ngại càng nhiều thì dễ sân nhiều. Giống như ra ngoài đường cũng vậy, [bị] kẹt xe [nên] tức mình. Rồi [khi] đi về, đã kẹt xe [lại] còn mưa nữa, cho nên có nhiều [sự] khó chịu.

Nói chung sự chướng ngại càng nhiều thì sự dễ sân càng nhiều, cho nên hơi khó, điều này là [do] hoàn cảnh. Cho nên muốn không sân, thì tu hành phải rơi vào hoàn cảnh tốt một chút, có nghĩa là mình phải tránh duyên. Nếu không tránh được thì ráng nhẫn thôi. Nhẫn, nhưng có người nhiều khi nhẫn không được. Rồi có nhiều điều bực mình lắm, có nhiều cái sân lắm. Nói tóm lại: những gì chướng ngại mình, là nguyên nhân, là thức ăn của sân. Mình phải tìm ra nguyên nhân rõ ràng. Mà không cần phải tìm, ở đây đức Phật nói cho mình.

Cho nên quý vị thấy mình học trong kinh thấy rõ ràng lắm, tất cả đều nói một cách rốt ráo, nói nguồn cội, sân là do làm sao, tham là do làm sao, để mình tránh. Cho nên ai mà thuận duyên nhiều thì họ ít sân. Còn quý vị ở bên cạnh một người mà suốt ngày phiền não, họ nói thế này, nói thế kia. Mới vô cầm đôi đũa gắp [thức ăn], thì họ nói: "Sao mà gấp món này trước, ăn món kia trước kìa". Rồi một hồi họ nói: "Ăn gì mà chậm vậy?" Họ nói vài câu là quý vị nổi điên rồi.

Tại vì đó là tướng chướng ngại, cho nên có những hoàn cảnh thử thách

rất khó. Quý vị muốn tu được thì quý vị phải luyện, luyện hoài thành quen, thì bớt [sân] thôi. Kệ, ai nói gì thì nói, ai làm gì thì làm, ta biết ta thôi. Nhưng điều này cũng nguy hiểm ở chỗ là: Ta biết ta thôi, nhưng ta dốt quá, rồi ta cũng không biết ta luôn, thì cũng thua luôn. Rồi ta tệ quá, mà ta cũng không biết ta, ai nói cũng không nghe, thì thôi thua luôn. Cho nên điều này cần phải có trí tuệ. Nhưng cách đầu tiên là phải tránh duyên, cách thứ hai là mình cố gắng né, nhẫn nhục. [Như vậy] thì tu mới đắc Thiền được, vì đây là thức ăn của 5 Triền cái mà.

3. Thụy miên Triền cái:

Những gì là thức ăn của thụy miên cái? (Thụy miên là hôn trầm, buồn ngủ) **Gồm có năm pháp** (Thụy miên này nhiều hơn, có đến 5 pháp lận, còn điều kia có 1 pháp à)**. Những gì là năm? Đó là yếu đuối** (hôm bữa hình như chúng ta cũng học đúng không? Nhưng yếu đuối là sao? Yếu đuối là mình hoạt động không có mạnh mẽ, mà chầm chậm, rề rề, thì buồn ngủ là đúng rồi. Cho nên là [làm gì] phải mạnh mẽ lên)**, chẳng vui** (chẳng vui là buồn buồn, thì cũng buồn ngủ luôn. Cho nên cố gắng sống tích cực lên, mạnh mẽ, vui lên. Người thường sanh tâm hoan hỷ thì người ta ít ngủ. Điều này thì Thiện Trang thấy đúng. Với Thiện Trang, Thiện Trang thấy mình vui nhiều nên ít buồn ngủ. Mà khi nào không có việc gì làm, hoặc ít tiếp xúc với ai, thì dễ buồn ngủ. Tâm sở Tầm không kéo lên được. Vui thì Tâm sở Tầm mạnh, nên ai thấy buồn thì dễ buồn ngủ nữa. Hãy cố gắng vui)**, ngáp ợ** (đây là dấu hiệu cơ thể buồn ngủ)**, ăn nhiều** (điều này thì rõ ràng, ăn nhiều thì sẽ buồn ngủ thôi)**, lười biếng** (làm biếng quá, không siêng năng thì cũng sẽ buồn ngủ).

Cho nên mình cố gắng làm ngược lại 5 pháp này, cố gắng mạnh mẽ lên, sống đời mạnh mẽ, nói năng... Đôi khi yếu đuối quá thì cũng không được. Rồi vui vẻ lên, cố gắng đừng có ngáp. Ngáp này là do thiếu ngủ nên ngáp chứ sao. Rồi đừng ăn nhiều, đừng lười biếng.

Đối với chúng không tư duy đúng, khi thụy miên cái chưa khởi thì khiến khởi; thụy miên cái đã khởi rồi, có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó

gọi là thức ăn của thụy miên cái. Có nghĩa là Thụy miên chưa có, nhưng do những yếu tố này sẽ khiến cho có. Nếu đã có rồi thì sẽ [khiến] buồn ngủ hơn nữa, mệt mỏi, rũ rượi hơn nữa.

Cho nên chúng ta thấy đức Phật dạy hết rồi, ở bên A Tỳ Đàm thật ra cũng tổng kết lại từ đây thôi.

4. Trạo hối Triền cái:

Những gì là thức ăn của trạo hối? (Triền cái thứ tư là Trạo hối, tức là trạo cử và hối hận. Trạo cử là tâm của mình cứ chạy lên, liên tục suy nghĩ điều này điều kia, tùm lum hết. Còn hối hận là nghĩ lại những chuyện đã qua) **Gồm có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là giác tưởng về thân thuộc** (tức là có bốn điều giác tưởng. Giác là biết, biết mà biết kha khá thì gọi là giác; tưởng là suy nghĩ, tưởng tượng về thân thuộc. Do quý vị bị Trạo cử nên cứ suy nghĩ. Quý vị nghĩ về ai? Nghĩ về người thân, rồi hối hận những việc về người thân. Người thân này không phải là người thân trong gia đình không [thôi], mà còn có thể là người yêu, người bạn hay ai đó, rồi đồng tu v.v... Mình cứ nghĩ về những người đó, mình nghĩ nhiều rồi hối hận tùm lum, mình tưởng tượng v.v… Đó là Trạo hối. Ví dụ nam nữ yêu nhau là rõ ràng nhất, họ nghĩ về người yêu nhiều nhất. Đó là Trạo cử. Điều này rõ ràng, ai cũng biết mà)**, giác tưởng về mọi người** (tức là suy nghĩ lung tung, chuyện bên Tây bên Tàu, chuyện thế giới v.v…)**, giác tưởng về chư thiên** (tức là nghĩ về chư Thiên)**, giác tưởng về những khoái lạc vốn đã tự kinh qua** (tự trải qua). (Điều này thì rõ ràng. Những điều hạnh phúc thường làm người ta nhớ đến nhiều hơn là những điều đau khổ. [Ví dụ mình] tưởng tượng là bữa đó ăn được bữa ăn ngon quá. Như có đồng tu chia sẻ nói là có món chè Huế có 20 món gì đó, ăn là nhớ luôn, cho nên mình cứ nghĩ nhớ như vậy. Rồi vô trong miền Nam thì được ăn món bánh xèo, hoặc ăn món trái cây gì ở đâu đó v.v… Mình nghĩ nhớ đến những khoái lạc gì đó, hoặc những niềm vui. Chính vì điều đó làm cho tâm mình bị trạo cử, hối hận).

Tự mình nhớ nghĩ hay do người khác khiến nhớ nghĩ mà sanh giác

tưởng (đức Phật nói rõ rằng: là tự mình nhớ nghĩ, hay do người khác khiến nhớ nghĩ mà sanh ra giác tưởng. Đúng rồi! Có những điều mình đâu có biết, nhưng mình do người khác, nhờ người khác tả, nhờ người ta kể, rồi mình tưởng tượng ra như vậy. Tức là có dữ liệu nên mình có tưởng tượng. Cho nên cách đối trị là tốt nhất mình đừng nghĩ, chuyện gì qua rồi thì thôi, nên mới có bài kệ Bạt-địa-la-đế (bài Nhất Dạ Hiền Giả). Bài này rất quan trọng để đối trị bệnh Trạo hối (là Trạo cử và Hối hận). Quý vị nhớ bài này là trị được)**. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, khi trạo hối chưa khởi thì khiến khởi, trạo hối đã khởi rồi thì có thể khiến cho nó tăng rộng. Đó gọi là thức ăn của trạo hối.**

Điều này thật ra nếu quý vị tư duy đúng, vì ở đây đức Phật nói là tư duy không chân chánh, chứ nếu mình tư duy đúng thì sẽ chuyển Phiền não thành Bồ-đề. Ví dụ lâu lâu Thiện Trang giảng, có đồng tu nói là hình như thầy thích ăn chè hay bánh xèo hay sao đó, thầy cứ nhắc đến chè với bánh xèo. Thật ra không phải! Thiện Trang chẳng nhớ gì hết, hồi nhỏ giờ ăn nhưng không nhớ, nhất thời chỉ nhớ mấy món đó, chắc là được ăn nhiều nên nhớ ra. Chứ bây giờ suy nghĩ một hồi mới nhớ ra món nào đó thì quá lâu. Cho nên Thiện Trang cứ theo trí nhớ mà nói thôi, mà nói là để mô tả, để diễn bày thôi, chứ không phải là Phiền não về món đó, tức là không phải vì trạo hối, nên nhớ như vậy. Điều này chỉ là nói thôi, chứ lâu rồi đâu có ăn được đâu. Quý vị ở trong nước thì ăn đủ món này món kia, chứ ở nước ngoài đâu có món Việt đâu, ở nước ngoài đâu có dễ gì kiếm được mấy món đó, lâu rồi không ăn nên đâu có nhớ. Cho nên là không có gì cả. Và nếu có ăn ở nước ngoài thì cũng không ngon bằng trong nước đâu, vì không có đủ gia vị, không có đủ [nguyên liệu].

Đấy là nói cho quý vị để quý vị hiểu thôi, cho nên mình biết chuyển Phiền não thành Bồ-đề. Ví dụ Thiện Trang nói món chè, thì chắc chắn là món chè là món mà hồi nhỏ mình thích ăn, đủ các loại chè, nào là chè nếp (là nấu nếp lên, rồi bỏ chút đường cho ngọt, giống như xôi nhưng ngọt hơn chút nên gọi là chè). Hồi nhỏ Thiện Trang có thể ăn một lúc 3 chén như vậy đó, ăn cỡ đó, gọi

là siêu ăn đường.

Đó là món chè nếp. Sau này mình phát hiện ra có món chè ngon hơn, mẹ cắt bột bỏ vô nồi nước đường, bột dẻo dẻo, thì thành chè. Dần dần thời gian lớn lên thì mình mới biết có nhiều món chè ngon hơn nữa. Tức là họ cho dừa, cho này kia vô, mình cũng không biết nữa. Bây giờ nhớ lại thì Thiện Trang mới nói là: Thì ra thế gian tuy là một chữ chè thôi, nhưng do mỗi người có một kiến thức trong quá khứ, mà mình tưởng tượng ra món chè đó như thế nào. Và do xúc cảm hồi đó mình ăn, mình cảm thấy ngon, còn người kia ăn cảm thấy mặn quá, cay quá, hay ngọt quá, nên mình cảm thấy không ngon. Và vì lý do đó mà chúng sanh có Tưởng khác nhau. Chứ thật tế tướng của các pháp là bình đẳng, do kinh nghiệm của mình không giống nhau nên ra khác nhau, và từ đó mình nhận thức khác nhau.

Cho nên đi vào một quán ăn, và dọn ra một món chè, thì mỗi người sẽ khởi lên một cái Tưởng là món này ngon, tôi thích ăn lắm, tôi mong đợi lắm. Còn người kia thì ăn cũng được, không ăn cũng được. Vì sao? Là do định kiến quá khứ của mình mà thôi. Và có thể do nhiều yếu tố nữa, do nhu cầu cơ thể của mình về lượng đường, về lượng này kia gì đó, mà thích hay không thích [món đó].

Cùng vấn đề đó vẫn là Tưởng đấy thôi, vẫn là nghĩ nhớ về những quá khứ v.v… nhưng mình không bị trạo hối (tức là không bị trạo cử và hối hận), thì mình không bị Phiền não. Tức là mình chuyển những tư duy đó thành tư duy về pháp, để mình hiểu được thế gian này. Thường tư duy như thế thì mình sẽ sớm ra khỏi sanh tử. Vì sao? Vì đó là quý vị tư duy trên pháp, chứ không phải tư duy theo sự ham muốn của thế gian. Tức là cũng món chè đó thôi, nhưng chè của mình là chè pháp, còn chè của người ta là chè ăn, khác nhau. Quý vị hiểu chè pháp và chè ăn là vậy.

Cho nên người tu hành lâu năm, theo năm tháng cứ học pháp đi, học dần dần rồi sẽ thấy thế gian này điều gì cũng là pháp hết. Việc này cũng là pháp, việc kia cũng là pháp, người này cũng là pháp, người kia cũng là pháp, thì dần

dần quý vị sẽ chuyển Phiền não thành Bồ-đề. Những nghịch duyên trong đời, những khó chịu trong đời, những cay đắng trong đời, quý vị cũng dần dần chuyển thành giác ngộ. Và do thường xuyên sống như vậy thì công phu của quý vị sẽ đắc lực, ngôn ngữ trong kinh Phật gọi là công phu Tam-muội, là Chánh định. Chánh định này là Chánh định của xuất thế gian.

Quý vị nhớ nha, Chánh định có tới mấy loại định, chứ không phải Chánh định lúc nào cũng xuất thế gian đâu. Trong kinh đức Phật nói: do đắc được Chánh định xuất thế gian thì đó là Tam-muội xuất thế gian, thì quý vị sẽ chứng quả giải thoát thôi. Bí quyết của tu hành là như vậy đó.

Tóm lại là làm sao để đem tất cả những gì hằng ngày mình tiếp xúc, hay là quá khứ đã tiếp xúc, hay tương lai chưa tiếp xúc v.v… quy về một mối, đó là tất cả pháp đều là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, đều là do duyên mà sanh, do duyên mà diệt, do điều kiện này, do điều kiện kia, mà không giống nhau. Mình thường tư duy như thế, và hiểu được như thế, thì dần dần mình sẽ vào được địa vị Thánh nhân lúc nào mình không biết. Và xin chúc mừng quý vị, quý vị sẽ ra khỏi sanh tử. Chỉ đơn giản vậy thôi.

Cho nên tu hành không phải là đợi vô thời khóa, ngồi đó xếp bằng, rồi mới tu. Tu đó thì cũng đúng, nhưng chưa đủ. Còn quý vị tu trong đời sống, là phải đổi tri kiến của mình. Và cái nhìn như hồi nãy Thiện Trang nói, là một trong Chánh kiến, Chánh tư duy. Và từ Chánh kiến, Chánh tư duy đó mới dẫn cho mình đến những chánh sau, thì đủ Bát chánh đạo. Quý vị nhớ nha! Đây là những pháp hành, pháp tu mình cần phải học, chứ không phải mình chỉ học trên chữ nghĩa. Tất nhiên mới đầu là mình phải học trên chữ nghĩa đã, nhưng dần dần mình nhìn xung quanh đâu cũng là pháp hết, tất cả pháp đều là Phật pháp thì thành công.

Còn nếu mình sống một hồi, học thì học thế thôi, một lát dọn món chè lên, thấy chè ngon quá, để ăn cái đã, quên mất bài pháp về chè thầy Thiện Trang giảng hôm nay rồi. Như vậy thì không được. Mình vừa ăn chè, vẫn nghĩ là món chè này ngon đó, nhưng ngon là do ngọt, vừa với miệng của mình, nên

ngon. Còn bà kia ăn mà nhăn mặt vì thấy ngọt quá, hoặc người kia lại thấy lạt quá, không ngon. Ở trong món chè đó có bỏ thứ gì đó mình không thích ăn nên mình không thấy ngon… Đó là các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt. Cùng một loại đó, cùng một vị đó, nhưng do chúng sanh có nhiều nghiệp khác nhau, do khuynh hướng tâm lý, do môi trường sống, do thói quen luyện từ nhỏ, do bệnh tật, do nghiệp chướng, đủ các [nguyên] do, mà cảm nhận không giống nhau. Nếu mình hiểu được như vậy, thì coi như mình giác ngộ được một phần.

Cho nên ngay khi ăn là quý vị có Tứ niệm xứ trong đó rồi. Đó là quán pháp, quán tâm, quán thân, quán thọ, thì quý vị tu Tứ niệm xứ ngay trong khi ăn món chè đó. Đó là Thiện Trang lấy ví dụ ăn để tu Tứ niệm xứ như thế nào. Khi ăn cơm mà quý vị cũng nghĩ như vậy, thì quý vị sẽ thành công. Như nhờ Thiện Trang đi nhiều nên Thiện Trang biết, người Việt mình thì hằng ngày đều ăn cơm, ăn cơm nhiều nhất. Nhưng cơm mỗi nơi mỗi khác, cơm ở miền Trung khác với cơm ở miền Bắc, và khác với cơm ở miền Nam, cơm ở miền Tây. Cơm ở trong nước khác với cơm ở ngoài nước. Tại sao vậy? Vì miền Bắc dùng gạo khác, miền Nam dùng gạo khác, miền Trung dùng gạo khác. Rồi gia vị mỗi miền mỗi khác, nấu món ăn chung khác.

Ví dụ như hồi xưa nhà Thiện Trang nghèo lắm, không có gì để ăn hết, cơm ăn còn không đủ, phải trộn thêm khoai mì (củ mì), củ lang vô. Rõ ràng bữa cơm đó đâu có giống với bữa cơm của quý vị đâu, bữa cơm của quý vị toàn là thịt cá không à, rồi nhà khác cũng ăn không giống nhau. Đó là người Việt thôi, khi ra hải ngoại thì vị cũng phát hiện ra [ngay cả] gạo cũng không giống rồi. Ví dụ như người Đức thích ăn khoai tây, suốt ngày ăn khoai tây, vô trong cửa hàng thấy họ ăn khoai tây là chính. Người Pháp thì thích ăn bánh mì, nên bánh mì lúc nào cũng có. Bánh mì của Pháp là ngon số một luôn, khỏi nói. Rồi bánh của Pháp thì đủ các loại. Còn bánh của Đức thì không ngon bằng, chẳng hạn như vậy.

Cho nên ngay trong bữa ăn, mà mình tư duy được là thế gian là như vậy,

mình đừng có chấp là tôi ăn bữa cơm này, người ta cũng phải ăn giống mình v.v… Do môi trường sống khác nhau, do khuynh hướng tâm lý, do tiền nghiệp… Mình cứ đếm qua và suy xét như vậy, thì ngay bữa ăn mặc dù dọn ra cơm đó, gia đình mình 5 người cùng nhau ăn chẳng hạn, nhưng người kia chỉ biết ăn mà thôi, ăn một cách bình thường, giống như ăn theo phản xạ, thì mình thấy đó là sự ăn của chúng sanh. Còn mình ăn, nhưng mình nghĩ là chúng sanh ở thế giới khác, hoặc ở đất nước khác, ở vùng khác, họ ăn không giống mình v.v… là do đời trước mình ăn không giống như vầy, đời quá khứ không giống như vầy, đời tương lai mình sanh ra ở chỗ nào thì chắc chắn cũng ăn không giống như vầy. Do như vậy, ngay việc ăn đó, là mình đã nhận ra Vô ngã trong đó rồi. Và mình hiểu các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt ở trong đó rồi. Đó là quý vị đang tư duy về pháp, đó chính là quán Tứ niệm xứ. Quý vị tu như vậy thì không bao lâu quý vị sẽ thành tựu.

Đó là cách tu, tu thì phải tu như vậy. Chứ không phải suốt ngày cứ đọc lên Tứ niệm xứ là gì, nào là quán thân trên thân, quán pháp trên pháp, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm. Hoặc là quán Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Xin lỗi quý vị! Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, mà quý vị nắm được cách quán như hồi nãy, thì quý vị sẽ thấy Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã trong đó, lâu ngày thì tự nhiên quý vị thành tựu thôi, không cần ép mà quý vị cũng thành tựu. Giống như sạc pin, quý vị sạc đến lúc nào đó sẽ đầy. [Hoặc] quý vị nhỏ nước vào trong thùng, mà nhỏ hoài thì [đến lúc nào đó] cũng đầy thùng thôi.

Cho nên vấn đề là mình phải có nhận thức đúng, mà nhận thức đó gọi là Chánh kiến, Chánh tư duy. Muốn có điều đó thì mình phải tu tập, phải học. Mỗi lần Thiện Trang chia sẻ, quý vị thấy pháp hành đơn giản ngay trong đời sống của mình thôi. Rồi mỗi lần mình lên tu nữa, tu thêm thời gian để mình có Thiền định (Thiền chỉ), Thiền quán sâu hơn. Còn hằng ngày nếu mình sống như vậy, thì mỗi bước chân đi, mọi lúc mọi nơi đều là tu hành hết. Cho nên ngay khi vào nhà vệ sinh thì cũng là tu hành.

Vô nhà vệ sinh tu hành bằng cách nào? Thiện Trang hay nói như vậy,

nhưng Thiện Trang hỏi lại: vào nhà vệ sinh làm sao tu hành? Nhiều người nói lúc đó ráng nghe pháp, cắm tai phone vô nghe. Tu hành như vậy được không? Được! Nhưng có người nói: Tôi tu Tứ niệm xứ mà? Nghe pháp chính là quán pháp trên pháp. Còn không, quý vị vô trong nhà vệ sinh thì quý vị thấy: Ôi, thân thể này dơ bẩn quá, người gì mà đủ các loại mùi. Mùi từ đâu ra? Mùi đó là từ Phiền não, nghiệp chướng mà ra. Chúng sanh Ngạ quỷ nghe mùi này thấy thơm, mà sao mình thấy hôi dữ vậy? Rồi thân thể này là Khổ, là Không, có ăn có uống cho nên phải đi vệ sinh, v.v… Mình tư duy [như vậy], thì ngay tư duy đó là chánh niệm tu hành.

Còn quý vị vô đó mà mê mê màng màng: Ôi, hôi quá! Hôi quá! Mau chạy cho ra nhanh. Đó không phải là tu, đó là quý vị đang đọa lạc, quý vị hiểu không? Cho nên tu là tu như vậy, người vào cùng hoàn cảnh giống như mình, nhưng người ta biết tu thì người ta tạo vô lượng công đức. Ở đây nói đơn giản, là vô lượng chủng tử giải thoát ở trong tâm của quý vị được xuất hiện, do tư duy của quý vị đúng.

Chỉ vậy thôi, nhận thức đúng, tư duy đúng, thì quý vị dần dần sẽ ra khỏi sanh tử. Còn nếu như chúng ta vô đó mà chúng ta [kêu]: Ôi, sao mà hôi quá! Hôi quá! Mau chạy cho ra nhanh, sợ quá. Nhà vệ sinh không ai dọn v.v… toàn trách [một] mớ điều này điều kia. Như vậy đó là mình đang đọa, và mình là chúng sanh thật sự, chứ không phải là người giác ngộ.

Nên quý vị nhớ nha! Mấy điều tu hành này, dần dần về sau là tu như vậy. Và tu như vậy thì tu bất cứ môn nào đi nữa, quý vị kèm theo môn đó thì quý vị thành công, dần dần [sẽ] giác ngộ. Khi giác thường xuyên là quý vị có công phu, và công phu đắc lực thì quý vị sẽ thành một vị Thánh nhân. Ít nhất chúng ta cũng vô được địa vị dòng Hiền, không thì vô dòng Thánh luôn là tuyệt vời.

Thiện Trang trở lại bài, vừa rồi Thiện Trang nói về Thụy miên, Trạo hối. Còn một điều nữa là Nghi cái.

5. Nghi Triền cái:

Những gì là thức ăn của Nghi cái? (Tức là bây giờ điều gì cung cấp năng lượng cho Triền cái thứ năm là Nghi). **Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Đối với đời quá khứ còn do dự, đời vị lai còn do dự, đời hiện tại còn do dự. Đối với chúng khởi tư duy không chân chánh, Nghi cái chưa khởi sẽ khiến khởi; Nghi cái đã khởi thì có thể khiến nó tăng rộng, đó gọi là thức ăn của Nghi cái**.

Như vậy đức Phật nói thức ăn của Nghi là ba đời, mà điều này là sự do dự, chần chừ. Do dự đối với quá khứ, quá khứ qua rồi nhưng vẫn còn nghi, có những điều nghi như: không biết mình làm điều đó có đúng hay chưa, không biết mình học môn đó đúng hay chưa, rồi không biết mình lựa đã chọn con đường đúng hay chưa. Đó là nghi về quá khứ. Đây là nói quá khứ, chứ mình chưa nói đời [vị lai]. Nghi không biết quá khứ mình tu như thế nào, chắc chưa có đủ thiện căn, v.v…

Rồi nghi về đời vị lai (tức là nghi tương lai). Nghi tương lai là không biết mình có được điều gì không, không biết đời tương lai mình có giải thoát chưa, v.v… Cứ do dự: tu kiểu này chắc không thành công v.v… đó là những sự Nghi. Và nghi không biết có phải có đời tương lai hay không, hay là chết rồi hết v.v…

[Còn] đời hiện tại thì sao? Đời hiện tại thì có nhiều điều nghi lắm, nghi là không biết con đường mình đang lựa chọn đúng chưa đây. Mình đang tu mà nghe sư (thầy) Thiện Trang giảng, không biết ổng giảng tào lao hay không đây, kiểu như vậy, rất nhiều thứ. Đó là nghi đủ thứ, đó là nghi ngờ v.v… Những điều nghi ngờ đó khiến cho mình rớt Thiền.

Tu hành để đắc Thiền là phải bỏ năm Triền cái, khi bỏ năm Triền cái thì chúng ta có năm chi thiền. Mới đầu là năm chi thiền của Sơ thiền, tổng hết bốn tầng Thiền thì có bảy chi thiền. Chúng ta có chi thiền thì chúng ta mới vào Thiền, còn chúng ta có Triền cái là nó ngăn che, không chỉ đối với [tu] Thiền đâu, mà ngay cả tu quán niệm (tức là tu Thiền quán) cũng không được, đừng nói là tu Thiền chỉ. Thiền chỉ, Thiền quán đều rớt hết, nếu như có năm Triền cái này.

Có ai ngủ, hôn trầm mơ mơ màng màng, mà tư duy các pháp được không? Chắc chắn không! Có ai đang nghi các pháp mình học không đúng, mà tư duy về pháp được không? Có ai đang sân mà tư duy về pháp được không? Có ai đang tham mà nhớ nghĩ [niệm pháp được không?] Ví dụ như những người trẻ họ nhớ người yêu, họ đang niệm người yêu không [thôi], thì làm sao niệm pháp được đây. Không được! Rồi có ai đang phóng dật, trạo hối (trạo cử, hối hận), đang suy nghĩ như vậy, thì làm sao mà nhớ được pháp.

Cho nên là năm [Triền] cái này, không phải đối với Thiền chỉ đâu, mà đối với Thiền quán cũng không được, cho nên phải bỏ. Mà [muốn] bỏ thì chúng ta áp dụng những cách trên. Như vậy mình dứt Nghi bằng cách học pháp nhiều và tu nhiều, thì dần dần hết nghi. Quý vị nên nhớ [như vậy]. Còn [bị] những Trạo hối thì quý vị cố gắng tu định. Định là tâm mình dừng lại, đừng nghĩ lung tung, chuyện quá khứ bỏ đi, chuyện hiện tại, tương lai thì kệ đi, điều gì [đến thì đến], đừng nghĩ. Thì tâm buông xả xuống nhiều. Tu định thì không bị như vậy.

Đó đều là những pháp tu mà chúng ta đã học hết rồi. Hôm bữa có bài [Thiện Trang] đưa ra phương pháp rồi.

(Trích Từ Kinh 683. Thực - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy [Thiện Trang] toàn là trích trong kinh, không phải [tự] Thiện Trang chia sẻ. Đó là Thiện Trang đã giới thiệu phần thứ nhất về kinh tạng. Mấy bữa nay lâu lâu giảng một bữa, nên [Thiện Trang] ráng đưa nhiều kinh tạng cho quý vị, để quý vị đủ nền tảng, để quý vị tu. Rồi từ từ chúng ta cung cấp vào Luận Câu Xá.

Thiện Trang xin chia sẻ tiếp về mảng Tâm sở trong A Tỳ Đàm. Quý vị biết Tâm sở trong A Tỳ Đàm rồi. Ở đây có 52 món Tâm sở, chúng ta đã học khá nhiều rồi. Quý vị nhớ chúng ta học tới đâu rồi không?

52 món Tâm sở chia ra gồm có 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện, 25 Tâm sở Tịnh hảo. Và như vậy chúng ta đã học được 13 Tâm sở Tợ tha, gồm

7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh. Tợ tha là nó đi với thằng nào, thì nó sẽ dính theo thằng đó. Đi với ác thì thành ác, đi với thiện thì thành thiện. Chúng ta đã học 7 Tâm sở Biến hành là: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý; 6 Tâm sở Biệt cảnh trong Tợ tha là Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục.

Quý vị làm sao đó, [khi] Thiện Trang nhắc tới [Tâm sở] nào, thì quý vị nhớ đến [Tâm sở] đó. Rồi quý vị nhớ thêm được nữa là chúng ta đã học tới 14 Tâm sở Bất thiện gồm: 4 Tâm sở [Bất thiện] Biến hành, tức là luôn luôn có trong Tâm sở Bất thiện là: Si, Vô Tàm, Vô úy và Trạo cử. Rồi chúng ta đang học 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh, là: Tham, Tà kiến, Ngã mạn, Sân, Tật, Lận, Hối. Hình như học hết rồi đúng không?

Nhóm Tham phần và nhóm Sân phần đã học rồi. Hôm nay chúng ta học đến nhóm Trì trệ và Do dự, thì có ba Tâm sở là Hôn trầm, Thụy miên và Nghi. Hôm nay, vì Thiện Trang chia sẻ Triền cái, nên sẵn chia luôn [nhóm Tâm sở] này cho cùng [lúc]. Quý vị thấy Hôn trầm, Thụy miên và Nghi [chúng ta] mới vừa học, [Thiện Trang] cố gắng đưa vô cùng lúc, cho nó lặp đi lặp lại cùng một vấn đề, để quý vị [dễ] nhớ.

Hôm nay chúng ta sẽ học về ba Tâm sở cuối cùng, đó là nhóm Trì trệ và Do dự. Làm cho mình chậm chạp, thì gọi là Trì trệ; còn Do dự tức là không quyết định, không dứt khoát. Giống như đứa trẻ nói: "Con không biết con [nên] đi thi trường này hay trường kia, [không] biết làm Kỹ sư, làm Bác sĩ hay làm Giáo viên?" v.v… Kiểu đó là do dự. Rồi trì trệ là chầm chậm, không nhanh. Ba Tâm sở: Hôn trầm, Thụy miên (hay Thùy miên. Có người dịch là Thùy miên, có [người dịch] là Thụy miên), và Hoài nghi.

Tâm sở Hôn Trầm

Ở đây chúng ta sẽ bắt đầu từ Tâm sở Hôn trầm. Hôn trầm là gì? Ở đây là [đang nói] về Tâm sở nha. Trong A Tỳ Đàm chia ra Hôn trầm, Thụy miên là hai. Nhưng thông thường chúng ta nói Hôn trầm, Thụy miên là chung, đều là

buồn ngủ, gục gục thôi. Nhưng không phải, trong này nói rõ hơn về Hôn trầm, Thụy miên.

Hôn trầm là sự không khéo hòa trộn của tâm, cách không thích hợp với công việc của tâm, trạng thái co rút, lui sụt của tâm, tợ như lông gà gặp lửa. Lấy ví dụ này cho dễ. Hôn trầm là không khéo hòa trộn của tâm. Ở đây chúng ta chưa học về tâm, chúng ta mới học Tâm sở thôi. Các Tâm sở kết hợp lại thì mới gọi là tâm. Chúng ta có 121 tâm, [nhưng] chúng ta chưa học về tâm nào hết. Ví dụ tâm tham như thế nào [thì chúng ta chưa học], chúng ta chỉ mới học về Tâm sở Tham thôi. Tâm sở là một trong yếu tố (hay thành phần) để tạo nên tâm tham. Để tạo nên tâm tham thì có bao nhiêu Tâm sở đó. Nhưng trong đó có một Tâm sở Tham đó thì chưa đủ đâu, mà có một mớ thằng đi theo nữa. Ví dụ như phải có [Tâm sở] Mạng quyền, tức là Tâm sở đó phải có đủ thời gian, chứ [thời gian] ngắn quá, kết thúc cái là xong rồi.

Ví dụ như chúng ta rờ vào lửa, để cảm thấy nóng thì quý vị phải rờ đủ lâu. Quý vị tiếp xúc nhanh quá thì đâu thể bắt được [cảm giác] nóng đâu. Quý vị đưa xẹt tay qua lửa nhanh quá, thì quý vị thấy bình thường, đâu có nóng đâu. Nhưng quý vị để hơi lâu một chút thì sẽ cảm thấy nóng.

Thực tế là Tâm sở quý vị bắt được cảnh rồi, nhưng [trong] cảnh đó Tâm sở Mạng quyền không đủ thời gian, nên nó đưa tín hiệu lên trên não của mình xử lý không đủ thời gian, tín hiệu yếu quá. Cho nên dù nóng nhưng nó chưa bắt được độ nóng, chứ không phải là không nóng. Mình để lâu lâu, thời gian dài dài, [tức] là Tâm sở Mạng quyền phải có. Vì Tâm sở Mạng quyền là Tâm sở Biến hành, thì thời gian phải lâu lâu một chút, thì mới nhận định được là nóng quá. [Vì nóng quá] nên sân, [từ đó] Tâm sở Sân sinh ra.

Hoặc chúng ta nói có Tâm sở Nhất hành là gì? Nhất hành là định, định là phải tập trung một chút, chứ quý vị để tay lên mà quý vị không tập trung. Tay để trên ngọn lửa nóng như vậy, mà quý vị đang nghĩ hôm qua đi uống ly trà sữa ở đâu đó ngon quá, đang nghĩ vậy. Hoặc là đang buồn ngủ, gục gà gục gật thì chắc cũng chưa nóng đâu. Có nghĩa là phải có một chút định (tập trung).

Và phải có cảm nhận là thọ, [tức là] Tâm sở Thọ phải hoạt động. Và phải có sự xúc (chạm), tiếp xúc giữa lửa và tay của mình. Rồi có tưởng tượng lửa thì nóng, thì mới nhận định nóng được.

Cho nên phải đủ các Tâm sở Biến hành, tức là 7 Tâm sở Biến hành đều có hết. Và phải có tác ý, tác ý đưa ra là nóng quá nên giựt tay lại. Cho nên 7 Tâm sở Biến hành có, rồi sau đó Tâm sở Biệt cảnh có thể có hay không có, thì tùy. Ví dụ như lúc đó mình cảm thấy có mong muốn là thoát tay ra, thì Tâm sở Dục xuất hiện. Rồi mình đang nói [vì] nóng nên sân, thì Tâm sở Sân xuất hiện. Quý vị thấy lúc đó phải có [Tâm sở] Bất thiện Biến hành [Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử] ở trong này. Lúc đó si (ngu) mới đưa tay vô đó, và [lúc đó] có Vô tàm, Vô uý [là] không sợ cháy tay, hoặc lúc đó do tâm phóng dật nên mới đưa vào lửa chứ, đó là Tâm sở Trạo cử.

Chúng ta thấy rõ ràng một hiện tượng nào đó phải trải qua nhiều yếu tố, tức là nhiều Tâm sở. Nhưng ở đây không nói Tâm sở, mà Hôn trầm là sự không khéo hòa hợp, hòa trộn của tâm. Tức là các tâm phối hợp không được khớp với nhau.

Thiện Trang nói như vầy cho quý vị dễ hiểu. Sở dĩ chúng ta có Hôn trầm là [vì điều] gì? Vì tâm chúng ta cứ theo một kiểu nào đó, ví dụ như [quý vị] đang không suy nghĩ gì hết. Chứ còn tâm của quý vị đang chạy liên tục, lúc thì đang sân, lúc thì đang vui, lúc thì đang buồn, lúc đang phấn khích, đang thế nào đó, v.v…. tức là 121 tâm đó chạy liên tục ở trong đầu mình, thì làm sao buồn ngủ được. Còn ở đây do là không khéo hòa trộn các tâm, nên tâm cứ rà rà, rờ rờ, nên buồn ngủ.

Cho nên đây là cách không thích hợp với công việc của tâm. Tức là tâm mình không thấy thích hợp với công việc đó, nó không lo quan sát việc đó, không suy nghĩ về việc đó. Trạng thái [của Tâm sở Hôn trầm] là co rút, lui sụt, tức là tâm giống như thâu lại, không có hứng thú, không phấn chấn lên, mà lui sụt, thu lại. Giống như lông gà mà gặp lửa thì co lại.

Hôn trầm này là sự rã rượi, lười biếng, không linh hoạt, chứ còn mình nhanh nhẹn thì không buồn ngủ đâu. Tâm sở Hôn trầm có tướng trạng là không sốt sắng, có nhiệm vụ đánh mất siêng năng, biểu hiện là sự chùng xuống. Có nghĩa là quý vị sẽ không có sốt sắng, không siêng năng, tâm chùng xuống rõ ràng. Khi một chúng sanh nhàn rỗi do thiếu cần (tức là thiếu sự siêng năng), chúng sanh ấy chịu sự tác động của Hôn trầm, đó là bệnh hoạn của tâm.

Tức là do mình không tích cực, không nỗ lực. Ví dụ như quý vị làm việc gì đó, thông thường chúng ta ngồi máy tính, Thiện Trang thì hay phiên dịch, ngồi máy tính dễ buồn ngủ lắm. Thứ nhất là mắt mình bị dán vào màn hình máy tính bức xạ nhiều, hoàn cảnh là mắt phải nhìn vô không gian như vậy, không thay đổi được bao nhiêu. Chứ lúc đó đang buồn ngủ, mà Thiện Trang cầm cái khoan bắn đinh, bắt vít này, bắt vít kia, khoan tường, khoan [cái] này, khoan [cái] kia, thì tập trung tâm ghê gớm, tâm liên tục hoạt động, thì Tâm sở Tầm kéo lên. Vì nó phải quan sát đối tượng này kia, và các tâm thức của mình hoạt động liên tục, thì tự nhiên sẽ không hôn trầm. Đó là bí quyết.

Hôn trầm trong khi có thì ra sao? Hôn trầm là sự không khéo trộn, hòa trộn của tâm không thích hợp, và sự chần chừ, lui sụt, sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, trạng thái buồn ngủ, sự bần thần, rã rượi, cách rã rượi v.v… sự uể oải, thái độ uể oải, cách uể oải. Những trạng thái như thế gọi là Hôn trầm. Hôn trầm thì ai cũng biết rồi, khỏi phải tả cũng biết.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Hôn trầm: là trạng thái chặn đứng sự siêng năng tiến tới. Tức là nếu hôn trầm (buồn ngủ) thì không siêng năng được, tiến tới không được. Phận sự là bỏ bớt sự siêng năng: tức là nó khiến cho mình lười hơn, hôn trầm thì chỉ muốn ngủ thôi, chứ làm gì. Thành tựu là sự lui sụt: tức là mình bị rớt xuống và nhân tố gần nhất (tức là nhân tố quan trọng nhất) là không khéo tác ý, tức là không Như lý Tác ý. Nghĩa là mình không theo đúng Chánh pháp để tác ý. Tâm mình phải phấn chấn lên, phải suy nghĩ, phải tập trung vào đối tượng, v.v… Còn nếu đang buồn ngủ mà thả tâm, thì ngủ gục luôn.

Còn nếu quý vị rõ [biết] là ta đang làm việc, hoặc có chuyện gì đó [thì không bị buồn ngủ nữa]. Cho nên ai đang buồn ngủ, mà quý vị chọc tức cho người ta nổi điên lên, thì đảm bảo là hết buồn ngủ. Vì người ta sân lên, Tâm sở hoạt động mạnh, [vì] nó có đối tượng dán tới, Tâm sở Tầm mạnh lên.

Cho nên [Tâm sở Hôn trầm] là Tâm sở Biệt cảnh, vì sao? Biệt cảnh ở đây là Biệt cảnh Bất thiện, vì có những lúc có Tâm sở Hôn trầm này, nhưng có lúc không có. Ví dụ như lúc sân thì Thiện Trang đố mà có [Tâm sở] này đó, có ai sân mà buồn ngủ không? Buồn ngủ rồi sân thì có, tức là đang buồn ngủ rồi sân, tại vì đang muốn không ngủ mà nó cứ ngủ. Còn đang sân mà buồn ngủ thì không có. Tức là buồn ngủ, nhưng sự sân kia nhẹ thôi, sân sao khi buồn ngủ. Còn [quý vị] đang nổi điên, nổi khùng, tức lên chửi người ta, thì đố mà [quý vị] buồn ngủ được. Quý vị đi ô tô, đi xe khách thì biết, nhiều khi đang muốn ngủ gục, mà gặp người nào đó bên cạnh làm cho một việc gì đó nổi điên lên, là không ngủ được rồi, đó là quý vị thấy rõ ràng. Hoặc tâm tham, có khi tham thì không hôn trầm được, tham mà quý vị tham ăn, thấy món ăn ngon quá, đang hướng tâm ăn món ngon đó, thì làm sao quý vị buồn ngủ được.

Cho nên [Tâm sở này] gọi là Biệt cảnh. Biệt cảnh là vì có lúc có, có lúc không, tức là nó không cần thiết phải có mặt trong tất cả các Tâm sở Bất thiện. Ví dụ hai trường hợp Thiện Trang lấy là Sân và Tham là không cần, có lúc cần, có lúc không. Tất nhiên có những lúc tham thì vẫn buồn ngủ, [đó] là tham ngủ. Có lúc vừa hôn trầm vừa tham, cũng có; có lúc vừa buồn ngủ vừa sân, cũng có. Vì mình đâu có muốn ngủ. Nhưng có nhiều lúc sân không buồn ngủ, và có nhiều lúc tham không buồn ngủ. Ai tỉnh táo là thấy tham rõ ràng nhất là tham ăn, tham gì đó, v.v… Như có người tham tiền, khi nghe nói được cho mấy đồng, mấy trăm ngàn tiền Việt là tỉnh liền, hết buồn ngủ luôn. Đang buồn ngủ ghê gớm, gục gà gục gật, ông bán vé số tới nói ‘ê! Mày trúng số rồi kìa’ là tỉnh liền, hết buồn ngủ.

Tâm sở Thùy Miên

Đó là Tâm sở Hôn trầm. Còn Thụy miên (hay Thùy miên) là sự không

khéo hòa trộn của danh thân Tâm sở, cách không thích hợp công việc của danh thân, trạng thái bệnh hoạn không lành mạnh của Danh pháp Câu sanh. Điều này giống bên trên, nhưng chỉ thay một chữ thôi, ở trên là tâm, ở dưới là Tâm sở. Nghĩa là ở trên các tâm mình hợp tác với nhau, nhưng nó hợp tác không bài bản, hợp tác không được, nghĩa là tâm Tham, tâm Sân, (đang chú ý đến 121 tâm chúng ta chưa học), tâm Thiền v.v… những tâm thấp hoạt động không đúng, không kết hợp với nhau. Còn ở đây là kết hợp bên trong. Tức là trong tâm chúng ta gồm có nhiều Tâm sở, chúng ta có 121 tâm, trong mỗi một tâm có nhiều Tâm sở kết hợp lại, mà chúng ta đang học đến 52 món Tâm sở. Sau này chúng ta học lại, Tâm sở nào kết hợp gồm bao nhiêu Tâm sở, thì Tâm sở đó kết hợp lẫn lộn với nhau, không rõ ràng, hợp tác không tốt, khiến cho tâm mình buồn ngủ, cho nên cũng [bị] Hôn trầm. Hôn trầm này không gọi là Hôn trầm, mà gọi là Thụy miên.

Cho nên chỉ có ngôn ngữ Duy Thức Học mới chia ra rõ như vậy. Duy Thức A Tỳ Đàm cũng chia ra, tâm bên ngoài và Tâm sở bên trong. Tâm là kết quả rồi, còn Tâm sở là nguyên nhân [bên] trong. Nhưng đưa ra thì giống nhau, cũng ngủ gà ngủ gật thôi, cũng buồn ngủ thôi, nhưng buồn ngủ kia có vẻ ngủ ghê hơn, còn buồn ngủ này thì nhẹ hơn, vì nó mới khởi từ tầng Tâm sở thôi. Hôn trầm thì bớt buồn ngủ hơn, vì sự kết hợp của các tâm không hòa hợp, thì đó là thô rồi. Còn Tâm sở kết hợp không được, là Thùy miên, là ngủ luôn đó. [Cho nên] Thùy miên thì ngủ mạnh hơn, là do điều này. Cho nên đây là trạng thái, có thể biểu hiện là trạng thái bạc nhược của tâm.

‘Khi một chúng sanh cảm thấy thiếu sự hoạt động hay trí tuệ chậm chạp, chúng sanh ấy bị tác động bởi Thùy miên’. Nghĩa là khi các hoạt động trí tuệ bị chậm chạp lại, khi nào cảm thấy như thế thì thông thường chúng ta bị Thụy miên. Thụy miên này định nghĩa khác, chứ chúng ta cứ nói Hôn trầm, Thụy miên nhiều khi nói chung luôn. Nhưng thực tế Hôn trầm là buồn ngủ, còn Thụy miên cũng buồn ngủ, nhưng chỉ là cảm giác thiếu Tâm sở Trí tuệ, tức là sự hiện diện của trí tuệ không có, mà tâm giống như mờ mờ ảo ảo, chưa ngủ hẳn.

Nhưng có đôi khi người ta nói ngược lại, thì chúng ta cũng không quan trọng. Đây là ngôn ngữ A Tỳ Đàm nói theo chiều này, còn có khi người ta nói theo chiều ngược lại, đó là chuyện người ta, còn mình nói theo ngôn ngữ A Tỳ Đàm.

Tiếp theo là sự không khéo hòa trộn của danh thân, danh nghĩa là tinh thần, tinh thần của mình gọi là danh thân; cách không thích hợp với công việc của danh thân (tức là của tinh thần của mình); sự che lấp phần trong, sự rã rượi, bần thần, thái độ rã rượi bần thần, sự buồn ngủ, cách ngáp ngủ, trạng thái ngáp ngủ, ngủ gục, cách ngủ gục, trạng thái ngủ gục. Trạng thái này thông thường sẽ sâu hơn trạng thái kia, ngủ là ngủ ghê hơn, vì nó là bên trong. Còn [Hôn trầm] là bên ngoài, thô, còn [Thụy miên] này vi tế hơn. Cho nên trong bài Duy Thức Tam Thập Tụng nói:

"Ý thức thường hiện khởi.

Trừ sanh Vô Tưởng thiên.

Cập vô tâm nhị Định.

Thụy miên dữ muội tuyệt"

Tức là Ý thức Thứ sáu của mình luôn luôn hoạt động, trừ năm trường hợp: Trường hợp thứ nhất là sanh vào trời Vô Tưởng. Chúng ta đã học qua rồi, người sanh vào trời Vô Tưởng thì ở trạng thái không có tâm, họ giống như pho tượng bằng vàng, to đùng và ngồi im, nằm im hoặc đứng im, tùy vào tư thế của họ mà trước khi họ chết, họ sanh vào đó họ đứng thế nào, ngồi thế nào, nằm thế nào thì lên đó như vậy. Gọi là 'sanh Vô Tưởng thiên'.

'Cập vô tâm nhị Định': tức là vào hai định không có tâm. Hai định không có tâm là: Diệt tận định của A-la-hán, và định tiếp theo là định của trời Vô Tưởng. Định của trời Vô Tưởng là định ngoại đạo. Định của A-la-hán, trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya cũng có hỏi là: "A-la-hán sau khi nhập vào Diệt tận định, thì họ sẽ khởi tâm bằng cách nào để ra khỏi Diệt tận định?" Trong kinh nói, Thiện Trang không nhớ rõ là đức Phật hay vị Tôn giả nào nói: là

không có khởi tâm, mà do trước khi họ nhập Diệt tận định, thì họ đã chuẩn bị tư thế đó, cho nên tới lúc đó thì nó như vậy, chứ không phải là họ khởi tâm. Còn khởi tâm thì không phải là Diệt tận định, vì Diệt tận định là vô tâm. Và Vô Tưởng định (định của trời Vô Tưởng) cũng không có tâm.

Hai trường hợp cuối cùng là 'Thụy miên dữ muội tuyệt'. Thụy miên (Thùy miên) là trạng thái ngủ say, ngủ say này là do Tâm sở chúng ta đang học, kết hợp không được rõ ràng, trong đó thiếu Tâm sở trí tuệ, không bắt được cảnh rõ ràng, tức là Tâm sở Tầm không có. Cho nên ngủ gục, không biết gì luôn. Còn Hôn trầm chỉ là dật dờ dật dưỡng, đơ đơ, người khó chịu, buồn ngủ. Còn Thùy miên là ngủ dữ lắm.

Rồi muội tuyệt là gì? Muội tuyệt là chết giấc, tức là ngất xỉu, lúc đó không biết gì. Ngất xỉu do chấn động nào đó, mà lúc đó tâm giống như dừng lại, Ý thức Thứ sáu dừng lại luôn. Cho nên người ta xỉu, người ta không biết gì hết.

Ở đây, chúng ta hiểu một cái là Tâm sở và một cái là tâm. Tâm thì gọi là Hôn trầm, Tâm sở thì gọi là Thụy miên. Và ý nghĩa của Tâm sở Thụy miên là trạng thái không thích hợp với công việc, phận sự là hạn chế, tâm lộ lần lần, tức là làm cho tâm mình không mở ra bên ngoài, dần dần buồn ngủ và bắt cảnh không được. Thành tựu là sự buồn ngủ. Nguyên nhân quan trọng nhất là không khéo tác ý. Tức là mình không kéo những Tâm sở Tầm lên, không kéo những Tâm sở nào mạnh lên, khiến cho buồn ngủ. Và cả hai Tâm sở Hôn trầm và Tâm sở Thụy miên gọi chung là Hôn phần. Hôn trong chữ hôn nhân, nhân là người, hôn tra trong chữ Hán là mê muội. Cho nên Hôn trầm là [trạng thái] mê mê, mơ mơ màng màng (cho nên hôn nhân là những người mê muội, nếu dịch theo chữ Hán).

Cả hai pháp này là pháp đối nghịch với Tâm sở Cần, Cần tức là sự chủ động, sự siêng năng. Nơi nào có Hôn trầm và Thụy miên, thì nơi đó không có Cần, hai [Tâm sở] này không đi chung với nhau. Tâm sở Cần thì chúng ta học ở bài trước rồi, [Tâm sở Cần này] ở trong sáu Tâm sở Biệt cảnh Tợ tha. Tức là có Cần thì không có hai [Tâm sở] này, hai [Tâm sở] này có, thì không có [Tâm

sở] Cần, có nghĩa là Tâm sở này đối nghịch với nhau như ban ngày với ban đêm. Ban đêm thì không [có] ban ngày, ban ngày thì không [có] ban đêm. Chứ nói mặt trời mặt trăng thì không đúng, đôi khi có mặt trời và cũng có mặt trăng luôn.

Tâm sở Hoài nghi

Tâm sở cuối cùng của 10 Tâm sở Biệt cảnh Bất thiện là Hoài nghi. Hoài nghi thì chúng ta quá biết, nhưng chúng ta chưa chắc đã định nghĩa đúng về Hoài nghi. Hoài nghi là sự do dự, sự hoang mang, ngờ vực. Tức là mình do dự, không quyết định rõ ràng, không biết A là A, B là B. Chứ không phải là Hoài nghi là nghi điều gì đó không [thôi], mà là do dự.

Tại sao quý vị do dự? Vì quý vị nghi. Ví dụ quyết định có nên làm việc này hay không, không biết nên làm hay không làm. Thiện Trang nhớ hồi xưa có mấy đứa nhỏ, lấy cây bút gạch ra 'làm hay không làm', gạch một hồi bao giờ hết trang giấy đó, cuối cùng nó đếm 'làm' thì làm. Đó là do dự. Hoặc đứa nào đang yêu, không biết có nên yêu anh đó hay không, nên lấy cây bút gạch 'yêu không yêu', gạch qua gạch lại, hồi xưa Thiện Trang thấy như vậy. Điều đó là do dự.

Hoang mang là không rõ ràng, cho nên mình có sự sợ hãi nhất định. Ngờ vực là nghi ngờ. Chữ ngờ vực có nghĩa là [nghi ngờ] không biết đó có phải vực thẳm hay không. Tức là mình đi con đường đó thì có an toàn hay không, có đúng hay không, đó là hoài nghi.

Tâm sở Hoài nghi có tướng trạng là sự nghi ngờ. Có nhiệm vụ là làm lung lạc lòng tin. Người hoài nghi, nghi ngờ, niềm tin bị lung lay và rớt mất, thì gọi là lung lạc niềm tin. Điều này rõ ràng, ví dụ đang học Pháp sư Tịnh Không chẳng hạn, đang học thầy Thiện Trang chẳng hạn, mà có người nào nói vị đó thế này thế kia, thế là [bắt đầu] nghi ngờ, thì đó là lung lạc niềm tin.

Có biểu hiện là không quyết đoán. Tức là mình đang do dự, nghi ngờ, nên mình đâu có quyết được. Không biết nên hay không nên, không biết nên nghe

thầy Thiện Trang nữa hay không, có nên nghe pháp của Pháp sư Tịnh Không nữa hay không, không biết nên làm việc này hay không nên làm, v.v… nghi ngờ, không quyết đoán.

Thực tế đó là Tâm sở Hoài nghi nói chung. Còn hoài nghi trong Phật giáo nói: Hoài nghi là hoài nghi về Phật, về Pháp, về Tăng, về điều mình đã học, hoài nghi về những pháp trong kiếp quá khứ và vị lai, hoài nghi về pháp liên quan đến tương sinh và cuối cùng hoài nghi về Tứ thánh đế. Thực ra sự hoài nghi này khác. Tâm sở Hoài nghi là nói chung chung, còn sự nghi ở đoạn sau Thiện Trang vừa nói là hoài nghi về Phật, về Pháp, về Tăng, về điều mình đã học, hoài nghi về những pháp trong kiếp quá khứ và vị lai, hoài nghi về pháp tương sinh với nhau (tức là cái nào sinh ra cái nào), và cuối cùng hoài nghi về giáo pháp Tứ thánh đế, thì những hoài nghi đó là Kiết sử. Cũng nghi, nhưng là nghi nào. Có nghi thế gian và nghi xuất thế gian. Sự Nghi trong ba Kiết sử, là nghi về xuất thế gian, chính là đoạn vừa rồi Thiện Trang nói, đó mới là Kiết sử.

Còn nếu chúng ta nghi một người nào đó, nghi một việc gì đó, thì đó chỉ là một Tâm sở Nghi. Và khi có [Tâm sở] Nghi này cũng [sẽ] rớt Thiền. Cho nên Sơ thiền mà dứt Nghi, thì Nghi ở đây là nghi sơ sơ thôi, chứ không phải là nghi về Tứ thánh đế, v.v… Tại vì nhiều người đâu cần Tứ thánh đế gì đâu, mà họ vẫn đắc Sơ thiền. Quý vị phải hiểu rõ ràng, chứ không mình nói nghi nhưng là nghi nào, nghi thế gian hay nghi xuất thế gian. Nghi xuất thế gian là nghi thuộc về Kiết sử, nó nằm trong Ngũ hạ phần Kiết sử, phải học rõ ràng như vậy. Nghi về xuất thế gian là nghi về Phật, nghi về Pháp, nghi về Tăng, nghi về giáo pháp mình được học, nghi về pháp tu mình được tu, mình tu đúng chưa, nghi về có kiếp trước, kiếp sau hay không, nghi về Tứ thánh đế, tu như vậy có đúng hay không, rồi nghi về đức Phật nói loài người do cõi trời Phạm Thiên đến. Mình nghi những điều đó, là nghi về Phật, Pháp, Tăng. Nghi đó là nghi xuất thế gian.

Hoặc là học Sinh học mình nghi, mình biết thế giới này theo thuyết tiến hóa Darwin, giọt Côaxecva gì đó, tế bào nhỏ nhỏ hiện lên, một hồi thành cây cối. Rồi nó tiến hóa thành tế bào dương xỉ gì đó v.v… rồi [tiến hóa] thành người

v.v…

Nhưng trong kinh đức Phật không nói vậy, đức Phật nói những cây cối có trên Trái đất này là từ những hạt giống, mà những hạt giống này là từ vũ trụ bay tới. Giả thuyết trong kinh đức Phật nói là: những hạt giống cây cối là từ vũ trụ, bay trong không gian bay tới, cho nên dần dần hình thành nên cái cây. Giải thích này là giải thích của đức Phật. Nếu mình nghi ngờ điều đó thì đó là nghi ngờ về giáo pháp Phật. Điều này thuộc về Kiết sử, Kiết sử Nghi. Do nghi nên mình chưa tin Phật, cho nên sẽ bị chướng ngại trong đường tu, cuối cùng mình chưa đắc Tu-đà-hoàn. Cho nên hoài nghi này mệt lắm.

Hoài nghi chỉ được phá khi nào? Đối với bậc Thánh mới phá hoàn toàn Nghi. Khi nào vào quả Dự lưu, nhập lưu được vào Sơ quả, Sơ quả Tu-đà-hoàn xác nhận không nghi. Cho nên bốn bất hoại tịnh (bốn niềm tin bất hoại) thật ra là Tu-đà-hoàn, là đúng, tại vì hết nghi. Còn Nghi mà trong năm Triền cái, thì Nghi đó là còn nhẹ, nhưng cũng có một phần nghi về pháp tu. Còn Nghi về Tam Bảo thì Nghi này quan trọng, Nghi này nguy hiểm vì nghi về giáo lý. Ví dụ như nghi về giáo lý duyên khởi, về nghiệp, Tam tướng v.v… rất nhiều sự Nghi về kiến thức về Phật pháp. Nếu như chúng ta không hiểu, chúng ta nghi, thì đó là chướng ngại trong tu tập.

Cho nên Nghi là ngăn trở tiến hoá sáng suốt cho giải thoát. Nói chung, nếu chúng ta nghi ngờ về Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), về giáo pháp, về đường lối tu tập, về những vấn đề xuất thế gian, thì đó là chướng ngại, quý vị không thể sáng suốt trên đường giải thoát được.

Cho nên ráng lên, ai có nghi ngờ gì thì tìm minh sư, thiện hữu mà hỏi, hỏi để giải quyết, để giúp cho phá hết nghi. Thật ra quý vị muốn phá hết nghi, thì ngoài sự tu tập ra, quý vị còn có cách là tìm những người giỏi để giải cho quý vị. Người thông Tam tạng kinh điển giải cho quý vị, thế nào cũng giải xong, quý vị không còn nghi nữa thì quý vị mới tu được.

Cho nên Tâm sở Nghi này mới gọi là trì trệ và do dự. Trì trệ là làm chậm

lại con đường giải thoát; do dự là khiến mình không tu tập được, tại vì mình chưa xác định, xác chứng rõ ràng. Ví dụ ở thế gian, người ta nghi một vấn đề đơn giản thôi, định mua một chiếc xe, thì nghi không biết chiếc xe này ngon hay không. Lúc đó người ta do dự, từ từ tìm hiểu đã, mua chiếc này hay mua chiếc kia, v.v… Rồi không biết chuyển địa điểm về nhà mới đó, có tu tập được hay không, làm ăn được hay không v.v… nghi như vậy, thì đó là do dự, lừng chừng.

Hoài nghi có nghĩa là: 'Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, không được sự quyết đoán cảnh, sự nhận thấy thành hai lẽ, sự nhận thấy dường như rẽ đường hai (tức là rẽ hai đường), sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là Hoài nghi triền'. Đó là theo Luận A Tỳ Đàm nói. Nói chung mấy điều đó rõ ràng, mình cứ do dự, không dứt khoát, lừng chừng, thế này thế kia v.v… đó là Nghi. Mà nghi thế gian còn đỡ, còn nghi xuất thế gian là tiêu luôn. Nghi xuất thế gian là không tu được. Cho nên khó lắm!

Cho nên thứ Sáu tuần này, chúng ta có lớp Học Phật Vấn Đáp trong Zoom, quý vị tìm trong video nào cộng tu online, dưới có ghi mã Zoom và mật mã 1234, quý vị vào đó hỏi, [theo giờ Việt Nam] là 20h tối thứ Sáu tuần này, nửa tháng có một lần. Ai có nghi, có thắc mắc gì thì hỏi nha. Học Phật pháp phải rõ, phải sáng tỏ, phải làm, đừng có giấu. Mình nghi mà mình giấu là mình sẽ nghi miết. Còn nếu mình hỏi rồi thì những vấn đề của mình sẽ sáng tỏ, mình sẽ không nghi.

Thiện Trang [có] bí quyết là do đọc nhiều kinh, coi nhiều kinh rồi, nên hầu như vấn đề nào mình cũng thấy đức Phật giải quyết hết. Cho nên không nghi về giáo pháp của Phật, không nghi về Phật pháp, đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Bây giờ ráng thành tựu Thánh giới nữa, là được vào bất hoại tịnh. Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới, thì người đó được đức Phật xác nhận

là vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, hoặc ít nhất là vào được Tùy tín hành, thì mình yên tâm. Cho nên [quý vị] ráng làm điều đó, ráng làm sao cho thành tựu.

Hồi xưa thì mình có nghi, [vì] hồi xưa học, có những điều Thiện Trang cảm thấy không thông, nhưng sau này Thiện Trang học Kinh Nikaya và Kinh A Hàm, đọc rất nhiều kinh điển Đại thừa, thì Thiện Trang thấy có gì thì đức Phật nói hết rồi. Chỉ có mấy ông thầy, hoặc mấy người giảng đời sau giảng tầm bậy, khiến mình nghi thôi, chứ căn cứ vào đó thì mình không nghi được. Tại sao [cùng một] vấn đề đó mà người này giảng thế này, người kia giảng thế kia. Hoặc chính vị đó, lúc thì giảng thế này, lúc thì giảng thế kia, tại sao vậy? Tại vì người ta không rõ, người ta không xác chứng được. Bởi vì chân lý chỉ có một thôi, còn tương tợ chân lý có nhiều. Cho nên lúc trước người ta tu tới đó, người ta thấy đến đó, nên họ nói đến đó. Lúc sau người ta tu khá hơn, thì người ta nói [khác], nhưng đó vẫn chưa phải là chân lý. Vì đó không phải là tương ứng với Phật, tương ứng với Phật là khớp với Phật. Khớp với Phật là Phật nói một vấn đề chỉ một kiểu, một lần.

Quý vị có thể tìm thấy điều này trong tất cả kinh điển. Thiện Trang thấy trong tất cả kinh điển, đức Phật chỉ nói một kiểu. Hoặc là vấn đề đó, khi trong bộ kinh này đức Phật từ chối không nói, [nhưng] bộ kinh khác Phật nói. Thiện Trang thấy không có vụ đảo qua đảo lại kiểu rắc rối, còn ai đảo qua đảo lại thì Thiện Trang thấy hình như có vấn đề. Đó là Thiện Trang khẳng định sau khi học kinh. Vì Thiện Trang đọc rất nhiều kinh rồi, cho nên tóm lại mấy ông đảo qua đảo lại là do mấy ông thôi, không phải do Phật. Ông không hiểu cho nên ông đảo, còn lại Phật chỉ nói một lần thôi.

Cho nên Kinh Lăng Nghiêm mới nói là: **“Thập phương Bạc Già Phạm. Nhất lộ Niết-Bàn môn”.** Tức là đức Thế Tôn (đức Phật) trong mười phương, chỉ có một con đường, một cửa vào Niết-Bàn thôi, không còn con đường nào khác. Tất cả các Pháp môn, suy xét cho cùng cũng chỉ là một con đường. Cho nên mình mà nói con đường này ngon, con đường kia không ngon là không đúng. Tất cả con đường nào cũng dẫn về đó. Tu bất cứ pháp nào cũng thành

tựu, nếu như mình tu đúng thì tới đó. Giống như các con đường nhỏ trong làng, mỗi nhà mỗi cửa, mỗi lối đi, mỗi con đường dẫn ra, nhưng cuối cùng rồi cũng dẫn ra đường làng. Nhiều làng có nhiều con đường, nhưng một hồi cũng dẫn vào con đường chính của vùng đó, rồi cuối cùng cũng ra quốc lộ, rồi cuối cùng cũng đi ra đường lớn thôi.

Nói [theo] ngôn ngữ của nhà Phật cho dễ là: Từ bao nhiêu con suối, con rạch, con mương, nước chảy từ đâu, từng giọt trên cây, từ trên lá cỏ, từ bất cứ thứ gì. Đến một lúc nào đó rồi sẽ chảy vào dòng suối, và dòng suối đó ra sông. Dòng sông đó gọi là nhập lưu, và dòng sông đó chắc chắn sẽ đổ ra biển. Và cuối cùng nó chỉ ra biển lớn mà thôi. Cho nên đạo Phật cũng vậy, đức Phật khẳng định dù có mọi nẻo đường, dù con đường nào, cho dù quý vị đi vào Phật pháp bằng con đường nào, thì cuối cùng chỉ có một con đường là đường giải thoát, là đường giác ngộ, không có con đường nào khác. Nếu quý vị tu tập đúng, đi đúng đường, quý vị có muốn đắc quả, hay không muốn đắc quả, thì quý vị vẫn đắc quả. Vì quý vị đi đúng đường đó, quý vị tu đúng đường đó. Còn dù quý vị muốn đắc quả, dù ham, dù phát nguyện dữ lắm, mà tu không đúng, thì đây là quý vị đi ngược đường với con đường giải thoát. Có nghĩa là không bao giờ có chuyện đó, không đắc đạo. Nên nhớ như vậy!

Cho nên Chánh kiến là quan trọng, mà Chánh kiến phải xây dựng trên nền tảng kinh điển. Thiện Trang với kinh nghiệm học Phật pháp 15 năm qua, từ năm 2010 đến 2025, coi như là sang năm thứ 16 rồi. Thiện Trang xin khuyên quý vị muốn có Chánh kiến thì quý vị tìm những người giảng theo hoàn toàn trong kinh, trích dẫn trong kinh. Chứ nếu giảng theo ý họ thì quý vị phải kiểm tra [đối chiếu] lại trong kinh. Kinh nào? Dễ nhất là Kinh A Hàm, quý vị coi giùm bốn bộ Kinh A Hàm, có thời gian thì coi Kinh Nikaya, hai bộ đó như nhau thôi. Quý vị có thời gian nữa thì coi giùm Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, kinh nào cũng được, kinh nào cũng Phật thuyết, cũng vậy thôi. Và quý vị thấy tất cả cũng chỉ có một lối giống nhau, tất cả đều giống, không khác. Thiện Trang thấy không khác, đức Phật luôn luôn

thống nhất, giáo pháp của Phật luôn luôn nhất quán từ đầu đến cuối. Còn mình nói thế này thế kia, đảo qua đảo lại là do mình không hiểu. Còn khi hiểu rồi thì chỉ có một con đường, một lối thôi. Còn các phương pháp vào lối đó thì có thể chỉ nhiều cách, nhưng vào chân lý chỉ có một.

Cho nên là quý vị cố gắng nha! Khi mình nhận ra được như vậy, thì mình mới không nghi giáo pháp được. Không nghi thì mới thành tựu, cho nên điều này là Tâm sở Hoài nghi. Chỉ khi nào quý vị chứng thánh quả Tu-đà-hoàn thì mới hết.

Tâm sở Hoài nghi chỉ có mặt trong mỗi tâm Si, tương ưng với hoài nghi, nhất định phải có. Tức là khi có Si, thì mới có hoài nghi, có hoài nghi thì chắc chắn có Si đi theo. Nhân chính là do quý vị không khéo tác ý (không Như lý Tác ý). Điều này thì rõ ràng, trạng thái, tư cách hoài nghi, phận sự làm cho rung động, lo sợ đối với cảnh. Quý vị còn lo sợ đối với cảnh, là do quý vị còn nghi.

Cho nên người tu hành tại sao sợ cảnh, tại sao ngồi thiền, niệm Phật một hồi sợ ma, sợ này sợ kia, gặp cảnh giới gì cũng sợ? Vì quý vị còn nghi. Vì sao quý vị nghi? Bởi vì quý vị chưa hiểu rõ giáo pháp, còn người hiểu rõ rồi thì có gì đâu. Cảnh trong định [dù có] thật giả gì thì cũng kệ. Sư Minh Tuệ nói trong định có những cảnh thật, cũng có những cảnh không phải thật. Đúng rồi! Là như vậy đó.

Và thành tựu [của Tâm sở Nghi] là sự không quyết đoán, lừng chừng, do dự. Cho nên người học có Chánh kiến thì họ không nghi, và không nghi thì mới thành tựu. Tâm sở này gọi là Tâm sở Biệt cảnh, vì có lúc có, có lúc không có. Ví dụ lúc sân, lúc sân là nổi gió nóng, nổi nóng lên quyết đoán người đó là như thế rồi, cho nên mình đâu có nghi nhiều về việc đó, nên là mình mới sân, gọi là Thắng giải.

Nhưng có lúc sân cũng có nghi, đôi khi nghi gì đó nên mình mới sân. Vì mình không rõ cho nên mình mới sân, thì sân cũng có. Rồi có lúc tham cho nên

không hoài nghi, ví dụ mình xác định là mình thích món chè, thích ăn chè quá, mình biết chắc là chè rồi, thì mình đâu còn hoài nghi nữa. Còn nếu nghi là [nghĩ] không biết chè này nấu có ổn không nữa, có đường hóa học hay không, họ bỏ này kia vô ăn chắc đau bụng, lúc này chần chừ, do dự, thì tâm đó là không thể tham được. Còn lúc quý vị tham quá rồi, thấy món chè ngon quá, ăn thôi, họ bỏ thứ gì cũng kệ, không quan tâm nữa, thì việc đó không nghi.

Quý vị thấy không? [Tâm sở Hoài nghi] là Tâm sở Biệt cảnh là như vậy, nó hoàn toàn là như vậy. Cho nên Tâm sở Hoài nghi này phải tới Sơ đạo (tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn) thì mới dứt được. Thật ra mình dứt Nghi rồi thì mới vào được Sơ quả, nhân hết Nghi là vào Sơ quả, mà vào Sơ quả rồi thì chắc chắn hết nghi. Mình phải khẳng định như vậy, chứ không phải vào Sơ quả rồi là hết nghi. Cho nên một người vào Sơ quả thì chắc chắn người ta không nghi.

Cho nên đức Phật nói Tùy tín hành, thực ra là họ chưa rõ [Phật pháp], địa vị trong bốn địa vị hôm bữa Thiện Trang chia sẻ, quý vị coi kỹ lại đi. Tùy tín hành là chưa rõ đối với Phật pháp một cách [rốt ráo] đâu, nhưng họ tin một cách tuyệt đối, họ vào bằng niềm tin thôi, cắm đầu mà tin. Cho nên nhờ vậy mà họ thành tựu Kiến đế. Kiến đế là sự thấy chính xác.

Quý vị nên nhớ Sơ quả Tu-đà-hoàn là Kiến đế. Kiến đế là thấy được sự thật [đối với] giáo pháp Tứ đế, thấy được một phần lớn. Và [nhờ] thấy được sự thật cho nên hết nghi. Do mình thân chứng nên mình hết nghi, hết nghi đối với Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới, hết nghi đối với giáo pháp, nhớ vậy.

Còn quả vị A-la-hán thì [cao] hơn nữa. Quý vị thấy A-la-hán là thông luôn Tứ đế, quả vị A-la-hán cao hơn. A-la-hán không chỉ thấy Kiến đế, mà thân chứng hoàn toàn Kiến đế đó. Tức là thân chứng được Tứ diệu đế và 12 nhân duyên. Cho nên các ngài thấy được rõ ràng, giống như thấy được trái xoài (trái Amla) trong lòng bàn tay. Nhưng các ngài vẫn còn cách Phật rất xa, vì đức Như Lai có 10 lực và 4 Vô úy, chỉ có đức Như Lai mới có Thập lực. Cho nên đức Như Lai mới biết được tất cả sự việc của người này, người kia trong chúng sanh, biết được mọi thứ. Cho nên đức Như Lai mới gọi là toàn giác.

Cho nên từ A-la-hán mà lên tới Phật là một con đường xa xôi vời vợi. Cho nên đức Phật mới yêu cầu chúng ta là ráng ra khỏi sanh tử trước đã, lên con đường thành Phật còn xa. Chúng ta hiểu rõ rồi, thì thấy ba tầng bậc đó rất khác. Và chúng ta lại còn tệ hơn nữa, vì chúng ta chưa được ba tầng bậc đó, cho nên chúng ta phải cố gắng. Mỗi lần chúng ta học được một chút, [theo] năm tháng dần dần tích lũy đủ công phu thì tự nhiên bừng ra. Người ta gọi là: 'tu nhất kiếp, ngộ nhất thời'. Quý vị yên tâm đi, quý vị cứ nghe như vậy, tu như vậy, cứ ở trong giáo pháp mà mài dũa, thì "có công mài sắt, có ngày thành kim". Chúng ta mài từ vô lượng kiếp, sắp thành kim rồi đó. Cho nên ráng thêm chút nữa là thành công.

Chúc quý vị luôn luôn an lạc, hẹn quý vị bữa khác, bữa nay thời gian đã hết. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 27: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 27.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 29.01.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=UVRAlaRKFlE
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Kính chúc quý vị đồng tu năm mới được an lạc, được nhiều pháp hỷ sung mãn, và trên con đường tu hành của chúng ta tiến về giải thoát. Chúng ta cùng nhau đi lên, cùng nhau gặt được nhiều công đức, để sớm ra khỏi dòng sanh tử.

Hôm nay là ngày Tết âm lịch, tuy nhiên Thiện Trang thì không nghỉ, mà cũng nhân cơ hội này chia sẻ Phật pháp với quý vị. Có rất nhiều đồng tu không có được cơ hội nghe ngày hôm nay, nhưng cũng không sao, chúng ta sẽ nghe lại trong những buổi tiếp theo. Cho nên mình vẫn có thể nghe được, Thiện Trang vẫn chia sẻ được. Bữa nay là thứ Tư, cho nên chúng ta chia sẻ vào bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Luận Câu Xá).

Phần đầu tiên Thiện Trang xin phép bổ sung phần kinh văn, trong nền tảng A Hàm và Nikaya. Phần thứ nhất đó là:

Chúng Sanh Nào Phụng Hành Mười Pháp, Sẽ Sinh Lên Trời. Lại Hành Mười Pháp Sẽ Sinh Vào Đường Dữ. Lại Hành Mười Pháp, Nhập Niết-Bàn Giới.

Tức là có mười pháp nếu [mình] làm theo thì sẽ được sanh lên cõi Trời, có mười pháp nếu làm theo thì sẽ rơi vào đường dữ (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh), và có mười pháp [nếu] thực hành theo thì sẽ nhập được Niết-Bàn.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: "Chúng sanh nào phụng hành mười pháp, sẽ sinh lên Trời. Lại hành mười pháp sẽ sinh vào đường dữ. Lại hành mười pháp, nhập Niết-Bàn giới.

Tu hành mười pháp gì mà sinh vào nẻo dữ? Ở đây, có người sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ỷ ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, khơi dậy tà kiến. Đó là mười pháp. Chúng sanh nào hành mười pháp này sẽ vào trong nẻo dữ (chữ "đường dữ" [thay chữ "nẻo dữ"] thì có lẽ chính xác hơn).

Ở đây Thiện Trang nghĩ quý vị là những đồng tu, tu học lâu năm, chúng ta quá quen với việc này. Chúng ta làm mười điều ác nghiệp (Thập ác) thay vì Thập thiện, chúng ta làm mười điều gọi là Thập ác (mười ác nghiệp) thì tất nhiên đức Phật nói tu như vậy, hành như vậy, mà mình thực hành thường xuyên (gọi là tu hành), mà tu hành ở đây là tu mười ác nghiệp, thì chúng ta sẽ đi vào đường dữ, đường ác, đó là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Tu hành mười pháp gì được sinh lên Trời? Ở đây, có người không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dật, không nói dối, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, không sân hận, không khơi dậy tà kiến. Nếu ai hành mười pháp này sẽ được sinh lên Trời.

Ở đây nếu chúng ta tu Thập thiện thì chúng ta được sanh lên cõi Trời. Điều này là đương nhiên! Những điều này quý vị đồng tu đều quá quen thuộc. Chúng ta đều là những người tu hành lâu năm, chúng ta quá biết những điều này. Biết thôi chứ còn làm lại là một chuyện khác. Giữa sự biết và sự làm là một vấn đề

không đơn giản, có nhiều người có thể biết nhưng chưa chắc đã làm theo. Cho nên chúng ta cố gắng học, để lúc nào đó đủ khả năng mà vừa biết vừa làm 100% theo, thì thành công.

Tiếp theo, chúng ta quan trọng điều thứ ba:

Tu hành mười pháp gì đến được Niết-Bàn? Đó là mười niệm. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Thiên, niệm giới, niệm thí, niệm chỉ tức, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Đó là tu hành mười pháp thì đạt được Niết-Bàn.

Đoạn này chúng ta nên nghe cho kỹ. Mười pháp này chúng ta có thường xuyên tu hay không? Thứ nhất là niệm Phật, niệm Phật là niệm công đức của Phật trong Kinh A Hàm, nhớ nghĩ đến Phật. Thứ hai là niệm Pháp, điều này cũng quá quen. Thứ ba là niệm Tăng Tỳ-kheo, là niệm Tăng. Thứ tư là niệm Thiên, là niệm về chư Thiên, chư Thiên có đức hạnh như thế nào. Điều này trong mười đề mục Tùy niệm, từ từ chúng ta sẽ học tới. Rồi niệm Giới (Giới luật); niệm Thí (niệm bố thí); niệm Chỉ tức là niệm về dừng nghỉ; cũng giống như mình quan sát được đâu là dừng, đâu là động tâm, mình quan sát được tâm. Niệm An-ban là niệm hơi thở; niệm thân; và niệm về sự chết. Tức là nghĩ nhớ về mười điều này, đó tu hành về pháp, thì đạt đến Niết-Bàn.

Quý vị thấy chúng ta có tu điều này không? Có! Tất cả chúng ta đều tu điều này. Cho nên thường xuyên tu điều này. Chúng ta đang nghe pháp chính là tu điều này đó quý vị. Tu điều này rất hiệu quả. Quan trọng chúng ta phải học bộ này là để nắm giáo lý, càng học được bao nhiêu thì mình niệm được mười điều đó. Mười điều đó sẽ đưa đến Niết-Bàn. Cho nên trước sau gì, sớm muộn gì, thì chúng ta cũng sẽ vào Niết-Bàn, nếu chúng ta tu Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Thiên, niệm Giới, niệm Thí, niệm Chỉ tức, niệm An-ban, niệm thân, niệm tử. Do niệm được nhiều như thế, thì trước sau quý vị cũng giải thoát thôi. Tất nhiên chúng ta muốn giải thoát nhanh hơn, chứ chúng ta tu như vậy không biết đến bao giờ.

Ở trong kinh đức Phật đưa ra một ví dụ, là mình tu điều gì mình cũng phải biết trình tự, thứ tự của nó. Giống như một người chăn bò, đưa một đàn bò đi qua sông. Trong đàn bò đó có con bò rất mạnh gọi là bò chính, thứ hai là bò khỏe mạnh, thứ ba là bò trung bình, thứ tư là bò gầy, thứ năm là bê con (những con bò nhỏ). Nếu người đó không biết đưa qua, không dò nước trước, [mà] đưa những con bò nhỏ, bò yếu đi qua trước, thì đôi khi sẽ làm cho cả đàn bò bị chìm hết, tại vì không lường được [mực] nước. Con bò nhỏ tất nhiên ra sông nước lớn thì sẽ bị trôi, bò gầy yếu quá thì cũng sẽ bị trôi, bò trung bình cũng bị trôi, thậm chí con bò khỏe mạnh và con bò đầu đàn, nếu đi đúng chỗ nước sâu thì cũng sẽ bị trôi luôn. Cho nên sẽ làm [đàn bò] bị cuốn hết. Đức Phật nói đó là người ngu si.

Cũng vậy, người tu tập trong giáo pháp của Phật phải biết như chăm sóc con bò, đưa con bò chính đi trước để dò nước. Nó đi để chắn dòng nước lại, cho đỡ [siết], rồi tiếp theo cho những con bò khỏe mạnh đi theo để vừa [sức]. Bò khỏe mạnh đi được rồi thì bắt đầu tới bò trung bình đi tiếp, rồi tiếp theo bò gầy, và tiếp theo những con bò con (con bê) đi qua.

Cũng vậy, đức Phật nói nếu tu hành, người nào thành tựu nhất là những vị A-la-hán. A-la-hán giống như những người tu tập đạt được pháp cao. Pháp thành A-la-hán là ngon nhất, là dẫn đầu, như những con bò dẫn đầu. Tiếp theo là đạt được quả vị A-na-hàm, là giống như những con bò khỏe mạnh. Bò trung bình là những quả vị Tư-đà-hàm, còn bò gầy là Tu-đà-hoàn. Còn những con bê (con bò con), đó là địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành.

Có nghĩa là chúng ta lo mà biết chúng ta yếu ở mức độ nào, chắc ở đây quý vị cũng không dám nhận mình là bò chính dẫn đầu đâu, không phải là A-la-hán. Chúng ta chỉ có thể dám làm bê con (bò con), là Tùy tín hành, Tùy pháp hành mà thôi. Có nghĩa là mình phải biết lựa chọn trình tự tu tập. Những người nào đủ sức mạnh, đủ dũng mãnh, tu một phát tới A-la-hán luôn thì không nói. Nhưng chúng ta là những người yếu, chúng ta giống như những con bê con hoặc bò gầy thôi, yếu quá, thì chúng ta cố gắng tu để hướng vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành,

hoặc là Tu-đà-hoàn.

Cho nên việc học tập là cực kỳ quan trọng. Nếu không học thông tỏ giáo lý, [mà] mình trèo cao quá [thì] sẽ té đau. Người ta gọi là 'trèo cao té nặng' hay 'trèo cao ngã đau' đó. Chúng ta phải đi vào pháp học để phù hợp, chúng ta cứ tiến từ từ, từ từ. Bộ Luận Câu Xá này cung cấp cho chúng ta cách để vào Sơ quả, cách để vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Chúng ta có những địa vị trước Sơ quả nữa. Chúng ta là người yếu đuối, chúng ta đi từng bước, từng bước rõ ràng. Nếu quý vị còn tu kèm với Pháp môn khác thì rất tuyệt vời. Bởi vì đi theo bộ này bước nào thì đều là bước chính xác, đi bước nào [thì] đều là bước vững chắc, đi tới đâu là có kết quả tới đó. Cho nên hãy cố gắng nghe bộ này. Chúng ta rất may mắn khi được nghe bộ này. Thiện Trang đã trích dẫn rất nhiều [điều] từ kinh, và không chỉ từ kinh nữa [mà] bộ Luận Câu Xá này cũng rất hay, [bộ] A Tỳ Đàm cũng rất hay.

Như vậy ở đây, quý vị nhớ là chúng ta đang tu rất chính xác theo kinh Phật. Niệm mười pháp này thì chắc chắn sẽ đến Niết-Bàn. Chúng ta có niệm này không? Có! Hằng ngày mình nghe pháp. Quý vị thấy nếu vào thời đức Phật, [thì] đâu có thấy vị Cư sĩ nào ở nhà tụng kinh niệm Phật đâu. Mà chỉ suốt ngày đi nghe pháp, rồi [nếu] có thời gian thì nhớ quán niệm Vô thường, Vô ngã, v.v… một hồi thì các ngài ấy cũng đắc quả. Cho nên việc nghe pháp là việc quan trọng nhất của một người tu hành, không nghe pháp thì chúng ta sẽ tu hành có thể không chính xác.

Tỳ-kheo, nên biết, hãy niệm xả ly mười pháp sinh lên trời và sinh vào nẻo dữ, hãy niệm tưởng mười pháp khiến đạt đến Niết-Bàn. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Ở đây đức Phật khuyên, quý vị nói không biết có nghe nhầm không? Đức Phật nói hãy xả ly mười pháp sinh lên Trời và sinh vào nẻo dữ. Tất nhiên sinh vào đường dữ là ba con đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, thì không ai muốn vào rồi, thì xả ly là đúng. Nhưng đức Phật khuyên cả [việc] sinh lên Trời cũng không nên, vì đó cũng không cứu cánh. Mà hãy niệm tưởng, tức là luôn luôn ghi

nhớ và suy nghĩ đến mười pháp đạt đến Niết-Bàn, và hãy học như vậy. Chúng ta đang nghe niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Chỉ tức, niệm An-ban, niệm thân, niệm sự chết, đó là mười niệm đúng rồi. Rất tuyệt vời!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trích từ Kinh Số 1–Phẩm Thiện Ác Thứ 47–Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Lời này là trong kinh, Thiện Trang trích dẫn như vậy, để quý vị thấy là chúng ta đang đi hoàn toàn đúng theo những gì lời Phật dạy. Hôm bữa có một đồng tu mới nhắn cho Thiện Trang nói: *"Sau khi nghe được một năm, tu được một năm, theo những gì [trong] kinh* (tức là theo những gì Thiện Trang giảng trong thời gian qua, toàn trích dẫn kinh không [thôi])*, thì thấy hiệu quả hơn mười năm học theo chư Tổ"*. Thiện Trang chưa trả lời, nhưng Thiện Trang sẵn trả lời ở đây: Thực ra cũng không hẳn như vậy, nhưng có điều mình học theo kinh thì sẽ được hiệu quả nhiều hơn. Còn chư Tổ cũng là nền tảng cho chúng ta, để chúng ta học, chứ nói vậy thì không đúng hoàn toàn. Nhưng rõ ràng học theo kinh Phật hiệu quả rất lớn, chúng ta thấy được hiệu quả vượt trội. Điều đó là rõ ràng. Nhưng nếu chúng ta không nương vào những người thời sau, nương vào chư Tổ, thì chúng ta không có được nền tảng cao như vậy, thì chúng ta cũng khó. Nhờ chúng ta học bao nhiêu năm rồi, cho nên bây giờ chúng ta học vào kinh điển mới dễ dàng.

Quý vị thấy sau khi học vào kinh điển thì mình thấy tu dễ lắm, nhẹ nhàng, hoan hỷ, an lạc. Mỗi mùa tới, mùa Xuân chăng nữa, thì mình cũng tu được, mùa Đông mình cũng tu được, mùa Hạ (mùa Hè) cũng tu được, mùa Thu cũng tu được. Bất cứ mùa nào, mỗi hàng cây thay lá, mỗi cảnh quan thay đổi, thì chúng ta thấy cảnh Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Cho dù bữa nay là mùa Xuân, [nhưng] quý vị cũng phải thấy được Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, thì chúng ta mới tới được Niết-Bàn chứ. Đó là niệm Pháp, và Pháp đó là quan trọng.

Quý vị thấy mùa Xuân, có thấy được Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã không?

Vô thường thì dễ, cảnh vật thay đổi vô thường, mùa này thì hoa, cây cối thay đổi. Điều đó [là] Vô thường, thì dễ. [Thấy] Không thì cũng dễ, nhưng thấy Khổ [thì] khó. Thiện Trang nói [thấy] Khổ dễ lắm, bây giờ ai mà mấy ngày trước chuẩn bị Tết, thì có mệt không? Chuẩn bị nào là dọn dẹp đủ thứ, chuyện này chuyện kia. Quý vị phải mất thời gian dọn dẹp nhà cửa, mệt đừ luôn. Thiện Trang nhớ hồi xưa, Thiện Trang có những năm mà phải dọn đến 30 Tết, mà sắp giao thừa mới dọn xong, rất là mệt.

Cho nên ở thế gian khổ lắm, có cũng khổ, mà không có thì cũng khổ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: **"Vô điền ưu điền, vô trạch ưu trạch** *(không có đất thì lo đất, không có nhà thì lo nhà)*, **hữu vô đồng ưu"** *(có hay không cũng đều lo hết)*. Tại vì có rồi mà vẫn thấy thiếu, muốn sao cho bằng người mà, "tư dục tề đẳng" đó. Cho nên một hồi rồi, có hay không gì cũng lo. Quý vị thấy điều gì cũng lo đúng không? Quý vị có một chiếc điện thoại mới thì quý vị cũng sợ nó bị xước, bị bể, bị mất, bị ăn trộm, bị rớt. Tức là có cũng khổ, mà không có thì cũng khổ. Cho nên đừng nói không có là không khổ, chúng ta không có, thiếu thốn thì cũng khổ. Cho nên thế gian là khổ.

Dù là đầu năm nhưng cũng nói với quý vị, chúng ta chỉ có một con đường thôi, ráng ra khỏi sanh tử thì mới hết khổ thôi. Niết-Bàn là an vui, là tịch tĩnh. Có nhiều người học kinh điển một hồi, nghe nói Niết-Bàn không có tái sanh đời sau nữa. Trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, v.v… đức Phật luôn luôn nói là: Niết-Bàn rồi là không còn tái sanh đời sau nữa, như vị A-la-hán chứng rồi. Nghe nói vậy, rồi kêu: "Tu kiểu gì mà một hồi không có gì hết, không có đời sau nữa. Vậy thôi, chứ khổ quá, vậy thì tu làm chi? Cuối cùng mình sống ở đây còn sướng hơn". Có nhiều người nghĩ như vậy. Nhưng đó là quý vị không hiểu về kinh. Ở trong kinh, đức Phật nói rõ ràng, có vị hỏi: *"A-la-hán sau khi nhập Niết-Bàn rồi thì như thế nào?"* Đức Phật nói là: *"Như củi hết [thì] lửa tắt"*. Không tái sanh có nghĩa là không tái sanh ở cảnh giới luân hồi nữa, còn cảnh ở trong Niết-Bàn thì đó là một cảnh an vui vô cùng. Cho nên trong Kinh Vô Lượng Thọ mới nói là **"vui như Lậu tận Tỳ-kheo"**. Lậu tận tức là quý vị chứng được A-la-hán. Niềm vui của A-la-hán, trong kinh đức Phật nói là không có gì sánh bằng, tất cả niềm vui ở nhân

gian, v.v… thì không thể nào bằng được, cho dù ở cõi Trời cũng không bằng.

Niềm vui đó, cảnh giới đó, không thể dùng [ngôn ngữ] diễn tả là đời sau, đời này, đời kia giống như kiểu của thế gian. Tức là không dùng ngôn ngữ thế gian để mô tả được. Cho nên đức Phật nói không tái sanh đời sau nữa, chứ không phải là không có cảnh giới gì nữa. Đó là cảnh giới vô cùng an lạc, vô cùng Vô vi, vô cùng siêu việt, mà mình không thể tưởng tượng được. Đức Phật không thể dùng ngôn ngữ bình thường để diễn tả được.

Cho nên trong kinh mới nói: Vị A-la-hán sau khi chứng Niết-Bàn rồi, liệu có đời sau hay không, hay còn có đời sau, hay vừa còn vừa mất, hay không còn không mất, [hay] chẳng phải còn chẳng phải mất, v.v… Đức Phật nói những lời đó đều không đúng, những luận điểm như vậy đều không đúng. Tức là nói còn cũng không được, mà nói không còn cũng không được, mà nói vừa còn vừa mất cũng không được, mà nói chẳng phải còn, chẳng phải mất cũng không được. Có nghĩa đó là một cảnh giới siêu vượt, mà không [thể] dùng ngôn ngữ thế gian để giải thích được. Pháp đó là pháp siêu vượt thế gian, cho nên không dùng ngôn ngữ thế gian để giải thích được. Chứ đừng nghĩ rằng nhập Niết-Bàn rồi là chết, chết rồi không có gì. Đó là một quan niệm sai lầm. Trong kinh, quý vị cứ coi kinh đi thì dần dần quý vị sẽ hiểu được điều đó. Cho nên yên tâm nha, đừng lo quá! Chúng ta thấy đây là một bài kinh rất đơn giản.

Phần thứ hai, Thiện Trang xin tiếp tục giới thiệu một cách nữa:

Cách Vào Thánh Quả Tu-Đà-Hoàn Chắc Chắn Không Còn Đọa Vào Đường Ác (Thứ 5)

Hôm nay [giới thiệu] là cách thứ năm. Quý vị thấy để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thì có nhiều cách, không chỉ có một cách, mà có bốn cách, chúng ta đã giới thiệu. Thiện Trang giới thiệu rồi, quý vị tự đúc kết nha, và bữa nào đó Thiện Trang sẽ giới thiệu lại các mục, để quý vị hiểu được năm cách là [những] cách nào. Hôm nay là cách thứ năm, cũng trích từ kinh.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, tại nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo dập tắt được năm sợ hãi và oán thù, được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về Chánh đạo Hiền Thánh; vị Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng đã diệt tận các đường dữ Địa ngục, Ngạ quỷ, và Súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường dữ, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ.

Quý vị coi đoạn mà Thiện Trang bôi chữ đỏ. [Ở đây đức Phật nói] Tỳ-kheo, nhưng chúng ta nói chúng ta đi, không phải nói Tỳ-kheo không [thôi]. Người tu hành mà dập tắt được năm sự sợ hãi và oán thù, phải làm được điều này. Và được thêm ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc. Mình nghĩ ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc: là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, và bất hoại tịnh đối với Tăng, đoán được rồi đó. Nhưng còn có 'tri kiến như thật về Chánh đạo Hiền Thánh', [là] ba điều kiện.

Điều kiện thứ nhất là dập tắt được năm sợ hãi và oán thù; Điều kiện thứ hai được ba pháp quyết định, không còn nghi hoặc nữa; Điều kiện thứ ba là tri kiến như thật về Chánh đạo Hiền Thánh; thì vị Đệ tử đó đức Phật gọi là Thánh đệ tử luôn. Quý vị làm được vậy là chắc chắn thành Thánh rồi. 'Có thể tự ký thuyết rằng': là tự nói mình rằng, xác nhận rằng 'đã diệt tận các đường dữ Địa ngục, Ngạ quỷ, và Súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không con bị rơi vào pháp đường dữ, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người rốt ráo thoát khổ'. Điều này là Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn, chỉ còn bảy đời, hoặc là có thể đức Phật nói vắn tắt là tối đa bảy đời thôi.

Như vậy quý vị thấy đây là một cách nữa để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Vậy thì chúng ta cố gắng làm theo cách này. Cách này là thế nào, thì đằng sau đức Phật có nói. Nhớ mà nếu được như vậy, thì tự mình xác nhận luôn cho mình được rồi. Quý vị làm được như vậy là 'tự ký thuyết rằng', đâu cần Phật thọ ký đâu, quý vị tự thọ ký được luôn. Cho nên yên tâm, nếu chúng ta làm được như

vậy. Bây giờ ta coi làm như thế nào.

Ở đây có chú giải, chỗ 103 là: Khủng bố đối oán (nguyên văn tiếng Pāli: *pañca bhāyāni verāni vūpasantāni ca honti*), là đình chỉ năm sự sợ hãi và oán thù. Ai biết tiếng Pali thì có Pali ở đây luôn. Rồi chúng ta coi thử [Phật dạy] tu điều gì mà hay vậy.

Thế nào là dập tắt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội sát sinh; người ấy tránh xa sự sát sinh; sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội sát sinh được dập tắt. Tức là đầu tiên mình tránh giùm oán thù do sát sanh, sợ hãi do sát sanh. Mình tránh được, tránh bằng cách nào? Người ấy tránh xa sự sát sanh, đây [là] giữ giới. Tóm lại quý vị không sát sanh.

Nếu sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; người ấy tránh xa trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; thì sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu được dập tắt. Đó gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi, oán thù phát sanh do nhân duyên các tội trên.

Điều này dễ quá! Quen quá! Đây chính là Ngũ giới. Tức là cố gắng tránh xa năm điều: tránh xa sát sanh, tránh xa trộm cắp, tránh xa tà dâm, tránh xa nói dối, và tránh xa uống rượu. Thì người ấy sẽ tự nhiên tránh xa được năm sự sợ hãi và oán thù. Vậy là dập tắt được một điều. Như vậy năm điều này đâu có khó, đúng không quý vị? [Chúng ta] làm được. Cho nên pháp này dễ tu. Tu-đà-hoàn này thì [mình] có khả năng đó.

Thứ hai là ba pháp quyết định, điều kiện thứ hai là được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc.

Thế nào là ba pháp quyết định không sanh ra nghi hoặc? Đối với Phật quyết định lìa nghi hoặc, đối với Pháp, và Tăng quyết định lìa nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định lìa nghi hoặc.

Như vậy chúng ta thấy cũng giống như là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng. Tức là không nghi đối với Phật, không nghi đối với Pháp, không nghi đối với Tăng. Điều kiện là làm gì [thì] làm, quý vị muốn vô Sơ quả thì quý vị phải làm được ba điều đó: không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng, dù tu [pháp] gì thì tu. Vậy thì điều này cũng giống như trên.

Ở đây, ý Thiện Trang muốn nói là điều này gần gần giống như bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới. Nhưng thành tựu Thánh giới nói chung chung quá, bữa nay chỗ này nói rõ năm giới thôi, không cần yêu cầu cao gì hết. Không có yêu cầu cao, năm giới thôi. Nhưng còn điều kiện nữa là tri kiến.

Thế nào gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo? (Điều này là quan trọng). **Biết như thật đây là Khổ thánh đế, biết như thật đây là Khổ Tập thánh đế, Khổ Diệt thánh đế, Khổ diệt đạo tích thánh đế. Đó gọi là tri kiến như thật về Thánh đạo.**

Có nghĩa là phải học Tứ đế. Phải biết như thật về Khổ đế, về Tập đế, về Diệt đế, về Đạo đế. Như vậy, đó là tri kiến như thật mà mình phải thành tựu. Muốn được thì chỉ có học thôi, học nhiều, tu nhiều thôi. Làm được như vậy là quý vị vô Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Như vậy, đây cũng là một cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đó là hãy giữ giùm năm giới, không nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, và hãy cố gắng thành tựu tri kiến về Thánh đạo, đó là Bốn đế (Tứ đế: Khổ đế là sự thật về khổ; Tập đế là nguyên nhân của khổ; Diệt đế tức là những niềm vui sau khi đã diệt được các khổ (chính những quả vị Thánh, cảnh giới Thánh như thế nào, mình hình dung được); và Đạo đế là con đường để đạt được điều đó.

Thật ra những điều này chúng ta đang học suốt mà. Chính [những điều] chúng ta đang học này, là Đạo đế đó quý vị. Đạo đế là con đường để đến được sự thật đó, con đường để diệt khổ, [là] con đường chúng ta đang học. Cho nên chúng ta đang học những điều đó, rất tốt! Và quý vị cứ giữ năm giới đi, thành tựu được ba điều đó. Và học một hồi thì chắc chắn ngày nào đó quý vị đắc Tu-đà-hoàn thôi.

Đây cũng là một cách đắc Tu-đà-hoàn.

Nếu đối với năm tội sợ hãi, oán thù này mà được dập tắt, đối với ba pháp quyết định xa lìa nghi hoặc, đối với Thánh đạo mà tri kiến như thật; Thánh đệ tử này có thể tự ký thuyết rằng (tức là tự mình ghi nhận và nói rằng): **'Ta đã đoạn tận các đường dữ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ".**

Quý vị thấy đã không! Nếu quý vị làm được như vậy thì đức Phật cho phép tự ký thuyết luôn, thôi mình không có nói với ai, mình tự biết mình: là mình đã đoạn tận được các đường dữ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào các đường dữ, quyết định thẳng đến Niết-Bàn Chánh giác, tối đa là bảy lần nữa thôi là sẽ thoát khổ.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 813. Khủng Bố (1)[104] – Kinh Tạp A Hàm).

Vì tên Kinh này có 2 kinh, nên ở đây ghi số 1. Và kinh này có chú giải tiếng Pali.

Như vậy rất tuyệt vời! Hôm nay [chúng ta] biết thêm cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cách này cũng dễ mà đúng không? Giữ năm giới cho tốt; rồi đừng nghi với Phật, đừng nghi với Pháp, đừng nghi với Tăng; và ráng học được Tứ thánh đế, tức là Khổ Tập, Diệt, Đạo, cho tri kiến làm sao, dần dần [có] tri kiến như thật. Mới đầu mình học, mình chưa có tri kiến như thật đâu, mơ mơ màng màng, nghe không hiểu, nhưng dần dần cũng hiểu đúng không? Ví dụ như chúng ta bây giờ học các Thánh quả: Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, Tứ quả A-la-hán. Rồi bốn địa vị, ví dụ như Sơ quả hướng, Nhị quả hướng, Tam quả hướng v.v… Rồi học một hồi là mình học rộng ra: Tùy tín hành, Tùy pháp hành v.v… rồi Gia gia, Kiến đáo, mình học hết. Điều đó là thuộc về Diệt đế.

Cho nên mình học dần dần là mình nắm được hết, rồi tự nhiên mình tin tưởng. Mới đầu mình mơ mơ màng màng, mình không biết đường đi, nhưng dần dần mình học được, mình biết đường đi. Đó gọi là Đạo đế. Và mình biết rõ ràng nỗi khổ ở thế gian, ví dụ như suốt ngày với Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, mình nghe hoài, mình thuộc rồi, mình nhớ rồi, mình hiểu rồi, đời khổ v.v… Dần dần mình được Khổ đế. Và mình biết nguyên nhân của khổ là do tham ái, tham dục, do ham muốn, do tạo nghiệp v.v… Mình hiểu được tất cả những điều đó. Dần dần mình hiểu hết, cho nên mình được Tập đế. Và do vậy dần dần mình ngấm. Ngấm đến mức độ mà mình biết như thật luôn. Sự biết đó không phải là biết bình thường nữa, mà là biết như thật.

Ví dụ như bây giờ đang là Tết, ra ngoài mình thấy người ta đón Tết, mình kêu "Ôi, Tết khổ quá! Tại sao phải đón Tết chi cho mệt vậy! Không có đón Tết [có phải] đỡ khổ hơn không?" Dần dần mình thấy được như vậy, đó là mình thấy như thật về Khổ. Dần dần mình có từng chút vậy, tích lũy nhiều là thành công. Và lúc đó quý vị tự biết quý vị đắc Tu-đà-hoàn.

Ở đây đức Phật nói như vậy, không phải quý vị làm được vậy rồi quý vị tự nói đắc Tu-đà-hoàn đâu, mà quý vị sẽ tự biết mình đắc Tu-đà-hoàn khi quý vị làm được như vậy, khi đó là tự biết. Cho nên người đắc Tu-đà-hoàn có thể tự biết chứ, còn không biết thì làm sao là Tu-đà-hoàn đây.

Như vậy đây là bộ kinh rất quan trọng. Đây là cách thứ năm, và ba điều chính là: giữ được Ngũ giới; xa lìa được ba điều nghi đối với Phật, Pháp, Tăng; và cuối cùng là biết như thật về Tứ Thánh đế. Tóm tắt là như vậy. Quý vị đồng tu tóm tắt thì ghi lại cách một, cách hai, cách ba, cách bốn. Một hồi là mình được năm cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Như vậy dần dần mình thấy cũng dễ thôi đúng không? Cho nên những gì chúng ta đang học là những con đường để đi vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Quý vị yên tâm, chúng ta đang học đúng rồi.

Bây giờ Thiện Trang xin giới thiệu một pháp hành, đó là:

Phát Nguyện Khi Thọ Bát Quan Trai

Nhiều đồng tu học từ bộ này qua bộ kia, học quần quần cũng không hiểu hoặc là thiếu, thì để Thiện Trang đưa vô đây luôn. Năm mới coi như tặng quý vị món quà lì xì, đó là cách phát nguyện khi thọ Bát quan trai theo kinh Phật. Phật dạy sao thì mình làm vậy. Đây là món quà lì xì đầu năm.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nay Ta sẽ nói trai pháp tám quan của Hiền Thánh (là Bát quan Trai giới). **Các ngươi hãy ghi nhớ kỹ, tùy hỷ mà phụng hành".** (Điều này thì tất nhiên đức Phật nói với Tỳ-kheo, dạy Tỳ-kheo thôi, Tỳ-kheo là hơn mà. Ở đây là dạy cho Cư sĩ làm).

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Đức Thế Tôn bảo: "Sao gọi là trai pháp tám quan? (Chúng ta quen gọi là Bát quan Trai giới, thực tế thì đọc ngược như vậy)**. Một là không sát sanh, hai là không lấy của không cho, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không ăn phi thời, bảy là không nằm ngồi trên giường cao rộng, tám là tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình. Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền Thánh".**

Những điều này thì chúng ta quá quen đúng không? Một là không sát sanh thì ai cũng biết rồi; Hai là không lấy của không cho, tức là không trộm cắp; Thứ ba là không dâm dục, chứ không phải là không tà dâm, [thọ giới] Bát quan trai mà; Bốn là không nói dối; Thứ năm là không uống rượu; Thứ sáu là không ăn phi thời.

Không ăn phi thời này thì có người cũng nói là ăn một bữa hay ăn hai bữa. Nếu quý vị coi, hồi bữa Thiện Trang thấy có người đăng trong Kinh Tăng Chi, phẩm Tám Pháp, Thiện Trang chưa coi nhưng có đọc qua, thấy nói là ăn một bữa như A-la-hán, tức là ăn một bữa. Quý vị thấy, thật ra điều này Thiện Trang đã giảng rất nhiều rồi. Thời Phật, lúc đầu đức Phật chỉ cho ăn một bữa thôi. Có vị Tỳ-kheo đó không có đồng ý, kêu ăn một bữa, con ăn không nổi, cho nên đức

Phật cho con ăn thêm. Đức Phật nói vậy cho ông ăn hai bữa. Vị đó nói con cũng không làm được không ăn phi thời, tức là con phải ăn thêm bữa chiều, bữa tối nữa. Đức Phật cho luôn. Thời gian sau thì vị đó cũng hành trì được, rồi vị đó mới sám hối với Phật, nói từ nay con sẽ giữ ăn một bữa thôi. Đó là đức Phật rất là tùy duyên. Lúc đầu làm không được thì đức Phật cho luôn, rồi sau này ổng tu đắc rồi thì ổng giữ.

Còn việc ăn hai bữa với một bữa, thì để bữa nào Thiện Trang trích đăng lên. Thiện Trang cũng nguyện là trong năm nay, Thiện Trang sẽ cố gắng đưa các giới, tại vì quý vị đồng tu muốn nghe giới Tỳ-kheo, [nên] Thiện Trang sẽ đưa các giới Tỳ-kheo lên, các đoạn [trích về] giới và các phần nhân duyên chế giới của từng giới một.

Tới phần giới không ăn phi thời này, thì có nhân duyên rất rõ ràng. Lúc đầu đức Phật chỉ cho ăn một bữa, sau đó do có người cúng dường nhiều quá, nên đức Phật mới cho ăn thêm một bữa nữa. Là vị thương gia đó, ông Trưởng giả mà kéo 500 cỗ xe, đi từ mùa Đông sang mùa Hạ, mà cúng dường không được. Cuối cùng ổng chỉ xin cúng dường, [các vị Tỳ-kheo chỉ cần] đạp lên thôi đó. Đức Phật từ đó cho các vị Tỳ-kheo ăn thêm bữa cháo [sáng] nữa. Sau đó có người cũng tương tự như vậy, [nên] đức Phật cho thêm ăn bánh [vào] bữa sáng nữa.

Cho nên [thông] thường, từ 'không ăn phi thời' tức là được quyền ăn trong đúng thời. Đúng thời là từ khi minh tướng xuất (tức là mặt trời mọc lên), thấy rõ chỉ bàn tay, hoặc là thấy rõ phân biệt lá xanh lá vàng, cho đến khi mặt trời đứng bóng. Trong thời gian đó thì [được] ăn, thậm chí đức Phật còn cho phép là đi ứng cúng, có thể ứng cúng tại hai nơi. Đó là trong giới có như vậy.

Tất nhiên trong kinh thì lúc đầu đức Phật không cho ăn hai bữa, nhưng trong giới có như vậy. Cho nên điều này quý vị cũng đừng có chấp chặt quá. Quý vị giữ Bát quan trai, ăn được một bữa thì tốt. Còn nếu quý vị không ăn được một bữa, thì ngày thọ Bát quan trai quý vị có thể giữ không ăn phi thời, tức là ăn từ lúc buổi sáng đến giữa trưa là được. Và cũng đừng có theo mặt trời đứng bóng hay không đứng bóng. Bởi vì một số đất nước, minh tướng xuất [vào] mùa đông,

mặt trời lên trễ quá, 9 giờ mới lên, thì không thể nào ăn vào giờ đó được, mình phải ăn sớm hơn. Cho nên quý vị canh giờ mà ăn, quý vị hiểu được điều đó.

Để bữa nào Thiện Trang sẽ trích những [đoạn về] giới lên cho quý vị coi. Mình học giới là phải [học] nhân duyên chế giới, tức là từ đâu, xảy ra chuyện gì, thì đức Phật mới chế giới đó. Mới đầu chế giới đó chưa đủ đâu, dần dần có người phạm này, lách kia, rồi đức Phật mới thêm bớt nữa. Cuối cùng mới kết lại giới chung. Cho nên mình không học, đặc biệt là những Cư sĩ, mà cứ đọc vô tựa đề giới không [thôi], thì nhiều khi mình sẽ bị chấp giới. Từ đó mình giữ những điều không đúng với tinh thần của giới đó. Cho nên là mình phải hiểu, điều này phải có sự học đàng hoàng, chứ không phải là cứ cắm đầu theo sở thích [của] mình. Nên nhớ, giữ giới phải đúng thì mới được, còn nếu mình giữ sai thì cũng thành không tốt. Mà muốn đúng hay không thì mình phải học.

Để năm nay Thiện Trang sẽ phát tâm là cố gắng mấy ngày [đến] một tuần, Thiện Trang sẽ đăng lên một giới. Từ từ, một hồi rồi cũng hết 250 giới của Tỳ-kheo thôi. Quý vị sẽ coi và từ đó quý vị so sánh với Sư Minh Tuệ, quý vị sẽ thấy ngài giữ 250 giới như thế nào. Có những điều ngài giữ còn hơn trong Giới [luật] luôn. Cho nên là quý vị phải hiểu điều đó, mình phải học.

Như vậy tám điều này không có gì lạ. Đặc biệt là ngày Tết thì hơi khó giữ, [nhất là] giữ tránh đàn ca xướng hát và xoa hương thơm đầy mình. Tết ở Việt Nam thì không biết các miền thế nào, nhưng thường [hay] ca hát lắm, rồi xức dầu thơm vô đi chơi nữa. [Cho nên] là khó giữ.

Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền Thánh.

Lúc ấy, ngài Ưu-ba-ly (Tôn giả Ưu Ba Ly) **bạch Phật: "Tu hành trai pháp tám quan như thế nào?"** Ngài cũng hỏi cho mình (người Cư sĩ) đó.

Đức Thế Tôn bảo: "Này Ưu-ba-ly, thiện nam, thiện nữ vào ngày thứ 8, 14 , 15 đến chỗ Sa-môn hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên họ rằng (quý vị thấy đây là đức Phật dạy luôn. Thật ra thọ đúng là phải có Sa-môn hoặc Tỳ-kheo truyền cho quý vị. Nhưng truyền đơn giản lắm, quý vị coi truyền như thế

nào)**: 'Con từ sáng đến tối** (ở đây chúng ta có thể [hiểu] là từ sáng đến ngày mai, ([có] chỗ khác [ghi] là đến ngày mai). Tứ sáng tới tối, thật ra đúng nghĩa [là] đến sáng hôm sau)**. Như A-la-hán, giữ tâm không di động, không dùng dao gậy gia hại chúng sanh, mà ban vui khắp tất cả** (điều này là nói giống như giới không sát sanh)**. Nay con thọ trai pháp, nhất thiết không vi phạm, không khởi tâm sát** (đây là không sát sanh)**. Con tu tập [757a01] giáo pháp Chân nhân kia, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn quá ngọ, không ngồi chỗ cao rộng, không tập ca múa xướng hát và thoa hương vào mình'.**

Quý vị chỉ cần phát nguyện ngắn như vậy cũng được. Nếu không có nhiều thời gian [thì] quý vị phát nguyện một đoạn ngắn này thôi. Đó là cách thọ. Quý vị tìm một vị Sa-môn, một vị Tỳ-kheo, thậm chí không cần vị Tỳ-kheo đâu, trong luật nói là chỉ Sa-di cũng được.

Nếu người có trí tuệ, hãy nói như vậy. Nếu là người không có trí huệ, nên dạy nói như vậy.

Có nghĩa là gì? Nếu là người có trí tuệ tới, thì nói như vậy được rồi. Còn không thì [vị truyền giới] bắt đầu đọc, rồi quý vị đọc theo: *"Con pháp danh tên là ... Con từ sáng sớm ngày nay cho đến sáng ngày mai ..."* Đó là người không có trí tuệ, nên đọc như vậy. Còn nếu là người có trí tuệ, thì để cho họ [tự] đọc.

Về sau này, Thiện Trang thấy là trong kinh dạy như vậy, cho nên Thiện Trang thường bảo người ta đọc, ai thọ là bảo [họ] đọc. Nếu đông người thì có thể dạy đọc, còn nếu không thì thôi, để một người đọc, còn người kia đọc theo. Chứ thấy đọc ở [đoạn kinh] này, mình nhắc từng câu rồi người ta đọc theo, thì có vẻ là người ta không có trí tuệ, dạy nói như vậy thì không nên. Cho nên là quý vị hiểu chỗ này.

"Lại nữa, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy từng điều một, đừng để sai sót, cũng đừng để vượt quá (dạy từng điều một, không sai sót)**. Lại nên dạy cho phát thệ nguyện"** (chỗ này là chưa dạy phát thệ nguyện. Dạy phát thệ nguyện thế

nào).

Ngài Ưu-ba-ly bạch Phật: "Nên phát nguyện như thế nào?"

Thế Tôn (đức Phật) **bảo**: **"Người ấy nguyện rằng** (chúng ta coi đức Phật dạy nguyện như thế nào khi thọ Bát quan trai): **'Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác** (Ác tri thức); **con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung tâm đất nước, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp;**

Thiện Trang xin đọc một đoạn rồi giải thích đã. Như vậy [ở đây] dạy quý vị cách phát nguyện: nhờ tu Bát quan trai đó mà không đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, cũng không rơi vào tám nạn. Tám nạn thì quý vị biết rồi, có bộ kinh Thiện Trang trích rồi đúng không? Như manh, lung, ám, á (câm, điếc, đui, ngọng), rồi sanh trước Phật, sau Phật, sanh về trời Vô Tưởng, [cõi] Bắc Câu Lô Châu. Đó là tránh được [tám nạn], rồi không đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh; không ở biên địa; không rơi vào nơi tệ ác; không theo tri thức ác. Nhớ [là phát nguyện không theo Ác tri thức], chứ không mình rớt vào Ác tri thức là rồi đó. Cho nên phải phát nguyện. Thiện Trang hay nói chúng ta phải nguyện đời đời gặp Chánh pháp. Đó là tại vì đừng theo Ác tri thức, hãy theo Thiện tri thức.

Con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung tâm đất nước (sanh phùng trung quốc), **được nghe pháp thiện** (được nghe thiện pháp), **tư duy, phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp** (cố gắng thực hành theo pháp)**; Đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sanh** (nhớ hồi hướng cho chúng sanh); **đem công đức này bố thí cho họ giúp cho người kia** (người kia tức là cho họ đó), **thành Đạo Vô thượng Chánh chơn** (tức là mình cũng hồi hướng cho chúng sanh. Quý vị thấy ngay trong Kinh A Hàm cũng nói hồi hướng cho chúng sanh rồi, chứ không phải đợi đến kinh Đại thừa. Kinh này cũng là kinh Đại thừa mà)**; đem phước của thệ nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thoái lui giữa**

chừng (phải nguyện như vậy). **Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo**. (Nhớ! Tu để làm gì? Không phải tu để lên trời, mà để học Phật đạo, để học Bích-chi-phật đạo, hoặc A-la-hán đạo. Không thành Phật đạo, tức là không phát nguyện thành Phật, thì cũng thành Bích-chi-phật; không thành Bích-chi-phật thì cũng thành A-la-hán).

Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này. Giả sử trong tương lai, khi Phật Di Lặc xuất hiện ở đời, Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác, người nào gặp hội kia thì sẽ được độ ngay.

Quý vị thấy không? [Phật cũng dạy] [phát nguyện] vì chúng sanh. Ngay trong pháp Bát quan trai cũng vì chúng sanh, cũng nguyện cho chúng sanh, là tương lai khi Phật Di Lặc ra đời, những người kia, nhờ được hưởng công đức mình thọ Bát quan trai, mình hồi hướng cho họ, họ cũng được độ ngay.

Hồi xưa Thiện Trang cũng không biết, không đọc đoạn này, nhưng Thiện Trang cũng nguyện: Ai tu Tịnh Độ thì mau vãng sanh Tịnh Độ; ai chưa đắc độ thì sớm được đắc độ; còn ai không được đắc độ, thì tương lai nguyện dưới hội Long Hoa, tức là gặp Phật Di Lặc [sẽ] được đắc độ. Chúng ta cũng thấy rõ ràng, vô tình [mình nguyện] giống ở đây.

Khi Phật Di Lặc xuất hiện ở đời, có ba hội Thanh văn. Hội đầu có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu đã sạch. Cũng gặp vua cùng giáo thọ sư của đất nước kia.' Dạy như vậy, không để cho thiếu sót".

Như vậy, bữa nay chúng ta biết bài này, biết cách hồi hướng phát nguyện trong thọ Bát quan trai rồi, đây là một cách. Tất nhiên có một cách nữa, ở trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, cũng có một đoạn khác, quý vị thấy nội dung cũng giống giống như vậy. Và Thiện Trang đã đưa lên trên trang web, quý vị có thể lên đó tải. Hôm nay, sau bài này, Thiện Trang sẽ đưa đoạn nào lên nữa để cho thêm một cách nữa. Ai thích cách nào thì làm thử cách đó. Đều là lời trong kinh, mình

phải theo trong kinh.

Ngài Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn: "Nếu thiện nam, thiện nữ kia tuy trì trai tám quan nhưng không phát thệ nguyện, há không được công đức lớn hay sao?" (Có nghĩa là ngài Ưu Ba Ly hỏi: Nếu lỡ lâu nay mình thọ mà mình không phát nguyện, thì có được công đức lớn hay không?)

Đức Thế Tôn bảo: "Tuy được phước kia, nhưng phước không đáng nói……

(Kinh Số 2 - Phẩm Thiên Tử Mã Huyết Hỏi Tám Chính – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Đoạn sau dài, Thiện Trang đánh chấm chấm. Có nghĩa là quý vị thọ Bát quan trai, mà quý vị không phát nguyện như vậy, thì phước không lớn, [vẫn] được phước nhưng phước ở đây không lớn.

Đây là từ [trong] kinh, quý vị nhớ, là phải biết như vậy. Hôm nay quý vị biết thêm rồi, Thiện Trang cố gắng bổ sung những pháp rất căn bản, mình tu tập không phải cao siêu gì ghê gớm đâu. Quý vị thấy để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, đoạn trên nói có gì cao siêu đâu, giữ Năm giới, rồi đừng nghi với Phật, đừng nghi với pháp, đừng nghi với Tăng, rồi cố gắng biết như thật (hiểu như thật) về Tứ đế, là được. Chỉ vậy thôi là vô Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và thọ Bát quan trai là một trong những pháp trợ vào Sơ quả Tu-đà-hoàn nhanh, chúng ta cần phải học. Bây giờ Thiện Trang giới thiệu [một bài] đặc biệt hơn nữa.

Pháp Tu Có Thể Chứng Quả A-La-Hán, A-Na-Hàm Trong Thời Gian Ngắn

Điều này còn ghê hơn nữa! Tại vì bữa nay là đầu năm, nên Thiện Trang tranh thủ tặng cho quý vị những món quà quý giá nhất. Bây giờ có pháp nào tu để chứng A-la-hán và A-na-hàm nhanh không? Có! Giới thiệu cho quý vị luôn, có pháp tu này. Bài kinh này rất dài, nên Thiện Trang xin cắt đoạn đầu, đoạn đầu nói về các ngoại đạo, rồi hỏi chất vấn v.v… Thiện Trang xin nói đoạn sau (đoạn chính) thôi, vì dài quá, nên Thiện Trang để mấy dấu chấm chấm. Tức là đoạn

kinh này không có trích [hết], [mà] trích từ đây.

....

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sau khi các ngoại đạo dị học kia hỏi nghĩa này, các ngươi hãy trả lời bằng những lời này: luận một điều, nghĩa một điều, diễn một điều; cho đến, luận mười, nghĩa mười, diễn mười. Khi nói lời này có ý nghĩa gì, các ngươi mang lời này đến hỏi, những người kia sẽ không thể trả lời. Các ngoại đạo do thế càng tăng thêm ngu hoặc (tức là nếu đem mấy điều này ra nói cho ngoại đạo, thì họ ngu, khờ thêm thôi, họ không biết gì đâu)**. Vì sao vậy? Vì không phải là cảnh giới của họ** (cho nên pháp không dễ đâu quý vị, nói vậy chứ chúng ta có phước báu lớn lắm, thì chúng ta mới nghe được Chánh pháp của Như Lai. Chứ đem giảng những điều này cho [ngoại đạo], thì họ chỉ ngu thêm thôi, ngu hoặc thêm là không biết gì hết, vì không [phải] cảnh giới của họ. Nên mình rất may mắn, vì mình được học pháp của Như Lai)**. Cho nên, Tỳ-kheo, Ta không thấy có Trời, Người, Ma hoặc Ma thiên, Đế Thích, Phạm thiên vương, mà có thể trả lời được điều đó, trừ Như Lai và Đệ tử của Như Lai nghe từ Ta nói, điều này không luận đến**.

Có nghĩa là những điều mà chúng ta sắp nghe, không phải đơn giản đâu, Trời, Người, Ma (ma dưới đất, ma trên trời), Ma vương (Thiên ma), rồi Đế Thích (là vua trời Đế Thích), Phạm vương thiên cũng không trả lời được điều đó, trừ Như Lai (đức Phật), và Đệ tử của Như Lai nghe từ Ta nói (là chúng ta đó, may [là được] nghe từ đức Phật nói), điều này không luận đến.

Luận một, nghĩa một, diễn một; Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Hết thảy chúng sinh do có thức ăn mà tồn tại; không có thức ăn thì chết (nếu mà không có thức ăn thì chết, tất cả chúng sanh đều như vậy)**. Tỳ-kheo đối với pháp ấy mà bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ; đồng một nghĩa, không hai’ điều mà Ta nói, chính xác là**

như vậy. Như vậy, đầu tiên là đức Phật nói về thức ăn, ở đây cũng chưa rõ nghĩa, chúng ta đọc tiếp.

Nghĩa một, luận một, diễn một, cho đến luận mười, nghĩa mười, diễn mười; Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Danh và sắc. Danh là gì? Thọ, tưởng, niệm, xúc, tư duy; đó là danh. Cái kia sao gọi là sắc? Bốn đại, và sắc do bốn đại tạo; đó gọi là sắc, do duyên bởi căn bản này mà nói là sắc.

Luận hai, nghĩa hai, diễn hai, do bởi nhân duyên này mà Ta nói đến. Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ.

Ở đây, quý vị nghe như vậy, lời văn hơi khó hiểu, thực ra Thiện Trang nói đơn giản thôi, có mười điều suy niệm. Trong đoạn kinh này nói mười điều, quý vị suy niệm giùm, nếu suy niệm được mười điều này, thì quý vị chứng được A-la-hán hoặc chứng A-na-hàm, trong thời gian rất ngắn.

Điều thứ nhất: là quý vị suy nghĩ về chúng sanh do có thức ăn mà tồn tại, không có thức ăn thì chết. Mình cứ cố gắng suy nghĩ về điều này một cách bình đẳng, để [thấy] nhàm chán, bởi vì mình phụ thuộc vào thức ăn. Quý vị thấy nhàm chán, thì từ đó mình sẽ được bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của việc này (tức là mình làm được như thế), rồi bình đẳng chấm dứt biên tế khổ.

Tức là do mình nghĩ như vậy, nên mình chẳng có ham muốn ăn uống kiểu say sưa nữa v.v… Mình cứ suy nghĩ về vấn đề thức ăn, mình phụ thuộc như vậy thì mình khổ. Mình suy nghĩ về điều đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai: là mình nghĩ về người mình. Tức là người mình có hai phần: Một là Danh, là tinh thần; và [hai là] Sắc, là vật chất. Danh là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ở đây dùng ngôn ngữ khác, [tức] là Thọ, Tưởng, Niệm, Xúc, rồi Tư duy là Ngũ uẩn, nhưng bây giờ dùng cách nói khác, [gọi] là Danh. Còn Sắc là do bốn đại: Đất, Nước, Gió, Lửa, và những yếu tố do Đất, Nước, Gió, Lửa tạo nên, ở bên A Tỳ

Đàm gọi Y đại sinh. [Về] điều này thì hình như khi Thiện Trang giảng ở đây cũng đã nói rồi. Bốn đại: là Đất, Nước, Gió, Lửa là vấn đề đó. Và có những yếu tố không phụ thuộc về đất nhưng đi theo.

Ví dụ mình có một tính gì đó, mình có những sắc đặc biệt, như Nữ quyền chẳng hạn, người nữ thì tự nhiên thân thể mềm dẻo, còn người nam thì thân thể tự nhiên cứng cáp. Đó là những yếu tố mà do Bốn đại tạo nên, v.v… có rất nhiều. 28 Y đại sinh ở bên A Tỳ Đàm, do chúng ta chưa có thời gian, từ từ mai mốt học Luận Câu Xá thì chúng ta sẽ biết điều đó.

Mình cứ nghĩ là do Sắc, và do duyên căn bản này mà nói là Sắc, mình suy luận về thân thể của mình như vậy. Đó là vấn đề thứ hai mà mình cần phải suy nghĩ.

Luận ba, nghĩa ba, diễn ba; do đâu mà nói (tức là mình sẽ suy nghĩ, (ở đây do bộ kinh này mình trích ngắn), mình suy luận tức là bàn luận, nghĩa là hiểu về nghĩa, rồi diễn là nói ra ba điều. Ba điều đó là gì?)**, do đâu mà nói [779a01] nghĩa này? Do ba thọ. Những gì là ba? Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ**. Điều này chúng ta quá quen rồi! Thọ thì có ba cảm thọ (cảm nhận): cảm nhận về khổ, cảm nhận về vui, và cảm nhận về không khổ không vui. Bây giờ mình suy nghĩ về điều đó. Vậy những pháp này mình học hết chưa quý vị? Học hết rồi! Cho nên mình suy nghĩ, tư duy về điều này được.

Vì sao được nói là lạc thọ? Trong tâm có ý tưởng lạc, cũng không phân tán; đó gọi là lạc thọ. Vì sao được nói là khổ thọ? Trong tâm mê loạn không định tĩnh chuyên nhất, tư duy với nhiều ý tưởng khác nhau; đó gọi là khổ thọ. Tức là ở đây, đức Phật định nghĩa luôn, thế nào là khổ thọ, lạc thọ. Lạc thọ là trong tâm có ý tưởng vui, mà cũng không phân tán. Tức là đang vui, vui nhiều lắm, đó gọi là lạc thọ. Còn khổ là trong tâm mê loạn, không định tĩnh chuyên nhất, tư duy với nhiều ý tưởng khác nhau. Lúc đó quý vị biết khổ là mình suy nghĩ tiêu cực, suy nghĩ tùm lum, cảm thấy khổ đau v.v… đó gọi là khổ thọ.

Thế nào là cảm thọ không khổ không lạc? Ý tưởng không khổ không

lạc trong tâm, lại không phải là chuyên nhất định tĩnh, cũng không phải loạn tưởng, cũng không tư duy pháp và phi pháp, hằng tự tịch mặc, tâm không có ghi nhận gì; đó gọi là cảm thọ không khổ không lạc.

Quý vị thấy, đức Phật định nghĩa quá chi tiết, cho nên định nghĩa của ba thọ có trong này, Thiện Trang cũng giới thiệu luôn ba thọ. Ý nghĩa đơn giản của thọ không khổ không lạc là trong tâm chẳng có vui, chẳng có buồn, cũng không phải chuyên nhất định tĩnh, mà cũng không phải loạn tưởng. Tức là lúc đó mình không chuyên nhất định tĩnh đâu, mà cũng không phải loạn tưởng nghĩ lung tung, mà tâm vừa vừa, cũng không phải tư duy về pháp. Mà dạng giống như 'hằng tự', tức là luôn luôn; #hằng là một trạng thái bình bình; #tự tịch mặc tức là hơi hơi thanh tịnh, mà tâm không có ghi nhận gì hết; đó là trạng thái gọi là không khổ không lạc.

Quý vị thấy đức Phật định nghĩa hết, nên Thiện Trang nói tất cả những thuật ngữ, mình coi trong kinh đã định nghĩa hết rồi. Mà quý thầy không đọc điều này, bắt đầu diễn ra theo ý nghĩa của mình, không khổ không lạc là gì, mỗi người diễn một kiểu, cho nên khác, chứ thật ra trong kinh đức Phật đều nói hết. Vì vậy về sau này, Thiện trang kêu: trong kinh nói hết rồi, tội gì mình phải định nghĩa chi cho mệt, mà định nghĩa tầm bậy nữa, thôi cứ đọc trong kinh là chính xác.

Quý vị thấy, bữa nay [chúng ta học] ba Thọ (tam Thọ) là gì rồi đúng không? Ở đây định nghĩa rất dài, nhưng rõ ràng.

Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ (nói chung mình [phải] sợ ba thọ này, đừng muốn thọ nữa. Rồi bình đẳng mong giải thoát, bình đẳng quan sát về ba thọ này, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của việc này. Rồi cuối cùng mình sẽ bình đẳng chấm dứt biên tế khổ thôi, biên tế khổ là dứt hết các khổ rốt ráo)**. Luận ba, nghĩa ba, diễn ba, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.** Như vậy đây là cũng một khái niệm đơn giản. Mình nghe nói pháp này tu bảy ngày hay mấy ngày thành tựu, mà thấy khó quá đúng không?

Dài quá!

Luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bốn đế (Tứ đế). **Những gì là bốn? Thánh đế Khổ, Tập, Tận, Đạo.** Như vậy điều thứ tư là Khổ đế, Tập đế, Tận đế và Đạo đế. [Về] Tứ đế thì mình quen rồi! Quý vị thấy [chúng ta] toàn học những điều này, chứ mình đâu có học gì ra khỏi những pháp để chứng quả đâu.

Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ? (Bây giờ giải thích luôn, thế nào là Khổ đế. Quý vị thấy, đức Phật định nghĩa luôn cho mình, khỏi mất công đi tìm). **Sanh khổ** (sinh khổ), **già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo, buồn, não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ân ái biệt ly khổ, ước muốn không được khổ**. Điều này thì quá quen đúng không? Mình sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo buồn khổ, rồi não [khổ], não là những gì gây khó chịu là khổ. Rồi oán ghét mà gặp nhau cho nên khổ, yêu thương nhau, ân ái mà phải chia lìa nên khổ, rồi cầu mà không được, tức là ước muốn không được nên khổ. Những nỗi khổ do [nguyên nhân] như vậy, đó [gọi] là Khổ đế.

Vì sao được gọi là Thánh đế Tập? (Hay vì sao được gọi là Tập đế, nhưng là của bậc Thánh?) **Căn bản ái cùng với dục tương ưng**. Nguyên nhân đơn giản lắm! Nguyên nhân căn bản nhất là do ái, ái là sự yêu thích, rồi cùng với dục là mong muốn, tương ưng. Dịch nghĩa đúng, là do sự tương ưng [của] căn bản ái với dục. Tóm lại là do tâm mình ham muốn, muốn chiếm hữu, mình yêu thích nhiều vô thì khổ thôi. Đó là nguyên nhân của khổ. Quý vị thấy đức Phật định nghĩa Bốn đế rất đơn giản, không dài dòng.

Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ tận? (Tức là thế nào gọi là Diệt đế?) **Ái kia vĩnh viễn đoạn tận không còn tàn dư cũng không tái sinh khởi; đó gọi là Khổ tận đế.** (Tức là chỉ cần dứt ái thôi, đừng có ham muốn gì nữa, đừng có ham muốn, đừng có yêu thích điều gì, thì hết khổ. Vậy đó! Cho nên ở trong kinh, Phật có một câu rất nổi tiếng đó là: "Ái tận thị Niết-Bàn", tức là khi ái hết thì đó là Niết-Bàn. Định nghĩa [như] vậy [cho] đơn giản.

Khi nào quý vị còn ái, còn ham thích điều gì đó, thì còn [ở] trong sanh tử. Nhiều người nói: "Vậy làm sao được?" Quý vị thấy chúng ta cứ xét tiêu chuẩn đi, chúng ta ở cõi Dục, chúng ta ái nhiều lắm. Ái ở đây không phải là yêu không [thôi], mà còn thích nữa: thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích trang điểm, thích nhà lầu, thích xe hơi, thích giàu có, thích quyền quý, thích đủ các thứ ở nhân gian. Đó là [ái] ở cõi Dục nhiều. Lên đến trời Dục giới vẫn thích thôi, vẫn thích nhạc nhẽo, rồi yêu đương, rồi quyền quý vẫn còn.

Khi hết năm dục rồi thì lên trời Sơ thiền đến Tứ thiền, gọi là cõi Sắc giới. Cõi Sắc giới họ có yêu thích gì không? Có! Họ yêu thích sự hiện hữu. Hiện hữu nằm trong Kiết sử nào trong Ngũ Thượng phần Kiết sử? Có một Kiết sử gọi là Sắc ái kiết, tức là yêu thích về hình, có [sự] hiện hữu. Tức là có thân hình ở cõi Sắc, và mình vẫn muốn mình hiện hữu thân hình này. Cho nên khó! Cho nên mới nói A-la-hán mới không có tái sanh đời sau nữa, tức là không có nhận thân hình này nữa, vì [họ] không muốn.

Như vậy là phải diệt được Sắc ái kiết. Vậy còn bốn tầng trời cuối cùng là Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thì họ có một loại Phiền não, họ có một ái. Đố quý vị là ái gì? Đó là Vô sắc Ái kiết, tức là một loại Phiền não nằm trong Ngũ Thượng phần Kiết sử. Vô sắc Ái kiết là gì? Là người ta vẫn còn thích về tinh thần, chấp về có một linh hồn. Nói như ngôn ngữ ngoại đạo là [một] linh hồn, một linh tánh nào đó, vẫn muốn hiện hữu trong hình thức đó. Còn hiện hữu, vẫn còn thích điều đó thì vẫn còn luân hồi. Cho nên A-la-hán xả luôn điều đó, gọi là đoạn được Vô sắc Ái kiết, như vậy sẽ hiện hữu ở cảnh Niết-Bàn. Niết-Bàn thì không thể dùng ngôn ngữ bình thường [để diễn tả] được. Cho nên là còn thích hiện hữu thì không được rồi.

Cho nên ái tận, là khi các ái của Dục giới hết, ái của Sắc giới hết, ái của Vô sắc giới hết, thì đó là Niết-Bàn. Bởi vì chắc chắn là quý vị sẽ chứng Niết-Bàn thôi, không có tránh đi đâu được hết. Cho nên nguyên nhân căn bản đó là ái. [Vì vậy] bên Trung Hoa mới [nói] là: *"Ái bất trọng bất sanh Ta Bà, niệm bất nhất bất sanh Tịnh Độ".* Tức là do mình có những sự yêu thích, ái ở đây là yêu thích, yêu thích

mà nặng thì sanh vào thế giới Ta Bà này.

Quý vị thấy rõ ràng, rất khó! Cho nên tu miết mà không ra được [ái] này. Thật ra là Tu-đà-hoàn chưa hết, Nhị quả Tư-đà-hàm chưa hết, và Tam quả A-na-hàm cũng chưa hết được hai điều: là Sắc ái kiết và Vô sắc Ái kiết. Tức là trong đó vẫn còn hai điều yêu thích nữa, yêu thích hiện hữu về thân, yêu thích hiện hữu vô hình là tinh thần. Hai điều đó vẫn còn thì không được rồi. Chưa [được]! Cho nên khó lắm, không có dễ đâu!

Nói vậy [để] mình biết về điều đó, nhưng mình chưa làm được. Nhưng biết rồi, biết đến lần thứ 1000, 1001, biết lần thứ n nào đó [thì sẽ thành công]. Giống như câu chuyện Ngàn Lẻ Một Đêm, thì câu chuyện đó cũng phải kết thúc. Cũng vậy, mình học Phật pháp, biết nguyên nhân của khổ là ái, biết dần dần đến lần nào đó thì sẽ mòn từ từ, từ từ. Giống như đức Phật lấy ví dụ [một] phiến đá to lớn như vậy, 100 năm có chư thiên tới cầm [tấm] vải (Thiên y) cõi Trời, [tấm Thiên y này] siêu mỏng còn hơn tơ lụa của Thế gian nữa, nhẹ lắm. Mà cứ quét [lên phiến đá đó] một lần, quét đến khi tảng đá mòn, tan luôn, thì kiếp số đó tận. Có nghĩa là mặc dù việc tưởng chừng như không thể mòn, nhưng cuối cùng cũng mòn.

Cũng vậy, nếu mình mà cứ nghĩ là còn hiện hữu ở đời là còn khổ, rồi còn xuất hiện ở cõi Sắc giới cũng là khổ, còn xuất hiện ở trong cõi Vô sắc giới cũng là khổ. Cứ nghĩ như vậy, nghĩ đến 100, 1000, 1 tỷ lần nào đó [thì sẽ] thành công. Tức là mỗi lần mình nghĩ tới điều đó, là mình có một ý niệm xa lìa, là mình đã giảm được sự ái, sự yêu thích đó xuống bớt một lần.

Cho nên có những điều quý vị biết, tu là sự lặp lại nhiều lần, gọi là làm cho mạnh thêm, hay ngôn ngữ gọi là huân tập. Huân tập cho mạnh lên, thì đến lúc nào đó người ta sẽ làm được. Cho nên đức Phật nói là có hai hạng người đáng quý, ví dụ nói về Giới, đức Phật nói có hạng người tuy giữ giới thanh tịnh, nhưng tâm của họ, khả năng họ học về Trí huệ giải thoát (Thánh đế) không có, thì đức Phật không tán thán người đó. Người đó trước sau gì họ cũng đọa vào đường ác thôi. Mặc dù họ giữ giới đó, nhưng họ không học về giáo pháp giải thoát là không

được.

Còn người mặc dù trước mắt là họ không giữ giới, nhưng họ học giáo pháp giải thoát, thì người đó dần dần [được] giải thoát. Họ chưa giải thoát [ngay] được, vì họ chưa giữ được giới, nhưng dần dần họ [sẽ được] giải thoát. Đó là chính là câu nói ở trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập: "**Giả sử hủy cấm chế, tất trụ bất thoái địa".** Có nghĩa là giả sử rằng người đó phạm giới, nhưng chắc chắn họ sẽ vào địa vị bất thoái.

Còn hạng người thứ ba là họ không có Giới luật, và cũng không có trí huệ về giáo pháp giải thoát. Tức là không chịu học giáo pháp giải thoát, thì người đó khỏi nói, họ chìm luôn trong đường ác. Đức Phật nói là chìm trong đường ác.

Hạng người thứ tư là người có Giới luật, tức là họ giữ được Giới luật, và họ học giáo pháp giải thoát, thì đức Phật nói người đó sẽ giải thoát sớm.

Chúng ta thấy điều quan trọng là cứ nghe giáo pháp giải thoát, suốt ngày nghe đi nghe lại. Thầy Thiện Trang nói: đời là Khổ, là Không, là Vô thường, là Vô ngã, học hoài mình [cũng] thấy hâm mộ các bậc Thánh, nào A-la-hán, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, v.v…. Rồi hằng ngày mình nghe toàn chuyện của Phật, chuyện của Thánh chúng, chuyện của Tỳ-kheo, v.v… dần dần tâm mình [được] hun đúc lên lâu ngày. Đức Phật lấy ví dụ giống như sông Hằng, hay những con sông này, sông kia ở Ấn Độ, thì đều đổ về hướng Đông. Cũng vậy, những người học trong giáo pháp, do tắm trong dòng pháp Phật lâu ngày, cho nên được khả năng đó. Giống như nước các con sông, luôn luôn đổ về hướng Đông. Cũng vậy, người học giáo pháp lâu ngày, chỉ đổ về một hướng, là ra biển lớn. Đó chính là dòng nước giải thoát, tức là đi ra đến Niết-Bàn.

Không có con đường nào khác đâu, quý vị nghe hoài, nghe tới nghe lui rồi quý vị sẽ đắc đạo giải thoát. Dù có thể quý vị chậm, vì quý vị không bỏ được những sự ái trong nhất thời, nhưng dần dần nghe hoài rồi cũng chán. Quý vị nghe hoài rồi quý vị cũng chán nhân gian rồi đúng không? Bây giờ Tết cũng thấy nhạt rồi, Tết người ta đi chơi vui lắm, [còn] mình thấy Tết cũng bình thường,

không có gì vui nữa.

Thiện Trang thì cảm thấy Tết vô vị từ lâu rồi, Thiện Trang mấy năm nay, hình như do mình không hướng về Tết, nên dần dần bây giờ cũng không ăn Tết nữa. Ngày hôm nay cũng không có ăn Tết gì cả. Cho nên quý vị thấy, dần dần theo năm tháng tâm mình trụ trong pháp giải thoát nhiều hơn. Và trụ đến mức độ đủ, thì mình sẽ giải thoát. Cho nên [quý vị] cố gắng nha! Ở đây chúng ta hiểu [như vậy].

Ái kia vĩnh viễn đoạn tận không còn tàn dư cũng không tái sinh khởi; đó gọi là Khổ tận đế. Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ xuất yếu? Khổ xuất yếu là Đạo đế. Xuất yếu tức là điều quan trọng nhất; điều quan trọng nhất để ra khỏi nỗi khổ, là Khổ xuất yếu của bậc Thánh, và đế là sự chân thật. Chữ này ai học ngữ pháp chữ Hán thì biết, chữ xuất yếu này là danh từ, khổ là tính từ, đế cũng là tính từ, Thánh cũng là tính từ, một mớ tính từ xếp hàng trước để bổ nghĩa cho danh từ đó. Chúng ta hiểu được danh từ là Thánh đế Khổ xuất yếu.

Đó là tám phẩm đạo của Hiền Thánh: Chánh kiến, Chánh tri, Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh tam-muội; đó là đạo có tám phẩm. Đây là Bát Chánh đạo hay Bát Thánh đạo, chúng ta quá quen đúng không? Chánh kiến, Chánh tư duy (ở đây đức Phật đổi thành chữ Chánh tri để mình khỏi bị chấp ngôn ngữ), rồi Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, thay vì chúng ta [nói] Chánh định, thì bữa nay đức Phật dùng Chánh tam-muội, Tam-muội là định. Cho nên đó là đạo có tám phẩm, tức là con đường có tám phẩm. Như vậy Bát Chánh đạo này thì từ từ mình học, bữa nào Thiện Trang sẽ lấy trong kinh [để] giải thích từng điều.

Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy. Tóm lại mình phải học điều này. Nãy giờ chúng ta mới học bốn điều trên mười điều, nhưng thật ra bốn điều này có quen không quý vị? Quen! Hằng ngày mình

học hết rồi. Cho nên thực tế là chúng ta đang ở trong đạo giải thoát. Mình đang nghe pháp, mình đang tu tập, toàn là trong đạo giải thoát thôi đó, [nhưng] do mình tu không rốt ráo thôi. Điều thứ năm là gì?

Luận năm, nghĩa năm, diễn năm; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là Ngũ căn (tức là bây giờ nói [về] năm). **Những gì là năm? Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn.** Quý vị thấy những điều này quen không? Trong 37 Phẩm trợ đạo, có Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát thánh Đạo phần, toàn là học ở trong đây chứ đâu. Ngũ căn là: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ đúng không? Đúng y chang luôn.

Thế nào là Tín căn? (Đức Phật định nghĩa Tín căn luôn, khỏi mất công đi tìm ở đâu) **Hiền Thánh Đệ tử tin đạo pháp của Như Lai, rằng Như Lai là bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Túc** (hay Minh Hạnh Túc), **Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Hiệu Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Đó gọi là Tín căn.** Tín căn này đức Phật nói đơn giản quá, quý vị thấy chỉ cần tin đạo pháp của Như Lai, rằng đức Phật là bậc Chí Chân, tức là bậc chân thật đến tột cùng; Đẳng Chánh Giác tức là sự biết giác ngộ của Ngài đến mức độ không còn gì hơn nữa, Đẳng là bình đẳng, ngang tới đó là hết rồi; Minh Hạnh Túc... Những thuật ngữ này chúng ta đã giải thích rồi, bây giờ giải thích lại mất thời gian quá, thôi Thiện Trang không giải thích [lại nữa] nha, mười danh hiệu Như Lai chúng ta nói hoài mà. Đó là Tín căn.

Thế nào là Tinh tấn căn? Thân, tâm, ý tinh cần không mệt mỏi; diệt pháp bất thiện, tăng ích pháp thiện, hằng chấp trì tâm; đó là Tinh tấn căn. [Từ] xưa tới nay, chúng ta hay định nghĩa chữ Tinh tấn, Thiện Trang cũng định nghĩa: tinh là tinh chuyên, tấn là tiến tới. Nhưng quý vị thấy định nghĩa của đức Phật không phải vậy. Đức Phật nói là: Thân, tâm, ý, tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý, phải tinh cần không mệt mỏi, diệt các pháp bất thiện, tăng ích pháp thiện, tức là tăng thêm các pháp thiện. Rồi hằng chấp trì tâm, là luôn giữ được tâm.

Tức là mình làm sao để tăng thêm pháp thiện, và diệt đi pháp bất thiện; làm vậy trên ba nghiệp: thân, tâm, ý (tâm với ý là như nhau). Như vậy Tinh tấn

căn [ở đây] dễ hơn, định nghĩa [trong] Đại thừa cao quá.

Thế nào là Niệm căn? (Căn niệm hay Niệm căn, chúng ta thử coi Niệm căn là gì?) **Tụng tập không quên, hằng giữ trong tâm, ghi nhớ không thất lạc, pháp Hữu vi Vô lậu không bao giờ bị mất**; **đó là Căn niệm** (Niệm căn). Như vậy ở đây nói cho chúng ta một pháp rất đơn giản, đó là cố gắng đọc, tụng, hoặc là tu tập, đừng có quên. Hằng nghĩ nhớ trong tâm, ghi nhớ không thất lạc v.v… Điều này thì dễ lắm, chúng ta học Phật pháp, làm sao [mà] trong tâm lúc nào cũng có Phật pháp là được. Ví dụ như biết Thế gian là khổ, là pháp Hữu vi. Giống như mình thấy Tết chẳng có gì vui hết, thực sự Tết cũng không vui lắm đâu, chỉ có pháp xuất thế là Vô vi an lạc thôi, mình nhớ vậy. Lúc nào mình cũng nhớ thế gian là đối nghịch, là khổ, [chỉ có] xuất thế gian mới an vui thôi, và mình tu mỗi con đường đó. Mình [cứ] nhớ như vậy, là coi như sự tu tập của mình, sự niệm tụng của mình không quên. Đó là Niệm căn.

Thế nào là Định căn? Trong tâm không động loạn, không có các tưởng sai biệt, hằng chuyên tinh nhất ý; đó là Tam-muội căn. Như vậy ở trên này nói Định căn chính là Tam-muội căn, đức Phật đổi từ luôn cho mình khỏi chấp. Là tâm mình đừng có động loạn, không có các tưởng sai biệt, và luôn chuyên tinh nhất ý.

Điều này thì rõ ràng, nhiều đồng tu động tâm quá, động loạn, tâm chạy như ngựa, gọi là ‘tâm viên ý mã’. Tâm thì giống viên, viên là con vượn; còn ý thì giống con mã, mã là con ngựa. Như vậy là không được. Cố gắng tâm không có động loạn, và không có các tưởng sai biệt, tức là mình đừng có nghĩ tưởng quá nhiều. Nhiều đồng tu tu hành không đắc lực là vì họ tưởng nhiều quá. Giống như hôm nay chưa thấy Thiện Trang giảng, không thấy thông báo nghỉ hay không nghỉ, rồi bắt đầu tưởng: chắc bữa nay thầy Thiện Trang bận rồi, Tết cho nên không giảng, rồi tưởng thế này thế kia. Hoặc là tưởng: ôi bữa nay thầy Thiện Trang vẫn giảng kìa. Giảng mà mình không nghe được, mai nghe lại chắc không hay bằng được nghe trực tiếp.

Quý vị cứ tưởng tới tưởng lui, tưởng nhiều quá, tâm càng tưởng nhiều thì

càng khổ thôi. Cố gắng sống một cách đơn giản, không có tưởng nhiều, thì mới được định. Đó gọi là Định căn (Tam-muội căn).

Thế nào là Trí tuệ (Huệ) căn? Biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo; đó là Trí tuệ căn. (Về Trí tuệ, xưa nay mình nói vòng vòng, còn đức Phật nói đơn giản lắm, chỉ có bốn điều thôi: là [biết] Khổ, [biết] Tập, [biết] Diệt, [biết] Đạo. Biết bốn điều đó, là Trí tuệ căn). **Đó là năm căn** (Ngũ căn)**. Tỳ-kheo ở trong đó mà bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận năm, nghĩa năm, diễn năm, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.**

Những pháp mà Thiện Trang chia sẻ toàn là pháp tu căn bản, hôm nay sẵn giới thiệu cho quý vị một mạch các kiến thức căn bản. Và xin nói với quý vị, chỉ cần tu học theo những kiến thức căn bản này thôi, thì đức Phật nói là mau chứng quả Thánh lắm, chút nữa rồi mình sẽ thấy.

Luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là sáu trọng pháp (sáu pháp quan trọng)**. Sáu ấy là gì? Ở đây, Tỳ-kheo thường xuyên hành từ tâm bởi thân, hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở trong phòng, tâm thường như một, đáng tôn, đáng quý, đưa đến hòa hiệp. Đây là pháp tôn trọng thứ nhất của Tỳ-kheo. Điều này thì nói hơi dài.** Quý vị để ý, là hành từ tâm bởi thân, rồi ở nơi vắng vẻ, hoặc ở trong phòng, tâm thường như một. Tức là cho dù quý vị ở đâu chăng nữa, ở nơi vắng vẻ, ở một mình cũng phải có tâm từ, chứ không phải mình ở một mình rồi nổi điên lên, kêu không có ai nên nổi tức lên. [Như vậy] không được! Tâm từ là phải hành thường xuyên, dù ở một mình, ở trong phòng, ở chỗ vắng vẻ thì cũng như vậy thôi, cũng đáng tôn, đáng quý, đưa đến hòa hiệp. Đó là điều thứ nhất.

Lại nữa, hành từ tâm nơi miệng, không khởi ganh tị oán ghét, đáng kính, đáng quý; đó là pháp tôn trọng thứ hai. Quý vị thấy đây là điều thứ hai. Việc hành từ tâm, mình hay nói là tu tâm từ, nhưng mình có hành tâm từ được không? Ở đây đức Phật dạy luôn, đoạn trên là ở một mình, ở chỗ vắng vẻ thì mình cũng phải nghĩ tâm từ bi. Còn [đoạn này] là mình thể hiện ra ở nơi miệng,

bằng cách là không khởi ganh tị, oán ghét, phải đáng kính, đáng quý. Cho nên ở đây có nhiều người nói tu tâm từ, mà chửi người ta ghê gớm lắm, nói xấu, nói này kia, đủ các kiểu, thì đó là không có tâm từ.

Cho nên Thiện Trang nói mình coi sơ sơ Kinh A Hàm thôi là rớt sạch. Cho nên đồng tu học Đại thừa, đặc biệt đồng tu học Tịnh Độ của mình thì hay có bệnh này, toàn nói gì đâu ghê gớm, tội lắm! Học mà không thông, gán ghép tội cho người ta, người ta tu không có gì hết mà mình cũng nói quá đi, trong khi thật ra mình tu cũng chưa tới đâu. Cho nên đấy là thiếu tâm từ, mình không hành được trên nơi miệng. Ở đây mình học thì hãy cố gắng làm tốt cho mình đi.

Lại nữa, nếu được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến còn dư trong bình bát, đều đem chia cho các bạn đồng phạm hạnh, tâm bình đẳng mà cho; đó là pháp tôn trọng thứ tư, đáng kính, đáng quý. Đây là lợi hòa đồng quân. Quý vị thấy ở đây là không có keo kiệt nha. Nếu được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến còn dư trong bình bát, đều đem chia cho các bạn đồng phạm hạnh (tức là Tỳ-kheo). Tỳ-kheo không có gì, chỉ đi khất thực thôi, nếu còn dư thì chia cho các vị Tỳ-kheo khác. Đó là pháp tôn trọng thứ tư, đáng kính, đáng quý.

[Nói về] điều này thì nhiều người keo lắm, không có cho ai cái gì hết. Coi như pháp hành này là mình không thể nào làm Thánh được hết, mình làm phàm phu là đúng rồi.

Lại nữa, phụng trì cấm giới không có điều rơi rớt, giới mà bậc hiền trí quý trọng; đó là pháp tôn trọng thứ năm, đáng kính, đáng quý. Điều thứ năm này là giữ giới, quý vị nói đi đâu, quay quay một hồi rồi cũng phải giữ giới, không giữ giới là không được. Cho nên phải giữ giới.

Lại nữa, Chánh kiến mà Hiền Thánh được xuất yếu, đến chỗ chấm dứt khổ tế, ý không tạp loạn, cùng tu hành với các đồng phạm hạnh pháp ấy; đó là pháp tôn trọng thứ sáu, đáng kính, đáng quý. Điều thứ sáu là phải có Chánh kiến, và giữ ý không tạp loạn.

Bấy giờ Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình

đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Như vậy đó là sáu điều rồi, bây giờ đến điều thứ bảy. Quý vị cố gắng nghe hết đi, thì sẽ thấy kết quả đạt được lớn lắm.

Luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bảy y chỉ xứ của Thần thức[1]. (Điều này mới, có bảy chỗ mà Thần thức nương tựa**.** Chúng ta thường nghe nói là Thần thức y chỉ vào đâu. Ở đây có nói, kiến thức này hơi cao siêu một chút). **Bảy ấy** (bảy chỗ ấy) **là gì? Hoặc có chúng sinh có nhiều tưởng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời**[2] **và người.** Tức là bảy chỗ thì đầu tiên là trời và người bình thường chúng ta nè, thì có nhiều tưởng sai biệt, nhiều thân sai biệt. Chúng ta có biết điều đó không? Chúng ta tưởng tượng ghê lắm. Và thân thể của chúng ta cũng không giống nhau, gọi là nhiều tưởng sai biệt, nhiều thân sai biệt. Đó là chỗ thứ nhất mà Thần thức trụ vào, là cõi Trời và cõi Người.

Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tưởng; đó là trời Phạm Ca Di khi mới thác sinh.[3] Trời Phạm Ca Di còn gọi là trời Phạm Thiên, ở đây chỉ có chú thích sơ sơ thôi, (Hán dịch 121) là một bộ phận của chư thiên, xuất hiện vào kiếp Sơ. Thật ra trời Phạm Ca Di (trời Phạm Thiên) thì chúng sanh có nhiều thân nhưng một tưởng. Có nghĩa là ở trên cõi Trời đó, họ không có nhiều tưởng, họ chỉ có một tưởng thôi, nhưng họ có thân không giống nhau, nên có nhiều thân.

Hoặc có chúng sinh một tưởng, một thân; đó là trời Quang Âm [779c01]. Trời [Phạm Ca Di là Sơ thiền, còn trời Quang Âm là thuộc Nhị thiền rồi. Nhị thiền thì hay hơn, họ không có tưởng nhiều, họ [tưởng] giống nhau thôi, còn mình có quá trời tưởng. Và thân của người trời Quang Âm cũng giống nhau luôn. Cho nên đức Phật A Mi Đà lấy [điều này] ở trời Quang Âm là có thân thể giống nhau.

Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tưởng sai biệt; đó là trời Biến

Tịnh. Trời Biến Tịnh là Tam thiền nên lại khác nữa, họ có một thân thôi (tức là có thân giống nhau), nhưng tưởng của họ thì sai biệt.

Hoặc có chúng sinh Không Xứ vô lượng (Không Vô Biên Xứ)**; đó là trời Không Xứ** (ở trên trời này họ cứ nghĩ tất cả đều là không, ở đâu cũng là không, cho nên là Không Xứ vô lượng). **Hoặc có chúng sinh Thức Xứ vô lượng; đó là trời Thức Xứ** (Thức Xứ vô lượng tức là ở trời này thì họ không muốn không nữa, mà họ quán về Thức. Điều này thì Thiện Trang có giảng rồi, bây giờ mà giảng lại thì rối lắm, cho nên quý vị coi lại bài cũ nha (bài Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ v.v… Còn nếu quý vị không biết những điều này, thì mai mốt Thiện Trang giảng về 40 đề mục tu Thiền chỉ sẽ có giảng lại, quý vị tới đó rồi nghe). **Hoặc có chúng sinh Vô Sở Hữu Xứ vô lượng; đó là trời Vô Sở Hữu Xứ. Hoặc có chúng sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ vô lượng; đó là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.**[4] Tức là mình tư duy về điều này. Thật ra mình cũng chẳng cần phải tư duy nhiều lắm, chúng ta biết cõi Người như thế nào, rồi cõi Trời Sơ thiền là gì, cõi Trời Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền là gì. Trong trời Tứ thiền thì có 4 trời: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, mình tư duy về các pháp này.

Đó là bảy y chỉ xứ của thần (thức). Ở đó, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Tức là ở đây mình biết là có 7 chỗ để Thần thức của chúng sanh trú vào. Đó là ở cõi Người và cõi Trời, tất nhiên là có Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh nữa. Rồi mình thấy có ở cõi trời Phạm Thiên nữa. Nhưng ở đây đức Phật khuyên chỉ suy nghĩ về bảy chỗ thôi. Thật ra là có chín chỗ, còn những cõi ở dưới thì mình bỏ đi, mình tư duy toàn những chỗ tốt thôi. Chỗ tốt như cõi Người, cõi Trời, trời Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, rồi Tứ thiền (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ). Chứ mình niệm mấy cảnh Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh làm gì, đúng không? Cho nên là có chín chỗ, nhưng mình bỏ, chỉ lấy bảy chỗ thôi. Đó là chúng ta hiểu được như vậy.

Luận tám, nghĩa tám, diễn tám; do đâu mà nói nghĩa này? (Bây giờ mình tư duy về tám pháp) **Đó là tám pháp thế gian,[5] tùy theo đời mà xoay chuyển. Tám ấy là gì? Đắc** (được)**, thất** (mất)**, vinh** (vinh là vinh quang, giống như quý vị được người ta tôn trọng, trao giải thưởng gì đó, vinh dự, nổi tiếng)**, nhục** (nhưng cũng có lúc nhục, gọi là đời lên voi xuống chó. Quý vị biết được đó rồi mất đó, mất đó rồi được đó. Có lúc vui, vừa vinh quang đó rồi nhục đó. Thiện Trang nhớ ngôn ngữ hồi xưa gọi là 'nhục như con cá nục'. Đó là người ta nói cho suông thôi, chứ con cá nục cũng không có nhục đâu)**, khen, chê, khổ, lạc (vui).[6]**

Mình phải suy nghĩ về tám điều này, đây toàn là pháp tu căn bản, tu không có gì cao siêu hết. Ở đời, pháp thế gian có tám điều: Được, mất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, vui, những điều này thì không ai thoát được. Lúc thì được, lúc thì mất, được đó rồi mất đó. Rồi lúc thì được vinh, lúc thì bị nhục, lúc thì được khen, lúc thì bị chê, lúc thì vui, lúc thì khổ.

Đó là tám pháp thế gian, tùy theo đời mà xoay chuyển (quý vị phải tư duy là tám pháp này theo đời mà xoay chuyển, đừng có mong là nó theo ý mình). **Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận tám, nghĩa tám, diễn tám, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.**

Luận chín, nghĩa chín, diễn chín; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là chín cư xứ của chúng sinh.[7] Những gì là chín? (Ở đây lại nói giống ở trên. Ở trên nói bảy [xứ], còn dưới này nói đến chín xứ) **Hoặc có chúng sinh có nhiều tưởng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời và người** (giống lúc nãy rồi đúng không?)**. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tưởng; đó là trời Phạm Ca Di khi mới thác sinh. Hoặc có chúng sinh một tưởng, một thân; đó là trời Quang Âm** (cũng giống lúc nãy, không có gì [khác])**. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tưởng sai biệt; đó là trời Biến Tịnh. Hoặc có chúng sinh Không Xứ vô lượng; đó là trời Không Xứ. Hoặc có chúng sinh Thức Xứ vô lượng; đó là trời Thức Xứ. Hoặc có chúng sinh Vô Sở Hữu Xứ**

vô lượng; đó là trời Vô Sở Hữu Xứ. Hoặc có chúng sinh Phi tưởng Phi phi tưởng vô lượng; đó là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng (chúng ta thấy bảy điều này giống ở trên)**. Vô Tưởng chúng sinh và các loài thọ sanh khác, đó là chín y chỉ xứ của thần (thức).** Tức là bây giờ thêm chúng sanh ở trời Vô Tưởng nữa, lúc nãy không có kể; và các loài thọ sanh khác, ghép vô là thành chín. Các loài thọ sanh khác là Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh. Đó là chín y chỉ xứ của Thần thức.

Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận chín, nghĩa chín, diễn chín, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Quý vị biết không? Điều này cũng quan trọng, tại vì nếu chúng ta không tư duy về đó, là chúng ta không tư duy về luân hồi. Cho nên mình tư duy về đó thì mình thấy sợ luân hồi. Mình phải nhớ các cảnh giới nào là Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh [cho đến] trời Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền v.v… Mình thường niệm như vậy thì mình mới thấy sợ. Chứ còn mình không hiểu những điều đó, thì mình không thấy nhàm chán, không muốn xa lìa, mà mình ham lên cõi Trời. Nghe thấy trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thọ 8 vạn đại kiếp, đã quá! Nhưng hôm bữa mình đã học bài kinh kia rồi, đó là tuổi thọ tối đa thôi, chứ không được như vậy đâu, lên đó [mà] không đủ [phước] thì sẽ rớt xuống sớm thôi.

Như trời Đao Lợi, nghe nói tuổi thọ 1000 tuổi mình thấy đã, nhưng đó là tuổi thọ tối đa thôi, có khi lên đó một thời gian rồi rớt mất. Cho nên không được! Các cảnh giới trời cũng không phải là cứu cánh. Và bất cứ cảnh giới nào cũng khổ hết. Vua trời Đao Lợi cũng bị A-tu-la đánh hoài, đừng ham lên đó, lên đó cũng còn có chiến tranh.

Luận mười, nghĩa mười, diễn mười; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là mười niệm[8] (mười niệm này hình như cũng quen lắm)**. Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm chỉ tức, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là**

luận mười, nghĩa mười, diễn mười, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Như vậy, Tỳ-kheo, từ một cho đến mười.

Tóm lại 10 điều này cũng không có gì lạ, đúng không quý vị? Chúng ta cũng đang tu 10 điều này, nhưng chỉ cần bổ sung thêm chín Y chỉ xứ của chúng sanh, là gần như đủ rồi. Và quý vị biết không? Kết quả rất tuyệt vời, mời quý vị nghe:

[780a01] Tỳ-kheo, nên biết, nếu ngoại đạo dị học mà nghe những lời này, còn chưa dám nhìn kỹ vào sắc mặt, huống nữa là trả lời. Tỳ-kheo nào hiểu rõ được nghĩa này, ở ngay trong hiện pháp, là người tối tôn đệ nhất. Quý vị nghe cho kĩ, dòng này nên tô đỏ. Ở đây nói Tỳ-kheo nào hay mình nói là vị Cư sĩ nào, Đệ tử nào mà hiểu rõ được nghĩa này, ở ngay trong hiện pháp, là người tối tôn đệ nhất.

Vậy chúng ta có hiểu không quý vị? Nãy giờ nghe, ai cũng gật đầu hết, mà không biết gật đầu là hiểu, hay gật đầu là [do] buồn ngủ nữa. Bây giờ cũng khuya rồi, gật đầu buồn ngủ là có đó. Nhưng nếu người nào hiểu, thì đức Phật nói đó là người tối tôn đệ nhất. Có nghĩa là quý vị ngon lắm rồi. Ngon đây là ngon trên đường giải thoát, chứ không phải ngon hơn người ta. Tại sao đức Phật lại nói như vậy?

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tư duy nghĩa này, cho đến 10 năm, nhất định thành tựu hai quả: hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm. Không cần nhiều! Ở đây nói Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, thôi chúng ta nói luôn Cư sĩ, người nào mà tư duy được 10 điều trên, 10 điều này toàn là những kiến thức căn bản thôi, không có gì cao siêu hết. Nếu [tư duy] được 10 năm, thì nhất định thành tựu hai quả: hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm. Đã không! Đây là thành tựu luôn quả thứ ba và quả thứ tư.

Quý vị thấy chúng ta đang tu, đang học đây. Học những điều này có sai không? Không sai đúng không? Mình học đúng Phật pháp mà, quý vị học được 10 năm là quý vị có thành tựu. Tư duy nghĩa này 10 năm, là nhất định thành tựu, đức Phật nói là nhất định, chữ nhất định này quan trọng, thành tựu được 2 quả

A-la-hán và A-na-hàm. Thôi chúng ta bỏ A-la-hán cũng được, lấy quả A-na-hàm trước đi, là ngon rồi, thời gian 10 năm.

[Có người nói]: 10 năm lâu quá thầy ơi! 10 năm lâu quá thì đức Phật nói luôn, không cần 10 năm đâu.

Tỳ-kheo, hãy bỏ qua 10 năm; nếu trong 1 năm mà tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, trọn không nửa chừng thoái thất. Thấy chưa! Không cần 10 năm đâu, cho quý vị tu 1 năm thôi, 1 năm là thành A-la-hán hoặc A-na-hàm. Vậy có pháp nhanh hơn không? Có pháp nhanh hơn, hồi xưa nghe nói niệm Phật 3 năm đến 5 năm là thành tựu. Hôm nay giới thiệu cho quý vị, có pháp không cần 3 đến 5 năm thành tựu, đây là trong kinh đàng hoàng. Còn lời của người truyền thừa thì chưa chắc tin, bữa nào chúng ta học Kinh Kalama thì chúng ta sẽ biết. Nhưng lời trong kinh Phật thì phải tin đúng không? Bây giờ không cần 10 năm, 1 năm thôi, 1 năm tư duy 10 điều này.

10 điều này thật ra toàn là giữ giới, tu định, tu huệ, Ngũ căn. Quý vị coi vậy cũng dễ, và thành tựu được hai quả luôn là A-na hàm và A-la-hán. Thôi chúng ta lấy đỡ quả A-na-hàm, 1 năm thôi, tu được không? Được nha! ‘’Tỳ-kheo, hãy bỏ qua 10 năm; nếu trong 1 năm mà tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, trọn không nửa chừng thoái thất’. Cho nên là 1 năm thôi, không cần nhiều. Có người trả giá 1 năm lâu quá, thì đức Phật cho luôn [thời gian] ngắn hơn nữa.

Tỳ-kheo, hãy bỏ qua 1 năm. Trong chúng bốn bộ (may quá! Đức Phật mở ra là trong chúng bốn bộ; bốn bộ là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni (tức là hai chúng nam, nữ xuất gia), và hai chúng tại gia. Chứ không lại kêu [chỉ có] Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không [thôi])**, trong 10 tháng** (bây giờ 12 tháng giảm xuống còn 10 tháng)**, cho đến 1 tháng** (may quá, có 1 tháng nữa)**, ai tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, cũng không nửa chừng thoái thất.** Có nghĩa là bây giờ tu bao lâu? Nhanh thì 1 tháng thôi, là đắc quả A-na-hàm hoặc A-la-hán. Quý vị thấy nhanh không? 1 tháng chưa được thì tu tiếp.

Và, hãy bỏ qua 1 tháng (một tháng vẫn còn dài, thì thôi [có pháp tu nhanh

hơn nữa]. **Ai trong chúng bốn bộ 7 ngày tư duy nghĩa này ắt thành tựu hai quả, quyết không nghi ngờ.** Vậy là tu có 7 ngày thôi nha. Đức Phật nói con số này là con số thật, chứ không phải 7 là con số viên mãn đâu. Tại vì đức Phật nói toàn con số cụ thể mà, 10 năm, 1 năm, 10 tháng, 1 tháng hoặc 7 ngày. Cho quý vị nói Lý đi, nói theo kiểu diễn giải ngôn từ, nói 7 là con số viên mãn, 10 là con số viên mãn, thì cho quý vị luôn. Nhưng chẳng lẽ đức Phật nói đâu mà nhiều vậy, đúng không? Nói một con số viên mãn thôi chứ, nói chi mà nhiều vậy.

Cho nên lý luận đó là của Đại thừa, đôi khi mình học riết rồi mình nghi, không biết lúc nào đức Phật nói thật, lúc nào đức Phật nói kiểu Lý. Nên Thiện Trang thấy học Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hoặc là bộ Vi Diệu Pháp (bộ A Tỳ Đàm), hay là bộ Luận Câu Xá, [đức Phật] nói thật, chứ không nói con số giải thích theo kiểu ngôn ngữ, 7 là con số viên mãn (3x 4) hay (4+3) v.v.... kiểu gì đó. Trong [Kinh] A Hàm không có ngôn ngữ đó, nên quý vị cố gắng [hiểu] như vậy.

Như vậy ở đây chỉ cần tu bao lâu? Tu 7 ngày thôi nha. Bữa nào [quý vị] thử tu [pháp] này 7 ngày coi, biết đâu thành tựu thiệt đó, nếu mình tu được. Quyết không nghi ngờ mà.

Khi ấy ngài A Nan ở sau Thế Tôn cầm quạt quạt Phật. Bấy giờ ngài A Nan bạch Phật:

"Thế Tôn, pháp này cực kỳ sâu thẳm. Ở địa phương nào có pháp này, nên biết ở đó gặp được Như Lai (quý vị thấy đã không! Bữa nay quý vị nghe được pháp này, quá là cực kỳ thâm sâu. Mình dịch là cực kỳ thâm sâu, chứ dịch là sâu thẳm thì cũng không hay lắm). **Ở địa phương nào có pháp này thì ở nơi đó gặp được Như Lai** (đã rồi, mình gặp được Như Lai rồi đó).

Kính bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?"

Phật bảo ngài A Nan:

"Kinh này có tên là Nghĩa Của Pháp Mười. Hãy ghi nhớ phụng hành."

Bấy giờ ngài A Nan và các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

(Trích Từ Kinh Số 8 – Phẩm 46 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Như vậy từ bữa nay trở đi, quý vị có pháp tu ngắn luôn, không phải 10 năm, điều đó là dở quá, tu 1 năm thôi. Không 1 năm thì 10 tháng, không 1 tháng thì 10 tháng, thôi rút gọn trong vòng bao nhiêu tháng đó cho đến 1 tháng. 1 tháng không được nữa, thì cho 7 ngày thôi. Cho quý vị 7 ngày tu tập thành tựu, mà [được] quả vị lớn luôn, Tam quả A-na-hàm và Tứ quả A-la-hán.

Bữa sau [quý vị] đừng có quảng cáo, nói ngược, kêu là thầy Thiện Trang nói có pháp tu 7 ngày thành tựu. Không! Phải nói [tu] từ từ, có thể tu 10 năm thành tựu, có thể tu 1 năm thành tựu, có thể tu 10 tháng thành tựu, có thể tu 1 tháng thành tựu, và có thể tu 7 ngày thành tựu. Đây là [ở trong] Kinh Tăng Nhất A Hàm, chứ không phải thầy Thiện Trang nói. Mà quý vị hãy nói là đức Phật nói.

Pháp này chúng ta coi lại thì không quá khó, bữa sau Thiện Trang sẽ tóm tắt lại pháp này cho quý vị. Bữa nay nghe giới thiệu qua, sợ quý vị nghe đau đầu quá. Thật ra những pháp này không quá khó, toàn là những pháp căn bản. Cho nên bữa nay chúng ta học được rồi, mừng không? Vui không?

Cho nên Phật pháp đâu có khó đâu, [chỉ là] mình không tu thôi. Chỉ có một chỗ khó là 9 nơi của Thần thức, là mới thôi, còn lại quen hết. Mà 9 nơi của Thần thức đó không ai giới thiệu, bữa nay mình được giới thiệu rồi. Chúc mừng quý vị nha! Đó là quà đầu năm. Còn bây giờ Thiện Trang xin giảng tiếp phần:

Vua Trời Đế Thích Còn Cung Kính Tăng - Huống Chi Người Thường

(Đây là Thiện Trang tự đặt tựa đề).

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Phật nói với các Tỳ-kheo: "Vào thời quá khứ, Thích Đề Hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền

sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa, rồi đến tâu với Đế Thích:

"Thưa Câu Thi Ca, đã sửa soạn xe cộ xong, xin Vua biết thời".

Nói về vua trời Đế Thích, [ngài] còn có tên là Kiều Thi Ca, ông ấy có nhiều tên lắm. Ở đây dịch âm là Câu Thi Ca, chỉ có dịch âm khác thôi. Quý vị coi phẩm Tương Ưng Chư Thiên, trong Kinh Tạp A Hàm, có giải thích tại sao ổng có tên là Thích Đề Hoàn Nhân, Kiều Thi Ca v.v…. nhiều tên quá, nên Thiện Trang xin phép không trích dẫn ở đây. Ví dụ như đời quá khứ, ông làm hạnh gì đó, nên được tên đó. Rồi ông có tên là Xá Chỉ, vì vợ của ổng là con gái của A-tu-la tên là Xá Chỉ, cho nên ổng có tên là Xá Chỉ, v.v…. có những tên như vậy. Có nguyên một bài kinh để giải thích về tên của vua trời Đế Thích.

Ở đây nói mỗi lần vua trời Đế Thích muốn đi thăm công viên, trên cõi trời Đao Lợi cũng có công viên, thì sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa để đi thăm vườn. Nghe như vậy là chúng ta biết ở trên cõi trời Đao Lợi cũng có ngựa nữa. Có ngựa có nghĩa là có Súc sanh. Người kia sửa soạn xong rồi mới đưa [xe ngựa] đến, bảo vua là: "Thưa ngài Kiều Thi Ca (Câu Thi Ca), đã sửa soạn xe xong rồi, xin ngài biết thời". Tức là mời ngài đi.

Đế Thích liền bước xuống điện Thường Thắng (tên một điện trên trời Đao Lợi)**, hướng về phía Đông chắp tay lễ. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sinh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy Đế Thích thấy người đánh xe sinh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:**

Thật ra đoạn kinh này có ba bài kinh: Kính Phật, Kính Pháp, Kính Tăng. Phải đọc hai bài trước thì mới hiểu bài sau, mà Thiện Trang hơi vội nên lấy bài sau. Bài trước thì dài hơn. Bài trước nói là lúc đó vua trời Đế Thích lên xe ngựa đi. Rồi đang đi thì ngài thấy đức Phật, nên ngài mới xuống đảnh lễ. Lúc đó vị kia cầm roi ngựa, cũng hỏi tại sao ngài kính lễ đức Phật như vậy? Ngài mới nói bài kệ. Rồi tương tự, bài thứ hai là đi kính lễ Pháp, rồi bây giờ mới kính lễ Tăng. Kính lễ Tăng như thế nào, bây giờ chúng ta nghe bài kệ thì chúng ta cũng sẽ hiểu

được, dù không có đoạn ở giữa.

Các phương chỉ có người,

Do thai sinh, xú uế;

Thần ở trong thây thối,

Đói khát thường thiêu đốt.

Tại sao Kiều Thi Ca,

Tôn trọng người không nhà?

Vì tôi nói nghĩa này,

Khao khát xin muốn nghe.

Có nghĩa là lúc đó vua trời Đế Thích thấy người xuất gia, nên vua trời Đế Thích xuống đảnh lễ người xuất gia, hướng về phía Đông chắp tay lễ. Không phải đảnh lễ, mà là chắp tay lễ thôi. Lúc đó vị đánh xe, bây giờ gọi là người lái xe, kinh hãi, lông tóc dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất luôn. Ông hoảng sợ quá, tại sao vậy? Ông nói trong bài kệ:

"Các phương chỉ có người,

Do thai sinh, xú uế;

Thần ở trong thây thối,

Đói khát thường thiêu đốt.

Tại sao Kiều Thi Ca,

Tôn trọng người không nhà?

Vì tôi nói nghĩa này,

Khao khát xin muốn nghe".

Ý ông nói tại sao người ở trong thế gian toàn là người dơ bẩn, sinh ra bằng

thai, đâu có như cõi Trời hóa sanh đâu. Dơ bẩn như vậy, rồi Thần thức của họ ở trong thân thối lắm, đói khát thường thiêu đốt. Họ đâu sướng bằng cõi trời Đao Lợi đâu, mà tại sao vua Kiều Thi Ca (tức là vua trời Đế Thích) lại tôn trọng người không nhà nữa. Người đi xuất gia đâu có nhà đâu, lang thang như Sư Minh Tuệ đó. Xin nói cho tôi biết tại sao nghĩa này, tôi rất muốn nghe.

Thiên Đế Thích nói kệ đáp (bây giờ vua trời Đế Thích nói kệ):

Ta chân thành kính lễ,

Người xuất gia, không nhà;

Tự tại dạo khắp nơi,

Không kể nơi đi, ở;

Chốn thành ấp, quốc độ,

Không thể lụy tâm kia.

Không chứa chất tư hữu,

Một đi, không cố định.

Bước đi không mong cầu,

Chỉ Vô vi là vui;

Khi nói, chỉ nói thiện,

Khi không nói, tịch định.

Chư Thiên, A-tu-la,

Luôn luôn kình chống nhau.

Nhân gian tranh giành nhau,

Nghịch nhau cũng như vậy.

Chỉ có người xuất gia,

Không tranh giữa người tranh.

Với tất cả chúng sanh,

Buông bỏ mọi đao gậy.

Vất bỏ mọi tài sắc,

Không say, không mê đắm;

Xa lìa tất cả ác.

Ta kính lễ vị ấy.

Ở đây vua trời Đế Thích nói tại sao ngài kính lễ, thứ nhất là "Ta chân thành kính lễ; Người xuất gia, không nhà". Ở đây bài này dành cho những người đang theo Sư Minh Tuệ thì đúng hơn. Đúng là ngài không có nhà thật, tự tại dạo khắp nơi, không kể nơi đi, ở. Đúng y chang rồi! "Chốn thành ấp, quốc độ; Không thể lụy tâm kia". Các ngài đi suốt, không có nơi đến, nên vua trời Đế Thích kính lễ là đúng rồi. "Không chất chứa tư hữu", [các ngài] không chất chứa gì hết, còn mình thì chất chứa đủ thứ hết. Rõ ràng xuất gia thời xưa là như vậy đó. "Một đi không cố định", là đi không cố định, vô phương luôn. "Bước đi không mong cầu; Chỉ Vô vi là vui; Khi nói chỉ nói thiện", là nói toàn điều tốt. Thật ra người xuất gia thì không nói ác ngữ như người thế gian. "Khi không nói, tịch định", khi không nói thì tất nhiên là có định. "Chư thiên, A-tu-la; Luôn luôn kình giống nhau": còn cõi Trời như vua trời Đế Thích với A-tu-la còn kình chống nhau nữa. "Nhân gian tranh giành nhau; Nghịch nhau cũng như vậy": ở cõi nhân gian này còn tranh giành nhau lắm. Ở trong Kinh Vô Lượng Thọ nói **"Thế nhân cộng tranh, bất cấp chi vụ"**. Tức là người đời cùng nhau đua tranh, những điều không cấp bách.

"Chỉ có người xuất gia; Không tranh giữa người tranh": Người xuất gia thì ngược, ở đời người ta tranh ghê gớm lắm, nhưng người xuất gia thì không tranh. Đây là xuất gia đúng nghĩa, chứ xuất gia kiểu đời nay thì cũng tranh lắm, thôi

khỏi nói. "Với tất cả chúng sanh; Buông bỏ mọi đao gậy. Vứt bỏ mọi tài sắc; Không say, không mê đắm; Xa lìa tất cả ác. Ta kính lễ vị ấy": Đúng rồi, xuất gia được như vậy thì vua trời Đế Thích cũng kính lễ.

Lúc ấy, người đánh xe lại nói kệ:

Người được Thiên vương kính,

Chắc là bậc hơn đời;

Nên từ hôm nay, con,

Sẽ lễ người xuất gia.

Vị đánh xe (chư thiên) này thấy được Thiên vương (là vua trời Đế Thích) cũng cung kính [người xuất gia]. Vậy thì vị đánh xe cũng cung kính theo thôi. Nên từ nay trở đi, con cũng sẽ lễ người xuất gia.

Nói như vậy rồi, Thiên Đế Thích kính lễ tất cả Tăng ở các phương, xong rồi leo lên xe ngựa dạo xem vườn rừng. Vua trời Đế Thích cũng vậy, phải kính lễ tất cả Tăng ở các phương rồi mới đi.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thiên Đế Thích kia là Vua tự tại của trời Tam Thập Tam mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi công đức cung kính Tăng. Tỳ-kheo các ngươi chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, cũng nên cung kính chúng Tăng và cũng nên khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như vậy".

Quý vị thấy như vua trời Đế Thích còn cung kính Tăng, huống chi là người bình thường. Ở đây đức Phật dạy Tỳ-kheo cũng phải cung kính [chúng Tăng]. Còn người Cư sĩ thời nay, nhiều khi Thiện Trang thấy hơi buồn, đặc biệt là Cư sĩ tu theo Tịnh Độ tông. Mặc dù học pháp cao, nhưng hạnh này thì không làm được, đó là hơi buồn cho quý vị. Thật ra mình thiếu đức, khuyết đức, thì tội cho mình thôi.

Đức Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật

dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 1018. Kính Tăng[1] - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị có thể coi kinh trước đó là 1017, 1016, có Kính Phật và Kính Pháp, để bữa nào Thiện Trang sẽ đưa lên, cũng tương tự vậy. Nói kính Phật, kính pháp, thì chúng ta biết rồi, [còn] kính Tăng mới khó.

Như vậy Thiện Trang đã chia sẻ những nội dung căn bản của phần kinh tạng cho quý vị. Hôm nay còn thời gian, [Thiện Trang] sẽ tiếp tục chia sẻ lại 40 đề mục tu Thiền chỉ Samatha theo Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Buddhaghosa (Phật Âm).

Hình như Thiện Trang đã chia sẻ khá nhiều rồi, ví dụ như 10 đề mục Biến xứ là: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, thì Thiện Trang đã chia sẻ Đất, Nước, Lửa, Gió, màu xanh rồi; còn màu vàng, đỏ, trắng thì hình như chưa. Bữa nay Thiện Trang sẽ chia sẻ Hư không [Giới hạn], nếu còn thời gian thì chia sẻ [đề mục] Ánh sáng, hoặc là một số đề mục khác, chia sẻ bao giờ hết [những đề mục này] thì thôi. Thiện Trang có hứa rồi, bữa sau Thiện Trang sẽ làm một bảng, [đề mục] nào chia sẻ rồi, thì Thiện Trang đánh dấu x vô đó, cho quý vị biết là đã chia sẻ.

Ở đây [đề mục] Tùy niệm là: Tùy niệm Phật, [Tùy] niệm Pháp, [Tùy] niệm Tăng, thì chúng ta đã [học đề mục] Tùy niệm Phật và Tùy niệm pháp rồi. Còn Tùy niệm giới, Tùy niệm Thí, Tùy niệm Thiên, Tùy niệm tử; Tùy niệm Tịch tịnh, và Niệm hơi thở, thì hình như Thiện Trang [cũng] đã chia sẻ rồi, còn mấy [đề mục] Từ, Bi, Hỷ, Xả này nữa, thì sẽ dần dần chia sẻ hết.

Hôm nay chia sẻ với quý vị đề mục Biến xứ về Ánh sáng (là quang). Nhiều người thích đề mục Ánh sáng hơn là [đề mục] Hư không. Sẵn đang nói về Tùy niệm Tăng, thì [Thiện Trang] chia sẻ luôn. Đề mục Tùy niệm về Ánh sáng hay là Tùy niệm Quang cũng rất đơn giản, đề mục này là mình nắm, chấp giữ tướng ánh sáng. Như ánh sáng từ ngọn đèn hay ánh sáng từ mặt trời, ánh sáng từ mặt trăng, v.v… Bây giờ công cụ khoa học phát triển cho nên dễ, không khó như hồi

xưa. Hồi xưa mình phải dùng những cái đó, còn bây giờ có thể thắp đèn lên làm ánh sáng, [dùng] đèn điện hoặc là tivi, v.v… rất nhiều thiết bị để có thể phát ánh sáng.

Ở trong Luận Thanh Tịnh Đạo nói rằng: một người từng thực hành pháp này trong đời trước, thì sẽ dễ nhìn thấy vòng ánh sáng trên mặt đất hay trên mặt trời chiếu rọi qua mái nhà hay qua kẽ lá của tán cây, thì dễ dàng đắc được đề mục này. Còn những người bình thường như chúng ta, mới tu tập thì nên làm như thế nào? Quý vị nên làm một vòng tròn ánh sáng, hoặc thắp lên một ngọn đèn, đặt trong một cái lu có miệng tròn hơn một gang tay. Hồi xưa là thắp đèn, còn bây giờ mình lấy bóng đèn để vô, làm hình nào tròn tròn, còn nếu hình không tròn thì mình quán không được. Bí quyết để quán là hình phải tròn, vì [hình] tròn tạo sự viên mãn, tạo sự cân, chứ nếu hình tam giác, hình lấp lánh tùm lum là không quán được, [nên] không đắc định.

Ánh sáng từ vòng tròn đó thành biến xứ cho hành giả, tức là thành ra khắp hết, vì nó to hơn một gang tay, mình đặt trước mặt để mình nhìn. Bây giờ mình có thể dùng Tivi, dùng cái gì đó che tivi lại, che sao cho bo tròn lại. Hoặc là mình không cần dùng tivi, mà mình lên mạng kiếm vùng ánh sáng tròn, làm sao đó [được] một vùng tròn, còn vùng khác tối hết cũng được. Hoặc mình có thể làm một chỗ ở trong phòng tối, ngày xưa họ khoét lỗ, bây giờ mình để cái bóng tròn, [làm sao] để ánh sáng lọt vào, hoặc phát ra. Rồi mình chỉ cần chú tâm vào chỗ sáng đó và niệm 'sáng, sáng, sáng', cho đến khi nhập tâm với sự ấn chứng, [như vậy sẽ] đắc được định.

Điều này thì quý vị không tưởng tưởng được, nhưng Thiện Trang vừa rồi có dịp đi vô chỗ trung tâm bán tivi, bán đồ điện tử để mua máy quay. Thiện Trang coi thì thấy mấy cái Tivi Oled màn hình to, chiếu nào là lửa, nước, màu xanh của biển… Thiện Trang thấy nhìn vào đó rất dễ nhập định được. Bây giờ có tivi lớn như vậy, hình ảnh sắc nét hơn thì mắt mình nhìn được. Họ quay được lửa đỏ đỏ, hoặc nước xanh như vậy, Thiện Trang nghĩ nếu có hỗ trợ của tivi đó, thì khả năng nhập định rất cao. Vì nhìn vào đó cuốn hút lắm, nhưng mắt của

mình không mỏi. Bây giờ quý vị thấy có công nghệ Oled rồi, nên không nhức mắt như hồi xưa, chứ công nghệ tivi hồi xưa [thì] nhức mắt chịu không nổi.

Cho nên ai có điều kiện, có tivi xịn sẵn ở nhà, thì lên mạng gõ vô mấy từ về nước, về lửa, về màu xanh, v.v… thì quý vị có thể dùng [tivi] đó để ngồi, và tu mấy đề mục Biến xứ này được. Quý vị thử đi, quý vị ngồi một chút thôi, quan sát và niệm một chút là dễ nhập định lắm. Thiện Trang cảm thấy lửa trong đó giống như lửa thật, nước cũng vậy, giống như nước thật, rồi màu xanh v.v… rất tốt. Mình có cảm giác là không phân biệt được đó là giả đâu, thậm chí còn đẹp hơn thật rất nhiều. Cho nên từ đó mình hiểu được: thì ra công nghệ bây giờ rất tốt, giúp cho mình có thể tu tập các đề mục Thiền chỉ được.

Quý vị thử đi, Thiện Trang tin là trong đồng tu chúng ta có nhiều người có điều kiện, một cái Tivi Oled to to chút, chắc không mắc lắm, hoặc một cái Tivi 4k nào đó cũng có thể coi được. Thử coi, biết đâu quý vị tu đắc được định. Các đề mục về Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng hoặc Hư không Biến xứ, hay là bây giờ chúng ta đang [học] về Ánh sáng.

Như vậy [đề mục] Ánh sáng tu đơn giản vậy thôi. Chỉ cần có một vòng tròn, nếu không có vòng tròn, thì dùng nguyên màn ảnh có ánh sáng cũng được, chiếu lên một ánh sáng dễ chịu nào đó, mình nhìn nhìn vào ánh sáng một hồi dần dần là vào định. Tại vì nhiếp được tâm mình. Thứ nhất là đó là Tùy niệm đề mục Biến xứ về Ánh sáng. Như vậy Thiện Trang [đã] nói sơ sơ [rồi]. Đề mục này cũng dễ.

Đề mục tiếp theo là Tùy niệm Tăng. Tùy niệm Tăng hơi dài, bây giờ giảng chắc không đủ thời gian, sợ ép quá không được, thôi chắc để bữa khác. Hôm nay là Tết rồi, cho quý vị nghỉ sớm, giảng nữa thì không đủ thời gian.

Hôm nay cũng là ngày đầu năm, kính chào quý vị, chúc quý vị đồng tu an lạc, một năm mới chúng ta lại tiến bước trên con đường giải thoát, có nhiều thành tựu hơn. Chúc quý vị luôn luôn vững tâm trên đường đạo, dù con đường này rất chông gai, nhưng có đi thì chắc chắn sẽ có đến, ai rồi cũng sẽ đến bến bờ giải thoát, ai rồi cũng sẽ ra khỏi sanh tử luân hồi. Hẹn quý vị vào bữa khác, hôm

nay chúng ta dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 28: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 28.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 05.02.2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=77uMO2f2JbQ

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về Luận Câu Xá, tên đầy đủ là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Hôm nay là bài 28. Mỗi bài Thiện Trang giảng cũng tương đối dài, quý vị đồng tu mà chép lại thì năm mươi mấy trang. Như vậy nếu in sách, thì cứ mười bài là được một cuốn sách rồi. Vậy chúng ta giảng gần tới 30 bài, thì thành ra một bộ sách cũng khá dày. Cho nên tưởng chừng như chúng ta học ít, nhưng thực ra chúng ta học rất nhiều.

Việc học này rất lợi ích cho tất cả chúng ta, cho cả người chia sẻ như Thiện Trang, lẫn người học như quý vị. Bởi vì nếu mình không học, thì mình có nhiều điều thiếu sót trong việc tu tập. Chúng ta đều có một mục tiêu, đó là ra khỏi sanh tử, đời này quyết định chấm dứt những nỗi đau. Để [được] như vậy thì phải tu học. Và tu học thì chúng ta phải có căn cứ vào kinh điển, phải có căn cứ vào một lộ trình tu tập chính xác. Những điều đó không có ở đâu, ngoài trong kinh của đức Phật dạy. Trong Tam tạng kinh điển: Kinh, Luật, và Luận, thì chúng ta ưu

tiên tạng Kinh và tạng Luật, tất nhiên cũng có tạng Luận. Bộ Luận Câu Xá thuộc về giáo lý A Tỳ Đàm hay Duy Thức hay Vi Diệu Pháp hay Thắng Pháp. [Đây là] những bộ xuyên suốt để nói giáo pháp giải thoát thôi.

Hôm nay, Thiện Trang giới thiệu phần đầu tiên cũng quá quen thuộc với quý vị. Đó là:

Bốn Chi Của Sơ Quả Tu-Đà-Hoàn

Lại có bốn pháp, tức là bốn chi của Tu-đà-hoàn:[129] Tỳ-kheo thành tựu tín tâm bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Giới.

(Trích từ Kinh Chúng Tập - Kinh Trường A Hàm).

Điều này là các chi phần của Tu-đà-hoàn, tất nhiên có nhiều cách. Chúng ta biết là Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị bốn, năm cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Đây là một cách, chúng ta hãy thành tựu được niềm tin không có hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, và đối với Thánh giới. Ở đây là [niềm tin] đối với Thánh giới luôn, chứ không phải thành tựu Thánh giới. Tức là niềm tin mình chỉ không còn thoái chuyển nữa đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đối với Giới. Đó là bốn chi để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Tiêu chuẩn này dễ chịu hơn so với tiêu chuẩn là phải đoạn ba Kiết sử Phiền não: Thân kiến, Giới cấm thủ, và Nghi. Đôi khi quý vị thấy con đường để vào Sơ quả dễ lắm.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu để tổng kết một bảng. Những điều này quý vị có thể tìm trong Kinh Trường A Hàm, Chú Giải [129] ở kinh Pali cũng có, chứ không phải là không có. Quý vị có thể coi dòng Chú Giải: "Tu-đà-hoàn chi 須陀洹支. T 1536: bốn Dự lưu chi 預流支. Pl.: cattāri sotāpannassa aṅgāni. T 12:bốn Dự lưu thân 預流身". Ở đây có tiếng Pali đàng hoàng.

Thiện Trang xin giới thiệu tổng kết các địa vị Hiền Thánh đã học. Đây là tổng kết tạm thời, để chúng ta có một cái nhìn tổng quan về những bậc tu chứng như thế nào, và tu đến đâu thì chúng ta được kết quả nào. Thiện Trang mới giới

thiệu thôi, từ từ chúng ta học thêm, thì Thiện Trang sẽ giới thiệu thêm.

TT	Địa vị	Nhân đoạn	Hiệu quả	
1	Noãn		Chắc chắn chứng Niết-Bàn	Tứ gia hạnh
2	Đảnh		Không đoạn thiện căn	
3	Nhẫn		Không đọa đường ác, không rơi vào loài noãn sinh, thấp sinh, huỳnh môn, trời Vô tưởng, Bắc Câu Lô Châu…	
4	Thế Đệ Nhất		Nhập Chánh tánh Ly sanh	
5	Tùy tín hành	Xem bài 24	Không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại.	Tu-đà-hoàn & Hướng Tu-đà-hoàn
6	Tùy pháp hành		Không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại.	
7	Tín giải thoát			

8	Kiến đáo	Xem bài 24		
9	Thân chứng			
10	Gia gia		*phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-Bàn.*	
11	Nhất chủng		*chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-Bàn.*	
12	Hướng Tu-đà-hoàn			
13	Đắc Tu-đà-hoàn	Thân kiến, Giới cấm thủ, nghi hoặc Niềm tin bất hoại với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.		
14	Hướng Tư-đà-			

	hàm			
15	Đắc Tư-đà-hàm	Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi và giảm: Tham, Sân, Vô minh		Nhị quả
16	Hướng A-na-hàm			Tam quả hướng
17	Đắc A-na-hàm	Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham, Sân		Tam quả A-na-hàm
18	Trung Bát-niết-bàn		*nhập Niết-Bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh Cư thiên.*	
19	Sanh Bát-niết-bàn		*thác sanh Tịnh Cư thiên một thời gian mới nhập Niết-Bàn.*	
20	Hành Bát-niết-bàn		*thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-Bàn.*	
21	Vô hành Bát-niết-bàn		*không cần tinh tấn tu tập nữa cũng nhập Niết-Bàn.*	

22	Thượng lưu Sắc cứu Cánh		*lần lượt tái sinh qua các cõi từ Sơ thiền, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-Bàn tại đó.*	
23	Hướng A-la-hán			
24	Tư pháp		*mong cầu Vô dư Niết-Bàn cấp thời vì sợ thoái thất.*	Tứ quả A-la-hán
25	Thăng tấn pháp		*có khả năng tiến tới bất động tánh.*	
26	Bất động pháp		*căn cơ mãnh lợi, không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì.*	
27	Thoái pháp		*gặp nghịch duyên bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn.*	
28	Bất thoái pháp			
29	Hộ pháp		*do thủ hộ mà không bị thoái thất.*	
30	Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái			

31	Thật trụ pháp		*không bị chi phối nghịch duyên để thoái thất, nhưng không tiến tới.*	
32	Tuệ giải thoát			
33	Câu giải thoát			

Chúng ta toàn [nói] vô Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng thực tế đằng trước đó còn có mấy địa vị nữa. Ví dụ trong Tứ gia hạnh thì có bốn địa vị là: Noãn vị, Đảnh vị, Nhẫn vị, Thế đệ Nhất vị.

1. Noãn vị: [Về] địa vị Noãn vị, thì chúng ta sẽ học ở Phẩm Hiền Thánh trong bộ Luận Câu Xá này. [Địa vị này] thì chắc chắn chứng được Niết-Bàn. Còn [phần] nhân là gì, ở đây Thiện Trang xin để trống, vì chưa học tới, để khi nào đủ [thì] Thiện Trang sẽ nhắc lại. Chúng ta chỉ nói phần quả thôi, quả là chắc chắn chứng Niết-Bàn. Có nghĩa là một người đạt đến địa vị Noãn vị, thì sớm muộn gì, trước sau gì, họ cũng ra khỏi sanh tử và sẽ chứng được quả A-la-hán. Đó là một điều rất lợi ích, cho nên Noãn vị đã ngon rồi.

2. Đảnh vị: là không đoạn thiện căn, tức là không mất thiện căn. Thiện căn tức là căn lành. Căn lành là giống như có một hạt giống để đắc đạo A-la-hán, và hạt giống đó không còn mất nữa. Có nghĩa là ở Noãn vị, thời gian chứng Niết-Bàn có thể còn xa, tuy là chắc chắn chứng Niết-Bàn, nhưng không biết bao giờ. Còn Đảnh vị thì quý vị yên tâm, thời gian sẽ sớm hơn chút nữa.

Ví dụ như ông Đề Bà Đạt Đa, ở trong Chú Giải nói là ông đến địa vị Đảnh vị, nhưng Đảnh này thoái chuyển. Tức là ổng vừa vào xong thì bị rớt lại. Cho nên thực ra ổng chỉ là Noãn vị thôi.

Sau này chúng ta học, trong một địa vị còn chia làm bốn nữa. Như bên A Tỳ Đàm Tâm Luận, chia một địa vị ra làm bốn, gồm: Thoái phần, Trụ phần, Tinh tấn phần, và Quyết định phần. Ở trong Luận Câu Xá này cũng chia ra làm bốn, [tuy] tên có khác một chút, nhưng cũng tương tự như vậy.

Mới vô Thoái phần, là cứ vô rồi ra lại, giống như quý vị đi vô căn nhà đó, xong quý vị bị văng ra lại, đó là Thoái phần. Còn quý vị vô trong nhà mà quý vị ở luôn, thì đó là Trụ phần. Quý vị vô trong nhà mà quý vị làm ăn ngon lành, bắt đầu thăng tiến được, gọi là Tinh tấn phần. Quý vị làm xong, mà quý vị có tiền nhiều để chuẩn bị đổi ngôi nhà mới, nhà to, nhà giàu hơn, thì gọi là Quyết định phần. Quyết định phần có nghĩa là mình sẽ lên vị trí tiếp theo, chắc chắn mình sẽ lên vị trí tiếp theo.

Về ông Đề Bà Đạt Đa, thì ổng vào được địa vị Đảnh vị, nhưng là Đảnh thoái, tức là vào rồi ra lại. Cho nên ông vẫn tạo tội nặng, tội này khiến ổng phải đọa vào Địa ngục Vô Gián suốt một kiếp, đến hết kiếp này. Và hình như trải qua 60 kiếp sau thì ông sẽ chứng Niết-Bàn, tại vì ông đã được vào Noãn vị.

Quý vị thấy [học] tới đây thì mình có một chút hi vọng hơn, nếu như chúng ta vào Noãn vị, là dễ. Mai mốt mình học nhân để vào Noãn vị. Thực ra để vào bốn địa vị: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất này, thì thông thường chúng ta tu những pháp rất căn bản thôi. Ví dụ như tu về Tứ niệm xứ, hoặc chúng ta tu về Tứ đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo), mà học chưa thành, mới sơ sơ, hay là tu Ngũ đình Tâm quán, v.v… Đó là những pháp tu mà mai mốt chúng ta sẽ học ở Phẩm Hiền Thánh và Phẩm Tùy Miên.

3. **Nhẫn vị:** địa vị này ngon hơn, địa vị này là không đọa đường ác nữa. Có nghĩa là không cần phải tu tới Tu-đà-hoàn, quý vị chỉ cần đến Nhẫn vị trong Tứ gia hạnh, thì không đọa đường ác.

Ở đây Thiện Trang có ghi cho quý vị vui thêm, là: 'không rơi vào loài noãn sinh, thấp sinh, huỳnh môn, trời Vô tưởng, Bắc Câu Lô Châu…' Tại vì không đọa đường ác mà, không có rơi vào noãn sinh; thấp sinh; Huỳnh môn là những người bị hai căn, bị rối loạn giới tính, v.v... Thậm chí không rơi vào trời Vô Tưởng (tức

là không lên trời Vô Tưởng), không vào cõi Bắc Câu Lô Châu. Cho nên chỉ cần tới Nhẫn vị thôi là giá trị rất lớn rồi, chưa cần phải tới Sơ quả Tu-đà-hoàn. Mặc dù thời gian để chứng quả thì chưa xác định, nhưng ít nhất là thoát được bao nhiêu chướng ngại trên đường tu tập giải thoát rồi. Quý vị thấy đây là một địa vị rất tốt. Mai mốt chúng ta học tới Phẩm Hiền Thánh thì có [nội dung] này, điều này có trong Luận Câu Xá luôn.

4. Thế đệ Nhất vị: là nhập Chánh tánh Ly sanh. Tức là [nếu] sớm có đủ duyên thì họ sẽ chứng quả. Ly sanh là chứng quả A-la-hán luôn, chứ không phải quả bình thường. [Địa vị] này là nhập Chánh tánh Ly sanh, còn những [địa vị] trên là đi lòng vòng, không biết tới bao giờ. [Địa vị] này có cơ hội gần hơn. Như vậy mới có Tứ gia hạnh thôi là đã hiệu quả như vậy rồi. Bắt đầu chúng ta mới xếp vô.

5. Tùy tín hành: quý vị muốn biết Tùy tín hành như thế nào, thì quý vị xem lại bài 24, bữa nay bài 28 [rồi]. [Địa vị này] cũng không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại. Tức là không đọa đường ác rồi, nhưng nếu nửa chừng không chết, ([mình] nói là đời này đi), nếu chúng ta vào quả vị này và chúng ta tu được, [thì] chỉ cần thọ mạng dài, đủ thời gian, [thì sẽ] chứng quả Tu-đà-hoàn.

6. Tùy pháp hành: cũng tương tự như vậy. Nhưng Tùy pháp hành khác [với Tùy tín hành], một người có trí tuệ, tu tập theo trí tuệ, đó là Tùy pháp hành. Còn người kia tu theo niềm tin thôi, thành tựu tu theo niềm tin, những gì Phật dạy đều làm hết, gọi là Tùy tín hành. Điều này chúng ta học rồi, Thiện Trang nói tóm tắt thôi.

7. Tín giải thoát: [Địa vị] này chưa có, chút nữa [Thiện Trang] giới thiệu.

8. Kiến đáo, 9. Thân chứng: ở bài 24 cũng có giới thiệu. Quý vị xem lại bài 24.

10. Gia gia: có khi xếp vào Tu-đà-hoàn, có khi có người lại xếp vào địa vị sau Tu-đà-hoàn. Ở đây tạm xếp vô Tu-đà-hoàn. Ở [bảng trên] là xếp chung Tu-

đà-hoàn và Tu-đà-hoàn hướng. Không biết [địa vị] nào là Tu-đà-hoàn, [địa vị] nào là Tu-đà-hoàn hướng, xếp thứ tự hơi bị đảo loạn chỗ này, không phải là [xếp theo] từ trên xuống dưới. Nên Thiện Trang cũng không biết xếp làm sao, tạm thời thì xếp như vậy.

Gia gia là phải sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-Bàn. Có nghĩa là người này đắc giống như đắc Tu-đà-hoàn, nhưng cần hai, ba đời nữa. Nếu [người đó] ở cõi Người đắc Tu-đà-hoàn, thì phải lên cõi Trời thêm một đời nữa. [Còn] nếu ở cõi Trời [đắc Tu-đà-hoàn], thì phải xuống cõi Người thêm một lần nữa. Đó là thông thường như vậy, hoặc là có thể sanh lên đâu đó.

Gia gia có nghĩa là nhà tôn quý, [tức là] gia đình ở đời sau, họ có ở cõi Trời hay cõi Người, thì họ cũng được vào nhà ngon lành, chứ không đến nỗi nhà nghèo xơ nghèo xác. Nói chung là tốt. Cho nên Gia gia này cũng ngon lắm.

11. Nhất chủng: Nhất chủng là chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-Bàn. [Địa vị] này chúng ta sẽ học [sau].

12. Hướng Tu-đà-hoàn: là một bậc riêng nữa. Có khi xếp cả Tùy tín hành, Tùy pháp hành, rồi Nhất chủng, Gia gia, vô là Tu-đà-hoàn luôn. Nhưng có khi xếp Tùy tín hành, Tùy pháp hành vào Hướng Tu-đà-hoàn. Vì đức Phật không có nói rõ, nên các vị chư Tổ sau này xếp theo thứ tự, mỗi người nhìn một góc. Thiện Trang để tạm như thế này, vì kinh nói như thế này [thì] mình để như thế này.

13. Đắc Tu-đà-hoàn: thì đoạn ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ, và Nghi. Hoặc trong kinh nói (chúng ta cũng học mấy lần rồi), niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng, và thành tựu được Thánh giới, thì cũng là Tu-đà-hoàn.

14. Hướng Tư-đà-hàm: [địa vị] Hướng Tư-đà-hàm rồi mới đến Đắc Tư-đà-hàm.

15. Đắc Tư-đà-hàm: Ba kiết sử được đoạn là: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi; và giảm: Tham, Sân, Vô minh.

16. Hướng A-na-hàm: [là Tam quả hướng].

17. Đắc A-na-hàm: là Tam quả A-na-hàm. Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham, Sân hết. Đây là Ngũ Hạ phần Kiết sử đã được đoạn hết.

18. Trung Bát-niết-bàn: cũng thuộc về A-na-hàm. A-na-hàm chia ra rất nhiều loại. Trung Bát-niết-bàn là nhập Niết-Bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên trời Tịnh Cư thiên (Ngũ Tịnh Cư thiên), là năm tầng trời Bất Hoàn, gồm: Trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến, và trời Sắc Cứu Cánh. Đây là cũng thuộc về A-na-hàm. A-na-hàm này là A-na-hàm bậc cao, vì lên đó không bao lâu thì chứng được Niết-Bàn (chứng A-la-hán).

19. Sanh Bát-niết-bàn: thì thấp hơn chút. Sanh Bát-niết-bàn thì cũng thác sanh lên năm tầng trời Bất Hoàn đó, nhưng cần một thời gian lâu hơn mới nhập Niết-Bàn, mới chứng được A-la-hán.

20. Hành Bát-niết-bàn: thì thấp hơn nữa. Tức là ở đây theo sắp [xếp] giảm dần. Hành Bát-niết-bàn thì [thác sanh] lên Thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-Bàn. Thượng giới ở đây không nói là Ngũ Tịnh Cư thiên, có nghĩa là sanh vào bất kỳ trời nào đó, từ Sơ thiền cho đến Tứ thiền. Tất nhiên là có mấy tầng trời [mà] không vào, như trời Vô Tưởng là [các ngài] không vào. Rồi cần tu tập tinh tấn thì mới nhập Niết-Bàn.

21. Vô hành Bát-niết-bàn: địa vị này lại cao hơn bậc trên. Vì cũng sanh lên Thượng giới (tức là các tầng trời từ Sơ thiền trở lên), nhưng không cần tinh tấn tu tập nữa, cũng nhập Niết-Bàn. Còn địa vị kia thì tu gần chết, tu rất mệt, mới nhập được Niết-Bàn.

22. Thượng lưu Sắc cứu Cánh: (ở đây có chữ Niết-Bàn hay Bát-niết-bàn nữa, nhưng dài quá nên viết tắt luôn). Lần lượt tái sinh qua các cõi từ Sơ thiền cho đến tầng cao nhất của Sắc giới (trời Sắc Cứu Cánh), và nhập Niết-Bàn tại đó. Tam quả A-na-hàm kiểu này là mệt đó quý vị, là hạng tệ nhất, kém nhất trong Tam quả A-na-hàm, [phải] đi một loạt từ trời Sơ thiền, trời Nhị thiền, đến trời Tam thiền, rồi Tứ thiền. Mà Tứ thiền thì phải đi vòng hết một loạt trên đó nữa. Hạng này thật ra có nhiều hạng, không phải nói một hạng. Tức là có người họ sanh về trời Sơ thiền, rồi họ đi một phát lên Tam thiền, lên Tứ thiền. Còn có

người tệ nhất là đi từng tầng từng tầng.

Cho nên địa vị Tam quả thôi mà có rất nhiều cách biệt trong đó, có chỗ chia ra thành bốn mươi mấy quả vị là vậy, tức là cứ chia ra, chia ra. Ở đây là nói chung đó. Cho nên rất phức tạp. Mà đúng như vậy! Bởi vì chúng sanh có căn tánh tu tập khác nhau, sức tu, căn lành, và duyên của mỗi người khác nhau, [nên] khiến ra thời gian lâu xa hay là mau. Nhưng nói chung Tam quả kiểu này cũng ngon, tức là lên đó rồi, đâu có sợ khổ đau nhiều đâu. Từ Sơ thiền trở đi là khỏe rồi, đâu có khổ gì đâu, cho nên cứ từ từ chứng Niết-Bàn cũng được, chứng A-la-hán chậm chậm cũng được, không sao.

23. Hướng A-la-hán: [Tiếp theo] là xuống tới Tứ quả A-la-hán, có chỗ xếp mấy vị trí này vào Tứ quả hướng nữa. Ở bài nào đó Thiện Trang có giới thiệu rồi, mấy địa vị này ở Kinh 127 - Kinh Trung A Hàm, giới thiệu hết rồi. Ở đây chỉ giới thiệu lại và nói rõ cho quý vị.

24. Tư pháp: là thuộc địa vị A-la-hán, mong cầu Vô dư Niết-Bàn cấp thời vì sợ thoái thất. Tức là người này luôn luôn suy nghĩ rằng mình phải mau mau chứng được Niết-Bàn, chứng A-la-hán cho nhanh, vì sợ thoái thất, bởi vì cứ lên là thoái xuống. Giống như trong kinh có vị Tỳ-kheo đó, thoái đến sáu lần, cứ chứng được A-la-hán mà chỉ mới có được một phần, chưa được A-la-hán Câu giải thoát. Cho nên cứ vô rồi ra, sáu lần, đến lần thứ bảy được là lo tự sát luôn. Đó là dạng Tư pháp.

25. Thăng tấn pháp: quả vị này cũng thuộc về Tứ quả A-la-hán, có khả năng tiến tới Bất động tánh. Người [vào địa vị] này thì tốt hơn Thăng tấn [pháp], là tiến tới [Bất động tánh]. Tức là tu [quả vị] A-la-hán, cứ tiến tới Bất động tánh thì sẽ chứng A-la-hán một cách viên mãn.

26. Bất động pháp: là căn cơ mãnh lợi, không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì. Người tu tới địa vị này là ngon. Tức là lên tới đây rồi, thì cho dù A-la-hán lúc đó chưa chứng viên mãn Tứ quả A-la-hán theo tiêu chuẩn gọi là tuyệt đối, nhưng yên tâm, căn cơ của họ cũng rất là mãnh lợi (tức là mạnh mẽ và nhanh chóng), cho nên không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì. [Dù là] duyên gì chăng nữa cũng

không sao hết, cũng sẽ thành tựu được quả A-la-hán một cách đầy đủ.

27. Thoái pháp: hạng này yếu hơn, mặc dù chứng A-la-hán rồi, nhưng gặp nghịch duyên là bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn. Ở trong Luận Đại Tỳ Bà Sa nói là sụt thấp nhất là về Sơ quả Tu-đà-hoàn. Có nghĩa là họ cũng có thể từ A-la-hán mà xuống lại Tu-đà-hoàn. Tại vì đây là Thoái pháp, gặp nghịch duyên, ác duyên quá là họ chịu không nổi. Cho nên nhiều khi tới A-la-hán kiểu này [thì] lo trốn thôi, chứ còn không trốn là có thể bị thoái chuyển.

28. Bất thoái pháp: [quả vị] này khá hơn, là bậc này có gặp duyên gì v.v… cũng không bị thoái, nhưng tiến không được bao nhiêu, tiến không nhiều. Có khi chia ra [là] tiến được tới. Đây [là] Bất thoái pháp. Đằng sau còn có địa vị khác.

29. Hộ pháp: là do thủ hộ mà không thoái thất. Tức là người này giỏi lắm, vừa chứng được A-la-hán (Tuệ giải thoát chứ không phải Câu giải thoát), nên luôn luôn lo mà tu, tập trung tâm ở trong đó, gọi là thủ hộ, giữ bảo vệ pháp của mình. Cho nên là không bị thoái thất, không bị thoái chuyển.

30. Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái: tức là hạng này nếu hộ pháp, hộ trì, lo tu tập cho [tốt] thì không thoái chuyển, [còn] tu giải đãi là thoái chuyển. A-la-hán vẫn có hạng này.

31. Thật trụ pháp: là không bị chi phối [bởi] nghịch duyên để thoái thất, nhưng không tiến tới. Tức là người này cũng khá lắm, căn tánh rất tốt, nghịch duyên gì cũng chịu đựng được, nhưng không tiến tới nữa. Tức là lên nữa thì không lên, mà cứ dừng ở đó, đợi đến bao giờ hết duyên, tức là hết thọ mạng rồi, thì cũng nhập Niết-Bàn thôi. [Hạng này] không có tiến lên được, mà giữ nguyên như vậy.

32. Tuệ giải thoát và 33. Câu giải thoát: Câu giải thoát là đầy đủ nhất. A-la-hán này là A-la-hán thật sự mà chúng ta hay học.

Đó là Thiện Trang giới thiệu [cho quý vị] 33 [địa vị]. Có khi chia ra hoặc có khi không chia ra, nếu mình chèn thêm địa vị Tư-đà-hàm hướng và A-la-hán hướng, thì là 33 địa vị. Bữa nay giới thiệu [những] bậc Thánh đó, [để] quý vị

thấy vui chút, mình hy vọng biết đâu mình có thể vào được. Thôi ráng vào [các địa vị] ở trên này thôi (Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất) cũng được. Quý vị vô [địa vị] Nhẫn vị là cũng ngon rồi nha.

Nhẫn vị này thì Thiện Trang coi bên Luận Câu Xá có nói, nhưng bên A Tỳ Đàm không biết sao không thấy. Điều này chúng ta cứ học, tức là Tứ gia hạnh này bên A Tỳ Đàm hình như không thấy nhắc, hay là do Thiện Trang coi chưa hết [nên] không biết. Nhưng tiếp theo là Tùy tín hành, Tùy pháp hành là cũng dễ rồi đúng không? Chúng ta học rồi mà. Chứ còn xuống Tu-đà-hoàn là bắt đầu hơi khó. Nhưng nếu chúng ta dùng niềm tin không hoại đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới để vào Tu-đà-hoàn, thì cũng dễ, không khó. Chúc mừng quý vị! Vì quý vị nghe những điều này thì quý vị thấy con đường để vào [địa vị] Thánh nhân của chúng ta không khó, chứ không bình thường mình sợ quá.

Ở trong Kinh 888, Kinh Tạp A Hàm, có bài kinh là đức Phật dạy cho một đoàn thương nhân, tức là đoàn người đi buôn. Họ đi qua sa mạc hoang vu, nên họ sợ hãi quá. Đức Phật dạy cho họ là hãy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì tất cả các sự sợ hãi sẽ được tiêu trừ. Cho nên là hãy cứ luôn luôn niệm như vậy. Niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tăng thì không phải chỉ để hết sợ hãi đâu, mà người đó sẽ đắc được các thú hướng vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc Tư-đà-hàm, A-na-hàm đến A-la-hán.

Cho nên pháp niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tăng cũng quan trọng. Chúng ta tu, đạo Phật có 84 ngàn Pháp môn là nói kiểu đó đó. Chính trong Kinh A Hàm nói như vậy, tức là có thể tu pháp nào cũng vào được, chứ không phải là chỉ có mỗi cách tu của chúng ta. Thông thường tu một hồi, kiểu nào thì cũng vào được như vậy thôi.

Mà niệm Phật theo kiểu gì? Niệm Phật theo Kinh A Hàm là không phải niệm danh hiệu Phật, mà niệm 10 công đức của Như Lai (Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, [Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn]). Niệm Phật là niệm công đức của Như Lai, niệm về hạnh của Như Lai, chứ không phải là niệm danh hiệu Nam Mô Bổn Sư Thích

Ca Mâu Ni Phật. Quý vị nên nhớ vậy! Đó là trong Kinh A Hàm.

Niệm Pháp là gì? Hình như hồi bữa chúng ta đã học rồi đúng không? Có trong này hết rồi. Hôm nay nếu có thời gian thì Thiện Trang sẽ giới thiệu cho quý vị [về pháp] niệm Tăng.

Đây là bảng mà Thiện Trang tạm giới thiệu. Sau này sẽ cập nhật thêm, nhưng dù sao [như vậy] cũng được, ở đây chèn thêm cho đủ 33 địa vị.

Bây giờ [Thiện Trang] sẽ giới thiệu cho quý vị một số địa vị ở trong [bảng] này. Hôm bữa hình như Thiện Trang đã giới thiệu được bốn địa vị (ở bài 24) là Kiến đáo, Thân chứng, Tùy tín hành, Tùy pháp hành rồi. Còn Tín giải thoát, Gia gia, Nhất chủng chưa thấy; Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì nói rồi. Vấn đề là chúng ta thấy có rất nhiều địa vị, bây giờ mỗi ngày học một ít. Cho nên hôm nay Thiện Trang tiếp tục giới thiệu các quả vị, trích trong kinh để chúng ta có niềm tin, chứ không phải mình tự nói. Còn lâu lâu thì Thiện Trang có tự nói, quý vị nghe, tin được thì tin, không tin thì từ từ cứ coi trong kinh.

Các Quả Vị

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo an trụ đầy đủ giới, khéo nhiếp trì Ba-la-Đề-mộc-xoa (Ba-la-Đề-mộc-xoa cũng là giới, dịch là Biệt giải thoát, Biệt biệt giải thoát. Tức là trong Giới luật, đức Phật nói nếu mình giữ được giới nào thì được giải thoát ngay giới đó. Giải thoát ở đây có nghĩa là tâm được giải thoát, thân được giải thoát. Ví dụ quý vị giữ giới không trộm cắp, thì quý vị không lo lắng, bởi vì: thứ nhất là quý vị không ray rứt. Mình không làm việc gì xấu, cho nên mình yên tâm, mình không có hối hận, không bị Trạo hối. Tại vì quý vị đâu có làm gì xấu đâu, không có trộm cắp, không lấy tài sản của ai. Rồi quý vị không sợ hãi bởi những nạn, giống như [sợ] người ta bắt mình vì tội trộm cắp, hay là người ta oán thù v.v… cho đến các nỗi sợ hãi khác. Cho nên giữ được giới nào thì giải thoát được giới đó, giải thoát về thân và tâm. Nên giới còn gọi là Ba-la-Đề-mộc-xoa, gọi là Biệt giải thoát hay là Biệt biệt giải thoát. Cho nên giữ được giới nào thì tốt được giới đó. Quý vị để ý điều đó.

Ở đây Thiện Trang sẵn nói về giới luôn, tại vì đằng nào cũng nói. Thiện Trang để ý thôi, quý vị coi thử có đúng không. Thiện Trang thấy là nếu mình giữ được các giới, đặc biệt là các giới nhỏ, mình trì được nghiêm bao nhiêu thì cơ thể mình khỏe mạnh được bấy nhiêu. Ví dụ nếu quý vị ăn chay, hoặc là quý vị giữ được những giới nhỏ nhỏ thôi. Tỳ-kheo có rất nhiều giới nhỏ, mà giữ được càng nhiều, thì cơ thể quý vị càng khỏe mạnh.

Quý vị thấy như những quý thầy đi [trong] đoàn Sư Minh Tuệ chẳng hạn, tại sao [các vị ấy] khỏe mạnh được? Chính vì giữ được giới, giới nhỏ cũng giữ được. Thiện Trang không trì được 250 giới hoàn toàn, [100%] thì không trì được, có những giới Thiện Trang chưa trì được. Nhưng Thiện Trang thấy trì càng nhiều bao nhiêu, thì sức khỏe Thiện Trang tốt bấy nhiêu. Thiện Trang chỉ cần phá một giới nào đó, ví dụ như Thiện Trang phá giới không ăn phi thời thôi. Lâu lâu đi đâu đó, ăn phi thời, ví dụ như buổi chiều buổi tối ăn, thì sau đó Thiện Trang thấy sức khỏe có vấn đề. Chỉ cần một giới đó không trì thôi, là thấy có vấn đề. Rồi về mình giữ lại, tại vì giới đó không phải là giới trọng, giới nhẹ thôi. Những giới đó thì mình sám hối, [rồi mình] giữ lại được, không có vấn đề. Đừng có phá bốn giới trọng, bốn Ba-la-di gọi là bốn Bất cộng trụ thôi. Những giới [nhỏ] thì mình sám hối, mình giữ lại thì sau đó bình thường.

Cho nên cố gắng, quý vị giữ càng nghiêm bao nhiêu thì càng tốt. Ví dụ như Thiện Trang có giới Bồ-tát nữa. Giới Bồ-tát thì có giới không ăn thịt chúng sanh, không ăn ngũ tân. Thiện Trang thấy lỡ đi đâu, mình ăn đồ ăn, ví dụ như ăn bánh có một chút trứng ở trong đó chẳng hạn, mà mình kêu thôi cứ ăn đại đi, [có] một chút xíu thôi. Sau đó là mình thấy có vấn đề. Hoặc là mình ăn ngũ vị tân, kêu lâu lâu mình đi [ra ngoài], không có chỗ nào có đồ ăn, thôi kệ bây giờ lỡ có chút xíu trong đó, thôi ăn đỡ đi, thì sau đó Thiện Trang thấy có vấn đề. Cho nên [theo] kinh nghiệm của Thiện Trang thôi nha, quý vị hãy thử xét xem. Cứ giữ giới càng nghiêm bao nhiêu, thì lợi ích mình được [nhiều] bấy nhiêu.

Lợi ích đầu tiên là sức khỏe tốt, mà khi có sức khỏe rồi thì mình tu tập mới được quý vị ạ. Cho nên tại sao Sư Minh Tuệ có sức khỏe là vậy. Tại vì [ngài] giữ giới nghiêm quá, giữ quá nghiêm, 250 giới Tỳ-kheo của Bắc truyền, hay là 227

giới của Nam truyền. Giữ được nghiêm, cho nên tự nhiên có sức khỏe. Mình thì nghĩ phải ăn nhiều mới có sức khỏe, nghĩ là mình phải làm điều gì đó mới có sức khỏe. Nhưng không, ngoài làm [vậy] ra, thì việc [giữ giới] còn trợ duyên thêm. Còn những bệnh nhỏ nhỏ hay bị xảy ra, là tại vì mình giữ giới không nghiêm.

Cho nên lâu lâu Thiện Trang kiểm nghiệm lại, [thấy] hình như đúng đó. Cho nên ráng [giữ giới nghiêm], quý vị thử coi. Giữ giới càng nghiêm bao nhiêu, [thì được lợi ích bấy nhiêu]. Ngay cả giới nói dối, quý vị kêu không phạm Đại vọng ngữ, phạm Tiểu vọng ngữ cũng được. Nhưng nếu quý vị giữ được càng nhiều bao nhiêu, thì quý vị sẽ thấy sức khỏe tu tập và trí tuệ của quý vị sẽ sáng lên bấy nhiêu. Tại vì sao thì không biết. Có thể là do mình được gia trì, hoặc là được thần bảo hộ, hay có thể là do phước sanh, hay có thể do mình tu tập như vậy thì tương ưng, cho nên tự nhiên cơ thể mình tốt thôi. Quý vị thử coi nha, quý vị cứ làm đi. Phật Pháp là đến để mà thấy, chứ không phải là nghe không [thôi] mà tin được.

Mình cứ làm đi, quý vị tự mỗi người thử làm đi. Quý vị thử giữ giới không ăn phi thời một thời gian đi, tuy người quý vị ốm nhưng [cơ thể] rất khỏe, trừ khi quý vị làm việc nhiều quá. Nhưng ngày nào quý vị thọ Bát quan trai, quý vị giữ cho chặt vô ngày hôm đó. Thứ nhất, ví dụ như quý vị đừng coi phim ảnh, coi này coi kia, rồi lên mạng rầm trời, thì tự nhiên ngày hôm sau quý vị thấy người của quý vị rất tốt. Quý vị làm một thời gian là phước báu lớn. Còn mình tùy tiện quá, thì thường hiệu quả không lớn. Cho nên hãy thử thực hành nha.

Đó là Ba-la-Đề-mộc-xoa, là Biệt giải thoát, Biệt biệt Giải thoát. Làm được giới nào thì tốt được giới đó, và giải thoát được giới đó.

Đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Quý vị thấy không ạ? Tức là Tỳ-kheo phải an trụ đầy đủ Giới, đến nỗi thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi. Mình thì thấy mấy tội nhỏ, mình không sợ hãi, tội lớn cũng không sợ luôn thì thua. Ở đây nói Tỳ-kheo tức là nói người tu hành.

Tỳ-kheo khi đã an trụ đầy đủ Giới, khéo nhiếp trì Ba-la-Đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, bình

đẳng thọ trì học Giới, khiến cho sự tu tập Tam học đầy đủ (Tam học là Giới, Định, Huệ). **Những gì là ba?** (Những gì là Tam học?) **Đó là Tăng thượng Giới học, Tăng thượng Tâm học, Tăng thượng Huệ học.**

Thế nào là Tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo giới đầy đủ, nhưng Định ít, Huệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế... cho đến nên gìn giữ giới học. Có nghĩa là người này thì chuyên giữ giới thôi, gọi là Tăng thượng Giới học, còn Định thì ít, Huệ ít. Có nghĩa là tư duy pháp, học pháp không nhiều, Thiền định không nhiều, mà lo giữ giới không [thôi]. Đó gọi là Tăng thượng Giới học.

Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ ba Kiết (ba Kiết sử)**, và Tham, Nhuế, Si còn mỏng, được Nhất chủng đạo.** Đây là địa vị Nhất chủng đạo (ở trên bảng này, có hạng Nhất chủng [11]). Quý vị thấy ở đây chắc phải nói là tu theo giới Tỳ-kheo, thì được vào địa vị Nhất chủng đạo, tức là địa vị chỉ còn tái sanh một đời nữa thôi.

Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì được Tư-đà-hàm (quý vị thấy không, địa vị này xếp vô Tư-đà-hàm luôn, chứ không phải là Tu-đà-hoàn đâu. Tuy là Tu-đà-hoàn, nhưng đôi khi xếp là Tư-đà-hàm luôn)**; Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì được gọi là Gia gia** (hôm nay chúng ta học thế nào là địa vị Gia gia đúng không?)**; Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì được Tu-đà-hoàn** (cho nên quả vị Nhất chủng đạo này không biết xếp vào đâu hết. Tại vì đức Phật nói là nếu chưa được Đẳng giác, cao nhất là có thể từ Tư-đà-hàm (địa vị thứ hai), nhưng cũng có thể xếp vào địa vị Gia gia (hồi nãy học rồi), và cũng có thể xếp vào Tu-đà-hoàn. Cho nên địa vị Nhất chủng đạo này không biết xếp vào đâu, xếp lên trên hay xếp xuống dưới cũng không được. Có khi xếp lên trên, có khi xếp vào giữa giữa, có khi xếp xuống dưới); **Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì sẽ được Tùy pháp hành** (Tùy tín hành cũng xếp ở đây luôn. Có nghĩa là Nhất chủng đạo này cũng có thể là Tùy pháp hành (là Tu-đà-hoàn); **Ở địa vị này nếu chưa được Đẳng giác thì sẽ được Tùy tín hành. Đó gọi là Tăng thượng Giới học.**

Như vậy [địa vị] Nhất chủng đạo này có thể đưa ra những kết quả: Một là

Tư-đà-hàm, là cao nhất; tiếp theo là Gia gia; hay là xuống Tu-đà-hoàn; hay là Tùy pháp hành, Tùy tín hành. Thật ra Tùy pháp hành, Tùy tín hành cũng thuộc về Tu-đà-hoàn thôi, [nhưng] thấp hơn. Đó gọi là Tăng thượng Giới học.

Cho nên quý vị muốn vô mấy địa vị đó, thì quý vị tu điều gì? Sau khi học đoạn đó thì quý vị biết tu điều gì rồi đúng không? [Đó là] tu Giới. Phải giữ giới nha, ráng giữ giới. Đây là Định ít, tu Thiền định không được; Huệ ít, là học pháp không hiểu. Nhưng quý vị giữ giới cho chặt vô, giữ giới cho đúng vô, thì quý vị cũng đoạn trừ được ba Kiết (ba Kiết sử). Ba Kiết sử là: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, tự nhiên hết. Như vậy có thể chứng được địa vị Nhất chủng đạo. [Địa vị này], cao thì có thể đạt đến Đẳng giác, là A-la-hán luôn. Còn không được thì xuống Tư-đà-hàm, không thì xuống Gia gia, Tu-đà-hoàn, Tùy pháp hành, Tùy tín hành. Mấy địa vị này chúng ta học [riết] nên thấy quen. Cho nên giữ giới quan trọng, đừng tưởng không giữ giới [mà được].

Quý vị đồng tu tại gia ráng thọ Bát quan trai. Cho nên đức Phật mới nói: Nếu người Cư sĩ không thọ Bát quan trai, một tháng có sáu ngày Trai mà không thọ, thì giống như cây trổ hoa mà không có trái, giống người con gái lấy chồng mà không có con, giống như là đi buôn mà không có lời, lỗ vốn v.v… Những ví dụ đó có trong bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, để bữa nào Thiện Trang trích lại nguyên văn. Quý vị cứ coi trong bộ Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập có đó, đức Phật nói nha. Và đức Phật còn chê trách những người không giữ ba tháng Thần biến (tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín), [tức là] tu Bát quan trai. Cho nên mình tu xa quá, mình tu thấp quá.

Quý vị mà tu giới Bát quan trai tại gia, thì quý vị cũng sẽ được kết quả như vậy. Còn bây giờ mình tu ít quá mà. Có đồng tu nói với Thiện Trang: "Thầy ơi, bây giờ con không có ngày nào nghỉ hết, làm sao con tu được Bát quan trai". Thiện Trang nói là trong tuần ráng nghỉ một ngày đi. Một tháng đức Phật nói [tu Bát quan trai] sáu ngày, mình không tu được sáu ngày thì mình tu bốn ngày. Chẳng lẽ một tuần không nghỉ được ngày nào sao? Ráng nghỉ đi chứ! Người đó kêu: "Con không có thời gian". Thiện Trang nói nếu không có thời gian nghỉ, thì mình coi sự việc thế gian nặng hơn sự việc xuất thế gian. Có nghĩa là mình chưa

có tha thiết với sanh tử, đúng không ạ? Mình vẫn còn ham Ta Bà quá, ham thế giới này quá, mình ham luân hồi quá. Còn muốn ra khỏi sanh tử, mà không nghỉ nổi một bữa trong tuần thì thôi chứ!

Người ta đi làm ở các nước, trong lịch chúng ta được nghỉ thứ Bảy, Chủ nhật mà. Ở Việt Nam thì hầu như ít được nghỉ hai ngày, chỉ nghỉ một ngày. Nhưng dù sao hai ngày [nghỉ] trong tuần, mà quý vị không tu được một ngày Bát quan trai sao? Rồi ráng ráng thêm chút nữa. Tức là cứ hai tuần, Thiện Trang nói thế này, [tu] sáu ngày [trong tháng] đơn giản lắm. Hai tuần thì mình tu ba ngày, tuần này mình tu hai ngày, thì tuần sau mình tu một ngày. Quý vị có thứ Bảy, Chủ nhật, thì tuần này cho quý vị đi chơi thứ Bảy đi, quý vị tu ngày Chủ nhật. Tuần sau thì quý vị tu Bát quan trai hai ngày: thứ Bảy và Chủ nhật.

Cứ như vậy nhân đôi lên, thì một tháng quý vị tu được sáu lần, là đủ tiêu chuẩn của Phật. Đó là mình có thể tu như vậy. Nếu mình không tu các ngày trai được, thì mình tu những ngày Chủ nhật với thứ Bảy cũng được, thì mới tu được chứ, mới có hy vọng, mới vô. Chứ bây giờ mình tu ít quá thì làm sao được! Suốt ngày mình không có học pháp gì hết, toàn ở trong thế gian thôi, thì khổ lắm.

Đó là Tăng thượng Giới học, là tu thiên về Giới.

Thế nào là Tăng thượng Tâm học? Tỳ-kheo đầy đủ Định (đây là phải tu Định)**, đầy đủ Tam-muội** (Tam-muội cũng thuộc về Định. Mai mốt chúng ta học trong Luận Câu Xá này, chúng ta sẽ biết thế nào là Tam-muội, thế nào là Định. Chứ không phải mình cứ cho Tam-muội là Định. Không phải! Định khác, Tam-muội khác. Cho nên đức Phật mới nói Định với Tam-muội chớ)**, nhưng Huệ ít; đối với mỗi một phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối… cho đến nên gìn giữ học giới**.

Ở đây quý vị thấy nhân tu là phải tu Định nhiều, nhưng trí huệ ít quá, tức là học pháp không hiểu được bao nhiêu hết. Rồi Giới thì sao? Phần giới nhỏ nhỏ vi tế thì cho phạm luôn. Đức Phật nói nếu phạm thì theo đó mà sám hối.

Đây là hạng thứ hai. Hạng người này là tu Định nhiều, gọi là Tăng thượng Tâm học. Tu Định nhiều hơn, đầy đủ các Tam-muội, tức là tu các loại Thiền định.

Và Giới thì giữ không được nghiêm, hay phạm những giới nhỏ. Còn bốn giới trọng mà phạm thì thôi, là không được. Và Huệ cũng kém. Ở đây có nhiều đồng tu than: Con không có trí huệ, con học pháp không hiểu lắm. Quý vị học được, hiểu tới đây là quý vị giỏi rồi đó. Còn không hiểu lắm thì cũng không sao. Đức Phật nói ở trên, [có] hai hạng Huệ ít, nên không sao nha.

Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ Năm hạ Phần kiết là Thân kiến, Giới thủ (Giới cấm thủ)**, Nghi, Tham dục, Sân nhuế; đoạn trừ Năm hạ Phần kiết này, được Trung Bát-niết-bàn**. Quý vị thấy không? Tới quả vị Trung Bát-niết-bàn luôn. Trung Bát-niết-bàn nằm ở đâu? [Quý vị xem] trên [bảng], Trung Bát-niết-bàn là số 18. Cho nên tu Định hơn tu Giới, Trung Bát-niết-bàn là vô luôn Niết-bàn ngay sau khi vừa lên trời Tịnh Cư Thiên. Ngũ Tịnh Cư Thiên là năm tầng trời Bất Hoàn. Cho nên bay lên trên đó luôn, tu Định cao vậy đó, đầy đủ Tam-muội mà. Định này là định Tứ thiền, không phải định bình thường đâu.

Ở đây nếu chưa được Đẳng giác (tức là chưa chứng A-la-hán) **thì được Sanh Bát-niết-bàn;** Có nghĩa là kém hơn một chút, thì xuống Sanh Bát-niết-bàn (lúc nãy học rồi, số [20]).

Ở đây nếu chưa được Đẳng giác thì được Vô hành Bát-niết-bàn; Sanh Bát-niết-bàn là thác sanh lên Tịnh Cư Thiên một thời gian mới nhập Niết-Bàn. Còn Vô hành Bát-niết-bàn thì không cần tinh tấn tu tập nữa cũng nhập Niết-Bàn, địa vị này sướng hơn. Cho nên tu có Định quan trọng lắm quý vị, còn chúng ta thường cứ lo tu Huệ không thôi. Thật ra tu Định là được quả này.

Ở đây nếu chưa được Đẳng giác thì sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn; Hữu hành Bát-niết-bàn kém hơn. Vô hành Bát-niết-bàn, lên đó chơi chơi thôi cũng thành tựu. Còn Hữu hành Bát-niết-bàn, lên đó phải dụng công thì mới đạt được Tứ quả A-la-hán. Còn nếu ngon nữa thì lên trên, quý vị thấy ở trên, Trung Bát-niết-bàn là ngon nhất. Sanh Bát-niết-bàn thì cũng ngon, càng xuống là càng thấp, đây là địa vị đức Phật xếp cho mình.

Ở đây nếu chưa được Đẳng giác thì được Thượng lưu Bát-niết-bàn.

Thượng lưu Bát-niết-bàn thì tệ hơn, đi một phát từ Sơ thiền đến Tứ thiền (tất nhiên cũng không cố định trong đó), đi một vòng hết trên đó thì lâu quá, mới chứng được Niết-Bàn, tức là chứng được A-la-hán.

Đây gọi là Tăng thượng Tâm học.

Quý vị thấy Thiện Trang sắp xếp rất hợp lý, tức là bài này, tại sao Thiện Trang giới thiệu cái bảng dài ở trên, là để giới thiệu vô bài này. Tại vì chúng ta phải học có trình tự logic một chút, thì chúng ta dễ nhớ. Hôm bữa giới thiệu cho quý vị, tung hỏa mù thì quý vị chịu không nổi, nên giới thiệu cho quý vị các quả vị tu chứng thôi. 27 quả vị Hiền Thánh gồm có: Vô học (là) A-la-hán, thì có chín địa vị, và trước A-la-hán thì có Tùy tín hành, Tùy pháp hành... có 18 địa vị.

Bữa nay Thiện Trang kéo thêm bốn địa vị Tứ gia hạnh, mặc dù Thiện Trang giới thiệu rất lâu rồi, nhưng hôm nay kéo vô. Rồi kéo thêm mấy địa vị Gia gia vô, bây giờ mới giải thích. Chính trong bài này, trong kinh này, đức Phật đã giải thích cho chúng ta rồi.

Đó là Tăng thượng Tâm học, là tu thiên về Định, thì được quả như thế này. Về Giới, thì có thể phạm giới nhỏ. Còn nếu quý vị giữ luôn trọn giới, thì xin chúc mừng, quý vị là A-la-hán luôn.

Trong định nghĩa của giới Tỳ-kheo, giới Tỳ-kheo còn gọi là Cận viên, #cận là gần; #viên là viên mãn, gần với viên mãn, là A-la-hán. Tức là một vị A-la-hán luôn luôn giữ trọn được giới Tỳ-kheo. [Hạng này] vì chưa giữ giới trọn vẹn, cho nên mới tới Tam quả A-na-hàm thôi, tại vì ở đây [nói] có phạm giới vi tế.

Thế nào là Tăng thượng Huệ học? (Đây là tầng thứ ba, dành cho những người có trí tuệ, chúng ta chắc cũng có nhiều người có trí tuệ đây, toàn là tu, nhưng có phải như vậy không?) **Tỳ-kheo đầy đủ học Giới, đầy đủ Định, đầy đủ Huệ** (có nghĩa là phải đủ cả ba, chứ không phải Huệ học, rồi cứ lo học pháp không [thôi], thì không được)**. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu** (Dục hữu lậu tức là ra khỏi Hữu lậu của Dục giới, tức là Phiền não của cõi Dục. Dục giới từ Địa ngục cho tới tầng trời thứ Sáu, có cõi Người chúng ta ở giữa), **tâm giải thoát Hữu hữu lậu** (Hữu hữu lậu tức là khỏi Sắc

giới)**, tâm giải thoát Vô minh Hữu lậu** (tức là Vô sắc giới luôn, hết luôn); **giải thoát Tri kiến, tự biết rằng 'ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa'. Đó gọi là Tăng thượng Huệ học**".

Quý vị nhớ Tăng thượng Huệ học là chứng A-la-hán, và thật ra đầy đủ ba công thức: đầy đủ Giới, đầy đủ Định, và đầy đủ Huệ. Chứ không phải mình nói mình lo tu Huệ không [thôi], là tôi học xong điều này. Cho nên tối thiểu quý vị phải tu hai điều: Một là quý vị phải tu Giới đầy đủ, và Định ít, Huệ ít. Còn không thì quý vị phải tu Định đầy đủ và Tam-muội đầy đủ, Huệ ít, Giới thì có thể phạm những giới nhỏ, thì quý vị vào đây. Còn nếu tu kiểu khác thì không vào bài kinh này. Nếu không vào bài kinh này, thì quý vị hỏi vào đâu? Mình có thể coi thử là vào đâu. Tùy tín hành và Tùy pháp hành là ở đây rồi. Cho nên giữ giới quan trọng là vậy.

Đức Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(*Kinh 791. Niết-Bàn (2)[131] – Kinh Tạp A Hàm*).

Bài Kinh này tên là Niết-Bàn, vì có hai bài Kinh [tên] Niết-Bàn, nên đây là bài Kinh Niết-Bàn số hai, Kinh Tạp A Hàm, quý vị có thể coi.

Vậy hôm nay [chúng tôi] đã giới thiệu cho quý vị thêm mấy địa vị Thánh, và hình như chúng ta thấy cũng không khó lắm đúng không quý vị? Học thì cảm thấy không khó lắm, mà khi tu thì thấy khó quá đi, vì sao vậy? Tại vì giữ giới vẫn là điều khó, Thiện Trang thấy đúng là giữ giới vẫn là điều khó. Cho nên nếu thành tựu được thì dễ thôi. Cứ vô kêu Tùy tín hành dễ mà, Tu-đà-hoàn dễ, nếu như niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng, làm được mà. Nhưng sau mới quất cho, thành tựu Thánh giới là rớt.

Cho nên niềm tin thì tin, nhưng chưa làm được Giới, là cũng chưa tin hoàn toàn. Kiểu vậy đó! Quý vị coi Thiện Trang có trích [Chú Giải] 131, [trong] Kinh Tạp A Hàm, Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Kinh 823, nếu quý vị coi bản chữ

Hán.

Sẵn nói về các quả vị, thì [Thiện Trang] giới thiệu thêm cho quý vị kinh về các quả vị nữa, để chúng ta nghe. Đây thật ra là nằm trong Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Quý vị thấy đoạn vừa rồi là thuộc về phần nào trong Tứ đế? Nhiều người sẽ nói là nằm trong Đạo đế. Đúng không quý vị? Đúng rồi! Đạo đế là chính xác, Đạo đế là con đường để đi đến Niết-Bàn. Và thật ra cũng là ở Diệt đế nữa, Đạo đế và Diệt đế. Có nghĩa là kết quả mình đạt được, nhưng học về Đạo nhiều hơn là Diệt.

Chúng ta sẽ thêm một bộ kinh nữa nói về quả vị, kinh này nhẹ nhàng hơn, để an ủi cho quý vị. Quý vị thấy trên kia khó quá đi, thì xuống dưới này an ủi cho quý vị.

Nói Về Các Quả Vị (Tiếp Theo)

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật ở trong vườn Ni Câu Luật, nước Ca Tỳ La Vệ. Bấy giờ những người họ Thích ở Ca Tỳ La Vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận, hỏi:

"Ma Ha Nam, thế nào là lời thọ ký tối hậu? Bách Thủ họ Thích[132] (tức là có một người họ Thích, tên là Bách Thủ, có Chú Giải tiếng Pali) **mạng chung** (tức là ông chết)**, đức Thế Tôn thọ ký người ấy đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường dữ, nhất định hướng thẳng Chánh giác** (Chánh giác, tức là A-la-hán)**, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ**.

Đoạn này, quý vị biết ngài Ma Ha Nam còn gọi là Thích Ma Ha Nam, dòng họ Thích (Sakya); Sakya là Thích. Thích Ma Ha Nam là một Cư sĩ tại gia, lúc đó ông nổi tiếng trong cung thành Ca Tỳ La Vệ. Những người họ Thích của cung Ca Tỳ La Vệ, tới nhờ ngài Ma Ha Nam, hỏi: Có Bách Thủ họ Thích, tức là một người [tên] Thích Bách Thủ chết, đức Phật thọ ký người ấy đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào các pháp đường dữ nữa, và nhất định sẽ chứng Chánh giác (tức là chứng A-la-hán), còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Người Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn là còn bảy lần qua lại Trời, Người. Nhưng có khi ngắn hơn như Gia gia, Nhất chủng, thì ở đoạn trên chúng ta thấy như vậy. Đoạn này nói người này

là [Tu-đà-hoàn] tiêu chuẩn, nhưng có một điểm bất thường ở đây:

Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà đức Thế Tôn lại thọ ký người ấy đắc Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Này Ma Ha Nam! Ông nên đến hỏi đức Phật rồi như những gì đức Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo".

Có nghĩa là học một hồi, thì thấy có một điều vô lý. Tại sao ông Thích Bách Thủ này phạm giới uống rượu, mà khi chết rồi thì đức Phật còn thọ ký cho ổng đắc Tu-đà-hoàn, chỉ còn bảy đời qua lại Trời, Người, rồi sẽ chứng quả A-la-hán, không còn khổ nữa. Tại sao như vậy? Cho nên là nghi. Và chính sự nghi này, nên mới nhờ ngài Thích Ma Ha Nam tới hỏi Phật, để về dạy lại cho cung thành Ca Tỳ La Vệ.

Quý vị thấy không? Tức là mình học thì mình có nghi chứ. Tại sao không thành tựu được Giới, phạm giới uống rượu, giới này là một trong Ngũ giới của người tại gia, thì làm sao đắc Tu-đà-hoàn được? Vô lý quá! Cho nên phải nhờ để hỏi. Đây là một câu chuyện cũng rất hay.

Khi ấy Ma Ha Nam đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch đức Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Chúng con, những người họ Thích ở Ca Tỳ La Vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận như vầy: 'Ma Ha Nam! Thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Trong đó Bách Thủ họ Thích mệnh chung (mạng chung), **đức Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay ông nên đến hỏi lại đức Thế Tôn, như những gì đức Thế Tôn dạy chúng ta sẽ vâng theo'. Bây giờ con xin hỏi Phật, cúi xin giải thích cho"** (tức là bây giờ ổng đem câu hỏi đó, hỏi đức Phật)**.**

Đức Phật nói với Ma Ha Nam:

"Thánh đệ tử nói: 'Đại Sư Thiện Thệ! Đại Sư Thiện Thệ!' Đây là cách [gọi] đức Phật. Thiện Thệ là một trong mười danh hiệu của Như Lai, Đại Sư cũng là danh hiệu của Như Lai luôn, Phật là mới xưng thôi. Đời sau này, bắt đầu chư

Tổ Tịnh Độ tông, chư Tổ Thiền tông, dần dần ai cũng quất vô chữ Đại sư hết. Nhưng thực tế, đúng nguyên văn thì chữ Đại Sư này là chỉ Phật thôi. Thiện Thệ cũng là Phật, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, những danh hiệu này chúng ta đều đã học qua rồi.

Bây giờ nhiều khi lạm dụng, có những chữ như 'Pháp chủ', quý vị biết ai là Pháp chủ không? [Chỉ có] đức Phật mới là Pháp chủ, 'Ta là đấng Pháp vương, Ta là chủ của các pháp', trong kinh nói vậy, không ai có thể là Pháp chủ được hết. Nhưng thời đại nay cứ quất chữ Đại sư, Pháp chủ v.v... thậm chí nếu mình có danh gì nổi tiếng hơn, thì chắc cũng lấy luôn. Chúng ta phải hiểu là mỗi thời có mỗi cái khác nhau, nhưng những danh hiệu này thật ra là chỉ Phật dùng thôi. Bây giờ đời sau ai muốn dùng cũng được, thực ra cũng không quan trọng, nhưng chúng ta phải hiểu danh hiệu này là của Phật.

Miệng nói Thiện Thệ mà tâm Chánh niệm, Chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Thiện Thệ. Tức là miệng nói đơn giản vậy thôi, mà tâm phải Chánh niệm, Chánh kiến, thì tất nhiên thâm nhập Thiện Thệ.

Thánh Đệ tử nói: 'Chánh Pháp Luật! Chánh Pháp Luật!' (chữ Pháp Luật này viết hoa cũng được, mà viết thường cũng được. #Pháp là Pháp; #Luật là Giới luật) **Miệng nói Chánh Pháp Luật, mà phát tâm Chánh niệm, Chánh kiến**, **tất nhiên thâm nhập Chánh Pháp. Thánh Đệ tử nói: 'Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tăng!'** (Thiện hướng Tăng là Quy y Tăng, kiểu vậy! Thật ra đây là nói Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng đó quý vị. Quy y mà nói cách khác). **Miệng nói Thiện hướng, mà phát tâm Chánh niệm, Chánh kiến thì tất nhiên nhập Thiện hướng. Như vậy, này Ma Ha Nam! Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín, đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín, đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí, thành tựu tám giải thoát, thân tác chứng, bằng trí tuệ mà thấy Hữu lậu đã được đoạn, đã biến tri. Như vậy, Thánh đệ tử không hướng vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, chẳng đọa đường dữ, nói là A-la-hán Câu giải thoát.**[133]

Quý vị thấy đây là một cách để vào A-la-hán Câu giải thoát. Câu giải thoát

là cũng ngon lắm! Thật ra chỉ cần lòng tin trong sạch đối với Phật, Pháp, Tăng thôi, vẫn là ba tiêu chuẩn này. Nhưng đối với pháp phải có lợi trí, có xuất trí, quyết định trí, những [trí] này là trí tuệ được rồi. Thành tựu được tám giải thoát, tám giải thoát này thì lát nữa Thiện Trang sẽ dẫn lại, tám giải thoát là gì. Mà thân tác chứng, bằng trí tuệ thấy được Hữu lậu đã đoạn, đã biến tri. Như vậy người đó không đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa, mà đó là A-la-hán Câu giải thoát luôn.

Quý vị thấy ghê không? Tu có bấy nhiêu thôi, đơn giản vậy đó, mà được A-la-hán Câu giải thoát. Không phải A-la-hán Tuệ giải thoát, mà là A-la-hán Câu giải thoát. Bách Thủ họ Thích trong Kinh Pali có tên nha, [là Sarakāni (Saraṇāni)]. A-la-hán Câu giải thoát hay Câu phần Giải thoát [là] A-la-hán chứng Diệt tận định.

Lại nữa, Ma Ha Nam! Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... cho đến trí tuệ quyết định, không đạt được bát giải thoát (tức là tám giải thoát này không đạt được, chỉ thành tựu từ chỗ 'Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín, đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín, đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí', tới đây thôi)**, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy thấy, biết đã đoạn Hữu lậu. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tuệ giải thoát.**

Ở đây Thiện Trang giới thiệu luôn [cho] quý vị quả vị Thánh, thế nào là A-la-hán Câu giải thoát và A-la-hán Tuệ giải thoát, hôm nay [chúng ta] đã được học. Quý vị cứ hiểu điều này đi, mới đầu nghe mơ mơ màng màng, nhưng giới thiệu qua đã, chứ bây giờ mà phân tích kỹ mấy thuật ngữ đó ra, là quý vị điên đầu đó. Từ từ nha! Cứ giới thiệu đã, quý vị cũng biết có căn cứ, rồi ngày nào đó quý vị học một hồi, quay lại coi bài này là quý vị hiểu, A-la-hán Câu giải thoát là gì, A-la-hán Tuệ giải thoát là gì. Làm sao để tới đó, thì chính bài này có.

Hôm nay Thiện Trang cung cấp cho quý vị quả vị Thánh đầy đủ luôn. Quý vị sướng quá, không mất thời gian [để] đi lục hết kinh điển, Thiện Trang lục hết cho quý vị rồi. Thiện Trang đưa ra ở đây và hoàn toàn nói dựa theo kinh điển.

Bao nhiêu quả vị Hiền Thánh có ở trong kinh hết, và đây là Tuệ giải thoát.

Như vậy [địa vị này] chỉ thua ở trên, là không thành tựu được Tám giải thoát này thôi. [Vậy] thì rớt xuống một bậc, gọi là Tuệ giải thoát, không được Câu giải thoát.

Lại nữa, Ma Ha Nam! Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... (giống y chang ở trên: một lòng tịnh tín đối với Phật, Pháp, Tăng, và có lợi trí, xuất trí), ***cho đến* trí tuệ quyết định, tuy đã được tám giải thoát, thân tác chứng, an trụ có đủ, nhưng không thấy Hữu lậu được đoạn** (tức là [A-la-hán Tuệ giải thoát] ở trên ngon hơn, tuy đằng trước là như vậy, nhưng Hữu lậu được đoạn rồi. Còn [Thân chứng] thì hơn [A-la-hán Tuệ giải thoát] ở chỗ là được Tám giải thoát, nhưng lại không đoạn được Hữu lậu. Khác nhau thì quả vị sẽ khác. Hai địa vị này gần gần giống nhau, quý vị phải để ý kỹ. Ở trên [A-la-hán Tuệ giải thoát] là các Hữu lậu được đoạn, còn dưới đây [Thân chứng] thì không thấy đoạn được Hữu lậu. Nhưng người ở trên thì không đạt được Bát giải thoát, còn người dưới này thì được Tám giải thoát (Bát giải thoát))**. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Thân chứng.**

Địa vị này gọi là Thân chứng. Quý vị còn nhớ mấy địa vị ở trên như Thân chứng, Gia gia, Kiến đáo... không? Bữa [trước] mình học rồi. [Ở] đây Thân chứng là như vậy. Như vậy là chưa đoạn được Hữu lậu, tức là chưa đoạn được các Phiền não, mà họ chỉ mới có được Tám giải thoát thôi.

Lại nữa, Ma Ha Nam! Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định (tức là nguyên đoạn: 'Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín, đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín, đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí' phải có. Đoạn này là giống nhau)**, không được tám giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng thấy biết như thật đối với Chánh Pháp Luật. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Kiến đáo.**

Đây là địa vị Kiến đáo, hôm bữa chúng ta học Thân chứng với Kiến đáo này rồi, bữa nay học lặp lại, lặp lại nhưng học cách khác. Chúng ta thấy ở đây cũng

được một địa vị nữa, là Kiến đáo.

Lại nữa, Ma Ha Nam! Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* đến trí tuệ quyết định, tuy có thấy biết như thật đối Chánh Pháp Luật, nhưng chẳng được Kiến đáo (thấp hơn nữa)**. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tín giải thoát.** Địa vị này gọi là Tín giải thoát. Lúc nãy chúng ta học địa vị Tín giải thoát nằm ở [bảng] trên là [7], Kiến đáo [8], Thân chứng [9]. Mấy quả vị này là thuộc [Tu-đà-hoàn & Hướng Tu-đà-hoàn], chứ không phải tới A-la-hán đâu. Còn Tuệ giải thoát [30], Câu giải thoát [31], quý vị thấy là rớt từng tầng hết. Cho nên có rất nhiều cách tu, và đây là cách tu [để đạt] Tín giải thoát.

Lại nữa, Ma Ha Nam! Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng, đối với năm pháp làm tăng trưởng trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ, đó là tín, tinh tấn, niệm, định, huệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tùy pháp hành.

Hôm nay [quý vị] rõ hơn về Tùy pháp hành chưa? Có nghĩa là quý vị ráng chịu khó tin vào lời thuyết của Phật, của Pháp, của Tăng, và quý vị tu tăng trưởng trí tuệ giùm, 'quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ' về năm điều đó là: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn. Điều này hôm bữa mình học rồi. Quý vị làm được [năm] điều đó thì yên tâm, quý vị cũng không đọa vào đường dữ đâu, quý vị sẽ được Tùy pháp hành. Ngon không? Ngon mà! Yên tâm, Tùy pháp hành là không đọa đường dữ nữa rồi. Còn bây giờ tệ nữa thì [xuống] Tùy tín hành.

Lại nữa, Ma Ha Nam! Thánh đệ tử tin nơi ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin nơi ngôn thuyết thanh của Pháp, của Tăng,... *cho đến* năm pháp, ít trí tuệ (mình hay [nói] tự ti là mình không có trí tuệ: Thầy Thiện Trang trí tuệ quá, còn con dốt quá, con học, con [cũng] không nhớ nữa. Vậy quý vị đi về đâu? Ở đây, cố gắng học giùm điều này)**, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ; đó là tín, tinh tấn, niệm, định, huệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tùy tín hành.**

Cho nên Tùy tín hành là ở đây nha quý vị. Tùy tín hành có nghĩa là quý vị không đọa đường dữ nữa, yên tâm! Tùy tín hành là ngon rồi. Ở đây đức Phật nói là không đọa vào đường dữ. [Địa vị] này cũng gọi là Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng Tu-đà-hoàn này không biết bao giờ mới chứng A-la-hán. Tại vì Tùy tín hành nếu giữa chừng không chết thì mới chứng Tu-đà-hoàn. Nếu như chết giữa chừng thì cũng không sao, không có đọa đường dữ nữa.

[Địa vị] này dễ không quý vị? [Địa vị] này Thiện Trang thấy dễ, không cần trí tuệ, quý vị cố gắng tin giùm ba điều thôi là: Phật, Pháp, Tăng, và ở đây cũng không nói Thánh giới luôn. Quý vị không cần trí tuệ nhiều, mà quý vị làm cho kỹ năm căn Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Năm căn này hình như bữa trước có học rồi đúng không? Bữa nào để kiếm lại bài [mà] trong kinh đức Phật nói về Tín thế nào, Tấn thế nào, Niệm thế nào, Định, Huệ [thế nào]. Hình như bài trước mình học rồi, cho nên [quý vị] học kỹ lại năm căn đó. [Quý vị] học theo Phật thôi, học theo Phật và làm theo Phật là yên tâm, đừng có nghe thầy nào khác nói đi đâu, mất công học rồi rối lên.

Bài trước là có Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, quý vị kết hợp bài đó với bài này là quý vị vào được Tùy tín hành. Tùy tín hành này dễ hơn đó. Thiện Trang thấy học tới Tùy tín hành hay Tùy pháp hành cũng được. Ai có trí tuệ thì theo Tùy pháp hành, còn ai không có trí tuệ thì rớt xuống Tùy tín hành. Tùy tín hành hay Tùy pháp hành cũng được thôi, một bên là lợi căn, một bên là thượng căn. Và theo nhiều vị thì xếp [địa vị] này vào Sơ quả hướng. Tại sao? Vì hướng đến Sơ quả. Chưa đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng [địa vị] này cũng không đọa vào đường dữ nữa. [Và quý vị] yên tâm không đọa [vào] đường ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, thậm chí đường ác trong A-tu-la cũng hết, quý vị không bén mảng tới nữa.

Điều này thì đúng thôi! Tại vì [địa vị] này xếp trên Nhẫn vị mà, Nhẫn vị đã không đọa rồi, thì tới [địa vị] này còn cao hơn nữa. Cho nên có người nói: “Hình như trong kinh không thấy nói đến Nhẫn vị, [chỉ] có Luận Câu Xá nói. Như vậy [địa vị] này có thể là Nhẫn vị không?” Có người đưa ra giả thiết như vậy. Nhưng chúng ta có thể thấy [địa vị] này tiêu chuẩn cao hơn Nhẫn vị, mai mốt chúng ta học cũng vậy.

Chúng ta học tới đây thì chúng ta yên tâm, đừng có sợ đọa đường ác quá, mình cứ ráng tu được như vậy đi. Quý vị coi lại năm điều: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ này ở bài trước, quý vị làm theo [thì vào] Tùy tín hành hay Tùy pháp hành cũng được. Thông minh, trí tuệ thì vào Tùy pháp hành. Còn không thông minh, con ít trí tuệ quá, không sao hết, thì vô Tùy tín hành cũng được, chứ đâu cần phải cao siêu gì đâu. Phật pháp đơn giản vậy mà! Quý vị thấy cơ hội ra khỏi sanh tử dễ, và cơ hội để thoát khỏi đường ác, mãi mãi không đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và đường ác A-tu-la thì yên tâm, không có vào nữa. Và như vậy là ngon rồi.

[Còn] câu cuối này [là câu] chốt của đức Phật, quý vị nghe câu cuối này thì thích lắm.

Ma Ha Nam! Cây kiên cố này mà có thể hiểu nghĩa của những gì Ta đã nói thì thật không có việc này. Nếu nó có thể hiểu thì Ta cũng thọ ký, huống chi Bách Thủ họ Thích mà Ta không thọ ký đắc Tu-đà-hoàn.

Có nghĩa là đức Phật nói có một cái cây kiên cố, cây kiên cố này là cây ni-câu-luật (tiếng Pali). Đức Phật chỉ cái cây, nói: 'nếu có thể hiểu nghĩa những gì Ta nói, thì thật là không có việc này'. Tức là cái cây không thể nào hiểu nghĩa được hết, nhưng nếu cây đó có thể hiểu nghĩa những gì Ta nói được, thì Ta cũng thọ ký cho nó đắc Tu-đà-hoàn luôn, huống chi Bách Thủ họ Thích mà Ta không thọ ký đắc Tu-đà-hoàn'. Có nghĩa là nếu quý vị hiểu được nghĩa, thì quý vị vào được dòng Tùy tín hành này v.v... Cuối cùng chết, ổng cũng chứng được [Tu-đà-hoàn].

Này Ma Ha Nam! Bách Thủ họ Thích lúc sắp chết, nhờ thọ trì Tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mạng chung, Ta ký thuyết ông ấy đắc Tu-đà-hoàn,... *cho đến* cứu cánh thoát khổ".

Nghe đoạn này thì quý vị mừng rồi đúng không? Mình phạm mấy giới nhỏ nhỏ thì còn có hy vọng đắc Tu-đà-hoàn. Ông [Bách Thủ họ Thích] uống rượu là phạm giới nhỏ (giới uống rượu là giới nhẹ trong Ngũ giới của người tại gia), mà đến lúc sắp chết, ổng thọ trì Tịnh giới. Tức là lúc đó ông mới bỏ rượu, vì sắp chết

rồi. Có nghĩa là giới này không phải giới trọng, cho nên cuối cùng vẫn sám hối được. Như vậy sau khi mạng chung, đức Phật ký thuyết (tức là thọ ký) cho ổng đắc Tu-đà-hoàn. Tại sao? Vì ổng đã vô được, chắc là Tùy tín hành hay Tùy pháp hành gì đó. Có nghĩa là ổng [cũng] ráng tu, nhưng chưa thành tựu giới hoàn toàn. Ổng còn phạm uống rượu trong đời, tới khi sắp chết thì mới giữ, thì cũng thành công.

Đó là [Thiện Trang] nói cho quý vị, nhiều khi quý vị học riết rồi quý vị sợ quá, phạm mấy giới nhỏ nhỏ cũng sợ. Xưa con đã tạo bao ác nghiệp, nào con tạo [ác], phạm giới gì đó v.v… thì bữa nay Thiện Trang chia sẻ bài này, để quý vị yên tâm rằng: [hồi] xưa có làm gì thì cũng không sao, bây giờ cứ quay lại, ráng tu, ráng giữ. [Cho nên] điều này mới hay chứ! Có những bài gọi là 'vị tằng văn' tức là chưa từng được nghe, thì bữa nay mình được nghe rồi.

Cho nên [địa vị] này dễ, cái cây mà hiểu [được] nghĩa, thì đức Phật còn thọ ký cho nó đắc Tu-đà-hoàn, huống hồ chi người. Vậy giờ mình hiểu được là mình cũng ngon lắm đó.

Ma Ha Nam họ Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ (ổng nghe xong, ổng vui quá, và ổng tùy hỷ là mừng theo cho ông Bách thủ họ Thích (tức ông Thích Bách Thủ), **từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.**

(Kinh 1317. Bách Thủ - Kinh Tạp A Hàm).

Chúng ta thấy rõ ràng, tu đâu đến nỗi khó, Phật pháp đâu có khó quá đâu. Dễ mà! Càng ngày học, thấy tu càng dễ. Chứ hồi xưa mình thấy khó quá, Sơ quả Tu-đà-hoàn khó quá. [Ở] đây đức Phật cho dễ luôn, hôm nay quý vị [được] học rồi đó.

Cho nên phải thâm nhập kinh điển, không thâm nhập kinh điển mà cứ nghe người ta nói, rồi mình sợ, [Sơ quả] Tu-đà-hoàn v.v… sao làm được. Rồi phá ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, khó quá! Vậy thì quý vị xuống một tầng, dùng Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn thấp hơn, Tùy tín hành này là thấp hơn. Cho nên nếu không đắc được thì đời sau đắc, lo gì! Không đọa vào đường dữ thì cũng vào Tu-đà-hoàn. Đây cũng gọi là một Tu-đà-hoàn, nhưng là Tu-đà-hoàn chưa tiêu

chuẩn. Tức là mình đậu vớt, đậu vớt cho nên là chỉ không có đọa đường ác thôi, còn không biết bao giờ [chứng A-la-hán].

Quý vị cứ nghe thử có hợp lý không. Đây là những điều trong kinh chúng ta phải nghe. Những địa vị này quý vị đừng nói là bên Pali không có, quý vị chịu khó mở Kinh Tăng Chi bên Pali, thiên Hai Pháp, là mấy địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành này có hết. Mở vô đi, trong phần đầu thôi, không xa lắm đâu, của thiên Hai Pháp ở bên Kinh Tăng Chi. Chứ không là có người kêu: 'Thầy toàn trích dẫn kinh bên Hán tạng, bên [Kinh] A Hàm'. Không phải! Thiện Trang nói là bên Kinh Nikaya cũng có, và hôm bữa Thiện Trang cũng trích rồi đúng không? Kinh Tương Ưng của bên Nikaya cũng có, không có thiếu đâu, Kinh Tạp A Hàm đa phần tương ưng với Kinh Tương Ưng của Kinh Nikaya. Cho nên những bộ kinh này thông thường bên kia cũng có, ít nhất quý vị coi qua coi lại, [địa vị] Tùy tín hành, Tùy pháp hành bên nào cũng nói hết.

Cho nên Thiện Trang nghe những vị Sư giảng theo Nam truyền, mà không giảng những điều này, là Thiện Trang hơi buồn, hơi buồn cho những người nghe thôi, chứ không phải buồn cho Thiện Trang đâu. Sao không đem mấy điều này ra giảng cho Phật tử nghe, để [cho] họ hoan hỉ, vui mừng. Bởi vì đằng nào cũng có con đường giải thoát dễ dàng hơn, mà tại sao cứ đè đầu là [phải vào] A-la-hán, đè đầu quả [vị] gì cao quá, khó quá, mình vô không nổi. Nhưng mình vô mấy [địa vị] này dễ hơn.

Cho nên ráng nha! Quý vị học đây là phải vui, ngài Ma Ha Nam vui thì mình cũng vui. Chỉ cần thọ trì Tịnh giới, bỏ uống rượu, cuối cùng cũng được [đức Phật] ký thuyết đắc Tu-đà-hoàn, cho nên [mấy địa vị này] dễ hơn rất nhiều. Học hôm nay, và càng về sau chúng ta thấy cơ hội để vào Sơ quả, hay là cơ hội để không đọa đường ác nữa càng dễ. Cho nên không có như 'rùa mù gặp bọng cây' đâu. Cố gắng tinh tấn đời này dứt được hết các đường dữ. Mình có thể chưa dứt được con đường sanh tử, tức là mình chưa chứng A-la-hán ngay trong đời này, nhưng mình có thể làm được là dứt được các đường dữ, không đọa vào nữa. Chúng ta học bộ Luận Câu Xá này là để làm điều đó. Và quý vị muốn tu Pháp môn nào nữa thì càng tốt, đó là việc của quý vị, Thiện Trang chỉ giới thiệu, mong là quý vị được

như vậy. Chúc mừng quý vị được nghe những điều này, để quý vị sắp được như vậy.

Chúng ta trở lại với bài, Thiện Trang giải thích thêm về Bát giải thoát. Thiện Trang trích trong kinh thôi, chứ Thiện Trang không có nói theo Thiện Trang. Trong kinh nào thì chút nữa quý vị thấy tên kinh.

Bát Giải Thoát

"Lại nữa, này A Nan, có tám giải thoát. Những gì là tám?

1. Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Điều này thì có gì đâu, mình quán về sắc thân của mình, đó là quán thứ nhất.

2. Lại nữa, bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai. Có nghĩa là trong tâm mình không có tưởng (tưởng trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) về sắc. Và bên ngoài thì quán sắc, tức là quán về sắc thân v.v… Đó là giải thoát thứ hai.

3. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ ba. Tịnh giải thoát có nghĩa là tự thân mình chứng ngộ, thành tựu an trụ. Điều này Thiện Trang cũng không rõ lắm, trong kinh chỉ nói như vậy, mặc dù Thiện Trang tìm mấy kinh rồi, chỉ bộ kinh này giải thích rõ ràng nhất, mà Thiện Trang thấy cũng không hiểu lắm. Nói chung là tự thân chứng ngộ, mình chỉ hiểu là thành tựu được, an trụ được ở trong tự thân chứng ngộ, tức là chính mình chứng ngộ đó. Đó là giải thoát thứ ba.

4. Lại nữa, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không Vô Biên Xứ, thành tựu an trụ Không Vô Biên Xứ, đó là giải thoát thứ tư. Có nghĩa phải trụ vào định Không Vô Biên Xứ, và cuối cùng sanh vào cõi Không Vô Biên Xứ. Mai mốt mình sẽ học pháp Không Vô Biên Xứ là gì. Đó là giải thoát thứ tư. Điều này khó ha! Bát giải thoát dễ gì chứng được. Cho nên ở trên này quý vị thấy, đâu phải địa vị nào cũng chứng được Bát giải thoát đâu. Có mấy địa vị đâu có chứng được Bát giải thoát. Quý vị coi, địa vị Kiến đáo cũng không được Bát giải thoát, mà phải đến [địa vị] Thân

chứng thì mới được. Rồi mấy địa vị Tín giải thoát, Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng không được. Cho nên không dễ gì chứng được Bát giải thoát đâu. Mấy tầng trời Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ này, mình dễ gì vô được.

5. Lại nữa, vượt qua tất cả Không Vô Biên Xứ, vào Thức Vô Biên Xứ, thành tựu an trụ Thức Vô Biên Xứ, đó là giải thoát thứ năm. Như vậy mình làm sao vào được Thức Vô Biên Xứ, làm sao đạt được điều này. Điều này khó!

6. Lại nữa, vượt qua tất cả Thức Vô Biên Xứ, vào Vô Sở Hữu Xứ, thành tựu an trụ Vô Sở Hữu Xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Điều này mình cũng không làm được luôn. Điều này thì ông A La Ma mới làm được, chứ mình không làm được. Mình đâu có tu định vô tới trời Vô Sở Hữu Xứ được đâu.

7. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô Sở Hữu Xứ, vào Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thành tựu an trụ Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Điều này thì còn cao hơn nữa, điều này thì chỉ có mấy ông làm được thôi. Như ông tiên A Tư Đà, rồi ông Uất Đầu Lam Phất, mấy người ngoại đạo đó, nhưng ổng không có những điều kia, nên ổng không được.

8. Lại nữa, vượt qua tất cả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tưởng thọ diệt giải thoát (Diệt thọ tưởng định là định của A-la-hán. Thật ra A-na-hàm cũng có định này, một phần lớn A-na-hàm là nhập được định này, chỉ một phần thôi chứ không phải là tất cả)**, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ tám.** Cho nên mình làm sao mà vượt qua định của trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ để nhập vào Diệt thọ tưởng định.

Điều này nữa mới là tám giải thoát. Thiện Trang thấy những điều này khó quá, mình khó làm được trong thời hiện tại. Sau này không biết có làm được không, chứ hiện tại thì hơi khó.

A Nan! Tỳ-kheo biết như thật về bảy trụ xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, thành tựu an trụ và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ và cũng do tuệ quán mà diệt tận các lậu, đó là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi Câu giải thoát".[1]37 Điều này khó quá, hèn chi là A-la-hán Câu giải thoát lận quý vị ạ. A-

la-hán Câu giải thoát là đi hết tới định của trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, rồi còn đi thêm tới Diệt tận định nữa. Quý vị thấy ở đây nói: 'thành tựu an trụ và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ', có nghĩa là nhập lên nhập xuống gì cũng được hết. Còn chúng ta bây giờ ai dám nói là mình tu đắc những tầng Thiền đó. Tứ thiền Bát định còn không đạt được, nói chi đến Tứ thiền Cửu định là định của A-la-hán (là Diệt tận định), mình làm không nổi.

Cho nên làm được như vậy là chứng được đến A-la-hán Câu giải thoát luôn. Và còn phải biết như thật về bảy trụ xứ của thức và hai xứ kia nữa thì mới là A-la-hán Câu giải thoát, chứ còn như ông Uất Đầu Lam Phất thì chỉ mới tới được điều thứ 7 thôi, chứ chưa tới được điều thứ 8.

(Kinh Đại Nhân Thứ 97 – Thuộc Kinh Trung A Hàm).

Ở trong Kinh Trường A Hàm cũng nói về Tám giải thoát này, nhưng nói không kỹ, Thiện Trang lục coi thì thấy trong Kinh Trung A Hàm nói kỹ hơn, nên Thiện Trang giới thiệu cho quý vị. Quý vị cũng có thể xem những kinh khác nữa, có nhiều chỗ nói. Và chúng ta thấy là Tám giải thoát này không dễ.

Như vậy nãy giờ học xong rồi, thì quý vị thấy mình tu tới nay có hy vọng gì chưa? Cũng có một chút hy vọng là vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, theo con đường Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Và thật ra Phật pháp không khó đâu, quý vị thấy thời xưa đức Phật thuyết một cái là mọi người vào Sơ quả được nhẹ nhàng đúng không? Còn ngày nay mình không học những điều đó, mình học những điều gì đâu, nào là vô chùa dâng sao giải hạn, cúng kiến Tam tai gì đó v.v… Rồi học Phật pháp thì học gì đâu, toàn là học mơ mơ màng màng, không học những pháp hành về Tứ niệm xứ, về Ngũ căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ… Mà có học thì cũng học danh tự thôi, chứ không học giống Phật. Còn nếu chúng ta học giống Phật thì mình thấy [tu] nhẹ nhàng thôi, không khó. Và nếu một đời mình chịu khó, tinh tấn tu tập theo những điều này, thì Thiện Trang tin là sẽ có rất nhiều người đắc được giải thoát.

Những điều này không phải Thiện Trang nói đâu, mà trong kinh có nói: nơi nào mà có những pháp đó, thì sẽ có những người giải thoát. Tại vì mình ở vào

thời Mạt, kinh điển lưu truyền không được nhiều. Bây giờ chúng ta may mắn hơn những người đi trước, những thế hệ đi trước, Kinh A Hàm, Kinh Nikaya chưa được dịch ra. Mà có dịch ra cũng chưa đầy đủ, chỉ có dịch Kinh Nikaya thôi thì người ta cũng chưa tin. Bây giờ mới có Kinh A Hàm, Kinh A Hàm gần đây mới có đầy đủ đó quý vị.

Do như vậy nên không học được những điều này, rồi cứ tưởng tu hành là gì đó cao siêu, quá xa, nên chúng ta cảm thấy không có đường nào giải thoát hết, cho nên thiếu phước. Còn bây giờ mình đầy đủ rồi, coi vô thì mình thấy cũng dễ mà, không khó lắm đâu. Tại vì mình học sai. Giống như con đường đi từ Hà Nội vô Thành phố Hồ Chí Minh, mà mình không đi con đường trực diện là Quốc lộ 1, mà mình cứ đi đâu đó. Do không có bản đồ, nên mình cứ đi đâu lên Hải Phòng, lên Lạng Sơn, đi vòng vòng trên đó. Mà mình nói sao con đường vào Thành phố Hồ Chí Minh xa quá, toàn phải đi qua Lào, qua Thái Lan, đi ra biển đông, trong nước còn đi không được mà.

Cho nên do mình không có bản đồ trong tay, không có bản đồ trong tay chính là mình không có giáo lý căn bản, đó là bộ A Hàm, bộ Nikaya, bộ A Tỳ Đàm (bộ Vi Diệu Pháp), đó là những bộ như Luận Câu Xá hay những bộ thuộc Duy Thức. Mình không học nên mình tưởng [con đường] xa, chứ nếu mình có bản đồ rõ ràng từ Hà Nội vô Thành phố Hồ Chí Minh, đi đường bộ thì chỉ cần theo Quốc lộ 1A là sẽ tới. Còn mình không có bản đồ nên mình cứ đâm qua chỗ này, đâm qua chỗ kia, nên mình lộn cào cào, rồi người kia chỉ cho mình đi một đoạn rồi mình lộn tiếp. Giống như mới đầu đi, thì quý vị cũng nhắm đi đường Quốc lộ 1 đấy, nhưng khi đến Đà Nẵng thì người ta chỉ lên Tây Nguyên, lên Tây Nguyên rồi người ta chỉ đi ngược lại lên Nha Trang, chạy một hồi lên tới Đồng Nai, rồi lên Bình Dương. Sắp vô tới Thành phố Hồ Chí Minh rồi, lại chạy lên Bình Phước, chạy một hồi qua Campuchia.

Cứ chạy vòng vòng như vậy, nên thấy con đường xa xôi, chứ thật tế đi đường thẳng thì nhanh. Đường thẳng thì bản đồ phải chính xác, mà bản đồ nằm trong kinh. Quý vị học rồi thì quý vị thấy những khái niệm, thuật ngữ, cho đến những yêu cầu đức Phật đưa ra không khó. Quý vị thấy đâu có khó. Nãy giờ mình

thấy thành tựu niềm tin [không khó], thậm chí ông Thích Bách Thủ đó, ổng còn uống rượu nữa, rồi đến khi chết đức Phật còn thọ ký cho ổng đắc Tu-đà-hoàn nữa kìa.

Và để giải thích cho điều đó, thì đức Phật giải thích một loạt các quả vị, nào là Câu giải thoát, Tuệ giải thoát, Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Hôm nay, phần đầu Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị rất nhiều quả vị, quý vị cứ chịu khó học, ôm kỹ những điều đó, cứ học đi học lại. [Nếu] mình thấy quả A-la-hán khó quá, thì không cần nhiều, quý vị cứ ôm giùm cho Thiện Trang quả vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành, và Sơ quả Tu-đà-hoàn. Học cho kỹ những phần đó là được, còn những quả vị cao quá thì bỏ qua. Thôi con dở, con dốt, con chưa làm được A-la-hán. Con không làm được A-la-hán Câu giải thoát, con cũng không làm được A-la-hán Tuệ giải thoát, con ráng làm những [quả] chút chút bên dưới như Tu-đà-hoàn thôi, để đời sau con khỏi đọa đường dữ. Rồi sau đó học, ráng nâng cấp lên [địa vị] Gia gia, Nhất chủng, là quý vị sanh vào cõi Người, cõi Trời tôn quý. Để đời sau quý vị làm Tu-đà-hoàn, được sanh vào nhà yên bình một chút, sung sướng thêm một đời hay mấy đời nữa. Gia gia hình như là hai, ba đời, ba đời sanh ở cõi Người, cõi Trời, sanh vào nhà tôn quý, thì quý vị cũng hưởng được thọ lạc nhân gian ở cõi Người, cõi Trời. Sung sướng ở cõi Dục ba đời nữa, rồi quý vị đắc A-la-hán cũng được. Như vậy thì sướng hơn chứ. Chứ gì đâu mà mình tu khổ quá.

Đó là Thiện Trang chỉ cho quý vị đó, ai sợ khổ, ai sợ luân hồi, vì mình không thể giải quyết sanh tử ngay trong đời này bằng [con đường] đắc đạo A-la-hán, thì quý vị đi vô giùm Tùy tín hành, Tùy pháp hành, là kém. Còn nếu được thì mình vô Sơ quả Tu-đà-hoàn, rồi mình đi lên dòng Gia gia, thì phước báo của mình lớn, mình được ba đời nữa. Chỉ có ba đời thôi, chứ không phải như Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn là bảy đời. Gia gia là chỉ có tối đa ba đời thôi, mà ba đời ở cõi Người, cõi Trời, đều ở trong gia đình giàu có, khá, trình độ tốt. [Như vậy thì] sướng nha! Có phước báo đó. Ở đây thì không có nói, để từ từ, rồi lúc nào Thiện Trang tìm trong kinh ra cho quý vị, hôm nay Thiện Trang chỉ giới thiệu sơ sơ như vậy.

Còn không, quý vị thấy mình kém quá, Tùy tín hành, Tùy pháp hành không được, thì ráng [đợi], mai mốt mình học tới Phẩm Tùy Miên (tức là phẩm về Phiền não), và mình học phẩm Hiền Thánh của Luận Câu Xá, thì mình sẽ nhắm vị trí là Nhẫn vị. Vào Nhẫn vị thì cũng được, tuy là chưa chứng gì hết, nhưng ít nhất là không đọa vào đường dữ nữa. Thậm chí [dù] chịu khổ một chút cũng được, nhưng không sanh vào trời Vô Tưởng, không sanh về Bắc Câu Lô Châu, tại vì người đó [đã] vào dòng gặp Phật pháp rồi, và cũng không sanh vào các loài thai sanh, noãn sanh v.v… vì đâu có đọa vào đường dữ nữa đâu. Cho nên từ đó mình thấy con đường giải thoát của mình có thời hạn, có nghĩa là sẽ đến. Còn không tệ lắm thì ráng làm đến Noãn vị thôi cũng ngon rồi, nhưng vẫn còn [trong] luân hồi, có thể bị đọa Địa ngục A Tỳ. Còn Nhẫn vị thì hết đọa ác đạo rồi. Còn Đảnh vị thì vẫn bị đọa vào đường ác, nhưng không đọa vào Địa ngục A Tỳ đâu, vì họ không làm Ngũ nghịch, cho nên không đọa vào [Địa ngục].

Về các quả vị thì hôm nay Thiện Trang cũng giới thiệu khá đầy đủ, khá thôi chứ chưa đầy đủ được. Và lúc nào đó Thiện Trang sẽ tổng kết lại bảng này một lần nữa, quý vị cứ ôm bảng đó mà học tới học lui thì quý vị sẽ thành công. Không khó! Mình không cần học mấy địa vị cao lắm đâu, quý vị thấy những địa vị cao quá mình không làm được, thì cứ nhắm vào những địa vị thấp thấp bên dưới thôi, [khi nào] làm xong bên dưới rồi thì lên trên, cứ từ từ.

Đó là Thiện Trang đã giới thiệu về pháp học và phần Đạo đế trong Tứ đế. Trong Tứ đế có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì phần vừa rồi chủ yếu là Đạo đế và Diệt đế. Bây giờ thay vì giới thiệu về Thiền quán, thì giới thiệu về Thiền chỉ. Thiền chỉ thì Thiện Trang có hứa là chia sẻ cho quý vị 40 đề mục tu Thiền chỉ, theo Luận Thanh Tịnh Đạo của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm). Đây là bộ bên Nam truyền, chứ không phải bên Bắc truyền, chúng ta cứ coi đi coi lại hoài thì chúng ta sẽ nhớ thôi. 10 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không Giới hạn và Ánh sáng, để có Thần thông. Thiện Trang đã giới thiệu nhiều lắm rồi, [đề mục] Đất, Nước, Lửa, Gió, màu xanh thì [Thiện Trang] đã giới thiệu rồi. Còn [đề mục] màu đỏ, màu trắng cũng tương tự với màu xanh, quý vị cứ đổi màu là được.

Còn hôm bữa Thiện Trang giới thiệu [đề mục] Ánh sáng rồi đúng không? Hôm nay Thiện Trang giới thiệu [đề mục] Hư không Giới hạn. Tại sao nói là Giới hạn? Vì đằng sau còn có Hư không Vô biên (Không Vô Biên Xứ) nữa. Đề mục này gọi là Biến xứ Hư không, còn những đề mục trên thì chúng ta biết rồi.

Hôm nay Thiện Trang giới thiệu **đề mục Biến xứ Hư không**, và sẽ giới thiệu cho quý vị đề mục Tùy niệm Tăng. Đề mục Biến xứ Hư không là như thế nào? Đề mục này lấy tướng để tu, là lấy khoảng trống không gian. Tức là quý vị kiếm cái lỗ tròn tròn hơn một gang tay, ở trên bức vách, bức tường nào đó, hoặc là cái gì đó, mà quý vị nhìn ra để thấy khoảng không (hư không), nhìn ra bầu trời, hay nhìn ra chỗ nào đó. Bây giờ ở thành phố thì chắc hơi khó, nhìn đâu cũng thấy nhà, thấy người, [nên] làm sao thấy hư không. Nhưng cách là như vậy, thì quý vị tập tu bằng cách đó.

Về đề mục này, nếu người có duyên từ đời quá khứ thì thật ra họ thuần thục thôi. Khi họ nhìn qua một khe hở hay một lỗ tường, thì [biểu hiện] chứng Thiền xuất hiện luôn. Nhưng với người chưa tu pháp này, thì việc hành trì có thể sẽ khó.

[Như vậy] là mình cần cái lỗ rộng hơn một gang tay, ở trên một bức vách hay một cái chòi, hay ở chỗ nào v.v… mình chắn trước mặt, rồi mình nhìn xuyên qua cái lỗ hổng đó, và niệm 'hư không, hư không'... Chú tâm cho đến khi mà phát sanh ra ấn tướng, rồi đến khi đạt đến Cận định, dần dần mình giữ được lâu thì sẽ vô định, gọi là đắc Thiền. Cách là như vậy thôi. Những người nào thích sự thỏa mái, thích tự do, thì tu đề mục này dễ. Còn người mà sợ khoảng trống, sợ gì đó thì tu [đề mục] này hơi khó. [Đề mục] Biến xứ Hư không này là cần [điều kiện] như vậy, đơn giản vậy thôi.

Đời nay chúng ta có Tivi đúng không? Nếu nhà ở phố, ở chung cư, không có khoảng trống, thì quý vị lấy Tivi chiếu lên cảnh ảo ảo nào đó, rồi lấy giấy gì đó dán hết lại, để nguyên cái lỗ vậy thôi. Rồi chiếu bầu trời hư không, nhìn vô đó quý vị tưởng tượng, rồi [niệm] hư không, thì cũng tu được đề mục Biến xứ Hư không này. Đó là Thiện Trang chỉ cho cách đơn giản.

Bây giờ Thiện Trang giới đề mục tiếp theo là Tùy niệm Tăng, đây là một đề mục quan trọng. Trước hết là giới thiệu trong Luận Thanh Tịnh Đạo:

Tùy niệm Tăng là sự niệm tưởng những đặc tính cao quý của hội chúng Thanh văn Đệ tử Phật, sự tùy niệm có cảm hứng từ chúng Tăng già. Nghĩa là bây giờ mình niệm Tăng, không phải là mình niệm ông tăng nào, mà mình niệm những đặc tính cao quý của hội chúng Thanh văn của Đệ tử Phật. Bây giờ thời nay thì hơi khó, thấy Tăng toàn là lỗi lầm không. Tăng hồi xưa thì dễ hơn, còn Tăng bây giờ là Tăng Phật.

Thật ra Tăng đúng nghĩa trong kinh tạng này, là Tăng phải có bốn đôi tám bậc là: từ Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn; Tư -đà- hàm hướng, Tư-đà-hàm... Tức là ít nhất phải từ [địa vị] Tùy tín hành, Tùy pháp hành v.v… thì đó mới tính là Tăng. Chứ còn phàm phu Tăng, mà [kêu] niệm đức tính cao quý thì cũng khó, quý vị hiểu không? Tức là niệm những đức tính cao quý của những người phải từ những vị trí đó cho đến Tam quả A-na-hàm hướng, Tam quả A-na-hàm; rồi Tứ quả A-la-hán hướng, Tứ quả A-la-hán. [Niệm Tăng] là như vậy.

Ở đây nói: **Đức tính cao quý của chúng Đệ tử Phật hay là ân đức Tăng** (tức là niệm ân đức Tăng; đức tính cao quý chính là ân đức). **Có chín đức tính như sau** (phải nhớ chín đức tính, là hơi nhiều đấy): **Chúng Đệ tử Thế Tôn là bậc thiện hành, trực hành, như lý hành, chân chánh hành, gồm bốn đôi tám bậc**. (Có nghĩa là phải là bậc thiện hành, là khéo thực hành; trực hành là người thẳng thắn. Chúng này là chúng Thánh mà, cho nên là phải trực thành. Chứ bây giờ người tại gia, người xuất gia, tu hành mà không có thật thà, không thật thà thì không có trực hành. Rồi như lý hành là phải thực hành giống như lý; chân chánh hành là thực sự tu hành.

Và gồm bốn đôi tám bậc, vừa nãy Thiện Trang nói rồi, bốn đôi là từ Sơ quả Tu-đà-hoàn mà chia đôi ra, thành ra tám. Sơ quả Tu-đà-hoàn thì có Sơ quả Tu-đà-hoàn hướng nữa. Tất nhiên chúng ta phải kể từ Tùy tín hành trở đi, còn nếu dưới [địa vị] Tùy tín hành thì chưa xếp vào đây. Những người tăng mà là Phàm phu Tăng hay là Á dương Tăng (tức là con dê câm, nên nói pháp không được),

hay là Ô uế Tăng (Sa-môn ô uế), làm mấy chuyện xấu gì đó. Cho nên [những hạng] đó mình không tính, nhưng mình cũng đừng có chê bai [họ], mình cứ lo tu thôi. Quý vị cứ lo mấy chuyện chê bai đó, mình hướng ra bên ngoài là tu không được đâu.

Chúng Đệ tử này của Thế Tôn đáng hiến dâng, đáng hiến tặng, đáng hiến cúng, đáng bái lạy, là phước điền vô thượng cho đời. Quý vị nhớ nha! Những bậc từ Tùy tín hành trở đi, tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn hướng trở đi, thì quý vị đáng hiến dâng, đáng hiến tặng, đáng hiến cúng, đáng bái lạy, là phước điền vô thượng cho đời. Cho nên không phải là bình thường đâu, mà quý vị đụng đến, xúc phạm mấy bậc đó, thì đời tu của quý vị tự nhiên khó khăn. Không phải khó khăn bình thường đâu, mà tuột luôn đó.

Quý vị nhớ trong Kinh Tăng Nhất A Hàm hay là Kinh Nikaya cũng có câu chuyện: Có ngài Sariputta (ngài Xá Lợi Phất) đang ngồi thiền nhập định, thì có hai con quỷ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương (là lính của Tỳ Sa Môn Thiên Vương), đi ngang qua. Con quỷ này tự nhiên có ác cảm sao đó, kêu: *"Ta sẽ đánh cho [một] cái vào đầu của vị Sa-môn này"*. Con quỷ kia can ngăn, [nói] vị đó không phải bình thường đâu, đánh không được đâu. [Con quỷ đó] kêu: *"Ta vẫn thích đánh đó thì sao!"* Con quỷ kia căn ngăn không được, nó nói vị Tôn giả đó là ngài Xá Lợi Phất, không dễ đánh đâu, không [được] đánh. Con quỷ kia kêu là nó đánh một cái thì không ai chịu nổi đâu.

Nó đánh xong rồi, thì [ngài Xá Lợi Phất] không sao, [vì] ngài đang nhập định mà. Nó đánh xong rồi thì bị đọa luôn. Con quỷ đó thật ra là lính Dạ-xoa của trời Tứ Thiên Vương. Sau đó nó [bị] đọa [vào] Địa ngục Vô Gián luôn. Sau đó đức Phật hỏi ngài Xá Lợi Phất: *'Ông thấy có bị sao [không]?'* [Ngài Xá Lợi Phất trả lời]: *"Con có hơi nhức đầu một chút"*. Đức Phật tán thán [ngài], với lực đánh đó thì núi Tu Di còn bể nữa, mà ông không bị làm sao hết. Vì ông có Thiền định Tam-muội, định Tam-muội đó rất mạnh, cho nên khi nhập vào định đó, con quỷ có đánh [thì ông] cũng không bị sao [hết]. Vì lúc đó ngài đang nhập định.

Quý vị thấy đó, xúc phạm một người Thánh nhân, đánh vào đầu một vị

Thánh nhân, mà ngay lập tức quả báo đọa Địa ngục A Tỳ. Quý vị thấy, có chuyện của Tôn giả Bạt Ca Lê, bởi phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên, mà đức Phật can ngăn không được, nên cuối cùng tội còn nặng hơn Đề Bà Đạt Đa nữa. Đức Phật nói lấy nước bốn biển cho vào Địa Ngục đó, giống như là lấy bốn giọt nước để lên con dao đang nóng, thì nước bốc hơi hết. Cho nên tội người ta nặng như vậy. Để bữa nào Thiện Trang có thời gian, Thiện Trang sẽ trích ra bốn người bị bốn tội nặng nhất trong thời đức Phật, được kể trong kinh.

Ông Đề Bà Đạt Đa cũng là một trong những người tội nặng, quý vị thấy xúc phạm đến chúng Tăng là nguy hiểm. Thời nay thì cũng có người tu hành, có thể chứng từ [Tùy] tín hành trở lên, mà quý vị lỡ xúc phạm đến những người đó, thì quý vị thấy quả báo mau [đến] lắm, xuống nhanh lắm. Cho nên mình thấy những người tu hành mình phải tán thán. Hiện nay chúng sanh vô minh lắm, không có hiểu biết, không có trí tuệ, không phân biệt được, họ [chỉ] thấy lợi ích trước mắt thôi.

Quý vị thấy như Sư Minh Tuệ đó, bây giờ người ta dựng chuyện thị phi tùm lum hết, những chuyện đó thật ra cũng không có gì lạ đâu. Đối với ngài thật ra không có tác dụng gì, vì ngài không quan tâm, bình thường ngài có bao giờ giận dỗi gì đâu, có bao giờ phiền não mấy chuyện đó đâu, tất cả đều tốt đẹp mà. Nhưng những người làm tội nghiệp thì vẫn là tội thôi, ai chửi, ai thế này thế kia, là mang tội. Tội mình tự kết, tự làm, tự chịu mà thôi, mình thương là thương những người đó.

Thứ hai nữa là tội cho chúng sanh, có nghĩa là gì? Thực ra những việc đó không ảnh hưởng tới những bậc tu hành như ngài đâu. Bây giờ bày đặt ra những chuyện trên trời, gán ghép cho ngài bao nhiêu chuyện, thì ngài vẫn là ngài thôi. Quý vị thấy, những người tu hành rồi, như bây giờ quý vị tu khá rồi thì quý vị đâu cần danh đâu. Ai có nói xấu, ai có chửi quý vị thì cũng vậy thôi. Ai có bôi nhọ quý vị, thì quý vị vẫn là quý vị thôi. Quý vị biết mình không phạm giới, quý vị biết giữ giới, tu hành là chuyện của quý vị. Còn chuyện của người ta muốn nâng mình lên hay đạp mình xuống, thì cũng có nghĩa gì đâu.

Nhưng tội là tội cho những người khác, họ nghe những sự bịa đặt đó, khiến họ thoái tâm. Thoái tâm đó là đoạn đi Huệ mạng của họ. Bởi vì họ mất niềm tin, khi mất niềm tin rồi thì họ không tu được nữa. Cho nên những việc như vậy, quý vị là những người tu hành lâu năm, thì quý vị phải hiểu rằng: Nếu mình không tin những vị Thiện tri thức nữa, ví dụ như Sư Minh Tuệ hay là những người nào đó, những vị thầy giảng đạo tu hành đức độ, mà quý vị không tin nữa, thì người Thiện tri thức đó không thiệt thòi gì.

Quý vị cung kính từ xa thì có ai biết đâu, có béo có mập gì đâu. Quý vị có cúng dường người ta đâu, quý vị có làm gì đâu. Cho nên người ta thì không bị ảnh hưởng, nhưng quý vị bị ảnh hưởng là quý vị tu không được. Quý vị không có chỗ nương tựa tâm nữa, pháp của quý vị tự nhiên không tu được nữa. Trước đó, quý vị rất tinh tấn giữ giới, nhưng bây giờ chỉ cần quý vị có sứt mẻ niềm tin đối với Sư Minh Tuệ, thì quý vị không giữ giới nữa rồi. Ví dụ trước đó quý vị tin Thiện Trang, mà quý vị nghe những tin xấu về Thiện Trang chẳng hạn, người ta đồn thổi thế nào đó v.v… mà quý vị không nghe [Pháp Thiện Trang] nữa thì người thiệt thòi là quý vị, chứ không phải là Thiện Trang hay Sư Minh Tuệ.

Cho nên mình phải [có] trí tuệ, mình phải biết làm sao để có lợi ích cho mình. Chứ không phải vì một vị thầy, vì một Thiện tri thức nào cả. Quý vị nên nhớ như vậy! Mình không học được, mình không tu được là mình thiệt thòi. Phật pháp mà không có nơi nương tựa là tu không được. Có mấy ai tự tu, tự đi được đâu! Đặc biệt Phật pháp là vô biên, những người hoằng pháp lợi sanh, những người tu được tới đó, là đã tu nhiều đời nhiều kiếp lắm rồi.

Quý vị coi video phỏng vấn [Sư Minh Tuệ] ở trên núi Sạn của anh Nhân Gà. Quý vị thấy rõ ràng, lâu lâu Sư Minh Tuệ cũng buột [miệng] một chút là: Con tu đến đời này cũng phải 1000 kiếp hay 1000 đời gì đó rồi. [Cho nên] không phải đơn giản đâu. Quý vị thấy có một bài khác, Sư Minh Tuệ nói là: Con tu dần dần nhớ ra, những nguyện này ngày xưa con đã phát rồi.

Quý vị thấy, đó toàn là những bật mí. Và người ta tu tới đâu thì người ta được như vậy. Còn bây giờ mình không tin, mình không nghe, rồi mình bỏ,

[không tu nữa]. Đó là thiệt thòi nằm ở mình, chứ liên quan gì tới ngài đâu. Quý vị đâu có cúng dường ngài Minh Tuệ được bữa nào đâu, cũng không đảnh lễ ngài. Ngài cũng đâu có biết xài mạng xã hội, ngài đâu biết gì đâu, ngài cũng đâu cần quý vị cung kính. Nhưng nếu tin thì quý vị học được, còn nếu không tin thì quý vị không học được. Mà không tin là mất duyên của mình, thì mình không học được, không tu được. Nghi những người tu hành chân chánh, nghi Thiện tri thức là mất lợi ích. Quý vị nghi rồi, thì đố mà quý vị học được. Đó là một điều thiệt thòi cho mình. Còn nếu mình là người thông minh, sáng suốt, thì mình phải biết lựa chọn.

Còn những chuyện [như vậy là bình thường], [vì] thời nay là thời Mạt pháp. Mà không phải [thời] Mạt pháp vậy thôi đâu, mà thời đức Phật cũng vậy. Quý vị coi trong kinh, thấy rất nhiều chuyện người ta bịa đặt cho đức Phật, vu khống cho đức Phật chuyện này chuyện kia. Nào là có bà đó độn bụng lên, nói vu khống đức Phật làm có bầu, rồi vu khống chuyện giết người v.v…. đủ các chuyện. Đó là đức Phật có Thần thông diệu dụng đó, tất nhiên là đức Phật không dùng Thần thông, nhưng vua trời Đế Thích, trời Tứ Thiên Vương, vua 16 nước lớn sông Hằng ủng hộ Ngài. Vua nước lớn đó là Đệ tử của Ngài, ủng hộ Ngài, mà Ngài còn bị nhóm ngoại đạo gây ra nhiều chuyện như vậy. Huống chi thời nay với công nghệ truyền thông ghép ảnh, ghép hình, ghép giọng, ghép tiếng v.v…. thì những chuyện đổi trắng thay đen là bình thường.

Quý vị cứ coi đi, coi những video trước và video sau, người ta bất nhất là mình biết ngay. Còn Sư Minh Tuệ vẫn là ngài ngày xưa đấy thôi, ngài vẫn như vậy thôi. Những người nào tu không đúng với Chánh pháp, thì sự thật vẫn là sự thật. Còn ai tu đúng Chánh pháp, thì sự thật vẫn là sự thật.

Cho nên đừng có dại, mình phải có trí tuệ để suy xét. Những kẻ giả bộ, thì chỉ giả bộ một thời gian rồi cũng lòi đuôi cáo ra thôi, không làm được đâu. Còn người thật thà thì lúc nào người ta cũng thật thà từ đầu đến cuối. Còn giả bộ thì thề thốt ghê lắm. Mà quý vị để ý những người thề thốt ghê gớm, thường là những người giả. Bởi vì họ dùng lời thề để thao túng tâm lý. Giống như là thề: ‘Con sẽ đi với thầy suốt đời, khi thầy còn thì con còn, con không bao giờ bỏ thầy’. Bây

giờ bỏ chưa? Rồi con thề con sẽ làm gì đó cho thầy. Rồi làm chưa? Cuối cùng có làm đâu.

Cho nên Thiện Trang nói với quý vị, Thiện Trang có kinh nghiệm mấy chuyện này lắm. Thiện Trang từng gặp rất nhiều chuyện xảy ra như vậy. Và Thiện Trang chỉ khuyên quý vị là hãy tỉnh táo. Những người thực sự tu hành, thông thường người ta nói ít mà làm nhiều. Tức là người ta không hứa hẹn cho quý vị một điều gì hết. Không hứa là sẽ đưa quý vị lên bờ giải thoát, không hứa cho quý vị đời này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, [không] hứa cho quý vị đắc quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm v.v…. Mà toàn chỉ nói là: Tu đi hay làm theo đức Phật đi, hành như vậy thì được như vậy. Còn tôi không hứa làm cho quý vị một điều gì cả. Những người đó mới là những người thật. Bởi vì sao không dám hứa? Vì người ta không dám vọng ngữ. Còn những kẻ càng hứa hẹn, thề thốt nhiều bao nhiêu, là những người không tin nhân quả, thường là vọng ngữ nhiều. [Còn những người thật thà], họ có hứa cũng là một vài điều rất đơn giản thôi, nếu cần thiết thề nguyện.

Quý vị coi đi, không biết Sư Minh Tuệ thế nào, nhưng ngài nói khớp với những điều Thiện Trang giảng. Gần đây có một đoạn [video], có người hỏi Sư Minh Tuệ: " Khi phát nguyện tu hành, có nên cho người ta biết hay không?" Sư Minh Tuệ trả lời giống như Thiện Trang nói: là bảy a-tăng-kỳ kiếp đầu tiên là tu âm thầm, không nói, cứ tu thôi. Rồi tới chín a-tăng-kỳ thứ hai mới bắt đầu hành được nguyện đó. Bắt đầu từ bốn a-tăng-kỳ cuối cùng mới công khai nguyện đó ra cho đại chúng, và không sợ thử thách nữa. Bây giờ ngài công khai ý nguyện của ngài, chứng tỏ là ngài phải rơi vào trong vòng 20 a-tăng-kỳ, tức là chủng tánh trí tuệ trong ba hạng người tu đó quý vị, bài đầu tiên [Thiện Trang] giảng trong bộ Luận Câu Xá này, quý vị nhớ không?

Hạng người thứ nhất [chủng tánh] tinh tấn là tu 80 a-tăng-kỳ kiếp; hạng người thứ hai là hạng đức tin, là tu tới 40 a-tăng-kỳ; và hạng người trí tuệ tu 20 a-tăng-kỳ. Vậy thì bây giờ ngài đang tu hạng nào? Ngài đã trải qua 16 a-tăng-kỳ rồi, ngài đang ở giai đoạn phát nguyện ra cho đại chúng, ngài sẵn sàng làm. Quý vị thấy ngài đâu có học A Tỳ Đàm đâu, mà ngài nói như vậy. Quý vị thấy hay

không? Thiện Trang giảng từ bài một rồi, bây giờ ngài nói đó. Quý vị thấy rất là hay! Người ta đâu có học gì đâu, học ở đâu, đâu có trong đó đâu, chỉ có trong A Tỳ Đàm [thôi]. Cho nên [Sư Minh Tuệ] học bài bản, học đàng hoàng hết đó. Đừng tưởng là [ngài] không có học.

Giáo pháp Tứ đế là khi chúng ta đi trên con đường nào, cho dù quý vị không có bản đồ, có một hạng gọi là Thân chứng (trong mấy loại quả vị có hạng Thân chứng), là người đó chẳng cần nương nhờ vào ai hết, tự mình khám phá ra con đường đi. Giống như quý vị đi từ Hà Nội tới Thành phố Hồ Chí Minh, mà quý vị tự mò đường đi, mò một hồi đi vô tới luôn. Và quý vị đi vô tới rồi thì thuộc đường luôn. Vì tự mò nên thuộc đường luôn, và vẽ con đường ra lại được. Tức là họ cũng tự thông giáo pháp Tứ đế. Và hạng tự thông giáo pháp Tứ đế kiểu đó, thì chủng tánh khả năng là thành Độc giác Phật. Độc giác là mình tự đi, khỏi cần thầy.

Cho nên hay lắm, quý vị cố gắng tự học kinh điển đi, rồi so ra những gì ngài Minh Tuệ làm, những gì người Thiện tri thức làm, có đúng với kinh hay không? Có hợp với kinh hay không? Những người làm đúng với kinh thì đó là Thiện tri thức ở đời, [chúng ta] nên cung kính học tập.

Đó là đức tính của Tăng, là như lý hành, chân chánh hành, trực hành, thiện hành và đáng cúng dường, lễ lạy. Mà các ngài không cần cúng dường đâu, quý vị chỉ cần tin thực hành theo là có lợi ích rồi, cho nên ráng học.

Hội chúng Hảo phàm phu, những vị Tỳ-kheo phàm nhân có tu tập cũng đáng kính trọng, nhưng không tuyệt đối xứng danh. Nghĩa là ở trên chỉ có hội chúng Thánh Đệ tử mới xứng danh là bậc thiện hạnh v.v… chứ còn phàm phu tu tập thì cũng đáng kính trọng, nhưng chưa tuyệt đối xứng danh đâu.

Chúng Thanh văn của đức Thế Tôn gồm bốn hạng, là bậc Dự lưu, bậc Nhất lai, bậc Bất lai, bậc Lậu tận hay A-la-hán, (tức là mới bốn quả vị). **Bốn hạng Thánh này nếu kể đạo và quả Dự lưu, đạo và quả Nhất lai, đạo và quả Bất lai, đạo và quả A-la-hán, thì gọi là bốn đôi** (tức là bốn đôi tám cặp). **Nếu kể từng hạng Thánh nhân bậc Sơ đạo, bậc Sơ quả, bậc Nhị đạo, bậc Nhị quả,**

bậc Tam đạo, bậc Tam quả, bậc Tứ đạo, bậc Tứ quả thì có tám vị. Điều này chúng ta biết hết rồi, bây giờ chúng ta sẽ học lại chín đặc điểm cao quý.

Ở đây Thiện Trang cũng xin nói một chút, vì có nhiều đồng tu chưa đọc bài Thiện Trang viết trên Facebook nói về ơn nghĩa, bây giờ người ta đánh vào chữ ơn, nói sư Minh Tuệ vô ơn. Quý vị coi coi, có phải là ngài vô ơn hay không? Đầu tiên người ta tiếp cận tự nguyện làm, tự nguyện đi. Và quý vị coi lại video gốc trước một ngày Sư Minh Tuệ xuất cảnh đi ra nước ngoài, Sư Minh Tuệ nói là: 'Con chỉ nhờ anh làm cho hộ chiếu (passport) để đưa qua biên giới, rồi con tự đi'. Ngay từ đầu ngài đã nói như vậy, còn anh có duyên thì anh đi, không thì thôi.

Quý vị biết, nếu không có Sư Minh Tuệ thì ai thèm coi mấy kênh YouTube đó, và kênh YouTube đó làm sao có tiền được. Bây giờ quý vị làm kênh YouTube là [biết] liền, đâu có ai coi, đâu có nổi được. Nhưng nhờ Sư Minh Tuệ mà thu nhập tăng thêm, coi cả mấy triệu view là nhiều lắm, tiền cũng nhiều lắm, có bật quảng cáo nữa mà. Bật quảng cáo mới nhiều tiền, chứ không bật quảng cáo thì cũng không bao nhiêu. Quý vị tính ra số tiền đó coi như là trả công sức rồi, quý vị làm gì mà được nhiều tiền như vậy. Quý vị lên check [kiểm tra] thử coi, số tiền [kiếm được] khoảng bao nhiêu nếu như bật quảng cáo trong thời gian lượt view cao như vậy. Đó là coi như trả ơn rồi.

Mà ơn gì! Nếu mình đối với một bậc tu hành, thì việc mình phục vụ, cúng dường, thân cận v.v… là cơ hội để mình tu phước, cơ hội để mình tạo dựng phước báo. Mình không làm thì có bao nhiêu người muốn làm, chứ đâu phải mình giành hết [được] đâu. Nên tự nhiên mình được làm, thì đó là hạnh phúc, đó là điều kiện tốt đẹp, chứ không phải nói [như] vậy, một hồi rồi chúng sanh lại nói vô ơn.

Quý vị nên nhớ: cúng dường cho một vị tu hành, một bậc chân tu thôi, chứ không cần nói đắc đạo gì ghê gớm, là có phước báo lớn rồi, là cơ hội để mình được [tu phước]. Rồi bây giờ mình mới được nổi tiếng, mình được thu nhập nhiều v.v… đó là quá nhiều rồi. Những gì bỏ ra với những gì thu lại, thì ai được lợi hơn? Thế nên nhiều khi mình không hiểu, mà người đời, người ta làm riết thì

hay kể công, chúng sanh thường hay như vậy.

Quý vị nên nhớ, kể công là mất hết công đức. Giống như trong kinh, có câu chuyện ông đó cúng dường xong rồi hối hận, quý vị thấy sau này ổng giàu có nhưng chẳng xài được tài sản gì hết. Cho nên [chúng ta] không bao giờ làm [việc gì] rồi hối hận.

Đây là chúng ta học thôi, những bài đó là những bài diễn, thử đạo tâm của từng người, của từng quý sư, quý thầy, cho đến những người đi theo, cho đến những người theo dõi, coi thử mỗi người tâm đạo như thế nào. Cho nên đó là những bài diễn, phải có bài như vậy thì mới test ra được trình độ của mỗi người tới đâu, tu học thế nào. Chứ chúng ta không phải thị phi gì những chuyện này. Nhưng chúng ta phải biết: đi tu là như vậy.

Như chuyện Tây Du Ký, mặc dù chỉ là giả tưởng, ngài Huyền Trang chỉ đi một mình thôi, chứ không có Sa Tăng, Bát Giới, Tôn Ngộ Không đâu. Nhưng quý vị thấy, đi tu là phải có nhiều chuyện, [nhiều] thử thách như vậy, thời nào cũng có, thời đức Phật cũng vậy. Đức Phật khi mới đi xuất gia, ngài cắt mái tóc, rồi đi một thời gian gặp ông vua đó, ổng nói là thấy tuyệt vời quá, nên chia cho nửa đất nước luôn. Quý vị thấy, có những thử thách như vậy. Mình mà không vượt qua là thôi, mình nhận luôn đất nước để cai trị, sống cho sướng.

Cho nên lúc nào cũng vậy, giống như Hòa thượng Hư Vân, ngài đi một thời gian, thì họ thỉnh [làm] trụ trì chùa này chùa kia, mới đầu đi bốn người, dần dần còn lại mình ngài. Người thì bệnh đi không nổi, người thì được thỉnh ở lại trụ trì chùa v.v… chuyện này chuyện kia, [nên] không đơn giản. Cho nên đi được lộ trình dài xa là một vấn đề. Thời xưa chỉ có ngài Huyền Trang và một số ít người, đi từ Trung Quốc sang Ấn Độ và từ Ấn Độ trở về. Nếu như thời nay ngài Minh Tuệ và đoàn đó đi được, thì cũng ghi vô sách sử bao nhiêu ngàn năm sau. Bởi vì đó là một hành trình đi bộ từ Việt Nam qua đến Ấn Độ và đi về, là một hành trình lịch sử. Tất nhiên con đường phía trước còn [nhiều] chông gai, và nhiều màn hấp dẫn đang chờ. Sẽ có rất nhiều chuyện xảy ra, và đó giống như là kiếp nạn trong phim Tây Du Ký.

Chúng ta, bằng trí tuệ của người học Phật, bằng sự tỉnh táo của người học Phật, bằng sự tỉnh giác của người học Phật, bằng sự khiêm tốn, khiêm nhường và không sân si, không cực đoan, chúng ta hãy nhìn hành trình đó, thì sẽ học được rất nhiều điều lợi ích, chứ đừng [để] bị dư luận dẫn dắt theo chiều hướng nào cả. Cực đoan quá cũng không được, lên mà chửi bới, chửi bên này, chửi bên kia thì đều không nên. Mà chúng ta chỉ thấy đó là những bài học đang diễn ra trong thực tế, và một bộ phim thật 100% đang diễn ra trước mắt chúng ta. Chúng ta hãy nhìn theo góc độ Phật giáo, nhìn theo góc độ đạo hạnh và tu hành, hành pháp, thì chúng ta sẽ học được.

Thiện Trang rất mừng là Sư Minh Tuệ dù sao dần dần cũng được nói nhiều hơn trong các video để mình coi, mình nghe được các pháp hành, thì mình cứ học thôi. Đơn giản mình chỉ học những gì mình cần học. Còn ai muốn thần thánh hoá lên cỡ nào, thì đó là duyên của họ, hoặc ai muốn đạp xuống đất thì cũng là duyên của họ. Chúng ta cứ học những điều gì mà mình thấy học được, đó là tinh thần của người học Phật, Thiện Trang xin chia sẻ như vậy.

Bây giờ sẵn Thiện Trang chia sẻ luôn chín đức tính cao quý của chúng Tăng:

1. Thiện hành: (Thiện hành là như thế nào?) **gọi như vậy vì Thánh chúng đã hành trình qua đạo lộ tốt đẹp, đạo lộ chân chánh, đã thể nhập Thánh đạo:** #hành là đi qua; thiện hành là khéo đi qua, và đã đi qua được con đường tốt đẹp rồi, đạo lộ chân chánh, và đã thể nhập được Thánh đạo.

2. Trực hành (ngay thẳng): **là các bậc Thánh đã hành trình con đường ngay thẳng, không khuynh hướng cực đoan (khổ hạnh và lợi dưỡng), tức là trung đạo:** #trực hành là con đường ngay thẳng và không theo khuynh hướng cựu đoan (khổ hạnh và lợi dưỡng). Có nhiều người khổ hạnh quá, mà khổ hạnh không đúng pháp thì đức Phật cũng chê. Mai mốt chúng ta sẽ trích dẫn kinh, để nói về việc khổ hạnh như thế nào là đúng, và khổ hạnh như thế nào là sai. Lúc nào khổ hạnh, lúc nào không khổ hạnh.

Cho nên có một số người chưa học những nền tảng A Hàm này, thì có hành

trì khổ hạnh hơi cực đoan. Có người hành trì theo kiểu quá hưởng thụ (lợi dưỡng), thì cũng không thể thành tựu đạo quả được. Để đi đến Thánh đạo, là phải đi theo con đường ngay thẳng, con đường không theo khuynh hướng cực đoan, tức là con đường trung đạo. Nên nhớ vậy!

Quý vị không thể suốt ngày ăn rồi đi dạo phố hưởng thụ, ngày nào cũng vậy, thì chứng đạo là điều đó không có. Thiện Trang chưa thấy trong kinh có câu chuyện nào như vậy. Và cũng có những người khổ hạnh nhưng cuối cùng không đắc đạo, khổ hạnh quá cũng không được, cho nên phải vừa phải.

Về pháp hành của ngài Ma Ha Ca Diếp, tức là 13 hạnh Đầu Đà, thì trong kinh có nói, ngày nào đó Thiện Trang sẽ trích dẫn cho quý vị để chúng ta học, chứ không phải chúng ta nói theo kiểu chúng sanh thấy khổ quá rồi tán thán. Mình nói gì thì phải theo kinh, kinh có nói thì mình cứ theo.

3. Như lý hành: là các bậc Thánh đã hành trình đến Niết-Bàn; Niết-Bàn gọi là Chân Như. Ở đây, [Như lý hành] là các bậc Thánh đã hành trình đạt đến Niết-Bàn, hoặc là những người gần đạt đến, ít nhất thấy được dấu đạo. Hình như ở trong Kinh Trường A Hàm, có một câu gọi là: 'Dĩ kiến Đạo tích', tức là đã thấy được dấu vết của con đường đạo. Hồi xưa Thiện Trang không biết đó là quả vị gì, nhưng hôm qua Thiện Trang coi lại, thì đức Phật nói đó là [quả vị] Tu-đà-hoàn. Tức là đã thấy được dấu của đạo rồi, gọi là Dĩ kiến Đạo tích. Thấy được dấu vết của đạo, thì người đó được xác nhận là Tu-đà-hoàn, không đọa vào đường dữ.

4. Chân chánh hành: là các bậc Thánh đã hành động theo đường lối đúng đắn, mà bậc Đạo Sư đã đề ra, hay theo đường lối đáng được ngưỡng mộ. Chân chánh hành là các bậc Thánh đã tuân theo con đường mà bậc Đạo Sư đã đề ra; Đạo Sư tức là Phật.

5. Bậc đáng hiến dâng: là các bậc Thánh xứng đáng nhận lễ phẩm mà người ta mang từ xa đến, dâng lên bậc cao quý đức hạnh. Vì các ngài có đức hạnh cao quý, nên xứng đáng nhận lễ phẩm.

6. Bậc đáng hiến tặng: là các bậc Thánh xứng đáng nhận tặng phẩm,

mà người ta kính biếu từ những thượng khách. Phía trên là mang từ xa tới, còn ở đây là từ những thượng khách; Thượng khách là những người cao sang, giống như vua cho.

7. Bậc đáng hiến cúng: là các bậc Thánh xứng đáng nhận cúng phẩm, mà người ta có niềm tin cúng dường để tạo phước. Những bậc này xứng đáng nhận cúng dường, để người ta tạo phước.

8. Bậc đáng bái lạy: là các bậc Thánh xứng đáng để người ta biểu hiện cung kính, bằng cách chắp tay lên đảnh lễ. Quý vị thấy việc chắp tay đảnh lễ này, thì hồi xưa Thiện Trang cũng thấy là lạ, Thiện Trang thì chắp tay hơi cao. Bên Bắc truyền, theo Luật Sa Di là chắp tay ngang ngực, thì có người nói Thiện Trang. Thiện Trang [nói] sao kỳ vậy, theo thói quen là mình hay chắp tay cao, sau này mới phát hiện bên Nam truyền chắp tay còn cao hơn nữa. Thế thì có lẽ nhiều đời mình có tập khí, chắc là Thiện Trang tu theo kiểu đó. Còn kiểu chắp tay ngang ngực thì đẹp, nhưng đó là theo trong Luật Sa Di của Bắc truyền thôi. Chứ bên Nam truyền thì chắp tay đưa lên cao, Phật tử Nam truyền và Sư Nam truyền đều như vậy. Cả Sư Minh Tuệ, quý vị thấy cũng chắp cao.

Những điều này thì quý vị đừng chấp trước, mình theo bên nào thì theo bên đó. Hồi xưa mình cứ chấp trước là phải chắp như vậy mới đúng. Hoặc là mình chắp như vậy là đúng, người ta chắp như vậy mới đúng. Cho nên kính lễ, hay bái lạy cũng vậy, tùy theo điều kiện.

9. Bậc phước điền vô thượng cho đời: là Thánh chúng Đệ tử của Phật, là hội chúng tối thượng trong các hội chúng. Thánh chúng như là thửa ruộng có đất màu mỡ, chúng sanh gieo hạt giống niềm tin vào thửa ruộng ấy, sẽ gặt hái quả phước dồi dào: Bậc Thánh vô thượng là phước điền vô thượng luôn. Cho nên việc ủng hộ cho đoàn [của] Sư Minh Tuệ và những vị Sư đi cùng, đó là cơ hội để mình tu phước, chứ không phải để mình kể công. Kể công là hết phước, đó là mình không hiểu. Cho nên đôi khi không học Phật pháp, thì không hộ trì được Chánh pháp.

Quý vị biết tiêu chuẩn để hộ trì Chánh pháp là gì không? Tiêu chuẩn đó là

Kiến đế (tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn). Chứ còn chúng sanh vô thường lắm, lúc thế này, lúc thế kia, đó là chuyện bình thường. Quý vị đừng lạ với chúng sanh, họ thay đổi xoành xoạch, lúc thì họ cho lên trời, lúc thì họ đạp xuống đất. Đó là bình thường. Bởi vì người ta chưa phải là Sơ quả Tu-đà-hoàn trở lên, thì chưa làm được đâu.

Hồi xưa có người nói với Thiện Trang, cũng hứa hẹn hộ trì thầy v.v… Thiện Trang nói là Thiện Trang không tin, là chắc chắn được, hứa hẹn lắm là không tin. Người đó hỏi tại sao thầy không tin con? Thiện Trang nói: bởi vì vị đó chưa chứng Tu-đà-hoàn, chưa chứng quả. Thiện Trang biết mà, Thiện Trang nói chưa chứng quả thì chưa tin, rồi cứ để từ từ xem. Cuối cùng thời gian cũng thấy rõ ràng.

Cho nên mọi lời hứa hẹn của chúng sanh phàm phu thì không có chắc. Chỉ bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn trở lên hứa là chắc, còn không thì quý vị cũng phải vào địa vị ít nhất là Nhẫn vị, Thế đệ Nhất vị, thì những lời hứa đó có thể thành tựu được chín mươi mấy phần trăm. Bởi vì có những lúc họ sẽ mê, họ mê trong lúc chuyển sanh. Sơ quả Tu-đà-hoàn chuyển sanh còn mê nữa đó, nhưng đời sau từ từ họ tỉnh lại. Ở trong Luận Đại Tỳ Bà Sa nói rất rõ, có những người Sơ quả Tu-đà-hoàn chuyển sanh không mê. Nhưng có những người Sơ quả Tu-đà-hoàn chuyển sanh thì mê, thậm chí Nhị quả còn mê, chứ đừng nói quý vị chưa chứng quả vị nào.

Cho nên mới nói: ‘Bồ-tát còn mê khi cách ấm, Thanh văn còn muội lúc ra thai’. Thanh văn nhưng là Thanh văn nào, thì từ từ chúng ta học sẽ thấy rõ, chứ không thể nói lung tung lang tang được. Thiện Trang đọc tới đọc lui bộ luận vẫn chưa chắc, Thiện Trang muốn coi trong kinh nói, [vì] trong kinh nói rõ ràng hơn.

Tất nhiên A-la-hán thì trong kinh nói là không nhập thai nữa, thì đó là không mê rồi. Và theo tiêu chuẩn của Duy Thức, thì Bát địa Bồ-tát là tương đương với Bát trụ (tương đương với A-la-hán). A-la-hán thì không mê nữa. Điều đó chỉ có [nói] ở mấy bộ luận thôi, Thiện Trang thì vẫn mong coi trong kinh, nhưng chưa tìm thấy trong kinh, nên Thiện Trang không nói. Nhưng ở trong các

bộ luận, thì mỗi người nói một kiểu, [nên] không biết đường nào. Về sau Thiện Trang thường căn cứ theo kinh là chính, luận là để tham khảo. Có những chỗ Thiện Trang nói điều này trong kinh chưa [tìm] thấy, nhưng trong luận đó thấy thì Thiện Trang nói trong luận có. Quý vị tự suy xét ra, tin hay không tin thì tùy mỗi người. Tiếp theo:

Hành giả muốn tu tập Tùy niệm Tăng, cần phải thông hiểu ý nghĩa chín ân đức Tăng như vậy, rồi đi đến chỗ yên tịnh độc cư, ngồi xuống, gợi lên hình ảnh của chư Thánh Thanh văn từ xưa đến nay, và khởi niềm tịnh tín nơi Tăng bảo. Đầu tiên là quý vị phải thông thuộc và hiểu ý nghĩa của chín điều trên, rồi sau đó quý vị tìm nơi yên tĩnh độc cư, tức là một mình. Quý vị thấy tu theo điều này, toàn là tu một mình thôi, chứ không phải như thời nay ngồi cho đông, Đạo tràng hàng ngàn người, mấy chục ngàn người, [nên] tu không được. Rồi ngồi xuống, gợi lên hình ảnh của Thánh chúng Thanh văn từ xưa đến nay, và khởi niềm tin thanh tịnh đối với Tăng bảo.

Hành giả bắt đầu niệm tưởng các đặc tính cao quý của Thánh chúng Đệ tử Phật. Tức là đọc lại những điều trên: 'Chúng Thanh văn của đức Thế Tôn là bậc thiện hành, các ngài đã đi lên đạo lộ tốt đẹp (đó là điều thứ nhất). Chúng Thanh văn của đức Thế Tôn là bậc trực hành, các ngài đã hành trình đạo lộ ngay thẳng. Chúng Thanh văn của đức Thế Tôn là bậc như lý hành, các ngài đã hành trình đến Niết-Bàn' v.v… nhớ niệm, và nhớ tưởng đến chín điều đó.

Khi hành giả niệm tưởng ân đức tăng như thế thì tâm hành giả lúc ấy có sự an lạc, không bị tham sân si ám ảnh, nhờ khởi lên cảm hứng từ chúng Tăng. Thực ra quý vị đang nghĩ những điều đó, thì quý vị không tham, không sân, không si. **Sau khi hành giả nhiếp phục được các Triền cái, những Chi thiền xuất hiện nơi tâm hành giả. Nhưng điều này chỉ đạt đến Cận định hành, chứ không đạt đến Sơ thiền trở lên.** Bởi vì đề mục này rộng quá. Quý vị thấy 10 đề mục Biến xứ đơn giản, niệm nước, nước, nước và nghĩ đến nước thôi, cho nên dễ nhập định. Còn đề mục này rộng quá, nghĩ đến chín điều. Suy nghĩ nhiều quá nên không thể nào đắc vào Sơ thiền trở lên, tu Thiền chỉ thì chỉ đắc Cận định (Vị đáo định) thôi.

Khi một hành giả chuyên tâm tu tập sự tùy niệm ân đức Tăng, thì vị ấy có thái độ cung kính tôn trọng đối với Tăng chúng, sẽ viên mãn về Tín, về Giới, có lực nhiếp phục nỗi sợ hãi khủng bố, có khả năng chịu đựng sự khổ thọ. Vị ấy cảm thấy như mình đang sống với sự hiện diện của Tăng chúng, nên dễ có lòng tàm quý khi gặp hoàn cảnh muốn phạm giới. Có nghĩa là những điều lợi ích đầu tiên, là quý vị nhờ sự chuyên tâm tu tập như vậy, thì quý vị có thái độ cung kính đối với Tăng chúng, và quý vị sẽ viên mãn về Tín (tức là niềm tin), về Giới, không sợ hãi, có khả năng chịu đựng khổ, và quý vị cảm thấy mình đang sống trong Tăng chúng (Tăng đoàn), cho nên quý vị cảm thất tốt đẹp. Quý vị sẽ sợ hãi, cho nên không dám phạm giới, thì tự nhiên có tác dụng như vậy.

Cho nên đề mục này tu cũng tốt, muốn thành tựu về Tín, tức là chúng ta có bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới, thì tu những đề mục này cũng giúp [thành tựu]. Chứ đừng nói là tôi tu Thiền chỉ, nên tôi không cần tu những điều này. Đời nay đa số chúng ta tu không thành tựu, là vì chúng ta thiếu sự cung kính, thiếu nền tảng này.

Và nếu hành giả không thâm nhập được gì cao siêu hơn, thì ít nhất cũng là nhân đưa đến một cảnh giới an lạc. Tất nhiên là như vậy. Đó là đề mục niệm Tăng.

Do thời gian cũng hết rồi, cho nên Thiện Trang xin phép, đáng lẽ Thiện Trang giới thiệu cho quý vị pháp niệm Tăng trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, nhưng thôi để bữa sau, chúng ta sẽ học ở bài 29.

Hy vọng quý vị thu hoạch được nhiều lợi ích. Quý vị cố gắng học tới học lui bộ này, [bộ này] có nhiều pháp hành và nhiều kiến thức. Những điều này quan trọng, quý vị cứ nghe tới lui thì sẽ ngấm và thâm nhập vô. Mình không cần học những gì cao siêu quá, Thiện Trang chỉ cho quý vị, nếu quý vị thấy A-la-hán khó quá, thì quý vị học các quả [vị] dưới, học các pháp nào cảm thấy làm được thì quý vị học trước.

Ví dụ Thiện Trang đã giảng được 40 đề mục tu Thiền chỉ, nhưng quý vị thấy điều nào cần thiết thì quý vị học, điều nào chưa cần thì mình lướt qua, mình tìm hiểu thôi. Mình nắm điều nào [thì nắm] cho chắc để mình hành, biết điều nào thì hành điều đó, thì sẽ [có] lợi ích. Thiện Trang giảng cho nhiều căn cơ, quý vị đâu phải căn cơ đó, quý vị có cách chọn, các bước tu đều đầy đủ. Quý vị cứ hành trì theo đó thì sẽ được nhiều lợi ích. Khi được lợi ích rồi, quý vị bước lên coi lại những bài cũ, thì quý vị sẽ tu thêm được những điều khác, dần dần mình tiến lên. Quý vị tu trước hay sau gì cũng thành tựu, không thành tựu thì mai mốt gặp Phật Di Lặc vẫn được độ thoát.

Thời gian hôm nay hết rồi, Thiện Trang xin dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 29: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 29.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 12.02.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=eHeK68W85c8
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Bài hôm nay là bài 29. Mấy bữa [gần đây], Thiện Trang đang cố gắng đưa phần nền tảng căn bản là kinh tạng, vào để học trước, và có một phần A Tỳ Đàm. Còn Luận Câu Xá, hình như mấy buổi rồi Thiện Trang không có chia sẻ. Để chúng ta có một nền tảng, khi vô học Luận Câu Xá thì sẽ dễ hơn. Chứ nếu vô [Luận] Câu Xá luôn thì có nhiều phần tương đối khó, Thiện Trang thấy là có nhiều phần khó. Cho nên đó là lý do tại sao chúng ta đang dừng lại một chút, chúng ta học một vài buổi nữa về phần kinh tạng, phần A Tỳ Đàm, rồi chúng ta sẽ học sâu chuyên về Luận Câu Xá.

Thiện Trang xin phép mở màn buổi hôm nay, [là chia sẻ] một khai thị của đức Phật trong một bài kinh:

Khai Thị Của Đức Phật

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế gian có năm sự cực kỳ không thể đạt được. Những gì là năm? Vật phải mất mà muốn cho không mất, đó là không thể được.

Đây là điều thứ nhất ở thế gian chúng ta. Đây là một khai thị về Vô thường. Vật phải mất, tức là vật sẽ mất mà muốn cho không mất, đó là điều không thể được. Có nghĩa là ở tại thế gian này, cho dù quý vị muốn hay không muốn, dù có mong cầu, dù có mong là mình có được điều gì đó mãi mãi trên cuộc đời này, thì điều đó cũng không thể được.

Không biết quý vị thế nào, chứ Thiện Trang càng ngày cảm thấy điều đầu tiên mà mình không được, đó là thân thể. Thân thể của mình là vô thường. Có lẽ những người hai mươi mấy tuổi, mười mấy tuổi, thì không cảm nhận được lắm. Nhưng khi quý vị bước lên hàng ba, tức là U30, thì bắt đầu cảm nhận thấy sức khỏe của mình không bằng được như thời trẻ. Hồi nhỏ, cỡ nào quý vị cũng khỏe hết. Thiện Trang nhớ hồi nhỏ, [lúc] Thiện Trang [học] cấp II, cấp III, đi dầm mưa, đá banh cả buổi chiều không sao cả. Nhưng tới chừng hai mươi mấy tuổi, rồi qua 30 tuổi, tuy không đá banh nữa (vì hồi đó học Phật pháp rồi), nhưng nếu qua một cơn mưa thôi là bị bệnh, có thể về bị cảm.

Bây giờ qua 40 tuổi rồi, thì càng thấy hình như sức khỏe của mình xuống thêm một bậc nữa, không còn khỏe mạnh như xưa. Hồi xưa chịu trận giỏi lắm, khỏe lắm, cỡ nào cũng chịu được. Nhưng sau này, ví dụ như làm việc nhiều hay làm gì nhiều, thì cảm thấy mỏi mệt, rã rời. Ví dụ Thiện Trang ở trên đảo, lâu lâu kéo một số đồ vật, vì ở trên này xe không có tới nơi. [Khi] kéo một số đồ nặng nặng, kéo xong chừng một ngày thôi, thì ngày hôm sau là thấy người rã rời. Chứng tỏ là theo năm tháng, sức khỏe của chúng ta không [còn] đảm bảo được nữa. Đó là nỗi khổ của thế gian. Nỗi khổ này gồm nỗi khổ của Cầu bất Đắc khổ,

già khổ, bệnh khổ, chết khổ, v.v… có tám nỗi khổ.

Đầu tiên, ở đây đức Phật nói là vật mất mà muốn cho không mất, đó là không thể được. Cho nên ở đời có nhiều việc, nhiều thứ, chắc chắn cũng phải ra đi. Có những thứ mình muốn xài mãi mãi cũng không được. Giống như ở thế gian, Thiện Trang thấy Tết này cũng có những thông tin tai nạn. Nhiều người đi xe bị hư xe, bay xe xuống vực, bay xe xuống ruộng, bay xe xuống sông, xuống hồ, v.v… Đó là những gì mà mình thấy được. Vật [phải] mất mà muốn không mất thì không được.

Pháp diệt tận mà muốn cho không diệt tận, đó là không thể được. Đây là điều thứ hai, đáng lẽ đánh số 1, 2… thì rõ hơn. Điều này [đối với] các pháp cũng vậy thôi. Ở thế gian, các pháp là vô thường, dù cho là gì thì cũng đến lúc diệt tận. Ngay cả Phật pháp mình, rồi đến lúc nào đó thì trên thế gian này cũng không còn. Chúng ta không cần nói đâu [xa], chúng ta nói tại đất Phật (Ấn Độ), bây giờ Phật pháp cũng không bằng thời xưa nữa. Dân Ấn Độ gần như không biết về Phật pháp, chỉ có những người ở quốc gia khác, và dần dần như thế thì [Phật pháp] cũng sẽ diệt thôi. Mình không có cách nào. Dù đức Như Lai có ra đời, giúp cho thì cũng không được. Bởi vì đó là quy luật Vô thường.

Pháp già mà muốn cho không già, đó là không thể được. Pháp bệnh mà muốn cho không bệnh, đó là không thể được. Pháp chết mà muốn cho không chết, đó là không thể được. Ba điều phía sau [này] 3, 4, 5 là già, bệnh, chết. Chắc chắn! Ai trong đời rồi cũng phải già, không thể nào sống mà không già. Nếu quý vị muốn sống mà không già, thì quý vị hãy chuyển lên cõi Trời, hoặc chuyển về Tây Phương Cực Lạc, hoặc đến Thế giới khác. Chứ Thế giới này thì có pháp già.

Quý vị thấy ở cõi chư Thiên, chư Thiên thực ra nói không già cũng là một khái niệm tương đối. Vì đến lúc sắp mạng chung, thì họ cũng có năm tướng suy hao hiện ra nơi thân, ở một số cõi Trời. Tất nhiên, ở một số cõi Trời khác không

có chuyện đó, nhưng có một số cõi Trời thì có năm tướng suy hao. Năm tướng suy hao đó thời gian không lâu, cho nên cũng có thể nói thời gian đó là già.

Và ai [rồi] cũng già, quý vị dần dần theo năm tháng cũng thấy mình đã già. Đây là điều không thể [tránh] được, cho nên chúng ta mới tu hành. Nếu cho quý vị sống mãi mãi, sống lâu kiếp kiếp đời đời, luôn luôn khỏe mạnh, thì chắc chắn chúng ta không cần tìm đến Phật pháp đâu. Tại vì trong kinh, đức Phật nói: Nếu không có những nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, thì đức Như Lai không xuất hiện ở nơi đời. Nếu không có những nỗi khổ như sanh, già, bệnh, chết, thì đức Phật xuất hiện nơi đời để làm gì? Đức Phật ra đời để cứu khổ cho chúng sanh. Cho nên chúng ta rất may mắn, chúng ta biết được Phật pháp, đó là chúng ta tự cứu mình.

Điều tiếp theo là pháp bệnh, pháp chết. Chết thì ai cũng sẽ chết thôi, không thể nào [không chết] được.

Này các Tỳ-kheo, đó là năm sự cực kỳ không thể đạt được. Dù Như Lai xuất thế hay Như Lai không xuất thế, pháp giới vẫn hằng trụ như vậy, mà những tiếng sanh, già, bệnh, chết, vẫn không có mục nát, không bị diệt mất. Cái gì sinh ra, cái gì chết đi, đều quay về gốc.

Quý vị nhớ đây là đoạn khai thị rất quan trọng. Đó là năm điều cực kỳ không thể đạt được. Dù đức Phật (đức Như Lai) có ra đời hay không ra đời, có xuất thế hay không xuất thế, thì Pháp giới vẫn hằng trụ như vậy. Và những tiếng sanh, già, bệnh, chết, vẫn không có mục nát, không bị diệt mất. Cái gì sinh ra, cái gì chết đi, cuối cùng cũng quay trở về gốc. Đây là một sự thật. Tuy hôm nay là rằm tháng Giêng rồi, cũng là năm mới, nhưng chúng ta cũng phải chấp nhận điều đó.

Có nghĩa là Pháp giới vẫn thường hằng như vậy, quy luật vẫn như vậy. Đức Như Lai ra đời chỉ là chỉ cho chúng sanh, gọi là *'khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến'*. Chúng ta biết như vậy để chúng ta tu hành. Nếu như biết như vậy thì có lợi ích gì không? Có lợi ích! Đức Phật nói ở đây:

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự này khó được. Hãy tìm cầu phương tiện tu hành năm căn. Sao gọi là năm? Đó là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn. Đó gọi là, Tỳ-kheo, hành năm căn này, thành Tu-đà-hoàn, Gia gia, Nhất chủng, lên nữa thành Tư-đà-hàm, chuyển lên nữa diệt năm Kiết sử thành A-na-hàm ở trên kia mà nhập Niết-bàn chứ không trở lại đời này nữa, chuyển lên nữa diệt tận Hữu lậu thành Vô lậu, Tâm giải thoát, Huệ giải thoát, tự thân tác chứng, tự an trú, biết như thật rằng không còn thọ thai nữa. Hãy tìm cầu phương tiện trừ bỏ năm sự trước, sau đó tu năm căn.

Ở đây Thiện Trang chỉ cho quý vị thêm một đoạn khai thị. Đoạn này chúng ta thấy là: nếu chúng ta hiểu được vấn đề ở trên, vấn đề ở trên là sự thật về khổ, chỉ có sự thật về khổ thôi, chẳng có gì hết. Vẫn là bài Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, suốt ngày nói thế thôi. Nếu quý vị hiểu được năm điều đó rồi, thì tu thêm năm căn (Ngũ căn): Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn. Nếu tu được như vậy thì thành Tu-đà-hoàn, Gia gia, Nhất chủng. Những địa vị này chúng ta đều [học qua] rồi. Tu có năm căn này thôi, cho nên Ngũ căn này cũng là một trong những cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Chúng ta đã nói rồi, đây cũng là cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Thậm chí Tu-đà-hoàn này ngon hơn nữa, là Gia gia (còn hai, ba đời nữa trong cõi Dục, mà đời tôn quý), Nhất Chủng (còn một đời nữa trong cõi Dục). Lên nữa mới thành Tư-đà-hàm, rồi tiến lên nữa diệt năm Kiết sử mới thành A-na-hàm. Chỗ Gia gia, Nhất chủng theo Kinh này thì chúng ta thấy nằm dưới Tư-đà-hàm. Nhưng cũng khó xếp lắm, có chỗ thì xếp lên trên Tư-đà-hàm. Nhưng ở đây theo kinh này thì xếp theo [trên] Tu-đà-hoàn và dưới Tư-đà-hàm. Trong một bộ kinh, hình như có [đoạn] ngài Xá Lợi Phất đối đáp với ngài gì đó: là chỗ này khó xếp, vì khó mà nói được. Có khi họ có thể là A-na-hàm, tại vì họ còn một đời ở trong cõi Dục thôi, cho nên có thể xếp họ trên Tư-đà-hàm.

Nếu [chuyển lên] nữa thì họ trở thành A-na-hàm. Và khi là A-na-hàm rồi thì lên trên kia (là từ Sơ thiền trở lên), thì không bao giờ trở lại cõi này nữa, diệt hết Hữu lậu thì thành Vô lậu, được Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Đây là quả chứng của A-la-hán.

Cho nên tu năm căn này cũng quan trọng: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn. Điều này chúng ta đã học qua rồi. Nếu như quý vị đồng tu nào quên thì không sao, chúng ta cũng [nhớ lại] được, bởi vì bộ này học đi học lại rất nhiều, và toàn học trong kinh Phật, ngắn lắm. Thiện Trang thích định nghĩa trong kinh, vừa ngắn gọn, vừa súc tích, vừa dễ hành. Còn những người giảng ra hình như rối hơn và càng khó hành, cảm thấy xa xôi, khó quá, cao siêu quá, nên khó hành. Còn trong kinh, Thiện Trang thấy đức Phật định nghĩa rất dễ. Hôm bữa chúng ta học rồi, quý vị nhớ không? Không nhớ thì chút nữa có định nghĩa lại trong này luôn.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 6 - 34. Phẩm Đẳng Kiến - Thuộc Tăng Nhất A Hàm).

Như vậy chúng ta thấy, để tu thì tu Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn, cũng có thể thành tựu. Chứ không phải khó quá đúng không? Ngày xưa mình thấy tu gì đâu mà khó quá, không biết Sơ quả Tu-đà-hoàn tu làm sao? Nhưng bây giờ chúng ta thấy dễ, có nhiều cách. Đây không phải chỉ Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu mà có thể là Gia gia, Nhất chủng (cũng là Tu-đà-hoàn đấy, nhưng Tu-đà-hoàn cao hơn), hoặc Tư-đà-hàm, A-na-hàm, thậm chí thành A-la-hán.

Như vậy đoạn khai thị này quan trọng, vẫn là khai thị về Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã thôi, và nên nhớ năm căn. Nếu quý vị không nhớ năm căn thì coi lại bài trước, còn chút nữa hình như cũng có ở đây.

Thiện Trang tiếp tục trích thêm một đoạn nữa:

Dấu Hiệu Thoái Chuyển Trong Tu Hành

(Đây cũng là lời của Phật. Thiện Trang xin trích một đoạn thôi, trong bài kinh dài lắm).

Tại đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo: - Này các Hiền giả Tỷ-kheo. (Đây là Kinh Nikaya, nên Tôn giả Sāriputta tức là ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất nói với các Tỳ-kheo: 'Này các Hiền giả Tỷ-kheo'. Các Tỳ-kheo đáp)

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta (Xá Lợi Phất)**. Tôn giả Sāriputta nói như sau: - Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy trên tự thân** (trên chính mình) **có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi thối đọa khỏi các thiện pháp". Đây được Thế Tôn gọi là thối đọa. Thế nào là bốn?**

Ở đây nói rất rõ, đây là dấu hiệu để mình biết mình tu mình có bị thối đọa hay không? Người miền Nam gọi là thối, người miền Bắc gọi là thoái, tức là thoái chuyển hay thối đọa. #Thoái đọa: #thoái tức là lùi; #đọa là rớt xuống; ngôn ngữ dịch là lui sụt hoặc là thoái chuyển, [dịch] cách nào cũng được. Mình coi mình có dấu hiệu đó không. Cho nên trong kinh nói hết, chúng ta chỉ cần học kinh là biết. Bốn dấu hiệu này:

Tham ái tăng thịnh, sân tăng thịnh, si tăng thịnh, đối với các vấn đề có mặt, không có mặt, không có tuệ nhãn soi thấu. Có nghĩa là mình tu một hồi, mà mình thấy tham ái của mình tăng mạnh hơn (#thịnh là mạnh hơn), hoặc là thấy sự sân của mình tăng mạnh hơn, rồi mình thấy si của mình tăng thêm mạnh hơn, là mình biết mình đang thoái chuyển. Rồi đối với các vấn đề có mặt, không có mặt, không có tuệ nhãn soi thấu.

Ba vấn đề đầu thì dễ rồi, nếu mình tu, mà càng ngày mình càng tham, thì chắc chắn là sai rồi. Mình tu mà càng ngày mình càng sân, là cũng có vấn đề rồi, càng ngày càng si (si là si mê, si mê ở đây có nghĩa là Tà kiến). Tức là thay vì mình tu thì mình phải càng sáng suốt, mình phải đi đúng con đường Chánh pháp. Nhưng bây giờ mình tu, mà càng ngày mình càng si mê, bái ông thầy đó quá, thích ông thầy đó quá, Phật dạy kệ Phật, con đi theo con đường của con thôi, chẳng hạn như vậy. Chả cần biết người đó dạy có đúng [lời] Phật, đúng kinh hay không, không quan tâm. Những người đó, si càng ngày [càng nhiều], thì đó là thoái chuyển.

Thời nay quý vị thấy [những người như vậy] rất nhiều. Thông thường phong trào thời nay là thờ thầy hơn thờ Phật. Đây là một bệnh khiến cho chúng sanh thoái đọa trong tu hành thời nay. Vì thờ thầy, nên ai chửi thầy mình, ai nói ngược với thầy mình, dù đó là chân lý mình cũng không chấp nhận. Như vậy tính sân tăng thịnh, tham ái tăng thịnh, bởi vì tham tín đồ, tham đồng tu. Tức là mình kéo cho đông người vô, mặc dù pháp của mình không chính xác. Và có những điều [như] tham thế gian nữa, ví dụ tham cái này, tham cái kia, đủ các kiểu, tài sản, v.v…

Điều thứ tư, là vấn đề có mặt hay không có mặt, mình không có tuệ nhãn để soi thấu. Tức là mình không phân biệt được đúng hay sai, thiện hay ác gì hết. Thiện Trang nói chúng ta bây giờ có kính soi, kính chiếu yêu, [là] Sư Minh Tuệ. Ngài đi, ngài hành trì như vậy, và chúng ta thấy chúng sanh mê rất nhiều. Người không học Phật pháp, thấy ngài như thế thì tôn sùng, nhưng không hiểu. Số đó cũng có. Nhưng đáng tiếc hơn, là những người [học nhưng] không biết gì về Phật pháp, mà tham ái tăng thịnh, sân tăng thịnh, si tăng thịnh. Tức là vô chửi bới, thế này thế kia v.v… rồi không biết vấn đề đó đúng hay sai, cứ theo sự dẫn dắt của những người kia, v.v… thì đó là dấu hiệu đang thoái chuyển trong tu hành.

Vì sao? Mình không nói ngài là thần thánh gì hết, nhưng ít nhất mình soi

ra, thì ngài cũng làm theo đúng trong kinh. Trong kinh đức Phật dạy, ngài [tu theo] 13 hạnh Đầu đà và giữ giới. Ngài làm đúng như thời đức Phật, gọi là Hành cước tăng hay Chiêu đề tăng. Làm được như vậy, trong kinh nói đó là phước điền. Tại vì cúng dường Chiêu đề tăng là phước báo lớn lắm. Thế nhưng chúng sanh thời nay mê, nghe chuyện gì đó, họ không có suy xét được, không phân biệt [được] đúng sai. Ví dụ như hồi bữa ngài nói ngài không thuộc 250 giới, thì bắt đầu chúng sanh kêu: 'Vậy là ổng không biết giới gì hết', thế này thế kia, chẳng hạn.

Bây giờ cho quý vị lên mạng search, quý vị tìm đủ 250 giới, và so 250 giới đó, có giới nào mà ngài không làm được? Coi thử coi, mình hãy coi trên sự thật. Cho nên thật ra chỉ có ba giới: không tham, không sân, không si. Nhưng tại vì ba [giới] đó khó [hành trì], nên Phật mới chia chẻ ra từng điều nhỏ. Và đối với những người hỏi thì người ta không hiểu. Một bên thì nói theo đúng ngôn ngữ nhà Phật, một bên thì đem thế gian ra xài. Mà nếu mình nói là mình giữ giới, mình chấp tướng giữ giới thì cũng sai. Chính vì vậy ngài nói ngài không giữ giới. Và người ta muốn thắng là cho thắng thôi.

Cho nên có nhiều người không hiểu, và thật ra chúng sanh thời nay mê lắm. Thiện Trang nói [sự việc] đợt này là một cách, gọi là kính chiếu yêu, để coi thử ai tu hành ra sao. Những người nào tu hành, bây giờ có rất nhiều người quay lưng với Chánh pháp. Vì sao? Họ quay lưng Chánh pháp vì đụng tới lợi ích của họ. Chúng ta thấy đó là những người chưa thể bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới. Hay nói cách khác, những người đó không có cách nào. Đời này họ chưa đủ tiêu chuẩn để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn được, đúng không quý vị? Đó là điều rất đáng tiếc! Chỉ vì một vài lợi ích nhỏ nhỏ hiện đời mà họ sẵn sàng quay lưng với Chánh pháp, đó là những điều rất đáng tiếc.

Cho nên từ đó, bài thi để xét tiêu chuẩn, gọi là niềm tin bất hoại đối với

Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng, thành tựu Thánh giới, thời nay đa số không làm được.

Cho nên là mình thấy bốn tiêu chuẩn thoái đọa này là rõ ràng. Tăng thịnh thêm: tham ái, sân và si. Lên đó chửi ghê quá, mình thấy [vậy là biết họ] chả tu hành gì hết. Nếu thật sự tu hành, giả sử Thiện Trang nói: dù một người hành trì đúng hay sai, mà đi như vậy, thì mình cũng không quan tâm. Nếu như sai [thì mình] cũng không quan tâm. Huống hồ chi cứ vô chửi suốt, thì rõ ràng là sân tăng thịnh, tham ái tăng thịnh và si tăng thịnh, chả có [tu hành] gì hết. Từ đó xét ra là mình biết ngay, cho nên là không cần phải nói nhiều.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy trên tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi thối đọa khỏi các thiện pháp". Đây được Thế Tôn gọi là thối đọa. Cho nên ai có bốn điều này, thì mình biết là mình đang thoái chuyển đó.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy trên tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi không thối đọa khỏi các thiện pháp". (Bây giờ thì ngược lại, là dấu hiệu mình đang tiến lên). **Đây được Thế Tôn gọi là không thối đọa. Thế nào là bốn?**

Tham ái giảm thiểu, sân giảm thiểu, si giảm thiểu. Đối với các vấn đề có mặt, không có mặt, có tuệ nhãn soi thấu. Ngược lại với trên, là nếu càng ngày mình tu, mà mình giảm bớt tham, giảm bớt sân, rồi giảm bớt si (tức là giảm bớt Tà kiến, mê mờ). Rồi những vấn đề nào đó, cho dù mình có mặt hay không có mặt, dù mình nghe qua hay mình chứng kiến v.v… vấn đề xuất hiện hay không xuất hiện, thì mình đều có tuệ nhãn, tức là mắt trí huệ để soi thấu, mình biết được việc đó đúng hay sai, thì đó là mình đang tu tốt. Người tu mà càng ngày càng u mê, càng ngày càng mê mờ, thì chứng tỏ là đi theo con đường thoái chuyển rồi.

Quý vị thấy nhiều đồng tu Tịnh Độ, họ tu rất tinh tấn, nhìn thì tinh tấn lắm, nhưng rõ ràng một thời gian họ sân ghê lắm, sân không có giảm thiểu mà sân tăng thịnh. Và sự tham của họ càng ngày càng lớn. Hồi xưa phát tâm là vì Chánh pháp, nhưng sau này là vì danh. Đạo tràng muốn cho đông, muốn đóng khung lại không cho người nào thoát ra khỏi. Ai đi chùa tôi, thì không được đi chùa khác, đến Đạo tràng của tôi mà còn đi tu ở Đạo tràng khác, nghe ông thầy khác là không được, chẳng hạn như vậy. Đó là đều tham, chứ không phải là tốt đâu.

Rồi si là sao? Si là si mê, càng ngày càng thờ tự một điều gì đó không đúng với Chánh pháp, mà mình không thay đổi được. Rồi có những vấn đề đúng sai thị phi, mà không phân biệt được đâu là đúng, đâu là sai. Đó là mình đang thối đọa. Và những người thoái chuyển, thì quý vị thấy rõ lắm.

Cho nên người học Phật là trí tuệ lắm, lúc nào cũng sáng suốt, rõ biết trong mọi tình huống. Và như vậy thì chúng ta đang là những người đi lên, nếu như chúng ta có được dấu hiệu đó.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy trên tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Ta không thối đọa khỏi các thiện pháp". Đây được Thế Tôn gọi là không thối đọa.

((4.158) Thối Đọa: Parihāni – Kinh Tăng Chi Bộ).

Đây là dấu hiệu [thối đọa và không thối đọa], trong Kinh Thối Đọa, Kinh 158, phẩm Bốn Pháp của Kinh Tăng Chi Bộ, quý vị có thể lên [đọc] tạng Kinh Nikaya.

Cho nên Thiện Trang thấy, là hầu như tất cả các vấn đề ở trong kinh đức Phật nói hết rồi, mình chịu khó học đi. Học Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, A Tỳ Đàm, Luận Câu Xá, khi mình đầy đủ rồi thì quý vị muốn tu môn nào, tu pháp nào cũng có. Khi có Chánh kiến rồi thì không ai dụ được hết. Còn người ta vô, người ta dụ khéo lắm, nào là học theo ông thầy đó thôi, đừng coi kinh chi nhiều. Coi kinh

nhiều loạn tâm, coi kinh nhiều là xen tạp, thế này thế kia... là dụ mình đó. Quý vị phải cẩn thận!

Trước hết [quý vị] coi thử vị thầy đó giảng có đúng theo kinh hay không? Nếu không đúng theo kinh, mà họ bảo như vậy, thì đó là đang dụ mình. Còn nếu giảng đúng theo kinh thì còn được, học không sợ loạn tâm thì đúng. Nhưng nếu không đúng theo kinh, mà bắt chỉ có nghe người ta thôi, đừng coi kinh nữa, là nguy hiểm lắm, coi chừng bị dụ đó.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu tiếp pháp niệm Tăng trong Kinh Tăng Nhất A Hàm. Hôm bữa mình học [đề mục] Tùy niệm Tăng ở bên Luận Thanh Tịnh Đạo rồi. Hôm nay chúng ta [xem pháp] này.

Pháp Niệm Tăng Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn (ông) **Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:**

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Là niệm Tăng”.

Đoạn này quý vị thấy nghe quen rồi đúng không? Vô phẩm Kinh Tăng Nhất A Hàm, lúc nào [cũng] có các pháp gọi là Lục niệm, có chỗ gọi là Thập niệm (10 pháp niệm). Và mở màn là lúc nào cũng: “Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu được quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-Bàn. Một pháp ấy là gì?”. Chỉ đổi tên thôi.

Chúng ta thấy một pháp đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới,

niệm Thí, niệm Thiên, niệm An-ban (niệm Sổ tức), [niệm Tử, niệm Thân, niệm An tịnh], có 10 pháp như vậy. Cho nên nếu mình học đầy đủ thì mình thấy pháp nào cũng được. Hồi xưa Thiện Trang mới tu, Thiện Trang cứ tưởng là phải tu tất cả các pháp, những pháp Thiền định cao siêu ghê gớm, hay pháp nào đó, chỉ có một pháp đó thì mới thành tựu. Nhưng sau này Thiện Trang biết là không phải. Quý vị biết không? Có những pháp rất đơn giản, cũng có thể thành tựu để ra khỏi sanh tử. Ví dụ quý vị đi cúng dường, thì cúng dường miết đi. Cúng dường rồi hồi hướng, thì mai mốt nghe pháp thế nào đó, rồi cũng đắc đạo, thành tựu thôi.

Nhưng quý vị nên nhớ, tuy pháp pháp như vậy, nhưng ở đây chúng ta chia ra ba hạng, chúng ta [đã] học ở bộ Luận Câu Xá này lúc đầu, quý vị nhớ không ạ? Hạng người chủng tánh tinh tấn là điều gì cũng làm hết, siêng năng kiểu đó, thì tu để thành Phật là hết 80 a-tăng-kỳ kiếp. Hạng người đức tin (là tin nhiều, tu kiểu chạy lung tung lang tang), thì họ tu sẽ mất 40 a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Và hạng người tu hành theo chủng tánh trí tuệ, thì tu mất 20 a-tăng-kỳ [kiếp] thôi. Như đức Phật Thích Ca, Ngài tu mất 20 a-tăng-kỳ kiếp, vì Ngài là chủng tánh trí tuệ. Và quý vị coi trong những câu chuyện tiền thân của Ngài, Ngài rất là trí tuệ.

Ví dụ như hôm nay, Thiện Trang có nghe câu chuyện trong Kinh Tiểu Bộ. Quý vị thấy có một câu chuyện vào thời quá khứ, lúc đó đức Phật cũng là một vị tu hành. Thời đó có một sự việc, là Ngài gặp được một vị Bích-chi-phật nhưng Ngài không biết. Ngài vẫn ngã mạn, và không có đảnh lễ vị đó. Vị đó nhắc nhở cho Ngài xong, rồi thuyết cho Ngài một đoạn, nói là: *"Tương lai sau này, qua một thời gian nữa, thì ông sẽ thành Phật, hiệu là Sĩ Đạt Đa (Tất Đạt Đa). Ông mà có tính Ngã mạn như vậy thì không được"*.

Vị đó [nói] xong rồi, lúc đó [Ngài] cũng không có lễ lạy, sau đó vị đó dùng Thần thông bay đi, để bụi bay lên mặt Ngài rồi bay đi. Thời đó, đức Phật với một trí tuệ tốt, cho nên Ngài hiểu ra ngay: "Tại sao vị này có Thần thông cỡ đó, mà

các ngài còn khiêm tốn như thế. Còn ta, ta chẳng có gì hết, mà tại sao ta cống cao ngã mạn, với một chút danh [mà] người đời khen ngợi thôi".

Từ đó Ngài mới sám hối, tu hành, và giữ gìn Trai giới, tu tốt hơn. Quý vị thấy, chỉ cần là người có chủng tánh trí huệ, thấy người ta hơn mình thôi là mình tự kiểm điểm lại bản thân. Còn chúng ta thì không được như vậy đúng không?

Và trong câu chuyện đó thì thật ra còn có mấy con vật nữa, ví dụ như có một con bồ câu chồng và bồ câu vợ (bồ câu mái). Hai con đang vui vẻ đi chơi, gọi là đôi uyên ương, lúc nào cũng có nhau. Bữa đó con bồ câu mái bị một con chim (hình như là chim đại bàng) bắt đi mất. Con chim bồ câu mái lúc đó hét lên kêu cứu, con kia chưa kịp làm gì thì con chim ưng/chim đại bàng kia cắn chết và ăn thịt luôn. Sau đó con bồ câu trống rất xót xa, đau khổ, và nó hiểu ra tại sao lại khổ, là [do] ái dục mà khổ. Vì có tình yêu cho nên khổ, nên từ đó nó phát tâm tu hành.

Những chủng tánh đó là những chủng tánh giác ngộ. Khi tu hành hết đời đó, thì con bồ câu và vị Tu sĩ lúc nãy (tiền thân của đức Phật) cũng đều sanh lên cõi Trời. Mấy con vật thì sanh lên cõi Trời, còn Ngài thì sanh lên cõi Phạm Thiên.

Trong câu chuyện còn có mấy con vật nữa, ví dụ có con chó đó, thấy con voi chết, nó thèm thịt quá nên cắn bụng con voi. Nó thấy cái lỗ và chui vô trong đó, ở luôn trong bụng con voi. Nó thấy đã quá, nên ở trong đó để ăn, không chịu ra nữa. Ai ngờ trời nắng lên, xác con voi bị co lại, ép giữ con chó ở trong đó không ra được luôn, khổ ơi là khổ. Phải tới một thời gian lâu sau thì mới có cơn mưa, bắt đầu da con voi nứt ra được một chút, thì con chó mới tìm cách chui ra được. Nhưng khi chui ra thì nó bị rụng hết lông, rất đau. Nó kêu là: 'Vì sự tham ăn mà ta khổ như vậy'. Cho nên nó cũng không có tha thiết với việc đi tìm mồi nữa, và từ đó phát tâm tu hành. Nó tìm tới vị Tu sĩ kia, giống như con bồ câu. Vị Tu sĩ dạy cho nó tu pháp Bát quan trai.

Con gấu cũng vậy, con gấu vì ham ăn, đi vô trong ngôi làng đó [nên] bị người ta rượt đánh, nó sợ quá chạy ra ngoài. Nó cũng nghĩ như vậy, rồi đi lên vị Tu sĩ đó [để được] hướng dẫn tu. Có bốn con vật (con gấu, con bồ câu, con rắn, con chó) cộng với Ngài nữa là năm.

Con rắn thì khác hơn, lúc đó con rắn đang núp ở trong ổ mối, có một con bò đi ngang qua, nó đào đào đất, rồi vô tình dẫm lên con rắn. Con rắn giật mình nên cắn con bò chết. Dân trong làng thấy con bò chết thì rất là thương và chôn con bò. Con rắn thấy cảnh đó, kêu: 'Tại vì ta sân hận, vì nổi sân thôi, mà ta làm con bò chết, rất là đáng thương'. Ta vì sự sân, mà gây nên nỗi khổ cho người ta. Từ đó nó [muốn] diệt được lửa sân đó, cho nên cũng phát tâm tu hành. Nó lên [gặp] vị [Tu sĩ], vị đó cũng dạy cho pháp tu Trai giới. Sau khi hết cuộc đời, nó cũng sanh về cõi Trời.

Quý vị thấy đó, những chủng tánh đó đều là những chủng tánh giác ngộ. Khi mình làm những việc ác đối với người, làm khổ cho người, khổ cho chúng sanh khác, hoặc là mình chịu khổ, thì mình có sự giác ngộ. Đó là chủng tánh trí tuệ. Cho nên tu hành ở đây chúng ta phải có trí tuệ. Trí tuệ đó là quan trọng nhất trong đời. Dù mình làm gì cho người ta đau khổ, hoặc là mình bị đau khổ, mình có sự giác ngộ như vậy, mình tu tập, thì con đường tu của mình sẽ tốt hơn. Đó là Thiện Trang kể sơ câu chuyện đó cho quý vị nghe, quý vị có thể tìm trong Kinh Tiểu Bộ của Nikaya, câu chuyện tiền thân của [đức Phật].

Chúng ta trở lại với pháp niệm Tăng, niệm Tăng là gì? Như vậy ở đây, lúc nào ai muốn quảng bá pháp nào thì cắt đoạn đó, đổi một chữ thôi. Nhưng đây đức Phật rất là công bằng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế nào là tu hành niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?" Có nghĩa là tu là được nhiều thứ vậy đó: có danh dự, có thành

tựu quả báo lớn, đủ hết các điều thiện. Có nghĩa là quý vị khỏi cần phải đi làm thiện, thật ra không phải nói khỏi cần đi làm thiện, nhưng quý vị sẽ có đủ các điều thiện. Rồi [được] vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, [trừ các] loạn tưởng và được quả Sa-môn, tức là đến Niết-Bàn luôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng: "Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì".

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông".

Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Kính vâng, Bạch Thế Tôn".

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng. Đoạn này quan trọng, đây là pháp tu niệm Tăng. Chúng ta cứ đọc Lục niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, [niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên]. Bữa nay chúng ta coi thử niệm Tăng là thế nào. Niệm Phật, niệm Pháp thì [Thiện Trang] chỉ rồi, bữa nay là niệm Tăng. Chứ không mình cứ học hoài mà không có trích dẫn kinh, mỗi người nói mỗi kiểu.

"Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Tăng. Quý vị nhớ nha, chánh thân là ngồi ngay ngắn. Chánh ý tức là mình giữ ý niệm chân chánh ngay thẳng, ngồi kiết già. Quý vị thấy không? Suốt ngày đức Phật nói ngồi kiết già. Mình thì nói thôi khỏi ngồi kiết già, tất nhiên ngồi không được thì thôi, nhưng nếu ngồi được thì tốt. Đức Phật dạy vậy mà. Không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Tăng. Bây giờ niệm thế nào?

Thánh chúng của Như Lai thành tựu từ nghiệp lành, chất trực, thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu. Thánh chúng của Như Lai thành tựu Giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ,

thành tựu giải thoát, thành tựu tri kiến giải thoát. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi, tám hạng. Đó là Thánh chúng của Như Lai, xứng đáng được tùy thuận cung kính, thừa sự, lễ bái. Sở dĩ vậy là vì đó là ruộng phước của thế gian. Ở trong Chúng này đều cùng là pháp khí, cũng vì tự độ lại độ người khác đến đạo ba thừa. Nghiệp như vậy gọi là Thánh chúng.

Bây giờ là niệm Tăng. Cuối cùng niệm Tăng là niệm điều gì? Chúng ta từ từ đọc lại. Thánh chúng của Như Lai thành tựu từ nghiệp lành: tức là mình phải tu nghiệp lành (nghiệp thiện) đã; rồi chất trực. Bây giờ có chất trực chưa? Bây giờ dối trá nhiều quá, thời nay điên đảo, Thiện Trang sợ lắm. Lên trên mạng coi, người ta bữa trước bữa sau, đổi qua đổi lại. Theo dõi hành trình Ấn Độ là thấy kỳ quá. Chúng sanh gì đâu mà kỳ, thề thốt đủ thứ các kiểu. Mà thề bữa trước, bữa sau là [thay đổi rồi]. Quý vị thấy, chúng sanh không có chất trực nhiều lắm. Cho nên là thôi, mình thương chúng sanh, mình sợ cho đời nay lắm. Bây giờ [chúng sanh] cứ xoay qua qua xoay lại, và rất dễ bị dao động đúng không? Tại sao hoang mang? Tại vì mình không có Chánh kiến, chứ mình có Chánh kiến là mình biết.

Bây giờ quý vị nghĩ đi, nghĩ đơn giản. Thiện Trang nói một người không có nhu cầu gì hết, chùa cũng không có, [chỉ] có ba y, một bình bát, mấy đồ vật chút chút, rồi đi ngoài đường vậy đó. Không có nhà, không có cửa, ăn cũng một bữa. Thế vậy là vì điều gì? Rồi cũng không bị sân lên. Người ta chửi cũng không [nói lại], người ta đánh tùm lum hết, tự nhiên hành hạ mình chi vậy! Quý vị nghĩ coi, tự mình suy ra. Còn những người kia họ làm gì? Họ kiếm tiền, họ làm gì, mình phải nghĩ trong đó. Rồi họ nói trước nói sau có thuận hay không? Hay đằng trước thì nói [một] đường, [đằng] sau nói [một] nẻo. Rồi thề thốt, nhưng làm ngược lại với lời thề v.v…

Mà quý vị biết không? Người không tin có đời sau thì họ mới thề kiểu đó. Quý vị thấy trong Tích Truyện Pháp Cú, thật ra Kinh Tiểu Bộ (Nikaya), có cô đó vì một lời thề độc thôi. [Tức là] cô đó là người vợ của một người kia, vì không có

con nên [người chồng] cưới thêm một người vợ nữa. Tại vì cổ không có con, thì chồng cổ phải cưới thêm người vợ nữa để có con. Sau khi có con rồi, thì tất nhiên người chồng sẽ yêu chiều người vợ có con, và yêu đứa con kia. Cho nên cổ cũng muốn chiếm lấy tình cảm đó, bằng cách ra tay với đứa con nhỏ kia.

Cổ dùng kim đâm vô trong đầu đứa nhỏ đó, mà không để lại dấu vết gì hết, nên dần dần đứa nhỏ chết mà không biết tại sao. Người vợ bé thì nghi ngờ cổ, rồi ông chồng cũng nghi ngờ chứ, nhưng không điều tra ra. Pháp y thời đó không giỏi, không tốt hay sao đó, nên không điều tra ra. Cổ thề là cổ không làm chuyện đó, nếu mà làm chuyện đó thì sau này chồng cổ sẽ bị rắn cắn chết, con cổ sẽ bị nước cuốn trôi, sẽ bị hổ báo ăn. Nhà cổ, gia đình cổ sẽ bị lửa thiêu đốt chết, cháy hết. Cổ thề độc như vậy, vì cổ không tin có đời sau.

Và quý vị biết lời thề đó có ứng nghiệm không? Tại vì cổ không tin có đời sau, nên cổ nghĩ là lời thề đó cho vui thôi, miễn làm sao qua được [chuyện] đó là được rồi. Quý vị biết đến thời sau này, thời đức Phật Thích Ca, thì cổ mới sanh vào gia đình đó, cũng quyền quý, cũng giàu có thế nào đó, được canh giữ kỹ càng lắm. Nhưng cổ lại đi thông gian với một người hầu (người làm) ở trong nhà. Thông gian tức là tà dâm đó, sau đó cổ mang bầu. Vì cổ mang bầu cho nên tìm cách trốn đi, vì nhà đâu có chịu, thế này thế kia. Hai người trốn đi như vậy, một thời gian thì cổ mang bầu thêm đứa nữa.

Lúc ấy hai người đang đi thì trời mưa, ông chồng thấy vậy nên đi tìm chỗ nào để chặt cây sưởi ấm, vì ở trong rừng mà, bà vợ sinh nở ở trong rừng. Đang lúc đi chặt cây, đi một hồi thì ông chồng bị rắn cắn chết, không quay trở lại nữa. Còn bà vợ thì sinh đứa con ở trong [rừng] luôn. Một hồi khi trời mưa tạnh, người vợ đi tìm thì mới thấy chồng mình bị rắn cắn chết. Bà một tay dắt đứa con nhỏ, một tay ôm đứa con kia, hai đứa. Khi đi qua sông, bà thấy không thể dẫn hai đứa qua một lúc như vậy được, nên để đứa lớn ở bờ bên này, rồi ôm đứa nhỏ đi qua sông và bỏ nó lên bờ bên kia trước, [rồi quay lại đón đứa lớn].

Khi mới ra giữa sông thì bà thấy con hổ (có chỗ nói là con báo) tới bắt đứa con nhỏ, ăn mất. Bả hoảng quá, nên hét lên. Khi hét lên, thì đứa lớn tưởng bả kêu, nên nó từ trên bờ nhảy xuống sông. Thế là bà thấy đứa con lớn bị chìm và trôi luôn, bà không kịp can thiệp. Cho nên là mất [luôn] hai đứa con.

Bà gần như khùng điên, [vì] bị chấn động quá mạnh, trong thời gian ngắn mà [mất] ba người thân trong gia đình. Bây giờ không còn đường nào, nên bà trở lại gia đình. Khi về tới nhà bà mới hỏi thăm, thì người ta nói nhà đó hôm qua bị lửa cháy sạch, không còn người nào, chết hết rồi. Sau đó bà bị điên điên khùng khùng, thành một người điên luôn, tại vì [những chuyện đã xảy ra] như vậy.

Đó là quả báo của lời thề. Cho nên chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử, sợ lắm, không tin nên thề thốt. Quý vị nghĩ thề dễ lắm hả? Mình phát ra lời thề dễ dàng, mặc dù mình phát ra, mình nói là mình không có thề thật, nhưng trong tâm chứng kiến rồi, quả báo tới. Nên đáng sợ lắm!

[Về phần] cô đó, thì cổ đi mà không có quần áo luôn, tại vì khùng mà, đi một hồi thì tới gặp đức Phật. Nói chung, đức Phật thấy căn cơ của cổ cũng [đến lúc] được độ, cho nên khi [cổ] tới, do thần lực của Phật, tự nhiên cổ tỉnh lại, không bị điên nữa. Cổ nhớ lại, thấy mình không có [mặc] đồ đạc gì hết, cổ ngại quá nên lạy nằm sát xuống đất. [Đức Phật] bảo ngài A Nan đưa cho cổ một cái y, để cổ quấn lên người rồi đảnh lễ. Sau đó đức Phật thuyết cho bài pháp, cổ cũng chứng được, hình như là Sơ quả, và sau đó xuất gia. Sau này cổ trở thành một vị A-la-hán, đó là Tỳ-kheo-ni Vi Diệu, tên là Patàcàrà, lâu rồi Thiện Trang quên tên rồi.

Đó là còn may, [cô đó] có căn lành, chứ không có căn lành thì chắc là chìm đắm trong vòng sanh tử, nhiều đời sẽ khổ, vì lời thề và nghiệp ác năm xưa. Cho nên không có việc gì, mình phải cẩn thận. Ở thế gian dù họ không tin, nhưng mình cũng đừng ép họ phải thề. Quý vị nhớ đừng có thề độc, nhớ như vậy. Trong Phật không bao giờ có thề độc, nhiều người thề dại lắm. Muốn thề thì phải học đức Phật A Mi Đà, Ngài thề nguyện rằng: “Thề không thành Phật” thì được. Chứ

quý vị thề không ra khỏi luân hồi, là chết luôn đó nha, là ở trong đó luôn. Quý vị thề chết, thề này thề kia là thôi, sau này quả báo tới thì đừng có trách, lúc đó sẽ khổ. Học Phật pháp thì phải cẩn thận điều này.

Ở đây Thiện Trang đang nói chữ chất trực. Thánh chúng của Như Lai thành tựu từ nghiệp lành, chất trực (nhớ là phải chất trực), thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu. Pháp pháp thành tựu có Chú Giải, nên hiểu là pháp tùy pháp hành, tức là thực hành theo thuận thứ của pháp. Đó là Chú Giải của Hòa thượng Tuệ Sỹ.

Thánh chúng của Như Lai thành tựu Giới, thành tựu Tam-muội (Tam-muội tức là Định), thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu Tri kiến Giải thoát. Đó là Ngũ phần Pháp thân hương: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát Tri kiến. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi, tám hạng. Ở đây nói bốn đôi tám hạng, tức là Sơ quả hướng, Sơ quả, Nhị quả hướng, Nhị quả, Tam quả hướng, Tam quả, Tứ quả hướng, Tứ quả. Đó là bốn đôi tám hạng, kể vắn tắt.

Đó là Thánh chúng của Như Lai, xứng đáng được tùy thuận cung kính (phải như vậy mới xứng đáng được [cung kính] chứ), thừa sự, lễ bái. Sở dĩ vậy là vì đó là ruộng phước của thế gian. Nhớ nha, phải tới đây mới là ruộng phước của thế gian. Chúng này đều cùng là pháp khí, cũng vì tự độ lại độ người khác đến đạo ba thừa. Như vậy ba thừa đều được. Ba thừa là Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa. Nghiệp như vậy gọi là Thánh chúng. Mình làm như vậy thì mới là Thánh chúng nha. Niệm Tăng là niệm Thánh tăng, chứ không phải niệm Phàm phu tăng. Mình học thì mình mới biết niệm Thánh tăng, chứ không phải niệm Phàm phu tăng. Còn chúng ta thì thường niệm Phàm phu tăng.

"Đó là nói, này các Tỳ-kheo, nếu ai niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-Bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Tăng, liền sẽ

được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này."

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

***(Kinh Số 3 – Phẩm Quảng Diễn Thứ Ba – Kinh Tăng Nhất A Hàm*).**

Như vậy bữa nay chúng ta đã hiểu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Và sau khi học điều này, quý vị có để ý không? Hình như hằng ngày mình đang tu đấy, đúng không? Hầu như là mình đang tu hết. Hồi xưa cứ nghĩ nào là phải tu niệm Phật, niệm này kia, thì mới là tu. Còn thực tế, sau khi mình học bộ này, thì đang nghe pháp cũng là tu. Quý vị đang nghe pháp, ngồi kiết già, đang tư duy nghĩ nhớ về Tăng, về Pháp, về Phật, thì là tu đấy.

Cho nên đang nghe pháp cũng là tu hành, chứ không phải không tu. Hồi xưa cứ tưởng trì chú, rồi gì đó v.v… [mới là tu]. Cho nên đó là một sai lầm rất lớn. Tất nhiên tu thì phải ngồi yên, chứ còn quý vị vừa đi qua đi lại, vừa tư duy, thì không bằng. Tại vì chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, không có tư tưởng nào khác. Còn nếu mình xen tạp vô thì hiệu quả không lớn, ví dụ vừa làm việc vừa nghe, thì hiệu quả sẽ không lớn.

Có nhiều đồng tu nói, bộ này Thiện Trang giảng là phải ngồi đó nghe, thì mới hiệu quả. Còn vừa làm việc vừa nghe là không vô. Đúng rồi! Bộ này có nhiều kiến thức mới, thì quý vị phải nghe như vậy. Còn quý vị vừa làm việc, vừa nấu cơm, vừa làm gì, [mà] muốn nghe vô, thì quý vị phải nghe năm lần, mười lần, bởi vì rất nhiều kiến thức mới.

Nhưng mấy bài đầu thôi, quý vị nghe chừng hai mươi mấy bài là bắt đầu cảm thấy dễ, đúng không? Chứ còn lúc đầu quá nhiều kiến thức mới, và một bài như vậy Thiện Trang chia sẻ cũng rất dài, hai tiếng, hai tiếng rưỡi, nên nhiều đồng tu nghe không nổi. Đó là toàn nghe [những điều] xuất thế, mà nghe không nổi, thì chắc mình chỉ muốn ở trong vòng luân hồi thôi. Tức là niệm sanh tử của

mình thì mạnh, còn niệm xuất sanh tử của mình yếu, thì tự quý vị tự biết mình đang ở đâu. Cho nên cố gắng, đừng để mình đi vào sanh tử. Phải cố gắng lên, tu hành phải nỗ lực chứ, đời này qua một cái là không biết đời sau thế nào.

Bây giờ Chánh pháp khó nghe. Quý vị có thấy Chánh pháp khó nghe không? Bây giờ tu Chánh pháp mà bị Tà pháp, bị gì đâu, suốt ngày phỉ báng, rồi tìm cách hại, còn hù giết v.v… đủ các kiểu. Thì sau này ai giảng cho mình Chánh pháp nữa, ai dám đứng ra giảng Chánh pháp, ai dám tu Chánh pháp nữa, núp hết trơn, ai dám truyền Chánh pháp nữa.

Điều này là một điều rất đáng sợ. Thiện Trang thấy điều đáng sợ là như vậy, chứ không có sợ gì. Cho nên thật sự sợ là sợ như thế, sau này Phật pháp sẽ đi về đâu, khi mà thời đại, pháp thì yếu, ma thì mạnh, gọi là 'pháp nhược ma cường', và Chánh pháp càng ngày càng ít người truyền, vì ai cũng sợ hết. Cho nên bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu Thánh giới, thì hầu như không làm được. Vì sợ mà! Không có chất trực, không có thuận nghĩa, không thể nào theo pháp, thực hành pháp (tùy pháp) không làm được.

Bây giờ Thiện Trang cung cấp cho [quý vị] một kiến giải nữa, [chứ không], mọi người nói. Tại vì có rất nhiều người nào là tán thán người này là Phật, Bồ-tát v.v… một cách tùy tiện, rồi xác nhận người đó là Phật, Bồ-tát tái lai, là Thánh nhân hay không Thánh nhân. Hoặc là nói: "Thầy Thiện Trang biết con là Thánh nhân không?" Thế này thế kia. [Vì vậy] bữa nay Thiện Trang cũng trích trong kinh, để có căn cứ, để mình xác định ai là Thánh nhân, làm sao để biết được Thánh nhân.

Ai Có Thể Biết Người Khác Có Phải Là Bậc Chân Nhân Hay Không?

Chân nhân ở đây có nghĩa là A-la-hán, chúng ta biết chữ Chân nhân, ngôn ngữ trong kinh là A-la-hán. Bây giờ ai có thể biết người khác có phải bậc Thánh

nhân hay không? Nói thế cho dễ! [Phần này] trích trong Kinh Nikaya, Kinh này ở Phẩm Bốn Pháp của Kinh Tăng Chi, Kinh Vassakāra.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá)**, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakāra, một đại thần nước Magadha** (Ma Kiệt Đà) **đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi. Sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, Bà-la-môn Vassakāra, bậc đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:**

- Thưa Tôn giả Gotama, bậc không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân không"?

Tức là ông này hỏi: Có một bậc không phải Chân nhân, nói theo ngôn ngữ của Bắc truyền tức là phàm phu, có thể biết một người không phải là Chân nhân, vị đó không phải là Chân nhân hay không? Hay chúng ta nói ngôn ngữ bình thường nhất, là một người phàm phu có thể biết một người khác là phàm phu, chính hiệu là phàm phu hay không?

Bây giờ Thiện Trang nói đơn giản, Thiện Trang là phàm phu, quý vị cũng là phàm phu, vậy Thiện Trang biết quý vị có phải là phàm phu hay không? Có biết được không? Tức là hai người phàm phu với nhau, người này có biết người kia là phàm phu hay không. Chúng ta nói biết, chứ sao không biết, nhìn là biết rồi, đúng không? Có phải như vậy không? Đức Phật nói này.

- Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân".

Có nghĩa quý vị là phàm phu, quý vị không thể xác định người khác là phàm phu được, làm sao mà biết được. Quý vị không đủ khả năng, không có trường hợp này. Cho nên tránh nha, hồi xưa không biết mà chúng ta cứ phán

bừa, phán bừa người này là thế này, nên mình kêu ông đó là phàm phu. Chưa chắc! Đức Phật nói chưa chắc, không biết, không có trường hợp, không có cơ hội đó. Mình là phàm phu mà, chưa phải Chân nhân, thì làm sao mà biết người ta không phải Chân nhân. Cho nên không được.

2.- Thưa Tôn giả Gotama, bậc không phải Chân nhân có thể biết bậc Chân nhân là: "Vị này là bậc Chân nhân"? (Lẽ ra nên thêm chữ 'không' nữa; 'Vị này là bậc Chân nhân không?')

Có nghĩa là bây giờ một người không phải Chân nhân, tức là nói phàm phu đi, có thể biết một bậc Thánh nhân, hay là một vị A-la-hán (một vị Chân nhân) là Thánh nhân hay không? Có biết không? Chúng ta hay nói, đặc biệt trong Tịnh Độ, đặc biệt bên Trung Hoa hay nói người này là Bồ-tát, người kia là Bồ-tát. Quý vị chưa phải là Thánh nhân, nhưng quý vị xác định người ta là Bồ-tát. Có phải như vậy không? Phật, Bồ-tát tái lai đó. Ở đây có hay không, chúng ta coi đức Phật trả lời.

- Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân".

Có nghĩa là quý vị là phàm phu, quý vị không có xác định được người đó là Chân nhân, dù họ là Chân nhân. Tức là dù họ là Thánh nhân, thì quý vị cũng không biết đâu. Cho nên, tội này là tội vọng ngữ nha quý vị. Từ bữa nay trở đi, đừng nói ai là Phật, Bồ-tát, ai là Thánh nhân, ai là A-la-hán, mà mình phải nói là tôi có thể tin, tôi tin như vậy thì được. Hoặc là mình nghi, nghi rằng vị đó là Thánh nhân, là A-la-hán, v.v… mình dùng chữ 'có thể', chứ mình khẳng định là mình vọng ngữ đó.

Tại vì mình đâu có biết, đức Phật nói là phàm phu không biết. Cho nên ngài Minh Tuệ mới nói: 'Chỉ có Thánh nhân biết phàm phu, chứ phàm phu không

biết Thánh nhân’. Đây là trường hợp thứ hai. Như vậy là không biết luôn.

Trường hợp thứ ba:

3.- Thưa Tôn giả Gotama, bậc Chân nhân có thể biết một bậc Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân"? (Tất nhiên thêm chữ ‘không’ vào; ‘Vị này là bậc Chân nhân hay không?’)

Trường hợp thứ ba là vị Chân nhân tu chứng quả rồi, giả sử quý vị chứng quả rồi. Quý vị gặp một người chứng quả nữa, thì quý vị có biết được không? Hai người chứng quả, người này [có] biết người kia chứng quả hay không? Chúng ta coi thử đức Phật trả lời:

- Có trường hợp này, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người chân nhân có thể biết một người chân nhân: "Vị này là bậc chân nhân".

Có trường hợp, có cơ hội, tức là có cơ hội thôi chứ không phải chắc chắn. Nhiều khi có những quả vị không đủ cao thì mình cũng [không] biết, nhưng trường hợp [dưới] này là biết .

- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, có trường hợp một người Chân nhân biết một người không phải là Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân (không)**"?**

Bây giờ Thánh nhân có biết người không phải Thánh nhân hay không? Tức là người đó là phàm phu hay không? [Giả sử] như quý vị là Thánh nhân rồi, quý vị biết Thiện Trang là phàm phu hay không? Thiện Trang là phàm phu đi, quý vị là Thánh nhân, vậy quý vị có biết Thiện Trang là phàm phu hay không? Câu hỏi của ông này là như vậy.

- Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người không phải là Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân". Đúng rồi đó! Cho nên Thánh nhân thì biết được phàm phu.

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama, thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật khéo là lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người không phải Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân". Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải Chân nhân có thể biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người Chân nhân: "Vị này là bậc Chân nhân". Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một người Chân nhân có thể biết một người không phải là Chân nhân: "Vị này không phải là bậc Chân nhân".

(Trích từ Kinh Tăng Chi Bộ - Phẩm 4 Pháp).

Nói chung có bốn trường hợp, nhưng chúng ta nói đơn giản thôi, không cần dài dòng: Thánh nhân thì biết cả Thánh nhân là phàm phu, còn phàm phu không biết cả phàm phu lẫn Thánh nhân. Tóm lại là như vậy thôi.

Cho nên mình là phàm phu, thì đừng dại nói ông đó là A-la-hán, hoặc ông đó là phàm phu, cũng sai luôn. Tại vì mình không biết. Nhưng Thánh nhân thì biết, Thánh nhân biết cả hai, biết cả phàm phu và biết cả thánh nhân, có trường hợp đó. Có trường hợp đó tức là có trường hợp này.

Cho nên Sư Minh Tuệ mới nói là: chỉ có Thánh nhân mới biết phàm phu, còn phàm phu thì không biết Thánh nhân. Đơn giản là vậy! Còn thời nay mình điên đảo lắm, không biết đâu là Thánh nhân, đâu là phàm phu. Mình là phàm phu, không biết đâu là Thánh nhân, đâu là phàm phu, rồi mình kết luận tùm lum hết. Cho nên là điên đảo! Thời nay Phật pháp loạn là vì vậy, tôn vinh nào là Phật tái thế, Phật tái lai, nhiều lắm. Cho nên phải học, phải có Chánh kiến. Và Chánh kiến đó là phải từ trong Phật pháp mà có, phải từ nghe được mà có.

Hôm nay Thiện Trang chủ yếu giới thiệu cho quý vị Chánh kiến. Trong Bát chánh đạo, tầm quan trọng của Chánh kiến, hôm nay chúng ta sẽ học:

Tầm Quan Trọng Của Chánh Kiến (1)

Nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có Chánh kiến, thành tựu nghiệp Chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

(Trích Từ Kinh Thiên Sứ - Thuộc Trung A Hàm).

Thiện Trang nói: tầm quan trọng của Chánh kiến ở đây, là nếu mình thành tựu được thân, khẩu, ý, tức là ba nghiệp đó phải thiện, rồi không phỉ báng Thánh nhân. Đời nay không biết ai là Thánh nhân, nên dễ phỉ báng lắm. Có Chánh kiến, thành tựu nghiệp Chánh kiến, do nhân duyên đó khi chết thì chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi Trời.

Cho nên bí quyết để sanh vào cõi lành, cõi Trời, là phải có Chánh kiến; và thân, khẩu, ý, ba nghiệp này phải thiện, rồi không phỉ báng Thánh nhân. Chứ còn bây giờ mình hay phỉ báng Thánh nhân lắm. Thật ra phỉ báng là đã không thiện rồi đúng không quý vị? Không thiện về khẩu, không thiện về ý rồi. Cho nên để được chắc chắn sanh lên cõi lành là [phải] như vậy.

Còn người Tà kiến thì đức Phật cũng nói, là họ thường sanh về hai trú xứ, đố quý vị là hai trú xứ nào? Đó là Địa ngục và Súc sanh, chứ không nói Ngạ quỷ. Ngạ quỷ là do tham nặng quá, thiếu phước quá, cho nên sanh vào Ngạ quỷ. Còn nghiệp Tà kiến, là không có Chánh kiến, thì sanh vào Địa ngục và Súc sanh. Cho nên Chánh kiến quan trọng lắm. Mà Chánh kiến là gì? Hôm bữa học rồi, nếu quên thì hôm nay chúng ta sẽ học lại, học đi học lại hoài cũng sẽ nhớ. [Phần này] trích từ Kinh Thiên Sứ, thuộc Trung A Hàm.

[Hôm] nay [Thiện Trang] tiếp tục giới thiệu Tầm Quan Trọng Của Chánh Kiến (2). Như vậy có Chánh kiến thì quý vị mới chắc chắn sanh vào cõi lành, cõi Trời. Cho nên nếu không có Chánh kiến, thì mình chắc chắn [không] có thân thiện, khẩu thiện, rồi phỉ báng Thánh nhân nữa thì đọa rồi, không nói. Nhưng có Chánh kiến là thành tựu đó. Cho nên Chánh kiến quan trọng lắm, chúng ta cố gắng [có] Chánh kiến. Hôm bữa Thiện Trang [giảng], có một bài kinh đức Phật nói rõ ràng: 'Nếu người có Chánh kiến, thì cho dù trải qua trăm ngàn ức năm, họ cũng không đọa vào đường ác'. Cho nên Chánh kiến rất quan trọng.

Tầm Quan Trọng Của Chánh Kiến (2)

Ở đây Thiện Trang trích [một] đoạn thôi, không có trích nhiều.

"Nay Ta cũng như vậy, gặp được con đường của cổ Tiên nhơn, lối mòn của cổ Tiên nhơn; dấu chân của cổ Tiên nhơn; chỗ Tiên nhơn xưa đã đi, nay Ta cũng đi theo. Con đường đó là Thánh đạo tám chi gồm: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Có nghĩa là quý vị thấy rõ ràng con đường mà xưa nay các bậc Thánh đi, lối mòn của các bậc Thánh đi, dấu chân của bậc Thánh đi, có chỗ đi, chỗ đến, thì chính là con đường Thánh đạo tám chi (tám ngành) gồm có: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Điều này là quan trọng cực kỳ, quý vị giở Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, thì tám Chánh này (Bát chánh đạo) là cực kỳ quan trọng, được đức Phật nói đi nói lại rất nhiều lần. Quý vị không tin thì cứ giở kinh ra, hầu như lúc nào cũng thấy Chánh kiến, thấy Bát chánh đạo hết. Cho nên cực kỳ quan trọng, và đó là con đường xưa nay các bậc Thánh đã đi, mình cũng phải đi theo. Đây là đức Phật đang nói Ngài cũng đi theo con đường này thôi.

Ta từ nơi con đường này mà thấy được lão, bệnh, tử; sự tập khởi của

lão, bệnh, tử; sự diệt tận của lão, bệnh, tử; con đường đưa đến sự diệt tận của lão, bệnh, tử. Có nghĩa là đức Phật cũng từ con đường này, tức là từ Thánh đạo tám chi này, mà Ngài thấy được nỗi khổ về già, bệnh, chết. Rồi Ngài thấy được nguyên nhân của khổ; sự tập khởi của [lão, bệnh, tử] là Khổ, Tập Diệt, Đạo, là Tứ Thánh đế. Rồi diệt được lão, bệnh, tử [tức là] Ngài cũng đưa đến diệt tận được những điều đó. Thật ra là Ngài thấy được Tứ đế nhờ Bát thánh đạo này.

Thấy được sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, thấy sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành (điều này là thuộc về 12 nhân duyên. Ngài thấy được là do Ngài cũng tu Bát chánh đạo)**. Ta đối với pháp này tự biết, tự giác ngộ, thành tựu Đẳng Chánh Giác** (thành Phật). **Rồi Ta khai thị, hiển phát, vì an lạc và lợi ích của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-ba-tắc, Ưu-bà-di và các Sa-môn, ngoại đạo, Bà-la-môn, tại gia, xuất gia, cả bốn chúng, được nghe, chân chánh hướng theo, khởi lòng tin ưa, biết pháp lành, khiến cho Phạm hạnh thêm rộng".**

(Trích Từ Kinh Thành Ấp – Kinh Số 325 – Thuộc Tạp A Hàm).

Đây là tầm quan trọng [của Chánh kiến]. Để giải thoát sinh tử, thì rõ ràng Chánh kiến là một trong Bát chánh đạo, cực kỳ quan trọng. Con đường này xưa nay ai cũng đi, bậc Thánh nào cũng đi, mình cũng đi theo như vậy. Đó là tầm quan trọng thứ hai về Chánh kiến. Thiện Trang xin tiếp tục trình bày thêm tầm quan trọng thứ ba của Chánh kiến, tức là nhiều lắm, nhưng ở đây giới thiệu thêm một chút thôi.

Tầm Quan Trọng Của Chánh Kiến (3)

Tư cụ của Thánh đạo.

Tư cụ tức là dụng cụ sản xuất, giống như mình đi làm ruộng thì quý vị phải có cày, có cuốc, có những [dụng cụ] khác [nữa]. Những cái đó gọi là tư cụ. Hoặc

là người đi làm văn phòng bây giờ thì phải có máy tính, phải có viết, rồi cặp v.v… Những cái đó gọi là tư cụ. Bây giờ mình đi làm bậc Thánh, thì mình phải có dụng cụ gì đó, gọi là tư cụ của Thánh đạo.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: "Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có cận tập, có trợ bạn và cũng có tư cụ,[142] bao gồm bảy chi.

Có nghĩa là có một con đường để mình khỏi khổ, hết khổ, thì ở đây nói về Chánh định. Nhưng Chánh định không [thôi] thì không đủ, mà phải có những điều hỗ trợ bên cạnh nữa, [đó là] các tư cụ, thì có bảy điều nữa. Ở đây đang nói nghiêng về Chánh định, nhưng thật ra là cũng phải nói những điều khác nữa. Sẵn mình học luôn Chánh định.

Chánh định

Thế nào nói là Thánh chánh định có cận tập, có trợ bạn và có tư cụ gồm bảy chi? (Ở đây chỉ nói là nói bảy chi thôi, không nói Chánh định) **Đó là, Chánh kiến, Chánh chí** (Chánh tư duy)**, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm. Do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ, khéo hướng đến tâm chuyên nhất, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy?** (Ở đây quan trọng chỗ màu đỏ này thôi, quý vị hiểu từ chỗ màu đỏ này là được, rồi từ từ là hiểu bên trên).

Chánh kiến sanh Chánh tư duy, Chánh tư duy sanh Chánh ngữ, Chánh ngữ sanh Chánh nghiệp, Chánh nghiệp sanh Chánh mạng, Chánh mạng sanh Chánh tinh tấn, Chánh tinh tấn sanh Chánh niệm, Chánh niệm sanh Chánh định.

Quý vị thấy, như vậy là Chánh kiến đứng đầu, sanh ra Chánh tư duy. Cho nên không có Chánh kiến thì không có Chánh tư duy; không có Chánh tư duy thì

làm sao sanh ra Chánh ngữ; không có Chánh ngữ thì làm sao sanh ra Chánh nghiệp; không có Chánh nghiệp thì làm sao sanh ra Chánh mạng; không có Chánh mạng thì làm sao có Chánh tinh tấn; không có Chánh tinh tấn thì làm sao sanh ra Chánh niệm; không có Chánh niệm thì làm sao sanh Chánh định. Vậy là rớt sạch. Có nghĩa là Chánh kiến cực kỳ quan trọng. Giống như đầu tàu, con tàu kéo các toa tàu, mà đầu tàu kéo đi đúng hướng là xong. Còn nếu [đầu tàu] kéo lệch hướng, thì tất cả các toa tàu khác đi lệch hướng.

Cho nên nhiều người tu hành, sở dĩ tu sai đường là vì họ không có Chánh kiến. Mà tại sao họ không có Chánh kiến? Chúng ta đã biết Chánh kiến là phải nghe Phật pháp, hoặc là tự mình tư duy, hoặc nghe từ người khác. Nhưng khổ nỗi, nghe từ người không có Chánh kiến, họ dạy cho mình không có Chánh kiến thì làm sao mình có Chánh kiến được, chính họ cũng không có Chánh kiến luôn. Chánh kiến từ đâu? Chánh kiến phải từ Phật, cho nên phải học từ trong kinh mới có Chánh kiến được. Không có Chánh kiến rồi thì không có Chánh tư duy, không có Chánh tư duy thì cũng không có Chánh ngữ, rồi kéo theo tất cả những điều sau cũng không có luôn.

Cho nên mình tu hành tinh tấn lắm, cuối cùng là Tà tinh tấn chứ không phải Chánh tinh tấn. Rồi mình tu, mình niệm ghê lắm, nhưng là Tà niệm chứ không phải Chánh niệm. Mình tu Định ghê gớm lắm, nhưng là Tà định chứ không phải Chánh định. Khi Chánh kiến không có là rớt hết. Rồi mình nghĩ là mình có Chánh ngữ, ai ngờ mình chửi người ta quá trời. Vì không có Chánh kiến nên mình mới chửi.

Giống như hồi nãy Thiện Trang nói, nếu mình không học đoạn trên, thì mình cứ lạm dụng từ Bồ-tát, đặc biệt đồng tu Tịnh Độ cứ nói Bồ-tát này, Bồ-tát kia. Sao quý vị dám nói người ta là Bồ-tát, là Phật v.v… thành ra là vọng ngữ rồi, lấy đâu ra Chánh ngữ. Không có Chánh ngữ thì làm sao có Chánh nghiệp. Khi mình làm những việc đó, người ta tưởng người ta là Phật, là Bồ-tát thật, người

đó tái lai thật, rồi mình ủng hộ, kéo theo người khác ủng hộ v.v… Làm một hồi, Chánh pháp của Như Lai không được truyền, mà Tà pháp được truyền, là chết luôn!

Cho nên không có Chánh mạng. Chánh nghiệp và Chánh mạng không có, cuối cùng mình tu là không được gì hết. Và phương pháp tu của mình không có Chánh kiến, [thì] mình niệm không chính xác, rồi mình cũng không có định luôn. Tại vì sao? Vì pháp tu định của mình không đúng. Cho nên là quan trọng cực kỳ. Chưa hết đâu, đó mới là một đoạn thôi.

Hiền Thánh Đệ tử (ở đây đức Phật nói Hiền Thánh, là bậc Hiền và bậc Thánh đó. Chúng ta thấy trước khi vào Thánh quả thì là bậc Hiền, tức là Tứ gia hạnh rồi) **với tâm được Chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền Thánh Đệ tử với chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.**

Có nghĩa là nếu mà mình đầy đủ như vậy, thì mình dứt được hết dâm, nộ, si. Dâm thực ra là tham dục (là tham), nộ là sân, và si; có ba điều này thôi. Hết tham, sân, si rồi thì quý vị đạt quả vị gì? Đó là thành A-la-hán rồi. Với chánh tâm giải thoát như thế, biết như thật rằng: sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không tái sanh nữa, là thành A-la-hán rồi.

Cho nên tu được điều này thôi là [thành] A-la-hán. Còn bây giờ tại sao chúng ta chưa thành A-la-hán? Tại vì chúng ta không có đủ Chánh kiến, và Chánh kiến mình chưa được chính xác. Chánh tư duy cũng chưa đủ. Nói chung tám Chánh đạo này mình chưa đủ. Chứ nếu đủ hết là thành A-la-hán rồi. Mình đủ được một phần thì được một phần Thánh quả. Đủ hai phần thì được hai phần Thánh quả. Cho nên mới [được] sơ sơ thì gọi là Tùy Tín Hành, vô sơ sơ chút nữa có thể lên tới Tùy pháp hành, hoặc là tới Sơ quả Tu-đà-hoàn. Còn nếu khá hơn nữa, có Bát chánh đạo cao hơn nữa, thì là Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Đó là

tùy theo mức độ. Cho nên có thành tựu được một phần, là do mình có Chánh kiến.

Thiện Trang giới thiệu cho quý vị định nghĩa về Chánh kiến. Đây không phải là Thiện Trang định nghĩa, mà đức Phật nói luôn:

Chánh kiến

Trong các chi ấy, Chánh kiến đứng ngay vị trí hàng đầu (quý vị thấy không? Chánh kiến ở vị trí hàng đầu, tức là quan trọng nhất)**. Nếu thấy rõ Tà kiến là Tà kiến thì đó gọi là Chánh kiến** (ở đây định nghĩa đơn giản, định nghĩa khác, nếu thấy rõ Tà kiến là Tà kiến, thì đó là Chánh kiến. Bây giờ mình đã thấy rõ Tà kiến là Tà kiến chưa? Chưa!)**. Nếu thấy rõ Chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là Chánh kiến.** (Bây giờ mình cũng không biết đâu là Chánh kiến, không thấy rõ luôn, cho nên cũng chưa có Chánh kiến).

Thế nào là Tà kiến? (Bây giờ là định nghĩa Tà kiến đây. Các đồng tu thắc mắc Tà kiến là gì đúng không? Hôm nay được học Tà kiến). **Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, ác; không có quả báo của nghiệp thiện, ác; không có đời này, đời sau; không có cha, không có mẹ; không có bậc Chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là Tà kiến.**

Bây giờ chúng ta phân tích chậm chậm cho quý vị nghe. Thế nào là Tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, bố thí làm gì, bố thí có được gì đâu, [nên] can ngăn. Họ nói như vậy, thì đó là Tà kiến. #Không có Trai tự: là không có Bát quan trai gì hết; không có Trai tự, cúng tế, không có Bát quan trai. Quý vị thấy không? Bây giờ nhiều đồng tu Tà kiến lắm, không chịu tu Bát quan trai. Đó là Tà kiến. #Không có chú thuyết: chú thuyết là nói về các chú v.v… Tức là họ không tin vào sự linh ứng, nhiệm màu của chú. #Không có nghiệp thiện, ác: điều này thì rõ

ràng, người đời thì họ không tin có nghiệp thiện, ác. #Không có quả báo của nghiệp thiện, ác: điều này cũng rõ ràng, người đời thì họ đâu có tin những điều này, rõ ràng họ [bị] tà kiến rồi. #Không có đời này đời sau: điều này cũng đúng, họ không tin là có đời sau đâu, chết là hết, kiểu vậy đó.

Rồi #không có cha, không có mẹ: điều này thì nhiều người không hiểu, không có cha, không có mẹ là gì, thì trong một bộ kinh khác có giải thích. Tức là người đó nghĩ rằng họ được đẻ ra từ gốc cây, nên không có cha, không có mẹ. Chứ không phải nói là không có cha, không có mẹ. Tức là mình được sanh ra trong đời là do có thai sanh mà sanh ra, chứ không phải tự nhiên từ trong gốc cây mà chui ra. Người như vậy gọi là không có cha, không có mẹ. Tất nhiên cũng có trường hợp hóa sanh, giống như cô gái Amla là trường hợp đặc biệt. Còn đa số loài người được sanh ra là chắc chắn phải có cha, có mẹ. Còn nếu mình nói là mình được sanh ra từ gốc cây, ông thần nào sanh ra, thì đó là Tà kiến. Trong kinh đó có giải thích như vậy.

#Không có bậc Chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là Tà kiến. Điều cuối cùng tức là không tin vào bậc giác ngộ như A-la-hán, hay Thánh nhân gì cả. Quý vị cho là không có A-la-hán, không có Thánh nhân gì hết, như vậy đó là Tà kiến. Mình đã hiểu Tà kiến rồi, thì đảo lại là Chánh kiến thôi.

Thế nào gọi là Chánh kiến?[1] Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc Chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là Chánh kiến.

Có nghĩa là mình tin vào có bố thí; có cúng dường; có Trai tự (Bát quan trai), tức là tin có pháp tu này; rồi có những sự linh ứng trong tu tập; có nghiệp

thiện, ác tức là làm thiện thì được quả báo thiện, làm ác thì bị quả báo ác; rồi có đời này đời sau, tức là chết là chưa có hết đâu. Cho nên người [cho rằng] chết là hết, là rơi vào Đoạn kiến. Còn người [cho rằng] chết rồi mà đời sau vẫn trở lại làm người tiếp, thì đó là gọi là Thường kiến. Những điều đó đều là Tà kiến hết. Có 62 Tà kiến của giáo phái ngoại đạo của Ấn Độ là đức Phật giải hết, quý vị có thể coi trong bộ Kinh Phạm Võng.

Rồi có cha có mẹ, tức là mình được sanh ra là mình có cha. Ví dụ có nhiều người bị quăng ở đâu đó, nhưng chắc chắn là cũng có một người nào đó làm cha mình, chứ không thể chỉ có một mình mẹ mình, mà sanh ra mình được. [Cho nên] chắc chắn có mẹ, có cha. Rồi có những bậc Chân nhân ở trên đời, những bậc đó do tu tập ở đời này hay đời sau mà thành tựu. Đó là Chánh kiến.

Đây chỉ là một [định nghĩa về] Chánh kiến thôi, từ từ, quý vị đừng tranh cãi, kêu hôm bữa [học] Chánh kiến là biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Có định nghĩa đó nữa, nhưng hôm nay chúng ta học thêm định nghĩa này, rồi từ từ quý vị sẽ biết tại sao có hai định nghĩa.

Đó gọi rằng thấy Tà kiến là Tà kiến thì đó là Chánh kiến (quý vị thấy rõ, biết ai là Tà kiến, thì quý vị có Chánh kiến rồi đó). **Thấy Chánh kiến là Chánh kiến** (đúng rồi, bây giờ mình thấy ai có Chánh kiến, là mình cũng biết rồi đó)**; đó cũng gọi là Chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học để đoạn trừ Tà kiến, thành tựu Chánh kiến. Đó gọi là Chánh tinh tấn.**

Quý vị thấy định nghĩa về Chánh tinh tấn này có dễ không? Dễ mà! Không khó! Hồi xưa mình cứ nói tinh là tinh chuyên, tấn là tiến tới, còn bữa nay [mình học] định nghĩa này đơn giản thôi. Quý vị chỉ cần biết đó là Tà kiến, đó là Chánh kiến, rồi ráng cầu học để đoạn trừ Tà kiến, thành tựu Chánh kiến, đó gọi là Chánh tinh tấn. Chỉ vậy thôi. Định nghĩa đơn giản vô cùng, cho nên [định nghĩa] Chánh tinh tấn này dễ.

Còn hồi xưa giảng theo kiểu ngôn từ, không đọc trong kinh, rồi giảng là tinh là tinh chuyên, tấn là tiến tới; tiến tới một cách tinh chuyên, không xen tạp. Đó là hồi xưa Thiện Trang giảng tầm bậy. Cho nên Thiện Trang xin sám hối nha quý vị, hồi xưa ai học điều đó thì chịu khó chỉnh lại giùm. Cho nên sau này Thiện Trang coi lại, Thiện Trang thấy hối hận lắm (hơi có Tâm sở Hối), là tại vì sao hồi xưa mình không được học những điều này, để mình giảng có những phần không chính xác. Tất nhiên là cũng có lợi ích cho chúng sanh, nhưng điều đó không nên. Mình phải theo Chánh giáo của Như Lai. Cho nên Chánh tinh tấn dễ không quý vị? Chánh tinh tấn dễ. Cho nên tu Bát chánh đạo không khó đâu. Tại vì mình nâng Bát chánh đạo theo hướng nào đó xa xôi quá, nên mình tu Bát chánh đạo trở thành khó.

Bữa nay không có thời gian để giới thiệu cho quý vị hết Bát chánh đạo. Bữa nay giới thiệu cho quý vị về Chánh kiến và Chánh tinh tấn rồi, dần dần giới thiệu theo trong kinh, chỉ cần đủ Bát chánh đạo này thì quý vị sẽ dễ dàng tu được. Chúng ta tu thấy dễ thì mình mới vào được Thánh quả chứ. Còn chúng ta học theo kiểu người ta giải ra cao vời quá, và chúng ta thấy mình không làm được. Mà đó là người ta giải, chứ không phải Phật giải. Cho nên 'nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa' có mấy ai giải [được]. Không học, mình chưa phải là Thánh nhân, chưa phải là A-la-hán thì giải sai nghĩa của Như Lai mà thôi, giải theo ngôn ngữ của mình. Chữ tinh đúng là tinh chuyên, tấn là tiến tới, rồi Chánh là không tà; rồi [mình nói] tinh chuyên, không xen tạp, tiến tới, không tà. Trong khi Chánh tinh tấn mình [học] sai rồi, thì từ đó trở đi sai hết. Rất là đáng tiếc!

Vậy là bữa nay mình học được Chánh kiến rồi nha. Bài này cấp cho quý vị một điều thôi, dần dần sẽ [cung] cấp tiếp. Như vậy vô tình ở đây mình cũng biết Chánh tinh tấn luôn rồi. Tiếp theo là mình sẽ biết thêm một điều nữa:

Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ Tà kiến,[2] thành tựu Chánh kiến. Đó gọi là Chánh niệm.

Ở đoạn trên nói về Chánh kiến dễ lắm, Chánh tinh tấn cũng dễ luôn. Chánh tinh tấn là chỉ cần ráng cầu học làm sao để đoạn trừ Tà kiến, và thành tựu Chánh kiến. Còn bây giờ quý vị chỉ cần suy niệm về sự đoạn trừ Tà kiến, thành tựu Chánh kiến, đó gọi là Chánh niệm. Quý vị suy nghĩ trong tâm, lúc nào cũng [nghĩ] làm sao đó để đoạn trừ Tà kiến, thành tựu Chánh kiến, thì đó là Chánh niệm. Dễ ợt! Chỉ có như vậy thôi, chứ gì đâu mà giải Chánh niệm khó quá đi.

Cho nên Thiện Trang nói: hèn chi hồi xưa mình tu thấy khó là đúng rồi, tại vì giải xa quá, không đúng theo lời trong kinh. Cho nên mình thấy tiêu chuẩn quá cao, rồi mình tu không được. Và sau khi giải ra những điều này [theo kinh], thì quý vị thấy dễ không? Dễ mà! Đâu có gì khó đâu. Chỉ cần nắm được định nghĩa Chánh kiến là thế nào, Tà kiến là thế nào, mình ráng đừng [để] rớt vào Tà kiến, thành tựu được Chánh kiến. Rồi mình cầu học tu như vậy, mà tu siêng như vậy, gọi là Chánh tinh tấn. Còn tâm của mình luôn suy nghĩ: đó là Chánh kiến, đó là Tà kiến, mình đoạn trừ Tà kiến, và thành tựu Chánh kiến, đó gọi là Chánh niệm.

Cả ba chi này đi theo Chánh kiến, tùy tùng phương tiện của kiến.[3] Vì thế cho nên bảo Chánh kiến là đứng ngay ở vị trí hàng đầu.

Quý vị thấy Chánh niệm và Chánh tinh tấn liên quan đến Chánh kiến, mà Chánh kiến trật rồi thì thôi. Bữa nay chỉ giới thiệu sơ lược cho quý vị về ba điều này thôi, chứ nhiều quá thì quý vị không nhớ.

(Trích Từ Kinh Thánh Đạo – Kinh Số 189 – Thuộc Trung A Hàm).

Nếu ai muốn tìm hiểu Tám chánh đạo thì có nguyên bộ kinh, kinh đó là Kinh Thánh Đạo, Kinh số 189, thuộc Trung A Hàm. Cho nên Thiện Trang nói Kinh Trung A Hàm có nhiều điều quan trọng lắm. Quý vị biết như vậy rồi thì quý vị sẽ tu dễ dàng. Cho nên tu hoài mà không thành Thánh đạo là đúng rồi, [vì mình] tu trật.

Quý vị thấy hồi xưa ai tới gặp Phật hay Đệ tử của đức Phật, được thuyết

cho bài pháp ngắn ngắn thôi là đắc đạo. Còn bây giờ tại sao mình học mấy chục năm mà không đắc đạo? Chính vì mình học Bát chánh đạo này trật lất, ngay từ đầu mình đã giải sai nghĩa của Như Lai rồi. Cho nên 'nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa', đó là mình chỉ nguyện thôi, chứ giải thì chưa được. Mở bộ kinh ra, lúc nào cũng 'nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa', nhưng mình không học thì làm sao biết được. Cho nên mình phải học là như vậy.

Cho nên nền tảng A Hàm và Nikaya cực kỳ quan trọng là vì vậy. Khi nền tảng sai rồi, Chánh kiến không có rồi, thì mình đi quá xa. Bởi vì mình tưởng là Chánh kiến là gì đó cao vời quá, Chánh tinh tấn là gì đó xa xôi quá, và mình thấy tu như vậy thì làm sao có hy vọng, nên càng tu thì càng sai. Giống như con tàu, nếu đầu tàu đã sai (vì Chánh kiến là ở vị trí đầu tàu), thì sẽ kéo cả toa tàu đi hướng khác, cho nên lạc hướng. [Điều này] nguy hiểm nha!

Đây là trích từ Kinh Thánh Đạo, thuộc Trung A Hàm. Bộ Kinh này ở gần cuối, nên chắc quý vị chưa nghe tới đâu.

Đó là một định nghĩa về Chánh kiến, bây giờ Thiện Trang xin đưa thêm một định nghĩa về Chánh kiến nữa:

Chánh Kiến Là Gì? (1)

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: "Hiền giả Đại Câu Hy La, thế nào là Chánh kiến?" Đoạn này là trích từ một bộ kinh khác, nhưng nội dung thì giống với bộ kinh hôm trước mà Thiện Trang đã cung cấp cho quý vị.

Tôn giả Đại Câu Hy La đáp: "Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Đó gọi là Chánh kiến". Quý vị thấy ngắn gọn không? Đọc tới đây thì sẽ có nhiều quý vị thắc mắc là tại sao đức Phật đưa ra hai định nghĩa vậy? Ở trên thì [định nghĩa] Chánh kiến thế này, ở dưới thì [định nghĩa] Chánh kiến thế kia. [Ở trên định nghĩa] Chánh kiến là có cha có mẹ,

ở đời có bậc A-la-hán, có bố thí, có trai tự, có nghiệp thiện, ác, có quả báo của nghiệp thiện, ác. Ở trên là định nghĩa như vậy. Vậy sao bây giờ lại định nghĩa khác? Chắc chắn là mọi người sẽ nghi ngờ. Thật tế là có hai định nghĩa, và hai định nghĩa này đức Phật có giải. Tại vì mình chưa đọc kinh, nên mình không hiểu. Từ từ, quý vị đừng vội nôn nóng, sẽ có định nghĩa ở dưới này. Mời quý vị theo dõi tiếp:

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe xong khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu Hy La".

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: "Hiền giả Đại Câu Hy La, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên sanh Chánh kiến?" Điều này hôm bữa chúng ta học rồi đúng không? Mặc dù trích từ kinh khác, nhưng cũng giống như vậy. Thiện Trang thấy nội dung này lặp đi lặp lại 3 lần trong các bộ kinh. Tức là bộ kinh khác, nhưng cũng hỏi đi hỏi lại điều này, cho nên rất quan trọng.

Tôn giả Đại Câu Hy La đáp: "Có hai nhân, có hai duyên sanh Chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân, có hai duyên sanh Chánh kiến". Điều này thì hôm bữa Thiện Trang có trích rồi. Có hai nhân, hai duyên để sanh ra Chánh kiến: Một là duyên từ người khác, tức là người khác giảng cho mình nghe, hiểu. Hai là từ nội tâm tư duy, tức là mình phải tự suy nghĩ tư duy nữa. Chứ mình nghe không [thôi], chạy từ tai này qua tai kia, thì mình cũng không hiểu được.

Ví dụ quý vị nghe Chánh kiến là biết như thật về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt, và Khổ diệt đạo. Vậy mình phải biết như thật về Khổ; Khổ có ba khổ, có bát khổ. Đó là sự thật về Khổ. Rồi mình phải biết nguyên nhân của khổ là gì. Rồi khi hết khổ thì như thế nào. Và con đường để hết khổ là tu điều gì. Ví dụ như tu Bát chánh đạo là con đường để diệt khổ đó. Chúng ta hiểu như vậy, rồi chúng ta phải tư duy, suy nghĩ. Đó là tự nội tâm mình tư duy. Và mình nghe từ người khác nữa.

Mình ôn qua ôn lại thì sẽ sanh ra Chánh kiến.

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe xong khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu Hy La".

Tôn giả Xá Lợi Phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: "Hiền giả Đại Câu Hy La, có bao nhiêu chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được Tâm giải thoát quả, Tuệ giải thoát quả, đạt được Tâm giải Thoát công đức, Tuệ giải Thoát công đức?"

Điều này là mới. Nếu chúng ta có Chánh kiến thì sẽ đạt được Tâm giải thoát quả (là quả của Tâm giải thoát), tức là quả của A-la-hán. A-la-hán thì có Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Và [vị] A-la-hán có cả hai điều này thì gọi là A-la-hán Câu giải thoát. Trong Luận Đại Tỳ Bà Sa có chia ra A-la-hán có Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, và Câu giải thoát. Còn hôm bữa mình học trong bài kia thì chỉ có A-la-hán Câu giải thoát và Tâm giải thoát thôi, không có Tuệ giải thoát. Nhưng có khi chia ra bậc A-la-hán Tuệ giải thoát nữa.

Tất nhiên có Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát thì sẽ có công đức của Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát thôi. Vậy bây giờ mình xem có bao nhiêu chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được điều này.

Tôn giả Đại Câu Hy La đáp: "Có năm chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được Tâm giải thoát quả, Tuệ giải thoát quả; đạt được Tâm giải Thoát công đức, Tuệ giải Thoát công đức. Những gì là năm? (Ở đây quan trọng, xem mình tu điều gì đây) **Một là được thâu nhiếp bởi Chân đế** (Chân đế là sự thật. Chân đế là Niết-Bàn, nhưng chúng ta nói đơn giản Chân đế là pháp của Phật)**, hai là được thâu nhiếp bởi Giới** (điều thứ hai là quý vị phải giữ giới)**, ba là được thâu nhiếp bởi Bác văn** (Bác văn tức là nghe mà hiểu nhiều; bác là rộng, chứ không phải học có một bộ kinh mà đòi bác văn. Hồi xưa thì mình tin điều này, nhưng bây giờ Thiện Trang nói xin lỗi quý vị, Thiện Trang hiểu ra được rằng:

đúng là không có Bác văn thì không thể nào có Chánh kiến được. Bởi vì mình học cái gốc đó, mà gốc đó trật rồi thì làm sao có Chánh kiến được. Cho nên phải có Bác văn tức là học rộng.

Chúng ta cũng học rộng. Thật ra Kinh A Hàm và Kinh Nikaya nói vậy thôi chứ cũng không nhiều lắm đâu, học cả bộ A Tỳ Đàm và Luận Câu Xá v.v… mà chuyên học, thì cũng học chừng hai năm là xong rồi, là có được nền tảng cực kỳ vững chắc. Sau đó quý vị tu môn nào cũng được. Chứ còn mình không [học] những điều này thì mình không có nền tảng. Mà không có nền tảng rồi thì những điều sau đó [trật] hết. Chúng ta cứ coi ở đây đi, chúng ta học thấy trật hết, những điều Phật dạy mà mình học thấy đi đâu [xa xôi]).

Bốn là được thâu nhiếp bởi Chỉ, năm là được thâu nhiếp bởi Quán.[4] Quý vị thấy không ạ? Bốn là phải tu Thiền chỉ, năm là phải tu Thiền quán. Chỉ và Quán là Samatha và Thiền na. Điều này thì rõ ràng. Cho nên Thiện Trang mới giới thiệu 40 đề mục tu Thiền chỉ đó. Thiện Trang phải dạy cho quý vị Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền quán là mình đang học pháp đây. Mình có năm điều này thì mới thâu nhiếp Chánh kiến để đạt Tâm giải thoát quả, Tuệ giải thoát quả. Hay chúng ta nói là [để] đạt được quả A-la-hán, thì quý vị phải tu năm điều này, thì mới có Chánh kiến.

Như vậy Chân đế là giáo lý chân thật, và chúng ta phải giữ giới, phải học rộng nghe nhiều, và phải tu Thiền chỉ và Thiền quán. Nói tóm lại là như vậy thôi.

Vậy quý vị coi lại là mình tu đúng như vậy chưa? Nếu chưa đúng như vậy thì hèn chi mình là phàm phu là đúng rồi, mình chưa phải là A-la-hán là đúng rồi, chưa có Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Tâm giải thoát cũng là A-la-hán, mà A-la-hán chỉ có tâm giải thoát thôi; còn A-la-hán Câu giải thoát thì có cả Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Cho nên càng coi trong kinh thì thấy mình xưa nay tu trật lất, hèn chi tu bao nhiêu năm mà không tiến được, và Phiền não càng nhiều là đúng rồi.

Đó gọi là năm chi thâu nhiếp Chánh kiến để đạt được Tâm giải thoát quả, Tuệ giải thoát quả, đạt được Tâm giải Thoát công đức, Tuệ giải Thoát công đức".

(Trích Từ Kinh Đại Câu Hy La – Kinh Số 211 – Thuộc Trung A Hàm).

Cho nên quý vị nhớ năm chi này nha. Bí quyết tu hành, đầu tiên là Chân đế; Chân đế là sự thật, ngôn ngữ của nhà Phật nói Chân đế khó hiểu, thì quý vị hiểu Chân đế là giáo pháp của Phật, mình phải tuân theo. Rồi chúng ta phải có giới, phải học rộng, học rộng là bác văn. Bác văn là nghe hiểu, là văn tư tu đó. Nói đơn giản là nghe hiểu, và sự nghe hiểu này phải rộng. [Điều cuối cùng] là chúng ta phải tu Thiền chỉ và tu Thiền quán.

Hôm qua Thiện Trang có nghe trong một bộ kinh, đức Phật nói nếu tu được Thiền chỉ, có nghĩa là những người tu Thiền chỉ mà đạt được Thiền chỉ, thì do nền tảng Thiền chỉ đó mà khi chuyển qua Thiền quán là họ đắc liền, đắc nhanh.

Cho nên Thiện Trang mới nghĩ, hèn chi mình không tu Thiền chỉ mấy, mà chỉ chăm tu Thiền quán, nên khó đắc. Nhưng Thiền chỉ giờ cũng khó tu quá, học 40 đề mục tu Thiền chỉ cũng có dễ đâu, không dễ, nhiều đồng tu thấy sợ quá. Nhưng nếu quý vị có Thiền chỉ sâu, có công phu sâu, thì chuyển qua Thiền quán là thành tựu liền, nhờ Thiền chỉ mà thành tựu Thiền quán, tất nhiên cũng có khi ngược lại. Đức Phật cũng nói: khi thành tựu Thiền quán, mà chuyển qua Thiền chỉ thì cũng thành tựu. Đại ý là vậy, Thiện Trang không có nói nguyên văn của Phật, Thiện Trang chỉ nói đại ý. Tức là miễn là thành tựu một trong hai [Thiền chỉ hoặc Thiền quán], hoặc là có trường hợp tu song song cả hai [pháp] đó.

Đây là lời đức Phật nói trong kinh. Thiện Trang nói tất cả đều nói trong kinh, không phải ở A Tỳ Đàm nói không [thôi], mà trong kinh cũng nói như vậy. Cho nên tu cũng có ba con đường. Có người liều mạng tu Thiền chỉ trước, rồi tu Thiền quán sau. Có người thì tu Thiền quán trước, rồi tu Thiền chỉ sau. Có người

vận dụng tu vừa Chỉ vừa Quán song hành. Và đức Phật thường khuyến khích [tu] song hành hai pháp đó. Thiện Trang để ý thấy [như] vậy.

Có người liều mạng tu Thiền chỉ, đắc quả thì đắc, không đắc thì thôi, có duyên thì đắc, không có duyên thì không đắc. Có người thì liều mạng tu Thiền quán thôi, vì Thiền quán chắc chắn đắc, thành tựu được A-la-hán mà không có Thần thông cũng được, miễn là đắc Niết-Bàn thôi. Kiểu như vậy. Hoặc là chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn mà không có Thần thông cũng được, họ chấp nhận như vậy, cho nên họ tu Thiền quán không [thôi].

Nhưng thực tế nếu không có trợ của Thiền chỉ, thì quán đó [cũng] khó thành tựu hơn. Cho nên ít hay nhiều gì, Thiện Trang vẫn khuyên mọi người nên tu cả hai. Nếu chúng ta không có thời gian nhiều, thì chúng ta phải ưu tiên cho Thiền quán. Tức là học pháp nhiều, nghe pháp nhiều, rồi tư duy trong pháp nhiều, đó là tu Thiền Quán. Nếu ngồi im được, tư duy về Khổ, Không, Vô thường, vô Ngã v.v… những pháp nào đó, thì tu Quán dễ đắc đạo hơn. Còn tu Chỉ cũng giúp được nhiều lợi ích, đó là trợ cho tu Quán. Những điều này Thiện Trang đã nói rồi.

Quý vị thấy Thiện Trang duyệt Kinh Trung A Hàm tới đây, và quý vị thấy cũng gần hết Kinh Trung A Hàm luôn rồi. Đó là một định nghĩa về Chánh kiến, bây giờ trở lại định nghĩa Chánh Kiến là gì? (2) Chánh kiến này giống như trên thôi.

Chánh Kiến Là Gì? (2)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói. Những gì là tà? Là Tà kiến … cho đến Tà định (tức là tà ngược lại với [Tám chánh đạo], thì bây giờ là Tà kiến… cho đến Tà định). **Những gì là chánh? Là Chánh kiến… cho đến Chánh định.** (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ,

Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Không có Chánh huệ nha, [vì] Chánh huệ là ra giải thoát rồi đó).

Thế nào là chánh kiến? Là nói: Có bố thí, có chú thuyết, có trai tự,[1] (ở đây có chú thích về trai tự. Ngài Tuệ sỹ có chú giải ở trong thuyết, trai, thì trai này là Bát quan trai), **có thiện hành, có ác hành** (giống như có việc thiện, việc ác)**, có quả báo thiện ác hành** (ở đây thiếu quả báo của thiện hành), **có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh**[2] (ở đây có bổ sung thêm: 'có chúng sanh hoá sanh' thôi, còn mấy điều kia giống ở trên), **có A-la-hán thiện đáo,**[3] (là A-la-hán khéo đến), **thiện hướng,**[4] (đây là những bậc A-la-hán. Thiện đáo là chân chánh ra khỏi thế gian, còn thiện hướng là chân chánh đến Niết-Bàn, tức là A-la-hán hướng, định nghĩa có khác một chút. Tức là biết có A-la-hán và A-la-hán hướng, tin có những bậc như vậy. Thật ra giống ở trên thôi, có người chứng ngay đời này, có người chứng đời sau), **tự tri tự tác chứng đời này và đời khác, thành tựu và an trú, tự biết 'ta, sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không tái sanh đời sau.'** Điều này là mình tin có A-la-hán thôi. Tóm lại ở đây, A-la-hán thì có nhiều bậc A-la-hán, A-la-hán thiện khéo đến, trong những bậc hôm bữa mình học, quý vị nhớ có bậc Kiến chí, Thiện đáo, Thiện hướng. Kiểu vậy đó! Đó là A-la-hán hướng, hoặc là A-la-hán.

Tóm lại là mình tin có bố thí, có chú thuyết, có Trai tự (có Bát quan trai). Có pháp tu Bát quan trai có lợi ích. Rồi có thiện hành, có ác hành, có quả báo của việc thiện ác. Rồi có đời này đời sau, có cha có mẹ. Nhưng ở đây tin thêm là có loài chúng sanh hóa sanh nữa, như là chư Thiên. Chứ mình kêu không có chư Thiên, đó là Tà kiến rồi. Tóm lại có A-la-hán, có Thánh nhân là rồi được.

Đó là định nghĩa về Chánh kiến. Ở đây sẵn định nghĩa luôn mấy Chánh còn lại nhưng định nghĩa này đơn giản. Hôm khác sẽ giới thiệu định nghĩa dài hơn.

Thế nào là Chánh tư duy? Tư duy xuất yếu, tư duy vô nhuế, tư duy bất

hại.[1] Tức là mình tư duy những điều quan trọng để ra khỏi thế gian, tư duy làm sao để mình không sân, tư duy làm sao để không làm hại chúng sanh. Nói đơn giản là vậy.

Thế nào là Chánh ngữ? Xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời phù phiếm. Tóm lại giữ dùm cho bốn nghiệp của miệng (lời nói), bây giờ có viết nữa. Đó là đừng nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm. Những điều này thuộc về Thập thiện. Quý vị giữ được trong Thập thiện là quý vị được Chánh ngữ. Dễ không? Dễ mà!

Thế nào là Chánh nghiệp? Lìa sát, đạo, dâm. Đừng có sát sanh, đừng trộm cắp, đừng dâm dục. Đối với người tại gia thì đừng tà dâm. Nhưng ở đây lìa sát, đạo, dâm tức là lìa dâm dục.

Thế nào là Chánh mạng? Cầu y phục, ẩm thực, ngọa cụ thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Điều này nói cho người xuất gia rồi. Còn người tại gia thì đức Phật nói là quý vị tránh những nghề nghiệp nào làm ăn không tốt. Ví dụ như buôn bán vũ khí, buôn bán súc vật, chúng sanh, buôn bán thịt, buôn bán thuốc độc, v.v…. Rồi có những nghề nào mà muốn làm hại chúng sanh khác, thì những nghề đó không phải là Chánh mạng. Quý vị [tại gia] nên [tránh những nghề] như vậy.

Còn đối với người xuất gia thì phải làm đúng như pháp. Ví dụ như người xuất gia không được đi cúng kiếng để lấy tiền. [Không được] coi sao bói quẻ, coi ngày tốt ngày xấu, đám cưới, đám tang để kiếm tiền. Đó đều là không Chánh mạng. Hoặc là Tỳ-kheo thì không được trồng trọt để tự sống, không được buôn bán, đó cũng không phải là Chánh mạng. Có những Chánh mạng đối với người xuất gia thì nhiều, nhưng đối với người tại gia thì ít hơn, dễ hơn. Vì người xuất gia cần cầu quả A-la-hán. Nếu không làm được như vậy thì không thể đắc A-la-hán trong đời này được.

Cho nên mấy giới đó là thuộc giới Tỳ-kheo đó quý vị. Tỳ-kheo không được đào đất, có giới như vậy. Quý vị thấy Sư Minh Tuệ có đào đất không? Rồi Tỳ-kheo không được bứt lá cây, không được chặt phá cây. Quý vị thấy [các Sư] có [làm] không? Đâu có đâu. Vậy thì quý vị cứ coi 250 giới Tỳ-kheo, có nhiều giới lắm. Rồi Tỳ-kheo không được đưa y cho người nữ giặt chẳng hạn, đó cũng là một [giới]. Hồi xưa là [tự] giặt, nhưng mình phải hiểu ý trong đó. Còn thời bây giờ có máy giặt, mình cho vô máy giặt [để] giặt thì khác. Nhưng bây giờ có những giới đó, mình phải học đàng hoàng.

Bây giờ mình không học nên mình không biết, nhưng Thiện Trang từ từ sẽ đăng lên [những giới đó]. Thiện Trang cũng sợ đăng đề mục Giới, [vì] quý vị coi mà quý vị không hiểu, rồi quý vị phỉ báng nữa. [Nhưng quý vị] phải coi giới đó nội dung cụ thể như thế nào, và tại sao Phật chế điều đó, mình phải hiểu. Cho nên giới Tỳ-kheo nói thì dễ, nhưng phải có thời gian để học thì mới học được. Chứ còn nói mơ mơ màng màng là giữ giới, [nhưng] quý vị không biết giữ.

Giống như Tỳ-kheo có giữ giới nửa tháng tắm một lần. Quý vị thấy có giới đó, rồi bắt đầu ai cũng giữ nửa tháng tắm một lần. Nhưng đằng sau đức Phật khai duyên ra: nào là trừ khi đi đường, trừ khi trời mưa, trừ khi làm việc, trừ khi nóng bức v.v… Cuối cùng là được tắm mà. Nguyên nhân chế [giới] là vì đợt đó thiếu nước, nên [đức Phật] mới chế ra giới đó. Chứ không phải do đức Phật [tự] chế ra như vậy, và Ngài có khai ra. Từ đó mình hiểu có những giới chế xong, nhưng Phật khai ra gần như hết rồi.

Thế nào là Chánh tinh tấn? Dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham năng, luôn thực hành không lùi bước. Ở đây có nói khác một chút. Tức là quý vị phải có mong, muốn quý vị phải thật tinh tấn, khéo léo, xuất ly (là cầu mau ra khỏi sanh tử), tinh cần (là siêng năng), kham năng (là quý vị có khả năng kham nhẫn; #kham là kham nhẫn; #năng là siêng năng), và luôn thực hành không lùi bước. Đó là Chánh tinh tấn.

Thế nào là Chánh niệm? Nhớ nghĩ không dối không hư, luôn tùy thuận. Mình nhớ nghĩ, không có dối, không hư (hư là hư ngụy), luôn tùy thuận (tức là luôn luôn theo pháp).

Thế nào là Chánh định? Trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định. Đây là định nghĩa đơn giản thôi, hôm sau Thiện Trang sẽ cung cấp cho quý vị định nghĩa đầy đủ.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Ở đây chúng ta quan trọng là định nghĩa về [Chánh kiến]. Định nghĩa [Chánh kiến] là có bố thí, có chú thuyết, có trai tự (có Bát quan trai), có việc lành việc ác, có quả báo việc lành việc ác, có cha có mẹ, có đời này đời khác, có chúng sanh hóa sanh, có A-la-hán (có bậc Thánh nhân). Ở đời mình cứ nghĩ vậy là mình có Chánh kiến.

(Kinh Tà Chánh - Kinh 752 - thuộc Tạp A Hàm).

Khi chúng ta có thắc mắc thì Thiện Trang nói là do có hai loại Chánh kiến: là Chánh kiến Thế gian và Chánh kiến Xuất thế gian. Có nghĩa là phải có hai loại Chánh kiến, chứ không phải một loại. Một loại là định nghĩa như vừa rồi nói ở trên. Còn loại thứ hai là biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, biết như thật về Tứ đế, đó là Chánh kiến Xuất thế gian. Cho nên khi học Chánh kiến thì mình phải học cả hai, chứ không phải học mỗi Chánh kiến Thế gian, rồi cuối cùng mình không ra khỏi thế gian. Mình phải có Chánh kiến Xuất thế gian thì mình mới ra khỏi thế gian được. Nên nhiều người học, cứ ôm vô một loại là cũng không đúng.

Thiện Trang xin trích dẫn từ kinh, nói điều gì là có sách, có kinh hết.

Hai Loại Chánh Kiến Thế Gian Và Xuất Thế Gian

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn ông Cấp Cô Độc,

rừng cây Thái tử Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật. Sau khi cùng đức Thế Tôn thăm hỏi ân cần xong, ông ngồi xuống một bên, bạch đức Phật rằng: "Thưa Cù Đàm, thế nào gọi là Chánh kiến?"

Đức Phật bảo Bà-la-môn: "Chánh kiến có hai (chính đức Phật nói nha)**: có Chánh kiến thuộc về thế tục, Hữu lậu, Hữu thủ, hướng đến đường lành** (có nghĩa là nếu có Chánh kiến [này] thì thuộc về Thế gian thôi. Còn Hữu lậu và còn Thủ hữu, tức là còn ở trong sự chấp có, và chỉ hướng đến đường lành thôi. Nên quý vị giữ điều đó thì quý vị chỉ sanh về cõi lành thôi)**. Có loại Chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, Vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.** Chánh kiến thứ hai này mới ra khỏi sanh tử. Quý vị nhớ nha! Chứ mình học từ bữa tới giờ, ngay cả Chánh kiến thôi mà đã học sai rồi đúng không? Có người ôm được một chút [kiến thức] ở trên, là bắt đầu nói như thế là Chánh kiến. Thế nào là Chánh kiến Thế gian và Chánh kiến Xuất thế gian, thì bữa nay chúng ta học luôn. Cho nên không duyệt kinh tạng thì làm sao biết được, học vô là chụp, tưởng điều đó là Chánh kiến rồi. Chưa phải! Chưa đủ!

Thế nào là Chánh kiến Hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? (Nghĩa là quý vị tuân theo Chánh kiến này, thì chỉ được quả báo Hữu lậu và còn ở trong cõi thiện). **Người nào thấy có bố thí, có chú thuyết... cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau.**[1] **Này Bà-la-môn, đó gọi là Chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, Hữu lậu, Hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện**. Tức là định nghĩa mà quý vị biết là có bố thí, có chú thuyết, có trai giới, có cha có mẹ, có nghiệp báo thiện ác, có quả báo thiện ác, rồi có A-la-hán không tái sanh đời sau nữa, điều đó chỉ [giúp] quý vị đi vào cõi thiện, cõi lành thôi. Cho nên tu theo đó chưa xuất thế gian được đâu. Rồi đè đầu tu theo đó đi. Chưa được!

Quý vị thấy chưa? Không học là Chánh kiến đã sai rồi, vì Chánh kiến chưa đủ, mà mình học mới được một nửa là xong luôn, có nghĩa là mình đã tu sai.

Thiện Trang tin là rất nhiều người tu tập Vipassana cũng chỉ học được đoạn ở trên thôi, không học đoạn ở dưới. Có nhiều người vẫn thiếu, vì chưa có thời gian duyệt hết kinh tạng thì làm sao biết được.

Bà-la-môn, thế nào là Chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, Vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? (Đây là Chánh kiến để thành bậc Thánh) **Thánh đệ tử nơi khổ tư duy về Khổ; về Tập, Diệt, Đạo tư duy đạo, tương ưng với tư duy Vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, khéo dùng trí huệ sáng tỏ mà quán sát. Đó gọi là Chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, Vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ".**

Như vậy là mình phải tu điều dưới này thì mới thoát khổ. Thật ra tư duy về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tư duy bốn điều này làm sao để tương ứng với tư duy Vô lậu. Đằng sau chỉ giải thích thêm thôi, 'ở trong pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri (giác biết), khéo dùng trí huệ sáng tỏ mà quan sát được tất cả các pháp trong thế gian về bốn vấn đề Khổ, Tập, Diệt, Đạo'. Quý vị thấy điều gì quý vị cũng quan sát được. Nên Thiện Trang nói là tu hành mọi lúc mọi nơi, không phải mình đợi tới lúc vô chánh điện rồi mới tu, mà mình phải tu ngay trong lúc đang nấu cơm, xắt rau.

Ví dụ người Việt mình hay ăn món mướp xào, thì mình thấy: À! [Món] mướp này cũng là nguyên nhân [của khổ]. Vì sao? Vì nó là một trong bốn tứ thực, mình ở cõi này thì mình ăn, còn ở cõi khác [thì người ta] không ăn, A-la-hán chứng Niết-Bàn thì không ăn. Mình tư duy như vậy là mình biết khổ từ đâu ra v.v... Ngay trong đó mình tư duy, lúc nào cũng nghĩ về pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cứ như vậy, mình dùng trí tuệ xem xét phân biệt ra. Mình biết thức ăn này là Đoàn thực, vi tế thực v.v... trong đầu mình lúc nào cũng nghĩ, tư duy, phân biệt, dùng trí tuệ quan sát sáng tỏ hết. Đó là quý vị đang tu về Chánh kiến, đang tu về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì tự nhiên quý vị sẽ được thôi.

Sau khi Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Như Chánh kiến cũng vậy, Chánh tư duy, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tấn, Chánh niệm, Chánh định, kinh nào cũng nói như trên.

***(Đây là Kinh Sanh Văn - Kinh 757 - Kinh Tạp A Hàm)*.**

Quý vị thấy bây giờ chúng ta rõ ràng về Chánh kiến rồi đúng không ạ? Tóm lại bữa nay [mình] giải quyết được hết vấn đề về Chánh kiến trong Bát chánh đạo hay là Bát thánh đạo. Và Chánh kiến là quan trọng nhất. Thiện Trang đã dành hết thời gian để giới thiệu về vấn đề này thôi, để hi vọng quý vị không bị lầm lẫn con đường tu hành. Chỉ cần thế thôi, còn các vấn đề [khác], sau khi mình hiểu rồi thì tu tập sẽ dễ, không có khó khăn gì. Vì nếu mình đã có nhận thức đúng thì mình tu tập sẽ đúng. Lâu lâu chúng ta cung cấp.

Cho nên nhiều đồng tu học rất lâu trong Phật pháp, nhưng mỗi Chánh kiến [thôi] mà vẫn chưa hiểu. Mình cứ ôm [những kiến thức] trên mạng, Thiện Trang thấy ngay cả tờ báo lớn cũng đăng 'Chánh kiến là gì'? Thì họ quất vô 'có cha có mẹ, gọi là Chánh kiến'. Họ không biết cả một đoạn dài như vậy mới là Chánh kiến. Mà Chánh kiến đó là Chánh kiến thế gian thôi, họ chưa có duyên để đọc đến đoạn sau, có Chánh kiến xuất thế gian nữa.

Cho nên những gì mình học, nếu không có nghiên cứu, không thực sự dành thời gian nhiều, thì sự học của mình nhỏ nhoi. Và đôi khi mình vô, mình chấp [cho là] điều đó đúng rồi, là mình tiêu luôn. Vì không có [sự] so sánh, không có đối chứng.

Thời nay chúng ta đã có công nghệ đầy đủ trên mạng, có kinh điển, kinh sách nhiều lắm. Quý vị học ai thì quý vị cũng kiểm tra lại giùm, vị thầy đó, cô đó, vị Sư đó, vị Cư sĩ đó giảng pháp có đúng theo kinh Phật hay không? Nói phải có sách, mách phải có chứng và [phải] có [ở trong] kinh. Ít nhất là quý vị phải có

điều đó. Còn những người muốn giảng dạy, muốn truyền đạo cho người khác, thì ít nhất [cũng] phải biết một ngôn ngữ nữa, để mình làm chủ ngôn ngữ. Vì [có] những chỗ người ta dịch không chính xác, mà mình cũng không biết. Rồi nhiều khi họ bịa kinh, sửa kinh, mà mình cũng không biết luôn. Thời nay Thiện Trang thấy có hiện tượng sửa kinh. Có những bộ kinh người khác dịch rồi, của Hán tạng chẳng hạn, hay kinh đó dịch rồi. Nhưng sau này có người sửa lại, họ sửa nhưng không căn cứ vào bản gốc để sửa, mà họ cố tình sửa để có lợi cho nhóm của họ v.v… Thiện Trang thấy sợ quá. Sau này Thiện Trang thấy ớn quá, Thiện Trang tin dùng bản của người nào, là cả một vấn đề. Thứ hai nữa là Thiện Trang phải tra, phải coi bản gốc.

Thực ra bây giờ dần dần trên thế giới cũng có nhiều người dịch, nên thư viện đó lên cả thế giới rồi, cho nên yên tâm, mình có thể đối chiếu được một vấn đề nào đó, chứ không khó như [hồi] xưa. Tất nhiên quý vị không biết ngôn ngữ thì cũng chẳng sao, vì bây giờ có nhiều bản dịch khắp nơi. Nhưng mình phải theo những người nào thực sự tin sâu nhân quả. Còn những người không tin sâu nhân quả, thì dù có chức vụ cao lớn gì, họ cũng sẵn sàng sửa kinh, rút gọn kinh v.v… Thiện Trang sợ điều đó lắm. Bộ kinh dài như vậy mà họ tóm tắt thành ngắn gọn có một chút thôi. [Bộ] kinh tụng cả ngày [mới hết], [mà] họ [dịch] thành ra tụng [có] một tiếng, hai tiếng là hết, [họ] rút gọn như vậy. Những trường hợp đó Thiện Trang xin phép không dám dùng. Thiện Trang chỉ coi kinh gốc là yên tâm.

Quý vị cũng vậy, thời nay phải cẩn thận, vì thời này người ta không tin sâu nhân quả, người ta dễ làm những việc có lợi cho họ. Đó là ngay cả Chánh kiến, tin có nghiệp báo của thiện ác, có quả báo của đời sau, mà họ không tin nên họ mới làm như vậy. Ngay cả người truyền pháp, mà truyền bằng sự không tin như vậy, thì nguy hiểm lắm. Cho nên là [quý vị ráng học pháp]. Thời sau này học Phật pháp khó hơn thời xưa, bởi vì có nhiều nhiễu nhương quá, không tu được. Giảng cũng không giảng được, truyền pháp cũng không được, càng ngày càng khó hơn, cho nên quý vị phải trân trọng [pháp duyên này].

Có thể mình không có nhiều cơ hội để tu hành, nếu để đời sau thì Thiện Trang nghĩ càng khó hơn, nếu với tình hình này. Là những người biết Phật pháp rồi, thì quý vị hãy học và tranh thủ tu, để vào [được các địa vị], ít nhất là Tùy tín hành. Những người không có trí tuệ tốt thì tu theo con đường Tùy tín hành, [còn] những người có trí tuệ tốt hơn thì tu theo con đường Tùy pháp hành. Đó là hai con đường đi vào Sơ quả rất dễ dàng. Chúng ta đã học qua hai địa vị đó rồi, quý vị coi lại.

Chúng ta học những điều này thật ra là huân tập, để vào [được] dòng Thánh, dòng Hiền. Nếu quý vị học nhiều, tu tập nhiều, nghe nhiều như vậy, [thì] theo năm tháng, dần dần quý vị sẽ vào được những quả vị trước Tu-đà-hoàn, ví dụ như Tứ gia hạnh: Noãn vị, Đảnh vị, Nhẫn vị, Thế đệ Nhất vị.

Thật ra chúng ta quay đi quay lại, cũng chỉ là [tu] các pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Bát chánh đạo. Rồi tu tập các Biệt tướng Niệm trụ, Tổng tướng Niệm trụ v.v… thực ra là tu những điều này thôi, chứ không có gì đâu. Rồi quán hơi thở, quán sổ tức, hay là những pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, những pháp này đều đưa đến giác ngộ giải thoát.

Tùy mỗi người, [người nào] mạnh điều nào thì dùng điều đó. Quý vị cố gắng dùng một thời gian thì tự nhiên hiệu quả xuất hiện. Rồi [sau đó] quý vị tu môn nào cũng được, quý vị muốn tu Thiền tông Đại thừa hay tu Lăng Nghiêm, hay [tu môn] gì cũng được. Khi quý vị có Chánh kiến rồi, quý vị tu thì sẽ biết được môn đó có hợp với mình hay không, có hợp với Chánh pháp hay không, bất cứ môn nào mình cũng sẽ rõ ràng. Còn nếu không có Chánh kiến, thì dù mình học mình tu, nhiều khi đổ ra công sức rất nhiều, nhưng hiệu quả thu lại lợi ích không lớn. Nên nhớ như vậy!

Việc đi đúng đường giống như con tàu chạy đúng đường, hoặc chiếc xe đó chạy đúng đường, thì con đường đó mỗi bước đi là mỗi bước gần đến đích. Hoặc mình đi bộ, thì mỗi bước đi là mỗi bước gần đến đích. Hay là con tàu, thì mỗi giây

phút sau, là mỗi [giây phút] gần đến đích hơn. Cũng vậy, nếu như mình đi lệch đường thì mỗi bước đi là [càng] xa đích hơn, đúng không quý vị?

Tùy theo [mức độ] lệch, lệch một chút còn đỡ. [Theo] nguyên tắc, ví dụ quý vị đi hướng từ đây đến đây thì sẽ ra tới Hà Nội, mà quý vị chạy một hồi, quý vị rẽ ở đây, mà [quý vị] rẽ [sai đường] thì sẽ càng xa hơn mà thôi. Nếu quý vị quay ngược, thì là tà nữa, nên càng ngày càng xa.

Cho nên Phật pháp là phải xây dựng nền tảng trước, và phải nhận thức cho chính xác về tất cả vấn đề căn bản. Vấn đề căn bản có rồi, thì quý vị đi rất nhẹ nhàng, từ đó chúng ta sẽ tu dễ dàng. Thiện Trang thấy sau khi học những điều này, thì thấy tu rất nhẹ nhàng, không có gì vất vả.

Trong Kinh đức Phật nói, ví dụ những người Cư sĩ thời Phật, ban ngày thì họ ra đồng ruộng, tối về họ thiền định và tư duy về pháp, sáng sớm họ dậy họ cũng tư duy về pháp. Trong kinh đức Phật nói như vậy thôi, cũng đâu có gì ghê gớm đâu. Đức Phật vẫn chấp nhận cho quý vị ra ngoài làm việc v.v… có thời gian tranh thủ tối về thiền định, tư duy về pháp, sáng dậy thì cũng tư duy về pháp. Như vậy thì dần dần quý vị cũng thành tựu [được].

Thời đức Phật nhiều người đắc đạo lắm, còn bây giờ tại sao chúng ta không đắc đạo? Vì pháp mạt. Mạt ở chỗ không phải là pháp mạt, mà không có ai truyền Chánh giáo, [cho nên] tu lệch, có nhiều điều không đúng. Ngay cả Chánh kiến thôi mà mình đã không [học] đúng rồi, thì làm sao có những điều sau, làm sao có Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh định.

Mỗi bữa Thiện Trang chia sẻ như vậy, khi học hết phần nền tảng này kha khá rồi, thì bữa sau mình chạy phần Luận Câu Xá nhanh hơn, vì mình có nền tảng rồi. Thiện Trang muốn cung cấp cho quý vị nền tảng để quý vị tu tập. Chứ học Luận Câu Xá thì lâu quá, [phải học thời gian] lâu [nữa] thì mới cung cấp được

nền tảng. Vì Luận câu Xá không phải đơn giản, mà phải có độ sâu trong đó.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi, hẹn quý vị vào hôm khác chúng ta học tiếp, hôm nay dừng ở đây. Quý vị học bấy nhiêu đó cũng nhiều rồi, hy vọng quý vị nghe tới nghe lui rồi quý vị sẽ nắm được. Thiện Trang xin chia sẻ như vậy, cảm thấy mọi sự cũng không khó khăn lắm. Thiện Trang thấy có bao nhiêu quả vị như vậy, như bữa hôm trước trong bảng có 31 quả vị, Thiện Trang đã bổ sung thêm hai [quả vị] nữa là Nhị quả hướng và Tam quả hướng, là 33 quả vị. Quý vị học theo đó là được, nắm vững rồi thì quý vị sẽ thành công.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 30: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 30.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 19.02.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=680LGatSapc
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta chia sẻ về A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Luận Câu Xá). Hôm nay là bài thứ 30. Bộ này quý vị đồng tu đều quen rồi. Chúng ta học bộ này là chuyên sâu về giáo pháp giải thoát. Mục đích của chúng ta là để có thể vào Sơ quả, hoặc ít nhất thì cũng vào dòng không còn thối đọa trong vòng sanh tử. Tức là chúng ta sẽ không bị rớt xuống ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, và đường ác trong A-tu-la. Đó là bộ này, chúng ta học chuyên về giáo pháp giải thoát.

Phần này chúng ta cũng học qua, gồm A Tỳ Đàm của bên Nam truyền (Vi Diệu Pháp của Nam truyền), hay những bộ chuyên về giáo pháp giải thoát bên Nam truyền, chúng ta có học Luận Câu Xá của Bắc truyền, và có phần tạng kinh từ A Hàm và Nikaya của cả hai bên Nam truyền và Bắc truyền.

Hôm nay chúng ta cũng sẽ giới thiệu một phần. Chúng ta mở màn ở đây:

Trong Luận Thanh Tịnh Đạo nói:

Lý do đắc quả Dự lưu và Nhất lai là Giới, quả Bất hoàn là Định, quả A-la-hán là Tuệ.

Thiện Trang có làm bảng cho gọn để dễ nhớ:

Nhân	**Quả**
Giới	Dự lưu (Sơ quả Tu-đà-hoàn)
Giới	Nhất lai (Nhị quả Tư-đà-hàm)
Định	Bất hoàn (Tam quả A-na-hàm)
Tuệ	A-la-hán (Tứ quả)

Nhân để được Sơ quả Tu-đà-hoàn (quả Dự lưu) chính là Giới. Quả thứ hai là Nhị quả Tư-đà-hàm (Nhất lai là một lần ở trong cõi Dục nữa thôi) cũng là Giới. Hai nhân sau: Định là nhân để được Tam quả A-na-hàm (quả Bất hoàn là không trở lại cõi Dục), và Tuệ là nhân để đắc được quả A-la-hán.

Ở đây để chúng ta nhớ lại một chút về phần quan trọng của Giới, Định, Tuệ (tùy quý vị muốn gọi Huệ hay Tuệ gì cũng được). Nhân có Giới thì mình mới vào được Sơ quả, Giới ở đây chúng ta học ở bài trước là chúng ta phải có Ngũ giới. Giữ Ngũ giới cho tốt thì được vào Sơ quả, thậm chí đến Nhị quả. Thực ra ở đây, nói đúng hơn là có thể nói Bát giới, Bát giới có thể vào Nhị quả, Bát giới tức là Bát quan Trai giới. Ngũ giới không [thôi] thì nhiều khi cũng chưa đủ, nên đôi khi cũng phải thọ Bát quan trai. Đức Phật nói người trì Ngũ giới và trì cả Bát quan Trai giới trong ít nhất sáu ngày trai, thậm chí cả ba tháng Thần túc.

Quý vị thấy khi đắc được định, ví dụ trong khi nhập được Thiền thì tự nhiên phát sinh được Luật nghi. Hồi xưa Thiện Trang thấy khó hiểu, Luật nghi là quý vị có thể giữ được giới. Thực ra không có gì khó hiểu hết, nếu chúng ta học bộ này. Nếu mình nhập được Sơ thiền, thì tự nhiên không có Tâm sở Sân, không có Tâm sở Tham. Quý vị không sân [thì] quý vị không thể nào giết một loài chúng sanh nào khác, nên quý vị tự nhiên giữ được giới không sát sanh.

Không tham nên không trộm cắp, cho nên tự nhiên giữ được giới không trộm cắp. Vì sao? Vì Sơ thiền [được] niềm vui hỷ lạc, [do] trừ năm Triền cái rồi (năm Triền cái trong đó có Tham, Sân) cho nên tự nhiên được như vậy thôi. Nhưng còn Thiền, còn Định thì giữ được; hết Thiền, hết Định thì không giữ được. Đó là điều dở bên tu Thiền chỉ.

Chúng ta phải tu thêm Thiền quán. Vì mỗi khi đắc Thiền quán, thì thông thường sẽ đắc luôn, gọi là Đà-la-ni, đắc là đắc luôn. Nếu mình đắc được đủ cấp độ là đắc luôn. Học Thiền quán ở đâu? Học trong mọi lúc, mọi nơi, trong mọi đời sống. Ví dụ nhân duyên trong cuộc đời chúng ta, quý vị cứ nhìn cuộc đời chúng ta là một bài học để tu Thiền quán.

Quý vị thấy từ nhỏ, mấy đứa nhỏ sống chung với nhau, mình đi học chung cùng bạn bè, vui chơi vậy đó. Nhưng sau một cấp thôi, cấp 1 có thể là bắt đầu tan rã ra, đứa đi học trường này, đứa đi học cấp 2 trường khác. Còn không, nếu vô học cấp 2 thì lại chia lớp như thế nào đó, cũng không giống nhau. Rồi lên cấp 2, cùng lắm là có thể học cùng [nhau] bốn năm, từ lớp 6 đến lớp 9. Sau khi học từ lớp 6 đến lớp 9 xong, thì lại một sự biến động tiếp. Tất nhiên ở giữa cũng có nhiều biến động, có đứa thì bị bệnh tật nên ở lại lớp, nghỉ học, thế này thế kia, hoặc chuyển đi nơi khác, v.v… việc đó không có biến động nhiều, nhưng cấp 2 lên cấp 3 (lớp 9 lên lớp 10) là một biến động khác nữa. Lúc đó có thể không học chung với nhau nữa, không cùng thầy cô nữa, thế này thế kia, v.v… Đến lúc học xong lớp 12 thì là biến động lớn [hơn nữa]. Và càng về sau thì càng phân biệt rất rõ.

Quý vị nhìn lại bạn bè của quý vị, nếu quý vị đã trải qua 20 năm của cuộc đời, sau khi tốt nghiệp Trung học Phổ thông, thì quý vị thấy rất rõ nghiệp của chúng sanh, mỗi người đi mỗi khác. Do nhân cộng duyên, duyên là mình lựa chọn ngành này, lựa chọn ngành kia, mình lựa chọn trường này, lựa chọn trường kia. Hai đứa bạn có thể rất thân nhau từ nhỏ, học cùng trong xóm, học cùng lớp, từ lớp 1 đến lớp 12, nhưng cuối cùng họ cũng không thể nào lựa chọn chung một con đường. Dù họ chọn cùng nghề, đi cùng ngành Sư phạm, cùng ngành Bác sĩ chẳng hạn, nhưng cuối cùng họ cũng không thể lấy chung chồng,

không thể lấy chung vợ. Và cuối cùng là họ phải khác nhau.

Cho nên trong đời, mình thấy được những điều đó là mình thấy nhân duyên lựa chọn trong đời cực kỳ phức tạp. Nó tự động phân hóa chúng sanh, phân li chúng sanh theo những dòng khác nhau. Dòng đó chúng ta gọi là dòng nghiệp. Nếu chúng ta là những người học Phật pháp, chúng ta muốn ra khỏi sanh tử, thì chúng ta cũng chọn con đường, phân con đường, đi con đường theo dòng giải thoát. Dòng giải thoát chỉ có cách là mình thường xuyên ở trong kinh, thường xuyên ở trong giáo pháp của Như Lai, để mình luôn luôn vun bồi trí tuệ giải thoát giác ngộ, để mình vun bồi được Giới, Định, Tuệ. Với ba nhân đó đủ, thì tự nhiên mình nhập vào dòng pháp của Như Lai, nhập vào dòng Thánh.

Ở bảng trên, quý vị thấy chúng ta giữ được Giới, nhân Giới là chính. Thực ra bộ Luận này nói Giới không [thôi] thì không đủ đâu, mà còn có Định và Huệ nữa. Nếu ai muốn đọc bộ Luận Thanh Tịnh Đạo thì Thiện Trang giới thiệu, có bản dịch của [Sư cô] Thích Nữ Trí Hải. Bản này có hai quyển (tập 1, tập 2), rất dày, quý vị thích thì coi. Mà thực ra Thiện Trang đã chia sẻ những phần quan trọng, ví dụ những đề mục tu Thiền chỉ đều có trong này, Thiện Trang cũng đã chia sẻ cho quý vị. Nếu quý vị không có thời gian, thì Thiện Trang đúc kết lại cho quý vị. Mình học không bao giờ là đủ. Đối với Phật pháp, phải học với tấm lòng hấp dẫn nhất, say mê nhất, thì như vậy mình sẽ đi gần đến giải thoát. Hi vọng là quý vị đều thích học bộ môn này.

Ở đây là nói [nhân] chính. Tuy trong Luận Thanh Tịnh Đạo nói như vậy, nhưng thực tế Giới, Định, Huệ phải đi chung và chủ yếu là nhấn mạnh về Giới. Quý vị biết trong Giới, thành tựu được một phần về Giới thì được một phần giải thoát. Có nghĩa là nếu mình giữ được năm giới, thì mình có thể chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn, thậm chí là Nhị quả Tư-đà-hàm. Nếu mình giữ được giới Tỳ-kheo (giới Tỳ-kheo còn gọi là cận viên) một cách viên mãn, thì mình sẽ đến quả A-la-hán. Gần với quả A-la-hán nên gọi là cận viên. Nên có những người chưa làm được giới Tỳ-kheo thì họ chưa thành A-la-hán thôi. Nhiều người cứ đem giới đó áp đặt cho tất cả những người xuất gia là phải làm được. Thực ra người ta chưa làm được thì người ta chưa thành A-la-hán thôi, còn mình làm được thì

mình thành A-la-hán. Chẳng qua là như vậy! Giữ Giới nhưng phải có tu Định, tu Huệ, chứ còn giữ Giới không [thôi] thì cũng không được. Chúng ta hãy hiểu được điều này.

Thiện Trang giới thiệu thêm chút nữa phần kinh tạng:

Nhân Duyên Khiến Sau Khi Đức Phật Nhập Diệt Thì Diệu Pháp Không Còn Tồn Tại Lâu Dài

Bây giờ chúng ta tìm hiểu xem tại sao?

Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbila, tại rừng Trúc. Rồi Tôn giả Kimbila đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, sau khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không còn tồn tại lâu dài? Đây là vấn đề mà chúng ta cũng rất trăn trở. Chúng ta muốn giáo pháp Như Lai tồn tại lâu dài ở thế gian. Như vậy thì làm sao? Ở đây có một bài kinh nói rõ, đức Phật trả lời thế này:

- Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không cung kính, không tùy thuận học pháp; sống không cung kính, không tùy thuận không phóng dật; sống không cung kính, không tùy thuận tiếp đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên khiến cho Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không còn tồn tại lâu dài.

Ở đây chúng ta hiểu được nhân, có sáu nhân: Thứ nhất là những người xuất gia và tại gia (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam Cư sĩ, và nữ Cư sĩ) sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư. Tức là không có cung kính đối với Phật, không tùy thuận tức là không làm theo lời Phật dạy. Điều thứ hai là sống không cung kính, không tùy thuận Pháp, [tức là] pháp dạy [mà] mình cũng không theo. Điều thứ ba là sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng. Thời nay thì rõ ràng lắm, bây giờ Cư sĩ dạy chúng Tăng luôn đúng không? Thiện Trang thấy

đặc biệt càng về sau này, hình như Phật pháp Bắc truyền mình chắc là sắp diệt. Tại vì trong kinh đức Phật nói, thời nào Cư sĩ thành tựu, Cư sĩ leo lên hoằng pháp là thời đó pháp sắp diệt.

Theo mấy thời trong kinh, Thiện Trang không nhớ là trong kinh nào, nhưng trong Pháp Uyển Châu Lâm (trích bộ kinh nào đó) có nói: Khi thời Mạt pháp, đầu tiên là Tỳ-kheo-ni thịnh (Ni thịnh) rồi tới Cư sĩ thịnh. Mà thời Cư sĩ thịnh là pháp sắp diệt. Tại vì sao? Vì chính những người Cư sĩ là những người điều khiển chúng Tăng, rồi thế này thế kia. Bây giờ quý vị thấy rõ ràng rồi đó.

Ở bên Phật giáo Nam truyền thì không có hiện tượng này. Ở bên Phật giáo Nam truyền, quý vị coi ở Thái Lan, hay Lào, Campuchia, quý vị theo dõi hành trình của Sư Minh Tuệ là quý vị biết. Quý vị không cần coi đâu, quý vị coi trên tivi cũng được, coi trên điện thoại cũng thấy, ở đó người Cư sĩ rất cung kính [chúng Tăng]. Cư sĩ là Cư sĩ, không bao giờ có vụ Cư sĩ mà dạy chúng Tăng, nói này nói kia chúng Tăng. Nếu họ thấy chư Tăng, những vị Tỳ-kheo phạm giới thế này thế kia, thì họ chỉ có lên báo cho Tăng đoàn xử lý. Còn ở Việt Nam chúng ta, chẳng có phạm giới gì mà người Cư sĩ lên chửi tứ tung, chửi cả người xuất gia. Chính vì vậy nên Phật pháp sắp diệt. Đó là nằm ở [nhân] sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng.

Thứ tư là sống không cung kính, không tùy thuận học pháp. Học pháp đây chính là Giới. Không có cung kính, không có tùy thuận theo Giới. Thứ năm là sống không cung kính, không tùy thuận không phóng dật. [Phóng dật] có nghĩa là tùy tiện, không phóng dật là không tùy tiện. Bây giờ ngược lại, là mình rất tùy tiện, mình muốn làm thế nào thì làm, buông trôi, buông thả. [Thứ sáu] là sống không cung kính, không tùy thuận tiếp đón. [Có nghĩa] là mình không cung kính, không tiếp đón đối với chúng xuất gia, đối với những người Thượng trung Hạ tọa (ý nói Tỳ-kheo). Ở Việt Nam thì chúng ta thấy rõ những yếu tố này. Nên mình nhìn vào dấu hiệu này [là] mình biết. Đây là nhân, là duyên, khiến cho Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không tồn tại lâu dài.

Ở đây Thiện Trang sẵn chia sẻ một chút. Chúng ta cũng cố gắng làm sáu

điều này: Cung kính Phật, cung kính Pháp; cung kính không phải cung kính không [thôi], mà phải tùy thuận tức là nghe theo, nghe theo lời Phật, nghe theo kinh pháp. Và cung kính, tùy thuận theo Tăng. Tất nhiên Tăng ở đây phải là những người tu hành đúng. Còn mình bây giờ mình không biết Giới, không biết Pháp, không biết gì hết, mà lên mạng bảo thầy phải thế này, thầy phải thế kia, điều khiển luôn cả mọi người. Ví dụ như mọi người lên [coi] mấy cái giật tít đó quý vị, Sư này Sư kia sử dụng điện thoại là phạm giới. Quý vị coi thử trong Giới luật của Phật, có giới nào là bắt không sử dụng điện thoại [không]? Chẳng hạn như vậy, mà họ cũng giật tít đó quý vị, kiểu như vậy.

Quý vị cứ hỏi các vị Sư Nam truyền về tài sản của Tỳ-kheo thời hiện nay. Các vị Sư Nam truyền sẽ giải thích cho quý vị mỗi thời mỗi khác. Giống như thời nay, nếu một vị Tỳ-kheo tu hạnh bình thường, mà hoằng pháp lợi sanh, [thì] họ không thể không có máy tính, không thể không có điện thoại, v.v… Những điều đó là bình thường. Tu kiểu đó khác, bởi vì đức Phật không có chế ra những điều đó. [Mà phải coi] sử dụng những điều đó theo mức độ nào, sử dụng theo điều kiện gì, thì mới phạm giới. Phạm giới thì các giới kia đã bao gồm rồi. Ví dụ lên mở điện thoại, mở laptop ra để coi phim ảnh, nhạc nhẽo, thì phạm giới, trong giới không xem nghe ca múa hát. Hoặc trong 250 giới của Tỳ-kheo bên Bắc truyền và 227 giới của Tỳ-kheo bên Nam truyền, thì có rồi. Cho nên mình không học [mà] mình cứ kết tội như thế, đó là mình không biết, không hiểu.

Thiện Trang chia sẻ thêm một chút. Tất nhiên ở đời thì mình không áp đặt một ai hết. Giống như một trận nước lớn tràn vào, mà con đê bị yếu, bị rò rỉ, sắp làm vỡ đê rồi. [Nếu] mình là người trong vùng đó, thì bây giờ mình [sẽ làm] như thế nào? Có người sẽ chọn giải pháp là: thôi mình bỏ trốn trước cho chắc, dọn nhà, chuyển nhà chạy trước. Cũng vậy, trong giáo pháp, khi Chánh pháp bị lu mờ, bị những thế lực nào đó, những người nào đó công kích để phá hoại Chánh pháp, mà mình không đứng ra bảo vệ, mình bỏ trốn trước cho yên thân. Như vậy cũng giống như những người [thấy] đê sắp vỡ, đê sắp có vấn đề, nhưng mình không [đứng] ra gia cố, mà mình lo chạy trốn trước. Đó là một hạng người.

Hạng người thứ hai là: Ôi! Đê vỡ ở khúc kia, không liên quan đến mình,

nên thờ ơ, không quan tâm. Cũng vậy, Chánh pháp Như Lai truyền hay không truyền, hay có gì [đi nữa] v.v… thì mình cũng chẳng cần bảo vệ. Vì bảo vệ hay không bảo vệ, thì cũng không có ý nghĩa gì. Người ta nghĩ như vậy.

Người thứ ba thì tùy duyên, có điều kiện bảo vệ thì ra làm, không có thì thôi, không phải trách nhiệm của mình. Chẳng hạn [vậy]. Cũng vậy, bảo vệ Chánh pháp hay không bảo vệ Chánh pháp cũng không quan trọng.

Ở đây Thiện Trang muốn nói với quý vị nghe câu này. Một câu mà hồi xưa Thiện Trang coi trong phim Tây Du Ký. Quý vị biết Tây Du Ký chỉ là một tác phẩm thôi, viết lên để chúng ta coi, để hiểu một chút về Phật pháp thôi, chứ không có thật như vậy. Ngài Huyền Trang đi Ấn Độ không có yêu quái, không có Tôn Ngộ Không, không có Trư Bát Giới hay Sa Tăng đâu. Nhưng câu chuyện đó rất nổi tiếng.

Và trong đó, hồi nhỏ Thiện Trang coi mà cứ thắc mắc, là tại sao các yêu tinh luôn luôn lan truyền một tin: là ăn thịt Đường Tăng thì sẽ trường sinh bất tử. Thịt Đường Tăng thì có gì để trường sinh bất tử? Mà trong tác phẩm đó không giải thích, chỉ có lan truyền như vậy thôi. Đến bây giờ thời hiện đại, thì Thiện Trang mới hiểu tại sao yêu quái lại lan truyền câu nói như thế. Quý vị biết tại sao không? Thực tế là ăn thịt Đường Tăng cũng đâu có trường sinh bất tử được. Đức Phật đâu có nói như vậy đúng không? [Trong phim] Tây Du Ký chỉ truyền nhau như vậy. Ý là gì? Ý là những con yêu quái, yêu tinh đại diện cho thế lực xấu; còn Đường Tăng (Đường Tam Tạng) là biểu hiện cho điều thiện. Muốn cái xấu tồn tại mà [không] bị kính chiếu yêu, thì chỉ có cách là hãy tấn công, diệt những điều tốt đi. Ý trong câu chuyện Tây Du Ký là như vậy.

Và chúng ta thấy điều đó rất rõ trong đời hiện nay, đúng không ạ? Cho nên ở đây sẵn Thiện Trang chia sẻ về Diệu pháp. Có những người bảo vệ Chánh pháp, họ không sợ gì hết, họ lăn xả ra để bảo vệ. Giống như người cứu đê, vì nghĩ đến tất cả mọi người, nên họ sẵn sàng lăn xả ra cứu đê để cho làng mình, xóm mình, vùng mình không bị lụt, không bị ngập, không bị nạn. Lỡ mình có chết thì cũng không sao, có những người anh hùng như vậy. Đó là bảo vệ Chánh

pháp, thì cũng có những người như vậy. Tùy mỗi người.

Trở lại đây, Thiện Trang chỉ [muốn] nói là: mình muốn cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, thì hãy làm ngược lại. Ở đây có nói:

- Do nhân gì, do duyên gì khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

Ở đây, này Kimbila, khi Thế Tôn nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ sống cung kính tùy thuận bậc Đạo Sư; sống cung kính tùy thuận Pháp; sống cung kính tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính tùy thuận không phóng dật; sống cung kính tùy thuận tiếp đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên khiến cho khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

Thiện Trang chỉ mong gửi đến thông điệp như vậy thôi, chúng ta hãy làm được sáu điều trên, thì Diệu pháp được tồn tại lâu dài, sẽ lợi ích cho chúng sanh rất nhiều.

((6.40) Kimbila (AN 5.201, AN 7.59*) – Kinh Tăng Chi Bộ - Tạng Nikaya).*

Đoạn này quý vị có thể tìm ở Kinh số 40 của phẩm Sáu pháp, Kinh Kimbila, Kinh Tăng Chi Bộ - Tạng Nikaya. Đó là một câu chuyện, một vấn đề mà chúng ta cũng giới thiệu.

Có đồng tu nói là gần đây Thiện Trang giảng hình như cho ít câu chuyện, nên nghe hơi mệt, nhiều kiến thức quá. Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị câu chuyện:

Câu Chuyện Nhân Quả Của Việc Phỉ Báng Thánh Nhân

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca Lan Đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù Ca Lê là bè đảng Đề Bà Đạt Đa, đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Cù Ca Lê: "Này Cù Ca Lê, vì sao đối với Phạm

hạnh thanh tịnh của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, mà ngươi khởi tâm không thanh tịnh, để sẽ phải chịu khổ não lâu dài, không có lợi ích".

Đây là thời đức Phật, có ông Đề Bà Đạt Đa, thì chắc ai cũng biết quá rồi. Ổng chống Phật, làm nhiều việc [xấu] lắm. Ở đây có một người bè đảng của Đề Bà Đạt Đa, tên là Cù Ca lê, cũng là một vị Tỳ-kheo. Đức Phật rất thương xót nên mới nói với ổng: là vì sao ngươi (tức là vị Tỳ-kheo đó) đối với Phạm hạnh thanh tịnh của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên; tức là hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên thì đặc biệt quá rồi, hai vị này giống như hai [bên] tả, hữu của đức Phật vậy đó, để giúp lan truyền Chánh pháp; mà người này lại khởi tâm không thanh tịnh, thậm chí phỉ báng. Đức Phật nói nếu như vậy thì tương lai phải chịu nỗi khổ lâu dài, không có lợi ích. Đức Phật khuyên như vậy. Để coi vị Tỳ-kheo này [trả lời] thế nào.

Tỳ-kheo Cù Ca Lê bạch đức Phật: "Bạch Thế Tôn, nay con tin lời Thế Tôn, những điều đó là đúng (có nghĩa là ổng cũng tin đó). **Nhưng tâm Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên có ác dục".** Có nghĩa là ổng nói miệng là tin đức Thế Tôn, nhưng thật ra ngay câu sau thì nói là 'tâm ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên có ác dục'. Như vậy là ổng phỉ báng.

Nói như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tỳ-kheo Cù Ca Lê thuộc bè đảng Đề Bà Đạt Đa ở chỗ đức Thế Tôn, trong khi nói lại lần thứ ba, chống đối, không nhận chịu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Chỗ này là sau ba lần đức Phật khuyên mà ổng cũng không nghe, [ngược lại] là ổng chống đối, không nhận chịu, và liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

Cho nên điều này là bình thường, thời đức Phật cũng có người như vậy, huống chi là chúng ta, thời nay là bình thường quý vị ha! Cho nên mình học những câu chuyện này, là câu chuyện ngay thời đức Phật trong kinh điển, chứ không phải kinh luôn luôn nói điều tốt. Chúng ta thấy là [kinh luôn] nói sự thật. Có những điều không tốt đẹp trong Tăng đoàn thời xưa, thời đức Phật đã có. Và ông này cũng vậy, có Phật mà còn chống đối luôn, không chịu nghe, không chịu nhận. Cho nên [thời nay có những chuyện như vậy] là bình thường.

Sau khi đứng dậy bỏ đi, khắp người ông nổi đầy mụt nhọt giống như trái lật, dần dần to lên như trái đào.

Quý vị thấy quả báo tới rất nhanh, tại vì sao? Thứ nhất là phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Thứ hai là chống lại lời Như Lai. Ai chống lại lời Như Lai ba lần thì quả báo thường tới liền. Quý vị thấy trong kinh, có những người mà đức Phật hỏi ba lần mà không trả lời, là thấy trên trời, có vị thần Kim Cang cầm chày nói: 'Nếu ông không trả lời thì tôi đánh bể đầu'. Quý vị thấy, trong kinh có những câu chuyện như vậy.

Cho nên người nào cũng sợ lắm, không dám nói dối. Thậm chí nói dối trước Phật thì cũng bị đánh bể dầu, nên là họ sợ, [bởi vì] Phật có thần Kim Cang [hộ pháp]. Còn [ở] đây, vị này bị quả báo, mới bỏ đi là khắp người nổi mụt nhọt giống như trái lật, dần dần to lên như trái đào.

Khi ấy Tỳ-kheo Cù Ca Lê đau đớn thống khổ, miệng kêu lên: 'Nóng quá! Nóng quá!' (Quý vị thấy [ổng rất] đau đớn) **Máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, sanh vào Địa ngục lớn Bát Đàm Ma** (có nghĩa là bị chết luôn, sanh vào Địa ngục).

Bấy giờ, có ba vị Thiên tử dung mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, một Thiên tử bạch Phật: "Tỳ-kheo Cù Ca Lê thuộc bè đảng Đề Bà Đạt Đa nay mạng chung".

Thiên tử thứ hai thưa: "Chư Tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù Ca Lê mạng chung rơi vào Địa ngục".

Quý vị thấy Tỳ-kheo Cù Ca Lê rơi vào Địa ngục Bát Đàm Ma, ở đây có dịch nghĩa là hoa sen đỏ, là tên của Địa ngục thôi. [Ở Địa ngục này], thân thể nứt ra giống như hoa sen đỏ, hình như [chúng ta] đã học ở bên bộ Khoa Chú Tuyển Giảng rồi đúng không ạ? Hoa sen đỏ là [tên] của Địa ngục, thân thể nứt ra giống như hoa sen đỏ mà nứt [ra] vậy.

Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

Tức là bây giờ có ba vị trời Thiên tử (là người cõi Trời) đến báo cho Phật là vị Tỳ-kheo đó chết rồi. Vị thứ hai thì nói là vị đó chết xong rồi rơi vào Địa ngục; còn vị thứ ba thì nói bài kệ. Chúng ta coi thử bài kệ này nói thế nào.

Con người sanh ở đời,

Búa sanh từ trong miệng,

Trở lại chém thân mình,

Đó do lời nói ác.

Bài kệ này chính là bài kệ trích trong Kinh Pháp Cú (Tích Truyện Pháp Cú, hay là Kinh Pháp Cú, hay là Kinh Tiểu bộ - Nikaya) cũng có bài kệ này, rất nổi tiếng. Còn đây là Kinh A Hàm nha.

Đáng chê lại khen ngợi;

Đáng khen ngợi lại chê.

Tội này sanh nơi miệng,

Chết rơi vào đường ác.

Thời nay quý vị thấy những người phạm điều này rất nhiều, rất đáng thương. Thời nay, chúng ta thấy có những người hành theo đúng Chánh pháp, giống như Sư Minh Tuệ, lẽ ra là đáng khen mà họ lại chê, rồi đáng chê mà lại khen, khen người giả kia. Ở đây thì vị Thiên tử (người trời) này nói luôn: là tội này sanh nơi miệng, chết rơi vào đường ác. Cho nên rất đáng thương, chúng sanh thời nay mê quá lớn, nên không có cách nào.

Quý vị cố gắng! Chúng ta hiểu được Chánh pháp, cố gắng tu và cố gắng tránh. Điều nào đáng chê thì chê, điều nào đáng khen thì khen, nếu không thì không chê không khen. Chứ còn làm ngược, thì tội này sanh nơi miệng, chết rơi vào đường ác.

Cờ bạc mất hết của,

Phải quấy là lỗi lớn;

Hủy Phật cùng Thanh văn,

Thì đó là tội lớn.

Cho nên Thiên tử nói điều này giống như tội cờ bạc mất hết của. Còn tội hủy báng Phật, Thanh văn, A-la-hán là tội lớn. Cho nên vị này tội lớn quá, rớt vào Địa ngục luôn.

Ba vị Thiên tử kia nói kệ này rồi liền biến mất. Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ đức Thế Tôn đi vào trong Tăng, trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo: "Cuối đêm qua, có ba vị Thiên tử đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên. Thiên tử thứ nhất thưa Ta rằng:

Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Cù Ca Lê thuộc bè đảng Đề Bà Đạt Đa nay mạng chung.

Thiên tử thứ hai nói với chư Thiên khác rằng: Tỳ-kheo Cù Ca Lê mạng chung, rơi vào Địa ngục.

Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,
Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi,
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.

Sau khi nói kệ này rồi liền biến mất. Này các Tỳ-kheo, các ông có muốn nghe kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh sinh vào Địa ngục A Phù Đà không?"

Tức là đức Phật nhắc lại, không biết sao trong kinh thì chư Thiên toàn đến thăm Phật vào khoảng nửa đêm. Chắc có lẽ là thời gian đó phù hợp nhất hay sao

đó. Thiện Trang thì không biết tại sao, vì lý do nào, có thể là do lúc đó chúng sanh ngủ hết rồi, đức Phật tiếp dễ, khỏi phải mâu thuẫn bị chồng chéo thời gian với cõi Người, với những người ở đời, có lẽ là vậy. Đức Phật kể ra chuyện hôm qua, và đức Phật mới nói cho các vị Tỳ-kheo là: kỳ hạn thọ mạng, tức là thời gian tuổi thọ của chúng sanh ở trong Địa ngục A Phù Đà là bao nhiêu. Địa ngục này chưa tới Địa ngục của ông Cù Ca Lê.

Các Tỳ-kheo bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nay chính đúng lúc, cúi xin đức Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Phù Đà. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành".

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thí như tại nước Câu Tát La bốn thăng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc-lung-na là một xà-ma-na, mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một khư-lê, hai mươi khư-lê là một kho hạt cải đầy trong đó.

Quý vị thấy con số này, chúng ta nghe không hiểu, tại vì số tên gì lạ hoắc, chúng ta quen đơn vị cm, mm, gam hay gì đó... Chứ thời đó dùng số kiểu này, thì chúng ta cũng không quan trọng lắm, chúng ta [chỉ] nghe thôi. Ở đây có chú giải con số này, nên Thiện Trang tạm tính ra một kho hạt cải là 1x4x16x16x20x20 = 409.600 a-la. A-la này là bao nhiêu thì không biết, nhưng chúng ta chỉ cần biết là một kho hạt cải đầy trong đó. Quý vị tưởng tượng nhà quý vị có một cái kho, mà quý vị chất đầy hạt cải trong đó, hạt cải nhỏ lắm, nhỏ hơn hạt mè (hạt vừng) nữa. Mà một kho như vậy biết bao nhiêu. Một kho đó rồi nhân thêm số lượng như vậy, bây giờ chúng ta thử coi thọ mạng ở trong Địa ngục đó như thế nào.

Giả sử, nếu có người, cứ 100 năm lấy một hạt cải, như vậy cho đến khi hết sạch kho hạt cải đầy kia, thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Phù Đà vẫn chưa hết.

Quý vị thấy sợ không? Địa ngục A Phù Đà, bây giờ để cho dễ hiểu, ai cũng biết hạt mè (hạt vừng), ai cũng ăn mè (vừng), thì quý vị chất đầy hạt mè (hạt vừng) trong nhà của quý vị. Rồi cứ 100 năm quý vị vô lấy một hạt, lấy như vậy

cho [đến khi] lấy hết luôn, mà thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Phù Đà đó chưa hết. Ghê vậy đó quý vị! Mà quý vị thấy là nhân thêm 100 năm nữa, như vậy thì biết bao nhiêu thời gian ở trong Địa ngục. Cho nên ở đời được một chút vui vẻ, được một chút lợi ích, không đáng bao nhiêu tiền hết, nhưng chúng sanh tạo tội nghiệp, khi vô trong Địa ngục thì thật đáng thương. Quý vị thấy thọ mạng quá lâu.

20 lần thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Phù Đà như vậy bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục Ni La Phù Đà (mấy Địa ngục này Thiện Trang không có tả ra, tả ra mất thời gian, chúng ta nghe tên là được rồi)**. 20 lần thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục Ni La Phù Đà bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục A Tra Tra** (20 lần rồi, nhân thêm 20 lần nữa, là thành 400 rồi đó)**. 20 lần thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Tra Tra bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục A Ba Ba** (như vậy là nhân thêm 20 lần nữa)**. 20 lần thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Ba Ba bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục A Hưu Hưu** (như vậy là 4 lần con số 20 nhân cho nhau rồi đó)**. 20 lần thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Hưu Hưu bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục Ưu Bát La** (tức là 5 lần con số 20 (20^5)**. 20 lần thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục Ưu Bát La bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục Bát Đàm Ma** (Địa ngục Bát Đàm Ma. Như vậy thì 20^6 rồi đó, mà vẫn chưa hết thọ mạng)**. 20 lần Thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục Bát Đàm Ma bằng thọ mạng của một chúng sanh trong Địa ngục Ma Ha Bát Đàm Ma** (Ma Ha Bát Đàm Ma là hoa sen đỏ lớn. Tức là 7 lần con số 20 (20^7). Chưa hết, còn nhân cho con số ở trên (409.600 a-la) nữa. A-la [không biết là bao nhiêu], thôi mình tính hạt mè đi, lâu như vậy đó).

Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù Ca Lê mạng chung rơi vào Địa ngục Ma Ha Bát Đàm Ma (tức là Địa ngục cuối cùng này. Quý vị thấy sợ không?), **vì Tỳ-kheo này đối với Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên sanh ác tâm phỉ báng. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vầy: Ở nơi chỗ tim đèn, mồi lửa đang cháy kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có thức".**

Cho nên là sợ lắm quý vị! Quý vị nghe câu chuyện này xong thì quý vị cũng sợ luôn, đúng không ạ? Ở đời, vị Tỳ-kheo này rất đáng thương. Chỉ vì theo bè đảng cho Đề Bà Đạt Đa, phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, nên ổng rơi vào Địa ngục Ma Ha Bát Đàm Ma này, tính sơ sơ là 20^7, tức là có bảy con số 20 nhân với nhau. Mà so với Địa ngục kia (Địa ngục ở trên), quý vị biết Địa ngục đầu tiên là cứ 100 năm tới lấy một hạt cải, ở trong một cái phòng toàn là hạt cải, mà hạt cải nhỏ lắm, đâu có lớn đâu. Trong kinh hay nói hạt cải chứa núi Tu Di, quý vị nhớ không? Trong kinh Đại thừa hay là trong Kinh Hoa Nghiêm hay nói như vậy. Một hạt cải nhỏ cỡ đó, mà bây giờ cả cái phòng to, [ví dụ] cái phòng ngủ nhỏ nhỏ của quý vị thôi, mà chất đầy hạt cải. 100 năm tới lấy một hạt, lấy hết hạt cải đó mà vẫn chưa hết thọ mạng của chúng sanh trong Địa ngục A Phù Đà. [Rồi còn] nhân thêm 7 con số 20 nữa. Vị Tỳ-kheo Cù Ca Lê này, vì tội phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, mà vô Địa ngục đó thời gian lâu như vậy. Quý vị nghĩ đáng thương cỡ nào.

Cho nên ở đời hạnh phúc không được bao nhiêu, lợi ích không được bao nhiêu, phỉ báng có một chút thôi, mà tội vô trong đó nặng như vậy. Nghe như vậy chúng ta thấy rất thương cho thời đó, vị Tỳ-kheo này rất đáng thương. Ta nhìn vào thời nay cũng rất đáng thương. Có nhiều người vì những lợi ích rất nhỏ nhoi trong đời này, vì danh hay vì gì đó, mà chúng ta gọi là yêu quái, yêu tinh muốn ăn thịt Đường Tăng, kiểu vậy. Cho nên họ tạo ra rất nhiều nghiệp nặng, và tương lai họ sẽ chịu quả báo rất nặng bởi, vì hủy hoại Chánh pháp. Tất nhiên có thể nhẹ hơn ở đây, nhưng mình thấy nội thời gian ở trong Địa ngục cỡ đó thì quá đáng sợ.

Ở đây còn có một chú ý nữa. Đức Phật nói: "Ở nơi chỗ tim đèn, mồi lửa đang cháy kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có thức". Ở đây ý nói là chúng sanh có thức là chúng sanh có tình thức (tức là có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức), tức là chúng sanh Hữu tình, mà hủy hoại. Nhiều người kêu giết một con kiến không có gì, giết một con ruồi không có gì, giết một con gì đó không có gì. Theo tinh thần trong kinh, đức Phật dạy, thì có thể chưa có gì, đối với quý vị có tâm như thế nào. Nhưng có khi vì giết mỗi chúng sanh nhỏ đó thôi,

nhưng với tâm ác đó thì có thể kết nhân, đến lúc chết nó hiện ra thì quý vị cũng đọa. Cho nên đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh vẫn có, khi [chỉ vì] chuyện nhỏ như vậy thôi. Cho nên rất cẩn thận.

Đây là giới sát sanh. Ở đây trong Giới [nói là] phạm bậc tiểu (bậc hạ), nhưng quý vị nên nhớ: bậc hạ dù có sám hối, nhưng nghiệp đó không hết. Cho nên phải cẩn thận, vì mình là người học Phật. Nghe Địa ngục này là sợ rồi đúng không ạ?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hãy học như vậy".

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 1192. Cù Ca Lê [27] - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị có thể tìm [câu chuyện này] trong Kinh Tạp A hàm. Cho nên là ở đời, đừng vì lợi ích nhỏ nhoi mà tạo những ác nghiệp. Thời nay chúng sanh tạo nhiều nghiệp dữ lắm, họ mắng nhiếc Tỳ-kheo, rồi thế này thế kia. Bậc đức hạnh tu càng nhiều, thì tội [mắng nhiếc các vị ấy] càng nặng, nên nhớ vậy. Những người tu hành thôi, chẳng cần phải nói Tỳ-kheo gì hết, cho [là] ngoại đạo đi. Nhưng nếu là một người đức hạnh, người ta tu pháp nào không biết, [hoặc] là một người ở nhân gian thôi, [mà] quý vị phỉ báng, thì cũng đã tội rồi, đừng nói là những người tu hành trong nhà Phật, [các ngài] tu đúng Chánh pháp thì tội [phỉ báng] rất nặng.

Đó là câu chuyện thứ nhất, nghe chút đi cho đổi tư tưởng. Sẵn chỗ này Thiện Trang xin giới thiệu thêm một đoạn nữa.

Những Người Chịu Tội Nặng Nhất Trong Địa Ngục Thời Đức Phật Thích Ca

Thiện Trang đọc rất nhiều kinh, thì Thiện Trang thấy hình như có bốn người chịu tội nặng nhất, mà đức Phật kể trong kinh. Rất may mắn là trong một bài kinh, đức Phật nhắc tới bốn người này. Có thể là theo Thiện Trang thôi, chưa

chắc là nặng nhất, mình tạm nói là trong những người chịu [tội] nặng nhất.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá Vệ, trong vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà. Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn người trong đại Địa ngục. Bốn người ấy là ai? Tội nhân Mạt Khư Lê; đại tội nhân Tỳ-kheo Đế Xá; đại tội nhân Đề Bà Đạt Đâu (Đề Bà Đạt Đa)**; đại tội nhân Tỳ-kheo Cù Ba Li** (Cù Ca Lê). Có khi phiên âm từ tiếng này sang tiếng kia [nên] khác âm, nhưng là [cùng] một người thôi.

Như vậy quý vị thấy bốn người ở trong đại Địa ngục (là Địa ngục lớn): Một là tội nhân Mạt Khư Lê; hai là Tỳ-kheo Đế Xá; ba là Đề Bà Đạt Đâu; bốn là Tỳ-kheo Cù Ba Li. Bây giờ quý vị coi, ông này [Cù Ba Li] là Tỳ-kheo, ông Đề Bà Đạt Đa cũng là Tỳ-kheo, rồi ông Đế Xá cũng là Tỳ-kheo. Cho nên người xuất gia đọa Địa ngục cũng nặng. Hình tướng của mình là người xuất gia, mà mình làm không đúng thì đọa nặng hơn. Khủng khiếp! Chúng ta coi thử những người này tại sao, họ làm tội gì mà đọa dữ vậy. Trong kinh này có, ở đây đức Phật nói.

Tội nhân Mạt Khư Lê, thân bốc ngọn lửa dài 60 khuỷu tay (thân bốc lửa dài 60 khuỷu tay. Tội nhân này bị bốc lửa dữ)**. Tội nhân Đế Xá, thân bốc ngọn lửa dài 40 khuỷu tay** (ông này đỡ hơn). **Tội nhân Đề Bà Đạt Đâu, thân bốc ngọn lửa dài 30 khuỷu tay. Tội nhân Cù Ba Li, thân bốc ngọn lửa dài 20 khuỷu tay.** Như vậy ông Cù Ba Li này bị nhẹ hơn. Chúng ta coi tiếp, tại sao [họ bị đọa]. Mình vừa mới nghe [đến] tội nhân Cù Ba Li (Cù Ca Lê) thôi, và biết ông Đề Bà Đạt Đâu (Đề Bà Đạt Đa), còn hai người kia thì mình không biết [họ] phạm tội gì.

Tỳ-kheo nên biết! Mạt Khư Lê dạy vô số chúng sanh, khiến hành tà kiến, tưởng điên đảo, tưởng chấp có không. Đây là nhân. Ông Mạt Khư Lê làm thầy, dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến, tưởng điên đảo, tưởng chấp có không. Đó là dạy giáo pháp sai, chúng sanh tà, nên là đọa nặng hơn nữa.

Cho nên làm thầy [cũng] nguy hiểm. Làm thầy mà không có Chánh kiến,

dạy sai là đọa sâu. Ông này dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến. Cho nên là đừng ham làm thầy, nếu mình không biết Chánh pháp. [Nếu] không biết Chánh pháp, thì tốt nhất là cứ học theo kinh. Kinh [Phật] nói sao thì mình đọc ra như vậy, nói lại [lời trong kinh] thì không sợ. Chứ còn mình tự bịa ra, thời nay nhiều người tự bịa, tự sáng tác, tự viết kinh luôn, chế này chế kia, một hồi là coi chừng, mai mốt vô Địa ngục không biết bao giờ ra.

Vị này là chịu tội nặng nhất. Quý vị thấy lửa cháy cao nhất mà, dài đến 60 khuỷu tay, nặng hơn ông Đề Bà Đạt Đa nữa. [Đây] là tội nặng nhất đó. Cho nên đừng có ham [làm thầy người khác] nha. Thời nay phải có Chánh kiến, học gì phải căn cứ kinh điển. Chứ không, dạy một hồi, mình tưởng đắc đạo ghê gớm lắm, chúng sanh tôn thờ mình lên trời. Nhưng sau này ở Địa ngục không biết bao giờ ra, thì thật là đáng thương, lâu lắm đó!

Bây giờ xem ông Đế Xá làm gì, ổng cũng là một vị Tỳ-kheo đó.

Kẻ ngu Đế Xá đoạn ứng khí để dành của Thánh chúng.[Thiện Trang] không biết Ứng khí này, ở đây [có] Chú Giải, Thiện Trang cũng không tìm được trong kinh là câu chuyện này nằm ở đâu. Ứng khí này định nghĩa là bình bát của chúng Tăng, nên cũng không biết được [việc] này là thế nào. Cho nên câu chuyện này Thiện Trang xin phép là chưa có chi tiết đầy đủ, và Thiện Trang đọc nhiều kinh mà cũng chưa thấy. Ngay cả bản của ngài Tuệ Sỹ dịch, thì cũng không chú giải được rõ, ngài cũng không tìm thấy luôn. Thiện Trang cũng không biết, để khi nào Thiện Trang sẽ kiếm coi "đoạn ứng khí" là làm việc gì.

Kẻ ngu Đề Bà Đạt Đâu gây đấu loạn chúng Tăng, giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán, khởi ý sát hại nhắm đến Như Lai. Ông Đề Bà Đạt Đa này gây tới ba chuyện: Một là gây đấu loạn chúng Tăng, là phạm tội Ngũ nghịch. Hai là giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán. Giết một vị Tỳ-kheo-ni, mà vị đó là A-la-hán rồi, cho nên là hai tội Ngũ nghịch. Rồi ổng khởi ác ý sát hại nhắm đến Như Lai nữa, là ba tội Ngũ nghịch. Nhưng ổng vẫn nhẹ hơn tội của hai ông kia, quý vị thấy không ạ?

Ông kia là do dạy chúng sanh khiến hành tà kiến, nên tội nặng hơn. Bữa nay học ra thì mình mới biết, tội làm thầy mà dạy chúng sanh điên đảo, dạy

chúng sanh hành tà kiến, thì tội đó nặng hơn là tội Ngũ nghịch nữa. Cho nên thời nay đi xuất gia mà không biết, đi xuất gia mà vào Tà pháp là chết đó, sợ lắm. Nguy hiểm! [Chúng ta] phải cẩn thận nha. Còn 'đoạn ứng khí' có lẽ là khiến cho dòng Thánh chúng, hoặc là làm thế nào đó, mà sao tội nặng dữ vậy, không biết.

Tội nhân Cù Ba Li phỉ báng Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Quý vị thấy, mặc dù tên là Cù Ba Li, nhưng [ông này] phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, nên chúng ta biết ổng là Cù Ca Lê ở trên đó.

Lại nữa Tỳ-kheo! Tội nhân Mạt Khư Lê dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến, nên thân hoại mạng chung đọa vào Địa ngục Diệm Quang. Ông này dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến, nên tội này nặng lắm.

Tội nhân Đế Xá làm đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng, thân hoại mạng chung đọa Địa ngục Đẳng Hoạt. Địa ngục này chúng ta có học qua rồi. Lúc nào đó khi học lại Kinh Vô Lượng Thọ, thì chúng ta sẽ giới thiệu nguyên văn trong kinh, giới thiệu về Địa ngục Đẳng Hoạt này.

Tội nhân Đề Bà Đạt Đâu (Đề Bà Đạt Đa) **khởi tâm mưu hại nhắm đến Như Lai, thân hoại mạng chung đọa Địa ngục A-Tỳ.** Ông này thì đọa Địa ngục lớn, Địa ngục A-Tỳ luôn.

Tội nhân Cù Ba Li, do phỉ báng Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, nên thân hoại mạng chung đọa Địa ngục Bát Đầu Ma. Điều này thì rõ ràng, ở trên là Địa ngục Ma Ha Bát Đầu Ma, hay là Bát Đầu Ma, là hoa sen đỏ lớn.

Bấy giờ tội nhân Mạt Khư Lê bị ngục tốt kéo lưỡi ra, lôi ngược phía sau dọc trên xương sống. Sở dĩ như vậy, vì xưa kia dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến. Tức là dạy chúng sanh hành tà kiến, mai mốt xuống bị ngục tốt kéo lưỡi ra, lôi ngược phía sau lên, dọc theo xương sống. Nghe như vậy cũng sợ, cho nên bớt [tạo ác nghiệp] đi.

Thiện Trang nói thật, Thiện Trang nghe mấy điều này cũng thấy sợ, cho nên hầu như Thiện Trang chỉ giảng theo kinh thôi, không dám nói điều gì ngoài

kinh, dù là người khác nói. Thiện Trang nói: người đó nói thì người đó chịu trách nhiệm. Thiện Trang chưa tìm thấy trong kinh, thì Thiện Trang không chịu trách nhiệm với lời nói đó. Hồi xưa không biết, sau này đọc kinh nhiều rồi sợ quá. Thật sự sợ, không dám nói kiểu khẳng định này kia. Điều đó là thôi, không dám nói đâu.

Đại tội nhân Đế Xá bị ngục tốt xẻ mình ra, rồi rót nước đồng sôi lên tim, lại lấy viên sắt nóng bắt nuốt. Sở dĩ như vậy, do đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng. Ông này thì bị ngục tốt xẻ mình ra, rót nước đồng sôi lên tim, lấy viên sắt nóng bắt nuốt. Vì hồi xưa đã tạo tội này.

Tội nhân Đề Bà Đạt Đâu (tức là Đề Bà Đạt Đa) **bị bánh xe sắt nóng cán nát thân hình, lại bị chày sắt giã nát thân thể, rồi bị bầy voi giày xéo thân thể, lại bị ngọn núi sắt cháy nóng trấn áp lên mặt, toàn thân bị quấn bởi lá đồng nóng cháy** (ông này bị nhiều hình phạt: bị xe sắt cán nát thân hình, rồi chày sắt giã nát thân hình, thêm bị bầy voi dày xéo thân thể, rồi bị ngọn núi sắt cháy nóng áp lên mặt, toàn thân bị lá đồng nóng quấn cháy)**. Sở dĩ như vậy, do xưa kia gây đấu loạn chúng Tăng, phá hòa hợp Tăng nên bị bánh xe sắt cán nát đầu** (đó là đức Phật nói ra nguyên nhân)**.**

Lại kẻ ngu Đề Bà Đạt Đâu này xúi Thái tử kia giết vua cha, do quả báo này mà bị chày sắt giã nát thân (đức Phật nói ra nguyên nhân, ở đời làm [chuyện] gì, xuống Địa ngục có quả báo tương ưng)**. Lại kẻ ngu si Đề Bà Đạt Đâu kia cho voi uống rượu say để hại Như Lai, do quả báo này nên bị bầy voi giày xéo.** Quý vị nhớ có câu chuyện, chính ông Đề Bà Đạt Đa xúi vua A Xà Thế (tức là Thái tử) giết cha, rồi sau đó cho voi say ra để hại đức Phật. Cuối cùng con voi không hại được Phật, mà bị Phật nhiếp phục, con voi đó chết được sanh lên cõi Trời. Đó là [nó tự chết thôi], chứ không phải đức Phật làm nó chết, quý vị nghe cho kỹ. Nhưng ý là như vậy, nên khi xuống Địa ngục thì [Đề Bà Đạt Đa] bị bầy voi giày xéo.

Lại kẻ ngu Đề Bà Đạt Đa kia ở trên núi Kỳ Xà Quật cầm đá ném Phật, do quả báo này nên bị núi sắt nóng trấn áp lên mặt. Quý vị nhớ câu chuyện

này, tức là trên núi Kỳ Xà Quật, khi đức Phật đi khất thực, thì ông [Đề Bà Đạt Đa] ném hòn đá xuống, để đè chết Phật. Trong Kinh A Hàm nói, có vị Thần núi thấy vậy nên mới ra đỡ, thì hòn đá bể và chỉ rớt một mảnh xuống chân Phật, làm đức Phật chảy máu. Nên mới gọi là xuất Phật thân huyết, là làm thân Phật chảy máu, tội đó cũng là một tội. Nhưng ở đây do quả báo đó, nên ổng đọa vào Địa ngục này thì bị núi sắt nóng trấn áp lên mặt.

Lại kẻ ngu Đề Bà Đạt Đa kia giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán, do quả báo này nên bị lá đồng sắt nóng cháy quấn chặt thân. Điều này cũng rõ ràng, vị Tỳ-kheo-ni này can ngăn ổng nhưng ổng không nghe, ổng đánh chết luôn. Cho nên ổng bị tội đó.

Tỳ kheo nên biết! Tội nhân Cù Ba Li trong Địa ngục Liên Hoa kia (Địa ngục Bát Đàm Ma là Địa ngục Hoa Sen)**, bị nghìn con trâu cày lên lưỡi. Sở dĩ như vậy, bởi do phỉ báng Xá Lợi Phất và Mục Liên. Do nhân duyên quả báo này mà bị nghìn con trâu cày nát lưỡi.**

Quý vị thấy rõ ràng là có quả báo, dùng nghiệp nào thì mai mốt bị như thế, dùng lưỡi thì bị [quả báo] như vậy. Nên ở đời mình phải cẩn thận, ngày xưa chỉ có nghiệp miệng (lưỡi) thôi. Bây giờ có nghiệp bàn phím nữa, đánh trên bàn phím điện thoại, bàn phím máy tính, đánh trên mạng, rồi thao tác cắt sửa video. Mai mốt xuống Địa ngục, thì chắc bị [tội] liên quan đến tay, đúng không quý vị? Làm những tội nào đó, mai mốt xuống chắc là bị như vậy.

Thời nay có thể quả báo phải khác chứ, mỗi thời do dùng nghiệp gì, dùng đối tượng nào. Nên nghe xong thì mình cũng biết sợ. Đang nghe bộ này, đang bay trên trời, lâu lâu cũng xuống Địa ngục một bữa, đi du ký Địa ngục, cho sợ sợ một chút mà cố gắng tinh tấn tu hành.

Lại nữa Tỳ kheo! Tội nhân Mạt Khư Lê, thân bốc ngọn lửa dài 60 khuỷu tay. Nếu có chúng sanh nào khởi lên ý nghĩ này 'ta nên cứu vớt, làm ích lợi cho người này.' Rồi lấy nước trong bốn biển lớn cao đến 40 khuỷu tay mà tưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu hết mà ngọn lửa không tăng không giảm. Cũng như tấm lá sắt nóng được lửa đốt suốt 4 ngày; rồi

có người đến lấy 4 giọt nước mà rưới vào. Nước tức thì tiêu hết. Ở đây cũng vậy, nếu có người đến lấy nước 4 biển lớn mà rưới lên thân người kia để tắt lửa, sẽ không bao giờ kết quả. Sở dĩ như vậy, do tội của người ấy quá sâu, quá nặng.

Quý vị thấy tội của người này là dạy vô số chúng sanh hành Tà kiến, đến nỗi bây giờ lấy nước bốn biển lớn, mình nói biển Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương, mà tưới vô người ổng, để dập tắt lửa, thì nước tan biến mất. Đức Phật nói: Giống như quý vị đem lá sắt nóng đốt suốt bốn ngày, rồi lấy bốn giọt nước rưới vào đó, thì nước bốc hơi mất, lửa không tắt được. Quý vị thấy tội đó nặng đến cỡ nào, là tội nặng nhất. Nên Thiện Trang nói: Tội này là tội nặng nhất, quá nặng. Rất là đáng thương!

Còn tội nhân Đế Xá kia, thân bốc ngọn lửa dài 40 khuỷu tay. Nếu có chúng sanh nào vì thương xót người này, lấy nước trong 3 biển lớn rưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu mất, mà ngọn lửa không giảm. Cũng như có người lấy 3 giọt nước nhiểu lên tấm vỉ sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Ở đây cũng vậy, giả sử lấy nước của 3 biển lớn mà rưới lên thân của Đế Xá, nước tức thì tiêu mất mà lửa không tăng giảm.

Quý vị thấy tội của người này cũng nặng, có giảm một chút. Đức Phật lấy ví dụ giảm hơn, là lấy nước ba biển lớn thôi, chứ không phải bốn biển. Ông kia thì bị tội, mà lấy hết nước trên bốn Đại dương của thế giới, [rưới lên] nhưng cũng không chữa nổi, không ăn thua chút nào hết. Còn ông này thì [lấy nước của] ba biển lớn. Cho nên ở đời, quý vị đừng [vì] một chút gì đó mà mình không tin, rồi tạo nghiệp, tới khi vào [Địa ngục] thì không biết bao giờ ra, tội lắm. Lúc đó đau lắm, khổ lắm, lúc đó có hối hận thì cũng muộn màng rồi.

Tội nhân Đề Bà Đạt Đâu, thân bốc ngọn lửa dài 30 khuỷu tay. Nếu có chúng sanh nào khởi tâm thương xót, muốn khiến cho lửa trên thân của Đề Bà Đạt Đa vĩnh viễn tắt mất, lấy nước của 2 biển lớn đến rưới lên thân. Nước tức thì tiêu mất. Cũng như nhiểu 2 giọt nước lên vỉ sắt nóng, không làm tăng giảm. Với kẻ ngu Đề Bà Đạt Đâu cũng vậy, lấy nước của 2 biển

lớn mà rưới lên thân, nước lập tức tiêu mất mà lửa không giảm. Sự thống khổ của Đề Bà Đạt Đâu là như vậy.

Cho nên ông Đề Bà Đạt Đa cũng quá tội. Quý vị nên nhớ, ông Đề Bà Đạt Đa cũng vô Noãn vị rồi, tương lai 60 kiếp sau thì chứng quả, mà bây giờ tội còn đó. Chúng ta mà chưa tu tới đó, ngày nào đó chúng ta cũng dễ [rớt vào đây] lắm, đời sau quay quay, vô nhà Tà kiến hay vô nhà nào đó, rồi chống lại giáo pháp của Như Lai. Vì điều gì đó, người ta thuê đóng giả, vô phá hoại [Phật pháp]. Ví dụ như hạnh tu của người ta, một người tu thanh tịnh, nhưng vì mình cần đóng giả để phá hoại họ, mình phỉ báng cho lắm vô. Rồi mai mốt nhận được bao nhiêu tiền đâu, nhưng cuối cùng mình bị đọa, không biết bao giờ ra. Cho nên đau khổ. Chúng sanh thời nay điên đảo, không tin nhân quả. Nhưng nhân quả đời nay cũng mau đến lắm, quý vị cứ để ý đi. Nên Sư Minh Tuệ nói: "Trò chơi của nghiệp, chúng ta đang cùng chơi, thì vui vẻ thôi". Đối với ngài thì vui vẻ, còn mình thấy cảnh này thì không vui nổi đâu quý vị, vô Địa ngục kiểu này không vui được đâu.

Tội nhân Cù Ba Li (người phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên) **thân bốc ngọn lửa dài 20 khuỷu tay. Giả sử có chúng sanh vì thương xót người này, lấy nước trong một biển lớn đến rưới lên thân, nước tức thì tiêu mất mà lửa không giảm. Cũng như nhiểu một giọt nước lên vỉ sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Với Tỳ-kheo Cù Ba Li cũng vậy. Vì bị tội báo lôi cuốn, phải nhận chịu tội ấy.**

Đó là 4 người thọ tội cực trọng (cho nên Thiện trang mới nói bốn người bị tội nặng nhất thì chắc là đây. Theo trong kinh, thì bốn người này là tội nặng nhất). **Các ngươi hãy tự chuyên xa lánh các tai hoạn như vậy, vâng theo các Hiền Thánh mà tu tập Phạm hạnh. Như vậy, các Nhân giả hãy học điều này".**

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(*Kinh Số 5 - Phẩm 50 – Lễ Tam Bảo – Kinh Tăng Nhất A Hàm*).

Thiện Trang nói toàn trong kinh. Qua đoạn vừa rồi hy vọng quý vị phát tâm thoát ly sanh tử tốt hơn. Chúng ta tu mà giải đãi là tại vì sao? Thông thường tâm giải đãi là do không thấy quả báo, nỗi khổ ở đời sau, chúng ta cứ nghĩ là chúng ta ngon rồi. Quý vị chưa vào địa vị thứ ba trong Tứ gia Hạnh vị, thì con đường đó còn khổ, vẫn còn có thể đọa Địa ngục bình thường. Ông Đề Bà Đạt Đa đã vào Noãn vị mà còn như vậy, huống hồ chi những người như chúng ta, nếu như chưa vào.

Cho nên phải tu, tu để giải thoát sanh tử, phải tha thiết để đời này liễu sanh thoát tử. Hoặc ít nhất cũng phải vào được bốn điều, đó là: Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, và thành tựu được Thánh giới. Người đó được đức Phật ký thuyết là đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào các đường dữ. Chúng ta không làm được như vậy, thì cũng cố gắng làm được Sơ quả hướng. Trong kinh nói Sơ quả Hướng thì không đọa vào đường ác nữa. Sơ quả hướng là nằm trong [các địa vị] như Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Hoặc có chỗ kéo luôn hai địa vị sau của Tứ gia hạnh vào Sơ quả hướng, tức là Nhẫn vị và Thế đệ Nhất vị.

Đó là luận của chư Tổ nói, mỗi người có nhìn nhận khác nhau. Thiện Trang cũng nghĩ, miễn làm sao không đọa vào đường ác nữa là được. Từ Nhẫn vị trong Tứ gia Hạnh vị thì không đọa đường ác nữa là được. Nói thì nghe cũng ngon, nhưng thực ra cũng khổ lắm quý vị. Tuy không đọa đường ác, nhưng cứ lang thang cõi Người, cõi Trời, suốt mấy chục đời, thậm chí cả trăm đời, thì cũng lâu lắm, khổ lắm.

Cho nên thà vô Tu-đà-hoàn cho rồi, Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn, [tối đa] bảy đời thì sẽ không còn ở cõi Dục nữa. Bảy đời là thoát khỏi cõi Dục, gọi là Thất lai. Còn không, nhanh nhanh thì vô Gia gia, Nhất chủng cho nhanh, lên cõi khác và chứng A-la-hán cho rồi, không còn trở lại nhân gian nữa. Nhân gian này khổ lắm! Hoặc ít nhất là mình được niềm tin bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng thôi, thì mình không bao giờ chống lại Tam Bảo đâu. Còn bây giờ, những người mà không có Thiện căn thì họ sẽ chống lại Tam Bảo.

Thiện trang chia sẻ để [quý vị] đỡ buồn ngủ. Không biết quý vị như thế nào, chứ Thiện Trang từ nhỏ, có một điều Thiện Trang nói: Tuy không theo một đạo nào hết, hồi xưa [Thiện Trang] không theo Tôn giáo nào. Nhưng nếu như mướn Thiện Trang, cho đi làm những việc phá Tôn giáo người ta, thì Thiện Trang không làm. Điều đó là chắc chắn. Vì mình không bao giờ làm việc ác như thế, mình không bao giờ phá niềm tin của người ta. Chứ không phải như thời nay, nhiều người rất đáng thương, họ vì lợi ích rất nhỏ mà sẵn sàng làm những việc không tốt, nên thật là đáng thương.

Hôm nay [Thiện Trang] xin giới thiệu, sẵn đang nói liên quan đến những việc mà bây giờ đang hot trên mạng. Chúng ta cũng đua chen một chút, theo những gì hot [của] xã hội. Để nói thêm về hành pháp Đầu đà, bây giờ nhiều người nói Sư Minh Tuệ thế nào? Thiện Trang cũng trích trong kinh về 'Hành Pháp Tu Đầu Đà Thì Mau Chứng Quả'. 'Nói có sách, mách có chứng'. [Bài này] không dài lắm, mời quý vị xem.

Hành Pháp Tu Đầu Đà Thì Mau Chứng Quả

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá Vệ, trong vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà. Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu 11 pháp này thì chắc chắn có điều được tăng trưởng. Những gì là 11? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu Giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu Trí tuệ, thành tựu Giải thoát, thành tựu Giải thoát Tri kiến, các căn tịch tĩnh, ăn uống biết đủ, hằng tu hành cộng pháp, và cũng biết phương tiện ấy, phân biệt nghĩa ấy, không đắm lợi dưỡng. Như vậy Tỳ-kheo, nếu thành tựu 11 pháp này, thì có khả năng để tăng trưởng. Vì sao vậy? Tất cả các thực hành, chân chánh có 11 pháp".

Ở đây nói về pháp tu, không phải riêng Tỳ-kheo đâu, mà nếu chúng ta tu thành tựu được 11 pháp này: Thứ nhất là thành tựu về Giới, Giới luôn luôn được đức Phật xếp ở hàng đầu. Thứ hai là thành tự về Định, Định là Tam-muội. [Thứ ba] là thành tựu về Trí tuệ, [thì] chúng ta cũng phải học. Giới, Định, Tuệ, lúc nào

cũng đứng đầu. Rồi sau đó thành tựu được Giải thoát; Giải thoát Tri kiến; các Căn tịch tĩnh; ăn uống thì biết đủ chứ không phải ăn quá; rồi luôn luôn, #hằng tức là luôn luôn, tu hành mà cộng pháp; và cũng biết phương tiện ấy; phân biệt nghĩa ấy. Tu hành cộng pháp, ngôn ngữ này Thiện Trang không hiểu rõ, đây là Thiện Trang tạm giải thích thôi, có thể là mình biết dùng nhiều phương pháp tu phối hợp với nhau. Và [cuối cùng] là không đắm lợi dưỡng, tức là không có tham đắm lợi dưỡng. Thành tựu được 11 pháp này, thì có khả năng để tăng trưởng. Vì sao? Vì các thực hành chân chánh có 11 pháp.

Lúc bấy giờ ngài A Nan bạch đức Thế Tôn rằng: "Vì sao chân chánh có 11 pháp, mà không nhiều hơn?" 11 pháp này thật ra là liên quan đến hạnh Đầu đà đằng sau nói.

"Những gì là mười một? Đó là, a-lan-nhã, khất thực, ngồi một chỗ, ăn một bữa, ăn đúng giữa trưa, ăn không chọn nhà, giữ ba y, ngồi dưới gốc cây, ngồi giữa trời trống, chỗ nhàn tĩnh, mặc y vá, hoặc ở tại bãi tha ma. Đó là Tỳ-kheo nếu thành tựu 11 pháp này, thì có điều sở đắc. Đây là hạnh Đầu đà, và ở đây nói có 11 pháp thôi. A-lan-nhã là nơi yên tĩnh, rồi khất thực, ngồi một chỗ, ăn một bữa. Quý vị thấy ăn một bữa, và ăn đúng giữa trưa. Thật ra chỗ này dịch không rõ lắm, phải là ăn đúng giữa ngày. Đây là ngôn ngữ thôi, quý vị đừng chấp trước quá. Có nghĩa là mình ăn làm sao trước giữa ngày. Ăn không chọn nhà, tức là đi tùy duyên. Rồi giữ ba y, tức là chỉ ba y thôi, không có nhiều hơn, và đi đâu cũng mang theo ba y. Ngồi dưới gốc cây, ngồi giữa trời trống, chỗ nhàn tĩnh, mặc y vá (tức là không mặc y người ta cúng cho sẵn, mà tự mình vá y), hoặc ở tại bãi tha ma. Đó là tu hạnh Đầu đà.

Đó là Tỳ-kheo, nếu thành tựu 11 pháp này thì có điều sở đắc. Chỗ này có một bộ kinh khác nói rõ hơn, ở đây chúng ta chỉ mang tính giới thiệu về hạnh Đầu đà thôi, ý Thiện Trang muốn nói về kết quả.

Nay Ta lại nói thêm cho ông biết. Nếu ai trong 11 năm học pháp này, tức hiện thân thành A-na-hàm, chuyển thân thành A-la-hán. Quý vị thấy đã không? Tu pháp này trong 11 năm, thì ngay đời này hiện thân (tức là thân hiện

tại này) thành A-na-hàm luôn, và chuyển thân (tức là đời sau) thành A-la-hán luôn. Cho nên pháp hạnh tu Đầu đà rất tuyệt vời, nhưng [chúng ta] tu không nổi thôi, chứ còn tu [được] là ngon lắm. Tu được thì hiện thân (tức là thân này) thành A-na-hàm, và sau chuyển thân (là thân sau) thành A-la-hán. Cho nên ai tu 11 năm là thành tựu. Nhưng không cần 11 năm đâu, ở đây nói tiếp:

Này các Tỳ kheo, hãy bỏ qua 11 năm. Nếu ai trong chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm học pháp này, thì người ấy sẽ thành một trong hai quả, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Có nghĩa là tu không cần 11 năm đâu, 11 năm cũng lâu quá, thôi chín năm; chín năm cũng lâu, thôi tám năm, bảy năm cuối cùng là một năm thôi. Một năm thôi là thành A-la-hán hoặc A-na-hàm. Quý vị thấy ngon không? Cho nên ai nghe như vậy thì chắc phát tâm đi tu quá, tu một năm thôi là thành A-na-hàm hay A-la-hán, có phải như vậy không?

Thật ra nếu quý vị hành trì đúng, [vì] giữ hết giới mà. Quý vị phỏng vấn quý Sư, quý Sư cũng không biết là đi từ ngày nào, năm nào, tháng nào. [Quý Sư] không xài điện thoại nên không biết luôn. Hỏi [thì quý sư trả lời]: là con cũng không biết, con không nhớ con đi từ ngày nào. Bây giờ là ngày nào, năm nào, tháng nào cũng không biết. Mình thì ở nhà, mình coi nên mình biết ngày, tháng, năm. Còn bây giờ [quý Sư] không biết luôn. Cho nên đó là thua luôn. Có nghĩa là tâm [các ngài] thanh tịnh.

Quý vị thử bỏ điện thoại ra, không dùng điện thoại, không có gì hết, rồi quý vị cứ đi như vậy, ngày nào cũng như vậy. Quý vị không có vướng bận về nhân gian, quý vị bỏ hết rồi. Còn ở nhà thì mình vướng bao nhiêu thứ, nào là chồng, con cái, rồi [phải lo] cơm nước đủ thứ. Còn [quý Sư] tùy duyên, tới bữa có cơm [thì ăn], không có thì thôi, khất thực mà, [nên] có gì ăn nấy. Nhà cũng không có, nên khỏi phải lo. Có ba y và mấy đồ đem theo thôi, có mấy tài sản đó thôi, không còn gì hết. Tu như vậy thì mau thành tựu. Cho nên đức Phật nói là 11 năm, mà không cần 11 năm, tu một năm cũng được. Một năm thành bậc A-na-hàm, bậc A-la-hán. Cho nên tại sao pháp tu này thành tựu tối thắng như vậy. Chưa hết đâu quý vị, ở đây nói hơn nữa:

Hãy bỏ qua 12 tháng. Tỳ-kheo nào có thể tu hành pháp này trong một tháng, Tỳ-kheo ấy chắc chắn thành một trong hai quả: hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. (Quý vị thấy đã không? Đức Phật nói khẳng định luôn, hành pháp này trong vòng một tháng thôi, thì Tỳ-kheo ấy chắc chắn thành một trong hai quả: hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán). **Vì sao vậy? Mười hai nhân duyên đều xuất từ mười một pháp. Đó là, sanh, già, bệnh, chết, ưu, sầu, khổ, não.**

Ở đây Thiện Trang chia sẻ như vậy, để ai có duyên thì ráng. Thiện Trang cũng hy vọng, không biết mình có điều kiện [không], nói tham là sau này đi tu 1 tháng thôi. Thật ra mình tu dở quá thì mình tu 3 tháng. Mà có tu nổi không? Vấn đề là có đủ sức khỏe để tu được không? Hạnh này khó đúng không quý vị?

Đâu phải đơn giản đâu: ở gốc cây, ngồi nhà trống, chỗ nhàn tĩnh v.v… Phật bảo ở bãi tha ma, là nghĩa địa đó; Rồi ăn không chọn nhà v.v… Mấy điều kia hạnh kia thì dễ hết, hạnh khó nhất ở đây là ngồi. Cho nên 13 pháp hạnh Đầu đà, ở đây thì chỉ nói 11 pháp thôi. Quý vị thấy, nếu làm được một tháng là thành bậc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Đức Phật nói chắc chắn luôn.

Cho nên nếu có thể thì mình thử xem, hi sinh cuộc đời, đi 1 tháng hoặc 2 tháng, không chắc thì đi 3 tháng. Ai mà nhiều phước, đi được thì có thể thành tựu đó. Còn không thành tựu, không thành Thánh thì cũng thành nhân, cũng được rất nhiều lợi ích. Cho nên không thể phỉ báng được đúng không quý vị? Mấy người không biết mà người ta phỉ báng, thì tội nặng là vậy đó.

Nay Ta dạy các Tỳ-kheo, hãy như Tỳ-kheo Ca Diếp. Giả sử có người hành pháp khiêm khổ, khó có hạnh nào sánh kịp. Vì sao? Bởi Tỳ-kheo Ca Diếp đã thành tựu mười pháp này. Nên biết, các Như Lai trong quá khứ thành Đẳng Chánh Giác (thành Phật) **cũng do thành tựu 11 pháp này. Nay Tỳ-kheo Ca Diếp, vì thương tưởng hết thảy chúng sanh. Nếu cúng dường các Thanh văn quá khứ, thì thân sau mới được báo ứng. Giả sử cúng dường Ca Diếp, thì ngay thân này mà thọ nhận báo ứng.**

Quý vị thấy đã không? Vì ngài Ca Diếp, tức là đang khen hạnh Đầu đà chứ gì nữa, ai chả biết ngài Ca Diếp là hạnh Đầu đà [đệ nhất] đúng không? Cho nên

ngoài ngài thành tựu được hạnh này rồi, đức Phật nói là cúng dường các vị Thanh văn quá khứ, thì thân sau mới được báo ứng. Nhưng riêng cúng dường cho ngài Ca Diếp thì ngay thân này nhận được báo ứng. Cho nên ai cúng dường [cho ngài] xong là giàu.

Thiện Trang không biết có đúng không, nhưng Thiện Trang tin là đúng. Ý là không biết đúng hay không, là ở chỗ Sư Minh Tuệ. Khi Sư Minh Tuệ vừa xuất hiện, chưa có đông người, chưa có YouTuber đi theo, thì Thiện Trang [đã] khuyên các đồng tu nào cúng dường được thì tranh thủ đi cúng. Và ai cúng xong là phước lên. Quý vị thử coi, ai cúng được hồi đó là phước lên. [Phước] có lên hay không, thì chúng ta cứ theo dõi thử xem, [vì ở đây nói là] báo ứng ngay trong đời này.

[Thiện Trang] để ý, hình như có người trước đó bị chèn ép, nhưng sau khi cúng dường xong thì sau này lên được, hết bị chèn ép. Có nghĩa là phước lên nhanh. Quý vị thấy, nếu Sư Minh Tuệ thành tựu được hạnh này, quý vị cúng dường thì phước cũng lớn giống như vậy. Cho nên cúng dường ngài Ca Diếp, thì ngay thân này được nhận báo ứng nha. Nên mình không học thì mình đâu biết được. Đoạn này còn quan trọng hơn nữa, những đoạn Thiện Trang bôi chữ đỏ là quan trọng.

Giả sử Ta không thành Vô thượng Đẳng Chánh Giác, [thì] sau sẽ do Ca Diếp thành Đẳng Chánh Giác (quý vị thấy đức Phật nói là giả sử Ngài không thành Phật, thì ngài Ca Diếp sẽ thành Phật. Ghê chưa!) **Do nhân duyên này, Ca Diếp vượt hơn các Thanh văn quá khứ. Ai có thể hành như Ca Diếp, ấy là hành tối thượng.**

Câu cuối cùng quan trọng, ngài Ca Diếp là vượt hơn các Thanh văn của quá khứ. Và ai có thể hành như ngài Ca Diếp, ấy là hành tối thượng. Câu cuối cùng: Ai có thể hành như ngài Ca Diếp, ấy là hành tối thượng.

Quý vị ráng, ai làm được thì làm, Thiện Trang chưa có duyên làm hạnh này, chắc mình cũng giải đãi quá, lười quá. Mình còn sợ khổ, mình chưa dám bỏ, mình còn lấy danh là mình đang bận giảng pháp, cho nên không dám làm việc

này. Tương lai, hy vọng là có duyên nào đó, để mình có thể đi thực hành thử xem. Tất nhiên là mình thực hành thử thôi, điều đó không phải cầu tham, nhưng cũng thực hành để trải nghiệm, ít nhất phải có thời gian để trải nghiệm thì tốt.

Không dễ đâu quý vị, đi ra ngoài [cần phải] có sức khỏe. Ở các nước vùng Đông Nam Á thì dễ, chứ sau này nếu Sư Minh Tuệ đi qua Châu Âu, thì mùa Đông khí hậu khắc nghiệt hơn, rất khó [khăn]. Sẽ khó khăn hơn nhiều, không dễ đâu. Còn việc nhận được sự cúng dường v.v… thì không lo. Bây giờ Sư Minh Tuệ cũng nổi tiếng lắm, đi đến đâu thì người ta cũng biết, cả thế giới biết rồi chứ không phải là mỗi ở Việt Nam hay là ở Đông Nam Á đâu. Nên việc đi ké theo ngài thì không có đói đâu, điều đó thì khỏi lo. Nhưng vấn đề là mình có chịu nổi thời tiết, chịu nổi nhiều khó khăn như vậy không? Khó lắm! Cho nên là tại sao tu [hạnh này] thì có thể nhanh thành tựu. Đây là [Thiện Trang] trích trong kinh, chứ không phải tự nói nha.

Như vậy Tỳ-kheo, hãy học điều này".

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 2 – Phẩm Phóng Ngưu Thứ 9 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Cho nên có trong kinh hết nha, Thiện Trang nói tu như thế nào là có trong kinh hết. Như Sư Minh Tuệ là tu theo trong kinh, chứ không phải là người ta bịa đặt nói này nói kia, đó là người ta không hiểu. Chúng sanh thời nay mê muội lắm, họ cố tình bẻ lệch đi những điều không cần thiết. Thiện Trang cũng đã nói rồi, chúng ta là phàm phu, theo trong kinh thì phàm phu không biết Thánh nhân, mà cũng không biết ai là phàm phu. Tóm lại chúng ta không đánh giá được ngài là thế nào, cho nên không biết Sư Minh Tuệ có phải là bậc Thánh hay không. Chúng ta nói là có thể thôi, nhưng không đoán được chắc chắn 100%.

Nhưng nếu hành được hạnh này, tức là ai có thể hành như ngài Ca Diếp, thì ấy là hành tối thượng. Cho nên phước cúng dường đối với ngài Ca Diếp lớn như vậy, ngay đời này được nhận báo ứng. Mình cúng dường cho những người tu như vậy, không được 100%, thì cũng được bao nhiêu phần trăm đó, thì cũng

đỡ đúng không? Cho nên đó là ruộng phước của thế gian. Chúng sanh chửi nhiều thì mất phước điền, chúng sanh cũng sẽ chịu quả báo, đáng thương cho họ. Đó là Thiện Trang đã chia sẽ hết phần này.

Bây giờ còn thời gian, Thiện Trang chia sẻ về phần A Tỳ Đàm. A Tỳ Đàm chúng ta đã có học qua các Tâm sở, Thiện Trang sẽ trở lại 52 món Tâm sở, chứ không thì chúng ta quên.

52 món Tâm sở thì gồm: 13 Tâm Sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện và 25 Tâm sở Tịnh hảo. Chúng ta thấy tất cả là 52 món Tâm sở. Ở đây chúng ta đã học qua: 13 Tâm sở Tợ tha gồm 7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh. Thiện Trang xin đọc lại. 7 Tâm sở Biến hành của Tợ tha gồm: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. 6 [Tâm sở] Biệt cảnh là: Tầm, Tứ, Thắng, Giải, Cần, Hỷ, Dục. Còn [Tâm sở] Bất Thiện thì có 14 Tâm sở: 4 tâm sở Bất thiện Biến Hành (tức là trong Bất thiện thì luôn có 4 Tâm sở này): Si, Vô tàm, Vô úy và Trạo cử. Ngoài ra có 10 Tâm sở Biệt cảnh của Bất thiện, đó là: Tham, Tà kiến, Ngã mạn, thuộc nhóm Tham phần; Sân, Tật, Lận, Hối thuộc nhóm Sân phần; Hôn trầm, Thùy miên, Nghi thuộc nhóm Trì trệ và Do dự.

Hôm nay chúng sẽ học tiếp 25 Tâm sở Tịnh hảo, tức là [25] Tâm sở tốt đẹp, #tịnh là thanh tịnh, tịnh là tốt. Chữ tịnh trong chữ Pali, Sanskrit dịch ra là mỹ, là tốt; #hảo cũng là tốt. Trong này cũng chia ra, gồm có 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành. Tất nhiên là 19 [Tâm sở] rồi, thì còn có 6 Tâm sở Biệt cảnh thôi. 6 Tâm sở Biệt cảnh thì chia ra ba phần: 3 Tâm sở Tịnh hảo Giới phần, 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần, 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền. Thật ra nói thì nhiều vậy, nhưng hôm nay chúng ta học ít thôi. Học một, hai Tâm sở thôi, chứ học nhiều quá thì quý vị cũng không nhớ.

Hôm nay chúng ta vào Tâm sở đầu tiên trong 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, đó là Tâm sở Tín. Ở đây có Tín, Niệm, Tàm, Úy. Thật ra mấy [Tâm sở] này nghe cũng quen, chúng ta có học Vô tàm, Vô úy ở trên này rồi. Đối ngược lại với Vô tàm, Vô úy là thành Tàm, Úy rồi. Cho nên là cũng dễ thôi, không đến nỗi khó lắm. Bây giờ thì chúng ta học Tâm sở Tín.

1. Tâm sở Tín: Tín là gì? Tín có nghĩa là tin (nghĩa của chữ Tín là tin). Tín ở đây là tin tưởng vào điều thiện, tức là mình tin những điều nào thiện. Trong thời kỳ có Phật pháp, thì đây là niềm tin vào Tam Bảo. Trạng thái tâm của Tâm sở Tín là mình phải tin vào những điều thiện. Và khi nào mình biết có Phật pháp, thì đó là tin vào Tam Bảo. Mình phải có niềm tin đối với Tam Bảo. Tâm sở Tín đơn giản là như vậy.

Như vậy thì [mình] tin vào điều thiện chưa? Chúng ta hay có câu là 'Tà không thể thắng Chánh'. Nhưng thật ra nhiều người không tin đâu, khó lắm. Nhiều người vẫn tin vào những điều nào tà tà chút cũng được. Tin vào điều thiện mà mình kêu thôi nói dối chút đi, nói dối mới được xong việc, thế này thế kia. Cho nên niềm tin này nói vậy chứ, có lúc mình không tin. Tâm sở này, tuy nói vậy, mình học Phật rồi nhưng có những lúc mình vẫn không tin. Mình kêu: 'À, không được'. Cho nên tin vào điều thiện mà trong thời kỳ có Phật pháp (tức là chúng ta đây), thì phải [có] niềm tin vào Tam Bảo (tức là Phật, Pháp, Tăng). Điều này khó! Cho nên Tâm sở Tín này khó.

Tín là nguồn cội của các hạnh lành, khi không có niềm tin thì gì cũng không. Có nghĩa là nếu Tín là nguồn cội, giống như nước phải có từ nguồn, cội là cây phải có từ gốc. Tất cả những hạnh lành có được là nhờ niềm tin. Và khi không có [niềm tin] thì điều gì cũng không có nữa hết, coi như xong. Cho nên tất cả những việc tà, việc sai, là do không có [Tâm sở Tín]. Quý vị thấy là Tâm sở Tín này giúp cho mình, cho nên quan trọng.

Tín được thiết lập hay tin vào Tam Bảo tức là Phật, Pháp, Tăng; hay Tín là sự tín ngưỡng hay đức tin trong sạch với nhân vật pháp lý đáng tin. Có nghĩa là mình tin có hai điều: Một là tin đối với Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng. Hai là mình tin với sự kính ngưỡng, đức tin trong sạch đối với một nhân vật nào đó, một pháp nào đó. Nhưng pháp đó, lý đó, phải là đáng tin, và nhân vật đó [cũng] đáng tin. Cho nên có tin được không? Quý vị phải có [niềm] tin. Ví dụ nếu quý vị không tin Thiện Trang, thì quý vị đâu nghe pháp của Thiện Trang. Quý vị không tin Sư Minh Tuệ, thì quý vị cũng đâu có coi Sư Minh Tuệ làm gì, đúng chưa?

Sẵn đang giảng về điều này, [Thiện Trang nhớ] có người hỏi Sư Minh Tuệ là chiếc lá rơi từ đâu? Sư Minh Tuệ giải thích là chiếc lá rơi từ Vô minh. Có người mới hỏi là thầy có thể giải thích câu trả lời của Sư Minh Tuệ hay không? Thiện Trang nói là điều đó lẽ ra quý vị nên hỏi Sư Minh Tuệ, nhưng bây giờ Sư Minh Tuệ nói ngắn gọn quá, Thiện Trang cũng không biết thế nào. Thiện Trang không phải là bậc Thánh nhân để hiểu được ý của Sư Minh Tuệ, nhưng thôi thì mình cũng đem khả năng, sở đoản, sở trường gì đó của mình ra để giải thích.

Đây là theo Thiện Trang thôi, không biết có đúng hay không. Nếu chiếc lá rơi từ Vô minh, mà quý vị giải thích cao siêu, thì thế này: Tất cả vòng sanh tử luân hồi từ đâu ra? Chính là xuất phát từ Vô minh. Ở trong 12 nhân duyên, Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sách v.v… một dòng như vậy. Cho nên tất cả những gì hiện diện trên cõi đời này mà ta cảm nhận thấy, thật ra là do Vô minh mà ra. Nếu quý vị hết Vô minh thì quý vị chẳng thấy lá rơi nữa. Đó là ý nghĩa giải thích [cho] tất cả các vấn đề, gọi là tất cả Tam giới là do đâu mà có.

Giống như trong Chứng Đạo Ca của Thiền sư Vĩnh Gia nói: *'Mộng lý minh minh hữu Lục thú, giác hậu không không vô Đại thiên'*. Có nghĩa là trong mộng thì rõ ràng có sáu cõi, nhưng khi mình giác rồi, thì mình thấy các cõi có cũng như không, có hay không, không quan trọng. Cho nên chiếc lá rơi là do những người vô minh, còn vô minh cho nên thấy lá rơi. Nếu quý vị hết thấy lá rơi rồi thì cũng không có. Tóm lại đó là giải thích theo kiểu cao siêu.

Còn giải thích theo kiểu bình thường, gọi là ứng cơ. Quý vị rảnh rỗi, quý vị đi hỏi lá rơi từ đâu là quý vị đang vô minh. Tại vì sao? Người học Phật không hỏi tu hành như thế nào, mà đi hỏi chiếc lá rơi. Đó là vô minh chứ gì nữa. Tức là mình còn muốn đi chất vấn người ta, mình còn muốn tìm hiểu, dò xét v.v… là mình đang vô minh. Với tâm vô minh nên mình mới đặt ra câu hỏi [như vậy], để đem sự kiện không có gì đặc biệt, đưa lên cho thành đặc biệt, để chất vấn người ta. Đó là mình đang vô minh.

Giống như Lục tổ Đại sư Huệ Năng, khi có người hỏi thế nào là La-sát, [thì

ngài] mới nói người đó một điều gì đó, để người ta nổi xung lên, thì ngài Lục tổ mới nói đó là La-sát, tâm ông đang là La-sát. Tại vì người ta đang hỏi câu trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn nói là rơi vào nước La-sát. Vậy La-sát là gì? Cho nên ngài kêu: khi tâm ông nóng giận lên như vậy thì gọi là La-sát, La-sát là như thế. Tức là tâm nóng giận là tâm La-sát, chiêu cảm cảnh La-sát, vậy thôi.

Cũng vậy, chiếc lá rơi, nếu mình nghĩ là giác ngộ thì là giác ngộ, còn mình nghĩ là vô minh thì là vô minh. Vậy thôi! Một chiếc lá rơi cũng có thể giúp cho quý vị đắc đạo A-la-hán, đắc đạo Thánh nhân Bích-chi-phật. Người ta thấy được như vậy. Còn mình thấy lá rơi mà mình chấp vào đó, mình đem đi hỏi v.v… rồi nghĩ tưởng tùm lum, thì là mình đang vô minh. Thay vì mình đang sáng suốt trong Bốn đế, thì mình lại mê mờ trong Bốn đế, thì gọi là lá rơi từ Vô minh.

Định nghĩa Vô minh là gì? Vô minh có nghĩa là không sáng suốt đối với Bốn đế (Tứ đế): Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt, lá rơi thì cũng do duyên sanh. Duyên là gì? Duyên là lá đang ở trên cành cây, đến lúc lá vàng, hoặc lá không vàng mà do gió thổi hay thế nào đó v.v… nên nó rớt. Nếu quý vị thấy được cảnh đó, quý vị nghĩ là lá đang rơi, lá rơi là quý vị giác ngộ. Còn quý vị không thấy, mà quý vị còn đem hiện tượng đó đi hỏi, lá rơi từ đâu nữa, thì quý vị không có giác ngộ, đó là quý vị đang vô minh đúng không? Quý vị hiểu theo ý nghĩa nào đó thì tùy.

Đó là Thiện Trang giải thích, không phải là chân lý, quý vị đừng đem đó cho là chân lý. Quý vị hãy tự suy xét, mỗi người có thể tự đưa ra phương án cho chính mình, tự mình hiểu. Thiện Trang cũng không có áp đặt một ai hết, Thiện Trang chỉ chia sẻ như vậy thôi.

Bây giờ trở lại với Tâm sở Tín. Tín thì có Tà tín và Chánh tín. Tà tín là tin về những điều tà thì không nói, còn Tâm sở Tín là đang nói về Chánh tín, nếu chúng ta nói về Chánh tín. Chánh tín (là niềm tin chính xác) thì có bốn điều: Một là tin về nghiệp. Có ai tin về nghiệp chưa? Hai là tin về quả của nghiệp. Điều này là tin nhân quả đó. Ba là tin nghiệp là của riêng mỗi người, ai làm nấy chịu. Quý

vị tin được ba điều đó chưa? Bốn là tin sự giác ngộ của đức Như Lai. Có bốn điều này thì gọi là Chánh tín.

Thiện Trang xin nhắc lại: Một là tin về nghiệp; Hai là tin về quả của nghiệp; Ba là tin nghiệp là của riêng mỗi người, có nghĩa là quý vị làm thì tự quý vị chịu, còn tôi làm thì tự tôi chịu, ai làm nấy chịu, không có ai gánh vác cho ai được hết. Trong Kinh Địa Tạng nói là mỗi người đều đi con đường riêng của mỗi người, không có ai thay thế, chịu khổ cho ai được hết. Và thứ tư là tin vào sự giác ngộ của đức Như Lai, có nghĩa là mình tin là đức Phật là người giác ngộ, giác ngộ là biết hết tất cả mọi thứ, không có gì mà Ngài không biết. Đó là niềm tin. Bốn điều đó tạo thành Chánh tín.

Cho nên ai có Chánh tín, là người đó tin về nghiệp, tin về quả của nghiệp, tin về nghiệp là riêng của mỗi người, và tin vào sự giác ngộ của Phật. Quý vị tin vào nghiệp chưa? Có tin, nhưng chúng ta tin tới đâu. Quý vị tin vào quả của nghiệp chưa? Có tin, nhưng cũng chưa biết tin tới đâu. Nhiều người biết quả rồi nhưng vẫn [làm]. Con biết là xấu, nhưng thôi con cứ nói dối cho xong việc này đã, rồi từ từ con sửa sau. Đó là không tin vào quả của nghiệp. Tức là nghiệp mình nói dối thì đã kết quả xấu rồi, cho nên là mình chưa tin. Rồi mình có tin nghiệp là riêng của mỗi người chưa? Mình cứ nghĩ là nhờ thầy Thiện Trang, rồi bám theo người này người kia cứu.

Quý vị nên nhớ, trong Kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan gặp nạn mà đức Phật cũng đâu có [giúp được], cuối cùng đức Phật cũng không thể giúp cho một người chứng quả. Mình không tin, mình không tự mình tu, gọi là 'ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc'. Phần ai nấy tu, phần ai nấy đắc; phần ai nấy làm, phần ai nấy hưởng. Tất nhiên sự chia sẻ cũng có một phần nào, nhưng không phải là chính, việc chính là nghiệp là của riêng mỗi người.

Và thứ tư là mình tin tuyệt đối vào sự giác ngộ của đức Như Lai, thì khi đó mình sẽ có Chánh tín. Bữa nay là mình học về Chánh tín theo định nghĩa ở đây, còn bữa nào mình sẽ học về Chánh tín ở trong kinh nữa.

Khi người Phật tử quy y Tam Bảo, thì đức tin của vị ấy phải hiểu lý

do và căn nguyên. Niềm tin của người quy y Tam Bảo, là mình phải hiểu lý do và nguồn gốc. Chứ không phải cứ tới quy y, làm lễ xong cầm phái quy y về, rồi mình nói là Quy y Tam Bảo. Không phải [như vậy]! Quý vị phải hiểu được Tam Bảo là gì, rồi mình quy y và nương tựa về.

Có nhiều Phật tử ngày nay đi chùa mấy chục năm, nhưng không phải là Đệ tử của Phật, không phải là Phật tử đâu, gọi là không có hiểu gì về giáo pháp của Như Lai. Cho nên [họ] không tin về nghiệp, không tin về quả của nghiệp, không tin nghiệp là của riêng mỗi người, mà suốt ngày cầu cúng, lên đó chỉ mong ban phước, giáng họa, đầu năm còn cầu cúng sao, giải hạn, rồi đủ thứ các chuyện… Đó là không hiểu gì hết, nên những người đó rất đáng thương.

Vị ấy được yêu cầu nghiên cứu và kiểm tra đối tượng đức tin của bản thân. Một đức tin Phật giáo không đi ngược lại sự tìm hiểu về tâm linh, bất cứ sự ngờ vực nào về những pháp mơ hồ đều được khuyến khích tìm hiểu chúng. Có nghĩa là trong Phật giáo khuyên quý vị là trước khi quy y Tam Bảo, thì phải tìm hiểu cho kỹ, nghiên cứu cho kỹ, làm sao đó hiểu để niềm tin của mình rõ ràng. Và Phật pháp không bắt quý vị tin một cách mơ hồ, mà khuyến khích quý vị hãy tìm hiểu cho kỹ, hãy hiểu rõ để tin.

Cho nên bất cứ vị thầy nào, vị sư nào, hay ai đó, Tu sĩ hay Cư sĩ mà dạy cho quý vị tin một cách mơ hồ, đó là không đúng với tinh thần của Phật giáo. Phật giáo là luôn rõ ràng, phải giải thích cho người ta hiểu rõ tại sao như thế, như thế, để người ta hiểu và người ta tin. Chứ không phải hiểu một cách mê mờ, vô cứ kêu người ta tin đi. [Mặc dù] Phật pháp có nói là vào đạo bằng niềm tin, nhưng quý vị tin cũng phải có căn cứ, chứ không phải tin mù, nói cứ theo như vậy đi, thì không phải. Mọi thứ phải rõ ràng, mà muốn rõ ràng thì phải học giáo lý.

Tác dụng của Tâm sở Tín là gì? **Tín được ví như là viên ngọc báu vô song của Chuyển Luân Thánh Vương. Ngọc báu này khi đặt trong nước bẩn thì sẽ làm tất cả cặn bã được lắng xuống, và hơi ấm được thoát ra, để làm cho nước mát và tinh khiết.** Tức là nếu nước bị bẩn và ấm, thì chỉ cần lấy

viên ngọc của Chuyển Luân Thánh Vương (ngọc đó gọi là ngọc lục bảo, ngọc này là một trong bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương) bỏ vào trong nước đang dơ, thì mọi cặn bã lắng xuống hết, và nước đang nóng thì trở thành mát và tinh khiết. Cho nên Tâm sở Tín này quan trọng.

Cũng như thế khi Tâm sở Tín phối hợp với tâm, thì tất cả các pháp Phiền não như Tham, Sân, Si tan biến, với thành tựu là tâm trở nên trong sạch và mát mẻ. Quý vị nhớ cho kỹ điều này. Có nghĩa là nếu quý vị có Tâm sở Tín, thì khi phối hợp với tâm (sau này chúng ta sẽ học bao nhiêu tâm đó), thì tất cả Phiền não như Tham, Sân, Si tự nhiên tan biến, và thành tựu là tâm của mình sẽ trở nên trong sạch và mát mẻ. Đó là lợi ích rất lớn, cho nên phải có Tín.

Còn một ví dụ nữa như sau: **Tín được ví như bàn tay, có thể nắm lấy đá quý, ngọc quý, nếu chúng sanh may mắn được lên một ngọn núi đầy những đá quý, ngọc quý** (có nghĩa là quý vị đi lên một ngọn núi đầy đá quý, ngọc quý, nhưng nếu quý vị không có tay thì cũng không nắm được, không đem được gì về hết. Có nghĩa là vào núi báu mà về tay không đó. Thì [Tâm sở] Tín là giống như mình có bàn tay). **Thật ra vị ấy khi được tiếp xúc với giáo lý của đức Phật thì còn mày mắn hơn là lên ngọn núi châu báu** (cho nên mình may mắn lắm, mình được tiếp xúc với giáo lý của đức Phật, thì mình còn may mắn hơn là lên ngọn núi châu báu). **Bởi vì người với Tín thì có thể đạt được những quả phúc quý giá hơn châu báu.**

Có nghĩa là mình đạt được những quả hạnh phúc, phước) lớn hơn châu báu nữa, ví dụ như ra khỏi sanh tử, chứng [quả] Thánh nhân. Châu báu đâu có giúp được quý vị đâu. [Tín] thì giúp cho quý vị bao nhiêu đời sau nữa, còn châu báu thì quý vị xài một đời là hết. Cho nên ở đây quan trọng.

Tâm sở Si là pháp dẫn đầu trong những Tâm sở Bất thiện, còn Tâm sở Tín là pháp dẫn đầu trong những Tâm sở Tịnh hảo. Có nghĩa là ở đây có 2 Tâm sở quan trọng, mà [giúp] quý vị xác định được thiện hay ác, tốt hay xấu. Đó là Tâm sở Si, là pháp dẫn đầu trong những Tâm sở Bất thiện, chúng ta đã học Tâm sở Si rồi. Nhưng ngược lại, Tâm sở Tín là pháp dẫn đầu trong những Tâm

sở Tịnh hảo. Tức là trong Tâm sở Tịnh hảo thì Tín là quan trọng nhất.

Đây là châu báu quý giá nhất, và một trong Năm quyền và Năm lực. Quý vị nhớ Năm quyền và Năm lực, là Ngũ căn và Ngũ lực. Ngũ căn và Ngũ lực là gì, thì chắc quý vị biết, từ từ rồi chúng ta cũng sẽ học thôi. Năm quyền là: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, và Năm lực luôn. Đây là châu báu quan trọng nhất.

Cho nên trong Đại Trí Độ Luận, ngài Long Thọ nói:*"Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập, trí vi năng độ"*. Có nghĩa là biển lớn của Phật pháp, tin thì mới vào được, và có trí thì mới qua được. Chứ còn không tin thì không vào được. Rồi quý vị muốn qua dòng biển sanh tử mà quý vị không có trí, thì cũng thua luôn. Cho nên Tâm sở Tín này cực kỳ quan trọng.

Tín trong Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, thì có khi gọi là quyền. Bởi vì nó nắm quyền ghê lắm, tu hành được hay không là do năm điều này. Cho nên gọi là Tín quyền. Vậy khi nào có Tín quyền? Vấn đề là khi nào chúng ta có Tín quyền, khi nào có niềm tin? Niềm tin mà giúp cho mình thành tựu trong Phật pháp (thành tựu ít hay thành tựu nhiều), đó gọi là Tín quyền. Vậy bây giờ khi nào có? Đó là **khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất kính trọng, tín lực, tín quyền. Tức là đức tin có trong khi nào, thì Tín quyền vẫn có trong khi ấy.**

Có nghĩa là không phải quý vị tin sơ sơ, mà thái độ này, sự tín ngưỡng này mình phải rất tin, quyết tin, cực kỳ tin luôn, thì mới được, chứ không phải tin hời hợt. Cho nên điều này cũng khó. Trong Phật giáo, tin mà không có trí tuệ thì thành mù quáng, và cũng lạc đường. Còn nếu mình nói không tin thì cũng không vô được. Cho nên phải dùng trí tuệ để suy xét. Còn nếu không có trí tuệ thì thôi, nhắm mắt tin đại thì hên xui. Gặp một vị thầy tốt thì đúng đường, còn gặp vị thầy tà thì sai đường. Thiện Trang tin là những người học trong lớp này, đa số đều là những người có trí tuệ cả. Nhưng Thiện Trang thấy thời nay phần nhiều là không có trí tuệ, không phân biệt được việc nào đúng sai, thiện ác.

Và một điều dở nữa, là khi mình học với những người trí tuệ rồi, nhưng mình không tin người đó. Quý vị thấy có nhiều người lên nói tin thầy, tin Thiện

Trang. Miệng thì nói vậy, thậm chí ca ngợi ghê gớm, nhưng thật tế sau lưng thì họ không tin hoàn toàn, họ vẫn nghĩ theo đường hướng của họ, họ vẫn thích làm theo hướng đó. Cho nên họ cũng không tin. Rồi có người nói tin Sư Minh Tuệ, dù sao cũng chỉ tin Sư Minh Tuệ thôi, nhưng thật tế là cũng chẳng có tin. Kêu sao Sư Minh Tuệ bây giờ bị bỏ bùa rồi, bị chú Phước Nghiêm dẫn dắt rồi, bị lừa rồi v.v… Chính mình không tin Sư Minh Tuệ thì mình mới nói như vậy. Còn nếu mình tin Sư Minh Tuệ, thì mình sẽ tin vào trí tuệ của Sư Minh Tuệ, sự lựa chọn của Sư Minh Tuệ. Cho nên là mình cũng tin vào mình hơn. Tóm lại là không có niềm tin, thì không có Tín quyền này.

Đó là mình tin một đối tượng nào đó thôi, chứ Thiện Trang không nói quý vị. Quý vị phải suy xét, quý vị phải có niềm tin. Khi mình đã suy xét rồi, mình biết người ta là người thế nào rồi, theo năm tháng thế này thế kia, thì quý vị phải theo đó.

Bữa nay là ngày giảng pháp, sẵn có người hỏi Thiện Trang chuyện của Sư Minh Tuệ. Quý vị lưu ý, ngày nào giảng thì quý vị đừng hỏi. Bởi vì có nhiều người không tinh tế lắm, ngày nào Thiện Trang sắp giảng, mà cứ toàn nhắn hỏi, thì làm sao Thiện Trang có thời gian để trả lời. Thiện Trang đã nói rất nhiều lần rồi, nhưng cũng có nhiều người [như vậy]. Hình như là thứ Bảy người ta rảnh, thì cũng thông cảm cho họ, vì họ đi làm cả tuần, thì không nói. Nhưng bữa nay là thứ Tư mà. [Người đó] hỏi: ‘Có người hỏi đến đảnh lễ Sư Minh Tuệ làm gì? Thì con trả lời làm sao?’

Thiện Trang xin trả lời thế này: Ở thế gian người ta có một câu nói là ‘trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một sờ’. Cũng vậy, mình cũng chỉ nghe trên mạng, coi trên mạng, coi trên video v.v… thì chắc chắn không bằng đến đó trực tiếp. Cho nên quý vị phải đến gặp để xem thế nào, đó là để mình cảm nhận được nhiều hơn. Tất nhiên có nhiều người sẽ đặt vấn đề là: ‘Ủa thế thầy Thiện Trang có đến gặp Sư Minh Tuệ đâu, mà thầy Thiện Trang có thể khẳng định được điều gì’.

Thiện Trang nói, thật ra có nhiều vấn đề, nếu quý vị tinh tế thì quý vị không

cần phải đến nhiều đâu. Nhưng đến thì sẽ cảm nhận được nhiều hơn. Ví dụ, quý vị thấy [Sư Minh Tuệ] suốt ngày đi ngoài đường như vậy, rồi suốt ngày YouTuber quay từ sáng tới tối, thì trốn đường trời nào được. Nội mà đi từ sáng đến tối kiểu đó, rồi ăn uống giữ như vậy đó, và trả lời với đại chúng như vậy đó, với trí tuệ sáng suốt như vậy đó. Bao nhiêu đó đủ tin chưa? Đủ tin rồi đúng không?

Còn những điều mà người ta nói là mầu nhiệm thế này thế kia, thì mình chưa cảm nhận được. Tại vì mình không có [gặp] trực tiếp, phải những người được gặp trực tiếp [thì mới biết]. Rồi nào là nói từ trường tại đó tốt lắm v.v… Mình không đến đó thì mình không cảm nhận được điều đó. Mình chỉ cảm nhận từ xa qua từ trường, rồi dáng đi, rồi các ngôn ngữ, hay mình nghe thấy an lạc chẳng hạn, thì mình thấy đúng.

Cho nên mình chỉ cảm nhận được mấy điều đó thôi. Còn nếu quý vị đến được tận nơi, thì quý vị sẽ cảm nhận được nhiều hơn. Đấy là lý do đầu tiên nên đến, nếu như có điều kiện.

Thứ hai nữa là, thông thường người ta nói điều gì mà mình không tiếp xúc, tức là nghe từ xa, thì sẽ không đủ tốt bằng ở tại đó. Vì khi đến đó thì mình sẽ có nhiều xúc cảm hơn. Thiện Trang thấy hầu như những người đến đó, họ thấy Sư Minh Tuệ, thấy đoàn như vậy, thì hầu như họ thay đổi tâm rất nhiều. Một số người đi theo một thời gian thì tự nhiên thay đổi, họ tốt lên, v.v… Thiện Trang thấy như vậy, chứng tỏ là có sức ảnh hưởng nào đó, mình có thể hưởng được từ trường hay hưởng điều gì đó. Từ đó, nếu quý vị có điều kiện thì nên đến. Đó là lý do thứ hai.

Lý do thứ ba nữa là mình sẽ có rất nhiều xúc động khi mình coi thực tế. Tại vì quý vị chỉ coi trên tivi, coi trên điện thoại, thì màn ảnh nhỏ quá. Nhưng mình ra ngoài đời, mình sống trong môi trường thật đó, thì mình [sẽ] thấy được nhiều điều hay hơn. Và mình cũng không bị ảnh hưởng bởi những YouTuber quay góc này góc kia v.v…. Mà bằng đôi mắt của mình, đôi tai của mình, bằng trí của mình, để mình suy xét, mình coi được. Đó là những lí do để mình kiểm

chứng. Có thể quý vị sau khi đi một lần như vậy, thì niềm tin của quý vị sẽ tăng lên. Đó là phước duyên của quý vị.

Còn một điều nữa, là nếu như quý vị tới, biết đâu quý vị có duyên để kết duyên với một người tu hành. Không phải một người, mà là nhiều người tu hành. [Rồi] các Sư trong đoàn, thậm chí những người hộ trì [trong đoàn] đó, đó là kết pháp duyên. Trong đó, nếu tu như đoạn kinh vừa nãy nói, thì có thể chứng thành A-na-hàm, A-la-hán. Tương lai những vị đó, có người nào thành tựu được như vậy, thì mình cũng có duyên như vậy. Biết đâu các ngài quán lại, thì các ngài sẽ độ mình. Hoặc là do phước đó, mình tu được phước tăng lên, thì từ đó mình tu được dễ hơn.

Ví dụ như quý vị cúng dường được một chai nước, cúng dường được một bữa ăn, hoặc một thứ gì đó nhỏ nhỏ, một cây kim, một cuộn chỉ v.v…. Nếu vị đó sau này thành Thánh nhân, thì quý vị có phước rất lớn. Hoặc người đó bây giờ là Thánh nhân, thì phước của quý vị rất lớn. Đấy là những lý do, mà nếu có thể thì mình nên đi. Và còn một lý do nữa, là mình đi đến đó để mình có cơ hội học hỏi những hạnh đó. Cho dù [họ] không phải là Thánh nhân, không có gì, thì mình cũng nên học hỏi. Đấy là Tín quyền.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Tín: (1) Là một trạng thái tin Tam Bảo, nghiệp quả của đời này đời sau. (2) Phận sự là tín ngưỡng Tam Bảo. (3) Thành tựu là tâm không vẩn đục. Có nghĩa là nhờ quý vị tin, nên tâm của quý vị được trong sạch. Quý vị thấy nhiều người có tâm giả dối, là tại vì họ không có niềm tin. Quý vị thấy ở đời có những người bị lừa. Vì sao bị lừa? Có hai lý do bị lừa: Một là tin, vì tin nên mới bị lừa, tâm trong sạch, trong sáng quá. Thứ hai là không có trí tuệ. Nên những người có trí tuệ thì khó bị lừa. Rồi có những người nghi ngờ thì cũng không bị lừa, [vì] lúc nào họ cũng nghi hết, nên [không] ai lừa được họ. Quý vị phải tin một điều gì đó thì người ta mới lừa quý vị vô hướng đó. Quý vị không tin hướng này, quý vị tin hướng kia thì bị lừa hướng kia. Giống như bây giờ giữa chánh và tà, quý vị tin tà nên quý vị bị tà lừa. [Còn] nếu quý vị không tin bên nào hết thì không bị lừa. Cho nên tâm mà lúc quý vị tin, thì đó là tâm thiện, tâm trong sạch.

(4) Nhân gần là có nhân vật đáng tín ngưỡng. Nghĩa là thường thường để thành tựu được Tâm sở Tín này, thì phải có một nhân vật nào đó, đáng để mình tin và ngưỡng mộ. Nên không có thì cũng khó. Phật pháp mà nói trên lý thuyết không [thôi] thì cũng khó. Phải thấy có người thực hành, có người tác chứng, có người làm cho mình thấy. Rồi mình gần được người đó, mình gần gũi được, hoặc mình thấy qua người đó thì mình tin. Còn không thì Phật pháp giống như sách vở thôi, không hoạt động được bao nhiêu.

Quý vị thấy Phật pháp bây giờ đang hưng thịnh được một chút, là nhờ có Sư Minh Tuệ và đoàn làm đúng pháp. Các ngài làm gì cũng đúng như trong kinh nói. Người ta thấy khổ hạnh, thấy thế này thế kia nên người ta tin. Chứ hồi xưa, Thiện Trang nhớ thời gian cách đây một năm thôi, thời [gian] này năm trước hoặc là trước Tết nữa, hơn một năm rồi, thì họ chửi ơi là chửi. Trong Phật giáo, mà lên đâu là bị chửi đó, người ta chỉ cần thấy người xuất gia là người ta chửi rồi, nào là thế này thế kia. Tại vì không có nhân vật đáng tín ngưỡng. Sau này thì có người đáng tín ngưỡng [rồi].

Có đồng tu nói: 'Con đã gặp được Sư Minh Tuệ ở Nha Trang hồi tháng chín, và con cảm nhận được năng lượng tích cực của ngài. Con bị từ trường của Sư lúc đó khiến không nói nên lời, vì hoan hỷ'. Thiện Trang thì cũng nghe nhiều đồng tu kể rằng: sau khi đến gặp Sư Minh Tuệ, cũng có cảm giác từ trường rất tuyệt vời. Nhiều người trở về tu tinh tấn hơn v.v…. Đó là Thiện Trang nghe thôi, Thiện Trang chưa có gặp, nên không biết. Nhưng nhiều người kể, và đa số những người kể đều là những người thật thà tu hành, nên Thiện Trang cũng tin. Đồng tu cũng vì tán dương công đức, cũng nói sự thật, chả ai nói dối để làm gì. Và mỗi câu nói của mọi người, như đồng tu vừa rồi nói, thì tăng thêm phần công đức cho chính mình. Cho nên chúng ta hiểu được [như vậy].

Đó là chúng ta đã nói xong Tâm sở Tín. Như vậy [quý vị] nhớ Tâm sở Tín này nằm trong Tâm sở Tịnh hảo Biến hành. Tức là ở trong Tâm sở tốt thì luôn luôn có 19 Tâm sở này.

Tâm sở quan trọng tiếp theo là Tâm sở Niệm. Niệm là Tâm sở quan trọng.

Tín cũng quan trọng, mà Niệm cũng quan trọng. Quý vị thấy Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Ngũ căn, Ngũ lực có hết. Bây giờ Thiện Trang chia sẻ luôn [Tâm sở Niệm], dừng thì sớm quá, mà không dừng thì có thể trễ. Thôi cứ chia sẻ, quý vị nghe thêm, học thêm chút nữa, thì tu hành mình đi tiến thêm bước nữa, không sao.

2. Tâm sở Niệm: Niệm là gì? Nói đơn giản niệm là nhớ, là biết. **Niệm là lưu tâm, là nhớ được, nhớ ghi, tỉnh táo, hay biết theo dõi pháp đang diễn tiến. Trạng thái chính của Niệm là không trôi đi, tức là không cho phép không hay biết pháp đang diễn tiến.** Đơn giản, Niệm là quý vị phải lưu tâm, quý vị nhớ được, quý vị nhớ ghi, và quý vị không phải chỉ nhớ không [thôi], mà phải tỉnh táo. Và chúng ta luôn biết được các pháp đang diễn biến như thế nào. Đó mới gọi là Niệm.

Ví dụ như Thiện Trang đang cầm cây bút, Thiện Trang quay quay, nói chuyện một hồi rồi đặt cây bút [ở] đâu mất. Thiện Trang không biết cây bút đó ở đâu [nữa], vì mình làm [nhưng] mình không theo dõi được trạng thái, diễn tiến của việc cầm cây bút. Đó là thất niệm.

Như vậy Niệm là ngoài nhớ ra, thì mình phải ghi nhận được và [phải] tỉnh táo, sáng suốt, thấy được các pháp diễn biến như thế nào. Còn không thì là thất niệm. Cho nên những thất niệm liên tục xuất hiện, chứ không phải không. Quý vị đừng tưởng mình luôn luôn niệm được. Thông thường chúng ta cũng có những lúc thất niệm, cho nên lúc đó quên.

Ví dụ như quý vị đang nói chuyện điện thoại, vô cầm chìa khóa để chuẩn bị đi xe máy, đi ô tô, cầm chìa khóa một hồi bỏ đâu mất, rồi không biết để chìa khóa ở đâu. Vì lúc đó tâm mình đang chú ý vào đề tài này, nên tay mình [cầm nhưng] không ghi nhớ được, không ghi nhận được hiện trạng vật chất, tức là cầm chìa khóa để đâu.

Điều này quan trọng lắm! Người tu mà tưởng mình có trí nhớ giỏi, là Niệm giỏi. Không phải! Trí nhớ thôi chưa đủ. Tâm sở Niệm ở đây là ghi nhận được cảnh đang diễn biến nữa. Tức là ngoài việc nhớ ra, còn phải ghi nhận được cảnh

đang diễn biến như thế nào.

Giống như quý vị đang nghe pháp của Thiện Trang, mà quý vị không ghi nhận được Thiện Trang vừa nói câu gì. Đó là quý vị đã thất niệm. Chứ không phải là trí nhớ không [thôi]. Ai có trí nhớ dai, thì đó là một phần. Nhưng còn một điều, là đang lúc hiện tiền đây, mà mình tập trung được tâm để ghi nhận được cảnh đang diễn biến như thế nào, pháp đang diễn biến như thế nào, thì đó cũng là Niệm. [Còn] không ghi nhận được thì là thất niệm. Tức là không bị trôi đi, không cho biết, đó mới là Niệm. Chứ không phải nói [có] trí nhớ mới [là Niệm].

Nói [về] trí nhớ, thì [như] Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già đâu có nhớ gì đâu. Cho nên Niệm phải là ghi nhớ được [hiện cảnh]. Định nghĩa chữ niệm này khác với niệm trong thế gian, mình cứ tưởng niệm là ghi nhớ. Cho nên nếu không học thì mình hiểu sai thuật ngữ Phật pháp, vì vậy mình tu Bát chánh đạo trật lất hết là vậy. Do mình hiểu sai thì làm sao mình tu trúng được.

Khi một người không có đủ Niệm, vị ấy không nhớ được những điều được thấy hay nghe, như những cái nồi hay những trái bí ngô rỗng trôi trên dòng nước. Đây là đưa ra ví dụ, nghĩa là khi mình không có đủ Niệm, thì vị ấy không nhớ những điều được thấy hay nghe. Đó cũng là một trạng thái không đủ Niệm, là do Niệm của mình kém. Cho nên người nào tu thì biết Niệm của [mình] kém. Niệm kém thì đằng sau có cách, làm sao để mình tu có được Tâm sở Niệm này tốt hơn. Điều này cũng quan trọng. Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, mà quý vị không có Niệm thì cũng không được. Và trong Bát chánh đạo có Chánh niệm, không có Chánh niệm thì cũng không được. Cho nên Niệm cũng quan trọng lắm. Ví dụ giống như những cái nồi, hay trái bí ngô rỗng trôi trên dòng nước, trôi lờ đờ như vậy thôi, chứ không ghi nhận được gì hết.

Niệm là sự tỉnh thức, không sao lãng trong lúc tâm biết cảnh. Niệm là tỉnh thức, không sao lãng trong lúc tâm biết cảnh. Chứ không phải quý vị đang nghe pháp của Thiện Trang, mà quý vị không nhớ, quý vị đang nghĩ chuyện gì đó, là quý vị là thất niệm. Cho nên Niệm là phải tỉnh thức. Đạo Phật quan trọng

điều này lắm. Vì đạo Phật là đạo tỉnh thức. Và khi tỉnh thức đạt đến mức độ nào đó thì đắc đạo. Quý vị luôn luôn sáng suốt thì làm sao rớt vào đường ác được. [Khi] ngủ, mình mơ thấy đường ác rồi mình chui vô đó, hoặc mình thấy những cảnh mình phá giới, lúc đó là thất niệm, mất niệm. Chứ một người tỉnh thức, rõ biết, thì làm sao làm những việc sai được. Cho nên Niệm này quan trọng lắm.

Định nghĩa rốt ráo nhất của Niệm là sự rõ biết điều gì đang xảy ra. Tức là định nghĩa rốt ráo nhất của Niệm là sự rõ biết điều gì đang xảy ra. Mà sự rõ biết này thật ra có hai yếu tố: Yếu tố thứ nhất là quý vị phải biết sự kiện gì đang xảy ra. Và yếu tố thứ hai là cũng phải khơi lại những gì trong quá khứ, để kết nối với dữ liệu quá khứ. Nếu quý vị không có dữ liệu quá khứ, quý vị mơ mơ màng màng, đưa cho quý vị một vật gì đó, mà quý vị không có dữ liệu trong quá khứ, thì quý vị cũng đâu biết đó là cái gì, cũng mơ mơ màng màng thôi. Hoặc Thiện Trang đang giảng pháp đây, mà quý vị nghe nhưng không hiểu Tâm sở là gì, quý vị không nhớ, thì quý vị nghe nãy giờ cũng như không. Rồi không biết Tâm sở Tịnh Hảo là gì, trong 52 món Tâm sở chúng ra đang học điều gì, thì không có điều đó là coi như thua.

Cho nên Niệm, thật ra vừa là quá khứ và hiện tại, hồi tưởng lại những tưởng trong quá khứ (dữ liệu trong quá khứ), và kết nối với hiện tại, luôn theo dõi biết được điều gì đang diễn ra, đang diễn biến như thế nào. Đó là Niệm. Cho nên Tâm sở này cực kỳ quan trọng, vậy nó mới có mặt trong Bát chánh đạo, và mai mốt sẽ chuyển [thành] Chánh niệm trong Bát chánh đạo. Mà Chánh niệm là gì thì phải nhớ. Rồi từ từ chúng ta [sẽ] học.

Khi ta nhận biết được điều gì đang xảy ra, thì nó đã biến diệt và trở thành quá khứ rồi. Quý vị thấy, khi mình vừa ghi nhận là nó biến diệt và đã trở thành quá khứ rồi.

Đó là lý do chữ niệm thường được hiểu là sự ghi nhớ, nhưng sự ghi nhớ này gắn liền với thực tại trước mắt, không phải là sự ghi nhớ theo cách hồi tưởng hay ký ức. Cho nên nếu không học thì chúng ta sai lầm, chúng ta tưởng là [niệm] là ghi nhớ, hồi tưởng kí ức thôi. Nhưng trong khi đó Tâm sở

Niệm này quan trọng, là ghi nhớ gắn liền với thực tại trước mắt. Cho nên không học thì mình hiểu sai. Mình cứ tưởng Niệm là nhớ thôi. Không phải! Niệm phải có cả hiện tại [nữa]. Tâm sở [Niệm] này định nghĩa là như vậy. Và theo pháp Phật thì có 4 điều:

1. Một là Niệm pháp tỉnh của đời: Tức là nhờ Niệm đó [mà] mình rất tỉnh [táo], sáng suốt. Gọi là pháp tỉnh của đời mà, tức là tỉnh táo.

2. Hai là người có Niệm hằng được tiến hoá: Người có Niệm thì luôn luôn tiến lên, còn chúng ta quên thì rớt xuống. Ai nhớ pháp giỏi thì họ thường [tiến] lên. Đây không phải là nhớ pháp, mà là nhớ trong mọi lúc, mọi nơi, mình luôn theo dõi được pháp, theo dõi được sự chuyển biến của mỗi công việc, thì không sao.

Ví dụ Thiện Trang nói có nhiều người bị rớt vào tà, tại sao bị tà? Vì họ mất niệm, họ thiếu cảnh giác là biết các pháp đang diễn biến. Ví dụ có người giả dạng là người tốt, thì đến lúc nào đó họ cũng lòi đuôi cáo, đuôi chồn của họ ra, khi họ lòi ra thì mình phải bắt liền. Người có Niệm là họ biết được trạng thái khi đối phương vừa lòi ra điều bất thường. Còn người không có Niệm thì sẽ không phân biệt được, họ cứ nhớ quá khứ người đó tốt thế này thế kia, đối với mình tốt v.v… cho nên bị lừa.

Quý vị theo dõi sự kiện của đoàn Sư Minh Tuệ đi qua Ấn Độ, thì quý vị thấy rõ nhất những diễn biến như vậy. Chúng ta không khẳng định một người nào tốt từ trước tới sau, chúng ta hãy học cách để theo dõi, để thấy được rằng các pháp đang diễn biến, điều này đang diễn biến, điều kia đang diễn biến, bất cứ sự bất thường nào xảy ra, thì chúng ta đều ghi nhận được. Đó là mình có Niệm và tỉnh thức. Còn nếu quý vị mê, vì quý vị mê người đó quá, thấy người đó tốt quá nên thương, và cho dù người đó làm xấu mình cũng không nhận ra. Rồi thấy người này xấu nên ghét, người xấu bây giờ thành người tốt thì mình cũng không chấp nhận. Đó là mình không có Niệm.

Cho nên trong Phật pháp lúc nào cũng đánh giá các pháp ở hiện tại. Tất

nhiên quá khứ là quá khứ, chỉ cung cấp tham khảo: hồi trước tôi có thể là một người xấu, nhưng bây giờ tôi tốt, thì hãy ghi nhận điều tốt của tôi. Nếu quý vị không có năng lực đó, quý vị cứ sống theo tình chấp, ôm hình bóng quá khứ, thì mãi mãi quý vị sống trong vòng luân hồi. Bởi vì quý vị chỉ chạy theo tưởng của quá khứ, chứ quý vị không có niệm về hiện tại, tương lai. [Như vậy] là tiêu đấy! Cho nên Phật pháp đề xướng sự tỉnh thức, sự sáng suốt rõ biết, theo dõi diễn biến các pháp đang xảy ra như thế nào. Nếu quý vị có được điều đó, thì điều thứ ba nói là:

3. Ba là người có Niệm [thì] được hưởng an vui: Người có Niệm, tức là có Tâm sở Niệm hiện hành, thì được hưởng an vui. Cho nên mấy người đau khổ là người ta thất niệm. Thất niệm nên toàn nhớ chuyện hôm qua: À, hôm qua bà đó chửi tôi. Trong khi đó mình phải theo dõi hiện tượng bây giờ, bây giờ ta đang thế nào, hoàn cảnh thế nào v.v… Mình không theo mà mình để [tâm] chạy về quá khứ, tưởng về quá khứ thì quên cảnh hiện tại, cho nên không vui. Còn nếu quý vị có cảnh hiện tại thì được an vui. Cho nên bí quyết của an vui là hãy luôn luôn tỉnh thức, luôn luôn Chánh niệm.

4. Thứ tư là người có Niệm thời hằng ngày đặc biệt: Tức là ngày nào cũng là ngày đặc biệt hết. Cho nên [Tâm sở] Niệm cực kỳ quan trọng.

Thiện Trang nói: Tâm sở Tín thì quan trọng rồi, nhưng Tâm sở Niệm cũng là tu hành. Các đồng tu cố gắng, đừng bao giờ tưởng, [hay] bị áp chế điều gì đó về quá khứ. Đặc biệt, quý vị luôn có Tâm sở Niệm thì không bị ai dắt mũi được hết. Quý vị luôn có Tâm sở Niệm hiện thời thì ngày nào cũng đặc biệt. Vì quý vị an vui, rõ ràng, sáng suốt, sống trong thực tại, đồng thời quý vị làm chủ bản thân mình, và không bị bất cứ thứ gì có thể dẫn dắt quý vị đi đâu hết. Cho nên [quý vị nhớ] ngày nào cũng là ngày đặc biệt, ngày nào cũng là ngày tốt đó.

Với Niệm, chúng sanh có thể nhớ lại những sự kiện quá khứ, Niệm có thể tu tập được phát triển. Khi Niệm được phát triển lên cao độ, vị ấy đạt được sức mạnh nhớ về những kiếp quá khứ, do đó Niệm có phận sự nhớ. Cho nên nếu mình tu tập nhiều, thì đầu tiên là mình theo dõi rõ ràng hiện tại,

nhưng đồng thời mình phát triển cao độ lên, dần dần [Niệm] mạnh lên, thì nhớ được quá khứ.

Đây là Thiện Trang chia sẻ thôi, không biết có phải không, nhưng Thiện Trang thấy sau khi mình tu tập theo đạo Phật nhiều, thì trí nhớ của mình tốt hơn. Thứ nhất là nhớ ra những chuyện trong đời, những chuyện từ hồi nhỏ tự nhiên nhớ ra nhiều lắm, nên dần dần nhớ ra nhiều điều. Nhiều người hỏi sao thầy nhớ nhiều vậy? Thiện Trang nói không phải Thiện Trang nhớ nhiều, mà là tự nhiên nhớ ra. Ngày xưa quên rồi, nhưng tự nhiên tu tập thế nào đó, rồi từ từ nhớ ra điều này, nhớ ra điều kia.

Cho nên Thiện Trang tin những điều đức Phật nói là tự nhiên nhớ được tiền kiếp v.v… đó là tự nhiên thôi, do trí của mình sáng. Tức là Chánh niệm của mình càng nhiều, thì những gì quý vị học qua trong đời, những sự kiện trong đời, là quý vị nhớ. Nhưng quý vị nhớ là không [để] bị lôi cuốn. Có nghĩa là dù sự nhớ đó gợi lên những điều xấu, thì mình cũng không khổ với cảnh xấu đó. Và những cảnh đó dù có tốt đẹp thì mình chỉ thấy: À, cảnh đó qua rồi, giống như một giấc mộng v.v… Mình không bị những cảnh đó làm khó chịu, hay vui buồn v.v... mình không theo cảnh đó. Thì đó mới tương ưng với Chánh niệm. Còn quý vị nhớ, bắt đầu tưởng tượng, hồi xưa quen anh chàng đó, đi quán cóc, quán chè nào đó v.v… nhớ tưởng một hồi là quý vị thất niệm ngay. Tại vì quý vị không nhớ được hiện tại, không theo dõi được hiện tại. Đó là thất niệm nha.

Đức Phật nhắc nhở các Đệ tử mỗi ngày không quên những nghiệp thiện, và luôn nhớ thực hiện tâm nguyện phấn đấu để thoát khỏi tất cả khổ. Có nghĩa là mình nhớ những việc thiện, và luôn thực hiện tâm nguyện, mình nhớ là luôn phấn đấu để thoát khổ. Quan trọng là [phải] nhớ tu hành để thoát khổ.

Nếu một người luôn luôn niệm hay biết theo ở Sáu căn, ghi nhớ những gì mà vị ấy quan sát, chỉ là thấy hay nghe (thấy hay nghe, ngửi mùi v.v… mình nhận được hết), **thì vị ấy có thể ngăn chặn những Phiền não thâm nhập tâm**. Tu quan trọng là ở chỗ này. Quý vị mà sáng suốt rõ biết hết Sáu căn:

Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý, thì quý vị ngăn chặn được Phiền não. Còn quý vị đang phiền não, là do mấy điều đó dắt mình đi theo Phiền não.

Cho nên ráng học, ráng nhớ, điều này quan trọng. Người luôn luôn niệm, là biết theo dõi được Sáu căn, mình đưa điều gì vô là mình biết hết, thì đố quý vị phiền não được đó. Chắc chắn quý vị sẽ không buồn, không giận, không tức, không bị cảnh chuyển. Còn ta đang bị cảnh chuyển, tâm ta buồn vui chạy theo nó, là do ta đang thất niệm. Bí quyết là như vậy.

Trong ý nghĩa này Niệm được ví như người gác cổng, ngăn chặn những kẻ trộm cướp không cho thâm nhập vào thành phố. Điều [này] quan trọng, vậy thì mình phải giống như người gác cổng. Thành phố có cổng vào, hay nhà mình có cửa vào, thì [mình] không cho trộm cướp vô. Tâm sở Niệm mà có, thì ngăn trừ sự độc hại từ bên ngoài. Cho nên Tâm sở này cực kỳ quan trọng. Mình tu chưa được là tại vì mình chưa có Tâm sở này hiện tiền liên tục, lâu lâu mới có, lúc có, lúc không. Lúc có thì không phiền não, nhưng lúc không có thì phiền não, bởi vì mấy tên giặc chạy vô mà mình không biết. Tên cướp, tên trộm vô lấy hết đồ, lấy hết công đức của mình ra mà mình không biết, mình chạy theo nó cho nên cháy hết công đức, 'một ngọn lửa sân, thiêu cả rừng công đức' là vậy đó.

Nhiều người đồng tu không học mấy điều này nên không biết, họ kêu: 'Sao con cố gắng làm lắm, nhưng con vẫn phiền não, dễ sân, ghét người?' Thiện Trang thấy tội nghiệp quá. Thiện Trang biết người đó tu Tịnh Độ, nên Thiện Trang nói là họ chưa học sâu Tịnh Độ, chứ nếu học sâu Tịnh Độ, niềm tin Tịnh Độ vững rồi, chịu khó qua nghe bộ Luận Câu Xá, thì sẽ biết tại sao. Bởi vì chính mình không quan sát được tâm vi tế, mà làm sao biết tâm vi tế? Phải học mấy Tâm sở thì mới biết được tâm vi tế. Còn không thì mình đâu biết, mình đâu làm chủ được, mình cứ chạy theo những điều thô ở bên ngoài.

Giống như mình không đóng cửa thành lại để mình canh cửa, mà mình mở ra, nhưng không có thành trì gì hết nên tên cướp vô chỗ nào đó, thì làm sao mình quan sát. Kêu tôi ngăn chặn không cho cướp vô thành, nhưng khổ nỗi

thành có nhiều cửa quá. Bây giờ mình phải đóng bớt cửa đi, chỉ để mấy cửa chính, người nào vô thì ta quan sát người đó, kiểm tra xem có tên trộm, tên cướp nào không. Đó là Niệm luôn hiện tiền, [mình] theo dõi được hết thì không bị.

Niệm cũng là một trong Năm quyền, là một trong Năm lực, là một trong Thất giác chi, và là chi thứ bảy trong Bát thánh đạo. Quý vị thấy quan trọng không? Một trong Năm quyền: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Một trong Năm lực: cũng là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Trong Thất giác chi thì có Niệm giác chi. Và trong Bát Thánh đạo thì có Chánh niệm đứng thứ bảy. Cho nên [Niệm] cực kỳ quan trọng.

Niệm quyền trong khi có sẽ ra sao? (Khi nào mình có Niệm quyền?) **Khi nào có Niệm, phụ niệm hồi quang nhớ được, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên. Niệm quyền tức là niệm lực, Chánh niệm**. Có nghĩa mình phải có một loạt dấu hiệu để thấy, dấu hiệu đó là quý vị nhớ được vấn đề liên quan, quý vị quay lại nhìn được, gọi là hồi quan. Quý vị thường nhớ, quý vị vẫn nhớ, quý vị không lơ đãng, quý vị không quên. Rồi khi quý vị có sức mạnh, gọi là niệm lực, và cũng là Chánh niệm. Có những điều đó thì mới có Niệm quyền được.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Niệm:

1. Là trạng thái cách tâm không lơ đãng hay cách nhớ đặng luôn luôn: Tức là trạng thái tâm của mình không lơ đãng, và nhớ được luôn.

2. Phận sự là không mê mờ, quên lãng: điều này rõ ràng.

3. Thành tựu là không cho cảnh xa lìa tâm: Thành tựu là mình không bị lìa khỏi cảnh, tâm mình lúc nào cũng nhớ.

4. Nhân gần nhất là có sự nhắc chắc của Tứ niệm xứ: Nghĩa là điều này thành tựu bên Tứ niệm xứ, quán: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Cho nên phải tu Tứ niệm xứ để mạnh Tâm sở Niệm. Mình không có Tâm

sở Niệm là do tu Tứ niệm xứ yếu, quán Thân cũng không được, quán Tâm cũng không được, quán Thọ cũng không được, quán Pháp cũng không được. Không có những điều đó cho nên hay quên, nếu quý vị có điều đó thì quan trọng.

Phần cuối cùng là 17 yếu tố để phát sanh được Tâm sở Niệm. Bây giờ muốn phát sanh được Tâm sở Niệm thì có 17 yếu tố. [Phần này khá] dài, Thiện Trang cũng [chỉ] trình bày qua, nhưng hết giờ rồi, nên để bữa sau chúng ta sẽ trình bày tiếp điều này. Chứ bây giờ mà [Thiện Trang] giảng hết 17 yếu tố này, thì chắc 20 phút nữa chưa xong, thôi để bữa khác. Chúng ta tạm thời nhớ bao nhiêu đó được rồi.

Thời gian hôm nay hết rồi, Thiện Trang xin dừng ở đây. Bữa nay chúng ta học được hai Tâm sở, nhưng học chưa hết. [Hai] Tâm sở này cực kỳ quan trọng, nhớ là [Tâm sở] Biến hành này quan trọng, phải có Tín và Niệm. Mình phải làm sao đó để có 19 Tâm sở biến hành này. Lúc nào cũng có 19 Tâm sở biến hành này thì coi như mình đi về hướng thiện. Hướng thiện là những tâm thiện được hình thành. Tâm thiện hình thành là có: 24 tâm thiện ở Dục giới, 15 tâm thiện ở Sắc giới, 12 tâm thiện ở Vô Sắc giới, và 40 tâm Siêu thế (tức là tâm hướng đến đắc đạo quả), tất cả đều có.

Cho nên Tâm sở Niệm này là một trong 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành cực kỳ quan trọng. Mình học những điều trước, là để xét mình, trừ ác. Còn bây giờ mình học là để tăng thiện, nó nằm trong Tứ chánh cần, nên là quan trọng hết. Không học mấy điều này thì mình tu Bát chánh đạo, Thất bồ Đề phần là giả hết, không ăn thua. Tại vì mình không học cái gốc. Mình nói vậy thôi chứ mình không theo kịp cảnh. Cho nên phải học A Tỳ Đàm, Luận Câu Xá, học những điều này thì mới thành tựu được.

Thời gian hôm nay hết rồi. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 31: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 31.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 26.02.2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=dRVtk2PlbpA

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về Luận Câu Xá, hôm nay là bài thứ 31. Hôm bữa chúng ta đang học về Tâm sở Niệm. Thông thường vào bài đáng lẽ chúng ta nên bắt đầu vào phần kiến thức đó. Tuy nhiên thông thường quý vị mới đầu do không tập trung được, cho nên Thiện Trang thường giới thiệu một phần khác, phần kinh nào đó nhỏ nhỏ, để chúng ta vừa bổ sung được nền tảng giáo lý, và cũng vừa giúp cho quý vị tập trung được. Chứ không, vào phần kia trước thì quý vị sẽ chưa tập trung được.

Hôm nay chúng ta cũng bổ sung những nền tảng từ Kinh A Hàm và Kinh Nikaya. Tiêu đề ở đây là:

Tiêu Chuẩn Của Người Bạn Tốt

Lời Phật dạy như thế này:

Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ-kheo, là người bạn cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, cần phải hầu cận, dầu có bị xua đuổi. Thế nào là bảy? Tức là nếu thành tựu được bảy điều này, thì đó là một người bạn mà mình cần nên thân cận. Thân cận là thân và ở gần; cần phải giao thiệp, thì

khỏi cần phải giải thích; cần phải hầu cận là ở bên gần giúp đỡ, hầu người ta; dù có bị xua đuổi (dù hay dầu [đều được], miền Bắc gọi là dù, miền Nam gọi là dầu) đi chăng nữa thì mình cũng không bỏ. Nếu người đó là bạn tốt [thì] hãy như vậy.

Bảy điều là gì?

(1)Khả ái, khả ý; (2) tôn trọng; (3) đáng được bắt chước; (4) nhà thuyết giả; (5) kham nhẫn lời nói; (6) nói lời sâu kín; (7) không có hối thúc những điều không hợp lý.

Chúng ta cũng nên phân tích bảy điều này.

(1) Khả ái, khả ý: Khả ái là đáng yêu, một người bạn thì tất nhiên phải đáng yêu [rồi]. Khả ý là vừa ý, nói chung cũng phải hợp ý với mình. Hợp ý ở đây có nghĩa là hợp theo tiêu chuẩn nào đó [trong] Phật pháp, chứ tiêu chuẩn hợp ý mà nhiều khi tạo ác thì không đúng.

(2) Tôn trọng: tức là người ấy phải là người có tính tôn trọng.

(3) Đáng được bắt chước: người ta có những điều tốt mà mình muốn bắt chước theo.

(4) Nhà thuyết giả: ngôn ngữ của ngài Minh Châu dịch hơi khó hiểu, nhưng thực ra [điều này] chúng ta cũng dễ hiểu thôi. Có nghĩa là một người có khả năng nói được cho mình những điều mình cần nghe, người bạn mình thì phải được như vậy.

(5) Kham nhẫn lời nói: tức là những lời nói khó chịu mà người ta nói cho người bạn đó nghe v.v… nhưng người bạn vẫn có thể nghe được. Hoặc mình nói những lời nói góp ý hay tất cả những vấn đề gì mà người ta [vẫn] nghe được. Đó là kham nhẫn. Chứ còn nhiều khi không kham nhẫn được, tức là nghe xong rồi chịu không nổi. Có những người ở đời này, họ [chỉ] thích được nghe lời ngọt thôi. Họ có thể chửi bới, có thể nói xấu, hoặc góp ý người khác, nhưng lại không chịu tiếp nhận sự góp ý của người khác. Đó là không kham nhẫn được lời nói. Hoặc họ rất dễ giận, v.v… thì đó là không đủ tiêu chuẩn này.

(6) Nói lời sâu kín: thật ra là nói lời sâu xa. Mình có thể hiểu là những lời không phải là những lời bình thường. Người bạn này phải góp ý, nói cho những lời mà có ý sâu một chút, chứ còn nói kiểu tùm lum tùm la thì không được.

(7) Không có hối thúc những điều không hợp lý: Điều này thì đồng tu Tịnh Độ hay phạm. Thiện Trang thấy đồng tu Tịnh Độ hay có tư tưởng này, toàn là hối thúc người ta những điều không hợp lý. Trong khi đó chúng ta đâu biết được mỗi người có một hoàn cảnh, mỗi người có mỗi gia cảnh, mỗi người có mỗi điều kiện, không ai giống ai cả. Mình hiểu người ta thì mình mới góp ý với người ta được. Còn hối thúc những điều không hợp lý thì không được, mình phải hối thúc những điều hợp lý. Điều này cũng khó, phải có trí tuệ.

Cho nên đủ được bảy điều kiện này thì người đó là người bạn của mình. [Với] người bạn đó [thì mình] cần phải cố gắng thân cận, giao thiệp, và cần phải hầu cận, dù có bị xua đuổi đi chăng nữa thì cũng không bỏ đi. Còn chúng ta kệ, [thấy] người tốt hay người không tốt cũng không quan trọng, [miễn] người ta chiều mình là được. Như thế là không được. Còn người tốt, người ta nói thật thì mình chịu không nổi. Đó là bệnh. Cho nên ngay cả trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya có rất nhiều kiến thức căn bản mình cần phải học. Nếu không học những điều này thì thật sự đáng tiếc.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bạn, cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, cần phải hầu hạ, dầu có bị xua đuổi. Tóm lại ở đây chúng ta nên cố gắng. Đây là tiêu chuẩn để nhìn người khác, và cũng là tiêu chuẩn để chúng ta thực hành cho chúng ta.

Ở đây đức Phật đúc kết lại bài kệ:

Khả ái và đáng kính,
Đáng bắt chước, thuyết giả,
Kham nhẫn các lời nói,
Nói những lời thâm sâu,
Không hối thúc ép buộc,
Những điều không hợp lý,

Ai có những pháp này,
Ở đời, người như vậy,
Người ấy là bạn hữu,
Với ai cần bạn hữu,
Người mong muốn lợi ích,
Với lòng từ ai mẫn.
Dầu có bị đuổi xua,
Hãy thân cận bạn ấy.

(Kinh (7.37) Bạn Hữu 2: Mitta 2 – Kinh Tăng Chi Bộ).

Có nghĩa là [nếu] mình gặp được người bạn tốt như vậy, cho dù có bị xua đuổi, thì cũng ráng mà theo. [Đây là] đức Phật nói nha. Chứ còn thời nay, thông thường [chúng ta] thích nghe mật ngọt chết ruồi thôi, cho nên nhiều khi mình bị dụ.

Ví dụ thời gian qua có nhiều vị đồng tu, Thiện Trang cũng thấy có nghe pháp ở đây, nhưng không xác định được ai là người tốt cho Sư Minh Tuệ, hộ trì tốt cho Sư Minh Tuệ hay không. Đó là một điều rất đáng tiếc. Nếu hôm nay quý vị coi một bài phỏng vấn, hỏi câu hỏi trực tiếp về vấn đề của chú Phước Nghiêm và anh Achan Báu. Quý vị thấy Sư Minh Tuệ trả lời rất rõ: Chú Phước Nghiêm thì có thể kham nhẫn được những lời người ta phỉ báng, thế này thế kia, người ta nói xấu nhưng chú không nói xấu lại. Chú Phước Nghiêm được như vậy thì càng ngày càng gần Thầy. Còn người kia (Achan Báu), Sư Minh Tuệ nói nếu để cho người ta như vậy, thì càng ngày người ta càng tham, càng ngày danh đi lên v.v… thì [như vậy] là càng hại họ. Rất rõ ràng đúng không? Quý vị có thể coi video đó để quý vị xác định.

Cho nên mình không biết, gọi là mình thiếu trí, nên mình không nhìn ra được vấn đề. Đó là những điều đáng tiếc! Mình cứ coi thông tin có một chiều. Mình phải coi thông tin hai chiều, nhiều chiều, và mình phải suy xét lại. Nên nhớ, là mình phải coi những lời người ta nói có khớp với những gì người ta làm hay không. Đó là điều quan trọng.

Kinh Tăng Chi giống như Kinh Tăng Nhất A Hàm, cứ tăng lên từng chi từng chi. Ví dụ như chỗ bảy điều thì xếp vào bảy pháp, có năm điều thì xếp vào năm pháp. [Kinh] Tăng Nhất A Hàm cũng vậy. Đây là một cách sắp xếp trong Kinh Nikaya cũng như Kinh A Hàm.

Chúng ta thấy điều này cũng dễ, quý vị hầu như cũng học qua những [điều] này, nên quý vị thấy những điều này còn đầy đủ hơn trong Đệ Tử Quy nữa. Đệ Tử Quy không hay, không sâu bằng [kinh] này đâu. Cho nên Thiện Trang nói mình học A Hàm và Nikaya đủ rồi, không cần học Đệ Tử Quy.

Thiện Trang đưa thêm một pháp giải thoát. Chúng ta thích giải thoát hơn là học những pháp thế gian đúng không?

Lợi Ích Của Chứng Quả Tu-đà-hoàn

Có sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu. Thế nào là sáu?

(1) Sự quyết định đối với diệu pháp không có bị thối đọa; (2) không có bị đau khổ; (3) làm các việc bị sanh tử hạn chế; (4) thành tựu trí tuệ; (5) không cùng chia sẻ với các dị sanh; (6) nguyên nhân và các pháp do nhân sanh được khéo thấy.

Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu.

Ở đây chúng ta phân tích một chút để quý vị hiểu rõ hơn. Khi chứng quả Tu-đà-hoàn (quả Dự Lưu) thì có sáu điều lợi ích. Đức Phật nói:

(1) Sự quyết định đối với diệu pháp không có bị thối đọa: Điều này thì rõ ràng, chúng ta nghe cũng nhiều rồi. Thiện Trang hay chia sẻ cho quý vị là khi chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn (chứng quả Dự Lưu) thì yên tâm, đối với diệu pháp (pháp vi diệu của Như Lai) mình không thoái chuyển nữa. Thậm chí mình cũng không cần nhận ai khác làm thầy, mình chỉ nhận đức Phật làm thầy thôi. Yên tâm! Người đó sẽ không nhận một giáo pháp ngoại đạo nào nữa, và người ta cũng không bao giờ đi trật đường nữa. Đó là các diệu pháp không bị thoái đọa (thối đọa).

(2) Không có bị đau khổ: tức là hết đau khổ. Tất nhiên vẫn còn khổ, nhưng không khổ nhiều nữa, sanh tử có hạn kỳ. Còn mình ở đây [vẫn] chui vô Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, còn rớt vào ba đường ác, cho nên còn khổ.

(3) Làm các việc bị sanh tử hạn chế: tức là mình không tự tại đối với sanh tử, vì việc sanh tử của mình kéo dài. Không biết thế nào, nhưng đối với các vị vào được Dự lưu rồi, thì thời hạn trong vòng sanh tử sắp kết thúc. Giống như Sơ quả Tu-đà-hoàn thì còn tối đa bảy đời ở trong cõi Dục, rồi lên trên thôi. Có khi thì có người nhanh hơn, như Gia gia là hai, ba đời, còn Nhất chủng là một đời thôi.

(4) Thành tựu trí huệ: [thành tựu] trí huệ này thì Chánh tri kiến sẽ xuất hiện. Lúc đó quý vị yên tâm, quý vị biết đâu là đúng, đâu là sai, đối với giáo pháp Như Lai, mà không cần dựa vào người khác, mình có được niềm tin. Điều này là đối với Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Thật ra ở đời thì quý vị cũng có thể coi thử mình tu đến đâu. Khi Chánh kiến của mình càng ngày càng chính xác, mình phân biệt được đúng sai, thị phi, chánh tà, ở trong Phật pháp và trong thế gian. Quý vị càng phân biệt được chính xác bao nhiêu, thì chứng tỏ trí huệ này đang lên. Nếu chúng ta không phân biệt được đâu là pháp đúng, đâu là pháp tà, không biết đâu là đúng, đâu là sai, thì xin chia sẻ với quý vị, quý vị còn hơi xa với những địa vị này. Tại vì sự thành tựu không phải là nhất thời đốn ngộ đâu, mà thường là từ từ, tiệm tu, lên theo năm tháng, đa số là như vậy.

Và chúng ta thấy chúng sanh thời nay mê nhiều hơn. Qua sự kiện Sư Minh Tuệ, chúng ta thấy rõ ràng người có Chánh kiến không nhiều. Rất tiếc là như vậy! Bây giờ hiện tại nhiều người quay xe rồi, nhiều người cũng phân biệt được đúng sai rồi. Nhưng rõ ràng là cũng hơi muộn, khi sự thật phơi bày nhiều hơn thì người ta mới phân biệt được. Như vậy rõ ràng là từ đầu mình không nhận định được, đó là trí của mình kém. Điều đó cũng là để kiểm tra, mình phải tu hành tốt hơn, chứ không, mình cứ như vậy [thì không được].

Đối với một vị Thiện tri thức, mà mình không phân biệt được đâu là Thiện tri thức, đâu là tà, [trong khi] người ta phá Thiện tri thức. Kiểu đó là mình rất dễ lạc dòng, lạc khỏi con đường Chánh đạo. Từ đó mình biết tại sao chúng sanh thời nay tu không tới nơi, người tu tới nơi thì rất ít. Vì chính ngay con đường Chánh đạo mà họ không xác định được, Chánh kiến cơ bản thôi mà mình cũng chưa có. Chưa nói đến Chánh kiến đúng Phật pháp, hôm bữa chúng ta học có hai loại Chánh kiến: Chánh kiến thế gian và Chánh kiến xuất thế gian, thì rõ ràng là không đạt được. Chúng ta cũng chưa đạt được Chánh kiến xuất thế gian, chứ nếu đạt được Chánh kiến xuất thế gian thì thành công rồi.

(5) Không cùng chia sẻ với các dị sanh: do không có Chú Giải, nhưng Thiện Trang đọc nhiều thì Thiện Trang nghĩ 'dị sanh' này chính là các chúng sanh luân hồi. Ở đây tóm lại là mình không còn đi theo dòng của chúng sanh luân hồi nữa.

(6) Nguyên nhân và các pháp do nhân sanh được khéo thấy: nếu chứng được Tu-đà-hoàn rồi, [thì mình] khéo thấy được nguyên nhân và các pháp do nhân duyên gì sanh ra rõ ràng. Tức là mình ngộ được pháp. Điều này thì cũng phải có tu tập.

Thực ra chúng ta tu tập theo thời gian, thì chúng ta sẽ có được những sự ngộ nhất định. Ví dụ quý vị đang ngồi ăn cơm, nhiều khi mình ngộ ra đời là giả, đời là vô thường, thân thể này không phải là ta. Hóa ra mình ăn bữa cơm này, chẳng qua là mình nạp năng lượng cho thân thể này thôi, chứ thực tế mình không có nhu cầu này thực sự. Vì thân thể ở cõi Dục nên mình phải ăn, chứ nếu mình ở cõi Sắc thì mình không cần ăn. Và những thức ăn này không phải là thức ăn cố định. Tuy rằng ta [đang] ngồi ăn, nhưng giờ này ở một nơi khác, thì người khác ăn món ăn khác với sở thích khác. Hoặc ở Việt Nam sẽ khác, ở Thái Lan hay ở một vùng nào đó [sẽ khác], mọi vấn đề ăn uống sẽ không giống nhau.

Cho nên dù là trong bữa ăn, quý vị ăn mà quý vị cũng tự nhiên ngộ ra những điều như vậy, là: Thế gian này phân biệt dữ lắm, khác biệt lắm, và muôn ngàn sai biệt như vậy. Chính điều đó là tư duy pháp. Mà trong kinh Phật, Thiện Trang hay nói, những điều đó giúp cho mình ngộ rất nhiều. Mình ngộ rất nhiều

thì bữa ăn đó không phải là bữa ăn tham ăn, mà chỉ là ăn để sống, ăn để tu Phạm hạnh. Theo lời kinh Phật thì là ăn để tu Phạm hạnh mà thôi, chứ không phải mình ăn vì tham.

Vì sao? Ví dụ như quý vị là người Việt Nam, quý vị thích những món như mắm, phở, v.v… những món của Việt Nam. Nhưng người nước ngoài thì người ta ăn món khác, người Thái Lan thích ăn kiểu khác, hay người Nhật, người Hàn, thích ăn kiểu khác. Cho nên chẳng qua là do duyên sanh, duyên là mình sanh vào thời đại đó, vào nước đó, vào nơi đó, vào xứ sở đó, vào bộ lạc đó, vào dân tộc đó. Vì những lý do như vậy, từ nhỏ ta được huấn luyện cho ăn những món đó, cho nên lớn lên ta thích món ăn đó và ta chấp món ăn đó. Nếu quý vị sống ở nơi khác, với một môi trường khác, từ nhỏ được người ta huấn luyện cho ăn một món khác, thì lớn lên mình sẽ ăn những món ăn khác.

Cho nên các pháp do nhân duyên sanh, và điều đó không có thật. Mình hiểu được như vậy thì mình kêu: "À! Không quan trọng nữa, người ta thích ăn gì thì là chuyện của người ta, mình thích ăn gì thì đó là chuyện của mình. Đều là tham cả". Chính ngay bữa ăn đó là mình cũng ngộ được pháp. Những điều này không ai dạy mình hết, tự nhiên ngồi ăn mình cũng ngộ, rồi uống ly nước mình cũng ngộ, dần dần ngộ nhiều như vậy thì mình sống ở trong đó, gọi là sống trong tư duy pháp hay sống trong pháp. Mình sống trong đó lâu sẽ giúp mình đắc đạo, vì mình sẽ thấy các pháp do duyên sanh, đều là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Ai mà sống được như vậy, luôn luôn Chánh niệm được như vậy, thì đó là mình trụ được trong Chánh niệm. Trụ lâu trong Chánh niệm thì sẽ có Chánh định, từ đó mới sanh ra Huệ, Chánh giải thoát, Chánh tri kiến. Tất cả các chánh xuất hiện, Bát chánh đạo đầy đủ thì mình đắc đạo thôi.

Giả sử quý vị tu bất cứ Pháp môn nào, mà tâm quý vị luôn luôn thường hằng niệm pháp như vậy, gọi là Tam Bảo hiện tiền, thì quý vị lo gì trôi lăn trong vòng sanh tử nữa. Quý vị yên tâm, sẽ chấm dứt dòng sanh tử thôi. Cho nên điều quan trọng là học pháp đủ, khi vốn đủ rồi thì nó toát ra.

Giống như một người được luyện môn nào đó, như luyện thi Đại học hồi xưa, luyện hoài sẽ giỏi, tới khi mang bài nào ra thì cũng làm được hết. Cũng vậy

đó, bí quyết là vậy thôi! Mình học để có duyên nạp vào, giống như nạp năng lượng vào, rồi khi đủ duyên bên ngoài thì nó bung ra. Lúc đó mình thấy hoàn toàn những cảnh đó là cảnh pháp, và mình biết các pháp do nhân gì, duyên gì. Như thế ta sống một cách an lạc, và ngay lúc đó mình thấy vui vẻ hoan hỉ rồi, chứ còn đâu nữa. Cho nên pháp có lợi ích như vậy.

Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu.

(Kinh (6.97) Các Lợi Ích: Ānisaṃsa – Kinh Tăng Chi Bộ).

Tiếp theo Thiện Trang giới thiệu, cũng là về pháp tu, đó là:

Nếu Không Đoạn 5 Pháp Thì Không Thể Chứng Được Từ Nhị Thiền Đến Tứ Thiền, Không Chứng Được Sơ Quả Cho Đến Tứ Quả A-la-hán

Điều này quan trọng, nếu không đoạn 5 pháp này thì không thể nào chứng được từ Nhị thiền đến Tứ thiền, không chứng được Sơ quả cho đến Tứ quả A-la-hán. Cho nên ai muốn giải thoát sanh tử thì cố gắng coi điều này.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai (Dutiyajjhāna); không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ ba (Tatiyajjhāna); không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ tư (Catutthajjhina); không thể có giác ngộ Dự lưu quả (Sotāpattiphala); không thể có giác ngộ Nhất lai quả (Sakadāgāmiphala); không thể có giác ngộ Bất lai quả (Anāgāmiphala); không thể có giác ngộ A-la-hán quả (Arahattaphala). Thế nào là năm?

Đoạn này chúng ta thấy đức Phật nói: nếu không đoạn tận (tức là đoạn hết) năm pháp này, thì không thể chứng đạt được và trú vào Thiền thứ hai (tức là Nhị thiền); Sơ thiền thì chắc được; rồi Thiền thứ ba (Tam thiền), Thiền thứ tư (Tứ thiền). Cũng không chứng được ngộ quả Dự lưu (Sơ quả), Nhị quả (Nhất lai), Tam quả (Bất lai) và Tứ quả A-la-hán. Nhất lai là một đời còn ở trong cõi Dục, Bất lai tức là không bao giờ sanh vào cõi Dục. Người chứng Tam quả thì sanh vào từ Sơ thiền cho đến Tứ thiền Sắc giới. Thậm chí có bộ Luận nói là có thể sanh đến Tứ thiền Vô sắc giới (hình như ở trong bộ Luận Đại Tỳ Bà Sa thì

phải). Theo đó thì chúng ta thấy không được, vậy thì năm điều đó là gì? Năm pháp này quan trọng.

(1) Xan tham trú xứ: Xan là keo kiệt, tham là tham lam. Xan là không muốn cho người ta; còn tham là muốn lấy vô. Trú xứ tức là chỗ ở, là nhà cửa đó. Vậy mình có tham hay không? Có không quý vị? Quý vị còn coi nhà của quý vị quan trọng không? Điều này cũng khó lắm! Thiện Trang cũng ngộ ra được một chút, thật sự chúng sanh khó lắm. Đừng nói bỏ thân, bỏ cái nhà thôi cũng bỏ không được. Tại vì mình quá quen rồi.

Bây giờ quý vị nghĩ đi. Từ nhỏ đến lớn mình sống dựa vào đâu? Dựa vào ngôi nhà. Rồi gia đình làm ăn dành dụm, trừ những người giàu sang ra thôi, còn những người nghèo là phải dành dụm bao nhiêu năm mới mua được căn nhà. Cho nên xem căn nhà giống như thân thứ hai của chính mình, đúng không ạ? Cho nên đi đâu, về đâu cũng nghĩ tới nhà. Và người nào mà mất nhà, cháy nhà, sập nhà, thì quý vị thấy họ rất đau khổ. Cho nên làm sao mà không xan tham trú xứ! Nghĩ tới nghĩ lui cũng có nhà. Nhà là vật ngoài thân mà mình còn không [buông] được, huống chi [là bên] trong. Cho nên là xan tham trú xứ.

Ở đây không phải nói là bỏ, nhưng đừng có tham, và đừng có xan. Xan có nghĩa đừng có keo kiệt. [Mình] có nhà, có chỗ ở, thì cũng sẵn sàng chia sẻ cho người khác, không có giành giật, chỉ lấy [phần] của mình thôi. Còn [không] tham là không có ham lấy vô. Đó là về chỗ ở.

(2) Xan tham gia đình: Điều này còn khó hơn nữa. [Xan tham] gia đình là sao? Điều này Thiện Trang thấy là đa số đồng tu tại gia, đặc biệt là người nữ, là rớt hết. Suốt ngày mở miệng ra: Thưa thầy, gia đình con có chuyện này, gia đình con có chuyện kia. Người này có chuyện này, người kia có chuyện kia, phải lo làm sao v.v… Quý vị thấy không? Đó chính là biểu hiện của tham gia đình. Cho nên khó lắm!

Nói đạo giải thoát là phải xả được. [Nhưng] mình mong con mình học giỏi, mong con mình khỏe mạnh, mình mong cha mẹ, anh em v.v… Đời là vô thường,

mà mình cứ mong là thường không à! Đó là tham [chứ] gì nữa! Làm gì có ai có thể mong được những điều đó, khi mình không có phước báu. Cho nên khó.

Nếu quý vị muốn ra khỏi sanh tử là mình phải xả. Nói chung, đứng giữa hai lựa chọn: Phật pháp và Thế gian, thì chúng ta chọn bên nào? Điều này, ai học Đệ Tử Quy rồi thì chìm ở trong đó sâu lắm, ra không nổi. Thật sự khó! Xan tham gia đình rất lớn. Suốt ngày con của con, tu hành một hồi rồi cũng khoe con, tu hành một hồi cũng lo cho con, lo cho chồng, lo gì đó v.v… Toàn những mong muốn dẫn đến xan tham.

Sáng nay quý vị thấy Sư Minh Tuệ, Thiện Trang cũng tranh thủ coi, có một đoạn có người hỏi: [họ] lấy lý do vì gia đình cho nên phải làm công việc thế này thế kia. Sư Minh Tuệ nói giữa sự hai lựa chọn, thì [chọn] một trong hai thôi. Mình đã chọn ra khỏi sanh tử thì phải chấp nhận hy sinh thôi. Muốn hai cái cùng lúc thì không được.

Cho nên có xan tham này thì không thể chứng quả, không đắc được từ Nhị thiền đến Tứ thiền, không thể đắc quả vị nào từ Sơ quả đến Tứ quả. Cho nên xan tham gia đình thì không được. Điều này là lời Phật nói mà. Tất cả lời mà Sư Minh Tuệ nói đó quý vị, thật ra là Sư Minh Tuệ học rất kỹ.

Như hôm bữa Thiện Trang có trích dẫn trong Kinh Nikaya, là hàng phàm phu thì không biết ai là phàm phu, cũng không biết ai là Thánh nhân, không có trường hợp đó. Thánh nhân thì có thể biết được ai là Thánh nhân, ai là phàm phu, nhưng đoạn đó hơi dài. Còn một đoạn kinh khác, cũng trong Kinh Nikaya, đức Phật nói rất rõ (như lời Sư Minh Tuệ nói), tức là bậc Thánh nhân có thể biết phàm phu, mà phàm phu không thể biết Thánh nhân, nên nhớ vậy. Cho nên quý vị yên tâm, Sư Minh Tuệ nói điều nào cũng có trong kinh, không có sai đâu. Quý vị coi, ngài học hết bao nhiêu kinh rồi ngài mới tu, chứ không phải là kiểu tu chơi chơi đâu. Không phải! Mình không học nên mình không biết thôi.

Cho nên ở đây là nói xan tham gia đình. Quý vị đứng giữa hai lựa chọn: xuất thế gian và thế gian, quý vị chọn bên nào? Thông thường Thiện Trang giảng thì đôi khi cũng thấy tội người ta quá. Có người thì Thiện Trang nói thẳng

luôn là: Sao mà tham quá! Tu bao lâu nay rồi mà không buông được gia đình xuống, không biết các pháp ở đời là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Muốn cũng có được đâu. Quý vị ham rồi có được không?

Quý vị ham con mình học giỏi, nhưng con mình không có phước thì nó cũng không học được. Nó không có trí thì cũng không học được. Rồi muốn cho nó làm ăn giàu có v.v… mà nó không có phước thì làm sao được. Mà quý vị không mơ ước, không mong cầu, [nhưng] nó có trí tuệ thì nó cũng sẽ học giỏi, nó có phước báo thì tự nhiên sẽ giàu.

Rồi bệnh tật cũng vậy. Trong đời ai mà chẳng bị bệnh. Còn mình lo người này bệnh, người kia không bệnh v.v... Quý vị lo hay không lo thì cũng bệnh thôi. Các pháp là như vậy. Trong kinh đức Phật nói: ***"Cho dù có hay không có Như Lai xuất hiện ở đời, thì các pháp vẫn thường hằng như vậy"***. Có nghĩa là [các pháp] vẫn diễn biến như vậy thôi. Có Phật giáo hay không có Phật giáo ra đời, quý vị tu hay không tu, thì quý vị cũng sẽ già, sẽ bệnh, sẽ chết. Gia đình quý vị cũng vậy thôi. Tu thì chuyển nghiệp, chuyển nghiệp là bớt nghiệp, duyên này chỉ bớt thôi, chứ không thể thay đổi hoàn toàn.

Quý vị đem vọng, đem sự mong cầu không thể có, mà mong cho có, đó là điều không nên. Vừa khổ tâm, vừa khổ trí. Mà khi tham, ở đây là xan tham, chúng ta học Tâm sở Tham ở trong bộ này, chúng ta biết nó thuộc về Triền cái. Triền cái thì che mờ trí tuệ. Triền là quấn, cái là che, ngăn che. Như vậy nó vừa cột mình, vừa che để trí tuệ mình không sanh. Cho nên những ai tu hành, quý vị biết thật sự họ có trí tuệ là do họ bớt những xan tham này. Xan tham về chỗ ở, xan tham về gia đình. Đặc biệt là gia đình, [nhiều] đồng tu tại gia bị vướng lắm, rất là tội!

Thấy có cô Phật tử hỏi rằng: *"Con là thân nữ, con tu hành khó quá!"* Quý vị thấy thực tế có phải vậy không? Thiện Trang thấy thật sự tội cho cô đó, bởi vì cô đó chưa hiểu pháp. Thực tế tu hành khó hay không, thì đâu phải [do] thân nữ với thân nam. Thân nữ thì quý vị cũng tu được, thân nam cũng tu được. Đời này có Phật pháp lưu truyền, thế gian đầy đủ Phật pháp, mình chỉ cần nghe theo, mình hành [là] được thôi.

Và chẳng qua là do người nữ chấp quá nặng, lo cho con, lo cho chồng, lo gì đâu... lo nhiều quá nên không tu được. Được điều này thì mất điều kia. Tổng năng lượng là một hằng số không thay đổi, mình xài cho việc này nhiều thì việc kia yếu thôi, đúng không? Ví dụ nhà quý vị một tháng có 15 triệu đồng để chi tiêu, quý vị xài cho điện thoại hết 5 triệu, thì chỉ còn 10 triệu thôi. Quý vị xài cho việc nào nhiều hơn thì việc kia bị hụt thôi.

Tổng phước báo ở thế gian, tổng năng lượng, tổng khả năng về trí tuệ của mình, tổng thời gian của mình là một hằng số không đổi. Một tháng chỉ có 30 ngày, một ngày chỉ có 24 giờ, mình dùng thời gian cho việc này nhiều thì việc kia bị hụt thôi. Muốn tu hành thì phải chấp nhận, được điều này thì mất điều kia. Cho nên là phải chấp nhận thôi.

Nếu ai muốn ra khỏi sanh tử, thì phải thấy thế gian này là giả, là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, và các pháp diễn biến như vậy. Chứ còn mình ôm chấp, quý vị nói là được gia đình hạnh phúc hả? Không! Đến ngày nào đó thì gia đình cũng sẽ không còn. Cuộc đời này rồi cũng có ngày chấm dứt, rồi mọi người cũng lần lượt ra đi, không bao giờ có thể còn tồn tại mãi mãi. Nếu mình hiểu như vậy, thì tại sao mình không tranh thủ khi còn khỏe mạnh, còn tốt đẹp mà ráng tu hành đúng không ạ? Cho nên Thiện Trang nói yếu tố thứ hai. Có năm điều này mà quý vị không bỏ hết được thì không chứng quả đó nha.

(3) Xan tham lợi dưỡng: Điều này mà người có điều kiện thì sẽ xan tham ngay. Bình thường mình không có điều kiện [thì] không có, chứ qua thử thách một chút [là biết]. Ví dụ như lợi dưỡng làm YouTuber, kiếm tiền dễ quá là ráng chạy theo, chẳng hạn như vậy rất nhiều.

(4) Xan tham tán thán: tức là thích được tán thán, thích người ta tán thán mình, khen ngợi mình. Cho nên [bị] điều này thì cũng rớt, không đắc quả đâu.

(5) Xan tham pháp: Xan tham pháp thì cũng không được. Cho nên là không tham được gì hết. Nói chung là không có xan (là keo kiệt), mà cũng không tham được.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ A-la-hán quả. Cho nên không chứng ngộ được.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... có thể chứng ngộ Dự lưu quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm?

Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ A-la-hán quả.

(Kinh (5.257-263) Thiền và Thánh Quả - Kinh Tăng Chi Bộ).

Cho nên khó! Học thì cứ nghe nói vô Sơ quả dễ lắm, nhưng học một hồi sao thấy khó quá. Thật ra thì cũng vậy thôi, giống nhau. Quý vị được bốn niềm tin bất hoại, thì tự nhiên quý vị không có tham nữa. Còn mình, tại sao mình tham? Tại vì mình còn chưa có niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng. Tức là Phật nói vậy thôi, chứ con thấy gia đình con thật mà thầy, con thấy chỗ ở của con thật mà, con thấy thích được lợi dưỡng mà, con thích được khen ngợi mà v.v… Con tham điều này điều kia, tham pháp. Nhưng ngày nào đó có chuyện gì xảy ra, quý vị thấy vô thường. Ví dụ như một cơn động đất xảy ra, hay một tai nạn lũ lụt xảy ra, thì quý vị thấy những điều mà Phật nói trong kinh là hoàn toàn chính xác. Chúng ta không làm chủ được điều gì cả, tất cả đều đi theo nghiệp. Lúc đó biết ra, nhớ Phật pháp thì còn đỡ, còn không nhớ Phật pháp là thua luôn, đau khổ vô cùng. Cho nên đây là điều đáng tiếc. Quý vị thấy rõ ràng là rất khó!

Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ cho quý vị về Tâm sở. Quý vị có nhớ chúng ta đã học qua các Tâm sở nào rồi không? Hôm bữa mình đang ở Tâm sở Niệm. Bữa nay Thiện Trang sẽ tiếp tục giới thiệu cho quý vị 52 món Tâm sở bên A Tỳ Đàm (không phải bên Luận Câu Xá), Luận Câu Xá thì ít [Tâm sở] hơn.

Chúng ta đã học 13 Tâm sở Tợ tha, gồm có: 7 Tâm sở Biến hành Tợ tha và 6 Tâm sở Biệt cảnh Tợ tha. Thiện Trang cứ nhắc lại [để quý vị nhớ]. 7 Tâm sở Biến hành gồm: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. 6 Tâm sở Biệt cảnh gồm: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục. Mình phải học rõ [6 Tâm sở] này. 14 Tâm sở Bất thiện, gồm: 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành, tức là trong tất cả Tâm Bất thiện thì lúc nào cũng có 4 [Tâm sở] này: Si, Vô Tàm, Vô úy, Trạo cử; và 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh, tức là có những [Tâm] Bất thiện mà lúc có lúc không, như: Tham, Tà kiến, Ngã mạn, Sân, Tật, Lận, Hối, Hôn trầm, Thụy miên, Nghi.

Chúng ta đang học ở 25 Tâm sở Tịnh hảo (tức là tốt đẹp), gồm có: 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành; 3 Tâm sở Tịnh hảo Giới phần; 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần; 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền.

Thật ra, điều quan trọng nhất là mình học 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành này. Hôm bữa mình đã học về [Tâm sở] Tín (là niềm tin). Thứ hai là Tâm sở Niệm thì đang [học] giữa chừng. Hôm nay chúng ta sẽ học tiếp Tâm sở Niệm, Tâm sở Tàm, Tâm sở Uý. Còn những Tâm sở khác thì chúng ta sẽ học vào bữa khác.

Thiện Trang xin nhắc lại về Tâm sở Niệm. Niệm ở đây không phải là ghi nhớ không [thôi], mà mình phải nhớ được, nhớ điều gì? Tại vì Niệm này quan trọng lắm. Quý vị nhớ trong Ngũ quyền (Tín, Tấn, Định, Niệm, Huệ) cũng có Tâm sở Niệm. Rồi Ngũ lực cũng có Niệm. Bảy giác chi cũng có, và Bát chánh đạo cũng có. Cho nên Niệm cực kì quan trọng. Và nếu chúng ta không hiểu Niệm, thì coi như chúng ta tu sai hết.

[Vậy] Niệm là gì? Niệm không phải là nhớ những điều gì trong quá khứ không [thôi], mà Niệm là mình nhớ biết, ghi nhận được, tỉnh táo được, theo dõi được các pháp, các hiện tượng, các vấn đề gì đang diễn ra. Mình theo dõi được, mình thấy rất rõ, không để nó trôi đi qua mà mình không biết được. Đó mới là Niệm. Do chữ Niệm khiến cho mình nghĩ Niệm là quá khứ thôi. Cho nên không học kinh, không học A Tỳ Đàm, thì gọi là 'y văn giải nghĩa' thì sai.

Thiện Trang thấy rất buồn, vì hiện tượng này hiện nay rất nhiều, vì người ta không học. Người không học thì nhiều, nhưng [lại] đi giảng nhiều. Do không học mà giảng, không học thì mình cứ giảng theo ý mình. Mình thấy chữ Niệm, mình nghĩ là Niệm là ghi nhớ. Ví dụ như niệm Phật, niệm Phật là sao? Chữ Niệm [念] là 'kim tâm', may là có chữ kim. Chữ kim là hiện tại, tức là tâm hiện tại phải nhớ Phật. Mình nói như vậy thì cũng đúng. Nhưng thực tế nếu quý vị học hết kinh, thì quý vị thấy ngoài tâm niệm nhớ Phật ra thì còn gì nữa? Là biết, lúc đó phải giác biết, tỉnh giác. Bởi vì chữ Phật, ở trong ngôn ngữ chữ Hán thì không rõ, nhưng nếu quý vị tra bên Pali hay Sanskrit, thì Phật nghĩa là tỉnh thức. Một sự tỉnh thức, một sự giác biết.

Cho nên chữ 'niệm Phật' có nghĩa là gì? Có nghĩa là quý vị phải biết tất cả những gì đang diễn ra, đang diễn biến thế nào. Tâm ta như thế nào, chúng sanh như thế nào v.v… Biết cả về quá khứ, biết cả về hiện tại, biết lẫn về tương lai. Một người biết [tất cả], các trí đó hiện tiền đầy đủ thì đó là Phật. Cho nên là học, mỗi một ngôn ngữ bổ sung [cho mình] rất nhiều.

Chữ Phật trong [tiếng] Pali có 8 nghĩa, còn chữ Phật trong chữ Hán chỉ mượn âm, nên không có 8 nghĩa. Đó là khác nhau rất lớn. Cho nên là có những ngôn ngữ hay, đẹp, nhưng mình học nhiều ngôn ngữ thì mình mới hiểu được. Thiện Trang nói hèn chi trong kinh nói nhớ sáng suốt cũng là niệm Phật mà. Cho nên là sao cũng được.

Ở đây chúng ta đang nói về Niệm. Niệm là phải lưu tâm, tức là ghi nhớ được, ghi nhớ và tỉnh táo, theo dõi được các pháp đang diễn biến thế nào. Nói các pháp thì nói khó hiểu quá, [mình nói] là tất cả hoàn cảnh tâm lý, tất cả mọi thứ đang diễn biến thế nào thì mình đều theo dõi được và không để nó trôi qua, tức là mình bắt được cảnh. Đó gọi là Niệm. Tâm sở như thế là Niệm.

Cho nên Niệm là pháp tỉnh thức của đời. Người có Niệm thì luôn luôn tiến tới phía trước (tiến hóa đó). Người có Niệm là người luôn được hưởng an vui. Còn người không an vui là do người ta thất niệm. Thất niệm là do mình chạy theo quá khứ, mình không nắm bắt được các pháp hiện tại. Mình nhớ chuyện

ngày hôm qua buồn v.v… rồi mình buồn. Người [có] Niệm thì ngày nào cũng ngày đặc biệt, hằng ngày đặc biệt. Cho nên Niệm này cực kỳ quan trọng. Nhờ Niệm này mới có Định.

Quý vị nhớ: nhờ có Niệm nhiều, niệm hoài, cho nên mới có Định. Có Định thì bắt đầu mới có Tuệ được, Niệm - Định - Tuệ. Cho nên điều nào cũng quan trọng. Tất nhiên ở đây Niệm quan trọng là bởi vì sao? Bởi vì trong năm quyền gọi là Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần và Bát chánh Đạo phần đều có Niệm. Quý vị nghĩ coi, trong 37 Phẩm trợ đạo trừ Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, 8 điều gần đầu là không có Niệm. Nhưng là không có chữ Niệm thôi, chứ thực tế thì quý vị phải nhớ được hết. Không có Niệm là coi như tu không được, cho nên là phải luyện, phải tu.

Bây giờ, điều quan trọng nhất ở trong Tâm sở Niệm là gì? Là chúng ta phải nhớ được 17 yếu tố để phát sanh được Tâm sở Niệm này. Tức là làm sao để mình có Tâm sở Niệm này thường xuyên. Tại vì nếu không có Tâm sở Niệm thường xuyên thì mình bị trật ngay. Tu cũng vậy, xác định sai đối tượng, xác định sai Chánh pháp, xác định sai người v.v… [thì] bị dụ, bị lừa.

Ví dụ như Việt Nam bây giờ có hiện tượng, là chúng ta hay [bị] gọi lừa qua điện thoại, gọi video call v.v... một hồi rồi họ lừa. Tại sao [bị] lừa? Tại vì mình thất niệm. Nếu lúc đó mình có Niệm, mình theo dõi được các pháp đang diễn ra, biết người đó nói xạo chứ không thật. Thứ nhất công an làm việc, hù dọa mình phải không? Nhưng không bao giờ có việc công an làm việc trên điện thoại kiểu đó. Công an, cảnh sát làm việc là luôn phải tới từng nơi, thậm chí tới từng nơi rõ ràng. Tới từng nơi cũng chưa chắc, phải mời mình lên trụ sở để làm việc. Tại vì không làm việc tại trụ sở, thì làm sao mình biết họ là công an thật hay giả. Người ta có thể xuất trình giấy tờ giả v.v... người ta lừa mình thì sao. Cho nên phải đưa đến trụ sở đó, để đảm bảo ai cũng biết trụ sở đó, thì mới chính xác. Cho nên những người giả dạng công an [để] lừa, thì [họ] biết mình [có] điểm yếu, mình đang kinh doanh nên mình có tiền, chắc mình trốn thuế, họ hù một hồi là mình sợ.

Tại sao mình sợ vậy? Tại vì mình có những điểm yếu. Và mình không có Tâm sở Niệm, nên mình không phát hiện được điều bất hợp lý ở trong đó, cho nên mình bị lừa. Tóm lại nếu có Tâm sở Niệm thì tu tốt. Vì vậy chúng ta có:

17 yếu tố để phát sanh Tâm sở Niệm.

1. Niệm phát sanh do hiểu biết: là những sự vật, nghĩa lý đã từng quen khi gặp, lúc cần dùng thì những cách hiểu biết ấy phát hiện nơi tâm rất dễ.

Cho nên điều này là mình phải học, đầu tiên là quý vị phải học. Có những tình huống tương tự như vậy, ví dụ ra đường mình nhớ Niệm là gì? Mình thấy bảng hiệu (bảng giao thông), hoặc là mình thấy đèn đỏ, mình nhớ: 'À, đèn đỏ thì không được chạy qua, mà phải dừng lại'. Đó là do sự hiểu biết, những sự vật quen thuộc được luyện, được học rồi. Hoặc khi có một sự kiện gì đó, ví dụ như ở trong nhà, điện bị chập, làm cháy bóng đèn, dây [điện] bị cháy xẹt xẹt. Vậy đầu tiên [mình cần] hiểu biết là gì? Là đi cúp cầu dao đúng không? Cúp cầu dao xuống để cho không cháy nữa. Đó là Niệm phát sanh do sự hiểu biết. Mình đã học qua những kiến thức đó, mình đã từng quen thuộc rồi, từng dùng [rồi], thì khi cần dùng tới thì nhớ ra, xài được. Cho nên đó là được học.

Cũng vậy, trong Phật pháp chúng ta cũng phải học để thuần thục. Ví dụ như chúng ta học để chúng ta biết, biết rồi thì khi ngồi Thiền định v.v… có vấn đề gì là mình biết liền. Nếu không biết thì chịu thua.

Giống như có đồng tu hỏi về tu Thiền định: "Sao con tu Thiền định không đắc lực?" Sư Minh Tuệ nói luôn là do không giữ giới thứ 5, còn uống rượu thì không đắc lực thôi. Có người hỏi giùm cho đồng tu khác đó. Chúng ta thấy rõ ràng, tại vì mình không giữ được Ngũ giới, Bát quan Trai giới (8 giới), thì mình tu Thiền định không đắc thôi. Đơn giản vậy thôi. Rồi mình còn tham, Triền cái mình chưa bỏ hết. Trong 5 loại Triền cái như Tham, Sân, Nghi... mình không bỏ được thì làm sao tu đắc được Sơ thiền trở lên. Đâu có được! Mấy chi thiền mình học hết rồi. Cho nên thật ra là mình học qua rồi, mình biết rồi thì mình vận dụng.

2. Niệm phát sanh do gom góp: là những vật gom góp để vào một chỗ, thì tâm được chú ý nhiều lần, nên khi cần đến, nhớ ngay lại liền nơi ấy. Hay như tiền dồn hết trong túi, khi dùng [thì] thò bàn tay vào túi lấy ra là có liền.

Có nghĩa là Niệm này muốn phát sanh thì phải gom góp, giống như mình đem nhiều đồ vật bỏ vô một chỗ. Mình bỏ vô chỗ đó, nên khi cần cái gì là vô trong phòng đó lấy ra. Cũng vậy, tiền mình bỏ vô túi, cho nên khi cần tiền thì mình móc trong túi ra là xong, đưa tay vô lấy ra.

Cũng vậy, Niệm này là do gom góp, có nghĩa là sao? Quý vị muốn nhớ pháp, bây giờ ai cũng muốn nhớ pháp, ai cũng muốn niệm Phật đúng không? Do mình gom góp hằng ngày, có nghĩa là mình cứ luyện, mình nghe hoài, nghe giáo pháp Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã chẳng hạn. Rồi ai tu Tịnh Độ thì nhớ Phật, nhớ Tây Phương Cực Lạc, tụng kinh miết, đọc miết. Cho nên nó gom góp, ngôn ngữ theo Bắc truyền thì gọi là huân tập, còn ngôn ngữ đơn giản thì gọi là gom góp. Mình cứ luyện qua luyện lại, tức là mình tiếp xúc với đó nhiều quá cho nên nhớ, tới khi gặp chuyện gì là hiện ra ngay. Đó là do gom góp. Cho nên muốn được có trí tuệ tu tập thì phải có điều này, phải thường xuyên tiếp xúc với vấn đề đó.

Còn ở đời, do mình tiếp xúc với đời nhiều quá, cho nên gặp chuyện là chuyện đời xảy ra trước. Giống như có người tu hành, đang đi một hồi thì gặp một con chuột chạy ngang qua. Thay vì người ta nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng, Chánh niệm hiện tiền, nhưng do gom góp ở đời họ quen rồi, nên họ la "á á", hét lên kiểu vậy đó. Hay là phát lên những câu nói gì đó vô thức, đó là do mất niệm, do họ không được gom góp. Gom góp thế nào? Là gom góp Phật pháp thì yếu, mà gom góp thế gian thì mạnh, không có Niệm, không có Định.

[Vì vậy] mình phải niệm nhiều, gom góp nhiều, thì mới là Niệm. Niệm hoài [thành] quen. Ví dụ như lần đầu tiên thấy vậy thì có sợ chút, [nhưng] thời gian sau thì nhớ. Mới đầu giật mình, nhưng rồi nhớ ra: 'Có con chuột thôi, làm gì dữ vậy! Các pháp là do duyên sanh v.v… cùng lắm là bị nó cắn vào chân thôi'. Gặp con rắn cũng vậy, bình tĩnh! Nó cắn cũng chưa [chắc] chết đâu mà, cứ bình tĩnh.

Nếu mình gom góp nhiều tâm như vậy, mình suy nghĩ thường ngày như vậy, thì [khi] gặp [chuyện] mình cũng không sợ. Tức là mình cũng giác được liền, chứ mình không sợ. Còn do không có gom góp, không có chuẩn bị tình huống đó, cho nên gặp con rắn bò ngang, đụng vô cái chân [là] sợ quá, hoảng hồn, xỉu luôn chẳng hạn. Đó là do không có gom góp.

3. Niệm phát sanh do Thức thô: là do tâm hoạt động thô như nóng giận, buồn nhớ, hay thất tình: Hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ rất mạnh, nhớ lại cái gì đã qua hoặc hiện tại. Nhưng cũng có khi nhớ đến sự này sự nọ, như giận này, nhớ đến oán thù khi xưa.

Có nghĩa Niệm này là do mấy Thức thô, điển hình như nóng giận. Ví dụ quý vị đang chơi với bạn đó, [nhưng] mình nóng, mình giận, mình tức bạn đó, mình nhớ hồi xưa là người đó có tính xấu gì đó, họ lừa mình gì đó. Hồi xưa họ đã xấu như vậy rồi, xấu thế này, xấu thế kia v.v… Bình thường thì không nhớ, nhưng khi tức lên là nhớ, đó là nóng giận, đó là Thức thô, những tâm hoạt động thô.

Hoặc là bình thường thì quý vị vui vẻ, không nhớ chuyện gì hết, giống như ở đây nói thất tình (thất tình là mất tình), thì lúc đó cũng nhớ ra là hồi xưa mình quen người đó như thế nào v.v… thế này thế kia. Vì do những trạng thái: Hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục mạnh quá, khi xảy ra [chuyện] là bắt đầu nhớ lại những gì đã qua hoặc hiện tại, là do những kiến thức đó mà mình nhớ.

[Đối] với điều này, nếu mình biết tu thì mình chuyển lại. Tức là khi gặp những chuyện đó, mà có [những trạng thái] như vui quá, buồn quá, hay là lo lắng hay thế nào. Thay vì tâm thô hoạt động nên nhớ chuyện thế gian vậy đó, thì bây giờ mình đổi lại, mình nhớ Phật pháp: Các pháp đều là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Cho nên đang nóng giận người ta, nhưng mình nhớ pháp là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Người cũng là giả, không nên giận họ. Rồi ví dụ như thất tình đi, thì nhớ: Thế gian là nghiệp báo, nghiệp chướng, người là nhân duyên, v.v…

Cứ đem mấy pháp đó ra áp liền. Thay vì khi mình phát sanh những niệm xấu từ Thức thô (tức là những sự biết thô) mà tâm mình đang chuyển biến không tốt, thì mình chuyển lại thành Chánh niệm liền. Đó là cách tu hành. Cho nên người biết tu hành là mình đổi lại. Điều này quan trọng nha quý vị. Nhiều người không có năng lực này.

Có một số Phật tử nhắn tin cho Thiện Trang, than thở quá trời, nào là gia đình, nào là này kia. Thiện Trang chỉ nhắn lại: Thôi, thế gian vô thường đó mà. Đời là khổ v.v... Nhưng người ta không nghe câu đó, người ta tiếp tục than: Thầy ơi, thầy không hiểu đâu, con thế này thế kia. Thầy không ở trong hoàn cảnh của con, thầy không hiểu đâu...

Đó là kiểu nào? Tức là người ta không có Phật pháp hiện tiền. Nhắc một cái thì phải nhớ chứ, phải [nhận ra]: Đúng là đời Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Bây giờ nó hiện ra rõ ràng đấy thôi. Đời là khổ. [Thấy] khổ chưa? Đang khổ đó. Đời là vô thường. Thấy Vô thường chưa? Không thấy! [Chỉ] thấy thật và thấy khổ thôi. Cho nên trí giác của người đó kém, vì vậy họ tu không đắc lực.

Thông thường thì mình mê một chút thôi quý vị, có người nhắc là mình tỉnh. Còn nếu khi người ta nhắc mà mình cũng không chấp nhận luôn, thì đó là Phật pháp của mình không hiện tiền. Và mình học bao nhiêu lâu qua nhưng công phu không đắc lực. Vậy thì thôi, không đắc lực thì cứ từ từ tu. Đời này không thành tựu thì đời sau, mỗi đời tu một chút. Tu bao giờ thành tựu được, buông được, chuyển được những Thức thô, những Phiền não thế gian thành Phật pháp thì quý vị thành công, ra khỏi sanh tử. Không thì cứ từ từ ở trong đó, rồi đến đời nào đó cũng thành tựu. Chứ bây giờ đâu có cách nào. Tại vì mình không tin Phật pháp mà. Đó là mình không tin, không tin thế gian là Khổ - Không, Vô thường, là nghiệp báo, là oan gia gặp nhau, v.v... Mình không tin, mình thấy thật à. [Mình] thấy con là con, chồng là chồng, vợ là vợ, tất cả hoàn cảnh đều như vậy. Cho nên là hết cách, không có cách nào. Thôi đời này học để kết chút duyên, từ từ, bao giờ mạnh hơn thì buông được.

4. Niệm phát sanh do vật chạm thức, như khi ta bị đánh và ta đau [thì] ta biết đau, hoặc khi gặp cảm xúc thích hợp, sướng thân thì ta biết sướng, hay nhớ lại sự sướng, sự đau như thế nào.

Có nghĩa là điều này là do chạm. Ví dụ như bây giờ mình bị chạm [vào] thì mới thấy đau. Sự đau này sẽ nhớ đến sự đau khác, đúng không quý vị? Ví dụ như mình tông vô cái cây, mình thấy đau quá, thì mình nhớ tới hồi xưa bị té xe thấy đau hơn, thế này thế kia, nhớ lại như vậy. Rồi sướng, ví dụ ăn món ăn ngon quá, mình nhớ hồi xưa được ăn món ăn ngon hơn, mình nhớ ra thế này thế kia. Đó là những niệm nhớ luân hồi.

Còn mình tu thì mình đổi lại, mình dùng Tâm sở Niệm để đổi lại. Tức là khi đau thì ta biết ta đau. Nhưng ta biết sự đau này là do thân thể này đau, cho nên khổ, mình mong muốn giải thoát, mình không muốn thân này nữa. Thân cõi Trời sướng hơn, không có đau, không có bệnh, rồi mình thấy Tây Phương Cực Lạc chẳng hạn, không có đau. Hoặc mình nghĩ là sau này mình sẽ được giải thoát giác ngộ, nhập Niết-Bàn, là hết đau v.v…

Rồi khi thấy sướng, mình cảm thấy việc sướng này cũng khổ thôi, [chỉ là] sướng tạm thời. Giống như ví dụ trong Luận Câu Xá đưa ra, là hơ cùi, ghẻ lở trên lửa nóng cho dễ chịu thôi, chứ thực tế là nó đau, đau nhưng tại mình vui một chút đó. Trong thế gian này, mình thấy những xúc chạm, đối với sướng hay khổ, hay đau đớn gì đó, mình chỉ cần đổi lại là tất cả đều vô thường, không tồn tại lâu dài. Mình cứ cảm nhận như vậy. Nếu khổ thì mình thấy thế gian là khổ, thật sự khổ, ta đang trải nghiệm được sự khổ đó, cho nên ta cứ tiếp tục, không sao hết. Đó là điều thứ tư.

5. Niệm phát sanh do không vật chạm thức, như là khi tới vật này vật nọ, chứ khỏi lo thân đụng chạm chi cả.

Có nghĩa là có những thứ mình cũng chẳng xúc chạm gì hết, nhưng tự nhiên tâm mình nhớ tới, nào là kỷ niệm xưa, nào là lúc trẻ đi lội mưa, rồi nhớ tới điều này điều kia, mặc dù mình chẳng tiếp xúc với gì hết. Đó là niệm phát sanh. Nhưng những niệm đó vẫn là niệm sanh tử, niệm luân hồi. Chúng ta phải

đổi lại, từ những niệm phát sanh đó, thì chúng ta nhớ hồi xưa vô thường. Cách đây mười mấy, hai chục năm, ta còn nhỏ, nên ta đi tắm mưa, đi đạp xe ngoài đường, đi học trời mưa, trời gió v.v… Mình chuyển như vậy, mình thấy thế gian vô thường, hồi xưa là như vậy, còn bây giờ thế nào. Hoặc là hồi xưa đi trong cơn mưa bị ướt, còn bây giờ không bị mưa ướt nữa, bây giờ có ô tô đi rồi.

Cho nên trên mạng có chế hình, gọi là 'vật chất quyết định ý thức', chắc quý vị cũng thấy. Họ vẽ ra cặp tình nhân, hai người đi với nhau, cô đó ngồi sau người yêu, kêu: *"Mưa gì mà mưa lắm thế, ướt hết người, nhức cả đầu".* Tại vì cổ được anh chàng đó chở đi bằng xe máy. Còn cặp kia ngồi trên ô tô, cô kia nói: *"Ôi, mưa đẹp quá, em yêu mưa".* Cho nên vật chất quyết định ý thức.

Thực ra, nếu quý vị coi câu chuyện đó mà thấy hài là bình thường, còn nếu mình là người tu học Phật pháp, thì mình sẽ thấy ra những điều hay hơn. Hay hơn ở chỗ nào? Thứ nhất, cùng một hiện tượng, nhưng chúng sanh nhìn theo góc độ khác nhau. Và sự nhìn đó là chúng sanh bị cảnh chuyển, quý vị hiểu không? Còn người giác ngộ thì chuyển lại cảnh. Tức là mình thấy vậy, thì mình nói là thế gian vô thường, đâu có thật, cùng cảnh mưa thôi, nhưng bên này nói khổ, còn bên kia nói vui, tại vì sao? Do một bên đi ô tô, một bên đi xe máy, một bên thì đang thế này, [một bên thì thế] kia. Nên có những điều, cùng một hoàn cảnh đó, nhưng tâm [mỗi người] khác nhau.

Vậy ta là người học Phật pháp, ta phải không để tâm chạy theo những hoàn cảnh như vậy, mà ta luôn giác biết được chúng sanh là mê. Họ mê nên họ mượn cảnh để suy nghĩ theo hướng của họ, chứ không phải như vậy. Thật ra cũng bình thường thôi, đi mưa về ướt thì chắc ai cũng khó chịu. Nhưng cơn mưa cũng làm sạch con đường đi, cơn mưa cũng giúp cho những cây cối được tốt tươi v.v… Nên thế gian không có mưa cũng khổ lắm. Mà trời làm sao không thể không mưa, phải có lúc cần mưa. Nên mưa cũng là hiện tượng trong thế gian mà thôi, và chúng ta hãy chấp nhận nó. Trời muốn mưa thì mưa, muốn nắng thì nắng, mình cũng giác ngộ được, không có kiểu chạy theo nó. Mà mình mượn cảnh nắng để giác ngộ, thế gian có những ngày nắng, và sẽ có những ngày mưa, khi có nắng thì sẽ có mưa, nó đối lập như vậy.

Dần dần như thế, thì mình sống trong giác ngộ. Rồi nếu ai tu Tây Phương Tịnh Độ, thì nhớ ở trên đó không có mưa, mình nhìn cảnh đó mà mình liên hệ Tây Phương Cực Lạc không có mưa chẳng hạn.

Cho nên đó là dựa vào những điều không chạm thức. Những điều gì mà mình biết, mình tiếp xúc hoặc không tiếp xúc, mình đều đẩy tâm niệm của mình về giải thoát giác ngộ hết, thì mình thành công. Bí quyết tu hành là thế thôi, đừng để cảnh lôi kéo đi vào tâm niệm sanh tử. Mà hãy đem Tâm sở Niệm này, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bố thí, niệm Trì giới, niệm Thiên, niệm Ba-la-mật, niệm Chỉ tức, niệm An-ban... thập niệm đó. Chúng ta nhớ những niệm đó, thì chúng ta sẽ giác ngộ.

Cho nên Thiện Trang giảng Tâm sở Niệm này hơi dài là vậy, bởi vì đó là pháp tu của chúng ta. Tất cả các pháp, quý vị muốn tu định thì quý vị cũng phải niệm. Ví dụ tu Thiền chỉ hay Thiền quán gì, thì quý vị cũng phải có niệm chứ. Quý vị ngồi đó mà quý vị quên mất, tâm mình chạy đi đâu, mình không nhớ, không biết, không bắt được cảnh hiện tiền, thì làm sao tu Thiền chỉ, làm sao tu Thiền quán. Cho nên Niệm này cực kỳ quan trọng.

6. Niệm phát sanh do đồng ấn chứng, như gặp nhân vật tương tự, như nhân vật đã gặp, thì nhớ đến nhân vật thường quen.

Điều này gọi là đồng ấn chứng, tức là có một cảnh giống giống tương tự như vậy. Ví dụ quý vị đi ra đường, gặp một người nào đó thấy giống ba mình (bố mình), thì mình nghĩ đến ba mình ở nhà thế này thế kia, mặc dù mình biết ở xứ sở này không có ba của mình. Mình đã lên Sài Gòn rồi, còn ba mình ở dưới quê, không có chuyện đó, nhưng mình cứ liên tưởng tương tự.

Thiện Trang thấy tất cả pháp đều do tâm tưởng sanh. Ví dụ hồi xưa Thiện Trang lên núi tu, trên đỉnh núi có một cái cây, có lá cây, chùm cây, ngọn cây thế nào đó. Có một chú nhìn và nói: *"Quý thầy có thấy không? Con thấy cây đó giống người quá".* Vị thầy kia nói: *"Tôi thấy giống Quán Thế Âm Bồ-tát*". Một vị thầy khác nói: *"Tôi thấy giống Địa Tạng Vương Bồ-tát".*

Có nghĩa là do tâm mình, thấy một cảnh nào giống giống tương tự như vậy, thì mình liên hệ ngay. Và điều đó [giúp] mình đánh giá được ngay, là tâm của thầy này quý mến ngài Quán Thế Âm hơn, tâm của thầy kia thì nhớ đến [ngài] Địa Tạng Bồ-tát hơn, còn tâm của ông kia chỉ nhớ đến người thôi. Khi những cảnh gợi nhớ đến ấn tượng nào, thì từ đó mình biết tâm mình đang đặt ở đâu. Ví dụ đi ra đường mà quý vị gặp một vị Sư, một vị thầy tu, thì quý vị nhớ đến ai? Nếu quý vị thấy giống giống thầy Thiện Trang, thì quý vị đang ấn tượng về thầy Thiện Trang mạnh. Quý vị thấy: À, vị Sư này có lẽ giống với Sư Minh Tuệ v.v… Thế là mình nghĩ tới Sư Minh Tuệ. Đó là do ấn tượng của mình mạnh.

Vậy thì bây giờ quý vị hãy đổi tất cả những hiện tượng đồng ấn chứng đó, những hiện tượng tương tự đó, mình quy về Phật, Pháp, Tăng, quy về Tam Bảo, thì mình tu dễ dàng. Còn quý vị ra đường gặp một người nào, mà kêu người này giống người yêu cũ của tôi, giống ông chồng của tôi, là thôi rồi đó, toàn niệm luân hồi. Điều đó cũng đơn giản lắm, chỉ là pháp vậy thôi.

Cho nên với Tâm sở Niệm này mà mình học cho kỹ thì mình tu được. Còn học không kỹ thì mình tu trật. Mặc dù quý vị tu bất cứ Pháp môn nào, thì quý vị cũng phải không rời khỏi đời sống, cũng phải gặp cảnh. Bất cứ cảnh gì đó, mình thấy hiện tượng tương tự, thì mình đẩy hết về Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo), Mười niệm hoặc Lục niệm, chúng ta nắm được điều đó là được.

7. Niệm phát sanh do ly ấn chứng, như là sự vật ta đã thường quen, dù cách xa trải qua bao lâu, có khi khỏi gặp sự vật tương tự, mà cũng nhớ lại.

Điều này thì bình thường. Tức là sự việc đó quá quen rồi, nên dù cách xa bao lâu v.v… thì mình cũng tự nhớ, mà chẳng cần phải có hiện tượng tương tự. Ví dụ như quý vị ngồi một hồi ở trong nhà, [tự nhiên] quý vị nhớ ở dưới quê, bây giờ tối rồi, chắc ba mẹ sắp lên giường đi ngủ rồi. Giờ này mình nghe pháp, nhưng dưới đó [ba, mẹ đi ngủ rồi]. Quý vị nhớ hiện tượng đó là do mình quá quen thuộc. Mình sống với bố mẹ mình lâu quá, nên mình nhớ ra như vậy. Đó là niệm thế gian.

Còn bây giờ mình nhớ niệm Phật, là mình nhớ: À, thời xưa bao nhiêu ngàn năm trước, nếu vào ban đêm giờ này, thì đức Phật Thích Ca cũng đang tọa thiền, hoặc là Ngài giảng kinh cho các vị Tỳ-kheo nghe v.v… Mình cũng đang được nghe pháp đây. Tức là mình đổi, thay vì bị vọng tưởng lung tung, thì mình vọng trong Phật pháp, đó là tốt.

8. Niệm phát sanh do hứa, như là đã có hứa hẹn, lúc đến giờ dễ nhớ lại ngay.

Điều này là hứa [với] người ta. Ví dụ hứa là ngày mai tôi sẽ tới, tôi tặng cho quý vị một bộ Kinh A Hàm [chẳng hạn], xong rồi sẽ dẫn quý vị đi ăn trưa. Mình hứa như vậy rồi. Cho nên ngày mai, mình nói chín giờ tới, thì gần tới giờ đó là mình nhớ: À, hôm nay mình có lời hứa đó. Có nghĩa là Niệm này là do hứa. Do hứa như vậy, nên trong nhà Phật mới dùng cách nào quý vị biết không? Dùng phát thệ nguyện, là áp dụng cho Tâm sở này. Tại sao người ta có thể nhớ Phật pháp nhiều? Là do người ta phát nguyện nhiều. Ví dụ như mình toàn phát nguyện suốt nên mình nhớ. Quý vị đâu cần gặp [cảnh] gì đâu, mà quý vị cũng nhớ.

Giống như có nhiều người phát nguyện: là từ nay cho đến suốt cuộc đời này, con nguyện tu Phạm hạnh, tức là không có dâm dục. Cho nên một hồi mình cũng nhớ là mình không dâm dục, không được có người yêu, không được lấy chồng v.v… thế này thế kia, đủ các kiểu. Đó là do nhớ lại. Đó là Niệm. Niệm này là mình phải có lời hứa, hứa với ai? Mình lên phát nguyện, hứa với Tam Bảo, hoặc là ngay cả thọ giới, thọ Bát quan trai, con hứa phát nguyện một ngày một đêm, hoặc hứa thọ Ngũ giới v.v… là do hứa.

Cho nên điều đó cũng quan trọng, mà nhà Phật ứng dụng vào trong việc thọ giới, thọ Tam quy v.v… và phát những lời nguyện. Nên đây là đều ứng dụng trong A Tỳ Đàm, [ứng dụng] Tâm sở. Quý vị thấy rất hay đúng không? Cho nên mình không học Phật pháp, thì mình không hiểu tại sao Phật lại dạy như vậy. Thật ra là các ngài áp dụng ở trong này.

9. Niệm phát sanh do nêu, tức là làm dấu, sau khi gặp liền nhớ.

Điều này là ứng dụng. Ở thế gian, ai mà học giỏi thì cũng biết một phần cách áp dụng này. Thay vì mình vô học kiểu công thức máy móc, học đoạn dài ghê gớm, thì mình chỉ cần làm mấy dấu hiệu, dấu này thế này, dấu kia thế kia. Ví dụ như dùng bản đồ Atlat Địa lý, môn đó là rõ ràng nhất. Còn không thì mình dùng dấu, như có người tới công ty làm, họ niệm Phật nên họ để chữ Amitābha (là Phật A Mi Đà, Buddha đó), nhưng họ viết tắt thôi, để chữ A, chữ M, hoặc chữ B chẳng hạn, cho ấn tượng. Họ làm dấu đó, để mỗi khi thấy chữ đó thì nhớ đến Phật.

Rồi mình cũng vậy, mình đeo thứ gì cũng là mình làm dấu, người ta đeo chuỗi cũng là [để] nhớ. Như Thiện Trang đắp y này lên là cũng nhớ, thấy y này mới nhớ đến Phật, Pháp, Tăng, nhớ đang thọ Tỳ-kheo, tự nhiên nhớ. Cho nên tại sao quý vị phải có bộ áo Cư sĩ, áo này áo kia, rồi chuỗi hạt v.v… đủ các kiểu? Mục tiêu là làm dấu hiệu, để khi gặp thì mình nhớ ra Phật, Pháp, Tăng. Rõ ràng khi quý vị mặc áo Cư sĩ vô thì quý vị nhớ: Tôi là Cư sĩ nên tôi tu hành. Còn quý vị không mặc thì quý vị không nhớ. Đó là cách áp dụng Tâm sở Niệm.

Cho nên ai biết tu hành cũng vậy, quý vị làm ra những dấu hiệu gì đó. Ví dụ như quý vị làm dấu gì lên con chuột, không viết chữ A Mi Đà Phật, hoặc chữ Phật, Pháp, Tăng, nhưng làm một dấu hiệu trên đó. Mỗi khi quý vị cầm con chuột máy tính lên là quý vị thấy: À, đây là Phật này v.v… Mình chuyển hết về tu hành là vậy. Cho nên có rất nhiều cách tu để nhớ. Nhớ càng nhiều thì Niệm nhiều, Niệm nhiều thì càng tốt.

10. Niệm phát sanh nhờ nhắc nhở, như là sự vật đã qua ta không nhớ được, nhờ người khác nhắc giùm liền nhớ lại được.

Điều này thì rõ ràng đúng không quý vị? Có nhiều điều mình quên, cho nên có người khác nhắc cho mình. Giống như Thiện Trang hay nhắc các đồng tu nào [hay] than thở [về] gia đình, suốt ngày gia đình con [có] chuyện này, chuyện kia v.v… Thiện Trang nói đời là vô thường, nhớ giùm Vô thường đi, Phật Pháp là do nhân duyên sanh. Thiện Trang nhắc như vậy mà quý vị không nhớ, thì Niệm của quý vị yếu quá.

Thật ra nếu quý vị luôn luôn [có] Tam Bảo thường trực hiện tiền trong đầu, thì những hiện tượng xảy ra là nhắc [nhở] ta. Tức là thấy cảnh thì mình đều nhớ: À! Đời là vô thường, đời là khổ. Không cần phải có người ta nhắc, nhưng để người ta nhắc là mình đã yếu rồi. Và khi người ta nhắc mà mình cũng không chấp nhận luôn, thì mình quá yếu. Cho nên công phu không đắc lực. Nhớ vậy nha!

11. Niệm phát sanh do đầu đề, như là ta thấy đầu đề nhớ được cả bài.

Điều này là rõ ràng. Thường ai học, thì chúng ta chỉ nhớ đầu đề thôi đúng không? Giống như sơ đồ mà Thiện Trang vẽ ở đây, quý vị thấy không? Đây là những đầu đề này, mình nói Tâm sở Tợ tha là quý vị nhớ Tợ tha là gì đúng không? Quý vị nhớ Xúc, Thọ, Tưởng, Tư... đó toàn là đầu đề. Nhưng nhờ đầu đề này thôi, là mình nhớ ra được toàn bộ nội dung. Khi đi học, mình viết đầu đề rất nhiều đúng không? Ví dụ mình nói Tâm sở Niệm, hay 24 Duyên hệ v.v... đó là toàn đặt tiêu đề đấy chứ. Cho nên Phật pháp là toàn đầu đề thôi. Một cuốn sách [được] viết mà không có tựa đề, thì coi như là không có đầu đề, thì mình không nhớ được. Cho nên là phải có những tựa đề.

12. Niệm phát sanh do đếm tính, như là những sự vật mà ta không nhớ được ngay đó, nhờ đếm đi tính lại mới nhớ ra.

Có những điều mà phải nhớ đếm. Ví dụ như hôm qua có người hỏi Sư Minh Tuệ về 12 bộ kinh là gì? Sư Minh Tuệ không nhớ, [ngài] nhớ mỗi Khế kinh thôi, tại vì ngài không chuyên về Bắc truyền. 12 bộ kinh đó thuộc về Bắc truyền, ngài thì chuyên [về] Kinh A Hàm, Kinh Nikaya thôi. 12 bộ kinh có bài kệ mà chúng ta hay đọc là:

Trường hàng, Trùng tụng, tinh Cô khởi,

Thí dụ, Nhân duyên, dữ Tự thuyết

[Phương quảng, Luận nghị, cập Ký biệt]

Bổn sanh, Bổn sự, Vị tằng hữu.

Tức là bốn câu kệ, mỗi câu nói ba thể loại kinh, như là Trường hàng, Trùng tụng và Cô khởi (tinh là và; và Cô khởi); Thí dụ, Nhân duyên, dữ Tự thuyết. Thí dụ là thí dụ, Nhân duyên, và Tự thuyết là tự nói. Tiếp theo là Phương quảng, Luận nghị, cập Ký biệt; rồi mới tới Bổn sanh, Bổn sự, Vị tằng hữu…. 12 [thể loại] kinh, nhưng tựa đề là như vậy.

[Khi] người ta hỏi thì nhất thời ngài không nhớ ra. Thiện Trang đôi khi cũng không nhớ ra, điều đó là bình thường. Trừ khi chúng ta thành Phật thì mới [nhớ] được, còn chưa thành Phật thì việc không nhớ là chuyện bình thường. Khi mình không nhớ thì phải đếm. Ví như vừa rồi Thiện Trang đếm số chữ đó, Trường hàng là một thể loại, #Trường hàng là văn xuôi. #Trùng tụng là những bài kệ lặp lại nội dung đằng trước. #Cô khởi có nghĩa là những bài kệ mà riêng thôi, không có liên quan đến nội dung trước hay là sau. #Thí dụ là đưa ra những ví dụ. #Nhân duyên là đưa ra nói những việc do nhân làm sao, duyên làm sao. Dữ là và; #Tự thuyết là tự nói, không ai hỏi thì đức Phật tự nói luôn. #Phương quảng là những vấn đề nói rộng, ví dụ Thế giới này thường hằng hay không thường hằng, còn hay mất, v.v… #Luận nghị tức là bắt đầu đưa ra, chia chẻ hoặc là tranh luận, luận bàn những vấn đề mà ngoại đạo đưa ra. Giống như trong kinh, có đưa ra những lập luận. Đưa ra thì đức Phật trả lời A cũng không xong, mà B cũng không xong. Họ gài đức Phật như vậy. Nhưng đức Phật có thể trả lời được hết, Ngài trả lời khác, không A cũng không B, thì người ta thua. Hoặc là vừa A vừa B, hoặc A hoặc B, kiểu nào thì Ngài cũng trả lời được. Tùy tình huống mà Ngài trả lời, thế nào cũng gỡ được điều đó hết.

Đó là do tính đếm, mình có thể đếm, mình thấy chưa đủ thì mình đếm tiếp. Đếm chưa đủ 12 [thì mình nghĩ]: Có bốn câu kệ, 12 [thể loại], mà sao [từ] nãy [đến] giờ mình đọc mới ba câu. Đó là đếm, do đếm mà ra. Hoặc là mình đếm theo số: Một là gì, hai là gì, ba là gì, bốn là gì, năm là gì, sáu là gì. Ví dụ bây giờ nói Lục đạo Luân hồi đi, mình nói sáu con đường luân hồi. Vậy mình đếm: Trời, Người, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, đủ sáu rồi đó, kiểu đếm như vậy đó.

Hoặc là đếm các tầng Trời gồm có: 1. Tứ Thiên Vương, 2. Đao Lợi, 3. Tu Diệm Ma, 4. Đâu Suất Đà, 5. Trời Hóa Lạc, 6. Trời Tha Hóa Tự Tại, rồi 7,8,9 là ba tầng trời Sơ thiền: [Trời] Phạm Chúng, [trời] Phạm Phụ, trời Đại Phạm. [Rồi] Nhị thiền [gồm]: trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm. Tam thiền gồm: Trời Thiểu Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh. Rồi Tứ thiền gồm: Trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả. Có khi nói là trời Vô Vân hoặc là nói trời Quả Thật v.v… nói chung là cách đó.

Một hồi đếm tới trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Sắc Cứu Cánh, trời Ma Hê Thủ La v.v… Một hồi [đếm đến] bốn [tầng] trời [Vô sắc giới]: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Cách nói như vậy thì mình đếm một hồi, đếm đủ là được, đó là do đếm để nhớ được. Hoặc là để nhớ hiện tiền thì mình đếm hơi thở đó quý vị, mình đếm tới đếm lui. Hoặc là để niệm Pháp, để tâm mình hiện tiền thì mình đếm. Đó là cách đếm.

13. Niệm phát sanh do thuộc lòng những gì ta đã thuộc nhuần nhuyễn, nhớ đâu được đó.

Điều này thì rõ ràng đúng không? [Mình] học thuộc lòng đi thì mình nhớ ra liền. Học thuộc về giáo pháp, học thuộc về Phật v.v... Phật là giác ngộ, Phật là tỉnh thức v.v… Mình cứ gặp chuyện gì thì mình [nhớ] Phật là giác ngộ, Phật là tỉnh thức. Rồi từ sự giác ngộ, sự tỉnh thức đó mà mình tu được. Đó cũng là cách phát sanh Tâm sở Niệm do thuộc lòng.

14. Niệm phát sanh do tu tiến, tức là hành Tứ niệm xứ rất chuyên môn thì có trớn, cảnh đến niệm liền.

Tức là mình phải tu Tứ niệm xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Thật ra quý vị thấy chữ Niệm đó, là trong Tứ niệm xứ rồi, đúng chưa? Niệm Thân, niệm Thọ, niệm Tâm, niệm Pháp, bốn điều đều là niệm hết. Cho nên chữ niệm này, ngay trong Tứ niệm xứ cũng phải niệm, người không có niệm thì làm sao tu Tứ niệm

xứ đây. Nên ai mà lúc nào tâm cũng lơ đãng, này kia, thì phải ráng tu Tứ niệm xứ cho giỏi hơn, để có trớn rồi, thì cảnh đến là mình nhớ liền.

15. Niệm phát sanh do coi bổn, tức là nhờ coi sách mà được nhớ tới những gì ngoài sách ấy có liên quan tới.

Điều này thì giống như mình học kinh, học để mình nhớ, liên quan đến những điều gì đó, mình mở sách ra coi thì nhớ được.

16. Niệm phát sanh do cất để, là những vật cất có trật tự, khi muốn lấy rất dễ.

Điều này thì ai mà hay quên, để đồ lung tung, không nhớ, thì quý vị làm một cái kho, hộp, đồ nào để chỗ nào, tới lúc cần thì lấy dễ lắm. Cũng vậy, nếu mình không học theo thứ tự, mà học lung tung, lang tang, thì một hồi mình không nhớ được gì. Giống như Thiện Trang có nói với các vị đồng tu, là cố gắng làm Mục lục cho các bài này. Làm hai cái: một cái là về những chuyên đề. Ví dụ như người ta muốn tìm 24 Duyên hệ, thì người ta coi bài nào giảng Duyên hệ, ở phút bao nhiêu đến bao nhiêu. Hoặc lên [mạng] tải file đó về, kiếm là ra liền, 24 Duyên như Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Câu sanh duyên ở bài nào. Bài số mấy có Tiền sanh duyên, bài số mấy có Hậu sanh duyên đó v.v… Đó là Mục lục theo đề tài Duyên hệ.

Rồi đề tài về 52 món Tâm sở thì cũng vậy. Bài nào Thiện Trang giảng Tâm sở nào… quý vị lập như vậy thì người ta sẽ tìm rất dễ. Mai mốt Thiện Trang sẽ lấy file đó đưa lên trang web cho quý vị, để quý vị dò cho nhanh. Ngoài ra, ví dụ tu Thiền chỉ, tổng lược về tu Thiền chỉ, các bước tu Thiền chỉ. Rồi tu đề mục Biến xứ: Biến xứ Lửa, Biến xứ Gió v.v… ở bài nào, bài nào. Có Mục lục như vậy thì mới dễ tìm. Như [Thiện Trang] giảng về những đề mục khác nữa, ví dụ như các quả vị Thánh, thì [có] 33 quả vị Thánh, những quả vị đó ở bài nào v.v… như vậy mọi người học rất dễ.

Đó là một Mục lục mà Thiện Trang nghĩ là có đồng tu đã phát tâm rồi. Còn đồng tu nào muốn phát tâm nữa thì Thiện Trang chỉ cho làm bảng Mục lục thứ hai, là [làm] mục lục theo bài. Tức là trong bài đó thầy Thiện Trang chia sẻ

những vấn đề gì. Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4, bài 5, bài 6, đến bữa nay là bài 31. Quý vị làm như vậy thì mọi người có hai bảng Mục lục để tra cứu. Thứ nhất là Mục lục theo bài, và thứ hai là Mục lục theo chủ đề. Người nào học theo bài thì người ta cũng tìm được, mà học theo chủ đề thì cũng tìm được, cũng dễ tìm. Mình làm hai bảng Mục lục đó cho bộ này.

Nếu ai có điều kiện phát tâm in sách chẳng hạn, thì mình in Mục lục đó kèm đằng sau, thì mọi người tra cứu rất dễ dàng. Sau này có duyên [thì quý vị] làm. Còn Thiện Trang thì không bao giờ in sách của Thiện Trang. Thiện Trang in sách người khác, chứ không in sách của Thiện Trang. Hoặc sách của Thiện Trang dịch thì Thiện Trang in, còn sách Thiện Trang giảng thì không bao giờ in. Nếu ai muốn in thì tự in, Thiện Trang không bao giờ lấy tiền để tự in sách của mình giảng.

Đó là theo kiểu của Trung Hoa, các chư Tổ Trung Hoa dạy như vậy. Tất nhiên Phật cũng không dạy điều đó, nhưng thôi, mình cũng tuân thủ. Không biết sau này mình tu, mình ngộ rồi, thì mình có đổi ý hay không, chứ hiện tại mình giữ Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ đó, tạm thời là vậy để người ta khỏi nói là mình tự bán, tự khoe, thì không nên. Cho nên là thôi kệ. Mà biết đâu ngày nào đó giác ngộ rồi thì thấy không quan trọng điều đó, thiên hạ có chê thì kệ họ, họ chửi thì cũng kệ, mình làm lợi ích cho chúng sanh, mình thấy bộ đó đáng, có lợi ích thì mình cứ in. Có thể là một ngày nào đó như thế, còn bây giờ thì chưa làm. Với lại tiền Thiện Trang ấn tống vào những kinh sách khác, vẫn chưa có thời gian để in.

17. Niệm phát sanh do thường quen, là những sự vật đã thường làm và gặp rất nhiều lần, thì lúc hoặc gặp trường hợp vẫn nhớ vật thường quen rất dễ.

Ví dụ như chúng ta thấy có câu là: ‘Thế gian vô nan sự, đô lai tâm bất chuyên’. Nghĩa là thế gian không có việc gì khó, đều bởi vì do tâm không chuyên. Đây là sách Trung Hoa nói, nếu tâm mình chuyên là được. Nghĩa là trên đời đâu có gì khó đâu, quý vị đối với việc gì [miễn] tâm chuyên là được. Chuyên là điều gì mình cũng quen thuộc. Cũng vậy, mình học Phật pháp thì cũng phải

học tới nhuần nhuyễn, quen thuộc, không thể học kiểu mơ mơ màng màng mà có thể xài được Phật pháp, dùng Phật pháp tốt được.

Quý vị thấy Thiện Trang là một trong những người gọi là siêng học, rất siêng. Khi biết Phật pháp từ năm cuối năm 2009 và bắt đầu 2010, thì Thiện Trang học Phật pháp không biết mệt mỏi. Nói chung có thời gian là coi sách, học, nghe giảng v.v… tìm tòi nghiên cứu, rồi học và thực hành theo những gì có thể. Vậy mà bây giờ đến năm 2025, coi như 16 năm, thì rõ ràng là mới có một trình độ tạm tạm chút, ổn ổn chút, để mình hiểu được. Còn quý vị học ít quá, mà quý vị muốn hiểu tất cả mọi thứ thì không thể.

Tuy nhiên Thiện Trang nói, thật ra mình cũng không cần [học] nhiều như vậy, mình chỉ cần biết những gì mình cần thôi. Mỗi giai đoạn quý vị biết mỗi vấn đề của quý vị. Ví dụ bây giờ mục tiêu chúng ta là gì? Thiện Trang giảng cho quý vị nào là Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả A-la-hán, rồi Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Kiến đáo, Gia gia, Nhất chủng v.v… đủ kiểu, 33 quả vị, tính cả bốn địa vị trước (là Tứ gia hạnh). Nếu như quý vị học hết không nổi, thì quý vị học ít thôi. Bây giờ quý vị nhắm đến Tứ gia hạnh, rồi Tùy tín Hành, Tùy pháp hành v.v… Mình học mấy quả vị dưới đi, còn A-la-hán cao quá thì thôi.

Rồi Thiền chỉ chẳng hạn, bây giờ mình học tới 40 đề mục tu Thiền chỉ. Mình coi đề mục nào tu trước thì mình tu, còn [đề mục] nào [chưa cần] thì mình coi lướt qua rồi mình quên đi. Hãy chấp nhận quên đi, mình chỉ học những gì mình cần xài. Giai đoạn này ta cần điều này, giai đoạn khác ta cần điều khác. Ta biết là trong đó có, lúc nào đó cần thì sẽ xem lại, quý vị hiểu không? Đó là cách học. Chứ một lúc mà quý vị đua theo Thiện Trang, quý vị học hết tất cả những điều này thì làm sao được. Thiện Trang giảng là giảng cho nhiều đối tượng, nhiều căn cơ, và nhiều yêu cầu khác nhau.

Cho nên Thiện Trang giảng hết, còn quý vị lọc lại, tạm thời giai đoạn này con chỉ học điều này đã, con hành điều này cho xong, còn điều kia thì con biết được rồi. Còn không thì ghi nhớ sâu xa, để tâm mình thực hành thế nào đó cho hiệu quả. Nhưng mình vẫn nghe nha, chứ không phải nói con chỉ cần điều này thôi, còn điều kia con không cần quan tâm, thì sẽ bị thiếu kiến thức, tu không

được. Mình phải biết kiến thức đủ. Nhưng mình hành điều nào là mình chú tâm vào điều đó, để làm điều đó. Và giai đoạn này thôi, tới giai đoạn khác thì sẽ khác. Cho nên [quý vị] phải biết điều này.

Mười bảy yếu tố sanh Niệm ở trên, là tùy trường hợp và đủ hạng chúng sanh. Còn về phần bậc tu cao, thì nên tìm cách thực hành.

Tức là bình thường thôi, có đủ hạng chúng sanh. Còn mình tu cao hơn thì thực hành như thế nào? Mình thực hành về Nhân trợ, tức là mình tu nhân bổ trợ để sanh Niệm giác chi (Niệm giác chi trong Bát chánh đạo), thì có bốn nhân như thế này:

1. Phải tu Niệm lương tri, dịch nghĩa ra là Chánh niệm Tỉnh giác (là Chánh niệm và Tỉnh giác). Vậy mình niệm thế nào? Thay vì mình niệm tà, thì bây giờ mình niệm chánh. Niệm chánh là gì? Là luôn luôn nhớ về Chánh tri kiến (Chánh kiến). Có hai loại Chánh kiến: Chánh kiến thế gian và Chánh kiến xuất thế gian. Đó là quý vị tin nhân quả luân hồi, tin có nghiệp báo, tin có đời này đời sau, tin có cha có mẹ, có bát quan trai, có loài hóa sanh, có bậc A-la-hán, có người tu chứng quả. Đó là Chánh kiến của thế gian.

Tiếp theo quý vị hãy nhớ giùm Chánh kiến của xuất thế gian, là biết như thật về Khổ, về Tập, về Diệt đế và Đạo đế. Tức là quý vị nhớ giùm Bốn đế (Tứ đế). Quý vị phải có điều đó, quý vị không có điều đó là thôi, không có tu gì thì làm sao mà niệm được.

Và Tỉnh giác là gì? Là mình phải luyện, luôn luôn sáng suốt trong mọi hoàn cảnh, không bị cảnh làm mê. Ví dụ quý vị bị người ta chửi, thì quý vị phải nhớ ra ngay: Đừng mê! Đừng mê! Đừng nghe lời chửi đó, họ chửi kệ họ. Công thức mà người ta hay nói là 'mackeno' là 'mặc kệ nó'. Câu Thần chú 'mackeno' là kệ nó đi, không quan tâm. Họ chửi đúng hay chửi sai gì thì cũng kệ họ. Mình phải bình tỉnh, là tỉnh giác. Còn nếu mình bị cuốn theo câu chửi đó là mình bị chạy theo. Người ta nói xấu mình, thì mình phải tỉnh giác, coi họ nói có đúng hay không. Nếu họ nói đúng thì mình sửa. Nếu họ nói sai thì thôi kệ họ, thông cảm

cho họ, họ hiểu sai hoặc là vì mục đích gì đó, họ cố tình nói. Chứ còn mình nổi sân lên là không được.

Rồi nói xấu thầy mình, nói xấu bạn mình. Ví dụ như nhiều đồng tu đợt này mất công phu là vì sao? Vì chạy theo sự kiện Sư Minh Tuệ. Thấy bức xúc quá, thấy có nhiều người tốt, thấy thầy như vậy mà họ chửi thế này thế kia. Khi quý vị bức xúc là quý vị mê rồi, quý vị không có tỉnh giác, không có Chánh niệm được, mất Chánh niệm.

Quý vị phải biết chúng sanh ở đời là như thế, họ nương vào nghiệp báo nặng nề như thế, họ nói thì thôi kệ họ. Sự thật mãi mãi là sự thật, chân lý mãi mãi là chân lý, trước sau gì cũng được phơi bày. Nên nhớ vậy! Và mình phải đứng ở ngoài cuộc, mình coi đó là một bộ phim để mình coi, giống như phim thời đức Phật. Hồi xưa mình coi hết Đại tạng kinh thì mới coi được bộ phim thời đức Phật, mình dựng lại thành phim để mình coi. Nhưng coi phim đó cũng không hấp dẫn, bởi vì mình coi phim đó, mình biết kết quả rồi. Còn đợt này là quý vị coi bộ phim này là hành trình về Ấn Độ, không biết trước kết quả, không biết tình hình thế nào nữa đúng không? Các sự kiện cứ liên tục xảy ra phức tạp, hết chuyện này đến chuyện kia, mà mình cảm thấy nhiều lúc thua cuộc rồi.

Giống như hôm bữa gia hạn Visa, nhiều đồng tu kêu: 'Chết rồi! Bây giờ không đi được thì làm sao?' Thiện Trang chỉ cười thôi, Thiện Trang nói có hai lý do để Thiện Trang tin là việc gia hạn Visa thành tựu. Thứ nhất là Sư Minh Tuệ có phước báo, nói theo mình nói là tin tưởng vào Phật pháp. Thứ hai, nói theo thế gian, là mình phải tin rằng Thái Lan là một đất nước du lịch. Và không phải Thái Lan, mà các nước khác cũng vậy thôi, người ta cũng muốn có khách du lịch. Quý vị thấy mỗi ngày có biết bao nhiêu người Việt, từ trong nước cho đến hải ngoại, và từ các nước khác bay đến Thái Lan, nên [ngành] du lịch được [đi] lên. Mình bay tới Thái Lan thì mình phải trả tiền cho hãng Thái Lan, trả tiền cho khách sạn Thái Lan đúng không? Rồi mình mua đồ Thái Lan, mình mang tiền tới cho họ, thì tội gì họ không gia hạn cho thêm ngày. Có đoàn Sư Minh Tuệ, mới có bao nhiêu khách du lịch.

[Ngoài ra] đây là cơ hội để họ quảng bá hình ảnh đất nước Thái Lan lên toàn thế giới, có biết bao nhiêu người đang theo dõi. Vậy tại sao họ không không gia hạn, tại sao họ không giúp đỡ? Thậm chí họ còn muốn đoàn đó ở càng lâu càng tốt, quý vị hiểu không? Họ mong ở càng lâu càng tốt. Chứ mình hút được bao nhiêu tiền, bao nhiêu khách, [thì việc gia hạn] có là gì đâu. Rồi họ còn muốn bảo vệ [đoàn] nữa, bởi vì họ muốn quảng bá một hình ảnh, là những người đến Thái Lan được cảnh sát Thái Lan bảo vệ, giữ an ninh trật tự rất tốt đẹp. Họ cung kính như việc ra chào các Sư v.v… Cảnh sát Thái Lan thân thiện, quảng bá hình ảnh đó đến toàn thế giới, khách du lịch đến nườm nượp. Người ta biết điều đó nên người ta cho thôi. Đó là mình nói theo thế gian, là mình nhìn thấy được rồi, chứ chưa nói đến xuất thế gian. Xuất thế gian là mình tin vào Phật pháp nhiệm màu v.v… đúng không ạ?

Tại vì quý vị không nhìn thấy, nên quý vị cảm giác thấy khó khăn. Chứ Thiện Trang nói có gì đâu, mai mốt Sư Minh Tuệ đi khắp thế giới được. Vì sao? Với hai lý do trên, là ngài đi khắp thế giới được. Bởi vì nước nào cũng muốn quảng bá hình ảnh của mình hết. Mình chưa nói đến tâm linh, nhưng nói việc hình ảnh của mình tốt đẹp, đất nước mình tốt đẹp, và bao nhiêu tiền đổ vào [nước của họ]. Quý vị thấy bao nhiêu người tới Thái Lan thì phải xài tiền Thái Lan, xài tiền ở nước đó. Quý vị trả bao nhiêu tiền khách sạn, thì dân họ đỡ hơn đúng không? Quý vị mua nước, mua đồ cúng dường, v.v… là quý vị lấy tiền Việt Nam, tiền Euro, tiền nước Mỹ, tiền nước này nước kia đúng không? Và bao nhiêu kênh YouTube, bao nhiêu đài truyền hình, truyền thanh gì đó đưa tin, thì tự nhiên quảng bá hình ảnh của Thái lan. Quý vị thấy sướng không! Tội gì không làm! Cho nên họ nhìn ra được, không cần nói. Mà đất nước Thái Lan lại càng đúng nữa, vì [đất nước] Phật giáo mà. Qua các nước khác cũng vậy thôi, không có nước nào dại hết.

Rồi qua Myanmar, nhiều đồng tu sợ qua đó bị họ bắn chết. Xin lỗi! Bắn chết ai? Người ta thừa biết Sư Minh Tuệ nổi tiếng, [đâu] có ai dại mà bắn. Đầu tiên Myanmar là đất nước Phật giáo, họ rất mến mộ những người tu hành, làm sao họ dám bắn một vị chân tu đúng không? Đó là điều không thể. Điều thứ hai

là Myanmar cũng muốn những phiến quân, hay chúng ta nói những phe cánh nào đó đang đấu tranh, đều muốn sự ủng hộ của quốc tế. Nếu người ta làm mất đi một người có sức ảnh hưởng đến toàn thế giới, [bởi vì] toàn thế giới đang chú ý, ảnh hưởng đến người đó, thì người ta cũng mất sự ủng hộ.

Cho nên qua đó là chắc chắn được ủng hộ thôi, quý vị yên tâm đi! Quý vị nhìn thấy thế thôi, mình nói đó là phước của ngài, mình nói là Phật pháp nhiệm màu, nhưng thật ra nếu mình có trí tuệ một chút thì mình sẽ nhìn ra ngay. Cho nên chỉ có những người ngu mới không ủng hộ Sư Minh Tuệ. Chỉ có những người ngu mới không tận dụng được hình ảnh của ngài, cho nên rất là đáng tiếc. Thiện Trang nói rất đáng tiếc.

Chứ còn chỉ cần đi theo ngài, giả bộ cho mấy người gọi là ham danh một chút, đi quay YouTube, cứ quay rồi đưa những hình ảnh đẹp lên, toàn là hình ảnh đẹp, thì càng đẹp bao nhiêu sẽ càng thu hút được nhiều người bấy nhiêu. Nhưng chúng sanh dại quá, họ toàn đi phá để mau tiêu phước. Nhưng không sao, Thiện Trang nghĩ càng như vậy càng tốt, càng kịch tính, thì bộ phim đó càng hay, càng gay cấn, càng hấp dẫn. Các vị đó bị hù lên hù xuống, rồi coi các Sư tu thế nào. Phải luyện chứ, phải ra thử thách chứ, càng như vậy thì mình càng thấy đạo hạnh và khả năng nhẫn nhục, kham nhẫn, và trí tuệ [của các ngài] v.v… mình thấy càng tốt. Cứ như vậy mà qua được thì chúng sanh càng thương hơn phải không? Cho nên càng làm thì càng sáng thôi, không có vấn đề gì hết.

Cho nên để tu nhân sanh Niệm này, để cho giúp cho Niệm giác chi, thì đầu tiên là phải Chánh niệm, và thứ hai là Tỉnh giác. Đó là mục đầu tiên.

2. Điều thứ hai là tránh người lẫn và người hay quên. Nghĩa là quý vị đừng thân cận những người lẫn và người hay quên, [vì] họ thất niệm. Người lẫn, người hay quên thì quý vị biết rồi đúng không? Mấy người hay quên khổ lắm, họ gây phiền phức cho mình, nên mình cũng quên luôn. Tại vì người ta đâu có nhớ, người ta thường gây phiền phức. Người lẫn thì khỏi nói, họ bệnh rồi nhưng nhiều khi cứ quên hoài.

Ở đây nói để tu được Niệm giác chi, thì quý vị tránh những người đó. Cho nên trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya (nói chung pháp tu nguyên thủy đó), thì chúng ta thấy toàn là hãy tránh duyên đi, mấy người Phiền não quá thì nên tránh đi; mấy người sân si quá thì hãy tránh đi v.v… tránh, tránh, tránh. Bởi vì mình tu chưa thành. Còn khi quý vị tu thành rồi, thì gặp mấy người đó để luyện thêm một tầng nữa. Chứ còn chưa gì hết, quý vị tu chưa thành, mà ra gặp mấy người đó thì quý vị bị phiền não trước.

Người hay quên, suốt ngày họ phiền não, rồi họ không nhớ. Đáng lẽ mình làm A, mà một hồi họ quên mất, họ nghĩ mình làm B. Rồi có những người mơ mộng, quý vị biết trí nhớ của họ kém, họ suy nghĩ hoặc là họ nằm mơ thế nào đó, bắt đầu họ nhớ ra. Bữa sau họ lại quên, họ tưởng đó là sự thật, bắt đầu họ nói sao bữa trước làm tôi như vậy, nói xấu tôi như vậy v.v… Mình ngỡ ngàng, kêu: Ủa, ở đâu ra! Đó là do họ mơ hoặc họ tưởng thôi, nhưng vì họ quên, trí nhớ của họ không tốt, họ lẫn rồi, cho nên họ cho đó là thật.

Và hiện tượng này, ai sống với người già thì biết, mấy người lẫn lẫn là hay có hiện tượng này. Tức là sẽ có những chuyện, tự nhiên họ tưởng tượng cho mình những tội lỗi từ đâu ra. Mình cũng không biết từ đâu ra luôn. Họ tưởng ở trong tâm rồi gán cho mình luôn. Họ quên mà, họ quên cho nên họ nghĩ đó là sự thật.

3. Điều thứ ba là hãy thân cận với người có niệm vững vàng. Cho nên phải thân cận với những người có niệm vững vàng, thì người ta sẽ giúp mình có Chánh niệm hơn, có Niệm giác chi. Tại vì sao? [Vì] người có niệm vững vàng thì người ta sẽ nhắc mình, và mình ở bên cạnh họ thì giống như từ điển sống, v.v… mọi thứ. Rồi lúc nào người ta cũng tỉnh giác, cho nên mình cũng tỉnh giác theo. Còn người hay quên, họ lẫn lẫn, thì mình cũng quên theo.

4. Điều thứ tư là hãy chăm chú với thân tâm, với hành động của thân tâm. Có nghĩa là với những việc gì của tâm và của thân, thì quý vị phải quan sát cho kỹ vô. Đây là thuộc về tu Tứ niệm xứ. Có nghĩa là tâm sân thì quý vị phải biết sân, tâm tham thì phải biết tham, tâm đang hoài nghi thì biết đang hoài nghi, tâm ta đang keo kiệt thì biết đang keo kiệt. Rồi hành động, khi ta làm thì

biết hành động này sai rồi, hành động kia sai rồi v.v… Người sáng suốt như vậy. Đó là bốn yếu tố giúp cho mình tạo ra được Niệm giác chi.

Cuối cùng Tâm sở Niệm là một trong 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, phối hợp với tất cả Tâm sở Tịnh hảo, là 24 tâm Dục giới Tịnh hảo, 15 tâm Sắc giới, 12 tâm Vô sắc giới và 40 tâm Siêu thế. Ở đây có đồng tu thắc mắc là sự kết hợp như thế nào để tạo ra tâm? Thật ra tâm là một khái niệm khác, nó kết hợp từ Tâm sở mà ra tâm, nhưng tâm là khái niệm khác. Ví dụ như Dục giới có 24 tâm Dục giới Tịnh hảo, thì chúng ta sẽ học 24 tâm đó là thế nào. Thật ra là nó chia theo kiểu khác. Rồi 15 tâm Sắc giới, Sắc giới thì tất nhiên là tốt đẹp rồi, là Tịnh hảo rồi; và 12 tâm Sô sắc giới.

Tại sao lại có những tâm đó, thì sau này mình sẽ học, ở trong đó có những Tâm sở nào thì mới ra bao nhiêu tâm đó. Rồi có 40 tâm Siêu thế. 40 tâm Siêu thế đây thật ra là gồm có bốn đạo; bốn đạo tức là Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả; rồi bốn hướng nữa là tám. Mỗi cái có 5 tâm, thì 8 x 5= 40. Mai mốt mình học vô điều này thì mình mới hiểu, chứ bây giờ nói sơ sơ thì quý vị không hiểu đâu. Tại vì nó không phải là kết hợp giống kiểu như chúng ta đếm, không phải lấy 52 Tâm sở này, rồi tâm này kết hợp tâm kia thì ra tâm đó. Rồi tại sao tâm Dục giới có nhiều vậy, tâm Sắc giới có nhiều vậy? Không phải! Đó là một cách chia khác nữa. Cho nên từ từ, chưa học tới thì đừng [vội] thắc mắc, mình cứ từ từ nha.

Bây giờ Thiện Trang chia sẻ tiếp một Tâm sở nữa, đó là Tâm sở Tàm. Bữa trước mình học [Tâm sở] Vô tàm rồi đúng không quý vị? Chúng ta thấy học [Tâm sở] Vô tàm rồi, thì bữa nay mình học [Tâm sở] Tàm thôi. Tâm sở này hôm bữa mình học ở đâu rồi, quý vị còn nhớ không? Mình chỉ cần nhớ đối ngược lại với [Tâm sở] Vô tàm thì thành [Tâm sở] Tàm thôi, đối ngược với Tâm sở Vô úy thì thành Tâm sở Úy thôi. Có khó gì đâu! Cho nên là dễ rồi đó. Rồi có [Tâm sở] Tham, thật ra ngược lại với Tham là Vô tham, ngược lại với Sân là Vô sân. Cho nên tưởng là 52 món Tâm sở nhiều lắm, nhưng thực tế mình chỉ học có bao nhiêu đó thôi. Và nó có những điều ngược lại, cho nên dễ. Cho nên Thiện Trang giới thiệu [Tâm sở] Tàm này nhanh qua thôi.

Tàm là gì? Định nghĩa Tàm là làm cho chúng sanh chùn lại, hay thoái thất, vì thấy hổ thẹn trước những ác hạnh hay là ác nghiệp. Có nghĩa là bây giờ mình thấy hổ thẹn, mình chùn bước lại, mình không làm nữa đối với những ác hạnh và ác nghiệp. Ví dụ như chúng ta học hoài thì chúng ta biết Ngũ giới rồi: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. [Biết là không nói dối], nhưng mình cứ thích nói dối hoài. Nhưng mỗi lần nói dối, mình kêu: nói dối là tạo ác nghiệp, nói dối là phạm giới v.v… mình nghe hoài thì mình cũng thấy hổ thẹn chứ. Thế là mình chùn bước lại. Tức là mình thấy tội lỗi quá, cho nên hồi xưa nói dối 10 câu, dần dần nói 9 câu, nói 8 câu, rồi 7 câu, dần dần nói 1 câu cũng thấy hổ thẹn nữa, rồi không nói nữa. Đó là Giới.

Giới là gì? Thật ra định nghĩa Giới trong chữ Hán, mình ôm cuốn từ điển Hán Việt ra tra, thì Giới có nghĩa là sự ngăn cấm, sự ngăn che v.v… Nhưng thật ra nếu quý tra từ điển tiếng Pali với từ điển Sanskrit thì không phải. Theo từ điển Pali với từ điển Sanskrit, ngôn ngữ trong kinh nói Giới gọi là 'học giới', tức là giới là điều mà tôi đang phấn đấu để đi tới. Định nghĩa đơn giản vậy đó. Tức là giả dụ tôi có giới gọi là không vọng ngữ (không nói dối), nghĩa là tôi phấn đấu để tôi đạt đến việc là không vọng ngữ (không nói dối).

Cho nên 250 giới của Tỳ-kheo (theo Bắc truyền) hay là 227 giới Tỳ-kheo (theo Nam truyền), nghĩa là học giới của Tỳ-kheo. Ngôn ngữ trong kinh đúng nghĩa là Học giới Tỳ-kheo. Học có nghĩa là tôi học làm sao để tôi hoàn thành giới đó là xong. Mà xong giới đó thì gọi là Cận viên, là gần viên mãn, gần địa vị A-la-hán. Cho nên tôi giữ được giới thì tôi thành A-la-hán thôi. Mà giờ tôi chưa làm được, cho nên tôi chưa làm A-la-hán. Năm giới (Ngũ giới), Bát giới (Bát quan trai) là nhân, phải nói là học giới của một người vào Tu-đà-hoàn. Có nghĩa là nếu quý vị là Tu-đà-hoàn thì quý vị sẽ làm được tám giới Bát quan trai, quý vị hiểu không? Vậy thôi, chứ có gì đâu. Giới là Học giới. Còn hồi xưa mình học, giới là ngăn cấm, ngăn che, tại vì mình theo chữ Hán. Sau này do Thiện Trang biết thêm chữ Pali, Sanskrit, biết chút chút thôi chứ không biết nhiều, nói chung là biết căn bản để mình coi, để mình đối chiếu: Ủa! Điều này dễ mà.

Cho nên thay vì đức Phật đưa ra để cho mình học tập, để dần dần mình hoàn thiện. Thì mình đưa ra một khái niệm là ngăn cấm, bắt người ta không làm. Chính vì ngăn cấm bắt người ta không làm, cho nên đạo Phật thành đạo hơi bắt buộc người khác, điều sai là ở chỗ đó.

Cho nên đôi khi ngôn ngữ làm mình hiểu lầm. Thật ra thì không có hiểu lầm, là do mình không học thôi. Ngay trong Hán tạng, cũng là chữ "học giới". Còn mình đọc giới thứ nhất, giới thứ hai, giới thứ ba, rồi mình vô tra chữ Hán coi Giới là gì? Bắt đầu thấy Giới là ngăn cấm, ngăn che. Tổ sư nào phát minh ra, quất cho một phát. Không phải Tổ sư, mà người nào giảng đó, thế là một mớ người bắt đầu giảng theo. Quý vị hiểu không? Sau này Thiện Trang nói: Ngôn ngữ này không diễn tả được, nhưng ngôn ngữ khác thì diễn tả được. Sau này Thiện Trang hiểu rồi, nên bữa nay [Thiện Trang giảng] về Giới để quý vị hiểu.

Cho nên Giới là gì? Đơn giản tức là yêu cầu quý vị làm theo, hãy làm theo đi. Học giới tức là hãy học để làm được. Cho nên quý vị thấy Sư Minh Tuệ và những vị Sư tu theo Sư Minh Tuệ, là tu đúng đó. Tập học, còn đang tập học, bao giờ thành tựu là thành công. Vậy thôi! Cho nên điều khó là quý vị không muốn học, không học thì suốt đời quý vị nói thọ Ngũ giới, Thập giới, thọ giới Tỳ-kheo, thọ giới gì đó mà quý vị không làm, thì quý vị vẫn dậm chân tại chỗ.

Cho nên nói ‘đắc giới thể’ ghê gớm gì đâu, thật ra điều đó không quan trọng. Mà quan trọng là mình phải có chí cầu giới đó. Tôi muốn làm hoàn thành giới đó, để tôi được mục tiêu là chuyển phàm phu thành Thánh nhân. Và giữ được một giới thì gọi là giải thoát được một giới, an vui được một giới đó, và cứ giữ được nhiều [giới] thì càng an vui bấy nhiêu. Bây giờ ngược lại, nhờ việc giữ giới đó, tôi muốn học điều đó, cho nên tôi có sự sám hối (hổ thẹn) đối với những điều tôi chưa làm được (những ác hành, ác nghiệp). Điều hổ thẹn này chính là Tâm sở Tàm.

Tâm sở Tàm là gì? Là hổ thẹn trước các tội lỗi. Tâm sở này giúp ta biết mắc cỡ, khi mình hay người có những nghiệp bất thiện ở ba nghiệp thân, khẩu, ý. Có nghĩa là mình sẽ mắc cỡ, mình thấy mình làm sai rồi, bữa nay mình tham quá, mình sân quá. Tuy mình không biểu hiện ra, nhưng mình thấy bữa nay

mình sân quá, mình thấy mình không xứng đáng với hạnh tu, với người và với mình. Hoặc mình thấy mình làm những việc không tốt... [Tâm sở Tàm] là như vậy. Đó là trong Vô Tỷ Pháp Tập Yếu nói vậy.

Tâm sở Tàm không nói đến khái niệm đạo đức, mà chỉ nói đến đặc tính đơn thuần là một thuộc tánh của Tâm sở Tịnh hảo. Tức là Tâm sở này giống như chất miễn nhiễm điều xấu của Tâm sở Tịnh hảo. Có nghĩa là nếu quý vị có Tâm sở này, thì không nói gì về đạo đức, tự nhiên quý vị miễn nhiễm được với các điều xấu. Bởi vì quý vị thấy làm điều này xấu quá, làm điều này không tốt v.v… mình không được như vậy, thì tự nhiên nó có tính ngăn trở.

Giống như có người hỏi: 'Tại sao con thấy uống rượu thì bất an'. Thì đúng rồi! Tại vì điều đó là một vấn đề không tốt, cho nên tu Thiền định làm sao được. Khi tâm mình bất an, thì tu Thiền định làm sao đắc. Quý vị hiểu không? Quý vị có một vấn đề gì lấn cấn, là quý vị cảm thấy xấu hổ, hổ thẹn, mặc dù có thể là không ai biết hết, nhưng quý vị biết. Tại vì quý vị biết, nên Tâm sở này giác được rồi, thì quý vị bất an, tu không đắc Định, không đắc Thiền.

Cho nên tại sao người phạm giới tu không đắc? Tại vì chính họ [bị] những vấn đề đó, tâm họ cứ ray rứt [nghĩ]: Tôi làm không đúng rồi, tôi đã phạm giới của Phật chế rồi v.v…. Mình muốn làm Thánh nhân mà sao mình phàm phu quá. Cứ nghĩ vậy đó nên tâm mình bất an. Bao giờ quý vị làm Bồ-tát, thì các ngài làm khác, còn phàm phu chúng ta thì không như vậy. Cho nên chính những điều này khiến cho mình như vậy.

Mà điều này [Tâm sở Tàm] trong Phật pháp thì cao hơn đạo đức. Còn Tàm trong thế gian là đối với khái niệm đạo đức thôi. Cho nên phải cẩn thận.

Bốn ý nghĩa quan trọng là:

Tàm có tướng trạng là gớm các điều ác (gớm là sợ), **có nhiệm vụ là không làm điều ác, bởi vì do có sự hổ thẹn. Có biểu hiện là chối bỏ những điều ác, và nhân gần nhất đó là lòng tự trọng.**

Những người nào có Tâm sở Tàm này, thì tự nhiên sẽ thoái thác trước những ác pháp. Giống như quý vị lông gà bỏ vô lửa thì co rút lại. Bây giờ chắc không ai thấy lông gà đâu, nhưng mình cứ tưởng tượng có một thứ gì đó bỏ vô lửa thì nó co rút lại. Cũng vậy, một người có Tâm sở Tàm thì họ sẽ dừng lại trước những ác pháp. Nên những người làm các việc ác mà không dừng lại, thì họ không có Tâm sở Tàm. Cho nên họ thành diện người ác. Đối với Tàm là Vô tàm. Mà người Vô tàm thì họ sẵn sàng làm phạm những điều này, mà không hề ăn năn, hối hận.

Như vậy [Thiện Trang giới thiệu xong Tâm sở Tàm]. Thiện Trang giới thiệu thêm Tâm sở Úy. Tàm, Úy thì hôm trước [chúng ta đã] học Vô tàm, Vô uý rồi, nên bữa nay mình ôn lại thôi. Một người tu hành thì phải có Tàm, có Úy. Bởi không có Tàm, Uý thì chẳng tu được.

Tâm sở Úy: Úy là ghê sợ hành theo ác pháp, bởi vì ý thức được sự đa dạng của những ác quả. #Úy tức là sợ. Sợ điều gì? Sợ làm theo việc ác này thì mai mốt nó sẽ trổ ra những quả ác. Mình sẽ nhận lấy những quả ác, cho nên mình sợ.

Ví dụ nghe nói phạm giới Tỳ-kheo, trong bốn giới Ba-la-di, thì sẽ đọa Địa ngục bằng tuổi thọ bằng trời Tha Hóa Tự Tại. Nghe vậy sợ quá nên thôi không làm. Rồi nghe nói hàng Cư sĩ, nếu phạm một giới nào đó trong bốn giới trọng của giới Thanh văn, thì cũng đọa Địa ngục bằng tuổi thọ của tầng trời Tứ Thiên Vương. Mình nghe vậy sợ quá, nên mình không dám phạm. Bởi vì không dám làm theo ác pháp đó.

Giống như quý vị là [Cư sĩ] tại gia, quý vị không dám hành tà dâm. Tại sao? Vì quý vị nghe thầy Thiện Trang giảng giới tà dâm trong Giới luật là: Nếu Cư sĩ tại gia phạm giới nặng nhất thì cũng đọa Địa ngục bằng tuổi thọ của tầng trời Tứ Thiên Vương. Mình nghe nói vậy mình sợ quá. [Thực ra] đó chỉ là Đột-kiết-la thôi. Nhưng mình sợ quá nên mình cũng không dám làm. Hoặc là nghe nói người phạm giới tà dâm mà phạm giới trọng thì mai mốt thần thức hôn mê, trong Kinh Địa Tạng nói phạm giới đó thì mai mốt làm chim sẻ, bồ câu, uyên ương, v.v…. Những tội đó mình nghe [ghê] quá.

Còn có một số vị giảng nữa là mai mốt đọa vào Địa ngục Cột Đồng. Thiện Trang không biết đọa Địa ngục Cột Đồng là theo kinh nào, Thiện Trang chưa tìm thấy. Quý vị nào thấy tội tà dâm bị đọa Địa ngục cột đồng theo kinh nào, thì quý vị chịu khó gửi cho Thiện Trang, để Thiện Trang giảng cho chính xác. Còn không, mình cứ nghe nói rồi mình nói lại hoài, mình truyền nhiều khi đúng, nhiều khi không biết từ đâu, và có nhiều khi sai nữa.

Bây giờ Thiện Trang kinh nghiệm lắm. Thiện Trang không vội tin những điều tuyên truyền, dù nghe thấy hợp lý. Nhưng mình không thấy điều đó có trong kinh, thì mình phải suy xét lại, phải coi lại, chứ không phải cứ cắm đầu [nghe] như hồi xưa. Bởi vì [Thiện Trang] phát hiện ra nhiều điều được truyền một hồi, nhưng thấy không có trong kinh gì hết, mà truyền từ thế hệ này qua thế hệ kia. Tóm lại không thấy trong kinh, thậm chí trái trong kinh nữa, mà trái trong kinh là không được rồi. Nếu không thấy trong kinh thì còn chấp nhận được. Còn bây giờ nếu mình thấy trái với kinh thì Thiện Trang kêu nhất định không truyền. Mình không biết thì thôi, chứ biết rồi thì làm sao dám truyền.

Nên ở trên [Tâm sở Tàm] là hổ thẹn, còn đây [Tâm sở Úy] là sợ. Sợ điều gì? Sợ ác quả, tức là sợ quả báo ác đến.

Tâm sở Tàm là khác với sự nhút nhát thông thường. Úy là khác với sự sợ hãi thông thường của chúng sanh. Một Phật tử không phải sợ hãi bất cứ cá thể nào, cho dù là một vị trời. Phật giáo không dựa trên sự sợ hãi của Vô minh.

Có nghĩa là nếu quý vị là Phật tử thì đừng sợ gì hết, không sợ gì hết, không sợ cá thể nào. Nhưng mình sợ điều gì quý vị? Mình sợ quả báo chứ không phải sợ người. Nên thường mình sợ là sợ sai, sợ đối tượng này, sợ đối tượng kia. Thật ra không phải! Phật giáo là dạy cho mình sợ quả của mình. Mình sợ quả thì đừng có trồng nhân xấu. Tâm sở Úy này thật ra cũng là một trong những Tâm sở Tịnh hảo thôi.

Đơn thuần là tính chất làm cho các pháp đồng sanh (tức là các Tâm sở khác, hoặc làm vấn đề khác đồng sanh ra), **miễn nhiễm được điều xấu**. Nên Tàm với Úy là giúp cho mình tránh được điều xấu.

Tâm sở Úy cũng không được luận bày bốn ý thật tướng. Mà chỉ mượn bốn ý thiện pháp của bề trên. Cũng tương tự như vậy, Úy có tướng trạng là sợ điều ác. Nhiệm vụ là không làm các điều ác (do mình sợ mà). **Biểu hiện là chối bỏ các điều ác** (cũng là do mình sợ), **và nhân thân cận là tôn trọng người khác**. Quý vị biết khác ở trên [Tâm sở Tàm] là tôn trọng mình, còn đây [Tâm sở Úy] là trọng người khác.

Người có Úy thì ra sao? Điều kiện có Tâm sở Úy ra sao? Pháp nào mà ghê sợ, sự vật đáng ghê sợ bằng lối phải đến tội ác. Ghê sợ như thế là điều kiện Úy. Có nghĩa là bây giờ mình biết sự vật đó, sự việc đó ghê sợ, vì nó dẫn mình đi về lối tội ác, mình biết nên mình sợ. Như vậy, sợ này là mình phải có học pháp. Nhiều người ở thế gian do họ không học pháp, không học thì họ đâu có biết. Ví dụ như sát sanh, thì cứ sát sanh thôi, thấy bình thường mà. Nhưng [khi] học rồi [pháp] thì mình thấy sợ, [nên] mình tránh. Nhiều người nghĩ trộm cắp thì trộm cắp thôi, v.v…. Nhưng học Phật pháp thì dần dần mình sợ, cho nên cũng phải có nhận thức.

Như vậy cả hai Tâm sở Tàm và Úy này gọi chung là giềng mối của thế gian, giúp cho thiên hạ tránh được những vấn đề, như để thiên hạ không giống như các loài thú, tránh được nạn như loạn luân, hay không khát máu. Quý vị thấy Tàm, Úy có giềng mối với thiên hạ, dù cho thế giới văn minh hay không văn minh, quý vị cũng thấy không có những chuyện loạn luân. Trong A Tỳ Đàm ghi là cha không được có chuyện quan hệ với con gái, mẹ không có quan hệ với con trai, v.v…. thì đó là loạn luân. Đó là do những Tâm sở này sanh ra. Tránh những nạn như khát máu, giết người ghê gớm, đó là do những Tâm sở này. Nên [Tâm sở] này giữ được giềng mối cho thế gian được ổn định.

Còn nói theo trong kinh tạng thì Úy gồm có bốn trường hợp:

Thứ nhất là sợ lương tâm cắn rứt. Úy này là Tâm sở sợ, sợ lương tâm mình cắn rứt. Ví dụ như mình làm việc ác thì tự nhiên lương tâm mình cắn rứt thôi. Mình thấy sợ điều đó, mình sợ đời bất an vì tâm mình cắn rứt. **Thứ hai là sợ tiếng đời dị nghị.** Tức là mình làm việc gì đó xấu thì mình sợ người đời nói. **Thứ ba là sợ pháp luật trừng trị**. Có nghĩa là mình làm việc xấu thì sợ bị pháp luật trừng trị. **Thứ tư là sợ sa đọa cảnh khổ.** Nghĩa là sợ nhân quả. Mình làm việc không tốt, việc xấu, thì tự nhiên mai mốt đọa đường ác thôi. Hoặc [vào] đường thiện thì khổ báo tới.

Đó là bốn điều sợ mà nói theo kinh tạng. Như vậy Tâm sở Úy này là sợ. Thứ nhất là sợ lương tâm cắn rứt. Thứ hai là sợ tiếng đời dị nghị. Thứ ba là sợ pháp luật trừng trị. Và thứ tư là sợ sa đọa vào cảnh khổ. Cho nên Tâm sở Úy này quan trọng. Còn ngược lại [với Úy] là Vô úy là bất thiện, thì chúng ta đã học ở trên. Do đó điều quan trọng nhất là Tâm sở Tàm và Tâm [sở] Úy này là pháp để hộ trì thế gian.

Như vậy chúng ta [đã] học sơ qua các Tâm sở rồi. Bữa nay mình học được bốn [Tâm sở] nữa rồi. Bên này 13 [Tâm sở Tợ tha], và 14 [Tâm sở Bất thiện], là 27 [Tâm sở] rồi. Mình học thêm bốn [Tâm sở] nữa là 31 [Tâm sở]. 52 [Tâm sở] mà cũng [học] được 31 [Tâm sở] rồi. Như vậy còn có 21 Tâm sở nữa thôi, thì cũng không khó lắm, mình cứ học từ từ.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu một đoạn về Luận Câu Xá, chứ không, mình học nhiều [về A Tỳ Đàm] quá, mà từ bữa giờ [mình] không học về Luận Câu Xá. Lâu lâu học một đoạn thôi, bây giờ [chúng ta] học nhiều hơn rồi đó. Những phần quan trọng thì Thiện Trang đã giới thiệu, và đưa trước cũng gần hết rồi, [nên] từ từ mình học Luận Câu Xá. Khi có nền tảng rồi thì mình chạy một mạch cho nhanh.

若不爾者，餘心所法及不相應，非蘊攝故應非苦集，則不可為應知應斷。如世尊說：若於一法未達未知，我說不能作苦邊際。未斷未滅說亦如是。是故定應許除四蘊餘有為行皆行蘊攝。即

此所說受、想、行蘊，及無表色、三種無為，如是七法於處門中立為法處，於界門中立為法界。

Nhược bất nhĩ giả, dư tâm sở pháp cập bất tương ưng, phi uẩn nhiếp cố ưng phi Khổ Tập, tắc bất khả vi ưng tri ưng đoạn. Như Thế Tôn thuyết: Nhược ư nhất pháp vị đạt vị tri, Ngã thuyết bất năng tác khổ biên tế. Vị đoạn vị diệt thuyết như thị. Thị cố định ưng hứa trừ tứ uẩn dư Hữu vi hành giai Hành uẩn nhiếp. Tức thủ sở thuyết Thọ, Tưởng, Hành uẩn, cập Vô biểu sắc, tam chủng Vô vi, như thị thất pháp ư Xứ môn trung lập vi Pháp xứ, ư Giới môn trung lập vi Pháp giới.

Giải:

#*Nhược bất nhĩ giả, dư tâm sở pháp cập bất tương ưng*: tức là nếu không như vậy, thì các Tâm sở khác và Bất tương ưng (là Bất tương ưng Hành pháp).

#*Phi uẩn nhiếp cố ưng phi Khổ Tập, tắc bất khả vi ưng tri ưng đoạn*: có nghĩa là nếu không như vậy, thì các Tâm sở pháp khác và Bất tương ưng Hành pháp, không phải do tích chứa, duy trì, cho nên nó không phải là nguyên nhân của khổ, thì không thể; #bất khả là không thể; là nên cần biết phải đoạn trừ.

Ở [đoạn] này là do mình [học] lâu quá nên mình quên rồi, Thiện Trang cũng quên luôn. Đoạn này đang nói về: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mình cứ từ từ học. Mình hiểu là: Nếu không phải như vậy, tức là ở đây đưa ra một giả thuyết, lý luận thôi. Bây giờ đọc lại đoạn đó thì hơi mất công, quý vị cứ hiểu rằng đoạn này là giả thuyết thôi. Ngài Huyền Trang, ngài Thế Thân đưa ra lập luận: là nếu không phải theo lập luận đó, thì các Tâm sở pháp khác và Bất tương ưng Hành pháp, không phải do tích chứa, duy trì, thì không phải là nguyên nhân của khổ. Tức là nó không đúng, nên không cần biết để đoạn trừ, không đoạn trừ được, tại vì mình phải có căn cứ.

Ví dụ bây giờ mình đang học Tâm sở Bất thiện, thì mình phải biết là các Tâm sở Bất thiện này như thế, do những Tâm sở này là nguyên nhân của khổ, gây ra khổ. Bây giờ mình biết thì mình mới đoạn được Tâm sở Bất thiện, để

mình không gây ra nguyên nhân của khổ, đơn giản là vậy. [Thiện Trang] không nhắc lại [nữa, [vì] dài quá.

#*Như Thế Tôn thuyết*: là như đức Phật nói, đức Thế Tôn nói.

#*Nhược ư nhất pháp vị đạt vị tri, Ngã thuyết bất năng tác khổ biên tế*: tức là như đức Phật nói: Nếu đối với một pháp mà chưa đạt được, chưa biết, thì Ta nói không thể làm bờ mé của khổ được; #vị là chưa, là phó từ; #biên tế là bờ mé.

Tức là bây giờ đối với một pháp mà quý vị không biết, chưa đạt được, thì đức Phật nói đó không thể nào làm nguyên nhân của khổ được. Ở đây nói nguyên nhân của khổ, là do gốc gác từ Tâm sở. Mình phải nói là từ Tâm sở [mà] gây khổ.

Cho nên nguyên nhân khổ (hay Tập đế) là gì? Chúng ta biết khổ là do từ đâu ra không? Bây giờ học một hồi, mình nói khổ từ đâu ra? Bắt đầu người ta nói khổ là do đời khổ, do hoàn cảnh khổ v.v… Thực ra nói một hồi [nhưng] không rốt ráo. Nhà Phật nói khổ là do Phiền não, có Phiền não cho nên có khổ. Quý vị hết Phiền não, gọi là 'ái tận tức Niết-Bàn'. Khi quý vị hết Phiền não thì quý vị không sanh vào luân hồi nữa, thì quý vị hết khổ. Còn [ở] trong vòng luân hồi thì như vậy.

Giống như quý vị muốn hết khổ mà quý vị cứ chui vô, biết chỗ đó lạnh mà cứ vô trong đó ở thì lạnh thôi. Muốn hết lạnh thì đi ra khỏi nhà băng đá đó, biết chỗ đó nóng thì đừng chui vô. Bây giờ chúng ta biết *'Tam giới không an, giống như nhà lửa',* mà cứ chui vô thì khổ thôi. Muốn đừng chui vô, thì phải diệt trừ Phiền não đi, hết mười Kiết sử Phiền não thì không vô Tam giới nữa, thì hết khổ. Còn trong Tam giới thì còn khổ.

Cho nên mình không biết được nguyên nhân, thì mình làm sao nói [được] khổ đó rốt ráo từ đâu. Bây giờ mình phải biết nguyên nhân, còn không biết nguyên nhân thì mình cứ đổ lỗi cho chúng sanh: Tôi khổ quá vì ông chồng tôi chửi, tôi khổ quá vì mẹ chồng ăn hiếp tôi v.v… Thật ra đó không phải nguyên nhân của khổ, đó chỉ là một nguyên nhân gần thôi, là biểu hiện của nghiệp, biểu

hiện của những vấn đề. Bây giờ nếu quý vị lên cõi Trời là quý vị hết khổ, bớt một phần khổ. Lên cõi Sắc giới thì đỡ khổ. Còn ra khỏi sanh tử thì quý vị hết khổ.

Quý vị lên đến cõi Trời, cho dù làm mấy cung nữ, [thì cũng đỡ khổ]. Ở cõi Trời có 500 cung nữ (tất nhiên 500 là con số tượng trưng thôi), thì cung nữ ở cõi Trời cũng sướng hơn cung nữ ở cõi Người. Cứ nửa tháng, từ ngày mùng 8, ngày 15 thì họ được thả đi chơi. Ăn uống dọn dẹp trên cõi Trời cũng không phải dọn dẹp rửa bát gì đâu, nên sướng. Còn ở dưới này khổ, mình sanh ra ở cõi này là khổ rồi.

Mà tại sao mình sanh vào cõi này? Vì ta có những ham muốn Dục giới, vì do tâm Dục giới của chúng ta mạnh, nên sanh xuống ở cõi Dục giới. Mình không biết điều đó, mà cứ đổ lỗi cho bà đó, ông đó, người đó, gia đình đó, đất nước đó làm cho mình khổ. Đúng rồi! Nhưng đó là nghiệp của mình nữa, nhân như thế, duyên như thế, thì quả như thế. Tất nhiên trong đó có những sự oan, không phải do nghiệp đời trước [không thôi], nhưng do duyên mình sanh vào đó thì phải chịu thôi.

Ví dụ, quý vị không chịu đầu thai vô nước giàu có, mà đầu thai vào nước nghèo khổ thì quý vị nghèo thôi. Đó do duyên như thế thì quả như thế. Nhân, duyên, quả phức tạp vô cùng. Cho nên không phải điều nào cũng đổ thừa cho nghiệp hết, có những điều là do duyên đẩy mình vô.

Giống như mình đi ra đường, mình chưa có duyên với người đó, nhưng bữa nay mình gặp người đó thì thành ra có duyên. Hoặc thời gian đó có những nghiệp vận chuyển không nói, nhưng có những sự vô tình. [Ví dụ] bữa đó vô tình, xui xui mình chạy [xe] tông [vào] người ta, mà người ta nghiệp số hết, thì tự nhiên như vậy. [Họ] cũng không có nợ với mình, nhưng nghiệp số người ta hết nên người ta chết. Rồi tự nhiên mình bị bắt đi tù, bị đền bù thiệt hại v.v… trong khi đó mình cũng không có nợ nần người ta. Người ta thì có nghiệp bị xe đâm, nhưng mình không có nghiệp đó mà mình gây nghiệp.

Cho nên không phải điều nào cũng đổ do nghiệp. Mình phải hiểu nhân, duyên, quả, báo, và phải học cho kỹ, không phải điều nào cũng đổ cho nghiệp. Điều này quý vị coi trong Kinh Nikaya (Tiểu Bộ Kinh), quý vị thấy những câu chuyện lặp đi lặp lại, đời trước như vậy, đời sau cũng tiếp tục như vậy, chứ đâu phải đời trước vay, rồi đời sau trả. Có những câu chuyện đời trước vay đời sau trả, nhưng có những câu chuyện đời trước vay, rồi đời say vay tiếp. Ví dụ như Đề Bà Đạt Đa với đức Phật, đời nào Đề Bà Đạt Đa ra đời cũng phá đức Phật, phá hoài, đời nào gặp nhau cũng phá. Nhưng tiền thân [của đức Phật] đâu có phá.

Ví dụ như câu chuyện thần cây, ở đó có con hổ, con voi, hay con gì đó… ở trong rừng. Ông thần cây đó ghét quá, muốn đuổi [con] hổ đi. Lúc đó đức Phật cũng là một vị thần, nói với vị thần [cây] đó: Đừng có đuổi đi, hai con này sống với nhau không được tuy không hợp [nhau], không thích [nhau], nhưng không xa lìa được đâu. Nhưng [ông thần cây] không chịu, ông thần cây đó hù nên hai con thú [bỏ] đi. Dân thấy không có dấu chân thú, cho nên lên phá rừng, phá một phần cánh rừng. Ông thần [cây] nghĩ: Chết rồi! Họ phá một hồi là mình không còn chỗ ở, cho nên tìm đến vị tiền thân của đức Phật Thích Ca là vị Bồ-tát. [Vị Bồ-tát] nói: "Tôi nói ông rồi, tuy ông ghét hai con thú đó, nhưng hai con thú đó ở thì dân mới sợ, họ mới không lên phá rừng. Bây giờ ông hiện thân, ông hù hai con vật đó chạy sang cánh rừng khác, thì cánh rừng này bị dân phá ráng chịu. Bây giờ ông qua thỉnh mời lại đi". [Lúc đó] ông thần cây qua thỉnh con hổ với con gì đó quay trở lại. Khi [hai con thú đó] quay trở lại [thì cánh rừng được] bảo vệ.

Chuyện đó là chuyện quá khứ. Còn đời nay cũng vậy, người này với người kia chẳng hợp nhau, nhưng không thể tách rời nhau, phải cần có nhau. Sống thì không ưa, nhưng nếu không có thì không được. Đời trước cũng vậy, mà đời này cũng vậy, những câu chuyện lặp đi lặp lại như vậy. Tức là có những nghiệp thế nào đó, khiến không ưa nhau nhưng phải gặp nhau, phải hợp tác với nhau, nếu rời nhau thì sống không được. Cho nên mình [phải] hiểu được nguyên nhân.

#Vị đoạn vị diệt thuyết như thị: tức là chưa đoạn chưa diệt thì cũng nói là như vậy.

#Thị cố định ưng hứa trừ tứ uẩn dư Hữu vi hành giai Hành uẩn nhiếp: có nghĩa là vì thế hay là cho nên chắc chắn; #định là chắc chắn; cần phải xác định bốn uẩn khác với các pháp Hữu vi khác đều biến đổi tích tập duy trì.

Ngôn ngữ này hơi khó hiểu, mà chúng ta đang vô vòng giữa giữa. Nói chung đoạn này Thiện Trang nói những giả thuyết này mình học lướt qua. Quan trọng là mình hiểu được bản chất ở trong, là đang giới thiệu về Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Muốn giải thích mấy [uẩn] này rõ, thì phải lùi lại đoạn trên, mà [chúng ta] học lâu quá rồi, nên [nếu] giải thích thì mất thời gian quá. Phần này không quan trọng lắm, nên Thiện Trang giảng lướt qua, mong quý vị thông cảm.

#Tức thủ sở thuyết Thọ, Tưởng, Hành uẩn, cập Vô biểu sắc, tam chủng Vô vi, như thị thất pháp ư Xứ môn trung lập vi Pháp xứ, ư Giới môn trung lập vi Pháp giới (quan trọng là nhớ đoạn này): tức là những điều được nói ở đây gồm ba uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, và Vô biểu sắc (chúng ta học rồi), ba loại Vô vi (trong Luận Câu Xá học ba loại Vô vi thôi, chúng ta cũng học rồi). Như vậy bảy pháp này gồm: Thọ, Tưởng, Hành, Vô biểu sắc, và ba loại Vô vi. Bảy pháp này đối với môn Xứ thì gọi là Pháp xứ, đối với môn Giới thì gọi tên là Pháp giới.

Ví dụ như mình gọi là Xứ, [nhưng] trong Ngũ đình Tâm quán thì có pháp gọi là quán Phân biệt giới, thì tùy theo môn. Giới là chia theo nhóm, ví dụ trong Kinh A Hàm, trong Kinh Nikaya có bài kinh đức Phật nói là chúng sanh theo nhóm, theo giới. Chúng sanh nhóm nào thì đi theo nhóm đó, giới nào thì đi theo giới đó.

Ví dụ: *'Này các ông có thấy Đề Bà Đạt Đa không? Đề Bà Đạt Đa dẫn đầu nhóm người kia đi kinh hành đó, nhóm đó toàn những người ác, làm việc ác. Rồi [các ông] có thấy ngài Ma Ha Ca Diếp dẫn bao nhiêu vị Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó không? Đó toàn là người tu hạnh Đầu đà, giới tu hạnh Đầu đà. Còn nhóm ngài A Nan dẫn bao nhiêu người gần đó, đi theo hướng đó, đó toàn là những người Tỳ-kheo đa văn'*.

Cho nên gọi là chúng sanh tụ theo giới. Giới là nhóm. Ở đây mình hiểu có khi là chia theo nhóm, hay theo pháp nào đó, thì gọi là Pháp giới. Hoặc có cách chia nhóm [khác] gọi là Xứ, Xứ cũng giống như nhóm vậy thôi, gọi là Pháp xứ. Tóm lại là cách chia thôi. Có khi gọi là Xứ, có khi gọi là Giới, ngôn ngữ thì tùy nơi thôi.

Tạm dịch: Nếu không như vậy, thì các Tâm sở pháp khác và Bất tương ưng [Hành pháp], không phải do tích chứa duy trì nên không phải nguyên nhân của khổ, thì không có thể là nên cần biết phải đoạn trừ (nghĩa là mình không biết nguyên nhân của khổ, thì làm sao mình biết để loại trừ). Như đức Thế Tôn nói: Nếu đối với một pháp mà chưa đạt, chưa biết, thì Ta nói không có thể làm bờ mé của khổ được. Về Chưa đoạn chưa diệt thì cũng nói như vậy. Cho nên chắc chắn cần phải xác định bốn Uẩn khác, các pháp Hữu vi khác đều biến đổi tích tập duy trì. Tức là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn được nói ở đây, và Vô biểu sắc, ba loại Vô vi, bảy pháp như thế ở trong môn Xứ thì lập tên gọi là Pháp xứ, ở trong môn Giới thì lập tên gọi là Pháp giới.

Tóm lại là tùy theo môn thôi, có môn gọi là Pháp xứ, có môn gọi là Pháp giới, hay là lúc thì nói Giới, lúc thì nói Xứ, quý vị cũng không [cần phải] quan trọng, chỉ cần hiểu là được. Ở đây ngài Huyền Trang với ngài Thế Thân chia chẻ phân tích kỹ quá, mình mới học nên mơ mơ màng màng luôn, thì thôi, mình học sơ sơ qua để biết vậy.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi, hẹn quý vị học vào bữa khác. Phần đầu Thiện Trang bổ sung phần kinh tạng, giới thiệu dần dần sẽ hết. Những phần sau thì chúng ta đi Luận Câu Xá nhiều hơn, vì thực ra chúng ta học Luận Câu Xá. Luận Câu Xá và A Tỳ Đàm cũng tương tự nhau thôi, mấy bữa [vừa] rồi Thiện Trang ít giảng Câu Xá. Thực ra phần sau của Luận Câu Xá có nhiều điều hay lắm quý vị. Phần đầu là giới thiệu, lẽ ra giới thiệu thì giới thiệu cạn cạn thôi, đằng này ngài Thế Thân đẩy vô cao quá, phân tích làm mình rối. Chứ học giới thiệu qua thế nào là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, rồi mấy giới thì không khó. Nhưng tại vì phân tích ra, đưa giả thuyết, chia chẻ ra cho thuyết phục [với] những người cao siêu. Chứ còn chúng ta mới học, mà đem mấy phân tích như đoạn

vừa rồi thì thấy mơ mơ màng màng thêm. Lẽ ra chúng ta học xong rồi, chúng ta học lại đoạn này thì dễ, còn bây giờ chưa vô mà mình học trước nên khó.

Cho nên chính ngài Tuệ Sỹ nói: "Tôi không phải giỏi hơn quý vị đâu, nhưng nhờ tôi học hết đoạn sau rồi, nên tôi đọc lại đoạn trước thì tôi hiểu. Còn quý vị mới học tới đó, nên quý vị không hiểu gì hết". Kiểu vậy đó!

Giống như Thiện Trang học Duy Thức, tại sao Thiện Trang hiểu hơn quý vị. Vì Thiện Trang học nhiều rồi, cho nên đọc tới đâu là biết điều này nằm ở đâu, hiểu khái niệm thuật ngữ này. Còn quý vị chưa học qua, mà bây giờ cấp cho quý vị một trời thứ. Chính vì vậy Thiện Trang mới nghĩ ra cách giảng bộ Luận Câu Xá, thay vì giảng theo trình tự này, thì mình đem thêm A Tỳ Đàm, đem kinh tạng ra, đưa vô trước, để quý vị có nền nhẹ nhàng, rồi vô tới đâu thì mình chạy cho suông. Chứ còn học theo trình tự này thì khó.

Cho nên [môn] Duy Thức cần phải có thầy là vậy, tự học rất khó, vì tự học mới vô quá nhiều thứ nên mình thấy rối. Mình không biết điều nào quan trọng, điều nào không quan trọng. Có những thứ không quan trọng lắm, thì từ từ học sau cũng được. Không có bộ Luận Duy Thức nào có thể giúp cho người mới học hết, ngay cả Bách Pháp Môn Luận là dành cho người học Duy Thức Nhập Môn, nhưng thật ra học vô cũng không được, không có bộ nào hết. Cho nên Thiện Trang nói có thể sau này Thiện Trang sẽ lọc lại, viết lại một bộ gọi là Duy Thức Nhập Môn. Tức là mình chỉ cung cấp kiến thức căn bản nhất, thế nào là cái này, thế nào là cái kia v.v… nhẹ nhàng, sắp lại thành thứ tự gọn. Sau khi quý vị đọc [hết] được quyển một, rồi chuyển qua quyển hai, quyển ba. Từ đó quý vị vô bất cứ bộ luận nào, quý vị coi cũng hiểu được.

Bây giờ vô trật tự sắp xếp này khó quá. Luận Câu Xá tưởng dễ mà không dễ. Quý vị học ở trường Phật học là Luận Câu Xá xếp vào giáo trình Cao đẳng. Cao đẳng là phải học xong bốn năm Trung cấp rồi mới học tiếp ba năm Cao đẳng, sau đó mới học Luận Câu Xá. Chứ mới vô mà mình học Luận Câu Xá là mình siêu rồi, tương đương với chương trình nghiên cứu Thạc sĩ chứ không phải chương trình của Đại học. Học Đại học xong rồi, mới học Luận Câu Xá. Còn đây mình quất vô học luôn là mình giỏi. Cho nên quý vị học ở đây là quý vị giỏi

lắm đó, tại vì có quá nhiều kiến thức. Cho nên đừng nói tại sao khó. Cứ từ từ nha, hôm sau chúng ta sẽ học tiếp.

Hôm nay chúng ta dừng ở đây. Kính mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (A Tỳ Đàm - Vi Diệu Pháp - Duy Thức Pháp Tướng) - Tạo Luận: Tôn giả Thế Thân - Dịch và Chú Thích: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang - Bài 32: Phẩm 1 - Phân Biệt Giới - Buổi 32.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 05.03.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=R26XTdCn-jc
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học bài A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận thứ 32. Chúng ta học phần này có ba nội dung chính: Một là Luận Câu Xá; Hai là A Tỳ Đàm; Ba là phần kinh tạng. Kinh tạng gồm có cả kinh Nam truyền lẫn kinh Bắc truyền. Nói chung chúng ta học bộ này vừa có cả Nam truyền lẫn Bắc truyền. Mục tiêu Thiện Trang chia sẻ bộ này, là để cung cấp cho quý vị một lộ trình tu chứng theo đúng giáo lý của Phật. Nếu là người mê, thì chúng ta mới đem những lý luận mà chúng ta học, để tranh cãi với người khác, để thuyết phục người khác. Còn nếu là người giác ngộ, thì người ta dùng sự tu tập của mình để nhiếp phục người khác đến với Chánh đạo. Ở đây chúng ta học để có lý luận, có một nền tảng kiến thức, thì chúng ta mới tu được. Thiện Trang cũng mong cung cấp cho quý vị những điều đó.

Do có một số đồng tu nói là nội dung của thầy chia sẻ trong bộ này nhiều quá, học không nổi. Mong thầy có thể giảm tải bớt, có thể nhẹ nhàng hơn, bớt kiến thức xuống, mà dẫn dắt nhiều câu chuyện hơn, để cho tụi con học theo kịp. Chứ nội dung quá cô đọng, quá nhiều kiến thức, [tụi con] học không nổi.

Thiện Trang nói nội dung của bộ này giảng là dành cho nâng cao, mà đã nâng cao thì học vậy mới đã. Nếu quý vị cảm thấy không chịu nổi thì cứ từ từ, chúng ta thỉnh thoảng sẽ có những buổi giảm giảm chút, còn lại là có những buổi tăng tốc. Hôm nay giới thiệu cho quý vị một phần trong kinh tạng.

8 Hạng Người Lưu Chuyển Sinh Tử Mà Không Trụ Sinh Tử

Đây là lời của đức Phật, chúng ta dẫn từ kinh.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Sao gọi là tám? Ở đây chúng ta cũng mong muốn dự vào hàng những người ở trong vòng sanh tử (chưa ra khỏi sanh tử), mà không bị lưu chuyển sanh tử, không bị trụ ở trong đó, tức là không ở luôn. Là những hạng người nào? Đức Phật nói có tám hạng người thôi. Chúng ta coi thử tám hạng người nào?

Là hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán.

Tức là ở đây có tám địa vị của bậc Hiền Thánh, không kể Phật và Bích-chi-phật. Tất nhiên Bích-chi-phật và Phật thì không nói rồi. Ở đây nói tám hạng, bắt đầu tính từ Tu-đà-hoàn hướng (hướng Tu-đà-hoàn). Có nghĩa là những bậc này, yên tâm là không còn trụ trong sanh tử nữa, tức là sẽ có thời gian ra khỏi sanh tử. A-la-hán thì ra ngay trong đời, còn những bậc khác thì cần nhiều thời gian hơn, Tu-đà-hoàn hướng cũng vậy.

Ở đây có một số người thắc mắc: Địa vị nào là Tu-đà-hoàn hướng? Điều này [là] lời Phật thôi, Thiện Trang coi nhưng cũng không thấy trong [kinh] rõ, mà trong các bộ luận như Luận A Tỳ Đàm hay những bộ luận thuộc về Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đàm), thì có phân những quả vị như Tùy tín hành, Tùy pháp hành, là Tu-đà-hoàn hướng. Còn có chỗ thì nói là ngay cả địa vị như Nhẫn vị hay Thế

đệ Nhất vị trong Tứ gia hạnh, cũng thuộc về Tu-đà-hoàn hướng. Những người đó là vào dòng này rồi. Chúng ta thấy những địa vị đó sẽ nhẹ nhàng hơn trong vòng sanh tử. Ở đây chúng ta hiểu tám địa vị này, mình cố gắng vào một trong những địa vị này.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát nạn sinh tử. Đức Phật luôn luôn khuyên chúng ta hãy tìm cầu phương tiện để thoát nạn sanh tử. Tất cả giáo pháp của đức Phật, chỉ khuyên chúng ta là làm sao ra khỏi sanh tử luân hồi. Chứ nếu chúng ta ở trong sanh tử thì khổ thôi.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 10 – Phẩm 43 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy, như vậy là khẳng định rõ. Có nghĩa là từ Tu-đà-hoàn hướng là ngon rồi. Yên tâm! Chứ không phải [như] hồi xưa mình cứ sợ, mình phải cố gắng đến Tu-đà-hoàn. Nhưng học dần dần thì mình rõ ràng ra, Tu-đà-hoàn hướng cũng được rồi.

Thiện Trang xin giới thiệu tiếp một bài nữa, phần này quan trọng:

Tác Dụng Của Tu Thiền Chỉ Và Thiền Quán

Đây cũng là trong kinh. Người đời không biết, người ta cứ vô ngồi xếp bằng, để hai tay thế này hoặc thế kia v.v… người ta tưởng đó là Thiền. Nhưng thực tế Thiền đó là Thiền gì? Nhiều người không biết Thiền nào là Thiền chỉ, Thiền nào là Thiền quán. Thật ra trong kinh, đức Phật chia ra Thiền chỉ và Thiền quán. Trong các bộ luận như Luận A Tỳ Đàm thì đều có Thiền chỉ và Thiền quán rất rõ ràng. Nếu như tu Thiền chỉ, thì chúng ta có 40 đề mục tu Thiền chỉ. Những pháp tu nào nằm ngoài đề mục đó thì không phải là pháp Thiền chỉ của nhà Phật. Cho nên nhiều người tu bị gặp nạn, bị ma nhập, bị này bị kia, là do tu không đúng. Họ vào thì họ không biết tu như thế nào. Cho nên

ngay cả học Thiền chỉ cũng không đúng. Còn Thiền quán thì thế nào? Hầu như xuyên suốt các bộ giảng của đức Phật luôn luôn là Thiền quán. Ở đây chúng ta sẽ coi thử tác dụng của hai loại này như thế nào, theo trong kinh:

Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, thuộc thành phần minh. Thế nào là hai? Chỉ và Quán. Quý vị thấy đây là lời của đức Phật nha. Đức Phật nói có hai pháp thuộc về thành phần minh; #minh tức là làm sáng. Thế nào là hai? Là Chỉ và Quán. Bây giờ chúng ta coi Chỉ tu tập được gì, và Quán tu tập được gì, theo đoạn kinh này.

Chỉ được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì? (Nếu mình tu Thiền chỉ, như đã giới thiệu ở những bài trước thì có 40 đề mục tu Thiền chỉ. Thiện Trang đã giới thiệu quý vị chắc gần được một nửa rồi. Tại vì những đề mục quan trọng đều được giới thiệu. Chúng ta tu theo đó được lợi ích gì, thì ở đây đức Phật nói:) **Tâm được tu tập** (tu Thiền chỉ là tu được tâm)**. Tâm được tu tập, chờ đợi lợi ích gì?** (Nếu mình tu Thiền chỉ thì đầu tiên tâm mình được tu tập. Sau khi tâm mình được tu tập thì được lợi ích gì nữa?) **Cái gì thuộc về tham được đoạn tận.**

Như vậy là mình sẽ đoạn tận về Tham, cho nên Thiền chỉ giúp mình đoạn Tham. Tại sao? Đây là do đức Phật nói. Chúng ta biết Thiền chỉ, thực ra đắc định từ Sơ thiền đến Tứ thiền, thậm chí các tầng thiền cao hơn, thì những điều này giúp mình đoạn được Tham. Từ Sơ thiền trở đi là phục được Tham (không hết tham hoàn toàn), nên Thiền chỉ này tu rất quan trọng. Nhiều đồng tu do không tu Thiền chỉ, mà chỉ tu Thiền quán, nên dễ tham. Mà tham không được thì sân. Cho nên tại sao từ Sơ thiền trở đi thì người ta không có tham [và] không có sân, còn mình thì tham sân đầy luôn, do mình ăn rồi lo tu Thiền quán không thôi.

Quán được tu tập (tức là nếu mình tu Thiền quán)**, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì? Tuệ được tu tập** (tức là nếu tu được Thiền quán, thì mình sẽ được tu tập về tuệ (trí tuệ). Một cái là tâm, một cái [là] tuệ. Từ từ, đằng sau quý vị sẽ thấy nói rõ hơn). **Tuệ được tu tập, chờ đợi lợi ích gì?** (Nếu mình tu

được Thiền quán thì tuệ được tu tập. Mà tuệ được tu tập thì được lợi ích gì?) **Cái gì thuộc vô minh được đoạn tận.** Tức là đoạn tận về Vô minh. Vô minh là mình không sáng suốt, không rõ biết về Tứ đế. [Tu Thiền quán] [giúp] mình rõ ràng, sáng suốt về Tứ đế.

Bị tham làm uế nhiễm, này các Tỷ-kheo, tâm không thể giải thoát (quý vị nhớ nha, bị tham làm uế nhiễm, thì tâm không thể giải thoát)**. Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập. Do vậy, do ly tham, là Tâm giải thoát. Do đoạn vô minh, là Tuệ giải thoát.**

Quý vị nhớ nha! Ly Tham là Tâm giải thoát, đoạn Vô minh là Tuệ giải thoát. Điều này quý vị nghe cũng quen rồi, ai học từ đầu thì chúng ta biết. Ví dụ chúng ta nói về có hai bậc A-la-hán (có nhiều bậc, nhưng [ở đây] mình nói có hai): Một là A-la-hán Tâm giải thoát, một là A-la-hán Tuệ giải thoát. Nếu quý vị lo tu Thiền chỉ thì sẽ đạt đến Tâm giải thoát, nhưng không có được Tuệ giải thoát. Còn tu Thiền quán là có Tuệ giải thoát.

Trong Luận Tỳ Bà Sa hay chính ngay trong [bộ] chúng ta đang học đây, thì A-la-hán Tâm giải thoát vẫn bị thoái chuyển, trong kinh tạng nói như vậy. Cho nên phải tu Thiền quán. Chính vì vậy, Thiền quán đắc rồi thì không có thoái chuyển, nhưng Thiền chỉ đắc rồi thì vẫn có thoái chuyển. Mà muốn không thoái chuyển, là [phải] có vừa Thiền chỉ vừa Thiền quán, Thiền quán giữ lại cho Thiền chỉ. Đó là lý do tại sao chúng ta phải tu Thiền chỉ và tu Thiền quán. Chúng ta càng học thì càng sáng tỏ vấn đề như vậy.

((2.31) (EA 20.7*) Trích Từ Kinh Tăng Chi – Phẩm Hai Pháp).

Thiện Trang tóm lại thành một bảng nhỏ nhỏ như thế này:

Tu tập	**Đoạn được**	**Đạt được**
Thiền chỉ	Tham	Tâm giải thoát

Thiền quán	Vô minh	Tuệ giải thoát

Nếu tu Thiền chỉ thì đoạn được Tham, và đạt được Tâm giải thoát. Còn tu Thiền quán thì đoạn được Vô minh, và đắc được Tuệ giải thoát. Quý vị biết A-la-hán có hai hạng: A-la-hán Tâm giải thoát và A-la-hán Câu giải thoát (Câu giải thoát là được cả hai). Cho nên nếu chỉ lo tu thiên về Thiền chỉ, mà chưa đắc Thiền quán, thì chỉ đắc được Tâm giải thoát. [A-la-hán] Tâm giải thoát thì vẫn bị thoái chuyển, có thể thoái chuyển về Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đó là trong Luận Đại Tỳ Bà Sa.

Vì vậy phải tu cả hai, tùy thời tu Thiền chỉ và Thiền quán. Sở dĩ người ta thích tu Thiền quán hơn, ở chỗ là nếu đạt được Tuệ giải thoát thì không thoái chuyển. Nhớ là Tuệ giải thoát thì không thoái chuyển. Nhưng nếu mình không đắc được [Thiền chỉ] thì mình không có Tâm giải thoát. Cho nên phải tu Thiền chỉ.

Có 40 đề mục tu Thiền chỉ, chúng ta hãy cố gắng học để tu. Thiện Trang mới giới thiệu sơ sơ, thực ra quý vị phải có thời gian trải nghiệm. Nhiều đồng tu nói khó quá. Thiện Trang nói không khó, khó là tại vì: Thứ nhất là mình chưa quen, thứ hai là mình chưa thực tập bao giờ, thứ ba là không ai chỉ mình trực tiếp. Mình chỉ học qua lý thuyết, rồi mình vô thực hành, nên có thể không đúng. Trong môi trường để tu Thiền chỉ (Các bước để tu Thiền chỉ), quý vị thấy toàn là phải kiếm nơi thanh tịnh, vắng vẻ, rồi dụng công. Còn mình ở nhà, ở trong gia đình, thì đâu có thời gian đâu mà dụng công. Cho nên là không [tu] được.

Thiện Trang tóm tắt lại, quý vị nhớ giùm bảng trên là được. Mục tiêu tu tập được lợi ích trong bộ kinh này nói, là nếu mình tu Thiền chỉ thì đoạn được Tham và được Tâm giải thoát, còn tu Thiền quán [thì] đoạn được Vô minh và được Tuệ giải thoát. Trong các bậc A-la-hán, quý vị thấy có A-la-hán Tâm giải thoát và có A-la-hán Câu giải thoát (là được cả hai [Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát]). Có khi có chỗ nói có A-la-hán Tuệ giải thoát nữa.

Nhân Duyên Khởi Lên Chánh Kiến

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Có hai nhân, hai duyên khởi lên Chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán (ở đây nhớ là tư duy tu tập phải có Chỉ, Quán, liên quan đến ở trên. Muốn có Chánh kiến, Chánh kiến này chắc là Chánh kiến giải thoát (Chánh kiến xuất thế gian), thì quý vị phải: Một là nhận được giáo pháp, tức là người ta dạy và mình tiếp nhận; Hai là bên trong mình phải tư duy về Thiền chỉ và Thiền quán). **Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân, hai duyên này khởi lên Chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này".**

(Kinh Số 10 - Phẩm Hữu Vô – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Ở đây Thiện Trang muốn giới thiệu lại tầm quan trọng của Thiền chỉ và Thiền quán. Chứ không phải quý vị nghĩ là thôi, mình chẳng cần [Thiền chỉ], mình chỉ cần tu Thiền quán thôi. Không phải! Để có được Chánh kiến, mà Chánh kiến là quan trọng nhất trong Bát chánh đạo, không có Chánh kiến thì những điều sau bỏ. Không có Chánh kiến thì làm gì có Chánh tư duy, làm gì có Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Cho nên để tu thì chúng ta phải có Chánh kiến. Mà để có Chánh kiến thì đầu tiên phải nhận giáo hóa pháp của người khác, đó là bên ngoài. Thứ hai bên trong là mình phải tự tư duy về Chỉ và Quán (Thiền chỉ và Thiền quán).

Quan trọng ở bài này, Thiện Trang [muốn] nhấn mạnh sự cần thiết của tu Chỉ và tu Quán. Thông thường mọi người chỉ tu Thiền quán không [thôi], nên [Thiền chỉ] yếu. Cho nên mình phải học, mình phải biết.

Và Chánh kiến cực kỳ quan trọng, chúng ta đã học rồi, Thiện Trang cũng giới thiệu rồi. Chúng ta có hai loại Chánh kiến: Chánh kiến thế gian và Chánh kiến xuất thế gian. Chánh kiến thế gian giúp mình sinh cõi Người, cõi Trời. Chánh kiến xuất thế gian giúp mình đắc đạo. Bao giờ mình có Chánh kiến? Thực

sự là Sơ quả Tu-đà-hoàn mới có Chánh kiến. Mình học là để mình biết thôi, còn bao giờ biết như thật về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, người nào biết như thật thì người đó có Chánh kiến. Chánh kiến đó thì Tu-đà-hoàn mới có, còn mình chỉ cần biết thôi, biết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó là Chánh kiến xuất thế gian.

Còn Chánh kiến thế gian, là mình phải tin nhân, tin quả, tin có nghiệp báo (nói chung là tin sâu nhân quả), tin có cha có mẹ, ở đời có bậc A-la-hán, có người tu có thể đắc đạo A-la-hán, v.v… Mình tin những điều đó thì gọi là có Chánh kiến thế gian.

Vậy là rõ ràng rồi đúng không quý vị? Chúng ta học càng về sau càng rõ, từ từ Thiện Trang sẽ giới thiệu các chánh sau. Mấy chánh sau thực ra cũng đã giới thiệu sơ qua rồi, nhưng từ từ chúng ta sẽ học kỹ. Học đủ Bát chánh đạo, chi phần của Bát chánh đạo, rồi ta học đầy đủ những vấn đề khác, chúng ta cần những kiến thức đó. Bữa nay giới thiệu sơ qua như vậy.

Để cho quý vị đỡ bị choáng thì Thiện Trang xin giới thiệu một câu chuyện. Hôm nay giới thiệu câu chuyện hay để quý vị nghe, qua câu chuyện này cũng có nhiều đạo lý.

Câu Chuyện Đức Phật Độ Một Vị Bà-La-Môn Có Thần Thông Đặc Biệt

(Chuyện này có ngầm nhiều đạo lý về y dược, nghiệp tái sinh đời sau, công đức giữ giới).

Hy vọng quý vị sẽ đỡ căng thẳng. Quý vị nói là những bài vừa qua nhiều kiến thức quá, học căng thẳng quá, học không kịp. Hôm nay giới thiệu một câu chuyện sẽ dễ nhớ hơn rất nhiều.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Kỳ Xà Quật, thành La Duyệt, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, đức Thế Tôn từ tịnh thất ra, đi xuống núi Linh Thứu cùng với Bà-la-môn Lộc Đầu, lần hồi du hành đến bãi tha ma đáng sợ.

Đây là một câu chuyện rất quen thuộc, nếu như đồng tu nào nghe trong Kinh A Hàm. Đó là [câu chuyện] thời đức Phật, [Ngài] đi ra từ Tịnh thất, đi xuống núi Linh Thứu (Ấn Độ) cùng với một vị Bà-la-môn tên là Lộc Đầu. Hai người đi tới chỗ bãi tha ma (chỗ mà người ta bỏ mấy xác chết v.v…) ở Ấn Độ. Ngôn ngữ bây giờ chúng ta gọi là nghĩa địa (nghĩa trang). Chỗ đó đáng sợ, để coi thử như thế nào:

……1

Khi ấy, đức Thế Tôn cầm đầu lâu của một người chết trao cho Bà-la-môn và nói:

"Này ông Bà-la-môn, ông giỏi xem tinh tú, lại kiêm cả y dược, có thể trị mọi thứ bệnh, hiểu rõ tất cả các định hướng tái sinh, và cũng còn có thể biết nhân duyên người chết. Nay Ta hỏi ông, đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay là nữ? Do bệnh gì mà qua đời?"

Quý vị thấy, vị này cũng rất giỏi đúng không ạ? Đức Phật nói là ông này giỏi lắm, ổng xem được tinh tú, rồi kiêm cả y dược nữa. Ổng có thể trị được mọi thứ bệnh, rồi hiểu rõ định hướng tái sanh, tức là người ta chết sanh về đâu thì ổng cũng biết luôn, rồi biết nhân duyên gì mà người ta chết. Chính vì vậy đức Phật đưa cho ông một cái đầu lâu. Tại vì [ở đó là] bãi tha ma mà, bãi xác chết. Ở Ấn Độ người chết không có chôn, người ta bỏ nhiều lắm. [Đức Phật] lượm một cái đầu lâu đưa cho ổng và hỏi: *"Đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay nữ? Do bệnh gì mà qua đời?"* Một câu hỏi khó như vậy.

Bà-la-môn liền cầm lấy đầu lâu, xoay qua xoay lại quan sát, lại dùng tay gõ vào nó, và bạch đức Thế Tôn: Tức là ổng dùng tay cầm lấy, xoay qua xoay lại, rồi dùng tay gõ vào đầu lâu đó và bạch với đức Phật.

"Đây là đầu lâu của người nam, chẳng phải người nữ". Ổng cũng giỏi ghê, ổng nói ra được ngay.

Đức Thế Tôn bảo: "Thật vậy, Bà-la-môn, như lời ông đã nói. Đây là người nam, chẳng phải người nữ".

Đức Thế Tôn hỏi: "Do đâu mà qua đời?" Tức là [hỏi] do nguyên nhân gì mà qua đời.

Ông này giỏi thật, cầm cái đầu lâu mà biết được đó là người nam hay người nữ. Thật ra người nam hay người nữ thì mình có thể đoán. Ví dụ như trong Kinh Vu Lan, quý vị thấy đàn ông thì xương trắng và nặng, còn người phụ nữ thì xương đen và nhẹ, chắc mình cũng đoán được. Nhưng bây giờ [đức] Phật hỏi là do đâu mà qua đời, thì càng khó hơn rất nhiều.

Bà-la-môn lại dùng tay gõ vào đầu lâu. Bạch đức Thế Tôn: "Đây do nhiều bệnh tập họp. Trăm đốt xương đau buốt quá mà chết". Tức là ổng biết luôn, nguyên nhân là người này bị nhiều bệnh quá, trăm đốt xương đau buốt quá, người ta chịu không nổi nên người ta chết.

Đức Thế Tôn bảo: Phải trị bằng phương thuốc nào? [Đức Phật] hỏi ổng cách trị bệnh, tại ổng kiêm về y dược mà.

Bà-la-môn Lộc Đầu bạch đức Phật: Phải dùng quả ha-lê-lặc hoà chung với mật, sau đó cho uống, bệnh này sẽ lành.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, như những lời ông nói, nếu người này được thuốc này, đã không qua đời. Nay người này lúc mạng chung, sinh về nơi nào?

Thiện Trang xin dừng một chút, tại vì chỗ này có nhiều chi tiết mà chúng ta phải chậm chậm, thì chúng ta mới nhận ra. Đó là bệnh như vậy thì chữa bằng cách dùng quả ha-lê-lặc. Chúng ta không biết quả ha-lê-lặc là quả gì. Ở trong này có chú giải, nhưng chúng ta cũng chẳng biết trái đó là trái gì. Qua Ấn Độ hỏi thì may ra có thể biết, còn không thì chúng ta cũng chẳng biết trái đó. Trái đó hòa chung với mật, sau đó uống trị bệnh thì sẽ lành. Đó là một phương thuốc để chữa bệnh.

Đức Phật nói là người này nếu được uống thuốc thì đã không qua đời. Điều đó nói lên điều gì, quý vị biết không? Đạo lý nhân quả. Nhiều người nói mạng hết thì chết. Đức Phật nói không phải. Đức Phật nói là nếu uống thuốc thì

không chết. Do không được uống thuốc đó nên chết. Đạo lý nhân quả trong đạo Phật, không phải là cố định. Có nghĩa là nếu mạng hết, thì mình uống thuốc hay không uống thuốc cũng sẽ chết. Không phải như vậy! Mà nếu uống thuốc thì sẽ không chết.

Đó là một đạo lý. Vì sao? Đức Phật nói Chánh kiến của chúng ta là gì? Phải hiểu rằng là đạo lý nhân quả là nhân cộng duyên ra quả, chứ không phải là cứ nhân như thế rồi ra quả [như thế]. Không phải nói là đời đó tôi tới với [quả] như vậy, thì tôi chết. Thực ra nhiều người nói mạng hết thì chết, có đúng không? Chưa chắc! Tại vì theo giáo lý A Tỳ Đàm nói, chúng ta từ vô lượng kiếp tới giờ, tích tập [nghiệp] nhiều lắm rồi. Tuổi thọ chúng ta có thể sống được dài hơn, nhưng do nghiệp nào đó dẫn tới, nên mình chết ngang, chứ không phải thọ mạng mình hết. Và nếu như do nhân duyên nào đó v.v… thì sẽ kéo dài được.

Chúng ta lấy một ví dụ điển hình là một vị A-la-hán. Đức Phật nói trong kinh, A-la-hán có thể trụ thế được một kiếp. A-la-hán nha, không phải Phật, Phật cũng có thể [trụ thế] một kiếp. Cho nên đừng nghĩ rằng số mạng là cố định. Quý vị nên nhớ là không phải là mạng này hết, mà hết có nghĩa là gì? Quý vị sẽ rơi vào đường ác à? Không có! Đời sau quý vị đáng lẽ còn mạng, quý vị sống được dài dài nữa, miễn là nghiệp tiếp nối. Tức là do các duyên đủ thì chúng ta sẽ sống tiếp, mà khi duyên hết thì tự nhiên chết thôi, chết đời này. Tại vì [duyên hết] thì thân Tứ đại phải tan rã thôi.

Trái ha-lê-lặc này, [dưới] đây có chú thích. Trái này là trái gì thì chúng ta cũng không quan tâm lắm, tại vì trái đó không có ở đây, từ từ [rồi] tìm. Nhưng quý vị biết phương thuốc này.

Bấy giờ, đức Phật hỏi là người này mạng chung thì sinh về nơi nào.

Bà-la-môn nghe rồi, lại cầm đầu lâu gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người này mạng chung sinh về ba đường dữ, chẳng sinh về nơi lành. Họ chết vì bệnh, họ sanh về đường dữ, tức là ba đường ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Đức Thế Tôn bảo: Thật vậy, Bà-la-môn, như những lời ông nói, sinh vào ba đường dữ, không sinh về nơi lành.

Đó là người thứ nhất. Với cái đầu lâu như vậy thì ổng tiên đoán đó là người nam, không phải người nữ, do nhiều bệnh tập họp lại, trăm đốt xương đau buốt mà chết. Rồi nếu chữa bệnh thì dùng quả ha-lê-lặc hòa chung với mật, sau đó uống. Quý vị thử đánh lên mạng xem ha-lê-lặc là trái gì. Nếu như [chúng ta] có quả đó thì mình có một phương thuốc để chữa bệnh. Sau khi chết thì ổng sanh vào đường dữ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Đó là câu chuyện thứ nhất.

……2

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho Bà-la-môn. Hỏi Bà-la-môn: Đây là người nào? Là nam hay nữ? Tiếp theo thì [đức Phật] thử thách ổng thêm lần nữa. [Vì] ổng giỏi quá, nên đưa thêm cái đầu lâu nữa để ổng đoán, thử coi trình độ tới đâu. Quý vị thấy hay lắm.

Lúc này Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Đầu lâu này là thân người nữ. Là thân người nữ, tức là ổng cũng biết được luôn. Người kia là nam, còn đây là nữ.

Đức Thế Tôn bảo: Do bệnh tật gì mà mạng chung? Hỏi vậy [xem] ổng biết không.

Ở đây có chú giải quả ha-lê-lặc (呵梨勒; Pāli: *harīṭaka*, *harītakī* (Skt. đồng), kha tử 柯子), chữ Hán và chữ Pali. Quý vị có thể đánh chữ Pali dễ tra [tìm] hơn, còn chữ Hán là kha tử. Chúng ta nên đánh theo Pali, thường tiếng Sanskrit hay Pali thì dễ ra thực tế hơn.

Lúc này, Bà-la-môn Lộc Đầu lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người nữ này mạng chung khi còn mang thai.

Đức Thế Tôn bảo: Người nữ này do đâu mà mạng chung? Tức là tội cho người nữ này, khi đang mang thai mà chết, rất là đáng thương! Đức Phật hỏi nguyên nhân tại sao người nữ này chết.

Bà-la-môn bạch đức Phật: Người nữ này do sinh con chưa đầy tháng nên qua đời. Tức là sinh con chưa đầy tháng (chưa đủ tháng), là sinh non, cho nên qua đời. Cũng tội cho thân người nữ.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn, như những lời ông đã nói. Vả lại, người nữ mang thai kia nên trị bằng phương thuốc gì? Quý vị thấy, bây giờ nền y học của chúng ta hiện đại rồi, chứ hồi xưa không có y học tốt như vậy, không biết thuốc là chết. Người này nếu có uống thuốc thì không chết. Vậy uống thuốc gì?

Bà-la-môn bạch đức Phật: Như người bệnh này, phải cần tô đề hồ để uống thì khỏi. Tô đề hồ thì không có gì [lạ] đúng không? Đây là sản phẩm từ sữa thôi, chúng ta có thể tìm thấy. Uống được tô đề hồ thì khỏi, còn không có thì chết, quý vị thấy không!

Đức Thế Tôn bảo: Thật vậy, thật vậy, như những gì ông đã nói. Nay người nữ này sau khi mạng chung sinh về nơi nào? Đức Phật hỏi là người nữ đó khi chết như vậy thì sinh về nơi nào? Quý vị đoán là người nữ đó sanh về nơi đâu, đường lành hay là đường dữ?

Bà-la-môn bạch đức Phật: Người nữ này sau khi mạng chung sinh vào trong Súc sanh. Tức là sinh vào loài Súc sanh, quý vị thấy tội không?

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, Bà-la-môn, như những gì ông đã nói.

Tức là đức Phật khẳng định ổng có Thần thông tuyệt vời. Ổng biết được luôn là người này do bệnh gì mà chết. [Đầu tiên ổng biết] là nữ, rồi sau khi chết thì sanh vào loài Súc sanh. Ở đây không nói nguyên nhân tại sao sanh vào loài Súc sanh, có thể là do phước của người này hết, hoặc là do người ta chấp niệm mê mờ về điều gì đó, cho nên sinh vào loài Súc sanh. Ở đây không nói, cho nên chúng ta cũng không biết nguyên nhân gì, chỉ nói là bệnh. Và thật ra nguyên đoạn văn này chúng ta thấy là những người bệnh tật mà chết, thì thông thường đi vào đường ác.

……3

Rồi đức Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa trao cho Bà-la-môn, và hỏi Bà-la-môn: Là nam hay là nữ? Thêm một cái đầu lâu thứ ba, cho nên Thiện Trang đánh số 3.

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Đầu lâu này là của thân người nam. Hồi nãy là một nam, một nữ rồi, bây giờ là nam tiếp.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay! Lành thay! Như những gì ông đã nói. Do tật bệnh gì mà mạng chung? Tức là đức Phật hỏi người này chết do [nguyên nhân] gì.

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người này mạng chung do vì ăn uống ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung.

Có một chứng bệnh gọi là ăn uống bị ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung. Vậy thì chắc chắn là đức Phật sẽ hỏi phương pháp để trị bệnh đúng không? Vậy mình bị ngộ độc thì trị như thế nào. Cho nên Thiện Trang nói [trong] kinh Phật, [quý vị] chịu khó học đi, học [là] có hết các phương thuốc chữa bệnh (y dược là chữa bệnh), rồi đời sống là xài tiền làm sao, làm gì làm gì đều có cả. Cho đến tu đạo giải thoát, cho đến chọn bạn (có bữa giới thiệu cách chọn bạn), rồi [chọn] vợ chồng cũng có hết luôn. Cho nên trong kinh điển không thiếu một điều gì hết, mà tại sao mình đi học ngoại đạo? Học chi cho mệt. Mình học trong kinh Phật cho chắc ăn.

Cho nên đời nay có rất nhiều người đáng thương. Họ thích học những gì ở ngoài, họ không có duyên để học vào kinh Phật. Vì không có duyên thôi. Đó cũng là do chủng tử của họ. Có nhiều người hỏi Thiện Trang: "Thưa thầy, tại sao bây giờ có nhiều người cuồng tín, theo những người phỉ báng Sư Minh Tuệ hay là chống đối Sư Minh Tuệ, chống đối những người tu hành chân chánh v.v… nguyên nhân là vì sao?"

Thiện Trang nói là do thiện căn của họ không đủ. Họ nhiều đời kết nghiệp với những người đó, có nghĩa là họ kết nghiệp với nghiệp tà thì họ sẽ đi

theo tà. Đây là nói theo trong kinh, đức Phật nói là chúng sanh thì đi theo giới, tức là tụ họp theo giới, giới là nhóm. Chúng sanh theo tâm tà thì sẽ đi theo nhóm tà, chúng sanh theo tâm tốt thì sẽ theo nhóm tốt. Cho nên ai thích điều nào thì tự nhiên chiêu cảm cảnh giới đó, nói ngôn ngữ Đại thừa là như vậy.

Thật ra đơn giản là tại vì mình có xu hướng như thế, mình có tâm như thế. Ví dụ như mình là một người có tâm chánh trực, có tâm ngay thẳng, thì chắc chắn mình sẽ đi theo con đường ngay thẳng, mình tụ họp với những người ngay thẳng. Bởi vì có ba nguyên nhân quyết định. Quý vị nhớ ba nguyên nhân quyết định là gì? Một là tiền nghiệp. Hai là khuynh hướng tâm lý. Ba là môi trường hoàn cảnh sống. Môi trường hoàn cảnh sống là một phần rồi, nhưng do tiền nghiệp đời trước mình gây [ra]. Mình gây nghiệp đó cho nên mình mới chạy vào [nhóm] kiểu đó.

Và quan trọng là xu hướng tâm lý của mình. Khuynh hướng tâm lý của mình rất quan trọng. Mình là người ngay thẳng, mình không thích những việc xấu xa, không thích những người nói một đường làm một nẻo. Mình không thích những người dua nịnh, mình không thích người như thế này thế kia, thì tự nhiên mình không đi vào những [nhóm] kiểu đó. [Còn] mình thích những người dối trá, trước mặt thì ngọt ngào, nhưng sau lưng thì làm những chuyện xấu xa, thì tự nhiên kéo mình vô nhóm người như thế. Cho nên không có gì hết. Có gì thì cũng là nhân quả, nhân duyên trong đó hết, do mình tạo mà thôi.

Quý vị là một người ngay thẳng chánh trực. Quý vị là một người tha thiết với đạo. Quý vị muốn tu hành, quý vị tôn trọng những người có đức hạnh, những người chân tu, thì quý vị sẽ đi theo hướng những người chân tu. Còn quý vị ngược lại, thì tất nhiên đi theo nhóm ngược lại thôi. Vì chúng sanh tụ họp theo giới mà.

Trong kinh đức Phật nói giới giống như nhóm. Đức Phật nói: "Này Tỳ-kheo, các ông có thấy không? Xá Lợi Phất đi như vậy ([đi] kinh hành), và nhóm người đi theo Xá Lợi Phất toàn là những người trí tuệ. Người nhiều đời tu trí tuệ cho nên đi chung với nhau. Rồi đằng kia, các ông có thấy A Nan dẫn những

người đi chung không? Những người đi chung đó toàn là những người đa văn. Và đằng kia Đề Bà Đạt Đa dẫn những người đó đi, toàn là những người xấu". Tức là tâm giống nhau. Cho nên chúng sanh tụ họp theo loài (loại/giới) giống nhau. Chúng ta hiểu như vậy, nên không có gì lạ. Và chúng ta thương những người đó vì căn lành không đủ. Căn lành tốt thì tự nhiên họ sẽ nhận ra được vấn đề.

Bây giờ chúng ta trở lại. Câu chuyện thứ ba là đức Phật đưa cho một cái đầu lâu. Ông Bà-la-môn gõ và nói là thân này người nam. Do bệnh gì [mà mạng chung]? Ổng nói là do người này vì ăn uống ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung. Đây là một bệnh mà chúng ta cũng rất quan tâm. Chúng ta hãy cố gắng nghe để coi thử nếu chúng ta bị ngộ độc thì làm sao chữa. Quý vị nhớ ghi nha.

Đức Thế Tôn bảo: Bệnh này dùng trị bằng phương thuốc gì?

Bà-la-môn bạch đức Phật: Nhịn ăn trong vòng ba ngày, trừ khỏi được liền.

Quý vị thấy không? Phương pháp rất đơn giản để trị ngộ độc là nhịn ăn ba ngày. Hồi xưa Thiện Trang cũng bị ngộ độc một lần. Thiện Trang cũng không biết trị làm sao, nhưng cơ thể Thiện Trang tự bảo trì, tức là ăn gì vào thì ói ra hết. Cho nên suốt ba ngày chẳng ăn được gì, và cuối cùng [thì] hết. Quả thật là đúng như trong kinh đức Phật dạy.

Hồi xưa mình không biết, kêu ba ngày mình không ăn được gì, ăn cháo cũng ói nữa, cho nên là không ăn được gì. Sau này đọc đoạn kinh này thì biết: À, may quá, không ăn [được] gì, chứ không thì nặng hơn rồi. Rõ ràng phương thuốc để trị bệnh này cực kỳ quan trọng, quý vị thấy không?

Cho nên bài kinh tuy ngắn gọn, không bao nhiêu hết, một bộ Kinh A Hàm rất ngắn, toàn là đoạn kinh ngắn ngắn, nhưng trong đó chứa bao nhiêu kiến thức, nào là y học, nào là đời sống, nào phương pháp, nghiệp, giáo lý. Từ từ rồi chúng ta nghe, đoạn kinh này có nhiều chi tiết hay lắm.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay! Lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này sau khi mạng chung sinh về nơi nào? Rõ ràng, đức Phật khẳng định là trị bệnh ngộ độc bằng cách nhịn ăn ba ngày. Bây giờ Ngài hỏi thêm, là sau khi chết thì người bị ngộ độc đó sanh về đâu. Tất nhiên, những bệnh này thông thường là sanh vào đường ác. Chúng ta coi thử coi.

Lúc này, Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người này mạng chung sinh vào trong Ngạ quỷ. Sở dĩ như vậy là vì ý chỉ tưởng đến nước. Quý vị thấy chưa? Tại vì sao? Vì họ thiếu nước. [Họ] bị ngộ độc, ói ra nước hết, họ chỉ nghĩ đến nước cho nên sanh vào Ngạ quỷ.

Quý vị thấy không? Đa số chết không tốt là sanh vào đường ác. Ở đây chết ba người rồi đó. Người nào cũng sanh vào đường dữ. Người nam đầu tiên sanh vào đường dữ, không nói là đường nào. Người thứ hai là cô kia mang thai, đẻ non nên chết, là cũng sanh vào Súc sanh. Còn ông này bị ngộ độc chết nên sanh vào Ngạ quỷ, vì chỉ nghĩ tưởng đến nước.

Cho nên hằng ngày, sống tu tập quan trọng lắm. Dù chúng ta có thể bị bệnh như vậy, nhưng sắp chết thì đừng nghĩ đến nước, mà phải chấp nhận xả thân này. Ý niệm nhớ đến Phật, Pháp, Tăng, Vô thường, thì mình sẽ sanh vào cõi lành. Còn nếu mình toàn nghĩ đến nước, cơ thể tôi đang thiếu nước, tôi cần uống nước v.v... thì chết sanh vào Ngạ quỷ. Đói quá thì cũng sanh vào Ngạ quỷ.

Cho nên đừng nghĩ bộ kinh này không có đạo lý gì, mà rất có đạo lý trong từng chi tiết, từng lời. Phải nghe cho kỹ, phải lắng nghe. Chứ [chỉ] nghe qua thì giống như câu chuyện thôi. Chúng ta phải đọc từ từ và ghi chú lại. Học kinh điển là phải từ từ, bình tĩnh. Đừng có kiểu nuốt trọng quả táo.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay! Lành thay! Như những gì ông đã nói. Như vậy ba [câu] chuyện, ba người này đều sanh vào đường dữ, rất là đáng thương.

.....4

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho Bà-la-môn, hỏi Bà-la-môn: Là nam hay là nữ?

Phạm chí lúc này dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Đầu lâu này là của thân người nữ.

Đức Phật cũng đưa ra cân bằng ghê, hai nam một nữ, bây giờ thêm người nữ nữa là đủ hai nam hai nữ. Quý vị thấy không? Nhiều khi mình nghe kinh, quý vị mở kinh nghe, quý vị không để ý những chi tiết này. Nhưng Thiện Trang chia sẻ thì mới nhấn cho quý vị những điểm này. Đó là khác biệt giữa người biết học kinh với người chưa biết học kinh. Học kinh, mình nghe câu chuyện vui vui, lọt tai này qua tai kia. Cũng nhớ câu chuyện vậy thôi, chứ mình không nhớ đạo lý nào [là] chữa bệnh v.v... đủ các kiểu... nghiệp báo ở trong này. Như nghiệp báo là bị bệnh chết như vậy thì sanh vào đường dữ. Bây giờ thêm câu chuyện này coi người này chết sanh vào đâu.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này mạng chung do bệnh tật gì? Tức là đức Phật khẳng định đúng, đây là đầu lâu của người nữ, và người này mạng chung do bệnh gì.

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Lúc đang sinh thì mạng chung. Lại thêm một nỗi khổ của người nữ nữa. Thời xưa, không có y học như bây giờ, cho nên dễ chết khi sinh đẻ. Người nữ này lại bị bệnh là lúc sinh thì chết, rất là đáng thương. [Thời xưa] đó là bình thường. Người nữ bây giờ may [hơn], khoa học tiến bộ rồi, chứ hồi xưa là thập tử nhất sinh, lúc đó rất nguy hiểm. Người nữ kia sanh non [mà] chết, còn người nữ này đang sinh thì chết.

Đức Thế Tôn bảo: Tại sao lúc đang sinh thì mạng chung?

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Thân người nữ này khí lực hư, cạn kiệt, lại đói quá nên mạng chung. Điều này rõ ràng, thân người nữ này khí lực hư, cạn kiệt, lại đói quá nên mạng chung. Đố quý vị, người

nữ này sanh vào cõi nào? Nghe nói là đói quá nên chết, thì chắc chắn là sanh vào Ngạ quỷ rồi đúng không? Chúng ta đoán thử coi có đúng vậy không.

Đức Thế Tôn bảo: Người này mạng chung sinh về nơi nào?

Lúc này, Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn: Người này mạng chung sinh vào loài Người. Mình đoán sai rồi đó. Quý vị nghe đức Phật nói cho mình, đức Phật bảo vệ mình.

Đức Thế Tôn bảo: Phàm người chết đói mà muốn sinh nơi lành, việc này không đúng. Phải sinh vào ba đường dữ mới hợp lý chứ? Quý vị thấy không? Chết đói sanh vào đường dữ mới đúng, đức Phật hỏi luôn. Phải hỏi vậy chứ! Chứ người chết đói mà sanh vào nơi lành, việc này không đúng. Cho nên chúng ta suy đoán đúng rồi. Nhưng tại sao lại như vậy? Ông kia đoán sai à? Đức Phật vặn lại để hỏi. Quý vị thấy hay chưa! Ở trên thì toàn khen, là thuận. Nhưng tới đây thì có nghịch, có bất ngờ xuất hiện. Bất ngờ nằm ở chi tiết nào? Đức Phật hỏi như vậy để cho ổng nói.

Lúc này, Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người nữ này trì giới hoàn hảo mà mạng chung. Quý vị nhớ: nguyên tắc là trì giới, giữ giới hoàn hảo, tức là giữ được trọn vẹn giới mà mạng chung. Cho nên đáng lẽ vào đường dữ, mình đoán đói mà chết thì vào Ngạ quỷ, Súc sanh, nhưng không, [cô này] sanh vào cõi Người. Cho nên công đức giữ giới nằm ở đây. Quý vị thấy đức Phật đưa ra chi tiết quá hay. Ngài đã sắp xếp các đầu lâu để dẫn dắt người ta vào đạo, để dần dần ổng tin được Giới luật của Phật, trì giới hoàn hảo. Câu chuyện này hay lắm!

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Thân người nữ kia trì giới hoàn hảo đến khi mạng chung. Sở dĩ như vậy là vì phàm có người nam người nữ nào mà trì hoàn toàn cấm giới thì lúc mạng chung sẽ về hai đường, hoặc lên trời hay là loài người.

Dòng chữ đỏ, Thiện Trang để chốt luôn: 'Phàm có người nam người nữ nào mà trì hoàn toàn cấm giới thì lúc mạng chung sẽ về hai đường, hoặc lên

Trời hay là loài Người'. Vậy thì chúng ta cố gắng giữ giới. Giữ giới được thì chắc chắn, dù có hoàn cảnh khốc liệt, dù bị bệnh, đáng lẽ người nữ này sanh vào ba đường ác nhưng do giữ giới [nên sanh vào cõi Người]. Cho nên giữ giới sanh lên cõi Người, cõi Trời. Đạo lý nằm trong này, từng chi tiết một rõ vậy đó. Hay chưa!

Tức là nghiệp nhân quả báo thì chạy theo dòng đó, nhưng do có giữ giới nên chạy ngược. Công đức giữ giới lớn cực kỳ. Cho nên ai chưa giữ giới thì ráng học [để] giữ giới. Đây là trì hoàn toàn cấm giới.

……5

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại cầm đầu lâu nữa trao cho Bà-la-môn, hỏi: Nam hay là nữ? Đây là người thứ 5. Bây giờ chắc là nam, [vì đã] hai nam hai nữ rồi. Đức Phật sắp xếp theo thứ tự hay, cứ từ từ. Cho nên không phải [ngẫu nhiên] đâu quý vị. Đức Phật có trí tuệ tuyệt vời lắm, Ngài đưa ra [thứ tự câu chuyện] hay lắm. Giờ coi thử người này thế nào.

Lúc này, Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Đầu lâu này là của thân nam tử. Tức là thân của người nam.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này do bệnh tật gì khiến phải mạng chung? Đa số là do bệnh mà phải mạng chung, chứ chẳng ai chết [do] hết tuổi thọ. Quý vị thấy nãy giờ có trường hợp nào hết tuổi thọ mà mạng chung đâu. Toàn bị gì đó nên chết, cho nên không phải hết tuổi thọ mà bị nguyên nhân gì đó. Bây giờ coi thử người này chết vì điều gì. Đây là người nam.

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người này không bệnh, bị người hại khiến mạng chung. [Đây là] một chi tiết mới. Nãy giờ toàn là bị bệnh [mà chết], còn người này không bệnh, [không] ngộ độc, không bị do sinh mà chết. Những ví dụ đức Phật đưa ra hay thật. Đức Phật đưa ra đầu lâu có lựa chọn hết, chứ không phải đưa ngẫu nhiên. Người này không bệnh, mà là bị người ta hại khiến mạng chung. Ví dụ như người ta ám sát, bị người giết v.v…

Vậy [trường hợp] này thế nào? Nếu bị hại mà mạng chung thì sanh về đâu? Theo quý vị, chúng ta đoán luôn đi. Thường những người chết như vậy thì sanh vào đường ác, bởi vì tâm họ sân hận, tâm họ tức tối v.v… Những tâm đó thông thường không buông xả được, thì sẽ sanh vào đường ác, có phải như vậy không, mình đoán thử coi.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói, bị người hại khiến mạng chung. Đức Phật khẳng định ổng nói đúng rồi, ổng giỏi quá mà.

Đức Thế Tôn bảo: Người này mạng chung sẽ sinh nơi nào? Đây là vấn đề chúng ta đang quan tâm.

Lúc này, Bà-la-môn dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Người này mạng chung sinh lên trời, xứ thiện. Ủa, sao ngược đời vậy? Bị người ta hại mà sanh lên trời, thiện xứ, mình thấy có vẻ không hợp lý. Có phải vậy không? Hay là ta đoán sai. Để coi đức Phật có khẳng định giống mình không.

Đức Thế Tôn bảo: Như những lời ông đã nói, lời bàn trước, bàn sau mâu thuẫn nhau. Như chúng ta đoán, bị người hại thì làm sao sanh lên cõi Trời được. Đức Phật mới nói ổng: Những lời ông đã nói, lời bàn trước, bàn sau mâu thuẫn nhau.

Bà-la-môn bạch đức Phật: Căn bản do duyên gì mà mâu thuẫn nhau? Chúng ta thấy dòng chữ đỏ đây. Đức Phật nói [vậy] giống như mình [đoán]. Cho nên mình học nhân quả giỏi rồi đó.

Đức Thế Tôn bảo: Những người nam, nữ mà bị người hại khiến mạng chung, đều sinh hết về ba đường dữ. Sao ông nói là sinh về xứ thiện, lên trời?

Quý vị thấy chúng ta học nhân quả cũng giỏi đấy chứ. Chúng ta nắm được rồi: người bị hại, thông thường tâm họ không an, họ hận, họ thù, họ ghét v.v… cho nên đều sanh hết vào ba đường dữ. Cho nên mình tu tập phải làm sao vượt qua những điều này. Không vượt qua những điều này thì sao? Bây giờ tâm

mình vẫn ghét người ta, vì bị hại, bị giết. Khó! Đâu thể làm như ngài Phú Lâu Na được. Ngài Phú Lâu Na nói: *"Người ta giết con cũng không sao, cũng giúp cho con giải thoát sớm"*. Hay là như Sư Minh Tuệ, thì [mình làm] đâu có được. Mình không có tâm đó, thì sao?

Nhưng người này làm được. Người này không biết làm sao mà họ lên được cõi Trời đó. Bị người khác hại mà vẫn lên cõi Trời. Không chỉ lên cõi Người, mà lên cõi Trời luôn. Không biết tại sao? Hay là ông Bà-la-môn nói sai? Đức Phật vặn lại. Hay là có gì bất thường trong đó. Chúng ta coi thử.

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Vì người này vâng giữ Năm giới kiêm hành Thập thiện, nên đến khi mạng chung sinh lên Trời, xứ thiện.

Đáp số là dòng chữ màu đỏ. Người này giữ Năm giới, nhưng hành luôn Thập thiện nữa, thì sanh lên cõi Trời. Như vậy, chúng ta biết luôn nhân lên cõi Trời. Nhân lên cõi Trời là Năm giới với Thập thiện. Còn như người nữ ở trên, giữ được Năm giới thì được sanh lên cõi Người.

Cho nên nhiều đồng tu, học cao siêu cho đã vô, [nhưng] giới không làm được, Thập thiện không làm được. Nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời thêu dệt, nói lời thô ác, rồi trộm cắp đủ thứ các kiểu, mà muốn sanh về cõi lành, cõi Người cõi Trời, thì vô lý. Còn muốn giải thoát, muốn đắc đạo A-la-hán, còn muốn vãng sanh về Tây Phương Tịnh Độ nữa chứ. Có thấy mâu thuẫn không?

Cho nên quý vị thấy bài này tuy là ngắn, không dài. Nãy giờ tại Thiện Trang phân tích nên mình thấy dài, chứ còn [kinh] ngắn lắm, đọc nghe qua chút mà bao nhiêu đạo lý trong này. Đạo lý vẫn là đề xướng tầm quan trọng của giữ giới và Mười thiện. Rõ ràng chưa! Kinh Phật hay lắm! Cho nên tại sao Kinh A Hàm hay vậy mà không học?

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói. Người giữ giới, không xúc phạm, sẽ sinh lên trời, xứ thiện. Nhớ giữ giới. Yên tâm, giữ giới không thiệt thòi đâu, chắc chắn sẽ lên [cảnh giới lành].

Đức Thế Tôn lại bảo: Người này đã trì mấy giới mà mạng chung? Theo quý vị, người này trì bao nhiêu giới? Một giới hay bao nhiêu giới?

Bấy giờ, Bà-la-môn một lòng chuyên chú không nghĩ gì khác, dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn:

Trì một giới chăng? Chẳng phải. Hai, ba, bốn, năm giới chăng? Chẳng phải. Người này trì pháp Bát quan trai mà mạng chung. Quý vị thấy Bát quan trai [ngon] hơn nha. Trì Bát quan trai được sanh lên cõi Trời. Cô kia trì Năm giới, Thập thiện, còn ông [này] không chỉ trì Năm giới, mà trì cả Bát quan trai nữa. Cho nên dù bị người ta hại, nhưng giữ giới Bát quan trai đủ để đưa mình lên cõi Trời. Quý vị thấy ngon không! Cho nên không học kinh thì làm sao biết. Cứ suốt ngày đề xướng, đặc biệt Tịnh Độ, cứ một câu niệm Phật niệm tới cùng, không lo giữ giới. Cho nên tu hoài không đắc công phu. Rồi khi chết, chưa chắc đã vãng sanh, nên nhớ vậy. Quý vị phải học theo kinh, đây là đức Phật nói mà. Nhớ nha! Câu này quan trọng. Người này trì giới Bát quan trai mà mạng chung, cho nên được như vậy.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói. Trì Bát quan trai mà mạng chung. [Đức Phật] khẳng định đúng. Ổng giỏi quá mà, ổng nói trường hợp nào là đúng trường hợp đó. Năm trường hợp đúng hết. Đức Phật khẳng định [vậy]. Có những trường hợp bất thường, ổng cũng nhận ra được. Chứ người bình thường mình [nghĩ]: người đó bị hại chết thì sanh vào đường ác rồi v.v... Nhưng mình quên mất người ta tu Bát quan trai, tu giữ giới. Cho nên giới với Bát quan trai, Thập thiện cực kỳ quan trọng.

Chúng ta học bộ này tuy cao, nhưng nếu không có những nền tảng này, thì coi chừng mình tu bị tuột, không được gì. Nên nhớ vậy! Đừng nên khinh thường giới, hay Bát quan trai, hay là Ngũ giới. Đó là năm câu chuyện, chuyện thứ sáu chắc là nữ, chúng ta coi tiếp.

.....6

Bấy giờ, trong cảnh giới phương Đông, tại phía nam núi Phổ Hương, phương Đông, có Tỳ-kheo Ưu Đà Diên nhập Niết-Bàn trong Vô dư Niết-Bàn giới. Khi ấy, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, đức Thế Tôn đến lấy đầu lâu kia, đem về trao cho Bà-la-môn, và hỏi Bà-la-môn: Là nam hay nữ?

Bây giờ không lấy người thường nữa, lấy một vị A-la-hán, tên là Ưu Đà Diên, vị này đã nhập Vô dư Niết-Bàn rồi. Và bây giờ đức Phật dùng Thần thông, như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, nhanh như thế này thôi, mà đã lấy đầu lâu đưa cho Bà-la-môn, hỏi là nam hay là nữ, xem ổng có đoán được không. Bây giờ đức Phật chơi chiêu cao hơn, đưa đầu lâu của vị A-la-hán. Mình coi thử xem.

Lúc này, Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch đức Thế Tôn: Tôi xem đầu lâu này, nguồn gốc của nó chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. (Ổng thua rồi! Ổng không đoán được, ổng nói không nam không nữ. Đầu A-la-hán mà ổng không biết là nam hay nữ. Vị A-la-hán trước đó là Tỳ-kheo, thì là nam chứ). **Sở dĩ như vậy là vì tôi quán đầu lâu này cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy đoạn** (tức là không thấy sinh hay thấy đoạn gì, không thấy được ai hết), **cũng chẳng thấy xoay vần qua lại** (A-la-hán nhập Niết-Bàn rồi thì làm sao thấy. Ổng ở trong luân hồi, thì làm sao thấy người ra khỏi luân hồi). **Sở dĩ như vậy là vì quan sát tám phương, trên dưới đều không âm vọng. Nay tôi chưa rõ đầu lâu của người này là ai?**

[Ổng] thua rồi đúng không? Đây là câu chuyện, quý vị thấy đức Phật rất là tuyệt vời, đức Phật cho ổng thắng, thách thức cỡ nào cũng thắng hết. Nhưng tới đây, bắt đầu ổng nói là đầu lâu này nguồn gốc này chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Ổng thua rồi nhưng cũng cố giải thích cho đỡ quê. Ổng nói: Sở dĩ như vậy, vì tôi quán cái đầu lâu này cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy đoạn, cũng chả thấy xoay vần qua lại. Sao lạ vậy? Và quan sát tám phương trên dưới, tức là mười phương, mà không có âm vọng, bữa nay tôi chẳng rõ đầu lâu này là của ai hết. Ổng thua rồi.

Cho nên từ đó, mình biết đức Phật rất trí tuệ, muốn độ người ta phải từ từ, cứ cho người ta thắng đi, thắng đã một hồi, quất một phát cho bài khó hơn, là bắt đầu phục rồi. Đang trên thế thắng thì bắt đầu thua, nhưng chưa chịu thua hẳn, ổng cũng phải nêu lý do. [Mình] thử xem thế nào.

Đức Thế Tôn bảo: Thôi! Thôi! Bà-la-môn, rốt lại, ông không biết là đầu lâu của ai. Ông nên biết, đầu lâu này không đầu không cuối, cũng không sinh tử, cũng không đi về đâu trong tám phương, trên dưới. Đây chính là đầu lâu của A-la-hán, Tỳ-kheo Ưu Đà Diên đã nhập Niết-Bàn trong Vô dư Niết-Bàn giới, trong cảnh giới phương Đông, tại phía nam núi Phổ Hương. Đức Phật cho ổng đáp án. Vậy là ông ấy thua Phật rồi, và ông thấy mình Thần thông cỡ đó, năng lực cỡ đó, mà cuối cùng thua chuyện này. Cho nên, vậy mới độ được người ta chứ.

Sau khi Bà-la-môn nghe những lời này xong, khen chưa từng có, liền bạch đức Thế Tôn: (Ổng khen đức Phật hay lắm)

Nay tôi quan sát loài trùng kiến này từ nơi nào đến, đều biết tất cả (quý vị thấy ổng giỏi không, những nơi con vật nhỏ như trùng, kiến, mà ông biết chúng từ nơi nào đến, biết được luôn. Ông Thần thông giỏi cỡ đó)**. Nghe tiếng vọng của chim thú mà có thể phân biết rõ ràng: đây là con đực, đây là con cái (**Thần thông quá giỏi đúng không quý vị!)**. Nhưng tôi quan sát vị A-la-hán này, hoàn toàn không thấy gì, không thấy chỗ đến, cũng không thấy chỗ đi** (ổng thua rồi)**. Chánh pháp Như Lai thật là kỳ diệu. Sở dĩ như vậy là vì gốc của các pháp phát xuất từ cửa miệng của Như Lai, còn A-la-hán phát xuất từ gốc của kinh pháp.**

Ông ấy rất có thiện căn, ông hiểu ra vấn đề ngay. Ổng quan sát được các loài [trùng, kiến] chim, thú v.v… nhưng ông thấy Chánh pháp của Như Lai kỳ diệu quá. Tại vì vị A-la-hán này là xuất phát từ kinh pháp, mà kinh pháp từ miệng của Như Lai, tức là từ đức Phật thuyết ra. Ổng có thiện căn như vậy, khỏi cần khai thị là giáo pháp của Ta vi diệu, ổng tự hiểu luôn. Tại ổng giỏi quá mà.

Còn chúng ta thì phải khai thị, nào bài khai kinh kệ: **"Phật pháp thâm sâu rất nhiệm mầu, trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu v.v..."**, đủ các kiểu. Mà cuối cùng mình vẫn trơ trơ, mình không tiếp nhận được giáo pháp của đức Thế Tôn. Còn ông này, chỉ cần [như vậy là] ổng hiểu ra: giáo pháp của đức Phật hay quá. Tại vì sao? Vì vị A-la-hán này là ngoài tầm kiểm soát của mình rồi. Mà vị A-la-hán này từ đâu? Từ học kinh pháp. Mà kinh pháp từ đâu? Từ giáo pháp của Phật. Mà giáo pháp của Phật từ đâu? Từ miệng của đức Phật nói ra. Ổng thông minh nên hiểu ra ngay được vấn đề. Tại mình căn lành kém quá nên mình không hiểu thôi.

Đức Thế Tôn bảo: Thật vậy, Bà-la-môn, như những gì ông đã nói. Gốc của các pháp phát xuất từ miệng Như Lai. Ngay đến chư Thiên, người đời, Ma hoặc Ma thiên, quyết không biết được chỗ đến của A-la-hán. Có nghĩa là A-la-hán đến chỗ nào, có đến không? Có đến! Đức Thế Tôn nói có đến, nhưng chỗ đến của bậc A-la-hán, người đời không biết, Ma thiên (ma cõi Trời) cũng không biết.

Bấy giờ, Bà-la-môn đảnh lễ sát chân, và bạch đức Thế Tôn: Tôi có thể biết hết nơi thú hướng của 96 loại đạo, thảy đều biết tất cả. Nhưng chỗ thú hướng của pháp của Như Lai, lại không thể phân biệt được. Ngưỡng mong đức Thế Tôn cho con được vào đạo. Ông hiểu ra rồi, cho nên ông đảnh lễ đức Phật và nói: ổng biết chỗ thú hướng của 96 loại ngoại đạo. Thời xưa đức Phật ở tại Ấn Độ, thì ổng biết hết. Nhưng giáo pháp của đức Phật thì ổng thua. Cho nên ngưỡng mong đức Thế Tôn cho con vào đạo, để con học giáo pháp của Phật.

Quý vị thấy, không cần phải dụ, nói pháp Ta hay lắm, này kia. Cho nên lúc đầu, quý vị thấy Thiện Trang nói một câu, cũng xuất phát từ đoạn này, là: khi mình mê, mình toàn đem lý luận ra tranh cãi với người khác, để mong thuyết phục họ vào trong đạo của mình tu tập. Nhưng nếu ngộ rồi, thì thật sự dùng sự tu tập của mình để nhiếp phục được người khác. Và sự tu tập đó phải thể hiện trí tuệ rất tuyệt vời. Câu chuyện này đức Phật quá tuyệt vời. Chúng ta coi vị này được nhận như thế nào.

Đức Thế Tôn bảo: Lành thay, Bà-la-môn, hãy tu Phạm hạnh, cũng sẽ không có người nào biết được chỗ thú hướng của ông. Thú hướng là chỗ hướng về, ổng đi về đâu [thì không ai biết được. Hãy tu Phạm hạnh này là được.

Khi ấy, bà-la-môn được xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ tư duy thuật đạo, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, cho đến như thật biết rằng: sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau. Lúc đó, Bà-la-môn thành A-la-hán.

Thật ra chúng ta thấy ổng không thành A-la-hán cũng lạ đó. Tại ông giỏi quá, ông tu cỡ đó mà! Không cần Phật mà ổng có thể biết được bao nhiêu thứ, bao nhiêu chuyện như vậy, ông biết hết. Nào là y dược, nào người đã chết, người nam hay người nữ, đưa cái đầu lâu thôi mà biết hết. Rồi bệnh gì, chữa bệnh làm sao, sanh về đâu v.v… ông biết sạch. Ổng biết các [loài] chim thú, con này con kia, con đực hay con cái, ông biết sạch, thì ổng không tu đắc đạo A-la-hán mới lạ đó. Tức là ông đã có Thiền chỉ và trí tuệ của ông tuyệt vời rồi. Cho nên đức Phật cho vào xuất gia, vô tu một thời gian, ở chỗ vắng vẻ, là làm xong nhiệm vụ, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, thành A-la-hán.

A-la-hán này khẳng định phải là A-la-hán Câu giải thoát, [vì] có đầy đủ Thần thông, chứ không thể A-la-hán thường được, vì quá trí tuệ. Cho nên những người quá trí tuệ như vậy, thì phải gặp Phật mới được độ, được độ liền.

Cho nên trong kinh cũng nói, ông Uất Đầu Lam Phất hay là ông A La Lam, hay ông tiên A Tư Đà chẳng hạn, những người đó chỉ cần gặp Phật nói cho họ, thì họ đắc đạo liền. Nhưng [họ] không có duyên. Mỗi lần Thiện Trang nghe những câu chuyện như vậy thì cũng rất cảm động. Mình nghĩ: chắc là mình cũng dạng số bần cùng, tức là nhiều đời nhiều kiếp tu hành, khi xưa thì không nói, chứ sau này có lẽ là không gặp được đức Phật. Tức là các đức Phật ra đời, chúng ta không có duyên để gặp, chứ chúng ta cũng có căn lành.

Quý vị biết nhiều người dở lắm, nhưng gặp Phật là đắc đạo. Chỉ cần có chủng tử thôi, trong bộ Luận Câu Xá chúng ta đang học đây, hoặc Luận Tỳ Bà Sa v.v… một số bộ luận nói rằng: Chỉ cần có chủng tử (chủng tánh) thôi, tức là quý vị có duyên lành, hay gieo được hạt giống đạo thôi, thì nếu như gặp được một vị nào đó thuyết đúng pháp của mình là đắc đạo. Trong vòng 16 sát-na tâm là đắc đạo, ít nhất cũng là Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Mà mình có thể đã trồng được căn lành đó rồi, nhưng mình không gặp duyên. Mình toàn sanh ra đời trong thời Mạt pháp, thời Tượng pháp, toàn gặp Phàm phu tăng giảng pháp, nên giảng không đúng. Hoặc gặp A-la-hán giảng cũng không đúng căn cơ nữa. A-la-hán giảng pháp đúng, nhưng không đúng với môn [của] mình. Còn Phàm phu tăng giảng pháp thì sợ sai nữa. Quý vị thấy, chúng ta học những bộ này một thời gian, chúng ta thấy nhiều điều mà bây giờ mình mới ngỡ ngàng ra. Hồi xưa mình học nhiều điều tào lao lắm, nhiều điều sai lắm, mà mình đâu có biết. Cho nên tu rất tinh tấn, rất dũng mãnh, nhưng tu bao nhiêu năm rồi mà không có thành tựu.

Tại vì sao? Bởi mình không học được giáo pháp Chánh giáo của Như Lai. Mà càng về sau này, quý vị thấy thời Mạt pháp, mấy ai giảng những bộ kinh đúng theo Phật, càng ngày càng ít. Toàn là giảng đi cúng dường, đi làm này làm kia v.v… đủ các kiểu. Không giảng cho tu, thì làm sao được. Rồi giảng điều này điều kia v.v... cho nên [mình tu] sai. Đó là do mình không có duyên, mình không gặp thời Chánh pháp, gặp đúng vào thời Phật.

Thiện Trang tin là nếu gặp được Phật thì mình được đắc độ. Điều này Thiện Trang nói có căn cứ. Chính trong kinh nói về đức Di Lặc ra đời, Thiện Trang có dẫn bài ‘Các nhân để ra đời gặp đức Phật Di Lặc’, Thiện Trang dẫn ở bài nào đó rồi [bài 09]. Rõ ràng là chỉ cần những người trồng căn lành nào đó, có người cúng dường Ta, cúng dường giáo pháp, xây dựng chùa chiền, v.v… thì gặp Phật Di Lặc đều được đắc độ hết. Có nghĩa là mình tu, mình chỉ cần trồng căn lành trong giáo pháp Như Lai thôi, thì gặp đức Phật Di Lặc là được độ. Mà vấn đề là mình có gặp được không, vấn đề lúc Phật Di Lặc ra đời, ta có xuất hiện ở đó không.

Trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, quý vị thấy, vào thời đức Phật trụ thế tại Ấn Độ 49 năm, thôi chốt 50 năm cho chẵn. 50 năm theo Phật giáo Bắc truyền, 45 năm theo Phật giáo Nam truyền, (45, 49, hay 50 tùy mỗi người, muốn nhận thế nào cũng được). Quý vị thấy thành lớn nhất là thành Vương Xá, thì chỉ có 1/3 dân số trong thành là được gặp Phật; 1/3 dân số của thành Vương Xá là có nghe đến, có biết đến Phật, nhưng không gặp Phật; và 1/3 là không biết có Phật luôn. Thành Vương Xá là nơi đức Phật thường xuyên xuất hiện, ở đó lâu nhất, mà còn vậy. Còn chúng ta ở đâu, chúng ta sinh ở đất nước nào đó, Nhật Bản, Trung Quốc, rồi Đại Hàn v.v… Châu Âu, ở đâu đâu. Cho nên dù đức Phật có ra đời ở tại Ấn Độ, mà mình như đui như điếc, mình chẳng thấy.

Cho nên đâu có dễ, trong nguyện, ngôn ngữ chữ Hán gọi là 'sanh phùng trung quốc'; sanh phùng trung quốc không phải sanh ở trung tâm đất nước, mà là trung tâm Phật giáo; 'ngộ Phật' tức là gặp Phật, mới gọi là 'trưởng ngộ Minh sư'. Mình không gặp Phật, lâu lâu mới có đức Phật ra đời. Phải gặp được Minh sư, phải gặp được Thiện hữu, phải gặp những người giảng đúng giáo lý của Như Lai, thì mới đắc độ được.

Còn không thì [quý vị] tu cầm chừng, và tiếp tục trôi lăn trong vòng sanh tử. Cho dù những người tu Tịnh Độ, quý vị thấy hồi xưa nói tu 3 năm đến 5 năm vãng sanh. Bây giờ nhiều người tu mười mấy, hai chục năm, càng ngày càng có vấn đề, danh văn lợi dưỡng, nói xấu người này, nói xấu người kia, rồi tu mà suốt ngày áp đặt người này người kia. Cho nên điều đó tu có đúng không? Mình coi mình tu thế nào, thì tự mình biết. Mỗi người hãy suy xét con đường tu của mình, và suy xét bằng cách nào? [Bằng cách là] hãy học kinh điển, chỉ có coi kinh giáo của đức Thế Tôn. Tuy mới đầu coi khó lắm, nhiều đồng tu nói mới đầu nghe không hiểu. Nhưng sau khi thầy giảng một thời gian, bây giờ coi, nghe thì hiểu rồi, nghe kinh bắt đầu hiểu [và] sáng tỏ ra đúng không?

Như câu chuyện hôm nay, Thiện Trang [giảng] nãy giờ một bộ kinh chưa hết, không dài, nhưng Thiện Trang phân tích cho quý vị thấy bao nhiêu đạo lý ở trong đó. Đừng có tưởng là Kinh A Hàm có một đoạn kinh không có gì, một câu chuyện vui vui, không phải! Quá nhiều đạo lý trong đó và đạo lý quá hay.

Cho nên mình học rồi mình sáng tỏ, mỗi ngày mình ôm kinh là mỗi ngày hạnh phúc, mỗi ngày an lạc, và mỗi ngày khai ngộ trong đó. Và khi mình sống được với tâm như vậy, thì mình rất dễ dàng sống trong Chánh giáo đức Thế Tôn, và lâu ngày thì mình sẽ giải thoát thôi. Cho nên hãy cố gắng học kinh.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn: Nay con đã biết pháp tu hành của A-la-hán.

Bây giờ gọi là Tôn giả Lộc Đầu, tại vì ngài ấy thành A-la-hán rồi. Cho nên ngài nói là con đã biết pháp tu hành của A-la-hán. Tại vì một người đắc đạo A-la-hán rồi, thì nhìn giáo pháp Tứ đế và 12 nhân duyên giống như là nhìn trái amla trong lòng bàn tay. Trái amla thì nhỏ nhỏ thôi, quý vị lên mạng tra trái amla. Có người đồng tu nói là trái me rừng tại Việt Nam, để bữa nào Thiện Trang lấy cho quý vị coi. Hình như giống đó, Thiện Trang chưa thấy trái me rừng, nhưng Thiện Trang thấy người ta chụp hình trái me rừng thì thấy giống, chắc trái amla là trái me rừng. Cho nên thấy trái amla trong vòng bàn tay rõ ràng mồn một. Cũng vậy một vị A-la-hán, một người từ A-la-hán trở lên, thì chắc chắn nhìn giáo pháp Tứ đế và giáo pháp 12 nhân duyên giống như trái amla trong lòng bàn tay.

Còn ai tôn thờ chư Tổ này, chư Tổ kia là Phật, Bồ-tát tái lai, mà giảng giáo pháp Tứ đế trật lất, thì xin lỗi mấy người đó không phải là A-la-hán trở lên, không thể nào là Phật, Bồ-tát tái lai.

Sẵn đây Thiện Trang nói thẳng luôn, không biết đúng hay không. Thiện Trang coi gần hết kinh điển rồi, Thiện Trang thấy không có kinh nào nói có chư Phật, cổ Phật nào tái lai cả. Quý vị coi đi, quý vị dẫn ra giùm cổ Phật nào tái lai, trong kinh nào giùm Thiện Trang. Còn Trung Quốc người ta hay đem người này tái lai, người kia tái lai, chắc để hù dọa quý vị đó. Cho nên là quý vị tin sái cổ, không dám phản ứng luôn. Còn Thiện Trang thấy trong kinh không có dẫn. Mà chỉ có nói những người đó là người ta tu hạnh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và chính vì hạnh đó nên họ chưa nhập Niết-Bàn, họ đợi cho đến thành Phật.

Ví dụ như trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, Thiện Trang dẫn Bắc truyền luôn cho quý vị thấy. Có ông Trưởng giả tên là Đại Biện, từ lâu đã chứng quả Vô sanh, nhưng hiện thân Trưởng giả để hóa độ chúng sanh. Tức là ông đang tu để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng ổng chứng quả Vô sanh rồi. Hoặc là vị Chủ Mạng Quỷ Vương, sau 170 kiếp sau thì ổng sẽ thành Phật, như vậy vẫn là tu đó.

Cho nên quý vị hãy coi lại kinh điển, chứ mình cứ nghe người ta nói không thôi. Hãy coi kinh mà suy xét, chứ đừng vội tin một cách sái cổ như vậy. Người ta muốn cho người nào đó nổi tiếng, thì cứ phán cho người đó, tuyên truyền người đó là Phật, Bồ-tát tái lai, là cổ Phật Nhiên Đăng tái lai v.v… quý vị tin sái cổ luôn.

Thực tế quý vị coi lại, nếu là một vị Phật, một vị A-la-hán, thì không thể nào nói sai giáo pháp Tứ đế được, không thể nói sai giáo pháp 12 nhân duyên được. Mà đây giáo pháp Tứ đế, Sơ quả Tu-đà-hoàn có Thần thông thế nào mà nói cũng trật nữa, tu những gì để chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn mà cũng nói trật nữa, thì không thể nào [là] một người tái lai. Nên nhớ vậy! Đừng để bị dẫn dụ, quý vị thấy rõ ràng, chú ý giùm cho. Và cố gắng nghe, coi kinh nhiều đi, đừng để bị dụ, quý vị dễ bị lừa quá. Mình tin kinh, không tin người, tức là ‘y pháp bất y nhân’. Bây giờ chúng ta tiếp tục coi:

Đức Thế Tôn bảo: Ông biết thế nào về hạnh của A-la-hán? Bây giờ hạnh của A-la-hán thế nào, ổng ấy trình bày tâm đắc cho nghe.

Ngài Lộc Đầu bạch Phật: Nay có bốn giới. Những gì là bốn? Địa giới, thủy giới, hoả giới, phong giới. Điều này chúng ta cũng học trong Luận Câu Xá rồi, [có bốn giới]: địa, thủy, hỏa, phong. Cho nên ngài tự tu, xong ngài đắc, rồi ngài tự báo cáo luôn, khỏi cần dạy.

Như Lai, đó gọi là có bốn giới này. Khi một người mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió. Điều này thì rõ ràng phải không? Ổng báo cáo tâm đắc vậy thôi, đơn giản.

Đức Thế Tôn bảo: Thế nào, Tỳ-kheo, nay có bao nhiêu giới?

Ngài Lộc Đầu bạch đức Phật: Sự thực có bốn giới. Nhưng nghĩa có tám giới.

[Quý vị] thấy, không cần dạy đâu, khi đắc đạo rồi thì người ta tự thấy. Tại vì thấy con đường mình đi qua, không có người nào mù con đường mình đi qua được hết. Con đường mình đi qua thì tôi phải biết rõ con đường đó chứ. Đạo Phật không có vụ [đức Phật] ôm mình bay đi. Cho nên không có chuyện ôm mình bay đi, nên mình không biết con đường đó ở đâu. Mà mình đi qua con đường đó thì mình phải biết rõ con đường đó.

Cho nên ai mà không thông tỏ con đường vào Sơ quả, thì chắc chắn người ta chưa chứng Sơ quả. Ai chưa rõ con đường A-la-hán, thì người đó chắc chắn chưa chứng A-la-hán. Mà A-la-hán là thông giáo pháp Tứ đế rồi. Không cần nói nhiều, chỉ cần Sơ quả Tu-đà-hoàn là đã có Chánh kiến rồi. Nhiều người bây giờ mình tôn thờ người ta là Phật, Bồ-tát tái lai, A-la-hán v.v... Nhưng người ta có Chánh kiến hay chưa? So với Chánh kiến thì trật lất, người ta giảng Chánh kiến trật lất, thì chứng tỏ là người ta chưa có gì hết. Cho nên đó chỉ là tôn vinh thôi. Bây giờ có chiêu tôn vinh để nổi tiếng, cho nên phải cẩn thận nha. Thời nay mình phải học kinh điển, phải có căn cứ.

Đức Thế Tôn bảo: Thế nào là bốn giới, mà nghĩa có tám giới? Nếu là A-la-hán thì [sẽ] trả lời được. Cho nên ngôn ngữ, chư Tổ Trung Hoa gọi là 'Minh tâm Kiến tánh' hay ấn chứng, thầy hỏi để ấn chứng.

Ngài Lộc Đầu bạch đức Phật: Nay có bốn giới. Những gì là bốn giới? Đất, nước, lửa, gió. Đó gọi là bốn giới. Điều này chúng ta cũng học [rồi] đúng không? Chúng ta thấy chúng ta học đâu có ngoài kinh điển của Phật đâu.

Thế nào là nghĩa có tám giới? Đất có hai loại: đất trong và đất ngoài (điều này thì mình chưa học. Quý vị thấy trong kinh các vị A-la-hán báo cáo thì ngoài sức tưởng tượng của mình)**. Sao gọi đại chủng đất bên trong?** (Mình cũng học ngôn ngữ của ngài Huyền Trang, ngài cũng nói là đại chủng đất (đại

chủng địa)). **Đó là tóc, lông, móng, răng, thân thể, da bọc ngoài, gân cốt, tuỷ não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ, thận** (tóm lại là những chất cứng thì gọi là đất, chúng ta học rồi. Ở trong thân thể mình thì gọi là bên trong)**. Đó gọi là đại chủng đất trong. Thế nào là đại chủng đất bên ngoài?** (Điều này thì chúng ta chưa biết) **Đó là những gì cứng chắc. Đó gọi là đại chủng đất bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng đất.**

Chỗ này là Luận Câu Xá chúng ta đang học, quý vị thấy [ở đây] mở rộng thêm, cho nên Thiện Trang dẫn vào đây, chứ dẫn bữa khác thì chắc chúng ta không hiểu đoạn này. Dẫn ở đây thì chúng ta hiểu. Tức là đất là những gì mà cứng chắc ở trong thân thể chúng ta, gọi là đại chủng đất ở bên trong. Ngoài ra, những gì cứng chắc ở bên ngoài [thì là đại chủng đất bên ngoài].

Quý vị thấy chúng ta giảng ngôn ngữ đâu có sai. Đây là lời của vị A-la-hán mà. Vị A-la-hán nói là những gì cứng chắc, đó là đại chủng đất bên ngoài. Vậy thì chúng ta giảng có sai không? Không thể sai được, đúng không? Chúng ta nói đúng đó.

Sao gọi đại chủng nước? Đại chủng nước có hai: đại chủng nước bên trong, đại chủng nước bên ngoài (điều này cũng rõ ràng)**. Đại chủng nước bên trong là đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tuỷ** (tóm lại là những gì có nước). **Đó gọi là đại chủng nước bên trong. Còn các vật mềm ướt bên ngoài. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng nước.** Quý vị thấy bữa trước chúng ta giảng được cái chung ở bên ngoài thôi, nhưng ở đây ngài A-la-hán chia ra hai loại. Tại sao chia ra hai loại, thì chúng ta sẽ hiểu được nguyên nhân, mà ngài đó ngộ ra để chứng đạo.

Sao gọi đại chủng lửa? Đại chủng lửa có hai: đại chủng lửa bên trong, đại chủng lửa bên ngoài. Sao gọi là lửa trong? Là sự tiêu hóa tất cả những vật được ăn, không còn dư sót. Đó gọi là lửa bên trong (sự tiêu hóa của chúng ta cần phải có năng lượng, thì mới tiêu hóa được những vật được ăn, đó gọi đại chủng lửa bên trong)**. Sao gọi là lửa bên ngoài? Những vật giữ hơi nóng, vật ở bên ngoài. Đó gọi là loại lửa ngoài.**

Điều này chúng ta thấy rõ ràng, chúng ta giảng về Đất, Nước, Gió, Lửa thời gian qua là đúng, không sai, mình theo kinh. Cho nên phải căn cứ kinh, giảng một hồi mà đối chiếu trong kinh trật lất là thôi rồi đó, là mình giảng tầm bậy.

Thật ra Thiện Trang nói là trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya có hết những vấn đề căn bản này, mà tại sao nhiều người giảng đi đâu, đặc biệt những nhà học giả Đại thừa, cứ phát kiến lên giảng tùm lum tùm la, rồi cuối cùng so trong kinh thì trật lất. Sau đó mình thấy mỗi người dẫn một đường, học rồi bắt đầu cãi nhau chí chóe luôn, nhóm này cãi nhóm kia. Tại vì sao? Do mỗi người giảng mỗi đường, không chịu học trong kinh Phật. Kinh A Hàm, Kinh Nikaya có hết, học rồi thì giảng ra, thì làm sao sai được, ai cũng giống ai thôi.

Cho nên bên Phật giáo Nam truyền hay ở chỗ là họ giảng giống nhau, giảng trong kinh ra. Còn bên Phật giáo Bắc truyền không chịu học kinh, rồi phát tác ra nói. Họ còn bào chữa nữa chứ, kêu là tùy căn cơ chúng sanh, đối với người có thì nói có, đối với người không thì nói không, người chấp có thì nói không, mà người chấp không thì nói có.

Quý vị dẫn coi, kinh điển đâu phải vậy, kinh điển về những kiến thức căn bản là một dòng thôi. Còn bao giờ lên trình độ Bát-nhã thì bắt đầu mới nói kiểu đó. Mà mình chưa học xong trình độ một, mà đòi lên trình độ Bát-nhã. Cho nên là Thiện Trang nói điều đó nguy hiểm.

Rồi Đệ tử đời sau bắt chước nói vậy, rồi thời sau ấn chứng cho nhau ngộ nữa chứ. Không! Cho nên là từ thời Lục tổ trở đi thì không ấn chứng ngộ nữa rồi. Cho nên quý vị thấy Tổ sư Thiền tông Ấn Độ, tới ngài Lục tổ là hết truyền rồi, sau này thì không ấn chứng nữa. Còn đời sau này tự ấn chứng là tự chịu trách nhiệm.

Ở đây sẵn Thiện Trang nói luôn, chúng ta học chúng ta phải rõ ràng, cho dù là Tổ sư của Thiền tông thì vẫn không bằng Phật được. Điển hình là câu chuyện, quý vị lấy 33 vị Tổ của Trung Hoa và Ấn Độ, chúng ta lấy vị Tổ thứ tư của Thiền tông Ấn Độ là ngài Ưu Ba Cúc Đa. Câu chuyện này Thiện Trang đã kể rồi, quý vị nghe câu chuyện đó rất nổi tiếng, là Tổ Ưu Ba Cúc Đa có năng lực

chiết phục được Ma vương Ba Tuần luôn. Ngài dùng Thần thông chiết phục được Ma vương Ba Tuần, sau khi chiết phục xong, thì Ma vương Ba Tuần nói: *"Con phục ngài lắm, cho nên ngài muốn yêu cầu gì thì con sẽ làm cho".* Ngài là vị Tổ sư thứ tư của Thiền tông, ngài nói: *"Ta không có có nhu cầu gì hết, ta chỉ có một điều ước thôi, là ta chưa thấy được Phật. Tại vì thời ta ra đời, đức Phật đã nhập Niết-Bàn rồi, các Tăng đoàn thời đó không còn nữa, cho nên ông có thể dùng Thần thông hóa hiện ra đức Phật và Tăng đoàn để cho ta thấy hay không? Ta mong muốn là thấy được hình ảnh đức Thế Tôn. Bởi vì ông sống từ thời đó tới giờ, ông thấy được hình ảnh đó, ông hóa hiện ra được không?"*

Ma Vương Ba Tuần nhận lời: *"Được! Con sẽ hóa hiện ra đức Thế Tôn và đủ 1.250 vị Tỳ-kheo, tùy tùng đi theo Phật. Nhưng ngài nhớ nha, ngài đừng lễ".* Ma vương Ba Tuần cũng giỏi lắm, ổng có Thần thông nên biết trước là thế nào [khi ổng] hóa hiện ra Phật, thì Tổ sư thấy Phật là lễ, cho nên ổng dặn. Sau khi ông hóa hiện ra đức Phật và 1.250 vị Tỳ-kheo, đi từ cánh bìa rừng đi ra, thì vị Tổ Ưu Ba Cúc Đa thấy Phật cho nên bất giác đảnh lễ. Vừa đảnh lễ thì Ma vương Ba Tuần thu mình lại, nói: *"Con đã dặn ngài rồi, ngài không được lãnh lễ mà. Con làm sao dám nhận lễ của ngài".*

Quý vị thấy câu chuyện đó để nói lên điều gì? Câu chuyện đó, mình tưởng là bình thường, nhưng thật ra có quá nhiều chi tiết trong đó. Thứ nhất, một vị Tổ sư đã Minh tâm Kiến tánh, được xác nhận trao y bát. Tổ thứ tư hồi đó được trao y bát mà. Mà vẫn không có đủ năng lực đi ngược thời gian, để nhìn được Tăng đoàn thời đức Phật, thì có lý do nào mà ngài Thiên Thai Trí Giả Đại sư có thể nhập định để thấy. Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại sư hơn ngài Ưu Ba Cúc Đa à? Đó là một điều hơi vô lý, Thiện Trang cũng thắc mắc.

Thứ hai, năng lực của một vị Tổ sư đã Minh tâm Kiến tánh, Kiến tánh Thành Phật, không biết được mà phải nhờ Ma vương hiện hình sao? Rồi thêm một vấn đề nữa, là ngài vẫn còn sự cung kính quá, nên ngài bất giác lễ xuống, đúng chưa?

Cho nên quý vị thấy, Thần thông diệu dụng của một người chứng quả trên A-la-hán, (mình nói là trên A-la-hán đi, vì là một vị Tổ sư Minh tâm Kiến tánh mà), vẫn không bằng [Phật]. Mặc dù đã chiết phục Ma vương rồi, vẫn không đủ năng lực để quán xét những điều quá khứ như vậy, như vậy. Không tự biết được là Phật như thế nào, chưa thấy Tăng đoàn thế nào. Từ đó mình suy nghĩ: 'Là vị Tổ sư Thiền tông cỡ đó, mà không bằng Phật được, thì làm sao có người nào bằng Phật được'. Cho nên không thể nói Lục tổ Huệ Năng bằng Phật được, không có chuyện đó, chỉ có Tổ Tổ tương truyền. Ngài Ưu Ba Cúc Đa là Tổ thứ tư Thiền tông Ấn Độ rồi. Câu chuyện đó, quý vị mở quyển sách '33 vị Tổ sư Thiền tông', do ngài Thích Thanh Từ dịch mà coi.

Cho nên chúng ta học là phải sáng suốt, đừng có mê muội. Học Phật là sáng suốt, rõ ràng hết mọi chuyện. Cho nên hãy tin Phật, lấy Phật làm chuẩn, đừng bao giờ đặt Tổ hơn Phật. Chúng ta có quyền học chư Tổ. Đúng! Nhưng chúng ta tham khảo, những gì các ngài giảng tương ưng với Phật thì chúng ta học theo. Những gì các ngài giảng không tương ưng với Phật, thì chúng ta xin phép, con chưa đủ khả năng, con gạt các ngài qua một bên để con học Phật, thì mình chắc chắn đúng. Còn không, lỡ mình học sai thì đi theo sai luôn, không biết Tổ nào thế nào, mình đâu có biết. Thôi thì mình tin trong kinh.

Những điều này Thiện Trang nói một lần nữa, tại vì thời nay có truyền phái là tin người hơn tin Phật, và thờ một cách gọi là mê muội. Và khi có ai nói thầy đó giảng sai là nổi khùng lên. Giống như Thiện Trang nói người đó giảng sai, thì bắt đầu quay ra chửi Thiện Trang. Thiện Trang nói sai, [thì quý vị có thể] đối chiếu kinh Phật mà. Kinh Phật nói đúng như thế, thì mình phải tin Phật chứ không tin người, y pháp bất y nhân mà. Quý vị tin người, nghe nói thầy mình giảng sai là nổi sùng, nổi khùng lên, thì làm gì. Vậy mình tu hành dữ chưa? Tu hành như vậy không được. Cho nên quý vị hãy cố gắng coi lại.

Quý vị có thời gian, có trí tuệ, thì quý vị đối chiếu pháp ngữ của các Tổ sư, Đại đức với kinh Phật, duyệt hết Đại tạng kinh, coi Đại Tạng kinh thôi. Quý vị so một hồi rồi quý vị thấy, có rất nhiều vấn đề chưa hẳn tương ưng. Cho nên Thiện Trang muốn nói: là có một vài chư Tổ chưa hẳn là Phật, Bồ-tát tái lai đâu,

quý vị hãy cẩn thận. Thiện Trang coi nhiều rồi, Thiện Trang phát hiện ra như vậy, và Thiện Trang báo cáo với quý vị. Mình hãy cố gắng tin tưởng [Phật]. Chúng ta học Kinh A Hàm, Kinh Nikaya này là để bổ sung cho nền tảng Đại thừa rất tuyệt vời. Quý vị tu bất cứ Pháp môn nào, Thiền tông, Vipassana hay Đại thừa hay Mật tông, thì quý vị học những nền tảng này đều cần thiết cả. Quý vị học rồi, quý vị áp dụng vào đời sống này, thì quý vị sẽ an vui, và đời sau an vui giải thoát.

Chứ còn không, nhiều khi mình tu, mình rớt vào Tà kiến mà mình không biết. Mà khi đã rớt vào Tà rồi, thì càng tu càng xa mục đích của mình là giác ngộ và giải thoát. Nên nhớ vậy! Giống như con đường, từ điểm A đến điểm B, quý vị đi thẳng đường thì sẽ tới. Mà bây giờ quý vị đi lệch qua một chút, càng lệch thì càng xa thôi, lệch càng nhiều thì càng xa hơn nữa. Càng tinh tấn bao nhiêu, thì Tà tinh tấn sẽ xa với Chánh kiến bấy nhiêu, và càng xa Chánh giải thoát, tại vì mình đã sai đường. Cho nên đừng để sai. Muốn khỏi sai thì phải chịu khó dành thời gian coi giùm Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, và học A Tỳ Đàm, học Luận Câu Xá v.v… học những bộ luận về giáo lý giải thoát này, thì chúng ta sẽ không bị lạc đường.

Tại sao gọi là đại chủng gió? Đại chủng gió có hai: gió trong và gió ngoài. Gió trong là gì? Đó là gió trong môi, gió mắt, gió đầu, gió thở ra, gió thở vào, gió trong tất cả các khớp tay, chân. Đó gọi là gió trong. Sao gọi là gió ngoài? Đó là vật khiến lay động nhẹ, nhanh chóng. Đó gọi là gió ngoài (điều này thì rõ ràng. Cái gì làm cho lay động vật nhẹ, gọi là gió ngoài)**. Bạch Thế Tôn, đó gọi là có hai loại. Sự thật có bốn, mà số có tám.**

Điều này là chia chẻ ra. Quý vị thấy hôm bữa mình học Luận Câu Xá không có chia chẻ như thế này, mà ở đây chia sẻ thành tám luôn.

Như vậy, thưa đức Thế Tôn, con quán sát nghĩa này, rằng con người khi mạng chung, bốn đại chủng ấy trở về gốc của chúng. Điều này thì chúng ta biết rồi, đây là đạo lý Vô thường.

Đức Thế Tôn bảo: Pháp Vô thường cũng không cùng chung với pháp Thường (Vô thường không bao giờ đi chung với pháp Thường)**. Sở dĩ như vậy là vì đại chủng đất có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bấy giờ, đất trong là pháp Vô thường, là pháp biến dịch** (biến dịch tức là biến đổi, thay đổi)**, còn đại chủng đất ngoài thường trụ không biến đổi. Đó gọi là đất có hai loại không tương ưng với Thường và Vô thường. Còn ba đại kia cũng lại như vậy, giữa Thường và Vô thường không tương ưng nhau.** Đoạn này hơi khó hiểu, từ từ rồi chúng ta giải thích.

Cho nên, này Lộc Đầu, tuy có tám loại, kỳ thật chỉ có bốn. Lộc Đầu, hãy học điều này như vậy.

Lộc Đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 4 – Phẩm Thanh Văn thứ 28 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Một bài kinh thật ra nếu đọc thì nhanh lắm, nghe chừng khoảng 5 phút là hết bộ kinh, nhưng chúng ta giảng nãy giờ hơn một tiếng mà chưa xong.

Quý vị thấy đạo lý chỗ này, chúng ta cũng không hiểu, đó là pháp Vô thường cũng không cùng chung với pháp Thường. Điều này thì mình hiểu. Nhưng đoạn này thì hình như mơ hồ đối với chúng ta: Sở dĩ như vậy là vì đại chủng đất có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bấy giờ, đất trong là pháp Vô thường, là pháp biến dịch, còn đại chủng đất ngoài thường trụ không biến đổi. Chỗ này thì ngài Tuệ Sỹ đánh dấu luôn, là câu này nên tồn nghi trong Hán dịch, không biết đúng hay không. Tức là ngài cũng không hiểu luôn. Về điều này thì Thiện Trang hiểu sơ sơ, nhưng không biết đúng không, Thiện Trang chia sẻ thôi.

Tức là ở đây nói: Đất, Nước, Lửa, Gió thì chia ra làm 4, rồi mỗi loại chia ra làm 2 nữa (trong và ngoài), thì thành 8. Ví dụ đất, đất bên trong thì vô thường. Tại vì sao? Vì thân thể mình vô thường, biến đổi đúng không? Điều đó là rõ ràng. Và đất bên ngoài cho dù biến đổi, vật chất không tự nhiên sanh ra, cũng không tự nhiên mất đi, mà chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác, ngôn ngữ là như vậy. Và chính vì hai điều đó, nên cái bên ngoài thì còn hoài, còn cái trong

thì thay đổi. Cho nên hai cái đó không tương ưng với nhau. Vì vậy mới có sanh tử. Ba loại còn lại cũng vậy, không tương ưng với nhau, vì vậy mới có sanh tử luân hồi, ngôn ngữ là như vậy.

Chúng ta không có đủ trí tuệ để hiểu điều này, bao giờ thành A-la-hán thì mới hiểu. Chứ bây giờ mình không có Tổ sư, không có ai Minh tâm Kiến tánh thì hỏi kiểu nào đây. Ngôn ngữ Minh tâm Kiến Tánh, thật ra chỉ là địa vị A-la-hán, mà A-la-hán với Tuệ giải thoát thì có thể hiểu được.

Cho nên mình cố gắng mình học từ từ, điều này mình hiểu hay không hiểu thì cũng không sao, từ từ rồi sẽ hiểu. Thiện Trang nghĩ là như vậy, tùy duyên của quý vị thôi.

Như vậy hôm nay đã giới thiệu được vấn đề kiến thức, một câu chuyện [tưởng] rất dài nhưng thật ra là ngắn. Quý vị có thể copy lại từng đoạn từng đoạn để chia sẻ. Thiện Trang thấy rất nhiều đạo lý hay, trong đó nhấn mạnh một lần nữa tầm quan trọng của việc giữ giới, rồi tu như thế nào, và phương tiện độ sanh như thế nào. Rất hay! Thiện Trang nghĩ đây là một những câu chuyện mà Thiện Trang nhớ nhất trong Kinh A Hàm.

Trong Kinh A Hàm, Thiện Trang có ấn tượng với ba câu chuyện nhất, thậm chí là bốn câu chuyện. Câu chuyện thứ nhất là câu chuyện Lão Nam Nữ. Quý vị còn nhớ không? Hai ông bà già đáng lẽ có thể đắc đạo A-la-hán, hoặc giàu nhất thành Xá Vệ, mà cuối cùng không được gì hết. Hoặc là tới Sơ quả Tu-đà-hoàn, hoặc là giàu thứ tư của của thành Xá Vệ, nhưng cuối cùng không được gì hết. Đó là một vấn đề. Vấn đề thứ hai là vấn đề về xài tiền, đó là câu chuyện thứ hai. Vấn đề thứ ba là câu chuyện này. Và vấn đề thứ tư là câu chuyện của ngài Tượng Xá Lợi Phất, một vị có Thần thông nhưng cuối cùng hoàn tục, về cưới hai bà vợ luôn. Rồi cuối cùng quay trở lại tu hành thì đắc đạo A-la-hán.

Cho nên là Thiền chỉ với Thiền quán khác nhau. Thiền chỉ đắc nhưng có thể mất. Còn Thiền quán [một khi] đắc thì không mất. Đó là những vấn đề. Tức là mình chỉ cần căn cứ vào những câu chuyện, từ những câu chuyện đó sẽ gợi cho mình rất nhiều đạo lý trong đó, và mình sẽ nhớ mãi không quên. Đó là

những câu chuyện mà Thiện Trang nhớ ra, thật ra là còn nhiều lắm. Kinh A Hàm với Kinh Nikaya, thỉnh thoảng có những câu chuyện mà càng gây sốc cho mình bao nhiêu, thì mình càng nhớ bấy nhiêu. Chính vì vậy [giúp] cho mình nhớ lâu, và các pháp Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã ấn trong tâm chúng ta.

Tiếp theo Thiện Trang trở lại với phần giáo lý về tu chứng. Hôm nay giới thiệu đề mục là 'Làm sao để vào Thế đệ Nhất vị', tức là nhập Chánh tánh Ly Sanh. Đoạn này Thiện Trang xin trích từ Kinh Nikaya. Có nghĩa là hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị ngay cả Thế đệ Nhất vị, nhưng trong Kinh Nikaya thì không dùng chữ Thế đệ Nhất vị, mà gọi là Quyết định tánh hay là nhập Chánh tánh Ly sanh. Ở trong Tứ gia hạnh vị mà Thiện Trang hay nói, thì đây là địa vị thứ tư, gọi là nhập Chánh tánh Ly sanh. Vậy chúng ta làm sao để vào? Hồi bữa chúng ta đã biết làm sao để vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành rồi đúng không? Bữa nay sẽ giới thiệu cho quý vị hạ cấp thêm, là sẽ xuống tới Thế đệ Nhất vị, thậm chí hạ xuống thêm nữa, từ từ mình hạ xuống tới Noãn vị luôn.

[Vậy] mình làm sao để vào? Đây chỉ là đoạn ngắn thôi, nhưng căn cứ trong kinh. Xin giới thiệu với quý vị đây là căn cứ trong kinh. Thiện Trang nói tất cả trong kinh điển có hết, tại vì mấy người không học. Những người không học thì giảng tùm lum thôi. Chứ còn chúng ta [học] rồi giảng, thì có trong kinh hết. Thiện Trang dành thời gian suốt ngày đọc kinh, nghe kinh, cho nên Thiện Trang dần dần [nhận ra]: hóa ra điều gì cũng có trong kinh hết mà.

Làm Sao Để Vào Thế Đệ Nhất Vị (Nhập Chánh tánh Ly Sanh)

Tứ gia hạnh [gồm]: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ Nhất vị, thì trong Luận Câu Xá này chúng ta sẽ học lại, nhưng ở đây thì giới thiệu kinh.

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận, sự kiện này không xảy ra. Có nghĩa là ai thấy các hành nào mà thường còn (thường còn tức là không Vô thường), mà quý vị thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận, thì điều này không xảy ra. Tức là không bao giờ có chuyện đó. Tức là quý vị ở thế gian, mà quý vị nhìn điều gì cũng thường còn, gia đình thường còn, điều này thường

còn, điều kia thường còn, thì đối quý vị thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận. Không được đâu, sự kiện không xảy ra.

Không thành tựu Nhẫn nhục Tùy thuận, sẽ nhập vào Chánh tánh Quyết định, sự kiện này không thể xảy ra. Có nghĩa là nếu quý vị không thành tựu được điều đó, quý vị coi các hành đều là thường còn, bất cứ một điều nào đó thôi, mà thường còn, thì sẽ không thành tựu được điều này. Mà không thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận này, thì quý vị không vào được Chánh tánh quyết định, chính là nhập Chánh tánh Ly sanh (không vô được Thế đệ Nhất vị). Sự kiện này không thể xảy ra.

Mà sự kiện này là gì? Chánh tánh Quyết định (Chánh tánh Ly sanh) này cực kỳ quan trọng, là Thế đệ Nhất vị. Cho nên mình phải [làm] ngược lại, là mình phải xem tất cả các pháp đều là vô thường. Quý vị còn xem gia đình là thường đúng không? Mình còn xem người yêu là thường, tiền bạc là thường đúng không? Thì không có được Nhẫn nhục Tùy thuận. Mà không được Nhẫn nhục Tùy thuận thì không thể nào vào Chánh tánh Ly sanh (hay là Quyết định tánh). Ngôn ngữ ở đây nói là Chánh tánh Quyết định, còn có chỗ nói Quyết định tánh, thật ra cũng là nhập Chánh tánh Ly sanh thôi. Quý vị đọc nhiều kinh luận thì quý vị thấy có Chú Giải này.

Không nhập vào Chánh tánh Quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất Lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra. Nhớ nha! Không đi qua con đường nhập Chánh tánh Ly sanh, thì không chứng được quả Dự lưu đâu, không chứng được quả Nhất lai, tức là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, không có chuyện đó.

Cho nên là học kiểu gì? Đầu tiên vẫn là học Vô thường trước đã. Bài học Vô thường mà chưa làm xong, thì quý vị không vô Chánh tánh Ly sanh. Mà không vô Chánh tánh Ly sanh thì không chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm hay A-la-hán được. Đây là Thiện Trang trích dẫn từ Kinh Nikaya đó, không phải là Thiện Trang nói đâu. Đoạn này đức Phật nói rõ hơn:

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận, sự kiện này có xảy ra. Mình hãy ráng tu, đầu tiên là thấy tất cả đều vô thường. Bất cứ hành nào cũng đều là vô thường, tức là thấy tất cả đều là vô thường, thì sẽ thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận. Cho nên tâm xả ly của mình mạnh thì tự nhiên thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận. Sự kiện này có xảy ra. Thôi mình cứ bỏ qua dòng này đi, mình chỉ nhớ là thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận.

Thành tựu Nhẫn nhục Tùy thuận, sẽ nhập vào Chánh tánh Quyết định. Quý vị phải qua được bước này. Quý vị thấy có mấy bước đúng không? Cho nên hồi bữa có đồng tu hỏi Thiện Trang, là làm sao vào được mấy quả vị Noãn, Nhẫn, Đảnh, Thế đệ Nhất vị? Thiện Trang nói từ từ, đừng ham. Bữa nay giới thiệu cho quý vị làm sao để vào. Quý vị phải đi qua các bước, [bắt đầu] là từ Vô thường giùm. Thấy tất cả các hành, tức là tất cả pháp, việc gì ở trên đời cũng thấy vô thường. Trái đất này cũng vô thường, rồi sẽ hoại diệt. Tiền bạc, gia đình, anh em, vợ chồng, v.v... là vô thường, thì sẽ thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận. Sau khi thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận, thì sẽ nhập vào Chánh tánh Quyết định (tức là nhập Chánh tánh Ly sanh), rồi từ đó mới bước lên Sơ quả được. Sự kiện này có xảy ra.

Nhập vào Chánh tánh Quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra. Quý vị thấy chưa? Nếu mình không vào đây thì mình làm sao vào quả Dự lưu (quả Tu-đà-hoàn), rồi quả Nhất lai (Tư-đà-hàm), quả Bất lai (là A-na-hàm), rồi A-la-hán. Nếu mình không thành tựu thì không có chuyện đó. Cho nên pháp tu đầu tiên là Vô thường. Không có Vô thường thì không ra được đâu. Cho nên bây giờ nhiều đồng tu còn ham, ham gia đình, ham điều này điều kia, tức là thấy các pháp đều là thường. Chỉ cần thấy một pháp nào đó thường còn thôi là không được rồi, chứ đừng nói thấy nhiều.

Cho nên phải thấy bất cứ hành nào là vô thường, tức là thấy tất cả pháp ở thế gian này đều là vô thường hết, thì mình mới thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận. Nhẫn nhục Tùy thuận này là một khái niệm nữa, nhưng tạm thời

dừng ở đây, mình chưa phân tích nhiều quá, [thì sẽ] rối. Mình cứ biết là có bước đó, rồi từ bước đó thì mình bước vào Chánh tánh Quyết định, tức là nhập Chánh tánh Ly sanh (tức là Thế đệ Nhất vị). Từ Thế đệ Nhất vị này mới bước vô Sơ quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Nói rõ ra là như vậy.

(6.98) Kinh Vô Thường: Anicca - Kinh Tăng Chi – Phẩm 6 Pháp).

Đây là Kinh Nikaya nha quý vị, không phải Thiện Trang bịa ra đâu. Cho nên Thiện Trang nói trong kinh có hết mà, tại sao phải học ở đâu đâu. Nhưng khổ nỗi không có ai có thời gian đọc hết như vậy. Đọc cũng không hiểu, cứ đọc qua đoạn này giống như kiến thức ở đâu đâu. Nếu quý vị không có Chú Giải ở chỗ Đại Tỳ Bà Sa Luận, hoặc Luận Câu Xá, còn nói là nhập Chánh tánh Ly sanh chính là Quyết định tánh, rồi Chánh tánh Quyết định v.v... Mình không đọc ngôn ngữ đó thì làm sao mình biết, rồi mình cứ tưởng cái này với cái kia không liên quan với nhau. Nhưng do mình đọc nhiều quá nên mình thấy liên quan, mình kết nối với nhau được. Cho nên Thiện Trang thấy may mắn quá, mình học hết rồi.

Cho nên hôm nay, chỉ cho quý vị bí quyết để vào Thế đệ Nhất vị luôn, tức là thấp hơn Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Chính là quý vị thấy giùm tất cả các hành đều là vô thường, tức là việc gì ở đời cũng nhìn thấy vô thường hết, lúc nào cũng thấy vô thường, vô thường, vô thường, thì quý vị thành tựu được Nhẫn nhục Tùy thuận, tức là sự nhẫn đối với tất cả mọi thứ. Điều này để bữa sau giảng sau. Rồi từ đó mình sẽ vào được Chánh tánh Quyết định tức là Quyết định tánh, hay là nhập Chánh tánh Ly sanh tức là Thế đệ Nhất vị (địa vị thứ tư trong Tứ gia hạnh). Từ đó mình sẽ vào được, thì mới chứng ngộ được Sơ quả Tu-đà-hoàn trở lên.

Hôm nay Thiện Trang giới thiệu kiến thức đó, càng ngày về sau càng sáng tỏ. Và quý vị cứ kéo từng nội dung này xếp vô một file nào đó, quý vị gom lại, sau này quý vị vẽ thành một cái cây để mình học, là đầy đủ, đi từ quả vị nào tới quả vị nào là có hết. Tại vì bây giờ mình học một lúc thì choáng phải không? Nhưng Thiện Trang cứ cấp từ từ vậy đó, thì không có choáng. Nhưng sau khi

mình học xong thì mình gom lại, mình vẽ lại, mình viết lại thành một cuốn sách theo trình tự ngược lại. Tức là theo trình tự từ trên xuống dưới, thì sẽ rõ ràng, dễ học. Sau này Thiện Trang cũng sẽ làm như vậy cho quý vị, hoặc là làm thành Mục lục cho quý vị. Có đồng tu cũng làm Mục lục rồi, dần dần mình sẽ làm được hết, không có vấn đề gì đâu, cứ từ từ. Cho nên pháp Vô thường vẫn là quan trọng nhất. [Quý vị] hãy nhớ giùm Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã.

Đó là vào Chánh tánh Ly sanh, bây giờ có pháp nào xuống thấp hơn nữa không? Thiện Trang chưa tìm thấy được [địa vị] Nhẫn vị hay là thế nào, nhưng ở đây có một vị trí cũng trong Tứ gia hạnh, trích trong Kinh A Hàm. Đó là Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái. Trong Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ Nhất vị, thì Đảnh pháp là địa vị thứ hai. Thiện Trang chưa tìm thấy được Nhẫn pháp, hay là Thiện Trang nghe qua, đọc qua rồi mà không nhớ. Khi nào tìm được trong kinh thì lôi ra, còn hôm nay thì thấy trong kinh được địa vị Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái. Bởi vì ông Đề Bà Đạt Đa là Đảnh pháp thoái, điều này có trong kinh, và rất may mắn là có trong Kinh A Hàm. Đoạn trên là Kinh Nikaya, còn đây là Kinh A Hàm. Cho nên là có hết [trong kinh] đó quý vị, chứ đừng tưởng là không có, có hết, mà tại mình không học.

Đảnh Pháp Và Đảnh Pháp Thoái

Đức Thế Tôn bảo: "Này A Nan! Thật vậy, thật vậy! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Ta nói về Xứ và dạy về Xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Này A Nan! Nếu ông lại hỏi về Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái[187] từ nơi Như Lai thì ông hết sức tin tưởng, hoan hỷ đối với Như Lai".

Đây là đức Phật dạy cho các vị Tỳ-kheo còn trẻ tuổi, có nhóm 17 vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi, chưa đủ 20 tuổi mà được thọ giới Tỳ-kheo, [điều này thì] thời xưa có. Sau này đức Phật chế ra là 20 tuổi trở đi mới được thọ giới Tỳ-kheo. Tại vì mấy vị Tỳ-kheo này trẻ tuổi quá, nên khi nhịn ăn chiều thì họ đói quá, họ khóc. Cho nên từ đó về sau đức Phật nói là không cho truyền giới cho những người trẻ tuổi nữa, bởi vì họ chưa kham nhẫn được, nên phải để 20 tuổi. Đoạn này thì đức Phật giảng cho những vị Tỳ-kheo [trẻ tuổi] này. Và ngài A Nan

[muốn] để cho họ vui, hoan hỷ, tin tưởng đối với đức Phật, cho nên là có đoạn này.

Bấy giờ Tôn giả A Nan chắp tay hướng về đức Phật, bạch rằng:

"Bạch đức Thế Tôn, nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời. Nếu đức Thế Tôn nói và dạy về Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe xong từ đức Thế Tôn sẽ khéo léo thọ trì". Ở đây chúng ta học được Đảnh pháp luôn. Thậm chí đức Phật còn mở ra Đảnh thoái pháp nữa. Đảnh pháp thoái, có khi đọc là Đảnh thoái pháp, có người dịch ngược dịch xuôi.

Đức Thế Tôn bảo: "Này A Nan! Các ông hãy lắng nghe. Hãy khéo suy nghiệm! Ta sẽ nói về Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái cho ông và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe".

Tôn giả A Nan và các Tỳ-kheo niên thiếu thọ trì lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo rằng:[188] (Bây giờ để coi thử tu làm sao để vô Đảnh pháp nha. Bữa nay mình học, mình biết được hai địa vị trong Tứ gia hạnh luôn).

"Này A Nan! Đa văn Thánh đệ tử (tức là đệ tử của bậc Thánh) **chân thật** (nhớ là phải đa văn nha. Đa văn, có khi thì nói đa văn là học nhiều, học nhiều là đa văn. Nhưng Thiện Trang nhớ chữ đa văn này có định nghĩa trong kinh luôn, Kinh Nikaya thì phải. Trong Kinh Nikaya, có vị Tỳ-kheo hỏi đức Phật: 'Thế nào là người đa văn?' Đức Phật nói: 'Người nào nghe qua một bài kệ thôi, mà người ta hiểu được giáo lý trong đó, và tu được (phụng hành theo đó), thì người đó là đa văn'. Tức là mình hiểu sâu sắc, rồi mình tu hành, thuận theo pháp được, tùy pháp, thì người đó đa văn. Chứ mình nghe nhiều mà mình không hiểu gì, thì cũng không phải là đa văn. Đa văn có nhiều nghĩa, có chỗ nói đa văn là phải đọc nhiều, học nhiều. Có hai ý nghĩa)**, nhân nơi tâm hý luận,**[189] **tư lương, khéo quán sát, phân biệt về Vô thường, Khổ, Không, Phi ngã. Vị ấy khi hý luận như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như**

vậy, liền phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán.[190] Này A Nan, ấy gọi là Đảnh pháp.

Đảnh pháp là gì? Thực ra ngôn ngữ hơi khó hiểu đúng không? 'Nhân nơi tâm hý luận, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về Vô thường, Khổ, Không, Phi ngã'. Tóm lại, cũng là bốn pháp: Khổ, Không, Vô thường, chúng ta hay đọc Vô ngã, nhưng ở đây lại thành Phi ngã. Chữ Phi ngã với Vô ngã có khác nhau hay không? Đầu tiên chúng ta phải phân biệt chữ Phi ngã với Vô ngã.

Nhiều người không học chữ Hán, nên cứ tưởng Phi ngã với Vô ngã giống nhau. Nhưng thật ra Vô ngã với Phi ngã khác nhau. Vô ngã tức là nói các pháp, hay tất cả điều gì, đều không làm chủ được, mà do duyên tác động lên. Còn Phi ngã, #phi là chẳng phải, chẳng phải là ta thì gọi là Phi ngã. Tức là đừng cho rằng đây là ta, là thuộc về Thân kiến. Đừng cho thân này là ta, đừng cho tưởng tượng này là ta, đừng cho thọ này là ta, đừng cho hành này là ta. Đừng cho Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức này là ta. Không có điều nào cho là ta hết. Người nào mà xác định được như vậy, đó là Phi ngã. Phi ngã là không phải ngã, đó không phải là ta. Tóm lại bây giờ mình bỏ điều đó.

Cho nên Phi ngã này dễ hiểu hơn Vô ngã, hẹp hơn so với Vô ngã. Bây giờ bốn yếu tố: Khổ, Không, Vô thường và Phi ngã này, thì quý vị phải hý luận như vậy. Tâm hý luận là tâm mình tập trung vào suy nghĩ vấn đề này. Rồi mình tư lương, tư lương là mình suy tư, thẩm xét; rồi quán sát, phân biệt về bốn điều này thôi. Tóm lại vẫn là pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã.

Nếu quý vị làm được, thì [một] thời gian sẽ phát sanh được nhẫn. Nhẫn này là khả năng mình kham nhẫn. Rồi phát sanh được niềm vui. Nhẫn có nghĩa là từ đó mình thấy ở đời khổ quá, hồi xưa mình than khổ, còn bây giờ thì không. Bây giờ thì thấy đời Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã cũng bình thường đó mà; Phi ngã đó mà, chẳng phải ta. Hồi xưa đau quá chịu không nổi, rên la, còn bây giờ đau thì cũng kham nhẫn được. Tại vì sao? Mình thấy đau là bình thường mà, [vì] thân thể này không phải là ta. Nói đơn giản phát sanh nhẫn là như vậy đó, tức là mình kham nhẫn được.

Rồi phát sanh lạc là mình vui. Vì sao vui? Vì hồi xưa mình thấy đời vô thường nên mình khổ. Nhưng bây giờ mình thấy vui, vì hằng ngày học giáo pháp, Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã thấy vui. Hoặc mình thấy mọi việc ở đời diễn biến thế nào mình cũng vui. Cho nên phát sanh được lạc.

Rồi phát sanh dục, có nghĩa là mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. Dục này là mong muốn, mình mong muốn được nghe những giáo pháp như vậy, tức là mình [nghe] giáo pháp về Khổ, Không, Vô thường, Phi ngã. Rồi mình mong muốn niệm. Niệm có hai ý (Tâm sở Niệm mình mới học): Một là ghi nhớ; Hai là mình nhớ biết rõ trong đời sống. Ba là [mong cầu] quán, tức là mình quán những vấn đề nào trong đời sống, mình đẩy về Khổ, Không, Vô thường, Phi ngã hết.

Quý vị thấy không? Như vậy bữa rày là chúng ta đều học điều này đúng không? Mình đang tu như vậy và mình làm được như vậy, thì quý vị được vô địa vị Đảnh pháp. Cho nên Thiện Trang nói bí quyết để vô được Tứ gia hạnh, thì đầu tiên [quý vị] ôm giùm bốn chữ: Khổ, Không, Vô thường, Phi ngã hay Vô ngã cũng được; Vô ngã thì rộng hơn, ở đây nói Phi ngã thì nghe hẹp hơn nữa. Mình ôm được [bấy] nhiêu đó, và mình làm cho chắc vô, tâm luôn tập trung trong đó, [suy] nghĩ, quán sát, nhìn thấy mọi thứ Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Lúc đó mình phát sanh được khả năng nhẫn, phát sanh được niềm vui, phát sanh được mong muốn nghe pháp như thế, mong muốn niệm nhớ, và luôn nhớ như vậy, cầu mong quán được như vậy đối với mọi thứ, thì thành công. Quý vị đã vào được Đảnh vị (địa vị thứ hai) trong Tứ gia hạnh.

Có chỗ nói tu nhân để vào Noãn vị, là tu Ngũ đình Tâm quán. Có chỗ nói thôi, chứ chưa thấy trong kinh nói. Trong luận nói thôi nên Thiện Trang không chắc. Còn tu để vào Đảnh vị thì tu quán về Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã hay là Phi ngã. Điều này là kinh nói, chúng ta thấy rõ ràng. Nhẫn vị thì Thiện Trang chưa tìm thấy tu nhân gì để vô Nhẫn vị. Nhưng hình như mạnh hơn nữa thì vô [được] Nhẫn vị thì phải. Còn cuối cùng là Thế đệ Nhất vị thì chúng ta mới vừa học ở trên, chúng ta thấy rõ ràng. Đó là vào được Đảnh pháp rồi đó.

Bữa nay [học để] tu tới Đảnh pháp rồi, cho nên quý vị tu đàng hoàng là quý vị tới đây. Mà Đảnh pháp trong Luận Câu Xá này nói quý vị được gì, quý vị biết không? Trong Tứ gia hạnh thì Noãn không đoạn thiện căn, còn Đảnh thì chắc chắn chứng Niết-Bàn. Có nghĩa là ai vô đây rồi thì chắn chắn sẽ chứng Niết-Bàn, ra khỏi sanh tử. Còn mình lên thêm địa vị Nhẫn thì không đọa đường ác. Và vào Thế đệ Nhất vị thì chắc chắn nhập Chánh tánh Ly sanh, tức là quyết định rằng người đó sẽ chứng đạo trong thời gian không lâu nữa.

Cho nên tới [địa vị] Chánh tánh Ly sanh rồi, cho dù Phật có ra đời hay không có Phật ra đời, quý vị cứ trôi trong vòng sanh tử đến thời nào đó thì quý vị cũng chứng đạo. Chứng gì? Chứng quả Bích-chi-phật. Cho nên ráng tới địa vị thứ tư giùm đi, thì chắc chắn sẽ giải thoát, vì quý vị vô Chánh tánh Ly sanh rồi. Thời gian mình luân hồi có thời hạn, dù không có Phật ra đời thì mình chuyển nguyện thành Độc giác Phật. Và cần thời gian đủ thì mình sẽ tự giác ngộ, không cần Phật nữa. Nếu có Phật ra đời hoặc có giáo pháp ra đời, thì mình sẽ đi nhanh hơn.

Chúng ta học rõ ràng, sáng tỏ lộ trình giải thoát rồi. Còn các đồng tu nói tu Tịnh Độ, quý vị tu Tịnh Độ mà quý vị tới những địa vị này thì càng tốt. Chứ quý vị nói mong cầu vãng sanh, rồi ai vãng sanh đâu, rõ ràng chưa, ai đi chưa? Quý vị đi được chưa? Chắc chắn rồi thì quý vị không cần điều này.

Thật ra Thiện Trang tin rằng những người đi được là những người vô tình cũng đã vào mấy [địa vị] này rồi. Chứ thường là không đi nổi, vì tâm quá ác thì làm sao đi, làm sao mà tới Tây Phương Cực Lạc được. Chẳng qua tâm người ta là tâm hiền thiện, thì người ta phải vô dòng này được rồi chứ.

Ví dụ như quý vị thấy Noãn vị không đoạn thiện căn. Hôm bữa chúng ta đã học về thiện căn ở bài Khoa Chú Tuyển Giảng rồi. Thiện căn trong kinh đức Phật nói là không tham, không sân, không si. Còn bây giờ người ta tham sân si đầy rẫy, chứng tỏ người ta chưa có thiện căn. Tham sân si quá nhiều, ác quá mà, thì thiện căn ở đâu ra. Nên từ đó mình biết chưa có thiện căn. Chưa có thiện căn thì làm sao thành tựu được, tu Pháp môn nào cũng không thành tựu được.

Nên nói thì nói hay vậy thôi, nhưng tu cũng phải có thành tựu nhất định trong những pháp này. Như vậy đó là Đảnh pháp.

Này A Nan! Nếu được Đảnh pháp này nhưng lại mất đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn thì này A Nan! Ấy gọi là Đảnh pháp thoái.

Quý vị tu mới đầu được rồi, nhưng [địa vị] này bị thoái chuyển. Nếu không tu thủ hộ, tức là mình phải tu để giữ được lại, thủ hộ là giữ lại. Không tập tinh tấn tức là mình tu tập kiểu giải đãi một hồi là rớt luôn, thì gọi là Đảnh pháp thoái. Rớt lại về Noãn vị, tức là hơi ấm thôi, coi như có thiện căn. Quý vị không mất thiện căn thôi, chứ còn chưa vào được, nên bị rớt xuống.

Ông Đề Bà Đạt Đa tới địa vị này thì bị rớt, và rớt về [địa vị] Đảnh pháp thoái này. Chính vì vậy nên ổng đi suốt thêm 60 kiếp nữa mới thành tựu. Vì ổng phạm tới ba tội Ngũ nghịch, nên ông đọa Địa ngục suốt một kiếp. Hết một kiếp này ra, ổng phải mất thêm 60 kiếp nữa thì mới thành tựu. Hình như ổng không gặp Phật nên mới thành tựu lâu như vậy. Nhưng rõ ràng là cũng có thời hạn.

Còn chúng ta tu, nếu không đến nông nổi như vậy, thì chắc chắn chúng ta sẽ xong sớm hơn. Hãy cố gắng nha! Cho nên nếu vào Đảnh pháp được rồi, nhưng nếu suy thoái, mất đi, không tu thủ hộ (tức là mình không chịu tu để giữ lại), rồi không tu tập tinh tấn, thì sẽ bị thoái. Do là không tu thủ hộ, không tu tập tinh tấn.

Ấy gọi là Đảnh pháp thoái.[191] Cũng vậy, đối với thức nội xứ, thức ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và pháp do nhân duyên khởi[192] cũng như vậy.

Thiện Trang không giới thiệu về nội xứ, ngoại xứ v.v… vì rối quá. Bộ kinh này rất dài, nên Thiện Trang chỉ giới thiệu đoạn mình cần học thôi. Thật ra mấy kiến thức này cũng quen thuộc, nhưng giảng ra dài lắm.

Này A Nan! Đa văn Thánh đệ tử đối với nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp này mà hý luận, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về

Vô thường, Khổ, Không, Phi ngã, vị ấy khi hý luận như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy nên phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. A Nan, đó gọi là Đảnh pháp.

Nói tóm lại mấy điều này đối với nhân duyên khởi, nhân duyên khởi pháp cũng giống vậy. Điều này là mình học về quán nhân duyên, thì pháp quán nhân duyên nằm ở đây. Cho nên thật ra cũng chỉ cần nắm: Khổ, Không, Vô thường, Phi ngã thì thành công, đó là Đảnh pháp.

Này A Nan! Nếu được Đảnh pháp này nhưng lại mất đi (thật ra ở đây là hai cách, đối với [pháp] quán ở trên [là một cách]. Dưới này thêm cách nữa)**, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn thì này A Nan! Ấy gọi là Đảnh pháp thoái.** Đó là Đảnh pháp thoái rồi.

Quý vị thấy ở đây có mấy đoạn Chú Giải, quý vị có thể tua lại để coi. Đoạn này hơi dài, nhưng Thiện Trang xin đọc qua.

Này A Nan! Với Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy Đảnh pháp và Đảnh pháp thoái này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu Phạm hạnh.

Nghĩa là dạy được pháp này cho họ, thì họ nghe họ mừng lắm, họ yên tâm, họ an ổn, họ có được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, và họ sẽ tu trọn đời không thoái chuyển nữa. Mình nghe đó thì mình thấy cũng dễ, mình sẽ tu.

A Nan, Ta đã nói về Xứ, dạy về Xứ, về Đảnh pháp, Đảnh pháp thoái cho các ông nghe. Như vị Tôn sư vì Đệ tử nên khởi lòng đại từ ái, lân niệm, mẫn thương mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc. Ta đã thực hiện như vậy, các ông cũng nên tự chính mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, nơi núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh khống nhàn (#khống là tính từ của chữ không, là rảnh rỗi, hay có thể dịch là chỗ an

tĩnh, nhàn rỗi v.v…), **tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để ân hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta.**

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A Nan và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(Trích Từ Kinh 86- Kinh Thuyết Xứ - Kinh Trung A Hàm).

Quý vị thấy Thiện Trang chạy một vòng bao nhiêu bộ kinh đúng không? Thiện Trang coi bao nhiêu bộ kinh mới rút ra được như vậy. Quý vị thấy lúc nào đức Phật cũng nói: 'hãy đến nơi rừng vắng, nơi núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh, khống nhàn và tĩnh tọa tư duy v.v… siêng năng tu hành, đừng để ân hận về sau'. Còn bây giờ thì mình thích chui vô thành thị, chùa to, đông người, tu mới hấp dẫn. Ngược đời, cho nên giáo pháp có Tượng pháp với Mạt pháp là vậy. Mà đây là Kinh Trung A Hàm, còn lúc nãy chúng ta thấy Kinh Nikaya, Kinh Tăng Nhất A Hàm, đủ hết các kinh. Cho nên đây là những điều tuyệt vời mà chúng ta [được] học.

Bây giờ cũng gần hết giờ rồi, nếu Thiện Trang giảng tiếp Luận Câu Xá thì dài quá, không đủ thời gian. Thiện Trang xin giải đáp một vấn đề, mà hôm bữa có người hỏi Sư Minh Tuệ trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Để Thiện Trang giải cho [quý vị], tại vì có người cũng đọc ra, nhưng bản dịch thì không rõ. Có người đặt [câu] hỏi cho Sư Minh Tuệ là: 'Cúng dường cho 1000 vị Phật, sao không bằng một vị đạo nhân vô tu, vô chứng?'

Thiện Trang nghe câu hỏi, Thiện Trang không biết người này có cố tình không, họ đọc thiếu rồi. Hay người ta đọc bản dịch thiếu để gài Sư Minh Tuệ. Rất may là Sư Minh Tuệ trả lời đúng. Tại vì Sư Minh Tuệ thấy bất hợp lý, cho nên Sư Minh Tuệ trả lời đúng.

Nguyên văn như sau, chúng ta phải coi trong nguyên văn, chứ kiểu bản dịch hoặc đoạn copy từ đâu ra thì không đúng.

Câu Hỏi Về Cúng Dường Của Phật Tử Với Sư Minh Tuệ

四十二章經註》卷1：「佛言。飯惡人百。不如飯一善人。飯善人千。不如飯一持五戒者。飯五戒者萬。不如飯一須陀洹。飯百萬須陀洹。不如飯一斯陀含。飯千萬斯陀含。不如飯一阿那含。飯一億阿那含。不如飯一阿羅漢。飯十億阿羅漢。不如飯一辟支佛。飯百億辟支佛。不如飯一三世諸佛。飯千億三世諸佛。不如飯一無念無住無修無證之者。」(CBETA 2024.R3, X37, no. 669, p. 662a24-b6 // R59, p. 71a18-6 // Z 1:59, p. 36a18-6).

Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú: Phật ngôn: Phạn ác nhân bá, bất như phạn nhất thiện nhân. Phạn thiện nhân thiên, bất như phạn nhất trì Ngũ giới giả. Phạn Ngũ giới giả vạn, bất như phạn nhất Tu-đà-hoàn. Phạn bá vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạn nhất Tư-đà-hàm. Phạn thiên vạn Tư-đà-hàm, bất như phạn nhất A-na-hàm. Phạn nhất ức A-na-hàm, bất như phạn nhất A-la-hán. Phạn thập ức A-la-hán, bất như phạn nhất Bích-chi-phật. Phạn bá ức Bích-chi-phật, bất như phạn nhất Tam thế chư Phật. Phạn thiên ức Tam thế chư Phật, bất như phạn nhất vô niệm vô trụ vô tu vô chứng chi giả.

Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú là Kinh Tứ Thập Nhị Chương; chữ Chú cũng như Chương, ở quyển một. #Phật ngôn là Phật nói; #Phạn ác nhân bá, bất như phạn nhất thiện nhân: chữ phạn này không phải là ăn, mà nghĩa là cho (cung cấp cho người ta ăn). Cho 100 người ác ăn (tức là mình cúng dường cho 100 người ác ăn) không bằng cho một người thiện ăn. Tức là nói về so sánh, quý vị cho 100 người ác ăn (cúng dường cho 100 người ác ăn) không bằng quý vị cúng dường cho một người thiện. Mình bố thí cho người ta một bữa ăn chẳng hạn.

Rồi cho một ngàn người thiện ăn, không bằng cho một người trì giữ năm giới ăn. Quý vị thấy đây là bài kinh quan trọng, mình đừng cắt đoạn, mà mình phải nghe đầy đủ.

Đầu tiên Thiện Trang dịch ý cho ngắn, đức Phật dạy: Cho 100 người ác ăn không bằng cho một người thiện ăn. Mình phải có chọn lọc. Cho nên bây giờ lên mạng toàn thấy người ác, người thiện mà mình không phân biệt là không đúng. Thực ra đức Phật phân biệt, nói cho 100 người ác ăn không bằng cho một người thiện ăn. Nhưng quý vị cho 1000 người thiện ăn, cũng không bằng cho một người trì Ngũ giới ăn. Cho nên phước của người trì Ngũ giới lớn hơn nhiều, một ngàn người thiện không bằng một người trì Ngũ giới.

Cho một vạn người (10.000 người) trì Ngũ giới ăn, thì không bằng cúng dường cho một người chứng Tu-đà-hoàn ăn. Cúng dường cho một vạn người tu Ngũ giới chẳng bằng cúng dường cho một người chứng Tu-đà-hoàn. Cho nên Tu-đà-hoàn ngon hơn.

Cho một trăm vạn người Tu-đà-hoàn ăn, không bằng cho một người Tư-đà-hàm ăn (là cho một bữa ăn đó. Tại vì ngôn ngữ của Kinh Tứ Thập Nhị Chương toàn viết tắt). Quý vị thấy rõ ràng quả vị càng cao thì [công đức] càng lớn.

Cho một ngàn vạn người chứng quả Tư-đà-hàm ăn (mình nói cúng dường cho một bữa ăn), không bằng cúng dường một bữa ăn cho người chứng quả A-na-hàm. Cho nên số này rất lớn.

Cho một ức người A-na-hàm ăn, không bằng cúng dường một bữa ăn cho một người A-la-hán.

Cho mười ức A-la-hán ăn, không bằng cúng dường một bữa ăn cho một vị Bích chi-phật. Bích chi-phật cao hơn A-la-Hán nữa.

Cho một trăm ức vị Bích chi-phật ăn, không bằng như cho một chư Phật ba đời ăn. Chư Phật thì lâu lâu mới xuất hiện thôi, quý vị cúng dường cho một vị Phật thì hơn một trăm ức vị Bích chi-phật.

Tới đoạn cuối cùng là câu mà hôm bữa người ta hỏi Sư Minh Tuệ đây. Cho một ngàn ức (thiên ức) chư Phật trong ba đời (tức là một đời thôi mà quá khứ,

hiện tại, vị lai), không bằng cho một vị (giả). Ở đây là chữ 'giả' thôi, mà người ta dịch là đạo nhân gì đó, thành ra trật lất.

Cho nên Sư Minh Tuệ phát hiện ra chỗ sai, Sư Minh Tuệ không đọc kinh, nhưng ngài thấy kỳ quá, nên ngài trả lời theo hướng khác liền, chứ không là bị lừa. Người nào đọc tới đó là bị lừa, cứ theo kinh mà quất vô là bị lừa rồi. Thiện Trang thấy câu hỏi đó hình như sai kinh rồi. Thiện Trang thấy bất thường, nên Thiện Trang coi kinh lại thì thấy đúng vậy. Chữ này là chữ giả, chứ đâu phải là đạo nhân gì đâu.

Không như cho một vị vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng. Có bốn chữ vô (vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng), hình như họ cắt mất hai chữ. Chỗ này khó hiểu quá. Chữ 'giả' này là trong chữ Hán, vì Kinh Tứ Thập Nhị Chương thuộc về Hán tạng. Bộ kinh này thực ra không phải là bộ kinh, mà thời kỳ đầu ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, hai ngài tới truyền đạo cho Trung Hoa, thì thấy rằng nếu mình dẫn hết kinh Phật thì người ta không hiểu. Cho nên hai ngài gom lại, giảng lời chính thôi. Ví dụ như: 'Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tại đâu…' dài quá, nên các ngài gom ý chính lại, viết ra những ý chính của lời Phật dạy thôi (Phật ngôn tức là Phật dạy). Như vậy đoạn kinh trở nên có 42 đoạn ngắn như vậy, gọi là Kinh Tứ Thập Nhị Chương.

Thiện Trang nói đoạn trên như vậy là để so sánh công đức của việc cúng dường bữa ăn. Cuối cùng đưa ra một vị (chữ giả này là vị, chứ không phải đạo nhân), quý vị thấy bản dịch kỳ cục không? Người ta dịch là đạo nhân thì mình thấy trật lất. Thật ra ở đây là một vị vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng, mặc dù bữa đó Thiện Trang nhớ là người ta đọc thiếu hai điều, nhưng ngài Minh Tuệ vẫn phát hiện ra đó là một vị Phật. Tại sao một ngàn ức vị Phật trong ba đời mà không bằng một vị này, lại có vị Phật nào ghê hơn nữa. Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng thì người này chính là Phật rồi. Vậy Phật nào?

Ở đây có hai ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là mình xét theo địa vị Phật, thì vị Phật kia (vị Phật ba đời) là vị Phật chưa viên mãn, theo tiêu chuẩn của Kinh Hoa Nghiêm. Còn vị Phật sau cùng là vị vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng là vị

Phật viên mãn. Tức là Phật thì có: Một là Phật chưa đủ mười danh hiệu, hai là Phật đủ mười danh hiệu. Vị Phật mười danh hiệu đó là Như Lai, Phật theo tiêu chuẩn Hoa Nghiêm, thì vị Phật đó tất nhiên hơn những vị Phật kia.

Đó là nói theo ý như vậy. Nhưng còn một ý nghĩa nữa, chính là câu trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: **"Giả sử cúng dường Hằng sa Thánh; Bất như kiên dũng cầu Chánh giác".** Có nghĩa là quý vị cúng dường cho ngàn ức chư Phật trong ba đời, thì cũng không bằng quý vị tu thành Phật. Quý vị tu thành một người vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng thì công đức đó mới lớn. Còn quý vị cúng dường người kia thì chỉ là phước báu hữu lậu thế gian thôi. Mặc dù phước báu đó, nếu quý vị hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì quý vị thực ra chưa thành Phật được, quý vị thành A-la-hán thôi. A-la-hán thì độ sanh không lớn. Nhưng nếu quý vị tu thành Phật, vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng, thì quý vị ngon hơn cúng dường một ngàn ức chư Phật trong ba đời.

Chúng ta phải hiểu ý này, tại vì Kinh này vẫn là ngôn ngữ kinh điển Đại thừa. Cho nên lâu lâu có những đoạn cao như vậy, thì chúng ta phải hiểu được hai ý như thế. Đó là Thiện Trang giải thích luôn, chứ có người hỏi mà hỏi không đầy đủ. Kiểu [họ] gài bẫy Sư Minh Tuệ hay sao, hay là người ta đọc ba chớp ba nháng rồi hỏi, cho nên không rõ ràng. Thiện Trang đã giải thích cho quý vị rất rõ ràng rồi.

Thời gian hôm nay cũng hết rồi, hy vọng quý vị nghe được những gì thì nghe, Thiện Trang xin hẹn quý vị vào bữa khác. Hôm nay kiến thức cũng vừa phải, hôm sau chúng ta sẽ trở lại với Thiền chỉ và Thiền quán, học tiếp Luận Câu Xá. Bây giờ mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 33

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 12.03.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=R26XTdCn-jc
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay chúng ta [học] bài 33 của A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Luận Câu Xá). Chúng ta biết chúng ta học nội dung chính là có A Tỳ Đàm của Phật giáo Nam truyền, Luận Câu Xá của Phật giáo Bắc truyền, và phần Kinh tạng chủ yếu lấy Kinh A Hàm và Kinh Nikaya. Mời quý vị theo dõi:

Nguyên Nhân Sợ Hãi Khiếp Đảm
(Theo Kinh Sợ Hãi Khiếp Đảm – Kinh Số 4 trong Kinh Trung Bộ)

Bộ Kinh này rất dài, nên Thiện Trang chỉ tóm tắt lại nội dung. Quý vị có thể coi bộ Kinh này để đối chiếu.

Ở trong kinh nói: **khi chưa chứng Thiền định thì có những nỗi sợ hãi và khiếp đảm**. Chưa chứng Thiền định ở đây là gì? Tức là mình phải chứng từ Sơ thiền trở đi, thì gọi là chứng Thiền định. Cho nên nhiều người sợ hãi, Thiện Trang hay khuyên là ráng tu Thiền chỉ, để khi nào đắc được Thiền chỉ thì sẽ không sợ nữa. Bởi vì sao? Chúng ta học ở bài trước, chúng ta biết là có hai điều cần tu: [là] Thiền chỉ và Thiền quán theo Kinh Tăng Chi. *Thiền chỉ thì giúp cho*

được Tâm giải thoát, đoạn được tham v.v… nói chung là được Tâm giải thoát. [Còn] Thiền quán thì được Tuệ giải thoát. Cho nên muốn hết sợ hãi [thì] đắc Thiền chỉ. Đắc Thiền chỉ rồi thì không sợ nữa. Còn bây giờ chúng ta không đắc, thì chúng ta cố gắng coi trong những nguyên nhân này, chúng ta bị vấn đề nào.

1. Nhiễm trước, thân nghiệp không thanh tịnh: tức là về nghiệp của thân, thân mình làm những việc không tốt, thì tự nhiên mình sẽ sợ hãi. Cho nên đầu tiên phải ráng làm về thân. Thân có ba nghiệp: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm (tà hạnh). Ba nghiệp đó khiến cho mình không thanh tịnh thì tự nhiên mình sợ hãi, khiếp đảm thôi. Đây là điều đầu tiên cần phải kiểm tra. Cho nên ai sợ hãi, thì đầu tiên coi mình có dính vào ba nghiệp của thân (sát sanh, trộm cướp, tà dâm) không. Dính vào đó thì mình sẽ sợ hãi. Đó là một vấn đề.

2. Nhiễm trước mạng sống không thanh tịnh: trong cuộc sống, mình làm những nghề nghiệp không Chánh mạng, thì không thanh tịnh, cũng khiến cho mình sợ hãi. Ví dụ như quý vị trốn thuế, thì tất nhiên là quý vị sợ ngày nào đó bị người ta khui ra, [nên] mình cũng sợ. Có rất nhiều điều, như mình làm việc gì đó không thanh tịnh. Cho nên tu Phật giáo, đầu tiên là nghiệp phải tốt.

3. Nhiễm trước tham dục, có ái dục cường liệt: đây là về vấn đề ái dục, tham dục, mình có tham dục, mình có ái dục nên mình mới sợ hãi. Nếu không có điều này thì mình không sợ. Thật ra mình có những mong cầu nào đó, giống như quý vị có người yêu thì quý vị sợ mất người yêu, quý vị có nhà (tham nhà) thì quý vị sợ mất nhà, tham điện thoại mới nên sợ điện thoại bị xước, mua xe mới về chạy [nên] sợ mất. Đó là vì tham, tham mạnh quá thì sẽ sợ hãi. Đây là những nguyên nhân, mình cố gắng trừ, mình coi mình rớt vào điều nào.

4. Nhiễm trước, có tâm sân hận ác ý: tức là mình có tâm sân hận, ác ý, thì cũng dẫn đến sợ hãi. Vì chính ra là mình có tâm sân, mình thấy mình bất an. Thông thường sân thì sẽ bất an, chẳng ai sân mà an hết. Quý vị kiểm tra kỹ đi, khi quý vị sân hận, ác ý, thì tự nhiên mình bất an. Cho nên đừng sân hận.

5. Bị hôn trầm thụy miên chi phối: điều này là buồn ngủ, hoặc tâm không có kéo lên được, đờ đờ đẫn đẫn. Ở đây cũng vậy, bị thụy miên hôn trầm thì cũng

[sợ hãi]. Điều này rõ ràng, khi mình buồn ngủ thì mình có những nỗi sợ. Ví dụ khi mình ngủ thì mình sợ mất đồ, mất cái này, mất cái kia. Hoặc là mình mong mình tỉnh táo, mà bây giờ mình buồn ngủ quá, mình sợ mất thời gian. Đủ các kiểu sợ, cũng là do buồn ngủ. Hoặc người đờ đờ, không sáng suốt, thì mình cũng sợ.

6. Nhiễm trước bị dao động, tâm không an tịnh: điều này là hay bị dao động, tâm không an tịnh.

Nói chung [đối với] những điều này, thì Thiện Trang chỉ cho bí quyết là quý vị ráng tu Thiền chỉ. Chúng ta có 40 đề mục tu Thiền chỉ, ráng tu đắc được Sơ thiền trở đi thì sẽ không sợ hãi. Ngoài điều đó ra thì mình còn có Thiền quán nữa. Thiền quán thì chúng ta phải tu các pháp Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, rồi tin Phật pháp.

Chúng ta có tiêu chuẩn là bốn bất hoại tịnh: Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, bất hoại tịnh đối với Thánh giới (có chỗ ghi là thành tựu Thánh giới). Quý vị mà thật sự bất hoại tịnh, tức là có niềm tin bất hoại đối với Tam Bảo và Giới luật, thì quý vị không sợ.

Tại sao mình sợ? Vì mình chưa có niềm tin. Tại sao chưa có niềm tin? Là vì mình chưa có rõ ràng. Tức là trong ba trí (trí văn, trí tư, trí tu) thì quý vị mới chỉ có được trí văn. Chúng ta nghe thôi nên chúng ta chưa thể nào hiểu được, tức là mình suy nghĩ v.v… nhưng mình gặp cảnh thì mình cũng sợ. Khi nào mình hiểu ra [thì mình hết sợ].

Giống như có đồng tu nói với Thiện Trang là sợ ma. Thiện Trang nói ngày xưa Thiện Trang sợ ma lắm, hồi chưa biết Phật pháp sợ ma lắm, nhưng về sau này Thiện Trang không sợ nữa. Mình học, tu hành lâu năm rồi nên không sợ nữa, người thế gian gọi là sợ ma, mình không sợ. Vì sao? Vì mình hiểu ra bản chất. Quý vị nghĩ coi, một chúng sanh ở đường Ngạ quỷ với chúng sanh ở cõi Người, thì chúng sanh nào có phước báu hơn? Mình học Phật pháp rồi, mình biết là chúng sanh ở cõi Người có phước báu hơn chúng sanh ở Ngạ quỷ. Tại sao mình ở trên cao mà mình lại sợ dưới thấp. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là xét về cảnh giới mà nói, bây giờ mình có sợ hay không sợ, thì vẫn có đầy người đang đứng bên cạnh mình đó. Tại vì trong kinh đức Phật nói: bất cứ cây cỏ nhỏ, cho dù cực nhỏ giống như trục xe, đều có chúng quỷ, chúng thần ở đó. Vậy thì họ ở đầy đó, tại sao bình thường mình không sợ, mà mình đi vô chỗ đó thì mình mới sợ? Có nghĩa là do mình ảo tưởng, mình xác nhận nhầm rằng, mình nghĩ là bình thường họ không có, cho nên mình không sợ. Còn nghĩ lúc đó có, cho nên mình sợ. Nếu mình hiểu rõ lúc nào cũng có, thì mình đâu có sợ.

Giống như Thiện Trang nói, bây giờ quý vị có sợ bệnh gì không? Hằng ngày mình ăn bao nhiêu con vi trùng, vi khuẩn, mình ăn đồ ăn vô, đảm bảo với quý vị đâu có sạch, nhưng tại sao mình không sợ bệnh? Thứ nhất là vì mình không thấy nên không sợ. Thứ hai là mình biết: nếu có ăn vô mà bệnh gì đó thì mình chữa được. Cũng vậy, nếu ngày nào đó quý vị tin rằng Phật pháp có thể chữa được cho mình, thì mình không sợ. Chữa là mình tin vào Tam Bảo, tin vào Giới (Giới bảo vệ mình), tin vào công đức của Phật, Pháp, Tăng bảo vệ mình, hoặc là định lực tu hành của mình bảo vệ mình, thì mình không có sợ nữa. Nguyên nhân là vậy thôi.

Thật ra sợ là do tưởng. Cho nên lúc nãy Thiện Trang có lấy một ví dụ, quý vị tưởng tượng đi, sợ hay không sợ, đối với vấn đề sợ ma thì nhiều người sợ lắm. Nếu từ nhỏ quý vị lớn lên và được tiếp xúc với một nền giáo lý vô thần (không có đời này đời sau, không có ma quỷ gì hết). Quý vị tin vào điều đó, và chẳng bao giờ gặp ma quỷ gì hết, thì cho quý vị đi ra ngoài nghĩa địa ngủ, đảm bảo quý vị cũng chẳng sợ gì. Đi ngang qua nghĩa địa cười hà hà, thậm chí tới ngôi mộ v.v… tỉnh bơ. Tại vì quý vị đâu có sợ.

Cho nên đó gọi là ‘tất cả pháp từ tâm tưởng sanh’, do mình có niệm tưởng như vậy nên mình sợ, vậy thôi. Tại vì mình nghĩ nơi đó có người thế này thế kia v.v… Nhưng người ta được học như vậy, người ta nghĩ là không có, thì họ không sợ. Còn mình tưởng có nên mình sợ.

Nhưng thực ra có hay không có? Người đó tưởng là không có, nhưng tới

khi có thì người ta cũng sợ. Mới đầu còn cười, nhưng sau đó ra thì sợ. Ví dụ 12h đêm, kêu ban đêm ra nghĩa địa ngồi đi, cho 500 ngàn. [Kêu]: "Tao ra luôn để lấy 500". Mới đầu ra cười ngồi hà hà, vui lắm. Tự nhiên ở gần đó [có người] ném cục đá hay gì đó, kêu "bong", là bắt đầu sợ, rợn tóc gáy lên. Lúc đó làm thêm mấy phát nữa là bỏ chạy luôn, mặc dù chẳng biết đó là thật hay giả. Có nhiều khi là giả thôi, nhưng lúc đó tại vì mình xác định như vậy, mình cho là như vậy. Đó là sợ từ vọng tưởng mà ra.

Nếu lúc đó mình biết nguyên nhân không phải [như vậy], mình biết là có người nào ném cục đá hay gì đó thôi, chứ không phải thật, thì không sợ. Đó là người bình thường. Còn người đắc Thiền định, người học Phật pháp mà hiểu, thì chúng ta biết là tất cả chúng sanh đều bình đẳng. Họ ở đó, mình cũng ở đó, có gì đâu. Mình cũng như họ vậy thôi, nên không sợ. Cho nên đó là những nỗi sợ do mình tưởng ra. Quý vị cố gắng làm sao, mình học Phật pháp thì mình [không sợ].

Ở đây Thiện Trang xin nhắc lại một lần nữa, là khi chưa chứng Thiền định thì có sợ hãi, khiếp đảm. Đây là lời của Phật nói. Cho nên mình ráng tu Thiền chỉ, còn không tu Thiền chỉ thì vẫn sợ. Quý vị thấy như Sư Minh Tuệ chẳng hạn, tại sao ngài không sợ gì hết? Ở nghĩa địa, ở đâu cũng được. Tại vì có thể ngài chứng Thiền định, có bốn niềm tin bất hoại tịnh thì không sợ nữa. Cho nên mình hãy cố gắng hiểu điều đó.

7. Nhiễm trước nghi hoặc, do dự: do mình có nghi ngờ. Nói đơn giản tu là theo Phật, [nhưng] mình nghi, mình chưa tin được Phật, mình chưa tin được Pháp, mình chưa tin được Tăng, chưa tin được Giới, cho nên sợ. Điều này Thiện Trang đã nói nhiều rồi.

Đầu tiên là tin Phật. Quý vị biết tin Phật, quy y Phật thì không đọa Địa ngục, quy y thực sự đó. Mình tin vào Phật thì tại sao mình lại sợ ma, sợ này sợ kia. Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin vào Giới, thì tại sao [mình] sợ nghèo.

Thiện Trang có trích một bộ kinh, gọi là Kinh Bất Bần (Không Nghèo): Nếu

thành tựu được bốn điều này, thì người đó không nghèo nữa. Chính là thành tựu được niềm tin bất hoại đối với Phật, bất hoại đối với Pháp, bất hoại đối với Tăng, và đối với Thánh giới, thì người đó không nghèo. Vậy tại sao mình sợ nghèo? Rất nhiều nỗi sợ đều là do chưa tin được lời trong kinh nói, toàn do vọng tưởng mà mình sợ.

Sợ nghèo thì nằm ở đằng sau, nhưng sẵn Thiện Trang nói luôn. Thiện Trang cũng có những điều thử thách ghê lắm. Ví dụ như đợt vừa rồi, đoàn Sư Minh Tuệ đến ngày cuối cùng mới xoay chuyển. Thiện Trang tin rằng tất cả những điều gì mình tu hành, nhiệm mầu ở chỗ là lúc cuối cùng sẽ xoay chuyển.

Thiện Trang trong đời cũng gặp nhiều chuyện rồi. Hồi xưa (hồi ở Củ Chi), lúc đó Thiện Trang còn đi học trường Phật học. Quý vị biết là khi hết tiền, không còn đủ sống (chuyện này Thiện Trang đã kể rồi), Thiện Trang rất lo là không còn đủ sống được bao nhiêu ngày, khi tiền trong người mình chỉ còn 50 ngàn, đủ đổ một lần xăng cuối cùng. Nhưng bây giờ không thể không đổ được. Vào cây xăng đổ [xăng], nghĩ đổ xong là hết tiền rồi, cũng chẳng có tiền để mua đồ ăn nữa, chẳng có tiền làm gì nữa. Coi như bữa nay hết, không biết ngày mai ra sao, thôi kệ đi, cũng ráng vào đổ xăng.

Khi vừa vào cây xăng đổ, thì tự nhiên ông thầy bạn cũng chạy vô, xong rồi kêu để ổng trả cho. Mà mình đâu có yêu cầu ổng trả đâu. Tự nhiên ổng mến nên trả cho mình luôn tiền xăng đó. Thế là mình vẫn còn 50 ngàn, không [phải trả tiền] đổ xăng. Quý vị biết hồi đó xăng mắc lắm, đổ 50 ngàn chỉ đủ hai ngày đi học của Thiện Trang thôi. Thiện Trang cũng nghĩ nếu bây giờ hư xe thì sao? Đổ xong đi về. 50 ngàn này là 50 ngàn cuối cùng, cũng phải mua đồ ăn chứ. Quý vị biết sống ở Sài Gòn [như thế] thì đâu thể sống được. Thiện Trang kêu đi được thêm lần nữa, ngày mai hết tiền rồi thì làm sao sống. Trong đầu nghĩ cùng lắm là đi mượn tiền, nghĩ vậy thôi.

Nhưng tới ngày hôm sau, lúc móc tiền ra đổ xăng lần cuối cùng, thì hôm đó tự nhiên thấy trong điện thoại báo là có người cúng dường 300 ngàn. Không biết ai đó cúng 300 ngàn. Cho nên từ đó trở đi, Thiện Trang tin là cứ để đến phút

cuối cùng thử xem tâm mình chịu đựng được không, Phật, Bồ-tát sẽ chuyển. Đó là một lần.

Lần thứ hai là năm ngoái, quý vị biết Thiện Trang qua đây, khi Thiện Trang mua thất này thì cũng vậy, còn có hai ngày cuối cùng để xếp đồ chuyển đi nơi khác. Xác định là trả nhà cho người ta bởi vì mình không mua được, vì ngân hàng không cho mình mượn tiền nữa. Xong rồi, xác định là như vậy rồi, thì đúng vào hai ngày cuối cùng, tự nhiên có ngân hàng cho mượn, tới ngân hàng thứ năm mới cho mượn. Thiện Trang thấy sau này Thiện Trang bình tĩnh lắm, mà hồi đó Thiện Trang cũng bình tĩnh lắm, sẵn sàng hết.

Nói chung mọi nỗi sợ, quý vị chỉ quay về do vọng tưởng [mà] sợ, vì mình chưa tin Tam Bảo. Trong kinh có nhiều câu chuyện, Thiện Trang kể lại câu chuyện của ông Trưởng giả Cấp Cô Độc. Ổng bố thí quá nhiều, bố thí hoài nên hết tiền. Ổng bị người ta chê nghèo, thế này thế kia... Do cúng cho Sa-môn Cù Đàm nhiều quá, cúng cho Tăng đoàn nhiều quá cho nên nghèo, Phật pháp có linh ứng gì đâu v.v… Ngoại đạo họ nói như vậy với Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Lúc đó ổng cũng bình thường thôi, hình như ổng cũng chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi cho nên chẳng sợ gì hết. Vì bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng rồi, cho nên ông không sợ gì hết. Lúc đó hình như có vua trời Tứ Thiên Vương và vua trời Đao Lợi, nhìn xuống thấy không ổn, tại vì nếu để cho ổng như vậy thì không nên. Quý vị biết làm như vậy cũng ảnh hưởng. Cho nên vua trời Đao Lợi mới xuống, nhân cơ hội trách phạt con quỷ kia, mới sai làm v.v… chỉ cho ông Cấp Cô Độc nhớ lại được còn một kho giấu tài sản nữa (kho vàng). Rồi khiến cho tất cả những người vay nợ ổng, trả cho ổng. Còn khiến cho ổng một việc gì nữa, Thiện Trang quên rồi. Có ba điều đó, nên tài sản của ông trở lại như xưa. Quý vị thấy Phật pháp tuyệt vời như vậy.

Còn có một chuyện nữa, là ông đó nghèo quá, ổng muốn cúng dường cho Phật và Tăng đoàn nhưng ổng không có [khả năng]. Ổng tác ý như vậy, rồi ổng cầu nguyện, hình như là ‘nếu có chư Thiên, chư Thần, Hộ pháp v.v… gì đó, cho con cúng dường một bữa thôi, con cũng mãn nguyện’. Do tâm ổng tha thiết như

vậy, ổng nguyện như vậy, vua trời Đao Lợi thấy được, nên biến thành một người xuống nhân gian, tới nói: "Ngày mai ông cứ thỉnh Phật và Tăng đoàn tới nhà để cúng dường. Ta sẽ lo. [Nếu] bây giờ ông không tin, thì ta sẽ đưa cho ông 500 lượng vàng trước". [Vua trời Đao Lợi] móc ra 500 lượng vàng đưa cho ông đó. Xong rồi nói mai ông khỏi cần lo, cứ tới thỉnh, ta sẽ cho người tới dựng rạp, chuẩn bị đãi cho Phật và Tăng đoàn. Ông đó cũng tới thỉnh.

Sáng hôm sau bắt đầu thấy người tới dựng đồ lên đầy đủ, sắp bàn ghế, đồ ăn thịnh soạn. Mọi người không hiểu tại sao ông đó có thể cúng dường được đông người như thế, có ông Trưởng giả nào ở đâu tới mà phát tâm như vậy. Lúc đang đi, thì có vị Tỳ-kheo có thần thông hỏi: "Các ông ở cõi Trời. Các ông từ đâu đến đây?". [Họ trả lời:] "Chúng tôi thừa lệnh của chủ chúng tôi". [Vị đó hỏi tiếp:] "Chủ của mấy người là ai?" Họ nói: "Chủ của chúng tôi là vua trời Đế Thích".

Quý vị thấy không! Bữa đó thọ [Trai] xong, đức Phật nói bữa nay được cúng dường, không phải người cúng dường mà trời Đế Thích cúng dường. Và ông kia sau đó được nổi tiếng, cho nên vua Ba Tư Nặc thì phải, mang tới nguyên xe vàng tặng cho ổng luôn, vì có tâm lượng đó. Cho nên từ một người nghèo ổng trở thành người giàu. Cho nên Phật pháp hay lắm, do mình không tin thôi, [Phật nói] bất bần mà. [Vì] mình còn nghi, cho nên mình còn sợ, còn thế này thế kia, đủ nỗi sợ.

Quý vị thấy không! Thiện Trang nói là mọi nỗi sợ đều quy về sợ chết. Mình sợ chết nhất. Tại vì sao quý vị sợ chết? Vì quý vị chưa rõ cái chết của mình, đúng không? Cho nên đừng sợ, với những gì ta tu tập như thế, thì trong kinh đức Phật nói ngài Ma Ha Nam, là cho dù có bị báo, cọp ăn, bị xe cán chết rồi v.v… thì cũng chỉ là thân tan nát thôi, còn mình sẽ được sanh lên cõi lành. Mình tin là mình tu, với công đức thọ Bát quan Trai giới, tu giới này giới kia, thì mình sẽ được sanh lên cõi lành.

Quý vị nhớ chuyện ông Bà-la-môn Lộc Đầu gõ đầu lâu ở bài trước không? Có người bị hại chết, người bị bệnh chết, họ đáng lẽ sanh vào cõi ác, nhưng do trì Ngũ giới, trì Bát quan Trai giới nên sanh vào đường lành, đường thiện, sanh

lên cõi Trời. Rõ ràng như vậy mà mình còn sợ gì nữa, còn sợ là chưa tin. Cho nên do nghi hoặc, do dự mà sợ.

8. Nhiễm trước khen mình, chê người: bây giờ mình thích khen đúng không? Mình thích chê người cho nên mình sợ. Mình chê người ta cho nên mình sợ người ta biết. Rồi mình thích được khen cho nên mình sợ bị người ta chê. Đó là nhiễm trước nên sợ.

9. Nhiễm trước run rẩy, sợ hãi: điều này là do tập khí, mình run quen rồi.

10. Nhiễm trước ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng: có nghĩa là do mình ham muốn lợi dưỡng, cho nên sợ mất lợi dưỡng. Mình muốn được cung kính, cho nên sợ mất cung kính. Mình muốn danh, nên cuối cùng mình sợ mất danh.

11. Nhiễm trước biếng nhác, kém tinh tấn: điều này là lười, nên sợ khổ, không chịu siêng.

12. **Nhiễm trước thất niệm, không tỉnh giác:** điều này rõ ràng. Thất niệm là mình không nhớ được các pháp là Khổ, Không, Vô thường v.v… Mình mong cầu những điều mà không được toại ý, nên cuối cùng mới sợ.

13. Nhiễm trước không định tĩnh, tâm bị tán loạn: điều này là do thói quen không định tĩnh, tâm bị tán loạn. Có nhiều đồng tu làm gì cũng quá nhanh, xẹt xẹt. Đó là bị điều này.

14. Nhiễm trước liệt tuệ, đần độn: tức là mình có trí tuệ kém. Đây là trí tuệ về Phật pháp, hay là điều gì mình không biết.

Thiện Trang nói: chúng ta nhiều thứ không biết quá cho nên mình sợ. Ví dụ như có nhiều đồng tu bây giờ học, mà về đời cũng không biết nữa. Thiện Trang cung cấp cho một điều để quý vị bớt sợ. Đó là gì? Ví dụ như đối với nhiều người ở Việt Nam, nhiều đồng tu thấy công an tới, họ hỏi cái gì, mình cũng sợ. Hay ra nước ngoài gặp cảnh sát cũng sợ. Quý vị có sợ không?

Có nhiều người thấy cảnh sát là sợ. Thiện Trang không sợ, tại sao quý vị biết không? Vì Thiện Trang biết nguyên tắc. Quý vị nên nhớ: không ai được quyền kết luận tội mình, khi chưa qua một phiên tòa xử án. Ví dụ như quý vị bảo vệ Sư Minh Tuệ, rồi người ta nói quý vị, ví dụ như chú Báu đi, chú nói quý vị là phản động. Điều đó là không được. Chưa qua một phiên tòa xử án, anh không có quyền nói. Bao giờ tòa tuyên án người công dân đó, với bằng chứng như thế, theo điều luật nào, điều số bao nhiêu v.v… thì mới là phản động, thì mới được nói ổng là phản động, người này phản động, người kia phản động. Còn nếu nói không không, thì đó là vu khống. Chưa có bằng chứng là vu khống. Không được!

Quý vị nên nhớ vậy, dù là cảnh sát [cũng không sợ]. Cảnh sát chỉ có nhiệm vụ là trong cơ quan Hành pháp thôi. Quý vị nên nhớ ba cơ quan Pháp luật là: Hành pháp, Lập pháp, Tư pháp. Chắc nhiều đồng tu không biết luôn. Lập pháp là gì? Nhiệm vụ của cơ quan Lập pháp là xây dựng lên các bộ luật. Ví dụ như chúng ta ở trong Quốc hội, Quốc hội họp tạo ra các bộ luật, sửa đổi luật, Hiến pháp. Đó gọi là cơ quan Lập pháp. Nhớ nha! [Cơ quan] Lập pháp riêng.

Hành pháp là Chính phủ, công an v.v… Đó là [cơ quan] Hành pháp. Cơ quan thứ ba là Tư pháp. Tư pháp là về tòa án. Người mà bị kết luận [tội] gì, đó là thuộc về cơ quan Tư pháp, là tòa án, thì họ mới có quyền kết luận. [Còn] chưa kết luận, ví dụ giả sử có bằng chứng quý vị buôn bán ma túy đi, rồi cảnh sát tới bắt thì chỉ là nghi phạm thôi. Bao giờ đem ra Tòa xử tuyên án rồi, thì quý vị mới trở thành phạm nhân, mới trở thành tội phạm. Cho nên khi nào quý vị chưa trở thành tội phạm, thì quý vị vẫn có quyền của một công dân.

Quyền công dân là gì? Ví dụ như tôi có quyền nói, tôi có quyền được bảo lãnh, tôi có quyền được [thuê] Luật sư v.v… nhiều quyền lắm. Tôi có quyền im lặng, tôi có quyền kháng cáo v.v… Và khi xử, thật ra quan tòa xử lần một, mình còn kháng cáo được mà. Lần hai là xử phúc phẩm. Xử tòa phúc thẩm rồi mới bắt đầu đưa lên trên giám đốc thẩm. [Nếu không được] thì mình kiện tiếp, mình không đồng ý, đưa tới cuối cùng, ví dụ người bị tử hình thì vẫn còn xin Chủ tịch nước được mà. Chủ tịch nước có quyền quyết định xem xét lại.

Quý vị sợ nhiều thứ quá, tại vì quý vị không biết, không rõ. Cho nên đây là thuộc về trí tuệ. Mình học ở đời thì phải rõ ràng, cả trong đời [và] cả Giới luật. Ở đây mình nói Phật giáo đi, khi quý vị có trí tuệ thì quý vị sẽ bớt sợ hơn. Cho nên mình hiểu thông đạt tất cả mọi thứ, thì mình không có sợ. Còn mình nhát quá thì mình sợ.

Giống như mình thấy sợ cảnh giới chư thiên, luân hồi v.v... Tại vì mình chưa hiểu. Nếu mình hiểu rồi thì không sợ. Thiện Trang nói với quý vị như vậy đó, mình hiểu thì mình sẽ không sợ đâu. Cho nên ráng học Phật pháp cho nhiều, thì từ từ theo năm tháng mình không sợ. Giống như mình tu như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, thì dần dần sẽ đạt kết quả, không có gì phải sợ hãi. Quý vị cố gắng hiểu.

Như vậy đó là bí quyết để vượt qua nỗi sợ hãi này, tuy là đầu đề nói: *Khi chưa chứng Thiền định thì có sợ hãi khiếp đảm. Vì vậy ráng tu để chứng Thiền định. Và chứng được một phần thì đỡ sợ một phần. Quý vị chưa chứng được Sơ thiền, quý vị chứng được Vị đáo định thôi, thì quý vị cũng giảm bớt nỗi sợ.* Hồi xưa Thiện Trang chưa tu, thì Thiện Trang cũng sợ nhiều [thứ] lắm. Nhưng về sau này thì hình như bớt sợ, hết sợ rồi. Chết cũng hết sợ rồi. Cho nên là dần dần đỡ phải lo.

Đó là điều thứ nhất quý vị nên học. Điều này thuộc về Tâm sở. Những [bài] sau chúng ta sẽ học về Tâm sở rõ ràng hơn, thế nào là Tâm sở này, Tâm sở kia. Khi mình có những nỗi sợ, thì đó thuộc về Tâm sở Bất thiện. Nên nhớ là Tâm sở Bất thiện, chứ không phải Tâm sở Thiện đâu. Tâm sở thiện thì không có chuyện này. Cho nên mình tu làm sao đó, mình phải hiểu.

Đó là phần thứ nhất, hy vọng quý vị cố gắng, để mình hiểu về tu Thiền chỉ và Thiền quán. Đặc biệt Thiền định ở đây là nói về Thiền chỉ. Và tất nhiên Thiền quán cũng giúp cho nỗi sợ của mình bớt.

Tiếp theo là phần khai thị của đức Phật về nỗi khổ trong luân hồi. Thiện Trang trích một đoạn kinh như sau:

Khai Thị Của Đức Phật Về Nỗi Khổ Trong Luân Hồi

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, nước Tỳ Xá Ly. Bấy giờ có bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba Lê Gia, tất cả đều tu hạnh a-lan-nhã với y phấn tảo và đi khất thực (đây là tu ba hạnh (a-lan-nhã, y phấn tảo và khất thực) trong 12 hạnh đầu đà). **Còn ở địa vị Hữu học, chưa ly dục** (quý vị thấy [các vị này] còn ở địa vị Hữu học thôi, chưa ly dục được nữa. Chắc có thể là [họ] vô Sơ quả Tu-đà-hoàn trở xuống. Và Nhị quả Tư-đà-hàm cũng chưa hết tham, nên Nhị quả cũng có)**. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên.**

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ thầm: 'Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ở làng Ba Lê Gia, đều tu hạnh a-lan-nhã với y phấn tảo và đi khất thực, còn ở địa vị Hữu học, chưa ly dục. Hôm nay Ta nên thuyết pháp cho họ để ngay đời này họ chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát'. Đức Phật thấy nên thuyết cho họ một bài pháp, để ngay trong đời này họ không khởi các lậu nữa, tức là hết Phiền não, và tâm được giải thoát, chứng A-la-hán. Có A-la-hán Tâm giải thoát đó, quý vị nhớ không?

Thế Tôn nói với bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba Lê Gia: "Chúng sanh vô thủy sinh tử, bị vô minh che lấp, ái buộc cổ, mãi mãi xoay vần sinh tử, chẳng biết biên tế nguyên thủy của khổ.

Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Nước sông Hằng cuồn cuộn chảy vào biển lớn, trong khoảng ấy nước sông Hằng nhiều hay là, các người từ trước đến nay bị xoay vần trong sinh tử, thân thể bị phá hoại, máu tuôn chảy nhiều?" Bây giờ đức Phật hỏi một câu hỏi rằng: nước sông Hằng chảy nhiều như vậy, và máu của mình bị tuôn chảy trong dòng sanh tử, thì cái nào nhiều hơn? Đức Phật hỏi như vậy là để khơi lại lòng, gọi là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã ở trong các vị Tỳ-kheo này.

Các Tỳ-kheo bạch đức Phật: "Theo chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, chúng con đã trôi lăn trong sinh tử quá lâu, thân chúng con bị phá hoại, máu chảy rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn lần nước sông

Hằng”. Các Tỳ-kheo bạch như vậy. Bây giờ chúng ta coi thử đức Phật nói thế nào.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: “Hãy bỏ qua nước sông Hằng. Cho đến, nước trong bốn biển lớn là nhiều, hay là các ông trôi lăn trong sinh tử, thân xác bị phá hoại, máu tuôn chảy là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Thế Tôn nói, chúng con đã trôi lăn trong sinh tử, thân bị phá hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước bốn biển lớn”. Quý vị thấy không ạ? Có nghĩa là các vị Tỳ-kheo cũng hiểu, tại vì các ngài này cũng là những người ở địa vị Hữu học rồi, cũng có thể chứng quả rồi, cho nên hiểu được ý của đức Phật nói, xưa nay mình chết bao nhiêu lần, máu chảy nhiều hơn nước bốn biển. Nhưng đây là lời của các Tỳ-kheo thôi, còn lời Phật thì thế nào.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: “Lành thay! Lành thay! Các ông mãi luân chuyển sinh tử, máu trong thân thể tuôn chảy rất nhiều, hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Quý vị nghe cho rõ. Từ xưa đến nay, nếu mình tính máu chảy trong vòng luân hồi, thì nhiều hơn cả nước sông Hằng, nhiều hơn nước bốn biển lớn (Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương). Nước đó nhiều cỡ nào, mà mình thấy không bằng máu của mình chảy trong vòng luân hồi. Mình kêu tại sao lại như vậy, thì ở đây đức Phật giải thích luôn.

Vì sao? Vì các ông đã từng sinh trong loài voi, hoặc bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu huyết vô lượng. Hoặc mang thân ngựa, thân lạc đà, thân trâu, chó, thân các loài cầm thú bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng (đó là nỗi khổ trong đường Súc sanh. Mình nhớ lại thì thấy rất đáng sợ)**. Các ông đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị phân ly, máu tuôn chảy vô lượng** (đó là nỗi khổ trong cõi người. Ở trong cõi người cũng bị người ta giết, thế này thế kia, rất là đáng thương. Chúng ta quên hết rồi)**. Các ông đã từng chịu thân hoại mệnh chung bỏ trong nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy số**

lượng không lường (mình không bị giết thì cũng chết, bị bỏ xác nhiều lắm. Quý vị cứ nhìn đời này, mình chứng kiến bao nhiêu người, mình cộng lại vô lượng kiếp thì nhiều lắm)**. Hoặc đọa Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, rồi thân hoại mạng chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng**".

Đó là nhắc nhở Vô thường. Như vậy nếu tính ra máu huyết chảy từ trong vô thỉ kiếp tới giờ, chúng ta luân hồi nhiều lắm. Cho nên hãy cố gắng. Ở đây đức Phật nói lời như vậy, đức Phật cũng rất từ bi, Ngài khơi gợi cho các Tỳ-kheo trả lời trước, các Tỳ-kheo trả lời đúng rồi thì Ngài xác nhận như vậy.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: "Sắc là thường hay vô thường?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, vô thường."

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: "Vô thường là khổ chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Là khổ."

Sắc tức là thân thể của chúng ta. Thân thể chúng ta là thường hay vô thường? Chắc chắn là vô thường. Mà vô thường thì khổ. Vậy thì vấn đề là chúng ta có thấy khổ chưa, thấy vô thường chưa? Chưa thấy đúng không? Chứ nếu chúng ta thấy khổ, thấy vô thường, thì chúng ta có tâm cầu thoát ly thôi.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch thì Thánh đệ tử có thể ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?" Điều này chính là nói về Thân kiến. Một phần của Thân kiến là Sắc. Quý vị thấy lúc nào đức Phật cũng nói: 'ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc là ở trong nhau chăng?" Nói tóm lại thân thể này không phải là ta. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhưng ở đây chỉ nói Sắc thôi. Đức phật nói trước rồi, như vậy chúng ta phá được [một phần] Thân kiến, đoạn sau đức Phật nói thêm.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn. Không".

Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế. Tức là Phật nói luôn Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế. Tức là ở trong đó không có ta, ta không có trong đó, v.v...

Giống như lúc nãy nói về nỗi sợ, thật ra quý vị sợ là do Tưởng. Tưởng là mình có kinh nghiệm, ví dụ như câu chuyện hồi nãy Thiện Trang nói, là vô trong nghĩa địa sợ ma. Tại vì mình có Tưởng, mình có kinh nghiệm là trong nghĩa địa có người chết, chết thì thành ma, cho nên ở trong đó có ma. Còn người kia họ không có kinh nghiệm đó. Có người chưa bao giờ học, họ nghĩ chết là hết rồi. Họ chỉ học vậy thôi, chứ họ đâu có học chết là thành ma đâu, cho nên họ không sợ. Quý vị hiểu không? Cho nên đó là do mình tưởng. Tưởng là do suy nghĩ kết hợp với kinh nghiệm.

Rồi mình thọ, thọ là cảm nhận, cảm nhận thấy run sợ. Hành là ý nghĩ, cũng lại như vậy. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tóm lại đều là do những sự ảo mà tạo ra. Người biết rồi thì người ta sẽ không sợ nữa, cho nên đây là tại sao lại như vậy. Quý vị cứ đối chiếu đi.

Có đồng tu nói Sư Minh Tuệ là rõ ràng bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và thành tựu Thánh giới rồi. Nếu theo tiêu chuẩn đó thì quý vị thấy là ít nhất Sơ quả Tu-đà-hoàn, đúng không? Nói chung mình học mình thấy rõ ràng mà, cũng phát hiện ra được điều đó. [Ngài] đâu sợ gì đâu, đúng chưa? Bất hoại tịnh [là] niềm tin của con không bao giờ thoái chuyển. Ngài viết lên Facebook là: “Pháp này là không thể nào thay đổi nữa, không có ai vặn được nữa”.

Cho nên mình học kinh điển để mình so sánh. Có nhiều đồng tu nói: “Thưa thầy, học A-la-hán để làm gì. Đời này con đâu thể nào chứng A-la-hán đâu”. Thiện Trang nói học, thứ nhất là để mình biết. Đời này, biết đâu từ từ chứng lên tới Tam quả rồi mình sẽ nghĩ tới chứng A-la-hán.

Điều thứ hai quan trọng hơn, ví dụ như mình học về A-la-hán, thì mình biết Ngũ Thượng phần Kiết sử, rồi mình biết những điều mà A-la-hán không làm. Có bài về ngài Tượng Xá Lợi Phất, quý vị nhớ không? Có 11 điều đó. Thì mình so 11 điều đó thử coi ai có phải là A-la-hán hay không. Chứ đời nay có nhiều người tôn vinh nào là Phật, Bồ-tát tái lai, nào là A-la-hán. Quý vị áp tiêu chuẩn đó [là] rớt sạch. Nội một tiêu chuẩn là không để thức ăn (không có thức

ăn dư) là rớt sạch rồi.

Cho nên Thiện Trang biết Thiện Trang không phải A-la-hán. Quý vị thấy Thiện Trang còn cái tủ lạnh kìa, để thức ăn trong đó. Còn ngày nào Thiện Trang nói với quý vị: Thiện Trang không có mấy cái đó nữa, trong thất của Thiện Trang không có gì hết, đồ ăn chỉ ăn trong ngày thôi, hết ngày là thôi, không để đồ ăn. Thì [lúc đó] có lẽ Thiện Trang đã trì được giới đó, tức là Thiện Trang đã thành A-la-hán rồi. Quý vị chắc là biết thầy Thiện Trang là A-la-hán. Có nhiều người nói: "Ủa thầy, như vậy thì làm sao sống nổi?" Tất nhiên bậc A-la-hán có cách sống được.

Quý vị thấy Sư Minh Tuệ, ngài đi mấy ngày có thể không cần ăn, không cần uống. Quý vị thấy đẳng cấp không! Nhiều người nói sao có người chịu đựng giỏi vậy? Tất nhiên ngoài việc chịu đựng ra, Thiện Trang nói giỡn thế này, quý vị cứ tưởng tượng nha. Nếu như ngày nào đó Thiện Trang chứng được quả A-la-hán (nếu như thôi nha), giả sử như vậy, thì Thiện Trang cũng làm vậy được. Bởi vì mình chứng A-la-hán, mình đắc Thiền chỉ nữa [là] mình có Thần thông. Quý vị thấy Thiện Trang ngồi nhập định đó nhưng Thiện Trang đi đâu mất tiêu rồi, đi qua nước Việt Nam, Myanmar, qua mấy nước Phật giáo Nam truyền. Mình tới đó bưng bình bát đi khất thực. Mình biến thành người khác, che giấu đi, hoặc mình đi bằng [hình ảnh] của mình cũng được, có ai biết đâu. Đắp y khác lên là đâu có ai biết mình, đúng không? Rồi bưng bình bát đi xin ăn, ăn xong rồi đi về, uống nước xong đi về, về rồi tọa thiền tiếp, cần gì ăn uống [nữa]. Rồi nếu có Thần thông nữa, đang đi với người ta nhưng phân thân ra đi nơi khác.

Nhiều người không tin chuyện đó. Quý vị không tin chuyện đó thì quý vị coi câu chuyện ngài Châu Lợi Bàn Đà Già (Châu Lợi Bàn Đặc). Sau khi ngài đắc A-la-hán rồi nhưng mấy người kia không biết, Phật dạy thì [họ mới] biết. [Có lần Tăng đoàn được] mời đi cúng dường Trai tăng. Tới [chỗ] cúng dường, đức Phật nói là ở đó còn một người nữa chưa được mời. Ông kia không dám cắt cử em mình đi, sợ em mình dở quá, đi tới gọi là lộ bài hết, cho nên không cho đi. Đức Phật nói gia chủ tới mời đi. Ông kia kêu là ở đó không còn ai nữa. [Đức Phật nói:] "Cứ tới mời đi là sẽ có".

Khi tới mời thì người hầu thấy ông [Châu Lợi Bàn Đặc] biến thành cả ngàn vị Tăng luôn, nên mới đi về nói: "Thưa Ngài, con tới mời, nhưng Tịnh xá đông quá, cả ngàn người thì làm sao mời". [Đức Phật hỏi:] "Ông có kêu tên, mời ngài Châu Lợi Bàn Đà Già không?" [Ông kia trả lời:] "Con kêu tên, nhưng 1000 người đều trả lời như vậy. Con đâu biết ai là ai, làm sao con mời được". Đức Phật nói: "Bây giờ ông tới đó, mời bằng cách cũng kêu tên ngài Châu Lợi Bàn Đà Già. Ông thấy ai cử động trả lời đầu tiên, nhanh nhất, thì đó chính là ổng. Mời ông đó là đúng".

Khi đó, ổng tới kêu thì phát hiện ra người đó đầu tiên, ổng chỉ người đó, thì ông Châu Lợi Bàn Đà Già thâu Thần thông lại. Tại vì tuy là hiện 1000 thân được (có chỗ khác nói là ít hơn 1000 thân), nhưng quý vị biết thân chính vẫn nhanh hơn, còn mấy thân phụ thì Thần thông không bằng. Đức Phật biết được điều đó luôn, chỉ cho cách mời.

Cho nên Thần thông cỡ đó thì có gì đâu mà sợ, quý vị hiện thân đó. Cho nên mình học, điều đó trong Kinh Tiểu Bộ hay kinh gì, Thiện Trang quên rồi, không nhớ, nghe qua rồi [nhưng] không nhớ lắm. Nói chung đại khái là như vậy, có thể có sai sót, nhưng tóm lại câu chuyện như vậy. Cho nên khi mình có Thần thông thì sướng lắm, lên đảo hoang ngồi cũng được, hay ở đâu cũng được. Hằng ngày chu du đi lên núi Tuyết Sơn cũng được, đi lên trời Đao Lợi cũng được, đi đâu cũng được, tội gì phải ở nhân gian. Vậy có sướng không! Đó là tu có Thần thông, rồi đắc quả nữa. Đó là [tu] Thiền chỉ và Thiền quán.

Trở lại [đoạn kinh này], đức Phật đang khai thị chúng ta về Vô thường. Câu 'Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế', câu này giống [trong] Bát Nhã Tâm Kinh.

Đức Phật nói với: "Những gì là Sắc hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật như vậy. Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy. Thánh đệ tử quán sát như thế đối với sắc sinh chán lìa, đối với Thọ, Tưởng, Hành,

Thức sinh chán lìa, đã chán lìa nên chẳng ưa thích, vì chẳng ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến, tự biết rằng 'sự sinh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa".

Quan trọng là đây, đoạn này là để khai thị về bỏ Thân kiến, thậm chí còn cao hơn nữa. Tức là quý vị phải thấy Sắc là thân thể vật chất của mình, hoặc là quá khứ, hiện tại, tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế (thô là to, tế là nhỏ), hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải là ta, mà cũng chẳng khác ta. Mình thường nói là phi ngã thôi, nhưng đây lại khai thị là chẳng khác ta, thì vượt hơn [tầng] nữa, cho nên mới chứng tới A-la-hán. Rồi chẳng ở trong nhau, biết như thật như vậy. Đó là đối với Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy.

Mình quán sát được như vậy thì sẽ sinh được chán lìa, chẳng ưa thích nữa, nên giải thoát và giải thoát tri kiến sinh ra. Khi đó mình đã chứng được A-la-hán, vì sự sinh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa. Điều đó là quan trọng nhất.

Bài pháp chỉ đơn giản, tu đi tu lại cũng bấy nhiêu đó thôi. Nhưng cuối cùng mình còn ham quá, chưa bỏ được thân này. Vẫn còn ham, vẫn còn thích đẹp, thích xinh, rồi thích nuông chiều, nói chung là chưa tách ra được, mình vẫn chấp vào đó. Chấp thân, chấp nhà cửa, tài sản, chấp đủ các kiểu các loại... chính vì thế mà chưa thành, chứ không là thành rồi đó.

Đức Phật nói pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 1318. Huyết - Phẩm 45. Phẩm Tương Ưng Vô Thủy - Kinh Tạp A Hàm).

Chúng ta cố gắng học đi học lại, học tới học lui. Bí quyết ra khỏi sanh tử là nhớ giùm đoạn vừa rồi đó, chán lìa, đừng có ham nữa. Đừng ham thân thể này nữa, đừng coi ngoài trong gì hết, đừng có gì hết, chán riết rồi tự nhiên sẽ thành tựu. Pháp chán, và mong cầu giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì cứ

chán đi, quán thân không phải là ta, thì mọi thứ sẽ thành công.

Hôm nay cung cấp cho quý vị thêm một kiến thức nữa.

Khi Nghe Điều Gì Cần Suy Xét, Chớ Vội Vàng Tin Nhận.

Đây là điều mà bây giờ mình phải học. Bài kinh này chính là Kinh Kālāma mà người ta hay nói. Hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị Kinh Kālāma, một kiến thức căn bản trước khi vào học phần nâng cao.

Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến Kesaputta, thị trấn của các người Kālāma.

Các người Kālāma ở Kesaputta được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: Ngài là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Tiếng đồn lan đến nhóm người này. Đây là mười danh hiệu của đức Phật. Chúng ta hãy nhớ mười danh hiệu đức Phật này [và] tư duy. Chúng ta tu pháp đó thì gọi là pháp Thiền chỉ về niệm Phật.

Sau khi tự thực chứng, Ngài đã giảng dạy chư thiên và loài người, hàng tu sĩ và cư sĩ, vua chúa cùng thường dân, Ngài đã giảng Pháp cao diệu từ chặng đầu, chặng giữa, cho đến chặng cuối (quý vị thấy không? Pháp cao diệu từ chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, chỗ nào cũng hay hết); **Ngài đã giảng đời sống phạm hạnh chi tiết và rõ ràng, toàn hảo, hoàn toàn tinh khiết. Lành thay, nếu chúng tôi được yết kiến một vị Ứng Cúng như vậy".**

Có nghĩa là hồi xưa [đức Phật] được truyền tụng như vậy. Những người này được nghe như vậy, họ muốn gặp đức Phật nên tìm đến đức Phật.

Rồi các người Kālāma ở Kesaputta đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, có người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế

Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Quý vị thấy có rất nhiều người nghe từ xa đã cung kính, hết sức đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên. Có người tới chào thôi, có người chắp tay vái, có người xưng tên, có người im lặng ngồi xuống (giống như kiểu tôi chưa tin ông lắm).

Tình trạng này hoàn toàn giống như thời hiện nay khi chúng ta coi về Sư Minh Tuệ. Rõ ràng những người tới [gặp Sư] cũng vậy, có người tin lắm, nghe từ xa không biết thế nào nhưng tin lắm, có người vái đảnh lễ, có người tới chắp tay, có người chào hỏi, có người im lặng luôn, ngồi xuống đó quan sát thử coi ổng thật hay giả, kiểu vậy đó.

Mình thấy thời này cũng vậy, thời xưa đức Phật cũng như vậy, chẳng có gì lạ. Cho nên quý vị thấy, hiện tại giống như một bộ phim chiếu về cuộc đời đức Phật, rất sống động, để mình coi. Có nhiều người hỏi, Thiện Trang nói: Những gì đang diễn ra giống như trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya nói, quý vị cứ so đi. Còn tất nhiên ngài Minh Tuệ thì chắc chắn không thể nào bằng đức Phật được. Chúng ta không biết ngài ở cảnh giới nào, nhưng ít nhất những gì đang diễn ra là giống giống như vậy.

Sau khi ngồi xuống một bên, các người Kālāma ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

Đoạn này quan trọng.

- Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc.

Tình trạng này thì thời nào cũng có như vậy. Có người tới là luôn làm sáng tỏ, sáng chói quan điểm của mình, nhưng luôn bài xích, khinh miệt chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Điều đó thì thời xưa cũng có và bây giờ

cũng có. Chính vì vậy, họ cũng bài xích, xuyên tạc đức Thế Tôn luôn.

Thời nay không phải ngoài Phật giáo, mà trong Phật giáo chúng ta cũng vậy. Ai cũng nói mình đúng hết, người này cũng nói mình đúng, người kia cũng nói mình đúng. Tu theo thầy này cũng nói đúng, theo thầy kia cũng nói đúng. Tu theo thầy Thiện Trang thì cũng nói thầy Thiện Trang đúng, còn người này sai, người kia sai. Thầy kia cũng nói thầy Thiện Trang đi sai [đường]. Rồi Cư sĩ cũng vậy, nói thầy Thiện Trang đi [theo] Tiểu thừa. Ai cũng cho mình đúng hết, cho quan điểm của mình đúng, rồi bài xích, chỉ trích, chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Vậy thì bây giờ chúng ta giải quyết thế nào. Không học bài kinh này thì mình không thể sáng tỏ được, cho nên phải học.

Bạch Thế Tôn, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ phân vân: "Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?"

Tóm lại là vậy. Bây giờ ai cũng nói [mình] đúng hết. [Vậy] ai nói sự thật? Ai nói láo? Ngay cả đức Thế Tôn cũng xếp vào trong đó, bị họ bài xích, họ chê bai xuyên tạc hết. Bây giờ làm sao đây? Đức Phật trả lời thế nào? Nếu như là chúng ta, thì chúng ta cũng trả lời là: “Hãy tin ta. Mấy người kia sai hết rồi”. Thường chúng sanh sẽ trả lời như vậy, ai cũng vậy mà. Nhưng không, đức Phật sẽ không trả lời như vậy.

- Đương nhiên, này các Kālāma, các ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kālāma, các ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Đức Phật rất thông cảm, đức Phật nói “đương nhiên”, chứ không bác người ta. Tại vì người ta nói, mỗi người nói mỗi quan điểm, làm sao biết ai đúng hay sai. Nếu chúng ta là người [hiểu thì] từ từ bình tĩnh suy xét. Còn thời nay, người ta ai cũng cho mình đúng hết. Cho nên quý vị nghe, hãy suy xét. Hôm nay Thiện Trang chỉ muốn cung cấp cho quý vị (đức Phật cung cấp chứ không phải Thiện

Trang cung cấp), cách để làm sao suy xét. Thiện Trang đánh số từ 1 đến 10.

Này các Kālāma, (1) chớ có tin vì nghe báo cáo: tức là quý vị chưa có tin. Người ta báo cáo thì kệ họ, từ từ đã.

(2) Chớ có tin vì nghe truyền thuyết: Mình nghe chữ "truyền thuyết" hồi xưa khác với bây giờ. Truyền thuyết nghĩa là người ta truyền từ người này qua người khác. Còn bây giờ mình nói "truyền thuyết" là những câu chuyện truyền thuyết. Không phải [vậy]. Truyền từ người này qua người kia, thì chớ vội tin.

Hai điều này: Điều thứ nhất là báo cáo, ví dụ như Thiện Trang báo cáo những điều đó, tôi tu được như vậy, được Thần thông gì đó v.v… Đó là báo cáo thôi. Hoặc là tôi nói tôi đọc hết Tam tạng Kinh điển rồi v.v… kiểu vậy đó, là báo cáo.

Rồi truyền thuyết là, [ví dụ] người ta truyền thầy Thiện Trang, nghe nói ổng có Thần thông... Hoặc là truyền về Sư Minh Tuệ có Thần thông. Kiểu như vậy là truyền thuyết. Cho nên chưa tin, từ từ coi thử thế nào.

(3) Chớ có tin vì theo truyền thống: Điều này còn chết nữa, tin theo truyền thống. Phật giáo mình bây giờ theo truyền thống, Thiện Trang nói với các đồng tu ở đây, ví dụ như vô các chùa bây giờ, [có] một phòng thôi mà mấy người ở như vậy, ở chung cùng phòng với nhau nên khó tu. Cho nên đi xuất gia khó tu, ở tại gia tu dễ hơn. [Có vị nói:] "Sao vô chùa khó [tu] như vậy?" Thiện Trang nói không chỉ ở đây, mà ở trong nước cũng vậy, các chùa thường theo truyền thống này.

Truyền thống này đúng hay không? Thiện Trang nói là không đúng theo Phật giáo. Truyền thống này xuất phát từ thời ngài Bá Trượng (Bách Trượng), các ngài lập Tòng lâm, Thanh quy, rồi từ đó mới có, và sau này có cách đó. Chứ quý vị coi lại trong kinh Phật, thời xưa là mỗi vị Tỳ-kheo, mỗi vị Tỳ-kheo-ni thường ở một thất riêng. Chỉ có khi tới [chỗ Phật] là chung thôi. Quý vị coi trong Kinh Trung A Hàm hay kinh nào cũng được, nhiều kinh nói lắm. Ví dụ như có ba Tôn giả Kim Tỳ La, Tôn giả Nan Đề với Tôn giả gì đó… ở trong rừng. Mỗi Tôn

giả ở một thất, lâu lâu họ gặp nhau thôi, còn lại thì không [gặp]. Và trong các thất đều như vậy. Cho nên truyền thống chưa phải là đúng, mình không suy xét là coi chừng sai đó.

Rồi ví dụ như bây giờ, sáng ra mình cứ tụng Kinh Lăng Nghiêm Thập Chú, tối thì tụng Kinh A Di Đà, chiều [tụng] Mông Sơn Thí Thực. [Rồi nói] phải tu như vậy mới đúng. Trong khi đó quý vị biết nghi thức đó có từ thời nhà Thanh, ngài Quốc sư Ngọc Lâm đưa ra. Câu chuyện đó rất nổi tiếng mà sau này được viết thành phim, bộ phim Thoát Vòng Tục Lụy. Từ thời đó mới có truyền thống đó. Một người đề ra, rồi [mọi người] cứ truyền. Mới đầu thì mới, dần dần truyền hoài thì thành truyền thống. Ngài Quốc sư Ngọc Lâm đưa ra nghi thức là sáng [tụng] Lăng Nghiêm Thập Chú, tối [tụng] Kinh A Di Đà, chiều [tụng] Mông Sơn Thí Thực, chứ không phải có [trong kinh điển]. Quý vị qua Phật giáo Nam truyền, không có [nghi thức đó]. Cho nên đừng có tin dù đó là truyền thông, chớ vội tin, từ từ, mình suy xét đã.

(4) Chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng: Điều này còn sợ nữa, mình học, mình lấy kinh điển [làm chuẩn], sao kinh điển truyền tụng mà mình cũng không tin luôn. Ở đây mới nói chớ có tin thôi, nhưng Thiện Trang giải thích luôn: Kinh điển có kinh điển thiệt, có kinh điển giả, quý vị hiểu không? Có kinh điển giả, họ viết thêm vô, cũng bắt chước viết: "Tôi nghe như vầy, một thời đức Phật ở đâu đó …" một hồi họ gán vô, chỉ cho pháp tà, này kia, thì chắc chắn đó không phải là kinh Phật rồi.

Quý vị thấy mấy bài kinh bây giờ cũng có nhiều người xài, nhưng đâu phải là kinh Phật đâu. Ngài Ấn Quang Đại sư cũng nói đó, có nhiều bộ kinh [không phải là kinh Phật]. Hay là chúng ta lấy luôn Kinh Nhân Quả Ba Đời, truyền cho đã, rồi cuối cùng Thiện Trang tìm trong Đại tạng kinh không có, mà bây giờ lại có kinh đó. Kinh Nhân Quả Ba Đời đó không có trong Đại tạng kinh. Nhiều lắm, có những kinh [như vậy].

Cho nên chớ có tin, dù đó là kinh điển truyền tụng, mặc dù truyền tụng nhưng chắc gì kinh đó đã đúng. Muốn biết có đúng hay không thì mình coi trong

đó có những điều kỳ cục, tức là trong kinh đó cũng có những điểm đúng, nhưng cũng có những điểm sai, có những điểm mâu thuẫn. Ví dụ như: "Đời này xinh đẹp do nhân gì? Xưa kia tràng hoa (cắt hoa tươi) cúng Phật". Nhưng đằng sau nói: "Đời này vô sinh do nhân gì? Do đời này cắt hoa, bẻ gãy hại trăm hoa". Chi tiết đó mâu thuẫn nhau, đằng trước thì đúng, đằng sau thì sai. Hoa thì có liên quan gì đến nhân quả của con người. Người ta đem thực vật mà gán vô trong động vật, là sai. Trong đó có những điều sai, có những điều mâu thuẫn.

Tức là một bộ kinh mà người ta tự viết bằng trí tuệ của phàm phu, thì thế nào cũng có những mâu thuẫn. Rồi Kinh Huyết Bồn nói người nữ đa phần đọa Địa ngục Huyết Bồn, vì khi sinh đẻ, có máu me, rồi giặt giũ nước đó chảy ra sông, ra biển, cho nên sau này chết đọa Địa ngục Huyết Bồn. Hồi xưa Thiện Trang nghe sao kỳ lạ vậy, vô lý, vậy người nữ nào cũng đọa Địa ngục hết sao? Hồi xưa Thiện Trang chưa học Phật pháp nhưng Thiện Trang nghe thấy kì quá, sau này nghe Đại sư Ấn Quang nói mới biết kinh đó là kinh giả, kinh đó không có truyền tụng [trong Đại tạng kinh], chỉ truyền tụng ở ngoài thôi.

Có những bộ kinh như thế. Hòa thượng Tịnh Không nói là hãy coi kinh nào có trong Đại tạng kinh. Tất nhiên đó là một tiêu chuẩn thôi, Đại tạng kinh thì người ta vẫn có thể thêm vào, quý vị nên nhớ như vậy. Hãy so sánh coi những điều đó giảng có phù hợp với bốn điều, sau này chúng ta học, đó là: Khế với Kinh, khế với Luật, với Giới, với A Tỳ Đàm [không]. Phải căn cứ vào điều đó. Và kinh điển luôn luôn nhất quán, không có mâu thuẫn. Và đặt ra, coi Tam pháp ấn: Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Rồi Thật tướng, Vô tướng v.v… Mình phải nắm được rõ ràng, chứ không vô đó cứ kinh, kinh. Giống như nhiều người truyền Kinh Bạch Y Quan Âm, Thiện Trang cảm thấy hình như không ổn lắm, bộ kinh đó [Thiện Trang] chưa có tra, nhưng đọc cảm thấy hình như nội dung không ổn lắm. Nhiều khi dù là kinh điển truyền tụng, nhưng mình phải có trí tuệ, mình phải coi [kinh đó] dạy đúng không, thì từ từ chúng ta sẽ coi, muốn vậy thì phải coi nhiều.

(5) Chớ có tin vì lý luận suy diễn: Lý luận suy diễn nhiều lắm. Giống như hồi xưa nghe nhiều người nói, rồi mình đưa ra, mình cũng lý luận suy diễn thôi:

ví dụ nói người ở cõi Trời thì người ta phải biết chuyện ở nhân gian, vì một ngày một đêm ở trời Đao Lợi bằng 100 năm ở dưới này, cho nên chuyện của mình xảy ra vào mấy năm sau, thì chỉ tíc tắc mấy phút hay bao nhiêu giây sau ở trên cõi đó. Mình tưởng như vậy cho nên mình nghĩ họ sẽ biết.

Thật ra quý vị suy nghĩ kỹ lại đi, chuyện nhiều khi mấy giây sau mình cũng chẳng biết nữa, bây giờ mấy giây sau tôi đột quỵ, tôi ngã đùng ra chết, nhưng tôi có biết đâu, làm sao mình biết? Không biết, chuyện mấy giây sau tôi cũng không biết. Đó là lý luận suy diễn.

Mà thật ra là khi nào quý vị tu chứng thì quý vị biết. Cho nên trí tu quan trọng. Tu chứng là gì? Khi nào mình vào Thiền định, vào công phu [thì] tự nhiên mình mở ra (ngôn ngữ bây giờ gọi là giác quan) những giác quan mới, thì tự nhiên mình biết, mà không có ai nói cho mình, mình cũng biết. Mình biết, mình cảm nhận như thế, mình thấy như thế. Mà sự biết đó không phải biết từ định của cõi Trời gì cả, mà chỉ đơn giản là khi vào trong Thiền định, thì chúng ta tự mở ra được rất nhiều điều mà bình thường không làm được. Cho nên Thiền chỉ có Thần thông chẳng hạn.

Cho nên chớ có tin dù đó là lý luận suy diễn, nhà Phật quan trọng là tu chứng, còn anh quá thông mình, anh quá giỏi, anh học quá nhiều, anh suy diễn, anh nói, thì đó là nói theo phàm phu thôi. Còn khi tu chứng thì quý vị thấy có rất nhiều điều không đúng nữa. Mình phải tu.

Cho nên Thiện Trang khuyên quý vị nên tu Thiền chỉ và Thiền quán. Hãy tu đi, tự tu, tự biết, trong ngôn ngữ nhà Phật là "tự tác, tự tri, tự chứng". Mình phải tự thực hành, tự biết và tự mình chứng thực điều đó. Còn nghe qua rồi suy diễn, suy diễn là nguy hiểm nhất, suy diễn rơi vào Thế trí Biện thông, [là] nạn trong Phật pháp. Cho nên phải cẩn thận, đừng nghĩ điều nào cũng đúng, người ta suy diễn đó. Thỉnh thoảng Thiện Trang suy diễn, thì quý vị [cũng] phải cẩn thận.

(6) Chớ có tin vì diễn giải tương tự: Diễn giải gần giống giống vậy đó, rồi mình tin.

(7) Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện: Sự kiện này bây giờ nhiều lắm. Nhiều đồng tu coi những kênh giật tít, câu view, nói xấu đoàn Sư Minh Tuệ, rồi cứ tin sái cổ. Đó là tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện.

(8) Chớ có tin vì phù hợp với định kiến: Điều này còn chết nhiều nữa. Tức là thấy hợp với định kiến của mình quá, tôi cho là như vậy, nên ai nói hợp với tôi thì tôi tin, kiểu đó là chết luôn.

Giống như xưa nay mình học với lão Pháp sư Tịnh Không, cho nên ai nói hợp với những gì mình học, thì mình cho là đúng. Ví dụ như mở miệng ra, Thiện Trang nghe đồng tu nào nói: Một ngày ở Địa ngục bằng 2.700 năm ở nhân gian, là Thiện Trang biết ngay học Hòa thượng rồi. Nhưng quý vị coi trong kinh có nói như vậy không? Chúng ta có đoạn [nói về] tuổi thọ ở các cảnh giới rồi đó, có nói như vậy không? Tuổi thọ ở cảnh Ngạ quỷ bao nhiêu đó, quý vị so đi rồi quý vị biết.

Cho nên có những điều giống mình, phù hợp với mình, mình nghĩ, mình cho như vậy, đó là định kiến. Mình cho như vậy, mình thấy đúng, đúng, đúng rồi. Chưa chắc!

Cho nên chủng tánh của người giác ngộ là gì? Là khi nghe những điều nào ngược với tư tưởng của mình, định kiến của mình, thì mình cũng phải suy xét, phải coi điều đó đúng hay điều cũ đúng, điều nào hợp lý hơn. Nếu mình chưa biết có hợp lý hơn không, thì mình phải thực hành theo, còn không thì mình phải suy xét. Chứ vô mà thấy ngược với định kiến của mình, là xong, tôi không nghe nữa, là tiêu. Đồng tu Tịnh Độ 'y nhân bất y pháp' nhiều lắm. Thời nay không phải chỉ có đồng tu Tịnh Độ không [thôi], mà còn nhiều đồng tu khác nữa. Vô học ông thầy đó, là có định kiến theo ông thầy đó luôn, tất cả những gì kinh nói mình không chịu nghe nữa. Cho nên thôi, điều này cũng là nạn, rất là đáng thương.

(9) Chớ có tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền: Điều này thì rõ ràng. Những người có uy quyền, thời nay có nhiều người làm chức vụ lớn, hoặc là Giáo hội, quất cho chữ Pháp chủ là mình tin sái cổ. Trong khi đó mình phải biết

Pháp chủ là gì? Pháp chủ chỉ là đại diện thôi cho Giáo hội Phật giáo thôi, chứ đâu phải là Pháp chủ. Phật mới là Pháp chủ. Chứ không phải có uy quyền thì mình tin.

(10) Chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình: Điều này chết nữa! Dù vị đó là thầy của mình, nhưng mình chớ có tin. Rồi bây giờ mình tin sái cổ luôn, 'nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu'. Đặc biệt bây giờ có nạn là thờ thầy, thờ một vị thầy đó, cho nên bất cứ ai nói không giống thầy đó thì tôi không nghe. Là xong luôn, quý vị bị rớt vào nạn này. Cho nên thời nay khó lắm, khó lắm!

Quý vị thấy những điều này đức Phật dạy hết rồi mà mình không chịu học, mình cứ cho là mình ngon. Quý vị phải so sánh, Thiện Trang nói khi ai đó đưa ra một vấn đề gì về Phật pháp, về tu hành, thì quý vị phải hỏi lại là kinh nào nói, căn cứ kinh nào. Thiện Trang luôn luôn hỏi vậy đó. Quý vị Phật tử trong lớp Phật Học Vấn Đáp hỏi Thiện Trang, điều này do thầy này nói, cô này nói, tu như thế, v.v… Thiện Trang hỏi kinh nào nói? Hỏi lại thầy đó, cô đó, căn cứ vào kinh nào mà thầy cô dạy con? Nếu thầy cô không nói được căn cứ vào kinh nào, thì con tạm thời chưa tin. Chứ không thể [tin] như vậy được, phải căn cứ vào kinh đàng hoàng, chứ bây giờ mỗi người đưa ra mỗi kiểu, rồi dần dần sai tùm lum. Cho nên dù là thầy mình dạy [cũng] chưa tin, nếu như đưa ra những điều không phù hợp. Vậy bây giờ làm sao? Từ từ, đức Phật giải ra cho mình khi nào tin, đằng sau có nói. Cho nên phải cẩn thận.

Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí quở trách; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kālāma, hãy từ bỏ chúng!

Tức là người ta nói đã đời, nhưng mình phải suy xét, mình phải biết rõ: nếu các pháp đó là bất thiện, tiêu chuẩn bất thiện bài trước chúng ta học rồi. Có một số đồng tu không học bài đó, vì không học bộ Khoa Chú Tuyển Giảng. Đức Phật đưa ra tiêu chuẩn của bất thiện: là việc nào có hại cho mình, hoặc hại cho

người khác, thì đó là bất thiện. Có nghĩa là miễn hại cho mình, hoặc hại cho người khác, là bất thiện. Còn hại cả hai là quá bất thiện rồi, [điều này] thì khỏi nói.

Quý vị đừng theo tiêu chuẩn bên Đạo gia nha. Trong bộ phim gì đó, có người hỏi: Thế nào là bất thiện? Thế nào là thiện? Có ông thầy nói (cũng là thầy rồi): Điều nào hại người lợi mình, thì là ác. Đúng rồi! Điều nào mà lợi mình lợi người là tiểu thiện; điều nào mà lợi người hại mình là đại thiện. Quý vị thấy sai rồi đó, trong Phật pháp không bao giờ có chuyện đó. Phải là không có hại ai, không hại mình, cũng không hại người, thì mới là thiện. Cho nên bất thiện là: nếu mình làm việc đó, mà hại mình hoặc hại người khác (chúng sanh khác) thì là bất thiện. Mình cố gắng hiểu [điều đó].

'Các pháp này đáng chê; Các pháp này bị người có trí chỉ trích'. Vấn đề là bị người có trí chỉ trích, mà bây giờ mình không có trí thì mình không biết. 'Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau'. Bây giờ mình không biết thì mình phải thực hành, một hồi rồi mình mới biết là khổ đau, bất hạnh.

Giống như pháp về xài tiền, người ta nói là xả hết đi, xả hết rồi thì tiền sẽ đến nữa. Nhưng rõ ràng trong kinh đức Phật đâu có cho như vậy. Đức Phật dạy là: Sau khi làm ra tiền, phải chia làm bốn phần: hai phần (tức là một nửa, 50%) phải đầu tư lại cho việc làm kinh doanh, hay việc gì đó, nói chung là công việc, làm cho công việc tiếp tục phát triển lên, thì mới giàu hơn chứ. Nếu không đầu tư lại thì làm sao giàu hơn, vừa bổ sung vừa nâng vốn, kiểu như vậy. Còn 50% thì chia đôi: 25% (tức ¼) là cho quý vị xài thoải mái, nào là sắm sửa giường, ghế, ăn uống, v.v… lo cho gia đình; còn 25% là đem tích trữ, cất vô kho đi, giữ đi, để phòng hờ khi có biến, có chuyện gì. Và nếu thực hiện như vậy thì đưa đến khổ hay vui? Đức Phật nói là được niềm vui đời này, và đời sau còn sanh cõi Trời nữa. Còn trong khi đó mình xả hết tiền, nhiều đồng tu xả hết sạch, bây giờ thấy bất hạnh khổ đau chưa?

Cho nên nếu pháp này thực hiện là đưa đến bất hạnh khổ đau, mà mình

không biết, thì đó là một điều sai lầm. Học theo ông Bàng Long Uẩn, ổng không cần nữa thì không nói. Còn bây giờ mình chưa chứng, chưa khai ngộ như ông Bàng Long Uẩn sanh tử tự tại, thì mình đâu có làm được như vậy. Từ đó mình cứ suy ra. 'Thời này Kālāma, hãy từ bỏ chúng': tức là đừng làm.

Các ông nghĩ thế nào, này Kālāma! Lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kālāma, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Đây là đức Phật dạy về Thập thiện, Ngũ giới. Nói chung làm những việc ác như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, rồi bảo người ta cũng làm vậy, thì chắc chắn là bất hạnh khổ đau. Đức Phật đưa ra tiêu chuẩn, để mình biết việc đó ác hay không ác, thiện hay không thiện.

- Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

Rõ ràng đúng không quý vị? Người nào sân thì không có hạnh phúc, mai mốt học, chúng ta biết Tâm sở Sân không thể nào có Tâm sở Hỷ được. Tâm sân với tâm hỷ làm sao đi chung với nhau được, có ai sân mà vui không? Điều này không có. Cho nên sân thì không hạnh phúc được.

- Người này có sân, này các Kālāma, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Tức là ở trên đức Phật nói, làm những việc đó là do tham, có khi làm những việc đó là do sân. Nhiều khi ghét người ta nên đến với vợ người ta, tà hạnh với vợ người ta, để trả thù chơi vậy đó, kiểu ghét đó. Ở trên là tham, vì tham mà giết chúng sanh; còn ở đây là vì sân nên giết chúng sanh. Ở trên là vì tham nên lấy của không cho, tức là trộm cướp; ở đây vì sân mà trộm cướp. Ở trên vì tham mà nói láo (nói dối); ở dưới này là vì sân mà nói dối. Đó là đức Phật nói hết như vậy.

- Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh? Tất nhiên là bất hạnh rồi đúng không? Mình thì không biết si nên thấy vui mà. Nhưng không! Ở đây nói là bất hạnh.

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kālāma, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Điều này thì rõ ràng! Si thuộc về Tà kiến, họ cứ cho như vậy là hạnh phúc [nên] họ làm như vậy, nhưng cuối cùng là đau khổ.

- Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

Tóm lại, bằng tâm tham, sân, si mà làm những việc đó, thì là bất thiện. Mai mốt mình học Tâm sở là đúng y chang vậy đó, mình học đến tâm thiện, tâm bất thiện là vậy đó.

- Các pháp này là đáng chê trách hay không đáng chê trách?

- Đáng chê trách, bạch Thế Tôn.

Đức Phật chỉ rất rõ, điều gì đáng chê trách hay không chê trách, tiêu chuẩn rất rõ ràng.

- Các pháp này có bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách? Ngài Minh Châu dịch ngôn ngữ hơi dài, thật ra là "các pháp này có bị người trí quở trách hay không?" là được rồi.

- Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không? Hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ, ở đây, đối với chúng con là vậy.

Ở đây quý vị thấy, đức Phật xác định cho [chúng ta], nói chung là pháp nào dạy, mà cuối cùng đưa đến bất hạnh khổ đau, bằng cách xét trên tham, sân, si, ba ý đó, làm những việc như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối. Làm như vậy, và sai khiến người làm như vậy thì khổ đau.

Nhiều khi người ta sẽ nói: 'Ủa! Làm nhiều khi thấy sướng mà, lấy được tiền thế này thế kia'. Thật ra họ chỉ được điều trước mắt thôi, nhưng sau đó sẽ khổ dài lâu.

Như vậy, này các Kālāma, điều Ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình". Bây giờ mình chớ có vội tin, mà phải từ từ suy xét. Cách suy xét thì ở trên rồi, bây giờ đức

Phật bổ sung.

Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí quở trách; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kālāma, hãy từ bỏ chúng! Tức là mình thấy bất thiện, thì mình bỏ là được rồi. Thấy các pháp này đáng chê, các pháp này bị người trí quở trách, hoặc thực hiện đưa đến bất hạnh khổ đau, thì không nên tuân theo.

Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Chưa có tin, nhưng ở đây đức Phật cũng chỉ cho cách, mình cũng tin chứ, không tin hết thì không được.

Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kālāma, hãy tự đạt đến và an trú!

Đó là công thức cuối cùng. Tóm lại là mình phải suy xét. Có mấy điều: (1)các pháp đó là thiện, (2)các pháp đó không đáng chê, (3)các pháp đó không bị người trí chỉ trích, và (4)các pháp đó được thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc, thì mình thực hành, tu theo.

Điều này cũng hơi khó, nói thì nói vậy thôi, chứ nhiều khi mấy pháp tu hành mình đâu có biết, không biết điều nào được. Mình phải tu một hồi, mình bị phiền não, thì mình mới biết được. Cho nên hồi xưa Hòa thượng Tịnh Không cũng đưa ra: *"Nghe pháp nào mà an tâm, an lạc là đúng. Pháp nào mình tu mà*

mình thấy tâm mình yên lặng, tĩnh lặng, không thấy lỗi người v.v... thì đúng". Có quyển nhỏ nhỏ, người ta trích ra những lời khai thị đó, Hòa thượng giảng trong bộ nào, Vô Lượng Thọ lần thứ mười hay sao đó, có như vậy.

Nhưng quý vị thấy, tu một hồi, các đồng tu Tịnh Độ toàn đi nhìn lỗi người, toàn thấy phiền não, thế này thế kia... Điều đó chứng tỏ pháp học của họ cũng có vấn đề. Cho nên tại sao mình phải biết. Mà người học càng nhiều thì thấy càng ngã mạn, càng sân si. Quý vị có để ý không? Nhiều người ngã mạn, sân si lắm, cho nên đó là cũng có vấn đề, tại sao lại như vậy. Cho nên đôi khi mâu thuẫn lẫn nhau, chúng ta phải cẩn thận, phải coi lại. Mình phải suy xét, mình tu như thế nào, mình tu có đúng không, hay pháp không đúng, hay mình tu không đúng. Điều đó [Thiện Trang] không biết, quý vị phải tự suy xét.

Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không tham, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy, là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn (không tham tất nhiên là hạnh phúc rồi).

- Người này không tham, này các Kālāma, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. Điều này cũng tương tự như trên, nhưng đảo ngược lại, nên Thiện Trang lướt qua. Tóm lại phải làm được không tham, không sân, không si, thì mới được hạnh phúc.

- Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn. Tóm lại đây là pháp thiện

- Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê?

- Không đáng chê, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc an lạc không, hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

Nếu được thực hiện chấp nhận, thì đưa đến hạnh phúc an lạc, nên đức Phật chốt lại cuối cùng:

Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kālāma, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

(3.65) Kesamutti (MA 16) – Kinh Tăng Chi).

Ở đây nếu học điều này không [thôi], thì mình cũng còn mơ màng đối với Chánh pháp, nên Thiện Trang mới đưa thêm một bộ kinh nữa trong Kinh Trung A Hàm, để chúng ta biết tiêu chuẩn đúng Chánh pháp. Chứ không là mơ mơ màng màng, học tới đây rồi không tin ai hết, mà không tin cũng không được. Tại vì Phật pháp phải có niềm tin chứ, trong Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, thì Tín căn là đứng đầu. Trong Ngũ căn, Ngũ lực, thậm chí Tâm sở Tín cũng rất quan trọng. Nếu mình không có niềm tin, thì cũng thua.

Cho nên tu hành thì phải tin, vậy chúng ta phải coi tiêu chuẩn đúng Chánh pháp là gì? Trong này có, Thiện Trang trích từ một bài kinh khác, Kinh A Hàm. Có lúc Thiện Trang đã trích bài kinh này ở một buổi khác rồi, nhưng bữa nay đầy đủ hơn.

Tiêu Chuẩn Đúng Chánh Pháp

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Nay có bốn đại nghĩa được quảng diễn. Những là bốn? Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm, Giới. Đó gọi là bốn.

Tức là có bốn: Khế kinh, chúng ta hay gọi là kinh, tại vì khế lý khế cơ nên gọi là Khế kinh. Luật là Giới luật, Luật với Giới thì chúng ta hay gọi chung, một bên là Luật, một bên là Giới. Giới là những gì không được làm; còn Luật là bắt buộc phải làm. Ví dụ có những điều phải làm, như Tỳ-kheo nửa tháng phải đọc tụng lại kinh luật, không đọc kinh luật thì phải nhớ ngày đó là ngày Bố tát, chẳng hạn. Đó là những điều bắt buộc phải làm, thì gọi là Luật.

Còn A Tỳ Đàm chính là phần Luận Câu Xá mà chúng ta học, A Tỳ Đàm của Nam truyền đó. A Tỳ Đàm là bộ tạng mà đức Phật giảng trên cung trời Đao Lợi.

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Đông đến, tụng kinh trì pháp, phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: 'Tôi có thể tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều'.

Có một vị nổi tiếng, nổi danh hay gì đó v.v… họ cũng tự nói luôn là họ tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, rồi học rộng nghe nhiều. Đời nay ai cũng nói vậy, ai lên giảng cũng nói tôi đọc bao nhiêu kinh rồi v.v… cả đời tôi đọc hết bao nhiêu kinh rồi nên bây giờ tôi mới tu Pháp môn này v.v… tức là học rộng nghe nhiều đó. Họ cũng có lý của họ, nhưng thực sự là có phải như vậy hay không?

Giả sử, Tỳ-kheo kia có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng. Không phải quý vị tin liền đâu, mặc dù người ta khoe, hoặc là nổi tiếng thiệt, là họ tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều. Mình tưởng như vậy. Nhưng không! Đức Phật nói chưa. Dù họ có nói những gì cũng không nên thừa nhận, khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng.

Hãy cùng Tỳ-kheo kia thảo luận, chiếu theo pháp mà cùng thảo bàn. Tức là phải thảo luận, chiếu theo pháp mà thảo bàn đã. Đây là hai Tỳ-kheo với

nhau cùng thảo bàn. Nếu mình không thể cùng thảo bàn được, thì ít nhất mình cũng hỏi qua hỏi lại một chút.

Thế nào là y chiếu theo cùng thảo bàn? (Đức Phật dạy cho mình luôn) **Y chiếu theo pháp mà luận, đó là bốn đại luận được quảng diễn này** (tức là bốn điều trên)**. Tức là Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm, Giới.**

Tức là mình phải đem so với Kinh, đem so với Luật, đem so với A Tỳ Đàm, đem so với Giới, xem có đúng không. Chẳng hạn bây giờ mình tu Tịnh Độ, nhiều người đồng tu Tịnh Độ nói: "Một câu Phật hiệu là đầy đủ, không cần Giới luật". Nói vậy có đúng không? Mình nghe thì cũng có lý lắm, nhưng quý vị coi thử coi, có kinh nào nói như vậy không? Mình cũng phải hỏi lại, có khế với trong kinh không? Nếu đầy đủ như vậy, thì Phật dạy người Cư sĩ một tháng thọ Bát quan Trai giới sáu ngày làm chi nữa. Làm gì có. Mà Phật còn nói: nếu người Cư sĩ không thọ Bát quan Trai giới sáu ngày như vậy, thì giống như người con gái có chồng mà không có con, cây ra bông mà không có trái, giống như đi buôn mà không có lời, lỗ vốn.

Đức Phật nói như vậy mà mình lại nói ngược. Nếu vậy thì đức Phật dạy Bát quan Trai giới làm chi nữa. Trong Kinh Bát Quan Trai Giới, đức Phật nói là: "**Ta cũng từ đó mà Ta thành Phật**". Thấy chưa! Quý vị nghe điều gì thì mình phải căn cứ. Khi người ta nói thì mình phải hỏi là kinh nào nói, không có kinh nào nói thì ông tự nói à, tôi không biết.

Cho nên Thiện Trang nói phải có kinh, mà kinh phải rõ ràng. [Hoặc là] diễn giải tương tự, ví dụ như người nào đó đem ra phẩm Thập Địa của Kinh Hoa Nghiêm nói. Để Thiện Trang giảng giải cho chi tiết đó, tức là câu "**nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất**" (một là tất cả, tất cả là một). Cho nên một câu Phật hiệu là đúng rồi, một thành tựu thì tất cả thành tựu, nên không cần [Giới] nữa. Một câu Phật hiệu nếu đầy đủ rồi, thì là Định cộng Giới, Đạo cộng Giới, đúng không? Đúng rồi, chính xác! Bằng lý luận đó thì ok.

Nhưng xin hỏi lại quý vị, quý vị có được: Thứ nhất, phẩm Thập Địa của Kinh Hoa Nghiêm nói, vậy quý vị là Thập địa Bồ-tát chưa? Chưa! Quý vị là phàm

phu. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai là quý vị có Định cộng Giới và Đạo cộng Giới chưa? Bây giờ quý vị muốn hiểu Định cộng Giới và Đạo cộng Giới, vậy Định cộng Giới là thế nào? Trong kinh nói, bây giờ không kịp lấy trong kinh, nhưng bữa nào [Thiện Trang] lấy cho coi. Định cộng Giới có nghĩa là từ Sơ thiền trở đi, khi người đắc Sơ thiền thì tự nhiên người ta giữ được giới, nên gọi là Định cộng Giới. Và định đó còn thì còn giới, mà hết định thì hết giới. Đang đắc Sơ thiền thì ok, không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, không có gì hết. Nhưng khi hết đắc Sơ thiền thì vẫn phạm giới như thường. Đó gọi là Định cộng Giới.

Còn Đạo cộng Giới là gì? Đạo cộng Giới là quý vị phải chứng đạo, chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì tự nhiên giữ được giới. Ngũ giới ok, Bát quan Trai giới ok. Tam quả A-na-hàm giữ được gần với giới của Tỳ-kheo. Quý vị có chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn chưa? Quý vị có chứng Tam quả A-na-hàm chưa? Quý vị có chứng A-la-hán chưa? A-la-hán thì giữ được tất cả các giới của Tỳ-kheo, cho nên tự nhiên [thành tựu] được Giới. Như vậy thì mới đúng với kinh.

Vậy quý vị chưa là gì hết, mà quý vị nói "một câu Phật hiệu là đầy đủ tất cả, không cần trì giới", là sai. Quý vị chưa phải là Thập địa Bồ-tát, quý vị cũng chưa phải là Định cộng Giới, Đạo cộng Giới, vậy thì quý vị sai rồi. Cho nên nói lý thuyết thì đúng, nhưng phân tích ra thì chưa đúng. Cho nên phải y theo Kinh, y theo Luật, y theo A Tỳ Đàm, y theo Giới. Phật dạy cho chúng ta: là phàm phu thì tu ở cảnh giới của phàm phu, còn kia là Bồ-tát Hoa Nghiêm mà. Điều này quan trọng. Cho nên nghe thì hợp lý, nhưng chưa hợp lý. Vậy thì đúng là mình phải căn cứ theo Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm. Đức Phật bảo: Hãy thọ Bát quan trai đi, hãy thọ Ngũ giới đi. Mình không chịu thọ, rồi mình tu không theo lời Phật thì ráng chịu.

Thiện Trang nói rõ nha, mình phải theo Phật. Cứ chấp tướng mà tu, Phật dạy sao thì cứ tu như vậy đi, là ok, từ từ vô rồi mới hiểu. Chứ còn bây giờ mới đầu mình cứ nói trên trời, đem cảnh giới của Bồ-tát, 'Bồ-tát, Bồ-tát, niên niên thập bát'. Bồ-tát, Bồ-tát, tức là từng vị Bồ-tát; niên niên tức là năm nào cũng là

tuổi 18 hết. Nhưng cuối cùng mình sanh, già, bệnh, chết cũng còn nguyên đây, đâu có tuổi 18 đâu.

Trong kinh nói A-la-hán có thể trụ thế suốt một kiếp, bằng cách dùng thần lực. Phật cũng có thể làm được như vậy. Còn mình, mình có thể trụ thế được một kiếp không? Xin lỗi, trụ thế 100 năm còn khó nữa. Sắp chết tới nơi rồi, còn trụ không nổi nữa, chứ đừng nói là trụ. Cho nên là chưa được đâu, mình phải theo kinh thôi. Đức Phật nói tiếp:

Nên cùng với Tỳ-kheo kia phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, được hiển hiện trong Luật (phải phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, tức là bằng kinh. Trong kinh rồi, phải được hiển hiện trong Luật nữa)**. Giả sử khi tìm trong Khế kinh được nói, trong Luật được hiển hiện, trong pháp được phân biệt; nếu những điều được hiển hiện ấy tương ưng với Khế kinh, tương ưng với Luật và Pháp, khi ấy bèn thọ trì.**

[Quý vị] nhớ dòng chữ đỏ này, là tìm ở trong kinh. Mình phải hỏi để coi những điều họ nói đó, cuối cùng có tương ưng với Kinh không, tương ưng với Luật không, tương ưng với Pháp hay không. Nếu tương ưng thì tôi thọ trì (#thọ là tiếp nhận; #trì là bắt đầu thực hành). Còn [nếu họ] nói không đúng thì sao?

Nếu không tương ưng với Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm, thì nên trả lời người kia như vầy: 'Này bạn (hoặc đối với thầy cô mà dạy mình, thì thưa thầy, thưa cô)**, nên biết đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai. Mà những lời bạn nói, chẳng phải gốc của chánh kinh** (chẳng phải gốc của chánh kinh, mà mình cố, mình tin vào)**. Sở dĩ như vậy là vì nay tôi thấy nó không tương ưng với Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm.' Vì không tương ưng nên phải hỏi về sự hành trì giới. Nếu không tương ưng với giới hạnh, nên nói với người kia: 'Đây chẳng phải là tạng của Như Lai!' Hãy lập tức bỏ đi. Đây gọi là gốc của nghĩa đại nghĩa được quảng diễn thứ nhất.**

Quý vị thấy rõ ràng chưa, đức Phật dạy rất rõ là: không thấy trong Kinh, không khớp trong Luật, không khớp trong A Tỳ Đàm, [thì] bỏ đi, không học. Đồng tu thời nay, không phải Thiền tông hay Mật tông hay Tịnh Độ tông [không

thôi], mà rất nhiều người cứ 'y nhân bất y pháp', hoàn toàn tin [người]. Cho nên có nhiều người nói, bây giờ Thiện Trang cứ toàn hỏi lại: là quý vị nói lời đó, cách dạy đó, dạy cho mình trong kinh nào?

Chẳng hạn như có người nói: 'Thời nay tu Tịnh Độ thôi thầy ơi, tu học mấy bộ này [làm] chi? Học Vi Diệu Pháp, A Tỳ Đàm, rồi Luận Câu Xá làm chi, học để làm gì?' Thiện Trang hỏi: 'Kinh nào nói?' Họ nói: 'Vạn người tu, vạn người đi, Tịnh Độ là vậy. Còn mấy môn này đâu có được như vậy đâu'. Thiện Trang nói: 'Tịnh Độ nói vạn người tu vạn người về, hay vạn người tu vạn người đi. Trong kinh nào nói?' Họ nói: 'Ngài Đại sư Thiện Đạo nói'. [Thiện Trang hỏi]: 'Đại sư Thiện Đạo là ai? Có phải là Phật không?' Họ nói là Đại sư Thiện Đạo là Phật A Mi Đà tái lai. [Thiện Trang hỏi]: 'Bằng chứng đâu?' Họ nói: 'Không có! Điều đó được truyền như vậy'. Là truyền thuyết thì chớ vội tin. Dù đó là truyền thuyết, dù đó là truyền thống, thì cũng chớ vội tin. Mình phải tin theo kinh, quý vị hiểu không?

Quý vị nên nhớ: Nguyên tắc là giáo pháp của các Như Lai không bao giờ giẫm đạp lẫn nhau. Sau này ngài Di Lặc ra đời cũng nói 12 thể loại kinh như thế, vẫn nói như thế, các giáo pháp đều như nhau. Không có vụ Phật trước, Phật sau nói mâu thuẫn nhau, không có chuyện đó. Các pháp của Phật không có mâu thuẫn, nên nhớ vậy.

Cho nên tương lai quý vị muốn tuyên truyền một người nào đó, dựng người nào đó lên làm Phật sống, rồi đời sau cũng tin à? Đâu có phải! Phật tái lai này kia, đâu phải, mình phải coi chứ. Những điều đó giảng có đúng với Kinh hay không, đúng với Luật hay không, đúng với A Tỳ Đàm, đúng với Giới hay không, thì mình mới tin chứ.

Cho nên những bài kinh này cực kỳ quan trọng, không học những điều này là bị lừa suốt. Họ phong lên, tôn người này là Phật, Bồ-tát, A-la-hán, Thánh nhân, rồi mình tin sái cổ. Trong khi đó mình quên mất, là lời phong đó do ai phong? Nên nhớ là Phật phong thì mình mới tin. Phật khẳng định người đó chứng [quả] gì, mà Phật nói ngay cả A-la-hán cũng vẫn thua đức Phật. Bữa nào Thiện Trang sẽ trích cho quý vị sự khác biệt giữa Phật và A-la-hán. Đó là Phật có Thập lực,

còn A-la-hán không có Thập lực. Mà không có Thập lực thì thua xa lắm, thua cực kỳ xa luôn. A-la-hán còn chưa là gì nữa, nên chớ vội tin là đúng rồi.

Cho nên bữa nay học đoạn này cực kỳ quan trọng, quý vị nhớ nha! Những điều gì tương ưng với Khế kinh, tương ưng với Luật, với A Tỳ Đàm, với [Giới] thì mới thọ trì, còn không thì thôi, những lời này không phải là tạng của Như Lai. Nên nhớ như vậy!

Đặc biệt các đồng tu Tịnh Độ coi lại giùm. Thiện Trang xin khuyên quý vị đồng tu Tịnh Độ, khi nghe điều gì thì hãy hỏi lại. Giống như có đồng tu nói: 'Thưa thầy, niệm Phật thì dù bị tội nặng chăng nữa cũng được vãng sanh, giống như vua A Xà Thế là được vãng sanh Thượng phẩm Trung sanh'. Thiện Trang nói: 'Kinh nào nói?' [Họ nói]: ' Vương Kinh A Xà Thế'. Thiện Trang nói, hồi xưa Thiện Trang coi chưa kỹ, nhưng giờ coi kỹ rồi, không có [chi tiết đó] trong kinh ấy, mấy bộ kinh nói vua A Xà Thế đọa Địa ngục thì có. Ổng chỉ giảm được tội thôi, ổng không đọa Địa ngục Vô Gián, mà đọa Địa ngục nhỏ hơn, và chỉ đọa thời gian có hạn. Sau này ổng ra, ổng trải qua 20 kiếp sau mới chứng quả thành một vị Bích-chi-phật. Thời đó không có Phật nên ông mất 20 tiểu kiếp thì phải. Thiện Trang không nhớ là tiểu kiếp hay đại kiếp. Chứ đâu có vãng sanh Thượng phẩm Trung sanh đâu, mà quý vị tin vậy.

Rồi suốt ngày cứ nói: người tu hành thì đừng nói lỗi người khác v.v… Trong khi đó, trong kinh đức Phật dạy là nếu chỉ trích đúng thì vẫn có vô lượng phước. Rồi nói người tu hành thì phải im lặng, dù người ta có nói thế nào v.v… [Thiện Trang hỏi] căn cứ vào đâu? Họ kêu căn cứ vào 14 điều Phật dạy của Luận Bảo Vương Tam Muội. Thiện Trang nói Luận Bảo Vương Tam Muội của ai? Họ không biết, họ nói: 'Thì luận mà thầy'. Là luận, nhưng luận đó của một vị Tổ thời nhà Minh viết lên, gọi là Luận Bảo Vương Tam Muội, chứ đâu phải kinh. Kinh nói là nếu họ nói mình không đúng sự thật, sai, thì mình có quyền nói lại cho họ. Nên nhớ vậy, chứ không phải im lặng.

Quý vị đừng có sai lầm, học Phật có rất nhiều điều sai, cứ theo người nào đó. Ví dụ người ta lấy một câu nói này, ăn rồi chửi thiên hạ, là: *'Chân nhân bất*

lộ tướng, lộ tướng bất chân nhân'. Tức là bậc chân nhân thì không có lộ ra tướng, nếu mà lộ ra rồi thì không phải chân nhân. Câu đó quý vị coi có trong kinh hay không? Câu đó ở trong phim, trong truyện, họ nói vậy riết rồi quen, nhập vô trong đó luôn, rồi mình cũng tưởng thật. Trong khi đó quý vị thấy đọc trong kinh v.v… có nói rõ ràng: Một người nào đó chứng A-la-hán thì họ vẫn xưng đoàng hoàng mà, người này cũng xưng, người kia cũng xưng, nhưng xưng trong khoảng nào đó thôi. Và Phật cũng ấn chứng cho người này người kia, vậy Phật cũng không phải là chân nhân à?

Cho nên nói nhiều điều tầm bậy lắm, và thậm chí trong kinh chúng ta thấy người nào đắc được bốn niềm tin bất hoại rồi, thì người đó tự mình xác chứng rằng ta không còn đọa đường ác nữa. Quý vị nhớ bộ đó Thiện Trang đã trích rồi đó. Tất nhiên mình không nói với người khác, nhưng cũng tự mình biết. Cho nên đôi khi không học rồi [nói] tùm lum, tùm la.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có dặn là: Vì đời sau mạt pháp, nên các hàng Bồ-tát tái lai (chứ không có nói Phật nha), thì [các ngài] cũng giấu thân phận của mình, chứ không hiện ra. Đó là do thời nay. Nhưng đó là Bồ-tát tái lai, còn khi quý vị chứng rồi thì quý vị cũng có quyền xưng, đó là chuyện của quý vị. Nhưng xưng là phạm giới. Cho nên quý vị đừng hỏi người ta chứng quả gì, trong giới Tỳ-kheo nói: là không nói với người bình thường, chỉ có thể nói với người đồng phạm hạnh, để người ta hiểu thôi, còn lại thì không nói. Điều đó, bao giờ quý vị chứng A-la-hán thì tự quý vị biết, còn bây giờ mình chưa chứng A-la-hán thì mình khỏi quan tâm.

Nhưng ý Thiện Trang nói là: có những điều không có trong kinh, mà quý vị quất vô đó, rồi quý vị tin sái cổ, thì thôi, khỏi nói. Giống như có đồng tu ăn rồi cứ [nói] 'đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến'. Điều này đâu có trong kinh, mà là trong tác phẩm Tam Quốc Chí. Tam Quốc Chí là nói về trong thời Tam Quốc, Khổng Minh, Gia Cát Lượng… quý vị nhớ như vậy.

Cho nên theo thời gian, có những câu nói trong nhân gian, có những câu nói trong phim, trong ảnh v.v… rồi cuối cùng nhập vô. Nhập vô riết rồi mình

tưởng là trong kinh Phật. Rồi người kia cũng nói kinh đức Phật nói, Thiện Trang hay thấy [ghi] đức Phật nói lắm, rồi lên trên mạng toàn quất vô là Phật nói. Phật nào nói câu đó, có nhiều câu Phật không có nói. Mà phải nói là kinh nào nói, trong kinh đó nói. Hoặc là Phật nói, thì Phật nói trong kinh nào.

Cho nên từ nay về sau, quý vị cố gắng học nha, hễ ai nói điều gì thì quý vị hỏi lại người đó, lời bạn nói đó trong kinh nào. Nếu họ kêu không biết, tôi nghe từ người nào đó nói. Thì [mình nói]: Vậy thì đi hỏi người đó [những lời] đó từ đâu, rồi tôi mới tin được. Nếu chưa tìm ra, chưa chỉ cho tôi được, thì tôi không tin. Cho nên phải khế Kinh, khế Luật đàng hoàng, tức là hợp với Kinh, hợp với Luật, hợp với A Tỳ Đàm, với Giới thì mới tin, còn không đừng có tin vội. Chớ vội tin! Chớ vội tin! Hãy cẩn thận, thời nay là dễ bị lừa lắm, chúng sanh thời nay khờ lắm. Một hồi phát lên là nói Phật nói, điều nào cũng Phật nói, gán cho Phật, thì tội lắm. Nếu như vậy thì mình không sợ mình đọa sao? Học chưa tới nơi, tới chốn mà cứ phán như vậy là chết.

Cho nên Thiện Trang sợ lắm, bây giờ quý vị Thiện Trang ăn rồi cứ đọc kinh thôi. Và điều nào có trong kinh thì Thiện Trang mới viết trong đó, còn điều nào mình biết, mình chú thích, thì chú thêm trong đó, chứ còn mình không dám tự thêm đâu. Lời nào trong kinh là kinh, lời nào của Phật là của Phật, chứ không phải tự nhiên mình thêm vô.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Nam đến nói rằng: 'Tôi có thể tụng Kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều'. Giả sử Tỳ-kheo ấy có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng.

Đoạn này giống ở trên. Cũng vậy, người ta tự khoe là người ta tụng kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng nghe nhiều (đa văn). Đó là người ta tự khoe, ai cũng khoe được mà. Nhưng mình cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ dốc lòng tin tưởng.

Nên cùng với Tỳ-kheo kia luận nghĩa. Giả sử những điều Tỳ-kheo kia nói mà không tương ưng với nghĩa, thì nên bỏ đi. Nếu tương ưng với

nghĩa, thì nên bảo người kia rằng: 'Đây là nghĩa được nói, nhưng không phải gốc chánh kinh'. Khi ấy, nên chọn lấy nghĩa đó, chứ đừng nhận gốc chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa là căn nguyên để hiểu kinh. Đây gọi là gốc của đại nghĩa được diễn thứ hai.

Có nghĩa là người kia họ nói, mới đầu mình cũng chưa tin tưởng, mình thấy những gì họ nói không tương ưng với nghĩa, nếu không tương ưng với nghĩa thì bỏ đi. Nhưng nếu tương ưng với nghĩa, nhưng lời nói đó không giống với kinh, thì cũng chấp nhận, cũng coi được, nhưng nói rõ là không phải gốc của Chánh kinh. Đây là 'y nghĩa bất y ngữ' đó quý vị.

Y nghĩa bất y ngữ, có nghĩa là lời đó người ta nói, nếu như sai nghĩa thì bỏ đi. Còn nếu diễn giải tương tự thì mình coi như vẫn đúng, thì mình nói đúng, nhưng [phải nói rõ là] không phải gốc của kinh. Chứ không phải vô rồi cứ nói là kinh đó, kinh đó. Thời nay hay như vậy. Một hồi rút gọn lại, rồi diễn theo nghĩa khác, từ con gà biến thành con vịt, thì không được. Hãy cẩn thận!

Tức là lúc đó thì hãy chọn nghĩa đó, đức Phật cho chọn, nhưng đừng nhận là gốc chánh kinh. Tức là nói 'đó là lời ông đó nói thôi'. Giống như bây giờ chúng ta học với chư Tổ, hoặc lời đó là của thầy Thiện Trang nói, hoặc điều đó là vị Tổ sư nào nói v.v… thì được, lời đó nói đúng, tôi thấy đúng. Nhưng không phải là gốc của kinh, cho nên không đem lời đó gán vô là kinh được. Chứ không phải dễ dàng nhận vô là kinh hết, thì không được.

Cho nên bên phật giáo Nam truyền, họ rất kỹ, họ chỉ dùng kinh Phật và tạng A Tỳ Đàm thôi. Còn lại những Sớ Giải v.v... thì họ in riêng. Và khi quý vị qua đó hỏi mua Đại tạng kinh, thì họ hỏi: 'Có mua Sớ Giải hay không?' Sớ Giải là những người đời sau [viết], chứ không phải cứ dụt vô đó. Còn mình cứ thấy Đại tạng kinh là ôm vô đó.

Nhưng thật ra Đại tạng kinh bên Trung Hoa, người ta chỉ chia ra là tạng Kinh, tạng Luật và tạng Luận. Đại tạng kinh là những lời trong kinh Phật. Tạng Luật thì cũng là [lời] Phật, nhưng trong tạng Luật có khi có những Sớ Giải, rồi Luận nữa. Đặc biệt sợ nhất là Luận. Luận thì một hồi rồi không biết đâu là Phật,

đâu là Luận.

Giống như chúng ta đang học đây là Luận, Luận Câu Xá này cũng chỉ là tác phẩm của một người thôi, là ngài Thiên Thân (Thế Thân) thôi. Nhưng tại sao chúng ta học? Vì nhận lấy nghĩa trong này. Có nghĩa là: tuy nghĩa trong này là lời của ngài Thế Thân, do ngài Huyền Trang dịch lại, nhưng đa phần là lấy nghĩa trong kinh, tương ưng với kinh, cho nên mình lấy, mình chọn, và mình vẫn xài được, học được. Bởi vì là nghĩa trong kinh, chứ không phải gốc của Chánh kinh, cho nên gọi là Luận.

Chính vì vậy Thiện Trang chia sẻ ở đây, ngoài Luận ra, thì Thiện Trang còn có Chánh kinh nữa. Chánh kinh tất nhiên yên tâm hơn, còn Luận thì mình phải so, phải kiểm. Giống như Luận Câu Xá hồi xưa, chúng ta thấy có Tứ gia hạnh là: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ Nhất vị, bốn địa vị đó. Quý vị thấy Thiện Trang tìm được hai [địa vị] trong kinh rồi, còn có [hai địa vị] nữa Thiện Trang chưa tìm thấy, để từ từ rồi tìm. Hai [địa vị]: Một là Chánh tánh Ly sanh (Thế đệ Nhất vị), và một là Đảnh vị. Chúng ta tìm được hai địa vị, vẫn có trong kinh, ngài Thế Thân không tự nhiên viết ra đâu. Những bộ mà được truyền qua nhiều đời, được nhiều người học, và công nhận rồi, thì bộ đó phải khớp với trong kinh. Còn như những bộ nào mới ra, rồi bắt đầu tán thán cho cố, thì sau đó chưa chắc [đã đúng]. Thời sau người ta phát hiện ra có những vấn đề, thì sau đó người ta không chọn để truyền nữa. Cho nên là chưa chắc, điều gì lâu năm vẫn yên tâm hơn. Bây giờ mình mới mà, thì từ từ người ta mới công nhận được.

Như vậy đó là điều thứ hai. Còn đây là điều thứ ba, Thiện Trang chỉ trích đoạn trên thôi.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Tây đến (nói rằng: 'Tôi) tụng Kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều'.

Người nào cũng vậy, thật ra ai chả học rộng nghe nhiều, thế này thế kia, nhưng học có đúng hay không chứ. Mình muốn học, mà ăn rồi mình cứ ôm chư Tổ không [thôi], cuối cùng mình tuyên bố là học rộng nghe nhiều. Thực tế là mình học chư Tổ, mình toàn đọc của người này, đọc của người kia.

Giống như có đồng tu vô lớp Học Phật Vấn Đáp, mà suốt ngày dẫn: Sư bà Hải Triều Âm nói, hay là Sư này nói, Sư kia nói v.v… thưa thầy, theo con như thế, như thế. Thiện Trang nói, Thiện Trang chỉ theo kinh Phật thôi, và đừng dẫn người này, dẫn người kia. Bây giờ mỗi người dẫn mỗi đường, làm sao Thiện Trang theo nổi. Thiện Trang nói: check giùm những đoạn đó là theo kinh nào? Chứ người đó dẫn, mỗi người có quyền nói một điều mà. Thiện Trang cũng nói theo Thiện Trang, quý vị nói theo quý vị, ai cũng nói được. Cho nên phải coi thử điều đó khớp với kinh nào, không khớp thì thôi, chúng ta không nói. Còn nếu khớp thì được. Chứ không phải là cứ theo như vậy, bây giờ cứ y nhân.

Thiện Trang cũng chia sẻ luôn, thật ra trong Đại tạng kinh đầy đủ quá rồi, quý vị học hết giùm A Hàm và Nikaya với A Tỳ Đàm. Quý vị học thêm kinh điển Đại thừa nữa, là hết đời này quý vị học không xong rồi, còn thời gian đâu mà quý vị coi nữa. Coi Luật nữa là hết thời gian rồi. Còn đâu mà quý vị coi người này, coi người kia. Tại vì mình lười quá, mình coi không hiểu, rồi cứ thích nghe những người này người kia, nghe người ta kể chuyện thế gian, nói chuyện yêu đương, chuyện này chuyện kia. Họ thích như vậy, sướng hơn. Thật tế là mình phải học trong kinh.

Bây giờ Thiện Trang đã cung cấp cho quý vị nền tảng rồi, quý vị coi Kinh A Hàm, Kinh Nikaya dễ mà. Giống như câu chuyện tuần trước, ông Bà-la-môn Lộc Đầu đó, quý vị thấy dễ không? Câu chuyện đó dễ hiểu mà. Mình học, mình đọc từ từ thì mình ngẫm ra: À! Người giữ giới thì được như vậy, dù chết đi chăng nữa cũng được sanh cõi lành. Từ đó mình hiểu ra.

Hay là câu chuyện Lão Nam Nữ (trong Kinh Tạp A Hàm), ông bà đó già ghê gớm, nhưng nếu tuổi trẻ, tuổi thanh niên mà đi xuất gia thì chứng Đệ nhất quả A-la-hán. Còn nếu làm lụng siêng năng thì cũng giàu nhất thành Xá Vệ. Thời kỳ thứ hai của họ, nếu họ đi tu thì cũng được Tam quả A-na-hàm. Còn nếu ở nhà làm lụng siêng năng thì cũng được giàu thứ nhì của thành Xá Vệ. Thời kỳ thứ ba trong cuộc đời của họ, nếu đi xuất gia thì họ cũng chứng được Đệ nhị quả Tư-đà hàm. Nếu ở nhà siêng năng làm lụng thì giàu thứ ba thành Xá Vệ. Và thời kỳ thứ tư của cuộc đời, nếu đi xuất gia thì họ đắc được Tu-đà-hoàn. Nếu ở nhà

siêng năng làm lụng thì cũng giàu thứ tư của thành Xá Vệ.

Nhưng ngày hôm nay họ đã quá già rồi. Bây giờ họ có đi xuất gia cũng chẳng chứng được pháp Thượng nhân nào. Pháp Thượng nhân là Thiền, cũng không chứng luôn. Sơ thiền trở đi là khỏi luôn, Sơ quả Tu-đà-hoàn hay các quả vị là khỏi có. Rồi nếu họ có làm ăn thì cũng không giàu được nữa.

Câu chuyện dễ hiểu như vậy, có gì mà ghê gớm đâu. Hồi xưa Thiện Trang có thắc mắc, đức Phật biết vậy mà sao hồi đó không độ cho [họ], Phật từ bi vô lượng mà. Sau này Thiện Trang nghĩ là: có thể do họ xuất hiện sớm quá, khi gặp Phật thì đã quá già. Chứ nếu họ còn trẻ, thì chắc Phật cũng ráng độ. Lúc đó Phật hiện thân hay làm cách nào đó, cho họ có cơ hội [đắc độ]. Hoặc là duyên của họ không đủ, nên họ không đi xuất gia. Chứ nếu họ đi xuất gia, chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì cũng đỡ, [có thêm] một người ra khỏi sanh tử. Đức Phật từ bi mà, đâu có bỏ một chúng sanh nào.

Quý vị có nhớ không? Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Du Hành hay là Kinh Tăng Nhất A Hàm, có cô Tỳ-kheo-ni đó, nghe nói đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, [nghĩ] ta chẳng có thành tựu quả vị gì hết, Phật nói từ bi độ chúng sanh, mà sao Phật không độ con. Cho nên [cô đến] đó nói: "Ngài có cách thuyết pháp, Ngài độ cho con đi". Đức Phật thuyết cho cổ một bài, cô đắc đạo A-la-hán, nhập Niết-Bàn trước Phật luôn. Quý vị thấy không? Có gì đâu. Cho nên mình phải tin những điều đó, kinh Phật giảng hay lắm. Mà kinh đó là Kinh A Hàm.

Rồi hồi xưa mình cứ nghe Tứ phán giáo của tông Thiên Thai, của ngài Thiên Thai Trí Giả, trong Ngũ thời phán giáo nói là 'Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật' tức là Kinh Hoa Nghiêm giảng trong ba tuần thất đầu tiên. Rồi 12 năm tiếp theo giảng A Hàm; 8 năm tiếp theo giảng Phương Đẳng; 22 năm giảng Bát-nhã; 8 năm tiếp là giảng Pháp Hoa; một ngày một đêm cuối cùng là giảng Kinh Niết Bàn. Hồi xưa mình cũng tin sái cổ, nhưng sau mình đọc Kinh A Hàm thôi, thấy ngay [trong] Kinh A Hàm, câu chuyện đó rơi vào cuối thời đức Phật, và rơi vào các thời kỳ của đức Phật. Vậy là Kinh A Hàm [được] giảng từ đầu đến cuối, mà nói là giảng có 12 năm đầu. Quý vị thấy chưa? Cho nên chớ vội tin, dù đó là

truyền thống, dù điều đó được truyền nhiều.

Cho nên từ đó tìm hiểu ra thì mình mới biết, chứ mình đâu có biết. Cho nên mình học một tư tưởng thôi, thì mình không so sánh được. Mình học nhiều, mình so sánh lại, sau khi mình so sánh lại thì mình mới biết điều nào đúng, điều nào sai. Nên không học kinh thì mình không biết được. Còn mình cứ nghe, nghe thì tất nhiên người ta cấp cho mình được một dòng thôi, là theo một dòng của người ta. Lúc nào cũng hợp lý thì mình không nghi. Nhưng lâu lâu có người khác thấy mình tội quá, người ta cấp cho dòng chính, đúng dòng, thì mình không thể chấp nhận, thế này thế kia, mình nổi sân lên, chửi. Như thế là sai lầm, thật ra mình phải học. Cho nên mình phải học thì mới biết được.

Ở đây có vị Tỳ-kheo khoe như vậy.

Nên nói với Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm. Nhưng Tỳ-kheo kia chỉ hiểu vị (ở đây có chú giải: vị là văn từ), **chứ không hiểu nghĩa, nên bảo Tỳ-kheo kia rằng: 'Chúng tôi không rõ những lời này có phải là những lời được thuyết bởi Như Lai hay không'. Giả sử khi thuyết Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm chỉ hiểu vị, chứ không hiểu nghĩa. Tuy nghe những gì Tỳ-kheo kia nói, nhưng cũng chưa đủ để khen tốt, cũng chưa đủ để nói là dở. Lại phải đem giới hạnh để hỏi. Nếu cùng tương ưng, thì nên mà chấp nhận. Sở dĩ như vậy là vì giới hạnh cùng tương ưng với vị, nhưng nghĩa thì không thể rõ. Đây gọi là nghĩa diễn giải thứ ba.**

Có nghĩa là người kia học cũng giỏi lắm, nhưng cuối cùng họ không hiểu. Tóm lại là họ học văn tự thôi, thuộc làu làu, nói kinh ghê gớm lắm, nhưng không hiểu nghĩa. Bây giờ xét thêm giới hạnh của họ, họ tu giới tốt thì ok. Vậy thì cũng chấp nhận được, nhưng không tương ưng. Nói chung nghĩa không rõ thì không chấp nhận. Vì họ không hiểu nghĩa thì khi giảng có thể sai.

Cho nên đức Phật phân ra mấy tầng. Bộ kinh này cực kỳ quan trọng. Người hiểu nghĩa thì tôi chấp nhận nghĩa. Người đọc văn từ thì tôi hiểu văn từ, tôi chấp nhận văn từ thôi. Nếu anh không hiểu nghĩa, thì thôi, kệ anh, chứ không phải là

mình cứ theo. Cho nên ở đây là mấy tầng luôn, rất hay. Bộ kinh này cực kì hay, nên Thiện Trang mới đưa Kinh KaLaMa vào cùng một buổi.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Bắc đến, tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, (nói rằng:) 'Các Hiền giả có nghi vấn, hãy đến hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho'.

Người này cũng khá, tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, ai chả vậy. Bây giờ người này giỏi hơn nữa, các Hiền giả mà có nghi ngờ nào thì hãy hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho. Vị này còn giỏi nữa.

Nếu Tỳ-kheo kia có nói gì cũng chưa đủ để chấp nhận ngay, chưa đủ để phúng tụng (chưa vội đâu)**. Nhưng nên hướng về Tỳ-kheo kia hỏi về Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm, Giới. Nếu cùng tương ưng, thì nên hỏi nghĩa. Nếu lại tương ưng cùng nghĩa, thì nên khen ngợi Tỳ-kheo kia rằng: 'Lành thay, lành thay, Hiền giả, đây chính là nghĩa Như Lai đã nói, không nhầm lẫn, tất cả đều cùng tương ưng với Khế kinh, Luật, A Tỳ Đàm, Giới'.**

Vị này tuyệt vời đúng không? Quý vị hỏi cỡ nào thì hỏi, người ta cũng nói đúng luôn, Kinh, Luật v.v... tương ưng hết. Còn nếu không đúng, không tương ưng, thì hỏi nghĩa thôi, chứ không tin 100% người ta nói từ kinh. Tức người ta hiểu nghĩa đó, nhưng người ta không phải nói từ kinh.

Những đoạn này cực kỳ quan trọng. Thiện Trang giảng, Thiện Trang cũng có nói: có những đoạn Thiện Trang hiểu như vậy, thì Thiện Trang nói như vậy, nhưng chưa chắc đúng, quý vị phải so kinh. Còn những đoạn [trích] từ kinh như vầy thì quý vị yên tâm. Thời nay là thời hiện đại mà, mình có kinh đối chiếu luôn.

Hãy theo pháp mà cúng dường, tiếp đãi Tỳ-kheo kia. Sở dĩ như vậy là vì Như Lai cung kính pháp, nên ai cung kính pháp, tức là cung kính Ta. Ai quán thấy pháp, người ấy quán thấy Ta. Ai có pháp, người ấy có Ta.

Đoạn này quan trọng! Nếu một vị Tỳ-kheo giỏi như vậy, thì chúng ta nên cúng dường tiếp đãi vị Tỳ-kheo đó. Bởi vì sao? Đức Phật hay nói đoạn này, mà

trong các Kinh Kim Cang hay kinh gì cũng hay dẫn tư tưởng này.

Tức là *vì Như Lai cung kính pháp, nên ai cung kính pháp thì tức là cung kính T*a. Quý vị cung kính pháp là quan trọng thấy chưa? Bây giờ mình không cung kính pháp mà cung kính người. Cung kính người là gì? Là [chỉ] theo thầy của mình, còn kinh nói thì kệ kinh, kiểu vậy đó. Còn đây là người đó giảng được kinh đúng theo kinh, thì phải cung kính. Vì cung kính pháp là cung kính Ta (tức là cung kính Như Lai). Vì Như Lai cung kính pháp mà.

Ai quán thấy pháp, thì người ấy quán thấy Ta. Tức là ai quán thấy pháp, thì người ấy quán thấy Như Lai. *Ai có pháp, thì người ấy có Ta*. Như vậy ngon chưa! Có Như lai rồi đó. Cho nên câu này mới đưa vô đoạn Kinh Kim Cang là: **'Nhược dĩ sắc kiến Ngã, dĩ âm thanh cầu Ngã, thị nhân hành Tà đạo, bất năng kiến Như Lai'**. Còn bốn câu kệ tiếp theo chính là ý này: '*Nếu ai thấy được pháp, thì người đó thấy Ta. Ai quán được pháp, thì người đó quán thấy Ta. Ai có pháp, thì người đó có T*a'. Tức là ai có pháp thì có Như Lai, ai thấy pháp thì thấy Như Lai.

Vậy bây giờ mình thấy pháp chưa? Mình có pháp chưa? Nếu pháp hiện tiền trong tâm chúng ta, cho nên Thiện Trang hay nói câu là: 'Tam bảo thường trực hiện tiền', tức là lúc nào tâm chúng ta cũng có Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Đặc biệt là pháp, nhớ nha, có pháp là có Phật, có pháp là có Tăng, có pháp là có Giới. Bởi vì tâm mình lúc nào cũng có như vậy, thì lẽ nào mình không có Phật, không có Pháp, không có Tăng, mình phải thực hiện Giới thôi. Mình biết là có pháp, pháp này làm chúng ta sẽ đi vào đường dữ, đường ác; pháp này làm chúng ta sanh lên cõi Trời; pháp này đưa chúng ta đến đắc đạo A-la-hán, đắc đạo Tu-đà-hoàn. Như vậy người nào có pháp, là có Ta, đúng rồi, là có Như Lai đó. Người nào có pháp, thì người đó có giác ngộ; người nào có pháp, thì người đó mới có thành tựu, đúng chưa? Phải vậy chớ!

Cho nên đoạn này cực kỳ quan trọng. Nhớ nha! Trong đoạn này có nhiều người sẽ sửa chữ Ta thành chữ Như Lai để dễ hiểu, tại vì trích ra thì người bên ngoài không hiểu, cho nên sửa lại là: '*Ai cung kính pháp, tức là cung kính Như Lai. Ai quán thấy pháp thì người ấy quán thấy Như Lai. Ai có pháp, thì người ấy*

có Như Lai'. Tóm lại là [sửa] như vậy thì mới hiểu. Cho nên Phật tánh là vậy đó.

Đã có pháp thì có Tỳ-kheo Tăng (đoạn này giống Thiện Trang vừa nói xong nhỉ)**. Có pháp thì có chúng bốn bộ. Có pháp thì có bốn chủng tánh ở đời. Sở dĩ như vậy là vì do có pháp ở đời, nên trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương ra đời, từ đó về sau có liền bốn chủng tánh ở đời.**

Ở đây có chú giải chữ Đại Oai Vương, là một vị vua hay là một vị Phật trong Hiền kiếp, thì có vị này. Thiện Trang không biết chi tiết này, có thể là trùng tên, chứ nhiều khi không có trùng tên thì mình không biết. Có khi bộ kinh khác nói tên khác, dịch thành tên khác.

Đoạn này quan trọng nữa:

Nếu pháp có ở đời, liền có bốn chủng tánh ở đời: Sát-lợi, Bà-la-môn, công nhân, dòng Cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì, liền có ngôi vị Chuyển luân Thánh vương không dứt. Nếu pháp có ở đời, liền có Tứ Thiên Vương, Đẩu Suất thiên, Diễm thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hoá Tự Tại thiên xuất hiện ở đời.

Quý vị có hiểu đoạn này không? Nếu có pháp thì mới có người đi xuất gia, mới có bốn dòng: Sát-lợi, Bà-la-môn, công nhân, dòng Cư sĩ. Có pháp thì có mới có Chuyển luân Thánh vương, mới không dứt được, chứ không thì Chuyển luân Thánh vương sẽ bị dứt. Có pháp thì mới có pháp Thập thiện, thì mới có đường lên Tứ Thiên Vương, Đâu Suất thiên, Diễm thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hoá Tự Tại thiên. Nếu không có mấy pháp đó thì làm gì có đường lên đến đó được.

Nếu pháp có ở đời, liền có Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô sắc giới thiên hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, Phật thừa hiện ở đời (cho nên cực kỳ quan trọng. Không có pháp thì làm sao có mấy đường này, mình tu kiểu gì)**. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo cung kính pháp. Hãy tùy thời cúng dường cung cấp mọi thứ cần dùng cho Tỳ-kheo kia** (nghĩa là vị Pháp sư giỏi như vậy, thì quý vị phải cung kính. Bởi vì đó là người truyền pháp Như Lai, ý

nghĩa là vậy)**. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: Lành thay! lành thay! Như những gì thầy đã nói. Những lời nói hôm nay thật là những lời nói của Như Lai**. Đây là tán thán Pháp sư, cho nên bộ kinh này cực kỳ quan trọng.

Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn đại nghĩa diễn quảng diễn này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trì tâm nắm giữ ý thực hành bốn sự này, chớ để mất sót. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 5 - Phẩm Thanh Văn – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Đây là Kinh Số 5, ở phẩm Thanh Văn, Kinh Tăng Nhất A Hàm. Tất nhiên Kinh Tăng Nhất A Hàm thì cũng tương ưng với Kinh Tăng Chi. Ở đây có Chú Giải, chút nữa quý vị có thể coi.

Như vậy bộ kinh này cực kỳ quan trọng, quý vị nhớ lưu truyền để mọi người biết. Chứ còn không, nhiều khi mình học, mình tu hành mà mình không biết, rồi mình học sai. Cho nên những điều này là nền tảng, mà quý vị học những nền tảng này rồi thì đố ai dụ quý vị chạy đi được. Mình học điều gì thì mình phải hỏi người ta: Thứ nhất là thầy, cô căn cứ vào đâu, kinh nào nói? Nếu người ta không nói ra được thì thôi. Bởi vì sao? Những vị thầy mà chưa phải là bậc Thánh, thì có thể giảng sai. Cho nên chúng ta phải suy xét, điều nào là hợp lý, chứ không là mình sẽ bị uổng một đời tu.

Thời gian còn lại thì Thiện Trang xin giới thiệu phần tu Thiền chỉ. Chắc không có nhiều thời gian, nên chúng ta quay lại đề mục tu Thiền chỉ. Cố gắng giới thiệu cho hết phần 40 đề mục tu Thiền chỉ, theo Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Phật Âm.

Về Thiền chỉ, thì ở bài trước chúng ta mới học tác dụng của Thiền chỉ là gì. Thiền chỉ có rất nhiều tác dụng. Ví dụ để chứng được Thần thông, thì phải tu Thiền chỉ. A-la-hán mà không tu Thiền chỉ thì cũng không có Thần thông. Rồi tu

Thiền chỉ để giảm đau. Thiền quán thì chỉ giúp bớt đau thôi, chứ không bớt nhiều. Còn Thiền chỉ mới giúp khỏi đau. Ví dụ như chứng được Sơ thiền thì cơn đau được giảm bớt, chứng được Tứ thiền thì hoàn toàn hết cơn đau. Quý vị chứng được tới Tứ thiền là ok, có thể dứt được cơn đau, cho nên có thể tự tại ra đi nhẹ nhàng. Hãy ráng tu tới Tứ thiền. Cho nên Thiền chỉ cũng quan trọng. Rồi tu Thiền chỉ thì được Tâm giải thoát, còn Thiền quán thì được Tuệ giải thoát.

Cho nên Thiện Trang nói thế này: Thiền chỉ giống như là Vaccin, để ngăn ngừa bệnh. Còn Thiền quán thì giống như bệnh rồi mới uống thuốc. Điều này thì rõ ràng hơn đúng không? Gần thôi, chứ không giống hoàn toàn. Nghĩa là nếu quý vị bị sân, hoặc bị tức mình quá, sân ai đó, thì chứng tỏ quý vị không có Thiền chỉ. Vì nếu lúc đó quý vị đang có định từ Sơ thiền trở lên, thì quý vị không sân, không tham. Bởi vì ly dục, ly các pháp ác bất thiện rồi, cho nên chắc chắn là không sân, không tham. Nếu lúc đó mà sân lên, tham lên, thì chứng tỏ lúc đó không đắc Thiền chỉ. Còn nếu có Thiền chỉ thì vui vẻ, hoan hỉ, cười tươi, [người khác] có làm kiểu gì thì mình cũng không sân được. Còn lúc mất Thiền chỉ, bởi vì lúc còn Thiền, còn Định thì có, nhưng lúc hết Thiền, hết Định thì không có. Cho nên tu [Thiền chỉ] được Tâm giải thoát là ở chỗ đó.

Còn Thiền quán là quý vị quán sát được tâm, các pháp hiện ra, cho nên lúc đó đôi khi nổi sân, nhưng sân rồi thì ta biết: À! Tâm tôi đang sân. Quý vị học Thiền quán là lúc nào cũng quan sát tâm mà, tâm tôi đang sân cho nên tôi dừng sân lại. Có nghĩa là bệnh rồi mới chữa bệnh. Quý vị hiểu không? Thiền quán là giống như mình bệnh rồi, mình đang sân, mình đang tham rồi, vô nhìn thấy đồ ăn ngon quá, nhưng mình nhớ là không được, tâm mình đang tham đó nha. Cho nên ăn nhẹ nhẹ, ăn từ từ thôi, ăn vừa vừa thôi. Đó là Thiền quán. Có nghĩa là vẫn tham rồi, vẫn khởi lên tham, nhưng nhờ Thiền quán chặn lại, dừng lại bớt, cho nên dừng lại cũng không sao.

Còn Thiền chỉ là dừng luôn, dừng ngay từ đầu, vô nhìn đồ ăn cũng vậy thôi, vì đang an lạc trong Thiền định, đang thoải mái, đồ ăn nào chả được, đồ ăn nào chả ngon v.v... Hoặc là ăn quan trọng gì đâu, ăn để sống thôi mà. Còn khi không đắc Thiền chỉ, mà chỉ có Thiền quán [không] thôi, thì vô thấy đồ ăn, cũng bày

đặt nói: 'Ăn cũng để sống thôi mà, ăn để tu thôi, sống đâu cần thiết phải ăn'. Miệng thì nói vậy, tâm cũng ráng nghĩ như vậy, nhưng vẫn thèm, vẫn thích ăn. Mà việc thích ăn đó, mình có thể lừa được thiên hạ, chứ không lừa được bản thân mình. Đó là do quý vị chỉ có Thiền quán, mà không có Thiền chỉ.

Và nếu như thật sự tu rốt ráo, thì trong kinh cũng nói: tu Thiền chỉ một hồi cũng sẽ đắc Thiền quán, và tu Thiền quán một hồi cũng đắc Thiền chỉ. Có nghĩa là mình tu đến mức độ giới hạn, vượt lên tới mức độ hết cỡ (tức là maximum), thì tự nhiên tu cái này cũng đạt cái kia luôn.

Cho nên một vị A-la-hán đắc được Thiền quán rồi, mà nếu dạy cho họ tu Thiền chỉ thì họ đắc cái vèo, không có gì hết. Một vị đắc đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ rồi, tức là tối đa của Thiền chỉ rồi, mà dạy cho họ một chút Thiền quán nữa, thì họ đắc đạo liền. Giống như ông Uất Đầu Lam Phất, quý vị thấy đức Phật nói là nếu dạy cho ổng, thì ổng thành tựu ngay trong tích tắc, không lâu đâu.

Cho nên là tu [pháp] này thì tự nhiên được [pháp] kia, nếu như mình biết pháp kia. Cho nên học, mình đừng bỏ qua hai pháp. Và đa phần đồng tu thời nay, chỉ chú trọng tu Thiền quán, ít có người chú trọng tu Thiền chỉ. Thiện Trang nói đúng rồi, Thiền quán quan trọng hơn, vì Thiền quán giúp mình ra khỏi sanh tử. Ví dụ như quý vị chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì quý vị chỉ cần Sát-na định của Thiền chỉ thôi. Sát-na định tức là một trong một sát-na mà đắc được Thiền chỉ Sơ thiền, tại vì tối thiểu phải là Sơ thiền, và cộng với tâm tương ưng với Bát thánh đạo (Bát chánh đạo), thì lúc đó quý vị đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nhưng bây giờ mình không có [Thiền chỉ], mà mình muốn đắc thì cũng hơi khó đúng không?

Cho nên vừa rồi quý vị thấy Sư Minh Tuệ cũng trí tuệ lắm, có người hỏi Sát-na định có quan trọng không? Chắc người đó cũng nghe A Tỳ Đàm, có thể cũng nghe Thiện Trang, nên mới hỏi câu đó, hỏi là con cần Sát-na định được không Sư? Sư Minh Tuệ nói là *Sát-na định cũng được, nhưng nếu mình có định dài hơn thì tốt hơn, định càng dài thì càng tốt*. Có câu hỏi đó rõ ràng. Cho nên tu,

mình phải cố gắng nâng lên, đừng đặt mục đích thấp quá.

Bây giờ chúng ta trở lại, mình ôn lại, chứ lâu quá đồng tu quên rồi, đồng tu bây giờ trí nhớ kém lắm, cho nên phải ôn lại. 40 đề mục tu Thiền chỉ theo Luận Thanh Tịnh Đạo, thì có 10 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không Giới hạn và Ánh sáng. Thiện Trang đã chia sẻ hết rồi. Có nhiều đồng tu nói hình như thầy mới chia sẻ mỗi màu xanh, đâu có nói vàng, đỏ, trắng đâu. Vàng, đỏ, trắng thì chỉ đổi màu thôi, không cần giảng, chỉ cần giảng bao nhiêu đó. Và tu đề mục này thì chứng đến Tứ thiền Sắc giới. Cho nên đề mục này [nhiều người] thích tu lắm.

Và đề mục Đất, Nước, Lửa, Gió, thời xưa thì khó, chứ bây giờ có tivi rồi, có ảnh rồi, quý vị mua mấy tấm tranh rồi in ra. Nếu không có tivi, thì quý vị có thể mua tấm tranh, rồi in ra. Còn riêng đề mục Lửa thì phải có đốt lửa. Bây giờ mình dùng tivi nào to to, mở ra để quán. Mà tivi phải nét, đừng có cay mắt, rồi ngồi đó quán. Thiện Trang thấy có định đó. Có đồng tu mua tivi về, quán màu đen thôi cũng được. Tức là tắt tivi đi, còn màn hình màu đen, màn hình Oled đen cực kỳ, rồi ngồi đó quán cũng có định nữa. Cho nên là dễ tu hơn rất nhiều. Quý vị cứ tu đi.

Nhiều đồng tu nói [tu đề mục] Lửa sợ cháy nhà? Thật ra không có đâu, quý vị tu không đến nỗi lửa cháy nhà đâu, yên tâm đi. Vì tu đến khi đắc định là mình biết, cho nên đừng có sợ. Trong kinh nói là tu đắc được Nhị thiền thì có Thần thông dữ lắm. Ví dụ như ông Cư sĩ gì đó nói là: một người chứng được Nhị thiền thì có thể dùng vài cọng cỏ lau hay cọng gì đó, mà có thể cột được gió. Rồi dùng vài nắm đất thôi mà ngăn được dòng chảy con sông Hằng.

Và đức Phật cũng nói: Trong ba nghiệp thân, khẩu, ý, thì nghiệp nào quan trọng? Có ông Bà-la-môn, ổng đấu tranh nói là thân quan trọng. Đức Phật mới lấy một ví dụ, những ví dụ bình thường thì chúng ta không thấy rõ. Ổng nói là: Mới nghĩ thôi, chưa có làm gì, thì làm sao nghiệp ý quan trọng. Ví dụ như đánh người hay giết người v.v... là nghiệp của thân, chứ đâu phải nghiệp ý, nên ý nghĩ đâu có sao. Ổng đưa ra ví dụ đó.

Đức Phật mới đưa ra một ví dụ khác, nói bây giờ giả sử một người với công phu Thiền định sâu, khi họ khởi ra ác ý thì khác với người bình thường. Giống như cho một người lực sĩ với thân thể khỏe mạnh cực kỳ, giả sử cho họ vào thành đó, với số lượng đông người, cho họ chém giết từ sáng đến tối, thì liệu họ có thể giết hết tất cả mọi người mà chất thành đống hay không? Ông Bà-la-môn nói: 'Không làm được. Bởi vì người trong thành này quá đông'. Nhưng đức Phật nói là: 'Một người với định của Thiền định, thì trong tích tắc họ có thể nghĩ một ý niệm, tạo ra Thần thông, có thể giết hết dân của nguyên thành đó được liền'. Như vậy ý của người ta ghê hơn đúng không?

Đức Phật nói xong thì ổng thua. Đức Phật mới nói cho nên ý nghiệp quan trọng. Tại vì mình không có định, nên mình coi ý nhẹ, mình tưởng chỉ có thân nặng. Nhưng thực tế là ý ghê hơn. Cho nên người chứng Thiền thì có Thần thông ghê lắm.

Ở đây chúng ta tu 10 đề mục [Biến xứ] này thì sẽ được Thần thông. Mình ráng tu đi. Nhưng đề mục nào cũng phải tu nha quý vị, quý vị cứ thử qua từng đề mục đi, Thiện Trang chia sẻ hết rồi. [Có người hỏi]: Tu theo hình thế nào? Điều này thì Thiện Trang đã dạy rồi, bây giờ còn hỏi là tu làm sao nữa. Quý vị cứ nhìn vào bức tranh đó và nghĩ tới nó thôi, đừng để tâm tán loạn. Thời gian sau thì có định. Thiện Trang thấy ngồi có định mà. Ví dụ như mở tivi có lửa thì thấy cũng định, hay mở nước cũng thấy định, mở màu xanh cũng thấy định. Mình dễ vào định, ngồi lâu là có định luôn. Có định rồi thì tự quý vị biết. Cứ ngồi nhìn đề mục đó thôi, để tâm nhiếp vào đó thì có định thôi. Đừng nghĩ chuyện gì khác, cứ ngồi đó quán. Như vậy là 10 đề mục này mình học rồi.

[Tiếp theo] là 10 đề mục Bất tịnh về thân thể, quý vị có thể mở những hình ảnh này trên mạng cũng có. Quán về đề mục này, thì có quán Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch... Đề mục này chỉ chứng tới Sơ thiền thôi, mình đã học rồi. Nhiều người sợ đề mục này quá, thì thôi, khỏi tu. Tu đề mục này là để trừ tham, vì thấy thân thể vô thường.

Rồi đề mục Tùy niệm thì có Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm

Tăng; Tùy niệm Giới; Tùy niệm Thí; Tùy niệm Thiên; thì Thiện Trang đã chia sẻ đến Tùy niệm Tăng rồi. Và sau khi chia sẻ Tùy niệm Tăng, thì cũng có chia sẻ luôn Tùy niệm Pháp trong Kinh Tăng Nhất A Hàm. Quý vị nhớ là tu đề mục này không đắc Thiền, mà chỉ đưa đến Cận định (Vị đáo định) thôi. Cho nên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng theo phương pháp này thì không đạt được tới Sơ thiền. Những đề mục này thì Thiện Trang sẽ chia sẻ từ từ, ráng chia sẻ đề mục Tùy niệm Giới; Tùy niệm Thí; Tùy niệm Thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh; Niệm thân thể trược v.v... Về đề mục Tùy niệm hơi thở thì lại là pháp chứng đến Tứ thiền, cho nên đề mục niệm hơi thở này hay. Nhưng chúng ta chưa học, từ từ rồi học.

Sau đó chúng ta tu Tứ vô Lượng tâm: Từ; Bi; Hỷ; Xả, những điều này thì chúng ta biết rồi. Tu đề mục Từ; Bi; Hỷ thì chứng đến Tam thiền, còn đề mục Xả thì chứng đến Tứ thiền Sắc giới.

Còn đề mục Vô sắc là: Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ. Ai mà tu được đề mục này thì ghê lắm, nhưng chắc là đời nay chúng ta tu chưa tới đó, thì từ từ, đừng quan tâm, sau này chúng ta cũng giới thiệu qua cho biết. Còn quý vị mà tu được tới đó là quý vị giỏi quá rồi.

Về đề mục Tưởng, là Tưởng nhờm gớm thức ăn thì không đắc Thiền, chỉ hỗ trợ thôi. Cho nên ai tham ăn quá thì mình tu [đề mục] này. Rồi đề mục Phân biệt bốn yếu tố: Đất, Nước, Lửa, Gió cũng không đắc Thiền.

Cho nên những đề mục sau này là để bổ trợ thôi, chứ Thiện Trang nghĩ là chúng ta nên ưu tiên tu 10 [đề mục] Biến xứ, [đề mục] Tùy niệm, và tu bốn đề mục Phạm trú nữa. Quý vị cố gắng tu những đề mục đó trước. Sau khi đắc được Tứ thiền rồi thì mới quan tâm đến [đề mục Vô sắc] này. Thật ra theo Thiện Trang nghĩ cũng chẳng cần, bởi vì tới đây mà quý vị [tu] Thiền quán nữa là [chứng] A-la-hán dư sức, có đủ Thần thông rồi. Thậm chí Sơ thiền, Vị đáo định hay Sát-na định thôi cũng có thể chứng A-la-hán mà. Cho nên là không cần thiết.

Như vậy đó là điều kiện để đắc Thần thông, muốn đắc Thần thông thì tu 10 [đề mục] Biến xứ. Và đề mục niệm hơi thở là vừa Thiền chỉ vừa Thiền quán.

Hôm nay chúng ta tiếp tục học đề mục Tùy niệm Giới. Trong các [đề mục] Tùy niệm, thì [chúng ta học] Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, Tùy niệm Tăng rồi, bây giờ [học] Tùy niệm Giới.

*Đề mục Tùy niệm Giới

(Theo Luận Thanh Tịnh Đạo)

1. Định nghĩa: Tùy niệm Giới là sự niệm tưởng có cảm hứng từ giới thanh tịnh của mình, nhớ lại giới của mình không bể vụn, không bị đứt, không bị tỳ vết, không lốm đốm, không bị chấp thủ, tự tại, được người trí tán thán, nhân đưa đến Định.

Đoạn này cực kỳ quan trọng, mình phải thuộc định nghĩa. Thật ra quý vị chỉ cần nhớ là niệm có cảm hứng, tức là mình thấy thích thú với giới thanh tịnh của mình. Vậy mình giới thanh tịnh chưa? Phải có trì giới thanh tịnh thì mình mới tu được đề mục này. Quý vị phạm giới nhiều quá, không thanh tịnh thì không được.

Nhiều người nói không cần trì giới thì cũng tu được mà. Không trì giới thì không đắc định đâu. Quý vị nên nhớ: không giữ giới và [nhất là] những giới căn bản, ít nhất là giới Bát quan trai. Quý vị tu Ngũ giới thôi, thì không có đắc định Sơ thiền. Vì sao? Vì Ngũ giới thì chỉ [ở] Dục giới thôi, nên nhớ như vậy! Quý vị phải tu Bát quan trai. Tại vì trong giới Bát quan trai, có giới quan trọng là giới Không dâm dục, khác với Ngũ giới, và giới Không ăn phi thời v.v… mấy giới đó là trợ nhân để đắc Sơ thiền. Tuy mình tưởng là trợ nhân để đắc Tu-đà-hoàn, nhưng ngoài ra còn trợ nhân để đắc cả Sơ thiền.

Cho nên từ Sơ thiền trở đi là phải cần [tu giới Bát quan trai]. Vì có nhiều người tu hoài, Thiền này Thiền kia, rồi đi hỏi hết các Thiền sư, mà [cũng] không đắc. Quý vị thấy có người như vậy. Họ không biết tại sao tu không đắc, đi hỏi các ngài cũng chỉ nhiều cách lắm, mà cũng không được. Cuối cùng đến hỏi Sư Minh Tuệ, Sư Minh Tuệ chỉ cho một cách, là giữ giới Bát quan trai thì sẽ tu đắc.

Cho nên giới Bát quan trai cực kỳ quan trọng, ngày nào quý vị có giới Bát

quan trai thì ngày đó dễ đắc Thiền hơn. Không cần nói quý vị, nói Thiện Trang thôi. Thiện Trang chưa đắc Thiền gì ghê gớm, nhưng Thiện Trang nói thế này: Giới không ăn phi thời thì Thiện Trang giữ hầu như hết. Nhưng lâu lâu có việc, mình chỉ cần uống nước gì đó (tức là nước đó không đủ tiêu chuẩn của giới đó) v.v… là hôm đó không đắc Thiền, ngồi không an lạc, rất khó vô. Cho nên ngay Sơ thiền thôi mà đã không được rồi, thậm chí rớt Vị đáo định luôn.

Cho nên không được, quý vị phải giữ giới. Nên Giới cực kỳ quan trọng, đừng xem thường. Rất nhiều đồng tu Tịnh Độ xem thường Giới, chính vì vậy mà tu không đắc lực. Chúng ta phải tin vào lời Phật dạy chứ.

Ở đây nói: 'Nhớ lại giới của mình không bể vụn không bị đứt, không bị tỳ vết, không lốm đốm, không bị chấp thủ, tự tại, được người trí tán thán, nhân đưa đến Định'. Mình nhớ được mấy điều đó: Thứ nhất là mình [có] không bể vụn giới không, không bị đứt giới không, không bị tì vết, không lốm đốm, không chấp thủ, tự tại, được người trí tán thán, nhân đưa đến Định. Nhớ nha! Nhân đưa đến Định (Định này là định Sơ thiền trở lên) là phải có Giới. Có nhiều người hỏi: 'Vậy không bể vụng là sao?' Ở đây có nói luôn:

a. Giới không bể vụn: là giới nguyên vẹn, không bị phá hủy ở chặng đầu hay chặng cuối.

b.Không bị đứt là giới không bị phá ở chặng giữa.

Không bể vụn là nguyên vẹn, không bị phá hủy ở chặng đầu hay chặng cuối. Tức là đôi khi ở giữa mình trì giới ngon lắm, nhưng ở chặng đầu, chặng cuối thì mình phá giới. Đó gọi là giới bể vụn. Còn giới không bị đứt, có nghĩa là giới không bị phá ở chặng giữa. Tức là ở đầu mình giữ tốt, ở cuối mình giữ tốt, nhưng ở giữa mình bị phá.

c. Không tỳ vết: **là giới không bị vi phạm hai ba lần liên tiếp.**

d. Không bị lốm đốm: là giới không bị thỉnh thoảng vi phạm. Hoặc nói chung giới hạnh không bị tổn hại do bảy hệ lụy dục tính và do sân hận cùng những ác pháp khác. Ở đây mình nói đơn giản là lâu lâu mình phạm một

lần, đó gọi là bị lốm đốm, thì cũng không thanh tịnh.

e. Không bị chấp thủ: là trì giới không do ái và tà kiến chi phối. Có nhiều người bị Tà kiến, họ giữ giới không đúng. Tức là có những giới không đúng với giới của Phật, mà mình cũng giữ, đó là do ái và Tà kiến.

f. Tự tại: là việc hành trì giới giải tỏa khỏi sự nô lệ cho ái tham, nên tự tại. Quý vị giữ giới thì tự nhiên giải tỏa được, thoát khỏi vòng nô lệ của tham ái, tham lam và yêu thích. Cho nên mình giữ giới được thì mình tự tại. Còn bây giờ mình giữ không được cho nên mình tham. Mình tham thứ này, tham thứ kia, đủ các kiểu. Đó là do mình còn tham. Mình giữ giới thì tự nhiên bớt tham, hết tham, và thoát khỏi nô lệ đó, nên tự tại lắm.

Thiện Trang cũng thấy điều này. Bao giờ Thiện Trang giữ giới được tốt thì ok, còn khi nào mình chỉ cần phạm một giới nhỏ thôi. Quý vị biết là có những giới trọng, giới trọng mình không dám phạm rồi. Nhưng phạm giới ở mức nào đó, thì tự nhiên mình cũng không tự tại, bất an lắm.

Giống như Thiện Trang hồi xưa, quý vị biết Tỳ-kheo có giới là không được đào đất, không được bẻ cây, không được chặt cây, v.v…. trừ khi làm thất thôi. Còn mình đào đất trồng rau, rồi hái rau, cắt rau còn sống, cắt hoa cúng Phật. Mỗi lần làm vậy thì cảm thấy bất an. Vì mình biết mình phạm giới, đào một cái hố thôi cũng phạm giới. Giới thì có thiên Ba-dật-đề, thiên Ba-la-di, thiên Tăng tàn, thiên Bất định. Thiên Ba-dật-đề là thiên thứ tư rồi, Ngũ thiên Thất tụ mà, thì mình tới thiên thứ tư rồi đó. Mình phạm giới đó là mình cảm thấy bất an, mặc dù thiên thứ tư thì cũng nhẹ rồi. Những khi phạm nhưng giới như vậy, thì mình thấy bất an, tự nhiên tu không được. Sau vài lần như vậy thì Thiện Trang nghỉ luôn, không trồng rau, không trồng gì hết, không làm. Thôi mình để mình tu, giữ giới luôn.

Giới Tỳ-kheo phải giữ như vậy, giữ được càng nhiều càng tốt. Nếu phạm thì mình sám hối lại, mất công, một thời gian sau mới trở lại bình thường được. Khi trở lại bình thường thì mình mới được tự tại. Nên sau này sợ quá, dần dần mình ráng giữ nhiều hơn. Mà khi đang có công phu thì mình giữ được, giữ dễ

lắm. Nhưng tới khi mất công phu, nhiều khi bắt đầu mình tham, ví dụ như tham ăn, tham uống, như chiều mà thấy nước đó ngon quá, dù biết nước đó hơi có cáu, nhưng kêu thôi uống đỡ đi, dù sao nước này [vẫn] trong, chắc cũng thanh tịnh. Đôi khi [nghĩ] vậy đó, nên là vẫn tham. Khi không tự tại là như vậy.

Rồi có những thứ khác nữa, nhiều khi [thấy] hoa đẹp quá, hoặc là rau người ta trồng sẵn hoặc mọc dại sẵn đó, thấy ngon quá, thôi kệ, hái vô ăn đỡ đi. Mặc dù mình biết hái, ngắt cây đó là phạm giới. Đó là khi mình bị nô lệ cho ái tham, là như vậy đó. Đây là những giới Tỳ-kheo, cũng khó [giữ]. Cho nên sau này, bao giờ mà được như đất nước Myanmar hay nước nào đó, cho đi trì bát khất thực thì sướng. Ở Việt Nam mình thì trì bát khất thực cũng khó, vì Giáo hội Việt Nam mình từ lâu rồi không cho đi trì bát khất thực. Trừ khi có sắp xếp, có xin phép trước, nhưng như vậy cũng khó. Bây giờ Thiện Trang ở nơi này thì không trì bát khất thực được, cho nên khó giữ được trọn vẹn giới Tỳ-kheo lắm.

g. Được người trí tán thán: là vì những bậc trí như đức Phật khen ngợi.

h. Nhân đưa đến Định: là vì giới dẫn đến Cận hành định, An chỉ định hoặc Thánh đạo định, Thánh quả định.

Quý vị nhớ đến điều này thì mình vui lắm. Vì giới dẫn đến Cận hành định, tức là Vị đáo định. Còn thấp hơn nữa là An chỉ định, là mình vui vui, an an thôi. Thánh đạo định là định của bậc Thánh. Thánh quả định là định của bậc khi vào quả vị rồi. Thánh đạo định giống như Sơ quả hướng, Nhị quả hướng, Tam quả hướng v.v… Nhưng Thánh quả định là vào luôn định của bậc chứng quả.

Mình chỉ cần nhớ vậy thôi, mình cứ ngồi đó mình nghĩ như vậy thì mình sẽ vui. Quý vị ngồi kiết già, bắt đầu nghĩ đến giới của mình được thanh tịnh, giữ giới tốt như vậy, giới của mình không bị bể vụn, không bị đứt, không bị tỳ vết, không bị lốm đốm, không có chấp thủ. Mình giữ giới đúng theo giới của Phật. Rồi mình được tự tại, vì mình đã thoải mái rồi. Mình được người trí tán thán như Phật, chư Thiên, chư thần ủng hộ, tán thán. Rồi mình được điều này thì chắc chắn trước sau gì cũng đưa đến Định, nên mình sẽ đạt được.

Ở đây Thiện Trang cũng xin nói luôn. Nhiều người xuất gia rồi, nghe như vậy thì hoang mang, kêu: 'Vậy con không giữ được giới Tỳ-kheo, thì con không đắc định sao?' Thiện Trang nói không phải như vậy, quý vị giữ được tám giới của Sa-di hay tám giới của Bát quan trai, thì quý vị cũng có thể đắc định. Nhưng quý vị không thể đắc được tới Thánh quả A-la-hán mà thôi. Những quả đó khó, chứ không phải là không được. Còn nếu mình giữ được giới Tỳ-kheo, thì dễ đến Thánh quả A-la-hán. Càng giữ được giới nhiều bao nhiêu, thì càng dễ đạt được đạo và định sâu hơn. Quý vị giữ được tám giới Bát quan trai thôi, thì cũng đắc được các tầng Thiền rồi, chứ không đến nỗi dở. Rồi cũng đắc được các quả vị, nhưng không đắc được quả A-la-hán thôi. Nếu muốn đắc quả A-la-hán, thì phải giữ giới đến mức độ cao hơn.

Có những người có duyên, tuy là họ không giữ được giới hoàn toàn 100%, nhưng lúc đó họ có giới trong lúc định nghe pháp, hoặc là thế nào đó họ có định, thì tự nhiên họ đắc Thánh quả. Đó cũng là có duyên. Còn mình không có đủ duyên thì mình phải giữ.

Cho nên [đoạn này] cực kỳ quan trọng, đây là cách tu. Quý vị cứ ngồi kiết già, hoặc bán già v.v… nghĩ đến giới của mình, không bị bể vụn, không bị đứt, không bị tỳ vết, không lốm đốm. Nói chung là mình giữ tốt, giữ tốt quá nên mình được các bậc trí khen ngợi, được chư Phật, chư Thiên, chư thần ủng hộ mình, khen ngợi. Mình giữ [giới] như vậy, tâm mình như vậy, thì chắc chắn mình đưa đến Định. Do mình nghĩ như vậy riết thì vô định. Đó gọi là pháp Tùy niệm [Giới].

Và pháp Tùy niệm này chỉ đưa đến Vị đáo định thôi, không đắc được Sơ thiền. Ở đây các pháp Tùy niệm này, quý vị biết tu như vậy thì chỉ được như vậy thôi. Nhưng dù sao cũng đỡ, tu xong có nền như vậy rồi, thì mình tu các pháp khác. Mình tu 10 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không, Ánh sáng thì cũng sẽ đắc. Chứ mình vô, mình tu [đề mục] kia ngay thì không đắc. Đó là lý do, nhiều người không biết cứ nhào vô tu những đề mục kia, rồi kêu không đắc: "Thưa thầy, sao con tu đó khó đắc vậy?" Khó đắc là tại vì mình chưa được giới thanh tịnh, mình phải tu lại [đề mục] này.

Cho nên muốn ra khỏi sanh tử thì phải chấp nhận điều đó thôi, chứ có cách nào đâu. Phải hy sinh, ở đời được điều này thì mất điều kia mà, đâu thể nào lựa chọn được. Ví dụ như trước khi lấy chồng, quý vị phải bỏ bao nhiêu người rồi, quý vị chọn một ông thôi. Chứ quý vị đòi một lúc cưới ba ông thì đâu được, đâu có chuyện đó. Một sự lựa chọn là nhiều sự hy sinh mà.

Bây giờ muốn giải thoát sanh tử, muốn đắc Thiền định thì phải hy sinh thế gian. Bây giờ tối nào cũng muốn ngủ với chồng, mà đòi đắc Sơ thiền thì không thể. Ít nhất một tháng phải bỏ ra mấy ngày để tu Bát quan trai, để trong thời gian đó có thể đắc Thiền, chứ còn không thì không được. Cho nên đức Phật mới đưa ra như vậy. Thậm chí một năm đức Phật mới đưa ra ba tháng Thần biến (Thần túc) là: tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, để chuyên tu Bát quan trai, để vô Sơ quả Tu-đà- hoàn, vô Thánh quả.

Thời nay mình có chịu tu đâu, mình kêu giới đó khó quá, v.v… tu riết rồi không ai đắc đạo. Là do mình không làm, không nghe lời Phật, chứ quý vị làm theo thì được như vậy. Còn người đi xuất gia, vô chùa thì cũng bận rộn quá, suốt ngày nấu cơm, nấu nước, lo ăn lo uống, đón tiếp Phật tử, v.v… bận rộn quá thì làm gì tu được. Cho nên cuối cùng không ai đắc đạo. Đó là nói về thời gian. Rồi còn pháp học nữa, có ai dạy những pháp này không? Có ai học được mấy pháp này? Ít quá, ít người dạy, ít người học. Mà vô nghe thì như vịt nghe sấm, cũng không thích nghe, [mà] còn ghét nữa. Thấy ông thầy Thiện Trang dạy gì đâu, nghe thì phải nghe những [chuyện] yêu đương, rồi cười ha hả, hô hố mới đã.

Nói chung là [chúng sanh] hiệp tập với sanh tử quen rồi. Chúng sanh thường đi theo giới mà. Chúng ác thì đi theo ác, chúng thiện thì đi theo thiện. Chúng thích Thiền định thì đi theo Thiền định, chúng thích thế gian thì đi theo thế gian, chúng thích sanh tử thì đi theo sanh tử. Chúng [sanh] thích dễ không [thôi], nói có Pháp môn Niệm Phật dễ tu hơn đó, vạn người tu vạn người về. Rồi vạn người tu vạn người về chưa? Quý vị coi thấy có chưa? Lời đó đâu phải lời của Phật nói.

Để bữa nào Thiện Trang kiếm trong Kinh Đại Tập, Thiện Trang [vẫn] chưa

kiếm được câu này trong Kinh Đại Tập. Tại vì thấy mấy chư Tổ như Đại sư Ấn Quang cũng có nhắc là: *"Thời kỳ Mạt pháp, ức ức người tu hành, khó có người chứng đắc, chỉ nương Pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi".* Thiện Trang kêu phải kiếm cho ra câu này, chứ không hồi xưa mình lỡ nói rồi, mà mình kiếm không ra là chết. Hiện nay chưa tìm ra nguyên văn chữ Hán, bây giờ phải đọc, mà chưa có thời gian đọc hết Kinh Đại Tập vì Kinh Đại Tập quá dài. Nhưng nếu Thiện Trang tìm không ra nữa là mệt, cho nên hy vọng là có.

Kinh Đại Tập được [xem] là một bộ kinh dài, bữa giờ mới đọc được tới phẩm thứ hai, quá dài cho nên chưa đọc hết. Nếu đọc hết rồi mà không có nữa là chư Tổ nói xạo, gạt mình nữa là thôi đó. Hy vọng là chư Tổ nói thật, và dẫn đúng theo kinh. Cho nên phải có kinh điển làm chứng. Và Thiện Trang trích nguyên văn chữ Hán, copy từ Văn Sao của Đại sư Ấn Quang để tìm trong Đại tạng kinh thì chưa thấy, có thể là ngài Đại Sư Liên Trì v.v… Thiện Trang đang nghĩ là có thể các ngài nói ý chăng, tại vì tìm theo nguyên văn bản gốc thì không thấy. Cho nên phải đọc hết kinh để coi thử có đoạn đó không, các ngài rút gọn lại nói cho gọn hay không, cho nên là để phải coi.

Quý vị [nhớ], điều gì cũng phải theo Phật, chứ cứ theo Tổ không [thôi] là coi chừng. Phải cẩn thận! Nhiều khi cuộc đời mình ngắn lắm, không bao nhiêu năm trên cuộc đời, mà mình học, mình tu không theo lời Phật dạy, mình nghe theo những điều gì đó, dễ dụ, dễ vui quá thì không được. Tất nhiên chúng ta tu Tịnh Độ đi chăng nữa, thì cũng tin có Tây Phương Cực Lạc, điều đó là khẳng định trong kinh nói, trong kinh nói mình phải tin. Nhưng riêng tu như thế nào thì phải căn cứ theo kinh, chứ đừng căn cứ theo người. Người chỉ tham khảo thôi, kinh là chủ đạo.

Bây giờ chúng ta học pháp niệm Giới trong Kinh Tăng Nhất A Hàm. Chúng ta ráng học luôn, hôm nay hơi trễ một chút, nghe cho hết chỗ này, chứ không bữa sau lại giữa chừng.

Pháp Niệm Giới Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn ông Cấp Cô Độc,

rừng cây Thái tử Kỳ Đà, tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Giới".

Quý vị thấy đoạn trên quen quá rồi: 'Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp... cho đến 'Những gì là một pháp?' Hồi bữa quý vị thấy y chang như vậy, chỉ đổi chữ cuối cùng là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Bữa nay đổi thành niệm Giới. Cho nên ông nào thích niệm Phật, thì quất thành niệm Phật thôi, rồi ổng giấu mấy đoạn kia đi, kêu Phật dạy pháp niệm Phật được như vậy đó. Còn ông kia thích niệm Pháp, cho nên quất vô niệm Pháp, giấu mấy đoạn kia đi. Còn bây giờ người thích niệm Giới thì đưa đoạn này ra, giấu mấy đoạn kia đi, mấy bộ kinh kia đi, như vậy gọi là y nhân. Khác nhau đó, không rộng bằng Phật, Phật thì Ngài nói pháp nào cũng được, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm pháp nào cũng được, lục niệm mà.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế nào là tu hành niệm Giới, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-Bàn?"

Có nghĩa là quý vị tu niệm Giới thôi thì quý vị cũng được danh dự, được thành tựu quả báo lớn, được đủ các điều thiện. Điều này cũng là lý, niệm một câu niệm Phật cũng đủ các điều thiện. Không phải một câu niệm Phật, mà là niệm Phật ở trong Kinh A Hàm (niệm mười danh hiệu của Như Lai, nhớ công đức của Như Lai đó), chứ không phải niệm một câu Phật hiệu. Người ta đổi lại, nói một câu Phật hiệu là không đúng, mà phải là niệm Phật, bữa [trước] chúng ta cũng đã học rồi.

Niệm Giới cũng được như vậy, cũng đến chỗ Vô vi, rồi được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn là chứng quả Thánh, tự đến Niết-Bàn là chứng A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn rằng: "Gốc rễ của Pháp do đức Thế Tôn nói. Nguyện xin đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì".

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ngươi".

Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Kính vâng, bạch đức Thế Tôn".

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, đức Thế Tôn bảo rằng (đoạn này là pháp tu của pháp này): **"Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Giới.**

Quan trọng là ở đây. Đầu tiên là phải chánh thân, tức là ngồi cho ngay ngắn; chánh ý tức là tâm mình đừng chạy lung tung; ngồi kiết già. Nhớ là ngồi kiết già nha, nhiều người không quan trọng chỗ này, ngồi kiết già không được thì tất nhiên là ngồi bán già, bán già không được thì ngồi chân trong chân ngoài, còn không được nữa thì ngồi sao cũng được, chứ bây giờ làm sao. Nhưng ưu tiên cho kiết già, chứ không phải kêu kiết già chấp tướng là thôi luôn, [như vậy] là chống trái với lời Phật. Nhiều người nói vậy đó, kêu [ngồi] kiết già là chấp tướng. Mình kiết già không được nên mình nói vậy, hoặc là mình cố tình nói chống lại lời Phật. Quý vị thấy các pháp niệm này, lúc nào đức Phật cũng nói ngồi kiết già hết.

Buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Giới. Nhưng mình không biết niệm Giới là gì, thì ở đây có [nói] ý nghĩa luôn.

Giới có nghĩa là dừng các điều ác (đây là định nghĩa của Phật). **Giới khiến thành tựu đạo, khiến người hoan hỷ** (đức Phật nói đơn giản, Giới là dừng các điều ác, Giới khiến thành tựu đạo, khiến người hoan hỷ. Có nghĩa là mình sẽ thành tựu được đạo quả, khiến cho người hoan hỷ, và tất nhiên là mình cũng hoan hỷ)**. Giới là anh lạc đeo thân, hiện những vẻ đẹp** (tức là Giới là chuỗi anh lạc đeo trên thân, hiện ra những vẻ đẹp. Cho nên giới [là] anh lạc, thì quan trọng)**. Phàm cấm giới, giống như bình cát tường, mọi sở nguyện liền**

đạt được (bình cát tường ở cõi Trời. Ở cõi Trời có cái bình, muốn điều gì thì ước rồi dốc dốc ra, lượm ra là có điều đó. Bao giờ lên cõi Trời thì mới có bình này, bây giờ mình không biết, mình chưa lên cõi Trời. Nhưng chắc là có, mình tin những lời Phật nói mà). **Mọi pháp đạo Phẩm đều do giới mà thành tựu** (tất cả các đạo phẩm (tức là phẩm đạo: Sơ quả, Nhị Quả, Tam quả, Tứ quả) đều do Giới mà thành tựu. Cho nên Giới cực kỳ quan trọng. Chỉ cần nhớ như vậy thôi).

Như vậy, Tỳ-kheo thực hành cấm giới sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Giới, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này".

Quý vị thấy, Phật dạy luôn luôn rất ngắn gọn, chỉ nhớ một đoạn vậy thôi. Một đoạn ngắn để tu, không có gì hết. Quý vị nhớ mấy điều là: chánh thân là ngồi cho ngay ngắn, chánh ý là tâm đừng chạy lung tung, ngồi kiết già giùm, buộc niệm ở trước tức là mình giữ ý niệm lại, rồi không có tư tưởng nào khác, chỉ niệm Giới. Chỉ cần nhớ Giới là không làm các điều ác, dừng các điều ác. Giới khiến cho mình thành tựu được đạo nghiệp, cho nên mình hoan hỷ. Giới là chuỗi anh lạc đeo trên thân, hiện những vẻ đẹp. Phàm Giới cấm, giống như bình cát tường, mọi sở nguyện đều đạt được. Có nghĩa là mình muốn thứ gì thì cứ giữ giới là được. Bên Nam Truyền nói: muốn giàu thì hãy giữ giới, muốn đắc đạo thì hãy giữ giới. Giới là con đường sanh lên thiên đường, v.v… đủ các kiểu. Giới là bình cát tường. Cho nên mọi đạo phẩm, tức là các quả vị Thánh từ Sơ quả, Nhị Quả, hay Tùy tín hành, Tùy pháp hành, v.v… đều phải do Giới mà thành tựu. Mình không giữ giới là khỏi luôn, coi như đập bể bình cát tường, không được gì.

Chỉ cần nhớ đơn giản vậy thôi, nhớ bấy nhiêu đó là tu được rồi. Và tất nhiên là một lúc thì mình tu một pháp thôi, thời điểm này thì mình tu pháp này, thời gian khác thì mình tu pháp khác. Mình thành tựu pháp này rồi mới tu pháp kia.

Có nhiều đồng tu hỏi: 'Có nhiều đề mục như vậy, thì tu như thế nào?' Thiện Trang nói thật ra các đề mục đó đều phải tu cả, nếu không tu thì không bổ trợ cho nhau. Nhưng có điều, mình chuyên về [đề mục] nào thì mình tu [đề mục] đó. Nếu hiện tại mình tu [đề mục] đó không đắc được, thì mình hãy tu đề mục khác. Tu 10 đề mục Biến xứ không được, thì hãy xuống lại tu giùm mấy đề mục dưới: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên... chúng ta đều học hết rồi. Từ từ, mình niệm những điều đó thì sẽ giúp tới Cận định dễ hơn.

Quý vị nên nhớ: đề mục ở trên, đắc cao, thì lại khó tu; còn đề mục ở dưới, đắc thấp, thì lại dễ tu. Vì sao? Giống như quý vị đi thi, quý vị đăng ký thi lớp Tiểu học thì dễ đậu hơn. Chứ quý vị vô mà đăng ký thi Đại học thì khó đúng không? Quý vị đăng ký thi lớp dễ trước đi, đậu rồi thì mình đăng ký lớp trên. Giống như Thiện Trang đi thi tiếng Pháp, vô mà Thiện Trang đăng ký thi B2 thì rớt chắc luôn. Nhưng nếu Thiện Trang đăng ký A1 thì thi nhẹ nhàng, ok. Nhưng đăng ký đến B1 là khó rồi đó. Cho nên mình cứ liệu sức mình, mình tu những đề mục thấp hơn, nếu mình không tu được đề mục cao.

Tất nhiên Thiện Trang luôn luôn khuyên quý vị đồng tu là: vô thì cứ tu thử đề mục cao đi, thử đề mục Biến xứ đó, biết đâu đắc thì đắc luôn, không mất thời gian nhiều nữa là thành công luôn. Còn không thành công thì quý vị quay lại tu giùm mấy đề mục sau, ví dụ như đề mục Tùy niệm (Tùy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên).

Thiện Trang đã thử rồi, có bữa tâm Thiện Trang hơi loạn chút, Thiện Trang tu đề mục Tùy niệm Pháp thì thấy ok. Mặc dù không vô định gì, vì tối đa tới Vị đáo định thôi, không đắc được Sơ thiền trở lên, nhưng thấy ok, nhẹ nhàng. Thiện Trang thấy tâm mình đang loạn v.v… thì cứ tu xuống đề mục thấp hơn, chứ đừng ham [đề mục] đó. Nói đề mục đó tu đến Tứ thiền, mình vô đề mục Xả (Tứ vô Lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả đó), vô Tứ thiền cho đã, [trong khi] vô tu mấy đề mục kia chưa được. Nên hãy tu từ dưới tu lên, nếu không đắc được Sơ thiền, thì mình xuống tu Vị đáo định, Cận định hành, bắt đầu từ dưới thấp, thì từ đó sẽ được. Mình phải biết cách tu.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(KINH Số 4 – Niệm Giới – Phẩm Quảng Diễn Thứ Ba – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Như vậy một bên là của Luận Thanh Tịnh Đạo bên Nam truyền, một bên là Kinh A Hàm.

Bữa nay hết thời gian rồi, đáng lẽ giảng tiếp Tâm sở, nhưng hết thời gian rồi, thôi để bữa khác. Tuần sau chúng ta sẽ học Tâm sở, Tâm sở cực kỳ quan trọng. Mình không học Tâm sở thì mình không tu quán Tứ niệm xứ được, đặc biệt là quán tâm trên tâm là không có cách nào. Thậm chí quán thọ trên thọ cũng không quán được, cho nên khó. Tu Tứ niệm xứ thì phải biết Tâm sở. Sau khi học Tâm sở rồi thì mình sẽ học tâm. Tâm thì gồm có Tâm nhân, Tâm quả. Ví dụ mình muốn đầu thai bằng tâm Tam nhân, thì mình phải tạo ra tâm Tam nhân, để được Tâm quả Tam nhân, chứ không phải tự nhiên mình muốn mà được.

Ví dụ như đời nay, tại sao nhiều người học giỏi, thế này thế kia, nhưng khi vô Phật pháp thì họ không tin, họ có nghe Phật pháp nhưng họ không tin. Thiện Trang nói đơn giản có thể là họ đầu thai chỉ bằng tâm Nhị nhân, không phải đầu thai bằng tâm Tam nhân. Vì đầu thai bằng tâm Nhị nhân, cho nên họ giỏi về việc học. Nhưng về tâm Thánh quả là đắc quả, tâm Thiền là đắc Thiền, thì họ không đắc được. Đó là do họ đầu thai bằng tâm Nhị nhân. Học pháp nhưng họ không ngộ được. Còn quý vị học có ngộ, có thế này thế kia v.v… thì có thể quý vị đầu thai bằng tâm Tam nhân.

Nhưng đó là Thiện Trang nói thôi, quý vị đừng cho đó là cứu cánh, vì không biết ai đầu thai là tâm Tam nhân hay tâm Nhị nhân đâu. Đừng tưởng họ dốt dốt mà kết cho họ là đầu thai tâm Vô nhân, đó là sai lầm lớn. Vì sao? Điển hình trong kinh Phật có một câu chuyện, mà phá vỡ đi suy nghĩ tầm thường của chúng ta. Chính là câu chuyện Thiện Trang đã nói từ đầu, đó là Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già. Ổng dốt quá, học không thuộc gì hết, mình cứ nghĩ là ổng đầu thai tâm Vô nhân. Bởi vì [tâm] Nhị nhân thì người ta cũng học được. Nhưng cuối cùng ổng lại đắc A-la-hán. Có nghĩa là ổng đầu thai bằng tâm Tam nhân, nhưng tại vì

nghiệp của ổng che, khiến ổng dốt, học không được thôi, chứ không phải ổng đầu thai bằng tâm Vô nhân.

Cho nên chỉ có Phật mới biết được thôi, bây giờ mình là phàm phu mà đi kết cho người ta, người đó đầu thai bằng tâm Vô nhân, tâm Nhị nhân, hay tâm Tâm nhân thì làm sao biết được. Tâm Tam nhân thì có thể biết được, nhưng tâm Nhị nhân và tâm Vô nhân thì hơi khó. Tại vì tâm Tam nhân thì dễ [biết] mà, ví dụ như người ta ngồi đắc Thiền, học pháp thì người ta ngộ được pháp v.v… điều đó rõ ràng, và chứng đạo quả là ok. Còn 2 điều kia thì mình đâu biết, người ta cũng giống giống. Hoặc mình cũng đầu thai tâm Tam nhân, nhưng do mình tu không đúng pháp, mình tu dở, mình tu không đúng phương pháp mình tu nhiều đời, hoặc mình không siêng năng tu, cho nên chẳng đắc gì, rồi mình cứ kêu 'chắc con đầu thai tâm Nhị nhân'. Điều đó mình không biết được, chỉ có Phật mới biết, cho nên Phật mới quán chúng sanh nào đáng được độ, chúng sanh nào không đáng được độ, chứ còn mình thì thua.

Vì vậy Thiện Trang khuyên quý vị cứ tu đi, mình không biết mình thế nào, đừng tự ti. Và mọi điều tu hành không bao giờ uổng phí, nên nhớ như vậy. Dù quý vị không đắc trong đời này, thì cũng giúp quý vị đi vào đời sau đều thành tựu cả. Mình không đầu thai bằng tâm Tam nhân, tức là mình tu không đắc quả, nhưng mình có thể đi theo con đường Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Đời sau mình có thể không đọa lạc, và đời sau nữa thì mình thành chứng quả rồi, ít nhất mình cũng vào dòng đó được. Cho nên không đắc được A-la-hán đời này thôi, không đắc được Thiền đời này thôi, nhưng những điều đó mình vẫn làm được. Cho nên đừng cho mình kém, ai biết được đâu, có nhiều người kém lắm, thời đức Phật có nhiều người tưởng dở lắm v.v… nhưng khi họ tới gặp Phật thì vẫn thành tựu. Còn bây giờ mình không gặp Phật thì chịu thôi.

Hôm nay thời gian đã hết rồi, Thiện Trang giảng trễ nên bài giảng hơi [dài], hẹn quý vị khi khác, có thể tuần sau chúng ta học tiếp. Thứ Bảy, Chủ nhật tuần này nghỉ, vì Thiện Trang có chút việc, và cũng tranh thủ để làm mấy bài phiên dịch, mong quý vị thông cảm, lâu lâu cho nghỉ vài bữa. Quý vị [dành] thời gian học lại bộ này cho chắc, học bộ này chắc rồi thì tự nhiên quý vị tu bất cứ Pháp

môn nào cũng dễ. Thiện Trang nghĩ nền tảng này cực kỳ quan trọng. Khi mình có Chánh kiến rồi thì không có ai dẫn mình đi sai đường hết, thầy cô giảng như thế nào, Cư sĩ nào giảng thế nào, thì mình cũng luôn có một câu hỏi lại là: 'Thưa thầy, thưa cô, lời giảng đó từ đâu, từ kinh nào? Hay là thầy cô tự nói ra? Nếu mình không hỏi được, thì mình tự tra để mình so sánh, mình chỉ tin những lời trong Kinh, trong Luật, trong A Tỳ Đàm, trong Giới. Nếu phù hợp theo đó, thì mình tin. Không nguyên văn, nhưng nghĩa tương tự giống vậy là được, chứ chớ vội tin. Điều nào nguyên văn thì mình nói là kinh, còn có nghĩa [giống] thôi thì cũng được.

Và hôm nay mình cũng biết được tầm quan trọng của việc tìm một vị Pháp sư mà hiểu được nghĩa, giảng đúng thì cũng khó. Đức Phật nói phải cúng dường cho người đó. Trong đời này cũng khó [tìm], không phải dễ đâu, càng về sau căn tánh người ta kém hơn, thì ít người [được] như vậy.

A Mi Đà Phật! Hôm nay chúng ta dừng ở đây, hẹn quý vị vào bữa khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".
"Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo".
A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 34

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 19.03.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=bfypQBEoM-Y
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

https://dieuphap.net/luancauxa/

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta chia sẻ về bộ giảng Luận Câu Xá. Thiện Trang xin nhắc lại lần nữa, là thông thường chúng ta có hai buổi chia sẻ Phật pháp vào thứ Tư và thứ Bảy. 20h tối (giờ Việt Nam), thứ Tư và thứ Bảy, với hai bộ giảng khác nhau. Ngoài ra còn có chương trình Học Phật Vấn Đáp hai tuần một lần, ví dụ như tuần này chúng ta có, vào tối thứ Sáu cũng 20h. Đó là chương trình học tập. Riêng phần Phật Học Vấn Đáp chỉ phát ở trong Zoom thôi, để quý vị hỏi trực tiếp. Đó là thông báo ngay từ đầu, chứ nhiều đồng tu tuy có nghe lâu rồi, nhưng một hồi bình luận, nói không biết thầy giảng vào thời gian nào, lúc nào. Cứ hỏi hoài như vậy, thì Thiện Trang trả lời luôn ngay từ đầu.

Bộ giảng này tương đối cao, cao ở chỗ là yêu cầu chúng ta tu để giải thoát sanh tử, chứ không phải là tu chơi chơi. Tất nhiên trong nền tảng để ra khỏi sanh tử, chúng ta là người thế gian, thì chúng ta cũng phải có những nền tảng, ví dụ như cách xài tiền làm sao, hay sống làm sao, rồi mai mốt có những vấn đề nào

cần, căn bản về Phật pháp tu hành trong đời sống, thì chúng ta cũng phải đưa vào đây.

Có đồng tu nói là mong thầy khai thị nhiều hơn về Vô thường ở trong bộ giảng này. Thiện Trang nói là: chúng ta đã học lâu rồi, đa số đồng tu đều muốn giải thoát sanh tử thì mới học bộ này, thì ai cũng biết Vô thường rồi. Đời người là mong manh, là giả tạm, thì ai cũng biết hết. Và chẳng ai muốn đời sau mình phải bị đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh cả. Ai cũng muốn thành A-la-hán, thành Phật, Bích-chi-phật, hoặc ít nhất cũng là Sơ quả Tu-đà-hoàn, hoặc chúng ta cũng mong không đọa vào đường ác, thì là địa vị Nhẫn vị trong Tứ gia hạnh, hoặc ít nhất cũng phải là Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Chúng ta cũng phải tu như vậy cả, chứ không ai nghĩ đời sau mình lại muốn chui vào làm một con chó, hay làm một con mèo, hay làm một chúng sanh trong đường Ngạ quỷ đói khát. Điều đó thì chúng ta nhớ quá rồi, nên Thiện Trang xin phép lâu lâu khai thị thôi. Chúng ta chỉ cần nhớ như vậy.

Ở đây tu hành, cơ bản chúng ta có hai môn tu hành chính: là Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền chỉ để làm gì và Thiền quán để làm gì, chúng ta đều [đã] học qua, nhưng nhiều đồng tu vẫn không có nhớ. Thiện Trang xin nhắc lại, Thiền chỉ để làm gì? Ở trong bài giảng trước, đức Phật khai thị trong Kinh Tăng Chi, nói là Thiền chỉ giúp cho mình đoạn trừ được xan tham, v.v… nói chung đoạn trừ được những Phiền não về tham, sân, và cuối cùng được Tâm giải thoát. Còn Thiền quán đoạn các Phiền não kia và đưa đến Tuệ giải thoát. Thông thường một vị A-la-hán cần có Câu giải thoát là Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Thiền chỉ giúp cho chúng ta đỡ đau, ví dụ đắc Sơ thiền thì đỡ đau hơn rất nhiều, còn đắc Tứ thiền thì hoàn toàn không đau. Những người tự tại ra đi thông thường là đắc Thiền, còn người không đắc Thiền thì lúc ra đi thường không có tự tại. Đó là Thiền chỉ. Còn Thiền quán cũng giúp chế ngự được đau, bớt [đau], đỡ thôi chứ không có đủ lực. Thiền quán thì giúp chứng quả. [Về] Thiền chỉ, khi quý vị đắc rồi thì có thể mất, còn Thiền thì còn đắc, hết Thiền thì hết đắc. Có thể là như vậy, tùy theo trạng thái tâm. Còn Thiền quán, một khi đắc thì thông thường

đắc luôn. Ví dụ chúng ta vô Sơ quả Tu-đà-hoàn thì không bao giờ mất nữa.

Đó là những căn bản mà chúng ta cũng phải biết. Và chúng ta tu tùy lúc, tùy thời để cân bằng Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền chỉ thì Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị rất nhiều đề mục tu, ví dụ như tu về nước, tu về lửa, v.v… Ngày xưa thì trong bộ đó dạy như vậy, nhưng với công nghệ mới như bây giờ, thì Thiện Trang xin giới thiệu quý vị, có thể mua tivi về coi lửa, coi nước ở trong đó, rồi quán xanh, vàng, đỏ, trắng. Hoặc không có tivi cũng được, quý vị kiếm bức tranh nào thật đẹp về màu đó, những màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, tất nhiên là những màu khác [nữa], quý vị thích màu nào cũng được. Quý vị in to ra, dán hoặc treo trước mặt, rồi quán. Đó là những phép quán mà chúng ta nên tu.

Thiện Trang thấy là mình tu song song hai [pháp] này thì hiệu quả hơn rất nhiều. Tại vì nếu mình chỉ tu [Thiền quán], ăn rồi mình nghe pháp, mình nói mình tu Tứ niệm xứ ở trong đời sống, v.v… công phu đó lên nhưng lên chậm lắm. Còn mỗi khi quý vị có Thiền chỉ, quý vị chỉ cần ngồi vô, định tâm được chút thôi thì Phiền não bớt rất nhiều. Khi đó mình học pháp hay mình tu Tứ niệm xứ nhạy bén lắm. Cho nên đức Phật dạy trong kinh, Tỳ-kheo hãy biết tùy thời lúc nào tu Thiền chỉ, lúc nào tu Thiền quán. Hai [pháp] này giúp cho nhau, chứ không phải mình tu thiên về một [pháp thì] rất khó thành tựu.

Và chúng ta cũng phải biết thêm một nền tảng nữa là Giới. Không giữ giới được thì không có cách nào vô Thiền. Đó là chúng ta phải giữ giới nữa (Giới-Định-Tuệ). Và học pháp đây chính là tu Thiền quán. Bởi vì khi chúng ta tâm duyên với pháp, tức là tâm chúng ta chỉ chú trọng về pháp, tập trung về pháp, lúc đó mình đang tu Thiền quán. Thiền quán này cũng là tu Thiền chỉ, nhưng Thiền chỉ của chúng ta, theo trong đó thì không thể đắc được công phu từ Sơ thiền trở lên. Tại vì mình nghe pháp, tâm mình duyên với nhiều cảnh quá, tức là pháp thay đổi liên tục. Cho nên cho dù quý vị có tập trung nghe pháp cả ngày từ sáng đến tối, thì cùng lắm quý vị chỉ đắc đến Cận định hành (Vị đáo định) thôi. Đó là bên Thiền chỉ. Chứ không phải chúng ta nghe pháp là chỉ có tu Thiền quán không [thôi], tức là trong đó hai [pháp] đi chung với nhau. Nhưng để đắc Thiền chỉ, tức là mình

phải tính từ Sơ thiền trở lên.

Nhiều khi đồng tu không biết tu thế nào, rồi đến hỏi Thiện Trang, hỏi hoài, là nhập thất tu làm sao. Thiện Trang nói rồi, nhập thất thì mình tranh thủ tu cả hai, lúc nào tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc nào tu Thiền quán thì tu Thiền quán. Chứ còn mình vừa tu cái này, vừa tu cái kia một lúc thì không được. Một lúc tu một pháp thôi, lúc nào mình thấy đề mục này không được thì mình đổi đề mục khác. Đó là biến hóa, mình đã học nhiều đề mục rồi mà. Thiện Trang đã chia sẻ rồi, nếu mình tu những đề mục trên không được, thì mình hạ thấp xuống đề mục dưới. Ví dụ mình nhắm tới tu 10 đề mục Biến xứ, mình nhắm mấy đề mục từ Sơ thiền trở lên mình không đắc, thì mình phải tu những đề mục thấp hơn Sơ thiền, để mình có thể đắc. Đó là chia sẻ bí quyết như vậy thôi. Thật ra chúng ta tu có bấy nhiêu đó thôi, học cho hết rồi tu.

Mở bài hôm nay, để cho quý vị đỡ căng thẳng, thì [kể] cho [quý vị] một câu chuyện. [Vì] nội dung hôm nay cũng hơi căng thẳng. Mở đầu bài 34 hôm nay là:

CHUYỆN CON CHIM CÚT

(Tiền thân Vattaka của đức Phật Thích Ca)

Bài kệ ***Có cánh không bay được …*** Đây là trong Tích truyện Pháp Cú, trong câu chuyện có câu kệ này.

Câu chuyện này, khi đang du hành ở xứ Ma-kiệt-đà, bậc Đạo Sư đã kể về lửa rừng bị dập tắt. Một thời Thế Tôn đang du hành trong xứ Ma-kiệt-đà. Khi đang đi khất thực trong một làng nhỏ ở Ma-kiệt-đà, sau bữa ăn, trên đường trở về với chúng Tỷ-kheo, Thế Tôn thấy một đám lửa lớn bùng lên. Phía trước và phía sau ngài có nhiều Tỷ-kheo. Ngọn lửa tràn đến, lan rộng, tạo thành một màn khói và một màn lửa. Một số Tỷ-kheo còn là phàm phu, vì sợ chết, liền nói:

Đoạn này nói về đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi Ngài đi khất thực về, đi qua làng đó thì tự nhiên lửa bốc cháy lên, lan rộng, và khói cũng lan ra như vậy. Các

Tỳ-kheo còn là phàm phu thì sợ chết, liền nói. Phàm phu sợ chết là chuyện bình thường, phàm phu mà, chưa có chứng Thánh nên sợ. Nên quý vị sợ chết là đương nhiên thôi, các Tỳ-kheo thời Phật cũng sợ mà.

- Chúng ta hãy tạo nên một đám lửa đối nghịch tại chỗ ngọn lửa đang cháy, ngọn lửa kia sẽ không cháy lan rộng. Tức là các vị Tỳ-kheo sợ quá, sợ lửa cháy chết, nên bây giờ nói là: hãy tạo thêm một đám lửa nữa đối nghịch với chỗ ngọn lửa đang cháy, thì ngọn lửa kia sẽ không cháy lan rộng. [Các ngài] nghĩ ra ý như vậy.

Rồi với ý định này, họ lấy que làm lửa và đốm lửa được nhen lên. Một số Tỷ-kheo khác nói:

- Này Hiền hỉ, làm gì vậy? Các Hiền giả như những người không thấy mặt trăng đứng giữa hư không, hay vòng tròn mặt trời với ngàn tia sáng mọc lên từ thế giới phương Đông, hoặc đại dương mà chúng ta đang đứng trên bờ. Hoặc các Hiền giả không thấy núi Tu-di khi các Hiền Giả cùng đi với bậc Thượng nhân ở đời này và trên thiên giới. Các Hiền giả không nhìn đến bậc Chánh Đẳng Giác mà chỉ la: Chúng ta hãy tạo nên một ngọn lửa đối nghịch! Các Hiền giả không biết Phật lực. Chúng ta hãy đi lại gần bậc Đạo Sư.

Nghĩa là các vị Tỳ-kheo đó thì nhóm lửa lên, mục tiêu là để tạo ngọn lửa đối nghịch, để lửa kia không cháy tới, vì sợ chết mà. Nhưng một số Tỳ-kheo khác thì nói là tại sao quý vị kỳ vậy? Quý vị đi bên Phật mà quý vị còn sợ. Quý vị đi bên Phật giống như mặt trăng giữa hư không vậy, mặt trời sáng như vậy, như ngọn núi Tu Di. Bậc Chánh Đẳng Giác (Phật) cỡ đó, mà quý vị sợ ngọn lửa kia cháy. Quý vị thấy vô lý không?

Cho nên bây giờ ai sợ hãi là bình thường đúng không? Chính thời đức Phật, có những Tỳ-kheo đang đi bên Phật mà còn sợ lửa cháy, lo kiếm cách nào để [ngăn] lửa lan cháy tới mình. Trong khi đó quên mất là đi bên cạnh mình là một đấng Đạo sư, một đức Phật, mà mình không tin vào Phật lực. Cho nên phàm phu có nhiều nỗi lo. Nhưng cũng có người nhắc như vậy. Chúng ta thấy câu chuyện

bắt đầu như vậy. Rồi bây giờ làm sao?

Tất cả Tỷ-kheo từ phía trước phía sau đều đi đến gần bậc Đạo Sư, đứng thành một nhóm. Bậc Đạo Sư cùng với chúng Tỷ-kheo đứng trên một khoảng đất. Các ngọn lửa rừng ầm ầm lan đến như muốn nuốt sống tất cả (quý vị thấy lửa rừng cháy như vậy, lan tới, nên mọi người đều sợ là đúng rồi. Nhưng các Tỳ-kheo nhắc nhau, mấy người sợ thì tìm cách dập lửa, còn những người khác thì nhớ là mình đang ở gần bậc Đạo sư mà sợ gì, cho nên tụm lại, đứng thành một nhóm bên cạnh đức Phật. Bây giờ lửa lan tới, muốn nuốt sống tất cả. [Chúng ta] coi thử coi tình hình thế nào?)***, nhưng khi lan đến chỗ Như Lai đứng, chúng lan xung quanh, không đến gần hơn mười sáu tầm. Nó không có sức mạnh lan rộng một vùng rộng ba mươi hai tầm (1 tầm = 1,8 m).***

Ở đây ngài Minh Châu chú giải 1 tầm = 1,8m. Quý vị thấy tuy lửa cháy ghê vậy đó, nhưng lan tới đó gần 16 tầm (16 x 1,8m gần bằng 30m), thì vòng đó lửa không cháy tới nữa, không lan tới một vùng rộng 32 tầm (khoảng 50-60m). Vùng như vậy thì không bị lửa cháy, còn vùng khác thì cháy hết. Quý vị thấy sức mạnh của đức Phật không? Chúng ta đi bên Phật thì phải tin như vậy chứ, có gì đâu mà sợ quá.

Các Tỷ-kheo nói lên lời tán thán đức hạnh bậc Đạo Sư: (các Tỳ-kheo cũng hiểu rằng lửa không cháy là do đức Phật).

- Ôi đức hạnh của chư Phật! Ngọn lửa vô tri này không có thể cháy lan đến chỗ chư Phật đứng, mà bị dập tắt như bó đuốc cỏ trong nước. Ôi, uy lực của chư Phật thật là kỳ diệu!

Quý vị thấy hay không? Thời nay mà mình có Phật thì chắc mình cũng yên tâm, gặp nạn tới ôm chân Phật. Bây giờ cũng có nhiều người gặp nạn ôm chân Phật, chạy tới ôm tượng Phật. Có những chuyện thì cũng có cảm ứng, chúng ta cũng không có chứng kiến trực tiếp, chúng ta chỉ nghe thôi. Nhưng Thiện Trang xin nói với quý vị, riêng kinh nghiệm của bản thân Thiện Trang, không biết mình

tu hành thế nào, nhưng khi gặp chuyện gì đó mà cầu nguyện với Phật, thì thấy cũng có hiệu quả.

Thiện Trang biết trong này có nhiều hành giả không tin Đại thừa, không tin có Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Địa Tạng v.v… Đó là học theo Nguyên thủy. Kinh nghiệm [của] Thiện Trang khi học từ Đại thừa, thì Thiện Trang thấy là hồi xưa mỗi khi gặp những khó khăn nào đó, mà mình ôm chân Phật (tức là mình cầu nguyện), cầu nguyện ngài Quán Thế Âm Bồ-tát hay cầu ngài Địa Tạng hay cầu bất cứ vị nào, thì Thiện Trang thấy có cảm ứng, có xoay chuyển. Cho nên Thiện Trang nghĩ là các nhà học giả Nguyên thủy, tu hành Nguyên thủy, có thể tham khảo chi tiết này để suy xét lại. Tại vì mình chưa chứng A-la-hán, mình không biết điều nào đúng, điều nào sai. Quý vị cho là không có, chưa chắc là không có. Thiện Trang không nói là có hay không có, tùy quý vị, nhưng Thiện Trang tin là có.

Bậc Đạo Sư, nghe câu chuyện của họ, liền nói (tức là đức Phật nghe câu chuyện, liền nói)***:***

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh khiến ngọn lửa tắt đi, khi cháy đến chỗ đất này. Đây chính là sức mạnh của hạnh chân thật xưa kia Ta đã làm (hạnh của Ngài là gì mà dập được lửa? Đó là hạnh chân thật xưa kia Ngài đã làm). ***Chính tại chỗ này, hoàn toàn trong suốt một kiếp, lửa sẽ không đốt cháy. Thần thông này tồn tại suốt một kiếp.***

Có nghĩa là [ở] chỗ đó thì yên tâm, sau này quý vị kiếm chỗ đó ở là không bao giờ bị cháy, lửa không cháy suốt một kiếp luôn. Thần thông này tồn tại suốt trong một kiếp.

Trong kinh có ghi nhận có bốn sự kiện, sẽ tồn tại suốt hết kiếp này. Lần trước Thiện Trang kể [chuyện thứ nhất] rồi, câu chuyện hình con thỏ trên mặt trăng. Còn đây là chuyện thứ hai. Còn hai chuyện nữa, chúng ta cứ từ từ, lâu lâu sẽ đưa ra cho quý vị nhớ. Đây là chuyện thứ hai, là chuyện lửa không có cháy suốt một kiếp tại chỗ đó. Đây là lời đức Phật chúng ta phải tin.

Rồi Tôn giả Ànanda (ngài A Nan) ***xếp chiếc áo Tăng-già-lê làm bốn***

thành tấm nệm cho bậc Đạo Sư ngồi. Bậc Đạo Sư ngồi kiết già. Chúng Tỷ-kheo đảnh lễ Như Lai, bao vây xung quanh Ngài và ngồi xuống. Các Tỷ-kheo yêu cầu:

- Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ biết hiện tại, còn quá khứ bị che kín. Mong Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề cho chúng con.

Ngài cũng ngồi rất tự tại. Khi đó ngài A Nan xếp áo Tăng-già-lê (là tấm y rộng) xếp lên để cho đức Phật ngồi. Ngài ngồi rồi thì các Tỳ-kheo mới thỉnh nói lại chuyện quá khứ. Chuyện bây giờ thì thấy rõ rồi, thấy không bị lửa cháy, thần lực không thể nghĩ bàn rồi, Phật lực không thể nghĩ bàn rồi. Nhưng bây giờ mình coi thử chuyện quá khứ thế nào? Hồi xưa chưa thành Phật, thì Ngài cũng có năng lực đó rồi.

Theo lời yêu cầu của họ, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

*****

Thuở xưa, ở nước Ma-kiệt-đà, tại chỗ này (cũng tại chỗ đó luôn)**, Bồ-tát được tái sanh làm con chim cun cút. Từ cái trứng, con chim con tự mình mổ vỏ và thoát ra, thân hình to bằng trái banh. Cha mẹ đặt nó nằm trong tổ chim, chim mẹ tha đồ ăn về nuôi nó. Tự nó không có sức mạnh để xòe cánh bay giữa hư không, cũng không có sức mạnh giơ chân lên để đi trên đất liền.**

Câu chuyện này là cũng tại chỗ đó, thuở xưa, nhưng không biết là bao giờ. Lúc đó Bồ-tát tức là tiền thân của đức Phật Thích Ca, là một con chim cun cút, tự mổ vỏ và thoát ra. Cha mẹ tha đồ ăn về nuôi, nhưng lúc đó Ngài không có năng lực xòe cánh bay lên hư không được, không có khả năng bay, mà chân yếu quá cũng không đi trên đất liền được, không có sức mạnh.

Về điều này thì có nhiều người hỏi: "Phật tu nhiều đời mà sao như vậy?" Quý vị thấy trong tiền thân của đức Phật, có những đời như vậy. Trong A Tỳ Đàm nói, khi lâm chung thì mình sẽ mang theo nghiệp tái sanh, tức là đầu thai bằng

tâm thức nào, nghiệp nào. Mặc dù phước báo công đức nhiều lắm, nhưng đời đó có thể [Ngài] bị gì đó, hoặc [do] nguyện lực thế nào đó chúng ta không biết, mà có thể làm con chim. Và một vị Bồ-tát được thọ ký, [có] đọa nhiều lắm thì cũng đọa [vào loài] to bằng bàn tay trở lên để không mất tánh linh. Con chim cun cút này là tiền thân của đức Phật Thích Ca.

Tại chỗ ấy, năm này qua năm khác, lửa rừng thường phát cháy. Trong thời gian này, lửa rừng đang đốt cháy với tiếng gầm thét to lớn (tức là chỗ con chim cun cút bị lửa cháy). **Các đàn chim từ trong tổ bay ra, sợ chết, kêu la, và bay trốn** (tất nhiên con chim nào cũng sợ nên bay [là] đúng rồi). **Cha mẹ Bồ-tát sợ chết, bay trốn bỏ lại Bồ-tát. Bồ-tát nằm trong tổ, ngóc cổ vươn ra, thấy lửa đang cháy lan tới, liền suy nghĩ: "Nếu ta có sức mạnh xòe cánh bay lên hư không, và ta có thể đi đến một chỗ khác; hay nếu ta có sức mạnh giơ chân lên, ta có thể đi bằng chân đến một chỗ khác. Cha mẹ ta, vì sợ chết, đã bỏ ta một mình, đã bỏ chạy để cứu mình. Nay ta không có chỗ nương tựa nào khác. Tự mình không nơi nương tựa, ta phải làm gì đây!".**

Đây là một khó khăn. Quý vị thấy rõ ràng, người ta [khi] đứng giữa [sự sống và cái chết], như bài kệ mà người Trung Hoa hay nói. Giống như là chim ở trong rừng, tức là người ta nói gia đình hay chúng ta nói là vợ chồng phu thê: “Nhân tình tựa điểu đồng lâm túc, đại hạn lai thời các tự phi”. Tức là gia đình hay tình vợ chồng, thì giống như những con chim sống trong rừng, khi đại nạn tới thì phần con nào con nấy bay, chẳng quan tâm nữa. Cũng vậy, lúc đó chim cha chim mẹ bỏ chim con chết thì kệ thôi chứ làm sao, lo cứu mình, chạy thôi chứ, đúng không quý vị? Cuối cùng, đại nạn tới rồi thì phần con nào con nấy bay thôi. Con chim cun cút này không có năng lực bay, chắc còn nhỏ hay thế nào đó [mà] chưa bay được, và đi cũng không đi được. Vậy thì làm sao bây giờ? Hết chỗ nương tựa rồi. Nhưng quý vị thấy rất nó bình tĩnh đúng không? [Chúng ta] học tính bình tĩnh này.

Ngài lại suy nghĩ: "Trong thế giới này, có công đức, thật sự có công đức. Có những vị trong quá khứ viên mãn thành tựu các hạnh Ba-la-mật, ngồi

dưới gốc Bồ-đề, chứng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ Giới Định Tuệ, Giải thoát, Giải thoát Tri kiến, thành tựu chân lý, lân mẫn từ bi, nhẫn nhục tụ tập lòng thân ái, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, những vị Phật Nhất thiết trí. Có những công đức Pháp mà các vị ấy đã chứng đắc. Và ta có được một sự thật:

Đoạn này Thiện Trang phân tích một chút. Quý vị thấy ngay trong lúc hiểm nguy nhất, dù là con chim cun cút, nhưng tiền thân của đức Phật nhớ ngay đến Tam Bảo, cụ thể là nhớ đến Phật Bảo. Nhớ là: 'Trong thế giới này thật sự có công đức'. Câu đó là nhớ đến Pháp. Sau đó nhớ là quá khứ có những vị Phật, nhờ tu thành tựu các Ba-la-mật, ngồi dưới gốc Bồ-đề, mà chứng thành Đẳng Chánh Giác (chứng thành Phật), có đầy đủ Giới Định Tuệ, có Giải thoát, Giải thoát Tri kiến v.v… đủ các kiểu. Đó là nhớ Phật, niệm Phật.

Quý vị nhớ chưa? Cho nên ngay lúc nguy hiểm mà nhớ ra Phật là ngon rồi đúng không? Nếu theo [niệm] đó mà chết thì cũng sanh vào cõi Trời, chứ không phải nhỏ đâu. Cho nên quan trọng là lúc hiểm nguy phải bình tĩnh, chứ còn chúng ta sợ chết, lúc đó cuống cuồng lên [là] chết cháy luôn. Bây giờ coi thử chim cun cút nhớ Phật, niệm Phật. Đây là đang niệm Phật, niệm Phật quá khứ. Niệm Phật không phải là kêu danh hiệu Phật, mà nhớ đến công hạnh, nhớ đến công đức của Phật quá khứ. Và [chim cút nhớ]: Ta có một pháp hiện hữu.

Một tự tánh pháp hiện hữu (Ngài cũng nhớ đến Tự Tánh của mình luôn)**. Do vậy, ta cần phải niệm các công đức đã được các đức Phật quá khứ chứng đắc, nắm giữ tự tánh pháp về sự thật hiện có nơi ta** (có nghĩa là vừa nhớ Phật trong, vừa nhớ Phật ngoài. Nhớ trong mình có Tự Tánh, [rồi] nhớ Phật ngoài). **Làm một hạnh chân đẩy lui ngọn lửa, đem lại an toàn cho ta và cho các con chim còn lại". Do vậy, bài kệ này được nói lên:**

Có nghĩa là lúc đó tuy bị như vậy, nhưng Ngài rất bình tĩnh, nhớ đến Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), đặc biệt là Ngài lúc đó có lòng từ bi. Tức là Ngài không phải đẩy lùi ngọn lửa cho Ngài, mà Ngài còn nghĩ cho các con chim còn lại nữa. Quý vị thấy tu hành phải như vậy. Còn chúng ta, lúc đó sợ chết quá nên niệm chết,

chết... [Vì] niệm chết nên chết luôn chứ sao, niệm cháy thì cháy luôn thôi. Còn đây Ngài (con chim cun cút này) nói bài kệ:

Ở đời có giới đức,
Chân thật, tịnh, từ bi,
Chính với chân thật ấy
Ta sẽ làm một hạnh,
Hạnh chân thật vô thượng.
Hay hướng niệm Pháp lực,
Niệm chư Phật quá khứ,
Dựa sức mạnh chân thật,
Ta làm hạnh chân thật.

Ở đây, [quý vị] nhớ: ở đời có Giới đức (đức của Giới), là chân thật, thanh tịnh, từ bi. Quý vị thấy hoàn toàn ở đây [là] Kinh Vô Lượng Thọ. Tựa đề Kinh Vô Lượng Thọ cũng có ở đây, nhưng mình học trên văn tự thôi, mình không thực hành được. Còn Ngài thì thực hành được, Ngài chỉ cần lấy bấy nhiêu đó làm một hạnh. Ngài hướng niệm Pháp lực, niệm chư Phật quá khứ, dựa vào sức mạnh chân thật đó làm hạnh chân thật.

Rồi Bồ-tát niệm công đức chư Phật đã nhập Niết-Bàn trong quá khứ, nhân danh tánh chân thật hiện có trên tự thân, làm một hạnh chân thật, và đọc bài kệ:

Đây là bài kệ lúc đầu. Quý vị nhớ không? Đây là Kinh Pháp Cú:

Có cánh không bay được,
Có chân không thể đi,
Cha mẹ đã bỏ ta,
Hỡi lửa, hãy đi lui!

Đầu tiên Ngài nói: 'Có cánh không bay được; Có chân không thể đi', đây là nói về bản thân Ngài. Cha mẹ bỏ Ngài rồi, nhưng Ngài nguyện: "Hỡi lửa, hãy lui đi!". [Ngài] nói vậy thôi.

Khi Bồ-tát nói sự thật ấy, ngọn lửa đi trở lui khoảng mười sáu tầm (1 tầm = 1,8 m) (giống như chi tiết trên)**. Khi trở lui như vậy, lửa không đốt cháy khu rừng nó đi ngang qua và được dập tắt tại chỗ ấy, như bó đuốc nhúng vào nước. Do vậy, bài kệ được nói như sau:**

Ta làm hạnh chân thật,
Màn lửa lớn lửa ngọn.
Đi lui mười sáu tầm
Như ngọn đuốc gặp nước.

Trong suốt kiếp này, chỗ ấy không bị lửa đốt cháy, được gọi là Thần thông tại trong một kiếp. Như vậy, Bồ-tát đã làm hạnh chân thật, và khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

Đây là hết câu chuyện quá khứ, thật ra chỉ có vậy thôi. [Ngài] dùng tâm lực đẩy lùi lửa. Nhiều người nói câu chuyện này có vẻ mơ hồ quá. Khó tin! Nhưng thật ra quý vị không biết công đức của một người tu Ba-la-mật nhiều đời, công đức đó mạnh lắm, nguyện gì [là] thành đó. Và lúc đó Ngài nguyện lửa lùi thì lửa lùi.

Quý vị cứ kiểm tra đi. Hồi xưa thì Thiện Trang không biết, nhưng sau này học nhiều thì Thiện Trang cũng hiểu hơn một chút. Có những điều, tại sao nhiều người nói cầu nguyện gì cũng linh ứng? Thật ra là do công hạnh Ba-la-mật của họ nhiều. Trải qua nhiều đời, quý vị hành Ba-la-mật nhiều, thì nguyện của quý vị dễ thành. Còn mình nguyện gì cũng không thành, là vì công hạnh Ba-la-mật của mình yếu.

Thứ hai là tâm mình yếu quá. Quý vị sợ quá nên không chuyển được cảnh. Kinh Lăng Nghiêm nói: **"Nhược năng chuyển vật, tất đồng Như Lai",** tức là nếu có thể chuyển được vật chất, hoàn cảnh, thì có thể giống Như Lai. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: **"Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai biệt"**. Những điều này điều kia đều có đạo lý giống nhau.

Cho nên nhiều khi mình không học bài kinh này, mình không kết nối với

những bộ kinh khác [được]. Nhưng nguyên tắc đầu tiên là phải có định tĩnh, phải có định lực, phải điềm tĩnh trước mọi khó khăn. Và thứ hai là nguyện lực đủ. Có nguyện lực rồi, [và] nhiều đời mình tu công hạnh đủ, khi quý vị có nguyện gì thì sẽ thành. Có khi có nhiều người nguyện [là] thành, nhưng có nhiều người nguyện không thành. Đó là do nhiều yếu tố. Trong đó có tâm lực quan trọng, và điều quan trọng nữa là Ba-la-mật. Quý vị thấy câu chuyện này rõ ràng như vậy.

Và quý vị thấy kết quả cuối cùng trong các câu chuyện tiền thân đức Phật, là khi mạng chung thì Ngài vẫn đi theo nghiệp của mình, vẫn là theo nghiệp thôi. Tức là hồi đó chưa thành Phật nên vẫn vậy thôi. Ở trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya có những câu chuyện như thế, khác với trong những câu chuyện nói mình tu tự tại, muốn đi đến đâu thì đi. Không! Ở đây [Ngài] vẫn đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo Sư nói:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh không cho ngọn lửa cháy đến khu rừng này, mà thời xưa, khi làm chim cun cút con, Ta đã có sức mạnh của một hạnh chân thật.

*** *Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo Sư thuyết giảng các Sự thật*** (các sự thật tức là giảng Tứ diệu đế, mà ngài Minh Châu dịch thành các sự thật, nên mình nghe khó hiểu. Thực tế là Tứ diệu đế hay là Tứ đế)**. *Cuối bài giảng, một số người chứng quả Dự lưu, một số người chứng quả Bất Lai, một số người chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo Sư, kết hợp hai mẩu chuyện, và nhận diện Tiền thân như sau:***

- Thời ấy, cha mẹ của ta hiện tại là cha mẹ ta trong quá khứ, còn vua loài cun cút là Ta vậy.

(Trích từ Kinh Tiểu Bộ - Tạng Kinh Nikaya).

Ở đây chúng ta nghe thấy, thì mình phải học, làm sao bớt sợ nha. Và nhớ niệm chư Phật. Niệm Phật có hiệu quả, chứ không phải niệm Phật không có hiệu

quả. Đó là ai niệm? Chim cun cút con niệm, và chim cun cút con đó là tiền thân của đức Phật Thích Ca.

Quý vị thấy thêm một chi tiết nữa, là cha mẹ của ngài thời xưa cũng là cha mẹ bây giờ, đó là Ma Da phu nhân và vua Tịnh Phạn. Hồi xưa [hai người] bỏ chạy mất tiêu. Mình cũng thông cảm thôi, tại vì thời đó là chim thôi mà, cũng sợ chết. Ai chẳng sợ chết đúng không?

Ở đây có [chi tiết] nữa. Tức là trong các bài pháp, sau khi giảng xong một câu chuyện, thì đức Phật giảng thêm Tứ đế. Có những người đắc quả Dự lưu (Sơ quả Tu-đà-hoàn), có người đắc quả Bất lai (quả A-na-hàm), và có người chứng quả A-la-hán. Chúng ta thấy tại sao chúng ta nghe mà không chứng gì hết? Tại vì chúng ta ít được nghe giáo pháp Tứ đế, mà toàn nghe chuyện gì đâu không. Đó là một vấn đề. Thứ hai [là] mình tu hành không được tốt.

Đó là câu chuyện mà Thiện Trang giới thiệu cho quý vị. Câu chuyện này hay không quý vị? Chắc hay! Nhớ nha! Lần sau khi gặp nạn gì, thì các hành giả, đặc biệt là hành giả Nguyên thủy, thường ít khi niệm Tam Bảo lắm, mà khi chết là chấp nhận chết theo nghiệp thôi. Nhưng quý vị nên nhớ, thực tế ngay trong kinh Nguyên thủy, Kinh Nikaya, cũng có những bài kinh dạy chúng ta niệm công đức Tam Bảo, để vượt qua nạn, như trong câu chuyện này.

Cho nên nếu quý vị học, quý vị thấy sự tương ưng giữa kinh điển Đại thừa với Kinh Nikaya chẳng hạn. Có những chi tiết tương đồng. Thiện Trang nói thật sự là không khác nhau nhiều, chỉ có do người không hiểu dẫn, giảng một hồi nên đi xa nhau, càng ngày càng xa nhau thôi. Nếu quý vị chịu khó tìm hiểu, đọc hai bên kết hợp lại, thì chúng ta sẽ thấy có nhiều phần tương đồng. Chứ không, một bên thì cầu nguyện quá đáng, một bên thì tự lực quá đáng, thì cũng không phải. Chúng ta thấy ở trong câu chuyện này cũng rõ ràng có niệm về công đức của chư Phật quá khứ, và dùng sức mạnh của mình để dập tắt ngọn lửa.

Đó là phần thứ nhất Thiện Trang giới thiệu một câu chuyện để quý vị nghe cho tỉnh táo. Bây giờ chúng ta đến vấn đề thứ hai trong buổi hôm nay. Thiện

Trang xin đưa ra 4 nguyên nhân của giấc mơ, theo A Tỳ Đàm. Chúng ta hay nằm mơ, nằm mộng hay chiêm bao v.v... Vấn đề nằm ở đâu? Có 4 nguyên nhân như sau.

Bốn Nguyên Nhân Của Giấc Mơ

1. Những nghiệp thiện hay bất thiện đã tạo tác, đến dẫn dắt, để đốc tâm cho mộng đến những nghiệp ấy.

Trong nguyên nhân của ngủ mơ, thì có 4 nguyên nhân: Nguyên nhân đầu tiên là mình làm những việc thiện, việc ác, thì tạo ra nghiệp. Và nghiệp đó đến lúc đến, thì tự nhiên khiến cho tâm mình mơ mộng về những điều đó. Cho nên nhiều người mơ sợ hãi, mơ thấy cảnh vui, mơ gì đó, là do mình làm những việc đó nhiều quá. Mình làm việc đó nhiều thì thành nghiệp. Ví dụ như mình làm những việc gì thì tối mơ việc đó.

Cho nên ở đời cố gắng sống Chánh niệm. Chánh niệm là như thế nào? Không sợ sệt, không sợ hãi, không có tham, không có sân, không có si. Mình sống rõ ràng, mình tạo nghiệp thiện hay bất thiện, ở đây nói thiện hay bất thiện gì cũng tạo [nghiệp] hết, có thể dẫn đến giấc mơ. Nếu là nghiệp thiện thì cho giấc mơ thiện, nghiệp ác thì cho giấc mơ ác, cho nên là tại sao mơ.

Nhiều người sợ giấc mơ lắm, cứ mơ lung tung rồi sợ. Hôm nay Thiện Trang giới thiệu phần này là để cho quý vị hiểu bản chất của giấc mơ. Không phải tự ý mình nói, mà là căn cứ theo trong A Tỳ Đàm. A Tỳ Đàm nói nên chúng ta tin. Đó là điều thứ nhất.

2. Tâm chuyên chú vào chuyện gì một cách đặc biệt thì là cho mộng đến chuyện đó.

Điều này thì rõ ràng đúng không? Tâm quý vị quá chuyên chú, quá lo chuyện nào, thì quý vị mộng đến chuyện đó. Ví dụ có đồng tu vì quá chuyên chú với việc đi thi, cho nên mơ thấy đi thi suốt. Quý vị lo đi xin việc thì sẽ mơ thấy xin việc. Bởi vì tâm chuyên chú về chuyện đó nhiều quá. Cho nên hãy chuyên chú nghe

pháp để mơ thấy pháp. Hãy chuyên chú tu Tứ niệm xứ, tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v... để trong mơ cũng thấy chuyện đó thì tốt hơn. Tốt hơn thôi, chứ chưa hẳn là tốt đâu. Từ từ chúng ta có [học] đằng sau, nói tại sao chưa hẳn là tốt.

3. Chư thiên tác động tâm báo mộng.

Đây là không có mê tín nha! Có chư thiên tác động tâm báo mộng. Ở đây Thiện Trang nghĩ là ngoài chư thiên ra, còn có quỷ thần cũng tác động tâm báo mộng được. Cho nên có những giấc mơ là do chư thiên tác động tâm mình báo mộng.

4. Tứ đại bất hòa trong cơ thể cũng làm cho mộng.

Tức là cơ thể mình có thể những hiện tượng bệnh. Tại vì sao? Tứ đại là đất, nước, lửa, gió bất hòa. Có nghĩa là thân thể chúng ta có vấn đề. Ví dụ như bệnh hay mình nằm không đúng tư thế v.v... cũng gây ra mộng. Cho nên đừng có kết luận những giấc mộng cho là thật. Nhiều người cứ thấy mộng là sợ, đem lên hỏi này hỏi kia. Chúng ta thấy rõ ràng ở đây giải giấc mộng. Đây là theo A Tỳ Đàm giải, không phải Thiện Trang giải đâu. Từ từ chút nữa trích từ đâu thì quý vị sẽ thấy. Đầu tiên là 4 nguyên nhân của giấc mơ. Tóm lại 4 nguyên nhân này cũng dễ hiểu.

Tiếp theo Thiện Trang xin giới thiệu hàng chúng sanh nào thì nằm mơ. Không phải ai cũng nằm mơ. Có nhiều người kêu 'học điều này đâu có liên quan gì đâu'. Nhiều đồng tu nói học mấy điều này không có liên quan. Nhưng Thiện Trang nói cực kỳ liên quan. Vì quý vị biết hàng chúng sanh nào nằm mơ, thì quý vị xác định người đó như thế nào. Ví dụ như Thiện Trang còn nằm mơ thì quý vị biết Thiện Trang chưa phải là A-la-hán, vì A-la-hán không nằm mơ. Cho nên có những người bây giờ tuyên truyền người đó là Phật, Bồ-tát tái lai hay là A-la-hán hay gì đó, mà cuối cùng người ta vẫn còn nằm mơ, thì điều đó không đúng. Nên nhớ như vậy!

Tại vì người ta không biết, nên cứ tôn vinh người này là Bồ-tát tái lai, là Phật v.v… Thực ra A-la-hán là hết mơ rồi. Cho nên không học những điều này thì mình

bị lừa nhiều lắm, bị dụ nhiều lắm. Thời nay, đặc biệt những hành giả Đại thừa hãy cẩn thận nha. Thời nay hành giả Đại thừa bị lừa nhiều hơn hành giả Nguyên thủy, bởi vì sao? Thiện Trang nói là [hành giả] Nguyên thủy thì chỉ học trong kinh thôi, học trong kinh cho nên chính xác nhiều. Còn hành giả Đại thừa thì hay mượn lời Phật rồi sáng tác thêm nhiều, tự giảng theo ý mình rồi nói là Phật tùy căn cơ chúng sanh nói thế này thế kia. Đúng là lời đó Phật tùy căn cơ thiệt, nhưng Phật nói không có mâu thuẫn. Còn mình nói một hồi thì mâu thuẫn với kinh, chứng tỏ là mình nói bậy, nói xạo, nói càn.

Cho nên là mình phải học ở đây, để mình nhận diện được ai đúng là Phật, ai đúng là Thánh nhân. Tuy mình không nhận diện được 100%, nhưng ít nhất mình loại ra. Ví dụ như chúng ta có bài học về 11 điều A-la-hán không làm, [trong] câu chuyện ngài Tượng Xá Lợi Phất. Chúng ta biết ngay ai không làm được 11 điều đó, thì người đó không phải là A-la-hán. Mà không phải là A-la-hán thì làm gì có là Phật, Bồ-tát gì được. Cho nên chúng ta khỏi bị lừa. Chúng ta phải cẩn thận, phải học những điều này. Không học kỹ thì sẽ bị lừa lắm.

6 Hàng Chúng Sanh Có Thể Nằm Mơ

1. Hàng khổ tâm vô nhân (trong cõi Người, Súc sinh, Quỷ... trừ Địa ngục, A-tu-la cũng có nằm mơ): tức là [những hạng này] đầu thai bằng tâm vô nhân. Vô nhân là sao? Vô nhân là khổ rồi, trong cảnh khổ. Đầu thai bằng tâm vô nhân, mà tâm vô nhân này khổ. Mai mốt chúng ta sẽ học tâm vô nhân là gì. Nhưng nói tóm lại ở đây, là thường [sanh] cõi Người mà bị tật nguyền, bị bệnh tật ghê gớm lắm, khiếp lắm. [Sanh] trong loài Súc sanh là tâm vô nhân; rồi Ngạ quỷ, quỷ thần, nhưng Địa ngục không có [nằm mơ]. Chút nữa sẽ giải thích tại sao Địa ngục không có nằm mơ. Vô Địa ngục không có nằm mơ đâu.

2. Người tâm lạc vô nhân: Lạc là vui đó quý vị, tức là người trong cõi Người, được vui, nhưng họ là [tâm] vô nhân. Người này thì cũng có sung sướng một chút, nhưng nói chung là không được tốt lắm, mai mốt chúng ta sẽ học. Nói chung cõi Người chắc chắn có nằm mơ.

3. Người tâm lạc nhị nhân

4. Hàng tâm tam nhân

Nói chung cõi Người là có nằm mơ hết. Tâm lạc nhị nhân và tam nhân này thì mai mốt chúng ta học. Thật ra đây sẵn giới thiệu một chút, nhắc lại, tại vì chúng sanh thời nay mau quên lắm. Người tạo tâm vô nhân là gì? Khi quý vị làm việc mà thiếu ba yếu tố: vô tham, vô sân, vô si, tức là không có trí tuệ trong đó. Vô si tức là không có trí tuệ trong việc làm của mình, mình tạo nghiệp như vậy.

Ví dụ như quý vị đi làm một việc gì đó, Thiện Trang xin đưa ra một ví dụ vầy cho dễ hiểu. Bây giờ quý vị làm một việc là cúng dường. Mình đem một gì cái đó cúng dường cho người khác. Ví dụ như vừa rồi, có đồng tu nói: có một số người cúng dường cho Sư Minh Tuệ mà giành giật nhau. Lúc đó, khi họ làm việc cúng dường đó bằng tâm như thế nào? Chúng ta kiểm tra ba yếu tố: tham, sân, si.

Thứ nhất, họ có si không? Chắc chắn là si rồi. Tại vì giành giật mà. Cúng dường đó có phước không? Có! Cúng dường có phước chứ. [Rồi họ] có tham không? Có tham! Tại vì tham có phước, cho nên mới cúng dường kiểu đó. Họ có sân không? Có! Giành giật là có sân. Vậy tham, sân, si đủ hết. Cho nên mặc dù họ làm việc đó có phước, nhưng đời sau nếu nghiệp đó kết quả cho đầu thai đời sau, thì đời sau họ sẽ đầu thai vào loài Người, gọi là người tâm lạc vô nhân. Có nghĩa là vui, sướng, phước báo thì có, nhưng ngơ ngơ ngác ngác, không có trí tuệ, học hành cũng dở nữa. Đó gọi là người lạc vô nhân.

Còn nếu mình làm được điều tốt hơn, mình cũng cúng dường, mình không có tham, không có sân. Giống như mình đi ngang qua, thấy người khác cúng dường nên mình cũng cúng dường. Mình không có tham cầu gì hết, mình chỉ cúng dường thôi. Rồi mình cũng chẳng sân, không giành giật gì hết. Không tham, không sân [mà] cúng dường. Mình cúng dường vậy thôi, thì quý vị sẽ tạo tâm đầu thai nhị nhân. Và tâm này vui (lạc tức là vui). Tương lai nếu như quý vị đầu thai bằng tâm đó vào đời sau, thì quý vị sẽ được quả là giàu có (có phước mà), quý vị sẽ khỏe mạnh, quý vị học giỏi, nhưng quý vị tu không đắc Thiền, không đắc quả.

Thiền chỉ và Thiền quán không thành. Thiền ở đây là Sơ thiền trở lên. [Quý vị] không đắc Thiền, và không đắc quả vị Thánh.

Còn người cũng cúng dường, mà thế nào là tâm tam nhân? Là đủ ba yếu tố: không tham, không sân, không si. Tức là tôi cũng cúng dường, rồi tôi không có tham gì hết. Thứ hai là tôi cũng không có sân, không có giành giật gì với ai đâu, tôi cúng dường thôi. Thứ ba, tôi nghĩ là việc cúng dường này cho một vị chân tu, để giúp hoằng dương Chánh pháp, giúp [ngài] trụ thế ở thế gian v.v… Và việc cúng dường đây, mình nghĩ là mai mốt mình đắc đạo v.v… Nói chung lúc đó mình tư duy, nghĩ về Phật pháp, thì tạo ra một nghiệp đầu thai, gọi là nghiệp đầu thai tam nhân. Nếu tương lai đời nào đó mình đầu thai bằng tâm đó, thì đời đó mình tu, mình được phước rồi, có phước báo học giỏi. Và không chỉ học giỏi, phước báo không thôi, mà tu có thể đắc Thiền chỉ, đắc Thiền quán, có khả năng đắc Thánh quả. Cho nên hạng người này là như vậy. Mai mốt chúng ta sẽ học kỹ hơn ở những bài sau, [đây] là thuộc về A Tỳ Đàm.

Đó là hàng tâm tam nhân. Tâm tam nhân này có mặt ở đâu? Tại sao Thiện Trang dùng chữ "hàng" mà không phải dùng chữ "người"? Vì "hàng" này là tính không phải chỉ mỗi cõi Người không [thôi], mà có cả cõi Trời nữa, chư thiên từ Phạm thiên nữa. Phạm thiên cũng là hàng tâm tam nhân. Nhưng ở đây chúng ta chỉ nói Người thôi, còn chư Thiên thì chút nữa chúng ta sẽ nói. Chư thiên mà từ Phạm thiên trở đi (tức là từ Sơ thiền trở đi), thì họ không có nằm mơ đâu. Chút nữa chúng ta sẽ giải thích sau.

5. Bậc Thất lai (Tu-đà-hoàn): Tu-đà-hoàn vẫn nằm mơ bình thường.

6. Bậc Nhất lai (Tư-đà-hàm): Tư-đà-hàm (Nhất lai) vẫn nằm mơ. Còn hạng A-la-hán với A-na-hàm, thì chúng ta để sau.

Như vậy chúng ta thấy là có nhiều người nằm mơ, sáu hạng người này. Và ở đây là giải thích thêm:

***Chúng sanh trong Địa ngục không có nằm mơ vì bị hành hình không dứt, không có cơ hội nghỉ ngơi để nằm mơ.** Tức là ở Địa ngục không phải họ

giỏi gì, mà tại vì họ có [được] ngủ đâu mà mơ. [Họ] bị hành hình, chém, bị chảo dầu sắt nóng liên tục như vậy, có thời gian ngủ đâu mà nằm mơ. Còn mình ngủ, nghỉ ngơi được thì mới nằm mơ. Cho nên [ở Địa ngục] không thể nằm mơ, là lý do như vậy.

***Chư thiên không nằm mơ (có chỗ nói trừ trời Tứ Thiên Vương)** (chư thiên thì không có nằm mơ, nhưng có chỗ nói trời Tứ Thiên Vương cũng có thể nằm mơ, bởi vì sao?) **Vì với sự an lạc cõi trời, không có sự lo lắng nên nghỉ ngơi luôn ngủ sâu đầy đủ.** Chư thiên này là chư thiên Dục giới mới còn ngủ, chứ còn chư thiên Sắc giới thì hết ngủ rồi. Ở đây quý vị thấy chư thiên không nằm mơ. Mình học cảnh giới rõ ràng.

***Chư thiên ở Sắc giới và Vô sắc giới không chiêm bao** (không nằm mơ) **vì an trú trong Thiền định.** Cho nên lên đó thì bớt, khi mình tu đắc Thiền thì cũng bớt ngủ nhiều lắm quý vị, tu đắc được một phần Thiền định thì bớt ngủ. Tất nhiên cơ thể chúng ta cũng cần ngủ, chúng ta tu đắc Thiền thì chỉ bớt ngủ thôi, chứ không thể nào [không ngủ], vì cơ thể mình ở nhân gian mà. Cho nên chưa hết [ngủ] đâu, mình học cho rõ ràng. Ở đây còn nói nói nữa:

***Bậc Bất lai (A-na-hàm) và Vô sanh (A-la-hán) không có nằm mơ vì các ngài đã trừ bỏ dục ái** (tức là hết ham muốn rồi, cho nên là hết [nằm mơ])**. (Có nơi nói bậc Bất lai ở cõi Người vẫn còn nằm mơ vì chưa dứt trừ pháp phiền não lậu và vẫn có sự ngủ nghỉ vì vẫn còn vài pháp điên đảo).**

Tức là bậc A-la-hán thì chắc chắn không nằm mơ, còn bậc A-na-hàm (Tam quả) thì có thể có nằm mơ, nếu còn ở cõi Người. Đó là ở cõi Người nha, còn lên trời Phạm Thiên là hết rồi. Mai mốt chúng ta học Luận Câu Xá [sẽ] rất rõ, hoặc quý vị học A Tỳ Đàm cũng rõ ràng. Bên Nam truyền người ta nói rất rõ ràng, là bậc Thánh quả A-na-hàm, sau khi hết thọ mạng thì sanh về đâu? Bất lai rồi (tức là không về Dục giới nữa), thì có hàng tệ nhất là sanh về trời Phạm Thiên. Người ta ghi câu là 'Phạm Thiên', tức là từ Sơ thiền trở lên.

Sau này chúng ta học ở trong Luận Câu Xá này, giải thích rất rõ về các hạng,

giống như Hữu hành Bát Niết-Bàn v.v… đến cuối cùng là hạng Thượng lưu Sắc cứu cánh, thì chia ra làm ba hạng nữa. Trong đó có một hạng là đi từ Sơ thiền, tức là sanh vào trời Phạm Phụ, rồi đi một phát lên tới trời Sắc Cứu Cánh. Những hạng đó, lên trên đó rồi thì không ngủ nữa đâu mà nằm mơ, nhưng ở dưới nhân gian thì còn. Điều này khác với ngài Tịnh Không giảng là: Tất cả bậc A-na-hàm đều sanh về Ngũ Bất Hoàn thiên. Đó là một chi tiết không chính xác theo kinh và tạng luận, chúng ta thấy rõ ràng.

A-na-hàm có nhiều bậc, bậc tệ nhất là như vậy. Nhưng ít nhất, sau khi hết thọ mạng thì họ cũng sẽ sanh vào trời Phạm Thiên, tức là từ Sơ thiền trở lên, không có tệ hơn nữa. Ở đây có chỗ nói là các ngài vẫn có thể mơ, còn A-la-hán thì không nằm mơ. Nhớ nha! Nếu có vị thầy nào đó, Thiện Trang nghe nói có một số người xưng mình là A-la-hán, rồi một số người tôn thầy mình là A-la-hán hoặc là Phật Bồ-tát gì đó, mà thấy người ta còn nằm mơ thì thôi. Bây giờ mình kể ra rồi thì bữa sau [họ] giấu, họ không kể ra, thì bắt đầu ghê hơn nữa. Họ dốt quá, họ không biết nên kể ra thôi. Nhưng thật ra như vậy thì mai mốt họ đọa khủng khiếp hơn nữa, càng giấu thì càng đọa thôi. Cho nên đừng để bị lừa, sau này nhớ là bậc Vô sanh A-la-hán không có nằm mơ đâu.

***Bậc Vô sanh (A-la-hán) tuy có sự ngủ nghỉ giống với phàm phu và bậc Hữu học, nhưng sự ngủ nghỉ của các ngài có chánh niệm mọi lúc nên không có nằm mơ.**

Chi tiết này quan trọng, tức là A-la-hán [tuy có] ngủ nghỉ, nhưng sự ngủ nghỉ của các ngài có chánh niệm mọi lúc (trong ngủ cũng có chánh niệm), cho nên không nằm mơ. Nhiều người không hiểu chữ 'chánh niệm' này, nên tưởng mình dễ chánh niệm lắm. Thật ra chánh niệm đâu có dễ như thế, chúng ta học kỹ rồi sẽ thấy chánh niệm khó cực kỳ.

*(**Trích Từ Giáo Trình Siêu Lý Trung Học Của Đại Học Abhidhamma** (Đại học Vi Diệu Pháp) **– Vương Quốc Thái Lan.)***

Thật ra họ cũng trích từ A Tỳ Đàm ra thôi. Mấy cuốn sách này bán đầy ở

Việt Nam, quý vị có thể coi. Thiện Trang cũng mua, hầu như thấy người ta bán bộ nào về A Tỳ Đàm [thì] Thiện Trang cũng mua hết, mua chất đầy ra đó, để coi. Thật ra cũng giống nhau thôi, có nhiều chi tiết mới, còn lại [thì] cũng giống như mấy quyển kia thôi. Coi qua coi lại, coi một hồi cũng thông, coi thông rồi thì mình tu mới dễ.

Ở đây đúc kết lại, nói chung người là có mơ đó. Thôi chúng ta không quan tâm Súc sanh, Ngạ quỷ mơ, Địa ngục mơ hay không mơ thì kệ. Nhưng ít nhất mình cũng biết được chi tiết A-la-hán thì không nằm mơ, còn A-na-hàm thì theo đây vẫn có thể mơ. Từ đó mình biết. Và bốn điều giấc mơ có từ đâu, là để mình không hoang mang, chứ không mình cứ hoang mang, quý vị đồng tu cứ mơ thấy [gì đó] là sợ. Thiện Trang thấy sao có nhiều người sợ như vậy. Thầy ơi, con mơ thấy người chết, con mơ thấy ba, mẹ con chết, rồi sợ.

Chúng ta coi lại trong bốn điều này [nguyên nhân của giấc mơ] thì có một điều là chư Thiên báo mộng, còn mấy điều kia là do nghiệp, do mình chuyên tâm quá, hay là cơ thể mình bất hòa, bất an nên tự nhiên mơ, thì sao mình phải sợ. Cho nên học giáo pháp để làm gì? Để rõ ràng, không sợ. Chứ không thì lại sợ chuyện này chuyện kia, nghĩ lung tung, mơ rồi ra vọng tưởng nữa, cho nên khổ. Đời người đã khổ rồi, còn chồng thêm khổ nữa. Đó là vì điên đảo, không biết Phật pháp. Nên học càng nhiều thì không sợ gì hết, tại sao tự tại là vậy đó. Đó là chi tiết mà chúng ta cần phải học, những kiến thức này tưởng chừng như không có liên quan gì đến tu hành, nhưng thực tế có liên quan. Quý vị nên nhớ, tại sao bộ Vi Diệu Pháp hay bộ này đều đưa ra.

Cũng có người thắc mắc, [nên] sẵn trả lời luôn, hỏi rằng: "Giả sử bộ Luận Câu Xá của thầy giảng không tương ưng với kinh điển thì sao?" Thiện Trang nói: quý vị chưa có đọc nhiều kinh điển mà quý vị đã dạy Thiện Trang rồi. Quý vị coi thử bộ Luận Câu Xá chưa? Chưa coi thì đừng có nói. Bộ Luận Câu Xá này, thứ nhất từ trước tới giờ Thiện Trang mới giảng một đoạn thôi, còn lại Thiện Trang giảng toàn kinh luận trước. Vì sao? Vì mong cho quý vị hiểu rằng: những điều Thiện Trang giảng trong này, sau này trong Luận Câu Xá hoàn toàn tương ưng với

những gì trong kinh của Phật. Ngài Thế Thân cũng trích kinh và viết lại theo ngôn ngữ của ngài, nhưng hoàn toàn nêu lại cho chúng ta có một hệ thống. Cho nên không sai với giáo lý của Phật, không sai với Nam truyền, không sai với Bắc truyền, thì Thiện Trang mới chọn để giảng. Chứ không Thiện Trang đọc bao nhiêu kinh, bao nhiêu luận, tự nhiên lại chọn một bộ giảng trật lất với kinh [để làm] chi, đúng không?

Cho nên nhiều người thắc mắc, chắc đó là hành giả Nam truyền, không có tìm hiểu rồi cứ nói bừa. Giống như cứ nói bên Bắc truyền giảng sai, nói sai v.v… Quý vị coi kinh Bắc truyền chưa? Chưa coi thì đừng nói. Coi Kinh A Hàm với Kinh Nikaya tương ưng nhau mà, còn bao nhiêu kinh khác nữa. Cho nên đừng có đem sở tri kiến của mình ra mà phán đoán thiên hạ. Muốn biết điều gì, muốn nói điều gì, thì phải có dẫn chứng, phải chính xác, phải so sánh, phải coi rồi mới đem ra nói. Còn không, vô nói thì là càng nói bậy thôi, nên nhớ như vậy. Muốn nhận định, muốn nhận xét điều gì thì phải coi. Ví dụ một nhận xét bộ Luận Câu Xá này [thì] quý vị phải coi hết Luận Câu Xá, rồi quý vị so sánh Luận Câu Xá với Kinh Nikaya có hợp hay không? Hợp bao nhiêu? Khác bao nhiêu so với A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp bên Nam truyền)? Nếu khớp thì chúng ta học được, còn không khớp thì thôi.

Thiện Trang coi nên Thiện Trang nói tương ưng, cho nên Thiện Trang chọn bộ này để giảng. Vì bộ này ngắn hơn bộ bên Vi Diệu Pháp, đem bảy bộ [Vi Diệu Pháp] ra giảng thì khó quá. Bây giờ mình đem bảy bộ gom lại cũng được, nhưng mệt, tại sao có người gom cho mình thành một bộ rồi, tuy không đầy đủ bằng, nhưng mình học bộ đó cũng đưa đến A-la-hán được, và giúp cho mình bớt Phiền não, giúp mình có cái nhìn con đường tu tập rõ ràng, [thì] tại sao mình không chọn.

Cho nên có hai bộ Thiện Trang có thể chọn để giảng: Một là A Tỳ Đàm Tâm Luận, hai là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (chính là Bộ Luận Câu Xá này). Thiện Trang thích sự nổi tiếng, nên Thiện Trang mới chọn bộ Luận Câu Xá. Nhưng nếu bây giờ cho Thiện Trang chọn lại, thì sẽ chọn bộ kia. Bộ kia tuy không nổi tiếng bằng,

nhưng dễ hơn. Còn bộ này ngôn ngữ hơi khó, nhưng dù sao được sự nổi tiếng để hậu thuẫn, bao nhiêu đời người ta dùng rồi, và đều hiệu quả [nên] mình dùng theo. Còn bộ kia ít người dùng, mặc dù ngôn ngữ văn từ dễ.

Cho nên quý vị thấy bên Bắc truyền cũng không thiếu người tài đâu. Sau này mấy người tào lao giảng nhiều hơn những người chân học chân tu thôi, nên mới tùm lum đó. Chứ nếu y theo chư Tổ thời xưa, từ thời nhà Đường trở về trước, thì hầu như Phật giáo Trung Hoa cũng rất ổn. Thiện Trang nói Phật giáo Trung Hoa từ thời nhà Đường trở về trước cũng rất ổn. Về sau này có nhiều vấn đề [các ngài] tự sáng tác ra, có lẽ là do các ngài không có duyên đọc nhiều kinh. Do kinh bị đốt nhiều rồi, nên các ngài không đọc hết, các ngài thiếu [kinh] rồi các ngài tự viết ra, các ngài đâu biết trong kinh có nói rồi, một hồi trật, sai, không tương ưng với kinh. Nếu quý vị có thể coi những tác phẩm từ thời nhà Đường trở về trước thì khá yên tâm đó, còn sau này Thiện Trang thấy có nhiều tác phẩm không ổn. Cho dù có những người mệnh danh là chư Tổ đấy, nhưng thấy cũng không ổn, có những điều không tương ưng với kinh. Cho nên sau này mình biết nguồn tài liệu [tin cậy].

Thiện Trang nói vậy thôi, không phải phê bình. Nhưng mình là học giả thì mình phải đem so sánh, để người sau biết chừng. Quý vị chịu khó coi kinh trước đi, rồi hãy coi luận sau. Coi kinh, sau đó mình chọn lại luận, trong đó có những bộ luận rất tốt, không phải là không tốt.

Đó là vấn đề thứ hai chúng ta học rồi. Bây giờ đến vấn đề thứ ba:

Tầm Quan Trọng Của Pháp Tu Tứ Niệm Xứ

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-Bàn. Đó là Bốn Niệm xứ (hay là Tứ niệm xứ, ngài Minh Châu dịch là Bốn niệm xứ).

(Trích Từ Kinh Số 10 - Kinh Niệm Xứ (Satipaṭṭhānasutta) – Kinh Trung Bộ Thuộc Tạng Nikaya).

Kinh này là một bài kinh cực kỳ quan trọng, nếu quý vị có thời gian [thì] nên đọc, vì Kinh Tứ Niệm Xứ cực kỳ quan trọng. Để cho dễ, Thiện Trang có cắt một đoạn thôi, một câu nói thôi, mà câu nói này làm nên điển hình bên Phật giáo Nam truyền: 'Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất (quý vị nghe nha 'độc nhất') đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-Bàn. Đó là Tứ niệm xứ'.

Thiện Trang tô đỏ [con đường độc nhất], có nghĩa là không có con đường nào khác hết. Quý vị tu chỉ có một con đường, đức Phật nói là con đường độc nhất. Nếu có con đường nào khác thì đâu có chữ 'độc nhất' đúng không? Đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh (chúng sanh muốn thanh tịnh), vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu (ưu là lo), thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-Bàn. Đó là Bốn niệm xứ (Tứ niệm xứ).

Chính vì người ta ôm câu này mà đập hết tất cả các Pháp môn khác. Người ta nói: "Thấy chưa? Đại thừa không tu Tứ niệm xứ là sai, Mật tông không tu Tứ niệm xứ là sai", họ đẩy câu này. Đó là những hành giả Nguyên thủy, họ căn cứ vào đây. Đúng không quý vị? Trên ngôn ngữ thì đúng rồi. Nếu mình xét ra: pháp tu nào không đưa đến bốn điều: Thân, thọ, tâm, pháp, [thì] đều là tà, chắc chắn không đi được đến Niết-Bàn, chưa đi được đến Niết-Bàn.

Và Thiện Trang kiểm tra lại điều đó, thì đúng như vậy. Thật ra tất cả các Pháp môn tu, dù quý vị tu Đại thừa hay Tiểu thừa, mà quý vị tu một hồi mà không quán được tâm, không quán được thân, không quán được thọ, không quán được pháp, thì coi như quý vị tu tà. Quý vị chẳng có Chánh niệm gì hết, [dù] quý vị niệm cỡ nào, quý vị tu pháp đó cỡ nào, thì cuối cùng quý vị mơ mơ màng màng mà thôi.

Quý vị nghĩ coi, làm gì có pháp nào mà tu một hồi người điên điên khùng khùng được, mơ mơ màng màng, không biết gì hết. Người ta tu thì phải quán sát rõ ràng thân mình, quán thân như thế nào, một chút chúng ta sẽ học Kinh Tứ Niệm Xứ này. [Mình phải] rõ ràng cảm thọ của mình, cảm nhận được, chứ mình không cảm nhận được thì đâu có Chánh niệm được đâu. Về tâm, tâm mình đang

như thế nào? Tâm đang tham, tâm đang sân, tâm đang si, tâm đang mê, tâm hoài nghi v.v… mình không biết thì thôi, tu Tứ niệm xứ cái gì. Rồi mình [quán] pháp nữa. Bốn điều đó mà quý vị không quản được, thì quý vị coi như tu Pháp môn đó sai.

Cho nên niệm Phật cũng được, Thiền Đại thừa, Thiền tông cũng được, Mật tông cũng được, bất cứ pháp nào, miễn cuối cùng quý vị đều đi đến kết quả, là quán được được bốn điều: Thân, thọ, tâm, pháp, thì quý vị đúng. Đó là con đường đi đúng, đi đến Niết-Bàn, đó là con đường độc nhất. Đức Phật đã nói là con đường độc nhất. [Trong] Kinh Lăng Nghiêm cũng nói: "**Thập phương Bạc Già Phạm, nhất lộ Niết-Bàn môn"**, tức là chư Phật trong mười phương, chỉ có một con đường đến Niết-Bàn thôi. Đấy là con đường Tứ niệm xứ.

Nhưng có điều là diễn giải Tứ niệm xứ như thế nào? Hình thức tu tập như thế nào? Đó là vấn đề. Và nếu như ai tu hành, mà đi rời con đường này, thì không thể đến Niết-Bàn. Chắc chắn là điều đó, đức Phật không bao giờ nói hai lời. Nhưng tất nhiên, với sự diễn giải khác nhau v.v… lúc thì đức Phật nói phải tu theo Bát chánh đạo, có lúc nói tu Thất giác chi, có lúc nói tu Tứ đế v.v… cuối cùng cũng đến Niết-Bàn. Đó là cách nói, nhưng cuối cùng mình tu, cũng đến một chỗ giống nhau. Hoặc là quý vị niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, thì cũng đến Niết-Bàn vậy. Miễn làm sao mình tu một hồi, cuối cùng quán được bốn điều: Thân, thọ, tâm, pháp.

Đó là bài hôm nay, Thiện Trang muốn giới thiệu Kinh Niệm Xứ. Để cho công bằng, tất cả mọi đồng tu thường học Kinh Niệm Xứ này bên Kinh Trung Bộ, thì quý vị coi giùm bài Kinh Số 10, trong Kinh Niệm Xứ. Kinh này rất dài, Thiện Trang giới thiệu, còn quý vị tự đọc. Hôm nay để cho công bằng, Thiện Trang sẽ giới thiệu bộ Kinh Niệm Xứ của bên Bắc truyền, là trong Kinh Trung A Hàm, để cho quý vị thấy sự giống nhau và khác nhau, giữa Nam truyền và Bắc truyền. Thậm chí Thiện Trang nói: Kinh Niệm Xứ của A Hàm còn chi tiết hơn Kinh Niệm Xứ của bên Nikaya nữa, để những hành giả Nikaya, hành giả Nam truyền, đừng nghĩ là bên Bắc truyền dở.

Pháp Tu Tứ Niệm Xứ Từ Kinh Trung A Hàm – Bắc Truyền

(Nội Dung Tương Tự Kinh Niệm Xứ Trong Kinh Trung Bộ Của Nam Truyền).

Ở trên là bộ [Kinh Niệm Xứ] của bên Nam truyền rồi, bộ kinh này quý vị tự coi. Nhiều người biết bộ kinh này, hành giả mà không học kinh này, thì coi như không biết tu. Nếu cần thiết thì để bữa nào Thiện Trang sẽ giới thiệu lại. Nội dung tương tự với Kinh Niệm Xứ trong Kinh Trung Bộ của Nam truyền. Bữa nay giới thiệu kinh Bắc truyền, và liệu có câu 'con đường độc nhất' này không? Bởi vì Kinh này có câu này, chúng ta coi thử có hay không.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (chữ nào mà Tỷ-kheo là của bên Nam truyền, ngài Minh Châu dùng. Còn chữ Tỳ-kheo trong bộ A Hàm này, Việt dịch là của ngài Tuệ Sỹ. Thiện Trang bắt đầu chữ màu đỏ, xem có tương đương với chữ màu đỏ ở trên không).

Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp. Đó là Bốn niệm xứ.

Ở đây tạm thời thiếu chữ 'độc nhất' thôi, nhưng chưa chắc là không có chữ đó, từ từ. Cho nên 'y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan', mình phải nghe cho hết. Tức là vẫn có một con đường, giống như trên, 'tịnh hóa chúng sanh' là cho chúng sanh thanh tịnh. Rồi vượt qua lo sợ, sầu não, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, (ở đây thêm một câu nữa, không sao hết), chứng đắc Chánh pháp (cũng vậy thôi). Đó là Bốn niệm xứ, hay Tứ niệm xứ. Cũng giống như trên. Chưa đâu! Những dòng dưới này mới bổ sung chữ 'con đường độc nhất', yên tâm!

Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm Triền cái, tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

Có nghĩa là các đức Phật thời xưa (quá khứ) cũng tu con đường này thôi,

vì các ngài cũng trừ năm Triền cái. Ở đây nói năm Triền cái, chúng ta biết năm Triền cái là: Tham triền, Sân triền, Hoài nghi triền, Trạo hối triền, Hôn trầm Thụy miên triền. Quý vị nhớ năm Triền cái này là che tâm. Ở đây nói năm Triền cái thôi, [muốn có] năm chi thiền, mình phải trừ năm Triền cái mà. 'Tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận': tức là các đức Phật quá khứ cũng phải tu điều này: lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, ở đây nói thêm Bảy giác chi nữa, cũng vậy thôi.

Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm Triền cái là thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ.

Nói tóm lại, Phật tương lai cũng phải tu: lập tâm chánh trụ ở nơi Bốn niệm xứ hay Tứ niệm xứ này. Tóm lại con đường này, Phật quá khứ cũng đi, mà Phật tương lai cũng phải đi.

Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều đoạn trừ năm Triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém. Ta cũng lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

Quý vị thấy không? Tóm lại chư Phật ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng đều phải tu [con đường] này. Nhưng ở đây nói rộng hơn, là phải trừ năm Triền cái, và lập tâm chánh trụ ở nơi Bốn niệm xứ, và tu thêm Bảy giác chi nữa. Từ từ, chúng ta sẽ giới thiệu những phần của 37 Phẩm trợ đạo này, chứ bây giờ nhiều quá, không giới thiệu được. Nhưng tóm lại, hôm nay chỉ giới thiệu cho quý vị Bốn niệm xứ một cách đầy đủ.

[Quý vị thấy] một đoạn dài như vầy mà nói gọn lại, thật ra chỉ cần [nói] gọn lại. Nếu đưa thêm chữ vào cho giống nhau, thì là 'đây là con đường độc nhất mà chư Phật ba đời phải đi qua', tóm lại như vậy. Cho nên thật sự Tứ niệm xứ là Pháp môn phải tu, không tu pháp đó thì không đắc đạo giải thoát được. Cho nên là bắt buộc. Nhưng tu như thế nào? Chúng ta phải nghe Tứ niệm xứ là gì, chứ

không phải cứ nói 'Thân, thọ, tâm, pháp', nói hoài. Kiểu đó không rõ, mình phải học lời Chánh kinh của Phật. Quý vị có thể coi Kinh Số 10, hoặc lâu lâu Thiện Trang sẽ trích lại Kinh Số 10 bên Kinh Trung Bộ. Còn hôm nay thì giới thiệu cho quý vị, [để] so sánh với Tạng A Hàm bên Bắc truyền.

Bốn niệm xứ là những gì? Đó là, quán thân như thân, quán thọ như thọ, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp.

Quý vị thấy chi tiết này cũng tương tự như bên Nam truyền, Nam truyền là: quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, [quán tâm trên tâm] và quán pháp trên pháp. Bên kia thì dùng chữ 'trên'. Thực ra Kinh A Hàm cũng có lúc dùng chữ 'trên', có lúc dùng chữ 'như'. [Nhưng] chữ 'như' hay chữ 'trên' không quan trọng, quan trọng là nội dung trong đó. Mỗi người dịch giả, người ta đặt tên thôi, chuyển từ tiếng Phạn sang, hay chuyển từ tiếng Pāli sang, chuyển một hồi thành chữ khác. Mình đừng có chấp vào chữ, mà quan trọng là nội dung bên trong.

I. QUÁN THÂN

(Đây là đề mục ngài Tuệ Sỹ đặt)

Thế nào gọi là niệm xứ quán thân như thân? (Hay chúng ta nói quán thân trên thân)

1. Chánh niệm chánh tri: (chi tiết này, thật ra nói nghe ghê, nhưng tu thì dễ).

1. Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm, ngủ thì biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ say thì biết mình ngủ say. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Như vậy rất dễ đúng không quý vị? Nghe sang, nhưng thật ra tu rất dễ. Đoạn màu đỏ là nói Tỳ-kheo, [nhưng] mình nói mình đi. Khi đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm, ngủ thì

biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ say thì biết ngủ say. Chỉ như vậy thôi, có nghĩa là quý vị tu được Tứ niệm xứ: quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, quý vị có tri (tri là sự biết), có kiến là thấy, có minh là sáng suốt và có đạt. Như vậy gọi là quán thân trên thân, quán thân như thân.

Như vậy có khó không quý vị? Không khó! Dễ ợt! Nhưng làm không được. Tại sao làm không được? Quý vị đi, có biết mình đi không? Thiện Trang dám đảm bảo, ai cũng nói: "Sao không biết đi thầy". Nhưng thực tế, đi một hồi chả biết mình đi, thậm chí chả biết mình đi đâu nữa, đang ngơ ngơ. Rồi đứng, có biết mình đứng không? Không biết! Không biết mình đang đứng hay đang ngồi nữa. Ngồi, có biết mình ngồi không? Nằm, có biết mình nằm không? Chưa chắc! Ngủ, có biết mình ngủ không? Kêu: "Không thầy ơi, con không biết, nãy giờ con có ngủ đâu". Quý vị thấy có nhiều người ngủ gục, nói họ, họ đâu có chịu, kêu: "Đâu có ngủ đâu, nãy giờ con không có ngủ, con nghe hết mà". Ngủ mà mình cũng không biết mình ngủ, thức hay ngủ cũng không biết.

Rồi ngủ say thì biết mình ngủ say. Cho nên sáng ra hỏi: "Tối hôm qua có ngủ ngon không, ngủ say không?" [Kêu]: "Không biết! Không biết ngủ thế nào nữa". Thế thì làm sao biết ngủ say hay không.

Có nghĩa là pháp tu này rất đơn giản, là quý vị phải quán sát được. Đây là quán thân, quán thân có hai yếu tố trong và ngoài. Ngoài là những hình tướng bên ngoài, những việc làm; còn trong là tâm mình đang chạy theo đó. Cho nên mình chỉ cần làm gì biết nấy, thì đó là quán thân trên thân, đơn giản vậy thôi.

Quý vị có làm gì biết nấy không? Thiện Trang nói, đảm bảo nhiều người nói con biết hết, nhưng thật ra không biết. Quý vị làm [mà] bị mê. Ví dụ như mình làm gì biết nấy, thì mình rất rõ ràng, rất sáng suốt, mình làm có Chánh niệm thì mới biết nấy được. Chứ còn làm một hồi, mà cuốn theo đó, ví dụ như người làm cho thật nhanh, làm ào ào, thì không bao giờ có Chánh niệm này được. Tại vì làm quá nhanh, [nên] họ bị cuốn theo.

Hoặc ví dụ như quý vị đang nói điện thoại (Thiện Trang nói giỡn là nói điện thoại đi), quý vị nói chuyện ầm ầm, một hồi quý vị sân trong đó, quý vị cố gắng nói ào ào, thì quý vị đâu biết mình đang nói đâu. Tâm của quý vị chỉ chú trọng mục đích đó thôi, quý vị quên mất là quý vị đang nói. Như vậy tôi đang nói điện thoại, mà tôi không biết tôi đang nói điện thoại, tôi chỉ biết nhắm tới mục đích đó thôi. Có rất nhiều việc trong đời như vậy.

Cho nên ăn mà cũng không biết, thậm chí có người tệ hơn nữa, là đang ăn mà nhớ người yêu, nhớ chuyện gì đó, nhớ chuyện này chuyện kia... Như vậy mình đang ăn mà đâu biết mình đang ăn, miệng nhai theo thói quen vậy thôi. Cho nên làm sao tất cả các việc làm, mình đều sáng tỏ rõ biết, đó gọi là quán thân trên thân, đơn giản vậy thôi.[Mà] muốn biết sáng tỏ thì mình phải quan sát được, chứ mình làm ào ào, hay mình mơ mơ màng màng, thì mình không quan sát được.

Cho nên ở đây, niệm Phật cũng vậy, ví dụ các hành giả Đại thừa tu niệm Phật, niệm một hồi mà cuối cùng không đưa đến kết quả này, niệm một hồi theo năm tháng thì quý vị sẽ dễ rơi vào trạng thái của bệnh hoang tưởng. Còn ai niệm đúng cách là theo thời gian năm tháng, bắt đầu sáng ra, tự nhiên như vậy.

Nhiều người đồng tu không hiểu, không tu đúng nên không hiểu. Thiện Trang tu nên Thiện Trang biết, kêu: Sao hồi xưa mình đâu có tu Tứ niệm xứ, mà mình tu một hồi, mình đọc trong Kinh Tứ Niệm Xứ thấy giống y chang. Sao lúc đó mình biết rất rõ, mình nhai từng chút cơm, mình cũng biết nữa, rõ ràng, sáng suốt lắm. Mình tu như thế, vậy mình cũng tu Tứ niệm xứ đấy thôi.

Hồi xưa niệm Phật đấy quý vị, cũng thấy vậy, rất rõ ràng, vô [tu] mà thấy rõ từng chi tiết một. Ví dụ như một chiếc lá bay, rớt nhẹ thôi, thì mình cũng nghe được. Rồi hơi thở trong tâm, thở nhè nhẹ, nhè nhẹ, mình cũng cảm nhận rất rõ từng chút từng chút như vậy, thì tự nhiên tâm mình sáng bừng lên. Do Thiện Trang có đọc kinh Nguyên thủy, Kinh Niệm Xứ bên Nikaya, nên Thiện Trang thấy: Ủa! Điều này tu một hồi cũng giống nhau đó mà, cũng đi đến đây. Cho nên Thiện Trang tin câu nói ở trên, tức là chỉ có con đường độc đạo duy nhất, đó là tu Tứ niệm xứ.

Còn nhiều người tu mà vọng quá, không biết họ thế nào, có thể là họ cầu mong Phật tới tiếp dẫn hay là họ cầu gì đó. Cầu kiểu gì một hồi mơ mơ màng màng luôn, cuối cùng họ rớt vào trạng thái không biết gì, và họ nói mà không biết nói gì luôn. Ví dụ có người lên hỏi pháp Thiện Trang, họ nói cả mười mấy phút mà họ không biết mình đang nói gì. Thật ra mình chỉ cần biết là mình đang nói gì, thì mình gom lại, mình nói có mấy câu thôi, mấy chữ thôi, một dòng thôi là đủ rồi. Còn mình nói, một hồi mơ mơ màng màng, chuyện này bắt qua chuyện kia, lung tung lang tang lên hết, thì quý vị tu quán thân trên thân không được, quý vị hiểu không ạ? Người càng Chánh niệm bao nhiêu thì họ nói càng gọn bấy nhiêu, càng đơn giản bấy nhiêu. Còn mình nói một hồi, mà người ta không hiểu gì luôn, không rõ trọng tâm, thì chứng tỏ việc quán thân này yếu.

Cho nên tu hay làm gì cũng vậy, làm gì [phải] rõ ràng. Ví dụ quý vị vô nấu ăn, quý vị làm món canh chua, gồm có: bạc hà, xắt bạc hà thì ta nhớ món bạc hà đã xắt xong; cà chua, xắt cà chua [xong] thì để qua; rồi giá, me, nước để đây. Nấu cái nào trước, cái nào sau, trình tự rõ ràng, làm [đến] đâu thì ta rõ biết từng chút, từng chút. Ta biết đang làm bước thứ nhất, ta biết đang làm bước thứ hai, ta biết làm thế này, thế này. Và tâm ta luôn luôn trụ trong đó, rõ ràng và biết từng bước, từng bước khi làm. Ta biết là lúc nãy ta bắt nồi cơm kia lên, ta đã bấm rồi. Còn có nhiều người quên, không bấm nồi cơm luôn. Bắc nồi cơm lên mà quên bấm, đó là thất niệm, đó là không có Chánh niệm. Cho nên môn quán thân trên thân này rớt.

Cho nên phải hiểu, làm sao để chính xác trong cuộc sống. Cho nên người tu Tứ niệm xứ là người luôn luôn làm việc tốt đẹp, làm cái gì ra cái đó, không có trạng thái hấp tấp, mà cũng không quá chậm chạp, vừa phải và rõ ràng, cái gì cũng rõ ràng hết. Phật pháp hay lắm! Quý vị tu được một pháp thôi là thành tựu cả thế gian lẫn xuất thế gian. Chứ không phải mình tu một hồi rồi mơ mơ màng màng, thì thôi rồi đó, là mình tu sai. Cho nên do nhiều người không học.

Tóm lại ở đoạn này, chữ màu đỏ dài vậy đó, nhưng tóm lại quý vị làm điều gì thì quý vị biết điều đó. Biết là biết rõ ràng, chứ không phải biết kiểu tập trung

vô đó rồi mê say trong đó. Không! Không phải mê say. Quý vị nên nhớ, ở đây nói có tri là biết, có kiến là thấy, có minh là sáng suốt, rồi có đạt; đạt này không có giải thích nên từ này không biết. [Đó là] con đường độc đạo, con đường nhất đạo đó.

2. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo biết rõ chính xác khi vào lúc ra (tức là khi vào khi ra)**, khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng, nghi dung chững chạc, khéo khoác tăng-già-lê và cầm bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ chính xác. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.**

Tóm lại là quý vị làm gì cũng phải rõ ràng. Chi tiết trên thì không rõ, nhưng tới đây thì bắt đầu rớt rồi, lúc ra lúc vào, quý vị có biết không? Bước ra cửa có biết bước ra cửa không? Bước ra hay bước vô rồi đây? Đóng cửa hay chưa đóng cửa cũng không biết. Rồi co duỗi có thấy không? Cúi đầu ngẩng đầu có biết không? Rồi nghi dung của mình có chững chạc không? Không biết! Ở đây là Tỳ-kheo xuất gia, cho nên khoác y tăng-già-lê, còn bây giờ mình đã mặc quần áo, mình mặc một hồi cũng không biết nữa. Rồi cầm bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng v.v... nói chung đều rõ chính xác. Phải biết rõ nha! Biết rõ, chứ không phải là tập trung vào đó mà mơ mơ màng màng, đó là Tứ niệm xứ, cực kỳ quan trọng.

3. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc, kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Điều quan trọng là điều thứ ba, mọi người học Kinh Tứ Niệm Xứ phải chú ý đến điều thứ ba này. Tầng thứ ba là khi sanh ác niệm bất thiện, thì mình phải

liền niệm điều thiện để đối trị, để đoạn trừ, để tiêu diệt, để tĩnh chỉ. Còn ví dụ này bỏ đi, mình không cần coi ví dụ, mình chỉ cần coi đoạn trên này. Vậy có làm được không? Thiện Trang nói đa số rớt điều này.

Chúng ta sanh ác niệm mà chúng ta không biết chuyển ác niệm bất thiện đúng không? Sân không biết sân, nghi cũng không biết nghi, rồi lo sợ [nữa]. Có nhiều đồng tu lo sợ quá, đó là ác niệm bất thiện. Mình không biết chỉnh thì làm sao mình tu Tứ niệm xứ được. Tứ niệm xứ là gì? Khi mình phát hiện ra những ý niệm bất thiện, không tốt, thì mình đổi liền thành điều thiện. Ở đây dạy rất rõ: Liền niệm điều thiện để đối trị, để đoạn trừ, để tiêu diệt, để tĩnh chỉ. Chỉ cần chuyển ý niệm thôi, nhưng mình không chuyển được, thì mình không tu được.

Cho nên Tứ niệm xứ nghe thì dễ, mà khó không? Khó! Khó chứ không dễ, tới tầng thứ ba này thì khó. Tầng một là làm việc gì thì biết [việc] đó, nghe thì dễ, nhưng bắt đầu biết chính xác là khó rồi đó. Rồi mấy chi tiết nhỏ như co duỗi là vi tế rồi, cúi đầu với ngẩng đầu là vi tế hơn, là bắt đầu khó phát hiện. Rồi tới ý niệm là thua luôn. Điều khó là tầng thứ ba này. Cho nên Thiện Trang thấy Kinh A Hàm này rõ ràng, hay quá mà. Các hành giả bên Nam truyền Nguyên thủy, quý vị thấy rõ ràng các chi tiết như vậy, chứ đâu có kém gì bên Nam truyền. Thậm chí Thiện Trang thấy là đoạn này hay hơn Kinh Số 10 bên kia. Cho nên Thiện Trang mới chọn bộ Kinh này để Thiện Trang chia sẻ, Thiện Trang không lấy bộ kinh kia, bộ kinh kia ngắn hơn.

Cho nên đừng tưởng là bên Bắc truyền dở, chúng ta nên học cả hai để đối chiếu, chứ đừng phân biệt quá. Nhiều người cứ phân biệt phải học theo Nikaya, chưa hẳn, bên Bắc truyền cũng có những điều hay chứ.

Như vậy là quý vị tu được điều thứ ba, điều này khó, nhớ phải làm được điều này. Khi sanh niệm ác thì quý vị nhớ chuyển lại, niệm thiện là được. Tiêu chuẩn thiện ác [chúng ta học] biết rồi, hôm bữa có bài chỉ cho tiêu chuẩn thiện ác rồi đúng không? Việc nào, ý nghĩ nào, mà gây hại cho mình hoặc gây hại cho người khác, thì là bất thiện, vậy thôi. Chỉ cần một tiêu chuẩn đó.

Ví dụ bây giờ quý vị có nỗi sợ hãi, sợ ma quá, thì quý vị thấy việc đó là thiện hay bất thiện? Lúc nãy Thiện Trang nói sợ hãi là bất thiện rồi, nhưng quý vị biết tại sao bất thiện không? Tại vì nó gây hại cho mình, sợ là đâu có tốt đâu, nên là bất thiện. Cho nên mình phải đổi liền ý niệm. Rồi mình giận tức người khác, thì đó là ý niệm bất thiện, vì sao? Vì vừa hại mình, lẫn hại người luôn. Miễn là hại một trong hai là đã bất thiện rồi. Bây giờ hại cả đôi bên thì bất thiện quá nhiều rồi, đúng không? Từ đó mình [suy] ra, nên nhớ buồn cũng là bất thiện, buồn cũng là sân, bất thiện.

Cho nên chúng ta học Tâm sở thiện để làm gì? Để cuối cùng mình đẩy hết qua điều thiện. Mình nhận thấy điều bất thiện rồi, thì mình đẩy qua thiện hết. Cho nên không học Tâm sở mà đòi tu Tứ niệm xứ. Xin lỗi quý vị! Không có chuyện đó. Quý vị tu chỉ ở ngoài da thôi, quý vị không thể tu trong cốt lõi được, không thể tu trong xương tủy được. Nên phải học từ Tâm sở, nắm cho được 52 món Tâm sở của bên A Tỳ Đàm, nhớ bất thiện là thế nào, thiện là thế nào, mình so được thì mình mới quán được tâm mình thiện hay bất thiện. Chứ tới đây mà mình không biết ý niệm thiện ác, điều nào là thiện, điều nào là bất thiện, thì làm sao mình chạy qua hay chạy lại, [làm] sao mình đổi được.

Bây giờ tu làm sao? Quý vị tu cả đời, quý vị cũng tưởng là mình đang tu tốt Tứ niệm xứ, nhưng ai ngờ mình khởi lên một ý nghĩ: "Bữa nay con không tu được Tứ niệm xứ, bữa nay tâm con bất an quá, tâm con tán loạn quá". Vừa mới nghĩ như vậy đã là bất thiện rồi. Tự ti, trách móc là Tâm sở Sân đó, là đã bất thiện rồi. Cho nên đâu có được đâu. Cho nên khi vừa nghĩ vậy là mình nghĩ: Không được! Mình không được nghĩ như thế. Mình phải nhớ Phật ngay, Phật có 10 công đức này: Như Lai là bậc như thế nào, Chánh Biến Tri là thế nào, Minh Hạnh Túc là thế nào, Thiện Thệ là thế nào, Thế Gian Giải là thế nào. Từ đó chuyển sang niệm Phật, dùng pháp đó để đối trị, thì pháp đó là thiện niệm.

Mình học nhiều để làm gì? Bữa nay học, nhớ đến thầy Thiện Trang giảng về các giấc mơ, nguyên nhân của các giấc mơ, thì mình nhớ tới đó, quên ý niệm kia đi, thì đó là thiện. Học nhiều để vận dụng, chứ không phải học để đó. Quý vị nhớ

giùm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm An-ban, niệm Chỉ tức, những niệm đó đều là niệm thiện cả, mình có thể tu. Chứ mình học để làm gì mà không xài. Nhiều người học rồi bỏ xó đó, đến khi gặp chuyện thì cũng [mang] vốn thế gian của mình ra xài, như vậy thì quý vị [tu] không có hiệu quả.

Cho nên tu Tứ niệm xứ nghe thì dễ, nhưng tu không được. Hôm nay nghe rồi đó, tu được rồi đó. Không ai chỉ cho mình thôi, chứ chỉ là tu được. Nên cứ suốt ngày tâm thường trụ trong pháp xuất thế, nhớ Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Bất cứ điều nào mà khởi lên những bất thiện, thì ngay lập tức đổi thành thiện. Thiện là thế nào, thì chúng ta đã học, nên cố gắng học Tâm sở nha. Nhiều người không học Tâm sở thì không biết tu đâu, tu một hồi đi đâu, không có hiệu quả.

Đó là về điều thứ nhất về quán thân. Trong phần gọi là Chánh niệm Chánh tri, đây là đề mục của ngài Tuệ Sỹ đặt.

2. Sổ tức (mấy dòng chữ này là do ngài Tuệ Sỹ đặt, chứ không phải là trong kinh có).

1. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập. Cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ.

Đoạn này thì cũng giống vậy, nói thêm thôi, mình phải rõ ràng hơi thở. [Về] pháp này, quý vị thấy cũng bình thường thôi, nói chung là mình quan sát được cử chỉ của miệng mình.

2. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra. Thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài. Thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thân hành tĩnh chỉ thở vào, học khẩu hành tĩnh chỉ

thở ra. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Đoạn [chữ màu đỏ] này quan trọng, chúng ta chỉ cần làm đoạn đó thôi. Điều này khó hơn đúng không? Quý vị niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào. Có ai biết hơi thở vào hay hơi thở ra không? Dài ngắn, có biết không? Hay là mê? Đa số chúng ta mê đúng không quý vị? Thở cũng đâu biết lúc nào thở đâu. Cho nên nói tu Tứ niệm xứ dễ, ai nói dễ? Dễ là mình tu mấy điều trên, nhưng xuống dưới này thì bắt đầu khó rồi. Thiện Trang thấy khó chứ không phải dễ, tức là mình làm sao quan sát được. Quý vị mà quan sát điều này, thì làm gì quý vị chạy theo vọng niệm được. Quý vị thở, một hồi còn không biết là mình thở được mấy lần nữa đúng không? Khó lắm! Cho nên coi vậy chứ cũng khó, mình không thể để ý được. Để ý như tầng trên thì đã hiệu quả rồi, mà quý vị càng để ý vi tế bao nhiêu, thì càng hiệu quả bấy nhiêu.

Hồi xưa Thiện Trang có những lần nhập thất hay tu gì đó, là Thiện Trang thấy được điều này, còn bình thường ra ngoài thì không thấy được hơi thở. Khi mình nhập thất thì lắng tâm được, thì mình thấy đúng là hơi thở ra vào, dài ngắn rõ ràng lắm. Hồi đó Thiện Trang kêu: mình tu pháp niệm Phật mà sao giống Tứ niệm xứ vậy. Tu Tứ niệm xứ cũng tới đây. Cho nên Thiện Trang tin những điều trong kinh dạy.

Thật ra mình chỉ cần hành trì đúng thôi. Những hành giả tu niệm Phật, thông thường tu tới đó thì người ta tự biết. Có nhiều người không biết, không tu tới đó thì người ta sợ, người ta nghĩ, rồi người ta cầu bên ngoài, cho nên vọng, thành ra bệnh. Nhiều người bị bệnh là do mình tu không đúng cách. Cho nên tu làm sao để tâm sáng suốt, để thấy được những vi tế. Hơi thở là rất vi tế đó quý vị.

3. Bốn thiền

1. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục, nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do

ly dục, không đâu không có (tình huống này giống như Sơ thiền, cho nên ngài để là Bốn thiền là đúng rồi). **Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.**

Thật ra đoạn này giống với Sơ thiền. Quý vị chỉ cần nhớ khái niệm tả về Sơ thiền như thế nào, thì đoạn này giống vậy. Cho nên chúng ta không cần quan tâm nhiều, chúng ta chỉ cần quan tâm đoan trên, nên Thiện Trang không tô đỏ đoạn này. Nếu quý vị đắc Sơ thiền thì sẽ thấy điều này, chúng ta đã học rồi.

2. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có (đoạn này giống trạng thái của đắc Nhị thiền)**. Cũng như suối trên núi, trong sạch không dơ, tràn đây, tràn ngập. Nước từ bốn phương chảy đến không sao đổ vào được, mà chính từ đáy suối, nước tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, hỷ lạc do định không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.**

3. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc sanh do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể lạc

do ly hỷ không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

4. Lại nữa, Tỳ-kheo nào quán thân như thân; Tỳ-kheo ở trong thân này được biến mãn với tâm ý thanh tịnh, tỏ rõ, thành tựu an trụ; ở trong thân này tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, thì khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không đâu biến mãn. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

4. Quang minh tưởng

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; là Tỳ-kheo niệm quang minh tưởng, khéo thọ khéo trì, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tự quang minh, không khi nào còn bị bóng tối che lấp. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Đoạn này nói tưởng về ánh sáng, nghĩ là có ánh sáng, mà nghĩ thế nào? Là đằng trước đằng sau gì cũng vậy, ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Điều này là thêm thôi, quý vị tu được thì tu. Tại vì đoạn này, Thiện Trang thấy bên kinh kia không chú trọng điều này lắm, cho nên Thiện Trang không tô đỏ.

5. Quán nội thân

1. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân (chúng ta coi dòng đỏ này)**; Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán** (tức là mình phải tu quán)**, khéo nhớ điều niệm** (mình niệm đề mục gì thì mình phải nhớ. Ví dụ mình niệm Phật thì mình phải nhớ)**, như người ngồi quán sát kẻ nằm, rồi nằm quán sát kẻ ngồi** (tức

là mình phải tu quán. Bây giờ tới tu quán rồi, tu quán thì cũng thuộc về quán Tứ niệm xứ. Mình tu đề mục nào thì mình phải nhớ, phải giữ và nhớ được tướng trạng đó. Còn nếu mình quên, là thất niệm, thì không được. Cho nên mình tu [pháp] gì đó, như niệm Phật v.v... thì cũng được tính là tu quán. Điều này thì rộng hơn bên Kinh Nikaya). **Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.**

2. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân (đây là quán thân bất tịnh)**; Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh, 'trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu'. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, 'đây là hạt lúa, hạt gạo, kia là hạt cải, cỏ, rau'; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh: 'Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.**

Như vậy thì cũng là tu Tứ niệm xứ. Tức là chỗ này nói về tu quán 32 thể trược. Quý vị nhớ trong đề mục tu Chỉ, có chỗ tu quán về thể trượt (thân thể bất tịnh), thì ở đây y chang như vậy. Nói tóm lại là mình tu điều gì thì mình biết điều đó, [nhưng] những điều này rộng hơn. Còn không thì quý vị cứ tu được như trên này thôi, quan trọng là quý vị nhớ được đoạn trên, đoạn quán thân ở [phần Chánh niệm chánh tri] (1,2,3) cho đến phần quán [Sổ tức] (quán hơi thở). Còn mấy điều

dưới này quý vị nhớ được thì tốt, nếu không nhớ được thì thôi. Đó cũng là mấy đề mục tu Thiền chỉ, thì mình có hết rồi. Cho nên đừng có lo là sao bài này dài dữ vậy. Quý vị nhớ mấy phần ở trên thôi.

6. Bốn giới

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán sát giới trong thân rằng: 'Trong thân này của ta có Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới, Không giới, Thức giới' (có nghĩa là Đất, Nước, Gió, Lửa, và thêm Không là chỗ khoảng trống trong cơ thể; còn Thức là sự biết trong thân thể, sự biết của mình đó)**. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn; cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng 'trong thân này của ta có Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới, Không giới, Thức giới'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.**

Đó cũng là một cách tu. Ở đây nói về cách tu Tứ niệm xứ dựa trên quán về Bốn phân biệt. Trong đề mục tu Thiền chỉ, quý vị còn nhớ không? [Pháp quán] này cũng nằm trong đó. Cho nên học một hồi rồi cũng giống nhau. Mình nghĩ là ở trong thân ta có tính chất của Đất, Đất là những gì cứng chắc. Trong thân ta có những gì là nước, thì đó gọi là Thủy giới. Rồi chỗ nào mà có hơi ấm, (có năng lượng), thì đó là Hỏa giới. Rồi những gì mà di chuyển v.v... đó là Phong giới. Chỗ nào có khoảng trống thì gọi là Không giới. Rồi chỗ nào mà biết, như những dây thần kinh truyền đó, thì gọi là Thức giới.

Những cách đó cũng là cách quán. Mình biết như vậy thì sâu hơn. Còn không thì mình cứ tu giống như trên kia đi, bên kinh kia hoặc là nhiều chỗ khác cũng chỉ dạy bốn pháp tu ở trên thôi, chứ không tu nhiều như vậy. Ở đây thì nói rộng quá, rộng quá thì khó tu.

Tiếp theo là quán xác chết:

7. Quán ngoại thân

1. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu, hay đã được chôn lấp, đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Tu như vậy cũng gọi là tu quán thân trên thân, đây cũng nằm trong đề mục tu Thiền chỉ. Cho nên quay qua quay lại rồi cũng tu bấy nhiêu đó, tu một hồi cũng có bấy nhiêu đó. Mà quý vị tu thành tựu là được.

2. Lại nữa,Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, rữa nát gần hết, xương vải khắp đất. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi', Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Mình tu như vậy cũng được. Mình tưởng tượng sau này chết, cho nên đấy là quán bất tịnh để trừ tham, trước sau gì cũng chết, cũng bị chôn trong nghĩa địa v.v... thân thể nát rửa, tưởng tượng như vậy. Hoặc là đưa vào lò thiêu, cuối cùng còn lại cái sọ, hoặc là không còn gì hết, nát bấy ra hết. Mình quán như vậy, rồi quán thân mình cũng vậy thôi, thì tự nhiên mình sẽ buông được. Cách quán đó cũng là một cách quán, và đó là đề mục cũng tu Thiền chỉ.

3. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da, thịt, máu, huyết tiêu cả, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi'.

Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Quý vị cũng nghĩ như vậy. Bây giờ vô nghĩa địa chắc không thấy cảnh này, tại Việt Nam không có đâu, nhưng Thiện Trang chỉ cho quý vị cách để quán bất tịnh này, là quán thân thể bầm chết v.v... Quý vị ra ngoài chợ, thấy thịt heo, thịt bò người ta làm đó, mình nhìn thấy đó mình tưởng tượng: mình chết rồi cũng tan nát vậy đó. Hoặc là mai mốt, nếu không tu tốt thì cũng đầu thai thành mấy con heo, con gì đó, người ta giết rồi bỏ ra đó, ghê lắm. Đó là quán Vô thường, quán thân thể, thì tự nhiên hết tham, hết sân, hết si. Sợ lắm! Quý vị nghĩ như vậy thì quý vị ớn.

Quý vị đừng có nghĩ mấy con đó là mấy con đó, quý vị phải nghĩ mai mốt ta luân hồi thì cũng như vậy, bị người ta đem ra lò mổ, rồi bị đem ra bán ở giữa chợ, họ rao: thịt đùi, thịt gì đó, đủ thứ. Ghê quá! Hay là thấy con cá nằm đó, nó chết ghê như thế nào, nó giãy giãy đó. Cho nên đâu cần phải quán ở đâu, toàn thấy suốt ngày đó mà. Quý vị thấy như vậy thì quý vị tu mau đắc đạo lắm. Đó là quán Vô thường đấy, mình học như vậy.

4. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng trong nghĩa địa thấy xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Nếu quý vị thấy thì quán như vậy. Còn bây giờ không thấy thì quý vị cứ ra chợ, ở chợ thấy cảnh họ chém sành sạch đó, mình cứ nghĩ mai mốt mình mà đọa vào loài súc sanh thì cũng bị họ chém, họ làm thịt v.v... đủ thứ, ghê lắm. Ở Việt

Nam thì mình thấy rõ ràng hơn. Còn ở phương Tây thì người ta giết, họ giấu lò sát sanh ở đâu đó, xa vùng dân cư nên không thấy. Đến khi họ đem thịt tới thì cũng thấy một phần thôi, chứ không thấy đầu con này, đầu con kia. Cho nên người ta dễ ăn hơn, nên khó quán hơn. Dễ ăn tức là người ta ăn dễ hơn.

Còn ở Việt Nam mình thấy vậy ghê quá, đi ra mà thấy treo đầu heo hay đầu bò thôi là ớn, hết dám ăn. Hoặc là đi vô mấy đám cưới mà có món tôm nhảy, tâm hấp gì đó, thấy chúng nhảy cạch, cạch, cạch thì không thể nào ăn được hết. Quý vị nghĩ mai mốt mình vô [loài đó], họ cho chút bia vô, đun nóng lên từ từ, rồi mình cũng nhảy cạch cạch thế nào đó. Quý vị nghĩ như vậy thì tự nhiên quý vị tu tinh tấn. Đó là những pháp quán mà mình nên quán, quán Vô thường.

5. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bể vụn. Quán rồi tự so sánh: 'Thân ta rồi cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân; quán thân trên ngoại thân; lập niệm trên thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân.

Đề mục này chính là quán bất tịnh trong 40 đề mục tu Thiền chỉ. Quý vị đem những pháp quán này ra tu thì cũng tương tự như vậy.

Có đồng tu hỏi: "Làm sao để quán như thế?" Thiện Trang nói thời nay khó quán, tại vì không thấy thật. Muốn thấy thì lên coi tivi thôi, nhưng trong kinh thì tả như thế này.

Đó là mới quán thân thôi, bây giờ là quán thọ, tâm, pháp. Ở đây chia ra:

II. QUÁN THỌ-TÂM-PHÁP

1. Quán thọ

Thế nào gọi là niệm xứ quán thọ như thọ? (Bên kinh kia thì nói là quán thọ trên thọ. Đoạn này hơi dài, không biết quý vị còn đủ khả năng nghe không, hay là nghe nhiều quá nhức đầu rồi. Đó mới quán thân thôi, bây giờ là quán thọ. Nhưng thật ra quán thọ này cũng không khó, quý vị chịu khó nghe cho hết luôn bài Tứ niệm xứ này) **Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không khổ không lạc khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, quán thọ nơi nội thọ, quán thọ nơi ngoại thọ, lập niệm ở thọ, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thọ như thọ.**

Tóm lại thế này thôi, quý vị đang vui thì quý vị biết đang cảm nhận vui. Quý vị đang cảm nhận thấy khổ, như khó chịu, thì quý vị biết đang ở trong khổ. Quý vị không có cảm nhận khổ hay không vui gì hết, bình thường, thì cảm thấy mình đang bình thường.

Rồi về thân thì mình cũng cảm giác như vậy. Ví dụ mình thấy thân đang đau thì mình biết thân đang đau, thân đang cảm thấy thoải mái, dễ chịu, sướng quá, thì biết cảm thấy dễ chịu, sướng quá. Rồi nếu như bình thường, trơ trơ, không có gì hết, giống như chúng ta đi tắm, nhiều người đi tắm thì thấy đã quá, nước mát quá, nước mát quá. Hoặc có người nói nước ấm quá, nước ấm quá. Ngay lúc đó mình cảm giác: À! Thân mình đang cảm giác mát quá, đang cảm giác ấm quá, đang cảm giác sướng đây, đang cảm giác gì đấy. Có người thì thấy lạnh quá, lạnh quá, [thì mình biết]: À! thân mình đang cảm giác khổ đây. Còn vô xối

nước xong mà thấy trơ trơ, không có cảm giác gì hết, giống như bình thường, thì mình kêu: À! Thân mình đang cảm thọ bình thường.

Tâm thì cũng tương tự như vậy. Ví dụ người ta nói một câu, thì mình thấy: Ôi! Khổ quá! Người ta nói xấu mình. Đó là mình cảm nhận ngay: tâm ta đang thọ khổ. Rồi nghe người ta khen, mình thấy vui chẳng hạn, đó là tâm ta đang thọ vui. Rồi người ta nói mà mình trơ trơ, không có cảm giác gì hết, đó là tâm đang cảm thọ không lạc không khổ.

Rồi khi ăn cũng vậy, cảm nhận ăn ngon tức là ta đang cảm giác lạc đó. Đang ăn mà cảm thấy sao món ăn đắng nghét, hay là mặn quá, thì mình biết mình đang cảm giác khổ đó. Rồi cảm giác không lạc không khổ, tức là ăn món ăn này thấy bình thường, ngày nào cũng vậy thôi, có gì đâu. Mình phải cảm giác được như vậy, thì mới gọi là tu quán thân, thọ, tâm, pháp được. Rồi khi không ăn thì cảm thấy sướng, bởi vì khỏi phải ăn, khỏe quá. Đó là cảm giác lạc khi không ăn. Rồi có khi ăn thì cảm giác vui, bởi vì ăn thấy đã mà, nên vui. Nhưng có khi không ăn, đói quá nên khổ, thì cảm giác ta đang khổ, cảm giác khổ khi đói, tức là không được ăn, v.v… Hoặc thấy người ta dọn ra món ăn ngon quá mà mình không ăn được, [vì] mình đã thọ giới không ăn phi thời rồi, cho nên là cảm giác khổ khi không được ăn. Rồi thọ giới không ăn phi thời lâu ngày, nên người ta dọn ra ăn, mà mình cũng thấy trơ trơ, những món đó không liên quan đến mình, mình cũng chả thích, nên họ ăn trước mặt mình cũng vậy thôi. Đó là cảm giác không lạc không khổ khi không ăn.

Rồi dục là sự [mong] muốn. Muốn mà không được cho nên khổ, muốn mà được cho nên sướng. Cảm giác như thế nào thì mình biết ngay cảm giác đó. Rồi có khi cảm giác không có dục thì mình trơ trơ, không muốn gì hết, đó là không khổ không lạc. Mình biết như vậy tức là luôn luôn biết được cảm nhận của mình, cảm nhận của mình chạy như thế nào là mình biết ngay. Đó là tu Tứ niệm xứ. Chứ không phải tu Tứ niệm xứ một hồi mà mơ mơ màng màng, không biết gì hết, thì đó không phải tu Tứ niệm xứ.

Cho nên Thiện Trang nói, nhiều người học Tứ niệm xứ thôi đã học không

xong rồi, thì làm sao mà tu. Rồi suốt ngày nói mình tu, nào là Kiến tánh, tu Tứ niệm xứ... Có nhiều người giảng Kiến tánh hay lắm, nhưng thực tế họ không nắm được điều này. Nếu nắm được điều này thì mới tu Kiến tánh được. Chưa làm [xong] lớp Tiểu học mà đòi vô Kiến tánh. Quý vị không làm được tiêu chuẩn. [Quý vị] tu điều này là có Chánh niệm, thì mới ra khỏi sanh tử được. Chánh niệm là gì? Chánh niệm là quý vị rõ biết việc đang làm, đang cảm thọ như thế, tôi cảm thọ rất rõ. Và khi mà quý vị biết thì quý vị điều chỉnh nhanh lắm. Còn quý vị không biết thì mới chạy theo nó.

Ví dụ người nào có nỗi sợ ma, đi qua nghĩa địa thấy sợ ma, thì quý vị biết ngay tâm ta đang sợ, cảm giác là cảm giác khổ. Vậy thì chúng ta phải biết liền, biết liền thì nó dừng ngay. Còn không biết thì tiếp tục sợ, chạy cho nhanh thôi, coi xem có ai không để đi chung v.v… đủ các kiểu. Đó là mình tiếp tục sợ, và tâm mình không biết. Cho nên quán thọ, tâm, pháp không được. Quý vị thấy không? Mới có quán thọ thôi mà rớt mất rồi.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thọ như thọ như vậy, gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

Thấy chưa? Bao nhiêu người học đúng Tứ niệm xứ này? Nhiều người học không đúng nên tu không được.

2. Quán tâm

Thế nào gọi là niệm xứ quán tâm như tâm? Như vậy chúng ta mới [học] quán thân, thọ rồi, bây giờ là [quán] tâm. **Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có ô uế hay không ô uế, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn; tụ hay không tụ, định hay không định, giải thoát hay không giải thoát. Cũng như vậy, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát; có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán tâm nơi nội tâm, lập niệm ở tâm, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như**

vậy là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

Quý vị thấy không ạ? Đơn giản thôi! Bây giờ biết tâm có tham không? Biết tâm không có tham không? Không biết! Có sân không? Biết không sân không? Không biết! Làm sao biết? Có học Tâm sở đâu mà biết. Phải học Tâm sở thì mới biết được. Thế nào là tâm sân? Cứ nghĩ sân là với người, không ngờ có sân với mình nữa. Sân với mình là gì? Buồn là sân, tủi là sân, không hài lòng với mình cũng là sân, hối hận cũng là sân, cái gì cũng là sân hết. Cho nên không học làm sao mà tu được Tứ niệm xứ, có biết sân đâu. Biết tham không? Thế nào là Tham? Học chưa? Không sao, bữa sau mình sẽ học tới Tâm sở Không tham, Không sân nữa, nên mình sẽ biết lại.

Tóm lại là mình đã học về [Tâm sở] Sân rồi, còn Tham, Si thì mình [cũng sẽ] học. Si có biết si không? Thế nào là Si? Nhiều người kêu: Si là không biết gì. Không phải. Định nghĩa Si là đối nghịch lại với không si. Không si là quý vị phải biết giáo lý của Phật, quý vị có những Tà kiến là si đó. Ví dụ như mình biết là có nhân có quả, có luân hồi, có cha có mẹ, có nghiệp, có nghiệp báo của nghiệp, có bậc A-la-hán tu chứng ở đời, có loài hóa sanh v.v… Mình tin những điều đó, mình tin [có] nghiệp báo. Đó là không si. Còn bây giờ mình đâu có tin đâu, không tin thì mình si. Cho nên si của mình nhiều lắm, mà mình đâu biết là mình si. Mình tưởng là mình đang không si, ai ngờ mình si. Vậy thì làm sao tu Tứ niệm xứ được, mới quán tâm là [đã] rớt rồi đó.

Có những điều khác nữa, định hay không định, mình cũng không biết nữa, làm sao biết định hay không định. Có giải thoát hay không giải thoát, cũng không biết. Đâu có học định là gì đâu mà biết. [Về giải thoát], thì mình biết chắc chắn là mình không có giải thoát rồi đó. Thật ra có những giải thoát trong sát-na, trong giây phút nào đó có, nhiều khi mình biết hay không biết. Vấn đề là phải học đủ rồi mới tu Tứ niệm xứ được. Chứ cắm đầu cắm cổ vô tu, thì khẳng định với quý vị là tu tà thôi.

Cho nên nhiều người không học kinh tạng, cứ vô nghe thầy nào đó nói sơ sơ, rồi cắm đầu vô tu, tu một hồi không biết đi về đâu. Rồi kêu tu sao không thành

đạo, tu không đắc đạo. Thật ra mình đâu có tu đúng như Phật dạy. Quý vị phải coi lại những bài này cho kỹ. Ai muốn tu muốn Tứ niệm xứ thì phải coi kỹ những bài này, toàn lời Phật mà, đâu phải lời của Thiện Trang đâu. Quý vị nhớ là lời Phật đó.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

3. Quán pháp

a. Sáu xứ

Thế nào gọi là niệm xứ quán pháp như pháp? (Tức là quán pháp trên pháp) **Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kiết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kiết thì biết đúng như thật là bên trong có kiết; bên trong thật không có kiết thì biết đúng như thật là bên trong không có kiết. Nội kiết chưa sanh, bây giờ sanh, biết đúng như thật. Nội kiết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật.**

Đây là nói về Sáu xứ (tức là Sáu căn) của mình tiếp xúc với Sáu trần, tạo ra những hiện tượng. Ví dụ mắt thấy cảnh, gọi là mắt duyên với sắc, thì sanh nội kiết. Nội kiết là sanh ra những Phiền não, ví dụ như tham, thấy hình đẹp quá nên thích nhìn. Đó là tham sanh. Mình có biết điều đó không? Biết thì được, biết đúng như thật như vậy là ok. Biết nó sanh rồi, mình biết nên mình diệt ngay. Ví dụ thấy cái áo đó đẹp quá, nhưng mình có một chục cái ở nhà rồi, 10 hoặc 30 cái áo, đầy tủ rồi, nên không mua nữa. Khi mắt tiếp xúc với cảnh, đã sanh ra phiền não Tham. Nhưng bằng Chánh niệm, ta đã kịp diệt trừ sự tham đó. Ta biết thật như vậy, vừa rồi ta đã sanh ý niệm tham, và kiết đó ta đã dừng, đã diệt rồi. Biết thật như vậy, gọi là quán pháp trên pháp, và nó không sanh nữa. Quý vị thấy đâu có đơn giản. Như vậy Thiện Trang đã giải được đoạn vừa rồi, rất rõ ràng.

Ở đây mở rộng ra: Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy (cũng giống như vậy thôi). [Ví dụ] như tai nghe âm thanh hay quá, đang nghe một giọng ca, hát bài nhạc gì đó. Lâu rồi Thiện Trang không nhớ bài nhạc nào, để cất lên cho

quý vị nghe một đoạn, lâu quá nên quên rồi. Giả sử mình nghe bài nhạc đó, mình thấy đã quá, kéo theo mình hát tiếp. [Rồi mình nhớ ra], kêu: Ủa! Bữa nay mình tu Bát quan Trai giới mà. Hoặc là [nhớ] mình đang tu hành, muốn ra khỏi sanh tử mà tại sao hát bài hát này. Thôi không được hát nữa. Ngay lúc đó mình phát hiện ra: À! Vậy là vừa rồi mình đã phóng dật, đã chạy theo nhạc, vừa tham vừa phóng dật. Nội kiết đó đã sanh theo duyên của tai. Và như vậy ta đã dùng pháp để diệt trừ nó, biết như vậy thì mình dừng, là hết rồi. Đó gọi là quán pháp trên pháp.

[Quý vị] có quán được như vậy không? Đa số là mê luôn, chạy một hồi là quên luôn, đâu có nhớ. Cho nên ngôn ngữ người ta nói là hãy trở về, trở về Chánh niệm. Quý vị không trở về được, vì quý vị không thấy thì làm sao quý vị trở về được. Trở về là gì? Là lúc đó quý vị chỉ cần quán sát được như vậy, là trở về Chánh niệm đó. Chánh niệm là gì? Mình thấy rõ ràng tâm như thế, và ta không bị chạy theo cảnh. Chứ không phải nói là trở về, trở về không [thôi], nói ngôn ngữ đó không đúng. Nhiều người học không tới nơi tới chốn, mà cứ nói lung tung.

Ví dụ như bây giờ Thiện Trang thấy câu nói nổi nhất trên mạng hay truyền, mà một thời các vị Pháp sư, Giảng sư từ trong nước ra đến nước ngoài hay giảng, dùng câu bốn chữ là "hiện tại lạc trú". Người ta giảng hiện tại lạc trú là an lạc trong từng phút giây, cứ an lạc trong hiện tại thôi. Có đúng như vậy không? Điều đó là nói không đúng. Tại sao? Vì không nói theo kinh. Quý vị mở trong Kinh A Hàm thôi, Kinh Nikaya cũng được. Trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, Thiện Trang nhất thời không nhớ tên kinh nào, để bữa nào đó trích cho quý vị coi. Hiện tại lạc trú là quý vị phải chứng từ Sơ thiền. Đang ở trong Sơ thiền, sáng suốt rõ biết trong Thiền, đó mới gọi là hiện tại lạc trú. Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cho đến Không vô Biên xứ, Thức vô Biên xứ, Vô sở Hữu xứ, thì mới là hiện tại lạc trú.

Còn xin lỗi! Mấy vị cứ giảng ra thành đang vui, đang yên, thì cứ an vui trong đời sống hiện tại đi, gọi là hiện tại lạc trú. Chết chưa? Đó là đoán mò ngôn ngữ mà giảng, cho nên rất nguy hiểm. Thời nay học, mà không học kinh điển thì nguy hiểm lắm. Mà từ đó truyền suốt, bao nhiêu người giảng.

Cho nên nếu Phật pháp mà không căn cứ theo kinh điển thì rất đáng sợ. Thiện Trang cảnh báo cho quý vị như vậy đó. Nhiều khi mình tin người quá, người ta khoác lên tấm áo của người xuất gia, hay khoác lên danh Hòa thượng gì đó, thì quý vị thích rồi, tin rồi. [Quý vị] quên mất là đức Phật nói phải coi, không biết người đó tu lâu hay mau, sớm hay tối, hay thế nào không biết, nổi tiếng hay không nổi tiếng mình không biết, nhưng hãy coi họ giảng có đúng theo kinh hay không. Bây giờ Kinh đầy trên mạng, khắp nơi. Kinh chánh văn của Phật [như] Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, v.v… có đó [mà] không chịu coi. Cứ theo người ta, rồi người ta dụ một hồi đi đến đâu. Nên rất là đáng thương!

Thiện Trang thấy thời hiện đại này, sao quý vị có Smartphone (điện thoại thông minh) để làm gì, có máy tính để làm gì, mà không biết tra cứu. Chúng ta hãy tra cứu, phải kiểm tra xem người đó giảng có đúng không, người ta nói có đúng không, người ta nói theo đâu. Thiện Trang luôn luôn cung cấp cho quý vị một công thức là: Khi người ta nói điều gì, thì hãy kiểm tra và hỏi lại: Có theo kinh hay không? Kinh nào? Họ tự nói, thì lời đó là của họ thôi. Còn chúng ta phải theo kinh.

Cho nên nhiều người học theo một vị thầy, rồi cứ theo người đó hoài, rồi cuối cùng mình đi về đâu? Giỏi lắm thì mình bằng người ta thôi. Còn quý vị học theo Phật thì quý vị mới hơn được. Cho nên Thiện Trang nói, Thiện Trang chỉ trích kinh thôi. Quý vị học theo kinh, mai mốt quý vị là Đệ tử của Phật, chứ không phải học theo Thiện Trang. Mai mốt quý vị học giỏi rồi, quý vị theo Phật luôn, thì càng tốt. Quý vị cứ học theo Phật, học theo kinh là ok. Còn quý vị cứ phụ thuộc người ta là khổ lắm.

Cho nên Thiện Trang phải truyền kinh, giới thiệu kinh cho quý vị, hãy cố gắng nghe. Hãy nghe nhiều đi thì tự nhiên mình sẽ có Chánh kiến. Còn không, suốt ngày nghe mà không kiểm chứng gì hết, nên cứ tin sái cổ. Rồi ngày nào đó nghe thầy Thiện Trang hay nghe một người nào đó nói ngược lại với tư tưởng đó, thì mình nổi khùng, nổi điên, sân lên [nói]: ‘Sao nói thầy tôi giảng sai, thầy tôi là Phật Bồ-tát’ v.v… Nổi khùng lên, mà quên mất rằng người ta giảng đúng chưa.

Đó là mình mặc định, mình cho như vậy thôi. Còn mình phải coi trong kinh xem có đúng với lời Phật không.

Cho nên hãy cẩn thận! Thời nay học, công nghệ hiện đại rồi chứ đâu phải thời xưa. Thậm chí quý vị lên mạng, vô trong app Nikaya Reading. Trong điện thoại hay máy tính đều có ứng dụng đó, quý vị đánh vô tìm kiếm Nikaya Reading là ra được một Đại tạng kinh ở trong điện thoại, máy tính của quý vị luôn. Quý vị vô đó là có [Kinh] Nikaya, còn [Kinh] A Hàm [thì] chưa có. Để Thiện Trang tìm thử coi, khi nào có thì đẩy vô bốn bộ A Hàm nữa, thành một cái app luôn, quý vị coi trong đó thì khỏe. Chắc sau này kiếm người nào [để] nhờ. Để Thiện Trang coi lại bộ A Hàm có gì sai sót không, nếu có sai sót thì đính chính, hiệu đính lại một chút, những chỗ không rõ thì mình sẽ làm cho rõ hơn, rồi mình đưa vô trong app, mọi người coi A Hàm, Nikaya tìm kiếm dễ lắm. Tìm cái gì, người nào giảng điều gì, lục trong đó coi có đúng không, nếu không đúng thì thôi, ta không nghe nữa. Đừng mất thời gian với những người giảng tào lao nữa.

Thời nay [học] Phật pháp thì phải [học] Chánh giáo, phải học rõ ràng, chứ không phải cứ học lung tung, rồi [học] kinh Đại thừa nữa. Chứ không, nhiều người giảng phát kiến lắm, họ giảng tùm lum tùm la. Hiện tại lạc trú là như vậy, mà họ giảng ra là trong hiện tại cứ vui đi, thì gọi là hiện tại lạc trú. Thôi thua! Kiểu đó là nguy hiểm vô cùng. Ở đây sẵn Thiện Trang nói vậy, tại thời nay thấy hơi buồn cho Phật pháp, thời Mạt pháp người học thì ít, mà người giảng thì nhiều, nên bị vậy.

Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp, sanh nội kiết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kiết thì biết đúng như thật là bên trong có kiết (kiết đây là Kiết sử, là Phiền não đó)**, bên trong không có kiết thì biết đúng như thật là bên trong không có kiết, nội kiết chưa sanh bây giờ sanh; biết đúng như thật nội kiết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán pháp nơi nội pháp, quán pháp nơi ngoại pháp, lập niệm ở pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán**

sáu xứ bên trong.

Điều này cũng giống như vậy. Có nghĩa là mình khởi lên một Phiền não nào thì mình phải biết ngay, khi biết rồi thì tất nhiên mình phải cố gắng diệt đi.

b. Năm cái

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp; Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là đang có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục. Ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật.

Tức là năm Triền cái gồm có: Ái tức là Tham dục cái, Sân nhuế cái, Nghi cái, Trạo hối cái, Thùy miên cái, năm điều này đều [được] nói hết. Cũng tương tự như vậy, nếu [Triền cái] nào sanh thì mình biết liền. Nếu nó đã sanh, và đã được đoạn trừ thì mình biết nữa, biết đúng như thật như vậy, thì đó là quán được. Đây là quán pháp trên pháp đó quý vị.

Với sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, nay đã sanh, biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật.

Tóm lại là [đối với] năm Triền cái này, quý vị biết rất rõ ràng. Tham ái Triền cái hay Tham dục Triền cái vừa sanh thì mình biết nó đã sanh rồi đó. Và ta đã diệt trừ, thì biết nó đã diệt trừ rồi. Tham rồi tới sân, biết ta đang sân, sân nổi lên rồi đó, thì mình dừng liền. Vậy thì người đó có sân nhiều không? Không sân nhiều. Còn ta sân quá trời, vì ta sân mà ta không biết ta sân. Rồi diệt trừ xong thì ta cũng biết nó đã diệt trừ rồi. Về Thùy miên, tức là biết ta hơi buồn ngủ rồi, Thùy miên đã sanh, vì hôm qua ta thiếu ngủ nên ta buồn ngủ, thì biết liền. Chứ còn [có người] ngủ gục luôn mà không biết. Và biết ta đã rửa mặt rồi cho nên hết buồn ngủ, thì được. Trạo hối là trạo cử và hối hận, đưa tâm lên. Và nghi cũng vậy, ta

biết đang có nghi, ta biết đã hết nghi v.v… thì nó không sanh lại nữa v.v…

Cho nên quán như vậy đó. Chứ không phải cứ ăn rồi tu Tứ niệm xứ, nói 'biết, biết' không [thôi], thì đó là biết quá cạn, không phải tu sâu. Cho nên tu sâu lắm, nhiều người học không tới nơi tới chốn, tu Tứ niệm xứ không đúng, cho nên không hiệu quả.

Tỳ-kheo như vậy quán pháp nơi nội pháp, quán pháp nơi ngoại pháp, lập niệm ở pháp (hay là tại pháp), **có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp**, **nghĩa là quán năm Triền cái** (phải tu như vậy).

c. Bảy giác chi

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp; Tỳ-kheo bên trong thật có Niệm giác chi thì biết đúng như thật là có Niệm giác chi; bên trong thật không có Niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có Niệm giác chi. Niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, bất thối, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả cũng giống như vậy.

Tức là nói về Bảy giác chi, điều này thì chúng ta chưa học. Thiện Trang xin chia sẻ, Bảy giác chi gồm có: Niệm giác chi, Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả. Cứ thấy từng điều sanh lên thì biết nó sanh, nó chưa sanh thì biết nó chưa sanh. Nó đã sanh rồi thì ghi nhớ, đừng để mất đi. Vì điều này quan trọng, [cho nên] tu tập làm cho nó tăng trưởng lên, biết đúng như vậy.

Cũng tương tự như vậy với Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an Giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Quý vị làm đúng như vậy thì thành công. Cho nên tu quá trời thứ, đâu phải mới vô là tu Tứ niệm xứ được, không học đủ thì làm sao tu được.

Bên trong thật có Xả giác chi thì biết đúng như thật là đang có Xả giác

chi, bên trong thật không có Xả giác chi thì biết đúng như thật là không có Xả giác chi. Xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật, Xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, bất thối, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm ở pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán Bảy giác chi (Thất giác chi).

Bảy giác chi này dài lắm. Và có bài kinh [nói về] lúc nào thì tu giác chi nào, đức Phật có nói nguyên bài kinh rất dài. Ví dụ như quý vị đang sân quá, đang cảm thấy phóng dật quá, trạo cử quá, thùy miên quá thì tu pháp nào trong Bảy giác chi này. Có chừng mấy chục trường hợp, hoặc một vài trường hợp thì mình phải coi bài đó, bài đó là những phương pháp đối trị Phiền não. Bây giờ tất nhiên chúng ta chưa có đủ thời gian, thì từ từ học, chứ học nhiều quá thì quý vị choáng. Thiện Trang nói cứ học từ từ, bộ này học vừa cả Kinh tạng vừa cả Luận tạng. Học một bộ là tu được, học tới đâu thì tu tới đó.

Chúng ta học được một thời gian qua, chúng ta tu cũng kha khá rồi đúng không quý vị? Thì cứ từ từ thôi. Cứ bình tĩnh học rồi tu, chứ đừng nôn nóng. Nôn nóng cũng là một Phiền não. Cứ từ từ, học tới đâu mình hành được tới đó thì hiệu quả. Còn nếu mình học mà cuối cùng mình không hành được, thì sự học đó chẳng có ý nghĩa gì. Nhiều người ham, thích học nhiều, nhưng học rồi không nhớ, không nhớ thì không hành được. Vậy nên cố gắng học, học làm sao cho nhớ, nhớ rồi làm thì sẽ thành tựu được.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

Mục cuối cùng này quan trọng. Quý vị thấy nãy giờ mới học hết, bây giờ quan trọng ở mục Cứu cánh này:

III. CỨU CÁNH

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào trụ Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy năm,

nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn Hữu dư.

Điều quan trọng này, [đức Phật] ấn chứng luôn, quý vị tu Tứ niệm xứ trong vòng bảy năm, thì nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí, tức là chứng A-la-hán ngay trong hiện tại, chứ không phải đợi đời sau. Nếu chưa được thì cũng chứng được A-na-hàm. [Tu] bảy năm thôi, ngon không? Quý vị nói bảy năm lâu quá, thì khỏi, đức Phật nói luôn:

Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy tháng cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn Hữu dư.

Không cần một năm đâu, quý vị tu bảy tháng là chứng được A-na-hàm. Vậy thì có chứng được không? Được chứ! Mình phải tin lời Phật chứ. Tu pháp này cũng nhanh mà, bảy tháng thôi, nhưng tu [phải] đúng như vậy. Còn hiện tại là mình đang tu mơ mơ, nên không chứng. Bảy tháng cũng dài quá, thôi khỏi cần bảy tháng, ở đây đức Phật nói nữa:

Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng (vậy là không cần tới một tháng đâu, quý vị sẽ tu nhanh hơn nữa), **nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn Hữu dư.**

Có nghĩa là nếu quý vị tu đúng, lập tâm chánh trú (#chánh trú là thực sự trú, trụ) nơi Bốn niệm xứ này, thì bảy ngày bảy đêm thôi, không cần nhiều, sẽ chứng được một trong hai quả: A-la-hán hoặc A-na-hàm. Điều này thì hồi xưa là được quảng cáo ghê lắm, kêu tu Tứ niệm xứ bảy ngày thôi, lời này trong Kinh Trung Bộ. Thiện Trang nói Kinh Trung Bộ thua Kinh A Hàm. Kinh A Hàm còn có dòng cuối nữa, dòng cuối còn đã hơn nữa.

Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai

đêm, mà chỉ cần trong một ngày một đêm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào luôn luôn trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ thì nếu buổi sáng thực hành như vậy, nhất định buổi tối liền được thăng tiến. Nếu buổi tối thực hành như vậy, nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tiến".

Có nghĩa là quý vị khỏi cần bảy ngày, lâu quá, quý vị tu một ngày thôi. Nhưng quý vị nghe cho kỹ là 'luôn luôn trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trú nơi Bốn niệm xứ', thì mới được. Bây giờ mình có luôn luôn không? Điều quan trọng là ở dòng này, chứ nhiều người kêu dễ quá. Dễ! Nhưng có phần khó là ở chỗ 'luôn luôn'. Điều này có khác gì Kinh A Di Đà nói là: **'Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật... nãi chí thất nhật'** tức là một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn.

Quý vị thấy, cho nên học đến cuối cùng rồi, các pháp tu, [như] tu niệm Phật không phải là niệm trì danh đâu, mà đời sau người ta giải sai, ăn rồi cứ trì danh. Không tới bảy ngày đâu, quý vị tu đúng niệm Phật là cũng thuộc về Tứ niệm xứ (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng), nếu niệm đúng thì quý vị niệm một ngày cho đến bảy ngày thôi. Đoạn này cũng giống vậy. Pháp môn nào cũng vậy.

Quý vị thấy Pháp môn hạnh Đầu đà cũng vậy, tu có mấy tháng, tu nửa tháng, một tháng cũng thành tựu. Pháp khác cũng vậy, pháp này cũng vậy, pháp nào cũng vậy, kinh nào cũng vậy. Quý vị tu đúng thì tu bảy ngày thôi, thậm chí tu một ngày cũng thấy thăng tiến rồi (thăng tiến là tiến lên). Vậy nên tất cả Phật pháp đều giống nhau, nhưng mình phải học Chánh kinh, mình phải hiểu. Chứ đừng nghe người ta giải Tứ niệm xứ, người ta cũng giải sai, rồi mình tu sai. Dù có học Phật giáo Nguyên thủy mà quý vị không học kinh, thì cũng vậy thôi. Nghe người khác nói lại, rồi người ta hiểu sai, người ta giảng sai, thì mình cũng tu sai.

Rồi Kinh A Di Đà nói một ngày đến bảy ngày, niệm Phật nhất tâm bất loạn, thì người đó đến lúc lâm chung tất nhiên vãng sanh rồi, khỏi nói lúc lâm chung nữa, thậm chí chứng A-la-hán tự tại đi luôn. Thật sự là vậy, nếu quý vị tu đúng niệm Phật. Cũng vậy thôi, niệm Phật là một trong các pháp để tu [Tứ] niệm xứ.

Quý vị tu các đề mục, ta thấy trong Kinh A hàm nói rõ ràng, tu như vậy là đắc được đến A-la-hán. Rồi sau này chúng ta còn có mấy pháp tu mà hôm trước Thiện Trang cũng có giới thiệu đó, có mấy điều đó, rồi sau này còn có mấy pháp nữa. Thiện Trang coi có nhiều cách tu để vào lắm, vấn đề là mình tu được hay không, vấn đề là mình tu đúng hay không. Thiện Trang xin nhắc lại một lần nữa, đúng là được, chứ không phải là mong muốn [mà được].

Đức Phật nói trong bộ Kinh Nikaya cũng có, Kinh Trung A Hàm (hay Kinh Trung Bộ) cũng có, hình như Kinh Ước Niệm hay Ước Vọng gì đó, Thiện Trang quên rồi. Có nghĩa là quý vị có ước hay không ước, quý vị mong muốn hay không mong muốn, hay vừa mong muốn vừa không mong muốn, hay là chẳng mong muốn cũng chẳng không mong muốn. Mà quý vị tu đúng và đủ là được, thì sẽ thành tựu. Còn mong muốn cho lắm mà tu sai thì cũng không [thành tựu].

Cho nên phải tu đúng pháp, mà muốn đúng pháp thì phải học theo Chánh kinh, điều gì cũng phải có căn cứ. Chứ một hồi người ta đề xướng theo ý của người ta, rồi mình cũng tu sai theo thì rất đáng thương. Cho nên kinh điển để làm gì? Bây giờ kinh điển ở trên mạng không thiếu, gõ vô kinh nào cũng có hết. Mai mốt Thiện Trang coi mấy kinh này ổn thì sẽ đưa lên mạng, đưa lên mp3 hết cho quý vị, Kinh A Hàm và Kinh Nikaya [cho] lên luôn. Thiện Trang sẽ rà lại từng chút, chứ không rà mà đưa lên thì [nhiều khi bị] lỗi, sai mất công, mang tội. Thiện Trang sẽ rà, vì Thiện Trang biết chữ Hán, nên sẽ rà hết rồi đưa lên chia sẻ cho quý vị, để quý vị coi, thì quý vị sẽ thực hành được.

Sau này nếu Thiện Trang có thời gian thì sẽ phân loại điều nào là pháp tu, điều nào là pháp hành trong đời sống. Ví dụ như cách xài tiền làm sao, cách chọn bạn làm sao v.v… những bài kinh đó mình đưa về một nhóm. Một nhóm là tu Thiền chỉ, nhóm thì tu Thiền quán, điều nào để nhận diện Thiện tri thức. Ví dụ cách nhận diện ai là A-la-hán, có phải là A-la-hán hay không, mình đưa ra mấy bài kinh đó. Như vậy thì làm sao ai lừa thiên hạ được, làm sao mình bị dụ được, còn mình học không tới thì suốt ngày mình bị dụ hoài, rất là đáng thương.

Như vậy, tu chỉ cần bảy ngày thôi, nhưng ở đây câu cuối cùng nói chỉ tu một

ngày một đêm là thăng tiến rồi.

Phật thuyết giảng như thế, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. Đừng nói là Phật thuyết, mình nghe thôi cũng thấy thích rồi, chắc chắn là hoan hỷ phụng hành.

(98. Kinh Niệm Xứ trong Kinh Trung A Hàm).

Quý vị thấy Kinh Niệm Xứ bên này với Kinh Niệm Xứ bên kia cũng tương đương.

Bữa nay hết giờ mất rồi, định giảng tiếp Tâm sở, nhưng thôi để bữa khác, quý vị nghe nhiều như vậy thì quý vị cũng choáng tai rồi. Tóm lại thật ra tu [Tứ] niệm xứ không khó, nhưng khó là duy trì được, mình giữ được, quán sát được. Quán sát được bốn điều là: Thân, thọ, tâm pháp. Nó chuyển biến thế nào mình cảm nhận được hết, mình thấy rõ, mình biết được hết thì thành công, thì người đó mới gọi là tu Tứ niệm xứ. Chứ không phải mình làm một hồi rồi mình không biết gì hết, thì không phải là tu Tứ niệm xứ.

Đặc biệt tâm là khó biết nhất, cảm nhận khó, pháp cũng khó, còn thân là dễ nhất. Cho nên người ta thường đẩy về tu quán tâm và quán pháp. Quán thọ thật ra cũng dễ, tâm đang cảm thấy khổ thì biết khổ, trời nóng quá thì biết trời đang nóng, mình đang cảm thấy thọ khổ. Trời đang mát dịu, cảm thấy dễ chịu, thì biết mình đang mát dịu thôi, thấy bình bình dễ chịu thì quán thọ dễ. Còn quán tâm và quán pháp thì cần phải học pháp mới biết [cách] quán, học Tâm sở mới quán tâm được.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi, hẹn quý vị vào hôm khác chúng ta sẽ tiếp tục gặp nhau. Hy vọng bài hôm nay không làm quý vị nổ tung cái đầu, quý vị học được.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 35

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 26.03.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=g_ELl1p_a4Y
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học bài 35 của Luận Câu Xá. Hôm nay chúng ta cũng tiếp tục học, có ba phần trong [bộ giảng] này: Một phần là kinh tạng, thứ hai là phần Luận Câu Xá, thứ ba là phần A Tỳ Đàm bên Nam truyền. Phần kinh tạng gồm có Kinh A Hàm và Kinh Nikaya, tất nhiên cũng có những kinh khác nữa, nhưng chủ yếu là Kinh A Hàm và Kinh Nikaya.

Chúng ta học thì chúng ta phải biết được, phân biệt được rất rõ quá trình tu tập. Ví dụ đức Phật nói, chúng ta tu hành thì tu hai pháp: Một là Thiền chỉ, hai là Thiền quán. Quý vị mà coi Kinh Nikaya thì sẽ xuyên suốt hơn, đức Phật nói vị Tôn giả nào hoặc vị Tỳ-kheo-ni nào, hoặc người tại gia tu Thiền quán, đề mục gì, cho nên đắc quả A-la-hán, Tam quả A-na-hàm v.v… Nói chung Thiền quán sẽ đưa đến đắc quả, chúng ta thấy rõ ràng trong kinh như vậy. Còn Thiền chỉ thì đắc năm Thắng trí (năm loại Thần thông) v.v… Chúng ta học thì chúng ta phải phân biệt [được] rõ như vậy, chứ còn không thì cứ mơ mơ màng màng, cũng không biết đường nào mà tu.

Hôm nay xin giới thiệu với quý vị bài kệ khai thị của đức Phật:

Khai Thị Về Tu Tập Của Đức Phật

593. Giới hạnh và học nhiều,
Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.

594. Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.

595. Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Với Thánh đạo tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.
(Kinh Tiểu Bộ - thuộc Tạng Nikaya).

Chúng ta thấy tuy là bài kệ này không dài, có ba bài kệ, 12 câu thôi, [nhưng] nói lên sự tu tập.

#*Giới hạnh và học nhiều*: Thứ nhất là giới hạnh và đa văn (học nhiều). Đầu tiên phải có giới hạnh, tức là phải giữ giới, rồi chúng ta phải học. Vì nếu không học nhiều thì làm sao biết mà tu. Nhiều đồng tu hiện nay sở dĩ không biết tu hành là vì thiếu sự đa văn này, thiếu sự học.

#*Như thật nghiên cứu pháp:* [tức là] phải nghiền ngẫm, phải nghiên cứu pháp, thì mới tu được. Giống như chúng ta nghe pháp, quý vị nghe xong rồi quý vị để đó, thì cũng không được hiệu quả nhiều. Quý vị phải nghe đi nghe lại, ghi chép ra những điều quan trọng, tóm tắt lại những điều quan trọng, rồi mình thực hành theo.

#*Thiền quán những sự thật:* là tu Thiền quán về Bốn thánh đế, những sự thật là Tứ thánh đế: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

#*Đây hợp Sa-môn đạo:* đây hợp với con đường của Sa-môn, là con đường ra khỏi sanh tử.

#*Tu quán trên vô thường; Tưởng vô ngã, bất tịnh*: đức Phật dạy là tu quán trên Vô thường, Vô ngã và Bất tịnh, quán tưởng đó.

#*Không ưa thích tục sự:* là không ưa thích những việc thế gian.

#*Đây hợp Sa-môn đạo:* là hợp với con đường của Sa-môn.

#*Tu tập các Giác chi; Thần túc, căn và lực; Với Thánh đạo tám ngành; Đây hợp Sa-môn đạo*: tu tập Thất giác chi (nếu hôm nay kịp thì học Thất giác chi, còn nếu không thì hôm sau chúng ta sẽ học); #Thần túc là Tứ như Ý túc; Ngũ căn và Ngũ lực (Năm căn và Năm lực); Bát thánh đạo. 37 Phẩm trợ đạo cực kỳ quan trọng. Đây là hợp với Sa-môn đạo.

Đây là lời đức Phật nói. Cho nên tu, tổng cương lĩnh thật ra là chúng ta tu đều trong 37 Phẩm trợ đạo. Bất cứ Pháp môn nào mà rời khỏi 37 Phẩm trợ đạo, thì đó không phải là Phật pháp. Nên nhớ như vậy! Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát chánh Đạo phần. Trong này thì chúng ta đã học được một ít, đó là học về Tứ niệm xứ ở bài trước. Tứ chánh cần thì dễ, không có gì, từ từ, chúng ta nhắc lại. Tứ như Ý túc có nhắc qua rồi, Ngũ căn (Ngũ quyền: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ) đã học rồi, Ngũ lực thì cũng tương tự Ngũ căn, Thất Bồ-đề phần thì chưa học, Bát thánh Đạo phần thì học rồi. Chúng ta đã học được một ít như vậy, mình học từ từ thì sẽ đủ. Mới đầu vào mà giới thiệu cho quý vị Phật pháp là như vậy, thì chúng ta dễ dàng học hơn rất nhiều.

Có đồng tu nói: "Thầy ơi! Thầy ra cả bản có file ghi nữa, con in ra, vừa nghe vừa ghi, thì học rất nhanh ạ". Thiện Trang có [đưa] ra rồi, quý vị lên trang web Dieuphap.net có file để quý vị tải. [Quý vị] vào Menu, mục Luận Câu Xá,

có file word và file pdf, hiện nay có tới bài 26 rồi, tuần này Thiện Trang sẽ đưa lên bài 27 nữa. Bây giờ chúng ta giảng bài 35, vậy chúng ta chỉ chậm có mấy bài thôi. Quý vị sẽ có cả file để quý vị tự in ra mà học. Quý vị cứ mạnh dạn lấy những cây bút tô màu, tô vào những chỗ quan trọng để hành. Hoặc quý vị có thể dùng những cái [gì đó để] đánh dấu, mình in ra giống như một bản nháp, mình dùng cho thoải mái. Đó là cách để chúng ta học.

Còn có đồng tu thắc mắc là ngày nào giảng buổi nào? Thiện Trang giảng lâu rồi, thứ Tư hầu như cố định giảng Luận Câu Xá, thứ Bảy giảng về Khoa Chú Tuyển Giảng. Thứ sáu cách tuần thì chúng ta có Học Phật Vấn Đáp. Thứ Hai có một số đồng tu báo cáo lớp học, thì Thiện Trang có trả lời câu hỏi trong khoảng một tiếng cuối cùng của lớp học thứ Hai. Thời gian hầu như cố định như vậy rồi, cứ 20h tối giờ Việt Nam, quý vị không cần phải thắc mắc.

Bây giờ là ban đêm ở Việt Nam, nên dễ buồn ngủ. Để khỏi buồn ngủ, Thiện Trang xin giới thiệu một câu chuyện hay một vấn đề nào đó, thay đổi không khí cho đỡ căng thẳng, mới vô mà Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Thất giác chi, Bát chánh đạo [thì] khó quá, [mình học] nhẹ nhàng thôi.

Thiện Trang xin giới thiệu một vấn đề:

Vợ Chồng Là Tiên Hay Là Đê Tiện

Đây là nói trong kinh. Chỗ này quý vị có gia đình thì quý vị coi, bộ kinh này cũng hay lắm.

Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Madhurā và Verañjā. Và nhiều nam gia chủ và nữ gia chủ cũng đang đi trên con đường giữa Madhurā và Verañjā. Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới một gốc cây, trên chỗ đã được sửa soạn. Các nam gia chủ và nữ gia chủ thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ đang ngồi một bên:

Vào thời xưa, quý vị thấy hình ảnh này khá quen thuộc đúng không? Đức Phật đi ở ngoài đường, gặp nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ (nam gia chủ và nữ gia chủ, tức là vợ chồng), họ đến gặp đức Phật. Đức Phật ngồi nghỉ bên đường, ngồi dưới gốc cây để họ tới thỉnh pháp, họ nghe pháp. Quý vị thấy thời nay hình ảnh [này] cũng được tái hiện lại, rất quen thuộc. Hồi xưa chúng ta thấy xa lạ, nhưng bây giờ thấy quen thuộc. Rất giống! Đức Thế Tôn ngồi bên gốc cây và những người vợ chồng tới hỏi. Bây giờ đức Phật hỏi họ, chúng ta coi đức Phật thuyết pháp như thế nào?

- Này các Gia chủ, có bốn loại sống chung này. Thế nào là bốn?

Này các Gia chủ, có bốn loại sống chung, tức là vợ chồng sống chung với nhau có bốn loại. Thế nào là bốn? Đức Phật đưa ra. Lâu lâu giảng bài thấp thôi, chia sẻ về vợ chồng. Cho nên ngay trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya có những vấn đề giảng rất đầy đủ, cần gì phải học Đệ Tử Quy của nhà Nho làm chi cho mệt. Học ở trong này còn đầy đủ hơn, rất chính xác, vì đức Thế Tôn giảng lúc nào cũng chính xác hết. Bây giờ coi bốn hạng người sống chung là thế nào?

Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ. Đê tiện nam sống chung với Thiên nữ. Thiên nam sống chung với đê tiện nữ. Thiên nam sống chung với Thiên nữ.

Tức là có nam nữ, chia đôi. Nam thì có Thiên nam và đê tiện nam; [Nữ thì có] Thiên nữ và đê tiện nữ. Bây giờ hai vợ chồng sống với nhau là ai? Vậy thì có bốn trường hợp xảy ra: Một là Thiên nam sống với đê tiện nữ; hoặc Thiên nam sống với Thiên nữ; hoặc đê tiện nam sống với Thiên nữ; hoặc đê tiện nam sống đê tiện nữ. Đó là bốn hạng.

[Đối với] Vợ chồng, đức Phật nói như vậy, quý vị nghe hơi sốc. Nhưng thật sự đức Phật luôn luôn nói sự thật. Điều này khác với Đệ Tử Quy, lúc nào cũng nói kiểu gì đó. Đức Phật luôn nói sự thật. Quý vị là vợ chồng thì coi mình xếp vào hạng nào trong bốn hạng đó. Quý vị thứ đoán thử xem mình là hạng nào? Thiên nam sống với Thiên nữ, hay Thiên nam sống với đê tiện nữ, hay

đê tiện nam sống với đê tiện nữ, hay đê tiện nam sống với Thiên nữ. Coi thử mình rơi vào trường hợp nào. Đức Phật giảng tiếp, cũng hay đó:

Và này các Gia chủ, thế nào là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ? Đây là trường hợp tệ nhất, hai đê tiện sống chung với nhau đó.

Ở đây, này các Gia chủ, người chồng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, tánh ác, sống ở gia đình với một tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, tánh ác, sống ở gia đình với một tâm bị cấu uế xan tham chi phối. Như vậy, này các Gia chủ là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ.

Ý đức Phật nói: mặc dù vợ chồng sống chung với nhau, nhưng ở đây nếu người chồng sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, làm những việc ác, sống trong gia đình mà tâm tham chi phối, hay mắng nhiếc chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn (mắng nhiếc chửi rủa những người tu hành). Người vợ cũng y chang như vậy. Đó là đê tiện nam sống với đê tiện nữ. Đức Phật nói vậy.

[Quý vị] kiểm tra xem có giống mình không? Mình chắc không đến nỗi nào, chắc không phải là đê tiện nữ rồi. Vì dù sao mình cũng không đến nỗi sát sanh cỡ đó, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không làm những việc xấu ác, tâm không có tham, không có mắng chửi rủa những Sa-môn, Bà-la-môn, v.v…

Thời nay có những người như vậy. Thực sự có! [Họ] chửi những người tu hành v.v… Ở nhà chẳng có tu gì hết, mà lên chửi ghê gớm lắm. Chửi những người tu hành, làm đủ các trò v.v... Cả [hai] vợ chồng như vậy thì xứng lứa vừa đôi, đó là đê tiện nam sống với đê tiện nữ. Đây là lời đức Phật nói, chứ không

phải Thiện Trang nói. Như vậy chắc mình không rơi vào đây, nhưng ở thế gian có trường hợp đó.

Và này các Gia chủ, thế nào là đê tiện nam sống chung với Thiên nữ? Người nam thì tệ, nhưng người nữ thì tốt.

Ở đây, này gia chủ, người chồng sát sanh... (nói chung giống như trên: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, v.v...) **nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn** (người chồng giống như trên)**. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình không với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, không có nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Gia chủ, là đê tiện nam sống chung với Thiên nữ.**

Chắc trường hợp này nhiều đúng không quý vị? Đó là vợ tu, còn chồng không tu. Chồng thì ghê gớm lắm (ở đây không phải là phá giới, vì đâu có giới đâu mà phá giới), nào là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, làm những việc ác giới (là làm những việc ác), có tánh ác, sống trong gia đình có tâm tham, mắng nhiếc chửi rủa những người tu hành. Còn người nữ thì ngược lại, không có sát sanh, không có trộm cắp, không có tà dâm, không có nói dối, không có uống rượu, có giới (giữ Ngũ giới, Bát quan Trai giới), tính thiện lành, không có tham, không chửi rủa những người tu hành. Như vậy quý vị là Thiên nữ, và quý vị sống với đê tiện nam.

Trường hợp này ngày nay phổ biến, người nữ tu hành đông. Nhưng chưa chắc đâu quý vị, Thiện Trang thấy có người nữ tu hành cũng chửi ghê lắm, chửi những người tu hành luôn. Cho nên [những người đó] cũng không xếp vào đây được.

Đó là trường hợp thứ hai, trường hợp này chắc thời nay nhiều.

Và này các Gia chủ, thế nào là Thiên nam sống chung với một đê tiện nữ? Bây giờ là Thiên nam sống chung với đê tiện nữ. Điều này chúng ta cũng tự đoán ra. Ở đây đức Phật nói tắt thôi.

Ở đây, này các gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng người vợ là người sát sanh, lấy của không cho... nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Gia chủ là Thiên nam sống chung với đê tiện nữ.

Trường hợp này thì ngược lại. Có nghĩa là người chồng thì tu hành, nhưng người vợ không tu, thậm chí còn [làm những việc] như thế. Đúng là Thiên nam sống với đê tiện nữ. Cho nên ông chồng nào mà tu, còn bà vợ không tu, thì rơi vào trường hợp này.

Và này các Gia chủ, thế nào là Thiên nam sống chung với Thiên nữ?

Ở đây, này các Gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh... không nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn, và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh... không nhiếc mắng chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn.

Này các Gia chủ, có bốn loại chung sống này.

Đức Phật đã nói đủ bốn trường hợp. Trường hợp này thì tốt, cả vợ chồng đều tu thì tốt. Như vậy mới gọi là Thiên nam sống chung với Thiên nữ. Mình không có được như vậy. Quý vị thấy ai mà rơi vào trường hợp [thứ] tư là may mắn.

Đức Phật đúc kết một bài kệ:

Cả hai là ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Cặp vợ và chồng ấy,
Đê tiện sống đê tiện.
Chồng là người ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,

Vợ là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Như vậy vợ Thiên nữ
Sống với chồng đê tiện.

Đây là an ủi cho các cô, các cô sống với chồng [không tốt] thì các cô cũng là Thiên nữ. Sống với [người] đó cũng không sao, sau mình lên cõi Trời thôi, hoặc giải thoát v.v… chứ còn biết sao được. Mỗi người tự lựa chọn một con đường mà.

Chồng là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Vợ là đê tiện nữ,
Chung sống chồng, Thiên nam.
Cả hai, tín, bố thí,
Sống chế ngự, chánh mạng.
Cả hai vợ chồng ấy,
Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc
Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý,
Cả hai giới hạnh lành.
Ở đây sống theo pháp,
Giữ cấm giới đồng đẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ Thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn,
Đúng với điều cầu mong.

((4.53) Sống Chung 1: Paṭhamasaṃvāsa – Kinh Tăng Chi – Thuộc Tạng Nikaya).

Như vậy ráng làm Thiên nam sống với Thiên nữ. Còn không được thì cũng ráng một phía, còn không, hai người [đê tiện] như vậy thì không biết thế nào.

Cho nên quý vị thấy những bài đức Phật giảng luôn phục vụ đối tượng chúng sanh. Thấy các cặp vợ chồng tới đảnh lễ, đức Phật nói như vậy, người ta nghe cũng chạnh lòng. Người ta về, ai mà là đê tiện nữ hoặc đê tiện nam, thì người ta lo sửa thành Thiên nam hoặc Thiên nữ. Quý vị thấy rất hay! Lâu lâu Thiện Trang cũng hạ cấp chút, những đề tài này thật ra cần thiết chứ không phải là không cần thiết. Chúng ta học thì mới biết. Cho nên là các cô hay các ông chồng, nếu lỡ mình rơi vào trường hợp không được như ý thì cũng không sao. Hồi xưa cũng có như vậy, đức Phật thuyết như vậy rồi.

Bây giờ Thiện Trang xin giải đáp một câu hỏi, đó là:

Làm Sao Để Vợ Chồng Gặp Nhau Ở Đời Này, Đời Sau?(hay là sống với nhau ở đời này đời sau)

Thiện Trang nghĩ là cũng không nhiều đâu, ít người, cũng có tình yêu, tình chấp gì đó, mong là đời sau còn gặp nhau, thậm chí đời này sống chung với nhau. Có nhiều người nói: "Thầy ơi, con không muốn xa chồng đâu, con muốn sống suốt đời với chồng thì sao?" Thì bài kinh này đây, đức Phật sẽ trả lời cho câu hỏi đó. Chúng ta theo dõi.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga tại núi Suṃsumāragira, rừng Bhesakaḷā, ở vườn Nai. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ gia chủ cha Nakula, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ cha Nakula và nữ gia chủ mẹ Nakula đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ cha Nakula bạch Thế Tôn:

Đoạn này là giới thiệu thôi, có một người tên là Nakula. Đức Phật đến [chỗ] cha và mẹ của người đó, tức là nam gia chủ và nữ gia chủ (cha mẹ của người đó). Bây giờ người cha bạch đức Phật như thế này:

- Từ khi nữ gia chủ mẹ Nakula được đem về đây cho con khi con còn trẻ tuổi, con không bao giờ biết con có điều gì xâm phạm đến vợ con, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa.

Ở đây, hai vợ chồng này chắc hạnh phúc lắm, không có gây chuyện gì hết. Cho nên là ông này tình chấp dữ lắm, ổng muốn là đời này tiếp tục gặp mặt nhau, được sống chung với nhau, và còn muốn đời sau gặp nhau nữa.

Quý vị nào muốn dạy con, đứa nào đang yêu, mê tình yêu lắm, thì hãy nói rằng: "Trong kinh Phật, đức Phật có dạy, để tụi mày yêu nhau, được đời này đời sau gặp nhau hoài. Đức Phật có dạy bí quyết. Bí quyết nằm trong bộ kinh này". Quý vị phải dạy như thế thì tụi nó mới thích kinh Phật được. Chứ suốt ngày dạy Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, thì nó chưa tiếp nhận được, đúng không? Nhưng dạy điều này thì chắc tiếp nhận được, nó đang yêu nên thích. Chúng ta coi thử đức Phật sẽ dạy phương pháp nào, để trả lời cho ông này. Ở đây tiếp tục [với] mẹ (Nakula), nữ gia chủ đó.

Nữ gia chủ mẹ Nakula bạch Thế Tôn:

Tức là bà vợ cũng nói luôn. Không phải ông chồng nói không [thôi], mà bà vợ cũng nói nữa.

- Bạch Thế Tôn, từ khi con được đem về đây cho gia chủ cha Nakula, khi con còn trẻ tuổi, con không bao giờ biết con có điều gì xâm phạm đến gia chủ cha Nakula, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau, trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa.

Tức là cả hai người này thật sự sống hạnh phúc, đến nỗi ý nghĩ cũng không gây khó khăn, khó chịu cho nhau, huống hồ chi thân thể. Chắc là không có đánh đập gì đâu, chắc chắn là vậy. Cho nên hai người này còn muốn sống với nhau đời này và đời sau. Vậy thì làm sao? Quý vị thấy không? Đức Thế Tôn giải quyết tất cả vấn đề. Bây giờ, người ta muốn như vậy thì đức Phật dạy. Người ta không muốn giải thoát sanh tử, bây giờ người ta muốn yêu nhau, sống với nhau tiếp nữa, đời này hạnh phúc và đời sau gặp nhau nữa thì làm sao? Bây giờ đức Phật dạy làm sao đây, chúng ta coi thử coi.

- Vậy này các Gia chủ, khi cả hai vợ và chồng muốn thấy mặt nhau trong đời này, và cũng muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa, và cả hai người là đồng tín, đồng giới, đồng thí, đồng trí tuệ, thời trong đời hiện tại, các người được thấy mặt nhau, và trong đời sau, các người cũng được thấy mặt nhau.

[Điều này] quan trọng! Hai vợ chồng muốn thấy mặt nhau ở đời này và đời sau, nói chung là muốn thấy mặt nhau đời này, là đừng ly hôn nhau, đừng chia lìa, hoặc là ông chết trước, hoặc bà chết trước, thì quý vị phải làm gì? Ở đây đức Phật nói phải [có] bốn điều đồng. Đồng tín tức là cùng niềm tin, mình phải tin Tam Bảo. Ví dụ người tin Tam Bảo, [còn] người không tin Tam Bảo là rồi đó. Thời nay đa số, vợ tu thì tin Tam Bảo, còn chồng không tin, là rồi xong. Thế thì trước sau gì, có thể đời này tan sớm, còn không thì đời sau chắc chắn tan. Đời sau tan là khả năng chắc chắn quá lớn rồi, còn đời này đôi khi tan luôn. Cho nên vợ chồng không có cùng niềm tin thì không được.

Thứ hai là đồng giới. Đồng giới là cùng giới. Ví dụ người giữ Ngũ giới, thì người kia cũng giữ Ngũ giới; người thọ Bát quan Trai giới, [thì người kia] cũng thọ Bát quan Trai giới. Nếu không thì khó gặp nhau lắm.

Cho nên trong kinh có câu chuyện: [Có] hai vợ chồng, bà đó tu trước, bả đi trước, bả lên trời Đao Lợi thì phải. Câu chuyện này Thiện Trang không nhớ lắm, kể tạm đại ý nha. Bả lên trời Đao Lợi xong rồi xuống báo mộng cho ông

chồng: “Ráng tu đi ông. Tôi ở trên trời Đao Lợi chờ ông đó. Tôi có lâu đài trên này, ông lên đây để mà gặp nhau tiếp”. Ổng nghe nói vậy, ổng mừng quá nên ráng tu. Tu một hồi xong bả xuống, báo: “Ông ơi, ông ráng tu đi. Bữa nay ông có tòa lâu đài ở trời Tứ Thiên Vương rồi đó, nhưng trời Đao Lợi của tôi trên cao hơn, nên chưa được. Ráng tu thêm chút nữa đi, ráng tu nhiều hơn, thọ giới nhiều hơn”, kiểu vậy đó. Giống như bây giờ mình khuyên tu Bát quan trai nhiều vô.

Thời gian sau bả xuống nói: “Ôi! Mừng quá ông. Bữa nay ông đã có tòa lâu đài ở trời Đao Lợi rồi, mai mốt chúng mình gặp nhau nữa rồi”. Đó là đồng giới đó quý vị. Sau một thời gian nữa, bả xuống nói: “Ông ơi ông, ông tu vừa vừa thôi, ông tu quá rồi. Bây giờ tòa lâu đài của ông không xuất hiện ở trời Đao Lợi nữa, nó đâu mất rồi. Chắc lên trời cao hơn rồi, tôi không lên được. Cho nên ông tu bớt bớt, chứ không thì đời sau chúng ta lại không gặp nhau nữa”.

Đấy quý vị thấy, đó là đồng giới. Quý vị thọ Bát quan Trai giới, quý vị tu nhiều hơn [thì lên cảnh giới cao hơn], cho nên phải tu ngang ngang nhau thì mới gặp nhau nữa.

Rồi chưa hết! Đó mới có hai yếu tố thôi. Yếu tố thứ ba là đồng thí. Đồng thí tức là bố thí ngang ngang nhau. Giống như hai người đi cúng dường, một người cúng dường cho A-la-hán, còn người kia cúng dường cho Tu-đà-hoàn, thì quả báo khác nhau. Cho nên rủ rê nhau, phải đi cúng dường giống nhau, chứ không thì cũng khó. Quý vị thấy nghiệp khó như vậy đó.

Thứ tư là đồng trí tuệ. Điều này khó nữa, điều này là học pháp, tu hành phải ngang nhau. Bốn điều này quá khó, từ đó suy ra đời sau gặp nhau là khó nha. Đừng tưởng dễ, rồi chúng ta gặp nhau nữa. Khó! Đồng tu với nhau, đồng tín là cùng niềm tin, đồng giới là cùng giữ giới giống nhau, rồi đồng thí là bố thí giống nhau, cúng dường giống nhau, rồi đồng trí tuệ. Đồng được thì gặp nhau tiếp, không thì khó, đời sau khó gặp nhau.

Cho nên trong gia đình, đoạn này cũng nói ra, là hai vợ chồng muốn hạnh phúc muôn đời hơi khó. Muốn không khó thì phải tu giống nhau. Bây giờ vợ với chồng không cùng niềm tin, vợ giữ giới, chồng không giữ giới hoặc ngược lại. Rồi bố thí, ông chồng keo kiệt, vợ [không] xan tham, giống như Thiên nữ với đê tiện nam vậy đó. Rồi trí tuệ cũng không giống nhau, thì đời hiện tại làm sao giống nhau được. Cho nên tuy đức Phật không nói ra, nhưng chúng ta hiểu: Nếu tan vỡ trong hạnh phúc gia đình là điều đương nhiên, khi hai người không cùng bốn điều đồng đó. Cho nên đó là đức Phật ngầm nói như vậy rồi, quý vị hiểu chưa?

Cho nên đừng nói tại sao học Phật mà gia đình tan vỡ. Không đồng bốn điều này thì tan vỡ thôi. Đời này không gặp nhau, đời sau không gặp nhau, đức Phật có nói rồi. Những người học mà nói 'học Phật mà ly hôn là đọa Địa ngục'. Ở đây, đức Phật rõ ràng, là không cùng [bốn điều này] thì khó gặp nhau, có gì đâu. Muốn gặp được nhau là phải cùng bốn điều này. Khó đúng không?

Cả hai, tín, bố thí,
Sống chế ngự, chánh mạng,
Cả hai vợ chồng ấy,
Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc,
Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý,
Cả hai giới hạnh lành,
Ở đây sống theo Pháp,
Giữ cấm giới đồng đẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ Thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn,
Đúng với điều sở cầu.

((4.55) Kinh Xứng Đôi 1: Paṭhamasamajīvī – Kinh Tăng Chi Bộ - Thuộc Tạng Nikaya).

Nghĩa là cả hai phải có niềm tin, phải bố thí, sống chế ngự, rồi chánh mạng chứ không phải tà mạng. Rồi hai vợ chồng nói lời thân ái nhau, đời sống sẽ được nhiều hạnh phúc. Đây là bí quyết để hạnh phúc, gom lại bấy nhiêu đó thôi. Quý vị nhớ là cùng niềm tin đối với Chánh pháp, cùng chịu khó bố thí, cúng dường, sống chế ngự, chánh mạng. Rồi hai vợ chồng sống với nhau nói lời thân ái, thì được nhiều hạnh phúc. Và người đó yên tâm, không có ai chia rẽ được đâu. Rồi cả hai giới hạnh lành, tức là giữ giới; sống theo Pháp (Pháp là Phật pháp); rồi giữ cấm giới đồng đẳng thì sống hoan hỉ Thiên giới, tức là sau này được lên cõi Trời, điều mong cầu sẽ được. Đó là bí quyết để hạnh phúc gia đình. Không làm được vậy thì không hạnh phúc được.

Quý vị thấy không ạ? Đức Phật dạy những điều đơn giản thôi, đâu có gì ghê gớm đâu mà quý vị thấy ghê quá. Cho nên học mấy điều này rõ hơn, còn Đệ Tử Quy, học làm sao đủ được mấy điều này, [như] sát sanh v.v… Đệ Tử Quy đâu có dạy không sát sanh v.v... Cho nên quý vị thấy Phật pháp hay hơn Đạo gia nhiều. Đạo Nho, Đạo gia không bằng được đâu. Đức Phật có [nói] hết rồi, chịu khó học trong kinh đi.

Rồi bữa nay giới thiệu cho quý vị về đạo giải thoát, chứ nãy giờ nói pháp nhân gian (nhân thiên). Bây giờ chúng ta tới đạo giải thoát, dẫn cho quý vị một câu chuyện để tỉnh ngủ, đó là câu chuyện của một vị Tỳ-kheo-ni thời đức Phật.

Câu Chuyện Một Vị Tỳ-Kheo-Ni

Trong thời đức Phật hiện tại (đức Phật Thích Ca), **nàng được sanh ở Vesālī, con gái của một người chị của võ tướng Sīha. Do vậy, nàng được đặt tên là Sīhā, như tên của người cậu của nàng** (tức là vị Tỳ-kheo-ni này, trước đó tên là Sīha). **Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp cho người cậu, Sīhā trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia.**

Giới thiệu sơ là cô này có một người cậu nổi tiếng là võ tướng. Cô này cũng nghe đức Phật thuyết pháp, cổ có niềm tin (gọi là tín nữ), và được cha mẹ cho phép đi xuất gia, nên cổ đi xuất gia luôn. Quý vị thấy tuyệt vời chỗ đó.

Khi nàng tu tập thiền quán, nàng không thể chận đứng tâm tư nàng chạy theo những ngoại vật khả ý. Bảy năm bị dày vò, nàng kết luận: "Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn". Rồi nàng cột sợi dây trên cây, đút cổ vào thòng lọng để thắt cổ chết.

Tại sao Thiện Trang dẫn cho quý vị nghe câu chuyện này? Tại vì nhiều người tu [mà] than quá: "Thầy ơi, con nhiều Phiền não quá, tu không được". Thiện Trang nói không phải quý vị không đâu, ai cũng vậy thôi. Nhiều người cũng bị đó, điển hình thời đức Phật có một vị Tỳ-kheo-ni, tên là Siha, đi xuất gia, tu suốt bảy năm rồi mà cuối cùng vẫn không chặn đứng được tâm tư. Tu Thiền quán để đắc đạo A-la-hán mà tu không được. Và suốt bảy năm, cô nàng bị những vật bên ngoài không khả ý giày vò, cho nên cô Tỳ-kheo-ni này kết luận rằng: "Làm sao ta thoát được nếp sống uế nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn".

Quý vị thấy đó là một điều rất đáng tiếc, và đã đi đến việc là thắt cổ. Tức là cô treo sợi dây lên cây, để thắt cổ chết, tự sát. Cho nên quý vị đừng buồn. Ngay thời đức Phật còn có người làm như vậy. Vậy bây giờ kết cục như thế nào? Cho nên quý vị lỡ phiền não quá thì bình tĩnh, nghe hết câu chuyện này coi có người đồng cảm với mình. Bảy năm tu nhưng không được gì, mà thời đức Phật đó.

Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh thần chất chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng triển khai thiền quán. Tức là sắp chết rồi, nhưng chất chứa tinh thần lắm, nên cố gắng triển khai Thiền quán.

Đối với nàng, đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng, trong giờ phút cuối cùng, trí tuệ nàng được viên mãn, và với nội tâm thiền quán nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Có nghĩa là mặc dù tự sát, nhưng lúc đó nhớ tới Thiền quán. Tại vì học bảy năm rồi, ít nhất cũng bảy năm đi xuất gia, nhớ được Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Cho nên lúc thắt dây lên cổ tự sát, do học lâu rồi nên nhớ đời là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, lúc đó thiền quán được. Thiền quán thì chứng luôn quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Quý vị thấy hay chưa?

Cho nên chưa gì hết mà đã bỏ cuộc rồi. Đồng tu hiện nay chưa tu gì mà đã bỏ cuộc. Trong khi đó người ta tu đến phút cuối cùng rồi, sắp chết rồi, vẫn chứng được A-la-hán kìa. Cho nên Thiện Trang dẫn câu chuyện này cho quý vị nghe, chứ quý vị bi quan quá. Mình đã tu gì đâu, người ta tu bảy năm không thành tựu kìa. Thời đó xuất gia là tu dữ lắm đó, chứ không phải như thời nay tu chơi chơi đâu.

Cho nên ai biết được, nên 'tu nhất kiếp ngộ nhất thời' là vậy đó. Biết đâu lúc nào đó, bị một sự gì bức bách quá, một sự khó khăn quá, hay một chuyện gì đó xảy ra, thì mình có thể đắc đạo. [Nhưng] phải học nền tảng trước đã, chứ không, tới lúc gặp chuyện rồi hốt hoảng sợ chết thì xong rồi. Như cô này lúc đó không sợ chết mà triển khai Thiền quán. Quý vị nhớ nha! Lúc đó triển khai Thiền quán, là nhớ Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, đời sống khổ đau. Nhớ như vậy thì sau đó đắc đạo A-la-hán. Thấy chưa! Chứ không phải tự sát là chết đâu. Chưa chết!

Mở thòng lọng ra nàng trở về lại Tinh xá. Được thành một vị A-la-hán, nàng sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ:

Tức là [cổ] không chết, thắt cổ nhưng chứng A-la-hán rồi, không chết. Mở dây thắt cổ, tự đi về Tinh xá. Bây giờ sướng quá [vì] trở thành A-la-hán rồi. Cho nên quý vị thấy câu chuyện hay đó.

77. Không như lý tác ý,
Bị dục tham ám ảnh,
Ta trước bị dao động,
Không chế ngự được tâm.

Tức là ngài cũng biết nguyên nhân, vì chứng A-la-hán nên biết nguyên nhân, là do không như lý tác ý, tức là không theo đúng như kinh Phật dạy mà suy nghĩ Chánh niệm, Chánh tư duy không được, cho nên bị tham dục ám ảnh. Ta trước bị dao động; Không chế ngự được tâm.

78. Bị phiền não chi phối,
Lạc tưởng ngự trị ta,
Tâm ta không thăng bằng,
Bị tham tâm chi phối.

Tức là cổ nói bị phiền não, tâm cứ nghĩ đến chuyện vui. Chuyện vui ngự ở trong tâm, toàn nghĩ đến chuyện vui, tâm không thăng bằng, cho nên là bị tham chấp. Vui cho nên bị tham chi phối.

79. Bảy năm sống ốm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu,
Đêm ngày không an lạc,
Ta sống chịu khổ đau.

Bảy năm tu đến ốm yếu luôn, vàng da, dung sắc xấu, tu không được. Đêm ngày không an lạc; Ta sống chịu khổ đau.

80. Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hạ liệt.

Tu mà thất vọng quá, cho nên đi vô rừng, thắt cổ còn tốt hơn sống.

81. Làm chắc dây thòng lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thòng lọng quanh cổ,
Tâm ta liền giải thoát.

((5.3) Sīhā - Trích Từ Kinh Tiểu Bộ - Thuộc Tạng Nikaya).

Quý vị thấy, cuối cùng cổ được giải thoát. Quý vị thấy hay không? Cho nên Thiện Trang nói thích học những bộ kinh hơn. Quý vị thấy nếu học chư Tổ Trung Hoa, toàn là người lên rừng khổ hạnh, hoặc là từ nhỏ xuất phát từ gia đình rất tốt đẹp. Rồi đi tu, không yêu một cô nào, không yêu một anh nào. Chư Tổ Trung Hoa ít có nữ lắm, toàn là nam. Rồi lên tu với toàn thầy nổi tiếng ghê gớm, một hồi sau bao nhiêu năm đắc đạo thành Tổ sư. Cuộc đời quá tốt đẹp.

Cho nên chúng ta thấy xa vời quá, ta làm không được. Còn nếu đúng theo kinh Phật, ghi lại những chuyện người thật, việc thật đúng thời đức Phật, là đủ các loại Phiền não, như trăm dòng suối, trăm dòng sông, nước đục, nước trong, nước gì cũng vậy, đổ ra biển. Đức Phật nói hòa vô nước biển, chỉ có một vị, đó là vị giải thoát. Cũng vậy, vô trong Phật pháp chắc chắn chỉ có vị giải thoát thôi. Nước biển có một vị mặn, thì Phật pháp chỉ có một vị là vị giải thoát.

Cho nên dù tu dở như vậy, cuối cùng cũng đắc đạo A-la-hán. Quý vị hãy tin đi! Học những bộ kinh Phật thì mình mới tin được. Mình thấy ham lắm, ai cũng đắc đạo được. Ai vô nghe đức Phật thuyết bài kinh xong, là đắc đạo Sơ quả Tu-đà-hoàn, hoặc là đắc Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, v.v… Thế mới đã! Còn mình hèn yếu quá, [nghĩ]: chỉ có những người Pháp sư, những người tu phải thế này thế kia mới thành đạo được, còn mình không có phần. Cho nên Thiện Trang nói tại sao nên học kinh của Phật. Còn tới chư Tổ là bắt đầu toàn đưa những chuyện tốt đẹp không [thôi]. Mình thấy thiếu những câu chuyện khó khăn như thế này. Người thắt cổ tự tử, nhưng cuối cùng cũng chứng đạo A-la-hán. Quý vị thấy hay không?

Hôm nay, giới thiệu câu chuyện Tỳ-kheo-ni, để các cô có niềm tin hơn, chứ hồi trước giờ toàn giới thiệu người nam không [thôi]. Có nhiều người nói: “Con thưa thầy, con phá thai nhiều quá, con sợ quá!” Thiện Trang nói: quý vị phá thai nhiều, đó là chuyện hồi xưa [mình] không biết. Quý vị giết nhiều người như ông tướng cướp Vô Não Angulimala chưa? Trong kinh nói là ổng giết tới 999 người, rồi sau đó xuất gia đắc đạo A-la-hán. Mình có nghiệp nhiều

hơn ổng không? Rồi có những cô phạm tà dâm, hồi trước làm nghề gì đó v.v… Có bằng cô kỹ nữ Ambapali (kỹ nữ vườn xoài) không? Một đêm cổ lấy người ta 1000 lượng vàng đó. Nhưng sau khi nghe đức Phật, gặp đức Phật một lần thôi, Phật thuyết cho một bài kinh thì cổ đắc sơ quả Tu-đà-hoàn, bỏ nghề luôn. Còn cô Tỳ-kheo-ni Vi Diệu, chồng bị rắn cắn chết, con thì đứa bị trôi sông, đứa bị hổ ăn thịt, nhà (gia đình) bị cháy chết hết, nên [cổ] bị điên luôn. Rồi khi gặp được đức Phật, sau cũng đắc được quả A-la-hán.

Quý vị thấy không? Như vậy nghiệp của mình đâu đến nỗi đó. Mình cũng đỡ hơn, mình cũng tốt mà, căn lành đầy đủ. Tốt như vậy thì mình tu phải ngon chớ. Tại sao mình tu dở? Tại vì không học giáo pháp của Như Lai, mà học cái gì đâu không v.v... Những trọng tâm đức Phật nhấn vào là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, là Tứ niệm xứ, là Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát thánh Đạo phần. Học những nền tảng căn bản là Thiền chỉ và Thiền quán, thì không học. Học mơ mơ màng màng, học chi sâu xa cho mệt.

Giống như hồi xưa lâu rồi, Thiện Trang chợt nhớ là mình học Lục tức Phật của tông Thiên Thai để làm gì. Trong khi đó Lục tức Phật đâu có trong kinh Phật đâu. Đó là một vị Tổ Trung Hoa sáng chế ra. Vậy thì mình học làm chi, học điều đó đâu có giải quyết vấn đề gì. Tại sao mình không dành thời gian để học kinh Phật. Học kinh Phật, giáo pháp Như Lai rất là tuyệt vời. Dù có bệnh nào thì mình cũng tìm được người tương ưng.

Quý vị thấy có những người phiền não ghê gớm, trong thời đức Phật như Tôn giả Ca Lưu Đà Di, hay là những người như cô Liên Hoa Sắc có hoàn cảnh éo le, hay là cô Tỳ-kheo-ni Vi Diệu v.v... đủ các người. Mà khi vào gặp đức Phật, gặp giáo pháp của Phật thôi là đắc đạo giải thoát. Thế thì tại sao mình làm không được?

Hoặc là người nghèo như Tôn giả Ưu Ba Ly, một thợ cạo tóc thôi, hèn mọn trong nước Ấn Độ thời đó, vào [Phật pháp] cũng trở thành một vị Tôn giả

Ưu Ba Ly đắc đạo A-la-hán. Quá tuyệt vời! Từ hàng vua chúa đến hàng thường dân, ai cũng có thành tựu hết. Giàu có như Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng thành tựu, nghèo khổ không có gì, bần cùng, hay là tệ như ông gánh phân cũng thành tựu. Quý vị thấy không? Ai cũng thành tựu hết. Tại sao mình không học giáo pháp đó, mà mình học điều gì cao siêu, nói toàn trên trời dưới đất. Mà nói đâu có giải thoát được, học riết rồi không giải thoát.

Cho nên có thời gian thì hãy đọc Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đi. Đọc rồi sẽ thấy: "Ôi! Rất gần gũi. Đức Phật dạy bao nhiêu điều gần gũi". Rồi từ từ, học xong vững rồi, bắt đầu mình biết trọng tâm, thì mình học kinh điển Đại thừa mới vững được. Còn các ngài sáng tác nói văn hóa rất hay, nói văn phong rất hay, nhưng thực sự bánh vẽ thì mình không ăn được. Cuối cùng rồi ai khai ngộ Minh tâm Kiến tánh đâu? Kể coi. Bao nhiêu người Việt Nam đến giờ, ai khai ngộ Minh tâm Kiến tánh đâu? Học bao nhiêu năm rồi, [có] ai 'đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến' không? Không có! Càng ngày càng phiền não nhiều hơn thì có, đúng không? Cho nên học giáo pháp đức Thế Tôn quan trọng.

Câu chuyện này hay chưa? Ai thấy mình phiền não nhiều thì nhớ cô Tỳ-kheo-ni này, bảy năm không chế phục được Phiền não, đến nỗi cô định tự tử. Nhưng đến lúc cuối cùng thì sự học đó sử dụng được. Cho nên lỡ có chuyện gì, lỡ sắp chết, thì cũng nhớ Thiền quán giùm, biết đâu đắc đạo. Ít nhất cũng đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Trong kinh có rất nhiều câu chuyện những người sắp chết đắc được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nên nhớ vậy!

Cho nên hãy học! Học rồi mình mới thấy. Từ từ Thiện Trang sẽ trích nhiều câu chuyện hay hơn nữa. Những câu chuyện như thế này thì mới được. Chứ các cô suốt ngày cứ nói Tỳ-kheo, quý thầy [thành tựu] không à. Hôm nay giới thiệu luôn cô Tỳ-kheo-ni. Bữa nào giới thiệu những câu chuyện nữa, để công bằng, chứ không thì các cô bi quan. Mình không bi quan. Nhớ! Hãy học giáo pháp đức Thế Tôn, có nhiều câu chuyện hay lắm. Người giỏi cũng được, người dở cũng được, gặp Phật là thành công. Mà ở đây, quý vị thấy là đâu có nói là gặp Phật đâu, chỉ có nghe Phật giảng kinh, xong rồi vô tự tu, thời gian

cũng đắc đạo đó thôi. Chứ đâu phải lúc đó sắp chết rồi đức Phật hiện ra thuyết cho bài pháp đâu. Cô này tự chứng đó chứ. Miễn mình học cho lâu thì sẽ chứng. Cho nên là hãy cố gắng học, tư duy.

Rồi bây giờ chúng ta tiếp tục vào mục nữa, đó là:

Tác Dụng Và Tầm Quan Trọng Của Thiền Chỉ Và Thiền Quán (2) – Hai Pháp Nên Tu Hành

Lần trước Thiện Trang đã giới thiệu số (1), hôm nay là số (2), Hai pháp nên tu hành. Hôm bữa trước Thiện Trang giới thiệu từ Kinh Nikaya. Quý vị nhớ tác dụng của Thiền chỉ và Thiền quán không? Nếu không biết điều này thì coi như con đường tu hành không biết gì hết, đặc biệt những đồng tu Tịnh Độ là mơ mơ màng màng điều này lắm.

Tác dụng của Thiền chỉ và Thiền quán ở trong Kinh Tăng Chi lần trước nói: Tu tập Thiền chỉ, tâm được tu tập nên đoạn trừ được tham, và cuối cùng được Tâm giải thoát. Nói chung là được Tâm giải thoát. Tu tập Thiền quán thì cuối cùng được Tuệ giải thoát. Cho nên phải có tu tập cả hai: Thiền chỉ và Thiền quán.

Bây giờ chẳng ai biết tu Thiền chỉ, Thiền quán thế nào hết. Chúng ta đã có bài 18, 19 gì đó, Thiện Trang giảng 40 đề mục tu Thiền chỉ. Đó là tu Thiền chỉ để đoạn trừ những Phiền não, và giúp cho tâm được giải thoát. Nhưng quý vị muốn giải thoát hoàn toàn thì quý vị phải được Tuệ giải thoát. Vì trong Luận Đại Tỳ Bà Sa, nếu một vị A-la-hán Tâm giải thoát vẫn có thể thoái chuyển, nhưng Tuệ giải thoát thì hết thoái chuyển. Cho nên là phải tu cả Chỉ và Quán.

Thế nào là tu Chỉ? Thế nào là tu Quán? Chỉ thì có 40 đề mục tu Thiền chỉ, đã giới thiệu rồi. Tu quán là gì? Trong đó có thể quán pháp, hoặc là quán Vô thường, Vô ngã, Khổ, Không, hoặc là quán Tứ niệm xứ, hoặc là tu Thất giác chi, Bát chánh đạo, v.v… Những đề mục quán thì nhiều lắm, nhưng Thiền chỉ thì chỉ có 40 đề mục đó thôi, quý vị nhớ như vậy. Những đồng tu như Tịnh Độ thì

không biết tu Thiền chỉ luôn, bây giờ học rồi mà không dám tu, sợ, [nói] phải đưa câu Phật hiệu vô, một câu Phật hiệu nhiều công đức v.v… Quý vị tu như vậy, quý vị coi thử câu Phật hiệu có nằm trong 40 đề mục tu Thiền chỉ không? Không có nha! Quý vị coi đi, không có.

Trong đề mục tu Thiền chỉ có niệm Phật, nhưng niệm Phật theo cách nào? Niệm Phật là niệm công đức của Như Lai (niệm 10 danh hiệu), nhớ danh hiệu Như Lai như thế nào, quý vị coi lại bài đó. Rồi niệm Phật theo Kinh Tăng Nhất A Hàm, trong bài [trước] Thiện Trang [đã] giới thiệu, đó là tu Thiền chỉ hay Thiền quán? Đó là tu Thiền quán. Và có giống với trì danh niệm Phật không? Không giống! Nên nhớ như vậy. Cho nên phương pháp trì danh niệm Phật đó không có trong Kinh A Hàm. Trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya dạy, chúng ta phải niệm theo đúng [cách]. Cho nên không biết mà tu, cứ nghe người, cứ y nhân, rồi tu một hồi, cuối cùng không đắc gì thì ráng chịu. Chúng ta hãy tu theo Phật, Phật dạy sao thì [mình] tu thế đó.

Một câu Phật hiệu ở trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói trừ 80 ức kiếp tội chướng trong đường sanh tử, nghe như vậy chúng ta tưởng ngon lắm. Nhưng thật ra trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ chúng ta đã học rồi, [Thiện Trang] đã giới thiệu, có những pháp tu [giúp] diệt vô lượng ức kiếp tội chướng trong đường sanh tử, diệt nhiều hơn nữa. Pháp tu trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, ở trên nói phẩm vị cao hơn, dễ tu hơn, trong đó có niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Tu Lục niệm, học giáo pháp hiểu, người đó còn được Thượng phẩm, diệt được nhiều tội hơn nữa, mà không chịu tu, xuống pháp thấp [ở] dưới, diệt ít tội hơn mà tu.

Cho nên không học kinh, nhiều khi mình cứ y nhân quá, mình cứ tưởng là ngon, nhưng thực tế không phải. Cho nên hãy học giáo pháp, hãy đọc kinh. Chứ nghe mà không có kiểm chứng, nghe mà không có so sánh, thì đôi khi mình tu sai mà không biết luôn, tại vì mình đâu có so sánh đâu. Điều gì mình cũng [phải] tìm hiểu đối chiếu.

Hôm nay giới thiệu thêm cho quý vị tác dụng của Thiền chỉ và Thiền quán, đây là mục thứ hai, và hai pháp nên tu hành. Lần này giới thiệu trong Kinh A Hàm:

Tác Dụng Và Tầm Quan Trọng Của Thiền Chỉ Và Thiền Quán (2) – Hai Pháp Nên Tu Hành

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc (vườn ông Cấp Cô Độc)**, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:**

"Tỳ-kheo a-lan-nhã nên tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Đó là Chỉ và Quán.

Quý vị nhớ nha, đức Phật luôn luôn dạy nên tu hai pháp, đó là Chỉ và quán. Còn bây giờ không biết Chỉ là gì. Rất nhiều người bây giờ không dám tu Thiền chỉ, Thiện Trang giới thiệu các cách rồi, tu 10 đề mục Biến xứ chẳng hạn, để đắc được Sơ thiền đến Tứ thiền, mà không chịu học, và không dám tu luôn. Trong khi đó đức Phật nói: "Nên tu hành hai pháp. Hai pháp đó là gì? Đó là Chỉ và Quán". Mà bây giờ không biết Thiền chỉ là thế nào, Thiền quán là thế nào. Những người học Tịnh Độ thì không biết Chỉ [và] Quán đâu, chỉ nghe nói thôi, chứ không hiểu Chỉ và Quán thế nào.

Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã đắc tịch tĩnh, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì thành tựu giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh, tạo các công đức.

Đoạn này chính là nói: Nếu đắc được Thiền chỉ rồi, thì mình sẽ thành tựu Giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh, tạo các công đức. Đây là cách nói khác của Định cộng giới. Câu "Định cộng giới" là chư Tổ dịch từ đoạn này ra, quý vị có để ý không? Khi thành tựu được Thiền chỉ rồi (tức là mình phải đắc Sơ thiền trở lên) thì thành tựu Giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh và tạo được các công đức.

Quý vị thấy không? Trong Thiền định có công đức luôn, đây là Thiền chỉ thôi đó, vậy mà không chịu tu. Nhiều người cứ nói một câu Phật hiệu có Định cộng giới và Đạo cộng giới. Thật ra một câu Phật hiệu không thể nào là Định cộng giới được, tại sao? Thứ nhất, theo trong Luận Thanh Tịnh Đạo nói niệm Phật kiểu (niệm 10 danh hiệu Phật) [thì] không đắc được Sơ thiền. Còn trì danh niệm Phật liệu có đắc Sơ thiền hay không? Đấy là vấn đề, tại vì không có nói trong đó. Chúng ta căn cứ vào Kinh Vô Thích bên A Hàm, Kinh Vô Thích nói: "Âm thanh là chướng ngại cho việc nhập Sơ thiền". Cho nên khi nào quý vị niệm Phật còn âm thanh, thì không cách nào nhập được vào Sơ thiền. Mà không nhập được vào Sơ thiền, thì không cách nào đắc được Định cộng giới. Tức là không thành được tịch tĩnh, tịch diệt, tĩnh chỉ, không thể nào thành tựu Giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh được đâu.

Cho nên ai đắc Sơ thiền trở lên, thì người ta có một định, gọi là Định cộng giới. Nhân định đó mà giữ giới được, là dịch từ trong câu này ra. Quý vị thấy Kinh A Hàm nói. Đây là ý nghĩa khác, chư Tổ rút lại cho gọn, gọi là Định cộng giới.

Cho nên phải tu định nha, nhiều người giữ giới không được, cứ tu đắc định thì sẽ giữ giới được. Nhưng thật ra giữ giới rồi mới đắc định, đắc định rồi sẽ giữ giới tốt hơn, nên tự nhiên thành tựu được Giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh, tạo các công đức (là có công đức luôn). Cho nên ngồi ở nhà tu là có công đức luôn, không cần đi làm gì đâu. Đó là tu theo Thiền chỉ đó, ngôn ngữ là tịch tĩnh, tịch diệt, tĩnh chỉ.

Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã lại được quán rồi, liền quán và biết như thật rằng, đây là Khổ; quán biết như thật rằng đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ đạo Xuất yếu. Người đó quán như vậy rồi, tâm được giải thoát khỏi Dục lậu, tâm được giải thoát khỏi Hữu lậu, Vô minh lậu, bèn được trí giải thoát, biết như thật rằng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa.

Đoạn này nói rõ hơn, 'được quán rồi' tức là đắc được Thiền quán rồi đó, liền quán và biết đây là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ đạo Xuất yếu là con đường ra khỏi nỗi khổ, mà quan trọng nhất là thế nào. Có nghĩa là khi nào quý vị đắc điều này, là quý vị phải đắc Thiền quán. Đắc Thiền quán thì quý vị mới biết như thật thôi, còn không thì chưa biết như thật được. 'Được quán rồi' tức là đắc được Thiền quán rồi.

Người đó quán như vậy rồi, tâm được giải thoát khỏi [dục lậu], tâm được giải thoát khỏi Hữu lậu, Vô minh lậu, tức là được Tâm giải thoát, và được trí giải thoát là Tuệ giải thoát. Tức là ở đây có được Tuệ giải thoát luôn. Và như vậy [việc làm] đã xong. Tại vì sao? Vì trên này có Thiền chỉ, thì mới có Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Nếu trên này không có Thiền chỉ, thì nhiều khi tu có được một điều là được Tuệ giải thoát thôi. Trí giải thoát tức là Tuệ giải thoát đó quý vị.

Chư Như Lai Chí chơn, Chánh đẳng Chánh giác thời quá khứ, nhờ hai pháp này mà được thành tựu.

Quý vị nhớ nha! Chư Phật quá khứ nhờ hai pháp này mà được thành tựu. Vậy mà ngày nay chúng ta không chịu tu. Quý vị thấy chưa? Chỉ và Quán là hai pháp quan trọng nhất để tu, mà thời nay không thèm tu, đặc biệt là đồng tu Tịnh Độ không biết Thiền chỉ là gì luôn. Cho nên rất là đáng thương! Mình học lâu ngày rồi mà mình không biết, trong khi đó trong kinh đức Phật dạy: "Chư Phật quá khứ nhờ hai pháp này mà được thành tựu". [Cho nên] không tu Thiền chỉ, không tu Thiền quán thì làm sao được. Hai pháp đó là gì? Đó là Chỉ và Quán.

Cho nên Thiện Trang để 'Tầm Quan Trọng [Của Thiền Chỉ Và Thiền Quán]' cho rõ ràng, thì người ta mới để ý, chứ không thì không để ý đâu. Quá quan trọng luôn!

Vì sao vậy? Như khi Bồ-tát ngồi dưới bóng thọ vương, trước tiên tư duy pháp Chỉ và Quán nầy (tức là đức Phật khi ngồi dưới cây bồ đề, trước

tiên cũng tư duy pháp Chỉ và Quán này, tức là tu Thiền chỉ và Thiền quán. Đức Phật còn phải tu, huống chi là chúng ta. Còn chúng ta giỏi quá thì khỏi tu). **Nếu Bồ-tát ma-ha-tát** (đại Bồ-tát) **đã đắc Chỉ rồi, bèn có thể hàng phục được các ma oán.** Muốn hàng phục được ma oán thì phải làm sao? Đắc Thiền chỉ rồi thì sẽ hàng phục được ma oán.

Có một bộ kinh khác (Thiện Trang quên tên kinh nào rồi), [trong] Kinh A Hàm luôn, đức Phật nói là khi nào đắc Thiền chỉ (tức là từ Sơ thiền trở lên) thì quý vị hàng phục được Ma vương. Ma vương Ba Tuần hết làm gì được quý vị, nếu quý vị đắc được Sơ thiền trở lên. Cho nên đây cũng là cách nói đó: 'Đắc Chỉ (Thiền chỉ) rồi, bèn có thể hàng phục được các ma oán'. Nếu đắc được đến Tứ thiền thì quá ngon. Cho nên không tu Chỉ thì làm sao được.

Nếu Bồ-tát đạt được Quán rồi, ngay sau đó liền đạt được ba đạt trí,[1] (tức là Tam minh) **thành Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác.**

Đây là đức Phật nói là trước khi thành Phật, Bồ-tát nào ngồi dưới cội cây bồ đề thì sẽ tu như vậy. Đầu tiên là tu Thiền chỉ trước, thì hàng phục được ma oán. Sau khi hàng phục được ma oán thì mới tu Thiền quán, mới đạt được Tam lậu minh, mới thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thành Phật.

Có phải như vậy không? Đức Phật Thích Ca cũng vậy. Quý vị coi lại lịch sử của đức Phật Thích Ca đi, đầu tiên Ngài ngồi dưới cây bồ đề, Ma vương kéo quân tới phá, nào là làm năm cỗ xe ngựa đi ngang qua, rung chuyển hết, làm cho ma nữ ma con tới ào ào. Nhưng đức Phật lúc đó đắc Thiền chỉ nên không bị làm sao hết, Ngài hàng phục được ma. Thiền chỉ là có Thần thông rồi. Rồi sau đó Ngài tiếp tục tu tiếp, quý vị nhớ không? [Quý vị] coi lịch sử đi. Ban đêm Ngài nhìn thấy sao trời (nhìn thấy sao sáng), lúc đó Ngài ngộ được, Ngài đắc được Tam lậu minh (ba minh), từ đó thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhớ chưa? Rõ ràng quá mà! Đức Phật nói như vậy mà mình không tin, bây giờ mình tu khác Phật mà cứ đòi thành tựu.

Cho nên nhiều khi mình cứ y nhân quá, những gì người nào giảng, mình phải coi thử người đó giảng căn cứ vào đâu? Căn cứ vào kinh nào? Đem ra đối chiếu, nếu người ta nói đúng trong kinh thì ok, chấp nhận hết. Nhưng người ta nói một hồi mình coi không thấy trong kinh, thì mình phải đặt dấu chấm hỏi: '[Điều này] từ đâu ra?' Không giống trong kinh, không có tinh thần trong kinh, thì biết chưa nên tin điều đó. Chớ vội tin! Chớ vội tin! Chúng ta học bài Kinh Kalama rồi nha.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã nên tìm phương tiện hành hai pháp này.

Tóm lại chúng ta, những Đệ tử nên tìm cách nào đó để tu hành hai pháp này, đó là Chỉ và Quán. Cho nên phải tu nha.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 7 - Phẩm Thiện Tri Thức Số 20 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy Thiện Trang luôn luôn dẫn kinh và ghi rõ nguồn, ghi luôn phẩm để quý vị tìm trong đó cho nhanh, để đảm bảo là Thiện Trang nói trong kinh, không phải tự Thiện Trang nói. Còn người ta tự nói là chuyện của người ta, còn mình nói có sách, mách có chứng. Đây là vấn đề.

Cho nên Thiện Trang khuyên quý vị tu Thiền chỉ và Thiền quán. Trong Kinh A Hàm, đức Phật nói là tùy thời, biết lúc nào nên tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc nào nên tu Thiền quán thì tu Thiền quán. Điều đó nằm trong bài Thất giác chi. Phải học Thất giác chi để biết lúc nào tu điều nào, chứ bây giờ mình chưa biết. Có lúc thì tu điều này, lúc thì tu điều kia. Và quý vị đừng có chấp trước quá, ví dụ như tu theo đúng Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, tu theo Phật thì nhẹ nhàng lắm.

Như Thiện Trang, hồi xưa Thiện Trang chấp trước lắm, sáng dậy là phải ra lạy Phật, rồi tụng kinh, niệm Phật, v.v… Sau này thấy không cần thiết, tại vì học theo kinh, đức Phật đâu có dạy như vậy đâu, đâu có dạy là ra tụng kinh đâu, mà quan trọng là tư duy pháp. Cho nên sáng dậy, nếu thấy khỏe người, trời ấm áp, thì ra ngoài Chánh điện tu. Còn nếu thấy trời lạnh quá, thì không nhất thiết ra Chánh điện, ngồi trên giường tu. Hoặc tu Thiền chỉ hoặc tu Thiền quán. Khỏe khoắn, không buồn ngủ, thì ngồi trên giường tu, lấy đề mục ra. Đề mục tu Thiền chỉ dễ nhất là [gì] quý vị biết không? Ở trên giường thì làm gì có tu được đề mục Biến xứ: Đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng; thì chỉ có tu quán hơi thở, hoặc là mình tu niệm Phật, niệm Pháp. Mình học thuộc mấy đề mục niệm Phật, niệm Pháp thì tu được. Còn không thì tu Thiền quán, tư duy đời vô thường, suy nghĩ về cuộc đời vô thường: Bữa nay sáng dậy, [thấy] thêm một ngày mất rồi đó, v.v… đời mình như thế này, già khổ, tư duy đủ điều. Rồi thấy cuộc đời sanh diệt, chúng sanh khổ, bước ra buổi sáng là thấy khổ v.v… Đó cũng là tư duy pháp. Hoặc là mở pháp nghe, nghe Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hay kinh nào đó v.v… Ngồi đó nghe, nghe [trong] tĩnh lặng. Đó là sáng ra.

Mà không nhất thiết phải là buổi sáng. Buổi tối muốn tu, mà nhiều khi mệt quá, tu không nổi, vô tu gục gà gục gật thì vô tu làm chi, đi ngủ đi, ngủ dậy sớm. Ví dụ Thiện Trang thấy bữa tối hôm trước, Thiện Trang dậy lúc 0h 18 phút, dậy không biết là mấy giờ, coi đồng hồ thì thấy 0h 18 phút. Bắt đầu ngồi dậy, bên đầu giường luôn mở Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, bữa đó đang mở Kinh Nikaya, bắt đầu nghe: 'Ôi! Sao đoạn này hay quá, càng nghe càng hay'. Cho nên ngồi xếp bằng, nghe đã một hồi, thấy hay thiệt. Tức là bình thường mình không nghe hay được như vậy, nhưng do trạng thái của đêm khuya tĩnh lặng, hay lúc đó thanh tịnh thế nào đó, nghe từng lời, từng lời hay cực kỳ, hiểu rất nhiều thứ, mà sau này muốn hiểu lại như vậy cũng không được. Bây giờ mà muốn hiểu lại đoạn đó, giống y chang như vậy cũng không được, lúc đó rất hay.

Cho nên đừng chấp trước, giờ nào cũng tu được, miễn mình có thể tu. Và ở đâu cũng tu được, tu như vậy nhẹ nhàng. Đừng có ép, nhiều đồng tu quá áp

lực, áp lực đề ra thời khóa. Mà lên thời khóa thì gục gà gục gật, buồn ngủ, thì thôi đi ngủ còn hơn. Ngủ tỉnh táo rồi tu thì sẽ tốt hơn.

Cho nên không có ép, Phật pháp biết lúc nào tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc nào tu Thiền quán thì tu Thiền quán. Quý vị muốn niệm Phật cũng được, niệm mười danh hiệu Như Lai, niệm công đức Phật, hoặc niệm công đức Phật A Mi Đà, niệm gì cũng được v.v... miễn quý vị tu đúng theo lời Phật dạy, là có hiệu quả. Còn quý vị tu sai thì không có hiệu quả, còn khổ nữa. Cho nên phải biết tu. Mà muốn biết tu thì phải học kinh, học kinh nhiều thì biết. Đức Phật dạy rất căn bản, rất dễ dàng.

Bộ kinh này nói tầm quan trọng của Thiền chỉ và Thiền quán, và nên tu hành hai pháp: là Chỉ và Quán. Đức Phật nói bộ kinh này cực kỳ quan trọng, quý vị hãy truyền cho nhiều người biết, để thấy điều quan trọng đó. Như vậy, chúng ta có hai bài nói về tầm quan trọng, hay tác dụng của Thiền chỉ và Thiền quán rồi, một bài từ Kinh A Hàm, một bài từ Kinh Nikaya. Cho nên cực kỳ hay!

Bữa nay giới thiệu thêm cho quý vị một điều nữa, là quả Tu-đà-hoàn có mấy hạng. Bình thường, nếu là những người học Tịnh Độ, thì biết Tu-đà-hoàn có một Tu-đà-hoàn thôi. Nhưng không phải! Tu-đà-hoàn không phải có mỗi một hạng Tu-đà-hoàn đó đâu, mà có nhiều hạng hơn. Điển hình, đợt trước Thiện Trang đã nói sơ qua, bây giờ sẽ trích theo kinh, để quý vị thấy có chứng minh. Đây là theo kinh, chứ không phải theo Thiện Trang. Đoạn kinh này dài quá, Thiện Trang chỉ trích từ khúc cuối thôi.

Quả Tu-Đà-Hoàn Có Mấy Hạng?

.....

Bấy giờ đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Từ đàng xa đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá Lợi Phất đi lại, liền bảo các Tỳ-kheo rằng (đây là đức Phật nói nha):

Tỳ-kheo Xá Lợi Phất là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ, Tỳ-kheo Xá Lợi Phất đã thành tựu thật tuệ. Nói chung là [đức Phật] khen ngài Xá Lợi Phất là Trí huệ Đệ nhất, nên bao nhiêu chữ nói về trí tuệ là [Ngài] dùng hết.

Vì sao vậy? Vì về bốn hạng Tu-đà-hoàn mà Ta đã nói sơ lược, thì Tỳ-kheo Xá Lợi Phất triển khai thành mười hạng để nói cho Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Quý vị thấy không? Tu-đà-hoàn có bao nhiêu hạng? Đức Phật nói là Ngài triển khai sơ lược có bốn hạng thôi, còn ngài Xá Lợi Phất thì triển khai mười hạng. Vậy ai học Tịnh Độ, nói mình giỏi đúng không? Thiện Trang thấy những đồng tu Tịnh Độ hay cống cao ngã mạn lắm. Vậy thì hỏi lại Tu-đà-hoàn có mấy hạng, là họ ngơ ngác liền. Trong khi đó đức Phật nói có bốn hạng mà họ không kể ra được, không thể nào kể ra được bốn hạng Tu-đà-hoàn. Mà thậm chí, điều kiện để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn học cũng sai nữa, nên rất đáng thương. Thiện Trang nói nhiều khi tội lắm, học thì không biết, không đối chiếu với kinh điển, mà cứ tin một cách vô tội vạ, thì khổ thôi. Rồi đến ngày nào đó, có người nói ngược lại, thì bắt đầu nổi sùng, nổi điên lên, chửi người ta, phỉ báng thế này thế kia, thật là đáng thương.

Cho nên quý vị thấy bốn hạng Tu-đà-hoàn, đức Phật nói: 'Đây là Ta đã nói sơ lược', đức Phật nói sơ lược thôi, còn Tỳ-kheo Xá Lợi Phất triển khai thành mười hạng. Quý vị thấy mười hạng Tu-đà-hoàn, chứ không phải một hạng đâu, mà suốt ngày mình nghe có một hạng thôi. Thật ra Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị bốn hạng Tu-đà-hoàn rồi, quý vị có nhớ không? Để chút nữa nói nha.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong hoan hỷ phụng hành.

(Trích từ Kinh Giáo Hóa Bệnh – Kinh Số 28 – Kinh Trung A Hàm).

Quý vị mở Kinh Trung A Hàm ra, Kinh số 28, tựa đề là Kinh Giáo Hóa Bệnh. Bộ Kinh này giống như hộ niệm cho ông Trưởng giả Cấp Cô Độc. Tức là ông Trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh quá, cho nên ngài Xá Lợi Phất tới, giảng cho bài pháp. Ông Trưởng giả đã đắc Sơ quả rồi, và [sau khi] giảng xong thì ổng hết bệnh. Cho nên bộ kinh này gọi là Kinh Giáo Hóa Bệnh.

Đoạn cuối này là đức Phật Thích Ca tán thán ngài Xá Lợi Phất, Ngài đem bốn hạng Tu-đà-hoàn đó chia ra cho rõ hơn là mười hạng, để nói cho Trưởng giả Cấp Cô Độc. Rất tiếc là đoạn đó thì không thấy nói trong bộ kinh này, [không] nói mười hạng là mười hạng nào, chỉ nói vậy thôi.

Còn bây giờ chúng ta thấy bốn hạng Tu-đà-hoàn, quý vị có kể được không? Thiện Trang đã chia sẻ, trích từ trong kinh rồi. Kinh nào? Không biết luôn. Có một bộ kinh là Kinh 127 - Kinh Phước Điền, thuộc Kinh Trung A Hàm, hoặc nhiều bộ kinh nói có bốn hạng Tu-đà-hoàn. Đó là gì? Không biết! Học xong rồi không tư duy được. Đó là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Thân chứng, Kiến đáo. Không! Thân chứng, Kiến đáo có khi xếp lên trên luôn, cũng có thể nói Tu-đà-hoàn. Nhưng ít nhất phải kể ra được Sơ quả Tu-đà-hoàn gồm: Tùy tín hành, Tùy pháp hành (vẫn là Sơ quả Tu-đà-hoàn), Thân chứng, Gia gia, Kiến đáo, Nhất chủng. Mình kể ra là dư rồi đó. Tại vì Nhất chủng, có khi kéo lên là Nhị quả Tư-đà-hàm. Vì họ còn một đời nữa trong cõi Dục, thì lên Nhất lai, chứ sao [là] Tu-đà-hoàn.

Trong một bộ kinh, ngài Xá Lợi Phất nói với ngài gì đó, là quả Nhất chủng không biết nên xếp vào đâu, khó mà phân định được là Sơ quả Tu-đà-hoàn hay Nhị quả Tư-đà-hàm. Còn Gia gia là hai đời, hoặc ba đời ở trong cõi Dục. Tức là ở cõi Người, cõi Trời hoặc là hai đời, hoặc là ba đời nữa, thì gọi là Gia gia. Và đời đó họ sanh vào gia đình tôn quý ở cõi Người và cõi Trời, không nhất định là cõi Người hay cõi Trời. Chứ không phải như ngài Tịnh Không nói, là cứ chết ở cõi Người rồi sanh lên cõi Trời, chết ở cõi Trời rồi sanh xuống cõi Người, bảy đời rồi mới đắc A-la-hán... Đó là Sơ quả Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn. Không phải như vậy, mà là không có nhất định.

Bảy đời trong cõi Dục, là tối đa của một người Sơ quả Tu-đà-hoàn. Còn đây là Gia gia, là có thể hai hoặc ba đời thôi. Về điều này thì quý vị yên tâm, từ từ rồi cũng có bài học. Chính là bộ Luận Câu Xá này, tới Phẩm Hiền Thánh thì chúng ta sẽ học, chính là những địa vị này, chia chẻ ra và phân tích rõ hơn. Thiện Trang thấy trong bộ Luận Câu Xá này có.

Thấy chưa? Nội Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi mà mình đã mơ màng. Bây giờ nói mười quả, Thiện Trang không biết mười quả này, Thiện Trang chưa tìm ra mười hạng Tu-đà-hoàn. Đâu mà nhiều vậy, kể ra những [địa vị] nào nữa thì không biết, nhưng trong kinh này không có. Chỉ có tán thán vậy thôi, Thiện Trang không biết mười hạng Tu-đà-hoàn gồm những gì. Thiện Trang có thể bắt đầu kể từ Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng. Sơ sơ là sáu rồi, không biết kể đâu ra mà thành mười nữa. Đôi khi kéo Nhất chủng lên nữa, cho nên không biết. Có thể có Dĩ kiến Đạo tích, tức là đã thấy dấu vết của đạo, cũng là Sơ quả Tu-đà-hoàn, thì mình kể chung vào nữa là bảy. Rồi Đắc pháp Nhãn tịnh nữa là tám, chẳng hạn, đôi khi là vậy. Rồi không biết kiếm đâu ra cho đủ mười nữa, Thiện Trang không biết, Thiện Trang chưa tìm ra.

Cho nên quý vị thông cảm, thời nay không có Phật, nên mình không biết, mình cũng chưa phải người chứng A-la-hán. Nếu chứng A-la-hán thì thấy các pháp Tứ đế, giống như nhìn trái am-la trong lòng bàn tay, như vậy thì mới có thể nói được. Còn Thiện Trang chưa chứng A-la-hán, cho nên Thiện Trang không thể nói mười hạng này được. Quý vị hiểu không? Chưa chứng A-la-hán thì không thể nói, không thể biết được. Cho nên chúng ta học đây thì mình thấy kiến thức mênh mông, không học thì mình không biết.

Đó là giới thiệu cho quý vị về quả Tu-đà-hoàn. Đây là những điều Thiện Trang nói hoàn toàn theo kinh điển, không phải Thiện Trang tự sáng tác. Còn người ta tự sáng tác, người ta nói sai, thì ráng chịu. Còn mình nói theo kinh, quý vị có thể tra cứu các kinh này.

Hôm nay có lẽ học Tâm sở, bữa sau sẽ học Thất giác chi. Hôm bữa chúng ta đã học các loại Tâm sở, có 52 món Tâm sở trong A Tỳ Đàm, Thiện Trang xin giới thiệu lại để quý vị nhớ, gồm: 13 Tâm sở Tợ tha; Tợ tha tức là nó luôn luôn nương tựa, hoặc là đi với nhóm 14 Tâm sở Bất thiện thì thành bất thiện, hoặc đi với 25 Tâm sở Tịnh hảo thì nương vào [Tâm sở Tịnh hảo]. [13 Tâm sở Tợ tha] gồm: 7 Tâm sở Biến hành, tức là lúc nào cũng có bảy thằng này: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý; và 6 Tâm sở Biệt cảnh, thì lúc có lúc không, gồm: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục.

Còn 14 Tâm sở Bất thiện gồm: 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành, tức là trong bất thiện luôn luôn có 4 thằng này: Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử; và 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh, gồm: Tham, Tà kiến, Ngã mạn, là thuộc nhóm Tham phần; Sân, Tật, Lận, Hối, là nhóm Sân phần; Hôn trầm, Thụy miên, Nghi, là nhóm Trì trệ và Do dự. 10 [Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh] này thì lúc có lúc không. Sau này chúng ta học 121 tâm nữa, còn đây là 52 Tâm sở. Nói 121 tâm, nhưng thực tế thì không nhiều, phân tích một chút là hết, [vì] giống giống nhau.

Chúng ta đang học 25 Tâm sở Tịnh hảo, tức là Tâm sở tốt đẹp, gồm 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành: Tín, Niệm, Tàm, Uý, Vô tham, Vô sân, Trung hòa. Hình như chúng ta mới học tới Tín, Niệm, Tàm, Uý rồi. Hôm nay chúng ta sẽ học Vô tham, Vô sân, và Trung hòa. Còn sau này, chúng ta học sáu Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh, gồm: 3 Tâm sở Tịnh hảo về Giới, gọi là Tâm sở Tịnh hảo Giới phần, 2 Tâm sở Tịnh hảo về Vô lượng phần, và 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền. Tu có trí, đầu thai tâm Tam nhân là phải kéo được Tâm sở Trí này lên, hoặc làm những việc gì có trí thì mới tốt. Hôm nay chúng ta học tới Vô tham, Vô sân, và Trung hòa.

1. Tâm sở Vô tham:

Vô tham là gì? Chúng ta học [Tâm sở] Tham rồi, bây giờ ngược lại không tham, là thành vô tham thôi. Nếu quý vị không nhớ thì chúng ta có thể nói lại. **Vô tham là không ham muốn, không nhiễm đắm, không có chấp tướng**

với cảnh. Tức là ham muốn này có sự nhiễm, thì gọi là tham. Còn đây không có nhiễm, không có chấp.

Tức là bây giờ quý vị muốn có điện thoại để xài, nhưng quý vị muốn nhất định phải là cái điện thoại đó, tôi phải có được cái điện thoại iPhone 16 Pro Max, màu phải là màu tím, v.v… tôi nhất định phải được dung lượng bao nhiêu Gb, kiểu như vậy. Đó là tham, là nhiễm rồi, mình chấp.

Còn người không có iPhone 16, thì xài iPhone 15 cũng được, không có màu đó thì màu đó cũng được v.v… đó là không có nhiễm, không có chấp. Miễn tôi có điện thoại để xài, đáp ứng cho tôi những nhu cầu như lên Facebook coi thầy Thiện Trang giảng, rồi bình luận, đọc bài viết, tải file về coi v.v… Coi bộ Luận Câu Xá [trên] YouTube v.v… là được rồi. Chẳng hạn như vậy, với nhu cầu cơ bản tối thiểu tôi đạt được là được, còn điện thoại nào cũng tốt. Đó là không nhiễm đắm, không ham muốn, đó là vô tham. Quý vị hiểu không?

Chứ không phải là không mong muốn gì hết, thôi khỏi có luôn. Tôi tu hành tốt cho nên tôi không sử dụng điện thoại đâu v.v… thế này thế kia. Đó có phải là Vô tham hay không? Điều đó cũng là chấp cứng, chấp vào cảnh, chấp vào danh tu tốt, không xài điện thoại, không cần điện thoại sang v.v… Đó cũng là chấp vào danh.

Tức là mình không chấp vào vật chất này, nhưng chấp hình tướng khác, chấp một sự trong sạch khác. Cho nên đừng có tưởng. Tham, có nhiều thứ tham lắm: tham vật chất, tham danh, tham quyền, tham lợi, tham… đủ các kiểu tham. Cho nên phải cẩn thận, miễn tâm không dính mắc, không có nhiễm chấp, không có chấp cứng vào cảnh, không ham muốn, thì là không tham.

Vô tham là pháp không dính mắc vào vật dục và không ích kỷ là trạng thái chính của vô tham. [Điều này] trái ngược với tham. Nhớ điều quan trọng là không dính mắc, và chúng ta sẽ không ích kỷ, đó là trạng thái chính của Vô tham. Cho nên có ích kỷ hay không? Nhiều người ích kỷ lắm, họ nói họ không tham gì hết, nhưng thật ra họ có ích kỷ thì là họ tham.

Ví như giọt nước chảy khỏi lá sen mà không dính lá sen. Quý vị thấy không ạ? Có một ví dụ là ví như giọt nước chảy trên lá sen, mà không dính vào lá sen, đó gọi là không tham.

Vô tham thoát khỏi những vật dục mà không dính hay bám vào chúng. Ví dụ như một vị A-la-hán là người hoàn toàn không tham.

Điều này rõ ràng, có nghĩa là gì? Quý vị nói [không] tham, là không phải không có, nước chảy qua lá sen, vẫn có nước đó quý vị, nhưng nước không dính lá sen, lá sen không dính nước. Quan trọng là nước vẫn có, nhưng nó chạy qua. Hoặc là không có nước qua cũng được, hoặc có nước qua cũng được, miễn ta không dính, chứ không phải là ta không có mới là không tham. Không phải! Không có mà quý vị mong cái khác, không tham cái này thì tham cái kia. Người [mong] giữ danh trong sạch thì cũng là tham danh thôi. Tôi muốn danh Cư sĩ thanh tịnh v.v… đó là tham thôi. Cho nên phải là tu không dính mắc. Ví dụ như quý vị giữ giới, mà không dính mắc vào tướng giữ giới. Tức là giữ giới không phải là vì nổi tiếng là tôi giữ giới tốt, thế này thế kia v.v... mà là tôi giữ giới vì giải thoát sinh tử. Quan trọng là chỗ đó. Đó là không tham, chứ không phải là dính [mắc] gì đó.

Trong Phật pháp cũng vậy, học Phật pháp để làm gì? Học Phật pháp để tu, học Phật pháp để biết, học Phật pháp để hành, học Phật pháp để giải thoát sinh tử. Chứ không phải học Phật pháp để biết cho nhiều, để nổi tiếng rồi lên giảng, viết lên, rồi chia sẻ tùm lum v.v... Học Phật pháp đó không phải là học Phật pháp giải thoát, vì dính mắc vào danh, thì lúc đó là trở thành tham. Vô tham thì không có dính mắc vào cảnh.

Khi chúng sanh không dính mắc vào tài sản của mình, vị ấy có thể xả thí tiền, xả thí vật chất cho việc từ thiện. Vô tham thể hiện qua hình thức rộng lượng hay hào phóng.

Thấy chưa? Không học A Tỳ Đàm thì [làm sao biết] điều này. Điều này thì rõ ràng. Đây là Thiện Trang trích trong sách A Tỳ Đàm ra chia sẻ đó. Cho

nên nhiều người không có rộng lượng, không có hào phóng, thì biết là họ còn tham, rõ ràng lắm. Nên từ đó mình tu, mình biết là rớt hết sạch rồi, nhiều người chưa làm được điều này.

Vô tham là trạng thái buông bỏ hay từ chối các khía cạnh khả ái của cảnh trên nền tảng của thiện pháp (trạng thái là buông bỏ hay từ chối các khía cạnh khả ái là đáng yêu thích của cảnh trên nền tảng thiện pháp). **Nên phân biệt rằng không tham trong cảnh khác với không có cảnh để tham**.

Tức là phải phân biệt rõ. Có người nói là tôi không có gì, tôi không tham, tại vì tôi đâu có điện thoại đâu. Nghèo xơ nghèo xác, làm gì có điện thoại đâu mà tham. Phải có cảnh để thử thách cho mình, mà mình vẫn không dính vào đó, thì mới gọi là không tham. Chứ không có cảnh thì tham cái gì.

Ví dụ quý vị đưa cho ông bà già một cái máy chụp hình, dù có mấy chục triệu, mấy trăm triệu, mà ông bà đâu có nhu cầu, đâu có biết xài đâu mà có nhu cầu. Hoặc đưa cái Macbook cho xịn vô, hay là đưa một cái điện thoại xịn, mà họ không có nhu cầu, kêu: Không! Tôi không có tham đâu. Thật ra không phải! Tại họ không biết xài, không có cảnh nên đâu có biết. Cho nên đây không phải là không tham, quý vị hiểu không? Nhưng nếu nói cái này mắc lắm đó, không xài thì để bán, là họ tham liền. Có khi vậy thì họ kêu đưa cho tôi đi, tôi bán liền, đúng không? Đó là tham. Chẳng qua là tại vì không có cảnh để tham. Cho nên không tham, phải phân biệt khác với không có cảnh để tham.

Một bên là do hàm dưỡng và một bên là do hoàn cảnh bất tiện. Tức là ở đây khác nhau, một bên là do mình luyện tập hoài, cho nên ở trong hoàn cảnh tốt mà mình không tham. Còn một bên là do hoàn cảnh bất tiện quá, không có gì hết trơn, cho nên khỏi tham. Nhà tôi nghèo xơ nghèo xác, nên nói tôi ăn uống bình thường v.v… Hoặc là hoàn cảnh tôi bận rộn quá, cho nên nói tôi ăn uống rất là nhẹ nhàng, ăn đơn sơ lắm, v.v… tôi không có tham ăn. Thật ra bận gần chết, có thời gian đâu mà ăn. Hoặc là nghèo quá thì đâu có gì đâu mà ăn, thì đâu thể nào đánh giá được. Cho nên phải đánh giá là gì? Người giàu

mà không tham, thì mới đúng. Chứ còn mình khổ quá mà, mình đâu có biết được, nghèo cũng có cái tham của nghèo chứ. Nên ở đây là phải tùy nha.

Vô tham là một trong ba thiện căn nguồn cội của các sự lành, thiện pháp nhân quả lành.

Đây là trích từ cuốn sách Vô Tỷ Pháp Tập Yếu. Chúng ta thấy Vô tham là một trong ba thiện căn. Thiện căn gồm có vô tham, vô sân và vô si. Chứ không phải như người ta giảng, thiện căn là có thể hiểu được kinh điển, là thiện căn. Không! Đó là một phần nhỏ trong Vô si thôi. Trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya thì nói là thiện căn là không tham, không sân và không si. Cho nên nếu quý vị có không tham, thì đó là quý vị có thiện căn, thiện căn đó là căn lành, sẽ là nguồn để sanh ra được các pháp lành và nhân quả lành.

Quý vị thấy không ạ? Học Duy Thức, học Vi Diệu Pháp rõ ràng lắm, điều nào ra điều đó. Chứ nói một hồi, nói mơ mơ màng màng, không rõ. Mà không học thì làm sao rõ, không rõ thì làm sao mình tu.

Vô tham đối lập với tham và có thể khắc chế tham. Điều này rõ ràng đúng không? Một cái là không tham, thì đối lập và khắc chế tham.

Vô tham là một trong ba thiện căn, là một đức hạnh tốt liên quan đến lòng vị tha. Cho nên ai không tham thì tự nhiên họ có lòng vị tha nhiều hơn. Quý vị để ý đi, thấy đúng không? Thiện Trang thấy đúng đó. Những người keo kiệt là những người thường thiếu lòng từ bi. Tại vì mình từ bi thì sẽ buông ra được, còn đây là mình tham thì làm sao buông ra được, rõ ràng mà.

Vô tham trong khi có sẽ ra sao? Khi nào có Vô tham là trạng thái không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham ác, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, tức là căn thiện Vô tham như thế gọi là Vô tham vẫn có trong khi ấy.

Có nghĩa là trong những lúc mình thấy không ham muốn gì hết, không có nhiễm đắm gì hết, không tham những việc ác, không mong mỏi, không tham vọng, những hành vi, những cách làm, việc làm, đều là không tham.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Vô tham:

1. Trạng thái không ham muốn cảnh hay là không dính mắc theo cảnh, như một giọt nước trên lá sen. Đầu tiên, mình nói đơn giản nhất là đừng dính mắc. Giống như nước trên lá sen, nó không dính, giọt nước còn nguyên.

2. Phận sự là không chấp cứng. Có nghĩa là không có chấp cứng. Nhiều người chấp phải được như vậy, tôi phải như vậy, phải như vậy. Ví dụ hôm nay Thiện Trang chia sẻ pháp đây, mà bị cúp điện hay bị hư gì đó, thì Thiện Trang nói không được, hôm nay tôi nhất định phải giảng. Đó là tôi bị chấp cứng, thế là tôi cũng tham giảng. Không được! Phải tùy duyên chứ. Hôm nay hoàn cảnh không tốt, không được thì thôi. Mình đã cố gắng hết sức rồi, còn không được thì thôi. Tất cả mọi thứ tùy duyên. Quý vị thấy có bữa cũng ráng giảng, không livestream được đông người coi, thì cứ giảng ghi hình, rồi đăng lên cho quý vị coi. Lỡ bữa sau mình nghỉ tiếp, thì quý vị có để coi. Chia sẻ cho quý vị thôi, chứ không phải ham gì.

3. Thành tựu là không dính mắc cảnh đáng ưa thích. Sự thành tựu là không dính mắc đối với cảnh ưa thích. Ưa thích lắm nhưng mà thôi. Mình biết mình ưa thích đó, vì sao? Mình là phàm phu mà, sao mà không ưa thích được? Quý vị muốn hết tham thì là phải Tam quả A-na-hàm. Còn mình đây [vẫn] là phàm phu, thì phải có [tham] thôi. Nhưng cố gắng đừng dính mắc với cảnh đáng yêu thích. Ví dụ quý vị thích ăn món ăn gì đó, ví dụ như cơm chiên Dương Châu. Thiện Trang nói thế thôi, nghe quảng cáo, chứ không biết cơm chiên Dương Châu tùy vùng miền nấu thế nào. Nghe nói món đó rất ngon, cho nên vô quán nhất định phải ăn món đó. Nhưng đi vào quán không có món ăn đó, thì đi qua quán khác để ăn cho bằng được, gần trễ giờ rồi, nhưng thôi kệ cứ ráng đi. Rồi qua quán khác cũng không có, lại tiếp tục đi quán khác nữa. Như

vậy đó là tham rồi, đó là dính mắc cảnh đáng ưa thích. Đó là quá chấp, không được! Mình tùy duyên, thôi bữa khác ăn, chẳng hạn như vậy.

4. Nhân gần nhất là tác ý khéo (là khéo tác ý). Ở đây là [Tâm sở] Không tham, thì là khéo tác ý. Còn [Tâm sở] Tham, thì nhân cận nhất là không Như lý Tác ý. Tức là thấy các pháp không phải là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, mà mình ôm vô đó, thì là tham.

Như vậy Thiện Trang đã chia sẻ xong Tâm sở thứ nhất là Tâm sở Vô tham. Đến đây là được 5 Tâm sở rồi, có 19 Tâm sở, mấy Tâm sở sau thì lạ, [còn] mấy Tâm sở đầu thì quen. Tới Tâm sở Trung hòa là bắt đầu lạ. Chúng ta tiếp tục với Tâm sở Vô sân.

Tâm sở Vô sân:

Vô sân là gì? **Vô sân là không giận, không buồn, không khóc lóc**. Nhớ là không giận, không buồn, không khóc lóc. Vậy ai giận, thì rõ ràng là sân rồi. Hồi xưa mình tưởng buồn không phải là sân, bây giờ thì biết buồn là sân rồi, trách móc nghĩ đến quá khứ, buồn cũng là sân. Khóc lóc có sân không? Sân! Hồi xưa mình không biết khóc lóc thuộc Tâm sở gì, giờ mình biết khóc lóc là sân.

Vô sân là pháp đối lập với sân, và có thể khắc chế sân còn gọi là Từ (Từ trong Từ, Bi, Hỉ, Xả. Quý vị thấy không sân thì đối ngược lại). **Vô sân là trạng thái tha thứ và buông bỏ đối với cảnh nghịch ý.** Có nghĩa là trạng thái tha thứ, buông bỏ đối với cảnh nghịch ý. Thông thường, chúng ta sân là do cảnh nghịch ý, muốn được mà cuối cùng không được, cho nên tức, là sân. Rồi không được cho nên buồn khóc, vậy buồn cũng là sân, mà khóc cũng là sân, không được mới buồn, mới khóc chứ. Buồn khóc là sân rồi. Rõ ràng nha! Đó là không tốt. Đây là chúng ta đang học Tâm sở Bất thiện.

Thay vì Tâm sở Vô tham là sự buông bỏ hay tháo cởi trước cảnh toại ý. Tức là Vô tham khác với Vô sân. Vô sân là tha thứ và buông bỏ đối với cảnh nghịch ý. Còn Vô tham là buông bỏ, tháo cởi đối với cảnh toại ý. Một cái

là toại ý, cảnh thuận thì tham; còn bây giờ cảnh thuận mà mình cũng không tham luôn, đó là Vô tham. Còn cảnh nghịch, nếu mình khó chịu, mình chấp cứng vô đó, thì đó là sân. Ngược lại, mình buông được đối với cảnh nghịch, thì mình không sân. Cho nên ai mà sân là do mình không buông được đối với nghịch cảnh đó. Quý vị không buông được nghịch cảnh là quý vị có sân. Cho nên Không sân là một trong ba thiện căn: Vô tham, vô sân, vô si. Vậy thì có sân thì chứng tỏ thiện căn của mình yếu đúng không? Quý vị thấy rõ ràng.

Khi được tu tập một cách có ý thức, thì Tâm sở này chính là lòng từ. Cho nên quý vị thấy, khi tu tập đúng thì Vô sân chính là tâm từ. Cho nên ai có tâm từ nhiều thì ít sân. Quý vị để ý đi, ai có tâm từ nhiều thì ít sân, còn ai sân nhiều thì ít từ (ít từ bi) đó.

Cho nên từ đó mình biết liền, chúng sanh như thế nào. Quý vị thấy có nhiều người tu được tâm này, họ không sân, họ từ bi lắm, thương người lắm, ít sân lắm. Thiện Trang thấy có người như vậy. Thiện Trang thì tu tâm này không được tốt lắm, cho nên nhiều khi cũng thấy hơi khó chịu. Đó là mình kém về môn này, hơi khó chịu với những nghịch ý.

Tâm sở Vô sân cũng là một trong ba thiện căn. Một trong ba thiện căn là: Vô tham, vô sân và vô si. Cho nên Vô sân là một trong ba thiện căn.

Vô sân không chỉ thiếu vắng sự ganh ghét hay ác cảm, mà còn là một đức hạnh tốt. Tất nhiên là sân hận thì sẽ có sự ganh ghét, ác cảm. Nhưng đây là Vô sân, thì không có ganh ghét ác cảm, mà còn là một đức hạnh tốt. Cho nên những người có tính ganh ghét là những người sân. Quý vị thấy không? Quý vị học vào Tâm sở này là rõ hết. Ai có tính ganh đua, ganh tị, ganh ghét, ác cảm với người này người kia, thì là quý vị có sân. Ví dụ khi nhắc đến người nào đó mà mình cảm thấy ghét rồi, mình không thích rồi, thì đó là mình sân. Bây giờ nhớ nha! Ác cảm với ai cũng là sân.

Phải có những chìa khóa như vậy thì mới quán Tứ niệm xứ được. Quý vị nhớ bài trước, chúng ta học bài Tứ niệm xứ mất một thời gian rất dài đúng

không? Quý vị thấy tâm ta đang sân thì biết là tâm đang sân, tâm đang tham thì biết là tham. Đức Phật không nói là dẹp hay không dẹp, mà đức Phật nói là chỉ cần biết thôi. Biết là biết thế nào? Trong mọi hoàn cảnh, mọi lúc, mọi nơi, quý vị đang ngủ thì biết đang ngủ, ngủ say thì biết ngủ say, tâm thế nào thì biết hết.

Vậy thì có khi nào mình biết mình sân, khi mình đang sân hay không? Hay là không biết luôn? Ví dụ như ở đây, ganh ghét hay ác cảm với ai cũng là sân, mà quý vị có biết không? Không biết! Tại vì sao? Bởi quý vị đâu có học Tâm sở đâu mà biết. Cho nên Thiện Trang nói không học mấy món Tâm sở mà đòi tu Tứ niệm xứ, thì làm sao quán tâm trên tâm, quán tâm như tâm được. Không được! Quán tâm như tâm: là quán tâm như tâm của bậc A-la-hán đó (quán tâm trên tâm cũng được). Mình không quán được. Quán thân, thọ, tâm, pháp không nổi đâu. Khó lắm! Không học Tâm sở thì không quán được.

Cho nên nhớ nha! Mình phải quan sát được dấu hiệu của tham, sân, si. Mình học, mình thấy, thì mình phải có tiêu chuẩn. Giống như buồn cũng là sân, nhiều người đâu biết buồn là sân; khóc cũng là sân luôn; tủi hận cũng là sân; rồi ganh ghét, ác cảm [đều là] sân hết. Ác cảm là nhắc tới người nào đó mà mình thấy hơi ghét. Giống như nhiều người nói, nhắc tới thầy Thiện Trang là ghét rồi. Đó là sân, thì làm sao được! Quý vị phải thương, phải từ bi.

Cho nên Thiện Trang chia sẻ bí quyết với quý vị, là Thiện Trang cố gắng đổi ngược lại. Tức là mình đang ghét người đó quá, người đó đang làm việc gì đó [khiến] mình khó chịu quá, thì mình phải thương họ, đổi lại tâm từ bi. Quý vị coi bài Kinh Người Áo Trắng, đức Phật nói lúc nào cũng thương người ta hết, nghĩ làm cách nào đó để thương người ta thôi, người ta đang lạc đường, quý vị hãy thương người ta. Vì người ta đang lạc đường, người ta không hiểu mình. Mình đang chia sẻ Chánh pháp, mà người ta không hiểu, người ta chửi, cho nên mình thương người ta. Người ta đang không hiểu được Chánh pháp đó. Cho nên là phải biết thương.

Có đồng tu nói: 'Thưa thầy, ngủ say thì làm sao biết ngủ say?' Lúc đang ngủ say thì không biết, nhưng vừa thức giấc thì biết chứ, đúng không? Đang ngủ, lúc đó trạng thái dừng thì không biết rồi, còn nếu quý vị biết được luôn thì quý vị thành tựu một bậc A-la-hán rồi, chứ còn gì nữa. Khi ngủ xong, mình thức dậy, thì mình biết nãy giờ ngủ say, không biết gì. Còn ngủ mà chưa say, thì mình biết là mình chưa ngủ say. Đó là mình cũng biết chớ.

Sân có trạng thái thô lỗ, cứng sượng và ác độc; trong khi trạng thái của Vô sân là tính nhu mì và sự bao dung. Ngược lại nha! Sân là thô lỗ, cứng sượng, hành động cứng nhắc và ác độc. Đúng thiệt! Thiện Trang thấy sân là bắt đầu ác rồi đó, những người sân là bắt đầu họ ác, họ sẵn sàng làm những việc ác. Rồi trạng thái của Vô sân thì ngược lại, là sự nhu mì, không cứng rắn, và sự bao dung.

Sân ví như kẻ thù, trong khi Vô sân ví như một người bạn tốt dễ chịu. Quý vị nhớ để mình học. Mình học Sân rồi, mà học Vô sân nữa thì rõ hơn đúng không? Vậy thì mình mới quán Tứ niệm xứ được. Nhớ! Vô sân giống như một người bạn tốt dễ chịu, còn Sân thì giống như kẻ thù.

Vô sân cũng được xem như thiện chí với bản chất thiện và lợi ích của nó (tức là Vô sân là tốt rồi). **Khi nào Vô sân hướng sự chú ý đến chúng sanh, cầu mong cho họ được hạnh phúc, khi ấy Vô sân được gọi là từ** (tức là từ trong lòng từ hay là lòng trắc ẩn). Khi nào quý vị không có sân, mà quý vị hướng sự chú ý đến tất cả chúng sanh, rồi cầu mong cho họ được hạnh phúc, thì lúc đó quý vị chuyển thành từ.

Cho nên quý vị thấy Sư Minh Tuệ lúc nào cũng hay nói, ai học theo Sư Minh Tuệ thì cũng có câu là: 'Con cầu mong cho họ được hạnh phúc, tốt đẹp', lúc nào cũng vậy. Đó là từ, không có sân. Còn mình cũng bắt chước, mình cũng nói là cầu mong cho họ tốt đẹp. Nhưng một hồi lại cầu cho nó chết đi cho rồi, cầu cho nó thế này thế kia, toàn cầu điều xấu không à. Kiểu đó không phải là không sân, mà là rất sân. Cầu mong cho họ đọa lạc, mong cho họ chết sớm, toàn cầu như vậy. Đó là sân, chưa có từ bi được, cho nên chưa tu được.

Thôi mình an ủi cho mình đi, dù sao mình cũng chưa tới Tam quả A-na-hàm, cho nên còn sân là bình thường, chỉ giảm bớt sân thôi. Tu Tứ niệm xứ, là tâm sân thì biết có sân, tâm tham thì biết có tham, tâm hoài nghi thì biết đang hoài nghi, tâm phóng dật thì biết là đang phóng dật, tâm thụy miên hôn trầm thì biết là tâm thụy miên hôn trầm. Mình không học mấy Tâm sở thì làm sao mình biết mấy tâm đó, quý vị hiểu không? Rồi bữa sau mình học 121 tâm thì mình sẽ thấy rõ hơn nữa, tâm đang hôn trầm thì hôn trầm kiểu nào, tâm đang sân thì sân kiểu nào, tâm đang tham thì tham kiểu nào, ta biết rõ hơn nữa, thì mới quán Tứ Niệm Xứ được chứ. Còn bây giờ ít nhất cũng quán được sơ sơ rồi đó, cũng khá rồi đó, nhưng càng học về sau là rõ hơn nữa. Phải thuộc, phải hiểu những điều này.

Cho nên quý vị đồng tu học tới đây, giờ nhớ Tâm sở kỹ vô cho Thiện Trang, mấy Tâm sở xấu mình đã học qua rồi đó: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Tà kiến. Mình học cho kỹ những Tâm sở xấu, thì mình tu, mình bỏ hết Tâm sở đó, làm sao cho những Tâm sở đó không xuất hiện nữa là ngon rồi, thì thành công. Tu Tứ niệm xứ là cứ quan sát, mình biết chắc chắn, giống như biết trong nhà có trộm thì chắc chắn sẽ đuổi trộm ra ngoài. Cho nên trước sau gì thì quý vị cũng hết thôi.

Cho nên tại sao Kinh Tứ Niệm Xứ nói là chỉ cần biết thôi. Quý vị thấy Kinh Tứ Niệm Xứ, [đức Phật] dạy tu Tứ niệm xứ, đâu cần dạy quý vị đừng sân, đừng tham, đừng si đâu. Mà đức Phật chỉ dạy là biết thôi, tâm đang tham thì biết tâm đang tham, tâm sân thì biết tâm sân, tâm si thì biết đang si, tâm hoài nghi thì biết đang hoài nghi, tâm phóng dật thì biết đang phóng dật. Rõ ràng như vậy mà không học Tâm sở.

Cho nên ai tu Tứ niệm xứ, tu Vipassana, là tu mọi lúc mọi nơi, lúc nào cũng phải quan sát được tâm, quan thát được thân, quan sát được cảm giác (cảm thọ) và quan sát được các pháp. Mà mình không có [học] Tâm sở thì làm sao quan sát tâm đây, cho nên là khó. [Quý vị] học đi rồi mới thấy tu điều này hiệu quả vô cùng.

Vô sân cũng là một trong ba thiện căn: điều này thì chúng ta đã nói rồi. Thiện căn là: Vô tham, vô sân, vô si đó.

Vô sân trong khi có thì sẽ ra sao? Khi nào không có sự giận dỗi, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc, tức là căn thiện Vô sân. Có nghĩa là quý vị làm sao đó, phải biết khi nào quý vị không có giận dỗi. Có giận dỗi không? Các cô nàng hay giận dỗi. Người nữ thì hay giận dỗi nhiều, còn người đàn ông thì ít giận. Người đàn ông không có tính này.

Có nhiều người nói: 'Thưa thầy! Sao con cũng có phước báo thế này thế kia, mà sao con làm thân nữ?' Bởi quý vị có những tính của người nữ, ví dụ như quý vị thích giận dỗi, thích hờn, rồi hay sợ hãi, yếu đuối, hay ganh ghét ganh tỵ, có những tính đó v.v... Quý vị có phước báo đi nữa, thì quý vị cũng phải chui xuống làm nữ thôi. Do tâm mà, tâm tương ưng thì cảnh tương ưng. Quý vị cứ coi trong kinh Phật đi, đức Phật kể ra tội của người nữ nhiều lắm. Thiện Trang thì không dám kể, tại vì giảng ở đây, có các cô nhiều quá. Chứ không, các cô nghe xong, các cô dội. Đức Phật nói, mà quý cô lại phỉ báng, nói đức Phật nói xấu các cô nữa, cho nên thôi, từ từ.

Ở đây nói khi nào quý vị không có sự giận dỗi, không hờn dỗi (hờn dỗi là thuộc về Sân), không tức mình, không tính hại (tức là không tính toán hại ai hết), không nghĩ đến sự ác độc. Quý vị nhớ nha! Không nghĩ đến sự ác độc. Mình tính toán toàn là gì đâu không. Thiện Trang thấy nhiều người tu hành rồi, tu hành lâu năm mà học không tới nơi tới chốn, cho nên thấy người nào tu không giống mình, là bắt đầu tìm cách phỉ báng, nói thế này nói thế kia, rất nhiều.

Quý vị thấy [người] tu trong Tịnh Độ, hồi bữa nghe ai kể đó, người mẹ thì tu theo con đường khác, đi hộ niệm gì đó, còn con thì nghe pháp Tịnh Độ, tu [theo] đây, cho nên người mẹ phỉ báng, nói đủ các kiểu, nào là con tu theo tà rồi, thế này thế kia. Đó là ác độc. Vậy tu làm sao vãng sanh được? Cho nên tội, thương cho người ta, người ta vô minh quá. Mình muốn gây nhân Tây

Phương Tịnh Độ mà lại đem tạo ác nghiệp, người ta không tu giống mình là bắt đầu phỉ báng, tìm cách gán ghép cho bao nhiêu tội. Thế thì làm sao, đâu có từ bi đâu. 'Chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ', Tây Phương Cực Lạc đâu phải chỗ dành cho những người như vậy. Cho nên chúng ta biết ngay: tâm không tương ưng thì cảnh không tương ưng.

Trong kinh đức Phật nói là "chúng sanh tụ theo giới". Theo giới là người ác đi với người ác, người thiện đi với người thiện. Ở Tây Phương Cực Lạc là người cực thiện, thì phải đi với người cực thiện chứ, người tâm thanh tịnh mới được chứ. Cho nên 'tâm tịnh tắc Phật độ tịnh' mà, tâm tịnh thì cõi nước sẽ tịnh thôi. Bây giờ tâm mình không thanh tịnh, mà mình đòi về Tây Phương Cực Lạc thì làm sao có chuyện đó.

Cho nên từ đó mình biết là chúng sanh bây giờ tu kiểu mê mờ, lười học kinh, lười đọc sách, mà nghe người này giảng, người kia giảng, rồi suốt ngày cũng nói hay lắm, toàn nói 'y pháp bất y nhân'. Y pháp bất y nhân, mà ông thầy của mình đã không 'y pháp bất y nhân' rồi, còn mình thì y với ông thầy của mình thôi. Vậy thì mình biết là mình thế nào. Còn nếu muốn 'y pháp bất y nhân' thì phải coi kinh điển chứ, những lời ổng nói ra có phải trong kinh hay không. Chứ ổng nói theo ý ổng, rồi mình cũng y theo ổng, mình kêu là mình y pháp bất y nhân. Đó mình y nhân bất y pháp thì có.

Thời nay rất là đáng thương, chúng sanh thời nay thiếu căn lành, kinh sách thì đầy trên mạng, search một cái là ra hết, đánh vô Kinh A Hàm là ra ngay, có file mp3, có file Word luôn, có cả trang web đăng luôn, đầy đủ hết các kinh, kinh này kinh kia, kinh Đại thừa, kinh Tiểu thừa, tất cả các kinh. Mình không có thời gian đọc mà mình [nói] tu hành, cho nên thật là đáng thương.

Thiện Trang nói thời này đáng thương lắm, chúng sanh thời này mê lắm, cho nên càng tu càng sai. Rồi tu mà chửi bới, gặp những người giảng kinh đàng hoàng thì lại chửi, nói là ham học nhiều rồi cống cao ngã mạn, tùm lum tùm la. Chính mình không biết mình, mà mình đi nói người ta. Như vậy thì càng ngày tạo nghiệp càng nặng, cho nên rất là đáng thương.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Vô sân:

1. Trạng thái là không hung ác hay là không phẫn nộ. Quý vị nhớ trạng thái đầu tiên là không hung ác, không phẫn nộ. Quý vị có hung ác hay không? Có phẫn nộ hay không? [Quý vị] thường xuyên phải kiểm tra, nhớ đây là những từ để mình kiểm tra nha. Nhớ là không có ý ganh ghét, hung ác, phẫn nộ.

2. Phận sự là không gây thù oán, không nóng nảy. Phận sự của Tâm sở Vô sân là không gây thù oán với ai, không nóng nảy. [Quý vị] làm gì mà nóng quá là đang sân đó. Nhớ nha! Nhiều người nói không sân thì không phải, mà sân kiểu khác. Sân có nhiều dấu hiệu để sân: Người thì tự trách mình sao thế này thế kia cũng là sân, người thì hối hận cũng là sân, người thì nóng nảy chửi bới cũng là sân, người gây thù chuốc oán cũng là sân, người đấu tranh ghen ghét cũng là sân. Cho nên sân hết đó, vậy mà mình không biết. [Vì] đâu có học, nên mới không biết thôi.

3. Thành tựu là tâm trong trẻo như trăng rằm: tức là nếu mình không sân, thì thành tựu được tâm mình trong trẻo như trăng rằm.

4. Nhân gần nhất là khéo tác ý: đó là mình khéo tác ý, nếu mình tác ý không khéo thì không được. Muốn khéo tác ý thì chỉ có học kinh điển nhiều thì mới biết được thôi, chứ làm sao mà biết được.

Đó là Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị Tâm sở Vô sân. Như vậy là chúng ta đã học [Tâm sở]: Vô tham, Vô sân, Vô si. Chúng ta thấy học rất quan trọng, ở đây thì không có si. Nhưng chúng ta học [các Tâm sở]: Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô tham, Vô sân.

Bây giờ chúng ta học thêm Tâm sở nữa là Tâm sở Trung hòa. Có chỗ dịch là Trung tính, thì thôi chúng ta dịch là Trung hoà hay hơn Trung tính. Tùy mỗi người, tại vì từ Pali mà dịch sang tiếng Việt thì không có qua một cái gì hết, chỉ dịch nghĩa thôi. Còn ví dụ như chữ Hán thì ông cha ta thời xưa đã chế âm Hán Việt rồi, cho nên vô chữ đó là có âm Hán Việt rồi. Nên người 10 người dịch âm

Hán Việt thì hầu như cũng giống nhau, bởi vì chữ Hán ít âm Hán Việt lắm. Cùng lắm như chữ 'nhạo' với chữ 'lạc' hay chữ 'nhạc' là một chữ Hán. Nhưng lúc thì đọc nhạo, lúc thì đọc nhạc, lúc thì đọc lạc. Chữ nhạc thì không có ai dịch rồi. Ví dụ như trong Tứ vô ngại biện, có 'nhạo thuyết vô ngại', thì có người dịch là nhạo thuyết, có người dịch là lạc thuyết. Nhạo hay lạc thì cũng một chữ đó, cùng lắm chỉ sai vậy thôi. Chứ còn chữ Pali mà dịch sang tiếng Việt thì không có gì hết, cho nên người ta dịch mỗi người mỗi kiểu. Vì vậy quý vị thấy chữ Tâm sở, có người dịch là Tâm sở, có người dịch là Sở hữu tâm, có người dịch là gì đó v.v… Tâm sở Trung hòa cũng vậy, có người dịch là Trung tính, rồi tùm lum hết. Chúng ta phải hiểu, biết ý nghĩa là được rồi.

Bữa nay học Tâm sở Trung hòa. Thêm Tâm sở này nữa là chúng ta học được 7 Tâm sở rồi, mà mình phải học 19 [Tâm sở]. Mấy Tâm sở này lạ hơn, [còn] mấy Tâm sở kia quen. Quen nhưng mình học hoài mà mình vẫn thấy mới. Hồi trước mình cứ tưởng mình biết tham là gì, sân là gì, si là gì. Thiện Trang nói, ví dụ các đồng tu Tịnh Độ ở đây, muốn độ những người tu Tịnh Độ cứng đầu khác, thì quý vị hỏi họ Sân là gì, thì họ trả lời lung tung cho coi. Họ không biết Sân là gì. Chính vì không học những bộ này, [nên] đâu biết đâu.

Tâm sở Trung hòa:

Trung hoà có trạng thái chính là hay quan sát cảnh vô tư, không thiên vị, giữ tất cả các pháp quân bình, điều hoà những pháp đồng sanh cho bằng với nhau, không thái quá bất cập, hay chênh lệch so le, tức là dung hòa các pháp đi chung.

Tâm sở này mới, nên Thiện Trang phải nói chậm chậm, đọc qua thì quý vị có nghe kịp không? Thứ nhất đây là Tâm sở khi quan sát cảnh thì vô tư, không thiên vị, mình giữ được các pháp quân bình. Có nghĩa là tôi thấy cái micro này màu đen, màu đen thì là màu đen thôi, thấy cũng như không thấy vậy đó. Có người thì thấy màu đen xấu quá, còn người kia thì thích màu đen, màu đen đẹp. Thầy Thiện Trang có micro màu đen đẹp.

Như vậy Thiện Trang đã lấy ba ví dụ, để quý vị thấy ba Tâm sở khác nhau khi cùng nhìn cảnh là cái micro. Một người nói cái micro đen xấu quá, hay thầy đặt chướng mắt quá. Đó là Tâm sở Sân khởi. Người thứ hai nói cái micro [màu] đen thầy đặt đẹp quá, đó là Tâm sở Tham khởi. Còn người thứ ba là trạng thái quân bình được, trơ trơ, thì thấy micro cũng là micro thôi, đó là [Tâm sở] Trung hòa. Quý vị hiểu chưa? Mình học rõ ràng vậy đó. Không thiên vị, tôi không vì tình chấp nên tôi không thương cái micro này. Bởi vì tôi không xài micro, nên tôi ghét micro này, là không có. Mà tôi rất rõ ràng, bình thường, trơ trơ ra, micro là micro thôi.

Còn người nhiều khi ghét, ví dụ như Thiện Trang để chữ Từ điển Pali của tác giả Toại Khanh. Bắt đầu có người [kêu]: nghe ông Toại Khanh ghét lắm, chẳng hạn. Có người vậy đó, đó là quý vị thiên vị rồi. Còn quý vị nghe Sư Toại Khanh là Sư Toại Khanh thôi. Còn có người [thì thấy] Sư Toại Khanh hay lắm, thế này thế kia. Đó là quý vị rớt vào trạng thái không trung hòa.

Trung hòa là giữ các pháp quân bình, điều hòa các pháp đồng sanh cho bằng nhau, không thái quá, không có chênh lệch so le, tức là dung hòa các pháp đi chung với nhau. Đó là trạng thái. Mình thấy nhiều cảnh vô cùng một lúc, thì mình [phải có] tâm [Trung] hòa này. [Tâm sở] này có nhiều thứ lắm, giảng ra thì sâu lắm, để chúng ta đọc tiếp rồi giảng tiếp.

Trung hòa được ví như người đánh xe ngựa, điều khiển hai con ngựa thuần thục chạy đồng lúc. Ví dụ quý vị biết hồi xưa đi xe ngựa, có hai con ngựa kéo, thì người điều khiển xe ngựa phải điều khiển hai con ngựa chạy ngang ngang nhau. Chứ con ngựa này chạy nhanh, con ngựa kia chạy chậm thì không được. Đó là trung hòa, cân bằng thì được như vậy. Trạng thái này cũng rất quan trọng, cho nên nó mới là Tâm sở Tịnh hảo.

Sở dĩ chúng ta không điều hòa được là do không có tâm này, không quân bình được. Nhiều khi thích quá, nhiều khi ghét quá, nóng quá, khó chịu quá, buồn quá v.v… Đó là không có Tâm sở Trung hòa để cân lại cho mình. Vì người ta rơi vào hai trạng thái: ghét hoặc thương. Ghét cũng đọa lạc, mà thương cũng

đọa lạc. Đó là tham. Cho nên tu là gì? Phải trung hòa, trung hòa thì mới tốt. Còn không thì quý vị dính vô tham quá, tham quá. Cho nên tu cuối cùng là để đưa về trạng thái cân bằng này.

Quý vị thấy không ạ? Không học Tâm sở thì đâu [biết] kỹ như vậy. Học Tâm sở rồi mình biết, bữa nay dễ [tu] rồi đó. Giống như hai con ngựa kéo xe, mà con ngựa này chạy nhanh, con ngựa kia chạy chậm thì không được, sẽ té ngã, gặp tai nạn ngay. Còn hai con ngựa cứ chạy đều đều, thuần thục, mà chạy ngang nhau. Chúng phối hợp càng nhuần nhuyễn bao nhiêu, thì xe đó chạy càng nhanh và càng tốt. Tâm sở này cũng vậy, vai trò này quan trọng.

Nó cũng đóng vai trò như người chủ tọa của buổi họp, trao cơ hội công bằng đến những cộng sự. Tức là trong buổi họp đó, người chủ tọa phải trao cơ hội công bằng đến những người cộng sự với mình, những người cùng làm việc với mình. Tâm sở này cũng quan trọng như vậy đó.

Tâm sở trung hòa giúp quân bình tâm và những Tâm sở cùng sanh, cùng hành động nhịp nhàng, ngăn chặn bất cứ sự vượt trội quá mức hay lui sụt kém cỏi nào. Có nghĩa là [Tâm sở] này giúp quân bình tâm. Chúng ta chưa học về tâm, nhưng những Tâm sở cùng sanh, ví dụ như chúng ta có nhiều Tâm sở chạy lên, thì quý vị biết Tham với Vô tham là hai Tâm sở, và hai Tâm sở này cân bằng nhau thì không tham. Nhiều Tâm sở nữa lên thì cũng cân bằng luôn. Nó cân bằng, cùng hành động nhịp nhàng, không cho Tâm sở nào nổi quá mức hay lui sụt kém cỏi. Điều này rất quan trọng.

Với ý nghĩa bình thản, nó thường được gọi là Xả, là trạng thái trung bình giữa bi và tùy hỷ.

Quý vị nghe kỹ không? Mai mốt [chúng ta học] Xả giác chi là nhờ Tâm sở này. Trong Bảy giác chi (Thất giác chi) thì có Xả. Tâm sở Trung hòa này thường được gọi là Xả, là trạng thái trung bình giữa bi và tùy hỷ, tức là nó trung bình giữa bi và tùy hỷ. Bi là gì? 'Từ năng dữ nhất thiết chúng sanh chi lạc; Bi năng bạt nhất thiết chúng sanh chi khổ'. Bi là thương cảm, và tùy hỷ là vui theo. Ở

đây [Tâm sở] này là ở giữa giữa thôi, không có bi lụy và vui theo, cho nên là trạng thái trung bình.

Xả là nuôi dưỡng chân giá trị một trong Bảy giác chi, khác với xả thọ. Ở đây khác với xả thọ. Tức là trạng thái Xả trong Xả giác chi, là một giá trị quan trọng trong Bảy giác chi. Sau này mình học Bảy giác chi, thì tùy thời, mình biết lúc nào thì phải tu những giác chi nào trong Bảy giác chi, để quân bình được tâm. Lúc tâm mình đang nóng thì mình phải tu giác chi nào, lúc tâm mình đang sân thì mình phải tu giác chi nào để kìm lại, lúc mình đang buồn ngủ thì mình tu Tâm sở nào...

Bây giờ chắc nhiều người không đọc kinh nên không biết, chứ thật ra đức Phật dạy hết rồi. Hôm nào đó Thiện Trang sẽ có buổi [chia sẻ] chuyên về Thất giác chi. Nếu tuần sau có thời gian, có thể chúng ta sẽ học về Thất giác chi. Còn nếu không thì cứ từ từ, cứ học hết 37 Phẩm trợ đạo cho đàng hoàng.

Và nhớ Xả giác chi này khác với xả thọ. Xả thọ là trơ trơ, không vui không buồn. Còn xả này là trung bình giữa bi và tùy hỷ. Bi là thương cảm, tùy hỷ là vui. Tức là một bên là hơi buồn, một bên là vui. Điều này cũng không phải là buồn vui, mà mang tính chất là vui theo niềm vui của người khác, thấy tốt đẹp, thấy người ta buồn thì mình cũng không buồn theo. Còn xả thọ kia thì khác. Thấy nóng quá nên tôi thấy đang khổ, lạnh quá cũng khổ và mát mẻ thì thấy dễ chịu, rồi trơ trơ ra gọi là xả. Xả [thọ] là trạng thái đối với thân thể, với cảm nhận. Còn Xả này là vấn đề về tinh thần, tâm tùy hỷ hay là tâm bi.

Mình không học thì mình không biết, mình không phân biệt được xả này với xả thọ. Phải học A Tỳ Đàm, phải học Duy Thức thì mới biết được. Không học, [nên] ngay tâm mình mà mình cũng không biết nữa. Như vậy là khác nhau, Thiện Trang nói rồi đó.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Trung hòa:

1. Trạng thái là dìu dắt, quân bình những pháp đồng sanh. Quan trọng là [Tâm sở này] dìu dắt và quân bình các pháp đồng sanh, với các Tâm sở đồng sanh.

2. Phận sự là ngăn pháp hợp nhau, không cho thái quá, bất cập. Tức là những pháp hợp nhau lại, dồn lại, khiến cho tạo ra những trạng thái thái quá thì bất cập. Tâm sở này sẽ [giúp] dừng. Ví dụ như có nhiều đồng tu không biết tu, nghe pháp nhiều quá, nghe từ sáng đến tối, nghe hoài, từ ngày này qua ngày kia, nghe miết, mà thiếu thời gian để tu Thiền chỉ. Tức là nghe pháp là thuộc về tu Thiền quán. Mình cứ tu Thiền quán không [thôi], mình quên tu Thiền chỉ, thì không cân bằng. [Cho] nên [tu] riết rồi [bị] trạo cử. Bắt đầu nói pháp mà mơ mơ màng màng, nói thôi rồi, nói hoài, nói miết. [Do] tâm mình không có định tĩnh. Đó là các pháp hợp nhau thái quá bất cập thì sinh ra trạo cử.

Cho nên để ngăn điều đó thì quý vị phải tu Xả giác chi và tu Tĩnh chỉ Giác chi, tức là tu Thiền chỉ. Quý vị tu tĩnh nhiều vô, thì tự nhiên xả tâm ra. Ngay căn bản đó mà nhiều người cũng không biết tu nữa. Thiện Trang thấy nhiều người học Phật pháp nhiều quá, rồi cuối cùng bị trạng thái đó. Học mà không có thời gian thiền.

Rồi thiền cũng không biết thiền nữa, vô ngồi xếp bằng, thả tâm bay đi đâu đó, gọi là thiền. Đâu phải như vậy, có đề mục tu Thiền chỉ, Thiền quán rõ ràng. Mình phải có đề mục, học theo Phật, mình thực hành theo 40 đề mục tu Thiền chỉ, những đề mục tu Thiền quán, chúng ta đều chia sẻ [rồi]. Quý vị lấy những đề mục đó ra xài. Chứ nhiều người không biết, vô ngồi đó rồi kêu thiền, ngồi xếp bằng là thiền, thả lỏng tâm, đừng nghĩ gì, v.v… gọi là thiền. Cuối cùng đi đâu không biết luôn, nên tu [như vậy] là không đúng.

Rồi nghe pháp quá nhiều mà thiếu thực hành, cuối cùng sinh ra trạng thái thái quá, trạo cử tăng lên, liên tục trào kiến thức lên, thì khi đó quý vị bị trạo cử. Người trạo cử dấu hiệu rõ nhất là khi nói không có trọng tâm, nói lung tung lang tang. Cho nên Thiện Trang thấy có những đồng tu vào lớp đặt câu

hỏi, đặt mãi mà không biết hỏi điều gì, thì đó là mình bị trạo cử. Những người bị trạo cử thì mình phải tu Tĩnh chỉ nhiều hơn, tu Thiền chỉ để cân bằng lại. Thiền quán của mình dư rồi, mà không đắc thì giờ mình phải kéo lại.

Cho nên phải có thời gian để tu [đề mục] này, kia. Cách tu rất dễ, hồi xưa thì khó khăn [khi] đốt lửa v.v… bây giờ lên mạng kiếm hình, kiếm video, hoặc tranh rồi quán lửa, quán nước v.v... Có người nói mua cái đèn tròn tròn, to to, màu trắng để tu đề mục quán ánh sáng. Đó là tu Thiền chỉ, quán xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc hư không, hoặc nhìn ánh sáng cũng được, miễn sao là có định thôi. Và phải đặt khoảng cách cho vừa nha, vừa thì mình ngồi mới cảm nhận được. [Để hình] tròn tròn cho dễ quán. Đó là những cách để tu [Thiền chỉ], đều được hết. Quý vị coi kỹ, Thiện Trang đã chia sẻ những đề mục chính rồi, từ từ mình sẽ chia sẻ những đề mục tiếp theo.

3. Thành tựu là trung hòa đối với cảnh: điều này thì rõ ràng, là trung hòa đối với cảnh.

4. Nhân gần nhất là có chư pháp tương ưng: tức là các pháp tương ưng với nhau, chứ nhiều khi nó kéo quá. Ví dụ như chúng ta đang nóng quá, mà bảo được tâm Xả, Tâm sở Trung hòa này thì khó lắm. Hoặc tâm mình đang lúc buồn ngủ quá, mà bảo trung hòa thì khó. Hoặc tâm mình đang rạo rực, trạo cử quá, nhớ một chuyện gì đó vui quá thì khó. Nên các pháp phải tương ưng, tức là các pháp vừa vừa thôi. Tức là mình lựa trong hoàn cảnh nào đó vừa phải thôi, đừng ác nghiệt quá, đừng thuận quá, vừa vừa.

Cho nên người tu hành thì ăn cũng vừa phải, ngủ cũng vừa phải, làm gì cũng vừa phải, trung đạo thì dễ thành tựu. Còn quá mức là bắt đầu không trung hòa, đối với cảnh thì Tâm sở Trung hòa này khó mà kéo lên được, tức là nó khó mà phát sinh, cho nên sẽ không thành tựu. Chữ nhân thân cận (nhân gần nhất) là phải để ý vô đó.

Hành xả nếu dịch sát thì chữ Pali trên có nghĩa là trạng thái nằm giữa hai trạng thái, hai thái cực, cảm xúc vui buồn. Tức là hành xả này là ở giữa hai trạng thái, cảm xúc: vui và buồn.

Tâm sở này được ví như một người đánh xe kìm giữa hai con ngựa, không cho chúng đi quá sâu vào hai lề đường. Cho nên đây là kìm lại giữa hai con ngựa, người ta ngồi làm sao để hai con ngựa này không đi quá sâu vào lề đường.

Khi Tâm sở này được tu tập thì nó chính là trạng thái trung hòa giữa lòng bi mẫn và lòng tùy hỉ. Tu tập được Tâm sở này thì trung hòa giữa bi mẫn (tức là lòng bi) và lòng tùy hỉ.

Xả là sự thanh thản, không thương ghét của một người đã tu tập ba phạm trú (ba đề mục Phạm trú)**: Từ, Bi, Hỷ**. Tức là có bốn đề mục tu Thiền chỉ là Từ, Bi, Hỷ, Xả, thì mình phải tu ba [đề mục]: Từ, Bi, Hỷ, rồi mới tới tu đến [đề mục] Xả. Chứ không phải vô, chưa gì hết mà tu [đề mục Xả thì không được]. [Đề mục] Xả này đắc đến Tứ thiền, còn ba [đề mục] kia [đắc] đến Tam thiền thôi.

Trở ngại trực tiếp của xả là tham ái và sân. Cho nên tại sao mình không xả được? Vì mình có tham và có sân. Cho nên phải ít tham và ít sân. Vậy thì tu làm sao? Không thể hết tham, hết sân được, thì mình phải bớt lại, giảm nhẹ đi, thì đỡ. Đó là trở ngại trực tiếp, còn trở ngại gián tiếp nữa.

Trở ngại gián tiếp là sự lãnh đạm vô trí. Nhiều người nói: 'Tôi thờ ơ với tất cả mọi thứ, tôi chả không quan tâm gì hết. Giống như chuyện bảo vệ Chánh pháp, là chuyện của thầy Thiện Trang, chuyện của người nào, không phải của tôi, tôi chả quan tâm'. Đó là trở ngại gián tiếp của Tâm sở Trung hòa này, hay là [tâm] Xả này.

Cho nên quý vị đừng nghĩ Xả là lơ lơ, không có gì. Không phải! Lãnh đạm vô trí thì cũng không được, mà mình phải quan tâm vừa phải. Khó! Cho nên nhiều người lên bình luận là biết sai rồi, không học, bày đặt vô nói: 'Người học

Phật thì không nên nói lỗi người thế gian' v.v… tùm lum tào lao. Cho nên [đó là] không biết, không hiểu. Không học Phật pháp mà cứ tưởng mình ngon, thì nguy hiểm lắm, phải học cho rõ ràng.

Cho nên có hai trở ngại: Một là trở ngại trực tiếp của Xả là tham ái và sân. Trở ngại thứ hai là trở ngại gián tiếp, là sự lãnh đạm vô trí, tức là không có trí tuệ. Mình không biết phân biệt đúng sai, và mình thờ ơ luôn, đó là không thể nào thành tựu Xả được.

Xả là công bằng, không thiên vị, vô tư, thích đáng, hay trung bình đối với tất cả chúng sanh một cách vô tư, công bằng, không thiên vị dù thương hay ghét.

Quý vị làm được chưa? Mấy người bày đặt nói hay, giống như như vô chửi, nói: 'Tu còn quan tâm mấy chuyện thế gian, Sư Minh Tuệ thế này thế kia' v.v… Thế mấy người đó có quan tâm không? Không quan tâm thì tại sao bay vô bình luận? Đúng chưa? Chứng tỏ là mình còn quan tâm hơn người ta nữa. Cho nên là nói vậy thôi.

Cho nên đây là phải đối với chúng sanh một cách vô tư, công bằng, không thiên vị, dù thương hay ghét. Tức là mình vẫn sáng suốt, rõ biết. Còn mình không phân biệt được, đó là vô trí. Vô trí thì không tốt, dù thế nào chăng nữa, thì vô trí cũng không tốt, tạo ra tâm đầu thai Nhị nhân, Vô nhân là thôi đó, là đời sau không thể chứng Thiền, chứng đạo được.

Xả là trạng thái quân bình của tâm (chúng ta chưa học tâm, nhưng Xả là trạng thái quân bình của tâm). **Kẻ thù trực tiếp là tham luyến; kẻ thù gián tiếp là không thông minh, không hiểu biết, sự lãnh đạm, thờ ơ**. Cho nên muốn tu được Xả thì quý vị phải như thế nào? Kẻ thù trực tiếp của ta là tham luyến; còn [kẻ thù] gián tiếp là không thông minh, không hiểu biết, sự lãnh đạm, thờ ơ. Thấy chưa? Không rớt vào điều này thì rớt vào điều kia. Khó lắm! Cho nên Xả là một trạng thái không đơn giản.

Trạng thái chính của pháp này là thái độ công bằng, vô tư. Có nghĩa là quý vị thấy tất cả các việc, ví dụ như việc Sư Minh Tuệ, thì quý vị phải biết, phải thấy rõ đúng sai, ai đúng ai sai như thế nào, và công bằng vô tư. Không lệch qua một cách thái quá, không bảo vệ một cách quá đáng, thế này thế kia, mà cũng không phải chạy theo phe này phe kia quá đáng, đều là không đúng. Mà mình phải công bằng vô tư, mình nhìn nhận đúng. Cho nên đó là một sự thành tựu.

Đó là giới thiệu sơ qua với quý vị về Tâm sở, hình như cũng hết giờ rồi. Như vậy hôm nay đã giới thiệu cho quý vị thêm được ba món Tâm sở, đó là Vô tham, Vô sân và Trung hòa. Như vậy là [còn] 12 Tâm sở nữa là hết [mục Tâm sở Tịnh hảo Biến hành]. Còn 6 [Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh] nữa thôi là cũng hết. Chúng ta chỉ còn 18 Tâm sở nữa thôi, là cũng học xong bảng Tâm sở này rồi. Sau khi học xong Tâm sở, chúng ta học tới 121 tâm. Xong phần tâm và Tâm sở, từ đó mình tu các pháp căn bản được, thì chúng ta học đủ 37 Phẩm trợ đạo nữa, rồi chúng ta học kỹ về các Phiền não, Tùy miên. Lúc đó chúng ta có nền tảng rồi thì chạy vô học Luận Câu Xá nhẹ nhàng. Vì chúng ta có nền tảng, thì Luận Câu Xá chẳng qua là học lại thôi, diễn đạt [bằng] ngôn ngữ hơi cao, hơi sâu rộng và hơi khó chịu một chút, thì chúng ta sẽ dễ dàng hơn.

Cho nên hiện tại Thiện Trang [giảng] Luận Câu Xá chậm lại, mà ưu tiên phần này, lý do là như vậy. Để bổ sung cho những nền tảng trước, để học Luận Câu Xá nhẹ nhàng hơn, chứ không thì khó quá, thực sự ngôn ngữ khó. Luận Câu Xá chỉ là tóm lại những nội dung đó theo một cách nói khác v.v… Thì chúng ta cũng đối chiếu, để coi thử có những điều gì giống với kinh bao nhiêu phần trăm, có những điều gì không giống, thì chúng ta cứ từ từ học.

Những hành giả Nam truyền đừng vội vô phê phán là tại sao lại học theo Bắc truyền. Học Bắc truyền hay Nam truyền, mà mình học vừa Đại tạng kinh, vừa Kinh A Hàm, vừa Kinh Nikaya, vừa Vi Diệu Pháp cho học trước luôn, rồi Luận Câu Xá chạy sau, mà quý vị còn sợ lạc đường nữa. Làm sao lạc đường, mình có đối chiếu rõ ràng mà. Mình đâu có thần tượng một người nào quá

đáng, mình chỉ có thần tượng duy nhất đức Phật, vì sao? Vì một người Sơ quả Tu-đà-hoàn chỉ nhận Phật làm thầy, không nhận ai làm thầy nữa, nên nhớ điều đó. Quý vị còn nhận người này làm thầy, nhận người kia làm thầy, thì chứng tỏ quý vị chưa phải là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Người có Chánh kiến rồi, đâu cần nữa, biết rồi. Còn mình thờ thầy, thờ Tổ hơn Phật, chứng tỏ mình là phàm phu sát đất. Chứ chúng ta học trong kinh rõ ràng lắm, cho nên cố gắng học nhé quý vị.

Thiện Trang chia sẻ hôm nay tới đây, hẹn quý vị vào hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 36

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 02/04/2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=RFkWe-IcMUU
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay chúng ta gặp nhau trong chuyên đề A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, bài thứ 36. Chúng ta quá quen với chủ đề này rồi. Mặc dù mang tiếng [là học] Luận Câu Xá, nhưng chúng ta học với tinh thần là cả phần kinh tạng, phải nói là tinh hoa của Kinh A Hàm, tinh hoa của Kinh Nikaya, tinh hoa của A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp bên Nam truyền) và Luận Câu Xá, chứ không phải là một phần. Gần đây thì chúng ta ưu tiên học mấy phần tinh hoa nhiều hơn là học Luận Câu Xá. Vì nếu học Luận Câu Xá thì sợ chúng ta chưa tu được, cho nên Thiện Trang ưu tiên phần đó.

Hôm nay xin phép chúng ta bắt đầu bài 36 này bằng nội dung một câu chuyện, để quý vị đồng tu tỉnh ngủ.

50. Chuyện Các Nam Tử Của Nhà Triệu Phú: Seṭṭhiputtapeta

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang trú tại Jetavana (Kỳ Viên) ở Sāvatthī (Xá Vệ).

Thời ấy, một hôm Đại vương Pasenadi (Ba Tư Nặc) của nước Kosala (Kiều Tát La) phục sức lộng lẫy ngự trên mình voi với vẻ oai nghi đầy quyền lực. Nhà vua thấy trên thượng lầu của một nhà kia có một nữ nhân đang

nhìn xuống, trông diễm lệ như một Thiên nữ.

Lòng nhà vua đâm ra mê mẩn vì trí nhà vua vốn buông lung khó kiềm chế được. Vì thế, nhà vua ra hiệu cho một người ngồi kế sau mình. Và mọi việc được thực hiện giống như trong Chuyện Ngạ Quỷ Ambasakkhara, nhưng có điểm khác biệt này.

Đầu tiên câu chuyện này nói về vua Ba Tư Nặc. Hôm [đó], ông ngồi trên voi, ông thấy trên tầng của một nhà khác có một người phụ nữ rất đẹp, giống như Thiên nữ vậy. Cho nên ông vua này mê mẩn, muốn tìm cách chiếm đoạt người nữ đó. [Vì là] vua mà, nên nghĩ ra một kế. Do câu chuyện trích lặp lại nội dung ở trên, nên Thiện Trang kể lại nội dung ở trên.

Lúc đó [vua] mới ra lệnh triệu tập người chồng của cô đó vào và đưa ra một điều, là phải đi lấy hoa sen xanh ở một nơi: *"Nếu ngươi không lấy được về kịp trong ngày thì ta sẽ ra lệnh giết ngươi"*. Ổng là vua mà, ra lệnh như vậy. Ổng ra lệnh như thế thì chắc chắn là ổng phải bày mưu lập kế thôi. Đó là ổng sẽ sai người đóng cửa thành lại, để vị này không thể nào về và vào cung thành kịp. Như vậy thì hôm sau vị này vào thế nào cũng bị trễ, rồi lúc đó xử ổng. Khi xử ông chồng này thì lúc đó sẽ chiếm được bà vợ.

Quý vị thấy thời xưa, làm vua mà khi tham dục nổi lên [thì] làm ra những việc như vậy. Người [chồng] này đi ra ngoài, tất nhiên không thể nào lấy kịp. Đối với việc lấy hoa sen thôi cũng khó nữa, vì vùng đó có rất nhiều nguy hiểm, ao sen đó có rắn độc, v.v… Nhưng vị này do là một vị Cư sĩ có thọ giới, nên khi đi ra ngoài thành đó được quỷ thần hộ trì, nên lấy được hoa sen về. Câu chuyện này như thế nào, thì chúng ta tiếp tục nghe:

Ở đây, người đàn ông ấy thực ra đã đến nơi trước khi hoàng hôn, nhưng cổng thành đã đóng (tức là ổng lấy được hoa sen và trở về kịp, nhưng vua đã cho đóng cổng thành mất rồi, nên không còn cách nào hết, mai vô thì cũng trễ rồi)**. Vì thế, y buộc vào cột trụ của cổng thành gói đất đỏ và bó sen xanh mà y đã mang về và đi vào Kỳ Viên.**

Có nghĩa là bây giờ vị này về cũng không kịp rồi, vì vua gài bẫy đóng cửa thành rồi. Cho nên [ổng] cũng làm dấu là mình lấy được đất đỏ và bó hoa sen xanh về rồi, đánh dấu ở đó. Bây giờ chỉ có về ngủ và chờ sáng mai cửa thành mở thì sẽ đi vào. Ông vua thì chỉ trông mong, một là [ông này] ra ngoài hồ đó bị rắn cắn chết là xong, còn nếu về kịp thì cũng đóng cửa thành sớm để vào không kịp, vua tính hết rồi. [Người] này mặc dù được sự gia trì của quỷ thần, lấy được hoa sen xanh và không bị rắn độc cắn chết, nhưng về cũng không [kịp] được. Về không kịp thì chỉ có chờ ngày mai thôi, ngày mai thì chắc chắn là vua sẽ xử, để cướp vợ người ta mà.

Bấy giờ, trong lúc đang an giấc, giữa canh khuya, nhà vua nghe bốn vần này: "Sa, na, du và so" được thét vang một cách đau đớn. Đây thực ra là vua Ba Tư Nặc tối đó cũng bị hù. Đó là quỷ thần tác động, cho vua nghe bốn tiếng như thế. Chúng ta thấy ở đây có sự gia trì cho người giữ giới.

Tương truyền đây là bốn vần đầu của bốn câu kệ do bốn con trai một vị triệu phú thành Xá Vệ thốt ra. Vào thời hoa niên, họ đã tham đắm dục lạc và đi với vợ nhiều người khác, tạo nên điều thất đức. Khi từ trần, họ tái sanh vào Địa ngục Chảo Sắt gần kinh thành ấy.

Vua nghe bốn âm thanh đó, mà bốn âm thanh này được tuyên truyền là do có bốn con trai của một vị triệu phú ở thành Xá Vệ thốt ra. Khi lúc ở đời, họ tham đắm dục lạc, nói chung tà dâm với vợ của nhiều người khác, nên tạo nhiều điều thất đức. Vì vậy sau khi chết thì bốn người đó rơi vào Địa ngục Chảo Sắt ở gần kinh thành đó, cho nên phát ra tiếng như vậy, là bốn chữ đầu của bốn câu kệ. Vua nghe như vậy thì chắc là vua rất sợ.

Nhà vua vô cùng kinh hãi, và rạng ngày hôm sau liền kể cho vị tế sư nghe sự việc đã xảy ra. Vị ấy đang mong kiếm một số lợi nhuận, bèn thưa: (Vua sợ rồi, nhưng vua kể ra cho vị tế sư (người chuyên cúng tế ở trong kinh thành) để giải quyết vấn đề đó. Nhưng vị tế sư đó lại muốn kiếm thêm tiền nữa, kiếm thêm cơ hội, nên thưa với vua bày cách khác).

- Tâu Đại vương, than ôi, một đại họa xảy ra. Xin Đại vương cử hành

tế lễ đầy đủ bốn phần (Người cúng thì thời nào cũng có, cách là tranh thủ người ta gặp nạn hay sự kiện gì đó bất ngờ là bảo cúng ngay, để kiếm tiền).

Nhà vua truyền lệnh thi hành việc này. (Tức là đồng ý cúng liền).

Khi hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi) (tức là Mạt Lợi Phu nhân) **nghe chuyện, liền thưa với nhà vua:**

- Tâu Đại vương, tại sao vì nghe lời của một Bà-la-môn, Đại vương lại muốn làm một việc gây tổn thương và sát hại nhiều sanh vật như vậy? Nay Đại vương nên tham kiến đức Thế Tôn là bậc Minh Hạnh vô song và khi Ngài giải thích ra sao thì Đại vương phải làm theo như vậy.

Chúng ta biết vua Ba Tư Nặc có một người vợ nổi tiếng là bà Mạt Lợi Phu nhân (Mallikā). [Bà] nói là: Tại sao vua lại dễ dàng nghe một người tế sư như vậy? Làm lễ cúng sát sanh nhiều không tốt, mà nên nghe lời đức Thế Tôn, bằng cách hãy đi tham kiến đức Thế Tôn (đức Phật). Bởi vì đức Phật rất tuyệt vời, Ngài là bậc Minh Hạnh vô song. Khi Ngài giải thích ra sao thì vua hãy làm theo. Liệu vua Ba Tư Nặc có nghe theo không?

Sau đó, vị Đại vương đến tham kiến bậc Đạo Sư và trình Ngài sự việc trên. Đức Thế Tôn bảo:

- Thưa Đại vương, Đại vương sẽ không gặp nguy hiểm nào vì việc ấy cả. Tức là đức Phật có trí tuệ, Ngài nói ngay là vua không gặp chuyện gì hết.

Rồi Ngài kể chuyện ngay từ đầu về tiếng thét của những người tái sanh vào địa ngục Lohakumbhī (Chảo Sắt). Sau đó, Ngài đọc cho nhà vua nghe đầy đủ các vần kệ mà chúng đã bắt đầu thốt ra:

Với người trong ngục bị hành thân,
Suốt cả thời gian sáu vạn năm,
Việc ấy khi nào thì chấm dứt?
- Sẽ không chấm dứt. Chẳng sau cùng,
Bao giờ chấm dứt? - Không nhìn thấy,

Quả bạn và ta phạm lỗi lầm.

Chúng ta đang phải sống đau thương,
Vì chúng ta không biết cúng dường,
Những vật cần cho khi có sẵn,
Ta không tạo chỗ trú an toàn.

Quả thật khi từ biệt chốn đây,
Được làm người ở cõi đời này,
Ta nguyền hào phóng, chuyên trì giới,
Ta quyết làm nhiều thiện sự ngay.

Ở đây đức Phật đọc ra bài kệ của những người hồi xưa, do phạm nghiệp tà dâm nhiều quá nên đọa vào Địa ngục Chảo Sắt. Họ nói là họ đọa mất sáu vạn năm ở trong đó, suốt thời gian đó biết bao giờ mới chấm dứt được. Họ thấy lỗi lầm như vậy [nên] họ phát ra bài như vậy. Họ nguyện sau này nếu ra [khỏi] Địa ngục, họ làm người thì họ sẽ trì giới, sẽ rộng rãi, bố thí và sẽ quyết làm việc điều thiện. Quý vị thấy đức Phật luôn luôn thấy được các vấn đề.

Khi bậc Đạo Sư ngâm các vần kệ xong, Ngài thuyết pháp đầy đủ chi tiết. Lúc kết thúc bài giảng, người đàn ông đã đi tìm đất đỏ và hoa sen ấy được an trú vào Sơ quả Dự Lưu. Còn nhà vua, lòng đầy xúc động, liền bỏ tham đắm vợ người khác và hài lòng với vợ của mình.

(Trích từ Kinh Tiểu Bộ thuộc Tạng Nikaya).

Quý vị thấy câu chuyện này hay! Thứ nhất là nói lên nghiệp tà dâm, nếu làm quá thì sau này đọa vào Địa ngục Chảo Sắt. Bốn vị đó [đọa] thời gian là sáu vạn năm, chứ không ít đâu. Thứ hai là ông vua này cũng được đức Phật độ, cho nên sau khi nghe vậy cũng sợ quá, không dám nữa. Ổng cũng hài lòng với vợ của ổng thôi, chứ không ham cướp vợ của người ta nữa. Vị kia đang bị nạn như vậy, nhưng nghe đức Phật thuyết pháp xong thì cũng chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Câu chuyện rất có hậu đúng không quý vị? Nên thời có đức Phật ra đời là mình được rất nhiều lợi ích. Vì đức Phật luôn luôn có thể giúp cho những người như chúng

ta, bất cứ chúng sanh nào đều được lợi ích.

Thiện Trang cũng tin rằng: nếu bây giờ có đức Phật ra đời, giảng pháp, thì chúng ta cũng có nhiều người đắc quả. Nhưng khổ nỗi thời nay mình không có Phật, cho nên mình chỉ ôm gia tài là kinh điển của Phật mà học. Hên thì trúng thuốc, đúng bệnh, thì chữa được bệnh, sẽ đắc đạo. Xui thì có thể tu rất mất thời gian mà không đắc. Còn xui nữa là học không đúng Chánh pháp Như Lai, học toàn gì đâu không, uổng phí cuộc đời, chỉ có kết duyên với Phật pháp, hoặc học để được phước báu nhân thiên mà thôi.

Thời nay là vậy đó quý vị. Thời nay chúng ta học rồi, chúng ta thấy là Chánh pháp khó gặp. Mình mang tiếng là người học Phật rất đông, nhưng học một hồi toàn học những gì đâu không, không phải học con đường giải thoát của đức Thế Tôn. Tức là trong Tứ Thánh đế: Khổ đế, Tập đế, Đạo đế, Diệt đế, thì người nào hầu như cũng biết học về Khổ đế. Nhưng thực sự học về nguyên nhân khổ, thì chưa học rõ. Còn Đạo đế là con đường giải thoát ra khỏi nỗi khổ đó [thì] rõ ràng ít khi học, vì có mấy ai học theo kinh đâu, toàn ở ngoài giảng tùm lum. Giống như chúng ta học địa vị Hiền Thánh quá nhiều (27 quả địa vị Hiền Thánh), rồi rất nhiều vấn đề kiến thức bây giờ bị giải sai, giảng sai đi. Như vậy rõ ràng làm sao mình tu Tứ Thánh đế được. Cho nên nếu không học Chánh giáo của đức Thế Tôn thì rất đáng tiếc.

Và thời nay do chúng sanh lười đọc kinh, cứ phụ thuộc vào những người giảng thôi, người ta giảng sao thì nghe vậy. Nếu người ta giảng sai mình cũng nghe sai luôn, rồi [theo] năm tháng mình cũng không biết mình sai luôn, và cả đời cũng thua luôn. Cho nên cố gắng! Hãy nghe những người nào giảng kinh từ kinh điển ra, còn nghe giảng theo ý người ta thì phải cẩn thận, phải xem xét.

Câu chuyện vừa rồi, chúng ta thấy cứ gặp Phật là hầu như đắc đạo. Chúng ta cố gắng học, cứ học rồi từ từ sẽ thành tựu. Đó là vấn đề đầu tiên, một câu chuyện.

Bữa nay Thiện Trang xin giới thiệu phần quan trọng, đó là Thất giác chi. Bởi vì sao? Trong con đường diệt khổ (Đạo đế) thì chúng ta phải học qua, gồm có

37 Phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ Đề phần, và Bát thánh Đạo phần. Trong bảy chi đó, chúng ta có học qua Tứ niệm xứ rồi; Tứ chánh cần hình như cũng học rồi; Tứ như Ý túc thì chưa; Ngũ căn [học] rồi; Ngũ lực tương tự Ngũ căn, cũng không có gì, thì từ từ có thể học sau; Thất bồ Đề phần chúng ta chưa học, hôm nay chúng ta sẽ học; Bát thánh Đạo phần chúng ta đã học rồi. Chúng ta phải học hết, nhuần nhuyễn những điều đó. Điều đó là cơ bản tu hành.

Hôm nay chúng ta tiếp tục học [về] Thất giác chi. Nếu có thời gian thì Thiện Trang sẽ giới thiệu cho quý vị thêm đề mục tu Thiền chỉ. Ví dụ như hôm nay Thiện Trang để ở đây một bóng đèn tròn, quý vị thấy rất nhiếp tâm, chỉ cần nhìn vào đây là tu định được. [Về] cách tu Thiền chỉ, ví dụ như mình có một bóng đèn tròn, sáng vừa phải, quý vị cứ ngồi đó nhìn thôi, một hồi là định. Còn trong tâm niệm, niệm tức là nghĩ nhớ tới việc đó thôi, chỉ cần nhớ, biết được mình đang nhìn cái bóng đó thôi, chứ không cần phải niệm 'ánh sáng, ánh sáng …' đâu. Người học Tịnh Độ thì quen, niệm tức là (đọc ra). Nhưng không phải! Niệm có nghĩa là nhớ. Chỉ cần như vậy thì quý vị tu Thiền chỉ cũng đắc.

Hôm nay Thiện Trang cố tình để đây, quý vị cứ nhìn vào bóng đèn này, thì quý vị cũng thấy có định. Bóng đèn rất tròn, phải tròn cực kỳ. Còn nếu không tròn thì không [định được]. Quý vị có thể coi trên màn ảnh, [nhưng] không định bằng coi thật. Để tu Thiền chỉ, thì quý vị nên mua những bóng tròn. Thiện Trang mới đi lựa mua được bóng tròn như vầy, đây là chưa có đấu dây điện luôn. Quý vị mua to hơn nữa càng tốt, to thì để xa, còn nhỏ thì mình để gần. Không cần thắp đèn, để như vậy thì cũng sáng đủ để mình có định rồi. Tối thì mình thắp đèn nữa, sáng vừa phải thôi, để ra quý vị ngắm. Có nhiều màu cũng được, xanh, đỏ, trắng, vàng, quý vị thích màu nào thì dùng màu đó. Quý vị sẽ tu được đề mục về ánh sáng, hoặc đề mục xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng tu được. Tại vì [đề mục] nào cũng giúp có định, mình không cần biết là [đề mục] gì, chỉ cần biết vậy thì mình tu được định rất dễ dàng.

Và Thiện Trang khuyên thêm một điều nữa: Để tu Thiền chỉ thì tốt nhất là quý vị hãy sắm nhiều bóng đèn tròn tròn như thế này, quý vị cứ để khắp nhà, thì

chúng ta sẽ tu được rất dễ dàng, rất dễ có định. Đó là tu Thiền chỉ.

Có người hỏi là: "Bạch thầy, cho con hỏi là sao không để tượng Phật để quán dễ hơn ạ?" Đó là tu Thiền quán. Có hai pháp: Một là pháp tu Thiền chỉ và hai [là] tu Thiền quán. Lúc cần tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc cần tu Thiền quán thì tu Thiền quán. Thiền chỉ và Thiền quán, chúng ta đã học ở trong các bài trước là Thiền chỉ để làm gì, Thiền quán để làm gì. Hiện nay đa số đồng tu không phân biệt được Thiền chỉ và Thiền quán, đặc biệt là đồng tu Tịnh Độ. Vậy cho nên tu không đắc lực. Ví dụ chúng ta đã học qua Thiền chỉ để làm gì? Thiền chỉ để trừ được tham, trừ được sân. Tức là chỉ phục thôi, nhưng cũng giúp trừ được và đạt đến Tâm giải thoát. Còn Thiền quán là để giúp cho Tuệ giải thoát. Cho nên người tu, cuối cùng là phải tu cả hai: Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Trong kinh đức Phật nói tùy thời, lúc nào tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, lúc nào tu Quán thì tu Quán. Cho nên là tại sao nếu tu Quán không [thôi], thì [sự] đắc lực của mình sẽ yếu, ví dụ quý vị không trừ được tham dục. Khó lắm! Quý vị phải tu Thiền chỉ thì tham dục của quý vị bớt, sân của quý vị bớt. Còn tu Thiền quán thì giống như chữa bệnh. Sau khi mình sân, mình tham rồi, mình thấy mình có tham, có sân thì mình cố gắng dừng thì nó dừng. Còn nếu có Thiền chỉ ngay từ đầu thì không có sân, không có tham. Cho nên [phải tu] hai pháp. Và Thiền chỉ, còn Thiền thì còn đắc, hết Thiền thì hết đắc. Có nghĩa là nếu không có Thiền quán trợ, mình chỉ tu Thiền chỉ thôi, thì có Thiền thì có đắc, nhưng không có Thiền, hết thời gian đó, gặp Phiền não khởi lên là mất duyên, thì cũng vẫn bị [phiền não].

Cho nên chúng ta phải biết. Hôm nay nếu có thời gian thì chúng ta lại học về tầm quan trọng của Thiền chỉ và Thiền quán thêm lần nữa. Quý vị nên dùng nhiều [bóng đèn tròn] này thì quý vị sẽ tu rất dễ dàng. Cho nên Thiện Trang nói đơn giản lắm, bây giờ mình cứ để toàn những [bóng tròn] này, thì mình rất dễ dàng nhiếp tâm tu hành. Bây giờ Thiện Trang phát hiện ra, hồi xưa Thiện Trang thấy ủa sao kì vậy, Thiện Trang rất thích những gì tròn tròn như vậy, nhưng cục tròn tròn màu này màu kia. Bây giờ mới biết là: À! Học Thiền chỉ, tu toàn là vậy đó. Quý vị cứ kiếm mấy cái gì tròn tròn, quý vị tu. Hoặc là quý vị mở những hình ảnh trên tivi có [hình] tròn tròn, hoặc màu xanh, màu gì đó cũng được. Từ từ rồi Thiện

Trang sẽ chia sẻ kỹ hơn, nhưng ít nhất bây giờ mình cũng có một giải pháp tu.

Hôm nay Thiện Trang sẽ giảng lại Thất giác chi, nếu có thời gian thì sẽ chia sẻ Thiền chỉ tiếp.

Tầm Quan Trọng Của Thất Giác Chi (1)

Nếu muốn đoạn trừ già chết nên tu Thất giác chi (hay là tu Bảy giác chi).

(Kinh 222 - Kinh Lệ** (Kinh cuối cùng) **- Trung A Hàm).

Cho nên không tu thì không đoạn trừ được già chết. Bài kinh này rất đơn giản thôi. Tiếp theo là:

Tầm Quan Trọng Của Thất Giác Chi (2)

"Nếu có Thất giác chi, có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là Chánh giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Khinh an Giác chi, Hỉ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là Chánh giác, chuyển hướng Niết-Bàn".

(Kinh 674. Cái[215] - Kinh Tạp A Hàm).

Ở đây nói một điều thôi, bài ở trên là nếu quý vị muốn tu khỏi già chết, thì hãy tu Bảy giác chi (Thất giác chi). Ở đây cũng vậy, muốn đến Niết-Bàn thì cũng phải tu Thất giác chi. Điều này rất quan trọng, và quan trọng ở đâu thì hôm nay chúng ta sẽ học luôn.

Đây là những tầm quan trọng, nếu mình không tu mấy điều này [thì không được]. Thiện Trang thấy rõ ràng, ở đây có nhiều đồng tu Tịnh Độ, thì mình yếu phần này lắm. Tại vì Thiện Trang thấy 37 Phẩm trợ đạo, đồng tu Tịnh Độ học mơ mơ màng màng, học không đúng, vừa không đúng theo kinh, vừa học không rõ ràng. Bởi vì chính Thiện Trang là người trong Tịnh Độ nên Thiện Trang biết. Sau này mình học trong kinh thì mình thấy rất đáng tiếc, bởi vì mình không học những

điều này. Cho nên mong quý vị hãy chú ý lắng nghe, hôm nay chúng ta đang vào Thất giác chi.

Như vậy Thất giác chi thật ra là bảy phần thôi: 1. Niệm giác chi; 2. Trạch pháp Giác chi; 3. Tinh tấn Giác chi; 4. Khinh an Giác chi; 5. Hỉ giác chi; 6. Định giác chi; 7. Xả giác chi. Cho nên gọi là Thất giác chi (thất là bảy), làm ánh sáng lớn, làm con mắt, tăng trưởng trí huệ. Quý vị thấy không ạ? [Thất giác chi] làm ánh sáng lớn, làm con mắt của mình và tăng trưởng trí huệ là nhờ Thất giác chi này. Cho nên mình muốn đến Niết-Bàn thì mình tu pháp này. Tất nhiên phải tu Thất giác chi, Bát chánh đạo thì mới đến được Niết-Bàn.

Đó là tầm quan trọng thứ hai. Tiếp theo là tầm quan trọng thứ ba. Trước khi giới thiệu vấn đề gì thì mình phải nói sự quan trọng của nó.

Tầm Quan Trọng Của Thất Giác Chi (3)

Này Bà Tất Tra, trong dòng Sát-lợi có kẻ cắt tóc cạo râu, mặc y tu đạo, tu bảy pháp giác chi, không bao lâu là được thành Đạo.

Quý vị nhớ nha! Nếu quý vị tu đúng, tu Thất giác chi này không bao lâu thì được thành đạo. Vậy mình không học thì làm sao biết để tu, đúng không quý vị? Chúng ta phải học, biết Thất giác chi là gì, và vì sao đức Phật nói là tu không bao lâu thì sẽ thành đạo. Cho nên Thất giác chi cũng quan trọng, Bát chánh đạo cũng quan trọng, thậm chí Ngũ căn cũng quan trọng, Tứ niệm xứ cũng quan trọng. Trong đó nếu tu thành tựu một pháp thôi là thành tựu (thành đạo). Vậy thì chúng ta thử xem, chúng ta tu có được không. Muốn tu được hay không, thì chúng ta phải học đúng không ạ? Thật ra 37 phẩm trợ đạo hỗ trợ lẫn nhau, chứ không phải là rời nhau.

Rồi bây giờ đức Phật nói: Nếu trong dòng Sát-đế-lợi, người nào mà xuất gia, tu Bảy giác chi thì không bao lâu là được thành Đạo. Quý vị nhớ là không bao lâu là được thành Đạo rồi, nhanh lắm đó.

Vì sao? Con nhà tộc tính ấy mặc pháp y xuất gia, tu các phạm hạnh cao thượng, thì chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sự sinh đã dứt,

phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh. Trong dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà có kẻ cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo, tu bảy pháp giác chi, không bao lâu cũng sẽ được thành Đạo như thế.

(Trích từ 5. Kinh Tiểu Duyên – Trường A Hàm).

Quý vị nhớ nha! Nếu xuất gia, tu theo Thất giác chi này thì không bao lâu cũng được thành Đạo. Vậy tại sao mình không tu? [Vì] mình không biết. Cho nên điều này quan trọng, tu không bao lâu sẽ được thành Đạo thôi.

Quý vị thấy đây là Thiện Trang trích từ ba bộ kinh. Thật ra Thất giác chi này, nếu quý vị đánh vào trong Đại tạng kinh để tìm, thì quá nhiều. Tại vì đây là một trong những đốt xương sống của tu hành, không học thì không biết. Vậy bây giờ làm sao để học? Chúng ta phải tìm hiểu từ từ, vừa rồi là mới giới thiệu Bảy chi phần, tức là bảy cái tên thôi. Bây giờ chúng ta sẽ vào rõ hơn.

Nói Rõ Hơn Về Thất Giác Chi (1)

(Tạm đánh số 1, vì còn phần số 2 nữa, bữa khác sẽ học tiếp).

"Bảy giác chi, nói là mười bốn, là những gì? Tức là bây giờ Bảy giác chi hay Thất giác chi, thật ra là nói thành mười bốn luôn, gồm những gì, thì bây giờ chúng ta coi thử.

1. Niệm giác chi:

Có tâm an trú trụ chánh niệm nơi pháp bên trong, có tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên ngoài. Niệm trụ pháp bên trong này chỉ cho Niệm giác chi, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng đến Niết-Bàn; niệm trụ pháp bên ngoài này cũng chỉ cho Niệm giác chi, là trí, là đẳng giác, có thể chuyển hướng hướng đến Niết-Bàn.

Ở đây đức Phật nói Niệm giác chi rất đơn giản thôi. Có nghĩa là quý vị nhớ: tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên trong, và tâm an trú chánh niệm nơi pháp bên ngoài. Điều này giống như tu Tứ niệm xứ, quý vị nhớ không ạ? Có nghĩa là

mình phải quán [các] pháp, mình phải theo dõi được pháp bên trong và pháp bên ngoài. Như vậy thân thể mình, thế nào là pháp bên trong? Hơi thở là pháp bên trong. Rồi pháp bên ngoài là tất cả những việc diễn biến, mình đều ghi nhớ. Niệm là biết cảnh. Chúng ta học Tâm sở Niệm rồi, biết cảnh tức là mọi thứ đang diễn ra như thế nào thì chúng ta phải biết rõ.

Ví dụ tâm tham thì biết tâm đang tham, tâm sân thì biết tâm sân, đang thọ khổ đây, trời đang nóng đây thì biết là đang nóng, đang lạnh thì biết đang lạnh, đang bệnh thì biết đang bệnh, bên ngoài trời thế nào v.v… mình biết rõ tất cả các điều đó. Sự giác biết rõ đó gọi là Niệm, chứ không phải Niệm là ghi nhớ. Điều này có nghĩa là theo dõi được các hoàn cảnh bên trong và bên ngoài (các pháp bên trong và bên ngoài). Như vậy, quý vị luôn luôn có được Niệm đó, gọi là Niệm giác chi. Điều này cực kỳ quan trọng.

Vậy thất niệm là gì? Có nghĩa là mình không biết mình làm gì hết. Ví dụ chúng ta đang nghe pháp, mình ngồi một hồi rồi ngơ ngơ ngác ngác, một hồi mình nhận ra: 'Ủa! Nãy giờ mình làm gì vậy?' Đó là thất niệm. Thế nào là Niệm? Niệm giác chi là sự giác, giác là biết. Chữ chi là chi phần thôi, mình không quan trọng chữ chi, mà mình quan trọng chữ 'niệm giác'. Tức là lúc nào cũng biết rõ ràng mọi việc đang xảy ra. Biết tôi đang là tôi, tôi đang là người như vậy, tôi đang bệnh, tôi đang đau, tôi đang khỏe. Tôi biết bây giờ là ban đêm, bây giờ là ban ngày, tôi biết tôi đang sống thế nào, ở ngoài kia [có] chuyện gì v.v… Theo được cảnh, bắt được cảnh, theo dõi được các pháp thay đổi như thế nào, bên trong và bên ngoài, về tâm của mình như thế nào. Tâm ta chưa vô thượng thì biết tâm chưa vô thượng, tâm đang sân thì biết đang sân. Những [sự biết] đó gọi là Niệm.

Niệm giác chi này cực kỳ quan trọng, chút nữa chúng ta học thì sẽ thấy quan trọng như thế nào. Vì không có Niệm này thì không có [thành tựu] đâu. Tại vì trong Bát chánh đạo cũng có Chánh niệm đó. Quý vị nên nhớ, Niệm này cực kỳ quan trọng, và chúng ta đã học Tâm sở Niệm rồi. Ai chưa học thì nhớ học lại cho kỹ, không học điều này thì không biết được đâu.

Tóm lại Niệm giác chi là vậy thôi. Quý vị chỉ cần nhớ tâm an trú, tức là an trụ

được trong chánh niệm (liên quan đến Chánh niệm) ở bên trong và bên ngoài. Chánh niệm hồi bữa mình học trong Bát chánh đạo rồi. Nếu chưa nhớ thì coi lại, hoặc là bữa nào chúng ta sẽ học lại lần nữa.

2. Trạch pháp Giác chi:

Có tuyển trạch pháp thiện, tuyển trạch thiện. Tuyển trạch là gì? Là lựa chọn. Có nghĩa là mình phải biết lựa chọn. Lựa chọn điều gì? Lựa chọn pháp nào thiện để mình làm, và trạch ý niệm thiện v.v... Điều này gọi là tuyển trạch, tức là lựa chọn, lựa chọn thiện. Đơn giản vậy thôi! Tuyển trạch thiện thì ở đây mình chỉ cần lựa chọn pháp thiện, điều thiện. Nhớ vậy!

Tuyển trạch pháp thiện kia là Trạch pháp Giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Tuyển trạch pháp bất thiện kia cũng là Trạch pháp Giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn.

Như vậy Trạch pháp Giác chi đơn giản lắm quý vị. Có nghĩa là quý vị biết việc nào là việc thiện, việc nào là việc bất thiện. Thiện thì mình vun bồi lên (trong Tứ chánh cần), còn bất thiện thì dừng lại, hoặc là không làm, chưa làm thì đừng làm. Điều này đơn giản lắm!

Mà tiêu chuẩn của thiện là gì? Chúng ta đã học rồi, Thiện Trang chia sẻ có logic đúng không quý vị? Ở bài trước Thiện Trang đã chia sẻ tiêu chuẩn thiện là gì. Định nghĩa thiện, là trừ điều bất thiện ra, là thành thiện. Việc nào có hại cho mình, hoặc hại cho chúng sanh khác, đều là bất thiện. Vậy thôi! Cho nên việc nào mà có lợi cho mình mà không có hại ai thì tốt, là thiện. Rồi việc nào lợi cho người mà không hại mình, là thiện. Việc nào lợi cho mình và lợi cho người, gọi là thiện. Còn lại những việc [có hại] là bất thiện. Đó là Trạch pháp Giác chi. Quý vị thấy đơn giản, đâu có khó đâu, định nghĩa của đức Phật rất đơn giản.

Như vậy thì chúng ta nhớ rồi nha. Một pháp là an trú chánh niệm nơi pháp bên trong và pháp bên ngoài, gọi là Niệm giác chi. Thứ hai, đơn giản hơn là chọn pháp thiện hoặc là lựa chọn pháp nào không thiện, đó gọi là Trạch pháp Giác chi. Chỉ vậy thôi, đâu có gì ghê gớm đâu. Định nghĩa của Phật, Phật định nghĩa lúc nào

cũng gọn gàng và dễ hiểu.

3. Tinh tấn Giác chi:

Có tinh tấn để đoạn pháp bất thiện, có tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện. Tinh tấn để đoạn trừ pháp bất thiện kia là Tinh tấn Giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Tinh tấn để nuôi lớn pháp thiện kia cũng là Tinh tấn Giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn.

Như vậy thứ ba là Tinh tấn Giác chi, cũng rất đơn giản thôi. Có nghĩa là việc mà mình siêng năng (tinh tấn có nghĩa là siêng năng), siêng năng làm gì? Siêng năng đối với những pháp nào không thiện (bất thiện) thì mình bỏ đi, trừ đi. Ví dụ như mình có những việc không tốt, thì làm sao nhanh nhanh bỏ đi, bỏ hết những việc không tốt. Đó cũng gọi là Tinh tấn Giác chi.

Ngoài ra, thứ hai nữa là những việc nào thiện, cần nuôi lớn thêm, thì tinh tấn siêng năng làm cho lớn hơn. Ví dụ như mình thường xuyên nghe pháp, đó là một việc thiện. Việc thiện thì càng phải siêng năng nghe pháp hơn. Ví dụ nghe bộ Luận Câu Xá này thấy hiệu quả, thì phải siêng năng nghe nhiều, nghe nhiều thì được thiện thôi. Đó là Tinh tấn Giác chi. Đơn giản vậy đó! Còn mình nghe vị nào đó mà thấy không hiệu quả, ăn rồi giảng toàn tình yêu hôn nhân gia đình không [thôi], mình thấy đó là không tốt thì mình không cần nghe. Đó là đoạn trừ đi các pháp bất thiện.

Như vậy quý vị hiểu rồi đúng không? Tinh tấn đoạn trừ các pháp bất thiện, và nuôi lớn thêm pháp thiện, gọi là Tinh tấn Giác chi. Tinh tấn là siêng năng, nói đơn giản là vậy. Chúng ta học bài tinh tấn rồi.

4. Hỉ giác chi:

Có hỉ, có hỉ xứ. Hỉ này là Hỉ giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Hỉ xứ này cũng là Hỉ giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn.

Nói chung ngôn ngữ giống tương đối. Hỉ là vui. Mình có niềm vui, đó là Hỉ

giác chi. Rồi hỉ xứ là chỗ vui, nơi nào vui? Tất nhiên mình lựa chọn nơi vui, chứ mình không lựa chọn vô chỗ suốt ngày bị người ta chửi đúng không? Nơi nào vui thì mình vào đó. Đó là Hỉ giác chi. Sống làm sao phải vui, đừng có buồn. Đó là con đường để đến Niết-Bàn.

5. Khinh an Giác chi:

Có thân khinh an, có tâm khinh an. Thân khinh an này là Khinh an Giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Tâm khinh an này cũng là Khinh an Giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn.

Tóm lại là tâm và thân cố gắng nhẹ nhàng. Khinh an tức là nhẹ nhàng. Thân thể làm sao cho nhẹ nhàng, ăn uống ít ít thôi, ăn quá nhiều thì nặng nề, mập quá thì mệt, không khinh an. Bệnh quá thì không khinh an. Tâm cũng vậy, tâm cũng làm sao đó đừng làm việc căng thẳng quá, đừng thức khuya quá, làm cho người đơ đơ ra. Tâm không khinh an, thân không khinh an thì không nên. Mà phải làm sao nhẹ nhàng, thì đó là Khinh an Giác chi.

Cho nên có nhiều đồng tu tu quá tinh tấn, cuối cùng không có khinh an được. Không có Khinh an Giác chi thì làm sao giải thoát. Cho nên phải tu ở trung đạo, đức Phật nói như vậy. Điều này thật ra có những bài kinh sau bổ trợ nữa, làm sao để đoạn trừ Thụy miên, Hôn trầm v.v… nhiều lắm. Những bài đó thì từ từ chúng ta học, đức Phật dạy hết rồi.

Như vậy đây là điều thứ năm, là Khinh an Giác chi. Đơn giản là quý vị [được] thân khinh an và tâm khinh an.

6. Định giác chi:

Có định, có tướng định (định làm thế nào thì chúng ta học trong bài Thiền chỉ rồi)**. Định này chỉ cho Định giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Tướng định này cũng là Định giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn.**

Tóm lại là mình tu làm sao phải có định, có tướng của định. Đó là Định giác

chi. Còn bây giờ mình lăng xăng quá, không có định, thì không có Định giác chi, vậy thôi. Định là gì? Nếu nói theo Tâm sở, thì Định là nhất cảnh. Ví dụ như bây giờ quý vị nhìn vào cái đèn này, thì quý vị cảm thấy có định. Tại vì nhìn [vật] tròn tròn, thấy dễ chịu. Không biết quý vị có cảm nhận được không, chứ Thiện Trang cảm nhận rất rõ như thế này, nhìn vào thấy tròn tròn, thì có định. Cho nên mình phải biết tu Thiền chỉ nữa, còn không biết tu, ăn rồi mình tu Thiền quán không [thôi] thì lâu lắm, không bằng. Ráng học thì mới biết. Đó là Định giác chi.

7. Xả giác chi:

Có xả pháp thiện, có xả pháp bất thiện. Xả pháp thiện này là Xả giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Xả pháp bất thiện này cũng là Xả giác chi, là trí, là đẳng giác, chuyển hướng Niết-Bàn. Đó gọi là bảy giác chi nói là mười bốn".

Như vậy Xả giác chi là gì? Có nghĩa là mình phải xả luôn cả pháp thiện và xả pháp bất thiện, tại sao? Tất nhiên pháp bất thiện thì xả rồi, nhưng pháp thiện cũng xả luôn, vì sao? Nếu trong tâm mình để những việc bất thiện thì không tốt. Trong tâm mình nghĩ nhớ lại hồi xưa mình làm gì đó không tốt, hồi xưa mình chửi người nào đó v.v… Hoặc giống như có cô nào đó nói là cổ rất áy náy, hồi xưa khi Sư Minh Tuệ đi qua, xin cổ ổ bánh mì mà cổ không cúng cho ổ bánh mì, bây giờ cổ rất hối hận. Đó là không xả được pháp bất thiện.

Chuyện đó cũng qua rồi. Sư Minh Tuệ trả lời là tại vì con không có phước, nên bữa đó con không được cúng dường. Thật ra thì bỏ qua đi, đối với pháp bất thiện cũng xả, pháp thiện cũng xả. Bởi vì tâm mà cứ nhớ [mấy chuyện đó] thì cũng không tốt. Phải tu mới có định được, và phải xả, từ từ chúng ta học sẽ rõ hơn. Đó là lấy ví dụ đơn giản thôi.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vậy đây là lời đức Phật nói, không phải lời Thiện Trang nói.

(Trích từ Kinh 681. Chuyển Thú - Kinh Tạp A Hàm).

(Chuyển thú tức là chuyển con đường, chuyển hướng đến Niết-Bàn).

Bữa nay chúng ta được học Bảy giác chi này rất rõ ràng, theo lời Phật luôn. Phương châm của Thiện Trang rất rõ ràng, là lúc nào [cũng] y theo kinh, kinh nói sao thì mình nói vậy. Mình phân tích thêm thôi, chứ không có tự tiện chế thế này, chế thế kia, như vậy là nguy hiểm lắm. Mỗi người chế [một] đường, một hồi Phật pháp bây giờ mạt. Sở dĩ mạt pháp là [do] bây giờ nhiều người chế quá, mỗi người chế mỗi đường, rồi giảng một hồi đi đâu.

Thiện Trang thấy là bên Phật giáo Nam truyền ít chế, cho nên là vẫn giữ được Phật giáo, dù bao nhiêu ngàn năm sau vẫn như vậy. Còn Phật giáo Bắc truyền hay chế lắm, người thích chế điều này, chế điều kia. Rồi bắt đầu Đệ tử đời sau tôn vinh lên làm Tổ nữa, chết luôn! Rồi đời sau tưởng Tổ, họ thờ lên đầu còn hơn Phật, họ tin Tổ hơn tin Phật. Cuối cùng là Phật pháp càng ngày đi càng xa với Phật, quý vị thấy không ạ?

Như Tịnh Độ tông ở Nhật Bản có gần 20 tông phái, mười mấy tông phái, [mà] mỗi Tịnh Độ thôi. Bây giờ mình thấy Tịnh Độ tông ở Việt Nam cũng vậy, rõ ràng là rất nhiều đường lối. Có số theo đường lối là chuyên nghe pháp thôi, có người thì chuyên đi hộ niệm, có người thì chuyên tụng một bộ Kinh Vô Lượng Thọ thôi, không cần niệm Phật, rồi có người thì chuyên niệm Phật [thôi], không cần đọc kinh gì hết. Rồi có người thì vừa điều này, vừa điều kia. Có người thì vừa làm từ thiện để hồi hướng, người [thì] làm đủ các kiểu. Đó là gì? Đều là do không học giáo lý của Phật, chỉ là do mình tự đề xướng.

Cho nên nếu những người đó có duyên, họ coi lại Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, coi những kinh điển Đại thừa, thì có thể họ sẽ phát hiện ra rằng mình đã sai rất nhiều. Nhưng rất tiếc là họ không có duyên coi, rất tiếc điều đó! Cho nên nhiều khi tu một đời, rồi sau này chỉ được quả báo nhân thiên mà thôi, tại vì họ không tu đúng theo con đường của Phật. Cũng có số ít giải thoát, đó là những người có thể là do căn lành đời trước, hoặc là thế nào đó, nhưng nói chung là khó lắm.

Nếu quý vị học kĩ Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, đọc kỹ kinh điển Đại thừa, thì chúng ta sẽ thấy là có rất nhiều điều mà người hiện nay hành trì sai rất nhiều.

Chúng ta không dám nói thẳng, nhưng chúng ta cứ học, quý vị cứ học đi rồi thấy, những căn bản mà người ta không làm được. Cho nên khi đó muốn cầu sanh về Thế giới nào đó, hoặc là muốn đắc đạo Thánh nhân v.v… trừ khi quý vị đã vào dòng Thánh sẵn rồi, nên quý vị ra đi tự tại, rồi quý vị đi được. Chứ còn không thì khó lắm, khả năng là ít lắm, bởi vì căn bản là mình không tu đúng.

Đó là quý vị đã học qua. Thiện Trang xin nhắc lại lần nữa chậm hơn để quý vị nhớ. Niệm giác chi là gì? Quý vị nhớ là an trú chánh niệm ở pháp bên trong và pháp bên ngoài. Còn Trạch pháp Giác chi là quý vị chọn lựa pháp thiện và pháp bất thiện. Thứ ba là Tinh tấn Giác chi, là mình lựa chọn pháp nào thấy bất thiện thì siêng năng đoạn trừ đi, các pháp nào thiện thì mình cố gắng nuôi lớn thêm (tăng trưởng tức là nuôi lớn thêm). Còn Hỉ giác chi là làm sao mình vui, tìm chỗ vui. Khinh an Giác chi là thân khinh an và tâm khinh an. Rồi mình cố gắng tu Định giác chi thì mình có định và có tướng định. Xả giác chi là mình xả cả pháp thiện và pháp bất thiện. Đơn giản vậy thôi, chứ có khó gì đâu quý vị. Quý vị có thể nhớ tóm tắt như vậy là được rồi.

Chúng ta đi vào [nội dung] tiếp theo:

Thất Giác Chi Là Phương Thuốc Trị Bảy Kiết Sử

Mục này quan trọng, chứ không phải là học cho vui. Ở trên quý vị thấy không ạ? [Thất giác chi] là con đường để hướng đến Niết-Bàn rồi, nhưng mình phải biết thêm ở đây nữa.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nay, Ta sẽ nói về bảy sử (bảy sử đây là bảy Kiết sử, hay là bảy Tùy miên) **các ngươi hãy ghi nhớ kỹ".**

Các Tỳ-kheo đáp: "Thưa vâng, Thế Tôn!"

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Như vậy ở đây có nói đến bảy Kiết sử, hoặc là chúng ta nói là bảy Tùy miên.

Đức Phật nói bài kinh này, chúng ta coi thử Thất giác chi trừ bảy Tùy miên như thế nào.

Đức Thế Tôn nói: "Những gì là bảy? Một là sử Tham dục, hai là sử Sân hận, ba là sử Kiêu mạn, bốn là sử Ngu si, năm là sử Nghi, sáu là sử Tà kiến, bảy là sử Tham đắm Thế gian.

Ở đây chúng ta thấy cũng quen thuộc, đức Phật chia ra thôi, gồm có Tham, Sân, Si, Mạn (Kiêu mạn), Nghi, rồi thêm Tà kiến (Tà kiến cũng thuộc vào Si), còn tham đắm thì chia ra Tham đắm Thế gian nữa, là thành bảy [Kiết sử]. Thật ra cũng vậy thôi, có năm Kiết sử chính mà chia ra làm bảy.

Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy sử này khiến chúng sanh, mãi mãi ở nơi tối tăm, thân bị trói buộc, trôi lăn mãi ở thế gian không có lúc dừng, cũng không thể biết cội nguồn của sanh tử. Giống như hai con trâu một đen, một trắng cùng chung một cái ách, cùng lôi kéo nhau không thể xa rời nhau. Chúng sanh này cũng như vậy, bị Tham dục sử, Vô minh sử này trói buộc không thể lìa nhau, năm sử còn lại cũng đuổi theo. Năm sử đuổi theo thì bảy sử cũng vậy. Nếu kẻ phàm phu bị bảy sử này trói buộc thì trôi lăn mãi trong sanh tử không được giải thoát, không thể biết nguồn gốc khổ.

Chúng ta thấy ở đây đức Phật nói có bảy Kiết sử là: Tham dục, Sân hận, Kiêu mạn, Ngu si, Nghi, Tà kiến và Tham đắm Thế gian. Ai mà bị bảy Kiết sử này trói, thì ở trong đường sanh tử miết thôi. Chúng ta bị điều này, vì những Kiết sử này rất nặng. Giống như hai con trâu một đen, một trắng, lấy cái ách cột chung lại với nhau. Giống như còng số tám, mà quý vị còng tay hai người dính lại với nhau, thì làm sao chạy được, không thể xa rời nhau được. Hai con trâu cũng vậy, cùng một cái ách thì cũng không thể nào tách rời nhau được. Chúng sanh cũng vậy, lúc nào cũng bị bảy Kiết sử này kéo miết. Lấy hai Kiết sử chính là Tham dục và Vô minh trói buộc, Vô minh tức là ngu si đó quý vị. Và năm Kiết sử còn lại đuổi theo nữa. Cho nên chúng sanh phàm phu bị bảy Kiết sử này trói buộc, nên trôi mãi trong sanh tử, không được giải thoát, không biết nguồn khổ. Chúng ta cũng vậy, chúng ta đang bị điều này.

Có bài kinh chúng ta đã học rồi, quý vị không nhớ thì Thiện Trang trích lại cho quý vị nhớ, định nghĩa thế nào là Kiết sử, trong kinh định nghĩa rất rõ ràng, không thể nào bắt bẻ được.

Đức Phật nói rồi, chúng ta thấy chúng ta khổ như vậy, trôi lăn mãi trong sanh tử, không có giải thoát, không biết nguồn gốc khổ. Không được giải thoát tức là không được Diệt đế, và không biết nguồn gốc khổ là không biết Tập đế. Cho nên phải học mới biết được.

"Tỳ-kheo, nên biết, do bảy sử này mà có ba đường dữ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Do bảy sử này nên không thể vượt qua được cảnh giới tệ ma.

Có nghĩa là do cũng bảy Kiết sử đó thôi mà chúng ta mới có ba đường dữ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Địa ngục [thì] khỏi nói rồi, Ngạ quỷ cũng khổ, Súc sanh cũng khổ luôn. Cũng chính bảy Kiết sử này khiến mình không thể vượt qua được các tệ nạn của ma.

Nhưng pháp bảy sử này lại có bảy phương thuốc (may quá! Đức Phật không phải nói không [thôi], mà có bệnh là có thuốc, bảy phương thuốc)**. Những là bảy?** (Đức Phật nói ra bảy phương thuốc).

Sử Tham dục, dùng Niệm giác chi để trị: Quý vị thấy không? Ai tham thì tu Niệm giác chi để trị. Điều này thì Thiện Trang giải theo ý của Thiện Trang một chút, giải thích thôi. Tại sao mình Tham? Tại vì mình không nhớ, không bắt được cảnh, mình quên mất. Thấy món ăn nào dọn ra, ngon quá, thì mình chạy theo, mình ăn ào ào, vì mình không tỉnh giác, không có Niệm giác chi. Tức là mình không bắt được cảnh bên trong, bên ngoài, mình không biết là: Thứ nhất là ăn ngon gì đâu, món đó chẳng qua là bữa nay do nhân duyên nấu thế nào đó, hợp khẩu vị của mình, thân thể mình hôm nay khỏe nên ăn cảm thấy ngon v.v… Nếu mình thấy rất rõ, giác biết như vậy, thì mình sẽ không tham. Tại vì mình mê quá nên mình tham, người ta mê nên tham. Cho nên phải có Niệm giác chi, Niệm giác chi trị được Tham.

Sử Sân hận, dùng Trạch pháp Giác chi để trị. Bây giờ Sân giận thì dùng

Trạch pháp Giác tri để trị, tại sao vậy? Đơn giản thôi, Sân giận là pháp ác hay pháp thiện? Chúng ta biết Sân giận là pháp bất thiện, cho nên mình Trạch pháp Giác chi là mình phải chọn lựa đâu là pháp thiện, đâu là pháp ác. Bây giờ rõ ràng, thấy pháp ác thì thôi, mình đâu có theo. Cho nên giận mà không dừng được, là do mình không có Trạch pháp Giác chi, mình cứ theo đó, mình kêu: Ôi! Giận cho đã! Cho nên mình không biết trạch pháp.

Sử Tà kiến, dùng Tinh tấn Giác chi để trị. Lâu rồi Thiện Trang cũng hay nói với quý vị đồng tu, nhiều người hỏi làm sao để hết Tà kiến? Trong ba Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, thì làm sao hết Tà kiến? Cứ học giáo pháp nhiều, mình tinh tấn nhiều (Tinh tấn Giác chi) thì Tà kiến sẽ hết thôi. Tinh tấn Giác chi là mình thấy pháp nào ác (những pháp bất thiện) thì mình ráng siêng năng bỏ đi, còn pháp nào thiện thì làm cho tăng thêm, thì dần dần hết Tà kiến. Quý vị thấy không? Đức Phật dạy rõ ràng.

Sử Tham đắm Thế gian, dùng Hỉ giác chi để trị. Bây giờ ai tham đắm Thế gian thì cố gắng dùng niềm vui (hỉ) để diệt, hỉ trong tâm và hỉ xứ. Tức là mình vui trong pháp, vui trong đạo thì sẽ trị được, là Hỉ.

Sử Kiêu mạn dùng Khinh an Giác chi để trị. Kiêu mạn thì dùng Khinh an Giác chi. Khinh an là thân an, tâm an. Quý vị để ý mấy người đang vui, đang an, thì người ta không có kiêu mạn đâu. Kiêu mạn thường là tâm không an, thân không an, cho nên cũng có vấn đề.

Sử Nghi, dùng Định giác chi để trị. Để trị được Nghi, Thiện Trang nói là ngoài học giáo pháp ra, mình còn phải tu Định. Chính vì tu Định ra thì quý vị mới tin được Phật pháp.

Giống như nhiều đồng tu, tu lâu năm, mà tại sao họ còn nghi? Thiện Trang nói đơn giản là vì họ không tu Định, có bao giờ ngồi xuống tu để được Định đâu. Dù là Vị đáo định đi chăng nữa thì quý vị cũng tin được Phật pháp là có thật. Nếu quý vị tu được Thiền chỉ, đắc được các tầng Thiền, thậm chí quý vị đắc Thần thông, thì quý vị tin hết những điều Phật dạy là thật. Chính vì thế quý vị sẽ hết Nghi. Cho nên phải tu, không thể nào không tu mà hết Nghi được.

Sử Vô minh, dùng Xả giác chi để trị. Cuối cùng là Sử Vô minh, thì phải dùng Xả giác chi, là xả việc thiện và việc ác. Việc thiện và việc bất thiện phải xả hết. Bởi vì sao? Nếu quý vị muốn hết Vô minh (là không có luân hồi), thì quý vị phải bỏ cả thiện và bất thiện. Nếu quý vị chấp vào bất thiện thì đọa xuống ba đường ác, còn chấp vào thiện thì lên cõi Người, cõi Trời thôi. Cho nên phải [tu] Xả giác chi, tức là tu tâm xả thọ. [Điều này] khó nha!

Tỳ-kheo, đó gọi là dùng bảy giác chi để trị bảy sử ấy. Đây là bài quan trọng nhất, để chúng ta biết [dùng] pháp nào để trị cái nào.

"Tỳ-kheo, nên biết, xưa khi Ta chưa thành Phật, còn đang thực hành Bồ-tát hạnh, ngồi dưới bóng cây, suy nghĩ như vầy: 'Chúng sanh Dục giới bị những gì trói buộc?' Lại nghĩ: 'Chúng sanh này bị bảy sử cuốn trôi trong sanh tử, mãi không được giải thoát. Nay Ta cũng bị bảy sử này trói, không giải thoát được.'

Quý vị thấy hồi xưa [khi] Ngài chưa thành Phật, Ngài cũng đã nghĩ được như vậy rồi. Ngài tư duy chúng sanh trong Dục giới bị những gì trói buộc, chính là bảy [Kiết sử] đó. Chúng sanh bị như vậy, [nên] Ngài biết chúng sanh không ra khỏi là do vậy, và Ngài cũng bị như vậy. Quý vị thấy hay không? Ngài tu, Ngài đã giác ngộ được như vậy, còn mình chẳng biết nữa. Mình thấy người ta làm sao thì mình chạy theo đó, thấy người ta vui thì mình vui theo, thấy người ta ăn chơi thì mình ăn chơi theo. Chẳng bao giờ suy nghĩ tại sao chúng sanh khổ vậy, tại sao bị ràng buộc, tại sao Luân hồi Sanh tử, nghĩ tới chúng sanh rồi cũng chẳng nghĩ tới mình nữa. Phải nghĩ tới mình, mình cũng bị như vậy.

Khi nào quý vị tu với tinh thần như vậy, thì quý vị mới mau đắc đạo được. Còn bây giờ mình có người nhắc thì nhớ, không nhắc thì không nhớ. Lâu lâu nghe luân hồi khổ thì nhớ, còn không thì khỏi nhớ luôn. Cảnh Sanh tử Luân hồi thì ngày ngày xảy ra, giống như hiện nay [có] động đất ở Myanmar, quý vị thấy sau trận động đất có thấy khổ không? Cảnh người ta phát cơm, phát cháo, không phải ở tại Myanmar đâu, cảnh đó là tại dải Gaza, chiến tranh ở Trung Đông. Quý vị thấy vùng đó bị như vậy, người ta khổ như vậy, mà mình cũng không giác ngộ. Mình

nên nhớ, chết một cái là mình sẽ đầu thai lại, và nên nhớ là chết xong thì mình có thể biến thành một con gì đó, v.v… và cứ luân hồi sanh tử như vậy hoài, khổ lắm. Hồi xưa đức Phật tu được như vậy, cho nên Ngài khác chúng ta.

Rồi Ta lại nghĩ: 'Lấy gì để trị bảy sử này?' (Quý vị thấy đức Phật hay đó, hồi đó chưa thành Phật mà Ngài cũng nghĩ vậy đó) **Ta lại suy nghĩ: 'Bảy sử này nên dùng bảy giác chi để trị** (đức Phật như vậy nên Ngài mới thành Phật chứ)**. Ta hãy tư duy về bảy giác chi'. Khi tư duy bảy giác chi, tâm dứt sạch Hữu lậu, liền được giải thoát. Sau khi thành Đạo Vô thượng Chánh chơn, trong bảy ngày ngồi kiết già, Ta tư duy thêm nữa bảy giác chi này. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập pháp bảy giác chi.** Tóm lại muốn dứt sạch bảy Kiết sử đó thì phải tu tập Bảy giác chi (Thất giác chi).

Quý vị thấy không? Đức Phật trước khi thành Phật, thì Ngài cũng tu như vậy. Tại vì Ngài tu thành Phật nên Ngài tự tu, không cần ai dạy. Còn mình thì phải học, mình đi con đường Thanh văn đạo. Thanh văn có nghĩa là con đường nhờ nghe pháp mà đắc đạo, gọi là Thanh văn đạo. Còn quý vị tu [theo] con đường mà không cần nghe pháp, không cần ai dạy, mà quý vị tự đắc đạo, con đường đó là con đường của Bích-chi-phật.

Tất nhiên trong kinh có nói: Nếu tu theo con đường Thanh văn đạo hoặc Bồ-tát đạo, nếu quý vị tu mà đời sau quý vị không được gặp Phật, quý vị có thể tự tu được, có khi ngộ đủ, Ba-la-mật đủ, thì quý vị cũng đắc được Bích-chi-phật đạo, thành một vị Duyên giác. Cho nên đừng có lo, chỉ sợ mình tu không đủ thôi, chứ tu đủ là được hết.

"Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 3 – Phẩm 40 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Cho nên điều này quan trọng không quý vị? Không quan trọng là [do] không biết thôi, còn biết rồi thì thấy quan trọng. Nội dung này khó nhớ, nên Thiện Trang tóm tắt lại cho quý vị dễ nhớ. Tóm lại chúng ta cần nhớ, đây là bảng tóm tắt Thất

giác chi để đối trị bảy Kiết sử, theo Kinh số 3 - Kinh Tăng Nhất A Hàm, ở Phẩm 40:

Bảng tóm tắt Thất giác chi để đối trị 7 Kiết sử **(Theo Kinh Số 3 – Phẩm 40 – Kinh Tăng Nhất A Hàm)**		
TT	**Kiết sử**	**Giác chi đối trị**
1	**Tham dục**	**Niệm giác chi**
2	**Sân hận**	**Trạch pháp Giác chi**
3	**Tà kiến**	**Tinh tấn Giác chi**
4	**Tham đắm Thế gian**	**Hỉ giác chi**
5	**Kiêu mạn**	**Khinh an Giác chi**
6	**Nghi**	**Định giác chi**
7	**Vô minh**	**Xả giác chi**

Kiết sử Tham dục thì dùng Niệm giác chi để đoạn; Sân hận thì dùng Trạch pháp Giác chi để đoạn; Kiết sử Tà kiến thì dùng Tinh tấn Giác chi; Kiết sử Tham đắm Thế gian thì dùng Hỉ giác chi; Kiêu mạn dùng Khinh an giác chi; Nghi dùng Định giác chi; Và Vô minh dùng Xả giác chi.

Quý vị biết là mình đang nặng về điều nào, thì hãy dùng điều đó mà tu. Ví dụ bây giờ quý vị đang tham dục quá, thì quý vị nhớ tu Niệm giác chi. Quý vị hay sân thì tu Trạch pháp Giác chi, quý vị Tà kiến thì tu Tinh tấn Giác chi, rồi bây giờ nhiều

người tham đắm Thế gian quá thì tu Hỉ giác chi. Quý vị kiêu mạn, có những người cống cao ngã mạn, thì tu Khinh an Giác chi. Những người [có] Nghi nhiều thì ráng tu Định.

Thiện Trang thấy có cô Phật tử đó, [hay] nghi lắm, suốt ngày nghi, nên Thiện Trang nói ráng tu Thiền chỉ nhiều vô. Còn nếu không, cứ học hoài thì cũng nghi thôi. Thiền chỉ thì quý vị biết cách [tu] rồi đúng không? Tu Thiền chỉ nhiều vô, thì Định nhiều, thì tự nhiên trong Định có thể mình không còn nghi nữa.

Quý vị thấy tại sao nhiều người tu học, đặc biệt là tu theo Tịnh Độ, các đồng tu Tịnh Độ, có nhiều người nghi nhiều? Bởi vì họ không có Định giác chi. Tại vì họ không biết tu Chỉ, thì làm sao có Định. Suốt ngày nghe nói có Tây Phương Cực Lạc, có đức Phật A Mi Đà, mà chả thấy đâu. Rồi cứ nghi pháp này có thật hay không, bây giờ cũng chả có cách nào, đằng nào cũng chết, cũng không biết có hay không, thôi niệm Phật, ráng tu, ráng làm lành, hên có thiệt thì đi, còn không có thì thôi.

Còn nếu quý vị tu Định giác chi, dù quý vị tu Thiền nào, tu bất cứ Pháp môn nào, thì sau khi đắc định là quý vị hết nghi về giáo pháp, bớt nghi rất nhiều. Bởi vì quý vị tin: À! Tu như vậy, hành như thế, thì được như vậy. Và tu Thiền chỉ để [vào] Định không khó, hồi xưa mình không biết cách tu, bây giờ thì mình biết rồi, mình có thể dùng cách đơn giản, ví dụ như một bóng đèn nhỏ nhỏ, hoặc một cái tivi v.v… để phát lên.

Bữa trước có ai hỏi, là có nên che lại không? Thiện Trang nói là tivi thì không cần che để làm tròn đâu, mà quý vị nên lựa cảnh nào tròn tròn chút, ví dụ như mặt trăng, hay trái gì đó v.v… Để Thiện Trang sau này coi, kiếm mấy video trên mạng, Thiện Trang cắt lại, làm sao để giữa màn hình, rồi gửi lên cho quý vị, để quý vị coi. Có thể là những tấm tranh, hoặc những cảnh động nhẹ nhẹ thôi, đưa những video đó lên cho quý vị. Quý vị coi trên YouTube, hoặc là quý vị tải về để tu Thiền chỉ, tùy các đề mục.

Trong các màu, quý vị thích màu nào thì tu theo màu đó, mặc dù ở trong đó nói xanh, vàng, đỏ, trắng, nhưng nói chung thôi, quý vị thích màu nào cũng được. Màu vàng thì có nhiều màu vàng, màu xanh thì có nhiều màu xanh, màu đỏ thì có

nhiều màu đỏ, hay màu hồng cũng được, quý vị thích màu nào thì tu màu đó, phải để ý như vậy.

Rồi ai mà Vô minh thì tu Xả giác chi. Chúng ta ai chả có Vô minh, chúng ta còn luân hồi mà, phải tới A-la-hán mới hết Vô minh kiết. Cho nên phải tu Xả giác chi, không thọ khổ, không thọ lạc, phải không lạc không khổ, là Xả giác chi. Phải tu như vậy, rất khó!

Như vậy quý vị chỉ cần nhớ bảng này. Muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập Bảy giác chi hay Thất giác chi, đây là con đường đến Niết-Bàn. Cho nên không học thì làm sao biết, không học thì làm sao tu.

Rồi bây giờ có một phần quan trọng nữa, là lúc nào nên tu Giác chi nào.

Lúc Nào thì Nên Tu Giác Chi Nào?

Điều này còn quan trọng nữa. Trong kinh đức Phật đều dạy hết, mà mình không biết, không biết rồi mình cũng không biết tu, là do mình không đọc. Thực ra thời nay cũng tội cho quý vị lắm, một phần là không có thời gian để coi kinh, phần thứ hai là thích nghe hơn, nghe người nào giảng cho rõ ràng, dễ hiểu. Mặc dù người ta giảng sai, nhưng nghe cũng dễ hiểu, kiểu vậy đó. Chứ còn đọc kinh mệt quá. Thực ra đọc kinh thì phải đọc đến một lúc nào đó, khi có vốn rồi thì đọc mới hiểu được, chứ mới đầu vô thì có nhiều điều mơ mơ màng màng.

Giống như quý vị mới đầu nghe Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, có thể lúc đầu quý vị nghe không hiểu được nhiều, nhưng càng nghe thì quý vị càng hiểu. Nghe qua một vòng, rồi quý vị nghe lại thì sẽ hiểu. Sau đó càng nghe thì càng thấy những điều hay, mà trước đó không nghe được. Tại vì lúc trước mình chưa có nền tảng. Mỗi lần nghe qua, bài này với bài sau lặp lại, nên đắp nền tảng thêm một chút. Có nền tảng cơ sở đó rồi, thì mình nghe, mình mới hiểu được ý sau. Cứ vậy, mình nghe tới nghe lui, nghe nhiều, thì bắt đầu mình vững lên. Còn nếu không có khả năng đó, không có nhiều thời gian, thì phải nghe những người như Thiện Trang chia sẻ nội dung.

Mà nhớ phải nghe trong kinh nha! Bây giờ mình phải kị những người giảng

theo ý của họ, nói một hồi [rồi dẫn] đi đâu, phải hỏi họ rằng: "Thầy giảng trong kinh nào? Kinh nào nói như vậy?" Ví dụ đồng tu Tịnh Độ hỏi: "Suốt ngày người ta đề xướng: 'Thời Mạt pháp ức ức người tu hành, không có người chứng đắc, chỉ nương Pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi'". Mình phải hỏi họ là kinh nào nói. Họ sẽ nói là Kinh Đại Tập. Mình hỏi: "Kinh Đại Tập đâu, dở ra coi, trang nào, chương nào?" Họ nói: "Tôi chưa coi". "Chưa coi mà sao dám nói?" Họ kêu là nói theo người nào đó. Bây giờ tôi coi rồi, tôi nói không có, thì họ ngơ ngác liền.

Mình phải như vậy, thời nay nhiều điều dẫn, nói là 'kinh nói', sợ nhất là 'Phật nói'. Phật nói ở đâu? Phật nói trong kinh nào? Trong kinh chưa chắc là Phật nói, trong kinh có khi Tôn giả nào đó nói, nhưng được Phật ấn chứng thôi. Cho nên phải [hỏi] là kinh nào nói? Hoặc là đức Phật nói, thì đức Phật nói trong kinh nào? Trong kinh đó nói, hoặc là Tôn giả nào đó nói. Chứ không, nói tùm lum, phải cẩn thận. Thời nay chớ vội tin, nếu như người ta nói không có căn cứ.

Thiện Trang thấy thời nay, càng ngày về sau càng có người nhiều quất vô là 'đức Phật nói'. Biết đức Phật nói rồi, Thiện Trang kêu: "Ủa! Lời này đâu có thấy trong kinh đâu mà đức Phật nói?" Mà lên mạng cứ quất vô là 'đức Phật nói'. Cho nên nguy hiểm lắm, phải cẩn thận. Không phải điều nào cũng là Phật nói đâu, mình tự gán, điều đó là mang tội lắm quý vị.

Bữa nào Thiện Trang lấy ra trong kinh nói: Vị Tỳ-kheo nào, hay vị nào, lời đức Phật không nói mà mình cho là Phật nói, là mình có tội đó. Rồi lời nào không phải là lời của Phật nói, [thì mình] xác định đó không phải là lời Phật nói. Rồi lời nào đức Phật nói, mà mình nói đó là lời Phật nói, thì người đó có phước lắm.

Chứ không phải như bây giờ có tình trạng, ví dụ như bây giờ Thiện Trang vạch ra 'điều đó không phải là đức Phật nói', thì bắt đầu nổi sùng lên, nổi điên lên. Không phải! Đức Phật nói là: Điều nào đức Phật nói, thì mình phải xác định là đức Phật nói. Lời nào Phật không nói, thì không phải Phật nói. Lời nào kinh nói thì nói là kinh nói, lời nào luật nói thì nói là luật nói. Điều nào đúng mới được, chứ mình không nói ngược, nói sai là mang tội đó. Tội nhiều lắm, chứ không phải ít đâu, mất phước nhiều lắm. Cho nên phải cẩn thận, thời nay truyền pháp phải cẩn thận,

đặc biệt là quý vị muốn truyền pháp thì phải cẩn thận. Cho nên sau này mình phải coi lại, hãy kỹ càng hơn.

Ở đây, bài kinh này nói khi nào mình tu Giác chi nào, trong Bảy giác chi này? [Ở trên] là nói diệt Kiết sử rồi, Thiện Trang cũng nói rồi. Ví dụ như lúc quý vị có Tham dục nhiều quá thì nên tu Niệm giác chi, lúc Sân hận nhiều quá thì tu Trạch pháp Giác chi, quý vị Tà kiến quá thì tu Tinh tấn Giác chi, tham đắm Thế gian thì tu Hỉ giác chi, Kiêu mạn thì Khinh an Giác chi. Bệnh nào nặng thì tu pháp đó trước. Nghi thì tu Định giác chi, Vô minh thì tu Xả giác chi.

Tuy nhiên, trong quá trình tu hành có những trạng thái tâm khác nhau. Và trạng thái tâm nào, thì chúng ta căn cứ vào đây, đức Phật dạy kỹ lắm. Thiện Trang thấy đức Phật dạy kỹ lắm mà không học thì uổng. Đoạn này cực kỳ quan trọng, trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya cũng có đoạn này.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ có số đông các Tỳ-kheo. ***Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt*****:** Đoạn này cũng không quan trọng lắm, không phải nhắc lại sự sai biệt này.

Có các xuất gia ngoại đạo nói như vậy, nên hỏi lại rằng: 'Nếu tâm yếu kém, còn do dự, bấy giờ nên tu những Giác chi nào?

Đây là câu hỏi rất quan trọng! Khi tâm mình yếu kém, còn do dự, bấy giờ nên tu những Giác chi nào? Có những đồng tu tâm yếu ớt quá, cho nên họ do dự, thì bây giờ tu Giác chi nào? Cho nên phải có điều này.

Những gì tu không đúng lúc? Nếu lại tâm trạo cử, với tâm trạo cử, do dự ấy, bấy giờ nên tu những giác chi nào? Và những gì là không đúng lúc?

Quý vị thấy không? Đây là những vấn đề rất quan trọng trong tu hành, có hai trường hợp: Khi tâm mình yếu kém, do dự, thì tu Giác chi nào để cho mạnh lên? Rồi những gì mình tu không đúng lúc? Còn khi nào tâm mình trạo cử, lăng xăng quá, nghĩ lung tung lang tang, là do dự, thì lúc đó tu Giác chi nào? Quý vị biết không?

Điều này, nếu có xuất gia ngoại đạo hỏi, thì mình hỏi [lại] họ như vậy. Ở đây mình khỏi nói xuất gia ngoại đạo, mình hỏi xuất gia bây giờ luôn. Xuất gia bây giờ mà không học điều này, thì cũng giống như xuất gia ngoại đạo. Mình hỏi: "Bây giờ tâm con yếu kém, do dự quá, thì con tu Giác chi nào?" Người ta không biết, người ta cũng thua luôn. Rồi hỏi: "Tâm con đang trạo cử quá v.v... đang do dự, vậy con tu Giác chi nào? Và tu thế nào là không đúng lúc?" Ở đây đức Phật dạy như vậy. Có phải lời này của đức Phật hay không? Lát nữa chúng ta coi, lời này là lời của ai, đây là trích giữa chừng.

Nếu hỏi như vậy, các ngoại đạo kia trong tâm sẽ giật mình, tán loạn, nói lãng sang những pháp khác; tâm sanh phẫn nhuế, kiêu mạn, hủy báng, hiềm hận không nhẫn thọ; hoặc im lặng, cúi đầu, không thể biện luận, âm thầm suy nghĩ. Vì sao? Vì Ta không thấy người nào trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người nghe những gì Ta nói mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ có Như Lai và chúng Thanh văn, hoặc nghe từ đây mà thôi.

Lời này là lời Phật rồi đúng không quý vị? Tức là đức Phật nói: Nếu hỏi như vậy là [họ] thua, trong các chúng chư Thiên, Ma, Phạm (Phạm là trời Phạm Thiên), Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, không có ai trả lời được đâu, trừ khi có đức Phật, chúng Thanh văn, và những người nghe từ đây mà thôi. Còn lại mình không nghe thì mình không biết đâu, hỏi như vậy là thua. Cho nên đem câu hỏi này ra mà hỏi một người thường là thua, người ta không học qua thì người ta không biết đâu, đây là lời đức Phật nói.

Khi nào tâm yếu kém, do dự, thì tu Giác chi nào? Và tu điều nào là không đúng lúc? Khi nào tâm trạo cử, hỏi tu Giác chi nào thì họ cũng không biết luôn, và lúc đó họ sẽ im lặng cúi đầu, hoặc nói qua [chuyện khác], hoặc là sân hận, phỉ báng tùm lum thôi. Quý vị mà đi hỏi người khác, thì người ta cũng vậy thôi, tại vì người ta không học, trừ Thanh văn. Mấy câu hỏi này là câu hỏi khó, chứ không phải dễ đâu, đức Phật nói mà. Bây giờ chúng ta coi thử đức Phật dạy thế nào.

Này các Tỳ-kheo, nếu lúc tâm yếu kém, tâm do dự, khi ấy không nên

tu Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Đức Phật nói: Khi tâm mình yếu kém, tâm do dự, thì lúc đó không nên tu Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Tại sao vậy? Đức Phật nói luôn.

Vì sao? Khi tâm yếu kém phát sanh, vì yếu kém, do dự, các pháp này càng làm tăng thêm yếu kém. Thí như một đóm lửa mà muốn cháy mạnh lên, lại bỏ than tro vào. Thế nào, này Tỳ-kheo, chẳng phải vì thêm tro vào khiến cho lửa tắt chăng?

Cho nên không có nha! Có nghĩa là bây giờ tâm quý vị yếu kém, tâm do dự rồi, mà quý vị tu thêm Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, thì càng tệ hơn thôi, là tu không đúng lúc. Bây giờ chúng ta còn nhớ Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi không?

Khinh an Giác chi thì phải nói lại, chứ không, quý vị quên mất rồi, nhiều người nghe Bảy giác chi nhưng không nhớ. Khinh an Giác chi là thân khinh an và tâm khinh an. Bây giờ tâm đang yếu kém, mà [tu] môn nào để tâm khinh an, để thân khinh an, thôi [đi] nghỉ ngơi, thì còn yếu hơn nữa. Rồi tu Định giác chi là vô Thiền chỉ thì rớt hơn nữa. Rồi Xả giác chi là thọ xả, không thọ khổ, không thọ lạc, như vậy thì càng yếu kém hơn nữa. Mình tưởng là mình tu đúng rồi, ai ngờ tệ hơn nữa. Thấy chưa? Không học thì làm sao biết tu.

Cho nên ngay từ đầu mình tu làm sao đắc lực được, nên nhiều đồng tu niệm Phật, tại sao vô niệm Phật lại ngủ gục? Lúc đó đang tâm yếu kém rồi, mình [tu] Định giác chi, Khinh an Giác chi, ngồi im, rồi mình chơi Xả giác chi luôn, thì buồn ngủ hơn nữa. Giống như đức Phật nói: muốn đống lửa cháy mạnh, mà quý vị bỏ than tro vào, thì không thể nào [lửa cháy] mạnh lên, mà chỉ có tắt đi thôi.

Quý vị thấy không? Đức Phật dạy đầy đủ hết, không học Kinh A Hàm, không học [Kinh] Nikaya thì làm sao biết được. Phải học chứ! Nhiều đồng tu vô cứ nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. [Quý vị] kiếm coi Kinh Vô Lượng Thọ chỗ nào dạy điều này? Ai giảng Kinh Vô Lượng Thọ, [nói] một bộ Kinh Vô Lượng Thọ là đủ rồi, viên mãn rồi, kiếm giùm coi, người ta giảng có điều này không? Không

có thì coi chừng.

Cho nên mình phải 'y pháp bất y nhân'. Nếu đức Phật giảng một bộ kinh mà đủ rồi, thì đức Phật sẽ nói là thôi các ngươi không cần học các bộ kia đâu, học bộ này đủ rồi. Không có lời nào trong kinh mà đức Phật nói học một bộ này đủ rồi hết. Quý vị kiếm đi, Tam tạng Kinh điển của Phật, không có chỗ nào đức Phật nói tu một kinh này đủ rồi. Quý vị nghe cho kĩ, chứ không, người thời nay đề xướng, rồi mình cũng tin sái cổ, mình không học nhiều, mình không phản biện [được]. Mà đức Phật nói phải đa văn, phải học, phải hiểu, chứ không phải [như vậy]. Những nền tảng, mình lấy từ chỗ này một chút, từ chỗ kia một chút, mình không thể duyệt hết Tam tạng thì mình cũng phải lấy ra những phần căn bản để mình tu.

Chúng ta thấy đầu tiên là gì? Tâm đang yếu kém, tâm còn do dự thì không nên tu ba Giác chi là: Khinh an Giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu [ba giác chi] đó, thì [tâm yếu kém] tăng thêm thôi, giống như muốn lửa cháy lại thêm tro vào nữa.

Tỳ-kheo bạch Phật: "Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Cũng vậy, Tỳ-kheo, yếu đuối, do dự, nếu tu Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, đây là không phải thời, vì tăng thêm lười biếng thôi.

Quý vị thấy chưa? Tâm đang yếu kém, đang do dự rồi, mà tu thêm ba giác chi: Khinh an, Định, và Xả, thì càng thêm lười biếng, tóm lại đi ngủ luôn được rồi. Nên là [tu ba giác chi] đó không được. Vậy thì chúng ta coi thử đức Phật dạy tu điều gì, ở đây nói tiếp:

Hoặc khi tâm trạo cử khởi lên; nếu tâm trạo cử, do dự, bấy giờ, không nên tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi.

Ở đây nói đến trường hợp tâm mình đang trạo cử, do dự rồi, thì không nên tu Trạch giác chi, Tinh tấn Giác chi và Hỉ giác chi. Quý vị nhớ, Trạch giác chi là chọn pháp nào là thiện, pháp nào không phải là pháp thiện. Rồi Tinh tấn Giác chi là siêng đoạn các pháp bất thiện, và siêng làm cho các pháp thiện lớn mạnh. Còn

Hỉ giác chi là sao? Hỉ là vui và hỉ xứ. Mình đang trạo cử rồi, mà mình đi vô chỗ vui, có nhạc, cạch, cạch, cạch... thì càng tệ hơn nữa. Hoặc là thế nào đó, nó đang trạo cử thì trạo cử hơn nữa. Ở đây có thể giải thích:

Vì sao? Vì khi tâm trạo cử khởi lên, với tâm trạo cử, do dự, các pháp này làm cho tăng thêm (quý vị thấy đức Phật nói rõ ràng)**. Thí như lửa đang cháy, muốn dập tắt mà đem cỏ khô thêm vào. Ý các ngươi thế nào? Há không khiến cho lửa cháy bùng lên đó sao?"**

Cho nên tâm đang trạo cử mà tu mấy [Giác chi] này, tinh tấn cho cố vô, thì càng trạo cử hơn nữa. Tu Hỉ giác chi thì tâm càng hưng phấn hơn nữa, là thôi, càng trạo cử nữa. Rồi Trạch pháp Giác chi là chọn lựa, chọn này chọn kia, lại trạo cử thêm nữa. Quý vị thấy không? Thật ra tâm lý học rất hay. Cho nên là không học thì không biết. Bây giờ ai trạo cử quá thì tránh ba pháp đó. Bây giờ tu pháp gì, thì từ từ đức Phật sẽ nói.

Tỳ-kheo bạch Phật: "Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!"

Có nghĩa là bây giờ nếu tâm trạo cử mà tu [ba giác chi] đó, là bị ngược hoàn toàn luôn đó, [khiến] trạo cử tăng thêm, nặng thêm thôi.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: "Khi tâm trạo cử khởi lên; nếu tâm trạo cử, do dự, mà tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi, làm tăng thêm trạo cử. Cho nên có tâm trạo cử thì đừng bao giờ tu ba [Giác chi] này.

Này các Tỳ-kheo, khi tâm yếu đuối sanh khởi, nếu tâm yếu đuối, do dự, lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi.

Có nghĩa là đức Phật dạy cho chúng ta trường hợp trên, khi tâm yếu đuối thì lúc đó quý vị nên tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, và Hỉ giác chi.

Vì sao? Vì khi tâm yếu đuối sanh khởi; nếu tâm yếu đuối, do dự, bằng các pháp này mà được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Thí như một đóm lửa, muốn cho nó cháy lên, nên cho cỏ khô vào. Thế nào, Tỳ-kheo, lửa này có cháy hừng lên không?"

Có nghĩa là đức Phật đưa ra một ví dụ, bây giờ mình muốn đống lửa nhỏ cháy bùng lên. Đống lửa nhỏ tức là tâm mình đang yếu ớt quá, bây giờ mình muốn cháy bùng lên, thì mình cho thêm cỏ khô vào, thì sẽ cháy mạnh lên. Còn nếu mình cho tro vô là tắt luôn, tắt ngấm luôn. Cho nên là phải hiểu.

Tỳ-kheo bạch Phật: "Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: "Khi tâm yếu đuối sanh khởi như vậy; nếu tâm yếu đuối, do dự, lúc bấy giờ nên tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi để được khai thị, chỉ giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

Tóm lại khi gặp trường hợp như vậy, thì chúng ta nên tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi và Hỉ giác chi. Còn tu thế nào thì quý vị coi lại, chứ bây giờ giảng nữa thì mất thời gian quá.

Hoặc khi tâm trạo cử sanh khởi; nếu tâm trạo cử, do dự, nên tu Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Ở đây tâm trạo cử thì mình tu ngược lại, mình tu Khinh an Giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Tại sao bảy [giác chi], mà ở trên thì nói tu ba Giác chi, ở dưới nói tu ba Giác chi, vậy còn [một] Giác chi nữa nói ở đâu? Từ từ, chút nữa sẽ nói.

Có nghĩa là nếu tâm trạo cử thì quý vị hãy cố gắng tu Khinh an Giác chi, để tâm khinh an và thân khinh an. Tức là khi tâm trạo cử, thì làm sao cho thân thể mình dễ chịu một chút. Ví dụ trạo cử quá thì quý vị nên đi dạo, thả lỏng người, đó là Khinh an Giác chi. Rồi quý vị vô tu Thiền chỉ giùm cho Thiện Trang, là Định giác chi, rồi tu Xả giác chi là không lạc, không khổ.

Đa số đồng tu là bị trạo cử, Thiện Trang nói rất nhiều lần từ xưa đến nay, ví dụ hồi xưa có đồng tu tội lắm, ăn rồi suốt ngày nghe [pháp], nghe suốt cả ngày, nghe Sư bà Hải Triều Âm, nghe này nghe kia v.v... Một hồi nói chuyện với Thiện Trang, thấy nhắn toàn nói pháp không, mà nói suốt ngày, không cho mình nói luôn, thế mà cứ khoe pháp. Thiện Trang nói tâm cô trạo cử quá. [Cổ nói]: 'Con biết, nhưng con không biết tại sao như vậy?' Thiện Trang nói là tại vì tu không

cân bằng giữa Quán và Chỉ, tức là Thiền chỉ và Thiền quán. Nghe pháp nhiều coi như là Quán, thì phải có thời gian tu Định đi, hãy tĩnh tọa v.v… Đó là thuộc về Định giác chi. Nhưng [cổ] nói là con không có thời gian. [Thiện Trang nói]: Không có thời gian thì chịu thua rồi, [không] có cách nào đâu. Như vậy tu [theo] năm tháng thì quý vị trạo cử quá nhiều, càng ngày càng trạo cử thôi. Quý vị nghe pháp nhiều thì bị trạo cử, nên quý vị phải có thời gian tu Định.

Cho nên Thiện Trang khuyên các đồng tu, khi nào có thời gian thì vô tu các đề mục Thiền chỉ, để có Định giác chi và được Khinh an nữa. Còn không thì đi dạo nhẹ nhàng, là tu Xả. Ba trạng thái đó là tu Khinh an Giác chi, Định giác chi và Xả giác chi, đi Thiền hành nhẹ nhẹ thôi, đừng quan tâm gì cho lắm, thả người, ngắm cảnh nhẹ nhẹ, thì trừ được trạo cử. Còn lúc đó mà mình học pháp vô thì trạo cử càng mạnh, quý vị nên nhớ [như vậy]. Cho nên phải cẩn thận, mình tin là tu Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỉ giác chi thì trạo cử mạnh thêm thôi. Đức Phật nói thì mình phải nghe.

Vì sao? Vì khi tâm trạo cử sanh khởi; nếu tâm trạo cử, do dự, bằng các pháp này mà có thể khiến cho an trú bên trong, nhất tâm nhiếp trì. Thí như lửa đang cháy, muốn cho nó tắt, chỉ cần cho than tro vào, lửa này sẽ tắt.

[Muốn lửa tắt] thì cho than tro vào thì lửa sẽ tắt thôi, vì mình đang trạo cử. Đức Phật lấy hai ví dụ quá hay. Có nghĩa là đức Phật đưa ra hai ví dụ: Một là trạng thái tâm chúng ta yếu đuối, do dự, giống như muốn ngọn lửa cháy bùng lên, thì mình phải cho cỏ khô vào để nó cháy lên. Còn nếu mình cho tro vô, thì nó tắt luôn. Còn trường hợp thứ hai là tâm mình trạo cử, lăng xăng quá, khởi lên nhiều ý tưởng quá, tùm lum hết, thì mình tu thế nào? Mình phải cho than tro vào để lửa tắt đi. Tro than đó chính là Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Thật ra còn một pháp nữa, thì chút nữa sẽ nói đằng sau. Chúng ta coi tiếp:

Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu tâm trạo cử, do dự, mà tu Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỉ giác chi thì không đúng thời (đây là trường hợp nói ngược lại thôi). **Nếu tu tu Khinh an, Định, Xả giác chi thì tự nó mới đúng thời** (tức là tâm trạo cử thì phải tu Khinh an, Định, và Xả giác chi). **Vì các pháp**

này khiến cho an trụ bên trong, nhất tâm, nhiếp trì. (Và cuối cùng là Niệm giác chi). **Niệm giác chi thì hỗ trợ cho tất cả".**

Dòng đỏ này cũng quan trọng. Có nghĩa là trong hai trường hợp đó, chúng ta đều có Niệm giác chi. Niệm không phải chỉ là nhớ, mà biết được cảnh, tâm dù thế nào thì mình cũng phải biết. Dù tâm yếu đuối thì cũng phải biết tâm đang yếu đuối, tâm đang trạo cử thì cũng phải biết tâm đang trạo cử. Không có Niệm giác chi là thua, làm sao mình biết bệnh để cho thuốc. Cho nên trong hai trường hợp đó đều tu Niệm giác chi. Nên trong tất cả các trường hợp tâm, điều phải có Niệm giác chi. Và Niệm giác hỗ trợ cho tất cả.

Quý vị thấy không? Học kĩ như vậy thì mới tu được, còn không học kĩ thì chắc hơi khó tu. Cho nên đôi khi Thiện Trang ở trong Tịnh Độ lâu, Thiện Trang thấy tội cho các đồng tu Tịnh Độ lắm. Không học kĩ những pháp căn bản này, nên tu lâu năm vẫn còn Phiền não nhiều, đa số rơi vào Trạo cử. Trạo cử lâu năm sinh ra hoang tưởng. Quý vị nên nhớ, Trạo cử lâu năm sinh ra hoang tưởng. Hoang tưởng là gì? Lên hỏi câu hỏi, mà không nói ra được vấn đề gì cả, tâm mình vọng quá, vấn đề này chắp nối những vấn đề kia. Đó là những người Định, Huệ không đẳng trì, tức là tu Chỉ và tu Quán không được. Những người đó thì nên tu ba đề mục trên nhiều hơn, tức là hãy tu: Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Và tất nhiên là phải có Niệm giác chi. Niệm giác chi lúc nào cũng phải tu mà.

Còn trường hợp tâm ai yếu đuối, lờ đờ, không hiểu pháp gì hết, cứ mơ mơ màng màng, thì quý vị ráng tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi, thì tâm rõ ràng. Đức Phật dạy rất kỹ, bữa nay mình được học rồi.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 682. Hỏa - Kinh Tạp A Hàm).

Cho nên quý vị thấy không ạ? Toàn là bửu bối, Kinh Tạp A Hàm, dòng chữ Hán nè. Bữa nay Thiện Trang thỉnh được đúng bộ A Hàm dày 10 quyển, 10 quyển A Hàm bằng chữ Hán luôn, để dò, chúng ta vừa có chữ Việt vừa có chữ

Hán nữa. Trên mạng có, chúng ta cũng có thể coi. Tất nhiên trên mạng cũng có, nhưng đôi khi phải cẩn thận, phải coi trong kinh nữa, chứ nhiều khi trên mạng thiếu một hai chữ rồi mình không hiểu, thì mình coi trong này đầy đủ, hoặc coi trong sách không hiểu, bị thiếu chữ, thì mình coi trên mạng đầy đủ. Cho nên phải coi càng nhiều nguồn càng tốt.

Quý vị thấy không? Toàn là trong kinh. Và để cho dễ nhớ thì Thiện Trang tóm tắt lại thành bảng như sau:

Bảng Tóm Tắt Khi Tâm Thế Nào Thì Tu Giác Chi Nào Phù Hợp (Theo Kinh 682 – Hoả - Kinh Tạp A Hàm)		
	Tình trạng tâm	**Giác chi cần tu**
1	Yếu đuối, do dự	Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi.
2	Trạo cử, do dự	Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi
*Niệm giác chi thì hỗ trợ cho tất cả trường hợp tâm.		

Đây là bảng tóm tắt, khi tâm thế nào thì tu giác chi nào phù hợp. Theo Kinh 682, Kinh Hỏa trong Kinh Tạp A Hàm. Tình trạng tâm yếu đuối, do dự, thì giác chi cần tu là Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi. Tình trạng tâm trạo cử, do dự, thì tu Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Nói chung quý vị nhớ dùng Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả. Và quý vị nhớ trường hợp Niệm giác chi lúc nào cũng hỗ trợ cho cả hai, lúc nào cũng có tu hết, chứ không phải không có niệm, thất niệm là thôi rồi đó, tu mà thất niệm là đọa lạc chắc luôn.

Quý vị không đọa vào đường ác là quý vị nhờ có Chánh niệm, nên nhớ vậy. Chánh niệm quan trọng lắm, bởi vì quý vị lúc nào cũng nhớ, mình biết cảnh, biết các pháp đang diễn ra, và biết tâm mình như thế nào. Tâm đang sân thì biết tâm đang sân, tâm đang si thì biết tâm đang si, cảnh đang thay đổi thì biết cảnh đang thay đổi, động đất thì biết đang động đất, không hốt hoảng, không hoảng loạn.

Quý vị hãy coi đi, có video quay được cảnh trong lúc mà nhà cao tầng sắp sập, rung lắc, bồn nước trên khách sạn đó đổ ra quá trời, có mấy người chạy. Đó là một cảnh. Nhưng cũng có một cảnh khác, ở một góc khác, có một số người điềm tĩnh lắm. Có ông đó dựa vào trong cái thành, ông cứ để cho nó lắc tự nhiên như vậy. Còn hai người kia thì nằm dài ra đó, gục gật vậy đó. Tại vì họ nghĩ rằng đằng nào cũng chết rồi. Và mấy người đó là mấy người phương Tây, chắc là họ tới Thái Lan để đi du lịch.

Cho nên Thiện Trang thấy đúng, thật ra là những người ở phương Tây (mấy nước Châu Âu) thì có định hơn người Việt mình. Mặc dù đời này họ không tu, nhưng Thiện Trang tin là đời trước họ tu, cho nên họ điềm tĩnh lắm, gặp chuyện gì họ cũng tỉnh bơ, còn mình thì hốt hoảng, chạy. Quý vị thấy ngay cả bên Myanmar, có những quý thầy cũng tỉnh, nhưng có những người cũng hốt hoảng. Hốt hoảng đó thì đâu có giải quyết được vấn đề gì, tu hành làm sao phải có định. Mà định đó nhờ đâu? Nhờ Niệm giác chi. Tức là mình biết rất rõ: À! Thế gian vô thường, bây giờ động đất tới rồi, động đất thì động đất thôi, động đất thì quý vị chạy đằng trời.

Không phải số, mà là xui, đủ duyên như thế thì chết. Nhà sập, ngã vô mình, mình có né kịp không? Không né kịp. Nếu hên thì nó [sập] trật qua một bên, hoặc là nó sập trúng lỗ hỏng nào đó, chui vào được thì thoát nạn. Còn không thì thôi, chịu, không có cách nào, số mạng hết thì chết thôi. Có hốt hoảng hay không hốt hoảng cũng vậy mà thôi. Nếu hốt hoảng mà giải quyết vấn đề được, thì cũng nên hốt hoảng. Đằng này hốt hoảng cũng không được, hốt khoảng cũng vậy thôi, mà thậm chí hốt hoảng đọa vào đường ác, mất niệm.

Cho nên hãy cố gắng, tu hành là phải có Niệm giác chi. Chúng ta đã học qua

Tâm sở Niệm, quan trọng là biết được tâm mình đang sợ hãi: À! Không nên sợ hãi. Nhà sắp sập, động đất sắp tới. Không sợ hãi! Không sợ hãi! Tất cả đều luân hồi mà, các pháp vô thường mà, chết thì thôi, đi đầu thai tiếp. Còn đồng tu Tịnh Độ thì kêu: Thôi! Cầu nguyện vãng sanh, không hốt hoảng, không sợ hãi, cứ điềm tĩnh. Quý vị tu như vậy thì không sao hết.

Cho nên phải tu, không thể nào không tu được, thời đại động loạn lắm, sắp chết rồi cũng phải ráng nhớ: À! Ta không sao hết, chết không phải là vấn đề lớn lắm. Chết là thân chết thôi, ta sẽ tiếp tục tái sanh nữa nếu như chưa chấm dứt được sanh tử. Cho nên là cứ thế thôi.

Đó là Thiện Trang đã chia sẻ xong một phần rất rõ ràng về Thất giác chi. Còn nữa, nhưng thôi, để bữa khác. Bây giờ chúng ta sẽ trở lại với Thiền chỉ. Lúc nãy có đồng tu thắc mắc, thì một lần nữa Thiện Trang nhắc lại về tầm quan trọng của Thiền chỉ và Thiền quán. Đây là mục lần thứ ba rồi đó, ba lần đều nói khác nhau.

Tầm Quan Trọng Của Thiền Chỉ Và Thiền Quán (3)

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và Quán. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập.

(19. Phẩm Tham: Rāgapeyyālavagga– Kinh Tăng Chi).

Quý vị nhớ là ở đây khác với lần trước. Lần trước nói là để đoạn trừ tham thì chỉ cần tu Chỉ thôi. Nhưng tại sao ở đây nói để thắng tri (thắng tri là biết rõ) về tham, thì phải tu hai pháp, là Chỉ và Quán. Tại sao vậy? Nó khác nhau.

Tu Thiền chỉ, quý vị nhớ câu chuyện ông Tượng Xá Lợi Phất, hoặc là nhiều câu chuyện nữa về tiền thân đức Phật, như câu chuyện Hoàng hậu Từ Tâm chẳng hạn, khi chứng được năm Thắng trí, tức là đắc được Thiền chỉ là có được năm loại Thần thông. Khi có tâm định, thì Chỉ đó sẽ [giúp] không khởi tham, cho nên được tâm giải thoát, tu một hồi sẽ đạt tâm giải thoát. Tuy nhiên nếu không có Thiền quán thì mình khó biết được tham. Ở đây là biết được tham. Muốn biết

rõ thì quý vị phải có Thiền quán, tâm tham thì biết tâm tham. Mà Thiền quán muốn mạnh thì phải có Thiền chỉ. Cho nên ở trong đây đức Phật nói: là phải tu Thiền chỉ và Thiền quán.

Bây giờ nhiều người nghe rồi, nhưng không biết gì hết. Bên Tịnh Độ nói Chỉ là buông xuống, còn Quán là nhìn thấu. Như vậy không đúng. Quý vị học kỹ coi, Thiền chỉ là người ta ngồi xuống tu mấy đề mục. Trong 40 đề mục tu Thiền chỉ, trong đó có 10 đề mục Biến xứ v.v... mà mình nói buông xuống không [thôi], thì làm sao đúng được. Không phải! Còn Thiền quán thì ok, Thiện Trang nói Thiền Trang học bao nhiêu năm bên Tịnh Độ, tu Thiền quán thì ok, không có vấn đề, nhưng Thiền chỉ thì không ổn. Chính vì thiếu điều đó, cho nên sự thành tựu không lớn, phải nói là khó thành tựu. Bây giờ mình học thì mình thấy trong kinh nói rất rõ.

Cho nên bây giờ muốn giúp thắng tri tham, tức là biết rõ về tham, thắng là vượt qua, thì phải tu tập Chỉ và Quán. Còn Chỉ giúp cho phục được tham. Phục có nghĩa là lúc đó đắc Thiền chỉ, đắc các đề mục Thiền chỉ, thì tham sẽ dứt. Quý vị cứ tu đi, quý vị tu chỉ cần tới Vị đáo định thôi là quý vị bớt ăn, bớt ngủ rồi, chưa cần vào đắc Định đâu. Còn quý vị đắt được Thiền chỉ là quý vị càng tốt nữa.

Cho nên mỗi ngày ráng, có thời gian thì hãy tu, không cần nhiều. Quý vị đừng ép quý vị là phải tu 10 tiếng 12 tiếng Thiền chỉ, không cần nhiều. Thiện Trang nói với quý vị, quý vị có thời gian thì vô tu, ví dụ quý vị mở cái đèn này, đèn to to chút, rồi ngồi đó quán đề mục tu ánh sáng, thích màu nào thì bật màu đó, ngồi coi. Ngồi nửa tiếng cũng được, một tiếng cũng được, không cần nhiều, hoặc 15 phút cũng được, là quý vị thấy định tâm, dễ chịu. Chỉ cần ngồi quan sát thôi, mình nhìn vào đó, trong tâm chú ý cảnh đó. Quý vị cứ ngồi nhìn [cái đèn] ở đây thôi thì cũng thấy dễ chịu. Giờ Thiện Trang thấy để ra trước mặt này, nhìn thôi thì cũng thấy dễ chịu rồi. Quý vị cũng thấy dễ chịu mà, đâu có khó gì đâu.

Cho nên [tu] đó là có định, ngồi 10, 15 hoặc 30 phút, 1 tiếng thôi, thấy đau thì nghỉ, đừng ép. Ép là sân, Tâm sở Sân xuất hiện, đau rồi mà cố chịu đau là sân. Không cần, mình cứ ngồi, bữa sau tự động lên. Rồi mình ráng giữ giới nữa, phải

giữ giới, thì mới có định được. Còn không có giới thì cứ trạo cử tùm lum, khó lắm, buồn ngủ, rồi thế này thế kia. Cho nên là hãy tu. Rồi còn thời gian thì tu Thiền quán, đi, đứng, nằm, ngồi gì đó, v.v... nhớ quán cho rõ.

Thiền chỉ là phải ngồi xuống tu, chứ không phải Thiền chỉ là không ngồi xuống tu, như bên Tịnh Độ nói là không cần ngồi, là chết rồi đó. Đó là sai, quá sai. Cho nên phải cẩn thận, mình phải học theo lời Phật dạy. Vậy chúng ta biết rồi đúng không? Tầm quan trọng là như vậy.

Tiếp tục ở đây có một bài quan trọng nữa. Thiện Trang Trang hay nói bài này nè: Tùy thời biết nên tu Thiền chỉ hay Thiền quán. Đây là trích thôi, chứ bài kinh này dài lắm.

Tùy Thời Biết Nên Tu Thiền Chỉ Hay Thiền Quán

"Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu Quán thì tu Quán, khi nên tu Chỉ thì tu Chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói.

Quý vị thấy không? Ở đây quan trọng là dòng chữ màu đỏ thôi, là nên biết thời tiết (thời tiết là lúc nào), khi nào nên tu quán thì tu quán, khi nên tu chỉ thì tu chỉ. Để từ từ, chúng ta phân tích từng điều. Ở đây chúng ta phân tích là: phải tu Quán và tu Chỉ, rõ ràng đúng không? Chứ không phải là cứ vô là nhất môn thâm nhập. Không phải! Lúc nào quý vị tu là phải biết thời, lúc tâm đang trạo cử quá thì nên tu Chỉ, lúc tâm đang buồn ngủ quá hay có vấn đề gì đó, thì đừng nên tu Chỉ, mà nên tu Quán.

Thiện Trang cũng kẹt trong lớp dẫn chúng tu vào Chủ nhật, lẽ ra lúc buồn ngủ thì mình nên đứng dậy, tu Thiền quán, chứ không phải ngồi đó. Nhưng bây giờ dẫn chúng thì không biết sao, nhưng chắc bữa sau cũng phải ráng cố gắng, khi nào buồn ngủ thì đứng dậy để tu Thiền quán, tư duy quán pháp, v.v... chứ không tu Thiền chỉ. [Lúc đó tu] Chỉ thì không nên. Tùy thời mà, biết lúc nào tu pháp này, lúc nào tu pháp kia, đừng cố chấp, đừng cố gắng ép mình, mà phải biết. Đây là lời

Phật dạy, chúng ta phải nghe. Đó là nói về tu Thiền chỉ, Thiền quán. Thật ra môn nào cũng là Thiền hết. Tịnh Độ cũng vậy thôi.

Ở đây có nhiều người nói thế này: Nên im lặng biết im lặng, rồi đằng sau nói là nên nói biết nói. Về điều này, thì bên Tịnh Độ có thêm trường hợp, nói là im lặng ba năm đi thì thành tựu. Không phải! Trong kinh đức Phật không bao giờ đề xướng im lặng (tịnh khẩu). Có một mùa hạ nọ, các chư Tăng sau khi báo cáo với đức Phật rằng: 'Ba tháng hạ vừa qua, tụi con dùng pháp là im lặng, tức là không nói'. Đức Phật mới nói: 'Các ông thật ngu si. Tại sao các ông lại học pháp của loài câm'. Nói để làm gì? [Nói] để biết. Cho nên khi nào cần nói thì nói, khi nào cần im lặng thì im lặng. Đó là một điều sai nha. Cho nên người đề xướng im lặng ba năm là không đúng.

Quý vị coi kỹ lại nha, sự khác biệt giữa kinh Phật với Đạo gia bên Trung Quốc rất nhiều. Bên Trung Quốc họ có cái gọi là nhập thất kín, bên kinh Phật thì không có nhập thất kín. Quý vị nghe cho kĩ, nhập thất kín là gì? Là họ cho vô trong một cái phòng, gọi là bế quan, không tiếp xúc với ai hết, không nói gì hết, v.v... ở trong đó mấy năm tu. Đó là tu theo Đạo gia, đức Phật không dạy như vậy. Quý vị coi, đức Phật nói là: Hằng ngày kiếm chỗ vắng, chỗ cây bìa rừng nào đó [để] ngồi, hết thời gian thì đi Thiền hành, đi nơi này nơi kia khất thực v.v... Đức Phật không cho phép, bởi vì tu pháp đó thuộc về cực đoan. Cho nên nhớ!

Quý vị cứ coi đi, coi tất cả kinh luận của Phật đi, rồi mình mới biết là có rất nhiều điều du nhập từ Đạo gia vào. Rồi cuối cùng bây giờ mình tin như vậy. Cho nên rất nhiều người sai lầm, là đóng thất, đóng cửa phòng lại tu thời gian dài. Đó là điều không nên. Chỉ [tu] thời gian vừa phải, ngắn thôi thì được, chứ tu dài quá là coi chừng bị điên, bị tẩu hỏa nhập ma.

Cho nên bên Phật không có tẩu hỏa nhập ma, chỉ có Đạo gia mới có tẩu hỏa nhập ma. Quý vị coi đi, ngôn ngữ nhà Phật không có. Trong nhà Phật nói tu là biết thời nào, lúc nào. Lúc ta đang tu Thiền chỉ thì tu Thiền chỉ, [tu] Thiền quán thì tu Thiền quán. Còn vô đó cứ bị ép như vậy riết, dễ bị tẩu hoả nhập ma là đúng rồi, quý vị coi pháp hành đó. Thiện Trang coi Tam tạng Kinh điển của Phật, Thiện

Trang [thấy] hoá ra pháp tu nhập thất kín lâu dài không phải bên của nhà Phật. Nhà Phật tu rất rõ ràng.

Nhập thất là gì? Thông thường là vào đó một thời gian thôi, tỉnh rồi ra phải quán, đi Thiền hành thế này thế kia. Để làm gì? Để tâm của mình [lắng] xuống, tức là tu Chỉ, [tu] Quán và tu Thất giác chi như đoạn trên nói, chứ không là quý vị tu bị lệch rõ ràng. Và lệch lâu năm quá thành ra có khả năng bị thần kinh, [bị] tẩu hỏa nhập ma. Cho nên là phải hiểu.

Quý vị coi đi, kinh Phật đâu có nói luyện, vô đó nhập thất 7x7 là 49 ngày, hay 9x9 là 81 ngày đâu. Không có! Cho nên mình học rất nhiều thứ, bị [du] nhập từ Đạo gia vào, rồi lâu quá mình cứ tưởng như vậy. Cho nên điều đó là một sai lầm, mà nhiều khi mình không lọc ra được. Nên nhớ: có nhiều pháp trong nhân gian nhập vô riết rồi thành pháp Phật. Mình không học kinh Phật rồi mình cứ hành theo đó.

Quý vị cứ hỏi nhập thất, có ai nhập thất lâu đâu. Có nhập thất. Như đức Phật là có nhập thất nửa tháng. Nói chung thời gian không quá dài, còn phải ra. Và đặc biệt, ở đây kinh nói 'nên im lặng biết im lặng, nên nói biết nói', chứ không phải là im luôn đâu. Không có! Cho nên rất nguy hiểm, nếu không học kinh Phật. 'Nên đi biết đi, nên tụng biết tụng', tức là nên biết lúc nào nên đi thì biết đi, chứ không phải bắt quý vị ở nguyên một chỗ. Nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước. Tức là lúc nào muốn người ta đi trước thì để cho người ta đi trước.

Tỳ-kheo không biết những việc ấy , không biết thời thích hợp tu chỉ, tu quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo (quý vị thấy không ạ? Cho nên là tóm lại mình coi chừng mình không phải Tỳ-kheo luôn. Tại vì mình không biết lúc nào tu Chỉ, lúc nào tu Quán. Lúc nào tiến, lúc nào dừng, thì đó không phải Tỳ-kheo)**. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tuỳ thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.**

(Trích Từ Kinh Số 1 – Phẩm 39 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy không ạ? Phải tu như vậy. Cho nên phải cẩn thận nha! Tu phải biết thời, lúc nào tâm mình căng quá thì đừng nhập thất kín quá. Thấy căng thẳng quá rồi thì đi ra ngoài, đi dạo, đi tu Xả giác chi cho đỡ căng, thì quý vị tu mới bền được.

Thiện Trang coi kỹ lại trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya đâu có chỗ nào nói bị ma nhập, bị tẩu hỏa nhập ma đâu. Quý vị coi lại kỹ đi, coi kinh, nghe kinh trên mạng [cũng] có hết mà. Tại vì sao? Vì tu trung đạo. Biết lúc này bị chuyện này, lúc kia bị chuyện kia thì điều chỉnh được. Còn mình tu lệch quá, lâu ngày thành ra nhiều bệnh, bệnh hoang tưởng, bệnh này bệnh kia, đó là do mình tu sai.

Từ việc ăn uống cũng sai, chữa bệnh cũng sai, điều này cũng sai, điều kia cũng sai. Rất nhiều điều tu không đúng theo kinh Phật, vì mình du nhập từ nhân gian vào, du nhập từ Đạo gia vào, hay du nhập của đạo Nho vào, du nhập quá nhiều. Dần dần không biết điều nào là của Phật, điều nào của bên ngoài hết.

Rồi Thiền cũng vậy, cũng không biết thế nào là Thiền. Thiền thì có 40 đề mục tu Thiền chỉ thôi. Mà mình không biết, vô rồi ngồi xếp [bằng], để vậy, thả lỏng người lung tung lung tang, rồi không biết tâm đi đâu. Quý vị coi trong 40 đề mục tu Thiền chỉ, không có đề mục nào tu kiểu đó hết.

Cho nên mình học mình thấy sai, thời nay có nhiều điều sai lắm, rồi truyền như vậy. Cho nên chúng ta đã học Kinh Kalama rồi, là chớ vội tin dù đó là truyền thống, chớ vội tin dù đó là thầy mình dạy, chớ vội tin dù được xuất phát từ uy quyền ủng hộ v.v… Đừng vội tin, từ từ, mình phải suy xét xem có đúng với Kinh, đúng với Luật, đúng với A Tỳ Đàm không? Không đúng thì thôi, không theo. Phải cẩn thận! Thời nay mình học phải rõ ràng. Nên hy vọng quý vị học được tới đây rồi, ba mươi mấy bài, đã cung cấp cho quý vị nền tảng tu học tương đối, thì quý vị sẽ tu không lạc đường. Quý vị cứ tu tốt đi, thì dần dần quý vị sẽ ảnh hưởng những người khác.

Thiện Trang nói là Thiện Trang đi trên con đường ngược với thời nay, mỗi người đến với nhân gian này đều có nguyện. Thiện Trang nghĩ do nhiều đời mình cũng có nguyện là học đúng Chánh pháp của Như Lai. Và có một nguyện Thiện

Trang hay phát, khi thấy ai lạc đường thì Thiện Trang luôn phát nguyện rằng: 'Sau này mình thành tựu, mình sẽ kéo họ lại'. Có lẽ như thế, nên cuối cùng đời này mình phần nào cũng bị ảnh hưởng của nguyện đó. Thiện Trang đi vào Tịnh Độ, đi vào Phật giáo Bắc truyền trước, xong rồi Thiện Trang kéo một hồi, mọi người cũng về lại với Chánh pháp của đức Thế Tôn. Vẫn là Phật pháp, tức là không bỏ Bắc truyền, nhưng học đúng Chánh giáo của đức Thế Tôn (đức Phật). Còn những điều sai lạc thì bị văng ra.

Tất nhiên đó là một điều rất khó, bởi vì thực sự mình sẽ bị ăn gạch đá rất nhiều. Nhưng sự thật mãi mãi là sự thật, chúng ta không thể che giấu một sự thật nào mãi được. Đức Phật nói rõ ràng, trong Kinh Bồ Tát Giới, quý vị thấy ví dụ: Sự thật giống như một hòn đá ở dưới sông, đến một lúc nào đó thì đá sẽ nổi lên thôi. Tại vì sao? Vì có ngày nào đó sông sẽ cạn thì đá sẽ nổi, không thể che giấu mãi được. Quý vị học điều nào đúng Chánh pháp, thì mãi mãi là Chánh Pháp. Đến lúc nào Phật pháp suy đồi, thì sẽ có người chấn hưng Phật giáo. Cho nên điều gì không đúng, thì từ từ sẽ bị loại, quý vị nên nhớ là vậy. Điều nào đúng thì sẽ được duy trì, Phật giáo Bắc truyền hay Nam truyền đều tốt cả, và cứ học đúng theo kinh là được. Nên nhớ là vậy! Mình cứ học đúng đi thì sẽ hiệu quả.

Có những điều mình học xưa kia không đúng, thì bây giờ sửa lại. Không sao! Hồi xưa mình nói không đúng, thì bây giờ mình nói lại, có sao đâu! Mình chưa phải là bậc thành tựu mà, bao giờ thành tựu thì mình sẽ nói đúng, bao giờ thành Phật mới đúng thôi.

Bữa nay trở lại với tu Thiền chỉ. Chúng ta ôn lại 40 đề mục tu Thiền chỉ. Có đồng tu vẫn không nắm được điều này, thì chúng ta phải coi lại. Bởi vì điều này cực kỳ quan trọng.

40 Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)

Tên loại	Số lượng	Cụ thể	Kết quả
A. Biến xứ	10	Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng	*Chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
B. Bất mỹ (tịnh)	10	Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch; Tử thi nứt nẻ; Tử thi bị gặm xé; Tử thi bị rời rạc; Tử thi bị phân đoạn; Tử thi bê bết máu; Tử thi bị dòi đục; Tử thi hài cốt.	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
C. Tùy niệm	10	Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh;	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến cận định hay định cận hành.*
		Niệm thân thể trược;	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
		Niệm hơi thở;	*Chỉ chứng tới Tứ thiền Sắc*

			giới
D. Phạm trú	4	Từ; Bi; Hỷ;	*chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền*
		Xả.	Chứng Tứ thiền Sắc giới
E. Vô sắc	4	Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ.	Chứng Tứ thiền Vô Sắc giới
F. Tưởng	1	Tưởng nhờm Gớm thức ăn	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
G. Phân biệt	1	Phân biệt Bốn nguyên tố	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành.*

40 đề mục tu Thiền chỉ (Samatha) theo Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Buddhaghosa (Phật Âm), trong đó có 10 đề mục Biến xứ thì hầu như ai cũng tu được, đó là: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không giới hạn, và Ánh sáng. Hình như Thiện Trang đã giới thiệu hết những đề mục này rồi. [Đề mục Biến xứ] này chứng tới Tứ thiền Sắc giới. Tức là trong nhà Phật chúng ta, dạy tới Tứ thiền Bát định, thì đề mục này tới Tứ thiền Tứ định rồi. Còn bốn định sau là: Không vô Biên xứ, Thức vô Biên xứ, Vô sở Hữu xứ, và Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ, thì không tới. Mình tu được [10 Biến xứ] này.

Ví dụ chúng ta giới thiệu cái đèn này, hoặc là quý vị mua cái đèn càng to càng tốt, để ở trong nhà nhiều vô, để tu. Đó là tu đề mục nào? Đó chính là chúng ta tu

về đề mục Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, hoặc Ánh sáng, là tu được.

Thứ hai là 10 Đề mục Bất mỹ (tức là Bất tịnh): Tử thi sình trương, Tử thi xanh tái, Tử thi tràn dịch, Tử thi nứt nẻ v.v… thì quý vị lên mạng coi. Tu đề mục này thì chỉ chứng tới Sơ thiền thôi, nhưng Sơ thiền là được lắm rồi, đừng có chê. Có những người thích những điều này, thì nên tu điều này. Như Thiện Trang thì không thích tu những điều này, có lẽ nhiều đời mình tu trong cảnh thuận, mình sống trong cảnh tốt nhiều.

Còn người nào đời quá khứ hay làm trong nhà xác, hay làm giết mổ, hay làm trong an táng, giải phẫu v.v... thì chắc họ thích tu đề mục Bất tịnh được. Thiện Trang thì thấy đề mục Bất tịnh ghê quá, nên Thiện Trang xin phép không tu đề mục này. Nhưng cũng sẽ giới thiệu cho quý vị những đề mục này ở những bài sau, từ từ, mình ưu tiên mấy đề mục kia trước, những đề mục cần thiết.

Rồi 10 đề mục Tùy niệm, đó là: Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, Tùy niệm Tăng, Tùy niệm giới, Tùy niệm thí, Tùy niệm thiên, Tùy niệm chết, Tùy niệm tịch tịnh. Chỗ này niệm chết cũng là niệm Vô thường. Tu 10 đề mục này không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định, hay Định cận hành, tức là Vị đáo định thôi. Nhưng cũng nên tu, tại vì điều này tu để đưa lên điều trên, nhiều khi tu điều trên không được, mình tu xuống dưới này, thì thành tựu. Thành tựu rồi thì mình sẽ tu những đề mục trên.

Rồi niệm thân thể trược, niệm hơi thở. Niệm thân thể trược thì chỉ chứng tới Sơ thiền thôi, còn niệm hơi thở thì chứng tới Tứ thiền Sắc giới. Và đề mục niệm hơi thở này thì chắc là bữa nào chúng ta phải coi lại cho rõ, làm sao để tu, để phân biệt Thiền chỉ và Thiền quán. Chúng ta đã có dạy rồi, nhưng có lẽ là quý vị không nhớ.

Rồi tu bốn đề mục Phạm trú là: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ba đề mục trên tu tới Tam thiền, còn Xả tu tới Tứ thiền Sắc giới. Điều này chúng ta chưa học, mới giới thiệu thôi, chưa học, để từ từ học.

Đề mục Vô sắc là: Không vô Biên xứ, Thức vô Biên xứ, Vô sở Hữu xứ, Phi

tưởng Phi phi Tưởng xứ. Bốn đề mục này chứng tới Tứ thiền Vô Sắc giới.

Đề mục Tưởng: Tưởng nhờm Gớm thức ăn, không đắc Thiền, chỉ đến Cận định, Định cận hành.

Đề mục Phân biệt: Đất, Nước, Lửa, Gió, bốn Đại chủng. Tu đề đó (Phân biệt Giới) thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định.

Và muốn có Thần thông thì quý vị phải tu 10 đề mục Biến xứ. Cho nên Thiện Trang hay thích tu 10 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng. Hay tu những đề mục này trước, những đề mục này dễ tu, và tu mấy [đề mục] Tùy niệm, là Thiện Trang thích. Rồi tu cả đề mục niệm hơi thở. Sau này lên cao thì mình tu thêm Từ, Bi, Hỷ, Xả. Chứ còn mấy [Đề mục Vô sắc] thì chắc giới thiệu qua thôi, bây giờ mình chắc cũng không nhắm tu tới mấy tầng Tứ thiền Vô sắc này. Đề mục đó thì giới thiệu cũng nhanh thôi. Bữa nay chúng ta sẽ giới thiệu tiếp:

Các Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Tiếp Theo)

*Đề mục Tùy niệm thí

Theo Luận Thanh Tịnh Đạo

Nhiều người nói điều này theo Luận Thanh Tịnh Đạo, thì có nên tin hay không? Thiện Trang nói: thật ra những điều này, nếu quý vị coi kinh, thì trong Kinh Tăng Chi cũng giống như vậy. Quý vị cứ so sánh với Kinh Tăng Chi, quý vị sẽ thấy phần mấy Tùy niệm ở trên thì hoàn toàn giống như trong Kinh Tăng Chi. Nên không có sai đâu, quý vị yên tâm! Chỉ có ngài Phật Âm viết cho rõ thêm thôi.

C5. Tùy niệm thí: Thí là gì? Ở đây thí là bố thí. Mục này là C5, tức là trong các mục A,B,C,D... thì mục C là Tùy niệm. Bữa trước chúng ta đã Tùy niệm giới rồi, bữa nay học Tùy niệm thí. Còn Tùy niệm thiên, với Tùy niệm chết, Tùy niệm tịch tĩnh nữa là hết phần Tùy niệm ở trên.

1. Định nghĩa: Tùy niệm thí là sự niệm tưởng có cảm hứng từ hạnh xả thí của mình, nhớ lại các đặc tính của bố thí là không bị ô nhiễm bởi tham lam bỏn xẻn, tâm rộng mở phóng khoáng, có nhiều lợi ích, có nhiều lợi lạc.

Điều này đơn giản lắm! Tùy niệm thí, bây giờ mình cố gắng nhớ là mình đã bố thí nhiều rồi, cứ nhớ, suy nghĩ bố thí đó. Mình bố thí mà mình không có tham, cho nên mình bố thí vậy đó. Không tham lam, không bỏn xẻn, rộng rãi, phóng khoáng. Và bố thí này có nhiều lợi ích, nhiều sự lợi lạc, mình nhớ như vậy. Đó là Tùy niệm thí.

2. Các bước tu:

B1. Người muốn tu tập niệm thí nên chuyên bố thí một cách tự nhiên, thường cho và san sẻ, và nên có quyết định: "Từ nay trở đi, lúc nào có người hiện diện để nhận, ta sẽ cho không tiếc".

Bây giờ quý vị muốn bố thí, muốn tu đề mục này, thì quý vị phải tu được hạnh bố thí một cách tự nhiên, tức là thường cho và san sẻ, và nên có quyết định là từ nay trở đi, nếu có duyên, ai muốn được nhận là mình cho luôn, không tiếc gì hết. Như vậy mấy người keo quá thì tu không được điều này đâu, không tu được Tùy niệm thí. Cho nên có thể thấy, mới bước một mà đã khó rồi, rớt rồi.

B2. Ngay hôm ấy, trước khi hành giả đi đến chỗ yên tĩnh độc cư để tu tập niệm tưởng đức tính bố thí của mình, thì hãy bố thí một vật gì tùy phương tiện và khả năng đến người có đức hạnh mà có thể khiến hành giả dễ phát tâm hoan hỉ san sẻ.

Có nghĩa là trước khi tu, thì quý vị tới nơi yên tĩnh, độc cư. Ở đây khác với Phật giáo bây giờ, toàn tu đông người. Thật ra tu mấy đề mục này thì phải đi đến nơi yên tĩnh, độc cư, chứ không phải chui vô phòng. Tại vì bây giờ chúng ta không có chỗ nên bắt buộc phải chui vô phòng thôi, còn hồi xưa tu trong rừng thì dễ tu, nơi nào có cây cối nhiều, ra đó tu thì dễ hơn. Đầu tiên mình hãy bố thí một cái gì đó cho người đức hạnh, mình cảm thấy hoan hỉ. Trước khi tu [đề mục] này thì phải bố thí để mình nhớ, ấn tượng. Cho nên khó!

B3. Sau đó, hành giả đến một chỗ vắng vẻ ngồi lại và bắt đầu niệm tưởng đến hạnh bố thí của mình (nghĩa là tiếp theo mình đến chỗ vắng vẻ ngồi, bắt đầu nghĩ, nhớ đến hạnh bố thí của mình. Bây giờ niệm như thế nào, ở đây có

chỉ luôn)**:**

“Thật hoan hỷ cho ta, khi cuộc đời bị ô nhiễm bởi lòng ích kỷ bỏn xẻn, còn ta trú với tâm không ô nhiễm bởi xan tham, ta bố thí rộng rãi với bàn tay mở rộng, thích thú trong sự từ bỏ sở hữu, vui thích được san sẻ với người khác, và mong có người yêu cầu”.

Nghĩa là đầu tiên mình nghĩ đến: Thật ra ở đời người ta keo kiệt quá, còn mình thì rộng rãi, mình không xan tham, không ô nhiễm, mình bố thí thoải mái, không có gì hết, và rất thích được san sẻ với người khác. Nếu người ta có mong cầu gì đó là mình bố thí liền. Mình nghĩ như vậy thì mình vui vẻ. Ai mà hay tu mấy hạnh bố thí, từ thiện nhiều, thì chắc tu được môn này.

“Thật là lợi ích cho ta, được gặp giáo pháp, thực hành lời dạy của đức Phật, được làm thân người, lại an trú với tâm không ô nhiễm vì xan tham, có tâm vui thích bố thí san sẻ”.

Điều thứ hai phải nghĩ tới là lợi ích cho mình quá, mình đã quá. Thứ nhất là mình được gặp giáo pháp, được thực hành theo lời Phật dạy, được thân người. Rồi mình lại được tâm rất tuyệt vời, đó là tâm mình không ô nhiễm, xan tham, mà mình vui thích bố thí, chia sẻ, san sẻ với mọi người. Quý vị thấy mình phải có tâm này, ai mà keo quá thì không tu được đề mục này. Cho nên tùy đề mục. Hồi xưa mình không học, không biết bố thí là gì, niệm thí là gì không biết, nhưng bây giờ rõ ràng.

“Thật là lợi lạc cho ta, sẽ có được những lợi lạc của người bố thí là được thọ mạng, được an vui ở cõi người, được an vui ở cõi trời, được nhiều người lui tới, được bậc trí yêu mến”.

Nghĩa là quý vị cũng cảm thấy mình được lợi lạc, mình thấy hoan hỉ, lợi ích cho mình, là được gặp giáo pháp, v.v… Điều thứ ba thì lại nói lợi lạc cho mình, tại vì mình bố thí thì mình được thọ mạng, được an vui ở cõi Người, được an vui ở cõi Trời, được nhiều người tới lui. Tại vì mình bố thí thì được nhiều người biết lắm. Quý vị làm Phật sự là nhiều người tới và được bậc trí yêu mến.

Như vậy điều này có phải là ngược với hành giả Đại thừa không? Làm rồi phải quên hết, Ba-la-mật mà. Quý vị thấy không? Nó ngược, ngược ở chỗ nào? Tại sao kỳ vậy? Tại vì mình chưa làm Bồ-tát đạo được đâu. Mình làm phàm phu đạo thì mình lo tu để ra khỏi sanh tử, chứ mình đòi bay lên, học Bồ-tát, thì cuối cùng không thành được cái nào hết. Cho nên tu hoài, xả xả, toàn làm việc thiện cũng không nhớ việc thiện, làm gì tốt cũng không nhớ, thì cuối cùng đi về đâu? Lúc lâm chung niệm thiện cũng không hiện lên, niệm ác cũng không hiện lên, mơ mơ màng màng rồi đi [vào] cảnh mơ mơ màng màng.

Còn thà mình chấp thiện thì đỡ hơn. Quý vị thấy đây cũng là một cách chấp, tu [đề mục] Tùy niệm này chỉ được Vị đáo định thôi mà. Quý vị chỉ cần vui như vậy, nghĩ là mình bố thí như vậy thì mình được thọ mạng dài lâu, mình được an vui ở cõi Người, mình được an vui ở cõi Trời, sau này mình được sanh lên trời, vì bố thí là hạnh được sanh lên trời mà. Rồi mình được nhiều người qua lại với mình, mình được người trí yêu mến khen ngợi. Vậy là tuyệt vời! Quý vị thấy không? Toàn chấp tướng thôi đó.

Cho nên chưa học Tiểu thừa mà học Đại thừa là nguy hiểm ở chỗ đó. Ai học Đại thừa, [điều gì cũng] 'không, không', là không làm được gì hết, cuối cùng không có được gì. Ngay cả để đắc đạo, quý vị coi trong kinh, các vị cúng dường đức Phật, cúng dường bậc này bậc kia, thì các ngài luôn luôn nguyện rằng: Tôi nguyện có công đức nào từ việc này, tôi hồi hướng cho đời sau tôi đắc đạo, v.v… được này được kia. Cúng dường Bích-chi-phật cũng vậy. Chứ đâu có vô tướng, vô nguyện đâu. Chưa! Mình chưa làm tới vô nguyện được đâu, đó là thành Bồ-tát rồi. Còn bây giờ mình là phàm phu, thì mình cố gắng tu một cách đúng đắn nhất, phải chấp nhận như vậy thì mới thành tựu.

Chúng ta học Tâm sở Tư trong A Tỳ Đàm rồi, tác ý việc đó khác nhau, nghĩ khác nhau, thì sẽ có quả báo khác nhau. Theo A Tỳ Đàm, ví dụ khi chúng ta ăn cơm, thì có thể niệm Phật, và nguyện rằng tất cả chúng sanh sẽ có niềm vui ăn cơm an lạc như tôi. Quý vị ăn cơm, tôi ăn cơm này, thì mai mốt đều sẽ đắc đạo, thành đạo. Phải nguyện như thế. Chứ không phải 'không, không', rồi cuối cùng Tâm sở thế nào?

Quý vị hãy nhớ trong kinh đức Phật có kể câu chuyện, đời đó Ngài có cúng dường cho một vị Bích-chi-phật. Ngài nói là do Ngài không biết đó là vị Bích-chi-phật, nếu Ngài biết đó là Bích-chi-phật thì quả báo của Ngài lớn hơn rất nhiều. Quý vị thấy không? Chấp tướng quả báo lớn hơn. Tại vì trong A Tỳ Đàm nói mình làm với tâm mạnh mẽ, dứt khoát, nghĩ đến quả báo thế nào thì được quả báo đó.

Cho nên khi cúng dường, khi làm gì đó, thì hãy nghĩ rằng cúng dường cho người đó, để người đó tu hành đắc đạo, có được sức khỏe v.v… Mình nghĩ điều gì thì được điều đó. Mình nghĩ người ta đắc đạo thì mình sẽ được đắc đạo, mình nghĩ người ta được sức khoẻ thì mình có phước sức khoẻ, mình nghĩ người ta được giàu có thì mình được giàu có.

Cho nên quả báo trong luân hồi là như vậy. Mình học Đại thừa mà chưa học Tiểu thừa, thì mình toàn xả, 'không, không', cuối cùng phước mình nhỏ, và mình cũng không đắc đạo được luôn. Bao giờ quý vị lên Bồ-tát đạo, tức là thành A-la-hán đi đã. Quý vị chứng được rồi, lên Bồ-tát đạo thì không cần, [lúc đó mới] vô tướng. Cho nên nhiều khi, có nhiều điều không đúng. Còn kể công là không đúng nữa. Ở đây ý nói là đừng kể công mà chỉ cần nhớ, nghĩ an vui, thành quả, không phải cấm quý vị nghĩ đến thành quả, mà quý vị không nên kể công. Phải hiểu như vậy, học Phật pháp rõ ràng lắm.

Như vậy ở đây là ba niềm vui, mình nghĩ tới lợi ích cho mình.

B4. Hành giả theo cách đó suy tưởng nhiều lần, nhiều lần… cho đến khi tâm tràn ngập hân hoan. Đây là bắt đầu có khinh an. Cho nên cứ nghĩ như vậy thôi, nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ nhiều lần là được, đó là Tuỳ niệm thí.

3. Kết quả: Khi hành giả niệm tưởng đến công hạnh bố thí thì lúc ấy tâm hành giả không bị tham sân si ám ảnh (quý vị thấy, cũng được không bị tham, sân, si, ám ảnh) **được chánh trực do cảm hứng từ hạnh bố thí** (được tâm chánh trực do cảm hứng từ hạnh bố thí). **Nhờ vậy, hành giả nhiếp phục được các Triền cái, và các Chi thiền xuất hiện** (quý vị thấy, cũng giúp cho mình bỏ được năm Triền cái và các Chi thiền xuất hiện, cho nên mới hỗ trợ để tu Thiền), **nhưng chỉ đạt đến Cận định, không phải là An chỉ định, vì do hành giả bận**

tưởng đến nhiều đặc tính tốt đẹp của hạnh bố thí.

Vì pháp này nghĩ nhiều thứ quá, muốn đắc Thiền chỉ thì quý vị chỉ tập trung vào một cái thôi. Ví dụ nhìn bóng đèn, thì chỉ nhìn vào bóng đèn thôi, không nghĩ gì khác. Chỉ nhìn vậy thôi, nghĩ nhớ cảnh, tức là bắt được cảnh đó rõ ràng, thì một hồi mới định được. Còn bây giờ mình nghĩ lung tung, mình nhớ mình bố thí cái này, bố thí cái kia, v.v… mình được bao nhiêu điều lợi ích, [thế] này, [thế] kia, thì đề mục đó rộng quá, không đắc Định được. Cho nên mình phải biết, tại sao mình [tu] mấy đề mục Tùy niệm này không đắc tới Sơ thiền là vậy.

Tuy pháp môn Tùy niệm thí không giúp đạt đến quả vị gì cao siêu, nhưng khi một người chuyên tâm niệm tưởng hạnh bố thí, sẽ khiến tăng trưởng tánh vô tham, tâm từ, vô úy, vị ấy có nhiều hạnh phúc, và cũng là điều kiện để dẫn tới một cảnh giới an lạc trong tương lai.

Tức là pháp này tu không cao siêu gì ghê gớm, nhưng nhờ vậy quý vị cũng sẽ bớt được tham, quý vị có thêm tâm từ, quý vị cũng có tâm vô uý (tức là không sợ hãi), rồi từ đó mình được nhiều hạnh phúc. Và đó cũng là điều kiện để dẫn đến một cảnh giới an lạc trong tương lai. Cho nên là cũng nên tu. Quý vị thấy rõ ràng, mình cứ dò những pháp nhỏ nhỏ này, ai tu được thì tu. Mình ưu tiên tu pháp cao, còn nếu không được thì mình nên lui xuống để tu các pháp thấp này, và những đề mục thấp hơn.

Thời gian hôm nay cũng hết rồi, có lẽ chúng ta học tới đây. Hẹn quý vị vào hôm khác, chúng ta sẽ học tiếp. Hy vọng là quý vị sẽ hoan hỷ với những đề mục tu thế này. Chúng ta học từ từ, thời gian [nữa] là học hết mấy phần căn bản, rồi chúng ta sẽ chuyên vào học Luận Câu Xá thì nhẹ nhàng hơn. Vì Luận Câu Xá thực ra cũng lặp lại những nội dung tương tự như thế này. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 37

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 10.04.2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=77uMO2f2JbQ

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về Luận Câu Xá, bài thứ 37. Chúng ta sẽ nhắc lại lần nữa, vì có một số đồng tu, tuy là nghe, nhưng không biết sao, bình luận nói là: "Không biết lịch học như thế nào?" Lịch học của chúng ta là thứ Tư, học Luận Câu Xá. Thứ Bảy chúng ta học về Kinh Vô Lượng Thọ Khoa Chú Tuyển Giảng, tức là về Tịnh Độ.

Bữa nay là thứ Tư, chúng ta học về phần Luận Câu Xá, thực ra học về ba nền tảng: Một là Vi Diệu Pháp của Nam truyền; Hai là tạng Kinh A Hàm, tạng Kinh Nikaya. Tạng Kinh A Hàm là của Bắc truyền, tạng Kinh Nikaya là của Nam truyền, và Luận Câu Xá là của Bắc truyền. Nói chung trong bộ này, chúng ta học cả hai bên, Nam truyền lẫn Bắc truyền. Thỉnh thoảng Thiện Trang có đưa thêm một số kiến thức, hay một số trích dẫn từ kinh Đại thừa, nhưng ít, không nhiều. Chủ yếu là học các nền tảng.

Còn thứ Bảy thì chuyên về Đại thừa nhiều hơn, và phần nền tảng ít hơn. Chúng ta rất rõ ràng như vậy, và chúng ta không giấu giếm gì các đồng tu, công

khai minh bạch. Quý vị học, từ nhiều tông phái khác nhau, nhiều người theo Nam truyền, nhiều người theo Bắc truyền v.v… quý vị cứ nghe, để mình so sánh, nhận xét.

Đức Phật nói trong bài Kinh Kalama là 'chớ vội tin', có mười điều chớ vội tin. Chúng ta căn cứ vào đó [để] suy xét, chúng ta thực hành, điều nào có hiệu quả thì mình hành theo. Chứ không bắt quý vị [tin hết], tại vì quý vị [từ] nhiều tông phái khác nhau. Nhưng Thiện Trang tin là những đồng tu đã nghe tới hôm nay, thì đều là những người cảm nhận được: là nghe bộ này có lợi ích, rất nhiều kiến thức hay, và rất căn bản, áp dụng cho tu hành được. Ví dụ như Tâm sở, như Thiền chỉ, Thiền quán v.v…

Hôm nay, để nhẹ nhàng thì Thiện Trang xin giới thiệu một bài kinh, nói về nền tảng cơ bản, đó là cúng dường, bố thí, hay là tu phước, và ra khỏi sanh tử như thế nào. Mời quý vị theo dõi câu chuyện trích từ Kinh A Hàm. Thiện Trang tạm đặt tựa đề:

Quả Báo Của Người Cúng Dường Nước Thơm Cho Phật Chữa Bệnh Trúng Gió

(Đây là câu chuyện trong kinh).

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt. Bấy giờ, Thế Tôn bảo ngài Ưu Đầu Bàn (tên hơi lạ, nhưng quý vị đánh vần là Ưu Đầu Bàn): **"Ông hãy vào thành La-duyệt xin cho Ta một ít nước nóng. Vì sao vậy? Vì như Ta hôm nay đang trúng gió đau cột sống".**

Như vậy, bắt đầu là đức Phật sai một vị Tỳ-kheo tên là Ưu Đầu Bàn, hãy vào thành La Duyệt xin cho một ít nước nóng. Vì sao? Bởi vì đức Phật nói là hôm nay Ngài bị trúng gió. Chú giải nguyên văn là Tích hoạn phong thống 脊患風痛; Pāli: vātabādhiko, [là] bệnh bởi gió, bị gió nặng, trúng gió. Đức Phật cũng bị trúng gió, cũng bị đau cột sống nha. Trong bài kinh có giải thích nguyên nhân của đau cột sống là như thế nào, thì hôm nào chúng ta sẽ nghiên cứu. Còn ở đây

là hiện tượng trúng gió, cho nên cũng bình thường.

Thiện Trang hồi xưa cũng hay bị trúng gió lắm, bây giờ đỡ hơn, nhưng nói chung đọc bài này cũng thấy được an ủi, đức Phật còn bị, thì mình cũng bị là bình thường. Như vậy chúng ta xem thử coi vấn đề tiếp theo là như thế nào.

Ngài Ưu Đầu Bàn bạch Phật: "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Ngài Ưu Đầu Bàn vâng lời Phật dạy, đến giờ khất thực, đắp y, mang bát, vào thành La-duyệt xin nước nóng. Tôn giả Ưu Đầu Bàn nghĩ như vầy: 'Thế Tôn có nhân duyên gì sai ta xin nước nóng? Như Lai đã dứt sạch các Kiết sử, tập hợp các điều lành, vậy mà Như Lai lại nói rằng: Nay Ta bị trúng gió. Hơn nữa, Thế Tôn lại không cho biết danh tánh nên đến nhà ai'.

Ngài này cũng hay lắm, rất tuyệt vời! Ngài nói rằng: [Do] nhân duyên gì mà tự nhiên sai ta đi xin nước nóng, đức Như Lai đã diệt hết các Kiết sử rồi (tức là hết các Phiền não rồi), bệnh như vậy ăn thua gì đâu, mà tại sao nói Ta bị trúng gió, và [đức Phật] cũng không nói là đến nhà ai [để xin].

Vị này cũng rất hay, tức là không ngẫu nhiên mà đức Phật nói ra một vấn đề gì đó. Cho nên bậc Thánh tự hiểu nhau. Còn mình là phàm phu, nếu hồi đó thấy Phật trúng gió là mình thoái tâm rồi. Còn đây không phải, ở đây ngài nghĩ là chắc chắn phải có vấn đề gì đó, cho nên ngài phải tìm hiểu thử thế nào.

Rồi Tôn giả Ưu Đầu Bàn dùng Thiên nhãn quán sát các người nam ở thành La-duyệt, thấy tất cả đều đáng được độ. (Ai cũng đáng được độ hết)**. Lúc ấy, thấy trong thành La-duyệt có Trưởng giả Tỳ Xá La trước đây không trồng căn lành, không có giới, không có tín, tà kiến đối với Phật, Pháp, Tăng, và biên kiến cùng tương ưng. Ông thấy như vầy: 'Không có bố thí, không có cho, không có người nhận, lại cũng không có quả báo thiện ác; không có đời này, không đời sau, không có cha, không có mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu, ở đời này, đời sau, tự thân tác chứng, mà tự du hóa'.**

Nguyên đoạn này chúng ta thấy rất quen. Đoạn này là ông này bị rớt vào Tà kiến, ngược lại với Chánh kiến. Có hai loại Chánh kiến: Một là Chánh kiến thế gian và hai là Chánh kiến xuất thế gian. Đây là ông này không có Chánh kiến thế gian. Ổng ngược lại, ổng không tin là có bố thí, không có cho, không có người nhận; cũng không có quả báo thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn tu thành tựu, tức là không có A-la-hán ở đời, không có người tu tác chứng.

Giống như bây giờ mình không tin có người tu chứng trong đời này, thì mình cũng bị Tà kiến. Quý vị hiểu không ạ? Tại vì đức Phật nói Chánh kiến là tin có người tu tác chứng được. Cho nên nhiều khi mình học, mình rớt vào Tà kiến mà mình không biết. Mình cứ kêu: "Ôi! Mạt pháp rồi, không có ai tu chứng hết". Đó là một Tà kiến so với Chánh kiến của Phật, thì chúng ta thấy là mình Tà kiến. Cho nên nhiều khi học Phật, mà không đọc kinh Phật, thì rất dễ bị rớt vào Tà kiến. Ông này rất là đáng thương!

Ở đây có một chữ là 'Biên kiến', quý vị biết trong này không có giải thích chữ Biên kiến, nhưng Thiện Trang có tra trong Đại tạng kinh, có một số chỗ, với chính ngay trong Luận Câu Xá của chúng ta có giải thích: Biên kiến là rớt vào chấp vào một bên, đó là Chấp thường và Chấp đoạn. Có nghĩa là quý vị cho là đời sống này còn mãi, tương lai chết rồi được làm người tiếp, đó là Chấp thường. [Còn] Chấp đoạn là chết rồi là hết, không có luân hồi, không có gì hết. Đó rớt vào Biên kiến. Thế nào là Biên kiến, thì là như vậy đó. Chứ không phải Biên kiến là chấp vào phân biệt bên này bên kia, ta đúng người sai... Không phải! Đó là định nghĩa khác, định nghĩa trong tạng kinh khác, chúng ta phải để ý.

Tuổi thọ rất ngắn; sau năm ngày nữa ông sẽ chết. Ông lại đang thờ đại thần Ngũ Đạo. Tức là ông này Tà kiến hoàn toàn luôn, mà tuổi thọ của ổng ngắn quá, rất ngắn, năm ngày sau sẽ chết, mà ổng đang thờ đại thần Ngũ Đạo, tức là thờ một vị ngoại đạo. Vị Tôn giả này quan sát, chắc là nên độ người này. Bởi vì trong thành La-duyệt này, ai cũng đáng được độ, nhưng rõ ràng người này quan trọng hơn, đáng được độ hơn, tại vì còn có năm ngày nữa là [ổng] chết.

Mình phải ưu tiên người sắp chết chứ, chính xác. Chúng ta thấy ngài này cũng có Thần thông, có Thiên nhãn mà.

Ngài Ưu Đầu Bàn nghĩ thầm: 'Chắc là Như Lai muốn độ Trưởng giả này. Vì sao vậy? Vì Trưởng giả này sau khi qua đời sẽ sanh vào trong Địa ngục Đề khốc'. Địa ngục này còn có tên là Địa ngục Khiếu Hoán, vào trong đó toàn nghe người ta rên la, tiếng la thất thanh trong đó. Địa ngục Khiếu Hoán 叫喚. Pāli: Jālaroruva (Skt. Raurava), quý vị có thể coi trong Kinh Trường A Hàm.

Lúc ấy, ngài Ưu Đầu Bàn liền mỉm cười. Quý vị thấy không ạ? Tuy là thấy người ta sắp chết rồi, còn năm ngày nữa là rớt vô Địa ngục, mà ngài bình tĩnh, vẫn cười, tại sao vậy? Vì bậc tu chứng nên khác. Còn chúng ta mà thấy người thân sắp chết, chắc mình trong tâm lung lay, rất sợ. Không phải! Ngài này vẫn cười.

Quý vị thấy không? Đức Phật với Thánh nhân khác chúng ta ở chỗ đó. Giả sử quý vị có Thiên nhãn, quý vị quan sát thấy người thân của mình sắp chết, thì chắc quý vị sợ. Cho nên chưa tu chứng, chưa diệt Phiền não là bị vậy đó, khổ lắm! Còn ở đây, ngài mỉm cười thôi, không sao hết. Mà thấy ông này đang thờ Ngũ Đạo, bây giờ ngài độ như thế nào?

Đại thần Ngũ Đạo từ xa nhìn thấy tôn giả mỉm cười, liền ẩn hình mình, hóa ra hình người, đi đến chỗ ngài Ưu Đầu Bàn để ngài sai khiến.

Quý vị thấy hay không? Đệ tử Phật hơn ông thần kia luôn. Đây là Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng hơn quy y Thiên thần, quỷ vật. Nhưng nhiều người, đặc biệt người ngoài miền Bắc, có rất nhiều người không biết Phật pháp, toàn cho là thờ thần hơn thờ Phật. Quý vị thấy không? Đây chính là một Đại thần Ngũ Đạo, thấy Tôn giả tới mà còn biến đi, phải ẩn mình đi. Đang thờ ở trong nhà mà phải ẩn đi, biến thành hình người, để cho vị Tôn giả sai khiến. Bởi vì sao? Vì thần cũng muốn tu phước, thần cũng muốn tu mà. Quý vị thấy không? Học Phật pháp, một câu chuyện, một bộ kinh thôi, là bao nhiêu đạo lý ngầm ở trong đó.

Tôn giả Ưu Đầu Bàn dẫn sứ giả này đến đứng ngoài cửa nhà Trưởng

giả, đứng im lặng không nói gì cả. Tức là bây giờ có hai người, một người chính là ông thần mà ông Trưởng giả đó thờ.

Lúc ấy, Trưởng giả từ xa nhìn thấy có đạo nhân đứng ở ngoài cửa, lập tức nói kệ này:

Nay người đứng im lặng,

Cạo đầu đắp cà sa

Vì muốn xin những gì?

Do nhân gì đến đây?

Ổng cũng biết. Ổng thấy người ta đứng ngoài đó, [nghĩ] chắc là xin, nên hỏi.

Ngài Ưu Đầu Bàn liền nói kệ này đáp:

Như Lai bậc Vô trước,

Hôm nay sanh bệnh phong.

Nếu ngài có nước nóng,

Như Lai muốn tắm rửa.

[Ngài] nói là xin nước nóng cho Phật.

Khi ấy, Trưởng giả im lặng không đáp. Đại thần Ngũ Đạo bảo với ông Tỳ Xá La: "Trưởng giả nên đem nước sôi cúng dường, tất sẽ được phước vô lượng, sẽ được báo cam lộ". Tức là Đại thần Ngũ Đạo [nói với ông Tỳ Xá La] như vậy.

Trưởng giả đáp: "Ta tự có Đại thần Ngũ Đạo, cần gì đến Sa-môn này? Ông thêm được việc gì?" Quý vị thấy không? Tà kiến dễ sợ! Thấy hai người tới xin, thì ông nói: Ta đã có thần Ngũ Đạo rồi, cần gì Sa-môn này nữa. Ông nghĩ là Đại thần Ngũ Đạo của ông hơn Phật luôn. Ông nghĩ như vậy, ổng nói vậy, nên

chắc ổng không cho. Giờ phải làm sao? Mất cơ hội độ ổng rồi.

Lúc ấy, Đại thần Ngũ Đạo liền nói kệ này (tức là vị Đại thần Ngũ Đạo đang biến thành hình người):

Như Lai đang ở đời

Thiên Đế cũng xuống hầu.

Còn ai vượt lên trên?

Ai có thể ngang hàng?

Thần Ngũ đạo làm gì?

Không giúp được gì cả.

Nên cúng dường Thế Tôn,

Để được quả báo lớn.

Quý vị thấy không? [Thần Ngũ Đạo] nói rõ ràng: Đức Phật có ở đời, Thiên Đế Thích (vua trời) cũng không bằng nữa, thì thần Ngũ Đạo ăn thua gì! Để coi ông Trưởng giả có thay đổi không?

Lúc ấy, Đại thần Ngũ Đạo lại nói lần nữa với Trưởng giả: "Ông hãy khéo tự thủ hộ các hành vi của thân, miệng, ý. Ông không biết oai lực của Đại thần Ngũ Đạo sao?"

Đại thần Ngũ Đạo liền hóa ra hình quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm, nói với Trưởng giả: "Nay ta chính là Đại thần Ngũ Đạo. Hãy nhanh chóng cho Sa-môn này nước nóng. Chớ có chần chờ".

Quý vị thấy không? Nói không chịu nghe, bây giờ phải dùng biện pháp mạnh, nói không được rồi. Ổng biến trở lại thành Đại thần Ngũ Đạo, tay phải cầm kiếm, và nói: "Nhanh chóng cho Sa-môn này nước nóng, chớ có chần chờ". Phải hù cho ông ấy sợ, thì ổng mới cúng dường được chứ, ông này Tà kiến quá mà.

Lúc ấy, Trưởng giả nghĩ thầm: 'Thật là kỳ lạ! Đại thần Ngũ Đạo còn cúng dường Sa-môn này'. Lập tức ông đem nước nóng thơm trao cho đạo nhân. Lại lấy mật mía trao cho Sa-môn.

Lúc đó ổng sợ quá, ổng nghĩ là: Thần Ngũ Đạo, vị thần mình thờ còn cúng dường Sa-môn này. Cho nên ổng lập tức làm hai việc: Một là đem nước nóng trao cho đạo nhân (đưa cho một người đứng đó), hai là lấy mật mía trao cho Sa-môn. Tức là hai người, đạo nhân là Đại thần Ngũ Đạo.

Đại thần Ngũ Đạo tự tay cầm nước nóng thơm này, cùng ngài Ưu Đầu Bàn đến chỗ Thế Tôn rồi dâng nước nóng thơm này lên Như Lai. Bấy giờ, Như Lai dùng nước nóng thơm này tắm gội thân thể, bệnh phong lập tức thuyên giảm không còn tăng trưởng nữa.

Tóm lại ông này làm việc này, là vì bị ép bức nên mới cúng dường thôi, nhưng dù sao cũng có niềm tin. Ổng phát khởi niềm tin là tại vì Đại thần Ngũ Đạo mà ổng thờ, còn cúng dường Sa-môn, thì chắc ổng cũng cúng dường thôi. Ông bị ép, nhưng cũng phát tâm rồi. Quý vị thấy hay không?

Ông Trưởng giả, sau năm ngày qua đời, sanh lên cõi Trời Tứ Thiên Vương. Khi Tôn giả Ưu Đầu Bàn nghe Trưởng giả qua đời, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ngài Ưu Đầu Bàn bạch Như Lai: "Trưởng giả này chết sanh về chốn nào?"

Quý vị thấy may [không]? Chúng ta biết là ổng sanh về [trời] Tứ Thiên Vương rồi, tuy làm việc đó thôi. Quý vị nhớ lại đoạn đầu, ngài ấy dùng Thiên nhãn quan sát, ông này sau khi chết, sanh vào Địa ngục Thế Khốc (Địa ngục Khiếu Oán). Bây giờ đổi lại, ổng chỉ cúng dường nước thơm cho Như Lai và cúng dường mật mía cho Sa-môn thôi, mà đổi [thành] phước báo sanh lên trời Tứ Thiên Vương. [Tuy nhiên] không đủ cải tạo vận mạng, không có không chết được.

Quý vị nhớ có những sự cúng dường sẽ trổ đời sau, bây giờ thì chưa được. Chúng ta đã học bài là lúc nào trổ đời này, lúc nào trổ đời sau rồi. Chúng ta học

trong kinh điển rõ ràng lắm, tường tận, có những câu chuyện nào. Ví dụ như chúng ta đã học qua là tại sao đời này, trước khổ sau vui, trước vui sau khổ, hoặc là trước khổ sau khổ, hoặc là trước vui sau vui. Nếu quý vị không nhớ, thì để bữa nào Thiện Trang trích lại kinh, để quý vị nhớ. Cứ học đi học lại, thì mình sẽ không bị gọi là mê mờ nhân quả, mình phải học rõ ràng.

Như vậy, ông này làm một việc cúng dường đó, dù mới đầu bị ép bức, nhưng sau cũng được lên trời Tứ Thiên Vương. Quả báo ngon không? Bây giờ coi đức Phật trả lời như thế nào với câu hỏi này.

Đức Thế Tôn bảo: "Trưởng giả này chết sanh lên trời Tứ Thiên Vương". Điều này thì biết rồi, nhưng câu hỏi tiếp theo còn hay nữa.

Ngài Ưu Đầu Bàn bạch Phật: "Trưởng giả này, mạng chung ở đó, sẽ sanh về đâu?

Chúng ta thấy, quan trọng là sau sanh về trời Tứ Thiên Vương rồi thì đi đâu? Chứ còn lên trời Tứ Thiên Vương một đời thì cũng ok, thọ mạng ở trên đó dài nhất là 500 năm. Một ngày một đêm ở cõi Trời đó bằng 50 năm tại nhân gian chúng ta. [Tuổi thọ] dài nhất là 500 năm, chúng ta đã học bài đó rồi. Nhưng không phải tuổi thọ nhất định là 500 năm đâu, đức Phật nói trong kinh là 'phần nhiều là dưới', tức là không đủ [500 năm]. Vậy thì bây giờ ổng sanh [lên] trời Tứ Thiên Vương rồi, quý vị đoán tiếp theo thì ổng đi về đâu? Thiện Trang tin rất nhiều đồng tu Tịnh Độ nói sau đó là đọa đúng không? Tại vì chúng ta thường học như thế. Câu trả lời ở đây như thế nào, thì chúng ta xem kết quả, để coi có phải đúng như dự đoán không.

Đức Thế Tôn đáp: "Ở đó mạng chung, sẽ sanh cõi Trời Tứ Thiên Vương, trời Tam Thập Tam, cho đến trời Tha Hóa Tự Tại. Ở đó mạng chung, lại sanh vào cõi Trời Tứ Thiên Vương. Trưởng giả này thân trong 60 kiếp, không đọa vào đường ác, cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật.

Quý vị thấy không ạ? Quả báo khủng khiếp, mình không tưởng được luôn.

Cúng dường đức Phật [được] công đức quá lớn. Tại vì sao? Ổng chỉ cần phát một niềm tin thôi là đủ công đức đó. Sau khi sanh lên trời Tứ Thiên Vương, chết rồi tiếp tục ở trời Tứ Thiên Vương, rồi lên trời Tam Thập Tam, trời Đao Lợi, cho đến lên các tầng trời tiếp là Tha Hóa Tự Tại. Sau đó lại đi một vòng ở trên đó nữa, và suốt 60 kiếp sau không đọa đường ác. Cuối cùng làm người, cạo bỏ râu tóc, xuất gia, đắp ba pháp y, thành một vị Bích-chi-phật. Tức là trong đời đó không có đức Phật ra đời, thì ổng vẫn chứng được quả Bích-chi-phật.

Quý vị thấy không? Công đức không thể nghĩ bàn. Cho nên đừng nghĩ đơn giản, chỉ có Phật mới thấy thôi, A-la-hán không thấy những điều này, tại vì những việc này là đức Phật thấy. Cho nên quý vị thấy, đức Phật thấy ra được. Mà vị Trưởng giả này cũng làm một việc đơn giản thôi, cho nên đừng khinh thường nha.

Quý vị thấy điều này thật ra trong đây không nói, nhưng theo Chú Giải thì chúng ta có thể tự hiểu ra, là ông đã trồng vào dòng Tứ gia hạnh. Vì trồng vào dòng Tứ gia hạnh, cho nên ổng không đọa vào đường ác. Thậm chí có thể ổng tới địa vị Nhẫn vị trong Tứ gia hạnh, cho nên suốt 60 kiếp ổng không đọa vào đường ác. Và cuối cùng không cần có đức Phật ra đời, ổng tự cạo bỏ râu tóc, xuất gia, đắp ba pháp y, rồi thành Bích-chi-phật.

Quý vị thấy hay không? Cúng dường đức Như Lai được công đức lớn như vậy. Có phải do điều đó không? Chúng ta nghe đức Phật giải thích vì sao.

Vì sao vậy? Vì nhờ đức cúng dường nước nóng thơm mà phước kia mới như vậy. Cho nên, Ưu Đầu Bàn, hãy thường niệm việc tắm chúng Tăng, nghe thuyết đạo giáo. Ưu Đầu Bàn, hãy học điều như vậy".

Tôn giả Ưu Đầu Bàn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 7 – Phẩm Tà Tụ Thứ 35 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy không ạ? Trong Phật pháp dễ trồng căn lành, dễ trồng phước,

không khó. Ổng làm một việc là cúng dường Phật mà được phước lớn lắm. Cúng dường Phật [được] công đức, phước đức lớn đủ để đắc đạo. Mình xui, không gặp được Phật. Chứ nếu gặp Phật, mình chỉ cần cúng dường Phật, hồi hướng là đời sau đắc đạo. Ông này chưa có nghe pháp gì hết, ổng chỉ có trồng niềm tin thôi đó quý vị. Thật ra điều này, mai mốt chúng ta học trong Luận Câu Xá, phẩm Hiền Thánh, chúng ta biết là người đó trồng được Tín căn, tức là trồng được niềm tin. Giống như ông Đề Bà Đạt Đa, đến lúc cuối cùng khi chết, ổng vẫn trồng được một căn lành, đó là niềm tin, tức là ổng vô được địa vị Noãn vị. Và từ đó đến 60 kiếp sau, ổng mới thành đạo, cũng thành một vị Bích-chi-phật, hiệu là Nam Mô. Tại vì cuối cùng ổng cũng niệm Nam mô Phật (là Quy y Phật), đó là về Đề Bà Đạt Đa.

Cho nên thật sự nếu mình tu [thì] mình hiểu. Đề Bà Đạt Đa cũng giống như ông này, cũng suốt 60 kiếp không đọa vào đường ác nữa. Mặc dù ổng đọa Địa ngục A Tỳ, nhưng hết kiếp đó ra, từ đó ổng cũng sanh lên cõi Trời Tứ Thiên Vương. Ổng đi vòng vòng một hồi, suốt 60 kiếp không đọa vào đường dữ, và cuối cùng cũng đắc quả Bích-chi-phật. Cho nên Noãn vị trong Tứ gia hạnh thôi, cũng có giá trị lớn như vậy.

Đấy là hai trường hợp điển hình của Noãn vị. Ông Đề Bà Đạt Đa thật ra là ổng tới Đảnh vị rồi, nhưng là Đảnh thoái. Tức là ổng đắc Đảnh [vị] rồi, nhưng ổng thoái lại. Cho nên mặc dù ổng tạo ba tội Ngũ nghịch, ổng phải đọa Địa ngục A Tỳ suốt một kiếp, địa ngục đó rất nặng, chúng ta đã học qua bài kinh đó rồi, nhưng rõ ràng ổng được [như vậy]. Cho nên giá trị của tu hành Phật pháp là đó, mà phải có Chánh kiến. Quan trọng là chúng ta phải [có niềm tin]. Thậm chí ông này còn Tà kiến nữa đúng không ạ? [Nên] chỉ cần phát được lòng tin đối với Phật.

Cho nên quý vị thấy, học những kinh điển này mình thấy Phật pháp dễ dàng hơn, dễ tu đúng không ạ? Đâu đến nỗi nào đâu. Và chúng ta thấy rất hay. Tại sao? Trong một bài kinh như vầy, chúng ta học ôn được lại thế nào là Tà kiến, thế nào là Chánh kiến, thế nào là công đức quả báo v.v… và cúng dường

Phật rất tuyệt vời. Cho nên là cố gắng nha! Cố gắng cúng dường Phật. Bây giờ mình không gặp Phật [thì] cũng khó. Nhưng ở đây đức Phật khuyên: là hãy thường niệm việc tắm chúng Tăng (niệm tức là ghi nhớ) và nghe thuyết đạo giáo (là giáo pháp của Phật), thì mình sẽ thành tựu được như vậy.

Cho nên rất tuyệt vời! Quý vị thấy hay không? Thiện Trang thấy câu chuyện này cũng rất hay. Bữa nào dẫn câu chuyện cũng mới mẻ hấp dẫn, không bị lặp lại nhàm chán, bởi vì đức Phật hay lắm. Học kinh hay hơn học người là vậy đó. Cho nên cố gắng 'y pháp bất y nhân'. Cố gắng học pháp đi thì mình sẽ thấy hay, còn học người thì người ta có bấy nhiêu đó, trí tuệ không bằng Phật được đâu.

Bữa nay sẵn đưa luôn bài kinh tiếp theo:

5 Lỗi Nếu Tin Người Mà Không Y Theo Pháp, Theo Phật

Thời nay có nhiều người tin thầy nào đó sái cổ luôn. Ở đây chúng ta học bài này để hiểu đạo lý đó, cũng là từ Kinh A Hàm.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nếu tin người, sinh năm điều lỗi lầm.

Ở đây nói rõ người này là phàm phu chứ không phải bậc Thánh nhân, A-la-hán thì không nói rồi. Quý vị nên nhớ, đức Phật định nghĩa Tăng là bốn đôi tám bậc: từ Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hướng, A-na-hàm, A-la-hán hướng, A-la-hán. Đó là bốn đôi tám bậc. Và trong các bậc đó thì chia ra nữa, như Tu-đà-hoàn hướng thì các Chú Giải nói đó là Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Còn chín hạng người giải thoát [mà] chúng ta mới học ở bài bên kia, thì còn có một hạng nữa dưới cả Tu-đà-hoàn hướng, là người chủng tánh. Người chủng tánh thì giống như trường hợp này, trồng được căn lành, vào Tứ gia hạnh rồi là có chủng tánh, thì trước sau gì cũng giải thoát thôi. Giống như ông này 60 kiếp sau là giải thoát, không có đọa đường ác nữa.

Cho nên ngon lắm nha! Có những trường hợp như vậy. Tuyệt vời! Hãy cố gắng học! Bây giờ chúng ta coi, nếu tin vào người quá, thời nay hay y nhân, tin lắm thì sẽ có năm lỗi lầm. Đức Phật nói 5 lỗi:

(1) Hoặc khi người ấy vi phạm giới luật, bị chúng từ bỏ, người tin kính kẻ đó sẽ nghĩ như vầy: 'Đây là thầy của ta, đã được ta kính trọng, bị chúng Tăng từ bỏ, nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không còn vào chùa tháp rồi, sẽ không kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất do tin kính người sinh ra.

Quý vị thấy không ạ? Đời nay mình hay tin mấy thầy lắm, mà thầy toàn là phàm phu không à. Tin người, tin thầy này, tin thầy kia. Không tin Phật, không tin Pháp, không tin Tăng. Tăng là gì? Tăng là Thánh tăng, bốn đôi tám bậc. Nhớ giùm! Trong kinh định nghĩa như vậy. Chúng ta đã học qua bài kinh rồi, nếu chưa nhớ thì bữa nào trích bài kinh để khẳng định một lần nữa, chứ không, nói thầy Thiện Trang nói. Không! Tuy Thiện Trang giảng, nhưng Thiện Trang nói đừng tin Thiện Trang, mà hãy tin những bậc Thánh nhân. Thánh nhân rõ ràng là bốn đôi tám bậc, chứ không phải mình tự tôn vinh những người đó, hay nghe người khác tôn vinh.

Chúng ta phải có tiêu chuẩn đàng hoàng, thời nay hay bị như vậy lắm. Mình tưởng người đó là Thánh nhân, rồi tưởng gì đó ghê gớm lắm. Đến khi nào người đó vi phạm Giới luật, bị chúng từ bỏ, tức là bị trục xuất ra. Quý vị biết Tăng (vị Tỳ-kheo) mà phạm giới Ba-la-di mà bị đuổi ra, thì khi đó [nghĩ]: Đây là thầy của ta, đã được ta kính trọng. Bây giờ bị chúng Tăng từ bỏ rồi, nên ta không còn lý do vô chùa tháp nữa. Khỏi đi chùa.

Quý vị thấy không ạ? Khi không cần chùa nữa thì cũng không kính Tăng nữa, tại vì cung kính mỗi ông thầy đó thôi. Lỗi bây giờ là hay cung kính một người thôi. Rồi do không cung kính Tăng nữa, cho nên không còn nghe Diệu pháp, học pháp nữa. Mà không nghe pháp thì pháp lành của mình bị thoái mất.

Rồi không còn ở lâu trong Chánh pháp. Đó là lỗi lầm thứ nhất.

Đây là Phật nói, chứ không phải Thiện Trang nói. Cho nên hãy cẩn thận! Thời nay dễ rơi vào trường hợp này. Dễ tin người quá mà không tin Pháp, không tin Phật và không tin Thánh tăng. Bây giờ mình đâu biết ai là Thánh tăng, cứ nghe người ta tôn vinh người nào đó là Thánh tăng, rồi mình nhào vô. Nên nhớ! Chúng ta cũng đã học bài kinh trong Kinh Nikaya, đức Phật nói rõ ràng: Không có chuyện một phàm phu có thể biết ai là Thánh nhân, ai là phàm phu. Mà mình tin người ta, nói đó là Thánh nhân, Thánh tăng, Phật, Bồ-tát tái lai. Mà trong khi đó mình không biết Phật, Bồ-tát tái lai tiêu chuẩn là gì.

Thiện Trang đưa ra bài kinh của ngài Tượng Xá Lợi Phất, nói ra 11 điều mà A-la-hán không làm. Mình phải xem coi người ta có làm không? Thiện Trang có đưa ra thêm bài kinh nữa, chúng ta cũng học rồi, đó là hạng người nào còn nằm mộng, hình như trong bài mới gần đây. A-la-hán không nằm mộng nữa. Thánh nhân từ A-la-hán, Bích-chi-phật là cao hơn A-la-hán, Phật, tức là những vị mà bên Tịnh Độ nói là Pháp thân Đại sĩ, những bậc đó thì đâu có nằm mơ. Mà quý vị thấy người ta giảng pháp, người ta kể là họ còn nằm mơ đó, thì chứng tỏ người ta còn là phàm phu, không phải Thánh nhân bậc đó đâu, không thể nào từ A-la-hán trở lên được. Cho nên đừng dễ tin mà để bị lừa. Thời nay họ có thể dựa vào nhiều cách để tôn vinh, bởi vì chúng sanh ngu muội lắm, họ tôn lên dễ lắm.

Giống như bây giờ Thiện Trang nói chúng ta tôn kính Sư Minh Tuệ. Đúng! Nhưng quý vị tôn kính Sư Minh Tuệ, Thiện Trang nói là Sư Minh Tuệ có thể, bởi vì Thiện Trang không biết nhưng [ngài] có thể chứng Tam quả, Tứ quả hay chứng gì đó v.v… nhưng chắc chắn là Sư Minh Tuệ không thể là Phật. Tại sao? Tại vì Phật phải có 32 tướng tốt, tất cả những điều khác nữa v.v… Và Phật có những điều, ví dụ trong kinh đức Phật nói là: Quan sát suốt cả Tam thiên Đại thiên Thế giới, không có ai có thể bắt ngài đi qua chỗ này chỗ kia, [hay] ném Ngài qua sông Hằng được. Giống như con quỷ nói là nắm hai chân của Sa-môn quăng qua bên kia sông Hằng. Đức Phật nói: Trong Tam thiên Đại thiên Thế giới

này, Ta quan sát không có một ai có thể nắm chân ta mà quăng được. Và đức Như Lai cũng không bao giờ cúi đầu. Quý vị không học kinh, nên quý vị dễ tin lắm. Nên nhớ! [Phật] không bao giờ cúi đầu lễ lạy bất cứ người nào. Quý vị học kinh cho kỹ đi. Bởi vì đức Như Lai rồi mà còn cúi đầu đảnh lễ ai nữa, không có chuyện đó. Trong suốt cuộc đời đức Phật, Ngài không có đảnh lễ. Quý vị hãy coi kinh, trong Kinh Nikaya có nói đó.

Cho nên hãy học kinh để mình phân biệt đâu là phàm, đâu là Thánh. Đức Phật ra đời không phải đơn giản đâu, mình cứ nghe truyền tụng thôi, không học kinh cho nên rất dễ bị lừa. Chúng sanh thời nay là phàm phu ngu muội lắm, rất đáng thương! Cho nên người ta toàn dựng lên đây là Phật v.v… Sư Minh Tuệ, Thiện Trang tin là ngài có tu, có thể có chứng đắc là chắc chắn, nhưng ngài chưa thành Phật. Và chính ngài cũng đã xác nhận là ngài chưa thành Phật. Nên nhớ vậy! Ngài chưa thành Phật. Bởi vì nếu ngài thành Phật, thì ngài [đâu có nói] là 'con đang cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác', ngài đang cầu mà.

Nên nhớ! Đức Như Lai không bao giờ vọng ngữ. Bậc Thánh nhân không vọng ngữ. Nếu ngài thành Phật thì ngài sẽ thị hiện thành Phật, đức Như Lai sẽ nhận ngài thành Phật luôn. Nên nhớ vậy! Quý vị yên tâm! Bây giờ chưa tới [thời] Phật [ra đời] đâu. Phật nói tới ngài Di Lặc ra đời thì mới có Phật nữa. Cho nên mình yên tâm! Mình phải rõ ràng, chứ không phải cứ tin người quá, người này cũng là Phật, người kia cũng là Phật. Còn ngài Minh Tuệ rất tuyệt vời, ngài tu mà có thể một đời vượt lên tuyệt vời như vậy, rất đáng học hỏi.

Theo Thiện Trang nghĩ, theo những tiêu chuẩn mà Thiện Trang căn cứ theo Kiết sử, Thiện Trang đã từng nói rồi, ngài có thể chứng đến Tam quả A-na-hàm. Tứ quả A-la-hán thì Thiện Trang không đủ khả năng thẩm định, mà [chỉ] đoán là như vậy. Theo Thiện Trang thôi, không biết có đúng hay không. Tại vì Thiện Trang cũng là phàm phu, không biết Thánh nhân được. Mà cho dù chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn chăng nữa, thì cũng không biết được đâu. Phải chứng địa vị cao hơn, Thần thông ghê gớm lắm, thì mới biết được. Còn không, trường hợp [chứng] thấp quá thì mình không kiểm [chứng] được. Giống như câu chuyện đó,

ngài đó cũng phải hỏi Phật là [ông kia] sanh về đâu. Có nhiều điều phải hỏi Phật, còn không thì phải nhờ chư Thiên. Chư Thiên vui thì [các ngài] nói cho mình biết, còn không thì mình không biết, thì chịu thua. Sau này quý vị học 10 lực của Như Lai, học nhiều kinh điển rồi, thì quý vị sẽ biết sự khác biệt rất lớn giữa các bậc Thánh, chứ không phải đơn giản đâu.

Tóm lại điều thứ nhất là đừng tin người quá. Tin người quá, mà lỡ người đó vi phạm Giới luật, bị thế nào đó v.v… bị trục xuất, thì lúc đó mình không đến chùa nữa. Mình từ bỏ chùa rồi, không cung kính Tăng luôn, không nghe pháp, thì cuối cùng bị thoái thất trong Chánh pháp, là thôi thua luôn. Đó lỗi lầm thứ nhất.

(2) Lại nữa, ai tin kính người, nếu người được kính vi phạm Giới luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến (bất kiến là ngoan cố, không chịu nhận tội), **ai tin kính người sẽ nghĩ như vầy: 'Đây là thầy ta, đã được ta kính trọng mà nay bị chúng Tăng cử tội bất kiến, nay ta còn lý gì để vào chùa tháp nữa?' Khi đã không vào chùa tháp rồi, không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ hai do dễ tin kính người sanh ra.**

Tội này nhẹ hơn. Tức là mình theo vị thầy của mình, mà [vị thầy] bị chúng Tăng cử tội bất kiến, tức là cử tội mà vị đó không nhận tội. Vì không nhận tội cho nên như thế, ra là đại chúng biết. Mà đại chúng biết thì lúc đó mình nghe thấy, mình cũng thoái tâm. Mình thoái tâm cho nên mình chẳng vô chùa nữa. Tại vì thầy mình như vậy rồi, thôi chúng Tăng đâu có đáng đâu, chẳng hạn vậy. Như vậy thì không nghe nữa, không vô chùa thì không nghe pháp. Không nghe pháp thì mất lợi ích là ở chính mình đúng không ạ?

Tương tự có trường hợp, giống như quý vị kính tin một người nào đó, mà cuối cùng nghe người khác phê bình, rồi mình kêu: mấy ông thầy kia cũng tà luôn, thôi khỏi nghe. Cuối cùng mình làm mất lợi ích. Như thế là không đúng! Cho nên tin kính người không được, mà phải tin kính Tăng (chúng Tăng), Pháp,

Phật. Đó là điều thứ hai.

(3) Lại nữa, người kia nếu đắp y mang bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: 'Người được ta kính, đã đắp y mang bát du hành nhơn gian, nay ta còn lý gì mà vào chùa tháp này nữa? Khi đã không vào chùa tháp rồi, không còn cung kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba do dễ tin kính người sanh ra.

Trường hợp này là mình tin kính người đó, mà cuối cùng người đó đi mất rồi, thế là mình hết tin kính nữa, mình kêu hết là thầy mình rồi. Điều này cũng có đúng không? Thiện Trang nhớ hồi xưa Thiện Trang ở trong nước, sau này Thiện Trang ra nước ngoài, thì có người nói: "Thôi thầy ra nước ngoài rồi, không học thầy nữa". Đó là một trường hợp tương tự như vậy. Mà trong khi đó mình vẫn còn giảng trên mạng, kiểu như vậy. Tức là họ có những lỗi do vậy. Cho nên có rất nhiều [trường hợp như vậy], đức Phật nói hết.

Quý vị thấy không? Tuyệt vời! Kinh A Hàm, Kinh Nikaya nói hết những bệnh của chúng sanh, từ [những] bệnh nhỏ. Mình học vào thấy rõ ràng, dễ tu. Còn mình học, nói cho cao, nhưng tới khi gặp chuyện mà mình không có nền tảng thì không xử lý được.

(4) Lại nữa, nếu người được tin kính kia, xả giới hoàn tục, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: Ông là thầy ta, được ta kính trọng, đã xả giới hoàn tục, nay ta không nên vào chùa tháp này'. Khi đã không vào chùa rồi, sẽ không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thối mất, không còn được ở lâu trong chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư do dễ tin kính người sanh ra.

Tức là cuối cùng mình cũng không nghe nữa, rồi mất lợi ích. Trường hợp này có xảy ra không quý vị? Có! Giống như hồi xưa có những đồng tu theo thầy

Nhuận Đức, sau khi thầy Nhuận Đức ra [khỏi] rồi, thì bắt đầu thôi, không nghe nữa, không tu nữa. Ổng tu như vậy rồi, nên cuối cùng [mình] cũng khỏi tu luôn. Đó là lỗi của mình đúng chưa? Cho nên đức Phật nói hết rồi.

(5) Lại nữa, nếu người được tin kính kia, thân hoại mạng chung, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vầy: 'Ông là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã qua đời; nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?' Khi đã không còn vào chùa nữa, sẽ không còn kính Tăng. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm do dễ tin kính người sanh ra.

Tóm lại lỗi lầm thứ năm là người ta chết rồi, thầy chết rồi, thôi khỏi học pháp nữa. Mình thấy [thầy mình] chết rồi thì mình học thầy khác chứ. Học với Tăng, học với Pháp, học với Phật, chứ đâu học với người. Cho nên là đừng tin kính người. Bài này cũng quan trọng lắm.

Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vầy: Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới". Đây là tiêu chuẩn để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đây là một cách để vào Tu-đà-hoàn. Nếu quý vị làm được điều này thì không đọa vào đường ác nữa. Chúng ta đã học bài này rồi.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Thiện Trang cũng hoan hỷ phụng hành luôn, tại vì thấy hay quá mà đúng không? Đức Phật nói rất thực tế.

(KINH 805. QUÁ HOẠN[237] - Kinh Tạp A Hàm).

(Quá Hoạn là lỗi lầm. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, thì đây là Kinh 837. Quý vị có thể tra trong CBETA).

Quý vị thấy những nền tảng này rất quan trọng cho những người mới tu. Người tu lâu rồi thật ra cũng vậy thôi. Thiện Trang thấy nhiều đồng tu Tịnh Độ bây giờ cũng bị nạn này, rất là đáng thương. Tại vì mình vô, mình học không có

nền tảng, thì sau này có chuyện là mình không xử lý được. Cho nên là 'y pháp bất y nhân', mà mình toàn là y nhân không thôi, rất là đáng thương.

Hôm nay Thiện Trang chia sẻ tiếp phần Thiền chỉ. Mấy buổi trước đã nói về lợi ích của Thiền chỉ rồi, hôm nay chúng ta trở lại. Thiền chỉ có những lợi ích gì thì chúng ta phải nhớ rõ ràng. Thứ nhất, mình tu [Thiền chỉ] là để cho giúp cho Thiền quán. Phải tu Thiền chỉ và Thiền quán, hai pháp đó trợ nhau. Thiền chỉ giúp cho mình đỡ đau, giúp cho mình hết đau nếu như đắc đến Tứ thiền. Rồi giúp cho mình có Thần thông, giúp cho tâm được giải thoát. Tâm được giải thoát thì bớt Phiền não, đoạn Phiền não, đoạn tham v.v… Đó là phục chứ không phải đoạn. Và cuối cùng là đạt quả vị Tâm giải thoát trong A-la-hán. Chúng ta biết [tầm quan trọng của] Thiền chỉ là như vậy, cho nên không thể bỏ Thiền chỉ được. Nếu bỏ Thiền chỉ mà tu Thiền quán [không] thôi, thì bị lệch.

Trong năm cách tu, có người chỉ tu Thiền quán thôi. Thực tế đức Phật dạy là tùy thời, biết lúc nào tu Thiền chỉ, lúc nào tu Thiền quán. Ví dụ như thế này, Thiện Trang xin chia sẻ một chút, trước khi nói vào. Ví dụ như Thiện Trang giảng pháp cho quý vị, chia sẻ xong thì thông thường Thiện Trang thấy: đầu óc của Thiện Trang giảng là dùng trí, tức là dùng Thiền quán quá nhiều rồi, cho nên sau đó Thiện Trang nghỉ một chút. Ví dụ như không có khách khứa gì, Thiện Trang làm một video, xong rồi thì Thiện Trang nghỉ một chút cho xuống, rồi Thiện Trang đi tĩnh chỉ, tức là tu Thiền chỉ, thì thấy hiệu quả. Tại vì mình tu Thiền quán cả thời gian rồi. Đang chia sẻ thế này là tâm trong Thiền quán đó quý vị. Học pháp, niệm pháp là về Quán.

Cho nên là mình phải biết tu. Và lúc nào nên tu Thiền chỉ, Thiền quán, thì chúng ta đã học bài Thất giác chi ở trong bài trước. Lúc nào tâm mình trạo cử nhiều thì mình nên tu Thiền chỉ (Chỉ tĩnh). Chúng ta tu bốn pháp giác chi: là Định, Xả, Khinh an và thêm Niệm nữa. Nếu tâm mình đang buồn ngủ, đang hôn trầm, thụy miên, đang nghi tùm lum, thì mình phải tu Thiền chỉ. Tu Thiền chỉ là mình tu 4 Giác chi: Niệm giác chi là lúc nào cũng có. Rồi mình tu Hỷ giác chi để tâm hưng phấn lên, khỏi buồn ngủ; Tinh tấn Giác chi và Trạch pháp Giác chi.

Bài trước Thiện Trang đã chia sẻ rồi. Hãy áp dụng đúng như lời Phật dạy thì quý vị tu sẽ có lợi ích rất lớn. Còn không, quý vị có nói niệm Phật hay tu [môn] gì, quý vị nói trên miệng không [thôi] thì quý vị tu không được, bởi vì mình thiếu pháp hành. Phải học rồi sau đó hành. Học một thời gian thôi, không nhiều lắm đâu quý vị. Chúng ta chỉ cần học hết 37 Phẩm trợ đạo đúng theo kinh Phật. Chúng ta học đủ như vậy và học đủ các đề mục tu, v.v… thì chúng ta sẽ thành công. Áp dụng tu một thời gian là khác hẳn, tối ngủ sẽ bớt nằm mơ, sáng suốt, rõ biết.

Nếu quý vị tu Thiền chỉ thì quý vị bớt ngủ. Thiện Trang để ý, khi tu Thiền chỉ thì mình bớt ngủ, đỡ ngủ hơn nhiều. Hồi xưa buồn ngủ ghê lắm, hồi xưa niệm Phật gào thét cả miệng, mệt. Rồi ngủ mơ mơ, ngủ mê luôn, không biết gì hết. Nhưng bây giờ tu Thiền chỉ, Thiền quán thì rõ ràng, sáng suốt, ngủ có thể ít hơn. Một ngày có thể ngủ ít lại, rất là lợi ích, trừ khi bị bệnh thôi. Thậm chí khi mình tu Thiền chỉ nhiều thì người khỏe, đỡ bệnh.

Quý vị không tu, nên quý vị không biết. Nên nhớ! Chúng ta nói đạo Phật là đến để mà thấy. Đức Phật nói trong Kinh Tăng Chi là đến để mà thấy, không phải nghe. Và Thiền sư Ajahn Chah có một câu nói rất nổi tiếng (Thiện Trang không nhớ [nguyên văn, Thiện Trang nói đại ý): ‘Cho dù vị thầy mình nói: Đây là món trái cây/món ăn cực kỳ ngon cỡ nào đó, nhưng mình đừng vội tin như vậy, mà mình phải ăn thử, thì mình mới biết ngon hay không, có phù hợp với mình không’. Cũng vậy, mình phải tu, chứ không phải mình chỉ có nghe rồi mình tin, hoặc là nghe rồi mình phỉ báng, chấp trước, mình cho là điều đó không hợp với mình. Đó là một điều đáng tiếc. Phật pháp là đến để mà thấy, phải trải nghiệm. Cho nên là điều này rất hay, chúng ta cố gắng học. Bây giờ Thiện Trang trở lại đề mục tu Thiền chỉ.

40 Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)

Tên loại	Số lượng	Cụ thể	Kết quả
A. Biến xứ	10	Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng	*Chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
B. Bất mỹ (tịnh)	10	Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch; Tử thi nứt nẻ; Tử thi bị gặm xé; Tử thi bị rời rạc; Tử thi bị phân đoạn; Tử thi bê bết máu; Tử thi bị dòi đục; Tử thi hài cốt.	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
C. Tùy niệm	10	Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh;	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến cận định hay định cận hành.*
		Niệm thân thể trược;	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
		Niệm hơi thở;	*Chỉ chứng tới Tứ thiền Sắc giới*

D. Phạm trú	4	Từ; Bi; Hỷ;	*chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền*
		Xả.	Chứng Tứ thiền Sắc giới
E. Vô sắc	4	Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ.	Chứng Tứ thiền Vô Sắc giới
F. Tưởng	1	Tưởng nhờm Gớm thức ăn	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
G. Phân biệt	1	Phân biệt Bốn nguyên tố	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
*10 đề mục biến xứ là điều kiện cho đắc Thần thông Thắng trí			
**Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán.*			

Chúng ta quá quen với bảng này rồi đúng không? Mục A là 10 đề mục Biến xứ : Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng, thì tu chứng tới Tứ thiền Sắc giới. Nhưng có nhiều người tu theo [đề mục] này không được, thì khuyên là hãy dịch xuống, tu những đề mục thấp hơn. Ví dụ như quán tử thi, thì quý vị lên mạng kiếm mấy [mục] này là có nhiều lắm, bây giờ có đầy đủ hết, gì cũng có. Rồi đề mục Tùy niệm, Thiện Trang thì thích Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp, cũng có khi tùy niệm Tăng cũng được, nhưng có lẽ mình tu Giới không tốt, nên Tùy niệm Giới không được. Ví dụ như 250 giới, mình cứ nhớ là mình không giữ được hết 250 giới, cho nên mình không [tu] Tùy niệm Giới được. [Muốn tu] Tùy niệm

Giới thì mình phải có hỷ, nghĩ đến mình giữ giới được tốt 100%, thì mới vui được chứ. Cho nên không được, không thể khởi lên được. Còn Tùy niệm Thí; Tùy niệm Thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh; rồi niệm hơi thở; niệm thân thể trược. Để bữa nào chia sẻ lại niệm hơi thở cho rõ ràng.

Ở đây [quý vị] nhớ là đề mục [Tùy niệm Phật... cho đến Tùy niệm tịch tịnh] thì không đắc Thiền, mà chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành. Nhưng đôi khi quý vị tu [đề mục Biến xứ] ở trên không được, thì quý vị xuống tu [đề mục Bất mỹ, đề mục Tùy niệm] này trước, chứ không phải mình chấp trước. Rồi [đề mục Niệm thân thể trược] thì chỉ [đắc] tới Sơ thiền, [Niệm hơi thở] thì đắc tới Tứ thiền Sắc giới. Cho nên tuy là những đề mục đó không đắc được cao, nhưng cũng hỗ trợ.

Đề mục [D] Phạm trú là: Từ, Bi, Hỷ, Xả, thì chúng ta học rồi. Đề mục [E] Vô sắc là: Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ. Đề mục [F] là Tưởng nhờm Gớm thức ăn, ai ham ăn quá thì tu đề mục này. [Đề mục G] là Phân biệt Bốn nguyên tố, dành cho những người mà tâm hơi ngu si. Trong Ngũ Đình Tâm Quán nói là phải tu [đề mục] này, nếu tâm ngu si quá thì tu Phân biệt giới, là [đề mục] này.

10 đề mục Biến xứ là điều kiện đắc Thần thông, có thể chứng đến Nhị thiền [là có thần thông]. Trong Kinh A Hàm nói là Nhị thiền có thể có Thần thông. Và chúng ta biết đề mục này [Niệm hơi thở] là vừa Chỉ vừa Quán. Đấy là chúng ta để ý. Cho nên rất nhiều người thích đề mục hơi thở. Tuy nhiên nhiều khi tu không hợp, không được thì mình tu đề mục khác.

Và có nhiều người sẽ nói rằng: Thầy giới thiệu toàn theo Luận Thanh Tịnh Đạo (quyển màu đỏ mà hồi bữa Thiện Trang đưa lên đó, ở đây có này), bây giờ liệu trong kinh có không? Tất nhiên trong kinh phải có rồi, mặc dù thời Ấn Độ đã phát triển môn này rồi, nhưng đức Phật không nói nhiều. [Vì] người ta biết tu rồi, các giáo phái ngoại đạo người ta tu đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ như ông Uất Đầu Lam Phất v.v… Những ông đó tu đắc rồi, cho nên đức Phật không nói nhiều thôi, nhưng vẫn có. Hôm nay Thiện Trang sẽ dẫn kinh cho quý vị thấy.

Tại vì có nhiều người nói mấy điều này ở bên Nam truyền, đâu phải bên Bắc truyền. Xin lỗi! Quý vị nói như thế là quý vị quá thiếu hiểu biết. Thiện Trang sẽ dẫn:

Đề Mục Thiền Chỉ Biến Xứ Trong Kinh A Hàm

Bài Kinh này rất dài, Thiện Trang không dám trích hết, tại vì không đủ thời gian. Thiện Trang giới thiệu để quý vị tự tìm, Thiện Trang chỉ trích đến đoạn Biến xứ thôi:

.... (tức là còn rất nhiều ở trên)

"Phàm phu ngu si không học, thấy Sắc là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong Sắc, Sắc ở trong ngã; thấy Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong Thức, là Thức ở trong ngã.

Đoạn này nói về Thân kiến, chúng ta rớt vào đoạn này là rớt vào Thân kiến. Chúng ta lúc nào cũng rớt vào thấy Sắc là ngã, đôi khi mình nói rớt vào nhị biên, là khác ngã, là ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; rồi thấy Thọ cũng vậy, Tưởng cũng vậy, [Hành], Thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong Thức, là Thức ở trong ngã. Đều rớt vào Thân kiến cả. Thân kiến này cực kỳ khó phá là do những điều này. Đây mới là Thân kiến, chứ không phải mỗi Sắc không thôi. Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức nữa. Các đồng tu Tịnh Độ học bị sai ở chỗ Sắc, tưởng chỉ [mỗi] Sắc là Thân kiến thôi. Có bài kinh Thiện Trang đã dẫn rồi.

"Thế nào thấy Sắc là ngã? (Bây giờ liên quan đến đề mục Biến xứ) **Chứng đắc chánh thọ biến xứ định về đất[1], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt'. Cũng vậy, chánh thọ biến xứ định về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng[2], sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, ' Hành tức là ngã, ngã tức là Hành, chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Như vậy, ở nơi các biến xứ định, mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là Sắc tức là ngã.**

...

(Trích từ Kinh 111. Mao Đoan[3] - Kinh Tạp A Hàm).

Đoạn này cao, cực kỳ cao luôn, quý vị hiểu không? Đây là phàm phu ngu si, đã không biết đoạn ở trên rồi [thấy sắc là ngã... cho đến là thức ở trong ngã], tưởng là ngon, tưởng tu các đề mục Biến xứ là đắc được Thiền rồi (đắc chánh thọ biến xứ định về đất). Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, mấy Biến xứ này mình đã học chưa? Kinh A Hàm nói đó, nhưng ở đây nói cao hơn nữa. Đắc được rồi, nhưng còn chấp ngã 'đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt'. Cũng vậy, chánh thọ biến xứ định về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Hành tức là ngã, ngã tức là hành, chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Như vậy, ở nơi các biến xứ định, mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là Sắc tức là ngã.

Nghĩa là tu các Biến xứ Thiền chỉ cỡ đó thì vẫn chưa đắc đạo được. Cho nên tại sao ngoại đạo họ tu mà không đắc đạo? Tại vì họ tu, họ đắc đến đó rồi chấp vào trong đó, cho nên không đắc được. Mình biết đó chỉ là Thiền chỉ thôi, phải có Thiền quán để tách những cái đó ra. Mặc dù mình quán một hồi, mình thấy toàn là nước không thôi, nhưng mình biết nước là nước, mình là mình, cũng không phải mình luôn. Cũng vậy, ở đây phải nói là không có mình ở trong đó và trong đó không có mình, rồi cũng chẳng phải, cũng chẳng khác, thì mới được. Cho nên khó là như vậy đó, thấy cái này, thấy cái kia. Mình coi lại bài Thân kiến nha.

Tóm lại, mình cũng không quan tâm những chuyện đó, mình tu [đề mục] dễ hơn, là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Đức Phật có bài nói là: "Thường niệm Vô thường (quán Vô thường tưởng) thì người đó sớm đắc đạo", mình nhớ như vậy là đơn giản rồi. Mình cứ cố gắng vô con đường Tùy tín hành giùm, rồi đi con đường bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và thành tựu Thánh giới. Rồi ráng học Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ; Ngũ căn Ngũ lực cho tốt, rồi tu 37 Phẩm trợ đạo cho tốt. Thì tự nhiên sẽ phá

Thân kiến.

Còn quý vị cứ đè đầu, cố phá Thân kiến, quý vị chấp vào trong đó thì quý vị phá không được đâu. Có thể một sát-na nào đó tương ưng thì tự nhiên phá thôi. Còn quý vị nghĩ, cố phá 'đừng nghĩ cái này là ta, cái này không phải ta, ta không có trong đó...' Cuối cùng toàn là phân biệt, thi thuyết danh tự thôi, không thể nào được.

Cho nên mình học thì mình biết vậy, nhưng để làm như vậy thì phải học những Phẩm trợ đạo, và học Thiền quán. Tại vì mình không thể một lúc phá tất cả được, mà mình phải từ từ. Đó là con đường để vào Chánh kiến, con đường để vào Sơ quả đã. Khi vào rồi thì tự nhiên lên bước tiếp theo dễ hơn. Giống như mình mới đầu đi học, mình [học] đánh vần Alphabet, chữ A, B, C, [phải] đánh vần được đã, khi đánh vần được rồi thì vô đọc sẽ dễ. Giống như học ngoại ngữ cũng vậy, khi mới đầu vô, kêu mình đọc chữ này đi, thì mình chỉ đọc được mấy chữ đó thôi, còn những chữ khác thì mình không đọc được, rất là lâu. Trong khi đó mình chỉ cần học những quy luật căn bản.

Cho nên Phật pháp là vậy đó, phải học có trình tự. Còn nếu không học [theo] trình tự, mới đầu bay vô học ép, ép thì lúc đầu cũng được. Giống như câu chào trong tiếng Anh là 'Hello! Good morning!..' Cứ học như vậy đi. Nhưng một hồi sau, cuối cùng không đọc được những chữ khác. Thấy chữ nào có chữ good thì đọc good, còn thay chữ đó thành chữ khác là không biết đọc. Cho nên là phải học phiên âm, bất cứ ngôn ngữ nào cũng vậy.

Cũng vậy, trong Phật pháp chúng ta phải học từ gốc [đến] ngọn, học gốc rồi thì từ từ mới đi lên được. Còn không, quý vị bay vô một thời gian là học không được. Rồi bắt đầu nói Bát-nhã Tánh Không, nói khí thế lắm, nói tưởng là chứng đắc, nhưng thực tế là nói tầm bậy, một hồi chẳng giải quyết gì vấn đề sanh tử cả. Đó là mình không có nền tảng thì khó mà tiến lên được, khó mà đi xa được. Cho nên quý vị nhớ.

Ở đây Thiện Trang lấy đề mục này là để nhắc cho quý vị thấy, chính đức

Phật cũng nhắc đến các đề mục Biến xứ định. Biến xứ định, mình đổi chữ 'định' thành 'thiền' thôi. Biến xứ định về đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng. Các đồng tu Bắc truyền tin chưa? Hán tạng đó, A Hàm đó. Có nha! Quý vị đừng nói Thiện Trang tự gắn qua Luận Thanh Tịnh Đạo. Rồi nhiều người bây giờ học bên Nam truyền cũng nói: "Luận đó là của ngài Phật Âm, chứ đâu phải của đức Phật đâu". Đức Phật có nói chứ, [nên] ngài Phật Âm mới làm ra. Ngài Phật Âm là người kiết tập năm bộ Nikaya mà. Chắc chắn có, có nhiều, bữa nay Thiện Trang dẫn một đoạn. Quý vị cứ dở Kinh Tạp A Hàm ra, Kinh Mao Đoan, số 111. Trong đây chú giải là Kinh 109, trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.

Bây giờ chúng ta coi đề mục Thiền chỉ Biến xứ trong Kinh Nikaya được nhắc ở đâu. Thiện Trang nói ở đây, Kinh Thiền Án Xứ: Kasiṇa, ở Phẩm 10 Pháp của Kinh Tăng Chi. (T 1536.19): chữ T là Kinh Tăng Chi. Chúng ta thấy có luôn. Bây giờ nói khác đi, đoạn này Thiện Trang trích đoạn ngắn, còn đoạn dài lắm ở bộ kinh khác.

Đề Mục Thiền Chỉ Biến Xứ Trong Kinh Nikaya

(10.25) Thiền Án Xứ: Kasiṇa (T 1536.19)

- Này các Tỷ-kheo, có mười Thiền án xứ này. Thế nào là mười? Ở đây dùng chữ khác là Thiền án xứ, còn mình dùng Thiền chỉ, trong Kinh Tạp A Hàm gọi là Biến xứ định. Cho nên phải đọc hiểu ngôn ngữ thì mới được, chứ không, vô đó kiếm thì không ra.

Một người tưởng tri Thiền án đất, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Một người tưởng tri Thiền án nước... (giống như trên. Tưởng tri thế nào? Cách quán ở đây là: phía trên cũng là đất, phía dưới cũng là đất, bề ngang, không hai, vô lượng, mình tưởng một hồi ở đâu cũng thấy đất hết) **một người tưởng tri Thiền án lửa... một người tưởng tri Thiền án gió... một người tưởng tri Thiền án xanh... một người tưởng tri Thiền án vàng... một người tưởng tri Thiền án đỏ... một người tưởng tri Thiền án trắng... một người tưởng tri Thiền án hư không... một người tưởng tri**

Thiền án thức, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng.

Này các Tỷ-kheo, có mười Thiền án xứ này.

(Trích từ Kinh Tăng Chi – Phẩm 10 Pháp).

Quý vị tin chưa? Có trong kinh không? Có nha! Thiện Trang không giảng mấy điều lung tung ở ngoài, phải nghiên cứu cho kỹ rồi mới giảng chứ, đâu có liều mạng, mình giảng để mình tu mà. Cho nên quý vị yên tâm! Có hết trong kinh. Còn quý vị muốn coi dài hơn thì quý vị coi bộ kinh tiếp theo 10.26 của Kassina 2, [thì] rõ hơn, dài hơn nữa, [còn] Kinh này ngắn hơn. Mà Thiện Trang nói thật ra mình chỉ cần biết có trong kinh là được, chứ còn bây giờ mình đi lục hết trong kinh, đọc một hồi cũng không hiểu. Trong khi đó ngài Phật Âm đã viết ngắn lại cho mình hiểu rồi.

Thời nay để tu, Thiện Trang nói những cái đèn xanh, vàng, đỏ, trắng, đèn tròn tròn giống như vầy là tu được các màu. Hoặc là tu đất thì cũng được. Còn muốn tu về hư không, nước và lửa, thì quý vị có thể dùng tivi, hay màn ảnh máy vi tính, quý vị mở mở hình lên. Trên mạng Thiện Trang thấy nhiều video, hình ảnh về nước đẹp lắm, còn về hư không thì mình mở bầu trời, [muốn thu đề mục] lửa thì có kênh có lửa đó. Nếu quý vị không biết thì quý vị tìm trên Facebook Thiện Trang có đăng. Còn không thì Thiện Trang sẽ chọn lọc lại, tại vì Thiện Trang cũng muốn tìm những video nào cho đủ, video nào tốt nhất, sẽ chọn lọc lại để làm một số video đăng lên cho quý vị, để quý vị có thể dùng. Hoặc đăng nguồn lên cho quý vị tự tải về để dùng. Tùy thôi, có người tu thực tế, có người tu [theo] mấy cái đó cũng được, hoặc là những bức tranh cũng được, tùy mỗi người. Chúng ta tu làm sao có hiệu quả là được, hiện đại thì mình phải áp dụng chiêu hiện đại chứ. Bữa nay thỏa mãn rồi nha, hết thắc mắc là có trong kinh hay không có trong kinh, có hết nha!

Sẵn nói về Thiền chỉ thì nói thêm một bài kinh nữa: là các trạng thái tịch diệt của các tầng Thiền. Tại vì có người hỏi vô tầng Thiền nào thì như thế nào? Ngoài định nghĩa hôm bữa chúng ta học trong kinh rồi, chúng ta có học qua rồi,

bây giờ bổ sung điều này để mình biết mình có vào tầng Thiền nào không. Và Thiện Trang nói đây chỉ là một cách để kiểm định, còn quý vị nói tả như thế nào, thì mấy người vô Thiền ra kể không giống nhau, bởi vì còn tùy trạng thái thế nào nữa. Nhưng điều quan trọng nhất là mình phải tự căn cứ vào Phật, chứ mình căn cứ vào điều [người khác nói], rồi nói mình đắc Thiền.

Ở bên Myanma nghe nói có chỗ đó, ai tới thiền, ra là ấn chứng đắc Thiền hết, nhiều người đắc Thiền lắm. Nhưng Sư Toại Khanh nói là chưa chắc. Cho nên điều đó thì mình không biết, mình phải tự mình biết, chứ không thể nào dựa vào người khác. Ví dụ như quý vị đắc Thiền, thì quý vị có thể có những trạng thái, ví dụ như biết chuyện gì trước đó hoặc là sau đó, tự nhiên thấy có một chút tiểu Thần thông. Tới Sơ thiền thì khó lắm, tới Nhị thiền thì rõ hơn. Sơ Thiền chỉ là ly dục, ly các pháp ác bất thiện, là mình hết sợ hãi, rồi tâm mình an lạc, được giải thoát một phần. Lúc mình đắc Thiền rồi thì không có tham, không có sân. Tất nhiên sau đó nếu gặp cảnh thì mất, nhưng ít nhất lúc đó được như vậy. Rồi rất sáng suốt v.v… được nhiều điều. Ở đây trạng thái Thiền là như thế nào, chúng ta học bài kinh của Phật:

Các Trạng Thái Tịch Diệt Của Các Tầng Thiền

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả A Nan ở một mình chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy, suy nghĩ rằng: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?'

Quý vị thấy không? Học kinh Phật có được lợi ích là thỉnh thoảng được ôn lại hết, toàn đạo giải thoát, không có nói lung tung [nào] chồng con... mệt lắm. Vô một hồi là nói: Ba thọ gồm có thọ lạc, thọ khổ và không lạc không khổ. Nhưng đức Phật nói bây giờ tất cả thọ này đều là khổ hết, tại sao lại nói vậy? [Những gì] thuộc về thọ là đều khổ, mặc dù nói là ba thọ, vậy là sao? Đây là một khái niệm, tại sao nói ba thọ là thọ lạc, thọ khổ và không khổ không lạc, mà cuối cùng nói những gì thuộc về thọ đều khổ hết, là sao? [Vậy] có mâu thuẫn hay không?

[Ngài] suy nghĩ như vậy đó. Như vậy đây là một bài Triết học rất hay, và một bài rất quan trọng.

Suy nghĩ vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc (thiền tịnh tỉnh giấc tức là hồi xưa ngồi ngủ, kiểu vậy. Ngồi hay thiền tịnh tỉnh giấc. Không biết chữ ´tịnh´ được dịch có đúng không? Hay là Thiền xong rồi xuất Thiền). **Ngài A Nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:**

Bạch Thế Tôn, lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền tịnh tư duy, suy nghĩ rằng: 'Như lời Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?

Quý vị thấy không? Ở đây có không khổ không lạc, rồi cũng có vui, mà tại sao cuối cùng những gì thuộc về thọ thảy đều khổ, rốt ráo là khổ luôn. Đúc kết lại, ý nghĩa là như thế nào?

Đức Phật bảo ngài A Nan:

"Ta vì tất cả hành là vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. (Tóm lại tất cả điều gì thuộc về hành đều là Vô thường, đều là pháp biến đổi, cho nên cuối cùng rồi cũng khổ thôi. Tại vì quý vị vui một chút rồi cũng hết, biến đổi thành khổ thôi, không lạc không khổ rồi cuối cùng cũng khổ, Vô thường mà. Cho nên cuối cùng là khổ, đức Phật nói rốt ráo đều là khổ, là vậy). **Lại nữa, A Nan, Ta vì các hành tuần tự tịch diệt, vì các hành tuần tự tĩnh chỉ, nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ".**

Tức là ở đây thêm một lý do nữa, là tất cả các hành, những gì tuần tự tịch diệt (là từ từ diệt), và tuần tự tĩnh chỉ, nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ. Ở đây mình cũng chả hiểu tịch diệt hay tĩnh chỉ gì hết, mình nghe tiếp.

Ngài A Nan bạch Phật: "Thế Tôn vì các hành tuần tự tịch diệt mà nói, là nghĩa thế nào?"

Đức Phật bảo ngài A Nan (quý vị chú ý đoạn này, đức Phật bảo ngài A Nan)**: "Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tịch diệt. Nhập Nhị thiền thì tầm tứ tịch diệt. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tịch diệt. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt. Nhập Không Vô Biên Xứ, sắc tưởng tịch diệt. Nhập Thức Vô Biên Xứ thì tưởng Không vô biên tịch diệt. Nhập Vô Sở Hữu Nhập Xứ, tưởng Thức vô biên xứ tịch diệt. Nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tưởng Vô sở hữu xứ tịch diệt. Nhập Tưởng Thọ Diệt, tưởng và thọ tịch diệt. Đó gọi là các hành dần dần tịch diệt"**.

Bản này dịch là tịch diệt, ở đây tự nhiên để vắng lặng, thì cũng được. Nhưng Thiện Trang thấy cũng rõ, nhưng cũng không, nên Thiện Trang cố tình để vậy. Bây giờ Thiện Trang sửa lại, thì quý vị sẽ hiểu hơn, có khi là tịch diệt, có khi người ta nói là vắng lặng.

Chúng ta đọc lại đoạn này. Để biết quý vị có vào Sơ thiền hay không, thì khi nhập Sơ thiền thì ngôn ngữ tịch diệt. Quý vị vô Sơ thiền thì tự nhiên quý vị không muốn nói nữa. Tức là lúc đầu vào Thiền thì dừng nói, lúc đó [không có] ngôn ngữ gì nữa, vì âm thanh là gai nhọn để nhập Sơ thiền mà, chướng ngại nhập Sơ thiền. Bây giờ ta đang vào Thiền, [thì] ngôn ngữ không có, dứt đường ngôn ngữ đó. Cho nên nói cao siêu, thực tế là mình vô Sơ thiền thì không nói. Khi xuất Thiền rồi, ra là đã lắm, tâm [an lạc] lắm, lúc đó mình chẳng muốn nói gì đâu. Nhưng khi ra rồi, một hồi là rớt xuống Vị đáo định, lúc đó cũng có thể nói ghê lắm, nếu cần nói thì nói hay lắm. Nhưng [vào] Sơ thiền là ngôn ngữ tịch diệt. Cho nên mình phải để ý, Sơ thiền là hết nói rồi đó, tịch diệt.

'Nhập Nhị thiền thì Tầm Tứ tịch diệt': Tầm Tứ là gì thì quý vị biết rồi, chúng ta đã học Tâm sở Tầm, Tâm sở Tứ rồi. Chúng ta đã lấy ví dụ về Tầm và Tứ trong A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp). Tầm, Tứ là hai Tâm sở rất quan trọng. Quý vị còn nhớ không? Hay là quên rồi? Chắc là quên rồi! Lấy ví dụ con ong cho nhớ, con ong hướng tới bông hoa là Tầm, và vờn quanh bông hoa là Tứ, kiểu vậy.

Như vậy, khi [vào] Sơ thiền thì quý vị sẽ có cảnh, quý vị thấy điều này, thấy điều kia v.v... Ví dụ như chúng ta tu Biến xứ nước, thì chúng ta thấy nước

tràn hết, đang chú ý vào nước, quan sát rất rõ nước. Nhưng vô tới Nhị thiền thì Tầm Tứ tịch diệt, là diệt luôn, không còn quan sát gì nữa. Nhưng quý vị muốn là [thấy], từ đó mới xuất Thần thông được. Chứ còn không, thì không có Thần thông. Cho nên tới đó là Tầm, Tứ tịch diệt. Quý vị coi lại Tâm sở Tầm và Tâm sở Tứ.

'Nhập Tam thiền, tâm hỷ tịch diệt': tức là nhập Tam thiền thì lúc đó không còn thấy tâm hỉ, tức là tâm vui không còn nữa.

'Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt': người nhập Tứ thiền là hết hơi thở rồi, không có thở ra thở vào nữa, như người chết luôn. Tưởng chết nhưng không phải chết, hay lắm. Cho nên nhập Tứ thiền là nhập được lâu lắm. Tứ thiền là một vấn đề rất khó.

Sau Tứ thiền thì có bốn Tứ không nữa. 'Nhập Không Vô Biên Xứ, sắc tưởng tịch diệt': lúc đó mình suy nghĩ, tưởng về Sắc là không còn nữa, hình tướng không còn.

'Nhập Thức Vô Biên Xứ, thì tưởng Không vô biên tịch diệt': quý vị phải hiểu Không vô biên là gì. Tức là thấy toàn là không, đâu đâu cũng là không hết, mà lúc đó cũng tịch diệt luôn, thì mới vô Thức Vô Biên Xứ.

'Nhập Vô Sở Hữu Nhập Xứ, tưởng Thức vô Biên xứ tịch diệt': lúc đó Thức vô Biên xứ là tầng dưới tịch diệt.

'Nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tưởng Vô sở Hữu xứ tịch diệt': cũng vậy, tầng dưới tịch diệt.

'Nhập Tưởng Thọ Diệt, thì tưởng và thọ tịch diệt': lúc đó tưởng và thọ cũng không còn nữa. Sắc, Thọ Tưởng, Hành Thức, thì Tưởng và Thọ cũng hết. Đó gọi là các hành dần dần tịch diệt.

Cho nên có người hỏi là: "Từ nhập tầng này thì mình có thể vượt lên các tầng Thiền khác không?" Căn cứ vào đây và căn cứ trong kinh, thì chúng ta thấy đức Phật và các Tôn giả cũng là nhập từng tầng Thiền một, cứ lên rồi xuống,

xuống rồi lại lên, chứ không nhảy cóc. Chúng ta thấy điều này, lý do là theo đây.

Ngài A Nan bạch Phật: "Thế Tôn vì các hành tuần tự tĩnh chỉ mà nói, là nghĩa thế nào?" (Đó là tịch diệt, còn tĩnh chỉ nữa, thì cũng tương tự như vậy thôi).

Đức Phật bảo ngài A Nan: "Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ (tức là đổi với ở trên thôi. Ở trên là chữ tịch diệt, dưới đây là tĩnh chỉ)**. Nhập Nhị thiền thì tầm tứ tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không Vô Biên Xứ, sắc tưởng tĩnh chỉ. Nhập Thức Vô Biên Xứ thì tưởng Không vô Biên xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô Sở Hữu Nhập Xứ, tưởng Thức vô Biên xứ tĩnh chỉ. Nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tưởng Vô sở Hữu xứ tĩnh chỉ. Nhập Tưởng Thọ Diệt, tưởng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ".**

Nói tóm lại là giống như trên, chỉ đổi chữ thôi. Mình chỉ cần biết chỗ đó, để khi nào tu thì quý vị kiểm chứng. Chứ không cần học quá ghê gớm, gọi là mọt sách đâu, mình chỉ cần biết như vậy là được.

Ngài A Nan bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, có phải đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ?"

Đức Phật bảo ngài A Nan: "Lại có sự tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không gì hơn được". Tức là như vậy vẫn chưa, còn có một tĩnh chỉ hơn nữa.

Ngài A Nan bạch đức Phật: "Bạch Thế Tôn, những gì là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không gì hơn được?" Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hay lặp nội dung lắm. Thực ra nội dung lặp [lại] thì chúng ta nghe ngán, nhưng nhắc cho mình nhớ.

Đức Phật bảo A Nan: "Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát;

với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát, đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không gì hơn được".

Nói tóm lại mình tu làm sao một hồi hết tham dục, hết ly nhiễm, giải thoát, rồi hết sân, thì đó là thành công.

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A Nan nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 473. Chỉ Tức - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị có nghe nổi không? Những kiến thức này sâu xa quá. Thật ra mình cứ nghe vậy, tại vì có nhiều người tu cao, có người tu thấp. Nhưng quý vị nhớ, nếu quý vị chưa vào Sơ thiền, thì quý vị cứ canh Sơ thiền, Nhị thiền thôi. Quan trọng là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, quý vị coi ba [tầng] Thiền đó. Ở đây Thiện Trang làm bảng tổng kết rồi, không có gì dài ghê gớm lắm.

Bảng Tóm Tắt - Kinh 473. Chỉ Tức - Kinh Tạp A Hàm

TT	Nhập Tầng Thiền	Tịch diệt, Tĩnh chỉ
1	Sơ thiền	Ngôn ngữ
2	Nhị thiền	Tầm, Tứ
3	Tam thiền	Tâm hỷ
4	Tứ thiền	Hơi thở ra vào
5	Không Vô Biên Xứ	Sắc tưởng
6	Thức Vô Biên Xứ	tưởng Không vô biên

7	Vô Sở Hữu Nhập Xứ	tưởng Thức vô Biên xứ
8	Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ	tưởng Vô sở Hữu xứ
9	Thọ Tưởng Diệt	tưởng và thọ

Tóm lại, nếu nhập tầng thiền thứ nhất là Sơ thiền, thì quý vị sẽ tịch diệt hay tĩnh chỉ được về ngôn ngữ. Nhị thiền thì [tịch diệt hay tĩnh chỉ] về Tầm, Tứ. Tam thiền thì [tịch diệt hay tĩnh chỉ] về Tâm hỉ. Tứ thiền thì [tịch diệt hay tĩnh chỉ] về hơi thở, hơi thở ra vào hết, tĩnh chỉ, tịch diệt là dừng luôn. Tĩnh chỉ là nhẹ nhàng lại, là dừng.

Rồi Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, và Thọ Tưởng Diệt (là Diệt tận định của A-la-hán), thì có những [tưởng] tương tự, gồm có: Sắc tưởng, tưởng Không vô biên, tưởng Thức vô biên (mình nhớ tầng dưới thôi), tưởng Vô sở Hữu xứ, và cuối cùng là Thọ Tưởng diệt là định của A-la-hán. Thậm chí trong Luận Đại Tỳ Bà Sa nói là có một số Tam quả A-na-hàm, có thể nhập được định này, thì thọ và tưởng diệt, tịch diệt hoặc là tĩnh chỉ.

Rất rõ ràng, chúng ta học có kiến thức, có kinh điển căn cứ, không học lung tung lang tang. Cho nên ai tu tới đâu thì cứ căn cứ vào đó mà dùng. Thiện Trang chỉ cung cấp đầy đủ vậy thôi, còn tùy vào công phu của quý vị, có thể lúc này mới nhắm tới Sơ thiền, thì quý vị chỉ quan tâm tới Sơ thiền thôi. Nhưng đến lúc nào đó quý vị nhắm tới Tứ thiền rồi, thì quý vị có thể coi, cũng có tài liệu cho quý vị. Còn nếu ai không hiểu, không chắc, thì cứ tra trong kinh, Thiện Trang nói theo kinh, chứ đâu có giảng theo ý của Thiện Trang đâu.

Bữa nay giới thiệu đề mục tiếp theo là Tùy niệm thiên, tức là mục C6 trong 40 đề mục, để cho hết luôn. Ví dụ như Tịnh Độ, Thiện Trang nói chúng ta đang căn cứ tu theo pháp quán thứ 14 trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, quý vị thấy gồm có các pháp quán, tu Lục niệm là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm

Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Vậy bây giờ mình có biết niệm Thiên là thế nào [không]? Bây giờ đảm bảo hỏi nhiều đồng tu, nhiều người không biết niệm Thiên là như thế nào. Bắt đầu kêu: Niệm Thiên là niệm vua trời Đao Lợi v.v… kiểu vậy đó. Có phải đúng như vậy không? Chúng ta sẽ học bài Tùy Niệm Thiên cho đủ Lục niệm.

C6. Tùy niệm Thiên (theo Luận Thanh Tịnh Đạo):

1. Định nghĩa: Tùy niệm Thiên là sự niệm tưởng có cảm hứng từ công hạnh các vị trời sánh với công hạnh của mình; Suy xét tín, giới, văn, thí, tuệ của mình và của chư Thiên làm bằng chứng.

Theo định nghĩa này là mình biết sự học của nhiều đồng tu là sai rồi đúng không? Cứ tưởng niệm Thiên là vua trời Đế Thích, đặc biệt Thiện Trang nghe trong Tịnh Độ, có người giảng như thế đó. Cho nên có khi mình tưởng niệm chư Thiên là niệm mấy danh hiệu [như] vua trời Đế Thích v.v… Không phải!

Ở đây định nghĩa là sự niệm tưởng có cảm hứng từ công hạnh các vị trời sánh với công hạnh của mình. Tức là mình coi công hạnh của mình có giống công hạnh của vị trời hay không? Xét về năm mặt, là: Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ. Quý vị biết Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ là gì không? Là Ngũ căn, Ngũ lực… (là Thất thánh tài). Chúng ta đa số học rồi, mình coi thử niềm tin của mình là Tín căn, rồi Tinh tấn căn, còn đây là Giới. Đây thuộc về năm điều trong Thất thánh tài: [Tín], Giới, Văn, Thí, Tuệ. Mình coi Tín (là niềm tin của mình), coi Giới của mình so với chư Thiên có giống không? Mình so khả năng học pháp của mình, học rộng nghe nhiều gọi là đa văn. Rồi quý vị coi thử bố thí của mình có được giống chư Thiên không? Trí tuệ của mình có giống không? Giống đây là giống nhân của họ, họ được sanh về đó. Vì sao thì ở đoạn sau có nói. Và chư Thiên làm bằng chứng.

2. Các bước tu.

B1: Người muốn tu tập niệm Thiên cần phải có những đức tính đặc biệt về đức tin, giới hạnh, thính pháp, bố thí về trí tuệ.

Như vậy điều này không phải ai cũng tu được. Quý vị mà không có đức tin là không được, không có giới hạnh thì cũng không được, thính pháp là nghe pháp, [thì] mình lười lắm. Đặc biệt là những người mà một câu Phật hiệu niệm tới cùng thì không có điều này. Rồi bố thí, trí huệ. Mình phải có những đức tính đặc biệt như vậy, chứ không phải ai cũng tu được. Cho nên [muốn tu] đề mục này thì phải coi mình có những điều này không.

B2: Sau đó đi đến chỗ yên tịnh độc cư, ngồi xuống thoải mái rồi niệm tưởng như sau:

Ở đây quý vị thấy, ngồi xuống thoải mái luôn, khỏi bắt ngồi kiết già gì hết, miễn ở chỗ đó phải yên tĩnh, độc cư. Lưu ý tu Thiền chỉ thì phải yên tĩnh, độc cư. Bởi vì âm thanh là chướng ngại nhập Sơ thiền. Nên nhớ! Cho nên là không tu được. Còn tu Thiền quán thì quý vị có thể ở trong động cũng được, luyện tu thân, thọ, tâm, pháp, [tu] Tứ niệm xứ mà. Tu Tứ niệm xứ, đang ồn ào thì ta nghe tâm đang ồn ào; ta đang nghe nhạc thì [biết] ta đang sân với nhạc hay ta đang tham mê với nhạc. Ta thấy rất rõ, thì cũng tu được, Tứ niệm xứ là vậy đó.

Cho nên nhiều người học Phật pháp mà không học, rồi cứ nói sao không tu ở trong rừng đi? Lúc nào tu Thiền chỉ thì ta vô trong rừng, ta tu. Nhưng bây giờ ta đang tu Thiền quán, thì trong rừng quán chưa đủ, ta ra ngoài quán cũng được, cảnh khốc liệt hơn thì ta quán càng dễ hơn chứ. Quý vị thấy không ạ? Tu như vậy!

Cho nên bây giờ Thiện Trang thấy nhiều người không biết kiến thức Phật giáo, cho nên rất đáng thương. Tu cũng không biết nữa, [nói]: 'Ủa? Sao không vô rừng tu?' Thì cũng vô rừng tu chứ. Có! Lúc cần tĩnh chỉ, thì cần có chỗ độc cư để tu. Nhưng tu đó là tu Thiền chỉ, tu Thiền chỉ để hỗ trợ Thiền quán. Ở trong rừng cũng quán tốt chứ, tránh duyên tốt chứ. Nhưng khi mình đủ sức mạnh rồi thì ở đâu mình cũng tu được hết. Cho nên hằng ngày các hàng Tỳ-kheo của đức Phật đi khất thực, vào phố v.v… đức Phật cũng đâu có [cấm]. [Nhưng] đức Phật cũng nói là nếu yếu thì lo vô rừng đi, chỗ nào yên tĩnh, độc cư rồi tu cho tốt, tại vì mình còn yếu.

Cho nên chúng ta học là rõ ràng, chứ không phải mơ mơ, màng màng. Pháp hành cần rõ ràng, còn không, lúc thì mình thấy mâu thuẫn, lúc thì bảo vô đóng cửa nhập thất, lúc thì bảo tu là phải tu trong động, chứ tu trong tĩnh là sao. Thiền chỉ là phải tu trong tĩnh, tại vì âm thanh là chướng ngại nhập Sơ thiền. Quý vị không thể nào trong ồn ào mà nhập Sơ thiền được, điều đó khó lắm. Trừ khi quý vị nhập nhuần nhuyễn quá rồi, quý vị ngồi đâu [cũng] nhập được, thì điều đó khỏi phải nói. Nhưng lúc đang tu thì mình phải tránh duyên.

Còn Thiền quán cũng vậy. Thật ra là lúc đầu cũng phải né duyên, sau đó mình khá rồi thì mình ra mình luyện, luyện [để] khá hơn. Đang bị chửi thì biết tâm ta đang bị chửi. Có nghĩa ta đang thọ khổ đó, tâm ta có phải đang sân không? Đang bị đồ ăn ngon dụ dỗ thì có tham hay không? Tâm tham thì biết đang tham, tâm sân thì biết đang sân. Học Tâm sở hết rồi đúng không? Đang buồn, buồn là sân rồi đúng không? Phải học hết Tâm sở thì mới biết được, mới quán được. [Tu] Tứ niệm xứ mà không học 52 món Tâm sở của A Tỳ Đàm, ở đó mà tu Tứ niệm xứ. Không có! Ít nhất cũng phải học Tâm sở của A Tỳ Đàm hoặc học Tâm sở của bên Duy Thức Đại thừa, học Luận Câu Xá hoặc là Luận Bách Pháp Minh Môn để hiểu cho rõ ràng, thì mới quán được Tứ niệm xứ. Còn không thì quán cái vỏ thôi, không quán ruột được đâu. Mà không quán ruột được thì khó lắm, tu cả đời nhiều khi khó đắc. Khó thôi chứ không phải không được, [phải] tu lâu hơn. Cho nên chúng ta học thấy rõ ràng rồi đó.

Ở đây là ngồi xuống thoải mái niệm tưởng, không có bắt ngồi kiết già đâu. Cho nên ai tu mà nghe được điều này thì mừng, mấy [đề mục] kia bắt ngồi kiết già, còn [đề mục] này thì không.

"Có chư Thiên thuộc Tứ Thiên Vương, chư Thiên Đao Lợi, chư Thiên Dạ Ma, chư Thiên Đâu Suất, chư Thiên Hóa Lạc, chư Thiên Tha Hóa Tự Tại, chư Thiên Phạm Chúng và chư Thiên cao hơn.

Đầu tiên mình nhớ các cảnh trời, cho nên có những người hỏi: "Ủa! Thế học mấy tầng Trời để làm gì thầy?" Bây giờ dùng đây nè! Mình phải nhớ được các tầng Trời, bắt đầu là trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Tu Diệm Ma

(trời Dạ Ma), trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, rồi bắt đầu kể tiếp lên các tầng trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm v.v… rồi trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm; trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh; trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tưởng, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến, trời Sắc Cứu Cánh; rồi bắt đầu trời Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Đó là Thiện Trang cung cấp một cách.

Nếu quý vị coi trong một số kinh, thì có thể chia ra nhiều hơn. Có khi quý vị thấy đức Phật chia Sơ thiền thành bốn phần, có khi chia nhiều hơn, hoặc là lúc chia thế này, lúc chia thế kia. Quý vị không quan trọng lắm. Quý vị chỉ cần biết là có những chư Thiên như thế, bởi vì đề mục này, tu cũng lên tới mức độ không cao lắm. Cho nên chỉ cần nhớ là chư Thiên cao hơn thôi, không cần kể nhiều. Quý vị thấy không? Tới chư Thiên Phạm Chúng và chư Thiên cao hơn thôi, không cần nhiều.

Chư vị thiên ấy thành tựu với đức tin như thế nào mà chết từ cõi này sanh lên cõi Trời ấy, đức tin như thế cũng có nơi ta".

Tức là mình thấy: 'À! Mình cũng có đức tin giống như vậy'. Quý vị biết có nhiều đức tin, nhưng đức tin như thế nào, thì trong Kinh Tạp A Hàm quý vị thấy có một bộ kinh, các chư Thiên xuống báo cáo với Phật: "Con do thành tựu niềm tin bất hoại đối với Phật mà được sanh về làm chư Thiên". Có người nói: "Con do thành tựu niềm tin bất hoại đối với Pháp mà con được sanh về chư Thiên". Có người nói: "Con do thành tựu được niềm tin bất hoại đối với Tăng mà con được sanh về chư Thiên".

Quý vị thấy không ạ? Tu dễ lắm! Quý vị nhớ bài kinh mà đức Phật độ vị Bà-la-môn Lộc Đầu không? Ông mà gõ sọ người đó. Nhân để sanh về chư Thiên là gì? Người đó giữ Năm giới thì được sanh về chư Thiên, hoặc giữ Bát quan Trai giới cũng được về chư Thiên. Năm giới là được lên trời rồi. Hôm bữa Thiện Trang nghe ở trong bộ kinh nào, Thiện Trang chưa tìm ra được, nhưng đó là trong kinh nói: Giữ ba giới là quý vị được [sanh về] cõi Người, và giữ năm giới

là được sanh lên cõi Trời. Cho nên chỉ cần Ngũ giới thôi, quý vị làm trọn Ngũ giới thì được lên cõi Trời. Bộ kinh mà [nói về Phật] độ ông Bà-la-môn Lộc Đầu, ông mà gõ sọ người đó, quý vị nhớ không? Người đó giữ Ngũ giới được sanh lên cõi Trời, đường lành đó. Rồi sau có người [thọ] Bát quan Trai giới cũng được sanh lên cõi Trời luôn. Ngon không! Hồi xưa mình học, mình kêu: Ôi! Ngũ giới mới được cõi Người, làm trọn vẹn 90% Thập thiện trở đi thì mới được lên cõi Trời. Cho nên có nhiều điều mình học theo chư Tổ nên không chính xác, mà phải học trong kinh. Bây giờ chúng ta thấy dễ hơn nhiều, không khó.

Cho nên học theo Phật thì mình thấy vui lắm, điều nào cũng có phước báo, công đức vô lượng, mà tu dễ dàng. Người này đắc đạo, người kia đắc đạo. Thấy vui! Có ông đó chỉ cúng dường cho bà đó thôi, mà [cũng] đắc đạo. Bữa nào Thiện Trang dẫn câu chuyện, có ông đó ác ý hại Phật mà cũng còn đắc đạo nữa kìa. Cho nên ở đó mà cứ nói lung tung lang tang, hù người ta đọa Địa ngục nhiều quá, không nên. Mình phải học đúng kinh Phật, phải cẩn thận.

Nhiều khi học riết rồi hoang mang, cứ sợ mình bị đọa này, đọa kia, riết rồi mình bị sợ. Bị sợ là tâm không tốt. Mình tu làm sao mà tâm mình ít nhất không thọ khổ, không thọ lạc, thì mình phải kéo lên là thọ hỷ, thọ vui. Tại vì sao? Tại vì nếu như Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần bằng tâm như ý, thì đời sau được quả như ý, được vui. Còn Sáu căn của quý vị tiếp xúc với Sáu trần, mà tâm toàn nghĩ khó chịu, gọi là thọ khổ, thì đời sau khổ tiếp. Cho nên mình đừng có dại, hoang mang, sợ đọa lạc, sợ này sợ kia.

Cho nên Thiện Trang nói đi nói lại, nhiều người kêu: "Thưa thầy, con lỡ phá thai nhiều lắm rồi, phá mấy đứa con lận". Thiện Trang nói quý vị có giết người nhiều bằng ông tướng cướp Vô Não Angulimala không? Kêu: "Dạ không! Con không có giết nhiều như vậy". Ổng giết nhiều [người] như vậy mà ổng còn đắc quả A-la-hán kìa. Còn cô nào mà tà dâm nhiều, thì nhớ cô kỹ nữ vườn xoài Ambapali, cổ làm kỹ nữ bao nhiêu lâu, rồi cuối cùng cổ nghe pháp Phật thuyết, đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Bữa nào Thiện Trang dẫn thêm một câu chuyện, là ông đó hại Phật mà cũng đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Trước đó là hại Phật, mà sau đó

đắc quả Tu-đà-hoàn.

Cho nên mình không học Phật, cứ gán cho người ta tội tưởng như chết người, cứ vô Địa ngục, vô Địa ngục không thôi. Học kiểu gì, học Phật pháp đâu phải như thế. Tâm ta chuyển một cái là được. Nên nhớ ông vua A Xà Thế phối hợp với Đề Bà Đạt Đa, tuy hai ông đó làm nhiều việc ác đọa Địa ngục, mà cuối cùng sau này hai ổng cũng đắc đạo, nên nhớ như vậy. Bữa nào Thiện Trang dẫn một câu chuyện hài hơn nữa, là ông đó chẳng ra gì, mà đức Phật nói sau này ổng cũng thành đạo. Hay lắm quý vị! Dốt như ông Châu Lợi Bàn Đà Già (Châu Lợi Bàn Đặc), vậy mà cũng đắc đạo. Cho nên Phật pháp hay lắm!

Ở trong Kinh Đại Bảo Tích, mà thật ra là Kinh A Hàm cũng có dẫn lại. Kinh A Hàm và Kinh Đại Bảo Tích đều nói: **"Giống như nước trăm con sông đều đổ về biển, dòng nước của trăm sông tuy có vị khác nhau, nhưng khi đổ vào biển thì chỉ có một vị, đó là vị mặn. Cũng vậy, từ các dòng dõi hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, thợ thuyền, v.v... nhiều chủng tánh, nhiều chủng tộc khác nhau, nhưng khi vào trong giáo pháp của Ta thì chỉ có một vị, đó là vị giải thoát".**

Quý vị nhớ như vậy! Đức Phật nói quá hay, quá tuyệt vời và đúng như vậy. Thật tế trong kinh chúng ta thấy như vậy, chúng ta học chúng ta có niềm tin. Còn không học, không có niềm tin, mình cứ sợ điều này, sợ điều kia. Càng sợ bao nhiêu thì càng đọa bấy nhiêu thôi, nên nhớ như vậy!

Luân hồi đúng là đáng sợ, quý vị sợ luân hồi nhưng không phải là sợ kiểu đó, không phải sợ suốt ngày đọa. Mà phải nói là mình phải cố gắng tu, bởi vì mình sợ luân hồi. Chứ không phải mình hoang mang, sợ Địa ngục rồi suốt ngày cứ nhớ đọa Địa ngục, sợ Ngạ quỷ rồi suốt ngày nhớ Ngạ quỷ, sợ Súc sanh rồi suốt ngày nhớ Súc sanh, mình nhắm là sau này mình vô Súc sanh là tiêu rồi. Không phải như thế, mà mình phải tịnh tâm.

Cho nên tu hành Phật giáo phải chính xác. Không chính xác là tiêu đấy. Tu riết rồi đời sau đọa, đời sau ở cảnh giới thấp. Rồi lúc đó mình trách, mình tưởng

là mình tu không đúng, mình tu không được. Thật ra là mình tu thừa được. Quý vị hiểu như vậy. Tịnh Độ cũng vậy, 'tâm tịnh tắc Phật độ tịnh', đây là trong Kinh Duy Ma Cật Nói, câu đó là trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, để nói về cõi nước, là tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Còn nếu như tâm của mình không tịnh, thì Cực Lạc không thể nào hiện tiền được, Tây Phương Cực Lạc không thể nào có phần đâu. Cho nên phải hiểu như vậy thì mình mới tu được.

Ở đây, như vậy đầu tiên là mình phải so sánh đức tin của mình với đức tin của chư Thiên, người ta có thế nào thì ta cũng có được như thế. Nghĩa ta cũng đủ niềm tin giống nhau thì mới sanh về chư Thiên v.v….

"... Chư vị thiên ấy thành tựu giới hạnh như thế nào mà chết từ cõi này sanh lên cõi trời ấy, giới hạnh như thế cũng có nơi ta".

Giới hạnh thì đơn giản thôi, là làm trọn Ngũ giới, Bát quan Trai giới. Trong Ngũ giới cũng có lên cõi Trời, Bát quan trai giới cũng lên cõi Trời. Chúng ta cũng đã học, có một bài kinh trong Kinh Nikaya, có ông đó mở quán nước, chỉ cúng dường nước thôi, mỗi ngày ổng cúng dường nước. Thật ra là ổng tặng nước cho người đi qua đường thôi, mà đời đó ổng cũng lên sanh trời Tứ Thiên Vương nữa. Quý vị thấy không? Rồi chúng ta mới nghe câu chuyện hồi nãy xong, là ông đó cúng dường một lần nước thơm cho Phật với một chút mật, là được lên trời Tứ Thiên Vương.

Cho nên mình nghĩ như vậy, đời này mình cũng làm nhiều thứ lắm mà đúng không? Thiện Trang thì không nhớ lắm, ở trong đâu đó có nói, không biết có trong kinh hay không, Thiện Trang chưa khẳng định, phải lục lại, chứ nhớ nhớ kiểu này nguy hiểm lắm. Nhưng đây là tạm nói thôi, đức Phật nói hay là ai đó dẫn lời đức Phật thì không biết, tóm lại có chỗ nói là: Sau này Ta không có mặt ở đời, nhưng cúng dường hình tượng của Ta, xá lợi, v.v... thì phước cũng không khác gì cúng dường Ta. Không biết đúng hay không, thấy có dẫn điều đó, Thiện Trang phải kiểm tra lại, tại vì bây giờ lâu quá rồi, không có nhớ đoạn đó nên là lời của kinh, hay lời trong sách nào, hay lời trong luận nào. Mình phải cẩn thận, để coi lại.

Tóm lại nếu là như vậy, hằng ngày có hình tượng Phật, thì quý vị cũng có phước báo lớn lắm. Tại vì hồi xưa Thiện Trang nghe có một vị thầy giảng, nói là mỗi ngày bước một bước chân tới Phật thôi, là gần Phật thôi, thì công đức phước báo vô lượng rồi. Thiện Trang kêu: Ủa! Kinh nào nói? Nghe câu đó nói đã quá, nhưng kinh nào nói? Sau này Thiện Trang coi gần hết kinh rồi, thì Thiện Trang phát hiện là Kinh A Hàm nói. Nhưng thầy đó dẫn không chính xác. Tức là sự kiện đó là sự kiện của Trưởng giả Cấp Cô Độc, khi Trưởng giả Cấp Cô Độc đi tới Như Lai (đức Phật) lần đầu tiên trong đêm, mà được chư Thiên [dẫn đường]. Vị chư Thiên đó là bà con của ổng, trước đó được ngài Xá Lợi Phất hướng dẫn, ổng chết xong thì sanh lên trời Tứ Thiên Vương rồi. Ổng muốn độ ông Trưởng giả Cấp Cô Độc, nên dẫn đường chỉ lối cho đi tới Phật. Cho nên ổng khuyến tấn là: mỗi bước mà ông bước đi tới Phật, là công đức ông vô lượng. Câu đó là trích dẫn từ đó. Nếu mình đem câu đó áp dụng với mình thì không đúng. Cho nên học là phải học nguyên văn, chứ mình nghe đầu này rồi chấp vào đầu kia, riết rồi một hồi truyền tầm bậy.

Cho nên Thiện Trang thấy là bây giờ mình học cứ theo kinh dẫn. Khi giảng Thiện Trang có chia sẻ, lâu lâu Thiện Trang nói là không biết, Thiện Trang nói theo trí nhớ của Thiện Trang. Mà trí nhớ thì có thể sẽ sai, đôi khi bị nhầm đó. Bởi vì mình không phải là bậc A-la-hán, mà phải là bậc A-la-hán đoạn hết phóng dật kiết, thì khả năng đó đỡ hơn, nói ra có thể không sai. Còn mấy bậc A-la-hán gì đó đằng sau nữa, nói chung là Ba-la-mật của mình phải đủ, thì khi đó sẽ thành công, nói sẽ chính xác 100%.

Còn bây giờ giống như mình cũng có trí tuệ biện tài, chẳng qua là mình tu mấy Ba-la-mật về biện tài hay gì đó nhiều hơn, cho nên có nhiều hơn, nhưng do mình chưa đủ những điều đằng trước nên chưa đắc đạo được. Hoặc là do trong đời quá khứ mình cũng phát nguyện thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, cho nên không đắc đạo A-la-hán. Nếu mình chuyển nguyện lại thì mới đắc được. Đó là những nguyên nhân có thể, mình không biết thế nào, bao giờ tu thành đạo rồi thì mới biết.

Như vậy thứ nhất là đức tin, thứ hai là giới hạnh, và thứ ba là gì?

"... Chư vị thiên ấy thành tựu nghe pháp như thế nào mà chết từ cõi này sanh lên cõi Trời ấy, sự nghe pháp như thế cũng có nơi ta". Tức là mình cũng thích đúng không? Quý vị cũng có nghe pháp mà. Chư Thiên cũng nghe pháp thì mới được sanh lên đó, mình cũng vậy.

"... Chư vị thiên ấy thành tựu xả thí như thế nào mà chết từ cõi này sanh lên cõi Trời ấy, sự xả thí như thế cũng có nơi ta". Điều này cũng có đúng không? Điều này mình cũng làm được, mình bố thí được.

"... Chư vị thiên ấy thành tựu trí tuệ như thế nào mà chết từ cõi này sanh lên cõi Trời ấy, trí tuệ như thế cũng có nơi ta". Trí tuệ như thế nào? Đức Phật nói người Tà kiến thì sẽ đọa ba đường ác, cho nên phải có Chánh kiến. Chánh kiến là gì thì chúng ta đã học rất nhiều rồi. Chánh kiến thì có Chánh kiến Thế gian và Chánh kiến Xuất thế gian là quý vị thành Tu-đà-hoàn. Cho nên mình phải hiểu.

3.Kết quả

Trong kinh nói: "Này Mahānāma, khi một vị Thánh đệ tử niệm tưởng tín, niệm tưởng giới, niệm tưởng văn, niệm tưởng thí, niệm tưởng trí tuệ mà chư Thiên có, chính mình cũng có, thì khi ấy tâm vị này không bị ám ảnh bởi tham sân si, được chánh trực vì được cảm hứng từ chư Thiên" (A.III,288).

Có nghĩa là quý vị cứ nhớ niệm tưởng về năm điều: là Tín (niềm tin), Giới, nghe pháp, bố thí, và trí tuệ mà chư Thiên có, thì mình cũng có, lúc đó tự nhiên tâm mình không bị ám ảnh bởi tham sân si nữa, và được chánh trực vì được cảm hứng từ chư Thiên.

Điều này khác với tu Đại thừa đúng không quý vị? Đại thừa toàn nói là bố thí thì thôi, quên hết đi. Cho nên mình chưa học Tiểu học mà lên Đại học là mình rớt, nguy hiểm là chỗ đó. Điều này cũng là nghe nói lại, Thiện Trang chưa tìm

thấy kinh đó, Hòa thượng Tịnh Không nói: Trong Phật Tạng Kinh, có một bộ kinh tên là Phật Tạng Kinh, nói là: 'Đệ tử Ta, trước không học Tiểu thừa mà học Đại thừa, thì không phải là Đệ tử Ta'. Điều đó thì rõ ràng đúng không? Nếu đúng như vậy.

Thiện Trang nói đấy là Thiện Trang cũng chỉ nghe thôi, Thiện Trang không nhớ ra để tìm bộ kinh đó, để bữa nào tìm Phật Tạng Kinh, để xem có bài kinh như thế không. Mình phải kiểm tra lại, coi nếu đúng như vậy thì mình sẽ trích dẫn. Tại vì có người thắc mắc: 'Thưa thầy, hồi xưa làm gì có Đại thừa và Tiểu thừa đâu mà nói như vậy?' Thiện Trang nói để Thiện Trang kiểm tra lại, mà bữa giờ quên. Thiện Trang duyệt Kinh A Hàm là không có rồi đó, để kiếm coi có kinh như thế không.

Như vậy tóm lại là không phải là không chấp tướng, mà đây là chấp tướng để tu. Chúng ta học rất rõ ràng. Còn bao giờ quý vị lên Bồ-tát rồi thì mới không chấp tướng. Mình đang là phàm phu mà, mình phải tu niệm Thiên để đắc Thiền nữa.

Do hân hoan như vậy, hành giả dẹp được những Triền cái, tâm trở lên định tĩnh và các Chi thiền khởi lên (quý vị thấy không? Muốn dẹp Triền cái, thì đây là một pháp tu để diệt năm Triền cái và để đạt được các Chi thiền)**, nhưng vì tâm hành giả bận tưởng niệm nhiều đức tính đặc biệt nên chỉ đạt Cận hành định** (là Định cận hành. Ở đây mỗi dịch giả đặt mỗi kiểu, Thiện Trang thấy Định cận hành hay Cận hành định cũng được, chữ nào cũng được)**, không đắc An chỉ định.**

Tóm lại là đề mục này không đắc Sơ thiền, nên nhớ như vậy! Nhưng giúp cho mình được các Chi thiền. Các Chi thiền đầy đủ, trừ hết Triền cái là được rồi, hết buồn ngủ là được rồi. [Quý vị] nên nhớ như vậy.

Một người chuyên tâm tu tập niệm đức lành chư Thiên, vị ấy được chư Thiên thương tưởng, có niềm tin sâu xa hơn, có nhiều hạnh phúc, an lạc; Và dù không đắc quả gì cao siêu, nhưng ít nhất vị ấy cũng hướng đến

một cảnh giới tốt đẹp trong tương lai.

Quý vị nhớ nha! Tu tập như vậy, tuy không được gì nhiều, nhưng ít nhất được chư Thiên thương tưởng, chư Thiên gia hộ. Rồi có niềm tin sâu xa hơn, có nhiều hạnh phúc an lạc, bởi vì mình thấy mình được những công đức này. Còn mình tu, mà mình bảo xả hết, cho nên cuối cùng mình chả nhớ gì, cho nên lúc nào cũng sợ tội lỗi. Xả thì xả luôn cả tội đi, đằng này xả phước mà nghĩ tội, thì thôi, đọa lạc đáng chịu. Thà rằng xả tội nghĩ phước thì còn thăng thiên, thăng cảnh giới đúng không? Còn bây giờ mình làm ngược. Cho nên học, hành giả Đại thừa học mà không có nền tảng thì nhiều khi chết bị đọa là vậy đó. Nguy hiểm là ở chỗ này.

Ở đây ít nhất là hướng đến một cảnh giới tốt đẹp trong tương lai. Bởi vì sao? Tâm mình nghĩ toàn những điều tốt thì sẽ đi về cảnh giới tốt đẹp thôi. Đơn giản vậy thôi!

Tiếp tục, ở đây có đoạn tổng kết về sáu Tùy niệm:

***Sáu pháp Tùy niệm vừa nói đến: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, là những pháp niệm tưởng đã được đức Thế Tôn trình bày để chỉ cho một vị Dự lưu chỗ trú khi Cư sĩ Mahānāma hỏi ngài về một chỗ trú (A. III, 285).**

Đây là bài kinh luôn nha, tức là ngài Phật Âm sợ mình không biết là tôi nói từ đâu ra, thì ngài nói đây là đức Thế Tôn trình bày, để chỉ cho một vị Dự lưu chỗ trú khi Cư sĩ Ma Ha Nam hỏi. Và bộ kinh là Kinh 285, chữ A này là gì thì Thiện Trang quên rồi, hình như chữ A là Kinh Tương Ưng à? Nhất thời Thiện Trang quên mấy chữ viết tắt rồi, trong năm bộ Nikaya, họ viết tắt chữ T, chữ A, rồi chữ S gì đó, thì Thiện Trang quên mất chữ A là bộ kinh gì. Quý vị giỏi thì quý vị bình luận vô, nhắc giùm Thiện Trang, Thiện Trang quên mất mấy chữ này rồi, không nhớ. Kinh này ở phẩm III và Kinh 285.

Cũng thế, trong Kinh Gedha dạy một vị Thánh đệ tử nên tịnh tâm nhờ phương tiện các tùy niệm, có những chúng sanh được thanh tịnh do

nhờ lấy các pháp tùy niệm làm chỗ trú (A. III, 312)...

Bộ Kinh này là 312. Quý vị thấy vân vân ... là nhiều kinh lắm, chứ không phải là ngài Phật Âm tự nói ra. Quý vị hiểu không? Quý vị có thể tìm trong những bộ kinh đó.

Qua đó cho thấy những pháp tùy niệm này chỉ thành công ở các vị Thánh đệ tử, vì bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm... đức tin Tam Bảo là bất động, giới thanh tịnh tuyệt đối, và có được những đức tính tương tự với đức tính chư Thiên.

Nếu là Thánh đệ tử thì ngon rồi, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, tức là dạy toàn Thánh đệ tử không [thôi]. Nhưng chúng ta thì sao? Ở đây ngài cũng nói luôn:

Tuy nhiên, một người thường cũng có thể tu tập sáu tùy niệm này nếu người ấy thành tựu được đức tin Tam Bảo, thành tựu được giới hạnh thanh tịnh, thành tựu được tâm thí xả v.v... Nhưng chỉ vì hạng phàm phu tâm thiện hành không kiên cố thăng bằng nên khó thành công khi tùy niệm sáu pháp này.

Quý vị thấy đúng không? Thiện Trang nói ngay từ đầu rồi, có những pháp Thiện Trang kêu khó, không làm được. Quý vị cũng vậy đúng không? Tại vì mình đâu có thanh tịnh giới 100% đâu, thì làm sao tùy niệm Giới được. Tùy niệm Thí xả, mà mình keo kiệt quá, mình chưa có rộng rãi v.v... Nhưng mình tu cũng được, nếu mình thành tựu một điều thì mình cũng tu được một điều. Bây giờ Tùy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, dù sao mình cứ niệm như vậy thì rõ ràng hơn. Và đây là [đề mục] Tùy niệm, là tu Thiền chỉ nha.

Bây giờ mình xem niệm Thiên trong Kinh A Hàm, chúng ta học luôn, coi Kinh A Hàm dạy như thế nào:

Niệm Thiên Trong Kinh A Hàm

"Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức, niệm: Tứ Vương Thiên,

Tam Thập Tam Thiên, Diệm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên. Ai với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi này sẽ sinh lên các cõi Trời. Ta cũng như vậy, với Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ, mạng chung ở nơi này, ta sẽ được sinh lên các cõi Trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục (tức là Ngũ dục)**. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-Bàn.**

Tức là đoạn này cũng nói không dài lắm. Thiện Trang thấy đoạn này nói đơn giản, thật ra cũng giống như trên, giải thích tương tự như trên, cho nên Thiện Trang không nói nhiều. Tóm lại là mình nhớ được năm điều: Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ. Mình có như thế thì mình yên tâm, sau này mình sẽ được lên cõi Trời, nghĩ như vậy. Và do như thế nên mình không bị ba điều là tham, sân, si, và mình an trụ trong chánh niệm, chánh trí, mình nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-Bàn. Đây là cách để niệm, nói cũng không rõ, nhưng nói đơn giản là vậy.

Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật".

Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

(Trích Từ Kinh 549. Ly[251] - Kinh Tạp A Hàm).

(Kinh 549, Kinh tên là Ly, là Kinh 550 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh).

Đây là giới thiệu thêm cho chúng ta biết thôi, [chứ] chúng ta đã được học

đầy đủ hết rồi. Hôm nay còn một chút thời gian, thì tranh thủ giới thiệu luôn cho quý vị về Tâm sở cho hết, rồi chúng ta tu cho khoẻ. Sau này chúng ta học chủ yếu vào 37 Phẩm trợ đạo thì học luôn. Sau khi học hết phần căn bản rồi, mình chuyên học Luận Câu Xá thì sẽ dễ hơn. Chứ bây giờ cứ học giữa chừng, học bộ này mà nhảy qua bộ kia thì rối. Cho nên hiện tại Thiện Trang tạm dừng chia sẻ Luận Câu Xá lại, [mà] chia sẻ mấy phần này thôi.

Hôm nay chúng ta học về Tâm sở, thì chúng ta nhớ lại Tâm sở trong A Tỳ Đàm. Chúng ta có 52 món Tâm sở, [trong đó] có 13 Tâm sở Tợ tha, quý vị còn nhớ không? [Tâm sở] Tợ tha là đi theo mấy thằng khác, [Tâm sở] Thiện hay Bất thiện. Trong đó có 7 Tâm sở Biến hành (tức là 7 Tâm sở này lúc nào cũng có mặt trong tất cả trường hợp) là: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. Và 6 Tâm sở Biệt cảnh (6 Tâm sở này có lúc có, có lúc không) là: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục. Quý vị làm sao nhớ những [Tâm sở] này cho tốt. Mình nghe nhắc danh tự mà mình hiểu được ý nghĩa thì tốt.

14 Tâm sở Bất thiện chia làm hai nhóm: 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành và 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh. 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành, tức là nếu Bất thiện thì lúc nào cũng có mặt 4 [Tâm sở] này, đó là: Si, Vô tàm, Vô uý và Trạo cử. Một người phải có có 4 [Tâm sở]: Si, Vô tàm, Vô úy và Trạo cử thì mới làm những việc bất thiện được. Rồi ngoài 4 [Tâm sở] này ra, thì có thể cộng thêm mấy [Tâm sở] như Sân, Tật, Lận, Hối (thuộc nhóm Sân phần) hoặc là Tham, Tà kiến, Ngã mạn (thuộc nhóm Tham phần), để làm cho bất thiện mạnh thêm. Sau này mình học trong những trường hợp nào thì có những [Tâm sở] này. Nói chung bất thiện đa số là do tham, do sân và do si, do ba thằng này. Rồi ngoài ra còn nhóm Trì trệ và Do dự nữa, gồm: Hôn trầm, Thụy miên và Nghi, cũng là bất thiện luôn. Quý vị thấy chưa? Sơ sơ là rớt vô bất thiện. Cho nên mình không tu thì mình đâu có biết, điều nào cũng là bất thiện hết.

Rồi trong 25 Tâm sở Tịnh hảo, thì chúng ta đã giới thiệu qua 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, và 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh. Như vậy [Tâm sở] Biến hành là có tới 19. Chính vì vậy mới khó thiện là vậy đó, tới 19 [Tâm sở] thì mới

được thành thiện. Tức là thiện lúc nào cũng có 19 Tâm sở này. Rồi ngoài ra còn có 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh, đó là: 3 Tâm sở Giới phần, tức là lúc đó mình đang giữ giới được, giữ giới được là phải kéo 3 Tâm sở Giới phần này; 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần, mình phải có tâm vô lượng, Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Ai phát tâm Bồ-đề vô lượng thì dùng [Tâm sở] này. Và 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền, phải có trí, không có trí là không được.

Cho nên tại sao mình tu để có Bát chánh đạo thì khó, tại vì mình coi bảng này thấy đâu có dễ đâu. Có những điều kiện nào, thì mình phải học hết bảng này rồi, lúc đó mình mới kéo tâm về Bát chánh đạo. Ở đây Thiện Trang giới thiệu sơ sơ:

19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành ở đây vẽ chưa hết, gồm có: Tín (là phải có [niềm] tin); có Niệm, (Niệm ở đây không chỉ là ghi nhớ, mà là nhận biết cảnh rõ ràng, và dõi theo được cảnh); rồi Tàm, Uý, Vô tham, Vô sân. Chúng ta học đến [Tâm sở] Trung hòa rồi, Trung hòa là cân bằng. Bữa nay mình học tiếp [Tâm sở] Tịnh tâm, Tịnh thân, rồi sau này học Khinh tâm, Khinh thân, Nhu tâm, Nhu thân. Có 6 cặp như vậy, cứ hai [Tâm sở] một thân, một tâm, cộng lại là 6 cặp, 6x2=12. Như vậy chúng ta thấy rõ ràng, 7 [Tâm sở] riêng với 6 đôi là 19. Do chưa vẽ hết, mình học tới đâu thì vẽ tới đó. Hôm nay chúng ta sẽ học Tâm sở Tịnh tâm và Tịnh thân, chữ [tịnh] có chỗ dịch là tĩnh.

19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, thì bữa nay chúng ta học tới Tâm sở (8) và (9). Hai Tâm sở này đức Phật dạy chung và chúng ta cũng học chung luôn. Hai Tâm sở này giống nhau cho nên đi chung, gọi là Tịnh tâm và Tịnh thân. Có chỗ có khi dịch là Tịnh hay là Tĩnh, thì cũng không sai, Tịnh hay Tĩnh gì cũng được.

(8) Tâm sở Tịnh tâm; (9) Tâm sở Tịnh thân:

Định nghĩa Tịnh thân và Tịnh tâm có nghĩa là gì? Chữ thân ở đây không phải là thân thể, mà trong tiếng Hán, chữ thân là thân cận, thân gần, liên quan đến nhau, giống như người thân. Cho nên quý vị đừng nghĩ Tịnh thân là thân thể thanh tịnh, là sai lầm nha. Mà **chỉ cho nhóm sở hữu là danh pháp câu**

sanh với tâm.

Tịnh tâm và Tịnh thân, thật ra ở đây có một nhóm các Tâm sở, chúng ta học hai điều: là tâm và Tâm sở. Do chúng ta đang học Tâm sở, nên chưa học về tâm, sau này mình học tâm nhân, Tâm quả là một chủ đề riêng, từ từ học. Bây giờ đang học một lúc hai cái thì đành phải nói thêm thôi.

Tóm lại điều này là chỉ cho một nhóm. Thân là một nhóm, ví dụ như người thân với nhau, cùng sanh ra với tâm, đó là một nhóm. Ở đây mới giải thích chữ thân thôi, thân là một nhóm các Tâm sở, nói vậy cho dễ hiểu. Còn chữ tịnh là gì? Chữ tịnh, có khi dịch là tĩnh, vì là chữ Pali nên khi dịch sang thì có người dịch là tịnh, có người dịch là tĩnh. Mình hiểu chữ tịnh đó là sự yên tĩnh, yên lặng, thanh bình. Như vậy: **Tịnh thân là sự yên tịnh của những Tâm sở hay những danh pháp câu sanh.**

Có nghĩa là trong các Tâm sở, thì cũng sẽ [có những Tâm sở] yên tịnh. Và mình nói danh pháp câu sanh, danh pháp là gì? Trong chúng ta có hai phần: phần Danh và phần Sắc. Sắc là thân thể vật chất của mình. Còn danh là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói vậy cho dễ! Trong Ngũ uẩn, có bốn thứ gọi là danh pháp, đó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; còn Sắc là Sắc pháp luôn; Danh và Sắc. Mình hiểu như vậy, rồi mình mới vô tới định nghĩa của Tịnh thân và Tịnh tâm là gì?

Sự yên tĩnh của Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn gọi là Tịnh thân.

Tức là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, ba thằng đó mà yên tịnh xuống thì gọi là Tịnh thân. Mình nói vậy cho dễ hiểu, chứ bây giờ nói Tâm sở tùm lum quá, không hiểu. Tịnh thân là như vậy. Tức là những thằng đó vào một nhóm, một nhóm có ba thằng: Thọ, Tưởng và Hành. Ai học Bát Nhã Tâm Kinh thì cũng biết điều này, căn bản nhất của người tu Bắc truyền luôn luôn biết, là Bát Nhã Tâm Kinh: **"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc; Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị".**

Ở đây Thọ, Tưởng, [Hành] uẩn, ba thứ này yên tĩnh xuống với nhau cùng một lúc, thì gọi là Tịnh thân. Còn bây giờ hỏi Thọ là gì, Tưởng là gì, Hành là gì,

thì coi lại bài cũ, đừng có hỏi nữa nha. Bây giờ mà hỏi Thọ, Tưởng uẩn là gì, thì giảng hết giờ luôn.

Rồi còn một điều nữa, đó là Thức. **Khi nào Thức yên tĩnh thì gọi là Tịnh tâm.** Đơn giản vậy thôi! Tịnh tâm là Thức yên tĩnh, rất rõ ràng. Tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức chia ra: Thọ, Tưởng, Hành yên tĩnh thì gọi là Tịnh thân; khi Thức yên tĩnh thì gọi là Tịnh tâm. Vậy mình đã yên tĩnh được chưa? Nếu không yên tĩnh được thì không có Tịnh tâm được.

Thân và tâm ở đây phải hiểu ám chỉ của Tứ danh uẩn (tức là bốn điều đó). **Hai Tâm sở này có cùng đặc tính là trạng thái là yên bình của danh uẩn, đối lập với Phiền não Trạo hối làm xao động thân tâm.**

Tức là hai Tâm sở này, đơn giản là đặc tính yên bình của bốn điều: Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Và nó đối lập với trạng thái xao động, trạo cử lung tung. Cho nên tại sao 2 [Tâm sở] này là Tâm sở Tịnh hảo Biến hành. Bởi vì sao là Tâm sở Biến hành? Là vì nó phải có trong tất cả Tâm sở Tịnh hảo. Cho nên mình học một hồi thì mình có điều này không?

Vậy khi nào tâm ta lăng xăng, là đang tốt hay xấu? Là đang bất thiện rồi. Cho nên học tới đây thì mình biết tại sao tu khó vậy đó. Tâm mình chỉ cần có lăng xăng, có trạo cử, hối hận, v.v… tức là bốn điều đằng sau: Thọ, Tưởng, Hành, Thức của mình không yên tĩnh được, là mình đã bất thiện rồi. Tại vì mình đã rớt những điều này rồi. Khó vậy đó! Cho nên tu, mọi người [cần] điềm tĩnh.

Ngày xưa Thiện Trang tưởng tu dễ lắm, tu tâm dễ lắm. Sau này mình học tới những điều này thì thấy khó quá. Biết quán tâm đó, nhưng một hồi mình nổi sùng, thì thấy mình thấy nổi sùng. Biết tâm ta đang sân, tâm ta đang si, tâm ta đang tham đó. Hồi xưa ta không biết, nhưng bây giờ ta biết thôi, chứ không chống được.

Có nghĩa là học điều này, mình quán Tứ niệm xứ [thì] mình quán được. Nhưng chỉ quán được thôi, chứ mình vẫn chưa kìm được. Tất nhiên là không kìm được rồi, nếu kìm được thì quý vị là Tam quả A-na-hàm, chứ quý vị đâu

phải là phàm phu. Cho nên là bình thường. Nhưng biết là được rồi, đức Phật nói là biết thôi, cứ biết đi con. Mà muốn biết thì phải nắm được những Tâm sở này, Thọ, Tưởng, Hành uẩn, Thức uẩn, bốn thứ đó mà không yên tĩnh thì con đang bất thiện đó con. Vậy thôi! Đơn giản! Học tới đây thì mới thấy là tâm lao xao, dễ gì. Thấy khó chưa?

Tướng trạng của hai Tâm sở này là lắng yên sự bồn chồn của thân, tâm. Nhiệm vụ của chúng là trấn áp sự rạo rực của thân, tâm.

Cho nên thân, tâm mình tại sao rạo rực, tại sao lại bồn chồn? Là do không thấy được hai Tâm sở này. Cho nên không học điều này thì khó quán tâm lắm, quý vị thấy tại sao học các Tâm sở lại quan trọng. Bữa nay học thì biết rồi. Cho nên học Vi Diệu Pháp hay như vậy mà không chịu học, uổng phí cuộc đời. Cho nên Thiện Trang nói không học môn này là mất nửa đời tu, thậm chí 3/4 mất đời tu hành luôn. Ai cũng đòi tu Tứ niệm xứ, ai cũng đòi niệm Phật vãng sanh, ai cũng đòi tu môn này môn kia. Nhưng liệu ta đã làm chủ được tâm chưa?

Muốn làm chủ được tâm thì phải quan sát được tâm. Muốn quan sát được tâm thì phải biết Tâm sở. Phải ôm [nằm] lòng được 52 món Tâm sở, không cần nhiều lắm, chỉ cần quan sát được tâm đang sân thì biết đang sân, tâm đang si thì biết tâm đang si, tâm đang thế nào thì biết thế đó. Chỉ cần biết như vậy là thành công. Bởi vì [sự] biết đó giúp cho mình sáng suốt. Và sự biết đó đến lúc nào đó đủ dừng một phần. Dừng một phần thôi, [chứ] không dừng [thì] ghê lắm. Tại vì tâm mình không có Thiền chỉ, không ly được tham, [còn] tham thì cũng còn sân.

Cho nên phải tu Thiền chỉ, vì Thiền chỉ giúp tâm được giải thoát. Nhiều đồng tu không tu Thiền chỉ, quý vị tu Thiền quán [không thôi] thì khó định lắm. Vì mình biết đó, nhưng biết [thôi thì] không kịp, tâm lao xao chạy trước rồi. Còn nếu mình đắc Thiền chỉ, khi nào quý vị đắc được một chút Thiền chỉ thôi, hoặc là mình có công phu Thiền chỉ, thì tự nhiên tâm mình nhẹ nhàng.

Thiện Trang để ý, như hôm qua Thiện Trang bận soạn bài, không tu Thiền

chỉ được, nên hôm nay tâm Thiện Trang không định tĩnh bằng. Còn nếu bữa nào Thiện Trang thiền được, là bữa sau [tâm] yên lặng, rất rõ ràng. Ngày nào mà không tu Thiền chỉ là có vấn đề liền, chứ cần gì đâu phải cao sang. Mình tự tu thì mình tự biết thôi, cần gì phải nói người khác.

Cho nên hãy thực hành, hãy tu, đạo Phật là phải thực hành, chứ nghe không [thôi] thì không được đâu. Quý vị [tu] Thiền chỉ 15 phút, 30 phút cũng thấy hiệu quả khác ngay, rồi quý vị mới tin. Chứ nếu không thì quý vị không tin, rồi quý vị cứ chạy lan man, nói thầy Thiện Trang giảng gì đâu. Không có! Phải thực hành, phải tự mình trải nghiệm con đường [mà] người ta chỉ.

Giống như Thiện Trang chỉ cho quý vị con đường đi từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh, cứ đi tới Thanh Hóa, Nghệ An rồi đi tiếp đi, đi qua Quảng Bình, Quảng Trị, rồi đi đi... Quý vị nói biết rồi, biết hết rồi, một hồi tới Đồng Nai rồi cũng vô thành phố Hồ Chí Minh thôi. Nhưng một hồi đi thật thì bắt đầu lạc, tại vì chưa đi bao giờ. Mình muốn đi là phải đi thật. Rồi đi một hồi nói: "Thầy ơi, con tới Nghệ An rồi, mới tới ngã ba này, con không biết đường nào đâu thầy". Lúc đó thì điện thoại, Thiện Trang mới nói: À! Ngã ba đó là đi lối này, lối này.

Cũng vậy, khi quý vị thiền rồi, quý vị gặp vấn đề thì mới hỏi Thiện Trang. Chứ chưa thực hành, chưa gì hết mà vô bắt đầu hỏi thì làm sao đúng được. Hãy thiền đi! Tu đi! Tứ niệm xứ rồi cứ tu đi, nghe pháp rồi thực hành đi, rồi bắt đầu mới phát sinh vấn đề. Chưa phải là kết quả liền đâu, tu rồi mới thấy, đổ ra chuyện này chuyện kia, rồi bắt đầu mình sửa, sửa một thời gian, chỉnh lại thì mới chuẩn.

Thiện Trang cũng vậy thôi, Thiện Trang cũng phải tu mới thấy được điều này, thấy được điều sai, thấy được điều đúng, thấy được pháp v.v... Đó là Trạch pháp Giác chi đó quý vị, mình cũng phải lựa chọn cho đúng. Cho nên chỉ có người sáng suốt, trong tâm sáng suốt, đi con đường sáng suốt, mình luôn luôn nhìn được bước chân của mình. Mình biết mình đang tu như thế nào, tâm mình như thế nào, cảnh giới như thế nào, v.v… Đó là Niệm giác chi, là Tâm sở Niệm, rất quan trọng, là Tâm sở Thiện, [Tâm sở] Tịnh hảo Biến hành mà. Không có Tâm

sở Niệm, là thất niệm, là rớt qua bên kia. Quý vị coi vậy chứ, học mấy điều này cực kỳ quan trọng, cho nên là phải học nha.

Như vậy ở đây nói thêm: **[Tâm sở] Tịnh tâm và [Tâm sở] Tịnh thân là trạng thái vắng lặng, không rung động trong tâm và những sở hữu**. (Ở đây chỉ cho các Tâm sở, hay chúng ta nói đến khía cạnh đơn giản là Thọ, Tưởng, Hành, Thức). **Bất cứ tâm thiện nào cũng cần đến khía cạnh yên tĩnh, không bị quấy rối bởi Phiền não**. Không yên tĩnh, mình bị quấy rối bởi Phiền não thì không được.

Ở đây chúng ta thấy đơn giản, **Tịnh tâm là chỉ có tâm yên tịnh; còn Tịnh thân thì không chỉ là những sở hữu, tức là những danh pháp câu sanh** (tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức) **yên tĩnh, mà thân cũng yên tĩnh do sự lan truyền của Sắc tâm thiện. Đó là tâm trợ duyên cho Sắc pháp sanh.**

Có nghĩa là trong hai Tâm sở này, [thì] Tịnh tâm là chỉ có tâm yên tịnh thôi. Nhưng nếu quý vị tới Tịnh thân, thì ngoài những Thọ, Tưởng, Hành, Thức yên tịnh rồi, lan truyền ra thân thể mình (sắc là thân thể) cũng yên tịnh theo luôn, mình học là mình thấy.

Cho nên từ đó mình muốn khỏi bệnh hay gì đó là phải [có sự] điềm tĩnh này. Thiện Trang nói: Tu rồi thì mới thấy là mình tu cách xa đạo xa lắm. Hồi xưa mình tưởng là mình tu ngon lắm, nhưng học miết rồi thì mình thấy khó thiệt. Tuy biết đó, nhưng không theo được. Và muốn theo được thì Thiện Trang nói chỉ có Thiền thôi, tức là khi tâm mình định tĩnh thì mình theo kịp cảnh. Còn không, mình sân thì mình biết mình sân, nhưng mình đã sân mấy giây, mấy phút rồi. Không đến mấy phút, nhưng thực ra sân trong một khoảng mấy chục giây là có, mình biết mình si trong vòng mấy chục giây là có. Thiện Trang nghĩ rằng bây giờ mình phải tu làm sao để mình chỉ sân mấy giây, tham mấy giây thôi thì khá hơn, bao giờ luyện được như vậy thì khá hơn.

Rồi đến bao giờ nếu muốn không tham, không sân, không si, thì khi nào thật sự có định, tu Thiền chỉ thì đúng là có được năng lực đó. Cho nên tại sao

Thiền chỉ giúp Thiền quán, Thiền quán giúp Thiền chỉ là như vậy. Học hiểu rồi thì ráng thực hành đi, chứ bây giờ mọi điều lý thuyết chỉ là lý thuyết thôi, quý vị cứ hành đi. Thiện Trang cũng vậy, Thiện Trang tranh thủ thực hành, hành một thời gian thì mình thấy rõ ràng. Thiện Trang chỉ mong có thời gian để thực hành, để làm được những điều đó. Còn nếu không có thời gian thì mình sẽ khó thực hành sâu được. Mình biết thôi, biết thì biết [nhưng] cảnh cũng chạy, [nên] mình vẫn bị theo. Rất khó! Không dễ đâu.

Đặc điểm là ngăn hay giảm sự sôi nổi của sự sân hận, nó đóng vai trò như bóng mát của cây đối với người bị tác động bởi nhiệt của mặt trời.

Quý vị thấy hay ở chỗ đó, [Tâm sở này] giúp cho mình ngăn được sự sôi nổi của sự sân giận. Cho nên muốn bớt sân giận, thì đây cũng là một cách [để] mình quan sát, giống như bóng mát của cây che cho người nào [bị] nắng quá.

Sự yên tịnh này đối lập với trạo hối, sân hận, phát triển cao độ lên thì trở thành một chi của giác ngộ. Quý vị nhớ là chi nào không? Trong chi giác ngộ (Thất giác chi đó) chúng ta đều học qua rồi.

Bây giờ Thiện Trang sẽ đọc cho xong chỗ này, còn một số vấn đề quan trọng nữa.

Từ sự yên tịnh này (tức là sáu đôi Tâm sở vừa nãy Thiện Trang nói) **thì đức Phật trình bày theo đôi. Vì chúng sinh cùng nhau và chúng cùng kháng lại các pháp đối lập với chúng.**

Tại vì sao? Tại vì lúc nào chúng cũng đi chung với nhau hết, cho nên trình bày chung với nhau. Mặc dù là hai Tâm sở, nhưng hai thằng này đi chung với nhau. Giống như ở thế gian, có hai đứa bạn chơi thân với nhau, lúc nào cũng đi chung với nhau. Hoặc hai vợ chồng lúc nào đi làm giấy tờ mua bán đất, hay mua nhà gì đó, thì cũng phải có mặt chung với nhau. Cũng vậy, hai người cùng chống lại đối lập với hàng xóm, lúc nào cũng vậy. Hàng xóm mà giành đất của mình, thì hai người đều như vậy.

Cũng vậy, hai thằng này lúc nào cũng đi chung với nhau. Những cặp sau đó cũng vậy, lúc nào cũng đi chung với nhau. Cho nên trình bày là trình bày một lúc luôn hai [Tâm sở]. Còn các trường hợp trên, chúng ta còn nhớ các trường hợp trên không? Tâm sở: Tín, Niệm, Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, thì trình bày đơn lẻ, bởi vì mỗi pháp tự kháng lại đối lập với chúng, còn hai thằng này là hợp tác chung với nhau. Hồi nãy Thiện Trang có chiếu [Tâm sở] Tịnh tâm với [Tâm sở] Tịnh thân, rồi Khinh tâm với Khinh thân đi chung với nhau, Nhu tâm với Nhu thân, còn đằng sau nữa, sáu cặp lận. Mình để nhiều quá thì rối, thôi để từ từ rồi giới thiệu. [Những cặp đó] lúc nào cũng đi chung với nhau, bởi vì chúng hoạt động một cách kết hợp với nhau, lúc nào cũng sinh khởi cùng nhau. Nói chung là hai thằng đó đi chung, cứ từng cặp đi chung.

Tĩnh thân (hay là Tịnh thân) **trong khi có ra sao? Đó là trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh bằng cách tự yên tĩnh của Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn.**

Khi nào mình coi lại khái niệm về Thọ, Tưởng và Hành, ba điều đó yên tĩnh là được. Thọ là gì quý vị còn nhớ không? Thọ có ba thọ: Thọ lạc, Thọ khổ, [và không lạc không khổ]. Còn Tưởng là biết, mà biết dựa trên kinh nghiệm quá khứ, hiện tại và biết về tương lai. Tưởng kết hợp ba đời lại, nghĩ về quá khứ, về tương lai, những kinh nghiệm biết với không biết, từ đó kết hợp lại. Tưởng là mình suy nghĩ lung tung, đó là Tưởng. Còn Hành cũng là biết, nhưng Hành này thiên về nghiệp thiện ác. Những điều đó thì chúng ta đều hiểu rồi. Khi nào ba [uẩn] đó điềm tĩnh xuống thì mình đang có trạng thái này. Rồi khi nào thêm Thức nữa là ok, Thức uẩn là thuộc về Tịnh tâm.

Hai Tâm sở này đối lập với sự hối hận: điều này thì chúng ta biết rồi, lúc nãy đã nói rồi. Khi tu tập một cách cố ý, thì hai Tâm sở này chính là Tĩnh giác chi. Quý vị nhớ không? Trong Thất giác chi đó, chúng ta xem lại. Để tu được đắc đạo thì mình tu Bảy giác chi mà, thì cũng phải tu hai Tâm sở này, cũng phải tu tâm. Mà mình tu tâm thế nào? Tu mà cố ý.

Hai Tâm sở này giúp cho Hỷ và Lạc của người tu Thiền chỉ tịnh được

trở nên vi tế hơn. (Quan trọng là giúp cho Hỷ và Lạc (là hai Chi thiền đó quý vị. Một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, kiểu vậy đó) được vi tế hơn). **Và giúp cho Tấn quyền** (trong Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ; quý vị nhớ Ngũ quyền, Ngũ căn, hay Ngũ lực đó) **được ổn định, kiên cố, không nông nổi bồng bột.** Điều này giúp cho Tấn quyền ổn định vững chắc.

Đối với hành giả tu Tuệ quán thì hai Tâm sở này giúp họ có được cái nhìn già dặn trong cảnh Danh Sắc, lúc này chúng được gọi là Tĩnh giác chi.

Cho nên tu Tuệ quán mà không biết điều này thì làm sao tu. Tuệ quán là giúp cho mình có cái nhìn già dặn, tức là mình nhìn được rõ ràng, kỹ lưỡng về cảnh của Danh, Sắc. Danh, Sắc là cảnh của Thọ, Tưởng, Hành, Thức đó, cảnh của [tâm] mình đang đối diện thế nào. Nói chung quán tâm được rõ ràng hơn, vì Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì quý vị thấy rõ ràng. Lúc đó mình ổn định được tâm liền thì mình có được Tĩnh giác chi.

Hôm nay mình học [Tâm sở] này, Thiện Trang nghĩ chắc sau khi học [Tâm sở] này thì chúng ta sẽ có tâm định tĩnh hơn. Đang nóng thì bớt nóng hơn, ta đang sân là ta mất hai Tâm [sở] này rồi đó, tâm ta đang ác, đang bất thiện rồi đó. Học kỹ thì mới tu được chứ. Còn học cứ mơ mơ màng màng, biết có bấy nhiêu [điều] kia, biết tâm đang có sân, tâm đang có si, nhưng vẫn chưa vi tế. Học thêm điều này nữa thì vi tế hơn, càng về sau thì mình càng thấy vi tế. Cho nên bộ môn Vi Diệu Pháp này tuyệt vời lắm.

***Bốn ý nghĩa của Tâm sở Tịnh thân và Tịnh tâm**:

1. Trạng thái yên tĩnh của Tâm sở và tâm, lìa sự động của Phiền não: điều này rõ ràng.

2. Phận sự là làm cho Tâm sở bài trừ các hành động của Phiền não. Tức là giúp cho tâm bài trừ những hành động của Phiền não. Lúc đó tâm mình yên tĩnh lại, thì tất nhiên là không Phiền não.

3. Thành tựu là tâm và Tâm sở yên tịnh, mát mẻ: điều này thì rõ ràng.

4. Nhân gần nhất là có Tâm sở và tâm: nói đơn giản, nhân gần nhất là mình phải có tâm và Tâm sở, chỗ này nói là sở hữu, là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói vậy cho dễ. Mình quan sát được những điều đó thì dựa vào tâm, tâm là thường nói đến Thức, chúng ta hiểu như vậy.

Bây giờ mình cứ làm sao quan sát được điều đó cho rõ ràng, chứ mình học một mớ lý thuyết để làm gì đúng không? Bây giờ mình chỉ cần biết Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hồi xưa mình học mỗi tâm thôi, thì bây giờ mình học Tâm sở rồi, bữa nay học thêm quán thì quán cả Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mấy bữa trước mình học quán [những điều] kia chưa sâu, bữa nay quán sâu thêm một tầng, đó là mình quán luôn cả Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mình quán là để giúp cho yên tĩnh, không bị vấn đề gì hết. Ba [uẩn] đầu gộp lại thành một, và uẩn thứ tư nữa. Thôi mình khỏi nhớ mất công, mình gộp vô chung luôn bốn điều Thọ, Tưởng, Hành, Thức, là hai Tâm sở, [thì] mình yên tĩnh. Đó là mình được hai Tâm sở Tịnh thân và Tâm sở Tịnh tâm. Đúc kết lại đơn giản là như vậy, làm sao cho yên tĩnh, cho tự tĩnh. [Còn] bây giờ tâm mình lao xao là rớt rồi.

Ví dụ khi người ta nói, nếu mình không yên tĩnh là mình nói lại ngay, mình chưa nghe gì hết mà mình nói liền, đó là trạng thái tâm không yên tĩnh. Mình đang nóng giận là không yên tĩnh, mình ham ăn quá nên ăn cho nhanh, đều là không yên tĩnh, thì [rớt] mất. Như vậy lúc đó ta đang không có trạng thái [yên tĩnh], tức là tâm bất thiện xuất hiện rồi, không có [Tâm sở] này. Vì [Tâm sở] này nằm trong Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, Biến hành thì phải có [Tâm sở] này.

Cho nên từ đó suy xét, trong mỗi phút trôi qua chúng ta có bao nhiêu Tâm sở thiện (Tâm sở Tịnh hảo)? Khó đúng không? Từ đó mình liên hệ tại sao luân hồi nhiều? Tại vì chúng ta không quan sát được, toàn [Tâm sở] xấu mà mình cũng không biết luôn, kẻ thù ở trong nhà mình mà mình không biết, cho nên Phật mới nói là "giặc ở trong nhà mà không biết". Giặc nào? Giặc Phiền não.

Chúng ta học hết 19 Tâm sở này thì mình [tu] dễ hơn, quý vị sẽ dễ dàng thấy được, mình sẽ quán sát tâm được. Cũng gần hết rồi đúng không quý vị? Bây giờ mình ôn lại, ở đây đâu có nhiều đâu. 19 [Tâm sở Tịnh hảo Biến hành]

mà mình học 9 [Tâm sở] rồi, còn 10 [Tâm sở] nữa thôi. Còn [Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh] thì còn 6 [Tâm sở] nữa thôi là hết rồi. Cũng nhanh đó chứ! Mình học hoài cũng hết rồi. 19 [Tâm sở], [mình học tới] Tâm sở Khinh tâm là được 9 [Tâm sở] rồi. Như vậy còn 10 [Tâm sở], với bên này 6 [Tâm sở] nữa, là 16 Tâm sở nữa là hết. Mình càng học về sau, mấy [Tâm sở] này khó hơn nhưng rõ ràng, mình học rồi mình tu được.

Thời gian hôm nay cũng hết rồi, kính chào quý vị, hẹn quý vị vào hôm khác. Quý vị học có thắc mắc cần giải đáp thì chúng ta có buổi Học Phật Vấn Đáp. Có đồng tu nhắn với Thiện Trang là: "Mong thầy hãy để một link, một file trên mạng, để những đồng tu không có dịp nghe trực tiếp vấn đáp, thì có thể hỏi vào file đó". Thiện Trang nói ok, không có vấn đề gì, Thiện Trang sẽ để một file link, hay file excel hoặc file word trên mạng… quý vị có thể nhập câu hỏi vào đó. Cứ hai tuần một lần, [tối] thứ Sáu thì sẽ trả lời những đồng tu. Thiện Trang coi thêm những câu hỏi trong đó để trả lời cho quý vị. Nếu những câu hỏi nào đã trả lời rồi, thì Thiện Trang sẽ nói là tìm lại bài cũ. Chúng ta làm lại một thời gian là sẽ có đầy đủ những câu hỏi, khỏi mất công giảng hoài, nói hoài. Thiện Trang chỉ mong giảng đến lúc nào đó đủ rồi, quý vị cũng tu được, Thiện Trang cũng tu được, phần ai nấy tu, thì mình bớt vất vả. Mình lo thời gian mình tu Chỉ, tu Quán, chứ suốt ngày giảng, mình cứ tu trên pháp không [thôi], mình phải tu nhiều thứ đúng không?

Kính chào toàn thể quý vị, hẹn quý vị vào hôm khác. Mời quý vị, chúng ta cùng hồi hướng:

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 38

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 16/04/2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=cgIkOwNWikg
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về Luận Câu Xá. Nội dung chúng ta đang học là tinh hoa của A Tỳ Đàm, của tạng kinh (Kinh A Hàm và Kinh Nikaya), và một số nội dung từ kinh khác. Chúng ta học cả bên Bắc truyền lẫn Nam truyền, để chúng ta có một nền tảng tu tập. Mong rằng quý vị đồng tu sẽ hoan hỷ với nền tảng này. Một thời gian sau chúng ta sẽ trở lại học Luận Câu Xá chuyên cho nhanh. Vì nếu như mới đầu mà chúng ta học phần Luận Câu Xá này thì cũng hơi khó khăn.

Mở đầu hôm nay, mời quý vị theo dõi một câu chuyện trong kinh như sau:

Câu Chuyện Một Người Hạ Độc Đức Phật
([Câu chuyện này] vào thời đức Phật).

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại Ca Lan Đà Trúc viên (vườn trúc Ca Lan Đà)**, thành La Duyệt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo hai ngàn năm trăm vị.**

Lúc bấy giờ trong thành La Duyệt có một Trưởng giả tên là Thi Lợi Quật, có nhiều của cải, nhiều bảo vật, vàng, bạc, châu báu, xa cừ, mã não,

không sao kể xiết. Nhưng ông lơ là Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo là Ni Kiền Tử. Quốc vương, đại thần, thảy đều quen biết ông.

Đầu tiên là kể về một câu chuyện: Vào thời đức Phật có một ông Trưởng giả giàu có, rất nhiều tài sản, nổi tiếng tại thành đó. Ông cũng quen cả quốc vương, đại thần, nhưng ông lại lơ là đối với Phật pháp, và chỉ tin vào ngoại đạo Ni Kiền Tử. Đây là một điều hơi đáng tiếc cho ông. Chúng ta xem tiếp câu chuyện:

Lúc bấy giờ, các hàng tại gia và xuất gia ngoại đạo và các đệ tử xuất gia và tại gia của Ni Kiền Tử tự nói lời phỉ báng rằng, có ngã, và chấp có thân của ngã. Chúng cùng với các nhóm sáu Tôn sư ngoại đạo tập họp tại một nơi, bàn luận như vầy: *"Nay Sa-môn Cù Đàm không việc gì mà không biết. Ông ấy có Nhất thiết trí. Song, chúng ta không được lợi dưỡng, mà Sa-môn ấy lại có nhiều lợi dưỡng. Phải tìm phương tiện không cho ông ấy không được lợi dưỡng. Chúng ta hãy đến nhà Thi Lợi Quật, khiến Trưởng giả ấy bày kế sách"*.

Rồi ngoại đạo xuất gia, Ni Kiền Tử, cùng với sáu Tôn sư, đi đến nhà Trưởng giả Thi Lợi Quật, nói với Trưởng giả này rằng: *"Đại gia nên biết, ông là người được sinh bởi Phạm Thiên, là con của Phạm Thiên, có được lợi ích. Nay ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù Đàm, vì thương tưởng chúng tôi, thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ-kheo về nhà để tế tự. Lại sai làm một hầm lửa lớn ở trong nhà, đốt ngọn lửa cực kỳ rực rỡ. Trong các thức ăn đều bỏ thuốc độc rồi mời đến ăn. Nếu Sa-môn Cù Đàm có Nhất thiết trí, biết rõ sự việc trong ba đời, sẽ không nhận lời mời. Nếu không có Nhất thiết trí, tất sẽ nhận lời mời, dẫn Đệ tử đến đây, để tất cả đều bị đốt cháy. Trời người sẽ được yên ổn, không có tai hại".*

Đoạn vừa rồi tóm tắt như thế này: Lúc đó đức Phật rất nổi tiếng, cho nên hàng ngoại đạo, trong đó có ông này theo Ni Kiền Tử, và thời đó còn có sáu vị Tôn sư ngoại đạo nổi tiếng nữa. Họ họp lại để tìm cách [hại Phật], tại vì họ thấy mất lợi dưỡng. Quý vị thấy vẫn là [do] danh văn lợi dưỡng, thời nào cũng vậy. Cho nên [họ] tìm cách hãm hại đức Phật, bằng cách nói với ông này là Sa-môn Cù Đàm (đức Phật Thích Ca) nếu có Thần thông, có Nhất thiết trí, biết được sự việc trong

ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) thì yên tâm, mời tới thì ổng sẽ không nhận lời. Vì đào hầm lửa ngầm để trong nhà, bỏ thuốc độc vào thức ăn. Như vậy nếu đức Phật không biết thì đức Phật nhận lời, đến là sẽ chết hết. Khi đó là họ làm cho xong, yên ổn.

Quý vị thấy thời nào cũng vậy thôi, đời xưa nhiều đồng tu không có học những kinh này, nên cứ tưởng đức Phật có Thần thông diệu dụng ghê gớm lắm. Nhưng không ngờ thời đức Phật, đức Phật cũng gặp rất nhiều chướng ngại, chướng nạn. Tại vì sao? Vì làm mất đi nguồn danh văn lợi dưỡng của họ. Đức Phật ra đời là tuyên thuyết Chánh pháp. Cho nên quý vị [thấy] thời nào cũng vậy thôi. Chúng ta thấy họ hại bằng cách là đào hầm lửa, rồi bỏ [thuốc độc] vào thức ăn, rồi sai ông đó tới mời thỉnh. Một là nếu thoát được hầm lửa thì ăn cũng chết, kiểu vậy đó. Quý vị thấy ghê chưa? Chúng ta xem tiếp theo thế nào:

Thi Lợi Quật im lặng nhận lời của sáu Tôn sư. Ông ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, mà trong lòng chứa chất độc hại, bạch Như Lai rằng: *"Cúi xin Thế Tôn cùng Tỳ-kheo tăng nhận lời mời của tôi"*.

Đức Thế Tôn biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm ông, im lặng nhận lời. Thi Lợi Quật thấy Như Lai im lặng nhận lời mời liền đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, rồi thoái lui mà đi. Giữa đường, ông nghĩ như vầy: 'Nay điều mà sáu Tôn sư của ta nói rất là chính xác. Nhưng Sa-môn không biết những điều suy nghĩ trong tâm ta. Họ sẽ bị lửa lớn đốt cháy.

Đức Phật biết, chứ không phải không biết, [nhưng] đức Phật vẫn nhận lời. Không sao hết! Còn ổng thì nghĩ Sa-môn Cù Đàm (đức Phật) không phải như tin đồn, chắc là Ngài không biết, nên sẽ chết thôi, bị lửa [đốt cháy] thôi. Nói như vậy! Họ dùng chiêu đó rất hay đúng không quý vị? Đức Phật không nhận lời thì họ sẽ nói là sợ, họ sẽ chơi bài là sợ, nói là bậc Vô sở úy gì mà còn sợ. Họ chơi bài đó, cách này gọi là cách Tật lê luận. Còn nếu nhận lời tới, mà họ gài kiểu đó thì cũng chết. Kiểu nào cũng không được, khó khăn vô cùng. Chúng ta coi thử câu chuyện tiếp theo như thế nào? Tất nhiên chúng ta biết là đức Phật sẽ vượt qua, nhưng Ngài vượt qua bằng cách nào.

Rồi Thi Lợi Quật trở về nhà, sai làm một hầm lửa lớn, đốt ngọn lửa lớn hừng hực. Lại sai làm các món ăn đủ loại, tất cả đều bỏ thuốc độc. Ở bên ngoài cửa lại làm một hầm lửa lớn, với ngọn lửa lớn hừng hực. Bên trên ngọn lửa đặt các giường ngồi, cũng bôi các thứ kịch độc. Lúc giữa bữa, sai người đi báo giờ ăn đã đến.

Quý vị thấy có hai hầm lửa, trong nhà cũng có hầm lửa, đi vô cũng có hầm lửa. Rồi chỗ các giường ngồi thì bôi các thứ kịch độc, tức là ngôi vô là chết luôn. Độc này còn hơn thời hiện đại nữa đúng không quý vị? Hồi xưa đã có những chuyện như vậy rồi, cho nên không có gì lạ. Chúng ta coi tiếp thử xem đức Phật xử lý việc này ra sao?

Bấy giờ Thế Tôn biết giờ ăn đã đến, bèn khoác y, cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi đến nhà ấy. Ngài lại lệnh các Tỳ-kheo tăng không ai được đi trước Ngài, không được ngồi trước Ngài, cũng không được ăn thứ gì trước Ngài. Trong lúc đó, các nhóm nhân dân trong thành La Duyệt nghe nói Thi Lợi Quật cho đào làm hầm lửa, lại làm thức ăn độc mà thỉnh Phật và chúng tăng; chúng bốn bộ thảy đều than khóc: *"Như Lai và Tỳ-kheo tăng tất bị hại chăng?".*

Người ta cũng đồn chuyện đó ầm lên, vì sáu Tôn sư ngoại đạo rất nổi tiếng. Họ đã gài hai đường, đức Phật đi cũng không xong, không đi thì họ nói là sợ, thông thường họ sẽ nói vậy. Cho nên bây giờ đi. Bốn bộ chúng, tức là hai chúng tại gia và hai chúng xuất gia, lúc đó thảy đều than khóc, nghĩ là đức Phật sẽ bị hại mất.

Ở đây đức Phật đã dặn dò trước là các Tỳ-kheo không được đi trước Phật, không được ngồi trước Phật, và cũng không được ăn thứ gì trước Phật. Tức là Phật đi thì hãy đi theo Phật, Phật ngồi thì ngồi theo, Phật ăn thì ăn theo. Chứ nếu làm trước thì coi chừng chết đó. Tức là đức Phật thì có Thần thông [nên] không sao, nhưng các bậc Đệ tử thì không có khả năng đó, hoặc các vị A-la-hán chưa có Thần thông thì rất có thể bị. Thậm chí A-la-hán có Thần thông thì cũng không thoát được.

Có người đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, bạch đức Phật rằng: *"Cúi xin Thế Tôn chớ đến nhà Trưởng giả đó. Ông ấy làm hầm lửa lớn, lại làm các thức ăn độc"*.

Đức Phật nói: *"Mọi người chớ ôm lòng sợ hãi. Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Giả sử ngọn lửa trong Diêm Phù Đề cao đến Phạm Thiên cũng không thể đốt cháy Ta được; huống gì ngọn lửa nhỏ ấy mà hại được Như Lai. Không bao giờ có trường hợp ấy. Các Ưu-bà-tắc, nên biết, Ta không còn có tâm gây hại".*

Cũng có người báo cho Phật là đừng đi, tại vì nếu đi như vậy là bị [hại]. Nhưng đức Phật nói là: Giả sử ngọn lửa cháy đến trời Phạm Thiên (từ Diêm Phù Đề là Trái đất chúng ta mà cháy đến trời Phạm Thiên) thì Ngài cũng không bị sao hết. Ngài nói vậy và Ngài vẫn đi.

Bấy giờ Thế Tôn với các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi vào thành La Duyệt, đến nhà Trưởng giả. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *"Các người chớ đi vào nhà Trưởng giả trước, cũng chớ có ăn trước. Đợi Như Lai rồi mới ăn".* Đức Phật vẫn dặn như vậy.

Khi Thế Tôn vừa cất chân lên trên ngưỡng cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao tắm cực kỳ mát mẻ, trong đó đầy các loại hoa; cũng có mọc hoa sen lớn như bánh xe, cọng bằng bảy báu; và cũng mọc các loại sen khác, trong đó ong mật bay nhởn nhơ. Với đức Phật, có thể là [do] Ba-la-mật nhiều đời của Ngài, hoặc có thể là Ngài dùng Thần thông thế nào đó, nên chuyển biến được cảnh giới đó. Không có vấn đề gì!

Trong lúc đó, Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Thiên vương, và Tứ Thiên vương, cùng với Càn-thát-bà, A-tu-la, các Dạ-xoa, Quỷ thần các loại, thấy trong hầm lửa mọc lên hoa sen này, ai nấy đều chúc mừng chuyện lạ, khác giọng, cùng lời, thảy đều nói: *"Thế mới biết Như Lai là đệ nhất trong các bậc đã chiến thắng"*. Quý vị thấy rất là tuyệt vời đúng không? Lúc đó vua trời Đế

Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, Càn-thát-bà, A-tu-la, các Dạ-xoa, v.v… Thật ra các ngài đều đến để hộ trì, nhưng các ngài chưa cần ra tay cũng đã xong rồi.

Lúc bấy giờ trong nhà Trưởng giả có đủ các ngoại đạo dị học cùng tụ tập về đó. Khi ấy, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai, hoan hỷ phấn chấn không dừng được. Các ngoại đạo dị học sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai thì trong lòng ưu sầu. Trong hư không, chư thiên tôn thần rải xuống đủ các loại danh hoa lên trên thân Như Lai. Đức Thế Tôn lúc ấy bước trên không mà đi, cách mặt đất bốn tấc. Chỗ nào Như Lai cất chân, chỗ đó mọc lên đóa hoa sen lớn như bánh xe. Rồi Thế Tôn quay về bên phải, bảo các Tỳ-kheo: *"Các ngươi hãy đạp lên hoa sen mà đi"*.

Khi ấy các Thanh văn đều bước trên hoa sen mà đến nhà Trưởng giả.

Đức Phật không đi dưới đất. Đi dưới đất [thì] họ đào hầm, giả bộ lấp lấp vậy, [đi lên là bị] sụp hố thì sao đúng không? Không! Đức Phật dùng hoa sen đi trên đó. Bảo các Tỳ-kheo cũng đi y chang như vậy. Quý vị thấy rõ ràng [đức Phật] có Thần thông. Thật tuyệt vời đúng không? Cho nên quý vị ráng tu, ai muốn có Thần thông, tu Thiền chỉ thì sẽ được Thần thông.

Rồi Thế Tôn nói thí dụ bằng câu chuyện cổ tích: *"Ta, từ quá khứ cho đến nay, đã cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự, lễ kính, chưa hề làm sai Thánh ý; nay mang những điều này ra mà thệ nguyện, khiến cho các chỗ ngồi đều được vững vàng"*.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *"Ta cho phép các Tỳ-kheo trước hết lấy tay đặt lên chỗ ngồi, rồi sau đó mới ngồi. Đây là giáo sắc của Ta"*.

Nghĩa là đức Phật dùng Ba-la-mật nhiều đời, để Ngài nguyện cho những chỗ ngồi đó vững vàng, không sập xuống hầm lửa. Ngài ngồi thì không sao, nhưng Ngài phải nguyện vậy để cho những vị Tỳ-kheo bình thường ngồi không sao. Rồi Ngài nói đặt tay lên rồi hãy ngồi, đó là một cách ám hiệu nào đó. Cho nên có Phật che chở là ok hết. Nếu chúng ta may mắn là chúng ta sanh vào thời đức Phật,

chúng ta chứng kiến được những điều đó thì chúng ta sẽ tin. Những người kia, họ cũng sẽ tin thôi.

Khi Thế Tôn và các Tỳ-kheo tăng đã ngồi lên chỗ ngồi, thì dưới chỗ ngồi ấy thảy đều mọc lên hoa sen thơm lừng. Nghĩa là tất cả đều biến thành hoa sen, hầm lửa bây giờ thành hoa sen hết rồi, nên không có tác dụng gì hết.

Thi Lợi Quật thấy sự biến hóa của Như Lai như vậy, trong lòng suy nghĩ: *"Ta bị ngoại đạo dị học dối gạt, làm ta mất đi sở hành trong loài người, vĩnh viễn mất con đường sinh thiên"*. Trong lòng rất phẫn nộ, như uống phải chất độc. *"Ta chắc sẽ đọa trong ba ác đạo. Quả thật, Như Lai xuất thế, rất khó gặp"*. Hiểu biết điều này rồi, ông liền rơi lệ, cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch rằng: *"Cúi mong Như Lai nghe con sám hối lỗi lầm. Con sẽ sửa đổi việc làm quá khứ, tu tập tương lai. Tự biết mình có tội đã xúc nhiễu Như Lai. Cúi nguyện Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Từ nay không con tái phạm nữa"*.

Ông này có thiện căn, tức là ổng thấy chuyện đó là ổng nghĩ ra ngay, ổng biết mình sai rồi. Ổng biết là mình bị dụ, bị lừa, bị ngoại đạo dị học lừa rồi. Quý vị thấy [ông này] có thiện căn, chứ còn bình thường nhiều người không có thiện căn, không biết được, tiếp xúc qua Thánh nhân mà không biết. Còn ổng thấy như vậy là biết, ổng cũng biết bị dối gạt như vậy là mất đi sở hành trong loài người, mất con đường sanh lên cõi Trời, mặc dù trước đó [họ] dụ làm vậy là được lên cõi Trời. Nhưng giờ ổng thấy mình sai rồi, mình làm vậy là mình mất con đường lên cõi Trời rồi, thậm chí là mình đọa vào đường ác. Và ông tin được đức Phật, Như Lai là xuất thế (ra đời) rất khó gặp, cho nên ổng mới đi sám hối với đức Phật liền. Quý vị thấy đó là căn lành.

Người thời nay nhiều khi không có căn lành như vậy, cho nên dù có Thánh nhân ra đời, dù có Chánh pháp Như Lai chăng nữa cũng không dễ dàng để họ quay đầu. Rất khó! Đó là do căn lành. Phải có căn lành, mới thấy được sự kiện, mới biết là mình sai, chứ không phải dễ đâu. Ông [này] cũng có căn lành, cũng có nhân duyên tuyệt vời. Chúng ta coi tiếp câu chuyện.

Đức Phật bảo ông Trưởng giả: ***"Sửa đổi lỗi lầm, dẹp bỏ tâm ý trước kia, mới có thể tự biết đã xúc phạm Như Lai. Trong pháp của Hiền Thánh, thật là rộng rãi. Ta nghe ông sửa lỗi, tùy pháp mà xả bỏ, Ta nay nhận sự hối lỗi của ông. Về sau chớ tái phạm"*****.**

Nói như vậy ba lần. Tức là đức Phật cũng nhận lời sám hối của ổng, và nói như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ, Vua A Xà Thế nghe Trưởng giả Thi Lợi Quật đặt bày hầm lửa và pha thức ăn độc để hại Như Lai, bèn nổi cơn thịnh nộ, bảo các quần thần: ***"Cần phải tiêu diệt hết những người trên Diêm Phù Lý Địa có cùng tên Thi Lợi Quật này!"***

Tức là câu chuyện này đã diễn ra sau sự kiện Kinh Sa Môn Quả. Vua A Xà Thế lúc này đã quy y với Phật (đã theo Phật). Ổng nghe câu chuyện đó là ổng sợ, ổng nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh giết hết tất cả người trên Diêm Phù Lý Địa (tức là Trái đất, là Diêm Phù Đề). Người nào có tên [Thi Lợi Quật] là giết hết. Ổng tức như vậy đó. Vua mà quý vị! Quý vị thấy vua, dù sao hộ trì Phật mà cũng tức vậy đó.

Rồi Vua A Xà Thế lại nhớ đến công đức của Như Lai, buồn khóc rơi lệ, cởi mũ Thiên quan xuống, nói với quần thần: ***"Ta nay sống mà làm gì, nếu như Như Lai bị lửa đốt cháy, và chúng Tăng cũng đều bị đốt cháy. Các ngươi hãy đến nhà Trưởng giả mà trông chừng Như Lai"*****.**

Quý vị thấy rất tuyệt vời đúng không ạ? Nếu thầy của mình, một vị như vậy mà mất, thì ngài cũng khóc rơi lệ. Và ngài cũng nói là sống làm gì! Quý vị thấy không? Tức là niềm tin của vua A Xà Thế rất tuyệt vời. Chính vì vậy chúng ta biết sau này ổng mới đắc đạo. Tức là sau quả báo đọa Địa ngục, ổng được giảm tội, sau đó ở trong Địa ngục ra thì ổng sanh lên trời Tứ Thiên Vương. Ổng sanh vòng vòng một hồi, trong suốt 20 kiếp không đọa đường ác nữa, và cuối cùng ổng đắc thành một vị Bích-chi-phật tên là Vô Ưu. Có kinh khác nói tên khác một chút, nhưng [nội dung] cũng giống vậy thôi. Như vậy chúng ta thấy rất tuyệt vời.

Khi ấy Vương tử Kỳ Bà Già tâu vua A Xà Thế: ***"Đại vương, chớ có lo rầu, cũng đừng khởi lên ý tưởng ác. Vì sao? Bởi Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Hôm nay Thi Lợi Quật sẽ làm Đệ tử của Như Lai. Ngưỡng mong Đại vương hãy đến xem sự biến hóa"*****.** Quý vị thấy ông Vương tử Kỳ Bà Già rất tuyệt vời. Ổng hiểu được đức Phật không sao, không bị chuyện gì.

Bấy giờ vua A Xà Thế theo lời khuyến dụ của Kỳ Bà Già, bèn cưỡi con voi lớn Tuyết Sơn, đi đến nhà Trưởng giả Thi Lợi Quật. Vua xuống voi, đi vào nhà Thi Lợi Quật. Lúc ấy đám đông đang tụ tập ngoài cửa, có đến tám vạn bốn nghìn người. Khi A Xà Thế trông thấy hoa sen lớn như bánh xe, hoan hỷ phấn khởi không dừng được, bèn nói lên rằng: ***"Cầu cho Như Lai hằng thắng các chúng ma"*** (tức là luôn thắng được các chúng ma)**.**

Rồi vua bảo Vương tử Kỳ Bà Già: ***"Lành thay, Kỳ Bà Già, ông mới tin có sự việc như vậy nơi Như Lai!"***

Bấy giờ vua A Xà Thế đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua A Xà Thế thấy từ miệng Như Lai phóng ra ánh sáng, và cũng nhìn thấy nhan sắc lạ thường của Như Lai, trong lòng hết sức hoan hỷ không dừng được.

Lúc bấy giờ Trưởng giả Thi Lợi Quật bạch đức Thế Tôn: ***"Những thức ăn mà con dọn ra đều có độc. Cúi mong Thế Tôn đợi giây lát, con sẽ cho dọn thức ăn khác. Sở dĩ như vậy, để không khiến thân thể của Như Lai có tăng tổn"*****.**

Ổng biết sai rồi, cho nên nói để đổi thức ăn, để ổng dọn thức ăn khác, chứ thức ăn đó có độc. Quý vị thấy ổng tính hạ độc Phật. Theo tội đó thì chúng ta thấy nãy giờ ổng tạo tội ghê gớm, có ác ý làm hại Như Lai đúng không ạ? Quý vị thấy tội rất nặng, nhưng bây giờ ổng sám hối rồi. Chúng ta coi tiếp đức Phật xử lý như thế nào.

Phật bảo Trưởng giả: ***"Như Lai cùng các Đệ tử không bao giờ bị kẻ khác làm hại. Những thức ăn mà Trưởng giả đã dọn lên, hãy tùy thời thích hợp mà dâng cúng"*****.**

Khi ấy Trưởng giả tự tay san sớt, bưng lên các món thức ăn.

Nghĩa là đức Phật vẫn ăn thức ăn [có độc] đó. Ở đây thì không nói là kịch độc, chúng ta không biết. Nhưng thật ra mấy độc nhỏ nhỏ, mà quý vị có tu Thiền, có định sâu thì giải được một phần. Còn nếu là chất cực độc thì mình không giải nổi đâu, phải có Thần thông, phải biết trước, quán sát được thế nào đó, chứ còn không... Đây là đức Phật, để coi đức Phật giải độc như thế nào.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ này:

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Phật, giải độc.

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Pháp, giải độc.

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Tăng, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Như Lai hằng không độc.

Chí thành Phật, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Pháp Như Lai không độc.

Chí thành Pháp, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Tăng Như Lai không độc.

Chí thành Tăng, giải độc.

Một bài kệ cũng giống như một bài chú giải đọc vậy đó. Đức Phật đọc lên, thật ra là Ngài đọc có ba độc: Tham, Sân, Si; Thế gian có ba độc; dùng Phật, Pháp, Tăng trị ba độc đó. Ngài đọc [bài] đó, cũng không biết là ý Ngài thế nào, có thể là dùng chú để giải độc, cũng có thể là dùng nguyện lực của mình để giải độc, hoặc là Ngài dùng Ba-la-mật của Ngài để giải độc. Hoặc là [Ngài] đọc như vậy để cho mọi người hiểu rằng: thật sự vì Phật, Pháp, Tăng thì giải độc được cho Tam thế chúng sanh (chúng sanh trong ba đời). Đó là ba bệnh: Tham, Sân, Si. Chúng ta thấy rất là hay đúng không? Chúng ta không có trí tuệ, không biết được ý nghĩa của bài kệ đó để làm gì, hay đó là bài chú.

Đức Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn ăn thức ăn có pha chất độc. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *"Các ngươi chớ có ăn trước. Hãy đợi Như Lai ăn đã, sau đó mới ăn"*.

Bấy giờ Trưởng giả tự tay san sớt, bưng dọn đủ các món thức ăn cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng. Khi Trưởng giả Thi Lợi Quật thấy Như Lai đã

ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết vi diệu pháp cho Trưởng giả và đám đông tám vạn bốn nghìn người.

Quý vị thấy không ạ? Sau bữa ăn cũng không sao. [Ngài] ăn xong rồi, bây giờ thuyết pháp. Ổng cũng theo cách là dọn cơm, dọn đồ ăn; ăn xong thì thu dọn rồi lấy ghế nhỏ ngồi một bên trước Phật để nghe giảng pháp. Bây giờ quan trọng là đức Phật giảng điều gì? Chúng ta coi thử Ngài giảng điều gì cho ổng và 84.000 người.

Ngài thuyết các đề tài về Thí, về Giới, về sinh Thiên, dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, xuất yếu là lạc. Như Lai xem xét thấy tâm ý của Trưởng giả cùng tám vạn bốn nghìn người đã khai tỏ, không còn bụi bẩn, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Ngài thuyết cho hết thảy chúng tám vạn bốn nghìn người, phân biệt chi tiết các hành của chúng.

Đoạn này Thiện Trang đánh dấu đỏ, bởi vì đoạn này quan trọng. Đó là thuyết pháp. Thuyết điều gì? Quý vị thấy thông thường mới đầu là đức Phật thuyết về bố thí, trì giới, sanh thiên. Đó là những điều mà người ta thích. Được lên cõi Trời vui như thế nào, bởi vì người ta thích lên cõi Trời. Nhưng sau đó đức Phật giải thích tiếp: Dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn. Điều quan trọng nhất là ra khỏi sanh tử mới là vui, xuất yếu là lạc. Rồi sau đó đức Phật mới quan sát đại chúng, thấy tâm ý của Trưởng giả cùng tám vạn bốn nghìn người đã khai tỏ, không còn bụi bẩn, thì lúc đó đức Phật mới thuyết. Ở trên này là thuyết Vi diệu pháp (pháp vi diệu). Thật ra pháp vi diệu này không phải là Vi Diệu Pháp bên A Tỳ Đàm, mà pháp này gọi là vi diệu. Là pháp gì? Có bốn điều: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Đó là pháp vi diệu. Tại vì thật ra Tứ thánh đế này là quan trọng nhất.

Ngài thuyết cho hết thảy chúng tám vạn bốn nghìn người, phân biệt chi tiết các hành của chúng. Tức là phân biệt chi tiết Tứ thánh đế này ra. Còn ở đây là Phật nói gọn cho mình. Thật ra đức Phật thuyết đi thuyết lại nhiều lần rồi, thuyết hoài, thuyết tới thuyết lui, cho nên là không cần nói nữa. Thật sự nếu quý vị muốn, thì quý vị mở Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hay là hầu như tất cả bộ kinh nào, đức

Phật cũng thuyết về bốn điều này. Kinh A Hàm, Kinh Nikaya là nói nhiều nhất, và chúng ta thấy hầu như kinh nào cũng có. Cho nên ở đây chỉ là tóm lược lại thôi, khi đó [đức Phật] thuyết cho họ. Và xong bài thuyết thì có được gì không?

Ngay lúc ấy, mọi người từ trên chỗ ngồi mà sạch các bụi bẩn, đắc Pháp nhãn tịnh, cũng như tấm vải mới dễ nhuộm màu sắc, mọi người lúc bấy giờ cũng như vậy, mỗi người đều ngay trên chỗ ngồi mà thấy được dấu tích của Đạo, thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt qua nghi hoặc, được vô sở úy, không thờ ai khác làm Thầy, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ năm giới.

Ở đây chúng ta cần để ý kỹ chi tiết. Đầu tiên là đức Phật thuyết pháp theo trình tự. Quý vị nhớ cách thuyết pháp, Thiện Trang có nói đi nói lại nhiều lần, đầu tiên là hãy nói cho họ về bố thí, trì giới, về sanh thiên, những công đức như vậy. Bố thí thì được gì, rồi trì giới được những phước báo gì. Ví dụ như trì giới, giữ năm giới thì được sanh lên cõi trời Đao Lợi, ít nhất là vậy. Rồi giữ những giới như Bát quan trai thì được sanh thiên v.v… Nhưng sau đó đức Phật giảng tiếp: Dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, ra khỏi sanh tử mới là niềm vui tốt nhất. Như vậy là mình phải giảng từ từ. Đức Phật thì Ngài giảng như thế. Sau đó Ngài thấy mọi người tâm ý khai tỏ rồi, thì Ngài mới giảng về pháp Tứ đế. Đó gọi là Vi diệu pháp.

Thật ra Vi diệu pháp cũng là pháp Tứ đế thôi. Nguyên bộ đó cũng là [nói về] bốn điều đó, nhưng là nói dài hay nói ngắn. Ở đây là nói chi tiết các hành của chúng, tức là nói chi tiết ra Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Sau khi nghe như vậy thì mọi người mới đắc Pháp nhãn tịnh. Ngôn ngữ này rất quen. Quý vị thấy còn là 'thấy được dấu tích của Đạo', hay chữ Hán gọi là 'Dĩ kiến Đạo tích'. Tức là đã thấy được dấu tích, dấu vết của Đạo. Trong Kinh Trường A Hàm, chúng ta biết đó chính là Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Và chúng ta thấy kết quả của Sơ quả Tu-đà-hoàn được là gì? Mọi người vượt qua nghi hoặc: tức là Tu-đà-hoàn luôn đắc được bốn niềm tin bất hoại: Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, bất hoại tịnh đối với Thánh giới (hay là) thành tựu Thánh giới. Và nhớ là họ sẽ không sợ nữa, được vô sở úy; rồi không thờ ai khác làm Thầy. Cho nên ai đắc đạo rồi mà

còn sợ sệt, thì chuyện đó không có. Quý vị nhớ nha! Được vô sở uý. Cho nên hạng nhát chết là chưa đắc đạo, quý vị nên nhớ vậy. Tại vì người ta đã bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, bất hoại tịnh đối với Thánh giới. Và ở đây để ý là họ không thờ ai khác làm thầy. Dù Sơ quả Tu-đà-hoàn, cũng nhớ chi tiết là không thờ ai khác làm thầy. Và lúc đó họ cũng sẽ tự quy y Phật, Pháp, Tăng, tự giữ Năm giới (thọ Năm giới).

Đó là những điều mà mình học, chứ ngày nay bắt đầu tuyên truyền: Người này là Phật, Bồ-tát tái lai, người kia là Phật, Bồ-tát tái lai, nhưng người ta nhát chết, người ta nói xạo, là không được, không giữ được năm giới. Người ta còn thờ người này người kia, thờ người khác làm thầy, thậm chí thờ ngoại đạo. Chuyện đó là không bao giờ có.

Cho nên mình học trong kinh, mình thấy rất rõ những tiêu chuẩn, thì mình mới phân biệt giữa phàm phu và Thánh nhân; vừa phân biệt người, vừa phân biệt chính mình. Chính mình có được những điều đó chưa? Nếu chưa được thì mình là phàm phu chính cống rồi, chưa tới Sơ quả Tu-đà-hoàn. Quý vị nên nhớ như vậy! Mình tự xét mình đi! Còn khi nào quý vị làm được những điều như trong kinh nói, thì quý vị mới thấy được dấu tích của Đạo, tức là Kiến đế. Ngôn ngữ khác gọi là Kiến đế hay là đắc Pháp nhãn tịnh. Những từ này, thật ra trong kinh dùng rất nhiều. Và quý vị nhớ, đây cũng là nói ra tiêu chuẩn [chứng quả] đúng không ạ? Cho nên tuy là một bài kinh, một câu chuyện, nhưng trong đó có rất nhiều kiến thức ngầm tải theo cho chúng ta. Chúng ta học được là ok.

Lúc bấy giờ Trưởng giả Thi Lợi Quật tự biết đã thấy được dấu tích của Đạo, bèn đến trước đức Phật bạch rằng: *“Cúng thí chất độc cho Như Lai mà lại được quả báo lớn; cúng thí cam lộ cho các ngoại đạo dị học lại thọ nhận tội. Vì sao vậy? Bởi hôm nay con đem chất độc cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng mà ở ngay trong hiện pháp được chứng nghiệm này. Đã từ lâu con bị ngoại đạo mê hoặc nên mới móng tâm như vậy đối với Như Lai. Những ai phụng sự ngoại đạo dị học đều bị rơi vào biên tế”.*

Đức Phật bảo ông Thi Lợi Quật: ***"Đúng như điều ông nói, không có gì khác, đều là bị người khác dối gạt"*****.**

Trưởng giả Thi Lợi Quật bạch Phật: ***"Từ nay về sau, con không còn tin ngoại đạo dị học này nữa. Con cũng không thuận cho chúng bốn bộ tại gia cúng dường"*****.**

Ở đây quý vị thấy ông này được như vậy. Ổng nói là cúng chất độc cho bậc Như Lai, mà được lợi ích quả báo lớn như vậy. Còn cúng cam lộ cho ngoại đạo dị học, mà lại bị nhận tội. Tại vì nghe lời [nên] bị nhận tội, quý vị thấy không ạ? Cho nên là ổng nói vậy và ổng cũng không chịu cúng cho ngoại đạo nữa. Đức Phật không như thế, đức Phật luôn từ bi, đức Phật nói thế này.

Đức Phật bảo Trưởng giả: ***"Chớ nói như vậy. Ông trước kia thường cúng dường các vị ngoại đạo này. Bố thí cho súc sinh còn được phước khó lường, huống gì bố thí cho người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi 'Thi Lợi Quật là Đệ tử của ai?' Ông trả lời như thế nào?"***

Ông Thi Lợi Quật tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay quỳ dài, bạch Thế Tôn: ***"Con là Đệ tử của Thích Ca Văn, là đấng Tiên nhân thứ bảy, dũng mãnh mà giải thoát, nay thọ thân người này"*****.**

Đức Thế Tôn nói: ***"Lành thay, Trưởng giả, ông đã có thể nói lời tán thán vi diệu ấy"*****.**

Rồi Thế Tôn lại nói lần nữa pháp thậm thâm cho Trưởng giả, tức thời thuyết bài kệ này:

Tế tự, lửa trên hết,

Các thư, tụng hơn hết;

Vua tôn quý trong người,

Các dòng, biển là nhất.

Các sao, trăng đứng đầu,

Chiếu sáng, mặt trời trước;

Bốn bên, trên và dưới,

Ở các phương, cảnh vực,

Trời cùng người thế gian,

Phật là bậc tối thượng.

Ai muốn cầu phước kia,

Nên cúng dường Tam Phật.

Đức Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn rời chỗ ngồi đứng dậy.

Bấy giờ Trưởng giả Thi Lợi Quật và những người đến hội nghe những điều đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 7 – Phẩm 45 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Có đồng tu nào đó, chắc mới vô nghe nên không biết. Thật ra những điều mà Thiện Trang giảng không hoàn toàn là Luận Câu Xá. Mấy buổi rồi, chúng ta không học Luận câu Xá. Chúng ta đang giảng đây là giảng tinh hoa của A Tỳ Đàm, tức là Vi Diệu Pháp bên Nam truyền và Kinh A Hàm, Kinh Nikaya. Còn Luận Câu Xá chúng ta mới học được một khúc. Bởi vì phần đó chúng ta học khác nhau. Thiện Trang đã nói ngay từ đầu, có lẽ đồng tu này chưa nghe bao giờ đúng không ạ? Rất là đáng tiếc!

Thiện Trang nói là những bộ nào của Phật giảng thì chúng ta lấy làm chuẩn, còn Luận Câu Xá thì chúng ta học sau, chúng ta đối chiếu trong đó. Nếu có những kiến thức gì không giống với kinh, chúng ta vẫn nói đây là Luận Câu Xá nói. Thiện Trang luôn nói nhất định như vậy. Chính vì Luận Câu Xá của ngài Thế Thân viết, nên không thể bắt người ta tin hoàn toàn được. Chúng ta chỉ có thể tin hoàn toàn vào những điều kinh Phật nói. Ngay cả bên Nam truyền cũng có một nhóm người

không tin cả A Tỳ Đàm cơ mà. Chúng ta cứ lấy kinh làm chuẩn. Cho nên chúng ta hãy nghe cho kỹ, đừng có lâu lâu chui vô một bữa rồi nói lung tung. Xin lỗi quý vị đồng tu!

Câu chuyện này muốn nói lên điều gì? Quý vị thấy rất hay ở chỗ, là một người có ý định hãm hại đức Phật, nhưng sau đó được đắc độ, thậm chí còn đắc được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Ý Thiện Trang muốn nói là: Quý vị thấy Phật pháp tuyệt vời như vậy, chứ không phải như thời nay, chưa gì hết mà hù người ta rồi. Như vậy là tiêu rồi. Không phải! Quý vị thấy không ạ? Trước đó có ý định, và thậm chí ra tay rồi. Nhưng ra tay không được thôi, tức là sự việc đó không thành thôi. Nhưng quý vị thấy sau đó ổng sám hối, nghe pháp, thì vẫn đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn được. Đây là trong Kinh Tăng Nhất A Hàm.

Cho nên chúng ta thấy Phật pháp rất tuyệt vời như vậy. Đừng có bị bi lụy! Quý vị tạo nhiều nghiệp chướng quá, 'xưa nay con tạo nhiều nghiệp chướng quá'. Quý vị nghĩ mình đọa thì quý vị đọa luôn, nên nhớ vậy! Mình học Phật, hồi xưa mình mê, mình chưa biết, bây giờ mình biết rồi thì mình có thể quay trở lại tu hành được. Đó là tinh thần trong câu chuyện này, mà Thiện Trang muốn giới thiệu để quý vị biết. Cho nên là cần phải hiểu nha!

Câu chuyện này rất hay, đúng không quý vị? Cho nên rất tuyệt vời! Đúng như ông Trưởng giả nói, cúng dường thuốc độc rồi, còn hại đức Như Lai, mà cuối cùng ổng không bị sao, ổng còn chứng đạo quả nữa. Những chi tiết trên rất hay. Quý vị nên theo dõi lại chi tiết: nhớ là người đắc Tu-đà-hoàn thì không nhận ai khác làm thầy ngoài Phật.

Chúng ta đến phần tiếp theo. Trong những buổi gần đây, tại vì có đồng tu nói là học phần tạng Vi Diệu Pháp với một số phần chuyên môn cao siêu quá, khó quá, nên Thiện Trang mới hạ thấp xuống bớt, nhẹ nhẹ bớt, có câu chuyện cho nhẹ nhàng. Rồi trong câu chuyện đó cũng có đạo lý trong đó, vừa ôn lại những kiến thức mình đã học, ví dụ như điều kiện chứng quả v.v… và mình có thể bổ sung phần hành pháp trong đời sống. Rồi sau đó chúng ta mới học tới phần gọi là về chuyên tu. Cho nên là chúng ta chia ra mấy phần như vậy để cho nhẹ nhàng xuống.

Chúng ta đến phần thứ hai là:

Hạng Người Nào Nên Thân Cận Và Hạng Người Nào Không nên Thân Cận (1)

Thiện Trang đánh số 1, vì còn có phần số 2 nữa. Ở đây trích theo Kinh Nikaya. Ở trên là trích theo Kinh A Hàm, ở dưới mình trích theo Kinh Nikaya, để cho vừa Nam truyền vừa Bắc truyền. Ít có người vừa học Nam truyền vừa học Bắc truyền lắm, thông thường người ta chỉ học một bên thôi.

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người này, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, nên thân cận gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Tức là đức Phật đưa ra có ba hạng người, ở đây là Thiên Ba Pháp của Kinh Tăng Chi. Kinh Tăng Chi có ba pháp, thì có ba hạng người: Một hạng người thì không nên gần gũi, không nên sống chung và không nên hầu hạ cúng dường. Hạng người thứ hai thì nên thân cận gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Hạng người thứ ba còn đặc biệt hơn nữa, sau khi cung kính tôn trọng, thì nên gần gũi, nên sống chung, và hầu hạ cúng dường. Như vậy đó là hạng người nào thì đức Phật nói luôn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thấp kém về Giới, Định, Tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn.

Ở đây trả lời cho câu hỏi, nhiều đồng tu nói 'bây giờ nên thân cận người nào?' Thì ở đây, đức Phật dạy hết rồi. Thiện Trang nói là tất cả đều có trong kinh, chịu khó đọc trong kinh là có. Quý vị đồng tu tại gia bận quá, không có thời gian

đọc kinh, thì Thiện Trang đọc và tạm rút ra những điều quan trọng. Tuy nhiên quý vị cũng nên y theo kinh, tức là những điều Thiện Trang nói thì cũng là một phần thôi. Kinh rất nhiều, quý vị có thời gian thì quý vị nghe thêm để cho đầy đủ. Và đối chiếu với những điều Thiện Trang chia sẻ [để xem] có chính xác không? Chứ nhiều khi mình sai, rồi mất công quý vị cũng sai theo. Chớ có vội tin! Tất cả những người thầy bây giờ cũng chỉ là tham khảo cho quý vị thôi. Kinh, lời Phật thì mới quan trọng.

Ở đây đức Phật nói hạng người mà thấp kém về Giới, Định, Tuệ, người như vậy thì không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Người ta không giữ giới, không tu định, không có trí tuệ, thì thôi khỏi. Nhưng trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn, tức là mình thương họ, rồi mình từ bi, v.v… thì mình mới như vậy. Chứ còn nếu không, thì thôi.

Cho nên nhiều người đồng tu nói tại sao ở với gia đình khó khăn này kia quá. Quý vị thấy không được thì thôi, đừng ở. Đức Phật nói rõ ràng, là không nên sống chung, không nên gần gũi, không nên hầu hạ cúng dường mà. Trừ khi quý vị vì lòng thương tưởng thì quý vị bên cạnh thôi. Đó là hạng người thứ nhất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đồng đẳng với mình về Giới, Định, Tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Với ý nghĩ: "(Cả hai) thiện xảo về Giới, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về Giới, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai chúng ta, và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc. (Cả hai) là thiện xảo về Định... (Cả hai) là thiện xảo về Tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về Tuệ, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai, và chúng sẽ làm cho hai chúng ta an lạc". Cho nên, người như vậy nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Ở đây quan trọng là quý vị thấy người nào là đồng đẳng với mình về Giới, về Định, về Tuệ, tức là cùng ngang ngang nhau. Hạng người đồng đẳng là ngang ngang nhau, về Giới, về Định, về Tuệ. Như vậy đức Phật khuyên là nên sống chung,

nên gần gũi, và nên hầu hạ cúng dường. Vì sao? Vì những người như vậy, thì khi đó ý nghĩ hai bên nói chuyện qua lại, sẽ làm Giới của mình được lợi ích thêm, giúp nhau giữ giới tốt hơn. Về Định cũng vậy, cũng được tốt hơn. Về Tuệ cũng được tốt hơn. Còn nếu không, mình ở với hạng người thấp kém hơn mình là rớt xuống. Trừ lòng thương tưởng thôi, chứ không là mình rớt chắc. Đức Phật dạy rất rõ ràng đúng không quý vị? Rất là tuyệt vời, rất rõ ràng! Không có chuyện gì giấu giếm cả. Rõ ràng như vậy mà không học thì uổng phí.

Thế nào là hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thù thắng về Giới, Định và Tuệ. Hạng người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Với ý nghĩ: "Như vậy, nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu Giới được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu Định chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ, hay nếu Định được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu Tuệ chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu Tuệ được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Cho nên, với hạng người này, sau khi cung kính tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Nghĩa là hạng người thứ ba là người ta vượt hơn (thù thắng) hơn mình, đặc biệt về Giới, về Định, về Tuệ, vì vậy nên thân cận. Bởi vì thân cận như vậy [thì] những chỗ nào mình khuyết, người ta có trí tuệ thì người ta sẽ chỉ cho mình, người ta giúp mình lên, đúng không ạ? Người Trung Hoa có câu: *"Đọc ngàn quyển sách, không bằng một đêm gặp người có trí tuệ (bậc cao nhân)".* Thật sự là vậy. Cho nên có một số đồng tu có duyên đến gặp Thiện Trang, Thiện Trang chỉ cho họ thì họ thấy rõ ràng hơn, đa số là cũng đỡ hơn. Đỡ hơn là bởi vì Thiện Trang biết nhiều hơn thôi.

Trong kinh chúng ta học phần tu Thiền chỉ có dạy, nếu như không tìm được người đắc A-la-hán thì tìm xuống người đắc A-na-hàm, tìm một hồi xuống người

thông mấy bộ kinh, thông tạng. Dần dần không có, thì [xuống tìm người] thông mấy bộ kinh xài đỡ cũng được. Miễn sao [người đó] hơn mình về Giới, về Định, về Tuệ là được. Giống như câu nói dân gian là: *"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*. Biết vậy, nhưng trong đường tu cũng phải như vậy. Cho nên chúng ta thấy đức Phật dạy đầy đủ hết.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Đức Phật nói bài kệ:

Người gần kẻ hạ liệt
Rồi cũng bị hạ liệt
Thân cận người đồng đẳng
Được khỏi bị thối đọa
Ai gần bậc thù thắng
Mau chóng được thăng tiến
Do vậy hãy sống chung
Bậc ưu thắng hơn mình.

(Kinh (326) Cần Phải Thân Cận: Sevitabba – Kinh Tăng Chi Thuộc Tạng Nikaya).

Quý vị thấy ở đây đức Phật tổng kết lại [thành] một bài kệ này thôi, chỉ cần nhớ [bài kệ này]. Đức Phật khuyên rất rõ ràng. Còn bây giờ hình như có nhiều đồng tu, tuy mình tu chưa được, nhưng cũng thương tưởng quá cho nên ở gần bậc hạ liệt, cuối cùng mình cũng bị thoái đọa, rồi mình cũng bị hạ liệt. Đức Phật nói mà: "Thân cận người đồng đẳng" tức là người ngang ngang với mình, thì khỏi bị thoái đọa. Còn nếu thân cận với người thù thắng, thì tất nhiên là mau chóng được thăng tiến. Đức Phật khuyên là hãy ưu tiên như vậy. Nhưng thời nay, càng về sau càng khó, tìm người ưu thắng thì hơi khó, cho nên càng ngày càng khó, mình phải tự thắp đuốc lên mà đi, cho nên khổ hơn.

Đó là một phần nền tảng, Thiện Trang xin giới thiệu tiếp một phần nền tảng nữa. Học nền tảng này nhẹ nhàng, quý vị ghi nhớ bài kệ này trong kinh vừa rồi là được.

Sự Khác Biệt Giữa Người Có Bố Thí Và Người Không Có Bố Thí

(Chữ này thì quý vị biết là từ Kinh Nikaya ra).

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthī, Jetavana, tại khu vườn của Anāthapiṇḍika (tức là Vương Xá Thành, vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà)**. Rồi Sumanā, con gái vua, với năm trăm thiếu nữ hộ tống trên năm trăm cỗ xe, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sumanā, con gái vua bạch Thế Tôn:**

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai đệ tử của Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ, một có bố thí, một không bố thí. Sau khi thân hoại mạng chung, cả hai được sanh lên cõi lành Thiên giới. Giữa hai vị Thiên ấy, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?

Ở đây chúng ta để ý hai người Đệ tử giống nhau được ba điểm: Điểm thứ nhất là giống về Tín (niềm tin), thứ hai là giống nhau về Giới, và thứ ba là giống nhau về Tuệ (trí tuệ). Nhưng một người có bố thí, một người không bố thí. Tất nhiên đồng đẳng về Tín, đồng đẳng về Giới, đồng đẳng về Tuệ đối với Phật rồi, thì chắc chắn họ sanh lên cõi Trời. Vậy sanh lên cõi Trời thì hai người đó có khác gì nhau hay không? Có khác mỗi hạnh là bố thí và không bố thí. Bố thí ở đây không phải nói cúng dường cho người xuất gia, mà quý vị bố thí cho tất cả chúng sanh, làm những việc gì đó, cũng là bố thí. Chứ đừng có hiểu lầm, rồi cứ nói bố thí lộn với cúng dường, phải nói rõ ở đây là bố thí. Chúng ta coi thử khác nhau như thế nào, đức Phật trả lời:

Thế Tôn đáp:

- Có sự sai biệt, này Sumanā. Người có bố thí, khi được làm vị Thiên, vượt qua vị Thiên không có bố thí trên năm phương diện. Về thiên thọ

mạng, về thiên sắc, về thiên lạc, về thiên danh xưng, về thiên tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanā, khi được làm vị Thiên, vượt qua vị Thiên không bố thí trên năm phương diện này.

Nghĩa là đức Phật nói [tuy cùng] sau khi sanh lên cõi Trời, nhưng thứ nhất về thiên thọ mạng, thì người có bố thí thọ mạng dài hơn. Nhiều người kêu tại sao thọ mạng cõi Trời có dài hơn, có ngắn hơn? Đó là ai không học kỹ. Chúng ta học kỹ thì đã biết rồi, có dẫn trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, [và] một số kinh, đức Phật nói rõ ở cõi Trời, tuổi thọ không cố định, tức là nhiều nhất thôi. Ví dụ tuổi thọ ở trời Tứ Thiên Vương, tính theo tuổi trời là 500 năm, đó là tối đa, nhưng đức Phật thêm một câu: "Phần nhiều là dưới", tức là phần đông là không tới 500 năm. Tuổi thọ ở cõi trời Đao Lợi là 1000 tuổi trời, nhưng thực tế phần nhiều là dưới. Nếu lên trời mà không có bố thí, thì tuổi thọ của mình ngắn hơn tuổi thọ của người kia. Ví dụ lên trời Đao Lợi, tuổi thọ người ta được 1000 năm hay 800 năm, còn mình đôi khi chỉ được 500 năm hay 400 năm tuổi, thì rớt mất rồi. Cho nên thua về thọ mạng. Không bố thí thì thọ mạng ngắn hơn, không bằng.

Về thiên sắc, là sắc đẹp của cõi Trời, [người] không bố thí thì cũng xấu hơn. Về thiên lạc, là niềm vui của cõi Trời, ai bố thí nhiều thì niềm vui nhiều hơn. Về thiên danh xưng, có nghĩa là danh phận, chức gì đó v.v… Về thiên tăng thượng, là tăng thêm (đi lên).

Đó là hai người. Chúng ta chắc không mong muốn lên cõi Trời đâu, mà chúng ta mong muốn điều khác. Mình coi thử đức Phật có trả lời nữa không?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ từ đây mạng chung, trở lại trạng thái này, khi họ trở lại làm người, bạch Thế Tôn, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?

Thế Tôn đáp:

- Có sự sai biệt, này Sumanā. Người có bố thí, khi được làm người, vượt qua vị làm người không bố thí trên năm phương diện: về nhân thọ mạng, về nhân sắc, về nhân lạc, về nhân danh xưng, về nhân tăng thượng.

Người có bố thí, này Sumanā, khi được làm người, vượt qua vị làm người không bố thí trên năm phương diện này.

Ở đây cũng tương tự như trên. Nếu hai người đó làm người trở lại, thì người bố thí cũng có tuổi thọ được lâu hơn, được nhân sắc tức là đẹp hơn, được niềm vui (nhân lạc) nhiều hơn, và được danh xưng như quyền chức, được tăng thượng. Năm điều giống như trên, nói chung cõi Người, cõi Trời tương tự nhau. Cho nên cũng quan trọng đúng không ạ? Chúng ta cũng phải nên tu phước.

Và đây cũng là một điều này mình cần để ý, nhiều khi mình tu bị lệch thì khổ. Tất nhiên quý vị cầu giải thoát thì khác, đằng sau đức Phật cũng nói luôn, chúng ta yên tâm, những bài kinh này hay lắm. Cho nên trong kinh, Thiện Trang thấy hầu như đức Phật dạy hết rồi, mình chỉ cần học kinh là đủ, không cần giảng đâu xa vời, bịa thêm, giảng tùm lum tùm la, rồi giảng trái với kinh. Thiện Trang thấy thời nay hơi đáng thương cho nhiều người nghe pháp, bởi vì người ta giảng mà người ta không học kinh, nhiều người thôi chứ không phải là tất cả, đa phần là ít đọc kinh, không học kinh, nên giảng một hồi, chỉ một hồi, thì đi đâu đó, không đúng với kinh, rồi sai lệch. Cho nên rất là đáng tiếc! Thực hành theo đó thì sai. Trong khi đó đức Phật giảng hết mà không chịu học để giảng.

- Bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Giữa hai người xuất gia ấy, bạch Thế Tôn có thể có những đặc thù gì, những sai khác gì?

Bây giờ giả sử hai người đó đi xuất gia, một người bố thí nhiều và một người không bố thí nhiều thì sao? Đi xuất gia ở đời này hoặc đời sau, thì có khác không? Thiện Trang tin là quý vị nói là đều khác, chắc chắn khác, không thể giống nhau được.

Thế Tôn đáp:

- Có sự sai biệt, này Sumanā. Người có bố thí, khi được xuất gia, vượt qua vị xuất gia không có bố thí trên năm phương diện: Thường hay được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu (điều thứ nhất là đi xuất gia thì có

y. Bình thường mình không có y, nhưng được bố thí, được Cư sĩ yêu cầu thầy nhận y đi. Kiểu vậy đó. Chứ ít khi không được yêu cầu. Còn người kia thì chắc không được, ít hơn)**; thường hay được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu** (đi khất thực cũng được người ta mời cúng dường luôn, ít khi không được)**; thường hay được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu** (về chỗ ngủ, chỗ ngồi thì cũng được hơn)**; thường hay được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu** (tức là được dược phẩm trị bệnh)**.**

Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái, với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái, với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái, giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái.

Điều này quan trọng! Đi xuất gia, mấy điều trên là bốn nhu cầu về y phục; về chỗ ngồi, chỗ nằm ngủ'; về trị bệnh; về đồ ăn. Quan trọng là đi xuất gia được nhiều người đối xử tốt với mình, nói tóm lại là vậy. Cho nên tại sao nhiều người nói: "Con đi xuất gia sao mà bị người ta chửi, người ta thế này thế kia quá, ở trong chùa không yên thân". Đó là do mình thiếu hạnh này ở đời trước, và đời này mình thiếu.

Cho nên hạnh bố thí quan trọng, quý vị bố thí được thì đi xuất gia mới yên thân. Còn quý vị vô xuất gia, tại sao những người đồng phạm hạnh, những người xuất gia khác không giúp đỡ quý vị, thế này thế kia. Thiện Trang thấy điều này đúng, rõ ràng. Cho nên ráng tu, mình tu được, mình hiểu rồi, những điều này căn bản. Còn người ta nói một câu Phật hiệu đầy đủ phước báo, đầy đủ gì đó. Không có! Quý vị thấy rõ ràng, ở đây đức Phật nói hạnh đơn giản. Không phải như vậy! Chúng ta phải tu từ nhân. Cho nên mình học, mình phải hiểu.

Này Sumanā, người có bố thí khi được xuất gia, vượt qua người không có bố thí trên năm phương diện này.

Cho nên ai bị nhiều người đối xử không tốt, ở trong đại chúng suốt ngày bị người ta nói xấu này kia, người ta đối xử với mình không tốt, thì mình phải trách mình, đời trước hoặc đời này chưa trồng nhân bố thí rộng rãi, cho nên cuối cùng bị đối xử tệ. Rõ ràng! Hoặc là mình gây quá nhiều nghiệp.

- Nhưng bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều chứng quả A-la-hán. Với hai vị chứng đạt A-la-hán ấy, bạch Thế Tôn có sự đặc thù nào, có sự sai khác nào?

[Ở đây] đưa ra vấn đề, mấy điều đó toàn là phước Hữu lậu thôi, bây giờ là xuất thế gian, chứng A-la-hán rồi, thì một người trước đó bố thí nhiều, và một người không bố thí, thì có khác nhau gì không? Đố quý vị có khác không? Vấn đề là chứng A-la-hán rồi. Cô công chúa này hỏi hay thật đó.

- Ở đây, này Sumanā, Ta nói không có sự sai khác nào, tức là so sánh giải thoát với giải thoát.

Có nghĩa là [thành] A-la-hán rồi thì hết Hữu vi, hết Hữu lậu rồi, nếu so sánh về giải thoát, thì như nhau. Quý vị thấy hay không?

Chỗ này do đức Phật không nói nữa, nên Thiện Trang xin mở ngoặc nói thêm một chút. Trong Tích Truyện Pháp Cú, Kinh Tiểu Bộ Nikaya, có câu chuyện hai anh em từ thời đức Phật Ca Diếp. Hai người đi xuất gia, một người thì siêng bố thí cúng dường, nhưng không trì giới. Còn người anh thì siêng tu Giới, Định, Huệ, giữ giới, nên đời sau hai người cũng khác nhau. Tới thời đức Phật Thích Ca, người anh đi xuất gia trong thời giáo pháp của đức Phật Thích Ca, được đắc đạo A-la-hán. Nhưng vị này bị nghèo, [vì] không lo bố thí, không gì hết, nên đi khất thực được bữa đói bữa no, ít được ăn. Còn vị kia, vì tu không giữ giới, nên đọa làm Súc sanh, làm con voi mà được nhà vua thương yêu. Con voi đó được gọi là 'đại tượng quẩy anh lạc'. Người ta có bài kệ:

"Tu phước không tu huệ, đại tượng quẩy anh lạc.

Tu huệ bất tu phước, La-hán bưng bát không".

Nhưng thực ra đó là nói tắt. Chúng ta phải nói là: Tu phước không giữ giới, thiếu Giới, Định, Huệ, thì mới làm voi, làm súc sanh. Còn người kia, do tu Giới, Định, Huệ, mà không tu phước, thì [đắc] A-la-hán, đi [khất thực] hơi đói, chứ không đến nỗi đói hoàn toàn. Trong câu chuyện không phải nói là đói hoàn toàn, nhưng đi khất thực sẽ khó khăn. Cho nên thành A-la-hán rồi mà vẫn chịu nghiệp.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Xa cho đến như vậy là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để làm cho các công đức. Vì rằng chúng là những giúp đỡ, những công đức cho chư Thiên, chúng là những giúp đỡ, những công đức cho loài Người, chúng là những giúp đỡ, những công đức cho các người xuất gia. Tức là vị công chúa này nói: Tuy là vậy, nhưng việc bố thí, đều giúp đỡ cho chư Thiên, cho loài Người, cho những người xuất gia.

- Sự việc là như vậy, này Sumanā, là vừa đủ, này Sumanā, để bố thí, là vừa đủ để làm các công đức. Chúng là những giúp ích, những công đức cho chư Thiên. Chúng là những giúp ích, những công đức cho loài Người. Chúng là những giúp ích, những công đức cho những người xuất gia.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Như mặt trăng không uế,
Đi giữa hư không giới,
Với ánh sáng bừng chói,
Giữa quần sao ở đời.
Cũng vậy, người đủ giới,
Hạng người có lòng tin,
Với bố thí, bừng chói,
Giữa xan tham ở đời.
Như mây mưa sấm sét,
Vòng hoa chóp trăm đầu,
Tràn đầy cả thung lũng,

Lan tràn cả đất bằng.
Cũng vậy, đầy tri kiến,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Bậc trí vượt xan tham,
Trên cả năm phương diện,
Thọ mạng và danh xưng,
Dung sắc và an lạc,
Với tài sản sung mãn,
Chết hưởng hỷ lạc thiên.

Tóm lại đoạn cuối cùng, quý vị nhớ là nếu bố thí, thông thường vượt lên được năm phương diện: đó là thọ mạng; là danh xưng; là dung sắc (dung nhan tướng mạo); là an lạc; và tài sản, thì hơn.

(Kinh (5.31) Sumanā (SA 94*, EA 17.8*, MA 148*) – 4. Phẩm Sumanā: Sumanāvagga - Kinh Tăng Chi Bộ – thuộc tạng Nikaya).

Chúng ta thấy những kiến thức này cũng rất căn bản, mọi người hầu như học hết rồi. Đó là giới thiệu về phần kiến thức Thế gian một chút. Còn bây giờ chúng ta vào phần tu để xuất thế.

Pháp Nào Cần Chuyên Tinh Tư Duy? Tác Dụng Của Thiền Chỉ Và Thiền Quán

Điều này đã nói qua mấy lần rồi, nhưng hôm nay lại giới thiệu nữa, vì điều này quan trọng, phải nói đi nói lại.

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại vườn Cù Sư La, nước Câu Diệm Di. Bấy giờ Tôn giả A Nan đi đến chỗ vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa. Khi đến nơi ấy Tôn giả cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, bạch vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa: *"Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong tăng xá yên tĩnh tư duy, nên bằng pháp gì để chuyên tinh tư duy?"*

Tức là câu chuyện này là một đoạn kinh. Chúng ta thấy mới đầu là ngài A Nan đi đến một vị Thượng tọa, vị này cũng tên là Thượng Tọa luôn. Thượng Tọa là tên người. Còn Thượng tọa, hồi xưa nói người nào tu lâu, thì gọi là Thượng tọa. Bây giờ đẻ ra nhiều danh xưng hơn, chứ thực tế hồi xưa [thời] đức Phật, Thượng tọa là ngồi ở trên, là cung kính thôi.

Bây giờ ngài A Nan hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong tăng xá yên tĩnh tư duy, nên bằng pháp gì để chuyên tinh tu như thế nào? Đây là hỏi về pháp tu. Bây giờ mà gặp mấy đồng tu Tịnh Độ, là họ nói chỉ cần một câu Phật hiệu niệm tới cùng. Nhưng trong này có phải như vậy không? Tức là chúng ta học bao lâu rồi, chúng ta đâu có thấy, bây giờ coi thử coi, tu điều gì.

Thượng tọa đáp: "Này Tôn giả A Nan, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong Tăng xá yên tĩnh, nên bằng hai pháp này để chuyên tinh tư duy, đó là Chỉ và Quán.

Quý vị nhớ đoạn này, cho nên Thiện Trang nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại, tu Pháp môn nào cũng phải tu Chỉ và Quán. Mình thì cứ một câu Phật hiệu niệm tới cùng, là mình biết, mình tu không đúng theo lời kinh. Chỉ và Quán, dù pháp nào thì cũng tu Thiền chỉ và Thiền quán. Mà hai pháp, chứ không phải là một môn thâm nhập theo kiểu không đúng, không phải chuyên một [pháp]. Vì trong bộ kinh khác, hình như Thiện Trang trích dẫn rồi, đức Phật nói: "Tùy thời biết tu Chỉ thì tu Chỉ, tu Quán thì biết tu Quán", có nghĩa là khéo vận dụng. Mà Thiện Trang đã chia sẻ rồi, lúc nào tu Chỉ, lúc nào tu Quán, chúng ta đã học bài trước đó, bài về Thất giác chi, thì quý vị cũng có thể áp dụng.

Khi nào tâm mình lăng xăng, phóng dật, thì mình nên tu bốn đề mục của Thất giác chi, thuộc về tu Chỉ, tu Định giác chi, tu Xả giác chi, tu Khinh an Giác chi. Và lúc nào trong hai trường hợp, thì mình cũng phải tu Niệm giác chi. Còn trong trường hợp mà tâm mình đang yếu đuối, đang do dự, nghi ngờ, rồi đang buồn ngủ v.v… thì phải dùng bốn Giác chi, gồm có: Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi, và Niệm giác chi. Bảy Giác chi đó, thì Niệm giác chi lúc nào cũng tu hết. Niệm là ghi nhớ rõ ràng các tình huống, tức là mình thấy rõ hiện tại, các đối tượng

đang di chuyển như thế nào, ví dụ pháp như thế nào, tâm mình như thế nào v.v… Mình không nhớ thì là mình thất niệm. Cho nên Niệm [giác chi] quan trọng.

Và trong kinh nào, rất nhiều kinh, đức Phật nói trong Kinh A Hàm, hay Kinh Nikaya cũng nói, bữa Thiện Trang dẫn rồi, còn có chỗ khác nói nữa, chỉ có một con đường độc nhất để chứng Niết-Bàn, một con đường độc nhất để ra khỏi sanh tử, đó là Tứ niệm xứ. Nhớ là vậy, tu Pháp môn nào, thì quý vị cũng phải quay về đó. Còn nếu mình tu niệm Phật, mà mình không quay về được Tứ niệm xứ, tức là mình niệm mơ mơ màng màng, mình không biết gì hết, thì chắc chắn không thành công. Và tu pháp gì thì cũng phải có Chỉ và Quán.

Cho nên không học kinh nên không biết. Thiện Trang nói kinh này là Kinh A Hàm, chứ không phải Kinh Nikaya, rồi lại đổ qua, [nói] là thầy dẫn Kinh Nikaya. Không! Quý vị để ý, Thiện Trang dẫn luân phiên, vừa kinh này vừa kinh kia, để mọi người thấy là mình đứng ở giữa, mình rất là trung gian, rất là trung lập, chứ không thiên về bên nào hết. Không nói Nam truyền hay, Bắc truyền hay, mà Thiện Trang nói cả hai bên đều hay. Và nên vận dụng cả hai bên, bởi vì có những điều bên kinh này có, bên kinh kia không có. Ngược lại có những điều mình không rõ bên này, nhưng coi bên kia thì rõ. Nên nhớ là vậy! Nếu coi hai bên kết hợp là rất tuyệt vời.

Vậy thì chúng ta làm sao? Chúng ta nên học. Ví dụ Thiện Trang giới thiệu Kinh Kalama, là một bộ kinh quan trọng, có mười điều chớ vội tin. Bên Nam truyền thì rất tuyệt vời, nhưng bên Bắc truyền thì lại cắt mất đoạn đó, cắt mất rất nhiều. Ví dụ như [câu]: Chớ vội tin dù đó xuất phát từ uy quyền, là bị cắt mất. Tại vì bên Trung Hoa, người ta kết tạng, in ra Đại tạng kinh là do vua duyệt, mà vua thấy câu đó đụng đến ổng rồi, nên phải cắt đi, cho nên mất. Rồi chớ vội tin dù lời đó là thầy của mình nói, thì cũng cắt luôn. Như vậy không được! Đạo sư của mình nói mà mình cũng chưa tin nữa, thì không được. Bên Trung Hoa là bắt phải tin, tin đi, kiểu vậy. Nhưng Kinh Nikaya thì có chỗ đó, cho nên mỗi bên đều có điều hay.

Ví dụ chúng ta so sánh Kinh Tứ Niệm Xứ ở bên Nam truyền và bên Bắc truyền, thì rõ ràng Kinh Tứ Niệm Xứ bên Bắc truyền dài hơn, đầy đủ hơn. Nhưng bộ ít đó tất nhiên không sao, tại vì học nhiều bộ thì cũng vô được. Cho nên chớ đừng vội chê khi mình chưa tìm hiểu rõ, hãy tìm hiểu rõ đã. Chứ còn mình chưa tìm hiểu rõ, mà cứ vô chê, [nói] tôi theo học pháp này thôi, thì đó là điều đáng tiếc, nhiều khi mình bỏ đồ quý trong đó rồi, thì tiếc lắm.

Ở đây ngài Thượng Tọa đáp với ngài A Nan rằng: Tu là tu ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay trong Tăng xá yên tĩnh. Khi đó tu hai môn Chỉ và Quán.

Tôn giả A Nan lại hỏi Thượng tọa: ***"Tu tập Chỉ, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì? Tu tập Quán, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì?"*** Đây cũng là vấn đề mà chúng ta hay hỏi, đồng tu cứ hỏi hoài. Ở đây cũng cho thêm một đáp án nữa, chúng ta đã học nhiều rồi.

Thượng tọa trả lời Tôn giả A Nan: "Tu tập Chỉ, cuối cùng thành tựu được Quán. Tu tập Quán, cũng thành tựu được Chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả Chỉ và Quán, chứng đắc các Giải thoát giới".

Có nghĩa là bây giờ mình cứ thường tu một bên. Phải tu hai bên, cuối cùng pháp này [thành] ra pháp kia, tu tập Chỉ cuối cùng được Quán, và tu tập Quán cuối cùng thành tựu được Chỉ. Như vậy cũng như nhau, phải tu cả hai thì mới chứng đắc được các Giải thoát giới.

Tôn giả A Nan lại hỏi: "Bạch Thượng tọa, thế nào là các Giải thoát giới?" Mình không hiểu Giải thoát giới là thế nào, thì ngài cũng hỏi luôn.

Thượng tọa đáp: "Này Tôn giả A Nan, Đoạn giới, Vô dục giới, Diệt giới, đó gọi là các Giải thoát giới". Mình nghe, mình cũng không hiểu luôn. Nhưng không sao! Ngài A Nan từ bi lắm**.**

Tôn giả A Nan lại hỏi Thượng tọa: "Thế nào là Đoạn giới cho đến Diệt giới?" Tức là ngài không biết mấy giới đó là giới nào, nên ngài hỏi luôn. Quý vị

thấy, gặp những người xưa tuyệt vời, chứ quý vị gặp mà hỏi những người bây giờ thì cũng không biết luôn.

Thượng tọa đáp: "Này Tôn giả A Nan, đoạn tất cả hành, đó gọi là Đoạn giới (đoạn tất cả hành, gọi là Đoạn giới). **Đoạn trừ ái dục, đó là Vô dục giới. Tất cả hành diệt, gọi là Diệt giới".** Tức là đoạn tất cả hành, thì gọi là Đoạn giới. [Đoạn] ái dục, thì gọi là Vô dục giới, tức là mình hết dục. Rồi tất cả hành diệt, thì gọi là Diệt giới, là chứng Niết-Bàn rồi.

(Kinh 463. Đồng Pháp - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị có thể coi, bài này nằm trong 464 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Ở đây Thiện Trang chỉ nhắc lại một lần nữa, chúng ta học điều này nhiều lắm rồi. Tu tập Chỉ và Quán được điều gì, Thiện Trang đã nói nhiều rồi, bây giờ nói lại thêm lần nữa.

Ở đây nói tu hai pháp này để đi đến giải thoát. Ví dụ như quý vị thấy trong những bộ kinh, quý vị muốn chứng A-la-hán, thông thường đức Phật nói Kinh Bát Thành hay kinh gì đó, thì có những cửa để giải thoát. Thiền chỉ phải tu tới Sơ thiền, rồi quý vị sẽ chứng, tu thêm Thiền quán để vào. Tức là dùng định Sơ thiền, để hướng tâm về Thiền quán, thì khi đó đắc được A-la-hán, hoặc là Nhị thiền, hoặc Tam thiền, hoặc Tứ thiền, hoặc là Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Vô Xứ. Có Kinh A Hàm thì nói [chứng tới] Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, còn kinh bên kia thì không nói Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Đó là những cửa để giải thoát đạo. Hoặc là mình có thể tu trên Tứ vô lượng tâm, với định của Tứ vô lượng tâm rồi hướng tâm về giải thoát.

Bây giờ chúng ta học qua 40 đề mục Thiền chỉ rồi, chúng ta biết, chính là phải tu những đề mục Thiền chỉ đó, rồi hướng tâm qua thì mới đắc đạo A-la-hán. Đúng là như vậy! Tuy nhiên có những trường hợp đắc đạo A-la-hán mà không qua các Thiền đó. Lý do là họ có Sát-na định hay là Vị đáo định. Trong một sát-na định họ có thể đắc được Định đó, cho nên họ đạt được. Cũng có sự giải thích như vậy, bởi vì có những trường hợp như vậy. Giải thích đó là giải thích của đời sau

thôi, chứ không phải là giải thích của Phật, nhưng trong kinh có những trường hợp như vậy, nên người ta giải thích như vậy.

Chúng ta thấy đó là để đắc đạo A-la-hán, còn nhiều người nói: "Thôi con chỉ [muốn] đắc Tu-đà-hoàn, con không tu Thiền chỉ, mà tu Thiền quán không [thôi] thì có được không?" Nếu quý vị học từ trước tới giờ, thì quý vị thấy điều đó là một điều khó khăn. Tại vì sao? Nếu có hai pháp [thì] dễ hơn. Ví dụ như mình muốn đoạn trừ các Phiền não, ngôn ngữ bên Bắc truyền gọi là phục, giống như lấy đá đè cỏ, đè xuống đã, đè để khỏi sân, khỏi tham, thì mình nên dùng Thiền chỉ sẽ dễ tu hơn. Và khi có Thiền chỉ rồi thì tâm sáng, mình tu Thiền quán dễ dàng, thì dễ dàng đắc đạo.

Rồi tu Thiền chỉ để cơ thể mình khỏe mạnh, bớt đau, đến lúc lâm chung được tỉnh táo. Những người đắc từ Sơ thiền trở lên là ok, yên tâm, người ta đắc Thiền thì chắc chắn người ta sanh về Phạm Thiên, tức là từ Sơ thiền trở lên. Nếu mình tu nữa thì rõ ràng, sáng suốt, không sao. Nếu đắc được tới Tứ thiền, với định công của Tứ thiền thì có thể khống chế đau đớn, không đau, tự tại ra đi. Còn Sơ thiền thì vẫn đau, nhưng đau có chừng mực, còn không có Thiền thì đau hơn nữa. Rồi [Thiền chỉ] giúp cho có Thần thông v.v… Và hai [pháp] đó hỗ trợ nhau, cái này hỗ trợ cái kia. Còn tu Thiền quán là để đắc đạo, sẽ vào các Thánh quả. Chúng ta đã học rất rõ như vậy.

Bởi vì nếu chỉ tu Thiền chỉ thôi, thì phải nói tới ông Uất Đầu Lam Phất, ông tiên A Tư Đà, ông A La Lam, những ông đó tu rất dữ, lên tới trời thứ 27, 28 là trời Vô Sở Hữu Xứ và trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Nhưng cuối cùng cũng không đắc đạo được, tại vì tới đó là hết. Cho nên sự khác biệt giữa Thiền chỉ và Thiền quán là vậy. Thiền chỉ là lên tới đó rồi thôi. Nhưng nếu quý vị chỉ tu theo Thiền quán không [thôi], thì lộ trình tu tập sẽ lâu hơn rất nhiều. Đức Phật nói là tùy thời, biết lúc nào tu Chỉ thì tu Chỉ, lúc nào tu Quán thì tu Quán. Và ở đây nói là tu cả hai, chứ không phải là nhất môn thâm nhập. Không phải như vậy!

Như vậy [có sự] khác nhau giữa kinh với người, kinh dạy khác, người dạy khác, Phật dạy khác, người đời nay dạy khác. Vô một cái là bảo tu một kiểu thôi,

như vậy là bị lệch qua một bên. Thậm chí muốn tu được Thiền chỉ hay Thiền quán, thì phải bắt đầu từ Giới nữa, phải giữ giới được. Giữ giới đơn giản, quý vị tại gia thì hãy ráng giữ Năm giới và ngày nào tu thì ráng giữ thêm Tám giới (Bát quan Trai giới) thì có định, dễ tu hơn rất nhiều.

Có người nhắn tin cho Thiện Trang: Có ngày hôm nay, nhờ giữ giới Bát quan trai cho nên tự nhiên có mấy tiếng bừng sáng, tự nhiên hiểu biết lên rất nhiều, nhưng được có mấy tiếng đồng hồ thôi. Sáng lắm, rõ ràng mọi thứ, nhưng sau đó hết. Thiện Trang nói là có lần bừng lên là được rồi, tại vì một lần như vậy thì sẽ có nhiều lần, rồi sau này mình mới vào công phu. Đó là niềm tin, mình sẽ có niềm tin hơn. Quý vị tu được như vậy thì quý vị mới thấy giá trị.

Còn nhiều người, đặc biệt bên Tịnh Độ, Thiện Trang thấy cứ đề xướng mà không quan trọng Giới, cũng chẳng nhắc gì đến Bát quan Trai giới hết, đó là một điều thiệt thòi rất lớn. Đức Phật dạy là Tăng thượng Giới học, Tăng thượng Tâm học (Tăng thượng Định) học, và Tăng thượng Huệ học, ba điều đó là phải tu Giới, Định, Huệ. Không có đủ ba nền tảng đó thì không thể giải thoát được đâu. Cho nên tu lâu năm rồi Phiền não nhiều hơn, thậm chí khó có thành tựu lắm, trừ những người có thiện căn sâu dày.

Thật ra theo quan điểm của Thiện Trang thôi, đa số từ trước là họ đã vào dòng Thánh rồi. Tức là họ vào dòng như Tứ gia hạnh trong Luận Câu Xá này, hay là chúng ta thấy họ đã vào Tu-đà-hoàn hướng rồi, hoặc là như trong kinh [nói] là người [có] chủng tánh. Cho nên cuối cùng họ tu môn nào cũng ngon hết, dù tu môn đó [người ta] dạy không được, nhưng họ tu cũng ngon. Nên cuối đời họ ra đi an nhàn tự tại thôi. Chứ còn người mà chưa tới đó thì khó tu, tại vì pháp đó không chính xác theo lời của Phật. [Nhiều người] nói hên. Không phải hên đâu! Mà thật ra là pháp tu [phải] đúng cách thì mới quan trọng.

Trong kinh, không phải một bộ kinh mà nhiều bộ kinh, cả A Hàm lẫn Nikaya, đức Phật nói: Không phải là mong muốn hay không mong muốn, mà [phải] tu đúng. Dù quý vị mong muốn, mà tu sai, thì cũng không chứng quả, không có thành tựu. Quý vị không mong muốn, mà quý vị tu sai, thì cũng không thành tựu. Rồi

quý vị vừa mong muốn vừa không mong muốn, mà quý vị tu sai, thì cũng không thành tựu. Quý vị chẳng mong muốn, cũng chẳng không mong muốn, mà quý vị tu sai, thì cũng không thành tựu. Còn nếu [tu đúng], thì có mong muốn hay không mong muốn cũng thành tựu. Giống như con gà, ấp trứng đúng cách thì thế nào trứng cũng nở.

Đức Phật lấy ví dụ khác, giống như vắt sữa bò, quý vị biết vắt sữa bò không? Quý vị cứ vắt sừng bò thì có ra sữa không? Dù quý vị rất mong muốn có sữa. Đức Phật nói là dù người đó mong có sữa lắm, nhưng vắt sừng con bò thì không thể nào ra sữa được. Muốn vắt sữa bò thì phải làm sao? Dù mong muốn hay không mong muốn, quý vị phải vắt cho đúng. Đứa nhỏ không mong muốn gì hết, mà nó vô vắt đúng cái vú con bò thì sẽ ra sữa thôi, nó cũng đâu có mong muốn gì đâu.

Cũng vậy, một người tu đúng, tu đủ, thì sẽ đắc đạo. Nhớ vậy! Đức Phật lấy ví dụ như vắt sữa bò đó, lấy ví dụ dễ nhất cho quý vị, vắt sữa bò thì quý vị [phải] vắt đúng cái vú con bò. Và con bò đó, đức Phật nói cho con bò ăn cỏ đủ thì một thời gian nó [có] sữa, rồi cứ thế mà vắt thì sẽ ra sữa thôi. Dù đứa nhỏ đó có muốn lấy sữa hay không muốn lấy sữa, nó giỡn chơi, nó vắt cũng ra sữa. Còn mình muốn lắm, nhưng mình vắt sữa sai chỗ, vắt cái chân của con bò, vắt cái sừng của nó, thì làm sao có sữa.

Rồi đức Phật lấy thêm ví dụ về cái bật lửa nữa. Ví dụ đó là đời xưa, thôi mình lấy ví dụ đời nay. Bây giờ quý vị đưa cái hộp quẹt ra, muốn có lửa, bây giờ là hộp quẹt ga, [thì] bấm một cái là có lửa thôi. Quý vị rất muốn có lửa, nhưng nếu quý vị bấm sai, quý vị bấm [vào] cái đuôi của nó, quý vị có bấm hay đập thì cũng đâu ra lửa. Mà đứa nhỏ chả muốn có lửa gì hết, nó cầm chơi chơi thôi, [nhưng] nó bật đúng một cái thì cũng có lửa, dù nó không mong muốn.

Tu hành cũng như vậy, quan trọng là phải tu đúng cách, mà muốn đúng cách thì hãy học kinh Phật. Thời nay nhiều người dạy theo cách của họ, sau đó quý vị tu, nhiều khi là giao huệ mạng của mình [cho họ], một đời nhiều khi không thành tựu. Thiện Trang xin nói lại, Thiện Trang đồng ý với ý kiến của Sư Toại Khanh là: Tất cả những vị Thầy, những vị Cô, dù có khả kính thế nào, thì cũng chỉ là địa chỉ

để tham khảo mà thôi. Quý vị phải tự trải nghiệm, phải tự học, phải tự tu. Tất nhiên bây giờ mình không có thời gian học, mình tham khảo rồi mình tu. Nhưng phải căn cứ theo kinh, kinh nói như vậy thì mình tu như vậy. Còn ai giảng ngoài kinh, tự nói là thôi khỏi coi luôn, khỏi mất thời gian.

Bây giờ Thiện Trang rút kinh nghiệm, ai gửi nào là thầy này giảng, thầy kia giảng v.v… Thiện Trang hỏi: 'Thầy đó giảng ở đâu ra vậy?' Người kia kêu: 'Không biết thầy ạ! Không có nói, không có trích dẫn từ kinh?' Thiện Trang kêu: Thôi khỏi nghe, khỏi mất thời gian. Rất là rõ ràng, không có mất thời gian. Họ giảng lung tung lang tang, mệt lắm, họ nói theo ý của họ thôi. Rồi đem vấn đề nào là thầy đó nói thế này có đúng hay không, [thế] này [thế] kia. Thiện Trang hỏi: 'Có trong kinh hay không?' Nếu vị thầy đó nói có trong kinh, thì quý vị hỏi lại: 'Trong kinh nào? Ở phẩm nào?' Ít nhất người ta phải đọc kinh, thì người ta mới nói được là ở phẩm nào. Người ta nói có trong kinh, mà người ta không biết điều đó ở phẩm nào hết, thì điều đó chứng tỏ người ta cũng không biết có trong kinh [hay không], nhiều khi nghe nói lại.

Cho nên mình [phải] hỏi lại, quý vị nên tập cách đó. Bây giờ nghe những vị Pháp sư, những vị Thầy, Cô nào giảng điều đó [mà] mình thấy lạ, thì mình phải hỏi rằng: Thưa thầy! Thưa cô! Theo anh, theo chị, điều đó nói trong kinh nào? Ở phẩm nào? Nếu người ta không nói ra, mà nói: 'Tôi không biết, tôi nói đại'. Vậy thì thôi, mình không tin. Nghe thầy này nói, thầy kia nói thì thôi, những người như vậy không đáng tin. Chúng ta làm chặt một thời gian đi, rồi sau này tất cả mọi người giảng điều phải y kinh, y sách, thì như thế là ổn hơn, nên nhớ vậy. Lấy Kinh làm chuẩn; lấy Luận, lấy Chú giải đời sau làm thứ yếu, có thể chấp nhận một phần, nếu như đời sau không đúng.

Giống như chúng ta, mặc dù đang học bộ Luận Câu Xá, nhưng nếu thấy có những điều không giống với kinh, thì chúng ta nói luôn, khi Thiện Trang đọc tới đó mà thấy không giống với kinh, [thì nói] đây là Luận Câu Xá nói thôi, chứ trong kinh không có. Mình phải nói như vậy, chúng ta có quyền chấp nhận hay không chấp nhận, tùy mỗi người, rõ ràng như vậy thì mới được. Chứ học mơ mơ màng

màng, mà tin hết là cũng không nên. Mình phải là 'chớ vội tin, chớ vội tin', phải suy xét. Phải học như vậy, một thời gian thì Phật pháp sẽ hưng thịnh. Sau này không có ai dám hó hé, mà giảng lung tung lang tang nữa. Tại vì họ ngại.

Chứ còn bây giờ tại vì sao? Quý vị ủng hộ, những người thời nay nghe pháp [lại] ủng hộ những người sáng tạo, ủng hộ những người nói bậy. Những người đó lại được nhiều người nghe nữa, thành ra Phật pháp mới mạt. Chứ còn nếu mình nghe pháp bằng tâm 'lúc nào người giảng cũng [phải] nói có nguồn gốc'. Còn không là nói ở đâu? Chỗ nào? Dẫn đâu? Một hồi mà thấy trái với kinh là xong, khỏi nói nữa.

Đây là [lần] nữa Thiện Trang nhắc lại Thiền chỉ và Thiền quán. Phần quan trọng là tu Thiền chỉ. Hôm nay giới thiệu Thiền chỉ. Có 40 đề mục tu Thiền chỉ (Samatha) theo Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Phật Âm. Chúng ta đã giới thiệu qua một số đề mục như: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư Không Giới Hạn và Ánh Sáng. [Mấy đề mục] này chứng đến Tứ thiền Sắc giới.

Thiện Trang xin nói lại lần nữa, tu thì mỗi người tu mỗi kiểu, đừng có nghĩ là sẽ giống nhau. Để tu mấy đề mục thì có nhiều cách. Ví dụ ở đây Thiện Trang giới thiệu, là Thiện Trang có đèn nhỏ nhỏ như thế này. Trong Luận Thanh Tịnh Đạo nói là chỉ cần một gang tay, thì [đèn] này chưa đủ. Một gang tay phải là 20cm hoặc là 25cm, quý vị mua cái đèn 25cm. Nếu [đèn] sáng quá thì mình cũng không thể nào quán được. Sáng như vậy chói mắt, quý vị lấy cái nào vừa vừa thôi, đừng có sáng quá.

Khi quý vị dùng cái [đèn] này để tu, thì quý vị nên tắt đèn khác để nhiếp tâm. Đó là tùy [quý vị], nhưng phải chọn. Quý vị nên mua những đèn như vậy. Để tu [đề mục] gì thì hôm bữa Thiện Trang nói rồi. Ví dụ như Thiện Trang thích tu màu này, thì thấy màu này nhiếp hơn là dùng màu kia. Mỗi người có mỗi màu mình ưa thích. Thiện Trang mua bóng này thôi, có bộ điều khiển tông màu, mình bấm là đổi màu. Có thể Camera không nhận được đổi màu, vì camera dùng hồng ngoại nên mắt [Thiện Trang] thì nhìn thấy đổi màu, còn quý vị không nhìn thấy.

Thiện Trang dùng cách đó để lựa, lựa tới lựa lui, thì cũng mua được dụng cụ (bóng đèn) có bộ đổi màu đi kèm, có [điều chỉnh] độ sáng tối, như cái bóng [đèn] này là E27, quý vị lựa để cho phù hợp với mỗi loại. Dòng này thì bấm được, phải điều chỉnh độ sáng bớt xuống, chứ đừng để sáng quá, sáng quá thì sẽ khó tu, bị chói mắt. Cách nào đó để giảm độ sáng. Và đèn đừng to quá, to quá thì phải để xa. Còn nhỏ quá, để gần thì cũng khó chịu, vừa phải thôi. Thiện Trang thấy là tầm cỡ 20cm, 25cm hoặc 30cm cũng xài được, chứ 40cm thì to quá, là phải để rất xa, thì cũng dễ nhiễu.

Đồng thời, nếu quý vị dùng những đèn này để tu đề mục ánh sáng hoặc màu sắc, thì quý vị nên che đằng sau làm sao đó để không bị nhiễu màu. Ví dụ quý vị để đằng sau có bức tranh đủ các kiểu, thì quý vị sẽ khiến cho bị nhiễu đi, cho nên là phải làm sau đó để không bị các màu [làm nhiễu]. Mà tốt nhất là mình kiếm tấm vải đen hay cái gì đó mình che, làm sao cho đen hết, thì mình để màu gì cũng nổi hết, thì dễ.

Còn những đề mục khác như đề mục lửa, thì Thiện Trang chỉ cho quý vị, đó là quý vị nên mở YouTube, trên đó có kênh phát về lửa không [thôi] đó, thì tu đề mục đó được.

Rồi các bước tu như thế nào, thì phải dùng theo các bước Thiện Trang đã chia sẻ ở những bài trước rồi, quý vị mở vô đó. Còn đề mục nước cũng vậy, chúng ta có thể kiếm nước. Và đề mục hư không, thì chọn bầu trời. Chọn bầu trời đừng động quá, tối tối thôi. Chúng ta tu được ba đề mục đó thì dùng tivi cũng được. Còn không thì phải dùng mấy tấm ảnh, thì khó nhiếp hơn ti vi. Và đừng [chọn hình ảnh] động quá, nước chảy vừa vừa thôi. Ví dụ như Thiện Trang chọn sóng biển hoặc sóng hồ, sóng gì đó gợn nhẹ nhẹ thôi, gợn vừa phải thôi, thì Thiện Trang ngồi tu được, ok. Rồi lửa thì cũng vừa phải thôi. Còn đề mục hư không thì cũng vậy, nhưng Thiện Trang chưa tìm thấy cái nào ưng ý về hư không, chỉ tìm được lửa và nước thì tạm tạm.

Quý vị tu, quý vị hỏi là tu như thế nào? Về cách tu thì quý vị phải coi kỹ lại các bài trước. Nhưng Thiền thì không giống nhau, cho nên là đừng có mong là

Thiện Trang nói ra thế nào, rồi quý vị chấp vào đó, quý vị tu thì quý vị [sẽ rớt] vô so sánh. Mà quý vị nên nhớ, tướng trạng sau khi Thiền, sẽ vào trạng thái trì tướng hay là tợ tướng không giống nhau, hoặc là nhập định thì cũng không giống nhau. Cho nên đức Phật cũng không nói rõ là tướng như thế nào.

Ví dụ cho quý vị quán cái đèn này, giả sử là màu vàng, màu trắng, hay màu xanh gì đó, quý vị thích màu gì thì quý quán màu đó. Nhưng khi vô thì mỗi người mỗi khác nhau, thậm chí mỗi lần mình vô sẽ khác nhau. Ví dụ như lần đó mình vô, quán màu hồng chẳng hạn, thì mình thấy toàn màu hồng khắp nơi. Có hồi thì mình thấy nhiều hình tròn màu hồng, có lúc thì thấy toàn màu hồng, có lúc thì hình tròn màu hồng quá trời hết, có lúc thì mình thấy mình chui ở trong lồng kính hình tròn màu hồng như vậy. Cho nên không có cố định, vì không cố định nên mình không thể nói được gì hết.

Quý vị đừng có tưởng tượng tại sao nó có hay không, mà quan trọng là khi sắp vào Thiền hay định một chút, thì mình thấy thứ nhất là tâm mình không muốn nghĩ gì hết, gần như là không nghĩ được gì hết, dừng tâm luôn. Đó là trạng thái định của Thiền chỉ bắt đầu xuất hiện. Còn định nào thì tùy, quý vị coi ở trong kinh nói là một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Có nghĩa là nếu quý vị vào định, thì tự nhiên quý vị ra rồi quý vị ngồi, quý vị cũng không muốn ăn uống gì hết, không ham ăn, ham uống, ham gì chuyện gì hết. Đó là ly dục.

Rồi có tầm có tứ, là lúc đó mình thấy tâm mình sáng suốt, mà thích duyên tới đối tượng. Duyên tới đối tượng nào? Giống như khi mình vào Thiền hoặc là ra Thiền, thì mình cũng thích coi cảnh này, coi cảnh kia, mà lúc ở trong Thiền mình duyên tới. Ví dụ như hồi nãy Thiện Trang nói là quán quả (đèn tròn) này, thì mình thấy rất nhiều quả này, mình nhìn mà lúc đó không phải nhìn bằng mắt, mà mình thích nhắm mắt hơn, mình nhìn, chẳng hạn.

Đó là những trạng thái và không cố định, mỗi người mỗi khác, đừng mong và đừng nghĩ gì hết. Tu thì cứ tu như vậy thôi. Cứ nhìn, tu theo đúng như vậy, thì tự nó đến như vậy. Chứ còn đừng mong cầu, mong cầu thì sẽ không tới. Nên nhớ như vậy! Tại vì tâm mong cầu là tâm tham, Tham dục là một trong năm Triền cái,

thì không đắc Thiền được. Và nên chọn nơi nào yên tĩnh v.v... Hoặc là không có nơi yên tĩnh thì lấy bông tay, hay tai phone, hay là cái gì đó gắn vô để chống ồn, chứ không, đang vô mà nghe ầm ầm, nghe tiếng gì đó là rớt Thiền. Tại vì âm thanh là gai nhọn hay là chướng ngại để nhập Sơ thiền. Cho nên là chúng ta biết rồi, thì chúng ta tu như vậy đó, [và] còn tùy đề mục.

Chúng ta trở lại 40 đề mục này, có những đề mục đã giới thiệu, hôm nay sẽ dành thời gian giới thiệu đề mục Niệm hơi thở một cách kỹ càng. Tại vì hồi trước mới giới thiệu sơ thôi, nhiều người hành trì sẽ không vào được sâu, bởi vì mình chưa học kỹ. Đề mục này rất dài, vì chứng tới Tứ thiền Sắc giới. Và đề mục này cao vậy đó, coi vậy chứ cũng không dễ tu đâu, mình phải coi cho kỹ. Đề mục này là vừa Thiền chỉ vừa Thiền quán.

Bây giờ muốn có Thần thông thì tu 10 đề mục Biến xứ này, chúng ta đã nói rồi. Bữa nay chúng ta sẽ học chi tiết về đề mục Niệm hơi thở. Đề mục Niệm hơi thở này nằm trong đề mục Tùy niệm. [Quý vị] nhớ là đề mục này chứng đến Tứ thiền Sắc giới là đủ xài rồi nha, còn tới Thiền Vô sắc thì khỏi đi, mình chỉ cần tới Thiền Sắc giới là ghê gớm lắm rồi, vấn đề là có tu tới hay không thôi.

Nói Chi Tiết Đề Mục Niệm Hơi Thở

1. Sự Tán Thán Của Đức Phật:

Đức Thế Tôn đã tán thán Pháp môn Niệm hơi thở như sau: "Có một pháp, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn. Một pháp ấy là gì? Là Niệm hơi thở (nhập xuất tức niệm)". (S. V, 311[256])

Giống như Kinh Tăng Nhất A Hàm cũng dạy như vậy đúng không quý vị? Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy là hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp, pháp này được quả báo lớn, được thậm chí đến Niết-Bàn. Pháp nào mà đưa đến Niết-Bàn thì là Thiền quán, còn pháp nào mà chỉ nói là đắc cái này cái kia thôi, thì là Thiền chỉ. Môn này là vừa Thiền chỉ, vừa Thiền quán. Hôm nay chúng ta học để phân biệt đâu là Thiền chỉ, đâu là Thiền quán. Đây là trích từ Kinh

(S.V,311), Thiện Trang coi lại rồi, ở đây Thiện Trang có chú thích: chữ S này là viết tắt của Samyutta-Nikaya: "Tương Ưng Bộ Kinh". Kinh này ở đầu Tập V – Thiên Đại Phẩm, chương X. Thiện Trang đã tra kinh này rồi. Đức Phật nói:

"Này các Tỳ-kheo, định nhập xuất tức niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, là lạc trú an tịnh tinh lương thuần khiết, dập tắt dẹp yên các ác bất thiện pháp ngay khi chúng sanh khởi". (S. V, 321)

S. V, 321 cũng là trong Kinh Tương Ưng. Ở trên là Kinh 311, còn ở đây là Kinh 321, tập 5. Quý vị thấy quan trọng là tu theo môn này, thì cũng được là dập tắt và dẹp yên các pháp ác bất thiện ngay khi chúng sanh khởi. Cho nên từ đó mình không có sân, không có tham. Còn tu Thiền quán là mình chỉ quan sát thôi, quan sát là tâm tham thì biết tâm tham, tâm sân thì biết tâm sân, tâm đang thế nào đó thì biết tâm đang thế nào đó, tâm chưa vô thượng thì biết tâm chưa vô thượng. Tức là mình chỉ quan sát thôi, chứ mình không chặn được. Còn muốn chặn được thì phải tu Thiền chỉ.

Quý vị để ý đi, mỗi ngày quý vị chỉ cần tu Thiền chỉ một chút thôi, là ngày đó quý vị cũng đỡ nổi sân, đỡ tham ăn. [Dù] không đắc Thiền chăng nữa thì cũng đỡ rất nhiều, nhẹ nhàng người hơn. Còn người tu, ví dụ như người ta tu niệm Phật, tu Tịnh Độ thì người ta không biết điều này, người ta cho đó là xen tạp, v.v... nên họ không tu. [Vì vậy] họ chỉ có Thiền quán. Mà quán không tới nơi cho nên họ thường nổi sân. Hồi xưa tưởng một câu niệm Phật là đủ Thiền chỉ, Thiền quán. Nhưng chúng ta học đúng theo kinh Phật, thì chúng ta không thấy điều đó, không có Thiền chỉ được đâu, không xài được. Niệm Phật theo [pháp] Tùy niệm thì đâu phải niệm kiểu đó, đâu có trì danh đâu mà Thiền chỉ.

Như vậy đây là sự tán thán của Phật đối với Pháp môn này, tức là đối mục niệm hơi thở này.

2.Thực Hành:

Đức Phật dạy 16 cách niệm hơi thở trong bài kinh ấy (S. V, 321) (bài Kinh 321, tập 5 của Kinh Tương Ưng) **như sau:**

Ở đây này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo đi đến khu rừng, hay đến gốc cây, hay đến ngôi nhà trống, ngồi kiết già, giữ thân ngay thẳng, đặt niệm trước mặt; Vị ấy thở vô niệm, thở ra niệm:

Điều này thì chúng ta nghe quen rồi đúng không? Nhưng 16 cách niệm thì chúng ta chưa học. Quý vị thấy không ạ? Thông thường chúng ta học được mấy cách đầu, nhưng trong bài kinh này có tới 16 cách lận.

Bước tu đầu tiên là phải đến nơi vắng vẻ, ngồi kiết già, giữ thân ngay thẳng, đặt niệm trước mặt. Nếu không ngồi kiết già được thì ngồi bán già, ngồi đỡ cũng được, ngồi kiểu nào cũng được, đỡ hơn là không ngồi. Nhưng nếu quý vị nhập được Thiền thì không đau đâu, quý vị sẽ ngồi được kiết già. Còn chưa nhập được Thiền thì đau, tại mình còn nghiệp chướng nhiều lắm. Rồi thở ra thở vô thôi. Tiếp tục:

(1) Khi thở vô dài, nhận biết "Ta thở vô dài". Khi thở ra dài, nhận biết "Ta thở ra dài". Điều này giống như Tứ niệm xứ đúng không ạ? Hôm bữa mình học điều này rồi.

(2) Khi thở vô ngắn, nhận biết "Ta thở vô ngắn". Khi thở ra ngắn, nhận biết "Ta thở ra ngắn". Thực tế thì mình có thể bỏ chữ 'ta', không cần chữ ta đâu. Khi thở vô ngắn, nhận biết đang thở vô ngắn. Cứ vậy, thở ra ngắn, nhận biết đang thở ra ngắn. Có chữ ta, vì đây là ngôn ngữ Pali, nhưng mình dịch sang tiếng Việt thì không cần chữ ta cũng được.

(3) Tập "Ta sẽ thở vô cảm giác toàn thân". Tập "Ta sẽ thở ra cảm giác toàn thân". Tức là khi mình thở, mình hít vô, mình sẽ cảm giác toàn thân luôn. Rồi mình thở ra thì cũng cảm giác toàn thân. Điều này thì quý vị đồng tu chưa tu đúng không? Mình thường tu [những điều] ở trên thôi, dài biết dài, ngắn biết ngắn, còn ở đây là cảm giác toàn thân.

(4) Tập "Ta sẽ thở vô an tịnh thân hành". Tập "Ta sẽ thở ra an tịnh thân hành". Điều này tức là mình thở, mình cảm thấy rất an tịnh thân. Mình thở ra hay thở vô gì cũng vậy. Đó là bốn cách.

(5) Tập "Ta sẽ thở vô cảm giác hỷ". Tập "Ta sẽ thở ra cảm giác hỷ". Tức là mình cảm giác dễ chịu, thở ra hỷ. Chữ hỷ với lạc thì Thiện Trang đã nói ở bài trước rồi. Có nhiều cách nói, có người thì nói đây là trạng thái của thân, có người thì nói là trạng thái của tâm. Hỷ là gì? Trong kinh, hình như là đức Phật hay ai đó lấy ví dụ, Thiện Trang không nhớ lắm. Tức là giống như đang khát nước, mà thấy chai nước thì vui, đó gọi là hỷ. Rồi uống nước vô thì đã, đó là lạc. Hỷ và lạc có thể giải thích như thế.

Quý vị hiểu không ạ? Hỷ là vui rồi, nhưng chưa vui bằng niềm vui uống nước, đang khát nước mà uống vô thì thấy đã, gọi là lạc.

(6) Tập "Ta sẽ thở vô cảm giác lạc". Tập "Ta sẽ thở ra cảm giác lạc". Hỷ rồi tới lạc, đó là [điều] 5 và 6. Thở ra cũng vậy, gắn thêm chữ đó thôi.

(7) Tập "Ta sẽ thở vô cảm giác tâm hành". Tập "Ta sẽ thở ra cảm giác tâm hành". Tức là tâm mình thay đổi.

(8) Tập "Ta sẽ thở vô an tịnh tâm hành". Tập "Ta sẽ thở ra an tịnh tâm hành". Cũng tương tự như thế, bây giờ chỉ an tịnh luôn được tâm. Tức là mình quán, điều này là thành quán rồi đó quý vị, gọi là hơi quán rồi đó.

(9) Tập "Ta sẽ thở vô cảm giác về tâm". Tập "Ta sẽ thở ra cảm giác về tâm".

(10) Tập "Ta sẽ thở vô tâm hân hoan". Tập "Ta sẽ thở ra tâm hân hoan". Tức là cảm thấy vui, hân hoan mà.

(11) Tập "Ta sẽ thở vô tâm định tĩnh". Tập "Ta sẽ thở ra tâm định tĩnh". Nói chung là thở vô với thở ra thôi, mà cứ nhớ là lúc nào tâm cũng định tĩnh.

(12) Tập "Ta sẽ thở vô tâm cởi mở". Tập "Ta sẽ thở ra tâm cởi mở".

(13) Tập "Ta sẽ thở vô quán vô thường". Tập "Ta sẽ thở ra quán vô thường". Điều này chắc được đúng không? Cởi mở rồi vô thường.

Thiện Trang nói với quý vị, 16 pháp này thì hồi xưa Thiện Trang thấy cũng hơi khó, đọc qua thấy hơi khó nên ngại chia sẻ cho quý vị. Mà quý vị mới tu nữa nên quý vị ngán lắm. Sau này mình coi kỹ thì mình thấy: Đúng rồi! Ngán là phải, mới đầu chỉ đề xướng tu mấy [cách] quán [đầu] thôi. Còn mấy [cách quán] sau là không phải bình thường, chút nữa chúng ta học, cho nên nghe ngán. Nhưng thực tế muốn tu thành tựu là [phải] tu hết.

(14) Tập "Ta sẽ thở vô quán ly tham". Tập "Ta sẽ thở ra quán ly tham". Tức là lúc đó mình thở vô, mình nghĩ mình không tham nữa, tập thở ra mình cũng không tham.

(15) Tập "Ta sẽ thở vô quán đoạn diệt". Tập "Ta sẽ thở ra quán đoạn diệt".

(16) Tập "Ta sẽ thở vô quán xả bỏ". Tập "Ta sẽ thở ra quán xả bỏ". Nói chung nhớ chữ đằng sau thôi. Còn thở ra với thở vô gắn liền với [cách] quán đó. Ví dụ khi thở ra, mình nghĩ là quán xả bỏ thôi, mình không có cần, đời mình chết rồi là hết, trước sau gì cũng chết, cho nên không cần tham cái đó đâu. Tính mua cái xe đó nhưng thôi khỏi mua đi. Rồi thở ra cũng như vậy, thôi khỏi mua xe, thôi bỏ hết, thế gian này không cần. Cứ thở [và] quán như vậy. Tức là đem quán đó ra tập.

16 [cách] này không phải tu cùng một lúc hết 16 [pháp] đó, mà thật ra chỉ tu mấy [cách đầu] thôi.

Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán. Quý vị thấy đằng sau có quán, là quán Vô thường, quán ly tham, quán đoạn diệt, quán xả bỏ. Chúng ta sẽ hiểu rõ hơn qua mục (3).

3. Mười sáu mục niệm hơi thở chia làm 4 bộ tứ. Tức là 16 thì chia 4.

+Bộ tứ thứ nhất, gồm bốn mục niệm từ (1) đến (4), thuộc phạm trù Chỉ và Quán. Tức là từ (1) đến (4) là tu Chỉ [và] Quán luôn. Thông thường mình tu được hai [pháp] trên đúng không quý vị? Thở ra dài thì biết dài, ngắn thì biết

ngắn. Rồi mấy [cách] như cảm giác toàn thân với an tịnh thân hành thì cảm giác thì cách đó được, đó thuộc về Chỉ và Quán.

+Bộ tứ thứ hai gồm bốn mục niệm từ (5) đến (8) cũng thuộc về phạm trù Chỉ và Quán. (5) đến (8) là bộ thứ hai rồi. Hỷ, lạc, cảm giác tâm hành và an tịnh tâm hành.

+Bộ tứ thứ ba gồm bốn mục niệm từ (9) đến (12) cũng thuộc phạm trù Chỉ và Quán. (9) đến (12) là thuộc Chỉ và Quán. Nhưng bốn [cách] cuối cùng là chuyên về Quán.

+Bộ tứ thứ tư gồm bốn mục niệm từ (13) đến 16 là phạm trù thuần quán. Tức là đằng sau là tu Quán không [thôi] đó.

Cho nên mấy cách đầu là vừa tu Chỉ vừa tu Quán được, nhưng bốn [cách] cuối cùng là chỉ có tu Quán thôi. Quán Vô thường; quán ly tham; quán đoạn diệt là trước sau gì cũng chết, cũng hết; quán xả bỏ là thôi, bỏ hết đi, không cần.

Mình tu như thế nào [thì] từ từ nha, [ở] đây mới nói giới thiệu thôi.

* **Mặc dù bất cứ đề mục thiền nào cũng thành công nếu hành giả có chánh niệm tỉnh giác; Và các đề mục khác khi hành giả liên tục tác ý thì càng lúc càng hiện rõ. Riêng về pháp niệm hơi thở này thì khó, thật khó tu tập** (không dễ đâu quý vị, coi vậy chứ hồi xưa Thiện Trang tu thấy cũng hơi khó đó. Mấy cách đầu dễ, nhưng cách sau là khó), **đó là một địa hạt mà chỉ có chư Toàn giác, chư Độc giác và một số vị Thanh văn giác mới quen thuộc** (có nghĩa là không phải tu dễ đâu. Toàn giác là Phật, rồi Độc giác, và một số Thanh văn mới tu được)**. Đó không phải là chuyện bình thường và những người tầm thường không thể tu tập. Càng chú ý đến hơi thở thì hơi thở càng trở nên an tĩnh và vi tế hơn nữa**.

Điều này có nhiều đề mục khó, cho nên mình tu không được thì cũng bình thường thôi. Mình tu được Tứ niệm xứ, thở ra thì biết thở ra, thở vô thì biết thở vô, rồi thở dài thì biết dài, ngắn thì biết ngắn. Mấy [cách] đầu dễ, còn mấy [cách]

sau thì khó, vì càng ngày càng chú ý hơi thở, thì hơi thở tịch diệt, nên làm sao mà quán được nữa, khó lắm. Quý vị tu thử đi [thì] biết, [tu] một hồi tâm mình không muốn nghĩ gì hết trơn. [Cho] nên nhiều đồng tu nói niệm Phật theo hơi thở, đến lúc đó là mình không muốn niệm nữa, chỉ muốn [chú ý] hơi thở thôi, đâu muốn nghĩ gì nữa đâu. Đó là bắt đầu vô trì tướng, bắt đầu có định một chút đó. Bây giờ mình đâu có muốn nữa đâu mà bảo mình quán đi, quán ly tham, quán Vô thường…. thì chắc khó. Nên là mới đầu thì được, nhưng lúc sau thì chỉ có chú ý vào hơi thở thôi. Đó là lý do, chúng ta tu rõ ràng, quý vị cứ thử đi. Mà thực ra buông đi, đừng quán nghĩ gì nữa thì sẽ dừng tâm, rồi sẽ vào Thiền chỉ. Còn nếu quý vị vừa kéo được Thiền quán luôn thì quý vị thành tựu lớn. Điều đó khó!

***Dù vậy, phương pháp tu tập về đề mục Niệm hơi thở vẫn được bàn đến trong Thanh Tịnh Đạo, nhưng chỉ nói cho bốn đề mục hơi thở của phần đầu như là những đề mục Thiền hơi thở dành cho người sơ cơ.** Quý vị thấy không? Bốn điều đầu là dành cho người sơ cơ tu được. Quý vị chỉ cần nhớ bốn điều đầu thôi thì cũng tu được rồi. Không cần phải cao siêu gì quá.

Ba nhóm 12 đề mục sau thì để cho một người đã đắc thiền trong bốn niệm đầu (đắc Thiền rồi mới tu tiếp 12 điều sau. Tức là bốn điều đầu giúp mình đắc Thiền, đắc rồi thì mình tu tiếp 12 điều sau)**. Vả lại, Thanh Tịnh Đạo nói theo sớ giải không có phương pháp nào riêng biệt cho sự tu tập đề mục hơi thở ở trường hợp ba bộ tứ: thứ hai, thứ ba, thứ tư** (12 mục niệm sau)**. Bởi thế, nếu hành giả sơ cơ muốn tu tập đề mục thiền hơi thở này, và nhờ tuệ phát sinh ở Thiền định qua phép niệm hơi thở để chứng quả A-la-hán thì hãy tìm một vị thầy giỏi mà học cho thông thạo đề mục thiền hơi thở phần đầu (bốn mục).** Đầu tiên là mình hãy tu bốn mục trước đi.

Bốn mục niệm hơi thở phần đầu đó là:

(1) Biết hơi thở vô - ra dài.

(2) Biết hơi thở vô - ra ngắn.

(3) Tập thở vô - thở ra cảm giác toàn thân.

(4) Tập thở vô - thở ra an tịnh thân hành.

Tức là thân mình an tịnh, tập bốn điều này thôi. Mình mới đầu tu vậy là đắc Thiền được rồi. Nếu quý vị muốn đắc quả A-la-hán luôn thì quý vị tu những cách sau tiếp. Một pháp tu này tuy nói dễ nhưng không dễ. Phải đắc Thiền rồi thì mới tu những cách sau. Đó là mới giới thiệu thôi, còn bây giờ vào thực hành.

5. Vào Thực Hành

+ Hành giả sau khi học đề mục thiền nơi một vị thầy, hãy đi đến một trú xứ thích hợp (khu rừng, hay gốc cây, hay ngôi nhà trống), phải đoạn trừ những ý niệm nhỏ, rồi ngồi xuống trong tư thế thoải mái; Hành giả cũng nên làm cho tâm phấn chấn bằng cách niệm tưởng các ân đức đặc biệt của ba ngôi báu (Tam Bảo)**. Bắt đầu tác ý đến đề mục hơi thở.**

Đây là các bước chuẩn bị, ta quá quen rồi. Nhiều người tu không có thành tựu, vì quý vị không áp dụng điều này. Đầu tiên là phải chọn đề mục, sau đó tìm đến nơi trú xứ thích hợp yên tĩnh. Rồi trước hết phải dẹp bớt những ý niệm nhỏ đi, chứ lăng xăng nghĩ chồng thế này, con thế nào, giận người này người kia, đủ thứ chuyện phiền não trong đầu thì không tu được đâu. Rồi ngồi xuống trong tư thế thoải mái, tất nhiên kiết già được thì tốt. Còn không kiết già được thì ngồi tư thế nào thoải mái thì tu cũng được.

Ở đây hành giả cũng nên làm cho tâm phấn chấn bằng cách niệm tưởng các ân đức đặc biệt của ba ngôi báu, tức là Phật, Pháp Tăng. Phải tu điều này rồi mới vô, chứ chưa gì hết mà nhào vô bắt đầu thở thì sẽ khó thành tựu. Trừ khi mình tu quen rồi, tu thành tựu rồi đó, thì lần nào quý vị vô là vô luôn. Không cần mấy thứ đó, vì mình có kinh nghiệm rồi. Đặc biệt là những lần đầu thì quý vị [tu thấy] khó lắm. Lần đầu quý vị chưa làm tốt những bước trước, thì quý vị tu Thiền chỉ sẽ không vô là bình thường.

Ví dụ như tâm mình đang lăng xăng, rồi trú xứ không thích hợp, rồi quần áo mình dơ, ngồi khó chịu, ray rứt, nóng bức, v.v… những điều đó là rớt Thiền rồi. Vì những Chi thiền không khởi lên, mình đang khó chịu ở trong người là Sân cái

v.v…. Mình nghĩ chuyện này chuyện kia, đó là Phóng dật cái, là Trạo hối cái đó. Như vậy thì làm sao vô Thiền được. Hoặc nghi, nghi không biết là mình tu [pháp] này có đắc Thiền không, chắc là thầy Thiện Trang tu mới đắc, chứ mình tu chắc không đắc đâu. Đó là Nghi cái, thì lấy đâu ra [mà đắc]. Rồi không biết pháp tu này có đúng hay không nữa, thì rớt sạch các Chi thiền, thì làm sao tu được.

Cho nên phải làm các bước để tu Thiền chỉ cực kỳ cẩn thận. Trong đó có đề mục quán là gì quý vị nhớ không? Đó là đề mục quán: Các bậc Thánh như đức Phật, những vị Tăng v.v… bao nhiêu người đã tu tập [cách] này đã thành tựu rồi, nên mình tu thì cũng sẽ thành tựu. Phải quan trọng điểm đó, không có thì rớt [niềm] tin mất rồi, rớt mất hỷ là không đắc Thiền được đâu. Nên nhiều người không biết tu, rồi kêu sao tu không được. Đầu tiên là mình học không kỹ, cho nên mình rớt.

+ Cách thức tác ý đề mục là đếm, theo dõi, xúc chạm, gắn vào, quan sát chuyển hướng, thanh tịnh và nhìn lại. Tác ý theo bảy điều, bữa nay mới học kỹ. Mấy bữa trước mà quý vị tu được là quý vị giỏi đó, vì chưa dạy mà học tu được. Tại vì dài quá nên Thiện Trang làm biếng, để từ từ bao giờ quý vị hứng thú thì mới dạy.

+ Ở đây, (1) đếm là đếm số theo hơi thở. Tức là bảy mục, thì mục đầu tiên là đếm số theo hơi thở.

(2) Theo dõi là bỏ đếm số mà chỉ liên tục ghi nhận sự có mặt của hơi thở vào và hơi thở ra. Thông thường chúng ta không tu đề mục đếm số. Nhưng đếm số là dễ nhất, là điều đầu tiên. Chút nữa sẽ dạy kỹ hơn, còn đây mới nói sơ thôi. Thông thường mình chỉ vô [cách] hai thứ này. Hai là mình theo dõi hơi thở ra và hơi thở vào.

(3) Xúc chạm là ghi nhận gió của hơi thở vào chạm mũi và gió của hơi thở ra chạm mũi. Chỗ này nhiều người lầm lắm, chỉ tập trung lên mỗi chóp mũi là không hiểu điều này. Học điều này thì thấy rõ hơn. Tức là mình để ý là hơi thở vô từ mũi, rồi ra [từ] mũi, để ý điều đó, chứ không phải mình tập trung ở mũi.

Nhiều người học kinh văn, vì kinh văn nói không chi tiết. Nói như vậy là tập trung vào chóp mũi, riết thành ra đề mục ngoại đạo luôn. Trong khi đó mình chỉ là ghi nhận là gió của hơi thở vào chạm mũi, rồi gió hơi thở ra cũng chạm mũi.

(4) Gắn vào là tâm dán chặt vào đề mục với các Chi thiền, đây chính là An chỉ định. Tức là tâm phải dán chặt vào đề mục của các Chi thiền, mình nhớ năm Chi thiền đó. Đó là An chỉ định.

(5) Quan sát là thẩm sát hơi thở thấy rõ danh sắc, đây thuộc lĩnh vực quán hay minh sát. Quan sát này hơi thở thấy danh sắc, danh và sắc là thân thể với các thức (Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Đây là tu Quán rồi. Nếu tu Chỉ thì mình có thể bỏ qua [bước] này.

(6) Chuyển hướng là chứng đắc đạo. Đây là cũng thuộc về tu Thiền quán để đắc đạo, chuyển hướng là chứng đắc đạo luôn. Nếu tu tới An chỉ định này, mà quý vị quật qua [cách] này, thêm bước nữa là quý vị đắc đạo luôn.

(7) Thanh tịnh là chứng đắc quả. Đắc đạo như là Sơ quả hướng đó quý vị. Giống như A-la-hán hướng, thì gọi là A-la-hán đạo. Đó là chuyển hướng sắp vào rồi. Còn thanh tịnh là đắc quả luôn.

(8) Nhìn lại là trí phản kháng. Đây là đắc đạo rồi mới làm điều này.

Cho nên nếu quý vị tu mà tới Thiền chỉ thôi, thì quý vị chỉ cần tu bốn [cách] đầu thôi. Còn các [cách] sau bỏ cũng được. Còn nếu quý vị tu Minh sát tuệ, quý vị muốn đắc đạo luôn, thì quý vị tu tới bước (5), (6). Thật ra tới (5) rồi thì tự động chuyển hướng tới (6), tới (7) rồi cuối cùng tới (8) thôi. Đó là tự nhiên.

Đó là mới giới thiệu sơ, bây giờ mới giải rộng ra. Quý vị thấy phải học kỹ như vậy, chứ đâu phải học mơ mơ mà thực hành được.

6. Giải rộng năm cách thức tác ý đề mục:

a. Một người sơ cơ chưa quen khắn khít hơi thở, mới khởi sự tu tập thì trước hết hãy tác ý đến đề mục hơi thở bằng cách đếm. Cách đầu tiên là

đếm. Trong tám cách đó, thật ra mình chỉ quan tâm mấy cách đầu thôi. Đầu tiên là đếm, mới tu thì phải đếm. Thật ra quý vị biết ngay bên Bắc truyền, [là] tu Ngũ đình Tâm quán trong Năm pháp quán để dừng tâm. Và điều này là điều kiện chính để vào dòng Tứ gia hạnh trong Luận Câu Xá, thì tu những đề mục đơn giản này. Thật ra tâm mình thô quá, bây giờ mình hãy đếm hơi thở, gọi là Sổ tức quán.

Khi đếm, không nên dừng lại dưới 5, cũng không đếm quá 10 (quý vị thấy không? Không dừng lại dưới 5, cũng không đếm quá 10)**; Lúc đầu nên đếm chậm (nghĩa là thở rồi mới đếm)**. (Rất chi tiết! Ví dụ như mình thở ra, mình [đếm] 1… 2 ...3 cứ hít vô, thở ra, đếm đếm, không dừng dưới 5 mà cũng không đếm quá 10. Đếm từ 5 tới 10 thôi chứ không đếm quá. Ở đây cũng chỉ cho chúng ta đếm rõ luôn)**, cho đến khi hơi thở trở nên rõ rệt** (tức là khi nào hơi thở trở nên rõ rệt)**, hành giả có thể đếm nhanh (tức là đếm rồi mới thở).**

Quý vị thấy chi tiết không? Nhớ học cho kỹ. Mới học lúc đầu thì nên chậm thôi, đếm chậm là thở rồi mới đếm. Nhưng sau đó hơi thở rõ rồi, mình quan sát được rõ rồi, thì mình nên đếm nhanh, tức là đếm rồi mới thở.

Hành giả bắt nhịp hơi thở ra hoặc hơi thở vào để đếm "một... một", "hai… hai", "ba... ba" cho đến khi "mười... mười". Quý vị có hiểu cách đếm này không? Nhiều người không hiểu đó. Ví dụ Thiện Trang thở ra trước hay hít vô trước cũng được, Thiện Trang hít vô thì một…. thở ra cũng một, "hai… hai", "ba…. ba", "bốn… bốn"…. Cứ như vậy, cứ hít vô thở ra "bốn... bốn", đếm cho đến "mười… mười". Chỉ vậy thôi, có gì đâu, mình thực hành. Bắt đầu đến "mười… mười" là không đếm nữa.

Hành giả hãy đếm đi, đếm lại. Nghĩa là đến "một... hai... ba... bốn... năm..."; Rồi đếm lại "một... hai... ba... bốn... năm... sáu...";

Rồi đếm lại "một... hai... ba... bốn... năm... sáu... bảy..."; Rồi đếm lại "một... hai... ba... bốn... năm... sáu... bảy... tám..."; Rồi đếm lại "một... hai... ba... bốn... năm... sáu... bảy... tám... chín..."; Rồi đếm lại "một... hai... ba... bốn... năm... sáu... bảy... tám... chín...mười..."; Đến đây hành giả đếm lại "một...

hai… ba… bốn…năm" v.v… Đó gọi là "đếm đi đếm lại" và "đếm không dưới 5, không trên 10".

Ở đây cách đếm đơn giản thôi, tức là mới đầu mình đếm "một... một", "hai... hai", "ba… ba", "bốn... bốn", "năm… năm". Rồi bắt đầu mình đếm lại "một... một", "hai... hai", lần sau thì mình lên sáu, lần sau nữa thì mình lên bảy, lần sau nữa mình lên tám, lần sau nữa mình lên chín, lần sau nữa lên mười. Rồi bắt đầu quay lại năm… sáu… bảy… tám… chín… mười. Quý vị giỏi thì quý vị đếm luôn mười. Chính vì vậy nên tâm mình chú ý đến hơi thở cực kỳ luôn, không có vọng tưởng nào khác hết, không có thời gian chen vào, vì quý vị [đếm] liên tục mà. Hít vô một, thở ra một, "một... một", "hai... hai", "ba… ba", "bốn… bốn", "năm… năm", thì quý vị còn thời gian đâu mà vọng tưởng được. Tu như vậy thì mới vào.

Cho nên quý vị thấy cách này dễ hơn rất nhiều, vì theo hơi thở thôi. Quý vị thử đi, quý vị không có điều kiện mua đèn, không có bức tranh, không có nước v.v… thì quý vị tu đề mục hơi thở này. Và chủng tánh nào tu được đề mục hơi thở này, thì quý vị coi lại bài trước, quý vị coi mình có phải chủng tánh đó không. Cách đó rõ ràng như vậy. Quý vị thấy học rõ ràng như vậy mà, pháp tu rõ ràng lắm, chứ không phải mơ mơ màng màng, không phải vô đó rồi không biết đường tu.

Vì sao phải đếm? Vì bao lâu đề mục thiền còn liên kết với số đếm thì chính nhờ trợ lực của sự đếm ấy mà tâm trở nên chuyên nhất. Quý vị thấy không? Tâm trở nên chuyên nhất là nhờ số đếm. Nhưng đây mới là bước một, hồi sau là bỏ số đếm này đi, chỉ theo dõi hơi thở thôi. Còn mình giỏi hơn, mình vô theo dõi hơi thở luôn cho nên không thành công, đúng không quý vị? Một hồi mình mệt, là do mình không bắt đầu từ đây.

+ Cần phải đếm tiếp tục như vậy trong bao lâu? Cho đến khi nào, mặc dù không đếm mà niệm vẫn được an trú trên đối tượng là hơi thở vô – hơi thở ra. Bởi vì đếm chỉ là một phương tiện để an trú niệm trên những hơi thở vô và thở ra làm đối tượng, cắt đứt sự phân tán của tầm tư (phóng dật).

Thực ra đếm là phương tiện để bắt đầu thôi, để tâm mình an trú trên hơi thở, đến khi được rồi [thì] mình thở ra thở vô. Người nào tâm theo được hơi thở ra vô rồi thì không cần đếm nữa, bỏ bước đó, chuyển qua [bước] khác.

b. Sau khi tác ý hơi thở theo cách đếm, đối tượng đã hiện rõ rệt, hành giả từ bỏ đếm hơi thở và lúc này nên tác ý hơi thở bằng cách theo dõi (chúng ta thường tu tới đây), **nghĩa là đi theo hơi thở bằng niệm, ghi nhận sự có mặt của hơi thở vào hoặc hơi thở ra.** (Phật dạy tới đây đúng không?) **Cần lưu ý rằng, khi tác ý hơi thở bằng cách theo dõi, hành giả không nên với niệm theo dõi chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối của hơi thở vô (chóp mũi, tim, rốn) hoặc theo dõi chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối của hơi thở ra (rốn, tim, chóp mũi), mà tác ý theo dõi ở đây chỉ là ghi nhận liên tục sự chạm xúc của hơi thở ở chóp mũi, vậy thôi.**

Quý vị hiểu không ạ? [Pháp] này nhiều người thực hành sai, vì sao? Tức là mình vô, mình thở một hồi thì không đếm nữa. Bây giờ mình thở, thì mình không quan tâm là hơi thở đang ở [mũi], ở bụng, ở ngực, hay ở tim. Mà mình chỉ quan tâm là hơi thở chạm, hơi thở bây giờ đang vô ngay chóp mũi, rồi ra cũng ra ngay chóp mũi, chỉ thế thôi. Nên gọi là tập trung ở chóp mũi. Nhiều người không biết là tập trung cái gì. Thật ra là tập trung hơi thở đang ra vô đó, chứ đừng để ý [ở] bụng, rồi [ở] tim, [ở] rốn gì đó, không để ý [những chỗ] đó. Quý vị thấy không? Dạy kỹ như vậy đó. Nhiều khi mình không có duyên học (đọc) những bài này, cho nên mình thực hành không tới, nên khó đạt hiệu quả.

c. Tiếp theo, nói về sự tác ý hơi thở bằng cách biết xúc chạm. Sự tác ý đề mục hơi thở bằng cách xúc chạm không tách rời "đếm" và "theo dõi". Giai đoạn đầu, khi hơi thở vô ra xúc chạm mũi thì đếm; Giai đoạn sau, khi hơi thở vô ra xúc chạm mũi thì ghi nhận theo dõi, bỏ sự đếm. Cả hai giai đoạn gọi là niệm xúc chạm. [Cách] này là tổng hợp hai [cách] trên thôi, không có gì.

d. Khi đã nhận biết hơi thở xúc chạm như vậy, hành giả liên tục ghi nhận đếm khi tâm gắn vào nghĩa là dán chặt vào đề mục thì lúc đó An chỉ định sanh khởi, chứng đắc Tâm thiền (tức là đắc Thiền). Mai mốt chúng ta học

121 tâm, trong [đó] có Tâm thiền là cái này. Có nghĩa là mình cứ dán chặt vô đề mục như vậy, thì An chỉ định sẽ xuất hiện, lúc đó mình sanh khởi thì chứng đắc được Tâm thiền (tức là đắc Thiền). Đơn giản vậy thôi, [quý vị] làm được một thời gian là đắc.

+Bằng cách nào để đắc Thiền với đề mục hơi thở? Hơi thở vô ra là đối tượng; Tâm ghi nhận đối tượng là niệm (ở đây giải thích cho chúng ta đối tượng là niệm); **Niệm khắn khít sẽ sanh ấn chứng (tức là trì tướng và tợ tướng); Vừa khi ấn chứng xuất hiện, những Triền cái nơi vị hành giả được lắng xuống, niệm được an trú, và tâm vị ấy đạt đến Cận hành định** (hay Định cận hành), **tiếp tục duy trì ấn chứng, vị ấy chứng và trú các tầng thiền lần lượt** (tức là sẽ chứng được Sơ thiền, Nhị thiền). [Cách] này chúng ta cứ thực hành đi rồi biết.

+ Đề mục niệm hơi thở đưa hành giả chứng đắc bốn thiền (theo Kinh tạng) hoặc năm thiền (theo A Tỳ Đàm).

e. Sau khi nỗ lực như vậy, hành giả đắc Thiền định rồi, vị ấy muốn đạt đến sự thanh tịnh phiền não thì nên tu tập đề mục hơi thở theo phương pháp quan sát danh sắc tức là Thiền minh sát. Tức là bây giờ đắc Thiền xong rồi thì mới tu Thiền quán, là mấy cách đằng sau, quý vị nhớ không? Ở đây mình giới thiệu sơ qua thôi, quý vị muốn tu thì quý vị coi cho kỹ. Thiện Trang chưa tu tới đây, Thiện Trang không tu tới đây vì thấy khó. Thực ra mình chỉ tu ở [mấy cách] trên thôi.

+ Quán hơi thở định rõ danh sắc như thế nào? Khi xuất Thiền, hành giả thấy rằng những hơi thở vô ra xuất phát từ thân và tâm; Hành giả định rõ hơi thở vô ra là Sắc, Sắc này do tâm tạo nên gọi là Sắc tâm, rồi định rõ tâm tạo Sắc tâm ấy chính là Danh. Thực ra ở đây là quan sát Danh và Sắc. Sắc là thân thể. Ở đây, rõ hơi thở ra vô là Sắc. Sắc này do tâm tạo nên, gọi là Sắc tâm. Đó gọi là Danh và Sắc; Danh là tinh thần.

+ Sau khi định rõ hơi thở là Danh - Sắc, hành giả tìm kiếm điều kiện phát sinh Danh - Sắc; Do tìm kiếm thấy được, vị ấy vượt khỏi những hoài nghi về đường lối Danh - Sắc; Sau khi đoạn nghi, vị ấy thấy rõ ba tướng của danh sắc là Vô thường – Khổ – Vô ngã v.v... (cuối cùng cũng đưa về Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã thôi)**, hành giả tiếp tục đạt đến các tuệ minh sát cuối cùng là Tuệ chuyển tộc (gotrabhūñāṇa).**

Quý vị để chữ này (gotrabhūñāṇa) mai mốt quý vị tra từ điển Pali sẽ giải thích cho. Vì Thiện Trang không tu theo [cách] này, Thiện Trang tu đề mục hơi thở thì chỉ tu cách dưới thôi, không tu những cách trên. Thiện Trang dùng cách khác để tu Thiền quán. Cho nên Thiện Trang không tu Thiền quán bằng cách này. Mình tu Tứ niệm xứ theo kiểu Tứ niệm xứ thôi, chứ không tu kiểu này, hoặc là mình dùng cách khác, có nhiều cách, nhiều đề mục. Vì thấy cách này hơi không hợp với mình, [và] cũng chưa thử hết cỡ. Nhưng nếu có thời gian thì chắc cũng liều, bởi vì thực ra theo [cách] này thì phải đắc tới bốn thiền, mà [mình] chưa đắc tới Tứ thiền mà.

f. Cách thứ sáu về tác ý đề mục hơi thở, là đạt đến tâm chuyển hướng (điều này là vào Đạo, Tâm đạo là sắp chứng quả đó). **Ở đây, khi hành giả minh sát đề mục hơi thở (e) thì các Kiết sử được đoạn trừ, Tâm đạo khởi lên** (tự động chứng thôi chứ đâu có lo. Đúng phương pháp rồi, Kiết sử được đoạn trừ, Tâm đạo khởi lên); **Vì khi tâm đạo khởi, hành giả chuyển hướng khỏi phàm phu tánh nên gọi giai đoạn tác ý này là chuyển hướng** (tức là sắp đắc đạo rồi).

g. Sau khi đạt được Thánh đạo, thì Tâm quả Siêu thế khởi lên. Đây gọi là thanh tịnh vì những Phiền não đã được Thánh đạo tuyệt trừ sẽ không còn làm ô nhiễm tâm hành giả khi chứng Thiền quả nữa. Lúc này tự nhiên Tâm siêu thế khởi lên. Tâm quả Siêu thế nằm trong 121 tâm. Mai mốt chúng ta sẽ học Tâm quả Siêu thế, tức là ra khỏi thế gian, thành công rồi, đắc đạo rồi.

h. Sau khi tuần tự chứng Thánh đạo, Thánh quả, cuối cùng thì hành giả đạt đến loại tri kiến thẩm sát, tức là trí phản khán (paccavekkhaṇañāṇa) nhìn lại đạo – quả – Niết-bàn đã chứng, nhìn lại phiền não đã diệt trừ. Điều

này khỏi cần, tới lúc đó đắc đạo rồi thì tự nhiên có điều này, cần gì phải lo nữa. Bây giờ vấn đề là làm sao mình [tu] mấy mục trên đây. Quý vị cứ thử đi, bao đâu có được, đôi khi mình liều, mình thử.

Ở đây Thiện Trang xin nói luôn, là tại vì không có Pháp môn nào tốt cho tất cả mọi người, mà tùy căn tánh mỗi người tu nhiều đời. Cho nên không thể tu giống nhau, Thiện Trang có thể không giống quý vị. Có thể Thiện Trang tu được đề mục này, nhưng quý vị có thể tu được đề mục khác. Nên nhớ như vậy! Cho nên trong Kinh Kim Cang nói là: **"Pháp pháp bình đẳng, vô hữu có hạ",** tức là pháp pháp thì bình đẳng, không có pháp nào cao, không có pháp nào thấp. Quý vị nên thử dò, xem thử tu cách nào.

Nhiệm vụ của Thiện Trang là chia sẻ hết tất cả các đề mục tu Thiền [chỉ], và những [pháp] tu Quán cho quý vị, còn quý vị phải tự thực hành. Có những [cách] quý vị sẽ thực hành cao hơn Thiện Trang, bởi vì Thiện Trang không giỏi [môn] đó. [Ví dụ] như các đề mục màu, Thiện Trang cũng thấy có những màu Thiện Trang không thích. [Và] đề mục tu Quán bất tịnh thì Thiện Trang không thích lắm, chẳng hạn. Những đề mục đó Thiện Trang vẫn giới thiệu cho quý vị, nhưng quý vị tu thôi, chứ còn Thiện Trang có lẽ không tu [đề mục] đó. Quý vị thông cảm! Bởi vì mình không phải như đức Phật, mình không thể làm được hết tất cả, cho nên mình phải lựa tu [pháp] nào phù hợp với mình. Và pháp nào phù hợp với mình thì pháp đó tốt. Chứ còn quý vị ép mọi người đi về một phương pháp, thì chắc chắn không thành công. Tại vì quý vị không giống Thiện Trang, Thiện Trang không giống quý vị, mỗi người mỗi khác. Đó là điều sai trong cái gọi là Nhất môn thâm nhập.

Tại sao đức Phật dạy nhiều Pháp môn? Tại vì nhiều người với căn tánh khác nhau, người ta tu pháp đó thì mới thành tựu. Rồi quý vị muốn vãng sanh Tịnh Độ, thì quý vị chỉ cần đem công đức đó, đem khả năng đó, đem công phu đó, quý vị hồi hướng qua là xong. Điều đó tốt hơn là mình cố tu môn không sở trường của mình, cứ tu hoài thì cũng không thành công.

Tại vì mình phải có sở trường chứ, quý vị không có khả năng làm Bác sĩ mà bắt quý vị làm Bác sĩ thì sao được. Cầm con dao mà sợ máu quá thì làm sao mổ được, mổ chết người thì sao. Không được! Không thể nào làm ngành Bác sĩ được. Rồi quý vị không có khả năng ghi nhớ được, thì làm sao bắt quý vị học làm Pháp sư được, không thể làm giáo viên giảng dạy được. Không được! Đó là mỗi người có một năng lực khác nhau. Vì vậy, đức Phật đưa ra rất nhiều cách, và mình tu thì mình phải lựa. Thiện Trang thấy tinh thần trong kinh Phật là như vậy. Chứ còn người nào đề xướng giống nhau hết, mới đầu thì mình tưởng giống được, nhưng sau này [thấy] không được. Phải theo Phật, nghe Phật.

Như vậy đó là phương pháp [niệm hơi thở], bữa nay rõ rồi đúng không? Chúng ta còn chút thời gian thì giới thiệu lại phương pháp niệm hơi thở theo Kinh Tăng Nhất A Hàm đã học. Đây là Thiền quán đã học ở bài 21, thậm chí có thể nói là Thiền chỉ cũng được, mình coi thử có giống không? Ở đây chỉ nói đơn giản lắm:

Pháp Tu Niệm Hơi Thở Theo Kinh Tăng Nhất A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ Đà ở nước Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-Bàn. Những gì là một pháp? Là Niệm an ban" (là niệm hơi thở).

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Thế nào là tu hành Niệm an ban, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi, liền được Thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-Bàn?"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng: "Gốc rễ của Pháp do đức Thế Tôn nói. Nguyện xin đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì".

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông".

Các Tỳ-kheo bạch rằng: "Kính vâng! Bạch đức Thế Tôn".

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, đức Thế Tôn bảo rằng:

"Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm An ban. Nói An ban, tức là khi hơi thở dài, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang dài; Nếu hơi thở lại ngắn, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang ngắn; Nếu hơi thở rất lạnh, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang lạnh; Nếu hơi thở lại nóng, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang nóng. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, tất cả đều nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài ngắn, cũng hãy quán hơi thở có dài ngắn. Dụng tâm đặt nơi toàn thân, biết hơi thở dài ngắn, tất cả đều biết rõ, cho đến khi hơi thở ra vào được phân biệt rõ ràng. Nếu tâm đặt nơi thân, biết hơi thở dài ngắn, cũng lại biết rõ, đếm hơi thở dài ngắn cũng phân biệt rõ ràng".

Đây chính là bốn [cách] đầu, cho nên tu cách này vừa Chỉ vừa Quán. Cho nên tu [cách] này phải nói là Thiền chỉ, Thiền quán luôn mới đúng. Chúng ta thấy cách tu đức Phật nói rất rõ ràng.

(Kinh số 8, phẩm Quảng diễn thứ ba, Kinh Tăng Nhất A Hàm).

[Cách niệm theo hơi thở này] chúng ta học rồi. Quý vị nên học cách trên thì đầy đủ hơn. Tu theo [cách] dưới thì cũng được, [cách] dưới đức Phật nói tắt, thiếu bước đếm. Phật cũng nói đếm nhưng không nói kỹ, vì đức Phật đã dạy nhiều rồi.

Như vậy hôm nay cũng đã hết thời gian rồi, hôm nay không còn thời gian chia sẻ những phần khác, hẹn quý vị vào thời gian khác sẽ chia sẻ tiếp. Chúng ta học thôi, học theo kinh, học theo luận. Có những điều trong luận có, và chi tiết hơn kinh. Cho nên đó là lý do tại sao cũng phải thỉnh thoảng học luận. Nếu mình học kinh không thôi, thì nhiều khi không rõ, bởi vì thời xưa đức Phật chỉ chi tiết

cho từng người, nhưng các vị Tôn giả thấy điều này hiển nhiên, không cần ghi lại, nhưng đời sau cần phải chỉ kỹ hơn.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

- Bài 39

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 23/04/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=DeHEpVyceFg

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về A Tỳ Đạt Ma Luận Câu Xá. Mặc dù tựa đề chúng ta [đặt] là A Tỳ Đạt Ma Luận Câu Xá, tuy nhiên thời gian vừa qua chúng ta hoàn toàn không học trong Luận Câu Xá, mà chúng ta học trong phần Kinh tạng (Tạng kinh Nikaya của Nam truyền và Tạng kinh A Hàm của Bắc truyền). Chủ yếu là như thế. Lâu lâu chúng ta có đưa [vào] một số kiến thức từ các bộ luận khác, ví dụ như Luận Thanh Tịnh Đạo bên Nam truyền. Bộ luận này chúng ta đã giới thiệu rồi, ví dụ như các đề mục tu Thiền chỉ. Từ các bộ luận [như] Đại Tỳ Bà Sa Luận của Bắc truyền, và một số kiến thức khác từ các kinh điển Đại thừa khác. Quý vị để ý là như vậy. Ngay từ đầu Thiện Trang có chia sẻ là có nhiều phần như vậy, trong đó có Vi Diệu Pháp.

Tại sao đưa nhiều hệ thống vào mà lại để [tựa đề] là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận? Vì nếu chúng ta học một bộ thôi thì Thiện Trang thấy không đủ. Thay vì chúng ta học một bộ, chúng ta trộn bao nhiêu bộ vào [để] chúng ta học một lần. Mà cũng không biết để tựa đề gì, mình chọn bộ chính là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Hiện tại, thực ra chúng ta mới học được một đoạn thôi, rồi chúng ta cũng dừng. Bây giờ đang học của những phần khác, trong đó Thiện Trang sẽ ưu tiên phần A

Tỳ Đàm của Nam truyền (Vi Diệu Pháp hay Thắng Pháp của Nam truyền), bởi vì có những tinh hoa cần thiết để tu tập. Rồi Thiện Trang ưu tiên phần Kinh tạng của Kinh A Hàm, Kinh tạng của Kinh Pali, tức là năm bộ Nikaya và bốn bộ A Hàm, những phần này để chúng ta tu tập.

Chúng ta học một thời gian nữa rồi sau đó Thiện Trang sẽ trở lại Luận Câu Xá. Chúng ta đi thì chúng ta sẽ đối chiếu, Luận Câu Xá không phải của Phật thuyết, Luận Câu Xá là của ngài Thế Thân. Ngài Thế Thân sau này mới xuất hiện, nhưng chúng ta coi, so sánh thì có một hệ thống cho chúng ta. Nó cũng tương đương một phần như bên Vi Diệu Pháp của Nam truyền. Không giống hoàn toàn, nhưng chúng ta cũng chỉ lấy đó làm đề mục để tham khảo, chứ không phải lấy [làm] cứu cánh. Cứu cánh của chúng ta là kinh, kinh Phật mới là cứu cánh, là căn cứ chính. Còn các bộ đó chúng ta học, nếu chúng ta thấy không tương ưng với kinh Phật, thì chúng ta sẽ nói là chỗ này không tương ưng.

Nói như vậy tại vì có đồng tu thắc mắc: "Muốn thầy hệ thống lại kinh điển". Kinh điển Bắc truyền thì có Kinh A Hàm (có bốn bộ), rồi có rất nhiều kinh điển Đại thừa khác nữa. Thiện Trang đọc qua gần hết kinh điển Đại thừa rồi, thì [thấy] rất hay, nhưng thực sự pháp hành khó, xa vời với chúng ta. Cho nên chúng ta hãy học những kinh phía dưới để có pháp hành trước, rồi sau đó mình chen vô những pháp của kinh cao thì sẽ phù hợp hơn.

Thiện Trang xin phép vào bài hôm nay. Phật pháp vẫn là đến để mà thấy, chứ không phải mình nghe mà mình tin được. Cho nên Thiện Trang mới nói là quý vị cứ nghe, rồi suy xét, rồi thực hành theo, nếu thấy lợi ích thì chúng ta thực hành. Hôm nay vẫn nhẹ nhàng thôi, vào một câu chuyện để nghe cho vui. Câu chuyện này tuy là vui, nhưng cũng có nhiều bài học quan trọng.

Câu Chuyện Đức Phật Độ Ngài Nan Đà

(Câu chuyện trích trong Kinh A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan Đà không kham hành Phạm hạnh, muốn cởi pháp

y sống đời bạch y. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: *"Tỳ-kheo Nan Đà không kham hành Phạm hạnh, muốn cởi pháp y, sống đời tại gia"*.

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo: *"Ngươi hãy đến chỗ Nan Đà, nói là Như Lai cho gọi"*.

Thưa: *"Kính vâng, Thế Tôn"*.

Câu chuyện này trong Kinh Tăng Nhất A Hàm. Câu chuyện này thực ra không chỉ xuất hiện trong Kinh A Hàm, quý vị có thể coi trong Kinh Đại Bảo Tích, Pháp hội thứ 14, 15 gì đó. Có hai lần Pháp hội đó nhắc lại câu chuyện này, và một số kinh khác nữa ở Kinh A Hàm thì cũng có. Tuy nhiên Thiện Trang chọn câu chuyện này vì có pháp hành rõ hơn, còn ở trong câu chuyện kia thì có pháp hành khác một chút. Cho nên mỗi lần chọn, tuy câu chuyện như thế, nhưng mọi người phải nghe cho kỹ, nội dung không giống nhau trong pháp hành.

Ở đây sở dĩ ngài Nan Đà có ý tưởng [đi] về, hoàn tục (trong câu chuyện khác thì rõ hơn), là do ngài đang chuẩn bị đám cưới, vừa đám cưới thì đức Phật đi về, đức Phật đưa cho ngài cái bình bát. Lúc đó ngài lật đật đi lấy cơm vào bát, đức Phật đi ra ngoài, thì ngài mới chạy theo. Ngài nhờ người khác [thì] người khác không cầm, tại vì đức Phật dặn trước rồi, [nên] ngài chạy theo đến Tinh xá luôn. Đức Phật mới thuyết bài pháp, nên [ngài] ở lại xuất gia luôn. [Vì] đang đám cưới với cô Tôn Đà Lợi nên [ngài] rất nhớ, bây giờ muốn quay trở về.

Câu chuyện này sẽ dài hơn ở trong Kinh Đại Bảo Tích. Nhưng ở đây chỉ cần tóm tắt thôi, [để] chúng ta lấy pháp hành. Còn câu chuyện đầy đủ thì quý vị có thể coi [trong] Pháp hội thứ 14, Pháp hội thứ 15 gì đó [của] Kinh Đại Bảo Tích.

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Đến chỗ Tỳ-kheo Nan Đà kia, nói: *"Thế Tôn cho gọi Nan Đà"*.

Đáp: *"Vâng"*.

Lúc ấy Tỳ-kheo Nan Đà theo Tỳ-kheo này đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát

chân, ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo Nan Đà: ***"Thế nào Nan Đà? Ngươi không thích tu Phạm hạnh, muốn cởi pháp y, sống đời bạch y ư?"***

Ngài Nan Đà thưa: ***"Thật vậy, Thế Tôn!"***

Thế Tôn bảo: ***"Vì sao, Nan Đà?"***

Ngài Nan Đà thưa: ***"Dục tâm con hừng hực, không thể tự kiềm được!"*** Điều này tất nhiên khó, vì người ta đang lễ tân hôn, cưới vợ xong thì bị dẫn đi xuất gia, tất nhiên là luôn luôn nhớ cô vợ kia, cho nên dục tâm hừng hực, không thể kìm chế được, muốn quay về thôi.

Đức Thế Tôn bảo: ***"Thế nào Nan Đà? Ông không phải là thiện gia nam tử xuất gia học đạo ư?"***

Ngài Nan Đà thưa: ***"Thật vậy, Thế Tôn! Con là thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo"*****.**

Đức Thế Tôn bảo: ***"Điều đó không thích hợp với ông, là thiện gia nam tử đã bỏ nhà xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, sao lại bỏ Chánh pháp mà muốn sống đời ô uế? Nan Đà nên biết, có hai pháp không biết chán đủ. Nếu có người nào sống theo hai pháp này thì không bao giờ biết chán đủ. Hai pháp gì? Dâm dục và uống rượu, đó gọi là hai pháp không biết chán đủ. Nếu người nào sống theo hai pháp này, thì không bao giờ biết chán đủ. Do bởi hành quả này mà không thể đạt đến chỗ Vô vi. Cho nên, này Nan Đà, hãy ghi nhớ bỏ hai pháp này, sau nhất định sẽ thành tựu quả báo Vô lậu. Nan Đà, nay ngươi khéo tu Phạm hạnh; con đường dẫn đến quả đạo, không thể đều không do đây"*****.**

Ở đây đức Phật khai thị cho ngài Nan Đà, có hai pháp mà chúng sanh nếu sống theo đó thì không biết chán đủ, đó là dâm dục và uống rượu. Cho nên nếu muốn thoát khỏi sanh tử thì phải tránh hai pháp này. Cũng hơi khó đó! Tức là hai pháp này không biết chán đủ, cho nên nếu ngài Nan Đà [mắc vào] thì sẽ khó khăn. Cho nên ai ở đời, đừng để người ta nghiện rượu, nghiện rượu rồi thì không chán, không bỏ, không đủ được đâu. Pháp đó mà [thêm] dâm dục nữa thì còn khó nữa.

Đây là đức Phật khai thị thôi, khai thị liệu có tác dụng hay không? Khai thị như vậy nhưng mình nghe cũng trơ trơ đúng không quý vị? Đức Phật khai thị cho ngài Nan Đà có tác dụng không? Chúng ta tiếp tục xem.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Nhà lợp không kín,

Trời mưa ắt dột.

Người không thực hành,

Dâm, nộ, si dột.

Nhà khéo lợp kín,

Trời mưa không dột.

Người hay thực hành,

Không dâm, nộ, si.

Đức Phật đã khai thị xong, nói một bài kệ rồi. Bài kệ nói: Giống như nhà lợp mà không kín, thì mưa ắt sẽ bị dột; Còn người không thực hành được Phạm hạnh, thì dâm, nộ, si sẽ dột (nhiễm vào). Sau khi khai thị bài kệ này thì liệu ngài Nan Đà đã thức tỉnh chưa, chứng A-la-hán chưa? Chúng ta coi thử xem.

Đức Thế Tôn lại tự nghĩ: *"Thiện gia nam tử này dục ý quá nhiều. Nay Ta có thể dùng lửa trị lửa"*.

Tóm lại khai thị xong cũng không có tác dụng, cho nên đức Phật nói phải dùng lửa trị lửa. Cho nên chúng ta, ai mà bị hiện tượng Phiền não quá thì cũng bình thường. Thời xưa đức Phật khuyên như vậy mà còn không nghe nữa, huống chi mình, bây giờ thầy Thiện Trang khuyên mà không nghe là bình thường, không nghe là đương nhiên. Chúng ta xem đức Phật dùng cách nào?

Rồi Thế Tôn liền dùng thần lực, tay nắm ngài Nan Đà; trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, đem ngài Nan Đà lên Hương Sơn (núi

Hương)**. Bấy giờ trên núi có một hang đá, lại có một con khỉ cái mù lòa đang ở nơi đó. Thế Tôn, tay phải nắm ngài Nan Đà, bảo rằng:** ***"Nan-đà, ngươi có thấy con khỉ cái mù lòa này không?"***

Thưa: ***"Có thấy, Thế Tôn!"***

Thế Tôn bảo: ***"Đằng nào xinh đẹp? Cô gái họ Thích Tôn Đà Lợi xinh đẹp hơn hay con khỉ cái mù lòa này xinh đẹp?"***

Ngài Nan Đà thưa: ***"Giống như có người đả thương lỗ mũi con chó dữ, lại bôi thêm độc vào, con chó kia càng thêm dữ hơn. Ở đây cũng như vậy, Thích nữ Tôn Đà Lợi, nếu đem con khỉ cái mù lòa để cùng so sánh, thì không thể làm thí dụ được. Giống như đống lửa lớn thiêu đốt sơn dã, còn dùng củi khô bỏ thêm vào thì lửa càng trở nên hừng hực. Ở đây cũng vậy, con nhớ cô gái họ Thích kia, không rời khỏi tâm được"*****.**

Quý vị thấy một ví dụ rất hay đúng không? Đức Phật cũng chỉ trong hang đá đó có một con khỉ cái mù, mà đem so sánh với vợ mới cưới của Nan Đà là Thích nữ Tôn Đà Lợi (cô gái dòng họ Thích, tên là Tôn Đà Lợi), thì lúc đó ngài càng nhớ hơn thôi. Giống như lửa đang cháy mà bỏ củi thêm vào, đốt thì cháy bừng thêm thôi. Giờ con đang nhớ cô đó rồi, mà đức Thế Tôn đem ví dụ vậy thì càng nhớ hơn, cho nên không chịu nổi. Ngài cũng nói thật là đang nhớ vợ quá.

Bấy giờ Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay biến khỏi núi này, hiện đến trời Tam Thập Tam (trời Ba Mươi Ba là trời Đao Lợi)**. Khi ấy chư Thiên trên Tam Thập Tam thiên đều tụ họp tại giảng đường Thiện Pháp. Cách giảng đường Thiện Pháp không xa, lại có cung điện, năm trăm ngọc nữ đang vui đùa với nhau, toàn là người nữ không có người nam. Ngài Nan Đà từ xa trông thấy năm trăm thiên nữ, đang ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau; bèn hỏi Thế Tôn:** ***"Đây là những đâu, mà có năm trăm thiên nữ ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau?"***

Đức Phật cho thấy cảnh xấu rồi, bây giờ lên trời Đao Lợi để xem. Trời Đao Lợi có giảng đường Thiện Pháp, giảng đường đó là để vua trời Đao Lợi thuyết pháp cho chư Thiên. Thỉnh thoảng Phật có lên trên đó, thì Phật cũng thuyết pháp

tại giảng đường Thiện Pháp. Cách đó không xa có một cung điện, [có] 500 ngọc nữ (cô gái rất đẹp, chư Thiên đó) đang ca hát vui đùa với nhau. Ngài Nan Đà [có] tính thích gái, thấy đẹp quá nên hỏi liền mấy cô này làm gì, ở đâu mà đẹp dữ vậy, kiểu vậy đó. Ngài hỏi đức Phật ngay, quên mất cô vợ mình luôn rồi, vì thấy người đẹp hơn mà. Thiên nữ đẹp hơn chứ!

Thế Tôn bảo: ***"Nan Đà, ông tự đến đó mà hỏi!"*** (Đức Phật cũng hay, cho tự hỏi luôn).

Tôn giả Nan Đà liền đi đến chỗ năm trăm thiên nữ; thấy cung điện nhà cửa kia, trải hàng trăm thứ tọa cụ tốt; toàn là người nữ không có người nam. Tôn giả Nan Đà hỏi thiên nữ kia: ***"Các cô, có đúng là thiên nữ đang cùng nhau vui đùa khoái lạc phải không?"***

Thiên nữ đáp: ***"Chúng tôi có năm trăm người, tất cả đều thanh tịnh, không có phu chủ. Chúng tôi nghe Thế Tôn có Đệ tử tên là Nan Đà, là con di mẫu của Phật. Ngài đang ở chỗ Như Lai tu Phạm hạnh thanh tịnh, sau khi mạng chung sẽ sinh về cõi này làm phu chủ chúng tôi, cùng vui đùa với nhau"*****.**

Quý vị thấy đã rồi, đúng bài luôn đúng không ạ? Tại vì ổng đang thích, mà ổng hỏi ra thì cô đó nói sự thật luôn, các cô là cung nữ mà chưa có chủ (chưa có chồng). Tại vì 100 năm ở dưới cõi nhân gian chúng ta chỉ là một ngày một đêm trên trời Đao Lợi thôi, cho nên các cô biết trước rồi. Các cô nghe nói sau này có một vị là Tôn giả Nan Đà, là Đệ tử của đức Phật Thích Ca, tu hành Phạm hạnh (tu xuất gia), sau khi mạng chung sẽ sanh lên đó làm phu chủ (làm chồng) của 500 người này. Nghe như vậy thì chắc [ngài Nan Đà] đã luôn đúng không? Đang khoái mà!

Lúc ấy Tôn giả Nan Đà lòng rất vui mừng không thể tự chế (Thiện Trang đoán không sai đúng không?)**, liền tự nghĩ:** ***"Hiện tại ta là Đệ tử Thế Tôn, lại là con di mẫu. Những thiên nữ này đều sẽ làm vợ ta"*****.** (Khoái quá trời đúng không?)

Bấy giờ, ngài Nan Đà thoái lui, đi đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn hỏi: ***"Thế nào Nan Đà, các ngọc nữ kia nói gì?"***

Nan Đà thưa: ***"Các ngọc nữ kia đều nói, chúng tôi đều không có phu chủ. Nghe có Đệ tử Thế Tôn khéo tu Phạm hạnh, sau khi mạng chung sẽ sinh về nơi này".***

Thế Tôn bảo: ***"Nan Đà, ý ông thế nào? Nan Đà, ý ông thế nào?"***

Đức Phật rất là tâm lý đúng không quý vị? Đức Phật vẫn chiều thuận thôi, thích thì hỏi thử xem thế nào?

Ngài Nan Đà thưa: ***"Khi ấy, con tự nghĩ: 'Ta là Đệ tử Thế Tôn, là con di mẫu của Phật. Những thiên nữ này tất cả đều sẽ làm vợ ta'".***

Thế Tôn bảo: ***"Khoái thay, Nan Đà! Khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ xác chứng cho ông, khiến cho năm trăm người nữ này đều sẽ thành những người hầu hạ ông".***

Quý vị thấy đã không? Thế Tôn bảo xác chứng luôn. Đây là [một] trong các cách để đoạn Phiền não, gọi là thọ dụng đúng pháp, trong Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc. Đây là đức Phật hứa cho ổng luôn, đã xác chứng rồi, 500 người nữ này sẽ thành người hầu hạ ông. Nghe vậy đã rồi! Coi thử coi kết quả thế nào?

Thế Tôn lại bảo: ***"Thế nào Nan Đà? Thích nữ Tôn Đà Lợi xinh đẹp, hay là năm trăm thiên nữ xinh đẹp?"*** Hỏi lại xem có nhớ vợ không đó?

Ngài Nan Đà thưa: ***"Giống như con khỉ cái mù lòa trên đỉnh núi ở trước Tôn Đà Lợi, không tươi sáng cũng không nhan sắc. Ở đây cũng như vậy, Tôn Đà Lợi ở trước những thiên nữ kia cũng lại như vậy, không có tươi sáng".***

Có nghĩa là chê vợ mình chẳng khác nào con khỉ cái mù lòa khi so với thiên nữ. Quý vị thấy không? Thế gian vô thường! Thấy người ta đẹp thì thích vậy thôi, bây giờ thấy người [khác] đẹp hơn nữa là quên mất rồi. Cho nên thế gian vô thường, dục là vô thường.

Thế Tôn bảo: ***"Ông khéo tu Phạm hạnh, Ta sẽ tác chứng cho ông được năm trăm thiên nữ này".*** Tức là đức Phật tác chứng luôn.

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: ***"Nay Ta sẽ dùng lửa để diệt lửa Nan Đà".*** Đức

Phật hứa cho rồi nên ổng nghe vậy hấp dẫn nữa. Đức Phật tác chứng rồi mà, chắc chắn là được. Cho nên kiểu này khó thoát, để coi tiếp theo đức Phật dùng chiêu gì.

Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải nắm cánh tay ngài Nan Đà, dẫn đến trong Địa ngục. Lúc này chúng sanh Địa ngục đang chịu ngần ấy khổ não. Khi ấy trong Địa ngục kia có một cái vạc lớn, trống không có người. Thấy vậy, ngài Nan Đà sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, đến trước Thế Tôn thưa: *"Ở đây mọi chúng sanh đều chịu khổ đau, chỉ có độc nhất cái vạc này trống, không có người!"*

Có nghĩa là [đức Phật đưa ngài Nan Đà] lên thiên đàng cho vui, đã rồi xuống Địa ngục liền. Thấy cảnh Địa ngục sợ hãi quá, tự nhiên có vạc dầu trống, không có người, thấy lạ quá.

Thế Tôn bảo: *"Đây gọi là Địa ngục A Tỳ"*. Quý vị biết Địa ngục này không? Địa ngục lớn nhất đó.

Bấy giờ, Nan Đà lại càng sợ hãi hơn, lông áo đều dựng đứng lên, bạch Thế Tôn: *"Đây là Địa ngục A Tỳ, mà sao có một chỗ trống không có tội nhân?"*

Thế Tôn bảo: *"Nan Đà, ông tự đến đó hỏi"*.

Tôn giả Nan Đà liền đi đến đó và hỏi: *"Thế nào ngục tốt, đây là ngục gì mà trống, không có người?"*

Ngục tốt đáp: *"Tỳ-kheo nên biết, Đệ tử của Phật Thích Ca Văn tên là Nan Đà, ở chỗ Như Lai tu Phạm hạnh thanh tịnh, sau khi thân hoại mạng chung sinh về chỗ lành trên trời. Ở đó, ông ta sống lâu nghìn tuổi, tự vui đùa khoái lạc, mạng chung ở đó, lại sinh vào trong Địa ngục A Tỳ này. Cái vạc trống này chính là nhà của ông ta"*.

Quý vị nghe thấy tới đây thì bắt đầu sợ rồi đó. Tức là được đức Phật xác chứng luôn: là tu đi, lên trời Đao Lợi được 500 thiên nữ, được cung điện to đẹp đó, được người ta hầu hạ. Ở đây là ngục tốt canh ở dưới Địa ngục, nói là [ngài Nan Đà] sống trên trời Đao Lợi đủ ngàn tuổi luôn. Tức là trời Đao Lợi, sống lâu nhất là 1000 tuổi. Sau đó thì sao? Mạng chung không biết sao lại rớt vô Địa ngục A Tỳ, vô

cái vạc đó.

Bây giờ nếu như biết trước được nhân quả như vậy, thì quý vị thế nào? Nếu chúng ta biết tương lai cũng sẽ rơi vào Địa ngục như vậy, thì chắc chúng ta cũng sẽ tinh tấn tu hành thôi. Cho nên đức Phật rất tuyệt vời! Đức Phật chỉ ra cách, thích thỏa mãn thì cho thấy kết quả được thỏa mãn trước mắt, tu như vậy [thì] được như vậy. Rồi cuối cùng hết phước, không biết tại sao rớt vô Địa ngục A Tỳ, ở đây không có nói nguyên nhân.

Tôn giả Nan Đà nghe xong những lời này, sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, liền tự nghĩ: *"Cái vạc trống này chính là dành cho ta chăng?"* Rồi trở lại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân bạch Thế Tôn: *"Xin nhận sự sám hối tội của chính con, vì không lo tu phạm hạnh, lại còn xúc nhiễu Như Lai!"*

Tức là tội xúc nhiễu Như Lai. Ông nhận ra là tội làm phiền đức Phật, [để] đức Phật dùng bao nhiêu phương tiện để kéo vào. Chắc là do tội đó. Không biết còn tội gì nữa mà sao lại đọa vào đây, trong kinh không có nói.

Bấy giờ Tôn giả Nan Đà, liền nói kệ này:

Đời người không đủ quý,

Tuổi trời rồi cũng tàn.

Địa ngục chua, thống khổ.

Chỉ có vui Niết-Bàn.

Bây giờ [ngài Nan Đà] nhận ra rồi đó. Đời người không đủ quý, có phú quý lắm cũng không sướng đâu. Tuổi trời rồi cũng tàn, quý vị nhớ bài kệ này nha. Địa ngục chua, thống khổ, chỉ có vui Niết-Bàn (chỉ có Niết-Bàn vui). Quý vị thấy là ở đời không có sống đủ đâu, không có hạnh phúc. Mà tuổi trời sống lâu rồi cũng tàn; Địa ngục là chua, thống khổ; chỉ có Niết-Bàn là vui thôi. Quý vị nhớ như vậy! Cho nên ở trong một câu chuyện, một bài kinh ngắn thôi mà đủ bao nhiêu pháp.

Ở trên thì chỉ cho quý vị có hai pháp mà chúng sanh không bao giờ chán đủ, đó là uống rượu và dâm dục. Rồi sau đó có bài dẫn dụ rất hay, đức Phật rất hay,

không bao giờ nói thẳng liền là ông đọa Địa ngục đâu, mà cho ổng thoải mái. Thích lên [hưởng phước] đúng không? [Cho] lên. Vui! Nhưng cuối cùng mới vô [Địa ngục]. Cho nên Thần thông của đức Phật, từ bi trí tuệ của đức Phật thì mới dẫn dắt được. Còn chúng ta vô [là] phán người ta đọa Địa ngục không thôi, cho nên người ta sợ. Còn đây [đức Phật] cho thấy được quả vui và quả khổ, để tự so sánh, tự lựa chọn đúng không?

Cho nên tại sao Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hay những kinh của đức Phật luôn luôn có những câu chuyện cực kỳ hay. Và nếu như chúng ta chỉ nghe câu chuyện này qua lời kể thì thường bị tóm tắt, thiếu nhiều chi tiết, không hay. Trong khi đó mình học nguyên bài kinh thì mình cảm thấy rất hay đúng không ạ? Ngay bài kệ này cũng nhắc Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Đời rồi cuối cùng cũng Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã thôi. Cho nên chỉ còn một con đường duy nhất, đó là ra khỏi sanh tử, đó là hãy chứng Niết-Bàn. Bây giờ làm sao chứng đây? Ngài hiểu rồi, giác ngộ rồi, qua nạn nữ sắc rồi đó.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Nan Đà: ***"Lành thay! Lành thay! Như những gì ông đã nói. Niết-Bàn rất là khoái lạc. Nan Đà, cho phép ông sám hối. Ông kẻ ngu si đã tự biết là mình có lỗi đối với Như Lai. Nay Ta nhận sự hối lỗi của ông, sau này chớ tái phạm"*****.** Xúc nhiễu Như Lai, làm đức Phật phiền quá, dùng đủ các cách [để độ] đó.

Bấy giờ, Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, tay nắm ngài Nan Đà biến khỏi Địa ngục, trở về đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, thành Xá Vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Nan Đà: ***"Này Nan Đà, nay ông hãy tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Chỉ và Quán. Lại phải tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Sinh tử không đáng vui, biết Niết-Bàn là an lạc. Đó là hai pháp. Lại tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Trí và biện"*****.**

Như vậy ở đây chính là pháp tu cho nên Thiện Trang để chữ đỏ lên. Hai pháp tu hành đầu tiên, đó là Chỉ và Quán đúng không? Thiền chỉ và Thiền quán. Cho nên ngay trong kinh, lúc nào đức Phật cũng nhấn mạnh tu Thiền chỉ và tu Thiền quán. Đời nay có nhiều người không chuyên tu điều này, bỏ hết cả hai, thì thôi, không

có cách nào. Còn nếu [chỉ] tu một bên thì cũng khó. Đức Phật hay khuyên là tu cả hai, Chỉ và Quán. Rồi sau đó tu: Sinh tử không đáng vui và Niết-Bàn là an lạc. Thật ra là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Quý vị nhớ 'sinh tử không đáng vui' là Khổ đế, 'Niết-Bàn là an lạc' là Diệt đế. Còn hai pháp Trí và biện, tất nhiên phải có trí tuệ và biện tài.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết giảng cho Nan Đà bằng nhiều pháp khác nhau. Tôn giả Nan Đà sau khi thọ lãnh những lời dạy của Thế Tôn rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi thoái lui ra về; đi đến rừng An Đà. Ở đó, Tôn giả ngồi kiết già dưới một gốc cây, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt, tư duy những lời dạy này của Như Lai. Bấy giờ Tôn giả Nan Đà ở nơi vắng vẻ, lúc nào cũng tư duy về những lời dạy của Như Lai không bỏ quên giây phút nào, vì mục đích gì mà thiện gia nam tử này, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, cho đến biết như thật rằng, sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Lúc bấy giờ Tôn giả Nan Đà thành A-la-hán. Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Tôn giả Nan Đà bạch Thế Tôn:

Như vậy là ngài đã biết sự khổ trong luân hồi rồi, cho nên là về, ra nơi rừng vắng, kiếm chỗ vắng vẻ, yên tĩnh để tu, tư duy những điều mà đức Phật dạy. Quý vị nhớ là tư duy. Cho nên pháp ở đây rõ ràng là: 'Lúc nào cũng tư duy về những lời dạy của Như Lai, không bỏ quên giây phút nào'. Chỗ này cực kỳ quan trọng, chứ không, nhiều khi mình kêu tu hành không tư duy là không đúng. Nhiều người nói không cần tư duy. Không phải! Học Phật pháp [thì] phải tư duy. Tư duy suy nghĩ là tư duy pháp, là chúng ta thực hành pháp tùy pháp, như vậy thì mới được. Và cuối cùng ngài cũng đắc được A-la-hán rồi.

Cho nên Phiền não nhiều không sợ, quan trọng là mình biết quay đầu, và ai chỉ cho mình quay đầu? Quay đầu được để tu. Và ở đây nhớ là không bỏ quên giây phút nào, tức là tinh tấn lắm đó cho nên mới được như vậy, còn mình tu không được. Trong bài kinh này có rất nhiều chuyện hay. Chưa hết đâu, sau này quý vị nghe ra còn một chi tiết này nữa. Bây giờ ngài bạch với đức Thế Tôn thế nào đây.

***"Trước đây, Thế Tôn đã hứa chứng nhận năm trăm thiên nữ cho Đệ tử. Nay con xả hết"*.**

Quý vị thấy điều này lạ không ạ? Thật ra chứng A-la-hán rồi thì không có chuyện dâm dục nữa, thì không cần 500 thiên nữ nữa. Nhưng tại sao lại đến để xả lời hứa của đức Thế Tôn? Bởi vì một vị A-la-hán không có vọng ngữ, cho nên dù trước kia có ý muốn như vậy, đức Phật hứa rồi thì phải xả. Cho nên bậc Thánh nhân khác với phàm phu. Phàm phu nói dối, nào là phương tiện đủ thứ. Còn bậc A-la-hán trở lên, các ngài không bao giờ nói dối. Nên nhớ vậy! Đó là sự phân biệt.

Ngày nay, những người hoằng pháp lợi sanh mà nói dối, nói phương tiện, thì quý vị biết đó là phàm phu hết. A-la-hán trở đi không bao giờ nói dối đâu, không bao giờ làm những chuyện như vậy. Thậm chí một người Sơ quả Tu-đà-hoàn, người ta cũng giữ năm giới rất tốt. Cho nên thời nay mình đừng để bị lừa, người nào mà nói phương tiện này kia, mà họ nói là Thánh nhân, thì đó là giả. Ở đây là A-la-hán thôi, mà không làm chuyện đó. Một lời hứa của Phật thôi, không có gì, mà cũng xin xả. Phật hứa chứng nhận 500 thiên nữ cho Đệ tử rồi, bây giờ con xin xả.

Thế Tôn bảo: *"Nay ngươi đã dứt sinh tử, phạm hạnh đã lập. Ta cũng liền bỏ điều đó luôn"*.

Tức là đức Phật cũng đã biết điều đó, Ngài cũng bỏ rồi, không cần hứa nữa, chứ không thì mệt. Quý vị thấy bậc A-la-hán khác lắm, chứ không phải bây giờ mình chê A-la-hán, mình kêu mình hơn A-la-hán tùm lum. Không có chuyện đó! Không có đâu! Những người nào là A-la-hán thì giữ giới như vậy đó. Trên A-la-hán, Bồ-tát cũng vậy, rất là tuyệt vời.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nay Ta thấy Nan Đà,

Tu hành pháp Sa-môn;

Các ác đều đã diệt,

Không mất hạnh Đầu đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *"Người đắc A-la-hán, hiện nay chính là Tỳ-kheo Nan Đà, không còn dâm, nộ, si cũng là Tỳ-kheo Nan Đà"*.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 7 – Phẩm Tàm Quý Thứ 18 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị có thể tải [Kinh này] ở trên bài giảng này, ở trên YouTube. Thiện Trang có để link trên bình luận, để quý vị tải Kinh A Hàm. Nếu cần thiết thì quý vị vô Google Drive để tải về. Mặc dù file đó còn nhiều lỗi chính tả, nhưng quý vị có thể coi. Và có một vài chỗ không giống với Thiện Trang. Bởi vì Thiện Trang dùng bản này, khi giảng thì Thiện Trang rà lại với chữ Hán để chỉnh lại văn, và chỉnh lại những chỗ nào [còn] sai sót một chút. Vì bản đó là bản thảo, chứ không phải bản chính thức, tạm thời như vậy.

Câu chuyện này rất hay đúng không quý vị? Chúng ta mỗi bữa vô một câu chuyện vui vui như vậy để nghe cho vui, và có đạo lý. Như vậy nhớ là tu phải tu Thiền chỉ, Thiền quán, v.v… Và tu như thế nào thì chúng ta sẽ học ở phần tiếp theo. Lúc đầu thì không cần giảng những câu chuyện này, nhưng về sau thì quý vị đồng tu căng thẳng quá, nên đem câu chuyện ra, và thông qua câu chuyện có những vấn đề về pháp. Ví dụ quý vị thấy qua câu chuyện này, chúng ta đúc kết được ra mấy vấn đề:

Thứ nhất là độ sanh phải có phương tiện đúng không? Phải khéo léo, thường là hãy tùy thuận chúng sanh. Rồi sau đó cho họ thấy được quả báo vui, thiện ác, và trong đó luân hồi khổ như thế nào. Mặc dù lên cõi Trời rồi, [nhưng] sau đó [bị] đọa lạc, có thể rớt vào Địa ngục, nhờ đó họ giác ngộ. Tại vì chúng ta không thấy Địa ngục, nhưng ngài Nan Đà thấy rõ Địa ngục A Tỳ khổ như vậy, ngài sợ quá, ngài giác ngộ liền. Dù lửa dâm dục trước đó rất mạnh, nhưng cũng hết. Và từ đó ngài tu cũng chỉ hai pháp, đó là Chỉ và Quán, và luôn luôn tư duy những điều Phật dạy. Ngài tu một thời gian có thể đắc được A-la-hán.

Và [quý vị] nhớ, với một bậc A-la-hán, dù là lời hứa trước kia [của] Như Lai,

hứa vậy thôi, thật ra không có gì đâu, ngài bỏ cũng được mà, ngài không nhận cũng được, nhưng ngài cũng xả luôn. Từ [việc] học trong kinh điển, quý vị thấy rất tuyệt vời. Đó là tu hành như vậy.

Đó là phần thứ nhất. Phần thứ hai, hôm nay chúng ta sẽ học về các địa vị Hiền Thánh tiếp theo. Thiện Trang làm bảng tổng kết tạm thời rồi. Ở bài trước, hình như bài 28 cũng nhắc qua, bây giờ cũng chỉ chiếu lại để quý vị nhớ. Ở trong phần này có các địa vị.

Tổng Kết Về Các Địa Vị Hiền Thánh Đã Học (Tạm Thời)

TT	Địa vị	Nhân đoạn	Hiệu quả	
1	Noãn		Chắc chắn chứng Niết-Bàn	Tứ gia hạnh
2	Đảnh		Không đoạn thiện căn	
3	Nhẫn		Không đọa đường ác, không rơi vào loài noãn sinh, thấp sinh, huỳnh môn, trời Vô tưởng, Bắc Câu Lô Châu…	
4	Thế Đệ Nhất		Nhập Chánh tánh Ly sanh	

5	Tùy tín hành	Xem bài 24	Không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại.	Tu-đà-hoàn & Hướng Tu-đà-hoàn
6	Tùy pháp hành		Không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại.	
7	Hướng Tu-đà-hoàn			
8	Đắc Tu-đà-hoàn	Thân kiến, Giới cấm thủ, nghi hoặc Niềm tin bất hoại với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới.		
9	Thân chứng			

10	Gia gia		*phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-bàn.*	
11	Nhất chủng		*chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-bàn.*	
12	Tín giải thoát			
13	Kiến đáo			
14	Hướng Tư-đà-hàm			
15	Đắc Tư-đà-hàm	Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi và giảm: Tham, Sân, Vô minh		Nhị quả
16	Hướng A-na-hàm			Tam quả hướng

17	Đắc A-na-hàm	Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham, Sân		Tam quả A-na-hàm
18	Trung Bát-niết-bàn		*nhập Niết-bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh cư thiên.*	
19	Sanh Bát-niết-bàn		*thác sanh Tịnh cư thiên một thời gian mới nhập Niết-bàn.*	
20	Hành Bát-niết-bàn		*thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-bàn.*	
21	Vô hành Bát-niết-bàn		*không cần tinh tấn tu tập nữa cũng nhập Niết-bàn.*	

22	Thượng lưu Sắc cứu Cánh		*lần lượt tái sinh qua các cõi từ Sơ thiền, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-bàn tại đó.*	
23	Hướng A-la-hán			
24	Tư pháp		*mong cầu Vô dư Niết-bàn cấp thời vì sợ thoái thất.*	Tứ quả A-la-hán
25	Thăng tấn pháp		*có khả năng tiến tới bất động tánh.*	
26	Bất động pháp		*căn cơ mãnh lợi, không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì.*	
27	Thoái pháp		*gặp nghịch duyên bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn.*	
28	Bất thoái			

	pháp			
29	Hộ pháp		*do thủ hộ mà không bị thoái thất.*	
30	Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái			
31	Thật trụ pháp		*không bị chi phối nghịch duyên để thoái thất, nhưng không tiến tới.*	
32	Tuệ giải thoát			
33	Câu giải thoát			

Đầu tiên là Tứ gia hạnh: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ Nhất vị. Ở đây từ địa vị thứ ba (Nhẫn vị), là không đọa đường ác rồi. Đây là theo Luận Câu Xá thôi, không phải theo kinh. Bốn địa vị này là theo Luận Câu Xá. Chứ còn trong kinh thì chỉ nói về người Chủng tánh hoặc là Thế đệ Nhất vị thôi, chứ không nói rõ Noãn, Đảnh, Thiện Trang chưa có thấy. Nhưng các Chú Giải có rất nhiều bộ, Thiện Trang thấy là đưa ra thêm, thì chúng ta thấy hình như cũng tương ưng. Tại vì thấy cũng phù hợp, cho nên chúng ta cũng tạm chấp nhận. Còn nếu như ai không muốn chấp

nhận thì cũng không sao. Quan trọng là mình nhớ trong kinh đức Phật nói là dưới Sơ quả hướng còn có một hạng người Chủng tánh, người đó cũng không đọa đường ác. Cho nên [địa vị] Chủng tánh đó có thể là Nhẫn vị và Thế đệ Nhất vị này. Tức là hai vị trí này còn gọi là người Chủng tánh, [nói] trong kinh, mình có thể nghĩ như thế. Có phải như vậy không? Từ từ mình học rồi mình sẽ biết.

Tiếp theo địa vị thứ năm là Tùy tín hành. Quý vị coi lại Tùy tín hành đã giảng ở bài 24, tất nhiên theo trong kinh là không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại. Tùy pháp hành thì cũng vậy, không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại. Những địa vị này có khi xếp vô Tu-đà-hoàn hướng. Đó là theo Chú Giải thôi. Như trong Luận Câu Xá thì xếp hai địa vị này vô Tu-đà-hoàn hướng. Còn có chỗ xếp riêng ra nữa, chúng ta không biết, cứ để tạm ra là Tu-đà-hoàn hướng.

[Các địa vị tiếp theo] là Đắc Tu-đà-hoàn, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng, Tín giải thoát, Kiến đáo, Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm, Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm.

Đắc A-na-hàm thì có một số địa vị như: Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu Sắc cứu Cánh. Những địa vị này thuộc Tam quả A-na-hàm, chúng ta đều học qua, Thiện Trang đã giới thiệu rồi. Nếu quý vị không nhớ thì quý vị tạm dừng video lại để đọc, Thiện Trang chỉ nói sơ qua thôi. Ví dụ như Thượng lưu Sắc cứu Cánh, thì lần lượt tái sinh qua các cõi trời từ Sơ thiền cho đến tầng cao nhất của Sắc giới là Sắc Cứu Cánh thiên, lúc đó mới nhập Niết-Bàn. Nhưng nếu đi thế này thì đi rất chậm.

[Tiếp theo là địa vị] Hướng A-la-hán. A-la-hán thì có các địa vị như: Tư pháp, Thăng tấn pháp, Bất động pháp, Thoái pháp, Bất thoái pháp, Hộ pháp, Hộ tắc Bất thoái, Bất hộ Tắc thoái (tức là nếu hộ thì không thoái, không hộ thì thoái. Những địa vị A-la-hán có thể bị thoái chuyển), Thật trụ pháp, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát. Những địa vị này chúng ta sẽ học từ từ.

Thế nào là A-la-hán Tuệ giải thoát, thế nào là A-la-hán Câu giải thoát, thì chúng ta sẽ được học ở những bài sau. Một số địa vị này từ từ chúng ta học. Bởi vì

mục đích của Thiện Trang là đầu tiên mình nhắm vô mấy quả thấp đã, chứ còn nhắm mấy quả cao thì mình thấy không tương ưng với mình, nên chưa [giảng]. Còn ai muốn giải thoát sớm thì chịu khó coi Kinh tạng, có hết trong kinh. Thiện Trang giới thiệu sơ qua, rồi dần dần chúng ta sẽ giới thiệu đủ hết trong bảng này. Cho nên đây gọi là Đạo đế hay Diệt đế. Hôm nay chúng ta sẽ giới thiệu tiếp.

Cách Để Vào Địa Vị Tùy Tín Hành, Tùy Pháp Hành (thứ 2)

Cách Để Vào Quả Tu-Đà-Hoàn (thứ 6)

Chúng ta đã giới thiệu qua Tùy tín hành, Tùy pháp hành ở một bài rồi. Đó cũng là cách để vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Hai địa vị này gọi là Sơ quả hướng (nếu như nói theo Luận Câu Xá), thì đủ để mình không đọa đường ác. Và nếu giữa chừng đời này mình không chết sớm, đủ thời gian, đủ thọ mạng thì mình chứng luôn Tu-đà-hoàn trong đời này. Đó là lời của đức Phật. Chúng ta đã giảng ở bài 24, và chúng ta đã nói đi nói lại hai địa vị này. Đó là mới nói có một cách thôi, bữa nay chúng ta sẽ nói cách hai, có cách khác nữa.

Thiện Trang đã giới thiệu có 5 cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, bữa nay giới thiệu cách thứ 6. Cho nên có rất nhiều cách để vào đúng không quý vị? Chứ không phải có một cách. Từ từ chúng ta sẽ giới thiệu tiếp. Ở đây thì trích theo Kinh Nikaya. Mấy lần trước toàn trích theo Kinh A Hàm, bữa nay trích theo Kinh Nikaya.

Nhân duyên tại Sāvatthī...

- Này các Tỷ-kheo, mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác. Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác. Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác. Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Đây là các pháp quán. Chúng ta quán điều gì? Quán giùm Sáu căn vô thường: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn của chúng ta đều là vô thường, đều sẽ biến hoại và sẽ đổi khác, thường quán như thế. Có phải quán như vậy không? Đây là phép quán như thế nào, đức Phật dạy tiếp. Điều này có vẻ dễ ha! Vào Tùy tín hành,

mở màn có vẻ nhẹ nhàng.

- Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

Tới đây là hết rồi, Tùy tín hành có bấy nhiêu đó thôi. Tùy tín hành là gì? Quý vị nhớ ở đây đức Phật nói: Này các Tỳ-kheo, hãy quán giùm, hãy hiểu rằng mắt là vô thường, là biến hoại, đổi khác; Tai cũng vậy; Mũi cũng vậy; Lưỡi cũng vậy; Thân cũng vậy; Ý cũng như thế. Chỉ cần nhớ Sáu căn đó là vô thường, là biến hoại, là đổi khác. Nếu quý vị có lòng tin, quý vị có tín giải (tin hiểu) đối với pháp này. [Chỉ] vậy thôi! Đức Phật nói người ấy là Tùy tín hành, đã nhập vào Chánh tánh (Chánh tánh Ly sanh), tức là vượt qua Thế đệ Nhất vị [mà] trong Luận Câu Xá nói, đã nhập vào Chân nhân địa (địa vị của bậc Chân nhân). Quý vị thấy đã không? Đã vượt phàm phu địa tức là vượt địa vị phàm phu rồi. Và tác dụng là gì? Đức Phật nói luôn: Người như vậy không thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỷ. Tức là không rơi vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa. Và vị đó không thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu. Tức là sẽ chứng quả Dự lưu.

Điều này thì khác với bữa trước. Cách này thì Thiện Trang cảm thấy dễ hơn nữa, đúng không ạ? Hôm bữa thì nói không rõ. Đây là Kinh Nikaya, chứ không phải là Kinh A Hàm. Cho nên ai học tạng Nikaya thì phải tin vào điều này. Chút nữa Thiện Trang sẽ nói kinh này nằm ở đâu. Nhưng rõ ràng thấy dễ đúng không quý vị? Dễ! Không biết có thiếu gì không, nhưng thấy như vậy thì có vẻ dễ. Tại vì mình chỉ cần tin, hiểu đối với sáu điều thôi, đó là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Hình như nói thì có vẻ dễ, nhưng một hồi mình cũng thấy mình thường lắm, ý của mình thường mà, mình chấp nhận ý đó, mình đâu có biết ý đó không phải của ta đâu, thân này không phải của ta v.v… Mình cứ nghĩ toàn là [của ta] không

[thôi]. Bao giờ mình nghĩ được như vậy, tin và hiểu được như vậy thì yên tâm, quý vị sẽ nhập vào được Chánh tánh Ly sanh, hay là chắc chắn vào Tùy tín hành. Và quý vị đã là bậc Chân nhân, vượt khỏi phàm phu rồi. Quý vị chắc chắn không làm điều gì để đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh hết. Và ở đây nói luôn là không thể mạng chung (không thể chết) mà không chứng quả Dự lưu.

Điều này khác với Tùy tín hành ở bữa trước là gì? Chết rồi, nhưng nếu không đủ thời gian thì vẫn chưa chứng quả Dự lưu. Không biết chỗ này tại sao như vậy? Thiện Trang rất tiếc là không biết tiếng Pali của đoạn này để tra cứu, không biết ngài Minh Châu dịch có khác không, hay là sao [mà] không giống bên kia. Theo đây [Kinh Nikaya] thì khẳng định luôn, là chắc chắn sẽ chứng quả Dự lưu trong đời chứ gì nữa, không giống bên A Hàm. Chúng ta không cần biết, miễn là chúng ta đừng có đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh là được rồi đúng không? Đó là yên tâm!

Như vậy hôm nay quý vị thấy con đường giải thoát dễ hơn rồi đúng không ạ? Đây là tin vui. Nếu theo [bản] này là vui đó. Nhưng căn cứ theo Kinh A Hàm thì chúng ta thấy yên tâm. Hai điều đó là dễ rồi.

Với ai, này các Tỷ-kheo, kham nhẫn một ít Thiền quán, như vậy với trí tuệ về những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy pháp hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

Mình có thể nói quả Dự lưu này có thể không phải là quả Tu-đà-hoàn, mà Dự lưu này là không đọa đường ác thôi, thì hợp với Kinh A Hàm, quý vị hiểu không? Tức là có mấy loại Dự lưu, trong đó Dự lưu này là Dự lưu không đọa đường ác thôi, chứ không phải là Dự lưu chắc chắn tối đa 7 đời nữa là chứng A-la-hán. Điều này thì hợp với Kinh A Hàm, nếu mình hiểu quả Dự lưu này như vậy thì tương ưng với Kinh A Hàm.

Ở đây điều kiện để [vào] Tùy pháp hành cũng rất dễ, là kham nhẫn, chịu khó

kham nhẫn. Rồi mình phải tu một ít Thiền quán, không có nhiều lắm, nhưng với trí tuệ của những pháp ở trên (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là vô thường, là biến hoại, là đổi khác) thì được rồi, quý vị vô luôn Tùy pháp hành. Yên tâm là đã nhập Chánh tánh (Chánh tánh Ly sanh), chắc chắn chứng quả giải thoát. Đã nhập Chân nhân địa, là địa vị của Chân nhân rồi. Vì quý vị là Tu-đà-hoàn hướng, nên quý vị cũng là Chân nhân. Và vượt địa vị phàm phu rồi. Do vậy mình không làm gì ác đến nỗi đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh hết. Và chắc chắn mình sẽ vào quả Dự lưu, không thể nào chết mà không chứng quả Dự lưu được (nếu theo điều này).

Như vậy hôm nay quý vị thấy dễ chưa? Học như vậy, con đường giải thoát thênh thang mà lại không chịu học, suốt ngày lo tu cái gì đâu xa xôi, rồi nghĩ là mình không có hy vọng. Tại vì sao? Vì không có ai chỉ, đúng không quý vị? Không ai đọc kinh, thời nay kinh nhiều lắm, Kinh Nikaya nhiều lắm, đâu có ít đâu. Tính ra người ta thống kê khoảng bốn mươi mấy ngàn bộ kinh nhỏ trong Kinh Nikaya đó, cho nên dễ gì mà đọc hết.

Với ai, này các Tỷ-kheo, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là đã chứng Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

Tức là đối với pháp này mà biết rõ như vậy, thấy như vậy. Mình biết rõ như vậy, thấy như vậy chưa? Thấy như vậy thì chứng quả Dự lưu. Dự lưu này thì không biết là Dự lưu nào. Thôi mình cứ tạm [đưa] vô Tu-đà-hoàn, mà Tu-đà-hoàn nào không biết. Không nói rõ là tối đa 7 đời. Không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

(Kinh (25.1) Con Mắt: Cakkhu - Chương 25: Tương Ưng Nhập (Okkanta Saṃyutta) – Kinh Tương Ưng).

Kinh Tương Ưng, tạng Nikaya, quý vị mở ra, bài kinh này nằm đầu tiên trong chương này luôn. Không phải Thiện Trang nói xạo đâu, Thiện Trang căn cứ theo kinh đó.

Như vậy dễ hơn rồi đúng không? Bữa nay có vẻ vui hơn, vì con đường giải thoát gần hơn, đỡ sợ đọa đường ác nữa, cho nên yên tâm nha. Ráng tu đi! Ít nhất

vô Tùy tín hành, Tùy pháp hành là yên tâm rồi. Nếu tu khá khá chút, vô Dự lưu luôn là yên tâm. Cho nên dễ thôi! Và không phải [chỉ] như vậy đâu quý vị, ở dưới này những bài kinh sau cũng tương tự.

(25.2) Sắc: Rūpa: Như kinh trên, chỉ thế *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý* bằng *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.* Tức là giống như trên. Thay vì mình nghĩ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là vô thường, là biến hoại, là đổi khác, thì mình đổi thành thanh, hương, vị, xúc cũng vậy.

(25.3) Thức: Viññāṇa: Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức* (Sáu thức). Nói chung là Sáu căn, Sáu trần, Sáu thức.

(25.4) Xúc: Samphassa: Như kinh trên, chỉ thế vào *nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.* [Kinh này] nói về xúc.

(25.5) Thọ: Vedanā: Như kinh trên, chỉ thế vào *thọ do nhãn xúc sanh* (cảm thọ do mắt mang lại), ***thọ do nhĩ xúc sanh*** (cảm thọ do tai mang lại), ***thọ do tỷ xúc sanh*** (cảm thọ do mũi mang lại), ***thọ do thiệt xúc sanh*** (cảm thọ do lưỡi mang lại), ***thọ do thân xúc sanh*** (cảm thọ do thân mang lại), ***thọ do ý xúc sanh*** (cảm thọ do ý mang lại).

(25.6) Tưởng: Saññā: Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.*

(25.7) Tư: Sañcetanā: Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.*

(25.8) Ái: Taṇhā: Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.*

(25.9) Giới: Dhātu: Như kinh trên, chỉ thế vào *địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.*

(25.10) Uẩn: Khandha: Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.*

Ở đây thật ra có đến mười cách để vào những địa vị trên. Chúng ta tóm lại chỉ là những pháp rất căn bản thôi. Cho nên tu đạo Phật đâu có xa đâu, tu ngay đây, tu rất căn bản, không có gì xa xôi hết. Tu gì xa xôi mà cuối cùng không có thành tựu gì hết, còn tu rất căn bản lại thành tựu rất dễ, đúng không quý vị? Thật sự rất dễ, cứ nghe lời đức Phật thì thấy dễ lắm. Còn nghe người nào đâu, họ nói gì một hồi thành ra xa xôi, mà mình chẳng thấy có kết quả gì.

Cho nên Thiện Trang khuyên là học theo kinh, cứ học theo kinh thôi. Nếu mình yếu quá, mình chưa coi được kinh nhiều, thì mình kiếm người nào giảng theo kinh [để] mình học, rồi từ từ mình coi cho khá, giỏi lên, rồi mình tu. Mình đủ các pháp hành rồi, mình tin tưởng rồi thì mình tu nhẹ nhàng, không có gì hết. Bởi vì sao? Để chứng quả giải thoát, nếu mình đi đúng đường thì mình mới chứng quả giải thoát. Còn mình đi sai đường rồi thì làm sao chứng được, đúng không quý vị? Mình đi lạc đường rồi thì làm sao tới, không thể đến nơi được, và nhiều người nghe vậy thì sợ.

Ở đây Thiện Trang cũng chia sẻ thêm một chút, nếu mình tu vào địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành rồi, thì cho dù mình có luân hồi chỉ [trong] cõi Người, cõi Trời. Ở đây không nói đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thôi, chứ còn đường lành như đường A-tu-la cũng có thể vào, nhưng mình không đến nỗi đọa vào ba đường kia, tất nhiên cũng có những nỗi khổ. Và đừng có lo quá, vì dù sao tới đó là cũng ngon rồi.

Nhiều người kêu lên cõi Trời không tu được. Thật ra lên cõi Trời vẫn có thể tu được. Quý vị biết trong kinh nói lên cõi Trời thì điều đầu tiên là gì không? Ví dụ cõi trời Dục giới, quý vị lên đó thì quý vị phải quán là từ đâu mà sanh lên đó, và quý vị nhớ lại đời quá khứ. Trong thời gian nhớ lại đó, nếu quý vị có chủng tánh tu hành thì chúng ta phát nguyện tu tiếp. Còn nếu mình không nhớ, vì sao mình không nhớ? Trong kinh nói ở trời Dục giới, khi Thiên nam đến với Thiên nữ, gặp Thiên nữ sẽ khiến cho mê, quên mất đời quá khứ. Cho nên đừng ham sắc dục, thì lên trên đó yên tâm là không mê, thì còn tu tiếp được, ở trời Dục giới đó.

Giống như câu chuyện trong Kinh Nikaya, trong Kinh Tiểu Bộ, có vị Tỳ-kheo

vì tu hành tinh tấn quá, không ăn, cuối cùng chết luôn. Chết thì ổng cũng không biết, tới khi ổng tỉnh dậy thì ổng thấy vây quanh mình toàn là người nữ không. Thật ra là ổng đã tái sanh lên trời Đao Lợi, được 500 cung nữ hầu hạ. Nói số 500 tức là số nhiều, chứ 500 không hẳn là 500 đâu quý vị, 500 là được nhiều cũng nữ hầu hạ. Ổng thấy vậy nên kêu: *"Sao các cô lại tới [đây], tôi là Tỳ-kheo mà?"* Các cô đó mới nói: *"Không, ở đây là cõi Trời, ngài lên đây thì chúng em hầu hạ ngài".* Họ nói vậy đó. Ngài mới nói: *"Không! Ta không cần điều đó"*, cho nên ổng phát tâm tu tiếp.

Quý vị thấy không? Quan trọng là mình có chủng tánh tu hành hay không. Hay lên đó thấy Thiên nữ đẹp quá, gặp Thiên nam đẹp quá, mình mê thì mình mất, không tu được nữa. Nhưng địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành, cho dù lên đó có mê, thì quý vị cũng chơi trên đó rồi từ từ rớt xuống, từ từ cũng tu tiếp thôi, tại vì không đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa thì yên tâm. Nhưng lỡ không gặp được Phật pháp thì ở trong cõi Người cũng khổ, lỡ có ngày bị chặt tay, chặt chân, tai nạn giao thông, bệnh đau gì tùm lum hết, không biết bao giờ giải thoát, chưa biết.

Bây giờ chúng ta tu theo con đường này. Còn các đồng tu tu theo Tịnh Độ thì càng tốt, vì mình không đọa đường ác nữa, mình hướng tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thì rất dễ dàng. Đó là nói cho những đồng tu Tịnh Độ. Thiện Trang cũng không khuyến khích tất cả mọi người tu Tịnh Độ. Tùy mọi người, ai muốn tu pháp nào cũng được, quan trọng là chúng ta tu đúng theo lời Phật dạy thì mới hiệu quả. Còn nếu quý vị tu không đúng theo lời Phật dạy thì hiệu quả sẽ thấp hơn.

Ví dụ thời gian qua có nhiều đồng tu nhắn tin cho Thiện Trang, nói là: Sau khi áp dụng pháp Thiền chỉ thì có hiệu quả rất nhiều, và họ được an lạc. Như Thiện Trang thôi, mỗi ngày Thiện Trang thích tu Thiền chỉ, vì hồi xưa mình không biết, không ai chỉ cho tu Thiền chỉ. Nhưng bây giờ tu Thiền chỉ rất nhẹ nhàng, đâu có mất nhiều thời gian đâu, tu một chút thôi là vào được một chút, là mình cảm thấy an lạc nhẹ nhàng, một ngày bớt sân, bớt tham. Đúng như đức Phật dạy trong kinh, tức là muốn giảm tham, giảm sân thì quý vị phải tu Thiền chỉ.

Còn có người nhắn cho Thiện Trang, nói: "Con chia sẻ về thiền Tứ niệm xứ rất hiệu quả". Tất nhiên mỗi người có mỗi duyên, Thiện Trang thì chưa giỏi về Tứ niệm xứ, Thiện Trang vẫn còn lấn cấn điều này điều kia, cho nên tu Thiền chỉ để định tâm, và dùng định đó để mình tu các pháp khác. Tùy mỗi người, nhưng đức Phật nói là hãy tu Chỉ [và] Quán, dù quý vị tu bất cứ pháp nào, mà quý vị không tu Chỉ thì khó mà lên công phu, nếu quý vị chỉ tu Quán thôi thì khó. Dù quý vị quán Phật, quán Pháp, quán Tăng, hay [quán] gì v.v… cũng khó, nếu quý vị không tu Thiền chỉ. Đó là giới thiệu sơ, chúng ta đến cách tiếp theo.

Cách Để Vào Quả Tu-Đà-Hoàn (thứ 7)

Đây là cách thứ bảy. Đoạn trên là theo Kinh Nikaya, hôm nay toàn theo Kinh Nikaya, vì 5 cách trước Thiện Trang đã theo Kinh A Hàm của Bắc truyền rồi.

Bấy giờ có Gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn, … Thế Tôn nói với Gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên: Ông Gia chủ này, quý vị tưởng là ông Gia chủ nào, thì thật ra là ngài Cấp Cô Độc.

Ở đây Thiện Trang cũng xin nói luôn, để tu thì có hai người chủng tánh trong hàng Đệ tử của đức Phật, quý vị coi bài kinh (Thiện Trang nhất thời quên bài kinh gì đó) nói về ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên. Quý vị biết ngài Xá Lợi Phất là chuyên gia dẫn người ta vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Còn ngài Mục Kiền Liên là chuyên dẫn người ta từ địa vị Tu-đà-hoàn lên những địa vị cao hơn. Cho nên hai ngài ấy giống như thượng thủ hai bên của đức Phật Thích Ca.

Từ đó mình hiểu ra: người chủng tánh trí tuệ thì dễ dẫn người khác vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, còn người chủng tánh có Thần thông thì có thể dẫn lên các quả vị cao hơn. Không biết nha, đây là mình đoán mò, chứ không biết có đúng hay không. Những gì Thiện Trang nói với quý vị thì quý vị chớ vội tin, tại vì đức Phật nói là 'chớ vội tin'. Chúng ta phải suy xét, chúng ta phải trải nghiệm, thực hành có lợi ích thì mình mới tin. Chứ mình chỉ nghe thôi mà tin, thì đó là một sai lầm rất lớn. Thời nay Phật pháp có nhiều người vọng ngữ, họ nói có rất nhiều lợi ích, nhưng nếu mình tu theo mà không có lợi ích, thì đó không phải là Phật pháp chân chánh. Mà đức Phật luôn luôn nói là chúng ta chớ có vội tin, mà chúng ta hãy áp

dụng, hãy suy xét. Quan trọng là được người trí ngợi khen, mà bây giờ đâu biết ai là người trí đâu, thôi mình dùng trí của mình đi.

Chúng ta coi bài kinh này nói cách để vào quả Dự lưu tiếp theo là như thế nào:

- Này Gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử làm cho lắng dịu năm sợ hãi hận thù, thành tựu bốn chi phần Dự lưu, khéo thấy, khéo thể nhập Thánh lý với trí tuệ; nếu vị ấy muốn, có thể tự trả lời với mình rằng: "Ta đã đoạn tận Địa ngục; ta đã đoạn tận Bàng sanh; ta đã đoạn tận Ngạ quỷ; Ta đã đoạn tận các cõi dữ, ác thú, đọa xứ; ta đã chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng đạt cứu cánh giác ngộ".

Ở đây là nói về địa vị Tu-đà-hoàn, cũng là một địa vị Tu-đà-hoàn, Thiện Trang tô chữ đỏ lên điều kiện, đức Phật nói là: 'Làm cho lắng dịu năm sợ hãi hận thù'. Làm cho lắng dịu thôi, không có dứt được, mà chỉ lắng dịu thôi. Rồi 'thành tựu bốn chi phần Dự lưu'. Là chín [điều kiện] rồi, thêm điều kiện nữa, là 'khéo thấy, khéo thể nhập Thánh lý với trí tuệ'. Tức là lý của bậc Thánh (của đức Phật) với trí tuệ. Khi đó mình được như vậy rồi, mình có thế tự trả lời với mình rằng: Ta đã đoạn tận được Địa ngục, đoạn tận Bàng sanh, đoạn tận Ngạ quỷ, tức là không rớt vào ba đường đó nữa. Và 'chứng được quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chứng đến quả giác ngộ', tức là trước sau gì cũng chứng A-la-hán.

Quý vị thấy không? Điều này rõ hơn Kinh A Hàm. Hồi bữa Kinh A Hàm không nói là 'trả lời với mình rằng', mà là 'tự khẳng định rằng'. Có nghĩa là mình có quyền nói với người khác. Nhưng rõ ràng ở đây Kinh Nikaya thì nói là 'tự trả lời với mình rằng', không cho nói với người khác, là đúng đó. Cho nên chỗ Kinh A Hàm hồi bữa cũng giống giống vậy, nhưng lại thiếu đoạn này.

Cho nên chúng ta học phải đối chiếu hai bên, để mình so sánh, để mình coi thử, mình bổ sung cho nhau. Có những đoạn bên này có, bên kia không có. Rồi có những đoạn bên này rất rõ ràng, bên kia không rõ ràng, thì chúng ta sẽ bổ sung qua cho nhau, thì sẽ phù hợp. Hầu như những kinh nào cũng vậy đó quý vị, những nội dung nào quan trọng đức Phật nói rất nhiều lần, rất kỹ trong nhiều bộ kinh.

Cho nên chúng ta học một số lần, đọc nhiều kinh thì mình sẽ được cái nhìn đầy đủ, và yên tâm là không có sai.

Thế nào là năm sợ hãi hận thù được làm cho lắng dịu? Quý vị nhớ không ạ? Bên Kinh A Hàm mình có học điều này rồi đó.

Này Gia chủ, sát sanh, do duyên sát sanh tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. (Đầu tiên là sát sanh, điều này là mình phải trừ sát sanh đúng không?) **Người từ bỏ sát sanh, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.**

Đầu tiên là mình phải không có sát sanh, thì tâm mình không cảm thọ sợ hãi, không có hận thù thì mới lắng dịu được. Vậy là phải giữ Ngũ giới được đó quý vị. Cho nên điều kiện để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn là phải giữ được Năm giới, ở đây thật ra là Năm giới thôi.

Này Gia chủ, lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... đắm say trong rượu men, rượu nấu; do duyên đắm say trong rượu men, rượu nấu, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Nếu chúng ta làm những hạnh ác đó, thì tự nhiên tạo ra sự sợ hãi hận thù trong tương lai, khiếu cho thọ khổ ưu về tâm.

Ở đây sẵn Thiện Trang cắt một chút, Thiện Trang nói thêm, có người hỏi làm sao để tránh đọa vào đường ác? Quý vị hãy cố gắng giữ giới, bởi vì trong kinh hôm bữa Thiện Trang đã trích dẫn rồi đó, trong kinh nói giữ Năm giới là quý vị chắc chắn sanh vào trời Đao Lợi, giữ Năm giới thôi đó. Đó là theo Kinh Du Hành nói vậy. Còn chỗ khác (Thiện Trang quên mất chỗ kinh nào) nói nếu giữ ba giới thì được làm người. Thậm chí quý vị không thọ Năm giới, giữ một giới thôi đó, tức là phát tâm quy y Tam Bảo, giữ chắc trọn vẹn một giới, thì cũng vẫn được làm người.

Cho nên phước Quy y Tam Bảo rất là lớn. Tuy nhiên chúng ta giữ một giới thì mong manh lắm, Thiện Trang khuyên quý vị nên giữ Năm giới. Chứ còn mình

giữ một giới hoặc ba giới vẫn mong manh, nên giữ năm giới. Ở đây đức Phật cũng khuyên. Tại sao? Vì khi mình giữ giới thì mình không có sợ hãi, mình không có lo lắng gì cả, rất là thoải mái.

[Quý vị biết] khi lâm chung, trong Vi Diệu Pháp mà chúng ta sẽ học sau này về lộ trình tử, lộ trình tâm khi chết, thì có hai lộ trình: Một là lộ trình, khi mình tới đó, các căn hoại rồi thì mình không nghe được bên ngoài, mình không thấy gì hết, thì tích tắc ôn lại quá khứ giống như cuốn phim chiếu chậm. Nó chiếu rất nhanh lên những cảnh tượng trong đời, mình ấn tượng, mình ôm chấp điều gì đó, là mình đi tái sanh đời sau luôn. Tái sanh vào cảnh nào đó, là do mình chấp giữ điều nào.

Cho nên trong Kinh Phân Biệt Nghiệp, Kinh Trung A Hàm thì phải, quý vị thấy, đức Phật nói là: Không chắc chắn những người làm lành, là sẽ sanh vào cõi lành hết đâu. Tại vì sao? Đến lúc đó hiện ra một cảnh xấu nào đó, mà họ nhớ đến cảnh xấu, hoặc chấp giữ một Tà kiến, là họ sẽ đọa. Cho nên muốn được như vậy, thì quý vị phải giữ Năm giới. Giữ được Năm giới rất tuyệt vời, thì quý vị không có lo sợ, sợ hãi gì hết. Đó là điều kiện để mình không bị đọa.

Người từ bỏ đắm say trong rượu men, rượu nấu, không tạo ra sợ hãi thù hận ngay hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, không khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Với người từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù này được lắng dịu.

Tóm lại trên đây là giữ Năm giới, ở đây Thiện Trang tô đỏ mấy chữ này rồi: là không tà hạnh, không lấy của không cho, tức là không trộm cắp, rồi không nói dối. Ở đây, ngài Minh Châu dịch là nói láo (nói theo kiểu miền Nam), ai miền Bắc thì nghe câu này hơi nặng, nhưng thực tế là ngài Minh Châu dùng thôi. Nếu chúng ta coi bản bên Kinh A Hàm hôm bữa là nói dối thôi.

Năm sợ hãi hận thù này được lắng dịu. Thế nào là thành tựu bốn Dự lưu phần? (Tức là bốn chi phần của quả Dự lưu).

- Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên

Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Đây chính là thành tựu niềm tin bất động đối với Phật. Điều này chúng ta học hoài, chỉ cần bốn niềm tin bất động. Nhưng ở đây khác với Kinh A Hàm, khác chỗ nào? Ở đây nói rõ luôn, có thêm một đoạn mười danh hiệu của Như Lai. Mình hiểu về mười danh hiệu Như Lai, cho nên mười danh hiệu của Như Lai mình học cho kỹ để nhớ, mình hiểu, để mình tôn trọng đối với Phật. Mình có niềm tin bất hoại đối với Phật, là nhờ mười danh hiệu của đức Như Lai này.

Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

Đây là thành tựu niềm tin bất động đối với Pháp. Ở bên Kinh A Hàm là thành tựu niềm tin bất hoại tịnh đối với Pháp thôi, không giải thích rõ. Nhưng ở đây giải thích rõ cho chúng ta: là 'Pháp được Thế Tôn khéo thuyết' tức là đức Phật khéo giảng, giảng rất hay; rồi 'thiết thực hiện tại', điều này ở bài niệm Pháp, trong bộ Luận Thanh Tịnh Đạo, hôm bữa Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị, là chép từ đây ra. Cho nên hôm bữa quý vị thấy lạ lạ, thật ra là được chép lại, Thiện Trang nói ngay là trích từ Kinh Nikaya, chứ không phải từ đâu hết. Cho nên những điều bộ Luận nói, tuy là không nói trích từ đâu, nhưng chúng thấy có trong kinh là được.

'Không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu'. Nhớ cuối cùng là được người trí tự mình giác hiểu. Thiện Trang nhớ trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, có chỗ nào nói là: 'Pháp của Ta dành cho người trí, chứ không dành cho người ngu', người ngu không hiểu được. Cho nên cũng khổ lắm, nhiều khi mình cứ nói ngược lại, mình nói 'người ngu dễ tu', nhưng thật ra người ngu khó tu lắm.

Tại vì đức Phật nói: Pháp của Ta dành cho người trí, không phải dành cho kẻ ngu mà. Cho nên đó là trong kinh đức Phật nói như vậy, bữa nào Thiện Trang trích Kinh A Hàm ra xem. Cho nên rất khó cho những người [đó]. Nhưng thật ra chúng ta thấy điều kiện ở trên, cũng đâu cần trí lắm đâu, chỉ cần vừa vừa thôi, tin

theo là đi theo con đường Tùy tín hành. Còn nếu quý vị có trí tuệ là đi theo con đường Tùy pháp hành.

Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng Đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng Đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng Đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng Đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng Đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đảnh lễ, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

Đoạn này chúng ta đã học bên bài niệm Tăng, ở trong pháp niệm Tăng, trong các đề mục tu Thiền chỉ. Đoạn này là ngài Phật Âm (Buddhaghosa) trích ra. Cho nên chúng ta thấy mặc dù là Luận, nhưng vẫn là trong kinh. Và bốn đôi tám bậc là từ Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hướng, A-na-hàm, A-la-hán hướng, A-la-hán.

Vị ấy thành tựu với những giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy, không bị bể vụn, không bị điểm chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chấp trước, đưa đến Thiền định.

Đoạn cuối cùng này là Giới phải được thành tựu, đoạn này chúng ta học kỹ bên kia rồi, là Giới không bị phá hủy, không bị bể vụn. Thế nào là không bị phá hủy, không bị bể vụn, thì quý vị coi lại bài đó. Bây giờ không có thời gian nói lại [thế nào] là bể vụn, thế nào bị điểm chấm, không bị uế, v.v… những điều đó thì coi lại bài cũ. Bây giờ nói nữa thì không có thời gian. 'Đưa đến giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chấp trước, đưa đến Thiền định'. Nhớ là giữ giới đưa đến Thiền định.

Đây là thành tựu bốn chi phần Dự lưu này. Thế nào là Thánh lý được khéo thấy, khéo thể nhập với trí tuệ?

Đức Phật ở trong những bộ kinh này, luôn luôn giải thích cho chúng ta rất đầy đủ. Tức là Kinh A Hàm và Kinh Nikaya khác với kinh điển Đại thừa. Kinh điển Đại thừa, tại mình học qua rồi, tốt nghiệp Tiểu học rồi, nên lên Trung học không cần phải dạy lại. Nói điều gì đó, ví dụ như Chánh kiến thì khỏi cần nhắc Chánh kiến

là gì. Nhưng quý vị coi trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya thì nói rõ Chánh kiến là gì, Chánh tư duy là gì v.v... nói đầy đủ hết.

Chính vì vậy, nếu ai mà không học những bộ A Hàm và Nikaya, thường người ta giảng một hồi là người ta giảng sai, tại vì người ta giảng theo ý nghĩa của họ thôi. Chứ chúng ta coi trong kinh thì đức Phật lúc nào cũng rất từ bi, đức Phật luôn định nghĩa điều gì là Chánh kiến, Chánh kiến là thế nào, Tinh tấn là gì v.v... điều gì cũng rõ ràng, đầy đủ.

Cho nên Thiện Trang mới khuyên mọi người nên học những nền tảng này, dù quý vị tu theo bất kỳ tông phái nào, Phật giáo Nam truyền hay Bắc truyền, dù tông phái Thiền tông hay Tịnh Độ v.v... mà quý vị thiếu những điều này là không được. Chắc chắn không thể thiếu những nền tảng nhỏ như thế này.

- Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử quán sát như sau: (đây là giải thích cho Thánh lý được khéo thấy, khéo thể nhập với trí tuệ) **"Do cái này có, cái kia có. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có, cái kia không có. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là do duyên vô minh, có các hành. Do duyên các hành có thức. Do duyên thức có danh sắc. Do duyên danh sắc có sáu nhập. Do duyên sáu nhập có xúc. Do duyên xúc có thọ. Do duyên thọ có ái. Do duyên ái có thủ. Do duyên thủ có hữu. Do duyên hữu có sanh. Do duyên sanh có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do vô minh diệt không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này diệt. Đây là Thánh lý được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tuệ".**

Đoạn này tuy dài như vậy, nhưng thật ra mình chỉ cần nhớ, đúc kết lại là: 'các pháp do duyên sanh, và cũng do duyên mà diệt". Bài kệ này rất đơn giản, cái này sanh thì cái kia sanh, và đoạn sau là nói 12 Nhân duyên.

Như vậy đây là một cách để vào Sơ quả Dự lưu, mấy cách kia thì không nói 12 Nhân duyên, nhưng có những người họ giỏi 12 Nhân duyên, thì họ sẽ vào quả Dự lưu bằng cách này. Tức là dùng phép quán 12 Nhân duyên, hiểu được 12 Nhân duyên.

Quý vị thấy như vậy là có rất nhiều con đường vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, chứ không đến nỗi là mình chỉ có một cách. Không phải chỉ có một cách mà có rất nhiều, chúng ta vẫn chưa trình bày hết, vẫn còn nữa. Tóm lại không khó gì đối với điều này, quý vị chỉ cần nhớ: cái này có thì cái kia có, cái này sanh cái kia sanh.

Thực ra đoạn đó chúng ta đã học ở đầu bộ này rồi, quý vị có nhớ học ở đâu không? Học ở 24 Duyên hệ, cái này sanh, Tiền sanh duyên, Câu sanh duyên, Hậu sanh duyên, cho nên học điều đó bổ trợ vào đây, quý vị thấy hay không? Chứ không phải mình học dư thừa đâu. Mình hiểu được rốt ráo, thế nào là Tiền sanh duyên, là Câu sanh duyên, là Hậu sanh duyên v.v… 24 duyên.

Thiện Trang khuyên quý vị chỉ cần học hiểu thôi, không cần đọc như cái máy. Nhưng mình học để hiểu, để hành, mỗi điều mình hành. Ví dụ như mình nhớ về Tâm sở, thế nào là Tâm sở Niệm, mình nhớ thế nào? Tâm sở Niệm rất đơn giản, có hai điều: Một là nhớ về những điều gì trong quá khứ, và hai là bắt được cảnh hiện tại các pháp đang diễn ra thế nào, trong nội tâm ta như thế nào, ở ngoài đang diễn biến thế nào, vậy thôi. [Đó] là Tâm sở Niệm.

Nếu mình không biết được chuyện gì đang xảy ra, ví dụ mình ngồi, cầm chìa khóa, để qua để lại, rồi một hồi không biết chìa khóa để ở túi nào, ở đâu, đó là thất niệm. Tại vì sao? Vì mình không bắt được cảnh, mình không nhớ được cảnh, đơn giản như vậy. Cho nên người tu Tứ niệm xứ thì họ mạnh về điều này, còn mình ít tu Tứ niệm xứ thì tất nhiên không mạnh, nên dễ bị thất niệm. Mỗi người có năng lực khác nhau.

Thiện Trang chỉ là giới thiệu lại, tức là cách học của chúng ta là không học theo kiểu thuộc làu, mà chúng ta hãy hiểu vấn đề ở trong đó, để hành. Tại vì chúng ta [học] là để tu, chứ không phải học để thành học giả, học theo kiểu học giả là chỉ đọc vanh vách. Với lại thật ra mấy điều này, Thiện Trang sau khi chia sẻ một thời

gian sau, có những đồng tu chép lại, Thiện Trang kiểm lại, và đăng lên trang dieuphap.net rồi, quý vị lên đó tải về, coi lại được mà.

Cho nên chỉ cần hiểu thôi, coi làm sao để hiểu, hiểu để hành, hành một thời gian rồi có lợi lạc. Khi có lợi lạc rồi thì mình sẽ cảm nhận được Phật pháp rất tuyệt vời. Tất nhiên pháp nào cũng tuyệt vời hết, giống như có đồng tu nói 'niệm Phật cũng nhiệm màu vậy'. Thì đúng! Nhưng Thiện Trang thấy tùy mỗi người, Thiện Trang thấy rõ ràng là mình niệm Phật cũng nhiệm màu, cũng an lạc. Nhưng sau khi mình áp dụng những cách này thì càng hiệu quả hơn, vì cách của Phật đơn giản và mang lại sự lợi lạc hơn nữa.

Ai muốn biết thì phải thực hành, có thực hành thì mới so sánh, chứ còn mình nói trên miệng không [thôi] thì cũng chả ai tin, mình phải tự kiểm nghiệm những điều này. Trong thời gian qua, rất nhiều đồng tu nói là 'con nhận được rất nhiều lợi ích từ những thực hành này'. Thiện Trang cũng nói là Thiện Trang cũng cảm nhận như vậy. Tại vì những điều thực hành này rất đơn giản, và mọi người nói không vất vả như xưa nữa, hồi xưa tu rất là mệt. Còn bây giờ tu khỏe hơn, tại vì Thiền nhẹ nhàng v.v… và không dùng nhiều sức. Ví dụ đồng tu Tịnh Độ kêu: "Không biết tại sao cứ buông Thiền ra, là câu Phật hiệu khởi rồi". Cho nên rất là nhẹ nhàng, không có mệt mỏi gì đâu, thì mình tu dễ hơn. Tại sao dễ hơn mà mình không tu, thì uổng đúng không? Cho nên Thiện Trang muốn giới thiệu pháp này cho mọi người, là cũng vì phát tâm thôi. Nhưng ai hiểu thì hiểu, còn ai không hiểu thì tùy duyên mỗi người, đó là duyên của chúng sanh khác nhau.

Này Gia chủ, khi nào với vị Thánh đệ tử, năm sợ hãi hận thù này được lắng dịu, bốn Dự lưu phần này được thành tựu, và Thánh lý này được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tuệ, thời nếu muốn, vị ấy có thể tự mình trả lời về mình rằng: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận bàng sanh; ta đã đoạn tận ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ; ta đã chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng đạt cứu cánh giác ngộ".

(Kinh (10.92) Sợ Hãi: Bhaya (AN 9.27*) – Kinh Tăng Chi Bộ).

Ở đây chúng ta thấy không khó lắm, để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thì có thêm

một cách nữa. Tùy căn cơ của quý vị, quý vị chọn lấy cách nào. Mà thật ra là quý vị tu qua tu lại, cũng là mấy phương pháp căn bản đó thôi, không có khó gì hết. Cho nên mình học được các pháp căn bản rồi mình tu.

Bữa nay chúng ta đến đề mục tu Thiền chỉ, giới thiệu thêm một lần nữa. Chúng ta biết ở trong Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Phật Âm, có 40 đề mục tu Thiền chỉ, ngài trích theo kinh Phật, và trích đầy đủ hơn. Cho nên Thiện Trang thích dẫn ở trong này hơn, trong kinh thì kinh này một ít, kinh kia một ít, mệt quá. Cho nên Thiện Trang giới thiệu lại.

40 Đề Mục Tu Thiền Chỉ (Samatha) Theo Luận Thanh Tịnh Đạo Của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)			
Tên loại	**Số lượng**	**Cụ thể**	**Kết quả**
A. Biến xứ	10	Đất; Nước; Lửa; Gió; Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư Không Giới Hạn; Ánh Sáng	*Chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
B. Bất mỹ (tịnh)	10	Tử thi sình trương; Tử thi xanh tái; Tử thi tràn dịch; Tử thi nứt nẻ; Tử thi bị gặm xé; Tử thi bị rời rạc; Tử thi bị phân đoạn; Tử thi bê bết máu; Tử thi bị dòi đục; Tử thi hài cốt.	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*

C. Tùy niệm	10	Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm giới; Tùy niệm thí; Tùy niệm thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh;	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến cận định hay định cận hành.*
		Niệm thân thể trược;	*Chỉ chứng tới Sơ thiền*
		Niệm hơi thở;	*Chỉ chứng tới Tứ thiền Sắc giới*
D. Phạm trú	4	Từ; Bi; Hỷ;	*chứng tới Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền*
		Xả.	Chứng Tứ thiền Sắc giới
E. Vô sắc	4	Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ.	Chứng Tứ thiền Vô Sắc giới
F. Tưởng	1	Tưởng nhờm Gớm thức ăn	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*

G. Phân biệt	1	Phân biệt Bốn nguyên tố	*không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành*
*10 đề mục biến xứ là điều kiện cho đắc Thần thông Thắng trí			
**Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán.*			

A. Đề mục Biến xứ (10): là Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh; Vàng; Đỏ; Trắng; Hư không Giới hạn; Ánh sáng. Nếu tu [10 đề mục Biến xứ] này thì chứng đến Tứ thiền Sắc giới. Nhưng chứng Tứ thiền Sắc giới là cũng cao lắm, đời nay khó lắm. Nhiều người tu chỉ tới Tam thiền thôi.

B. Đề mục Bất mỹ (Bất tịnh) (10): là quán về tử thi sình trương, tử thi sanh tái, tử thi tràn dịch, tử thi nức nẻ v.v... Ai mà tu thì chỉ chứng Sơ thiền thôi, mà Sơ thiền là cũng ngon rồi.

Quý vị nên nhớ trong Kinh Bát Thành, điều kiện tối thiểu để chứng giải thoát Tam quả A-na-hàm và Tứ quả là phải chứng Sơ thiền đúng không? [Muốn chứng] Tứ quả A-la-hán là phải [đắc] Sơ thiền. Khi đắc được Sơ thiền hoặc đắc Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền hoặc là Tứ vô Lượng tâm v.v... mình dùng định đó để quán sát về Khổ, Không, Vô thường Vô ngã, Xả ly thì đắc đạo. Cho nên phải tu như vậy. Còn ngay từ đầu chúng ta nói về Sát-na định, nhiều người cũng mong thôi khỏi tu định, khỏi tu Thiền chỉ, chỉ cần Thiền quán thôi là được rồi, chứ cần gì đâu mà tu Thiền chỉ làm chi. Thật ra Sát-na định rất khó, nếu như quý vị hàng ngày không tu định. Nhớ là hàng ngày không tu Định thì rất khó được Sát-na định, nên là phải tu.

C. Đề mục Tùy niệm (10): Tùy niệm Phật; Tùy niệm Pháp; Tùy niệm Tăng; Tùy niệm Giới; Tùy niệm Thí; Tùy niệm Thiên; Tùy niệm chết; Tùy niệm tịch tịnh: [những đề mục] này không chứng được Thiền, tức là không đắc được Sơ thiền, mà chỉ đi đến Cận định hoặc Định cận hành.

Điều này hồi xưa Thiện Trang cũng không biết, Thiện Trang nghe nói là niệm

Phật có thể đến được công phu của Tứ thiền Bát định. Tại vì đây là hồi xưa vị Sư Nam truyền nói cho Thiện Trang, cho nên Thiện Trang cũng tin. Tức là bên Bắc truyền mình nói rồi, mà bên Nam truyền cũng nói, không biết sao vị Sư đó lại nói là mình niệm Phật bằng câu Phật hiệu có thể chứng tới Tứ thiền Bát định.

Sau này Thiện Trang học nhiều hơn thì nhận biết: Ủa! Sao hồi xưa mình niệm hoài cũng không biết, sau này thì mới biết là nó không nằm trong những đề mục này để đắc Sơ thiền được. Mà trong Kinh Vô Thích hay nhiều bộ kinh nói là: **"Âm thanh là gai nhọn để nhập Sơ thiền"**. Tức là nếu còn âm thanh, còn có tướng âm thanh thì không thể vào Sơ thiền. Và nhập Sơ thiền là ngôn ngữ tịch diệt. Cho nên Thiện Trang xin phép đính chính lại những điều mà hồi xưa Thiện Trang chia sẻ. Ví dụ hồi xưa Thiện Trang chỉ cho mọi người video tọa thiền, niệm Phật. Ngồi tọa thiền, [tu theo] đề mục theo hơi thở, rồi gắn câu Phật hiệu vào. Cách đó cũng định, cũng an lạc, dễ chịu, nhưng chỉ tới Vị đáo định thôi.

Hôm nay Thiện Trang cũng chia sẻ luôn, sẵn nói về Vị đáo định, nhiều đồng tu không biết phân biệt đâu là Vị đáo định, đâu là Trì tướng, Tợ tướng và đâu là Sơ thiền. Thôi để chút nữa, quý vị ráng chờ, để chia sẻ luôn phần dưới này cho xong, cho rõ ràng nha.

Niệm thân thể trược cũng chứng tới Sơ thiền. Niệm hơi thở thì chứng đến Tứ thiền Sắc giới. Đề mục hơi thở là tuần trước Thiện Trang giới thiệu rồi. Quý vị thấy rất dài, có 16 cách, và nếu quý vị dùng là tới Tứ thiền Sắc giới, thậm chí là chứng được quả A-la-hán luôn.

D. Đề mục Phạm trú (4): Từ, Bi, Hỷ thì chứng đến Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền. Xả thì chứng đến Tứ thiền.

E. Đề mục Vô sắc (4): Không vô Biên xứ; Thức vô Biên xứ; Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ vv… [Đề mục này] thì chắc nhiều người cũng không quan tâm. Thiện Trang nghĩ Thiện Trang cũng không quan tâm [đề mục] này lắm. Thiện Trang mục tiêu tới Tứ thiền là đủ xài rồi, mà chắc hơi khó đó.

F. Đề mục Tưởng: Tưởng nhờm Gớm thức ăn thì không đắc Thiền, mà chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành, tức là Vị đáo định.

G. Đề mục Phân biệt: Phân biệt bốn nguyên tố Đất, Nước, Lửa, Gió thì không đắc Thiền, chỉ đưa đến Cận định hay Định cận hành.

*10 đề mục Biến xứ là điều kiện để đắc Thần thông Thắng trí: Nếu quý vị muốn có Thần thông thì quý vị phải tu 10 đề mục Biến xứ đầu tiên thì quý vị đắc Thần thông. Nếu không tu Biến xứ thì dù chứng quả cũng không có Thần thông.

*Đề mục niệm hơi thở là đề tài vừa Chỉ vừa Quán. Chúng ta đã học rồi.

Hôm nay xin giới thiệu lại đề mục gọi là Biến xứ xanh. Hồi trước giới thiệu rồi, nhưng bây giờ giới thiệu lại. Đây là theo Luận Thanh Tịnh Đạo, chữ #kasiṇa là Biến xứ, chữ #nila là xanh, dịch là Biến xứ xanh. Quý vị cứ lên mạng đánh vô Kasina, thì ra là đề mục Biến xứ. Cách tu rất đơn giản.

A.5. Biến xứ xanh (Nīlakasiṇa) - theo Luận Thanh Tịnh Đạo

Người hành Thiền đề mục Biến xứ xanh là nắm lấy tướng màu xanh, người đã từng thực hành trong đời trước, ấn chứng khởi lên nơi người ấy khi thấy một bụi cỏ xanh hay mảnh vải màu xanh hoặc nhìn viên ngọc xanh.

Tức là những người nào mà đời trước tu [đề mục này] mạnh, thì họ nhìn mấy [màu xanh] đó là đắc rồi. Điều này thì hồi xưa Thiện Trang cũng không biết tại sao, hồi nhỏ Thiện Trang nhớ quê của Thiện Trang ở Quảng Ngãi có biển. Thiện Trang nhớ lâu lâu mới được về quê một lần, các buổi chiều ở đó Thiện Trang không biết tại sao Thiện Trang thích ra ngắm nước biển lắm, ngắm nhìn mê say, nhìn không biết mệt mỏi luôn. Người lớn kêu: 'Ôi! Tối lắm rồi đi về thôi cháu. Cháu còn ngồi đó nữa, còn không chịu về'. Cuối cùng một hồi tối om, hết thấy đường rồi mới đi về, mà về đi qua rặng cây dương liễu, toàn là mồ mả không. Hồi đó sợ ma, cho nên sợ lắm, nhưng thấy an lạc, dễ chịu lúc đó.

Cho nên Thiện Trang không biết tại sao mà Thiện Trang thích màu xanh. Thiện Trang kêu: Ủa! Tại sao mình lúc nào cũng thích màu xanh, rồi thích nhìn cái gì tròn tròn. Những điều đó sau này học thì mới biết là do đời quá khứ mình có tu Thiền chỉ. Nên khi mình tu Thiền chỉ là mình nhìn được những cái đó, đó là một đề mục để mình tu. Hồi xưa người ta phải ra biển, ra sông để ngắm, để tu đề mục

này. Thời đại nay chúng ta thấy chúng ta khỏe hơn, chúng ta sẽ có cách tu khác. Nói xong [đề mục] này thì Thiện Trang sẽ giới thiệu cách tu của thời chúng ta.

Người mới tu tập đề mục này thì phải dùng những cánh hoa có màu xanh hay lá xanh trải lên chiếc mâm, cái nia có vòng tròn đường kính hơn gang tay, tạo thành mảng xanh phẳng như mặt trống rồi ngồi nhìn mặt phẳng xanh ấy tác ý niệm "xanh! xanh!" Tác ý niệm chứ không có đọc lên, nghĩ màu xanh thôi.

Ở đây thời hiện đại, Thiện Trang xin giới thiệu, quý vị không phải mất công, bây giờ Thiện Trang chỉ cho. Cách đầu tiên là chúng ta nên chọn màu xanh nào phù hợp với mình. Có nhiều màu xanh đúng không ạ? Thứ hai là mình nên chọn một hình tròn hơn một gang tay (khoảng 20 cm). Bây giờ hiện đại rồi, Thiện Trang hay khuyên các vị đồng tu, có hai cách [để tu đề mục này]: Một là dùng màn ảnh tivi, màn ảnh máy tính v.v… Có đồng tu làm rồi, nhưng Thiện Trang chưa hài lòng với các màu lắm, cho nên chưa giới thiệu. Không thích [hợp] với Thiện Trang lắm, nhưng chắc có thể hợp với quý vị.

Thiện Trang sẽ chia sẻ cho quý vị một số màu. Để vòng tròn ở giữa phải màu đen hết, rồi quý vị nhìn đó là được. Thiện Trang giới thiệu quả [bóng đèn tròn] này, Thiện Trang đặt mua đường kính là 25 cm. Quả này tròn tròn để tu Thiền chỉ rất dễ. Mình chỉ cần bấm lên là biến thành màu xanh, nhưng tại vì camera không quét được màu xanh giống [ở chỗ] Thiện Trang. [Quý vị] có thể đổi màu đỏ, tùy màu, mình có thể bấm chọn màu được. Quý vị đầu tư cái [bóng đèn] này thì dễ tu. Tùy màu, quý vị thích màu nào thì chỉnh màu đó, mình không cần phải mất công đi lo mấy cái kia. Tiếp theo là quý vị đặt ra trước mặt. Và Thiện Trang chỉ cho quý vị, để tu được [đề mục] Thiền chỉ này, thì quý vị phải để ý kỹ, chứ còn quý vị làm sai là không bao giờ vô được đâu. Nghe cho kỹ!

Đầu tiên khi đặt đối tượng để nhìn, thì phải đặt ở nơi làm sao mà đằng sau, đằng trước không bị vướng một cái gì cả, đằng sau chỉ có một màn màu đen. Quý vị nên kiếm miếng vải đen treo đằng sau, để che hết, làm sao đó chỉ còn thấy cái [đèn tròn] này thôi. Chứ quý vị vừa thấy cái [đèn tròn] này, vừa thấy cái micro hay

vừa thấy cái gì đó là bị phân tâm. Hoặc là có những ánh sáng nào chiếu qua chiếu lại đằng trước, thậm chí thấy sợi dây trắng trắng này lòi ra, là không vào trì tướng được, bị nhiễu, không vào được đâu. Đây là Thiện Trang chia sẻ cho quý vị. Thiện Trang đã thử rồi, chỉ cần có một cái gì vướng vướng, hiện hiện là tới lúc vào trì tướng không được.

Cho nên nhiều người tu không được, lí do là khâu chuẩn bị của mình chưa đúng. Quý vị muốn trên màn hình, hay muốn gì, thì tất cả đều màu đen hết, chỉ có để vậy, ở trong phòng tắt đèn hết, đừng để ánh sáng nào lọt vào, để khỏi phân tâm. Rồi khi đó mình mới nhìn (trong này có nói), để Thiện Trang nói xong lý thuyết rồi nói luôn thực hành.

Khi đó hai ấn chứng trì tướng và tợ tướng xuất hiện gọi là định cận hành, tiếp tục chú tâm đến tợ tướng đó đến khi chứng định an chỉ (tức là vào Thiền).

Nói đơn giản là như thế này, ví dụ Thiện Trang chia sẻ, lấy cái đèn này. Theo kinh nghiệm của Thiện Trang thôi, quý vị có thể tham khảo đúng hay sai, quý vị thực hành rồi mình đối chiếu, chứ chưa chắc, vì 'chớ vội tin', phải thực hành chứ.

Quý vị thực hành là quý vị nhìn như thế này, Thiện Trang để ra đằng trước và tắt hết đèn, không có [vướng] gì, rồi nhìn v.v… Và trong phòng đó đừng có tiếng ồn, không có tiếng gì hết. Nếu ồn thì quý vị kiếm bông tai chống ồn hay cái gì đó nhét lại, đừng để nghe tiếng âm thanh gì, rồi khi đó mình nhìn. Có thể quý vị không quen, quý vị nhìn một hồi cũng chưa vô. Nhưng mình nhìn thôi, đừng suy nghĩ gì lung tung, bỏ hết tất cả suy nghĩ. Chúng ta phải nhớ bước chuẩn bị là quần áo sạch sẽ, mặc sao ngồi cho dễ dàng v.v… ngồi cho ngay ngắn, không cần kiết già, bán già cũng được. Nếu ngồi kiết già đau thì ngồi bán già, không ngồi bán già được thì ngồi kiểu khác cũng được. Quý vị muốn ngồi kiểu nào cũng được, không sao, không quan trọng. Sau đó quý vị hãy tập trung nhìn, nhìn đến một lúc nào đó thì tự nhiên chuyển thành Trì tướng hay Tợ tướng.

Trì tướng và Tợ tướng là gì? Điều này không có nhất định, mỗi lần mỗi khác, mỗi người mỗi khác, không biết nhân duyên thế nào. Ví dụ quý vị có thể tự nhiên

thấy quả này to đùng lên trước mặt, bự lắm. Hoặc là tự nhiên mình thấy mình ngồi trong một cái nhà hoàn toàn là màu này, và nhà đó tròn. Hoặc là mình ngồi trong nhà vuông, mà tự nhiên có quá nhiều quả tròn tròn như vầy, đặt đầy hết. Hoặc là khắp hư không là toàn quả nhỏ nhỏ như thế này v.v… đủ các màu, các kiểu. Đó gọi Trì tướng hay là Tợ tướng.

Và quý vị vẫn tiếp tục nhìn, nhưng thông thường tới lúc đó quý vị có cảm giác là không muốn nhìn nữa, mà quý vị nhắm mắt để thấy như vậy. Tới lúc đó thì tự động nhắm mắt thôi, mà nhắm mắt thì sẽ thấy như vậy. Nếu như lúc đầu thì trì tướng đó sẽ kéo dài, quý vị chưa nhập Thiền được thì trì tướng đó kéo dài, một thời gian sau thì rơi vào trạng thái là dường như không có gì cả. Mọi người sẽ nói là dừng tâm luôn, tâm của mình không có suy nghĩ gì hết, và dường như là không có gì cả, thì trạng thái đó là nhập Thiền.

Khi đó không có lo sợ, mình cứ hưởng an lạc trong đó, bởi vì lúc đó [thấy] hỷ lắm, an lạc lắm, một cảm giác thế nào mà đã lắm, đó là quý vị nhập được Thiền. Còn quý vị không nhập được Thiền thì Trì tướng cứ xuất hiện liên tục. Trì tướng xuất hiện liên tục mà không nhập Thiền, thì quý vị coi lại môi trường của mình ồn, hay là ánh sáng bị nhiễu hay là gì đó, hay là tâm của mình đang còn suy nghĩ gì, trạng thái như vậy thì mình không vào được. Mà cứ duy trì Tợ tướng nhiều, lúc đó là Vị đáo định có thể xuất hiện, xuất hiện thế nào? Là có thể xuất hiện những cảnh nhiễu. Cảnh nhiễu, tức là không phải Tợ tướng đó nữa, mà quý vị thấy xuất hiện ra rừng…, thấy gì đó tùm lum. Rồi nhiều người tưởng đó là đắc Thiền, bắt đầu thả hồn theo đó, thì quý vị coi chừng rớt vào Ngũ ấm ma. Tại vì không tương ưng với đề mục đang tu.

Đề mục ta đang tu là cái này, chứ không phải cái đó. Mà nếu vô đó thì cũng an lạc lắm, mới đầu cũng an lạc cho nên nhiều người cũng thích vô đó. Rồi bắt đầu tưởng tượng, thấy chuyện gì đó quá khứ, chuyện tương lai xuất hiện tùm lum trong đó. Quý vị mà theo trong đó, theo một thời gian thì coi chừng quý vị rớt vào Ngũ ấm ma. Cho nên Ngũ ấm ma nằm ở chỗ đó đó.

Còn khi nhập Thiền rồi là nhanh lắm. Lần đầu có thể lâu, nhưng về sau có thể

rất nhanh thôi, có thể Tợ tướng chớp chớp chừng mấy giây thôi là vào Thiền luôn, là vào một trạng thái dường như không có gì. Mình vẫn quan sát được, nhưng dường như là không có gì hết, lúc đó mình an lạc lắm, mình chỉ muốn hưởng trạng thái rất là an lạc đó, mình không muốn làm gì nữa hết, thì đó là nhập Thiền.

Và đừng tác ý rằng là mất hết rồi, ta phải tìm lại Tợ tướng. Không phải! Tìm lại Tợ tướng là rớt ra lại. Chỉ cần khởi một ý niệm nào đó, hoặc là lúc đó tai mình thính lắm quý vị, có thể nghe một giọt mưa rớt ở trên mái nhà thôi, là bay ra lại. Lúc đó quý vị phải [tu] đề mục lại, phải tập lại từ đầu. Mà tập lại từ đầu, thì đầu quý vị phải nhớ, phải kiểm tra trước khi vào Thiền là có 5 Chi thiền, và bỏ 5 Triền cái, gồm có: Một là tham dục. Tham là gì? Là tham muốn. Quý vị đừng mong muốn gì hết. Ngay cả mong muốn nhập Thiền, mong muốn thấy Tợ tướng, mong muốn gì thì cũng đừng mong, mà mình chỉ nhìn thôi. Nếu tu đề mục này thì chỉ nhìn thôi.

Rồi Triền cái thứ hai là Thùy miên cái. Thùy miên là buồn ngủ. Ngồi một hồi mà cảm thấy buồn ngủ, thì thôi, đừng tu. Buồn ngủ thì tu [môn] khác đi, lúc đó thì đừng tu Thiền chỉ. Tại vì chúng ta học bài Thất giác chi rồi, khi buồn ngủ thì quý vị hãy tu bốn Giác chi kia, đừng tu Định giác chi. Nhớ như vậy! Cho nên người mà buồn ngủ thì không thể tu được, mà phải ngủ cho đủ giấc, lựa lúc nào đó.

Giống như Thiện Trang, buổi trưa thì Thiện Trang thấy hơi buồn ngủ. Mà Thiện Trang làm biếng đi ngủ, Thiện Trang sợ ngủ lắm, nên kêu: Thôi! Vô Thiền đi. Bây giờ mình đã buồn ngủ lắm rồi, mà thôi mình ráng vô Thiền cho an lạc. Tại vì chỉ cần vô được một chút thôi là đỡ buồn ngủ rất nhiều, tỉnh táo. Mà vô thì thông thường đa số là ngủ thôi, chứ không thể nào Thiền được. Tức là vào một hồi là mình rớt vào trạng thái, mình nhìn thấy là thấy Tợ tướng thiệt, nhưng vô Tợ tướng xong rồi là bắt đầu bị nhiễu cảnh. Tức là lúc đó mình thấy là cái gì đâu á, thấy [cảnh] gì đó xuất hiện, chứ không phải là [đề mục] đó, là mình biết mình trật rồi, thì giác ngay, mình phải thoát ra ngay. Thoát ra ngay thì mình biết đó là hôn trầm, hôn trầm vi tế. Mặc dù [điều] đó cũng rất dễ chịu, vẫn dễ chịu hơn bình thường, nhưng mình thấy là sai rồi. Tại vì nhiễu cảnh, hiện ra cảnh gì đâu đâu.

Sẵn đây nói thêm một điều nữa, Vị đáo định cũng là hiện cảnh, khác với Thụy miên, Hôn trầm. Đôi khi ở Vị đáo định lâu quá thì quý vị sẽ thấy, ví dụ như quý vị thấy ở trong nhà rất rõ, mặc dù quý vị chẳng mở mắt, nhưng quý vị thấy xung quanh. Rồi quý vị nghe những tiếng gì đó rõ ràng lắm. Cảnh đó là cảnh cực kỳ rõ, thì đó là cảnh của Vị đáo định.

Còn nếu như bị pha cảnh, tức là nhiễu cảnh. Nhiễu cảnh là gì? Mình đang ở đây, mình thấy cảnh gì trong đó, mà còn thấy gì đó mờ mờ ảo ảo, không rõ nữa, đó là quý vị rớt vào Hôn trầm rồi. Nếu là Vị đáo định, thì ví dụ quý vị thấy thác nước chảy, quý vị thấy ngồi trong rừng v.v... nhưng quý vị thấy cảnh đó cực kỳ rõ, thì đó là Vị đáo định. Còn cảnh mà bắt đầu mờ mờ, ảo ảo, thì thường là rớt vào Hôn trầm.

Chính vì nhiều người không phân biệt được hai cảnh đó, nên cứ ở trong Hôn trầm. Hôn trầm cũng đã, cũng dễ chịu, dễ chịu hơn bình thường. Nhưng xin lỗi quý vị! So với trạng thái nhập Thiền thì chưa là gì hết. Và cảnh đó mà quý vị để nhiều, thì Thiện Trang nói là nguy hiểm. Sau này quý vị dễ bị rớt vào ma cảnh, tức là rớt vào Ngũ ấm ma. Cho nên nếu buồn ngủ, thì hãy mau dùng bài kinh chữa buồn ngủ của đức Phật. Quý vị còn nhớ không? Nếu không nhớ thì bữa nào Thiện Trang sẽ đem bài kinh đó trình bày lại. Hồi bữa đã trình bày bài kinh chống buồn ngủ bên Kinh A Hàm rồi. Bữa nào lấy bài kinh chống buồn ngủ của đức Phật dạy cho ngài Mục Kiền Liên ở bên Kinh Nikaya đưa vào cho quý vị cũng được. Hai bộ kinh, thì có hai bài để so sánh. Chúng ta hãy rửa mặt hay làm gì đó, 11 bước để chống buồn ngủ, thì quý vị hãy tu tiếp. Còn nếu buồn ngủ thì đừng tu Định, hãy tu Thiền quán, tức là hãy đi vận động, rồi làm việc gì đó, chứ không, thì một hồi là ngủ luôn đó.

[Như vậy] quý vị phân biệt được rõ chưa? Mà quan trọng là chúng ta biết trạng thái khi mình vào Thiền, đó là mới Sơ thiền thôi. Sơ thiền là ly dục, ly các pháp ác bất thiện, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Ly dục là không có mong muốn gì. Cho nên người đắc được Thiền, hoặc là mình nhập Sơ thiền hoặc là Vị đáo định thôi, thì ra ngoài mình bớt tham. Mình ăn uống gì cũng nhẹ nhàng, đỡ, nhẹ nhàng lắm quý vị. Mỗi ngày mà quý vị thiền được một chút,

ra là quý vị bớt nổi sân, nhẹ nhàng lắm. Và trong gia đình quý vị tự nhiên sẽ hạnh phúc.

Cho nên tại sao mình không tu? Và quý vị muốn tu Tịnh Độ, thì quý vị dùng định đó, hướng tâm vãng sanh thì dễ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ đâu có bắt quý vị là tu chuyên 100% đúng không? Nếu có chúng sanh tu pháp nào đó, mà hướng tâm về thì cũng được mà. Mà khi mình có định Sơ thiền thì đầu tiên là đỡ đau. Lúc đó quý vị bị cảm, bị trúng gió, bị gì đó, giống như Thiện Trang hay bị trúng gió, vì người Thiện Trang bị hàn. Nếu quý vị đắc Thiền thì tự nhiên không có cảm giác trúng gió gì hết, người lâng lâng, dễ chịu, mặc dù mình vẫn bị trúng gió đó quý vị. Sau đó, hai ba ngày sau mà mình không thiền nữa, không có thời gian thiền nữa, thì bắt đầu mình thấy mình bị trúng gió thiệt, vẫn bệnh như cũ. Nhưng lúc đó mình không có cảm giác gì hết. Mình có những nỗi đau như mỏi chân, mỏi tay, mỏi lưng thì tự nhiên không có. Như vậy nếu quý vị lâm chung (lúc sắp chết), với công phu như vậy, thì quý vị ok, tự tại ra đi được đúng không ạ? Ra đi nhẹ nhàng.

Đó là lý do tại sao phải tu Thiền chỉ. Bởi vì trong kinh đức Phật nói là tu Thiền chỉ để giảm đau, đỡ đau. Sơ thiền thì giảm đau thôi, chứ cũng chưa hết đau hoàn toàn. Quý vị muốn hết đau hoàn toàn, mà tự tại ra đi, là quý vị phải chứng Tứ thiền. Còn Sơ thiền thì chỉ giảm đau thôi. Nhưng giảm đau là cũng đỡ lắm rồi quý vị, mấy bệnh như trúng gió, cảm, v.v... mà quý vị thiền thì [mấy bệnh đó] không thấy tác dụng gì hết, tức là hình như nó không có. Mặc dù mình mang bệnh trong người, nhưng hình như nó không có. Mà ngày nào mà cũng thiền được, thì coi như mấy bệnh đó không ăn thua gì hết. Quý vị thấy Thiền chỉ đặc biệt [như vậy].

Và nhiều đồng tu nói với Thiện Trang, là bình thường không có Thiền thì không ngồi bán già được, nhưng tự nhiên lúc đó ngồi bán già được; rồi bình thường không ngồi kiết già được, nhưng sau khi Thiền thì tự nhiên ngồi kiết già được. Cho nên Thiền hay và lợi lạc như vậy đó. Cho nên quý vị thực hành đi. Chứ còn nhiều đồng tu lười thực hành quá. Mà thực hành thì lần đầu thấy khó. Lần đầu khó là tại mình chưa có kinh nghiệm, khó vào Trì tướng thôi. Mình nhìn hoài,

mình kêu: Ủa! Sao không vào, không vào.

Nhưng thật ra quý mà càng [nghĩ] không vào bao nhiêu, thì không vào. Mà quý vị cứ nhìn vậy thôi, nhìn một hồi thì tự nhiên đến lúc nào đó sẽ vào Tợ tướng, vào Trì tướng. Sau Tợ tướng, Trì tướng một lát thì bắt đầu chuyển sang nhập Thiền. Nhập Thiền rồi thì mình chỉ cần chú tâm ở trong đó, an tĩnh ở trong đó, đừng tác ý gì, thì quý vị vẫn còn có tầm, tứ.

Còn ai muốn lên Nhị thiền, thì mình phải có một thời gian lâu dài, mình quen rồi, lúc đó mình biết là mình chẳng còn muốn nghĩ gì nữa hết, cũng chẳng còn quan sát sự an lạc, hỷ lạc gì đó luôn, thì hết tầm hết tứ. Tầm, tứ là quan sát, là nhìn dán vào đối tượng đúng không? Lúc đó mình còn đối tượng gì quý vị biết không? Thường người ta có cảm giác là đối tượng 'không', tức là không có gì; hoặc là một trạng thái hỷ lạc. Mình quan sát vào đó, thì đó là tầm, tứ. Bao giờ mình không quan sát nữa, mình dừng luôn, thì lên Nhị thiền.

Nhị thiền là gì? Là một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ. Hết tầm, tứ rồi thì lên Nhị thiền. Lên Nhị thiền thì theo trong kinh là quý vị có một chút Thần thông rồi đó, cho nên ngon rồi đó. Rồi muốn lên Tam thiền thì lại tiếp tục nữa. Tam thiền là một trạng thái định do lìa hỷ lạc. Mình còn thấy hỷ lạc là không lên được Tam thiền. Rồi nếu muốn lên đến Tứ thiền là mình phải lìa niệm luôn, lúc đó không biết gì luôn. Cho nên người nhập Tứ thiền thì có thể ngồi mấy chục ngày như như bất động. Tại vì lúc đó cả hơi thở tịch diệt luôn, dừng luôn, tới mức độ cỡ đó. Cho nên Tứ thiền rất khó. Tại vì tâm mình lúc nào cũng chạy, chạy hoài, mà làm sao không có tâm được. Không có tâm là ý niệm hết, dứt, tạm dừng, thì rất khó.

Nhưng chúng ta cứ tu được tới mức nào thì tu. Quý vị tu đi, biết đâu quý vị có căn cơ, quý vị tu một phát lên được Nhị thiền, quý vị có Thần thông. Và lúc đó quý vị có thể thử một chút, lúc đó mình mở lại mấy bài mà thầy Thiện Trang chia sẻ. Quý vị muốn có Thần thông gì, ví dụ quý vị muốn chui xuống đất thì quý vị chỉ cần nhập vào Biến xứ nước. Tức là quý vị tu Biến xứ nước cho thật nhuần nhuyễn, lúc nào mình muốn thì chỉ cần nhập Biến xứ nước, vừa nghĩ nước một

cái, tưởng tượng nước là thành nước hết, thì nhập Biến xứ nước. Nhập Biến xứ nước thì thấy nước không [thôi], cho nên chui xuống nước là người ta không thấy mình nữa, chẳng hạn như vậy.

Đó là mình sẽ dùng trí tuệ thông minh của mình, để mình suy coi đề mục nào có thể dùng cho Thần thông nào. Nhưng chắc đồng tu cũng không quan tâm đến đó, mà chỉ quan tâm là tu để an lạc thôi đúng không? Và nhớ là trong kinh đức Phật nói: tới Sơ thiền là vượt được ma rồi. Tức là Sơ thiền là tâm mình dừng rồi, không có cảnh giới Ngũ ấm ma đâu. Yên tâm! Đừng có sợ! Chỉ sợ là mình ở Vị đáo định thì rất dễ bị nhiễu cảnh, mình chấp vào cảnh Tợ tướng, một hồi rồi mình rớt vào ma cảnh thôi. Chứ nhập Sơ thiền trở lên thì không sao.

Như vậy Thiện Trang đã chia sẻ rồi, còn một điều nữa sẵn nói luôn. Có đồng tu hỏi: giống như lúc nãy, là con đang nhìn [đề mục nào đó] một hồi, rồi bây giờ tự nhiên con muốn nhắm mắt lại và chuyển qua đề mục hơi thở, tức là bắt đầu đếm hơi thở 1...1; 2...2 v.v... Hoặc là lúc đó chuyển tới trạng thái là không phải đếm nữa, mà là theo dõi hơi thở thì có được không?

Thiện Trang nói là mình tu, mặc dù mới đầu mình nhắm đến đề mục kia, nhưng một hồi nó chạy qua hơi thở, thì mình cứ để thả theo hơi thở luôn. Mình vô bằng đề mục hơi thở, mình tu cũng được, miễn là nhập định thôi. Tại vì mình đâu có quan trọng đề mục nào đâu, mình cứ nhập định luôn, mình chuyển sang. Thiện Trang cũng thấy vậy đó, nhiều khi đang tu, tự nhiên nó chuyển sang hơi thở, mình thấy: Ủa! Sao mình đang tu đề mục này mà nó chuyển sang hơi thở, thì mình cứ thả theo hơi thở. Lúc đó thường là không đếm nữa, không cần đếm nữa, qua bước đếm luôn, thả một chút nữa là vô luôn Trì tướng, Trì tướng xuất hiện rồi thì bắt đầu vào luôn, lúc đó cũng an lạc.

Tùy [quý vị]! Bởi vì đề mục cũng có tác dụng. Ví dụ như ban ngày, trời nắng quá, trời sáng quá, ồn ào quá, thì tu mấy đề mục Biến xứ hơi khó. Bởi vì ánh sáng chiếu vào làm nhiễu, nhưng tu đề mục hơi thở thì dễ. Còn ban đêm vắng rồi đó, trời tối rồi, v.v... thì mình mở cái đèn, mở cái gì đó, v.v... mình tu mấy đề mục [như] xanh, vàng, đỏ, trắng thì dễ.

Và Thiện Trang sẽ cố gắng, từ từ Thiện Trang sẽ tuyển chọn làm một kênh YouTube riêng cho quý vị, chỉ đưa những đề mục Biến xứ lên thôi, để mở vô trong đó thì dễ dàng. Chứ bây giờ đưa vô kênh của Thiện Trang nữa, thì có nhiều người mở bằng tivi sẽ khó mở. Nên Thiện Trang sẽ đưa vào một kênh riêng, cho quý vị mở để tu.

Như vậy là ok rồi nha. Đây là chỉ cho quý vị các cách rõ ràng rồi. Bây giờ chúng ta [trở lại] Biến xứ màu xanh. Biến xứ màu xanh thì mình dùng màu xanh nào cũng được, miễn là quý vị thích màu xanh nào thì dùng màu xanh đó.

A6. Biến xứ vàng (Pītakasiṇa)- theo Luận Thanh Tịnh Đạo

Đề mục Biến xứ vàng cũng tương tự vậy thôi. Pītakasiṇa là biến xứ.

Đề mục này là nắm tướng màu vàng của cánh hoa vàng, hay tấm vải vàng, hay vật gì đó màu vàng. Đó là do hồi xưa, chứ bây giờ mình dùng vật gì đó tròn tròn thì mau vào. Thiện Trang để ý là một vật gì hình tròn thì có định hơn, và hình tròn thì dễ vào hơn là những cái khác, nhìn khối vàng thì khó hơn. Nhưng quý vị cứ thử đi. Biết đâu do Thiện Trang thấy hình tròn thì dễ vào, còn quý vị nhìn hình khác lại dễ vào. Cho nên mình thích cái nào, quan trọng mình là thích cái nào, thì mình dùng cái đó.

Một người đã thuần thục biến xứ từ quá khứ, bây giờ chỉ nhìn đóa hoa vàng hay miếng vải vàng với chú tâm là ấn chứng hiện ra rồi. Cho nên có những người cũng rất tuyệt vời, người tu rồi thì nhìn mấy vật đó là đã rồi. Cho nên có người ra ngoài là thích nhìn nước. Thích nhìn nước thì quý vị tu Biến xứ nước. Quý vị thích nhìn cái gì thì quý vị tu Biến xứ đó, là phù hợp. Chúng ta có bài lựa chọn căn cơ rồi đó, nhưng quý vị cũng nên dùng theo sở thích, thì dễ và phù hợp hơn.

Với người sơ cơ thì phải làm một cái án xứ thiền màu vàng là một cái mâm trải hoa vàng, hay căng miếng vải màu vàng trên cái khung tròn (cũng là tròn thôi quý vị ạ)**, rồi đặt trước mặt vừa tầm mắt nhìn và niệm "vàng! vàng!" đến khi phát sanh ấn chứng và đạt đến An chỉ định.**

Điều này giống như trên, trạng thái đó thì Thiện Trang cũng nói như quý vị. Quý vị cứ thực hành vài lần thì quý vị quen, rồi dần dần quý vị có kinh nghiệm, quý vị sẽ điều chỉnh những trạng thái như thế nào, điều chỉnh qua điều chỉnh lại thì mình sẽ được thôi, không có khó gì. Phải thực hành thôi, chứ còn nghe nói mà không thực hành thì không được.

Mà thực hành thì Thiện Trang đã chia sẻ rất nhiều kinh nghiệm rồi, cố gắng làm cho đúng. Trước khi thực hành, nhớ có mấy bước: Đầu tiên vô, không phải là ngồi nhìn liền, mà nhớ quán Vô thường, đời là vô thường, là khổ, không v.v... Khổ quá cho nên con mới tu, con muốn xuất ly sinh tử. Rồi nghĩ rằng: Mình tu môn này, thì không phải [có một mình] mình tu, mà trước đó các đức Phật và các bậc A-la-hán, các bậc Thánh v.v... đã tu rồi. Các ngài đã đắc được rồi. Mình tu môn này thì cũng sẽ chắc chắn được. Mình phải tin như vậy đó. Chứ không, quý vị có Nghi cái là không được, rớt mất Chi thiền.

Nhớ! Không được nghi đúng không? Năm Triền cái [mà] Thiện Trang [vừa] nói: là Tham dục cái, Thùy miên cái, thứ ba là Nghi [cái], thứ tư là Sân hận. Mình còn sân, mình còn nóng thì khó. Nếu quý vị bị sân thì Thiện Trang chỉ cho quý vị phương pháp để tu, đó là dùng hơi thở trước. Dùng đếm hơi thở sẽ giảm sân rất nhanh, bởi vì mình lo đếm hơi thở, một hồi mình quên mất sự sân đó, quên mất chuyện đó. Tức là mình đếm 1...1; 2...2, cứ hít vô thở ra như vậy, một hồi thì đâu còn nhớ chuyện gì đâu mà sân. Tâm lo đếm thì sẽ giảm được sân.

Cho nên nếu mình tu đề mục này mà không được, thì mình hãy dùng đề mục kia để bổ trợ. Bổ trợ trước rồi mình hãy tu. Như vậy nếu bị sân thì quý vị có thể dùng đếm hơi thở để bớt sân thì cũng được. Hoặc quý vị có cách nào khác thì tùy mỗi người. Còn Thiện Trang mà cảm thấy hơi khó chịu, thì Thiện Trang dùng hơi thở là quên mất, thì mau diệt được và đè được chuyện đó.

Còn một điều nữa là phóng dật, phóng dật là tâm mình lao xao, trạo cử. Thật ra tâm lao xao thì đừng nghĩ gì hết, nhớ quán Vô thường v.v… thì [sẽ] bớt. Rồi khi đó mình nhìn [đề mục] đó. Mình đừng nghĩ gì hết, đừng nhìn màu xanh rồi nghĩ chuyện hẹn hò yêu đương gì hết. Mình chỉ cần nhìn một [đề mục] thôi, thế là xong.

Như vậy là xong [các đề mục tu Thiền chỉ]. Bữa nay còn thời gian, chúng ta chia sẻ một chút [về] Tâm sở. Trong A Tỳ Đàm có 52 món Tâm sở, xin giới thiệu lại 13 món Tâm sở Tợ tha, gồm có 7 Tâm sở Biến hành. Tợ tha tức là nương tựa, đi theo cái khác, tức là luôn luôn đi với Tâm sở Bất thiện hoặc là Tâm sở Thiện. Tâm sở Thiện tức là Tâm sở Tịnh hảo. 7 Tâm sở Biến hành tức là 7 Tâm sở này lúc nào cũng có. Rồi 6 Tâm sở Biệt cảnh thì lúc có, lúc không.

Trong 14 món Tâm sở Bất thiện thì chúng ta có 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành là: Si, Vô tàm, Vô uý và Trạo cử. Còn 10 Tâm sở Biệt cảnh là: Tham, Tà kiến, Ngã mạn, thuộc nhóm Tham phần; Sân, Tật, Lận, Hối là nhóm Sân phần; Hôn trầm, Thụy miên, Nghi là nhóm Trì trệ và Do dự.

Chúng ta đang học 25 Tâm sở Tịnh hảo gồm có 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, gồm có: Tín, Niệm, Tàm, Uý, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, Tịnh tâm, Tịnh thân, Khinh tâm, Khinh thân, Nhu tâm, Nhu thân, Thích thân, Thích tâm, Thuần tâm, Thuần thân, Chánh thân, Chánh tâm. Đó là 19 [Tâm sở]. Còn 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh, gồm có: 3 Tâm sở Tịnh hảo Giới phần (về Giới), 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần, và 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền, [Tâm sở] này rất quan trọng.

Ở đây chúng ta đã học đến [Tâm sở] Tịnh tâm (8) và [Tâm sở] Tịnh thân (9). Hôm nay chúng ta sẽ học về [Tâm sở] Khinh tâm (10) và [Tâm sở] Khinh thân (11). Những [Tâm sở] này có 6 cặp đi chung với nhau, mình học một lúc. Tại vì hai [Tâm sở] này lúc nào cũng đi chung với nhau hết.

Tâm sở Khinh tâm (10) và Tâm sở Kinh thân (11)

Thế nào là Khinh tâm và Khinh thân? Khinh tức là nhẹ, sự nhẹ nhàng hay nhanh nhẹn. Trạng thái chính của Khinh thân là ngăn chặn được sự nặng nề của ba uẩn là: Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn. (Thọ, Tưởng, Hành, Thức trong Ngũ uẩn).

Thọ là gì? Định nghĩa của đức Phật rất đơn giản, Thọ là cảm thọ, cảm nhận. Cảm nhận gồm có ba cảm nhận: Cảm nhận khổ, cảm nhận vui và cảm nhận không khổ không vui (gọi là Xả thọ).

Rồi Tưởng và Hành. Tưởng là gì? Tưởng là nghĩ nhớ về những điều quá khứ, nghĩ nhớ về những điều hiện tại và nghĩ nhớ về những điều tương lai, ba đời kết nối nhau. Mình suy nghĩ lung tung, kết nối ba đời, nhờ quá khứ mà kết nối với hiện tại, rồi hiện tại kết nối với tương lai, rồi tưởng ra tum lum hết. Đó là Tưởng.

Còn Hành là gì? Hành nói đơn giản là những suy nghĩ bất thiện, hay thiện, hay không thiện hay ác. Những yếu tố đó trong suy nghĩ mình thì gọi là Hành.

Khi ba điều này mà nhẹ nhàng thì gọi là Tâm sở Khinh thân. Tức là ba uẩn: Thọ, Tưởng, Hành trong Năm uẩn. Năm uẩn là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì mình bỏ Sắc ra. Sắc là thân thể thì không nói, đang học về tâm, nên tâm chỉ có bốn thứ là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ba uẩn đầu Thọ, Tưởng, Hành mà nhẹ nhàng thì gọi là Khinh thân. Còn sự nhẹ nhàng của Thức uẩn thì gọi là Khinh tâm. Định nghĩa rất đơn giản. Quý vị hiểu không? Thức là uẩn cuối cùng mà nhẹ nhàng [thì gọi là Khinh tâm]. Vậy nên mình có hai trường hợp này, thì người mình nhẹ nhàng lắm. Vì tâm mình nhẹ nhàng, nên mới gọi là Tâm sở Tịnh hảo.

Hai Tâm sở này cùng có đặc tính là trạng thái nhẹ nhàng của bốn danh uẩn (bốn uẩn trên), **đối lập với Phiền não Hôn thụy làm nặng nề thân tâm.**

Tức là [Tâm sở này] đối lập với Phiền não Hôn trầm, Thụy miên làm cho mình nặng nề. Ví dụ như mình đang thấy tâm mình nặng nề, buồn ngủ, đó là do không có mặt của hai thằng này. Còn khi có hai Tâm sở Khinh thân và Khinh tâm này, thì tự nhiên mình thấy nhẹ nhàng. Cho nên trạng thái nhập Thiền, tu Thiền thì rõ ràng lắm, nó nhẹ nhàng là nhờ điều này. Nên nếu không tu Thiền chỉ thì khó có được điều này, khó lắm! Cho nên thường phải tu Thiền chỉ, [để] giúp cho hai Tâm sở này mạnh.

Hai Tâm sở này có tướng trạng là sự vắng lặng nặng nề của thân tâm (nghĩa là thân và tâm vắng lặng luôn sự nặng nề. Vì tâm mình nhẹ nhàng rồi thì thân mình cũng nhẹ nhàng, cảm giác nhẹ nhàng). **Có nhiệm vụ là trấn áp sự nặng nề của thân tâm** (tức là trấn áp sự nặng nề. Cho nên muốn nhẹ nhàng là quý vị phải có hai Tâm sở này). **Có biểu hiện là sự không trì trệ của thân tâm.** Thân tâm mình lúc đó nhẹ nhàng, làm việc gì cũng nhanh.

Quý vị cứ thử tu Thiền chỉ đi, quý vị không cần nhập định đâu, chỉ cần Vị đáo định thôi là quý vị thấy nhẹ nhàng hơn rồi. Làm việc gì cũng chuẩn xác mà nhanh nhẹn. Nên nhiều người không tu, họ không biết rồi họ cứ tưởng tu mấy điều này không có lợi ích. Nhưng thực tế ai tu rồi mới biết. Đặc biệt có những đồng tu Tịnh Độ, Thiện Trang khuyên là nên tu. Đừng chấp trước quá, vì tu câu Phật hiệu không có nhẹ nhàng, an lạc bằng Thiền chỉ đâu, Thiền chỉ dễ hơn. Rồi sau đó mình trở lại niệm Phật cũng nhẹ nhàng thôi. Đó là Thiện Trang khuyên những đồng tu Tịnh Độ.

Như Thiện Trang thấy là: vì lâu rồi mình niệm Phật quá nhiều, nên vừa mới ra Thiền là thấy Phật hiệu khởi rồi. Nó tự động khởi, nên lúc đó đâu cần phải niệm Phật nữa, mình chỉ cần nghe thôi, mình lắng tâm là nó khởi. Đi, đứng, nằm, ngồi gì mình cũng niệm được. Còn một hồi mình không thích thì mình chuyển sang niệm đề mục khác, chuyển sang niệm Pháp, rồi khi nghe pháp thì niệm pháp lặng.

Cho nên chỉ cần tâm mình thanh tịnh thì tu [môn] gì cũng được. Mà muốn thanh tịnh là phải tu Thiền chỉ mới dễ lắng được. Đức Phật nói, mà mình không tin nữa, mình cứ tin những người đời sau nói thế này, nói thế kia, thì thật sự mình sẽ bị hoang mang. Thực tế là đức Phật nói như vậy, mình tin lời Phật là ok. Nên cứ tin lời Phật rồi thực hành đi, thì sẽ thấy hiệu quả.

Khinh thân trong khi có ra sao? Sự nhẹ nhàng và cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn.

Tức là khi nào có trường hợp đó thì Khinh thân có mặt. Bao giờ mình cảm thấy Thọ uẩn là gì? Ví dụ như mình cảm thấy nóng, lạnh, v.v… thì mình vẫn thấy nhẹ nhàng, không có vấn đề gì hết. Rồi mình không nghĩ phức tạp, không nghĩ lung tung, không nghĩ những điều bất thiện tùm lum...

Ví dụ như những người bị hoang mang, bị hoang tưởng, thì cách đối trị là quý vị kéo được hai Tâm sở này lên là đỡ. Mà muốn kéo Tâm sở này chỉ có cách tu Thiền chỉ thôi. Nên nhớ: Tu Thiền chỉ là nhanh nhất. Cho nên đức Phật nói khi mình đắc được Sơ thiền thì không sợ hãi, hết sợ hãi. Còn mình không đắc Sơ thiền

nên mình sợ, rồi mình hoang mang này kia. Những người nào bị như vậy, thì quý vị cố gắng dạy cho họ đề mục tu Thiền chỉ. Họ chỉ cần vượt qua được, họ đắc được là họ khác lắm.

Cho nên ráng tu, những đề mục cũng dễ mà, chúng ta học qua rồi, không khó đâu, cứ nghiên cứu đi. Tu một thời gian là vô, rồi thời gian sau, nhẹ nhàng, không cần nhiều thời gian đâu. Lúc đầu quý vị sẽ mất nhiều thời gian, nhưng khi vào được rồi, thì lần sau nhanh lắm, nhiều khi chỉ cần tích tắc mấy giây là vào được. Sau này càng ngày càng nhẹ. Và mỗi ngày quý vị có thể chỉ cần nửa tiếng thôi. Buổi sáng tu nửa tiếng, buổi chiều nửa tiếng, thậm chí nửa tiếng buổi trưa nữa là cả ngày an lạc, hoan hỷ cả ngày. Rất nhẹ nhàng. Đó là mình tu để chống Phiền não. Còn nếu quý vị muốn tu sâu hơn, thì tất nhiên quý vị phải có nhiều thời gian hơn. Mà về sau này quen rồi thì nhập được định sâu hơn.

Khinh tâm trong khi có ra sao? Là sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của Thức uẩn.

Tức là trong khi Thức uẩn có, thì Khinh tâm sẽ có. Thức tức là sự biết, biết xanh, vàng, đỏ, trắng v.v… biết này, biết kia, âm thanh hay, âm thanh dở. Những sự biết đó thuộc về Thức trong sáu thức. Chúng ta thấy sự biết này sẽ nhẹ nhàng hơn. Ví dụ như Thiện Trang nói thế này, bình thường mình nghe một âm thanh lớn thì mình thấy khó chịu. Nhưng khi có Tâm sở này hay là có định, thì tự nhiên quý vị nghe âm thanh lớn, quý vị cũng thấy bình thường. Hay quý vị ăn thấy cay quá, nhưng cũng bình thường, nhẹ nhàng. Sức chịu đựng của mình tốt hơn, nên bớt sân.

Hai Tâm sở này là pháp đối trị, đối lập với Hôn Thụy (tức là Hôn trầm và Thụy miên). **Hai Tâm sở này giúp cho hành giả tuệ quán trở nên linh hoạt hơn trước cảnh danh sắc, bằng cách hạn chế số lượng hữu phần xen kẽ giữa các Tâm lộ.**

Mình chưa học Tâm lộ, mình chỉ nói thôi. Điều này làm cho Tuệ quán của mình (tức là trí tuệ quan sát hay là Minh sát tuệ) trở nên linh hoạt hơn trước các cảnh danh sắc. Sắc tức là vật chất hoặc là về tinh thần. Bằng cách nó hạn chế số

lượng hữu phần xen kẽ giữa các Tâm lộ. Mình chưa học tâm lộ, không thể giải thích được hữu phần xen kẽ giữa các tâm lộ là như thế nào. Để đợi khi nào mình học tới đó thì mình giải thích.

Tốc độ suy nghĩ của mỗi người nhanh chậm khác nhau, một phần là do số lượng hữu phần xen kẽ nhiều hay ít. Đây cũng nói luôn là tại sao suy nghĩ chậm hay nhanh, là do số lượng hữu phần này xen kẽ vào trong Tâm lộ đó nhiều hay ít. Cái nào xen kẽ càng nhiều hay xen kẽ ít, thì sau này để học tới Tâm lộ (là lộ trình tâm) thì mình từ từ học.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Khinh thân và Khinh tâm:

1. Là trạng thái nhẹ nhàng của Tâm sở và tâm không nặng nề: nói chung là nhẹ nhàng.

2. Phận sự là làm cho những yếu tố (Thọ, Tưởng, Hành) **và tâm bài trừ được sự nặng nề.**

3. Thành tựu là sự không đình trệ của các yếu tố đó và tâm.

4. Nhân gần nhất là có các thành phần đó (Thọ, Tưởng, Hành và tâm). Chúng ta hiểu là như vậy.

Thật ra những điều này thì chúng ta chỉ cần biết qua thôi, quan trọng là thực hành. Cũng không biết tại sao, Thiện Trang giảng vô tình hợp đúng lúc mình tu Thiền chỉ. Nên muốn được hai Tâm sở này, Thiện Trang thấy kinh nghiệm tốt nhất là nên thường xuyên tu Thiền chỉ nhiều hơn, thì hai Tâm sở này sẽ mạnh.

Chúng ta sẽ chia sẻ thêm Tâm sở Nhu tâm và Nhu thân.

Tâm sở Nhu tâm (12) và Nhu thân (13).

Quý vị biết chữ Nhu không? Chữ nhu trong đối lập với chữ cương. Nhu là gì? Là dùng nhu thắng cương, nhu trong nhu nhược, nhu yếu, nhưng ở đây là sự mềm dẻo.

Hai Tâm sở Nhu tâm và Nhu Thân là sự mềm dẻo của ba uẩn. Cũng giống

như trên, nếu ba uẩn là: Thọ, Tưởng, Hành, mà mềm dẻo thì gọi là Nhu thân. Còn một uẩn cuối cùng là Thức uẩn, thì là Nhu tâm. Sự mềm dẻo của Thức uẩn gọi là Nhu tâm.

Tóm lại mình học về Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bốn uẩn đó. Nếu ba uẩn đầu mà mềm dẻo, thì gọi là Nhu thân; còn cái cuối cùng là Thức, mà mềm dẻo thì gọi là Nhu tâm. Cũng tương tự như trên, bữa giờ mấy bài đều có công thức giống nhau như vậy. Cứ ba thằng đầu là cho chữ thân, còn thằng cuối là chữ tâm. Tất cả sáu cặp đó đều như vậy. Mình nhớ vậy cho dễ, không phức tạp, chứ không thì mình học toàn chữ nghĩa, mình thấy khó hiểu. Thực tế thì mình chỉ cần nhớ đơn giản như vậy thôi.

Có bốn uẩn về Danh, tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì ba thằng đầu thuộc về thân, còn thằng cuối (Thức) là tâm. Mình nhớ ba thằng đầu thôi, ba thằng đầu tự mình kể ra được đúng không? Vậy cho dễ nhớ, cho đơn giản, chứ không, Thọ, Tưởng, Hành, đọc một hồi không biết cái nào nữa. Ba điều đầu gọi là thân, điều cuối cùng là tâm, vậy cho dễ nhớ.

Hai Tâm sở này có cùng đặc tính là trạng thái nhu nhuyến của bốn Danh uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức)**, đối lập với Phiền não Tà kiến và Kiêu mạn, làm cho thân tâm cứng ngắc**.

Tức là Tà kiến và Kiêu mạn làm cho thân tâm mình cứng ngắc, tức là bốn yếu tố đó cứng ngắc. Điều này thì ngược lại, làm cho mềm dẻo, nhẹ nhàng. Cho nên có điều này thì sẽ không có Tà kiến, không có Kiêu mạn.

Cho nên đang Kiêu mạn, Tà kiến là bốn Danh uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, Thức cứng ngắc. Nếu đang Tà kiến, Kiêu mạn thì thường cảm thấy thọ khổ. Tất nhiên đôi khi kiêu mạn cũng thọ lạc, đôi khi cũng cảm thấy mình cao ngạo quá, mình vui chứ. Nhưng nó cứng ngắc, không có đổi.

Rồi Tưởng cũng vậy, lúc đó mình quyết định, thì Tưởng đó cũng cứng luôn. Tức là mình sẽ suy nghĩ theo một chiều hướng nào đó rất là cứng [ngắc]. Rồi Hành tức là tư duy thiện ác, thì tất nhiên thường Tà kiến với Kiêu mạn là ác rồi. Còn Thức là biết, mình cho là biết như vậy, thường mình khẳng định là như vậy, gần

như là Thắng giải. Mình cho Thắng giải đi theo, mình cho như vậy, quyết định như vậy.

Hai Tâm sở này có tướng trạng là giải tỏa sự cứng ngắc của thân tâm (tất nhiên có hai Tâm sở này thì sẽ giảm bớt sự cứng ngắc). **Có nhiệm vụ là trấn áp sự cứng cỏi của thân tâm** (tất nhiên [hai Tâm sở này] chống lại sự cứng cỏi). **Có biểu hiện là không đối kháng.** Cho nên lúc đó mình không đối kháng. Quý vị thấy mình còn đang đối kháng, mình đang cạnh tranh, mình đang phân biệt, mình đang biện luận, v.v… cứng cáp, thì thường là đang có Tà kiến và Kiêu mạn.

Cho nên bữa nay mình học tới đây, thì mình sẽ quan sát được kỹ hơn. Tức là khi nào ta đang muốn thắng, đang muốn chiến thắng, đang muốn điều gì đó v.v… là ta đang có Tà kiến và Kiêu mạn đang chạy lên. Khi nào mà mình có những điều ở trên, là Hôn trầm, Thụy miên thôi, thì cũng không nhẹ nhàng. Hôn trầm, Thụy miên là [cũng] không tốt rồi. Còn ở dưới này, là khi nào có Tà kiến và Kiêu mạn là không tốt, mình phải đi ngược lại.

Cho nên có cái này thì không có cái kia, nó đối lập nhau. Cho nên muốn đi vào Tâm sở tốt thì đừng để Tà kiến, Kiêu mạn khởi lên. Đừng có cứng ngắc, đừng cho mình hơn, đang tranh luận thì thông thường sẽ đã rơi vào đây. Học dần dần, mình biết rồi thì mới quán được tâm, chứ nếu không thì mình không quán được mấy điều vi tế này.

Cho nên những người không học Tâm sở, khi tu Tứ niệm xứ thì họ quán không được sâu. Nhưng nếu ai học được 52 món Tâm sở này rồi thì quý vị quán được sâu lắm, trạng thái nào là tâm mình đang như thế nào. Quý vị chỉ cần nhớ, hiểu thôi, không cần phải thuộc làu, mình cần nhớ đại ý như vậy thôi, thì mình biết là tâm mình như thế nào. Tà kiến, Kiêu mạn là tâm cứng ngắc. Ngược lại thì là tâm mềm dẻo, là Nhu thân và Nhu tâm.

Nhân gần là thân và tâm: tức là bốn uẩn đó là nhân gần để [Tâm sở này] xuất hiện.

Ở đây chúng ta dễ hiểu, khi có hai Tâm sở này thì mình không có sự ngoan cố và giúp mình khỏi bị Tà kiến và Kiêu mạn. Hai Tâm sở này hỗ trợ cho Tâm sở

Tín và Vô sân. Ở đây Thiện Trang xin nói lại là: khi có hai Tâm sở này thì quý vị sẽ không có sự ngoan cố, vì nó là Tâm sở thiện, giúp cho mình khỏi bị Tà kiến và Kiêu mạn. Cho nên lúc nào mình bị Tà kiến, Kiêu mạn thì là không có Tâm sở này.

Rồi [hai Tâm sở này] hỗ trợ cho hai Tâm sở nữa là Tín và Vô sân (tức là hỗ trợ cho niềm tin). Tại sao vậy? Vì khi tâm quý vị cứng ngắc rồi, thì quý vị chẳng tin điều gì nữa hết. Quý vị cho là như vậy rồi, quyết định như vậy rồi, nên ai nói gì cũng không tin, nghe gì cũng không tin, v.v… tại mình xác định như vậy là tâm cứng ngắc rồi, thì Thức uẩn không nhận được gì cả. Thọ, Tưởng, Hành, Thức đó, thì bây giờ mình đưa điều gì vô cũng chỉ suy nghĩ theo chiều đó. Ví dụ nghĩ ông đó xấu rồi thì suốt ngày xấu, xấu, xấu, không bao giờ nghĩ được điều tốt. Cho nên mình nghe như vậy rồi, thì nghe làm sao mà có niềm tin. Ví dụ như người ta Tà kiến rồi, [thì] người ta không tin Tam Bảo, người ta cứng ngắc rồi thì người ta đâu có nghe nữa.

Và thứ hai nữa là Vô sân (Vô sân là không sân), nếu khi tâm đã cứng ngắc rồi là hay sân. Nên ai hay sân thì chịu khó để ý Tâm sở này, cố gắng kéo hai Tâm sở này lên thì đỡ sân. Kéo bằng cách nào? Bây giờ mình thấy khó quá vì nó nhu (nhu hòa). Quý vị cứ coi giùm khi nào mình có Kiêu mạn không, có Tà kiến không, có khi nào tâm mình cứng ngắc không, là được. Hai Tâm sở này gây ra những Tâm sở Bất thiện như Tà kiến và Ngã mạn, điều này là rõ ràng rồi, mình học ở trên rồi, không có gì.

Bốn ý nghĩa của hai Tâm sở này:

1. Trạng thái là sự mềm dịu của các thành phần tâm và tâm: tức là gồm bốn Danh uẩn đó.

2. Phận sự là hạn chế sự cứng cỏi, sần sượng của bốn Danh uẩn.

3. Thành tựu là bốn Danh uẩn đó không uể oải.

4. Nhân gần cũng là bốn Danh uẩn đó.

Nói tóm lại, điều này để quan sát được tâm vi tế hơn, và chúng ta sẽ biết từ từ, khi nào học hết rồi chúng ta lược lại.

Hôm nay cũng hết giờ rồi, Thiện Trang chia sẻ tới đây, hy vọng là quý vị áp dụng được. Chúng ta có mấy pháp hành [là] Thiền chỉ và Thiền quán. Học điều này để hỗ trợ Thiền quán. Học về Tâm sở là để tu Minh sát tuệ. Còn học về các đề mục Thiền chỉ là để hỗ trợ. Và chúng ta học về các quả vị nữa, đó là con đường giải thoát. Chúng ta phải học Khổ, Tập, Diệt, Đạo (Tứ đế), mình học nhuần nhuyễn thì mình sẽ dễ dàng hơn. Hôm nay quý vị thấy mừng hơn đúng không? Ít nhất là chúng ta biết được thêm Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng không khó lắm, nếu theo kinh. Cho nên có hy vọng hơn rồi.

A Mi Đà Phật! Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng ở đây. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 40

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 30/04/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=-nPQdgWi7PA

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Luận Câu Xá). Nhưng phần này chúng ta đang học về phần nền tảng trong Kinh tạng Nikaya, Kinh A Hàm của Bắc truyền, Nam truyền, và cũng có Vi Diệu Pháp nữa. Cho nên tạm thời chúng ta đang dừng phần Luận Câu Xá lại, chúng ta học phần này một thời gian rồi chúng ta sẽ học Luận Câu Xá thì dễ dàng hơn.

Mở đầu Thiện Trang hay giới thiệu phần nền tảng, hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị một nền tảng căn bản ở phần đầu, rồi dần dần nâng cao lên. Mời quý vị theo dõi một câu chuyện trong Kinh Nikaya. Tựa đề Thiện Trang tạm đặt là:

"Người Giết Hại Sinh Mạng Nhiều Loài Hữu Tình Để Cúng Đồ Ăn Cho Người Chết, Có Hạnh Phúc, Lợi Ích Nào Không?"

Tựa đề này thực tế ngay trong câu chuyện này có.

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo Sư đã kể về đồ ăn cúng người chết. Trong thời ấy, nhiều người giết hại nhiều dê cừu... để cúng đồ ăn cho người thân đã mệnh chung. Các Tỷ-kheo thấy họ làm như vậy, hỏi bậc Đạo Sư:

- Bạch Thế Tôn, nay nhiều người giết hại sinh mạng nhiều loài Hữu tình để cúng đồ ăn cho người chết, Bạch Thế Tôn, ở đây có hạnh phúc, lợi ích nào không?

Đây là một câu hỏi rất quen thuộc. Các Tỳ-kheo hỏi đức Phật Thích Ca Mâu Ni: là những người thấy người thân đã qua đời rồi, họ sát hại các loài sinh vật để cúng, như vậy thì có hạnh phúc, có lợi ích nào không? Đây là một kiến thức rất căn bản đúng không? Rất nhiều người ở thế gian chúng ta cũng có việc này. Vậy thì đức Phật trả lời như thế nào, mời chúng ta xem vấn đề này:

Thế Tôn nói:

- Cúng đồ ăn như vậy cho người chết không có lợi ích gì. Khi đã sát sanh, làm sao có lợi ích được? (Đức Phật nói là cúng như vậy không có lợi ích gì. 'Khi đã sát sanh, làm sao có lợi ích được?' Nghĩa là mình giết hại chúng sanh thì làm sao có lợi ích được. Đức Phật nói [như thế]). ***Thuở xưa, các bậc Hiền trí ngồi giữa hư không thuyết pháp, nói rõ nguy hại của tập tục này, khiến toàn thể dân chúng ở cõi Diêm Phù Đề bỏ hành động ấy. Nhưng nay, bị sanh hữu tích lũy, nên hành động ấy lại khởi lên.***

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Đức Phật nói tục lệ này ngày xưa người ta cũng có rồi. Ngày xưa đã có bậc Hiền trí thuyết pháp để cho người dân không làm những tục lệ này nữa, nhưng lâu người ta quên rồi, nên lại khởi lên nữa. Cho nên bây giờ đức Phật kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta đang trị vì ở Ba La Nại, một Bà-la-môn thông hiểu ba tập Vệ-đà, một danh sư nổi tiếng bốn phương, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, cho bắt một con dê và bảo các đệ tử.

- Này các con thân, hãy dẫn con dê này đến sông, tắm cho nó, đeo vòng hoa ở cổ nó, cho nó ăn lúa độ nửa đấu, chải chuốt cho nó rồi đem nó lại đây.

Ngày xưa người ta cũng như vậy, lễ cúng tế thường phải có người làm bên tôn giáo, đó chính là đạo Bà-la-môn. Vị này thông hiểu ba tập Vệ-đà, cho nên Bà-la-môn cũng giỏi lắm.

Các đệ tử vâng lời, dắt dê đến sông, tắm cho nó, chải chuốt cho nó, rồi

để nó đứng trên bờ sông. Con dê ấy thấy được việc của mình đã làm từ đời trước, suy nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ được thoát đau khổ", vì vậy nó cảm thấy sung sướng, cười lớn tiếng như đập bể cái ghè, lại nghĩ: "Bà-la-môn này, khi giết ta, sẽ chịu nỗi đau khổ của ta thuở trước", nó khởi lòng thương hại người Bà-la-môn và khóc lớn tiếng. Các thanh niên ấy hỏi nó:

- Này bạn, bạn cười lớn tiếng rồi khóc lớn tiếng. Vì nhân gì bạn cười, vì nhân gì bạn khóc?

- Hãy hỏi câu hỏi này trước mặt thầy các ông!

Họ đem con dê ấy đi, và báo cáo cho thầy biết. Vị thầy nghe câu chuyện, hỏi con dê:

Quý vị thấy câu chuyện này, bây giờ chúng ta nghe chắc cũng hơi thần thoại chút, là tại sao con dê có thể hiểu tiếng người. Nhưng thực tế trong kinh nói thời kiếp ban sơ (thời ban đầu khi hình thành sự sống, nền văn minh ở Trái đất này) thì các loài thú có thể nói tiếng người. Vì người với thú hiểu nhau, thậm chí người với người chỉ một ngôn ngữ thôi. Sau này do nghiệp lưỡng thiệt, nghiệp nói dối, v.v… những nghiệp về khẩu ngữ, nên dần dần bị chia rẽ, cho nên bây giờ có rất nhiều ngôn ngữ. Đó là ở trong kinh giải thích như vậy.

Chúng ta bây giờ cứ tạm tin vậy đi, bao giờ muốn biết được đúng hay không thì quý vị tu chứng rồi mới biết. Quý vị tu chứng đến Tứ thiền, rồi quý vị dùng tâm định lực của Tứ thiền, hướng tâm về coi nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều đời, trăm đời, ngàn đời, đời trước mình ở đâu, sinh ra chỗ nào, có tên là gì, hạnh nghiệp là gì, v.v… biết rất rõ thì lúc đó mình sẽ tin những điều này. Còn bây giờ chưa tin [thì] cứ từ từ thực hành. Đức Phật nói đạo Phật là đến để mà thấy, cứ thực hành và kiểm nghiệm. Bây giờ chúng ta có phương pháp tu Thiền chỉ rồi, ráng tu đến Tứ thiền đi, rồi dùng tâm định lực của Tứ thiền hướng về thì sẽ có được năng lực này. Trong kinh đức Phật dạy như vậy, chúng ta bây giờ chưa có được, thì cứ tạm nghe đã.

- Này dê, sao ngươi lại cười và sao ngươi lại khóc?

Con dê nhờ trí biết được đời trước, nhớ đến việc đã làm của mình, và nói với Bà-la-môn:

- Này Bà-la-môn, thuở trước, giống như ông, ta là một Bà-la-môn học giỏi các chú thuật, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, đã giết một con dê để cúng dường. Vì giết chỉ một con dê, ta bị chém đầu trong 499 lần sống chết. Nay là lần thứ 500 sống chết cuối cùng của ta. Hôm nay, ta sẽ thoát khỏi sự đau khổ ấy. Nghĩ vậy, ta cảm thấy sung sướng, do nhân duyên này ta cười. Còn ta khóc, vì ta nghĩ rằng chỉ vì giết một con dê, ta phải chịu khổ hình chặt đầu đến 500 lần. Hôm nay ta sẽ thoát cái khổ ấy. Nhưng Bà-la-môn này, vì giết ta, sẽ như ta chịu khổ hình chặt đầu trải 500 đời sống. Vì thương xót ông, nên ta khóc.

Thật ra quý vị thấy câu chuyện này, Thiện Trang đã kể tóm lược ở đâu rồi đúng không? Tức là con dê này nhớ được hồi trước nó cũng giống như ông đó. Nó giết một con dê để cúng cho người chết, mà nó phải trải qua 500 đời bị người ta chém. Bây giờ là lần thứ 499 rồi, còn một lần nữa thôi. Nó biết là lần này chém xong, nó chết thì sẽ được giải thoát. Cho nên nó sung sướng, cười vui vì được giải thoát khỏi đời làm dê rồi. Nhưng nó lại buồn, [vì] nó cũng có lòng từ bi, nó thương cho ông đó. Tại vì ông đó sau này cũng giống như nó vậy thôi, cũng sẽ làm con dê để người ta chém 500 lần nữa, nó thương nên nó khóc. Con dê này linh tánh rất tốt đúng không quý vị?

- Này dê, chớ sợ, ta sẽ không giết ngươi! (Ông đó cũng tiếp nhận rất nhanh).

- Này Bà-la-môn, ông nói gì thế? Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết!

- Này dê, chớ sợ, ta sẽ bảo vệ ngươi, sẽ cùng đi với ngươi!

- Này Bà-la-môn, nhỏ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm!

Con dê này biết nhân quả, nó kêu là hôm nay nó sẽ chết. Ông Bà-la-môn nói là sẽ bảo vệ nó để [nó] không chết, đi với nó thì chắc chắn nó không chết. Nhưng nó nói là sự bảo vệ của ông nhỏ nhoi lắm, còn ác nghiệp của nó lớn, cho nên không bảo vệ được. Nó nói vậy, không biết có đúng vậy không? Chúng ta coi tiếp:

Vị Bà-la-môn thả con dê ra, nói với các đệ tử:

Và cùng với các đệ tử, vị Bà-la-môn đi theo con vật. Con dê vừa được thả, vươn cổ lên, đến bụi cỏ mọc sau lưng tảng đá ấy, và bắt đầu ăn lá cỏ (tại vì nó thèm ăn quá, được ăn liền). **Liền khi ấy, sét đánh trên lưng tảng đá ấy, một mảng đá bị đánh vỡ, rơi trên cổ con dê đang vươn ra và chặt đứt đầu. Nhiều người quy tụ lại xem.**

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm vị thần cây tại chỗ ấy. Với uy lực của vị thần, Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không, trên đại chúng đang đứng nhìn, và suy nghĩ: "Những chúng sanh này, nếu biết được kết quả của việc ác như vậy, sẽ không làm ác nữa!" Rồi với âm thanh dịu ngọt, Ngài thuyết pháp qua bài kệ:

Nếu chúng sanh biết được
Sự này sanh đau khổ,
Hữu tình sẽ không còn
Giết hại Hữu tình nữa,
Vì ai giết Hữu tình,
Sẽ phải sầu, phải khổ.

Quý vị nhớ nha! Bài kệ này cũng khuyên người ta. Rõ ràng con dê cuối cùng cũng chết, vì nghiệp tới rồi, nó [đã] nói đằng trước. Đạo lý ở đây là nghiệp tới rồi thì không cản được đâu. Mặc dù không bị chém bởi người, nhưng sét đánh xuống, làm văng mảnh đá lên chém vào cổ, cũng đứt đầu chết. Cho nên khi nghiệp tới rồi thì không thoát được, nghiệp chết tới rồi đó. Quý vị nên nhớ vậy! Cho nên phải biết được nhân quả như vậy thì sẽ không dám làm, đoạn trên nói vậy đó. Bồ-tát lúc đó làm thần cây nghĩ như vậy.

Như vậy, bậc Đại Sĩ thuyết pháp khiến cho mọi người sợ hãi Địa ngục. Và nhiều người nghe bài thuyết pháp ấy, biết sợ hãi Địa ngục, nên từ bỏ sát sanh. Bồ-tát thuyết pháp xong, an trú quần chúng vào Ngũ giới, rồi về sau đi theo nghiệp của mình. Còn quần chúng, an trú trong lời khuyên của Bồ-tát, sau khi làm các phước đức như bố thí v.v... được sanh lên thiên giới, làm tràn đầy thành phố chư Thiên.

Bậc Đạo Sư thuyết pháp thoại này xong, kết hợp hai câu chuyện với nhau, và nhận diện Tiền thân như sau:

- Thời ấy, Ta là vị thần cây. (Đức Phật chính là vị thần cây).

(18. Chuyện Đồ Ăn Cúng Người Chết (Tiền Thân Matakabhatta) – Kinh Tiểu Bộ Thuộc Tạng Nikaya).

Quý vị thấy nghiệp tới rồi, ở đó mà thoát được. Câu chuyện này cũng gợi lên cho chúng ta nhiều đạo lý. Mỗi câu chuyện trong kinh đều có đạo lý. Đạo lý thứ nhất là đừng có sát sanh cúng cho người chết, không có lợi ích gì, mà thậm chí bị quả báo nữa. Đó [là] đức Phật nói, chứ không phải Thiện Trang nói. Thứ hai là khi nghiệp tới rồi thì không tránh được đâu. Cho nên muốn tốt thì hãy làm cho tốt.

Ở đây đằng sau nữa, là tiền thân đức Phật là vị thần cây hiện ra để thuyết pháp, an trú mọi người vào Ngũ giới (giữ được năm giới), nhờ vậy sau khi chết đều được sanh lên cõi Trời. Quý vị thấy [giữ được] năm giới thì sanh lên cõi Trời. Nhớ giùm! Chứ không phải học như bên Tịnh Độ mình, ngài [ta] suốt ngày thuyết là giữ năm giới là được [thân] người. Không phải! Năm giới là được lên cõi Trời. Nhớ nha! Hôm bữa Thiện Trang nói bên Kinh A Hàm, bữa nay nói bên Kinh Nikaya.

Cho nên quý vị hãy vui mừng lên, vì chúng ta có nhiều cơ hội để giải thoát. Quý vị ở trong nhân gian, Thiện Trang khuyên thế này: Nếu như mình tu mà không giải thoát sanh tử, thì lên cõi Trời để tu tiếp cũng tốt hơn, vì đỡ khổ, thời này kiếp mạt. Thời nào kiếp tốt thì cõi Người tu tốt hơn. Nhưng thời này sợ quá, ở cõi Người này hơi bị khó, nên thôi, nếu trốn được thì trốn lên cõi Trời [để] tu. Lên cõi Trời vẫn tu được tiếp, hơi khó thôi, ai mê quá, gặp Tiên nam, Tiên nữ mà ở cõi Dục giới là mê, quên mất quá khứ thì có thể không tu được. Nhưng nếu quý vị không có gặp gỡ nam nữ, thì chắc quý vị không đến nỗi quên, quý vị còn tu được. Tốt nhất chúng ta hãy vào địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành, hoặc Sơ quả Tu-đà-hoàn thì chắc ăn, lên cõi Trời cũng không đọa nữa. Thậm chí Sơ quả Tu-đà-hoàn lên đó ráng tu, ở trên đó tu luôn. Nếu mình ở cõi Trời cao, phải là trời Đâu Suất trở lên, thì chúng ta sẽ gặp được ngài Di Lặc. Chúng ta với tuổi thọ đủ thì chúng ta sẽ được gặp ngài Di Lặc [ra đời] nữa, chúng ta sẽ có cơ hội giải thoát dễ dàng hơn. Chứ còn bây giờ mình ở nhân gian khổ quá, đời này càng ngày càng khổ. Cho nên ráng giữ năm giới để được lên cõi Trời, ít nhất là như vậy.

Rồi ai tu Tây Phương Tịnh Độ cũng ráng. Giữ năm giới thôi là được lên cõi Trời, đây là trong kinh nói. Đấy là những kiến thức giúp chúng ta bớt lo sợ, chứ hồi xưa các đồng tu sợ đủ thứ hết. Sợ điều này, sợ điều kia, sợ nhiều thứ quá thì không nên. Mình giữ được năm giới thì mình được lên cõi Trời. Trong Kinh A Hàm nói nếu mình giữ đủ năm giới, thì chắc chắn sẽ được lên trời Đao Lợi. Cho nên ngon lắm đó!

Đây là câu chuyện đầu tiên. Kết luận là cúng đồ ăn như vậy cho người chết thì không có lợi ích, vì sát sanh thì không có lợi ích. Đây là lời đức Phật nói. Cho nên tất cả những vấn đề cần thiết cho chúng ta đều có ở trong kinh. Nếu không có trong kinh, mà mình tự nói thì nhiều khi không chính xác. Nhưng trong kinh có hết rồi, cần gì thì mình chỉ triển khai lại. Chúng ta rất may mắn gặp được Phật pháp, nếu không gặp Phật pháp thì tu nhiều khi rất vất vả mà không được gì.

Quý vị có thể coi Kinh 57 trong Kinh Trung Bộ, tựa đề kinh là Kinh Hạnh Con Chó. Quý vị lên trên mạng, đánh Kinh Hạnh Con Chó thì sẽ ra Kinh Trung Bộ thứ 57. Quý vị thấy hai vị Bà-la-môn, một vị thì tu theo hạnh con bò, một vị thì tu hạnh con chó. Một người làm sao cho giống con bò, người [thì làm cho] giống con chó, ngồi chò hỗ giống như con chó vậy. Tới gặp đức Phật, vị này hỏi [về] vị kia. Tức là hỏi đức Thế Tôn: Vị kia tu theo hạnh con chó, nếu thành tựu thì được gì? Mai mốt sanh thú ông ấy đi về đâu, được điều gì? Đức Phật không trả lời. Ông hỏi như vậy ba lần, nhưng đức Phật không trả lời. Tới phiên ông kia hỏi: 'Vậy ông tu hạnh con bò thì được điều gì?' Một người thì hỏi người tu hạnh con chó được gì, một người thì hỏi lại người tu hạnh con bò được gì? Tức là mình hỏi [cho] người kia. Cũng hỏi tới lần thứ ba thì đức Phật mới nói. Tức là đức Phật không muốn nói ra, vì nói ra thì họ buồn, hoặc là cố tình đợi cho họ nói ba lần, họ rất muốn nghe rồi, đức Phật mới nói.

Đức Phật nói: Nói chung là tu những hạnh như vậy, giữ được như vậy, thành tựu như vậy, đó là những người tu theo Tà kiến. Vất vả tu thế nào, [nhưng] Tà kiến thì chỉ có hai sanh thú (hai con đường sanh về): Một là Địa ngục, hai là Súc sanh. Người tu theo hạnh con bò, chắc chắn nếu thành tựu hạnh con bò thì sẽ đi vào làm con bò, làm súc sanh. Người tu hạnh con chó thì sẽ làm con chó thôi. Kiểu vậy! Nghe xong hai ổng rơi nước mắt, than khóc. Nhưng hai ông đó cũng có thiện căn, ông tu hạnh con bò thì xin quy y với đức Phật làm Cư sĩ tại gia, còn ông tu

hạnh con chó thì xin đức Phật xuất gia luôn, tu theo đức Phật, ổng ngộ ra đó quý vị. Sau một thời gian tu, ổng chứng được quả A-la-hán, rất tốt.

Cho nên không gặp Phật pháp thì thật sự nhiều khi tu theo hạnh gì đó, mà cả đời mình không giải quyết được vấn đề gì. Thời nay, mặc dù nhiều đồng tu chúng ta đã gặp Phật pháp rồi, nhưng nhiều khi không phải Phật pháp chính thống, mình tu một đời rất vất vả, nhưng cuối cùng không được kết quả gì. Bởi vì sao? Phật pháp thì tam sao thất bản, theo năm tháng truyền, cứ truyền miệng, người này truyền cho người kia. Nói một hồi [rồi] thêm ý của người này, người kia vô, còn kinh điển của Phật thì mình không chịu đọc. Cho nên tu một hồi, mình tu theo ngoại đạo mà cũng không biết luôn. Đó là một tình trạng rất đáng thương thời nay. Cho nên Thiện Trang khuyên quý vị, nếu có thời gian thì quý vị chịu khó nghe kinh Phật nguyên văn. Ngoài nghe giảng ra thì mình nghe kinh nữa, để mình có Chánh tri kiến của Phật.

Thiện Trang hay nói là Thiện Trang chưa phải là A-la-hán, theo trong kinh đức Phật nói: 'Người chưa diệt độ thì không thể giúp cho người khác diệt độ'. Tức là người chưa ra khỏi sanh tử thì không thể nào giúp cho người khác ra khỏi sanh tử. Có nghĩa là một vị chưa chứng A-la-hán thì không cách nào giúp cho người khác chứng A-la-hán. Một người chưa ra khỏi sanh tử hoàn toàn thì không thể nào giúp cho người khác ra khỏi sanh tử. Có nghĩa là nếu Thiện Trang chưa chứng A-la-hán, Thiện Trang giúp quý vị thì nhiều lắm tới Tam quả A-na-hàm mà thôi, không thể tới địa vị A-la-hán được. Điều đó rất khó!

Cho nên quý vị phải nghe kinh Phật, nghe kinh Phật để làm gì? Để quý vị nghe chính lời của Phật thì quý vị sẽ đắc A-la-hán được. Hay vậy đó! Thiện Trang thì chỉ chia sẻ lại, có thể không [giúp] được quý vị chứng quả A-la-hán, nhưng [tu] theo lời kinh Phật thì quý vị sẽ được A-la-hán. Đó là một điều mà chúng ta nên hạnh phúc.

Bây giờ Thiện Trang xin giới thiệu một nội dung tiếp theo:

Tiêu Chuẩn Pháp Sư

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nhiều người vẫn nhắc đến danh xưng Pháp sư. Bạch Thế Tôn trong chừng mực nào mới được gọi là một Pháp sư?

Quý vị thấy không ạ? Ngay cả tiêu chuẩn Pháp sư thì trong kinh cũng có, chúng ta chỉ cần đưa kinh ra thôi, mình chỉ cần tuyên thuyết thôi, tức là nói lại những lời của đức Phật là đủ. Cho nên mình cứ nói theo lời Phật là được, cần gì phải tự mình nói. Rồi bây giờ tiêu chuẩn là gì? Để coi các Tỳ-kheo hỏi đức Phật là chừng mực nào mới được gọi là Pháp sư.

– Này Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thuyết pháp nhằm đến mục đích nhằm chán, ly tham, tịch diệt Nhãn căn thì như vậy là vừa đủ để vị ấy được gọi là một Tỷ-kheo Pháp sư.

Quý vị thấy, một vị Tỳ-kheo được quyền thuyết pháp đúng không ạ? Chứ không phải như nhiều người nói là Tỳ-kheo không được thuyết pháp. Trong kinh đức Phật cho các Tỳ-kheo thuyết pháp, nhưng phải thuyết đúng lời Phật, nhằm đưa đến mục đích nhằm chán, ly tham, tịch diệt. #Nhằm là chán, tức là chán [thế gian] để ra khỏi sanh tử; rồi lìa tham; #tịch diệt nhãn căn tức là làm cho nhãn căn mình thanh tịnh (mắt thanh tịnh). Như vậy đủ để vị ấy được gọi là một Tỷ-kheo Pháp sư. Vậy ai mà thuyết pháp như vậy thì được đúng không? Đó là tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn này khá đơn giản.

Đằng sau còn có một số đoạn nữa, nhưng chúng ta chỉ cần hiểu được đoạn đầu thôi. Chúng ta làm sao đưa pháp để người ta chán [sanh tử], chứ không phải giúp người ta thêm vô đường sanh tử. Một hồi giảng yêu đương gì đâu không, người ta thích yêu đương, thì đó không phải là Pháp sư rồi.

Khi một Tỷ-kheo hành đạo để nhằm đến mục đích nhằm chán, ly tham, tịch diệt nhãn căn thì như vậy là vừa đủ để vị ấy được gọi là một Tỷ-kheo hành trì đúng pháp. Hành trì đúng pháp là phải hành trì làm sao đó ra khỏi sanh tử. Đây cũng là tiêu chuẩn để hành trì đúng pháp, để đánh giá người ta.

Khi một Tỷ-kheo do nhằm chán, ly tham, tịch diệt Nhãn căn, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo chứng đạt Niết-Bàn ngay trong hiện tại... Bây giờ người ta làm được điều này, là được giải thoát không có chấp thủ, hơn ở trên đoạn này nữa.

Khi một Tỷ-kheo thuyết pháp nhằm đến mục đích nhằm chán, ly tham, tịch diệt Thiệt căn thì như vậy là vừa đủ để vị ấy được gọi là một Tỷ-kheo Pháp sư... Tức là ở trên là Nhãn căn, ở [đoạn] dưới đây là Thiệt căn v.v... Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, cuối cùng là Ý.

Khi một Tỷ-kheo thuyết pháp nhằm đến mục đích nhằm chán, ly tham, tịch diệt Ý căn thì như vậy là vừa đủ để vị ấy được gọi là một Tỷ-kheo Pháp sư.

Khi một Tỷ-kheo hành đạo để nhằm đến mục đích nhằm chán, ly tham, tịch diệt Ý căn thì như vậy là vừa đủ để vị ấy được gọi là một Tỷ-kheo hành trì đúng pháp.

Khi một Tỷ-kheo do nhằm chán, ly tham, tịch diệt Ý căn, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo chứng đạt Niết-Bàn ngay trong hiện tại.

(Trích từ KINH PHÁP SƯ - NHẬT TỤNG KĀLĀMA 3 - Sư Toại Khanh (Giác Nguyên) sưu lục).

Còn quý vị muốn tra bảng của ngài Minh Châu thì quý vị tra trong: ***SN 35.155 Vị Thuyết Pháp - 15. Phẩm Cũ Và Mới - Tương Ưng Sáu Xứ (e) - Kinh Tương Ưng.*** Chữ Kinh Pháp sư này là Sư Giác Nguyên (Sư Toại Khanh) đặt, chứ còn tên [Vị Thuyết Pháp] là quý vị tìm mục 35.155 trong Kinh Tương Ưng, chữ SN là Kinh Tương Ưng (Tương Ưng Bộ Kinh thuộc tạng Nikaya).

Như vậy thật ra rất đơn giản, ai thuyết pháp mà giúp cho mình lìa tham, nhàm chán, các [căn] Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, tịch diệt tức là mình thanh tịnh, thì người đó tạm được gọi là Tỳ-kheo Pháp sư. Còn ai tu được như vậy nữa thì người đó là một Tỳ-kheo hành trì đúng pháp.

Cho nên cũng khó đó, bây giờ mình còn ham quá, cũng khó được hành trì đúng pháp lắm. Rồi ai được giải thoát ra, không còn chấp thủ nữa, thì mới được chứng Niết-Bàn ngay trong hiện tại. Đó cũng là dấu hiệu để mình kiểm tra người ta có chứng Niết-Bàn không đó. Tại vì thật sự không chấp thủ nữa thì người ta mới thành A-la-hán được. Chứ còn không, mình dính vào mấy điều đó, Sáu căn đối với cảnh giới Sáu trần, mình ăn mình vẫn thấy tham, mình vẫn thích nhìn

[người] mẫu đẹp v.v… thì chưa. Còn chấp thủ thì chưa chứng Niết-Bàn được trong hiện tại. Cho nên Thiện Trang nói, trong Đại tạng kinh có hết tất cả kiến thức rồi, chỉ cần nói lại thôi, phân tích thêm một chút thôi là được rồi, không cần phải đâu xa. Quý vị cứ học hết kinh là ok, là tu được.

Như vậy đó là mục thứ hai. Gần đây hay nhắc đến tác dụng của Thiền chỉ và Thiền quán. Bây giờ tiếp tục học về tác dụng của Thiền chỉ (các Biến Xứ) theo Kinh Tạp A Hàm. Không biết đây là lần thứ mấy rồi, rất nhiều, mỗi lần mỗi bổ sung thêm. Hôm nay giới thiệu cho quý vị về các Biến xứ. Các Biến xứ mà chúng ta đang giới thiệu gần đây, ví dụ như tu các Biến xứ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hay là hư không, ánh sáng, hay là các Biến xứ khác. Có mười Biến xứ quý vị nhớ không? Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, [hư không, ánh sáng]. Và mọi người nói hình như thầy chỉ giới thiệu từ Kinh Nikaya. Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị từ Kinh A Hàm, về tác dụng của Thiền chỉ (các Biến xứ) theo Kinh A Hàm. Ở đây cụ thể là Kinh Tạp A Hàm, để quý vị thấy không phải là bên Nam truyền nói thôi, mà bên Bắc truyền cũng có, chỉ có những người học giả thời nay không chịu đọc kinh.

Tác Dụng Của Thiền Chỉ (Các Biến Xứ) Theo Kinh Tạp A Hàm

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên đang ở trong Tinh xá Câu La La Tra, nước A Bàn Đề. (Những tên này quý vị tự tìm, chúng ta chỉ cần biết nội dung thôi).

Sáng sớm, Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên đắp y, mang bát, vào Tinh xá Câu La La Tra tuần tự đi khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Ca Lê Ca. (Quý vị biết Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, người được gọi là Luận nghị Đệ nhất, [vị này] cũng nổi tiếng lắm. Bây giờ gặp một Ưu-bà-di, tức là một nữ Cư sĩ tên là Ca Lê Ca).

Khi ấy, Ưu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi, đảnh lễ sát chân Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên:

"Như những gì đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của Đồng nữ Tăng Kỳ Đa. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của Đồng nữ Tăng Kỳ Đa (tức là cô nữ Cư sĩ này nhắc lại trả lời câu hỏi của đức Phật đối với Đồng nữ Tăng

Kỳ Đa. Bài kệ này như sau):

Thật nghĩa ở tại tâm,

Tịch diệt mà không loạn.

Hàng phục quân dũng mãnh,

Sắc đẹp đẽ đáng yêu.

Một mình, chuyên thiền tứ,

Nếm thiền lạc vi diệu,

Đó gọi là xa lìa,

Các bạn bè thế gian.

Các bạn bè thế gian,

Không gần gũi ta được.

Ở đây bài kệ này cũng không rõ ý lắm. Chúng ta thấy là muốn được thật nghĩa ở tại tâm; tịch diệt mà không loạn, tức là tâm mình được tịch diệt, thanh tịnh, mà không loạn; hàng phục được quân dũng mãnh, tức là quân ma; rồi được sắc đẹp đáng yêu, thì mình phải tu điều gì? Mình phải chuyên Thiền tứ (Thiền tứ là Thiền tu), ở đây không nói là tu Thiền gì; nếm được niềm vui vi diệu an lạc của Thiền; đó gọi là xa lìa các bạn bè thế gian; và các bạn bè thế gian cũng không gần gũi ta được. Có nghĩa là tu Thiền có tác dụng như vậy. Thiền gì thì ở đây sẽ học tiếp.

"Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?"

Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên trả lời Ưu-bà-di:

"Này Chị, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này. Này Chị, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, sẽ thấy được căn bản của nó, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đi đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được

nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Có nghĩa là đoạn này nói: nếu ai tu Biến xứ định về đất, tức là chúng ta hay nói là Thiền chỉ Biến xứ đất. Còn tên đầy đủ trong Kinh A Hàm là nói Biến xứ định về đất. Mình tu được như vậy, vị đó thực hành được rồi, được thanh tịnh trong sáng thì vị ấy thấy căn bản của nó. Căn bản của nó, ở đây ngài Tuệ Sỹ chú giải cho chúng ta là được vị ngọt của định. Khi đó mình mới thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Tức là mình sẽ thấy được tai hại trong luân hồi, thấy được con đường để đi đến diệt tận, tức là đạt đến Niết-Bàn.

Cho nên nhờ tu Thiền chỉ này, Biến xứ định về đất mà được như vậy. 'Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn'. Cho nên tu Biến xứ định một hồi về đất thì sẽ được như vậy. Quý vị thấy không? Đó là lý do tại sao mình tu Biến xứ định về đất. Nhưng không sao! Biến xứ định khác cũng được. Ở đây nói tiếp.

Này Chị, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Cho nên nếu mình không tu mấy Biến xứ này thì làm sao được. Ở đây những Biến xứ này quá quen đúng không? Thức này [là] Thức vô biên. Tiếp tục ngài Ma Ha Ca Chiên Diên nói.

Này Chị, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức (tức là nguyên đoạn trên) **mà được thanh tịnh trong sáng, sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên Thế Tôn trả lời bài kệ Những câu hỏi của Đồng nữ Tăng Kỳ Đa:**

Đức Phật trả lời, nhắc lại bài kệ đó.

Thật nghĩa ở tại tâm,

Tịch diệt mà không loạn.

Hàng phục quân dũng mãnh,

Sắc đẹp đẽ đáng yêu.

Một mình, chuyên thiền tứ,

Nếm Thiền lạc vi diệu,

Đó gọi là xa lìa,

Bạn bè của thế gian.

Các bạn bè thế gian,

Không gần gũi ta được.

Nếu quý vị làm được vậy, thì ở thế gian không còn gì lôi kéo mình được nữa.

Này Chị, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy".

Ưu-bà-di thưa:

"Lành thay, Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con". (Ngài được [cúng dường] bữa cơm).

Bấy giờ, Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca Lê Ca biết Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca Lê Ca biết Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên vì nữ Cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ xong, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

(Kinh 548. Ca-Lê - Kinh Tạp A Hàm) tương ưng với ***Kinh 549, Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Pāli, A.10. 26 Kālī.***

Quý vị thấy rõ ràng ngay trong Tạp A Hàm cũng có nội dung này, nhấn mạnh tầm quan trọng của tu mười Biến xứ. Cho nên ai vẫn còn nghi ngờ, chưa tu mười

Biến xứ thì ráng tu, tu về Thiền chỉ đó. Chúng ta thấy rõ ràng lợi ích như vậy mà không tu thì uổng phí, mặc dù điều này ít được nói, tại vì sao? Vì thời đức Phật, các đề mục tu Thiền chỉ, các giáo phái ngoại đạo tu giỏi lắm. Quý vị thấy bây giờ ở bên Du già (Yoga), họ tu cũng được mà. Họ tu cũng tới Tứ thiền Bát định, thậm chí tu đến Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ cũng còn được đó. Mình không cần tu nhiều đâu, quý vị chỉ cần tu đến Tứ thiền thôi là đủ xài rồi. Quý vị muốn xài gì thì cũng xài được, và trừ rất nhiều Phiền não. Muốn thắng được Vô minh, không đoạn được, mình gọi là phục, ngôn ngữ Bắc truyền là phục được Vô minh, và tất cả Phiền não tạm dừng thì rất tuyệt vời. Mình tu thêm Thiền quán nữa là xong luôn, rất nhanh.

Như vậy quý vị thấy là lợi ích rồi đúng không? Chúng ta tiếp tục.

Sức Mạnh Của Thiền Định

- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể phá vỡ vua núi Tuyết Sơn, còn nói gì vô minh hạ liệt. Thế nào là sáu? (Nếu tu Thiền định, mà thành tựu được sáu pháp này, thì mình còn có thể phá vỡ được vua núi Tuyết Sơn. Núi tuyết lớn vậy có thể phá vỡ được, còn nói gì vô minh hạ liệt. Tức là Vô minh là chuyện nhỏ. Thế nào là sáu?)

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo nhập được Thiền định, thiện xảo trú được Thiền định, thiện xảo xuất khỏi Thiền định, thiện xảo trong sự an lạc Thiền định, thiện xảo trong cảnh giới Thiền định, thiện xảo trong sự dẫn khởi đến Thiền định.

Ở đây, quý vị thấy có sáu điều nói về tu Thiền. Thiền định này không nói là Thiền gì, nhưng chúng ta cũng hiểu đây là Thiền chỉ. Nếu mình khéo nhập được Thiền, nhập thì phải nhập cho khéo đúng không? Cho nên nhiều người bây giờ chưa nhập được Thiền, là tại vì mình chưa khéo. Chưa khéo là sao? Là chưa có giỏi, vì mình tu chưa đúng cách. Mới đầu mò mò hoài, tu mới vô. Mà sau khi nhập được rồi thì không khéo trú, vì sao? Vì trú không được. Vô trong đó một chút rồi bay ra mất. Cho nên phải khéo nhập rồi khéo ở trong đó. Ở trong đó rồi phải khéo ra được. Quý vị muốn ra lúc nào thì ra, thì mới được. Chứ còn nhiều khi nhập vô [định] Vô tưởng (định Vô tâm đó), ở trong đó không biết ra. Có những định Vô tâm, mấy định Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ, vô trong đó loạng quạng không ra

được. Rất sợ! Cho nên [phải] khéo. Nhưng mình chắc không tu đến mức độ đó. Quý vị yên tâm đi! Còn lâu quý vị tu mới tới đó, tới đó thì chắc quý vị cũng không cần Thiện Trang đâu.

Tiếp theo là thiện xảo trong sự an lạc Thiền định: nhiều khi mình không biết cách làm sao để được sự an lạc. Rồi thiện xảo trong cảnh giới Thiền định: trong Thiền định thì có cảnh giới thật, có cảnh giới ảo v.v… có cái đúng, có cái sai, mình không biết, đó cũng là không khéo. Mình biết được thì gọi là khéo. Rồi thiện xảo trong sự dẫn khởi đến Thiền định: là mình phải chuẩn bị các Chi thiền, các bước tu làm sao. Được như vậy, thành tựu sáu pháp này, mình có thể tới mức độ phá vỡ vua núi Tuyết Sơn được, nói chi vô minh hạ liệt.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể phá vỡ vua núi Tuyết sơn, còn nói gì vô minh hạ liệt.

(Kinh (6.24) Núi Tuyết Sơn: Himavanta** (Hy Mã Lạp Sơn)**- Phẩm Sáu Pháp – Kinh Tăng Chi** (tạng Nikaya)**).

Quý vị thấy không ạ? Thiện Trang nhắc lại sức mạnh của Thiền định lớn vậy đó, nên ráng tu nha. Bây giờ Thiện Trang đang nhấn mạnh cho quý vị tu Thiền chỉ. Thời gian sau quý vị tu nhuần nhuyễn rồi thì Thiện Trang sẽ nhấn mạnh về Thiền quán nữa, chứ mình tu một thứ cũng chưa được, phải tu cả hai Chỉ và Quán.

Tiếp tục, chúng ta sẽ giới thiệu về:

Tầm Quan Trọng Của Mười Biến Xứ (Tu Thiền Chỉ)

Chưa hết! Còn nữa. Kinh A Hàm vẫn còn, mời quý vị xem trong Kinh A Hàm, mục 9.

9. “Nếu muốn đoạn trừ già chết nên tu mười biến xứ.

Ngay câu đầu tiên là nghe hấp dẫn rồi. Quý vị có muốn trừ được già chết không? Đức Phật nói là nên tu mười Biến xứ. Ai cũng muốn đoạn già chết nhưng không chịu tu mười Biến xứ, kêu: “Con không tu pháp đó, con tu pháp khác”. Cho nên bây giờ gọi là ‘tiên nhập vi chủ’, bị người ta nói riết rồi cuối cùng mình kêu thôi một câu Phật hiệu niệm tới cùng được rồi, cho nên không thèm tu luôn. Trong khi đó đức Phật nói là muốn đoạn trừ già chết thì phải nên tu mười Biến xứ. Nhớ câu này, để coi kinh nào nói nha.

Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già chết nên tu mười Biến xứ? (Đây là đức Phật giải thích) **Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn** (tức là đức Phật nhắc lại mười danh hiệu Như Lai)**; vị ấy đoạn trừ cho đến năm Triền cái** (mình phải đoạn trừ Triền cái trước thì mới nhập Thiền, tu Thiền được)**, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng.**

Thứ nhất là Địa biến xứ (Đất biến xứ, địa là đất), vì bản dịch này để chữ địa, nên Thiện Trang để chữ địa luôn, chứ sửa thành Biến xứ đất cũng được; bốn duy là bốn góc, trên dưới là không hai, là vô lượng. Tức là mình tu, bao giờ mình thấy nhìn đâu cũng là đất, thì đó là vô lượng, là được.

Tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, không vô biên xứ biến xứ, tu thứ mười thức vô biên xứ biến xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng.

Ở đây, tại ngôn ngữ [này] mình không dịch thôi. Thủy biến xứ là Biến xứ nước; Hỏa biến xứ là Biến xứ lửa; Phong biến xứ là Biến xứ gió; Thanh biến xứ là Biến xứ màu xanh; Hoàng biến xứ là Biến xứ màu vàng; Xích biến xứ là Biến xứ màu đỏ; Bạch biến xứ là Biến xứ màu trắng; Không vô biên xứ Biến xứ, tu tới mười Thức vô biên xứ biến xứ, mà làm sao bốn phía, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Tu tới chừng đó là xong rồi.

Đó là muốn đoạn trừ già chết nên tu mười Biến xứ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

Điều này chúng ta chỉ cần biết vậy thôi, chứ những nghĩa mà giải thích ra thì mệt. Quý vị có thể tự học, đến lúc nào đó thì quý vị sẽ tự hiểu được mấy nghĩa này. Cho nên ở đây quan trọng nha, đức Phật nhắc lại.

Nếu muốn biệt tri già chết nên tu mười Biến xứ.

Ở trên là nói muốn đoạn trừ già chết thì tu mười Biến xứ. Còn ở đây là muốn biệt tri, tức là biết rõ về già chết, thì cũng tu mười Biến xứ.

Ở đây Thiện Trang xin mở ngoặc, nói thêm một chút. Tại sao nói đoạn trừ

già chết nên tu mười Biến xứ? Nhiều người nói hơi kỳ, tại sao Phật nói vậy? Tại sao nói tu ra khỏi sanh tử thì phải tu Thiền quán mà, bây giờ lại nói là tu Thiền chỉ? Thật ra Chỉ với Quán phải hỗ trợ cho nhau. Và quý vị nên coi trong Kinh A Hàm hoặc Kinh Nikaya nói rằng: Một người mà tu đến Tứ thiền (ở đây không nói Tứ thiền Bát định, chỉ nói là Tứ thiền của Sắc giới thôi), nếu như đạt đến Tứ thiền Sắc giới, họ dùng sức định đó, họ hướng tâm về [điều] gì thì họ được điều đó. Ví dụ họ hướng tâm về đời quá khứ (Túc mạng thông), thì họ sẽ biết được một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp. Họ có thể thấy rõ mình ở đời nào đó, có tên họ là gì, hành nghiệp (nghề nghiệp) là gì, ở nơi đâu, họ thấy rõ. Đó là Túc mạng thông. Rồi họ hướng về Thiên nhĩ thông, Thiên nhãn thông... là từ Tứ thiền đó mới có, mới hướng được.

Hồi xưa mình cứ tưởng nhập Nhị thiền mới có [khả năng đó]. Đó là mình học sai. Quý vị nhớ, tới [Tứ thiền mới có khả năng] đó. Nhưng có một điều quan trọng nữa, đó là trong kinh nói với một người có định của Tứ thiền, người ta có thể trụ thế lâu dài đến một kiếp, sống ngang với đức Phật, đức Phật có năng lực đó, người ta cũng được luôn. Có nghĩa là sống đến khi Trái đất này hoại luôn. Bây giờ quý vị nhập đến Tứ thiền, quý vị có thể dùng định lực của Tứ thiền để sống dài đến hết kiếp của Trái đất này, tức là đến lúc Trái đất này tan. Cho nên rất là tuyệt vời!

Tất nhiên tu đến Tứ thiền cũng không dễ đâu quý vị, nhưng biết đâu quý vị tu được. Bây giờ vô đến Sơ thiền rồi thì từ từ lên Nhị thiền, từ Nhị thiền rồi mình tu lên Tam thiền, từ Tam thiền rồi mình tu lên Tứ thiền, cứ từ từ lên đúng không ạ?

Ở đây nói: 'Nếu muốn biệt tri già chết nên tu mười Biến xứ'. Ở trên là muốn đoạn trừ, ở đây là muốn biết rõ từng điều về già chết, thì cũng tu mười Biến xứ. Và ai nghi ngờ nhiều, học pháp mà không tin Phật pháp, thì tu mấy Biến xứ này tốt lắm quý vị, sau đó sẽ dứt nghi, hết nghi thì tu mới được, bớt Phiền não, người nhẹ nhàng. Người ta chửi cũng đỡ nóng, đỡ giận hơn, bớt sân thì mình tu mới dễ. Còn quý vị không tu những điều này thì khó. Rồi khi bệnh tật, quý vị dùng mấy định này thì đỡ bệnh lắm. Rất tuyệt vời chứ không phải là không đâu, quý vị tu đi.

Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già chết nên tu mười Biến xứ? Nếu khi

Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành (Minh Hạnh Túc)**, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm Triền cái** (cũng phải trừ năm Triền cái rồi mới tu)**, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, không vô biên xứ biến xứ, tu thứ mười thức vô biên xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri già chết nên tu mười Biến xứ.** (Chỗ này hình như người ta viết nhầm, "muốn biệt tri già chết" thôi, chứ không phải là Vô minh. Còn đoạn sau là biệt tri Vô minh nữa, để bữa nào dẫn, cũng tương tự).

(Trích từ Kinh 222. KINH LỆ - Kinh Trung A Hàm).

Quý vị có cuốn Kinh Trung A Hàm không ạ? Nhiều người có cuốn này, quyển Kinh Trung A Hàm này ở Việt Nam mới bán gần đây thôi, cho nên nhiều người mua được. [Có] bốn quyển, thì coi quyển cuối cùng, kinh cuối cùng luôn. Có 222 bộ kinh, thì kinh cuối cùng là Kinh Lệ - Kinh Trung A Hàm này, đoạn Thiện Trang trích nằm gần cuối cùng luôn, quý vị có thể tìm ra. 'Nói có sách, mách có chứng', khỏi mất công nghi ngờ.

Cho nên quý vị thấy ngay trong [Kinh] A Hàm của Bắc truyền, của Trung Hoa, của Nhật Bản, của Việt Nam v.v... đều có nhấn mạnh [tầm] quan trọng của mười Biến xứ. Mới nói mười Biến xứ thôi, cho nên ai chưa tu thì bữa nay về thử, ráng tu nha. Nếu quý vị muốn tìm thêm mười Biến xứ thì Kinh 77 trong Kinh Trung Bộ cũng có nói về mười Biến xứ. Các Biến xứ được nói đến nhiều lắm, chứ không phải ít đâu, tại vì mình chỉ trích dẫn những điểm đặc sắc thôi.

Chúng ta đến đoạn tiếp theo là Ai Gần Phật, chúng ta xem ai gần Phật.

Ai Gần Phật?

(Trong kinh đức Phật nói là ai gần Phật này:)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viền áo Tăng-già-lê, đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không

tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta.

Quý vị thấy không ạ? Không phải là đi gần Phật đâu, đức Phật cho luôn: Giả sử có một Tỷ-kheo nắm lấy viền áo Tăng-già-lê của Phật (là y ngoài cùng), cho nắm luôn, đi theo sau lưng, chân bước theo chân luôn. Nhưng nếu vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo (ở đây ngài Minh Châu dịch dùng từ sắc sảo, chứ thật ra là tham hừng hực đó), với tâm sân hận, với ý tư duy nhiễm ác, rồi thất niệm (là không nhớ, không biết được cảnh trước mắt, không nhớ được cảnh quá khứ, không theo dõi, không bắt được cảnh), không tỉnh giác, không định tĩnh (là không có định), tâm tán loạn, với các căn hoang dại, thì vị ấy xa hẳn Ta. Nhớ là xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy.

Cho nên đừng tưởng đi gần Phật là ngon, gần người không quan trọng, mà quan trọng là mình tu. Quý vị coi cho kỹ, đoạn này cực kỳ quan trọng, nhiều người cứ ỷ ở gần thầy là chưa chắc đâu. Gần thầy đúng là đỡ hơn, mình được nhắc nhở cũng tốt, ở bài kinh kia nói rồi. Nhưng chưa chắc, ở gần mà tâm như vậy thì không được. Tâm tham, tâm sân, rồi ý nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không điềm tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại thì xa Phật luôn. 'Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta'. Cho nên không thấy Pháp thì không thấy Phật thôi, ở bên cạnh Phật cũng không thấy.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta:

Quý vị thấy không ạ? Ngược lại với ở trên, nếu mình không có tham trong các dục, không có lòng tham rạo rực quá mạnh, tâm không sân hận, ý không nghĩ những điều ác, mình có Chánh niệm chứ không phải mất niệm (Chánh niệm tức là mình nhớ rõ biết, theo dõi được cảnh đang thay đổi thế nào, mình theo dõi được), rồi tỉnh giác chứ không phải không tỉnh giác, rồi định tĩnh (là có định), rồi nhất tâm, các căn được chế ngự chứ không phải phóng theo cảnh, thì dù có xa

đến một trăm do-tuần mà cũng gần Phật.

Nghe chưa! 'Vì sao? Vì ai thấy Pháp người ấy thấy Như Lai'. 'Ai thấy Pháp thì người ấy thấy Ta, ai thấy Ta thì người ấy thấy Pháp', đây là theo kinh này. Còn theo Kinh Kim Cang hay hay kinh nào đó, nhất thời quên, là: **"Ai thấy Pháp, người đó thấy Như Lai. Ai thấy Như Lai, người đó thấy Pháp".** Đây là Kinh Kim Cang đúng không ạ? Thiện Trang lâu rồi không đọc Kinh Kim Cang nên không nhớ.

Quý vị thấy quan trọng là thấy Pháp thì thấy Như Lai, quan trọng là trong Pháp thì gần Như Lai. Còn nếu gần Như Lai mà xa Pháp thì cũng không gần. Nhớ nha! Không phải gần thầy, gần bạn, mà tu không được thì cũng thua. Cho nên ráng tu đi, Thiền chỉ giúp tâm điềm tĩnh. Ở đây đức Phật nói bài kệ:

Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều dục, bực phiền,
Hãy xem người như vậy,
Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục,
Và người không ái dục,
Xa giữa người lắng dịu,
Và người không lắng dịu,
Xa giữa người tham ái,
Và người đã trừ ái,

Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ,
Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Và người được lắng dịu,

Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.

((92) Saṅghāṭikaṇṇa – Kinh Tiểu Bộ - thuộc Tạng Nikaya).

Quý vị coi trong đây, nếu chúng ta giải thích lại thì cũng dễ thôi. Nếu người bực phiền và người không bực phiền thì hai người xa nhau, người nhiều dục và không nhiều dục thì xa nhau. Giữa người lắng dịu và người không lắng dịu được (tức là tịch tĩnh với không tịch tĩnh) thì xa nhau. Khi nào giống được thì gần nhau thôi, hoặc là tương ưng, hay chỗ khác nói chúng sanh tụ theo giới. Cho nên cố gắng hãy gần Phật, [muốn] gần Phật thì hãy làm được những điều như trên.

Cho nên mình gặp Phật hay không gặp Phật, cách xa trăm do-tuần cũng không sao, bởi vì sao? Mình làm đúng theo lời Phật là mình gần. Còn nếu mình đi gần Phật mà không làm được như vậy thì không có gần đâu. Quý vị thấy hay không ạ? Toàn lời khai thị trong kinh hay như vậy đó, Thiện Trang trích đoạn nào ra thì quý vị thấy kinh hay mà, vậy mà không đọc, không nghe, ngôn ngữ của Sư Giác Nguyên là 'sợ kinh gặm' (kinh ăn mình đó), cho nên sợ quá không dám đọc kinh.

Tiếp tục Thiện Trang giới thiệu thêm một pháp hành: Lợi Ích Của Việc Không Ăn Ban Đêm, cũng là lời Phật luôn. Thiện Trang nói với quý vị là toàn nói lời Phật, nên không ai bắt bẻ mình được.

Lợi Ích Của Việc Không Ăn Ban Đêm

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn du hành ở Kāsi cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, Ta ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Này các Tỷ-kheo, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các ông sẽ cảm thấy (1) ít bệnh, (2) ít não, (3) khinh an, (4) có sức lực và (5) an trú.

(Trích từ 70. Kinh Kīṭāgiri (Kīṭāgirisutta) – Kinh Trung Bộ).

Thiện Trang trích một đoạn thôi, chứ kinh này dài lắm, Kinh Trung Bộ toàn là dài dài, chứ không ngắn. Ở đây đức Phật nói là Ngài từ bỏ ăn ban đêm (tức là

Ngài không ăn ban đêm) cho nên Ngài được những lợi ích. Cho nên nếu các Tỷ-kheo, [hoặc là] quý vị, các Cư sĩ tại gia nếu làm được thì hãy từ bỏ ăn ban đêm, thì sẽ ít bệnh, ít não, khinh an là nhẹ nhàng, có sức lực và an trú. Đây là năm lợi ích của việc không ăn đêm.

Cho nên ráng nha! Ai muốn bớt bệnh thì đừng ăn ban đêm, ít khổ não, ít phiền bực, khinh an là nhẹ nhàng, có sức lực và an trú. Cho nên đừng tưởng ăn nhiều vào ban đêm là khỏe. Quý vị thấy không? Đức Phật dạy hết rồi. [Muốn] ít bệnh thì cơ thể bớt làm việc ban đêm, ngủ thì cơ thể ít bệnh. Ít não thì tự nhiên tối đỡ buồn ngủ. Quý vị mà ăn đêm thì đố quý vị thiền được đó, hơi khó, rồi sáng ra hôn trầm nữa. Rồi khinh an là người nhẹ nhàng, và có sức lực. Mình tưởng ăn nhiều có sức lực. Không! Cho nên Sư Minh Tuệ làm đúng đó. Và thứ năm là an trú.

Bài kinh này, đức Phật có nói, mới đầu hai vị Tỳ-kheo cũng không chịu, nói: "Con ăn chiều, con ăn sáng, con ăn ban ngày, rồi ăn phi thời" tức là ăn quá trời, ăn đến bốn bữa: ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Cuối cùng hai vị đó cũng thấy được lợi ích, sau này cũng thọ trì. Có những [việc] đó, đức Phật mới gọi tới và nói. Quý vị có thể coi bài kinh này, Kinh 70 trong Trung Bộ Kinh, Kinh A Hàm cũng có câu chuyện tương tự như vậy.

Cho nên quý vị thấy không ạ? Tất cả đức Phật đều dạy rồi, học theo kinh Phật là có hết. Còn theo thời nay, đa số kêu thôi tùy duyên, thôi ăn đi cho có sức khỏe, đi làm lụng nhiều mệt, không có đủ sức khỏe đâu. Thiện Trang không khuyên quý vị ăn một bữa, mà Thiện Trang chỉ khuyên là: Đức Phật dạy không ăn ban đêm, thì quý vị đừng ăn ban đêm. Còn ăn một bữa, [nếu] quý vị làm không nổi thì từ từ. Nếu mình tránh được ăn ban đêm thì được lợi ích như vậy, Phật nói thì chúng ta tin.

Cho nên ráng đi, có đồng tu hỏi Thiện Trang: 'Con thấy bản thân con trì được giới không ăn phi thời thấy được nhiều lợi ích. Vậy những người xuất gia, nếu trì được giới không ăn phi thời cả đời, thì chắc được nhiều lợi ích lắm đúng không ạ?' Tất nhiên rồi, đi xuất gia mới được lợi ích nhiều, tại vì họ giữ suốt. Còn người tại gia chỉ thọ vào những ngày trai thôi, chứ không bắt buộc tất cả, những ngày bình thường thì không bắt [buộc], cho nên [người xuất gia] được lợi ích hơn.

Nhưng vấn đề là người xuất gia thời nay, bên Bắc truyền có bao nhiêu người giữ được không ăn phi thời? Vấn đề nằm ở chỗ đó, giới đó thuộc giới Sa-di thôi. Cho nên rất là đáng buồn, đáng thương, vậy thôi. Chúng ta thấy lợi ích mà người ta không biết, chính vì vậy nên sự lợi ích bị mất đi. Cho nên Phật pháp thời mạt là vậy đó. Thật ra không phải mạt, trong kinh Thiện Trang cũng chưa tìm thấy phân định chỗ nào là thời Mạt pháp. Hồi xưa toàn coi theo chư Tổ, bây giờ coi lại thì chưa thấy, để Thiện Trang kiếm coi chỗ nào phân định đâu là Mạt pháp. Cho nên Sư Minh Tuệ nói thời nay là Tượng pháp, chúng ta phải coi lại, chưa biết, chưa thấy chỗ này. Hồi xưa mình toàn coi luận thôi, bây giờ coi kinh thì chưa thấy. Cũng chưa coi hết, vẫn còn một ít nữa, bao giờ coi hết mới dám kết luận Mạt pháp phân định chỗ nào, nằm ở đâu. Phải theo kinh chứ không phải theo chư Tổ được, chư Tổ chưa chắc đúng, cho nên mình phải theo kinh.

Như vậy quý vị nhớ có năm lợi ích: (1) ít bệnh; (2) ít Phiền não, não là cảm thấy khổ não, Phiền não; (3) khinh an là được nhẹ nhàng, người được khỏe. Quý vị cứ thử đi, làm được một thời gian quý vị sẽ thấy. Ai giữ không ăn phi thời một thời gian là thấy có lợi ích rất lớn; (4) có sức lực; và (5) an trú. Ở trong phần Giới luật, hồi xưa Thiện Trang cũng có giảng nói điều này, nhưng không biết từ đâu, thì đây là từ kinh này luôn.

Chúng ta học đến mục tiếp theo là:

Các Địa Vị Thánh Quả (tiếp theo)

Tại vì phần này hồi bữa cũng trích từ Kinh A Hàm, cho nên các đồng tu Nam truyền cũng chưa phục lắm, mình trích luôn cả Kinh Nikaya để cho thấy Nam truyền cũng có.

Này các Tỷ-kheo có bảy hạng người sống trong đời này. Thế nào là bảy? Bậc Câu phần Giải thoát, bậc Tuệ giải thoát, bậc Thân chứng, bậc Kiến đáo, bậc Tín giải thoát, bậc Tùy pháp hành, bậc Tùy tín hành.

Chúng ta nghe điều này quá quen rồi. A-la-hán gồm có A-la-hán Câu giải thoát (ở đây gọi là Câu phần Giải thoát), bậc Tuệ giải thoát, có chỗ nói là Tâm giải thoát nữa; bậc Thân chứng; bậc Kiến đáo (có chỗ là bậc Kiến chí); bậc Tín giải thoát; bậc Tùy tín hành và bậc Tùy pháp hành.

Ở đây mới nói bảy. Thật ra chúng ta học bộ kinh kia thì đầy đủ, kể ra quá trời bậc. Kinh Phước Điền, Kinh 127 của Kinh Trung A Hàm, bộ Trung A Hàm bây giờ đang bán nhiều, quý vị có thể coi. Hoặc lên mạng đánh vào YouTube cũng có, quý vị có thể nghe, MP3 cũng có, YouTube cũng có đủ. Quý vị nghe Kinh 127 sẽ thấy có đến 27 địa vị Hiền thánh, gồm có từ Tùy tín hành, Tùy pháp hành cho đến A-la-hán (A-la-hán có chín bậc). Ở đây chỉ nói gọn thôi, chúng ta coi thử những địa vị như thế nào theo trong Kinh Nikaya.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Câu phần Giải thoát? (Chúng ta muốn biết A-la-hán Câu phần Giải thoát là thế nào?) **Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các Lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người Câu phần Giải thoát.**

Người Câu phần Giải thoát là như vậy. Câu giải thoát, chúng ta rà lại để giải thích. 'Tỳ-kheo, có người (ở đây không nói người nào) sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát'. Ở đây cũng không khó gì, vì hôm bữa mình cũng học rồi. Đây chính là Bát giải thoát. Quý vị còn nhớ Bát giải thoát không? Thiện Trang [bữa] trước cũng nói Câu phần Giải thoát (A-la-hán Câu giải thoát), thì Bát giải thoát là quý vị phải chứng các tầng Thiền, vượt lên các tầng Thiền dần dần, vượt lên mỗi tầng là được một giải thoát. Mình nói nhẹ nhàng, tám tầng Thiền là tám giải thoát. Đây là Câu giải thoát, cho nên A-la-hán Câu giải thoát là ghê lắm, không đơn giản, quý vị đừng khinh thường A-la-hán này. A-la-hán này rất đặc biệt, vì Câu giải thoát mà.

'Vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp (là các pháp của Sắc giới và Vô sắc giới). Sau khi đã thấy với trí tuệ, các Lậu hoặc (là 10 Kiết sử Phiền não hết luôn) đoạn trừ hoàn toàn'. Đó gọi là A-la-hán Câu giải thoát.

Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người Câu phần Giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Tức là A-la-hán này không bao giờ thoái chuyển nữa và xong việc rồi. Vì tới

A-la-hán Câu giải thoát là xong việc rồi. Nên thường có câu *'Phạm hạnh đã thành, sự việc đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa'*. A-la-hán này là A-la-hán Câu giải thoát, cho nên tuyệt vời.

Ở đây có nói A-la-hán Tuệ giải thoát nữa. Quý vị cứ nhớ được bao nhiêu thì nhớ, [địa vị] này mình chưa làm tới thì cứ từ từ, mình [tu] từ Tùy tín hành, Tùy pháp hành lên. Ở đây đức Phật thường nói ngược, đức Phật hay nói điều cao trước, rồi nói hạ thấp sau. Thiện Trang thấy đa số là Phật nói như thế. Nên theo trình tự là đưa lên cao trước, ai làm được điều trước là xong luôn, khỏi cần phải học điều sau, mệt. Giống như học sinh giỏi, học xong là xong, ok. Giống ai học Kinh Vô Lượng Thọ, học phẩm thứ hai xong là xong, thành Phổ Hiền Bồ-tát luôn, khỏi tu nữa, khỏi phải nghe những phẩm sau nữa. Còn ai tu dở thì bắt đầu phải nghe, nghe đến cuối, vì càng nghe nhiều thì mới ngộ. Còn người kia căn tánh cao, họ nghe một phát là ngộ rồi.

Cho nên quý vị thấy kinh nào cũng vậy. Mà cách nói này hình như ngược với hồi xưa mình được học, là điều gì hay thì để sau cùng. Không phải! Thường là điều nào hay thì phải để ở đầu nhiều hơn. Quý vị coi kinh thì biết, thường là vậy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ cũng vậy, những pháp quán cao thì để trước, rồi pháp quán nào mà cho người dở dở thì để đằng sau. Quý vị coi rồi mới thấy. Kinh Vô Lượng Thọ cũng vậy, cho cao lên trước, rồi sau này bắt đầu hạ hạ xuống. Đó là Phật rất trí tuệ.

Chúng ta coi thử thế nào là bậc Tuệ giải thoát?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Tuệ giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các Lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Bậc Tuệ giải thoát này cũng ngon, chỉ thua những bậc Bát giải thoát ở chỗ là không chứng đắc các tịch tĩnh giải thoát thôi. Do bậc này tu Tuệ giải thoát, không tu các tầng Thiền, nên thiếu định. Nhưng cũng được một điều là vượt khỏi các

Sắc pháp và Vô sắc pháp rồi (tức là các pháp của Sắc giới và Vô sắc giới) là được giải thoát ra rồi. Và đã có trí tuệ, nên Lậu hoặc đoạn trừ hoàn toàn rồi, hết rồi. Nên đức Phật nói không cần làm gì nữa hết, hết việc để làm rồi, không bao giờ phóng giật nữa, không bao giờ trở lại thoái chuyển nữa. Cho nên bậc Tuệ giải thoát cũng không thoái chuyển, vẫn là một A-la-hán nhập Niết-Bàn được. Nhưng chưa chứng được các tầng Thiền này thôi (các tịch tịnh giải thoát).

Ở đây rõ ràng hơn, còn trong Luận Đại Tỳ Bà Sa, Thiện Trang có nhớ là bậc A-la-hán Tâm giải thoát mới thoái chuyển. Ở đây Tuệ giải thoát cũng không thoái chuyển. Cho nên chúng ta học kinh nhiều thì chúng ta biết, A-la-hán Câu giải thoát ok, A-la-hán Tuệ giải thoát ok, A-la-hán Tâm giải thoát chưa ok. Theo Luận Đại Tỳ Bà Sa, bộ tám quyển (theo trong đó nói thôi nha, Thiện Trang chưa kiếm trong kinh, khi nào kiếm trong kinh thì nói tiếp) thì A-la-hán Tâm giải thoát có thể thoái chuyển về Tu-đà-hoàn, đó là theo trong đó nói. Còn ở trong đó không nói đủ như trong này, trong này nói đầy đủ hơn, có những điều rõ ràng hơn. Cho nên kinh đôi khi chi tiết hơn luận, nhưng đôi khi luận cũng chi tiết hơn kinh ở một số điểm. Nên nhiều khi mình cũng coi qua coi lại để tham khảo.

Ở đây nên nhớ là bậc Tuệ giải thoát cũng không thoái chuyển, hết việc rồi mà, không có sự việc cần phải làm, cần gì phải lo nữa, nên là xong.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Thân chứng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi thân chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số Lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc Thân chứng (như vậy Thân chứng là như thế). **Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.**

Nghĩa là vị mà chứng Thân chứng này thì được điều gì? Đối với các tầng Thiền (Tám giải thoát), bữa nào quý vị coi lại Tám giải thoát, ở đây Thiện Trang nói tóm lược thôi, là người ta chứng được, người ta cũng vượt qua các pháp ở Sắc giới và Vô sắc giới. Người ta cũng có trí tuệ để thấy được, nhưng Lậu hoặc chưa hết hoàn toàn, mới có một số Lậu hoặc được đoạn trừ hoàn toàn, cho nên chưa được. Còn ở trên này, bậc mà đoạn trừ hoàn toàn thì thành Câu giải thoát luôn (Câu phần Giải thoát). Ở đây do một số Lậu hoặc được đoạn trừ thôi, chưa đoạn trừ hết được, khác nhau ở chỗ đó.

Quý vị có thể làm một cái bảng rõ hơn để so sánh, do chúng ta chưa học hết nên Thiện Trang chưa làm, để từ từ Thiện Trang làm cái bảng so sánh cho quý vị, quý vị sẽ thấy. Chúng ta tạm biết như vậy, có nhiều người kêu mấy địa vị này cao quá con chưa mơ tới, thôi chúng ta xuống địa vị thấp hơn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Kiến đáo? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số Lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết được vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn toàn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là Kiến đáo.

Như vậy chúng ta phân tích coi có gì khác với trên kia. 'Bậc này không tự thân', nghĩa là không chính mình chứng được các tịch tịnh giải thoát, tức là Bát giải thoát không đạt được, nhưng cũng vượt khỏi Sắc pháp và Vô sắc pháp. 'Và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số Lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn'. Cũng vậy, vị này cũng đoạn trừ được Lậu hoặc, nhưng một phần thôi, một số thôi, cũng không hết, mười Kiết sử chưa đoạn hết. 'Và ở đây có các pháp do Như Lai tuyên thuyết, vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn toàn'. Quý vị thấy là thực hành hết, thấy được bằng trí tuệ và thực hành được các pháp do đức Phật dạy.

Cho nên ai nói sai pháp Phật thì không bao giờ thành A-la-hán, thậm chí không tới địa vị Kiến đáo này, không tới được, làm sao tới được. Mà thậm chí Sơ quả Tu-đà-hoàn người ta đã có Chánh kiến rồi.

Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là Kiến đáo. Này các Tỷ-kheo, đối với

Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Điều này cũng phải làm thôi, tại vì chưa xong, còn một số Lậu hoặc chưa hết, nên làm tiếp. Đó là bốn địa vị rồi, chúng ta sang địa vị thứ năm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Tín giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo có người, sau khi tự thân chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số Lậu hoặc của vị này được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và lòng tin của vị này đối với Như Lai đã được xác định, phát sanh từ căn để an trú. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là bậc Tín giải thoát.

Như vậy bậc Tín giải thoát cũng phải chứng được các tầng Thiền để đạt Bát giải thoát. Mình không có điều đó thì cũng không được Tín giải thoát. Nhưng vị này cũng vượt khỏi các pháp của Sắc giới và Vô sắc giới rồi, cũng có trí tuệ, nhưng Lậu hoặc chưa đoạn trừ hết, chỉ còn một số thôi, cho nên chưa được. Vị này được lòng tin đối với Như Lai đã xác định, và phát sanh từ căn để an trú, cho nên bậc này được lòng tin, tin Như Lai hoàn toàn nên được Tín giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Tất nhiên là phải làm rồi, vì chưa xong, điều nào chưa xong thì phải làm. Có

hai địa vị trên là không phải làm, còn những địa vị dưới thì phải làm hết.

Bây giờ chúng ta tới [phần] quan tâm nhất, là Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Vì sao? Vì Tùy tín hành và Tùy pháp hành là yên tâm rồi, không đọa vào đường ác nữa, từ đây về sau hết đọa đường dữ, yên tâm. Và đồng thời nếu giữa chừng không chết, tức là tuổi thọ mình cao, thì chắc chắn sẽ chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn trong đời này. Cho nên là ráng tu theo con đường Tùy tín hành, Tùy pháp hành, rồi mò lên Sơ quả Tu-đà-hoàn cho chắc. Vì Sơ quả Tu-đà-hoàn nghe nói khó quá, vì sao? Đức Phật hốt một nắm đất lên tay, xong đức Phật hỏi: *"Đất trong tay Ta nhiều hay đất ở trong đại địa nhiều?"* Có vị Tỳ-kheo nói là: *"Đất trong tay [đức Phật] ít, còn đất trong đại địa rất nhiều".* Đức Phật nói*: "Cũng vậy, một người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì những Phiền não họ diệt được, nhiều giống như đất ở trong đại địa. Còn Phiền não họ còn sót lại thì giống như đất trong nắm tay".*

Quý vị nghĩ sao? Dễ [gì] vô Sơ quả Tu-đà-hoàn. Cho nên tại sao vô Sơ quả Tu-đà-hoàn khó như vậy? Là tại vì như thế đó. Hay là trong một bộ kinh khác, Kinh Sineru (Núi Tu Di) cũng nói vậy: 'Phiền não mà được đoạn trừ giống như là núi Tu Di, còn Phiền não chưa được đoạn trừ thì còn như bảy hòn đá trên núi'. Quý vị nghĩ coi, bảy hòn đá trên núi, ít thôi, so với núi Tu Di quá nhiều. Một vị [chứng] Tu-đà-hoàn đoạn trừ được nhiều Phiền não vậy đó. Cho nên tại sao mình tu hoài vẫn chưa vào Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Thật ra quý vị thấy vô lượng kiếp mình tu cũng nhiều rồi, nên mới gọi là có thiện căn. Thiện căn có nghĩa là không tham, không sân và không si. Mỗi đời mình tu tập được một chút thì cũng bớt rồi. Chứ hồi xưa là toàn làm ác, toàn nhắm vô Địa ngục A Tỳ thôi, nào giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu. Rồi cựa là chiến đấu hết cỡ, ăn thịt, uống máu tươi, hồi xưa toàn làm ác không, thích trộm cắp, thích này kia. Nhưng quý vị tu qua từng đời, từng đời, không biết bao giờ, nhưng tới bây giờ thì quý vị cũng đỡ rồi.

Bây giờ nhiều người thấy cảnh máu lệ là thấy ghê, không dám coi, [vì] sợ rồi. Đó là quý vị bớt tham, bớt sân, bớt si. Rồi quý vị bớt thêm chút nữa là quý vị bớt trộm cắp, cũng không muốn trộm cắp nữa. Rồi có nhiều người giữ được giới, không có tham đắm, chỉ giữ vợ chồng mình thôi v.v… Những điều đó là thiện căn

của quý vị đã trồng qua, tức là Phiền não quý vị đã bớt rồi, nhưng mới bớt một phần thôi, chưa đủ tiêu chuẩn của Tu-đà-hoàn. Rồi niềm tin là nằm trong vô si, vô si bớt rồi cho nên quý vị mới tin Phật pháp, dần dần quý vị nghe Phật pháp mới hiểu, nên cảm động Phật pháp.

Người nào mà tới đó rồi là trồng được thiện căn, trồng được căn lành, đó là vào được Noãn vị đó quý vị. Mà Noãn vị là ngon rồi đó, chắc chắn chứng Niết-Bàn rồi đó. Từ đó mình tiến thêm chút nữa, rồi từ từ làm khá hơn, là mình không có làm nhiều việc ác lớn nữa, cho nên không đọa Địa ngục A Tỳ. Không đọa Địa ngục A Tỳ nữa là không tạo Ngũ nghịch nữa, là quý vị lên địa vị Đảnh vị rồi. Có đọa Địa ngục nhỏ nhỏ thôi, không đọa Địa ngục A Tỳ, tức là năm điều ác lớn mình không làm. Rồi sau đó mình tiến thêm chút nữa, mình không làm những tội gì để không bị đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, đó là quý vị lên Nhẫn vị trong Tứ gia hạnh.

Noãn vị trong Kinh Ưu Bà Tắc (Kinh Bồ Tát Giới của Đại thừa) có nói về Noãn vị. Thiện Trang chưa duyệt hết kinh, còn một số kinh nữa, nên bao giờ coi hết rồi thì Thiện Trang sẽ coi, có nói về Noãn vị, vậy thì chắc phải có nói Đảnh vị hoặc là Nhẫn vị ở đâu đó, chắc chắn phải có, chứ chư Tổ không bịa ra đâu.

Như vậy chúng ta thấy tuy là trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya nhất thời chưa thấy, nhưng chúng ta thấy tới đó rồi, từ đó mình lên Thế đệ Nhất vị. Từ Thế đệ Nhất vị mới đi vô Tùy tín hành, Tùy pháp hành, rồi mới lên [Sơ quả] Tu-đà-hoàn. Quý vị tới Tùy tín hành, Tùy pháp hành là ngon rồi đó, hết đọa đường ác, thậm chí tới Nhẫn vị thôi cũng hết đọa đường ác.

Cho nên là thiện căn mình vun bồi ghê lắm rồi đó, Phiền não mình bớt được nhiều lắm rồi, chứ đừng tưởng là mình chưa. Từ từ rồi mới bay vô được Sơ quả Tu-đà-hoàn chứ, làm gì mà quý vị làm một ngày mà sạch hết núi Tu Di được. Không có chuyện đó! Cho nên là từ từ, mình tu cũng lâu rồi, cũng đỡ rồi, nhưng có điều tập khí ác còn nhiều chút thôi, từ từ rồi cũng hết. Quý vị nghe những điều này tới đây mà quý vị thấy hấp dẫn, quý vị thấy tha thiết, chứng tỏ là căn lành của quý vị cũng đã trồng được nhiều rồi. Có nghĩa là Phiền não của quý vị cũng bớt được rất nhiều rồi, chứ không phải là tự nhiên ào vô Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu. Mà vô tới Sơ quả Tu-đà-hoàn thì [Phiền não] nhẹ quá rồi, tại vì thời gian còn lại

không dài nữa, cho nên ráng tu nha.

Tu có nhiều con đường lắm, giống như Thiện Trang nói, quý vị đừng sợ lên cõi Trời, nhiều người nói sợ lên cõi Trời không tu được. Xin lỗi! Quý vị coi trong kinh đi, lúc đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, quý vị thấy chư Thiên xếp hàng dài mà [đến nỗi] mỗi đầu lỗ kim có vô số chư Thiên, quý vị biết vì sao không? Vì họ truyền nhau là đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, mấy người lo đi chơi thì lo mà xuống. Tại vì không còn thời gian nữa, đức Phật sắp nhập Niết-Bàn rồi. Họ truyền là Thế Tôn sắp nhập Niết-Bàn cho nên tích tắc họ xuống liền, để nghe vào pháp hội cuối cùng. Quý vị thấy những bộ kinh mà chúng ta trích, thỉnh thoảng chư Thiên đắc đạo cũng rất nhiều, bao nhiêu chư Thiên đắc được Pháp nhãn tịnh đó. Như tuần trước Thiện Trang trích, có câu chuyện cô Tỳ-kheo-ni diệt độ xong là bao nhiêu người đắc Pháp nhãn tịnh đúng chưa? Chư Thiên đó, rất nhiều như vậy, đức Phật thuyết pháp xong là chư Thiên đắc Pháp nhãn tịnh (đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn đó).

Cho nên đừng nghĩ lên trời không tu được, và đức Phật cũng chưa bao giờ nói điều đó. Nhớ vậy! Đừng có sai lầm! Có nhiều người sai lầm tưởng là lên trời không tu được. Và đặc biệt quý vị lên được như tầng trời Đâu Suất, thì nếu thọ mạng của quý vị đủ, tức là đủ tiêu chuẩn của trời Đâu Suất, thì tương lai ngài Di Lặc xuống, quý vị sẽ xuống nghe được hội của ngài Di Lặc. Hoặc là nếu lên được tầng trời thứ năm, tầng trời thứ sáu, hoặc là đời này quý vị đắc Sơ thiền, mà đời này ác trược ghê quá, mình ở dưới này khó rồi thì mình lên trên [trời] Sơ thiền, thì quý vị có cơ hội nhiều để dự được Pháp hội của vị Phật tiếp theo là Phật Sư Tử nữa, chứ còn không phải là Phật Di Lặc không [thôi].

Cho nên nếu như không có đường nào, thì quý vị hãy cố gắng tu làm sao đừng lên tầng Thiền cao quá thôi, lên vừa vừa thôi, đừng lên cao quá mà không được học Phật pháp. Tứ thiền mà vô Vô Tưởng là xong, ngồi trong đó như pho tượng, không có được gì. Nhưng Thiện Trang nghĩ cũng chẳng mấy ai tu tới đó đâu, nên đừng lo, ráng tu nha. Cho nên con đường giải thoát rất là thênh thang, rất nhiều con đường. Có người thì nguyện sanh về Thế giới khác, như sanh về Thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng hạn, có người thì muốn chứng quả vị. Quý vị tu làm sao thì tu, nhưng phải ráng tu. Các Thiền định quan trọng lắm, chứ mình không tu Thiền thì làm sao mình đạt được điều này.

Bây giờ chúng ta trở lại với địa vị tiếp theo, địa vị thứ sáu là Tùy pháp hành:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tùy pháp hành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các Lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết (chỉ) được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người Tùy pháp hành.

Ở đây cũng là không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát. Tất nhiên rồi! Nếu chứng đắc các tịch tịnh giải thoát thì quý vị đâu phải ở hạng Tùy pháp hành này. Quý vị lên tới Tứ thiền rồi thì quý đắc A-la-hán dễ ợt đúng không? Không khó! Như đức Phật nói ông Uất Đầu Lam Phất, ông A La Lam hay là ông tiên A Tư Đà, những ông đó mà gặp Phật là ok, đắc quả liền, nhanh lắm.

Quý vị thấy câu chuyện mà Thiện Trang đã trích dẫn rồi đó, Bà-la-môn Lộc Đầu, ông gõ sọ người là biết người đó sanh ở đâu. Ổng tu Thần thông cỡ đó mà, cho nên đức Phật nói một cái là ổng chứng A-la-hán thôi. Tại vì người ta tu tới đó rồi, Thiền chỉ tới đó rồi, bây giờ thêm chút Thiền quán, chỉ cho họ một chút Thiền quán là xong. Còn mình, mình cứ khinh chê, cứ nghĩ tu mấy [đề mục] Thiền không có tác dụng gì, tu mấy Biến xứ Thiền chỉ không tác dụng gì. Không phải! Ở đây do không có đắc được các tầng Thiền nên không có được tịch tịnh giải thoát, đó mới là Tùy pháp hành. Quý vị mà vượt lên được các tầng Thiền là có khả năng quý vị không phải ở Tùy pháp hành đâu, phải cao hơn.

'Vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp': ở đây là các pháp của Sắc giới và Vô sắc giới, đây là do mình tu về Thiền quán. 'Và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các Lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn'. Tất nhiên là các Lậu hoặc chưa được đoạn trừ, chứ nếu đoạn trừ là thành Tu-đà-hoàn rồi. Ba kiết sử Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi mà hết thì chắc chắn được Tu-đà-hoàn. 'Và các pháp do Như Lai tuyên thuyết chỉ được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ'. Tức là vị này không tin hoàn toàn, điều nào nói mà tôi chưa chắc chắn thì tôi không tin, điều nào trí tuệ thì tôi tin, thông thì tôi mới tin, kiểu như vậy. 'Dầu cho

vị này có những pháp như là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn'. Năm căn hay Ngũ lực, Ngũ quyền thì có, [nhưng] vị này chỉ được Tùy pháp hành thôi, chắc chắn là phải làm tiếp.

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Vị này tất nhiên cũng phải thấy được điều lợi ích rồi, biết là mình có lợi ích nên mới đi xuất gia. Những người đi xuất gia có lợi ích như thế nào, biết hết. Cho nên cố gắng đi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, v.v... Biết đó, nhưng chưa làm xong, ráng làm tiếp. Biết kết quả là không có phóng dật, là tốt. Nhưng chưa làm xong, phải làm tiếp cho được. Chúng ta đến hạng người cuối cùng là hạng người thứ bảy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tùy tín hành? (Chúng ta thích hạng này, chúng ta đa số là đi vào đây). **Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các Sắc pháp và Vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các Lậu hoặc không được đoạn trừ. Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương đối với Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người Tùy tín hành.**

Điều này giống như trên, nhưng khác một chút thôi. Tất nhiên là không chứng được Bát giải thoát, tạm thời dùng Thiền quán được, rồi có trí tuệ, nhưng các Lậu hoặc không đoạn trừ được hết. Tất nhiên rồi, chứ đoạn trừ hết là lên cao. Nhưng vị này có đủ lòng tin, lòng thương đối với Như Lai.

Cho nên mình cố gắng làm sao phải tin Phật, và lòng thương đối với Phật. Cho nên Thiện Trang lâu lâu trích đoạn những đoạn mà quý vị thấy rất cảm động đối với Phật, thì quý vị sẽ thương Phật hơn. Thấy Phật vất vả như thế nào, độ

sanh như thế nào. Đến lúc cuối cùng sắp nhập Niết-Bàn rồi, Ngài còn phải tiếp tục vì chúng sanh, Ngài còn độ cho cô Tỳ-kheo-ni chứng quả A-la-hán, quy y giúp cho bao nhiêu người Cư sĩ chứng đắc vào Thánh quả Tu-đà-hoàn, rồi giúp cho ông Tu Bạt Đà La. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn của Đại thừa gọi là Tu Bạt Đà La, vào phút gần cuối cùng cuộc đời Phật, ổng gặp được Phật và đắc được Tu-đà-hoàn. Ổng xin xuất gia và chứng luôn quả A-la-hán, nhập Niết-Bàn trước Phật luôn. Rồi [Ngài] căn dặn các Tỳ-kheo sau này phải thế nào v.v… đủ các kiểu, rồi Ngài mới nhập Niết-Bàn. Như vậy thì mình sẽ có lòng thương đối với Như Lai. Còn nếu không, bây giờ mình sẽ không có lòng thương tưởng như vậy.

Có được như vậy thì quý vị có được lòng tin, có lòng thương đối với Như Lai, thì mình sẽ có được những pháp từ: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn. Ngũ căn này chúng ta đã học qua rồi đúng không? Nếu quên thì lâu lâu chúng ta sẽ học lại. Sau đó thì mình gọi là Tuỳ tín hành.

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, nhưng vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

(Trích từ 70. Kinh Kīṭāgiri (Kīṭāgirisutta) – Kinh Trung Bộ).

Ở đây chúng ta thấy kết quả rất rõ ràng đúng không? Chúng ta học thêm một lần nữa về Tùy tín hành, Tùy pháp hành v.v... thì quý vị nhớ rõ hơn. Lần trước mình học cũng giống giống vậy, mà ở bên Kinh A Hàm, hôm nay học bên Kinh Nikaya. Bên này khác bên kia ở chỗ là bên kia nói thêm, tới đoạn kia thêm một đoạn nữa thôi, là đến giữa chừng mà không chết thì sẽ chứng được Tu-đà-hoàn. Còn đoạn này thì không có đoạn đó. Cho nên mỗi bộ kinh có thêm và bớt khác nhau, có những đoạn dài và ngắn, mình coi thì mình thấy bổ sung cho nhau là được.

Bây giờ chúng ta đến đoạn tiếp theo. Như vậy hôm nay là biết rõ thêm bảy

địa vị rồi nha. Dần dần mình nắm thuộc lòng hết và hiểu, mình tu tới đâu thì mình dùng tới đó. Bây giờ mình chưa làm được A-la-hán Câu giải thoát thì cứ làm Tùy tín hành, Tùy pháp hành, rồi ngó ngó lên trên một chút, hy vọng mình sẽ tăng thêm bậc, dần dần mình tiến lên.

Trí Tuệ Được Hoàn Thành Nhờ Học Từ Từ, Hành Từ Từ, Thực Tập Từ Từ

Quý vị nhớ nha! Nếu theo tiêu chuẩn này thì không phải là nhất thời đốn ngộ đâu. Không phải! Mà do là học từ từ, hành từ từ và thực tập từ từ. Cho nên ngài Minh Tuệ, mình nói theo tinh thần của kinh bên Nam truyền, là không có gì hết, thực hành từ từ, Ba-la-mật đủ, thì tới lúc người ta điểm một phát là xong. Có người điểm, duyên đủ rồi, nhân đủ rồi là ok, chứ không phải là một cái ào, quý vị không có gì thì gặp Phật cũng vậy thôi, cho nên phải tu. Đoạn này cũng nhấn mạnh như vậy. Đoạn này cũng trích từ kinh trên.

Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức (nhớ nha! Không có vụ đốn ngộ đâu nha. Đối chiếu với điều này thì không phải đốn ngộ)**. Nhưng này các Tỷ-kheo, trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ.**

Thấy chưa! Cho nên phải hiểu điều này, chứ không hiểu điều này thì nhiều khi mình ảo tưởng sức mạnh. Đừng ảo tưởng! Đức Phật nói: 'Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức... Trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, nhờ hành từ từ, thực tập từ từ'. Cho nên Thiện Trang đặt luôn tựa đề đó.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, (1) một vị có lòng tin đi đến gần; sau khi đến gần, (2) vị ấy tỏ sự kính lễ; sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy (3) lóng tai (lóng tai là lóng tai lắng nghe đó quý vị. Người miền Bắc có thể không hiểu. Người miền Bắc gọi là lắng nghe, còn miền Tây thì gọi là lóng nghe; lắng nghe hay lóng nghe gì cũng được)**; sau khi lóng tai, vị ấy (4) nghe pháp; sau khi nghe pháp, vị ấy (5) thọ trì pháp; sau khi thọ trì, vị ấy (6) suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi suy tư ý nghĩa, (7) các pháp được chấp thuận; sau khi các pháp được chấp thuận, (8) ước muốn sanh khởi; sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy (9) nỗ lực; sau khi nỗ lực, vị ấy (10) cân nhắc; sau**

khi cân nhắc, vị ấy (11) tinh cần. Do tinh cần, vị ấy (12) tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy.

Như vậy đoạn này là nói các bước để tu tập: Bước đầu tiên (1) là có lòng tin đi đến gần. Đầu tiên là quý vị đi đến gần Phật pháp chứ, đâu phải tới liền đúng không? Đầu tiên là có lòng tin đã, đi đến gần. Sau khi đến gần rồi thì tới bước hai. Ở đây có thể mình đánh bước ra thì mọi người sẽ rõ hơn, để đỡ choáng, chứ không nhiều khi quý vị không biết đoạn nào. Bước hai là vị ấy (2) tỏ ra kính lễ. Sau khi tỏ ra kính lễ, vị ấy (3) lóng tai. Mình có thể lấy bước ba là lóng tai lắng nghe. (Mình đánh cho rõ ràng, Thiện Trang làm luôn phân khoa, thì quý vị sẽ dễ nhớ hơn nữa). Sau khi lóng tai, vị ấy (4) nghe pháp. Bước thứ tư là nghe pháp. Sau khi nghe pháp, vị ấy (5) thọ trì pháp. Thọ trì pháp là bước thứ năm. Sau khi thọ trì, vị ấy (6) suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì. Như vậy là phải suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì là bước thứ sáu.

Ở đây [bước thứ 6] là điều mà Thiện Trang nói ngược với chư Tổ hay giảng. Chư Tổ nói: nghe đừng có suy tư, sẽ bị rớt vô 'ly tam tướng', là không được rớt vào tướng ngôn thuyết, tướng tâm duyên. Tâm duyên là mình suy nghĩ tùm lum. Không phải đúng không ạ? Quý vị thấy rõ ràng, giữa Tổ với Phật không giống nhau. Không biết đó là theo Đại thừa như vậy hay sao? Chúng ta không biết, thôi bây giờ chúng ta theo Phật giùm, chịu khó suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì. Chứ không, quý vị không suy tư, cho nên quý vị nghe kinh không hiểu nghĩa, rồi bị người ta lừa. Không cần suy tư, cho nên bị người ta lừa, bị người ta dụ.

Còn mình suy tư, mình thấy: "Ủa! Ông thầy lúc trước nói đường này, mà sao bây giờ ổng nói một nẻo? Sao thầy nói kỳ vậy?" Đặt ra câu hỏi, là ông thầy không biết luôn, ổng không trả lời được. Đôi khi đảo qua đảo lại, nào là khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ, lúc trước ta nói cho người khác, bây giờ ta nói người khác, nói tùm lum. Không phải như vậy đâu quý vị. Cho nên nhiều khi mình bị lừa đó, cẩn thận, không biết được.

Cho nên ở đây nhớ là phải suy tư pháp. [Suy] tư pháp cũng là một cách tu. Quý vị ngồi xuống nghe, ví dụ hôm nay nhớ Tùy tín hành là gì, bữa nay tin rồi thì mình cố gắng thực hành, mình làm. Rồi mình nghĩ nghĩ, hôm nay nghe được gì đó, nhớ một hồi. Đó là tư duy pháp, là niệm pháp, là Thiền quán, quán pháp đó.

Cho nên đừng có nghĩ là không có suy tư.

Sau khi suy tư ý nghĩa, (7) các pháp được chấp thuận. Các pháp được chấp thuận là bước thứ bảy. Thiện Trang làm khoa phán từng bước với quý vị luôn, để quý vị dễ nhớ. Sau khi các pháp được chấp thuận, (8) ước muốn sanh khởi. Ước muốn sanh khởi là bước tiếp theo, bước thứ tám. Sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy (9) nỗ lực. Bây giờ là nỗ lực tu tập. Phải có ước muốn rồi mới có nỗ lực chứ, chưa có ước muốn thì làm sao nỗ lực, đúng chưa? Sau khi nỗ lực, vị ấy (10) cân nhắc. Lại cân nhắc nữa nè, chứ không phải vô là tu ầm ầm đâu, không có được đâu. Cho nên ai không cân nhắc mà tu luôn, thì mấy người đó đi con đường Tùy tín hành là ngon nha. Sau khi cân nhắc, vị ấy (11) tinh cần. Lúc bây giờ mới bắt đầu tu tinh cần.

Tinh cần là gì, quý vị nhớ không? Giải thích đừng sai nha. Tinh cần ở đây là nằm trong tinh tấn, cần là siêng năng, tinh tấn. Điều này thuộc tinh tấn. Tinh tấn là gì? Là mình tâm mình tập trung vào chọn các pháp lành, các pháp thiện; bỏ đi các pháp ác; siêng năng như vậy gọi là tinh tấn.

Do tinh cần, vị ấy (12) tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy. Như vậy ở đây điều đằng sau là kết quả rồi, không cần ghi nữa đúng không? Đâu cần ghi nữa. Bước này là bước 12, thích thì ghi vô cũng được thôi, nhưng nói chung là thành công rồi. [Bước] 12 là tự thân chứng được sự thật tối thượng, và trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy. Tự mình thấy luôn, tự mình biết luôn.

Cho nên đạo Phật gọi là đến để mà thấy. Hãy thực hành, hãy kiểm nghiệm. Chứ còn nói 'tin, tin', mà cuối cùng mình không kiểm nghiệm, toàn tin người ta không thôi. Không có thấy một dấu hiệu nào để mình thể nhập được một chút nào. Nhớ là hành trì một phần thì được một phần lợi ích, hành trì được một phần thì được một phần giải thoát. Đức Phật luôn nói như vậy. Cho nên mình thọ Bát quan Trai giới chẳng hạn, mình chưa tin nhưng nghe người ta nói là có lợi ích gì đó, mình chưa biết, nhưng mình thọ một thời gian thấy có lợi ích thật. Rồi lúc nãy mình nói là không ăn đêm có lợi ích, đức Phật nói năm lợi ích. Nhưng tôi phải thử chứ, thử xem thì thấy y chang như vậy, thì mình tin. Rõ ràng như vậy.

Cũng giống như tu Thiền chỉ, tu Thiền quán, mình nói tu Thiền chỉ, tu các

Biến xứ này, Biến xứ kia, Thiện Trang chia sẻ hay là kinh Phật nói, thì mình cũng thực hành thử xem. Mình thực hành thử mà mình thấy lợi ích là đúng rồi, tự mình kiểm nghiệm. Cho nên Sư Minh Tuệ nói chớ vội tin, hãy vì con mà nhớ, đừng tin lời ai, đừng tin người nào, đừng tùy tiện tin, không nên tùy tiện tin. Mà giáo pháp đã có từ ngàn đời, phải thực hành nhiều, phải kiểm nghiệm nhiều. Tự mình kiểm chứng thì mình mới thấy đúng. Chứ còn nghe người ta thì toàn là của người ta thôi, mà mình vẫn cứ tin.

Ngay cả tu Tịnh Độ cũng vậy, Thiện Trang nói quý vị tu Tịnh Độ làm sao mà quý vị kiểm nghiệm được, để quý vị đảm bảo vãng sanh. Chứ quý vị cứ mơ tưởng, quý vị tu một hồi mà không thấy có dấu hiệu nào hết, mà quý vị cũng tưởng là đến lúc lâm chung vãng sanh. Điều đó mơ hồ quá! Quý vị tu, phải có một cảm ứng nào đó rõ ràng, biết có Thế giới Tây Phương Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà, rồi tu có thể hiệu quả hay không, theo năm tháng công phu có lên hay không, Phiền não có bớt hay không v.v... Những điều gì đó mình phải tu.

Còn bây giờ không có một công phu nào cả, Phiền não vẫn Phiền não, bao nhiêu thứ, mà cứ mơ tưởng đến lúc lâm chung người ta tới người ta niệm cho mấy câu, rồi vãng sanh. Sao mà dại như vậy, đúng không? Không tin được! Khó tin lắm! Ngay bây giờ lúc sống đây còn chưa làm được gì hết, mà lúc chết được vãng sanh, thì cũng hơi khó. Thiện Trang nói khó. Cho nên cái sai, đức Phật luôn luôn dạy chúng ta là pháp thì phải thực hành, phải kiểm nghiệm, đến để mà thấy. Phải ráng cố gắng thực hành, dù tu bất cứ Pháp môn nào thì quý vị phải thực hành, thực hành rồi mình kiểm nghiệm.

Ở trong Trạch pháp Giác chi, chúng ta chưa có thời gian học. Trạch pháp Giác chi là gì? Khi mình thực hành một pháp nào đó, thì mình thấy pháp đó có đem lại khinh an, an lạc không? v.v... Nếu không được là mình đang tu pháp đó không hợp với mình, không được tốt thế nào đó. Cho nên phải cẩn thận. Còn không thì mình phải lựa chọn, mình phải so sánh pháp này với pháp kia, mình thực hành xem pháp nào hiệu quả hơn, có phù hợp với mình hay không? Đó là Trạch pháp Giác chi.

Mình chưa học Trạch pháp, nhưng Thiện Trang sẵn nói như vậy. Chứ không phải mình cứ ôm vô, người nào cũng kêu một câu Phật hiệu niệm tới cùng. Chắc

gì quý vị là căn tánh đó. Quý vị không phải là căn tánh đó, thì quý vị tu hoài cũng không vô. Rồi người này tu Biến xứ này, nhưng không phù hợp với quý vị. Biến xứ đỏ không hợp, thì quý vị tu Biến xứ xanh, còn không thì tu lửa, nước v.v... Tùy Biến xứ, [tu Biến xứ] phù hợp với căn tánh của quý vị thì mới được. Còn không phù hợp thì quý vị tu hoài cũng không tới đâu, không vô đâu. Đó là trong Trạch pháp Giác chi. Chúng ta chưa có thời gian để giảng về những phần đó, nhưng từ từ rồi sẽ giảng.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu không có lòng tin ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự đến gần ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có tỏ sự kính lễ ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự lóng tai ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nghe pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự thọ trì pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự suy tư ý nghĩa ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự chấp thuận pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự ước muốn ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nỗ lực ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự cân nhắc ấy, thời này các Tỷ-kheo không có sự tinh cần ấy. Này các Tỷ kheo, ở đây, các ông đã đi vào phi đạo. Này các Tỷ-kheo, ở đây, các ông đã đi vào tà đạo. Thật là quá xa, này các Tỷ-kheo, các kẻ ngu này đã đi ra ngoài Pháp và Luật này.

(Trích từ 70. Kinh Kīṭāgiri (Kīṭāgirisutta) – Kinh Trung Bộ).

Ở đây chúng ta thấy là nếu không có lòng tin đối với Phật rồi, thì coi như đằng sau bỏ, đúng không? Nếu mình chỉ căn cứ ở đây thôi thì mình thấy cách nói ở trong Đại Trí Độ Luận, Đại Trí Độ Luận nói: "Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập", nghĩa là biển lớn Phật pháp, thì phải có niềm tin mới vào được. Đầu tiên, nói gì thì nói, cũng phải tin một chút đã, tới suy xét đã, đúng không? Phải suy xét, thì cũng phải tới mà nghe, chứ còn chưa gì hết mà mình không tin, mình bỏ đi luôn thì thôi. Quý vị thấy đức Phật nói: 'Các ông đã đi vào phi đạo', tức là [đi vào] đường sai rồi đó. Rồi 'các ông đi vào tà đạo'. Thấy chưa? 'Thật là quá xa', 'các kẻ ngu này đã đi ra ngoài Pháp và Luật này', tức là đi ra ngoài Pháp và Luật của đức Phật rồi.

Chúng ta thấy toàn là những kiến thức rất căn bản, rất quan trọng, rất hay đúng không? Ở đây Thiện Trang để thêm một đề mục nữa, còn thời gian thì mình

cứ để thêm một đề mục nữa, rồi mình học vào phần Tâm sở.

Một Đệ Tử Có Lòng Tin Giáo Pháp Bậc Đạo Sư Và Sống Thể Nhập Giáo Pháp Ấy Sẽ Chứng Được Một Trong Hai Quả A-La-Hán Hoặc A-Na-Hàm Ngay trong hiện tại

Đoạn này [quý vị] nghe có đã không? Nếu một Đệ tử có lòng tin với giáo pháp và bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, sẽ chứng được một trong hai quả A-la-hán hoặc A-na-hàm.

Này các Tỷ-kheo, có sự thuyết trình gồm có bốn phần (Catuppadaṃ = Tứ cú) (bài này cũng rất hay, chữ Catuppadaṃ trong tiếng Pali gọi là Tứ cú bốn câu) **chính nhờ thuyết trình này người có trí, không bao lâu, nhờ tuệ biết được ý nghĩa. Ta sẽ đọc sự thuyết trình ấy lên cho các ông, này các Tỷ-kheo, các ông nhờ Ta mà sẽ hiểu thuyết trình ấy.**

Tức là có bốn phần, nhờ bốn phần đó mà người có trí, ở đây đức Phật lúc nào cũng nói người có trí. Cho nên có nhiều người khờ quá, không có trí thì nghe không nổi, tại sao vậy? Bởi đức Phật lúc nào cũng nói đạo Phật là dành cho người trí, chứ không dành cho kẻ ngu. Khờ quá thì đợi đời khác, đời này nghe kết duyên vậy thôi, chứ khó lắm. Trừ khi căn lành mạnh lắm, nhưng do nghiệp che thôi, chứ còn bình thường thì khó.

Bạch Thế Tôn, chúng con là ai có thể biết được Pháp?

- Này các Tỷ-kheo, cho đến một bậc Đạo sư sống quá trọng vọng tài vật, là vị thừa tự tài vật, và sống liên hệ với tài vật, thời sự mua may bán đắt này không xảy ra: "Chúng tôi sẽ làm việc này như vậy, và như vậy chúng tôi sẽ không làm việc này như vậy", huống nữa là Như Lai, này các Tỷ-kheo, là vị sống hoàn toàn không liên hệ với các tài vật.

Ở đây đức Phật nói vị Đạo sư nào, vị thầy nào mà quá trọng vọng, quá nặng nề về tài vật, lại thừa tự tài vật (tức là ăn rồi cứ nhận tài vật, thừa tự là kế thừa đó), sống liên hệ với tài vật thì sự mua may bán đắt này không xảy ra. Cũng vậy những việc này không làm được. Đức Phật thì nói Ngài là Như Lai, Ngài không có liên hệ với tài vật.

Này các Tỷ-kheo, đối với một Đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và

sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp (Anudhamma) được khởi lên (chúng ta nghe kỹ)**: "Bậc Đạo Sư là Thế Tôn, Đệ tử là tôi. Thế Tôn biết, tôi không biết"**.

Điều thứ nhất, Đạo Sư là Thế Tôn, Đệ tử là tôi. Tức là mình xác định mình là Đệ tử Phật đã, chứ không phải mình là Đệ tử của ai hết. Và đức Phật thì biết, còn mình không biết. Phải xác định như vậy, chứ không phải vô rồi mình kêu mình biết hơn Phật. Thời nay có nhiều người hay đem mấy luận điệu của khoa học ra nói. Ví dụ như trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, kinh nào cũng nói: đức Phật ra đời là sanh bên hông phải. Rồi bắt đầu họ kêu: đó là kinh nói thế này thế kia, v.v… họ toàn nói như thế.

Thật ra họ không biết, họ không biết [vì] họ chưa khế nhập cảnh giới. Thiện Trang nói đơn giản thôi, như cõi Trời, quý vị có thấy không? Không thấy! Không thấy thì làm sao để quý vị nói có hay không có. Trong kinh nói có, mà quý vị phủ nhận là quý vị sai, đúng không? Không biết sai hay đúng, đức Phật nói là hãy tu đi, muốn biết có hay không thì mình tu đi, thật chứng Thiền chỉ đi, tu lên có Thần thông của Tứ thiền thì mới biết có. Rồi có những điều như thế, như thế.

Chứ còn mình đem khoa học ra, thì quy y với khoa học. Khoa học chẳng qua là nghiên cứu tới hiện tại thôi, có thể tương lai họ sẽ nghiên cứu khá hơn. Giống như bây giờ quý vị thấy những ca mổ đó, người ta đâu cần mổ da gì đâu, người ta bắn tia laser tích tụ ở trong, rồi mổ ở trong luôn được mà, đâu cần mổ ngoài đâu, đúng chưa? Có những khoa học bây giờ tiến bộ như vậy, [mà] mình cứ đem kiến thức phàm phu của mình so với cảnh của bậc Thánh, đó là điều khó.

Cho nên nhiều khi học mà không hiểu, không có thực hành, không biết được. Những cảnh giới Thần thông cũng vậy đó, quý vị không tin, thì thực hành đi rồi tin. Phải thực hành chứ, thực hành các Thiền chỉ cho tới nơi. Đúng như vậy rồi mình kiểm chứng, chứ còn không thì làm sao mình biết được. Cho nên là Thế Tôn biết, tôi không biết.

Này các Tỷ-kheo, đối với một Đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời giáo pháp bậc Đạo Sư được hưng thịnh, được nhiều sinh lực. Này các Tỷ-kheo, đối với một Đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp này được

khởi lên.

Dòng này quan trọng:

"Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhẫn nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dõng (dõng hay dũng)**".**

Quý vị thấy ở đây, làm sao đó mình tin Phật rồi, xác định mình là Đệ tử của Phật. Mình biết là Phật biết nhiều thứ lắm, còn mình không biết gì hết. Mình có lòng tin rồi, mình sống thể nhập vào đó, thì khi đó mình mới khởi lên được điều này. Mình nghĩ là mình dù còn da, gân và xương thôi, dầu thịt máu trên thân bị khô héo luôn, mình mong là mình sẽ có tinh tấn lực (sức tinh tấn) để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, thì khi đó mình tu mới thành tựu.

Này các Tỷ-kheo, đối với một Đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả như sau: Chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Quý vị thấy đoạn: 'Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhẫn nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dõng', mình hiểu được rồi, mình cũng tu tinh tấn cỡ đó. Nếu quý vị được như vậy thì chắc quý vị sẽ chứng được một trong hai quả: là Chánh trí (A-la-hán) ngay trong hiện tại, hoặc là chứng được quả Bất hoàn (Tam quả A-na-hàm). Giờ mình chứng A-la-hán [không] nổi, thì mình chứng Tam quả A-na-hàm.

Đoạn này [nói] là ngay trong hiện tại mình chứng luôn. Cho nên quý vị thấy đặc biệt lắm! Tu hành phải như thế, bây giờ làm sao mình tu niềm tin được cỡ đó.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

(Trích từ 70. Kinh Kīṭāgiri (Kīṭāgirisutta) – Kinh Trung Bộ).

Cũng là từ kinh trên, vì kinh này quá dài nên Thiện Trang chỉ trích đoạn thôi. Còn những đoạn giữa không trích.

Bây giờ mình tu được như vậy chưa? Chưa! Bây giờ sợ quá mà. Cho nên Sư Minh Tuệ tu kiểu đó đó, có thể hiện tại đã tới một trong hai quả A-la-hán hoặc Bất hoàn. Ai tu được như vậy? Mình tu chưa bao nhiêu, chưa đến nỗi vậy. Thật ra là do niềm tin mình chưa đủ, do mình [còn] phóng dật nhiều, mình [còn] ham, nên chưa chứng được Tam quả đâu. Căn tánh kém hơn thì ráng vào Sơ quả, từ từ Sơ quả rồi bắt đầu tiến lên tiếp.

Thiện Trang đã chia sẻ hết về phần này rồi. Bữa nay chia sẻ lại về Tâm sở trong A Tỳ Đàm. Tâm sở chúng ta đã học qua rồi, có 52 món Tâm sở: 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện. Chúng ta cũng học rồi, bữa nay chúng ta đang học 25 Tâm sở Tịnh hảo, gồm có 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành (chưa học hết), và có 6 Tâm sở Biệt cảnh. Ở đây Thiện Trang vẽ đủ rồi, quý vị học hết được 52 Tâm sở, hiểu là hành được. Ở đây giới thiệu sơ qua 3 Tâm sở Tịnh hảo Giới phần: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Mình hiểu thế nào là Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng luôn. Rồi 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần: Bi và Tùy hỷ. Từ bi vô lượng, Hỷ vô lượng. Và 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền là Trí tuệ.

Sau này mình sẽ học, còn bây giờ mình học tiếp, hôm bữa mình học tới Tâm sở Nhu tâm (12) và Tâm sở Nhu thân (13). Nhu là mềm, tâm không cứng. Chúng ta còn lại [Tâm sở] Thích thân và Thích tâm, rồi Thuần thân và Thuần tâm, Chánh thân với Chánh tâm. 6 [Tâm sở], còn ba cặp nữa là hết phần này. Hôm nay chúng ta sẽ học về Thích tâm và Thích thân. Nên nhớ có nhiều điều hay lắm.

Ở đây sẵn nói thêm, nhiều khi chúng ta học hơi mơ mơ màng màng, không học kinh rồi dễ tin người này là A-la-hán, người kia là A-la-hán. Hôm nay Thiện Trang cung cấp thêm một chút nữa, trong Kinh Tăng Chi, ở phẩm Hai Pháp có nói: Nếu một Tỳ-kheo mà chứng A-la-hán lậu tận, thì cho dù bị sét đánh trúng cũng không làm cho sợ hãi. Nguyên văn là: '**Này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các Lậu hoặc và con voi thuần chủng'** hay là chỗ [nói] '**con ngựa nòi giống tốt'**. Có hai loại đó.

Quý vị thấy A-la-hán ghê lắm, chứ không phải kém như mình đâu. A-la-hán còn sợ tùm lum tùm la mà cũng kêu là A-la-hán. Sợ người này, sợ người kia, sợ đủ các kiểu, nịnh hót người này, nịnh hót người kia, nịnh hót lãnh tụ quốc gia (như khen ông Tập suốt chẳng hạn). Không có chuyện đó! Quý vị nhớ A-la-hán là

bậc Thánh nhân, cảnh giới các ngài không thể nghĩ bàn.

Tâm sở Thích tâm và Thích thân

Tâm sở 14, 15 là hai Tâm sở Thích tâm và Thích thân. Chữ thích là gì? Thích ở đây không phải là yêu thích, thích đây là thích hợp, thích ứng. Ví dụ mình vào hoàn cảnh nóng quá mà mình cũng chịu được, thì gọi là thích ứng. Mình qua hoàn cảnh lạnh mình cũng chịu được nhanh, gọi là thích ứng nhanh.

Định nghĩa: Sự thích ứng của ba uẩn: Thọ, Tưởng, Hành và tính tốt đẹp trong việc thực hiện nhiệm vụ của chúng, gọi là Tâm sở Thích thân.

Như vậy Thích thân là gì? Chúng ta đụng tới thân là ba uẩn: Thọ, Tưởng, Hành. Trong bốn uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì chúng ta lấy Thọ, Tưởng, Hành đi với thân; còn Thức là đi với tâm. Sáu cặp Tâm sở này: Tịnh tâm - Tịnh thân, Khinh tâm - Khinh thân, Nhu tâm - Nhu thân, Thích tâm - Thích thân đều giống nhau hết. Sáu [cặp] này thì quý vị cứ nhớ: tâm là có đụng tới Thức trong Ngũ uẩn, còn thân là ba uẩn còn lại trong Ngũ uẩn. Trừ Sắc uẩn ra thì còn Thọ, Tưởng, Hành.

Về Danh uẩn (tức là về tinh thần) là bốn thứ: Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì mình cứ nhớ Thọ, Tưởng, Hành là thuộc về thân, còn Thức là thuộc về tâm. Nhớ như vậy thì học dễ, không khó gì. Còn nếu không, mình không hiểu điều đó thì mình học cứ mơ mơ màng màng, chẳng nhớ gì hết. Quý vị cứ nhớ như vậy là được.

Thiện Trang xin nhắc lại: Sự thích ứng của ba uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, và tính tốt đẹp trong việc thực hiện nhiệm vụ của chúng, thì gọi là Thích thân**.**

Sự thích ứng của Thức uẩn và tính tốt đẹp trong việc thực hiện nhiệm vụ của Thức uẩn, gọi là Thích tâm.

Có nghĩa là có một Tâm sở mà khiến cho cảm nhận của mình, tưởng tượng của mình và những suy nghĩ về khía cạnh thiện ác của mình, ba thứ đó mà thích ứng được với hoàn cảnh, tính tốt đẹp nghĩa là hướng về tính tốt, khi làm một việc gì đó, một suy nghĩ gì đó, một hành động gì đó, mà có điều đó, thì gọi là Tâm sở Thích thân.

Tương tự như vậy, nhưng thay vì ba uẩn: Thọ, Tưởng, Hành thì Thức uẩn

cũng vậy, gọi là Thích tâm. Hai thứ này lúc nào cũng đi chung với nhau. Vì bốn uẩn lúc nào cũng đi [cùng nhau] mà, không thể nào tách ra, nên đức Phật trình bày chung.

Thứ hai, hai Tâm sở này cùng có đặc tính là tích cách thích ứng hoạt động đối lập với các Triền cái còn lại, mà gây ra sự bất xứng của thân tâm. Nghĩa là hai Tâm sở Thích tâm và Thích thân giúp [cho] thích ứng với các hoạt động và đối lập với các Triền cái.

Quý vị có nhớ năm Triền cái không? Bây giờ phải thuộc Triền cái, tu Thiền mà. Triền cái gồm có:

1. Tham dục cái: Tham thì che đậy mình, triền thì quấn quýt mình, nên gọi là triền và cái. Triền là quấn lại, siết mình, cho nên nó kéo mình đi đâu thì mình đi đó. Ví dụ do mình tham ăn món chè, nên phải cố gắng chạy ra quán chè để mua cho được, mặc dù trời mưa gió. Hoặc là người nam, người nữ tham dục, cho nên trời mưa gió cũng phải ráng đi hẹn hò, kiểu vậy. Đó là tham, là triền dẫn mình. [Còn] cái là ngăn che, làm cho ngu, nó che trí tuệ lại cho nên không nhớ ra là trời đang mưa gió hoặc lỡ bão tố nguy hiểm, đi về mệt v.v… đâu có nhớ. Mà cứ chạy ra mua ly chè, mua trà sữa cho [bằng] được. Hoặc là đi gặp người yêu cho bằng được. Đó là Triền cái, trói buộc và ngăn che.

2. Sân [cái]: Sân cũng trói buộc, lúc đó mình làm những hành động không chính xác. Và cũng khiến cho mình muội tâm đi, nghĩa là mình khờ đi, ngu đi, che trí tuệ mất, cho nên gọi là Sân triền cái.

3. Nghi [cái]: Nghi tức là mình nghi ngờ, nên việc nào mình đưa ra không quyết định được. Mà đối với trong Phật pháp, Nghi là chướng ngại, tại vì mình nghi thì mình khó tu lắm, đặc biệt nghi thì cũng không tu Thiền được. Lúc đó mình phải tin là mình đắc Thiền, mình mới có thể nhập Thiền được. Chứ còn nghi không biết mình đúng hay chưa v.v… thì cũng không được, phải có tính quyết định.

Cho nên Nghi cái hay còn gọi là Nghi triền cái, mình cứ gọi tắt là Nghi cái. Nghi cũng khiến quấn quýt mình, lôi mình đi hướng khác. Ví dụ nghi quá thì đâu tin Phật pháp, cái là ngăn che, nên không có trí tuệ, nghe không được, nghe không hiểu, người ta giải thích mình cũng không hiểu luôn.

4. Thụy miên cái: Thụy miên tức là hôn trầm, tâm lờ đờ. Vì tâm hôn trầm, lờ đờ nên khiến cho mình bị kéo, bị trói buộc, mình không sáng suốt được, và cũng che trí tuệ đi. Ai buồn ngủ mà có trí tuệ, nghe hiểu được mới lạ, đúng không? Ngủ thì làm sao hiểu, đang buồn ngủ, mơ mơ màng màng thì cũng không [hiểu] được.

5. Trạo hối cái: Trạo hối tức là tâm mình cứ bừng bừng lên, toàn suy nghĩ gì lung tung, phóng dật, tức là nghĩ lung tung lang tang. Tâm lúc nào cũng toàn muốn nói người ta, không muốn nghe. Mình tranh luận với người ta là phang phang liên tục, thì gọi là Trạo cử.

Cho nên muốn tu Thiền thì phải nhớ năm Triền cái đó, và điều nào cũng kéo tâm, trói tâm hết, cũng khiến cho tâm và Tâm sở khó [ổn định]. Cho nên phải hiểu được điều này, [Triền cái] khiến cho thân tâm đều không tốt. Còn hai Tâm sở này, là Thích thân với Thích tâm thì thích hợp, phù hợp, điều chỉnh được. Cho nên cũng quan trọng trong việc tu tập.

Hai Tâm sở này chỉ cho khả năng thích ứng của những danh pháp câu sanh. Tức là gồm có Sở hữu tâm và tâm. Sở hữu tâm có khi gọi là Thọ, Tưởng, Hành, ba thứ đó. Tại vì có một số sách viết như vậy. Sở hữu tâm, quý vị chỉ cần nhớ là Thọ, Tưởng, Hành, ba thứ đó. Còn tâm chính là Thức là được. Quý vị đổi lại cho dễ nhớ, chứ không, có nhiều thuật ngữ quá, [bên] Duy Thức này có nhiều thuật ngữ quá.

Trạng thái chính của chúng là ngăn trừ sự không thích ứng hay không thể làm của tâm và những Sở hữu tâm. Sở hữu tâm tức là Thọ, Tưởng, Hành. Thôi chúng ta nói kiểu đó khó hiểu, sách toàn viết vậy. Thiện Trang nói đơn giản, trạng thái chính của nó là ngăn ngừa sự không thích ứng của Thọ, Tưởng, Hành, Thức (bốn thứ), nói vậy cho dễ. Từ từ bữa sau mình học về tâm riêng nữa.

Hai Tâm sở này có tướng trạng là sự giải tỏa không thích ứng của thân tâm, có nhiệm vụ là dẹp trừ cách không thích ứng của thân tâm, có biểu hiện là sự thành công của sự bắt cảnh…

Tức là nó giải tỏa sự không thích ứng của thân tâm. Ví dụ như mình có hai Tâm sở này thì tốt lắm, sẽ thích ứng nhanh đối với những hoàn cảnh, dẹp trừ những cách không thích ứng, và biểu hiện là để mình hiểu được những điều đó, tức là thành công trong bắt cảnh. Bắt cảnh tức là cảnh đang chuyển biến thế nào,

mình theo dõi được.

Ví dụ bây giờ Thiện Trang đưa [cục pin] này lên, quý vị nhận ra gì không? Không thấy hoặc thấy. Còn nếu quý vị đang suy nghĩ gì đó đâu đâu, thì quý vị không thấy. Đó là do mình bị không thích ứng. Tâm sở này sẽ cân bằng lại, thích ứng lại để cho mình hoạt động, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cảm nhận rất nhanh. Thiện Trang đưa một cái gì đó lên, ví dụ như cái [điều khiển] này, thì quý vị sẽ phát hiện ra đó là một cái điều khiển (remote). Quý vị nhận diện được và quý vị cảm thấy nhẹ nhàng v.v… Thọ, Tưởng, Hành, Thức: Thọ là Thọ lạc, Thọ khổ, Thọ không lạc không khổ. Tưởng là gì thì chúng ta cũng đã học rồi. Hành là gì, rồi Thức, mấy thứ đó đều thích ứng được, tức là đều quan sát được đối tượng này rõ ràng, thế này thế kia. Còn nếu không có thì nhiều khi tâm mình cũng không tương ưng.

Ở trong Chú Giải của bộ Pháp Tụ, nêu ra **hai Tâm sở này làm cho yên tĩnh và thuận lợi trong các pháp lợi ích, và có thể thích nghi như vàng ròng**. Cho nên [hai Tâm sở] này tốt, [và] cũng là một Tâm sở thiện (tốt).

Thích thân trong khi có sẽ ra sao? (Tức là khi nào mình có Tâm sở Thích thân thì sao?) **Đó là sự thích hợp với việc làm, cách thức thích hợp với việc làm, và trạng thái thích hợp với việc làm, của Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn, có trong khi nào thì Thích thân có trong khi ấy**.

Có nghĩa là khi nào Thọ uẩn (cảm nhận của mình), rồi Tưởng (suy nghĩ), Hành uẩn (là khía cạnh về thiện ác) thích ứng được, thích hợp với công việc. Bây giờ mình đang làm điều gì đó, ví dụ mình đang niệm hơi thở, tu đề mục Thiền chỉ, Thiền quán hơi thở, hít vô, thở ra 1-1; 2-2; 3-3; 4-4, nếu mình cảm nhận thấy rất dễ chịu, đang phù hợp, thích ứng rồi đó, thì là Thọ. Tưởng là gì? Chúng ta đang thấy rõ ràng hơi thở ra, vô như thế nào đó. Rồi Hành là gì? Tất nhiên là không thiện không ác rồi. Lúc đó mình đâu có nghĩ thiện ác ở trong đó. Thức là gì? Thức là biết rất rõ hơi thở, cảm nhận thế nào, quan sát hơi thở v.v… Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thức là tới sáu thức đó, cho nên bắt rất rõ. Đó là mình đang có Tâm sở này. Ba uẩn đầu [Thọ, Tưởng, Hành] gọi là Tâm sở Thích thân, còn Thức là Tâm sở Thích tâm.

Thích tâm trong khi có ra sao? Là sự thích hợp với việc làm, cách thức

thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp với việc làm của Thức uẩn, có trong khi nào thì Tâm sở Thích tâm vẫn có trong khi ấy. Đơn giản như vậy, nói chung mình nói bốn [uẩn] đi chung với nhau luôn cho dễ, còn tách ra hai thứ thì rõ hơn nhưng khó nhớ.

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Thích thân và Thích tâm:

1. Trạng thái là Thọ, Tưởng, Hành và Thức không lìa cách thức thích hợp công việc thiện. Tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức không rời khỏi thích hợp với việc thiện, cho nên có những điều này thì tự nhiên có thiện thôi. Còn nếu không có, thì có khả năng nó đẩy qua Tâm sở Bất thiện.

2. Phận sự là về Thọ, Tưởng, Hành và Thức bài trừ sự không thích hợp của công việc. Cái nào không thích hợp là nó bài trừ đi.

3. Thành tựu là Thọ, Tưởng, Hành và Thức tiếp xúc được với cảnh đầy đủ.

4. Nhân gần là có bốn điều đó, tức là Thọ, Tưởng, Hành và Thức.

Có người dùng ngôn ngữ Sở hữu tâm và tâm, nên [nhiều] khi mình không biết [tại] sao chỗ này nói Sở hữu tâm và tâm, để bữa sau chúng ta học kỹ hơn [về] tâm, để chúng ta phân biệt.

Như vậy quý vị nghe hiểu rồi đúng không? Đó là mình học về Tâm sở Thích tâm và Thích thân. Bữa sau chúng ta học tiếp, chúng ta học hết [Tâm sở] này là ok. Bữa nay mình chỉ học được Tâm sở Thích tâm và Thích thân, bữa sau mình sẽ học tiếp. Như vậy [đã học được đến] 14; 15 rồi đó, còn [bốn Tâm sở nữa là] 16; 17; 18; 19 nữa, nói chung [học] cũng nhanh.

Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta tạm nghỉ ở đây. Hẹn quý vị bữa khác. Bây giờ do Thiện Trang chưa đặt được file để quý vị đồng tu hỏi, những đồng tu nào không thể hỏi trực tiếp trong [zoom] thì quý vị có thể hỏi dưới bài này, trên YouTube. Quý vị đánh bình luận trên YouTube thì cũng không ai biết quý vị là ai, Thiện Trang cũng có thể kiếm bình luận. Nhớ là bình luận, chứ không phải đánh vào trong Chat đang trực tiếp, thì sẽ ẩn đi mất. Khi bình luận thì bình luận ở dưới, khi bài hết trực tiếp rồi, quý vị bình luận vô đó thì Thiện Trang sẽ trả lời trong buổi đó luôn. Tạm thời là như vậy, sau có thời gian thì sẽ làm một file đưa lên

đường link cho những ai đó làm. Hoặc quý vị không biết bên YouTube, thì quý vị có thể bình luận bên Fanpage Thích Thiện Trang với bài giảng này, Thiện Trang vẫn sẽ đọc được và sẽ trả lời vào thứ Sáu.

A Mi Đà Phật! Hôm nay thời gian hết rồi, mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 41

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 07/05/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=f_HXRsDEfZo

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về Câu Xá Luận. Bữa nay Thiện Trang đổi luôn tựa đề để mọi người khỏi thắc mắc. Nếu chúng ta để [tựa đề] Câu Xá Luận, thì nhiều người hỏi tại sao trong đây có những thứ khác nữa, nên chúng ta để luôn có nền tảng Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, và phần Vi Diệu Pháp. Tức là một chuyên đề mình học bốn thứ. Hiện nay chúng ta đang học ba phần sau, còn phần Luận Câu Xá hiện tại tạm dừng. Nhưng Luận Câu Xá cũng rất hay, chúng ta học sẽ thấy có rất nhiều điều hay, mà thực ra là lặp lại trong phần nền tảng mà chúng ta đã học, và sẽ chi tiết rõ ràng được nhiều vấn đề. Cho nên phần nào cũng hay hết. Hiện tại chúng ta sẽ học phần kinh của Phật là phần Vi Diệu Pháp.

Hôm nay chúng ta sẽ vào phần nền tảng. Đầu tiên giới thiệu [cho] quý vị phần nền tảng Kinh A Hàm và Kinh Nikaya. Chủ đề đầu tiên là chủ đề về đời sống:

Làm Các Lễ Cúng Cho Người Chết Thì Các Bà Con Huyết Thống Đã Chết Có Được Hưởng Bố Thí Ấy Hay Không?

Điều này trích từ Kinh Nikaya. Trong Kinh A Hàm và [Kinh] Nikaya hầu như có tất cả mọi vấn đề. Chúng ta có thể coi để biết đức Phật trả lời như thế nào.

Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi Bà-la-môn, cho bố thí, làm các lễ cúng cho người chết. Mong rằng, bố thí này cho bà con huyết thống đã chết được lợi ích! Mong rằng các bà con huyết thống đã chết, thọ hưởng bố thí này! Thưa Tôn giả Gotama, bố thí có lợi ích gì cho các bà con huyết thống đã chết không? Các bà con huyết thống đã chết có được thọ hưởng bố thí ấy hay không?

Vấn đề ở đây là vấn đề mà [đối] với chúng ta cũng rất thiết thực đúng không? Khi người thân qua đời, người ta làm các việc bố thí để cúng, mong người đó được hưởng sự bố thí đó, hưởng được sự lợi ích. Cụ thể ở đây là nói về bố thí, tức là người bà con đó có nhận được không? Chứ còn nói về lợi ích thì chúng ta có bài Kinh Bồ Tát Địa Tạng Bổn Nguyện rồi. Ở đây chúng ta nói về bài kinh này, mình làm lễ cúng dường như cúng cơm, cúng gì đó, cúng giỗ thì liệu có được lợi ích hay không? Người đó có nhận được đồ ăn đó hay không? Ý là vậy! Chúng ta coi đức Phật trả lời:

- Này Bà-la-môn, nếu có tương ưng xứ, thời có lợi ích, không có lợi ích nếu không có tương ưng xứ.

- Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là tương ưng xứ, thế nào là không tương ưng xứ?

Đức Phật trả lời là cũng có lợi ích nếu tương ứng xứ, và không có lợi ích nếu như không tương ưng xứ. Vậy thế nào là tương ứng xứ và không tương ứng xứ, thì ông Bà-la-môn đó cũng hỏi luôn rồi. Chúng ta xem tiếp:

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân, có tà kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào Địa ngục. Món ăn của chúng sanh ở Địa ngục ăn, tại đấy, vị ấy nuôi sống với

món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở nơi đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Trường hợp thứ nhất, đức Phật đưa ra một người làm những điều ác: là sát sanh, trộm cắp, sống tà dâm, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham, có sân, có tà kiến. Tức là họ đi ngược lại với Thập thiện, làm mười điều Thập ác. Sau khi thân hoại mạng chung (sau khi chết) thì họ sanh vào Địa ngục. Ở đó đức Phật nói họ ăn thức ăn ở Địa ngục, chứ không ăn được thức ăn mà người thân cúng, làm lễ cúng không được, tại vì không tương ưng xứ. Cho nên chúng ta thấy trường hợp thứ nhất là không được, trường hợp người thân đọa vào Địa ngục thì không được nhận.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... (giống như trên, tức là mười điều bất thiện) **có tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào loại bàng sanh** (Súc sanh)**. Món ăn của chúng sanh ở bàng sanh ăn, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ; trú ở đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.**

Trường hợp thứ hai là người thân đó đã vào loài Súc sanh, chết xong rồi sanh vào loài Súc sanh. Cúng như vậy thì họ cũng không ăn được, họ không nhận được. Tại vì họ đã vào loài Súc sanh thì họ phải ăn đồ ăn của loài Súc sanh thôi.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có tâm sân hận, có Chánh kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh cộng trú với loài Người. Món ăn của loài người như thế nào, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Trường hợp thứ ba là người ta đã sanh vào cõi Người. Người ta cũng làm thiện làm lành, không phạm những điều Thập ác, cho nên họ sanh vào cõi Người, họ ăn đồ ăn ở cõi Người, chứ mình cúng nữa thì họ cũng không nhận được.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... (đoạn giống như trên) **có Chánh kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên. Món ăn của chư Thiên như thế nào, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn đây là không tương ưng xứ, trú ở đây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.**

Trường hợp thứ tư [là] người ta sanh lên cõi Trời. Mình cúng cho người thân thì người thân cũng không ăn, người ta ăn thức ăn cõi Trời rồi, chứ ai ăn [đồ ăn] dưới đây.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có tà kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi Ngạ quỷ. Món ăn của chúng sanh Ngạ quỷ như thế nào, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Món ăn nào các bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc bà con, hoặc người cùng huyết thống từ đấy muốn hướng cúng cho vị ấy, tại đấy vị ấy sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là tương ưng xứ, trú ở đây, vị ấy được lợi ích của bố thí ấy.

Trường hợp thứ năm là người thân chết đọa vào con đường Ngạ quỷ. Khi người bình thường, như mình cúng cho họ, đức Phật nói do mình hướng tâm cúng dường cho họ, thì họ ăn được, họ thọ dụng được. Trường hợp này là được.

Như vậy trong bốn trường hợp trên thì không [nhận] được: Trường hợp đọa vào Địa ngục, trường hợp đọa vào Súc sanh, trường hợp [sanh] vào cõi Người, và cõi Trời. Bốn trường hợp đó, nếu mình cúng thì người thân chết đó không nhận được. Mình cúng đồ ăn, người ta không nhận được. Còn nếu trường hợp ở Ngạ quỷ thì nhận [đồ] ăn được.

Đây là câu hỏi mà có nhiều người hỏi: "Vậy bây giờ mình theo đạo Phật rồi, thì có cúng cho người thân hay không?" Bài này rất rõ ràng. Quý vị thấy tất cả vấn đề có trong kinh, chúng ta cứ theo kinh là yên tâm, chúng ta tin vào lời của đức Phật.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống ấy đã chết, không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy?

- Này Bà-la-môn, các bà con huyết thống khác đã chết, được sanh vào chỗ ấy, những người ấy được hưởng bố thí ấy.

Nghĩa là tuy quý vị cúng, giả sử người thân mình đi vào bốn đường: Địa ngục, Súc sanh, cõi Người, cõi Trời rồi, quý vị cúng như vậy thì những người đó không nhận được. Nhưng có những người thân khác, bà con huyết thống khác đã chết mà sanh vào đường Ngạ quỷ, thì họ sẽ thọ nhận được. Có nghĩa là mình cúng vẫn có lợi ích, người đó không nhận được nhưng có thể người khác nhận được. Nhưng sẽ có những trường hợp thế nào, chúng ta thắc mắc, thì ở đây có trả lời luôn.

- Thưa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống đã chết, không sanh vào chỗ ấy, và các bà con huyết thống khác cũng không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy?

Có trường hợp, ví dụ bây giờ mình có một người thân vừa mới qua đời, mình cúng cho người thân đó, nhưng người thân đó không sanh vào đường Ngạ quỷ, mà họ sanh vào bốn đường kia, thì họ đâu có hưởng được, vậy sẽ có người thân khác hưởng. Nhưng ông này nói lỡ mấy người kia cũng không sanh vào đó luôn, tức là nhà mình không có ai sanh vào Ngạ quỷ hết, vậy thì ai hưởng? Ông ấy hỏi như vậy.

- Không có trường hợp ấy, không có cơ hội ấy, này Bà-la-môn, rằng chỗ ấy có thể trống không trong một thời gian dài, không có người bà con huyết thống đã chết. Nhưng này Bà-la-môn, người bố thí không phải không có hưởng quả.

Ở đây đức Phật nói không có trường hợp đó, tức là chắc chắn mình sẽ có những bà con huyết thống ở trong đường Ngạ quỷ. Đó là điều chắc chắn.

Quý vị thấy đây cũng nói lên nỗi khổ trong đường luân hồi. Chúng sanh lúc nào cũng có bà con trong đường Ngạ quỷ, cho nên lúc nào cũng có [người thọ nhận]. Đức Phật nói không có chuyện đó, không có chuyện mà không có người thân nào của mình ở trong đường Ngạ quỷ. Như vậy việc bố thí đó rõ ràng là có mang đến lợi ích, không được cho người này thì cũng được cho người khác. Mình

học Phật không tới nơi, rồi mình bỏ hết, mình không cúng luôn, thì không phải. Điều này là một sai lầm, nếu như mình học không tới nơi. Hôm nay mình học bài này rõ rồi.

Đức Phật nói là người bố thí, như mình làm việc bố thí, thì không phải là không có hưởng quả. Tại vì mình bố thí thế nào thì cũng có người hưởng, cho nên mình cũng có được quả báo.

- Có phải Tôn giả Gotama nói một giả thuyết không thể xảy ra? (Tức là ông này ông cũng chưa chấp nhận, muốn hỏi nữa. Làm gì có chuyện mà không có người thân nào vô trong đó, ông giả thuyết thôi, tức là ổng nghĩ có trường hợp đó).

- Này Bà-la-môn, Ta nói một giả thuyết không thể xảy ra. Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. Người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài voi. Tại đây, vị ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác. Vì rằng, ở đây, này Bà-la-môn, có sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến, do vậy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài voi. Vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; do vậy, tại đấy vị ấy được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác.

Đoạn vừa rồi khá dài, không biết quý vị có hiểu không? Thiện Trang xin tóm tắt lại: Đức Phật nói có những người làm những điều ác (mười bất thiện nghiệp), nhưng họ còn làm việc nữa là họ có bố thí cho các Sa-môn, các Bà-la-môn (những người xuất gia) các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, giường nằm, đèn đuốc, v.v… Người ấy do làm mười bất thiện đó nên khi chết họ đọa vào làm voi, và họ vẫn được quả báo là cũng được đồ ăn uống của loài voi đầy đủ. Điều đó là do đời trước họ bố thí. Đây là một vấn đề mà chúng ta phải chú ý, nhiều người đọc đoạn này

không hiểu, nhưng đọc kỹ lại thì như vậy.

Như vậy không có nghĩa là mình cứ thỏa mái đi cúng dường, bố thí suốt cho Sa-môn, Bà-la-môn, rồi mình cứ làm ác. Không được! Vì nếu làm ác như vậy thì mình sẽ vào trong loài Súc sanh để mình hưởng, cụ thể ở đây là loài voi. Trong trường hợp này đưa ra giả thuyết như vậy. Vô loài Súc sanh cũng có lợi ích đó, nhưng lợi ích kiểu đó thì cũng không nên. Cho nên quý vị giữ các điều thiện, điều lành, giữ giới, rất tuyệt vời. Nhiều khi người ta cứ tưởng đi cúng dường là ngon rồi. Không có! Cúng dường mà không giữ giới, không làm thiện, một hồi thì cũng vô trong loài Súc sanh để hưởng phước.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh cộng trú với các loài ngựa... sanh cộng trú với các loài bò... cộng trú với các loài gia cầm. Vị ấy tại đấy, được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác. Vì rằng, này Bà-la-môn, có sát sanh, có lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, có nói láo, có nói hai lưỡi, có nói lời độc ác, có nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào cộng trú với các loài gia cầm. Vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, nên tại đấy vị ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác.

Ở đây đức Phật nói rộng ra ở trên. Cũng vậy, có những người không làm Thập thiện, như họ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời thêu dệt, nói lời thô ác, có sân, có tà kiến (si). Rồi họ cũng đi cúng dường bố thí cho các hàng người xuất gia Bà-la-môn hay Sa-môn, mình nói bây giờ là cúng dường cho những người xuất gia của đạo Phật và các Tôn giáo khác. Khi chết, do nghiệp ác đó trổ thì họ sẽ đọa vào loài Súc sanh. Tuy nhiên do phước mà họ cúng dường bố thí, nên họ cũng được hưởng trong loài Súc sanh, có những đồ ăn đồ uống, đủ thứ các kiểu. Thậm chí quý vị thấy bây giờ có những con vật, như con

chó được mặc áo, được dẫn đi [dạo], được chăm sóc đầy đủ, được [khám] bác sĩ đầy đủ, chính là hạng người như vậy đó. Mấy con thú cưng được nuôi quá đầy đủ, là do đời trước có đi chùa, có đi tôn giáo này tôn giáo kia, có cúng dường, có bố thí, nhưng không làm Thập thiện, cho nên đọa vào đó.

Quý vị thấy nhân quả rõ ràng! Chứ không phải kêu tôi đi làm [cúng dường, bố thí] là bù hết [tội] rồi. Không có! Đây gọi là nghiệp đen trắng cho quả báo đen trắng. Cái nào ra cái đó, chứ không phải mình lấy cái này bù cái kia được đâu. Phải cẩn thận!

Ở đây, này Bà-la-môn, có hạng người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham ái, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến. Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với loài Người. Tại đấy, vị ấy được năm loại dục công đức sai khác, thuộc về loài Người. Vì rằng, này Bà-la-môn, vị ấy từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có sân tâm, có Chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với loài Người. Vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, các trú xứ, đèn đuốc; do vậy, ở đấy vị ấy được năm dục công đức của loài Người.

Như vậy tương tự, nếu mình sanh vào loài Người, thì mình cũng được giàu có, được đủ các loại (năm công đức: Tài, sắc, danh, thực, thùy). Mình có rất nhiều tài sản, có danh tiếng, chức vụ, mình có nhan sắc (sắc đẹp), rồi có những người hầu hạ, v.v… rồi có ăn, có ngủ, đồ ăn đầy đủ, có giường nằm ngon lành, [là] do bố thí đời trước. Quý vị thấy việc đó cũng rất quan trọng đối với những người còn ở trong luân hồi.

Chúng ta coi tiếp đoạn cuối cùng. Cũng tương tự như trên, Thiện Trang đọc nhanh nha.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến, người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên. Vị ấy tại đấy được năm loại dục công đức của chư Thiên. Vì rằng ở đây có từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, cho nên sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư Thiên. (Vì sao?) **Vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Do vậy, tại đấy vị ấy được năm dục công đức của chư Thiên.**

Cũng tương tự như vậy, vì sao? Vì họ làm như vậy nên được như vậy. Cho nên người bố thí không phải là không có kết quả. Người bố thí lúc nào cũng có kết quả hết. Câu chốt lại của đức Phật là:

Như vậy, này Bà-la-môn, người bố thí không phải không có kết quả. (Tức là người bố thí lúc nào cũng có kết quả hết, sẽ có kết quả).

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Cho đến như thế này, thưa Tôn giả Gotama, là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để tổ chức các tín thí. Vì rằng, ở đấy, người bố thí không phải không có kết quả (như đã được nói).

- Như vậy, này Bà-la-môn, người bố thí này không phải không có kết quả.

- Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama... Xin Tôn giả Gotama hãy nhận con làm Đệ tử Cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(Kinh (10.177) Jāṇussoṇi (SA 1041) – Kinh Tăng Chi).

Ở đây, quý vị thấy chúng ta làm rõ được hai vấn đề trong bộ kinh này: Thứ nhất, khi người thân mình qua đời, mình làm lễ cúng thì họ có được nhận hay không, là tùy thuộc vào đường sanh của họ đời sau, họ đã chết và đi về đâu. Nếu vào Ngạ quỷ thì họ nhận được đồ ăn đó. Còn nếu họ sanh vào Địa ngục, Súc sanh, cõi Người, cõi Trời thì không được. Và nếu họ không nhận được, thì những người

thân khác ở trong đường Ngạ quỷ sẽ nhận được. Còn người bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn v.v… thậm chí mình có cúng dường thì đều có lợi ích. Bố thí như vậy đều có lợi ích, và đời sau đều có quả. Cho dù làm ác, đọa vô trong đó cũng được hưởng, nhưng hưởng kiểu chúng sanh ác. Mà vô Súc sanh thì mới được hưởng, ở đây nói từ 'Súc sanh' đúng không? Đức Phật đâu nói Ngạ quỷ, đức Phật nói từ 'Súc sanh'. Vô loài Súc sanh vẫn được hưởng, nhưng hưởng kiểu đó Thiện Trang thấy không ổn chút nào.

Cho nên thà ráng làm người, giữ Mười thiện cho tốt đúng không ạ? [Đây là] tầm quan trọng của Thập thiện, làm cho tốt để ít nhất mình [được] cõi Người. Đó là tại sao phải tu Thập thiện, rõ ràng như vậy, rất rõ ràng, trong kinh đức Phật có nói. Cho nên chúng ta chỉ cần học kinh, tất cả vấn đề mà chúng ta thắc mắc đều sẽ được giải đáp.

Đó là [điều] thứ nhất. Bữa nay Thiện Trang xin đưa thêm một vấn đề quan trọng nữa.

Tiêu Chuẩn Để Nhận Ra Đâu Là Phải Hay Không Phải Pháp, Luật, Lời Dạy Của Đức Phật

Bữa nay mình sẽ đưa ra lời trong kinh, tiêu chuẩn nhận ra đâu là phải hay không phải là Pháp, Luật, lời dạy của đức Phật. Tức là bây giờ mình hay nói có những Pháp môn tu tùm lum hết, thì đâu là của Phật, vì bây giờ nhiều [pháp tu] quá. Đây là một nhân duyên, cũng là trong một bộ kinh.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, tại Mahāvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī (tức là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề) **đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī** (bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề là dì của Thái tử Tất Đạt Đa) **bạch Thế Tôn:**

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Ở đây Thiện Trang xin nhắc lại một chút, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề lúc này chắc là bà đã đi xuất gia rồi, đoạn này không có nói rõ, nhưng bà muốn đức Phật nói

cho bà về pháp này. Đoạn này tuy là hỏi như vậy, tuy nhiên ở trong các Chú Giải, người ta xác định có khi có một đoạn nữa, đó là bà hỏi: *"Bạch đức Thế Tôn! Sau này có những người, họ sẽ nói lời này là của Phật, của Luật v.v... thì làm sao con biết đâu là của ai?"* Mình sẽ căn cứ vào đây. Đoạn kinh này không có đoạn đó, nhưng trong Chú Giải người ta lại nói như thế, có thể là do kết tập kinh bị thiếu.

- Này Gotamī, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham; đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược; đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập; đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục; đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ; đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh; đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn; đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng". Này Gotamī, hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

Tức là bây giờ [muốn] biết pháp nào là [của Phật] hay không, thì chúng ta có tiêu chuẩn. Đầu tiên, không phải là Chánh pháp, thì quý vị pháp đó tu một hồi sẽ đưa đến tham dục, chứ không phải ly tham. Thứ hai là đưa đến hệ phược, tức là trói buộc làm cho mình càng khổ thêm, bị ràng buộc vô thêm, tu một hồi là khổ hơn. Ví dụ nhiều đồng tu Tịnh Độ, nhiều khi tu kiểu gì không biết, mà càng ngày càng khổ, thì sự khổ hơn đó là hệ phược trói buộc. Hồi xưa không tu thì cũng tốt lắm, mà sao tu một hồi có đủ thứ chuyện. Mình phải coi lại mình tu thế nào chẳng hạn. Đó gọi là đưa đến hệ phược.

'Đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập': Tích tập là gì? Tích tập ở đây không nói rõ, nhưng tích tập có thể là tích chứa thêm, càng ngày càng chứa thêm. 'Đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục': tức là đưa đến việc mình càng ham dục nhiều hơn, không phải đưa đến ít muốn, ít ham dục. 'Đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ': tức là thường mình thiểu dục tri túc, [còn đây] là không biết đủ, càng ngày càng ham thêm. 'Đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh': có nghĩa là tu pháp đó một hồi đưa thêm càng ngày càng đông. Đông tức là mình ham tổ chức cho đông này kia v.v... đông người, chứ không phải nhàn tịnh. Đây cũng không phải pháp của Phật dạy. 'Đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn': một hồi mà đưa đến mình lười biếng thì không được. 'Đưa đến khó nuôi dưỡng, không

đưa đến dễ nuôi dưỡng': nghĩa là mình càng sống thì càng khó được nuôi dưỡng. Khó nuôi dưỡng là thế nào? Ăn cái gì cũng không được, cái này không được, cái kia cũng không được. Hồi xưa chưa tu thì ăn gì cũng được hết, còn bây giờ thì khó khăn, phải đủ các kiểu.

Rồi sao nữa? Khó nuôi dưỡng là sống chung với người ta không được luôn. Khó tính lên, soi mói người khác, nói người này thế này, người kia thế kia, 'trong gia đình toàn La-sát, ác quỷ, thấy toàn là chúng sanh trong ba đường ác'. Ai mà tu như vậy thì đức Phật nói đó không phải là Pháp, đó không phải là Luật, đó không phải lời dạy của bậc Đạo sư, tức không phải là lời của Phật.

Cho nên trong Chánh pháp, mình có tiêu chuẩn, quý vị thấy không ạ? Đây là đức Phật nói. Bây giờ chúng ta nói rõ hơn. Ở [đoạn] trên Thiện Trang không có đánh [số], chúng ta chỉ cần nắm [tiêu chuẩn] ở [đoạn] dưới [đây] là được.

Và này Gotamī, những pháp nào bà biết: "Những pháp đưa đến (1) ly tham, không đưa đến tham dục (nhớ làm sao tu một hồi pháp đó phải đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục. Điều này dễ đúng không? Hầu như ai tu cũng được điều này)**; (2) đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược** (tu một hồi thì bớt ràng buộc, chứ không phải tu một hồi ràng buộc đủ thứ hết. Giống như ràng buộc nào là bà con, nào là tình thân, nào là huynh đệ, nào là thầy trò v.v... toàn là ràng buộc hết. Tại vì sao? Giống như nhiều người nói tôi tu giải thoát, mà bây giờ thôi, cứ ở trong chùa phục vụ Sư phụ đi. Cho nên đó là hệ phược rồi, bị trói buộc rồi. Tự nhiên mình thêm nhiều thứ vô, rồi bị trói buộc trong chùa, trói buộc trong nhà, trói buộc trong gì đó v.v... Mình làm sao để khỏi bị trói buộc, phải ly ra được, thoát ra được, thì đó là pháp Phật dạy); **(3) đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập** (tức là đừng có ham tích chứa cho nhiều vô); **(4) đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn** (điều này cũng vậy, giống hồi nãy, ít dục, chúng ta tự hiểu); **(5) đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ** (tức là biết đủ thôi, chứ không phải càng ngày càng ham, ham nhiều lên là sai rồi)**; (6) đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội** (quý vị chú ý điều này giùm! Thời nay coi chừng rớt điều này, một hồi tụ hội cho đông, là không đúng. Chỉ đưa đến nhàn tịnh thôi); **(7) đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác** (tinh tấn, không biếng nhác. Đa số đồng tu thì tinh tấn rồi, khỏi nói)**; (8) đưa đến dễ nuôi**

dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng" (cho nên làm sao cuối cùng sống được với mọi người, chứ không phải một hồi rồi mình khó nuôi dưỡng quá. Điều này cũng không được, điều kia cũng không được v.v… đủ các kiểu. Rồi mình ép người này, ép người kia, đủ các kiểu. Đó là không phải Chánh pháp).

Này Gotamī, hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư".

(Kinh (8.53) Tóm Tắt: Saṃkhitta – Kinh Tăng Chi).

Quý vị thấy đây là một tiêu chuẩn, rút gọn 8 điều này để soi Chánh pháp. Tất nhiên có rất nhiều cách để soi, nhưng hôm nay chúng ta đưa thêm một cách nữa. Quý vị cứ coi vào đó, chúng ta thấy ai tu một hồi mà trật so với đó thì biết tu sai rồi. Chính bản thân mình, mình biết mình tu sai. Cho nên là quý vị thấy những nền tảng này cực kỳ quan trọng đúng không ạ? Rất hay! Rất rõ ràng! Không có khó gì để hiểu những điều này.

Hôm nay, để thay đổi không khí cho đỡ buồn ngủ, mọi ngày thì đưa câu chuyện lên trước, hôm nay đưa câu chuyện xuống đây để cho quý vị tỉnh táo, không buồn ngủ. Nãy giờ nghe toàn lý thuyết thôi.

Câu Chuyện Nhân Quả Của Một Người Bị Bệnh Hủi Vào Thời Đức Phật

Câu chuyện này cũng rất hay. Mời quý vị nghe:

Như vầy tôi nghe: Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, Veḷuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng vây quanh, đang ngồi thuyết Pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đàng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: "Không nghi ngờ gì nữa, ở đấy, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm". Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Tức là lúc đó đức Phật đang giảng kinh, đại chúng vây quanh, thì có một

người bị cùi (bị hủi) thấy chỗ đó đông người, tưởng được chia đồ ăn, cho nên ổng chạy vô để kiếm coi có thức ăn cứng hay mềm không, [để] ăn. Ổng nghĩ như vậy cho nên chạy vô. Quý vị thấy nhân duyên để ổng vô hội chúng của đức Phật là như vậy.

Người hủi Suppabuddha, sau khi đi đến đại chúng ấy, thấy Thế Tôn đang thuyết Pháp cho đại chúng đang vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết Pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe Pháp". Tại đấy, người hủi ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe Pháp".

Ông này cũng hay đó, quý vị thấy không? Ổng vô [vì] muốn kiếm thức ăn, ổng bị cùi, bị hủi rồi, [muốn] kiếm thức ăn. Nhưng vô rồi thì không thấy thức ăn, mà thấy đức Phật đang thuyết pháp, ổng nghĩ: “Thôi vậy ta ngồi xuống nghe pháp”. Cũng hay! Ông này cũng có căn lành đó, chứ là người khác thì bỏ đi rồi đúng không?

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng, tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được Pháp". Thế Tôn thấy người hủi Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, người này có thể hiểu Pháp". (Tuyệt vời hơn nữa là đức Phật quán thấy ông này có thể hiểu pháp, cho nên là sẽ thuyết pháp cho ổng).

Vì người hủi Suppabuddha, Thế Tôn tuần tự thuyết Pháp, tức là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về thiên giới, thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủi Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết Pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Quý vị thấy cách thuyết pháp của đức Phật rất là tuần tự, thuyết thế nào? Đầu tiên là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về Thiên giới (ví dụ cõi Trời), thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, ô nhiễm. Nói chung là thuyết đó cũng chưa cứu cánh, phải ra khỏi sanh tử mới cứu cánh. Đức Phật biết tâm của ổng đã sẵn sàng rồi, nên mới thuyết Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tức là Tứ đế. Lúc nào cũng vậy thôi, cách

như vậy.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủi Suppabuddha: "Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt". Khi ấy người hủi Suppabuddha thấy Pháp, chứng Pháp, ngộ Pháp, thể nhập vào Pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bổn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủi Supabuddha bạch Thế Tôn:

Nghĩa là ông này nghe pháp xong thì chứng luôn Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đoạn vừa nói là được 'Pháp nhãn xa trần ly cấu'. Ổng hiểu được, ổng đắc được Sơ quả Tu-đà-hoàn. [Lúc đầu ổng] mong được đồ ăn thôi, vô được chia phần, nhưng cuối cùng được ăn pháp. Và không chỉ ăn pháp bình thường, đức Phật nhắm cho ổng mà thuyết, cho nên ổng đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Quý vị thấy tuyệt vời không? Tuyệt vời! Đâu có khinh thường được đúng không? Người bị bệnh như thế, vô gặp đức Phật, tình cờ vô thôi mà đức Phật thuyết cho bài pháp, cũng chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Tuyệt vời!

Quý vị thấy ở đây cũng có nói được mấy điều: thể nhập vào Pháp, nghi ngờ tiêu trừ (là hết nghi), do dự diệt tận (là hết do dự), chứng được tự tín (là niềm tin của mình tự có luôn, tại vì Sơ quả Tu-đà-hoàn mà, hết nghi), không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bổn Sư (tức là từ đó trở đi ổng chỉ nhận Phật làm thầy). Nhớ! Sơ quả Tu-đà-hoàn có năng lực này. Khi nào quý vị tin chắc như vậy là ok. Tất nhiên là những người khác đều là đồng học của quý vị thôi, bao giờ quý vị [chứng] Sơ quả Tu-đà-hoàn là vậy đó.

Bây giờ ổng bạch với Phật thế nào?

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh Pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y

Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm Đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Tất nhiên ổng sẽ tán thán đức Phật, giống như những gì bị ngã xuống được thì dựng lên lại, những gì bị che kín thì được phơi bày ra, những người bị lạc đường thì được chỉ đường hướng, những người trong bóng tối thì đem đèn vô cho sáng. Đức Phật dùng nhiều phương tiện như vậy. Và ổng cũng xin quy y Phật, Pháp, Tăng, quy y Tam Bảo trong đời. Quý vị thấy Quy y Tam Bảo thời đó cũng đơn giản.

Rồi người hủi Suppabuddha được Thế Tôn với bài Pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Đây là cách đi, tức là ổng đi ngang ngang mà đi ra, thân bên hữu tức là đi ngang ra, chứ không có quay lưng lại mà đi. Trong kinh chúng ta thấy có diễn tả như vậy. Tức là người xưa người ta không có đi quay lưng vô đức Phật đâu, mà người ta đi ngang để lui ra. Cho nên quý vị thấy mình học được rất nhiều điều ở đây, và quý vị có niềm tin hơn. Một người như vậy, ăn xin nghèo đói, bị bệnh hủi nữa mà nghe pháp cũng còn đắc đạo. Còn mình thế nào? Mình hơn mà mình không đắc đạo, tại vì mình không gặp đức Thế Tôn đúng không?

Rồi một con bò húc vào người hủi Suppabuddha và đoạt mạng sống của người ấy. (Tức là ổng chứng quả xong thì ổng chết luôn, bị con bò húc chết, quý vị thấy đáng thương không?) **Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:**

- Bạch Thế Tôn, người hủi tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài Pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?

Bấy giờ các Tỳ-kheo thấy ổng nghe mới có bài pháp, [rồi] ra bị con bò húc chết, thì liệu ổng sanh về đâu và tương lai thế nào? Quý vị thấy các Tỳ-kheo hỏi

[như vậy], tất nhiên các Tỳ-kheo có thể không biết.

- Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủi Suppabuddha, đã thực hành tùy Pháp đúng Pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về Pháp. Người hủi Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Đức Phật nói rõ ổng là người Hiền trí luôn, chứ không đơn giản đâu, thực hành tùy Pháp đúng Pháp, không làm phiền nhiễu, không tranh luận với đức Phật. Đức Phật thuyết là ổng nghe luôn, và ổng đã đoạn được ba Kiết sử rồi. Cho nên chưa có tu tập ngày nào, chỉ nghe một thời pháp thôi mà chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn, không còn thoái đọa, chắc chắn được Chánh giác.

Cho nên không phải [tu] ghê gớm gì đâu. Giống như bây giờ có nhiều người nghĩ sai lầm, nghĩ là phải tu cả đời tinh tấn thì mới chứng. Không phải! Nhiều khi vô một cái là đắc. Tại sao vậy? Tại sao có những trường hợp như vậy, mà cũng có người tu hoài không chứng? Thiện Trang cũng nói rồi, trong kinh có rất nhiều câu chuyện như vậy, có nhiều người tu hoài không chứng, cả đời tu tinh tấn cũng không chứng. Tại vì sao? Do tu chưa đủ, chưa đúng. Đúng và đủ thì tới lúc sẽ chứng, tức là sẽ chứng quả thôi. Còn người này chắc là đời trước tu gần đủ rồi, cho nên vô, [được đức Phật] điểm thêm chút nữa là xong, chỉ vậy thôi quý vị. Chúng ta coi thử đức Phật có nói nhân duyên tại sao không.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủi Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng? Chúng ta cũng muốn nghe nguyên nhân đó đúng không ạ?

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủi Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Rājagaha. Khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khất thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủi này lại đi dạo chơi", rồi vị ấy nhổ nước miếng, và xoay lưng phía trái rồi bỏ đi. Do hành động này của vị ấy được thuần thục, mà trong suốt nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị

ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thục thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Rājagaha này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào Pháp Luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng tin, vị ấy được giới, vị ấy được nghe Pháp, vị ấy được từ bỏ, vị ấy được trí tuệ, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đấy, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Đoạn này cực kỳ hay đúng không quý vị? Nhân quả là một người hủi và là một người nghèo, là tại sao? Vì đời xưa, khi đi qua khu vườn, thấy một vị Phật Độc giác (Bích-chi-phật) đi vào thành khất thực, thì lại chê rằng người bị hủi (người bị cùi) đi dạo chơi, rồi còn nhổ nước miếng nữa, xoay lưng lại mà đi. Cho nên vị ấy bị đọa Địa ngục nhiều trăm ngàn năm trước đã, bị nấu trong Địa ngục. Rồi sau đó mới sanh ra đời, làm người ăn xin, nghèo đói và bị bệnh cùi đó.

Cho nên đừng có giỡn! Nhiều khi mình không biết, mình chê, ra ngoài đường thấy người xấu xấu, mình chê, rồi mình coi thường, ai ngờ người ta chứng quả Thánh rồi mà mình đâu biết, chứng Phật Độc giác [mà mình] không biết. Cho nên đó là tội chê bai, phỉ báng Thánh nhân, cho nên nặng. Hãy cẩn thận, nghiệp này dễ tạo lắm. Mình học Phật rồi, mình nhìn những người xấu xấu thì mình phải thương, chứ không phải mình nhìn rồi mình chê bai, tất nhiên nhiều khi tập khí như thế nào đó, khởi lên.

Nhưng rất may, cuối cùng vị ấy cũng được gặp Phật, được [nghe] thuyết pháp rồi cũng hết. Đời này chết rồi sanh lên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi), là tầng trời thứ hai. Còn hơn những chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng, tức là được có chức danh ngon hơn, được tướng mạo ngon lành, và còn chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn nữa, rất tuyệt vời!

Cho nên từ đó quý vị thấy, đừng có bi quan, mình không có nghiệp nặng đâu, nghiệp mình cũng nhẹ nhẹ đó. Nhưng khổ nỗi đời này không đắc đạo, tại vì sao quý vị biết không? Tại vì không gặp Phật, chứ gặp Phật, [được] Phật điểm cho một cái là được, bây giờ đâu có Phật đâu. Bây giờ đâu có Phật, cho nên tu nghiễn, trúng chỗ nào thì trúng, ai trúng được thì đắc đạo, không trúng thì thôi. Rồi đợi gieo căn lành mai mốt gặp ngài Di Lặc, ngài điểm cho đắc đạo. Cho nên sau này ai tu, có hi

vọng nếu sanh vào thời ngài Di Lặc thì chắc đắc đạo nhiều lắm, đức Phật nói như vậy mà: 'Những người đắc đạo trong thời ngài Di Lặc, đều là Đệ tử của Thích Ca Văn'. Cho nên rất tuyệt vời!

Chúng ta thấy [qua] câu chuyện này thì mình cũng an ủi hơn, không đến nổi nào, nhưng cũng cẩn thận với nhân quả. Trong một câu chuyện thôi mà có bao nhiêu thứ trong đó, có bao nhiêu đạo lý: Đạo lý về nhân quả, đạo lý về tu hành, đạo lý về niềm tin. Cho nên mình học kinh thì mình thấy rất hay.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lồi lõm,
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này.

(Kinh (5.3) Suppabuddhakuṭṭhi – Phẩm Phật Tự Thuyết – Kinh Tiểu Bộ) thuộc Kinh tạng Nikaya.

Quý vị thấy trong Tiểu Bộ Kinh có những câu chuyện như vậy, những người này đắc đạo rất đơn giản, không có tu [ngày] nào hết, chỉ đi ăn xin thôi, bị bệnh cùi (hủi), vô nghe thuyết pháp lại đắc đạo Tu-đà-hoàn. Và bị con bò đó húc cũng chẳng sao, sanh lên cõi Trời liền. Trong câu chuyện đó thì không nói rõ nguyên nhân tại sao bị con bò húc, nhưng có thể là do phước báo của một người đã đắc Tu-đà-hoàn, nên họ có thể được chuyển sanh vào cảnh giới tốt hơn, có thể là như thế. Không biết có đúng không, Thiện Trang nói có thể thôi nha. Ở đây đức Phật không nói, mình không thông nhân quả, nên không biết được.

Đó là một số vấn đề, Thiện Trang đến vấn đề tiếp theo:

Những Ai Có Sợ Hãi, Vướng Tai Hoạn, Ưu Não, Tất Cả Chúng Có Thể Tìm Thấy Nơi Ngu Si Chứ Không Phải Nơi Trí Tuệ - Thế Nào Là Trí Tuệ?

Ở đây Thiện Trang muốn đưa ra một vấn đề hơi hàn lâm một chút, đó là quý vị có những sợ hãi, có vướng về những tai hoạn (tai nạn), rồi những ưu não, tất cả

những điều đó là đều do ngu si, chứ không phải người trí tuệ. Những người trí tuệ thì không bị những vấn đề đó. Và định nghĩa thế nào là trí tuệ? Bữa nay giới thiệu cho quý vị những vấn đề này.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật trú tại nước Xá Vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả A Nan một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: "Những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ".

Đoạn này thì chúng ta chưa thấy lời xác nhận của Phật, nhưng mình tạm nhớ vậy đi, ngài A Nan nói như vậy. Có nghĩa là những gì mình sợ hãi đều do ngu si, tức là chưa hiểu, chưa có trí tuệ. Rồi những sự vướng về tai hoạn, về ưu não (là sầu và khó chịu), thì cũng do ngu si mà ra, chứ không từ trí huệ. Cho nên tại sao quý vị thấy người có trí huệ thì người ta an vui. Vậy chúng ta làm sao để hiểu được điều này, bài kinh này dạy cũng rất quan trọng.

Rồi Tôn giả A Nan vào lúc xế chiều, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: 'Những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ'".

Ở đây tức là ngài A Nan tu pháp quán, tĩnh tọa tư duy nhưng tự nhiên khởi lên ý tưởng như vậy, nên ngài đem hỏi đức Phật. Đó là tu pháp quán, tư duy pháp.

Thế Tôn nói rằng:

"Thật vậy, A Nan, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ (đức Phật xác chứng cho lời của ngài A Nan là đúng)**.**

Này A Nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lầu các, điện đường. Này A Nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

Này A Nan, trong quá khứ, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

Đoạn này nói quá khứ rồi, tương lai và hiện tại thì cũng vậy. Kinh A Hàm và Kinh Nikaya hay lặp lại như vậy, nhiều khi mình không muốn nghe, nhưng lặp lại để mình nhớ. Quý vị hiểu đoạn này nói về quá khứ, hiện tại và tương lai thì cũng do vậy hết.

Này A Nan, trong thời vị lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

Này A Nan, trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

Này A Nan, đó gọi là, ngu si có sợ hãi, trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vướng tai hoạn, ưu não; trí tuệ không có vướng tai hoạn, ưu não.

Này A Nan, những ai có sợ hãi, vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng có thể tìm thấy nơi ngu si chứ không phải nơi trí tuệ".

Lúc bấy giờ, Tôn giả A Nan buồn rầu, khóc lóc, nước mắt chảy, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ?"

Thế Tôn đáp rằng:

Đoạn này giải thích cho chúng ta thế nào là ngu si, không phải trí tuệ. Rồi sau đó thế nào là trí tuệ, thì chúng ta có thể tự suy ra được.

“Này A Nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ phi xứ. A Nan, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ”.

Qua định nghĩa này thì mình sẽ biết thế nào là ngu si. Ngu si là không biết về giới, giới này không phải là chữ giới trong Giới luật, mà là giới trong phần Phân biệt giới, mà chúng ta học bên Luận Câu Xá. Giới gồm có gì thì chút nữa có nói. Rồi không biết về xứ giới, không biết về nhân duyên, không biết về thị xứ phi xứ (là không biết về cái nào đúng, cái nào sai. Thị xứ là điều đúng, phi xứ là điều sai), như vậy là ngu si, không phải trí tuệ.

Tôn giả A Nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải là trí tuệ. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không phải ngu si?”

Thế Tôn đáp rằng:

“A Nan, Tỳ-kheo biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ phi xứ. A Nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si”. Yên tâm đi! Những điều này đức Phật sẽ giải thích đằng sau, cho nên Thiện Trang chỉ nói lược.

Tôn giả A Nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết giới?”

Quý vị thấy thích ở những bộ Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, [vì] bất cứ vấn đề nào, hầu như đức Phật đều giải cho mình hết, giải thích cho mình luôn, cho nên khỏi mất công bị hiểu sai. Còn mình học lên kinh điển Đại thừa, thì đức Phật nghĩ là mình tốt nghiệp phần đó rồi, nên đức Phật không giải thích lại. Vì không giải thích lại, cho nên nếu mình không có những nền tảng A Hàm với Nikaya, rồi bắt đầu mình mò, mình đoán nghĩa, giải thích theo kiểu của mình, thì sau đó mình sẽ hiểu sai, từ đó tu sai luôn. Và nếu mình giảng cho người ta thì người ta cũng tu sai luôn. Đó là nỗi khổ [khi] không học A Hàm và Nikaya, ‘không học Tiểu thừa mà học Đại thừa thì không phải Đệ tử Ta’. Thiện Trang chưa check [kiểm tra] câu đó

nữa, để coi nằm trong bộ kinh nào.

Thế Tôn nói:

"Này A Nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới: Nhãn giới, Sắc giới, Nhãn thức giới; Nhĩ giới, Thanh giới, Nhĩ thức giới, Tỷ giới, Hương giới, Tỷ thức giới; Thiệt giới, Vị giới, Thiệt thức giới; Thân giới, Xúc giới, Thân thức giới; Ý giới, Pháp giới, Ý thức giới. A Nan, thấy và biết như thật về mười tám giới này.

Thấy và biết như thật thì mình mới có trí tuệ. Mười tám giới này thì mình biết rồi đúng không? Về mắt, mắt thì thấy sắc, rồi mắt biết về gì đó, có ba [giới]: là Nhãn giới, Sắc giới, Nhãn thức giới, chỉ tên này thôi. Tức là mắt thì thấy được sắc, và những gì biết được của mắt, đó là về Nhãn giới, Sắc giới, Nhãn thức giới.

Tương tự với Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý. Tức là Lục căn, Lục trần, Lục thức. Chúng ta hay nói Lục căn, Lục trần, Lục thức. Tức là mắt thấy sắc và mắt biết những gì, thức của mắt gọi là Nhãn thức, biết hết ba điều đó. Rồi tương tự: Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, 3x6=18. Biết hết [18 giới] đó thì không ngu si, là trí tuệ đó. Cho nên bộ này là chúng ta đang học về mấy điều đó đúng không quý vị? Vậy thì quá đúng rồi! Chúng ta học được mấy buổi về phần đó.

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về sáu giới: Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới, Không giới, Thức giới. A Nan, thấy và biết như thật về sáu giới này. Cũng vậy, tương tự gồm có: Đất, Nước, Lửa, Gió, Hư không và thêm Thức nữa. Mình học rồi, mấy điều này là căn bản.

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về sáu giới: Dục giới, Nhuế giới, Hại giới, Vô dục giới, Vô nhuế giới, Vô hại giới. A Nan, thấy và biết như thật về sáu giới này. Tức là [biết như thật] về Dục (là ham muốn); về Sân; về Hại (là mình muốn hại người khác); ngược lại với Dục là Vô dục; ngược lại với Sân là Vô sân (không sân); ngược lại với Hại là Không hại. Mấy kiến thức này toàn là căn bản, không có gì cao siêu.

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về sáu giới: Lạc giới, Khổ giới, Hỷ giới, Ưu giới, Xả giới, Vô minh giới. A Nan, thấy và biết như thật về sáu giới

này.

Thế nào là Khổ, thế nào là Hỷ (vui), thế nào là Ưu (lo), thế nào là Xả, thế nào là Vô minh, mình biết không? Những kiến thức này rất căn bản. Cho nên tại sao mình nói người trí tuệ không có tiêu chuẩn gì hết, bữa nay có tiêu chuẩn rồi đó. Phải biết một mớ kiến thức đó, mình biết như vậy, mình hiểu như vậy thì mới là trí tuệ chứ. Còn không biết gì hết thì không có trí tuệ. Đây là định nghĩa của Phật.

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về bốn giới: Thọ giới, Tưởng giới, Hành giới, Thức giới. A Nan, thấy và biết như thật về bốn giới này. Cũng vậy, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mình học nhiều rồi. Cho nên không biết mấy điều này mà nói mình có trí tuệ là không được rồi. Từ đó mình thấy là mình học trật lất, rất nhiều người học bị trật lất, hồi xưa mình cũng học sai.

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về ba giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. A Nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

Mình cũng phải học về cõi Trời, gồm có trời Dục giới có bao nhiêu tầng, trời Sắc giới có bao nhiêu tầng, Vô sắc giới thì sao v.v… mình phải học. Không biết điều này thì làm sao có trí tuệ, thì khổ đau thôi.

Giống như bữa Thiện Trang lấy ví dụ, có người hỏi Thiện Trang: là bây giờ quan tâm người thân khổ thế này thế kia. Thiện Trang nói: Nếu quý vị đem tư tưởng của cõi Trời, giả sử quý vị ở cõi trời Đao Lợi, một ngày ở đó bằng 100 năm ở nhân gian, thì quý vị thấy người thân vừa chết đi là sanh ra tiếp rồi, một ngày có thể tới ba lần. Người thân của mình ở nhân gian này chết rồi sanh ra ba lần, sống có mười mấy tuổi, chết rồi đầu thai tiếp, sống được mấy chục tuổi, chết rồi đầu thai tiếp nữa, ba lần. Họ ngồi trên đó uống cafe, họ thấy bình thường, còn mình dưới này thấy lâu quá, cho nên mình thấy đau khổ.

Hoặc để dễ nhìn hơn, thì quý vị nhìn mấy con loăng quăng, con gì đó trong nước, hoặc mấy bồ hóng bay bay, mình thấy chúng chết thì cũng bình thường, tại vì đằng nào chúng chết rồi cũng sanh lại v.v… có gì đâu. Nếu mình thấy như vậy, thì mình cũng thấy bình thường. Còn mình, tại thấy cõi đời thật quá cho nên mình khổ, mình ôm ấp vào cảnh giới của mình, cho nên mình khổ thôi. Đó là vấn đề mà chúng ta cần phải cố gắng, đem tri kiến của mình để nhìn.

Còn đồng tu Tịnh Độ nữa, đem tri kiến của Tây Phương Cực Lạc, là một ngày ở Tây Phương Cực Lạc bằng một kiếp ở nhân gian này, trong Kinh Hoa Nghiêm nói. Như vậy quý vị tưởng tượng đi, một ngày của họ đi chơi vui vui một chút, là mình luân hồi bao nhiêu đời sau rồi. Cho nên không có gì hết, họ vui, họ chờ mình được hết. Họ chờ được, tại vì thấy thời gian chẳng bao lâu, họ đi chơi một chút, đi cúng dường chư Phật, quay về là thấy mình lên trên đó với họ rồi. Hoặc là mình được dự Pháp hội đức Phật Di Lặc, chứng quả A-la-hán rồi, họ thấy bình thường, cho nên họ không có dao động tâm.

Còn mình ở đây, mình thấy thời gian thật quá nên mình thấy khổ, mình ôm ấp vào đó. Cho nên biết được những điều đó, thì tự nhiên không khổ, có trí tuệ. Ví dụ như mình biết thế nào là Khổ, thế nào là Ưu, Hỷ, Xả, Vô minh v.v… mình biết hoài, thì càng ngày càng trí tuệ ra, càng sáng suốt, thì đỡ khổ thôi. Không có ôm giữ, không chấp giữ trong đó. Cho nên những điều này toàn là kiến thức căn bản, nên học, đức Phật nói mà.

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về ba giới: Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới. (Điều này cũng tương tự Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới. Sắc giới này chắc chắn không giống với sắc giới ở trên. Sắc giới là có sắc; Vô sắc giới là không có sắc nữa; rồi Diệt giới: Diệt giới là hết, không còn gì hết). **A Nan, thấy và biết như thật về ba giới này.**

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về ba giới: Quá khứ giới, Vị lai giới, Hiện tại giới. (Cũng là ba giới: Quá khứ, Hiện tại, Vị lai, thì mình cũng phải biết được). **A Nan, thấy và biết như thật về ba giới này.**

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về ba giới: Diệu giới, Bất diệu giới, Trung giới. (Diệu giới, Bất diệu giới, Trung giới là gì? Thiện Trang cũng chưa tìm thấy được Chú Giải này, nên không cố gắng giải thích, vì có thể sai. Diệu giới có thể là sự vi diệu; Bất diệu là không vi diệu; [Trung giới] là ở giữa. Có thể là như vậy, Thiện Trang không biết). **A Nan, thấy và biết như thật về ba giới này.**

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về ba giới: Thiện giới, Bất thiện giới, Vô ký giới. (Tức là về nghiệp của mình, có nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, và nghiệp vô ký. Điều này chúng ta cũng biết rồi, có những nghiệp thiện, ví dụ có

người ăn xin tới, mình cho một cái gì đó, là thiện. Nhưng có những điều bất thiện, như mình chửi người ta là bất thiện. Rồi có những điều vô ký, như đang khát nước thì uống nước thôi, uống nước cũng chả có cảm giác gì, uống một cách vô tâm. Tức là uống nước với mục đích là cần nước thôi. Hoặc là trong khi uống nước đó thì mình đang nghĩ tới chuyện khác, nên nghiệp uống nước đó là vô ký, không nhớ, không ghi nhận nghiệp thiện ác). **A Nan, thấy và biết như thật về ba giới này.**

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về ba giới: Học giới, Vô học giới, Phi học Vô học giới. (Học giới, do từ ngữ dễ trùng, Học giới này có thể nói là đối với những người còn Hữu học; rồi Vô học và Phi học. Hoặc Học giới là đối với Giới luật; rồi Vô học giới là không phải Giới luật; rồi Phi học Vô học giới. Những từ này là thuật ngữ, không có chú giải nên mình không biết). **A Nan, thấy và biết như thật về ba giới này.**

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về hai giới: Hữu lậu giới, Vô lậu giới (điều nào thuộc về Hữu lậu, điều nào Vô lậu, thì chúng ta cũng biết rồi). **A Nan, thấy và biết như thật về hai giới này.**

Lại nữa, A Nan, thấy và biết như thật về: Hữu vi giới, Vô vi giới (Hữu vi, Vô vi, bộ Luận Câu Xá chúng ta toàn học những điều này chứ đâu)**. A Nan, thấy và biết như thật về hai giới này.**

Này A Nan, thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới này. A Nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về giới như vậy".

Quý vị thấy, tức là có tới 62 điều căn bản của Phật pháp, cho nên không học thì chưa có trí tuệ được. Không đơn giản! Mới đầu vô tưởng ngon lắm, nhưng học một thời gian, xong hỏi ra mấy điều này thì không biết gì hết. Thật ra trong kinh giảng, mình học từ từ thì mình biết.

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết giới như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết xứ?" (Tương tự, biết về xứ).

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười hai xứ: nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ,

thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Cũng tương tự như trên, đổi chữ giới thành chữ xứ, chúng ta cũng biết rồi. Mắt thấy sắc; tai nghe tiếng, thanh là tiếng; mũi ngửi hương, tức là đối tượng của mũi là hương; rồi thiệt là lưỡi, đối tượng của lưỡi là vị (vị là chua, chát, mặn, ngọt); rồi thân là xúc chạm; [đối tượng của] ý là pháp.

Đổi chữ giới thành chữ xứ thôi, điều này bên Luận Câu Xá, chúng ta thấy học điều này là đúng rồi, chúng ta đang học điều này. Cho nên tại sao Thiện Trang tạm dừng Luận Câu Xá để giảng [nền tảng] này, để quý vị biết chúng ta đang học ở trong này. Luận Câu Xá chỉ chia chẻ, để gom gọn lại, chứ chúng ta học trong kinh thì nhiều, mênh mông quá. Cho nên chúng ta biết Luận Câu Xá bám rất sát trong kinh.

A Nan, thấy và biết như thật về mười hai xứ này. Này A Nan, Tỳ-kheo biết xứ như vậy".

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết nhân duyên?" (Lại thêm nhân duyên nữa).

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp sanh khởi từ nhân duyên, rằng 'Nhân cái này có, cái kia có; cái này không, cái kia không. Cái này sanh, cái kia sanh; cái này diệt cho nên cái kia diệt'. Tức là duyên vô minh có hành..., (tức là vòng 12 nhân duyên) **cho đến duyên sanh có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt. A Nan, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy".**

Như vậy cũng phải biết vòng 12 nhân duyên nữa, chúng ta chưa học kỹ phần này. Và rõ ràng là cái này sanh thì cái kia sanh. Như vậy mình học 24 Duyên hệ cũng nằm trong đây, thì chúng ta cũng hiểu được, Tiền sanh duyên, Câu sanh duyên...).

Tôn giả A Nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ phi xứ?”

Trong mười lực của Như Lai có một điều, là biết cái nào đúng, cái nào sai, gọi là tri thị xứ phi xứ lực, tức là sức biết điều nào là đúng, điều nào là sai. Như vậy ở đây Tỳ-kheo cũng biết, nhưng biết yêu cầu vừa vừa thôi, chứ không biết cao như Phật, biết tất cả, mà chỉ biết vài điều thôi.

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ (tức là biết như thật điều nào đúng là đúng, điều nào sai là sai). **Này A Nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển Luân Vương cùng cai trị, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời có một Chuyển Luân Vương cai trị, trường hợp này tất có.**

Đầu tiên là trong đời không bao giờ có hai vị Chuyển Luân Thánh Vương, nên nhớ như vậy! Trường hợp đó không có. Có thể có một vị Chuyển Luân Thánh Vương hoặc không có.

Này A Nan, nếu trong đời có hai Đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời này có một Đức Như Lai, trường hợp này tất có.

Nhớ! Không bao giờ có hai đức Phật một lúc trong đời, trong một thời đại, điều này là phải xác định nha. Cho nên khi giáo pháp của đức Phật Thích Ca còn, thì cũng không có một vị Phật nào đâu. Đức Phật nói rồi, chỉ tới sau này thì đức Phật Di Lặc mới ra đời, bây giờ ai mà xưng là Phật thì chắc chắn là giả rồi đó, cho nên không có chuyện đó. Nên nhớ là vậy!

Tại vì tất cả, giả sử như học Đại thừa, giả sử Phật, Bồ-tát có tới, thì Phật, Bồ-tát cũng phải ẩn mình kiểu nào đó, để truyền tiếp Chánh pháp của Như Lai, chứ không bao giờ chống lại Chánh pháp của Như Lai, nên nhớ như vậy! Chỉ có ủng hộ một pháp thôi, chứ chúng sanh biết đường nào để quy hướng, cho nên mình cứ y theo Phật là vậy.

Đó là thị xứ phi xứ. Còn nữa, nhưng Thiện Trang tạm cắt đoạn đó ra, gọi là:

Vài Dấu Hiệu Để Nhận Biết Người Đã chứng Quả Tu-đà-hoàn

Hôm nay cho quý vị thêm vài dấu hiệu để biết chứng quả Tu-đà-hoàn, nằm trong thị xứ phi xứ này, tức là nhiều điều nhưng có điều này. Bây giờ chúng ta coi Tu-đà-hoàn thì có những điều gì?

Này A Nan, nếu một người đã thấy đế lý (đế lý: đây là chỉ kiến đế, tức là lý của đế, lý của sự thật, là địa vị Tu-đà-hoàn) **mà có ý sát hại cha, mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật làm Như Lai đổ máu, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý hại cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật làm Như Lai đổ máu, trường hợp này tất có xảy ra.**

Cho nên trường hợp đầu tiên là Tu-đà-hoàn không bao giờ có ý sát hại cha, mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng (phá hòa hợp Tăng), ác tâm làm Như Lai đổ máu (không có năm tội Ngũ nghịch), chắc chắn điều đó không có.

Phá hòa hợp Tăng là gì? Chúng ta đã học bài trước rồi. Phá hòa hợp Tăng, ví dụ có mười điều (nếu quý vị cần, thì để bữa nào đăng lại), nhưng trong đó có, ví dụ như điều Như Lai không nói, mà mình nói là điều Như Lai nói. Nên điều này nguy hiểm, thời nay hay bị điều đó, đức Phật không nói điều đó, mà mình gán cho đức Phật nói. Điều Như Lai có nói mà nói là không nói, điều Như Lai không làm mà mình nói là Như Lai làm, điều Như Lai đã làm mà mình nói Như Lai không làm, rồi Như Lai không có chế ra Giới luật, mà mình nói chế ra; điều Như Lai không chế mà mình nói là chế, rồi chế, [mà nói] không chế. Mười điều đó, tạo thành phá hòa hợp Tăng, do Tăng chúng bị chia rẽ ra, giáo pháp của đức Phật bị chia ra, nên tội đó là phá hòa hợp Tăng.

Cập nhật giùm kiến thức này, chứ không, nhiều khi mình vô phá hòa hợp Tăng mà mình không biết. Cứ tưởng mình đi phá Tăng đoàn, không phải, mình phá giáo pháp của Phật, từ đó gây chia rẽ Tăng đoàn. Giống như bây giờ, có quá nhiều tông phái, ai cũng nói mình đúng hết, ai cũng có y cứ hết, thì quý vị coi, cái nào y cứ mà không theo kinh là nguy hiểm, coi chừng rớt vào đó, rồi cắm đầu vào đó, coi chừng là phá hòa hợp Tăng, cho nên là nguy hiểm. Để bữa nào Thiện Trang đăng lại bài đó lần nữa, cho vô đây để nhắc lại, hình như bữa giảng bên bài kia. Nếu một người phàm phu, thì họ có năm điều này. Cho nên Tu-đà-hoàn không bao giờ làm Ngũ nghịch, là chắc chắn.

A Nan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này tất có.

Quý vị thấy Tu-đà-hoàn không có cố tình phạm giới. Ở đây là nói cố tình, tại vì sao? Trong bài kinh khác, chúng ta đã học rồi, ngài Tượng Xá Lợi Phất có trả lời: Tu-đà-hoàn là những người Hữu học, do nhân duyên gì đó, nghiệp duyên mà họ có thể phạm giới. Đây là trường hợp không cố tình phạm giới. Rồi họ không bao giờ xả giới. Họ giữ giới, ít nhất là cũng giữ năm giới, không bao giờ họ xả năm giới đâu. Rồi họ không bỏ đạo đâu, lúc nào cũng phải theo đạo hết. Trường hợp này hoàn toàn không có. Nhưng một người phàm phu thì có, họ có phạm giới, có xả giới, có bỏ đạo.

Cho nên nhớ nha! Tu-đà-hoàn là cỡ đó, chứ không phải Tu-đà-hoàn rồi mà phạm giới ầm ầm, nói dối ầm ầm, không có chuyện đó, mình biết ngay mà. Đợt trước Thiện Trang nói rồi, nhưng đợt này mình có [trong kinh] rõ ràng. Cho nên không có Tu-đà-hoàn kiểu đó nha.

Nếu có một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này tất có.

Đây là điều thứ ba của Tu-đà-hoàn. Tức là người chứng Tu-đà-hoàn rồi thì sẽ không bao giờ bỏ đạo Phật, mà tôn thờ một đạo nào khác, mong cầu ruộng phước ở đạo khác. Cho nên không có ai là Tu-đà-hoàn rồi mà đi quy y [đạo khác], thờ thần, thờ miếu gì đó, không có chuyện đó, rồi lên đồng... thì không [phải] là Tu-đà-hoàn đâu.

Này A Nan, nếu một người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác nói như vầy: 'Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết', trường hợp này hoàn toàn không có.

Một người đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn không bao giờ theo Sa-môn, Bà-la-môn khác nói: "Các ngài đã thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết" có nghĩa là họ không tôn thờ ai khác, chỉ tôn thờ Phật thôi. Cho nên ai nói gì đó thì họ không

bao giờ xác chứng cho điều đó đâu, họ chỉ xác chứng cho đức Phật thôi, chỉ tin Phật thôi, nên là không có. Còn mình mà còn xác chứng cho những người khác thế này thế kia, mà mấy người đó không đúng theo Phật, thì mình biết là người đó không đúng, không phải thật sự là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Quý vị thấy tiêu chuẩn rất rõ ràng.

Nếu người phàm phu theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nói rằng: 'Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết', trường hợp này tất có. Tức là phàm phu đi khen nghiễn, gặp ai cũng khen, thấy người ta nói hay hay thì khen tuốt, cho dù người đó chưa có chứng gì hết, nói không đúng. Tại vì do mình chưa phải là Sơ quả Tu-đà-hoàn, cho nên mình tin như vậy.

Này A Nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.

Tiêu chuẩn Sơ quả Tu-đà-hoàn là không còn tin bói toán, hỏi cát hung. Bây giờ mình còn đi bói lấy tiền, v.v… thì đó chẳng phải Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Ở đây cũng sẵn nói luôn, nhà Phật bên Bắc truyền có Kinh Chiêm Sát, thì quý vị hỏi việc đó như thế nào, chứ không quý vị lại hỏi nữa. Thiện Trang nói Thiện Trang cũng không biết việc đó thế nào, Thiện Trang thấy tạm đúng trong vài trường hợp, mà mọi người gieo thì thấy cũng đúng. Thiện Trang không dám chắc điều đó lắm, và cũng không khuyến khích 100%. Và chính Thiện Trang cũng chỉ thử có một lần, thử coi có linh không thôi, chỉ [dùng] hồi xưa thôi, chứ bây giờ Thiện Trang cũng không hỏi mấy điều đó. Thiện Trang không dùng. Không biết tại sao như thế, [nhưng] Thiện Trang không thích dùng, còn quý vị thích thì cứ dùng. Bói toán [kiểu] này là cát hung rồi đó. Cho nên ông thầy nào mà còn bói toán cát hung v.v… thì quý vị biết người đó không phải là Tu-đà-hoàn đâu. Phàm phu thì mới tin điều đó.

Này A Nan, nếu người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. (Tức là ở trên là mình còn tin bói toán, còn ở dưới này là mình theo người khác, nhờ người ta bói thì cũng không có trường hợp đó. Cho nên Tu-đà-hoàn ghê lắm!

Không có trường hợp này. Còn người phàm phu thì có). **Nếu người phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.**

A Nan, nếu người thấy đế lý mà khi phát sanh sự cực khổ, rất khổ, trọng đại khổ, không thể ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo này, cầu cứu ở ngoại đạo. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn trì một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, 'Mong giải trừ sự khổ cho tôi', đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ, trường hợp này hoàn toàn không có.

Ở đây chúng ta đọc chậm lại, tại đoạn này nói hơi nhiều, là khi mình gặp những điều rất khổ, nhiều khổ lắm, không thể nào yêu thích được, không thể nào vui được, không thể nào suy nghĩ, không thể niệm được, cho đến chết luôn, mà họ bỏ đạo này cầu cứu ngoại đạo (tức là bỏ Phật giáo mà cầu cứu ngoại đạo), thì trường hợp này không có. Tu-đà-hoàn không bao giờ có chuyện này. Cho nên Tu-đà-hoàn là đẳng cấp lắm rồi, có khả năng chịu được các nỗi khổ, khổ cỡ nào khổ, khổ cho đến chết vẫn không bỏ đạo này mà cầu đạo khác, không cầu cứu đạo khác.

Đây là đức Phật đưa ra một trường hợp, giống như là có một Sa-môn, Bà-la-môn nào đó, họ có nhiều câu chú gì đó, có nhiều điều gì đó, mà mình đi cầu họ để giải cho mình, thì không có chuyện đó. Cho nên Tu-đà-hoàn là ghê lắm nha! Tu-đà-hoàn có chết cũng không bỏ đạo. Định nghĩa đơn giản là chết cũng không bỏ đạo, khổ cỡ nào khổ, không bao giờ bỏ [đạo] mà cầu cứu nơi khác. Chứ không phải Tu-đà-hoàn là dễ đâu. Quý vị tưởng Tu-đà-hoàn là dễ, nên tôn người này là Thánh nhân, người kia là Thánh nhân, chứ thực tế mình coi những tiêu chuẩn này thì mình thấy rớt sạch, ít có người đạt được lắm.

Còn nếu một người phàm phu thì ngược lại, họ có thể làm vậy.

Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này mà cầu cứu ngoại đạo, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, 'Mong giải trừ sự khổ cho tôi', đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ, mà nói là dứt khổ, trường hợp này tất có.

A Nan, nếu người thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu tái sanh lần thứ tám, trường

hợp này tất có.

Điều này là người Tu-đà-hoàn chỉ có thể tái sanh tối đa bảy lần thôi, rồi họ sẽ dứt được khổ, tức là sẽ chứng A-la-hán. Cho nên không bao giờ có lần tái sanh thứ tám, quý vị [nên] nhớ! [Hết] đoạn này thì chúng ta còn một đoạn nữa, rồi Thiện Trang sẽ tóm tắt lại.

Này A Nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này hoàn toàn không có.

Tức là đây nói tiếp thị xứ phi xứ, nhưng chúng ta nên quay lại chỗ Tu-đà-hoàn.

Tóm tắt theo Kinh 181 - Kinh Đa Giới – Kinh Trung A Hàm thì người chứng quả Tu-đà-hoàn sẽ:
1. Không có ý sát hại cha, mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng (phá hòa hợp Tăng), ác tâm với Phật làm Như Lai đổ máu.
2. Không cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo.
3. Không xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó. (Không xả bỏ đạo này mà tôn thờ ngoại đạo).
4. Không theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác nói như vầy: 'Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết'. (Không theo các Sa-môn khác để tán thán họ, không tán thán các điều của của đạo khác).
5. Không còn tin bói toán, hỏi cát hung.
6. Không theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác mà bói toán, hỏi cát hung. (Không theo các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác mà coi bói toán, hỏi cát hung).

7. Không làm, khi phát sanh sự cực khổ, rất khổ, trọng đại khổ, không thể ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo này, cầu cứu ở ngoại đạo. Hoặc có sa-môn, bà-la-môn trì một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, 'Mong giải trừ sự khổ cho tôi', đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ. (Khi bị khổ, bị bức bách đến mức độ muốn chết, nhưng họ cũng không bỏ đạo để vào [đạo khác]).
8. Không tái sanh lần thứ tám.

Đó là những điều gọi là thị xứ (những điều đúng). Còn mấy điều thị xứ nữa. Cho nên mình có Chánh kiến chưa? Bữa giờ mình có trí tuệ chưa? Căn cứ vào đây mà mình không biết mấy điều này, thì mình đâu có trí tuệ đâu đúng không? Chưa có trí tuệ đâu, và bao giờ có trí tuệ là phải biết nhiều hơn. Tiếp tục nói về thị xứ phi xứ, ở đây kể tiếp:

Này A Nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này hoàn toàn không có. (Làm ác thì chỉ có đọa thôi. Ba nghiệp: thân, khẩu, ý mà làm ác thì đọa). **Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này tất có.**

A Nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi Trời, trường hợp này tất có.

Tức là có trường hợp ngược lại làm ba nghiệp: Thân, khẩu, ý thiện, thì yên tâm, sẽ không bao giờ sanh vào Địa ngục, không đi vào đường ác. Mà chắc chắn sanh lên cõi Trời, cõi tốt, cõi thiện.

Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ lạc báo, trường hợp

này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ khổ báo, trường hợp này tất có. Trường hợp tiếp theo là nếu ba nghiệp: thân, khẩu, ý đều làm ác, thì chắc chắn nhận [quả ác], không có lạc báo, không nhận quả vui [mà] nhận quả khổ.

A Nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, mà thọ lạc báo, trường hợp này tất có. Ở đây rõ ràng, cứ làm việc tốt thì được quả báo tốt, làm ác thì quả báo ác.

Quý vị nhớ trong thị xứ, phi xứ thì có tám điều mà Tu-đà-hoàn không làm. Điều đầu tiên (1) là [không] phạm Ngũ nghịch, thứ hai (2) là không có phạm giới, xả giới và bỏ đạo Phật. Thứ ba (3) là không bỏ đạo này, mà tôn thờ những đạo khác, cầu mong phước báu ở đạo đó. Thứ tư (4) là không tán thán đối với những Sa-môn và Bà-la-môn khác. Coi như là mình không tán thán những điều không đúng với Phật giáo. Thứ năm (5) là không bao giờ tin bói toán, hỏi cát hung. Thứ sáu (6) là cũng không đi theo người ta coi bói toán, hỏi cát hung. Thứ bảy (7) dù có khổ cỡ nào, dù có bị bức bách đến chết cũng không bao giờ bỏ đạo mình, để cầu cứu ngoại đạo. Cho nên giả sử có người dí dao vào cổ, bảo là bây giờ bỏ đạo đi, theo họ, thì mới sống, thì mình cũng không làm. Sơ quả Tu-đà-hoàn là cỡ đó, chứ không phải dễ dàng đâu, bây giờ thì dễ [tin] lắm. Thứ tám (8) là không tái sanh lần thứ tám, vì Tu-đà-hoàn chỉ tái sanh tối đa đến 7 lần thôi.

Thiện Trang đã chia sẻ về những [điều] này. Chúng ta có mấy trường hợp thị xứ, phi xứ nữa. Ở đây chỉ tóm tắt đơn giản thôi. Nếu thân, khẩu, ý làm ác thì chắc chắn không có bao giờ có chuyện đi vào đường lành, lên cõi Trời, mà sẽ đi vào đường ác [như] Địa ngục. Rồi thân, khẩu, ý mà làm toàn những điều thiện lành (#diệu tức là điều tốt), thì sẽ đi vào được những đường lành, không bao giờ đọa vào Địa ngục. Rồi thân, khẩu, ý mà làm điều ác, thì chắc chắn sẽ thọ báo khổ, không bao giờ thọ quả báo vui. Nếu thân, khẩu, ý mà làm điều lành, thì thọ báo vui, chứ không bao giờ thọ báo khổ. Đó là những điều căn bản.

Thiện Trang nói lợi ích của đoạn năm Triền cái, thật ra là cũng nằm trong bài kinh đó luôn. Tức là Kinh 181 - Kinh Đại Giới, Kinh Trung A Hàm có rất nhiều điều quan trọng, thì đoạn này cũng nằm trong thị xứ phi xứ, có lợi ích của đoạn

năm Triền cái.

Lợi Ích Của Đoạn Trừ Năm Triền Cái

Này A Nan, nếu ai không đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, mà tâm có thể an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém mà tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này tất có.

Cho nên muốn tu Tứ niệm xứ thì quý vị cũng phải hiểu được năm Triền cái, điều này là thị xứ đó. Mình phải đoạn trừ được thì tu Tứ niệm xứ mới mạnh được.

A Nan, nếu ai không đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà tu bảy giác ý, trường hợp này tất có.

Tức là muốn tu Bảy giác chi thì cũng phải đoạn trừ năm Triền cái thì mới tốt. Tương tự như thế, quý vị muốn tu được thì quý vị cũng vậy.

A Nan, nếu ai không đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý mà muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, trường hợp này hoàn toàn không có. (Quý vị muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì quý vị phải trừ được năm Triền cái, rồi phải tu được Tứ niệm xứ và phải tu Bảy giác chi. Chứ không phải mình không tu mấy pháp đó, mà đòi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không được, đúng chưa?) **Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, trường hợp này tất có.**

Cho nên nhiều khi mình nói chống lại Phật, mình hay nói là mình bỏ hết những điều này là không đúng. Tu làm sao phải kết hợp được những điều này.

A Nan, nếu ai không đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý, không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mà đoạn tận khổ biên, trường hợp này hoàn toàn không có. (Tức là cuối cùng muốn hết khổ thì quý phải tu như vậy thì mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác. Ở đây chúng ta muốn chứng A-la-hán thì cũng vậy đúng không?) **Nếu ai đoạn trừ năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, đoạn tận khổ biên, trường hợp này tất có.**

Này A Nan, Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ như vậy". Quý vị thấy đó là thị xứ, phi xứ, bao nhiêu điều đó. Như vậy mình phải biết mấy điều: biết giới, biết thị xứ phi xứ v.v... thì mới có trí tuệ được. Cho nên bài này có rất nhiều kiến thức, quý vị cố gắng nghe, từ từ hiểu. Nhưng thật ra cũng là những kiến thức căn bản thôi, mình tóm gọn lại ngắn thôi, Kinh A Hàm dài vậy thôi chứ thực tế tóm gọn lại cũng ngắn.

Lúc bấy giờ Tôn giả A Nan chắp tay hướng về đức Phật bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào?"

Thế Tôn đáp:

"Này A Nan, hãy thọ trì pháp này, là đa giới, pháp giới, cam lộ giới, đa cổ, pháp cổ, cam lộ cổ, là pháp kính, là tứ phẩm. Do đó kinh này được gọi là Đa Giới".

Tức là đức Phật cho một số tên: Đa giới tức là nhiều giới; pháp giới là giới về pháp; cam lộ giới; đa cổ: cổ là trống, là trống lớn; rồi pháp cổ là trống pháp; cam lộ cổ là trống cam lồ; pháp kính tức là kính (kính hay kiếng, kiếng là kiếng soi) của pháp; tứ phẩm. Cho nên kinh này được gọi là Đa Giới.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A Nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(181. Kinh Đa Giới – Kinh Trung A Hàm).

Quý vị thấy rất rõ ràng rồi nha! Những kiến thức này mình cứ học đi, học từ

từ rồi thì mình sẽ có trí tuệ. Khi có trí tuệ rồi thì quý vị rất thoải mái, tu sẽ không có vấn đề nào nữa, không sợ hãi, không có phiền muộn v.v... Còn khi mình chưa có trí tuệ thì phiền muộn là đúng rồi, đức Phật nói trong bài kinh này. Bài kinh này cũng quan trọng. Và trong đó có phần về tám điều của bậc Tu-đà-hoàn. Rồi có hai điều là về Chuyển Luân Thánh Vương với đức Phật. Nhớ là không bao giờ có hai vị Chuyển Luân Thánh Vương ở trong cùng một thời đại đâu, cũng không có bao giờ có hai đức Phật trong cùng một thời đại, trong cùng một cõi nước. Không có!

Để thay đổi cho đỡ căng thẳng, thì Thiện Trang xin trở lại một đề tài nhẹ nhàng hơn, đó là:

Tội Mắng Nhiếc, Đánh Đập, Sân Nhuế, Trách Móc Đối Với Một Tỳ-Kheo Đã Thành Tựu Chánh Niệm, Một Đệ Tử Phật Chứng Đắc Tiểu Quả Nặng Như Thế Nào?

Điều này thì đời nay người ta dễ phạm, thích là chửi người. Quý vị nhớ là mắng nhiếc, hoặc là đánh đập người ta, chắc bây giờ không đến nỗi đánh đâu, [chỉ] mắng nhiếc thôi. Rồi sân nhuế, trách móc đối với một vị Tỳ-kheo đã thành tựu Chánh niệm, hoặc là một vị Đệ tử Phật đã chứng đắc Tiểu quả. Tiểu quả này có thể là Sơ quả Tu-đà-hoàn hoặc là Tu-đà-hoàn hướng gì không biết, mình cứ cho là Tu-đà-hoàn đi, thì nặng như thế nào. Cẩn thận nha! Thời nay nhiều người cứ tức lên là chửi, mắng nhiếc, sân lên rồi trách móc tùm lum. Coi chừng nếu người ta là Tỳ-kheo thành tựu Chánh niệm, hoặc là một Đệ tử Phật (tức là người bình thường, hoặc là người xuất gia, người tại gia gì đó) mà đã chứng Tiểu quả rồi thì tội như thế nào, thì để coi thử bài này. Đây là Thiện Trang trích thôi.

Đức Thế Tôn dạy:

"Xưa có một Đại sư tên là Thiện Nhãn, được các ngoại đạo Tiên nhân tôn làm Tôn sư, lìa bỏ ái dục, được như ý túc. Đàm Di, Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn Đệ tử. Đàm Di, Đại sư Thiện Nhãn nói Phạm thế pháp cho các Đệ tử nghe. Đàm Di, khi Thiện Nhãn Đại sư nói Phạm thế pháp cho các Đệ tử, trong các Đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn, người ấy sau khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh cõi

trời Tam thập Tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diệm Ma, hoặc sanh cõi trời Đâu Suất Đà, hoặc sanh cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh cõi trời Tha Hóa Lạc. Đàm Di, khi Thiện Nhãn Đại sư nói Phạm thế pháp cho Đệ tử nghe, trong các Đệ tử có người phụng hành trọn vẹn, người ấy tu bốn phạm trụ, lìa bỏ dục. Khi mạng chung rồi được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Tức là câu chuyện này là đức Phật dạy cho một vị Tôn giả tên là Đàm Di. Câu chuyện này dài lắm, Thiện Trang chỉ kể đơn giản thôi. Do vị này ở trong xóm đó mà gây nhiều chuyện, nên các Tỳ-kheo bỏ đi hết, rồi các vị Cư sĩ đuổi vị này ra khỏi vùng đó. Cho nên ổng tới với đức Phật, thì đức Phật dạy, trong đó có đoạn này là dạy về nhân quả của việc mắng nhiếc, đánh đập hay sân nhuế, trách móc người như thế nào, thì đức Phật mới đưa ra. Đức Phật mới kể ra là đời quá khứ có một vị Đại sư tên là Thiện Nhãn. Vị này không phải là Phật pháp, mà dạy cho người ta được pháp tu Sơ thiền, được lên trời Phạm thiên, cho nên gọi là Phạm thế pháp. Phạm thế pháp chính là pháp để lên được trời Phạm thế, tức là trời Sơ thiền.

Vị này dạy thì có nhiều Đệ tử lắm, có vô lượng trăm ngàn Đệ tử luôn. Mà dạy như vậy thì có người thì thực hành hết, y giáo phụng lành trọn vẹn thì được sanh lên trời Phạm thiên (trời Sơ thiền). Nhưng có nhiều người thực hành không được như vậy, không trọn vẹn, cho nên họ chỉ sanh lên các tầng trời như trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Tu Diệm Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, rồi trời Tha Hóa Tự Tại thôi, sáu tầng trời cõi Dục.

Quý vị thấy như vậy là phước của vị đó rất lớn đúng không? Giúp bao nhiêu người, vô lượng người, mà toàn lên được các tầng trời, từ trời Sơ thiền trở xuống. Cho nên là có một vị Đại sư như vậy. Rồi đức Phật mới lấy ví dụ này để nói đến vấn đề kia. Tiếp tục:

Đàm Di, khi ấy Thiện Nhãn đại sư nghĩ rằng: 'Đời sau ta không nên cùng các đệ tử đồng sanh đến một chỗ. Bây giờ ta hãy tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung, ta sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Dục'. Đàm Di, sau đó Đại sư Thiện Nhãn liền tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi Trời Hoảng Dục. Đàm Di, Đại sư Thiện Nhãn và các Đệ tử học đạo không luống công, được quả báo

lớn. Cũng như Đại sư Thiện Nhãn, có các Đại sư Mâu Lê Phá Quần Na, A La Na Giá Bà-la-môn, Cù Dà Lê Xá Da, Hại Dề Bà La Ma Nạp, Thù Dề Ma Lệ Kiều Dệ Bà La và Thất Da Phú Lâu Hề Da.

Tức là đức Phật kể ra tương tự như vậy. Vị Đại sư Thiện Nhãn sau khi dạy Đệ tử như vậy, rồi ổng cũng tu tốt hơn nữa, lên trời Hoảng Dục. Trời Hoảng Dục thì ở đây không có chú giải, nhưng chúng ta cũng tự biết, Hoảng Dục là hết dục rồi, thì chỉ có từ Sơ thiền trở lên, nên chắc là vị này cũng sanh lên trời Phạm thiên. Rồi có các Đại sư khác cũng giống như vậy, ở đây kể ra 6 vị Đại sư như vậy. Những vị Đại sư sau, ở đoạn này nói là cũng có vô lượng Đệ tử. Rồi vị Đại sư kia cũng dạy như thế, cũng có những người như vậy.

Nói chung là đoạn này lập lại như vậy, Thiện Trang nói lược thôi, có tổng cộng 7 vị Đại sư, tức là 7 vị thầy như vậy, mỗi vị thầy có nhiều Đệ tử. Vị thầy nào cũng dạy cho Đệ tử toàn lên các tầng trời, từ trời Tứ Thiên Vương cho đến trời Sơ thiền, mà 7 vị như vậy. Rồi vị đó cũng lên trên trời Phạm thiên luôn. Ở đây đức Phật nói tiếp:

Đàm Di, nếu có người nào mắng nhiếc bảy vị Đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, cùng đánh đập, sân nhuế, trách móc họ, chắc chắn chịu vô lượng tội. (Người ta tu pháp thế gian thôi, còn chưa ra khỏi sanh tử, người ta lên được các cõi Trời, từ Tứ Thiên Vương đến trời Sơ thiền, mà 7 người như vậy. Không phải 7 người, mà nhiều Đệ tử nữa, vô lượng Đệ tử nữa. Bây giờ giả sử là có người mắng nhiếc, đánh đập rồi sân hận, trách móc họ thì chắc chắn chịu vô lượng tội. Nhưng đó là ví dụ thôi, nói tiếp đoạn sau mới ghê). **Nhưng đối với một Tỳ-kheo đã thành tựu Chánh niệm, một Đệ tử Phật chứng đắc Tiểu quả, mà có ai mắng nhiếc, đánh đập, sân nhuế, trách móc vị ấy thì tội nhiều hơn thế nữa.**

Cẩn thận dòng đỏ này nha! Cho nên đừng có dại, đối với một vị Tỳ-kheo đã thành tựu Chánh niệm rồi, chỉ là Chánh niệm thôi. Tức là trong Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh định, Chánh niệm, thì đây là Chánh niệm, là rồi đó. Người ta (vị Tỳ-kheo đó) chỉ mới tới Chánh niệm thôi, người ta chưa chứng quả, mà quý vị mắng nhiếc, đánh đập, sân nhuế, trách móc thì tội nhiều hơn là tội mắng nhiếc, đánh đập, sân nhuế đối với 7

vị Đại sư và vô lượng Đệ tử của các ngài đó. Cho nên là tội này nặng hơn rất nhiều. Hoặc là đối với một người Đệ tử Phật chứng Tiểu quả rồi, mà quý vị làm vậy thì cũng tội quá nhiều.

Thế cho nên, này Đàm Di, các ngươi hãy luôn luôn nhắc nhở, thủ hộ lẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì ngoài sự lỗi lầm này, không còn sự lỗi lầm nào hơn nữa.

(Trích Từ Kinh 130 - Kinh Giáo Đàm Di – Kinh Trung A Hàm).

Quý vị thấy đây là Kinh Trung A Hàm, quý vị có nhiều mà đúng không? Quý vị có thể coi. Hãy cẩn thận! Thứ nhất là đối với người xuất gia. Cho nên tại sao người bên Bắc truyền hay nói là phải cung kính người xuất gia. Tại vì lỡ vị Tỳ-kheo đó đã thành tựu được Chánh niệm, mà mình mắng nhiếc, đánh đập, sân nhuế, trách móc thì tội đó quá nặng. Hoặc lỡ một người bình thường mà người ta chứng được Tiểu quả, mà mình làm như vậy thì mình cũng bị tội rất lớn. Cho nên quý vị để ý đi, ai mà lỡ xúc phạm bậc chân tu rồi, mà người ta tu tới đó rồi là xong, coi như đời này đường tu của mình rớt luôn. Cho nên cẩn thận! Mình chưa học pháp, mình chưa học bao nhiêu hết, mình chẳng biết gì cả, mình chưa thông kinh giáo, mà mình vô mình chửi bới người ta, thấy người ta nói ngược mình là mình sân, chửi, mắng nhiếc v.v… thì quý vị coi chừng, tội nặng lắm đó.

[Quý vị] nhớ dòng chữ màu đỏ này, mình không hiểu dòng màu đỏ này thì phải hiểu đoạn trên. Tóm tắt chú thích là 7 vị Đại Sư này toàn là dạy người ta lên Sơ thiền. Cho dù Đệ tử thực hành không tốt thì cũng được lên trời Tứ Thiên Vương, cho đến trời Tha Hoá Tự Tại. Chính các ngài cũng lên Phạm thiên. Phước báu lớn như vậy, cho nên nếu mắng nhiếc, đánh đập, trách móc… thì tội còn lớn hơn nữa, cho nên là khủng khiếp.

Hôm nay giới thiệu xong phần kinh tạng rồi, bây giờ mình vô [phần] Tâm sở. Trong A Tỳ Đàm thì có 52 món Tâm sở, chúng ta đã học gồm: 13 Tâm sở Tợ tha: 7 Tâm sở Biến hành (tức là nó đi trong tất cả các trường hợp luôn); và 6 Tâm sở Biệt cảnh (tức là lúc có lúc không). Rồi mình học về 14 Tâm sở Bất thiện, thì có 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành là: Si, Vô tàm, Vô uý, Trạo cử. [Biến hành] tức là lúc nào nó cũng có trong bất thiện hết. Còn [Tâm sở Bất thiện] Biệt cảnh thì có ba loại:

Nhóm Tham phần có 3, nhóm Sân phần có 4, nhóm Trì trệ và Do dự có 3.

Chúng ta đang học 25 Tâm sở Tịnh hảo, thì mình đang học 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, còn 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh thì mình chưa học. [Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh] gồm: 3 Tâm sở Tịnh hảo Giới phần (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng); 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng Phần (Bi và Hỷ (Tùy hỷ)); và 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền (Trí tuệ), Trí tuệ nằm trong Tuệ quyền.

Thật ra chúng ta mới đang học tới đây thôi. Hôm bữa hình như Thiện Trang đã chia sẻ với quý vị là [Tâm sở] Thích tâm và Thích thân. Hôm nay chúng ta học Tâm sở Thuần tâm (16) và Thuần thân (17). Nếu có thời gian thì học luôn Chánh tâm với Chánh thân. Đơn giản vậy thôi.

Tâm sở Thuần tâm (16), Tâm sở Thuần thân (17)

Thuần tâm và Thuần thân là như thế nào? Chữ thuần có nghĩa là thuần thục, chúng ta hay nghe thuần thục công phu. Thuần thục, nói đơn giản, nghĩa bình thường là làm cái gì cũng nhuần nhuyễn, thành thạo. Giống như mình làm việc đơn giản là nấu cơm, nấu cơm chưa nhuần nhuyễn, chưa thuần thục, vì chưa thuần cho nên nấu bị sống, không chín, hoặc bị khê, nhão… Hồi xưa nấu bằng củi, bây giờ nấu bằng bếp điện thì cũng khó, chỉ trừ khi đổ nhiều nước quá thì nhão thôi, đổ ít nước quá thì sống. Khi nào làm việc đó nhuần nhuyễn rồi, thì gọi là thuần thục hay thành thạo.

Ở đây, quý vị nhớ có 2 Tâm sở là Tâm sở Thuần thân và Tâm sở Thuần tâm. Trong những Tâm sở này có mấy cặp, cái nào nói về thân tức là 3 uẩn: Thọ, Tưởng, Hành (Thọ, Tưởng, Hành, Thức là 4 uẩn, thêm Sắc nữa là 5 uẩn). Cái nào nói về Thọ, Tưởng, Hành thì thuộc về thân, còn cái nào liên quan đến Thức thì gọi là tâm. Nói vậy cho dễ.

Định nghĩa như sau: **Sự thuần thục hay là sự thành thạo của 3 uẩn: Thọ, Tưởng, Hành trong việc làm của chúng gọi là Thuần thân.**

Tức là bao giờ cảm giác (cảm thọ) của mình, cảm nhận khổ, lạc, không khổ không lạc; hay là Tưởng, Tưởng đơn giản là những suy nghĩ về quá khứ, suy nghĩ về hiện tại (nghĩ đơn giản vậy cho dễ); và Hành là khía cạnh có thiện, có ác, hoặc

không thiện không ác, ở trong suy nghĩ của mình, đó gọi là Hành. Ba thứ đó mà được thành thạo, thuần thục, tức là mình sẽ xác định được cảm thọ của mình rõ ràng, nhẹ nhàng. Ví dụ như bây giờ mình cảm nhận thấy trời đang mát dịu, chứ mình cảm nhận không rõ ràng, không thuần thục, tức là trời đang lạnh mà mình cảm thấy nóng v.v…. là bị lạc đi. Rồi Tưởng của mình lung tung lang tang hết, Tưởng của mình bắt không đúng. Rồi khía cạnh thiện ác mình cũng không phân biệt được rõ ràng. Đó là không thành thạo, không thuần thục. [Còn] nếu thuần thục rồi, thì đó gọi là Thuần thân.

Còn sự thuần thục hay thành thạo của Thức uẩn, gọi là Thuần tâm. Thức uẩn, Thức là biết, định nghĩa trong kinh chúng ta đã học rồi. Biết đơn giản thôi, là biết của mắt, biết của tai, biết của mũi, biết của lưỡi, biết của thân, biết của ý. Sáu thức đó mà thuần thục, thuần nhuyễn, thành thạo, thì gọi là Thuần tâm. Điều này thì từ từ chúng ta sẽ nói tiếp.

Trạng thái của hai Tâm sở Thuần thân và Thuần tâm là ngăn ngừa được các bệnh hoạn của những Pháp câu sanh.

Tức là [2 Tâm sở này] giúp cho bốn uẩn: Thọ, Tưởng, Hành và Thức của chúng ta ổn, không bị lung tung. Giống nhiều người tại sao không phân biệt được, ví dụ như bị mất cảm giác, không biết nóng lạnh, rồi không biết khổ đau hay không, vui hay không vui, không phân biệt được. Đó là bị loạn rồi, loạn về Thọ.

Rồi loạn về Tưởng, là bắt đầu mình cũng tưởng lung tung, bây giờ gọi là bị bệnh vọng tưởng. Vọng tưởng ở đây có nghĩa là mình hoang tưởng, tưởng tượng ra những điều này điều kia, là do hai Tâm sở này.

Rồi Hành là bắt đầu mình [nghĩ] loạn xạ, mình không biết đâu là thiện, đâu là ác hết. Ví dụ như thiện thế gian với thiện xuất thế gian mình cũng không biết. Ở đây không cần phải phân biệt sâu tới cỡ đó, chỉ là khía cạnh thiện ác trong mỗi tình huống mà mình không phân biệt được, thì đó là loạn. Và Hành không rõ ràng, không xác định được. Nhiều khi mình thấy việc này là làm lành nè, nhưng thật ra không phải là [việc] lành, [do mình] nhận định sai.

Thức là biết, sự biết của mình đôi khi cũng không chính xác. Đó là bị bệnh hoạn.

Khi mình có Thuần tâm và Thuần thân, thì hai Tâm sở này giúp cho bốn điều đó được hoạt động trơn tru.

Hai Tâm sở này có cùng đặc tính là cách điêu luyện của thân tâm, đối lập với sự bất tín, Tà kiến, Ngã mạn, v.v…. (Tức là [2 Tâm sở này] ngược lại với sự không tin, Tà kiến và Ngã mạn. Những Tâm sở này chúng ta đã học rồi. Có 2 Tâm sở này thì sẽ trừ được không [có niềm] tin, tức là khi có 2 Tâm sở này thì mình sẽ có niềm tin. Rồi mình sẽ tránh được Tà kiến, tránh được Ngã mạn v.v…. Nói chung là sẽ chống được những Tâm sở kia). **Và có nhiệm vụ là dẹp trừ sự bệnh hoạn của tâm.**

Ở đây, thật ra bốn trạng thái của [hai Tâm sở này] là làm cho sự sôi nổi hay sự nóng nảy của Thọ, Tưởng, Hành, Thức được yên tĩnh trở lại, cho nên tự nhiên mình không có bộp chộp nữa. Người có Tâm sở Thuần tâm với Tâm sở Thuần thân thì tự nhiên không có kiểu nóng nảy, sôi nổi, mà nhẹ nhàng lắm.

Giống như mình thấy, cảm giác nóng lạnh tới, nóng quá thì mình vẫn thấy bình thường, nóng thôi mà, đâu có gì đâu. Mình [sẽ] tiếp nhận nhẹ nhàng hơn. Rồi Tưởng thì mình không tưởng tượng gì ghê gớm. Còn chúng sanh thì hay tưởng lung tung, gọi là bệnh hoang tưởng đó, rồi cuối cùng bị trầm cảm. Đây là do thiếu [hai Tâm sở] này. Rồi khía cạnh thiện ác thì mình cũng không biết nữa, không rõ ràng. Rồi Thức của mình (sự biết của mình) cũng lung tung lang tang, không chính xác. Ví dụ như người ta cấp cho mình câu nói đó, nhưng mình hiểu lầm ý của người ta. Vì Thức của mình kém, mình hiểu sai. Người ta nói như vậy, nhưng do tâm của mình đang bộp chộp quá, loạn quá, cho nên mình nghe ra thành ý khác. Người ta nói ý thường này mà mình nghĩ ý khác v.v….

Hoặc là mình nghe pháp, nhưng mình nghe theo chiều hướng của mình. Đó gọi là tướng tâm duyên, kiểu vậy đó! Tức là người ta nói theo chiều hướng tốt, nhưng mình nghe thành chiều hướng xấu. Hoặc là mình nghe theo chiều hướng nào đó, theo hướng của mình thôi. Khi có Tâm sở này thì chống được các trạng thái đó, giúp cho tâm yên lặng lại.

Phận sự là thủ tiêu sự nóng nảy của những uẩn này (Danh uẩn). (Mình gọi là Danh sắc, thì Danh chính là Thọ, Tưởng, Hành, Thức). **Thành tựu là xa lìa**

tội lỗi, Phiền não, hoặc xa lìa Tà kiến, Ngã mạn v.v…

Điều này cũng rất tốt. Khi thành tựu được thì tự nhiên mình sẽ xa lìa được những tội lỗi, xa lìa được những Phiền não và xa lìa được những bệnh Tà kiến và Ngã mạn v.v…. Điều này từ đâu mà có quý vị biết không? Có là do quý vị có công phu tu định, nên phải tu định. Còn không tu định và giữ giới thì khó được trạng thái này. Cho nên những người không có định tâm thì thường bị ngược lại, tức là tâm nóng nảy, sôi nổi, cho nên tiếp nhận thông tin, thông tin không chính xác. Còn người có định rồi, càng định tĩnh bao nhiêu thì người ta càng xử lý dễ bấy nhiêu.

Thật ra ngay chúng ta cũng có những lúc mất định đúng không quý vị? Và khi mất định thì mình xử lý không chính xác. Lúc đó quý vị biết chính là không có hai Tâm sở Thuần tâm và Thuần thân này, 2 Tâm sở này không có mặt lúc đó. Cho nên bí quyết là cố gắng tu. Khi nào cảm thấy tâm mình nóng nảy, bộp chộp rồi thì lo đề xướng lên tu Thiền chỉ. Tu Thiền chỉ thì nhanh hơn, còn Thiền quán khó hơn, quán thì quý vị phải quán lâu lắm.

Giống như Thiện Trang thấy mỗi khi mình có cảm giác khó chịu hay gì đó, thì Thiện Trang đề xướng ngay đề mục hơi thở là dễ nhất. Hơi thở hít vô 1, thở ra 1, cứ đếm, 2-2; 3-3; 4-4... làm một chút thì hết. Chắc có lẽ là do mình thuần thục hơi thở, nhuần nhuyễn với hơi thở cho nên dễ dàng. Mỗi người có một cách, Thiện Trang chia sẻ như vậy. [Niệm hơi thở] thì tự nhiên tâm lắng xuống, quên hết mọi chuyện và không có gì hết.

Điều thứ tư: **Nhân là có các Danh uẩn đó**. Đó là nói đơn giản thôi, mình chỉ cần hiểu như vậy là được rồi.

Thiện Trang xin chia sẻ [Tâm sở] tiếp theo nữa là Chánh thân với Chánh tâm.

Tâm sở Chánh thân (18) - Tâm sở Chánh tâm (19)

Chánh là gì? Chúng ta cũng phân tích như vậy. Chánh là sự ngay thẳng, chính trực.

Định nghĩa: Tính cách ngay thẳng, chính trực của Thọ, Tưởng, Hành gọi là Chánh thân. Còn tính ngay thẳng, chính trực của Thức uẩn gọi là Chánh tâm.

Cũng giống như trên, mình nói gộp đi cho dễ. Nếu chúng ta có hai [Tâm sở] này thì thật ra đó là ngay thẳng, chính trực của Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ba thứ đầu thuộc về Chánh thân, cuối cùng là Thức thì thuộc về Chánh tâm. Sự ngay thẳng, chính trực của bốn uẩn đó là thế nào, từ từ chúng ta nghe tiếp.

Hai Tâm sở này có đặc tính đó là ngay thẳng và chính trực, đối lập với sự hư ngụy, man trá v.v... mấy điều đó gây nên tính xảo quyệt của thân tâm. Nghĩa là nhờ có hai Tâm sở này kéo mình lên, mình sẽ không có sự hư ngụy (giả dối), không có sự man trá, sẽ không có sự xảo quyệt.

Cho nên quý vị thấy tại sao Tâm sở thiện khó vậy đó. Người mà giả dối, man trá v.v… thì không có Tâm sở thiện rồi. Khi học tới đây thì mình thấy bất thiện là nhiều, thiện ít, cho nên phải giữ giới để tâm mình ngay thẳng, chính trực. Chỉ cần mình che giấu điều gì đó, thì đó là hư ngụy v.v… Thật ra mình không lừa được, [vì] mấy Tâm sở này chạy như vậy mà. Nó tưởng trong đầu, nghĩ chuyện đó là A, nhưng bây giờ nó phải đưa ra B, để nói ra điều B, nói dối mà. Biết là A rồi nhưng phải nói B, cho nên nó xử lý trong đó, là mất ngay thẳng, mất chính trực. Tưởng là trí nhớ lôi ra kiến thức trong quá khứ.

Rồi Hành là khía cạnh thiện ác. Mình biết điều đó là thiện hay bất thiện rồi, nhưng do không có [2 Tâm sở này], nên mình cứ đẩy qua, 'thôi kệ nó, không sao đâu' v.v… là nhiễu tâm liền.

Thọ là cảm nhận, cảm nhận lúc đó sẽ như nào? Tất nhiên khi nói dối thì ai cũng có cảm nhận thấy vui đúng không? Vui hay không vui? Thông thường nói dối là bắt đầu lòi ra có gì đó bất thường, để ý một chút là thấy không ổn lắm, cho nên đâu lừa được tâm mình đâu.

Thức là biết, sự biết lúc đó cũng vậy.

Cho nên người khi mà có hư ngụy, man trá v.v… thì tự nhiên không có được sự tự tại, không có sự thoải mái, tự nhiên sao sao đó. Bây giờ người ta phân tích rất kỹ ngôn ngữ hình thể, cho nên quý vị thấy rõ ràng lắm. Mình tu là thuộc về trong tâm, cho nên tu tâm là vậy đó.

Chánh thân trong khi có sẽ ra sao? Là sự ngay thẳng, cách ngay thẳng,

không cong vẹo của Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn, có khi nào thì Chánh tâm có khi đó. Khi nào có được ba thứ Thọ, Tưởng, Hành mà ngay ngắn, không cong vẹo, thì Chánh thân có khi đó. Chứ nếu không, thì không có.

Sự ngay thẳng, sự thẳng thắn, sự không cong vẹo của Thức uẩn, có khi nào thì Chánh tâm sẽ có khi đó. Ở đây cũng đơn giản thôi, nói chung mình phải cố gắng ngay thẳng thì mới Chánh tâm và Chánh thân được, còn không thì không được.

Bốn đặc điểm là:

1. Hai Tâm sở này có tướng trạng là sự trung thực của thân tâm. Tướng trạng là trung thực.

2. Nhiệm vụ là dẹp trừ sự xảo quyệt của thân tâm. Dẹp sự xảo quyệt đi.

3. Có biểu hiện là tính ngay thẳng.

Cho nên từ đó mình coi chừng, không có điều này là rớt qua bất thiện rồi, tại vì điều này nằm trong Tâm sở Tịnh hảo Biến hành. Biến hành tức là lúc nào cũng có, mà không có điều đó là chắc chắn bất thiện, chứ không chạy đâu hết.

Cho nên rõ ràng, quý vị thấy không học mấy điều này thì khó. Mình chỉ cần hiểu thôi, không cần nhớ, hiểu được 19 Tâm sở này thì mình thực hành sẽ dễ thôi. Mình nhớ 19 Tâm sở này mà mình làm được, thì tự nhiên biến hành rồi, là yên tâm. 19 [Tâm sở] này có mặt là mình đã thiện rồi. Còn thiện nào thì tùy vào ba nhóm này [6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh]. Cho nên kiểm tra lại, mình làm thế nào nhớ Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, Tịnh tâm, Tịnh thân, Khinh tâm, Khinh thân, Nhu tâm, Nhu thân, Thích tâm, Thích thân, Thuần tâm, Thuần thân, Chánh tâm, Chánh thân. Khi có được 19 [Tâm sở] này thì mình biết là mình đã ở bên thiện rồi, tại vì Biến hành là chắc chắn thiện rồi. Còn thiện nào nữa, thì tự động nó kéo thêm nhóm nào, có nhóm Chánh ngữ - Chánh mạng - Chánh nghiệp, có thêm Bi (lòng từ bi) hoặc là có Tuỳ hỷ, hoặc có Trí tuệ thì ngon. Mình rớt vô Tâm sở thiện, thì mới ra tâm thiện. Chứ còn không là bay vô bất thiện rồi.

Còn như nhóm 7 Tâm sở Tợ tha Biến hành thì lúc nào cũng có, khỏi cần suy nghĩ. Lúc nào cũng có Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý, lúc nào

cũng có rồi, cho nên khỏi quan tâm nhiều lắm, chỉ cần hiểu sơ thôi.

Mục tiêu của mình là làm sao duy trì được nhóm [19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành], thì tự động sẽ có thêm [6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh], và tùy trường hợp có Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng hay không, có Bi, Tùy hỷ, có Trí tuệ hay không. Rồi kéo thêm 6 Tâm sở [Tợ tha] Biệt cảnh gồm: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục. Ví dụ như Tầm, Tứ là mình đang cần để vô Sơ thiền; còn Thắng giải là mình xác chứng được điều đó như vậy rồi, thì phải có chứ; rồi phải có sự siêng năng, phải có niềm vui, phải có sự mong muốn, có thể có hay không là tùy trường hợp. Đó là mình đẩy vô được tâm thiện rồi. Có 37 tâm thiện thì chúng ta sẽ học đằng sau, bây giờ mình chỉ hiểu sơ bảng [sơ đồ] này thôi.

Như vậy là phải để ý [19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành] này nha. Và cũng nên để ý Tâm sở Bất thiện nữa, khi nào có: Si, Vô úy, Vô tàm, Trạo cử là bất thiện chắc rồi. Trạo cử là bất thiện nha. Quý vị thấy khó không ạ? Trạo cử lăng xăng là bất thiện rồi đó, vì nó là Biến hành mà. Mình cứ quan tâm [Tâm sở Bất thiện] Biến hành thôi, còn [Tâm sở Bất thiện] Biệt cảnh, khi rơi vô đó thì mình phân tích thêm. Còn mình nhìn được [Tâm sở Bất thiện] Biến hành có rồi, thì chắc chắn chạy vô nhóm [Bất thiện] rồi. Bốn thằng: Si, Vô tàm, Vô úy xuất hiện thì chắc chắn là Bất thiện rồi. [Vô tàm] là không biết xấu hổ, hổ thẹn; thứ hai là không biết sợ nhân quả, không sợ pháp luật, không sợ gì hết, là Vô úy xuất hiện rồi; và Tâm [sở] Trạo cử là biết bất thiện rồi.

Còn khi mình xuất hiện [Tâm sở] ngược lại, là mình thấy mình có niềm tin [Tín]; có trí nhớ chính xác, nhớ này là nắm bắt cảnh và nhớ được quá khứ [Niệm]; có Tàm; có Uý (biết sợ); [Vô tham] không tham; [Vô sân] không sân; rồi sự trung hoà thân tâm [Trung hòa]; (quý vị coi lại, bữa sau Thiện Trang sẽ ôn lại cho quý vị khi học hết bảng này); Tịnh tâm - Tịnh thân; Khinh tâm – Khinh thân (là nhẹ nhàng); Nhu tâm – Nhu thân (là mềm, không cứng ngắc); Thích tâm - Thích thân (là sự thích nghi); bữa nay [học] sự nhuần nhuyễn [Thuần tâm - Thuần thân] và sự ngay thẳng [Chánh tâm - Chánh thân]. Mình nhớ vậy là đủ rồi. [Bấy] nhiêu đấy là biết mình đi vào nhóm thiện rồi. Còn thiện gì nữa thì tùy theo, khi nào giữ giới thì có Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh nghiệp; khi nào tu mấy đề mục Từ vô lượng, Bi vô lượng là lên cõi Trời từ Sơ thiền đến Tứ thiền, thì đang có [Tâm sở Bi và Tùy

hỷ], hoặc là tâm mình đang có Bi hay không, có Tuỳ hỷ hay không; rồi mình phải có Trí tuệ giải thoát, điều này quan trọng, trí tuệ nằm ở đây.

Không phải đơn giản đâu! Cho nên học thì mới tu được, còn không học thì biết gì mà tu. Cứ vô Tứ niệm xứ rồi gì đó, Thiền, Thiền, Thiền... một hồi, rớt vô Vô minh lúc nào chẳng biết. Cho nên nhiều khi mình còn không biết, tại vì dễ rớt vô những điều thiếu, cho nên tu tốt thì mới thành tựu được.

Ở đây nói đơn giản, 19 Tâm sở Tịnh hảo [Biến hành] ở trên: Tín, Niệm, Tàm, Uý, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, Tịnh tâm - Tịnh thân, Khinh tâm - Khinh thân, Nhu tâm - Nhu thân, Thức tâm - Thức thân, Thuần tâm - Thuần thân, Chánh tâm - Chánh thân, thì dễ thấy đối với người thực hiện những hành động như xả, thí (tức là xả bỏ và bố thí), trì giới và tham Thiền.

Nhớ giùm câu chốt này: 19 Tâm sở [Tịnh hảo Biến hành] này dễ thấy đối với người nào? **Người nào mà thường có tâm xả ra, có bố thí, có trì giới, có tham Thiền thì 19 Tâm sở [Tịnh hảo] này xuất hiện**. Đó là lý do tại sao phải tu, quý vị hiểu chưa? Khi nào muốn có 19 Tâm sở [Tịnh hảo] này, thì quý vị phải bố thí, phải xả ra, phải trì giới và phải tham Thiền. Nhớ giùm điều đó! Và chúng phối hợp với những Tâm sở Tịnh hảo cho nên chúng được gọi là những Tâm sở Tịnh hảo Biến hành. Và sẽ có thêm mấy [Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh] nữa, thì tùy trường hợp nào mà có [Tâm sở] nào.

Cho nên ít nhất là có 19 [Tâm sở Tịnh Hảo Biến hành] này. Tức là trong tâm phải có ít nhất 19 Tâm sở Tịnh hảo [Biến hành], rồi có thêm ít nhất 7 Tâm sở Tợ tha Biến hành (là 26 Tâm sở), rồi còn cộng thêm [6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh] nữa (tùy tình huống), và có khi có [6 Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh] (tùy tình huống).

Đó là mình học sơ sơ như vậy. Và không phải chỉ sự phối hợp đó mà chia ra tâm đâu, mà người ta chia ra 121 tâm và chia kiểu khác nữa, thì chúng ta sẽ học bài về tâm.

[Như vậy] quý vị hiểu rồi đúng không? Hôm nay là chúng ta đã hiểu hơn rõ hơn là tại sao phải tu Thiền, tại sao phải tham Thiền. Không tham Thiền, không trì giới, không bố thí thì không có được [19 Tâm sở Tịnh hảo], cho nên mình học, mình hiểu rồi.

Hôm nay thời gian cũng đã hết rồi, chúng ta tạm dừng ở đây, chúng ta sẽ học tiếp ở bài tiếp theo. Quý vị cứ học từ từ, không sao mình học từ từ rồi mình hiểu. Thiện Trang tranh thủ sẽ chia sẻ cho hết phần Tâm sở, chỉ còn 6 Tâm sở nữa thôi. Không dài lắm, dạy chừng hai buổi nữa là hết sáu Tâm sở. Một buổi [học] ba [Tâm sở], hai buổi sáu [Tâm sở] là hết Tâm sở. Khi đó mình sẽ học vừa Kinh tạng vừa tiếp tục học phần Tâm, học lộ trình Tâm, lộ trình Tử, Chứng quả, mình học sơ qua những cái đó. Song song với học kinh tạng chúng ta sẽ học bổ sung về phần 37 Phẩm trợ đạo, học cho kỹ Phẩm trợ đạo vì đó là con đường để ra khỏi sanh từ. Phần Thiền chỉ thì chúng ta đã học qua mấy cái căn bản rồi, từ từ chúng ta học tiếp để mọi người thực hành đã, sau đó chúng ta sẽ học Thiền Quán, học kỹ lại Tứ niệm xứ. Tứ Niệm xứ nằm trong 37 Phẩm trợ đạo cho nên mình học lại thôi.

Như vậy dần mình đủ kiến thức mình tu, quý vị cứ từ từ phát triển lên, ít nhất mình học cái nền [tảng] để tu, ít nhất mình có một cái cơ sở để tu để không bị vấn đề. Giống như ngôi nhà mình đã dựng lên được cái cột rồi, mình dựng được cái mái rồi ít nhất cũng che được nắng che được mưa rồi, mình ở trong đó cũng yên thôi, từ từ mình bắt đầu làm tường, làm cửa nẻo, làm kỹ lại, từ từ làm sân sau. Thiện Trang mới dựng nên cho quý vị mấy cái cột, dựng lên cho quý vị che mái nhà để quý vị có nền tảng đó, từ nền tảng đó bây giờ quý vị tiếp tục phải đắp thêm tường vách, rồi bắt đầu mình làm thêm sân, cây cảnh, tạo cảnh gì đó, tuỳ. Kiểu như vậy, mình học Phật pháp cái gốc căn bản mình phải học, rồi quý vị muốn tạo cảnh kiểu gì đó là pháp tu của quý vị, mỗi người sẽ chọn lấy đường tu riêng, Thiện Trang hy vọng như vậy.

Thiện Trang chia sẻ với quý vị như vậy, mỗi lần chia sẻ thì Thiện Trang cũng ôn lại, nhờ những lần chia sẻ này thì mình sẽ hiểu sâu hơn và có những người hỏi khiến mình sẽ kết nối kiến thức lại nên Thiện Trang cũng được lợi ích thêm. Còn nếu Thiện Trang tự tu thì nhiều khi mình thấy mình đọc hiểu rồi, hiểu nhiêu đó nhưng tới khi có người hỏi mình sẽ có giải đáp cho họ thì mình hiểu sâu hơn.

Hôm nay hết giờ rồi, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị, chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".
"Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo".
A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 42

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 14/05/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=qqpa_jfUfOo

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học tựa đề "Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận". Để đề mục của chúng ta rõ ràng hơn, thì Thiện Trang xin đặt tên lại như vậy. Chứ để Câu Xá Luận không [thôi], thì thời gian vừa qua chúng ta toàn học những vấn đề khác. Ở trong này chúng ta có học Kinh A Hàm, có tinh hoa của Kinh Nikaya, của Vi Diệu Pháp (Nam truyền), của Luận Câu Xá, và thậm chí còn có những bộ kinh luận khác nữa. Cho nên chúng ta để chung là 'Tinh Hoa Kinh Luận' thì tiện hơn.

Hôm nay chúng ta đang học ở bài 42. Nội dung chúng ta học có mấy phần, trong đó có phần về Luận Câu Xá mà chúng ta đã tạm ngưng một số buổi. Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị để tiếp tục phần này. Chúng ta biết là mục tiêu của chúng ta học Phật để làm gì? Để giải thoát! Ai cũng mong giải thoát cả mới học bộ này. Trong Kinh Nikaya, có một bộ Kinh [tên] là Dây Thằng (dây buộc), đức Phật có đưa ra một ví dụ: Giống như có một con chó bị cột lại vô cái cọc, khi nó đi thì cũng chỉ quanh quẩn ở bên cây cọc đó thôi. Giống như ở Việt Nam mình, người ta hay cột bò, cột trâu vô cái cây, [dù] chúng có đi chăng nữa thì cũng quanh quẩn [bên] cái cây đó thôi. Lúc nó đứng, nó cũng quanh quẩn bên cái cọc đó, lúc nó ngồi thì cũng ngồi quanh cạnh cái cọc đó, rồi nó nằm cũng vậy, cũng

quanh bên cạnh cái cọc đó thôi.

Đức Phật cũng nói vậy đó, kẻ vô văn phàm phu xem Sắc uẩn (thân thể mình) chính là mình, là bản ngã của mình. Tương tự như vậy với Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cũng xem là bản ngã của mình. Cho nên có làm gì chăng nữa, ví dụ như bước đi thì cũng luôn chấp trong Ngũ uẩn, lúc đứng lại cũng chấp trong Ngũ uẩn, lúc nằm yên cũng chấp trong Ngũ uẩn, rồi ngồi xuống cũng chấp trong Ngũ uẩn. Cho nên suốt ngày bị trói buộc.

Làm sao chúng ta thoát ra được trói buộc đó? Chúng ta phải học giáo pháp, phải có tu tập. Việc học giáo pháp, tu tập phải cần thời gian. Nếu mình không có thời gian nghiền ngẫm, học, thì có thể mình không có đủ tư lương. [Thì dù] tâm nói giải thoát, miệng cũng nói giải thoát, nhưng thực tế là không được. Đức Phật nói là không phải muốn hay không muốn, mà quan trọng nhất là mình phải biết đúng cách. Đó là lý do tại sao chúng ta phải học.

Hôm nay Thiện Trang xin mở đầu phần nền tảng. Trước khi nói phần này, nhiều khi quý vị cũng không nắm nổi nội dung này học điều gì. Quan trọng nhất, Thiện Trang nghĩ là chúng ta học về Tâm và Tâm sở. Chúng ta học qua gần hết rồi, sau này chúng ta mới có thể đưa ra được những vấn đề phân tích. Mình học một hồi, mình có thể phân tích được.

Thiện Trang đưa ra một ví dụ đơn giản thôi. Giả sử bây giờ có một người Phật tử, sau khi nghe được lời khuyên của một đồng tu khác, thì biết rằng mình đã phạm một tội lỗi, ví dụ như mình phạm một giới nào đó. Lúc đó mình cảm thấy ăn năn, xấu hổ, và mình sám hối. Vậy tâm đó là tâm gì? Tâm đó là tâm thiện ở Dục giới hay tâm thiện ở Sắc giới, hay tâm ác (tâm bất thiện), hay là tâm nào để cho kết quả nào, và tâm lúc đó phối hợp với bao nhiêu Tâm sở. Khi nào mình hiểu được rõ như vậy, thì mình mới tu được. Tại vì khi mình không có tiêu chuẩn thiện ác, thì mình nói mình tu tâm, nhưng mình không biết tâm đang thiện hay ác nữa, nó đang phối hợp với những Tâm sở nào, đang tương ưng cảnh giới nào, thì làm sao mình biết tương lai mình đi về đâu.

Ví dụ như chúng ta tu tâm Thiền, chúng ta muốn đắc Thiền thì lúc đó chúng ta [phải] có tâm Thiền, tâm Thiền tương lai sẽ cho quả Thiền chẳng hạn. Tâm

thiện Dục giới mà trong đó là tâm Vô nhân, tâm Nhị nhân, hay tâm Tam nhân, để đời sau ta được thế nào? Hoặc những đồng tu muốn ra khỏi sanh tử bằng con đường vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, thì mình phải có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn đó nằm ở tâm và lộ trình tâm. Chúng ta đã học được gần hết phần Tâm sở rồi, chúng ta học hết Tâm sở thì chúng ta sẽ học tới tâm [để] chúng ta phân tích.

Thiện Trang đưa thêm một ví dụ nữa, mai mốt chúng ta học, chúng ta sẽ đưa ra phân tích. Một người Phật tử ở trong gia đình, họ giết một con cá rô phi, để làm thịt nấu cho gia đình ăn. Như vậy khi họ giết con cá đó, người ta cảm thấy rất áy náy và lo sợ nhân quả. Khi làm việc đó người ta nghĩ như vậy, thì tâm đó là tâm thiện hay là tâm bất thiện? Điều đó chúng ta phải xác định được, chứ không bây giờ mơ hồ, mình không biết là thiện hay bất thiện, tâm đó là tâm nào, tâm nào [thì] cho tâm đầu thai nào, tâm quả nào (tâm nhân, tâm quả), rồi cuối cùng kết nghiệp như thế nào? Đó là chúng ta phải học, hiểu sâu như vậy.

Từ từ chúng ta sẽ học bộ này, một thời gian nữa thì chúng ta sẽ phân tích được những điều đó. Trong quá trình học, do nội dung đó hơi khó, nên Thiện Trang cứ phải đưa [vào] một cách chầm chậm, và chúng ta bổ sung phần nền tảng kinh tạng vào để củng cố được nền tảng, xây dựng được Chánh kiến cho chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta phải học thêm nền tảng khác, chứ còn học như vậy không [thôi] thì cũng nhanh, mấy buổi là có thể học tới đó được, nhưng sợ quý vị không nắm nổi.

Phần đầu tiên hôm nay, Thiện Trang sẽ giới thiệu cho quý vị đề mục:

Cho Rằng Tất Cả Cảm Thọ Đều Do Nhân Đã Làm Trong Quá Khứ Đó Là Thuộc Về Tà.

(Đây là một tựa đề được trích trong kinh).

Một thời Thế Tôn trú *ở Rājagaha* (Vương Xá thành) **tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.**

Rồi du sĩ Moliya Sìvaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, du sĩ Moliya Sìvaka thưa với Thế Tôn:

Thưa Tôn giả *Gotama*, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ ấy đều do nhân đã làm trong quá khứ". Ở đây, Tôn giả *Gotama* nói như thế nào?

Đây là một chủ đề, mà chúng ta học Phật pháp lâu rồi, chúng ta cũng hay như thế đúng không? Tức là lúc đó có một ông Bà-la-môn, là một du sĩ (du sĩ là một người cũng tu học), đến thưa với đức Phật rằng: tất cả những cảm giác gì, gồm: Khổ thọ, lạc thọ, hay không khổ không lạc thọ. Tức là mình có ba thọ, thọ thứ nhất là khổ, ví dụ như cảm thấy nóng lạnh, đau nhức; hoặc thọ vui là được ăn, được cho, được tặng, v.v… rồi cảm giác bình thường là không khổ không vui.

Tất cả những thọ đó, tức là những gì mình nhận được đời này đều là do nhân đời trước, do quá khứ. Có phải như vậy hay không? Chúng ta học Phật lâu năm, luôn luôn nói rằng tất cả đều do quá khứ. Như vậy là đúng rồi đúng không? Chúng ta nói như vậy là thuộc về tà rồi, như tựa đề Thiện Trang đã đặt. Cho nên nhiều khi học Phật lâu năm mà vẫn không phải có Chánh kiến, vấn đề nằm ở chỗ đấy. Ở đây chúng ta sẽ học rõ ràng, đây là trong kinh. Chúng ta xem đức Phật trả lời như thế nào?

Này Sìvaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật (semhà). Này Sìvaka, hoặc là Ông phải tự mình (sàma) biết rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật". Hay là, này Siivaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên phát sanh từ mật". Ở đây, này Siivaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà.

Đoạn vừa rồi chúng ta thấy rõ ràng, đức Phật đã công bố: Nếu vị Sa-môn nào, Bà-la-môn nào mà quan niệm tất cả những cảm thọ của mình, như cảm giác về khổ, về vui, không khổ không vui, tất cả đó đều do nhân đã làm trong quá khứ.

Họ tự mình biết vậy thì thật sự họ đã đi quá xa. Nếu họ được cả thế giới chấp nhận, thì những người nào mà chấp nhận điều đó cũng đi quá xa. Đức Phật tuyên bố là các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà, tức là sai rồi.

Chúng ta học Phật pháp lâu năm, rất có thể việc gì chúng ta cũng đổ cho quá khứ, tức là đổ cho nghiệp. Cho nên không học Phật pháp thì không hiểu, đổ cho nghiệp là sai. Ở trên đức Phật đã dẫn ra một nguyên nhân là phát sinh từ mật.

Này Siivaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ đàm (niêm dịch) ... (mật, đàm là mấy thứ ở trong người).

Này Siivaka ... khởi lên, phát sanh từ gió ...

Ở đây phân tích một chút. [Phát sinh] do mật, ở trong người mình tiết ra mật, nên có một số cảm thọ do mật; do đàm ở trong người; rồi do từ gió, gió thổi có thể [làm] mình nóng, lạnh, v.v... Do cảm thọ từ gió, từ đàm, từ mật, chứ không phải do việc làm trong quá khứ.

Này Siivaka ... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ các ... nước trong thân thể (sannipitikàni). Điều này giống như bệnh của mình, hay nước trong thân thể của mình tạo ra.

Này Siivaka ... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ các thời tiết ... Cũng do thời tiết, nhiều khi thời tiết nóng, lạnh quá, đâu thể đổ lỗi cho việc làm [trong] quá khứ được.

Này Siivaka ... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận ... Tức là gặp các việc xấu, việc nghịch ý, cho nên không phải do quá khứ.

Này Siivaka ... khởi lên, phát sanh từ các công kích thình lình từ bên ngoài vào ... Nhiều khi không phải gì đâu, tự nhiên do sự công kích thình lình từ bên ngoài vào.

Do quả dị thục của nghiệp, này Siivaka, ở đây, một số cảm thọ được khởi lên.

Trường hợp cuối cùng mới nói là do dị thục (chín khác) của nghiệp, một số cảm thọ khởi lên. Cho nên chỉ có một trường hợp [do nghiệp] thôi. Quý vị thấy

đầu tiên là từ (1) mật , từ (2) đàm, từ (3) gió, từ (4) gặp gỡ các nước trong thân thể, từ (5) nước, từ (6) nghịch vận (chuyện bất như ý), từ (7) sự công kích thình lình từ bên ngoài vào, cuối cùng tới đây mới là do (8) nghiệp.

Này Siivaka, hoặc là Ông phải tự mình biết rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thục của nghiệp". Hay là, này Siivaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thục của nghiệp".

Tức là do nghiệp thì chỉ có một số thôi, đừng có việc gì cũng đổ cho nghiệp. Đó là một sai lầm lớn nhất của người học Phật. Quý vị đổ hết cho nghiệp thì vô lý đúng không? Thật ra mình tư duy một chút thì mình thấy nhiều khi có nghiệp gì đâu, thời tiết nóng quá cũng đổ cho nghiệp à? Không có! Có những điều không phải do nghiệp, mà do mình sanh vào thời đại đó, thời tiết đó, hoàn cảnh đó, điều kiện đó, v.v… nên bị như vậy thôi, chứ chẳng phải do nghiệp. Cho nên đừng có Tà kiến như vậy. Đó là một Tà kiến, nếu mình cho tất cả là do nghiệp.

Ở đây, này Siivaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà.

Cho nên cũng không đúng! Tức là nếu ai cũng nói đổ cho nghiệp hết (việc làm trong quá khứ thuộc về nghiệp), thì đức Phật nói Sa-môn, Bà-la-môn nào mà tuyên bố như vậy, nghĩ như vậy, đó là thuộc về tà. Nếu được cả thế giới chấp nhận, cho đó là đúng, thì những người chấp nhận điều đó cũng đi quá xa. Nói chung đều thuộc về tà. Cho nên cẩn thận nha! Nhiều khi mình học Phật bao nhiêu năm rồi, mình cũng không học được điều này. Chỉ có một số điều là do nghiệp thôi. Cho nên cẩn thận! Đừng có nghĩ mình học Phật pháp [rồi cho suy nghĩ của mình] là đúng.

Khi được nói vậy, du sĩ Moliya Siivaka bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn … từ nay cho đến mạng chung, con trọn

đời quy ngưỡng!

Mật, niêm dịch và gió,
Sự gặp gỡ các loại nước,
Sự thay đổi thời tiết,
Sự gặp gỡ các nghịch vận,
Sự công kích thình lình,
Nghiệp quả là thứ tám.

Như vậy có tám điều, thì có một điều là nghiệp thôi.

(Kinh 36.21. Sìvaka - Phần Ba—Phẩm Một Trăm Lẻ Tám Pháp Môn - Chương 36: Tương Ưng Thọ (S.iv,230) – Kinh Tương Ưng).

Chúng ta nhớ lại 8 điều: (1) mật, (2) niêm dịch, (3) gió, (4) sự gặp gỡ các nước, (5) sự thay đổi thời thiệt, (6) nghịch vận, (7) công kích thình lình, và (8) nghiệp quả. Bữa nay xây dựng được Chánh tri kiến rồi, cho nên đừng có việc gì cũng đem nghiệp ra. Thật ra cũng được! Đôi khi việc gì cũng nói do nghiệp, [là nói] cho mọi người vui, an ủi vậy thôi. Cho nên có đồng tu cứ suốt ngày than thở: 'Sao con ghét ông chồng thế, con không muốn gặp ông chồng mà gặp hoài'. Đó có phải do nghiệp không? Thiện Trang nói một phần là do nghiệp, vợ chồng tất nhiên phải có nghiệp, nhưng một phần nữa là do những điều kiện. Cho nên mình biết rồi thì mình né ra.

Bữa nay nói lại về mấy cách đoạn trừ Lậu hoặc, trong đó có né tránh để đoạn trừ. Né tránh là tránh duyên đó quý vị. Tại vì nghiệp [chỉ] là một trong tám điều thôi mà, thì mình né đi. Mình tội gì chui vô trong đó, tránh hoàn cảnh, tránh nghịch vận, tránh sự công kích thình lình, núp đi. Ai [bắt] phải ra cho họ tấn công. Rồi mấy bệnh trong thân thì mình chăm sóc cho kỹ, tránh gió, giống như yếu đừng có ra gió vậy; rồi thời tiết thì mình tới vùng có thời tiết tốt hơn.

Cho nên không phải điều gì cũng do nghiệp. Nhớ cho kỹ! Học bài kinh này rồi, bữa nay hết bị [hiểu sai] rồi đó. Nhớ truyền cho các đồng tu khác, chứ không, việc gì cũng đổ cho nghiệp, rồi cuối cùng chết cũng kêu do nghiệp. Ở trong Kinh Nikaya, chết cũng chỉ là một trong những nguyên nhân thôi, để bữa nào kiếm lại bài kinh đó. Chứ không, quý vị chết mà cũng đổ cho nghiệp. Không có! Chết, có

khi là do hết phước [mà] chết, có khi nghiệp quả tới đó [nên] chết, có khi bị người ta giết (người ta hại) mà chết, có khi bị nhân duyên gì đó không đủ cho nên chết v.v… Có mấy duyên để chết, chứ không phải là chết [chỉ] do nghiệp. Nên nhớ như vậy! Nghiệp tôi chưa đáng phải chết, nhưng bị người ta hại thì cũng chết. Quý vị nên nhớ vậy đó! Chứ không phải là cứ tin cuồng, là do nghiệp hết. Không phải như vậy!

Cho nên học giáo lý nhà Phật rất rõ ràng, sáng suốt, chứ không phải [mê mờ]. Giáo lý nhà Phật [mà] việc gì mình cũng đổ cho nghiệp hết như vậy, thì thành ra không phải, không đúng với thực tế. Chúng ta phải học cho kỹ! Từ từ, bữa nào Thiện Trang tìm lại bộ kinh đó, bây giờ quên bộ kinh đó nằm ở đâu rồi, nhưng nói chung có nghe qua, có đọc qua rồi. Cho nên là từ từ.

Như vậy tóm lại, nhớ nha, xây dựng lại Chánh tri kiến một chút, không phải điều gì cũng là do nghiệp hết đâu, nghiệp là một trong tám yếu tố, mà có một phần thôi, một phần của những nỗi khổ. Cho nên ai nói khổ thọ, hay là vui gì đó là do đời trước. Không phải! Hoàn toàn không phải! Chỉ có một số thôi, có tám điều kiện.

Bây giờ chúng ta đến một đoạn tiếp:

Tầm Quan Trọng Của Thiền Chỉ (Tiếp Theo):

“Muốn Đoạn Trừ Vô Minh Nên Tu Mười Biến Xứ”

9a. “Nếu muốn đoạn trừ Vô minh nên tu mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ Vô minh nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu thứ nhất Địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng;

Ở đây chúng ta tạm dừng một chút, để Thiện Trang nói lại tu mười Biến xứ trong 40 đề mục tu Thiền chỉ. Thiện Trang xin nói lại sự quan trọng của tu Thiền chỉ, đức Phật nói rất nhiều, Thiện Trang cũng trích dẫn rất nhiều bài kinh. Ví dụ tu Thiền chỉ để phục được Tham, phục được Sân, tu Thiền chỉ để giúp cho Thiền

quán, tu Thiền chỉ để khỏe mạnh, tu Thiền chỉ để được Thần thông, tu Thiền chỉ để có nhiều vấn đề khác nữa, nhiều lợi ích. Như đợt trước, chúng ta nói là muốn giải thoát sanh tử, thì đây cũng vậy, [phải] tu Thiền chỉ.

Và hôm nay nói về mười Biến xứ. Mười biến xứ đó chúng ta quá quen rồi: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, [Hư không, Ánh sáng]. Nhiều đồng tu không biết tầm quan trọng cho nên không chịu tu. Thời đức Phật, đức Phật nhấn mạnh như vậy, lúc nào cũng nói tầm quan trọng của Thiền chỉ và Thiền quán. Bây giờ, người đời sau không hiểu được điều đó, nên người ta cắt bớt đi, người ta tu. Quý vị nên nhớ, thời đức Phật không có tông phái, chỉ có duy nhất đức Phật truyền cho tất cả mọi người. Còn tông phái là do đời sau mà hình thành.

Các vị đời sau đã chọn những cách tu thế này, bỏ điều này, thêm điều kia vô, cho nên mới sanh ra thành tông. Từ tông rồi lại chia nhỏ ra thành phái. Cho nên có những điều thêm vô, có lợi ích thêm, có những điều bớt ra có lợi ích. Nhưng ngược lại có những điều thêm vô mà khiến cho [việc] tu không đem lại kết quả. Có những điều bớt đi, mà đó [lại] là phần quan trọng. Bớt đi thành ra tu không được, không giải thoát. Chính vì vậy chúng ta phải đọc kinh Phật để biết điều gì đức Phật dạy là quan trọng.

Theo bộ mà chúng ta đã học từ bữa giờ, quý vị thấy Thiền chỉ cực kỳ quan trọng, đức Phật nhấn mạnh đi, nhấn mạnh lại. Và quý vị thấy, giống như tiêu đề này là "Muốn Đoạn Trừ Vô Minh Nên Tu Mười Biến Xứ". Mười Biến xứ rõ ràng là Thiền chỉ, chứ đức Phật đâu có nói muốn đoạn trừ Vô minh thì nên tu các Pháp môn khác đâu. Chứng tỏ điều này rất quan trọng đúng không ạ? Bữa trước chúng ta cũng có bài như vậy rồi.

Cho nên chúng ta học Phật thì chúng ta mới biết được điều nào là quan trọng. Còn học theo những người đời sau, thì có thể người ta không biết điều đó [Thiền chỉ] là quan trọng, người ta bỏ mất, nên mình tu hoài không có thành tựu. Mười Biến xứ này quý vị thấy cực kỳ quan trọng.

Địa biến xứ là biến xứ đất, #bốn duy là bốn góc. Tức là tu làm sao mà thấy đất khắp mọi nơi, gọi là Địa biến xứ.

Tu Thủy biến xứ, Hỏa biến xứ, Phong biến xứ, Thanh biến xứ, Hoàng

biến xứ, Xích biến xứ. (Thủy biến xứ là biến xứ nước, Hỏa biến xứ là biến xứ lửa, Phong biến xứ là biến xứ gió, Thanh biến xứ là biến xứ màu xanh, Hoàng biến xứ là biến xứ màu vàng, Xích biến xứ là biến xứ màu đỏ, Bạch biến xứ là biến xứ màu trắng). **Không Vô Biên Xứ biến xứ, tu biến xứ thứ mười là Thức Vô Biên.** (Không Vô Biên Xứ và Thức Vô Biên Xứ)**. Bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn đoạn trừ Vô minh, nên tu mười biến xứ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.**

Chúng ta chỉ cần để ý chỗ [mười Biến xứ] này, còn chỗ [số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri] thì từ từ, đoạn kinh này dài, sẽ giải thích đằng sau.

Như vậy quý vị thấy muốn đoạn trừ Vô minh thì nên tu mười Biến xứ. Rất quan trọng đúng không quý vị? Và mười Biến xứ này, cách tu cũng rất dễ. Thời nay Thiện Trang đã chỉ cho quý vị cách tu hiện đại, hiện đại hơn rất nhiều, ví dụ như dùng đèn. Quý vị nên dùng đèn màu, vì dùng đèn màu trắng thì khó nhiếp lắm. Và nên dùng đèn tròn để chúng ta tu các biến xứ màu xanh, vàng, đỏ, trắng.

Sẵn đây Thiện Trang xin chia sẻ lại một lần nữa, nhắc lại cách tu. Chúng ta phải học các bước để tu Thiền chỉ, chuẩn bị như thế nào: quần áo phải dễ chịu, nhẹ nhàng; chỗ ngồi phải sạch sẽ v.v... Nếu tu biến xứ màu thì Thiện Trang chỉ cho quý vị hãy dùng cái đèn, bây giờ dùng đèn tiện hơn. Đèn phải tròn, phải nhẵn. Đèn mà kiểu rổ rổ là không được, méo méo là không được, phải tròn. Rồi dùng màu, chúng ta tùy thích màu nào thì có thể dùng màu đó. Thiện Trang thấy trong các màu, Thiện Trang tu có ba màu thôi, đó là màu xanh da trời, xanh lá cây (giống như chữ Câu Xá Luận mà quý vị đang thấy [trên màn hình] là màu xanh lá cây), có khi là màu xanh khác, không giống vậy. Màu xanh mà Thiện Trang thích là xanh giống kiểu này [xanh da trời nhạt], tất nhiên màu khác chút cũng được, và màu hồng, màu đỏ. Màu hồng đôi khi thành màu đỏ luôn.

Cách mình tu là gì? Mình gắn đèn vào, bật ánh sáng vừa phải, để khoảng cách làm sao đủ thấy kín [tầm] mắt, đừng để nhiễu, đừng để nhìn thấy gì hết [ngoài bóng đèn], đừng nhìn thấy gì bên ngoài nữa cả. Trước mặt thì đừng để cái gì vướng, để khiến lọt vào mắt mình cái khác. Ví dụ như có dây điện thì quý vị giấu

sợi dây màu đen để cho tối đi, không thấy sợi dây điện. Chứ còn quý vị để dây điện trắng trắng hay vàng vàng chạy trước mặt, thì cũng không vô được Trì tướng hay Tợ tướng đâu. Khó lắm!

Rồi quý vị điều chỉnh ánh sáng vừa phải, nếu ban ngày thì [cho] ánh sáng đèn mạnh lên để át ánh sáng bên ngoài. Còn nếu ban đêm thì quý vị cho ánh sáng vừa phải thôi, chói quá cũng không được đâu. Và nhớ, tốt nhất là nên lấy tấm vải đen hay cái gì đen căng ra, để không thấy gì đằng sau đó. Còn không thì đằng sau đó phải tối, để mình nhìn vào không bị phân tâm.

Trước khi tu, quý vị nhớ đề khởi, cách dễ dàng là hãy nghĩ rằng: đời là vô thường, là khổ v.v… ta chỉ có con đường thoát khổ. Vì con đường thoát khổ cho nên ta phải tu, ta tu để giải thoát sanh tử, nên ta phải tu môn này. Rồi sau đó nghĩ rằng tất cả những đức Phật thời quá khứ, những vị A-la-hán v.v… những vị tu đều có thành tựu với môn này, nên ta tu cũng có thành tựu với môn này. Chắc chắn mình phải có niềm tin như vậy. Và khi đó mình hoan hỷ, mình vô, bắt đầu nhìn, chỉ cần nhìn thôi, không được suy nghĩ gì cả. Cứ nhìn một lúc là có thể bắt đầu xuất hiện Tợ tướng. Còn nếu không nhìn ra được [Tợ tướng] là phải coi lại.

Tợ tướng là sao? Thiện Trang cũng đã nói rồi. Ví dụ, dễ nhất là nhìn một chút thì tự nhiên cái đèn biến thành giống như viên ngọc rất đẹp. Đó chưa phải là Tợ tướng. Rồi có thể tách thành 2, 3, 4 viên ngọc hoặc là quá trời cái đèn như vậy, viên nào viên nấy đẹp lắm. Hoặc là thấy toàn bộ là màu đó, màu xanh thì thấy toàn màu xanh, màu đỏ thì thành toàn màu đỏ v.v… Trạng thái đó chỉ xuất hiện một khoảng thời gian thôi, nếu quý vị không để tâm trong đó, tức là đừng có suy nghĩ gì hết. Dù nó đẹp hay xấu thế nào, thì quý vị cũng đừng suy nghĩ. Nếu suy nghĩ là rớt, rớt thì quý vị phải làm lại từ đầu.

Màu mà Thiện Trang thấy, tuy là khó chịu, nhưng dễ vào nhất là màu đỏ. Màu đỏ không biết sao lại có sức nhiếp mạnh thế nào đó, nên dễ vào hơn màu khác. Mới đầu Thiện Trang không chịu sử dụng màu đỏ, Thiện Trang bấm màu tím, nhưng không tím lắm mà hơi đỏ, rồi thử luôn thì thấy màu đỏ dễ vô hơn cả màu xanh nữa. Cho nên là tùy, quý vị phải thử. Quý vị cứ thử xem!

Khi vào Trì tướng rồi là bắt đầu dễ chịu rồi đó. Thậm chí không cần vào Trì

tướng đâu, quý vị chỉ thấy viên ngọc thôi thì người cũng an an, dễ chịu. Nếu người vào được Trì tướng thì dễ chịu hơn, và một hồi nhập Thiền luôn. Nhập Thiền tức là dường như không thấy cảnh gì cả, và mình cảm thấy một sự an lạc, dễ chịu lắm. Đó là mình vô Thiền được thì dễ chịu, và từ đó về sau mình tu dễ hơn. Đó là tu về biến xứ màu.

Còn đối với biến xứ Đất, Thiện Trang chưa tìm được, phải tìm đất nặn, mình nặn ra hình tròn màu xanh hay màu gì đó để mình tu. Còn đối với biến xứ Lửa, thì không cần đốt lửa cũng được. Mình chỉ cần mở tivi, điện thoại, Ipad hay máy tính gì đó, rồi chọn đề mục lửa mà Thiện Trang có đưa link lên đó, hoặc quý vị lên mạng tìm [đề mục] lửa thì cũng đầy đó mà. Chọn lửa nào mà phải bập bùng, chứ đừng có củi đen nhiều. Quý vị làm sao cho củi khuất đi, để ngọn lửa bập bùng thôi. Nhìn lửa bập bùng dễ vô Tợ tướng hơn, rồi từ đó mới vô Trì tướng.

[Biến xứ] Nước thì quý vị có thể coi nước trong sông, hồ hay biển gì đó. Thiện Trang thích coi nước biển. Thiện Trang mở nước biển ra hoặc là nước hồ mênh mông, thì nhìn một hồi cũng định được. Hoặc đi ra hồ, ra biển cũng được, tu cũng được, nhưng phải vắng. Nhớ là trong môi trường phải không ồn, chứ nếu môi trường ồn quá là rớt Thiền, không đắc Thiền được. Tại vì âm thanh là gai nhọn để nhập Sơ thiền (là chướng ngại đó). Cho nên nếu ồn quá thì quý vị cần gắn mấy cái bông gòn hay gì đó bịt tai lại để cho yên. Và nhớ rằng khi các cảnh giới thay đổi, xuất hiện Tợ tướng thì đừng tác tâm, đừng nghĩ gì hết, cứ kệ nó, cứ mặc kệ thì mới vô. Còn quý vị nghĩ một cái thì không phải là Thiền chỉ nữa, [mà bị] rớt ra. Cách là như vậy!

Và mỗi người cũng sẽ có một lối vào khác nhau, lúc đầu có thể khó khăn, thì quý vị cứ thử được thời gian, có thể vào được rồi thì quý vị sẽ có kinh nghiệm. Giống như người mà chưa vào được trạng thái Trì tướng, thì người ta sẽ cố gắng làm sao để vào Trì tướng. Từ Trì tướng rồi mới vào [trạng thái] tiếp theo được. Tợ tướng chưa xuất hiện gì hết. Bí quyết đơn giản thôi, là đừng nghĩ lung tung. Thiện Trang nói bí quyết đơn giản là ở môi trường không bị nhiễu. Không bị nhiễu tức là ánh sáng v.v... không bị che, không bị thứ gì [khác] hiện vào. Thứ hai là tâm mình không có nghĩ ngợi lung tung, cảnh biến đổi gì thì cũng im luôn.

Cho nên người đơn giản thì người ta tu được Thiền chỉ. Và Thiền chỉ không đòi hỏi cao siêu, không cần phải đòi hỏi giáo lý gì ghê gớm. Còn Thiền quán thì thật sự phải học nhiều. Thiền chỉ chỉ cần biết mấy chi thiền thôi, rồi biết năm Triền cái, tránh được năm Triền cái là ok. Cho nên là không khó!

Và nếu quý vị tu được Thiền chỉ thì người quý vị cũng khỏe khoắn, an lạc lắm. Mỗi ngày chỉ cần bỏ ra 15 phút thôi, 15 phút buổi sáng, 15 phút trưa, 15 phút chiều, 15 phút buổi tối là dư xăng. Thậm chí chỉ cần sáng, chiều, tối hoặc là sáng, trưa, tối là quý vị cũng thấy người khỏe khoắn. Và nếu ai mà niệm Phật thì quý vị thấy lạ lắm, nó chưa vô, quý vị ngồi đó là tự nhiên câu Phật hiệu ra rồi. Do Thiện Trang tu niệm Phật lâu năm, cho nên cứ vào ngồi là câu Phật hiệu hiện ra, thì Thiện Trang phải dẹp Phật hiệu qua một bên thì mới tu được Thiền chỉ. Còn nếu không, câu Phật hiệu khởi hoài thì cùng lắm là tới Vị đáo định hay là Trì tướng thôi. Cứ tới đó là nghe câu Phật hiệu. [Như vậy] là không được, không [vào Thiền] được. Rồi khi quý vị ra Thiền là câu Phật hiệu tự động khởi.

Cho nên ai tu Tịnh Độ, mà nói tu Thiền là xen tạp, thì phải xem lại. Do mình chưa thực hành, mình không nghe lời Phật. Đức Phật dạy mà mình không nghe, mình nghe người đời sau, nên mình mất đi lợi ích. Đó là Thiện Trang khuyên như vậy.

Thiện Trang [đã] nói sơ qua tầm quan trọng về đề mục này. Tiếp theo:

9b. "Nếu muốn biệt tri Vô minh nên tu mười biến xứ. (Ở trên là muốn đoạn trừ Vô minh. Còn đây là biệt tri, là biết riêng về Vô minh, nên tu mười Biến xứ. Nội dung giống như trên, chỉ có đổi một chút như vậy thôi. Tóm lại là như vậy.) **Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm Triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, Địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy tu Thủy biến xứ, Hỏa biến xứ, Phong biến xứ, Thanh biến xứ, Hoàng biến xứ, Xích biến xứ, Bạch biến xứ, Không Vô Biên biến xứ; tu biến xứ thứ mười Thức Vô Biên Xứ, bốn duy trên dưới, là không**

hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri Vô minh nên tu mười biến xứ.

(Trích từ Kinh 222 – Kinh Lệ - Trung A Hàm).

Ở trên là Kinh Nikaya, ở dưới là Kinh A Hàm. Cho nên mười Biến xứ cực kỳ quan trọng. Ráng thực hành đi, Phật pháp là đến để mà thấy, chứ không phải nghe mà thấy. Niềm tin, đức Phật nói là hãy xây dựng từ trong tâm mình. Quý vị tu làm sao [mà] niềm tin bất thoái chuyển, bằng cách là mình tự khám phá những điều đức Phật dạy. Dù tu bất cứ Pháp môn nào, nhưng nếu khi niềm tin của mình vững vàng, từ sự thực hành của mình, thì lúc đó quý vị mới tin chắc chắn được.

Còn quý vị tin, mà tin người, dựa vào người, thì dễ sụp đổ lắm. Thứ nhất, người là vô thường; Thứ hai, hoàn cảnh có thể tạo ra cho mình những điều khiến cho mình không tin được, hoặc là khi trái nghịch quá là mình mất niềm tin. Ví dụ như quý vị tin Tịnh Độ, quý vị nói niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, nhưng quý vị niệm một hồi, gần chết rồi mà tự nhiên lúc đó chẳng thấy gì hết, quý vị nghi một cái [là] xong.

Quý vị nghi là bình thường, vì trong đời mình chưa tu tới đó mà. Còn ví dụ như quý vị tu Thiền chỉ này, mà khi Thiền chỉ này đắc lực, đắc được Sơ thiền chẳng hạn, thì quý vị tự nhiên có công phu, quý vị tin Pháp môn này tu được. Và tự nhiên niềm tin đó mạnh lên ngay, và mình tu, mình thâm nhập từng môn khác nữa, dần dần mình kiểm chứng được.

Tu Tịnh Độ cũng vậy, khi nào mình biết chắc có Thế giới Tây Phương Cực lạc, mình biết chắc có đức Phật A Mi Đà, mình biết chắc có thể vãng sanh, tự mình vãng sanh. Còn tin vào người khác, toàn nghe nói không [thôi] thì có vấn đề. Giống như người nào tu một hồi rồi cũng chia sẻ: À! Có tấm gương này. Hôm nay lên mạng coi có ai vãng sanh hay không, rồi người nào đâu đó vãng sanh v.v… Nếu quý vị còn như vậy, là niềm tin của quý vị chưa đủ. Còn niềm tin của người ta đủ rồi thì người ta tự biết.

Cho nên không cần ai chứng minh nữa, mình chứng minh cho mình luôn. Tại vì mình biết rất rõ, thì như thế mới tin, tin mới chính xác. Còn những niềm tin mà dựa vào bên ngoài thì mong manh lắm, khi hoàn cảnh thay đổi là người ta thay đổi. Nên nhớ như vậy nha!

Sẵn đây kể cho quý vị nghe một câu chuyện, chứ không quý vị buồn ngủ. Trong Tích Truyện Pháp Cú có một câu chuyện như thế này: Thời đức Phật có một vị Phật tử tên là Sonacutikana, gọi tên ngắn gọn là Sona. [Vị đó] khi nghe một vị Thượng tọa thuyết pháp [thì] xin đi xuất gia, bị hai lần từ chối, rồi sau đó cũng được đi xuất gia. Đi xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, sống được khoảng 3 năm. [Khi] còn là địa vị Tăng sĩ, [vị ấy] xin phép Sư phụ để trở về nhà, vừa thăm gia đình, vừa có cơ hội gặp đức Phật. Tại vì chỗ mà vị đó xuất gia thì không gần đức Phật.

Khi [vị ấy] về thì được đức Phật đón tiếp thân mật và cho phép vào hương thất của đức Phật một mình. Thầy này tu rất tuyệt vời, đi kinh hành ngoài trời hầu như suốt đêm, vào hương thất ngủ một chút thôi. Đức Phật bảo ngài hãy tụng bài kinh 16 đoạn, một bài kinh như vậy. Và đức Phật khen là tụng rất hay, cho nên chư Thiên, Trời, Rồng, Dạ-xoa, cho đến trời Phạm thiên cũng đều ca ngợi vị thầy Sona đó.

Lúc đó tại nhà của vị đó cách đó 120 dặm, vị thần cư ngụ trong nhà cũng khen ngợi nhiệt liệt người con của bà đó. Bà mẹ nghe, [hỏi]: *"Ai đang ca tụng vậy?"* Vị thần đó nói: *"Dạ! Là tôi đây, thưa chị"*. Bả nói: *"Ông là ai?"* Vị thần đó nói: *"Tôi là thần trong nhà này"*. [Bà hỏi:] *"Từ trước đến nay sao ông không khen ngợi, mà hôm nay ông lại làm thế?"* Vị thần đó trả lời: *"Không phải tôi khen ngợi chị đâu, mà tôi khen ngợi con trai của chị, là Trưởng lão Sona".* [Bả hỏi]: *"Con trai làm được gì mà được khen ngợi?"* Vị thần nói: *"Do con trai của chị, ngày đó tụng kinh cho Phật nghe, được Phật khen ngợi, mà chư Thiên cũng khen ngợi. Cho nên tôi cũng khen ngợi luôn".*

Bả [biết] như vậy cho nên bả cũng rất hoan hỉ, đợi khi nào con mình về tụng kinh cho nghe. Lúc Trưởng lão Sona tạm biệt Phật đi về, thì độ được bà mẹ. Bà rất vui mừng, cho nên làm nguyên giảng đường cho con để giảng pháp luôn. [Bà] xây dựng một giảng đường lớn, rồi đem tất cả người trong gia quyến đi nghe Tôn giả Sona thuyết pháp, chỉ chừa đúng một đứa tớ gái trông nhà thôi.

Đúng lúc đó thì một nhóm cướp 900 tên, luôn tìm cách lẻn vào nhà của bà đó nhưng không vào được. Tại vì nhà bà xây nhiều lớp tường rào, rồi có chó dữ canh, những đường mương nước thì đổ đầy chì. Ban ngày thì chì nóng chảy thành

chất nước sền sệt, ban đêm thì đông cứng lại, không thể nào vô được. Nhưng vào đúng ngày bà đi nghe pháp, thì họ đào được một địa đạo xuyên qua đường mương, rồi vô trong nhà. Tên dẫn đầu của nhóm cướp thì đi canh chừng bà chủ, còn mấy tên kia thì đi lấy trộm. Ổng nói là nếu bà đó ra về, thì sẽ giết liền. Tại vì ổng canh chừng mà. Cho nên hắn mới đi tới sát giảng đường nghe pháp, đứng kế bên bà đó để canh. Còn bọn cướp thì vào nhà thắp đèn cho sáng lên, rồi mở cưa, cưa hết kho tiền đồng.

Đứa tớ gái thấy vậy, mới chạy qua báo cáo cho bà chủ: *"Thưa Phu nhân, bọn cướp vào nhà, và đang mở kho tiền đồng".* Bà đó nói: *"Thôi kệ chúng đi, để bọn chúng muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Ta đang nghe thuyết pháp. Đừng làm bận rộn ta, hãy về đi!"*

Khi bọn cướp hốt sạch hết kho tiền bằng đồng rồi, đang qua kho tiền bạc, thì cô tớ gái lại chạy tới báo tin nữa. Bả cũng trả lời như trên, tiếp tục nghe giảng pháp tiếp. Bả đang nghe con mình giảng hay quá, con bà là vị xuất gia rồi đó.

Bọn cướp hốt hết kho tiền bạc, rồi sang mở kho tiền vàng. Cô tớ gái cũng nóng ruột, chạy đến báo tin lần thứ ba. Bà đó cũng nói: *"Con đã làm bận rộn ta hai lần rồi. Ta bảo cứ để bọn cướp mang đi những gì chúng muốn. Ta đang nghe pháp, đừng làm ồn, vậy mà con không nghe. Nếu còn nói nữa thì ta sẽ phạt con thích đáng. Hãy đi về đi!"*

Lúc đó tên đầu đảng ở bên cạnh bà, nghe được như vậy. Quý vị thấy rõ ràng, bà này rất tuyệt vời đúng không? Nghe pháp đến nỗi say sưa, không quan tâm gì luôn. Tiền vàng, tiền đồng, tiền bạc bị trộm lấy, thì cho lấy hết luôn, muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Quý vị thấy nghe pháp mà cỡ đó. Cho nên lúc đó tên dẫn đầu bọn cướp nói: *"Nếu chúng ta lấy tài sản của một người như bà này, thì chắc là vua trời Đế Thích sẽ đánh vỡ đầu chúng ta*". Vì hắn cầm đầu, nên hắn trở về ra lệnh cho đồng bọn trả hết tài sản lại, rồi cho bọn cướp để lại trong kho như cũ. Rồi nói rằng: *"Kẻ nào sống chân thật thì sẽ được bảo vệ. Thật chí lí!"*

Sau đó nhóm cướp vô gặp bà, kéo vô đến giảng đường nghe pháp. Vị Tôn giả Sona giảng pháp tới sáng luôn, mới bước xuống tòa, giảng xuyên đêm luôn. Lúc đó tên đứng đầu bọn cướp mới quỳ dưới chân bà Phật tử, mẹ của Tôn giả

Sona, rồi xin: *"Phu nhân tha thứ cho chúng tôi!"* Cuối cùng nhóm cướp ăn năn rồi xin đi xuất gia luôn, xuất gia với vị Tôn giả Sona.

Quý vị thấy [hay] không ạ? Đó là thời đức Phật có câu chuyện như vậy, còn đẳng cấp hơn câu chuyện hồi xưa ngài Lý Bỉnh Nam kể, là có người Phật tử nghe pháp, có người nói cháy nhà mà cũng mặc kệ. Bà này còn đẳng cấp hơn nữa, cho nên độ được nguyên nhóm cướp. Quý vị thấy người ta tu, người ta có niềm tin tuyệt đối như vậy. Còn mình, mình tu một hồi, mình tu không được gì, mình sợ này sợ kia, cho nên niềm tin của mình yếu lắm. Mà bà có thiện căn sâu dày, bà nghe [pháp] là bà tin được.

Chúng ta tiếp tục, ở đây nhấn mạnh lại lần nữa tu Thiền chỉ. Ai chưa tu thì ráng tu, tu đi rồi biết. Tu nhiều lần, tu tới [tu] lui, nếu có khúc mắc nào thì quý vị có thể hỏi. Thiện Trang nói là các Biến xứ này thì dễ tu hơn, trong các đề mục tu Thiền chỉ thì tu biến xứ này dễ hơn rất nhiều. Thời gian mới đầu thì khó, nhưng sau nếu mình qua được rồi, nhập Thiền được thì quý vị sẽ thấy dễ dàng. Và người quý vị cảm thấy nhẹ nhàng mỗi ngày, hoan hỉ an lạc, và lúc đó quý vị mới cảm thấy Phật pháp tuyệt vời. Còn những gì mà mình nói cho hay, mà mình ăn không được, mình xài không được, tức là mình tu không được, thì đó thật sự không có hiệu quả.

Nên nhớ, chúng ta nên tin vào đức Phật, đức Phật nói điều gì là chính xác điều đó. Đức Phật nói tu [Thiền chỉ] để thắng, ly được tham, được sân v.v… là được các quả liền. Còn người đời sau thì họ có thể đề xướng, họ nói quá trời, là điều này tốt, điều kia tốt v.v… nhưng chưa chắc là đã tốt. Nên nhớ vậy! Đức Phật [nói] mới yên tâm.

Bây giờ chúng ta tới mục khác, là:

Các Cách Tu Tập Chỉ Và Quán - Các Chi Phần A-La-Hán

(Trích từ kinh nha, Thiện Trang toàn trích từ kinh không đó).

Một thời, Tôn giả Ānanda sống ở Kosambī, tại khu vườn Ghositā. Tại đấy, Tôn giả Ānanda gọi các Tỷ-kheo:

- Thưa các Hiền giả Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Ngài A Nan, bên Nam truyền người ta viết là Ananda. Chúng ta cũng hiểu là A Nan thôi.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả. Tôn giả Ānanda nói như sau:

- Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này. Thế nào là bốn?

Tức là có những người Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni, chúng ta nói người tu hành, tuyên bố trước mặt ngài A Nan là đã chứng được quả A-la-hán, thì người ấy phải đủ được bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần. Thế nào là bốn chi phần?

Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập Quán, có Chỉ đi trước; do vị ấy tu tập Quán có Chỉ đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các Kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Đầu tiên, quý vị nhớ, Thiện Trang tô đỏ lên đó, tức là những người nào tu tập Quán (Thiền quán), ví dụ như chúng ta có các bộ kinh về Thiền quán, quán Vô thường, Vô ngã v.v… Nói rộng ra thì tu có rất nhiều phép quán, các đề mục quán. Nhưng ở đây là có Chỉ đi trước, tức là tu Chỉ trước Quán sau đó quý vị. Do vị ấy tu tập Quán mà có Chỉ đi trước, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, tức là tu tập nhiều, thường xuyên. Cuối cùng được điều gì? Các Kiết sử được đoạn tận, tức là hết Phiền não; các tùy miên được chấm dứt, cũng hết Phiền não luôn, (Tùy miên và Kiết sử nói chung là Phiền não), thì cuối cùng chứng A-la-hán.

Đây là con đường để tu, tức là tu Quán phải có Chỉ đi trước, đó là đường thứ nhất. Cho nên Thiện Trang nói có mấy cách tu [trong đó có]: Chỉ trước Quán sau. Ngài A Nan nói tu chính yếu là tu Quán, nhưng có Chỉ đi trước. Cho nên tầm quan trọng của Thiền chỉ, Thiền quán là vậy. Đó là trường hợp thứ nhất.

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo tu tập Chỉ, có Quán đi trước. Do vị ấy tu tập Chỉ có Quán đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các Kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Đây là cách tu thứ hai, có thể tu cách này: Tu tập Chỉ nhưng có Quán đi trước, tức là dùng Quán trước Chỉ sau. Như vậy tu một hồi thì cũng thành tựu được, làm cho các Kiết sử đoạn tận, các Tùy miên được đoạn tận, là hết Phiền não.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập cả hai Chỉ Quán gắn liền với nhau (tức là đồng một lượt)**. Do vị ấy tu tập cả hai Chỉ Quán gắn liền với nhau, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các Kiết sử được đoạn tận, các Tùy miên được chấm dứt.**

Đây là cách mà chúng ta thường hay nói, là Chỉ Quán song vận, tức là dùng luôn một lúc cả Chỉ và Quán. Ví dụ như hồi xưa Thiện Trang chỉ thích tu Quán thôi, không thích tu Chỉ. Sau này, bây giờ Thiện Trang tu con đường này, Thiện Trang chọn con đường Chỉ Quán song vận, Thiện Trang thấy lợi ích hơn [tu] Quán [không thôi] rất nhiều.

Còn nếu tu tập Chỉ trước thì cũng được, nếu những người chưa học giáo lý nhiều, thì quý vị có thể dạy cho họ tu Chỉ trước. Bởi vì Thiền chỉ dễ tu, dễ thực hành và được lợi ích liền, rõ ràng lắm. Dạy cho người ta không cần biết nhiều, vô mấy đề mục Biến xứ thôi, dạy cho họ, và thêm đề mục nữa là đề mục hơi thở. Thiện Trang bây giờ nói thật, cũng chưa tu hết tất cả các đề mục trong 40 đề mục. Như Thiện Trang tu mấy đề mục màu, rồi tu đề mục Biến xứ Lửa, Biến xứ Nước và hơi thở, Thiện Trang cảm thấy bấy nhiêu cũng tạm đủ rồi. Sau này có thời gian thì sẽ tu thêm các đề mục khác, nhưng hiện tại thấy tu bấy nhiêu đó là được rồi. Và khi tu đề mục này được rồi thì tu đề mục kia cũng dễ, cho nên thường xuyên sử dụng nhất và tiện nhất vẫn là đề mục hơi thở. Cách rất đơn giản thôi, hít vô thở ra, mới đầu dài một chút, rồi [bắt đầu đếm] 1-1, cứ hít vô 1, thở ra 1, hoặc quý vị làm ngược lại cũng được, rồi 2-2; 3-3, cho đến 10 thôi.

Quý vị làm như vậy một chút là người khỏe lắm. Các đề mục kia thì người không khỏe bằng đề mục hơi thở, phát hiện ra là như thế. Cho nên sau khi tu các đề mục kia là Thiện Trang quay qua đề mục hơi thở. Sau hết thời gian đó Thiện Trang ra thì tu Thiền quán. Tức là Thiền quán vẫn là thời gian nhiều nhất, nhưng Thiền chỉ cần phải đi kèm thì mới mạnh được. Cho nên từ đó là mình dùng [cách đó].

Ví dụ như người tu Tịnh Độ, quý vị thấy 16 phép quán trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ. 16 phép quán mà, đâu có nói phép chỉ đâu, mà người đời sau nói câu Phật hiệu đó cũng là phép chỉ nữa. Đó là người ta nói thôi, còn đức Phật nói rõ ràng đó là 16 phép quán. Cho nên mình phải nghe những lời đức Phật nói, còn người ta thì tất nhiên [họ] muốn nói sao cũng được. Nhưng nói có chính xác hay không thì đó là chuyện của người ta, còn chuyện của đức Phật nói, thì chúng ta hãy tin.

Đây là cách tu thứ ba, là hai pháp này Chỉ và Quán gắn liền với nhau, tức là đồng thời.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo với các dao động đối với các pháp được hoàn toàn dứt sạch. Này các Hiền giả, đây là thời khi tâm của vị ấy an trú, an tọa, nhất tâm, định tĩnh. Với vị ấy, con đường sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các Kiết sử được đoạn tận, các Tùy miên được chấm dứt.

Đoạn này nói không rõ, nhưng quý vị thấy 'với các dao động đối với các pháp được hoàn toàn dứt sạch', đó là định tĩnh rồi, có định rồi. 'Khi tâm của vị ấy an trú, an tọa, nhất tâm, định tĩnh' [tức là] tu một hồi thì vô. Cách tu này, không thấy nói Quán gì hết, thì coi như tự động là người ta tu Thiền chỉ. Cho nên có cách này, ở đây chưa có mở rộng.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này.

Đây coi như bốn hướng để tu, quý vị có thể tu một trong bốn hướng này

hoặc là tu hết cả bốn, ngài A Nan nói vậy đó. Quý vị tu một trong bốn chi phần này cũng được, hoặc là bốn.

(Kinh (4.170) Gắn Liền Cột Chặt: Yuganaddha (SA 560) – Kinh Tăng Chi). Phần Bốn Pháp.

Như vậy ở đây rõ hơn rồi đúng không ạ? Nói gì phải có sách, mách có chứng, không thể nói một cách mơ hồ, [thì] người ta không tin được. Bây giờ Thiện Trang rút kinh nghiệm rồi, ai nói gì thì mình cũng chớ vội tin, mình phải coi [điều đó] có trong kinh hay không. Chứ không, họ nói cái gì cũng nói được, thời nay có những người nói ghê lắm, cho nên phải cẩn thận. Họ nói hay lắm, nhưng thực tế thực hành bao nhiêu năm mà không có lợi ích.

Thiện Trang chỉ khuyên quý vị thôi: là con đường ra khỏi sanh tử là pháp thân huệ mạng của mình, cực kỳ quan trọng, không nên dễ dàng giao phó cho một ai đó. Nếu như mình mơ hồ mà tin tưởng, rồi thực hành thì nhiều khi hết cuộc đời này, mình không ra khỏi sanh tử, lúc đó mình đọa lạc rồi, mình sẽ hối hận. Lúc đó mình hối hận [thì đã] muộn mất rồi. Đừng vì một tình chấp thế gian hay vì một điều gì đó. Nên nhớ là như vậy!

Trong Phật pháp rất khác với thế gian, đừng đem thế gian vào trong Phật pháp. Nếu theo thế gian thì đức Phật không thể nào thành Phật. Quý vị thấy không? Giống như vua Tịnh Phạn, lúc ngài cho Thái tử Siddhattha (ở trong kinh nói ba mùa, chúng ta nói theo mùa Việt Nam là bốn mùa) có những cung điện theo mùa. Được hưởng thụ như vậy, nhưng Ngài không thỏa mãn, Ngài đã đề ra điều kiện đi xuất gia. Vua cha Tịnh Phạn không cho Ngài đi, Ngài đã đưa ra điều kiện là: *"Làm sao con không già, con không bệnh, con không chết. Làm cho chúng sanh không già, không bệnh, không chết"*. Vua Tịnh Phạn không chấp nhận.

Như vậy nếu nói theo thế gian rõ ràng là bất kính đúng không ạ? Sau đó Ngài tự trốn đi trong đêm nữa. Như vậy là bất kính đúng không? Hoàn toàn không đúng theo thế gian. Nhưng sau khi [Ngài đi thì] thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thành Phật.

Quý vị thấy không? Có rất nhiều điều Phật giáo không giống như thế gian, và đừng có đem thế gian vào trong Phật giáo. Đặc biết nếu ai học nhiều nhà Nho,

nhà Đạo, thì rất bị dễ bị lạc vào đó, rồi cuối cùng mình không biết đâu là thế gian, đâu là Phật pháp. Và đôi khi ta đánh đồng hai điều đó với nhau, thì đó là sự sai lầm cực kỳ lớn, nên nhớ là như vậy.

Phật pháp khác thế gian hoàn toàn, khác những Tôn giáo khác. Đức Phật luôn luôn đề xướng là giải thoát, giác ngộ, đứng trên. Quý vị thấy không? Rất là tuyệt vời! Nhiều khi 'tiên nhập vi chủ', điều gì mình học trước, làm chủ mình rồi, thì sau này mình quay lại không được. Quay lại thì nào là sợ lỗi với thầy, nào là sợ lỗi với đạo, lỗi bất hiếu, v.v… đủ các kiểu. Như vậy thì quý vị sẽ tiếp tục trôi lăn trong vòng sanh tử, không thoát ra được.

Nên nhớ! Một vấn đề quan trọng của cuộc đời, mà không phải một đời, rất nhiều, rất nhiều đời, vô lượng kiếp đến nay ta đã ở trong luân hồi, bởi vì chúng ta tu chưa chính xác, không đúng, không có nhiều cơ hội để gặp được Chánh pháp. Đời này có cơ hội rồi mà không chịu khó lắng lòng để thực hành, không chịu khó lắng lòng để tìm hiểu, mà mình dễ vui, dễ tin người, dễ tin theo cảm tính, và do tình chấp mà không thoát ra được, để rồi luân hồi tiếp thì rất là đáng thương. Thiện Trang chỉ nói vậy thôi, bởi vì rất nhiều người không làm được điều đó.

Và nên nhớ, hiện tại Phật giáo càng ngày càng về sau thì người ta tiếp nhận Chánh giáo Như Lai rõ ràng hơn. Cho nên ai hiểu thì hãy ráng cố gắng thực hành. Những điều Thiện Trang cung cấp trong 42 bài, bài hôm nay là bài 42, là đủ cho quý vị đi rất mạnh mẽ ở thế gian. Và nên nhớ rằng: Mọi người thầy ở thế gian hiện tại, không thể bằng đức Phật Thích Ca, bởi vì sao? Vì Ngài thành Phật, còn lại không có ai thành Phật. Chưa! Cho dù A-la-hán cũng không bằng Phật được, nên nhớ như vậy!

Quý vị nên nhớ, ngài Xá Lợi Phất mà còn dạy người Đệ tử tu [sai], ngài dạy quán tử thi. Vị đó là chủ trong tiệm kim hoàn (tiệm vàng), mà kêu ra quán tử thi đi. Ổng ra quán một hồi, ổng chịu không nổi. Ngài Xá Lợi Phật thấy không được rồi, mất mấy tháng mà không được gì. Ngài dẫn ổng đến đức Thế Tôn, nói: *"Bạch đức Thế Tôn, con dạy vị Đệ tử này tu hoài không được"*. Đức Phật mới vô dạy cho, Ngài biết vị này là chủ của tiệm kim hoàn (bán vàng), cho nên thấy toàn đồ sạch, tốt đẹp không [thôi], mà cho ra quán tử thi thì làm sao chịu nổi quý vị.

Cho nên [Phật nói]: *"Con ra quán hoa sen"*. Ra ngoài hồ, chỉ một bông hoa sen đó, ổng thấy khi mặt trời lên thì hoa sen nở ra từ từ, nở ra như thế nào đó. Trong Tích Truyện Pháp Cú nói là đức Phật dùng thêm Thần thông nữa, để biến cho đẹp hơn, giống như chúng ta tu đề mục Thiền quán đó. Hoa nở ra như vậy, rồi hoa tàn đi. Mình thì thấy hoa nở hoa tàn thôi chứ có gì đâu, nhưng ngài ấy ngộ ra được đạo lý Vô thường, tất cả là Khổ - Không, Vô thường. Nở rồi tàn, sanh rồi diệt, [ngài ấy] đắc A-la-hán.

Sau khi đắc A-la-hán, đức Phật mới nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Vị đó 500 đời toàn sống trong nhà giàu có, thấy cái gì cũng đẹp, thích cái gì cũng đẹp. Nên dạy tu Bất tịnh quán không được, mà phải dạy tu Tịnh quán, tu quán hoa sen.

Quý vị thấy chưa? Đặc biệt như ngài Xá Lợi Phất mà còn không chỉ được pháp đúng cho vị đó mà, phải đức Thế Tôn [chỉ]. Còn mình bây giờ, mình hơn Phật sao? Không có chuyện đó! Mình không hơn ngài Xá Lợi Phất được đâu, làm gì có chuyện đó. Mà trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất, hôm bữa chúng ta học trong kinh, ngài Xá Lợi Phất có trí tuệ cỡ nào? Trong Tam thiên Đại thiên Thế giới tràn ngập hết, lắp kín, dày khít với trí tuệ của ngài rồi. Cỡ đó mà ngài không dạy được cho người ta, mặc dù [ngài] dạy rất nhiều người rồi, tại vì ngài không có [trí tuệ bằng Phật]. Trong Luận Đại Tỳ Bà Sa, có người nói là ngài có thể biết đến một a-tăng-kỳ kiếp. Nhưng một a-tăng-kỳ kiếp thì làm sao bằng đức Phật được, đức Phật biết vô lượng kiếp mà. Có chỗ nói vậy thôi nha, chứ không phải chắc chắn như vậy.

Chúng ta thấy rõ ràng trí tuệ của một vị Thanh văn, Đệ tử của đức Phật mà còn không bằng. Bây giờ toàn hàng phàm phu, thì chúng ta chỉ có nương theo đức Phật, hên ra chúng ta bắt trúng được mạch. Giống như đức Phật để nhiều thuốc, mình uống trúng được là ngon thôi, thì thành công. Đức Phật đâu có nói là pháp nào đâu. Hồi xưa, mình cứ tưởng trong Kinh Đại Tập nói chọn cho mình Pháp môn thời Mạt pháp là tu niệm Phật, bây giờ t[ra ra] trong Kinh Đại Tập đâu có câu đó đâu, kiếm rồi, không có.

Cho nên không phải đâu! Pháp nào cũng là pháp thành tựu, miễn căn cơ quý vị đúng. Cho nên hãy ráng tu! Mà tu nền tảng này là cực kỳ quan trọng, dù quý vị có tu Thiền tông, hay Mật tông, hay gì cũng được. Thiện Trang không có bác bất

cứ môn nào hết, quý vị tu môn nào là việc của quý vị, nhưng nền tảng tu học phải có, đó là Chỉ và Quán. Hoặc công thức tu tập đó là: Giới, Định, Tuệ. Không có Giới, không được! Phải có Giới; phải có Định, Định là Thiền chỉ; và Tuệ chính là Thiền quán, tức là nghe pháp cũng là Thiền quán.

Nên nhớ như vậy! Giới, đối với người Cư sĩ tại gia cần phải có là Năm giới, Bát quan Trai giới. Bát quan Trai giới thì không nhất thiết phải thọ suốt, mà cứ thọ một tháng 6 ngày cũng được. Không thọ được 6 ngày, thì thọ ít hơn. Nhưng đức Phật nói ít nhất là 6 ngày một tháng, và thêm ba tháng Thần túc, ba tháng nữa càng tốt, còn không thì thọ [sáu ngày].

Rồi tu Thiền chỉ, thì có 40 đề mục tu Thiền chỉ, mình đừng tự chế thêm điều nào khác nữa. Mình tự chế thêm là mình tự chịu trách nhiệm lấy, chứ còn Thiện Trang không biết. Nhiều người hỏi đề mục đó có phải Thiền chỉ không? Thiện Trang nói: Không thấy trong [40 Đề mục tu Thiền chỉ], thì Thiện Trang nói không có. Giống như người nào đó nói: "Câu Phật hiệu cũng là Thiền chỉ". Thiện Trang nói: Phật hiệu không phải Thiền chỉ, vì sao? Có hai nguyên nhân. Câu A Di Đà Phật, A Mi Đà Phật không phải là Thiền chỉ, bởi vì: Thứ nhất không có trong các đề mục tu Thiền chỉ của đức Phật dạy. Thứ hai là âm thanh là gai nhọn, là chướng ngại của nhập Sơ thiền, trong Kinh Vô Thích, và nhiều bộ kinh cũng nói vậy. Cho nên khi vô Sơ thiền, phải diệt trừ âm thanh, tức là ngôn ngữ tịch diệt. Chúng ta đã học bài đó rồi, nên không bao giờ có chuyện đó.

Và hồi xưa chính Thiện Trang đã niệm, Thiện Trang cũng nghĩ niệm vô được Sơ thiền, cho nên Thiện Trang niệm, mà niệm hoài không vô. Sau đó dùng hơi thở, dùng hơi thở có gắn câu Phật hiệu, thì sau này mình mới biết, chỉ tới Vị đáo định thôi, không có cách nào vô hơn được nữa. Sau khi bỏ câu Phật hiệu ra, thì mới vào Sơ thiền được.

Cho nên không thực hành, mà cứ nói cho cố vô là không được đâu. Người chưa từng thực hành, người ta không thể nói đúng được, quý vị nên nhớ như vậy. Cho nên phải thực hành, mình thực hành đi, rồi biết.

Lúc nãy Thiện Trang quên nói, đó là khi tu Thiền chỉ, quý vị để ý giùm âm thanh, trong đó có cái đồng hồ mà có kim nhảy 'tách, tách, tách...' Điều đó, bình

thường quý vị tu thì không sao đâu, nhưng tới khi tu Thiền chỉ, mà lúc sắp vô Thiền, là nó cực kỳ chướng ngại luôn. Nghe tiếng to lắm, tiếng đó nghe to cực kỳ luôn. Bình thường thì mình không nghe, ồn hay sao nên không nghe, nhưng tới khi bắt đầu vô Trì tướng hay Tợ tướng, hay trước đó là bắt đầu nghe rõ. Đặc biệt vô Trì tướng, là [nghe] cực kỳ to luôn, không có cách nào vô Sơ thiền được, không vô được. Cho nên ai mà dùng đồng hồ đó, thì phải rút pin ra. Còn không thì nên đổi qua đồng hồ điện tử, để không có tiếng 'tách tách tách...'

Đó là chỉ cho quý vị nhiều cách, rồi đừng để nhiễu ánh sáng v.v… Quý vị phải có kinh nghiệm, tu nhiều thì mình mới có kinh nghiệm, chứ không phải dễ, sắp xếp không đúng thì vô không được. Thiện Trang sẵn chỉ cho quý vị luôn, chứ không, nhiều khi không nhớ.

Như vậy chúng ta đã hiểu rồi, bây giờ rõ ràng hơn, tất cả đều có căn cứ Kinh luận, không có ai cãi được mình hết.

ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ 5 QUYỀN

Đây cũng là năm quyền cực kỳ quan trọng, quý vị biết năm quyền không? Chúng ta học rồi, năm quyền là năm điều kiện cực kỳ quan trọng, gọi là quyền, là quyền hành, để giúp mình đắc đạo. Đắc đạo hay không, là do năm quyền này, đó là: (1) Tín quyền: tín là niềm tin; (2) Tấn quyền: tấn là sự tinh tấn; (3) Niệm quyền: niệm là ghi nhớ, là khả năng bắt cảnh, nhớ về quá khứ, nhớ về tương lai; (4) Định quyền: là phải có Thiền định; (5) Tuệ quyền: là phải có trí tuệ, là Thiền quán.

Bây giờ làm sao để có được năm quyền đó, thì xin giới thiệu với quý vị bài này.

1. Tín quyền:

Tránh xa người thiếu niềm tin, sống gần người nhiều niềm tin, tham cứu những Kinh điển kích thích niềm tin. Đây là ba điều kiện hỗ trợ Tín quyền.

Như vậy muốn có được Tín quyền, tức là muốn có niềm tin giúp đắc đạo, thì quý vị phải tránh xa giùm người thiếu niềm tin. Người nào thiếu niềm tin quá thì

né đi. Rồi sống gần với người nhiều niềm tin. Thứ ba là tham cứu những kinh điển kích thích niềm tin. Điều này quan trọng, tất nhiên gần người niềm tin thì họ lây cho mình, 'gần mực thì đen, gần đèn thì sáng'. Còn mình gần người thiếu niềm tin, suốt ngày họ nói ngược, thì mình nghe hoài, mình cũng mất niềm tin luôn. Rồi mình học kinh điển, tham cứu tức là nghiên cứu, học kinh điển một thời gian thì giải cho mình niềm tin.

Cho nên quý vị thấy, từ khi Thiện Trang ôm bộ A Hàm, Nikaya, rồi học Vi Diệu Pháp, học Luận Câu Xá, Đại Tỳ Bà Sa v.v… thì Thiện Trang thấy niềm tin của mình rất mạnh, không có gì thay đổi được, rõ ràng. Bởi vì sao? Những điều gì người ta nói, hồi xưa mình không biết, chứ bây giờ mình biết rồi, trong kinh có hay không v.v… Và Thiện Trang coi nhiều kinh rồi nên Thiện Trang biết. Cho nên từ đó mình có niềm tin xác chứng. Còn hồi xưa họ nói, có khi mâu thuẫn trước sau, thế này thế kia, thì tự nhiên mình không tin, lâu lâu mình sẽ có khởi nghi. Đấy là điều quan trọng. Cho nên thân cận thiện hữu là quan trọng.

Như vậy đó là để có Tín quyền.

2. Tấn quyền:

Tránh xa người lười biếng, sống gần người tinh tấn, thường suy xét về Tứ chánh cần. Đây là ba điều kiện hỗ trợ Tấn quyền.

Tấn quyền tức là quyền của sự tinh tấn, thì mình phải tránh xa người lười biếng. Ở gần người lười biếng, thì mình cũng lười biếng luôn. Sống gần người tinh tấn, thì tất nhiên mình sẽ tinh tấn hơn, gần đèn thì sáng mà. Rồi thường suy xét về Tứ chánh cần, Tứ chánh cần hỗ trợ cho Tấn quyền.

Tứ chánh cần, thì quý vị nhớ bốn điều thôi: hai điều ngăn ác và trừ ác, hai điều là tăng thiện và sinh thiện, nói đơn giản là vậy. Ngăn ác và trừ ác, là những điều ác nào mình đã làm thì bây giờ dừng lại, điều ác nào chưa làm thì đừng làm. Đó là ngăn ác và trừ ác. Rồi hai điều thiện đó là: điều thiện nào chưa làm thì hãy làm, đó là sinh thiện; điều thiện nào đã làm thì tiếp tục phát triển lên, đó là tăng thiện. Mình suy xét về Tứ chánh cần thì được điều này.

3. Niệm quyền:

Tránh xa người thất niệm, sống gần người Chánh niệm, thường suy xét về Bốn niệm xứ. Đây là ba điều kiện hỗ trợ Niệm Quyền.

Niệm quyền thì cũng tương tự, đầu tiên những người thất niệm; thất niệm là họ hay vọng tưởng lung tung, họ chẳng nhớ gì cả, học Phật pháp mơ mơ màng màng, rồi cứ vọng tưởng lung tung, đó là người thất niệm. Mà Thiện Trang thấy đúng, quý vị thấy, ai mà sống gần người thất niệm nhiều thì mình cũng bất an luôn, mình cũng cảm thấy sao đó.

Rồi gần người Chánh niệm, người Chánh niệm thì tất nhiên lúc nào họ cũng nhớ Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo, và họ rất sáng suốt trong cuộc sống. Tại vì sao? [Vì] họ nhớ, bắt được cảnh, ví dụ như không bị quên chìa khóa. Còn mình, bỏ chìa khóa chỗ nào đó, là người thất niệm, một hồi để lạc mất. Để đồ gì cũng không biết, điện thoại cũng không biết để đâu rồi, quần áo cũng không biết để đâu, đó là người thất niệm.

Và muốn được điều này, thì hãy suy xét Bốn niệm xứ. Chúng ta đã học Tứ niệm xứ, rồi, là quán: Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Đó là để có được Niệm quyền.

4. Định quyền:

Tránh xa người loạn động, sống gần người có Thiền định, thường suy xét tinh thần giải thoát của Thiền định. Đây là ba điều kiện hỗ trợ Định Quyền.

Như vậy đầu tiên vẫn là tránh xa người không có định. Không có định là người loạn động, họ dễ loạn lắm. Có người vừa thất niệm, vừa loạn. Loạn thì dễ, có chuyện gì chút là bị động tâm, rất dễ bị động tâm, đó là loạn, làm việc gì cũng kiểu [loạn] động. Còn người ta có Thiền định, thì người ta nhẹ nhàng, người ta làm [gì] cũng ít bị ảnh hưởng đến đại chúng.

Mình nên sống gần người Thiền định, và thường suy xét tinh thần giải thoát của Thiền định. Điều đó nằm ở đâu? Chính là những điều mà Thiện Trang nói, là lợi ích của Thiền chỉ và Thiền quán. Quý vị kiếm lại Thiền chỉ, Định là Thiền chỉ mà. Lợi ích của Thiền chỉ là gì? Là giúp cơ thể khỏe mạnh, có Thần thông, tỉnh táo, sáng suốt, không bị sân, không bị tham, rồi phục được các Phiền não, đắc đến Tứ

thiền thì có thể được tự tại ra đi. Còn như Sơ thiền thì ít nhất cũng giảm đau, Nhị thiền giảm đau hơn nữa, Tam thiền càng nhẹ nhàng nữa.

Cho nên mai mốt Thiện Trang sẽ dẫn mấy câu chuyện để so sánh, người không có Thiền với người có Thiền. Ví dụ như ông Trưởng giả Cấp Cô Độc, ổng không có Thiền, không có Định, cho nên lúc chết ổng đau quá trời, mặc dù ổng đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Ngài A Nan với ngài Xá Lợi Phất hộ niệm cho ổng, nhắc nhở ổng, mà ổng còn la đau nữa, cho nên đó là không có Định. Còn ông Trưởng giả gì đó, Thiện Trang quên mất tên rồi, ổng quất một phát tới Tứ thiền, đắc Tam quả A-na-hàm luôn, ổng khỏe re, ra đi cái vèo, sanh lên trời Vô Phiền.

Cho nên khác nhau rất lớn, mình không tu thì mình không biết đâu. Nhiều đồng tu Tịnh Độ muốn ra đi ngon lành, nhưng không có Thiền là không được đâu. Quý vị chưa biết, Sư Minh Tuệ cũng nói rồi đó, mà quý vị không tin nữa, thì đó là thiện căn của mình hơi yếu. Hoặc là mình phải thực hành, mình thử kiểm nghiệm chứ, người ta nói chưa chắc tin mà.

Cho nên ở đây nhớ gần người có Thiền định, suy xét tinh thần giải thoát của Thiền định, và nhớ tránh xa người loạn động.

5. Tuệ quyền:

Tránh xa người thiếu trí, sống gần người trí tuệ, thường suy tư sâu sắc. Đây là ba điều kiện hỗ trợ Tuệ Quyền.

Phải cố gắng tránh xa người thiếu trí, trừ khi mình có lòng từ bi, mình giúp họ thôi. Chứ còn không, mình né được thì né. Rồi sống gần người có trí tuệ, thường suy tư sâu sắc, tức là mình phải tư duy về pháp, tư duy mọi thứ rõ ràng, đừng có vội vội vàng vàng, phải suy xét cho kỹ. Đó là ba điều kiện để hỗ trợ Tuệ quyền, mình phải suy xét.

Ví dụ sáng nay, Thiện Trang có đăng trên Facebook, chia sẻ lại một bài, mà Thiện Trang nghĩ là cũng nên chia sẻ, đó là người ta nói về Sư Minh Tuệ có khả năng bị độc Xyanua, với những dấu hiệu như vậy, như vậy. Thiện Trang nói là share lại thôi, chứ Thiện Trang không biết bài đó nhận định có đúng không, quý vị có kiến thức về khoa học thì quý vị nhận định. Thực ra Thiện Trang đăng bài

đó, nhận định hay không nhận định thì cũng có một trời người nhận định rồi, vấn đề là Thiện Trang muốn chia sẻ ba thông tin cho mọi người có lợi ích:

Thứ nhất là mọi người hãy quan tâm đến Sư Minh Tuệ nhiều hơn, về sức khỏe của ngài. Thiện Trang thấy ngài cổ bị nghiêng qua, rồi bữa đi hình như cũng không có được tốt lắm. Về đầu óc thì ngài rất tỉnh táo, nhưng hình như cơ thể ngài có vấn đề, và hình như ngài giống như bị ngộ độc hay sao đó, một số bữa rồi. Cho nên mong những người chăm sóc ngài, những tình nguyện viên hỗ trợ hãy cẩn thận giùm. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là để những người nếu có ý hại ngài như vậy, thì họ cũng chùn bước. Khi có sự đánh động thì họ sẽ chùn bước.

Thứ ba là để những người trung gian, những người không ủng hộ phe nào hết, không ủng hộ ngài, cũng thấy thương cho ngài hơn. Một người không có gì hết, buông bỏ hết tất cả rồi, mà còn bị như vậy, thì người ta sẽ có niềm thương tưởng.

Cho nên một mũi tên nhắm đến ba mục đích là vậy, chứ không phải Thiện Trang đăng bài đó để nói vấn đề gì. Nên quý thấy đó là một trí tuệ, mình đưa ra để giải thích, để quý vị hiểu. Mong quý vị hiểu, tại vì người ta sẽ thương tưởng những người chân tu.

Ở đây nói tiếp là:

Tránh xa năm hạng người đáng tránh, sống gần năm hạng người đáng gần, thường suy xét Kinh điển. Đây là ba điều kiện hỗ trợ cho cả năm Quyền.

***(Trích Từ Nhật Tụng Kālāma 3 - Sư Toại Khanh Sưu Lục*).**

Tại sao Thiện Trang không ghi kinh, mà Thiện Trang ghi là Nhật Tụng Kalama? Tại vì Thiện Trang biết rằng đoạn này là Chú Giải chứ không phải đoạn kinh, vì trong kinh thật sự có những điều này, nhưng không [chỉ] có một bài kinh mà nhiều bài kinh. Có bài kinh nói là để giúp cho tăng niềm tin, có bài [kinh] nói để giúp cho người tăng trí tuệ, [có] một số bài kinh như vậy. Và Chú Giải thì người ta gom lại thành một bài đoạn ngắn như vậy thôi. Cho nên điều này tuy là ghi trong Nhật Tụng Kalama, nhưng thực tế là không phải nguyên văn của kinh, mà

chỉ là góp nhặt để viết lại. Cho nên đó là một bộ Chú Giải thôi, đoạn đó là Chú Giải thôi, chứ không phải trong kinh.

***Tóm lại để hỗ trợ 5 quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) thì cần phải:**

1. Tránh xa người thiếu niềm tin, thiếu tinh tấn, thất niệm, loạn động, thiếu trí. Người nào rớt vào năm hạng người đó [thì] tránh hết.

2. Sống gần người nhiều niềm tin, người tinh tấn, người chánh niệm, người có Thiền định, người có trí tuệ.

3. Tham cứu Kinh điển, thường suy xét về Tứ chánh cần, thường suy xét về Tứ niệm xứ, thường suy xét về tinh thần giải thoát của Thiền định, thường suy xét về Kinh điển.

Làm [được những điều] đó thì được năm Quyền, Thiện Trang gom lại gọn hơn nữa để quý vị dễ nhớ hơn. Đó là tinh thần của Nhật Tụng Kalama, tức là Chú Giải. Thật ra quý vị coi trong kinh, như Kinh Tăng Chi hay Kinh Tương Ưng v.v… cũng có những điều này, nhưng rải rác ở nhiều bộ kinh.

Ở đây thật ra đức Phật cũng khuyên, ví dụ như trong Tiểu Bộ Kinh.

Điều Đức Phật Khuyên

Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc Trí,
Đảnh lễ người đáng lễ,
Là điềm lành tối thượng.

Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.

Cho nên nếu muốn được ‘điềm lành tối thượng’ thì quý vị nhớ ở trú xứ thích hợp. Quý vị thấy đức Phật luôn bảo né duyên đi.

Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điềm lành tối thượng.

[Quý vị] cũng phải như thế

...

Tỳ-kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ!

Tức là đức Phật phải khuyên khéo tu Thiền, chứ đừng có buông lung. Bởi vì buông lung, phóng dật thì mai mốt vô nuốt sắt nóng, vô Địa ngục. Đây là hàng Tỳ-kheo mà, tu không tốt thì vô Địa ngục.

Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền, có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

Nếu quý vị không có trí tuệ thì không tu Thiền, không tu Thiền thì không có trí tuệ. Người có Thiền có trí tuệ, thì người đó gần Niết-Bàn, Thiền là Thiền chỉ và Thiền quán. Đoạn này là Kinh Tiểu Bộ. Quý vị có thể tìm trong Kinh Tiểu Bộ. Cho nên đức Phật nhấn mạnh việc tu Thiền chỉ và Thiền quán. Thời nay mình phải nghe lời Phật thì sẽ tốt hơn.

Tiếp theo Thiện Trang xin nhắc đến tầm quan trọng của 37 Phẩm trợ đạo. Phần này chúng ta sẽ học hết, chúng ta đã học được một số rồi, giờ nhắc lại tầm quan trọng thôi.

Tầm Quan Trọng Của 37 Phẩm Trợ Đạo

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các Lậu hoặc, không có chấp thủ!" Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các Lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ, không có tu tập Bốn chánh cần, không có tu tập Bốn như ý túc, không có tu tập Năm căn, không có tu tập Năm lực, không có tu tập Bảy Bồ-đề phần, không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Tức là bây giờ có những người (ở đây nói Tỷ-kheo, chúng ta nói người tu hành thôi) không có chí tâm trong sự tu tập, mà khởi lên ước muốn như sau: Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các Lậu hoặc, không có chấp thủ. Nhưng cuối cùng tâm của vị ấy cũng không giải thoát được khỏi Lậu hoặc, không có chấp thủ. Đức Phật nói vì sao? Vì vị ấy không có tu tập. Không tu tập gì? Chính là không tu tập Tứ niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát thánh Đạo phần.

Nghĩa là đức Phật nói nếu quý vị muốn giải thoát cỡ nào, không biết, nhưng quý vị không có tu 37 Phẩm trợ đạo gồm: Tứ niệm xứ, là 4; Tứ chánh cần, là 8; Bốn như ý túc (Tứ như ý túc), là 12; Ngũ căn, là 17; Ngũ lực, là 22; Thất Bồ-đề phần, là 29; Bát thánh đạo phần, 8 nữa là 37; 37 Phẩm trợ đạo này không tu thì không đạt được Tâm giải thoát.

Tóm lại ai không tu 37 Phẩm trợ đạo này không có Tâm giải thoát, quý vị hiểu không ạ? Đức Phật nói ý nghĩa là như vậy. Bây giờ có nhiều Pháp môn tu chủ trương là bỏ sạch, đó là một điều mà mình gọi là chống lại giáo pháp của đức Phật. Cho nên mình không được giải thoát thì ráng chịu thôi. Đó là tại vì không chịu nghe lời Phật.

Đức Phật đưa ra ví dụ như thế này:

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách. Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và

mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn, tuy vậy, các con gà con ấy không thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn! Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy không được con gà mái nằm ấp một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Quý vị thấy đức Phật đưa ra ví dụ rất thực tế: Có 8 trứng gà, 10 trứng gà hay 12 trứng gà, con gà mái thì mong tất cả trứng đó đều nở thành con, nhưng nó ấp không đúng cách. Thứ nhất là nó nằm ấp không đúng cách, rồi nó ấp nóng cũng không đúng đắn, tức là nó nằm ấp sai, ví dụ nó không ấp lên trứng, mà nằm một bên. Hay là ấp nóng không đúng cách, tức là nó ấp nóng không đủ thời gian, nó đi suốt. Rồi ấp dưỡng không đúng cách. Như vậy cuối cùng là trứng bị hư thôi, không nở ra con được. Mặc dù nó muốn nở ra con thì cũng vậy thôi, không được!

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các Lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các Lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập điều gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

(Kinh (7.71) Tu Tập: Bhāvanā – Kinh Tăng Chi).

Quý vị thấy rõ ràng 37 Phẩm trợ đạo cực kỳ quan trọng. Pháp môn nào tu mà rời bỏ, không chịu tu pháp này, mà chỉ nói lý thuyết, nói cho cố hoặc là nói không đúng, mà tu, thì điều đó không thể giải thoát. Đó là lý do tại sao quý vị thấy đời nay người tu chứng rất ít, người tu tập hiệu quả rất ít.

Có đồng tu nói: “Tại sao con không có nghiệp như ngài la Angulimala, đâu có giết người nhiều như vậy đâu, sao con tu tập hoài mà đầu óc con đờ đẫn, thế này thế kia, tu không thấy hiệu quả?” Thiện Trang nói có ba lý do: Thứ nhất là thiện căn của mình không bằng ngài Angulimala (tướng cướp Vô Não.) Thứ hai là mình không được hướng dẫn bởi Phật, đức Phật hướng dẫn là chính xác. Thứ ba nữa là mình tu không đúng cách.

Quý vị thấy bây giờ mình tu có đúng đâu, đức Phật nhấn mạnh 37 Phẩm trợ đạo quan trọng như vậy, mà mình thì bỏ hết, hỏi thì mơ mơ màng màng, thậm chí là không biết gì, chỉ có tu một pháp nào đó. Đức Phật dạy là phải tu Giới, Định, Tuệ, bây giờ mấy ai tu đủ Giới, Định, Tuệ? Rất ít! Có! Nhưng không nhiều! Trào lưu là như vậy, bởi vì chúng sanh thời nay lười hơn, lười biếng học, lười biếng thực hành. Pháp gì dễ, nhanh gọn là nhào vô thôi, và tin một cách sái cổ, người ta nói cũng rất hay cho nên mình tin. Và chính vì vậy mà càng ngày mình đi càng xa với giáo pháp của đức Thế Tôn. Cho nên dù tu bất cứ Pháp môn nào mà không có những nền tảng này, thì không thể thành tựu. Nên tu một hồi chả thấy ai thành tựu, rồi sanh nghi. Nghi cả Phật, nghi cả Pháp, nghi tất cả mọi thứ, như vậy dần dần Phật pháp mạt là vậy. Giáo pháp của đức Phật không mạt, vẫn còn nguyên đấy, nhưng không có người thực hành.

Ví dụ như tu Thiền chỉ thật ra rất dễ thôi, nhưng quý vị thấy, bây giờ tìm mỏi con mắt mới có người chỉ cho mình tu Thiền chỉ. Thiện Trang nói tu Thiền chỉ đâu có khó đâu, mình phải đọc hết kinh, đọc kinh rồi mình phải thực hành. Trên lý thuyết, trên giấy là như vậy, nhưng khi thực hành mới phát sinh nhiều vấn đề lắm. Quý vị thực hành tới, thực hành lui một hồi mới có kinh nghiệm. Mình có kinh nghiệm, rồi mình điều chỉnh thì mới thành công. Phải có bao nhiêu thời gian chứ, có phải vô một cái là đúng liền đâu. Ví dụ cho 10 người vô cho thực hành, thì có người thực hành may ra đúng liền, có người thực hành trật. Rồi mình mới điều chỉnh mỗi giai đoạn, từng giai đoạn một tu Thiền chỉ. Đó là mới có Thiền chỉ, còn Thiền quán nữa.

Giống như lúc nãy Thiện Trang đưa ra ví dụ, bây giờ mình nói quán tâm, ai cũng nói quán tâm, tâm tham là phải biết tâm tham, tâm sân là biết sân, rồi tâm thế nào đó v.v… tâm phải tương ưng với tâm bậc Thánh, tức tâm mình phải là tâm của Bồ-tát. Vậy thì tâm nào là tâm Bồ-tát, tâm nào là bậc Thánh đâu? Có biết không? Không biết! Làm sao mà biết được!

Giống như Thiện Trang đưa ra ví dụ hồi nãy. Một Phật tử tại gia, ở nhà, đang lúc muốn giết một con cá, làm thịt cho [cả] nhà ăn, nhưng vì mình là Phật tử, mình học, mình biết giáo lý nhân quả, biết là việc này là sát sanh, việc này là không tốt, nhưng vẫn phải làm. Như vậy khi họ làm với tâm đó, thì tâm đó là tâm thiện hay

tâm bất thiện?

Rồi mai mốt chúng ta học vô, thì chúng ta mới biết tâm Siêu thế. Tâm Siêu thế là gì? Tâm của bậc A-la-hán thế nào? Tâm của bậc Tu-đà-hoàn thế nào? Tại sao A-la-hán người ta không có tái sanh nữa, mà Tu-đà-hoàn vẫn bị tái sanh? Khác nhau ở chỗ nào, mình có biết không? Rồi thế nào là tâm Thiền? Thế nào là tâm Dục giới? Tại sao là tâm Vô nhân? Tại sao là tâm Nhị nhân, tâm Tam nhân? Tại sao người ta tu đắc Thiền, còn mình tu không đắc Thiền? Mình phải học thì mình mới hiểu được, chứ không học mà mình nói.

Bây giờ mình đã học mấy Tâm sở rồi. Học Tâm sở rồi mới học mấy tâm kia được. Người ta vô mà dạy mấy tâm kia trước, thì cũng không giảng rõ được. Nhưng nếu mình học Tâm sở rồi, học vô mình xét từng trường hợp, xét một hồi, nói thật với quý vị là rớt sạch. Đa số là tâm Bất thiện không [thôi], tâm Thiện khó lắm quý vị, mình học tâm Thiện [thì biết].

Quý vị thấy trong các Tâm sở mà chúng ta học qua, 52 món Tâm sở của Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đàm), mình thấy Tâm sở nào nhiều hơn? Quý vị thấy 25 Tâm sở Tịnh hảo nhiều hơn Tâm sở Bất thiện, Tâm sở Bất thiện ít hơn. Nhưng tại sao mình nghĩ toàn là bất thiện không? Vì sao? Vì có quá nhiều điều kiện, 25 Tâm sở Tịnh hảo phải có đến 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, phải có đủ 19 [Tâm sở] đó thì mới thiện. Còn bất thiện thì chỉ có 4 Tâm sở thôi là đã bất thiện rồi. Quý vị hiểu không? Điều kiện để rơi vào Tâm sở Thiện khó hơn điều kiện để rơi vào Tâm sở Bất thiện. Bất thiện thì chỉ có 4 Tâm sở thôi là vô bất thiện rồi. Còn [Tâm sở Thiện] thì cần tới 19 Tâm sở mới là thiện được. Cho nên nhiều hơn có nghĩa là điều kiện khó hơn, chứ không phải nhiều hơn là ngon hơn đâu, khác lắm đó!

[Giống như] điều kiện nhập vô trường Đại học là gì? Một trời điều kiện đúng không? Trường đó là phải đủ bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông, các môn đều phải trên tám chấm. Rồi vào ngành Y, làm Bác sĩ thì lấy điểm môn Sinh học phải từ 9,5 trở lên, ba môn phải 27 điểm rưỡi trở lên v.v... Khó quá! Càng nhiều điều kiện thì càng khó.

Còn môn ngành kia chỉ cần điều kiện đơn giản, ví dụ môn thể dục, chỉ cần có giải quốc gia về Thể dục Thể thao, rồi tốt nghiệp Trung học Phổ thông là được

rồi, chẳng hạn [vậy]. Có hai điều kiện, ba điều kiện, bốn điều kiện gì đó, dễ! Còn ngành kia thì có một trời điều kiện, khó hơn!

Cho nên hằng ngày nghĩ gì? Nghĩ toàn ác, không phải nghĩ thiện. Chưa nói nghĩ Thánh, chưa nói nghĩ Thiền nữa. Học hết các Tâm sở này, vô tới tâm đó thì quý vị mới thấy choáng, mới biết là mình đang ở bất thiện rất nhiều, mà tưởng mình tu hành. Đâu phải đâu! Cho nên chưa học nên không biết, tưởng mình tu ngon lắm, học rồi choáng cả người. Từ từ, Thiện Trang đang kéo cho hết phần Tâm sở nhanh, là vào phần tâm, vào phần tâm hấp dẫn lắm quý vị. Và học từ đó mới bắt đầu tu tâm, thật sự tu tâm là từ đó. Cho nên hãy từ từ!

Rồi bắt đầu mình học lộ trình tâm, học lộ trình tử nữa. Tử là khi chết [tâm] như thế nào, thì chúng ta mới biết, còn bây giờ sợ chết gần chết. Tại sao sợ? Vì chưa rõ. Cho nên học thì mới biết, chứ không học thì làm sao biết được. Còn đây là những kiến thức căn bản. Cho nên từ từ, học đi rồi biết. Từ từ rồi chúng ta sẽ biết, đừng vội, Thiện Trang tranh thủ đắp cho quý vị nền tảng này cho đỡ choáng đã, rồi vừa tu tập vừa học tiếp.

Như vậy đó là tin kinh nha. Chúng ta thấy tầm quan trọng của 37 Phẩm trợ đạo rồi đó. Bữa nay Thiện Trang xin giới thiệu một chút về các địa vị Hiền Thánh nữa rồi học Tâm sở. Đây là bảng tổng kết tạm thời về các địa vị Hiền Thánh, tạm thời thôi.

Tổng Kết Về Các Địa Vị Hiền Thánh Đã Học (Tạm Thời)

TT	Địa vị	Nhân đoạn	Hiệu quả	
1	Noãn		Chắc chắn chứng Niết-Bàn	Tứ gia hạnh
2	Đảnh		Không đoạn thiện căn	

3	Nhẫn		Không đọa đường ác, không rơi vào loài noãn sinh, thấp sinh, huỳnh môn, trời Vô tưởng, Bắc Câu Lô Châu…	
4	Thế Đệ Nhất		Nhập Chánh tánh Ly sanh	
5	Tùy tín hành	Xem bài 24	Không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại.	Tu-đà-hoàn & Hướng Tu-đà-hoàn
6	Tùy pháp hành		Không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại.	
7	Hướng Tu-đà-hoàn			
8	Đắc Tu-đà-hoàn	Thân kiến, Giới cấm thủ, nghi hoặc Niềm tin bất hoại với Phật, Pháp, Tăng và thành		
9	Thân chứng			

		tựu Thánh giới.		
10	Gia gia		*phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-bàn.*	
11	Nhất chủng		*chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-bàn.*	
12	Tín giải thoát			
13	Kiến đáo			
14	Hướng Tư-đà-hàm			
15	Đắc Tư-đà-hàm	Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi và giảm: Tham, Sân, Vô minh		Nhị quả
16	Hướng A-na-hàm			Tam quả hướng

17	Đắc A-na-hàm	Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham, Sân		Tam quả A-na-hàm
18	Trung Bát-niết-bàn		*nhập Niết-bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh cư thiên (theo Luận Đại Tỳ Bà Sa của Nhất Thiết Hữu Bộ là thành tựu trong Trung hữu thân).*	
19	Sanh Bát-niết-bàn		*thác sanh Tịnh cư thiên một thời gian mới nhập Niết-bàn.*	
20	Hành Bát-niết-bàn		*thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-bàn.*	
21	Vô hành Bát-niết-bàn		*không cần tinh tấn tu tập nữa cũng nhập Niết-bàn.*	
22	Thượng lưu Sắc cứu Cánh		*lần lượt tái sinh qua các cõi từ Sơ thiền, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-bàn tại đó.*	
23	Hướng A-la-hán			

24	Tư pháp		*mong cầu Vô dư Niết-bàn cấp thời vì sợ thoái thất.*	Tứ quả A-la-hán
25	Thăng tấn pháp		*có khả năng tiến tới bất động tánh.*	
26	Bất động pháp		*căn cơ mãnh lợi, không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì.*	
27	Thoái pháp		*gặp nghịch duyên bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn.*	
28	Bất thoái pháp			
29	Hộ pháp		*do thủ hộ mà không bị thoái thất.*	
30	Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái			
31	Thật trụ pháp		*không bị chi phối nghịch duyên để thoái thất, nhưng không tiến tới.*	
32	Tâm giải thoát			

33	Tuệ giải thoát			
34	Câu giải thoát			

Ở đây chúng ta đã biết rồi, gồm có Tứ gia hạnh (đây là theo Luận Câu Xá), Luận Câu Xá có Tứ gia hạnh, gồm: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất. Nếu tới Noãn vị thì chắc chắn chứng Niết-Bàn rồi; Đảnh vị thì không đoạn thiện căn; Nhẫn vị thì không đọa đường ác nữa; Thế đệ Nhất vị thì nhập Chánh tánh Ly sanh.

Rồi Tùy tín hành thì tất nhiên không đọa đường ác, nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn trong đời hiện tại. Đó là theo bên Kinh A Hàm. Theo Kinh Nikaya thì chỗ này là chắc chắn không bao giờ chết mà không chứng Tu-đà-hoàn. Không biết bên nào nói đúng nữa, nhưng tạm thời mình cứ tin theo tiêu chuẩn thấp hơn, tức là nếu nửa chừng không chết thì chứng Tu-đà-hoàn. Mình theo tiêu chuẩn thấp hơn, không theo cái cao. Tùy pháp hành cũng tương tự như vậy.

Rồi Hướng Tu-đà-hoàn; có khi [Tùy tín hành, Tùy pháp hành] gộp vào Hướng Tu-đà-hoàn, có khi lại nói riêng, thì mình cứ tạm tách ra. Đắc Tu-đà-hoàn thì phá được Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, hoặc là niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới. Rồi Gia gia; Nhất chủng; Tín giải thoát; Kiến đáo, hình như chúng ta đã học hết rồi. Hướng Tư-đà-hàm; Đắc Tư-đà-hàm thì hết Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi và giảm: Tham, Sân, Si (Vô minh). Rồi Hướng A-na-hàm; Đắc A-na-hàm. Hôm nay giới thiệu thiệu cho quý vị tới quả vị thứ ba này.

Đắc A-na-hàm gồm có năm địa vị: Trung Bát-niết-bàn. Bữa nào sẽ nói rõ hơn về Trung Bát-niết-bàn. Ở đây nói đơn giản, Đắc A-na-hàm nói chung là hết được Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham và Sân, tức là hết được Năm Hạ phần Kiết sử. Và Trung Bát-niết-bàn này thì nhập Niết-Bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên trời Tịnh Cư thiên, đây là theo Nam truyền. Còn theo Luận Đại Tỳ Bà Sa của

Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, thì người ta nói là thành tựu trong thân Trung hữu (tức là Thân trung ấm).

Tức là khi quý vị đắc được Tam quả A-na-hàm, mà căn tánh tốt, thì khi vừa mới chết, trong khi chuẩn bị tái sanh vào trời Ngũ Tịnh Cư thì người ta đắc A-la-hán, nhập Niết-Bàn luôn. Đó là vì sao? Bữa nào sẽ giới thiệu cho quý vị từ bộ Luận Đại Tỳ Bà Sa. Còn theo bên Nam truyền thì nói là sanh Tịnh Cư thiên trong một tích tắc thôi, không lâu lắm, thì cũng chứng được A-la-hán nhập Niết-Bàn. Cho nên Trung Bát-niết-bàn là ngon, Đắc A-na-hàm này cũng gần như đắc A-la-hán rồi.

Sanh Bát-niết-bàn thì thác sanh lên Tịnh Cư thiên một thời gian mới nhập Niết-Bàn. Năm tầng trời Tịnh Cư. Hành Bát-niết-bàn là sanh lên đó, rồi tu tập tinh tấn thì mới nhập được Niết-Bàn, mới chứng được A-la-hán. Vô hành Bát-niết-bàn thì lên đó không cần tu tập nữa cũng nhập được Niết-Bàn. Còn Thượng lưu Sắc cứu Cánh thì lần lượt tái sinh qua các cõi từ Sơ thiền, cho đến tầng cao nhất của Sắc Cứu Cánh, nhập Niết-Bàn tại đó.

Rồi Hướng A-la-hán ở đây có mấy địa vị: Tư pháp, Thăng tấn pháp, Bất động pháp, Thoái pháp, Bất thoái pháp, Hộ pháp, Hộ tắc Bất thoái Bất hộ Tắc thoái, Thật trụ pháp, Tâm giải thoát. Chúng ta để thêm Tuệ giải thoát và Câu giải thoát thì thành 34.

Hôm nay giới thiệu cho quý vị địa vị Thượng lưu Sắc cứu cánh thuộc Tam quả A-na-hàm. Và địa vị này thì Thiện Trang xin giới thiệu trích từ bộ Luận Đại Tỳ Bà Sa. Luận Đại Tỳ Bà Sa tên đầy đủ là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận của Tôn giả Thế Hữu và 500 vị đại A-la-hán làm. Ở Việt Nam có bản dịch đó, quý vị tìm bản dịch đó, tám quyển dày cỡ này. Bộ này thì Thiện Trang cũng đọc qua rồi, đọc qua thôi, có nhiều khi không nhớ hết, vì dài quá, 200 quyển chữ Hán, 8 quyển của Việt Nam.

Thượng Lưu Sắc Cứu Cánh Thuộc Tam Quả A-Na-Hàm

Có năm loại Bất hoàn, đó là Trung Bát-niết-bàn, Sinh Bát-niết-bàn, Hữu hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn và Thượng lưu Vãng sắc Cứu cánh (tất nhiên là có chữ Niết-Bàn nữa). Ở đây có thêm chữ vãng, vãng là đi lên,

vãng là đến hay đi.

Thế nào là Thượng lưu vãng Sắc Cứu Cánh? Đó là có Bồ-đặc-già-la (chữ Bồ-đặc-già-la dịch là Hữu tình, chúng Hữu tình đó. Cách dịch của Đại sư Huyền Trang toàn là Bồ-đặc-già-la (hay Bổ-đặc-già-la). Đại sư Huyền Trang thời nhà Đường, ngài không dịch là Hữu tình, mà dịch là Bồ-đặc-già-la (hay Bổ-đặc-già-la))**, trong đời trước đã đoạn-diệt khắp đối với Năm Kiết sử Hạ phần dưới (Ngũ hạ phần Kiết sử)** (đây là do dịch giả Việt Nam người ta dịch dài như thế này, Thiện Trang mở ngoặc là Ngũ hạ phần Kiết sử cho ngắn)**, chưa đoạn-diệt biết khắp đối với kiết sử thuộc phần trên (Ngũ thượng phần Kiết sử)** (tức là đối với Ngũ Thượng phần Kiết sử thì chưa diệt được)**, đạt được bốn Tĩnh lự thế tục** (bốn Tĩnh lự thế tục là gì quý vị biết không? Tức là Tứ thiền, bốn tầng Thiền của Sắc giới. Tức là người này có thể đạt được, tại vì với công phu cỡ đó thì đạt được bốn Tĩnh lự, tức là tới Tứ thiền Sắc giới). **Lúc sắp mạng chung thì lui sụt ba Tĩnh lự trên, trú vào Tĩnh lự thứ nhất** (tức là lúc sắp chết thì mất hết ba tầng Thiền trên; Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền không có, đó là nói theo bình thường. Còn nếu nói theo Vi Diệu Pháp thì mất hết ba tầng Thiền trên, còn hai tầng Thiền dưới. Như vậy thì người ta chỉ trụ vào tầng Thiền thứ nhất thôi).

Bởi vì dựa vào ái của địa ấy và địa ấy (cho nên có sự ham thích)**, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung khởi lên Trung hữu** (Trung hữu tức là Thân trung ấm. Tại vì bộ này của nhóm Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, cho nên là có Thân trung ấm. Còn bên Nam truyền thì người ta không công nhận thân trung ấm. Nhưng chúng ta học ở đây thì chúng ta cứ học đi) **của cõi Sắc** (tức là từ đó sanh lên Thân trung ấm của cõi Sắc)**, sinh vào cõi trời Phạm Chúng.**

Do rớt mất mấy tầng Thiền trên, hoặc có chỗ nói là do không đắc các tầng Thiền trên, một người Tam quả A-na-hàm mà không đắc các tầng Thiền, là do không có ai dạy cho tu Thiền đó quý vị, không ai dạy cho tu Thiền chỉ, cho nên với định tâm của diệt trừ được Năm Hạ phần Kiết sử thì tự nhiên đắc được Sơ thiền. Chính vì vậy cho nên khi chết, ở đây nói là khởi lên thân trung hữu (tức là Thân trung ấm) của cõi Sắc, và sanh vào cõi trời Phạm Chúng.

Tức là Sơ thiền thì có một tầng trời mà chia ba, gồm: trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ và trời Đại Phạm. Tất nhiên sanh vào trời Phạm Chúng thì làm dân thường, chứ không làm quan, không làm vua. Làm quan thì gọi là trời Phạm Phụ, còn làm vua thì gọi là trời Đại Phạm. Cho nên chỉ sanh vào làm dân thường thôi, là trời Phạm Chúng.

Sinh rồi lại có thể tiến vào Tĩnh lự thứ hai thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy và địa ấy, tạo tác tăng trưởng thuận theo Khởi hữu mà thọ nghiệp, thuận theo Sinh hữu mà thọ nghiệp, từ đó mạng chung sinh vào cõi trời Cực Quang Tịnh.

Tức là sinh ra ở trên đó rồi lại tiếp tục tu. Cho nên tiến lên thêm một tầng Thiền nữa, là tầng Thiền thứ hai. Tầng Thiền thứ hai, chúng ta biết là Nhị thiền gồm có ba tầng trời: là trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang và trời Quang Âm. Trời Quang Âm còn gọi là trời Cực Quang, ở đây gọi là Cực Quang Tịnh. Thật ra ba tầng trời đó là một thôi, mà tuổi thọ khác nhau, phước báo khác nhau, cho nên chia ra ba tầng trời. Chứ thực tế có khi nói một tầng trời, và cũng có kinh thì chia ra bốn luôn. Các cách chia ra đó thì không có khác biệt, cũng chỉ là một tầng trời, nói chung là Nhị thiền. Chúng ta hiểu là người đó sanh lên Nhị thiền.

Sinh rồi lại có thể tiến vào Tĩnh lự thứ ba thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy, cho đến từ đó mạng chung sinh vào cõi Trời Biến Tịnh. Như vậy Tam thiền có ba tầng trời, nhưng thật ra là một, đó là: Trời Thiểu Tịnh, trời Biến Tịnh, và trời Vô Lượng Tịnh. Đây là sanh lên tầng trời Biến Tịnh.

Sinh rồi lại có thể tiến vào Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy, cho đến từ đó mạng chung sinh vào cõi Trời Quảng Quả. Tức là sinh vào Tứ thiền. Tứ thiền Sắc giới thì có 9 tầng trời, trừ 5 tầng trời Bất Hoàn, chúng ta kể 4 tầng trời còn lại: là trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả và trời Vô Tưởng. Như vậy trời Quảng Quả này vẫn có Tam quả A-na-hàm. Chứ không phải là Tam quả A-na-hàm có thể sẽ sanh bên kia, chưa tới, chưa sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên, mà sinh vào trời Quảng Quả.

Cho nên Thiện Trang xin đính chính, hồi xưa Thiện Trang có nói là mấy tầng trời đó là tầng trời ngoại đạo. Không phải! Chúng ta thấy điều đó không đúng, đó

là do hồi xưa mình học không đúng, nên là phải nói lại, có Tam quả A-na-hàm sanh vào trời Quảng Quả luôn. Trời Quảng Quả có chỗ nói là trời Vô Vân.

Sinh rồi lại có thể khởi lên phẩm Hạ tu xen lẫn Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục, bởi vì dựa vào ái của địa ấy, cho đến từ đó mạng chung sinh vào cõi trời Vô Phiền. Như vậy cho đến lần lượt khởi lên tất cả bốn phẩm còn lại, tu xen lẫn ở Tĩnh lự thứ tư thuộc thế tục, lần lượt sinh đến ở tất cả bốn cõi Trời còn lại. Đó gọi là Thượng lưu Vãng sắc Cứu cánh".

Như vậy ở đây giải thích quá đầy đủ rồi đúng không quý vị? Tức là lên tới Tứ thiền (lên trời Quảng Quả là coi như Tứ thiền rồi), tiếp tục lên sanh lên trời Vô Phiền, rồi lại sanh lên trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến và cuối cùng mới lên trời Sắc Cứu Cánh. Cho nên đi hơi lâu. Mà đi theo như vậy, gọi là Thượng lưu Vãng sắc Cứu cánh hay Thượng lưu Sắc cứu cánh Niết-Bàn. Cho nên rõ ràng đúng không quý vị? Trong Kinh luận có hết mà không chịu học, không chịu học nên nói càn thôi. Chứ còn mình học rồi thì rất rõ ràng v.v... Đoạn trích này Thiện Trang [đã] bỏ bớt một đoạn, quý vị [muốn] coi đủ thì quý vị tìm để coi.

Lại nữa, Thượng lưu có hai loại:

1. Hiện hành ở cõi Sắc.

2. Hiện hành ở cõi Vô sắc. Có thể lên cõi Vô sắc nữa, ở đây mới có cõi Sắc thôi.

Hiện hành ở cõi Sắc là cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Hiện hành ở cõi Vô sắc là cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. (Nghĩa là có thể lên tầng Trời Phi Tưởng hay là Không Vô Biến Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ). **Và lại, hiện hành ở cõi Sắc thì có tu xen lẫn Tĩnh lự, hiện hành ở cõi Vô sắc thì không có tu xen lẫn Tĩnh lự.**

Lại nữa, Thượng lưu có ba loại:

1. Vượt qua toàn bộ.

2. Vượt qua một nửa.

3. Chết ở tất cả mọi nơi.

Cho nên một [địa vị] Tam quả A-na-hàm Thượng lưu Sắc cứu Cánh thôi, mà chia ra nhiều vậy đó. Chúng ta cứ học cho biết nha.

Vượt qua toàn bộ, đó là ở cõi Dục chết đi sinh đến cõi trời Phạm Chúng, ở cõi trời Phạm Chúng chết đi, sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là sinh đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, mà nhập Niết-bàn.

Tuy là nói Thượng lưu, nhưng cũng có hàng tuyệt vời, tuyệt vời là gì? Là họ đắc Tam quả A-na-hàm rồi, chết ở cõi Dục rồi sinh lên trời Phạm Chúng, [rồi] một phát lên trời Sắc Cứu Cánh luôn, không đi qua mấy tầng trời kia nữa. Quý vị thấy không? Không vô mấy tầng trời như trời Quang Âm hay là trời Quảng Quả, v.v... mà đi một phát lên luôn tới trời Sắc Cứu Cánh luôn. Hoặc là từ đó lên một phát tới trời Phi Phi Tưởng, rồi nhập Niết-Bàn luôn. Cho nên gọi là vượt qua toàn bộ.

Cho nên cũng không nhất định là phải đi như vậy. [Quý vị] đừng có lo, nhiều người cứ lo là nếu con lên hạng này thì con đi lâu. Không có! Tùy người. Cho nên có rất nhiều trường hợp.

Vượt qua một nửa, đó là ở cõi Dục chết đi sinh đến cõi trời Phạm Chúng, ở cõi trời Phạm Chúng chết đi, đối với tất cả các cõi trời phía trên hoặc là sinh trở lại một nơi, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, cho đến hoặc là chỉ vượt qua một nơi, sinh đến khắp mọi nơi khác, sau đó mới sinh đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là sinh đến Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ, mà nhập Niết-Bàn.

Đây là trường hợp thứ hai, vượt qua một nửa, ở đây xếp vô, ví dụ như tới trời Sơ thiền rồi, chết một cái thì không sanh lên Nhị thiền, [mà] sanh lên Tam thiền, hoặc là lên Tứ thiền luôn, ví dụ trời Quảng Quả chẳng hạn, thì có thể vượt qua 1,2,3 tầng [trời] gì đó, hay vượt qua nhiều tầng. Điều đó cũng gọi là vượt qua một nửa. Hoặc là sinh lên mấy trời nào đó rồi mới sinh tới trời Phi Phi tưởng, thì gọi là vượt qua một nửa.

Còn hàng thứ ba thì tệ, là chết ở tất cả mọi nơi.

Chết ở tất cả mọi nơi, đó là ở cõi Dục chết đi sinh đến cõi trời Phạm

Chúng, ở cõi trời Phạm Chúng chết đi sinh đến cõi trời Phạm Quang Hành (trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm) chỗ này gọi là trời Phạm Quang Hành), **cho đến lần lượt sinh đến các cõi trên, cho đến sinh vào cõi trời Quảng Quả, từ đó trở lên có hai hướng:**

1. Tiến vào Tịnh Cư.

2. Tiến vào Vô sắc.

Có thể lúc đó mới tiến vào trời Vô Phiền. Rồi từ Vô Phiền lên Vô Nhiệt, rồi trời Thiện Hiện gì đó. Còn không thì lên trời Vô sắc, từ Vô sắc có thể vào Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ hoặc là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ gì đó. Tóm lại là tiến vào Vô sắc thì chắc là lên [trời] Không Vô Biên Xứ. Ở đây chia ra nữa.

Tiến vào Tịnh Cư, là ở cõi trời Quảng Quả chết đi sinh đến cõi trời Vô Phiền, lần lượt cho đến sinh vào cõi trời Sắc Cứu Cánh mà nhập Niết-Bàn. (Tức là đi hết 5 tầng trời Bất Hoàn luôn).

Tiến vào Vô sắc, là ở cõi trời Quảng Quả chết đi sinh đến Không Vô Biên Xứ, lần lượt cho đến sinh vào Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, mà nhập Niết-Bàn. Như chết ở tất cả mọi nơi có hai con đường riêng biệt, nên biết vượt qua toàn bộ và vượt qua một nửa cũng như vậy.

Quý vị thấy không ạ? Học mỗi [địa vị] Tam quả A-na-hàm Thượng lưu Sắc cứu Cánh thôi mà cũng nhiều trường hợp như vậy. Chúng ta cứ học cho biết.

Hỏi: Những gì là Thượng lưu tiến vào Tịnh Cư, những gì là Thượng lưu tiến vào Vô sắc?

Đáp: Có hai loại Thượng lưu, đó là hành Tỳ-bát-xá-na và hành Xa-ma-tha. Hành Tỳ-bát-xá-na thì tiến vào Tịnh Cư, hành Xa-ma-tha thì tiến vào Vô sắc.

Quý vị thấy nói quá chi tiết. Tại sao lại vô năm tầng trời Bất Hoàn hoặc tại sao lại vào bốn tầng trời Vô sắc? Đó là ai tu Tỳ-bát-xá-na (chính là tu Thiền quán, bên Nam truyền người ta gọi là Vipassana), thì người ta sẽ đi vào năm tầng trời

Bất Hoàn. Còn nếu hành Xa-ma-tha (tức là tu Thiền chỉ) thì lại tiến vào trời Vô sắc, là Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

(Trích Từ Quyển 174 - Chương VII: Định Uẩn (Tiếp Theo) - Phẩm Thứ Tư: Luận Về Bất Hoàn – A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận).

Quý vị có thể tìm quyển này để đọc thêm, quyển đó rất dày. Mình học sơ sơ, Thiện Trang đã cắt bớt một khúc rồi đó, những khúc mà thấy không quan trọng là cắt rồi. Quý vị thấy học mỗi Tam quả A-na-hàm, một trong những phần nhỏ thôi, đằng sau có chia ra Thượng lưu Sắc cứu Cánh có bao nhiêu. Chia ra như vậy thì quả Bất hoàn (tức là Tam quả A-na-hàm) có thể chia ra bao nhiêu loại. Chia một trời loại, tùy theo cách chia.

Cho nên quý vị thấy kiến thức Phật pháp thì mênh mông mà chúng ta chưa [học] tới được. Nên thôi! Chúng ta cứ học cho biết vậy. Nhưng Thiện Trang muốn giới thiệu cho quý vị là Phật pháp mênh mông. Và nếu ai chưa học mà nói lan man luyên thuyên, thì nói một hồi sẽ nói sai. Tại vì A-la-hán là nhìn giáo pháp Tứ đế và 12 Nhân duyên giống như trái am-la ở trong lòng bàn tay, thì không có lý nào các ngài nói sai được. Cho nên những người nói sai điều đó là chưa chứng A-la-hán. Chưa chứng A-la-hán thì không thể nào gọi là Bồ-tát tái lai, Phật tái lai. Không có chuyện đó! Quý vị nên nhớ như vậy! Dùng giáo pháp của Phật để mà suy xét, chứ không thời nay cứ tuyên bố thầy mình nào là Phật Thích Ca Mâu Ni tái lai, nào là Phật A Di Đà tái lai, Bồ-tát nào đó tái lai v.v…. Toàn là A-la-hán không à. Nguy hiểm lắm! Thời nay làm điều đó là tội vọng ngữ. Tội đó cũng là tội đại vọng ngữ đó nha! Tuyên bố thầy mình [là Phật, Bồ-tát tái lai] cũng là đại vọng ngữ.

Thời xưa, đức Phật có một nhóm Tỳ-kheo, nhóm Tỳ-kheo ở thành đó bị khổ nạn hạn hán, cho nên khất thực khó khăn. [Vì vậy] họ nghĩ ra một cách, người này giới thiệu người kia là người bậc chứng quả này, quả kia. Cứ giới thiệu như vậy! Tức là họ không tự nói ra họ, nhưng họ cứ giới thiệu người khác, giới thiệu cho dân chúng biết vị đó là chứng quả A-la-hán, vị đó chứng quả gì đó, cứ giới thiệu vòng vòng, dân trong vùng tin sái cổ. Nên ba tháng an cư kiết hạ đó [họ] cúng

dường quá trời.

Hết mùa hạ đó, đức Phật về hỏi: *"Ủa sao các vị Tỳ-kheo nơi khác năm nay gặp hạn hán đói kém, người nào cũng ốm o, mà sao 500 vị này ở vùng đó sao mà mập mạp, khỏe mạnh vậy? Có bí quyết nào không?"* Thực ra là đức Phật biết nhưng Ngài vẫn hỏi. Họ nói là do tụi con có bí quyết đó đó. Tức là người này đi vô trong làng, nói với dân chúng trong làng vị đó là chứng A-la-hán rồi, vị kia chứng Tam quả rồi. Tụi con cứ nói vòng vòng vậy đó, nên dân cúng dường nhiều.

Đức Phật nói là 500 người đó đều phạm đại vọng ngữ. 500 người đó là nằm trong 500 người được đức Phật độ trên bờ sông Thắng Huệ (câu chuyện con cá ma kiệt đại ngư). Mà 500 người đó là 500 người đánh cá, họ học không đủ giáo pháp nên họ mới làm vậy. Đó cũng là một điều đáng tiếc! Và từ đó đức Phật mới chế ra giới đại vọng ngữ.

Cho nên hãy cẩn thận! Mình là phàm phu, mình không biết Thánh nhân. Đừng có nói ai là đại Bồ-tát, ai là thế này thế kia. Tuyên truyền một hồi là đại vọng ngữ, mất công bị tội. Phải cẩn thận! Phàm phu không biết Thánh nhân, nên nhớ như vậy!

Đó là Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị quả chứng, lâu lâu giới thiệu cho quý vị biết Phật pháp mênh mông. Nên là yên tâm! Quý vị học cả đời cũng không hết, chúng ta quan trọng học là để tu, [cho nên] cứ học từ từ.

[Chúng ta] trở lại với phần Tâm sở trong 52 món Tâm sở, học cho hết luôn. Chắc bữa nay không học kịp hết, học được bao nhiêu thì học. Như hồi nãy Thiện Trang nói, Tâm sở Tịnh hảo có 25. Trong đó 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, thì quý vị thấy cũng không dễ dàng gì, khó có đúng không ạ? Muốn có Tịnh hảo (tức là tốt) thì phải có 19 [Tâm sở Tịnh hảo Biến hành] này (chúng ta đã học hết rồi), cộng với ít nhất phải có 7 Tâm sở Biến hành Tợ tha nữa. Nên không dễ đâu! Sơ sơ cộng lại là 26 [Tâm sở], rồi khi nào có những [Tâm sở Tịnh hảo Giới phần, Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần, Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền] này, thì chúng ta sẽ học hết.

Rồi khi nào có 6 Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh, có Tầm Tứ hay không? Ví dụ như khi quý vị đắc tâm Sơ thiền, Sơ thiền thuộc tâm tốt, cho nên sẽ có Tầm, Tứ. Nhưng

nếu đắc Nhị thiền trong Vi Diệu pháp thì không Tầm, có Tứ. Nếu Tam thiền trong Vi Diệu pháp thì mới không Tầm, không Tứ. Đó là tùy! Rồi có Hỷ, hay những Tâm sở nào là do tầng Thiền nào kéo vô. Rồi A-la-hán dùng tâm nào v.v….

Còn Bất thiện thì quý vị thấy chỉ cần có bốn [Tâm sở] Bất thiện Biến hành: Si, Vô tàm, Vô úy và Trạo cử, là bất thiện có mặt rồi. Nên dễ bất thiện lắm, chứ không phải khó bất thiện đâu. Rất dễ bị rớt vô bất thiện. Còn muốn vô thiện, thì ít nhất phải có 19 [Tâm sở Tịnh hảo Biến hành]. Khó quá! Còn 7 [Tâm sở Tợ tha Biến hành] này thì lúc nào cũng có rồi, Biến hành là có hết. Nên từ đó mình mới hiểu tại sao lại dễ rơi vào bất thiện, và tại sao khó có được tâm thiện, nên đọa lạc nhiều là vậy.

Hôm nay chúng ta sẽ học tới ba Tâm sở Tịnh hảo Giới phần, thuộc về 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh. Chúng ta học hết 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành rồi. Nếu có thời gian thì học [Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần và Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền] nữa, còn không thì để bữa sau. Vì Tâm sở Trí quyền (Trí tuệ) này rộng, nhiều hơn. 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh gồm có: 3 Tâm sở Tịnh hảo Giới phần: 20. Chánh ngữ, 21. Chánh nghiệp, và 22. Chánh mạng. Còn 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần: là Bi và Tùy Hỷ (Từ, Bi, Hỷ, Xả). Và một Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền (là trí tuệ, hay có khi là tuệ thôi). Ở đây chúng ta sẽ học từng phần.

Thứ nhất là về tên, thì Tâm sở Tịnh hảo Giới phần có khi cũng gọi là Tâm sở Ngăn trừ. Ngăn trừ có nghĩa là nó ngăn trừ được những thứ xấu, nên gọi là Giới.

20. Tâm sở Chánh ngữ:

Chánh ngữ là gì? **Định nghĩa: là sự ngăn trừ khẩu ác hạnh, tức là sự ngăn trừ hạnh ác của miệng, thì gọi là Chánh ngữ**. **Trong đó có bốn phần: Thứ nhất là ngăn trừ khỏi nói dối hay còn gọi là vọng ngữ. Thứ hai là ngăn trừ nói lời đâm thọc, nói lời hai lưỡi, nói phỉ báng. Thứ ba là ngăn trừ lời nói ác độc, ác ngữ. Thứ tư là ngăn trừ lời nói nhảm nhí, nói vô ích, nói tạp uế. Nếu được như vậy thì gọi là Chánh ngữ.**

Như vậy Chánh ngữ cũng đơn giản thôi. Không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời phỉ báng, không nói lời ác độc, không nói ác ngữ, không nói nhảm nhí, không nói vô ích, không nói tạp uế. Đó là Chánh

ngữ.

Chữ 'phỉ báng', ở đây nhiều người xài không đúng, #phỉ tức là chuyện A mà mình bịa đặt, sửa thành B, gọi là phỉ. Rồi mình căn cứ vào điều sai, điều không có đó, để mình chê trách người khác thì đó là phỉ báng. Còn nói đúng sự thật thì không phải phỉ báng. Đức Phật nói rất rõ ràng: Nếu như chê điều đáng chê thì cũng có vô lượng công đức, và khen điều đáng khen thì cũng có vô lượng công đức.

Quý vị có nhớ bài kệ: "Con người sanh ở đời; Búa sinh từ trong miệng" không? Bài kệ về Tỳ-kheo Cù Ca Lê phỉ báng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đó. Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đâu có tính sân gì đâu, mà ổng bịa đặt ra ổng nói, thì đó là phỉ báng. Vì vậy có bài kệ:

"*Con người sanh ở đời,*

Búa sinh từ trong miệng,

Đáng chê mà lại khen,

Đáng khen mà lại chê".

Tức là đáng chê thì sao không chê mà lại khen; rồi đáng khen mà lại chê, thì đó là do nghiệp của mình. Chứ không phải như người đời sau là không cho nói, điều sai cũng không được quyền nói, đó là mình học người đời sau. Cho nên có nhiều điều Thiện Trang nói, bây giờ Phật pháp loạn là vậy, xen vô nào là 'chân nhân bất lộ tướng, lộ tướng bất chân nhân', toàn là trong phim ảnh ra, lôi mấy câu nói ở đâu đâu ra, một hồi chen vô [Phật pháp]. Nhiều câu mình tưởng ở trong Phật pháp nhưng không phải trong Phật pháp.

Đức Phật nói rõ ràng điều nào đúng thì nói đúng, điều nào sai thì nói sai. Và trong bài kinh chúng ta đã dẫn rồi, đức Phật nói 6 trường hợp mà trong đó có 2 trường hợp [được quyền nói], quý vị nhớ không? 6 trường hợp xét ra: là không đúng sự thật, người ta không muốn nghe và không đúng mục đích, thì tất nhiên không nói. Nói chung hai trường hợp không đúng sự thật thì không nói. Trường hợp đúng sự thật, nhưng người ta không muốn nghe và không đúng mục đích, không đạt được mục đích, thì không nói. Trường hợp đúng sự thật rồi (nói phải

đúng sự thật), mà người ta không muốn nghe, nhưng đúng mục đích thì được quyền nói. Và trường hợp thứ hai được nói nữa là đúng sự thật, người ta muốn nghe và nói đúng mục đích, hợp lý thì nói. Cho nên điều quan trọng là đúng sự thật và đúng mục đích thì nói, chứ không phải cứ can, không cho nói.

Chúng ta đã học bài kinh đó rồi, nếu quý vị không nhớ thì bữa nào Thiện Trang trích dẫn lại, trong Kinh Trung Bộ, Thiện Trang nhớ hình như Kinh 58, Kinh Vương Tử gì đó, quý vị nhớ thì giở ra xem có đúng không? Cho nên là hãy học theo Phật, chứ không, thời sau người ta khôn lắm, người ta cho mình câm miệng luôn, không cho nói, nói ra là nói lỗi người, kiểu vậy! Cho nên thành ra Phật pháp mạt, bởi vì những sự thật sẽ bị chôn vùi, và những điều xấu sẽ lên. Cho nên ở đây cần phải nói, có bốn điều.

Chánh ngữ là trạng thái tâm lý phải có khi một người nói lời Chánh ngữ, tức là một lời nói không nhằm vào bốn lỗi: dối trá, đâm thọc, ác ngữ và phiếm luận.

Ở đây mình nói Tâm sở mà, là trạng thái tâm lý phải có khi một người nói lời Chánh ngữ, tức là lời nói không nằm trong bốn lỗi: dối trá, đâm thọc, ác ngữ và phiếm luận.

Chúng ta nói dối là sai rồi, điều này Thiện Trang thấy nhiều người học Phật lâu năm nhưng vẫn nói dối. Tức là cố tình, ví dụ như mình muốn nói việc đó theo chiều hướng của mình, nên mình bịa đặt, mình cố bẻ qua ngược lại, bẻ cho bằng được, thì đó là dối, cho nên không được [Chánh ngữ].

Thứ hai là nói đâm thọc, đâm thọc thì chúng ta biết rồi, là đến người A nói cho người B, nói bà đó xấu lắm, nói chị xấu lắm v.v… rồi qua người B thì nói A. Rồi ác ngữ thì nói những lời thô ác. Còn nói những lời phiếm luận là nói những lời nhảm nhí vô ích, nói tùm lum, giống như mấy chuyện cười, nhiều khi là thuộc nhảm nhí.

Khi chúng sanh đối diện với việc phạm một trong bốn phần trên, và vị ấy từ chối việc vi phạm, vị ấy đạt được Chánh ngữ tức thì trong sự ngăn trừ. Nhiều khi mình phát hiện ra: À! Mình nói điều này như vậy là nói dối rồi, không được, cho nên không nói nữa. Hoặc là mình phát hiện ra là mình nói đâm thọc,

nói lời phỉ báng rồi, không được, đây là nói lời ác độc, ác ngữ. Hoặc là: À! Điều này là nói lời nhảm nhí vô ích, tạp uế. Vậy là mình dừng lại, thì đó là Chánh ngữ.

Chánh ngữ trong khi có ra sao? Là sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hợp tác, không phạm tới đến bốn ác ngữ. (Nói chung là mình tránh ra, không làm). **Chánh ngữ là chi của đạo, trọn liên hệ trong đạo, lời nói chân chánh có khi trong khi nào, thì Chánh ngữ có khi ấy.**

Khi vào bậc Thánh thì người ta có được Chánh ngữ, vì Bát chánh đạo mà, nên Chánh ngữ phải có trong đó. Chứ bây giờ phàm phu chưa có Chánh ngữ là bình thường, lúc có lúc không, có lúc thì không có.

Đó là về 20. Tâm sở Chánh ngữ, chúng ta đã học xong. Thứ hai là 21. [Tâm sở] Chánh nghiệp. Chúng ta học nhanh, mấy [Tâm sở] này cũng dễ, [chúng ta] học qua Bát chánh đạo rồi giờ học lại.

21. Tâm sở Chánh nghiệp:

Chánh nghiệp là gì? Là sự ngăn trừ cái ác của thân gọi là Chánh nghiệp. (Ác của thân là gì? Như quý vị có thân, lúc nãy là miệng (khẩu), bây giờ là thân. Thân là tay, chân, là thân mình đó). **Chánh nghiệp ở đây nghĩa là thân hành động ngăn ngừa khỏi: 1. Sát (giết) chúng sanh; 2. Trộm cắp; 3. Tà dâm**.

Chánh nghiệp thì đơn giản thôi, là ngăn ngừa được ba hành động của thân là: Sát hại chúng sanh (giết chúng sanh), trộm cắp và tà dâm, thì đó là Chánh nghiệp. Nói đơn giản như vậy!

Chánh nghiệp là trạng thái tâm lý cần có khi một người hành động bằng thân, để tránh các thân ác nghiệp. Điều này là trạng thái tâm lý, mình phải có tâm lý đó, trước khi làm mình thì mình nghĩ không được sát sanh, không được trộm cắp và không được tà dâm, đơn giản như vậy; đối với người xuất gia là không dâm dục; như vậy gọi là Chánh nghiệp. Cũng đơn giản đúng không?

Và nữa, khi chúng sanh đối diện với việc phạm một trong ác hạnh trên, mà từ chối việc phạm, vị ấy đạt được Chánh nghiệp tức thì trong sự ngăn ngừa.

Tức là khi mình đối diện với việc sắp giết một con gà, [hay] như câu chuyện hồi nãy Thiện Trang nói, là [khi] một người Cư sĩ sắp giết một con cá để làm thịt cho gia đình ăn, thì họ cảm thấy là ngăn ngừa, chừa bỏ, tránh xa, không làm, thì có Chánh nghiệp. Còn làm thì không Chánh nghiệp. Rồi thấy đồ của ai rớt, mình định lượm nhưng nghĩ lại thôi không trộm cắp, không lấy của người ta, hoặc lấy tạm thời để trả lại, nghĩ như thế thì ngay lúc đó ngăn ngừa lại không trộm cắp. Không tà dâm cũng tương tự như thế.

Chánh nghiệp trong khi có ra sao? Là sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hợp tác, không phạm ba ác hạnh của thân. Cũng giống như trên.

Chánh nghiệp là chi của đạo, trọn liên hệ trong đạo, hành động chân chánh có khi nào thì Chánh nghiệp có trong khi ấy.

[Chánh nghiệp] cũng nằm trong Bát chánh đạo, và khi nào trọn liên hệ được, tức là khi nào mà có hành động chân chánh thì mình có Chánh nghiệp. Vậy Chánh nghiệp có dễ không quý vị? Học theo tiêu chuẩn này thì dễ mà. Còn học một hồi nâng lên cao, các chư vị nào mà giải thích dài dòng quá, là mình thấy làm không được luôn. Còn học theo trong Kinh tạng Tiểu thừa thì dễ hơn, tiêu chuẩn nhẹ nhàng.

[Như vậy chúng ta] học sơ qua [Tâm sở Chánh nghiệp] rồi, bây giờ giới thiệu thêm [Tâm sở] nữa là Tâm sở 22. Chánh mạng.

22. Tâm sở Chánh mạng:

Chánh mạng là sự ngăn trừ hạnh ác để nuôi mạng, gọi là Chánh mạng. (Khi mình nuôi mạng, tức là mình muốn kiếm sống, muốn sống thì phải làm việc. Việc đó không phải là việc ác thì gọi là Chánh mạng). **Chánh mạng nghĩa là kiêng khem, từ chối nghề mà mang lại sự tai hại cho chúng sanh khác, như là mua bán vũ khí, mua bán chúng sanh, mua bán chất say và chất độc, cũng như sự giết hại, câu cá, nghiệp binh đao, gian dối lừa lọc, bói toán, lừa đảo, v.v...**

Tức là bây giờ làm những nghề, mà mình từ chối, không làm những nghề đó, nghề nào mang lại sự tai hại cho chúng sanh khác. Ở đây kể ra một số nghề, ví dụ

như: quý vị mua bán vũ khí, mua bán chúng sanh, mua con này đem ra chợ bán, mua con kia đi bán, cho nên mấy nghề buôn bán đó không được. Rồi buôn bán chất say, chất độc thì không được. Cũng như sự giết hại, [ví dụ] như đi câu cá hay nghiệp binh đao, nghiệp gian dối lừa lọc, bói toán, lừa đảo v.v… những nghề đó là không Chánh mạng.

Chánh mạng là trạng thái tâm lý cần có khi một người nghĩ tới việc mưu sinh, nhằm tránh các nghề tà mạng như: buôn gian bán lận, hay trao đổi các hàng hoá độc hại như vũ khí, thuốc nghiện, nô lệ, thú để ăn thịt hoặc kinh doanh thân xác phụ nữ.

Nghĩa là Tâm sở Chánh mạng là trạng thái tâm lý có khi mình nghĩ tới làm việc gì đó để kiếm sống, mà mình tránh được những nghề như: buôn gian bán lận, hay trao đổi những hàng hoá độc hại như vũ khí, thuốc nghiện, nô lệ, thú để ăn thịt. Giống như mua bán gia cầm gia súc gì đó, hoặc kinh doanh thân xác phụ nữ (nghề môi giới mại dâm gì đó) v.v… Những nghề đó đều là không có Chánh mạng. Khi mình có Tâm sở Chánh mạng, mình nghĩ tới việc làm ăn là không có việc đó.

Giống như Chánh nghiệp ở trên, khi mình nghĩ đến việc làm của thân, là mình tránh luôn không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Hoặc trên nữa là Chánh ngữ, tức là khi mình nói ra thì mình phải nghĩ là mình không được nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác, nói đâm thọc, không được phỉ báng, không được nói lời phù phiếm vô ích. Khi tâm mình luôn luôn hiện bốn điều đó thì Tâm sở mới có. Gọi là Tâm sở Chánh ngữ, Tâm sở Chánh nghiệp và Tâm sở Chánh mạng, đơn giản vậy thôi! Lúc nào trong đầu có thì có [ba Tâm sở] đó, còn không có thì không có [3 Tâm sở đó].

Cho nên muốn có Bát Chánh đạo, bậc Thánh lúc nào cũng có được ba Tâm sở này. Quý vị thấy khó không? Nhiều người thấy khó quá, tại vì tu mấy điều dễ nhất là giới mà còn không tu được. Cho nên đây là thuộc về Giới đó, Giới mà quý vị không có thì thôi, tu gì nữa. Cho nên Giới, Định, Tuệ là căn bản để giải thoát sinh tử. Giới là căn bản mà không làm được thì đời sau khổ, chứ đừng nói là giải thoát.

Chánh mạng trong khi có ra sao? (Chỗ này cũng giống như vậy thôi) **Là**

sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hợp tác, không phạm Tà mạng. Chánh mạng là chi của đạo, trọn liên hệ trong đạo. Sự nuôi mạng chân chánh có khi nào thì Chánh mạng có trong khi ấy.

Rất đơn giản thôi! Bây giờ mình tránh xa, chừa bỏ, mình không làm nghề đó nữa, không làm những việc liên quan đến Tà mạng thì được.

Ba Tâm sở trên gọi chung là Tâm sở Giới phần. Có khi gọi là Tâm sở Ngăn trừ. Quý vị thấy cách gọi khác nhau, có một số tài liệu gọi là Tâm sở Ngăn trừ, nhưng chúng ta nên gọi là Tâm sở Giới phần thì dễ nhớ hơn.

Trạng thái là ngăn trừ khỏi làm thân khẩu ác. (Tức là làm cho tránh được thân và khẩu của mình làm ác). **Phận sự là thoái thác khỏi việc ác của thân và khẩu.** (Việc ác của thân và miệng của mình thì được thoái xuống, không làm ác thêm). **Thành tựu là không đành làm ác về thân và khẩu**. (Cũng giống như vậy). **Nhân gần là có ân đức, tài sản của bậc Hiền triết, như Tín, Niệm, Tàm, Uý và thiểu dục**.

Nghĩa là quý vị phải có niềm tin, có khả năng ghi nhớ (Niệm), có khả năng Tàm, Uý, và thiểu dục. Những gia tài của bậc Thánh mà mình có được một chút như vậy, thì mình mới làm được, còn nếu không có mấy điều đó là thôi. Không có niềm tin thì làm ác thoải mái, không có ghi nhớ thì cũng làm ác thoải mái, không biết xấu hổ, không biết sợ nhân quả thì cũng làm thoải mái (tức là không có Tàm, không có Uý), và tham quá lớn (tức là không có thiểu dục), làm che mờ hết, thì cũng khó có được ba [Tâm sở] này. Muốn có được ba [Tâm sở] này thì phải có Tín, Niệm, Tàm, Uý và thiểu dục, năm điều, thì mới có được ba Tâm sở Giới phần: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Tướng trạng của ba Tâm sở này là không vi phạm ác hạnh của thân, khẩu, ý. Tất nhiên Tâm sở là trong tâm mà, cho nên tự nhiên không vi phạm về hạnh ác trong thân, trong khẩu và trong ý.

Có nhiệm vụ là chối bỏ ác hạnh về thân, khẩu, ý. Có biểu hiện là không làm ác hạnh. Chúng ta biết các đức tính như: Tín (niềm tin), Tàm, Úy, thiểu dục v.v… Tâm sở này phối hợp với 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại tố và 40 tâm Siêu thế.

Mình chưa học những tâm này, chưa học về các loại tâm, tâm Đại thiện là gì, Đại tố là gì, tâm Siêu thế là gì.

Ví dụ Thiện Trang nói sơ qua tâm Siêu thế. Tâm Siêu thế là gì? Tâm Siêu thế là ra khỏi thế gian rồi. Đó là tám bậc: Sơ quả hướng (Tu-đà-hoàn hướng), Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, A-la-hán, A-la-hán hướng. Tám bậc đó, trong Vi Diệu Pháp quý vị có năm tầng Thiền, cho nên 8x5 là 40. Cho nên thành ra 40 tâm Siêu thế là như thế. Có cách chia như vậy cho quý vị hiểu. Có 5 tầng Thiền, chứ không phải 4 tầng Thiền, ở trong Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đàm) chia như vậy, thì chúng ta thấy thành ra 40 tâm Siêu thế. Còn 8 tâm Đại thiện là gì v.v… thế này thế kia, nói chung chúng ta hiểu cách như vậy.

Bây giờ chắc hết thời gian rồi, như vậy chúng ta cũng chỉ có thể giảng tới đây thôi. Còn hai [Tâm sở] kia thì chắc để bữa sau. Chúng ta ưu tiên giảng trước một chút thì sẽ hết luôn. Hẹn quý vị chúng ta sẽ học ở phần Tâm. Phần Tâm sẽ hấp dẫn hơn, bởi vì chúng ta sẽ có ví dụ thực tế, chúng ta kiểm tra [được] tâm. Chúng ta sẽ đưa ra các tình huống giống như tình huống lúc nãy, quý vị coi xem người đó là tâm thiện hay tâm bất thiện. Rồi đưa ra một trường hợp nào đó, để quý vị xác định tâm đó là tâm ở đâu, tâm Dục giới, tâm Đạo hay tâm Siêu thế, hoặc là tâm thiện hay tâm ác gì đó v.v… Và lúc đó có bao nhiêu Tâm sở.

Khi mình học như vậy, mình hiểu rõ như vậy thì mình mới tu được. Chứ còn mình học mơ mơ, là chỉ tu Tứ niệm xứ cho vui thôi, chứ tu sâu không được, bởi vì mình không quan sát được vi tế. Và mọi điều thiện ác ở thế gian, thực ra mình chỉ nhìn thấy một cách tương đối thôi, không nhìn được tuyệt đối. Khi nào mình học hết thì mình sẽ nhìn được tuyệt đối.

Chẳng hạn như chúng ta có những tâm mà chúng ta cũng không biết là xấu hay tốt. Ví dụ như một đứa con đi học về, nó khóc, nói với mẹ là: “Con xin lỗi mẹ, hôm nay con làm mẹ buồn, vì cô giáo dạy con phải biết kính lễ mẹ v.v…” Mình thấy tâm lúc đó thì tâm thiện hay tâm bất thiện? Và có bao nhiêu Tâm sở nào phối hợp trong đó, thì mình phải đoán ra. Không đoán được 100% thì cũng phải phân tích ra được, mình phải biết được chứ. Nhiều khi mình không biết rồi mình thấy như vậy.

Chẳng hạn như chúng ta học có một tiêu chuẩn, là khóc khi nào, khóc khi vui, khóc khi buồn. Bây giờ khóc như vậy là tâm xấu hay không xấu, có bất thiện hay không? Tất nhiên khóc thường là sân rồi, hối hận là sân đó, thì rớt vào bất thiện rồi. Nhưng bất thiện nào, có trí hay không có trí v.v… đủ các kiểu, chứ không phải bất thiện không [thôi]. Cho nên có rất nhiều điều hấp dẫn mà chúng ta cần học.

Hôm nay thời gian chúng ta tới đây hết rồi, hẹn quý vị hôm khác. Quý vị có thắc mắc gì về vấn đề chúng ta cần học và tu thì quý vị vào trong Zoom hỏi trực tiếp. Hoặc quý vị không hỏi trực tiếp thì có thể bình luận vào bài giảng này, sau khi kết thúc bài giảng thì quý vị bình luận, chứ đừng bình luận trong phần chat trực tiếp. Hoặc là quý vị bình luận ở trên Facebook hoặc trên YouTube, Thiện Trang sẽ tổng hợp lại để trao đổi trên đó. Hôm nay thời gian đã hết rồi, hẹn quý vị hôm khác.

A Mi đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Buổi 43.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 21/05/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=7ZaNWjscptw&t=599s

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về Luận Câu Xá và Tinh Hoa Kinh Luận, hôm nay là bài 43. Phần này chúng ta học chủ yếu về những pháp giải và pháp hành, để có nhiều kiến thức trang bị cho chúng ta, để chúng ta tu tập tốt hơn. Trong này có rất nhiều nội dung, ví dụ như từ Luận Câu Xá, từ A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp bên Nam truyền), Kinh Nikaya, Kinh A Hàm. Nói chung chúng ta học rất nhiều.

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu một vấn đề, mà chắc có lẽ quý vị sẽ quan tâm. Bởi vì thời gian gần đây có [sự kiện] chiêm bái xá lợi Phật, nên chúng ta xin giới thiệu một chủ đề liên quan.

Có Phải Tất Cả Vị A-La-Hán Khi Niết-Bàn Đều Có Hiện Tượng Phi Thường?

Đoạn này Thiện Trang xin phép trích từ Mi Tiên Vấn Đáp, thì rõ hơn là Thiện Trang tự nói.

170. Tại Sao Nhập Niết-Bàn Lại Có Hiện Tượng Phi Thường?

Đầu tiên Thiện Trang xin giới thiệu lại cho những đồng tu nào chưa nghe

qua bộ Mi Tiên Vấn Đáp này, giới thiệu sơ thôi. Tỳ-kheo Na Tiên là một vị sau khi được giáo hóa trở thành A-la-hán rồi, còn vua Mi Lan Đà là một vị vua trong thời đó (thời sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn), chúng ta biết sơ vậy. Còn câu chuyện đó dài, Thiện Trang có kể ở một bài giảng khác rồi, Thiện Trang xin phép không kể lại. Vị vua này có trí huệ rất siêu việt, nên đưa ra những câu hỏi rất hay. Ngài Na Tiên cũng do nguyện độ vị vua này ở trong đời quá khứ, nên cũng có trí tuệ rất tuyệt vời. Hai người có những đối đáp cực kỳ hay. Đây là một đối đáp trong đó. Đoạn thưa hỏi như sau:

- Thưa Đại đức! Tất cả các vị A-la-hán khi Niết-Bàn, thi thể hỏa táng của các ngài đều có hiện tượng phi thường xảy ra phải chăng? Chúng ta thường quan tâm vấn đề có xá lợi hay không? Người ra đi, bây giờ lấy luôn vị A-la-hán, thì có phải có hiện tượng phi thường (giống như để lại xá lợi) hay không?

Đó là câu hỏi của vua Mi Lan Đà. Còn bên dưới là vị Tỳ-kheo Na Tiên đáp thế này:

- Có vị có Thần thông phép lạ xuất hiện, có vị không có gì cả, tâu đại vương!

- Tại sao lại như thế, Đại đức?

Ngài Na Tiên trả lời rất rõ ràng, là không phải tất cả đều có hiện tượng phi thường. Cho nên cũng có thể là không có, chứ không phải [trường hợp nào cũng] có. Vua Mi Lan Đà mới hỏi tại sao như thế, Đại đức?

- Tâu đại vương! Thần thông phép lạ hay là hiện tượng phi thường xảy ra nơi thi thể hỏa táng của các bậc A-la-hán Niết-Bàn, là do một trong ba điều kiện sau đây:

Thứ nhất, có vị A-la-hán sắp Niết-Bàn, vì muốn đem đến lợi ích cho những người đến lễ bái, cúng dường; nên chú nguyện rằng: *"Xin cho thi thể này hiện ra những năng lực phi thường".* Nguyện như thế xong, Niết-Bàn, thi thể hỏa táng của vị ấy sẽ xảy ra Thần thông phép lạ.

Tức là vị A-la-hán đó trước khi nhập Niết-Bàn, ngài có một chú nguyện, là xin cho thi thể này hiện ra những năng lực phi thường. Còn thật ra ngài nhập

Niết-Bàn rồi, thì ngài không có làm ra. Nhưng lúc trước khi nhập Niết-Bàn, thì ngài có nguyện như vậy, [vì] muốn đem đến sự linh ứng phi thường cho mọi người xem, để mọi người tin tưởng, cho nên mới nguyện như vậy. Nhờ nguyện như vậy, nên khi thi thể đó được hỏa táng thì sẽ xảy ra Thần thông phép lạ. Chúng ta phải hiểu rõ, chứ [nếu] không hiểu rõ thì thời nay dễ bị dẫn dụ lắm.

Thứ hai, một số chư Thiên có Thần thông biết rằng, lễ bái, cúng dường thi thể hỏa táng của các bậc A-la-hán được rất nhiều phước báu cao thượng. Các vị chư Thiên ấy muốn làm cho chư Thiên trong các cõi và nhân loại phát sanh tín tâm trong sạch; nên họ đến nơi hỏa đài phát lời chú nguyện: *"Xin cho thi thể hỏa táng của bậc A-la-hán này hiện ra những năng lực phi thường để tăng trưởng đức tin cho phần đông"*. Chư Thiên nguyện thế xong, sau đó, Thần thông phép lạ sẽ xảy ra ngay nơi chỗ hỏa táng ấy.

Điều kiện thứ hai là có một số chư Thiên có Thần thông, biết rằng sự lễ bái cúng dường đối với một thi thể của bậc A-la-hán mang lại nhiều phước báu cao thượng, cho nên các vị ấy mới phát ra lời chú nguyện như vậy, để cho những chư Thiên trong cõi Dục hay những người bình thường có niềm tin đối với Phật pháp, đối với Thánh tăng. Như vậy mới có hiện [tượng đó] xảy ra, do có chú nguyện của chư Thiên.

Thứ ba, có những nam, nữ Cư sĩ là bậc trí thức, có trí tuệ, giàu đức tin... họ cúng dường vật thơm, tràng hoa hay vải vóc đến lễ đài hỏa thiêu rồi phát nguyện: *"Mong cho thi thể hỏa táng của bậc A-la-hán này phát sanh năng lực mầu nhiệm vì lợi ích cho chư Thiên và loài Người"*. Lời cầu nguyện ấy sẽ được ứng nghiệm.

Trường hợp thứ ba là có những người Cư sĩ bình thường, mà giàu trí tuệ, giàu lòng tin, khi đó họ cúng dường tràng hoa v.v… và họ phát nguyện như vậy, mong cho thi thể của bậc A-la-hán đó phát sanh năng lực mầu nhiệm, để làm lợi ích cho chư Thiên và loài Người. Cho nên lời nguyện đó được ứng nghiệm.

Nghe xong đức vua Mi Lan Đà hỏi:

- Nếu không có ba trường hợp chú nguyện ấy thì sẽ không có phép lạ sao, Đại đức?

- Tâu, vâng!

- Đến các vị đại A-la-hán thuần thục Lục thông, nếu không chú nguyện cũng không có hiện tượng phép lạ xuất hiện sao?

- Tâu, vâng.

- Như vậy rõ ràng là trường hợp nào cũng vì lợi ích cho chư thiên và loài Người cả. Đáng ngưỡng mộ làm sao!

(Trích Từ Mi Tiên Vấn Đáp).

Như vậy hôm nay đã làm rõ ràng chuyện xá lợi hay những hiện tượng mầu nhiệm trong Phật pháp khi một người tu [qua đời], ví dụ như đây là bậc A-la-hán qua đời. Khi bậc A-la-hán qua đời thì tại sao có hiện tượng đó? Chúng ta đúc kết lại là có ba nguyên nhân:

1. Chính vị A-la-hán trước khi nhập Niết-Bàn thì có lời nguyện như thế, xảy ra nhiệm mầu để cho mọi người tin tưởng.

2. Do chư Thiên có Thần thông, họ cũng chú nguyện như vậy.

3. Người bình thường [chú nguyện].

Chúng ta thấy việc có xá lợi hay có mầu nhiệm hay không, thì không quyết định đúng không? Vì rõ ràng vua Mi Lan Đà hỏi là: Không có ba trường hợp trên thì sẽ không có phép lạ, không có Thần thông, không có hiện tượng gì sao? Không có! Cho dù A-la-hán thuần thục Lục thông, nhưng nếu không có chú nguyện thì cũng không có. Đó là điều để chúng ta bớt mê tín đi. Thời nay có rất nhiều người đều dựa vào đây. Tất nhiên từ đó chúng ta sẽ nói là chúng ta cầu nguyện cũng được. Cầu nguyện để có điềm lành, điềm tốt. Được! Cho nên học Phật pháp phải rõ ràng, sáng suốt, chứ còn học một hồi mê quá thì không nên. Ngay cả việc xá lợi, điềm lành, điềm ứng của một người ra đi là do như thế, hôm nay rõ ràng rồi thì chúng ta tin tưởng hơn.

Thiện Trang mong là quý vị càng học, chúng ta càng có Chánh kiến. Khi mình có Chánh kiến rồi thì mình không bị những dẫn dụ của người ta. Hôm nay hiểu rồi đó! Cho nên sau này quý vị ra đi, bao giờ quý vị chứng A-la-hán hay gì

đó, quý vị nguyện cho thân thể được gì đó, có lời nguyện thì được. Rồi [mình] không có [nguyện] thì những người khác nguyện, chư Thiên nguyện cũng được. Cho nên có thể là có hiện tượng đó.

Vấn đề thứ hai Thiện Trang xin giới thiệu là một câu chuyện cho quý vị nghe để tỉnh ngủ.

Câu Chuyện Quả Báo Của Không Tùy Hỷ Mà Ác Ý Đối Với Sự Cúng Dường Của Người Khác

(Trích từ Kinh Tiểu Bộ thuộc tạng Nikaya)

Sau khi bậc Đạo Sư diệt độ, vào thời Đại hội kết tập Kinh điển đầu tiên đang diễn tiến, Tôn giả Mahākaccāyana (Đại Ca Chiên Diên) cùng mười hai Tỷ-kheo đang cư trú trong ngôi rừng nọ gần Kosambī (Kiều Thưởng Di).

Thời ấy Uttara, vị nam tử thừa kế của vị quốc sư triều vua Udena (vua Ưu Điền)**, đang cùng đám thợ mộc đi tìm gỗ để sửa nhà, và được Trưởng lão này thuyết pháp.**

Về sau Uttara thường cúng dường vị ấy thực phẩm và xây tặng vị ấy một thảo am.

Song bà mẹ của Uttara căm hận những việc cúng dường ấy. Bà bảo:

- Ta mong bất cứ thức ăn uống nào con cúng các Sa-môn mà ta không đồng ý đều trở thành máu cho con uống ở đời sau.

Bà mẹ này kỳ lạ quá! Bà mẹ không tùy hỷ đối với việc của con mình. Có đứa con trai cúng dường cho vị Pháp sư mà bà lại có nguyện kỳ lạ như vậy. Bà nói ra là: *"Ta mong bất cứ thức ăn uống nào con cúng các Sa-môn mà ta không đồng ý, đều trở thành máu cho con uống ở đời sau".* Như vậy đây là một lời nguyện ác, một câu nói ác. Mong [điều] ác mang đến cho người khác, thì liệu có được như vậy không? Hôm nay chúng ta sẽ làm rõ thêm một vấn đề, là liệu mình mong điều ác tới cho người khác, thì điều ác đó có đến cho người ta hay không? Thiện Trang sẽ làm rõ thêm vấn đề nữa, là mình thường hồi hướng những điều thiện lành, thì người ta có thể nhận. Còn nếu mình làm những điều ác, mình hồi hướng cho người khác, thì liệu người khác có nhận hay không? Học Phật pháp thì càng

ngày phải càng sáng tỏ chứ, chuyện gì cũng phải rõ ràng. Thiện Trang nhân câu chuyện này để Thiện Trang nói vấn đề đó.

Tuy thế, vào ngày cúng dường am thất, bà cho phép tặng một bó lông đuôi công. Khi từ trần, bà tái sanh làm nữ ngạ quỷ và do đã cúng dường một bó lông đuôi công ấy, nữ ngạ quỷ có mái tóc đen thật dài, uốn lượn óng ả rất đẹp và dài tha thướt.

Bất cứ khi nào nữ ngạ quỷ bước xuống tự nhủ: "Ta sẽ uống nước sông Hằng", thì dòng sông trở thành máu đỏ. Sau khi đã đi lang thang suốt năm mươi năm bị đói khát giày vò, ngày kia nữ ngạ quỷ chợt thấy Trưởng lão Kaṇkhārevata (Kăn Kha Ly Bà Đa) ngồi nghỉ trưa bên bờ sông Hằng.

Cuộc đối thoại này tiếp theo sau hai vần kệ đầu của chư vị kết tập Kinh điển:

Bà đó cuối cùng do điều ác đó mà đọa vào Ngạ quỷ, nhưng may có lần bà [đồng ý] cúng dường một bó lông đuôi của chim công, nên bà có được quả báo mái tóc đen thật dài, uốn lượn, óng ả rất đẹp, dài tha thướt. Cúng dường như vậy [nên] được như vậy. Phước nào thì ra quả đó, gọi là nhân đen thì cho quả đen, nhân trắng thì cho quả trắng. Nhân này gọi là nhân đen trắng lẫn lộn thì cho quả đen trắng lẫn lộn. Bây giờ [vào] Ngạ quỷ, bà muốn uống nước, nhưng vì nghĩ tới lời ác kia cho nên tất cả nước của sông Hằng đều trở thành máu, bà uống không được. Do bà nguyện ở trên, bà nói là tất cả những đồ gì đứa con cúng dường mà bà không đồng ý, thì sẽ trở thành máu cho nó uống ở đời sau. Nhưng không ngờ quả báo tới với bà, chứ không phải tới với đứa con đó. Không phải mình nghĩ ác, mình hồi hướng cho người ta thì trở thành ác cho người ta đâu. Mình [nghĩ] ác thì ác đó trở lại mình.

Điều này thì ở trong Mi Tiên Vấn Đáp cũng có đưa ra: Điều thiện, điều lành thì hồi hướng cho người ta được, nhưng không phải lúc nào hồi hướng cũng hiệu quả. Giống như bài kinh bữa trước chúng ta học, có những cảnh giới nào được hồi hướng thôi, còn những cảnh giới khác không được hồi hướng. Nhưng cho dù quý vị làm, mà người ta không hưởng được thì ai cũng được hưởng, quý vị cũng được hưởng phước đó. Bài hôm trước chúng ta cũng học rồi, trong Mi Tiên Vấn Đáp cũng nói vậy.

Còn nếu mình làm việc ác, mình muốn hồi hướng cho người khác để cho người ta gánh nạn cho mình, thì không có chuyện đó, mà mình vẫn gánh chịu việc ác đó thôi. Chứ không phải tự nhiên cứ đưa cho người ta [được]. Không phải! Không có chuyện đó! Đạo lý đó rất sâu, ngài Na Tiên giải thích, là điều thiện thì giống như nước tan rã ra, lan được cho người khác. Còn điều ác thì co rút lại, bởi vì khi làm điều ác là tâm mình có lo sợ, có gì đó, cho nên co rút lại, không thể lan truyền ra. Ngài giải thích như vậy đó.

Cho nên bà này mong mang điều ác cho người khác, thì không được đâu. Đừng sợ người ta làm ác rồi hồi hướng cho mình. Không có!

Khi một Tỷ-kheo đến nghỉ trưa,
Và ngồi trên bến nước Hằng hà,
Gần người, nữ quỷ hình ghê rợn,
Dáng điệu rụt rè, tiến bước ra.

Mái tóc quỷ nương ấy thật dài,
Thả ra chấm đất, được buông lơi,
Che thân bằng các chùm tóc ấy,
Nữ quỷ thưa Tôn giả chuyện đời.

(Bài kệ do kết tập kinh điển ghi).

Nữ ngạ quỷ:

Năm mươi năm đã giã từ trần,
Con chẳng biết gì thức uống ăn.
Tôn giả, cho con xin chút nước,
Hiện con đang khát nước muôn phần.

Bà ấy nói 50 năm sau khi từ trần rồi, bà không ăn uống được gì hết. Bây giờ mong vị Tôn giả này cho con một chút nước, con đang khát lắm.

Tỷ-kheo:

Đây dòng nước mát của sông Hằng,

Chảy xuống từ miền núi Tuyết Sơn,
Hãy lấy nước kia và uống gấp,
Sao ngươi xin nước ở trên dòng?

Vị Tỳ-kheo nói nước sông Hằng nhiều lắm mà, chảy từ núi Tuyết Sơn (núi Himalaya - Hy Mã Lạp Sơn). Tại sao không lấy nước đó uống mà lại xin nước ở trên dòng làm chi?

Nữ ngạ quỷ:

Tôn giả, xin thưa, nếu chính con,
Tự tay lấy nước ở dòng sông,
Nước liền thành máu, và vì thế,
Con khẩn cầu ngài chút nước trong.

Bả nói nếu bả tự lấy nước ở dòng sông Hằng thì nước sẽ thành máu. Nên mới xin nước từ ngài Tỳ-kheo.

Tỷ-kheo:

Ngày xưa đã phạm ác hành nào,
Do khẩu, ý, thân đã phạm vào,
Từ nghiệp quả gì tay ấy chạm,
Nước sông Hằng hóa máu, vì sao?

Nữ ngạ quỷ:

Nam tử của con, Uttara,
Xưa vốn là Cư sĩ tại gia,
Đem cúng các Sa-môn thực phẩm,
Tọa sàng, dược liệu, áo cà-sa.

Lòng con sôi động bởi xan tham,
Thúc giục, nên con phỉ báng chàng:
"Bất cứ vật gì ta chẳng muốn,
Ngươi đem dâng cúng các Sa-môn,
Uttara, thứ ấy, ta cầu,

Thành máu cho ngươi ở kiếp sau".
Do nghiệp quả này, tay chạm phải,
Nước sông Hằng hóa máu từ lâu.

Nữ Ngạ quỷ đó nói ra nguyên nhân như vậy. Tức là hồi xưa, như câu chuyện ở trên, đây chỉ tóm lại bài kệ thôi, cho nên là mới bị quả báo như vậy.

Khi ấy Tôn giả Revata cúng dường nước lên Tăng chúng và hồi hướng công đức cho nữ ngạ quỷ. Sau đó, Tôn giả đi khất thực và khi đã nhận được thức ăn, Tôn giả cúng dường chư Tăng. Rồi Tôn giả lấy một ít giẻ rách từ đống rác, rửa sạch, phơi khô xong, Tôn giả may thành y và cúng dường Tăng chúng.

Nhờ vậy nữ ngạ quỷ thọ hưởng thiên lạc, liền trình với vị Trưởng lão sự việc cùng bày tỏ niềm hạnh phúc thần tiên mà nó đã đạt được.

(22. Chuyện Mẹ Của Uttara: Uttaramātupeti – Ngạ Quỷ Sự - Kinh Tiểu Bộ).

Chúng ta thấy câu chuyện này không rõ lắm, đoạn hồi hướng sau đó tại sao như thế. Nhưng rõ ràng bà được hồi hướng, bà nhận quả báo cho nên thoát được [khổ], thọ hưởng thiên lạc và niềm vui của cõi Trời.

Cho nên nhớ nha! Mình ráng tu hành. Mình làm phước nghiệp và thiện nghiệp thì mình hưởng, mình hồi hướng [được]. Còn nếu mình không biết, thấy người ta làm tốt thì đừng phỉ báng, đừng có kiểu như vậy. Phỉ báng như vậy là mang tội, cuối cùng là mình đọa thôi, mình chịu quả. Cho nên mình phải hiểu rõ ràng.

Sẵn đây Thiện Trang nói thêm một vấn đề nữa trước khi chúng ta vào bài. Chúng ta tu hành thì chúng ta mong thế nào? Đặc biệt đồng tu, ai cũng muốn đời này mình ra đi được nhẹ nhàng, tức là mình không có bệnh hoặc là bệnh nhẹ [rồi] chết, đi cho an lành. Trong tác phẩm Mi Tiên Vấn Đáp, bộ đó rất nổi tiếng bên Nam truyền, cũng có đưa ra vấn đề đó, là tại sao người ta chết? Và người chết như thế nào?

Người nào mà đến già, có bệnh nhẹ hoặc không có bệnh mà chết, thì người

đó gọi là chết đúng thời, tức là họ chết đúng thọ mạng của họ. Vì thọ mạng của họ tới đó là chết (thọ mạng hết), cho nên họ chết. Hoặc là không có bệnh, hoặc là bệnh nhẹ nhàng rồi ra đi. Còn những trường hợp chết khác như thế nào? Chết khác không phải chết do khát nước, mà ở đây những trường hợp khác, ví dụ như chết do đói, chết do việc khát, chết do rắn cắn, chết bởi độc dược, chết bởi cháy, chết bởi nước, chết bởi khí giới, chết bởi tai nạn v.v… Thời nay có nhiều tai nạn lắm.

Hôm bữa Thiện Trang có coi clip ở Bảo Lộc. Chỗ Bảo Lộc có khu vực đèn xanh đèn đỏ, hơi dốc một chút thôi. Có một vị cũng là giáo viên, về hưu rồi, đến dựng xe máy, hình như mang áo mưa hay sao, tới đó vừa dừng xe, đang ngồi để chờ đèn xanh rồi chạy tiếp. Đằng sau có một chiếc xe tải, có tới mấy bộ bánh đằng sau, có bộ bánh này bánh kia, nhiều bánh xe. Thiện Trang để ý là bánh xe tự động chạy tới. Xe tải đó vốn dĩ là không có người lái, tại vì người tài xế đã xuống rồi, mà người ta quên kéo cần thắng tay cho nên xe trôi, tại vì [chỗ đó] dốc nên nó tự trượt và cán qua vị giáo viên đó, làm vị đó chết. Chết như thế rất là thảm thương, đó là chết không đúng thời, gọi là chết bất đắc kỳ tử. Những cái [chết] đó là do nghiệp, do nhân, do duyên, do gì đó cho nên chết. Những cái chết đó là chết không đúng thời nên mới bị như vậy.

Từ đó mình suy ra: Sở dĩ ngày nay chúng ta, một là nghiệp, tất nhiên không phải đổ [tất cả là do] nghiệp, bài trước mình có [học về] 8 nguyên nhân rồi. [Có] 8 nguyên nhân chứ không phải việc nào cũng đổ cho nghiệp hết, trong đó có 1 nguyên nhân là nghiệp. Có những điều do duyên như thế, hoặc là hoàn cảnh đó, do thời tiết, do thế này thế kia, mà mình phải chịu. Điều đó thì có thể là do nghiệp khiến như vậy, nhưng cũng có thể không phải là do nghiệp. Tóm lại nếu chết kiểu như vậy thì gọi là chết không đúng thời, tức là khi thọ mạng chưa hết nhưng vẫn bị chết.

Ví dụ như đời quá khứ mình làm một nghiệp gì đó, ở trong Mi Tiên Vấn Đáp có đưa ra ví dụ như đời quá khứ quý vị giết người, quý vị sát sanh hay làm gì đó, thì đời này tới lúc nào đó, tự nhiên nghiệp đó trổ ra là chết thôi, chứ không phải thọ mạng mình hết, mà do nghiệp đó trổ ra. Trong 12 nghiệp chúng ta học, đó gọi là Cực trọng nghiệp (Đoạn nghiệp). Cho nên có những nghiệp nặng như thế

xảy ra, từ đó mình hiểu rõ hơn.

Nên ai tu hành mà tu đàng hoàng, tốt, ăn uống đầy đủ, không bị bệnh tật, v.v… thì mình có thể sống đúng tuổi thọ của mình, mình ra đi sẽ nhẹ nhàng. Còn nếu chúng ta ra đi không đúng tuổi thọ thì có thể do hoàn cảnh. Ví dụ như mình lao động kiệt sức quá [nên] chết đúng không? Có nhiều khi lao động kiệt sức quá, thì bị đột quỵ chết thôi. Rồi làm việc, ăn uống, không bảo dưỡng cơ thể, v.v… thì chết sớm trước thọ mạng. Cho nên tự nhiên bệnh ung thư, bệnh này bệnh kia, chưa hẳn là do nghiệp. Có thể do nghiệp, nhưng có thể không, tóm lại là thọ mạng chưa chết. Thời nay là chết như vậy nhiều.

Cho nên đó là để chúng ta làm rõ hai vấn đề. Vấn đề thứ nhất là không phải tất cả đều do nghiệp. Vấn đề thứ hai, nếu muốn chết an lành thì quý vị hãy làm sao duy trì, sống được tuổi thọ đúng như tuổi thọ của mình, thì quý vị sẽ ra đi được an lành. Đó là một cách nữa. Cho nên tại sao có những người ra đi an lành. Còn có nhiều người thọ mạng chưa hết, nhưng ra đường chạy xe ẩu thì chết thôi. Đó là 'phi thời tử' thôi, ráng chịu!

Hôm nay đã làm sáng tỏ thêm cho quý vị hai vấn đề: Một là vấn đề linh ứng, khi có lễ tang, hỏa táng một người tu hành, có thể có những hiện tượng linh ứng. Có [hiện tượng linh ứng] hay không là do ba nguyên nhân. Thứ hai là vấn đề về chết. Vấn đề đó chúng ta đã làm rõ. Thiện Trang mong cung cấp những kiến thức như vậy. Những kiến thức này quý vị có thể tìm trong quyển Mi Tiên Vấn Đáp, và chúng ta cũng học ở trong kinh luận thì có rồi.

Hôm nay giới thiệu cho quý vị một đoạn nữa để quý vị vui hơn. Đó là chư Thiên sẽ hoan hỷ nói chuyện và làm bạn bè với ai đã thành tựu bốn Dự lưu phần, tức là có thể làm thành công được phần để vào quả Dự lưu, thì quý vị sẽ làm bạn với chư Thiên. Hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị mục đó.

Chư Thiên Hoan Hỷ Nói Chuyện Bạn Bè Với Ai Thành Tựu 4 Dự Lưu Phần

(Trích Từ Kinh Tương Ưng - Tương Ưng Bộ của tạng Nikaya)

Dự lưu phần tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Có đồng tu nghe không hiểu Dự lưu là gì. Dự lưu là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Khi mình thành tựu được bốn phần của quả Dự lưu, thì mình có thể được những gì? Đó là mình được làm bạn bè với chư

Thiên.

- Chư Thiên, này các Tỷ-kheo, hoan hỷ nói chuyện bạn bè với ai thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn". Tức là đây là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Chư Thiên nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được sanh ở đây. Chư Thiên ấy suy nghĩ: "Như chúng ta thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, mệnh chung chỗ kia, được sanh chỗ này". Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu lòng tịnh tín bất động như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến đây, đến gần chư Thiên".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng...

Đoạn này chúng ta đã học rồi, cho nên Thiện Trang không cần trích lại ở đây. Đoạn này trong Kinh Tương Ưng cũng viết tắt.

Vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Chư Thiên nào thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được tái sanh chỗ kia. Họ suy nghĩ như sau: "Chúng ta thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính. Do vậy, chúng ta mệnh chung tại chỗ kia, sanh tại chỗ này". Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến đây, đến gần với chư Thiên".

Những ai thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, chư Thiên hoan hỷ nói chuyện bạn bè với họ.

Tức là nếu quý vị thành tựu được bốn niềm tin bất hoại, chúng ta hay nói là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và thành tựu được Thánh giới thì người đó, đức Phật xác định là được bốn Dự lưu phần, tức là vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Và do thành tựu được Sơ quả Tu-đà-

hoàn nên sao? Chư Thiên do họ cũng được vậy nên họ sanh về cõi Trời, họ thấy những người thành tựu như vậy, họ cũng rất vui, họ hoan hỉ và nói chuyện, họ làm bạn bè của mình. Cho nên ráng tu, vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, được làm bạn với chư Thiên, rất là vui.

((55.36) Đi Đến Bạn Bè: Sabhāgata (SA 1124) – Kinh Tương Ưng).

Quý vị thấy, thành tựu được niềm tin bất hoại đối với Phật, niềm tin bất hoại đối với Pháp, niềm tin bất hoại đối với Tăng và thành tựu Thánh giới [thì được như vậy]. Thánh giới thì trong bài kinh kia đã nói là Ngũ giới, quý vị làm được vậy thì quý vị trở thành Sơ quả Tu-đà-hoàn, bởi vì đã thành tựu bốn Dự lưu phần. Có nhiều cách để trở thành Tu-đà-hoàn, chúng ta đã trình bày ở những bài giảng trước rồi. Nhưng đây là một cách Thiện Trang thấy là có thể dễ đối với những người như chúng ta. Làm sao có niềm tin bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và thành tựu Thánh giới, làm được như vậy thì được chư Thiên hoan hỉ nói chuyện. Quý vị thấy đã không? Cho nên giá trị rất lớn, nếu như thành tựu được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nãy giờ nói thôi, bây giờ chúng ta tu tập.

Con Đường Thông Suốt Và Có Những Căn Bản Thẳng Tấn Để Đoạn Diệt Các Phiền Não

Tức là bây giờ để đoạn diệt các Phiền não thì cần con đường tu thế nào? Ở đây, bài này cũng trích từ kinh thôi.

- Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn (hay thẳng tiến cũng như nhau) **để đoạn diệt các Lậu hoặc. Thế nào là bốn?** Tức là để đoạn diệt các Lậu hoặc (Lậu hoặc còn gọi là Phiền não), thì bây giờ phải thành tựu được bốn điều gì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các Lậu hoặc.

(Kinh (4.71) Không Có Hý Luận: Padhāna - Phẩm Không Hý Luận Thứ 8: Apaṇṇakavagga – Kinh Tương Ưng).

Hôm nay Thiện Trang trích khá nhiều từ Kinh Tương Ưng. Quý vị thấy ở đây chỉ cần điều kiện làm sao để có được con đường thông suốt và những căn bản thẳng tiến, để đoạn diệt được các Lậu hoặc, tức là các Phiền não, thì nhớ giùm bốn điều thôi. [Một] là có giới, mình phải giữ giới. [Hai] là nghe nhiều, tức là đa văn nha. [Ba] là tinh cần, tinh tấn, [tức là] siêng năng và tinh tấn. Và cuối cùng là có trí tuệ. Đơn giản vậy thôi!

Nói thì đơn giản nhưng làm không được. Giữ giới được là khó! Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh nói giữ giới được là khó. Đa văn được cũng là khó đúng không ạ? Tinh cần, siêng năng cũng khó, rồi có trí tuệ cũng khó. Tuy nói thì dễ, nhưng khó làm. Bốn điều thôi, làm được bốn điều này thì đó là con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tiến để đoạn diệt được các Phiền não. Muốn đoạn diệt Phiền não thì phải có bốn điều này: Giới luật đứng đầu; phải nghe pháp, nghe kinh, đa văn; rồi siêng năng tu hành; và có trí tuệ. Cho nên là phải tu tập. Như vậy thì chúng ta dễ dàng rồi.

Hôm nay giới thiệu thêm phần tu nữa, đó là:

Tu Thế Nào Với Bốn Loại Thức Ăn

(Trích Từ Kinh Tương Ưng)

Bốn loại thức ăn thì chúng ta biết rồi. Nếu không nhớ thì ở trong bài kinh này sẽ nhắc cho chúng ta.

Trú ở Sāvatthī.

- Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sanh của các loài Hữu tình hay các loài chúng sanh.

Thế nào là bốn? Đoàn thực thô hoặc tế, Xúc thực là thứ hai, Tư niệm thực là thứ ba, Thức thực là thứ tư.

Điều này chúng ta đã học từ đầu rồi. Những bài đầu chúng ta đã giới thiệu về bốn loại thức ăn, có trong phần Duyên hệ, đó là Vật thực duyên. Thứ nhất (1)

là Đoàn thực thô hoặc tế: Đoàn thực là những thứ mình ăn. Thứ hai (2) là Xúc thực: Xúc là tiếp xúc, những gì mình tiếp xúc. Ví dụ như mắt mình tiếp xúc với cảnh đẹp, cảnh xấu, đó cũng là dạng thức ăn của mắt. Tai thì nghe âm thanh, đó là thức ăn của tai. Tương tự những cơ quan khác. Thứ ba (3) là Tư niệm thực: Tư niệm thực là những gì mình suy nghĩ, suy tư, mình nghĩ nhớ gọi là niệm. Thứ tư (4) là Thức thực: Thức thực là những sự biết của mình. Những điều mình tiếp xúc qua thì bình thường rồi, nhưng mình biết nữa, thì sự biết đó cũng là thức ăn [của Thức]. Bốn loại thức ăn chúng ta đã học lúc đầu, chỉ nhắc lại cho quý vị nhớ thôi.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài Hữu tình hay các loài chúng sanh.

Thật ra bốn loại thức ăn này thôi mà đưa đến sự tồn tại hay chấp thủ tái sanh cho các loài Hữu tình, hay nói chung là các loài chúng sanh. Vì sao vậy? Thật ra những điều gì hằng ngày [chúng ta tiếp xúc] nằm trong đó hết mà. Ăn uống là Đoàn thực; tiếp theo, Xúc thực là những gì chúng ta tiếp xúc; rồi những gì chúng ta suy nghĩ; và cuối cùng là những gì ta biết. Vậy thì đúng là toàn là những thứ đó tạo ra thế giới chúng ta, tạo ra sự tái sanh luân hồi. Cho nên bây giờ làm sao để tu? Đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp để tu, chúng ta nghe xem.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, (có tham cũng không được; có hỷ là hoan hỷ đó; có ái là ưa thích) **thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có Danh sắc sanh. Chỗ nào có Danh sắc sanh, chỗ ấy có các Hành tăng trưởng. Chỗ nào có các Hành tăng trưởng, chỗ ấy Hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào Hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.**

Ở đây, đức Phật giải thích cho chúng ta, thứ nhất là vòng 12 nhân duyên, quý vị nhớ không ạ? Đây thật ra là vòng 12 nhân duyên. Đầu tiên là từ thức ăn, thức ăn bình thường thì gọi là Đoàn thực. Nếu có tham, tức là mình ăn [như] ăn cơm hay ăn gì đó mà tham; rồi có hỷ là hoan hỷ trong đó; có ái tức là có yêu thích trong đó. [Có] ba điều này thì bắt đầu có Thức được an trú. Từ Thức được an trú

và tăng trưởng đó, chỗ nào có Thức thì bắt đầu Danh và Sắc sanh. Danh là tinh thần, là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Còn Sắc là thân thể sanh. Chỗ nào có Danh Sắc sanh, tức là bao giờ có vật chất và tinh thần của cơ thể mình đó (Danh Sắc mình nói là Ngũ uẩn cho dễ) thì chỗ ấy có các Hành tăng trưởng. Hành này chúng ta biết là khía cạnh về thiện, về ác, ý niệm thiện ác. Rồi chỗ nào có Hành, tức là khía cạnh về ý niệm thiện ác tăng trưởng, thì chỗ ấy có Hữu, thì được tái sanh trong tương lai. Có Hữu thì chắc chắn có sanh, có sanh rồi thì có già chết. Cuối cùng [chỗ nào có] già chết thì chỗ đó có sầu, có khổ não. Nói chung đoạn này là nói về 12 nhân duyên.

Vậy thì bây giờ tu làm sao? Thì tu ngược lại thôi. Đừng có tham, đừng có hỷ, đừng có ái khi ăn. Nhớ đừng có tham ăn, đừng có hoan hỷ. Không hoan hỷ cũng khó! Rồi đừng có ái là yêu thích. Cho nên khó! Tu mới có Đoàn thực thôi đã vậy rồi, mà tới bốn thứ thức ăn lận.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Xúc thực... (như trên)...

Đối với những gì tiếp xúc cũng vậy, đừng có tham, đừng có hỷ, đừng có ái là được. Còn nếu có tham, có hỷ thì sẽ dẫn đến đau khổ thôi.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Tư niệm thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Cho nên bốn loại thức ăn là như vậy. Thiện Trang đọc lướt qua nha, tại vì giống nhau. Bây giờ đức Phật đưa ra ví dụ cho chúng ta nghe hiểu dễ hơn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một người thợ vẽ. Nếu có thuốc nhuộm hay sơn màu nghệ, màu xanh, hay màu đỏ, có một tấm bảng khéo đánh bóng, một bức tường hay tấm vải, có thể phác họa hình người đàn bà hay người đàn ông có đầy đủ chân tay.

Có nghĩa là gì? Bây giờ có thuốc nhuộm rồi, người thợ nhuộm hay người thợ vẽ, chúng ta phân tích một ví dụ thôi. Người thợ vẽ, họ có sơn màu rồi, họ có màu xanh, màu đỏ, đủ các màu. Bây giờ có một bức tường hay là có một tấm vải thì mới vẽ lên đó đủ được hình người đàn ông, đàn bà, vẽ con chó hay con gì lên đó được. Có nghĩa là phải có nguyên liệu, có thành phần, có dụng cụ đúng không? Có dụng cụ thì mới làm ra được. Cũng vậy, bây giờ nếu là mình thì sao?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với Đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng chỗ ấy có Danh sắc sanh. Chỗ nào có Danh sắc sanh, chỗ ấy có các Hành tăng trưởng. Chỗ nào có các Hành tăng trưởng, chỗ ấy có Hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có Hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Ví dụ này đưa ra cũng vậy, nếu mình không có tham, không có hỷ, không có ái, thì giống như người thợ vẽ, giờ họ không có bức tường để vẽ, họ không có màu để vẽ, không có cọ, không có nước sơn, không có gì hết thì họ vẽ không được. Cũng vậy, [nếu] quý vị muốn không tái sanh trong luân hồi, không bị đọa lạc, thì mình phải cắt bớt duyên, công cụ luân hồi, đó là tham, hỷ, ái đối với bốn thực trên (bốn loại thức ăn), ý nói như vậy. Chúng ta hiểu được [thì] hiểu, không hiểu [cũng] không sao, nghe đến lần thứ 'n' nào đó sẽ hiểu.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Xúc thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Niệm thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có Danh sắc sanh. Chỗ nào có Danh sắc sanh, chỗ ấy có các Hành tăng trưởng. Chỗ nào có các Hành tăng trưởng, chỗ ấy có Hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có Hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già, chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Nói chung là đức Phật nói ví dụ y chang như vậy. Ở đây đoạn này đức Phật

nói tiếp.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có Danh sắc sanh (tức là không có Ngũ uẩn sanh, thân thể gọi là Sắc; Danh là Thọ, Tưởng, Hành, Thức)**. Chỗ nào không có Danh sắc sanh, chỗ ấy không có các Hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các Hành tăng trưởng, chỗ ấy không có Hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có Hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già, chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già, chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.**

Cho nên tóm lại nếu mình muốn không có sầu, không có khổ, không có não, không có già bệnh, chết thì chúng ta chịu khó đối với các loại thức ăn đừng có tham, đừng có hỷ, đừng có ái. Đấy là mình hiểu được, đối với bốn loại thức ăn thì đức Phật nói như vậy. Đoạn này nói lặp đi lặp lại, tại vì Kinh Nikaya, Kinh A Hàm nói [lặp lại] như vậy. Đức Phật lấy thêm một ví dụ nữa.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có mái hay một dãy hành lang có mái, có cửa sổ phía Bắc, phía Nam, hay phía Đông. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, chiếu vào tường phía Tây.

Tức là bây giờ mặt trời [mọc] từ hướng Đông lên. Nhà có mái hiên hoặc là có hành lang, có cửa sổ thì [ánh sáng] chiếu vào từ hướng Đông, chiếu tới hướng Tây.

- Này các Tỷ-kheo, nếu không có tường phía Tây, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, chiếu trên đất. Tức là không có tường phía Tây thì [ánh sáng] chiếu ra đất thôi.

- Này các Tỷ-kheo, nếu không có đất, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, chiếu trên nước. Nếu chỗ đó không có đất thì có nước. Không có tường, không có đất thì có nước.

- Này các Tỷ-kheo, nếu không có nước, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, không có chiếu ở đâu cả.

Tại sao vậy? Tại vì chiếu vào đâu được nữa. Bây giờ nhà quý vị có cửa sổ, mặt trời từ hướng Đông lên thì chiếu vào cửa sổ. Mà bên kia có bức tường thì [mặt trời] chiếu lên tường, tường hứng hết mặt trời. Nếu bên đó không có bức tường thì chiếu vào đất, mặt đất hưởng. [Nếu] không có đất thì có nước. Rồi không có nước luôn thì [là] không gian trống. Không gian trống thì ánh sáng chạy luôn, cho nên không chiếu vào đâu cả.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với Đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Xúc thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Tư niệm thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với Thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú.

Không có thức an trú thì không có Danh Sắc v.v… Cuối cùng là không có sầu, không có khổ. Tóm lại là buông xả đúng không ạ? Đừng có tham!

Nói vậy thì khó quá! Nói thì dễ nhưng làm thì khó quá. Ăn một chút là thấy tham rồi, ăn một chút là thấy hỷ rồi, ăn một chút là ái rồi. Cho nên nếu quý vị muốn đoạn trừ tham, thì quý vị nhớ tu hai pháp thôi, là Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền quán là quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Ví dụ như pháp quán Thân, mình đang ăn thì biết mình đang ăn. Rồi Thọ là ăn ngon thì biết ăn ngon, là thọ lạc thì biết đang thọ lạc. Biết tâm đang tham, ta biết ta tham, tâm hỷ thì biết hỷ, tâm ái thì biết ái. Nhưng pháp quán này chạy không kịp, nó chỉ chạy theo thôi. Còn muốn thắng ly tham, muốn đoạn tham, đoạn Phiền não thì phải tu Thiền chỉ.

Thiền chỉ thì đức Phật nói phải tu đến Sơ thiền. Từ Sơ thiền trở đi thì đoạn được Tham (đoạn tức là tạm phục), ngôn ngữ là phục, giống như lấy đá đè cỏ. Lúc đó tự nhiên mình đang có niềm vui trong Thiền duyệt thực, cho nên tự nhiên không có tham, không có hỷ đối với các thức ăn bên ngoài (bốn thức ăn đó). Cho nên đó là lý do phải tu cả Thiền chỉ lẫn Thiền quán. Điều này chúng ta đã học quá

nhiều và đức Phật nói rất nhiều.

Chỗ nào không có thức an trú, chỗ ấy không có Danh sắc sanh. Chỗ nào không có Danh sắc sanh, chỗ ấy không có các Hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các Hành tăng trưởng, chỗ ấy không có Hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có Hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

(Kinh (12.64) Có Tham: Atthirāga (SA 374–378) – Kinh Tương Ưng).

Ở đây, chúng ta nói đến Thiền chỉ và Thiền quán. Để rõ hơn thì chúng ta học thêm, nhấn mạnh lại tầm quan trọng của Thiền chỉ.

Y Chỉ Các Tầng Thiền, Thì Diệt Tận Được Các Phiền Não – Lộ Trình Tu Chứng

(Trích từ Kinh Tăng Chi)

- Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ nơi Sơ thiền, các Lậu hoặc được diệt tận". Quý vị nhớ: 'Y chỉ nơi Sơ thiền, các Lậu hoặc được diệt tận', câu đầu tiên là như vậy. Quan trọng ha!

Cho nên có cần tu Thiền chỉ không quý vị? Có đúng không? Y chỉ tức là nương tựa, nương tựa vào Sơ thiền thì Lậu hoặc tức là các Phiền não mới được diệt tận. Cho nên nhiều người không chịu tu Thiền chỉ, đó là mình không biết. Có nhiều người không biết nên không tu được.

Và cách tu Thiện Trang đã chỉ cho quý vị. Trong 40 đề mục tu Thiền chỉ [thì] Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị rồi. Khi nào quý vị tu các đề mục trên để đắc Sơ thiền là được, nói chung là Sơ thiền là được, còn tới Tứ thiền càng tốt. Nhưng ít nhất tối thiểu là phải đến Sơ thiền.

Nếu tu các đề mục tới Sơ thiền không đạt được, thì quý vị hạ cấp xuống, quý vị tu các đề mục thấp hơn để có Vị đáo định hay là Cận định hành (Cận định) đạt được rồi mình tu lên. Các đề mục đó Thiện Trang đã giới thiệu ở những bài trước, từ từ chúng ta sẽ học lại về các đề mục khác. Ví dụ Thiện Trang sẽ chia sẻ các đề mục Từ, Bi, Hỷ, Xả và các đề mục còn lại, từ từ chúng ta sẽ học 40 đề mục.

Hình như cũng học được mười mấy đề mục rồi, chúng ta có một số đề mục xài được rồi.

Ở đây đức Phật nói 'Y chỉ nơi Sơ thiền, các Lậu hoặc được diệt tận'.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thiền thứ hai, các Lậu hoặc được diệt tận". (Cũng vậy Thiền thứ hai (Nhị thiền) cũng được, càng tốt). **Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng "Y chỉ vào Thiền thứ ba, các Lậu hoặc được diệt tận".** (Tầng Thiền thứ ba. Cho nên phải nương vào đó thì mới được, nhiều người không chịu tu nên họ không có cách nào đoạn được Phiền não). **Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng "Y chỉ vào Thiền thứ tư, các Lậu hoặc được diệt tận"** (Thiền thứ tư cũng được)**. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Không Vô Biên Xứ... y chỉ vào Thức Vô Biên Xứ... y chỉ vào Vô Sở Hữu Xứ... Ta nói rằng: "Y chỉ vào Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, các Lậu hoặc được đoạn tận".**

Tóm lại là bốn tầng Thiền và bốn Định [đằng] sau. Bốn tầng Thiền, Hữu sắc và Vô sắc là tám tầng thiền; đằng sau là Không vô Biên xứ, Thức vô Biên xứ, Vô sở Hữu xứ và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Phi tưởng Phi phi tưởng xứ [thì] đơn giản thôi: Phi tưởng là chẳng phải tưởng (không có tưởng); Phi phi tưởng tức là cũng chẳng phải không không tưởng. Tức là tưởng cũng không đúng, mà không tưởng cũng không đúng, kiểu gì cũng không được. Cho nên ở đây điều nào cũng không được. Nhưng nương vào các tầng Định đó thì mình có thể đoạn được (diệt tận được) các Lậu hoặc. Không có nương vào đó thì không được, tức là phải có Thiền quán, nhưng ít nhất là phải vào Thiền chỉ cỡ đó.

Ví dụ nhiều người tu như bên Tịnh Độ, họ muốn tu niệm một câu niệm Phật để vào Sơ thiền. Đầu tiên quý vị hãy căn cứ, nói gì thì cũng phải có căn cứ. Đầu tiên là căn cứ trong các đề mục tu Thiền chỉ, không có đề mục nào dạy tu câu Phật hiệu để vào Thiền chỉ. Trong Thiền chỉ, chúng ta có 40 đề mục, trong đó có đề mục tu niệm Phật nằm trong 10 đề mục Tùy niệm. Niệm Phật không phải niệm A Di Đà Phật, hay niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mà niệm công đức của Như Lai.

Quý vị nhớ Như Lai là gì, từ Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh

Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cứ như vậy và nhớ niệm công đức của Như Lai. Và điều đó chỉ đưa đến Vị đáo định hay Cận định hành, không thể vào Sơ thiền.

Ngay cả niệm như vậy còn không vào nữa, còn đề mục kia thì không có cách nào niệm để vào Sơ thiền được, bởi vì sao? Vì 'âm thanh là gai nhọn để nhập Sơ thiền'. Âm thanh là mình cứ niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô A Di Đà Phật hoặc A Di Đà Phật, đó là âm thanh. Có âm thanh thì không thể vào Sơ thiền, [vì] là gai nhọn mà. Và nhập Sơ thiền là ngôn ngữ tịch diệt, cho nên là không phải.

Mình đừng có chống lại với Phật, Phật đã nói không phải rồi, thì mình cố gán vào để mình tu, thì tu cả đời, tu có hết kiếp cũng không được. Mình phải tin Phật chứ đúng không? Mình phải tin Phật. Phật đã nói đó không phải là đề mục tu Thiền chỉ rồi, mình còn ráng gán vô để mình tu cho tới, điều đó là không có.

Đề mục [niệm câu Phật hiệu] có thể tu bên Thiền quán, tại sao nói tu bên Thiền quán? Vì đó là phép quán thứ 16 trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Nếu quý vị tu theo Đại thừa thì tu theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Đó là phép quán, không phải là phép tu Thiền chỉ. Cho nên không được [vào Sơ thiền].

Còn cách niệm Phật trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, chúng ta thấy đó cũng là cách niệm công đức Như Lai. [Quý vị] nhớ là ngồi kiết già v.v… rồi niệm tưởng công đức Như Lai, chứ đâu phải là niệm như vậy. Cho nên [niệm câu Phật hiệu] là Thiền quán. Còn nếu là Thiền chỉ, thì niệm công đức Như Lai, đề mục Tùy niệm Phật chỉ đưa đến Cận định chứ không thể vào Sơ thiền, nên nhớ! Chính vì vậy không thể diệt trừ được các Phiền não bằng cách đấy.

Chúng ta phải hiểu, học thì phải tin Phật, chứ không phải tin người đời sau, người ta nói gì cũng được hết. Quý vị nên nhớ, ai muốn nói gì cũng nói được, nhưng vấn đề là thực hành được hay không và điều đó đúng hay không? Và muốn biết đúng hay không thì chúng ta phải căn cứ vào lời của Phật. Mà Phật đã nói bao nhiêu lần mà mình không tin, thì đó là mình thiếu căn lành, mình không tin được. [Căn lành] là Vô tham, Vô sân, Vô si, [vì] mình có Si nên mình không tin. Cho nên đó là một điều mà chúng ta hơi đáng tiếc, nếu quý vị không hiểu.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào sơ Thiền, các Lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy? Cho nên phải y chỉ vào Sơ thiền, thì các Lậu hoặc được đoạn tận.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú sơ Thiền. Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-Bàn".

Đoạn này hơi dài, Thiện Trang phải đọc dài như vậy mới đủ. Tức là ở đây đức Phật giải thích lại là tại sao nương vào Sơ thiền thì các Lậu hoặc được đoạn tận. Đức Phật giải thích như thế này: Đầu tiên, ở đây nói Tỷ-kheo, nhưng chúng ta hiểu đó là người tu hành. Quý vị để tu các pháp chứng Sơ thiền thì phải ly dục, ly các pháp ác bất thiện, chứng và an trú vào Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tầm, có Tứ.

Sau khi chứng Sơ thiền rồi, vị ấy mới đem định lực đó quán (bây giờ mới quán): Cái gì thuộc về Sắc (tức là thân thể), cái gì thuộc về Thọ (là cảm nhận), thuộc về Tưởng, thuộc về Hành, thuộc về Thức, là Ngũ uẩn đó, phải quán các pháp ấy là Vô thường, Khổ - Không, Vô ngã. Còn mấy điều này là phụ họa thêm thôi: nào là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, v.v... Nói tóm lại là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Thì tự nhiên vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né thì dẫn hướng đến: tịch tịnh, thù thắng, sự chỉ tức là dừng lại tất cả hành (hành trong 'Vô minh duyên Hành'), rồi từ bỏ tất cả sanh y (là những điều nương vào để tái sanh tiếp), rồi diệt tận khát ái (ái là ái trong vòng 12 nhân duyên), rồi ly tham, đoạn diệt, Niết-Bàn. Đến đây thì Phật mới nói tiếp kết quả:

Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các Lậu hoặc. Tức là nhờ Thiền chỉ ở trên, ít nhất là Sơ thiền, ở đây đang nói về Sơ thiền thôi. Rồi sau đó dùng Thiền quán để quán được Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. [Đây] là tóm tắt lại lộ trình

tu chứng. Cuối cùng là diệt tận được các Lậu hoặc, tức là hết Phiền não, thành A-la-hán rồi đó.

Nếu không được thì sao? Ở đây đức Phật nói tiếp:

Nếu không diệt tận các Lậu hoặc, (thì) với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm Hạ phần Kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-Bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Tức là nếu không chứng được A-la-hán, thì không sao, quý vị rớt xuống một tầng. Quý vị sẽ diệt được năm Hạ phần Kiết sử, quý vị sẽ sanh lên trời Phạm thiên, ít nhất là Sơ thiền, là [hạng] Thượng Lưu Sắc Cứu Cánh. Nếu không thì lên luôn Ngũ Bất Hoàn thiên. Tam quả A-na-hàm thì chúng ta đã học bài trước rồi, thì không còn trở lui thế giới này nữa. Tức là tu như vậy, nếu quý vị không chứng được Tứ quả A-la-hán thì [chứng được] Tam quả A-na-hàm.

Chính vì vậy người ta mới giải thích rõ ràng ra. Trong vi Diệu Pháp hay tất cả người giảng nói rằng: Điều kiện để được Tam quả A-na-hàm và Tứ quả A-la-hán là phải từ Sơ thiền trở lên. Khi có Sơ thiền rồi, với định tâm của Sơ thiền, chỉ cần hướng quán các pháp là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, nói chung quán một đoạn dài như trên nói, nhưng Thiện Trang tóm tắt ngắn gọn [bằng] những ngôn ngữ gần gũi nhất. Khi đó thì tự nhiên người ta sẽ diệt trừ được các Lậu hoặc. Khi diệt trừ được các Lậu hoặc thì người ta sẽ chứng Tứ quả A-la-hán.

Nếu không được thì cũng diệt trừ được năm Hạ phần Kiết sử. Chúng ta đã học năm Hạ phần Kiết sử rồi, là: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham và Sân. Khi đó vị đó tái sinh ít nhất về cõi Phạm thiên. Nếu tốt thì tái sanh vào cõi Ngũ Bất Hoàn thiên, nếu không tốt lắm thì vào Thượng Lưu Sắc Cứu Cánh, cũng không trở lại thế gian này nữa đâu. Đó là Tam quả A-na-hàm.

Đó là lộ trình tu chứng, quý vị không đi con đường đó, thì không còn con đường nào khác đâu. Còn nếu Sơ quả và Nhị quả thì không cần định Sơ thiền trực tiếp, mà có chỗ nói chỉ cần Sát-na định hay Cận định thôi, thì điều đó có thể. Nhưng rõ ràng để chắc ăn thì phải tu như trên đây, chúng ta phải tu như thế. Đức Phật đưa ra ví dụ:

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một

hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Sơ thiền. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về Sắc, thuộc về Thọ, thuộc về Tưởng, thuộc về Hành, thuộc về Thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là Vô thường, là Khổ, là bệnh, là mụn nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-Bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các Lậu hoặc. Nếu không diệt tận các Lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm Hạ phần Kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-Bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Nói tóm lại, đức Phật nói đi nói lại cũng là tóm tắt quá trình tu tập như vậy, đó gọi là lộ trình tu chứng. Cho nên ai chưa tu được Thiền chỉ thì cũng ráng tu đi, Thiền chỉ thực ra dễ, dễ hơn Thiền quán nhiều. Thiện Trang thấy tu Thiền quán là phải dụng tâm dữ lắm, phải rảnh, hoặc có thời gian, phải từ từ, làm việc gì, ăn cũng phải chậm. Vì mình mới tu, mình không thể quan sát nhanh được, rồi nói, cử động phải chậm, thì mình mới quan sát kịp. Còn nhanh quá, nó chạy vèo vèo, quan sát không nổi. Mà trong Tứ niệm xứ, Thiện Trang nói là mình chỉ ráng quan sát tâm thôi, tâm dẫn đầu các pháp mà.

Nhưng quan sát thế thôi, chứ nhiều khi cũng theo không kịp, tức là mình nói thì nói, tâm có tham biết tâm có tham, tâm có sân biết tâm có sân, mình biết tham sân đó, nhưng mình cũng chưa kịp dừng nữa. Nếu không có Thiền chỉ thì khó, rồi khi mình an lạc, biết mình đang tham với sự an lạc đó, cũng là tham mà. Cũng khó lắm! Biết vậy thôi chứ [vẫn] chạy theo, cho nên tu, mà tu lâu ngày thì mới thành tựu.

Còn đây, nếu quý vị đắc Sơ thiền thì dễ, đắc Sơ thiền rồi hướng tâm về theo cách này, quán tất cả các pháp nào thuộc về Sắc, tức là những thân thể vật chất này v.v… rồi Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, hằng ngày có cảm nhận

là vui, là khổ, là buồn, tức là ba cảm thọ, hay nói theo Vi Diệu Pháp là năm cảm thọ. Ba thọ là: Thọ khổ, Thọ lạc, và Không khổ Không lạc. Rồi mình cảm thấy những gì thuộc về Tưởng, là sự biết về quá khứ, biết về tương lai; rồi về khái niệm thiện ác; rồi Thức v.v…

Thật ra, bình thường nếu quý vị không tu Thiền chỉ, thì quý vị cũng thấy, nhưng thấy mờ lắm. Còn khi nào quý vị có Thiền chỉ, đặc biệt có định của Sơ thiền, định càng cao thì thấy vấn đề càng rõ. Cho nên đức Phật nói vậy là đúng rồi, nhưng chúng ta phải kiểm nghiệm thì chúng ta mới thấy đức Phật nói đúng 100%, để mình tin 100%. Tức là đức Phật nói đúng rồi, nhưng mình phải kiểm nghiệm, mình cứ tu đi.

Quý vị có một chút định, định của Cận định, hay một sự khinh an, thì quý vị thấy tu cũng khác rồi. Quý vị có định của Cận định, tức là Vị đáo định, quý vị cũng thấy [việc] tu Thiền quán của mình dễ hơn nhiều. Rồi mình có thêm định của Sơ thiền, định càng cao thì càng cảm thấy vấn đề dễ dàng, và hình như tự nhiên mình thấy đúng là Sắc, tức là thân thể này chẳng phải là ta, không phải là ta nữa, ngán rồi, cũng không muốn tái sanh nữa. Còn khi hằng ngày mình với thân thể nặng nề này, do mình không có trí, không có định, không có Thiền chỉ kéo, thì mình thấy: Ôi, thân thể của mình vẫn là thân thể của mình, mình vẫn có những niềm vui của cuộc đời này kia. Cho nên thấy Sắc, đâu thấy Vô thường, Khổ - Không, Vô ngã đâu. Không có! Rồi cảm nhận của mình, vẫn thấy mình vui, đời cũng có nhiều niềm vui mà.

Giống như có người nói: “Hình như đi tu thiệt thòi quá, đi tu không được hưởng gì hết, Sắc dục không được hưởng, ăn uống cũng không dám hưởng. Rồi điều này không được hưởng, điều kia cũng không được hưởng, thấy khổ quá, tu mà khổ vậy!”

Quý vị thấy người ta nói có đúng không? Đúng! Đúng chứ! Tu thì phải khổ chứ, nếu không khổ thì làm sao được vui. Nhưng nỗi khổ đó, họ nói như vậy, nhưng họ quên là họ khổ hay là mình khổ. Thật ra họ khổ mà mình cũng khổ, đúng không quý vị? Thiện Trang cũng khổ, quý vị cũng khổ vậy, không tu cũng khổ, mà tu cũng khổ.

Tại sao không tu cũng khổ? Quý vị muốn ăn được, muốn có vợ, con, muốn

có điện thoại Iphone, có xe, có nhà, thì quý vị phải tính toán, mỗi ngày phải đi làm bao nhiêu, vất vả bao nhiêu, làm quần quật, suốt ngày không có thời gian. Rồi cũng khổ chứ có sướng đâu, mà nỗi khổ của quý vị còn kéo dài đời này và đời sau nữa. Đời này mình khổ, rồi chết đi cũng khổ, đọa lạc thì còn khổ hơn nữa.

Còn người tu thì cũng khổ trước mắt, nhưng khổ thời gian đó thôi, đến lúc nào đó sẽ hết khổ, khi mình chứng quả, mình giải thoát là hết khổ. Ít nhất cũng vô một phần giải thoát thì được một phần bớt khổ. Sơ quả Tu-đà-hoàn là bớt khổ rất nhiều, Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng bớt khổ rất nhiều. Tại sao mình lại nghĩ như vậy? Cho nên khổ là đáng, phải đáng, phải chịu, để mình có một niềm vui. Còn ở đời thì quý vị tiếp tục khổ, vui [chỉ] được một chút, cũng đi làm, cũng đụng đủ thứ chuyện này kia, rồi cũng khổ, khổ miết, khổ và khổ. Tức là trong khổ, lại tiếp tục khổ và khổ nữa.

Còn người tu hành thì trước mắt phải khổ chứ, phải nhịn ăn, không được ăn, không được chơi, không được này kia, phải [nhịn] đủ thứ, khổ chứ! Nhưng rồi đến ngày giải thoát, giải thoát thì hết khổ. Cho nên giá trị là vậy, thì tự nhiên mình thấy: Ồ! Thế gian này không có ý nghĩa gì hết, thì tự nhiên ngán và không muốn nữa. Và khi quý vị có Thiền định rồi, quý vị thấy người nhẹ nhàng, khỏe khoắn. Mình mới có thời gian nghĩ lại là: À! Nếu mình không có Thiền định, không có trụ được như vậy, nếu không biết Phật pháp, nếu không ai dạy tu Thiền, không ai dạy tu giải thoát, thì khổ lắm! Và nghĩ đến đời sau khổ dài dài, và mình nghĩ lại đời trước cũng vậy.

Nên từ đó chán ngán, từ đó mới tự nhiên khởi niệm Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, các pháp là biến hoại, giống như mụn nhọt chờ ngày bung ra, giống như mũi tên bắn vào, đau lắm, những va chạm đau lắm, rồi bệnh tật, chẳng phải người thân của mình, chỉ là khách lạ. Cho nên cuối cùng rồi thì nó sẽ từ giã ta mà đi, từ đó khởi lên Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, quán pháp đó thành công và đắc đạo giải thoát.

Cho nên phải có trí tuệ, tức có định lực của Thiền chỉ, mới hỗ trợ cho Thiền quán hiệu quả. Còn nếu quý vị cứ tu Thiền quán không [thôi], thì quý vị nhắm vô Sơ quả Tu-đà-hoàn, hoặc Nhị quả cũng có hy vọng, còn lên Tam quả thì không có phần, thực ra điều đó cũng khó. Phải có điều kiện, định càng dài hơn thì mới tốt

hơn. Bây giờ hằng ngày mình không có tập Thiền định (Thiền chỉ), mà mình mong có Sát-na định thì lấy đâu ra. Mình tu hoài không vô được, giống như trong Vi Diệu Pháp, hạng người đầu thai bằng tâm Nhị nhân, họ không thể có định lâu, nhưng họ có thể định một chút chứ. Còn người đầu thai bằng tâm Vô nhân, giả sử họ cũng có Thiền định, không định dài được, nhưng họ cũng có một chút định chứ, đấy là cũng có định.

Cho nên không tu thì không có gì cả, đừng có nghĩ tu Thiền quán không [thôi] là được. Cho nên hãy tu Thiền chỉ. Và tu Thiền chỉ dễ tu hơn Thiền quán, khi có tu Thiền chỉ rồi, rất là tốt. Nên ở đây, chúng ta thấy lộ trình tu chứng rất rõ ràng.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Sơ thiền, các Lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến. Tức là đức Phật đã phân tích lộ trình tu chứng rất rõ ràng.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các Lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến? (Giống như trên).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về Sắc, thuộc về Thọ, thuộc về Tưởng, thuộc về Hành, thuộc về Thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là Vô thường, là Khổ, là bệnh, là mụn nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Đoạn này giống như trên, nên Thiện Trang xin phép không đọc lại, chỉ có lặp đi lặp lại, đổi thành Tứ thiền thôi.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-Bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các Lậu hoặc. Nếu không diệt tận các Lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm Hạ phần Kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-Bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Ví như người

bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc... chứng đạt và an trú Sơ thiền... thứ tư. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về Sắc, thuộc về Thọ, thuộc về Tưởng, thuộc về Hành, thuộc về Thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy. Sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các Lậu hoặc. Nếu không diệt tận các Lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm Hạ phần Kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-Bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Sơ thiền, Thứ hai... Thứ tư, các Lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Không Vô Biên Xứ Thiền, các Lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không Vô Biên Xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về Thọ, thuộc về Tưởng, thuộc về Hành... vị ấy... do đoạn tận năm Hạ phần Kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-Bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không Vô Biên Xứ, các Lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thức Vô Biên Xứ... y chỉ vào Vô Sở Hữu Xứ... các Lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua Thức Vô Biên Xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô Sở Hữu Xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về Thọ, thuộc về Tưởng... vị ấy... do đoạn tận năm Hạ phần Kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô Sở Hữu Xứ, các Lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên này, được nói đến.

Cũng không có khác gì, cứ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, rồi Tứ thiền. Rồi đằng sau nói, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, cũng y chang vậy, đức Phật chỉ nói đổi tên, thế thôi! Cuối cùng đức Phật nói:

Như vậy, xa cho đến các tưởng Thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy trí để thể nhập. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiền chứng và Diệt thọ tưởng là những xứ, các Tỷ-kheo Thiền quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất thiền chứng. Ta nói rằng: "Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho biết rõ".

(*Kinh (9.36) Thiền: Jhāna – Phẩm 9 Pháp - Kinh Tăng Chi).*

Quý vị thấy đó là lộ trình tu chứng rất rõ ràng, nên chúng ta thấy, chúng ta hiểu rồi thì ráng tu. Thiện Trang hôm nay giảng cho lộ trình này thôi, bữa nào giảng tiếp cho phần Thiền chỉ, cho hết các đề mục. Hôm nay giới thiệu thêm một phần nữa, rồi mình học phần Tâm sở.

Địa Vị Thánh Quả Nào Lội Cắt Ngang Dòng Sông Ma Vương?

(Trích từ Kinh Trung Bộ)

Hôm bữa đang giảng thì có người hỏi: “Sơ quả Tu-đà-hoàn có bị Ma vương [phá] không?” Hôm nay giới thiệu cho quý vị. Hôm bữa trả lời rồi, nhưng chắc chắn là quý vị chưa thể tin 100% được, nói phải có sách, mách có chứng. Hôm nay Thiện Trang sẽ dẫn cho quý vị từ kinh Phật luôn, để trả lời. Hồi bữa, Thiện Trang trả lời nhanh, tất nhiên là cũng đúng thôi. Nhưng vấn đề đúng hay không,

quý vị tin tưởng hay không, muốn tin tưởng hay không thì phải có dẫn kinh.

Cho nên nói điều gì phải có dẫn chứng, muốn nói điều gì, muốn bác điều gì, muốn khẳng định điều gì phải có dẫn chứng. Chứ người đời nay, ai cũng nói được hết, nói điều gì cũng nói được hết, Thiện Trang sợ nhất là những người như vậy. Tức là điều gì cũng nói, ví dụ như nói 'một câu Phật hiệu là đầy đủ Giới, đầy đủ Định v.v… gọi là Đạo cộng Giới, Định cộng Giới'. Nhưng khổ nỗi, theo đoạn phân tích lúc nãy thì quý vị thấy đâu thể vào [Sơ thiền được]. Câu niệm Phật đó, nếu niệm tới Sơ thiền thì mới được Định cộng Giới. Bởi khi người ta đắc Sơ thiền trở lên thì người ta tự động giữ giới được, tại vì người ta không có Tham, không có Sân.

Nhưng bây giờ, câu niệm Phật không phải đề mục tu Thiền chỉ, như Thiện Trang phân tích ở trên thì đâu được. Còn Đạo cộng Giới thì phải chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn mới giữ được giới. Ngũ giới, Bát quan Trai giới, người ta sẽ giữ được, ít nhất là giữ được Ngũ giới. Sơ quả Tu-đà-hoàn sẽ giữ được Ngũ giới. Như vậy câu niệm Phật, nếu bao giờ đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn thì mới được, còn không đắc được thì không được.

Như vậy chưa có thì không thể nói đầy đủ được, đó là quả khi đã có, còn nhân mình chưa có. Bây giờ tu, mình đâu có vô được Sơ thiền đâu, mình có vô được Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu, mà mình nói câu Phật hiệu đó đầy đủ Giới, đầy đủ Định, Đạo cộng Giới, Định cộng Giới thì làm sao được! Cho nên nói điều gì phải có dẫn chứng chính xác.

Rồi ở đây cũng vậy, chúng ta sẽ có lời của đức Phật, để trả lời cho câu hỏi: "Địa vị Thánh quả nào lội cắt ngang dòng sông của Ma vương?" Câu hỏi trích từ Kinh Trung Bộ.

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở giữa các bộ lạc Vajjī (Bạt-kỳ) tại Ukkacela, trên bờ sông Hằng. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

- Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha (đất nước Ma Kiệt Đà) **có người chăn bò vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quan sát bờ bên này sông Hằng, không quan sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvidehā, tại chỗ không có thể lội qua được. Này các Tỷ-kheo, những con bò xô nhau tụ lại giữa dòng sông Hằng và gặp tai nạn tại nơi đây. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quán sát bờ bên này sông Hằng, không quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvidehā, tại chỗ không thể lội qua được.**

Nghĩa là bây giờ đức Phật để nói ví dụ đó, đức Phật luôn luôn đưa ra một ví dụ rất thực tế, là có một người chăn bò, họ vô trí (không có thông minh), vào cuối tháng mùa mưa, tức là mưa trong mùa gặt hái. Tóm lại chúng ta nói nước sông Hằng cũng còn nhiều. Người đó không chịu quan sát bên bờ này bờ kia, mà xua đuổi nguyên đàn bò, tại ổng chăn bò, cho nên [đẩy] cả đàn bò tụ lại giữa sông Hằng và gặp tai nạn tại nơi đây. Tại vì không quan sát nước sông, không để ý nước sông lớn hay cạn, mà đẩy đàn bò đi qua hết, cho nên đàn bò bị tai nạn dưới sông.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới, không khéo biết phi ma giới, không khéo biết tử thần giới, không khéo biết phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ gặp bất hạnh, đau khổ lâu dài.

Đức Phật đưa ra ví dụ có những vị thầy (Sa-môn, Bà-la-môn là những vị thầy) không khéo biết đời này (tức là họ học Phật pháp chưa rõ ràng), không khéo biết đời sau (hoặc là ngoại đạo nên không biết), không khéo biết ma giới (ở đây ma giới có nghĩa là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), không khéo biết phi ma giới (phi ma giới là Sắc giới định, Vô sắc Giới định, và Diệt thọ Tưởng định), không khéo biết tử thần giới (tức là dòng sông ái), không khéo biết phi tử thần giới (tức là ra khỏi luân hồi, là đến Niết-Bàn rồi).

Tóm lại chúng ta nói đơn giản trong Phật pháp, những vị thầy nào mà không biết rõ được đời này, đời sau (tức là nhân quả); rồi không biết được Dục

giới, Sắc giới, Vô sắc giới; rồi cảnh Niết-Bàn v.v… không biết định của Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới... cho đến Diệt thọ Tưởng định. Nói tóm lại là mơ hồ đối với giáo lý nhân quả nhà Phật. Những ai mà nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này thì họ sẽ gặp bất hạnh, đau khổ lâu dài.

Quý vị thấy đó là hiện tượng thời nay, đôi khi mình nghe, mình cũng không phân biệt được, không biết thầy nào thế nào, rồi mình cứ nhào vô nghe, mình tin, thì mình sẽ gặp bất hạnh đau khổ lâu dài. Đó là đức Phật nói.

Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvidehā, tại chỗ có thể lội qua được (khác với người kia, không biết chỗ nào đi qua. Còn vị này có trí nên quan sát rồi, đưa [đàn bò] đến chỗ nào lội qua được)**. Người đó đuổi đi đầu những con bò đực già, những con đầu đàn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đưa qua những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có được huấn luyện. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò con, nhỏ, những con bò con còn bú. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Này các Tỷ-kheo, thời xưa ấy có con bò còn nhỏ mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, cũng qua bờ bên kia một cách an toàn. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là người có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvidehā, tại chỗ có thể lội qua được.**

Quý vị thấy đoạn này quen quen, tại vì lúc trước ở bên Kinh A Hàm cũng có bài kinh này, nhưng nội dung khác một chút. Tức là người có trí thì họ sẽ biết cách để đưa những con bò qua đúng thứ tự. Cho con bò mạnh đi trước, rồi [đến con] vừa vừa, rồi dò dần dần, sau đó đến con bò yếu. Thậm chí những con bò con

cũng đi theo mẹ nó, cho nên mẹ nó che cho để đi qua được. Có trí thì như vậy, còn không có trí thì lùa cả đàn bò xuống, thì chết hết cả đàn.

Tức là những người giảng pháp, những người dẫn dắt chúng sanh ra khỏi sanh tử, mà họ không hiểu rõ Phật pháp, họ dẫn [sai] một cái là không ai ra khỏi hết, chết hết giữa dòng, gọi là ở trong dòng luân hồi hết. Còn người hiểu, thì họ sẽ đưa hết [chúng sanh] ra khỏi dòng sinh tử. Ý đức Phật nói như vậy, chúng ta nghe đoạn tiếp theo xem có phải như vậy không?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Tức là những Sa-môn hay Bà-la-môn, chúng ta nói những vị thầy giảng kinh thuyết pháp, mà biết được đời này, đời sau, biết được các cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, hiểu các cảnh giới đó. Rồi biết được các định của Vô sắc giới, tức là Tứ thiền Tứ không định, rồi Diệt thọ Tưởng định v.v… biết được hết Niết-Bàn với lại tất cả. Nếu ai nghe và tin những vị ấy thì được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Nhưng ở đây vẫn chưa vào vấn đề câu hỏi của chúng ta. Đừng quên, câu hỏi của chúng ta là: 'Địa vị Thánh quả nào lội cắt ngang dòng sông Ma vương?' Nãy giờ đâu có thấy nói, tại vì Thiện Trang muốn dẫn cho rõ bài kinh này thôi, chứ còn đoạn đó nằm đằng sau:

Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực già, đầu đàn, chúng đã lội cắt ngang dòng sông Hằng và qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những bậc A-la-hán, đã đoạn trừ các Lậu hoặc, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, các Hữu kiết sử đã hoàn toàn bị đoạn diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương, đã qua bờ bên kia một cách an toàn.

A-la-hán thì khỏi nói rồi, A-la-hán qua khỏi dòng sông Ma vương một cách an toàn rồi đúng không? Người thứ nhất là A-la-hán, A-la-hán thì yên tâm, là lội

cắt ngang dòng sông của Ma vương, qua bên bờ kia một cách an toàn. Tóm lại A-la-hán là ok, là bậc thứ nhất.

Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có huấn luyện, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sau khi đoạn trừ năm Hạ phần Kiết sử, được hóa sanh, ở tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Hạng người thứ hai đoạn được năm Hạ phần Kiết sử, đó là Tam quả A-na-hàm. Tam quả A-na-hàm thì yên tâm, không có tái sanh nữa, không trở lại Dục giới nữa, lên hóa sanh luôn và ở tại đó nhập Niết-Bàn, tức là lên [trời] Phạm thiên rồi nhập Niết-Bàn. Cho nên là lội qua được cắt ngang dòng sông Ma vương, nên Tam quả A-na-hàm cũng vượt qua dòng sông Ma vương rồi đó.

Ví như, này các Tỷ-kheo, những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo đã diệt trừ ba Kiết sử, làm giảm thiểu Tham, Sân, Si, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ở đây là một hạng người nữa, hạng người đã đoạn trừ ba Kiết sử, giảm thiểu được Tham, Sân, Si, chứng quả Nhất lai, là Nhị quả Tư-đà-hàm, thì cũng không sao, cũng đã lội qua cắt ngang qua dòng sông Ma vương. Tóm lại là mình cần đáp án đó.

Ví như, này các Tỷ-kheo, những con bò con, nhỏ, những con bò con còn bú, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo diệt trừ ba Kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhất định không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn đạt đến chánh giác. Những vị này lội cắt ngang dòng sông Ma vương và sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Hôm bữa Thiện Trang đã trả lời tới đây rồi, trường hợp thứ tư là người

chứng Tu-đà-hoàn, đã diệt trừ được ba Kiết sử, chứng được quả Dự lưu là Tu-đà-hoàn, thì người đó cũng lội cắt ngang qua dòng sông Ma vương. Nên Tu-đà-hoàn là ok, qua khỏi lưới ma. Cho nên nhiều người học mà sợ Ngũ ấm ma. Có bị Ngũ ấm ma hay không? Nếu Sơ quả Tu-đà-hoàn là không bị, lội cắt ngang qua dòng sông Ma vương rồi, nên ok. Chưa hết đâu, còn nữa.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con bò con còn nhỏ, mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo Tùy pháp hành, Tùy tín hành, những vị này sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Tóm lại không chỉ là Tu-đà-hoàn, mà còn có Tùy tín hành, Tùy pháp hành, cũng có thể lội cắt ngang qua dòng sông của Ma vương. Cũng lội qua được nha!

Hôm bữa có đồng tu chỉ hỏi Tu-đà-hoàn thôi, nhưng Thiện Trang trả lời dư rồi đấy. Ở đây chúng ta thấy ngay cả địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng lội cắt ngang dòng sông của Ma vương. Cho nên không học rồi mình cứ tưởng tượng dễ bị [lưới ma] lắm. Nhưng quý vị tu tới Tu-đà-hoàn thì ngon quá rồi. Còn vị trí thấp hơn nữa là Tuỳ tín hành, Tùy pháp hành là thoát luôn, lội cắt ngang qua dòng sông của Ma vương được.

Cho nên học đi rồi mới biết, không học rồi cứ hù dọa thiên hạ. Đôi khi có nhiều đồng tu không có thời gian học, vô đọc Kinh Lăng Nghiêm [thấy nói] là bị Ngũ ấm ma. Thật ra Ngũ ấm ma đó là tu Thiền quán, chứ không phải tu Thiền chỉ. [Tuy nhiên] Thiền chỉ ở Vị đáo định thì cũng có thể bị ma. Tóm lại, nếu quý vị là Tùy tín hành, Tùy pháp hành trở lên thì yên tâm. Hôm nay có đáp án rõ ràng rồi, nên càng học càng sáng tỏ, Phật đâu có hù chúng ta ghê gớm lắm đâu.

Này các Tỷ-kheo, nay Ta khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết đối với ma giới, khéo biết đối với phi ma giới, khéo biết đối với tử thần giới, khéo biết đối với phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng, cần phải nghe, cần phải tin nơi Ta, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, sau khi Thiện Thệ nói vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm bài kệ như sau:

Tóm lại quý vị tin Phật là yên tâm, tin Phật thì sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài, cho nên cố gắng tin Phật đi. Thiện Trang không bảo tin Thiện Trang, mà Thiện Trang toàn trích dẫn từ kinh luận, cho nên quý vị tin theo Phật đi. Và quý vị học [một] thời gian, rồi quý vị coi kinh thêm cho chính xác, dần dần sẽ có một niềm tin. Mình đi theo con đường Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng được. Tùy tín hành, Tùy pháp hành là ok rồi, lên được Tu-đà-hoàn là ok luôn. Nên yên tâm nha! Bữa nay bớt sợ rồi, Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng lội cắt ngang qua dòng sông của Ma vương.

Đức Phật nói bài kệ:

Đời này và đời sau,
Bậc Trí khéo trình bày,
Cảnh giới Ma đạt được,
Cảnh Tử Thần, không đạt,
Bậc Chánh Giác, Trí Giả,
Biết rõ mọi thế giới,
Cửa bất tử rộng mở,
Đạt an ổn Niết-Bàn,
Dòng Ma bị chặt ngang,
Nát tan và hư hoại,
Hãy sống, sung mãn hỷ,
Đạt an ổn Niết-Bàn,
(Hỡi này các Tỷ-kheo).

(34. Tiểu Kinh Người Chăn Bò (Cūḷagopālakasutta) – Kinh Trung Bộ).

Kinh Trung Bộ có 152 bài kinh thôi, quý vị có thể mở ra Kinh thứ 34 - Tiểu Kinh Người Chăn Bò, Thiện Trang đã trích ở đây.

Quý vị thấy không? Mình học rõ ràng sáng tỏ thì mình không có lo lắng. Chứ không học thì sẽ hoang mang lo lắng, có nhiều nỗi lo, cho nên phải học nhiều thì mình mới có niềm tin vững vàng được. Khi mình học thì chuyện gì mình cũng biết hết, cho nên không có ai dẫn dụ mình đi đâu được. Còn nếu mình không học thì mình cứ sợ sợ, thì mình sẽ khổ thôi. Mình lo đủ các kiểu nỗi lo, đủ kiểu nỗi

sợ, và tu gì cũng bị người ta hù. Người ta hù một cái là sợ hoảng hồn, nào là hù bị ma dựa, ma nhập, rồi hù bị này bị kia, rồi đem Thần thông ra hù thì mình cũng sợ đúng không? Mình thấy câu chuyện ông Ba-la-môn Lộc Đầu, thì mình thấy Thần thông có ăn thua gì đâu. Rồi người ta đem mấy điềm ứng, điềm lành ra hù, thì bữa nay mình học luôn điềm ứng, điềm lành của việc hỏa táng có xá lợi đó. Xá lợi là thuộc về điềm ứng điềm lành. Mình học rồi thì mình đâu có sợ, mình hiểu rõ thì đâu có ai dẫn dụ gì được mình.

Còn nếu quý vị không học, quý vị mù tịt về giáo lý, thì suốt ngày bị người ta đem ra hù, người ta quay mình như chong chóng, người ta dẫn mình đi. Một chút linh ứng, một chút Thần thông, một chút xá lợi, một chút gì đó là chạy theo ầm ầm. Đấy là do không học kỹ giáo lý. Chúng ta học kỹ là ok.

Hôm nay chúng ta sẽ đến phần Tâm sở. Chúng ta học 52 món Tâm sở thì chúng ta biết 13 món Tâm sở Tợ tha gồm: 7 Tâm sở Biến hành và 6 Tâm sở Biệt cảnh. 7 Tâm sở Biến hành gồm: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. 6 Tâm sở Biệt cảnh gồm: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục. Mình học 14 Tâm sở Bất thiện gồm: 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành, tức là lúc nào cũng có mặt bốn thằng này: Si, Vô tàm, Vô úy, và Trạo cử, thì chắc chắn là bất thiện rồi đó. Rồi 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh đi kèm nữa, có thể có: Tham, Tà kiến, Ngã mạn là nhóm Tham phần; Sân, Tật, Lận, Hối là nhóm Sân phần; và Hôn trầm Thụy miên, Nghi thuộc nhóm Trì trệ và Do dự.

Chúng ta đang học ở phần 25 Tâm sở Tịnh hảo, tức là tốt đẹp. 19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành, tức là thấy mặt 19 Tâm sở này: Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, Tịnh tâm - Tịnh thân, Khinh tâm - Khinh thân, Nhu tâm - Nhu thân, Thích tâm - Thích thân, Thuần tâm - Thuần thân, Chánh tâm - Chánh thân có hết, thì yên tâm, đã rơi vào Tâm sở Tịnh hảo rồi. Đó là biến hành và chắc chắn phải có mặt hết 19 Tâm sở này thì mới có Tâm sở Tịnh hảo được. Rồi 6 Tâm sở Tịnh hảo Biệt cảnh, tức là có thể lúc có lúc không, tùy trường hợp, chúng ta sẽ học những điều này ở một bài khác, gồm: 3 Tâm sở Tịnh sở Giới phần là Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng.

Và hôm nay chúng ta sẽ học về 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần. Nếu có thời gian thì chúng ta học luôn 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền (là Trí tuệ). Ở đây

chúng ta sẽ học 2 Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần là Bi (23) và Tùy hỷ (24).

Nói chung về 4 Tâm sở Từ, Bi, Hỷ, Xả

Bi là gì? Tùy hỷ là gì? Chúng ta có bốn trạng thái vô lượng. Quý vị biết vô lượng là gì không? Gồm có bốn vô lượng: Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng. Từ, Bi, Hỷ là tùy hỷ, và Xả. Hai pháp đã được trình bày ở trên là Từ, thì được gom trong Tâm sở Vô sân, còn Xả thì gom trong Tâm sở Trung hòa rồi. Nhớ nha! Chứ không mình thấy bốn pháp: Từ, Bi, Hỷ, Xả mà tại sao ở đây học có hai pháp là Bi và Tùy hỷ thôi, còn thiếu Từ và Xả. Từ là nằm trong Tâm sở Vô sân. Vô sân thì tất nhiên là có Từ. Rồi Xả thì nằm ở Tâm sở Trung hòa. Cho nên đã có rồi.

Hôm nay chúng ta học thêm hai pháp còn lại. Trong Tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả thì hai pháp còn lại là Bi và Tùy hỷ, ở đây sẽ trình bày như thế nào? Nhớ là bốn pháp vô lượng, thì đầu tiên phải hiểu thế nào là vô lượng? Vô lượng là chúng ta không chỉ hướng tâm đến một đối tượng, một chúng sanh, mà hướng tâm đến tất cả chúng sanh trong Thế gian.

Ví dụ như chúng ta có Từ, Từ có nghĩa là gì? **Từ là mình mong cho ai đó được an vui**. Ví dụ như quý vị mong cho đứa con của quý vị được an vui, thì đó là Từ. Nhưng Từ đó không phải là Từ vô lượng, mà Từ đó là từ đối với một người, đối với một chúng sanh là đứa con mình thôi. Như vậy đó không phải Từ vô lượng. Mà Từ vô lượng là quý phải mong cho sự an vui đến tất cả mọi chúng sanh trong Thế gian này. Như vậy khó đúng không? Cho nên đó mới gọi là Từ vô lượng.

Bi là gì? **Bi là mong cho chúng sanh thoát khổ**. Ví dụ mình mong đứa con mình khỏi bị khổ, nó đang bị bệnh, mình mong cho nó đừng bệnh, mong nó đừng vất vả, thì đó là mình cũng có Bi, nhưng Bi đối với một chúng sanh thôi. Còn mình muốn bi đối với tất cả mọi chúng sanh, đối với mọi người, thì gọi là Bi vô lượng. Cho nên pháp Từ, Bi, Hỷ, Xả này coi vậy mà cũng khó xài.

Tiếp theo là Tùy hỷ. Tùy hỷ là gì? Tùy là theo, hỷ là hoan hỷ, tức là hoan hỷ theo. **Có nghĩa là hoan hỷ trước sự thành tựu của chúng sanh, và mong cho họ đạt được những lợi ích lâu dài**. Ở đây nhớ là đối với tất cả chúng sanh trong Thế gian, mình mong cho họ được lợi ích lâu dài, và mình tùy hỷ với những thành

tựu của họ, đó gọi là Tùy hỷ vô lượng.

Còn nếu mình chỉ tùy hỷ, ví dụ như thấy đứa con mình đi học về, khoe hôm nay con được điểm 10, điểm tốt nhất, con được phần thưởng gì đó, nên mình vui với việc đó. Đó cũng là tùy hỷ, nhưng tùy hỷ với một chúng sanh, không phải Tùy hỷ vô lượng, không gọi là Tùy hỷ vô lượng. Tùy hỷ vô lượng là mình phải vui với tất cả mọi chúng sanh. Pháp này hơi khó đó, thời nay mình thường thấy người ta vui, người ta thành công là mình hơi ghét rồi đúng không? Tâm lý ganh ghét, tật đố, thì không có được điều này.

Thứ tư là pháp Xả hay là Xả vô lượng. **Xả là chúng ta duy trì sự quân bình tâm và niệm, dù cho tất cả chúng sanh như thế nào, đều là do nghiệp của họ**. Có nghĩa là kệ. Mấy pháp kia là mình hướng tới chúng sanh: Từ là mong chúng sanh được an vui; Bi là mong chúng sanh được thoát khổ; Tùy hỷ là thấy chúng sanh thành tựu thì mình vui theo và mong cho họ được lợi ích lâu dài. Ba pháp đó là Từ, Bi, Hỷ. Còn pháp cuối cùng Xả thì sao? Là duy trì sự quân bình tâm và niệm, tức là cho dù tất cả chúng sanh thế nào cũng đều là do nghiệp của họ. Xả mà! Buông ra, buông ra. Phải có tâm đó.

Cho nên nhiều người tu xả không nổi, thấy chúng sanh ngu quá, mê quá, hay là gì đó, mình chịu không nổi. Đó là không có tâm xả. Giống như bây giờ pháp Xả này, không phải xả vô lượng, mà là xả một đối tượng. Thiện Trang lấy ví dụ đứa con, quý vị có con đúng không? Bữa nay cô giáo điện thoại gọi nói con của chị học không ngoan, gây chuyện thế này thế kia, thế là mình bực lên. Như vậy là mình có xả không? Đó là không có Xả, mà là mình có đang có sân, đúng chưa? Xả là vô sân mà, cho nên không được.

Còn Xả là kệ nó, đứa con mình nghiệp như vậy, thì thôi kệ, nó học sao cũng được, nó học được hết lớp đó thì hết, không thì thôi, mai mốt nó đi làm gì cũng được, không vô Đại học cũng được v.v... Đó là mình xả được. Nhưng xả đó là xả đối với một chúng sanh.

Còn xả đối với tất cả chúng sanh là thôi, chúng sanh sao cũng được, ví dụ như dịch Covid bùng phát lên, bao nhiêu chúng sanh bị thế này thế kia, chúng sanh khổ đau quá. Nếu mình mong cho tất cả chúng sanh khỏi khổ, đó là mình có Bi vô lượng. Đối với tất cả chúng sanh luôn, thì là Bi vô lượng. Nhưng bây giờ

mình thôi kệ, chúng sanh nghiệp như vậy mà, không sao, dù thế nào nữa thì cũng như thế, cho nên bình tâm. Đó gọi là Xả. Mà đối với tất cả chúng sanh thì gọi là Xả vô lượng.

Cho nên đó là pháp tu đó. Quý vị nhớ trong mấy pháp tu đó, thì tu pháp nào được tới đâu, quý vị nhớ không ạ? Các pháp tu là gì? Ở đây chúng ta chưa giới thiệu các pháp tu Tứ vô lượng tâm trong Thiền chỉ, sau này sẽ giới thiệu, còn bây giờ cũng nói sơ qua để quý vị hiểu. Là người nào rải khắp Thế gian với pháp Từ, pháp Bi, pháp Tùy hỷ và pháp Xả, thì người đó được gọi là sống trong cõi Trời phạm hay là Phạm thiên. Do đó bốn vô lượng cũng được gọi là đề mục Phạm trú. Phạm trú là vậy đó! Tức là nếu mình tu được như vậy, quý vị luôn có Từ đối với tất cả chúng sanh, quý vị có Bi đối với tất cả chúng sanh, có Tùy hỷ đối tất cả chúng sanh, và có Xả đối với tất cả chúng sanh, thì mai mốt quý vị lên cõi trời Phạm thiên. Phạm thiên tức là từ Sơ thiền trở lên. Bây giờ chúng ta đang học, vẫn chưa nói vào vấn đề chính, nhưng tới đây thì giới thiệu bốn đề mục Từ, Bi, Hỷ, Xả thôi.

Từ bắt nguồn là gì? Là thành thật mong những điều tốt đẹp và lợi ích cho tất cả. Từ là quý vị phải mong tới những điều tốt đẹp và lợi ích cho tất cả. Nhưng phải thành thật nha! Chứ không phải miệng nói mong tốt đẹp cho tất cả, nhưng mình ghét ông thầy đó lắm, ổng nói những điều nghe không ưa. Tôi ghét, tôi mong ổng đọa Địa ngục.

Giống như Thiện Trang thấy có những đồng tu nói, mong sau này cho thầy chết một cách thê thảm, họ nghĩ như thế. Vậy thì đó có Từ không? Không có Từ đúng không? Mà trong khi đó tu Tịnh Độ bao nhiêu năm đó quý vị. Cho nên nhiều khi mình học, tức là nếu mình thiếu [nền tảng] căn bản, thật ra những ý niệm đó mình có mong xấu hay không xấu, thì quả là mình nhận. Giống như câu chuyện lúc đầu đó, quý vị thấy không? Khi tâm ác khởi lên, mình mong hồi hướng cho người khác, nhưng không được, cuối cùng co rút lại, dội lại mình.

Cho nên đừng nghĩ như thế mà tội cho mình, mà hãy thành thật mong những điều tốt đẹp lợi ích cho tất cả, thì tự nhiên mình cũng được tất cả những điều lợi ích. Mình tu thì mình phải hiểu. Cho nên không học những bộ này, thì mình tu nhiều khi chỉ là hình thức thôi, nói rất là tốt, tán thán này kia v.v... nhưng

khi nghịch ý, nghịch lòng một cái, là thường mình không nghĩ tốt được cho người ta. Mà mình mong cho người ta chết không thôi, mong cho người ta đọa lạc, mong cho người ta ra đi thê thảm. Đó là những tâm rất tệ, chứ không phải tốt đẹp.

Mà thật ra [tâm đó] không có ảnh hưởng tới người ta, mà dội lại mình, đó là một điều rất đáng buồn. Thiện Trang nói đây là do không học pháp, do giáo lý mình không nắm vững, mà khi không nắm vững giáo lý thì mình tu sai. Đó là điều rất đáng thương!

Thiện Trang thì chưa tu được đề mục Xả vô lượng, cho nên chưa có nghiệp [đó]. Nhưng dần dần phải xả, thôi kệ chúng sanh, nghiệp chúng sanh là vậy. Bây giờ cũng bắt đầu tu rồi, bắt đầu hiểu rồi. Hồi xưa thì thấy chúng sanh mê quá, thương quá, đó là Từ và Bi đó. Nhưng bây giờ thôi, tùy hỷ, nhưng cũng chưa tùy hỷ được nhiều lắm, cũng tùy hỷ được kha khá. Nhưng sau này nghĩ, thôi kệ, nghiệp chúng sanh [như vậy], bữa nay tu Xả đi.

Từ là loại trừ những ác tâm (tức là những ác tâm thì tự nhiên đều bị loại trừ. Khi có tâm tốt đẹp, mong lợi ích cho tất cả, thì không có ác tâm). **Tâm ác là kẻ thù trực tiếp của Từ. Và kẻ thù gián tiếp là tình thương.**

Ủa! Sao tình thương mà là kẻ thù gián tiếp của Từ? Tại vì khi mình có tình thương, thì mình có phân biệt, mình không thể nào ban rộng cho chúng sanh được. Vấn đề là ở đó! Khi mình thương, mình chấp vào con mình, thông thường thấy con mình học thua người bạn của nó, nó thi thua [điểm] hay bị rớt v.v... Ví dụ như trường Đại học đó tuyển có 200 chỉ tiêu, mà con mình đứng 201, mình kêu: 'Ước gì thằng ở trên nó một chút thi thấp hơn, để con mình đậu'. Mình toàn nghĩ vậy không thôi. Cho nên tình thương là kẻ thù gián tiếp của tâm Từ, bởi vì làm nhỏ tâm Từ của mình.

Trạng thái chính là thái độ nhân từ. Đó [là] nói [về] Từ, chưa nói [về] tâm. Đó là ôn lại ôn lại kiến thức mà [bài] trước mình đã học. Từ nằm ở Vô sân, cho nên Tịnh hảo là phải có Vô sân.

Bây giờ chúng ta vô Tâm sở Tịnh hảo Vô lượng phần, thứ nhất là Tâm sở Bi (23). Nãy giờ mình mới nói chung 4 [Tâm sở] thôi.

23. Tâm sở Bi

Bi là gì? Là lòng trắc ẩn trước sự khổ của chúng sinh khác đang bị khổ hay sẽ bị khổ. Bi là cách thương hại, tội nghiệp cho chúng sanh đang và sẽ khổ, tức là không đành để cho chúng sanh chịu những nỗi khổ, hay là muốn cứu khổ cho chúng sanh.

Bi là lòng trắc ẩn trước sự khổ của chúng sanh, hay là mình thấy tương lai họ khổ. Ví dụ như chúng ta, mặc dù thấy được chúng sanh khổ trước mắt, và [cũng] thấy tương lai họ khổ, như vậy mình cũng có lòng thương hại. Sự thương đó mà thấy tội nghiệp cho chúng sanh, ví dụ mình thấy chúng sanh mê quá, gặp Chánh pháp Như Lai mà không chịu học, cứ thích chạy theo Tà pháp, nên mình thương. Mình biết là sau này khổ đó, và mình muốn cứu khổ đối với chúng sanh, đó gọi là Bi.

Bi thì làm cho tâm người rung động khi [thấy] chúng sanh bị đau khổ. Khi chúng sanh bị đau khổ thì tâm mình rung động, mình thương là đúng rồi.

Trạng thái chính của Tâm sở Bi là mong nhổ nỗi khổ của chúng sanh. Thiện Trang tin là mọi người đều có [Tâm sở Bi], nhưng có điều ở mức độ nào thôi. Ở đây chúng ta mới nói Bi thôi, chứ chưa nói vô lượng. Đối với tất cả chúng sanh thì mới là vô lượng.

Đặc tính của Bi là đem lại sự giảm khổ (tức là mình sẽ làm cách nào đó để giảm bớt khổ cho chúng sanh). **Có nhiệm vụ là không chịu được nỗi khổ của người khác** (tức là mình thấy người khác khổ thì mình chịu không được). **Có biểu hiện là sự không tàn bạo.** Quý vị nhớ, có biểu hiện là không tàn bạo. Thế thì mình tàn bạo với người khác là mình không có Tâm sở Bi.

Ở đây cũng xin nói luôn, thật ra có một vấn đề mà chúng ta phải hiểu. Ví dụ có những nghiệp, như quý vị chết đi rồi thì hồi hướng có được hay không? Ở đây Thiện Trang nói không thôi thì có nhiều người sẽ không tin, bữa nào Thiện Trang sẽ dẫn ra cho quý vị nhớ [cách] hồi hướng. [Hồi hướng] chỉ nhận được những gì [thì] trong bài hôm trước chúng ta đã nói rồi, và hồi hướng [cho] những chúng sanh nào ở đường nào. Ví dụ như ở đường Ngạ quỷ, ở đường A-tu-la v.v… thì nhận được. Còn họ đã qua [đường khác] rồi thì sẽ không nhận được.

Cho nên mình tàn bạo cũng vậy, quý vị có hướng mong người ta đọa [cũng]

không thể nào [được] v.v… Và điều đó là tàn bạo. Bây giờ mình không mong cho họ đọa, nhưng họ đọa rồi thì cũng khó, chỉ có những chúng sanh nào nhận được thôi.

Nhân gần là thấy sự khốn đốn của những chúng sanh bị đau khổ. Tức là tâm này sẽ khởi lên, nhờ khi mình thấy những sự đau khổ của chúng sanh, thì mình có Bi.

Bi có hung ác và nguy hại, là kẻ thù trực tiếp; kẻ thù gián tiếp là pháp ưu (thực ra là mình nói giống như trên, tức là kẻ thù gián tiếp là pháp ưu và lo lắng, cũng có thể nói như thế). **Nó loại trừ sự hung ác và nguy hại.** Tất nhiên quý vị có Bi thì quý vị không có sự hung ác, không có sự nguy hại.

Chúng ta nói lại bốn ý nghĩa của Tâm sở Bi: (1) Trạng thái là mong muốn chúng sanh khỏi nỗi khổ. (2) Phận sự là không chịu nổi khi nhìn chúng sanh chịu khổ. (3) Thành tựu là không ép uổng chúng sanh. Nhớ! Người nào mà ép chúng sanh là thiếu tâm Bi. Quý vị ép người này, ép người kia, là thường mình không có Bi. Ở nhà, mình nói mình thương con nên mình hay ép. Nhưng thật ra mình ép thì có thể là mình không có Bi. (4) Nhân gần là có chúng sanh chịu khổ.

Đó là tâm thứ nhất, Tâm sở Bi. Chúng ta đã giới thiệu sơ qua nhanh, ở đây quan trọng là mình hiểu. Bữa sau mình sẽ học lại bốn đề mục Phạm trú trong Thiền chỉ thì sẽ rõ ràng hơn. Chúng ta sẽ học thêm lần nữa, cứ học tới học lui, học xuôi học ngược hoài thì sẽ hiểu.

24. Tâm sở Tùy hỷ

Tùy hỷ là không chỉ vui theo, đồng cảm, mà còn vui cảm kích, vui theo sự tiến hóa lợi ích, phần tốt của người khác. Như thấy người tạo phước, có tâm đồng ý v.v…. hay thấy người được hưởng sự vui, cao siêu, chân chánh thì cũng mừng giùm. Cho nên sự vui này không phải là vui bình thường. Vui này không chỉ là vui theo không [thôi], mà còn đồng cảm, cảm kích, tức là mình cảm thấy rất vui khi thấy sự lợi ích của người ta. Và [khi] họ thành công, họ [có] lợi ích về mặt chân chánh thì mình vui.

Giống như bây giờ, quý vị tu lâu năm rồi, nếu thấy đồng tu khác tu thành tựu hơn mình, họ tiến bộ hơn mình, mặt mày họ sáng hơn mình, họ nói hay hơn

mình, họ tu tốt hơn mình v.v… mà mình thấy rất là vui, mình vui còn hơn [khi] mình thành tựu nữa, thì đó là tâm Tùy hỷ, rất tốt! Phải có tâm như vậy. Chứ không phải mình thấy mình tu lâu năm hơn người ta, mà bây giờ người ta hơn mình rồi, người ta mới tu thế này thế kia. Đó là tâm ganh tị, ngược lại với Tùy hỷ đó.

Tùy hỷ là sự vui mừng với thành công của người khác đang hưởng quả tốt, hay tạo nhân tốt. Ở trong Phật pháp, nhân quả mà, thấy người ta đang hưởng được quả tốt hoặc là tạo nhân tốt thì mình vui mừng. Điều này phải cẩn thận! Nhiều khi mình không thấy vui. Nhiều đồng tu thấy mình thì có tính tiết kiệm, thấy người ta có quả tốt, người ta xây nhà, mua xe ô tô, mình không có tùy hỷ mà mình thấy người đó xài sang thế này thế kia v.v…. Đó là mình không có tâm Tùy hỷ. Khó nha! Đó là [người ta] đang hưởng quả tốt mà. Còn tạo nhân tốt thì dễ tùy hỷ rồi. Tôi tùy hỷ phóng sanh, tôi tùy hỷ tu. Dễ! Nhưng đang hưởng quả tốt thì khó, điều đó [phải] coi lại.

Cho nên không học giáo lý thì nhiều khi mình không có tâm đó, mình không làm được. Nói thì nói trên miệng, nói lý thuyết hay lắm. Nào là tùy hỷ, tùy hỷ, nhưng thấy người ta đang hưởng quả tốt mình cũng không vui, người ta thăng lên chức mình cũng không vui, người ta thế nào [mình] cũng không vui, nhiều khi mình không có tâm Tùy hỷ. Cho nên cố gắng nha! Mình học như vậy thì mới rõ được.

Trạng thái chính của Tùy hỷ là hoan hỷ trước sự thịnh vượng của chúng sanh khác. Chúng sanh khác thịnh vượng thì mình cứ hoan hỷ, vui. Dù niềm vui đó thế nào thì kệ, niềm vui nào rồi cũng tàn, buổi tiệc nào rồi cũng tan. Tuy là như vậy, nhưng mình thấy họ đang vui thì mình cũng thấy vui đi đã.

Bởi vì nhân quả trong vòng sanh tử thật sự không thể lường được. Quý vị nên nhớ, ngài Tỳ-kheo Na Tiên nói là chỉ bậc Chánh Đẳng Giác thôi (tức là bậc Toàn Giác Phật) thì mới biết được nghiệp của chúng sanh. Còn những bậc Thượng thủ như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên cũng không biết được.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta chưa là gì hết, chúng ta đâu biết gì đâu. Mình thấy người ta vừa hưởng niềm vui, mà mình đã nghĩ về tương lai họ thế này thế kia rồi. Đó là không tùy hỷ. Kệ họ! Họ vui được thì cứ để họ vui, họ đang lên đó.

Còn sau này họ đi đến đâu cũng không sao. Bây giờ mình nói mình quán Khổ - Không, Vô thường Vô ngã cho mình đi. Đấy là trạng thái tâm Tùy hỷ. Nên Tâm sở này khó đó.

Kẻ thù trực tiếp của pháp này là pháp ganh tị, tật đố. (Ganh tị, tật đố là kẻ thù trực tiếp của Tùy hỷ. Cho nên khi nào có ganh tị, tật đố thì không có tùy hỷ). **Kẻ thù gián tiếp là sự vui thích**.

Kẻ thù gián tiếp là sự vui thích là sao? Điều này khó hiểu! Tức là mình vui thích thì là chuyện của mình, tại sao lại [là] kẻ thù gián tiếp cho sự tùy hỷ? Vì thông thường sự vui thích của mình thường ngược với người ta. Mình được thứ này thì thường mình khó mà tùy hỷ với người ta. Ví dụ như quý vị có sự thành công, mình có địa vị, mà tự nhiên bữa nay mất hết. Người đó đang chơi thân với mình, mà tự nhiên họ chạy qua kia chơi thân với người kia, thì mình buồn, kiểu vậy đó! Nhiều người không [nói], nhưng chịu không nổi.

Giống như thời gian qua, Thiện Trang nói có một số đồng tu chạy mất, rồi một số đồng tu khác thấy buồn, không chịu được. Tại sao chạy đi đâu hết rồi? Thầy mình [mà lại] không nghe nữa. Thật ra quý vị như vậy là không được, mình kệ, chúng sanh sao cũng được, vô tư! Mình phải có tâm Xả đi. **Sự Tùy hỷ là loại trừ của sự ghét**. Nhớ [nha]!

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Tùy hỷ:

1. Trạng thái là lạc quan với sự yên vui của người khác. Người ta đang vui, mình thấy lạc quan, mình cũng thấy vui. Họ vui thì chắc phước của họ đang tới đó, chắc tương lai tốt hơn. Mình cứ nghĩ chuyện tốt đẹp đi.

2. Phận sự là không ganh tị với sự yên vui, lợi ích tiến hóa của người khác. Nhớ nha! Không ganh tị với sự yên vui, lợi ích tiến hóa của người khác. Làm sao phải tập điều này, chứ khó lắm! Nhiều khi nói vậy, nhưng tu hoài không được. Cứ thấy người ta tiến hơn mình là mình chịu không được, đó là đố kỵ, tật đố, ganh tị xuất hiện rồi.

3. Thành tựu là phá trừ sự không Tùy hỷ. Tức là mình không có ganh tị, không có tật đố.

4. Nhân gần là có tài sản của người khác thật sự tốt đẹp hay quyền tước. Nói đơn giản, đây là nói thế gian thôi. Người khác có tài sản, có sự tốt đẹp hay quyền chức, lên chức gì đó là mình cũng tùy hỷ luôn, mình vui theo. Nói trong thế gian là như vậy, còn xuất thế gian là tất nhiên có sự thành công tu tập của họ.

Học đơn giản như vậy là hết rồi. Bây giờ chúng ta nói chung hai Tâm sở Bi và Tùy hỷ.

Bi và Tùy hỷ gộp lại gọi là Tâm sở Vô lượng Phần. Tại sao là Vô lượng phần, thì chúng ta định nghĩa tiếp. **Nghĩa là đối với vô lượng chúng sanh, chứ chẳng phải giới hạn nơi một chúng sanh, hay trong một phần nào có hạn định.**

Điều này khó! Tức là mình phải có Bi, là thương chúng sanh, thấy chúng sanh khổ quá, mình mong chúng sanh vui. Bi [là] thương chúng sanh đau khổ, nhưng không phải một chúng sanh mà vô lượng chúng sanh, nên mới gọi là Vô lượng phần. Rồi Tùy hỷ là cũng vui với tất cả sự thành công của chúng sanh, không phải ở một hạng chúng sanh nào hết.

Điều này khó! Thời nay Phật pháp bị chia, đầu tiên là Nam truyền và Bắc truyền, thêm Mật tạng là tạng truyền nữa là ba truyền rồi đó. Rồi từ trong Bắc truyền chia ra nào Tịnh Độ tông, Thiền tông, Hoa Nghiêm tông, Duy Thức tông, Tam Luận tông, Câu Xá tông, Thành Thật tông v.v…. đủ các tông, 10 tông phái Đại thừa. Rồi trong một môn Tịnh Độ, thì người theo người này, người theo người kia, nên không có tâm Tùy hỷ. Mình chỉ có tuỳ hỷ trong đồng tu của mình thôi, mình đâu tùy hỷ bên ngoài.

Còn đây là mình phải tùy hỷ với tất cả chúng sanh, với vô lượng chúng sanh. Khó quá! Đời nay tại do chia ra [tông, phái, môn này, môn kia]. Quý vị thấy thời đức Phật đâu có chia tông, chia phái, chia môn này môn kia. Đức Phật giảng như thế, các ngài Đệ tử cũng vậy, đâu có giành giật Đệ tử của ta, Đệ tử người này, người kia. Có người tới thì [các ngài] bảo quy y với Phật, đâu có nói quy y với tôi. Còn thời nay không ổn, Đệ tử thì thờ thầy còn hơn thờ Phật. Cho nên thời nay do vậy mà sanh ra [không tùy hỷ]. Giờ chúng ta học, chúng ta hiểu rồi, kệ họ, họ muốn phân biệt thì kệ họ, họ muốn thế nào muốn.

Quý vị thấy từ khi Thiện Trang giảng bộ này, Thiện Trang nói rõ quan điểm, Thiện Trang chỉ theo Phật, không theo Nam truyền hay Bắc truyền, chỉ theo Phật thôi. Phật làm gì có Nam truyền hay Bắc truyền, Phật chỉ có một Phật thôi chứ, còn Nam truyền hay Bắc truyền là do người đời sau. Rồi tông phái nữa, tông phái cũng do người đời sau nên tất cả tùy hỷ hết, sao cũng được, bên nào cũng được, đừng chê bên này hơn bên kia.

Người Bắc truyền hay chê người Nam truyền là các vị Sư Nam truyền không ăn chay. Thiện Trang nói là do điều kiện, hoàn cảnh, do truyền thừa như vậy. Lúc xưa đức Phật như thế thì họ tiếp tục giữ như vậy, có sao đâu, tu sao cũng được, duyên của họ như vậy. Còn Nam truyền thì chê Bắc truyền là sửa đổi tùm lum, thế này thế kia, có đúng không? Cũng đúng! Nhưng có những điều mình phải công nhận, thôi kệ, tùy duyên. Chúng sanh phải trải qua nhiều đời tu hành, mỗi duyên đời này đời kia chạy qua chạy lại, chắc gì đời sau quý vị tu tiếp môn đó và chắc gì quý vị đã giải thoát. Cho nên cứ tùy hỷ thôi, bây giờ sao cũng được, cố gắng [tùy hỷ] với mọi chúng sanh, thành tựu cho mình đi [thì] thành tựu cho vô lượng chúng sanh.

Hai Tâm sở Bi và Tâm sở Hỷ phối hợp với tám tâm Đại thiện, tám tâm Đại tố và 12 tâm Sắc giới câu hành Hỷ, không nhất định và đi riêng. Những điều này thì chúng ta chưa học. 8 tâm Đại thiện là gì? 8 tâm Đại tố là gì? 12 tâm Sắc giới câu hành Hỷ là gì? Thôi để chúng ta sẽ trở lại vấn đề này sau. Tức là hai Tâm sở này không nhất định là đi chung hay đi riêng. Không nhất định, có khi đi chung, có khi đi riêng, tùy trường hợp.

Đó là chúng ta đã ôn về Từ, Bi, Hỷ, Xả. Sẵn đây giới thiệu về [Tâm sở] Xả luôn.

25. Tâm sở Xả

Xả là gì? Như hồi nãy chúng ta đã giới thiệu lúc đầu, Xả có định nghĩa là thôi kệ, chúng sanh sao cũng cũng được, [do] tiền nghiệp của chúng sanh. Xả hay là Tâm sở Trung hòa, chúng ta đã học rồi. **Định nghĩa là công bằng, không thiên vị, vô tư, thích đáng, đối với tất cả chúng sanh một cách vô tư, công bằng, không thiên vị dù thương hay ghét. Xả là trạng thái quân bình của tâm**.

[Tâm sở Xả] đơn giản là như vậy. Là mình cứ vô tư, công bằng, không thiên vị, dù thương dù ghét. Điều này thì khó lắm, nhiều người tu lâu năm [mà] cũng không làm được. Điều này khó cực kỳ!

Tùy hỷ là mong người giữ được hoài những điều tốt đẹp đang có. Còn Xả là trạng thái tâm bình thản khi nghĩ rằng mỗi người có nghiệp riêng có thể tự xoay sở.

Tùy hỷ là mình vui, mình mong cho người ta điều đang tốt đẹp còn, còn, còn. Nhưng Xả thì thôi kệ, cứ bình thản đi, chúng sanh có nghiệp riêng mà, có thể tự xoay sở thôi, họ có bị sao cũng vậy thôi, họ có tốt cũng được, họ có vui [cũng] xả. Quý vị nhớ Từ, Bi, Hỷ, Xả trong đề mục tu Thiền chỉ, thì Xả lên tới Tứ thiền, cho nên cao hơn. Còn quý vị tu [Từ, Bi, Hỷ] thì không tới Tứ thiền được, Xả cao hơn.

Kẻ thù trực tiếp là tham luyến và kẻ thù gián tiếp là không thông minh, không hiểu biết, sự lãnh đạm, thờ ơ.

Ở đây kẻ thù trực tiếp của Xả là tham luyến. Tham thì không xả được, mình dính mắc vô đó là không xả được. Và kẻ thù gián tiếp là không thông minh, không hiểu biết, sự lãnh đạm, sự thờ ơ. Coi vậy chứ đừng có lầm với lãnh đạm, với thờ ơ. Tức là mình cũng biết, nhưng biết ở trong trí tuệ: À! Chúng sanh có nghiệp riêng của mình. Chứ không phải là mặc kệ nó, đó mình lộn qua lãnh đạm thờ ơ mất rồi, không phải Xả. Mình [cứ] nghĩ là nghiệp của chúng sanh nghiệp như vậy thôi, rồi lúc nào đó họ cũng giác ngộ, lúc nào đó họ cũng thoát khỏi khổ đau, dù có bệnh tật v.v… nghiệp gì rồi cũng hết, đó là Xả. Chứ mình thờ ơ, thôi kệ họ luôn, thì đó là thờ ơ, lãnh đạm, [thì] không đúng.

Trạng thái chính [của pháp Xả] là thái độ công bằng, vô tư. Người nào rải khắp thế gian với pháp Từ, pháp Bi, pháp Tùy hỷ và Xả thì được gọi là sống trong cõi Trời hay là Phạm thiên. Do đó bốn Vô lượng cũng gọi là Phạm trú.

Đó là Thiện Trang đã chia sẻ [về Tâm sở Xả], bây giờ hết giờ rồi, không đủ để chia sẻ Tâm sở Trí tuệ nữa. Tâm sở Trí tuệ này mới hay, [và] đặc biệt quan trọng, đó là thứ 25 - Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền. Tâm sở Tuệ quyền nằm một

mình, nhưng [Tâm sở] này quan trọng. Sẵn đây Thiện Trang giới thiệu luôn, mai mốt Tâm sở Trí tuệ này phát triển sẽ trở thành Thẩm như Ý túc trong Tứ như Ý túc. Quý vị nhớ Như ý túc không? Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề Phần, Bát chánh Đạo phần. Quý vị thấy ở đây [Tâm sở] Trí tuệ sẽ thành Thẩm như Ý túc (trong Tứ như Ý túc), và trở thành Trạch pháp trong Thất giác chi (Trạch pháp Giác chi), và trở thành Chánh kiến trong Bát chánh đạo. Cho nên Tâm sở Trí tuệ này cực kỳ quan trọng. Vì cực kỳ quan trọng cho nên thời gian cũng cần nhiều hơn, hôm nay hết thời gian rồi, nên hẹn buổi sau chúng ta sẽ học tiếp Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền.

Thiện Trang giảng hơi dài, nhưng giảng ngắn thì quý vị không hiểu, nên [phải] giảng dài, hy vọng quý vị hiểu. Học hết Tâm sở rồi thì mình sẽ học tới Tâm, sự phối hợp của Tâm và Tâm sở. Học hết như vậy thì chúng ta mới hiểu được. [Sau đó] mình học lộ trình Tâm, lộ trình Tử, tâm như thế nào, lộ trình chứng quả trải qua bao nhiêu sát-na tâm, hay lộ trình chết (tử) trải qua bao nhiêu sát-na tâm như thế nào.

Ví dụ bây giờ mình hỏi một câu hỏi đơn giản là: "Một người chết và tiếp tục sanh ở cõi trời Phạm thiên, với một người cùng lúc đó chết đọa vào một cõi Súc sanh ở gần cách đó mấy căn nhà. Nếu như theo lộ trình thì ai đi nhanh hơn?" Chết rồi tái sanh liền đó. Chẳng hạn mình đưa ra một vấn đề như thế. Theo trong kinh bữa trước chúng ta trích, đức Phật nói khoảng cách đi lên trời Phạm thiên, thì chúng ta thấy là một người ném một tảng đá lớn từ trời Phạm thiên xuống Nam diêm Phù đề (Trái đất của chúng ta) là mất 12 năm. Như vậy liệu có tái sanh có chậm hơn hay không? Bởi vì người kia chết, thức của họ tạm diệt.

Ở đây không có nhiều thời gian, nhưng Thiện Trang tạm nói, để mình dễ hiểu, để phá Thân kiến. Đầu tiên, thân thể tức là Sắc, về vật chất thì chúng ta gọi là Sắc, không phải là ta. Chúng ta học lâu rồi, chúng ta công nhận được đúng không? Để phá Thân kiến, đầu tiên là [quán]: Thân thể này không phải là ta, ta không phải có trong đó, trong đó không phải là ta, Ngã không có ở trong đó v.v… Ai cũng biết thân thể này khi chết là ta bỏ thân này sẽ qua thân khác, quý vị phải nhớ được điều đó lâu dài, thì tự nhiên mình sẽ bớt nặng nề về đau đớn, bớt nặng nề về đau khổ, v.v… chết không phải là hết. Mình đối với mình, đối với chúng sanh v.v… mình sẽ bình tĩnh hơn, bớt chấp cơ thể này.

Nhưng đó là về vật chất thôi, còn về tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ở đây không có thời gian nói nhiều, chỉ nói đơn giản, khi mình chết thì Thức của loài người diệt. Thức là gì? Có mấy Thức? Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý thức diệt rồi, thì sẽ sanh vào loài nào khác và không hình, không tướng, không màu gì hết, không thấy gì hết. Như vậy sanh vào một chúng sanh nào thì Thức ở đó lại sanh ra. Vậy khi chết thì cái gì đi theo mình? Là nghiệp, Thức chuyển thành nghiệp, nghiệp đi theo mình. Vậy vấn đề ở chỗ là làm sao quý vị phải bỏ được bốn điều sau: Thọ, Tưởng, Hành, Thức đó đều không phải là ta, thì quý vị phải nhớ được đoạn vừa rồi.

Tức là khi thân thể ta chết, khi duyên của chúng ta [hết], đầu tiên là thân thể thì không phải là ta, bỏ lại là yên tâm rồi, mình bỏ được [thân này]. Nhưng còn Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng không còn nữa, mà chúng ta khi qua một thể khác, thì lúc đó mình có Sắc mới (tức là thân thể mới) cộng với Danh mới (tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng mới luôn). Nhưng đó có phải là mình hay không? Bây giờ phá được cái đó là ok.

Tất nhiên nói là mình thì không đúng, tại vì đó không phải là mình, đâu phải đâu, Thức của mình diệt hết rồi mà. Các Thức bên này diệt, Thọ, Tưởng, Hành, Thức bên này cũng không phải, qua bên kia thì cũng không phải là mình đúng không? Quý vị phải hiểu được điều đó thì mới phá được Thân kiến. Nhưng cũng không thể nói là hoàn toàn không có liên hệ gì, bởi vì sao? Vì nghiệp mang theo mà.

Lấy ví dụ của ngài Na Tiên cho rõ, chứ tự nhiên mình đưa ra ví dụ làm chi: Bây giờ giống như có một người trồng cây xoài, họ bỏ hột xoài xuống trồng. Ngày xưa họ không trồng cây [có sẵn], mà họ bỏ hột xuống khu vườn đó, thì cây xoài lớn lên và ra trái. Người hàng xóm qua hái trái xoài đó thì bị người đó bắt, nói: *"Ông hái trộm xoài của tôi"*. Người hàng xóm cãi rằng: *"Ông đem lên quan, đem lên vua đi"*. Ngài Na Tiên nói [đưa lên] vua Mi Lan Đà, [thì vua] xử như thế nào? Khi ông nói lập luận là: *"Tôi đâu có ăn trộm trái xoài của ông đâu, bởi vì trái xoài mà ngày xưa ông trồng là hạt xoài, còn đây tôi hái trái xoài này là trái xoài khác mà, đâu phải trái xoài kia"*. Vậy thì vua có xử tội người đó ăn trộm xoài hay không?

Cũng vậy, một người đã làm nghiệp này, ví dụ như sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v… Họ chết đi rồi, họ qua một thân thể mới, vậy nghiệp kia có gán cho họ hay không? Đưa ra ví dụ như vậy, thì vua Mi Lan Đà mới nói rằng: “Tất nhiên là Trẫm vẫn phải xử thôi, không thể nói như thế được, không thể nói là trái xoài này không phải là trái xoài kia", đúng không? Vẫn là ông trộm đó thôi, do trái xoài kia nên bây giờ nó mới lên thành cây xoài, mới thành trái xoài này, cho nên trái xoài này vẫn liên hệ với trái xoài hồi xưa.

Ngài Na Tiên mới nói: Cũng vậy, tuy Thức của chúng ta ở thân này diệt, chuyển nghiệp qua bên kia, nhưng không thể nói là không liên quan, đời trước mình tạo không liên quan, [nghiệp] vẫn theo mình. Cho nên mới nói là nghiệp theo mình, quý vị hiểu không ạ?

Ví dụ này rõ như vậy đó! Cho nên dù Thức này diệt, Thức kia sanh, không phải là Thức đó, rõ ràng đâu có Thức đó, chúng ta chết loài người mà sanh vô con heo nhà bên cạnh, thì Thức con heo sanh ra mà, thì đâu phải là Thức kia. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng nương theo con heo đó, cho nên sẽ khác. Nhưng vẫn là nghiệp đó theo, cho nên nghiệp thì sẽ mang theo, mặc dù đã khác. Có nghĩa là Danh và Sắc đã khác, nhưng ta vẫn phải chịu nghiệp của ta.

Cho nên từ đó quý vị hiểu đạo lý luân hồi. Nếu quý vị hiểu được đoạn vừa rồi Thiện Trang nói, thì quý vị rất dễ phá Thân kiến. Bởi vì Thân kiến, ngoài thân thể thì còn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Từ đó mới nói là: Thọ này không phải ta, Thức này không phải ta, Hành này không phải ta, Tưởng này không phải ta, ta không có trong đó v.v… Hiểu được như vậy thì mới phá Thân kiến được.

Đoạn này trong Kinh Nikaya, Kinh A Hàm nói đi nói lại rất nhiều lần, nói hoài, Thiện Trang nghe đến lần thứ tư thì Thiện Trang hiểu rồi. Cho nên chỉ cần hiểu như vậy thì quý vị sẽ không chấp trước sự biết này của ta, không phải cảm nhận này của ta, không phải Hành này của ta, không phải Tưởng này của ta, tất cả đều không phải của ta, bởi vì chỉ là do duyên, duyên trong cơ thể này cho nên như thế. Ngày xưa khác, bây giờ khác, cho nên thầy Thiện Trang bây giờ cũng không phải là thầy Thiện Trang ngày xưa. Tức là nếu nói đời trước với đời này cũng phải là một người này, nhưng có nghiệp theo và nghiệp không có hình, không có tướng, nhưng nó theo mình.

Cho nên 'chỉ có nghiệp tùy thân' là nói như vậy. Và quý vị hiểu được như vậy thì quý vị không sợ sanh tử nữa. Bởi vì sao? Bởi vì sanh tử vốn là giả, giả ở chỗ nó chỉ là nghiệp. Còn Thọ, Tưởng, Hành, Thức không phải là Thọ, Tưởng, Hành, Thức khi xưa. Giống như trái xoài, bây giờ trái xoài đó không còn nữa, nhưng nó mọc lên cây xoài, ra một trái xoài mới. Tất nhiên trái xoài mới có liên quan đến trái xoài cũ, nó phải nương theo trái xoài cũ, tức là nghiệp vẫn vậy, nghiệp mang theo, đi theo và khi đủ duyên thì ra.

Giống như ở trong kinh, lấy ví dụ tiếng đàn là từ đâu? Tiếng đàn không nằm trên tay của người đánh đàn, không nằm trên dây đàn, không nằm trên cây đàn. Nhưng khi duyên đủ là tay gảy đàn vừa đủ nhịp độ, dây đàn được căng vừa đủ, học đàn như thế, cho nên nó căng, búng ra thành tiếng đàn.

Cũng vậy, khi nghiệp tới là gì? Nghiệp tới là khi duyên như thế, nhân như thế và cuối cùng đủ nhân đủ duyên thì trổ quả như thế, duyên khác thì quả sẽ khác. Cho nên muốn chuyển nghiệp, muốn tu hành thực tế thì chỉ là chịu khó đổi duyên, chặn duyên, thay duyên. Và hãy nhớ là nghiệp này che nghiệp kia, nghiệp nào ra trước nghiệp nào ra sau.

Thiện Trang nói như vậy, nếu quý vị hiểu thì ok, nếu quý vị chưa hiểu thì cứ nghe lại từ từ. Nếu quý vị hiểu được rồi thì sáng tỏ rất nhiều điều, tu hành sẽ có cơ hội vào Sơ quả Tu-đà-hoàn bằng cách phá Thân kiến như thế.

Nếu quý vị chưa hiểu thì chúng ta có thể lấy ví dụ khác. Ví dụ ngài Na Tiên đưa ra, là có một người đốt đám cỏ nhỏ của họ, một hồi đám cỏ bùng cháy cả khu đó, cháy qua nhà hàng xóm, rồi họ bị bắt. Họ nói: "Tôi không đốt nhà hàng xóm, tôi chỉ đốt đám cỏ của tôi thôi". Ông vua có chấp nhận hay không? Tất nhiên là không chấp nhận. Ông đó nói: "Lửa đó đâu phải là lửa tôi đốt nhà hàng xóm", nhưng vì do một đám lửa tàn mà lan qua. Như vậy mặc dù mình không cố ý, mình không có gì, nhưng nghiệp mình gieo sẽ tạo ra nhân như thế, duyên như thế, quả như thế và cuối cùng mình lãnh trách nhiệm đó. Cho nên quý vị hiểu được tất cả thật ra là do duyên, và Thức đời này và Thức đời khác không giống nhau.

Bây giờ sẽ nói thêm ví dụ thứ ba để quý vị nghe cho hiểu. Ngài Na Tiên cũng đưa ra thế này: Một người từ nhỏ sinh ra là một cô gái, có người kia là hàng xóm của cô tới nói là sẽ đợi cô gái này lớn lên, tôi sẽ cưới cô này. Hai bên gia đình đã

đồng ý. Rồi người đó đi làm ăn xa, thời gian sau trở về thì biết rằng có một người khác đã cưới cô gái đó rồi. Ông đó đem lên kiện với quan, nói: "Tôi đã hứa hôn [với cô đó] rồi, tại sao bây giờ cổ cưới [người khác]". Người kia nói: "Ông nghĩ xem, hồi xưa ông hứa cưới lúc cô gái đó còn nhỏ, bây giờ cô gái đó lớn lên rồi, thì đâu phải cô gái đó đâu. Ông thấy không? Thân thể [của cô ấy] không giống năm xưa. Hồi xưa cô ta bé nhỏ như vậy, bây giờ lớn cao, và tính tình cũng khác, tất cả mọi thứ đều khác, đâu phải cô gái xưa đâu mà ông đòi'.

Quý vị thấy hợp lý không? Ông đó lập luận như thế quá hợp lý. Nhưng ông quan có chịu không? Không chịu! Vì vẫn là cô gái đó thôi, năm tháng thay đổi, thay đổi từ từ.

Cũng vậy, chúng ta đang có một chấp niệm là tất cả chúng ta đều là chúng ta của ngày xưa, đó gọi là Thân kiến. Nếu như chúng ta phát hiện ra ví dụ vừa rồi, thật ra chúng ta cũng không phải là chúng ta ngày xưa, vì theo năm tháng, tế bào này đã chết, tế bào khác sanh ra. Bây giờ khoa học đã chứng minh là bảy năm thì [cơ thể] sẽ thay đổi hoàn toàn mới, tức là tế bào cũ chết dần, tế bào mới sanh ra, dần dần không còn tế bào cũ nào nữa, và cơ thể chúng ta theo năm tháng thay đổi dần dần. Và [vì] sự thay đổi từ từ, dần dần, cho nên chúng ta vẫn nghĩ là chúng ta ngày xưa.

Quý vị cứ hiểu như vậy, tâm thức của chúng ta cũng như vậy, do sự huân tập, sự tu tập, về kinh nghiệm gọi là Tưởng, về khái niệm thiện ác, mỗi năm do huân tập, tu tập, sự biết, cảm nhận của chúng ta, do trẻ, do già, do thế này thế kia, cho nên có những sự thay khác nhất định mà mình không biết. Hồi nhỏ mình thấy một cơn mưa là mình thấy dễ chịu, vì thích tắm mưa. Nhưng bây giờ già rồi, cơ thể khác, yếu tố nhân duyên khác, hay bây giờ nước mưa độc hơn, nên mình cảm thấy không thích đi mưa nữa. Những yếu tố Thọ, Tưởng, Hành, Thức đã thay đổi rồi, và nó không phải là ngày xưa nữa, nên là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Chỉ cần nhớ như thế thì dần dần quý vị sẽ phá được Thân kiến.

Quý vị hiểu được bao nhiêu thì hiểu, sẵn hôm nay chia sẻ thêm cho quý vị một chút. Hôm nay thời gian đã hết rồi, hẹn quý vị hôm khác. Kính chào toàn thể quý vị.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Buổi 44.

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 28/05/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=oQxUIQFM_ZY

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về chủ đề Luận Câu Xá và Tinh Hoa Kinh Luận. Tức là học rất nhiều tinh hoa từ nhiều bộ kinh và bộ luận, trong đó chủ yếu là Luận Câu Xá, Vi Diệu Pháp, Kinh A Hàm và Kinh Nikaya. Đó là bốn nội dung trọng tâm, ngoài ra chúng ta sẽ chèn thêm những nội dung khác nữa.

Hôm nay chúng ta sẽ bắt đầu, để cho dễ dàng thì Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị một câu chuyện thời đức Phật, để chúng ta nghe cho đỡ buồn ngủ. Thiện Trang coi trong Kinh Trung Bộ có nhắc đến một vị Tôn giả tên là Upaka, nhân duyên thế này:

Hôm đó đức Phật ở tại thành Xá Vệ, tự nhiên có một ông thợ săn tuổi trung niên, hình dáng cao lớn, râu ria, đủ thứ kiểu v.v… bước vào trong Tịnh Xá rồi cất giọng hỏi các vị Tỳ-kheo: “Bậc chiến thắng bất diệt - Bạn của ta giờ ở đâu?” Các Tỳ-kheo thấy như vậy nên vào trình với đức Phật, đức Phật bảo [cho] ổng vô. Ổng kêu: “Ôi! Ta gặp lại bạn của ta rồi”, thế này thế kia v.v… Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất sắm sửa y bát đưa cho ổng, sau đó nhờ ngài Xá Lợi Phất truyền giới Tỳ-kheo cho ổng.

Các Tỳ-kheo nói tại sao có người tới gặp đức Phật mà gọi là bạn như vậy?

Đức Phật nói là do nhân [duyên] lúc trước, khi ta vừa thành đạo. Quý vị biết bài kinh mà đức Phật giảng lúc đầu, trước khi giảng tại vườn Nai, khi đức Phật thành đạo xong [thì] Ngài quán xem độ được ai. Ngài quán thấy ông Uất Đầu Lam Phất và ông Ka La Ma đi mất rồi nên không độ được, bây giờ độ người tiếp theo là năm anh em Kiều Trần Như. Ngài mới quán sát là nên đi bộ hay dùng Thần thông bay tới vườn Nai, thì Ngài thấy có thể có người được độ nếu như mình đi bộ.

Trên đường đi bộ [thì Ngài] gặp một ông Sa-môn của giáo phái ngoại đạo khác. Ông đó cũng là một nhà tu khổ hạnh trẻ tuổi, rất đẹp trai, vô cùng đẹp. Ổng thấy đức Phật, ổng rất bội phục bởi vì tướng mạo phi phàm, rất đặc biệt. Cho nên ổng mới hỏi làm thế nào. Ngài nói: "Ta là bậc đã vượt lên hết tất cả rồi", nên ổng mới gọi là bậc chiến thắng bất diệt. [Sau khi] hỏi thăm xong rồi thì đường ai nấy đi. Đức Phật qua đó mới thuyết pháp cho năm anh em Kiều Trần Như, [còn] ổng ở lại ông tu khổ hạnh như vậy.

Ở trong xóm đó, có một gia đình ông thợ săn nổi tiếng vùng đó. Ông thợ săn có một cô con gái cực kỳ đẹp, tên là Cāpā. Cô đó đẹp đến mức độ mà ổng sợ, ổng giấu đi, không cho gặp ai hết. Xui là ngày hôm đó, nói chung nhân duyên đến, ổng đi vắng nên để cô con gái sớt bát cho vị Sa-môn kia (ông Upaka). Vị này thấy [cô gái] thì từ đó mê luôn, về tương tư luôn. Ổng bị bệnh bảy ngày không tới khất thực nữa. Ông thợ săn tới thăm thì ổng mới nói ra là bây giờ ổng tương tư con gái của ông này, làm sao cứu ổng. Cuối cùng dẫn ổng về nhà, sau đó gả con gái cho và dặn là dù thế nào đi nữa thì cũng phải đi làm. Cho nên ông Sa-môn đó hằng ngày đi [làm]. Ông kia thì đi săn, còn ông [Sa-môn] thì đi lượm thịt săn thôi, với làm một số công việc nữa để kiếm sống.

Sống như vậy hơn mười năm thì họ có một đứa con trai rất đẹp, xinh xắn, tuyệt vời lắm. Nhưng sau đó thì không ổn, bữa đó bà vợ ru con, ([xin] nói thêm một chút là trong quyển 'Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt', bà vợ ru con là:

"Ầu ơ! Ru con, con ngủ cho ngoan,
Cha con Ẩn sĩ lượm thịt săn giữa rừng.
Ầu ơ! Ẩn sĩ rớt bát giữa chừng,
Vì con, vì vợ, còng lưng tháng ngày".

Đọc như vậy, ổng nghe [thấy] quê quá, tại vì ổng nhớ mình là ẩn sĩ mà bây giờ đi lượm thịt săn giữa rừng, rồi còn phải rớt bát nửa chừng, vì vợ vì con mà còng lưng như vậy. Ổng quê, kêu là vợ chọc mình, rồi hai người cãi nhau. Ổng kêu: 'Thôi! Tôi đi tu tiếp'. Bà vợ sợ ổng đi nên xin lỗi, thế này thế kia. Nhưng ổng nhất quyết đi. Cuối cùng bà thấy ổng ý chí quá nên cho đi.

Ổng nói là sẽ đi tìm một người bạn tên là bạn chiến thắng bất diệt. Tại vì lúc đó đức Phật nói là sau này muốn tìm được Ta, thì cứ hỏi người chiến thắng bất diệt ở đâu, thì người ta chỉ [cho]. Sau này tôi rất nổi tiếng. Đức Phật biết trước rồi, vì vậy nên ổng mới tìm tới. Sau đó ổng vào gặp lại đức Phật và xin xuất gia, sau một thời gian thì đắc được Tam quả A-na-hàm.

Còn về bà vợ của ổng, sau khi nghe chồng mình được xuất gia và đắc Thánh quả, nên bà cũng gửi đứa con trai cho ông ngoại (ông thợ săn), rồi đi xuất gia bên Ni. Sau đó bà cũng đắc quả A-la-hán, tức là bà vợ còn đắc quả cao hơn ông chồng nữa.

Câu chuyện đó nói lên là: Có những nhân duyên trong đời nhiều khi mình không biết, nhưng bậc Thánh thì các ngài biết. Đức Phật biết là nên độ ai, lúc nào, gieo duyên thế nào. Ngày đó nếu Ngài dùng Thần thông bay [thì] không gặp ổng, không gặp ổng thì không gieo được nhân đó. Gieo nhân để hơn mười năm sau mới độ người ta. Thiện Trang nói câu đó [vì] nhiều người có tâm phân biệt, nói rằng Phật không có thương mình, hay là Phật phân biệt. Ví dụ người [tu] Tịnh Độ thì nói tu Pháp môn Tịnh Độ mới được gia trì, mỗi ngày tụng được một biến Kinh Vô Lượng Thọ thì được chư Phật mười phương quán đảnh một lần.

Nói như vậy thì không công bằng! Chư Phật Bồ-tát, các ngài luôn luôn [dùng] tâm bình đẳng với tất cả chúng sanh. Chúng sanh dù tu Pháp môn nào, các ngài cũng gia trì bình đẳng. Chứ nếu các ngài còn phân biệt, tu kinh này, tu Pháp môn này ta mới gia trì, tu Pháp môn kia thì ta không gia trì. Như vậy thì đâu phải là Phật Bồ-tát.

Quý vị coi câu chuyện đức Phật ra đời, mỗi ngày đức Phật quán sát nhân duyên, xem ai được độ trong ngày hôm đó để Ngài độ, ai có khả năng được độ, ai độ được rồi. Quán sát như vậy cho nên Ngài độ. Nên chúng ta yên tâm, chúng ta tu đi, đến khi nào đủ nhân đủ duyên thì các ngài sẽ giúp mình. Đó là Thiện Trang

muốn giới thiệu câu chuyện [như vậy].

Hồi đó đức Phật không độ liền, mà Ngài chờ mười năm sau để ổng hiểu được đạo lý Vô thường, Khổ - Không, Vô ngã đã. Ổng biết cuộc đời trong nhân gian khổ quá, ổng chán nên mới bỏ gia đình, bỏ vợ bỏ con mà đi. Đi xuất gia thì mới đắc đạo Tam quả A-na-hàm được, còn bà vợ sau đó cũng đắc A-la-hán được.

Quý vị thấy đâu có dễ đâu! Còn mình [thì] mình nôn nóng lắm, cực kỳ nôn nóng. Cho nên nhiều khi mình tu không thành. Hãy cố gắng, hãy hiểu rằng mọi sự việc trên đời phải có nhân duyên đúng lúc, lúc nào đó thì duyên tới. Chúng ta cứ tu đi, tu đến lúc nào đủ nhân đủ duyên thì sẽ thành tựu. Đừng có lo lắng, mà mình phải ráng làm sao tu cho tốt.

Hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị phần nền tảng kinh tạng. Đầu tiên là đề mục Thiện Trang giới thiệu theo lời hứa:

Chứng Được Sơ Thiền Trở Lên Thì Đã Vượt Qua Khỏi Tầm Mắt Của Ác Ma

(Trích Từ Kinh Thánh Cầu – Kinh Trung Bộ)

Câu chuyện này nhắc đến ông Upaka, nằm trong bộ kinh này, Thiện Trang mới nhớ đến câu chuyện đó. Đoạn này là trích thôi:

… (tức là đoạn trích từ bài kinh rất dài).

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Quý vị thấy tu Thiền lợi thế không? Ly dục, ly các pháp ác bất thiện (điều này ai cũng biết), chứng và trú Thiền thứ nhất (Sơ thiền), một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có Tầm có Tứ. Điều này chúng ta biết rồi, nhưng chúng ta chủ yếu [để ý] là chứng Sơ thiền thì Tỳ-kheo ấy (người tu đó) làm cho Ác ma mù mắt rồi, diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Thiện Trang lấy câu cuối cùng là ‘đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma’.

Cho nên tu tới Sơ thiền thôi là ngon rồi đó quý vị. Ăn rồi bị người ta hù suốt,

là tu Thiền bị ma nhập, ma dựa, v.v… đủ các kiểu. Thực tế ở bài tuần trước, Thiện Trang giới thiệu là đắc được tới Tùy tín hành, Tùy pháp hành (tức là tu Thiền quán) thì đã vượt qua dòng sông của Ác ma. Hôm nay giới thiệu là tu Thiền chỉ, chứng Sơ thiền trở lên, thì coi như làm cho Ác ma mù mắt rồi, vượt ra khỏi tầm mắt của Ác ma rồi.

Nên nhớ nha! Đừng để người ta hù hoài. Người ta không biết, người ta không học giáo lý, nên người ta hù suốt. Đây là lời trong Kinh Thánh Cầu. Bộ Kinh này rất hay, nhưng dài quá [nên] Thiện Trang chỉ giới thiệu đoạn này thôi. Bộ kinh nói lên những điều mình mong cầu, thế nào là Thánh cầu, thế nào là phi Thánh cầu.

Đó là Sơ thiền thôi là được như vậy rồi.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Sơ thiền là vượt khỏi Ác ma rồi, thì tất nhiên Nhị thiền cũng vượt khỏi tầm mắt Ác ma thôi. Tương tự như thế, ở đây cũng chỉ nhắc lại các tầng Thiền. Tầng Thiền thứ ba cũng vậy, tầng Thiền thứ tư cũng vậy, tới Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ (ở đây nói là 'không có vật gì' tức là Vô Sở Hữu Xứ) và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. [Tầng Thiền] nào cũng vượt qua tầm mắt Ác ma hết. Sau đó nói là chứng và trú Diệt thọ Tưởng định. Đây là định của A-la-hán, cũng diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma….

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các vị Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng (định của A-la-hán)**. Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tầm tay của Ác ma.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

(Trích từ 26. Kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanasutta) – Kinh Trung Bộ).

Ai muốn đọc kỹ thì đọc đoạn trên nhưng nội dung lặp đi lặp lại vậy thôi.

Vậy chúng ta yên tâm chưa? Ai chưa tu được Thiền chỉ thì ráng tu. Ở đây xin nhắc lại một chút tu Thiền chỉ, có một số người không biết tu hay tu không đúng cách. Thiện Trang xin chia sẻ, ví dụ chúng ta tu các đề mục Biến xứ (đề mục màu, dùng các bóng đèn để tu), nếu như quý vị ngồi nhìn hoài mà không thấy xuất hiện, không chuyển trạng thái, chỉ chuyển trạng thái đổi một chút thôi. Vì Tợ tướng có thể xuất hiện rất nhiều cách, nhiều kiểu. Có lúc thì một bóng đèn giống như viên ngọc, biến thành nhiều viên, có thể to ra, có thể biến thành cái khác. Như có bữa Thiện Trang thấy biến thành giống như một hình nón, một cái phễu chụp vậy đó, mà toàn màu đó thôi. Những lúc như vậy, nếu quý vị thấy Tợ tướng đó xuất hiện, quý vị đợi nữa mà không được [gì], theo kinh nghiệm của Thiện Trang thì quý vị nên nhắm mắt lại để coi thấy được Trì tướng không? Vào Trì tướng thì vẫn tiếp tục thấy. Còn nếu không thấy thì rơi vào trạng thái tương đối an lạc, thấy dường như chả có gì hết và mình cũng thấy an lạc được. Nhưng định đó không sâu bằng định nếu mà chuyển tiếp, từ đó mình nhắm mắt thì chuyển sang Trì tướng. Trì tướng là tướng đó vẫn còn, rồi chuyển tiếp vô trạng thái không có gì thì sẽ an lạc hơn rất nhiều. Như vậy quý vị coi như cũng có an lạc, tu như vậy cũng sẽ dễ dàng hơn.

Nếu như mình tu các đề mục, trong các đề mục Biến xứ dùng Biến xứ màu thì Thiện Trang thấy đỡ buồn ngủ hơn là đề mục hơi thở. Đề mục hơi thở dễ ngủ lắm, niệm hơi thở, cứ hơi thở ra hơi thở vào thì dễ buồn ngủ hơn. Sẵn nói về đề mục hơi thở, quý vị phải để ý cho kỹ, đừng để đếm số [của] mình mạnh quá. Tức là mình hít vô, mình phải để ý hơi thở, mình đếm số chỉ là phụ thôi. Nhiều khi mình đếm 1-1; 2-2; 3-3; 4-4; … mình đếm như vậy thì mạnh quá, lấn át hơi thở mất. Như vậy là không thành công!

Quý vị muốn tu Thiền, muốn nhập Thiền thì quý vị phải để ý hơi thở, chứ không phải để ý đếm số. Vì số chỉ là phụ, mình phải làm sao để số nhẹ hơn, một hồi mình phải thả luôn số. Cho nên tu hành phải biết đúng cách.

Đó là Thiện Trang chia sẻ lại một lần nữa các phương pháp tu. Nếu như không đúng rồi, bị loãng tâm hay bị gì, thì tốt nhất là thực hành lại từ đầu. Hãy đề khởi lại đề mục bằng cách quán Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Vì khổ quá, vì muốn giải thoát sanh tử cho nên ta phải tu môn này. Rồi các bậc đức Như Lai trong

ba đời, các vị A-la-hán, các vị đi trước, tu đã thành đạt được môn này. Ta nay cũng đạt được môn này, yên tâm. Tâm thoải mái như vậy thì mới vào tu. Cứ đề khởi lại như vậy.

Khi đề mục đó ngán rồi thì đừng có cố, ngán rồi thì hãy chuyển đề mục khác, ví dụ Biến xứ màu xanh ngán rồi thì chuyển qua màu đỏ, màu đỏ ngán rồi thì chuyển màu vàng, vàng ngán rồi thì chuyển màu khác, hoặc Biến xứ nước, Biến xứ lửa, hơi thở. Quý vị cứ dùng liên tục để cho không chán, vì chán là sẽ sanh ra tâm sân, tâm sân là rớt mất chi thiền (Sân là [một trong] năm Triền cái), thì không vào Thiền. Tu, nếu mình ngồi một hồi rồi mà không vô, thì mình đi tu Thiền quán (nghe pháp) thì lúc đó đầu óc mình cũng sáng hơn, mình nghe pháp, v.v… thỏa mái! Chứ quý vị không nhất định phải cố, lúc nào tâm rảnh rang thì vô tiếp tục. Cứ như vậy mà tu, chứ đừng có ép buộc, vì ép buộc sẽ không vào, mà tâm trạng mình phải thoải mái, nhẹ nhàng, mình buông xả thì mới vô.

Nhiều người tu căng quá thì sẽ không vào, hoặc suy nghĩ nhiều quá, lung tung quá, buồn quá, hay gì đó, cũng không vào. Nên nhớ vậy! Tại vì suy nghĩ nhiều là phóng dật, là trạo cử, thì sẽ không vào. Tâm mình phải thả bình thường. Và buồn ngủ, tức là Thụy miên thì cũng không được. Vì năm Triền cái là: Hôn trầm (Thụy miên); Nghi (tu không vào rồi nghi chắc mình tu không đúng, thì cũng không được); Trạo hối (là tâm mình lăng xăng, lăng xăng); Tham (mình tham, mình muốn vào thì cũng không được); Sân (mình đang tức chuyện gì đó thì cũng không được). Phải tu từ từ!

Những đề mục đó không được nữa thì mình dùng các đề mục khác ví dụ như mình có thể tu đề mục Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, miễn làm sao linh hoạt. Quý vị dùng đi, thì một hồi sẽ có lúc vào được. Còn không vào được thì cũng được an lạc, cũng rất dễ chịu rồi, cũng tốt rồi. Đó là Thiện Trang chia sẻ [cách tu Thiền chỉ].

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu mục quan trọng thứ hai. Tất nhiên ai cũng mong chết làm sao được an lành, mạng chung được an lành. Đây là một câu hỏi rất quan trọng.

Làm Sao Để Chết An Lành, Mạng Chung An Lành?

(Trích từ kinh Trung A Hàm)

Trong kinh có luôn. Ai cũng muốn mình ra đi được tốt lành đúng không quý vị? Bây giờ chúng ta sẽ giới thiệu trong Kinh Trung A Hàm:

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại nước Xá Vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A Na Luật Đà, cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên, bạch rằng: *"Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho mới dám trình bày"*.

Đây là nói về thời đức Phật, bây giờ là xế trưa (tức là qua buổi chiều), buổi trưa các Tỳ-kheo khất thực xong, về thì thường tĩnh tọa. Ai ngủ thì ngủ, ai tĩnh tọa thì tĩnh tọa. Quý vị thấy cách như vậy đó. Bây giờ các Tỳ-kheo mới hỏi ngài Tôn giả A Na Luật Đà.

Tôn giả A Na Luật Đà nói: *"Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ".*

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn bạch rằng: *"Làm thế nào một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành?"*

Chúng ta cũng rất thích điều này. Ai cũng muốn chết an lành, mạng chung an lành thì làm sao? Trong kinh có hết rồi, có những đáp án cho chúng ta, chúng ta cứ học đúng là được.

Tôn giả A Na Luật Đà đáp: *"Chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền; Tỳ-kheo ấy chết an lành, mạng chung an lành".*

Ở đây dòng chữ màu đỏ [quan trọng], rất tiếc là nói hơi tắt, nên không biết rõ thế nào. Tỳ-kheo, hay chúng ta nói [là] người tu, mà ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền [thì chết an lành, mạng chung an lành].

Như vậy ở đây, nếu nói Sơ thiền thì liệu có được không? Mình không biết! Nếu chứng Sơ thiền thì ok, nhưng ở đây nói 'cho đến chứng đắc Tứ thiền', thì Tỳ-kheo ấy chết an lành, mạng chung an lành. Nếu đoạn này ghi đầy đủ cho mình là:

‘Hoặc chứng Sơ thiền, hoặc Nhị thiền, hoặc Tam thiền, cho đến Tứ thiền’ thì ok, mình thấy [chứng] Sơ thiền cũng chắc chắn chết an lành. Nhưng ở đây nói ‘cho đến chứng đắc Tứ thiền’ nên mình không biết rõ thế nào. Tóm lại chắc chắn nhất là chứng đắc Tứ thiền thì chết an lành, mạng chung an lành.

Vậy chúng ta tu Thiền chỉ có quan trọng không quý vị? Cực kỳ quan trọng! Mà đời nay không thèm tu Thiền chỉ, người tu Tịnh Độ thì không thèm tu Thiền chỉ rồi, người tu Thiền tông cũng không biết tu Thiền chỉ luôn, cứ toàn tu Thiền quán. Cho nên muốn chết an lành, mạng chung an lành không được. Đó là một sai lầm do chúng ta không học kinh. Trong kinh, đức Phật dạy rất rõ ràng.

Các Tỳ-kheo lại hỏi: ***“Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?”*** Tức là đạt như vậy là [đến] cùng cực chưa?

Tôn giả A Na Luật Đà đáp: ***“Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùng cực như vậy là chết an lành mạng chung an lành. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc về Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí, Lậu tận, chứng đắc Vô lậu, Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng ‘sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Đó là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành”.***

Tức là ở trên thì nêu điều kiện tối thiểu, còn dưới này là nếu quý vị tu thêm Tứ như Ý túc nữa, chứng được các Thần thông như Thiên nhãn thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Sanh tử thông; rồi chứng đắc Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Nói chung là thành A-la-hán như vậy thì yên tâm, là chết an lành. A-la-hán có nhiều bậc, phải là A-la-hán cỡ này thì mới được chết an lành.

Như vậy đây là tiêu chuẩn cao hơn. Nhưng tiêu chuẩn đơn giản là ở trên, chứng Tứ thiền là chắc chắn. Tất nhiên có người hỏi vậy dưới Tứ thiền thì sao? Chúng ta từ từ coi tiếp.

Các Tỳ-kheo lại hỏi: ***“Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?”*** (Tức là hỏi đó là tột cùng chưa?)

Tôn giả A Na Luật Đà đáp: ***“Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết được an lành, mạng chung được an lành”.***

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Tôn giả A Na Luật Đà nói khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân Tôn giả A Na Luật Đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A Na Luật Đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A Na Luật Đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(218. Kinh A-Na-Luật-Đà (I) – Kinh Trung A Hàm).

Trung A Hàm có 222 kinh (ba con số hai), quý vị coi Kinh 218, Kinh này rất ngắn, không dài.

Như vậy là rõ ràng chưa quý vị? Bây giờ mình học tới đây, mình thấy rõ chưa? Những người nào mà tuyên bố hay tuyên truyền là Phật Bồ-tát tái lai, thì công phu phải cao hơn mấy mức đó, phải hơn A-la-hán chứ, phải hơn Tứ thiền chứ! Sao cuối cùng chết không an lành, mạng chung không an lành?

Từ đó mình thấy rõ ràng là chúng sanh dễ bị lừa lắm. Hôm nay thêm một tiêu chuẩn nữa, là ai chứng đắc Tứ thiền trở lên thì chết an lành, mạng chung an lành. Chứng A-la-hán với Lục thông đầy đủ, tức là phải Tứ thiền trở lên. Chứng A-la-hán rồi, phải tu Thiền chỉ được Tứ thiền trở lên thì mạng chung an lành. Còn A-la-hán mà không có Tứ thiền thì chưa chắc. Quý vị hiểu A-la-hán có chín bậc A-la-hán, chúng ta đã học rồi, chúng ta phải biết là [bậc] A-la-hán nào. Bữa nay rõ ràng rồi nha, nếu muốn chắc chắn nhất, thì ráng tu đến Tứ thiền. Tứ thiền là mạng chung an lành, chưa chứng quả cũng được. Đấy là chúng ta phải học, chúng ta phải hiểu.

Ở đây cũng sẵn nói thêm một chút nữa. Ví dụ như có người share cho Thiện Trang, nói có vị Sư Toại Khanh nói về Tịnh độ chẳng hạn. Ngài đấy nói Tịnh độ theo Nam truyền chính là Ngũ Bất Hoàn Thiên. Theo Thiện Trang, Thiện Trang xin nói rõ thêm. Theo quan điểm của Bắc truyền, thì có nhiều cõi Tịnh độ. Ví dụ như Tịnh Độ phương khác gồm có Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Mi Đà, Đông Phương [của] Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, rồi Tịnh độ của đức Phật A Súc Bệ v.v… và một số cõi nước Tịnh độ khác.

Đó là một số cõi Tịnh độ. Ai mà sanh về đó thì thế giới đó đảm bảo cho điều kiện là không có thoái chuyển, vì thọ mạng lâu dài, tu chứng quả được thì giải

thoát luôn, cho nên gọi là Tịnh độ. Nhưng ngoài ra, ở Thế giới Ta Bà này cũng có thể có những cõi Tịnh độ. Tất nhiên, Tịnh độ thứ nhất là Ngũ Bất Hoàn Thiên, [chứng] Tam quả A-na-hàm [về đó] là ok.

Nhưng chưa hẳn! Chúng ta nên mở rộng hơn. Tam quả A-na-hàm lên Ngũ Bất Hoàn Thiên thì được rồi, nhưng Tam quả A-na-hàm ở trời Sơ thiền thì có được không? Bậc Thượng Lưu Sắc Cứu Cánh đó quý vị. Trong năm hạng A-na-hàm, có hạng A-na-hàm bèo bọt nhất là Thượng Lưu Sắc Cứu Cánh, chỉ sanh về trời Sơ thiền, tại vì không đắc Tứ thiền, thoái các tầng thiền đó, thì [có] được gọi là Tịnh độ hay không? Bây giờ quý vị nghĩ có được gọi là Tịnh độ hay không? Thiện Trang xin trả lời đó cũng là Tịnh độ. Bởi vì sao? Bởi vì quý vị lên đó có một đời thôi, lên Sơ thiền rồi lên tiếp lên tiếp, rồi thành A-la-hán nhập Niết-Bàn. [Như vậy] thì mắc mớ gì không phải là Tịnh độ, đúng không? Như vậy Tam quả A-na-hàm là Tịnh độ.

Bây giờ mình hạ cấp xuống, Nhị quả Tư-đà-hàm có phải là Tịnh độ ở thế giới này không? Tất nhiên là có, mà cũng không. Ai có, ai không? Nhị quả Tư-đà-hàm thì còn một đời nữa ở trong cõi Dục. Cho nên nếu như đời đó sanh về cõi Trời là ok, tại vì sanh vào cõi Trời là hết khổ rồi. Còn mình ở thế gian này mới khổ, chứ lên cõi Trời thì sướng rồi. Mà lên cõi Trời rồi sau đó lên nữa là ok, xong! Cho nên lên trên trời Dục giới cũng được. Ai chứng được Nhị quả và sanh lên trời là ok, cũng là Tịnh độ. Mở rộng Tịnh độ hơn một chút, để chúng ta có nhiều pháp tu, để thấy đời phơi phới, vì chúng ta có nhiều con đường để giải thoát.

Còn một hạng Tịnh độ nữa, dành cho Sơ quả Tu-đà-hoàn. Đó là Sơ quả Tu-đà-hoàn với ước nguyện không trở lại nhân gian này nữa, chỉ ở trên trời thôi. Ai đủ phước và nguyện như vậy thì cho dù tối đa bảy lần trong cõi Người, cõi Trời, nhưng mình không xuống cõi Người nữa, mình ở trên cõi Trời luôn là hết, tối đa bảy lần đều ở cõi Trời.

Quý vị thấy câu chuyện của ông vua A Xà Thế, hay là Đề Bà Đạt Đa, [ổng] lên cõi Trời, hết trời Tứ thiên Vương, trời Đao lợi, trời Tu Diệm Ma, cứ đi vòng vòng ở trên đó. Mấy ổng là chưa đắc quả đó nha. Còn quý vị đắc quả Tu-đà-hoàn, giả sử quý vị lên trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, quý vị đi mấy đời rồi chứng Niết-Bàn, thì cũng là Tịnh độ. Nên có nhiều cách để mình nói gọi là Tịnh độ. Và tất nhiên ai tin được Tịnh Độ Tây Phương nữa thì tốt quá, mình học, có nhiều

con đường.

Cho nên đường giải thoát thênh thang! Hãy học đúng giáo pháp của đức Thế Tôn, để có nhiều con đường giải thoát, chứ đừng đặt cược vô một ván bài mà ván bài đó mình không chắc. Hãy mở rộng ra thì mình tu thoải mái. Và mình tu, quý vị mà đắc Sơ thiền, đắc Thiền rồi đó, đời này nếu quý vị không có gì, quý vị giữ được, thì cuối cùng quý vị cũng sanh lên [trời] Phạm thiên [là] ok. Cho nên tránh được nạn, chứ ở nhân gian khổ lắm.

Đó là Thiện Trang giới thiệu thêm cho quý vị, hôm nay biết thêm rồi nha. Hãy vui vẻ! Cho nên học Phật pháp càng sáng tỏ bao nhiêu thì mình tu hành càng dễ bấy nhiêu. Còn mơ mơ màng màng, cứ sợ rồi nói cõi Trời không có Phật pháp. Đó là một sai lầm lớn!

Quý vị nên nhớ, ở trong kinh, ví dụ quý vị mở Kinh Đại Bát Niết Bàn ở bên Kinh Trường Bộ. Lúc đức Thế Tôn sắp nhập Niết-Bàn, có một vị Tôn giả gì Thiện Trang quên tên rồi, đứng trước mặt Thế Tôn, đức Phật Thích Ca bảo ngài tránh ra. Tôn giả đó (hình như là ngài A Nậu Lâu Đà), mới nói: *"Tại sao đức Thế Tôn mọi ngày không bảo mọi người tránh ra, mà bữa nay bảo con tránh ra?"* Đức Phật nói: Tại vì đứng trước ông, kéo dài từ đây đến đâu đó rất xa, trên một chỗ nhỏ như đầu cây kim, có vô số chư Thiên đang ở đó. Xếp dài từ đây tuốt ra xa như vậy đó, mình tưởng tượng mấy cây số.

Bởi vì đó là lúc cuối cùng đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn, cho nên chư Thiên xuống hết, không ai đi chơi nữa. Nói chung, tại vì lúc cuối cùng rồi, họ xuống để nghe lời dạy cuối cùng. Lúc trước, đức Thế Tôn thành đạo thì [họ] truyền là ở nhân gian có đức Phật ra đời, họ còn vui chơi chút. Ngài chuyển Pháp luân rồi đó, nhưng vẫn chưa [đi xuống]! Nhưng khi Ngài sắp nhập Niết-Bàn rồi thì lo mà xuống, bỏ hết cuộc chơi.

Ở trên cõi Trời còn có Thiện Pháp Đường, ở trời Đao Lợi nửa tháng có thuyết pháp một lần, vua trời Đao Lợi vô [đó] giảng pháp. Cho nên ở cõi Trời vẫn có thể tu được, vấn đề là mình đừng ham phước báu cõi Trời thôi. Để Thiện Trang nói cho quý vị rõ ràng, chứ không suốt ngày mình học, nhưng không rõ các pháp tướng, không coi kinh, mình hoang mang, sợ hãi đủ các điều.

Cho nên quý vị thấy trong kinh, đức Phật đâu có khuyên đừng có lên trời đâu. Đâu có khuyên vậy đâu! Đức Phật vẫn khuyên là người nào giải thoát được là tốt nhất, còn không thì lên cõi Trời đợi đi, đúng không? Lên trời rồi tu tiếp cũng được, hoặc lên trời rồi thế này thế kia. Và có những câu chuyện lên cõi Trời vẫn tu được. Ở trên trời có những pháp hội, [khi] giảng xong, cõi Người chứng ít hơn cõi Trời, nên nhớ vậy! Cõi Trời chứng còn nhiều hơn nữa, nhiều khi vậy đó. Cho nên là hãy kiểm cho kỹ.

Và ở đây sẵn Thiện Trang nói thêm một chút về tu chứng. Bây giờ Thiện Trang đặt ra một vấn đề: Sơ quả Tu-đà-hoàn có đắc được ở cõi Trời hay không? Tất nhiên coi trong kinh thì nói có đúng không quý vị? [Chư Thiên] cõi Trời đắc Tu-đà-hoàn nhiều lắm. Nhưng có những cõi Trời không thể đắc Tu-đà-hoàn nếu như quý vị về đó, điển hình là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Nếu một người sanh về trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thì do ở đó không đủ duyên để thấy được các pháp Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, cho nên không thể đắc Tu-đà-hoàn.

Nhưng ở trong A Tỳ Đàm cũng nói, nếu một người đã đắc Tu-đà-hoàn thì họ cũng có thể sanh về trời đó. Tại vì đắc Tu-đà-hoàn trước rồi, thì sanh về Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ vô tư. Nhưng nếu chưa đắc mà sanh về đó thì không chứng, vì không thấy Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Mà [pháp] đó ở nhân gian dễ đắc hơn. Ở cõi chư Thiên cũng đắc được, ở cõi Trời thấp thì đắc được, tại vì dễ thấy. Bởi vì điều kiện để đắc được Tu-đà-hoàn là mình thấy được Khổ đế hay Tứ đế, phải thấy được giáo pháp Tứ đế.

Như vậy hôm nay đã biết thêm được hai thông tin: Một là chứng Sơ thiền trở đi là vượt qua lưới ma; Hai là tầm quan trọng của tu Thiền chỉ rất quan trọng, chứng đắc Tứ thiền thì chết an lành, mạng chung an lành. Nếu trên nữa thì chứng những quả như thế này cũng ngon lành. Bữa nay mình biết rồi.

Hôm nay giới thiệu cho quý vị thêm:

Chứng Được Nhị Thiền Thì Có Thần Thông Thế Nào?

(Trích Từ Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-

la, cùng các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có Ni-kiền Nhã-đề Tử cùng với năm trăm quyến thuộc đi đến rừng Am-la, muốn dụ Trưởng giả Chất Đa La làm đệ tử. Trưởng giả Chất Đa La nghe tin Ni-kiền Nhã-đề Tử cùng với năm trăm quyến thuộc đến rừng Am-la, muốn dụ mình làm đệ tử. Sau khi nghe như vậy rồi, ông liền đi đến chỗ Ni-kiền Nhã-đề Tử. Hai bên cùng nhau chào hỏi, rồi mỗi người ngồi xuống một bên. Bấy giờ Ni-kiền Nhã-đề Tử nói với Trưởng giả Chất Đa La:

"Ông có tin Sa-môn Cù Đàm được Tam-muội không tầm không tứ chăng?"

Giới thiệu một chút, ở đây có một vị Cư sĩ nổi tiếng thời đức Phật, đó là ông Trưởng giả Chất Đa La. Đây là một vị nổi tiếng cũng hay xuất hiện trong kinh. Vị này cũng rất tuyệt vời, ông chỉ là một người Cư sĩ thôi. Bây giờ có nhóm Ni-kiền Nhã-đề Tử muốn dụ ổng làm đệ tử, cho nên tới hỏi. Vị Trưởng giả này tự tìm đến luôn, chứ khỏi cần [nhóm kia] đi tìm. Nhóm đó hỏi: *"Ông có tin Sa-môn Cù Đàm* (tức là đức Phật Thích Ca) *có được Tam-muội (tức là Thiền định), không tầm không tứ chăng?"* Không tầm không tứ là gì quý vị biết không ạ? Là Nhị thiền theo Kinh tạng, [là] Tam thiền theo Vi Diệu Pháp.

Trưởng giả Chất Đa La đáp: *"Tôi không vì tín mà đến đây".* (Tức là tôi không tin lắm nên đến đây. Ngài nói là tôi vì không tin mà đến đây, nói ngược vậy đó).

A Kì Tì Ca nói: *"Này Trưởng giả, ông không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực. Này Trưởng giả, nếu người có thể dứt được hữu tầm hữu tứ, cũng có thể dùng dây buộc gió. Hoặc người dứt hữu tầm hữu tứ, cũng có thể lấy một nắm đất ngăn được dòng nước sông Hằng. Tôi trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, thường sinh tri kiến".*

Đây là một điều khẳng định về khả năng Thần thông của Nhị thiền. Một người dứt được hữu tầm hữu tứ, tức là chứng được Nhị thiền (Nhị thiền theo Kinh tạng), cũng có thể dùng dây buộc gió. Ghê không quý vị! Hoặc người dứt được hữu tầm hữu tứ, cũng có thể lấy một nắm đất ngăn được dòng nước của sông Hằng.

Ông này khoe là ổng tu tới mức độ đó rồi, 'đi, đứng, nằm, ngồi, thường sinh tri kiến'. Cho nên là Thần thông của người Nhị thiền cũng đã ghê rồi đó. Nhưng

quý vị thấy, Sơ thiền thì không thấy nói Thần thông, nhưng Nhị Thiền là dứt tầm dứt tứ (hết tầm hết tứ) thì dùng dây buộc được gió và dùng một nắm đất ngăn dòng chảy nước của sông Hằng.

Quý vị thấy năng lực cũng ghê lắm rồi! Nhưng chưa! Quý vị phải cần có dây, cần có đất. Còn nếu tu đến Tứ thiền là khỏi cần luôn, quý vị tác tâm là nhập định là có luôn, chứ khỏi cần [dùng dây, nắm đất]. Đó là mạnh hơn nữa! Cho nên muốn có Thần thông ghê gớm thì phải tu đến Tứ thiền, còn ở đây mới Nhị thiền. Nhị thiền cũng ghê lắm rồi.

Quý vị thấy bây giờ chúng ta tu có đề mục Thiền chỉ, quý vị tu cũng dễ đúng không? Có người nhập được Sơ thiền rồi, ráng chút nữa, hết tầm hết tứ, lên Nhị thiền là bắt đầu có một chút Thần thông. Tất nhiên chúng ta không ham Thần thông, nhưng quý vị thấy năng lực ghê lắm, vượt qua khỏi mắt của Ác ma nữa là quá tuyệt vời. Cho nên tu Thiền quan trọng vậy mà! Chúng ta tiếp tục nghe.

Trưởng giả Chất Đa La hỏi Ni-kiền Nhã-đề Tử: ***"Tín được đặt trước hay trí được đặt trước? Tín và trí cái nào trước, cái nào hơn?"***

Ni-kiền Nhã-đề Tử đáp: ***"Tín nên đặt trước, sau đó có trí. Tín và trí so sánh nhau thì trí là hơn".***

Trưởng giả Chất Đa La nói với Ni-kiền-nhã-đề tử: ***"Tôi đã cầu được dứt hữu tầm hữu tứ, nội tịnh, nhất tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc do Tam-muội sinh, chứng và an trụ đệ nhị thiền. Ban ngày tôi cũng ở trong Tam-muội này. Ban đêm tôi cũng ở trong Tam-muội này. Có trí như vậy thì cần gì tín, thưa Đại đức!"***

Tức là ông kia khoe như vậy, nhưng ai ngờ Trưởng giả Chất Đa La ghê hơn. Ổng không nói ổng chứng tới đâu, nhưng ổng nói là tôi cũng được tới đó rồi, được tới Nhị thiền, dứt hữu tầm hữu tứ (không tầm không tứ), nội tịnh nhất tâm rồi, và tôi được niềm vui hỷ lạc do định sanh rồi, do Tam-muội sanh (định là Tam-muội), chứng và an trú Nhị thiền rồi, ổng nói vậy đó. Và ban ngày cũng ở trong đó, mà ban đêm cũng ở trong đó. Ổng chứng ghê lắm, chứ đâu phải đơn giản đâu! Ổng nói vậy là ổng chứng được rồi, còn ông kia quê cho coi.

Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: ***"Ngươi quanh co, dối trá, không chất trực, bản***

chất không chất trực".

Ở trên thì nói là 'vì không tin mà tôi đến đây', mà bây giờ ông này chứng được rồi thì tại sao lại không tin, ý nói vậy đó.

Trưởng giả Chất Đa La nói: *"Lúc nãy ông đã nói là tôi không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực, vì sao bây giờ lại nói là tôi quanh co, dối trá, không chất thực, bản chất không chất trực? Nếu như lời trước của ông là thật, lời sau là dối trá; hoặc lời sau thật thì lời trước dối trá! Trước ông đã nói: Ta trong khi đi, đứng, nằm, ngồi thường sinh tri kiến. Nhưng đối với trước sau, việc nhỏ như vậy mà còn không rõ, thì làm sao biết được pháp siêu quá người thường, hoặc tri kiến, hoặc việc trụ an lạc?"*

Tức là Trưởng giả Chất Đa La cố tình hỏi vặn lại, nếu ông nói là thường sanh tri kiến, tức là trí tuệ lắm, mà sao bây giờ việc đơn giản là tu chứng được tới cỡ đó mà không biết, ý nói vậy đó. Cho nên là ông kia thua.

Trưởng giả lại hỏi Ni-kiền Nhã-đề Tử: *"Có người hỏi một liền đáp một, cho đến hỏi mười đáp mười, ông có như vậy không? Nếu không hỏi một đáp một, hỏi mười đáp mười, mà đến rừng Am-la này hòng mong dụ dỗ tôi sao?"*

Ngay lúc ấy Ni-kiền Nhã-đề Tử nghẹn thở, lắc đầu, chấp tay chào và đi thẳng không nhìn lại.

(Kinh 573. Ni-Kiền - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy không ạ? Tu cỡ đó đó! Tu cỡ Trưởng giả Chất Đa La thì ok. Và Thiện Trang xin giới thiệu thêm, vì câu chuyện này còn tiếp tục nữa, nhưng ở bộ kinh khác. Sau khi vị Trưởng giả Chất Đa La tu 30 năm, vị Ni-kiền Nhã-đề Tử cũng tu 30 năm mới nói: *"Tôi tu 30 năm, tôi không được gì. Còn ngài nói là ngài được"*. Vị Trưởng giả Chất Đa La đắc đến Tam quả A-na-hàm, còn vị Ni-kiền Nhã-đề Tử không đắc gì hết, tu theo Pháp môn bên đạo Ni Kiền Tử đó, cho nên không được gì hết. Ổng rất buồn, tại vì thấy mình tu suốt 30 năm mà không được gì, còn ông kia nói tu 30 năm thì ổng đã được tới đó rồi. Cho nên lúc đó ổng buồn, [vì] ổng xuất gia, còn người ta là Cư sĩ tại gia, người ta là Trưởng giả, bận bịu mà người ta được như vậy.

Rồi sau đó ổng kêu: *"Vậy tu làm sao đây?"* Lúc đó Trưởng giả Chất Đa La nói

là: *"Bây giờ ông vô đi, tôi sẽ giới thiệu ông đi xuất gia"*. Và sau đó là Trưởng giả giới thiệu, dẫn ổng tới đức Phật xuất gia, và hứa là: "Ông đi xuất gia thì cả đời tôi sẽ cung cấp cơm áo cho, ông khỏi lo!" Sau đó ông Ni-kiền Nhã-đề Tử cũng đi xuất gia trong giáo pháp đức Phật và chứng đắc quả A-la-hán.

Cho nên bao giờ mà tu được cỡ đó là quý vị ngon lành, ráng nha! Làm Cư sĩ tại gia, muốn độ sanh thì phải có năng lực cỡ đó, chứng Tam quả A-na-hàm, và độ được luôn cả người mình muốn độ. Đợt này chưa độ, đợt sau, từ từ đợi ông kia quay lại rồi độ. Thường qua lại mà, qua lại suốt 30 năm, [ông này hỏi]: 'Nói ra được pháp siêu quá người thường hay không?' [Ông Trưởng giả] nói có. Còn ông kia không có gì hết, ổng kia chỉ được mỗi tướng không [thôi]. Quý vị tu phải thành tựu thì mới độ được chúng sanh.

Sẵn đây Thiện Trang xin giới thiệu việc mạng chung, lúc qua đời của vị Trưởng giả Chất Đa La trong một bài kinh khác, để quý vị thấy năng lực của một người tu tự tại ra đi thế nào. Chúng ta rất thích tự tại ra đi, thì bây giờ giới thiệu Trưởng giả Chất Đa La tự tại [ra đi] luôn.

Trưởng Giả Chất Đa La Lâm Chung Tự Tại

(Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng số đông các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ Trưởng giả Chất Đa La bị bệnh khổ, các thân thuộc vây quanh, và có nhiều vị trời đến chỗ Trưởng giả Chất Đa La bảo rằng: "Này Trưởng giả, ông nên phát nguyện làm Chuyển luân vương".

Lúc này là cuối đời, ông Trưởng giả Chất Đa La bị bệnh. Vẫn bị bệnh khổ thôi, tại vì thân thể vô thường. Và lúc đó thì có nhiều quyến thuộc vây quanh, nhiều vị trời cũng xuống vây quanh, nói là nên phát nguyện thành Chuyển luân Thánh vương. Quý vị thấy hay không? Trên trời cũng xuống luôn đó, tại vì sao? Chúng ta học ở bài kinh tuần trước rồi, ai mà chứng Tu-đà-hoàn, thành tựu được bốn Dự lưu phần, thì người đó được chư Thiên coi là bạn, thường đến chơi. Cho nên mình là Tu-đà-hoàn thôi là ghê gớm lắm rồi, chứ đâu phải bình thường. Còn mình tu kiểu gì mà mình thường quá, cho nên học trong kinh thì thấy khoảng cách giữa mình với trong kinh xa quá. Tại do không học kinh điển, nên mình tưởng

mình ngon, thực tế thì chẳng có gì hết.

Trưởng giả Chất Đa La nói với các chư thiên: "Nếu làm Chuyển luân vương; kia cũng Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã". (Ổng hiểu được đạo lý Vô thường, Khổ - Không, Vô ngã, nên không nguyện làm Chuyển luân Thánh vương).

Rồi, các thân thuộc của Trưởng giả bảo Trưởng giả: "Ông nên buộc niệm lại! Ông nên buộc niệm lại!"

Trưởng giả Chất Đa La nói với thân thuộc: "Vì sao các ông dạy tôi phải buộc niệm lại?"

Tức là gia đình thấy không ổn, thấy tự nhiên lúc đó ổng nói lung tung (nói với chư Thiên thì mấy người kia đâu biết đâu), cho nên [họ] nói buộc niệm lại, lo mà giữ niệm đi, chứ sắp lâm chung rồi, đau bệnh mà còn vậy! Bây giờ Trưởng giả Chất Đa La mới hỏi tại sao: "Tại sao mấy người bảo tôi buộc niệm lại?"

Những người thân nói rằng: "Ông đã nói 'Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã'. Vì vậy nên chúng tôi bảo ông nên buộc niệm lại, buộc niệm lại!"

Trưởng giả nói với các quyến thuộc: "Có chư Thiên đến chỗ tôi, nói với tôi: Ông nên phát nguyện được làm Chuyển luân Thánh vương, sẽ tùy nguyện đắc quả. Tôi liền đáp: Chuyển luân Thánh vương lại cũng Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã". (Tức là ổng giải thích, [vì] mấy người kia không thấy).

Các quyến thuộc hỏi Trưởng giả Chất Đa La: "Chuyển luân vương có gì mà chư thiên bảo ông mong cầu?"

Trưởng giả đáp: "Chuyển luân vương đem Chánh pháp cai trị, giáo hóa. Vì chư Thiên thấy phước lợi như vậy nên dạy tôi phát nguyện mong cầu". (Tức là chư Thiên cũng thấy được rằng với năng lực của ổng, phước báu của ổng thì có thể cầu được địa vị Chuyển luân vương. Quý vị thấy ghê vậy đó!)

Các quyến thuộc hỏi: "Nay ông dụng tâm thế nào?"

Trưởng giả đáp: "Này các thân quyến, ngày nay tâm tôi nguyện rằng chỉ không còn thọ sinh vào bào thai nữa, không thêm mồ mã, không thọ nhận huyết khí. Như Thế Tôn nói: Năm Hạ phần Kiết sử, tôi không thấy có, không tự thấy một kiết nào mà không đoạn. Nếu kiết không đoạn thì còn

sinh lại đời này".

Tức là ổng xác chứng là đã đoạn được năm Hạ phần Kiết sử, Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham và Sân: ổng đã đoạn hết rồi, tức là Tam quả A-na-hàm. Ông cũng nguyện không sinh vào bào thai nữa, tức là ổng không có xuống nhân gian nữa, nguyện không ở nhân gian [mà] lên cõi Trời thôi, tức là chưa làm được A-la-hán, cho nên không có thêm mồ mã nữa. Quý vị nhớ cho kỹ! Ổng nguyện rằng không còn thọ sinh vào bào thai nữa. Mình cũng nguyện vậy là tốt đó, lên cõi Trời đi, đừng có vào bào thai nữa.

Cho nên Thiện Trang nói, ít nhất là Tu-đà-hoàn mà nguyện không trở lại nhân gian nữa, phước lực đủ thì cũng không vào bào thai nữa, cũng không có thêm mồ mã nữa đâu, không thọ nhận huyết khí, huyết khí của cha mẹ không cần nữa, tại vì hóa sinh rồi.

Ngay lúc ấy Trưởng giả ngay từ giường nằm, ngồi kiết già, chánh niệm và nói kệ (Trưởng giả đang bệnh nhưng ngồi kiết già ngay trên giường luôn. Ngồi kiết già, chánh niệm và nói kệ):

Chứa thức ăn đã chứa,

Rộng độ các hoạn nạn;

Bố thí tăng ruộng phước,

Vun trồng năm thứ lực.

Vì mong mục đích ấy,

Người tục sống tại nhà.

Ta đã được lợi này,

Đã khỏi các thứ nạn.

Điều thế gian nghe quen,

Xa lìa các nạn sự;

Sinh vui, biết hơi khó,

Tùy thuận Đẳng Chánh Giác.

Cúng dường người trì giới,

Khéo tu các Phạm hạnh,

Lậu tận A-la-hán,

Và ẩn sĩ Thanh văn.

Kiến siêu việt như vậy,

Trên các cõi thù thắng;

Ở đây Thiện Trang giải thích một chút, tức là ổng đang kể lại cuộc đời của ổng. Ổng đã rộng trồng bố thí, rồi tùy thuận theo Đẳng Chánh Giác là theo Phật; cúng dường người trì giới; khéo tu các Phạm hạnh (ổng cũng tu dữ lắm); và cúng dường cho những bậc Lậu tận A-la-hán và ẩn sĩ Thanh văn.

Thường làm người bố thí,

Cuối cùng được quả lớn.

Tức là ông thường làm người bố thí, cuối cùng được quả lớn.

Tập hành bố thí nhiều,

Cho các ruộng phước tốt;

Nơi đời này mạng chung,

Hóa sinh về cõi Trời.

Tức là ổng nói luôn là đời này ổng hết rồi đó, đời này ổng mạng chung thì sanh về cõi Trời.

Quý vị thấy không ạ? Một vị chứng Tam quả A-na-ham biết mình đi về đâu mà, [nên] khỏi lo. Cho nên ráng tu đi, tu đi để chứng là biết mình đi về đâu, nên khỏi lo. Còn mình chưa biết [nên] mình mới sợ. Hãy học Trưởng giả này, người Cư sĩ tại gia thôi đó. Chứ không, nói toàn người Tỳ-kheo xuất gia, hôm nay Thiện Trang giới thiệu cho quý vị gương tu hành thời đức Phật [là] Cư sĩ tại gia. Trưởng giả là giàu có, là nhiều việc, nhưng ổng làm được, ổng tu được là hay đó. Bây giờ ổng nói là hóa sinh về cõi Trời.

Năm dục được đầy đủ,

Tâm vô lượng hoan hỷ;

Được báo vi diệu này,

Vì không tâm keo bẩn;

Nhớ là không có tâm keo bẩn.

Thọ sinh ở nơi nào,

Điều luôn được vui vẻ.

Trưởng giả Chất Đa La nói kệ này xong, liền mạng chung, sinh vào cõi Vô Phiền thiên (trời Vô Phiền)**.**

Quý vị biết trời Vô Phiền ở đâu không? Thứ nhất chúng ta nói lại một chút về Trưởng giả này ra đi như thế nào? Ngài [ra đi] quá tự tại, trước khi đi thì nói bài kệ, ngồi kiết già, nói thoải mái. Người ta bảo làm Chuyển luân Thánh vương, [ổng] không thèm. Thật ra chư Thiên nói vậy thôi, [chứ] ổng không cần. Ông tu tới Tam quả A-na-hàm rồi thì cần gì nữa, ổng sanh vào trời Vô Phiền.

Trời Vô Phiền là trong Ngũ Tịnh Cư Thiên, năm tầng trời Bất Hoàn là: Trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Hiện, trời Thiện Kiến, trời Sắc Cứu Cánh. Như vậy ông tu vừa đủ tiêu chuẩn để vào trời thấp nhất. Vậy cũng được rồi! Tức là tu như vậy là cũng giỏi lắm rồi đó. Quý vị nhớ lúc nãy là ổng ngồi kiết già trên giường, nói xong bài kệ thì liền mạng chung, sinh vào trời Vô Phiền. Đấy là tấm gương mà chúng ta nên học. Chưa hết, chúng ta nghe tiếp:

Bấy giờ Thiên tử Chất Đa La nghĩ rằng (bây giờ đổi thành Thiên tử, vì lên cõi Trời rồi, nên gọi là Thiên tử)**: "Ta không nên dừng lại ở đây, mà nên đến Diêm-phù-đề lễ bái các Tỳ-kheo Thượng tọa".**

Quý vị thấy không? Lên cõi Trời là nhớ liền. Quý vị yên tâm đi, lên cõi Trời, cho dù là trời Dục giới, trời Đao Lợi, trời Tứ Thiên Vương thì có luật, trong Kinh Trường A Hàm nói có luật là: Khi quý vị lên đó, việc đầu tiên là chư Thiên sẽ nhắc quý vị hãy quán sát coi nguyên nhân từ đâu sanh đến? Tức là mình làm hạnh gì, tu gì. Người đó sẽ quán sát lại, biết mình là người ở cõi Nam Diêm Phù Đề, ở Thế giới này (tức là Thế giới Ta Bà, ở Nam Diêm Phù Đề), vào năm hai ngàn không trăm bao nhiêu đó, do nghe pháp, tu tập bao nhiêu năm, cũng giữ Bát quan Trai

giới, tu gì đó v.v… mà tu chưa giỏi lắm, chưa chứng quả gì hết, cho nên bữa nay sanh về trời Đao Lợi.

Bây giờ biết như vậy rồi thì quý vị có tu tiếp không? Biết như vậy thì lo tu chứ. Ở trời Đao Lợi có một nạn là khi gặp sắc dục nam nữ, thì trong Kinh Trường A Hàm nói là chư Thiên ở cõi Trời đó quên mất quá khứ, quên mất đời [trước] mình đến từ đâu. Cho nên đừng dính vô đó thì còn nhớ, chứ quên thì dễ ăn chơi sa đọa lắm, ăn chơi rồi sau này hết phước là rớt đó.

Cho nên ai tu mà giữ năm giới thôi, ở trong Kinh Trường A Hàm nói rõ ràng: Giữ được năm giới trọn vẹn là sanh trời Đao Lợi rồi. Còn trời Tứ Thiên Vương là quý vị làm việc lành, làm nhiều việc lành thì sanh vào trời Tứ Thiên Vương rồi. Hôm bữa trích trong Kinh Tiểu Bộ có câu chuyện là ông đó làm quán nước bên đường thôi, ai qua ổng cũng cho nước uống, làm như vậy cả đời, ổng được sanh về trời Tứ Thiên Vương.

Cho nên mình tu tốt thì mình đừng có sợ, tu đi, đừng có sợ hãi quá, đừng hoang mang quá. Gì đâu mà không có vãng sanh là đọa Địa ngục, sợ quá đi! Do không có Chánh kiến nên mình sợ, còn mình có Chánh kiến thì không sợ. Không thành tựu môn này, không đi con đường này thì mình đi con đường khác, mình có nhiều con đường đi mà. Chưa tới Thành phố Hồ Chí Minh được thì ta ghé đỡ Đồng Nai, ta nghỉ rồi đi tiếp. Lỡ lạc lên Đắk Lắk thì ta cũng đi xuống Thành phố Hồ Chính Minh được. Đi từ Hà Nội vô Thành phố Hồ Chí Minh, mà lỡ lạc vô tỉnh nào thì mình nghỉ chút rồi mình kiếm xe đi tiếp, chưa thành tựu thì ta đi tiếp. Mình học để mình hiểu như vậy, khi giáo pháp nằm rõ trong tay thì mình sanh về đâu, mình cũng không sợ. Sợ nhất là sanh cõi Người, còn rớt xuống dưới thì khỏi nói. Cõi Người mê [nên] mình không biết, chứ còn lên cõi Trời thì ok.

Cho nên Thiện Trang khuyên: Nếu không thể giải thoát ngay trong đời này, thì cũng nguyện sanh lên cõi Trời đi cho đỡ [khổ]. Rồi lên cõi Trời tu tiếp, nhớ là lên cõi Trời phải niệm niệm tu tiếp, đừng để không tu [là] rớt, nếu chưa chứng quả là rớt nữa. Cho nên hãy học điều đó.

Ông Trường giả Chất Đa La không dừng lại ở đây, mà đến Diêm Phù Đề để lễ bái các Tỳ-kheo Thượng tọa, ông cảm ơn các Tỳ-kheo Thượng tọa đó.

Trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, bằng sức thiên thần, ông hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân trời, chiếu sáng khắp rừng Am-la.

[Quý vị thấy] đã không? Lúc trước thì đau đớn một chút, đang đau đớn mà ra đi một cái [là] lên làm chư Thiên rồi. Thần lực chư Thiên như lực sĩ mạnh lắm, co duỗi cánh tay nhanh cực kỳ, vèo một cái là xong, tới rừng Am-la chiếu sáng bằng thần lực [của] chư Thiên. Bây giờ là thiên thần rồi đó.

Quý vị nhớ trước khi chết, quý vị cứ bình tĩnh, điềm tĩnh, ta nhớ là trong đời ta đã tu được những gì, nhớ giùm! Với sức tu đó, với niềm tin đó, với những gì ta gieo trồng trong đời, ta tin tưởng là ta sẽ đi vào đường lành, thậm chí ta tin tưởng là ta lên cõi Trời, và hoan hỷ ra đi. Thân thể này có tan rã thì cho luôn, không sao hết, ta sắp được thân mới rồi.

Quý vị phải vui vẻ như vậy, thì dù quý vị không tu Tây Phương Tịnh Độ, nhiều người niệm Phật Tây Phương Tịnh Độ mà chỉ có một con đường thôi đó, niệm niệm lúc đó đau quá mà không thấy Phật đâu thì bắt đầu sinh nghi, không thấy Phật đâu là bắt đầu hoang mang. Đi bằng tâm hoài nghi, hoang mang [là] đọa đó. Còn nếu chúng ta có cả con đường phụ này, gọi là con đường dự phòng này, lúc đó quý vị không thấy Phật thì cũng không sao, mình nhớ là mình tu cả đời như vậy, mình học như vậy, thì mình được lên cõi Trời rồi, cho nên vui vẻ thôi, chết lúc nào cũng được, không sao, tiếp tục vui vẻ, là ok.

Cho nên giá trị học giáo pháp Như Lai là ở chỗ đó, còn không học thì chỉ có một con đường thôi, đâm đầu vào quốc lộ 1A, lỡ lạc con đường Quốc lộ 1A rồi thì thôi, chết rồi, con đi lạc rồi, không biết đường nào vô Thành phố Hồ Chí Minh nữa. Trong khi đó người ta mà lạc Quốc lộ 1A thì đi con đường khác, rồi rẽ ra lại chứ có gì đâu. Lên đường Quốc lộ trên Trường Sơn cũng được mà, cũng tới Thành phố Hồ Chí Minh thôi. Mình cũng vậy, mình học rõ giáo pháp thì mới an lạc tự tại và mới tu được, còn không thì hoang mang lắm, nhiều người chỉ ôm một chỗ là hoang mang. Mình biết được bản đồ [thì] mình đi rất nhẹ nhàng.

Mình tiếp tục coi ông Trưởng giả này, bây giờ ổng thành Thiên tử rồi đó.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ, ra khỏi phòng ban đêm đi kinh hành nơi đất

trống, trông thấy ánh sáng kỳ diệu, chiếu khắp rừng cây, liền nói kệ:

Sắc trời nào vi diệu,
Trụ ở giữa hư không;
Giống như núi vàng rực,
Ánh sáng Diêm-phù-đàn?

Quý vị thấy không? Thiện Trang không biết tại sao trong kinh chư Thiên [thường] xuống vào ban đêm, ở đây cũng là xuống [vào] ban đêm. Ban ngày cũng có, nhưng hay xuống vào ban đêm hơn.

Thiên tử Chất Đa La nói kệ đáp:

Tôi là vua Trời-Người,
Là đệ tử Cù Đàm;
Trong rừng Am-la này,
Trưởng giả Chất Đa La.
Nhờ tịnh giới đầy đủ,
Hệ niệm tự tịch tịnh;
Thân giải thoát đầy đủ,
Thân trí tuệ cũng thế.
Tôi biết pháp nên đến,
Nhơn giả cần nên biết;

Quý vị thấy ổng xưng là vua của Trời Người rồi, tức là ổng lên đó ổng làm vua luôn đó, chứ không phải bình thường. Là Đệ tử của đức Phật, trong rừng Am-la, ổng là Trưởng giả Chất Đa La, nhờ tịnh giới đầy đủ (nhớ giữ giới), hệ niệm tự tịch tịnh (đây là tu Thiền), thân giải thoát đầy đủ, thân trí tuệ cũng thế. Tôi biết pháp nên đến, Nhơn giả cần nên biết.

Nên nơi Niết-Bàn kia,
Pháp tùy pháp như vậy.

Thiên tử Chất Đa La nói kệ xong, liền biến mất. Tức là ổng chỉ tới làm

cho [có] niềm tin thôi, rồi ổng biến mất.

(Kinh 574. Bịnh Tướng - Kinh Tạp A Hàm).

Đây là tấm gương mà Thiện Trang rất nhớ, ông Trưởng giả Chất Đa La là một trong những người Cư sĩ tu rất tuyệt vời. Thiện Trang rất mong chúng ta cũng nên làm như vậy. Cho nên thời đức Phật tu như vậy, có khó gì đâu quý vị, từ từ chúng ta dẫn những tấm gương như vậy. Bởi vì người Cư sĩ, chúng ta thường hay có bệnh tự ti, nhưng quý vị thấy ông Trưởng giả Chất Đa La này có tự ti không? Ổng tu rất tốt, đúng không? Cho nên mình cứ học, quan trọng là phải học giáo pháp, thì sẽ rõ ràng.

Quý vị thấy, căn cứ vào đây, không biết ổng tu như thế nào, nhưng rõ ràng chắc ổng đắc đến Tứ thiền [thì] mới sanh về trời Tứ thiền, tại vì ông đắc Tam quả A-na-hàm mà. Cho nên Tam quả A-na-hàm tự tại ra đi đúng không? [Quý vị] thấy chưa? [Cho nên] có điều kiện thì ráng tu đến Tứ thiền là chắc ăn nhất. Sơ thiền cũng đỡ đau rồi, Nhị thiền cũng đỡ đau, Tam thiền thì đỡ đau hơn nữa, cứ theo tầng Thiền mà bớt đau. Nhưng để tự tại mà chắc ăn nhất, nếu theo kinh này. Chúng ta thấy bài kinh lúc nãy là Tứ thiền nha, cho nên ráng tu đi. Thiền chỉ cũng quan trọng lắm đó, ai cũng muốn tự tại ra đi, nhẹ nhàng chứ. Bữa nào Thiện Trang giới thiệu cho câu chuyện ông Trưởng giả Cấp Cô Độc, ổng không có tu Thiền gì hết, cho nên [lúc] ra đi ổng đau quá, mặc dù chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, để [từ từ] chúng ta sẽ nghe.

Phần tiếp theo cũng là một kiến thức pháp giải nữa, là làm sao biết được những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán? Đây là câu hỏi rất quan trọng, bởi vì chúng ta thường đồn người này là A-la-hán, người kia [là A-la-hán] thì chúng ta coi thử vấn đề này được giải quyết như thế nào? Mời quý vị theo dõi:

Làm Sao Biết Được Những Vị Đang Đi Trên Con Đường Hướng Đến Đạo Quả A-La-Hán?

(Trích từ Kinh Tương Ưng)

Một thời Thế Tôn ở Sāvatthī, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migāra.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, và đến ngồi tại mái hiên phía cửa ngoài. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Vua Pasenadi tức là vua Ba Tư Nặc, Bình Xa Vương. Ông này rất nổi tiếng, cho nên chúng ta có thể biết được, một người hay được nhắc trong kinh, ông cũng hỏi Phật nhiều lắm.

Lúc bấy giờ, bảy vị bện tóc, bảy vị Niganṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với thân đầy lông, với móng tay dài, lớn như cây lau, mang các dụng cụ khất sĩ đang đi ngang qua, cách Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào phía một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Niganṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy và nói lên ba lần tên của mình: "Thưa chư Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala".

Ở đây chúng ta cũng hiểu được chút, là lúc đó có nhóm ngoại đạo, mỗi bên mình nói 7 cho tiện, 7 người tu theo đạo bện tóc, 7 người Niganṭha (Niganṭha là kiểu Ni Kiền Tử, cũng giống giống vậy, phái Ni Kiền Tử), 7 vị lõa thể (tại vì Ấn Độ có tới 95, 96 giáo phái ngoại đạo), rồi 7 vị mặc một y, 7 vị du sĩ đi ngang qua. Lúc đó vua Pasenadi (là vua Ba Tư Nặc) nói tên của mình, ông cũng thành kính đối với các Tôn giáo lắm, cho nên ông mới xưng như vậy.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Niganṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy đã đi qua không lâu liền đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. (Tức là ông ấy cung kính với ngoại đạo, bây giờ ông ấy hỏi đức Phật thôi).

Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn: (Đây là ngôn ngữ của Kinh Pāli, và Kinh A Hàm, cứ lặp đi lặp lại, thực ra chỉ cần nói 'vua ấy' là được rồi, cứ nhắc vua Pasenadi nước Kosala, nhắc tên mấy vị đó, nhắc đi nhắc lại, nên dài. Thực ra nội dung Kinh thì không dài lắm đâu, mà do lặp đi lặp lại thôi).

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên

đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

Câu hỏi cho chúng ta, câu hỏi mà chúng ta rất là quan tâm, đây là câu hỏi mà vua Ba Tư Nặc hỏi giùm cho chúng ta, là những vị đó có phải A-la-hán hay không? Hay là những người đang đi đến con đường đạo quả A-la-hán? Vậy bây giờ làm sao biết được, đức Phật sẽ trả lời như thế nào?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là Cư sĩ, trong khi còn sống thọ hưởng các dục, bị con cái trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kāsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

Tức là đức Phật trả lời rõ ràng, nếu Đại vương còn là người Cư sĩ, Đại vương sống thọ hưởng các dục, bị con cái trói buộc, rồi quen toàn xài đồ sang như chiên đàn thơm, rồi các vòng hoa hương thơm, rồi sáp, sử dụng vàng bạc. Thì Đại vương làm sao biết được đó là A-la-hán, hay là đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả hay không.

Cũng vậy, nếu chúng ta sống ở thế gian, chúng ta thấy như vậy thì làm sao biết được. Bài kinh này hay lắm, để xác định được ai thế nào, thì chúng ta học bài kinh này để nhận định. Đức Phật không trả lời trực tiếp, mà đức Phật nói như vậy.

Thưa Đại vương, *chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người*, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Đức Phật nói là phải ở chung với họ, cộng trú tức là ở chung với họ, thì mới biết được giới đức của một người. Chứ mình cứ nghe nói, giống như mình coi trên mạng không [thôi], thời nay giống như mình nghe ai đó thần tượng, rồi Đệ tử họ tung hô ghê gớm, nhưng mình có gặp người ta đâu, thì làm sao biết được, không biết giới đức của họ. Rồi phải trong một thời gian dài theo dõi mới được, chứ không biết, cho nên nhiều khi bây giờ bị lừa là vậy.

Quý vị thấy mấy năm nay, Phật giáo mình bị khui ra nhiều rồi, chứ không, hồi xưa mình không biết, toàn coi là Thánh tăng, thế này thế kia. Nhưng thật sự

có phải như vậy không? Chúng ta phải có điều kiện, đó là cộng trú, tức là phải sống chung với họ thì mới biết được. Và phải sống trong một thời gian dài không thể khác được, tức là phải thời gian dài. Rồi phải có tác ý, không phải không có tác ý. Phải có trí tuệ, chứ không phải với ác tuệ là không được, phải có trí tuệ đàng hoàng, không có trí tuệ mà ác tuệ là không được.

Thưa Đại vương, *chính phải có liên hệ mới biết được sự thanh tịnh của một người*, và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Phải có liên hệ với họ thì mới biết được sự thanh tịnh của một người. Giống như bây giờ mình vô chùa, mình đảnh lễ, thì vị Sư lúc nào chẳng thanh tịnh, lúc nào cũng ở trên cao, như như bất động, ngồi cầm xâu chuỗi lăn lăn lăn, hoặc ngồi thiền ghê gớm. Nhưng khi mình gặp chuyện, vô sống chung, hoặc là mình liên hệ có việc gì thì mới biết người ta sân si, lúc đấy mới biết được. Đức Phật nói quá chí lý, cho nên phải có sự liên hệ thì mới biết được. Chứ còn không, người ta ở trên cao thì làm sao mình biết được.

Thưa Đại vương, chính *trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người*, và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Quý vị nhớ giùm cho những đầu mục đầu tiên. Ví dụ như ở đây, chính là phải có liên hệ mới biết sự thanh tịnh của một người, chứ không phải tự nhiên mình biết được đâu. Rồi phải trong thời gian bất hạnh, mới biết được sự trung kiên của một người. Bây giờ từ từ lòi ra hết, [quý vị] thấy chưa? Tới khi bất hạnh rồi mới biết được rõ, đức Phật dạy kỹ lắm.

Đây không phải nói để so sánh người ta là A-la-hán, mà so sánh bạn bè. Đây cũng là cách để mình chọn đồng tu, bạn bè, người thân. Nhiều khi bắt đầu khó khăn, thì không có trung kiên nữa, phản bội, đúng không quý vị? Rõ ràng là như vậy, đức Phật dạy hay lắm.

Thưa Đại vương, chính *phải đàm luận biết được trí tuệ của một người*,

và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Nói tóm lại giống như trên, nhưng phải đàm luận thì mới biết được trí tuệ của một người. Và nhớ là trong thời gian dài. Cho nên không phải vô, nghe giới thiệu ầm ầm rồi tin. Và quý vị thấy Thiện Trang luôn luôn công khai những vấn đề này, Thiện Trang cũng không có ngại cung cấp cho quý vị, để quý vị có một trí tuệ, để quý vị phân biệt được ai như thế nào.

Chứ không suốt ngày thời đại nay, nhiều khi mình bị lừa oan uổng tội lắm. Chúng ta bị lừa thì cũng rất là oan uổng, nên Thiện Trang cung cấp cho quý vị, để quý vị không bị lừa, thì tốt hơn. Thiện Trang cũng khỏi bị lừa luôn. Cho nên không có bí quyết nào giấu hết, có bí quyết đưa ra cho quý vị.

Tóm lại là quý vị nhớ mấy điều: (1) Là mình phải cộng trú thì mới biết giới đức của một người; (2) Phải liên hệ mới biết sự thanh tịnh của một người; (3) Rồi phải có trong thời gian bất hạnh thì mới biết sự trung kiên của một người; (4) Và chính phải đàm luận thì mới biết trí tuệ của một người. Nhớ giùm bốn dòng này, và phải thời gian dài.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là Cư sĩ, trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kāsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi trên con đường hướng đến A-la-hán quả. Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ. Thưa Đại vương, chính phải có liên hệ mới biết được sự thanh tịnh của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ. Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ. Thưa

Đại vương, chính phải đàm luận biết được trí tuệ của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài, không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ".

Tóm lại đoạn này lặp lại y chang như vậy. Mấy đoạn kinh này chúng ta cứ đọc lướt qua, những nội dung đó mình đã đọc kỹ ở trên rồi, thì đây mình biết lặp lại thôi.

Bạch Thế Tôn, có những người trinh thám này của con, những người trinh sát, sau khi đi trinh sát một nước, họ đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. (Tức là ông vua thì có trinh thám, trinh sát).

Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, họ được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy mới nói lên bài kệ: (Bài kệ này hay lắm, quý vị nghe nha)

Không phải do sắc tướng,
Biết rõ được con người,
Không phải nhìn thoáng qua,
Đặt được lòng tin cậy,
Dưới bộ áo đạo đức,
Với hình tướng tự chế,
Những kẻ sống buông thả,
Sống phây phây đời này,
Như bông tai bằng đất,
Giả dạng bông tai thật,

Như nửa tiền bằng đồng,
Được sơn phết lớp vàng,
Một số sống che đậy,
Ẩn kín dưới bề ngoài,
Nội thân thật bất tịnh,
Mặt ngoài giả mỹ diệu.

(Kinh (3.11) Bện Tóc: Sattajaṭila (SA 1148, SA2 71) - Tương ưng Kosala – Kinh Tương Ưng Bộ).

Chúng ta xem lại bài kệ này, không phải do sắc tướng mà biết rõ được con người; không phải nhìn thoáng qua mà đặt được lòng tin cậy. Nhớ nha! Bây giờ tìm thầy, thấy tướng tốt, tướng đẹp v.v… tướng đẹp trai như [người] mẫu thì mới vô. Đức Phật nói không phải do sắc tướng mà biết rõ một con người, vì sao quý vị? Vì nếu quý vị học rõ về giáo pháp đức Phật, tướng mạo tùy vào nghiệp, nhiều khi nghiệp đời này khiến trổ một quả nào đó, nên sẽ xấu, hoặc là trổ quả nào đó nên đẹp. Cho nên không hẳn là do nghiệp. Người có khi xấu hoắc nhưng trí tuệ người ta thâm sâu, người có khi đẹp nhưng trí tuệ dở, hoặc là những vấn đề khác nữa. Rồi không phải nhìn thoáng qua mà đặt được lòng tin cậy, nhớ nha!

‘Dưới bộ áo đạo đức, với hình tướng tự chế; Những kẻ sống buông thả, sống phây phây đời này’. Điều này thời nay cũng có đúng không? Nhiều khi nổi tiếng ghê gớm, xây dựng hình tượng ghê gớm lắm.

‘Như bông tai bằng đất, giả dạng bông tai thật, như nửa tiền bằng đồng, được sơn phết lớp vàng’. Tiền bằng đồng thôi mà phết lớp vàng, nói chung là vàng giả.

‘Một số sống che đậy, ẩn kín dưới bề ngoài, nội thân thật bất tịnh, mặt ngoài giả mỹ diệu’. Cho nên đức Phật cũng nói là không tin. Chưa! Phải có bốn tiêu chuẩn trên, nhớ nha!

Cho nên càng học kinh điển, quý vị thấy kinh điển, Kinh Nikaya quan trọng không? Quan trọng vô cùng! Vậy mà không học thì uổng phí đúng không? Quý vị không học nên mới dễ bị lừa. Cho nên Sư Toại Khanh mới nói là: “Phật tử mà dốt giáo lý bao nhiêu, là còn nô lệ cho quý thầy, quý cô càng nhiều”. Cho nên chúng ta mà học sáng suốt rồi, rõ ràng hết, thì không ai dụ ai lừa được hết. Trí tuệ của Phật đầy đủ hết. Cho nên những bộ kinh A Hàm, Kinh Nikaya cực kỳ hay, hay hơn rất nhiều.

Còn quý vị đem đạo Nho ra, họ nhồi vô, là cứ toàn ở dưới thờ trên, thờ một cách máy móc, thờ một cách chết luôn. Đạo Gia cũng vậy. Còn Phật giáo hay lắm, đức Phật luôn luôn nói sự thật, luôn luôn nói ra những điều để dạy cho mình, [làm] ai cũng khôn lên, ai cũng trí tuệ lên, ai cũng tự mình có thể sống được giữa đời, ai

cũng có thể tự cất bước mà đi, chứ không phụ thuộc vào bất cứ điều gì cả, đó mới là đạo giải thoát. Còn mình toàn là dựa [vào người khác].

Trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn, có vị Bà-la-môn ngoại đạo tới hỏi ngài A Nan: Đức Thế Tôn giao phó các ngài nương tựa cho ai? [Ngài A Nan trả lời]: *'Không nương tựa A-Nan, không nương tựa Ca Diếp, không nương tựa ai hết'*. [Ông Bà-la-môn hỏi]: *'Ủa! Chứ các ngài nương tựa vào đâu mà các ngài có thể duy trì được Đạo pháp?'* Nương tựa vào gì quý vị ? Đức Thế Tôn nói nương tựa vào hai điều, đó là **nương tựa vào Giới và nương tựa vào Kinh**. Những gì đức Thế Tôn dạy, cứ làm theo như vậy là ok. Ngài không bảo nương tựa vào một người nào khác, 'chỉ có Giới và Pháp của Ta là nơi nương tựa che chở cho các ngươi đó'. Đức Phật nói rõ ràng vậy rồi, cho nên hay lắm!

Chắc người ta không dám nói Pháp, người ta nói Khổ cho trật ra, chứ không, nói Pháp là bị lòi ra đúng không? Cho nên đôi khi mình phải học kinh, học kinh rồi thì mình mới biết được rõ ràng.

Hôm nay Thiên Trang xin giới thiệu những nội dung mà hồi bữa Thiện Trang chưa chia sẻ về Tứ chánh cần và Tứ như Ý túc, thì hôm nay giới thiệu luôn cho quý vị cho đủ 37 Phẩm trợ đạo .

Tứ Chánh Cần – Tứ Như Ý Túc

(Trích từ Kinh Tăng Chi Bộ)

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn? (#Thắng tri: thắng là vượt qua, tri là biết. Vượt qua và biết về tham, thì quý vị phải tu tập bốn điều. Thế nào là bốn?)

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo (1) đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng; tinh tấn, sách tâm, trì tâm không cho sanh khởi.

Tức là đối với những pháp ác, bất thiện chưa sanh, thì mình hãy khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn tức là mình siêng năng, phải nhắc tâm mình và giữ tâm mình, không cho sanh khởi. Mình chưa làm việc ác đó, ví dụ chúng ta chưa phạm giới tà dâm, tà dâm là pháp ác bất thiện, mình chưa phạm nhưng mình phải cố

gắng tinh tấn và phải nhắc nhở tâm mình, giữ cho tâm mình đừng để sanh khởi. Đó là điều thứ nhất. Tức là đối với pháp ác chưa sanh, thì hãy cố gắng đừng để sanh trong tâm luôn.

(**2) Đối với các pháp ác bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn cố gắng; tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến chúng đoạn tận**. (Nghĩa là đối với những pháp ác bất thiện mà đã sanh rồi, tức là mình đã làm rồi. Ví dụ như bây giờ mình biết là mình đang trốn thuế, thì hãy cố gắng dừng việc đó, hãy khai thuế cho đàng hoàng, không trốn thuế nữa. Biết mình đang sát sanh thì dừng việc sát sanh lại. Tức là những việc ác đã làm thì cứ cố gắng dừng lại, đừng làm nữa. Đó là hai điều đối với ác).

(3) Đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng; tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến cho sanh khởi. (Pháp thiện mình chưa làm, chưa sanh tức là chưa làm, thì hãy cố gắng để cho sanh khởi. Ví dụ mình chưa tu Bát quan Trai giới, thì bây giờ ráng tu Bát quan Trai giới, nhắc nhở tâm mình cố gắng lên để tu. Còn tu mới được có ít ngày quá thì tiếp tục tu).

(**4) Đối với các pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn cố gắng; tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến chúng được duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bốn pháp này cần phải tu tập**.

Đối với các pháp thiện đã sanh rồi, tức là đã làm rồi, nhưng mình phải cố gắng để duy trì được, và không có lu mờ tức là đừng để yếu đi, mà phải giúp cho tăng thêm, mở rộng thêm; rồi được tu tập được thỏa mãn.

Ví dụ như mình thọ Bát quan trai, bây giờ mình thọ ít, một tháng thọ có hai ngày, thì bây giờ ráng thọ một tháng lên bốn ngày, tiêu chuẩn của Phật là một tháng sáu ngày. Mình thọ thì mình giữ, nhưng giữ chưa nghiêm thì mình ráng [giữ] nghiêm hơn. Có một số đồng tu nói: "Con tu Thiền không vào được Định". Bí quyết là quý vị hãy cố gắng giữ giới Bát quan trai. Có một bí quyết mà quý vị nên nhớ, giữ giới Bát quan trai cho tốt thì tu Thiền định mới được, đừng có tùy tiện quá, ngày nào mà tu tốt thì ngày đó dễ vô Thiền hơn, có đà rồi thì sau này quý vị tu dễ.

Trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya có ba [pháp] Bát quan trai: Một là Ngưu trai;

Ngưu trai nói theo nghĩa bóng là giống như quý vị chăn bò, chăn bò thì đếm coi đủ số bò về là được, cứ thả ra đồng rồi [khi lùa về] thì đếm. Giống như thọ Bát quan trai mà đếm giới, tám giới, thật ra là chín giới, tính giới không ăn phi thời nữa. Ráng giữ, đếm, bữa nay giữ được giới không sát sanh, không trộm cắp, không có dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không đeo tràng hoa thơm, nước hoa v.v… không đi xem nghe múa hát, không ăn phi thời. Mình thấy mình giữ được hết rồi, mình đếm: Ô! Bữa nay mình giữ được rồi. Đó gọi là Ngưu kiền trai. Ngưu trai tức là tu kiểu đó, đếm số thôi, đếm số bò đó, lùa ra ngoài đồng, khi về đếm thấy đủ số bò, đó là như vậy. Mình tu như vậy thì chưa được.

Thứ hai gọi là Ni kiền trai, Ni kiền trai là tu nhưng mong cầu. Hôm nay tu Bát quan trai nửa ngày, một ngày chắc được phước báo [lớn lắm]. Nghe trong kinh thầy Thiện Trang có chia sẻ, trong Kinh Tiểu Bộ có ông đó thọ nửa ngày mà được tòa lâu đài với các cung nữ hầu. Dù ổng làm ác cả đời, nhưng ổng vô đường Ngạ quỷ ổng được thành thần. Mình tu vậy thì chắc mình được lên trời Đao Lợi v.v… thế này thế kia. Mình nghe như vậy, mình tu kiểu đó gọi là Ni kiền trai. Ở trên là Ngưu trai, ngưu trai là trai của bò, giới của bò. Đó là phước báo Hữu lậu.

Còn quý vị tu Thánh trai, là trai của bậc Thánh, thì quý vị phải trì tâm như Chân nhân một ngày một đêm. Một ngày một đêm luôn luôn nhớ, ngày tu Bát quan trai xong là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Bữa nào Thiện Trang dẫn Kinh Tăng Chi (hình như trong Kinh Tăng Chi Bộ) nói rõ hơn, tức là quý vị phải giữ được lúc nào cũng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, không có phóng dật, không để chạy lung tung. Ngày hôm đó quý vị tu kiểu đó thì quý vị được vô gần như Thánh quả Tu-đà-hoàn, hướng đến đắc Tu-đà-hoàn, đó mới là Thánh trai. Mà ngày hôm đó phải tu Thiền nữa để vào Sơ thiền v.v... Tu như vậy mới là Thánh trai.

Cho nên mình tu thế nào? Mình muốn vô Sơ thiền được thì mình phải giữ giới Bát quan trai, còn quý vị giữ Ngũ giới [không thôi] thì tu sẽ không dễ vô Sơ thiền đâu. Tức là riêng ngày hôm đó, quý vị muốn tu vô được Thiền là phải như vậy. Còn nếu ngày bình thường, quý vị giữ năm giới thôi, vẫn có chuyện vợ chồng, thì quý vị không vào được Sơ thiền đâu. Đó là lý do.

Có nhiều người nói tại sao không vô? Tại vì thiếu giữ giới Bát quan trai. Bởi

vì Sơ thiền là phải ly dục, ly các pháp ác bất thiện, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không có mong muốn điều gì. Phải như vậy! Ngày đó tu là tâm mình phải buông xuống. Tu lâu lâu đắc Thiền cũng được, đắc một thời gian là mạnh lắm, thì tu dễ, sau đó tu bất cứ đề mục nào hay tu [pháp] gì cũng mạnh. Quý vị biết là quý vị giữ tốt. Cứ tu đi, hưởng sự an lạc sướng lắm, đã lắm, rồi tự nhiên quý vị thích, quý vị chẳng thích gì ở thế gian nữa, cho nên lúc đó là quý vị tu tốt. Cho nên cố gắng tu như vậy.

Ở đây là nói Tứ chánh cần. Tứ chánh thì dễ thôi, tóm lại là các pháp ác bất thiện chưa sanh thì mình đừng cho sanh, các pháp ác bất thiện đã sanh thì diệt đi, các pháp thiện chưa sanh thì cho sanh, các pháp thiện đã sanh thì tăng thêm. Vậy là đơn giản! Nói như vậy là Tứ chánh cần. Chánh là chân chánh, cần là siêng năng. Bốn điều cần siêng năng.

Để liễu tri, này các Tỷ-kheo, để đoạn diệt, đoạn tận, trừ diệt, tiêu diệt, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, xả bỏ tham, bốn pháp này cần phải tu tập. (Điều này là cao hơn. Thắng tri là vượt qua và biết về tham, còn điều này là đoạn trừ, tiêu diệt hết luôn, nói chung là hết tham, thì phải tu bốn pháp, đó là Tứ như Ý túc).

Để liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận, trừ diệt, tiêu diệt, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, xả bỏ sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... nhiệt não... tật đố... xan tham... man trá... xảo trá... ngoan cố (có nhiều người khó dạy, đó là ngoan cố)**... bồng bột... mạn... quá mạn... say mê... phóng dật, bốn pháp này cần phải tu tập.**

Có nghĩa là [pháp] này cao hơn nữa, quý vị nếu tu được bốn pháp này, thì quý vị được một trời thứ luôn: là xả bỏ tham, rồi sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, gièm pha, tật đố, xan tham, ma trá, xáo trá, ngoan cố, bồng bột, mạn, quá mạn, say mê, phóng dật, thì phải tu bốn pháp.

- Này các Tỷ-kheo, có bốn chánh cần này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo (1) với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm. (Vẫn là tu bốn chánh cần thôi, nhưng được như vậy đó quý vị).

(2) Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được diệt

trừ, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. (Giống như trên).

(3) Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm;

(4) Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; này các Tỷ-kheo, đây là bốn chánh cần. (Đức Phật nói bài kệ):

Với các pháp chánh cần
Chúng chinh phục Ma giới
Không dính chúng vượt qua
Sợ hãi về sanh tử
Hoan hỷ ly dục vọng
Chúng thắng Ma, Ma quân
Mọi lực namuci
Chúng thoát ly, an lạc.

Đoạn này là do Thiện Trang cắt đoạn giữa ra rồi, đoạn giữa có Tứ như Ý túc, mà đã cắt ra rồi. Cho nên ở đây không có Tứ như Ý túc.

Ở đây đức Phật nói là với Bốn chánh cần thì chinh phục được Ma giới; Không dính chúng vượt qua tức là không có dính Ma mà vượt qua; Sợ hãi về sanh tử tức là vượt qua; Hoan hỉ ly dục vọng; Chúng thắng Ma, Ma quân; Mọi lực namuci (chữ namuci này là tiếng Pali, Hòa thượng Minh Châu không dịch, ngài để luôn là namuci. Thiện Trang có tra chữ namuci này tương đương với chữ mara, tức là Ma) tức là thắng mọi lực của Ma, chỉ đơn giản vậy thôi; Chúng thoát ly, an lạc.

Tứ chánh cần nói vòng vòng vậy thôi, thật ra tóm tắt đơn giản là quý vị chỉ cần nhớ: Đối với thiện chưa sanh thì mình khiến cho sanh, thiện nào đã sanh rồi thì mình duy trì và tăng thêm. Còn điều ác nào chưa sanh thì ngăn lại, đừng cho sanh. Điều ác nào đã sanh rồi thì diệt trừ đi. Bốn điều đó gọi là Tứ chánh cần. Mình siêng năng tinh tấn, mình giữ những điều đó thì gọi là Bốn chánh cần.

(Kinh (4.13) Chánh Cần: Padhāna (SA 875–876, AN 4.69, AN 4.275* -

Kinh Tăng Chi Bộ)).

Quý vị nhớ Kinh Tăng Chi Bộ có bài kinh này, thì chúng ta sẽ dễ nhớ thôi. Tứ chánh cần là một điều rất dễ nhớ, không khó, đơn giản vậy thôi.

Ở đây nói về Tứ như Ý túc luôn cho hết.

Tứ Như Ý Túc

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn? (#Thắng tri là vượt qua được và biết được tham, thì chúng ta phải tu bốn pháp).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo (1) tu tập như ý túc, thành tựu với Dục thiền định Tinh cần hành: đầu tiên là phải tu Dục như Ý túc. Ở đây gọi tắt là Dục như Ý túc. Mình phải tu như thế nào? Mình phải tu Thiền định Tinh cần hành. Tu với sự mong muốn, rồi mình phải tu Thiền định, và tinh cần hành tức là siêng năng thực hành. Cho nên Tứ như Ý túc là phải tu Thiền, chứ không phải là tu bình thường.

(2) Tu tập như ý túc, thành tựu với Tinh tấn Thiền định Tinh cần hành: điều đầu tiên là dục, tức là mong muốn thôi, mình mong muốn Thiền định. Cho nên nhiều đồng tu bây giờ không có tu Thiền định, không có mong, thì đó là mình mình thiếu Tứ như Ý túc này. Và đây là Tinh tấn Thiền định Tinh cần hành là phải tu tinh tấn, tu Thiền định.

(3) Tu tập như ý túc, thành tựu với Tâm thiền định Tinh Cần hành: có nghĩa là mình phải tu tâm Thiền. Tâm mình phải là tâm Thiền chứ không phải bình thường đâu. Tâm Thiền thì mai mốt học Vi Diệu Pháp, chúng ta học tới phần sau thì sẽ học tâm Thiền là thế nào.

(4) Tu tập như ý túc, thành tựu với Tư duy Thiền định Tinh cần hành: cũng vậy, mình phải tu làm sao để luôn luôn tư duy trong thiền định, chứ không phải bây giờ mình tu, mình coi thường, nào nói ngồi thiền chấp tướng v.v... thì thôi, thua! Đó là nói ngược với Phật hết.

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. (Bây giờ

mình muốn thành tựu được thắng (tức là vượt qua) và biết được tham, thì mình phải tu bốn pháp này).

((4.276) Như Ý Túc: Iddhipāda -(4.13) Chánh Cần: Padhāna (SA 875–876, AN 4.69, AN 4.275* - Kinh Tăng Chi Bộ).

Thật ra đơn giản thôi, quý vị nhớ là người ta viết tắt là Dục như Ý túc, Tinh tấn Như ý túc, Tâm như Ý túc, và Tư duy Như ý túc thì điều nào cũng là tu Thiền hết. Bốn điều này đều là tu Thiền hết. Cho nên không tu Thiền thì thua, không có [Tứ như Ý túc].

Vậy thì đơn giản thôi, quý vị chỉ cần nhớ bốn điều này, người ta sẽ nói tắt là Dục như Ý túc, Tinh tấn Như ý túc, Tâm như Ý túc, và Tư duy Như ý túc. Nhưng nếu đầy đủ thì phải nói như vầy: [‘Dục thiền định Tinh cần hành... cho đến Tư duy Thiền định Tinh cần hành], mấy điều này cộng thêm đuôi ‘như ý túc’ nữa. Nói chung là tu pháp nào cũng là Thiền định Tinh cần hành, giống nhau mà, mình chỉ cần nhớ mấy chữ đầu thôi, ghép vô.

Đó là một bài kinh. Còn một bài kinh về Bốn như Ý túc bên Trung A Hàm nữa, để trích luôn.

Bốn Như Ý Túc

(Trích từ Kinh Trung A Hàm)

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn Như ý túc (cũng nói là bốn thần túc đó)**, Tỳ-kheo thành tựu Dục định, thiêu đốt các hành, tu tập như ý túc, y vô dục, y viễn ly, y diệt, nguyện đến phi phẩm.**

Đầu tiên là Dục định (hay là Dục như Ý túc định, nhưng mình có thể gọi là Dục định) tức là mình phải có mong muốn ở trong Thiền định, chứ không phải mình tu, mình không có mong muốn Thiền định gì hết.

Giống như bây giờ nhiều người lười lắm, lười tu Thiền lắm, kêu thôi niệm Phật cho dễ, Thiền định gì mệt lắm! Kiểu như vậy! Thời nay nói chung chúng sanh lười lắm, cho nên không muốn học điều gì cao siêu, muốn toàn những điều dễ không [thôi]. Trong khi đó pháp Phật là phải tu.

Quý vị nên nhớ là nếu có pháp dễ thì Phật dạy cho mọi người hết rồi. Pháp nào mà nói dễ là toàn đời sau nói, còn đời trước, thời đức Phật, quý vị coi trong kinh đi, dù kinh nào chăng nữa, kinh Tịnh Độ [chẳng hạn], thì quý vị coi kinh nào nói 'vạn người tu, vạn người đi'? Nếu mà như vậy là vô lý đúng không quý vị? Không có chuyện đó! Đức Phật nói là có những chúng sanh căn cơ chín mùi, thì ta giúp cho họ được độ. Có những chúng sanh căn cơ chưa chín mùi, thì ta giúp cho họ căn cơ chín mùi. Có những chúng sanh chưa có căn cơ, tức là chưa có gieo duyên, thì ta giúp cho họ trồng thiện căn, chưa có thiện căn thì ta giúp cho thiện căn. Có những chúng sanh vì nghiệp quá nặng, không tiếp nhận được thiện căn, không tiếp nhận được giáo của Phật, thì ta chờ đợi lúc khác.

Cho nên không phải ai cũng độ được đâu, làm gì có chuyện đó. Nếu mà nói vậy thì mình nói trái Phật rồi, đúng không? Điều đó là nói ngay trong Kinh Địa Tạng đó, kinh nào cũng vậy thôi, kinh Đại thừa hay Tiểu thừa gì cũng vậy. Trong Kinh Địa Tạng, có bốn hạng chúng sanh, ở Phẩm thứ hai đức Phật nói với ngài Bồ-tát Địa Tạng: 'Trong chúng sanh có những người căn tánh sáng lẹ, nghe giáo pháp của Ta thời liền tin nhận'. Đó tức là căn tánh ngon lành rồi, độ được rồi đó. Rồi có người căn tánh không tốt lắm, cho nên phải ân cần khuyên bảo, một hồi rồi mới thành tựu được thiện quả. Có người thì chưa có duyên, cho nên Ta giúp cho họ có duyên. Và người hạng cuối cùng là những người bị nghiệp chướng quá nặng, cho nên chẳng đem lòng kính tin ngưỡng mộ.

Trong bản dịch của ngài Trí Tịnh thiếu một hạng, ngài gom bốn hạng thành ba hạng, thiếu một dòng, thiếu hạng là người mà chưa có [thiện căn] thì cũng có thể giúp cho có. Còn người mà nghiệp quá nặng là thôi, thua! Cho nên là có bốn hạng.

Cho nên trong Kinh A Hàm hay Kinh Nikaya, hay kinh nào cũng vậy, đức Phật luôn chia bốn hạng người. Và chỉ bốn hạng người như vậy, thì rõ ràng đâu phải ai cũng được độ đâu. Chỉ có hai hạng người được độ, là những người đã căn tánh sáng lẹ, tức là người đã thành thục được thiện căn. Thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Và người ta đã sắp chín rồi, cho nên là vô điểm phát chín luôn. Duyên đã đầy đủ, nhân đã đầy đủ, cho nên vô điểm một phát là xong. Còn người chưa điểm thì sao? Thì Ta dạy cho giáo pháp thời này qua thời nọ, bao nhiêu năm nghe trong kinh, tu theo Phật, bao nhiêu năm cuối cùng đắc đạo. Vất vả như vậy đó! Đó là [căn

tánh] chưa chín mùi, bây giờ phải giúp cho chín mùi, chín mùi rồi thì mới giúp cho đắc được.

Còn hạng người thứ ba thì cũng có tin tin một chút, vô trồng thiện căn, trồng căn lành. Rồi hạng người thứ tư thì thôi khỏi luôn, có vô đó cũng không nghe được Phật chút gì hết, thôi thua!

Quý vị nhớ trong Tích Truyện Pháp Cú có câu chuyện, đức Phật giảng quá trời, sau đó ngài A Nan mới nói: Bạch đức Thế Tôn, con thấy đức Thế Tôn giảng hay như thế, mà tại sao có năm vị đó nghe, người thì nhìn lên trên trời, người thì nhìn xung quanh, người thì gục xuống đất...? Nói chung năm người mà chỉ có một người là lắng nghe thôi. Ngài A Nan hỏi như vậy đó.

Đức Phật nói: Người mà ăn rồi nhìn lên trời, là vì ổng nhiều đời coi sao bói quẻ, coi thiên văn. Cho nên bây giờ quen rồi, vô nghe pháp không nổi, nhìn trên trời coi ngôi sao quen rồi. Còn người mà ngủ gục, thì ông đó nhiều đời làm gì đó nên ngủ quen rồi. Còn người mà cứ bốc đất rồi quay qua quay lại thì [nhiều đời] làm khỉ. Nói chung trong năm người thì chỉ có một người là chú ý lắng thôi nghe, ông đó là ổng tu theo đạo Bà-la-môn, ổng đọc kinh điển Vệ-đà quen rồi, cho nên vô cúi nghe được. Đấy! Năm người mà chỉ có một người nghe được, mà nghe thôi chứ cũng chưa hiểu nữa. Mà đức Phật dạy hay lắm, ngài A Nan nói đức Thế Tôn dạy hay quá.

Quý vị thấy không ạ? Đâu có đơn giản đâu! Dễ gì! Pháp Phật phải trải qua Hằng hà sa số kiếp nhiều như vi trần, trong kinh nói như vậy, thì mới được độ. Cho nên là mình nói phương tiện thôi, chư Tổ nói phương tiện đó. Nói phương tiện để trồng căn lành, chứ không phải là độ được đâu. Nếu độ được thì Phật đã độ hết rồi, vì Phật vô cùng từ bi.

Quý vị nhớ trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, Thiện Trang đã trích câu chuyện đó rồi. Có đức Phật là Chiên Đàn Hương Quật, ở trong quá khứ, còn một người chưa được độ, cho nên trước khi nhập Niết-Bàn Ngài đã ẩn mình, đợi người đó ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, đợi đến khi người đó hết thọ mạng sanh xuống nhân gian, hình như đến năm 70 tuổi hay bao nhiêu tuổi đó, tại vì thời đó thọ mạng của chúng sanh dài lắm. Đức Phật đó mới hiện thân ra trước mặt người đó, giảng cho một bài kinh, thuyết pháp cho người đó đắc đạo xong thì đức Phật

mới nhập Niết-Bàn. Cùng lúc đó vô lượng chư Thiên, bao nhiêu ngàn chư Thiên đã nghe pháp đó cũng thành tựu được, rồi Ngài mới thật sự nhập Niết-Bàn. Khi còn một chúng sanh được độ thì Ngài vẫn còn chờ.

Quý vị thấy không ạ? Ngài từ bi như vậy mà. Cho nên trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, quý vị thấy có cô Tỳ-kheo-ni đó nói: 'Đức Như Lai từ bi, thương xót độ chúng sanh, mà sao Ngài không độ con? Con tu hành theo giáo pháp của đức Phật bao lâu rồi, mà không độ con?' Cổ mới khởi ý tưởng đó thôi, mà đức Phật xuất hiện dạy cho cổ một bài, cổ đắc đạo A-la-hán nhập Niết-Bàn trước đức Phật luôn. Quý vị thấy không ạ? Cỡ đó đó! [Cổ là] A-la-hán Tam minh chứ không phải là A-la-hán thường.

Cho nên là khi duyên đến [thì được độ]. Mà duyên là gì? Là tâm mình khẩn cầu tha thiết, thật sự mình đủ, đến lúc nào đó đức Phật thấy đủ là đức Phật sẽ giúp. Còn bây giờ mình tu chưa đủ thì chịu thôi. Mình tu mà mình còn Tà kiến quá thì có cách nào đâu. Bảo: "Tu đi con!" Không! Con thích [pháp] nào dễ, nghe cái nào dễ thì con tu thôi, chứ còn [pháp] này khó quá, cao siêu quá. Vậy thì chấp nhận mình luân hồi tiếp tục thôi. Tại sao? Phật pháp nan văn mà, nan văn nên nghe những điều dễ, nghe dụ thôi. Thời nay chúng sanh thích nghe dụ, không thích nghe khuyên. Thích nghe gạt, chứ không thích nghe sự thật, [nên] rất khó!

Mà trong kinh điển đức Phật dạy rất đơn giản, cũng không có gì cao siêu, cứ tu đi con, tu đi rồi con sẽ thành tựu. Đức Phật nói người chưa được giải thoát, thì có thể tu giải thoát được một phần. Một phần là gì? Là những người nào tu đến Sơ quả hướng (Sơ quả hướng là Tùy tín hành, Tùy pháp hành) hoặc thấp hơn nữa là những người có một phần Thánh quả. Như trong Kinh Địa Tạng nói là người đáng lẽ sanh vào cõi Trời, cõi Người, có nghĩa là tới Nhẫn vị, Thế đệ Nhất vị. Nhẫn vị trong Tứ gia hạnh đó. Còn người nào chưa có căn lành thì trồng căn lành, đó là Noãn vị, Đảnh vị.

Cho nên chúng ta học rồi, kết nối các kinh lại là chúng ta thấy đức Phật luôn luôn nói có một con đường, một kiểu thôi, một lối thôi. Còn sau này, người đời sau bắt đầu dẫn ra đủ các kiểu, làm như mình hơn Phật, tưởng là hơn Phật. Chúng sanh ảo tưởng sức mạnh, chứ thực tế là không có. Pháp môn nào đức Phật cũng gia trì bình đẳng. Quý vị tu Thiền thì không được gia trì sao? Được gia trì chứ! Sư

Minh Tuệ cũng nói vậy mà đúng không? Quý vị thấy không có pháp nào mà không có gia trì hết. Pháp nào cũng tu, mà tu rồi mình thấy đúng Chánh pháp thì càng được gia trì nữa. Thật ra là tu đúng thì có hiệu quả rõ ràng.

Cho nên mình ráng tu, ráng học. Trừ khi đời này mình không có tu học nữa, thì cũng ráng nguyện là cho con đời đời được gặp Chánh pháp. Lỡ có sa đọa thì cũng ngóc lên cho nhanh để mà tu tiếp. Quý vị nguyện như vậy thì thành tựu, chứ còn bây giờ khó lắm, thời càng về sau này ít người giảng Chánh pháp thì còn khó [được nghe] hơn.

Như vậy ở đây đức Phật nói là: **Tỳ-kheo thành tựu Dục định, thiêu đốt các hành** (ở đây có Chú Giải của ngài Tuệ Sỹ: #Tinh cần hành tức tác ý hay nỗ lực tinh cần, tinh cần tức là tinh tấn đó)**, tu tập như ý túc, y vô dục** (y vô dục tức là mình nương vào sự không có ham muốn)**, y viễn ly** (tức là mình xa rời), **y diệt, nguyện đến phi phẩm** (nguyện đến phi phẩm thì có coi trong kinh này, thật ra đơn giản là viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly). **Tinh tấn định, Tâm định** (đây [là] nói tắt) **cũng như vậy** (cũng giống vậy). **Thành tựu Tư duy định** (ở đây ngôn ngữ khác, lúc nãy là Dục, Tinh tấn, Tâm và Tư duy. Còn chữ 'như ý túc' thì lúc nào cũng đi kèm cùng. Dục định Như ý Túc, Tinh tấn Định như Ý túc, Tâm định Như ý Túc, Tư duy Định như Ý túc, cũng giống vậy), **thiêu đốt các hành tu tập như ý túc nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt nguyện đến phi phẩm. Này A-nan, bốn như ý túc này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn như ý túc này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.**

(Trích từ Kinh 86- Kinh Thuyết Xứ - Trung A Hàm).

Tóm lại là bốn cái tên thôi, nói chung là quý vị hãy cố gắng mong muốn, rồi tinh tấn trong tu Thiền định, tâm định trong tu Thiền định (tâm Thiền) và tư duy trong Thiền định. Cứ cố gắng tu như thế gọi là Tứ như Ý túc. Tứ như Ý túc sẽ phát sinh Thần thông nếu như tu thành tựu. Nếu quý vị tu tới Tứ thiền mà thành tựu được Tứ như ý túc như vậy, thì quý vị có thể sống đến một kiếp, bữa trước chúng ta đã trích rồi. Thành tựu được Tứ như ý túc thì người đó có thể kéo dài tuổi thọ sống đến một kiếp, nên đã lắm!

Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu Tâm sở cuối cùng trong các Tâm sở. Chúng ta học 52 món Tâm sở, trong đó có 13 Tâm sở tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện. Nhóm bất thiện thì dễ nhớ lắm, quý vị cứ nhớ 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành: Si, Vô tàm, Vô úy và Trạo cử mà có mặt, là mình biết tâm của mình bất thiện rồi đó.

Cho nên đồng tu nào mà cứ nhắn tin hay là nói gì đó hay là than thở, đang trạo cử, lo lắng tùm lum, thì mình biết là mình đang rơi vào bất thiện, trạo cử rồi đó. Có mặt [những Tâm sở] này chắc chắn là bất thiện rồi, [không] chạy đâu hết.

Tại sao lại bất thiện? Vì lúc đó quý vị đang si, quý vị không có chánh pháp trong tâm, cho nên quý vị lo lắng và suy nghĩ. Rồi lúc đó quý vị cũng vô tàm, vô uý. Nhiều người nói: "Ủa! Lúc đó con vô tàm vô úy lúc nào thầy? Con nhắn tin, con than thở vậy, đâu có chỗ nào là vô tàm vô uý?" Có! Vô tàm, vô uý ở chỗ nào? Vô tàm là không biết xấu hổ. Mình học pháp bao lâu rồi mà không biết ứng dụng; Vô úy là không biết sợ nhân quả. Mình tu rồi, mình học rồi mà còn sợ điều này, sợ điều kia, nghĩ lung tung lang tang. Đó là Vô tàm, Vô uý.

Cho nên [Tâm sở] Bất thiện Biến hành chắc chắn có rồi, thì lúc đó mình coi mình rớt vào hoặc là Tà kiến, hoặc là Tham, hoặc là mình đang Ngã mạn (so sánh) đó, hoặc là mình đang sân, hoặc là mình đang ghen ghét gì đó, hoặc là đang trạo hối (là hối hận, ân hận), hoặc là tâm mình đang bị hôn trầm, thụy miên, nghi ngờ gì đó, nói chung là rớt, thì chắc chắn là bất thiện. Quý vị cứ nhìn có một trong bốn thằng này [Si, Vô tàm, Vô úy, Trạo cử] thì chắc chắn [có] dấu hiệu bất thiện rồi đó. Nhớ nha! Tâm nhiều nhất là Trạo cử, si thì không thấy, nhưng Trạo cử là rõ ràng nhất, tâm mà lăng xăng lăng xăng là bất thiện rồi đó.

Còn muốn thiện thì [phải có] một trời thứ này [19 Tâm sở Tịnh hảo Biến hành], nên khó vô cùng! Nào là phải có niềm tin, là Tâm sở Tín; nào là phải có [Tâm sở] Niệm là ghi nhớ được cảnh, ghi nhớ quá khứ; nào phải có Tàm; có Úy; Vô tham; Vô sân; Tâm [sở] Trung hòa thì vừa vừa thôi; Tịnh tâm, Tịnh thân; Nhu tâm, Nhu thân; Thích tâm, Thích thân; Thuần tâm, Thuần thân; rồi Chánh tâm, Chánh thân. Có được một trời [Tâm sở] đó, thì mới biết là mình có tâm thiện. Rồi từ đó mình coi thử mình đang có những [Tâm sở] nào có thể chạy vô, như [Tâm sở] Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, hoặc là Bi và Tùy hỷ.

[Tâm sở] Tùy hỷ này khó lắm, mình tùy hỷ trên nhân thì được nhưng tùy hỷ trên quả thì khó. Có nhiều người thấy người ta làm thiện, ví dụ phóng sanh thì ok,

vui. Nhưng tới khi có quả tới, nhà đó được quả báo gì đó, nhà giàu giàu chút, hoặc là người ta mua được cái nhà mới hay gì đó, là mình ghen, hết tùy hỷ nổi. [Quý vị] thấy chưa? Rồi người ta học pháp cũng vậy. Học pháp với thầy đó, không phải là thầy của mình, cho nên mình ghét, đâu có tùy hỷ được đâu. Mặc dù biết thầy đó là chân tu, nhưng mình không có tùy hỷ. Nói chung là phải dùng tâm Xả, nếu không dùng Tùy hỷ được thì phải dùng tâm Xả. Đó chỉ là [Tâm sở] Biệt cảnh thôi.

Hôm nay chúng ta học 1 Tâm sở Tịnh hảo Trí Quyền, đó là Tâm sở Trí tuệ. Điều này chúng ta đã học rồi, quý vị nhớ Trí tuệ này cũng gọi là Thẩm như Ý túc trong Tứ như Ý túc (Thẩm như Ý túc, thẩm là thẩm định, là điều nào trong mấy điều như ý túc trên? Chính là Tinh tấn Như ý túc), rồi Trạch pháp trong Thất giác tri, và Chánh kiến trong Bát chánh đạo.

Quý vị nhớ ứng dụng pháp Thất giác chi này rõ ràng nha. Khi nào tâm mình có dấu hiệu trạo cử, lăng xăng lăng xăng, thì quý vị nên tu pháp nào? Bình thường quý vị phải tu Bốn giác chi, lúc nào cũng có Niệm [giác chi] rồi, nên mình chỉ nhớ lúc đó nên tu Thiền chỉ. Vì tâm mình đang lăng xăng lăng xăng, nghĩ nhiều quá, thì tu Thiền chỉ. Lúc đó mình phải tu Xả giác chi, Khinh an Giác chi, và Hỷ giác chi.

Còn nếu tâm mình đang yếu đuối, có nghĩa là mơ mơ màng màng, buồn ngủ, rũ rượi quá, thì mình hãy tu Tinh tấn Giác chi, Trạch pháp Giác chi, phải kéo tâm mình lên. Ở trên là mình tu Định giác chi, còn bây giờ mình phải tu pháp ngược lại, lúc đó mình hãy tu Thiền quán, và mình thay đổi tư thế v.v…

Mình chỉ cần nhớ, tại vì bây giờ mình tu hai thứ là Thiền chỉ và Thiền quán thôi. Lúc nào tâm mình trạo cử nhiều, đang lăng xăng, đang nghĩ nhiều, căng thẳng, thì hãy tu Thiền chỉ. Lúc nào tâm mình đang yếu đuối hay gì đó, buồn ngủ, đơ đơ, thì hãy tu Thiền quán. Nhớ vậy cho đơn giản! Chỉ cần nhớ vậy là được. Chứ còn không, nhiều khi tinh tấn quá thì sẽ sanh ra trạo cử. Toàn nghe pháp không [thôi], nghe pháp một hồi tâm đơ đơ luôn, đó là tâm đang trạo cử nặng quá, thì hãy đi tu Thiền chỉ. Chúng ta có hai pháp rõ ràng.

Thiện Trang chia sẻ về Tâm sở Trí tuệ hay gọi là Tuệ quyền. Trí là gì? Trí có nghĩa là sáng suốt, và chữ tuệ trong Tuệ quyền, cũng là điều hành, có quyền điều hành.

Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền

Trí tuệ hay Tâm sở Tuệ quyền cai quản trong phần hiểu biết thấu đáo tức là phần sáng suốt của tâm, hoặc gọi là trí, hoặc gọi là tuệ.

Tâm sở này cai quản, tức là quản lý được phần hiểu biết một cách thấu đáo, và phần sáng suốt của tâm. Có nghĩa là nếu mình không có [Tâm sở] này, là mình không có hiểu biết thấu đáo, không có sáng suốt được. Cho nên Tâm sở Trí tuệ này cực kỳ quan trọng.

Tuệ quyền hay Tâm sở trí tuệ thì có quyền trong sự hiểu biết thực tính của các pháp, như chúng đang là, tức là thấy về Khổ, về Không, về Vô thường, Vô ngã. (Tức là mình phải thấy thực tính của các pháp là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Mình thấy mấy điều đó thì mới gọi là có trí tuệ).

Khó không quý vị? Khó chứ gì nữa! Giờ mình thấy đời vẫn thường mà, đâu có thấy Vô thường đâu. Mình có thấy Vô ngã đâu, mình có thấy khổ đâu, mình thấy đang sướng mà. Như vậy là không có trí tuệ. Trí tuệ này là Tuệ quyền, là trí tuệ giải thoát, chứ không phải trí tuệ bình thường. Trí tuệ bình thường, tất nhiên mình thấy biết thấu đáo là được rồi. Nhưng trí tuệ này là trí tuệ giải thoát, thì phải thấy được thực tính của các pháp, tức là bên ngôn ngữ Đại thừa gọi là Thật tướng của các pháp, là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, hay là Khổ, Vô thường, Vô ngã. Chữ 'Không' đôi khi thêm vô cho rõ thôi, chứ không cần 'Không' cũng được, Khổ, Vô thường, Vô ngã.

Bởi vì trí tuệ khắc chế Vô minh, nên cũng gọi là Vô si, tức là không mê mờ về trí tuệ.

Khi nào mình có trí tuệ, thì tất nhiên sẽ ngược lại với Vô minh. Khi nào mình biết mình Vô minh? Tức là nhìn thấy đời mà mình không thấy vô thường, mình thấy đời sống dài quá, gia đình mình là thật, con là thật, chồng là thật, là mình không thấy Vô thường, không thấy Vô ngã rồi đó. Nhớ nha! Cái điện thoại bị rớt bể, mình kêu: "Ôi! Tiếc quá! Mất tiền rồi v.v…" Đó là mình đang mê, mình không có trí tuệ. Trí tuệ là [mình thấy được] Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Chuyện đã qua rồi, đằng nào cũng bể rồi, không bao giờ trở lại, tốn tiền thay mặt kính thôi, chứ bây giờ có cách nào khác đâu. Đúng chưa?

Ví dụ một người bị bệnh chết rồi, chết rồi thì quý vị làm gì được nữa? Không có cách gì đâu, chỉ có chấp nhận, đó là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Nhớ như vậy, mình sống như thế thì mình có trí tuệ. Còn mình không chấp nhận điều đó, mình thấy: Ôi! Sao đời tôi thế này, đời tôi khổ thế kia v.v… thì quý vị đang bị Vô minh che lấp, hay chính xác là mình không có trí tuệ. Cho nên phải cẩn thận nha!

Trí có thể dỡ bỏ màn che của Si khỏi sự vẩn đục Pháp nhãn của chúng sanh, và loại bỏ sự chìm đắm trong bóng tối do Si hay là Vô minh. Cho nên được gọi là Minh.

Điều này cũng dễ thôi! Khi nào mình có trí hay là trí tuệ, thì Tâm sở này giúp cho mình không vẩn đục, tức là sáng suốt, mình chặn được bóng tối Vô minh, đơn giản là vậy thôi.

Trí tuệ là khả năng hiểu biết thấu suốt, không phải sự biết trực nhận của Thức, hay sự biết kinh nghiệm của Tưởng.

Nghe cho kỹ nha! Sự biết này là biết thấu suốt, chứ không phải trực nhận của Thức, hay là kinh nghiệm của Tưởng. Trực nhận của Thức là thấy cái gì đó thì mình thấy thôi; rồi Tưởng là thấy, đem so sánh với kinh nghiệm, kiến thức lúc trước mình biết những điều gì đó v.v…

Ví dụ như nhìn vào [bóng đèn này], quý vị biết cái này là gì không? Đầu tiên mình nhìn, mình thấy sáng sáng thôi, thì đó là sự biết của Thức. Rồi mình nói là: "À! Cái này là cái bóng đèn tròn, thầy Thiện Trang để bóng đèn tròn ở đây", cho nên mình biết đây là bóng đèn tròn. Sự biết đó là biết của Tưởng, chứ không phải trí tuệ.

Còn trí tuệ là hiểu biết thấu suốt, là mình hiểu sâu hơn, cái đèn này là để tu Thiền chỉ, giúp mình thế này thế kia v.v…. Đó mới là trí tuệ, đèn tròn giúp cho mình có định. Cho nên quý vị để nhiều đèn tròn ở trong nhà mình thì có định. Đừng xài đèn tam giác, đèn gì ghê gớm, càng nhọn bao nhiêu càng mất định bấy nhiêu.

Sẵn đây Thiện Trang nói luôn về việc thờ tự. Quý vị hiểu Vi Diệu Pháp và học tới đây rồi, thì thờ bàn thờ, cố gắng thờ đơn giản, đừng bày trí nhiều thứ trên đó. Có nhiều người để nào là tấm khăn trải bàn, bông hoa lá cành đủ các kiểu, [rồi

hình] nhọn nhọn, mình nhìn vào đó là mất định. Rồi lá cây, lá bồ đề, tùm lum… đủ các kiểu trên đó, là bị loạn. Người học hiểu Vi Diệu Pháp, hiểu Thiền thì hãy thờ tự đơn giản. Phật Bồ-tát, Phật nào, Bồ-tát nào, nước thế nào, đèn nên xài đèn tròn, hoặc ít nhất là hình trụ cũng có tròn [nên] có định. Còn quý vị xài hình tam giác, hình nhọn nhọn nhiều, nhìn vô là mất định. Rồi ly nước cũng vậy...

Quý vị cố gắng để ít thôi, dừng có để lung tung lên ở đó, thì mình nhìn vào bàn thờ, mình có định. Rồi nhà cũng vậy, mình xài làm sao đừng có để quá nhiều thứ lung tung linh tinh chắn hết. Mà mình nên làm sao cho đơn giản, trừ khi nhà chật quá. Giống như Thiện Trang, Thiện Trang ở thất chật quá, không có cách nào giấu đi đâu được, chứ không, Thiện Trang giấu sạch. Giấu sạch đi cho gọn, là tự nhiên mình vô trong thất, vô trong nhà mình có định.

Cho nên đó là cách để duy trì định. Mình học rồi, mình hiểu. Những hình nào tròn là có định, còn những hình nào nhọn nhọn là mất định. Cho nên nhớ, đừng để những gì có hình nhọn nhọn lên, hãy dùng những hình nào tròn, tròn không được thì hình vuông, vuông cũng đỡ, chứ còn để nhiều là mất định lắm. Nhiều người thờ tự không biết, màu mè đủ các kiểu nữa, thì thôi, mất định lắm. Rồi thờ bánh trái gì đó v.v… mình cứ thờ lên vừa vừa thôi, rồi để xuống. Phật không ăn uống gì đâu, nhưng mình để làm sao cho gọn, đẹp. Đèn thờ v.v... mình hãy lựa những cái đèn phù hợp. Quý vị cứ thay đổi từ từ rồi quý vị sẽ thấy, mình tu, vô trong nhà mình là có định, thấy khác ngay.

Đối với hành giả Tuệ quán hay Thánh nhân thì đây là sự biết tự thân, không qua việc nghe hay đọc của người khác về Tam tướng hay duyên khởi của Danh sắc, Ngũ uẩn.

Đoạn này quan trọng: 'Đối với hành giả Tuệ quán hay Thánh nhân (chúng ta chắc chưa là Thánh nhân thì cứ nhận mình là hành giả Tuệ quán đi), thì đây là sự biết tự thân (là tự mình biết), không qua việc nghe hay đọc của người khác về Tam tướng (chính là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, mình phải biết những điều đó) hay duyên khởi của Danh sắc, Ngũ uẩn.

Tức là vòng 12 nhân duyên, do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên

lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não v.v… Bao giờ mình có trí tuệ đó, thì sự biết đó mới gọi là trí tuệ.

Tâm sở này khó vậy đó! Cho nên người thường không có Tâm sở này là bình thường. Bao giờ biết Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, Tam tướng, và biết về Ngũ uẩn nữa. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức không phải là mình, là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, cứ nhớ vậy! Lúc nào nhớ như vậy thì lúc đó có Tâm sở này.

Thông thường Tâm sở Trí tuệ này trong Vô Tỷ Pháp thì gọi Trí hay gọi là Tuệ, có khi gọi là Vô si. (Những tên này đơn giản thôi, là một trong ba thiện căn. Quý vị nhớ ba thiện căn, đó là Vô tham, Vô sân, Vô si. Ở đây Vô si là trí tuệ).

Sau khi đã thành tựu thanh tịnh giới rồi, liền tiến hành tu tập pháp Chỉ đạt đến thanh tịnh tâm. Thì trí đảm trách vai trò quyền lực, hay là trí siêu phàm. Khi đã phát triển cao độ thì trí trở thành một giác chi, gọi là Trạch pháp Giác chi. Cũng là một chi trong Tám thánh đạo hay gọi là Chánh kiến, và tột đỉnh của trí là Trí toàn tri của đức Phật.

Có nghĩa là mình tu phải từ thanh tịnh giới rồi mình tiến lên tu tập pháp để đạt đến được tâm thanh tịnh. Khi đó phát triển lên cao độ, thì Tâm sở trí này trở thành Trạch pháp Giác chi trong Thất giác chi, và trở thành Chánh kiến trong Bát chánh đạo. Nhớ như vậy! Lúc nãy Thiện Trang có để: Trí tuệ trở thành Trạch pháp Giác chi (trong Thất giác chi), thành Chánh kiến (trong Bát chánh đạo), và Thẩm như Ý túc (trong Tứ như Ý túc). Cho nên Tâm sở này quan trọng lắm, mình tu thì mới có được những điều này. Thẩm như Ý túc là Tinh tấn Như ý túc.

Tuệ quyền hay Tâm sở Trí trong khi có thì sẽ như thế nào? Khi nào có tuệ sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết rõ đặc tính, thấu vi tế, cách tri thức, cách hiểu rành, sự suy nghĩ, sự nghĩ ngợi, sự xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gương, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như kẻ dẫn đường v.v… (Nói chung khi mình có trí này thì đương nhiên mình sáng suốt rất nhiều thứ, nói đơn giản là vậy).

Bốn ý nghĩa của Tâm sở Trí:

1. Trạng thái là thấu hiểu rõ đúng đắn: Khi mình có Tâm sở này thì mình sẽ hiểu rõ đúng đắn lắm.

2. Phận sự là làm cho cảnh rõ rệt: thứ hai là làm cho cảnh sẽ rõ.

Ví dụ mình nhìn bức tranh đằng sau, mình thấy mờ mờ, không rõ, nhưng khi mình có trí tuệ thì nhìn thấy cảnh sẽ rõ hơn. Điều này, quý vị tu Thiền thì biết. Ví dụ bình thường mình nhìn cái gì đó cũng vậy thôi, nhưng bữa đó tu Thiền xong mình thấy an lạc, có định, mình ra, mình nhìn bức tranh đó, nhìn cảnh đó, tự nhiên mình hiểu ra nhiều vấn đề, mình thấy các pháp là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Ví dụ mình nhìn bông hoa, bình thường thấy hoa đẹp, mấy người thích hoa đẹp thì toàn nhìn thấy hoa đẹp thôi. Nhưng người khi có Tâm sở [Trí] này, lúc đó sẽ thấy rằng hoa là vô thường, hoa nở thì sẽ tàn, hoa này cũng mong manh, sáng nở chiều tàn vậy thôi. Đời người cũng thế, đó là nhờ cảnh mà xuất hiện Khổ - Không, Vô thường. Và mình thấy [bông] hoa này cũng do duyên mà sanh, cũng do duyên mà diệt, do có ai đó trồng cây đó nên mới có hoa này. Mà hoa này từ cây đó, cây đó từ hạt, mà hạt từ đâu v.v... Mình liên hệ dòng đời luân hồi, một chuỗi dòng suy nghĩ. Chứ người ta không mê [bông] hoa đẹp nữa, mà người ta thấy [bông] hoa là sinh diệt, là Vô thường, là Vô ngã, là Khổ. Nỗi khổ của người trồng hoa, nỗi khổ của người bán hoa, v.v… bây giờ mới có hoa cho mình ngắm.

Quý vị thấy những điều đó thì quý vị sẽ không bị dính tướng vào thế gian, thì mình mới xuất thế gian được. Mình có những điều đó thì dần dần tự nhiên mình nhàm chán, tự nhiên mình không thấy cảnh đẹp nữa. Ngày xưa mình thấy cảnh đó đẹp, thấy bức tranh đó đẹp, nhưng bây giờ mình toàn thấy Khổ - Không, Vô thường. Bức tranh đó rồi bao giờ hư đây? Ngày nó hư thì chắc ông họa sĩ đó cũng chết rồi. Đó là mình nhìn theo trí xuất thế gian.

Cho nên khi có trí đó thì quý vị tu dễ lắm. Còn mình không có trí đó thì mình dính vào cảnh: Ừ! Hoa đẹp! Hoa màu hồng, màu xanh, màu đỏ... rồi bức tranh này [đẹp], bức tranh kia [đẹp] v.v… chứ mình không thấy được thật tướng (hay thực tính) của các Pháp. Mình nói vậy cho dễ.

3. Thành tựu là không mê với cảnh*:* Rõ ràng là như vậy! Bởi vì khi đó quý vị sáng suốt với cảnh lắm, thì làm sao mà mê được, cảnh không kéo mình được.

4. Nhân gần là tác ý khéo (hay khéo tác ý), hoặc nhân gần là Pháp quyền đầy đủ, hoặc nhân gần là xa lìa Phiền não, hoặc nhân gần là tái tục (tái sanh) bằng tâm Tam nhân.

Ở trong Vi Diệu Pháp nói là người tái sanh bằng tâm Tam nhân thì họ có sẵn trí giác này, nên họ dễ đắc Thiền và đắc Đạo. [Người] có tâm Tam nhân thì tự nhiên nhìn đời thấy vô thường, lớn lên tự nhiên nhìn xung quanh, người ta thì có người yêu, chuẩn bị lập gia đình, còn họ nhìn xung quanh thấy [lập] gia đình thì có gì đâu, thấy khổ quá, mai mốt nuôi con, sáng chạy đón đưa đi học, ốm thì tranh thủ chạy đi bác sĩ, mua quần áo, mua sách vở cho con, suốt ngày con, con, con… một mớ khổ. Rồi [họ] thấy [bông] hoa cũng chả có gì sướng, hoa nở hoa tàn, trồng mệt gần chết. Rồi thấy cái nhà xây thiệt bự, phải đi làm bao nhiêu năm để trả nợ cho cái nhà… [Họ] toàn nghĩ là Khổ - Không, Vô thường Vô ngã thôi. Đó là do đầu thai bằng tâm Tam nhân nên có trí đó.

Quý vị thấy không ạ? Tại sao chúng sanh mê quá? Vì không có trí đó. Mà họ lại không có nhân là gần các vấn đề để người ta huân tập thêm, mà toàn gặp chúng sanh dụ cho thêm đi vào chỗ mê thêm nữa, cho nên không có hiểu biết đúng đắn được.

Rồi có tướng trạng là sự hiểu biết đúng đắn, có nhiệm vụ là làm cho đối tượng sáng tỏ, có biểu hiện là không suy ám. (Điều này thì rõ ràng, mình nhắc lại thôi).

Tâm sở Trí tuệ khi phát triển chung với Định ở mức cao thì sẽ thành ra Thắng trí, để biết những chuyện nằm ngoài khả năng nghe nhìn thông thường của chúng sinh, dù vẫn là cảnh Tục đế.

Điều này ghê lắm! Thắng trí là Thần thông đó quý vị. Tức là Tâm sở Trí tuệ này phải đi chung với Định ở mức cao, tức là mình phải tu Thiền, thì sẽ sinh ra Thắng trí. Và lúc đó mình có khả năng biết những chuyện ngoài khả năng nghe nhìn thông thường của chúng sanh, dù cảnh đó là bình thường thôi, là cảnh tục đế, mình vẫn đang sống trong đây.

Khi trí tuệ phát triển cùng với Chánh niệm ở mức rốt ráo nhất thì sẽ dẫn đến Thánh trí. Tức là Thánh Đạo, Thánh quả và Trí phản kháng; #phản tức

là nhìn lại. Nhìn lại cái gì? Khi mình chứng đạo rồi mới nhìn lại được thôi, chứ không chứng đạo thì không nhìn được điều này.

Thứ nhất là nhìn lại Phiền não đã trừ. **Thứ hai nhìn lại Phiền não dư sót** (tức là lúc đó mình tự biết là mình đã trừ được bao nhiêu Phiền não rồi, và còn bao nhiêu Phiền não nữa). **Thứ ba là nhìn lại Thánh Đạo đã chứng** (lúc đó mình sẽ tự biết mình chứng quả gì). **Thứ tư là nhìn Thánh quả đã chứng** (tức là Thánh Đạo và Thánh quả. Đạo là hướng tới, ví dụ như mới Tư-đà-hàm hướng thôi, còn Thánh quả là Tư-đà-hàm rồi). **Thứ năm là nhìn lại Niết-Bàn đã thấy bằng Thánh đạo**. Điều này thì phải chứng được A-la-hán mới có.

Năm Trí phản kháng (tức là nhìn lại đó) **đem nhân với bốn tầng Thánh trí, trừ đi một** (tức là trừ vị A-la-hán là không còn gì để nhìn nữa, phản kháng hay sót Phiền não gì nữa), thành ra là có 5 trí đó nhân với 4 tầng Thánh là thành 20, trừ A-la-hán không có trí mà nhìn lại Phiền não còn dư sót, thì còn 19 trí về phản kháng này.

Tâm sở Trí tuệ thì có mặt trong 79 Tâm sở Tịnh hảo, là 12 tâm Dục giới Tương ưng trí (tức là Tâm Dục giới thì có nhiều, nhưng có 12 tâm Tương ưng trí thôi)**, 27 tâm Đáo đại và 40 tâm Siêu thế.** Những điều này thì mình chưa học, bữa sau mình sẽ học về tâm Dục giới, tâm Đáo đại, tâm Siêu thế là gì. Tâm Siêu thế là tâm của bậc Thánh. Từ Tu-đà-hoàn hướng tới A-la-hán thì có 8 bậc, mỗi [bậc] có 5 tầng Thiền, 8 x 5 =40, thành ra có 40 tâm Siêu thế.

Trí và Tuệ tuy tên khác nhau nhưng là một pháp thật tính thôi. Tức là trạng thái sáng suốt, trạng thái rõ biết cùng sanh với tâm. (Cho nên có khi gọi là Trí, có khi gọi là Tuệ, thì cũng không quan trọng).

[Tâm sở] Trí Tuệ tóm lại là có ba:

1. Một là Trí văn, là do nghe, học mới biết được thấu đáo những nghĩa lý sâu sắc, cao siêu như Pháp, Lý bậc cao của nhà Phật, hoặc Triết học hay Toán học, hay những tài nghề khó khăn (là nghề khó).

Tức là bây giờ có 3 loại trí: Trí văn, Trí tư và Trí tu. Trí văn là phải do nghe, học thì mới biết. Giống như học Phật Pháp, có nhiều điều mình phải nghe thì mình mới biết, chứ không nghe thì làm sao biết. Không nghe thì làm sao biết Sơ quả Tu-

đà-hoàn, Nhị quả Tư- đà-hàm, v.v… Rồi như Triết học hay Toán học cũng vậy, cũng phải học thôi. Hay là một số ngành nghề khó quá, thì mình cũng phải học thì mới biết được, còn không học thì không biết được. Đó gọi là Trí văn.

2. Hai là Trí tư, là chính tâm sáng suốt (tức là tâm mình tự sáng suốt), **nghiên cứu tìm tòi để được trải nghiệm, hiểu biết những điều nằm ngoài kiến thức sách vở. Người thế gian thường nói đó là Thiên tư, chứ kỳ thật là do duyên, nghiệp đã tạo ra trước kia.**

Tức là bây giờ Trí tư cũng hay hơn. Mình nghe là nghe vậy thôi, nhưng do mình suy tư tìm hiểu v.v… nên tự nhiên biết những kiến thức ngoài sách vở. Người thế gian gọi là Thiên tư, còn trong Phật Pháp thì nói là người có giải ngộ ghê gớm lắm, nhưng thực tế là do Trí tư này ra.

Ví dụ như mình học, đức Phật chỉ nói trong kinh có bao nhiêu đấy thôi, nhưng tự nhiên mình kết nối được. Ví dụ đơn giản như thế này: Mình học, mình chưa biết là Sơ thiền có thể vượt lưới ma, nhưng nếu mình tu mà đắc được Sơ thiền, [thì] tự nhiên mình thấy tâm mình dừng lại hết, không có nghĩ gì hết, như vậy thì ma cảnh đâu có đâu. Cảnh không có thì ma không có, tâm lúc nào cũng đang an lạc trong đó, chìm trong đó, định trong đó, mình đâu có suy nghĩ gì đâu, đâu có ham muốn gì đâu mà [có] lưới ma. Nên mình biết Sơ thiền là vượt qua lưới ma. Mặc dù mình chưa học đến là Sơ thiền vượt qua lưới ma, nhưng mình có thể biết được như vậy, đó là Trí tư. Mình biết Sơ thiền là trạng thái đó, là tự mình suy nghĩ ra.

3. Thứ ba là Trí tu, là những tuệ phát sanh do tu hành tỏ ngộ, đắc chứng khi hành Tứ niệm xứ hoặc Tuệ sanh chung với tâm Thiền.

Quan trọng là Trí tu. Trí tu là trí tuệ phát sanh do tu hành tỏ ngộ khi hành Tứ niệm xứ hoặc tuệ [sanh] chung với tâm Thiền. Tức là có hai trường hợp: Một là mình tu Thiền quán (Tứ niệm xứ) [thì trí] sanh ra. Hai là mình tu Thiền chỉ. Khi mình đắc Thiền chỉ, mình có tâm Thiền thì tự nhiên tỏ ra, ngộ ra được nhiều thứ lắm. Trí tuệ phát sinh ra được như vậy, đó là Trí tu. Cho nên muốn có Trí tu là phải tu Thiền quán và Thiền chỉ, và khi ngộ ra nhiều thứ thì gọi là Trí tu.

Còn Trí tư là do mình suy nghĩ tìm tòi, có nhiều thứ nằm ngoài sách vở, ngoài

kinh sách mà mình hiểu ra được, sự hiểu ra được đó gọi là Trí tư. Nhưng nhiều lúc chưa chắc đã đúng đâu, mặc dù đa số là đúng. Còn Trí tu thì đúng, vì đó là do đắc chứng, mình tu mình chứng, mình biết, nên tự nhiên là biết được thôi.

Bốn nhân để trợ sanh bất tương ưng trí (Bốn điều khiến mình không sinh được trí): (Điều này quan trọng).

1. Nghiệp trước không quen nếp trí, là đời quá khứ ta không thường dùng trí nên bây giờ rất khó phát sanh: nghĩa là do lâu rồi, quen tính lười rồi, đời nào cũng không chịu suy nghĩ, suy nghĩ mệt quá, học Phật pháp thầy Thiện Trang giảng gì đâu đâu, Thánh quả này nọ, dẫn hết cái này đến cái kia, nghe Thiền đau cả đầu, thôi tôi không học. Làm biếng quá, nghe nói niệm một câu Phật hiệu đủ rồi, vãng sanh được rồi, học chi nhiều. Những người như thế là không quen dùng trí. Như vậy cũng không tốt, đời này như vậy, thì đời sau cũng lười vậy thôi. Điều đó khiến trí của mình không sanh được.

2. Sanh nhầm cõi đa sân, nhất là cõi Nam Thiệm Bộ Châu trong thời kỳ tuổi thọ ít, sự ác tăng nhiều, việc quá đa đoan, làm cho tâm người khó yên tịnh, thiếu nhân cận của trí. Như câu: "Thủy thái thanh tắc vô ngư, nhân thái khẩn tắc vô trí". (Tức là nước trong quá thì không có cá, người quá gấp, quá cẩn thận thì không có trí).

Ở đây nói mình sanh ở cõi đa sân thì thiếu trí tuệ. Cõi đa sân chính là cõi chúng ta thời kỳ này, tuổi thọ ít, sự việc ác tăng nhiều, việc đa đoan nhiều quá, nên tâm mình không có yên tịnh được, thì làm sao mà có trí. Cho nên muốn có trí là phải bớt việc, bớt lo lắng đi, [phải] có chút rảnh rỗi. Cõi Nam Thiệm Bộ Châu này là cõi đa sân, nhiều sân lắm. Cho nên mình sanh vào, ở gần những người đa sân, sân suốt ngày làm thiếu trí, mà mình sân mình cũng mất trí. Cho nên muốn có trí tuệ là phải bớt đi, đừng có sân. Mà muốn không sân thì đừng tham, vì tham không được thì sân. Tham danh, tham lợi, tham tiền… đủ các thứ tham. Vì có mong cầu, mong cầu nhiều mà không được, không hài lòng, bất như ý, là sân.

3. Không tránh được Phiền não, hay bị Phiền não phát sanh, thường bị cuốn theo Phiền não.

Điều này rõ ràng! Cho nên mấy người hay bị Phiền não nhiều thì tránh duyên

bớt đi, biết mình yếu thì thôi, đừng ra gió. Biết người đó ăn rồi gặp mình là có chuyện, thì mình tránh đi. Còn không tránh được thì quán trước, là 'thôi kệ nó, bỏ đi', thì mình tránh được Phiền não. Hoặc mình hay bị cuốn theo những điều gì, mình biết là mình mê cái đó thì né đi. Còn không né được thì ráng quán là 'không có gì hết, đừng ham cái đó', đừng thế này thế kia v.v… Mình tránh được Phiền não thì mới có trí được. Còn quý vị có Phiền não nhiều thì không có trí.

4. Khi Ngũ quyền không đủ mạnh, là thời kỳ đức tin, Tinh tấn, Chánh niệm, Chánh tịnh và Trí tuệ chưa đủ, còn yếu kém, vì thiện duyên hay căn lành các đời trước đã tu tập, nhất là Ba-la-mật hay là Pháp độ chưa đầy đủ nên Trí tuệ khó phát sanh.

Điều thứ tư là Ngũ quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ), năm điều này của mình còn yếu kém. Niềm tin của mình yếu, sự tinh tấn của mình yếu (tức là mình lười), Chánh niệm yếu, Định yếu, Tuệ cũng yếu nữa. Vì do căn lành về tu tập, nhất là về Ba-la-mật của mình chưa đủ, nên trí tuệ không sanh. Còn người Ba-la-mật mạnh quá rồi, người ta tu tập nhiều đời rồi, niềm tin của họ vững mạnh, họ tinh tấn, rồi họ có Niệm, Định, Tuệ mạnh, thì người ta dễ sanh được trí tuệ.

Quý vị thấy không ạ? Chúng ta học những điều này thấy rõ ràng lắm, rõ như ban ngày. Sẵn đây Thiện Trang nói về 10 Ba-la-mật luôn đó là: (1) Bố thí, (2) Trì giới, (3) Xuất gia, (4) Trí tuệ, (5) Tinh tấn, (6) Nhẫn nại, (7) Chân thật, (8) Quyết định, (9) Tâm từ, (10) Tâm xả. Đó là 10 Ba-la-mật theo Nam truyền.

Ở đây còn 40 Nguyên nhân giúp sanh Trí tuệ (thành trí) nữa, [40 nguyên nhân] này cực kỳ quan trọng, nhưng bây giờ hết giờ rồi, nói 40 nguyên nhân nữa thì bao giờ mới xong, thôi hẹn quý vị bữa khác giới thiệu sau.

Hôm nay thời gian hết rồi, chúc quý vị an lạc, hoan hỉ. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 45

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 04.06.2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=psYF_cdF3eI
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:
https://www.facebook.com/suthaythichthientrang
https://dieuphap.net/luancauxa/

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học chuyên đề về Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận. Tức là bộ này chúng ta học về bộ Luận Câu Xá cùng với những tinh hoa trong nhiều kinh điển [như] Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, các kinh điển khác, và một số bộ luận khác. Trong đó lấy bộ Vi Diệu Pháp là bộ quan trọng nhất [để] chúng ta căn cứ. Thời gian này chúng ta đang học về phần Vi Diệu Pháp với phần Kinh tạng, còn phần Luận Câu Xá thì mình tạm dừng lại. Mình học để mình có nền tảng chắc chắn để tu tập.

Do bài hôm trước khá nặng nề về kiến thức, cho nên hôm nay chúng ta sẽ giảm tải bằng cách sẽ học một vấn đề nhẹ nhàng hơn, đó là cho một câu chuyện dài dài. Chúng ta sẽ học vào phần Kinh tạng. Mời quý vị theo dõi, hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu:

Câu Chuyện Dòng Họ Thích Bị Vua Tỳ Lưu Ly Sát Hại

(Trích từ Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại vườn Lộc Uyển, trú xứ Tiên nhân, tại Ba-La-Nại.

Bấy giờ, Như Lai thành đạo chưa lâu, người đời gọi Ngài là Đại Sa-môn. Lúc ấy, vua Ba Tư Nặc mới nối ngôi vua. Vua Ba Tư Nặc nghĩ thầm: *"Nay ta mới nối ngôi vua, trước phải cưới con gái dòng họ Thích. Nếu họ gả cho ta mới vừa lòng ta. Nếu không nhận cho, ta sẽ dùng sức đến cưỡng bức".*

Vào thời đức Phật, vua Ba Tư Nặc cùng tuổi với đức Phật Thích Ca, đức Phật thành đạo chưa lâu, lúc đó ổng mới lên ngôi vua. Lúc đấy ông mới nghĩ đến việc cưới vợ, muốn kiếm một người con gái dòng họ Thích (dòng họ Sakya - dòng họ Thích Ca). Ổng nghĩ là nếu bên đó gả cho thì ổng vừa lòng, mà không gả thì ổng dùng sức, đem quân tới đánh.

Rồi vua Ba Tư Nặc liền bảo một đại thần: "Ông hãy đến vương cung họ Thích, thành Ca-Tỳ-La-Vệ, nhân danh ta báo với dòng họ Thích kia rằng: *"Vua Ba Tư Nặc gởi lời thăm hỏi các ngài, sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi chăng. Và nói rằng, ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức".*

Vua Ba Tư Nặc lúc này muốn cưới một người con gái dòng họ Thích, ông ra lệnh truyền đại thần đến [đưa] tin tức như thế. Để coi bên dòng họ Thích làm như thế nào?

Đại thần nhận lệnh của vua, đến nước Ca-Tỳ-La-Vệ. Lúc ấy, năm trăm người dòng họ Thích ở Ca-Tỳ-La-Vệ đang tập họp tại một chỗ. Đại thần đến chỗ năm trăm người dòng họ Thích, xưng danh hiệu vua Ba Tư Nặc, gởi lời thăm hỏi mong cuộc sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi. Vua bảo rằng '*ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho, ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức*'.

Nghĩa là ông cũng lịch sự, tới gửi lời hỏi thăm, nhưng sau đó ông gửi cho một tin sét đánh ngang tai, để coi mọi người phải quyết định như thế nào? Dòng họ Thích Ca lúc đó là nước Ca Tỳ La Vệ, cũng là một đất nước rất hùng mạnh.

Sau khi nghe những lời này, những người dòng họ Thích hết sức tức giận: *"Chúng ta là dòng họ cao quý vì sao phải kết thân gia với con của tỳ nữ?"*

Đoạn này giải thích thêm một chút. Lịch sử của vua Ba Tư Nặc, tuy ông là vua nhưng là con của tỳ nữ, vì mẹ của ổng không phải xuất phát từ một gia đình danh giá. Hồi xưa Ấn Độ, họ chia giai cấp dữ lắm. Trong đó giai cấp Bà-la-môn (giai cấp về Tôn giáo) đứng đầu, giai cấp thứ hai là giai cấp Sát-đế-lợi (giai cấp vua chúa), giai cấp thứ ba là giai cấp Thương buôn (còn gọi là Da xá hay Vệ xá), giai cấp tệ nhất là giai cấp Nô lệ (Thủ-đà-la hay Chiên-đà-la), có khi thì chia ra năm giai cấp. Bên đây người ta cũng có phân biệt rất lớn, nghĩ là vua Ba Tư Nặc tuy là vua, nhưng là con của Tỳ nữ cho nên [họ] không thích.

Trong số ấy, có người nói nên gả, có người nói không nên gả. Bấy giờ, trong số người tập họp kia, có người tên Ma Ha Nam, nói với mọi người rằng: *"Các Hiền giả, chớ có tức giận. Vì sao vậy? Vua Ba Tư Nặc là kẻ bạo ác. Nếu chống cự, vua Ba Tư Nặc đến tàn phá nước ta. Nay tôi đích thân đảm đương đến gặp vua Ba Tư Nặc nói về việc này".* (Ông Ma Ha Nam xuất hiện trong kinh rất nhiều. Thích Ma Ha Nam tức là Ma Ha Nam dòng họ Thích, ổng rất nổi tiếng nên cũng được xuất hiện rất nhiều trong kinh).

Bấy giờ, trong nhà Ma Ha Nam có tỳ nữ sanh một con gái dung nhan xinh đẹp hiếm có trên đời. Ma Ha Nam bảo tắm gội cô này, cho mặc xiêm y đẹp đẽ, lên xe gắn lông chim đưa đến cho vua Ba Tư Nặc và nói với vua: *"Đây là con gái tôi. Ngài có thể thành thân cùng nó"*.

Ông Thích Ma Ha Nam lúc này nghĩ ra một cách là đưa một người con gái xinh đẹp [của] một cô tỳ nữ (một cô người hầu ở trong nhà) cho mặc trang sức, cho lên xe gắn lông chim báu (toàn là chim rồng, chim phượng, chim quý) đưa tới vua Ba Tư Nặc. Đó là lừa ông vua Ba Tư Nặc.

Khi vua Ba Tư Nặc được cô này, hết sức vui mừng, liền lập cô này làm đệ nhất phu nhân. Qua chưa được vài ngày, cô đã mang thai, lại trải qua tám - chín tháng sinh một nam nhi xinh đẹp vô song, đặc biệt trên đời. Vua Ba Tư Nặc tập họp các thầy tướng để đặt tên cho thái tử. Sau khi các thầy tướng nghe vua nói xong, liền tâu vua: *"Đại vương nên biết, khi cầu phu nhân, mọi người dòng họ Thích cùng nhau tranh, có người nói 'nên cho', hoặc có người nói 'không nên cho', khiến cho kia đây xa dòng (lưu-ly), nay*

***nên đặt tên là Tỳ Lưu Ly"*. Đặt tên xong, các thầy tướng đều rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.**

Như vậy vua Ba Tư Nặc không biết, ổng cứ nghĩ là bình thường thôi, thấy cô gái đó đẹp nên lập thành Đệ nhất phu nhân luôn. Sau tám, chín tháng thì sanh được một đứa con trai cũng xinh đẹp, tướng tốt, nên đặt tên là Tỳ Lưu Ly theo sự tư vấn của những người thầy tướng. Thời đó cũng nặng nề về tướng số lắm, cho nên quý vị thấy có những câu chuyện như vậy.

Vua Ba Tư Nặc yêu thương Thái tử Lưu Ly, chưa từng rời khỏi mắt. Khi Thái tử Lưu Ly lên tám tuổi, vua bảo: *"Nay con đã lớn, hãy đến Ca-Tỳ-La-Vệ để học nghệ thuật bắn tên"*. (Theo trong kinh thì thời đó ở thành Ca-Tỳ-La-Vệ nổi tiếng về bắn cung (bắn tên), rất đặc biệt. Cho nên [vua] bảo Thái tử Tỳ Lưu Ly đi về đó để học. Bởi vì ở đó giống như nhà ngoại vậy, nên đi về).

Rồi vua Ba Tư Nặc cung cấp những người hầu điều khiển voi lớn đến nhà dòng họ Thích, đến nhà Ma Ha Nam, nói với Ma Ha Nam: *"Vua Ba Tư Nặc bảo con đến đây học cách bắn tên. Cúi xin ông ngoại hãy dạy bảo mọi sự cho"*.

Tại vì ông Thích Ma Ha Nam nói dối với vua Ba Tư Nặc, đem [con của] người nô tỳ gả cho vua Ba Tư Nặc [mà] nói là con gái của ổng. Nên Thái tử Tỳ Lưu Ly nhận ông Thích Ma Ha Nam là ông ngoại, nên xưng là ông ngoại. Thực tế không phải là ông ngoại thật, mà chỉ là một đứa con của đứa nô tỳ (người hầu) trong nhà thôi.

Ma Ha Nam bảo: *"Người muốn học nghệ thuật thì phải khéo luyện tập"*.

Ma Ha Nam liền tập họp năm trăm thiếu niên họ Thích lại cùng học thuật. Lúc ấy, Thái tử Tỳ Lưu Ly cùng học xạ thuật với năm trăm đồng tử.

Bấy giờ, trong thành Ca-Tỳ-La-Vệ vừa xây một giảng đường. Trời, nhân dân, ma, hoặc ma thiên không được ở trong giảng đường này. Lúc ấy, những người họ Thích nói với nhau: *"Nay giảng đường này vừa được xây cất và trang trí xong, giống như thiên cung không khác tí nào. Trước hết, chúng ta nên thỉnh Như Lai và chúng Tăng cúng dường ở trong đó, để chúng*

***ta được hưởng phước vô cùng”*.** (Lúc này họ mới xây được giảng đường nên thỉnh mời đức Phật với chúng Tăng vào trong đó).

Bấy giờ, dòng họ Thích ở trên giảng đường trải các loại tọa cụ, treo lụa là, phướn, lọng, rưới nước thơm lên mặt đất, đốt các loại hương thơm, tích chứa nước sạch, đốt các đèn sáng.

Thái tử Lưu Ly dẫn năm trăm đồng tử đến chỗ giảng đường, liền leo lên tòa Sư tử. (Thái tử Lưu Ly quen rồi, là Thái tử nên thấy tòa Sư tử thì lên ngồi tòa lớn nhất trong giảng đường. Tòa đó dành cho đức Phật thuyết pháp hoặc tòa đó dành cho những người bình thường mà [là] chủ nhà, thì họ mới được ngồi ở đó. Nhưng đây là Thái tử nên trèo lên đó ngồi. Đó cũng là nguyên nhân gây ra chuyện). **Khi những người họ Thích thấy vậy, bèn nổi giận, đến nắm tay lôi ra ngoài cửa. Mọi người đều mắng: *“Đây là con đứa tiện tỳ! Chư Thiên và người đời chưa ai dám ngồi trong đó. Con đẻ của tiện tỳ này lại dám vào trong đó ngồi”*.**

Họ tác ý là ngay cả chư Thiên còn không dám ngồi nữa, người đời cũng không dám ngồi, chỗ đó là dành cho đức Phật ngồi thôi, mà giờ Thái tử Tỳ Lưu Ly lại chạy lên đó ngồi. Mà họ thừa biết Thái tử Tỳ Lưu Ly chỉ là con của một cô tỳ nữ (người hầu) ở trong nhà đó thôi, đâu phải chức gì lớn, cho nên họ khinh thường. Vì sự phân biệt chủng tộc ghê lắm.

Quý vị mà qua Ấn Độ, bây giờ họ vẫn còn phân biệt. Quý vị đi du lịch, người ta xếp mình vô giai cấp vua chúa (hạng sang). Họ đi vậy thôi, quý vị mời họ ăn, họ cũng chẳng dám ăn. Người lái xe là thợ thuyền, là giai cấp thứ ba rồi, quý vị có mời thì họ cũng ăn riêng, họ sống riêng, họ chẳng ăn chung với quý vị. Ở Việt Nam mình thì không có hiện tượng đó, nhưng qua bên đó rất kỳ lạ. Quý vị mà ăn mặc dơ dơ, mang đôi dép tông đi, giống như mấy Thầy, mấy Sư cô qua bên đó kể lại là ăn mặc đồ thường thường, mang dép đi vô khách sạn, họ không biết mình là giai cấp nào, họ nhìn trên nhìn dưới một hồi thì họ đoán chắc là mình giai cấp dạng thường, họ đuổi ra. Khách sạn đó là khách sạn chỉ dành cho giai cấp Bà-la-môn với Sát-đế-lợi thôi (vua chúa, giai cấp lớn), chứ còn mấy giai cấp nhỏ không được ở, họ có phân biệt ghê lắm. Vào thời nay còn vậy, huống hồ

chi thời xưa, thời xưa phân biệt ghê lắm. Quý vị học trong kinh, quý vị biết hồi đó có sự phân biệt giai cấp rất lớn ở Ấn Độ.

Rồi họ xô đẩy Thái tử Lưu Ly ngã lăn ra đất. Thái tử Lưu Ly chống đất đứng dậy, thở dài, quay ra sau. Khi ấy, có vị Phạm chí tên là Hảo Khổ. Thái tử Lưu Ly nói với Phạm chí Hảo Khổ: *"Dòng họ Thích này đã hủy nhục ta đến như vậy. Nếu sau này khi ta lên ngôi vua, ngươi hãy nhắc lại ta việc này"*.

Lúc ấy, Phạm chí Hảo Khổ đáp: *"Như lời Thái tử dạy"*.

Thái tử Tỳ Lưu Ly lúc này rất tức giận nên nhắc người hầu, vị Phạm chí tức là một vị con của Bà-la-môn hoặc một vị Bà-la-môn giống như giai cấp Bà-la-môn, nói là sau này ta mà lên ngôi vua thì hãy nhắc lại cho ta việc đó. Ổng thù như vậy nên [kêu người hầu] nhắc.

Mỗi ngày ba lần, Bà-la-môn kia bạch với Thái tử: *"Hãy nhớ nỗi nhục họ Thích".* Rồi nói kệ này:

Tất cả sẽ diệt tận

Quả chín cũng sẽ rơi

Tập hợp ắt sẽ tan

Có sinh ắt có tử.

Quý vị thấy có một nỗi tức như vậy, mà mỗi ngày vị kia cứ nhắc đi nhắc lại ba lần thì làm sao quên được đúng không? Chuyện đó đã tức rồi, Thái tử mà bị người ta đối xử như vậy nên rất là tức.

Sau khi sống hết tuổi thọ, bấy giờ vua Ba Tư Nặc băng hà, liền lập Thái tử Lưu Ly làm vua. Lúc ấy, Bà-la-môn Hảo Khổ đến chỗ vua nói rằng: *"Vua nên nhớ, xưa bị họ Thích hủy nhục"*. (Bây giờ ông nhắc lại thời xưa rồi).

Vua Lưu Ly nói: *"Lành thay, lành thay! Khéo nhớ việc xưa"*.

Lúc này, Vua Lưu Ly nổi sân giận, bảo các quần thần: *"Nay, ai là vua của nhân dân?"*

Quần thần tâu: *"Hiện nay, Đại vương thống lĩnh"*.

Vua Lưu Ly nói: *"Các ngươi, hãy mau chuẩn bị tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt họ Thích"*.

Quần thần đáp: *"Thưa vâng, Đại vương!"*

Quần thần tuân lệnh vua tập hợp binh bốn bộ. Vua Lưu Ly dẫn binh bốn bộ đi đến Ca-Tỳ-La-Vệ. (Quý vị thấy ổng làm vua, ổng nhớ lại mối thù năm xưa cho nên bây giờ kéo quân đi đánh Ca-Tỳ-La-Vệ).

Khi các Tỳ-kheo nghe tin vua Lưu Ly đi chinh phạt họ Thích, họ đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Sau khi nghe những lời này xong, Thế Tôn liền đến đón vua Lưu Ly ở dưới gốc một cây khô, không có cành lá, ở trong tư thế ngồi kiết già.

Vua Lưu Ly từ xa thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe, đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Lưu Ly bạch Thế Tôn: *"Còn có cây tốt, cành lá sum suê như cây Ni-câu-lưu chẳng hạn, sao ngồi dưới cây khô này?"*

Thế Tôn bảo: *"Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài"*.

Quý vị thấy câu chuyện này rất đầy đủ, chi tiết. Tất nhiên là đức Phật xuất thân từ dòng họ Thích, cũng rất nhiều người dòng họ Thích đi xuất gia, xuất gia rồi thì không can thiệp chuyện đó. Nhưng nghe tin như vậy, đức Phật cũng thị hiện cho chúng ta thấy là Ngài cũng muốn giúp cho dòng họ Thích, giúp cho vua Tỳ Lưu Ly tránh được kiếp nạn. Cho nên Ngài mới ra chọn một gốc cây khô, ngồi kiết già.

Vua Tỳ Lưu Ly đi qua thấy Phật, đức Phật hồi đó rất nổi tiếng, cho nên ổng rất cung kính. Ổng xuống xe, không ở trên xe nữa, và đến đảnh lễ đức Phật sát chân, đứng qua một bên rồi hỏi: "Tại sao có nhiều cây tốt mà sao đức Thế Tôn không ngồi? Ngồi chỗ cây mát không chịu ngồi, mà ngồi [nơi] cây không còn cành lá và cây khô như vậy?" Đức Phật nói là: "Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài". Bởi vì sao? Ngài không nói thẳng vấn đề, nhưng Ngài nói như vậy thì ổng

sẽ hiểu ra là đức Thế Tôn xuất phát từ dòng họ Thích, cho nên đức Thế Tôn còn quan tâm. Ngài không nói trực tiếp, bởi vì Ngài là đức Phật rồi, Ngài không can thiệp những chuyện trong nhân gian.

Lúc ấy, vua Lưu Ly liền nghĩ thầm: ***"Hôm nay, Thế Tôn vẫn còn vì thân tộc. Vậy hôm nay ta nên quay về bổn quốc, không nên đến chinh phạt Ca-Tỳ-La-Vệ"*****.** (Vua Lưu Ly là vua nên có khác, hiểu liền).

Vua Lưu Ly liền cáo từ lui binh. Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu vua: ***"Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục"*****.**

Sau khi nghe những lời này rồi, vua Lưu Ly lại nổi giận, bảo quần thần: ***"Các khanh hãy mau chuẩn bị, tập họp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt Ca-Tỳ-La-Vệ"*****.**

Quần thần liền tập họp binh bốn bộ, kéo ra khỏi thành Xá-Vệ, đến Ca-Tỳ-La-Vệ chinh phạt họ Thích. (Đây là lần thứ hai. [Lần trước,] với sự nhiếp phục của Phật nên ông rút quân [về]. Nhưng sau lại bị Bà-la-môn Phạm chí Hảo Khổ nhắc lại, ổng tức giận tiếp, ổng kéo quân đi thêm lần nữa. Lần này thì sao?)

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đến bạch Thế Tôn: ***"Nay vua Lưu Ly đang hưng binh đến chinh phạt họ Thích"*****.**

Nghe những lời này, Thế Tôn liền dùng Thần túc đến ngồi dưới gốc cây cạnh đường. Tỳ Lưu Ly từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Lưu Ly bạch Thế Tôn: ***"Còn có cây tốt, sao lại không ngồi ở đó, hôm nay, Thế Tôn có gì ngồi dưới cây khô này?"***

Lúc ấy, Thế Tôn nói: ***"Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài"*****.**

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bóng mát của thân tộc

Họ Thích xuất hiện Phật

Đều là cành nhánh Ta

Nên ngồi dưới cây này.

Lần thứ hai, đức Phật cũng như vậy. Lần này, [Ngài] dùng Thần thông bay tới một cây khô để ngồi. Khi đó vua Tỳ Lưu Ly thấy Phật cho nên xuống xe đảnh lễ, rồi lại hỏi. Đức Phật vẫn nói như lần trước, nói thêm bài kệ nữa. Ý nghĩa bài kệ đó, Ngài muốn nói là Ngài cũng xuất phát từ dòng họ Thích, vì thế Ngài còn quan tâm. Tức là vì cành nhánh mà, cho nên Ngài còn quan tâm.

Lúc ấy, vua Lưu Ly liền nghĩ thầm: *"Hiện tại, Thế Tôn xuất thân từ họ Thích. Ta không nên đến chinh phạt. Phải nên quay về bổn quốc"*. Rồi, vua Lưu Ly liền trở về thành Xá-Vệ. (Như vậy là hai lần ổng đi về. Đó là đức Phật đã giúp hai lần rồi).

Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu với vua: *"Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục!"*

Vua Lưu Ly nghe những lời này rồi, lại tập hợp binh bốn loại kéo ra khỏi thành Xá-Vệ, đến Ca-Tỳ-La-Vệ (lần này là lần thứ ba)**. Ngài Đại Mục Kiền Liên khi nghe vua Lưu Ly đi chinh phạt dòng họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, ngài Mục Kiền Liên bạch Thế Tôn: *"Hôm nay, vua Lưu Ly tập họp binh bốn bộ đến tấn công họ Thích. Nay con có khả năng khiến cho vua Lưu Ly cùng binh bốn bộ bị ném sang thế giới phương khác"*.**

Quý vị biết là vua Tỳ Lưu Ly kéo [quân] lần thứ ba, lần này đức Phật không cản, nhưng ngài Đại Mục Kiền Liên thấy như vậy nên mới bạch với đức Phật là con sẽ dùng Thần thông, tại vì ngài là Đệ nhất Thần thông. *"Con sẽ dùng Thần thông để ném vua Lưu Ly và binh bốn bộ của ổng qua thế giới phương khác"*, ngài bạch như vậy với Phật.

Đức Thế Tôn nói: *"Ông há có thể đem duyên đời trước của họ Thích đặt sang thế giới khác hay sao?"*

Ngài Mục Liên bạch Phật: *"Con thật sự không thể đem duyên đời trước đặt sang thế giới khác"*.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo ngài Mục Liên: *"Ông hãy trở về chỗ ngồi"*.

Chỗ này chúng ta nên để ý một chút. Tức là đức Phật nói năng lực đó thì được, nhưng duyên nghiệp đời trước đến rồi thì có đem qua Thế giới khác được không? Ngài Mục Kiền Liên nói [là] không thể được. Ý đức Phật nói là không thể dùng Thần thông mà can thiệp được, cho nên là [ngài Mục Kiền Liên] về chỗ ngồi.

Ngài Mục Liên lại bạch Phật: ***"Nay con có thể dời thành Ca-Tỳ-La-Vệ này đặt giữa hư không"*****.**

Thế Tôn bảo: ***"Nay ông có thể dời duyên đời trước của họ Thích đặt giữa hư không hay không?"***

Ngài Mục Liên đáp: ***"Không, bạch Thế Tôn"*****.**

Điều này, chúng ta thấy rõ ràng, đức Phật nói Thần thông không giải quyết được. Trong Tích Truyện Pháp Cú hay trong Tiểu Bộ Kinh, có câu chuyện [là] có mấy người (có chỗ nói bốn người, có chỗ nói năm người), tóm lại là có mấy người ngoại đạo tu Thần thông. Ông thì có thể bay lên hư không, ông có thể lặn xuống nước, ông có thể độn thổ, ông có thể chui trong rừng, chui vào trong hang động. Bốn ông đều biết sau này tới ngày đó là mình sẽ chết, cho nên mới bàn với nhau. [Một] ông nói: "Không sao! Tới ngày đó anh sẽ bay lên hư không để trốn thần chết"; Ông thì nói: "Em sẽ lặn sâu xuống biển để trốn"; Ông kia nói: "Em sẽ chui vô đất để trốn"; Còn ông kia nói: "Em sẽ chui vào hang động để trốn".

Đến ngày hôm đó, mấy người đó triển khai Thần thông, ông thì bay lên hư không, nhưng đứt Thần thông, lúc đó nghiệp hết, rớt xuống chết. Ông chui xuống biển, nhưng hết Thần thông, bị cá ăn chết. Ông chui xuống đất cũng chết. Rồi ông chui vô hang động cũng chết. Đức Phật mới nói là không thể dùng Thần thông mà giải quyết được nghiệp lực. Ở đây nghiệp lực, duyên tới rồi thì [chết], trừ khi tu đến mức độ cỡ nào [đó] đúng không quý vị?

Sẵn đây, trong [Kinh] Nikaya nói rõ hơn về chuyện của ngài Mục Kiền Liên. Ngài Mục Kiền Liên khi bị ngoại đạo đánh, họ biết là ngài Mục Kiền Liên có Thần thông cho nên đánh xong rồi họ cắt ra từng mảnh, để ngài không thể nào sống lại được. Nhưng sau đó quý vị biết là ngài Mục Kiền Liên dùng Thần thông để ghép thân mình lại, rồi mới đi về đến chỗ Phật và bạch Phật v.v… ngài xin

nhập Niết-Bàn như trong bài kinh hôm bữa chúng ta kể. Ngài Mục Kiền Liên chứng A-la-hán rồi, ngài có chứng Tứ thần túc nữa, ngài có thể trụ thế được. Nhưng đối với người thường thì không được như vậy, nghiệp của ai thì người đó chịu. Việc này là đức Phật nói như vậy.

Ngài Mục Liên đáp: *"Không, bạch Thế Tôn"*.

Đức Phật bảo ngài Mục Liên: *"Vậy ông hãy trở về chỗ của mình"*.

Lúc ấy, ngài Mục Liên lại bạch Phật: *"Cúi xin cho phép dùng lồng sắt che bên trên thành Ca-Tỳ-La-Vệ"*.

Thế Tôn bảo: *"Thế nào, Mục Liên, ông có thể dùng lồng sắt che đậy duyên đời trước không?"*

Ngài Mục Liên bạch Phật: *"Không, bạch Thế Tôn"*.

Đức Phật bảo ngài Mục Liên: *"Nay ông trở về chỗ của mình. Hôm nay duyên đời trước của họ Thích đã chín, nay phải chịu báo"*. (Tức là họ làm nghiệp gì đó, bây giờ quả báo tới rồi).

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Muốn hư không thành đất

Đất lại thành hư không

Bị duyên trước trói buộc

Duyên này không mục hư.

Tóm lại là ngài Mục Liên cũng tác ý muốn thử phan duyên, ba lần xin dùng Thần thông. Nhưng đức Phật nói là không có giải quyết được đâu, duyên đến rồi thì nghiệp báo tới. Câu chuyện này nói như vậy. Chúng ta coi diễn biến tiếp theo, câu chuyện này rất dài.

Bấy giờ, vua Lưu Ly đến Ca-Tỳ-La-Vệ. Những người dòng họ Thích nghe vua Lưu Ly dẫn binh bốn bộ đến tấn công. Họ liền tập trung chúng bốn bộ trong vòng một do-tuần đến đón vua Lưu Ly.

Các Thích tử trong vòng một do-tuần, từ xa bắn vua Lưu Ly, hoặc bắn lỗ tai nhưng không tổn thương tai ông, hoặc bắn búi tóc nhưng không tổn thương đầu ông, hoặc bắn gãy cung, hoặc bắn đứt dây cung nhưng không hại người ông, hoặc bắn áo giáp nhưng không hại người ông, hoặc bắn giường ghế nhưng không hại người ông, hoặc bắn phá bánh xe nhưng không hại người ông, hoặc phá cờ xí nhưng không hại người ông. Sau khi thấy sự việc như vậy, vua Lưu Ly liền sinh lòng sợ hãi, bảo quần thần: ***"Các ngươi xem những mũi tên này từ đâu đến?"***

Quần thần tâu: ***"Các Thích tử cách đây trong vòng một do-tuần bắn tên đến!"***

Quý vị biết dòng họ Thích lúc đó có tài bắn cung siêu lắm, đến nỗi ở trong vòng một do tuần [mà] bắn chính xác như vậy. Mà do lúc đó họ giữ giới, cho nên không bắn chết ổng, chứ bắn chết ổng thì bắn phát là chết thôi. Nhưng bây giờ không bắn [chết] mà bắn cảnh cáo, hù dọa thôi. Cho nên không bắn thẳng vào người ổng, mà bắn trúng áo giáp, trúng giường ghế, trúng cung trúng xe, trúng cờ xí, khiến cho ổng sợ thôi.

Vua Lưu Ly nói: ***"Nếu họ khởi tâm muốn hại ta thì mọi người đã nhận lấy cái chết hết rồi. Ngay tức khắc hãy quay về Xá-vệ!"***

Lúc ấy, Bà-la-môn Hảo Khổ đến trước tâu vua: ***"Đại vương chớ lo! Các Thích tử này đều giữ giới, với côn trùng họ còn không hại huống là hại người. Nay nên tiến lên trước ắt tiêu diệt được họ Thích".*** (Tức là ổng tính kéo quân về, nhưng Bà-la-môn Hảo Khổ kia lại tiếp tục châm dầu vào lửa để cho tấn công, và nói ra nguyên nhân là dòng họ Thích đang giữ giới, họ không hại côn trùng nữa cho nên không hại người, họ không có đánh, nhân đó mà tiến lên. Quý vị thấy [vua] bị xúi).

Vua Lưu Ly từ từ tiến lên về phía họ Thích kia. Những người họ Thích lui vào thành. Vua Lưu Ly, ở ngoài thành bảo họ rằng: ***"Các ngươi hãy mau mở cửa thành! Nếu không, ta sẽ bắt các ngươi giết hết"*****.**

Bấy giờ, thành Ca-Tỳ-La-Vệ có Đồng tử họ Thích mới mười lăm tuổi, tên là Xa Ma, nghe vua Lưu Ly đang ở bên ngoài cửa, liền mặc giáp, cầm

gậy lên trên thành một mình chiến đấu với vua Lưu Ly. Lúc ấy, Đồng tử Xa Ma giết hại nhiều binh lính làm họ chạy tán loạn và nói: *"Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Từ xa trông giống như một cậu bé!"*

Vua Lưu Ly sinh lòng sợ hãi, liền vào trong hầm để tránh.

Tức là dòng họ Thích cũng có rất nhiều điều đặc biệt. Một người trẻ tuổi tên Xa Ma, 15 tuổi thôi, có thể cầm gậy ra đánh quân Tỳ Lưu Ly sợ. Họ chạy, họ nói đó là người hay quỷ thần, nhìn giống như một câu bé thôi. Còn vua Tỳ Lưu Ly thì sợ, trốn.

Khi các Thích tử nghe binh chúng của vua Lưu Ly bị giết hại, các Thích tử liền gọi Đồng tử Xa Ma bảo rằng: *"Ngươi tuổi trẻ ấu thơ, sao cố ý làm nhục gia phong chúng ta? Há không biết các Thích tử tu hành pháp lành sao? Chúng ta, đến côn trùng còn không thể hại, huống lại là mạng người ư? Chúng ta có thể phá tan quân lính này, một người địch vạn người, song chúng ta lại nghĩ thầm: 'Sát hại chúng sanh vô số kể như vậy'. Thế Tôn đã từng dạy: 'Phàm người giết mạng người, chết sẽ vào Địa ngục. Nếu sinh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn'. Ngươi hãy mau đi đi, không ở đây nữa".* Đồng tử Xa Ma liền bỏ nước ra đi, không vào Ca-Tỳ-La-Vệ nữa.

Ở đây, đoạn này nói lên một đạo lý, tức là dòng họ Thích không phải là họ yếu, mà họ rất mạnh, một người có thể đánh vạn người được. Nhưng vì sao [họ không đánh]? Vì họ giữ giới! Đức Phật dạy là: "Giết mạng người, chết sẽ vào Địa ngục. Nếu sanh trong loài Người thì tuổi thọ ngắn". [Vì] quả [báo] đó cho nên họ giữ giới. Vì giữ giới nên [họ] đuổi luôn vị đồng tử Xa Ma kia đi. Quý vị thấy không? Niềm tin đối với Phật, đối với Tam Bảo rất mạnh, đối với giới rất mạnh. Dòng họ Thích hồi đó có rất nhiều người đi xuất gia, hồi xưa người ta giữ giới cỡ đó, chứ không phải như mình đâu.

Lúc ấy, vua Lưu Ly lại đến giữa cửa nói người kia: *"Hãy mau mở cửa thành, đừng để ta đợi lâu!"*

Lúc ấy, các Thích tử tự nói với nhau: *"Nên cho mở cửa thành hay không?"*

Bấy giờ, tệ ma Ba Tuần giả hình làm một Thích tử ở trong chúng họ Thích, nói các Thích tử: *"Các vị hãy mau mở cửa thành. Đừng để hôm nay chúng ta phải cùng chịu khốn khổ".*

Lúc ấy, các Thích tử liền cho mở cửa thành. Bấy giờ, vua Lưu Ly liền bảo quần thần: *"Hiện nhân dân dòng họ Thích này đông, đao kiếm không thể giết hết, hãy bắt hết chôn xuống đất, sau đó cho voi dữ dẫm chết".*

Quần thần vâng theo lệnh của vua, cho voi dẫm chết họ. Đồng thời, vua Lưu Ly bảo quần thần: *"Các ngươi hãy mau tuyển chọn năm trăm người nữ họ Thích, tay chân mặt mày xinh đẹp".*

Các đại thần vâng lệnh vua, tuyển chọn năm trăm người nữ xinh đẹp, dẫn đến chỗ vua.

Lúc bấy giờ dòng họ Thích đúng là bị nghiệp, Ma vương Ba Tuần giả làm người, bảo mở cửa thành cho nhanh, cho nên họ mở cửa. [Vì vậy] vua Lưu Ly vô bắt và cho chôn xuống đất, cho voi dẫm lên chết. Rồi vua còn bắt tuyển 500 người nữ đẹp, dẫn tới chỗ vua.

Khi ấy Thích tử Ma Ha Nam đến chỗ vua Lưu Ly nói rằng: *"Hãy cho tôi một ước nguyện"*.

Vua Lưu Ly nói: *"Ông muốn có ước nguyện gì?"*

Ma Ha Nam nói: *"Tôi sẽ lặn xuống đáy nước, theo độ chậm nhanh của tôi, cho những người họ Thích đều được chạy trốn. Nếu tôi ra khỏi mặt nước, thì tùy ý giết họ".*

Vua Lưu Ly nói: *"Việc ấy thật tốt!"*

Vua Lưu Ly cho phép việc này, tại vì ổng nghĩ thời gian lặn xuống của ông Thích Ma Ha Nam chắc không được lâu, thì chắc chắn mọi người cũng chẳng chạy thoát được, cho nên ổng đồng ý.

Thích Ma Ha Nam liền xuống đáy nước, lấy đầu tóc buộc vào rễ cây mà qua đời. Bấy giờ, các Thích tử trong thành Ca-Tỳ-La-Vệ, ra từ cửa đông, lại vào từ cửa nam; ra từ cửa tây, lại vào cửa bắc.

Tức là lúc đó bị nghiệp sao đó, cho thời gian để chạy [nhưng không thoát được]. Ông Thích Ma Ha Nam lúc đó đã cột tóc mình dưới rễ cây rồi, cho nên không nổi lên nữa. [Như vậy] thì thời gian rất lâu, vì vậy dòng họ Thích tha hồ mà chạy, nhưng ra cửa đông thì lại vào cửa Nam, ra cửa Tây thì lại vào cửa Bắc. Nghiệp khiến vậy đó, không trốn được! Quý vị thấy tự nhiên chạy ra rồi lại vào làm gì, [vậy] làm sao trốn.

Vua Lưu Ly bảo quần thần: *"Ông ngoại Ma Ha Nam, vì cớ gì ẩn ở dưới nước, đến giờ chưa ra khỏi?"* (Tức là vua Lưu Ly cũng không biết, vẫn nghĩ ông Ma Ha Nam là ông ngoại. Tại vì không biết rõ nguyên nhân cho nên cứ nghĩ là ông ngoại thôi. Vì [là] ông ngoại nên mới không giết đó quý vị).

Bấy giờ, quần thần nghe theo lệnh vua, liền xuống dưới nước kéo Ma Ha Nam lên, nhưng ông đã chết. Khi vua Lưu Ly thấy Ma Ha Nam đã chết, lúc này vua mới sanh tâm hối hận: *"Nay ông ngoại ta đã chết đều do thương thân tộc, ta đã không biết trước, nên để ông mất. Nếu biết trước, dứt khoát không đến công phạt dòng họ Thích này"*.

Quý vị thấy không ạ? Thật ra là bị nghiệp che, chứ lúc này vua Tỳ Lưu Ly nghĩ tới ông ngoại mình, vì việc đó mà ông ngoại chết. Mặc dù đây không phải ông ngoại thật, nhưng ổng nghĩ vậy. Và nếu biết trước như vậy thì ổng sẽ không chinh phạt dòng họ Thích, nhưng vì bị nghiệp che. Cho nên ở trên đời có rất nhiều việc, mà đôi khi mình xử lý theo hướng nào đó, ngoài [những nguyên nhân khác], còn do nghiệp che. Cho nên nghiệp tới là có nhiều hành động kỳ cục. Bây giờ ổng mới hối hận. Quý vị thấy ông cũng hối hận đó.

Lúc ấy, vua Lưu Ly đã giết 9999 vạn người, máu chảy thành sông và thiêu rụi thành Ca-Tỳ-La-Vệ. Rồi ông đi đến vườn Ni-Câu-Lưu.

Lúc ấy, vua Lưu Ly bảo với năm trăm người nữ dòng họ Thích rằng: *"Các khanh yên tâm, chớ sầu lo. Ta là chồng các khanh, các khanh là vợ ta, cốt phải hợp nhau"*.

Vua Lưu Ly tiện đưa tay nắm một người nữ họ Thích muốn đùa chơi. Thời người nữ hỏi: *"Đại vương định làm gì?"*

Thời vua đáp: *"Muốn giao tình cùng khanh"*.

Cô đáp vua: *"Vì sao nay ta lại giao tình với loại nô tỳ sinh?"*

Lúc này, cô đó nhắc, cô cũng hiểu là ông này do nô tỳ sinh ra, là con của nô tỳ thôi. Nhắc như vậy, thế là nhắc đến mối thù nữa.

Vua Lưu Ly nổi cơn tức giận, ra lệnh cho quần thần: *"Mau bắt người nữ này, chặt tay chân nó, ném vào hầm sâu"*.

Các đại thần theo lệnh vua, chặt tay chân cô ném vào hầm sâu. Năm trăm người nữ đều mắng nhà vua rằng: *"Ai đem thân này cùng giao thông với loại con đẻ của nô tỳ!"*

Vua tức giận, bắt hết năm trăm người nữ, chặt tay chân họ ném vào hầm sâu. Vua Lưu Ly sau khi hủy hoại Ca-Tỳ-La-Vệ xong, trở về thành Xá-Vệ.

Quý vị thấy tội của ổng giết rất nhiều người, nói chung là gần như tàn sát hết cả thành họ Thích. Đây là một nhân quả mà đức Phật cũng không can thiệp được, Ngài nói với ngài Mục Kiền Liên như vậy đó. Chúng ta coi tiếp nguyên nhân thế nào, kết quả ra sao.

Bấy giờ, Thái tử Kỳ Đà đang cùng các kỹ nữ vui đùa trong thâm cung. Nghe tiếng ca hát, vua Lưu Ly liền hỏi: *"Đây là âm thanh gì mà vang đến nơi đây?"*

Quần thần đáp: *"Đó là tiếng đàn hát để tự vui chơi của vương tử Kỳ Đà ở trong thâm cung"*.

Vua Lưu Ly liền bảo người hầu: *"Khanh hãy quay voi này đến chỗ Vương tử Kỳ Đà".*

Ở đây Thiện Trang giải thích thêm, Thái tử Kỳ Đà cũng là con của vua Ba Tư Nặc, con cùng cha khác mẹ với vua Tỳ Lưu Ly, hai người là anh em cùng cha khác mẹ.

Người giữ cửa từ xa thấy vua đến, tâu rằng: *"Xin vua thong thả một chút, Vương tử Kỳ Đà hiện đang vui với năm thứ lạc ở trong cung, đừng có gây phiền phức"*.

Vua Lưu Ly liền rút kiếm giết người giữ cửa. Lúc ấy, Vương tử Kỳ Đà nghe vua Lưu Ly đang đứng ở ngoài cửa, không từ giã các kỹ nữ, liền ra ngoài để gặp vua: *"Vui thay, Đại vương đến! Đại vương hãy vào nghỉ ngơi một lát"*.

Quý vị thấy ai mà đi ngăn cản vua, mà người hầu cũng không biết, nói như vậy thì ổng rút kiếm giết luôn. Và lúc ấy Thái tử Kỳ Đà đi ra. Kỹ nữ ở đây là những người nhảy múa nhạc, chứ không phải kỹ nữ như ngôn ngữ bây giờ.

Vua Lưu Ly nói: *"Há ngươi không biết ta với họ Thích đánh nhau sao?"*

Kỳ Đà đáp: *"Có nghe!"*

Vua Lưu Ly nói: *"Nay vì sao ngươi không giúp ta mà cùng với kỹ nữ đùa giỡn?"*

Vương tử Kỳ Đà đáp: *"Ta không thể giết hại mạng chúng sanh!"*

Quý vị thấy Thái tử Kỳ Đà cũng là một người giữ giới, cho nên không sát hại chúng sanh. Mặc dù vẫn chơi như vậy, nhưng không giết hại, [vì] giữ giới mà.

Vua Lưu Ly hết sức tức giận liền rút kiếm chém hại Vương tử Kỳ Đà. Sau khi mạng chung, Vương tử Kỳ Đà sanh lên cõi Trời Tam Thập Tam, vui đùa cùng năm trăm thiên nữ.

Quý vị biết Thái tử Kỳ Đà rất nổi tiếng, bởi vì cùng với ông Cấp Cô Độc cúng dường vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên [cho Tăng đoàn đức Phật]. Tức là vườn đó là của ông Cấp Cô Độc cúng, nhưng cây là của Thái tử Kỳ Đà cúng. Lúc đó nguyên khu rừng đó là của ổng, ổng không định bán đâu, nhưng ông Cấp Cô Độc nói là bán được giá bao nhiêu, thì ổng mới thách ông Cấp Cô Độc như vậy. Ông Cấp Cô Độc mới mang vàng rải hết đám vườn đó. Theo Chú Giải thời nay dịch sang, đám vườn đó sau khi rải thì hình như tổng cộng là 24 hecta vàng, lót hết [khu vườn đó]. Nhiều như vậy! Nhưng ông này cũng không [chịu] bán hết, cuối cùng ổng bị kiện, [ông Cấp Cô Độc] mua rồi thì phải bán, nhưng ổng giữ cây. Rồi ổng thấy ông này vì Phật mà làm như vậy, nên ổng cúng [dường] cây luôn. Cho nên vườn đó gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Kỳ Thọ tức là cây của Thái tử

Kỳ Đà. Và công đức hộ trì Tam Bảo, rồi tu thiện lành, cho nên sau khi chết thì ổng sinh lên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi), mặc dù bị giết.

Qua câu chuyện này quý vị cũng nên để ý một chút, là đừng lo sợ với cái chết, bởi vì sao? Thái tử Kỳ Đà sau khi chết xong, lên [trời] cũng chơi tiếp. Quý vị thấy dưới nhân gian có mấy kỹ nữ thôi, mà lên đó 500 Thiên nữ, [nhiều] hơn nữa. Cho nên người tu hành thiện nghiệp, mình có thiện báo, đừng lo sợ. Bớt sợ hãi chết đi!

Thật ra Thiện Trang chọn kể câu chuyện này cho quý vị để làm gì? Để nhấn mạnh cho quý vị một điều là bớt sợ hãi về cái chết. Bởi vì chính dòng họ Thích cũng chết, mà còn chết thê thảm nữa. Nhưng quý vị thấy, để rồi chúng ta coi thử những điều gì [tiếp theo]. Ở đây, Thái tử Kỳ Đà một đời thiện lành, cuối cùng bị vua Tỳ Lưu Ly chém chết, nhưng cũng sanh lên cõi trời Tam Thập Tam. Cho nên đừng lo sợ, đừng có sợ hãi! Mình học trong Phật pháp, là cái chết cũng chỉ đến một tích tắc thôi, đến rồi nó qua là mình đến cảnh giới mới. Nếu chúng ta tu tốt lành thì về cảnh thiện lành. Và Thái tử Kỳ Đà cũng ăn chơi chứ không tu gì lắm, nhưng cũng sanh lên trời Đao Lợi.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhãn quan sát thấy Vương tử Kỳ Đà mạng chung, đã sinh lên trời Tam Thập Tam, liền nói kệ này:

Thọ phước trong trời người
Đức Vương tử Kỳ Đà
Làm lành, sau hưởng báo
Đều do hiện báo nên.
Đây lo, kia cũng lo
Lưu Ly lo hai nơi
Làm ác sau nhận ác
Đều do hiện báo nên.
Phải nương vào phước đức
Trước làm sau cũng vậy
Hoặc là làm một mình

Hoặc làm người không biết.

Làm ác, có biết ác

Trước làm, sau cũng vậy

Hoặc là làm một mình

Hoặc làm người không biết.

Hưởng phước trong trời người

Hai nơi đều hưởng phước

Làm lành sau hưởng báo

Đều do hiện báo nên.

Đây lo, kia cũng lo

Làm ác buồn hai nơi

Làm ác sau nhận báo

Đều do hiện báo nên.

Bài kệ này nói lên điều gì? Đó là nói [đến] hai người: Một là Thái tử Kỳ Đà, hai là vua Tỳ Lưu Ly. Thái tử Kỳ Đà làm thiện lành cho nên vui trong cõi Người, rồi sau này chết sanh lên cõi Trời [được] vui tiếp. Tu thiện làm lành, cho nên thiện báo như vậy. Còn ông kia làm ác thì lo hai nơi, lo bây giờ và lo đời sau. Bây giờ cũng lo sợ và tương lai cũng lo sợ. Cho nên mình hiểu được rồi đó, mình ráng tu thiện, làm lành thôi. Yên tâm! Quả báo sẽ tới, thiện có thiện báo, ác có ác báo, và [quả] sẽ tới thôi. Đấy là do nghiệp báo, đức Phật nói như vậy.

Lúc ấy, năm trăm thiếu nữ dòng họ Thích hướng về, xưng gào danh hiệu Như Lai và nói rằng: *"Như Lai sanh ra ở đây và cũng từ chốn này xuất gia học đạo, sau đó thành Phật, vậy mà hôm nay Phật hoàn toàn không thấy, không nghĩ biết chúng ta đang gặp khổ não này, chịu sự đau đớn này. Vì sao Thế Tôn lại không thấy, không nghĩ?"*

Quý vị nhớ lại 500 người nữ dòng họ Thích, lúc đó là được tuyển mộ ở lại rồi, nhưng do họ chửi nên vua Tỳ Lưu Ly mới sai chặt tay chân, quăng xuống hầm sâu. Lúc đó thì họ mới nhớ đến Phật, họ kêu gào, xưng danh hiệu Như Lai chính là niệm Phật, và họ trách móc rằng đức Phật (Như Lai) cũng sinh ra từ

thành Ca-Tỳ-La-Vệ, cũng từ chốn đó mà xuất gia thành Phật. Vậy tại sao đức Phật không thấy, không nghĩ tới họ, khi mà họ đang rất đau khổ? Quý vị thấy, là phàm phu thì có trách móc đúng không? Phật mà họ còn trách móc như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thông suốt, nghe những người nữ họ Thích oán trách hướng về Phật. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *"Các ngươi hãy đến hết đây, cùng đi quán sát Ca-Tỳ-La-Vệ và để thăm những người thân đang qua đời".*

Tức là đức Phật có Thiên nhĩ thông nên lúc đó Ngài nghe được hết, ai nói gì [hay] nghĩ tới Ngài là Ngài biết liền, cho nên đức Phật bảo các Tỳ-kheo đi đến để thăm họ.

Các Tỳ-kheo đáp: *"Thưa vâng, bạch Thế Tôn"*.

Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-Vệ, đi đến Ca-Tỳ-La-Vệ. Khi năm trăm người nữ họ Thích từ xa thấy Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến, đều sinh lòng hổ thẹn.

Tất nhiên là hổ thẹn, bởi vì họ nghĩ như vậy mà đức Phật tới thật. Với lại lúc này họ bị chặt tay chặt chân rồi, người nữ thì rất mong đẹp, nhưng lúc đó mình bị như vậy thì thấy xấu cho nên sinh lòng hổ thẹn. Có thể là hai lý do như vậy.

Thích Đề Hoàn Nhân và Tỳ Sa Môn Thiên vương ở sau Thế Tôn quạt hầu. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề Hoàn Nhân: *"Các người nữ họ Thích đều sinh lòng hổ thẹn"*.

Thích Đề Hoàn Nhân đáp: "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Thích Đề Hoàn Nhân liền dùng thiên y che lên thân thể năm trăm người nữ này.

Quý vị thấy ông Thích Đề Hoàn Nhân (vua trời Đao Lợi) rất thông minh, [ổng] đi theo Phật, lúc đó đức Phật gợi ý là ổng biết ngay. Ổng biết 500 người nữ này đang xấu hổ vì họ cảm thấy bị cụt tay cụt chân, nên Thích Đề Hoàn Nhân dùng thiên y (y phục cõi Trời) che lên thân thể của 500 người này. Quý vị thấy hay không? Mình thì không hiểu, [còn] vua trời Đao Lợi thì quá thông minh. Và

Tỳ Sa Môn Thiên vương là vua tầng trời Tứ Thiên Vương, cai quản ở Nam Diêm Phù Đề chúng ta, nên hai người này hay xuất hiện.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ Sa Môn Thiên vương: *"Những người nữ này đói khát đã lâu ngày, nên làm điều gì cho thích hợp"*. (Đức Phật cũng gợi ý cho Tỳ Sa Môn Thiên vương luôn).

Tỳ Sa Môn Thiên vương bạch Phật: *"Thưa vâng, bạch Thế Tôn"*.

Đồng thời, Tỳ Sa Môn Thiên vương bày thức ăn trời tự nhiên cho các thiếu nữ họ Thích đều được đầy đủ.

Quý vị thấy Phật vừa gợi ý là các cô này được ăn thức ăn cõi Trời luôn. [Không biết là] Tỳ Sa Môn Thiên vương cho thức ăn bằng cách nào, chứ họ bị cụt tay cụt chân rồi, chắc là đưa [thức ăn] vào. Trong kinh quý vị thấy có đoạn đức Phật Thích Ca lúc Ngài còn là Bồ-tát đạo, khi Ngài hành khổ hạnh, nhịn ăn lâu ngày quá, thì lúc đó chư Thiên nói: *"Không sao! Chúng tôi sẽ đưa thức ăn qua da"*, giống như bây giờ tiêm gì vô [cơ thể] hoặc truyền nước biển. Những cách này chư Thiên làm được hết, nên việc cho các cô thiếu nữ họ Thích này ăn không có gì khó. Ăn kiểu gì thì chúng ta không biết, nhưng ăn không khó.

Thế Tôn tuần tự nói pháp vi diệu cho các cô. Thế Tôn dạy (quý vị coi đoạn khai thị của đức Phật, chúng ta nên học đoạn khai thị này)**: "*Các pháp đều phải ly tan. Có hội ngộ thì có biệt ly*** (đầu tiên là trên đời không có gì tồn tại mãi được đâu, có hội ngộ thì có biệt ly, các pháp điều phải ly tan. Đầu tiên là nói đến sự Vô thường)***. Các cô nên biết, năm Thủ uẩn này đều phải chịu các não khổ đau này, rơi trong năm đường. Phàm nhận thân năm uẩn tất phải chịu hành báo này. Đã có hành báo, tất phải thọ thai. Đã thọ thai phần, lại phải chịu báo khổ vui. Nếu ai không có năm Thủ uẩn, tất không thọ nhận hình hài nữa. Nếu không thọ nhận hình hài thì không có sinh. Vì không có sinh nên không có già. Vì không có già nên không có bệnh. Vì không có bệnh nên không có chết. Vì không có chết nên không có khổ não của hội ngộ, biệt ly. Cho nên, các cô phải nghĩ đến sự biến đổi thành bại của năm uẩn này. Vì sao vậy? Vì biết năm uẩn là biết năm dục. Biết năm dục là biết pháp ái, biết pháp ái là biết pháp đắm nhiễm. Biết các việc này rồi, không còn thọ thai. Vì không thọ thai, không còn sanh, già, bệnh, chết*"**.**

Đoạn này chính là khai thị Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Đầu tiên là các pháp điều phải ly tan, là Vô thường, có hội ngộ chắc chắn có biệt ly, đó là Vô thường. Và có thân năm uẩn, tức là mình có thân thể này, vật chất là Sắc, có Thọ là cảm nhận, có Tưởng, có Hành, có Thức. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đó là Ngũ uẩn. Khi nào có năm Ngũ uẩn đó thì chắc chắn phải còn ở trong năm đường, phải chịu khổ đau. Đức Phật nói 12 nhân duyên, nhưng đối với các cô này chắc không phải chuyên lắm, đức Phật thuyết đơn giản thôi.

Tóm lại có thân năm uẩn này thì có thọ thai, rồi có nỗi khổ vui, vì sao? Vì có thọ thai thì có sanh ra, rồi có lớn lên, đều có già, có bệnh, có chết, cứ khổ như vậy. Cho nên biết vậy thì thôi, đừng có mong cầu nữa. Nói chung [Phật] thuyết một bài pháp về Tứ đế và 12 Nhân duyên một cách ngắn gọn. Bởi vì đối với những người không cao siêu lắm thì đức Phật chỉ giảng như vậy thôi, không nói phức tạp.

Quý vị thấy đức Phật luôn luôn nói về giáo pháp Tứ đế, lúc nào cũng nói để cho chúng sanh chán lìa nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết trong sanh tử. Nói chung trong vòng Sanh tử Luân hồi khổ lắm, nói như vậy để người ta có tâm thoát ly.

Bấy giờ, Thế Tôn lại tuần tự nói pháp này cho các nữ họ Thích: Ngài luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh thiên; dục là tưởng bất tịnh, xuất yếu là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý các cô này đã được khai mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo (hay Khổ, Tập, Diệt, Đạo)**; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà thuyết. Bấy giờ, những người nữ, các trần cấu hết sạch, được mắt pháp trong sạch, mọi người từ chỗ họ mà qua đời, đều sinh lên trời.**

Tức là đức Phật vẫn thuyết một pháp đơn giản, đó là Tứ đế. Quý vị thấy Tứ đế là pháp mà chư Phật thường thuyết, nên nhớ vậy! Trong kinh nói Tứ đế: Khổ đế là gì? Tập đế là gì? Khổ đế là sự thật về khổ, có sanh thì có già, có khổ; sanh khổ, già khổ, bệnh [khổ], tử khổ, ái biệt ly mà khổ, cầu không được mà khổ, oan gia gặp nhau hoài [thì] khổ, Ngũ ấm xí thạnh khổ. Nói chung là tám nỗi khổ, ba nỗi khổ, điều đó đức Phật lúc nào cũng nói. Nguyên nhân của khổ và con đường diệt khổ gọi là Tập, Diệt đế. Và khi nào hết khổ, được Niết-Bàn thì vui như thế nào. Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, lúc nào đức Phật cũng thuyết Tứ đế hết.

Và đức Phật thuyết xong thì mấy người nữ này đắc được Pháp nhãn tịnh (mắt pháp trong sạch) tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn, và họ từ chỗ họ mà qua đời, sinh lên cõi Trời.

Trong vòng sanh tử, thật ra cũng là một chuyện nhỏ thôi, Thiện Trang mong là quý vị nghe câu chuyện này để mình hiểu rõ hơn. Tức là [ngoài] 500 người nữ dòng họ Thích này, còn những người kia, [thì] có rất nhiều người đắc đạo rồi, đắc đạo rất nhiều. Trong đó như ông Thích Ma Ha Nam mà vua Lưu Ly xưng là ông ngoại, có bài kinh nói: Nếu tu tập như thế, thì cho dù gặp chuyện gì, bị voi giày xé, bị ngựa điên đá chết, v.v… hay chết thế nào đó thì cũng đều sanh về cõi lành. Giống như cây đã nghiêng về hướng nào, thì khi nó ngã, nó sẽ ngã về hướng đó thôi. Vậy dòng họ Thích chắc chắn đa số được sanh về cõi lành.

Ở đây chúng ta không thấy nói những người kia sanh về đâu, nhưng 500 người nữ được đức Phật thuyết pháp độ cho, để họ chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn thì sanh lên cõi Trời. Như vậy đức Phật rất tuyệt vời đúng không? Câu chuyện này mình phải nghe đầy đủ như vậy, có đoạn này quan trọng, đoạn khai thị về Vô thường, Khổ - Không, Vô ngã. Và cộng thêm đức Phật giúp 500 người dòng họ Thích chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn và sanh lên cõi Trời.

Quý vị thấy không? Nhiều khi mình chỉ nghe những đoạn trích dẫn khác, những câu chuyện hoặc xem phim hoạt hình thì mình không thấy có những chi tiết này, thật là đáng tiếc! [Chi tiết này] để nói cho người ta điều tốt đẹp. Cho nên đừng có sợ, học đoạn này cố gắng đừng sợ chết, chết không phải là vấn đề quá lớn, mà quan trọng là chết đi về đâu. Và quan trọng là chúng ta cố gắng chứng đạo như những cô này, đến phút cuối cùng rồi, mặc dù bị chặt tay chặt chân như vậy, nhưng vẫn chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Quan trọng là pháp mà đức Phật thuyết, chúng ta cũng vậy, chúng ta nghe hoài thì cũng sẽ thông.

Rồi Thế Tôn đến cửa thành Đông, thấy trong thành lửa cháy dữ dội, liền nói kệ này:

Tất cả hành vô thường

Có sinh ắt có tử

Không sinh thì không tử

Đã diệt, tối an lạc.

Đây là bài kệ mà lúc nào đức Phật cũng nói hoài: 'Tất cả hành vô thường' tức là tất cả những gì ở thế gian diễn biến thì chắc chắn là Vô thường, không bao giờ đứng yên. Có sinh thì chắc chắn có chết thôi, không tránh [được] đường nào hết; Không sinh thì không chết. Mà muốn [vậy] thì chỉ có diệt hết đi Phiền não, đó là Diệt đạo (trong Tứ đế), thì lúc đó mới đạt được Niết-Bàn Vô vi và mới là an lạc nhất. Bài kệ này là hầu như kinh nào cũng nói, quan trọng nhất là nhắc chúng ta: Ở trong Thế gian tất cả hành vô thường, có sinh tất có tử, có khổ trong đó thôi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ***"Các ông hãy đến hết trong vườn Ni-Câu-Lưu, theo thứ lớp mà ngồi"***. (Tức là đức Phật muốn thuyết thêm nên bảo các Tỳ-kheo như vậy).

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ***"Đây là vườn Ni-Câu-Lưu. Xưa kia ở nơi này Ta vì các Tỳ-kheo rộng nói pháp mầu, nhưng nay trống rỗng không còn một ai. Ngày xưa, hàng nghìn vạn người đắc đạo, đắc Pháp nhãn thanh tịnh ở đây. Từ nay về sau, Như Lai không còn trở lại chốn này"*****.**

Ở đây đức Phật muốn nói lại hồi xưa Ngài thuyết pháp ở đó, rất nhiều người đắc đạo, hàng nghìn vạn người đắc đạo, và đắc được Pháp nhãn tịnh (Sơ quả Tu-đà-hoàn). Còn bây giờ trống không, sau này Ngài không trở lại nữa, tại vì Ca-Tỳ-La-Vệ coi như diệt rồi, đất nước của Ngài hầu như diệt.

Ở đây Thiện Trang cũng xin nói thêm, về việc đắc đạo thì đọc trên mạng thấy có người tóm lại trong Kinh Nikaya, họ ghi nhận theo trong Kinh Trường Bộ, là có kể đức Phật thời quá khứ từ đức Phật Tỳ Bà Thi, đức Phật Thi Khí, đức Phật Tỳ Xá Phù, đức Phật Câu Lưu Tôn, Phật Ca Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp và Phật Thích Ca, tổng cộng [có] bao nhiêu người đắc đạo A-la-hán? Họ cộng những số được kể ra thời đó, có bao nhiêu người đắc đạo A-la-hán v.v... Trong bảy vị Phật ra đời thì quý vị có biết bao nhiêu người đắc đạo A-la-hán theo Kinh Nikaya? Xin nói với quý vị con số là hơn 7 triệu 300 [nghìn]. Thế giới này cộng lại gần 8 tỷ người, một phần quá nhỏ (1/1000). Đó là đắc đạo A-la-hán, những người khác không [tính].

Thật ra người đó thống kê chưa đầy đủ, bởi vì ngoài [số người đắc A-la-hán trong thời] bảy vị Phật giáo hóa ra, còn số người đắc Tu-đà-hoàn chưa tính, quả vị nhỏ hơn chưa tính. Còn số người không gặp Phật mà đắc Bích-chi-phật cũng chưa tính. Cho nên con số đó nhiều hơn, chúng ta đừng có bi quan. Nhưng ít nhất con số đắc A-la-hán mà [trong] bảy vị Phật ra đời là hơn 7 triệu A-la-hán, là cũng nhiều rồi đó. Còn những người không gặp Phật cũng đắc A-la-hán được mà, thời đó gặp Phật là đắc A-la-hán thôi. Bây giờ chúng ta coi đức Phật nói tiếp theo thế nào.

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp xong, mọi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, về đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ***"Nay vua Lưu Ly và các binh chúng ở đời sẽ không còn bao lâu. Sau bảy ngày nữa họ sẽ bị tiêu diệt hết".***

Lúc ấy, vua Lưu Ly nghe Thế Tôn báo hiệu, vua Lưu Ly và binh chúng sau bảy ngày nữa sẽ bị tiêu diệt hết.

Nghe vậy, vua lo sợ bảo quần thần: ***"Nay Như Lai đã báo hiệu, sau bảy ngày nữa vua Lưu Ly và binh chúng sẽ bị tiêu diệt hết. Các ngươi xem, ngoài biên giới có giặc cướp, tai biến nước lửa, đến xâm phạm nước chăng? Bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai không có hai lời. Lời nói quyết không đổi khác"*****.**

Quý vị nhớ giùm đoạn này, đức Như Lai không nói hai lời. Quý vị thấy vua Lưu Ly cũng có niềm tin, là đức Như Lai báo hiệu, nói không bao giờ đổi lời, đổi khác. Cho nên quý vị nhớ chi tiết này: 'Vì chư Phật Như Lai không có hai lời. Lời nói quyết không đổi khác'.

Ngày nay chúng ta hay nói đức Phật nói thế này, nói thế kia. Thực ra toàn là người đời sau nói thôi. Còn quý vị coi kinh, đức Phật nói thống nhất có một kiểu, nên nhớ [Ngài] không có hai lời, đức Phật nói như vậy là như vậy, Ngài đã quán sát hết rồi. Ngài nói như vậy là như vậy, cho nên không có vụ nói thế này, nói thế kia. Đó là người đời sau họ bẻ lại, nên quý vị hãy tin, hãy cố gắng nghe.

Vua Lưu Ly mà còn hiểu được, bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai không có hai lời, lời nói quyết không đổi khác. Cho nên nếu mình thấy lời nói mà đổi khác, là có vấn đề, điều đó phải coi lại, chứ còn Phật không bao giờ [có hai lời]. Và đức

Phật đã báo hiệu là bảy ngày nữa, ổng và binh chúng sẽ bị tiêu diệt. Ổng biết chắc như vậy rồi nên [thấy] lo sợ.

Bà-la-môn Hảo Khổ tâu với vua (ông này có duyên sâu với vua Lưu Ly, và cũng có duyên nợ sâu với dòng họ Thích, cho nên lúc nào cũng đi theo)**: *"Vua chớ có lo sợ. Nay bên ngoài không có nạn giặc cướp đáng sợ, cũng không tai biến nước lửa. Hôm nay, Đại vương hãy cứ vui chơi thỏa thích"*.**

Vua Lưu Ly nói: *"Bà-la-môn nên biết, chư Phật Thế Tôn không bao giờ sai lời"*. (Nên nhớ! Chư Phật Thế Tôn không bao giờ sai lời, chỉ có phàm phu mới sai thôi).

Vua Lưu Ly cho người đếm ngày, đến đầu ngày thứ bảy, Đại vương vui mừng hớn hở không tự chế được, liền dẫn binh chúng và các thể nữ đến bờ sông A-Chi-La mà tự vui chơi và nghỉ đêm ở đó. Vào lúc nửa đêm, bất ngờ mây nổi dậy mưa gió dữ dội. Lúc ấy, vua Lưu Ly và binh chúng cùng bị nước cuốn trôi, đều bị tiêu diệt, thân hoại mạng chung bị đọa vào Địa ngục A-Tỳ. Cung điện thành nội lại bị lửa trời thiêu đốt.

Quý vị thấy đức Phật dự báo không sai, dù có binh hay không có binh, cũng vậy thôi. Ông cho người canh gác hết, đi khắp nơi canh gác, coi dò xét hết rồi, tới ngày thứ bảy rồi, thấy không có binh, hồi xưa người ta đâu thể kéo binh nhanh được, cho nên đi chơi được rồi. Tới ngày thứ bảy kéo quân binh ra tới bên bờ sông chơi, ai ngờ tới nửa đêm, thì bất ngờ mây nổi dậy, mưa gió dữ dội, rồi lụt. Bây giờ chúng ta bị hiện tượng này nhiều, ở gần sông, [nước] quá lớn, bị cuốn trôi chết hết, và bị đọa vào Địa ngục A-Tỳ.

Ở đây không nói nguyên nhân [đọa] Địa ngục A-Tỳ, nhưng chúng ta có thể hiểu là [do] giết quá nhiều người, trong đó dòng họ Thích có nhiều người chứng Thánh. Quý vị nên nhớ trong dòng họ Thích, có nhiều người chứng Thánh. Chứng Thánh tức là chứng từ Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả v.v… Không có A-la-hán trong đó, nhưng giết những bậc Thánh, giết một người thôi cũng đọa, chứ đừng nói giết nhiều người. Tội làm đối với một người Tu-đà-hoàn hướng là đã nặng rồi, [một người] gọi là thành tựu Chánh niệm thôi, là đã nặng rồi. Mà bây giờ giết nhiều người như vậy, thì không đọa Địa ngục A-Tỳ mới lạ.

Không biết nhân quả thế nào, đoạn này chưa nói, nhưng quý vị thấy rõ ràng là khiến vậy, nghiệp tới rồi, có trốn đi đâu cũng trốn không được. Cho nên ráng tu! Ở trong vòng luân hồi, nhiều khi mình chỉ cần vì hận gì đó, hoặc là bị nghiệp gì đó, mà mình có thể làm những nghiệp đó. Và nếu là người bình thường thì tội nhẹ, nhưng nếu người ta là bậc Thánh, người tu tập, thì tội đó nặng lắm. Cho nên quý vị thấy chán ngán trong vòng luân hồi. Cung điện thì bị lửa trời thiêu đốt, tức là cõi Trời tới thiêu, điều này là nghiệp tới rồi.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhãn quan sát thấy vua Lưu Ly và binh bốn bộ bị nước cuốn trôi, mạng chung tất cả đều vào Địa ngục.

Thế Tôn liền nói kệ này:

Làm việc tối cực ác
Đều do thân, miệng làm
Nay thân cũng chịu khổ
Thọ mạng cũng ngắn ngủi.
Nếu khi ở trong nhà
Thì bị lửa thiêu đốt
Đến lúc mạng qua đời
Tất sinh vào Địa ngục.

Đức Phật nói bài kệ: Nếu làm việc cực ác, việc quá ác, do thân và miệng làm (tất nhiên là ý dẫn đầu, nhưng phải làm trên thân trên miệng. Trừ người đắc Thiền thì không nói, họ có thể tác ý), nay thân phải chịu khổ, thọ mạng cũng ngắn ngủi. Tức là giết người thì sau này thọ mạng sẽ ngắn ngủi.

Dù sanh lên nhân gian, trong Kinh A Hàm, Kinh Đại Bảo Tích, hay trong Kinh Hoa Nghiêm, ở Phẩm Thập Địa nói: "**Khi sát sanh, sau này có sanh lên nhân gian, thì thọ mạng cũng ngắn ngủi**". Cho nên có nhiều người mới sanh ra, ở đời không bao lâu rồi chết, [thọ mạng] ngắn là do nghiệp sát sanh. Đó gọi là dư báo, quả báo nặng hết rồi, vẫn thọ báo nhẹ.

Còn nếu khi ở trong nhà, thì bị lửa thiêu đốt, tức là mình dù trốn ở trong nhà chăng nữa, vẫn bị lửa cháy chết. Còn như vua Lưu Ly, ra bờ sông nên bị nước cuốn. Nói chung trốn không được, nghiệp tới rồi thì trốn không được đâu.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: ***"Sau khi chết, vua Lưu Ly và binh lính sanh nơi nào?"***

Thế Tôn bảo: ***"Vua Lưu Ly sanh vào Địa ngục A-Tỳ".*** (Địa ngục này rất khổ).

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: ***"Xưa kia các Thích tử đã tạo ra nhân duyên gì mà nay bị vua Lưu Ly làm hại?"*** (Quan trọng nhất là chúng ta coi nhân duyên vì sao dòng họ Thích bị tàn sát một cách thảm thương như vậy. Vua Lưu Ly cũng có tội rồi, vì nghiệp gì đó nên ông sát hại [cả dòng họ Thích]. Bây giờ chúng ta coi vì sao?)

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ***"Ngày xưa, trong thành La-Duyệt này có một thôn đánh cá. Thời ấy, gặp lúc đói kém, người ăn rễ cây, một thăng vàng đổi một thăng gạo. Trong thôn lúc đó có một hồ nước lớn, lại nhiều cá. Mọi người dân trong thành La-Duyệt đến nơi hồ bắt cá ăn. Vào lúc đó, trong hồ có hai giống cá, một gọi là Câu tỏa, hai gọi là Lưỡng thiệt. Lúc ấy, hai giống cá nói với nhau: 'Đối với những người này, trước đây chúng ta không có lỗi lầm. Ta là loài thủy tánh, không ở đất khô. Những người dân này đều đến ăn thịt chúng ta. Bao nhiêu phước đức chúng ta có đời trước, nay sẽ dùng để báo oán này".***

Quý vị thấy đoạn này nói tới chúng sanh, mặc dù nói cá, quý vị nghĩ cá không làm gì hết. Đây là nhân duyên, mình đọc đoạn này, mình cũng hiểu ra nhiều vấn đề hơn. Thứ nhất, hồi xưa thành La Duyệt là thôn làm nghề đánh cá, nhưng không phải bình thường, lúc đó là mùa đói kém nữa, không có ăn, một thang vàng mà đổi một thang gạo. Nói chung giống như một ký vàng mà đem đổi một ký gạo vậy đó. Người ta phải ăn rễ cây, cho nên lúc đó người ta mới bắt cá trong hồ nước lớn đó để ăn, mà trong đó có cá Câu tỏa, cá Lưỡng thiệt. Hai loại cá đó nói với nhau là loài người bắt họ ăn thịt, cho nên họ thù, họ nguyền là có bao nhiêu phước đức đời trước, sẽ dùng để báo oán.

Quý vị thấy không? Cho nên đừng thấy mấy loài chúng sanh không có thù, chúng thù, chúng nghĩ như vậy là thành báo oán thôi. Chúng có bao nhiêu phước đức, lúc đó là cá, chúng chưa có phước, nhưng sau này có.

***Lúc ấy, trong thôn có một cậu bé mới tám tuổi, không bắt cá, lại cũng không hại chúng, nhưng cá kia ở trên bờ, tất cả đều bị chết, thấy vậy cậu bé rất là vui mừng*.** (Tội này là tội tùy hỉ sát, nên tội tùy hỉ cũng có. Chúng ta coi tội tùy hỉ như thế nào?)

***Tỳ-kheo nên biết, các ngươi chớ nghĩ nhân dân trong thành La-Duyệt lúc bấy giờ há là người nào khác, mà nay chính là họ Thích. Cá Câu tỏa bấy giờ, nay là vua Lưu Ly. Cá Lưỡng thiệt bấy giờ, thì nay là Bà-la-môn Hảo Khổ. Còn cậu bé thấy cá nằm trên bờ mà cười lúc ấy, nay chính là Ta. Bấy giờ, họ Thích ngồi bắt cá ăn. Vì nhân duyên này, nên trong vô số kiếp vào trong Địa ngục, nay phải chịu báo này. Lúc ấy, Ta ngồi nhìn mà cười nên nay bị đau đầu giống như bị đá đè, hoặc như đầu đội núi Tu-Di. Vì sao vậy? Vì Như Lai vốn không nhận hình hài nữa, đã xả bỏ các hành, vượt qua các ách nạn. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này, nay chịu báo này. Các Tỳ-kheo, hãy giữ thân, miệng, ý hành, hãy niệm cung kính thừa sự người phạm hạnh*.**

***Các Tỳ-kheo cần phải học những điều này như vậy*".**

Quý vị thấy chi tiết trong đoạn này, chúng ta nghe ra rất rõ ràng. Dòng họ Thích ngày xưa chính là nhóm người đánh cá đó, và con cá trong dòng cá Lưỡng thiệt là Bà-la-môn Hảo Khổ, cho nên khiến; còn con cá Câu tỏa (trong đó chắc là một con cá lớn) là vua Tỳ Lưu Ly thống lĩnh. Đức Phật, Ngài không làm gì hết, chỉ có một tội là tùy hỉ sát, thấy người ta bắt cá quăng lên bờ, cá chết, vậy mà cười, nên bây giờ cũng bị đau đầu, như bị đá đè hay như đầu đội núi Tu-Di. Cho nên nghiệp nào có quả đó, chúng ta thấy nhân quả ghê gớm lắm. Mà điều tùy hỉ đó nhiều lắm, tùy hỉ sát, nên đừng có đùa. Quý vị không trực tiếp giết hại, chỉ tùy hỉ thôi cũng có nghiệp. Tất nhiên không bị giết, không bị sao, nhưng tùy hỉ thì cũng khổ.

Quý vị thấy trong câu chuyện có vợ chồng đó mới cưới nhau được mấy ngày, ông chồng trèo lên cây hái gì đó, xong rồi té xuống chết. Bà vợ khổ, mấy

người thân khổ, tới bạch đức Phật. Đức Phật nói là không phải [chỉ mấy người] khổ đâu, mà trước đó ở trên cõi Trời, người thân trên cõi Trời của ổng cũng đang khổ trên đó. Tại vì ở trên cõi Trời, ổng cũng bị té [hay bị] gì đó, hết thọ mạng nên chết, xong xuống nhân gian cũng chết. Rồi ổng sanh vào loài rồng, vừa sanh vào chả bao lâu thì gia đình cũng khổ nữa, bởi vì bị chim sí điểu bắt ăn thịt, chết, bị bắt mất.

Nỗi khổ đó, lý do là hồi xưa ổng là đứa bé bắn chim, khi giương cung bắn thì có mấy người bên cạnh kêu: 'Cháu bắn giỏi lắm! Cháu bắn giỏi lắm!' Mấy người kia thấy bắn chết con chim nên khen. Đức Phật nói: Thằng bé hồi xưa bắn chết chim chính là ông đó. Nên ông vừa chết trên cõi Trời, vừa chết ở cõi Người, chết ở cõi Rồng, ba lần chết. Và những người tùy hỉ đó, cười [và khen] cháu bắn giỏi lắm, bây giờ là người thân, nên phải chịu nỗi khổ như vậy, nỗi khổ mất người thân. Nên tội tùy hỉ sát là có nghiệp tùy hỉ sát, và cũng khổ luôn.

Cho nên ở trong vòng luân hồi, đừng tưởng mình ngon, thật ra mình tạo nghiệp ghê lắm, nên [hãy] mong tâm cầu xuất ly ra khỏi sanh tử. Quý vị thấy chúng ta tạo nghiệp nhiều lắm, mặc dù nghiệp thiện nhiều, cũng sanh ra quả thiện nhiều lắm, nhưng nghiệp ác cũng sanh ra quả ác, và hai nghiệp đó không có bù trừ nhau, mà duyên nào tới là cho nghiệp thôi, trổ quả.

Mai mốt mình học tới phần Tâm nhân, Tâm quả trong phần A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp, quý vị phân tích ra thấy đúng hết, không chạy đâu hết, không thoát được. Như đời này, tại sao tâm mình cứ đờ đờ, không có lanh lẹ, cứ trầm trầm. Người tính trầm là do đầu thai bằng tâm tái tục (tâm tái sanh) là tâm Xả thọ. Xả tức là đời trước trơ trơ, kiểu vậy đó, thì bây giờ cũng trơ trơ. Còn ai đời này sân nhiều, ưu buồn nhiều, lo lắng nhiều, suy nghĩ nhiều là đời trước đầu thai bằng tâm thọ Ưu. Còn ai mà đời này tâm lúc nào cũng vui vẻ hoan hỉ, cười tươi, vui vẻ nhìn đời lạc quan là đầu thai bằng tâm quả thọ Hỷ.

Cho nên không có sai, mình biết rồi thì mình ráng tu, lúc nào cũng ráng làm sao để tạo những tâm đầu thai [tốt]. Nếu còn trong vòng luân hồi, cố gắng Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần bằng tâm như ý, lúc nào cũng thọ vui hoặc ít nhất là xả thọ thì mới được. Còn không, cứ lo lắng nhiều… nếu quý vị còn tái sanh trong luân hồi thì khả năng lại khổ nữa. Nên là đời sau tái sanh bằng tâm

đó thì khổ nữa thôi, [nên đừng] lo lắng rồi buồn phiền, hoang tưởng nhiều. Mình học trong Phật pháp rõ lắm, không có sai chỗ nào.

Cho nên hãy cố gắng! Nghe câu chuyện này Thiện Trang nghĩ là cung cấp đầy đủ hết và cũng đính chính lại những kiến thức hồi xưa, mình theo những người giảng nào đó mình nói sai, thì bây giờ cũng biết kiến thức đúng như vậy. Quý vị thấy cũng rất là hay, câu chuyện này rất dài và chúng ta thấy đã học hết.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 2 – Phẩm Đẳng Kiến Thứ 34 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị có thể kiểm tra lại bộ kinh này, đoạn này rất hay! Bữa nay [học] quý vị thấy các nhân quả trong dòng luân hồi rất phức tạp, [nghiệp] xưa kia nếu như chưa thoát khỏi sanh tử thì vẫn phải chịu quả báo. Nếu như đủ duyên thì chúng ta cũng ráng tạo nhiều phước, tạo nhiều duyên làm sao để cho [ra] những quả thiện. Chúng ta học, nguyên tắc trong A Tỳ Đàm là khi chúng ta đang trổ quả thiện, thì cơ hội để trổ tiếp quả thiện nữa. Ví dụ chúng ta đang sung sướng, đang có phước báo, chúng ta đang tu tập thì cơ hội để trổ quả thiện tiếp tục, mình sướng theo dòng đó. Còn một khi trổ quả ác rồi thì khả năng trổ tiếp rất cao, vì duyên thuận theo như vậy.

Cho nên bây giờ mình đang khỏe mạnh, đang tốt lành thì ráng tạo phước duyên, ráng tu tập. Khi nào duyên tới, dòng nghiệp xấu kia chạy là nghiệp xấu đó dễ trổ lắm, tại vì điều kiện đủ rồi, thì lúc đó mình xoay sở khó. Muốn cắt [nghiệp xấu] thì phải nhờ nghiệp nào mạnh, gọi là Trọng nghiệp hoặc Cực trọng nghiệp để tác động, cắt lại dòng nghiệp xấu. Hoặc là mình đang tốt mà gặp Cực trọng nghiệp [xấu] cắt một cái là cắt luôn thành nghiệp xấu. Chứ còn mình bình thường, duyên như thế thì trổ quả như vậy, bởi vì quý vị đang có thời kỳ như vậy. Và nhân quả rất rõ ràng, không phải bù trừ nhau đâu, không có nghiệp này bù trừ nghiệp kia, mà cứ chen nhau, sanh quả. Cho nên là hãy cẩn thận!

Đó là nội dung đầu tiên Thiện Trang giới thiệu và cũng hơi mất nhiều thời gian, nhưng hy vọng qua câu chuyện này quý vị nghe được câu chuyện thời đức Phật. Và chúng ta thấy từ đó là thần lực cũng không giải quyết vấn đề, chỉ có tu tập thôi.

Phần thứ hai Thiện Trang xin giới thiệu pháp hành căn bản:

Hai Pháp Bố Thí Mà Được Công Đức Lớn, Thành Quả Báo Lớn, Được Vị Cam Lồ, Đến Chỗ Vô Vi (Niết-Bàn)

(Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-Vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: *"Có hai pháp bố thí cho người phàm phu mà được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ Vô vi. Sao gọi là hai pháp? (1) Cúng dường cha mẹ. Đó là hai hạng người mà cúng dường đến thì được công đức lớn, thành quả báo lớn.*

Có một điều sai lầm lớn nhất của mọi người học Phật, đó là thường quên mất phước điền bên cạnh mình. Đức Phật nói là hai pháp bố thí cho người phàm phu, tức là mình cúng dường cho người phàm phu thôi mà được công đức lớn. Trừ Thánh nhân ra, ở đây phàm phu thôi, thì cúng dường cho ai được công đức lớn, được quả báo lớn và được vị cam lồ đến chỗ Vô vi? Đầu tiên, cúng dường cha mẹ là dễ nhất đúng không? Cúng dường cha mẹ là pháp thứ nhất. Đây là phàm phu mà. Còn cúng dường Thánh nhân thì có phước báo lớn rồi, [thì] không nói. Cha mẹ mình là phàm phu, nhưng quý vị cúng dường thì có phước báo lớn. Còn hàng thứ hai là ai?

Lại nữa, (2) cúng dường một vị Bồ-tát Nhất sanh Bổ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn, được vị cam lộ, đến chỗ Vô vi.

Thứ hai là cúng dường cho Bồ-tát Nhất sanh Bổ xứ, giống như ngài Di Lặc. Cho nên [cúng dường] cho Bồ-tát thì công đức lớn. Nhưng tại sao vẫn gọi là phàm phu, mà sao không gọi Bồ-tát? Tại vì các ngài tuy gọi là Bồ-tát, nhưng Bồ-tát này vẫn chưa thành đạo, chưa thành Phật. Cho nên [cúng dường] cho Bồ-tát Nhất sanh Bổ xứ là sanh lên trời Đâu Suất, thì có công đức lớn. Nhưng bây giờ mình đâu có lên trời Đâu Suất để cúng dường, mà các ngài không biết có xuống nhận hay không? Giống như Bồ-tát Di Lặc. Nhưng tại sao gọi là phàm phu? Tại vì ngài cũng chưa chứng Phật quả.

Theo giáo lý nguyên thủy thì hoặc chứng quả Thanh văn, hoặc là chứng quả Bích-chi-phật (quả Độc giác Phật) thì cũng là chứng quả Phật. Còn đi con

đường Phật đạo, dù là Bồ-tát Nhất sanh Bổ xứ thì vẫn là phàm phu, ý nói vậy, nhưng [cúng dường] công đức lớn lắm. Cho nên cô Sujata cúng dường bát cháo sữa lên đức Phật, lúc đó Ngài sắp thành đạo, sắp thành Phật, cho nên những công đức đó cực kỳ lớn.

***Cho nên, các Tỳ-kheo, thường niệm hiếu thuận cúng dường cha mẹ. Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều nầy như vậy*".**

Các Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Số 10 – Phẩm 20 - Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị nhớ nha! Quý vị cố gắng cúng dường cha mẹ cũng được phước nhiều lắm. Chứ còn đi cúng dường người khác, mà mình đối xử với cha mẹ [không tốt], thì nghèo. Một số người học Phật, không học căn bản cho nên hiểu sai. Nên nhớ như vậy! Phước [cúng dường] cho phàm phu (trừ bậc Thánh ra), thì công đức [cũng] lớn.

Đó là pháp hành căn bản, chúng ta thêm một pháp giải nữa:

Tu Ngũ Quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) Thì Giải Thoát

(48.24) Nhứt Chủng Tử: Ekabījī)

1-2. - Có năm căn này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

3. Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn Năm căn này là bậc A-la-hán.

Quý vị nhớ nha! Thật ra mình chỉ tu năm căn (Ngũ quyền): Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Năm căn này thôi mà mình tu được tốt, toàn diện viên mãn luôn, thì mình thành A-la-hán, đây là một con đường đơn giản. Tín là niềm tin đối với Tam Bảo, rồi Tấn, Niệm, Định, Tuệ, chỉ tu năm điều đó thôi. Thật ra Phật pháp tu chủ yếu bấy nhiêu đó, nếu tu viên mãn là thành A-la-hán thì mới giải thoát.

Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Niết-Bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc

Hữu hành Niết-Bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu, đạt tới Sắc cứu cánh thiên.

Quý vị thấy, nếu mình tu không viên mãn toàn diện được năm điều: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, thì mình cũng đạt tới năm địa vị trong Tam quả A-na-hàm là Trung gian Bát-niết-bàn. Trung gian Bát-niết-bàn tức là lúc đó quý vị vừa chết ở đây (trong Thân trung ấm nói theo Đại Tỳ Bà Sa) thì sẽ chứng quả [A-la-hán] luôn. Còn nói theo Nam truyền thì vừa chết một cái, sanh lên trời Ngũ Bất Hoàn Thiên là chứng luôn [quả] A-la-hán liền. Còn tệ hơn nữa là lên đó phải một thời gian sau thì [được bậc] Tổn hại Bát-niết-bàn. Còn nhẹ hơn thì [được bậc] Vô hành Niết-bàn, không cần tu gì hết, lên đó tu cũng chứng thôi. Nhẹ hơn nữa là bậc Hữu hành, là phải dụng công một thời gian nữa thì mới chứng được Niết-Bàn. Tức là từ Tam quả, nhưng dụng công ở trời Ngũ Bất Hoàn Thiên. Còn tệ nhất là Thượng lưu Sắc cứu cánh, [địa vị] này chúng ta cũng học rồi.

Nếu không được nữa thì sao? Tức là tu Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ không đủ được Tam quả nữa thì sao? Ở đây nói tiếp.

Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. (Nhất lai tức là bậc Tư-đà-hàm). **Yếu nhẹ hơn là bậc Nhứt chủng (ekabījī)**. (Nhất chủng đạo này là bậc Tu-đà-hoàn, nhưng một đời thôi). **Yếu nhẹ hơn là bậc Gia gia (kolaṃkolo).** (Gia gia có thể hai đời hoặc ba đời nữa trong nhà cao quý, thì mình mới chứng giải thoát. Đây là Tu-đà-hoàn, mà Tu-đà-hoàn Nhất chủng với Tu-đà-hoàn Gia gia này cao). **Yếu nhẹ hơn là bậc phải tái sanh lại nhiều nhất là bảy lần (sattakkhattuparamo).** (Tức là Tu-đà-hoàn tiêu chuẩn. Quý vị thấy không ạ? Chỉ cần tu Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ thôi). **Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.**

(Tương Ưng Bộ Kinh - Thiên Đại Phẩm).

Quý vị thấy, thật ra chúng ta đang tu trong đó đúng không? Chúng ta học và tu để làm sao niềm tin đối với Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) của mình mạnh. Rồi Tấn là siêng năng, siêng năng chọn pháp thiện, pháp lành. Nếu nói theo cách đơn giản, là luôn luôn suy niệm, luôn luôn tư niệm, suy tư về Chánh kiến. Niệm là gì? Ở đây có hai nghĩa, một [là] ghi nhớ và bắt được cảnh, lúc nào cũng Chánh

niệm rõ ràng và luôn luôn suy nghĩ với Chánh đạo đó. Rồi Định là tu Thiền định, là Thiền chỉ. Và Tuệ là tu Thiền quán và học pháp...

Mình tu tốt, làm được 100%, thì là A-la-hán. Nếu không được thì hạ xuống một chút, xuống bậc cao nhất trong Tam quả A-na-hàm gọi là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Không được nữa thì tới Tổn hại Bát-niết-bàn, không được nữa thì Vô hành Bát-niết-bàn, không được nữa thì Hữu hành Bát-niết-bàn, còn không tệ nữa thì Thượng lưu Sắc cứu cánh Bát-niết-bàn. Tam quả A-na-hàm có năm bậc. Nhẹ hơn chút nữa thì xuống bậc Nhất lai, tức là Nhị quả Tư-đà-hàm. Và yếu nhẹ hơn nữa thì xuống bậc Nhất chủng tức là Tu-đà-hoàn. Nhất chủng tức là một đời, và thậm chí trong đó nói một đời tôn quý nữa là thành A-la-hán. Tức là Tu-đà-hoàn một đời nữa thôi đúng không quý vị? Ráng tu như vậy! Còn không thì xuống bậc Gia gia, là hai đời đến ba đời, có chỗ nói hai, ba đời [sanh vào] nhà tôn quý nữa, có chỗ không nói như vậy, [nên] không biết thế nào. Còn nếu tệ hơn nữa là Tu-đà-hoàn [tiêu chuẩn]. Nếu không được Tu-đà-hoàn thì xuống Tùy pháp hành, không được Tùy pháp hành thì Tùy tín hành. Đó là hai bậc của Tu-đà-hoàn hướng, là thấp.

Như vậy tu có khó không quý vị? Không khó! Nếu căn cứ vào đây thì chỉ tu Ngũ quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) thôi. Cho nên chúng ta đang học rất nhiều cách để vào các [địa vị] Sơ quả. Ở đây có thể đặt [tựa đề] là "cách vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thứ mấy", nhưng trùng với đằng trước rồi nên không đặt lại mà chỉ nói lại thôi.

Cho nên học thấy dễ mà đúng không quý vị? Đâu có khó đâu! Cho nên ráng tu nha! Ở đây ráng [tu], tệ nhất là vào Tùy tín hành, Tùy tín hành là tiêu chuẩn rất dễ. Và theo Kinh Nikaya thì người Tùy tín hành, Tùy pháp hành không thể chết nếu như chưa chứng Tu-đà-hoàn. Cho nên xếp vào hàng đã vượt qua dòng sông của Ma vương, cho nên yên tâm! Tùy tín hành, Tùy pháp hành không khó, thời đức Phật thì còn dễ nữa. Nhưng bây giờ không có Phật, mình học hoài, mình tu theo trong đó, đúng theo Phật thì mình sẽ đạt được.

Đó là kiến thức mà chúng ta cung cấp. Bây giờ chúng ta trở lại với phần Tâm sở trong 52 Tâm sở của A Tỳ Đàm. Hôm bữa mình đã học Tâm sở Tịnh hảo Trí quyền, quý vị còn nhớ không? Trí quyền hay Tuệ quyền, nếu duy trì

phát triển Tâm sở này thì đạt đến Thẩm như Ý túc trong Tứ như Ý túc, và đạt đến Trạch pháp Giác chi trong Thất giác chi, và Chánh kiến trong Bát chánh đạo. Cho nên Tâm sở này quan trọng.

Hôm bữa mình đã học rồi, bây giờ không nhắc lại nữa. Bữa nay thì mình sẽ học 40 nhân để trợ sanh trí. Tức là bây giờ mình học làm sao để có trí tuệ, thì hôm nay chúng ta sẽ học 40 nhân để sinh ra trí tuệ. Bây giờ chúng ta sẽ học từng mục, ở đây chia ra có mấy mục.

40 Nhân Trợ Sanh Trí

A. Bốn Nhân Trợ Cho Tương Ưng Trí: (1-4)

1. Có nghiệp quen nết trí là trước kia hay dùng trí, nay còn trớn, thành tánh nết đã quen, như thế trí dễ sanh.

Điều đầu tiên là trước kia mình thường xuyên dùng trí tuệ, tức là làm việc gì cũng chịu khó suy xét, nghĩ một chút, học pháp cũng suy tư. Đức Phật nói là học pháp phải suy tư, là tư duy đó, chứ không phải là nghe kinh mà không được suy nghĩ. Không phải! Đó là chư Tổ đời sau, chứ còn thực tế là đức Phật dạy quý vị phải suy tư, phải nghĩ, phải suy xét, tư duy, điều gì cũng dùng trí hoài thì quen.

Thế gian hiện nay cũng vậy, quý vị thấy họ khuyên những người lớn tuổi, phải kiếm một môn nào về tri thức mà học, mà chơi để dùng đầu óc, chứ không dùng đầu óc thì một hồi dễ bị Alzheimer lắm, tức là mình bị đãng trí, là quên đó.

Cho nên là dù người trẻ hay người già thì cũng phải cố gắng tập điều gì cũng suy nghĩ. Và bây giờ chúng ta học Phật pháp cũng là một môn để dùng đầu óc. Đó là cách để cho trí của mình dễ sanh. Đây là điều thứ nhất. Điều này quan trọng cực kỳ, đức Phật dạy là quan trọng nhất trong Phật pháp là trí tuệ. 'Duy tuệ thị nghiệp' là chỉ có trí tuệ là sự nghiệp thôi.

Điều thứ nhất là quen nết rồi. Muốn quen thì chịu khó suy nghĩ. Cho nên làm gì hay học gì thì cũng chịu khó dùng đầu óc một chút. Có nhiều người lười suy nghĩ, điều gì cũng không suy nghĩ hết, nếu quen rồi thì dần dần không có trớn, không có trớn thì bắt đầu sau này đầu của mình khờ hơn. Còn nếu chúng ta thường thường suy xét, suy nghĩ. Học Phật pháp cũng vậy, cũng nên suy xét,

suy nghĩ. Đức Phật dạy như vậy thì chúng ta hãy làm như vậy. Đó là điều thứ nhất.

2. Sanh nhằm cõi vô sân chỉ cho cõi Sắc giới và Vô sắc giới.

Điều này thì chúng ta không có. Chúng ta đang sanh ở cõi Dục giới, cõi này đa sân lắm, đặc biệt là Nam Thiệm Bộ Châu, tức là Trái đất của chúng ta đó, thì cõi này dễ sân, cho nên khó có Tương ưng trí. Còn nếu mai mốt mình sang cõi Sắc giới, Vô sắc giới thì đỡ. Như vậy thì nhiều người nói vậy làm sao thầy? Thiện Trang nói có cách rồi, đó là đức Phật dạy chúng ta tu Thiền chỉ. Khi quý vị đắc được Thiền là quý vị sanh tâm Thiền, tâm Thiền là từ Sơ thiền trở lên, thì tự nhiên là tâm mình tương ưng với cõi Sắc giới. Nếu đắc được Thiền của tứ Vô sắc giới thì quá tốt. Nhưng nếu [đắc Thiền] Vô sắc giới thôi thì tự nhiên tâm mình không có sân, không có tham, và tự nhiên tương ưng với cõi trí thì tự nhiên có trí tuệ. Ai tu vô được Thiền chỉ rồi là biết. Ai nhập Sơ thiền trở lên là biết, điều đó rõ ràng lắm, lúc đó trí mình sáng cực kỳ.

Đó là mình phải tu, chứ bây giờ mình đã lỡ sanh vào đây rồi. Nếu đời sau mình sanh lên cõi Sắc giới hoặc Vô sắc giới thì ngon, mình cũng có được Tương ưng trí. Cho nên trí thế gian của mình kém lắm. Còn cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới thì tốt hơn.

3. Xa lìa phiền não là lúc không bị những phiền não phát sanh thì trí tuệ mới dễ phát sanh.

Điều này quan trọng, nhớ là xa lìa Phiền não. Bởi vì sao? Vì lúc nào mình không có Phiền não thì trí tuệ mới sanh. Chứ bây giờ mình đang sân, mình đang si, mình đang tham, mình đang Phiền não, lo lắng tùm lum hết, thì không thể nào sanh trí tuệ được. Khó lắm! Cho nên ai mà bị khó khăn, lo nghĩ, ai bị sân, ai bị gì đó, nói chung là đang bị tham sân si nổi lên, lo lắng nổi lên, thì quý vị nên nhớ là ta đang làm mất trí tuệ. Ta phải dừng lại, dừng lại. Đừng suy nghĩ nữa, đừng lo lắng nữa, đừng tham nữa, đừng sân nữa, thì mình sẽ có trí tuệ. Đó là điều quan trọng.

4. Gặp khi ngũ quyền mạnh như các bậc đã đầy đủ Pháp độ, nhất là Bồ-tát kiếp chót v.v...

Điều này thì mình không có. Khi Ngũ quyền mạnh thì những người tu đủ Pháp độ, tức là người tu 10 Ba-la-mật mạnh lắm, thì lúc đó tự nhiên trí sanh, nhất là Bồ-tát kiếp chót (chắc là Bồ-tát sắp thành Phật). Còn bây giờ mình không biết. Mà điều này thì hên xui, mình đã tu rồi, xưa nay mình tu bao nhiêu thì trí đó mạnh. Cho nên nhiều người hỏi: "Làm sao biết mình tu lâu hay không?" Có một cách có thể suy xét, mình tu nhiều là do trí mạnh. Thấy Pháp độ mạnh, Ba-la-mật của người ta mạnh, thì tự nhiên trí mạnh, trí dễ sanh hơn.

Cho nên người nào tu mà có trí tuệ giỏi đó, thì không phải đơn giản đâu quý vị, đó là họ đã tu nhiều lắm rồi. Nhiều người không biết, nói càn, tưởng mình có trí tuệ nhưng thật ra không phải, trí tuệ thuộc về tu Ba-la-mật. Điều này thì mình phải tu thôi, không có cách nào. Còn mấy mục trước thì mình làm được đúng không? Như ở đây, ý thứ nhất là mình hãy cố gắng dùng trí nhiều hơn. Thứ hai là mình cố gắng tu Thiền nhiều hơn, tu Thiền để đắc Thiền. Thứ ba là cố gắng bớt Phiền não, đừng nghĩ Phiền não thì trí tuệ sanh. Ba điều này thì mình làm được. Còn điều thứ tư này là do khi Ngũ quyền mạnh như các bậc đã tu đầy đủ Ba-la-mật rồi. Còn mình tu Ba-la-mật yếu quá thì từ từ tu thôi, chứ biết sao.

Đó là nhóm thứ nhất, là bốn nhân trợ cho Tương ưng trí.

B.Tám Nhân Tỉnh Trí: (5-12)

1. Còn trẻ tuổi: Còn trẻ tuổi thì đúng rồi! Ai mà trẻ tuổi thì tốt, còn trẻ tuổi thì dễ dàng, có thể có trí hơn người già, điều này là đương nhiên.

2. Quyền tước đang tăng: Điều này thì hơi nghe hơi ngược đời. Quyền tước đang tăng tại sao lại sinh trí? Tại vì lúc đó đang có trớn, phước đang trổ. Người Trung Quốc nói là 'phước chí tâm linh'. Thật ra không phải gì đâu, mà đơn giản là lúc đó thuận duyên, thuận duyên nhiều thì tự nhiên trí mình sanh. Quyền của mình tăng, chức tước của mình lên, thì khi đó trí của mình cũng lên theo. Tại vì mình lên theo đà, cho nên điều đó là đương nhiên. Cho nên lúc nào thuận duyên thì quý vị hãy cố gắng tu để tăng thêm, vì đang có trớn, lúc đó những điều kiện hỗ trợ tốt. Còn mình đang Phiền não thì làm sao tốt được. Trí sanh là do quyền tước tăng, thì tự nhiên thuận duyên nhiều hơn. Mình ít sân, ít bị Phiền não, cho nên trí sẽ sanh.

3. Cố gắng tìm học hỏi: là cố gắng tìm tòi học hỏi. Điều này thì mình cũng có thể làm được đúng không?

4. Thôi xã giao với ngoại giáo: tức là mình hãy ngừng qua lại với những người nào tu theo ngoại đạo, tà kiến quá thì thôi. Ngoại đạo ở đây là ngoại giáo, tức là tu không đúng theo Phật pháp. Cho nên những người nào mà thấy người ta không tu theo mình, thì thôi, bớt ngoại giao. Tức là những người mà thấy tà kiến quá, trong Phật giáo nhiều người tà kiến lắm, thời nay đặc biệt là nhiều người tà kiến lắm, bái thầy hơn bái Phật, thờ thầy hơn thờ Phật, v.v... không chịu nghe lời Phật mà toàn nghe người đời sau nói, những người đó là tà kiến nhiều. Cho nên mình bớt xã giao với họ đi, thì trí tuệ mình mới tăng được.

5. Cố gắng khéo dùng lòng: tức là khéo dùng tâm. Mình cố gắng dùng tâm nhiều hơn. Điều này cũng giống như trên thôi.

6. Cố đàm luận trao đổi ý kiến: Điều này quan trọng! Có nhiều người học mà không cố gắng đàm luận, trao đổi ý kiến, thì không có tìm ra, không có suy nghĩ ra được gì hết. Một vấn đề gì đó, ví dụ Thiện Trang chia sẻ với quý vị, mà quý vị hỏi thì cũng là giúp cho quý vị tăng được và cũng giúp Thiện Trang được tăng thêm trí tuệ. Bởi vì khi đó mình phải suy nghĩ, mình phải đem những kiến thức cũ ra, khi đó trong đầu mình sẽ gợi lại những kiến thức cũ, tức là dùng Tưởng và dùng Niệm. Dùng những điều đó thì gợi lên, thì mới có. Còn bình thường thì không có. Cho nên là phải cố gắng đàm luận, trao đổi ý kiến. Có nhóm học [thứ Hai, thứ Ba] đó, cũng là một cách tốt.

7. Ưa mến tài, trí: Mình phải có tính ưa mến tài trí. Đối với người tài, người trí thì mình phải hâm mộ, ưa thích. Điều này thì rõ ràng đúng không? Nhiều người thì có tính ghen tị, ganh tị thì không nên. Quý vị nhớ vậy!

8. Ở chỗ đáng tiến hoá: tức là mình ở chỗ nào mà giúp cho thăng tiến lên. Ví dụ như mình ở nơi nào mà ồn ào, đủ thứ chuyện này kia, thì không có tiến được. Hoặc ở nơi toàn là gì đâu, dân phá phách đồ không, thì không nên, 'gần mực thì đen, gần đèn thì sáng' mà.

C.Bốn Nhân Trợ Tạo Trí: (13-16)

1. Tin ân đức bậc Ứng Cúng: Điều này thì dễ rồi! Ân đức của bậc Ứng Cúng (Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác). Ứng Cúng là Phật.

2. Nghe Phật pháp cao siêu: thời nay nhiều người lười lắm, đặc biệt là nghe A Tỳ Đàm... hay nghe mấy bài giảng sâu sâu một chút, là ngán hết, không thích nghe. Thích nghe dễ thôi, như đồng tu Tịnh Độ toàn là thích niệm Phật cho dễ, nghe mấy pháp cao siêu chi cho mệt. Nhưng quý vị thấy đức Phật nói không? Muốn tăng được trí tuệ thì phải nghe pháp cao siêu, nghe A Tỳ Đàm...

Quý vị thấy mỗi khi Thiện Trang khai giảng bài nào đó, bài đầu tiên thì đông người xem lắm, bài số một thì quá trời đông. Xong rồi bài số hai là ít đi, bài số ba ít đi, dần dần rớt hết. Mà không phải Thiện Trang [không thôi], tất cả các lớp đều như vậy. Chùa nào mở ra một lớp nào đó, hay ai đó mở ra lớp nào đó, thì lúc đầu đông, nhưng sau đó là chạy hết. Số chạy hết đó, đa phần là lười, không thích nghe. Thậm chí nghe khó quá, không hiểu. Cho nên là không có tính đó, toàn thích nghe dễ không [thôi], cho nên là ngược.

3. Không dể duôi lừng lẫy: dễ duôi tức là phóng dật, tùy tiện, mình thích làm gì thì mình làm đó. Điều đó là không tốt cho việc tạo trí. Mình muốn tạo được trí thì mình phải suy xét, nghĩ coi làm điều này có tốt hay không, không có tùy tiện. Cho nên là phải như vậy.

4. Suy xét pháp đã nghe: nghe pháp rồi phải suy xét, chứ không phải là nghe kinh không được suy xét, đó là Đại thừa. Chúng ta chưa tới Đại thừa đâu, chúng ta nghe thì chúng ta phải suy xét.

D. Chín Nghiệp Trí: (17-25)

1. Khi thuyết pháp cho người nghe thì phải chuẩn bị, suy xét đến pháp ta sẽ nói: Điều này thì ai mà thuyết pháp hoặc là quý vị muốn thuyết pháp cho ai, thì phải chuẩn bị, rồi suy xét pháp nói ra đó. Chứ không phải tùy tiện lên nói, khỏi cần chuẩn bị gì hết, nói là Phật gia trì, rồi nói nghiễn, nói thí. Không phải như vậy! Nhiều người bị bệnh này lắm.

Cho nên mình không học A Tỳ Đàm, mình cứ tưởng mình ngon, nhưng thực tế mình học A Tỳ Đàm thì ngược hết. Đức Phật nói là phải suy xét. Bởi vì sao? Vì mình là phàm phu, mình chưa phải là Thánh nhân. Thánh nhân là Phật thì không

cần suy nghĩ, Phật cũng nói ra được. Còn mình bình thường thì phải suy xét, phải quán xét xem pháp mình nói, phải chuẩn bị.

2. Dạy nghề không tội lỗi: tức là dạy cho người ta những nghề nào mà nghề đó là chánh đạo, chánh mạng. Còn mình dạy nghề mà tùm lum quá, dạy nghề mà [giúp] người ta tạo trộm cấp, tạo sát sanh, thì không nên, phải dạy nghề chân chánh cho họ. Việc dạy nghề đó cũng tăng trí, đúng không? Cho nên ai làm nghề nghiệp giáo viên, mà giáo viên đa phần là dạy tốt đúng không? Không có ép học sinh gì đó, thì tự nhiên là tăng được trí tuệ, phước báo của mình có thì tự [trí tuệ] tăng.

3. Dạy chuyện không tội lỗi: tức là kể chuyện, dạy chuyện gì đó, thì cũng đừng đem mấy chuyện tội lỗi ra kể, khiến cho người ta nghe có ấn tượng xấu, [và] không nên để cho người ta học theo tấm gương xấu.

4. Dạy tài không tội lỗi: Cũng tương tự như vậy, dạy nghề rồi bây giờ là dạy tài năng, thì cũng vậy.

5. Trọng người thuyết pháp: Phải kính trọng người thuyết pháp. Điều này nhiều khi thời nay thì khó hơn, nghe thì nghe vậy thôi chứ trừ khi người thuyết pháp phải siêu lắm mình mới tin, kính trọng được. Còn thường thường là khinh thường, thậm chí mình biết ông thầy đó giỏi, bà cô đó giỏi, thầy cô đó giỏi nhưng mình không thích, không có theo dòng của mình là mình ghét. Không trọng người thuyết pháp, nhân này ngược lại thì làm sao có trí được.

6. Cầu thuyết pháp cho nghe: tức là mình phải cầu người khác thuyết pháp cho mình nghe, để tăng trí tuệ.

7. Làm phước nguyện sanh trí tuệ: Điều này quan trọng, điều này nhiều người sai. Nhiều người đi cúng dường gì đó, [ví dụ] cúng dường bữa cơm, thì quý vị nghĩ cúng dường bữa cơm thôi, mong cho người ta ăn cơm khoẻ mạnh, nhưng thật ra không phải như vậy. Quý vị cầu như vậy quá nhỏ. Theo nguyên lý A Tỳ Đàm thì khi mình cúng dường bữa cơm, mình phải nghĩ là cầu phước cho người đó ăn cơm để có trí tuệ, họ khoẻ mạnh đầu óc sáng suốt, tu tập sớm đắc đạo v.v… Mình đãi cơm bằng tâm đó. Khi tâm đó phát ra quả, thì mình nhận cũng [được như] vậy. Nếu mình nghĩ được khoẻ mạnh cho người ta thì mình cũng

được khoẻ mạnh, nếu mình nghĩ người ta có trí tuệ thì mình cũng có trí tuệ, nếu mình nghĩ cho người ta đắc đạo thì mình cũng được quả đắc đạo.

Cho nên làm điều gì cũng phải nguyện, chứ không phải tới Đại thừa thì không cần nguyện đâu. Còn bây giờ mình nói Tiểu thừa, mình học chưa xong lớp Tiểu học mà, thì phải làm cho đúng. Và làm việc gì phải suy nghĩ, với những việc trong thế gian, nhiều người hay nghĩ theo chiều hướng tốt. Giống như Thiện Trang hay trao đổi, ví dụ như nhiều người có duyên ở Châu Âu, có duyên đi du lịch nơi này nơi kia với gia đình. Mà gia đình mình chưa tu, còn mình thì tu. Mình đi như vậy rồi mình nghĩ: Ôi! Mình tổn phước quá, vé máy bay bao nhiêu [tiền], ở khách sạn bao nhiêu ngày, ăn uống bao nhiêu, tốn quá, phí phước quá!

Quý vị nghĩ vậy là không tốt. Thứ nhất là khi Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần với tâm bất như ý, thì đời này khổ, đời sau khổ. Hiện tại đang suy nghĩ như vậy là đã khổ rồi, mà còn như vậy nữa thì khổ hơn nữa. Và về quả thì [cũng] không tốt. Cho nên rất đáng thương!

Nếu quý vị nghĩ ngược lại: À! Mình đi là tùy thuận chúng sanh, đi du lịch như vậy, thì thứ nhất gia đình mình được vui vẻ, nên là [mình] cũng vui. Thứ hai là mình tạo công ăn việc làm cho những người làm khách sạn, những người làm du lịch, những người làm hàng không v.v… có công việc để làm. Nếu mình không đi, ai cũng ở nhà hết, khách sạn đóng cửa thì bao nhiêu người mất việc, rồi những người làm hàng không cũng không có việc làm v.v… đủ các kiểu.

Mình nghĩ theo hướng đó, mình đi là mình giúp cho người ta có công ăn việc làm, cho người ta có tiền. Trong số đó có những người ở nhà được tu hành, họ biết Phật pháp, họ có tiền ấn tống kinh điển, họ tăng trí tuệ. Mình nghĩ toàn quả báo tốt thì tự nhiên tâm mình tạo ra phước, một tâm thiện lành như vậy.

Học A Tỳ Đàm là biết tu lắm, còn không học thì không biết, bởi vì không có trí tuệ thì khó lắm. Đức Phật nói trí tuệ giống như muốn đi ra biển lớn thì phải có thuyền. Cũng vậy, muốn đến bờ kia Niết-Bàn thì phải có trí tuệ Bát-nhã, còn không thì thôi.

8. Tự soạn sách cao Kinh chánh pháp: tức là mình không làm được thì mình tự biên soạn những kinh sách, nhưng phải là Chánh pháp và cao siêu. Chứ

còn bây giờ mình không làm gì hết, thì không có. Nếu mình có duyên thì được làm, nhưng phải là Chánh pháp, [còn] Tà pháp thì không được.

9. Bố thí những Kinh chánh pháp: điều này thì dễ thôi, bố thí những Kinh chánh pháp. Ví dụ như bây giờ Thiện Trang thích làm bộ A Hàm, Thiện Trang duyệt lại, sửa lại, tuyển chọn, phân mục ra. Dần dần Thiện Trang sẽ in một bộ, gọi là 'Phân Loại Kinh A Hàm', nếu có điều kiện mình sẽ làm như vậy. Tức là mình sẽ chia ra những đề mục, những đề mục nào dạy về đời sống, những đề mục nào dạy về tu chứng quả, dạy về xài tiền thế nào v.v…. Mình chia ra mấy mục như vậy.

Thật ra khi giảng và chia sẻ ở đây, Thiện Trang đã phân mục như vậy, thì mai mốt Thiện Trang lấy ở trong đó, rồi lấy thêm nữa [và] soạn ra chia thành mục rõ ràng cho mọi người tu tập dễ dàng các đề tài. Việc đó là mình có thể làm, vừa soạn vừa bố thí được, mà ấn tống được thì tốt hơn. Hoặc bây giờ đang ấn tống máy nghe pháp đó, tặng thẻ nhớ Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, hoặc những bộ kinh hay, những lời giảng đúng Chánh pháp. Đó cũng là bố thí những kinh Chánh pháp.

Đó là nhóm thứ tư, bây giờ chúng ta đi sang nhóm thứ năm.

E.Bảy Nhân Phát Trí: (26-32).

1. Ưa gặp trí thức học hỏi: Mình có thích gặp người trí thức để mình học hỏi không? Nếu mà thích thì ok.

2. Thân thể, đồ, chỗ ở sạch sẽ: Chỗ này tưởng là không có gì liên quan đến trí tuệ, nhưng không phải, ở dơ cũng không được. Nhiều người khi tu ở dơ luôn, không được! Đồ đạc, chỗ ở phải sạch sẽ. Tại sao vậy? Thật ra nguyên nhân dễ hiểu lắm. Quý vị ở dơ, người khó chịu, [dễ] sân. [Khi] sân thì làm gì có trí tuệ, người dơ thế nào đó, rồi đồ đạc không sạch sẽ, lộn xộn, mình nhìn khó chịu con mắt, nên tự nhiên không sinh được trí tuệ. Mà tâm của mình đang thoải mái, hoan hỉ thì mới sanh trí tuệ.

Thiện Trang biết rồi, bây giờ Thiện Trang sắp xếp lại đồ đạc. Nhưng nhà chật quá, không có chỗ để đồ, Thiện Trang kêu để sửa lại cho xong rồi Thiện Trang sẽ sắp xếp cho gọn lại. Thờ tự thì thờ đơn giản thôi. Và bây giờ mình biết

Thiền rồi, mình dùng những bóng tròn nhiều, những hình nào nhọn nhọn, khó chịu thì Thiện Trang thay hết, sắp [xếp lại], dần dần cất hết đồ đi cho gọn gàng, khi vô [thất] thì sẽ có Thiền.

Rồi thờ tự thì cũng đừng thờ nhiều quá. Đặc biệt là những đồng tu Tịnh Độ, có nhiều người có tập khí thờ đủ thứ ở trên đó, treo đủ các kiểu này kia là [bị] rối và không có định. Mình phải gọn gàng, sạch sẽ. Khi tâm mình thoải mái, dễ chịu thì tự nhiên sanh trí thôi. Còn tâm khó chịu là sân mà, thì làm sao sanh trí tuệ được. Cho nên phải biết, đừng tưởng ở dơ là tu được. Không phải! Phải sạch sẽ.

3. Giữ gìn, cân bằng Ngũ quyền: Ngũ quyền là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, lúc nãy chúng ta nói đó, phải có năm điều đó. Năm điều này sâu quá, nói đơn giản là mình phải giữ niềm tin đối với Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Tấn là phải tinh tấn, phải siêng năng. Niệm là ghi nhớ, bắt cảnh được, làm gì thì phải rõ ràng điều đó. Định là tu Thiền chỉ. Và Huệ là nghe pháp, học hỏi rồi tu Thiền quán. Phải giữ cho cân bằng.

4. Tránh người si mê: Mình ở gần người si mê quá, suốt ngày họ lôi kéo mình thôi. Có nhiều đồng tu tội lắm, suốt ngày toàn chuyện gì đâu đâu, mà toàn suy nghĩ phức tạp. Mơ mà cũng nghĩ rồi lo sợ. Thiện Trang nói mơ mà lo sợ làm gì! Mặc dù học bài giấc mơ rồi, Thiện Trang đã chia sẻ về bài nguyên nhân giấc mơ rồi, mơ không thật đâu, mà cứ mơ xong rồi tưởng tượng sợ điều đó thành sự thật, rồi lo lắng, lo sợ. Đó là tự mình làm khổ. Những người si mê quá, né được thì né nha.

5. Thường gặp bậc trí thức: Mình nói thường xuyên gặp bậc trí thức, 'gần mực thì đen, gần đèn thì sáng' mà.

6. Cố tìm Phật pháp cao siêu: Điều này thì nhiều người lười lắm, Phật pháp cao siêu một chút như là A Tỳ Đàm là thôi, khỏi học đi. Thầy Thiện Trang giảng gì đâu mà nhiều quá, giảng lung tung lang tang, quá nhiều thứ. Thôi một câu Phật hiệu niệm cho dễ. Thường là vậy nên không sinh được trí tuệ.

7. Ưa tìm pháp giải thoát: Bây giờ mà toàn nghe pháp giải thoát, nào là chứng quả, nào là đắc đạo, thì đúng rồi, sẽ tăng thêm trí tuệ. Còn không, thời nay

toàn nghe chuyện yêu đương rồi cười hề hề, là người ta thích lắm, đó là không hợp với ở đây. [Ở đây] là phải ưa tìm pháp giải thoát.

Đó là nhóm thứ năm. Bây giờ là nhóm thứ sáu:

F.Tám nhân đắc trí: (33- 40)

1. Kính sư: là cung kính với vị thầy.

2. Cần vấn (siêng năng học hỏi): #cần là siêng năng; #vấn là học hỏi; siêng năng học hỏi. Điều này thì chắc đồng tu Tịnh Độ ở đây đều siêng năng học hỏi rồi.

3. Thanh tịnh: tức là mình cố gắng làm sao tĩnh lặng, êm ái. Đừng có ồn ào, náo nhiệt, tìm môi trường tĩnh lặng.

4. Trì giới: là phải giữ giới. Người Cư sĩ thì giữ Ngũ giới, Bát quan Trai giới.

5. Cố văn (bền chí nghe pháp): #cố là bền bỉ; #văn là nghe; nghe pháp một cách bền chí.

Mình phải siêng năng nghe pháp, rồi giữ giới thì trí tuệ mới sanh. Điều này thì rõ ràng! Còn thanh tịnh là sao? Là mình phải yên lặng thì mới sanh [trí tuệ]. Đầu óc mình cứ lăng xăng thì làm sao sanh được trí tuệ.

6. Tự cần (siêng năng): là tự mình phải siêng năng.

7. Thuần niệm (niệm mạnh): Niệm ở đây có hai điều: Một là ghi nhớ những gì trong quá khứ (bài trước chúng ta đã học rồi). Thứ hai là bắt cảnh, tức là những gì đang xảy ra mình phải nắm bắt, mình làm gì phải nhớ rõ sáng suốt. Đó là niệm. Niệm bao giờ mạnh như vậy thì người ta sẽ có trí tuệ.

Cho nên nhiều người làm việc cứ ngơ ngơ ngác ngác, làm mà không biết mình làm, không biết bỏ thứ này ở đâu, thứ kia ở đâu, đó là trí nhớ mình giảm hoặc là niệm của mình yếu. Mình cố gắng luyện làm sao cho ngay ngắn lại, rồi mình thường nhớ.

8. Quán uẩn: tức là suy xét về Ngũ uẩn sanh diệt. Ngũ uẩn thì giống như bài kinh hồi nãy, đức Phật nói thân thể của 500 cô tỳ nữ đều là Khổ - Không, Vô thường. Đó là suy xét những Ngũ uẩn là sanh diệt.

Thiện Trang đã chia sẻ cho quý vị hết về Tâm sở Trí tuệ hay là Tuệ quyền. Chúng ta cũng đã chia sẻ hết luôn về phần Tâm sở. Lần sau chúng ta sẽ học tới phần Tâm, kết hợp giữa Tâm và Tâm sở. Chúng ta sẽ học thế nào là tâm Bất thiện? Thế nào là tâm Thiện? Tâm thiện Dục giới, tâm Siêu thế, tâm Thiền v.v…. Chúng ta học 121 tâm, rồi chúng ta sẽ học phân tích thế nào là Tâm nhân, thế nào là Tâm quả.

Có Tâm nhân, Tâm quả nữa quý vị. Ví dụ như bây giờ chúng ta đã sanh vào cõi này thì chúng ta là Tâm quả rồi. Nhưng chúng ta đang tạo nghiệp thì gọi là Tâm nhân, tạo ra những nhân để sau này được quả nữa, nên gọi là Tâm nhân, Tâm quả. Những tâm nào như thế nào thì mình sẽ học ở phần sau.

Bây giờ Thiện Trang sẽ giới thiệu thêm một phần nữa, đó là tu Thiền chỉ. Thiện Trang xin giới thiệu lại, 40 đề mục tu Thiền chỉ Samatha theo Luận Thanh Tịnh Đạo của Ngài Phật Âm. Thật ra là trích từ trong kinh thôi, chúng ta đã giới thiệu hết. Cụ thể là 10 mục Biến xứ thì Thiện Trang nhớ đã giới thiệu hết rồi, Thiện Trang tô màu xanh. 10 đề mục Biến xứ: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không, Giới hạn, Ánh sáng. 10 đề mục này tu chứng đến Tứ thiền Sắc giới. Mình chỉ cần tới đây là ngon rồi đó.

Thứ hai là 10 mục Bất mỹ hay Bất tịnh. Những đề mục này chỉ chứng đến Sơ thiền thôi, nhưng dù sao cũng được. Thiện Trang chưa chia sẻ.

Về Tùy niệm thì có 10 đề mục Tùy niệm, Thiện Trang đã giới thiệu [đề mục] Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, Tùy niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, Niệm hơi thở. Còn [đề mục] Tùy niệm Tử (Chết), Tùy niệm Tịch tịnh, niệm Thân thể trược thì chưa giới thiệu. Như vậy được bảy [đề mục] nữa, ở trên là 10 [đề mục], là [được] 17 [đề mục] rồi đó. [Quý vị] lưu ý là [đề mục] này không đắc Thiền, mà chỉ đưa đến Vị đáo định thôi. Còn [đề mục] Niệm hơi thở thì chứng đến Tứ thiền Sắc giới.

Đề mục Phạm trú là: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ba đề mục: [Từ, Bi, Hỷ] là chứng đến Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền. Còn [đề mục] Xả thì chứng Tứ thiền Sắc giới.

[Đề mục] Vô sắc là: Không vô Biên xứ, Thức vô Biên xứ, Vô sở Hữu xứ, Phi tưởng phi Phi tưởng xứ. [Đề mục] này thì chắc giới thiệu qua thôi, chứ mình tu chắc không cần tới đây. Nếu ai cần thì biết.

Đề mục Tưởng: Tưởng nhờm gớm thức ăn. [Đề mục] này chỉ giúp đến Vị đáo định thôi, ai tham ăn quá thì nên tu đề mục này. [Đề mục] thì chúng ta sẽ giới thiệu sau.

Đề mục Phân biệt Bốn nguyên tố: Đất, Nước, Lửa, Gió. [Đề mục] này không đắc Thiền, chỉ đến Vị đáo định thôi, nhưng cũng nên giới thiệu.

Muốn có Thần thông thì mình hãy tu 10 đề mục Biến xứ là: Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không giới hạn, Ánh sáng. Ví dụ như chúng ta tu một đề mục màu vàng, nếu dùng đèn thì mình dùng cái đèn tròn màu vàng. Sau này nếu quý vị đắc Thiền, đắc Nhị thiền, Tam thiền là bắt đầu sử dụng được [Thần thông]. Nhị thiền thì sử dụng được chút chút, còn Tứ thiền thì mới đảm bảo sử dụng được. Ví dụ như lúc đó quý vị muốn biến ra vàng thì quý vị [phải] đắc tới Tứ thiền, quý vị quán thì sẽ biến ra vàng được, dùng màu vàng để biến thành vàng thật. Người ta ham vàng, điểm đá hóa vàng [thì] dùng đề mục đó. Tức là những cái nào liên quan đến màu vàng thì mình dùng được. Đó Thiện Trang giới thiệu sơ qua, ôn lại thôi chứ [đề mục] này học rồi.

Và nhớ đề mục Niệm hơi thở là vừa đề tài tu Thiền chỉ, vừa tu Thiền quán.

Ở đây Thiện Trang xin chia sẻ, bài này thì Thiện Trang có đăng trên Facebook rồi, Thiện Trang [chỉ] chỉnh lại một chút thôi. Có nhiều đồng tu hỏi cách chọn đèn như thế nào để tu Thiền chỉ Biến xứ màu. Thiện Trang tìm hiểu kĩ rồi, thứ nhất về đèn, thì Thiện Trang chọn đèn Fado, đường kính khoảng 24cm hoặc 25cm, có thể thay bóng được. Ví dụ như đổi bóng màu vàng, màu đỏ.

Để khỏi mất công thay bóng, thì quý vị nên mua loại đèn có điều khiển để mình bấm màu luôn. Mình nên chọn đèn có công suất lớn, ví dụ như ở đây họ ghi 60w, hoặc 80w (nhưng tương đương với 60w) thì sẽ sáng cho cả ban đêm và ban ngày được, [ánh] sáng mạnh thì mình dễ tu. Nó có nút để điều chỉnh được

độ sáng ở đây nữa, thì dễ phù hợp. Đèn này thì cung cấp hai màu xanh, [và] màu vàng đẹp, Thiện Trang dùng đèn là E27.

Còn có một loại đèn nữa, cũng là đèn E27 của Ikea thì cho màu hồng rất đẹp, Thiện Trang thích dùng đèn này để tu đề mục màu hồng, vì màu hồng đẹp. Còn đèn kia có màu xanh, màu vàng đẹp, nhưng màu hồng với màu đỏ không đẹp bằng đèn của [Ikea]. Quý vị mua đèn của [Ikea] thì cũng nhớ mua thêm một cái điều khiển để bấm màu, và có biểu tượng wifi để kết nối điều khiển với đèn, bấm để đổi màu, độ sáng tối, thì dùng đèn này là phù hợp. Thiện Trang chia sẻ đầy đủ rồi đấy, nhiều quý vị không coi trên Facebook thì không biết, cách dùng là như vậy.

Quý vị ráng tu đi, thực tế có nhiều đồng tu tu vào Thiền được. Họ chia sẻ là họ vui lắm, tại vì xưa nay không có ai dạy vào Thiền, bây giờ tu được vào Thiền tự nhiên đã, hoan hỉ, an lạc, sướng. Quý vị cảm cảm thấy rất hoan hỉ và tự nhiên mình ít ngủ v.v… đã lắm. Nhưng tu Thiền chỉ này chỉ là pháp thế gian thôi, dễ đắc hơn nhiều so với pháp xuất thế gian. Thiền quán là mình phải chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, Tùy tín hành, Tùy pháp hành thì khó, phải tu nhiều đời mới đắc. Còn pháp này thì chắc chắn quý vị tu từ nhiều đời trước rồi, vô lượng kiếp giờ mình tu chắc đã từng đắc rồi, cho nên không khó. Quý vị chỉ cần ráng tu làm sao để vào lại trạng thái hồi xưa thôi. Ai mà tu đời trước rồi thì đời này tu tiếp là nhanh lắm. Còn ai đời trước chui đâu từ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh lên thì tu hơi khó, mất thời gian hơn mới tới. Cho nên cố gắng, tu thì tu cho đúng cách.

Thiện Trang nói chúng ta đừng nghĩ mấy đề mục này không cần học, quý vị học càng biết nhiều bao nhiêu thì càng dễ tu bấy nhiêu. Bởi vì khi mình tu đề mục này không được thì mình đổi qua đề mục khác, cho đỡ chán, đỡ sân. [Bởi vì] khi chán thì một là buồn ngủ, hai là sân. Cho nên khi mình mở TV, mở máy tính, mở Ipad lên để coi, coi đề mục nước chán rồi thì đổi qua lửa, lửa chán rồi đổi sang ánh sáng, hư không (mở video nào về hư không). Từ từ Thiện Trang sẽ giới thiệu các đường link cho quý vị, để khi nào Thiện Trang lựa cho ưng ý đã, bây giờ chưa ưng ý lắm, Thiện Trang sẽ giới thiệu hết. Mình cứ đổi như vậy, khi nào tu Thiền chỉ chán rồi thì tu Thiền quán.

Tu Thiền chỉ dễ tu lắm quý vị, chỉ cần chuẩn bị rồi tu nhẹ nhàng thôi, có khó gì đâu. [Tu] Thiền quán thì khó, chứ [tu] Thiền chỉ không có nhức đầu. Tu Thiền quán nhiều nhức đầu thì mình chuyển qua tu Thiền chỉ. Chúng ta nhớ dùng Thất giác chi, khi nào đầu óc mình căng thẳng quá thì quý vị tu sang Thiền chỉ cho khoẻ. Khi đầu óc mình buồn ngủ, mệt quá, muốn tỉnh táo thì tu Thiền quán để kéo lên, thì sẽ được. Ở đây là mình phải biết cách tu, rất thông dụng. Và nếu buồn ngủ quá thì mình tu mấy đề mục Tùy niệm này cũng được.

Hôm nay sẽ giới thiệu cho quý vị đề mục Phạm trú (D): Từ, Bi, Hỷ, Xả. [Đề mục] này chứng đến Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền đó. [Đề mục Xả] này chứng tới Tứ thiền, cho nên mình cố gắng học luôn. Học càng biết nhiều thì càng dễ sử dụng, sử dụng đề mục này không được thì chuyển sang đề mục khác. Ngày xưa có một đề mục, mình tu thấy ngán, còn bây giờ có nhiều đề mục nên quý vị tu cả ngày cũng được, hết đề mục này tới đề mục kia, chán dùng đèn rồi thì bật TV lên, mở lửa, mở nước, mở hư không ra coi. Chán màu này thì đổi qua màu khác, chán rồi thì [tu đề mục] Tùy niệm: Tùy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Hơi thở. Rồi bữa nay học thêm [đề mục] Từ nữa, là quý vị tu đã luôn. Rồi Thiền quán nữa là quý vị tu miết cũng không hết. Bây giờ chúng ta sẽ vào đề mục Phạm trú là Từ.

40 Đề mục tu Thiền chỉ: Đề mục D1.Từ:

*Lợi ích của bốn đề mục Phạm trú:

Đầu tiên là lợi ích của bốn đề mục Phạm trú. Có bốn đề mục: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Trong Kinh Giáo Giới La Hầu La – Kinh 62 – Kinh Trung Bộ có một đoạn như thế này:

"**Này Rāhula** (là La Hầu La. Phiên âm Pali thì là như vậy)**, hãy tu tập lòng từ; Này Rāhula, do tu tập lòng từ, gì là sân tâm sẽ được trừ diệt:** tức là tu đề mục Từ này thì quý vị sẽ diệt được sân tâm, tâm sân hết. Quý vị đang sân là quý vị tu đề mục Từ này, chúng ta phải học như vậy thì mới biết.

Này Rāhula, hãy tu tập tâm bi; Do tu tập tâm bi, gì là hại tâm sẽ được trừ diệt: tức là tâm mình muốn hại ai, thế này thế kia, tu tập Bi thì sẽ được trừ diệt.

Này Rāhula, hãy tu tập hỷ tâm; Do tu tập hỷ tâm, những gì là bất lạc tâm sẽ được trừ diệt: nghĩa là nếu quý vị tu đề mục Hỷ, với những gì không an lạc thì sẽ được trừ diệt, tức là tâm mình được an lạc.

Này Rāhula, hãy tu tập xả tâm; Do tu tập xả tâm, gì là hận tâm sẽ được trừ diệt…": Hận khác sân, sân là nổi nóng lên ghê gớm, còn hận là ôm ở trong lòng nhưng không ưa. Tu đề mục Xả thì hết, không nhớ nữa. [Ví dụ] như tôi ghét người đó quá, thì mình tu đề mục Xả này.

(Kinh Giáo Giới La Hầu La – Kinh 62 – Kinh Trung Bộ).

Cho nên 4 đề mục này rất quan trọng, đây là lời trong Kinh Giáo Giới La Hầu La – Kinh 62 – Kinh Trung Bộ. Và 4 đề mục Phạm trú này tu để đắc Thiền, đắc đến Tứ thiền hay Ngũ thiền. Cho nên mình phải cố gắng học, để mình tu càng nhiều đề mục càng tốt.

Đề mục Phạm trú: 1. Đề mục Từ:

A. Định nghĩa: Từ là trạng thái tâm không nóng giận, không bực bội, an vui mát mẻ, thân thiện, hài hòa… Từ là một trạng thái không nóng giận, không bực bội, an vui mát mẻ, thân thiện, hài hòa… Cho nên ai mà có tâm như vậy là họ có tâm Từ nhiều, còn người mà nóng giận nhiều là không có tâm Từ, cho nên là phải tu.

B. Đối lập của Tâm từ: Sự sân giận là thái độ đối lập trực tiếp với tâm từ, sự ái luyến là thái độ đối lập gián tiếp với tâm từ.

Cho nên ở đây có hai điều đối lập với tâm từ: Một là sân giận ghét quá, giận tức, quá. Thứ hai là yêu ai đó cũng là [đối lập] gián tiếp [của tâm từ]. Vì sao? Vì khi có luyến ái là có phân biệt, có phân biệt là có những điều không vừa ý, khi có luyến ái là không có tâm từ. Và có ái là có sân. Sân là trực tiếp, còn luyến ái là gián tiếp. Nói chung hai điều đối lập của tâm Từ là sân giận và luyến ái.

C. Thực hành:

+B1: Phải học rành rẽ đề tài Thiền và phải trừ khử những chướng ngại.

Không phải là mình vô rồi mình tu cái ào, mà mình phải học hiểu về Thiền. Cụ thể ở đây là Thiền chỉ, thì mình phải học. Thậm trí Thiền Quán cũng phải học. Cho nên có nhiều đồng tu thấy Thiện Trang [đăng] mấy cái đèn lên thì hỏi: "Thầy ơi dạy cho con tu Thiền". Thiện Trang hỏi: "Thế có biết thế nào là Thiền Chỉ, thế nào là Thiền Quán không?" Họ nói: "Dạ con không biết! Từ xưa đến nay con Tu Thiền mà". [Thiện Trang hỏi]: Tu Thiền thế nào? Họ nói là họ tu Thiền theo [tông] phái nào đó. Thiện Trang nói không biết được nền tảng, thì thôi chịu khó nghe bộ Luận Câu Xá đi. Hãy cố gắng nghe bộ đang giảng đây, nghe hiểu, phân biệt được thì mới tu được. Còn chưa nghe mà vô tu thì làm sao được. Cho nên phải hiểu rành rẽ đề tài Thiền.

Giống như chúng ta có 40 đề mục tu Thiền chỉ, còn Thiền quán thì vô lượng nữa. Thiền Quán thì mình chỉ cần phải nắm những điều căn bản, mình tu thôi. Còn Thiền chỉ thì mình phải nắm [rõ] như vậy. Và 'phải trừ khử những chướng ngại', những chướng ngại như chúng ta đã học, là phải có trú xứ thích hợp v.v… Như thân thể dơ bẩn, quần áo dơ bẩn, thì làm sao tu được. Phải biết, phải học những điều đó. Không học, không biết thì không tu được.

+B2: Đi đến một nơi vắng vẻ, ngồi xuống thoải mái, và bắt đầu an trú đề mục. Điều này nói giống như các đề mục khác, phải kiếm nơi nào vắng vẻ, ngồi xuống thoải mái. [Nếu] không vắng vẻ, mà ở nhà thì mình cố gắng bịt tai lại, đừng để tiếng ồn ào ở bên ngoài [lọt] vào.

+B3: Nếu nhận thấy nội tâm còn những gút mắc, bực bội, thì nên suy xét sự nguy hại của sân hận và sự lợi lạc của kham nhẫn, qua những lời dạy của đức Phật trong kinh điển, để lắng dịu sân tâm và an trú tu tập đề mục thiền tâm từ.

Tức là không phải vô là mình tu liền đâu, mà phải chuẩn bị. Thực ra các đề mục khác cũng vậy thôi, mình coi thử tâm mình còn vướng mắc bực bội không? [Nếu còn] thì phải dùng Thiền quán [để] suy xét sự nguy hại của sân tâm, sự lợi lạc của kham nhẫn. Ở đây mình phải nhớ theo lời Phật dạy. Ví dụ như Thiện Trang trích một số lời ở trong kinh sau:

"Bị sân làm uế nhiễm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều

hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu" ***(Chương Ba Pháp – Kinh Tăng Chi Bộ).***

Đoạn này là nguyên văn lời của ngài Minh Châu, Thiện Trang chỉ giải thích thêm một chữ là 'thiết thực ở hiện tại. Tức là Pháp của Phật thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy. Ở đây mình suy xét, nếu mình sân thì mình suy nghĩ là những điều đó hại mình và hại người, và tâm mình sẽ thấy khổ, ưu, lo lắng. Nếu mình đoạn trừ được thì sẽ không nghĩ đến hại mình, hại người, cũng không hại cả hai, tâm không có cảm thọ ưu, thọ khổ, [mà] vui vẻ. Mình nghĩ đến điều đó nên mình không có sân nữa. [Như vậy] mình dùng các pháp quán. Còn không thì [tìm] trong những kinh khác.

[Đoạn] đây là hình trong Kinh [Phật] Tự thuyết, trong Kinh Tiểu Bộ có nói:

"**Này chư hiền, khi một người nổi sân, nó là miếng mồi cho sân, có thể do bị ám ảnh bởi sân mà nó giết hại chúng sanh…" (A. I, 216).** (Nên là cố gắng! Khi sân, mình nghĩ tới tác hại như vậy thì dừng).

"**Này các Tỳ-kheo, có bảy pháp xảy đến cho một người sân hận, mà khiến kẻ thù của nó hả hê thỏa mãn. Bảy điều ấy là gì?** (Đoạn này hình như trích trong Kinh Tăng Chi):

(1)Một người đang sân giận, bị sân chi phối, người ấy trở thành xấu xí dù có tắm rửa, trang điểm, trang phục đẹp.

Nhớ nha! Đặc biệt là các cô, các cô lúc nào cũng muốn đẹp, không bao giờ muốn xấu xí hết. Ở đây đức Phật nói là: đang sân cũng sẽ trở thành xấu xí, dù có tắm rửa, trang điểm, trang phục đẹp. Điều này là đương nhiên, đúng không quý vị? Rõ ràng có ai sân mà đẹp đâu. Xấu! Các cô là dễ nhìn nhất, mình đang sân nghĩa là đang xấu, dù có đi tắm rửa, trang điểm, trang phục đẹp.

(2) Một người đang sân giận, bị sân chi phối, người ấy ngủ một cách khổ sở dù có nằm trên giường ghế nệm êm chăn ấm. Nhớ nha! Mình suy xét

như vậy, đang sân thì ngủ không ngon, dù có nằm trên giường ghế nệm êm chăn ấm thì cũng thấy khổ thôi. Đức Phật nói quá hay!

(3) Một người đang sân giận, bị sân chi phối, người ấy thường gặp điều bất lợi khiến đau khổ. Điều này thì đương nhiên, vì mình đang sân thì làm điều gì cũng trật lất, thậm chí mọi người cũng sợ mình.

(4) Một người đang sân giận, bị sân chi phối, người ấy dễ làm thiệt hại tài sản thu hoạch. Nhiều khi [sân] thì đập đồ, làm bể đồ, quăng đồ v.v…

(5) Một người đang sân giận, bị sân chi phối, nếu người ấy có danh tiếng sẽ làm mất danh tiếng. Cũng như vậy, bị mất danh tiếng. Bữa sau người ta nói bà đó, ông đó sân quá [nên mất danh tiếng].

(6) Một người đang sân giận, bị sân chi phối, nếu người ấy có bạn bè thân hữu, sẽ bị bạn bè thân hữu tránh xa. Nhớ nha! Mình có bạn bè, mà mình sân là bạn bè sợ chạy hết.

(7) Một người đang sân giận, bị sân chi phối, bị thúc giục bởi sân hận, người ấy tạo thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, do các ác hạnh nên khi chết bị sanh đọa xứ, Địa ngục. Mình nghĩ mình [bị] đọa vào khổ cảnh, nơi xấu như Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, cho nên mình không sân.

Này các Tỳ-kheo, người sân giận có xảy đến bảy điều này mà khiến kẻ thù của nó hả hê thỏa mãn". (A. IV, 94)

Cho nên mình đừng bao giờ sân, mà phải dùng Thiền quán để diệt sân. Đó là ba bước. Bước 1: là học rành rẽ đề tài về Thiền. Bước 2: là đi đến nơi vắng, nơi hoàn cảnh tốt để tu. Bước 3: là xét tâm mình còn bực bội hay không, [nếu còn] thì dùng pháp Quán trước.

***Suy xét sự lợi lạc của tính kham nhẫn như sau:**

Chư Phật hằng giảng dạy

Kham nhẫn, hạnh tối thượng

Niết-Bàn, quả tối thượng

Xuất gia không phá người

Sa-môn không hại người.

Kham nhẫn là nguyên nhân

Phát sanh Giới và Định,

(Nhớ! Nhiều người kham nhẫn không nổi nên không có Giới, không có Định).

Nhờ đức tính kham nhẫn

Các thiện pháp tăng trưởng.

(Nhớ bài này quan trọng nha! Đức tính kham nhẫn thì thiện pháp mới tăng trưởng).

Nhẫn nại, đồ trang sức

Của bậc trí trong đời,

Nhẫn nại là khổ hạnh

Của hành giả tu tập,

Nhẫn nại là sức mạnh

Của những người hành trình,

Nhẫn nại, điều mang đến

Lợi ích và an vui.

(Kinh Tập – Tiểu Bộ Kinh - ovādasutta).

Bài kệ này [rất] hay, quý vị nhớ cố gắng suy xét những điều lợi, điều hại của tính kham nhẫn. Ở [đoạn trên] là những điều hại của sân, ở [đoạn] dưới là dùng pháp kham nhẫn để đối trị, bởi vì tâm mình lúc đó không dùng các pháp khác. Ở trong Kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc, bài Kinh Số 2 trong Kinh Trung Bộ, quý vị thấy có 7 cách để đoạn trừ Phiền não. Nhưng ở đây do mình đang Phiền não thì mình chỉ dùng hai cách quán thôi. Ở đây thì dùng cách quán thôi, vì ở đây

đâu có cảnh đâu, mà cảnh là tâm mình tạo ra thôi, chứ mình trốn, né hết cảnh rồi, thì mình phải Thiền quán, phải suy nghĩ, suy xét.

+B4: Trú tâm từ đến chính mình. Hành giả lặp đi lặp lại như sau: "Mong rằng ta được an vui, không khổ não".

Bước bốn [này] trước hết là phải nghĩ: mình tu tâm Từ là cho mình đã. Phải nghĩ đến mình chứ, phải trải tâm Từ cho mình, cứ lặp đi lặp lại thế này: 'Mong rằng ta được an vui, không khổ não". Chứ mình chưa an vui mà đòi an vui cho người khác, nghĩ đến người khác, [đòi] rải tâm Từ cho chúng sanh [thì] chưa được. Đầu tiên là làm như vậy đã.

Quý vị thấy không? Giống như cái cây, đầu tiên là cành lá che mát cho cái cây đã, rồi mới che mát cho chúng sanh khác được. Chứ cây khô mà đòi che mát cho chúng sanh khác, [thì] làm sao mà che được. Cũng vậy, khi tu tâm từ, đầu tiên là phải hướng đến chính mình mà tu trước, mong mình được an lạc đã.

+B5: Tập trải tâm từ đến người khác. Hành giả trải (rải) **tâm từ đến vị ấy như sau: "Mong rằng người hiền thiện ấy được an vui, không khổ não".**

Tức là mình phải nghĩ đến người khác, nghĩ đến một người nào đó để mình tu, chứ không thể nào mình hướng đến mình xong rồi thôi, bây giờ là rải tâm Từ vô lượng mà, vô lượng là vô lượng chúng sanh. Trước hết vô lượng, thì mình chọn một người, chọn một người là một người thân, đáng yêu, không phải là người hận thù, không phải là người vô cảm, cũng không phải là người thân quá đáng yêu (đáng yêu quá cũng khó), [cũng] không phải là người khó ưa. Tức là bốn hạng người: Một là người khó ưa thì né ra; Hai là người đáng yêu quá thì cũng né ra. Vì mình dễ sinh ra ái trong đó, thì cũng không tu được. Ba là người vô cảm. Vì không liên quan gì với mình thì cũng không được. Thứ tư là không phải người hận thù.

Cho nên để trải tâm Từ đến một người thì như thế nào? Mình phải kiếm một người khả kính, đối tượng có đức hạnh, có trí tuệ, đáng tôn ngưỡng. Ở đây có một điều lưu ý nữa, cũng nên nói luôn. Đó là mới đầu không nên chọn người khác phái, vì người khác phái suy nghĩ một hồi sẽ có ái ở trong đó. Cho nên hãy kiếm một người bình thường, có đức tính nào đó tốt đẹp để mình hướng tới,

nghĩ tới, [để] mình mang lòng từ tới. Mình mới nghĩ rằng: "Mong rằng người hiền thiện ấy được an vui, không khổ não". Nhớ là phải kiếm một người mà đáng kính, có đức hạnh, có trí tuệ, đáng tôn ngưỡng. Kiếm được người tốt như vậy rồi thì mình nghĩ: 'Mong rằng người hiền thiện ấy được an vui, không khổ não'. Nhớ là đừng có [chọn] người khác phái, vì dễ sanh ra tâm ái, sanh tâm ái thì lúc đó phản tác dụng với pháp tu này. Vì đó là kẻ thù gián tiếp của tâm từ, thì sẽ có sự hạn hẹp.

+B6: Hướng tâm từ có tính bình đẳng đối với mọi chúng sanh, trú từ tâm biến mãn khắp bốn hướng, đối với tất cả chúng sanh Hữu tình, vô biên, không hận, không sân: "Mong rằng tất cả chúng sanh không oan trái, không hận thù, không khốn khổ, tự cẩn phòng an vui".

Mới đầu mình hướng tâm Từ đến [bản thân] mình, sau đó đến một người đáng quý, đáng kính, có trí tuệ. Sau đó mình hướng đến tất cả chúng sanh theo bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc; nghĩ đến tất chúng sanh Hữu tình, vô biên, mình không hận, không sân với chúng sanh nào hết. Rồi mình mong tất cả chúng sanh 'không oan trái, không hận thù, không khốn khổ, tự cẩn phòng an vui'. Nghĩ về con này con kia, nghĩ sạch. Mình hướng về bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Ví dụ như mình hướng về hướng Đông, mình nghĩ tất cả chúng sanh đều được an vui, không oan trái, không hận thù, hãy tự đề phòng cẩn thận mà giữ mình để được an vui. Rồi hướng về hướng kia, Đông, Tây, Nam, Bắc, trên dưới và bốn phương phụ. Nói chung hướng khắp đến mười phương đều như thế. Mình tư duy như vậy gọi là tu tâm từ. Đó là bước thứ sáu quý vị hiểu rồi đó.

+B7: Khi phá vỡ rào ngăn có tính bình đẳng như vậy, hành giả này đạt được tướng và Cận hành định (Vị đáo định). (Khi nào quý vị nghĩ được như vậy rồi sẽ tới Cận hành định (Vị đáo định), và đạt được tướng của pháp tu này)**; Rồi nhờ duy trì, phát triển, làm sung mãn tướng ấy, vị này đắc An chỉ định không khó khăn** (An chỉ định là vô Thiền định rồi. Nhờ mình duy trì suy nghĩ phát triển, rồi làm sung mãn cho nhiều. Một thời gian tự động vô, và lúc đó đắc được Thiền không khó khăn nữa)**. Hành giả an trú biến mãn tâm câu hữu với từ, sẽ tuần tự đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền (theo hệ thống bốn Thiền)**

(tức là theo Kinh tạng)**, hoặc đắc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền (theo hệ thống năm thiền)** (theo Vi Diệu Pháp).

Về bốn Thiền với năm Thiền, bữa sau chúng ta học tới Tâm quả, Tâm thiền, thì chúng ta sẽ phân tích tại sao lại gọi bốn Thiền, tại sao lại gọi năm Thiền. Thật ra cũng giống nhau thôi, mình tu như vậy thì mình sẽ đạt được Thiền. Và ở đây chỉ đưa đến mức độ đó thôi, tức là chỉ đưa đến Thiền thọ hỉ, không đắc Thiền thọ xả, do vậy không đắc đến Tứ thiền Sắc giới trong kinh tạng. Tóm lại 7 bước như vậy là [quý vị] biết cách tu rồi.

Thiện Trang nhắc lại một đoạn lời Phật dạy:

"**Này các Tỳ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm sung mãn... sẽ có được mười một lợi ích. Thế nào?**

(1)Ngủ an vui. (Quý vị muốn ngủ ngon thì tu tâm Từ).

(2)Thức dậy an vui. (Thức dậy mình khỏe khoắn).

(3)Không thấy ác mộng. (Yên tâm, ai hay [gặp] ác mộng thì chịu khó tu đề mục này).

(4)Là chỗ thương yêu của loài người. (Tất nhiên quý vị tu tâm Từ này thì ai cũng yêu thích quý vị).

(5)Là chỗ thương yêu của loài phi nhân. (Tất nhiên rồi, những loài phi nhân (không phải loài người) cũng thích quý vị luôn).

(6)Chư thiên hộ trì. (Quý vị thấy đã không? Tâm quý vị từ thì chư Thiên cũng hộ trì quý vị luôn).

(7)Không bị lửa hoặc thuốc độc hoặc đao kiếm xâm hại. (Mình sẽ không bị lửa, thuốc độc hoặc đao kiếm xâm hại).

(8)Sắc mặt tươi tỉnh. (Tất nhiên mình đang [có] tâm Từ thì mặt lúc nào chả tươi. Còn sân, buồn thì làm sao tươi [được]. Nên tu tâm Từ thì được vui).

(9)Tâm an định nhanh chóng. (Điều này thì rõ ràng, có định mà).

(10)Chết không hôn mê. (Điều này quan trọng đây. Muốn chết không hôn mê thì phải tu tâm từ. Nhiều người tu Tịnh Độ hỏi làm sao lúc chết được tỉnh táo? Bữa nay có phương pháp tu tâm Từ rồi đó).

(11)Nếu chưa thể nhập quả vị giải thoát thì sẽ đi đến Phạm thiên giới".

(A. V, 342) - Đây là trích từ Tập Năm- Kinh Tăng Chi.

Đây là lời đức Phật dạy đó. Quý vị coi mười một điều lợi ích như thế, thì tại sao mình không tu? Cho nên là phải tu thì mới biết được, không tu thì không biết được.

[Như vậy] Thiện Trang đã giới thiệu thêm một đề mục tu Thiền chỉ nữa. Càng nhiều đề mục thì càng dễ tu, chứ ít [đề mục] quá mà tu không được thì sân, rồi chán. Còn nhiều đề mục thì mình tu không bao giờ đủ thời gian, có thời gian quý vị cứ tu. Nếu mình tu đề mục này không được thì mình chuyển đề mục khác.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi. Thiện Trang xin dừng tại đây, hẹn quý vị hôm khác. A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo".

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 46

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 11.6.2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=4vaboxz3cw4

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta gặp nhau trong chuyên đề về Luận Câu Xá và Tinh Hoa Kinh Luận. Hôm nay là bài thứ 46, trong nội dung chúng ta học gần đây, Thiện Trang đang cố gắng đi về phần Vi Diệu Pháp nhiều hơn, và Kinh tạng thì cố gắng [đi] hết những phần căn bản. Sau này chúng ta sẽ để dành nhiều thời gian cho Luận Câu Xá. Hôm nay chúng ta sẽ vào phần nền tảng của Kinh tạng. Mời quý vị theo dõi!

Thực Hành Bố Thí Thế Nào Để Có Công Đức Vô Số, Vô Lượng?

(Theo Kinh Nikaya)

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthī, tại Jetavata (thành Xá Vệ)**, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika** (ông Cấp Cô Độc). **Lúc bấy giờ, mẹ của Nanda** (mẹ của ngài Nan Đà), **nữ gia chủ người Veḷukaṇḍakī làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo Tăng, đứng đầu là Sāriputta** (ngài Xá Lợi Phất) **và Moggallāna** (ngài Mục Kiền Liên). **Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, thấy mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Veḷukaṇḍakī làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo Tăng, đứng đầu là Sāriputta và Moggallāna. Sau khi thấy vậy Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:**

- Có mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Veḷukaṇḍakī, (nói chung là Kinh A Hàm và Kinh Nikaya cứ lặp lại, chúng ta cứ nhớ là mẹ của [ngài] Nanda là được rồi), **làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo Tăng, cầm đầu** (ngài Minh Châu đôi khi dùng chữ cầm đầu, nhưng thực ra là đứng đầu) **là Sāriputta và Moggallāna. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo Tăng?**

Ở đây, đầu tiên là nói về pháp Bố thí, thì mẹ của ngài Nanda (ngài Nan Đà) có làm một vật để cúng dường cho chúng Tỳ-kheo Tăng, trong đó dẫn đầu là ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Bây giờ đức Phật nói là có sáu phần, sáu phần vật thí đó là gì? Chúng ta theo dõi:

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có ba phần thuộc người bố thí và có ba phần thuộc người nhận đồ bố thí. Thế nào là ba phần thuộc về người bố thí? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bố thí, trước khi bố thí, ý được vui lòng; trong khi bố thí, tâm được tịnh tín; sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ. Đây là ba phần của người bố thí.

Như vậy quý vị để ý, ở đây tuy là nói sáu phần, nhưng thực tế là chia hai bên: Một bên là nhiệm vụ của người nhận, một bên là nhiệm vụ của người bố thí, thì [tổng] có sáu phần. Ở đây, đức Phật nói: Người bố thí trước khi bố thí, phải có ý được vui lòng; trong khi bố thí thì tâm được tịnh tín (tức là niềm tin trong sạch, niềm tin thanh tịnh) và sau khi bố thí rồi thì cảm thấy hoan hỉ.

Như vậy, trước khi bố thí ý phải được vui lòng, trong khi bố thí thì tâm phải tịnh tín, và sau khi bố thí thì cảm thấy hoan hỉ. Đây là ba phần của người bố thí. Đó là phần của mình. Nếu mình là người bố thí thì mình sẽ làm như thế. Nhớ là như vậy! Đằng sau còn ba phần nữa.

Thế nào là ba phần của người nhận bố thí? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những người nhận vật bố thí, đã được ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham (tức là người nhận bố thí không phải là cứ nhận đâu, mà phải nhận với tâm đã được ly tham hay đang thực hành ly tham)**; đã được ly sân hay đang thực hành hạnh ly sân** (tức là không có sân hận, đã được như vậy hay đang thực hành hoặc cố gắng thực hành)**; đã được ly si hay đang thực hành hạnh ly si.** (Cũng

vậy, tham sân si, ba điều này đã được hay đang thực hành hạnh đó). **Đây là ba phần của những người nhận vật bố thí. Như vậy là ba phần của người bố thí và ba phần của những người nhận được vật bố thí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là thí vật gồm có sáu phần.**

Khi làm được như vậy thì lợi ích đạt được là gì? Chúng ta nghe tiếp:

Như vậy, này các Tỷ-kheo, thực (thật sự) **không dễ gì nắm được số lượng về công đức một thí vật gồm có sáu phần như vậy: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối công đức lớn được xem là vô số, vô lượng.**

Đoạn này chính là dạy cho chúng ta về pháp Bố thí làm sao để được công đức vô số vô lượng. Về việc bố thí này thì đức Phật nói có sáu phần: Ba phần thuộc về người bố thí, ba phần thuộc về người nhận bố thí. Tất nhiên là mình [có] cả hai đúng không? Trong cuộc sống có lúc thì mình bố thí, có lúc thì mình nhận bố thí, mình cố gắng thực hành cả hai phần này.

Ở đây quý vị thấy, nếu làm được như vậy thì sẽ có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, là món ăn an lạc của Thiên giới, là quả lạc dị thục (dị thục là chưa chín liền; quả lạc dị thục là quả vui từ từ sẽ chín), dẫn đến cõi Trời, được hưởng nhiều niềm hạnh phúc như vậy. Như vậy đó là công đức lớn, được xem là vô số vô lượng. Nhớ là công đức lớn, khối công đức lớn.

Ở đây, đối với người bố thí, cố gắng trước khi bố thí thì phải vui lòng, vui vẻ, chứ không phải là mình bố thí [bằng tâm không vui]. Trong khi bố thí thì tâm được tịnh tín và sau khi bố thí thì cảm thấy hoan hỉ. Còn đối với người nhận bố thí thì đang và đã thực hành hạnh ly tham, sân, si. Nếu như thế thì phước vô lượng. Chúng ta làm điều này thì chắc khó đúng không? Nhiều khi bố thí thì bố thí, nhưng phước không [được] vô lượng.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, thực không dễ gì nắm được số lượng (tức là không dễ gì đếm được số lượng phước. Ở đây nói là công đức. Cũng không cần nói về vô tướng, đó là người đời sau, người ta nói là vô tướng gì đó, nhưng thực ra là công đức. Đơn giản thôi! Chỉ cần thực hành như vậy) **về công đức một thí**

vật gồm có sáu phần như vậy: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối công đức lớn được xem là vô số, vô lượng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn, thật không dễ gì nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "Có chừng ấy thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ấy trăm ngàn thùng nước"; vì rằng, cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để nắm được số lượng về công đức của một thí vật gồm sáu phần như vậy (đức Phật nói lại đoạn ở trên)**: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc. Thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc an lạc"; vì rằng cả khối công đức lớn được xem là vô số, vô lượng.**

Như vậy ở đây mình không biết người kia nhận thế nào, nếu mình là người bố thí thì mình cứ tác tâm như vậy trong ba giai đoạn: trước, trong và sau khi bố thí. Còn nếu mình là người nhận thì mình cố gắng làm sao để được hạnh ly tham, ly sân và ly si, [thì sẽ] giúp cho người bố thí được vô lượng [phước].

Điều này là mình nói chung, không phải bố thí cho người đi xuất gia hay tại gia. Nhiều khi quý vị cúng dường cho cha mẹ, hay như bài trước chúng ta học, là cúng dường cho cha mẹ thì được phước rất lớn, công đức rất lớn. Hai công đức cúng dường đối với người phàm phu: Một là [cúng dường] cho cha mẹ, hai là Bồ-tát Bổ xứ. Đó là bài trước mà chúng ta đã học. Ở đây, chúng ta cũng phải có trong phần đó, chứ không phải là [không] đâu.

Bây giờ là bài kệ tổng kết của đức Phật như sau:

Trước bố thí, ý vui,
Khi bố thí, tâm tín.
Sau bố thí, hoan hỷ,
Đây lễ thí đầy đủ.
Ly tham và ly sân,
Ly si, không lậu hoặc,

Vị Phạm hạnh chế ngự
Là ruộng phước lễ thí.
Nếu tự thanh tịnh mình,
Tự tay mình bố thí,
Tự mình đến đời sau,
Lễ thí vậy, quả lớn.

Ở đây, Thiện Trang tạm dừng một chút. Chỗ mà bố thí hay làm gì, thì trong kinh khuyên là mình nên tự làm, [còn] nhờ người khác làm thì [phước] không lớn bằng tự làm. Cho nên Thiện Trang [khuyên] là mình có cơ hội thì cứ làm trực tiếp [sẽ] tốt hơn. Đó là trong kinh nói như vậy.

Lễ thí vậy, bậc trí,
Với tín, tâm giải thoát,
Không hận thù, an lạc,
Bậc Hiền sanh ở đời.

(6.37) Vật Thí Gồm Sáu Phần: Chalangadana (EA 37.4) – Phẩm Sáu Pháp – Kinh Tăng Chi Bộ) .*

Quý vị thấy không ạ? Hôm nay học lại nền tảng cơ bản, đôi khi mình muốn tặng ai cái gì [thì] cố gắng trước khi làm [hãy] hoan hỉ, đang làm với niềm tin thanh tịnh, và sau khi làm cũng hoan hỉ vui vẻ. Mình phải làm như thế, chứ đừng có làm xong [rồi] hối hận. Bây giờ nếu làm xong mà hối hận thì sao? Có câu chuyện [dưới] đây, Thiện Trang cũng cố gắng đưa vào để cho khớp cùng lúc.

Câu Chuyện Quả Báo Của Người Bố Thí Rồi Hối Hận

(Trích từ Kinh Tương Ưng Bộ)

Kinh A Hàm cũng có câu chuyện này, nhưng Thiện Trang trích từ Kinh Tương Ưng.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, giữa trưa, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

- Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu lại giữa trưa như thế này?

Đoạn này là vua Pasenadi (tức là vua Ba Tư Nặc), nước Kosala (là nước Kiều Tát La, là một nước rất lớn mạnh), vua Ba Tư Nặc rất nổi tiếng. Giữa trưa, ông đến chỗ của đức Phật, thì đức Phật hỏi: 'Đại vương đi đâu giữa trưa thế này?'

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sāvatthī bị mệnh chung. Và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thế Tôn, tuy vậy đồ ăn của vị triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tấm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

Đây là câu chuyện về vua Ba Tư Nặc, thực ra câu chuyện này trong này không đầy đủ bằng Kinh A Hàm, chỉ có chi tiết ở khúc đầu thì rõ hơn. Trong Kinh A Hàm nói là lúc đó vua Ba Tư Nặc đi tới đức Phật, lúc đó quần áo của ông dơ, mồ hôi nhễ nhại, nói chung là lúc buổi trưa [nên] rất mệt mỏi. Đức Phật mới hỏi là: 'Ông đi đâu qua đây vào lúc giữa trưa thế này?' Vua Ba Tư Nặc mới nói: Bạch đức Thế Tôn, con đi vào nhà gia chủ triệu phú trong thành Xá Vệ. Vì ông đó rất giàu mà không có con. Và theo luật của Ấn Độ thời đó, nếu giàu mà không có con, thậm chí không có con trai, thì sau khi người đó chết, tài sản sẽ bị tịch thu vào ngân khố của nhà nước. Vua Ba Tư Nặc tới coi người ta đếm tài sản thế nào, mà nhiều quá, nên đếm từ sáng đến trưa vẫn chưa xong.

Ở đây cũng nói là có đến tám triệu đồng tiền vàng, nhiều đến mức độ như vậy. Rồi chưa nói đến tiền bạc nữa, cho nên quá nhiều đồ. Nhưng ông này ăn uống thì quá tệ, chỉ có cháo tấm chua từ hôm qua để lại thôi. Còn mặc thì chỉ mặc vải gai may thành ba tấm, rất là thô sơ. Đi xe thì nhỏ, cũ nát, gắn tán che bằng lá. Người ta thì gắn tán che bằng lông chim báu, còn ổng thì chỉ gắn như vậy. Hồi xưa họ đi xe là xe ngựa, xe bò như vậy đó quý vị, chứ không phải xe [như] bây giờ, mà rất là cũ kỹ như vậy. Tức là ông này [rất] giàu, là triệu phú luôn, mà lại ăn xài một cách khổ sở như vậy. Đó là lý do mới đưa ra câu chuyện này. Chúng ta coi tiếp theo như thế nào? Đức Phật nói:

- Thật như vậy, thưa Đại vương. Thật như vậy, thưa Đại vương. Thưa

Đại vương, vị triệu phú gia chủ ấy thuở xưa, đã bố thí đồ ăn khất thực cho một vị Bích-chi-phật tên là Tagarasikkhi. Vị ấy nói: "Hãy bố thí cho vị Sa-môn". Nói xong, vị ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi bỏ đi. Nhưng về sau, vị ấy hối tiếc, nói rằng: "Tốt hơn, các người phục dịch hay làm công ăn đồ ăn khất thực này". Và hơn nữa, vị ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy.

Đoạn này đức Phật nói nguyên nhân, là tại sao ông lại bị quả [báo] như vậy. Tại sao ổng giàu mà ổng lại không dám xài, và ổng không có con, cuối cùng bị tịch thu tài sản. Đức Phật nói ra nguyên nhân ở đời quá khứ, ổng đã bố thí đồ ăn khất thực cho một vị Bích-chi-phật. Thật ra lúc đó ổng không trực tiếp bố thí, mà ổng chỉ bảo người là hãy bố thí cho vị Sa-môn ấy đi. Nói xong rồi thì ổng từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Nhưng về sau ổng lại hối tiếc, hối hận là uổng quá đi, bữa ăn đó lẽ ra để cho người làm công trong nhà, phục vụ trong nhà ăn tốt hơn. Đó là nguyên nhân ông có phước đó. Và còn một nguyên nhân nữa nói đến nhân quả, đó là ông đoạt mạng sống của người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy. Chúng ta coi tiếp xem đức Phật sẽ nói thế nào:

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy có bố thí đồ ăn khất thực cho vị Độc Giác Phật tên là Tagarasikkhi. Do kết quả hành động ấy, vị ấy được sanh bảy lần lên thiện thú, Thiên giới. Do kết quả dư hưởng còn lại, vị ấy được làm nhà triệu phú bảy lần ở Sāvatthī này.

Quý vị thấy, tuy cúng dường cho một vị Bích-chi-phật bằng tâm không tuyệt vời lắm, rất bình thường, nhưng phước mà ổng nhận cũng rất lớn. Đó là bảy lần lên cõi trời Thiên giới (thiện thú tức là đường thiện cõi Trời), và hưởng hết phước ở trên cõi Trời đó, rồi tiếp tục xuống nhân gian bảy lần làm nhà triệu phú.

Cho nên ai giàu cũng là do nguyên nhân này. Nhiều khi giàu quá là do đời trước bố thí trúng Thánh nhân, nên mình mới có quả báo lớn như vậy, chứ không thì làm sao được. Rõ ràng là bố thí, dù ổng chưa phát tâm ghê gớm mà được như vậy đó. Nếu mình phát tâm bố thí mà gặp trúng bậc Thánh nhân thì tuyệt vời luôn.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy sau khi bố thí về, lại hối tiếc nói rằng: "Tốt hơn, các người phục vụ hay làm công ăn đồ ăn khất

thực này". (Tức là ổng hối tiếc: "Lẽ ra là [đồ ăn] đó để cho mấy người làm ở trong nhà ăn thì tốt hơn").

Do kết quả của hành động ấy, tâm của vị ấy hướng về các món ăn không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các đồ mặc không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các xe cộ không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về sự thọ hưởng năm dục công đức không được tốt đẹp.

Quý vị nghe đoạn này, Thiện Trang để [màu] đỏ, đoạn này quan trọng nha! Tức là do tâm như vậy, thật ra chúng ta thấy đạo lý nhân quả, là việc nào tác thành xong thì đã thành nghiệp rồi, việc bố thí kia thành nghiệp rồi, cho nên ổng cũng hưởng được quả là giàu có, bảy lần sanh lên cõi Trời. Hết phước [ở cõi Trời], lại được bảy lần làm triệu phú ở dưới nhân gian. Như vậy là rất nhiều, rất giàu.

Nhưng nghiệp tiếp theo ổng gieo là hối hận. Ổng hối hận, nghĩ rằng bữa ăn đó lẽ ra nên để cho người làm công trong nhà ăn thì tốt hơn. Do tâm đó nên trổ quả tiếp theo. Điều này học cho kỹ nha! Trổ quả tiếp theo của ổng là ổng hướng tâm về những món ăn không tốt đẹp, về đồ mặc không tốt đẹp, về xe cộ không tốt đẹp, tóm lại là hướng về những hưởng thụ Ngũ dục (Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy). Tiền tài, sắc dục, danh, thực, thùy đều là những điều không tốt đẹp.

Ở đây giải thích cho quý vị tại sao ở trên đời này có những người giàu có mà sống khổ. Tức là [do] hai nghiệp khác nhau. Đức Phật nói nghiệp đen cho quả đen, nghiệp trắng cho quả trắng, nghiệp lẫn lộn đen trắng cho quả lẫn lộn đen trắng, nghiệp không đen không trắng cho quả không đen không trắng. Đó chính là bộ chúng ta đang học đây. Chúng ta học thì chúng ta phải phân tích về điều đó.

Ở đây là hai tâm khác nhau, hai nghiệp khác nhau trổ đồng thời. Vì tương ưng nhau [nên] trổ đồng thời. Phức tạp như vậy đó! Cho nên có nhiều người tại sao giàu có, xài cũng thoải mái, nhưng nhiều người giàu có mà lại không cho ai xài hết, thậm chí không xài cho mình. Ai có hiện tượng này cũng là do tâm.

Cho nên tâm hối tiếc thì nguy hiểm nha! Làm gì cũng đừng hối tiếc. Hôm nay hy vọng có đủ thời gian để học tới phần đó, thì chúng ta thấy rõ hơn. Thiện Trang sắp xếp làm sao để cho liền mạch. Quý vị thấy rõ ràng nha! Cho nên ai mà như vậy là biết, còn mình cũng đừng làm như thế.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy. Do kết quả hành động của vị ấy, vị ấy bị nung nấu ở Địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm. Do kết quả dư hưởng còn lại, gia tài không con bảy lần phải nhập vào công khố của vua.

Đây là thêm một quả nữa. Đó là việc giành tài sản của người anh, cho nên giết đứa con của người anh. Kết quả hành động đó khiến cho ổng: Thứ nhất, giết người thì đọa Địa ngục trong nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm. Nhưng dư báo còn lại là [có] gia tài [nhưng] không có con, bảy lần phải nhập vào công khố của vua. Cho nên ba quả trổ đồng thời, quý vị thấy những nghiệp mình làm hồi xưa, mình tưởng là không có gì, nhưng tới trong đời này thì trổ nhiều nghiệp phức tạp quá. Có duyên thì trổ, gọi là nghiệp hộ kiếp, có nghiệp đầu thai (nghiệp tái sanh) v.v… nó duy trì nhiều nghiệp lắm. Học rõ thì chúng ta sẽ thấy nó phức tạp.

Cho nên ở trong đời tại sao có hai người không giống nhau là vậy. Quý vị thấy nghiệp nào cho quả đó đúng không ạ? Ở đây tuy trong hoàn cảnh kia, nhưng lại bị hoàn cảnh này. Nếu ổng chỉ giết người mà không có việc bố thí kia, thì chắc ổng nghèo rồi, đời nào ổng cũng không có người nối dõi. Đằng này không, ổng lại giàu, nhưng lại bị như vậy. Cho nên chúng ta thấy câu chuyện này rất hay.

Thưa Đại vương, đối với người triệu phú gia chủ này, các công đức cũ bị đoạn diệt và công đức mới chưa được chứa cất thêm. Và nay, thưa Đại vương, người triệu phú gia chủ đang bị nung nấu trong Địa ngục Mahāroruva. (Tức là ông này do xài hết phước rồi, nói chung là duyên hết, cho nên các công đức cũ đã đoạn diệt rồi, công đức mới chưa được cất chứa thêm, cho nên là trổ tiếp quả thôi. Quả giết người nên vô Địa ngục tiếp).

- Bạch Thế Tôn, như vậy người triệu phú gia chủ đã sanh vào Địa ngục Mahāroruva? (Địa ngục này bên kinh kia nói là Địa ngục hoa sen gì đó).

- Thưa Đại vương, như vậy người triệu phú gia chủ đã sanh vào Địa ngục Mahāroruva: (đức Phật nói bài kệ tổng kết)

Lúa, tài sản, vàng bạc,

Hay mọi vật sở hữu,
Nô tỳ và lao công,
Các mạng sống tùy thuộc,
Vị ấy phải ra đi,
Không đem theo được ai,

(Lẽ ra ở đây là "Không đem theo được gì" thì đúng hơn. Tài sản rồi tất cả mọi người đều không đem theo được gì. Cho nên sau này, người đời sau nói là khi chết thì chỉ có nghiệp theo mình).

Tất cả phải bỏ lại,
Khi ra đi một mình.

Chỉ có các hành động,
Về thân, miệng và ý,
Mới thật, thuộc vị ấy,
Mang theo khi ra đi,
Nghiệp ấy theo vị ấy,
Như bóng không rời hình.

Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.

((3.20) Không Con: Dutiyaṃ aputtaka - (SA 1233, SA2 60) – Tương Ưng Kosala - Kinh Tương Ưng Bộ).

Quý vị thấy ở đây là đức Phật đúc kết cho bài kệ. Nhớ! Tất cả không mang theo được gì, chỉ có nghiệp thôi, nghiệp thân khẩu ý tích lũy, [nên] hãy ráng làm lành. Đức Phật nói là nghiệp như bóng không rời hình. Những bài này chúng ta nghe hoài đúng không? Thật ra là xuất phát từ kinh Phật. Do vậy hãy làm lành, tích lũy cho đời sau, công đức cho đời sau, làm căn cứ hậu phương cho người. Đức Phật khuyên làm lành.

Đó là một câu chuyện. Nếu quý vị có thời gian thì quý vị coi lại bài kinh kế

trước, bài kinh 3.19 cũng nói [về] chuyện này, đức Phật nói rõ hơn một chút về vấn đề này. Đức Phật nói là giống như người chân nhân đó, thì người ta biết cách, khi tài sản đến với họ thì họ biết cách làm lợi ích cho mình, cho người. Còn người không phải chân nhân, thì họ không biết cách dùng tài sản, cho nên để đó, một hồi rồi chả được gì hết.

Đức Phật mới nói ví như là có một giếng nước, hay một hồ nước rất thơm rất ngọt, nước rất trong, nhưng ở nơi vắng người thì không có tác dụng gì hết. Một hồi rồi nước cũng cạn khô, mùa nắng hay gì đó [thì] cạn khô mất. Còn nếu như cũng một hồ nước trong, một giếng nước trong, nước sạch đó mà ở nơi đông người, có người dùng thì nó mang lại lợi ích. Cũng vậy, nếu mình không biết dùng tài sản thì sẽ không có lợi ích. Không dùng cho mình, cũng chẳng dùng cho người. Đức Phật nói thêm đoạn đó đối với câu chuyện này.

Đoạn đó thì lại không nói câu chuyện nhân quả, mà chỉ nói vấn đề đó thôi. Kết hợp hai câu chuyện lại, chúng ta thấy câu chuyện này rất hay. Và trong Kinh A Hàm, quý vị cũng thấy có câu chuyện này đúng không ạ? Câu chuyện này Thiện Trang thấy trích trong Kinh A Hàm cũng được mà trích ở đây cũng được. Ở đây thì giảng bài nhân quả rõ hơn Kinh A Hàm, có bài kệ hay hơn. Chúng ta thấy rõ ràng rồi, bữa nay biết cách [cúng dường] rồi nha. Nhớ là làm gì đừng có hối hận, làm rồi thôi.

Đó là vấn đề thứ nhất. Vấn đề thứ hai là:

Khi Sợ Hãi Thì Hãy Niệm Phật Hoặc Niệm Pháp Hoặc Niệm Tăng

(Trích từ Kinh Tương Ưng)

Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika (tức là ở thành Xá Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc)**.**

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "-- Này các Tỷ-kheo." "-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

-- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một cuộc chiến dữ dội khởi lên giữa chư

Thiên và các Asùra (tức là cuộc chiến giữa chư Thiên và A-tu-la)**.**

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư Thiên ở Tam Thập Tam thiên:

" -- Này thân hữu, khi các ông lâm chiến, nếu sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên; lúc ấy, các ông hãy nhìn nơi đầu ngọn cờ của ta. Khi các ông nhìn lên đầu ngọn cờ của ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược sẽ tiêu diệt.

Đây là nói về vấn đề trong Tam giới. Quý vị biết là thật ra lên cõi Trời, tới trời Đao Lợi cũng không ăn thua. Trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi vẫn bị các A-tu-la kéo quân lên đánh là chuyện bình thường. Đây cũng là một trận đánh giữa chư Thiên và A-tu-la. Lúc đó Thiên chủ Sakka tức là Thiên chủ trời Đao Lợi, người nhân gian gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, mới nhắc nhở chư Thiên trời Tam Thập Tam (tức là trời Đao Lợi), là khi lâm trận, ra chiến đấu với A-tu-la mà bị sợ hãi, lông tóc dựng ngược lên, thì lúc đó nhìn vào nơi đầu ngọn cờ của Đế Thích, thì tự nhiên sự sợ hãi hoảng hốt đó sẽ hết. Chúng ta nghe tiếp.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của ta, thời hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, cũng sẽ tiêu diệt. (Ở đây là dùng ngọn cờ của trời Tứ Thiên Vương).

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna. (Tứ Thiên vương, bốn ông Thiên vương này dịch theo tiếng Pali nghe lạ vậy đó. Tỳ Sa Môn Thiên vương, Đông Phương Trì Quốc Thiên vương… mấy tên đó thật ra là do dịch tiếng này tiếng kia thôi. Nhiều người quen, người ta thích tiếng Anh thì đọc theo bên này thấy quen hơn. Nhưng mình thì quen bên kia cho nên đọc là Tỳ Sa Môn Thiên vương, Đông Phương Trì Quốc Thiên vương... đọc như vậy thì nghe quen hơn). **Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ tiêu diệt.**

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna. Khi các ông ngó lên đầu ngọn

cờ của Thiên vương Isàna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, cũng sẽ tiêu diệt".

Cũng tương tự như vậy! Tóm lại là những ông Thiên vương với vua trời Đế Thích đều có ngọn cờ. Cứ nhìn lên ngọn cờ đó thì đỡ sợ hãi, khỏi lông tóc dựng ngược. Điều đó [thì] chúng ta cũng không biết, đức Phật không giải thích tại sao. Nhưng chúng ta biết nguyên tắc, để ra chiến trận, quý vị thấy hồi xưa thường đánh trống để người ta hăng say, người ta không sợ hãi, để lao lên chiến đấu. Ở đây chư Thiên chiến đấu cũng vậy. Cho nên lên trời Đao Lợi không có an toàn. Quý vị biết bên Nam truyền, người ta thường nguyện sanh lên trời Đâu Suất hơn. Bởi vì trời Đâu Suất có Bồ-tát Bổ xứ, lên đó thì còn được nghe pháp.

Thật ra lên trời Đao Lợi cũng nghe pháp được, nhưng trời Đao Lợi dễ bị chiến tranh, lâu lâu bị chiến tranh, có nạn này. Cho nên không có an toàn lắm. Quý vị coi trong kinh Phật, chiến tranh giữa A-tu-la và vua trời Đao Lợi, chư Thiên là nhiều lắm, cứ chiến tranh hoài, cho nên là bình thường. Đấy là Tam giới không an. Chúng ta chỉ có ra khỏi sanh tử là tốt nhất thôi.

Này các Tỷ-kheo, khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên chủ Sakka, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajàpati, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuna, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Isàna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược được khởi lên, có thể sẽ biến diệt và sẽ không biến diệt.

Ở đây đức Phật nói là có thể biến diệt và sẽ không biến diệt, tức là tác dụng này không đủ. Mặc dù Thiên chủ Sakka là vua trời Đế Thích nói như vậy, nhưng thực tế là có khi nhìn lên cũng không có tác dụng. Đó là pháp thế gian. Đức Phật đưa ra như vậy, để đức Phật nói đến vấn đề ở đây.

Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn diệt tham, chưa đoạn diệt sân, chưa đoạn diệt si, còn nhát gan, hoảng hốt, hoảng sợ, hoảng chạy.

Tại vì sao có lúc vẫn không có tác dụng? Bởi vì vua trời Đế Thích chưa đoạn diệt được tham, chưa đoạn diệt được sân, chưa đoạn diệt được si. Ổng còn nhát gan, còn hoảng hốt, còn hoảng sợ và có khi ổng bỏ chạy. Quý vị thấy có câu chuyện

trong Kinh Nikaya, Kinh A Hàm, Kinh Tương Ưng Chư Thiên. Chúng ta thấy có một lần vua trời Đao Lợi bị đánh, ổng hoảng quá nên chạy. Lúc đó người kéo xe đánh xe chạy đi. Vua trời Đế Thích lúc đó bay qua ngọn cây, thì thấy ở trên đó có mấy tổ chim Sí Điểu (chim cánh vàng), nếu mà chạy qua thì sợ sát [quá] sẽ làm hại mấy con chim đó, cho nên vua trời Đế Thích bảo dừng xe lại, không chạy qua. Người đánh xe nói với vua trời Đế Thích là nếu không chạy qua thì A-tu-la đuổi theo kịp. Ngài nói: "Không! Cứ quay lại đi, không thể để chết con chim được". Vì tổ chim đó cho nên quay lại.

[Khi] quay xe lại thì tự nhiên phước lực từ bi đó khiến cho A-tu-la sợ, họ nghĩ rằng vua trời Đế Thích chắc là có chiêu gì đây nên sợ, bỏ chạy tán loạn, không dám đánh nữa. Và nhờ vậy nên [vua trời Đế Thích] thắng cuộc, vì lòng từ đó [mà] thắng cuộc.

Còn ở đây do vua trời Đế Thích vẫn chưa đoạn diệt được tham sân si, còn nhát gan, hoảng hốt bỏ chạy. Cho nên quý vị thấy bình thường. Lên chư Thiên cũng vậy, ngay cả vua trời Đế Thích, theo trong kinh thì ổng chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, vẫn chưa ăn thua, vẫn còn hoảng hốt, hoảng sợ. Chỉ có giữ giới tốt, hiền thiện thôi, chứ chưa phải chứng Sơ thiền, [chứng] Sơ thiền thì mới hết sợ. Vua trời Đế Thích mới ở tầng trời Dục giới thôi.

Chúng ta tiếp tục:

Và này các Tỷ-kheo, Ta nói như sau: Này các Tỷ-kheo, khi các ông đi vào rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta (Quan trọng nha! Như vậy ở đây đức Phật dạy chúng ta: Nếu khi nào đi đâu, đi vào rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, hoặc là lúc nào run sợ, hoảng hốt, dựng tóc gáy lên, nổi da gà thì bấy giờ hãy nhớ niệm đến Ta. Nhưng niệm như thế nào? Quan trọng là niệm [thế nào?] Chúng ta cứ A Di Đà Phật không [thôi], hoặc Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Còn ở đây đức Phật dạy như thế nào)**: "Ngài là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".**

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt

hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, sẽ được tiêu diệt.

Đó! Tức là đức Phật dạy chúng ta, quý vị thấy không? Trong kinh đức Phật dạy là niệm 10 danh hiệu của Như Lai. Thật ra nhớ đến danh hiệu Thế Tôn là thế nào, Ứng Cúng là thế nào, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn [là] thế nào. Nếu chúng ta nhớ như vậy là chúng ta hết sự sợ hãi. Nhớ nha! Đây là bí quyết. Đức Phật chỉ cho nữa.

Nếu các ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp (niệm nhớ đến Pháp cũng được nha, không [niệm] Phật thì niệm Pháp. Niệm Pháp thế nào? Đức Phật dạy): **"Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu".**

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Pháp, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

Ở đây, quý vị thấy niệm Pháp, xưa nay chúng ta niệm Pháp, nhưng chúng ta không nghe trong kinh nên chúng ta không biết. Niệm Pháp là phải nhớ giùm ý nghĩa của Pháp. Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực ở hiện tại. Tức là pháp đó thực hành có ngay lợi ích thiết thực trong đời này, chứ chưa gì hết, mình toàn nhắm tới đời sau không [thôi], thì pháp đó không đúng. Pháp phải thiết thực ở hiện tại. Rồi có quả tức thời, chứ không phải pháp tu hoài mà không có kết quả gì hết. Đó là không phải! Đến để mà thấy tức là mình phải thực hành để kiểm nghiệm, chứ không phải nghe. Có khả năng hướng thượng tức là giúp mình, đưa mình đi lên. Và do người trí tự mình giác hiểu tức là người trí, chứ không phải bình thường. Không phải như bây giờ mình tuyên truyền rằng: 'Người ngu mới dễ tu'. Không phải! Phải là người trí, tự mình giác hiểu. Đó là [sự] khác giữa chư Tổ với Phật.

Đó là niệm Pháp. Ở trên là niệm Phật, còn đoạn này là niệm Pháp, chúng ta ôn lại luôn.

Nếu các ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng (tức là không niệm Phật thì niệm Pháp, không niệm Pháp thì niệm Tăng. Niệm

Tăng thế nào?): **"Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở trên đời".**

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến chúng Tăng, thời sợ hãi, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

Ở đây Thiện Trang ôn lại. Quý vị nhớ nha! Chúng Tăng Đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh (là khéo thực hành), rồi Trực hạnh (là những người ngay thẳng), là bậc Chánh hạnh (là hạnh chân chánh), là bậc Như pháp hạnh (tức là phải thực hành đúng pháp của đức Thế Tôn), là bốn đôi, tám bậc hay là tám chúng. [Địa vị] này phải xếp từ đâu quý vị nhớ chưa? Tăng không phải là phàm phu Tăng. Tăng phải là từ Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hoàn, A-na-hàm hướng, A-na-hàm, A-la-hán hướng, A-la-hán. Đó mới là chúng Tăng. Chứ không phải đắp y lên thì gọi là Tăng, Tăng này chưa tính, Tăng đó là phàm phu Tăng. Còn đây là chúng Tăng của đức Phật, và niệm như vậy đó.

Cho nên chúng Tăng này đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chắp tay và vô thượng phước điền ở trên đời. Chúng ta biết cúng dường những bậc này thì phước lớn lắm. Phải Tu-đà-hoàn hướng trở đi (Tùy tín hành, Tùy pháp hành đó).

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến chúng Tăng, thời sợ hãi, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ tiêu diệt.

Như vậy bữa nay chúng ta biết thế nào là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chưa? Nguyên văn trong kinh. Và quý vị thấy nội dung này hoàn toàn khớp với pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng mà chúng ta học ở phần Luận Thanh Tịnh Đạo đúng không ạ? Cho nên trong kinh [có] hết đó. Bên Nam truyền hay lắm, hãy học từ trong kinh. Còn bên Bắc truyền thì có nhiều hiện tượng tự mình dẫn ra, đưa ra nhiều điều không chính xác. Cho nên là quý vị thấy rất hay. Bây giờ đức

Phật giải thích.

Vì sao? Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đã ly tham, ly sân, ly si, không nhát gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói tiếp: (Tức là tại vì sao nỗi sợ này được tiêu diệt? Bởi vì thật ra nhờ đức Phật. Ngài đã rời được tham, sân, si rồi, Ngài không còn nhát gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy, cho nên nhờ vậy mới thành tựu. Nên mình niệm những điều đó tự nhiên mình nương nhờ công đức đó, thì mình cũng được không còn sợ hãi. Từ nay trở đi, lúc nào quý vị sợ hãi, đi đâu hoặc là ở đâu sợ hãi, cứ nhớ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì không còn sợ hãi. Khi sợ hãi thì hãy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Và cách niệm là như vậy đó. Bây giờ là bài kệ của đức Thế Tôn để tổng kết)

Này các vị Tỷ-kheo,
Trong rừng hay gốc cây,
Hay tại căn nhà trống,
Hãy niệm bậc Chánh Giác.
Các ông có sợ hãi,
Sợ hãi sẽ tiêu diệt.
Nếu không tư niệm Phật,
Tối thượng chủ ở đời,
Và cũng là Ngưu vương,
Trong thế giới loài Người,
Vậy hãy tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết.
Nếu không tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết,
Vậy hãy tư niệm Tăng,
Là phước điền vô thượng.
Vậy này các Tỷ-kheo,
Như vậy tư niệm Phật,

Tư niệm Pháp và Tăng,
Sợ hãi hay hoảng hốt,
Hay lông tóc dựng ngược,
Không bao giờ khởi lên.

(III. Dhajaggam: Đầu Lá Cờ (S.i,218) – Tương Ưng Sakka – Thiên Có Kệ - Kinh Tương Ưng Bộ).

Hôm nay chúng ta biết thêm rồi đúng không? Bây giờ toàn là pháp hành thực tế, lúc nào sợ quá thì nhớ niệm lên nha.

Hôm nay chúng ta giới thiệu thêm phần nữa. Đó là:

Tu Ngũ Quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) Thì Giải Thoát (2)

Phần này là phần số 2, hôm trước chúng ta giới thiệu phần 1 rồi. Bài kinh rất ngắn như sau:

- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... Tuệ căn. (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Lặp lại nhiều quá nên người ta đánh dấu…) **Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.**

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. (Nếu mình tu được Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ này mà đầy đủ, viên mãn thì được thành bậc A-la-hán. Tín là niềm tin, Tấn là tinh tấn, Niệm, [Định, Tuệ] là Ngũ căn (Năm căn), Ngũ lực đó)**. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán (A-la-hán hướng).** (Nếu mình tu không được trọn vẹn điều đó thì xuống một chút thành A-la-hán hướng. Trong bốn đôi tám bậc, chúng ta thấy đây hai bậc rồi). **Yếu nhẹ hơn là bậc Bất lai** (tức là bậc Tam quả A-na-hàm). **Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai (A-na-hàm hướng)** (bốn hạng rồi). **Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai** (tức là Tư-đà-hàm, là Nhị quả). **Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai (Nhất lai hướng)** (hay là Nhị quả hướng, Tư-đà-hàm hướng)**. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu** (bậc Tu-đà-hoàn). **Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Dự lưu (Dự lưu hướng)** (Dự lưu hướng chính là Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Đó là bốn đôi tám hạng).

Đối với ai, này các Tỷ-kheo, năm căn này toàn bộ và toàn diện không có, thời Ta nói rằng người ấy là người đứng phía ngoài, là thuộc thành phần phàm phu.

Đối với Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, người mà không có chút nào hết, toàn bộ và toàn diện không có, thì đó là đứng ngoài giáo pháp của Phật và thuộc phần phàm phu. Vậy chúng ta có một chút nào đó là cũng mừng rồi đúng không ạ? Nhưng có một chút chưa được, phải ráng thực hành để được ít nhất là Tùy tín hành, Tùy pháp hành.

(Kinh (48.18) Thực Hành: Paṭipanna (SA 652, SN 48.14) -Tương Ưng Bộ Kinh – Thiên Đại Phẩm).

Chúng ta thấy Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ này cực kỳ quan trọng. Thật ra là mình đang ôn lại Ngũ căn, Ngũ lực. Cho nên là ôn hết rồi. Đó là Thiện Trang đã giới thiệu cho quý vị mấy nền tảng đơn giản. Và thêm một pháp tu nữa, hy vọng quý vị nghe được, toàn là bài ngắn thôi.

Một Pháp Tu Thiền Quán Để Đoạn Tận Khổ Đau

Vậy này Bāhiya, ông cần phải học tập như sau (bài này là Bát Nhã)**: "Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri". Như vậy, này Bāhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bāhiya, nếu với ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bāhiya, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bāhiya, ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.**

(Trích Kinh Phật Tự Thuyết – Kinh Tiểu Bộ thuộc Tạng Nikaya).

Có pháp này đoạn tận khổ đau, tức là chứng quả giải thoát A-la-hán. Quý vị làm sao làm được mấy dòng đỏ này thôi: 'Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng (tức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ở đây do ngài Minh Châu không đánh dấu phẩy, nhưng chúng ta hiểu thọ, tưởng

là hai điều riêng), sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri (là cái biết), sẽ chỉ là các thức tri'. Làm được như vậy thôi. Mình không là chỗ ấy, và mình không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Quán được như vậy là đoạn tận khổ đau, tức là chứng được A-la-hán. Ngài Bāhiya theo bên Bắc truyền dịch là Bạc Câu La.

Quý vị thấy đây là pháp tu, nói thì dễ nhưng tu thì hơi khó, và điều này chính là Bát-nhã: **"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị"**. Đoạn này chính là cách nói khác của Kinh Bát Nhã. Làm sao trong cái thấy chỉ là thấy thôi, thấy đúng như thật. Ví dụ như mình thấy cái đèn này thì chỉ là cái đèn thôi, chứ mình không nghĩ là màu này tôi thích, màu này tôi không thích, màu này tôi ghét. Cái thấy đầu tiên là thấy [thì] đúng rồi, nhưng sau đó mình có sự phân biệt, có sự chấp trước, đem những kiến thức này kia vô, thì cái thấy không phải chỉ là thấy. Tương tự, cái nghe cũng vậy. Thọ là cảm nhận, giống như cảm nhận nóng thì mình biết nóng, lạnh thì đang lạnh, mình biết nóng lạnh. Nhưng mình đừng có khởi tưởng lên là ghét quá, ghét nóng, ghét lạnh v.v… đó chính là luân hồi.

Nếu người muốn chấm dứt luân hồi, là A-la-hán thì không có Tâm sở Tư để khiến cho mình tạo nghiệp luân hồi. Vì còn có yêu ghét, có sân, tham thì còn luân hồi, hoặc là có vô minh thì còn luân hồi. Thật sự nói thì đơn giản, pháp tu này cũng là pháp tu Tứ niệm xứ, nhưng cực kỳ khó. Làm sao đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Thức, hay Sáu căn căn tiếp xúc với Sáu trần, thì chỉ là thấy như thấy, nghe như nghe, biết như biết, Thọ, Tưởng, Thức, tất cả những gì cũng vậy, thì thành công. Và như vậy thì người đó sẽ thành tựu được. Nhưng khó lắm! Đó là pháp tu cao.

Bài này, quý vị thấy ngay trong Kinh Nikaya cũng có những pháp tu rất cao, là Bát-nhã đó, Bát nhã Tánh không đó. Ai nói trong Kinh này không có Bát-nhã, đây chính là Bát-nhã. Và bài kinh này nếu diễn ra thì chính là Bát Nhã Tâm Kinh (Kinh Đại Bát Nhã). Cho nên ý thì vẫn vậy thôi, nhưng rất khó tu. Chúng ta không tu được thì thôi, không sao, chúng ta cứ tu từ từ nhẹ nhẹ. [Còn] ai tu được, hiểu được đoạn này thì cực kỳ hay.

Cho nên nhiều người cứ tưởng Kinh A Hàm, Kinh Nikaya là kinh Tiểu thừa, kinh thấp. Xin lỗi quý vị! Có nhiều bài kinh cao không thua gì những kinh kia, nên

nhớ như vậy! Đó là do người đời sau không hiểu, họ không đọc rồi họ cho là như vậy thôi.

Hôm nay Thiện Trang xin phép chia sẻ về phần Tâm sở và Tâm. Thiện Trang ôn lại một chút, nhắc lại 52 món Tâm sở thôi.

<table>
<tr><th colspan="6">52 Tâm sở (cetasika)</th></tr>
<tr><th></th><th>13 Tợ tha</th><th colspan="2">14 Bất thiện</th><th colspan="2">25 Tịnh hảo</th></tr>
<tr><td>Biến hành</td><td>Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý</td><td colspan="2">Si, Vô tàm, Vô úy, Phóng dật</td><td colspan="2">Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, Tĩnh thân, Tĩnh tâm, Khinh thân, Khinh tâm, Nhu thân, Nhu tâm, Thích thân, Thích tâm, Thuần thân, Thuần tâm, Chánh thân, Chánh tâm</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Biệt cảnh</td><td rowspan="3">Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục</td><td>Tham, Tà Kiến, Ngã mạn</td><td>Tham phần</td><td>Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng</td><td>Giới phần</td></tr>
<tr><td>Sân, Tật, Lận, Hối</td><td>Sân phần</td><td>Bi, Tùy hỷ</td><td>Vô lượng phần</td></tr>
<tr><td>Hôn Trầm, Thụy Miên, Hoài</td><td>Trì trệ và do dự</td><td>Trí Tuệ</td><td>Tuệ quyền</td></tr>
</table>

		Nghi			

Chúng ta có 13 Tâm sở Tợ tha, trong đó có 7 Tâm sở Tợ tha Biến hành: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý. Quý vị chỉ cần hiểu thôi là được rồi. [Tâm sở Tợ tha] Biệt cảnh gồm: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục.

14 Tâm sở Bất thiện: [Tâm sở] Bất thiện Biến hành thì mình nhắm vô đây: Si, Vô tàm, Vô úy, Phóng dật. Có nhiều người vẫn không hiểu chữ Phóng dật. Thế nào là Phóng dật? Phóng dật là tùy tiện. Ví dụ như bình thường mình ngồi xếp bằng, ngồi cho vui vậy, nhưng một hồi mình thả chân mình, ngồi thoải mái, thấy vui rồi nhịp nhịp, đó là Phóng dật. Đó là đối với cơ thể mình. Còn đối với tâm, phóng dật là tâm mình cứ chạy lung tung theo bên ngoài, mình không làm chủ được, đó là Phóng dật. Quý vị hiểu chữ Phóng dật là vậy.

Trong 14 Tâm sở Bất thiện thì có 4 Tâm sở Bất thiện Biến hành này, và 10 Tâm sở Bất thiện Biệt cảnh [chia ra làm 3] nhóm: [Nhóm] Tham phần là: Tham, Tà kiến, Ngã Mạn; [Nhóm] Sân phần là: Sân, Tật, Lận, Hối. Hôn trầm, Thụy miên, Hoài nghi thuộc về nhóm Trì trệ và Do dự. Chúng ta học hết rồi, Thiện Trang chỉ tổng kết lại, làm thành bảng cho gọn thôi.

Còn 25 Tâm sở Tịnh Hảo, thì Biến hành có 19 Tâm sở: Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô tham, Vô sân, Trung hòa, Tĩnh thân, Tĩnh tâm, Khinh thân, Khinh tâm, Nhu thân, Nhu tâm, Thích thân, Thích tâm, Thuần thân, Thuần tâm, Chánh thân, Chánh tâm. Tâm sở Tịnh hảo mà có [đầy đủ] 19 Tâm sở này thì mới là tịnh hảo được, là tâm tốt đó. Rồi Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là thuộc về Giới phần. Tùy hỷ, Bi thuộc về Vô lượng phần. Trí tuệ thuộc về Tuệ quyền.

Hôm nay chúng ta học về phần Tâm, là bắt đầu kết hợp những điều đó để tạo ra những tâm như thế nào. Phần Tâm này cũng quan trọng lắm, chúng ta học thì chúng ta mới hiểu được tại sao mình có mặt ở đây, tại sao mình có mặt ở thế giới này? Là do những điều này. Và đời sao chúng ta đi về đâu? Mình học kỹ về Tâm, về Tâm sở, Lộ trình tâm, v.v… thì có thể hình dung được con đường mình đang đi, và chúng ta cũng hình dung được con đường xưa ta đi.

Tóm lại là mình sẽ rõ ràng hơn về nhân quả, chứ không phải mê mê mờ mờ, mình tu mà không biết mình đi về đâu hết, tu mà không biết mình như thế nào hết, và mình tu mà không biết tu làm sao. Là do không nắm được tâm. Bởi vì "ý dẫn đầu các pháp", dù kinh Đại thừa hay Tiểu thừa đều cũng nói về tâm, tâm là quan trọng nhất. Học Phật pháp mà không học về Tâm thì thật là thiếu sót quá lớn.

Chúng ta đã học phần căn bản là Tâm sở, 52 Tâm sở đã học hết rồi. Bây giờ vào phần tiếp theo là phần Tâm.

121 Tâm: được phân chia theo các cách		
Cách 1: Chia theo cõi		
1.Tâm dục giới (54)	là những tâm chuyên môn biết cảnh dục và hay nương người Dục giới.	Gồm 11 cõi
2.Tâm sắc giới	là những tâm chỉ biết cảnh đề mục còn hình thức và thường nương người sắc giới.	Gồm 16 cõi
3.Tâm vô Sắc giới	là những tâm biết cảnh trong đời mà không còn hình thức, thường nương người Vô sắc giới.	Gồm 4 cõi
4.Tâm siêu thế	là những tâm biết cảnh Niết-Bàn.	

Ở đây có 121 tâm được phân chia theo các cách. Thấy nhiều vậy nhưng thực tế thì có trùng lặp trong đó.

Cách 1: Chia theo cõi

1. Tâm dục giới: là những tâm chuyên môn biết cảnh dục và hay nương

người Dục giới. Ví dụ như chúng ta ở Dục giới, tâm chúng ta tất nhiên là nương vào người Dục giới. Dục giới là cõi Dục, thì còn có năm dục: Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy, gọi là Ngũ dục hay gọi là dục. Dục là còn có ham muốn nhiều thứ, như ăn uống, còn có xúc chạm v.v… Chứ lên cõi Sắc giới thì người ta không ăn, họ lấy Thiền định làm thức ăn. Những người Dục giới thì có Tâm dục giới, đó là nói về Tâm quả. Còn Tâm nhân là biết cảnh Dục giới. Ví dụ mình thấy đồ ăn thì mình thích đồ ăn, mình ngửi thấy mùi thơm thì mình thích mùi thơm, đó là Dục giới rồi. Tâm mà biết cảnh Dục giới thì gọi là Tâm dục giới, định nghĩa đơn giản là như vậy. Ở đây là những tâm chuyên môn biết cảnh Dục giới và nương vào người Dục giới.

Dục giới gồm có 11 cõi: Quý vị có thể kể ra được không? 11 cõi Dục giới là gì? Đầu tiên là Địa ngục, có nhiều Địa ngục lắm. Thứ hai là Súc sanh, thứ ba là Ngạ quỷ, thứ bốn là A-tu-la, có thể kể như vậy, thứ năm là cõi Người, và sáu tầng trời Dục giới nữa, là thành ra 11.

Sáu tầng trời Dục giới: là trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Tu Diệm Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc và trời Tha Hóa Tự Tại. Cho nên tổng cộng là 11 cõi. Tức là sáu tầng trời Dục giới; rồi cõi Người là bảy; rồi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A-tu-la nữa là đủ 11 cõi. Đó là giới thiệu sơ, rồi từ từ chúng ta giới thiệu kỹ hơn.

2. Tâm sắc giới: chia theo cõi thì cõi thứ hai là Tâm sắc giới gồm có 16 cõi, thì từ từ chúng ta đếm sau. Ở đây định nghĩa: **là những tâm chỉ biết cảnh đề mục còn hình thức và thường nương người Sắc giới.**

Phải nương vào người Sắc giới là đương nhiên rồi, và tâm chỉ biết cảnh đề mục còn hình thức. Ví dụ như chúng ta tu đề mục Thiền là phải dựa vào màu xanh, vàng, đỏ, trắng, là đề mục Biến xứ, hay dùng 40 đề mục tu Thiền chỉ. Mình dùng những đề mục, phải tính đề mục nào đạt được từ Sơ thiền trở lên như Từ, Bi, Hỉ, Xả. Mình phải dựa vào cảnh của đề mục đó, như mình dựa vào màu của đèn để mình tu, và mình dựa vào nước để mình tu v.v… Tâm phải chuyên biết cảnh đó để vô định, đó là Tâm sắc giới.

Chia theo cõi thì người sanh về đó là Tâm sắc giới rồi, nhưng có khi chúng ta ở đây cũng tạo ra những tâm, cho nên mới gọi là Tâm nhân và Tâm quả. Từ từ

chúng ta nói về Tâm nhân và Tâm quả sau. Có Tâm nhân, Tâm quả, Tâm tái tục (tâm đi đầu thai) để tiếp tục đi đâu. Khi mình thực hành, ví dụ như mình thực hành pháp Thiền định, mình tu Thiền chỉ, mình đắc Sơ thiền thì lúc đó tâm mình chắc là Tâm sắc giới, vì biết cảnh Sắc giới mà. Từ Sơ thiền đến Tứ thiền là thuộc cảnh Sắc giới. Và khi đó cũng tạo ra Tâm đầu thai để sanh về trời Sắc giới. Như đắc Sơ thiền là tạo Tâm đầu thai sanh về trời Sơ thiền, nếu sau này đủ duyên [thì sanh] về đó. Đó là lý do chúng ta phải học để chúng ta hiểu.

Giống như Tâm dục giới ở trên này cũng vậy, nếu mình tạo tâm Địa ngục thì mai mốt bị đọa vô Địa ngục. Tạo tâm gì là do hành động của mình tạo ra mỗi sát-na tâm, thì đoạn sau chúng ta sẽ nói rõ hơn, bây giờ chỉ giới thiệu thôi.

16 cõi của Sắc giới gồm những cõi nào? Chúng ta kể thử coi, Sơ thiền có 3: Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ và trời Đại Phạm. Nhị thiền cũng có 3: Trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm. Tổng là 6 rồi. Tam thiền có 3: Trời Thiểu Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh. Tổng là 9 rồi. Tứ thiền, bây giờ kể ra 7 cõi nữa là đủ. Thông thường người ta kể ra 9 cõi, nhưng ở đây Tứ thiền kể ra có 7, tại vì sao? Vì ba tầng trời: Trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả có thể gộp lại làm một. Thực tế không phải ba tầng trời đâu mà chỉ là một tầng trời thôi, nhưng do tuổi thọ khác nhau, phước báo khác nhau nên chia làm ba, nên đôi khi nói là một thôi, có thể xếp lại làm một, [gọi] là trời Quảng Quả hay là trời Vô Vân. Ngũ Bất Hoàn Thiên là 5 tầng trời Bất Hoàn, với 1 trời Vô Tưởng và 1 trời Quảng Quả nữa là 7, (7+9=16). Cách chia là như vậy.

Năm tầng trời Bất Hoàn là: Trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh (trong Kinh Địa Tạng nói là trời Ma Hê Thủ La. Thật ra Ma Hê Thủ La là vua của tầng trời Sắc Cứu Cánh, nhưng tại vì muốn nhấn mạnh ông vua đó cho nên tách ra thành Ma Hê Thủ La Thiên vương hay là Ma Hê Thủ La). Chúng ta biết qua 16 cõi, Thiện Trang giới thiệu sơ sơ [như vậy].

3. Tâm vô Sắc giới: là những tâm biết cảnh trong đời mà không còn hình thức, thường nương người Vô sắc giới. Ở đây là tâm biết cảnh trong đời mà không còn hình thức nữa, là tâm vi tế. Vì Vô sắc mà, Vô sắc là không có gì nữa. Gồm 4 cõi là: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tam giới là nói như vậy.

Còn tâm cuối cùng là Tâm siêu thế.

4. Tâm siêu thế: Siêu thế có người trực dịch: #siêu là siêu vượt; #thế là thế gian; là vượt khỏi thế gian. Nhưng thực tế định nghĩa **là những tâm biết cảnh Niết-Bàn**. Tức là tâm nào biết cảnh Niết-Bàn, quý vị biết không? Đó là chứng quả rồi, như Sơ quả Tu-đà-hoàn hay Sơ quả hướng, những tâm đó thì bắt đầu biết cảnh Niết-Bàn, cho đến Tứ quả A-la-hán. Những tâm bắt đầu biết cảnh Niết-Bàn rồi thì gọi là Tâm siêu thế. Thật ra những tâm đó cũng gọi là siêu thế, là vượt ra khỏi thế gian thì cũng đúng. Nhưng hiện tại người ta vẫn còn ở trong cõi Người, người ta vẫn còn ở trong cõi người, cõi Trời mà.

Tâm siêu thế này, Thiện Trang không để số lượng là bao nhiêu, hiện ở bao nhiêu cõi. Để quý vị đoán thử coi, tâm này có bao nhiêu cõi, có thể xuất hiện ở đâu. Tức là từ Sơ quả Tu-đà-hoàn đến Tứ quả A-la-hán, tính luôn cả Sơ quả hướng nữa. Mình tính bốn quả hay tám quả, tám địa vị đó, thì có thể có mặt ở bao nhiêu cõi, trong cả Tam giới?

Nếu nói theo cách tính này: 4 + 16 + 11 = 31. Bên Nam truyền họ hay dùng con số 31. Nếu chúng ta tách tầng trời đầu tiên của Tứ thiền, là trời Phước Sanh, trời Phước Ái, và trời Quảng Quả ra thì thành 33. Bây giờ 33 hay 31, 31 cõi này thì Tâm siêu thế có thể xuất hiện ở đâu? Tức là bây giờ một người chứng Tu-đà-hoàn có thể có mặt ở những điểm nào? Hay là từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, có thể có mặt ở tất cả những đâu?

Rất đơn giản thôi! Quý vị trừ giùm 4 đường ác, 4 đường ác không có. Có khi nói đường thiện ở cõi Thiên, A-tu-la thiên cũng không tính, đó là đường thiện cõi Trời. Như vậy là trừ 4 đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, và A-tu-la (A-tu-la là A-tu-la ác), vậy là còn 27. Nhưng thực tế không phải! Còn một tầng Trời nữa cũng không có quả vị Thánh ở đó, là trời Vô Tưởng. Trời Vô Tưởng không có quả vị Thánh ở trên đó, nên chỉ có 26 thôi. Chúng ta biết được như vậy

Đó là nói sơ, còn bây giờ chúng ta vào học Tâm dục giới. Bữa nay học Tâm này hấp dẫn. Một là Tâm dục giới, sau chúng ta sẽ học Tâm sắc giới, Tâm vô Sắc giới, Tâm siêu thế.

1. Tâm dục giới:

'Dục': ở đây có nghĩa là ham muốn, luyến ái, say đắm dục ái hay sự vừa ý, hợp ý về cảnh dục. Đó là vật dục và phiền não dục.

Chữ Dục thường theo nghĩa dục là mong muốn, nhưng ở đây xét trong trường hợp này, thì có nghĩa ham muốn chứ không phải là mong muốn, là theo chiều hướng không tốt, ham là tham đấy.

Luyến ái, sự luyến ái cũng là dục, say đắm dục ái, hay sự vừa ý (mình vừa ý với điều gì cũng là dục), hợp ý về cảnh dục (ví dụ như mình thấy cảnh đẹp quá, thích hoa nở đẹp, thích ngửi mùi thơm, thích đồ ăn ngon...) đó là đều là dục giới. Theo Phật pháp mà nói, đó là vật dục và phiền não dục. Cho nên mình tưởng mình ngon lắm, nhưng thực tế mình ở trong này.

***Có 54 Tâm dục giới được chia thành 3 loại:** điều này quý vị có thể tự điền vào đây. 54 Tâm dục giới, Tâm sắc giới bao nhiêu, Tâm vô sắc giới bao nhiêu. Tại vì chúng ta không muốn rối nên tạm để đó. Quý vị có thể coi lại bài cũ, Thiện Trang có giới thiệu rồi, nhưng bữa nay chúng ta học Tâm dục giới thôi, có 54 Tâm dục giới.

"Ủa có 11 cõi mà sao nhiều vậy?" Có nhiều người thắc mắc như vậy, sau khi học rồi sẽ không thắc mắc nữa. Tại vì vấn đề chia, không chia [theo] kiểu cõi như chúng ta đoán. Cách chia làm ba loại như sau:

a.Tâm bất thiện: có 12. Tức là Dục giới chúng ta có 12 loại Tâm bất thiện.

b.Tâm vô nhân: có 18.

c.Tâm dục giới Tịnh hảo: có 24.

Nhiều người nghe như vậy cảm thấy mừng rồi, cộng thử xem đủ không? Nghe như vậy có vẻ cảm thấy vui, tại vì thấy Tâm bất thiện có 12, mà Tâm thiện Tịnh hảo tốt đẹp tới 24, mình thấy vui. Thấy gấp đôi, như vậy nghĩ là sẽ ngon hơn. Nhưng không phải! Điều này thực ra là mình làm bất thiện nhiều hơn, mặc dù ít hơn nhưng dễ làm hơn. Còn Tâm dục giới Tịnh hảo, quý vị thấy 19 Tâm sở kia xuất hiện thì mới có được Tịnh hảo, cho nên khó.

Giống như ở thế gian, Thiện Trang lấy ví dụ rõ ràng nhất là ở thế gian. Người

đi học trình độ Tiến sĩ thì đủ bằng Tiến sĩ, Tiến sĩ này Tiến sĩ kia, đủ các loại Tiến sĩ, nhiều lắm. Tiến sĩ Toán, mà trong đó có Toán kỳ dị, Toán này, Toán kia, Vật lý, Y học, cấp một trời bằng, đủ các ngành. Nhưng số lượng người đó không nhiều so với người đi học Phổ thông Trung học. Người đem bằng Phổ thông Trung học cấp ba ra đầy, bằng Tiểu học, bằng Trung học đầy. Như vậy mặc dù loại bằng đó ít, tức là bằng cấp một, cấp hai, cấp ba, đâu có nhiều loại đâu, có ba loại bằng thôi, nhưng số đông là vô trong đó hết. Còn số kia, mặc dù tên nhiều, nào là Tiến sĩ Toán, Tiến sĩ Vật lý, Tiến sĩ hạt nhân, Tiến sĩ gì đó v.v… đủ các thể loại. Tên thì nhiều nhưng người vô đó ít, không mấy người cầm được [bằng Tiến sĩ] đó. Kiểu vậy đó!

Cũng vậy! Ở trong tâm này, mặc dù mình nói Tâm bất thiện ít, có 12 loại thôi, nhưng thật ra số đông là vô đây, cho nên chúng sanh trong vòng bất thiện nhiều. Còn số 24 [Tâm dục giới Tịnh hảo] tuy là nhiều nhưng thực tế ít người đạt được, chứ không phải là nhiều hơn, rồi lấy số đông đè lên số ít này. Không phải! Loại ít, nhưng trong mỗi loại thì nhiều.

Tại vì điều kiện bất thiện, quý vị thấy hôm bữa mình học, là chỉ cần xuất hiện bốn thằng: Si, Vô tàm, Vô Úy, Phóng dật, là bất thiện rồi đó. Tại vì 13 [Tâm sở Tợ tha] thì 7 [Tâm sở Tợ tha Biến hành] này luôn luôn có, lúc nào cũng có, biến hành mà, tất cả tâm đều có. Còn mấy [Tâm sở Tợ tha biệt cảnh] thì lúc có lúc không. Để bữa sau chúng ta sẽ học kỹ phần này, có bài đó, nhưng bây giờ nhiều quá, sợ rối, chúng ta hiểu tâm này đã.

Tóm lại có 12 Tâm bất thiện, 18 Tâm vô nhân, và 24 Tâm Tịnh hảo. Hôm nay chúng ta cố gắng học 12 Tâm bất thiện này, chắc học được một phần trong 12 [tâm] đó thôi.

a. Tâm bất thiện (thuộc Tâm dục giới):

Thiện Trang sợ mọi người hiểu lầm, ở đây là thuộc Tâm dục giới. Tại vì thuộc Dục giới thì mới bất thiện, chứ lên mấy cõi kia thì không có bất thiện.

Định nghĩa Bất thiện:

+ Bất thiện có 5 nghĩa: 1. Bệnh hoạn; 2. Không tốt đẹp; 3. Không khôn khéo; 4. Có sai lỗi; 5. Tạo nghiệp quả khổ.

Định nghĩa chữ bất thiện có năm nghĩa, chứ không phải mình cứ cho vô một nghĩa. Có khi là tâm bệnh hoạn, tức là tâm không bình thường lắm. Không tốt đẹp hoặc không khôn khéo, tức là mình làm gì đó mà không khôn khéo. Nhiều khi không tạo nghiệp bất thiện, nhưng không khôn khéo. Ví dụ như mình làm hành động đó không mang lại kết quả tốt trong đó, chứ không phải nhân quả gì hết, nhưng không tốt. Ví dụ như mình làm gì cũng ngơ ngơ ngác ngác, thì đó cũng là không khôn khéo, là cũng bất thiện. Có sai lỗi, hay tạo nghiệp quả khổ, thì từ từ chúng ta vào, chúng ta sẽ hiểu.

Ở đây chúng ta phải học kỹ hơn, tại sao bất thiện?

+ Nhân trợ cho bất thiện sanh có 5:

Tức là Tâm bất thiện có nguyên nhân để sanh ra. Bình thường mình học, bất thiện là bất thiện thôi, nhưng mình không biết tại sao. Nhưng học bộ này thì [được học] rất kỹ, nếu là vấn đề bất thiện, thì tại sao có bất thiện, nhân gì tạo ra? Ở đây nói năm nhân, mình phải biết nhân của nó thì mới chặn được chứ. Còn ra bất thiện rồi thì làm sao mình biết được. Nhân thứ nhất là:

1. Không khéo tác ý: Thế nào là không khéo tác ý? Nói vậy thì nhiều người nghe không khéo tác ý là không khéo tác ý [thôi], cũng chả biết không khéo tác ý là gì.

Không khéo tác ý là những cách suy xét nhận định làm cho Tâm bất thiện phát sanh, như là mình nghĩ theo cách tham, sân, si, đó là một cách. Hoặc là không thấy biết được các pháp chỉ là Danh pháp, Sắc pháp, tập hợp Danh sắc. Nói tóm lại không thấy được Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, thì đó là không khéo tác ý.

Mình cho nó là ta, cho nó là của ta, là Thường, là Lạc, là Ngã, rồi mình ham thích, mình đắm chấp, đắm nhiễm ở trong đó, tìm cách giữ gìn, ham muốn, bảo vệ v.v… Tóm lại là nằm ở chỗ không khéo tác ý. Không khéo tác ý ở chỗ là không biết các pháp đều là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Nếu quý vị nhìn thấy tất cả các pháp đều với tâm là nhìn thấy được là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, tức là quý vị đã khéo tác ý.

Cho nên nói như vậy có dễ không quý vị? Không dễ đúng không? Thường đa

số mình tác ý, mặc dù học Phật pháp lâu rồi, nhưng mình không khéo tác ý. Mình cho điều gì cũng thường còn, cho nên mình nghĩ cái nhà của mình là còn mãi mãi, ngày nào nó hư một cái thì: Ôi! Sao nhà tôi bị hư v.v… Nhà ở vùng động đất đó bị sập xuống hư mất là bắt đầu khóc, tại vì sao? Vì tiếc! Nhưng nếu một người khéo tác ý thì sao? Họ biết đó là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Thế gian là vô thường mà!

Cho nên ngày nào đó mất cái gì đó thì cũng không sao, cái điện thoại rớt ở đâu, kiểm tra lại thấy mất rồi. Thì thôi, vô thường, tiếc cũng làm gì nữa, chuyện đã qua rồi. Như vậy gọi là khéo tác ý. Còn không, lúc đó [mình] tiếc, đau khổ, dằn vặt, trách móc, rồi nói thế này thế kia, thì đó là không khéo tác ý. Tức là mình không nhận thấy được Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã.

Cho nên điều này mình phải học như vậy thì mới hiểu được, mình nắm được điều này. Nên ai nắm pháp thì thường có thể ngăn được điều đầu tiên.

2. Ở chỗ không đáng ở: Là ở những chỗ nhiều sự, khiến cho mình sanh ra tâm tham, tâm sân, tâm si.

Ví dụ như mình ở chỗ nào mà [khiến] tham nhiều, như chỗ đó bán đồ ăn, hoặc toàn quảng cáo xe hơi, nhà lầu, quảng cáo gì đó suốt, mình đi qua đi lại, mình thấy thì mình tham. Hoặc là mình ở với chỗ đó là nơi đấu tranh, ở xóm đó ăn rồi đấu tranh, họ ăn rồi chửi lộn suốt, thì mình làm sao mà thiện cho nổi, nghe hoài cũng khó chịu. Khó chịu là bất thiện rồi, chứ không phải mình theo họ thì mới là bất thiện, mà mình nghe họ, mình kêu 'chán quá'. Ở Việt Nam có nạn gọi là hát karaoke, họ hát, hát hoài, mình nghe hoài thì mình cũng nhức đầu, chịu không nổi. Đó là Tâm bất thiện.

Như vậy đó là ở nơi không đáng ở. Nhân thứ hai là ở nơi không đáng ở. Có chỗ ăn chơi, đánh bạc, đánh bài, suốt ngày xóm làng đánh bài đánh bạc, mình thích. Ngày nào ra cũng thấy đánh bài tứ sắc, đánh bài tiến lên, ở miền Bắc [gọi là] đánh phỏm gì đó, đánh hoài, hoặc là mình thấy họ đánh cờ riết rồi cuối cùng mình cũng sa vào đó. Hoặc là những nơi ăn chơi, vũ trường v.v… Mình ở chỗ không đáng ở thì cuối cùng khiến cho mình sanh Tâm bất thiện. Như vậy đó là nguyên nhân thứ hai.

Nguyên nhân thứ ba giúp cho sanh Tâm bất thiện là:

3. Thân cận không phải hiền nhân: tức là mình ở gần với những người không phải là hiền nhân, mà mình ở gần người tham, sân, si, [ví dụ như] Tà sư này, Tà sư dạy mình làm những điều sai. Rồi những bạn bè ác dạy mình đi ăn trộm, ăn cắp, rồi những kẻ mưu kế, tráo trở, lừa gạt mình v.v… Ở gần đó thì tự nhiên: Thứ nhất, nếu mình không nhiễm [bởi] họ, thì mình cũng khó chịu, mình cũng sẽ bất an. Bất an cũng là bất thiện rồi, sợ hãi cũng là bất thiện. Cho nên mình ở gần những người đó thì tự nhiên mình bị vậy thôi. Nên mình đổi ngược lại, là phải khéo tác ý, ở chỗ đáng ở, chỗ nào thanh tịnh, chỗ nào tốt thì nên ở, rồi nên thân cận với bậc hiền nhân. Còn đây [thì] ngược lại.

4. Đời trước không tạo nhiều phước: tức là đời trước mình chuyên môn làm những điều bất thiện như bỏn xẻn, v.v… Cho nên đời này không có giàu sang, không sung sướng, mà thiếu thốn, khổ. Và khi đã thiếu thốn, khổ rồi thì không thể 'một mái nhà tranh, hai trái tim vàng' được đâu. Mà đời sống phải đầy đủ thì người ta mới sống được. Rồi khi mình nghèo quá thì mình hay nghĩ và hay trách móc, khi kinh tế gia đình khó khăn thì vợ chồng hay cãi nhau.

Tức là những điều bất thiện đó, hoàn cảnh đó là do đời trước mình không tạo nhiều phước, cho nên đời này sanh ra ở chỗ cũng bất như ý, rồi nhà cửa cũng không được tốt đẹp, hư lên hư xuống, [rồi] thiếu gạo, thiếu tiền v.v… Nên thành ra tâm bất thiện sẽ dễ sanh hơn, tức là mình dễ sân, dễ lo lắng, rồi dễ tham, dễ tham là bắt đầu dễ trộm cắp, đủ thứ các kiểu…. Đây là do đời trước. Cho nên những người tốt vì họ toàn thấy hoàn cảnh tốt nên tâm họ vui vẻ, họ lúc nào cũng hoan hỉ. Nhà họ giàu sang rồi đầy đủ thì họ ít có khả năng tạo ra tâm bất thiện. Ít thôi chứ không phải không có, nhiều khi họ vẫn tham, nhưng dù sao cũng đỡ hơn. Đó là điều thứ tư. Cho nên ráng tạo phước thì đỡ hơn, chứ nếu không có phước thì tu cũng khó.

5. Tự lập trường phát triển theo đường lối sai: tức là mình không nương theo kiến thức tiến hóa chân chánh giải thoát cao siêu. Ví dụ như học Phật pháp mà mình cứ hành động và suy xét theo lề lối của mình, mà lề lối đó là ác, xấu. Có những hành vi mà mình cho là bình thường, giống như người ta không tin Phật pháp chẳng hạn, hoặc là người ta không tin nhân quả, không tin đạo đức gì hết,

người ta làm theo hướng của người ta.

Ví dụ như người Trung Quốc có câu 'người không vì mình, trời chu đất diệt' chẳng hạn, đó là tự mình lập trường phát triển theo đường lối sai. Rồi ví dụ như 'buôn bán mà chân thật quá thì bị lỗ vốn', rồi cuối cùng cũng lập ra một lối [sai]. Nhưng rồi quý vị thấy nhân quả, nhiều người sợ hãi, mình buôn bán một hồi rồi cuối cùng buôn bán đâu được nữa, mất uy tín rồi, hàng hóa không xuất khẩu được, sầu riêng thì sợ bị nhúng thuốc, dần dần ở nước ngoài người ta không mua nữa v.v... rồi họ cấm, cuối cùng nhân quả tới.

Đó là mình tự lập trường phát triển theo đường lối sai. Mình nghĩ là được cái trước mắt, nhưng cuối cùng ngay sau đó, đến lúc đủ duyên cho quả thì mình thấy khổ. Khi mình lập trường theo những đường lối sai ấy thì phát triển những tâm bất thiện lên.

Năm yếu tố khiến cho sanh Tâm bất thiện là: (1) Không khéo tác ý; (2) Ở chỗ không đáng ở; (3) Thân cận người không phải là hiền nhân; (4) Đời trước không tạo nhiều phước; và (5) Tự mình lập trường phát triển theo đường lối sai.

Quý vị thấy không? Học bộ này hay lắm! Học kỹ càng lắm! Học tới đâu là chi tiết tới đó, cái gì ra cái đó, rõ ràng thì mình tu mới được. Chứ không, nói bất thiện, bất thiện rồi mình cũng chẳng biết bất thiện là gì, không biết nguyên nhân từ đâu sanh ra bất thiện. Còn đây mình học, mình chặn từ nhân: những gì giúp cho Tâm bất thiện sanh. Tất nhiên có khi do tâm mình xấu sẵn rồi thì không nói, nhưng đây là nói năm [nhân] trợ duyên, trợ thêm để giúp cho Tâm bất thiện dễ sanh.

+12 Tâm bất thiện được chia thành 3 loại như sau:
a1. Tâm tham (Tâm căn tham hay quyến luyến, dính mắc): có 8
a2. Tâm sân (Tâm căn sân hay lòng xấu xa): có 2
a3. Tâm si (Tâm căn si hay trạng thái không biết pháp đáng biết): có 2

Như vậy 8+2+2 là 12. Hôm nay chúng ta cố gắng học hết tâm tham này là

được rồi. Bây giờ thế nào là tham?

a1. Tâm tham (*Lobha-mūla Citta)*	
*Để phân chia tâm chúng ta xét 3 khía cạnh: cảm thọ, tà kiến hay không, có phụ trợ hay không.	
+**Thọ Hỉ:** Cảm thọ vừa lòng, thích ý.	
+**Thọ Xả**: Cảm thọ trung bình, bình thản.	
+**Tà kiến:** Thấy sai về nghiệp và quả của nghiệp, cho rằng không tồn tại.	
+**Ly tà kiến:** Có nhận thức về nghiệp và quả của nghiệp.	
+**Vô trợ:** Tự phát, không dẫn dắt, không trợ giúp.	
+**Hữu trợ:** Có dẫn dắt, có trợ giúp bởi người hay chính mình.	
+**Với tâm tham** thì chỉ có hai thọ (hỉ, xả), Tà kiến hay không, có phụ trợ hay không, nên có 2x2x2 = 8 tâm tham:	
1.Tâm tham thọ Hỉ, hợp Tà kiến, vô trợ	2.Tâm tham thọ Hỉ, hợp Tà kiến, hữu trợ
3.Tâm tham thọ Hỉ, ly Tà kiến, vô trợ	4.Tâm tham thọ Hỉ, ly Tà kiến, hữu trợ
5.Tâm tham thọ Xả, hợp Tà kiến, vô trợ	6.Tâm tham thọ Xả, hợp Tà kiến, hữu trợ
7.Tâm tham thọ Xả, ly Tà kiến, vô trợ	8.Tâm tham thọ Xả, ly Tà kiến, hữu trợ

Có sách dùng câu hành: hỉ, xả; Tương ưng với Tà kiến, bất tương ưng với Tà kiến (cách dùng này rõ nghĩa hơn và chính xác hơn – nhưng khó đọc nên ở đây dùng 'thọ' và 'hợp')

a1. Tâm tham (*Lobha-mūla Citta)*

***Để phân chia tâm chúng ta xét 3 khía cạnh: Cảm thọ, Tà kiến hay không, có phụ trợ hay không.**

Tức là bây giờ để xét về chia tâm thì người ta phân ra như thế nào? Ví dụ như chia ở đây là về cảm thọ, có mấy cảm thọ? Có năm cảm thọ. Chúng ta thường hay nói ba cảm thọ là: Thọ lạc, thọ khổ và thọ xả (không lạc không khổ). Nhưng thật ra còn hai thọ nữa, có khi chia ra là thọ hỉ và thọ ưu. Lạc với hỉ ở bên Kinh tạng thì có lúc chia kỹ, có lúc không. Nhưng bên Vi Diệu Pháp hay A Tỳ Đàm phải chia rõ ra, thế nào là hỉ, thế nào là lạc. Đó là yếu tố thứ nhất mình xét trên [cảm thọ] để chia.

Thứ hai là xét trên [khía cạnh có] tà kiến hay không, tức là có tà kiến hay không tà kiến. Và yếu tố thứ ba là có phụ trợ hay không. Ở đây mình xét như thế để tạm chia cái này.

Trong năm thọ thì Tâm tham chỉ có hai thọ: là thọ hỉ và thọ xả. Tại sao lại nói có hai thọ thôi, không phải là năm thọ? Vậy thọ hỉ là gì? Chúng ta tìm hiểu về thọ hỉ.

+Thọ hỉ: Cảm thọ vừa lòng, thích ý. Ví dụ như quý vị được tặng chiếc điện thoại, mình cảm thấy vừa lòng quá, chiếc điện thoại này phù hợp với tôi quá. Hoặc là mình đi mua một cái áo, thấy cái áo đó vừa với tôi quá, áo này màu đẹp quá, hợp [với tôi quá], v.v… Đó là cảm thọ vừa lòng thích ý, đó là thọ hỉ.

+Thọ xả: Cảm thọ trung bình, bình thản. Tức là hơi trơ trơ chút. Thiện Trang hay lấy ví dụ giống như ăn món ăn, ngày nào mẹ cũng dọn món ăn đó, thì bữa đầu ăn ngon, vì lâu lâu về quê thăm mẹ, cho nên mẹ nấu cho bữa ăn ngon. Nhưng ngày hôm sau mẹ nấu nữa, nấu nữa, bữa sau khỏi cần hỏi cũng biết, đến

giờ ăn là ăn món đó, và món đó cảm thận như thế nào thì mình cũng biết. Cũng ngon, nhưng trơ trơ thôi, bình thản thôi. Như vậy gọi là cảm thọ trung bình, bình thản.

Còn bây giờ thọ lạc và thọ hỉ thì trong A Tỳ Đàm lúc trước Thiện Trang đã chia sẻ rồi, [giờ] nhắc lại là quý vị nhớ thôi. Lấy ví dụ này là rõ nhất: Một người đi đường khát nước, hỏi người đi ngược đường lại. Tức là mình thì đi bộ từ dưới này lên, người kia thì đi từ trên đi xuống. Bây giờ mình đang khát nước lắm, muốn uống nước mà không có quán nước nào hết, mới gặp người kia đi bộ xuống, mình kêu: "Anh ơi! Ở đằng trước có quán nào bán nước hay không? Hay có nước hay không?" Người đó nói là: "Đằng trước cách đây khoảng một cây số nữa thôi, hay nửa cây số nữa thôi, hay mấy trăm mét nữa thôi có một quán bên phải bán nước". Thì ngay lúc đó mình thấy vui mừng liền, tâm đó là Tâm hỉ, thọ hỉ. Hỉ là mình cảm thấy vừa lòng, thích ý, [vì] là có quán nước đằng trước. Rồi khi mình tới đó mua chai nước, uống vô, lúc đang uống nước đó mình cảm thấy đã, thì đó là thọ lạc. Quý vị hiểu không ạ? Lạc và hỉ phân biệt như thế, đó là cách phân biệt trong A Tỳ Đàm.

Còn thọ ưu là gì? Ưu là sầu khổ, cảm thấy sầu khổ thì là thọ ưu. Thọ khổ thì nặng hơn thọ ưu. Thọ ưu là mới hơi lo lắng, ví dụ như lo lắng có chuyện gì đó thì thọ ưu, còn thọ khổ là chạm vào người rồi. Ví dụ như lúc đó mình tới đó uống nước, nhưng người ta đưa nước gì đó mình không biết, giả sử mình thấy nước đó mình cầm, uống vô thấy nước nóng quá: Ôi! Nóng quá, nóng quá! Đó là thọ khổ. Còn thọ ưu là chưa cầm, nhưng nghĩ chắc nước này nóng quá, uống chưa được đâu, thì đó là đang lo, đang lo đó là thọ ưu.

Quý vị thấy năm thọ rõ ràng như vậy. Tức là hỉ và ưu thì giống như chưa chạm cảnh, mà mới tác trong tâm thôi. Còn [thọ khổ] đã chạm vào cơ thể mình rồi, phải sự có tiếp xúc. Đó là một cách giải thích, chúng ta hiểu được rồi đúng không?

Ở đây tâm tham chỉ có hai thọ: là thọ hỉ và thọ xả thôi, chứ không có thọ khác. Vì sao? [Vì] đang tham mà, hoặc là vừa lòng và thích ý, hoặc là mình thấy trơ trơ ra thôi, chứ làm gì có mấy [thọ] kia. Quý vị suy xét lại coi, thọ lạc thì không có rồi đúng không? Thọ lạc là mình tiếp xúc vào, còn đây thì không, [cho nên] không

phải. Thọ khổ thì không có, thọ khổ làm gì có tham được, thọ khổ thuộc về sân chứ không thuộc về tham. Cho nên hai thọ này khác. Như vậy chúng ta hiểu được hai thọ này.

Bây giờ tới Tà kiến. Một tâm tham đôi khi hợp với Tà kiến, tức là tương ưng với Tà kiến, hay thích nghi với Tà kiến, hay là đi cùng [với Tà kiến]. Thật ra ngôn ngữ chính xác là đi cùng với Tà kiến). Tà kiến là gì?

+Tà kiến: Thấy sai về nghiệp và quả của nghiệp, cho rằng không tồn tại. Giống như những người tà kiến, chúng ta hay nói người tà kiến, người ta nặng nề lắm. Thật ra đơn giản thôi, có khi mình cũng tà kiến nữa. Ví dụ có khi mình làm việc gì đó, mình kêu: "Chắc chưa sao đâu, nhân quả gì đâu, chưa thấy đâu hết". Hoặc là mình không có quan niệm về nhân quả gì hết, mình kêu: "Ôi, làm những việc này có gì đâu" v.v… Những quan niệm về nghiệp, quả của nghiệp, khi mình không có quan niệm đó thì gọi là Tà kiến, nói đơn giản như vậy. Không có quan niệm về nghiệp và nghiệp quả trong việc đó, cho là không có, không tồn tại, thì đó là Tà kiến.

+Ly tà kiến: Có nhận thức về nghiệp và quả của nghiệp. Khi mình làm việc gì đó mà quý vị chỉ có một trong hai trường hợp này thôi, [đó là]: Tà kiến thì không có Ly tà kiến, mà Ly tà kiến thì không có Tà kiến, vậy thôi!

Thứ ba là xét về yếu tố Vô trợ hay Hữu trợ. Vô trợ tức là không có trợ giúp gì thêm.

+Vô trợ: Tự phát, không dẫn dắt, không trợ giúp.

+Hữu trợ: Có dẫn dắt, có trợ giúp bởi người hay chính mình.

Lấy ví dụ này để quý vị hiểu hơn. Ví dụ như mình tới [cửa hàng], mình nhìn thấy chiếc điện thoại Iphone 16 mới ra, mình thấy thích chiếc điện thoại đó thì là tâm tham đúng không? Mình kêu có tiền [nên] bỏ ra mua liền, mua ngay lập tức. Đó là tự phát, không cần ai dẫn dắt, không gì hết, thấy đẹp, thích là mua liền thôi, không cần suy nghĩ. Đó là không có trợ [Vô trợ].

Nhưng bắt đầu vô tới đó, thấy chiếc điện thoại cũng thích lắm, điện thoại Iphone 16 màu đúng ưng ý, rồi kích thước [ưng ý]… thích lắm! Nhưng nghĩ kỹ lại

là không nên mua, mua là tham đó, hoặc mua thì không có tiền, v.v… Suy nghĩ đi, suy nghĩ lại để coi có nên mua hay không đã. Suy nghĩ một hồi rồi mới mua, thì đó gọi là có trợ.

Trợ là do mình suy nghĩ, suy xét một hồi rồi mới quyết định, trợ đó là tự mình trợ. Và còn một trường hợp trợ nữa, là người khác trợ. Ví dụ như tới đó, mình cũng chưa muốn mua, nhưng người bán hàng cứ nói: Mua đi anh, mua đi chị, chiếc điện thoại này mới ra, có gì đó mới [hay] hấp dẫn gì đó, v.v… Họ giới thiệu một hồi [là] mình mua. Đó gọi là có trợ (Hữu trợ). Quý vị hiểu như vậy!

Trên phương diện xét chia Tâm tham [gồm] ba khía cạnh này. Về cảm thọ là thọ hỉ hay thọ xả; Về Tà kiến hay không Tà kiến (rời Tà kiến); Có Vô trợ hay Hữu trợ; mà mình chia ra thành 8 tâm tham. Ai học quy tắc toán nhân ở lớp 11 thì có 8 trường hợp. 8 trường hợp này thì Thiện Trang kể hết ở đây rồi, nhưng chắc nhiều người đọc vô đây thấy choáng. Cho nên Thiện Trang xin phép để bảng này, viết chậm chậm cho quý vị đỡ choáng.

+Với tâm tham thì chỉ có hai thọ (hỉ, xả), Tà kiến hay không, có phụ trợ hay không, nên có 2x2x2 = 8 tâm tham:	
1.Tâm tham thọ hỉ, hợp tà kiến, vô trợ	2.Tâm tham thọ hỉ, hợp tà kiến, hữu trợ
3.Tâm tham thọ hỉ, ly tà kiến, vô trợ	4.Tâm tham thọ hỉ, ly tà kiến, hữu trợ
5.Tâm tham thọ xả, hợp tà kiến, vô trợ	6.Tâm tham thọ xả, hợp tà kiến, hữu trợ
7.Tâm tham thọ xả, ly tà kiến, vô trợ	8.Tâm tham thọ xả, ly tà kiến, hữu trợ
**Có sách dùng câu hành: hỉ, xả; Tương ưng với tà kiến, bất tương ưng với tà kiến (cách dùng này rõ nghĩa hơn và chính xác hơn – nhưng khó đọc nên ở đây dùng 'thọ' và 'hợp')*	

Tâm	Cảm giác (thọ)	Hợp tác	Tác động
Tham	Hỉ	Hợp tà	Vô trợ
Tham	Hỉ	Hợp tà	Hữu trợ
Tham	Hỉ	Ly tà	Vô trợ
Tham	Hỉ	Ly tà	Hữu trợ
Tham	Xả	Hợp tà	Vô trợ
Tham	Xả	Hợp tà	Hữu trợ
Tham	Xả	Ly tà	Vô trợ
Tham	Xả	Ly tà	Hữu trợ

Tâm tham: Thứ nhất về thọ, thì chúng ta có hai thọ. Đầu tiên mình cứ cho thọ hỉ trước, Tâm tham thọ hỉ. Tiếp theo là xét về hợp tác, tức là có Tà kiến hay không Tà kiến. Bây giờ có hợp tà (là hợp tà kiến), có khi người ta chỉ nói hợp tà thôi. Và cuối cùng là không có trợ, thì người ta nói là vô trợ. Thì ra một trường hợp, một tâm gọi là: Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, vô trợ. Người ta đọc ngắn vậy đó, còn mình đọc dài hơn là: Tâm tham thọ hỉ, hợp tà kiến, vô trợ. Thật ra người ta đọc là 'hợp tà' thôi. Đó [là] quý vị được một loại tâm.

Tiếp tục về Tâm tham, từ từ chút nữa lấy ví dụ nha, để mình làm xong bảng này đã. Tâm tham thọ hỉ, hợp tà (hợp tà kiến, kết hợp với tà kiến) và có trợ, là hai trường hợp. Ai không học Toán thì cũng biết được điều này đúng không? Hết đổi cột cuối rồi, bây giờ mình đổi cột giữa, đó là Tâm tham thọ hỉ, ly tà (ly tà kiến), vô trợ. [Tiếp theo] là Tâm tham thọ hỉ, ly tà, hữu trợ (có trợ), (mình đánh chữ 'hữu' đi cho quen), là thành bốn trường hợp rồi, gọi là bốn Tâm tham.

Thiện Trang đã viết được tới cột: Tâm tham thọ hỉ, ly tà (ly tà kiến), hữu trợ rồi. Tương tự như vậy, bây giờ là bốn trường hợp còn lại, thì mình đổi thành thọ xả. Cũng vậy, Tâm tham thọ xả, hợp tà kiến, vô trợ; Tâm tham thọ xả, hợp tà, hữu trợ. Tại vì có trường hợp như vậy, chút nữa chúng ta lấy ví dụ thì sẽ dễ hơn. Bây giờ còn hai trường hợp nữa [là] đổi dòng giữa: Tâm tham thọ xả, ly tà (rời khỏi tà kiến), vô trợ. Và cuối cùng là Tâm tham thọ xả, ly tà, hữu trợ. Như vậy là mình đủ 8 tâm. Cho nên ở đây viết như vậy thì mình đọc dễ hiểu, chứ còn không thì khó quá, nên mình dùng cách này.

Ở đây có sách dùng chữ 'câu hành với hỉ, xả'. #Câu hành: tức là đi cùng, đi cùng với hỉ, xả; hoặc là tương ưng với tà kiến hay là bất tương ưng với tà kiến. Cách đó chính xác hơn, nhưng khó đọc quá, cho nên ở đây dùng chữ cho ngắn là Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, vô trợ. Tâm tham thọ hỉ, ly tà, vô trợ, v.v… Cứ đọc như vậy cho dễ hơn.

Và như vậy có 8 tâm, bây giờ chúng ta lấy từng ví dụ cho quý vị dễ nắm. Quý vị có nắm được không ạ?

Ví dụ:

1. Tâm tham thọ hỉ, hợp tà [kiến], vô trợ. Tức là mình phải cho một ví dụ làm sao mà tâm đó là tâm tham, mà người ta thọ là thọ hỉ và hợp tà kiến (đi cùng với tà kiến), và không có sự trợ của mình hay trợ của người khác.

Bây giờ mình cho ví dụ đơn giản như thế này: "Một người thưởng thức món bánh ngọt mà không hề quan tâm tới nghiệp". Tức là họ thấy bánh ngọt, họ ăn và thưởng thức thế thôi. Khi ăn thì tất nhiên là thọ lạc đúng không? Nhưng lúc mình đang ăn thì mình không có [nhận ra], thường mình dừng thì mình mới có [cảm nhận]. Thực ra trong tâm chuyển nhanh lắm, lúc mình cảm nhận được ngon thì đó gọi là thọ hỉ. Còn sự tiếp xúc lúc đó là thọ lạc rồi, nhưng đây là thọ hỉ, là mình cảm thấy bánh ngọt này ngon quá. Và lúc đó mình cũng chẳng quan tâm gì đến nghiệp hết. Nghiệp gì đâu? Không quan tâm! Đó là hợp với tà kiến. Tại vì mình đâu có quan tâm đâu. Rồi lúc đó có cần yếu tố nào giúp đỡ không? Có ai suy xét là ăn hay không ăn đâu, không có! Cho nên là vô trợ.

Quý vị hiểu ví dụ đó không ạ? Một người ăn cái bánh ngọt, thưởng thức món

bánh ngọt cảm thấy ngon, và không hề quan tâm tới nghiệp gì cả. Đó là Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, vô trợ.

Thêm một ví dụ nữa cho quý vị dễ hiểu: "Có một thanh niên trẻ, say xưa ngắm một chiếc xe mới mà không hề quan tâm tới nghiệp". Tức là mới mua chiếc xe mới về, hoặc là ông già mới mua xe mới về, nên cậu thanh niên trẻ nhìn ngắm chiếc xe đó, thấy đã, thấy thích. Đó là thọ hỉ. Và người đó không nghĩ tới nghiệp, không quan tâm tới nghiệp là nghiệp thiện hay nghiệp ác gì hết, chả có nghiệp luân hồi gì đó, chẳng quan tâm. Cho nên đó là gọi là hợp với tà kiến. Và là vô trợ, tại vì đâu có yếu tố gì đâu.

Chúng ta hiểu được rồi đúng không? Đó là trường hợp thứ nhất, ví dụ đầu tiên cho trường hợp Tâm tham thọ hỉ, hợp tà kiến, vô trợ.

2. Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, hữu trợ:

Bây giờ mình lấy [ví dụ về] Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, hữu trợ, tức là chỉ khác một điều là có trợ giúp thêm thôi. Ví dụ như "một người, sau khi được người bạn dắt dẫn, khiến coi một bộ phim một cách thích thú, mà không hề quan tâm tới nghiệp". Tức là người đó mới đầu không phải là họ chủ động xem phim, mà do có người bạn dắt dẫn để xem phim, và khi xem thì xem rất thích thú. Vậy thì tâm đó là tâm gì? Là thọ hỉ đúng không? Và do họ không quan niệm đến nghiệp gì hết, cho nên là hợp tà kiến. Và do có người giúp đỡ nên họ mới coi bộ phim đó, nên gọi là hữu trợ. [Như vậy] là rõ ràng rồi.

Ví dụ thứ hai là "một người ăn món thịt bò với tâm thích thú nhờ sự khích lệ của người bạn, dù ban đầu họ không có định ăn; và người này cũng không có quan niệm về nghiệp". Có nghĩa là bây giờ đi vô quán ăn, mình nhắm là mình ăn món khác, nhưng tại vì có người bạn nói món thịt bò này ngon lắm v.v... và người này cũng chả quan niệm về nghiệp, nên ờ thì ăn vậy. Người kia khích lệ, khuyến khích, khuyến dụ gì đó, cho nên ăn. Và khi ăn món đó thì họ thấy ngon, họ nhắm là họ thích thú với món thịt bò đó, nghe nói ngon cho nên họ thích. Đó gọi là Tâm tham (vì thích mà, nên tham), thọ hỉ, vì không có quan niệm về nghiệp cho nên là hợp tà kiến, và có người hỗ trợ giúp đỡ cho nên gọi là hữu trợ.

3. Tâm tham thọ Hỉ, ly tà kiến, vô trợ:

Bây giờ là ly tà kiến, là rời khỏi tà kiến. Ví dụ "có một người Phật tử, giả sử là người Phật tử nữ, mặc một cái áo mới, cô ta cảnh giác rằng sự thích thú với chiếc áo này làm dấy lên tâm tham của mình". Tức là mình là Phật tử thật sự, mình mặc cái áo mới, mình thích, nhưng lúc đó nghĩ rằng sự thích thú này làm dấy lên tâm tham của mình. Cô ta nhận định như vậy.

Đầu tiên, tâm mà thích mặc áo mới là đã tham rồi phải không? Nhưng [do] cổ có học về nghiệp, nên kêu tham là đọa lạc đó, tham là coi chừng đọa. Cô ta [nhận định] mặc áo mà có sự thích thú này là tâm không tốt, cho nên cô ta gọi là ly tà kiến, là rời khỏi tà kiến. Nhưng quý vị thấy việc làm đó rõ ràng cũng không có yếu tố suy xét, không có ai tác động gì v.v... cho nên không có trợ, gọi là vô trợ.

Một ví dụ khác: "Một thanh niên uống một ly nước ngọt với sự thích thú, và suy nghĩ rằng mình không phạm giới gì với việc uống này". Chúng ta hay là Phật tử, mình nghĩ là người này có học. Giống như chúng ta có học [nên] chúng ta biết là uống ly nước ngọt này, nghĩ rằng là mình thích thôi chứ đâu có phạm giới gì đâu. Khi uống với tâm thích như vậy, đó là tâm tham, thích thú là tham. Uống thấy ngon mà, uống với sự yêu thích, thì ngon đó là thọ hỉ. Và lúc đó anh ta có quan niệm về Phật pháp, cho nên ly tà kiến. [Anh ta] nghĩ là uống nước ngọt này chẳng phạm giới gì đâu, nghĩ không phạm giới, [nên là ly tà]. Và không có trợ. Lý do không trợ là vì sao? Đơn giản là bởi vì anh ta đâu có cần phải suy nghĩ, suy xét gì đâu, đâu có ai khiến đâu.

Đó là trường hợp thứ ba rồi, quý vị hiểu không ạ? Chắc là hiểu!

4. Tâm tham thọ hỉ, ly tà kiến, hữu trợ:

Bây giờ mình lấy ví dụ là "một chú Phật tử có sự cảnh giác về nghiệp và quả của nghiệp, nhưng chú đấy chiều theo sự yêu cầu của sếp nên hát karaoke, hát bài hát hiện đại một cách thích thú". Tức là bây giờ một người Phật tử thì tất nhiên là biết về nghiệp và quả của nghiệp, biết việc hát karaoke là không tốt. Nhưng bây giờ đi với sếp thì [phải] hát, và khi hát thì lại hát một cách thích thú. Và nghĩ rằng việc hát này tạo nghiệp, nhưng tôi đang hát hay quá thì cứ hát thôi, cứ vậy đó, đang thích mà! Đầu tiên là tâm tham, tham hát, hát một cách thích thú mà. Mới đầu thì chưa, nhưng bây giờ vô hát thật là thích, như vậy là tâm tham, và

thích rồi thì thọ hỉ. Lúc đó cũng có cảnh giác nghiệp chứ, nhưng thôi, đang hát hay rồi nên cứ hát, đó là ly tà kiến. Và có trợ. Thật ra mới đầu chắc cũng không có định hát đâu, nhưng do sếp nói quá, hát đi hát đi, rồi cuối cùng hát luôn. Đó là có trợ, hữu trợ là như vậy.

Chúng ta lấy ví dụ khác, ví dụ thứ hai về phần này. Đó là "một người Phật tử nghe bài nhạc hay, dù biết rằng việc nghe nhạc có thể khiến mất định, chìm trong luân hồi. Nhưng vì đang làm việc ở quán cà phê, lúc đầu thì cũng đắn đo, cố đừng nghe, nhưng một hồi rồi cũng nghe luôn, bài hát hay quá thôi cứ nghe đi".

Trường hợp này cũng vậy, tức là lúc đầu thì mình không có định nghe, mình đã cố tình không nghe rồi, nhưng bài hát này ưa thích quá, hấp dẫn, đang ngồi trong quá cà phê mà. Cũng biết là nghe nhạc thì khiến mất định đó, chìm trong luân hồi đó, nhưng thôi, cứ nghe đi, đang hay quá. Cho nên bằng Tâm tham thọ Hỉ và lúc đó có tà kiến hay không? Không có tà kiến. Bởi vì biết rõ là việc này là việc không tốt, cũng đắn đo, nhưng xong rồi cũng có nghe.

Chính vì điểm này mà ngài Na Tiên mới nói là việc làm ác của người biết nhân quả với người không biết nhân quả, thì ai có nghiệp nặng hơn? Người không biết nhân quả nghiệp nặng hơn. Tại vì sao? Tại vì người ta không có đắn đo, không có suy xét trong đó, đó là hợp tà kiến rồi. Còn người kia dù sao cũng học Phật pháp, tuy mình đang làm sai nhưng quý vị cũng có sự xét trong đó, cho nên tạo ra tâm ly tà. Tuy tâm tham nhưng cũng ly tà.

Quý vị thấy không ạ? Sân mai mốt cũng vậy, Si cũng vậy, cho nên là khác nhau đó. Mình tưởng là giống nhau, hai người cũng vậy thôi. Nhưng không phải! Người học Phật pháp, người ta biết mình đang sai, nhưng vì mình không chống lại nổi thôi, vì niềm đam mê thôi. Một hồi rồi cũng chạy vô đó, thì cũng vậy thôi, nhưng đỡ hơn, đỡ hơn ở chỗ là ly tà. Cho nên điều đó tốt chứ quý vị! Mai mốt mình mới biết là tâm Tam nhân, Nhị nhân, tâm Vô nhân khác nhau trong từng suy nghĩ, từng chút xíu vậy đó. Cho nên ai không tu được, chưa hành được, nhưng nghe pháp cũng đỡ đúng không? Có nhận thức thì cũng đỡ hơn. Từ đó tâm mình tạo cũng khác nhau so với người không biết gì, cho dù mình làm chưa được. Bị bị lôi kéo dữ quá, nhưng vẫn tốt hơn là không biết gì.

5. Tâm tham thọ xả, hợp tà kiến, vô trợ:

Bây giờ tới thọ xả, nãy giờ vui hết rồi, bây giờ là thọ xả. Lấy ví dụ là "có một đứa bé ăn cơm trắng với những thức ăn khác mà không hề thưởng thức, vì chỉ ăn qua bữa thôi, vì món này ăn hàng ngày rồi, và cũng không có hiểu biết gì về nghiệp". Giống như đứa con trai của quý vị đi, ngày nào nó cũng ăn cơm, nó kêu: Thôi thì ăn cho qua bữa. Và nó không hề thưởng thức món ăn này, mà chỉ ăn thôi, ăn cho lớn thôi, nó cứ ăn như vậy. Và nó cũng chẳng biết gì về nghiệp hết.

Như vậy chúng ta xét về ba phương diện: Đầu tiên là nó ăn, tất nhiên là khi ăn cơm thì nó vẫn có ham thích muốn ăn chứ, nhưng nó có cảm thọ là thọ xả. Bởi vì nó trơ trơ rồi, không có hứng thú như lúc trước ăn nữa, bởi vì ngày nào mẹ nó cũng nấu món đó. Thứ hai là nó cũng không có hiểu biết về nghiệp, không hiểu biết về nghiệp tức là hợp tà kiến. Nó không biết về nghiệp và quả của nghiệp, nó đâu có học giáo pháp đâu mà biết. Thứ ba là cũng đâu có ai thúc ép nó, hoặc nó đâu có suy nghĩ gì đâu, nên là vô trợ. Cho nên là Tâm tham thọ xả, hợp tà kiến, vô trợ.

Nếu quý vị không hiểu lắm thì chúng ta lấy thêm một ví dụ nữa. "Có một người Phật tử cũng có hứng thú nghe bài nhạc trong quán cà phê, nhưng nghe cảm thấy bài đó bình thường, chẳng thấy hay gì hết". Tức là họ cũng thích nghe nhạc, đầu tiên là tham nghe đó, nhưng sau đó họ nghe bài hát đó mà có cảm giác bình thường. Đó là Tâm tham thọ xả. Chúng ta đang lấy ví dụ về hợp tà kiến, nên người đó không có suy nghĩ gì về nhân quả hết, và họ cứ nghe thôi. Đó gọi là Tâm tham thọ xả, bởi vì họ cảm thấy bài nhạc đó bình thường, không có hấp dẫn lôi cuốn, như vậy đó gọi là thọ xả. Rồi do không suy nghĩ về nghiệp, quên mất nghiệp là gì hết rồi. Mặc dù là Phật tử, nhưng lúc đó chẳng nhớ gì về nghiệp hết, cho nên gọi là hợp tà kiến. Và không có ai tác động hay tự mình suy nghĩ, đắn đo đi đắn đo lại mà nghe. Đó là vô trợ.

6. Tâm tham thọ xả, hợp tà kiến, hữu trợ:

Cũng tương tự như thế, nhưng có trợ giúp thôi. Ví dụ như "một bà mẹ trân quý chiếc điện thoại mới sau khi được con trai bà mua về tặng, và được giải thích về chiếc điện thoại đó mới, nhưng bà chỉ cảm nhận thấy bình thường và không

hiểu biết gì về nghiệp".

Ví dụ này hơi dài, chúng ta nghe cho kỹ. Một bà mẹ được đứa con tặng cho điện thoại mới, sau khi nghe đứa con mình giải thích thì bả cũng cảm thấy trân quý cái điện thoại đó lắm. Mới đầu thì chắc bả cũng chẳng có trân quý gì đâu, điện thoại nào cũng như nhau, chắc như điện thoại cũ. Nhưng bà nghe đứa con trai mình giải thích là điện thoại này tốt lắm, thế này thế kia, thì bả cũng cũng thấy trân quý, nhưng bà cảm thấy bình thường. Bởi vì thật ra cái điện thoại này cũng chả có tác dụng gì đối với mình lắm, chỉ có trân quý thôi, thích thích một chút thôi, thì là tham, gọi là Tâm tham thọ xả. Và do bà cũng chả biết gì nghiệp, cho nên gọi là hợp tà kiến. Bà có được thái độ đó là do người con trai giải thích, cho nên gọi là hữu trợ.

Tóm lại mình không cần nhớ nhiều lắm, mình đọc ra thì có nhiều trường hợp, nhưng mình chỉ cần nhớ là mình xét trên ba điều: Một, đó là thọ gì, thọ hỉ hay thọ xả? Hai là hợp tà kiến hay không hợp tà kiến. Và thứ ba là có trợ hay không có trợ (là hữu trợ hay vô trợ). Vậy thôi! Nhớ vậy thì dễ hơn! Chứ còn bây giờ nhiều khi đọc tám trường hợp thì thấy choáng quá. Đó là trường hợp thứ sáu, chúng ta lấy một ví dụ thôi.

7. Tâm tham thọ xả, ly tà kiến, vô trợ:

Ví dụ "một chú Phật tử có hiểu biết về nghiệp và uống cà phê vì thích hương vị. [Nhưng] lúc đó cảm thấy bình thường [và thấy] cà phê này cũng không có gì đặc biệt, không thấy ngon gì, vì uống hoài, ngày nào cũng uống mà". Tức là chú Phật tử [đó] cũng có quan điểm hiểu biết về nghiệp, và lúc đó uống cà phê thì vẫn đang nghĩ về nghiệp, thích hương vị cà phê nhưng cảm thấy bình thường vì uống hoài. Vậy đó là [tâm] gì?

Thứ nhất là xét về tâm, tâm thích và tham rồi. Và uống cảm thấy bình thường thì là Tâm tham thọ xả. Và có hiểu biết về nghiệp thì gọi là ly tà kiến. Cuối cùng là không có tác nhân nào [như] suy nghĩ gì hay hỗ trợ thêm, cho nên là vô trợ.

8. Tâm tham thọ xả, ly tà kiến, hữu trợ:

Ví dụ "một cô Phật tử có hiểu biết về nghiệp, nhưng sau nhiều lần bị thuyết

phục bởi cô bạn nữ bán xe ô tô, nên cô đã miễn cưỡng mua chiếc xe mới, vì cũng có thích".

Bây giờ mình có trường hợp rất thực tế, tức là mình thì có hiểu biết về nghiệp, suy xét đàng hoàng. Rồi lúc mua thì bị cô bạn bán xe hơi (xe ô tô) nói một hồi thì mình cũng hơi thích, đó là miễn cưỡng mua chiếc xe đó. Như vậy mua vì sự thích, nên thích đó chính là tâm tham. Bây giờ xét theo thọ thì lúc này là thọ xả, vì thật ra cô ấy cũng miễn cưỡng [mua] thôi, chứ không phải là quyết liệt hấp dẫn lắm. Mua chiếc xe nhưng cảm thấy miễn cưỡng thôi, đâu có hoàn toàn vui 100% được. Cho nên [đó] là thọ xả. Và lúc đó tất nhiên là ly tà kiến, vì cổ có quan niệm về nghiệp. Và xét trường hợp này là có tác động của cô bạn, nên gọi là hữu trợ.

Đó là tám trường hợp, quý vị nắm được tám trường hợp này là được. Tóm lại, để nhớ điều này thì quý vị nhớ ba trường hợp: là cảm giác thọ (thọ hỉ hay thọ xả); rồi xét về trường hợp là hợp với tà kiến hay không tà kiến; và tác động có trợ hay không có trợ thôi. Nhớ vậy! Không cần hiểu máy móc đâu. Chỉ cần hiểu như vậy là được, bữa sau mình nói lại là được.

+Nhân trợ cho tham có 4: Tức là tại sao tham? Có 4 nhân để tạo ra tâm tham.

1. Tái tục bằng nghiệp có đi kèm với tham: có nghĩa là mình đi đầu thai (tái tục tức là đầu thai lại), giống như mình ở cõi Người, đời trước mình đi đầu thai, đầu thai bằng nghiệp đi kèm với tham. Tức là nghiệp nhân đời trước, lúc đó mình do tâm tham phát sanh trước, nên điều đó để lại nghiệp ấy, như là người mình tạo phước và mong hưởng phước ở trong đời hoặc muốn sanh về cõi ưa thích. Như vậy do điều đó mà tạo ra tâm.

Giống như đời trước mình tham, rồi đời này tham tiếp, giống như vậy đó. Tức là do đời trước mình tạo ra tâm tham rồi, cuối cùng tâm đó giúp mình đi đầu thai, đi chung. Nghiệp của mình là nghiệp đi đầu thai [bằng tâm] tham, nên bây giờ dễ cho mình tham tiếp. Cho nên nhiều người tại sao có sở thích gì đó v.v…. thì thường là vậy! Có ba điều: là Khuynh hướng tâm lý, tiền nghiệp và môi trường sống tạo nên những điều đó cho mình. Chúng ta đã học hết rồi.

2. Đời kế trước đa tham: tức là đời trước tham nhiều quá, đời kế là đời gần mình nhất [mà] tham nhiều thì đời này còn tham, giống như có trớn có đà. Đời

trước mình sống trong cảnh dục, hưởng thụ quen rồi, đó là mình quá quen ở trong cảnh hưởng Ngũ dục, cho nên đời này gặp Sáu dục (Lục dục) thì mình cũng thích như vậy, y chang, phát tâm tham tiếp, nên điều đó khiến mình dễ tham. Điều này là do đời trước rồi nên mình không có cách nào, [nên] cũng khó thay đổi. Nhưng mình cố gắng thay đổi từ đời này để đời sau khỏi bị.

3. Gặp cảnh tốt: tức là mình thấy sắc tốt, nghe tiếng tốt, cho đến gặp những điều gì đó tốt thì tham, chứ không tốt thì [sẽ] không tham. Giống như mình đi, thấy cảnh đẹp thì mình tham, mình thích đẹp. Mình nghe âm thanh hay, mình thích nghe thì mình mới tham. Mình ngửi mùi hương thơm thì mình mới thích, [mới] tham chứ. Như vậy gọi là gặp cảnh tốt.

4. Gặp cảnh hay vật ưu thích: ở trên là tốt, còn ở đây là thích, thích thì khỏi phải nói rồi. Thích thì chưa hẳn là tốt, nhưng mình thích. Ví dụ như mình khoái món ăn đó, món đó thật ra đối với người ta thì không phải ngon, tốt gì, nhưng đối với mình thì rất thích. Ví dụ như người thích uống rượu, rượu đâu có ngon gì đâu, nhưng người ta thích. Cho nên người ta thấy rượu là người ta ưa, muốn uống, là người ta khởi tham rồi. Hoặc là có người rất sợ uống nước ngọt có ga thì họ đâu thích đâu, cho nên họ nhìn thấy nước đó là họ không thích rồi, thì họ đâu có tham. Nhưng mình thích nước ngọt có ga đó, [ví dụ] như Coca, mình nhìn thấy là thích uống, nên mình khởi tâm tham.

Mình học kĩ như vậy, mình mới biết nhân trợ cho tham là có bốn [điều]. Hai điều trên đã là đời trước rồi, còn điều dưới này thì cố gắng, cảnh vừa vừa thôi, đừng có tốt [quá], cái nào mà mình thích thì né né bớt cho đỡ tham.

+ Nhân trợ sanh cho hỉ cũng có bốn: Mình học tới hỉ, xả, tà với vô tà, rồi vô trợ với hữu trợ, mình học từng cái. Tham thì tránh từ đầu. Còn bây giờ là Hỉ, Hỉ cũng là nguyên nhân gây cho có thể tham. Tâm tham thọ hỉ.

1. Tái tục bằng tâm thọ hỉ: điều này mình nói hơi sâu một chút mới được, chứ nói sơ sơ thì không được. Tức là bốn Tâm đại quả thọ hỉ trong 24 Tâm dục giới Tịnh hảo. Trong Tâm dục giới chúng ta đang học thì có 12 Tâm bất thiện, 18 Tâm vô nhân và 24 tâm [dục giới Tịnh hảo], là 54 tâm Dục giới. Trong đó, khi mình tạo tâm thiện thì có bốn Tâm đại quả thọ hỉ trong 24 Tâm dục giới Tịnh hảo (điều

này học hơi sâu) và bốn Tâm sắc giới thành hỉ (tức là thọ hỉ) thì sẽ tạo ra tâm đi đầu thai hay là tâm tái sanh (trong ngôn ngữ A Tỳ Đàm là tái tục) bằng tâm thọ hỉ. Tức là có bốn tâm ở Dục giới và bốn tâm ở Sắc giới mà tạo ra, khiến cho mình đi đầu thai, dễ gây cho mình thọ hỉ.

Cho nên có những người dễ vui, lúc nào cũng vui, thật ra là do họ tạo được bốn Tâm đại quả thọ hỉ này, nếu đời trước họ ở Dục giới, hoặc [đời] trước họ ở Sắc giới, thì họ cũng có bốn tâm. Bốn Tâm sắc giới, trong Sắc giới nếu chia ra thì có bao nhiêu tâm? Theo Kinh tạng là 4 [tầng Thiền], nhưng chúng ta đang học Vi diệu pháp là 5 tầng Thiền. Trừ Ngũ thiền là tâm thọ xả ra thì 4 tầng Thiền còn lại, quý vị thấy là một trạng thái hỉ lạc do Định sanh, do ly dục sanh, đó là thọ hỉ. Tâm đó sẽ tạo ra [khiến] đời này mình vui. Ví dụ như quý vị ở cõi Thiền xuống đây, thì thường là vui vẻ lắm. Còn mặt mình lúc nào [cũng] nhăn nhăn là biết rồi đó, là mình biết mình không phải tự tại đi đầu thai bằng tâm này, thì quý vị hiểu rất rõ như vậy.

Ở đây sẵn Thiện Trang nói về việc đi đầu thai, thì chúng ta phải hiểu về tâm. Tức là cứ mỗi trong một sát-na tâm tốt lành hay bất thiện, thì ngay khi đó sẽ tạo ra hai thứ hậu quả: Một là Tâm đầu thai (hay gọi là Tâm tái tục) và năm tâm đón nhận cảnh vật chất. Quý vị nhớ mỗi sát-na tâm dù thiện hay là bất thiện, thì tạo ra hai [tâm]: Một là tạo ra một tâm để đi đầu thai và năm tâm đón nhận cảnh vật chất.

Ví dụ chúng ta vừa khởi lên ý niệm thiện ác gì đó, thì kết một Tâm đầu thai, và khi nào đủ duyên [thì] tâm đó sẽ khiến cho mình đi đầu thai, và năm tâm đón nhận cảnh vật chất để nhận diện được hình tượng lúc đó. Lúc đó quý vị phải biết ứng biến như thế nào, xử lý thế nào, chứ không phải chỉ như vậy không. Ví dụ mình thấy cái đèn này, mình cảm thấy khó chịu, nóng quá, thì khi đó mình tạo ra tâm bất thiện, tâm sân. Tâm đầu thai mà là tâm sân thì mệt rồi đó. Lúc nào mà đầu thai bằng tâm đó là khổ, nhưng không biết lúc nào nha.

Thứ hai nữa là mình xử lý những tâm đón cảnh, nhận cảnh. [Ví dụ] cảnh này đang nóng quá thì ta giảm bớt ánh sáng, tắt đèn đi v.v… ta đem quạt [ra dùng]... đó là những tâm [đón cảnh]. Từ từ chúng ta nói về những [tâm] đó sau, chúng ta nói đơn giản thì chưa chính xác, nhưng tạm nói như vậy để quý vị dễ hiểu.

Và ngay khi một đời sống của mình kết thúc, thì Tâm đầu thai sẽ có mặt để đưa mình vào một cảnh giới tương ứng nào đó. Tâm đó chưa hẳn là tâm lúc nãy, nhưng có thể là một Tâm đầu thai hay là Tâm tái tục ở đời nào đó có thể xuất hiện. Cho nên tâm đó chỉ tồn tại trong một sát-na tâm thôi. Tức là Tâm tái tục hay Tâm đầu thai chỉ tồn tại trong một sát-na tâm thôi.

Thời gian sát-na tâm này nhỏ lắm, trong Kinh Đại thừa hay Kinh Bắc truyền hay Nam truyền gì cũng đều nói thời gian là khoảng một phần tỷ giây. Giống như trong kinh mà Hòa thượng Tịnh Không hay lấy ra đó: 'Trong một khảy búng ngón tay có 32 ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức', kiểu vậy đó. Bên Nam truyền hay Bắc truyền gì đều công nhận thuyết đó. Tức là trong một cái búng tay thôi mà có 32 ức trăm ngàn niệm. Có nhiều tâm như vậy thì [gọi] là sát-na tâm. Chúng ta tính ra, đổi ra cách tính bây giờ có thể có tới triệu tỷ, nghìn tỷ ý niệm, nhiều như vậy, đó gọi là sát-na tâm.

Và sau sát-na Tâm đầu thai đó, thì tâm đó trở thành Tâm hộ kiếp và nó tiếp nối sanh diệt trong suốt kiếp sống, với hai chức năng là xen kẽ giữa các dòng tâm thức. Tại sao vậy? Tại vì tâm đó cũng chen vào cho mình. Ví dụ như quý vị đầu thai bằng tâm thọ hỉ, thì quý vị xử lý điều gì [thường] thấy cũng vui. Nhưng quý vị đầu thai bằng tâm thọ ưu, thì quý vị khó chịu, cái gì cũng không hài lòng và buồn, người ta gọi là người bị trầm cảm, bị thế này thế kia, nghĩ theo tiêu cực. Là do mình đầu thai bằng tâm không tốt, cho nên tâm đó lúc đầu thai thì xong rồi, nhưng khi đầu thai xong thì lại duy trì trở thành Tâm hộ kiếp. Hộ kiếp tức là nó chen vô trong suy nghĩ hay chen vô cái gì đó, nó cứ chen vô, nên người ta thường có những tiêu cực, nếu người đó tâm thọ ưu, thọ khổ. Còn nếu mình có tâm thọ hỉ vui vẻ thì lúc nào cũng vui, nói gì cũng vui, vì tâm đó hay chen vô.

Quý vị thấy giá trị của tu hành là ở chỗ đó. Cho nên ai biết tu hành là phải nhìn cảnh bằng sự lạc quan. Tổng công thức là Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần bằng tâm như ý, tức là tâm phải vui, hoan hỉ, đồng lòng với [việc] đó, thì đời sau được quả như ý, nếu như mình đầu thai bằng tâm đó. Còn nếu Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới Sáu trần, tức là mình gặp cảnh gì, thấy hình ảnh, nghe âm thanh, ngửi mùi hương, [xúc] chạm, rồi ăn vật thực hoặc là nghĩ về các vấn đề gì khác, mà thấy bất như ý nhiều, thì quý vị liên tục tạo ra những Tâm đầu thai không tốt.

Chính vì vậy là bất như ý, thì đời sau quý vị lại khổ nữa.

Quý vị hiểu không ạ? Nó khiến cho mình tự nhiên nghĩ tiêu cực, khiến cho mình tự nhiên nghĩ theo chiều hướng xấu, bởi vì nó cứ tạo, nó chen vô. Học tới đây mới biết giá trị của tu hành, cho nên người biết tu hành là lúc nào cũng giữ tâm vui vẻ hoan hỉ để đời sau mình vui tiếp. Còn mấy người không biết tu là lúc nào cũng nghĩ tiêu cực, nghĩ tiêu cực là không tốt. Bởi vì khi tâm đó đi vô đầu thai một cái là mệt nha. Đó là nói sơ sơ, rồi từ từ chúng ta học kỹ.

Ở đây tiếp theo nói là: Khi Sáu căn tiếp xúc với cảnh ở bên ngoài thì dòng sanh thức hiện ra với nhiều giai đoạn tâm lý, nhưng mỗi giai đoạn đó gồm tối đa là 17 sát-na tâm. Và giai đoạn như vậy gọi là Tâm lộ, hay còn gọi là lộ trình tâm. Tức là có nhiều tâm. Buổi sau chúng ta sẽ học 17 sát-na tâm đó là gồm những tâm nào, rồi chúng ta sẽ biết.

Nói tóm lại trong mỗi lúc tâm như vậy, đại khái gồm hai thứ tâm: là Tâm nhân và Tâm quả. Tâm quả là gì? Tâm quả là tâm đón nhận các cảnh ở bên ngoài để đánh giá phân loại. Ví dụ tôi nhìn thấy bóng đèn này, thì tôi đánh giá cái đèn này là tốt hay xấu, [thích] hay không thích v.v… đánh giá phân loại, đó là Tâm quả. Tại sao gọi Tâm quả? Vì đó là kết quả của việc đời trước, nó đón nhận kết quả thôi, nên gọi là Tâm quả. Tâm quả xuất hiện trước mà.

Sau giai đoạn đánh giá phân loại đấy, thì một loạt 7 sát-na Tâm nhân mới xuất hiện, thì mới cảm nhận được. Tức là tâm kia là quan sát thế nào đó, bắt đầu cảm nhận được trần cảnh vừa biết, thì 7 sát-na tâm này lúc đó mới xuất hiện, là vừa ý hay không vừa ý, thất vọng hay không thất vọng, không ưa cái bóng đèn này hay thích bóng đèn này v.v… Tâm đó gọi là Tâm nhân. Tại sao là [Tâm] nhân? Bởi vì nó tạo ra nhân để cho đời sau hoặc đời tiếp theo đó tiếp tục.

Cho nên Tâm quả là tâm đón nhận quả, quả là quả bên ngoài, ví dụ mình thấy màu này là màu hồng, màu trắng, màu xanh v.v… nó đón nhận đánh giá. Rồi tâm đưa ra kết quả, mình phân loại thích hay không thích, vừa hay không vừa ý, khó chịu hay không khó chịu, sân hay không, v.v… thì đó là Tâm nhân. [Tâm] đó mới đẩy mình đi đầu thai, xấu hay tốt là do tâm đó, do 7 sát-na tâm thôi. Sau này mình sẽ học 7 sát-na tâm đó là gì.

Và tùy vào các điều kiện, thực ra là 3 điều kiện là: Tiền nghiệp (nghiệp đời trước), khuynh hướng tâm lý của mình, và môi trường sống, mà mình đón nhận các cảnh đó bằng tâm xấu hay tâm tốt ở giai đoạn 7 sát-na tâm này.

Có nghĩa là có nhiều người do tiền nghiệp, giống như hồi nãy mình đầu thai bằng tâm đó, [và] khuynh hướng tâm lý tức là tôi thích màu này, và đời trước tôi đầu thai bằng tâm thọ hỉ cho nên bây giờ tôi nhìn thấy màu này thì vừa thích vừa vui. Hoặc tôi nhìn màu này tôi không thích lắm, nhưng tại vì tôi đầu thai bằng tâm thọ hỉ nên tôi bình thường, không sao hết. Còn quý vị đầu thai bằng tâm thọ ưu, thọ khổ thì quý vị nhìn màu này cũng không ưa gì, thậm chí màu không hợp mình là đã ghét rồi. Hoặc nó không làm cho mình ưa thích thì tự nhiên mình khó [chịu]. Cho nên ba yếu tố: Tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý và môi trường sống tạo thêm cho mình ảnh hưởng. Cho nên giai đoạn 7 sát-na tâm này cũng nguy hiểm [nếu không khéo].

Và cứ như vậy, mỗi lần sát-na thiện ác xuất hiện thì kín đáo lại tạo ra hai thứ hậu quả. Hai thứ hậu quả là gì? Một là Tâm đầu thai (Tâm tái tục). Hai là các thứ tâm đón nhận ngoại cảnh. Như vậy [quý vị] nhớ cho giùm: Tâm thiện sẽ tạo ra tâm đầu thai đi về cõi vui, cảnh vui, cảnh thiện. Còn nếu tâm này là tâm ác (tâm bất thiện) thì sẽ tạo ra tâm đầu thai đi về cõi đọa, cõi xấu. Đó gọi là quả tái sinh.

Cho nên cẩn thận giùm! Hãy sống ở giữa cuộc đời, làm sao hãy tạo tâm thiện, tâm lành, đừng tạo tâm ác, vì tâm ác (tâm bất thiện) hại chính mình chứ chẳng hại ai trước. Nên nhớ! Bởi vì nó cho quả, cho một Tâm đầu thai như vậy, thì [khi] Tâm đầu thai đó đủ duyên, đúng lúc đầu thai nó bốc tâm nào không biết, nhưng tâm xấu nhiều thì khả năng sẽ đầu thai [bằng tâm đó] nhiều.

Nguyên lý giống như chúng ta dồn cái gì vô trong phòng, hay mình bỏ nhiều [thứ] vô một cái hộp, thì những gì nằm trên [sẽ] dễ bốc ra hơn là cái bên dưới, đúng không quý vị? Chính vì vậy những nghiệp đầu thai tiếp theo, khả năng nghiệp ở đời này đi nhanh hơn là nghiệp ở đời quá khứ. Cho nên tại sao lúc chết, mình rất cần nghiệp đời này dễ đi hơn là nghiệp trong [đời] xưa. Tâm đầu thai ngày xưa không trổ nhưng bây giờ trổ, tại vì nó gần thì dễ trổ hơn, lý do là như vậy. Cho nên mình hiểu rõ bản chất của vấn đề thì mình tu được.

Và quả này tạo ra một cách kín đáo nên mình không biết hậu quả nằm ở đâu. Và tốc độ sinh diệt của tâm nhanh hơn tốc độ của Sắc pháp (hình thể bên ngoài) gấp 17 lần, nhanh như vậy [đó].

Tóm lại đoạn nãy giờ hơi cao, nhưng quý vị coi lại đoạn nãy giờ thì hãy cẩn thận giùm trong mọi hành động, mọi suy nghĩ. Mình đang học ở đây, mặc dù mình học là Tâm tham thọ hỉ, nhưng nó cũng tác động ghê lắm, [vì] tái sanh bằng tâm thọ hỉ này thì cũng tốt. Còn nếu mình không có thọ hỉ thì mệt đó.

Như vậy muốn được tái tục bằng tâm đó thì hãy tạo ra nhiều Tâm đầu thai như vậy, bằng cách thường tiếp xúc cảnh gì thì cố gắng vui vẻ, cố gắng nhìn theo chiều hướng tích cực, còn nếu nhìn theo tiêu cực là tâm bất thiện. Bất thiện thì không nên. Sân cũng là bất thiện, si cũng là bất thiện, tâm tham cũng là bất thiện, toàn là tâm bất thiện không à. Cho nên rất nguy hiểm! Nên học rồi mình thấy hèn chi mình đọa nhiều, khó lên là vậy.

Thiện Trang đang chia sẻ nguyên nhân để cho hỉ. Một là tái tục (đầu thai) bằng tâm thọ hỉ.

2. Không có sự tế nhị: tức là mình làm việc gì cũng chẳng cần suy xét gì cả, cứ làm cố vô, có những người có tính như vậy. Không có sự tế nhị tức là mình không suy xét trầm ngâm gì hết, tức là mình không có suy xét thì dễ sanh hỉ hơn.

Ví dụ quý vị uống một ly nước, thì mình cứ uống thôi. Chứ lúc đó đang uống mà quý vị suy nghĩ, rồi trầm ngâm là bây giờ đang việc gì v.v… thì quý vị không tạo ra tâm hỉ được, tại vì cảnh không rõ. Mình muốn tâm thọ hỉ thì mình đừng suy xét gì cho lắm, cứ đơn giản thôi, thì mới tạo ra tâm hỉ. Không có sự tế nhị tức là không có sự trầm ngân suy xét. Có nhiều người có tâm phức tạp quá, cho nên lúc đó không hỉ được. Tức là mình đang làm việc gì mà mình suy đi tính lại, tính tới tính lui thì làm sao vui được. Nói đơn giản là vậy, nhưng ở đây lời dịch cũng không rõ lắm.

3. Gặp cảnh tốt: muốn có được hỉ thì gặp cảnh tốt. Ở trên kia thì mình nói rằng tránh cảnh tốt để khỏi tham, nhưng ở đây thì gặp cảnh tốt thì là hỉ. Cho nên vấn đề ở đây là cảnh tốt chưa phải là xấu.

4. Ly sự điêu tàn: là rời khỏi sự điêu tàn. Tức là lúc mà không gặp tai nạn rủi do gì đó, thì mới hỉ được. Còn mình đang gặp tai nạn hay gặp chuyện gì đó thì hỉ sao nổi, điều này dễ!

Bây giờ tới Tà kiến:

+Nhân trợ sanh hợp Tà kiến có 5: tức là có 5 nhân sanh ra hợp với Tà kiến, tức là bị Tà kiến:

1. Nết quen Tà kiến: tức là mình quen nết rồi, ví dụ mình làm gì thì cũng có tư tưởng toàn chấp, chấp hữu, chấp vô, là rớt vào Biên kiến, cho là linh hồn còn hoài... Nói chung là chẳng tin vào nghiệp nhân nghiệp quả, điều đó tất nhiên là sanh Tà kiến rồi.

2. Thân cận người Tà kiến: ăn rồi gặp toàn người Tà kiến, không tin vào những điều của Phật giáo, [không tin] về nghiệp, về quả của nghiệp. Suốt ngày nghe người bạn nói hoài: "Tu làm chi?" v.v… Họ nói miết, một hồi mình cũng bị Tà kiến luôn.

3. Trái với chánh pháp: tức là không tin, phản đối với đạo. Ví dụ như mình không tin chứng quả Thánh, chứng Tu-đà-hoàn hướng, đối với Niết-Bàn và những pháp của Chánh pháp mình không tin.

4. Đa suy xét sai: là suy xét sai nhiều. Tức là mình có nhiều sự suy xét sai lắm. Lẽ ra mình suy xét theo chiều hướng đúng của Phật pháp, thì mình lại suy xét toàn theo kiểu gì đó mà tự mình tìm, tự nhận định suy xét theo hướng sai, hướng ngược lại.

5. Không khéo vượt tà kiến: là khi mình khởi lên ý nghĩ, thì mình toàn nghĩ [những điều] giống như: "Đây là của ta, con của ta, nhà của ta" v.v… Và nghĩ đời còn dài v.v… Mình đâu thấy Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã đâu. Mình cứ suy nghĩ như vậy là mình không thoát ra được. Dù mình học Phật pháp rồi nhưng mình cứ cho đó là thật, thì điều đó là không khéo vượt Tà kiến, thì mình tự nhiên sinh ra Tà kiến.

+ Nhân trợ sanh ly Tà kiến có 5: [Ly tà kiến] tức là hợp với Chánh kiến. Thì mình phải có:

1. Nết không quen Tà kiến: giống như trên, tức là mình phải thường nghĩ đời là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Nói chung nhìn nhân sanh vũ trụ đều là vậy.

2. Không thân cận với người Tà kiến: tức là mình nên thân cận với người Chánh kiến, và tránh những người Tà kiến đi.

3. Được nghe Phật pháp: nghe Phật pháp, mà phải là nghe Chánh pháp, chứ nghe người tà giảng [thì không được]. Bây giờ có nhiều người tà lắm, họ giảng một hồi thì mình cũng rớt vô Tà kiến thôi. Có nhiều điều đức Phật không dạy nhưng mình áp dụng theo đó, rồi chấp vô đó thì thành Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ, rồi mình giữ hoài là thành Tà kiến luôn, thì khó thoát ra lắm.

Ví dụ như đức Phật có dạy: Là nương Phật làm thầy. Sau khi Phật nhập Niết-Bàn thì lấy Giới làm thầy, lấy kinh, lấy Pháp của Phật làm thầy. Nhưng bây giờ mình chấp giữ một Tà kiến, nói là phải nương ông thầy đó làm thầy, xem thầy đó còn hơn Phật nữa, thì đó là Tà kiến. Trong khi đó đức Phật nói là phải coi xét, muốn nghe người ta giảng Pháp thì phải coi người ta giảng có đúng với đối với Kinh, đối với với Luật (hay là Giới), đối với A Tỳ Đàm hay không. Nếu không đúng thì chúng ta không nên nghe. Vậy thì chúng ta phải xét như vậy.

Tất nhiên thời nay không có ai bằng Phật hết, bây giờ có những người nói những điều cao siêu mà mình thấy ghê hơn Phật, rồi mình tin người ta, mình tưởng người ta cao siêu, nhưng thực tế là rớt vào Tà kiến. [Tránh] điều đó thì phải nghe được Phật pháp.

4. Không hay suy xét sai: tức là mình thường suy xét sai, thì bây giờ đừng suy xét sai mà phải suy xét đúng. Hãy nghĩ đến sự Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Đó là Tam pháp ấn của nhà Phật, mình hãy suy xét theo hướng đó.

5. Khéo vượt khỏi Tà kiến: tức là mình hãy cố gắng đem sự việc ở đời ra nhận định, nhận định đời là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã và định luật nhân quả. Mình hãy tin vào điều đó thì mình sẽ vượt qua được trước những [gì của] thế gian hay những luận điểm hay những gì mình khởi lên, thì mình cố gắng vượt qua.

Hôm nay thời gian hết rồi, chúng ta học tới đây. Các đồng tu chắc nghe nhiều

quá, chúng ta nên để Nhân trợ sanh vô trợ học ở bài sau, bài 47. Vậy hôm nay chúng ta tạm dừng ở đây, quý vị nào có vấn đề cần hỏi thì có thể vào trong zoom để hỏi trực tiếp. Chương trình sẽ được đăng lại cho quý vị nghe, còn ai muốn hỏi mà không tiện vào thì có thể bình luận ở dưới bài giảng này ở trên kênh YouTube Thích Thiện Trang hoặc trên Fanpage Thích Thiện Trang. Quý vị bình luận trên đó thì Thiện Trang sẽ đọc trước khi vào giờ đó, để chọn trả lời cho quý vị.

Hẹn quý vị hôm khác, mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 47

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 26/06/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=aqWdTNseViY

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta gặp nhau trong loạt bài chia sẻ về Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận, bài 47. Chúng ta học nội dung này có rất nhiều kiến thức, mở đầu hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu một câu chuyện:

Câu Chuyện Về Tầm Quan Trọng của Thức Ăn Để Hỗ Trợ Cho Chứng Quả

(Trích từ Tích Truyện Pháp Cú)

Đức Phật dạy câu này khi ở Xá-vệ, liên quan đến một Tỳ-kheo.

Trong xứ của vua Ba Tư Nặc, dưới chân một ngọn núi, có một ngôi làng an cư lạc nghiệp tên Màtika. Sau khi nhận đề tài thiền quán từ Phật, một hôm 60 Tỳ-kheo đến làng khất thực. Mẹ của thôn trưởng Màtika trông thấy liền mời các Tỳ-kheo ngồi, dâng cúng cháo đặc nấu thật ngon với gia vị chọn lọc, và hỏi thăm. Biết các Tỳ-kheo tìm một chỗ thích hợp để an cư trong mùa mưa, bà gieo mình xuống chân họ thưa thỉnh:

– Xin chư Tỳ-kheo ở đây an cư trong ba tháng hạ, tôi sẽ tuân giữ Tam quy và Ngũ giới, và sẽ làm tròn bổn phận ngày chay.

Ở đây kể đến câu chuyện thời đức Phật. Lúc này có 60 vị Tỳ-kheo đang muốn tìm một chỗ để an cư mùa mưa. Lúc đó có một bà, là mẹ của Thôn trưởng (không thấy nói tên của bà, chỉ nói là mẹ của Trưởng thôn Màtika) dâng cúng đồ ăn và thỉnh các vị Tỳ-kheo trong vòng 3 tháng hạ an cư ở đó. Bà hứa là sẽ giữ Tam quy, Ngũ giới và làm tròn các bổn phận cúng dường để ủng hộ. Nội dung tiếp theo như sau:

Các Tỳ-kheo chấp nhận. Với sự giúp đỡ của bà họ sẽ khỏi lo lắng về ăn uống, và có thể tu chứng giải thoát sanh tử.

Mẹ của Màtika xây cất tinh xá xong, rước các Tỳ-kheo đến ở. Họ nhắc nhở lẫn nhau:

– Chư huynh đệ! Chúng ta không nên sống phóng dật, vì trước mặt chúng ta là tám cửa Địa ngục sừng sững luôn rộng mở như cửa nhà chúng ta. (Ở đây nói đến tám cửa Địa ngục, là tám Địa ngục lớn). ***Chúng ta đã nhận đề tài Thiền quán từ Thế Tôn và đã đến đây. Ân huệ của chư Phật không thể đến với người dối trá*** (Quý vị nhớ nha! Ân huệ của chư Phật không thể đến với người dối trá)**,** ***dù hắn có bước theo dấu chân của các Ngài.*** (Cho nên phải tu chân thật). ***Chỉ khi nào hành theo ý chư Phật dạy mới được ân huệ của các Ngài. Vì vậy chúng ta phải chú tâm tỉnh giác. Hai Tỳ-kheo không được đứng hay ngồi chung một chỗ. Chúng ta chỉ phải gặp nhau vào buổi chiều để hầu hạ Trưởng lão và sáng sớm trước khi đi khất thực. Những lúc khác, chúng ta không được tụ tập hai người. Nếu có Tỳ-kheo mắc bệnh, hãy đưa ông ta đến trước sân tinh xá và đánh chuông, lúc đó chúng ta sẽ tụ đến lo chữa trị.***

Đoạn này là nói về cách hành trì. Quý vị thấy đó, thời xưa các ngài hành trì là không có ai đi chung với nhau. Tức là không có ngồi chung một chỗ, mỗi người ở mỗi thất riêng, mỗi người ở mỗi chỗ riêng để tu. Quý vị thấy rõ ràng nội dung kiến thức này là như vậy. Khi nào buổi chiều cần việc thì mới gặp thôi, hoặc khi có người bị bệnh thì đem đến sân Tịnh xá để đánh chuông và lúc đó mới tụ họp lại để chữa trị. Quý vị thấy là tu như vậy. Chứ không phải [như] bây giờ, mình tu một hồi, mình cứ tụ tập cho đông lại, đông thì tu không có hiệu quả, cho nên thế nào thì cũng phải tu một mình.

Tất cả đều đồng ý.

Một buổi chiều, bà mẹ của Màtika mang bơ, mật mía và những thức ăn khác cùng đám người hầu đến tinh xá. Không thấy bóng dáng các Tỳ-kheo, bà ngạc nhiên hỏi thăm và được biết các Tỳ-kheo đã quy định với nhau như thế, và bà đã được khuyên hãy đánh chuông nếu muốn gặp họ. Khi tiếng chuông vang lên, tưởng rằng có người bị bệnh. Các Tỳ-kheo từ chỗ riêng của mình đến họp trước sân tinh xá, không có hai Tỳ-kheo đến cùng một đường. Bà cư sĩ thấy vậy lại đoán họ cãi nhau, nên đảnh lễ Tăng chúng xong bà liền hỏi thăm:

– Các ngài đã cãi nhau phải không, chư Tôn giả?

– Không đâu, Cư sĩ.

– Thế tại sao khi đến nhà chúng tôi, các ngài đi chung mà bây giờ mỗi người từ chỗ riêng của mình đến từng người một?

– Cư sĩ! Chúng tôi đang hành thiền ở thất riêng.

Quý vị thấy không? Cách tu hành rất rõ ràng, đó là mỗi người hành thiền ở một thất riêng, cho nên khi đi tụ họp thì mỗi người đi [một] đường riêng, vì vậy bà tưởng cãi nhau, nhưng không phải như vậy. Sau này [nếu] quý vị có cơ hội thiết lập nơi tu, [thì thiết lập] kiểu tu như vậy. Thiện Trang cũng vậy, cũng mong thiết lập một nơi tu mà làm sao mỗi người hành thiền hay tu môn gì, thì mỗi người tu ở thất riêng của mình. Còn khi nào cần học Pháp hay cần gì thì mới tập trung lại, điều đó là tốt. Có thể ăn chung v.v… nhưng tu [Thiền định] thì phải tu riêng mới tốt.

Ở đây là Thiền quán, thì cũng vậy đó quý vị. Tất nhiên chúng ta có thể tu Thiền quán trong đời sống, tuy nhiên tốt hơn vẫn là tu như thế này.

– Hành thiền là sao, chư Tôn giả? (Tức là bả không biết hành thiền như thế nào, nên hỏi).

– Chúng tôi tu tập ba mươi hai yếu tố của thân, từ đó nhận thức rõ ràng sự hoại diệt nằm trong thân. (Tức là pháp tu này là pháp tu quán 32 yếu tố về thân. Đề tài này thì trong Thiền chỉ cũng có, mà Thiền quán cũng có. Quý vị thấy đây là tu Thiền quán, quán về thân).

– Chư Tôn giả, chỉ có các ngài mới được phép tu tập, còn chúng tôi có được phép không?

– Pháp tu này không cấm cản ai, Cư sĩ ạ!

– Vậy xin chư Tôn giả giảng dạy cho tôi.

– Tốt lắm!

Có nghĩa là bà ấy không biết tu, bà ấy thấy nên hỏi quý thầy là: "Quý thầy tu, còn chúng con có được tập tu hay không?" Các thầy nói là được, ai cũng tu được, không có cấm cản ai. Đức Phật dạy không có cấm cản ai, người xuất gia hay tại gia, ai cũng tu được. Và lúc này thì các vị Tôn giả giảng dạy cho bà và bà thực hành.

Học xong bà bắt đầu ngay (bắt đầu liền) **tu tập về ba mươi hai yếu tố của thân. Kết quả là, trước cả các Tỳ-kheo, bà chứng quả A-na-hàm đạt Tứ thông và những Thần thông khác cao hơn.**

Quý vị thấy, đề mục này là đề mục 'Không'. Ở đây có nhiều người thắc mắc là: Bà tu tập chứng được quả A-na-hàm, Tam quả A-na-hàm là hết được Năm Hạ phần Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, [Tham và Sân]. Đề mục Thiền quán thì đưa đến điều đó. Nhưng ở đây không thấy bà tu tập Thiền chỉ, nhưng tại sao bà đạt đến Tứ thông và những Thần thông khác? Tức là có những Thần thông khác cao hơn, bà đạt cả những Thần thông đó luôn. Như vậy là tại sao?

Trong câu chuyện này, các nhà Chú giải có giải thích lý do là bà này có căn lành từ trước. Giống như đời trước bà ấy tu Thiền rồi (tu Thiền chỉ đó quý vị), nên sau khi đắc đạo thì tự nhiên khôi phục, có [Thần thông] luôn, khỏi tu. Đó là một lý do, chứ đời này thì bả không có tu. Cho nên có những người mặc dù tu một đề tài Thiền quán gì đó, nhưng chứng được quả, thì sau đó không biết Thần thông ở đâu xuất hiện. Bởi vì khi đó nó khôi phục, do nhiều đời mình tu hoặc là đời trước mình tu Thiền chỉ. Còn nếu không thì sẽ không có Thần thông. Ở đây bả có Thần thông là do khôi phục được, đó là các bộ Chú Giải nói như vậy.

Từ niềm an lạc của đạo quả, vì muốn biết lúc nào những đứa con trai của mình (bà quý trọng các Tỳ-kheo và xem họ như con) **chứng đạo.**

Bà này tuyệt vời không quý vị? Bà hơn các vị Tỳ-kheo luôn, các vị Tỳ- kheo tu bao lâu mà không chứng, [còn] bà ấy được người bình thường dạy thôi (vì các ngài chưa chứng mà), mà bà ấy tu, bả lại chứng trước. Từ đó quý vị đừng có bi quan, vì sao? Vì quý vị nghĩ cần có người ghê gớm lắm dạy quý vị chứng quả. Không! Ở đây, quý vị thấy những vị Tỳ-kheo này chưa chứng quả, nhưng dạy cho bà, bà chứng Tam quả A-na-hàm luôn. Quý vị thấy hay không? Phật pháp hay vậy đó!

Bất cứ ai thực hành theo pháp của Phật, thực hành theo những gì Phật dạy, thực hành đúng thì có kết quả. Pháp của Phật mà! Thiết thực trong hiện tại; Đến để mà thấy; Được người trí tự mình giác hiểu; Có khả năng hướng thượng. Chúng ta thấy rõ ràng. Và bây giờ bà quý các vị Tỳ-kheo, xem như những đứa con trai của mình. Khi đó bà muốn quán sát xem thử bao giờ các vị ấy chứng đạo. Quý vị thấy, bà này có Thần thông nha. Mà [muốn có] Thần thông thì quý vị biết là phải có Thiền định, nhưng không biết thế nào mà bà này đắc được Thiền. Giờ coi bà như thế nào?

Bà dùng Thiên nhãn xem xét và thấy rằng họ vẫn còn bị trói buộc trong tham sân si, tuy có hành thiền nhưng vẫn chưa đạt Minh sát tuệ. (Tức là bà chứng A-na-hàm, rồi chứng Thần thông luôn nữa, cho nên bà dùng Thiên nhãn để xem xét và thấy họ vẫn còn bị trói buộc trong tham, sân, si, nghĩa là chưa chứng quả, tuy có hành thiền nhưng vẫn chưa đạt Minh sát tuệ).

Bà thắc mắc không biết họ có đủ khả năng chứng A-la-hán không và thấy rằng họ có. Chỗ ở có thích hợp hay không? Thích hợp. Bạn đồng tu có xứng đáng hay không? Có. Thức ăn có đủ hay không? Không đủ.

Chỗ này, quý vị thấy có bốn điều, bà với trí tuệ của một người chứng Tam quả A-na-hàm, bà biết tu làm sao để chứng. Cho nên bà quán sát bốn điều, quý vị nghe cho kỹ [phần] Thiện Trang tô đỏ. Đầu tiên là bà quán sát các quý thầy này có đủ khả năng chứng A-la-hán không? Chứ không đủ thì khỏi nói. Bà quán sát thấy là có. Như thế này có tuyệt vời không? Rồi chỗ ở có thích hợp không? Thích hợp! Như vậy là được hai điều kiện.

Cho nên đôi khi mình không biết là mình có chứng A-la-hán hay không, mình có chứng quả hay không, mình không biết. Ví dụ như trong Vi Diệu Pháp,

chúng ta biết được là phải đầu thai bằng tâm Tam nhân thì mới chứng quả, chứng Thiền. Nếu không đầu thai bằng tâm Tam nhân thì không thể chứng quả, chứng Thiền. Chẳng hạn như điều đó, có thể bà quan sát, bà thấy là các ngài có.

Thứ hai là chỗ ở có thích hợp không? Thích hợp! Còn mình, nhiều khi mình quan sát, thấy mình có cơ hội đấy nhưng không có chỗ ở thích hợp, nên [tu] không chứng. Nhiều khi mình ở chỗ phức tạp quá thì làm sao mà tu được. Giờ bà quan sát thấy rõ ràng là [chỗ ở] thích hợp.

[Thứ ba] là bạn đồng tu có xứng đáng hay không? Có! Quý vị thấy không? Bạn đồng tu, Thiện tri thức cũng quan trọng. Ở gần người ác thì cũng khó mà chứng [quả]. Cho nên ở đây, quý vị thấy các ngài đủ ba điều kiện rồi.

Điều kiện thứ tư là thức ăn có đủ hay không? Bà thấy là không đủ. Cho nên ăn uống cũng [là] một vấn đề, ăn uống mà không đủ, không đúng thì cũng không chứng quả. Nhiều đồng tu học nhưng không biết, cứ tưởng là mình tu hành không cần ăn uống gì, hoặc là thế này thế kia, ăn uống kham khổ v.v… không thích hợp, thì coi chừng là không chứng quả. Ở đây câu chuyện này [rất] rõ ràng, trong Tích Truyện Pháp Cú.

Từ đó bà cung cấp cho những Tỳ-kheo nhiều loại cháo đặc với tất cả thức ăn cứng và mềm, nêm nếm bằng nhiều loại gia vị chọn lọc. Các Tỳ-kheo thọ nhận thức ăn tốt lành, tâm trở nên yên tĩnh, và do tĩnh tâm họ khai mở Minh sát tuệ, chứng A-la-hán cùng những Thần thông.

Quý vị thấy, về ăn uống thì có người lại chủ trương là đừng có ăn ngon, ăn ngon không chứng quả. Không phải! Ở đây nói là bà cung cấp nhiều loại cháo đặc với tất cả thức ăn cứng và mềm, nêm nếm bằng nhiều loại gia vị chọn lọc, thì các Tỳ-kheo mới thọ nhận thức ăn tốt lành, tâm trở nên yên tĩnh, và do tĩnh tâm nên họ khai mở Minh sát tuệ, mới chứng A-la-hán cùng những Thần thông.

Quý vị thấy quan trọng không ạ? Nhiều khi mình ăn uống kham khổ quá, sức khỏe yếu, [tu] không được. Ngoài ra, thức ăn trước đây của các vị Tỳ-kheo không tốt, các vị Tỳ-kheo thì không được đề nghị người ta cho mình ăn gì (trong giới có quy định như vậy), trừ khi là người ta thỉnh. Câu chuyện này ở trong Chú Giải có nói rõ hơn, là lúc đó bà thỉnh các Tỳ-kheo, [hỏi] là muốn ăn món gì, ăn

kiểu gì… thì bà mới nấu y chang như vậy. Đó là có một chỗ nói vậy. Còn có chỗ nói là do bà chứng Thần thông, bà có Tha tâm thông, trong kinh này, ở đoạn sau có nói rõ hơn, là bà có Tha tâm thông nên bà quán sát xem các vị Tỳ-kheo đó thích ăn món gì v.v… nên bà mới nấu đúng như vậy. Cho nên, các Tỳ-kheo được ăn được đúng thức ăn mình [cần] nên tâm được thoả mãn, yên tĩnh. Đó là lý do.

Cho nên, nhiều khi mình tu, mình tu ngược hết. Nhiều khi mình tránh không tham, [nhưng] không tham thì sân thôi, phàm phu mà. Ăn mà không thỏa mãn thì tâm thọ ưu, thọ khổ xuất hiện, đó là tâm sân. Còn nếu ăn thỏa mãn thì là tâm tham. Phàm phu mà, làm gì mà không tham được. Tam quả A-na-hàm mới hết tham.

Như vậy, ở đây đáp ứng được điều đó, cho nên từ đó [các vị Tỳ-kheo] mới khai mở được Minh sát tuệ và chứng được A-la-hán. Cho nên [quý vị] ăn uống thì phải coi chừng, đặc biệt nhiều đồng tu Tịnh Độ bị chấp tướng lắm, rồi cuối cùng không đắc đạo. Lý do là làm ngược, tại vì mình không phải là bậc Bồ-tát, [mình còn là] phàm phu mà. Cho nên [quý vị] nhớ đoạn chữ đỏ này nha. Bà này lo cho đủ ăn mà, chút nữa sẽ nói rõ hơn.

Hết thời gian an cư, hành lễ Tự Tứ xong, các Tỳ-kheo từ giã bà Màtika về thăm Thế Tôn. Bà đưa tiễn một đoạn đường và thỉnh cầu họ mùa an cư năm sau trở lại. (Bà cũng thỉnh [các ngài] năm sau trở lại, bà [chứng] Tam quả rồi nha). **Đến Xá-vệ, các Tỳ-kheo đảnh lễ thế Tôn và kính cẩn ngồi một bên. Đức Phật hỏi thăm:**

– Các Tỳ-kheo! Trông các ông có vẻ khỏe mạnh, được bồi dưỡng đầy đủ, không lo lắng về ăn uống.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Chúng con được khỏe mạnh, bạch Thế Tôn, được bồi dưỡng đầy đủ và khỏi bận tâm về ăn uống là nhờ mẹ của Màtika biết được tâm ý của chúng con. Bà ta nấu đúng món ăn chúng con nghĩ đến.

Quý vị thấy không? Nhờ bả có Tha tâm thông nên bả nấu món ăn đúng cho các vị Tỳ-kheo, nhờ đó tâm của các vị ấy mới thanh tịnh được. Quý vị nghĩ coi, thật ra mình là phàm phu mà. Quý vị là phàm phu, quý vị ăn món ăn đó không

được, cuối cùng quý vị sân. Sân thì còn tệ hơn nữa, thà tâm tham thọ xả, [quý vị] hiểu không? Ăn hoài thì trơ trơ ra, [thì] đỡ hơn. Thọ xả đó! Chúng ta học tới Tâm tham thọ hỉ và [Tâm tham] thọ xả, thọ xả thì đỡ hơn, [chứ còn] sân thì mệt hơn nữa. Đức Phật chỉ yêu cầu là tâm tham thì biết tham, tâm sân thì biết sân v.v… Tu Minh sát tuệ là quý vị chứng. Đây là nhờ bả có Tha tâm thông, cho nên nhờ bậc Thánh nhân đó.

Quý vị học trong Vi Diệu Pháp, chúng ta biết là để có những Thần thông này thì quý vị phải chứng từ Nhị thiền trở lên, trừ Thần túc thông tức là bay rồi biến hóa là phải đến Tứ thiền. Đến Tứ thiền rồi thì phải tu tập cách để chuyển hóa thành Thần thông. Còn Nhị thiền trở lên là có thể sử dụng được Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông. Còn Tam thiền thì dùng được Tha tâm thông. Thiện Trang nhớ đại ý hình như là vậy, thì bắt đầu sử dụng được [Thần thông], nhưng quý vị phải biết cách dùng. Thậm chí Sơ thiền cũng có thể dùng được, nhưng dùng không đủ mạnh. Chắc ăn hơn [là] phải Nhị thiền, Tam thiền, tùy loại Thần thông.

Những điều này thì bữa nào Thiện Trang sẽ chia sẻ cho một buổi riêng, ở trong một phần nào đó, chúng ta sẽ học lại về các loại Thần thông. Chứ còn nếu không chứng Thiền thì không có Thần thông, trừ những người đắc đạo, đắc quả, thì sau đó họ khôi phục được Thần thông, vì do đời trước họ tu tập thôi.

Một Tỳ-kheo nghe huynh đệ mình ca ngợi những đặc tính của bà Cư sĩ thí chủ, muốn đến nơi đó. Ông nhận đề tài Thiền quán từ Thế Tôn và xin đi.

Quý vị thấy 60 vị Tỳ-kheo kia có thành tựu như vậy, bây giờ nghe kể như vậy nên vị Tỳ-kheo (một huynh đệ khác) cũng muốn tới nơi đó, được thí chủ cung cấp như vậy rất tuyệt vời. Cho nên đến đó để tu, may ra có bà Cư sĩ hộ trì cỡ đó thì dễ đắc đạo lắm. [Điều này] quan trọng nha!

Rời Kỳ Viên, ông đến làng Màtika. Bước vào tinh xá, ông khởi nghĩ bà Cư sĩ này biết được tâm người khác chắc sẽ hiểu rằng ta đi đường mệt mỏi không thể quét dọn được, và chắc chắn bà sẽ cho người tạp dịch. Quả nhiên bà cho người đến. Và cứ thế Tỳ-kheo này nghĩ đến nước uống thì có nước uống, nghĩ đến cháo đặc với nhiều bơ cùng thức ăn ngon liền có ngay, muốn có thức ăn cứng cũng có, thậm chí muốn gặp bà Cư sĩ cùng thức ăn mềm nêm nếm với gia vị chọn lọc thì bà đích thân mang tới ngay.

Quý vị thấy không? Có người Cư sĩ hộ trì ghê gớm. Quý vị thấy khác với cách của các vị Cư sĩ bên Tịnh Độ đúng không? Như bà Hàn Quán Trưởng thì toàn là ép. Không phải! Quý vị thấy Thánh nhân, các ngài hộ trì khác. Cho nên chỉ có bậc Thánh mới thực sự hộ trì, còn người phàm phu thì tâm họ bất thường, và họ không hiểu giáo pháp nữa. Không hiểu giáo pháp cho nên nhiều khi họ hộ trì không đúng. Thay vì tạo sự thoải mái cho các vị tu hành thì họ gây ngược lại, cho nên kết quả không tốt.

Quý vị thấy ở đây ông này tới, ổng biết là mệt mỏi nên không thể quét dọn được, thì bả cho người tạp dịch. [Ổng] nghĩ nước uống thì có nước uống, nghĩ cháo đặc với nhiều bơ cùng thức ăn ngon thì có ngay. Muốn ăn thức ăn cứng cũng có, thậm chí muốn gặp bà Cư sĩ cùng thức ăn mềm, nêm nếm với gia vị chọn lọc, thì bà đích thân mang tới ngay. Vì sao? Vì bà có Tha tâm thông. Cho nên tu hành mà có Tha tâm thông thì tuyệt vời. Vừa có Tam quả A-na-hàm rồi, còn có Tha tâm thông nữa, tuyệt vời không? Quý vị thấy vị này còn tuyệt vời hơn nữa, được hộ trì đã đời.

Khi ăn xong, Tỳ-kheo hỏi bà:

– Cư sĩ, bà là mẹ Màtika?

– Phải con ạ. (Bà trả lời: Phải, là con ạ).

– Bà biết được tâm ý người khác phải không? (Quý vị thấy vị Tỳ-kheo này là phàm phu mà, [nên] hỏi luôn).

– Tại sao con hỏi ta như thế? (Tức là bà giống như người mẹ, thật ra phải là "Tại sao thầy hỏi con như thế?" Là do bản dịch thôi).

– Vì bà đã mang đến cho tôi mọi thứ tôi mong muốn.

– Có nhiều Tỳ-kheo biết được tâm ý người khác con ạ.

– Tôi không hỏi người khác, tôi hỏi bà.

Quý vị thấy đây là cách trả lời, tức là người ta có Thần thông nhưng người ta không trả lời trực tiếp. Khi có người hỏi rằng có Thần thông đó không, thì bà mới trả lời vòng qua, [nói là]: 'Tại sao hỏi như thế'. 'Vì bà mang đến thức ăn [mà

tôi] mong muốn, mang đến điều mong muốn'. Bà lại nói qua là: 'Có nhiều Tỳ-kheo biết được tâm ý người khác'. Có nghĩa là người ta sẽ nói vòng qua. Đây là cách mà mình học được trong kinh điển. Nếu sau này quý vị chứng Thần thông, chứng quả rồi, ví dụ như hỏi quý vị chứng quả Tu-đà-hoàn chưa. [Nếu] quý vị tu chứng thật rồi, tất nhiên quý vị cũng không [nên] nói là tôi chứng Tu-đà-hoàn, trừ lúc cuối đời ra đi thì mình mới nói thôi, còn không, bình thường [sẽ] nói vòng qua. 'Người chứng Tu-đà-hoàn trên thế giới này nhiều', chẳng hạn nói như vậy. 'Nếu mà tu tập đúng theo giáo pháp đức Thế Tôn thì sẽ chứng Tu-đà-hoàn'. Đó! Nói vòng qua như vậy, người hiểu đạo thì người ta [sẽ] hiểu, như vậy là đã chứng Tu-đà-hoàn rồi. Trong Giới luật có điều đó. Trừ khi người ta vặn quá, ở đây ông này hỏi vặn quá: 'Tôi không hỏi người khác, tôi hỏi bà'.

Bà Màtika tránh không xác nhận là mình đọc được tư tưởng người khác, thay vào đó bà bảo:

– Những ai không biết tư tưởng người khác mới làm vậy, con ạ. (Bà vẫn không trả lời trực tiếp vào câu hỏi, nhưng người ta hiểu).

Vị Tỳ-kheo cảm thấy bối rối. (Tức là ý [bả] nói là ổng không biết tư tưởng người khác nên ổng mới hỏi vậy thôi).

Ông nghĩ: "Người chưa chứng quả đều có những ý tưởng thầm kín có thể cao quý hoặc ti tiện. Nếu ta khởi nghĩ một tư tưởng tội lỗi nào, chắc chắn bà ta như đi guốc trong bụng ta, sẽ nắm chóp ta ngay, tóm gọn cả bao lẫn bị như chộp bắt một tên trộm, ôi thôi tai hại! Ba mươi sáu kế chỉ có chuồn đi là tốt nhất".

Tức là ông này sợ quá, mặc dù bà đó hộ trì rất tốt, nhưng biết bà này có Thần thông như vậy, có Tha tâm thông như vậy, thì vị Tỳ-kheo này nghĩ rằng: Bây giờ mình nghĩ gì xấu xa thì bả biết hết. Thôi sợ quá, cho nên 'ba mươi sáu kế, chuồn là thượng sách'. Chạy thôi!

Ông liền từ giã bà Cư sĩ trở về Thế Tôn, và kể lại tự sự (tức là kể lại việc của mình)**. Thế Tôn khuyên:**

– Tỳ-kheo, chỉ nơi ấy là nơi ông cần phải ở lại. (Đức Phật rất tuyệt vời! Đức Phật khuyên: Tuy là như vậy nhưng hãy quay trở lại đó, ở đó tu mới tốt

được).

– Con không thể, bạch Thế Tôn! Con không muốn ở lại đó nữa.

– Vậy Tỳ-kheo! Ông có canh chừng được một việc duy nhất hay không?

– Nghĩa là gì, bạch Thế Tôn?

– Chỉ canh chừng tâm của ông. Tâm ý rất khó kiểm soát. Đừng nghĩ thêm việc gì khác, hãy chế ngự tâm mình vì tâm thường chao động.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(35) Khó nắm giữ, khinh động,

Theo các dục quay cuồng,

Lành thay, điều phục tâm,

Tâm điều, an lạc đến.

Các dục [của] mình quay cuồng, khó nắm giữ lắm, nên những ai mà điều phục được tâm thì tuyệt vời. Tâm được điều phục rồi thì an lạc đến.

Rồi Thế Tôn dạy Tỳ-kheo hãy tiếp tục trở lại chỗ cũ, và không nên lo nghĩ gì khác ngoài việc canh chừng tâm ý của mình. (Tu quán tâm là được rồi đúng không quý vị?) **Bà cư sĩ biết trước Tỳ-kheo sắp trở lại, nên chuẩn bị sẵn thức ăn ngon dâng cúng, và chỉ trong vài ngày ông chứng quả A-la-hán.** (Quý vị thấy đã không? Vài ngày là chứng quả A-la-hán rồi). **Nếm được pháp lạc của đạo quả và một lòng biết ơn bà Cư sĩ, ông muốn biết xem trong quá khứ bà có từng giúp đỡ mình hay không. Ông nhớ lại được 99 kiếp trước và thấy bà đã từng là vợ ông, nhưng lại dành tình cảm cho người đàn ông khác, và bà đã khiến ông mất mạng. Thật độc ác làm sao!**

Quý vị thấy đó, ông này cũng tuyệt vời [lắm]. Ổng sợ như vậy, nhưng [khi] trở lại, [thì] với điều kiện rất tốt, bà hộ trì rất tốt, và vị này tu quán tâm, cho nên chỉ trong vài ngày là chứng A-la-hán rồi. Cho nên pháp tu quán tâm quan trọng. Và [ổng] biết ơn. Khi mình chứng A-la-hán thì vui như lậu tận Tỳ-kheo mà, rất là tuyệt vời.

Bây giờ ổng có Thần thông (Túc mạng thông), ổng quán lại được 99 kiếp trước, thấy bà từng là vợ ổng, cho nên nguyên nhân là như vậy. Là vợ cho nên mới giúp được người chồng như vậy. Nhưng đó là đời quá khứ, vấn đề đó là một chuyện xấu, chứ không phải chuyện tốt, chuyện xấu là bà đó dành tình cảm cho người đàn ông khác và khiến ông mất mạng. 'Thật độc ác làm sao!' Quý vị thấy nếu mà biết trước như vậy thì chắc ổng cũng không tới đúng không? Nhưng đức Phật biết tới là được. Cho nên là có duyên độ [ổng], khi nào thành tựu rồi thì mới biết được. Chúng ta coi tiếp theo, câu chuyện này thế nào, cũng hấp dẫn đúng không quý vị?

Bà Cư sĩ ngồi tại nhà quan sát thấy Tỳ-kheo đã đạt đến cứu cánh đạo quả, và cũng biết là ông đã nhớ lại chín mươi chín kiếp trước và đã biết tâm độc ác của bà trong quá khứ. Bà bèn nhớ lại tới kiếp thứ một trăm bà cũng là vợ ông, và trong hoàn cảnh phải giết chồng, bà đã tha mạng ông. (Không biết hai người này nghiệp thế nào, toàn chém giết không [thôi]. Hoàn cảnh ở kiếp thứ 100, là bả cũng suýt giết chồng luôn, nhưng bà tha mạng)**. Bà liền bảo vị Tỳ-kheo hãy nhớ đến tiền kiếp xa hơn và quan sát sự việc. Nhờ Thiên nhĩ thông, vị Tỳ-kheo nghe được lời bà và làm theo.** (Tức là nhờ Thiên nhĩ thông)**. Ông nhận ra quả bà cư sĩ đã giúp đỡ ông nhiều. Ông giải đáp cho bà cư sĩ những vấn đề liên quan đến A-la-hán quả. Sau đó, ông nhập Vô dư y Niết-Bàn.**

(Trích từ Phẩm Tâm – Tích Truyện Pháp Cú).

Quý vị thấy câu chuyện này hay đúng không? Cho nên là không có tự nhiên gặp nhau đâu, điều gì đó cũng có nhân duyên. Cho nên hai người này tu như vậy đều thành công. Và qua câu chuyện này Thiện Trang thấy rất hay. Chúng ta thấy một người bình thường, những vị Tỳ-kheo bình thường cũng có thể hướng dẫn cho những người khác chứng đến Tam quả A-na-hàm. Sau khi [chứng quả] thì mới giúp đỡ được người khác. Vị Tỳ-kheo kia cũng được độ thoát, thậm chí chứng quả cao hơn bà đó. Bả mới chứng tới Tam quả A-na-hàm, còn ông Tỳ-kheo này chứng tới Tứ quả A-la-hán. Cho nên, người xuất gia chứng Tứ quả dễ, còn Cư sĩ thì chứng tới Tam quả cũng được.

Quý vị thấy thời xưa là tu như vậy đó, còn giáo pháp mình tu bây giờ không

đúng với giáo pháp của đức Thế Tôn, nên mình tu không đúng theo con đường đó, và mình cũng không được người hướng dẫn v.v… cho nên mình tu sai. Ví dụ như thức ăn cũng sai, chỗ ở cũng sai v.v… những điều kiện không đủ, cho nên khó. Cho nên là phải biết nha! Hôm nay học qua bài này thì mình biết rất nhiều pháp tu, biết rất nhiều cách, rất là tuyệt vời.

Chúng ta trở lại với đề mục tiếp theo. Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu:

7 Phương Pháp Đoạn Trừ Phiền Não

(Theo Kinh Trung Bộ)

7 phương pháp này lúc đầu Thiện Trang có nói rồi, nhưng chỉ nói tên. Hôm nay chúng ta vào trực tiếp bộ kinh để học phương pháp.

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvatthī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo!" - "Bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ngươi "Pháp môn phòng hộ tất cả Lậu hoặc" (chữ Lậu hoặc tức là Phiền não)**. Hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.**

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

(Tóm lược)

- Này các Tỷ-kheo, Ta giảng sự diệt tận các Lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy.

Quý vị thấy, đức Phật giảng [về] sự diệt tận các Lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, chứ không phải cho người không biết, cho người không thấy. Tại sao? Tại vì phải có căn cơ. Cho nên mình phải học [để] có nền tảng đi, rồi người ta [mới] giảng cho mình pháp giải thoát được. Còn suốt ngày mình không chịu học các pháp giải thoát, mà mình học gì đâu, thì làm sao dạy được.

Giống như quý vị thấy nhiều người tu Thiền chẳng hạn, qua Myanmar tu

Thiền, hoặc là qua các trường Thiền, sau khi tu có trình thiền, [trình] pháp, mà hỏi thì mình cũng không trả lời được. Có thể là do cách biệt ngôn ngữ, hoặc là có thể mình không biết gì nhiều về giáo pháp, cho nên các ngài cũng chẳng chỉ dạy gì hết, mà nói 'tiếp tục quan sát tâm đi, tiếp tục theo dõi nữa đi' v.v… Thật ra nếu mà mình biết, mình trả lời. Qua đó, mình có một kiến thức sâu về các pháp, về các Tâm sở v.v… thì các ngài sẽ chỉ cho rõ hơn, chỉ cho kỹ hơn. Còn mình không biết gì hết thì người ta không chỉ được.

Cũng vậy đó, quý vị muốn hỏi pháp, muốn tu tập tốt thì phải học cho kha khá, rồi sau đó gặp người ta, gặp cao nhân mới chỉ điểm được. Còn bây giờ trình độ của mình tệ quá, thì ai chỉ được đúng không ạ? Cũng vậy, đức Phật giảng dạy sự diệt tận các Lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự diệt tận các Lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: có như lý tác ý và không như lý tác ý. Này các Tỷ-kheo, do không như lý tác ý, các Lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các Lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các Lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các Lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Như vậy đức Phật nói tóm tắt là: Đầu tiên, mình hãy như lý tác ý, có nghĩa là mình phải khéo tác ý đúng theo giáo pháp, đúng theo chân lý. Nếu mình làm được như vậy thì các Phiền não (các Lậu hoặc) chưa sanh thì sẽ không sanh, mà đã sanh rồi thì được diệt. Còn nếu mình không như lý tác ý thì [Phiền não] chưa sanh [sẽ] sanh, sanh rồi thì tăng thêm, các Phiền não tăng thêm.

Điều đó rõ ràng! Giống như trong đời sống thôi, khi mình gặp một chuyện gì đó, ví dụ như hằng ngày đi ra đường, mình nghe tiếng xe bóp còi 'o, o'... Nhất thời, [nếu] không có công phu thiền định, mình nghe thì sẽ cảm thấy khó chịu, giật mình. Nhưng nếu quý vị có như lý tác ý, khác với không như lý tác ý. Người mà giật mình, giả sử mình giật mình xong, [nhưng] mình biết là tiếng còi xe thôi, có gì đâu, mình bình tĩnh lại, điềm tĩnh lại bình thường. Đó là như lý tác ý, các pháp [là] như vậy. Còn người kia sợ hãi, chạy theo nó, tức là hoảng hoạn, thì đó là không như lý tác ý. Rồi sân lên, chửi người ta đủ các kiểu, đó là không như lý tác ý, cho nên Phiền não tăng thêm. Rất nhiều việc như vậy. Chúng ta nghe tiếp.

Này các Tỷ-kheo, có những Lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ, có những Lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ, có những Lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ, có những Lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ, có những Lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ, có những Lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ, có những Lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

Ở phần đầu của bộ giảng này, Thiện Trang đã giới thiệu có 7 cách để đoạn trừ Lậu hoặc, [là] bảy cách này. Trong Kinh A Hàm hình như chỉ có 6 cách thôi, nhưng trong kinh này có 7 cách. Bảy cách này thì chúng ta đã giới thiệu, bây giờ đức Phật phân tích trực tiếp từng loại. Mời quý vị theo dõi lời đức Phật cho chắc.

1. Các Lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

Tức là muốn đoạn trừ là phải dùng tri kiến. 'Phải do' là bắt buộc, không có cách nào khác. Có những Phiền não bắt buộc phải dùng tri kiến để đoạn trừ, không có cách nào khác, chứ không phải là tôi dùng cách khác [mà] đoạn trừ được. Ở đây nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, và thế nào là các Lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe (mình phải cố gắng đa văn, nghe nhiều)**, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhơn, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý; vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý.**

Đoạn này hơi khó nghe, nhưng chúng ta thấy đơn giản thôi. Tức là do mình ít học pháp quá, đoạn này nói về tri kiến tức là ít học pháp. Khi chúng ta ít học pháp quá thì có những tác ý, tức là những suy nghĩ không đúng. [Và] như vậy, điều đáng suy nghĩ thì mình không suy nghĩ, điều không đáng suy nghĩ thì mình lại suy nghĩ. Kiểu như vậy!

Bây giờ các pháp nào cần suy nghĩ? Đó là mình cần phải nghĩ: "Thế gian là

Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã. Chỉ có con đường cứu cánh Niết-Bàn là [đáng] để ta tu theo". Đó là điều nên suy nghĩ. Mình nên suy nghĩ như vậy, quán và tu tập như thế. Còn bây giờ mình nghĩ ngược lại, thế gian là thường, con mình là con v.v… Không biết bài:

"Con ta, tài sản ta,

Người ngu sanh ưu não,

Thân ta còn không có,

Con đâu, tài sản đâu".

Nhưng mình không nghe, do mình ít nghe quá, mình ít học quá, cho nên mình không biết những điều đó. Và mình cứ nghĩ đây là con ta, đây là tài sản ta v.v… Vì như thế cho nên Phiền não sanh.

Này các Tỷ-kheo, và thế nào là các pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý? (Đức Phật nói luôn) **Này các Tỷ-kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà Dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay Dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay Hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được tăng trưởng, hay Vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay Vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Những pháp ấy là những pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý.** (Giống như Thiện Trang cử ví dụ ở trên, những pháp đó không cần tác ý mà mình lại tác ý) **Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý?** (Tức là ngược lại như vậy) **Này các Tỷ-kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà Dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay Dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay Hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay Hữu lậu đã sanh được trừ diệt, hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt. Những pháp ấy là những pháp cần phải tác ý mà các vị ấy không tác ý. Do vị ấy tác ý các pháp không nên tác ý, do vị ấy không tác ý các pháp cần phải tác ý, nên các Lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi,** (nói chung là lặp lại đoạn trên) **và các Lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.**

Cho nên ở đây, vấn đề là chúng ta phải học pháp nhiều thì chúng ta mới tương ưng được. Tri kiến mà, ở đây nói thứ nhất là do tri kiến nên Phiền não

được đoạn trừ. Tri kiến là sự biết và sự thấy của mình. Muốn biết, thấy đúng với giáo pháp của Phật thì mình phải học kinh. Cho nên học giáo pháp là cần thiết, không thể nào không biết gì mà tu được, đúng không ạ? Không biết gì mà tu, thì những Lậu hoặc (Hữu lậu hoặc Vô minh lậu) sanh là bình thường. Cho nên là khó! Mình phải học.

Vị ấy không như lý tác ý như sau: "Ta có mặt trong thời quá khứ, hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?

Đầu tiên là nói về quá khứ. Mình phải nghĩ rằng: Quá khứ mình là ai, mình như thế nào? Hình dáng thế nào? Rồi trong tương lai mình có như vậy không? Có mặt hay không? Hay là ra sao, thế nào? Đó là mình quán niệm về luân hồi, mình phải tác ý như vậy. Nhưng không chịu tác ý. Đó là quá khứ, còn vị lai và hiện tại nữa.

Hay nay vị ấy có nghi ngờ về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?".

Quý vị có hay suy nghĩ như vậy không? Hay suy nghĩ như thế này là khéo tác ý. Tức là mình phải nghĩ về hiện tại, mình có thật sự có mặt ở trên đời này không? Tất nhiên quý vị nói con có mặt trên đời này chứ. Nhưng nếu nghĩ như vậy, quý vị sẽ thấy là mình không đúng lắm với giáo lý về Thân kiến. Mình vô ngã đó! Thực tế là Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã, [nên] không phải mình. Rồi có mặt như thế nào? Tại sao mình có mặt? Do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức … Mình suy nghĩ như vậy gọi là như lý tác ý.

Rồi mình có hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến, rồi sẽ đi về đâu? Ai có những tư tưởng, thường xuyên có suy nghĩ như vậy, thì đó là khéo như lý tác ý. Còn nếu mình không có khéo như lý tác ý, thì mình toàn thấy thật không [thôi]. Chúng sanh cho con mình [là] con mình, mình đâu có thấy nó từ

đâu đến đâu, rồi mình cũng đâu có nghĩ nó sẽ đi về đâu đâu. Mình thấy nó là thật mà, cho nên khổ là vậy đó. Đó là vấn đề.

Với người không như lý tác ý như vậy, một trong sáu tà kiến này khởi lên: "Ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta không có tự ngã", (nói chung là đoạn này, Thiện Trang nói tóm tắt là có sinh ra ngã) **tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn. "Không do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã"** (nói chung khi mình có [suy nghĩ như] đoạn này, khi không như lý tác ý thì sẽ sinh ra tà kiến, có tự ngã đó), **tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; hay tà kiến này khởi lên với người ấy: "Chính tự ngã của ta nói, cảm giác, hưởng thọ quả báo các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này, chỗ kia, chính tự ngã ấy của ta là thường trú, thường hằng, hằng tồn, không chuyển biến, và sẽ vĩnh viễn tồn tại".** (Đó là tà kiến, đây là chấp vào thường, rớt vào thành kiến). **Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược. Này các Tỷ-kheo, trói buộc bởi kiến Kiết sử, kẻ phàm phu ít nghe không được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói kẻ ấy không thoát khỏi khổ đau.**

Như vậy chúng ta phải hiểu được điều này. Nói tóm lại đừng có chấp vào Thế gian này là thường hằng, chấp Thế gian này là còn mãi mãi. Đó là một sai lầm! Tất cả sự [chấp] đó là Tà kiến, chấp vào ta v.v…

Này các Tỷ-kheo, và vị Thánh đệ tử nghe nhiều, (phải nghe nhiều, đa văn, chứ không phải nghe ít, dốt dốt thì không tu được đâu) **được thấy các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, được thấy các bậc Chơn nhơn, thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, tuệ tri các pháp cần phải tác ý, tuệ tri các pháp không cần phải tác ý.** (Tóm lại đoạn này là mình chỉ cần học pháp, tu tập pháp của Phật). **Vị này, nhờ tuệ tri các pháp cần phải tác ý, nhờ tuệ tri các pháp không cần phải tác ý, nên không tác ý các pháp không cần phải tác ý và tác ý các pháp cần phải tác ý.**

Đoạn này thì Thiện Trang đã nói ở trên rồi, nói chung lặp lại nhiều quá, nghe cũng ngán đúng không? Đoạn này nói một hồi cũng tuần tự như vậy, do vậy những Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu chưa sanh thì sẽ thế nào? Nếu mình đã như lý tác ý rồi thì sẽ không sanh, điều nào đã sanh thì sẽ diệt. Ở đây nói như vậy thôi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp không cần phải tác ý và vị này không tác ý? Này các Tỷ-kheo, những pháp nào do vị ấy tác ý mà Dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay Dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay Hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay Hữu lậu đã sanh được tăng trưởng, hay Vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay Vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Đó là những pháp không nên tác ý và vị ấy không tác ý. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý? Này các Tỷ-kheo, những pháp nào do vị ấy tác ý mà Dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay Dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay Hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay Hữu lậu đã sanh được trừ diệt, hay Vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay Vô minh lậu đã sanh được trừ diệt, đó là những pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý. Nhờ vị ấy không tác ý các pháp không cần phải tác ý, tác ý các pháp cần phải tác ý nên các Lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi và các Lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Đoạn này lặp lại rất nhiều, cho nên Thiện Trang lướt qua. Đoạn dưới này quan trọng:

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba Kiết sử được trừ diệt: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các Lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

Tóm lại như lý tác ý về Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Quý vị thấy đó là như lý tác ý, đơn giản như vậy thôi, quan trọng nhất là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bây giờ tu làm sao? Quan trọng là hằng ngày trong đời sống, [mình] nhớ đây là khổ. Sáng dậy, thấy: "Ôi, cuộc đời khổ quá!" Tại vì sao? Mỗi ngày phải lo đi làm, lo này lo kia. Vậy nguyên nhân của Khổ là gì? Do tham, sân, si, nói chung là do các Phiền não. Niềm vui của diệt khổ (gọi là khổ diệt), và cuối cùng con đường để diệt khổ

chính là Bát chánh đạo, là Tứ chánh cần, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát chánh Đạo phần. Tóm lại phải luôn luôn tu tập được trong đó, 37 Phẩm trợ đạo.

Đức Phật nói con đường độc nhất để đến Niết-Bàn là Tứ niệm xứ. Mà Tứ niệm xứ có bổ trợ là 37 Phẩm trợ đạo. Mặc dù Tứ niệm xứ để đầu tiên, nhưng quý vị không tu mấy điều đằng sau thì không được. Cho nên phải tu [những điều] ở đằng sau, nên 37 Phẩm trợ đạo là phải tu hết, phải tu được nha! Quan trọng là mục này: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt. Chúng ta nắm được Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì đó là như lý tác ý.

Phần hai ngắn hơn là: Các Lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ. Ở trên là do tri kiến, là mình phải học, mình phải hiểu, mình thấy, thì mình đoạn trừ được bớt Phiền não. Điều này dễ hơn đúng không quý vị? Giống như hồi xưa mình chấp trước [đây là] gia đình ta, con ta, tài sản ta, v.v… Nhưng bây giờ mình học nhiều, dần dần tri kiến [của] mình thay đổi rồi, mình cũng không có chấp nữa, mà mình cũng bớt bớt, bây giờ nhẹ nhẹ. Đó là bớt Phiền não, còn bao giờ hết hẳn luôn là thành công.

Mà tri kiến, tham dục nhiều lắm! Giống như quý vị thấy trong câu chuyện tiền thân, kể về ông đó bảy lần đi xuất gia, đức Phật nói: Thật ra có gì đâu, đức Phật [lúc trong] đời quá khứ, Ngài cũng có bảy lần kiểu như vậy. Lúc đó Ngài đi xuất gia, ngồi tu trên núi. Tới mùa mưa, nước ẩm ẩm, Ngài nhớ ở nhà còn nguyên bịch đậu giống, cho nên Ngài chạy về nhà, lấy cái cuốc ra cuốc, rồi gieo giống cho đậu lên. Cho nên xả, tạm thời nghỉ tu, về trở lại. Đó là đời quá khứ, chứ không phải đời hiện tại.

Đợi đến khi đậu lên cây, ra bông kết trái, Ngài hái một phần trái đậu để ăn, một phần để vào hủ cất đó, để mùa sau gieo tiếp, rồi đi tu. Rồi lại tới lúc mùa mưa, nước ẩm ẩm, lại nhớ hột đậu để trong hủ chưa gieo, Ngài lại hoàn tục trở về trồng đậu tiếp.

Cứ như vậy bảy lần, đến lần thứ bảy thì Ngài mới nghĩ là: “Không được! Thật ra chỉ có mỗi bịch đậu đó thôi mà mình cứ về hoài”. Cho nên Ngài mới nghĩ lại: “Lần này không thể để bịch đậu đó nữa”. Ngài về cột bị đậu đó vô cái cuốc, rồi tới dòng sông đó, quăng xuống dòng sông để cho trôi đi, chìm đi. Cây cuốc với

bịch đậu không còn nữa, [thì không còn] lần sau. Ngài nhận ra vấn đề của Ngài là vì tham một chút đồ ăn đó thôi. Và lúc đó hét to lên: "Ta đã chiến thắng! Ta đã chiến thắng!" Chiến thắng được tham dục khó như vậy đó, [tới] bảy lần.

Lúc đó, có một ông vua cũng đánh thắng trận đi về, ổng cũng nói: Ta là người chiến thắng trận đi về, mà tự nhiên có người nào kêu: "Ta là người chiến thắng! Ta là người chiến thắng!" Cho nên ông tới hỏi: "Sao lại như vậy? Ta mới là người chiến thắng, chứ ngươi có gì đâu mà chiến thắng?" Ngài mới nói: "Ông chỉ chiến thắng bên ngoài, chiến thắng người khác thôi. Còn tôi chiến thắng được tâm tôi, mới là quan trọng". Vua thấy đúng, có lý! Rồi ngồi nghe giảng pháp.

Lúc đó tiền thân của đức Phật ngồi nhìn nước ở dưới sông, đắc được Thiền chỉ, cho nên có được Thần thông bay lên hư không, ngồi kiết già thuyết pháp. Ông vua thấy tuyệt vời quá nên xin xuất gia theo luôn. Tin đó được truyền ra, cho nên bảy ông vua [tham gia] chiến trận cũng tới quy y, tất cả quân lính cũng tới xuất gia tu hành. Thành tựu như vậy, rất nhiều người đắc Thiền và có thành tựu. Và sau đời đó, đức Phật nói là 'Ta sanh về trời Phạm thiên', vì đắc Thiền mà.

Quý vị thấy, đó là đời quá khứ. Để diệt được tham khó như vậy, chuyện đó hình như trong Tích Truyện Pháp Cú có đó quý vị. Chuyện đó cũng liên quan đến vị Tôn giả bảy lần đi xuất gia, quý vị thấy trong Tích Truyện Pháp Cú có kể, Thiện Trang cũng kể nhiều lần rồi: Ông đó mới đầu đi xuất gia, vì sao? Vì ổng vô Tịnh xá nghe pháp, ổng thấy các vị Tỳ-kheo ở trong đó ăn ngon quá, nên kêu: "Ở nhà mình ăn không ngon bằng, cho nên đi xuất gia vô ăn cho ngon". Ổng nghĩ vậy thôi cho nên xin đi xuất gia, ổng làm công quả rồi xin xuất gia. Một thời gian sau thì ổng ăn cũng thấy bình thường, tuy đồ ăn ngon nhưng ngày nào cũng ăn nên thấy bình thường, chán rồi, cho nên đi về. Và vì vợ của ổng cũng đẹp nữa, vợ đẹp cho nên lúc nào cũng nhớ vợ, nên thôi đi về.

Về một thời gian chán rồi lại đi xuất gia tiếp. Ra vô như vậy bảy lần. Đến lần thứ bảy, bữa đó, vợ ổng có con rồi, nằm trên võng cho con bú [rồi] ngủ, ổng vác cái cuốc đang đi làm ngoài đồng về. Trong kinh nói là ổng thấy cảnh vợ ngủ mà ghê quá, nước miếng nước dãi chảy ra tùm lum hết, áo thì xộc xệch thế nào đó, ghê quá, cho nên ổng nhìn thấy ổng khiếp quá, sợ quá, nên lúc đó ông quăng cuốc chạy luôn.

Vừa quăng cuốc chạy thì gặp bà mẹ vợ, bà mẹ vợ kêu lại, ổng cũng kệ rồi chạy luôn. Bà mẹ vợ thấy vậy nên vô kêu đứa con gái mình dậy. Mà bả nhìn thấy tình trạng đó là bả biết rồi, nhìn tình trạng con gái mình ngủ kiểu đó, hèn chi thằng con rể mình bỏ đi luôn là đúng, vì thấy gớm quá mà, thấy ghê quá. Bả nói: "Con như vậy là không nên", thế này thế kia. "Bây giờ chắc nó chạy đi xuất gia luôn rồi". Cô vợ nói: "Có gì đâu mẹ, ảnh hay vô một thời gian rồi lại về đó mà, có gì đâu, cứ để cho ảnh đi".

Nhưng đợi miết không thấy về, mấy lần trước thì thấy về, lần này thì không thấy về nữa. Thật ra lúc ổng đang đi, thì trong đầu ổng niệm, nghĩ nhớ đến Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã nên đắc được Tu-đà-hoàn rồi. Khi vô xuất gia, lúc đầu ổng bị cản, không cho xuất gia, nhưng đức Phật cho. Vô một thời gian thì ổng cũng đắc đạo A-la-hán nên không về nữa. Một thời gian sau bà mẹ vợ dẫn con mình tới, đem thêm đứa con của ổng bỏ trước mặt ổng, nhưng ổng không động tâm, hết động tâm, vì chứng A-la-hán rồi. Thấy vậy nên họ đi về.

Quý vị thấy câu chuyện là như vậy. Thật ra trong Chú Giải có nói nguyên nhân [mà ổng] ra vô bảy lần kiểu đó, là do đời quá khứ, [ổng] khuyên vị Tỳ-kheo khác là đi về đi, đừng tu nữa. Bởi vì ổng ham món đồ đó, mà vị Tỳ-kheo kia hứa là đi về sẽ cho ổng, nên ổng khuyên thôi về đi. Khuyên người ta đi về nên nghiệp trổ quả bảy lần ra vô. Cho nên tất cả đều có nhân quả, nhân - duyên - quả rất rõ ràng.

Cho nên ở trong đạo, đối với người xuất gia, những tác động đối với người xuất gia [sẽ] tạo ra quả báo ghê gớm, cho nên hãy cẩn thận. Đối với trong Phật pháp, nhiều khi mình tưởng quả báo gây ra là chuyện nhỏ, nhưng lại là chuyện lớn, phải cẩn thận.

Đó là Thiện Trang kể câu chuyện cho quý vị tỉnh ngủ, bây giờ đến mục thứ 2:

2. Các Lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các Lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ? Ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát (ở trên là tác ý, ở đây là giác sát), **sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt** (tức là bây giờ có những Tỷ-kheo phòng

hộ mắt). **Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.**

Tương tự như vậy, đoạn này Thiện Trang đọc tóm lại, tức là sự phòng hộ về mắt, phòng hộ về tai, phòng hộ về mũi, phòng hộ về lưỡi, phòng hộ về thân, phòng hộ về ý. Phòng hộ được thì đoạn trừ được các Phiền não. Nói tóm lại là như vậy, chúng ta lấy tóm tắt thôi, quý vị nên coi kỹ lại.

Vị ấy như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ tai...; như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ mũi...; như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lưỡi...; như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ thân...; như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ ý. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý, các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ ý, các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các Lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ.

Tóm lại #giác sát: giác là biết; sát là quan sát; quan sát phòng hộ được sáu căn của mình. Ví dụ như mắt thấy sắc, ví dụ chúng ta thấy hoa đẹp. Mai mốt chúng ta học lộ trình tâm, thì chúng ta sẽ thấy rõ hơn. Hoa đẹp, thật ra là thế nào? Đầu tiên thì đâu phải là hoa đẹp, mình biết như vậy. Nhưng mình quan sát, mình biết được là mình bị cuốn theo rồi, thì mình dừng lại, mình phòng hộ. Nhìn bông hoa, thì mình biết là hoa rồi đó, mình thích hoa đó lắm, biết chỗ đó người ta trồng hoa rồi thì mình né đi, mình nhìn chỗ khác. Hoặc phòng hộ là mình đừng nhìn, đừng nhìn. Cẩn thận nha! Nhìn, nhưng đừng có mê hoa. Cũng vậy, biết mình mê bài hát đó, mà người ta mở bài hát đó, thì mình cố gắng nghe thôi, nhưng đừng chạy theo đó. Bây giờ người ta cũng mở rồi, thì kệ người ta. Phòng hộ như vậy, hãy cẩn thận quan sát được sáu căn của mình, thì các Phiền não được đoạn trừ.

3. Các Lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.

Bình thường thì chúng ta sử dụng những chiêu ở trên thôi, nhưng chiêu này thì ít người dùng. Chúng ta đọc thử:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các Lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng.

Có nghĩa là mình được quyền thọ dụng, chứ không phải không được quyền thọ dụng. Nhưng mình phải nhớ là việc thọ dụng này chỉ để ngăn ngừa lạnh, nóng… chỉ giúp cho mình thôi, ngăn ngừa xúc chạm của ruồi, muỗi v.v… mặc quần áo là để như thế, chứ không phải để cho đẹp. Mình nghĩ như vậy, đó là [nhờ] thọ dụng được đoạn trừ.

Về món ăn: **Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn".**

Tức là đối với thức ăn thì đừng có đam mê, đừng có vui đùa, không phải để làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng. Quý vị nghe cho kỹ nha! Ở đây đức Phật nói: ‘mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng’, chứ không phải nói mong cho chết sớm, không phải! Đức Phật cũng cần thọ mạng, chúng ta cũng cần thọ mạng để tu tập. ‘Để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh’. Như vậy đó là mục đích của mình ăn, chứ không phải mình ăn vì mấy điều kia.

Đó là cách để mình thọ dụng, mình suy nghĩ. Đức Phật dạy rất tuyệt vời, mình chỉ [cần] đổi tâm thôi chứ không phải cực đoan, nhớ nha! Để ‘diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn’.

Để ý chỗ này nha! Nhiều người cực đoan quá, tu theo Đạo gia thì quá cực đoan đi, đạo Phật không có như vậy đâu, đạo Phật rất là thoải mái. Ăn thì cứ ăn, ăn ngon cũng được, ăn gì cũng được, nhưng phải tác ý rằng: ‘Thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh’.

Trong kinh chúng ta đã học qua rồi, quý vị thấy ai đạt được Tứ thần túc, thì có thể trụ hết một kiếp hoặc đến hết kiếp này, đến khi trái đất này tan thì thôi. Điều kiện để tu Tứ như Ý túc (Tứ thần túc) thì quý vị phải tu bốn vấn đề, chúng ta đã học rồi. Nhưng quan trọng là phải có Thiền định, tâm phải luôn tinh tấn, Dục như Ý túc là mong muốn, Thiện Trang sẽ nói sau. Mình mong muốn gì, rồi mình phải tinh tấn, mình phải có Thiền định, tâm tập trung vô trong đó, và thường xuyên như vậy. Trong đó, mình hướng tâm về điều gì? Trong đó, quý vị [dùng] Tứ như Ý túc khi quý vị nhập Thiền, với định của Thiền thì quý vị sẽ hướng tâm để thọ mạng được lâu dài, trụ thế đến suốt kiếp. Như vậy phải tu đến Tứ thiền. Tứ thần túc [cùng] với sức mạnh của Tứ thiền, như vậy thì mới làm được điều đó. Đó là lý do các ngài dùng như vậy.

Ở đây, chúng ta mới học qua tới Tứ như Ý túc thôi, nhưng quý vị có thể áp dụng. Nếu quý vị muốn điều gì thì quý vị có thể hướng tâm về điều đó, sau khi quý vị nhập Thiền, [rồi khi] xuất Thiền thì quý vị dùng định đó hướng tâm về điều đó thì sẽ thành tựu. Đó là trong Tứ như Ý túc.

Ở đây nói về thức ăn, thì chúng ta nói là mong để hỗ trợ Phạm hạnh, hay được điều gì, ví như đắc đạo v.v…

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa (tức là chỗ ngồi, chỗ nằm), **chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loại bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh.** (Cũng vậy, tức là mình tác ý những gì cũng là để tu hết, để giải thoát).

Vị ấy như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chận các cảm giác khổ thống đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn.

Đối với các dược phẩm cũng vậy, ở đây đối với Tỳ-kheo thì chỉ có tứ sự thôi là: Ăn, mặc, thuốc và chỗ ở, giường ngủ v.v… Như vậy thì được. Còn đối với quý vị, thì quý vị có nhiều thứ hơn, khi thọ dụng cái nào thì quý vị chịu khó tác ý nghĩ rằng: Thọ dụng đó để vì tu tập, để vì giải thoát, chứ không phải để ham đắm trong đó. Nếu như vậy thì chúng ta nói là biết cách thọ dụng để đoạn trừ Phiền não.

Còn không biết cách thì cứ thọ dụng xong rồi nghĩ: Ôi! Mất phước rồi, hết

phước rồi v.v… Đó là Phiền não sanh. Vì sao? Vì khi quý vị đang suy nghĩ là: Ôi! Hết phước rồi, tôi thọ dụng cái này hết phước rồi, thọ dụng cái kia hết phước rồi. Đó là tư tưởng của Đạo gia. Thật ra, nếu phân tích theo Vi Diệu Pháp, theo tâm, thì tâm đó là tâm sân, tâm không hài lòng, và đó là Phiền não sanh. Cho nên giáo pháp của Phật rất tuyệt vời, đức Phật đâu có bảo không [thọ dụng] đâu, đâu có nói hết phước gì đâu, mà [Ngài] nói là tôi thọ dụng cái này, tôi thọ dụng cái kia đều để cho tu Phạm hạnh, để cho giải thoát.

Giống như bây giờ, lỡ quý vị có duyên có một chiếc điện thoại, thì quý vị phải nghĩ rằng: Chiếc điện thoại này là để tu Phạm hạnh, để giải thoát. Ủa! Điện thoại [mà] sao tu Phạm hạnh, giải thoát [được]? Có chứ! Quý vị dùng điện thoại để nghe pháp, quý vị dùng điện thoại để học pháp, đúng không ạ? Bây giờ các chương trình học pháp, nghe pháp toàn ở trên điện thoại mà, mình cắm tai phone để nghe pháp, v.v… Mà điện thoại cùi quá thì xài không được, vô cái này cũng không được, vô cái kia không được, vô zoom cũng không được, không đặt được câu hỏi v.v… thế này thế kia.

Ta sử dụng vật gì, với mục đích gì, thì chúng ta chuyển mục đích là được. Còn người không biết, không học, không hiểu thì nghĩ: “Tôi xài chiếc điện thoại này sang quá, tôi mất hết phước rồi” v.v… Cho nên là đó là sai lầm, nên quý vị thấy Đạo gia và đạo Phật khác nhau, những người học theo kinh Phật sẽ thấy được điều đó. Còn nếu không học kinh Phật, nhiều khi [suy nghĩ] rất sai lầm. Có những sai lầm kinh khủng lắm.

Ví dụ như có người nói: “Nhặt rau mà không bỏ cọng non, còn hơn là tụng kinh điển”. Nói như vậy là không đúng. Tại vì sao? Tại vì tụng kinh điển tốt hơn chứ, còn mấy chuyện đó là chuyện thế gian, có đáng gì đâu. Quý vị thấy, nếu theo kinh Phật thì khi nào chúng sanh tu có phước, tu tốt, thì tự nhiên đầy đủ cây trái, hoa quả, đầy đủ mọi thứ. Còn chúng sanh không có phước thì tự nhiên những thứ đó ẩn mất. Tiết kiệm gì được, có tiết kiệm cũng không được. Quý vị hiểu như vậy!

Cho nên nhân quả của đạo Phật khác với nhân quả của thế gian rất nhiều. Quý vị coi đi, lục Đại tạng kinh đi, coi kinh điển của Phật dạy, đức Phật có bao giờ cực đoan như vậy đâu. Đức Phật luôn luôn nói nghe kinh, nghe pháp quan trọng, tụng kinh, tụng pháp quan trọng. Chúng ta đã thấy có câu chuyện trong Tích

Truyện Pháp Cú, có 500 con dơi ở bên trong hang động, nghe hai vị Tỳ-kheo tụng kinh thôi, mà sau khi chết chúng được sanh về cõi Trời nữa kìa. Cho nên giá trị của tụng kinh, nghe kinh, mặc dù chúng không hiểu kinh mà còn được lợi ích như thế, còn mình thì nói ngược.

Cho nên chúng ta phải học giáo lý từ chánh kinh, chứ không, đời sau có những người đưa ra, họ nói nhiều khi hay lắm, nhưng họ đánh vào tâm lý, nào là tiếc phước, tâm lý thế này thế kia, là mình bị gục ngay. Nào là tâm lý về gia đình, tâm lý này, tâm lý kia, là tiêu đó nha quý vị. Quý vị hãy học theo chánh kinh của Phật pháp, đừng có dại, đừng có dễ vui mà nghe theo những người đời sau.

Đạo Phật khác Đạo gia, Đạo gia chỉ đưa người lên các cõi Trời v.v… thôi. Và quý vị nên nhớ, khổ hạnh của ngoại đạo ở Ấn Độ còn hơn Phật nữa. Nhưng quý vị thấy có những người tu ghê gớm, mà đức Phật nói họ khổ hạnh để làm gì? Quý vị coi trong Kinh Trung Bộ, Kinh Trung A Hàm, Kinh Trường A Hàm, Kinh Trường Bộ, quý vị thấy có những người ngoại đạo tu khổ hạnh tới, rồi hỏi đức Phật: Con [tu theo] ngoại đạo, nếu tu khổ hạnh như vậy, ép xác như vậy, để giải quyết vấn đề gì đó... giống như nghiệp có thể tiêu trừ không? Vì con chịu khổ như vậy mà. Nào là nằm trên gai, nào là v.v.. thì con sẽ được tiêu trừ nghiệp xưa. Cho nên sau khi chết, con sẽ được sanh lên cõi tốt lành, con sẽ sanh về trời Phạm thiên v.v…

Đức Phật có nói như vậy không? Đức Phật nói: Không có chuyện đó. Ông làm khổ cho lắm vô, nào là nằm gai nào thế này, thế kia, đứng một chân, phơi nắng... đời này thọ khổ rồi cuối cùng đời sau đọa tiếp, khổ tiếp.

Quý vị nghe cho kỹ, chịu khó nghe trong kinh đi, [khổ đời này] rồi đời sau khổ tiếp. Tại vì đó là do mình tạo ra, không phải là tiêu nghiệp được. Tiêu nghiệp là nghiệp đó trổ ra, rồi nó bớt. Mà thật ra cũng không có khái niệm tiêu nghiệp. Quý vị coi lại trong kinh, đức Phật nói, có những câu chuyện ví dụ như chuyện của ngài Mục Kiền Liên, ngài tạo ra có một nghiệp thôi, là nghiệp hại cha mẹ trong đời quá khứ, mà 500 đời ngài bị người ta đánh chết. Tức là nghiệp đó khi trổ rồi thì sẽ trổ hoài, không phải trổ một lần. Cho nên cẩn thận! Sợ lắm! Vì vậy, theo Vi Diệu Pháp chúng ta muốn tu hành cho tốt, muốn đỡ khổ, thì mình phải chặn duyên, phải trừ duyên, phải tránh duyên, để khỏi khổ.

Tránh duyên là thế nào? Đầu tiên là tránh trong tâm, tránh hoàn cảnh không

được thì tránh trong tâm. Cho nên có đồng tu mới nói với Thiện Trang là tại sao con khổ lắm, có phải con tu không có phước báo hay không? Thiện Trang nói không phải tu không có phước báo, mà là do tâm mình không tốt. Tâm mình dao động, hoang mang, nghĩ toàn chuyện xấu. Theo Vi Diệu Pháp, khi tâm chúng ta hoang mang, dao động, nghĩ những việc không tốt, nghĩ những việc bất thiện, nghĩ chuyện xấu. Bây giờ người ta gọi là tâm yếu đuối, hay gọi là tâm trầm cảm, những tâm đó đang nghĩ vậy, thì khả năng tạo duyên, tạo điều kiện tốt cho những quả bất thiện của đời quá khứ trổ. Nó đã trổ rồi thì sẽ tiếp tục trổ nữa, tại vì mình đang buồn, đang sợ, đang khổ, đang càng lo âu, càng sợ bao nhiêu thì nó tiếp tục trổ nữa. Nó là duyên vậy mà, nên dòng đó cứ chạy, chạy, chạy như vậy, có khi khổ đến chết luôn. Quý vị phải cẩn thận điều đó.

Mình muốn thoát khổ là gì? Là phải sống an lạc, phải sống tự tại, tâm phải tốt đẹp, nghĩ thiện, dùng tâm thiện nghĩ tốt lành v.v… thì tự nhiên hết, dừng duyên đó thì bắt đầu trổ quả thiện, trổ quả lành. Bởi vì vô lượng kiếp đời quá khứ mình tạo rất nhiều nghiệp, vừa nghiệp tốt, vừa nghiệp không tốt, nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, thì có khả năng cho quả, nếu nghiệp nào đủ duyên thì cho quả. Vậy thì chúng ta hãy làm sao để duyên đó hiện ra.

Cho nên khác nha! Học Vi Diệu Pháp rồi, học Phật pháp rồi, chúng ta thấy khác thế gian lắm. Nhiều người không biết thì cứ đâm đầu vào khổ. Ở đây, khổ là do thọ dụng nên được đoạn trừ, cho nên là biết cách thọ dụng nha. Cho nên chúng ta học cho rõ ràng, càng học thì chúng ta càng sáng tỏ.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên (tức là mình phải chuyển tâm)**. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các Lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.**

Hôm nay rất rõ rồi nha! Như vậy nhớ là khi mình thọ dụng cái gì, thì mình nghĩ đều là để tu hành, để giải thoát.

4. Các Lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.

Ở đây thì đúng rồi, ráng nhẫn đi, đôi khi phải chịu. Ai không kham nhẫn

được thì cũng ráng kham nhẫn, vì cảnh tới rồi thì không tránh được.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các Lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lị phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, thì các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, thì các Lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các Lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.

Cho nên ai mà không kham nhẫn được [thì] cũng ráng kham nhẫn nha! Bây giờ đâu có tránh được, trời đang lạnh [mà chuyển sang] nóng, bây giờ mùa hè thì phải chịu thôi. Đói khát, rồi bị ruồi đậu, bị muỗi cắn, [bị] sức nóng mặt trời, các loại rắn, rết, bò sát v.v… Rồi kham nhẫn trước lời chửi v.v… Nói chung thân thể mình đói khát, đau bệnh gì mình cũng chịu [được], thì các Phiền não hết. Còn nếu không kham nhẫn thì các Phiền não tiếp tục [khởi] lên.

Đoạn này chính là đoạn vừa rồi Thiện Trang mới nói, nếu quý vị nhẫn được, tức là kham nhẫn (#kham là kham chịu; #nhẫn là chịu đựng được), có nghĩa là khi đó mình vẫn đau, mình bị gì đó mà vẫn cảm thấy bình thường, thì tâm tốt, tâm thiện, tâm lành khởi lên, lại [là] cơ hội để cho những quả thiện tới, mai mốt mình học lộ trình tâm thì rõ ràng lắm. Như vậy quả thiện tới thì tự nhiên các Phiền não cũng hết, mà lại vừa có quả thiện xuất hiện. Còn nếu lúc đó mà mình chịu kham nhẫn không nổi, mình khó chịu, bực bội, v.v… là tâm xấu khởi lên. Tâm xấu khởi lên thì [là] cơ hội để các quả xấu trổ tiếp, nên lại Phiền não tiếp. Quý vị hiểu không ạ? Cho nên đức Phật dạy hay lắm! Rất là tuyệt vời! Mà mình học môn Vi Diệu Pháp, môn A Tỳ Đàm này thì rất dễ hiểu. Hiểu rồi thì ráng tu nha!

Cho nên ai mà chưa nhẫn được thì phải nhẫn, tại vì sao? Có những điều phải nhẫn, và đây là những điều này phải nhẫn, tránh không được thì nhẫn thôi. [Giống như] thời tiết bây giờ nóng, di chuyển chỗ ở không được thì phải ráng chịu, còn không [chịu] được thì dùng quạt cho bớt nóng, để thọ dụng được đoạn

trừ, không thọ dụng được thì ráng kham nhẫn thôi. Cho nên phải do kham nhẫn mới [được] đoạn trừ, không có cách nào khác. Nên là ai chưa kham nhẫn được thì phải kham nhẫn.

5.Các Lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ

[Phải] tránh né nha! Điều nào tránh được thì tránh, chứ không phải mình cứ đâm đầu vào đó.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các Lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn độc ác ấy.

Quý vị thấy không ạ? Đức Phật đâu có bảo mình xông vô đâu. Chỗ nào mà có voi dữ, bò dữ, rắn dữ, chó dữ, gai góc, cây cối, vực sâu, núi gì đó… né được thì né hết đi. Rồi bạn bè ác độc cũng né luôn, đừng giao du. Quý vị thấy [đều phải] né hết, chỗ nào không xứng đáng thì tránh hết, [đức Phật] đâu có bảo mình nhào vô đâu. Quý vị thấy hay không ạ? Đức Phật rất là tuyệt vời! Có những Phiền não phải do tránh né mới được đoạn trừ, quý vị vô đó thì làm sao [chịu] nổi. Vậy cho nên là phải tránh duyên.

Quý vị thấy, có nhiều đồng tu Tịnh Độ thấy tội lắm, [ở trong] gia đình bị chồng gây khó khăn quá trời, nhưng sợ ly hôn đọa Địa ngục, tại nghe người ta nói vậy rồi cũng sợ, không dám tránh né. Cho nên đâu có đoạn trừ được, suốt ngày sân, sân rồi người ta cũng tạo nghiệp, mình cũng tạo nghiệp. Người ta thì tạo nghiệp phỉ báng Tam Bảo, cản ngăn người tu hành, mình thì tạo nghiệp sân hận, khó chịu, v.v… [Nên] tu không được, rồi mai mốt cùng dẫn nhau đi vào ác đạo. Như vậy có tốt, có lợi ích gì đâu đúng không ạ?

Cho nên nhiều khi học Phật pháp phải hiểu, học không hiểu, tri kiến không đủ thì khó lắm. Cho nên điều nào né được thì né nha! Đức Phật khuyên [phải] né.

Nói chung cách thứ 5 [là] né được thì né.

Điều thứ 6 là gì? Thiện Trang xin không đọc hết nguyên văn, quý vị về có thể tạm dừng video [để] coi lại.

6. Các Lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ

Tỷ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (dục niệm ấy); không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (sân niệm ấy); không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (hại niệm ấy); không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (các ác bất thiện pháp ấy).

Điều này thì dễ đúng không? Chúng ta tu Tứ niệm xứ thì chúng ta thấy tâm tham khởi lên, tâm sân khởi lên, tâm muốn hại, tâm làm bất thiện nào [thì] mình dừng lại hết. Đó là phải do trừ diệt được đoạn trừ.

Đoạn sau cũng lặp lại như vậy, chỉ đổi ý thôi, nên cũng dễ dàng hiểu được. Ở đây nhớ là tu Tứ niệm xứ thì chắc chắn làm được điều này.

7. Các Lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ

Có nghĩa là 6 cách trên đều phải tu hết rồi, nhưng cách thứ 7 này cũng phải tu nữa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các Lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tu tập Niệm giác chi (bây giờ phải tu Thất giác chi. Tức là phải tu Niệm giác chi, chúng ta học rồi, là phải nắm bắt được cảnh, nhớ cảnh)**, niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; như lý giác sát tu tập Trạch pháp Giác chi...; như lý giác sát tu tập Tinh tấn Giác chi...; như lý giác sát tu tập Hỷ giác chi...; như lý giác sát tu tập Khinh an Giác chi...; như lý giác sát tu tập Định giác chi...; như lý giác sát tu tập Xả giác chi, Xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.**

Tương tự, tu Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an

Giác chi, Định giác chi Xả giác chi. [Tu] được như vậy thì cuối cùng Phiền não được đoạn trừ. Điều đó thì phải tu tập.

Điều này quan trọng lắm quý vị, Thất giác chi cực kỳ quan trọng. Thiện Trang có chia sẻ nhiều rồi, nhưng có nhiều người chưa nghe, đó là mình phải biết tu. Chúng ta đã học bài Thất giác chi rồi, khi nào tâm thế nào thì tu giác chi nào. Ví dụ trời mùa này nóng quá, quý vị thấy nóng quá, thân thể mình khó chịu thì quý vị tu Thiền không được, tu Thiền quán, Thiền chỉ gì cũng không được hết, thì quý vị phải tu Khinh an giác chi. Bằng cách nào? Bằng cách đi tắm rửa, kiếm nơi nào mát mẻ cho nhẹ nhàng, thân khinh an, thì khi đó dễ tu hơn đúng không? Còn mùa đông lạnh quá, quý vị [mà] lạnh thì cũng phải sưởi ấm, cho nên quan trọng. Đó là thân khinh an, Khinh an Giác chi thôi đó.

Và mình biết khi tâm mình đang trạo cử, đang rạo rực thì phải tu bốn giác chi nào? Đó là phải [tu] Khinh an Giác chi, Định giác chi, Xả giác chi đúng không? Xả là sao? Là mình buông hết xuống, buông có nghĩa là mình đừng có giữ pháp ác, đừng có giữ pháp thiện trong tâm, đừng có nghĩ gì hết, nghe pháp cũng không. Ví dụ như quý vị đi dạo, quý vị ra [ngoài], ngắm sông, ngắm biển, ngắm cảnh gì đó cho nhẹ nhàng, đó cũng là tu Xả giác chi.

Và chúng ta phải tu Khinh an Giác chi, thì hồi nãy nói rồi. Còn Định giác chi, lúc đó quý vị tu định cho nhẹ nhàng, ra ngoài [gặp] cảnh nào đó dễ chịu. Cho nên nhiều người ngồi trong nhà Thiền định, thiền hoài không được là vì sao? Vì ngồi trong nhà bức bách quá, khó chịu quá, đặc biệt mùa này [là] mùa nóng, mùa hè. Mà nóng quá thì quý vị sẽ không tu được, quý vị phải ra ngoài cho dễ chịu, cho nên phải khéo biết. Điều đó là mình phải biết, [tu] Khinh an giác chi, Xả giác chi, Định giác chi, và lúc nào cũng phải có Niệm giác chi. Niệm giác chi dùng trong cả hai trường hợp.

Còn khi nào tâm mình đang buồn ngủ, đang yếu đuối tức là do dự, buồn ngủ, đơ đơ thì mình phải tu Tinh tấn Giác chi, Hỉ giác chi và Trạch pháp Giác chi. Trạch pháp Giác chi là gì? Là phải lựa chọn các pháp, pháp nào thiện, pháp nào ác thì mình phải lựa chọn. Mình hãy ráng suy nghĩ, tức là mình phải làm cho Tâm sở Tầm mạnh lên, để tránh buồn ngủ. Mình đang ngồi Thiền mà buồn ngủ quá thì đứng dậy đi lại, rửa mặt, v.v… Niệm giác chi là phải có rồi, Niệm giác chi áp

dụng cả cho trường hợp này.

Tinh tấn Giác chi là siêng năng thực hành pháp được chọn đó (Trạch pháp giác chi).

Còn điều nữa là Hỉ giác chi, tức là làm cho tâm mình vui lên, muốn vui thì rửa mặt cũng là một cách giúp cho cảm giác an lạc, dễ chịu. Rồi nghĩ đến chuyện gì vui, nghĩ đến niệm pháp, mình học thế nào, mình được lợi ích thế nào, v.v… nghĩ đến sau này mình sẽ đắc đạo, nghĩ đến như vậy thì tâm mình sẽ khởi lên Hỉ giác chi. Nghĩ là sau này mình được sanh lên trời Phạm thiên để mình tu tập tiếp, mình gặp được đức Phật Di Lặc để được đắc đạo, v.v… Mình nghĩ như vậy để có hỉ, thì sẽ trừ được tâm yếu đuối, và lúc đó mình tu như vậy. Hoặc mình nghe pháp để cho tâm mình hoan hỉ lên, đó cũng là Hỉ giác chi, rõ ràng như vậy nha.

Cho nên là bốn điều giác chi trong hai trường hợp, tại vì Niệm giác chi áp dụng cả hai [trường hợp] thì thành bảy. Quý vị cứ nhớ như vậy [để] áp dụng thực hành, nên Thất giác chi cực kỳ quan trọng. Cách cuối cùng là tu tập, thì ở đây đức Phật đưa ra tu tập Thất giác chi.

Điều cuối cùng ở đây là đức Phật tổng kết lại thôi. Quý vị có thể coi bài kinh này trong Kinh Trung Bộ, Thiện Trang tóm tắt lại như vậy thôi, chứ lặp đi lặp lại nhiều quý vị sẽ ngán. Đoạn kết luận như sau:

(Kết luận):

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo những Lậu hoặc nào phải do tri kiến được đoạn trừ đã được tri kiến đoạn trừ, những Lậu hoặc nào phải do phòng hộ được đoạn trừ đã được phòng hộ đoạn trừ, những Lậu hoặc nào phải do thọ dụng được đoạn trừ đã được thọ dụng đoạn trừ, những Lậu hoặc nào phải do kham nhẫn được đoạn trừ đã được kham nhẫn đoạn trừ, những Lậu hoặc nào phải do tránh né được đoạn trừ đã được tránh né đoạn trừ, những Lậu hoặc nào phải do trừ diệt được đoạn trừ đã được trừ diệt đoạn trừ, những Lậu hoặc nào phải do tu tập được đoạn trừ đã được tu tập đoạn trừ; này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã sống phòng hộ với sự phòng hộ tất cả lậu hoặc, đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly Kiết sử, đã chánh quán[1] kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

(Kinh Số 2- Kinh Tất Cả Lậu hoặc (Sabbāsavasutta) – Kinh Trung Bộ).

Như vậy cuối cùng sẽ được thoát ly khỏi Kiết sử, phòng hộ tất cả các Lậu hoặc, đã được đoạn diệt khát ái, đã thoát ly Kiết sử, đã chánh quán kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau. Cuối cùng cũng chứng quả thôi, nếu mà tu như vậy.

Ở đây Thiện Trang tóm tắt 7 phương pháp đoạn trừ Lậu hoặc (Phiền não) theo Kinh Tất Cả Lậu Hoặc của Kinh Trung Bộ, quý vị chỉ cần nhớ 7 điều này thôi.

Tóm tắt 7 phương pháp đoạn trừ Lậu hoặc (Phiền não) theo Kinh Tất Cả Lậu Hoặc – Kinh Trung Bộ	
1. Phải do tri kiến	**2. Phải do phòng hộ**
3. Phải do thọ dụng	**4. Phải do kham nhẫn**
5. Phải do tránh né	**6.Phải do trừ diệt**
7.Phải do tu tập	

1. Phải do tri kiến: là mình phải học tập

2. Phải do phòng hộ: là mình phải giữ gìn các căn.

3. Phải do thọ dụng: thọ dụng đúng cách tức là mình nghĩ việc thọ dụng nào cũng để giúp cho mình tu hành hết.

4. Phải do kham nhẫn: ai không kham nhẫn được thì ráng kham nhẫn.

5. Phải do tránh né: né được cái nào thì né, người ác quá, người sân quá, người gì đó không tốt, né được thì né hết.

6. Phải do trừ diệt: trừ diệt tức là tâm tham khởi lên thì đừng cho tham nữa, nghỉ đi, dừng đi. Tâm sân cũng vậy, tâm xấu gì khởi lên thì mình dừng hết.

7. Phải do tu tập: cuối cùng là Thất giác chi, là phải do tu tập.

Hôm nay Thiện Trang đã nói rõ rồi, quý vị nhớ giùm [7] điều này, Thiện Trang đánh thêm từng mục là tu [pháp] gì, như vậy là rất rõ ràng. Quý vị thấy những điều này cực kỳ quan trọng đúng không? Cho nên chúng ta học [thì sẽ] có giá trị lợi ích.

Bây giờ chúng ta trở lại phần Tâm trong A Tỳ Đàm (Vi Diệu Pháp), phần vừa rồi là phần Kinh tạng.

Tâm	Cảm giác (thọ)	Hợp tác	Tác động
Tham	Hỉ	Hợp tà	Vô trợ
Tham	Hỉ	Hợp tà	Hữu trợ
Tham	Hỉ	Ly tà	Vô trợ
Tham	Hỉ	Ly tà	Hữu trợ
Tham	Xả	Hợp tà	Vô trợ
Tham	Xả	Hợp tà	Hữu trợ
Tham	Xả	Ly tà	Vô trợ
Tham	Xả	Ly tà	Hữu trợ

Hôm bữa chúng ta đã học tới phần về Tâm tham, Tâm tham có 8 tâm. Chúng ta xét về cảm thọ thì có 2 loại thôi là: Hỉ và Xả. Tâm tham thọ hỉ và Tâm tham thọ xả. Về hợp tác, [thì có hợp] với Tà kiến hay không hợp Tà kiến, thì có 4 bốn

trường hợp, bình thường là 2 thôi (2 thành 4). Rồi có tác động của trợ hay vô trợ (hữu trợ hay vô trợ), thì chia ra, nên thành ra có 8 Tâm tham. Bắt đầu từ Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, vô trợ đến Tâm tham thọ xả, ly Tà kiến, hữu trợ. Chúng ta nhớ như thế! Rồi nhân của mấy điều này thì mình học rồi, bữa nay mình học phần tiếp:

+Nhân trợ sanh vô trợ có 6: tức là để có hữu trợ hay vô trợ.

Quý vị còn nhớ hữu trợ hay vô trợ không? Hữu trợ có hai trường hợp: Hoặc là tâm mình phải suy xét vấn đề đó, suy đi tính lại. Ví dụ mình muốn ăn món đó, vì thấy ngon quá, mình biết món đó ăn ngon, nhưng mình suy nghĩ thấy tham rồi đó, [nên] nghĩ tới nghĩ lui rồi mới ăn, thì đó là Tâm tham, thường là thọ hỉ. Lúc ăn mà mình có suy xét về nhân quả thiện ác gì đó, thì đó là ly Tà kiến và lúc đó có hữu trợ. Hoặc cũng như vậy, nhưng thay vì mình suy xét, thì nghe người ta nói ăn đi ăn đi, không sao đâu, ăn món này không có ảnh hưởng gì về nhân quả gì đâu v.v… ăn món này để ta thành đạo, ăn để có sức khỏe, để tu tập tốt. Như vậy, mình ăn với Tâm tham [cộng] với sự giúp đỡ của người ta khuyến tấn như vậy. Bởi vì mình tham, mình thấy ngon mà, thì là Tâm tham thọ hỉ, Ly tà (tức là rời khỏi Tà kiến rồi, vì mình có nhận định về nhân quả nghiệp báo), và có trợ.

Còn không có trợ là mình vô, mình thấy đồ ăn là cứ ăn một mạch thôi, ăn ngon nên ăn ào ào. Đó là Tâm tham thọ hỉ và hợp Tà kiến (tại vì mình không có suy nghĩ gì về nhân quả hết, nên là hợp Tà kiến), và vô trợ. Đấy thì chúng ta nhớ bài trước chưa? Có bấy nhiêu đó thôi, có 8 tâm thôi.

Bây giờ nói về vô trợ, thì có 6 nhân để trợ sanh cho vô trợ (tức là hỗ trợ cho vô trợ). Chữ 'trợ' ở đây có hai chữ, nên bị lặp từ, thì chúng ta hiểu trợ là giúp đỡ, giúp đỡ cho vô trợ.

1. Tái tục bằng nghiệp vô trợ: tức là mình đầu thai bằng nghiệp này, cho nên nếu ai đầu thai bằng nghiệp này thì cũng dễ [được] vô trợ luôn. Những người mà đầu thai bằng nghiệp vô trợ, tức là đời trước, trong giai đoạn tạo tâm thì mình tạo bằng tâm vô trợ, thì người đó không cần gì hết, họ làm gì cũng làm vèo vèo, nhanh lắm, khỏi cần phải suy xét gì hết. Đó là họ đầu thai bằng nghiệp vô trợ. Đâu cần suy xét gì đâu, vô thấy ăn là ăn thôi, không có suy xét gì hết, không cần đắn đo gì cả. Đó gọi là tái tục bằng nghiệp vô trợ.

2. Thân tâm mạnh mẽ: có những người thân tâm mạnh mẽ lắm, cho nên làm gì cũng làm ầm ầm, giải quyết rất là nhanh, không cần phải đắn đo, suy đi tính lại. Giống như tâm tham, họ ăn cũng như vậy. Hoặc là mua cái gì thì cũng dứt khoát, vèo vèo là xong.

Vậy thì điều này tốt nha! Xét về phương diện nghiệp trợ với vô trợ, thì quý vị thấy nghiệp trợ không tốt bằng vô trợ, tại sao? Tại vì nghiệp vô trợ thì sẽ cho quả nhanh hơn, tốt hơn. Giống như quý vị cúng dường chẳng hạn, quý vị làm phước, hay làm gì đó mà suy tới suy lui, xét tới xét lui, có nên hay không nên không, rồi một hồi mới làm. Hoặc là phải có sự khuyến tấn của người khác thì mới làm, v.v... thì nghiệp đó không mạnh và cho quả cũng không mạnh. Cho nên đời sau mình cứ đơ đơ, chậm chạp, làm gì cũng không có dứt khoát, cứ suy đi tính lại, [tính] tới [tính] lui gì đó, thì đó là có trợ. Cho nên vô trợ tốt, còn có trợ thì không tốt. Cho nên ở đây mới đưa ra là 6 nhân để trợ sanh vô trợ.

Cho nên mình làm việc gì thì cố gắng mạnh mẽ lên, giải quyết cho nhanh. Thiện Trang hình như có điều này. Thiện Trang làm gì cũng nhanh lắm, giải quyết nhanh. Ví dụ như mua món đồ gì đó, thì Thiện Trang ra coi món đó, coi nhanh rồi mua thôi, không cần phải suy xét. Còn có nhiều người, họ có tính là phải tính đi tính lại, mặc dù cái đó không có đáng gì nhưng cứ coi tới coi lui, mất thời gian. Còn đối với Thiện Trang thì mấy việc đó không cần thiết, chẳng hạn. Mình thấy điều đó cũng là tạo ra nghiệp trợ hay vô trợ đó.

3. Đa nhẫn nại: những người mà nhẫn nại tốt thì lại tạo ra nghiệp vô trợ.

4. Từng thấy nghe kết quả của người khác: điều này thì rõ ràng hơn. Có nghĩa là có những trường hợp mình thấy kết quả của người khác rồi, biết người ta làm việc đó ra kết quả tốt. Ví dụ như đi học, thấy đứa hàng xóm đi học, mai mốt họ thành đạt rồi, cho nên mình cứ theo đi học thôi. Hoặc mình thấy người kia từ khi tu tập Thiền chỉ, [được] Thiện Trang hướng dẫn, thì có kết quả là mặt mày sáng ra, tâm được định tĩnh, hiền hòa hơn, lanh lẹ hơn v.v... Mình thấy như vậy nên mình tu ầm ầm, không suy xét. Còn người mà suy xét tới suy xét lui rồi mà cũng chưa tu nữa. Người ta thì tu từ đời nào rồi, còn bây giờ mình chưa tu, mình theo không kịp.

Quý vị thấy không? Đó là hữu trợ với vô trợ đó. [Vì] hữu trợ nên chậm mất

rồi, người ta tu thành công rồi. Còn mình vô rồi mình bị áp lực, mình tu mãi không theo kịp. Còn người ta dứt khoát. Có thể là người đó, đời trước đi đầu thai bằng nghiệp vô trợ, cho nên họ làm nhanh chóng. Còn mình [nghĩ] tới lui vẫn chưa làm. Đấy là nguyên nhân.

5. Thuần thục việc làm: tức là việc nào mà thành thục rồi thì tự nhiên không cần phải suy xét, coi đi tính lại, hay không [cần] ai khuyên gì hết, cứ thế mà họ làm ào ào. [Vì] là thành thục rồi, tức là nhuần nhuyễn rồi.

6. Vật thực, khí hậu thích hợp: điều này cũng có liên quan đến đồ ăn và khí hậu phải phù hợp. Ví dụ như bây giờ mình thấy đồ ăn ngon quá, thì tất nhiên mình ăn liền thôi, không cần phải suy xét đúng không? Nhưng đồ ăn ở Việt Nam, khi dọn lên thì mình có cảm giác là đồ giả không à, đồ có thuốc hay gì đó, thì bắt đầu tâm đó là có trợ rồi.

Cho nên vật thực quan trọng. Đồ ăn ở nhà mình làm hoặc mẹ mình làm, trong vườn đem ra, thì chắc chắn là ăn nhiều rồi, khỏi phải suy nghĩ đúng không? Đó gọi là Tâm tham thọ hỉ, có thể là hợp tà hay ly tà, vô trợ. Nhưng đi tới nhà bạn, nghe nói là đồ ăn mua ở ngoài chợ về là mình thấy sợ sợ rồi, [nghĩ] chắc đồ này nhúng thuốc, trái sầu riêng này có thuốc v.v... Nghĩ cái này có thuốc, cái kia có thuốc nên sợ, cho nên lúc đó là có trợ, chứ không có vô trợ được.

Về khí hậu thích hợp cũng tương tự như vậy. Ví dụ khí hậu đang nóng quá, thì tất nhiên mình cũng không muốn ăn nhiều đúng không? Mà khí hậu mát mát, thấy lạnh lạnh thì nghĩ là: "Thôi ăn cho ấm". Cũng vậy, mình cũng có trợ và vô trợ là như thế.

Rồi nhân trợ sanh cho hữu trợ có 6. Ngược lại với ở trên là vô trợ, thì dưới đây là hữu trợ.

+Nhân trợ sanh hữu trợ có 6:

1. Tái tục bằng tâm hữu trợ (hay nghiệp hữu trợ): Cũng giống như trên! Nếu mình tái tục bằng tâm có trợ thì đời này [làm gì] cũng chầm chậm, việc gì mà [cần] đưa ra quyết định thì cũng chậm hết.

2. Thân tâm yếu: Những người hay sợ hãi thì thân tâm [yếu]. Việc gì cũng

suy tới suy lui, quyết định tới, quyết định lui, không bao giờ dứt khoát hết. Chính vì vậy không có thành công, ở đời thường ít thành công. Nói về Phật pháp tu hành, thì nghiệp đó không tốt, không tạo ra những tâm tốt, phước báo không lớn. Quý vị nhớ điều này nha! Có nhiều người tâm yếu lắm, làm việc gì cũng suy đi tính lại, không biết nên như thế nào v.v... không dứt khoát. Cho nên phải cần dứt khoát.

3. Không hay nhẫn nại

4. Không từng thấy, nghe kết quả của người khác: Mình chưa thấy kết quả ai tu tập hết cho nên nghi ngờ, cho nên mình cứ suy đi tính lại. Hoặc là mình thấy, giống như các đồng tu muốn ra nước ngoài, muốn đi xuất khẩu lao động chẳng hạn, nhưng chưa thấy ai đi hết, trong xóm mình trong làng mình, trong xã mình chưa thấy ai đi thành công hết, cho nên không biết việc đó thế nào. Nhưng nếu thấy đồng tu này đi thành công rồi, hoặc là hàng xóm của mình đi thành công rồi, v.v... thì mình đâu cần suy xét nữa, thế là họ vô trợ là được đúng không?

5. Không thuần thục việc làm: việc gì mà mình chưa biết thì tự nhiên phải suy đi tính lại, phải suy nghĩ thôi. Còn nếu thuần thục việc làm rồi, thì việc đó cứ thế mà làm đúng không? Đâu cần suy nghĩ đâu, cứ vô là làm ầm ầm thôi.

Tu Thiền cũng vậy, nếu mình tu Thiền ở mức độ nhuần nhuyễn, tu Thiền quán hay Thiền chỉ mà nhuần nhuyễn, thì mình vô mình cũng tu ầm ầm thôi, mình đâu cần phải suy xét gì đâu. Mình tu tới đâu thì mình biết sẽ xảy ra tình huống gì. Học pháp cũng vậy, nếu mình học pháp một cách nhuần nhuyễn thì mình cũng học pháp nhẹ nhàng. Cho nên do là không nhuần nhuyễn thì mình phải cần có hữu trợ, phải có người khác giúp đỡ.

6. Vật thực, khí hậu không thích hợp: Cũng tương tự, như hồi nãy Thiện Trang đã phân tích rồi. Vật thực mà không thích hợp thì tự nhiên mình suy nghĩ tới lui: Món ăn này lạ quá! Không biết ăn có đau bụng không? Không biết có thuốc không? v.v... Rồi người kia mới nói: Không sao đâu! Món này ăn tốt đó v.v... Đó là phải có hữu trợ.

Về khí hậu cũng vậy, khí hậu không thích hợp. Ví dụ như bây giờ đang nóng quá, mình cảm thấy món này ăn vô sẽ nóng thêm, người nóng bức quá. Đó là

mình suy nghĩ. Nhưng nếu đúng món ăn đó, mà hậu khí hậu phù hợp thì ăn được, ok.

Chúng ta đã học qua phần này rồi. Hôm bữa là học hết về Tâm tham rồi. Hôm nay Thiện Trang xin giới thiệu cho quý vị Tâm sân. Bây giờ mình học thêm về Tâm sân. Ở đây chúng ta có mấy Tâm sân, hôm nay chúng ta cố gắng học.

a2. Tâm sân (*Dosa-mūla Citta):* Có 2

Chúng ta chia tâm ở Dục giới, Tâm tham thì có 8, còn Tâm sân thì có 2.

+Định nghĩa: Gọi là 'Tâm sân' (hay Tâm căn sân) vì khi tâm này phát sanh có 'Tâm sở sân' làm căn, làm gốc. (Định nghĩa đơn giản là Tâm sân thì có Tâm sở Sân (chúng ta học Tâm sở Sân rồi) làm căn, làm gốc). **Sân là giận, buồn, rầu hoặc khóc lóc v.v...**

Tâm sân (Dosa-mūla citta) là loại tâm phát sinh với gốc rễ là **sân hận**, tức là **sự không hài lòng, phẫn nộ, thù ghét, khó chịu, hoặc bực tức** đối với đối tượng. Đây là loại tâm đưa đến **hành động và lời nói ác**, làm tổn hại bản thân và người khác.

Điều này là chúng ta ôn lại thôi, tại vì giống như Tâm sở vậy đó, cũng được định nghĩa đơn giản. Quý vị thấy không? Với gốc rễ là sân hận, tức là không hài lòng. Khi nào quý vị có không hài lòng, thì là sân rồi đó. Phẫn nộ, thù ghét ai là sân đó nha, khó chịu là sân rồi đó, hoặc bực tức đối với người, đối với vật gì đó, nói chung là đối với đối tượng. Và điều này đưa đến hành động và lời nói ác. Tất nhiên từ tâm thì chuyển ra thành hành động, hành động thì có trên thân và khẩu (tức là miệng). Làm tổn hại chính mình, tổn hại bản thân tức là chính mình và người khác.

Cho nên đừng có tưởng sân không hại ai, sân ít nhất là hại mình, dù không có đối tượng, dù chỉ là cái bàn, cái ghế, cây bút, cái gì [mà] mình sân thì cũng hại. Quý vị nhớ giùm mấy chữ này nha: Sân là giận, là buồn rầu, là khóc lóc, là sự không hài lòng, là phẫn nộ, là thù ghét khó chịu hoặc bực tức. Quý vị nhớ mấy điều đó là quý vị biết mình đang sân. Nhiều người không học cho nên không biết, cứ kêu ôi tâm mình tốt lắm. Nhưng thật ra là đang thù ghét một ai đó, đang khó chịu với một ai đó, đang khó chịu với một cái gì đó. Ví dụ thời tiết

nóng quá, quý vị cảm thấy khó chịu là sân rồi nha.

Cho nên sân có nhiều [kiểu] sân lắm, đừng tưởng là không sân. Chỉ có Tam quả A-na-hàm mới hết sân thôi, còn phàm phu là sân hoài mà mình không biết. Cho nên mình tưởng là mình ngon thôi, chứ thực tế là mình sân nhiều lắm, đủ các thứ sân.

+Ý nghĩa Sân: **ưu, buồn, cảm thọ khổ thuộc về tâm, không hài lòng, tức giận.**

***Khuể, phẫn, ghét bỏ, căm ghét, tức là sân, phẫn tức là sân mà khác tên (như nói phẫn nộ).**

Có khi người ta dùng chữ 'khuể' thì cũng là sân thôi quý vị. Hay là phẫn tức là phẫn nộ, căm ghét, ghét bỏ ai tức là sân rồi đó. Cho nên nhiều khi nhắc tới người nào mà mình cảm thấy ghét người đó là mình sân rồi nha. Mình không muốn nghe, mình không muốn nói, không có gì đó là mình đang sân. Cho nên là cũng khó, không dễ đâu!

+Hai Tâm sân (tâm hợp phẫn nộ hay tương ưng phẫn nộ) (lúc nào nó cũng hợp với phẫn nộ, hay có khi dùng từ là tương ưng. Mình dùng chữ hợp đi cho ngắn, chữ tương ưng thì khó hiểu):

1. Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, vô trợ.

2. Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ.

Tâm sân thì lúc nào cũng hợp với phẫn nộ hết. Ở đây quý vị có thấy khác với hôm bữa không? Hồi bữa mình học Tâm tham, thì Tâm tham là thọ hỉ hoặc thọ xả. Còn ở đây là Tâm sân thì lúc nào cũng thọ ưu hết. Rồi về hợp, thì tâm tham là hợp tà hay không hợp tà, nhưng ở đây [Tâm sân] thì nói là hợp phẫn nộ, lúc nào cũng hợp phẫn nộ, chứ không có hợp Tà kiến chứ không hợp Tà kiến như Tâm tham. Và cũng có yếu tố vô trợ với hỗ trợ giống nhau. Tức là xét về ba phương diện: là thọ, rồi hợp với cái gì, và có trợ hay không có trợ.

Để hiểu điều này thì chúng ta nên tìm cách nhớ như thế này: Trong Vi Diệu Pháp có 5 loại thọ, mỗi loại thọ được xác định rất rõ, như chữ:

· **Dukkha = khổ về thân (physical pain)** (tức là nỗi khổ về thân vật lý).

· **Domanassa = ưu buồn về tâm (mental displeasure, sorrow)** cái này gọi là ưu, để phân biệt.

Điều này là chúng ta nói về khổ và ưu. Hôm nay chúng ta phải nên học kỹ hơn về chỗ này. Nói về 5 thọ thì Thiện Trang nói về 5 thọ trước. Trong Vi Diệu Pháp, thì mỗi loại tâm chỉ có thể đi kèm với 1 trong 5 thọ thôi, gồm: Thọ lạc, thọ khổ, thọ hỉ, thọ ưu và thọ xả. Chúng ta phải nói rõ hơn về 5 loại thọ này để quý vị hiểu.

1. **Lạc (sukha)** → chỉ có ở các **tâm ngũ song thức** (Ngũ căn: Nhãn thức, Nhĩ thức…).

Thọ lạc, trong Vi Diệu Pháp là cái gì đụng tới thân. Ví dụ như quý vị đang nóng, quý vị rưới chút nước lên thấy mát, dễ chịu. Quý vị thấy mát quá, mát quá, thì đó là thọ lạc. Tức là nó chạm vào thân luôn. Cho nên ở đây thọ lạc (sukha) chỉ có ở các tâm ngũ song thức (Ngũ căn: Nhãn thức, Nhĩ thức…). Ví dụ mắt mình thấy cảnh là bông hoa đẹp hay cái gì đẹp, v.v... cảnh đó như ý thì đó là đang vui, thọ lạc đó. Hoặc là tai nghe âm thanh đúng âm thanh mình ưa thích, thì đó là lạc. Hoặc là thân thể mình chạm thấy cái gì hay chỗ nào mềm mại, thấy dễ chịu, vui, đó là đang lạc. Đây là ngũ song thức thôi, tức là Ngũ căn. Chúng ta nên biết như vậy.

2. Khổ (dukkha) → chỉ có ở **Thân thức bất thiện.**

Cũng là năm yếu tố Ngũ căn này thôi, nhưng chúng bất thiện.

3. Hỷ (somanassa) → tâm dễ chịu về mặt **tâm ý** → gắn với **Tâm tham, thiện, Tâm đại thiện…**

Chúng ta chỉ cần hiểu ở đây là tâm dễ chịu, khi nào quý vị có tâm dễ chịu thì gọi là hỉ.

4. Ưu (domanassa) → tâm khó chịu về mặt tâm → gắn với si, bất mãn, phiền não.

Chúng ta học trong Vi Diệu Pháp, chúng ta thấy [thọ ưu] với tâm si, tâm bất

mãn, tâm phiền não. Bất mãn là sân, rồi phiền não.

5. Xả (upekkhā) → trạng thái trung lập, không vui không buồn.

Cho nên không vui không buồn thì gọi là xả. Còn vui thì có hai cái: Một là lạc, hai là hỉ. Lạc là đụng tới thân (tức là Ngũ căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân). Còn hỉ là nói về tâm. Cũng vậy, cái gì làm cho mình khó chịu, ví dụ mình đụng cái gì đó nóng quá, thì đó là khổ, đó thuộc về xúc. Hoặc là mình nghe âm thanh gì đó khó chịu quá, làm tai mình đau, đau tai, ù tai luôn, thì đó là khổ. Còn nếu là ưu là mình khó chịu về tâm. Ví dụ nghe bài nhạc đó, mặc dù bài nhạc đó hay đối với người ta, nhưng tại vì tâm mình không thích nghe nhạc, cho nên mình thấy khó chịu, thì đó là ưu. Mà ưu đó là sân. Quý vị hiểu rõ chưa ạ? Chúng ta phải hiểu như vậy thì chúng ta mới phân biệt được, chứ không thì không phân biệt được. Có 5 loại thọ này mà mình không hiểu thì mình không nắm được.

Ở đây, Thiện Trang xin giới thiệu một chút, để dễ nhớ, thì mình so sánh Tâm tham với Tâm sân.

Một cách hiểu dễ nhớ:

- **Tham thì mềm – sân thì cứng.** (Quý vị thấy không? Tham thì mềm, sân thì cứng, giống như cứng người lên).
- **Tham thì nhẹ – sân thì nặng.** (Tâm mình tham thì nhẹ nhàng, mà tâm mình sân thì nặng nề lắm. Quý vị thấy người ta [sân] thì nặng nề).
- **Tham kéo về – sân xua đuổi.** (Quý vị thấy giống như Tâm tham thì mình muốn lấy vô, mình ăn vô, mình muốn lấy về. Còn sân là mình muốn đẩy ra, không thích thứ đó, không muốn vật đó, không thích người đó, muốn tránh ra v.v... Cho nên là dễ nhận định được).

→ Tâm tham dễ chịu **về tâm**, nên **thọ hỷ.** (Rõ ràng chưa quý vị? Hôm bữa phân tích đó, Tâm tham tại sao thọ hỉ? Và Tâm tham tại sao thọ xả? Là khi tham đến mức độ trơ rồi, cũng ngon đó, nhưng không có quan trọng nữa, thì là thọ xả).

→ Tâm sân khó chịu (thọ ưu) **đến mức lan ra thân** (nên **thọ khổ).** (Tâm sân thì khó chịu, khó chịu nên là thọ ưu. Và không chỉ thọ ưu đâu, mà đến mức lan ra thân cho nên thọ khổ nữa).

Tại vì sao? Vì tâm sân, thật ra mình nói trên tâm thì là thọ ưu, nhưng còn gây ra thọ khổ nữa. Vì sân thì tự nhiên khó chịu, người bừng bừng lên, sân mà, sân mạnh lắm. [Sân] rõ ràng nhất là mặt mày đỏ bừng lên, đó là thân thể khó chịu, thì đó là thọ khổ. Có tài liệu người ta nói Tâm sân là thọ khổ. Quý vị hiểu đó là xét một cách chi tiết là như vậy.

Nhưng ở đây chúng ta đang nghiên cứu về tâm thôi. Nên Thiện Trang chỉ xét Tâm sân thì thuộc về thọ ưu, chứ thật ra cũng là thọ khổ luôn. Vừa thọ ưu, vừa thọ khổ. Tức là tâm thọ ưu và thân thọ khổ. Và có thể nói thọ khổ [cũng] được. Quý vị coi có một số tài liệu, một số bộ luận, người ta nói Tâm sân là thọ khổ, nhưng có một số tài liệu nói Tâm sân là thọ ưu. Ở đây chúng ta chọn đang xét về tâm thôi, nên nói là thọ ưu. Còn nếu nói rốt ráo thì thật ra lúc đó cũng là thọ khổ.

Và ở đây, bởi vì đụng tới điều này thì cũng xin nói lại vấn đề hôm trước về Tâm tham. Tâm tham, các đồng tu nói tâm tham là phải thọ lạc chứ sao lại thọ hỉ? Quý vị thấy ở đây, chúng ta phải nói thế này, chúng ta chưa học tới lộ trình tâm nên chúng ta chưa rõ. Nhưng thực tế nếu xét ra, khi Tâm tham thì thế nào? Ví dụ mình ăn đồ ăn, mình vừa tiếp xúc với đồ ăn, đưa vào trong miệng, nếu mình đang nhai thì lưỡi bắt hương vị, rồi có thể miệng tiếp xúc nữa. Nói chung là thân và thiệt đang làm chủ và bắt cảnh tạo cảm giác. Nhưng thật ra cảm giác ngon hay không ngon là đa số do lưỡi. Cho nên cảnh vị đó làm chủ và như vậy là thọ lạc đúng không ạ? Vì thân cảm thấy dễ chịu. Nhưng tại sao nói là thọ hỉ mà không nói thọ lạc?

Vì thật ra có nhiều sát-na tâm ở trong đó. Lúc đó nó đưa vào, thật ra tâm mình là tâm tham. Ở đây là Tâm tham thọ hỉ, vì lúc đó nó tạo ra cảm giác dễ chịu cho tâm. Cho nên người ta nhấn mạnh về tâm, thì nói thọ hỉ chứ không nói thân, thân thì có thọ lạc. [Khi] ăn thì cũng có cảm giác vui chứ, cảm giác dễ chịu. Hoặc là tâm mình tham, ví dụ mình tiếp xúc một vật gì, chẳng hạn mình đụng vào con gấu bông, thì mình cảm thấy êm êm, mềm mềm. Thì rõ ràng là thân thể thọ lạc chứ, nhưng lúc đó tham khởi lên. Vì sao? [Thân] cảm thọ lạc thì tâm tham khởi lên, Tâm tham thọ hỉ. Hoặc là mình chưa ăn, nhưng thấy món đó thôi là mình thấy thọ hỉ, là vui rồi. Hay là mình thấy con gấu bông đó là mình thấy dễ chịu.

Hoặc là có người nói tặng cho chiếc điện thoại iPhone mười mấy đó, thì mình mới nghe như vậy thôi là vui rồi, là Tâm tham thọ hỉ, [dù] chưa nhận được chiếc điện thoại. Hoặc là người ta đưa chiếc điện thoại, mắt mình thấy điện thoại thật rồi, như vậy cũng là Tâm tham. Nói về thân, thì mắt mình thấy chiếc điện thoại đúng đó rồi, là thọ lạc. Nhưng tâm mình vẫn là thọ hỉ thôi, [vì] dễ chịu tâm. Cho nên quý vị thấy mình học rất rõ ràng, đó là vấn đề đơn giản.

Tâm	**Cảm giác (thọ)**	**Hợp tác**	**Tác động**
Sân	Ưu	Hợp phẫn nộ	Vô trợ
Sân	Ưu	Hợp phẫn nộ	Hữu trợ

Ở đây chỉ có hai loại tâm thôi: Một là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ (tức là lúc nào đụng tới cũng phẫn nộ hết), và vô trợ. Đối với tác động là vô trợ. Thứ hai là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ và có trợ. Chúng ta hiểu hữu trợ, vô trợ rồi đúng không ạ?

Ở đây chắc chắn có người sẽ thắc mắc rằng: "Tại sao Tâm sân không bao giờ hợp tác với Tà kiến, tại sao không nói tới Tà kiến, hôm bữa [Tâm tham] có nói tới Tà kiến mà?"

****Lưu ý: Tâm sân không bao giờ hợp với Tà kiến (như Tâm tham), nên không nhắc tới.** Đó là lý do. Tại sao như vậy? Ở đây có giải thích.

****Tâm sân không hợp Tà kiến vì Tà kiến là sự sai lầm thuộc về tri kiến (nhận thức, lý luận)** (thuộc về nhân quả đó), **còn tâm sân là sự bộc phát của cảm xúc thù địch — không cần có quan điểm sai lầm** (về nhân quả) **để phát sinh**.

Nghĩa là lúc sân lên thì tâm bộc phát mạnh lắm và điều đó hợp phẫn nộ, chứ không có liên quan gì Tà kiến hay không Tà kiến. Cho nên không hợp tác với Tà kiến hay là ly Tà kiến, nên không nhắc tới, không đem Tà kiến vô đây, mà đem yếu tố quan trọng là hợp với phẫn nộ. Lúc đó là nó bộc phát, quý vị thấy sân thì biết mà, sân bộc phát đâu cần Tà kiến hay không Tà kiến nữa, cho nên không

quan trọng. Mà quan trọng là [Tâm sân] hợp với phẫn nộ, nên khác với Tâm tham. Tâm tham thì hợp với Tà kiến hay là ly Tà kiến, gọi là ly tà hay hợp tà. Còn ở đây là do cảm xúc thôi, cảm xúc bộc phát thù địch, mình ghét điều đó, không thích điều đó v.v… là sân, chứ không cần Tà kiến hay không Tà kiến. Cho nên Tâm sân là như vậy.

Bữa nay chúng ta quen rồi nên Thiện Trang đưa ra ví dụ:

VD1: *Bây giờ, một người mẹ đang lo lắng về người con gái, khi ấy tâm của người mẹ đang sinh khởi là tâm gì?*

Quý vị thử suy nghĩ đáp án coi. Ví dụ như đứa con gái đang cặp bồ với thằng nào đó, mình cảm thấy đứa con còn nhỏ tuổi mà đã cặp bồ rồi, chẳng hạn, thì mình thấy người mẹ đang lo lắng. Vậy khi đó người mẹ đang sanh tâm gì?

Chúng ta chỉ có ba tâm là: Tham, sân, si. Đang lo lắng thì thuộc về thọ ưu, đang bực mình, có sự ghét, không thích việc con gái cặp bồ, yêu đương quá sớm. Như vậy người ta đang sanh khởi Tâm sân. Như vậy đầu tiên là sân. Rồi thọ, thì tất nhiên là thọ ưu rồi, lo lắng mà. [Vì] không cần ai tác động cho nên đâu thể nào khổ đâu, lúc đó là thọ ưu ở [trong] tâm thôi, chứ thân không có. [Đây là] hợp phẫn nộ, vì [Tâm sân thì] chắc chắn lúc nào cũng hợp phẫn nộ. Bây giờ chúng ta xét là vô trợ hay hữu trợ thôi. Chúng ta thấy nếu bà mẹ đang lo lắng, mà lo lắng dứt khoát, không có vấn đề gì, thì đó là vô trợ. Chúng ta coi thử đáp án ở đây là gì?

Đáp án: *Đó là tâm sân với tên gọi là: Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, vô trợ.*

Đơn giản vậy thôi! Rõ ràng là dễ hơn rất nhiều, bởi vì [Tâm sân thì] có 2 tâm thôi. Bữa trước mình học Tâm tham thì có tới 8 loại tâm, còn Tâm sân thì có 2 tâm thôi.

Bây giờ mình đổi thành hữu trợ, hữu trợ là sao? Ví dụ cũng là tình huống đó, bà mẹ thấy đứa con quen với thằng đó, đi chơi, nhưng mới đầu nghĩ cũng không có vấn đề gì, chắc cũng chưa có dứt khoát lắm, [nên] chưa có lo lắng, vẫn đang suy xét. Nhưng có bà hàng xóm nói: “Bà phải coi con bà đó, đứa con gái của bà mới nhỏ vậy mà đã cặp với thằng đó rồi. Tôi thấy hai đứa nó không trong sáng lắm”, thế này thế kia. Nói như vậy, lúc đó mình tức lên, cảm thấy bà đó nói đúng rồi đó, thì lúc đó là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ và hữu trợ.

Đó là trường hợp hữu trợ bên ngoài. Còn trường hợp tương tự, mình lấy ví dụ đó thêm một lần nữa, lấy ví dụ về thế gian cho dễ tư duy. Cũng vậy, thằng nhỏ đó mới đầu đi với con gái mình, mình thấy bình thường, nhưng sau đó suy nghĩ: "Hình như không ổn lắm! Con mình còn nhỏ tuổi, nó mới học lớp 12 thôi. Không được!" Lúc đó mình lo lắng, sân lên: "Chút nữa nó về, ta phải chửi cho một tăng", thế này thế kia. Như vậy đó là hữu trợ. Cho nên là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ.

Bây giờ chúng ta lấy ví dụ thứ hai để quý vị làm thử.

VD2: *Một người cha giải thích cho người con trai rằng hành động lừa dối của anh ta là xấu, người con trai cảm thấy buồn. Tâm của người con trai có là loại tâm gì?*

Quý vị coi thử đưa đáp án xem, chúng ta suy nghĩ thử. Quý vị thấy rõ ràng: Đầu tiên, người con trai buồn, buồn là gì? Mình bắt ngay, buồn là Tâm sân. Bây giờ mình học mới có Tâm sân thôi, nhưng bữa sau mình học [tâm] tham, sân, si hết rồi thì mình phải biết được tâm gì. Buồn là sân, mà tâm sân thì chắc chắn chỉ có thọ ưu thôi, đang lo, đang thấy buồn là ưu rồi, Tâm sân thọ ưu. Rồi hợp phẫn nộ luôn, khỏi cần suy nghĩ. Nhưng vô trợ hay hữu trợ? Quan trọng là quý vị xác định vô trợ hay hữu trợ thôi.

Đáp án: *Đó là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ.*

Ở đây, là do có người cha nói, cho nên tâm này rõ ràng là hữu trợ rồi. Chúng ta coi Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ. Điều này quá dễ đúng không quý vị? Nên Tâm sân dễ, Tâm si cũng dễ thôi, chỉ có Tâm tham thì hơi nhiều loại.

VD3: *Một người chồng chửi vợ vì cho rằng "đi chùa tu tập là không có lợi ích". Vậy tâm này là tâm gì?*

Đây là một tình huống rất thực tế mà các bà hay gặp, các cô hay gặp. Ở nhà, mình chuẩn bị đi chùa để tu tập, mà ông chồng chửi. Hoặc các cô tu trong các Đạo tràng, các cô nghe pháp, mà ông chồng chửi. Vậy tâm ông chồng đó là tâm gì? Tâm này là tâm gì? Quý vị [đoán] thử coi.

Đầu tiên, ông chồng chửi thì chắc là sân rồi đúng không? Phải xác định ngay

là Tâm sân rồi, như vậy đáp án đầu tiên là Tâm sân. Tâm sân này là thọ ưu rồi, vì ông chồng khó chịu là thọ ưu. Và tất nhiên là hợp phẫn nộ rồi, vì chẳng có trường hợp nào [khác]. Bây giờ [chỉ] có hữu trợ hay vô trợ thôi, thì quý vị xác định xem.

Ở đây, ông chồng ông thấy mình sửa soạn quần áo đi ra, để chuẩn bị đi chùa hoặc sửa soạn quần áo để lên nghe pháp, ổng thấy giận, [nên] là sân rồi, chồng chửi là sân rồi. Thọ thì lúc nào cũng thọ ưu, hợp phẫn nộ rồi, bây giờ là vô trợ hay hữu trợ thôi. Chúng ta thấy là vô trợ, vì ổng thấy [như vậy] là ổng bực, ổng chửi liền nên là vô trợ.

Còn nếu ông suy xét đi suy xét lại: À! Có thể do bà ấy đi như vậy mất thời gian của mình, bả không chăm sóc [gia đình] gì đó v.v... Suy nghĩ tới, suy nghĩ lui, thì đó là hữu trợ. Hoặc là bà vợ đi mà có vẻ vui vui, bả đi thế nào đó, lúc đó mới khiến cho cảm giác khó chịu thì ổng mới chửi, thì đó là hữu trợ.

Cho nên là tùy, trường hợp này có thể là vô trợ hoặc hữu trợ. Nhưng trong trường hợp này, nếu không nói gì hết thì mình có thể đưa vào đó là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ. Ở đây có thể là hữu trợ hoặc vô trợ, cứ tùy tình huống mà mình xét, tạm thời vô trợ hay hữu trợ cũng được.

Nhưng thực tế nếu chúng ta phân tích như vậy là chưa ăn thua, chúng ta phải phân tích mở rộng ra. Ở đây, sẵn Thiện Trang nói cho quý vị [về] dòng tâm, kiến thức này rộng hơn, xin giới thiệu luôn.

Nếu mở rộng thì tóm tắt dòng tâm của ví dụ 3:			
STT	**Tình huống**	**Loại tâm**	**Loại Tâm cụ thể**
1	Khởi nghĩ sai về đi chùa, tu tập	**Tham**	**Tham, thọ hỉ, hợp Tà kiến, hữu Trợ/Vô trợ**
2	Bực khi thấy vợ đi chùa, tu tập	**Sân**	sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ/ vô trợ.

3	Mắng chửi vợ	**Sân**	sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ/ vô trợ.
4	Cảm thấy thỏa mãn sau khi chửi vợ	**Tham**	**Tham, thọ hỉ, hợp Tà kiến, hữu Trợ/Vô trợ**

Để có tình huống đó, thì thật ra xảy ra bốn tình huống như sau:

1. Tình huống thứ nhất là ổng khởi ý nghĩ sai về đi chùa, về sự tu tập, và lúc này thực ra là Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, trợ hay vô trợ. Tại sao lại như vậy? Ở đây chúng ta chưa học Tâm si nên Thiện Trang nói là Tâm tham thôi, Tâm tham thì chúng ta học rồi. Tức là ổng nghĩ sai về việc đi chùa, tu tập chẳng có lợi ích gì, và lúc đó ổng cảm thấy mình đúng, cho nên ổng có sự hỉ hoặc xả. Thọ hỉ tức là ổng vui, ổng nghĩ trong đầu là tôi đúng rồi, bà vợ sai, cho nên gọi là Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, vô trợ (hoặc hữu trợ thì tùy, do hình ảnh đó). Hoặc là ổng nghĩ trước rồi, ổng nghĩ là hình như tới giờ này là bà vợ mình chuẩn bị lên nghe pháp, chuẩn bị đi chùa. Ổng đang suy nghĩ như vậy, rồi bắt đầu nghĩ tiếp là đi chùa đâu có lợi ích gì v.v… thì ổng nghĩ vậy là có trợ (hữu trợ). Còn nếu như ông nghĩ đơn giản thì có thể khác.

Ở đây chúng ta coi lại, như vậy đây là Tâm tham, có nghĩa là ổng suy nghĩ, ổng cảm thấy mình đúng, thì đó là Tâm tham thọ hỉ và lúc đó là [hợp] Tà kiến. Vì ổng nghĩ như vậy là sai với nhân quả Chánh pháp, cho nên là Tà kiến. Và lúc đó có thể là hữu trợ hay vô trợ, tùy tình huống.

2. Tiếp theo là ổng cảm thấy bực khi thấy vợ đi chùa, hoặc là tu tập, lên nghe pháp, thì lúc này là Tâm sân. Như chúng ta phân tích ở trên là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, hữu trợ hay vô trợ. Trường hợp này mới tới Tâm sân. Có nghĩa không phải là một tâm, mà là một dòng tâm, Tâm tham rồi mới đến Tâm sân.

3. Rồi ổng mới tiếp tục mắng chửi vợ. Tâm này là tâm sân tiếp, cho nên cũng [là] Tâm sân nữa. Cho nên dòng tâm này là ba dòng tâm luôn.

4. Dòng tâm sau đó là chửi xong rồi, cảm thấy thỏa mãn sau khi chửi vợ. Tức

là ổng cảm thấy sướng rồi, cảm thấy vui rồi, thì tâm này là Tâm tham. Và Tâm tham này là thọ hỉ và chắc chắn là hợp Tà kiến, bởi vì không đúng Chánh pháp, và có trợ hay vô trợ. Có thể lúc đó vì ổng thấy bà vợ buồn, nên ổng hài lòng, ổng vui về hành động đó, thì đó là hữu trợ, cũng có thể là như thế. Hữu trợ hay vô trợ là mình phải có tình huống cụ thể hơn, nếu không có khuynh hướng cụ thể hơn thì mình không biết.

Trong thực tế thì đó là lộ trình tâm, chứ không phải đơn giản, mà dòng tâm luôn, có nhiều tâm diễn biến liên tục như vậy. Ở đây thật ra [có] bốn dòng tâm là: Dòng Tâm tham, dòng Tâm sân, rồi tâm sân tiếp, rồi tham.

Thiện Trang lấy ví dụ thêm trường hợp thứ năm, là sau đó ổng thấy bình thường lại và ổng chỉ nghĩ là mình đã làm đúng, ổng chỉ nghĩ bình thường, và ổng chấp giữ là tôi làm việc đó đúng, tức là việc đi chùa tu tập của bà là không lợi ích gì cả. Ổng nghĩ vậy thì đó là Tâm si thọ xả, vì lúc đó ổng xả rồi, không có vui hay không vui gì hết. Là Tâm si thọ xả, hợp Tà kiến. Bữa sau chúng ta mới học Tâm si, quý vị nhớ ví dụ này để bữa sau chúng ta nói rõ hơn.

Ở đây, đó là dòng tâm, nhưng bây giờ chúng ta muốn phân tích rõ hơn, hôm nay đưa thêm cho quý vị gọi là lộ trình tâm, đầy đủ trong ví dụ 3, trải qua 17 sát-na, tức là mình chỉ lấy ví dụ một trường hợp tâm mắng chửi vợ này thôi. Bây giờ mình xét qua 17 sát-na tâm, [và] chỉ xét Tâm sân này thôi. Chẳng hạn mình lấy trường hợp là ổng sân rồi mắng chửi vợ, nói vậy cho dễ, chứ không, lấy hai tâm này [thì] khó. Bây giờ chúng ta hãy nên tập cách nhìn theo 17 sát-na tâm này.

Lộ trình tâm đầy đủ trong ví dụ 3 ở trên trải qua 17 sát-na tâm (chỉ xét Tâm sân)

Sát-na	Giai đoạn	Loại tâm	Ghi chú
1	Thấy vợ mặc đồ… chuẩn bị đi chùa, tu tập	**Hướng tâm ngũ môn (tâm hướng đến cảnh)**	
2		**Nhãn thức (thấy hình ảnh vợ)**	
3		**Tiếp nhận cảnh**	

4		**Suy đạc (xét đoán cảnh)**	
5		**Định đạc (xác định cảnh đáng tức giận)**	
6	Chửi vợ	**Sân khởi lên**	Javana (Tâm động lực: tạo nghiệp thiện, ác… ở giai đoạn này)
7		**Sân tăng mạnh**	
8		**Sân + khẩu nghiệp**	
9		**Sân + tiếp tục mắng**	
10		**Bồi đắp sân**	
11		**Suy yếu sân**	
12		**Tàn dư sân (dư âm)**	
13		**Duy trì cảnh**	**Cảnh mờ dần, không còn tạo nghiệp**
14		**Trung tính**	
15		**Trở lại Tâm hộ kiếp**	**Tâm trở về dòng hộ kiếp bình thường, không nhận cảnh rõ nữa, không tạo nghiệp**
16		**Trở lại Tâm hộ kiếp**	
17		**Trở lại Tâm hộ kiếp**	

Thiện Trang đưa ra [bảng trên]: [Cột] thứ nhất là về sát-na tâm, có 17 sát-na. [Cột] thứ hai là giai đoạn, cột thứ ba là loại tâm, cột thứ tư là thêm ghi chú. Quý vị hiểu được [bảng] này thì sau này sẽ giúp được rất nhiều, tại vì lộ trình tâm có thể là 17 sát-na tâm, có khi 7 sát-na tâm thôi. Tối thiểu là 7 sát-na tâm và tối đa là 17 sát-na tâm. Sau này chúng ta sẽ học lộ trình tâm trong khi chứng quả như thế nào, rồi xử lý các việc v.v… như thế nào, đây gọi là một lộ trình tâm đầy đủ. Chúng ta coi thử trường hợp ông chồng thấy bà vợ mặc đồ chuẩn bị đi chùa hoặc là tu tập là nổi sân lên chửi, thì bây giờ trải qua 17 sát-na tâm như thế nào? Chúng ta coi thử nha:

Giai đoạn thứ nhất: Là thấy vợ mặc quần áo, mặc đồ tu vô chuẩn bị đi chùa, hoặc chuẩn bị lên tu tập, nghe pháp. Như vậy thực tế ra sẽ trải qua những sát-na tâm như sau:

1. Sát-na thứ nhất là Hướng tâm ngũ môn (tâm hướng đến cảnh). Đầu tiên

là hướng tới cảnh, hướng tới cảnh là bà vợ đó mặc đồ chuẩn bị tu tập đi chùa.

2. Tiếp theo là Nhãn thức (tức là mắt ổng thấy hình ảnh bà vợ), là sát-na tâm thứ hai. Phải có [Nhãn thức] này để xử lý. Mắt thấy thì chưa có thấy đâu, mới chỉ nhìn thấy thôi.

3. Sát-na tâm thứ ba là Tiếp thọ cảnh, hay Tiếp nhận cảnh, đưa cảnh đó vào, tiếp nhận hay tiếp thọ cũng được, mình gọi là Tiếp thọ cảnh.

Tức là lúc đó ông chồng thấy hình ảnh vợ của mình mặc đồ quần áo vô, chuẩn bị lên nghe pháp, chuẩn bị đi chùa, sách giỏ gì đó... Thực ra quá trình thấy đó phải xảy ra tới năm giai đoạn sát-na tâm: Giai đoạn thứ nhất là Hướng tâm ngũ môn, tức là năm cửa của giác quan (năm giác quan là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân). Ở đây để cho đơn giản, thì mình thấy bằng mắt, thấy hình ảnh vợ mặc đồ vô chuẩn bị đi, sách giỏ đồ, cầm điện thoại gì đó, là thấy. Sự thấy này đã qua 3 sát-na tâm rồi đó, sát-na tâm thứ ba mới là Tiếp nhận cảnh.

4. [Sát-na tâm] thứ tư là Suy đạc (xét đoán cảnh). Phải xét đoán cảnh thì mới thấy, mới hiểu được đó là vợ mình. Tức là đầu tiên là hướng nhìn về góc đó, mắt thấy cảnh, sau đó mới biết đây là vợ mình, bả bắt đầu đi chùa. Tức là tới giai đoạn sát-na thứ tư gọi là Suy đạc, xét đoán cảnh.

5. [Sát-na] thứ năm là Định đạc (là xác định cảnh) sẽ đưa ra cảnh này là không ưa, đáng tức giận. Đây mới gọi là lộ trình tâm đầu tiên. 5 [sát-na tâm] này chưa tạo ra quả báo gì cả, sau này mình học đoạn này là Tâm tố (hành), không tạo ra nghiệp quả gì hết, vì ở đây mới thấy chỉ là thấy thôi.

Bây giờ chúng sanh tạo nghiệp [là bắt đầu] từ đây, từ sát-na tâm thứ sáu, tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác gì là từ đây.

6. Do ông chồng này chửi vợ, ổng thấy như vậy, ổng xác định cảnh này là đáng tức giận, cho nên ổng chửi. Thực ra [việc] chửi này cũng không phải là một sát-na tâm đâu, mà qua 7 sát-na tâm.

Một là sân khởi lên. Rồi sau đó sân tăng mạnh là tăng sân lên thì mới làm được (7). Tiếp tục sân cộng với khẩu nghiệp tức là phát ra lời chửi (8). Nhưng không phải chửi một câu [rồi ngưng] liền được mà phải chửi cả câu, cho nên sân,

tiếp tục mắng, tiếp tục chửi, là sát-na thứ chín (9).

Sát-na thứ 6 là sân tâm khởi lên, sát-na thứ 7 là sân tăng mạnh, sát-na thứ 8 là sân với miệng, sát-na thứ 9 là sân với miệng, [sát-na] thứ 10 là tiếp tục bồi đắp sân thêm sân nữa, sát-na tâm 11 là sân yếu đi bớt, [sát-na] tâm 12 là tàn dư sân (là còn dư âm). Thuật ngữ Javana (Tâm động lực) là tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác là ở giai đoạn này. Cho nên quý vị nhớ tu là tu ở giai đoạn này nè.

Cho nên đức Phật mới dạy cho ngài [Bāhiya] là: "Thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, ngửi chỉ là ngửi, nếm chỉ là nếm, xúc chỉ là xúc". Đức Phật dạy cho Tôn giả Bāhiya, nhờ đó ngài đắc đạo A-la-hán. Thực ra ngài giữ được giai đoạn này, làm sao thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, tâm như như bất động là nói đoạn này, làm sao phải duy trì được đoạn này. A-la-hán làm được đoạn này ngon nè. Còn không phải A-la-hán thì đoạn này chưa làm ngon lắm đâu, cho nên đoạn này quan trọng. Chúng ta lấy ví dụ này rõ ràng. Tại vì ông này chửi cho nên ổng sân lên. Nếu giả sử ông này có tâm tùy hỉ, tâm thiện thì sẽ khác.

Tiếp theo Sát-na tâm thứ 13 là duy trì cảnh. Sát-na tâm thứ 14 là trung tính, tức là cảnh mờ dần, không còn tạo nghiệp nữa. Tức là sân bây giờ giảm yếu từ trên rồi, suy yếu rồi, còn dư âm thôi, chỉ còn hơi sân một chút rồi trở lại bình thường. Lúc đó ông chồng thấy chửi như thế đủ rồi, hoặc cảnh gì đó làm ổng nhớ ra gì đó làm ông quên đi, dần dần chuyển về bình thường. Nhưng trước khi chuyển thì nó phải từ từ, duy trì rồi xả xuống. Cho nên gọi là duy trì cảnh và trung tính.

Ba sát-na tâm cuối cùng 15, 16, 17 là trở lại Tâm hộ kiếp, tức là trở về dòng hộ kiếp bình thường, không nhận cảnh rõ nữa và cũng không tạo nghiệp. Cho nên tạo nghiệp thì chỉ có 7 sát-na tâm này (từ 6-12) thôi. Tâm này trở lại Tâm hộ kiếp, bởi vì sao? Vì khi mình đầu thai bằng tâm nào (mình tái sanh bằng tâm nào), thì tái sanh xong trở thành Tâm hộ kiếp. Tâm hộ kiếp giúp cho mình làm việc, duy trì sự sống của mình trong đời này, cho nên gọi là hộ kiếp. Nó giúp duy trì ngay trong hoạt động sống của mình và giúp duy trì trong khi ngủ.

Cho nên người ngủ khác với người chết. Người chết là chết luôn, còn người ngủ thì không chết, vì có Tâm hộ kiếp hoạt động trong đó. Cho nên khi làm việc gì xong cũng phải trở lại Tâm hộ kiếp hoạt động. Còn khi nào mình chết thì Tâm

hộ kiếp trở thành Tâm tử. Cho nên đầu thai bằng tâm nào, thì cuối cùng khi chết tâm đó chuyển thành Tâm tử và có lộ trình tử.

Mình hiểu như vậy thì mình học rất rõ ràng, học pháp rõ như vậy đó. Cho nên quý vị thấy lộ trình 17 tâm này, đây là Thiện Trang giới thiệu thôi, không phải người nào cũng đủ 17 sát-na tâm này. Ở đây, chúng ta đưa ra trường hợp bình thường, có trường hợp cảnh rõ hay cảnh không rõ, thì từ từ chúng ta sẽ học. Chúng ta học vài lần như vậy thì quý vị sẽ nắm được sát-na tâm.

Nhưng mình tu là tu ở chỗ này [sát-na tâm 6-12]. Cho nên muốn tu ở chỗ này thì mình phải thuận tiện, ví dụ như thường có Chánh niệm, Chánh kiến, Chánh tư duy xuất hiện, thì sẽ xuất hiện trong giai đoạn này là đắc đạo. Bát chánh đạo mà đầy đủ trong giai đoạn này là đắc đạo.

Mà trong đó chỗ Định đạc, xác định cảnh xong rồi chuyển thế nào là do sự huân tập của mình. Giống như ông chồng này, do ổng huân tập Tà kiến nhiều quá, cho nên ông thấy cảnh này là ổng tức giận. Còn nếu mình huân tập thiện nhiều, gọi là Chánh kiến thì tự nhiên mình thấy tùy hỉ chỗ này. Cho nên sự huân tập cũng quan trọng lắm. Học hằng ngày, học pháp nhiều, suy nghĩ nhiều, tư duy nhiều, Phiền não bớt, v.v… thì tự nhiên thay đổi chỗ đó, từ đó không dẫn khởi tâm Sân. Quý vị thấy nó mà dẫn khởi lên là chạy một loạt 7 sát-na tâm luôn, thậm chí ảnh hưởng tới 13, 14 nữa. 13, 14 là Duy trì cảnh và Trung tính. Cho nên cảnh mờ dần, không có tạo nghiệp nữa, nhưng cũng còn ảnh hưởng. Cho nên bao giờ trở lại Tâm hộ kiếp thì mới hết.

****Lưu ý: Lộ trình tâm tùy theo loại tâm mà có tối thiểu là 7 sát-na tâm hoặc nhiều nhất 17 sát-na tâm.**

Ở đây, Thiện Trang lấy trường hợp nhiều nhất là 17 sát-na tâm. Chúng ta sẽ học dần dần, chúng ta hiểu hết rồi thì Thiện Trang sẽ lấy những trường hợp 7 sát-na tâm và ở giữa giữa nữa.

Phần cuối cùng, ở đây nói luôn:

4. Nhân để trợ sanh sân (thọ ưu).

1. Tánh nết quen sân: tức là người nào đó hay sân, quen sân rồi, thường

những người làm lãnh đạo, làm lớn, trong nhà có quyền thế là dễ bị sân. Tại vì sao? Vì quen nết rồi, giàu có, ăn rồi sai người này, sai người kia, [tự hào] mình học giỏi, mình hơn người v.v… Cho nên quen sai người ta rồi nên dễ sân. Hoặc những người do tính nhiều đời nhiều kiếp cho nên dễ sân, đó là tính nết quen sân.

2. Không suy xét cao siêu: có nghĩa là mình không suy xét về nhân quả, nói chung là thiếu trí. Trí không nhiều nên không suy xét được gì hết, cứ thấy cảnh là sân, chuyện gì cũng sân, điều gì vừa bất như ý một cái là sân liền, điều gì vừa không hợp với ý mình là sân liền, không có suy xét. Cho nên ở đây gọi là công phu quán niệm, công phu Tứ niệm xứ yếu, những người mà tâm sân là tu Tứ niệm xứ yếu quá, nên dễ sân.

3. Thiếu sự học hiểu: sự học hiểu cũng quan trọng. Nếu mình học hiểu nhiều thì mình sẽ có tâm thông cảm với mọi người, mình sẽ thông cảm được nhiều hơn, rồi mình thấy rộng hơn. Tức là mình càng học thì mình thấy càng ngu, tức là mình biết không nhiều. Còn mình học ít quá là mình chấp vào điều đó, chỉ có tôi là đúng, còn ai cũng sai hết, do tâm như thế nên dễ sân hơn, ai nói ngược mình là sân. Còn trong khi học rộng nghe nhiều, biết nhiều, thì mình hiểu những gì mình biết chỉ là một phần rất nhỏ. Vì thế ai nói gì thì nói, không sao cả. Cho nên học hiểu cũng quan trọng lắm.

4. Thường gặp cảnh không tốt: tức là nếu mình thường gặp cảnh không tốt, ở trong nhà chẳng hạn, có đồng tu suốt ngày sân, vì sao suốt ngày sân? Vì họ gặp cảnh không tốt nhiều quá, suốt ngày chồng chửi, con la, người này nói, người kia nói, toàn cảnh không tốt, rồi nhà hàng xóm ồn ào v.v… cho nên họ sân, họ trách móc đủ các kiểu.

Cho nên cách thứ tư là tránh cảnh không tốt đi, mình ở nơi yên bình, vắng vẻ, ở một mình, v.v…. Nói chung có điều kiện thì né được duyên nào thì né, thì đỡ. Đừng gặp người ở trong nhà, biết người đó sân mình, ghét mình, bà con mình ghét mình, đồng tu mình ghét mình thì né đi, tránh đi, bớt cảnh không tốt, bớt những chuyện đó thì đỡ sân.

Như vậy ở đây là hết bốn điều này, còn phần cuối cùng Thiện Trang nói luôn cho hết bài hôm nay. Đó là 10 điều ác liên quan đến Tâm tham và Tâm sân:

Mười điều ác và liên quan đến Tâm tham và Tâm sân			
Phân loại	**Nghiệp**	**Tham**	**sân**
THÂN ÁC	Sát sanh		x
	Trộm cắp	x	x
	Tà dâm	x	
KHẨU ÁC	Nói dối	x	x
	Nói đâm thọc	x	x
	Nói ác khẩu		x
	Nói nhảm nhí	x	x
Ý ÁC	Tham ác	x	
	Sân độc		x
	Tà kiến ác	x	

Phân loại nghiệp: Tham và sân. Phân loại: Thân ác, Khẩu ác, và Ý ác. Thân ác có ba: Sát sanh, Trộm cắp, Tà dâm. Khẩu (miệng) ác có bốn: Nói dối, Nói đâm thọc, Nói ác khẩu, Nói nhảm nhí (nói ỷ ngữ). Ý ác có ba: Tham ác, Sân độc và Tà kiến ác.

Đối với tham, thì có xuất hiện ở: Trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói nhảm nhí, tham ác, tà kiến ác. Chúng ta phân tích tại sao [tham] không xuất hiện ở sát sanh? Vì sát sanh thuộc về Sân. Quý vị phải sân thì quý vị mới giết chúng sanh được, cho nên tham không có.

Trộm cắp này là tham, là đương nhiên. Bởi vì mình tham, mình muốn lấy mà. Còn sân tại sao lại có ở trộm cắp? Tại vì nhiều khi mình ghét nên mình lấy.

Tà dâm thì thuộc về tham, chứ không có sân. Không có ai sân mà tà dâm hết, phải có sự ham muốn, tham thì mới tà dâm được.

Nói dối thì vừa có nguyên nhân nằm ở tham, và cũng có khi sân thì nói dối. Nói đâm thọc cũng vậy, mình tham cho nên mình nói đâm thọc, muốn được điều gì đó, hoặc muốn chia rẽ do ganh ghét thì nói đâm thọc. Nói ác khẩu thì không thuộc về tham mà thuộc về sân, sân mới nói những lời không tốt, nói lời chửi mắng. Nói nhảm nhí (ỷ ngữ) là vừa tham vừa sân.

Tham ác là thuộc về tham, là đương nhiên. Sân là thuộc về sân. Còn Tà kiến là thuộc về tham, không thuộc về sân. Như chúng ta phân tích lúc đầu, lúc đang sân thì không cần Tà kiến hay không Tà kiến đâu, mà lúc đó đang ở trạng thái cảm xúc mình bùng lên, cho nên không liên quan đến Tà kiến.

Chúng ta đã học hết bài này, như vậy quý vị làm quen với lộ trình tâm này nha. Quý vị cứ từ từ, mình về và thử phân tích mấy [sát-na tâm] này, quý vị sẽ thấy rõ ràng hơn. Thật ra, mỗi tâm mình học, ví dụ như tâm sân, thực tế là mình học một dòng [ngang] thôi, mỗi cái là một dòng vậy thôi. Cho nên nếu ai về [nhà] có thời gian, hãy phân tích thử mấy trạng thái tham này, tương tự như vậy, mình đổi tham sang trường hợp si, v.v… Đổi thử rồi phân tích theo 17 sát-na tâm này. Nếu ai phân tích được là hiểu được lộ trình tâm rồi đó.

Ở đây đơn giản như này, nếu mình học không hiểu rõ lắm, thì ví dụ bốn cái trên mình chia ra, mỗi cái 17 x 4 = 68. Thực tế có thể không phải là như vậy, nhưng mình tạm suy nghĩ như vậy. Giới thiệu cho quý vị thôi, chứ tâm này chưa học, từ từ rồi học, mình phân tích tới phân tích lui, xuôi ngược một hồi là mình sẽ hiểu. Môn Vi Diệu Pháp này hay lắm, học điều nào là hiểu điều đó, rất rõ ràng. Và như thế thì mình mới tu Tứ niệm xứ được, và những điều đó cũng giúp cho

mình thay đổi tư duy, thay đổi suy nghĩ, dần dần sẽ giúp bớt Phiền não. Trong 7 cách đoạn trừ Phiền não, trong đó có một cách là do tri kiến [mà] được đoạn trừ.

Như vậy, hôm nay thời gian hết rồi, Thiện Trang đã [giảng] quá giờ rồi, hẹn quý vị hôm khác. Ai muốn hỏi gì thì cũng có thể bình luận dưới bài giảng này trên kênh YouTube Thích Thiện Trang hoặc Facebook Thích Thiện Trang. Quý vị có thể bình luận, thứ Sáu Thiện Trang sẽ trả lời. Hôm nay thời gian đến đây, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.
“Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo”.
A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 48

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 02/07/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=PxJJutFCJ70

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận, bài thứ 48. Việc đầu tiên là Thiện Trang củng cố lại phần kiến thức chúng ta đã học, chúng ta học nền tảng trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya và một số phần Kinh luận khác, đồng thời chúng ta học về tạng Vi Diệu Pháp, và tinh hoa Vi Diệu Pháp thuộc Nam truyền, học thêm tinh hoa của Luận Câu Xá (chúng ta mới học một phần thôi).

Hôm nay, đầu tiên chúng ta sẽ giới thiệu một câu chuyện, câu chuyện này cũng quan trọng, nằm trong kiến thức của Vi Diệu Pháp. Đó là nếu mình biết dùng tâm [để] tu tập, thì dù việc làm không lớn, không dùng thân thể nhiều, nhưng phước báu hoặc công đức rất lớn. Quý vị coi trong Tích Truyện Pháp Cú, có câu chuyện thứ hai gọi là '**Khóc Đòi Những Chuyện Ở Trên Trời**'.

Lúc đó, có một ông Bà-la-môn, ông này thì khá là keo kiệt, cho nên ổng không cho ai vật gì hết. Ổng có một đứa con trai duy nhất hết sức cưng quý. Ổng cưng [người] con trai [này] dữ lắm, ổng muốn cho đứa con đó đồ trang sức. [Nhưng] ông biết là đem cho thợ bạc trạm trổ thì

phải trả tiền công, ổng sợ tốn tiền công [nên] tự tay [mình] đập miếng vàng, gò thành một đôi bông hoa tai sáng bóng để đeo cho con. Vì ổng không muốn cho ai tiền gì hết.

Năm con trai của ổng 16 tuổi thì bị bệnh vàng da, bà mẹ thấy vậy [nên] rất sốt ruột, hối đi mời thầy thuốc về chữa bệnh, nhưng ổng thì không muốn vì sợ tốn tiền. Thương con, nhưng lại sợ tốn tiền. Cho nên ổng mới tìm cách đi tới coi các thầy thuốc chữa bệnh ra sao, cách chữa thế nào, ổng học các cách đó. Thế là ổng về, tự đi kiếm lá cây, vỏ cây rừng, rồi tự chế ra thuốc như là thầy thuốc chuyên nghiệp để cho con uống.

Quý vị thấy không? Keo [kiệt] đến mức đó, ổng cố gắng học bằng mọi cách [để không phải mất tiền]. Giống như ở thế gian mình muốn đỡ tốn tiền thì mình cố gắng mình học hết để mình tự làm. Nhưng bệnh của con ổng thì càng ngày càng tệ, cuối cùng thì hết phương cứu chữa. Lúc đó, ổng thấy áp lực quá, cuối cùng cũng phải đi mời thầy thuốc đến. Lúc vị thầy thuốc tới thì thấy người này bệnh nặng quá rồi, cho nên là hết cách. Ông [thầy thuốc] đó tìm cách tránh luôn, bảo là ổng bận quá, rồi ổng đi. Như vậy là hết cách.

Lúc đó, tuy rằng đứa con mình sắp chết rồi, mà ổng còn sợ những người đến thăm con ổng dòm ngó của [cải] trong nhà, nên ổng đem đứa con ra khỏi nhà, bỏ cho nằm ở ngoài thềm. Ai có tới thăm thì thăm ở ngoài ấy, khỏi phải vô nhà nhòm ngó tài sản. Quý vị thấy thời đức Phật mà có người keo cỡ đó.

Sáng hôm đó, đức Phật quán sát thử coi ai có lập nguyện với chư Phật trong đời trước hay là những người có căn lành tròn đầy có thể đi xuất gia học đạo v.v… đáng độ thì Ngài sẽ độ. Bữa đó, Ngài quan sát bằng Thiên nhãn thấy ông Trưởng giả và đứa con như vậy, nên Ngài mới tới nhà ông đó. Tới đó thì thấy đứa con lúc đó bệnh [nặng] lắm rồi, nó nằm đó, quay mặt vào nhà, cũng không thấy được Phật. Cho nên, Phật mới phóng hào quang để cho nó quay lại nhìn đức Phật. Nó rất quý mến Phật, nhưng lúc đó đã hết sức, rất đuối rồi, nên cũng không chắp tay nổi, nhúc nhích tay cũng không nhúc nhích được nữa. Nó nói: “Vì cha con quá ngu xuẩn mà không đem được ân đức gì đến cho Phật, con cũng [không]

nghe pháp được, giờ đây tay con cũng không nhúc nhích được rồi, con cũng chẳng làm gì được nữa, cho nên con cũng chỉ đặt lòng tin vào đức Phật thôi!" Đức Phật nói: "Vậy là đủ rồi!" Ngài nói xong thì từ từ Ngài đi.

Đức Phật biết mà, lựa lúc nào đi thì Ngài đi thôi. Cho nên Ngài đi xa một đoạn khuất tầm mắt, thì con trai của ông Trưởng giả đó tắc thở, chết. Quý vị biết đứa con đó sanh về đâu không ạ? Do có lòng tin như vậy, nên nó sanh lên trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi). Quý vị thấy, chỉ một việc làm rất nhỏ thôi, là [đặt] lòng tin với Phật trước khi mạng chung, thì cũng đủ phước báu để sanh lên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi).

Lúc đó ông Bà-la-môn mới đem đứa con trai ra bãi thiêu rồi đứng khóc. Lúc đó người con trai sanh lên trời Đao Lợi rồi, thấy [mình] có phước báu này kia, nên mới quán sát thử coi tại sao mình được như vậy. Biết tình trạng như vậy nên đứa con muốn quay trở lại giúp cha của mình, để cha mình cải sửa bớt tính đó đi, chứ keo kiệt quá.

Đứa con mới quay trở lại bãi thiêu đó, biến ra [vị chư Thiên] để hỏi. Ông Bà-la-môn đó thấy người có tướng tá đẹp như vậy nên cũng hỏi xem thế nào. Nói chung, qua một đoạn đối thoại thì đứa con chỉ cho ổng để ổng khỏi đau khổ nữa. Vị đó kêu đi tìm bánh xe bằng mặt trời, mặt trăng. Ông này kêu [cái] gì ổng cũng cho được, nhưng cái đó thì không cho được. Vị đó mới nói là người chết thì không thể nào tìm lại được, con ông đã chết rồi thì ông không thể tìm lại được, khó hơn là tìm bánh xe làm bằng mặt trời, mặt trăng vậy đó. Thế là ổng hiểu ra, rồi ổng hỏi ai vậy? [Vị đó] nói: "Tôi chính là con của ông đây. Lúc trước ông như vậy, như vậy đó… Giờ tôi được sanh lên trời Tam Thập Tam rồi, do có niềm tin đó. Rất tốt! Vì vậy, ông hãy về làm phước đi, tới nghe đức Phật thuyết pháp đi".

[Vị đó] mới truyền cho ổng lãnh thọ Năm giới và quy y Tam Bảo, tự quy y và giữ Năm giới. Sau đó ổng về nhà, kể lại chuyện cho bà vợ, nói với vợ là hãy chuẩn bị, tôi sẽ đi thỉnh Sa-môn Cồ Đàm đến nhà để cúng dường. Hôm sau, đức Phật nhận lời và đến nhà ổng nhận cúng dường. Lúc đó đức Phật thuyết bài pháp kể lại về câu chuyện đó. Ổng nói là: "Có

phải là ngoài con của ông ra, còn có người nhờ có niềm tin đối với Phật mà được sanh lên cõi Trời hay không? Đức Phật nói là: "Chẳng phải có một, hai hay ba trăm người, mà có vô số người đặt niềm tin nơi Ta, mà được sanh lên làm chư Thiên (tức là sanh lên trời)". Và sau đó đức Phật mới bảo vị chư Thiên đó hiện ra cùng với tòa lâu đài cho mọi người thấy. Mọi người thấy rất hoan hỉ. Đức Phật mới nói bài kệ:

"Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ ý tạo
Nếu với ý thanh tịnh
Nói lên hay hành động
An lạc bước theo sau
Như bóng không rời hình …"

Bài kệ này rất nổi tiếng, nói về tầm quan trọng của ý. Chúng ta học trong bộ Vi Diệu Pháp, bộ A Tỳ Đàm này, thì thấy ý rất quan trọng. Quý vị thấy là tại sao trong bài pháp đó ghi là 84.000 người được Pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả Dự lưu. Trong đó ông Bà-la-môn keo kiệt thì cũng đắc quả Dự lưu và con của ông (người được sanh làm chư Thiên) cũng đắc quả Dự lưu. Quý vị thấy có tuyệt vời không? Cho nên nếu mình không học, mình cứ nghĩ là tu hành rất khó khăn, thế này thế kia... Nhưng thật ra, nếu mình học, mình biết rồi thì mình đổi tâm, đổi ý, thì thành tựu của mình lớn lắm, dù là việc làm nhỏ. Cho nên chúng ta hãy cố gắng học.

Hôm nay, chúng ta vào phần nền tảng, đó là:

Hai Pháp Khiến Cho Người Sinh Vào Nhà Bần Tiện Và Hai Pháp Khiến Cho Người Sinh Vào Nhà Hào Tộc

(Kinh Tăng Nhất A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp khiến cho người sinh vào nhà bần tiện. Hai pháp gì? Bất hiếu cha mẹ, các bậc sư trưởng; cũng không thừa sự người hơn mình. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người sinh vào nhà bần tiện.

Quý vị thấy có những người sinh vào nhà bần tiện, ví dụ như đời này chúng ta sinh vào nhà bần tiện, là do hai pháp: Thứ nhất là bất hiếu với cha mẹ và các bậc Sư trưởng, những người hơn mình. Thứ hai là không thừa sự, tức là [không] vâng theo, làm theo, phục tùng những người hơn mình. Đó là tâm đố kỵ. Rồi đối với cha mẹ không tốt, đối với bậc thầy hoặc người lớn không tốt, thì sẽ bị sinh vào nhà bần tiện. Còn ngược lại là:

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp, sẽ khiến người sinh vào nhà hào tộc. Hai pháp gì? Cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ, đem những gì có được của nhà mình ra bố thí. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này, sẽ sinh vào nhà hào tộc.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này".

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tức là hai pháp để được sinh vào nhà hào tộc là: cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ và đem những gì có được của nhà mình ra bố thí. Mình phải có tâm như thế, không phải một hồi rồi mình làm tùm lum, như thế là không được. Đây là pháp nhân gian đơn giản.

(Kinh Số 7 – Phẩm Khuyến Thỉnh Thứ 19 – Kinh Tăng Nhất A Hàm).

Quý vị thấy trong Kinh A Hàm hay Kinh Niyaya có rất nhiều pháp căn bản, điển hình là pháp căn bản vừa rồi. Bữa nay biết rồi nha! Đừng đổ lỗi cho ai, nhiều khi mình nghèo, mình thế này thế kia rồi cứ đổ lỗi, thật ra là do mình làm từ đời trước.

5 Nghề Người Cư Sĩ Không Nên Làm

(Kinh Tăng Chi Bộ)

- Có năm nghề buôn bán này, này các Tỷ-kheo, một nam Cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm?

(1) Buôn bán đao kiếm, (2) buôn bán người, (3) buôn bán thịt, (4) buôn bán rượu, (5) buôn bán thuốc độc.

Có năm nghề buôn bán này, này các Tỷ-kheo, một nam Cư sĩ không nên làm.

((5.177) Người Buôn Bán: Vanijja – Chương 5 Pháp – Kinh Tăng Chi Bộ).

Quý vị thấy rõ đây là 5 nghề mà người Cư sĩ không nên làm: Thứ nhất là buôn bán đao kiếm, tức là buôn bán vũ khí, đao kiếm là không nên. Hai là buôn bán người, thời xưa cũng có mà thời nay cũng có. Ba là buôn bán thịt. Thứ tư là buôn bán rượu. Hôm bữa có người hỏi có buôn bán rượu được không? Thiện Trang nói là không nên, ở đây đức Phật nói như vậy. Rượu này, thời xưa là rượu nặng, bây giờ có rượu nhẹ hơn, nhưng dù có rượu nhẹ hơn thì chúng ta cũng nên suy xét lại, có thể là nhẹ nghiệp hơn thôi. Năm là buôn bán thuốc độc. Năm nghề này thì không nên làm và đó cũng thuộc về Chánh mạng.

Cho nên quý vị thấy trong Ngũ giới có không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm v.v… Chúng ta thấy có năm điều này. Mặc dù đức Phật nói là không nên làm, không nên thôi, chứ không phải là bắt buộc. Đức Phật không bắt buộc, nhưng tốt nhất là đừng nên làm, vì tạo nghiệp không tốt. Quý vị thấy không? Đức Phật dạy rất rõ ràng, chi tiết.

Và có người nói muốn buôn bán thành công, buôn bán muốn giàu có thì làm sao? Đức Phật dạy luôn, mời quý vị xem bài kinh dạy buôn bán làm sao để giàu.

Vì Sao Có Người Buôn Bán Thành Công, Có Người Buôn Bán Thất Bại…?

(Theo Kinh Tăng Chi Bộ)

Tôi nghe như vầy: Một thời, Thế Tôn trú ở Xá Vệ, tại Kỳ Viên, trong vườn ông Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá Lợi Phất đến bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, trong thế gian này có hạng người buôn bán thất bại, có hạng người buôn bán thành công vừa đúng mức, có hạng người buôn bán thành công hơn mức, và có hạng người buôn bán thành công vượt mức?

Quý vị thấy chưa? Đây là một vấn đề [mà] rất nhiều người quan tâm, bởi vì ở thế gian rất nhiều người muốn buôn bán [thành công]. Đây là ngài Xá Lợi Phất hỏi đức Phật, có bốn hạng người: Một hạng người buôn bán thất bại; một hạng người buôn bán thành công vừa đúng mức, vừa đủ duy trì sự sống thôi. Còn có người buôn bán thành công hơn mức mình dự định, lại có người buôn bán thành công vượt mức luôn, rất là rực rỡ. Vậy nguyên nhân là gì? Do nhân gì, duyên gì? Quý vị thấy hay không? Trong kinh, đức Phật nói hết, dạy hết, tại sao không học? Quý vị học Đệ Tử Quy thì đâu có đâu. Đảm bảo ở đây có, [mà còn] hay hơn.

Thế Tôn trả lời:

— Này Xá Lợi Phất, có bốn hạng người được thấy trong đời.

1. Ở đây, có người đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nói: "Bạch Tôn giả, con xin dâng cúng vật thực cho Tôn giả, xin Tôn giả từ bi thọ nhận". Nhưng người ấy không thực hiện việc cúng dường như đã nói.

Sau khi mệnh chung, người ấy sanh vào loài người, dù thực hành nghề buôn bán nào, mọi việc đều thất bại, không thành công.

Hạng người thứ nhất, mình nói đơn giản là hứa mà không làm, tức là hứa thì hứa ghê lắm. Ở đây là cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, là cúng dường cho người xuất gia. Nhưng thời đức Phật, người xuất gia có cả ngoại đạo nữa. Quý vị thấy tuy là như vậy, [nhưng] chúng ta có thể mở rộng ra là không chỉ cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn đâu. Nói chung là hứa mà không làm, mình hứa cho ai cái gì đó, mình hứa tặng ai cái gì

đó v.v… cuối cùng mình không làm, thì đời sau mình buôn bán sẽ thất bại. Kiểu vậy đó! Cho nên tại sao lại như vậy, đức Phật nói rất rõ ràng. Đó là hạng người thứ nhất. Quý vị nhớ nha! Đây là nói trước rồi, mà không thực hiện như đã nói.

2. Lại nữa, có người đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nói: "Con xin dâng cúng vật thực như vậy…", và có dâng cúng, nhưng không đúng như đã hứa, hoặc ít hơn lời đã nói.

Người ấy sau khi mệnh chung, sanh vào loài người, dù thực hành nghề buôn bán nào, chỉ thành công vừa đúng mức, không hơn không kém.

Quý vị thấy không? Vấn đề là họ cũng có làm, nhưng họ làm không đúng như đã hứa, tức là mình làm ít hơn. Giống như quý vị cho người xuất gia nào đó thứ gì đó, hứa cho cha mẹ 5 triệu [chẳng hạn], nhưng cuối cùng cho có 4 triệu thôi. [Cho] ít hơn [như] lời đã hứa thì không được nhiều, cũng thành công nhưng thành công vừa đúng mức thôi. Cũng có đó, chứ không phải không có thành công.

3. Lại nữa, có người đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nói: "Con xin dâng cúng vật thực như vậy…", và thật sự dâng cúng đúng như đã hứa.

Người ấy sau khi mệnh chung, sanh vào loài người, dù thực hành nghề buôn bán nào, sẽ thành công đúng mức như ý muốn.

Quý vị thấy không ạ? Tại sao nhiều người không đúng như ý muốn, [hạng người thứ 2] là mới đúng mức thôi, còn [hạng người thứ 3] này là thành công đúng như ý muốn, tức là thành công hơn nhiều đấy. Quý vị nhớ là mình hứa rồi thì mình làm đúng như vậy. Nhiều người hay thích hứa hẹn lắm, hứa hẹn lung tung rồi không làm, thì tương lai làm ăn thất bại. Nhớ là hứa hẹn với người khác [thì phải làm]. Đây là nói Sa-môn hay Bà-la-môn, nhưng mình phải hiểu là cũng đối với người khác nữa. Tại hồi xưa ở Ấn độ không có cho ai, ít có cho người ngoài, đây mình phải hiểu là như vậy.

Rồi còn muốn thành công rực rỡ thì là hạng người thứ 4.

4. Lại nữa, có người đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nói: "Con xin dâng cúng vật thực như vậy...", và dâng cúng vật thực nhiều hơn, tốt hơn điều đã hứa. Người ấy sau khi mệnh chung, sanh vào loài người, dù thực hành nghề buôn bán nào, sẽ thành công vượt mức, hơn cả điều mong đợi.

— Này Xá Lợi Phất, đây là bốn hạng người được thấy trong đời.

(Kinh Buôn Bán (Vaṇijja Sutta) - Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Bốn Pháp – Kinh số 79).

Quý vị thấy, nếu mình hứa với người ta như vậy, mà sau này mình cho hơn cả điều đã hứa, thì sau này thành công vượt mức mong đợi. Buôn bán hay làm gì cũng thành công, cho nên ai làm nghề kinh doanh thì nhớ nha, thà đừng hứa, hứa rồi thì phải làm. Hứa mà không làm là buôn bán thất bại. Nếu hứa mà làm đúng vậy, thì thành công vừa đúng như mong đợi. Còn nếu muốn vượt [ngoài] mong đợi, là hứa một [nhưng] cho phải hơn cả một. Còn nếu mà hứa rồi mà cho ít, thì thành công vừa mức thôi. [Như vậy] có 4 mức. Quý vị thấy hay không ạ? Thật ra những vấn đề này trong kinh đều nói cả. Những nền tảng này quý vị học Thái Thượng Cảm Ứng Thiên làm gì có, chỉ có đức Phật mới có đầy đủ trí tuệ chia sẻ như vậy.

Như vậy, hôm nay chúng ta biết luôn nội dung cung cấp cho người kinh doanh. Đó là phần kiến thức thế gian, bây giờ chúng ta vào phần kiến thức xuất thế gian.

Cần Hiểu Rõ Chính Xác Về Nghiệp Và Tái Sinh

(Theo Kinh Trung Bộ)

Bài kinh này rất dài, cho nên Thiện Trang chỉ cắt một đoạn thôi, nhưng đoạn này vẫn còn dài, quý vị cố gắng theo dõi.

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời; bạch Thiện Thệ nay đã đến thời, Thế Tôn hãy phân tích đại phân biệt về nghiệp! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. (Tức là lúc đó ngài A Nan bạch như vậy. Đoạn trước Thiện Trang không cần nêu).

- Vậy này Ānanda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này Ānanda, có bốn loại người này có mặt ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Ānanda (ngài A Nan)**, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi** (nói hai chiều)**, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục.** (Như vậy người làm bất thiện nghiệp thì ở đây nói sanh vào ác thú và đọa xứ Địa ngục (đường ác đó)).

Nhưng ở đây, này Ānanda, có người sát sanh… có tà kiến (giống như ở trên)**; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.**

Có nghĩa là tuy là hai người làm nghiệp bất thiện, nhưng một người thì sanh vào Địa ngục, đọa đường ác, còn một người thì lại sinh vào cõi lành (cõi Trời, cõi Người). Cho nên cùng làm việc như vậy nhưng khác nhau đó. Cho nên đức Phật nói không phải chắc chắn 100% tất cả những người làm việc ác đều bị đọa, đó là vấn đề. Còn những người ngoại đạo thì người ta sẽ nói là làm việc ác sẽ đọa hết. Cho nên ở đây tại sao lại như vậy, thì bài kinh này sẽ giải thích vấn đề đó.

Đó là hai hạng người rồi. Hạng người thứ 3:

Ở đây, này Ānanda, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu (nói chung là giống như trên, chỉ bỏ chữ từ thành từ bỏ, tức là tu hành Thập thiện) **từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng**

chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này (điều này đương nhiên chúng ta hay nghe, quen rồi).

Nhưng ở đây, này Ānanda, có người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục.

Thấy chưa? Không phải là làm thiện rồi có Chánh kiến hoàn toàn như vậy (Chánh kiến này là Chánh kiến thế gian) mà được lên cõi ngon đâu, mà vẫn đọa đó. Vậy vấn đề nằm ở đâu?

Ở đây, này Ānanda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ Chánh tác ý, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Vị ấy nói như sau: "Thật sự có những ác nghiệp, có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh... có tà kiến (tức là làm các việc ác như vậy cuối cùng đọa vào các đường ác)**; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục"** (nói chung sau khi chết họ đều sanh vào đọa xứ Địa ngục, như vậy họ cho là biết chân chánh). **Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí. Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".**

Thật ra họ nghĩ như vậy, nhưng thực tế không phải như vậy. Quý vị hiểu không? Đoạn này nói lại những lời của người tu ngoại đạo, người ta nhập định, có Thiên nhãn nên họ thấy có người làm thiện, làm lành theo Thập thiện, khi chết thì sẽ sanh vào cõi thiện (cõi Trời, cõi Người), và họ thấy những người ác thì chết xong sanh vào đường ác, [nên] họ

nói như vậy. Điều đó thì đức Phật nói là không đúng. Như vậy là không đúng nha! Tức là những người đó là tà, tại vì không hẳn đúng như vậy, tại vì không đúng hết cho [tất cả] trường hợp. Đức Phật đưa ra 4 trường hợp, còn họ chỉ đưa ra được 2 trường hợp thôi.

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm... vị ấy thấy có người ở đây sát sanh... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: "Thật sự không có những ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí. Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây cũng tương tự như vậy, tức là có những người Bà-la-môn, do họ nhập định, họ thấy như vậy. Họ thấy những người sát sanh… rồi cuối cùng sanh vào cõi Trời, cõi Người, thì họ cho là ai sát sanh cũng lên được, họ cho là như vậy. Cho nên họ cũng tà luôn, đoạn này chỉ lặp lại thôi.

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm... vị ấy thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau: "Thật sự có những thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí. Như vậy, điều này vị ấy tự mình

biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Rồi lại có những Bà-la-môn hay Sa-môn, họ nhập định thấy những người từ bỏ sát sanh, có Chánh kiến rồi sanh vào cõi lành, thì họ lại cho tất cả đều như vậy. Đức Phật nói điều này cũng không đúng.

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm... vị ấy thấy có người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Vị ấy nói như sau: "Thật sự không có những thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục". Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí. Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Trường hợp thứ tư là những người Sa-môn, Bà-la-môn nhập định, họ thấy những người có Chánh kiến, làm tốt, nhưng cuối cùng chết đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ. Họ thấy như vậy nên họ cho là không có quả báo thiện nghiệp, thiện hạnh, cho nên họ cũng tà luôn. Ở đây chúng ta chỉ cần lướt qua đoạn đó. Chúng ta chỉ cần nghe đoạn này.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn có ác nghiệp, có quả báo ác nghiệp". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục". Như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Có nghĩa là không hẳn tất cả những người sát sanh, trộm cắp, tà dâm cho đến tà kiến, sau khi chết đều đọa hết. Đức Phật không công nhận điều đó. Tức là có quả báo của ác nghiệp, có nghiệp, và thông thường những người tạo nghiệp như vậy, chết thì sẽ đọa, nhưng không phải chắc chắn như vậy. Đức Phật nói như vậy thôi. Ở đây, người ta cũng tuyên bố y chang như vậy. Quý vị có thể coi kỹ.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn không có ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh". Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh... có tà kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn có thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung; họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn không có thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh ". Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người

ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn những ai từ bỏ sát sanh... có Chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì cớ sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Tóm lại ở đoạn này là đức Phật giải thích tại sao như vậy. Đoạn Bà-la-môn, bốn đoạn đó Thiện Trang xin lược qua. Bây giờ chúng ta chỉ học đoạn cuối cùng thôi, [là] nguyên nhân. Đoạn này là quan trọng cho chúng ta.

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh... (trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, cho đến) **có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục** (bình thường là như vậy). **Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm lúc trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Và ai ở đây sát sanh... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.**

Chúng ta nhớ đoạn này giùm là được. Đoạn này quan trọng, nhưng hơi dài chút, nhiều người đọc sẽ không hiểu. Thực ra đơn giản thôi, đức Phật nói người có thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm gì đó, tới 10 điều ác. Sau

khi thân hoại mạng chung, họ đọa vào ác thú (tức là đường ác), đọa Địa ngục là bình thường. Nhưng cũng tùy trường hợp, họ đọa là do một ác nghiệp tạo cảm giác thọ khổ làm vào lúc trước nào đó, hoặc một ác nghiệp làm cảm giác thọ khổ khi làm về sau, hoặc trong lúc mạng chung họ khởi lên một Tà kiến nào đó, rồi họ chấp giữ thì họ sẽ đọa vào đường ác.

Cho nên, ở đây có bốn nguyên nhân đọa vào đường ác: Một là thường xuyên làm điều ác. Hai là làm một điều ác ở đâu đâu đó, rồi tới lúc đó nó khởi. [Ba là] làm việc ác lúc trước hoặc lúc sau thì nó khởi. Trường hợp thứ tư là đến lúc lâm chung tự nhiên nó khởi lên Tà kiến, rồi chấp giữ Tà kiến đó là đọa.

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh…có tà kiến (tức là họ làm việc xấu)**; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một Chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.**

Cho nên quý vị thấy làm việc [xấu] này, đức Phật nói lãnh thọ quả báo khởi lên ngay hiện tại hoặc trong một đời khác, chứ không phải lúc nào cũng xảy ra [liền]. Như vậy, tuy làm gì thì làm, nhưng nếu như đến lúc chết, do việc thiện mình làm lúc nào đó, đời này hay đời trước, lúc nào nó khởi lên thì là ngon, thoát [khỏi] đường ác. Hoặc lúc đó Chánh kiến khởi lên, mình chấp giữ lấy việc đó, thì mình cũng lên đường lành.

Cho nên mình tu phải ráng làm sao để tâm mình trụ trong những điều đó. Thường nghiệp là quan trọng, rồi nghiệp mình suy nghĩ làm sao, phải suy nghĩ tốt mới được. Nói chung Thiện Trang cũng đã nói nhiều rồi. Tương tự như vậy, ở đây hạng người tiếp theo, người ta làm việc thiện không [thôi], rồi khi chết thì họ sanh lên cõi thiện. Thực ra là cũng do những nguyên nhân: Ví dụ như đó là thường nghiệp rồi, hoặc do một nghiệp thiện đưa đến cảm giác lạc thọ cho họ. Việc thiện đó làm ở lúc trước hoặc việc thiện đó làm về sau này, hoặc là lúc mệnh chung họ sắp chết, họ chấp chặt

một Chánh kiến là được. Còn ngược lại [thì là] những điều kia. Cuối cùng chúng ta hiểu được ý đó là được rồi, tại vì lời văn quá dài.

Và ai ở đây sát sanh… có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một Chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại, hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một Chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại, hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh… có Chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Như vậy, này Ānanda, có nghiệp vô hữu[1] tợ vô hữu,[2] có nghiệp vô hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ vô hữu.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Nói chung mấy ngôn ngữ này, ngài Minh Châu để cho khó khăn quá. Thực ra chúng ta hiểu chính là những điều ở trên đó, có nghiệp rồi nhưng không có kết quả, gọi là nghiệp vô hữu. Tợ vô hữu là có nghiệp như vậy nhưng là tương tự thôi, chứ nó không trổ. Rồi có nghiệp vô hữu, tợ hữu tức là không có kết quả, nhưng nó dường như có kết quả. Rồi có nghiệp hữu tợ hữu, tức là nghiệp thì có, nhưng nó tương tự có như vậy. Ví dụ người đó làm thiện, thật ra không phải có kết quả thiện đó, mà do thiện nào đó hiện lên [khi chết] cho họ, nên đưa họ vào đường lành. Có nghiệp tợ vô hữu tức là nghiệp này thì thiện rồi, nhưng đến lúc cuối quả trổ không phải trổ thiện, tại vì họ khởi lên Tà kiến gì đó, cho nên gọi là tợ vô hữu.

(136. Đại Kinh Nghiệp Phân Biệt (Mahākammavibhaṅgasutta) – Kinh Trung Bộ).

Quý vị thấy Kinh Trung Bộ có tất cả 152 bộ kinh, thì quý vị coi. Ở đây Thiện Trang nhắc lại. Chúng ta khẳng định [một] điều là phải cẩn thận trong ý nghiệp. Tại vì đến lúc lâm chung mà khởi lên nghiệp xấu là cho dù làm thiện cả đời cũng [bị] đọa. Cho nên ráng làm sao đừng nghĩ

đến việc xấu, nhưng thông thường, Thường cận Y duyên quan trọng. Cho nên bây giờ hãy lo mà tu tập để Thường cận Y duyên của mình tốt. Tâm phải tốt, tâm phải nghĩ điều thiện.

Chứ những người mà suốt ngày toàn nghĩ điều tiêu cực, toàn là suy nghĩ không tốt về người khác v.v… thì coi chừng nha, khả năng đọa rất cao. Bi lụy tiêu cực đối với mình, đối với người khác, nghĩ lung tung lang tang thì khả năng đọa rất cao. Cho nên là hãy cố gắng, phải giữ tâm thanh tịnh. Quý vị tu Thiền định, tu Thiền chỉ thì tâm thanh tịnh nhiều, tự nhiên không nghĩ là tốt rồi.

Bây giờ chúng ta vào phần Thiền chỉ. Ở đây chúng ta có 40 đề mục tu Thiền chỉ. Thiện Trang xin nhắc lại, đây là theo Luận Thanh Tịnh Đạo của ngài Phật Âm.

Chúng ta đã học mười đề mục Biến xứ rồi: Đất, Nước, Gió, Lửa, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Hư không Giới hạn, Ánh sáng. Rồi mười đề mục Bất mỹ thì Thiện Trang chưa chia sẻ. Tùy niệm thì hình như đã đến Tùy niệm Thiên, còn Tùy niệm tử, Tùy niệm tịch tĩnh, Niệm [thân] thể trược thì chưa [giảng]. [Đề mục] Hơi thở cũng đã giảng rồi. Trong đề mục Phạm trú thì [đề mục] Từ chúng ta đã chia sẻ rồi, còn [đề mục] Bi, Hỷ, Xả thì chưa. Và còn [các đề mục] như Không vô Biên xứ, Thức vô Biên xứ, Vô sở Hữu xứ; Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ thì chưa [giảng]; Tưởng nhờm Gớm thức ăn và Phân biệt Bốn nguyên tố cũng chưa [giảng].

Ở đây Thiện Trang muốn chia sẻ lại cho quý vị một chút, có nhiều người tu, học nhiều quá nhưng không nhớ. Thực ra quý vị nhớ học nhiều để mình thực hành, mà thực hành thì mình kiểm tra lại những gì thực hành có giống như trong đó không. Mình thực hành thì muôn hình vạn trạng, không giống nhau, nhưng dấu hiệu quan trọng nhất khi mình tu mà tâm mình an lạc, tâm mình định tĩnh, tâm mình không lo sợ, thì đó là quý vị tu đúng. Còn quý vị tu mà một hồi mà lạc qua thế nào đó là quý vị phải coi lại. Quý vị phải coi lại ở chỗ là quý vị đừng có dụng tâm sai, tâm mình không có chánh thì sẽ sai.

Ví dụ chúng ta dùng các bóng đèn để tu Biến xứ màu. Thời gian đầu thì quý vị có thể thấy Tợ tướng, Trì tướng được, nhưng dùng màu này một thời gian, thấy màu đó thì tương ưng, đó là chúng ta thấy nhiều hình tướng, có thể là hình tròn, nhiều vòng tròn v.v… đủ mọi kiểu. Hoặc cách nào đó là có Tợ tướng, Trì tướng.

Tuy nhiên, có một số người thực hành lúc đầu thì có, sau này không có nữa, thì vấn đề làm sao? Không xuất hiện Trì tướng, Tợ tướng, tức là giống như mình sẽ thấy xuất hiện toàn bộ là khối màu nào đó. Ví dụ mình tu màu vàng thì thấy toàn bộ khối vàng, nhưng bây giờ mình không thấy khối đó. Mình ngồi hoài, nhìn bóng đèn miết cũng vậy, mà hồi trước mình tu vô rồi, có trường hợp [như vậy] xảy ra.

Đó là mình tu lâu rồi, mình không cần bóng đèn đó nữa. Quý vị chỉ cần nghĩ nhớ đến cái bóng đèn thôi, quý vị tưởng đó là được rồi. Tại vì quý vị nhìn bóng đèn sơ sơ thôi để định tâm, rồi một lát sau chỉ cần quý vị nhắm mắt lại, nhiếp tâm là vào Thiền được, có thể rơi vào trường hợp đó. Còn quý vị cứ tập trung nhìn vào bóng đèn, thì không nhập Thiền được nữa, tại vì lúc đó là mình thuần thục Thiền rồi.

Cho nên có những cái thuần thục rồi thì quý vị không [cần] đi lại bước đầu giống như người mới tu, mà quý vị chỉ cần dùng cái đèn để định tâm một chút thôi, rồi sau đó quý vị tự buông là nhập định được. Cho nên quý vị lưu ý như thế! Chứ không phải lúc nào cũng dùng [bóng đèn], đó là dành cho người tu mới, còn người tu lâu rồi thì lại kêu không có. Không có, nhưng bây giờ quý vị thả thử coi, mình buông tâm xuống, mình không cần nhìn nữa, coi thử có nhập định được không. Nếu nhập định được thì ok, tức là định mình sâu hơn rồi, thì không cần.

Cho nên cố gắng nha! Học cho hiểu và hãy học cho rõ ràng các đề mục, thực hành cho chính xác từng đề mục. Đề mục này không được thì mình tu qua đề mục khác. Mình kiên trì, kiên nhẫn một lát là được thôi, không được cái này thì được cái kia. Còn những người không có duyên thì cứ ráng tu để định tâm cũng được. Nói chung là đừng ham muốn chứng đắc, cứ tu một cách bình thường thì sẽ thành công.

Hôm nay chúng ta sẽ chia sẻ đề mục tiếp theo là đề mục Bi, nằm trong đề mục Phạm trú.

D2. Đề mục Bi (karuṇā): Đề mục Bi này có thể chứng đến Tam thiền. [Còn đề mục] Xả thì chứng đến Tứ thiền.

1. Định nghĩa: Bi là trạng thái cảm thông nỗi khổ của người khác, xót thương chúng sanh đau khổ, mong chúng sanh thoát khổ. Lúc nào mà mình cảm thông với sự đau khổ của người khác, xót thương khi thấy chúng sanh đau khổ, mong chúng sanh thoát khổ, đó là mình có tâm bi.

2. Đối lập: Sự tàn bạo là thái độ đối lập trực tiếp với tâm bi; Sự buồn khổ, nghẹn ngào là thái độ đối lập gián tiếp với tâm bi. Sự buồn khổ, nghẹn ngào là đối lập gián tiếp với tâm bi. Quý vị coi kỹ nha, tàn bạo là đối lập với tâm bi thì ai cũng biết rồi. Nhưng buồn khổ, nghẹn ngào thì cũng đối lập gián tiếp với tâm bi, có nghĩa là điều này gián tiếp cũng sẽ làm cho tâm bi mất. Tại vì sao vậy? Đơn giản thôi vì mình đang buồn khổ, nghẹn ngào thì lúc đó khởi lên tâm sân, không bi nữa, [mà là] không hài lòng. Bi phải là trạng thái cảm thông, xót thương. Còn đây là buồn khổ, nghẹn ngào là chuyển sang tâm sân, không hài lòng thì là sân, mà sân là hết bi rồi.

3. Lợi ích của tâm Bi:

Theo Kinh Tâm Từ *(Mettā Sutta)*- Kinh Tăng Chi Bộ, Chương Bốn Pháp, Kinh số 125 (có nội dung như sau):

Tôi nghe như vầy: Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ Đà Lâm), Tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo:

— Này các Tỳ-kheo!

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

— Này các Tỳ-kheo, khi tâm từ được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm cho sung túc, được làm cho vững chắc, được làm cho không có giới hạn, được tu tập như một sở hành, được thực hành, được phát triển, được tác thành như nền tảng, thì đem lại mười một quả báo.

Mười một quả báo ấy là gì?

Nếu mình tu tập tâm từ, thật ra tâm bi cũng giống vậy, tâm từ và tâm bi cũng giống nhau. Từ, Bi, Hỉ, Xả [thì] được mười một quả báo này.

1. Ngủ được an lạc.

2. Thức dậy được an lạc.

3. Không thấy ác mộng.

Mình ngủ có an lạc không? An lạc hơn rồi đó, ai mà tu một thời gian là thấy an lạc hẳn, đặc biệt quý vị tu Thiền chỉ thì thấy an lạc hơn. Thức dậy cũng thấy an lạc, đúng vậy! Và lúc đó chúng ta thấy không có ác mộng, [điều đó] rõ ràng.

4. Được người ái kính. Điều này là đương nhiên vì mình có định, có tâm từ, tâm bi.

5. Được phi nhân ái kính.

6. Được chư thiên hộ trì. Đã không! Ai thích được chư Thiên hộ trì không?

7. Không bị lửa, thuốc độc hay vũ khí tác hại.

8. Tâm dễ định. Thực hành tu theo điều này thì tâm dễ định.

9. Sắc diện hoan hỷ.

10. Lúc lâm chung không loạn thần.

11. Nếu không chứng được quả cao hơn, sẽ sanh lên Phạm Thiên giới.

Quan trọng là ở đây, ai cũng muốn tu, Kinh A Di Đà nói là: **"Tâm bất điên đảo"**, thì ráng tu theo điều này, tu bốn đề mục Phạm trú. Thật ra tu đắc Thiền thì sẽ có, chúng ta ráng như vậy. Và nếu không chứng quả gì thì cũng sanh lên cõi trời Phạm thiên, nên tốt như vậy mà!

— Này các Tỳ-kheo, khi tâm từ được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, thì đem lại mười một quả báo như vậy. Tâm Từ, Bi, Hỉ, Xả được nói chung ở đây, trong Sớ Giải các ngài nói là bốn tâm này là chung luôn, Bốn vô Lượng tâm.

4. Hành tướng: Một người trú biến mãn tâm bi là khi thấy một người đau khổ, bất hạnh thì khởi lên niềm thương cảm: "Khổ thay cho chúng sanh này, mong sao họ thoát khổ". Ngay cả khi thấy một người đang làm ác, hoặc sống dễ duôi, mặc dù người đó đang không khổ, hành giả vẫn trú tâm bi với người đó được, bằng cách nghĩ: "Ôi người này đang bước đi tới vực thẳm khổ đau"...

Hành tướng là như vậy, quý vị thấy hành tướng của tâm bi chưa? Thứ nhất là thấy người ta đau khổ, bất hạnh thì khởi lên thương cảm: "Khổ thay cho chúng sanh này. Người đó khổ, mong sao họ thoát khổ". Điều đó thì dễ rồi. Nhưng đối với người làm ác thì sao? Với người làm ác thì đa số, thậm chí nhiều người đồng tu lâu năm thấy người làm ác thì mong cho họ đọa. Như vậy thì đâu phải tâm bi, mình học từ đây thì mình thấy không phải. Thậm chí thấy người làm thiện mà mình cũng mong cho họ đọa nữa kìa. Cho nên tâm như vậy là không có tâm bi.

Mà thấy người làm ác thì mình phải khởi lên điều gì? "Ôi! Người đó đang bước đi tới vực thẳm khổ đau, thương cho họ", mình phải có tâm như thế. Chứ không phải tu một hồi, Thiện Trang thấy nhiều người đồng tu có trù ẻo người khác, rồi mong cho người ta chết, thậm chí chết ác, kiểu đó là không có tâm bi. Cho nên nhiều khi không học giáo pháp, rồi mình tưởng mình tu ngon lắm, thực tế là mình tu sai.

Bây giờ chúng ta [vào phần] thực hành, coi tu điều này làm sao:

5. Thực hành:

+B1: Phải học rành rẽ đề tài thiền và phải trừ khử những chướng ngại. Những chướng ngại như Triền cái, hay hoàn cảnh... Những điều này thì phải học cho rành rẽ nha. Điều này giảng nhiều rồi, quý vị cố gắng học cho rõ ràng.

+B2: Đi đến một nơi vắng vẻ, ngồi xuống thoải mái, và bắt đầu an trú đề mục. Nếu không đến một nơi vắng vẻ được thì mình tu ở nhà, thoải mái thôi, quý vị không cần [ngồi] kiết già, ngồi bán già cũng được.

+B3: Một người muốn tu tập tâm bi, trước hết phải làm lắng dịu ác ý, hại tâm, bằng cách suy xét điều nguy khốn của tâm não hại (vihiṃsa) như "người nào gieo đau khổ cho chúng sanh khác, người ấy sẽ phải khổ đau, không có hạnh phúc"...

Điều này là tâm mình hay bị, mình thấy người ta làm ác thì mong người ta chết, mong người ta [bị] thế này thế kia, đó là tâm ác. Cho nên trước khi tu tâm bi thì phải quán chiếu: "Những người làm cho chúng sanh khác khổ, là những người sẽ không hạnh phúc, họ sẽ khổ đau". Mình nghĩ tới quả báo của họ trong tương lai thì mình sẽ thương họ hơn. Chúng ta thấy rõ ràng.

+B4: Tiếp đến, hành giả khích lệ tâm bằng cách suy xét điều lợi ích của sự tu tập tâm bi (karuṇānisaṃsa) như nghĩ đến lời đức Phật dạy (mình có thể nghĩ như đoạn trên và mình nghĩ như thế này nữa)**: "Trong người nào có hiềm hận sanh khởi, trong người ấy bi cần được tu tập, làm như vậy hiềm hận ở người ấy được trừ diệt", hoặc nghĩ đến: "Người có tâm bi, ngủ được an vui, thức dậy được an vui v.v..."** (Chúng ta cố gắng suy nghĩ 11 lợi ích ở trên, hoặc cần tu tập).

+B5: Tiếp đến, hành giả nghĩ tới người đang bị đau khổ bất hạnh, và khởi tâm thương cảm: "Chúng sanh này đang chịu khổ đau, mong sao họ thoát khổ". Hoặc, hành giả nghĩ tới người đang sống hạnh phúc dễ duôi theo ác pháp, và khởi tâm bi: "Kẻ đáng thương này sẽ bị khổ đau, vì họ đang sống theo ác pháp". Hoặc,

hành giả có thể xót thương một người đang làm thiện, sống yên vui: "Thật sự người này vẫn còn đau khổ vì chưa thoát được khổ luân hồi".

Tức là bây giờ mình muốn khởi lên tâm bi, thì quý vị phải nghĩ đến ba điều: Hoặc là nghĩ đến người đang bị khổ, bất hạnh gì đó, thấy thương họ, mong họ thoát khổ. Hoặc nghĩ đến người làm ác nào đó, hoặc người đang sống hưởng thụ ghê gớm, thì mình thấy thương cho họ, bởi vì họ chưa [biết] con đường tu, cho nên họ đang làm theo ác pháp. Thứ ba, hoặc là thấy người làm thiện nào đó, mình thương cho họ vì họ chưa thoát khổ luân hồi, nên chưa được an vui. Mình nghĩ như vậy.

Đối tượng thì trong đề mục Từ, Bi, Hỉ, Xả đều để đối tượng [giống nhau], đối tượng như thế nào?

***Lưu ý: đối tượng đầu tiên để hành giả triển khai tâm bi lúc mới khởi sự tu tập là một đối tượng mà hành giả dễ trắc ẩn cảm thông nỗi khổ nhưng không bi lụy; Do đó đối tượng đầu tiên không phải là: người thân** (nên nhớ không phải là người thân)**, người bạn đáng yêu, người dưng kẻ lạ, người khó ưa, và không phải là một kẻ thù. Mà một người mình kính trọng là đối tượng đầu tiên để hành giả triển khai tâm bi lúc mới khởi sự tu tập.**

Đầu tiên vô là tránh những người này ra để tu, nếu không thì mình sẽ bị dính chấp. Đầu tiên là người thân, đừng khởi tâm đó với người thân, để [khỏi] bị dính mắt trong đó. Người bạn đáng yêu, mình thích quá thì cũng không được. Rồi người dưng kẻ lạ, [mình] trơ trơ thì cũng không được. Người khó ưa cũng không được, cũng không phải là kẻ thù. Điều này phải để ý, những người này thì mình khó thay đổi tâm, dễ đẩy qua tâm khác, không phải tâm bi. Mà đối tượng đầu tiên là người mà mình phải kính trọng, để tu đề mục này.

+B6: Sau khi đã khởi tâm Bi với người ấy như vậy, kế đó hành giả mới khởi tâm bi đối với một người thân, rồi tới một người dưng, rồi tới một kẻ thù, tuần tự theo cách ấy. Tức là mình sẽ luân chuyển, đầu tiên là người mình kính trọng, rồi mình hướng về người

thân, rồi mình hướng tới người dưng, hướng tới kẻ thù, cứ tuần tự đi theo vòng như vậy. Đi vòng như vậy rồi mình tiếp tục.

+B7: Cho đến khi tâm hành giả dễ dàng hướng tâm bi đến mọi đối tượng mà không bị trở ngại bởi ác cảm với kẻ thù, hay khổ lụy với người thân, (làm sao đối với kẻ thù mình cũng không có ác cảm, đối với người thân cũng không khổ lụy nữa, thì được rồi đó). **Hành giả nên tu tập bi tâm phá vỡ những rào ngăn và bình đẳng giữa chính bản thân, với người thân, với người dưng và với kẻ thù, chỉ là "chúng sanh đáng thương".** (Tức là mình quay ra [đều] là chúng sanh đáng thương hết, chứ không phân biệt người dưng, người lạ, hay kẻ thù gì hết)**. Tướng bi tâm khởi lên, làm cho phát triển, sung mãn... cuối cùng thì hành giả chứng được ba thiền (tikajjhāna)** (tức là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền) **theo hệ thống bốn thiền Kinh tạng, hoặc chứng đạt bốn thiền (catukkajjhāna) theo hệ thống năm thiền Vi Diệu Pháp tạng. Đề mục phạm trú bi (karuṇā) cũng chỉ đưa đến các thiền thọ hỉ, không đắc thiền thọ xả.**

Điều này thì cũng dễ hiểu thôi, chúng ta làm như vậy xong rồi một hồi là mình hết phân biệt người thân, kẻ lạ, người ác, không có cảm giác gì nữa, lúc đó chỉ có thương thôi, đó gọi là Bi vô lượng. Bi vô lượng khó vậy đó! Chứ mình tu mà còn phân biệt người này người kia, đủ các kiểu, thì không thể nào tu Bi vô lượng được, đúng không quý vị? Không được!

Làm như vậy thì cuối cùng chứng được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền của bên Kinh tạng, nhưng tầng Thiền thứ tư trong Tứ thiền bên Kinh tạng thì không chứng được, tầng Thiền thứ năm trong Vi Diệu Pháp thì không chứng được. Bởi vì điều này chỉ đưa đến thọ hỉ, không đưa đến thọ xả. Ba tầng thiền Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền theo Kinh tạng hoặc bốn thiền từ Sơ thiền đến Tứ thiền theo bên Vi Diệu Pháp thì đều là tâm thọ hỉ. Riêng tầng Thiền cuối cùng là Tứ thiền Sắc giới của Kinh tạng, hoặc Ngũ thiền Sắc giới của Vi Diệu Pháp, là thọ xả. Quý vị nhớ nha! Lúc nào cũng một trạng thái là hỷ lạc do ly dục sanh, có hỷ có lạc. Hỷ là niềm vui trong tâm, lạc là niềm vui của thân, thì Thiền này không tới, chỉ tới đó thôi. Nhập Tứ thiền là thọ xả chứ không phải là thọ hỉ nữa.

Như vậy là chúng ta học xong điều này, chúng ta chỉ học lướt qua thôi, cách thực hành thì quý vị phải coi những phần trước để quý vị nối lại, chứ bây giờ giảng cứ lặp lại nội dung trước thì dài lắm.

Phần cuối cùng hôm nay là phần Tâm, quý vị nhớ chúng ta học bao nhiêu Tâm rồi không? Chúng ta học về 52 Tâm sở xong rồi, bữa nào đó chúng ta sẽ tổng kết và kết hợp với [phần] Tâm. Hôm bữa mình học Tâm tham thì đi với bao nhiêu Tâm sở? Rồi 2 Tâm sân đi với bao nhiêu Tâm sở? Bữa nay mình sẽ học 2 Tâm si nữa, là tất cả có 12 Tâm bất thiện. Có 12 Tâm bất thiện thôi, không có nhiều đâu. Gồm có 8 Tâm tham, 2 Tâm sân và 2 Tâm si. Tuy nói ít vậy, nhưng [chúng] thường xuyên đi với chúng ta. Cho nên nói bất thiện thì ít, nhưng quả báo thì nhiều lắm.

a3. Tâm si (*Moha-mūla Citta - Tâm căn si):* Có 2

+Định nghĩa: Gọi là 'Tâm căn si' vì khi tâm này phát sanh có 'Tâm sở si' làm căn làm gốc. Tức là tâm này tất nhiên lúc nào cũng có Tâm sở Si. Giống như Tâm sân, quý vị thấy lúc nào cũng [có] Tâm sở Sân làm gốc. Tâm tham cũng vậy, có Tâm sở Tham làm gốc.

+Ý nghĩa của Si: Si là tối tăm, mờ ám, không hiểu biết những pháp đáng biết được tiến hóa chân chánh, cao siêu giải thoát. Si này nghĩa rộng lắm, mờ ám, tối tăm là đúng rồi, không hiểu biết những pháp đáng biết, được tiến hóa chân chánh cao siêu giải thoát. Tức là những pháp giải thoát mình không biết gì hết, là Tâm si. Nói rõ như vậy đó, Tâm si này rộng lắm, có khi si là mờ ám thôi, ví dụ mình không biết điều gì hết thì lúc đó là [Tâm] si. Ví dụ như mình đang nghe pháp đây mà không biết là vừa rồi thầy Thiện Trang nói điều gì hết, bởi vì lúc đó tâm của mình đang lơ đãng, thì đó cũng là Tâm si, nhưng Tâm si bình thường.

Rồi cũng nghe pháp, cũng tập trung nghe đó, nhưng nghe không hiểu, thì đó cũng là Tâm si. Nghe thì có nghe, nhưng không biết từ, thuật ngữ đó là gì hết, mơ mơ màng màng, thì đó cũng là Tâm si. [Vì] không hiểu được pháp cao siêu giải thoát. Như vậy Tâm si có những trường hợp si như vậy. Hoặc là lúc nghe pháp thì quý vị cũng nghe đó, nhưng tâm quý vị để ở đâu đâu, lúc đó nhớ đến chuyện hôm qua đưa con đi học,

tức là học pháp cũng không nhớ, thì lúc đó là Tâm si, cảnh không rõ nên cũng là Tâm si.

+Tâm si có 2 loại đều thọ xả (câu hành xả); (câu hành là đi cùng nhưng mình nói gọn là thọ xả)**, hợp (tương ưng) với hoài nghi hoặc trạo cử (phóng dật) như sau:**

1. Tâm si thọ xả, hợp hoài nghi.

2. Tâm si thọ xả, hợp trạo cử (phóng dật)**.**

Chúng ta ôn lại một chút về mấy loại tâm, chứ không, chúng ta quên mất. Hôm bữa học về Tâm tham, thì có 8 tâm, xét trên mấy phương diện, quý vị nhớ không? Xét trên phương diện thọ, thì Tâm tham có hai thọ: Một là thọ hỉ, hai là thọ xả. Tức là lúc mình ăn, hay mình thích gì đó mà tập trung quá, mình rất thích thì đó là thọ hỉ, là vui. Nhưng thọ xả thì hơi trơ trơ thôi, chứ chưa đến nỗi trơ lắm. Trơ mà không thích nữa là chuyển lên Tâm sân mất rồi. Không hài lòng nữa là sân luôn.

Ví dụ bữa đầu người ta tặng cho mình một gói mì gì đó ngon quá, [hoặc] mua một gói mì Hàn Quốc, bữa đầu ăn thì ngon, thì đó là Tâm tham thọ hỉ. Nhưng mình ăn một thời gian rồi, thấy cũng ngon nhưng không hứng thú như lúc trước nữa, thì đó là Tâm tham thọ xả. Rồi ăn thời gian nữa ngán lắm rồi mà cứ dọn ra trước mặt món mì đó hoài, không muốn ăn mà cũng phải ráng ăn, đó là Tâm sân thọ ưu.

Mình học, mình phải nắm vậy thì mình mới tu Tứ niệm xứ được, chứ mình không hay biết được tâm mình đang thế nào thì làm sao mình tu Tứ niệm xứ. Tâm tham làm sao biết tham, Tâm sân làm sao biết sân, Tâm si làm sao biết si, cho nên là phải học như vậy.

Nói về phương diện thọ thì nói chung, hên cho chúng ta là ba loại Tâm bất thiện: Tâm tham, Tâm sân và Tâm si đều xét trên ba thọ. Tức là đều xét trên thọ cả. Tâm tham là thọ xả với thọ hỉ; Tâm sân chỉ có một thọ là thọ ưu thôi, là khó chịu. Hôm nay chúng ta biết Tâm si là thọ xả, chút nữa chúng ta sẽ giải thích tại sao Tâm si [thọ] xả.

Quý biết tại sao Tâm si thọ xả không? Tâm si chỉ có một [loại là] thọ xả thôi. Tại vì quý vị đang có biết gì đâu, cảnh mờ mờ ảo ảo, không rõ cảnh mà. Tâm si là không rõ cảnh, thì lúc đó mình đâu thể tập trung vào để ưa thích cảnh đó đâu. Ví dụ nghe pháp không hiểu gì hết, nghe [nhưng] không biết thầy Thiện Trang đang nói điều gì, nghe như vậy là thọ xả. Tại vì mơ mơ màng màng thì là thọ xả thôi. Chút nữa chúng ta sẽ ôn lại.

Thứ hai, đối với Tâm tham, hôm bữa chúng ta học thì có hợp Tà kiến hay không hợp Tà kiến (gọi là ly Tà kiến). Tâm tham còn một yếu tố nữa là hữu trợ hay vô trợ, tức là có trợ giúp hay không có trợ giúp. Chúng ta ôn lại như vậy [để] chúng ta nhớ, Tâm tham [học] xong rồi nha. Rồi Tâm sân thì chỉ hợp một thứ thôi, đó là hợp phẫn nộ, chứ không có hợp với Tà kiến hay không Tà kiến gì hết, lúc nóng lên rồi, người tức lên rồi thì chỉ có cảm giác phẫn nộ đó thôi. Và có hữu trợ với vô trợ. Nó khác nhau cho nên khó nhớ hơn. Còn có trợ hay không có trợ thì điều đó dễ.

Hôm nay chúng ta học tới Tâm si. Quý vị để ý Tâm si, may quá, đầu tiên nó cũng giống là [xét về] thọ, xét về thọ thì là thọ xả. Tâm si là thọ xả. Tâm si hợp với hai [loại] khác nhau: Một là hợp hoài nghi, hai là hợp trạo cử. Không có trợ hay hữu trợ gì hết, không xét tới vấn đề đó, nên khác nhau. Cho nên tiêu chuẩn không giống nhau. Chính vì tiêu chuẩn không giống nhau cho nên khó nhớ. Chúng ta cứ học từ từ, mỗi bữa học một chút vậy thôi, chứ bây giờ học nhiều quá là loạn.

Hoài nghi là hoài nghi cái gì? Ví dụ Tâm tham, sân, si thọ xả hợp hoài nghi. Về hoài nghi thì có rất nhiều hoài nghi. Nói chung là:

+Hoài nghi (Vicikicchā): ***Hoài nghi về Phật, Pháp, Tăng và sự tu tập. Hoài nghi gồm có 8 và phân thành 40 điều***.

A.Hoài nghi Phật bảo có 5:

1. Hoài nghi Phật có đắc chứng Nhất thiết Chủng trí chăng? Có những người có sự nghi này. Bây giờ chúng ta mới nói tu để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn là phải không nghi đúng không? Hôm nay ai muốn biết

[mình có] không nghi với Phật, Pháp, Tăng hay không, thì chúng ta hãy xét 40 điều sau đây. Bao giờ quý vị thấy 40 điều sau đây mà mình đều không nghi nữa, thì quý vị có thể hết nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, thì quý vị mới có thể là Tu-đà-hoàn được. Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, lúc đó thành tựu Thánh giới nữa là ok.

Cho nên quý vị thấy học trong bộ Vi Diệu Pháp này đầy đủ lắm, đừng có xem thường. Chúng ta cứ học qua đi. Rồi quý vị nhớ là lâu lâu mình xét coi trong 40 điều này mình đã thành tựu hết chưa. Nếu thành tựu hết rồi thì chắc chắn chúc mừng quý vị, quý vị sẽ sắp đi trên con đường vào Sơ quả Tu-đà-hoàn hay ít nhất quý vị cũng đang đi trên con đường Tùy tín hành.

Còn nếu quý vị kham thêm một chút Thiền quán nữa, là quý vị quán Khổ - Không, Vô thường, Vô ngã khá khá nữa là ok, là quý vị đang đi trên con đường Tùy pháp hành. Và theo Kinh Nikaya nói: Hai hạng người đó không thể chết mà không chứng Tu-đà-hoàn, nghĩa là tệ lắm thì lúc chết họ sẽ chứng Tu-đà-hoàn. Cho nên có người hỏi Thiện Trang tại sao có người không chứng quả Tu-đà-hoàn? Thiện Trang nói nếu học được hết rồi thì họ cũng đang đi [trên con đường] Tùy tín hành, Tùy pháp hành, thì đến lúc cuối cùng họ chết họ sẽ chứng Tu-đà-hoàn. Đó! Có sao đâu!

Rồi có người học [mà] không hiểu rõ nữa, hỏi: “Khi chết mà chứng quả rồi thì đầu thai qua thân khác có mất [Tu-đà-hoàn] không?” Tại sao quý vị học rồi mà lại hỏi câu hỏi ngây thơ như thế. Chúng ta biết rồi, họ bất thối đọa rồi mà, chúng ta có học bài lợi ích của Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi đúng chưa? Đời sau họ vẫn là Sơ quả thôi chứ, đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì đời sau chỉ có lên thôi, chứ làm sao xuống nữa. Cho nên là không bao giờ có chuyện đó.

Đầu tiên là mình có nghi ngờ về Phật có chứng đắc Nhất thiết Chủng trí hay không? Tức là điều gì Phật cũng biết hay không? Mình có nghi ngờ không? Điều này chắc là mình không tin. Có những người sẽ

không tin điều đó, nói là làm sao điều gì Phật cũng biết được. Đó là [nghi] đó. Vậy mình đã hết nghi chưa? Nếu mình chưa hết nghi điều đó thì mình không có tin đối với Phật. Thấy chưa? Khó chưa? Nên không học điều này thì đâu biết đâu. Nhiều người đâu có tin, nói làm sao mà Phật biết hết tất cả.

Ở đây cũng xin nói thế này. Quý vị đọc trong kinh, quý vị thấy là đức Phật nói 'Ta quán sát'. Tức là đức Phật muốn biết điều gì thì đức Phật phải quán sát, chứ không phải đức Phật [không quán sát]. Ví dụ như có vô số chuyện đang xảy ra trên toàn thế giới, trên toàn hành tinh, trên toàn vũ trụ, rồi chuyện quá khứ, chuyện hiện tại, vị lai, thì làm sao mà Ngài thấy hết được. Ngài phải quán sát chứ, quán sát giống như quý vị zoom về hướng nào, quan sát về hướng nào, thì thấy hướng đó. Trong kinh nói như vậy, chứ không phải mình nói là lúc nào đức Phật cũng biết. Đức Phật chứa gì nổi đúng không?

Đấy cho nên là phải biết nha! Đức Phật quan sát người nào thì quan sát người đó. Muốn quan sát chuyện nào, thì quan sát chuyện đó. Cho nên phải quan sát, mỗi ngày đức Phật phải quan sát xem ai có duyên để độ sanh đó.

Cho nên điều đầu tiên là tin Phật có Nhất thiết Chủng trí hay không? Mình còn nghi điều đó hay không? Còn nghi thì là chưa tin với Phật. Rớt rồi! Điều đầu tiên rớt thì lấy đâu bất hoại tịnh đối với Phật được.

2. Hoài nghi hào quang của Phật sáng thấu chỗ khuất được chăng? Điều này cũng khó nữa! Bữa nay mình học rõ ràng, mình có thể tin điều này được không? Đó là mình cứ tưởng ánh sáng bình thường thôi. Ánh sáng bình thường thì làm gì chiếu vô những chỗ khuất được. Nhưng ánh sáng của Phật là chiếu vô chỗ khuất được. Đặc biệt vậy đó! Vậy mình có tin không? Không tin đúng không? Vậy thì làm sao có bất hoại tịnh đối với Phật được quý vị. Chưa có đâu! Cho nên vẫn là phàm phu, đúng chưa? Biết tại sao là phàm phu chưa? Cho nên phải học được,

tin cỡ đó đó, không đơn giản đâu. Quý vị tưởng tin Phật, Pháp, Tăng dễ lắm hả. Đâu phải đâu!

3. Hoài nghi hào quang 6 màu của Phật phóng ra đầy đủ chăng? Ta có nghi điều này không? Điều này thì chắc dễ hơn. Thiện Trang thấy điều này không có gì hết, [tin] đức Phật phóng ra ánh sáng đủ các màu là ok. [Mình] tin điều này, không có nghi.

4. Hoài nghi Thần thông song hành của Phật hiện trên cây xoài để hàng phục chúng ngoại đạo, rồi lên cõi trời Đao Lợi thuyết tạng Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*) vào mùa hạ thứ bảy, chẳng biết có vậy chăng?

Trong kinh có kể câu chuyện, trong Tích Truyện Pháp Cú, chuyện này Thiện Trang kể rồi. Tức là đức Phật sử dụng Thần thông song hành, Ngài bị mấy [người] ngoại đạo thách thức, cho nên Ngài sử dụng Thần thông. Ngài nói Ngài sẽ thị hiện Thần thông ở cây xoài, cho nên trong vùng đó ngoại đạo họ chặt hết xoài, chặt sạch. Nhưng cuối cùng vẫn có cây xoài đó ra trái, đức Phật thực hành Thần thông [tại] cây xoài đó, sau đó Ngài lên cõi trời Đao Lợi thuyết Vi Diệu Pháp. Chuyện này là vào mùa Hạ thứ bảy, theo Nam truyền [là đức Phật] thuyết pháp 45 năm, thì đây là mùa hạ thứ bảy. Tức là mình có tin vào Thần thông của Phật hay không? Tóm lại ở đây là mình tin hay không? Thiện Trang nghĩ là có nhiều người tin. Cho nên nếu tin Thần thông của Phật thì quý vị không có hoài nghi, điều này thì dễ hơn. Thông thường người Á đông chúng ta lại tin vào Thần thông hơn là trí tuệ, ngược đời vậy đó.

5. Hoài nghi cách diệt trừ Vô minh bằng trí tuệ sáng suốt của Ngài, có phải vậy chăng? Thiện Trang nghĩ chắc chúng ta không có nghi về điều này. Bằng trí tuệ sáng suốt thì diệt được Vô minh.

Đó là hoài nghi về Phật bảo thì có 5 điều. Quý vị xét thử coi, quý vị có nghi 5 điều này hay không? Nếu điều nào còn nghi thì quý vị đánh vô, quý vị hãy tu làm sao để không nghi. Đó là về Phật, có 5 điều.

B. Hoài nghi Pháp bảo có 4: Bất hoại tịnh đối với Pháp là đây nè, bây giờ hoài nghi thế nào?

1. Hoài nghi 4 bậc Tâm đạo có thật đúng như vậy chăng? 4 bậc Tâm đạo thì mình chưa học. Tâm đạo là sẽ ra Tâm quả. Ở trong bài tâm, chúng ta học sẽ có 4 bậc Tâm đạo của Sơ quả. Trước khi đắc Sơ quả phải có Tâm đạo của Sơ quả, trước khi đắc Nhị quả phải có Tâm đạo của Nhị quả, trước khi đắc Tam quả thì có Tâm đạo của Tam quả, trước khi đắc Tứ quả thì có Tâm đạo của Tứ quả. Điều này có thật đúng như vậy không? Nếu có hoài nghi thì chưa được. Thiện Trang nghĩ điều này chắc không khó, chúng ta tin được. Chúng ta muốn đắc đạo gì đó [thì] phải chuyển tâm qua đúng không? Khi chuyển tâm là được. Chắc là tin!

2. Hoài nghi 4 bậc Thánh quả phải chắc có chăng? Tức là mình có nghi rằng 4 Thánh quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán có hay không? Nếu mình không tin 4 Thánh quả đó, mình nghĩ là không có, thì là mình nghi. Cho nên nghi Pháp là như vậy.

3. Hoài nghi Niết-Bàn phải là vắng lặng dứt tuyệt rốt ráo hết tất cả khổ phải chăng? Điều này thì chắc là quý vị tin, tại vì mình nghe nói Niết-Bàn hoài thì mình tin Niết-Bàn là hết khổ, cho nên không có nghi.

4. Hoài nghi pháp học Tam tạng 84.000 pháp uẩn như thế phải chăng? Điều này là mình nói về giáo pháp, có 84.000 pháp uẩn, như vậy mình tin hay không? Nếu nói về hoài nghi này thì thực sự mà nói là cũng khó. Điều này nói thì dễ nhưng khó [tin]. Mình nói có 84.000 Pháp môn, nhưng thực tế quý vị học kinh điển, quý vị chưa chứng Tu-đà-hoàn thì có sự nghi này. Tại vì sao? Bởi vì có những điều ở trong kinh, mặc dù mình ghi kinh nào đó, kinh nào đó, nhưng có những kinh không phải là kinh của Phật, mà là được [người] đời sau thêm vào, ngụy tạo, tùm lum tà la, hoặc là thêm bớt vô đó. Cho nên điều này là khó.

Mình nói là tin Pháp vậy thôi, chứ còn để xét ra thì sẽ có những điều hoài nghi. Nhưng khi quý vị tu [mà] chứng tới Tu-đà-hoàn thì sẽ không có nghi nữa, quý vị sẽ biết: Pháp này là Pháp của đức Thế Tôn dạy.

Pháp này chỉ là phương tiện của người đời sau đưa vào, pháp này của bên ngoại đạo đưa vào, v.v… điều này điều kia, quý vị sẽ biết rất rõ. Và khi chứng Tu-đà-hoàn thì người ta sẽ biết pháp nào cần hành, pháp nào không cần hành. Nhưng các ngài chứng Tu-đà-hoàn rồi thì thông thường [các ngài] cũng không nói. Thấy chúng sanh hành pháp sai, nhưng pháp đó không đến nỗi đọa lạc thì các ngài cũng không nói. Còn các ngài thấy pháp đó không đưa đến giải thoát cho chúng sanh, mà [lại] dẫn chúng sanh đọa lạc, thì các ngài thường phải nói. Hoặc là đôi khi các ngài cũng không nói luôn, vì thấy ngay cả vấn đề đó có nói thì cũng vậy thôi, các ngài mà thấy đụng tới lòng tin của chúng sanh, chúng sanh phỉ báng mình [thì] tội hơn nữa, nên các ngài cũng không nói luôn. Đó! Đôi khi là như vậy. Chính vì vậy, cho nên chỉ người chứng Tu-đà-hoàn mới có Chánh kiến, người ta mới nhìn được đâu là pháp chính xác. Cho nên coi vậy chứ điều nghi này thì khó, biết đâu là pháp của Phật, khó lắm!

C. Hoài nghi Tăng bảo có 2:

1. Hoài nghi Thánh Tăng chẳng biết thật có Đệ tử Phật đắc quả chăng? Tức là mình nghi rằng có phải có người đắc được quả hay không? Bây giờ mình nghi nhiều đúng không? Cứ lấy kinh gì bên Tịnh Độ, rồi dẫn lời đó, thật ra không phải Kinh Đại Tập, mà ăn rồi cứ nói: *"Thời Mạt pháp, ức ức người tu hành, không có người chứng đắc, chỉ nương Pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi"*. Kiểu vậy đó! Đó là rớt vào điều này, kinh không có nói vậy, đó là một người đời sau, người ta viết. Chính vì thế, ai mà tin vào điều đó thì không tin đắc quả nữa, là bị nghi về Tăng bảo. Thấy chưa? Làm sao mình ấn chứng được Tu-đà-hoàn. Mình phải tin rằng: Với giáo pháp của Phật, ai thực hành, [tu] đúng, tu đủ, khi đủ duyên [thì] họ sẽ chứng quả Thánh, phải tin như vậy. Cho nên đấy là một vấn đề nghiêm trọng, quý vị hãy cẩn thận.

2. Hoài nghi phàm Tăng với cách tứ bạch yết ma, chư Tăng chơn truyền đồng nhận chịu bằng cách nín thinh, thì vị ấy đắc Tỷ-kheo phải chăng?

Đây là nói về thọ giới. Có nhiều khi nghi rằng: Bây giờ khi truyền giới, các chư Tăng im lặng hết, thì như vậy có đắc giới không? Có đắc Tỳ-kheo không? Tức là mình thọ giới có đắc Tỳ-kheo không? Cứ nghi những sự nghi thế này, thì thật ra mấy sự nghi này không tốt, [mà] không cần nghi ngờ nhiều. Đó là Phật, Pháp, Tăng.

D. Hoài nghi Tam học có 3: tức là có 3 sự nghi đối với Giới, Định, Huệ.

1. Hoài nghi Giới như thế có phải ngăn trừ ác xấu phải chăng? Có không? Điều này thì chắc là không ai có nghi như vậy hết. Tại ai cũng biết giới là giúp cho tốt hơn đúng không? Còn ai nói giới mà thêm gì đó, nói không tốt, thì mấy người đó tà, không thể nào có được điều này.

2. Hoài nghi Pháp định có phải dùng tâm yên lặng để tiến hóa chăng? Tức là Giới, Định, Huệ đó, Pháp tịnh tức là Định, có phải dùng tâm yên lặng để tiến lên không? Điều này thì nhiều người nghi lắm, thời nay đặc biệt người tu Tịnh Độ quên mất Pháp định. Pháp này là Pháp định (mình sửa lại cho rõ luôn là hoài nghi về Định). Pháp tịnh tức là Pháp định (nói là Định luôn cho rõ), bản dịch, người ta dịch không rõ. Tức là mình tu Định có đem lại yên tâm để tiến hóa lên chăng? Có nhiều người không có tu Định luôn, thì đó là nghi về Định. Cho nên Giới, Định, Huệ thì điều này là nghi về Định. [Nghi] điều này thì không thể nào bất hoại tịnh được đâu.

3. Hoài nghi trí tuệ có phải giúp tỏ ngộ, đắc chứng đến đạo, quả diệt trừ phiền não dứt nhân khổ phải chăng? Điều này thì chắc chúng ta nghe pháp nhiều thì chúng ta dễ tin được đúng không? Chúng ta không có nghi, không sao!

Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) và Giới, Định, Huệ (Tam học), là bốn điều [nghi] rồi nha.

E. Hoài nghi Quá khứ có 5: Bây giờ quý vị kiểm tra thử coi mình có nghi không?

1. Nghi rằng đời trước ta có phải chăng? Quý vị có nghi điều này không? Nghi rằng đời trước ta có phải chăng? Tức là đời trước mình có

hiện hữu không? Hay là mình tin vào khoa học hiện đại, rồi mình nói không có linh hồn, không có ta tồn tại gì đó, v.v… Nói chung [nghĩ] là chắc đời này tự nhiên sinh ra rồi chết thôi đúng không? Cho nên nếu [nghĩ] như vậy thì là mình nghi. Lâu lâu mình có nghi đúng không? Nếu ai có nghi như vậy thì chưa tu được tới đây, [phải] không có nghi.

2. Nghi rằng đời trước ta có hay không có? Tức là rớt vào hai trạng thái: Một là Thường kiến, là có ta; Hai là không có ta. Và điều này là nghi về tư tưởng Triết học, còn điều kia là mình nghi về sự hiện hữu. Đôi khi điều này cũng gần gần giống với điều ở trên, nhưng có hay không [thôi]. Ở trên là [nghi] đời trước có hay không có, đời trước ta có phải chăng, tức là nghi ngờ về sự hiện hữu đời trước. Nhưng hình như đồng tu bây giờ cũng khá lắm, cũng nghĩ mình đời trước là ai đó, rồi tới đây, tưởng tượng luôn được. Chắc là mình không bị vấn đề này, không có điều nghi này.

3. Nghi rằng đời trước ta có ra như thế nào? Điều này thì hơi khó hiểu. Ý nghĩa là nghi ngờ về bản chất sự tồn tại của đời trước. Tức là ta tồn tại như thế nào, hình thức ra sao, chủng loại nào? Ví dụ đời trước ta là Người hay là Súc sanh? Có thân thể như thế nào? Mình có nghi điều này hay không? Chắc là không đúng không? Quý vị chắc cũng công nhận, đôi khi mình nói: "Chắc đời trước con là Súc sanh lên, cho nên con học dốt quá thầy ơi!", chẳng hạn. Đó là không có nghi. [Nếu nghi] điều này, thì tu Thiền có thể giúp mình bớt nghi.

4. Nghi rằng đời trước ta có mà như thế nào? Điều này gần giống như điều ở trên, tức là có ta, nhưng ta có như thế nào? Tức là ta sống như thế nào, trạng thái tâm như thế nào, ta có ý thức hay không, ta có nhận biết hay không? Và ta có giỏi hay không, có tài năng hay không? v.v… Tức là ta có, nhưng có như thế nào, có giỏi không, đời trước mình tu giỏi lắm, đời này sao dốt quá chẳng hạn. Đó là những điều nghi [về] mình xảy ra, thì mình không nghi nữa là được.

5. Nghi rằng đời trước ta ra sao và đổi ra sao? Điều này là nghi về quá trình chuyển hóa, mình chuyển hóa như thế nào? Ví dụ như mình

nghĩ: Đời trước mình là người nào đó, mà chắc là đi đầu thai như vậy, như vậy... Nếu quý vị nghĩ như vậy thì quý vị không nghi như thế này. Còn quý vị nghi: "Chắc là không có đâu, không phải là đầu thai như trong kinh Phật nói đâu, mà chuyển thế nào đó" v.v… Điều đó là nghi. Điều này thì Thiện Trang nghĩ chắc là không khó đối với những người học Phật pháp lâu như chúng ta.

Đó là nghi về quá khứ, thì có nghi về tương lai, cũng có 5 điều nữa.

F. Hoài nghi Vị lai có 5:

1. Nghi rằng đời sau ta sẽ ra sao? Điều này cũng tương tự. Nghi rằng đời sau ta sẽ ra sao.

2. Nghi rằng đời sau ta không có phải chăng? Ai mà chấp vào chết là hết, [thì] là nghi.

3. Nghi rằng đời sau nếu có ta sẽ thế nào? Tức là mình tin là có đời sau rồi, nhưng không biết đời sau [rồi] sẽ ra sao, nghi thế này, nghi thế kia. Tức là mình chưa có tin vào nghiệp quả.

4. Nghi rằng đời sau làm sao ta có được? Tức là làm sao mình có được đời sau đây? Nghi như vậy! Ví dụ như mình không biết đầu thai là thế nào, tại sao lại có ra ta ở đời nữa.

5. Nghi rằng đời sau ta thế nào, rồi sẽ ra sao? Tức là lại tiếp tục một vòng nữa như thế nào.

Nghi về tương lai rồi, bây giờ là [nghi] về hiện tại.

G. Hoài nghi Hiện tại có 5:

1. Nghi rằng đây là ta phải chăng? Tức là đây là ta phải không? Hay là ai đó đúng không? Nhiều khi nghi vậy đó. Nghi về bản ngã của mình, cái ta của mình có hiện hữu hay không? Đấy là một dạng Ngã kiến chưa có vượt qua. Dạng Ngã kiến này là mình chấp đây có phải là ta không? Thân này có phải là ta không? Bây giờ quý vị nghĩ thân này có phải là ta không? Nếu quý vị học Phật pháp mà quý vị nói thân này là ta,

đó là quý vị sai, đúng không? Thực tế, thân này không phải là ta hoàn toàn, nên nhớ vậy! Không thể nói là ta, mà cũng không thể nói nó không phải là ta. Mà phải nói như vậy mới đúng.

2. Nghi rằng đây thành ra ta phải chăng? Tức là nghi rằng các pháp hiện tại như thân tâm này có biến ra ta hay không? Có hay không [quý vị]? Thật ra mình học Phật pháp lâu rồi, thì mình sẽ hiểu rằng: Không phải! Mấy điều này chỉ là do duyên. Thức của mình sanh ra đây, rồi nghiệp nương vào đó thôi. Mình hiểu được như vậy thì mình phá được mấy điều nghi này. Cho nên tại sao Sơ quả Tu-đà-hoàn lại khó như vậy. Quý vị thấy không ạ? 40 điều nghi này đâu có dễ.

3. Nghi rằng là ta đây như thế nào? Ta đây như thế nào, tức là bản chất của ta là bản chất thế nào? Ta có thật là ta hay không? Có tâm linh vĩnh hằng hay không? Nói về bản thể thì ai mà học Thiện Trang chia sẻ từ trước tới giờ, nếu quý vị hiểu thì quý vị sẽ không nghi điều này nữa. Biết rồi! Giống như trái xoài, mình trồng xuống rồi nó lên cây xoài, ra trái khác vậy thôi. Đời này qua đời khác như vậy v.v... Mình hiểu được câu chuyện đó thì quý vị dứt được mấy điều nghi này.

Cho nên Thiện Trang mới nói là tại sao muốn vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thì phải học tới đó, chứ còn học sơ sơ là không tới Tu-đà-hoàn được đâu, dễ gì! Không hiểu thì làm sao vào được [Tu-đà-hoàn], Tu-đà-hoàn [là phải] tới đó mà.

4. Nghi rằng ta đây thành ra như thế nào? Cũng tương tự như vậy thôi, đó là quá trình tiến hóa của mình thế nào? Mai mốt mình học tới lộ trình tâm, lộ trình tử rồi, thì mình sẽ rõ ràng, khỏi lo!

5. Nghi rằng chúng sanh có do từ đâu? Bắt đầu nghi về sự sống: Có phải là do thần linh tạo ra? Hay do nghiệp? Hay do ngẫu nhiên? v.v... Điều này thì đức Phật luôn đưa ra, nói là không có trả lời, bởi vì điều này không thiết thực cho giải thoát. Như vậy thì mình cũng nghi luôn.

Nhưng thật ra nếu mình học lâu rồi thì mình biết, mình hiểu là cũng chả cần phải nghi điều đó nữa. Tại vì thật ra điều này không cần thiết. Đức Phật nói như vậy thì mình cứ tin như vậy thôi, không nghi

nữa. Còn mình cứ đặt vấn đề đó canh cánh trong lòng thì mình nghi. Thật ra đức Phật nói là do Vô minh mới có luân hồi, chủ yếu là do Vô minh thôi. Mình chỉ cần nắm điều cốt lõi đó là mình hết nghi.

H. Hoài nghi Pháp y tương sinh (*paṭiccasamuppāda*) có 11 (mình cũng kiểm tra lại 11 điều này).

1. Nghi rằng chúng sanh có già chết phải do sự sanh ra chăng? Điều này thì dễ hiểu đúng không? Chúng sanh thì có già chết, có sanh thì có già, có chết. Chứ có chúng sanh nào sanh ra rồi mà không chết đâu.

2. Nghi rằng tái tục (hay đầu thai) phải do nghiệp hậu hữu chăng? Tức là mình nghi rằng có phải đi đầu thai là do nghiệp về sau còn hay không. Điều này thì chắc không có nghi gì đâu. Ai mà học tới bây giờ thì chắc biết rồi, không có nghi. Còn nghiệp thì còn đầu thai, A-la-hán hết nghiệp rồi thì hết đầu thai.

3. Nghi rằng nghiệp hậu hữu phải do sự thủ chấp cứng chăng? Đúng rồi! Tức là mình tin rằng là do mình có sự chấp trước, chấp cứng, chấp dữ quá cho nên mình tạo ra nghiệp. Và tạo nghiệp đó cho nên là mới có nghiệp. Điều này thì không có nghi đâu.

4. Nghi rằng hậu hữu có phải do sự tham ái chăng? Thật ra nguyên nhân chính là do tham ái, đúng chưa? Còn có nghiệp là do tham, do tham nên không đoạn được tham ái. Ở đây, trong vòng 12 nhân duyên, thì chúng ta thấy có Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức... thì có [ái] là tham ái.

5. Nghi rằng ái có phải do sự thọ hưởng chăng? Tức là ái này là từ đâu? Do thọ đúng không?

6. Nghi rằng thọ có phải do sự xúc chạm chăng? Thọ là do tiếp xúc. Đức Phật nói trong 12 nhân duyên như vậy, nhưng mình lại nghi, mình không tin điều đó. Đó là nghi. Điều này thì Thiện Trang nghĩ là không khó, tại vì thật ra mình học hoài thì mình không có nghi.

7. Nghi rằng xúc có phải do Lục xứ chăng? Đây cũng là trong vòng 12 nhân duyên. Sáu chỗ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn tiếp xúc thì đó là gọi là Lục xứ. [Mình] tiếp xúc với cảnh là do đó, ví dụ như mắt thì thấy cảnh đẹp hay xấu, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, đó là ba xứ. Có tất cả là sáu xứ.

8. Nghi rằng Lục xứ có phải do nhờ danh sắc chăng?

9. Nghi rằng là danh sắc có phải do nhờ thức chăng? Thức duyên Danh sắc. Vậy thì mình có nghi không? Quý vị hiểu Danh và Sắc không ạ? Danh là về tinh thần: Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Còn Sắc là thân thể vật lý.

10. Nghi rằng thức tái tục có pháp hành trợ giúp hay chăng? Khi đi đầu thai, thức đi đầu thai tiếp tục là có pháp hành trợ giúp hay không? Điều đó có đúng không? Có! Mình phải tin điều đó.

11. Nghi rằng pháp hành phát sanh có phải do nhờ Vô minh hay chăng? Điều này là từ vòng 12 nhân duyên, Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Hữu, Hữu duyên Thủ v.v... Vòng 12 nhân duyên mà mình nghi trong đó thì cũng không được. Mình phải tin điều đó.

Khi nào suy xét đến những hoài nghi như trên, đó là tâm si hoài nghi! Còn những loại hoài nghi khác là hoài nghi thông thường thì cảnh của các tâm khác có thể là tham, sân, thiện, hay tố dục giới.

Khi nào mà quý vị nghi trong 40 điều ở trên, thì đó gọi là Tâm si hoài nghi. Còn nếu không phải như thế thì đó là hoài nghi của tâm khác. Hoài nghi thông thường thì cảnh của các tâm khác, có thể là tham, sân, thiện hay tố dục giới (tố là tác, là làm). Bây giờ mình muốn biết có nghi hay không thì mình xét 40 điều trên. Đó gọi là Tâm si hoài nghi.

Chúng ta học luôn tâm trạo cử rồi chúng ta sẽ tổng kết lại từ từ, rồi cho ví dụ.

+Trạo cử *(Uddhacca): - uddhacca* là tán loạn, lau chau, say mê, điên cuồng, quên mình chẳng tỉnh táo hay giật mình, cảm thấy bồn chồn, bất an v.v...

Quý vị thấy trạo cử là tán loạn, là lao chao, là say mê, là điên cuồng. Đó là trạo cử hay là phóng dật. Tâm mình tán loạn, lao chao, người không có định thì bị điều này. Rồi say mê, mình say mê cái gì quá đó thì cũng là phóng dật, trạo cử. Điên cuồng là những người say mê, mê đến mức độ điên cuồng luôn. Quên mình, chẳng tỉnh táo hay giật mình. Những người hay giật mình, quý vị thấy mình có giật mình không? Giật mình là phóng dật đó. Cảm thấy bồn chồn, bất an v.v...

Quý vị thấy học những điều này, mình thấy rõ đúng không? Chứ bình thường mình cứ nói trạo cử hay là phóng dật hay điệu cử, mà mình cũng chẳng biết thế nào là phóng dật, thế nào là trạo cử đúng không? Đâu biết! Hôm nay thì biết rồi, tâm tán loạn là phóng dật, rồi lao chao, say mê. Giống như thấy bông hoa đẹp quá nên say mê, đó là phóng dật, là trạo cử, là điên cuồng đó. Ví dụ như nghe nhạc xong rồi nhảy đùng đùng, hát theo, không làm chủ được, đó là điên cuồng. Quên mình, chẳng tỉnh táo, hay giật mình, cảm thấy bồn chồn. Nhiều khi cảm thấy bồn chồn, bất an, đó cũng là phóng dật.

Cho nên những người không có định thường bị những điều này nặng. Quý vị thấy rõ ràng đúng không? Người có định thì tự nhiên bớt hẳn. Ví dụ như quý vị đi ra ngoài, giẫm chân lên một con gì hay cái gì đó mềm mềm, bắt đầu giật mình lên, sợ hãi, hét lên. Đó là phóng dật. Vì sao? Vì quên mất. Mình nhìn xuống thấy không phải là con rắn, hóa ra chỉ là chiếc dép thôi mà mình tưởng con rắn. Đó là gì? Đó là Tâm si, Tâm si không nhận được biết được cảnh, đó là phóng dật.

Như vậy chúng ta hiểu rõ ràng thế nào là trạo cử rồi đúng không? Cho nên ai hỏi trạo cử là thế nào [thì mình] học rồi nha. Có nhiều đồng tu không chịu nghe bộ này, rồi cứ hỏi phóng dật là sao thầy? Cái này là sao? Cái kia là sao? Thiện Trang nói những điều đó [được] giảng hết trong bộ Câu Xá này, trong bộ này có hết đó. Rồi hỏi thế nào là niệm Thiên? Thiện Trang nói niệm Thiên thì đã giảng qua rồi. Cho nên nhiều

khi không học mà cứ hay hỏi. Nói chung là người thời nay không có siêng năng. Thích thì tìm hiểu, [Thiện Trang] chia sẻ đầy đủ hết rồi, mà không có siêng năng tìm kiếm. Cho nên là học cứ mơ mơ màng màng, nên tu cũng không tới, khó mà đắc lực được. Mình không hiểu rõ vấn đề gì thì làm sao mà tu được.

***Hai thứ tâm này có cùng sức mạnh, không có tâm nào mạnh mẽ hơn tâm nào*. Chúng không khác nhau trên phương diện vô trợ hay hữu trợ.** Tức là hai tâm này không xét trên phương diện vô trợ hay hữu trợ. Hai tâm gì? Hai tâm si. Tại sao? Ở đây có nói:

***Không có phân chia "có trợ" hay "vô trợ",* vì bản chất của các tâm này không đủ điều kiện để xuất hiện sự có mặt hay vắng mặt của trợ tâm như hỷ (pīti), định (ekaggatā), hoặc tác ý mạnh mẽ.**

Ở đây chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về trợ hay vô trợ. Tức là ở đây nói là không có điều kiện để xuất hiện hay vắng mặt của các trợ tâm như Hỉ (Hỉ là một [Tâm sở] giúp trợ tâm), rồi Định, hoặc là Tác ý mà tác ý mạnh mẽ. Đây là những Tâm sở mà mình đều học rồi đúng không ạ? Tâm sở Hỉ, Tâm sở Định, và Tâm sở Tác ý. Khi không có đủ điều kiện để xuất hiện những [Tâm sở] này thì không có quan trọng, chính vì vậy nên không có trợ hay vô trợ. Còn mấy Tâm tham với Tâm sân thì có. Tâm tham thì có xuất hiện theo hỉ, hỉ mạnh hay hỉ yếu gì đó v.v... Rồi Tâm sân [thì xuất hiện] theo định.

Tóm lại về Tâm si thì có hai loại:

Tâm	**Cảm giác (thọ)**	**Hợp tác**
Si	Xả	Hoài nghi
Si	Xả	Trạo cử (Phóng dật)

Chúng ta học hết luôn, rồi mình cho ví dụ.

*Cả hai loại **tâm Si** (si + hoài nghi, si + trạo cử) đều là **tâm thọ xả (upekkhā vedanā)** (nhớ là thọ xả nha) vì **chúng không đủ điều kiện để có cảm thọ hỉ hay ưu** – do bản chất **mù mờ, mơ hồ, không rõ ràng**, và **không có đối tượng cụ thể nào gây khoái cảm hay khó chịu rõ rệt**.

Giải thích quá rõ rồi đúng không quý vị? Tức là khi si thì không giống như tham. Tham thì cảnh rõ lắm, vì nó thích mà, thích thì cảnh phải rõ chứ. Cảnh rõ cho nên có thọ hỉ trong đó. Rồi Tâm sân thì cảnh cũng rõ chứ, tôi đang bực mình, đang khó chịu, khó chịu về điều gì đó, rõ cảnh mà. Như trời đang nóng thì thấy nóng, [hay] đang lạnh thì thấy lạnh, rõ ràng mà! Đó là những cảm giác, khoái cảm hay là khó chịu, cho nên mới có như vậy. Nhưng ở đây, tâm này là thọ xả, tại vì nó không có cảm giác gì về mấy điều đó, mà nó mù mờ, mơ hồ, không rõ ràng về đối tượng cụ thể nào hết, cho nên Tâm si là thọ xả.

Đó quý vị! Mình học, mình phải hiểu như vậy thì mới nhớ được, chứ còn học theo kiểu học gạo, thuộc lòng thì một thời gian là quên hết, không thể nào thuộc lòng được. Mình nghe vấn đề nào thì mình phải hiểu. Nói Tâm tham, tại sao đó là Tâm tham thọ xả hay thọ hỉ, mình phải biết. Rồi Tâm sân thì tại sao thọ ưu? Vì khó chịu nên thọ ưu. Còn Tâm si thì tại sao thọ xả? Bởi vì đối tượng không có rõ ràng gì hết, mà nó mờ mờ, cho nên là thọ xả thôi. Mình phải hiểu như vậy thì không thể nào quên được hết. Học Phật pháp phải hiểu, hiểu rồi mới tu. Vậy thì hôm nay chúng ta rõ ràng rồi.

Bây giờ cho một ví dụ:

***VD1:** Một người đàn ông đang có sự nghi ngờ về nghiệp và sự ảnh hưởng (quả) của nghiệp, thì khi ấy có tâm gì?*

Quý vị trả lời thử coi. Có một người đàn ông, ví dụ như chồng của quý vị đang nghi ngờ về nghiệp và sự ảnh hưởng của nghiệp. Thì [khi] đó chồng của quý vị có tâm gì? Tức là đang nghi ngờ rằng thấy vợ mình tu tập vậy v.v…, thấy có trổ quả gì đâu. Chưa thấy gì hết cho nên nghi ngờ về nghiệp, về quả nghiệp. Thấy ông kia làm ác ghê gớm mà giàu quá trời, ổng nghĩ vậy. Còn ổng thấy bà vợ mình tu hoài cũng không

thấy giàu lên được. Ổng nghi ngờ nghiệp và quả của nghiệp, như vậy ổng có tâm gì?

Tất nhiên quý vị sẽ trả lời là Tâm si. Nhưng ở đây quá dễ, có 50 - 50. Tâm si gì? Quý vị coi lại nha! Tâm si thọ xả, hợp hoài nghi hoặc là Tâm si thọ xả, hợp phóng dật. Ở đây chúng ta nên dùng chữ gì? Nãy giờ chúng ta dùng từ trạo cử, có người dùng chữ phóng dật. Trạo cử, phóng dật, dùng cái nào cũng được. Có người dùng trạo cử, có người dùng phóng dật. Ở đây là Tâm si, Tâm si này là hợp hoài nghi hay hợp trạo cử?

Đáp án: **Tâm si thọ xả hợp hoài nghi.** Đáp án chắc chắn là Tâm si. Bởi vì ổng đang nghi ngờ về nghiệp và quả của nghiệp, tức là ổng đang nghi ngờ về Phật pháp. Dễ dàng! Không có gì hết.

VD2: *Một nữ Phật tử đang nghe giảng bài, nhưng cô ấy không hiểu một từ ngữ bởi vì ý của cô ta dao động không yên. Tâm của cô ta trong khi ấy là tâm gì?*

[Trường hợp] này thì dễ quá rồi. Tức là bây giờ có một người nữ Phật tử đang nghe giảng bài ở đây, nhưng không hiểu được từ ở trên. Ví dụ quý vị để qua mất từ phóng dật rồi, Thiện Trang giảng từ phóng dật mà [quý vị] mơ mơ màng màng, không để ý [nên] không hiểu phóng dật, không hiểu từ trạo cử. Thì lúc đó cô ấy là tâm gì?

Ở đây có ba loại tâm: Tham, sân, si thôi. Ở đây mình đang học Tâm si, thì trong Tâm si [có] hai loại, [là] si nào? Tâm si chắc chắn là thọ xả, [bây giờ là] hợp hoài nghi hay hợp trạo cử thôi. Quý vị nếu tìm được đáp án trong đầu, quý vị đưa ra được là tốt. Ở đây chúng ta nên phân tích luôn, tại sao? Như thế nào?

Thứ nhất, chúng ta phân tích xem, ở đây là cô ta không rõ ràng về đối tượng, không [hiểu] rõ ràng về bài giảng, [và] đang [không hiểu] từ ngữ đó. Rõ ràng cô ấy là Tâm si rồi. Và Tâm si thì chỉ có thọ xả thôi, chứ không có thọ gì nữa hết. Tiếp theo là do cô ta nghi ngờ về giáo pháp hay là nghi ngờ về Phật, Pháp, Tăng (40 điều ở trên đó) hay là cô ta đang phóng dật, trạo cử? Đây rõ ràng là tâm cô ta đang dao động, không yên,

nên cô ta quên mất sự chú ý. Cho nên cô ta là Tâm si thọ xả, hợp trạo cử (hay là hợp phóng dật) là xong.

Đáp án: 'Tâm si thọ xả trạo cử' như là lúc nghe pháp mà tán loạn, lau chau, giật mình, lịu lọ, cuồng tâm lãng trí, say quá và mê mờ, đó là si mê tán loạn.

VD3: *Một người đứng giữa nhiều Pháp môn (Thiền, Tịnh độ, Mật tông…), rồi nói: "Pháp môn nào cũng có người nói hay, biết đi đường nào đây? Thôi… để đó đã…" Tâm của người đó trong khi ấy là Tâm gì?*

Bây giờ mình sẽ lấy ví dụ khó hơn. Tức là có người muốn tìm hiểu Phật pháp nhưng họ thấy có nhiều Pháp môn quá, nào là Thiền, Tịnh độ, Mật tông, v.v… họ thấy Pháp môn nào cũng có người nói hay, không biết đi đường nào đây. Thôi... để đó đã... Tâm người đó là tâm gì? Quý vị thử phân tích xem.

Thực tế thời nay có đúng trường hợp này, nhiều người muốn tu lắm nhưng vô thấy gì đâu…. ông nào cũng nói hay quá. Bên kia Thiền Như Lai thừa gì đó, Thiền gì đó… nói hay quá, rồi qua bên Tịnh Độ cũng thấy ông Tịnh Độ nói hay quá, rồi qua Mật tông cũng thấy người Mật tông nói hay quá, rồi qua Thiền nguyên thủy Vipassana cũng thấy hay quá. [Pháp môn] nào cũng thấy hay quá rồi biết tu [pháp] nào đây, biết tu đường nào, chưa học giáo pháp, nên thôi… để đó đã… không biết tu [pháp] gì. Thì lúc đó là tâm gì?

Rõ ràng là Tâm si đúng không? Chúng ta biết là tâm nghi ngờ vì lừng chừng không biết đi về đâu, điều đó là không sáng suốt, không rõ được Pháp môn, cho nên chắc chắn là Tâm si. Tâm si này chắc chắn thọ xả, tại vì ổng đâu muốn ôm vô Pháp môn nào mà cũng không muốn đẩy ra. [Vì] không có khó chịu [nên] không có thọ ưu. Bây giờ vấn đề là hợp với trạo cử hay là hợp với hoài nghi? Quý vị thấy rõ ràng ở đây ông này đang nghi ngờ nên là Tâm si thọ xả, hợp hoài nghi, chứ đâu có gì. Chúng ta coi đáp án.

Đáp án: Tâm si, thọ xả, hợp hoài nghi. Rõ ràng! Tại vì ổng đang nghi ngờ mà, đơn giản vô cùng, không khó gì hết. Chúng ta hiểu rồi nha!

Bữa sau khi học hết 12 Tâm bất thiện, tổng kết lại thì Thiện Trang cho những ví dụ để quý vị xác định được đâu là Tâm si, đâu là Tâm sân, đâu là Tâm tham. Phải có những ví dụ một lúc ba tâm khó hơn như vậy, [để] quý vị thấy trong đời sống của mình, chúng ta phải nhìn nhận được tâm.

+Nhân trợ sanh si có 2: tức là để si sanh ra thì có 2 [nhân].

1. Không khéo tác ý là những cách suy xét về nhận định làm cho tâm bất thiện phát sanh như nghĩ theo tham, sân, si v.v...

Điều này là không khéo tác ý, tức là mình không học pháp được, không hiểu, cho nên mình không khéo tác ý. Không khéo tác ý này cũng có nhiều lắm, cũng quan trọng. Duyên quan trọng nhưng do tâm mình nữa, tu tập có nhiều người không khéo tác ý.

Ví dụ như chúng ta thấy trong thời đức Phật, có câu chuyện, hình như ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất có hai người Đệ tử. Hai vị đó thì một người phụ trách nấu nước, nấu nước sôi lên thì người kia tới lấy nước đó rót vô trong cái bình (giống như cái chậu), đem lên cho Sư phụ mình tắm. Như vậy lúc nào Sư phụ cũng cảm ơn người đem nước đó. Ngài là bậc Thánh mà, ngài cứ cảm ơn vậy. Thì người kia nghe thấy hoài như vậy cảm thấy khó chịu, thấy mình nấu nước mà mình không được khen, người kia chỉ bưng nước lên đổ vô thôi chứ có gì đâu, nên lâu ngày cảm thấy khó chịu, [thấy] thầy mình không công bằng.

[Vì] cảm thấy như vậy, nên bữa đó ổng cũng đem nước lên nhưng không nấu nước, để khô như vậy, để im chậu nước đậy lại, giống như mọi khi nhưng không có nước. Ông kia thấy như vậy cũng không kiểm tra, tưởng như mọi khi, [nên] cũng mời Sư phụ mình đi tắm, thì Sư phụ nói: "Sao bữa nay không có nước?" Lúc đó mới xảy ra chuyện. Rồi sau đó có một số chuyện nữa khiến thế nào đó… rồi cuối cùng ông này cứ bị Sư phụ trách phạt một vài lần nên ổng tức quá, lần sau Sư phụ đi khất thực thì ổng đốt luôn cái thất của Sư phụ. Mà Sư phụ chứng Thánh quả rồi. Thiện Trang nhất thời không nhớ tên, hình như là ngài Xá Lợi Phất hay sao đó.

Quý vị thấy rõ ràng, dù có duyên tốt, được thân cận Thánh tăng nhưng không khéo tác ý. Đáng lẽ ra mình phải nghĩ theo hướng tốt: là mình được phục vụ rồi làm này kia, biết hay không biết không quan trọng, quan trọng là Sư phụ thấy đúng thì nói đúng, sai thì nói sai. Đằng này thấy mình bị trách sai, bị khiển trách một hồi tức lên rồi làm những việc như vậy, đó là không khéo tác ý.

Cho nên tu tập thì khéo tác ý quan trọng lắm. Nhiều người nghe pháp, nghe những điều mình thấy cao siêu quá tự nhiên mình không muốn nghe nữa, thấy những gì không theo ý mình là mình sân, mình phản bác, mình nói kiểu này kiểu kia. Điều đó là không nên, vì điều đó là không khéo tác ý. Mình cần hiểu Phật pháp là phải tư duy tốt, luôn phải kiểm soát được tâm ý của mình, phải coi tâm có tham, sân, si hay không, làm gì cũng phải kiểm tra bản thân mình. Giống như có nhiều người cứ không hài lòng điều gì đó là bắt đầu nổi sân lên, thì đó là không khéo tác ý. Cho nên không khéo tác ý lúc nào cũng sanh ra tham, sân, si.

2. Pháp lậu (phiền não) làm nền để sanh. (Pháp này là pháp Hữu lậu (là pháp Phiền não). Mình dùng chữ Phiền não thì mọi người sẽ dễ hiểu hơn), gồm: ***Bốn lậu* (*āsava*) *có 3 pháp thực tính (sabhāvadhamma), đó là tham, tà kiến và si.*** (Tức là Tham, Tà kiến và Si khiến cho sinh ra si).

1. Dục lậu là cách trầm ngâm theo lục dục trong đời hiện tại này, có pháp thực tính là Tâm sở tham. Dục là tham, nói tóm lại là mình có ham muốn gì đó thì điều đó cũng sinh ra si. Có nhiều khi ham muốn quá sinh ra mê mờ. Giống như quý vị có đứa con, lớn lên, mới mười mấy tuổi, nó quen thằng đó. Mình thì thấy thằng đó chẳng ra hồn gì hết mà con gái mình nó mê thằng đó quá trời, thì đó là si. Nghĩa là lúc đó nó bị dục lậu (ham muốn) của nó che mờ mất rồi, nó không còn thấy được các pháp rõ ràng nữa, gọi là mê mờ. Theo ngôn ngữ ngoài đời người ta nói là yêu mù quáng.

2. Hữu lậu là cách trầm ngâm theo Sắc giới, Vô sắc giới, cũng có pháp thực tính là Tâm sở tham. Thật ra pháp thứ hai là Hữu lậu. Dục lậu là ở Dục giới. Hữu lậu là lên Sắc giới và Vô sắc giới rồi, thì cũng

là tham thôi. Lên Sắc giới thì người ta cũng có tham, nhưng tham cái tồn tại trong hình thể, Vô sắc giới thì tham trong tinh thần.

3. Tà kiến lậu là cách mãi trầm ngâm theo thường kiến chấp có, hay đoạn kiến chấp không, chẳng chịu bỏ, có pháp thực tính là Tâm sở Tà kiến. Tà kiến ở đây giống như rớt vào Biên kiến. Biên kiến có hai cái là chấp thường [và] chấp đoạn. Chúng sanh bình thường ở dưới này thì chấp đoạn, chấp đoạn nghĩa là chết là hết. Nhưng chư Thiên trên trời Phạm thiên, họ sống lâu quá cho nên họ thường chấp thường, họ nghĩ là họ sống lâu, còn chúng sanh thì chết. Cho nên họ nói Thiên đàng là vĩnh cửu, vĩnh hằng, quý vị thấy, có những Tôn giáo thực ra ở các cõi trời Phạm thiên, chấp thường là vậy.

4. Vô minh lậu là cách không chịu theo sáng suốt như muỗi sợ mặt trời, chỉ chấp hẹp hòi như ếch ngồi đáy giếng, đó là Tâm sở si.

Vô minh là không rõ ràng, thuộc về si. Có nghĩa là mình chấp, mình thì dốt nhưng mình sợ sự sáng suốt. Giống như con muỗi sợ mặt trời, thấy mặt trời thì nó né, không bay ra, khi nào trời tối tối thì nó bay ra, ý là trời sáng quá là nó sợ. Hay là con ếch ngồi trong đáy giếng, nó nhìn thấy thế thôi. Còn mình thì sợ không dám học.

Điều này thì rõ ràng! Giống như nhiều đồng tu, đặc biệt là đồng tu Tịnh Độ sợ điều này lắm, sợ học nhiều xen tạp, học nhiều biết nhiều rồi không tin nữa, không tu Tịnh Độ được nữa. Nghe nói bộ đó giảng hay, nhưng sợ, không dám học. Tại vì sao? Vì giống như con muỗi sợ mặt trời, sợ mình học [thì] biết ra, là mình không tu nữa, 'thôi tôi dốt vậy thôi'. Cho nên cứ lấy những lời của người đời sau nói, để biện minh, còn kinh Phật không thèm coi. Cho nên càng ngày càng Vô minh (Vô minh lậu), đó là pháp này, chấp vào sự hẹp hòi giống như ếch ngồi đáy giếng, không dám học. Đó cũng là pháp trợ sanh cho si, cho nên càng ngày càng si là vậy.

***Như vậy là tất cả 12 tâm bất thiện gồm:** *8 Tâm tham (thọ, tà kiến, trợ), 2 Tâm sân (thọ ưu, phẫn nộ, trợ) và 2 Tâm si (thọ xả, hợp hoài nghi hoặc trạo cử).*

Như vậy chúng ta đã học lướt qua được những điều này, bây giờ lấy một ví dụ rõ ràng hơn. Chúng ta thông thường tuy nói như vậy nhưng hằng ngày mình sống với 12 [Tâm] bất thiện này nhiều lắm. Ví dụ như trong khi ăn uống, mặc, hay là đang xem chương trình tivi, đọc tiểu thuyết, đọc sách mà mình đang thích thú, thì đó là tâm gì?

Tất nhiên là Tâm tham, mình phải xác định như vậy. Cho nên trong đời sống hằng ngày mình có nhiều Tâm tham lắm. Rồi khi mình không hài lòng với điều gì đó, [ví dụ] cảnh hay cái gì đó mà mình tiếp xúc [bị] nóng quá, [hoặc] lạnh quá, [thì] khó chịu, hoặc không hài lòng với tiếng đi ồn ào của người ta, v.v… thì đó là Tâm gì? Đó là Tâm sân. Cho nên hằng ngày mình sống với Tâm tham, Tâm sân nhiều. Khi nào mình có những cảm giác mà không lôi cuốn mình, cảm thấy bình thường, rồi mình thấy sao lãng tâm, không quan sát, có gì đó không rõ ràng ,thì đó là rớt vào Tâm si. Tóm lại hằng ngày mình sống trong tham, sân, si là chính đúng không?

Quý vị cẩn thận nha! Không học thì không biết, nhưng học rồi thì biết toàn là tham sân si thôi. Chính vì Tâm bất thiện hằng ngày nhiều. Còn Tâm thiện thì mình chưa học tới, nhưng Tâm thiện sẽ khó hơn. Cho nên chúng ta tu, phải tích góp để cho Tâm thiện nhiều, còn Tâm bất thiện ít thì mới tốt. Chứ Tâm bất thiện nhiều quá thì mệt lắm, vì Tâm thiện tạo ra quả thiện, Tâm bất thiện tạo ra quả bất thiện. Nghiệp nào cho quả đó, nghiệp đen cho quả đen, nghiệp trắng cho quả trắng, nghiệp lẫn lộn đen trắng cho quả lẫn lộn đen trắng. Và như vậy mình mang nghiệp theo mình. Cho nên chúng ta phải có chiều hướng tu làm sao để có lợi cho chúng ta.

Hôm nay chúng ta tạm dừng ở đây, hẹn quý vị hôm khác chúng ta sẽ học tiếp, chúng ta sẽ ôn lại lướt qua, và chúng ta sẽ học vào những phần tâm khác. Ít nhất chúng ta học được 12 tâm rồi. 121 tâm thì mình học được 12 tâm rồi, có những tâm học lướt thôi, nhanh lắm. Ví dụ mấy tâm quả các bậc Thánh thì mình học qua nhanh thôi, Tâm thiền học qua [cũng] nhanh thôi. Nhưng mấy tâm nên học kỹ vì những tâm này mình phải quan sát được. Những tâm bậc Thánh, ví dụ như khi mà mình đắc

đạo, lúc nào đó đủ Bát chánh đạo thì tạo ra Tâm đạo, từ Tâm đạo chuyển thành Tâm quả, đắc quả gì đó, thì mình học lộ trình tâm rõ ràng.

Hôm nay chúng ta nghỉ sớm, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 49

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang
Giảng ngày: 10/07/2025
Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang
https://www.youtube.com/watch?v=EDrJS-fee6A
mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận, bài thứ 49. Chúng ta đang học về phần Tâm, Tâm sở bên A Tỳ Đàm, và một số phần về Kinh tạng. Mở đầu buổi hôm nay, cũng như mọi lần, chúng ta hãy bắt đầu bằng một số câu chuyện mang tính chất nhẹ nhàng, cho quý vị đồng tu hoan hỉ. Mời quý vị theo dõi:

Câu Chuyện Về Một Vị Tỳ - Kheo Siêng Tụng Kinh, Siêng Giảng Thuyết, Tinh Tấn Tư Duy Thời Đức Phật

(Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tấn tư duy, đắc quả A-la-hán.

Thiện Trang cố tình để chữ đỏ ở đây, quý vị thấy tu hành là siêng tụng kinh, hồi xưa chưa có kinh bản như bây giờ, mà đọc tụng thuộc lòng; rồi siêng giảng thuyết, tức là giảng kinh cho người khác và trao đổi về kinh; tinh tấn tư duy, thì cuối cùng cũng đắc được quả A-la-hán. Đây cũng là một cách tu, quý vị thấy là phải

siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tư duy về pháp thì có thể đắc quả A-la-hán.

Sau khi chứng quả rồi, không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. (Quý vị thấy sau khi chứng quả rồi thì không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa).

Khi ấy có vị Thiên thần đang ở trong rừng đó, nói kệ:

Tỳ-kheo! Ngài trước kia,

Ngày đêm siêng tụng tập;

Luôn vì các Tỳ-kheo,

Cùng luận nghĩa quyết định,

Nay, ngài đối pháp cú,

Im lặng không mở lời;

Không vì các Tỳ-kheo,

Cùng luận nghĩa quyết định.

Tức là vị ấy hồi xưa siêng lắm: siêng tụng kinh, giảng thuyết, tinh tấn tư duy, nhưng sau khi đắc quả A-la-hán rồi thì không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. Cho nên vị Thiên thần [chư Thiên] ở trong rừng đó thấy có vẻ kỳ quá, nên mới đọc bài kệ để hỏi, ý là tại sao trước kia ngài siêng như vậy, mà giờ ngài chỉ im lặng không mở lời, không bàn luận nghĩa với người ta nữa? Chúng ta coi thử ngài đáp như thế nào.

Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

Xưa, vì chưa ly dục,

Tâm thường ưa pháp cú.

Nay, vì đã ly dục,

Việc tụng thuyết đã xong.

Trước, biết đạo đã đủ,

Thấy, nghe đạo làm gì?

Các thấy, nghe thế gian,

Bằng chánh trí buông hết.

Quý vị thấy ngài nói: Xưa là vì chưa ly dục, nên tâm thường ưa pháp cú. Chúng ta cũng vậy thôi, [mình] chưa ly dục, chưa đắc đạo nên tâm còn ưa trong pháp. Nhưng nay ngài ấy đã ly dục được rồi, việc tụng thuyết đã xong, nên ngài ấy không muốn nữa. Trước biết đạo đã đủ, thấy nghe đạo làm gì? Cho nên gọi là Vô học. Các thấy, nghe thế gian, bằng chánh trí thì buông hết. Tóm lại là không cần nữa.

Sau khi Thiên thần nghe những gì Tỳ-kheo nói, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất.

(Kinh 1251. Tụng Kinh – Kinh Tạp A Hàm).

Cho nên có nhiều điều, chúng ta cũng thấy cảnh giới của A-la-hán khác với cảnh giới của chúng ta. Chúng ta thì chưa ly dục, còn ưa thuyết pháp, ưa kinh pháp, tâm thường ưa pháp cú tức là câu về pháp. Nhưng ngài ấy đã xong rồi thì ngài không còn thích thuyết pháp nữa.

Thực ra chúng ta chưa tu đạt cảnh giới như ngài, không thể [thành] A-la-hán được, nhưng về sau dần dần chúng ta thấy cũng thích tu nhiều hơn đúng không ạ? Nếu quý vị có tu tập đầy đủ về Thiền chỉ, Thiền quán, không biết quý vị có cảm nhận thế nào, chứ Thiện Trang bây giờ cảm nhận thấy thích tu nhiều hơn. Thiện Trang không thích nhiều thời gian ở trong thuyết giảng hay nghe nhiều, mà mình thích thực hành, thích trong sự an vui, an lạc hơn. Có thể quý vị cũng có cảm nhận như vậy. Nên là Thiện Trang cũng đã thông báo hôm thứ Bảy vừa rồi. Sau này Thiện Trang sẽ giảng ít lại, thỉnh thoảng nghỉ, để cho quý vị có thời gian để tu tập, và Thiện Trang cũng có thời gian tu tập nhiều hơn. Một tuần giảng hai buổi, nhưng cũng có thể nghỉ nhiều hơn, mong quý vị có thể hiểu điều đó.

Chúng ta cần có thời gian để chiêm nghiệm, để thực hành. [Vì] Phật pháp là đến để mà thấy, thiết thực ngay trong hiện tại, tức là có lợi ích liền. Và khi mình thấy có lợi ích rồi thì mình thấy rất thích tu. Ví dụ như chúng ta đang Thiền, [nếu]

đang vô thì mình thấy an lạc, mặc dù không vô sâu lắm. Nhưng An lạc là mình thấy thích trong cảm giác Thiền đó, đâu còn thích cầm kinh, cầm sách gì nữa. Như vậy là chúng ta cũng hiểu được. Vị này đắc A-la-hán rồi thì càng hiểu hơn nữa, nên tự nhiên là ngài ấy im lặng thôi. Đây là một câu chuyện thời đức Phật, quý vị thấy có câu chuyện như vậy.

Bây giờ, Thiện Trang giới thiệu câu chuyện thứ hai, đó là một vị Tỳ-kheo bị mang tiếng xấu với vợ người ta vào thời đức Phật, theo Kinh Tạp A Hàm. Câu chuyện này mang tính thực tế hơn, câu chuyện ở trên thì cao siêu.

Câu Chuyện Về Một Tỳ-Kheo Bị Mang Tiếng Xấu Với Vợ Người Ta Vào Thời Đức Phật

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia đùa giỡn với vợ con của gia chủ, bị mang tiếng xấu. Tỳ-kheo tự nghĩ: *'Nay ta hỏng mất, mang tiếng xấu chung đụng vợ con người. Nay ta muốn tự sát ở trong rừng này'*.

Quý vị thấy, không phải thời nay mà thời xưa cũng có những chuyện như vậy. Tức là vị Tỳ-kheo đó cũng có mất một chút oai nghi, là đùa giỡn với vợ con của một vị gia chủ, cho nên sau đó bị mang tiếng xấu. Bấy giờ, ngài ấy nghĩ: 'Nay ta hỏng mất, mang tiếng xấu chung đụng vợ con người ta, nay ta muốn tự sát trong khu rừng này'. Như vậy là nghĩ đến tự sát. Quý vị thấy không ạ? Thời đức Phật cũng có những người như vậy thôi, nên bây giờ mình bị chuyện oan ức là bình thường. Bây giờ chúng ta xem thử, câu chuyện này sẽ kết thúc như thế nào. Vị đó định tự sát, rất nguy hiểm đúng không ạ?

Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: *'Không tốt, hỏng mất rồi! Tỳ-kheo này không hư hỏng, không lỗi lầm, mà muốn tự sát ở trong rừng. Bây giờ, ta hãy đến đó tìm cách khai ngộ'*.

Có nghĩa là vị Thiên thần thấy vị Tỳ-kheo này cũng chỉ là đùa giỡn vậy thôi, chưa có gì, không hư hỏng, không lỗi lầm, mà bây giờ muốn tự sát, cho nên vị Thiên thần ủng hộ Phật pháp, hộ giới tới. Quý vị thấy qua hai câu chuyện này,

chứng tỏ là chúng ta tu hành là có Thiên thần hộ trì, cho nên ráng tu. Giờ coi tiếp xem tình hình như thế nào.

Lúc ấy, Thiên thần kia hóa thân thành con gái của gia chủ, nói với Tỳ-kheo rằng: *'Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và ngài rằng đã gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Vốn đã mang tiếng xấu rồi, bây giờ ông có thể hoàn tục để cùng nhau hưởng lạc'*.

Quý vị thấy chư Thiên không có giúp kiểu như bình thường, với trí tuệ của chư Thiên, Thiên thần đem ra chiêu bài luôn, biến ra thành người con gái của gia chủ dụ luôn. Dụ là đằng nào cũng mang tiếng rồi, các đường làng, giữa các ngã tư đường, đồn ầm tiếng xấu là ngài với tôi đã gần gũi nhau, làm việc bất chính rồi. Cho nên vốn mang tiếng xấu rồi, thì thôi hoàn tục luôn đi để hưởng vui… Vậy vị Tỳ-kheo này như thế nào? Chúng ta thử coi xem. Thử lòng đó quý vị.

Tỳ-kheo đáp: *'Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và các cô đã cùng gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Hôm nay tôi chỉ còn tự sát'*.

Vị Tỳ-kheo này cũng rất là khẳng khái. Như mình có khi là thôi, đằng nào cũng mang tiếng rồi, về [hoàn tục] luôn. Nhưng không, vị Tỳ-kheo này bảo không, chỉ có tự sát thôi. [Đây] là một căn bệnh của chúng sanh, ai cũng vậy thôi. Chúng ta coi tiếp theo câu chuyện như thế nào.

Lúc ấy, Thiên thần kia liền hiện lại thân Trời, nói kệ:

Tuy mang nhiều tiếng xấu,

Người khổ hạnh nên nhẫn;

Không vì khổ, tự hại,

Cũng không nên sanh phiền.

Quý vị nhớ nha! Ở đời có bị vài tiếng xấu mà chịu không nổi. Ở đây vị Thiên thần nói là: Tuy mang nhiều tiếng xấu; Người khổ hạnh nên nhẫn; Không vì khổ tự hại (tự sát đó); Cũng không nên sanh phiền. Vậy chứ có gì đâu mà đã lung lay ý chí rồi. Cho nên chư Thiên nhắc.

Nghe tiếng mà sợ hãi,

Ấy là thú trong rừng

Là chúng sanh khinh tháo,

Không thành pháp xuất gia.

Mình tu hành kiểu gì mà nghe tiếng thôi đã sợ hãi rồi; Ấy là thú ở trong rừng thôi, chứ còn gì nữa; Là chúng sanh khinh tháo, tức là chúng sinh dễ bị lay động; Không thành pháp của người xuất gia. Người tu hành làm gì mà dễ vậy.

Nhân giả nên nhẫn nại,

Không vướng vào tiếng xấu;

Giữ tâm, trụ vững chắc,

Đó là pháp xuất gia.

Phải có nhẫn nha! Phải nhẫn nại được. Ở trên cũng nói nhẫn, ở đây cũng nói nhẫn nại. Không vướng vào tiếng xấu; Giữ tâm trụ vững chắc; Đó là pháp xuất gia. Thiện Trang thích đoạn kệ bôi chữ đỏ này:

Không vì người ta nói,

Mà mình thành giặc cướp;

Cũng không vì người nói,

Mà mình đắc La-hán.

Thấy chưa? Quý vị nhớ nha! Không vì người ta nói, mà mình thành giặc cướp. Họ nói kệ họ, mình không có thì thôi, đúng không ạ? Vị Tỳ-kheo này không có thì thôi, không vì họ nói vậy mà mình thành giặc cướp. Cũng không vì người ta nói mà mình đắc A-la-hán. Cho nên đắc A-la-hán hay không là do mình, không phải do người ta nói. Quý vị thấy chư Thiên nhắc hay không?

Như ngài đã tự biết,

Chư Thiên cũng biết vậy.

Câu cuối cùng là 'Như ngài đã tự biết; Chư Thiên cũng biết vậy', quan trọng là ngài biết rồi, ngài không phạm, không làm gì, người ta nói thì kệ họ. Chư Thiên chúng tôi cũng biết vậy. Ngài có đắc A-la-hán hay không, là cũng do ngài biết vậy; chư Thiên chúng tôi cũng biết vậy. Quý vị thấy hay không? Cho nên tu có được chư Thiên, chư Thần giúp đỡ. Giúp đỡ thì giúp vậy thôi, chứ quý vị muốn tự sát thì cũng không có cách gì đâu. Kết cục như thế nào?

Sau khi được Thiên thần kia khai ngộ rồi, [vị Tỳ-kheo ấy] chuyên tinh tư duy, đoạn trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

(Kinh 1259. Gia Phụ - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy hay không? Kết cục rất hay! Tuy là vậy, nhưng cuối cùng vị Tỳ-kheo ấy được chỉ thị như vậy rồi, cho nên chuyên tinh tư duy, đoạn trừ các Phiền não và cuối cùng đắc được A-la-hán. Thấy chưa? Đáng lẽ chết, mà giờ đắc A-la-hán rồi. Quý vị thấy hay không? Cho nên ai mà bị nghịch cảnh, bị này bị kia thì nhớ câu chuyện này giùm. Không vì người ta nói mà mình thành giặc cướp, hay không vì người ta nói mà mình thành kẻ xấu xa, không vì người ta nói mà mình đi tự sát, cũng không vì người ta nói mà mình đắc A-la-hán, mà phải là tự mình tu. Cho nên phải hiểu như vậy! Và có ai chứng minh? Chư Thiên biết và mình cũng tự biết. Cho nên đừng lo chuyện thị phi, chuyện này chuyện kia, nếu mình không có làm thì không sao hết.

Quý vị thấy câu chuyện này rất hay. Đây là Kinh 1258 - Kinh Gia Phụ trong Kinh Tạp A Hàm. Trong Kinh Tạp A Hàm có nhiều câu chuyện hay. Lần này chúng ta được học thêm một câu chuyện nữa.

Nhớ nha! Ai mà bị oan ức, bị người ta nói này nói kia, bị phê bình chỉ trích v.v… thì nhớ câu chuyện này, nhờ đó cũng đắc A-la-hán. Và [qua] câu chuyện này, chúng ta thấy vị Tỳ-kheo đó có phạm giới nhỏ là đùa giỡn với vợ con người ta, cho nên là có phạm giới nhỏ, nhưng sau đó vẫn đắc A-la-hán. Chứ không phải là người ta phạm giới nhỏ mà quất cho người ta tiêu. Không phải! Đó là chúng ta hiểu rất rõ. Cho nên học Phật pháp phải hiểu và ráng tu.

Câu chuyện này cực kỳ hay. Cho nên ai đó mà rơi vào hoàn cảnh khó khăn thì hãy nhớ câu chuyện này. Chúng ta nhớ rằng không vì người ta nói mà mình

thành giặc cướp, cũng không vì người nói mà mình đắc La-hán. Mình nói đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn, mình vẫn đắc vô tư, không sao!

Đó là giới thiệu cho quý vị hai câu chuyện để quý vị vui hơn. Giờ thì chúng ta vào [phần] có niềm tin vui hơn nữa.

Không Thể Tính Được Số Lượng Phước Báu Của 4 Dự Lưu Phần

(Trích Từ Kinh Tương Ưng)

Dự lưu phần là bốn phần của quả Dự lưu, quả Tu-đà-hoàn. Nếu quý vị thành tựu được bốn phần đó thì quý vị được phước báu vô lượng, trích từ Kinh Tương Ưng. Lúc nãy hai câu chuyện trên là trích từ Kinh A Hàm của bên Bắc truyền. Bây giờ là trích từ Kinh Tương Ưng của Nam truyền.

- Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn". (Tức là 10 danh hiệu Phật đó quý vị)**. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.**

Chúng ta biết bốn điều này, gọi là bốn phần của Sơ quả Tu-đà-hoàn: Thành tựu niềm tin bất động đối với Phật, thành tựu niềm tin bất động đối với Pháp, thành tựu niềm tin bất động đối với Tăng và thành tựu Thánh giới. Thì phước đức đó lớn như thế nào, ở đây nói:

Với vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được vô lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc". Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

Nếu thành tựu được bốn chi phần của quả Dự lưu, thì quý vị thấy được vô số vô lượng phước đức luôn, và đại uẩn là một nhóm lớn về phước đức. Cho nên ráng tu nha! Thành tựu niềm tin bất động đối với Phật, bất động đối với Pháp, bất động đối với Tăng và giữ được Năm giới, thì quý vị đã có phần phước đức vô lượng. Quan trọng là ráng học pháp làm sao để niềm tin bất động đối với Phật, Pháp, Tăng. Đây là Thánh tăng, là Thánh đệ tử gồm 4 đôi 8 bậc từ Tu-đà-hoàn hướng, chứ không phải là Phàm tăng đâu, cho nên là yên tâm, dễ thành tựu được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được số lượng nước trong biển lớn là có bao nhiêu thùng, hay có bao nhiêu trăm thùng, hay có bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng nước lớn tụ tập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, thật không dễ gì đếm được số lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc". Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

Quý vị thấy đã không? Cho nên tu vào Sơ quả Tu-đà-hoàn thôi thì ngon lắm, phước quá trời, phước vô số vô lượng, không thể tính được. Giống như nước ở trên biển, quý vị tính bao nhiêu thùng, có bao nhiêu trăm thùng cũng không được, có bao nhiêu ngàn thùng cũng không được. Đức Phật nói như vậy, chúng ta thấy có đã không? Cho nên chúng ta đang tu học ở đây, chúng ta thấy con đường mở màn rất dễ dàng đúng không? Càng ngày càng dễ hơn, sáng tỏ hơn, để vào Thánh quả. Có bao nhiêu cách để vào Thánh quả, trong đó có một cách là: Thành tựu niềm tin bất động đối với Phật, niềm tin bất động đối với Pháp, niềm tin bất động đối với Tăng và giữ được Năm giới (thành tựu được Thánh giới) thì rất tốt nha. Bây giờ Đức Phật nói kệ:

Thế Tôn nói như vầy:

Là đại dương, đại hải,
Nước mênh mông rộng lớn,
Đầy rẫy những hãi hùng,
Chứa vô lượng trân châu,
Phục vụ trăm ngàn người,

Các con sông lớn, nhỏ,
Chúng tuôn chảy ồ ạt,
Chúng đổ về bể khơi.
Cũng vậy là những người,
Thí đồ ăn, uống, vải,
Bố thí giường, chỗ ngồi,
Mền, nệm, các đồ nằm,
Vô lượng nguồn phước đức,
Từ kẻ trí tuôn chảy,
Như sông hồ đầy nước,
Chảy tuôn ra bể cả.

Đây là bài kệ tổng kết.

(Kinh (55.41) Sung Mãn 1. Thuộc Phẩm Phước Đức Sung Mãn Với Kệ - Kinh Tương Ưng Bộ).

Cho nên chúng ta thấy, nếu thành tựu được bốn [chi phần] này [thì] phước đức vô lượng. Tại vì quý vị là Thánh nhân mà, lúc đó quý vị ít nhất cũng vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành rồi. Thành tựu được điều đó rồi thì trước sau gì cũng chứng Tu-đà-hoàn thôi. Cho nên bốn chi phần đó sẽ đưa mình vào Tu-đà-hoàn, tự nhiên mình là Thánh nhân, thì tất nhiên phước đức là vô lượng rồi.

Như vậy làm sao để trở thành Tu-đà-hoàn thì chúng ta ôn lại. Tại vì có nhiều đồng tu hay quên, nên chúng ta cứ phải ôn đi ôn lại.

Tu Tập Ngũ Căn Đạt Được Sơ Quả Tu-đà-hoàn Cho Đến Quả A-la-hán (2).

Kinh Tương Ưng bộ

Điều này lúc trước Thiện Trang đã chia sẻ rồi, bây giờ ôn lại và mở rộng thêm nên đánh số (2). Tức là trong 7 cách để vào Sơ quả Tu-đà-hoàn, chúng ta có một cách là tu tập Năm căn (Ngũ căn). Đoạn này trích theo Kinh Tương Ưng bộ.

Kinh (48.2) Dự Lưu 1: Paṭhamasotāpanna (SA 644)

- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Tức là ở đây, nếu quý vị thành tựu được Năm căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, mà biết như thật, biết rõ về sự tập khởi, tức là nguyên nhân mà nó khởi lên. Rồi sự chấm dứt, rồi vị ngọt, sự nguy hiểm của Năm căn, rồi sự xuất ly của Năm căn này. Nói [theo] ngôn ngữ này thì khó hiểu, nhưng nói tóm lại, là chúng ta cứ tu theo: Tín, Tấn, Niệm Định, Tuệ. Nếu thành tựu được thì chúng ta sẽ trở thành vị Dự lưu (tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn) không thối đọa, quyết chứng được quả giác ngộ tức là sẽ đến A-la-hán. Đó là [Kinh] Dự lưu 1.

Kinh (48.4) A-la-hán 1: Paṭhama-arahanta (SA 645)

- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... Tuệ căn (tức là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn).

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ (có thêm một dòng khác với ở trên là: 'được giải thoát, không có chấp thủ', [còn] ở trên là trên biết thôi, chứ chưa có giải thoát, vẫn còn dính mắc. Còn ở đây thì không) **khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị A-la-hán, lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.**

Tóm lại là nếu quý vị tu tốt điều này thì sẽ được đến A-la-hán. Những ngôn ngữ này hơi khó hiểu, quý vị nên nhớ bài kinh mà hồi trước Thiện Trang có đưa ra rồi. Đó là bài kinh tóm tắt, bài kinh 48.12, 48.11, 48.13 gì đó, có mấy bài đó. Ở đây [Thiện Trang] chọn bài Kinh 48.12:

- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... Tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là Năm căn.

Với sự toàn diện (samattā), này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán (ai làm xong Tín, Tấn, Niệm Định, Tuệ này thì trở thành A-

la-hán luôn).

Yếu nhẹ hơn là bậc Bất hoàn (tức là nếu yếu hơn một chút thì là bậc Bất hoàn, tức là bậc Tam quả A-la-hàm. Bất hoàn có nghĩa là không trở lại thế gian này nữa, bởi vì các ngài từ Tam quả A-la-hàm thì tệ nhất cũng sanh vào trời Sơ thiền, còn thông thường thì sẽ sanh vào Ngũ Bất Hoàn Thiên là 5 tầng trời Bất Hoàn. Còn có trường hợp tệ nhất là sanh vào tầng trời Sơ thiền, bởi vì chưa tu Thiền chỉ nên chỉ có thể vào trời Sơ thiền thôi, điều này chúng ta học nhiều rồi).

Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai (tức là bậc Nhị quả Tư-đà-hàm. Nhất lai là còn một lần ở trong cõi Dục, tức là đời sau sanh vào cõi Người, hoặc cõi Trời một lần nữa. Nghĩa là mình chết rồi, mình sanh vào cõi Trời hoặc cõi Người [một lần nữa], sau đó mới đắc A-la-hán).

Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu (thật ra chữ Nhất lai này chúng ta phải nói rõ hơn, nói vậy cũng không chính xác, đó là nói cho quả Tư-đà-hàm mà không tu Thiền chỉ. Nếu quý vị là Tư-đà-hàm (Nhị quả) mà quý vị có tu Thiền chỉ, thì bậc Nhất lai của quý vị là một lần sanh ở cõi trời Phạm thiên, tức là từ Sơ thiền trở lên, rồi sẽ đắc A-la-hán. Đấy là mình nói một cách đơn giản, nên mình cứ nói là một lần ở cõi Dục, nhưng thực ra là một lần sanh. Nếu như chúng ta nói một lần sanh thì chính xác hơn, vì tùy theo [sự] tu Thiền chỉ.

Thiền chỉ quan trọng lắm quý vị, hiện tại chúng ta có phương pháp tu Thiền chỉ rất hiệu quả đúng không? Quý vị nên áp dụng để tu. Thiện Trang thấy từ khi mình tu Thiền chỉ, quý vị cũng tu Thiền chỉ, rất nhiều đồng tu cũng báo cáo là an lạc hơn, nhẹ nhàng hơn, bớt sân, bớt si. Hồi xưa thì sân si dữ lắm, nhưng bây giờ bớt rồi, bớt khống chế người, rồi ngủ thì được tỉnh táo, sáng suốt. Cho nên ai tu Thiền chỉ thì mới biết được sự hiệu quả. Còn những người không tin, không tu, thì đó là những người, Thiện Trang nói rất là đáng tiếc. Tại sao Pháp thân Huệ mạng của mình, con đường giải thoát sanh tử của mình mà mình không thử. Phải tu rồi thì mới biết, phải bỏ [thời gian] ra [tu] thử đi. Chứ mình nghe bị tiên nhập vi chủ, suốt ngày được giới thiệu, từ nhỏ đến lớn mẹ nói chỉ có món ăn rau muống là ngon nhất rồi con ạ. Mình ở trong nông thôn, đâu có biết đi ra thành thị thì sẽ có nhiều món ăn ngon hơn.

Giống như đồng tu Tịnh Độ cứ nghe niệm Phật là ngon nhất rồi, cứ nghe vậy

thôi, nhưng đọc kinh rồi thì chúng ta thấy đâu phải như vậy. Cho nên khi nghe thấy thì phải thử, thử để so sánh. Và thử để so sánh rồi, biết [pháp] nào hiệu quả hơn, tâm mình thay đổi thì tự mình biết. Cho nên Thiện Trang chỉ khuyên quý vị còn thời gian thì nên thử, phải có thời gian luyện tập, phải có thời gian trải nghiệm. Phật pháp là đến để mà thấy, phải tự mình giác hiểu. Trong đề mục niệm Pháp, đức Phật hay nói có mấy điều là: '**đến để mà thấy; người trí tự chứng** (là tự mình giác hiểu, tự mình hiểu rõ, tự mình tìm hiểu); **thiết thực trong hiện tại; vượt ngoài thời gian; có khả năng hướng thượng** (hướng thượng là đưa mình lên những địa vị cao hơn, những địa vị Thánh quả giải thoát). Trong bộ kinh có nói rõ, quý vị cứ nghe đi, nghe một hồi sẽ có đoạn này đoạn kia bổ sung cho nhau, có như vậy cho nên mình tu.

Và đức Phật rất nhấn mạnh việc tu Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền chỉ quan trọng chứ không phải mình xem thường, nhưng người đời nay thì hơi xem thường nhiều, cho nên tu khó thành tựu. Và nếu có trợ lực của Thiền chỉ thì quý vị tu Thiền quán (Vipassana), tu niệm Phật, tu [Pháp môn] gì cũng sẽ dễ hơn rất nhiều, tâm mình sẽ mạnh mẽ hơn và sẽ an lạc nhẹ nhàng. Và khi tu rồi thì quý vị thích tu lắm, chứ không phải tu theo kiểu vào thời khóa để trả bài, mà mình thích tu lắm. Đặc biệt, tu bữa nào vô được sâu là bắt đầu quý vị thích, quý vị chỉ muốn tu luôn, nhiều khi chẳng muốn làm gì nữa hết.

Cho nên quý vị thấy vị A-la-hán hồi nãy không? Sau khi đắc A-la-hán thì ngài chỉ muốn ở trong niềm vui đó, nên không muốn giảng tiếp nữa, không muốn đàm luận Phật pháp, đủ rồi. Đó là quý vị hiểu như vậy.

Trở lại bài kinh này, quý vị tu tập Năm căn này, nếu mạnh [thì] được quả A-la-hán, còn nhẹ hơn là Tam quả, nhẹ hơn nữa là Nhị quả, yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Quý vị nên để ý Sơ quả Tu-đà-hoàn này một chút, có nhiều [bậc] Sơ quả Tu-đà-hoàn lắm, chứ không phải chỉ có một [bậc] Sơ quả Tu-đà-hoàn đâu. Có bậc có sáu lần sanh, chính trong kinh nói chứ không phải Thiện Trang nói, quý vị tìm ở trong kinh đều có. Có thể là sáu lần sanh, có thể là ba lần sanh, có thể là hai lần sanh (là bậc Gia gia), có khi là một lần sanh, thì cũng gọi là Tu-đà-hoàn.

Tại sao một lần sanh lại không xếp vào Tư-đà-hàm mà xếp vào Tu-đà-hoàn?

Bởi vì thực tế người ta chỉ mới đoạn được ba Kiết sử đó thôi, cho nên chưa xếp vô bậc Nhất lai, nên có thể là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, sáu lần sanh, bảy lần sanh. Tối đa là bảy lần sanh, chứ không phải là bảy lần sanh ở cõi Dục. Tại vì có khi người ta không ở cõi Dục nữa, có người chứng Tu-đà-hoàn và đắc Thiền, thì người ta lên trời Sơ thiền hoặc là Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền v.v… Sau này mình học càng rõ thì mình thấy rõ ràng là do Thiền [định]. Và khi đó họ lên thì họ có thể còn một đời hoặc hai đời, thì tùy, đó là do chủng tánh.

Cho nên Thánh quả phức tạp như vậy, chứ không phải lúc nào cũng sanh lên cõi Trời, rồi sanh lên cõi Người, đó là kiến thức hồi xưa, kiến thức đó không đúng. Chúng ta phải học theo kinh, theo tạng Vi Diệu Pháp. Cho nên bậc Dự lưu cũng có rất nhiều, sau này chúng ta sẽ học kỹ hơn. Nhưng đó là quả, mình học nhân để đạt được quả thì tốt hơn.

Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành, yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành.

Tùy pháp hành và Tùy tín hành trong kinh không nói rõ, nhưng trong các bộ luận về sau này thì nói Tùy tín hành, Tùy pháp hành chính là Sơ quả hướng. Nhưng Thiện Trang cũng nói là trong bộ luận nói thôi, như Luận Câu Xá nói, thậm chí là bên Nam truyền họ cũng nói vậy. Nhưng nếu theo Kinh 127 của Kinh Trung A Hàm, bộ kinh gọi là Kinh Phước Điền, quý vị thấy địa vị Tùy tín hành, Tùy pháp hành được nói riêng. Sau hai địa vị này rồi thì mới nói Tu-đà-hoàn hướng, rồi mới nói Tu-đà-hoàn. Điều đó chứng tỏ có thể Tùy tín hành, Tùy pháp hành còn ở dưới Tu-đà-hoàn hướng nữa. Chính vì vậy chúng ta không biết, chúng ta cứ nói theo kinh thôi.

Cho nên có khi Tùy tín hành, Tùy pháp hành chưa hẳn là Tu-đà-hoàn hướng, mà cũng có thể Tu-đà-hoàn hướng, nhưng đức Phật nói như vậy trong Kinh 127. 27 địa vị Hiền thánh, thì quý vị thấy trong 18 địa vị Hữu học thì có 3 địa vị đầu tiên là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, rồi mới tới Tu-đà-hoàn hướng, mới tới Tu-đà-hoàn, là bốn địa vị đầu tiên. Rồi đến Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm, đằng sau còn năm địa vị nữa. Có phải như vậy không? Không biết! Quý vị coi nha! Quý vị tham khảo. Nói chung là Tùy tín hành, Tùy pháp hành là còn dễ hơn nữa.

Cho nên tu tập Năm căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ thì nhẹ nhất cũng được Tùy tín hành. Còn nếu không có gì, thì có bộ kinh kia nói là phàm phu luôn, nói chung mình yếu nhẹ hơn nữa thì là Tùy tín hành. Hay nói cách khác, nếu tu không được chút gì thì gọi là phàm phu, nếu được kha khá thì bắt đầu [được] Tùy tín hành, khá khá hơn nữa thì được Tùy pháp hành, khá hơn nữa thì được Tu-đà-hoàn, khá hơn nữa thì được Tư-đà-hàm, khá hơn nữa thì được A-na-hàm, khá hơn nữa thì được A-la-hán. Quý vị thấy như vậy dễ tu hơn, và có rất nhiều cách [để vào các địa vị đó], chúng ta học hết rồi.

Ở trong Phẩm Thanh Tịnh, kinh này là Kinh Tóm Tắt 1, Kinh 48.12, tức là ở chương 48, Kinh số 12, phẩm Thanh Tịnh Tương Ưng Căn của Kinh Tương Ưng Bộ. Chúng ta kết hợp giữa Nam truyền và Bắc truyền, giữa A Hàm và Nikaya thì chúng ta sẽ thấy rõ ràng hơn.

Có đồng tu nói vậy Năm căn này là gì? Bây giờ có nhiều người mơ mơ màng, mặc dù mình học rồi nhưng lại quên. Hôm nay Thiện Trang nhắc lại thêm nữa. Tại vì Ngũ quyền (Năm căn) này cực kỳ quan trọng, nên nhắc lại lần nữa bằng lời kinh. Chúng ta toàn nói trong kinh thôi. Chúng ta sẽ ôn lại Năm căn này, thế nào là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ.

Ngũ căn (Số 2)

(Theo Kinh Tương Ưng Bộ)

Tại Savatthi (Savatthi là Xá Vệ quốc)**, ... Thế Tôn thuyết**

- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn.

Thiện Trang xin để thêm dấu ngoặc vuông và mở ngoặc bên trong để chúng ta biết Tín căn là gì.

[1.Tín căn] Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tín căn? (Chúng ta kiểm tra xem chúng ta có Tín căn hay không nha).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn

Sư, Phật, Thế Tôn". Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tín căn.

Quý vị coi cho kỹ, điều kiện đưa ra không khó, rất đơn giản, là có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai thông qua 10 danh hiệu, đó là: bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Nghĩa là bất hoại tịnh đối với Phật, niềm tin bất động. Niềm tin bất động bằng cách gì? Đó là hãy tin rằng đức Phật là Như Lai. Thế nào Như Lai, thế nào là Ứng Cúng, thế nào là Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, thế nào là Thiện Thệ, thế nào là Thế Gian Giải, thế nào là Vô Thượng Sĩ, thế nào là Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, quý vị hiểu được như vậy và quý vị tin được đức Phật là một người có đủ 10 danh hiệu như vậy, thì quý vị thành tựu được lòng tin, gọi là Tín căn.

Quý vị làm được không? Điều này thì chắc dễ! Tại vì là Tín căn thôi mà, niềm tin được vững vàng rồi thì ra rễ, gọi là căn, căn là rễ. Và nếu quý vị thắc mắc 10 danh hiệu này như thế nào, thì quý vị mở ra bài số 18, Thiện Trang có chia sẻ về niệm Phật, thế nào là Như Lai, thế nào là Ứng Cúng, thế nào là Chánh Biến Tri, thế nào là Minh Hạnh Túc, thế nào là Thiện Thệ, thế nào là Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Quý vị coi lại, hình như Thiện Trang nhớ là bài 18. Nếu quý vị không nhớ thì lâu lâu Thiện Trang sẽ ôn lại, chắc cũng nên ôn lại vì đó là ráp từ nhiều kinh, mỗi kinh nói một chút. Kinh này nói một chút, kinh kia nói một chút, có kinh giải thích Như Lai là thế nào, có kinh thì giải thích Ứng Cúng là thế nào, thế nào là Chánh Biến Tri v.v… thì ngài gom lại thành một đoạn như vậy. Vậy chúng ta có Tín Căn chưa? Nếu có một lòng tin cực kỳ mạnh mẽ thì ngon.

Như vậy là xong Tín căn. Bây giờ đến Tấn căn. Tấn căn là sao, thì hôm nay học cho rõ Ngũ căn luôn. Trong Thất bồ Đề phần, Bát chánh Đạo phần, 37 Phẩm trợ đạo, thì chúng ta có Ngũ căn, Ngũ lực. Học chắc điều này thì là Ngũ căn, Ngũ lực đó.

[2.Tấn căn] Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tấn căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần, tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy đối với các pháp

bất thiện chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho không sanh khởi; đối với các pháp bất thiện đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho đoạn tận; đối với các thiện pháp chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho sanh khởi; đối với các thiện pháp đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho an trú không có mê ám được tăng trưởng quảng đại, được tu tập làm cho viên mãn. Này các Tỷ-kheo đây gọi là Tấn căn.

Như vậy quý vị nghe Tấn căn này thấy quen không? Tấn căn này giống Tinh tấn Giác chi. Ở đây thực ra là bốn điều Tứ chánh cần. Tức là đối với hai điều thiện và hai điều ác, điều thiện nào mình đã làm rồi thì cố gắng làm cho lớn hơn, phát triển hơn, siêng năng làm nhiều hơn, thì gọi là tinh tấn. Rồi điều thiện nào chưa làm, thì ráng quyết tâm để làm. Còn đối với các pháp bất thiện thì có hai điều: Pháp bất thiện nào đã làm rồi, thì cố gắng tinh tấn, cố gắng làm sao cho nó diệt đi. Còn điều ác nào tức là pháp bất thiện nào mà chưa làm, thì ngăn luôn không cho sanh ra. Đó cũng là Tứ chánh cần. Tứ chánh cần mạnh lên thì thành Tấn căn.

Vậy có dễ không? Có bấy nhiêu đó à, không khó đâu! Vậy chúng ta có nỗ lực không? Có đúng không? Thiện Trang thấy đa số đồng tu đều cố gắng. Các pháp nào bất thiện thì cố gắng ngừng, pháp bất thiện chưa có thì không làm. Các pháp thiện nào đã làm thì ráng làm cho nhiều hơn, các pháp thiện chưa làm thì ráng cố gắng làm. Đó gọi là Tấn căn.

Định nghĩa của đức Phật rất rõ ràng, rất dễ dàng! Chúng ta thấy không có gì khó khăn, cho nên học được chánh kinh là yên tâm, không có nghe người ta nói qua nói lại vòng vòng. Mình học luôn kinh của Phật, theo Kinh Tương Ưng đây.

[3.Niệm căn] Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Niệm căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ, tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niệm căn.

Quý vị thấy Niệm căn ở đây cũng hơi khó một chút, là chánh niệm. Thánh đệ tử là Đệ tử của bậc Thánh, chứ nói Thánh đệ tử thì cao quá, thì thành tựu được niệm tuệ (niệm tuệ là mình nhớ, luôn luôn trí tuệ hiện tiền). Lúc đó tối thắng là nó mạnh hơn; ức niệm là không có mất chánh niệm, không thất niệm; tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu.

Quan trọng ở đây là: Vị ấy trú, quán được Tứ niệm xứ, gồm: quán Thân, quán Thọ, quán Tâm và quán Pháp; nhiệt tâm là tâm luôn luôn hăng hái; rồi tỉnh giác là làm gì cũng sáng suốt rõ biết; chánh niệm; nhiếp phục tham ưu ở đời. Tức là lúc đó quý vị bớt được tham rồi, nhiếp phục được tham rồi, và bớt sự lo lắng. 'Ưu' ở đây là gì? Chúng ta học rồi, ưu chính là Tâm sân. Ai mà tu được điều đó càng nhiều thì tốt, hết luôn thì là A-la-hán, bớt bớt xuống một chút thì rớt xuống một bậc, bớt thêm chút nữa (tệ hơn chút nữa) thì rớt xuống một chút. Cứ như vậy, theo bốn tiêu chuẩn của các Thánh quả, cho đến Tùy tín hành, Tùy pháp hành.

Cho nên Thiện Trang thấy Tín căn thì dễ, [đến] Tấn căn là có nhiều việc bất thiện nhiều khi mình vẫn làm, nhưng làm chút chút. Bắt đầu là rớt xuống một chút rồi đó, cho nên vẫn chưa có ngon. Nhưng tới Niệm căn là bắt đầu quán Tứ niệm xứ, nhớ cảnh, nhiếp phục tham và ưu (tức là tham và sân). [Mình] nhiếp phục không được nên chưa thành A-la-hán được. A-la-hán thì mới hết, Tam quả A-na-hàm cũng hết luôn. Còn không được thì xuống Tùy tín hành, Tùy pháp hành, hoặc Tu-đà-hoàn.

Cho nên ở đây chúng ta thấy rõ ràng, học tới đâu rất rõ ràng tới đó. Điều này, thật ra cố gắng làm thì cũng được, cho nên phải tu Tứ niệm xứ nha. Thật ra [tu] Tứ niệm xứ, nhiều đồng tu suốt ngày vô ngồi để tu. Đúng! Ngồi để tu Tứ niệm xứ là điều quan trọng, nhưng đó là tập thôi. Quý vị tu làm sao [mà] mọi lúc mọi nơi, mọi hoàn cảnh mình phải rõ biết sáng suốt trên bốn vấn đề là Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Nếu mình nhớ trụ vào một điều thì cũng được, [trụ vào] Thân cũng được, Thọ cũng được, Tâm cũng được, Pháp cũng được. Nhưng khi mình trụ được vào một điều là mình trụ được vào bốn điều.

Giống như thế này, cảm giác của quý vị, tâm quý vị sáng suốt thì tự nhiên biết những điều khác. Và mình phải sống trong đời sống mà tu Tứ niệm xứ, chứ còn nếu chỉ tu trong thời khóa không [thôi] thì ra ngoài không đủ được, đó là mới

tập thôi. Cho nên ai có công phu Tứ niệm xứ, thì người ta sống được trong chánh niệm trong mọi lúc. Đó là điều quan trọng, và đó mới là thành tựu đấy. Chứ mình tu một ngày, hai ngày thôi, vì đâu có thời gian đâu. Hoặc quý vị đi khóa tu bảy ngày, mười ngày [tu] Tứ niệm xứ, về rồi quý vị sống cũng trở lại bình thường, phàm phu thôi. Nhưng nếu công phu đắc lực thì sẽ rất là rõ ràng, quý vị sống khác hẳn, và lúc đó quý vị thấy hạnh phúc lắm, rất là tuyệt vời! Đó mình đi vào Thánh nhân.

Cho nên điều này rất quan trọng, tu bất cứ [pháp] nào cũng quay về điều đó, dù người tu niệm Phật, niệm Phật một hồi cũng phải sáng suốt, rõ biết trên bốn thứ: Thân mình như thế nào; Thọ là cảm nhận của mình, khó chịu hay dễ chịu v.v…; tâm ta tham, ta có biết tham hay không, đó là quán Tâm. Rồi quán Pháp thay đổi như thế nào, đều nắm sáng suốt rõ biết, thì đó mới đúng. Rồi tỉnh giác, chánh niệm, chứ không phải mê mê mờ mờ.

Cho nên nếu ai niệm Phật mà tối ngủ mê, không biết gì hết, thì công phu không đắc lực. Lát nữa, chúng ta học lộ trình tâm, lộ trình tử thì chúng ta thấy giá trị của người tu tỉnh thức, tu tỉnh giác, công phu chánh niệm, công phu quán thọ như thế nào. Cho nên rất là quan trọng.

Niệm căn này là khó đó, chứ không phải dễ đâu quý vị. Học tới đây chúng ta thấy khó không? Khó đó! Có nhiều người làm mà có nhớ đâu, làm mơ mơ màng màng, nổi sân mà cũng không biết mình nổi sân, si mà cũng không biết mình si, rồi nghe pháp một chút là quên mất, không biết thầy Thiện Trang nói gì, không nghe được. Đó là tâm phóng dật, tâm trạo cử đã chen vào, tâm si đã chen vào rồi. Có những tâm liên tục chen vào, cho nên bị thất niệm. Và ai mà có nhiều tâm đó thì người ta nghe không được, đó là một điều rất đáng tiếc.

Ráng cố gắng tu, hãy chịu khó kiểm soát tâm mình. Mình làm gì thì mình biết mình đang làm đúng hay sai, ta đang làm gì, ta đang như thế nào. Người nào mà càng biết mình đang làm gì, đang như thế nào, ta đang làm đúng hay sai, thì chúc mừng quý vị, quý vị đang có niệm, niệm đó rất mạnh. Và muốn cho niệm này mạnh thì quý vị phải thường xuyên tu Thiền chỉ. Sau khi tu Thiền chỉ, quý vị trở qua tu Thiền quán thì sẽ mạnh. Đây là kinh nghiệm của Thiện Trang.

Cho nên đừng bỏ tu Thiền chỉ, dù quý vị không đắc Sơ thiền [thì] cũng giúp

niệm của quý vị mạnh hơn. Và nếu quý vị muốn tu Thiền chỉ với bóng đèn, để tu với Biến xứ màu, có một số đồng tu có thể [do] đặt vị trí bóng đèn thấp quá, Thiện Trang phát hiện ra nếu đặt bóng đèn cao ngang ngang với tầm nhìn của mình, giống như trong bộ Luận Thanh Tịnh Đạo nói, thì rõ ràng là dễ nhiếp tâm hơn, dễ vào cảnh hơn. Còn mình nhìn chúi xuống quá thì khó. Cho nên Thiện Trang nghĩ cách như thế này: Đối với những bóng đèn thấp quá, không đủ tầm nhìn, thì quý vị kiếm cái gì màu đen để ở dưới, ví dụ Thiện Trang lấy mấy tấm nệm đen, bồ đoàn đen, hồi xưa ngồi bồ đoàn, bây giờ không ngồi nữa, Thiện Trang để đèn lên đó là nó che, chỉ thấy đen hết. Đèn vừa tầm mắt thì dễ vô định hơn. Còn mình ngồi chúi chúi xuống, cảm giác không tự nhiên, bị gồng người khi chúi xuống là có chút sân trong đó, Sân triền cái sẽ sanh, cho nên rớt Thiền. Cho nên quý vị cũng phải để ý.

Vừa rồi Thiện Trang có đăng lên cho quý vị mấy video để quý vị tu Thiền chỉ trên kênh YouTube Thích Thiện Trang, quý vị vô đó mở thử coi. Nếu ai không có đèn thì quý vị dùng những hình đó. Tất nhiên là không bằng đèn được, Thiện Trang thấy không bằng, được cái nó to và ngang tầm mắt, để trong tivi vừa vừa. Thiện Trang chỉnh kích thước to như vậy thì [quý vị] mở với tivi nào vừa vừa thôi, hoặc là Ipad, máy tính là mở được. Còn mấy tivi bự quá, thì hình đó bự quá thì không được, bữa nào [sẽ] đăng vòng tròn nhỏ hơn. Những hình đó cũng tu được nha, cũng tạm tạm cho những ai không có bóng đèn.

Quý vị thấy Tín căn, Tấn căn, Niệm căn thì Niệm căn là khó rồi, còn hai điều trên thì dễ. Cho nên đắc đạo A-la-hán là làm trọn: [Chánh niệm, thành tựu niệm tuệ, tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời]. Cho nên mình học thấy sao điều này cũng đắc đạo A-la-hán. Mà mình học, mình làm được một phần thì mình được Tùy tín hành, Tùy pháp hành.

[4.Định căn] Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Định căn? (Bây giờ ai tu định thì biết).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhứt tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ... an

trú Thiền thứ hai... an trú Thiền thứ ba... từ bỏ lạc, từ bỏ khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Định căn.

Đọc tới đây thì quý vị đồng tu nghe có vẻ buồn rồi, tại vì sao? Quý vị thấy không? Mình tưởng mình tu được Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ Đề phần, Bát thánh Đạo phần, bây giờ thấy Ngũ căn, mới tới căn thứ tư thì Định căn là rớt rồi. Phải bỏ các pháp sở duyên, là [bỏ] các pháp làm duyên ràng buộc mình để được định, được nhất tâm. Đây là nói Sơ thiền: 'Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ...' Ít nhất là đến Thiền này, còn không thì đến Tứ thiền luôn.

Tu như vậy mới gọi là Định căn chứ, mình cứ nói miệng [mà] không tu Thiền, không chứng Thiền thì làm sao có Định căn. Có nhiều người nói: "Có nhiều người không chứng Thiền cũng chứng quả đấy thôi". Đúng! Chính xác! Nhưng trường hợp đó hiếm. Quý vị coi thời đức Phật, người chứng quả mà không có Thiền thì nhiều. Đúng! Nhưng chứng A-la-hán mà không có Thiền thì hình như rất ít, rất ít. Quý vị thấy có vị chứng A-la-hán nhưng không có Thiền, để bữa nào Thiện Trang dẫn câu chuyện rõ ràng hơn, Thiện Trang tìm trong Kinh Tiểu Bộ, có vị đó chứng A-la-hán mà không có Thần thông rõ ràng. Nhưng trường hợp đó ít lắm, quý vị nên đi con đường thông thường, chứ đừng mong Sát-na định, rồi Cận định, [thì] mong manh quá.

Đức Phật nói là thường phải từ Sơ thiền trở đi thì mới chứng quả giải thoát A-la-hán. Nếu không chứng quả A-la-hán thì chứng Tam quả A-na-hàm. Tất nhiên có nhiều khi Sơ quả Tu-đà-hoàn cũng không cần Định căn này sâu, nhưng cũng có một chút Sát-na định. Chúng ta sẽ học lộ trình chứng quả thì chúng ta thấy lúc đó phải có định. Tức là Tâm sở Nhất hành sẽ biến thành Tâm sở Định, [Tâm sở này] mạnh thì thành Định. Nhờ Sát-na định đó, chỉ cần trong sát-na thôi, Bát chánh đạo đủ thì chuyển thành Tâm sơ đạo, rồi từ Tâm sơ đạo chuyển thành Tâm sơ quả, thì đắc đạo Tu-đà-hoàn, từ đó không còn là phàm phu nữa. Quý vị hiểu không? Không còn là phàm phu nữa, lúc đó mình đủ duyên mạnh kéo một phát là lên A-la-hán luôn. Còn không đủ thì tới đó thôi, định bấy nhiêu đó, tuệ bao nhiêu đó v.v... Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ có bao nhiêu đó thì được bấy nhiêu thôi. Nhưng dù sao thì

quý vị cũng nên tu.

Cho nên những người dù không nhập được Thiền thì quý vị cũng ráng tu Thiền để tương ưng, Định căn là phải có Thiền. Cho nên ai mà không tu Thiền chỉ là có vẻ Định căn mình thấy không đúng rồi đúng không? Mình thấy không được rồi đó. Nên nghe lời Phật đi, đừng có nghe người ta nói.

[5.Tuệ căn] (Tuệ là trí tuệ). **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tuệ căn?**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ thuộc bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Vị ấy như thật rõ biết đây là khổ, như thật rõ biết đây là khổ tập khởi, như thật rõ biết đây là khổ đoạn diệt, như thật rõ biết đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tuệ căn.

Vậy Tuệ căn là quý vị phải có trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp, rồi trí tuệ đưa đến đoạn tận khổ đau. Nói chung là Tứ đế, biết rõ đây là Khổ, biết rõ đời vô thường là khổ, biết Khổ tập khởi là nguyên nhân của khổ, biết rõ Khổ đoạn diệt bằng cách nào? Phải diệt nguyên nhân khổ và diệt các Phiền não này, và biết rõ ràng con đường đó là mình phải tu gì? Ví dụ như tu Ngũ căn là một con đường để diệt khổ. Hoặc là chúng ta phải tu Bát thánh đạo, hoặc là tu Tứ niệm xứ. Nói chung tu gì cũng quay về đó thôi. Nói 84.000 Pháp môn đi chăng nữa, quý vị tu một hồi rồi cũng quay về năm điều này, hay về Bát chánh đạo v.v… [Pháp] gì cũng vậy. Còn các pháp nào mà tu không có những điều đó thì không được.

Thiện Trang nhớ trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, có vị Bà-la-môn cuối cùng, là vị Tu Bạt Đà La, vào hỏi đức Phật là: "Con nghe nói các đạo khác cũng nói có thế này, có chứng quả v.v… Ngài là đức Thế Tôn, Ngài nói như thế nào? Con còn biết tin ai đây? Con 120 tuổi rồi, bây giờ con nghi ngờ, con không biết làm sao?" Đức Phật nói: "Thôi không cần bàn đến họ nữa, chỉ cần ông nhớ một điều rằng: Ở đâu không có Bát chánh đạo thì ở đó không có Tứ quả Sa-môn". Tức là không có Bát chánh đạo thì không thể có bốn quả Sa-môn, là Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả. Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, và Tứ quả A-la-hán.

Cho nên đã Tà kiến rồi thì thôi bỏ đi nha. Phải Chánh kiến, Chánh tư duy,

Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Phải có tám chánh đó thì mới có Tứ quả Sa-môn. Không có những điều đó là xong. Tà định rồi thì không có, Tà kiến rồi thì không có, Tà tư duy rồi là không có, không có Chánh ngữ, không có Chánh nghiệp, không có Chánh mạng, không có Chánh định, không có Chánh niệm, không có bốn quả Sa-môn đâu. Đức Phật đã khẳng định như vậy rất nhiều lần. Ở đâu không có con đường Bát thánh đạo (tức là không có Bát chánh đạo) thì ở đó không có bốn quả Sa-môn.

Không phải một bộ kinh nói, mà có rất nhiều bộ kinh nói. Cho nên hãy nghe lời Phật để mà tu, đừng để bị lạc mất Chánh tri kiến. Khi Chánh kiến không có rồi thì Chánh tư duy không có, khi Chánh tư duy không có thì Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng không có. Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng không có rồi thì không thể có Chánh niệm, không thể có Chánh tinh tấn, Chánh định, tất cả đều không có quả Thánh. Điều đó là đức Phật nói, Thiện Trang chỉ nói lại thôi, [quý vị] cố gắng nghe nha!

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

((48.10) Phân Biệt 2: Dutiyavibhaṅga (SA 647, SA 658, SA 655*) – Kinh Tương Ưng Bộ).*

Hôm nay chúng ta đã học về Năm căn rất kỹ rồi. Quý vị nhớ giùm những chữ màu đỏ. Thiện Trang thấy rõ ràng Tín căn là dễ nhất, lòng tin là dễ nhất đối với người phương Đông. Tiếp theo là Tấn căn cũng dễ, nhưng Niệm căn bắt đầu là mơ mơ màng màng rồi đó. Còn Định là tu định, tu Thiền chỉ, ở đây nói rõ ràng là Thiền chỉ luôn, đâu có nói Thiền quán đâu đúng không? Rồi Tuệ căn là trí tuệ về Tứ thánh đế. Như vậy là được rồi.

Quý vị nhớ là cũng chương thứ 48, bài kinh số 10, quý vị tìm ở trong Kinh Tương Ưng, chương thứ 48. Chương này là cuối rồi, hình như ở quyển thứ năm nếu là bộ in năm quyển, và bài kinh thứ 10. Thiện Trang nói là có theo kinh, không phải theo ý Thiện Trang. Cho nên quý vị có thể nghe lại.

Đó là phần cung cấp về kiến thức căn bản, những câu chuyện vui vui và có ý nghĩa, và phần tu tập về Chánh kinh. Bây giờ chúng ta vào phần Vi Diệu Pháp. Chúng ta đang học về tâm, hôm bữa chúng ta đã học về 12 Tâm bất thiện rồi. Bây

giờ chắc chắn là quý vị quên hết rồi, đa số là quên, cho nên Thiện Trang cứ từ từ ôn lại. Hôm nay chúng ta sẽ ôn tập lại 12 Tâm bất thiện và cung cấp cho quý vị một phần của lộ trình tâm.

Quý vị nhớ 12 Tâm bất thiện gồm có bao nhiêu tâm, và bao nhiêu tâm gì không? Thiện Trang xin nhắc lại, là 12 Tâm bất thiện thì có 8 Tâm tham, có 2 Tâm sân và 2 Tâm si. Phải nhớ như vậy! Có 12 Tâm bất thiện thôi, không có nhiều lắm đâu. Để quan sát được bất thiện, thì hãy cố gắng nhìn vào 12 tâm này, nếu mình có là bất thiện. Mặc dù có 12 tâm, nhưng suốt ngày [chúng] xuất hiện, cho nên nhiều. Còn các tâm kia thì đủ loại tâm, nhưng ít khi xuất hiện.

Ví dụ như quý vị tu Thiền, lúc chúng ta đang tu Thiền chỉ thì chúng ta dùng tâm nào để tu? Chúng ta sẽ dùng Tâm thiện của Dục giới. Tâm thiện của Dục giới chúng ta chưa học, nhưng dùng Tâm thiện đó kéo một hồi lên thành Tâm thiền. Và nếu chúng ta đắc Sơ thiền thì bắt đầu sanh ra Tâm thiền. Cho nên lúc đó mình đắc được Thiền. Rồi đắc Nhị thiền thì có tâm Nhị thiền, đắc Tam thiền thì có tâm Tam thiền, đắc Tứ thiền thì có tâm Tứ thiền. Rồi khi đắc Thánh quả cũng vậy, cũng phải có từng tâm, từng tâm kéo lên.

Cho nên đầu tiên mình cứ học kỹ Tâm bất thiện trước, rồi học tới Tâm thiện của Dục giới, rồi mới học lên mấy Tâm thiền, rồi mới học Tâm đạo. Tâm đạo tức là giai đoạn để chuyển tới Thánh quả. Rồi sau đó học Tâm quả, tức là tâm của Thánh quả. Rồi chúng ta phải học những tâm khác nữa, tới 121 tâm lận. Hiện tại chúng ta đã học 12 tâm, tức là được 1/10. Nhưng 1/10 này chiếm đa số, bởi vì chúng sanh bất thiện thì nhiều, chứ thiện là ít. Cho nên chết bị đọa lạc nhiều, đúng không?

Quý vị thấy trong kinh [nói] số người chết đọa vào các đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì nhiều. Còn người mà sanh lên cõi Trời, cõi Người v.v… [hoặc] đắc đạo thì ít. Quý vị thấy rất nhiều bài kinh đều nói như vậy. Bởi vì sao? Chúng sanh quen với bất thiện, chúng sanh thường bất thiện. Bởi vì khởi ra là tham, khởi ra là sân, khởi ra là si, thì làm sao mà không đọa được? Hôm nay chúng ta xem nha! Chúng ta ôn lại để biết rõ hơn.

Tâm tham có 8 Tâm tham, thì quý vị xét trên ba phương diện: 1. Tâm tham thì thọ gì? 2. Hợp hay không hợp với gì? Tức là tương ưng với không tương ưng.

Có khi người ta dùng tương ưng với không tương ưng. 3. Và hữu trợ hay vô trợ? Chúng ta xét trên ba phương diện như vậy.

Quý vị nhớ Tâm tham có hai loại thọ. Quý vị nhớ là thọ gì không? Tâm tham, tham thì vui, thì là thọ hỉ. Đầu tiên là có bốn thọ hỉ đúng không? Đầu tiên là thọ, Tâm tham thì phải là thọ hỉ, chứ chẳng chạy đâu hết. Quý vị nhớ bốn Tâm tham là thọ hỉ. Nhớ giùm cho như vậy! Rồi bốn Tâm tham còn lại là thọ gì? Bốn Tâm tham còn lại là thọ xả. Vì sao thọ xả? Bởi vì giống như món ăn đó, ăn lâu ngày rồi thì bình thường, hết ngon rồi, cho nên là thọ xả luôn. Nhiều khi ở trong gia đình thọ xả nhiều, nên hết tham rồi. Cũng tham, cũng thích, nhưng nó hơi trơ trơ, nó vẫn thích nhưng thích nhẹ nhẹ thôi. Đó là Tâm tham thọ hỉ và Tâm tham thọ xả.

[Tiếp theo] thì quý vị nhớ là [Tâm tham] hợp với gì không? Hợp Tà kiến và không hợp Tà kiến. Như vậy đầu tiên là hợp với Tà kiến, sau đó là ly Tà kiến.

Rồi hữu trợ hay vô trợ. Giống như đây, chúng ta lập như thế này thôi là chúng ta nhớ.

Ôn Tập 12 Tâm Bất Thiện				
TT	**Loại tâm**	**Thọ**	**Hợp/ Không hợp (tương ưng / không tương ưng)**	**Vô trợ / hữu trợ**
1	**Tham**	**Hỉ**	**Tà kiến**	**Vô trợ**
2	**Tham**	**Hỉ**	**Tà kiến**	**Hữu trợ**
3	**Tham**	**Hỉ**	**Ly tà kiến**	**Vô trợ**
4	**Tham**	**Hỉ**	**Ly tà kiến**	**Hữu trợ**
5	**Tham**	**Xả**	**Tà kiến**	**Vô trợ**

6	Tham	Xả	Tà kiến	Hữu trợ
7	Tham	Xả	Ly tà kiến	Vô trợ
8	Tham	Xả	Ly tà kiến	Hữu trợ
9	Sân	ưu	Hợp phẫn nộ	Vô trợ
10	Sân	ưu	Hợp phẫn nộ	Hữu trợ
11	Si	Xả	Hợp hoài nghi	
12	Si	Xả	Hợp Trạo cử (Phóng dật)	

[Thứ nhất] là Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, vô trợ. Thứ hai là Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, hữu trợ. Chúng ta cứ nhớ vậy thì chúng ta sẽ dễ dàng nhớ thôi, chứ đâu có gì khó khăn lắm đâu. Chỉ cần nhớ hữu trợ với vô trợ thôi. Tiếp theo là Tâm tham thọ hỉ, ly Tà kiến (là rời Tà kiến, không có Tà kiến). Một tâm là hợp với Tà kiến, một tâm là không hợp Tà kiến. Rồi cũng là vô trợ với hữu trợ. Cho nên được 2 tâm nữa là thành 4 tâm. Hai [tâm] ly Tà kiến và hai [tâm] Tà kiến. Cho nên thọ hỉ thành ra 4 tâm.

Thọ xả cũng tương tự như vậy, gồm có: 2 tâm Tà kiến và 2 tâm không hợp với Tà kiến, cho nên cũng thành 4 tâm. Rồi vô trợ và hữu trợ cũng tương tự như vậy, thì thành 4 tâm nữa, là 8 Tâm tham. Như vậy đơn giản, không có gì đúng không? Và chúng ta có thể cho ví dụ được không? Nếu quý vị cho ví dụ được là quý vị nhớ.

Bây giờ Thiện Trang cho một trường hợp, đó là Tâm tham hay tâm gì [thì] quý vị hãy xác định ra. Ví dụ như mình nói một đứa trẻ ở nhà thích chơi game, và

nó chơi game rất vui vẻ. Nó quan niệm rằng việc chơi game không có thiện ác hay nhân quả gì cả. Và chẳng có ai xúi giục nó, mà nó tự chơi thôi. Đó là Tâm tham kiểu gì? Quý vị trả lời đi. Con của quý vị thường hay chơi game mà, tự nó thích thú chơi đúng chưa? Nó quan niệm rằng chơi game không có nhân quả báo ứng hay thiện ác gì liên quan đến nhà Phật hết. Và cũng tự nó chơi, đâu có cần ai dụ dỗ, rủ rê gì đâu.

Như vậy chúng ta xác định được: Thứ nhất là Tâm tham thọ hỉ, bởi vì nó [thấy] chơi game vui mà. Đúng chưa? Và nó quan niệm rằng chơi game này không có ảnh hưởng gì đến nhân quả nghiệp báo gì. Đó là sai lầm, đó là ý nghiệp, nên bị dính vào Tà kiến, nên là hợp Tà kiến. Và nó tự chơi, nó cũng chả suy xét gì, cứ chơi thôi, thì là vô trợ. Cho nên đó là Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, vô trợ. [Quý vị trả lời được] là quá giỏi, [quá] xuất sắc rồi. Quý vị xác định được tình huống thực tế.

Còn nếu như con của quý vị đi chơi, cũng chơi game nhưng do bạn bè nó rủ chơi, nó cũng không thích trò chơi đó lắm. Nó chơi cho vui vậy thôi, trò này nó không thích lắm. Và nó cũng nghĩ là: "Mẹ mình nói chơi game là có hại đó con, coi chừng đọa đường ác đó, vì [trong game có] chém giết". Nó biết thì biết vậy, nhưng nó cứ chơi. Và nó cũng suy nghĩ rằng là: "Ôi! Có gì đâu, đứa bạn kia rủ, chứ mình cũng không muốn chơi lắm". Nó dùng dằng suy nghĩ: "Thôi mình chơi luôn". Thì đó trở thành tâm gì? Là Tâm tham. Tất nhiên vẫn là tham thôi. Vì nó chơi, nó vẫn thích thú trong đó mà, đang chơi nó vẫn thích thú chứ, mà thọ xả thôi. Và lúc này là ly Tà kiến rồi (rời Tà kiến), bởi vì nó quan niệm là mẹ mình nói chơi game có hại mà, rõ ràng nó biết quan niệm [về] nhân quả. Và lúc này là có hữu trợ.

Toàn là tình huống thực tế, để chúng ta hiểu rõ ràng. Cho nên học môn này là sống với thực tế, sống và suy xét thì chúng ta mới biết chúng ta đang như thế nào, chứ không, nói tu tâm [thì] không biết. Đức Phật nói trong Kinh A Hàm, Kinh Nikaya là tu bốn điều: Tu thân, tu tâm, tu giới, tu tuệ. Chúng ta tu giới thì biết, tu thân thì biết, nhưng tu tâm thì không tu được, tại vì không biết. Tu tuệ thì học Phật pháp rồi quán sát.

[Trường hợp này đứa con] chơi game [thấy] vui, nên là Tâm tham thọ xả đúng không ạ? Bây giờ mình coi [trên bảng]: [Là] Tâm tham thọ xả, ly Tà kiến và hữu trợ. [Đó là] tâm cuối cùng. Như vậy là chúng ta nắm được 8 Tâm tham.

Bây giờ Tâm sân thì cũng tương tự, quý vị nhớ [Tâm sân] là thọ gì không? Tâm sân thì chỉ có một thọ thôi, là thọ ưu. Thọ ưu là khổ đó. Nhưng đối với thân thì mới gọi là khổ. Còn đối với tâm thì là thọ ưu. Như vậy hai Tâm sân đều là khó chịu, đều là thọ ưu. Chúng ta phải xác định được như vậy. Hai Tâm sân thì thọ ưu.

[Tâm sân] hợp với gì? Không phải hợp với Tà kiến đâu, mà là hợp phẫn nộ. Nhớ là Tâm sân hợp với phẫn nộ nha. Lúc nào cũng hợp hết, chứ không bao giờ có trường hợp ly [Tà kiến], hay không có không hợp phẫn nộ. Lúc nào cũng là hợp phẫn nộ. Cho nên [Tâm sân] không có nhiều trường hợp, chỉ có hai hợp là lúc nào cũng hợp phẫn nộ thôi. Hai [trường hợp] đầu tiên là chắc chắn như vậy. Và nó có trợ hay vô trợ nữa thôi là hết. Đó là hai Tâm sân. [Trường hợp] này lấy ví dụ dễ thôi, không có gì khó.

Ví dụ quý vị thấy đứa con, quý vị nổi điên lên chửi, vì thấy nó ăn rồi chơi game. Tức là nó chơi game thì nó có Tâm tham, và nó đang thọ hỉ, thọ xả gì đó. Nhưng mình thấy nó, mình tức lên, sân lên, mình chửi. Như vậy mình chỉ xét là lúc sân lên chửi, thì đó là Tâm sân thọ ưu, hợp phẫn nộ, và lúc đó có trợ hay vô trợ? Thông thường mới đầu mình thấy thì mình nổi điên lên, cũng tùy tình huống. Ban đầu mình nghĩ là nó đang học, nhưng sau rồi suy xét chắc là nó chơi game, thì lúc đó là hữu trợ. Còn nếu mình vô, mình thấy rồi nổi điên lên ngay, thì đó là vô trợ. Tuy là cảnh thấy, nhưng thấy lúc đó mình không suy xét được.

Lấy cảnh hữu trợ thêm một trường hợp nữa. [Ví dụ] mình vô thấy nó chơi game thì cũng bình thường, tại vì mình nghĩ không có vấn đề gì. Nhưng bà ngoại nói nó chơi game, nó hư lắm đó, thế này thế kia, thế là lúc đó mình nổi điên lên, thì đó gọi là [hữu trợ]. Phải có sự tác động mới suy xét thêm, thì đó là hữu trợ. Như vậy chúng ta dễ dàng [hiểu] đúng không?

Tâm si thì có 2 Tâm si, là thọ gì quý vị? Quý vị nhớ thì tốt! 2 Tâm si đều là thọ xả cả. Vì si thì mơ màng, không rõ cảnh, cho nên đều là thọ xả cả, quý vị nhớ vậy. Và hợp với gì? [Tâm si] chỉ có hai trường hợp thôi: Một là hợp phóng dật (trạo cử), hai là hợp hoài nghi. Quý vị nhớ giùm nha! Nó có trợ hay vô trợ không? Không có! Không có xét trợ hay vô trợ gì hết, [vì thọ] xả rồi. Tâm đang mơ mơ màng màng, vì nó si mà, si thì có trợ gì nữa đâu. Một là nó đang hoài nghi, hai là phóng dật thôi, chứ không có trợ hay vô trợ gì hết. Chúng ta nói như vậy thôi, không xét

trên trợ. Tóm lại là Tâm si thọ xả, hợp hoài nghi hoặc là hợp với trạo cử. Chúng ta có thể lấy ví dụ dễ dàng, quý vị coi lại ví dụ hôm bữa.

Bây giờ chúng ta vào phần sâu hơn, học không phải học chơi đâu. Bây giờ chúng ta đối chiếu 10 Kiết sử Phiền não với 12 Tâm bất thiện này. Chúng ta đối chiếu để biết Kiết sử nào ở đâu và chúng ta tu tới đâu là mình biết luôn. Chúng ta căn cứ vào bảng sau:

Đối chiếu 10 Kiết sử với 12 tâm bất thiện		
TT	**Loại Kiết sử**	**Loại Tâm**
1	Thân kiến	Tham (Sinh cùng 4 tâm Tham hợp tà kiến)
2	Giới cấm thủ	Tham (Sinh cùng 4 tâm Tham hợp tà kiến)
3	Nghi	Si (Tâm si hợp Hoài nghi)
4	Tham dục	Tham (liên quan đến Ngũ dục thô)
5	Sân	Sân (liên quan đến Ngũ dục thô)
6	Sắc ái kiết	Không thuộc 12 Tâm bất thiện Dục giới (Là sự tham vi tế thuộc Tâm thiền, không đưa đến đọa lạc cảnh khổ)
7	Vô sắc Ái kiết	Không thuộc 12 Tâm bất thiện Dục giới (Là sự tham vi tế thuộc về Tâm thiền, không đưa đến đọa lạc cảnh khổ)
8	Ngã mạn	
9	Phóng dật	Si (Tâm si phóng dật và nhiều tâm khác…)

10	Vô minh	Si (gắn mạnh nhất với **2 tâm si**, nhưng gián tiếp có mặt trong **tất cả các tâm bất thiện**)

Thứ nhất là cột 10 Kiết sử, gồm: Ngũ hạ phần [Kiết sử] và Ngũ thượng phần [Kiết sử]. Ngũ hạ phần [Kiết sử] gồm: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham dục và Sân. Còn Năm thượng phần Kiết sử gồm: Sắc ái kiết, Vô sắc Ái kiết, Ngã mạn kiết, Phóng dật kiết, Vô minh kiết. Bây giờ chúng ta xét từng loại tâm.

1. Thân kiến. Để chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn thì quý vị biết là phải đoạn ba Kiết sử: Thân Kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Thân kiến này thuộc về Tâm tham, nhưng thuộc về Tâm tham nào trong 8 Tâm tham ở trên? Hôm nay chúng ta sẽ học kỹ hơn, Thân kiến là tham rồi.

Tại sao Kiết sử Thân kiến này thuộc về Tâm tham? Vì nó ôm ấp lấy Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chấp giữ, cho đó là mình. Tâm tham là chấp lấy, giữ lấy, kéo vào. Tâm sân là khó chịu, là đẩy ra. Ở đây mình chỉ học Tâm tham, sân, si, có 12 Tâm bất thiện thôi, thật ra có ba loại là tham, sân, si thôi. Mình muốn bảo vệ thân này thì là Tâm tham. Cho nên Thân kiến thuộc về tham.

Tâm tham này sinh cùng với 4 Tâm tham hợp Tà kiến: 2 Tâm tham thọ hỉ, hợp Tà kiến, vô trợ/hữu trợ; 2 Tâm tham thọ xả, hợp Tà kiến, vô trợ/hữu trợ. Nó không có ly Tà kiến. Vì sao không có ly Tà kiến, mà chỉ có hợp Tà kiến thôi? Vì nếu quý vị ly Tà kiến thì quý vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Từ từ chúng ta nói sau. [Thân kiến] sinh cùng 4 Tâm tham hợp với Tà kiến, vì quý vị xác định Thân kiến này là mình, là Tà kiến rồi. Cho nên nó hợp với Tà kiến, không thể nào ly Tà kiến được. Quý vị xác định thân đó là mình, là hợp Tà kiến rồi. Cho nên trong 8 Tâm tham thì thực tế Thân kiến chỉ đi cùng với 4 Tâm tham hợp Tà kiến thôi. Quý vị rõ ràng rồi nha!

2. Giới cấm thủ: Giới cấm thủ cũng vậy, cũng là tham. Vì sao nói Giới cấm thủ là tham? Đầu tiên định nghĩa Giới cấm thủ là sự chấp giữ. Mình thực hành những pháp không đúng với Chánh pháp, mà mình giữ, mình cho điều đó là đúng, thì thuộc về chấp giữ, nên thuộc về tham. Và tâm này tất nhiên là hợp với Tà kiến

rồi, không ly Tà kiến được, bởi vì mình sai.

Ví dụ mình cho rằng tu khổ hạnh ép xác để chứng quả. Giống như đức Phật [tu] khổ hạnh một thời gian đầu, lúc Ngài chưa thành đạo, còn là vị Thái tử tu khổ hạnh, khi đó là thuộc về Giới cấm thủ. Quý vị hiểu không ạ? Hoặc [có] ông tu Tịnh thủy, quý vị nhớ không? Trong Kinh Trung Bộ, ở bài kinh bao nhiêu đó, hoặc là bài kinh số 93 của Kinh Trung A Hàm, đoạn sau [nói] có ông [đó] suốt ngày tắm dưới nước để cho sạch. Ổng chấp giữ điều đó, thì gọi là Giới cấm thủ. Tu hành như vậy không đúng.

Bây giờ nhiều đồng tu, mặc dù tu học Phật pháp, nhưng vẫn còn chấp giữ điều gì đó cực đoan, không đúng theo Phật pháp, đó cũng là Giới cấm thủ. Sự chấp đó gọi là tham. Mình vẫn có tham chứ, tham đạt quả, tham này tham kia, rồi cho là mình đúng. Sự tham đó không đúng với Chánh kiến, nên gọi là 4 Tâm tham hợp Tà kiến: [hai Tâm tham thọ xả, hợp tà, vô trợ/hữu trợ; hai Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, vô trợ/hữu trợ].

3. Nghi: Nghi là Tâm si, điều này thì rõ ràng. Tâm si hợp hoài nghi, chứ không hợp phóng dật được. Vì có 2 Tâm si: Một là hợp hoài nghi; Hai là hợp phóng dật. Nghi trong Kiết sử này là Tâm si hợp hoài nghi. Đây là Nghi kiết sử chứ không phải là Nghi bình thường. Nghi bình thường thì có khi đi với Tâm si hợp phóng dật, còn đây là Nghi trong Kiết sử. Quý vị nhớ Nghi trong Kiết sử thì nghi bao nhiêu điều không?

Bài trước chúng ta đã học là có 40 điều. Nói gọn lại là quý vị nghi về Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) là 3 rồi. Quý vị nghi thêm một điều nữa là nghi về mình, mình có trong quá khứ, hiện tại và tương lai hay không, và nghi một điều nữa là các pháp y tương sanh như thế nào đó. Thật ra chỉ có 5 điều nghi đó thôi, nhưng chia ra thành 40 loại nghi. Quý vị nhớ như vậy cho dễ, chứ nhớ 40 điều khó quá.

Quý vị nhớ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng; nghi đối với mình có mặt trong quá khứ, hiện tại và tương lai; nghi đối với nghiệp là nghi đối với các pháp y tương sanh. Quý vị coi lại bài trước nha! Đây Thiện Trang nói đại ý như vậy, quý vị coi lại nguyên văn bài trước thì sẽ nhớ rõ ràng hơn. Nếu quý vị cần thì Thiện Trang chiếu lại luôn, chứ không, nghe một hồi cứ ngơ ngơ ngác ngác.

Chúng ta coi lại, Nghi có: Hoài nghi pháp y tương sinh; nghi về quá khứ, hiện tại, vị lai, thật ra nghi về ta thôi, ta có mặt trong quá khứ, hiện tại, tương lai thế nào. Nghi về Phật, Pháp, Tăng và nghi Tam học: Giới, Định, Tuệ nữa. Thực ra là có 6 loại nghi chính thôi. Quý vị nhớ được 6 loại nghi này là ok.

Bây giờ chúng ta trở lại. Chúng ta tạm dừng ở đây để cho đỡ choáng. Bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn đoạn được 3 Kiết sử: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Vậy thì bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn đoạn được bao nhiêu tâm trong 12 Tâm [bất thiện] này? Đó là sự khác biệt giữa một người chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn với một người bình thường. Chúng ta có 12 Tâm bất thiện, vậy thì bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn đã đoạn được bao nhiêu Tâm bất thiện? Từ đó mình mới biết mình với Tu-đà-hoàn khác nhau chỗ nào. Chứ không, mình không biết Tu-đà-hoàn với mình khác nhau chỗ nào, đâu biết được. Nhưng hôm nay chúng ta học tới đây, chúng ta biết được chúng ta với Tu-đà-hoàn tuy là mặt đối mặt với nhau, tuy là chúng ta sống chung với họ, họ cũng giống mình, nhưng thực tế mình có đến 12 Tâm bất thiện, còn họ thì không có đủ 12 Tâm bất thiện, họ đã đoạn được một số rồi.

Đáp án của đồng tu là 9 tâm, đúng không? Tại vì thấy ở đây [Thân kiến] có 4 Tâm tham hợp Tà kiến và [Giới cấm thủ] cũng có 4 Tâm tham hợp Tà kiến. 4 + 4 = 8 rồi, thêm Tâm si hợp hoài nghi nữa là thành 9, phải không?

Đâu có phải đâu! 4 Tâm tham hợp Tà kiến ở [Thân kiến] với 4 Tâm tham hợp Tà kiến ở [Giới cấm thủ] là một mà, cho nên cũng là nó thôi. [Trong] 8 Tâm tham thì đoạn được 2 Tâm tham thọ xả, hợp tà, vô trợ/hữu trợ; 2 Tâm tham thọ hỉ, hợp tà, vô trợ/hữu trợ là 4 rồi. Cả hai trường hợp đều là Tâm tham hợp Tà kiến, rồi còn bỏ thêm được Tâm si hợp hoài nghi nữa. Nếu quý vị học ở nhà thì quý vị gạch vô, Tu-đà-hoàn là hết Tâm [si hợp hoài nghi] này, rồi gạch bỏ thêm [4 Tâm tham hợp Tà kiến] nữa là xong rồi. Vậy Tu-đà-hoàn còn mấy Tâm [Bất thiện]? Tu-đà-hoàn bỏ được 5 Tâm [bất thiện] rồi thì còn 7 Tâm bất thiện, nhưng đã hơn mình quá trời rồi.

Bữa nay là mình biết tại sao Tu-đà-hoàn khác mình chưa ạ? Mình học như vậy thì mới hiểu được, mới tu được. Chứ mình cứ nghĩ mình với Tu-đà-hoàn chẳng khác gì. Không phải! Tu-đà-hoàn đã bớt được tới 5 tâm trong 12 Tâm [bất thiện]. Cho nên khả năng họ đọa đường ác có không? Không đọa được! [Họ] loại trừ được

5 tâm đó nên không đọa đường ác. Quý vị thấy rõ ràng họ còn 7 Tâm bất thiện thôi.

Rồi bây giờ mình xét lên nữa, có lẽ nên để quý vị xét thì hay hơn.

4. Tham dục: Bữa sau chúng ta sẽ trở lại, coi như đây là một bài tập, quý vị sẽ tìm coi bậc Nhị quả, Tam quả còn bao nhiêu Tâm bất thiện? Ví dụ Nhị quả giảm được Tham dục và Sân. Tâm tham dục này là tham liên quan đến Dục giới thô. Dục giới thô là Ngũ dục: Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy. Ở đây mình nói về Kiết sử thì là tham chung luôn, chung hết nha. Còn khi [đắc] Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm thì thế nào, thì quý vị tự xét. Bữa hôm sau chúng ta sẽ trở lại.

5. Sân: Tâm sân cũng liên quan đến Ngũ dục thô, mà là sân. Như vậy, nếu đoạn được hết Tham dục và Sân thì Ngũ hạ phần Kiết sử hết, là đến Tam quả A-na-hàm rồi, đúng không ạ? Thật ra khi sân này hết rồi, từ đây trở đi là Sắc ái kiết.

6. Sắc ái kiết: Sắc ái kiết là gì? Sắc ái kiết cũng thuộc về tham, nhưng là tham vi tế. Đã nói ái là tham, nhưng tham vi tế. Tham này không thuộc về 12 Tâm bất thiện ở Dục giới mà chúng ta đang học, mà là sự tham vi tế thuộc Tâm thiền, không đưa đến đọa lạc cảnh khổ. Vì [Sắc ái kiết] là thuộc về Sắc giới rồi, không thể nào đọa vào cảnh khổ được, cho nên đó là tham vi tế thôi. Quý vị tham hình sắc là thuộc về Sắc giới, cho nên không thuộc vào 12 Tâm bất thiện, mà thuộc về Tâm thiền.

Tâm thiền là tâm tốt nha quý vị. [Sắc ái kiết] này vẫn tốt đó, tại vì sao tốt? Vì không đưa đến đọa lạc và cảnh khổ. Quý vị chứng Thiền mà, làm sao đọa được. Quý vị hiểu không? Cho nên Sắc ái kiết này không phải là Tâm bất thiện. Nhưng [vì] vẫn chưa giúp đưa đến giải thoát, chưa thành A-la-hán nên vẫn tính là Kiết sử thôi, trói buộc thôi.

7. Vô sắc Ái kiết: là niềm yêu thích, niềm vui, là sự tham vi tế thuộc về Tâm thiền của Vô sắc giới, không thuộc vào 12 Tâm bất thiện của Dục giới mà chúng ta đang học, vì cũng không đưa đến đọa lạc và cảnh khổ.

Quý vị thấy không ạ? Chúng ta học rõ ràng như vậy, chứ nhiều khi mình không biết rồi mình nói đó cũng là tham. Đúng rồi! Là tham, nhưng là tham vi tế, không phải là tham của Dục giới. Tham của Dục giới thì đọa lạc, còn tham ở trên

đó thì không [đọa lạc]. Chứ không phải như vậy!

8. Ngã mạn: Ngã mạn thì sao? Ngã mạn là thuộc về so sánh, tâm này đến Tam quả vẫn còn đó. Ngã mạn là gì? Quý vị quên rồi! Thường chúng ta học Ngã mạn là có 3 loại so sánh, 3x3 là 9, [gồm]:

1. So sánh thua: Thua là gì? Ví dụ mình thua người ta, rồi mình so sánh là mình thua người ta, mình so sánh là mình bằng người ta, hoặc mình hơn người ta, thì cũng thuộc về Ngã mạn.

2. So sánh bằng: tức là mình với người ta bằng nhau, mà mình cho là mình thua người ta, rồi cho là mình bằng người ta, hoặc cho là mình hơn người ta, thì cũng là so sánh thuộc về Ngã mạn.

3. So sánh hơn: mình hơn người ta, mình hơn thật, nhưng mình cho là mình thua người ta, hoặc mình cho mình bằng người ta, hoặc cho rằng mình hơn người ta, thì cũng là Ngã mạn.

Cho nên 9 trường hợp đó đều gọi là Ngã mạn. Và đó gọi là Ngã mạn kiết. Khi còn so sánh như thế thì gọi là Ngã mạn kiết. Và như vậy Tam quả A-na-hàm vẫn còn so sánh. Tuy nhiên, có sự khác nhau. Khác nhau chỗ nào? Nhiều khi mình hay nói Ngã mạn, nhưng mình không phân biệt được Ngã mạn giữa mình và bậc Thánh quả. Ở đây, Thánh quả khác mình. Chúng ta là phàm phu, phàm phu thì khi so sánh có sự chấp trong đó, dính mắc. Ví dụ quý vị thấy quý vị giàu hơn người ta, thì quý vị thấy tự hào, đúng không? Sự tự hào đó chính là so sánh mà gọi là Ngã mạn.

Còn bậc Thánh thì sao? Bậc Thánh thì các ngài có so sánh chứ, nhưng các ngài thấy: "Ừ, thì tôi giàu hơn quý vị, quý vị nghèo hơn tôi". Bình thường! Các ngài chỉ so sánh để biết, tức là biết đúng như thật thôi. Chứ các ngài không có so sánh kiểu: "Tôi tu nên ít Phiền não hơn quý vị, quý vị Phiền não nhiều hơn tôi". Các ngài biết như vậy thôi, chứ không có tự hào vô đó. Còn nếu là tự hào thì bắt đầu khởi lên tâm gì quý vị? Là Tâm tham. Đó mới là vấn đề.

Cho nên Tam quả A-na-hàm vẫn còn so sánh. Nhưng các ngài hết tham rồi, các ngài không có tham mà có so sánh thôi. Bậc Thánh nhân cũng biết chứ. Chúng ta phải hiểu sâu nữa, các ngài cũng phải biết ai hơn ai chứ, không biết thì làm sao

được. Nhưng các ngài không có sự tự hào. Quý vị nói tự hào tức là hơn người ta thì mới tự hào. Không! Đôi khi mình cũng tự hào vì mình bằng người ta, đúng không? Rồi đôi khi mình tự hào vì mình tệ hơn người ta chứ, đúng không? Có nhiều người tự hào lắm, kêu: "Thầy ơi, thầy giỏi quá, con dở lắm!" Đó, cũng là tự hào đó! Vẫn là ngã mạn đấy, mà ngã mạn nặng nữa, tâm tham đó. Quý vị tưởng là không có gì hết, [nhưng là] tham đó. Hoặc quý vị dùng dằng, nói vậy nhưng khó chịu, thì là sân đó.

Cho nên khác nhau ở chỗ đó đó quý vị. Cho nên mình không học Vi Diệu Pháp thì mình không biết đâu. Mình học vô đây rồi thì mới thấy rõ ràng.

Như vậy Ngã mạn này không thuộc 12 Tâm bất thiện, mà đi kèm với 4 Tâm tham ly Tà kiến. Đi kèm thôi! Tức là Ngã mạn, mà Ngã mạn của bậc A-la-hán ở trên thì không thuộc Tâm bất thiện đâu. Nhưng nếu là Ngã mạn ở dưới thì thật ra có hai trường hợp. Ngã mạn rốt ráo ở trên thì không thuộc 12 Tâm bất thiện. Còn Ngã mạn này thì đi kèm với 4 Tâm tham ly Tà kiến, tức là mình không thấy rõ bản thân mình, cho nên Ngã mạn sanh theo. Ngã mạn này không phải là tâm, mà chỉ là Tâm sở đi kèm với tâm Tà kiến trong một trường hợp thôi. Còn trường hợp thứ hai là khi lên tới Sắc giới rồi thì không còn thuộc Tâm bất thiện nữa. Vẫn còn có Tâm sở Ngã mạn, nhưng thuộc về Tâm thiện rồi. Cho nên nhiều khi ở đây cũng không nói rõ, nhưng mình chỉ cần hiểu vậy đó. Hiểu vậy thôi, chứ bây giờ viết ra nữa thì cũng không đủ.

Vì nhiều khi người ta chứng Tam quả A-na-hàm rồi, người ta lên cõi Thiền, nhưng lúc đó người ta vẫn còn có so sánh mà. Nhưng [so sánh đó] đâu phải là bất thiện đâu. Nhưng có khi cũng là bất thiện, phàm phu thì Tâm sở đi kèm với 4 Tâm tham ly tà kiến. Tại sao ly Tà kiến? Tại vì nó không nhận thức rõ nên rớt vào Tà kiến. Còn ly Tà kiến là quý vị bắt đầu có sự so sánh tốt hơn rồi. Cho nên mới xếp vào Kiết sử này. Tóm lại điều này (Ngã mạn: là Tâm sở đi kèm với 5 Tâm tham ly tà kiến, không thuộc 12 Tâm bất thiện Dục giới) thì chúng ta ghi kiểu gì cũng không được chuẩn lắm, cho nên Thiện Trang tạm xóa, mình để đó.

9. Phóng dật: Phóng dật hay Trạo cử kiết, thì thuộc về Tâm si (Tâm si phóng dật và nhiều tâm khác). Thật ra nó có nhiều tâm khác, cũng phức tạp giống như trên, cho nên để tạm vậy.

Tức là khi ở Dục giới, thì [Phóng dật] sẽ là Tâm si, nhưng khi lên cao, không phải Dục giới nữa rồi, thì đâu thể nói là Tâm si được, đúng chưa? Không phải! Chúng ta đang học 12 Tâm bất thiện ở Dục giới thôi mà.

10. Vô minh: Vô minh kiết thì cũng thuộc về Si. Nhưng nó gắn mạnh nhất với 2 Tâm si, nhưng lại gián tiếp có mặt trong tất cả các Tâm bất thiện. Có nghĩa lúc nào cũng có mặt [Vô minh này], thật ra nó là Tâm sở Si.

Đây là nói sơ qua thôi, chứ những điều này thì ngôn ngữ cũng không diễn tả hết được. Chúng ta sẽ học kỹ lại phần này ở một bài khác. Ở bài sau này, chúng ta sẽ xét lại khi chúng ta học hết tất cả các tâm. Bữa nay chúng ta mới học 12 tâm, cho nên mới giới thiệu thôi.

Ở đây, Thiện Trang có chốt lại:

***Bậc Sơ quả Tu-đà-hoàn đoạn được ba Kiết sử (Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi) tức là đoạn được 5 tâm bất thiện gồm:** 4 tâm Tham hợp Tà kiến, 1 Tâm si hợp Hoài nghi.

Quý vị thấy không ạ? Tu-đà-hoàn khác mình. Người ta không đọa ba đường ác, vì người ta đã bỏ được năm Tâm bất thiện.

***Sắc ái kiết và Vô sắc Ái kiết là sự dính mắc vào tầng thiền Sắc giới hoặc cảnh giới Sắc giới**.

***Vô minh (Avijjā) nằm sâu trong mọi tâm bất thiện, tuy chỉ có mặt rõ trong 2 Tâm si, nhưng luôn gián tiếp hiện diện trong mọi tâm bất thiện.** (Cho nên Vô minh này là một Tâm sở, nằm luôn trong 12 Tâm bất thiện).

Ở đây có một lưu ý. Lưu ý này quan trọng:

***Lưu ý: Hai tâm sở Tà kiến và Ngã mạn không thể đồng sinh (đi cùng nhau) vì:**

+Khi tâm khởi **Tà kiến**, tâm ấy đang hướng đến **sự chấp chặt quan điểm** sai → không quan tâm đến tự cao hay thấp. (Tức là bây giờ quý vị khởi lên Tà kiến thì quý vị đã chấp chặt vào quan điểm đó rồi. Và như vậy thì đâu có so sánh nữa đâu, đâu có cao hay thấp nữa. Đang chấp chặt vô đó nên đâu thể nào khởi tâm Ngã

mạn được).

+Khi tâm khởi **Ngã mạn**, tâm ấy đang hướng đến **so sánh hơn kém** → không bám chấp lý thuyết đúng/sai. (Tức là trạng thái tâm nhanh lắm, hoặc nó chấp vào điều này, hoặc nó chấp vào điều kia. Lúc [tâm] đang hướng đến so sánh, thì không thể chấp vô [Tà kiến] được. Còn [tâm] đang chấp vô quan điểm sai thì không thể có so sánh được).

Nếu hai Tâm sở này cùng khởi: Tâm ấy vừa bám chặt quan kiến (quan điểm sai lầm), vừa so sánh kiêu mạn → sẽ **mâu thuẫn, không thể ổn định**. (Tâm đó không thể ổn định được, tức là sự nhất hành không thể xảy ra được. Trong Tâm sở đó có một Tâm sở gọi là Nhất hành, Nhất hành là tâm có một chút định. Thì không thể nào duy trì 2 trạng thái đó cùng lúc được, vì mỗi sát-na tâm nhanh lắm. Mặc dù trong thực tế, mình thấy [có trường hợp] vừa Ngã mạn vừa Tà kiến mà. Ví dụ như ông chồng tà kiến, rồi ổng nghĩ ổng hơn mình mà, đúng không? Nhưng không phải như vậy!)

Vì vậy, Vi Diệu Pháp xác định rằng: **Tà kiến và Ngã mạn không thể đồng sinh trong cùng một sát-na tâm.** (Nhớ là không đồng sinh trong một sát-na tâm nha).

Còn thực tế thì sao? Chúng ta đưa ví dụ luôn:

VD3: Một người cảm thấy 'tự hào mình giỏi khoa học, thông minh hơn người khác nên không tin Phật pháp'. Thì người đó là có tâm gì?

Quý vị thử xem ví dụ này, một người cảm thấy tự hào vì mình giỏi khoa học, thông minh hơn người khác, cho nên họ không tin Phật pháp. Thì người đó có tâm gì?

Bây giờ mình chỉ học 12 tâm đó thôi, thì cho quý vị [chọn] trong 12 tâm đó. Hoặc quý vị học kiến thức đó, quý vị muốn viết tâm gì cũng được. Đây là một tình huống rất thực tế, là ở nhà quý vị, có khi bà vợ bị ông chồng nói là mê tín. Bởi vì ổng giỏi, ổng thông minh, ổng tự cho là mình giỏi, ổng biết nhiều, ổng thông minh hơn bà vợ. Bà vợ học Phật pháp cho nên ổng không tin. Vậy thì ổng có tâm gì?

Chúng ta coi thử tâm như thế nào? Nếu quý vị phân tích đúng được thì quý

vị giỏi luôn. Đáp án ở đây, Thiện Trang làm sẵn đáp án rồi, chúng ta coi thử đáp án. Bây giờ đáp án là có 2 loại hai tâm, quý vị coi hai loại tâm là tâm gì? Tự hào, cho là thông minh hơn người khác, là có so sánh, thì là ngã mạn rồi. Nhưng không tin Phật pháp thì là tâm gì? Chúng ta xem đáp án:

Đáp án: Có 2 loại tâm:

1.Tâm tự cao, ngã mạn → Tâm tham ly Tà kiến (kèm ngã mạn).

2.Tâm chấp vào quan điểm, phủ nhận Phật pháp → Tâm tham có Tà kiến.

Thật ra là Tâm tham, không phải ngã mạn, ngã mạn chỉ đi kèm thôi.

Ở đây nhiều người sẽ không hiểu rõ lắm, thì chúng ta coi lộ trình tâm này sẽ rõ hơn, Thiện Trang làm luôn.

***Bảng tóm lược lộ trình từng sát-na tâm của người đó:**

Giai đoạn	Lộ trình tâm	Cảnh	Sát-na tâm	Tâm cụ thể	Giải thích
1. Ngã mạn khởi trước	**Ý môn**	**Ý cảnh: Ý nghĩ tự cao, tự hào bản thân (ngã mạn)**	**Sát-na 1**	**Tâm tham ly Tà kiến kèm ngã mạn**	**Người tự cao, tự hào về sự thông minh, cho rằng mình giỏi hơn người khác (Ngã mạn).**

	Ý môn	**Không có cảnh mới (duy trì trạng thái ngã mạn cũ, chỉ hộ kiếp)**	**Sát-na 2 → 16**	**Các tâm hộ kiếp sau lộ trình tâm ngã mạn**	**Khoảng nghỉ tâm, tâm hộ kiếp duy trì trạng thái cũ, không có cảnh mới.**
2. Tâm hộ kiếp	**Hộ kiếp (bhavaṅga)**	**Cảnh nghiệp quá khứ (bhavaṅga-arammana) trong tâm hộ kiếp**	**Sát-na 17 → 34**	**Các tâm hộ kiếp thuần túy (không có cảnh mới)**	**Dòng tâm hộ kiếp trôi chảy, không nhận cảnh mới, chỉ có cảnh nghiệp quá khứ vi tế.**
3. Tà kiến khởi sau	**Ý môn**	**Ý cảnh (manodvārārammaṇa): Quan điểm phủ nhận Phật pháp (tà kiến)**	**Sát-na 35**	**Tâm tham hợp Tà kiến**	**Tâm khởi ý niệm phủ nhận Phật pháp, cho rằng Phật pháp là mê tín (Tà kiến).**
	Ý môn	**Không có cảnh mới (duy trì trạng thái sau tà kiến, chỉ hộ kiếp)**	**Sát-na 36 → 50**	**Các tâm hộ kiếp sau lộ trình tâm tà**	**Tiếp tục các tâm hộ kiếp sau khi tà kiến khởi, duy trì trạng thái nghỉ.**

				kiến	

Đầu tiên, bảng tóm lược lộ trình từng sát-na-tâm của người đó. Chúng ta coi có những giai đoạn như sau. Ở đây cũng hơi tóm tắt: Thứ nhất là Giai đoạn; Thứ hai là Lộ trình tâm; Thứ ba là Cảnh; Thứ tư là Sát-na tâm; Thứ năm là Tâm cụ thể; Thứ sáu là Giải thích.

[Giai đoạn 1] Ngã mạn khởi trước: Người ta có quan điểm là mình tự hào, giỏi khoa học, thông minh hơn người khác. Giai đoạn thứ nhất là ngã mạn trước đã. Rồi khi đó lộ trình tâm bắt đầu từ Ý môn (tức là cửa Ý). Tại vì người ta suy nghĩ mà, đâu có cảnh gì đâu, mắt đâu có thấy gì đâu, tai có nghe gì đâu. Quý vị hiểu không? Không có mắt thấy, tai nghe, thì gọi là Ý môn. Còn nếu tai nghe thì gọi là Nhĩ môn. Nếu từ mắt thấy thì gọi là Nhãn môn. Chúng ta tập quen như vậy thì dần dần chúng ta sẽ quen với lộ trình tâm.

Cảnh là cảnh của Ý, nên gọi là Ý cảnh. Ý cảnh là ý nghĩ tự cao, tự hào bản thân, tức là ý nghĩ ngã mạn là cảnh. Sát-na đó là sát-na thứ nhất. Khi đó tâm của họ thật ra là Tâm tham ly Tà kiến, kèm ngã mạn, tức là kèm Tâm sở Ngã mạn trong đó. Tại lúc đầu họ đâu có suy xét về nhân quả nghiệp báo gì đâu, nên nó là [Tâm tham] ly Tà kiến là vậy. Đây là trường hợp hôm bữa mình lấy ví dụ rồi.

Giải thích là: 'Người tự cao, tự hào về sự thông minh, cho rằng mình giỏi hơn người khác', đó là Tâm sở Ngã mạn. Nhưng tâm là Tâm tham, bởi vì họ cảm thấy vui. Họ đang tự hào, họ vui mà. Vui là thọ hỉ đó, thọ hỉ là tham, tại vì họ đang như vậy thì họ đâu có nghĩ gì về nhân quả đâu, nên ly Tà kiến. Còn Ngã mạn là kèm theo thôi.

Tiếp theo, sát-na 2→16, vì hôm bữa chúng ta có học là 17 sát-na-tâm thì vẫn là Ý môn. Không có cảnh mới, chỉ duy trì trạng thái ngã mạn cũ và thêm Tâm hộ kiếp nữa. Giống như hôm bữa, tâm này xét rồi. Như vậy các Tâm hộ kiếp sau lộ trình Tâm ngã mạn v.v… thì duy trì theo cảnh. Giải thích là: 'Khoảng nghĩ tâm, tâm hộ kiếp duy trì trạng thái cũ, không có cảnh mới'.

Cho nên thực tế là người ta trải qua nguyên 17 sát-na tâm rồi. Quý vị thấy

không ạ? Học rõ ràng như vậy, thật ra nó trải qua 17 sát-na tâm. Đó là giai đoạn một.

[Giai đoạn 2] Tâm hộ kiếp (bhavaṅga): Giai đoạn 2 là bắt đầu trở về Tâm hộ kiếp. Trước khi người ta chuyển qua tâm phủ nhận Phật pháp, thật ra mình tưởng vèo một cái là nó tới luôn, người ta vừa khởi xong là người ta nghĩ luôn điều kia. Nhưng không phải! Thực tế là họ có một khoảng ở giữa, gọi là dòng Tâm hộ kiếp chạy vô. Chúng ta học thì thấy rõ ràng.

Chúng ta thấy bây giờ là: Cảnh nghiệp quá khứ (bhavaṅga-arammana) trong Tâm hộ kiếp. Tức là nó trở lại với dòng Tâm hộ kiếp, nghiệp đời này mình thế nào, đầu thai như thế nào thì tâm đầu thai đó trở thành Tâm hộ kiếp. Nó trở lại, nhớ lại, duy trì cho mình. Ví dụ mình là người thế nào v.v… là do tâm duy trì hết. Nếu không có tâm đầu thai đó thì không đúng quy luật.

Ví dụ như bây giờ mình đầu thai thành người nữ, tính tình, v.v… cảnh nghiệp, rồi nghiệp của mình đời trước đi đầu thai với tâm thọ hỉ nên đời này mình hay vui. Còn người kia đầu thai với tâm thọ ưu nên lúc nào cũng khó chịu. Người kia thì đầu thai (Tâm tái tục) bằng tâm thọ xả nên cứ trầm trầm. Đó là cảnh nghiệp hộ kiếp quá khứ hiện ra ở chỗ này, nó ngầm ở trong đó.

Sát-na này là một sát-na tâm, nó trở về sát-na 17 → 34, thật ra là từ sát-na 1 →17 nữa đó, cũng vậy. Các Tâm hộ kiếp thuần túy (không có cảnh mới). Giải thích là: 'Dòng Tâm hộ kiếp trôi chảy, không nhận cảnh mới, chỉ có cảnh nghiệp quá khứ vi tế'.

[Giai đoạn 3] Tà kiến khởi sau: Cũng là cảnh ý từ Ý môn, vì họ đâu thấy gì, họ toàn thấy trong suy nghĩ của họ, lúc đó họ có thấy gì đâu. Cho nên lúc đó mình có đứng trước mặt họ thì họ cũng không thấy mình. Trong tích tắc đó, bao nhiêu sát-na tâm đó, thật ra là họ không thấy gì, họ đang sống trong suy nghĩ của họ, nên con ruồi bay qua cũng không thấy. Kiểu vậy đó! Chúng ta thấy rõ ràng, học phân tích kĩ như vậy đó.

Rồi cảnh vẫn là Ý môn: 'Ý cảnh (manodvārārammaṇa): Quan điểm phủ nhận Phật pháp (Tà kiến)'. Cảnh là cảnh của Ý.

Sát-na tâm đầu tiên là sát-na 35, tức là tiếp theo ở trên kia và lúc này là Tâm

tham hợp Tà kiến. [Giải thích là]: 'Tâm khởi ý niệm phủ nhận Phật pháp, cho rằng Phật pháp là mê tín (Tà kiến)'. Đó [là] Tâm tham. Ở đây chúng ta nói tắt thôi, hôm bữa hình như có ví dụ giống như vậy rồi, quý vị có thể coi kỹ lại.

Tiếp theo đó [vẫn] là Ý môn, nó tiếp tục làm một vòng 16 sát-na nữa. [Cảnh] là: 'Không có cảnh mới (duy trì trạng thái sau Tà kiến, chỉ Hộ kiếp'. Sát-na tâm 36 → 50: 'Các Tâm hộ kiếp sau lộ trình Tâm tà kiến. Tiếp tục các Tâm hộ kiếp sau khi Tà kiến khởi, duy trì trạng thái nghỉ'.

Cho nên, thực tế quý vị thấy nó luôn luôn xen Tâm hộ kiếp vào lộ trình tâm, cứ xen vào, xen vào liên tục. Chính vì vậy chúng ta bị nghiệp dẫn, [nên] nguyên nhân tại sao có những người có tập khí tính tình như thế này, thế kia. Tại sao có người khó chịu, tại sao có người lúc nào cũng cười, vui. Tại sao có người lúc nào cũng trầm ngâm, im im. Là do chúng ta đầu thai bằng tâm nào, thì tâm đó sau khi sát-na đầu thai xong sẽ trở thành Tâm hộ kiếp, và nó cứ chen vô như vậy, tác động giữa chừng. Chính tác động giữa chừng đó khiến tạo ra trạng thái của mình.

Cho nên người nào đời trước vô tình hay là thế nào đó đầu thai bằng tâm thọ hỉ, vui vẻ thì ngon lành, lúc nào cũng cười, vui, v.v… vui nhiều hơn. Tại vì nếu không có cảnh là nó trả về trạng thái đó, Tâm hộ kiếp là tâm đó. Còn người đầu thai bằng Tâm sân thọ ưu, thì chắc chắn khổ rồi, cứ nhăn mặt suốt, cứ trả về là Tâm hộ kiếp đó hoạt động rồi. Rồi người mà tâm thọ xả, thì làm gì cũng trơ trơ, cho nên cứ trầm ngâm, trầm ngâm. Cứ trả về là trầm ngâm. Nếu không có cảnh, không có cảnh ý hay không có cảnh gì, thì thường là nó trả về, hết dư âm rồi thì nó trở về tâm đó.

Chính vì vậy chúng ta tu tại sao khác nhau nhiều, không ai giống ai. Vì thật sự mình học hết tâm này rồi thì mình sẽ hiểu rõ ràng là: Chúng sanh có vô vàn nghiệp khác nhau, không ai giống ai, đừng mong người ta giống mình, khó lắm! Chúng ta hiểu rồi nha!

Bây giờ chúng ta sẽ đi vào Lộ trình tử. Hôm nay giới thiệu cho quý vị Lộ trình tử. Chúng ta sẽ đưa ra một ví dụ.

Lộ trình tử

VD1: Người Sắp Chết Còn Nghe Được Rõ Ràng Lời Nói Nghịch Ý Của

Người Con, Và Do Đó **Khởi Tâm Sân Hận** Với Đầy Đủ Các Sát-Na "Tiếp Nhận" Và "Suy Xét" (Lộ trình **Nhĩ Môn Cận Tử -** *Sotadvāra-Maranasanna-Vithi).*

Thiện Trang đưa ra một trường hợp này rất thực tế, có thể chúng ta đã chứng kiến những trường hợp này. Tức là một người sắp chết, nhưng căn của họ vẫn còn sáng suốt, họ nghe được đứa con nói lời nghịch ý. Ví dụ như những đồng tu Tịnh Độ, lúc đó muốn mời ban trợ niệm, lúc đó đang ngáp ngáp rồi, nói: "Con ơi, con kêu giùm ban hộ niệm tới". Nó nói: "Hộ niệm cái gì" v.v… Nó nói như vậy thì nghịch ý, và lúc đó họ khởi lên sân hận, và xui là chết luôn. Lúc đó không kịp gì hết, chết luôn, thì lộ trình tâm như thế nào? Chúng ta hãy khám phá lộ trình đó.

Ở đây chúng ta đưa ra ví dụ trước, chúng ta sẽ xét sau. Mang tính giới thiệu thôi. Mời quý vị xem!

Sát-na Tâm	Loại Tâm (Pali)	Giải Thích	Tâm Thiện / Bất Thiện
1	Bhavanga (Hộ kiếp cuối cùng)	Tâm hộ kiếp cuối cùng, duy trì mạng sống trước khi bị cảnh âm thanh tác động.	Trung tính (tâm quả)
2	Bhavanga-calana (Dao động hộ kiếp)	Hộ kiếp bị dao động bởi âm thanh lời nói nghịch ý bên ngoài.	Trung tính (tâm quả)
3	Bhavanga-upaccheda (Cắt hộ kiếp)	Cắt hộ kiếp, chuẩn bị khởi lộ trình tâm mới do âm thanh tác động.	Trung tính (tâm quả)

4	Sotadvārāvajjana (Hướng tâm nhĩ môn)	Tâm nhĩ môn hướng đến âm thanh ấy, chỉ đơn thuần hướng tâm, chưa khởi sân.	Trung tính
5	Sampaticchana (Tiếp nhận)	Tâm tiếp nhận âm thanh, chỉ nhận cảnh, chưa tạo nghiệp.	Trung tính
6	Santīraṇa (Suy xét)	Tâm suy xét về âm thanh ấy, đánh giá nội dung, chưa tạo nghiệp.	Trung tính
7	Votthapana (Quyết định)	Tâm quyết định phản ứng với âm thanh, nghiêng về sân hận, nhưng chưa trực tiếp tạo nghiệp.	Trung tính (đang nghiêng)
8	Javana (Tốc hành) - Lần 1	Tâm tốc hành đầu tiên, lúc này mới thật sự khởi tâm sân hận mạnh mẽ, bắt đầu tạo nghiệp bất thiện.	**Bất thiện mạnh (sân)**
9	Javana (Tốc hành) - Lần 2	Tâm sân tiếp tục, oán hận, bực tức gia tăng.	**Bất thiện mạnh (sân)**
10	Javana (Tốc hành) - Lần 3	Tâm sân hận tiếp tục mạnh, đầy căm giận.	**Bất thiện mạnh (sân)**
11	Javana (Tốc hành) - Lần 4	Tâm sân đạt đỉnh, dồn nén sân hận dữ dội.	**Bất thiện mạnh (sân)**

12	Javana (Tốc hành) - Lần 5	Tâm sân cực mạnh, in sâu vào dòng nghiệp, tạo nghiệp nặng nhất.	**Bất thiện mạnh (sân)**
13	Tadārammana (Quan sát dư âm) - Lần 1	Tâm quan sát dư âm cảnh âm thanh ấy, vẫn còn dư chấn sân hận trong tâm.	**Trung tính** (chỉ quan sát)
14	Cuti-citta (Tâm tử)	Tâm tử khởi, chấm dứt mạng sống, là tâm quả bất thiện (akusala vipāka citta), không có sân, không tạo nghiệp, chỉ mang quả nghiệp cũ.	**Tâm quả bất thiện, trung tính, xả thọ**

Cột đầu tiên là Sát-na tâm; Thứ hai là Loại Tâm; [Cột thứ ba] là Giải Thích; Và [Cột thứ tư] là chúng ta xác định tâm đó là Tâm thiện /bất thiện.

[Sát-na 1] Bhavanga (Hộ kiếp cuối cùng): là Tâm hộ kiếp vẫn hoạt động. 'Tâm hộ kiếp cuối cùng, duy trì mạng sống trước khi bị cảnh âm thanh tác động'. Thông thường không có gì thì Tâm hộ kiếp lúc nào cũng chen vô hết. Thực ra tâm này là Tâm quả, đó là quả của đời trước nên gọi là Tâm quả, không phải Tâm nhân. Tâm mà mình tạo ra quả thì gọi là Tâm nhân. Còn tâm này là kết quả của đời trước, mình đầu thai rồi, bây giờ nó đi theo mình cả cuộc đời, nên gọi là Tâm quả. Và lúc này nó không tạo nghiệp gì nên gọi là Trung tính (Tâm quả). Quý vị làm quen với sát-na đầu tiên.

Tiếp theo vẫn là Tâm hộ kiếp, nhưng bây giờ nó dao động.

[Sát-na 2] Bhavanga-calana (Dao động hộ kiếp): Giải thích là: 'Hộ kiếp bị dao động bởi âm thanh lời nói nghịch ý bên ngoài'. Tức là đứa con trai bắt đầu nói rồi, [người đó] chú ý đến tiếng nói của nó lọt vào. Đang sống, đang nghe bình thường, tự nhiên nghe tiếng âm thanh của con trai nói đừng hộ niệm, không cần

hộ niệm gì đó. Thì thật ra lúc đó là [người đó] nghe thôi, chưa có suy xét gì hết, thì tâm nghe đó vẫn là trung tính, và vẫn là Tâm quả của Tâm hộ kiếp.

Tiếp theo thì mới bắt đầu dứt dòng hay là cắt hộ kiếp, là sát-na tâm thứ ba.

[Sát-na 3] Bhavanga-upaccheda (Cắt hộ kiếp): 'Cắt hộ kiếp, chuẩn bị khởi lộ trình tâm mới do âm thanh tác động'. Lúc đó Tâm hộ kiếp lúc nào cũng là trung tính (Tâm quả). Cho nên bữa sau mình học Tâm nhân và Tâm quả, 12 Tâm bất thiện đó là thuộc về Tâm nhân. Còn đây là Tâm quả, vì nó ra quả rồi, chứ đâu phải là nhân đâu, quả từ đời trước mà.

[Sát-na] thứ tư là tai nghe tiếng, bắt đầu từ đây mới là nghe.

[Sát-na 4] Sotadvārāvajjana (Hướng tâm nhĩ môn): tức là tâm hướng về cửa tai. 'Tâm nhĩ môn hướng đến âm thanh ấy, chỉ đơn thuần là hướng tâm, chưa khởi sanh'. Tại vì [người đó] chưa biết âm thanh đó là âm thanh gì. Ba điều trên chỉ là chuẩn bị thôi, còn điều này là bắt đầu vô. Quý vị mới đầu nghe âm thanh thì quý vị cũng chưa biết âm thanh đó là thế nào, cho nên vẫn là trung tính, chưa có thiện hay bất thiện gì hết, chưa khởi sân.

Tiếp theo sau khi nghe rồi, hướng về rồi, thì mới tiếp nhận. Chứ không phải nghe liền được, mà phải hướng về rồi thì mới bắt đầu tiếp nhận. Sát-na tâm thứ năm là tiếp nhận.

[Sát-na 5] Sampaticchana (Tiếp nhận): 'Tâm tiếp nhận âm thanh, chỉ nhận cảnh, chưa tạo nghiệp'. Tức là nó tiếp nhận âm thanh, chạy lời nói vô, thì tâm này vẫn là tâm trung tính, [chưa] mang tính thiện ác, vẫn là trung tính.

[Sát-na 6] Santīraṇa (Suy xét): tức là nó phải giải mã tiếng nói đó là tiếng gì, thì phải qua suy xét. 'Tâm suy xét âm thanh ấy, đánh giá nội dung, chưa tạo nghiệp'. Đánh giá nội dung, thì lúc đó mới biết tiếng của con trai. Nghe tiếng nói đó là nó không đồng ý nội dung của mình yêu cầu hộ niệm, chẳng hạn. Như vậy mới bắt đầu đưa ra quyết định.

[Sát-na 7] Votthapana (Quyết định): Sát-na tâm thứ 7 mới đưa ra quyết định. 'Tâm quyết định phản ứng với âm thanh, nghiêng về sân hận, nhưng chưa trực tiếp tạo nghiệp'. Tức là đang nghiêng về hướng sân lên, thì tâm này mới là

nghiêng thôi, chứ chưa quyết định, nên vẫn là trung tính.

Năm sát-na tâm [từ 8→12] tạo nghiệp này, 5 sát-na tâm này quan trọng.

[Sát-na 8] Javana (Tốc hành) - Lần 1: là bắt đầu tác nghiệp. 'Tâm tốc hành đầu tiên, lúc này mới thực sự khởi tâm sân mạnh mẽ, bắt đầu tạo nghiệp bất thiện'. Cho nên lúc này là nghiệp bất thiện. Trong 12 tâm thì đây là Tâm sân ở Dục giới đó.

[Sát-na 9] Javana (Tốc hành) - Lần 2: 'Tâm sân tiếp tục, oán hận, bực tức gia tăng'. Mới đầu là nó khởi động thôi, đề ba, nổ máy thôi, bây giờ mới tăng lên, sân mạnh hơn.

[Sát-na 10] Javana (Tốc hành) - Lần 3: 'Tâm sân tiếp tục mạnh, đầy căm giận'. Tâm bất thiện mạnh, sân nữa.

[Sát-na 11] Javana (Tốc hành) - Lần 4: 'Tâm sân đạt đỉnh, dồn nén sân hận dữ dội'. Quý vị thấy sự sân không phải đơn giản, phải từ từ rồi mới chạy lên tới cùng luôn, là bất thiện mạnh.

[Sát-na 12] Javana (Tốc hành) - Lần 5: 'Tâm sân cực mạnh, in sâu vào dòng nghiệp, tạo nghiệp nặng nhất'. Bây giờ mới quất thêm nghiệp mạnh, quất cho 5 Tâm sân.

[Sát-na 13] Tadārammana (Quan sát dư âm)- Lần 1: mới là quan sát dư âm thôi. 'Tâm quan sát dư âm cảnh âm thanh ấy, vẫn còn dư chấn sân hận trong tâm'. Thật ra lúc này là chỉ quan sát thôi, hết sân rồi, trở về trung tính.

Cuối cùng là chết. Tâm hộ kiếp lúc này biến thành tâm chết luôn, thì người đó chết. Lúc này khởi Tâm tử lên.

[Sát-na 14] Cuti-citta (Tâm tử): 'Tâm tử khởi, chấm dứt mạng sống, là Tâm quả Bất thiện (akusala vipāka citta), không có sân, không tạo nghiệp, chỉ mang quả nghiệp cũ'. Tâm tử khởi chấm dứt mạng sống là Tâm quả Bất thiện. Tại vì sao? Vì sân kéo nên bất thiện. Không có sân, không tạo nghiệp, chỉ mang quả nghiệp cũ, tức là tâm này thực ra quý vị đã mang Tâm quả để đi đầu thai. Và để nó tiếp tục đi đầu thai kiếp mới thì Tâm quả này là Tâm quả Bất thiện. Tuy nó trung tính, là xả thọ, nhưng nó là kết quả của thằng trên, cho nên nó bất thiện và đọa lạc.

Đức Phật nói nếu tâm sân như vậy thì tùy vào nghiệp mà đọa, thường là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Sân như vậy thường là đọa thôi, cho nên khổ. Chúng ta thấy rõ ràng, quý vị thấy quan trọng không? Tu làm sao kiểm soát tâm cho kịp, chứ ở đó mà kêu: "Từ từ, tôi sân chút rồi tôi suy nghĩ, tôi suy nghĩ rồi tôi bắt đầu quán Tứ niệm xứ". Quán kịp không? Lúc đó quán không kịp đâu, sân rồi, nên không có Thiền chỉ hoặc không có định lực là quán sát không kịp. Sân một cái, xui là chết luôn. Còn nếu hên, sân xong rồi, vẫn chưa chết thì không sao, để tôi suy xét lại không nên sân, sân là đọa lạc, thì may lúc đó trở lại bình thường với tâm vừa thọ xả đó, [tâm] bình thường được một chút thì chết, [đó là] hên.

Cho nên tại sao lúc lâm chung nguy hiểm như vậy, mà người thường lúc lâm chung thần thức hôn mê nữa thì sao? Hay là lúc đó sân nhiều quá thì sao? Cho nên hằng ngày mình tu, mình không kiểm soát được tâm, mà đến lúc chết kiểm soát được tâm, niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là chuyện hơi khó, rất khó nữa là khác.

Đó là Thiện Trang lấy một trường hợp, rõ ràng là một trường hợp theo kiểu sống mà lúc đó các căn còn rõ, ở đây lấy căn tai. Bây giờ Thiện Trang lấy thêm một ví dụ nữa, cũng là lộ trình tử, nhưng chết một cách mê mờ. Tức là mắt, tai không nghe gì hết, như trong Kinh Địa Tạng nói là mắt, tai không còn biết gì hết, các giác quan không hoạt động, bây giờ họ chỉ ôm ấp cảnh trong tâm thôi, thì cái chết đó như thế nào theo lộ trình tử này? Chúng ta giới thiệu luôn.

VD2: Bảng Chi Tiết Lộ Trình Tâm Tử Cho Trường Hợp **Một Người Tuy Các Căn Không Hoạt Động Nữa (Không Nghe, Thấy, Biết Bên Ngoài), Nhưng Trong Tâm Họ Khởi Lên Ấn Tượng Sâu Đậm Về Phật Pháp**. Nhờ Đó Họ Tái Sinh Vào **Cảnh Lành**.

Mình lấy trường hợp ở đây là trường hợp người tu tập ghê gớm, tức là tu giỏi lắm, cho nên dù các căn đã không còn, tức là tai không nghe gì hết, mắt không thấy gì hết, mũi không ngửi mùi hương gì hết, thân cũng dường như không biết gì luôn, mê rồi. Người ta thì thấy bên ngoài là mình mê, nhưng người đó họ có công phu sâu, họ vẫn khởi lên ấn tượng sâu đậm về Phật pháp, nhờ đó họ tái sanh vào cõi lành. Nếu tu niệm Phật thì sẽ sanh Tịnh Độ. Bây giờ coi thử, trường hợp này rất khó, nhưng có đó. Quý vị coi thử như vậy thì lộ trình tâm như thế nào?

Sát-na Tâm	Tâm	Giải thích chi tiết	Tâm thiện / bất thiện
1	Bhavanga (Hộ kiếp cuối cùng)	Tâm hộ kiếp cuối cùng, duy trì mạng sống trong vô thức, không biết cảnh bên ngoài.	Trung tính (tâm quả)
2	Bhavanga-calana (Dao động hộ kiếp)	Hộ kiếp bị dao động bởi ấn tượng sâu đậm về Phật pháp trong tiềm thức.	Trung tính (tâm quả)
3	Bhavanga-upaccheda (Cắt hộ kiếp)	Cắt hộ kiếp, sẵn sàng khởi lộ trình tâm tử dựa vào ấn tượng Phật pháp ấy.	Trung tính (tâm quả)
4	Manodvārāvajjana (Hướng tâm ý môn)	Tâm ý môn hướng về ấn tượng Phật pháp, khởi sự chú ý mạnh mẽ tới cảnh thiện ấy.	Trung tính
5	Javana (Tốc hành) - Lần 1	Tâm tốc hành đầu tiên khởi tâm hoan hỷ, kính tin sâu sắc về Phật pháp, tâm thiện mạnh mẽ bắt đầu.	**Thiện mạnh (tín, trí tuệ, hoan hỷ)**
6	Javana (Tốc hành) - Lần 2	Tâm tiếp tục hoan hỷ sâu sắc, lòng tin trong sáng, tâm thiện tiếp tục mạnh mẽ.	**Thiện mạnh**

7	Javana (Tốc hành) - Lần 3	Tâm thiện tiếp tục, hoan hỷ lớn mạnh, niềm tin vững chắc, tâm an lạc trọn vẹn.	**Thiện mạnh**
8	Javana (Tốc hành) - Lần 4	Tâm thiện dâng cao, tâm hỷ lạc sâu xa, hoàn toàn an trú trong Phật pháp.	**Thiện mạnh**
9	Javana (Tốc hành) - Lần 5	Tâm thiện cực mạnh, đóng dấu thiện nghiệp sâu sắc, tạo duyên tái sinh vào cảnh lành.	**Thiện mạnh**
10	Tadārammana (Quan sát dư âm) - Lần 1	Tâm quan sát dư âm ấn tượng Phật pháp, tâm vẫn an lạc, giữ niềm tin và chánh niệm bền vững.	Trung tính (chỉ quan sát)
11	Cuti-citta (Tâm tử)	Tâm tử khởi, chấm dứt mạng sống với tâm quả thiện (kusala vipāka citta), trung tính, xả thọ, không tạo nghiệp mới, dẫn tái sinh vào cảnh lành.	**Tâm quả thiện, trung tính, xả thọ**

Cũng giống như trên, gồm có: Cột thứ nhất là Sát-na tâm; Cột thứ hai là Tâm; Cột thứ ba là Giải thích chi tiết; Cột thứ tư là Tâm thiện/bất thiện.

[Sát-na 1] Bhavanga (Hộ kiếp cuối cùng): 'Tâm hộ kiếp cuối cùng, duy trì mạng sống trong vô thức, không biết cảnh bên ngoài'. Lúc nào cũng vậy, đây là Tâm quả mang tính chất trung tính.

[Sát-na 2] Bhavanga-calana (Dao động hộ kiếp): 'Hộ kiếp dao động bởi

ấn tượng sâu đậm về Phật pháp trong tiềm thức'. Tức là họ nhớ ra, [sát-na tâm] này vẫn mang tính chất trung tính và là Tâm quả.

[Sát-na 3] Bhavanga-upaccheda (Cắt hộ kiếp): 'Cắt hộ kiếp, sẵn sàng khởi lộ trình tâm tử dựa vào ấn tượng Phật pháp ấy'. Vẫn mang tính trung tính, vì đó là Tâm quả, Tâm hộ kiếp mà.

[Sát-na 4] Manodvārāvajjana (Hướng tâm ý môn): Bây giờ bắt đầu phải hướng tâm về đâu, gọi là khai ý môn (hướng ý môn). Tại vì trong sáu căn thì chỉ còn ý hoạt động thôi, mấy căn kia hết hoạt động rồi. 'Tâm ý môn (cửa ý) hướng về ấn tượng Phật pháp, khởi sự chú ý mạnh mẽ tới cảnh thiện ấy'. Tâm này vẫn là trung tính, cho nên phải tu tập làm sao để đến lúc chết, dù thế nào mà vẫn khởi lên được tâm này là ngon. Khởi lên được Phật pháp, quý vị tu [Pháp môn] gì không biết, nhưng khởi lên được Phật pháp là ngon lành, chắc chắn rồi đó. Đúng lúc đó chết cũng chẳng sao, dù căn không biết gì cũng chẳng sao, mê man không biết gì hết, vì mê chỉ bên ngoài thôi, chứ trong tiềm thức vẫn hoạt động.

Bây giờ đây là 5 sát-na tâm quan trọng để quyết định cho mình đi về đâu.

[Sát-na 5] Javana (Tốc hành)- Lần 1: Sát-na tâm tốc hành đầu tiên: 'Tâm tốc hành đầu tiên khởi tâm hoan hỷ, kính tin sâu sắc về Phật pháp, tâm thiện mạnh mẽ bắt đầu'. Tất nhiên quý vị có lòng tin với Phật pháp rồi thì quý vị khởi lên hoan hỷ với ấn tượng nào đó khởi lên, nhớ đến một sự kiện nào đó về Phật pháp, cúng dường, nhớ về học pháp, nhớ về tu, nhớ về Phật, nhớ về kinh, v.v… thì lúc đó tự nhiên khởi lên tâm hoan hỷ, kính tin sâu sắc về Phật pháp và tâm thiện mạnh mẽ bắt đầu. Tính chất đó là thiện mạnh. Và đó thuộc về tín, trí tuệ, hoan hỷ. Chúng ta chưa học về Tâm thiện nên chúng ta chỉ nói sơ sơ thôi.

[Sát-na 6] Javana (Tốc hành) - Lần 2: 'Tâm thiện tiếp tục hoan hỷ sâu sắc, lòng tin trong sáng, tâm thiện tiếp tục mạnh mẽ'. Như vậy thiện rất mạnh.

[Sát-na 7] Javana (Tốc hành) - Lần 3: 'Tâm thiện tiếp tục, hoan hỷ lớn mạnh, niềm tin vững chắc, tâm an lạc trọn vẹn'. Về Phật pháp là ngon lành, thiện mạnh, đây là tính chất.

[Sát-na 8] Javana (Tốc hành) - Lần 4: 'Tâm thiện dâng cao, tâm hỷ lạc sâu xa, hoàn toàn an trú trong Phật pháp'. Điều này tính chất là thiện mạnh.

[Sát-na 9] Javana (Tốc hành) - Lần 5: 'Tâm thiện cực mạnh, đóng dấu thiện nghiệp sâu sắc, tạo duyên tái sinh vào cảnh lành'. [Sát-na tâm] cuối cùng này là đóng nghiệp, giống như cuối cùng quyết định rồi đóng dấu nghiệp ở chỗ này, là thiện mạnh.

[Sát-na 10] Tadārammana (Quan sát dư âm) - Lần 1: 'Tâm quan sát dư âm ấn tượng Phật pháp, tâm vẫn an lạc, giữ niềm tin và chánh niệm bền vững'. Điều này thực ra chỉ mang tính chất trung tính thôi, chỉ quan sát thôi và cuối cùng lúc đó chết, tức là Tâm hộ kiếp biến thành Tâm tử.

[Sát-na 11] Cuti-citta (Tâm tử): 'Tâm tử khởi, chấm dứt mạng sống với tâm quả thiện, trung tính, xả thọ, không tạo nghiệp mới, dẫn tái sinh vào cảnh lành'. Lúc đó là tái sanh vào cảnh lành. Nếu ai tu Tịnh Độ, đủ duyên thì lúc này đi về Tịnh Độ.

Quý vị sẽ thắc mắc lộ trình tâm ở trên có 14 sát-na tâm, mà ở đây chỉ có 11 sát-na tâm thôi, thì Thiện Trang có ghi luôn:

***Lưu ý: Lộ trình tử có thể có từ 10 đến 15 sát-na tâm, thông thường có 7 trường hợp.**

Ở đây chúng ta chưa xét, chúng ta chỉ đưa ra ví dụ thôi, còn 7 trường hợp đó là trường hợp nào và tại sao từ 10 đến 15 sát-na tâm, thì đợi chúng ta học hết các tâm đã, rồi chúng ta sẽ trở lại, [ở đây] chỉ giới thiệu thôi.

Quý vị thấy giá trị của việc học chưa ạ? Học những điều này thì mình mới hiểu. Cho nên làm sao phải giữ được tâm, chỉ khi giữ được tâm thì mình mới làm chủ được cảnh giới của mình. Đó là người chết bình thường, còn lộ trình tâm của Niết-Bàn thì khác nữa. Cho nên vị A-la-hán có lộ trình tâm khác khi đắc Niết-Bàn.

Quý vị thấy điều này có cần học không? Rất cần đấy chứ! Thiện Trang giới thiệu học để tu, chứ đâu phải học để cho biết đâu. Cho nên Thiện Trang nói mình học để tu, mình là hành giả mà, chúng ta đều mong muốn là hành giả chứ không phải là học giả. Nên nếu mình không tu tập, đời sống mình có nhiều nghiệp xấu, thì lúc lâm chung mê man bất tỉnh, không biết gì. Trong tâm toàn cảnh xấu thì lúc đó sợ hãi, hoảng loạn, thì theo lộ trình xấu mà đi thôi, hôn mê rồi đi luôn, đi theo

lộ trình xấu. Còn nếu mình tu tập tốt thì mình sẽ được như vậy.

Lộ trình tử thì có những dư âm quan sát này nhiều hơn, có khi có những lộ trình có một hoặc hai cái, cũng có khi không có cái nào, [vì cảnh] yếu quá. Tức là sau này cảnh không mạnh, cảnh yếu quá, thì cũng không có dư âm nào đâu, tới đây là đi luôn, không có dư âm gì hết. Sau này chúng ta học thì sẽ hiểu rõ hơn.

Như vậy Thiện Trang đã giới thiệu xong nội dung hôm nay rồi, hy vọng quý vị sẽ hiểu rõ hơn. Tóm lại, ở đây Thiện Trang giới thiệu luôn Lộ trình tử thông thường 10 đến 15 sát-na tâm, có 7 trường hợp, gồm có Ý môn, Nhãn môn, Nhĩ môn, v.v… Thông thường cảnh mạnh, cực mạnh, rất lớn là thường vào Ý môn, Nhĩ môn, điều đó sau này chúng ta sẽ học. Và những sát-na quan sát dư âm đôi khi thành tới 3 sát-na quan sát dư âm, nhưng có khi không có. Tức là chỗ (quan sát dư âm) không có, có khi không có, có khi thành 3, cho nên nó mới nhiều hơn. Tùy trường hợp, chúng ta sẽ học sau.

Hôm nay thời gian cũng đã hết rồi, hẹn quý vị vào hôm khác. Quý vị có thắc mắc cần hỏi thì theo [địa chỉ] Zoom để trong các bài nào đó, quý vị coi. Còn quý vị nào không hỏi gì, cần coi tham khảo thì coi bài đăng lại trên kênh YouTube Thích Thiện Trang hoặc Fanpage Thích Thiện Trang. Quý vị có thể lên đó coi và ai muốn hỏi gì, nếu không vào được Zoom thì quý vị có thể bình luận trên một trong hai địa chỉ đó, trên Fanpage Thích Thiện Trang hoặc trang YouTube Thích Thiện Trang. Quý vị bình luận thì Thiện Trang sẽ coi, sau đó tổng hợp và trả lời luôn. Quý vị hỏi những vấn đề nào cũng được, nhưng chịu khó hỏi những gì chúng ta học thì tốt hơn, hoặc hỏi những gì đã học rồi. Có những quý vị hỏi những điều mình chưa học, thì trả lời cho đại chúng cũng không hợp lắm.

A Mi Đà Phật! Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!

Giảng Ký Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 50

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 17/07/2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=9mW2sa0HIwk

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

https://www.facebook.com/suthaythichthientrang

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam Mô A Mi Đà Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay [là] thứ Tư, chúng ta học về Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận. Hôm nay là bài thứ 50 rồi. 49 bài qua đã cung cấp cho quý vị rất nhiều kiến thức. Chúng ta học như thế này [một] thời gian cũng khá, để cho chúng ta tu được. Hôm nay, như thường lệ, mới đầu sẽ giới thiệu cho quý vị một câu chuyện để quý vị dễ theo dõi.

Câu Chuyện Về Lợi Ích Của Việc Nghe Pháp Và Kính Pháp của Một Con Nhái Trong Thời Đức Phật

(Trích Kinh Tiểu Bộ, tạng Nikaya)

Thông thường, quý vị thấy câu chuyện về người, hôm nay lấy câu chuyện về một con nhái.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại Campā (Chiêm-bà) trên bờ ao sen Gaggarā. Từ rạng đông, vừa xuất định Đại bi, Ngài quán sát: "Hôm nay về buổi chiều lúc Ta thuyết pháp, một con nhái nghe giọng Ta và mải mê theo dõi, liền bị một kẻ nào đó sát hại, sẽ phải chết. Nó sẽ được tái sanh lên thiên giới và sẽ trở lại trong khi hội chúng đang chăm chú nghe, do vậy sẽ có sự thông hiểu

Giáo pháp rộng rãi".

Khi mọi việc trong ngày xong xuôi, Ngài bắt đầu thuyết giảng cho tứ chúng đệ tử tại bờ ao. Lúc ấy một con nhái suy nghĩ: "Đây được gọi là Pháp", nó liền ra khỏi ao và ngồi ở cuối đám thính chúng.

Theo như trong Chú Giải, quý vị thấy con nhái này giống như chết xong thì nó tái sanh. Từ cõi Người, chết tái sanh làm con nhái, nên nhớ việc đời trước. Nó biết là đức Phật thuyết pháp, nên tới đó ráng nghe. Như vậy rất tuyệt vời! Nó ngồi cuối đám thính chúng để nghe.

Một kẻ chăn bò thấy bậc Đạo Sư thuyết giảng và hội chúng đang yên lặng lắng nghe, bèn đứng dựa vào cây gậy cong và đạp nhằm con nhái. Con nhái được tái sanh vào cõi trời Ba mươi ba trong một lâu đài bằng vàng rộng mười hai do-tuần và được một đám tiên nữ hầu cận.

Quý vị thấy đã không ạ? Tức là con nhái này nghe pháp, nó [đang] nghe thì khi đó có một người chăn bò tới nghe. Người chăn bò đó cầm cây gậy đạp nhầm vào con nhái. Trong Chú Giải thì nói là ổng nhấn cái cây gậy vào người con nhái. Con nhái không có dám kêu vì sợ ảnh hưởng đến sự nghe pháp của mọi người. Cho nên nó im lặng, ráng chịu đựng và nó bị đè chết luôn. Nhưng do lòng kính tin Pháp như vậy, nên nó được sanh lên cõi trời Ba mươi ba (trời Đao Lợi), được lâu đài bằng vàng rộng 12 do-tuần và được cả đám tiên nữ hầu cận.

Quý vị thấy hay không ạ? Phật pháp rất tuyệt vời! Ngay cả loài súc sanh, nếu biết được, nghe được tiếng của Pháp, biết kính trọng Pháp thì được lợi ích như thế. Quý vị thấy rất tuyệt vời! Đức Phật đã dự trù trước, quán sát trước chuyện này rồi. Quý vị thấy đây là một chuyện rất bình thường, cho nên chết không phải là chuyện gì ghê gớm lắm. Quan trọng là không học được pháp mới sợ. Còn nếu như học pháp, trụ trong pháp thì dù chỉ nghe, tin tưởng và kính pháp như thế thì cũng được sanh về cõi Trời. Chúng ta theo dõi tiếp, câu chuyện chưa dừng ở đó.

Khi suy nghĩ lại nghiệp nào đã khiến cho mình được tái sanh ở đó, vị Thiên tử thấy không có gì ngoài sự chăm chú nghe lời đức Thế Tôn. Tức là

con nhái bây giờ trở thành một vị Thiên tử (Tiên nam) ở cõi trời Đao Lợi, đang suy xét lại. Vì lên cõi Trời lúc nào cũng suy xét lại mà. Thấy là do nhờ chăm chú nghe lời của đức Phật nên mới sanh về đó.

Ngay lập tức chàng cùng lâu đài ấy giáng trần, bước ra ngoài vừa thấy đức Thế Tôn, liền đến yết kiến và cung kính đảnh lễ Ngài. Đức Thế Tôn muốn thị hiện oai nghi của Ngài bèn hỏi kệ:

Quý vị thấy cũng rất bình thường, giống như trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là "cung điện tùy thân". Ở đây cũng vậy, cõi Trời người ta mang cung điện đi luôn. Mang cung điện tới, nhưng bước ra ngoài đảnh lễ đức Phật. Bây giờ chúng ta nghe bài kệ của đức Phật:

858. Chàng Thiên tử sắc đẹp siêu phàm,
Tiên chúng vây quanh đủ lực thần,
Đang chiếu khắp mười phương sáng chói,
Là ai, chàng đảnh lễ ta chăng?

Vị Thiên tử bèn ngâm kệ giải thích tiền thân của chàng:

859. Con là một nhái bén ngày xưa,
Loài vật sinh ra ở nước hồ,
Trong lúc con nghe Ngài thuyết pháp,
Bỗng con chết bởi chú chăn bò.

860. Ai muốn trong chốc lát tịnh tâm,
Hãy nhìn uy lực đủ thần thông,
Oai nghi, dung sắc, đoàn hầu cận,
Và ánh hào quang của chính con.

861. Những vị chuyên nghe pháp đã lâu,
Bạch Cồ-đàm Phật, đấng ly sầu,
Những người ấy đạt tâm không động,
Đi đến nơi không có khổ đau.

Quý vị thấy bài kệ rất hay! Chúng ta nghe pháp lâu rồi, quý vị có vui không?

Nghe pháp được đức Phật thuyết rất tuyệt vời, rồi sẽ được sanh lên cõi Trời. Mình thì không được như vậy. Nhưng dù sao mình cũng được nghe lời của đức Phật truyền lại, thì cũng được nhiều lợi ích, cho nên cũng nên vui. Quý vị thấy tuyệt vời không? Con nhái còn được thành Thiên tử, chốc lát sanh tử là đổi liền.

Sau đó, đức Thế Tôn, nhìn thấy rõ các khả năng mà hội chúng ấy đã đạt được, bèn thuyết pháp đầy đủ chi tiết. Vào lúc Ngài kết thúc bài giảng, chàng Thiên tử nhái đã được an trú vào quả Dự lưu. Sau khi cung kính đảnh lễ đức Thế Tôn, chàng trở về cõi Trời.

(51. Lâu Đài Tiên Nhái: Mandukadevapyttavimana – B. Lâu Đài Nam Giới (Purisavimanam) – Phẩm Đại Xa Thứ 5: MaHarathavagga – Chuyện Thiên Cung – Kinh Tiểu Bộ).(Phần mục A là lâu đài dành cho Nữ giới).

Quý vị thấy lợi ích là không được chỉ lên cõi Trời, mà còn được lợi ích là được đắc Tu-đà-hoàn (quả Dự lưu). Có nghĩa là trong một tích tắc, từ cõi Súc sanh là một con nhái, nhưng chết được sanh lên cõi Trời, vì đang nghe pháp. Lên cõi Trời, được phước báu lớn là nguyên một tòa lâu đài, có Tiên nữ hầu cận. Rồi lại quán sát do nhân duyên trước khi sanh về cõi Trời, là một con nhái đang nghe pháp, bị người chăn bò giẫm chết, nhưng không sao, [nên] quay lại nghe bài [pháp] nữa, đắc luôn Tu-đà-hoàn (quả Dự lưu).

Quý vị thấy tuyệt vời không? Vậy mới là 'Thiên Nhân chi Đạo Sư'. Cho nên là học đúng pháp, gặp đúng Phật, đúng thuốc, thì cho dù là loài súc sanh cũng được lợi ích rất lớn. Cuối cùng bây giờ thoát khổ rồi đó. Cho nên là quá tuyệt vời! Câu chuyện này quá hay! Quý vị thấy trong kinh có những câu chuyện tuyệt vời như vậy. Vậy thì chúng ta có nên học hay không? Rất nhiều người xem thường những bộ kinh như thế này, và mình không học thì mình chẳng biết đức Phật dạy gì. Đó là những người đáng thương, rất đáng tiếc, mình nên thương cho họ.

Cho nên quý vị thấy sự lợi ích của nghe pháp rất lớn. Như vậy, chúng ta hôm nay đã nghe câu chuyện rất hay. Chúng ta đến mục thứ hai.

Khổ, Vui Do Từ Đâu Sanh

(Kinh Tạp A Hàm)

Điều này thì hôm thứ Bảy vừa rồi Thiện Trang có nêu ra câu hỏi: "Khổ vui từ đâu ra?" Quý vị đã suy nghĩ và trả lời chưa? Hôm nay chúng ta cho đáp án từ kinh.

Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở núi Kỳ Xà Quật, thành Vương Xá. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, mang bát ra khỏi núi Kỳ Xà Quật, vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, A Chi La Ca Diếp (là một vị Ca Diếp [đạo] lõa thể) **có chút việc đi ra khỏi thành Vương Xá, hướng về núi Kỳ Xà Quật. Từ xa trông thấy đức Phật, ông vội vàng đi đến, bạch Phật: "Bạch Cù Đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh để giải đáp cho không?"**

Đức Phật bảo Ca Diếp: "Nay không phải là lúc để bàn luận. Ta đang vào thành khất thực. Chờ khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe".

Quý vị thấy ở thời đức Phật thì có rất nhiều câu chuyện. Ở đây có một vị Ca Diếp, vị này là Ca Diếp lõa thể, tên là A Chi La Ca Diếp, chứ không phải ngài Ma Ha Ca Diếp. Đây là vị Ca Diếp khác, có nhiều vị Ca Diếp lắm. Giống như ở Việt nam mình cũng có nhiều người tên Nhân, nhiều người tên Minh, nhiều người tên Huệ, nhiều người tên An, nhiều người tên Lê, v.v… nhiều lắm. Cũng vậy, rất nhiều người [có tên] như vậy. Bấy giờ gặp Phật thì ổng mới nói: "Con muốn có điều muốn hỏi?" Đức Phật bảo là đang bận đi khất thực, đợi khi trở về rồi hỏi, đức Phật trả lời cho. [Nhưng] ổng lại cứ hỏi nữa.

Đức Phật nói như vậy lần thứ hai.

Ca Diếp lại bạch lần thứ ba.

Tức là ổng lại cứ bạch nữa. Đức Phật nói như vậy. Ổng bạch ba lần, mà việc gì ba lần thì đức Phật trả lời thôi.

"Bạch Cù Đàm, sao lại làm khó tôi! Tại sao có sự khác biệt này? Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài giải đáp cho". Tức là ổng thấy đức Phật làm khó ổng, tại sao không nói cho ổng. Ổng đã thỉnh tới hai lần rồi, tại sao làm khó ổng làm chi. Bây giờ chúng ta coi thử. Đức Phật chắc sẽ trả lời thôi.

Đức Phật bảo A Chi La Ca Diếp: "Vậy thì tùy ý ông hỏi."

A Chi La Ca Diếp bạch Phật: "Bạch Cù Đàm, thế nào, khổ, lạc có phải do tự tác không?"

Câu hỏi rất đơn giản, khổ và vui (#lạc là vui) có phải do mình tự làm không? Hầu như chúng ta, ai cũng nói là tự làm tự chịu. Mình tự làm, nên bây giờ khổ thì mình ráng chịu, đúng không? Thông thường thì chúng ta nói như vậy, đặc biệt là các đồng tu Tịnh Độ quá quen với câu này 'tự làm, tự chịu'. Bởi vì ngài giảng như vậy hoài, nên mình nghe vậy luôn. Nhưng đức Phật không phải nói như vậy.

Đức Phật đáp: "Nói khổ, lạc do tự mình làm, điều này Ta không khẳng định".

Tức là khổ, lạc do mình tự làm (#tác là làm), ở đây dịch ra là tự mình làm. 'Điều này Ta không khẳng định'. #Tự tác là do tự mình làm. Đây là bản dịch của ngài Tuệ Sỹ, [nên] để vậy luôn. Còn Thiện Trang dịch thì [để] là 'tự mình làm' luôn cho rõ. Nhiều người không biết chữ 'tác' là gì.

'Nói khổ, lạc do tự mình làm, điều này Ta không khẳng định'. Tức là đức Phật không khẳng định khổ, lạc là do mình làm đâu. Mình thì cứ nói khổ là do đời trước mình làm, nhân quả như vậy nên giờ chịu vậy. Không phải! Chúng ta thấy có bài kinh, cũng trong bộ này Thiện Trang đã trích dẫn. Đức Phật nói có 8 nguyên nhân gây ra khổ, vui, trong đó có một nguyên nhân là do tiền nghiệp thôi. Cho nên điều gì cũng đừng đổ thừa là do mình làm. Không phải! Không phải do mình làm thì do sao? Ông này nói tiếp:

Ca Diếp lại hỏi: "Bạch Cù Đàm, thế nào, khổ, lạc là do người khác làm ra chăng?"

Như vậy, không phải do mình làm thì do người khác làm chăng? Chắc mình kêu đúng rồi, chắc do người khác làm. Người đời thường bảo do người khác làm, do ông chồng chửi nên mình khổ, do người này, do người kia... Mình hay nói như vậy. Có phải vậy không?

Đức Phật bảo Ca Diếp: "Nói khổ do người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định".

Ngài cũng không khẳng định là khổ do người khác làm ra, cũng không phải do tự mình làm ra. Cả hai điều không đúng luôn. Vậy thì ai làm ra? Chắc chắn chúng ta sẽ có suy nghĩ do cả hai, do cả mình và do cả người khác làm ra. Có đúng không? Điều này hình như có vẻ đúng hơn đó.

Ca Diếp lại hỏi: "Khổ, lạc do tự mình và người khác làm ra chăng?" (Ổng cũng suy nghĩ giống mình đó).

Đức Phật bảo Ca Diếp: "Nói khổ do tự mình và người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định".

[Đức Phật] cũng không khẳng định luôn. Tức là tự mình làm cũng không phải, mà do người ta làm thì cũng không phải. Bây giờ mình nói do hai bên, do mình gây chuyện với người ta, người ta gây chuyện với mình. Cũng không phải! Đức Phật cũng không khẳng định luôn. Vậy do trường hợp nào?

Ca Diếp lại hỏi: "Bạch Cù Đàm, thế nào, khổ chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, vậy vô nhân tác chăng?"

Tức là ông này nghĩ ra điều thông minh hơn. Ổng nói khổ không do mình làm, không do người khác làm, không do cả hai làm, vậy do vô nhân tác, có nghĩa là không có ai làm hết, tự nó [gây] ra. Giống như bây giờ thời tiết nóng thì mình khổ thôi. Có phải vậy không? Đức Phật có nói vậy không quý vị?

Đức Phật bảo Ca Diếp: "Khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác, điều này Ta cũng không khẳng định".

Tức là đức Phật phủ nhận luôn, không phải như vậy luôn. Vậy là mình thua rồi! Vậy khổ là do gì? Học Phật bao nhiêu năm mà cuối cùng không biết khổ là do điều gì hết. Mình cứ tưởng là khổ do mình làm, khổ do người khác làm, hoặc là khổ do cả mình làm lẫn người khác làm, hoặc là khổ do không có nhân, tự nhiên khổ thôi. Không có trường hợp nào đúng hết.

Ca Diếp hỏi: "Bạch Cù Đàm, thế nào, tôi hỏi khổ tự tác chăng, Ngài đáp không ký thuyết. Tôi hỏi khổ tha tác, tự tha tác chăng, chẳng phải tự, tha, vô nhân tác chăng, Ngài cũng đáp là không ký thuyết. Vậy, nay không có cái khổ

này chăng?" Bây giờ ổng thông minh hơn, ổng nghĩ ra cách mới, ổng hỏi: 'Vậy nay không có sự khổ này chăng?' Ông cũng thông minh quá đúng không?

Đức Phật bảo Ca Diếp: "Chẳng phải không có cái khổ này, mà thật có cái khổ này". Rõ ràng có khổ mà.

Ca Diếp bạch Phật: "Lành thay, Bạch Cù Đàm! Ngài nói có cái khổ này. Vậy xin vì tôi thuyết pháp khiến cho tôi biết khổ, thấy khổ".

Điều quan trọng là cuối cùng mình biết khổ, thấy khổ, [là] kiến đế [rồi] đó, biết như thật về khổ. Bây giờ mình biết chưa? Vậy mình đâu có biết đâu quý vị. Bao nhiêu năm mình tưởng mình có Chánh kiến. Chánh kiến xuất thế gian là Sơ quả Tu-đà-hoàn đó, là biết như thật về khổ (Khổ, Tập, Diệt, Đạo). Bây giờ mình đâu có biết nỗi khổ từ đâu đâu. Chính vì điều đó cho nên mình không kiến đế. Hỏi một câu là biết chưa có kiến đế. Cho nên mình chưa có kiến đế, mình chưa biết thì mình chưa phải là Tu-đà-hoàn đúng không? Một người Tu-đà-hoàn là người ta nói luôn nguyên nhân khổ từ đâu. Bây giờ mình không biết khổ từ đâu, mình cứ đổ là do mình làm, do người khác làm, hoặc do cả hai bên, do vô nhân, v.v... Những điều đó đều không chính xác. Đức Phật trả lời ra sao, quý vị đoán ra được chưa? Hôm bữa ai suy nghĩ rồi thì trả lời đi chứ. Không có ai suy nghĩ được hết, chúng ta coi đức Phật trả lời thế nào. Nếu quý vị nói đúng là quý vị sắp kiến đế rồi đó.

Đức Phật bảo Ca Diếp: "Nếu thọ tức là tự cảm thọ, Ta mới có thể nói nói khổ do tự tạo. (Đức Phật giải thích là tại sao khổ không phải do tự tạo. Bởi vì: 'Nếu thọ tức là tự cảm thọ (tức là tự mình cảm nhận lấy), Ta mới có thể nói do mình tự tạo'). **Nếu thọ được cảm thọ bởi khác, Ta nói là tha tạo**. (Tức là nếu thọ được cảm thọ bởi điều khác, người khác, thì nói do tha tạo). **Nhưng nếu nói thọ, vừa tự thọ vừa cái khác cảm thọ rồi mang lại khổ, như thế thì tự làm vừa do người khác làm, nhưng Ta cũng chẳng nói như vậy** (tức là sự [khổ] này không phải do người khác mang lại, mà cũng không do tự mình mang lại, hoặc là do cả hai) **nhưng Ta cũng chẳng nói như vậy. Hoặc chẳng phải nhân tự, tha, mà là vô nhân sinh ra khổ, Ta cũng chẳng nói như vậy. Như Lai thuyết pháp lìa các cực đoan này mà nói Trung đạo** (quý vị rớt vô mấy điều kia là quý

vị rớt vô Biên kiến. Thế nào là Biên kiến? Là chúng ta rớt vào những điều cực đoan vừa rồi, cho nên từ đó chúng ta đâu có Chánh kiến đâu); **tức là 'cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên Vô minh nên có hành,...** (duyên Hành nên có Thức, duyên Thức nên có Danh sắc.. cuối cùng mới có khổ) **cho đến khối lớn thuần khổ. Nếu Vô minh diệt thì hành diệt,... cho đến khối lớn thuần khổ diệt.**

Đức Phật nói khổ là nguyên nhân từ đâu? Đức Phật nói trong 12 Nhân duyên: Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh ra ưu, bi, khổ, não. 12 Nhân duyên chính là bắt đầu từ Vô minh. Cho nên do Vô minh mà có khổ.

Ai trả lời đúng như vậy thì đúng rồi, đó mới thấy như thật về khổ. Còn bây giờ mình không thấy như thật về khổ. Thật ra Vô minh là do Phiền não, nói đơn giản Vô minh là Si trong tam Phiền não: Tham, Sân, Si. Có Si là có luôn cả Tham và Sân trong đó, cho nên tóm lại là Vô minh. Chứ không phải là khổ do ai hết. Tại sao lại như vậy? Chúng ta từ từ học thì sẽ biết, mới đầu nghe chắc chưa hiểu đâu.

Đức Phật nói kinh này xong, A Chi La Ca Diếp liền lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, A Chi La Ca Diếp thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua mọi hồ nghi, không do người khác mà biết, chẳng do người khác độ thoát, đối với chánh pháp luật, tâm được không sợ hãi.

Quý vị thấy tuyệt vời không ạ? Vị này nghe xong bấy nhiêu đó thôi là đắc đạo luôn, được xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh, đó là Sơ quả Tu-đà-hoàn. Thời xưa, ai nghe qua đức Phật thuyết pháp xong [đều] đắc đạo hết, nhiều người đắc đạo chứ không phải tất cả nha. Nhưng quý vị thấy rất là tuyệt vời. Còn chúng ta thì sao? Chúng ta nghe thì nghe vậy thôi, chứ chúng ta cũng chưa ngộ được. Bởi vì lực của Phật khác lực của mình. Với lại căn lành của mình kém hơn nữa.

Ca Diếp chấp tay bạch Phật: "Thế Tôn, nay con đã được Phật hóa độ, từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời làm Ưu-bà-

tắc, xin Ngài chứng tri cho con".

Quý vị thấy, chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi [thì] tự nhiên nhận Phật làm thầy thôi, [nên xin] quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng luôn, và ngài chỉ xin đức Phật chứng minh thôi. Đó là tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng. Ông này rất là tuyệt vời, từ một [người] ngoại đạo gặp đức Phật, đức Phật cố tình để ổng [bạch] ba lần, để thôi thúc ổng, để ổng chờ đợi, [rồi] đức Phật mới trả lời, nói cho một chút, là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức… nói vòng 12 Nhân duyên xuôi và ngược, muốn hết khổ thì diệt Vô minh thì hết khổ.

Tại sao hết Vô minh thì mới hết khổ? Tại vì Tam-quả A-na-hàm chưa hết Vô minh, vẫn còn khổ, [chỉ] ít khổ hơn thôi. Sơ quả Tu-đà-hoàn là bớt khổ rất nhiều. Ở trong Kinh Tương Ưng, đức Phật nói người [chứng] Sơ-quả Tu-đà-hoàn, nỗi khổ được diệt nhiều như núi Tu Di, còn nỗi khổ còn sót lại giống như bảy hòn đá nhỏ trên núi. Những ví dụ [như vậy] rất nhiều. Hoặc là đức Phật nói nỗi khổ của người Tu-đà-hoàn đã diệt được nhiều như nước trong biển, còn dính lại một chút ít nước, đó là nỗi khổ còn lại của họ. Cho nên tu đến Sơ quả Tu-đà-hoàn là ghê gớm rồi đó, đừng có khinh thường. Đặc biệt là đồng tu Tịnh Độ hay khinh thường người Sơ quả Tu-đà-hoàn lắm, mà không biết [địa vị] Tu-đà-hoàn tu tới cỡ đó rồi đó.

Chính vì vậy mà Thiện Trang mới thắc mắc là Tu-đà-hoàn tương đương với quả vị gì, nếu tu Đại thừa. Hồi xưa, tại vì lúc nào cũng nghe nói là Sơ quả Tu-đà-hoàn thì tương đương với Sơ tín, đó là ngài Tịnh Không nói. Nhưng Thiện Trang tra coi trong mấy bộ Tỳ Bà Sa v.v… [thì] cách nói bên Duy Thức như thế này: Sơ quả-Tu-đà-hoàn chính là Sơ địa Bồ-tát, phải là tương đương với Sơ địa. Chỉ thua Bồ-tát ở chỗ là Bồ-tát thì có trí tuệ hơn, độ sanh [nhiều] hơn. Còn Sơ quả Tu-đà-hoàn thì không có trí tuệ [bằng], nên mình gọi là Kiến đế, Kiến tánh, ngôn ngữ chính là Minh tâm Kiến tánh. Đó là Sơ địa của Biệt giáo, tương đương với Sơ trụ của Viên giáo Hoa Nghiêm.

Cho nên Sơ quả Tu-đà-hoàn là ghê gớm lắm rồi đó. Đừng có đùa! Quý vị coi trong mấy bộ Duy Thức hay là Tỳ Bà Sa Luận. Cho nên hèn chi mình tu hoài không tới Tu-đà-hoàn là đúng rồi. Vì người ta tu đến Tu-đà-hoàn rồi mà. Còn Bát địa là

Vô sanh Pháp nhẫn, là tương đương với A-la-hán đó. Đó mới là kiến thức chính xác, đó là theo Tỳ Bà Sa Luận và Duy Thức. Bên Luận Thành Duy Thức nói nha. Cho nên địa vị đó cao chứ không phải đơn giản đâu. Còn [địa vị] kia mình học, thì các ngài nói như vậy, không biết là theo ở đâu? Nhưng rõ ràng đây là Luận [nói] thôi nha, chứ không phải là đức Phật nói, chúng ta chỉ nói Luận thôi. Nhưng Thiện Trang thấy đúng, có vẻ khớp, thuyết phục hơn. Tại vì Sơ quả Tu-đà-hoàn năng lực người ta là kiến đế, ngôn ngữ Trung Hoa gọi là Minh tâm Kiến tánh, thật ra là cách nói khác nhau thôi. Nhưng điều đó cũng là để tham khảo thôi. Còn bao giờ đức Phật nói thì mình mới chắc, tất cả đều là [do] người nói, thì mình cứ nghe để tham khảo. [Riêng] Thiện Trang thấy hợp lý thì Thiện Trang ghi nhận như vậy.

A Chi La Ca Diếp nghe Phật dạy xong, vui mừng, hài lòng làm lễ mà đi. Đắc Sơ quả rồi, vui quá mà! Tại sao biết ổng đắc Sơ quả? Vì [ở đây] nói là xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh.

A Chi La Ca Diếp sau khi từ giã Phật đi không lâu, bị một con nghé đực húc chết (ổng cũng bị húc chết nữa rồi), **lúc mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.**

Vì sao? Vì người ta chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Quý vị thấy không ạ? Trong kinh rõ ràng có nói là: 'Mạng chung, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng'. Chứ không phải tối thui tối mò, [mà] nói mình đắc quả là không có chuyện đó. Bị con nghé húc chết thì người ta vẫn đau đớn chứ, nhưng ít nhất người ta đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn rồi. Thật ra là đắc cao hơn, cho nên lúc đó mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Chứ không phải mình chết, hoảng sợ, kinh hoàng, rồi nói mình là Thánh nhân, thì không có chuyện đó.

Rõ ràng! Quý vị thấy không? Sắc mặt tươi sáng, bởi vì Sơ quả Tu-đà-hoàn phá được Thân kiến rồi mà, thậm chí có thể [đắc cao] hơn. Trong kinh cũng nói hiện tướng ra đi, tuy là bị nạn này, nạn kia, nhưng sắc mặt tươi sáng. Quan trọng nha!

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành khất thực, lúc ấy cũng có nhiều Tỳ-kheo vào thành Vương Xá khất thực. Họ nghe đồn A Chi La Ca Diếp được nghe

pháp từ Thế Tôn; sau khi từ giã Phật chẳng bao lâu bị một con nghé đực húc chết. Khi mạng chung, các căn của ông thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.

Quý vị nghĩ coi, bị con nghé đực húc chết mà sắc mặt cũng tươi sáng đó nha.

Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thu cất y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, sáng sớm nay nhiều Tỳ-kheo vào thành khất thực, nghe chuyện A Chi La Ca Diếp, sau khi được nghe pháp luật, ra về chẳng bao lâu bị tai nạn, do một con nghé đực húc chết. Lúc từ trần, các căn của ông thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Bạch Thế Tôn, A Chi La Ca Diếp sanh vào loài nào, thọ sanh nơi đâu và có sở đắc gì?"

Chúng ta nghe ở trên thì biết rồi, nhưng bây giờ các Tỳ-kheo hỏi lại. Vậy thì theo quý vị, ổng đắc [địa vị] gì? Tất nhiên chúng ta bám theo ngôn ngữ ở trên, chúng ta thấy 'xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh' thì là Sơ quả Tu-đà-hoàn đúng không? Ở đây nếu mà [đắc] Tu-đà-hoàn thì ổng sanh về đâu? Quý vị đoán chắc ổng sinh về cõi Trời đúng không?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ông ấy đã thấy pháp, biết pháp và tùy pháp, không còn chấp thủ nơi pháp, đã đạt đến Bát-niết-bàn. Các ngươi nên đến cúng dường thân của A Chi La Ca Diếp".

Tức là quả vị ổng chứng không chỉ là Sơ quả Tu-đà-hoàn, lúc sau này ổng chứng [cao] hơn, vì đã đạt đến Bát-niết-bàn là A-la-hán rồi. Nếu là Tam quả A-la-hàm thì có Sanh-bát-niết-bàn, Vô-hành-bát-niết-bàn, nhưng ở đây đức Phật nói Bát-niết-bàn thì chắc chắn là A-la-hán. Có nghĩa là lúc đó thì ổng đắc Tu-đà-hoàn, nhưng lúc sau đó ổng đi về, chắc lúc ổng chết thì đắc luôn A-la-hán. Lúc kia thì mới là Tu-đà-hoàn, tại vì ổng xưng là Ưu-bà-tắc thôi, chứ nếu ổng xin xuất gia luôn thì [có thể] ổng [chứng] A-la-hán. Có thể là tại vì A-la-hán là chỉ [khi] xin đi xuất gia thôi. Nhưng ở đây, chắc lúc đó là Tu-đà-hoàn, lúc chết có lẽ là cận tử nghiệp đến nên đắc luôn A-la-hán. Điều này cũng có thể xảy ra. Đức Phật nói đắc A-la-hán, đạt Bát-niết-bàn mà.

Bấy giờ, đức Thế Tôn mà thọ ký A Chi La Ca Diếp bậc nhất.

(Kinh 340. A-Chi-La - Kinh Tạp A Hàm).

Nếu quý vị dò trong CBETA thì ghi là Kinh 302. Do bảng của ngài Tuệ Sỹ thì ngài đối chiếu với các [bộ] Việt dịch của Kinh Tạp A Hàm nữa. Tức là Tạp A Hàm thì có hai bộ, có một bộ khác nữa, ngài so hai bộ lại để dịch cho đầy đủ. Thật ra ngài lấy bộ của ngài Ấn Thuận, bộ của Ngài Ấn Thuận là lấy hai bộ của hai nhóm dịch khác nhau. Ngài rà để coi có sự trùng lặp không, rồi bỏ sự trùng lặp, lấy thêm phần dư ra của bộ kia nữa, thành ra nhiều kinh hơn bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh vài bộ kinh, cho nên là nhiều hơn.

Chúng ta đúc kết lại: Nghe pháp không nhiều cũng đắc quả Tu-đà-hoàn, [sau đó] tự quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ai đắc thì tất nhiên tự quy y rồi, chắc chắn rồi. Còn ngoài ra nữa, khi chết thì các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng đúng không? Thánh nhân mà! Nhưng ông này còn đắc [cao] hơn nữa, chắc là đắc lúc chết hay sao đó, ổng đắc tới Niết-Bàn, thành A-la-hán luôn.

Bây giờ Thiện Trang trở lại với câu chuyện vừa rồi. Do câu chuyện vừa rồi liên quan đến 12 Nhân duyên, và các đồng tu cũng thỉnh hỏi 12 Nhân duyên là thế nào? Thiện Trang cũng kiếm bài kinh nào giảng đơn giản nhất về 12 Nhân duyên, để không giảng nhiều, chỉ cần giảng một chút thôi. Đúng là kiếm được một bài kinh, nhớ là đức Phật có giảng bài kinh về 12 Nhân duyên không dài, ngắn lắm. Thay vì mình giảng ba buổi, mà chỉ giảng 30 phút là xong. Hôm nay giới thiệu với quý vị bài kinh nói về 12 Nhân duyên. Hồi nãy là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức đó. Bây giờ chúng ta bắt đầu:

12 Nhân Duyên Là Gì?

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sấu. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa về pháp duyên khởi, các ngươi hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói.

Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên Vô minh nên có Hành… (Do Hành mới có Thức, Thức duyên Danh sắc. Cái này có thì cái cái kia có, đó gọi là duyên khởi. Quý vị nhớ [trong] đạo Phật, lý duyên khởi là quan trọng nhất. Người ta nói là có do hai duyên: Một là Duy tâm, hai là Duy vật. Đức Phật không nói Duy tâm, Duy vật, [mà] Ngài nói là duyên khởi. [Tức là] cái này có thì cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Nguyên vòng đó là vòng 12 Nhân duyên. 12 Nhân duyên đối với mình là bắt đầu từ Vô minh). **Cho đến một khối lớn thuần khổ.** (Tức là do Vô minh nên có Hành, do Hành nên có Thức, đoạn sau này có nên Thiện Trang không nhắc lại. Đó là ưu, bi, khổ, não). **Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.**

Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên Vô minh nên có Hành; Thế nào là Vô minh?

Bây giờ mình hỏi bao nhiêu người Vô minh [là gì]? Câu trả lời dễ nhất Si là Vô minh. Và Si là thế nào thì không biết. Hôm nay định nghĩa Vô minh luôn. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật định nghĩa đầy đủ hết, không thiếu gì cả, chỉ có người không học nên mới nói càng, nói tùm lum thôi. Thật ra đức Phật bao giờ cũng nói đầy đủ, chỉ nói lại theo Phật là được rồi.

"Thế nào là Vô minh?" Chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế; chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết khổ, chẳng biết tập, chẳng biết diệt, chẳng biết đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; ô nhiễm, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán, bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là Vô minh.

Vô minh này định nghĩa khá dài. Bây giờ chúng ta phân tích từ từ. Thứ nhất, định nghĩa là 'chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế'. Chữ

#tế còn có nghĩa là thế; thế tức là đời. Chẳng biết tiền tế là chẳng biết đời trước; chẳng biết hậu tế là chẳng biết đời sau; chẳng biết cả tiền hậu tế là chẳng biết cả đời trước lẫn đời sau. Đó là thuộc về Vô minh.

Bây giờ chúng ta có biết gì đâu, nên chúng ta vô minh là đúng rồi. Đời trước, đời sau, đâu biết đâu. Không biết ở đây có nghĩa là không hiểu, không hiểu nên mình cứ tưởng chết là hết, không có đời trước, không có đời sau đâu v.v... Có người thì cho có đời trước nhưng không có đời sau, có người thì cho có đời sau nhưng không có đời trước v.v… Những điều đó làm sao biết. Cho nên Vô minh không đơn giản đúng không?

'Chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài'. Điều này giống như đối với thân thể mình (thân tứ đại) [thì] mình chẳng biết các pháp bên ngoài, chẳng biết bên trong, bên ngoài như thế nào. Cho nên Vô minh đâu có đơn giản đâu, tới A-la-hán mới phá được Vô minh mà, mình làm sao biết được.

'Chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo'. Rồi mình cũng không biết nghiệp, không biết báo, rồi không biết nghiệp báo. Điều này thì chúng ta hiểu đúng không?

'Chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng'. Điều này thì [quý vị] cũng hiểu đúng không? Nói Phật là gì? Không biết! Bây giờ hỏi người đi chùa mười năm, hai mươi năm, thậm chí học cả đời, học Phật quá trời, [mình] hỏi Phật là gì? Không biết! Phật là gì, niệm Phật là gì? Đem mười danh hiệu Như Lai ra: Phật là Như Lai, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Quý vị hiểu được mười danh hiệu đó thì giải thích cho người ta Phật là gì.

Thế nào là Như Lai, quý vị coi lại bài 18 nha. Thế nào là Ứng Cúng? Ứng Cúng thì rất dễ, là xứng đáng được nhận cúng dường, bởi vì đức Phật là tôn quý. Thế nào là Chánh Biến Tri? Thế nào là Minh Hạnh Túc? Chánh Biến Tri thì dễ nữa, tức là sự biết rộng khắp và chính xác, nói đơn giản như vậy. Chúng ta học hết mười danh hiệu đó thì chúng ta mới biết Phật là gì.

Rồi Pháp là gì? Pháp được thuyết bởi đức Thế Tôn, là những gì có khả năng

hướng thượng, quý vị nhớ không?

Rồi Tăng là gì? Bây giờ nhiều người đâu biết Tăng là gì đâu, chỉ người xuất gia nói là Tăng. Không phải! Đức Phật nói Tăng là Thánh Đệ tử của đức Phật, gồm có bốn đôi tám bậc, từ Tu-đà-hoàn hướng trở lên, Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, đó mới là Tăng. Mình biết như vậy thì mới bớt Vô minh được chứ, còn không biết những điều đó thì Vô minh thôi. Cho nên nhiều thứ không biết quá.

Tiếp theo là: 'Chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo'. Tức là chẳng biết về Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là sự thật về khổ, chẳng biết Tập là nguyên nhân của khổ, chẳng biết Diệt là sự vui sau khi hết khổ, và chẳng biết con đường để diệt khổ là chẳng biết Đạo.

'Chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân'. Tức là do nhân gì? Giống như mình đoán thì mình biết nhân, rồi pháp sanh ra bởi nhân.

'Chẳng biết thiện, bất thiện'. Điều này thì mình cũng đoán được đúng không? Thật ra có nhiều người không biết thiện là gì, giống như đem Đạo gia ra nói thiện là gì, bất thiện là gì. Nói như vậy là không đúng! Giống như họ nói là: 'Làm những việc gì có lợi cho mình, có lợi cho người, thì gọi là thiện. Làm việc gì có lợi cho người mà không có lợi cho mình, là đại thiện'. Nói như vậy là sai, đức Phật đâu có định nghĩa như vậy đâu, đúng chưa? Không phải như vậy! Cho nên mình phải hiểu, bài đó mình học rồi. Cẩn thận nha! Nhiều khi thiện ác mình cũng không biết luôn. Thiện ác không phải như vậy.

'Có tội, không tội, tập, không tập'. Ở đây Thiện Trang quên tra lại chữ Hán, tập là chữ tập nào trong mấy chữ tập. Tập có thể là tập hợp, hoặc có thể là tập trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì tập này là nguyên nhân. Điều này không biết, để bữa sau xem lại.

'Hoặc kém, hoặc hơn; ô nhiễm, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết'; 'đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật' tức là đối với sáu điều tiếp xúc với sáu giác quan của mình, mình không biết, không giác.

'Đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán' tức là mình không thể nào theo dõi được rõ ràng. 'Bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi

là Vô minh’.

Vô minh không dễ gì đoạn đâu, tại vì từ Tứ quả A-la-hán mới hết Vô minh. Cho nên đoạn vừa rồi quý vị nghe choáng luôn đúng không ạ? Không dễ gì làm, tức là ta làm được một phần trong đó là bớt một phần Vô minh, là chứng Tu-đà-hoàn. Còn hết hoàn toàn Vô minh là phải [đến] Tứ quả A-la-hán. Vô minh là khó nhất đó.

Bây giờ chúng ta tiếp tục:

Duyên Vô minh nên có Hành; Thế nào là Hành? (Bây giờ chúng ta hỏi Hành là gì? Hành này là đức Phật định nghĩa) **Hành gồm có thân hành, khẩu hành, ý hành.**

Hôm bữa mình học Hành trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thì khác, điều đó chỉ nằm trong tâm thôi. Còn ở đây nói Vô minh duyên Hành, thì Hành này rộng hơn, gồm có: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là gì? Tức là những việc làm tạo tác của thân; còn khẩu hành là những việc gì từ miệng nói ra; ý hành là suy nghĩ. Cho nên việc làm của ý, của thân, của miệng, gọi là Hành.

Duyên Hành nên có Thức; Thế nào là Thức? Có sáu thức thân: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

Thức là sáu thức, gồm có: Sự biết của mắt, sự biết của tai, sự biết của mũi, sự biết của lưỡi, sự biết của thân (là biết nóng, lạnh, biết cảm giác êm ái hay cứng cáp), sự biết của ý là biết pháp. Như bây giờ nói ‘Phật’ thì trong đầu mỗi người nghĩ ra một kiểu, thì đó là sự biết của ý, chúng ta biết được, đó là ý thức thân. Tức là do Vô minh nên có Hành, [do] Hành nên có Thức.

Duyên Thức có Danh sắc; (duyên Thức thì có Danh sắc, vòng 12 Nhân duyên đó mà) **Thế nào là Danh?** (Đức Phật giải thế nào là Danh, thế nào là Sắc)**; Bốn uẩn vô sắc: Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.** (Thực ra Danh là bốn uẩn, mà không có Sắc trong đó. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, điều này quen không? Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn, điều này quen rồi)**; Thế nào là sắc? Bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành, sắc này hợp cùng với danh đã nói**

ở trên, gọi là danh sắc.

Sắc là gì? Là bốn đại, sắc là thân thể, vật chất đó quý vị. Sắc do bốn đại là đất, nước, lửa, gió [tạo thành]. Đất là những gì có tính chất cứng; nước là những gì có tính chất ướt; lửa là tính chất nóng, hơi ấm; gió là tính chất chuyển động; Đất, nước, lửa, gió, bốn điều đó tạo thành Sắc. Sắc đó mà hợp với Danh (tức là bốn uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, Thức) nên gọi là Danh sắc. Cho nên Danh sắc chính là Ngũ uẩn. Nhiều người không biết Danh sắc là gì, thì bữa nay biết rồi nha. 12 Nhân duyên này thì hơi khó!

Sẵn đây Thiện Trang nhắc lại câu hỏi tuần trước, để ai chưa nghe câu hỏi thứ Bảy tuần vừa rồi thì nên suy nghĩ một chút. Ở trong một bài kinh, Thiện Trang xin phép chưa nói tên kinh nào để quý vị tự tìm, để trả lời được cũng không phải đơn giản: Có vị Tỳ-kheo có Thần thông, có nghi ngờ rằng thân Tứ đại này (tức là đất, nước, lửa, gió) sau khi bị diệt thì đi về đâu? Ngài có nghi đó cho nên ngài bay lên trời Tứ Thiên Vương hỏi chư Thiên. Vua trời Tứ Thiên Vương nói: "Ta không biết, có chư Thiên cao hơn ta, giỏi hơn ta, đó là trời Đao Lợi. Ông lên đó hỏi Đế Thích đi". Ngài bay lên hỏi, vua Đế Thích cũng không biết. [Rồi] ngài bay lên hỏi trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại cho đến trời Phạm thiên.

Vua trời Phạm thiên mới nói vòng vòng là ta thế này thế kia, v.v… ổng cứ nói vậy hoài. Ngài mới nói: "Không! Tôi không hỏi điều đó, tôi chỉ muốn hỏi vấn đề đó thôi". [Vua trời Phạm thiên] mới kéo ra nói nhỏ: "Ông biết ta là vua trời Phạm thiên, nếu ta không trả lời được thì ta quê. Ở đây có bao nhiêu Thiên chúng, ta nói thiệt với ông là ta không biết. Ông khờ quá đi, ông ở bên Như Lai mà không hỏi đức Phật (đức Thế Tôn). Ông ở gần đó thì ông về ông hỏi đức Phật đi. Ta làm sao biết được".

Ổng sợ quê nên nói vòng vòng. Quý vị thấy không? Vua trời Phạm thiên còn sợ quê nữa mà. Rồi ngài thu Thần thông, trở về lại gặp Phật. Đức Phật mới nói: Giống như ngày xưa người ta đi biển, người ta thả con chim ưng lên cho nó bay. Tại vì người ta mất phương hướng, hồi xưa người ta không có la bàn. Nó bay khắp nơi, nhưng thấy bờ là nó bay luôn. Còn nếu nó bay một hồi không thấy bờ

thì sẽ quay lại. Cũng vậy, đức Phật nói: Ông cũng giống như chim ưng vậy đó, bay đã rồi không tìm thấy nơi, cuối cùng phải bay về chỗ Ta. Ta sẽ nói cho ông Tứ đại sau khi diệt rồi thì đi về đâu?

Quý vị trả lời đi, bữa nay vẫn đưa câu hỏi để quý vị tìm. Điều này quý vị tìm trong Kinh Nikaya hình như không có, đức Phật chỉ nói là Ta không trả lời, điều đó Ta không giải thích vì sao. Kinh A Hàm có, Thiện Trang nhớ hình như trong hai bộ kinh, Kinh Nikaya cũng có hay sao đó. Quý vị trả lời được là quý vị giỏi rồi đó, để thứ Bảy này sẽ giải thích cho quý vị. Đó là cho quý vị một câu đố.

Câu đố hồi nãy thì dễ đúng không? Khổ do gì sanh ra? Vẫn có người trả lời được, hôm bữa có người nhắn khổ do Vô minh, đúng rồi! Do Vô minh mà duyên Hành, Hành duyên Thức. Tức là thật ra do duyên khởi, bắt đầu từ Vô minh. Đó là đáp án của khổ [do gì sanh ra]. Cho nên khổ là do Vô minh. Vô minh duyên khởi. Ở giữa còn có ái, ái cũng là khổ, cho nên có ái thì có khổ. Tại vì sao? Hết ái thì dòng 12 Nhân duyên cũng hết, cho nên hết khổ. Tại sao như vậy thì chúng ta đang học đây, thì chúng ta biết tại sao hết ái là hết khổ.

Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ; Thế nào là sáu nhập xứ? (Là sáu chỗ đưa thông tin vào: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) **Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.**

Duyên sáu nhập xứ nên có xúc; Thế nào là xúc? Có sáu xúc thân: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

Xúc là sáu chỗ tiếp xúc đó, là mắt mình có thể thấy. Có nhiều người kêu: "Ủa thầy, mắt thì phải thấy chứ?" Không! Sự biết của mắt gọi là Nhãn thức. Nhưng đó chưa đủ, mà phải có sự tiếp xúc, mắt phải thấy cảnh. Mà muốn thấy cảnh thì mắt phải bình thường, người ta có mắt mà bị gì đó thì đâu thấy được đâu. Tai cũng vậy, tai cũng phải [có xúc thì mới] nghe được. Đó là xúc, xúc là tiếp xúc với cảnh, chút nữa chúng ta sẽ học phần Vi Diệu Pháp. Cho nên ở đây thế nào là xúc? Có sáu xúc thân.

Duyên xúc nên có thọ (từ tiếp xúc nên có cảm thọ)**; Thế nào là thọ? Có ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.**

Thọ khổ, thọ lạc, thọ chẳng khổ chẳng lạc (bất khổ bất lạc). Chúng ta có ba thọ, do chúng ta tiếp xúc với cảnh mà có, có như thế nào? Ví dụ mình tiếp xúc với cảnh, thấy màu này đẹp, dễ thương, mình cảm thấy vui. Mình thấy màu đỏ rực khó chịu quá, khó chịu là thọ khổ. Mình thấy bình thường là chẳng khổ chẳng vui, bất lạc bất khổ là thọ xả. Những điều đó là do xúc, có tiếp xúc nên có thọ, không tiếp xúc thì không có. Cho nên né duyên là vậy đó.

Duyên thọ nên có ái; Thế nào là ái? (Chúng ta tưởng ái là nói yêu thôi, không phải! Định nghĩa đó không đúng, đức Phật định nghĩa rất rộng) **Có ba ái: Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái.** (Có ba ái lận đó, Dục ái là những yêu thích ở cõi Dục; Sắc ái là những yêu thích ở cõi Sắc; và Vô sắc ái là những yêu thích ở cõi Vô sắc).

Cho nên chúng sanh luân hồi do ba ái này, chứ ái bình thường của mình, nói ái này ái kia, đó là mới có ái ở Dục giới thôi. Lên trời Phạm thiên trở đi là không có nam, không có nữ nữa, toàn là người giống nhau. Đừng có nói bán nam bán nữ, không phải, mà toàn là kiểu người đó thôi, cho nên không phân biệt nam nữ. Nhưng họ vẫn có một cái ái, là yêu thích hiện hữu ở cõi đó, gọi là Sắc ái. Và đó là Phiền não đi theo họ, nên gọi là Sắc ái kiết. Họ không biết, nó đi theo mà họ không giải trừ được, cho nên gọi là Sắc ái kiết trong Ngũ Thượng phần Kiết sử.

Tưởng thoát được cõi Sắc giới, vào bốn cõi không có hình sắc, là cõi Không Vô Biên xứ, Thức Vô Biên xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tưởng là ngon, nhưng thật ra họ vẫn có yêu thích trong đó, gọi là Vô sắc ái, chính là Phiền não mà đức Phật gọi là Vô sắc Ái kiết.

Cho nên khi có thọ, có cảm nhận, tức là ba thọ là thọ khổ, thọ vui (thọ lạc) thì có ba ái: Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái. Quý vị thấy không? Học sâu như vậy thì mới hiểu được, mới ra khỏi sanh tử được. Cho nên Thiện Trang nói tại sao chứng quả A-la-hán rất khó, tại vì khó ở chỗ Sắc ái, Vô sắc Ái kiết, Phóng dật kiết và Vô minh kiết. Điều đó cực kỳ khó! Tại vì phóng dật là tâm mình chạy suốt. Tâm của A-la-hán đâu có chạy đâu, đâu có phóng dật đâu. Còn mình học một chút là tâm chạy đi đâu mất tiêu. Cho nên ai học mà tập trung tâm được lâu, ít bị phóng dật thì chứng tỏ quý vị có định hơn. Và xin chúc mừng quý vị, quý vị đang đi trên đường giải thoát.

Còn tâm mình cứ không làm chủ được, Phóng dật kiết hay Trạo cử kiết của mình mạnh, nên mình còn là phàm phu nhiều lắm đó. Hay nói cách khác mình chỉ hướng tới Ngũ Hạ phần Kiết sử thôi, chứ Ngũ Thượng phần Kiết sử là mình chưa có làm được đâu, khó đó!

Cho nên học kinh Phật thì mình mới hiểu, mới ngộ ra được, còn không [học], cứ nghe người ta giảng, người ta cứ bỏ suốt, bỏ khúc này bỏ khúc kia, bởi vì người ta hiểu như thế nào thì giảng thế đó. Còn ở đây chúng ta bám theo kinh, dù thế nào đi chăng nữa thì quý vị cũng phải tìm hiểu những thuật ngữ này, phải hiểu thì từ đó dẫn ra. Lời Phật mà, chúng ta chỉ nói lại thôi. Cho nên rất tuyệt vời!

Ái này có ba ái, hồi trước giờ mình tưởng *"ái bất trọng bất sanh Ta Bà, niệm bất nhất bất sanh Tịnh Độ",* rồi cứ tưởng ái là yêu. Không phải! Ái là Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái, ba điều này nặng thì chìm xuống Ta Bà, đúng chưa? Tại vì chúng sanh ở chư Thiên Vô sắc giới như ông Uất Đầu Lam Phất, ổng đâu có Dục ái, Sắc ái đâu, ổng chỉ có Vô sắc ái nên ổng mới lên trên đó. Những điều kia chưa có tận, nhưng ít nhất cũng đoạn được, cũng tạm dừng được, nên [gọi là] phục được, cho nên khó!

Bữa nay mình học kỹ 12 nhân duyên rồi, bữa sau ai hỏi 12 nhân duyên là mình nắm chắc luôn.

Duyên ái nên có thủ; Thế nào là thủ? Có bốn thủ: Dục thủ, Kiến thủ, Giới thủ, Ngã thủ. (Đức Phật nói đầy đủ, bài kinh này Thiện Trang thấy rất là tuyệt vời. Thiện Trang tuyển chọn bài này bởi vì thấy đức Phật nói ngắn gọn, đầy đủ).

Thủ là gì? Duyên ái [nên có Thủ]. Tức là ba ái [Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái] mà mình có Thủ là chấp lấy. Mình có bốn sự chấp lấy: Dục thủ là sự chấp lấy ở cõi Dục, là mình muốn cái này cái kia, thậm chí muốn ở cõi khác cũng là muốn, mình muốn điều gì đó thì là Dục thủ. Kiến thủ chính là mình giữ cái biết của mình, không chịu xả cái biết của mình đi.

Ví dụ như đồng tu Tịnh Độ lâu năm cứ nghe người ta giảng câu niệm Phật là nhất rồi, đầy đủ rồi, không cần tu Thiền, không cần tu gì nữa. Mình giữ điều đó,

mình không buông ra được, thì đó là Kiến thủ. Kiến thủ đó là Kiến thủ kiến, nằm trong Ngũ Hạ phần Kiết sử. Trong 10 Kiết sử thì nó nằm ở đâu? 10 Kiết sử nói lại nha: Ngũ Hạ phần Kiết sử gồm có: Thân Kiến, Giới cấm thủ, Nghi, Tham và [Sân]. Ngũ Thượng phần Kiết sử gồm có: Sắc ái kiết, Vô sắc ái kiết, Trạo hối (Phóng dật) kiết, [Ngã mạn kiết] và Vô minh kiết. Đó là Ngũ Thượng phần Kiết sử và Ngũ Hạ phần Kiết sử.

Chúng ta dính vô hết 10 [Kiết sử] đó, thì Kiến thủ này thuộc về Si. Và trong Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi thì Kiến thủ này có xen vào (dính vào) Nghi. Mình không bỏ được Nghi đối với Phật Pháp, Tăng là do mình còn Kiến thủ này. Chính là mình còn giữ những quan điểm không giống với quan điểm của Phật, tức là mình nghi. Nếu quý vị tin hoàn toàn vào đức Phật, tin hoàn toàn vào Pháp, tin hoàn toàn vào Tăng, tức là bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng, thì không có lý do gì mà Kiến (sự biết) của quý vị cố gắng giữ cho khác Phật, Pháp, Tăng hết, đúng chưa?

Chính vì thế những người tu như thế mà đòi bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng là không thể có, cho nên không thể vào Sơ quả Tu-đà-hoàn. Nên là phải hiểu, phải học cho kỹ.

Thứ ba là Giới thủ (Giới cấm thủ) là chấp giữ những hành trì, những tu tập không đúng với giáo pháp của Phật. Phật dạy như thế nào? Ví dụ như Phật dạy có hai pháp cần phải tu thường xuyên là Chỉ và Quán, [và] tùy thời biết tu Thiền chỉ và Thiền quán (Samatha và Vipassana). Cho dù bất cứ Pháp môn nào cũng tu như thế, nhưng mình không tin. Mình kêu tôi phải tu như thế này, tôi phải tu như thế kia, đó là Giới cấm thủ. Cho nên Giới cấm thủ này phá được thì mới vào được Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Thứ tư là Ngã thủ. Ngã thủ nằm trong Mạn kiết, nếu nói sâu. Trong Ngũ Thượng phần Kiết sử [thì] Mạn kiết (Ngã mạn) phải đến A-la-hán mới phá được. Đó là nói sâu, còn nói gần thì nó nằm ở Thân kiến. Thân kiến cũng dính vô Ngã thủ này, Ngã thủ là chấp lấy thân Ngũ uẩn này là của ta. Ngũ uẩn là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chứ không phải mỗi thân này. Nếu chỉ mỗi thân vật lý này thì dễ rồi, thân vật lý này thì ai cũng biết mà, chết rồi bỏ đi, lấy thân mới. Nhưng

không phải [chỉ có] thân đó, mà [phải có] Thọ, Tưởng, Hành, Thức nữa. Khó quá! Điều đó là không chấp ta trong đó, không chấp trong đó có ta, rồi ráng cố gắng loại trừ nó ra, thì mới bỏ được Ngã thủ.

Cho nên Thủ này là do đâu? Do duyên ái, vì mình có ái cho nên mới có bốn thủ này. Quý vị thấy không? Nó tăng lên đó.

Duyên vào Thủ nên có Hữu; Thế nào là Hữu? Là ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu.

Hữu chính là hiện hữu, là muốn có. Mình ở đâu trong cõi Dục gọi là Dục hữu. Hiện hữu ở cõi Sắc nên gọi là Sắc hữu, và Vô sắc hữu cũng tương tự như vậy. Tại sao? Vì có thủ, có chấp. Giống như quý vị muốn có căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, cho nên quý vị phải mua nhà ở đó. Tại vì quý vị muốn, tức là có chấp, tôi muốn phải có căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh ở khu Thảo Cầm Viên hay Thảo Đường gì đó, chỗ nào đó….. Mình có ý tưởng đó gọi là có chấp như thế, cho nên phải tới đó mua căn nhà. Không có tiền thì ráng vay tiền v.v… Hoặc là muốn có nhà ngoài mặt đường (mặt tiền). Trong đầu có ý tưởng đó, thì đó là thủ.

Tại sao có thủ? Vì đằng trước đó mình có ái (mong muốn). Vì sao có ái? Vì mình cảm thấy vui khi mình có cái đó, gọi là có thọ lạc, thọ khổ. Vậy vì sao có thọ lạc, thọ khổ? Vì nghe người ta nói ở khu ngoài mặt đường (mặt tiền) đó có an ninh tuyệt vời lắm. Tức là do có xúc, xúc đó từ đâu? Nghe từ tai, nghe thấy người ta nói ở nhà đó sướng. Đó là do Sáu xứ mà nó đưa vào.

Cho nên vòng 12 Nhân duyên là như vậy đó quý vị. Thiện Trang nói từ [đoạn] trên, mà cuối cùng rốt ráo là do Vô minh. Tại sao? Ta không phân biệt được, ta nghĩ là ta sống lâu v.v… nên ta chụp vô, một hồi từ đó ra. Cho nên tất cả mọi thứ đều do Vô minh dẫn đầu. Bây giờ có Hữu ở Dục giới, có Hữu ở Sắc giới, có Hữu ở Vô sắc giới, cho nên có gì đó tiếp, có rồi thì sẽ tạo dựng nhà cửa.

Duyên hữu nên có sanh; Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia, siêu việt, hòa hợp, xuất sanh, thành tựu uẩn, thành tựu giới, thành tựu xứ, thành tựu căn. Đó gọi là sanh.

Ngôn ngữ này hơi khó hiểu, chúng ta đọc kỹ lại thì hiểu như thế này: Sanh

tức là mỗi mỗi chúng sanh, tại vì có 'Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu', nên có ba loại. Nhưng thật ra trong đó có vô lượng loài theo chủng loại thân đó, nó có, nó siêu hợp tức là hòa hợp rồi xuất sanh. Tức là nó tự đầu thai, nói đầu thai cũng không đúng, vì cõi ở trên là hóa sanh, nói chung nó như thế nào đó, nên nó hòa hợp mà sanh ra. Rồi thành tựu được các uẩn, tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đầy đủ.

Ở đây tại sao đức Phật nói không có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Vì nhiều khi là Vô sắc thì đâu có Sắc. Nên Ngài nói là thành tựu uẩn thôi, quý vị hiểu không? Rồi thành tựu giới, giới tức là chủng loại đó sanh vào loài nào thì có loài đó. Rồi thành tựu xứ, ý nói là Sáu xứ (Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý), nhưng nhiều khi không phải có Sáu xứ đâu quý vị. Sáu xứ là nói cõi Người, chứ nhiều khi quý vị lên mấy cõi Trời trên, [thì] họ không xài mấy căn này nữa.

Giống như nhiều người nói: 'Thưa thầy, con sợ âm thanh quá'. Tại vì quý vị chưa nhập Nhị thiền. Quý vị nhập Nhị thiền, thì quý vị biết ở Nhị thiền trở lên là căn tai không nghe, không xài nữa. Cho nên căn tai yếu xuống. Trời Quang Âm thì họ ít xài căn tai lắm, càng lên trên cao thì không xài căn tai nữa, không xài căn mũi nữa, hết xài, không xài. Cho nên bớt xứ xuống, bớt căn xuống rồi. Mà bớt được thì bớt Phiền não.

Hồi xưa quý vị nghĩ mình có nhiều [căn] là mình tốt. Không phải! Có nhiều [căn] thì Phiền não nhiều. Ví dụ quý vị đi ở dưới nhân gian, quý vị có đủ Sáu căn: Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi quý vị đi qua chỗ thơm thì quý vị động tâm. Vì mũi quý vị ngửi mùi thơm: Ôi! Bánh xèo [thơm quá], [rồi] nướng gì đó [thơm]. Nhưng qua chỗ hôi thì quý vị khó chịu chứ. Nhưng chư Thiên ở cõi Sắc, có những tầng trời không xài căn đó nữa rồi. Cho nên các ngài đi qua, thấy đâu có thơm, thối gì đâu. Rồi quý vị thấy các ngài cũng không xài âm thanh, nên các ngài không nghe âm thanh, vì các ngài không có [căn] tai chẳng hạn, [thì] cũng ok thôi. Có những cảnh giới như vậy. Còn cõi Vô sắc thì khỏi có gì luôn, chỉ sống trong tâm thức thôi, vì các thức kia đâu có nữa đâu. Vô sắc giới đó quý vị, chỉ sống trong tâm thức thôi, cho nên đâu có gì đâu.

Đó là tùy! Cho nên đức Phật mới nói tổng quan thành tựu căn, chứ đức Phật đâu có nói Ngũ căn đâu. Sáu căn, Sáu thức, Sáu trần, đó là nói cho cảnh giới Người

thôi. Sau này chúng ta sẽ học rõ ràng cảnh giới nào có loài nào.

Cho nên quý vị tư duy những điều đó cũng quan trọng lắm. Có một bài kinh, đức Phật nói: Nếu ai thường tư duy về các nơi trú xứ của Thần thức (Thiện Trang đã dẫn có chín nơi trú xứ của Thần thức. Có chỗ nói bảy, nhưng nói đầy đủ là chín), hoặc là có loại chúng sanh nhiều thân và nhiều tưởng, đó chính là cõi Người, một số chư Thiên và những cõi đọa xứ. Nói chung từ Dục giới trở xuống là nhiều thân và nhiều tưởng. Tức là thân đâu có giống nhau đâu, thân Thiện Trang hay quý vị, rồi loài bò, v.v… đâu có giống nhau, mỗi người khác nhau, đó gọi là nhiều thân. Và nhiều tưởng tức là suy nghĩ của mình không giống nhau.

Rồi có chúng sanh nhiều thân nhưng một tưởng, đó chính là chúng sanh ở trời Sơ thiền (Phạm Ca Di). Khi lúc đầu mới sanh [thì] nhiều thân [nhưng] có một tưởng thôi. Rồi có chúng sanh nhiều tưởng nhưng chỉ có một thân, là chúng sanh ở trời Nhị thiền. Rồi chúng sanh có một thân, một tưởng thôi, là trời Tam thiền. Rồi có chúng sanh không có tưởng nào hết, là trời Vô tưởng. Rồi chúng sanh không có thân nữa, thì sống ở cõi Sắc hay Vô sắc?

Vậy bây giờ Thiện Trang hỏi cõi Vô sắc là có tưởng hay không có tưởng? Mình bỏ trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ra, hôm bữa thứ Hai Thiện Trang có giải thích về trời này rồi, tạm gác qua một bên. [Còn] ba tầng trời Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu xứ là không có thân rồi, vậy có tưởng không? Tất nhiên là có rồi. Tại vì sao có tưởng? Thứ nhất Không Vô Biên Xứ là họ tưởng tất cả đều là ‘không’, ‘không’ khắp mọi nơi, nên gọi là Không Vô Biên Xứ. Họ sống trong tưởng đó. Còn Thức Vô Biên Xứ là họ cho rằng thức (biết) đó rộng khắp mọi nơi, nên họ cũng sống trong tưởng đó. Còn Vô Sở Hữu Xứ là tưởng không có cái gì hết, không có thức, cũng không có tưởng. Họ tưởng đó, thật ra họ vẫn đang tưởng, nên họ ở trong đó vẫn là có tưởng. Nên ba [hàng] chúng sanh đó là không có thân mà có tưởng.

Cuối cùng là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tại sao không nhét vô chung ba loại đó? Cũng không có thân, rồi cũng không có tưởng mà. Có không? Có! Nhưng [tưởng] đó nhạt quá, nhỏ quá. Giống như quý vị đổ một bát dầu, quý vị hút hay ăn hết dầu rồi v.v… chỉ còn vài giọt dầu dính ở trên cái chén (tô) đó thôi, cuối cùng

nói là chén không có dầu. Đúng rồi! Nhưng nó vẫn còn một chút dầu, dầu đó không hết hoàn toàn, gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Ở trong Kinh A Hàm có chỗ dịch là Hữu Tưởng Vô Hữu Tưởng Xứ. Cho nên chúng ta biết cũng là một cách đặc biệt.

Quý vị nhớ và thường tư duy chín nơi trú xứ của Thần thức, [thì] đức Phật nói người đó dễ giải thoát, đắc đạo A-la-hán đó nha. Tại sao? Bởi quý vị nắm lại cốt lõi Tam giới (tức là ba cõi) bằng chín nơi trú xứ của Thần thức, [thì] quý vị làm chủ rồi, dần dần quý vị cũng ngán, không muốn vô luân hồi nữa đâu. Cho nên có nhiều cách tu lắm.

Chúng ta trở lại. Như vậy những chúng sanh này do có hữu nên có sanh, sanh ra đầy đủ các căn, các thức v.v… Đầy đủ này là tùy theo cảnh giới, đó gọi là sanh. Giống như mình muốn có nhà ở ngoài mặt tiền, nên từ sự mong muốn (Vô minh) đó, cuối cùng mình cũng ráng mua hay cất căn nhà ở ngoài đó. Khi cất nhà xong thì gọi là sanh.

Duyên sanh nên có già chết. (Có sanh thì có già. [Ví dụ] có căn nhà, thì trước sau gì căn nhà đó cũng hoại, cũng hư, cũng rã, có căn nhà nào bền lắm đâu). **Thế nào là già? Như tóc bạc, đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổ ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già.**

Điều này đức Phật nói quá chi tiết rồi đúng không? Già [có] dấu hiệu là gì? [Một là] tóc bạc, hai là đầu hói (có nhiều người đầu bị rụng bớt tóc rồi), ba là da nhăn, các căn suy sụp (các căn yếu rồi), tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ (già rồi bắt đầu hay rên rỉ), hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi (yếu quá phải chống gậy), thân thể đen sạm (điều này rõ ràng! Già rồi thì bắt đầu da đen dần), tay chân nổ ban đốm (đúng luôn), lú lẫn hay quên (việc đang nói người này mà nói người kia. Điều này già là thấy rõ ràng lắm. Hồi xưa Thiện Trang gặp Hòa thượng Thiện Huệ, Thiện Trang ngồi hai bữa, ngài nói chuyện rất hay, nhưng ngài nói cứ lộn miết. Tức là ngài đang nói người này mà nói tên người kia, tên người bị lộn nhưng mình nghe là mình biết. Như ngài đang nói về ngài Tịnh Không mà

ngài nói tên người khác, đang nói ngài Hải Hiền thì nói lộn qua ngài khác, cứ lộn tên khác. Đó là già rồi mới bị vậy), làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi (điều này rõ ràng). Đó gọi là già. [Dấu hiệu của] già thì chắc ai cũng biết, mình chỉ ôn lại thôi.

Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái uẩn thân. Đó gọi là chết.

Chết thì ai cũng biết, chết là dễ biết nhất, tùy loài [mà] chết theo kiểu của chúng. Như chư Thiên chết thì không có khổ như mình, chư Thiên không có chết khổ. Như trong kinh nói có năm tướng suy hao, hay có chỗ nói bảy tướng suy hao hiện ra nơi thân, rồi hết thọ mạng thì họ chết thôi, chết không có đau khổ gì hết. Cho nên trên đó là bình thường, còn mình ở đây thì chết khổ.

Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi". Thật ra chỗ đây còn nói khổ [và] não, già chết thì đi cùng với khổ, não.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 336. Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy 12 Nhân duyên đức Phật giảng rất hay, rất đơn giản, đúng là đức Phật có khác. Thiện Trang nói xưa nay mình nghĩ là không có cách nào có thể giảng ngắn như vậy được. Nhưng nhớ đức Phật có một bài kinh nói đơn giản lắm mà, thế là coi lại, thì đúng là đơn giản. 12 duyên khởi nói một vòng vậy đó, nếu nói ngược lại thì Vô minh diệt nên Hành diệt, tức là cái đằng trước diệt thì cái sau diệt. Giống như quý vị có nhà, mà phải mượn tiền đi mua, cuối cùng tháng nào cũng phải đóng tiền trả nợ. Nhưng nếu quý vị biết nguyên nhân, thôi mình không cần căn nhà đó nữa, bán nhà trả nợ là hết. Duyên hết thì mấy cái sau hết, là hết khổ.

Cũng vậy, chúng ta có mặt trong luân hồi, chúng ta có bao nhiêu nỗi khổ bởi vì do Vô minh. Nếu chúng ta nếu kết được Vô minh là được. Nhưng không kết được ở Vô minh, vì mình không thấy Vô minh. Có nhiều người nhắm vô Vô minh,

nhưng quý vị thấy đức Phật đâu có dạy làm sao kết ở Vô minh đâu, bằng cách nhìn thấy Vô minh được. Quý vị chỉ quán sát tâm là tu Thiền chỉ, tu Thiền quán thì tự nhiên nó hết. Ngoài ra còn một cách nữa là quý vị nhắm vào Ái, cho nên đức Phật hay nói là cắt chữ ái đi, gọi là "**ái tận tức Niết-Bàn**". Tại vì những chỗ nào tu thì mình nhắm vô được.

Nói là cắt ái, thì đức Phật nói là bớt bớt thôi, dùng Thiền quán, quán sát [thì] nó chỉ chạy theo đằng sau, nó không theo kịp, nên mình chỉ bớt [được] thôi. Còn tu Thiền chỉ, thì với sức định của Thiền chỉ thì mới tạm hết, rồi Thiền quán đè vô nữa là hết luôn. Cho nên trong lộ trình tâm mà đắc đạo Tu-đà-hoàn hoặc là đắc các quả vị, quý vị thấy lúc mà chấm dứt được Phiền não là do các sát-na tâm khởi lên, lúc đó đủ Bát chánh đạo hiện tiền, thì đó gọi là Tâm đạo. Khi có Tâm đạo rồi, sát-na sau đó chuyển sang Tâm quả thì lúc đó giữ được trạng thái, không còn sinh lại Phiền não nữa.

Có nhiều người tu kiểu: "Ôi, đừng có tham, đừng có sân, đừng có si đi". Thật ra 'đừng' là không đúng, mà chỉ có giảm tham đi, giảm sân đi, giảm si đi. Vì không có cách nào nhìn thấy được nó đâu, trong một nháy mắt có tỷ tỷ sát-na tâm rồi, một cái búng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm rồi, làm sao có thể theo được. Chỉ có tu tương ưng thì sẽ tương ưng thôi. Cho nên khi mình tu đúng theo những điều đức Phật dạy, đến lúc nào đó công phu đủ thì tự nhiên cắt đứt Phiền não, đắc đạo thì hết. Chứ quý vị bảo hết thì không hết được đâu. Mà không hết, mình đè nén càng lâu thì nó bung lên càng mạnh nữa. Giống như lấy đá đè cỏ, cỏ ở dưới bị che, nhưng lúc nào cỏ lên được là quá trời dưới đó, quý vị giở đá ra là cỏ quá trời luôn.

Cho nên có nhiều người tu sai là vậy đó, tu lâu năm rồi mà tại sao họ phiền não nhiều, tu lâu năm mà tại sao ngã mạn, cống cao nhiều, rồi khống chế mọi người đủ các kiểu, tu càng ngày càng ngu si hơn. Tại vì do lấy đá đè cỏ, mình không biết cách diệt cỏ. Mà muốn diệt cỏ, đức Phật nói: **"Muốn biệt tri Vô minh, muốn biệt tri già chết, hãy tu mười Biến xứ".** Tức là quý vị phải tu Thiền chỉ, để nhờ công phu Thiền chỉ tạo ra Tâm thiền.

Hôm bữa mình học 12 Tâm bất thiện, ở Dục giới có 12 Tâm bất thiện đó thôi.

Nhưng nếu quý vị đắc Thiền chỉ, quý vị lên Tâm thiền, thì tự nhiên là tâm tốt thôi. Tâm tốt đó chỉ là phục thôi, chứ không hết. Khi Tâm đạo lên thì mới hết hoàn toàn, mới cách đứt Phiền não. Cho nên quý vị coi kỹ trong kinh, đức Phật nói điều kiện để đắc đạo là gì? Là phải từ Sơ thiền trở lên. Sau khi lên Sơ thiền [thì] dùng tâm đó để quán Vipassana, quán về Tứ niệm xứ (Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã), quán những điều đó, thì từ đó đắc đạo.

Lộ trình là như vậy. Mà bây giờ mình không chịu tu Thiền chỉ thì làm sao được. Rồi cứ mong chờ sát-na tâm [định]. Cũng có, nhưng hiếm. Có những người nghe đạo mà đắc đạo, là do họ có sát-na tâm Thiền định mà đắc đạo, nhưng điều đó rất hy hữu. Lúc đó đủ Bát chánh đạo, định đó. Trong kinh, đức Phật nói định, định là Sơ thiền. Tuy là có, nhưng không tu thì khó lắm. Và không tu thì thường không có Tâm thiền, thì Tâm dục giới chạy thôi. Tâm dục giới là tâm tham, sân, si, 12 loại tâm đó, chúng ta đã học trong này. Chủ yếu các loại tâm đó là chính, cho nên thường gây ra Phiền não là đúng rồi. Còn bao giờ quý vị đắc Tu-đà-hoàn là bớt được 5 tâm trong 12 Tâm đó, là còn 7 tâm thôi.

Cho nên phải tu đúng, chứ không phải là mong muốn, mong muốn là vọng tưởng. Nên nhớ! Đức Phật nói: Không phải mong muốn hay không mong muốn, hay vừa mong muốn vừa chẳng mong muốn, hay chẳng mong muốn cũng chẳng không mong muốn, quý vị tu không được. Giống như con gà ấp trứng, nó ấp đúng cách thì ra con gà con. Người đánh đàn, muốn đánh được ra tiếng đàn [thì phải] đánh cho đúng cách, chứ không phải muốn hay không muốn. Đưa cho người không biết đánh đàn, dù có muốn lắm, nhưng đánh đứt dây đàn cũng không ra tiếng. Cũng vậy, lấy lửa phải lấy cho đúng cách, vắt sữa bò cũng phải vắt cho đúng cách, đúng chưa? Đó là những điều mà quý vị muốn thành đạo thì phải tu như thế. Còn quý vị không tin thì tùy quý vị, tùy duyên.

Hôm nay Thiện Trang đã chia sẻ xong 12 nhân duyên, bây giờ chúng ta vào phần A Tỳ Đàm về Tâm, mời quý vị theo dõi tiếp. Chúng ta đã học 12 tâm, quý vị tự coi lại nha. Đừng để bữa sau Thiện Trang hỏi 12 tâm là gì, mà quý vị không biết 12 Tâm bất thiện là gì luôn. Có bao nhiêu Tâm tham? Quý vị phải nhớ [có] 8 Tâm tham, gồm những gì. Bao nhiêu Tâm sân, bao nhiêu Tâm si, chỉ có vậy thôi. Không

nhớ là bữa sau nghe như vịt nghe sấm đó, không có hiểu đâu. Cố gắng nhớ! Điều đó dễ lắm mà! 8 Tâm tham thì đi với hai thọ, hoặc là thọ hỷ hoặc là thọ xả; hợp Tà kiến hay không hợp Tà kiến (ly tà hay hợp tà); có trợ hay vô trợ, thành ra nhân 8 trường hợp.

Tâm sân thì có hai thôi, Tâm sân thì lúc nào cũng hợp phẫn nộ, thọ ưu, có trợ hay vô trợ, là hết. Tâm si thì cũng rất dễ, chỉ có hợp với hoài nghi hay hợp với phóng dật là xong. Vậy khỏe! Chỉ có hai thứ. Như vậy là xong 12 Tâm bất thiện.

Bữa nay chúng ta sẽ học vào tâm khác, hôm bữa là phần A, bữa nay mình học phần B.

Tâm Trong A Tỳ Đàm (tiếp theo)

(B) Tâm Vô Nhân (Ahetuka Citta) có 18:

+Định nghĩa: Tâm vô nhân (Ahetukacitta) ám chỉ cho những tâm không có nhân tương ưng (*sampayuttahetu*) cùng phối hợp (không có phối hợp với: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si). Tức là những tâm nào không đi cùng với tham, sân, si, không tham, không sân, không si, thì đó gọi là Tâm vô nhân.

Như vậy hôm bữa mình học 12 tâm vừa rồi, là Tâm vô nhân hay là Tâm có nhân? Mình học 12 Tâm bất thiện là Tâm tham, sân, si. [Tâm] tham có 8 tâm, Tâm sân có 2 tâm, Tâm si có 2 tâm. Tâm đầu tiên hợp với tham, tâm thứ hai hợp với sân, tâm thứ ba hợp với si. Như vậy đó là tâm có nhân. Cho nên mới gọi là nhân hay vô nhân.

Hôm nay chúng ta học 18 tâm này là không có phối hợp với tham, sân, si. Nói chung là không liên quan đến tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si, chỉ lấy tâm thôi. Tại sao lại như vậy? Điều đó chúng ta từ từ học, có 18 tâm. Cho nên đi đầu thai, thì có Tâm vô nhân, có Tâm nhị nhân, có Tâm tam nhân. Hôm nay chúng ta học Tâm vô nhân là gì? Định nghĩa như thế này:

Có 18 thứ tâm vô nhân (*ahetuka citta*), được chia thành 3 nhóm:

B1. Tâm quả Bất thiện (*Akusala vipāka citta*) có 7. Hôm bữa là Tâm nhân nha quý vị, còn bữa nay là Tâm quả. Thật ra tâm này là Tâm vô nhân, trong Tâm

vô nhân, đầu tiên mình quan tâm là Tâm quả Bất thiện, thì có 7. Đây là Tâm quả chứ không phải Tâm nhân, hôm bữa nếu đọc đầy đủ là Tâm nhân Bất thiện, có 12 tâm. Đó là Tâm nhân vì liên quan đến tham, sân, si, thì có 12 tâm.

Tại sao gọi là Tâm nhân, tại sao gọi là Tâm quả? Tâm nhân vì có liên quan đến tham, sân, si, và những điều đó tạo ra quả báo. Còn tâm này không phải tạo ra quả, mà tâm này là Tâm quả, là nhận được quả từ thời khác. Ví dụ như có người trồng cam thì đó là Tâm nhân, có người hái cam được quả. Ở đây tâm này cũng vậy. Chúng ta tạm thời hiểu Tâm quả Bất thiện có 7.

'Tâm quả Bất thiện' sinh khởi chính là quả của Tâm bất thiện, hay là quả sanh từ 12 nghiệp bất thiện, trong đó có thấy, nghe, ngửi... những cảnh không tốt.

Tâm này thật ra chính là quả của 12 Tâm bất thiện hôm bữa, nó khiến cho mình thấy, hoặc là nghe, hoặc là ngửi, hoặc là nếm, hoặc là xúc chạm, hoặc là suy nghĩ những cảnh không tốt.

Học ở đây, quý vị mới cẩn thận, mới sợ, nhiều người cứ nghĩ tại sao mình ăn không được ngon? Thật ra đó là do Tâm nhân. Quý vị tạo 12 nghiệp bất thiện theo 12 tâm tham, sân, si, cho nên bây giờ mình gặt quả. Quả đó hiện ra, thành ra mình ăn món ăn không được ngon, mình ngửi mùi hương không tốt v.v... thì đó là do Tâm quả. Tất nhiên không hoàn toàn là do tiền nghiệp, có thể do hoàn cảnh, nhưng nói chung đại khái là như vậy. Tại vì nghiệp vẫn là nhiều hơn. Hay định nghĩa khác là:

Hay: Tâm quả Bất thiện (*akusala vipāka citta*) tức là tâm quả do dị thời 'nghiệp duyên' bất thiện trợ tạo, hay là chủng tử bất thiện, do Tâm sở Tư (*cetanā*) hợp với Tâm bất thiện đã diệt còn để lại ảnh hưởng tợ như hạt giống, khi gặp dịp phát ra Tâm quả Bất thiện.

Định nghĩa này thì đầy đủ hơn. Tức là Tâm quả Bất thiện là gì? Là Tâm quả do dị thời 'nghiệp duyên' bất thiện trợ tạo.

Đầu tiên là mình giải thích từ dị thời 'nghiệp duyên'. #Dị thời là khác thời, #nghiệp duyên là duyên nghiệp. Nói đơn giản là như vầy: Mình làm một việc gì

đó mà [việc đó] chưa xảy kết quả đồng lúc đó, phải có một thời gian nào đó thì mới trổ ra kết quả, thì gọi là dị thời. Ví dụ như thế này, từ từ quý vị nghe cho kỹ nha, điều này khó giải thích lắm.

Ví dụ quý vị đánh một người, thì một thời gian sau bị người khác đánh lại, bị người nào đó đánh lại, thì đó gọi là dị thời nghiệp duyên đúng không? Đời này đánh người kia, đời kia bị người đánh lại, hoặc giết người ta thì bị người ta giết lại, điều đó thì ai cũng hiểu. Nhưng nếu quý vị đánh người ta, rồi người ta đánh lại quý vị, thì đó có phải là dị thời nghiệp duyên không? Bây giờ hai đứa gây chuyện đánh nhau, đứa này đánh đứa kia, đứa kia đánh lại một cái. Vậy có phải dị thời nghiệp duyên không?

Vẫn là dị thời nghiệp duyên. Vì sao? Vì quả bị đánh lại vẫn là chậm hơn nhân kia. Quý vị hiểu không? Lúc mình đánh là giây trước rồi, nhưng giây sau nó mới đánh lại mà, đó là khác thời. Phải khác thời, nhưng thời gần quá. Còn dị thời nghiệp duyên có thể nói rộng hơn, từ thời ngắn đến thời dài. Thời dài có thể là đời khác, kiếp khác v.v... vô lượng kiếp sau mới chín.

Mà đó là do nghiệp bất thiện mình tạo, tức là 12 nghiệp bất thiện ở trên đó. Mỗi lần có một Tâm bất thiện khởi lên thì cho mấy quả: Một quả là tâm đầu thai. Tâm đó để làm tâm đầu thai. Ngoài ra còn tạo ra một chủng tử nghiệp, nói ngôn ngữ dễ hiểu là chủng tử nghiệp, tức là hạt giống nghiệp nằm đâu đó, đến lúc nào đó mới trổ ra quả. Cho nên khi quả trổ thì tâm đón nhận, gọi là dị thời nghiệp duyên. Cho nên Tâm quả đón nhận. Đó là mình hiểu rõ ràng.

Hay là chủng tử bất thiện, do Tâm sở Tư (*cetanā*) (chủ ý, hành động) hợp với Tâm bất thiện đã diệt còn để lại ảnh hưởng tợ như hạt giống, khi gặp dịp phát ra Tâm quả Bất thiện. Nghĩa là khi quý vị làm, thật ra khi làm là mình cố ý, có chủ đích là mình làm việc gì đó. Ví dụ quý vị muốn giết con gà để ăn thịt. Tâm đó là Tâm sở Tư. Quý vị giết gà để ăn thịt, thì hành động sẽ xảy ra. Điều đó gây ra một chủng tử bất thiện, mà chủng tử đó thật ra là Tâm sở Tư lúc đó đã hoạt động rồi, là chủ định giết con gà đó để làm gì. Thì tâm lúc đó là tâm gì quý vị? Lúc đầu là tâm tham, tham ăn thịt. Nhưng lúc giết con gà đó quý vị ra tay với con gà thì quý vị phải có sân. Quý vị không có sân, là quý vị có tâm từ, thì không thể nào giết con

gà được, lúc đó phải có tâm sân khởi lên.

Cho nên hai tâm: Tâm tham với Tâm sân kết hợp lại, đó là Tâm sở Tư, chủ đích của mình gọi là Tâm sở Tư. Chủ đích tạo ra hạt giống đó, bây giờ hạt giống đó đến lúc trổ ra. Nó trổ ra là tự nhiên quý vị bị bệnh, đau, hoặc là bị té xe, gãy chân, gãy tay, hoặc bị người ta chém v.v... Đó là Tâm quả Bất thiện xuất hiện, trổ từ chủng tử chính là Tâm sở Tư ngày xưa mình muốn giết con gà.

Nhân quả rõ ràng như vậy! Nó đã tạo thành hạt giống nằm ở đâu đó, bên Đại thừa gọi là nằm trong A-lại-da thức. Cho nên khi làm một việc gì đó thì tạo ra hai quả: Một quả là Tâm đầu thai, để khi nào chết, may ra nó bốc tâm đó ra là ngon, hên hay xui là do đó. Hai là quả nghiệp. Quả nghiệp chính là Tâm sở Tư. Quý vị chú ý như vậy, [chúng ta] học rất kỹ.

+Có khi nói: Thành tựu do nơi nghiệp bất thiện, nên gọi là Tâm quả bất thiện.

Tóm lại là bởi do thành tựu nơi nghiệp bất thiện, nên gọi là Tâm quả Bất thiện. Tâm này là thụ động, chỉ tiếp nhận cảnh thôi, chứ không tạo ra gì hết, nên gọi là Tâm quả. Còn những tâm hôm trước mình làm, như tâm tham, sân, si... 12 tâm đó, thì gọi là Tâm nhân, vì nó tạo ra nhân. Còn ở đây thì không, [tâm này] chỉ đón nhận quả đời trước.

Tâm quả Bất thiện có 7:	**TT**	**Loại**	**Thọ (Câu hành)**
	1	Nhãn thức	Xả
	2	Nhĩ thức	Xả
	3	Tỉ thức	Xả
	4	Thiệt thức	Xả
	5	Thân thức	Khổ
	6	Tiếp nhận (Tiếp thâu)	Xả

	7	Suy xét (Thẩm tấn)	Xả

Tâm quả Bất thiện có 7 tâm: Thứ nhất là về thứ tự (1-7); thứ hai là về loại; thứ ba là về thọ. Thọ có khi dùng ngôn ngữ là câu hành, tức là đi cùng với gì đó.

Thứ nhất là Tâm quả Bất thiện về Nhãn thức. Dễ nhớ lắm! Đầu tiên là Nhãn thức, tức là sự biết của mắt, thì thuộc thọ xả. Đây là bất thiện nha. Ví dụ quý vị thấy cảnh không tốt, ở đây Thiện Trang có lấy một ví dụ: Quý vị thường thấy cảnh không tốt, gọi là Tâm nhãn thức [Bất thiện]. Như quý vị thấy khu nhà xấu xí, ổ chuột, thấy cảnh khó chịu. Mình thì đổ thừa là mình ở trong khu nhà đó, ở trong xóm đó toàn là những căn nhà xấu quá.

Nhưng thực tế không phải tự nhiên như vậy. Không phải 100%, nhưng có thể do quý vị tạo nghiệp bất thiện ở đời trước nên giờ phải chịu quả là mắt của quý vị phải thấy những cảnh xấu. Đó là Tâm quả Bất thiện về Nhãn thức. Và quý vị thấy lúc đó là thọ xả, mới chỉ là thấy thôi, chưa có làm gì hết, chưa suy xét, chưa đắn đo.

Còn người tạo [nghiệp với] Tâm thiện thì thấy cảnh tốt đẹp, cho nên họ sanh vào nhà giàu sang, ăn đồ ngon, thấy cảnh đẹp v.v... Như chư Thiên thấy toàn cảnh đẹp, cảnh tốt. Còn mình, bây giờ nói đơn giản, quý vị xuống Địa ngục (không phải cõi Người nha), thì Địa ngục là quả bất thiện. Quý vị tạo nghiệp gì đó, khi vô Địa ngục thì thấy toàn cảnh xấu, thấy cảnh diều hâu, cá, rắn sắt, chó sắt v.v... ăn nuốt ghê gớm lắm, như trong Kinh Địa Tạng tả chẳng hạn. Cảnh như trong Địa ngục là do Tâm bất thiện trổ quả, mà quả đó trổ trên mắt, mắt thấy cảnh như vậy. Lúc đó là thọ xả thôi, vì chỉ là thấy thôi, chứ chưa có nhận định gì, chưa quan sát.

Thứ hai là Tâm quả Bất thiện về Nhĩ thức cũng là thọ xả. Tỷ thức là thọ xả. Thiệt thức là thọ xả. Tức là bốn giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi đều thọ xả. Nhưng còn thân thì là thọ khổ. Vì sao? Vì thân tiếp xúc trực tiếp, còn những giác quan khác chỉ là thấy thôi. Ví dụ quý vị tiếp xúc nước sôi, thì không thể thọ xả, lúc đó đố mà quý vị thọ xả được. Khổ, [thân] nóng liền đó chứ, đúng không? Cho nên Thân thức là thọ khổ. Còn những thức kia là tiếp xúc từ xa. Ví dụ như mắt thấy [cảnh], tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lúc đó nó chưa xử lý. Thiệt thức thì mới

tiếp xúc nhẹ thôi, cũng chưa xử lý. Nhưng còn thân là thọ khổ. Tại vì sao? Vì ở đây là [cảnh] bất thiện. Nếu là Tâm quả thiện thì thọ lạc, không thọ khổ.

Thấy xong rồi, tiếp theo là Tâm tiếp nhận. Tâm quả tiếp nhận (tiếp nhận hay tiếp thâu hay tiếp thu) này tiếp nhận cảnh xấu thì cũng thọ xả luôn.

Rồi tới tâm tiếp theo là Tâm suy xét (có khi gọi là Tâm thẩm tấn. Điều này thì tùy người dịch, người ta dịch sao cũng được) thì cũng thọ xả luôn. Vì lúc đó chưa xét ra cảnh là gì, nên chưa đưa ra quyết định. Trong lộ trình tâm hôm bữa Thiện Trang giới thiệu, thì nó nằm ở đây.

7 loại tâm này gọi là 7 Tâm quả Bất thiện. Bây giờ chúng ta vào ví dụ:

VD1: *Một người do nghiệp bất thiện ở quá khứ mà phải thường nghe âm thanh khó chịu bởi tiếng hát karaoke của những nhà hàng xóm.*

Điều này ở Việt Nam là có thật. Quý vị không thích nghe tiếng hát karaoke ở nhà hàng xóm, họ hát dở quá, 12 giờ đêm rồi mà còn hát "gánh cha, gánh mẹ" v.v... họ hát đủ các kiểu. Ôi! Khổ lắm, mình nghe không nổi nhưng phải nghe. Và việc nghe này là nghe khó chịu. Nghe mà khó chịu như vậy thì thường là do nghiệp quá khứ mình làm việc bất thiện nào đó, nên bây giờ mình phải chịu Tâm quả Bất thiện. Đây là Tâm quả Bất thiện về Nhĩ thức, tức là tai nghe cảnh không tốt. Cho nên người sanh ra mà có nhiều Tâm thiện thì họ có có hoàn cảnh tốt. Mình hiểu vậy thì mình không trách móc ai.

Bây giờ chúng ta vào học kỹ từng loại tâm.

1. Tâm quả Nhãn thức Bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ) (quý vị nhớ là tất cả Tâm quả Bất thiện đều là thọ xả, chỉ có Thân thức là thọ khổ. Nhớ vậy là được rồi, còn lại là thọ xả, khỏi phải suy nghĩ gì cả) **chỉ biết cảnh sắc bất thiện.** Tức là khi đang khởi tâm này là toàn thấy cảnh xấu không thôi.

+**Định nghĩa: Tâm thức nương nhãn thanh triệt mà sanh ra, nên gọi là Tâm quả Nhãn thức.** (Tức là tâm thức nương vào nhãn thanh triệt. Thanh triệt tức là mắt của mình cũng phải tương đối kha khá, rõ ràng thì mới thấy, chứ mắt

không thấy đường thì lấy gì mà thấy. Tâm thức của mình nương vào cảnh của mắt (mắt sáng) mà sanh ra, nên gọi là Tâm quả Nhãn thức. Đây là mới nói chung thôi, chưa nói đến bất thiện nha). **Hoặc trạng thái nương mắt thông suốt rõ ràng** (nhãn thanh triệt) **sanh ra, chỉ biết cảnh sắc, nên gọi là Tâm quả Nhãn thức.** (Tại vì đây chỉ là quả thôi quý vị, quả báo ở đời trước hiện ra. Bây giờ mình sanh vào cõi này nên thấy cảnh người như vậy. Chứ quý vị sanh vào cõi Trời thì thấy toàn là cảnh tốt đẹp thôi. Mắt của quý vị thấy đó. Hoặc là quý vị sanh ở Châu Phi thì khác với Châu Âu, Châu Phi thấy cảnh như vậy, nhận quả xấu nhiều hơn. Còn sanh ở Châu Âu thì cảnh đẹp, khí hậu tốt... chẳng hạn như vậy). **Trường hợp cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Nhãn thức Bất thiện.**

Tức là định nghĩa ở đây là định nghĩa chung luôn, Tâm quả Nhãn thức có hai loại: Thiện và bất thiện. Biết cảnh sắc, mà sự biết này là nương vào mắt (Nhãn thức), trường hợp tốt thì gọi là Tâm quả Nhãn thức thiện, còn trường hợp xấu thì gọi là Tâm quả Nhãn thức bất thiện.

+VD2: *Người do nghiệp xấu trong quá khứ nên thường thấy cảnh dơ bẩn vì sống ở khu nhà ổ chuột.*

Điều này là rõ ràng! Mình sống trong khu ổ chuột mà mình tưởng không phải, nhưng thật ra đa phần do nghiệp quá khứ. [Do] mình tạo nên mình ở trong đó, thấy nhơ nhớp quá. [Vì] khu nhà ổ chuột nên mất vệ sinh, họ vứt đồ tùm lum, họ lặt rau, nấu ăn gì đó rồi vứt ra ngoài, thấy nhơ nhớp quá. Quý vị thấy cảnh đó là do ở đâu ra? Là do tâm mình. Tâm gì? Đó là Tâm quả Nhãn thức Bất Thiện. Tức là do đời trước mình làm việc bất thiện, nên bây giờ mới trổ quả.

Ví dụ như đời trước, mình đi ra đường, mình xả rác thường xuyên, hoặc là mình đổ đồ dơ xuống sông, xuống biển gì đó. Hoặc mình làm cảnh gì đó, như bắt người khác làm những việc gì dơ bẩn, thì bây giờ quả đó trổ. Bây giờ đố quý vị, tâm mà hồi xưa mình làm những việc như vứt rác xuống sông, ra đường, rồi bắt người ta dọn dẹp đồ dơ bẩn v.v.. thì tâm đó là tâm gì? Cho quý vị đáp án là Tâm Bất thiện luôn. 12 Tâm bất thiện thì quý vị phải xác định đó là tâm nào. Chính xác là Tâm tham bất thiện. Nhưng thọ gì? Không biết luôn! Vì lúc đó mình vứt thấy vui vẻ, mà vứt thấy vui vẻ là Tâm tham thọ hỉ.

Còn nếu ngày nào cũng vứt hoài, giống như ở Việt Nam mình, đang đi trên xe, xe đò hay xe gì đó, có người ăn xong trái bắp, còn cái cùi thì vứt ra ngoài, hoặc vứt cái bịch ra ngoài. Có người thì vứt thấy đã, có người thấy vứt bình thường, vứt vậy thôi. Người nào dục thấy đã đó là thọ hỉ, [thì là] Tâm tham thọ hỉ. Còn nếu khi vứt mà họ cảm thấy bình thường, họ quăng ra ngoài như vậy thôi, họ quăng hoài [nên] thấy bình thường, thì đó là Tâm tham thọ xả. Nghiệp bất thiện đó, nên giờ chui vào khu nhà ổ chuột, thấy toàn đồ dơ. Nghiệp của mấy con ở dơ cũng là do nguyên nhân như vậy.

Quý vị thấy không? Học bộ này rõ ràng lắm! Chúng ta phân tích sơ sơ vậy thôi.

Như vậy là do do nghiệp xấu trong quá khứ nên thường thấy cảnh dơ bẩn, vì sống ở khu nhà ổ chuột. Tâm này là Tâm quả thôi, nên cũng không phân tích gì nhiều.

Nhân trợ sanh (*upattihetu*) Tâm quả Nhãn thức có 4. Ở đây nói Nhân quả trợ sanh Nhãn thức nói chung, chứ không nói là bất thiện nha.

Nhân trợ sanh (*upattihetu*) Tâm quả Nhãn thức có 4:	1.Sắc nhãn thanh triệt (*cakkhupasādarūpa*)
	2. Cảnh sắc (*rūpārammaṇa*)
	3. Ánh sáng (*āloka*)
	4. Có sự để ý (*manasikāra*) đến cảnh ấy.

1. Sắc nhãn thanh triệt (cakkhupasādarūpa): tức là mắt của mình phải tương đối tốt, chứ con mắt không thấy gì hết, thì đi ra ngoài, đi qua khu người ta đổ phân xanh (miền Bắc gọi là phân bắc đúng không?) đầy ra đó, nhưng ông đó bị mù, nên ổng đi ngang qua, ổng có thấy gì đâu. Ổng thấy bình thường thôi, đi ngang qua xác người, thậm chí dính vào người cũng không cảm nhận được. Ổng không cảm nhận được nếu như mắt và tai của ổng không có, và ông không ngửi được thì ổng không biết luôn. Cho nên mắt phải thanh triệt, gọi là Sắc nhãn thanh triệt.

2. Cảnh sắc (rūpārammaṇa): tức là phải có cảnh, không có cảnh thì không

được.

3. Ánh sáng (āloka): Mắt nhìn cảnh phải có ánh sáng, chứ tối thui thì thấy gì đâu. [Ví dụ] như đi qua khu đó tối đen thì có nhìn thấy gì đâu. Bây giờ thì đèn điện mạnh, chứ hồi xưa không có đèn điện gì, đi nhiều khi vui lắm, ban đêm đi vô nhà người quen, đi thoải mái lắm. Đến sáng đi ra thì nhìn thấy mấy ngôi mộ người ta chôn bên cạnh, sợ quá trời. Lúc sáng ra mới sợ, vì lúc sáng ra mới thấy ngôi mộ. Tại sao? Vì có ánh sáng mới thấy, lúc đó mới sợ. Còn lúc tối đi vô, đâu có ánh sáng đâu, cho nên đi qua bình thường, tỉnh bơ. Cho nên phải có ánh sáng.

4. Có sự để ý (manasikāra) đến cảnh ấy: Chỗ này là phải có sự để ý đến cảnh. Vì mình để ý đến thì mình mới thấy, chứ không để ý đến cảnh thì làm sao thấy. Nhiều khi vui lắm, nhiều người chạy ra đường hay đi qua khúc đường đó, giờ đang nghe điện thoại, nghe miết, nên chạy vô tư. Chạy qua một hồi không thấy gì hết. Giả sử như người đó sợ ma, chạy qua, vô đến nhà, thằng bạn kêu: "Nãy mày đi qua nhà đó, có đám ma đó, mày có thấy không?" "Ủa! Tao có thấy đâu". Là do nó không chú ý tới cảnh đó thôi. Nhưng xong rồi, lát [nữa] đi ra về thì nó thấy hơi sợ, chẳng hạn. Đó là phải có sự để ý đến cảnh.

Như vậy Tâm quả Nhãn thức phải có bốn nhân này. Đây là nói chung, còn Bất thiện cũng vậy.

2. Tâm quả Nhĩ thức Bất thiện thọ xả: (Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ) (cũng giống như trên, cũng thọ xả)**: chỉ biết cảnh thanh** (tức là về âm thanh).

+Định nghĩa: Tâm thức nương nhĩ thanh triệt mà sanh gọi là Tâm quả Nhĩ thức. Hoặc trạng thái nương nhĩ rõ ràng thông suốt mà sanh, chỉ biết cảnh thanh, nên gọi là Tâm quả Nhĩ thức. Trường hợp cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Nhĩ thức Bất thiện.

Giống như ví dụ ở trên, bây giờ đổi mắt thành tai. Tai của quý vị phải nghe được, chứ tai không nghe được thì làm sao nghe được, cho nên gọi là thanh triệt. Rồi từ đó sanh, ví dụ như nghe âm thanh. Ở đây có một ví dụ thực tế trong nhà Phật luôn:

+VD3: *Một người sống thường hay tạo nghiệp chửi mắng người khác, khi mạng chung do nghiệp xấu bị đọa vào Địa ngục Kiếu Oán, nên thường nghe âm thanh chửi bới khó chịu.*

Có một Địa ngục tên là Địa ngục Kiếu Oán. Địa ngục đó là bị những con quỷ chửi dữ lắm, nó chửi mắng thậm tệ luôn. Ở trong Địa ngục đó, quý vị thấy tai nghe những âm thanh khó chịu, thật ra là do nghiệp đời quá khứ mình chửi mắng người ta. Chửi mắng như vậy thì tạo nghiệp, và nghiệp đó bây giờ lỡ xui vô trong đó thì phải chịu thôi. Đó là Tâm quả Nhĩ thức, vì nghe qua tai, và bất thiện. Quý vị nên nhớ như vậy là được rồi.

Chúng ta tới phần tiếp theo, học phần này nhanh thôi, không có gì khó khăn. Bây giờ quý vị tìm [Tâm] nhân thử coi, người bị đọa vào Địa ngục Kiếu Oán, bị chửi. Vậy hồi xưa giả sử mình chửi người, thì đó là tâm gì? Quý vị chửi người thì là tâm gì trong 12 loại Tâm bất thiện? Bây giờ mình học thì mình phải biết chứ. Tâm tham, Tâm sân hay Tâm si? Chửi người thì lúc đó sân đúng không? Sân là chính, thường thường sân với tham đi cùng nhau. Tham với sân cùng nhau, tham không được thì sân. Bực mình chuyện gì đó, không được chuyện gì đó nên sân lên chửi. Còn si là mơ mơ màng màng, không biết cảnh, thì làm gì chửi được. Cho nên mình xác định được ngay.

Nhân trợ sanh Tâm quả Nhĩ thức có 4: Tương tự như trên

Nhân trợ sanh Tâm quả Nhĩ thức có 4:	1. Sắc nhĩ thanh triệt (*sotapasādarūpa*)
	2. Cảnh thanh (*saddārammaṇa*)
	3. Khoảng không (*ākāsa*)
	4. Có sự để ý (*manasikāra*) đến tiếng ấy.

1. Sắc nhĩ thanh triệt (*sotapasādarūpa*): tức là tai của mình phải tốt một chút, chứ tai mình dở quá (nặng tai) thì không nghe được. Cảnh của tai cũng phải rõ ràng.

Ở trên là cảnh của mắt cũng phải rõ ràng, có chữ sắc tức là cảnh của mắt. Giống như cảnh đó phải rõ ràng, chứ cảnh mơ mơ màng màng thì làm sao mình

thấy. Ở đây cũng vậy, âm thanh phải đủ rõ ràng, chứ tai mình không nghe được thì không được rồi.

2. Cảnh thanh (saddārammaṇa): phải có cảnh.

3. Khoảng không (ākāsa): phải cần khoảng không thì mới nghe âm thanh. Khoảng không là sao? Khoảng không tức là không gian phân cách giữa các sắc, làm cho điều kiện phân biệt để các âm thanh không chồng lẫn nhau.

Quý vị học khoa học thì biết, phân tử, nguyên tử thì chuyển động, mà hai âm thanh truyền cùng một lúc là mình không phân biệt được. Nên điều này cần phải có hư không (khoảng trống). Khoảng trống này không phải là hư không (khoảng không). Khoảng trống này thật ra có sự phân biệt để âm thanh này với âm thanh kia ra từng thứ. Chứ hai cái đến [cùng] một lúc thì không [nghe] được. Mặc dù hai âm thanh có thể phát một lúc, ví dụ vừa phát nhạc, vừa phát chửi bên kia, một lúc quý vị không thể nghe hai bên được, mà quý vị nghe tiếng nhạc bên này vừa dứt, quý vị nghe tiếng chửi bên kia thì được.

Thực ra là nó có độ dừng một chút nào đó, còn nếu hai cái đi cùng một lúc thì tai mình không phân biệt được. Nhưng vì nó dừng ngắn quá nên mình nghĩ là nó đồng thời, vừa giọng hát karaoke, vừa giọng [chửi]. Nhưng thật ra không phải, có khoảng dừng một chút, đó là khoảng không. Tức là nó có độ trống ở trong không khí, ở trong phân tử, nguyên tử, hoặc trong sắc chất (vật chất) có độ trống một chút. Nghĩa là giữa hai âm thanh không đi cùng một lúc, mà nó cách nhau trong các bước sóng, ai học Vật lý thì hiểu. Từ đó mình mới phân biệt được âm thanh.

4. Có sự để ý đến tiếng ấy: rõ ràng là phải để ý đến tiếng ấy, chứ không để ý là không nghe được.

3. Tâm quả Tỉ thức Bất thiện thọ xả (*Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ),* chỉ biết cảnh khí (mùi hương). Tức là chỉ biết cảnh mùi (#khí là mùi hương). Ở đây tất nhiên bất thiện thì chỉ biết mùi hương (hay cảnh khí) này là cảnh xấu thôi, còn bao giờ thiện thì là cảnh tốt.

+ Định nghĩa (cũng tương tự như trên): **Tâm nương tỉ thanh triệt mà**

sanh ra nên gọi là Tâm quả Tỉ thức. Hoặc Tỉ thức có trạng thái ngửi mùi, chỉ biết cảnh khí (mùi), nương mũi sanh khởi, nên gọi là Tâm quả Tỉ thức. Trường hợp cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Tỉ thức Bất thiện.

Tức là trường hợp này nghe mùi hôi, mùi không ưa thích. Chưa chắc là mùi hôi, nhiều khi nước hoa đối với người ta thì thơm, nhưng đối với mình thì khó chịu, gọi là cảnh không phù hợp với mình.

VD4: *Một người do nghiệp bất thiện trong quá khứ nên thường ở gần nơi chăn nuôi heo, khiến phải thường ngửi mùi hôi thối.*

Cảnh này là có đó, quý vị thấy nghiệp bất thiện nào đó đưa đẩy mình ở trong xóm đó có người nuôi heo. Ở Việt Nam thì có, chứ nước ngoài họ quy hoạch, không cho nuôi trong khu đô thị, khu người ở đâu. Nhưng ở Việt Nam thì có, ở chỗ nào đó mà người ta ngửi mùi hôi thối. Tại vì mình ở ngay chỗ đó, xóm đó có người nuôi heo mà hôi lắm. Đó là do nghiệp bất thiện trong quá khứ, mình làm gì đó nên trổ ra quả đó. Chứ mình có tiền thì mình chuyển nhà đi rồi, nên đó cũng là nghiệp bất thiện trong quá khứ. Có nhiều nghiệp lắm chứ không phải một nghiệp, nên mình cũng không biết là nghiệp nào, nhưng nếu có thể đưa ra những nghiệp tương ứng. Nhiều khi không phải nghiệp mình gây ra cho người ta [ngửi] thối, rồi bây giờ mình bị ngửi mùi thối đâu. Mà do nghiệp bất thiện nào đó, do đầu thai chịu cảnh nghiệp quả như vậy, chứ không phải giống hoàn toàn.

Nhân trợ sanh Tâm quả Tỉ thức có 4:

Nhân trợ sanh Tâm quả Tỉ thức có 4	1. Sắc tỉ thanh triệt (*ghānapasādarūpa*)
	2. Cảnh khí (*gandhā rammaṇa*) các thứ hơi mùi
	3. Gió phất (*vāyo*) mang/lùa hơi vào tỷ thanh triệt
	4. Có sự để ý (*manasikāra*) với hơi, mùi ấy.

1. Sắc tỉ thanh triệt: tức là cảnh sắc đó phải rõ ràng sáng suốt. Cảnh này là cảnh mùi, mũi [phải] rõ ràng, chứ mũi không rõ ràng thì làm sao [ngửi] được.

2. Cảnh khí các thứ hơi mùi.

3. Gió phất mang/lùa hơi vào tỷ thanh triệt: tức là mũi của mình tốt rồi, nhưng phải có gió thì mới có mùi, nếu không có gió thì đâu có bay mùi được.

4. Có sự để ý với hơi, mùi ấy: Phải để ý, chứ nhiều khi không để ý thì quý vị nghe cũng như không. [Ví dụ] như đang tập trung vào việc gì đó thì quên mất, tức là không để ý thì không có [ngửi thấy].

Chúng ta học trong Luận Câu Xá [thì] thấy, một lúc sự vận hành của mình chỉ bắt được một cảnh thôi, chứ không thể bắt một lúc sáu cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu cảnh thì nó chỉ bắt được một cảnh thôi, cảnh nào mạnh nhất thì bắt. Ví dụ như mình kêu: "Ôi! Con bắt được sáu cảnh". Nhưng không phải, thực tế là nó chỉ xử lý một cảnh thôi, rồi [thức] kia tiếp tục. Cho nên một lúc, nếu như mình tập trung hết cỡ vào một cái này thì quên hết.

Giống như có ông đó ngồi suy nghĩ vấn đề gì đó, cho nên ổng quên hết mọi thứ, người ta đi qua đi lại cũng không biết gì hết. Đó là mình tập trung vào cảnh pháp (suy nghĩ tức là cảnh pháp), là dùng Ý thức. Dùng Ý thức cho nên suy nghĩ không [thôi], nên quên hết. Còn người thì mắt nhìn chăm chăm mãi không rời hình ảnh một bông hoa. [Vì] nhìn một bông hoa nên mắt tập trung hết vào bông hoa, nên quên hết mùi hương bên cạnh. Có bãi phân trâu hoặc phân gần đó mà mình không nghe. Đó là do mình tập trung một cái đó quá cho nên không để ý tới cái kia. Cho nên phải có sự để ý vào cảnh đó.

Như vậy chúng ta dễ dàng hiểu được điều này, cũng không có gì khó, nói chung mình chỉ cần biết sơ qua.

4. Tâm quả Thiệt thức Bất thiện thọ xả *(Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ)* (Thiệt tức là lưỡi)**, chỉ biết cảnh vị.** Nếu là bất thiện thì cảnh vị xấu.

+ Định nghĩa: Tâm nương thiệt thanh triệt mà sanh ra nên gọi là Tâm quả Thiệt thức. Hoặc Thiệt thức có trạng thái nếm vị, chỉ biết cảnh vị, nương lưỡi sanh ra gọi là Tâm quả Thiệt thức. Trường hợp cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Thiệt thức Bất thiện.

VD5: *Một người do nghiệp bất thiện quá khứ nên thường xuyên phải ăn*

những thứ thức ăn dở tệ.

Có nhiều người than vãn không có đồ ăn ngon. Thật ra quý vị đâu biết đó là Tâm quả bất thiện. Hồi xưa mình tạo quả gì đó, [như] keo kiệt không bố thí đồ ăn v.v... cho nên đời này trổ quả đó. Chứ nếu quý vị tạo được nhiều phước lành tốt, thì quả báo tới cũng tốt, thì tự nhiên mình cũng sẽ được những thức ăn tốt. Cho nên học phải rõ nhân quả, ở đây cũng vậy.

Nhân trợ sanh Tâm quả Thiệt thức có 4:

Nhân trợ sanh Tâm quả Thiệt thức có 4:	1. Sắc thiệt thanh triệt (*jīvhāpasādarūpa*)
	2. Cảnh vị (*rasārammaṇa*)
	3. Nước bọt (*āpo*)
	4. Sự để ý (*manasikāra*)

1. Sắc thiệt thanh triệt: Cũng giống như vậy. Tức là lưỡi của mình phải tốt, lưỡi của mình mà đơ giống như bị bệnh rồi, thì đâu chính xác nữa.

2. Cảnh vị: tức là phải có vị chứ.

3. Nước bọt: Phải có nước bọt, chứ không có nước bọt thì quý vị cũng không nuốt được, cũng không thể cảm nhận được.

4. Sự để ý: Ví dụ như có đứa nhỏ ăn mà chơi game thì đâu biết ngon dở gì đâu, nó cứ ăn vậy thôi. Đó là không để ý. Thật ra lâu lâu nó có để ý một chút, lâu lâu nó dừng tập trung vào trong game, tức là nó dừng tập trung vào cảnh pháp, cảnh của mắt thấy, thì lúc đó nó mới cảm thấy đồ ăn ngon ngon, nó nuốt một chút. Còn không là thôi, lúc đó nó chẳng thấy gì hết, chỉ ăn vậy thôi. Cho nên phải có sự để ý.

5. Tâm Quả Thân thức Bất thiện thọ khổ (***Dukkhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ)*** (Các tâm kia thì thọ xả hết, nhưng riêng Tâm quả Thân thức là thọ khổ. Tại sao thọ khổ? Hồi nãy Thiện Trang giải thích rồi, chút nữa sẽ giải thích lại), **chỉ biết cảnh xúc không thích hợp** (không thích hợp với mình thì mới khổ chứ).

Tại sao nói không thích hợp mà không nói kiểu khác? Vì nhiều khi cùng một loại nước, ví dụ ở nhà quý vị tắm, có người thì chỉnh nước ấm ấm vừa phải, vô tắm vừa, còn người kia thì chỉnh nước giống như luộc gà. Mẹ Thiện Trang nói ngôn ngữ là [nước] luộc gà. Ba Thiện Trang phải tắm nước rất nóng, nên ba Thiện Trang vặn lên cho nước rất nóng, mình vô là phỏng tay luôn, nhưng ba Thiện Trang thấy vừa. Ba Thiện Trang nói cảnh đó thích hợp, đối với ông là Tâm quả Thân thức thiện, ông thọ lạc, ông không thọ khổ, vì ông cảm thấy vừa. Nhưng đối với mình thì không thích hợp, nóng quá, đó là mình đang là Tâm quả Thân thức Bất thiện thọ khổ.

Quý vị thấy không? Phải dùng từ là không thích hợp, chứ không phải dùng từ nào được cho rõ ràng, dùng từ đó là đúng, thích hợp. Hoặc là dùng chữ xấu cũng được, xấu đối với mình. Giống như người thích cái này, người không thích cái kia. Tiếp xúc [thì] có người thì ngồi lên ghế phải cứng cứng một chút mới dễ chịu, có người ngồi vô ghế êm quá thì không thích. Còn người thì thích êm, ngồi ghế cứng quá khó chịu, thì đó là Tâm quả Thân thức Bất thiện thọ khổ. Rất rõ ràng nha!

+Định nghĩa: Thức mà nương thân thanh triệt sanh ra gọi là Tâm quả Thân thức (thức cũng là tâm, nên đôi khi nói tâm thức)**. Hoặc trạng thái nương thân thanh triệt sanh ra chỉ biết cảnh xúc, nên gọi là Tâm quả Thân thức. Trường hợp cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Thân thức Bất thiện…**

+VD6: *Một người vì nghiệp bất thiện trong quá khứ mà họ phải chịu cảnh nghèo nên đắp chăn mền không đủ, gây cảm giác khó chịu.*

Tức là mùa lạnh, do đời trước làm nghiệp gì đó, nghiệp cướp tài sản người ta, hay là [làm] gì đó nên đời này nghèo, mùa đông tới lạnh quá, đắp chăn mền không đủ. Điều này hồi xưa có đó, Thiện Trang hồi xưa bị, mình ở xứ Bảo Lộc cũng hơi lạnh, hồi đó lạnh lắm, bây giờ thì bớt lạnh rồi, ban đêm nằm chăn mền không đủ, gây cảm giác khó chịu. Đó là Tâm quả Thân thức Bất thiện thọ khổ. Khổ chứ! Nhiều khi không ngủ được, ban đêm lạnh quá, đố mà quý vị ngủ đó, cứ một lúc lại thức giấc. Thiện Trang thì lâu lâu bị cảnh mấy con muỗi bay o…o…o, cứ nghe âm thanh đó cũng là bất thiện đúng không? Nghe âm thanh đó là từ tai, tai nghe tiếng.

Do nghiệp gì đó, hồi xưa mình đã tạo những nghiệp nào đó, hoặc là do duyên, nhiều khi không phải nghiệp hoàn toàn 100% mà do duyên.

Nhân trợ sanh Tâm quả Thân thức có 4:

Nhân trợ sanh Tâm quả Thân thức có 4:	1. Sắc thân thanh triệt (*kāyapasādarūpa*)
	2. Cảnh xúc (*phoṭṭhabbārammaṇa*)
	3. Chất cứng (*thaddha*)
	4. Có sự để ý (*manasikāra*).

1. Sắc thân thanh triệt (*kāyapasādarūpa*)

2. Cảnh xúc (phoṭṭhabbārammaṇa)

3. Chất cứng (*thaddha*): ở trên là nước bọt, thì dưới này là chất cứng. Tức là thân mình phải đụng vô cái gì có cứng cứng một chút, quý vị nghĩ coi nếu đụng vô cái mền thì quý vị đâu cảm giác gì đâu. Hoặc nhiều khi quý vị chạm vào nước thì thật ra nói chất cứng cũng không đúng lắm, nhưng chạm vô nước cũng phải có cảm giác đủ mạnh. Tức là độ cứng, chứ không phải chất cứng. Ví dụ như nước ít quá, thì đụng vào người mình đâu có cảm giác gì đâu. Nhưng [phải] đủ lượng thì mới có cảm giác là nước mát hay nóng, lạnh… Cho nên chữ 'chất cứng' này cũng chưa chính xác lắm, để bữa nào tra lại từ này dịch từ tiếng Pali như thế nào, lúc nãy quên tra.

4. Có sự để ý (*manasikāra*): cũng vậy, mình phải để ý tới. Nhiều khi Tâm quả Bất thiện trổ mà mình không để ý.

Điều này cũng tốt đó quý vị, 5 loại tâm vừa rồi, quý vị đều thấy điều cuối cùng là sự để ý. Cho nên người biết tu là đừng để ý tới những cảnh bất thiện, đừng để ý tới là không sao hết. Vậy thôi! Cứ đừng để ý tới thì đâu có khởi Tâm quả Bất thiện đâu. Quý vị đừng để ý tới, quý vị tập trung vào việc khác đi. Nghe pháp thì lo nghe pháp đi, đừng để ý tới âm thanh nhà hàng xóm hát karaoke, đừng nghe ông chồng bước lên đi cộc.. cộc.. kệ ổng, ai bước cũng vậy thôi, thì sẽ bớt khởi lên Tâm quả Bất thiện.

Cho nên học, quý vị thấy điều quan trọng nhất [là] mấy điều kia mình không làm được, nhưng điều cuối cùng trong cả 5 trường hợp tâm này, mình muốn không khởi Tâm quả Bất thiện về thân, về nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thì quý vị đừng để ý là xong. Cho nên trời nóng quá thì đừng để ý trời nóng, trời lạnh quá thì đừng để ý trời lạnh. Lạnh quá thì cũng không thể không để ý, nhưng [không] để ý [với cảnh] vừa vừa thì được. Ông chồng chửi mình thì đừng để ý tiếng chửi, trơ trơ ra là xong. Đó là cách chuyển hoá, học vậy mới biết, cho nên chữ 'có sự để ý' này quan trọng nha. Đừng để ý là nó không xảy ra, mình biết cảnh bất thiện thì đừng để ý tới, bữa nay học bí quyết [rồi nha].

6. Tâm quả Tiếp thâu Bất thiện thọ xả (*Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchana cittaṃ),* chỉ biết cảnh ngũ. Tức là những cảnh đó muốn vô trong tâm mình thì phải qua một trạng thái, qua một xử lý nữa, gọi là Tâm quả Tiếp thâu. Do nó tiếp thâu những cảnh xấu nên gọi là Tâm quả Tiếp thâu Bất thiện. Và Tâm quả này cũng thọ xả luôn. Vì lúc này mới tiếp thâu thôi, chứ chưa xử lý. 'Chỉ biết cảnh ngũ', cảnh ngũ ở đây không phải là ngủ, ngũ là 5, tức là biết từ 5 cảnh ở trên. Tức là từ năm giác quan ở trên đưa vào thì thằng này tiếp nhận, cho nên gọi là chỉ biết cảnh ngũ.

+ Định nghĩa: Tâm mà khéo tiếp bắt lấy cảnh ngay sau 1 trong 5 thức trước, nên gọi là Tâm quả Tiếp thâu. Hoặc Tâm Tiếp thâu sắp về ý giới có trạng thái biết cảnh sắc, thinh, khí, vị v.v... do nhãn thức, nhĩ thức v.v... chuyền qua gọi là Tâm quả Tiếp thâu. Trường hợp cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Tiếp thâu Bất thiện.

Đơn giản thôi, 5 thằng kia làm xong là nó tiếp nhận cảnh. Thực ra nó nhìn thấy, nó nghe, nó nếm, nó ngửi, nó chạm thôi, nhưng thằng này mới là tiếp thâu nè. Tiếp thâu mà cảnh xấu thì gọi là Tâm quả Tiếp thâu Bất thiện. Đơn giản vậy đó!

+VD7: *Tâm một người tiếp nhận cảnh khó chịu khi nhìn vào nhiều gai cây xương rồng từ cảnh sắc bởi mắt.*

Tức là ở đây, khi người ta tiếp nhận cảnh, người ta nhìn vào gai cây xương

rồng, cây xương rồng có nhiều gai lắm, nhìn vào đó có những người cảm thấy khó chịu. Thực ra họ nhìn là nhìn qua cảnh sắc (là mắt), mắt nhìn rồi lúc đó nó tiếp nhận, nó đưa vào thì bây giờ tâm mới xử lý, tâm tiếp nhận cảnh đó. Người này thực ra có hai hạng người: Một hạng người là thấy cảnh đó bình thường, một người thì cảm thấy khó chịu. Người mà khó chịu thì lúc này Tâm tiếp thâu thành Tâm quả Bất thiện. Còn người cảm thấy bình thường thì không phải bất thiện. Thậm chí có nhiều người thích cây xương rồng. Cho nên điều này thuộc về quả đời trước. Mà đời trước thì có nhiều nguyên nhân, chúng ta sẽ học về tâm đằng sau.

Nói tóm lại, thông thường mình đầu thai bằng tâm nào thì cũng ảnh hưởng ghê lắm. Trạng thái tâm đầu thai chúng ta chưa học, để bữa sau chúng ta học, bữa nào chúng ta học. Nhưng Tâm đầu thai trở thành Tâm hộ kiếp rồi, thì Tâm hộ kiếp quan trọng lắm. Người đầu thai bằng tâm thọ hỷ, bình thường họ không gặp cảnh gì là nó trả về mặc định, là họ vui, thường cười. Còn người đầu thai bằng tâm thọ ưu, thì khi không có cảnh gì là trả về mặc định của họ, tức là Tâm hộ kiếp hoạt động, họ không nghĩ gì hết là thường họ sẽ buồn buồn, khó chịu. Còn người đầu thai bằng tâm thọ xả, giống như trơ trơ đó, tức là trả về Tâm hộ kiếp.

Khi thức liên tục hoạt động thì có dòng tâm, hôm trước quý vị học có Tâm hộ kiếp đó, thì Tâm hộ kiếp lúc đó khiến cho người ta vui hay buồn, hay trơ trơ, gọi là thọ xả, là do Tâm đầu thai. Và tâm đầu thai trở thành Tâm hộ kiếp, cho nên cũng quan trọng. Vì vậy cho nên quý vị thấy tại sao có người đời này lúc nào họ cũng vui nhiều hơn, mặc dù họ không có cảnh gì, thì đó là có khả năng họ đầu thai bằng tâm thọ hỷ. Còn người mà thấy buồn nhiều là tại vì họ [đầu thai] bằng tâm thọ ưu. Còn người thấy trơ trơ ra, lúc nào cũng trầm tính, cứ bình thường không có cảnh là chạy về trạng thái Tâm hộ kiếp, cứ vào Tâm hộ kiếp thông thường là như vậy. Chúng ta học [về lộ trình tâm] này kỹ từng chi tiết như vậy [đó].

Nhân trợ sanh Tâm tiếp thâu có 3:

Nhân trợ sanh Tâm tiếp thâu có 3	1. Sắc ý vật hay sắc nương Tâm thức (hadayavatthurūpa)

	2. Cảnh (ārammaṇa)
	3. Sự để ý (manasikāra) đến cảnh ấy.

1. Sắc ý vật hay sắc nương Tâm thức (hadayavatthurūpa): tức là phải có những cảnh ở trên đưa vào.

2. Cảnh (ārammaṇa): phải có cảnh.

3. Sự để ý (manasikāra) đến cảnh ấy: cho nên điều nào cũng có để ý hết, người biết thì đừng có để ý là được.

7. Tâm quả Thẩm tấn Bất thiện thọ xả (Upekkhāsahagataṃ santīrana cittaṃ) (Thẩm tấn tức là suy xét, cũng là thọ xả luôn, mới đang suy xét, chưa đưa ra kết quả cho nên thọ xả. Chứ suy xét ra rồi, đưa kết quả ra rồi thì thông thường đưa vào dòng tâm tạo nghiệp (Javana). [Dòng tâm] đó từ từ mình học, thực ra dòng tâm tạo nghiệp hôm bữa mình học, 12 tâm đó cũng là tâm tạo nghiệp, là tới dòng đó. 12 tâm bất thiện cũng là tâm tạo nghiệp)**, chỉ biết cảnh ngũ** (cũng giống như trên, 2 tâm kia tiếp thu rồi, nhận rồi, giống như tâm kia nhận thì tâm này xử lý. Giống như người phát thư đưa thư tới, nhân viên thư ký ra nhận thư, rồi đưa vô đây tôi đọc thư. Bây giờ mới đọc thư coi đó là gì, như vậy thì gọi là Thẩm tấn).

+Định nghĩa: Tâm thẩm tấn (còn gọi là suy xét) **Bất thiện thọ xả là tâm xét soi cảnh ngũ xấu**. Không phải cảnh ngũ tốt. Cảnh ngũ đẹp là thuộc về Tâm thẩm tấn thiện rồi, thiện thì lúc đó sẽ thọ xả hoặc thọ hỷ (tại vì nhiều khi thấy cảnh vui thì nó vui). Nhưng ở đây là thọ xả thôi, tại sao thì bữa sau chúng ta học.

+VD8: *Tâm một người đang suy xét cảnh khó chịu khi nghe âm thanh chửi bới của người khác được tiếp thận từ Nhĩ căn.*

Tức là lúc này tâm của họ đang suy xét cảnh khó chịu khi nghe âm thanh chửi bới người khác. Thật ra lúc đầu người ta chửi thì mình chưa nghe được nội dung, thì mình mới thọ xả thôi, tiếp nhận vô thôi, căn tai nghe thôi. Nhưng đầu mình xử lý, giải mã ra, giải mã tiếng đó là đang chửi mình, nói thế này thế kia, thì lúc đó trong quá trình giải mã thông tin, gọi là giải quyết, dịch ra đúng cho mình, đó gọi là Tâm thẩm tấn. Đây là tâm quả, không phải tâm nhân, tại vì nó nhận kết

quả của nghiệp khác.

Nhân trợ sanh Tâm quả Thẩm tấn có 3:

Nhân trợ sanh Tâm quả Thẩm tấn có 3	1. Sắc ý vật hay sắc nương Tâm thức (hadayavatthurūpa)
	2. Cảnh (ārammaṇa)
	3. Sự để ý (manasikāra) đến cảnh ấy.

Cũng giống như trên, cho nên tóm lại là đừng để ý là ok, hết mấy cái bất thiện.

***Trong bảy thứ tâm nêu trên, năm thứ tâm trước được gọi là Ngũ thức, tức năm thứ tâm ấy là những tâm nương sanh nơi năm môn (giác quan).**

***Hai thứ tâm sau cùng, tức là *sampaṭicchana citta* (Tâm tiếp thâu) và *santīrana citta* (Tâm thẩm tấn)** (Tâm tiếp thâu và Tâm thẩm tấn là người ta gọi tắt, nhưng gọi đầy đủ là Tâm quả thẩm tấn, Tâm quả tiếp thâu)**, tượng trưng cho hai giai đoạn liên kết trong quá trình nhận biết cảnh.**

Bây giờ chúng ta học điều này thì sẽ thấy rõ ràng hơn.

VD9: *Khi một 'cảnh sắc' xuất hiện hay dội vào mắt, một dòng (chuỗi) tâm thức sanh và diệt theo thứ lớp để thấy biết cảnh sắc ấy. Trước nhất, khai ngũ môn (pañca- dvārāvajjana) là sự chú tâm qua năm môn,* (là năm giác quan) *hay tâm chú ý đến vật. Kế đó, Nhãn thức (cakkhu viññāṇa) tạo dấu ấn (cảnh). Kế đó, Tâm tiếp thâu (sampaṭicchana) tiếp nhận dấu ấn (cảnh). Kế đó, Tâm thẩm tấn (santīraṇa) quan sát dấu ấn (cảnh). Kế đó, Tâm phân đoán hay Đoán định* (gọi là Tâm quyết định) *(voṭṭhapana) được gọi là khai ý môn (mano-dvārāvajjana) là sự chú tâm, hướng tâm qua ý môn* (tức là cửa ý), *hay xác định dấu ấn (cảnh) cho dù cảnh ấy là tốt hay xấu. Chúng ta nhận biết cảnh khái quát ở giai đoạn này.*

Cho nên đâu phải một phát là nhận biết cảnh liền đâu quý vị. Đầu tiên là mắt, hay là tai, mũi, lưỡi hay thân, bắt đầu từ đó mới thấy cảnh. Thấy cảnh rồi tạo ra dấu ấn đó mới đưa qua Tâm tiếp thâu. Tâm tiếp thâu mới đưa qua Tâm suy xét

và Tâm thẩm tấn, từ đó đưa qua quyết định nào đó. Đưa ra quyết định là bắt đầu khởi tham hay sân hay si, hay không tham, không sân, không si. Tâm thiện, tâm lành gì đó là do từ Tâm đoán định, Tâm phán đoán, Tâm quyết định này đẩy ra, đó còn gọi là Tâm hành.

Tâm [hành] này thì mình chưa học, nhưng mình nói sơ qua, nó cũng là Tâm vô nhân thôi. Tại sao là Tâm vô nhân? Vì nó cũng là một tâm không có nhân, [mà nó] ké theo [tâm] kia, không có tham, sân, si và cũng là xả thọ. Nhiệm vụ là nó phân tích, đoán định, đưa quyết định trước khi đưa ra tâm Tốc hành (hay tâm Đốc hành). Tức là mấy dòng tâm Javana, tâm để khởi lên [tạo nghiệp]. Và trạng thái này không thiện, không bất thiện, không quả. Thực ra trạng thái tâm này không xếp vào Tâm quả, Tâm đoán định hay Tâm quyết định, Tâm phân đoán này lại không phải là Tâm quả, cho nên không đưa vào đây. Nó là một loại tâm khác, gọi là Tâm hành, nên được gọi là Tâm khai ý môn. Tâm này không xếp vô đây, sẵn giới thiệu nên nói luôn. Cho nên có nhiều tâm lắm, chứ không phải một loại tâm đâu, mình học tâm thức rõ ràng như vậy.

Quý vị nhớ Tâm phân đoán hay Tâm đoán định này không phải là Tâm nhân, cũng chẳng phải Tâm quả. Tại vì nó không liên quan đến tham, sân, si, nó là Tâm vô nhân. Nhưng Tâm vô nhân này không xếp vào Tâm quả, có nhiều loại tâm, chứ đừng nghĩ là chỉ có bao nhiêu đó.

VD10: *Tương tợ như thế, khi một âm thanh dội vào tai, một dòng (chuỗi) tâm thức, tức là khai ngũ môn (pañcadvārāvajjana), Nhĩ thức (sotaviññāṇa)* nó tiếp nhận**,** *Tiếp thâu (sampaṭicchana), Thẩm tấn (santīraṇa), Đoán định* tâm hành *(voṭṭhapana tức là mano dvārā- vajjana), v.v... , phải sanh và diệt trước khi chúng ta có thể nghe âm thanh.*

Cho nên nghe âm thanh là tới giai đoạn sau, tới giai đoạn thứ 5 mới nghe âm thanh. Thậm chí có dòng Tâm hộ kiếp chạy nữa, cho nên phải tới mấy sát-na tâm thì mới nghe được âm thanh.

***Như vậy, Tâm tiếp thâu (*sampaṭicchana*) và Tâm thẩm tấn (*santīrana*) cùng với tâm khai ngũ môn** (là Tâm hộ kiếp đằng trước)

(*pañcadvārāvajjanacitta*) và Tâm khai ý môn (*mano dvārā-vajjana citta*) là cốt yếu là cơ bản cho sự biết cảnh qua năm môn (mắt, tai, mũi, lưỡi và thân).

Hôm nay chúng ta mới học sơ sơ qua, để [hôm sau] giới thiệu thêm, mỗi lần giới thiệu một chút. Cho nên phải khai ngũ môn, khai ý môn, thì tâm này là khai ý môn. Còn có Tâm khai ngũ môn nữa, cũng là tâm khác, không đưa vô đây, chúng được gọi là Tâm hành.

Hôm sau chúng ta sẽ học về Tâm quả thiện Vô nhân, [và] chúng ta sẽ ôn lại, bây giờ giới thiệu sơ sơ qua để quý vị biết. Đó là Tâm quả Bất thiện Vô nhân. Bữa sau [học] Tâm quả thiện Vô nhân, cũng tương tự như vậy, thay vì giống như trên nhưng thêm một [tâm] nữa nên thành 8 tâm. Tại sao lại là 8 tâm thì chúng ta học vào bữa khác.

Hôm nay hết giờ rồi, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo”.

A Mi Đà Phật!